



TRẦN THỌ
(BÙI TÙNG CHI)

TAM QUỐC CHÍ

8 TẬP

Biên
dịch

**BÙI
THÔNG**

Hiệu
đỉnh

**PHẠM
THÀNH
LONG**

LỜI GIỚI THIỆU



I. Thời Tam Quốc

Thời Tam Quốc là một giai đoạn lịch sử đầy biến động, đẫm máu và bi thương trong lịch sử Trung Quốc. Theo ghi nhận niên biểu chính xác, nó bắt đầu từ năm 220 và kết thúc vào năm 280.

Khởi nguồn của thời kỳ Tam Quốc đến từ những hỗn loạn kéo dài trong xã hội Trung Quốc thời nhà Hán hàng mấy chục năm trước đó, và thời điểm bùng phát là cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân nổ ra năm 184, kéo theo quá trình cát cứ cũng như thôn tính, sát phạt lẫn nhau của các thế lực quân phiệt địa phương đã hoàn toàn thoát ly khỏi sự kiểm soát của triều đình trung ương, nhằm thôn tóm địa bàn, cướp dân chiếm đất.

Sau khi các thế lực cát cứ dần dần bị tiêu diệt hết, chỉ còn lại ba thế lực mạnh nhất là Tào Tháo, Lưu Bị và Tôn Quyền, mỗi thế lực chiếm một phương, lập thế chân vạc chia ba thiên hạ. Họ Tào mạnh nhất, nắm giữ hai phần thiên hạ, Tào Phi phế bỏ nhà Hán, xưng đế, dựng nước Ngụy (năm 220). Lưu Bị cũng chiếm giữ Ích châu, Hán Trung, xưng đế, quốc hiệu là Hán, sử sách gọi là Thục Hán (năm 221). Tôn Quyền nắm giữ các châu Kinh, Dương, Giao, dựng lập nước Ngô (năm 229). Kể từ năm 220 trở đi, ba nước ra sức chinh chiến đánh lẫn lẫn nhau không ngừng.

Như vậy, có thể tính mốc khởi điểm của thời Tam Quốc là bắt đầu từ năm 184, lúc cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân bùng phát, và kết thúc vào năm 280, là lúc nhà Tấn kiêm nuốt ba nhà Ngụy, Thục, Ngô, thôn gồm hoàn toàn Trung Quốc. Giai đoạn này là quá trình tranh bá đồ vương của các thế lực quân phiệt, chiến hạ liên miên không dứt, lê dân thống khổ, kéo dài ngót trăm năm.

II. Vài nét về tác giả, tác phẩm

Trần Thọ, tự Thừa Tộ, người huyện An Hán, quận Ba Tây, sinh năm Kiến Hưng thứ 11 nhà Thục (233), mất năm Nguyên Khang thứ bảy nhà Tấn (297).

Thời trẻ, Trần Thọ dốc chí vào sự nghiệp sử học, bái Tiêu Chu làm thầy. Nghiên cứu các sách *Thượng thư*, *Xuân Thu tam truyện*, *Sử ký*, *Hán thư*. Thời Thục Hán, ông đảm nhiệm các chức Vệ tướng quân Chủ bạ, Đông quan Bí thư lang, Tán kỵ Hoàng môn thị lang, sau vì các thế lực quyền quý bài xích cho nên bị bãi chức.

Sau khi Thục Hán diệt vong, Trần Thọ làm quan nhà Tấn, giữ chức Trước tác lang, Thái thú Trường Bình, Trị thư thị ngự sử. Trong thời gian này ông biên soạn các trước tác như *Cổ quốc chí*, *Ích bộ kỳ cựu truyện*, *Gia Cát Lượng tập* và cuốn sử *Tam quốc chí*. Ba tác phẩm kể trên nay đều đã tán lạc, thất truyền.

Tam quốc chí là sử liệu chính thức về thời đại Tam Quốc, do sử gia Trần Thọ (陈寿) biên soạn hoàn chỉnh vào những năm cuối thế kỷ thứ ba, sau khi nhà Tấn thống nhất Trung Quốc chưa lâu, do đó các sự kiện lịch sử vẫn còn rất mới, truy tìm được rõ căn cứ, tác giả ghi chép lại khá đầy đủ, chân thực, có gốc ngọn. Sách viết xong dâng lên Tấn Vũ đế, toàn sách có 66 thiên, gồm (01 thiên Tự lục, nay đã thất truyền), và ba phần sử liệu riêng biệt: *Ngụy thư* (30 thiên), *Thục thư* (15 thiên), *Ngô thư* (20 thiên).

Trong thời kỳ này, lịch sử đan xen phức tạp, ba chính quyền riêng biệt song song cùng tồn tại. Sử liệu trong *Tam quốc chí*, chia thành ba phần độc lập, không có quan hệ thống thuộc với nhau, mỗi phần tự đứng riêng đã thành sử liệu của một nước, mà hợp lại thành một cuốn sử chung cho ba nước. Viết sử ba nước mà phản ánh trọn vẹn, đầy đủ bản thể của từng quốc gia, viết đúng mực, là một việc không hề dễ. Về việc này Trần Thọ xử lý rất khéo, không hề mắc lỗi. Vì đã làm quan nhà Tấn, do

đó ông lấy triều đại nhường ngôi cho nhà Tấn là Tào Ngụy làm chính thống, điều này phù hợp thực tế lịch sử, đảm bảo sự chính thống tuyệt đối của nhà Tấn, vương triều mà ông đang phụng sự. Mặt khác, ông cũng không viết truyện riêng về các nhân vật như Tư Mã Ý, Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu dù họ có vai trò cực lớn trong chính quyền Tào Ngụy (sau họ đều được Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm truy tôn danh hiệu Đế), là để tôn trọng sự thống trị của vương triều đương thời. Bởi vậy, tuy Trần Thọ chép sử của ba nước, nhưng riêng có *Ngụy thư*, được dành 4 thiên để chép phần "Bản kỷ", còn lại các phần *Ngô thư* và *Thục thư* chỉ viết thành "Liệt truyện" mà thôi, thế nhưng bộ sử *Tam quốc chí* vẫn đảm bảo được sự thống nhất, cân đối, hài hòa về kết cấu chương mục, được tin cậy.

Khi viết *Tam quốc chí*, Trần Thọ đã sưu tầm và căn cứ vào nhiều loại sử liệu của các tác giả khác như *Ngụy thư* của Vương Thấm, *Ngụy lược* của Ngưu Hoạn, *Ngô thư* của Vi Chiêu. Riêng Thục Hán không đặt chức quan chép sử nên không có ghi chép, Trần Thọ phải tự thu thập tư liệu để biên soạn. Sau khi *Tam quốc chí* hoàn thành, sách ấy được người đời rất khen ngợi, cho rằng Trần Thọ là "giỏi tự sự, có tài của bậc lương sử". "Đa phần khuyên răn, làm rõ được mất, có ích cho phong hóa."

Dẫu vậy, ngọc đẹp vẫn có tì vết, *Tam quốc chí* cũng vậy, cái thiếu sót rất lớn của cuốn sử này chính là nó chỉ có phần "Kỷ", "Truyện" mà thiếu hẳn các phần "Biểu", "Chí", cho nên thiếu hẳn nội dung về điển chương chế độ. Một khuyết điểm khác lớn hơn, đó là nội dung ghi chép của sách quá cô đọng, giản lược, thành ra khó hiểu, một số chi tiết rất khó đánh giá đúng mức.

Sau khi Trần Thọ mất hơn trăm năm, thêm nhiều sử liệu về thời Tam quốc xuất hiện. Vào thời Nam Bắc triều, Tống Văn đế lệnh cho Bùi Tùng Chi, là sử gia của triều Tống chú thích *Tam quốc chí*, Bùi Tùng Chi bèn thu thập sử liệu để bổ sung các phần mà

Tam quốc chí không chép hoặc ghi chép thiếu. Tổng số sách mà Bùi Tùng Chi dẫn dụng để bổ chú thêm vào *Tam quốc chí* lên đến hơn 200 tác phẩm, số lượng chữ mà ông bổ chú còn nhỉnh hơn phần chính văn của Trần Thọ, rất nhiều sự thực lịch sử qua đó được phản ánh sáng tỏ, rõ ràng. Từ đấy mở ra con đường mới rộng rãi cho *Tam quốc chí* lan truyền, Bùi Tùng Chi xứng đáng là công thần của *Tam quốc chí*.

Các tài liệu cơ bản mà Bùi Tùng Chi dẫn dụng để bổ chú cho cuốn *Tam quốc chí* là:

1. *Anh hùng ký* của Vương Xán, người thời Hán Ngụy, kể về các anh hùng cuối thời Đông Hán.
2. *Dị đông tạp ngữ* của Tôn Thịnh, sử học gia thời Đông Tấn, sách ghi chép hỗn tạp, chủ yếu về lịch sử nước Ngụy, bình xét về các nhân vật.
3. *Gia Cát Lượng tập* của Trần Thọ, ghi chép về con người Gia Cát Lượng.
4. *Giang Biểu truyện* của Ngu Phổ, người thời Đông Tấn, nội dung chủ yếu là ghi chép về các nhân sĩ ở Giang Đông, chê bai các nhân sĩ ở Thục, Ngụy, độ tin cậy kém.
5. *Hậu Hán thư* của Hoa Kiệu (hậu duệ của Hoa Hâm, nước Ngụy). Bao gồm các ghi chép về lịch sử thời Đông Hán cùng chế độ hoàng hậu đương thời.
6. *Hán Tấn Xuân Thu* của Tập Tạc Xi, nhà văn thời Đông Tấn. Nội dung nói về vấn đề chính thống của nhà Thục Hán, có ảnh hưởng rất sâu rộng về sau, đặc biệt là với tác phẩm Tam Quốc Diễn Nghĩa nổi tiếng của La Quán Trung.
7. *Hậu Hán ký* của Viên Hoành, nhà văn thời Đông Tấn. Ghi chép về các sự kiện thời Hậu Hán, tác phẩm này đến nay vẫn còn.

8. *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa. Tạ Thừa, em của phu nhân Tôn Quyền là Tạ thị. Nội dung sách ghi chép lịch sử thời Đông Hán.
9. *Hiển đế ký* của Lưu Ngải, người thời Đông Hán. Nội dung ghi chép về Hán Hiến đế, tuy nhiên các ghi chép không được đầy đủ.
10. *Hiển đế truyện*, khuyết danh, chép việc liên quan đến việc Hán Hiến đế nhường ngôi cho Tào Phi.
11. *Hiển đế Xuân Thu* của Viên Diệp. Sách có 10 quyển, thất lạc, chỉ còn một quyển, ghi chép các việc xảy ra trong thời Hán Hiến đế nhà Đông Hán.
12. *Ích bộ kỳ cựu truyện* của Trần Thọ, ghi chép về các nhân vật ở Ích châu.
13. *Hoa Dương quốc chí* của Thường Cừ, chép lịch sử Ba Thục từ thời Hán đến thời Tấn, chuyện Gia Cát Lượng bảy lần bắt Mạnh Hoạch. Sách này nay vẫn còn.
14. *Linh Lăng tiên hiền truyện*, khuyết danh, ghi chép về các nhân vật ở vùng Linh Lăng.
15. *Mặc ký* của Trương Nghiễm, người Đông Ngô. Chủ yếu đánh giá về con người Gia Cát Lượng, mang tính đề cao.
16. *Ngô thư* của Vi Chiêu, người Đông Ngô. *Ngô thư* chính là tài liệu cơ bản để Trần Thọ biên soạn phần *Ngô thư* trong *Tam quốc chí*.
17. *Ngụy lược* của Ngư Hoạn, gồm 80 quyển, đã thất truyền, nội dung ghi chép lịch sử nước Ngụy, có chép về các dân tộc thiểu số ở biên giới nước Ngụy.
18. *Ngụy mật truyện*, khuyết danh, ghi chép về các sự kiện cuối thời Ngụy.
19. *Ngụy thị Xuân Thu* của Tôn Thịnh, ghi chép lịch sử nước Ngụy.

20. *Ngụy thư* của Vương Thâm, gồm 44 quyển, là một trong những sử liệu chính để Trần Thọ viết *Tam quốc chí*, tuy nhiên sử liệu được gọt bỏ đi khá nhiều chi tiết.
21. *Tục Hán thư* của Tư Mã Bưu (con cháu Tư Mã Tiến, dòng tộc Tư Mã Ý). Nội dung ghi chép về lịch sử Đông Hán, thiên văn, lễ nhạc.
22. *Ngụy Vũ cổ sự*, khuyết danh, nội dung nói về Ngụy Vũ đế.
23. *Sưu thần ký* của Can Bảo, là tiểu thuyết ghi chép các truyện quái dị.
24. *Tấn ký* của Can Bảo, chủ yếu ghi chép lịch sử Tây Tấn.
25. *Tấn thư* của Vương Ấn, ghi chép lịch sử nhà Tây Tấn.
26. *Thục ký* của Vương Ấn, ghi chép về lịch sử Thục Hán.
27. *Tương Dương ký* của Tập Tạc Xi, ghi chép về các nhân vật ở Tương Dương.
28. *Tào man truyện*, do một tác giả người Đông Ngô (không rõ tên họ) viết ra. Bao gồm các ghi chép về Tào Tháo, đa phần là phê phán bài xích, là một sử liệu quan trọng về Tào Tháo.
29. *Thế ngữ* của Quách Ban, nhà sử học thời Tây Tấn, nội dung gồm các ghi chép về các nhân vật và sự kiện thời Ngụy Tấn.
30. *Sơn Dương công tái ký* của Nhạc Tư, ghi chép về Hán Hiến đế, Bùi Tùng Chi dẫn sách này với rất nhiều lời chê bai.
31. *Hán kỷ* của Trương Phan, gồm 13 quyển, ghi chép về các sự việc xảy ra trong thời nhà Hán, lời văn trau chuốt đáng xem, nhưng chưa hoàn thành. Sách này không được lưu truyền rộng, đã sớm thất truyền.
32. *Cửu châu Xuân Thu* của Tư Mã Bưu, học giả thời Tây Tấn, ghi chép về các nhân vật thuộc các thế lực quân phiệt cát cứ thời Đông Hán.

33. *Ngụy Vũ cố sự*, không rõ tác giả, gồm các ghi chép về việc làm và sự kiện liên quan đến Tào Tháo.

34. *Hiến đế khởi cư chú*, không rõ tác giả, bao gồm các ghi chép về Hán Hiến đế.

35. *Tiên hiền hành trạng truyện*, không rõ tác giả, ghi chép về các nhân vật ở Kinh châu.

36. *Dật sĩ truyện* và *Liệt nữ truyện* của Hoàng Phủ Mật, ghi chép về các ẩn sĩ lánh đời không chịu ra làm quan; về các liệt nữ khí phách anh hùng, giữ tiết.

Và rất nhiều các trước tác khác nữa ...

Bản *Tam quốc chí* mà Bùi Tùng Chi chú thích được gọi là *Tam quốc chí chú*, hay *Tam quốc chí* (*Trần chí*, *Bùi chú bản*), là một trong hai mươi bốn bộ sử chính thống được đánh giá rất cao trong kho tàng văn học sử Trung Quốc.

III. Về bản dịch Tam Quốc chí.

Như đã nói, những ghi chép trong *Tam quốc* quá giản lược, có nhiều chỗ không sáng tỏ hết được các tình tiết lịch sử. Hơn một trăm năm sau khi *Tam quốc chí* ra đời, vào thời Nam triều, Bùi Tùng Chi theo lệnh của Tống Văn đế đã sưu tầm rất nhiều các tài liệu khác về thời *Tam quốc* và dùng những tài liệu này để bổ chú vào sách nhằm làm rõ các sự thực lịch sử, bổ sung thêm các tình tiết còn thiếu.

Cách bổ chú của Bùi Tùng Chi tựu chung như sau:

- Trong một sự việc, dẫn lời bàn luận của nhiều tác giả khác nhau để phân định điều phải trái; tham khảo các ý kiến khác nhau để làm rõ những điểm khác biệt.

- Bổ chú thêm, kể rõ về cuộc đời của các nhân vật trong truyện, nêu tỏ các uẩn khúc, lần ngược đến gốc tích cha ông, nêu lai lịch và hành trạng của họ.

- Viết thêm một số đoạn để bổ sung cho các sự việc mà Trần Thọ viết còn thiếu khiến truyện đầy đủ hơn hoặc dẫn thư tịch khác, viết thêm các phụ truyện về một số nhân vật mà Trần Thọ không đề cập đến.

Vì thế, trong nguyên tác *Tam quốc chí*, phần chú của Bùi Tùng Chi được chép xen lẫn với chính văn của Trần Thọ, ngay phía sau đoạn văn được bổ chú. Phần chính văn và bổ chú được phân biệt với nhau bằng chữ màu đen font cỡ lớn (chính văn) và màu đỏ font cỡ nhỏ (cho bổ chú).

Trong quá trình hiệu đính bộ sách này, có tham khảo thêm bộ cục sách từ bản in *Tam quốc chí* (三国志), Trần Thọ soạn, Bùi Tùng Chi chú do Trung Hoa thư cục ấn bản năm 1999. Với mục đích cốt yếu là khiến cho bản dịch này sáng sủa và dễ xem hơn, người hiệu đính đã đề nghị dịch giả bố trí lại bản dịch với kết cấu các đoạn văn trong sách như sau:

1. Phân rõ các đoạn chính văn của Trần Thọ.
2. Mỗi đoạn chính văn xen lẫn các đoạn chú của Bùi Tùng Chi, đều thực hiện đánh số mục theo thứ tự chính xác vào chỗ cần bổ chú.
3. Chuyển toàn bộ phần bổ chú xuống dưới đoạn chính văn, đánh số mục theo thứ tự tương ứng ở trên, đặt đoạn bổ chú thích hợp.
4. Các đoạn chính văn dùng font chữ cỡ lớn, các đoạn bổ chú dùng font chữ cỡ nhỏ hơn, toàn bộ phần bổ chú được bố trí thụt đầu dòng một đoạn nhất định để tạo sự tách biệt.
5. Tấu, sớ, chiếu, chế, biểu, thư, lệnh ... đều được in chữ nghiêng để tạo sự phân biệt, dễ đọc, đảm bảo về mặt mỹ quan.

❖ Ví dụ trong sách viết:

➤ Viên Thiệu và Hàn Phục mưu lập U châu mục là Lưu Ngu làm Đế, Thái tổ cự tuyệt mưu ấy.^①

Thiệu từng bắt được cái ấn ngọc, đến chỗ Thái tổ ngồi nhắc khuỷu tay lên cho xem, Thái tổ bởi thế cười thầm nhưng ghét lắm.②

① *Ngụy thư* chép thư Thái tổ đáp lại Thiệu rằng:

"Tội ác của Đông Trác, tàn bạo vang khắp bốn bể, bọn ta tụ hợp mọi người, hưng khởi nghĩa binh, xa gần chẳng ai không hưởng ứng, đây là việc nghĩa khiến thiên hạ cảm động vậy. Nay ấu chủ thơ đại, bị áp chế bởi gian thần, vẫn chưa có cái đêm vong quốc của Xương Ấp, thế mà một sớm làm việc phế lập, ai sẽ là người vỗ yên thiên hạ đây? Các ngài cứ ngoảnh về bắc, ta xin hướng về tây."

② *Ngụy thư* chép: Thái tổ cả cười nói:

- Ta không theo người đâu.♠

Như vậy, đoạn chính văn của Trần Thọ soạn được tách rõ bên trên, các mục đánh số ① và ②, là các vị trí mà Bùi Tùng Chi thực hiện bổ chú. Các đoạn bổ chú đã được chép xuống dưới đoạn chính văn.

Với cách bố trí như thế, phần chính văn và đoạn bổ chú đã có sự tách biệt rõ, người đọc không bị lẫn lộn chính văn của Trần Thọ với phần bổ chú của Bùi Tùng Chi. Kết cấu truyện vẫn liền mạch và sáng sủa, độc giả dễ dàng theo dõi cốt truyện, cũng hoàn toàn tiện lợi khi đọc và luận phần bổ chú.

Cuối cùng, việc biên dịch một bộ sách lớn như *Tam quốc chí* thực sự rất khó khăn, với khả năng còn hạn chế, dịch giả và người hiệu đính đã cố gắng hết mức để truyền tải được ý văn của tác giả. Trong quá trình biên dịch, hiệu đính và tra cứu không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Mong nhận được các ý kiến đóng góp, chỉ dẫn của độc giả để bộ sách này hoàn chỉnh hơn trong những lần tái bản tiếp theo./.

Tháng 3 năm 2016

PHẠM THÀNH LONG

SÁCH THAM KHẢO

1. Tam quốc chí (三国志), Trần Thọ soạn, Bùi Tùng Chi chú, Trung Hoa thư cục ấn bản 1999.
 2. Tam quốc chí kim dịch (三国志今译), Điền Dư Khánh và Ngô Thụ Bình chủ biên – Trung châu cổ tịch xuất bản xã 1991.
 3. Bạch thoại Tam quốc chí (白话三国志), Tào Văn Trự chủ biên – Trung ương dân tộc học viện xuất bản xã 1991.
 4. Tam quốc chí kim chú kim dịch (三国志今注今译), Tô Uyên Lôi chủ biên – Hồ Nam sư phạm đại học xuất bản xã 1991.
 5. Văn bạch đối chiếu Tam quốc chí (文白对照三国志), Đỗ Kinh Quốc biên soạn – Trung châu cổ tịch xuất bản xã 1994.
 6. Nhị thập tứ sử toàn dịch (二十四史全译), Hứa Gia Lộ chủ biên, ấn bản năm 2004.
- Và một số các tài liệu khác ...

LỜI TỰA



Có mấy ai chọn cách dân thân vào một cuộc chơi, để kiếm tìm niềm vui trong gian khó? Song, cuốn sách các bạn đang cầm trên tay lại được xuất hiện cũng chính từ một ngã rẽ tình cờ, một bối cảnh vô định, một thú vui hành xác như thế.

Đã gần 10 năm kể từ ngày ấy, buổi chiều mà anh bật máy tính lên trong trạng thái vẫn còn chuyển choáng hơi men, viết "thăng tay" lên diễn đàn VNN cả một post nghìn chữ, cho bộ câu chuyện trà dư tửu hậu còn chưa "đã khẩu". Anh, tôi, và tất cả những người từng theo dõi câu chuyện này, lúc ấy tất thảy đều không ngờ rằng đó là điểm khởi đầu của một cuộc chơi cầu kỳ đến thế. Chúng ta chỉ đơn giản là đi tìm niềm vui và những tâm hồn đồng điệu. Một cái "Duyên" giản dị từ mạng ảo.

Thời Tam quốc – Lịch sử và Tiểu thuyết – một tiêu đề quá tham vọng, cho trăm năm chiến loạn với những dấu ấn văn học đã trùm phủ và thay thế hiện thực lịch sử qua bao thế hệ độc giả. Nhưng cũng vì đã trót đặt cái tiêu đề ấy, đã ôm cái tham vọng ấy, mà anh lằm lụi kiếm tìm, học hỏi, gạn lọc, mài giũa, chất từng chữ, nắn từng câu, chuốt từng đoạn, chỉnh từng quyển... cho bản dịch *Tam quốc chí chú* này, từ Diễn đàn Thể thao Văn hóa qua Diễn đàn Tàng thư viện, đến khi lại chỉ còn một mình rong ruổi. Ngay cả khi anh chỉ có cái vốn ban đầu là cái hồn "kẻ sĩ", với vài cuốn biên khảo, vài manh mối đứt đoạn,

vào thời điểm internet còn chưa thực sự bùng nổ. Ngay cả khi với chuyện bút nghiên, anh là người ngoại đạo. Ngay cả những quãng thời gian anh không có nỗi cho cuộc chơi ấy vài chục phút mỗi ngày, trong những lo toan thường nhật.

Tôi vẫn tin rằng, không tham vọng nào, không mảnh hư danh nào, không lợi lộc nào đẩy anh đi hết được cuộc hành trình, nếu anh không còn xem nó là một cuộc chơi, một cuộc chơi mà anh đặt trọn vẹn vào đó chữ "Thành". Một cuộc chơi đủ hấp lực để níu kéo anh, qua cả những lúc thoái chí ngã lòng.

"Lấy chính sử làm xương cốt, lấy bàn luận làm da thịt, mà lấy cái lòng yêu Tam Quốc Diễn Nghĩa làm hồn phách", lời phi lộ cũ kỹ ấy phần khích biết bao! Hào sảng đến nhường nào! Mà cũng đông đầy bao nhiêu nhần nại.

Tôi đã từng vô tâm kỳ kèo đòi anh hoàn tất sớm từng tiểu truyện mới kịp dịch thô, mà không buồn chú ý đến việc anh lo com áo. Anh đã từng có những lựa chọn để rút ngắn thời gian cho "đứa con tinh thần" này hiện hữu, kể từ năm năm trước, khi những phần tứ tán từ công sức của anh còn chưa trôi nổi khắp nơi trên cõi mạng tiếng Việt (và trở thành cơ sở lịch sử cho rất nhiều bạn yêu Tam Quốc đem ra bàn luận). Nhưng, anh lại một mực từ chối, chỉ bởi muốn nó ra đời khi thực sự sẵn sàng. Anh đã không chấp nhận sự dễ dãi, đặc biệt là sự dễ dãi với chính bản thân mình. Đấy chẳng phải là chữ "Thành" mà anh theo đuổi và phụng sự sao?

Đây, không phải là một lời Tựa đúng nghĩa như thường thì phải thế. Đây chỉ là những hồi ức được lật lại, từ một trong những người đã chứng kiến trọn vẹn cuộc hành trình, bật lên như một lời tri ân, một ly rượu mừng, một hơi thở nhẹ nhõm.

Đã đợi, đã cảm nhận tâm cảnh chênh vênh với hai câu thơ cổ mà anh dùng làm chữ ký: "Một bước sa chân, muôn kiếp hận; Ngoảnh đầu nhìn lại, đã trăm năm", đã không ít lo sợ mơ hồ khi nhớ đến bài từ mà anh dịch trong lần định bỏ cuộc: "Tĩnh mộng lâu cao đã khóa, tiệp tan rèm trướng buông rồi...", đã hy vọng và cũng đã thất vọng... Và cuộc hành trình dài đã đến điểm kết thúc.

Mạng là ảo, những cái nick cũng là ảo. Nhưng tình là thật. Chữ "Thành" của anh cũng là thật.

Đời người, được mấy lần 10 năm...

Hà Nội, tháng 3 năm 2016

VÕ HOÀNG GIANG

QUYỂN THỨ NHẤT

VŨ ĐẾ KỶ



Thái tổ Vũ hoàng đế, người nước Bái, huyện Tiêu, họ Tào, húy Tháo, tự Mạnh Đức,⁽¹⁾ là con cháu quan Tướng quốc Tào Tham⁽²⁾ nhà Hán. ① Vào đời Hoàn đế, Tào Đằng làm Trung thường thị Đại trường thu, được phong tước Phí Đình hầu. ② Con nuôi của Đằng là Tung nối tự, làm quan đến chức Thái úy,⁽³⁾ chẳng ai biết rõ gốc gác của Tung thế nào. ③ Tung sinh ra Thái tổ.

① *Tào man truyện* chép: Thái tổ có một tên là Cát Lợi, tiểu tự⁽⁴⁾ là A Man.

Ngụy thư của Vương Thảm chép: Tổ tiên họ Tào vốn gốc gác từ Hoàng Đế.⁽⁵⁾ Vào đời Cao Dương, người con của Lục Chung tên là

¹ Tên húy do cha mẹ đặt cho lúc nhỏ. Khi trưởng thành (hơn 20 tuổi) thường đặt tên tự (tên chữ), tên này có thể do cha mẹ hoặc thầy dạy học đặt, cũng có khi tự đặt. Khi nói chuyện, người ta thường gọi nhau bằng tên tự, tên húy chỉ được gọi khi bậc bề trên nói chuyện với kẻ dưới hay người nói tự xưng. Người xưa có câu ‘nhập gia vấn húy’ (đến nhà hỏi tên húy), tức là nói phép xã giao tối thiểu, để khi nói chuyện tránh mắc lỗi ‘phạm húy’.

² Tào Tham (曹參), tự Kính Bá, người huyện Bái, là khai quốc công thần của nhà Tây Hán. Thời nhà Tần, Tào Tham làm cai ngục ở huyện Bái, sau theo Lưu Bang khởi sự, tham gia chiến trận, lập nhiều công lao. Sau khi diệt Tần, phá Sở, Lưu Bang xưng Đế, Tào Tham được phong tước Bình Dương hầu, tướng quốc nước Tề (chư hầu), phụ trợ Tề vương Lưu Phi (con trưởng Lưu Bang). Thời Hán Huệ đế, Thừa tướng Tiêu Hà mất, Tào Tham thay Tiêu Hà làm Thừa tướng nhà Hán.

³ Thời Hán Linh đế (漢靈帝) nhà Đông Hán, cho phép mua quan bán tước để lấy tiền bổ sung quốc khố, Tào Tung (曹嵩) mang nhiều tiền hối lộ hoạn quan trong triều và bỏ ra mười triệu quan tiền mua được chức quan Thái úy.

⁴ Tiểu tự là tên tự lúc còn nhỏ.

⁵ Hoàng Đế (黃帝), còn gọi là Viêm Đế (炎帝), là một vị vua trong Ngũ đế, được coi là thủy tổ của người Hán. Theo huyền sử Trung Quốc, ông trị vì trong khoảng 2698 TCN đến 2599 TCN và là người sáng lập ra nền văn minh Trung Quốc.

An,⁽¹⁾ được đặt họ Tào. Chu Vũ vương đánh được nhà Ân, để bảo tồn hậu duệ các họ đời trước, phong cho Tào Hiệp ở đất Chu.⁽²⁾ Đến thời Xuân Thu, có tham dự vào minh hội,⁽³⁾ cho đến thời Chiến Quốc, bị nước Sở diệt.⁽⁴⁾ Con cháu họ Tào ly tán, có mấy nhà đến trú ở đất Bái. Lúc Hán Cao khởi sự, Tào Tham bởi có công được phong tước Bình Dương hầu, con cháu đời sau được nối tước ở đất ấy, từng bị tuyệt họ song nối lại được, đến nay đích tự⁽⁵⁾ ở đất Dung Thành.

② *Tục Hán thư* của Tư Mã Bưu chép: Cha của Đằng là Tiết, tự Nguyên Vĩ, vì nhân ái, trung hậu được người đời khen. Có lần người hàng xóm bị mất lợn, thấy lợn của nhà Tiết giống lợn của mình, đến tận cửa đoạt lấy, Tiết chẳng tranh giành; về sau con lợn bị mất kia tự về nhà, chủ nhân của nó rất xấu hổ, mang con lợn tranh được đến nhà Tiết trả và tạ lỗi, Tiết cười mà nhận lại cho. Bởi thế mọi người trong làng đều yêu mến khen ngợi Tiết.

Con trưởng của Tiết tự Bá Hưng, con thứ tự Trọng Hưng, con thứ nữa là Thúc Hưng.

Đằng tự Quý Hưng,⁽⁶⁾ từ nhỏ đã vào cung làm Hoàng môn lang. Năm Vĩnh Ninh nguyên niên, Đặng thái hậu hạ chiếu sai Hoàng

¹ Cao Dương (高阳), tức Chuyên Húc (顓頊), là cháu của Hoàng Đế, lên kế ngôi sau Hoàng Đế. Lục Chung (陆终), là cháu bốn đời của Chuyên Húc.

² Chu Vũ vương (周武王), tên thật là Cơ Phát (姬發), nổi nghiệp vua cha là Văn vương (周文王), đánh diệt vua Trụ nhà Thương, lập nhà Tây Chu, một triều đại lâu dài nhất trong lịch sử Trung Quốc. Sau khi lập nhà Chu, Vũ vương đã cắt đất phong vương cho anh em mình, công thần, con cháu các vua đời trước, từ đó hình thành chế độ phong kiến chư hầu.

³ Thời xưa, các chư hầu mạnh thường lấy danh nghĩa tôn phù Thiên tử mà lập minh hội, các nước chư hầu thề ước với nhau, cùng đánh dẹp các nước khác.

⁴ Nước Chu (nay thuộc thành phố Trâu Thành, tỉnh Sơn Đông). Theo sử sách thì Tào An (con cháu của Chuyên Húc), vào thời nhà Chu, hậu duệ là Tào Hiệp được phong ở đất Chu, làm chư hầu. Thời Tây Chu, bị nước Lỗ chèn ép bất công nạt, vào giữa thời Chiến Quốc, nước Chu bị Sở Tuyên vương tiêu diệt.

⁵ Đích tự tức là chỉ dòng trưởng nối dõi thờ phụng tổ tông, hai chữ “đến nay” tức là thời điểm tác giả viết cuốn *Tào man truyện*.

⁶ Đại khái, thời xưa đặt tên con trai quy định chữ lót trong tên, con trưởng lót là Mạnh (孟), con thứ là Trọng (仲), con út là Quý (季), Tào Đằng là con út của Tào Tiết vậy. Có sách nói rõ, Bá (伯) là con trưởng dòng đích, Mạnh (孟) là con trưởng dòng thứ.

môn lệnh tuyển chọn trong số Hoàng môn quan những người nhỏ tuổi thích hợp mà tính tình cẩn trọng để cùng học với Thái tử, Đẳng được tuyển vào đợt ấy.⁽¹⁾ Thái tử đặc biệt thân gần yêu quý Đẳng, đồ ăn thức uống ban cho thường khác hẳn mọi người.

Thuận đế tức vị, Đẳng làm Tiểu hoàng môn, rồi thăng đến Trung thường thị Đại trường thu.

Đẳng giữ chức trong cung hơn ba mươi năm, trải bốn đời vua, chưa từng mắc lỗi. Khéo tiến cử hiền tài, trước sau không sai hỏng người nào. Trong số những người được tiến cử, như bọn Ngụ Phóng, Biện Thiệu người quận Trần Lưu; Diên Cố, Trương Ôn người quận Nam Dương; Trương Hoán người quận Hoảng Nông; Đường Khê người quận Dĩnh Xuyên, đều đạt đến vị công khanh, mà Đẳng cũng chẳng hề khoe khoang cái hay của mình.

Thái thú Thục Quận sai viên Kế lại gửi thư riêng tỏ ý kính trọng Đẳng, Thứ sử Ích châu là Sùng Cảo bắt được thư ấy ở Hàm Cốc quan, báo với Thái thú Ích châu, cùng dâng tấu về triều nói rằng Đẳng là nội thần mà kết giao với quan lại bên ngoài, việc làm ấy rất không xứng đáng, xin truất quan trị tội. Để nói:

- Thư ấy từ bên ngoài gửi vào, không phải thư do Đẳng gửi ra, không phải tội của Đẳng vậy.

Rồi bỏ qua bản tấu của Cảo. Đẳng cũng chẳng lấy làm bức vì việc ấy, vẫn thường khen ngợi Cảo, cho rằng Cảo đã làm đúng phận sự với bề trên và có khí tiết.

Cảo sau này làm Tư đồ, nói riêng với người khác rằng:

- Ta được làm công khanh hôm nay, thật là nhờ vào ơn của Tào thường thị vậy.

Mọi việc Đẳng làm, đại loại đều như thế cả.

¹ Từ đây trở về sau, khi viết là “nguyên niên” hay “sơ” tức là nói năm đầu của niên hiệu, viết “trung” là nói những năm giữa niên hiệu, viết “mạt” là nói năm cuối của niên hiệu. Đại khái, khi viết: năm Vĩnh Ninh trung thì khoảng thời gian ấy là thuộc về các năm trong niên hiệu Vĩnh Ninh; khi viết là năm Vĩnh Ninh mạt thì hiểu là năm cuối niên hiệu Vĩnh Ninh; viết là năm Vĩnh Ninh nguyên niên thì hiểu là năm đầu tiên của niên hiệu Vĩnh Ninh.

Hoàn đế kế vị, bởi Đẳng là cự thần của Tiên đế, trung hiếu rạng ngời, được phong tước Phí Đình hầu, thêm ngôi vị Đặc tiến⁽¹⁾. Năm Thái Hòa thứ ba, được truy tôn làm Cao hoàng đế.

③ *Tục Hán thư* chép: Tung tự Cự Cao, bản tính đôn hậu, cẩn thận, một lòng trung hiếu. Làm chức Tư lệ Hiệu úy, Linh đế cất nhắc lên làm Đại tư nông, Đại hồng lư, rồi thay Thôi Liệt làm Thái úy. Năm Hoàng Sơ nguyên niên, Tung được truy tôn làm Thái hoàng đế.

Tào man truyện của người Ngô và *Thế ngữ* của Quách Ban đều nói rằng: Tung, là con họ Hạ Hầu, là chú ruột của Hạ Hầu Đôn. Thái tổ với Đôn là anh em họ.

Thái tổ lúc nhỏ có tài biến trá mau lẹ, rất cơ trí, nhưng có lòng hào hiệp phóng túng, chẳng màng đến sự nghiệp gì cả, bởi thế người đời chưa ai biết cái tài của Thái tổ vậy;① Duy có người nước Lương là Kiều Huyền, người quận Nam Dương là Hà Ngung lại có ý khác. Huyền bảo Thái tổ rằng:

- Thiên hạ sắp loạn, không phải là người có tài hơn đời thì chẳng thể cứu được thiên hạ, người có tài yên định như thế, chính là ông đó!②

Năm hai mươi tuổi, xét cử Hiếu liêm, Thái tổ được đề cử làm chức Lang,⁽²⁾ phong làm Bộ úy ở bắc Lạc Dương, lại chuyển làm Đồn Khâu lệnh,^③ sau triệu về bá làm Nghị lang.^④

① *Tào man truyện* chép: Thái tổ lúc nhỏ chỉ thích săn chim đua chó, du đãng vô độ, người chú mấy lần đưa lời đến tai Tung. Thái tổ lấy làm lo, sau có lần gặp người chú ở trên đường, Thái tổ liền đơ mặt méo miệng; người chú kinh hãi hỏi nguyên do, Thái tổ nói:

¹ Đặc tiến (特进), không phải là một chức quan chính thức, mà là hư chức, phong cho những người có địa vị đặc biệt, ở trong triều chỉ dưới ngôi Tam công.

² Thời nhà Hán, đức hiếu được đề cao, tư tưởng trị nước là “dĩ hiếu trị thiên hạ.” Chế độ tuyển chọn nhân tài có hai loại khoa là: “hiếu tử”, chọn người có hiếu, và “liêm lại”, chọn cử quan lại “thanh liêm.” Về sau hợp lại thành “Hiếu liêm.” Người được xét Hiếu liêm sẽ được cử làm quan.

- Cháu thốt nhiên trúng gió độc.

Người chú vội đến báo với Tung. Tung kinh hãi lắm, cho gọi Thái tổ, thấy Thái tổ diện mạo mặt mũi vẫn như trước.

Tung hỏi rằng:

- Thúc phụ nói rằng mày bị trúng phong, không đúng sao?

Thái tổ đáp:

- Mới đây con đâu bị trúng phong, chỉ vì con làm mất sự yêu mến của thúc phụ, nên thúc phụ vu khống con thôi.

Tung lấy làm ngờ việc ấy. Từ đấy về sau người em mình nói bất cứ thứ gì về Thái tổ, Tung rút cục không chịu tin nữa, Thái tổ vì thế càng phóng túng hơn.

② *Ngụy thư* chép: Thái úy Kiêu Huyền, nổi danh ở đời về xét người, nhìn thấy Thái tổ cho là lạ, nói:

- Danh sĩ trong thiên hạ ta thấy đã nhiều rồi, chưa ai như ngài vậy! Ngài khéo giữ mình. Ta đã già lão rồi! Xin đem vợ con phó thác cho ngài đấy.

Bởi thế thanh danh của Thái tổ lại càng nổi.

Tục Hán thư chép: Huyền tự Công Tổ, nghiêm nghị sáng suốt mà có tài lược, giỏi xét người.

Hán kỷ của Trương Phan chép: Huyền trải ngôi vị khắp trong ngoài, nổi tiếng là cứng cỏi quyết đoán, khiêm cung cần kiệm, nhún nhường với kẻ sĩ, chẳng vì vương tước mà thân gần. Năm Quang Hòa trung làm Thái úy, nhân vì mắc bệnh lâu ngày nên dâng thư xin từ quan, được bái làm Thái trung Đại phu, rồi chết, gia cảnh bần hàn chẳng có sản nghiệp gì, linh cửu không có đồ chôn táng theo. Người đương thời vì thế khen là danh thần.

Thế ngữ chép: Huyền bảo Thái tổ rằng:

- Ông chưa có danh tiếng gì, nên tới kết giao với Hứa Tử Tương.

Thái tổ bèn đến làm quen với Tử Tương, Tử Tương chịu nhận, do vậy người ta mới biết đến tên tuổi.

Dị đồng tạp ngữ của Tôn Thịnh chép: Thái tổ có lần đi một mình lên vào nhà quan Trung thường thị Trương Nhượng, Nhượng

biết được; Thái tổ bèn múa kích ở sân trước, rồi vượt bức tường thấp nhảy ra ngoài. Thái tổ tài vũ hơn người, chẳng ai gia hại được. Lại xem rộng các sách, đặc biệt thích binh pháp, sao gộp sách binh pháp của các nhà, đặt tên là *Tiếp yếu*, lại chú giải mười ba thiên binh pháp của Tôn Vũ,¹ đều còn truyền lại ở đời.

Thái tổ từng có lần hỏi Hứa Tử Tương rằng:

- Ngài xem ta là người thế nào?

Tử Tương không đáp. Cố gắng hỏi, Tử Tương nói:

- Ngài là năng thần đòi trị, là gian hùng đòi loạn.

Thái tổ cả cười.

③ *Tào man truyện* chép: Thái tổ mới nhậm chức ở Sở úy, cho sửa sang bốn cửa nha huyện. Làm các roi ngũ sắc, bên tả bên hữu của dựng hơn chục cái, ai vi phạm cấm lệnh, bất kể là cường hào đi chăng nữa, đều dùng gậy đánh đến chết. Mấy tháng sau, Tiểu hoàng môn Kiến Thạc, hầu yêu của vua Linh đế, có người chú giữa đêm đi ngoài đường, lập tức bị giết ngay. Người khắp kinh sư run chân kinh sợ, chẳng ai dám phạm điều cấm nữa. Bọn sủng thần đều căm hận Thái tổ, nhưng không làm gì được, vì thế chúng bèn cùng nhau tiến cử lên trên, chuyển Thái tổ làm chức Đốn Khâu lệnh.

④ *Ngụy thư* chép: Người chồng của em họ của Thái tổ là cường hào Tống Kỳ có tội bị giết, theo đó những người thân thích bị bãi quan. Sau vì Thái tổ thông hiểu cổ học, lại được trưng triệu bái làm Nghị lang.

Khi trước Đại tướng quân Đâu Vũ, Thái phó Trần Phồn mưu giết lũ hoạn quan, không thành lại bị chúng giết hại. Thái tổ dâng thư nói rằng bọn Trần, Đâu chính trực bị hãm hại, gian tà đầy rẫy trong triều, người tốt bị che lấp, lời lẽ trong thư hết sức thống

¹ Tôn Vũ (孙武) tự Trường Khanh, người huyện Lạc An, nước Tề, thời Chiến Quốc. Tôn Vũ được Ngũ Viên tiến cử với vua Ngô là Hạp Lư, Hạp Lư dùng Tôn Vũ làm quan ở nước Ngô, là tướng soái nổi danh, nhiều lần lập chiến công. Tôn Vũ soạn 13 chương binh pháp dâng lên Ngô vương, chính là cuốn *Binh pháp Tôn tử* bây giờ, rất được tán thưởng, Ngô vương phong ông làm Thượng tướng quân, Quân sư.

thiết; song Linh để chẳng màng. Sau đấy lại truyền chiếu thư sắc mệnh đến tam phủ rằng: "Kẻ nào tấu trình về việc sửa sang chính trị tại các châu huyện mà không hiệu nghiệm, khiến dân chúng phao ngôn nhảm nhí đều bị bãi miễn chức vụ." Thế nên Tam công nghiêng theo bọn gian tà, ít khi làm theo chiếu lệnh, nạn hối lộ thịnh hành, kẻ mạnh gây oán chẳng ai tấu trình lên, kẻ yếu giữ đạo phần nhiều bị hãm hại. Thái tổ căm giận vì việc ấy.

Năm đó có nhiều tai họa dị thường xảy ra, Đế xét hỏi rộng rãi các việc được mất, vì thế Thái tổ lại dâng thư khẩn thiết can gián, nói rằng đấy là vì tam công khi cử tấu có ý né tránh bọn quý thích. Tấu dâng lên, thiên tử ngộ ra, liền quở trách tam phủ vì các việc ấy, nhưng những kẻ phao ngôn nhảm nhí lúc trước lại được bãi làm Nghị lang. Vì thế sau này chính sự ngày càng loạn, lũ cường hào giáo hoạt càng lộng hành dữ hơn, làm nhiều việc tồi bại; Thái tổ biết không thể khuông phò chính sự⁽¹⁾ được, bèn chẳng dâng lời can gián nữa.

Năm Quang Hòa mạt, quân Khăn Vàng nổi dậy. Thái tổ được báo làm Kỵ đô úy, đánh dẹp giặc ở Dĩnh Xuyên. Được thăng làm Tế Nam tướng,⁽²⁾ xứ này gồm hơn chục huyện, bọn trưởng lại đa phần a dua xu phụ lũ quý thích, tham quan ô lại đầy rẫy, vì thế Thái tổ tấu trình lên xin bãi chức tám người trong bọn ấy; lại cấm tuyệt việc tế lễ nhảm nhí, bọn gian tà trốn tiệt, vì thế trong quận được yên bình.^① Ít lâu sau, Thái tổ được triệu về làm Thái thú Đông quận; nhưng không đến, xưng bệnh xin về quê.^②

① *Ngụy thư* chép: Đám trưởng lại nhận của đút từ bọn ác, nương cậy vào thế lực của quý thích, lâu nay chẳng ai dám động đến; nghe tin Thái tổ tới, hết thảy đều bị cử tấu bãi chức, lớn nhỏ kinh sợ, bọn tà vạy trong ngoài trốn sạch, đặt sang các quận khác. Chính giáo thịnh hành, trong quận được thanh bình.

¹ Khuông phò chính sự, tức là cứu giúp, phò tá, nắn sửa chính sự.

² Tướng quốc nước Tế Nam (trưởng quan), tương đương chức Thái thú. Thái thú bổng lộc mỗi năm là 2.000 thạch nên thường được gọi là Nhị thiên thạch.

Khi trước, Thành Dương Cảnh vương là Lưu Chương vì có công với nhà Hán, nên nhà nước cho lập đền thờ, các quận ở Thanh châu cũng bắt chước theo, ở Tế Nam lệ ấy lại càng thịnh hành, có đến hơn sáu trăm miếu thờ. Lại có gã lái buôn làm chiếc kiệu như kiệu của quan Nhị thiên thạch cho khênh đi trên đường cái, người theo sau múa nhạc, xa xỉ ngày càng quá quắt, mà dân chúng lại bần cùng khốn khó, các trưởng lại mấy đời chẳng ai cấm tuyệt được. Thái tổ đến, ra lệnh phá hết các đền thờ, cấm tuyệt quan dân không được tự cử hành tế tự. Đến lúc nắm giữ chính sự, lại diệt trừ nạn thờ cúng quỷ thần gian tà, việc thờ cúng huyền hoặc từ đấy mới dứt.

② *Ngụy thư* chép: Vì bọn quyền thần chuyên quyền triều chính, quý thích lộng hành ngang ngược. Thái tổ chẳng thể trái đạo để lấy lòng bọn chúng. Đã mấy lần làm trái lệnh, lo sợ họa đến cả nhà, bèn xin lui về làm Túc vệ. Thái tổ được báo làm Nghị lang, song thường thắc rằng có bệnh, xin về làng; lại xây một ngôi nhà ngoài thành, mùa xuân, mùa hạ đọc kinh truyện, mùa thu, mùa đông đi săn bắn, lấy những việc ấy làm vui.

Được ít lâu, bọn Thứ sử Ký châu là Vương Phân, người quận Nam Dương là Hứa Du, người nước Bái là Chu Tinh liên kết các kẻ hào kiệt, ngầm mưu phế Linh đế, lập Hợp Phì hầu, đem việc báo với Thái tổ, Thái tổ cự tuyệt họ. Bọn Phân cuối cùng thất bại.①

① *Cửu châu Xuân Thu* của Tư Mã Bưu chép: Khi ấy, con của Trần Phồn là Dật cùng kẻ thuật sĩ người huyện Bình Nguyên là Trương Giai ngồi bàn việc với Phân, Giai nói:

- Tôi coi thiên văn thấy có điều bất lợi với lũ hoạn quan, bọn Hoàng môn, Thường thị chắc chắn bị diệt tộc rồi.

Dật mừng. Phân nói:

- Nếu quả như thế, Phân này nguyện dẹp trừ bọn chúng.

Liền cùng bọn Du kết mưu.

Lúc Linh đế muốn tuần thú phương bắc thăm nơi ở cũ tại Hà Gian, bọn Phân tính nhân việc ấy lập kế, dâng thư nói bọn giặc ở

núi Hắc đánh cướp các quận huyện, xin được khởi binh. Gặp lúc ở phương bắc có làn khí đỏ bốc lên, kéo khắp trời từ đông sang tây, quan Thái sử tấu rằng: "Tất có kẻ mưu ngầm, không nên bắc hành." Đế bèn dừng việc đi tuần. Lại hạ sắc mệnh cho Phân bãi binh, lát sau cho triệu vào gặp. Phân sợ hãi, bèn tự sát.

Ngụy thư chép lời Thái tổ cự tuyệt Phân rằng:

"Chuyện phế lập, thiên hạ cho là việc chẳng lành vậy. Người xưa cân nhắc được sự thành bại, tính toán lẽ nặng nhẹ mà thi hành, Y Doãn, Hoắc Quang là người như vậy.⁽¹⁾ Y Doãn tỏ rõ lòng trung, giữ cái thế là Tể tướng, ở ngôi vị đứng đầu trăm quan, cho nên tiến lui, phế dựng, tính từng việc mà làm. Rồi đến Hoắc Quang nhận trọng trách ủy thác gửi nước, dựa vào ngôi vị tông thần. Bên trong nương tựa Thái hậu nắm hết các việc chính sự trọng yếu, bên ngoài có cái thế trăm quan ủng hộ, mà Xương Ấp mới tức vị ít ngày, chưa có người nào được ân quý sủng, trong triều thiếu kẻ bày tôi nói thẳng, bàn xa nói gần, cho nên mưu kế xoay vần tròn trịa, việc thành như bẻ cây gỗ mục. Nay các ngài chỉ nhìn thấy cái dễ của việc trước, chẳng thấy được cái khó khăn lúc này. Các ngài thử tính xem, cộng tất cả các ngài lại, sao bằng được thất quốc ngày trước? Địa vị sang quý của Hợp Phì, sao so được với Ngô, Sở⁽²⁾ đây? Mà muốn làm nên việc phi thường, kỳ vọng sẽ thành công, há chẳng ghê sợ lắm sao!"

Người quận Kim Thành là Biên Chương, Hàn Toại làm phản giết quan Thứ sử, Quận thú, bộ chúng hơn chục vạn người, thiên hạ nhiễu động. Triều đình trưng triệu Thái tổ cho làm Điện quân Hiệu úy. Gặp lúc Linh đế băng hà, Thái tử tức vị, Thái hậu lâm triều chấp chính.

Đại tướng quân Hà Tiến cùng Viên Thiệu mưu giết sạch lũ quan hoạn, Thái hậu không nghe. Tiến bèn triệu gọi Đồng Trác

¹ Y Doãn (伊尹), Hoắc Quang (霍光), đều là quan đại thần đầu triều, dựa vào uy quyền của mình làm việc phế lập thành công, giữ vững xã tắc và quyền lực của vương triều, được đời sau ca ngợi.

² Chỉ việc bảy nước chư hầu thời Cảnh đế nhà Đông Hán khởi loạn; Ngô vương, Sở vương là Lưu Ty và Lưu Nhung, hai trong số bảy người cầm đầu phản loạn.

đến, muốn nhân đó uy hiếp Thái hậu^①, Trác chưa đến nơi Tiến đã bị giết.

Trác tới, phế Đế làm Hoàng Nông vương rồi lập Hiến đế, kinh sư đại loạn. Trác dâng biểu tiến cử Thái tổ làm Kiêu kỵ Hiệu úy, muốn cùng bàn việc. Thái tổ bèn thay tên đổi họ, ngấm đi lên về phía đông.^② Ra khỏi quan ải, lúc đi qua huyện Trung Mâu, bị viên Đình trưởng ở đấy nghi ngờ, bắt đưa đến huyện, trong ấp có kẻ ngấm biết Thái tổ, mới cầu xin nên Thái tổ được tha.^③

Trác sau đó giết Thái hậu và Hoàng Nông vương. Thái tổ đến Trần Lưu, phát tán gia tài, tập hợp nghĩa binh, chuẩn bị tru diệt Trác. Mùa đông tháng mười hai, bắt đầu khởi binh ở Kỳ Ngô^④, bấy giờ là năm Trung Bình thứ sáu vậy.

① *Ngụy thư* chép: Thái tổ nghe chuyện bèn cười họ rằng:

- Lũ yêm hoạn xưa nay đều có, nhưng các bậc đế vương chẳng nên trao cho lũ ấy quyền lực và ân sủng, khiến việc đến nỗi thế này. Đã định trị tội cái đám ấy, nên giết đũa thủ ác đầu sỏ, một viên ngục lại là đủ rồi, hà tất phải ngậu xì triệu tướng ở ngoài về? Muốn diệt sạch bọn chúng, việc tất lộ ra ngoài, ta đã thấy cái thất bại của bọn họ rồi.

② *Ngụy thư* chép: Thái tổ cho là Trác rút cục tất bại vong, bèn không đến gặp, bỏ trốn về quê. Dem theo mấy quân kỵ qua nhà người quen cũ ở Thành Cao là Lã Bá Xa; Bá Xa không có nhà, các con của Bá Xa và tân khách họp nhau đánh cướp lấy mất ngựa và đồ vật của Thái tổ, Thái tổ tự tay cầm kích đâm chết mấy người.

Thế ngữ chép: Thái tổ qua nhà Bá Xa, Bá Xa đi ra ngoài, năm con ở nhà, chuẩn bị đồ lễ tiếp tân khách. Bởi Thái tổ cho rằng mình trái lệnh của Đồng Trác, ngờ là những người ấy mưu toan hại mình, nên đang đêm dùng gươm giết chết tám người rồi bỏ đi.

Tạp ký của Tôn Thịnh chép: Thái tổ nghe tiếng mài dao, cho rằng họ mưu hại mình, bèn ngay đêm giết chết họ. Giết xong rồi mới thương xót mà rằng:

- Thà ta phụ người, chứ không để người phụ ta!

Rồi bỏ đi.

③ *Thế ngữ* chép: Người huyện Trung Mâu ngờ rằng đây là kẻ bỏ trốn, bèn bắt giải tới huyện. Bấy giờ đám Duyện thừa cũng đã nhận được thư của Trác; duy chỉ có viên Công tào trong bụng biết được rằng người đó là Thái tổ, bởi thấy thiên hạ đang loạn lạc tứ tung, chẳng nên bắt bó những kẻ anh hùng trong thiên hạ, nhân thế mới bấm với huyện lệnh xin phóng thích.

④ *Thế ngữ* chép: Viên Hiếu liêm ở Trần Lưu là Vệ Tư lấy của riêng cấp cho Thái tổ, giúp khởi binh, bộ chúng có đến năm nghìn người.

Năm Sơ Bình nguyên niên mùa xuân tháng giêng, Hậu tướng quân Viên Thuật; Ký châu mục Hàn Phức;① Thứ sử Dự châu Khổng Trụ;② Thứ sử Duyện châu Lưu Đại;③ Thái thú Hà nội Vương Khuông;④ Thái thú Bột Hải Viên Thiệu; Thái thú Trần Lưu Trương Mạc; Thái thú Đông Quận Kiều Mạo;⑤ Thái thú Sơn Dương Viên Di;⑥ Tế Bắc tướng Bảo Tín;⑦ đồng thời cùng khởi binh, bộ chúng đều có mấy vạn người, suy cử Thiệu làm minh chủ. Thái tổ làm hành Phấn Vũ tướng quân.⁽¹⁾

① *Anh hùng ký* chép: Phức tự Văn Tiết, người quận Dĩnh Xuyên. Làm Ngự sử trung thừa. Đồng Trác tiến cử làm Ký châu mục. Bấy giờ dân Ký châu giàu có, binh lương sung túc. Viên Thiệu đang ở Bột Hải, Phức sợ Thiệu dấy binh ở quận, liền phái mấy viên Tòng sự đến phòng giữ, lệnh không được manh động.

Thái thú Đông Quận là Kiều Mạo giả danh Tam công ở Kinh sư gửi thư đến các châu quận, bày kể tội ác của Trác, nói "bị bức bách, không thể tự cứu nổi, ngóng đợi nghĩa binh, cứu quốc gia qua cơn hoạn nạn."

Phức được thư, mời các Tòng sự đến hỏi rằng:

- Bấy giờ ta nên giúp Viên Thiệu, hay giúp Đồng Trác đây?

Trị trung Tòng sự là Lưu Tử Huê nói:

¹ Tức là tạm coi việc của Phấn Vũ tướng quân. Chữ "hành" nghĩa là coi việc, chưa phải là chính chức.

- Nay ta hưng binh là vì quốc gia, sao lại nói vì Viên, Đông!

Phức tự biết mình nói hớ nên hổ thẹn ra mặt. Tử Huệ lại nói:

- Việc binh là chuyện hung hiểm, chớ nên cầm đầu; nay nên phái người qua châu khác nghe ngóng, nếu họ phát động trước, ta sẽ phụ họa với họ sau. Ký châu so với các châu khác chẳng vì thế mà kém hơn vậy, cái công của châu khác cũng chẳng hơn công của Ký châu được vậy.

Phức theo lời ấy. Bèn gửi thư cho Thiệu, nói Trác là kẻ ác, mong bên ấy khởi binh.

② *Anh hùng ký* chép: Trụ tự Công Tự, người quận Trần Lưu.

Hán ký của Trương Phan chép lời Trịnh Thái thuyết Trác rằng:

- Khổng Công Tự chỉ giỏi thanh đàm cao luận, nói héo thành tươi.⁽¹⁾

③ Đại, là anh của Lưu Do, sự tích thấy ở *Ngô chí*.

④ *Anh hùng ký* chép: Khuông tự Công Tiết, người quận Thái Sơn. Vốn coi nhẹ tiền tài hay giúp đỡ người, vì dốc lòng nghĩa khí mà nổi tiếng. Đại tướng quân Hà Tiến vờ vào phủ tiến cử làm Phù sứ, Khuông đang ở Từ châu dẫn năm trăm cung thủ theo hướng Tây đến kinh sư. Đúng lúc Tiến chết, Khuông trở về bản châu. Khi nghĩa binh nổi lên, được bá làm Thái thú quận Hà Nội.

Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Khuông thời trẻ chơi thân với Sái Ung. Năm ấy bị quân của Trác đánh bại, bỏ chạy về quận Thái Sơn, thu hợp được mấy nghìn quân dũng mãnh, muốn cùng Trương Mạc liên hợp. Khuông trước tiên giết chết Chấp kim ngô Hồ Mậu Ban. Thuộc hạ của Ban không đánh lại được, hết sức phẫn nộ, bèn hợp lực với Thái tổ, chung sức giết Khuông.

⑤ *Anh hùng ký* chép: Mạo tự Nguyên Vĩ, là con em cùng dòng tộc với Kiều Huyền. Lúc trước làm Thứ sử Duyện châu, rất có ân uy.

⑥ Di tự Bá Nghiệp, là anh họ của Thiệu. Làm Trường An lệnh. Người quận Hà Gian là Trương Siêu từng tiến cử Di với Thái úy Chu Tuấn, khen Di là:

¹ Ý nói rằng chỉ biết bàn luận những chuyện cao xa viển vông, không thiết thực, chẳng có tài kinh bang tế thế gì.

"Đức tốt trùm đời,
 Mẫn cán biết thời.
 Trung ngay sáng suốt,
 Vốn người trời ban;
 Hiếu khắp thư tịch,
 Cai quản trăm dân,
 Lên núi nảy phú,
 Nhìn vật biết tên,
 Cầu được người ấy,
 Phương xa theo về."

Sự tích thấy chép ở *Trương Siêu tập*.

Anh hùng ký chép: Thiệu sau dùng Di làm Thứ sử Dương châu, bị Viên Thuật đánh bại. Thái tổ khen rằng "Đã cao tuổi vẫn miệt mài học tập, chỉ có ta và Viên Bá Nghiệp thôi."

Lời này thấy chép ở *Điện luận* của Văn đế.

⑦ Sự tích về Tín thấy ở *Tử Huân truyện*.

Tháng hai, Trác hay tin binh khắp nơi nổi dậy, bèn dời Thiên tử đến đóng đô ở Trường An. Trác đóng quân ở Lạc Dương, rồi đốt cháy cung thất. Bấy giờ Thiệu đóng binh ở Hà Nội, Mạc, Đại, Mạo, Di đóng trại ở Toan Tảo, Thuật đóng binh ở Nam Dương, Du đóng quân ở Dĩnh Xuyên, Phức đóng ở huyện Nghiệp. Binh của Trác cường mạnh, Bọn Thiệu chẳng ai dám tiến đánh trước. Thái tổ nói:

- Ta cất nghĩa binh giết kẻ bạo loạn, đại quân đã hợp, chư quân còn hồ nghi gì nữa? Nếu Đồng Trác nghe tin binh ở Sơn Đông nổi dậy, hấn ý vào uy vọng của vương thất, chiếm giữ chỗ hiểm của hai kinh nhà Chu,⁽¹⁾ ngoảnh về đông coi xét thiên hạ; dầu là hành sự vô đạo, vẫn đủ thành họa. Nay hấn thiêu rụi cung thất, bức thiên tử dời đô, hải nội chấn động, sĩ dân chẳng biết hướng

¹ Tức hai kinh đô Trường An, Lạc Dương của hai triều đại nhà Hán.

về đâu, đấy là lúc trời hại hấn vậy. Đánh một trận thì thiên hạ yên định rồi, cơ hội chẳng nên bỏ lỡ vậy.

Bèn dẫn binh sang tây, chuẩn bị tiến chiếm Thành Cao. Mạc phái tướng là Vệ Tư chia quân đi theo Thái tổ. Đến sông Biện ở Huỳnh Dương, gặp tướng của Trác là Từ Vinh, giao chiến bất lợi, sĩ tốt tử thương rất nhiều. Thái tổ bị trúng tên, con ngựa đang cưỡi bị thương, em họ của Thái tổ là Hồng nhường ngựa của mình cho Thái tổ, đêm ấy Thái tổ trốn thoát. Vinh thấy binh đi theo Thái tổ ít, nhưng ra sức giao chiến hết ngày, cho là Toan Tảo chưa dễ đánh được, cũng dẫn binh quay về.

Thái tổ về đến Toan Tảo, thấy chư quân binh lực hơn chục vạn, ngày ngày tụ họp uống rượu, chẳng mưu tính tiến thủ gì. Thái tổ trách bọn họ, nhân đó bày mưu rằng:

- Các ông hãy nghe kế của ta, để Bật Hải dẫn bộ chúng Hà Nội đến Mạnh Tân, chư tướng ở Toan Tảo thủ Thành Cao, chiếm Ngao Thương, lấp kín lũng Viên, Thái, chặn hết chỗ hiểm yếu; phái Viên tướng quân⁽¹⁾ thống suất binh Nam Dương đóng trại ở Đan, Tích,⁽²⁾ tiến vào Vũ Quan, khiến Tam Phụ chấn động. Ba quân tường cao lũy sâu, chớ giao chiến, làm nghi binh, nêu rõ hình thế lớn trong thiên hạ, theo lẽ thuận tru diệt nghịch tặc, thì có thể yên định được vậy. Nay quân vì nghĩa mà hành động, lại ôm mỗi góc vực không chịu tiến, làm mất lòng trông ngóng của thiên hạ, ta trộm vì các ông mà xấu hổ vậy!

Bọn Mạc chẳng dùng kế ấy.

Thái tổ binh ít, bèn cùng bọn Hạ Hầu Đôn đến Dương châu mộ binh, Thứ sử Dương châu là Trần Ôn, Thái thú Đan Dương là Chu Hân giúp cho hơn bốn nghìn quân.

¹ Bật Hải, tức Viên Thiệu, Thái thú Bật Hải; Viên tướng quân tức nói Viên Thuật.

² Tức sông Đan và huyện Tích.

Quay về đến huyện Long Kháng, đa số sĩ tốt làm phản.^① Đến được huyện Trất, huyện Kiến Bình, lại thu được hơn một nghìn binh lính, bèn tiến lên đóng quân ở Hà Nội.

① *Ngụy thư* chép: Binh sĩ mưu phản, ban đêm đốt trướng của Thái tổ, Thái tổ cầm kiếm giết mấy chục người, số còn lại đều chạy nháo nhào, Thái tổ mới ra được khỏi doanh trại; đám quân sĩ không làm phản chỉ có năm trăm người.

Lưu Đại và Kiều Mạo căm ghét nhau, Đại giết chết Mạo, cho Vương Quảng lĩnh chức Thái thú Đông quận.

Viên Thiệu và Hàn Phúc mưu lập U châu mục là Lưu Ngu làm Đế, Thái tổ cự tuyệt mưu ấy.^①

Thiệu từng bắt được cái ấn ngọc, đến chỗ Thái tổ ngồi nhắc khuỷu tay lên cho xem, Thái tổ bởi thế cười thầm nhưng ghét lắm.^②

① *Ngụy thư* chép thư Thái tổ đáp lại Thiệu rằng:

"Tội ác của Đông Trác, tàn bạo vang khắp bốn bể, bọn ta tụ hợp mọi người, hưng khởi nghĩa binh, xa gần chẳng ai không hưởng ứng, đây là việc nghĩa khiến thiên hạ cảm động vậy. Nay ấu chủ thơ đại, bị áp chế bởi gian thần, vẫn chưa có cái đêm vong quốc của Xương Ấp, thế mà một sớm làm việc phế lập, ai sẽ là người vỗ yên thiên hạ đây? Các ngài cứ ngoảnh về bắc, ta xin hướng về tây."⁽¹⁾

② *Ngụy thư* chép: Thái tổ cả cười nói:

- Ta không theo người đâu.

Thiệu lại sai người thuyết Thái tổ rằng:

- Nay Viên công thế thịnh binh cường, có hai con hùng tráng, anh hào trong thiên hạ, ai có thể hơn được?

Thái tổ không đáp. Bởi thế càng cho Thiệu là người không ngay thẳng, có mưu đồ tru diệt hẳn.

¹ Ngoảnh về bắc (Lưu Ngu ở U châu), hướng về tây (Hiển đế ở Trường An).

Năm thứ hai mùa xuân, Thiệu, Phúc định lập Ngụ làm Đế, Ngụ rút cục không dám nhận.

Mùa hạ tháng tư, Trác quay về Trường An.

Mùa thu tháng bảy, Viên Thiệu bức hiếp Hàn Phúc, cướp đoạt Ký châu.

Trộm giặc ở Hắc Sơn là bọn Vu Độc, Bạch Nhiễm, Tuy Cố, bộ chúng có hơn chục vạn đánh cướp Ngụy Quận, Đông Quận, Vương Quăng không ngăn nổi, Thái tổ dẫn binh tiến vào Đông Quận, đánh Bạch Nhiễm ở Bộc Dương, phá được. Viên Thiệu nhân đó dâng biểu về triều tiến cử Thái tổ làm Thái thú Đông quận, sở trị ở Đông Vũ Dương.

Năm thứ ba mùa xuân, Thái tổ đóng quân ở Đốn Khâu, bọn Độc vây đánh Đông Vũ Dương. Thái tổ bèn dẫn binh sang tây tiến vào trong núi, tấn công vào sơn trại của bọn Độc.^① Độc nghe tin, bỏ Vũ Dương quay về. Thái tổ đón đánh Tuy Cố, lại đuổi đánh thủ lĩnh quân Hung Nô là Vu Phu La ở Nội Hoàng, đều đại phá chúng.^②

① *Ngụy thư* chép: Chư tướng đều cho là nên quay binh về giải cứu. Thái tổ nói:

- Xưa Tôn Tẫn vây Ngụy mà cứu được Triệu, Cảnh Yểm muốn chạy về Tây An lại vây đánh Lâm Truy.⁽¹⁾ Nếu bọn giặc biết tin ta ở phía tây sẽ rút về, Vũ Dương tự khắc được giải vây; chúng không

¹ Thời Chiến Quốc, quân nước Ngụy do Bàng Quyên cầm đầu vây đánh kinh đô Hàm Đan của nước Triệu, vua nước Triệu cầu cứu nước Tề, vua nước Tề cử Điền Kỵ làm tướng, Tôn Tẫn làm quân sư đi cứu Triệu. Tôn Tẫn bày kế đánh đất Tương Lăng của Ngụy rồi mai phục ở giữa đường. Bàng Quyên nghe tin Tương Lăng sắp bị đánh bèn rút quân về, bị phục binh của quân Tề đánh tan. Nước Triệu được cứu.

Cảnh Yểm (耿弇) là tướng của Quang Vũ đế Lưu Tú. Lúc vây huyện Kịch, giặc đóng thế “ỷ giốc” ở Tây An và Lâm Truy, hai nơi cách nhau 40 dặm. Thành Tây An nhỏ nhưng kiên cố, quân tinh nhuệ, thành Lâm Truy lớn, đại quân trấn giữ nhưng thế dễ đánh. Cảnh Yểm phao tin là năm ngày sau sẽ đánh Tây An. Giặc nghe tin tăng cường phòng thủ Tây An, lơ là giữ Lâm Truy. Đêm ngày thứ tư, Cảnh Yểm bất ngờ đánh Lâm Truy, chỉ nửa ngày phá được thành, quân ở Tây An hoảng sợ chạy hết, Cảnh Yểm lấy nốt được cả Tây An.

lui về, ta đánh vào sơn trại của chúng, địch chẳng thể hạ Vũ Dương ngay được.

Bèn dẫn quân đi.

② *Ngụy thư* chép: Vu Phu La, là con của Nam Thiên vu.⁽¹⁾ Năm Trung Bình trung, Linh đế điều phát quân Hung Nô, Vu Phu La xuất binh giúp nhà Hán. Gặp lúc trong nước có phản loạn, Nam Thiên vu bị giết, Vu Phu La để bộ chúng lưu lại Trung Quốc. Nhân lúc thiên hạ nhiễu loạn, bèn cùng bọn giặc Bạch Ba ở phía tây Hoàng Hà liên hợp, đánh phá Thái Nguyên, Hà Nội, cướp bóc các quận thành đạo khấu.

Mùa hạ tháng tư, Tư đồ Vương Doãn cùng Lã Bố hợp mưu giết Trác. Tướng của Trác là bọn Lý Thôi, Quách Tỵ giết Doãn đánh đuổi Bố, Bố thua bại, theo hướng đông chạy ra Vũ Quan. Bọn Thôi chuyên quyền triều chính.

Giặc Khăn Vàng ở Thanh châu bộ chúng đông trăm vạn xâm nhập Duyện châu, giết chết Nhiệm Thành tướng là Trình Toại, rồi quay sang xâm nhập quận Đông Bình. Lưu Đại muốn đánh chúng, Bảo Tín can rằng:

- Nay bộ chúng của giặc đông trăm vạn, bách tính đều sợ hãi cuống cuống, sĩ tốt không có chí chiến đấu, chẳng thể đối địch được. Tôi xem chúng lớn nhỏ tụ tập theo nhau, quân không có đồ truy trọng, chỉ dựa vào cướp bóc của cải để sinh kế, nay chẳng gì bằng dưỡng sức sĩ chúng, cố thủ trước. Bên kia muốn giao chiến chẳng xong, đánh không thắng được, thế của chúng tất ly tán, sau ta mới tuyển quân tinh nhuệ, chiếm cứ chỗ trọng yếu, đánh chúng có thể phá được vậy.

Đại không nghe, liền giao chiến với giặc, quả nhiên bị địch giết hại.① Tín bèn cùng kẻ Lại ở trong châu là Vạn Tiêm đến Đông Quận nghênh đón Thái tổ tới lĩnh chức Duyện châu mục. Thái

¹ Thiên vu là vua xứ Hung Nô. Xứ Hung Nô có nhiều bộ lạc, mỗi bộ lạc đều có một vị Thiên vu, đại khái chỉ là tù trưởng của một bộ lạc.

tổ bèn tiến binh đánh quân Khăn Vàng ở phía đông huyện Thọ Trung. Tín ra sức chiến đấu bị chết, nhờ thế phá được giặc.^② Thái tổ treo thưởng mong tìm thi thể của Tín, không tìm thấy, quân sĩ bèn dùng gỗ khắc giống hình dạng Tín, cúng tế khóc lóc. Lại đuổi quân Khăn Vàng đến tận Tế Bắc. Giặc xin hàng. Đến mùa đông, thu hàng được hơn ba vạn binh tốt, nam nữ hơn trăm vạn người, thu lấy những người tinh nhuệ trong số ấy, đặt tên là Thanh châu binh.

① *Thế ngữ* chép: Đại chết rồi, Trần Cung bảo Thái tổ rằng:

- Trong châu hiện nay vô chủ, mà kỳ cương đứt mối, Cung này xin thuyết mọi người trong châu, minh phủ qua đó giữ chức mục, nhờ chỗ đó để thu tóm thiên hạ, đấy là sự nghiệp của bậc bá vương vậy.

Cung lại khuyên bọn Biệt giá, Trị trung rằng:

- Hiện nay thiên hạ phân liệt mà trong châu vô chủ; có Tào Đông Quận, là nhân tài ở đời vậy, nếu đón về làm Châu mục, tất sinh dân được yên ổn.

Bọn Bảo Tín cũng cho là như thế.

② *Ngụy thư* chép: Thái tổ dẫn hơn nghìn quân bộ kỵ, đến xem kỹ chiến địa, thốt nhiên phạm đến doanh trại của giặc, giao chiến bất lợi, chết mất mấy trăm người, phải dẫn quân về. Định lại đuổi phía trước. Quân Khăn Vàng làm giặc đã lâu, mấy lần thừa thắng, binh sĩ đều hung mãnh lạ thường. Binh cũ của Thái tổ ít, binh mới chưa được tập luyện, toàn quân đều sợ. Thái tổ mặc giáp đội mũ trụ, đích thân tuần tra tướng sĩ, khuyến khích thưởng phạt rõ ràng, bộ chúng mới phấn chấn lại, thừa lúc sơ hở đánh giết, giặc bị bẻ gãy phải lui về. Giặc bèn gửi thư cho Thái tổ nói:

"Ngày trước ở Tế Nam, người hủy hoại đàn tế thần, đạo bọn ta giống đạo Trung hoàng Thái ất, người như hiểu đạo, nay sao lại mê hoặc thế. Trời xanh đã chết, trời vàng nên dựng.⁽¹⁾ Đạo trời xoay vần, không phải là tài sức của người có thể giữ được vậy."

¹ Hán hành dĩ tẫn, hoàng gia đương lập. Ý nói vận số nhà Hán đã hết, nhà sắc vàng sẽ được dựng lập. Nhà Hán hành Hòa, Khăn Vàng (sắc vàng, hành Thổ) kế nối.

Thái tổ thấy hịch thư, chửi mắng chúng, chia quân làm mấy lộ; lại đặt phục binh, ngày đêm giao chiến, khi đánh thường bắt được giặc, giặc bèn lui chạy.

Viên Thuật và Thiệu có hiềm khích, Thuật cầu viện với Công Tôn Toàn, Toàn sai Lưu Bị đóng quân ở huyện Cao Đường, Đan Kinh đóng quân ở huyện Bình Nguyên, Đào Khiêm đóng binh ở huyện Phát Can, để uy hiếp Thiệu. Thái tổ cùng Thiệu họp binh đánh, đều phá được.

Năm thứ tư mùa xuân, Thái tổ đóng quân tại Quyên Thành. Kinh châu mục Lưu Biểu chẹn đường vận lương của Thuật, Thuật dẫn quân vào quận Trần Lưu, đóng ở huyện Phong Khâu, có dư đảng giặc núi Hắc cùng Vu Phu La trợ giúp. Thuật sai bộ tướng là Lưu Tường đóng binh ở Khuông Đình. Thái tổ tấn công Tường, Thuật đến cứu, cùng đại chiến, Thái tổ phá Thuật. Thuật lui quân giữ Phong Khâu, Thái tổ vây Phong Khâu, chưa đánh, Thuật bỏ chạy về Tương Ấp, Thái tổ đuổi theo đến tận Thái Thọ, tháo nước sông tràn vào thành. Thuật bỏ chạy về Ninh Lăng, Thái tổ lại truy kích, Thuật chạy tới Cửu Giang. Mùa hạ, Thái tổ kéo quân về Định Đào.

Người huyện Hạ Bi là Khuyết Tuyên tụ họp bộ chúng được mấy nghìn người, tự xưng là Thiên tử; Từ châu mục Đào Khiêm cử binh hợp tác với hắn, chiếm huyện Hoa, huyện Phí của quận Thái Sơn, cướp chiếm Nhiệm Thành. Mùa thu, Thái tổ đi đánh Đào Khiêm, hạ được hơn chục thành, Khiêm thủ giữ thành không dám ra đánh.

Năm ấy, Tôn Sách vâng mệnh Viên Thuật vượt Trường Giang, trong vòng mấy năm lấy được vùng Giang Đông.

Năm Hưng Bình nguyên niên mùa xuân, Thái tổ từ Từ châu quay về. Khi trước, cha của Thái tổ là Tung, từ quan quay về quê ở huyện Tiêu, vì Đồng Trác làm loạn, phải lánh nạn đến

huyện Lang Nha, bị Đào Khiêm giết hại, bởi thế Thái tổ lập chí đi đánh phương đông để báo thù.^①

Mùa hạ, Thái tổ sai Tuân Úc, Trình Dục giữ huyện Quyên Thành, rồi lại đến đánh Đào Khiêm, hạ được năm thành, chiếm đất đến tận Đông Hải. Quân quay về đi qua huyện Đàm, tướng của Khiêm là Tào Báo cùng Lưu Bị đóng quân ở phía đông huyện Đàm, đón đánh Thái tổ. Thái tổ đánh phá được, lại đánh chiếm Tương Bôn, đi tới đâu đánh giết hoang tàn đến đó.^②

① *Thế ngữ* chép: Tung ở tại huyện Hoa quận Thái Sơn. Thái tổ lệnh sai Thái thú Thái Sơn là Ứng Thiệu hộ tống đưa gia quyến đến Duyện châu, binh của Thiệu chưa đến, Đào Khiêm mật phái mấy nghìn quân kỵ ngầm bắt. Gia quyến của Tung cho là Thiệu đến đón, không phòng bị gì. Binh của Khiêm đến, giết em của Thái tổ là Đức ở cửa giữa. Tung cả sợ, chui ra hậu viên,⁽¹⁾ người thiếp của Tung chui ra trước, thân hình phì nộn, không ra được, Tung trốn vào nhà tiêu, cùng người thiếp đều bị hại, người nhà đều chết cả. Ứng Thiệu sợ, bỏ chức chạy đến chỗ Viên Thiệu. Sau này Thái tổ bình định được Ký châu, bấy giờ Ứng Thiệu đã chết rồi.

Ngô thư của Vi Diệu chép: Thái tổ đón rước Tung, xe chở đồ đạc hơn trăm chiếc. Đào Khiêm phái Đô úy là Trương Khải dẫn hai trăm kỵ binh đi hộ tống, đến giữa khoảng huyện Hoa, Phí quận Thái Sơn thì Khải giết Tung, lấy hết tài vật, rồi chạy đến Hoài Nam. Thái tổ quy tội cho Đào Khiêm, nên đến đánh.

② Tôn Thịnh nói: Đánh dẹp kẻ có tội phải xót thương dân, đấy là phép từ xưa vậy; tội dẫu bởi Khiêm, nhưng tàn sát bộ thuộc của Khiêm, là quá lắm vậy.

Gặp lúc Trương Mạc và Trần Cung làm phản đón Lã Bố, các quận huyện đều hưởng ứng. Tuân Úc, Trình Dục bảo vệ Quyên Thành, người ở Phạm huyện và Đông A cũng giữ vững, Thái tổ

¹ Vườn hoa phía sau nhà.

bèn dẫn quân quay về. Bố đến nơi, vây đánh Quyên Thành không hạ được, bèn sang tây đóng trại ở Bộc Dương. Thái tổ nói:

- Bố một sớm thu được cả một châu, chẳng chiếm giữ Đông Bình, chẹn con đường thông giữa Kháng Phụ và Thái Sơn, lợi dụng chỗ hiểm yếu ngăn ta, lại đóng trại ở Bộc Dương, ta biết hẳn chẳng thể làm gì được ta vậy.

Bèn tiến quân đánh Bố. Bố xuất binh giao chiến, ban đầu dùng kỵ binh xung kích Thanh châu binh. Thanh châu binh bỏ chạy, Thái tổ võ trận, chợt có lửa cháy đùng đùng, Thái tổ ngã ngựa, tay trái bị bỏng. Tư mã là Lâu Dị đỡ Thái tổ lên ngựa, rồi dẫn đi.^①

Thái tổ chưa về đến doanh trại, chư tướng không thấy Thái tổ đâu, đều kinh hoảng. Thái tổ bèn thân đi úy lạo quân sĩ, lệnh cho trung quân gấp rút chinh đốn dụng cụ phá thành, lại tiến đánh Bố, cùng Bố cầm giữ nhau hơn trăm ngày. Bấy giờ nạn hoàng trùng⁽¹⁾ nổi lên, trăm họ điêu đứng, lương thực của Bố cũng hết nhẵn, hai bên cùng lui quân.

① *Hiển đế Xuân Thu* của Viên Diệp chép: Thái tổ vây Bộc Dương, một họ lớn ở Bộc Dương là Điền thị lập kế phản gián, Thái tổ vào được thành. Bèn nổi lửa ở cửa đông, tỏ rõ là không có ý quay lại. Lúc xung sát, quân thua bại. Quân kỵ của Bố túm được Thái tổ nhưng không biết là ai, hỏi:

- Tào Tháo ở đâu?

Thái tổ nói:

- Người cưới con hoàng mã đang chạy kia chính là hắn.

Quân kỵ của Bố bèn thả Thái tổ mà đuổi theo người cưới con ngựa vàng. Ngoài cửa thành lửa cháy bùng bùng, Thái tổ xông qua lửa mà thoát ra ngoài.

¹ Nạn châu chấu phá hại mùa màng.

Mùa thu tháng chín, Thái tổ trở về Quyên thành. Bố đến Thừa Thị, bị người ở huyện ấy là Lý Tiến đánh phá, Bố sang đông đóng quân ở huyện Sơn Dương. Cùng lúc ấy Thiệu sai người đến thuyết Thái tổ, muốn liên hòa. Thái tổ mới mất Duyện châu, quân lương hết, sắp ưng theo. Trình Dục ngăn Thái tổ, Thái tổ theo lời. Mùa đông tháng mười, Thái tổ đến huyện Đông A.

Năm ấy một học thóc giá hơn năm mươi vạn tiền, người ăn thịt lẫn nhau, phủ quan bãi việc tuyển quân binh. Đào Khiêm chết, Lưu Bị lên thay.

Năm thứ hai mùa xuân, Thái tổ tập kích Định Đào. Thái thú Tế Âm là Ngô Tư giữ huyện Nam Thành, chưa hạ được. Vừa gặp lúc Lã Bố đến, Thái tổ lại đánh phá hấn. Mùa hạ, tướng của Bố là Tiết Lan, Lý Phong đóng quân ở huyện Cự Dã, Thái tổ đánh chúng, Bố đến cứu Lan, Lan thua trận, Bố bỏ chạy, Thái tổ liền chém bọn Lan. Bố lại từ huyện Đông Môn cùng Trần Cung dẫn hơn một vạn quân đến giao chiến, lúc ấy Thái tổ binh ít, liền đặt phục binh, tung kỳ binh ra đánh, đại phá quân của Bố.^① Bố bỏ chạy trong đêm, Thái tổ lại tiến đánh, hạ được Định Đào, chia quân bình định các huyện. Bố chạy sang đông nhờ Lưu Bị, Trương Mạo chạy theo Bố, sai em là Siêu cùng gia quyến của mình bảo vệ Ung Khâu.

Mùa thu tháng tám, Thái tổ vây Ung Khâu. Mùa đông tháng mười, Thiên tử bái Thái tổ làm Duyện châu mục. Tháng mười hai, thành Ung Khâu vỡ, Siêu tự sát. Thái tổ giết cả ba họ nhà Mạo. Mạo đến chỗ Viên Thuật cầu cứu, bị bộ hạ của mình giết, Duyện châu bình xong, Thái tổ lại sang đông chiếm đất Trần.

^① *Ngụy thư* chép: Bấy giờ binh lính đều ra ngoài gặt lúa, quân ở lại không đến một nghìn, đóng cửa trại cũng chẳng giữ được. Thái tổ bèn lệnh cho đám đàn bà con gái giữ tường thành, tất cả binh sĩ phải dàn quân chống cự. Phía tây trại có con đê lớn, phía

nam cây cối um tùm. Bồ nghi có quân phục, bèn bảo các tướng rằng:

- Tào Tháo rất quỷ quyệt, chớ có xông vào kéo trúng phục binh.

Rồi dẫn quân lui về phía nam cách đó mười dặm đóng trại. Hôm sau Bồ lại đến, Thái tổ giấu binh dưới chân dê, cho một nửa binh sĩ ở trên dê. Bồ tiến lên, Thái tổ lệnh cho khinh binh đến khiêu chiến, lúc đang xô xát, phục binh tràn hết lên dê, quân bộ kỵ cùng tiến, đại phá Bồ, thu được rất nhiều xe cộ trống phách, lại đuổi đến tận doanh trại của Bồ mới chịu quay về.

Năm ấy, Trường An có loạn, Thiên tử dời sang đông, gặp khốn ở Tào Dương, may vượt được Hoàng Hà chạy về An Ấp.

Năm Kiến An nguyên niên mùa xuân tháng giêng, quân của Thái tổ đến Vũ Bình, Trần tướng do Viên Thuật đặt ra là Viên Tự ra hàng. Thái tổ cho người đón Thiên tử, chư tướng tỏ ý nghi ngại, Tuân Úc, Trình Dục khuyến khích việc ấy, Thái tổ bèn sai Tào Hồng dẫn binh sang tây nghênh đón, Vệ tướng quân Đồng Thừa cùng tướng của Viên Thuật là Trường Nô cạy hiểm chống cự, Hồng không tiến được.

Quân Khăn Vàng ở Nhữ Nam, Dĩnh Xuyên là bọn Hà Nghi, Lưu Tích, Hoàng Thiệu, Hà Mạn, bộ chúng đều có mấy vạn, ban đầu hưởng ứng Viên Thuật, sau lại nương bám Tôn Kiên. Tháng hai, Thái tổ tiến quân đánh phá chúng, chém bọn Tích, Thiệu. Nghi và bộ chúng của hắn đều hàng. Thiên tử bái Thái tổ làm Kiến Đức tướng quân, mùa hạ tháng sáu, lại thăng làm Trấn Đông tướng quân, phong tước Phí Đình hầu.

Mùa thu tháng bảy, Dương Phụng, Hàn Tiêm đưa Thiên tử về Lạc Dương^①, Phụng ra đóng quân một mình ở huyện Lương. Thái tổ đến Lạc Dương, phòng vệ Kinh đô, Tiêm bỏ trốn. Thiên tử ban cho Thái tổ Giả tiết việt,⁽¹⁾ lĩnh chức Lục thượng thư

¹ Được dùng cờ tiết, búa tầm sét, có quân hộ bên mình. Đây là những nghi thức rất cao quý mà triều đình ban cho những người có công trạng đặc biệt.

sự.^② Bời Lạc Dương bị tàn phá, bọn Đồng Chiêu khuyên Thái tổ dời đô về huyện Hứa.

Tháng chín, xa giá ra khỏi cửa Hoàn Viên đi về đông, lấy Thái tổ làm Đại tướng quân, phong tước Vũ Bình hầu. Từ lúc Thiên tử sang tây, triều đình ngày một loạn, đến lúc ấy lễ nghi chế độ của tông miếu, xã tắc mới gây dựng lại.^③

① *Hiển đế Xuân Thu* chép: Thiên tử mới đến Lạc Dương, ở tạm trong nhà viên cổ Thường thị là Triệu Trung tại phía tây thành. Sai Trương Dương sửa sang cung thất, đặt tên là Dương An điện, tháng tám, Đế dời đến đó ở.

② *Hiển đế kỷ* chép: Lại lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy.

③ *Hán kỷ* của Trương Phan chép: Ban đầu, Thiên tử khốn ở Tào Dương, muốn qua sông Hoàng Hà xuôi về đông. Thị trung Thái sử lệnh là Vương Lập nói:

- Từ mùa xuân năm ngoái sao Thái Bạch xâm phạm vào sao Trấn ở vị trí Ngưu Đẩu, vượt qua dải Thiên Tân, sao Huỳnh Hoắc lại đi ngược về địa phận Bắc Hà, chớ nên mạo phạm.⁽¹⁾

Bởi thế Thiên tử không vượt sông về bắc nữa, mà theo lối Chi Quan đi về phía đông.

Lập lại nói với quan Tông chính là Lưu Ngải rằng:

- Trước đây sao Thái Bạch đóng ở Thiên Quan, gặp sao Huỳnh Hoắc; Kim, Hỏa giao nhau, tượng trời ắt đổi. Vận Hán cáo chung rồi, đất Tấn, Ngụy tất có người nổi lên vậy.

Lập sau này mấy lần nói với Đế rằng:

- Mệnh trời có lúc khứ tựu,⁽²⁾ ngũ hành không thịnh mãi, thay hành Hỏa là hành Thổ, kế thừa vận Hán là nhà Ngụy vậy, người

¹ Thái Bạch là sao Kim (Hôm, Mai), Huỳnh Hoắc là sao Hỏa. Ngưu, Đẩu là sao Ngưu Lang và Chức Nữ, bến Thiên Tân là chỗ đầu chòm sao Thiên Nga, nằm trên dải Ngân Hà. Đây là những việc trái nghịch theo quan niệm thiên văn cổ xưa của Trung Quốc, ý nói điềm dữ.

² Ý nói vận trời xoay vần, có đến khắc sẽ có đi.

có thể yên thiên hạ, chính là Tào thị, chỉ nên ủy thác việc cho họ Tào thôi.

Công nghe được lời ấy, sai người đến nói nhỏ với Lập rằng:

- Ta biết ngài trung với triều đình, nhưng đạo trời huyền diệu lắm, ngài chớ nên nhiều lời.

Thiên tử dời sang đông, Phụng từ huyện Lương muốn đón bắt lại, không theo kịp. Mùa đông tháng mười, Công đi đánh Phụng, Phụng chạy về phương nam hàng Viên Thuật, Công tới đánh trại của Phụng ở huyện Lương, hạ được. Bấy giờ triều đình phong cho Viên Thiệu chức Thái úy, Thiệu thẹn vì ngôi thứ của mình ở dưới Công, không chịu nhận. Công cố nài, đem chức Đại tướng quân của mình nhường cho Thiệu. Thiên tử bái Công làm Tư không, hành Xa kỵ tướng quân.⁽¹⁾

Năm ấy dùng lời bàn của bọn Tào Chi, Hàn Hạo, bắt đầu gây dựng đồn điền.^①

① *Ngụy thư* chép: Từ lúc xảy ra chiến loạn, ruộng đất bỏ hoang, lương thực thiếu thốn. Chư quân khắp nơi nổi dậy, chẳng ai tính kế lâu dài, đói thì cướp bóc, no thì vớt lương, lòng người lìa tan như gói lờ, kẻ không bị đánh cũng tự vỡ chẳng thể tính xuể. Viên Thiệu ở Hà Bắc, quân dân ngắng mặt ăn lá dâu. Viên Thuật ở Giang Hoài, lấy bồ lỏa⁽²⁾ để dùng. Dân chúng ăn thịt lẫn nhau, châu quận tiêu điều. Công nói:

- Cái thuật định quốc, là ở chỗ binh lương đủ, nước Tần coi trọng nghề nông mà thâm tóm được thiên hạ, Hiếu Vũ lấy việc khai khẩn đồn điền mà bình định được Tây Vực, đó là phép hay của đời trước vậy.

¹ Tào Tháo bấy giờ là Đại tướng quân, Thiệu chỉ làm Thái úy, chức của Thiệu nhỏ hơn Tào Tháo, nên Thiệu tức không nhận. Lúc ấy thế lực của Thiệu rất mạnh, Tào Tháo sợ Thiệu đối địch với mình nên nhường chức cho Thiệu, rồi nhận chức Tư không, chỉ coi việc của Xa kỵ tướng quân.

² Giang Hoài là vùng sông nước, dân chúng đói khát phải hái cỏ bồ, mò trai bắt ốc mà ăn.

Năm ấy Thái tổ mộ dân khai khẩn làm ruộng ở huyện Hứa, thu được hơn trăm vạn hộ lương. Vì thế ở các châu quận đặt chức quan trông coi việc đồn điền, tích trữ lương thực tại chỗ. Khi chinh phạt tứ phương, không phải khó nhọc về vận chuyển lương thảo, nhân đó kiêm quản cả việc diệt trừ đạo tặc, cuối cùng bình được thiên hạ.

Lã Bố tập kích Lưu Bị, đoạt lấy Hạ Bi, Bị chạy đến hàng Công. Trình Dục khuyên Công rằng:

- Ta xem Lưu Bị có hùng tài mà rất được lòng người, sau này chẳng chịu ở dưới người, chẳng bằng sớm liệu đi.

Công nói:

- Nay đang là lúc thu dụng anh hùng, giết một người mà làm mất lòng thiên hạ, chẳng nên.

Trương Tế từ Quan Trung trốn đến Nam Dương. Tế chết, cháu họ của Tế là Tú lĩnh binh ấy.

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, Công tới Uyển thành. Trương Tú đến hàng, sau lấy làm hối, lại phản. Công và Tú giao chiến, thua trận, bị loạn tên bắn trúng, con trưởng của Công là Ngang, con của em trai Công là An Dân bị hại.^① Công bèn dẫn binh quay về Vũ Âm, Tú dẫn quân kỵ đến đánh úp, Công tập kích phá được. Tú chạy đến huyện Nhuông, cùng Lưu Biểu liên hòa.

Công bảo chư tướng rằng:

- Ta cho bọn Trương Tú hàng, sai lầm là không giữ con tin, mới đến nỗi như thế. Ta biết vì sao thất bại. Các ngài hãy xét việc này, từ nay về sau không để thất bại nào như thế nữa.

Rồi quay về huyện Hứa.^②

① *Ngụy thư* chép: Con ngựa Công cưới có tên là Tuyết ảnh,⁽¹⁾ trúng tên vẫn không dừng, bị thương ở má và chân, Công bị bắn vào cánh tay.

¹ Tuyết ảnh là không bóng, ý nói con ngựa ấy chạy rất nhanh.

Thế ngữ chép: Ngang không cưới ngựa, dâng ngựa của mình cho Công, cho nên Công thoát, mà Ngang bị hại.

② *Thế ngữ* chép: Theo phép cũ, Tam công nắm binh quyền vào triều kiến, đều phải bỏ kích bắt chéo tay vào nhau mà tiến. Lúc trước, Công sắp đi đánh Trương Tú, vào châu Thiên tử, bấy giờ vừa mới khôi phục phép ấy. Từ đó Công không vào triều kiến nữa.

Viên Thuật muốn xưng đế ở Hoài Nam, sai người đến báo với Lã Bố. Bố bắt giữ sứ của Thuật, gửi thư về triều. Thuật nổi giận, đánh Bố, bị Bố đánh tan.

Mùa thu tháng chín, Thuật lần đất Trần, Công sang đông đánh Thuật. Thuật nghe tin Công đích thân đến, bỏ trại chạy, để các tướng của mình là Kiều Nhụy, Lý Phong, Lương Cương, Nhạc Tựu lại; Công đến, đánh tan bọn Nhụy, chém được cả. Thuật vượt sông Hoài. Công quay về huyện Hứa.

Lúc Công từ Vũ Âm về, các huyện Nam Dương, Chương Lăng làm phản quy phục Tú, Công phái Tào Hồng đến đánh Tú, gặp bất lợi, phải lui về huyện Diệp, mấy lần bị Tú, Biểu xâm phạm chỗ ấy.

Mùa đông tháng mười một, Công đích thân nam chinh, đến Uyển thành.① Tướng của Biểu là Đặng Tể giữ huyện Hồ Dương. Công hạ được Hồ Dương, bắt sống Tể, quân ở Hồ Dương theo hàng. Công lại đánh Vũ Âm, hạ được.

① *Ngụy thư* chép: Thái tổ thân đến sông Dục, tể vong hồn tướng sĩ, sứt sùi sa nước mắt, sĩ chúng đều thương cảm.

Năm thứ ba mùa xuân tháng giêng, Công về huyện Hứa, bắt đầu đặt ra chức Quân sư Tể tửu.

Tháng ba, Công vây Trương Tú ở huyện Nhưỡng. Mùa hạ tháng năm, Lưu Biểu phái binh cứu Tú, cắt đứt hậu quân của Thái tổ.① Công sắp dẫn quân về, binh của Tú kéo lại, quân của Công không tiến được, các doanh trại phải rút dần.

Công gửi thư cho Tuân Úc nói:

"Giặc truy đuổi ta, tuy mỗi ngày chỉ đi được mấy dặm, song ta đã có kế, đến An Chúng, phá Tú tất xong."

Đến huyện An Chúng, Tú và Biểu hợp quân giữ chỗ hiểm, quân của Công trước sau thụ địch. Công bèn nhân đêm tối sai đào địa đạo, chuyển hết các đồ truy trọng qua, rồi đặt kỳ binh. Trời vừa sáng, giặc cho là Công bỏ trốn, toàn quân đuổi theo. Công bèn tung kỳ binh và quân bộ kỵ giáp công, đại phá chúng.

Mùa thu tháng bảy, Công về đến huyện Hứa. Tuân Úc hỏi Công:

- Khi trước mình công nói quân giặc tất bị phá, sao vậy?

Công nói:

- Giặc chặn đường về của ta, giao chiến với quân ta ở nơi tử địa, vì thế ta biết là thắng vậy.

① *Hiển đế Xuân Thu* chép: Phản quân của Viên Thiệu đến nói với Công rằng:

- Điền Phong xui Thiệu mau chóng tập kích Hứa Đô, ép Thiên tử để ra lệnh cho chư hầu, bốn bề có thể trợ tay mà định được.

Công bèn giải vây cho Tú.

Lã Bố lại giúp Viên Thuật, sai Cao Thuận đánh Lưu Bị, Công phái Hạ Hầu Đôn đến cứu Bị, giao chiến bất lợi. Lưu Bị bị Thuật đánh bại. Tháng chín, Công sang đông đánh Bố.

Mùa đông tháng mười, hạ Bành Thành, đánh giết sạch, bắt sống Bành Thành tướng là Hầu Hải. Lại tiến quân đến Hạ Bi, Bố thân dẫn quân kỵ đón đánh. Công đại phá Bố, bắt sống viên kiêu tướng của Bố là Thành Liêm. Truy đuổi đến dưới thành, Bố sợ, muốn hàng. Bọn Trần Cung ngăn kế ấy, cầu cứu với Thuật, khuyên Bố ra đánh, giao chiến lại thua, bèn quay về thành cố thủ, Công không hạ được.

Bấy giờ Công giao chiến liên miên, sĩ tốt mỏi mệt, muốn về, Công bèn dùng kế của Tuân Du, Quách Gia, khơi nước sông Tứ, sông Nghi rót vào thành. Hơn một tháng, tướng của Bối là bọn Tống Hiến, Ngụy Tục bắt trói Trần Cung, dâng thành đầu hàng, Bối, Cung bị bắt sống, đều bị giết.

Bọn Tang Bá, Tôn Quan, Ngô Đôn, Doãn Lễ, Xương Hi ở quận Thái Sơn đều tự tụ bộ chúng. Đang lúc Bối phá Lưu Bị, bọn Bá đều theo Bối. Bối bại trận, bọn Bá bị bắt, Công thu nạp hậu đãi, rồi cắt đất các huyện ven biển của hai châu Thanh, Từ ủy thác cho họ, lại chia một phần đất của các quận Lang Nha, Đông Hải, Bắc Hải kiến lập các quận Thành Dương, Lợi Thành, Xương Lự.

Khi trước, khi Công làm Duyện châu mục, dùng Tất Kham người quận Đông Bình làm Biệt giá. Lúc Trương Mạo làm phản, bắt mẹ già, anh em, vợ con Kham; Công nói với Kham, rằng:

- Mẹ già người ở bên đấy, người nên đi.

Kham dập đầu lạy quyết không hai lòng, Công khen ngợi, vì Kham rơi nước mắt. Kham ra ngoài, bèn trốn đi. Đến lúc Bối bị phá, Kham bị bắt sống, mọi người lo sợ cho Kham, Công nói:

- Người hiếu thuận với người thân của mình, há chẳng trung với vua sao! Ta cần những người như thế.

Bèn dùng Kham làm Lỗ tướng.①

① *Ngụy thư* chép: Viên Thiệu vốn hiềm khích với cố Thái úy là Dương Bưu và Đại trường thu là Lương Thiệu, Thiếu phu là Khổng Dung, muốn nhờ Công kế tội mà giết họ.

Công nói:

- Ngày nay thiên hạ tan lở chia lìa, anh hùng hào kiệt đều nổi dậy, Tướng quốc Trường quan, ai cũng mang lòng tấm tức, đều có ý tự lo cho bản thân mình, đây là lúc kẻ trên người dưới ngờ vực lẫn nhau, dù là đối đãi với họ không chút hiềm nghi, vẫn sợ là họ

chưa tin; ví như trừ bỏ những người này, thì còn ai không lo sợ nữa? Và lại những kẻ áo vải, ở giữa chốn bụi bặm, bị kẻ hèn phàm lấn hiếp vu hãm, có đáng oán giận chẳng! Xưa kia Cao tổ xá tội cho kẻ thù là Ứng Xi⁽¹⁾ mà mọi người an lòng, cái việc như thế sao ngài quên được nhỉ?

Thiệu cho rằng Công bề ngoài mượn có công nghĩa, mà bên trong lại nghĩ khác, trong lòng rất oán hận.

Thần Tùng Chi cho rằng Dương Bưu cũng từng bị Ngụy Vũ làm cho khốn cùng, suýt đến chỗ chết, Khổng Dung rút cục chẳng thoát bị tru diệt, há có thể cho là lời nói và việc làm trước sau như nhau sao! Không khó để hiểu điều này, chỉ khó ở việc làm thôi, chắc chắn là như vậy.

Năm thứ tư mùa xuân tháng hai, Công về đến Xương Ấp. Tướng của Trương Dương là Dương Sứ giết Dương, Tuy Cố lại giết Sứ, đem bộ chúng quy thuộc Viên Thiệu, đóng quân ở Xạ Khuyển.

Mùa hạ tháng tư, tiến quân đến ven sông Hoàng Hà, phái Sứ Hoán, Tào Nhân vượt sông đánh Cố. Cố sai Trương sử cũ của Dương là Tiết Hồng và Thái thú Hà Nội là Mâu Thượng lưu giữ Xạ Khuyển, tự mình dẫn binh lên bắc đón Thiệu xin cứu viện, cùng bọn Hoán, Nhân gặp nhau ở Khuyển Thành. Hai bên giao chiến, quân Tào đại phá quân ấy, chém Cố. Công qua sông, bao vây Xạ Khuyển. Hồng, Thượng thống suất bộ chúng ra hàng, được phong tước Liệt hầu, quân của Công quay về Ngao Thương. Lấy Ngụy Chủng làm Thái thú Hà Nội, phó thác các việc ở phía bắc Hoàng Hà.

¹ Ứng Xi (雍齒) người đất Bái, vốn là cường hào. Lưu Bang chống Tần, đánh bại quân Tần ở ấp Phong, sai Ứng Xi làm tướng trấn thủ chỗ ấy. Ứng Xi sau làm phản, rồi lại quy phục Lưu Bang, đầu lập được công lao, song vẫn bị ghét. Khi ban tước thưởng công, Cao tổ theo kế của Trương Lương vẫn phong tước cho Ứng Xi, nhờ việc ấy mà Lưu Bang thu được lòng người.

Khi trước, Công cử Chung làm Hiếu liêm. Lúc Duyệt châu làm phản, Công nói:

- Chỉ có Ngụy Chung là chẳng bỏ Cô vậy.

Đến khi hay tin Chung bỏ trốn, Công giận nói:

- Chung chẳng thể xuôi nam đến đất Việt, lên bắc đến đất Hồ, ta không để yên cho mày đâu!

Lúc hạ được Xạ Khuyển, bắt sống Chung, Công nói:

- Ta chỉ vì cái tài của hấn vậy!

Rồi cười trối mà dùng Chung.

Thời ấy Viên Thiệu đã thôn tính xong Công Tôn Toàn, kiêm quản đất đai bốn châu, binh lính hơn chục vạn, sắp tiến quân đánh Hứa Đô, chư tướng cho rằng không thể địch nổi, Công nói:

- Ta biết rõ con người Thiệu, có chí hướng lớn mà ít mưu, ngoài mặt cứng cỏi mà bé mặt, hay đổ kỵ người mà thiếu uy, quân đông mà tổ chức chỉ huy chẳng rõ ràng, tướng kiêu căng mà chính lệnh bất nhất, đất tuy rộng, lương thực dẫu phong túc, chỉ đủ làm tế vật cho ta vậy.

Mùa thu tháng tám, Công tiến đến Lê Dương, sai bọn Tang Bá tiến vào Thanh châu, đánh phá đất Tề, Bắc Hải, Đông An, để Vu Cấm đóng binh ở mé trên sông Hoàng Hà. Tháng chín, Công về Hứa Đô, chia binh giữ Quan Độ. Mùa đông tháng mười một, Trương Tú dẫn bộ chúng đến hàng, được phong tước Liệt hầu. Tháng mười hai, Công trú quân ở Quan Độ.

Viên Thuật từ lúc bại trận ở đất Trần, ngày càng khốn quẫn, Viên Đàm từ Thanh châu phái người đến đón Thuật. Thuật muốn vượt Hạ Bi lên bắc, Công phái Lưu Bị, Chu Linh đón bắt Thuật. Đúng lúc Thuật bị bệnh chết.

Trình Dục, Quách Gia nghe tin Công phái Bị đi, nói với Công rằng:

- Lưu Bị không thể thả đi được.

Công hối, cho người đuổi theo không kịp.

Lúc Bị còn chưa sang đông, đã ngầm cùng với bọn Đồng Thừa mưu phản, đến Hạ Bi, bèn giết Thứ sử Từ châu là Xa Trạ, rồi cất binh đóng ở huyện Bái. Công phái Lưu Đại, Vương Trung đánh Bị, không thắng được.^①

① *Hiển đế Xuân Thu* chép: Bị bảo bọn Đại rằng:

- Sai cả trăm kẻ như chúng bay tới đây, không làm gì nổi ta; Tào công đích thân đến, cũng chưa biết thế nào!

Ngụy Vũ cổ sự chép: Đại tự Công Sơn, người nước Bái. Lấy thân phận Tư không Trưởng sử theo đi chinh phạt có công, được phong tước Liệt hầu.

Ngụy lược chép: Vương Trung, người quận Phù Phong, thời trẻ làm Đình trưởng. Loạn Tam Phụ, Trung dúi phải ăn thịt người, rồi theo đoàn người xuôi nam hướng đến Vũ Quan. Đúng lúc gặp Lâu Tử Bá được Kinh châu mục phái đi đón khách phương bắc; Trung không muốn đi theo, bèn thống suất những kẻ ngỗ ngược đánh Lâu Tử Bá, cướp lấy số quân ấy, tụ họp được hơn nghìn người đến hàng Công. Trung được Bái làm Trung lang tướng, theo đi đánh dẹp. Ngũ quan tướng⁽¹⁾ biết Trung từng ăn thịt người, nhân lúc theo xa giá xuất hành, sai Bài thủ⁽²⁾ lấy đầu lâu trong mộ treo dưới cổ ngựa của Trung, để làm trò vui.

Thái thú Lư Giang là Lưu Huân dẫn bộ chúng đến hàng, được phong tước Liệt hầu.

Năm thứ năm mùa xuân tháng giêng, mưu của bọn Đồng Thừa tiết lộ, đều bị diệt. Công sắp sửa thân chinh đánh Bị, chư tướng đều nói:

- Kẻ cùng Công tranh thiên hạ, là Viên Thiệu vậy. Nay Thiệu sắp tới mà ta kéo quân sang đông, nếu Thiệu thừa hư đánh úp phía sau, biết làm sao?

¹ Túc Tào Phi.

² Bài thủ (俳取) là quân lính vác cờ, cầm chiêng trống, theo hầu bên xe ngựa.

Công nói:

- Lưu Bị, là nhân kiệt, nay chẳng đánh hẳn, tất để họa về sau.^① Viên Thiệu dẫu chí lớn, nhưng gặp việc lại chậm chạp, tất chẳng động binh vậy.

Quách Gia cũng khuyến khích Công, Công bèn sang đông đánh Bị, phá được, bắt sống bộ tướng của Bị là Hạ Hầu Bác. Lưu Bị chạy đến hàng Thiệu, vợ con bị Công bắt được cả.

Tướng của Bị là Quan Vũ đóng binh ở Hạ Bi, Công lại tiến đánh Hạ Bi, Vũ hàng. Xương Hi làm phản giúp Bị, Công lại đánh phá được. Rồi quay về Quan Độ, rút cục Thiệu chẳng xuất binh.

① *Ngụy thị Xuân Thu* của Tôn Thịnh chép: Công nói với chư tướng rằng:

- Lưu Bị, là kẻ nhân kiệt vậy, để hẳn sống sẽ là mối lo lắng cho quả nhân.

Thần Tùng Chi cho rằng lời ghi chép của sử quan, đã tô vẽ thêm nhiều, cho nên lời biên chép lúc trước có chỗ sai khác với sự thật vậy, người làm sách sau này lại nảy ý cải biến đi, làm mất tính chân thực, chẳng là càng sai lạc nữa ư! Kẻ như Tôn Thịnh làm sách, đa phần dùng lời văn *Tả thị*⁽¹⁾ để đổi theo lối văn cũ, như thế chẳng còn thống nhất nữa. Than ôi, học giả đời sau sẽ tin vào đâu? Vả lại Ngụy Vũ đang lúc gắng khích lệ người trong thiên hạ, mà dùng lời nói chết chóc của Phù Sai,⁽²⁾ lại càng không đúng vậy.

Tháng hai, Thiệu phái Quách Đồ, Thuần Vu Quỳnh, Nhan Lương vây đánh Thái thú Đông Quận là Lưu Diên ở Bạch Mã, Thiệu dẫn binh đến Lê Dương, chuẩn bị vượt sông.

Mùa hạ tháng tư, Công lên bắc cứu Diên. Tuân Du khuyên Công rằng:

¹ Sách *Tả thị Xuân Thu* do Tả Khâu Minh viết ra.

² Ngô vương Phù Sai (吳王夫差), là vị vua thứ 25 của nước Ngô thời Đông Chu, tính tình hung bạo. Sau khi đánh thắng nước Việt, cho nước Việt giảng hòa, kiêu ngạo cậy tài, không nghe lời can của trung thần là Ngũ Viên, giết Ngũ Viên, về sau bị Việt vương Câu Tiễn tiêu diệt.

- Nay binh ta ít chẳng thể đối địch, phải chia bớt thế lực của họ mới được. Công đến Diên Tân, làm ra vẻ dẫn binh vượt sông đánh hậu phương của chúng, Thiệu tất quay sang phía tây ứng chiến, rồi sau ta đưa khinh binh tập kích Bạch Mã, đánh úp lúc họ không phòng bị, có thể bắt được Nhan Lương vậy.

Công theo kế ấy.

Thiệu nghe tin quân bên kia vượt sông, lập tức chia binh sang phía tây ứng chiến. Công bèn dẫn quân gấp rút đến thẳng Bạch Mã, chưa đến nơi, còn cách hơn chục dặm, Lương cả kinh, tới đón đánh. Công sai Trương Liêu, Quan Vũ làm tiên phong, đánh phá, chém chết Lương. Vì thế giải vây được Bạch Mã, Công dời hết dân ở đấy, men sông đi về phía tây. Thiệu bèn vượt sông truy đuổi quân của Công, đến phía nam Diên Tân. Công kìm binh đóng trại ở phía nam sườn núi, sai người lên mặt lũy trông ra quân Viên, người ấy nói:

- Có chừng năm sáu trăm quân kỵ.

Lát sau, lại bẩm rằng:

- Quân kỵ đông dần, bộ binh không đếm xuể.

Công nói:

- Không phải báo nữa.

Rồi lệnh cho quân kỵ cỡi yên thả ngựa. Lúc ấy, xe truy trọng từ Bạch Mã đang trên đường chuyển đến. Chư tướng cho rằng quân kỵ của địch nhiều, chẳng bằng quay về bảo vệ doanh trại. Tuân Du nói:

- Đây là để nhử địch, sao lại lui về!

Tướng kỵ binh của Thiệu là Văn Xú và Lưu Bị dẫn năm sáu nghìn quân kỵ trước sau ào tới. Chư tướng lại bẩm:

- Lên ngựa thôi.

Công nói:

- Chưa cần.

Lát sau, kỵ binh đến đông dần, chúng tranh nhau chạy tới chỗ các xe truy trọng. Công nói:

- Lên ngựa đi.

Bèn cùng lên ngựa. Bấy giờ quân kỵ của Công chẳng đầy sáu trăm, xông thẳng vào địch mà đánh, đại phá chúng, chém chết Xú. Lương, Xú đều là danh tướng của Thiệu, hai phen giao chiến, đều bị giết, quân Thiệu chấn động.

Công kéo quân về Quan Độ. Thiệu tiến lên giữ Dương Vũ. Quan Vũ trốn về theo Lưu Bị.

Tháng tám, Thiệu lập trại nối nhau liên tiếp, dựa vào gò đất làm doanh, đông tây kéo mấy chục dặm. Công cũng chia binh lập quân doanh đối địch, cùng giao chiến gặp bất lợi.^① Bấy giờ quân của Công chẳng đầy một vạn, bị thương đến hai ba phần mười.^②

Thiệu lại tiến đến Quan Độ, đắp núi đất, đào địa đạo. Công ở trong lũy cũng làm như vậy, để đối phó lại. Thiệu bắn tên vào trong doanh của Công, tên bay như mưa, quân đi lại đều phải dùng thuẫn che thân, chúng sợ lắm. Bấy giờ Công thiếu lương, gửi thư cho Tuân Úc, bàn rằng muốn quay về huyện Hứa. Úc cho rằng:

- Tất cả quân lính của Thiệu tụ ở Quan Độ, muốn cùng Công quyết thắng bại. Công lấy quân chí nhược chống giữ quân cường mạnh, nếu chẳng khắc chế được họ, tất bị đè bẹp, đó là thế lớn trong thiên hạ vậy. Vả lại, Thiệu chỉ là kẻ anh hùng áo vải mà thôi, có thể tự người ta mà chẳng biết dùng. Với tài thần vũ minh triết của chúa công lại được lẽ đại thuận⁽¹⁾ phù giúp, việc nào chẳng xong!

Công nghe theo.

¹ Lẽ đại thuận nói ở đây chính là “phù giúp Thiên tử, đánh kẻ nghịch tặc” vậy.

① *Hán Tấn Xuân Thu* của Tập Tạc Xi chép: Hứa Du khuyên Thiệu rằng:

- Công không nên cùng Tháo giao tranh vội. Nên kíp chia binh cầm chân họ, rồi theo lối khác đến đón Thiên tử, thì việc dựng cơ đồ sẽ xong vậy.

Thiệu không nghe, nói:

- Ta đang muốn tiến quân bắt chúng.

Du giận.

② Thần Tùng Chi cho rằng Ngụy Vũ lúc mới khởi binh, đã có năm nghìn bộ chúng, từ đấy về sau bách chiến bách thắng, số mất mát chỉ hai ba phần mười mà thôi. Chỉ một lần phá quân Khăn Vàng, thu hàng hơn ba chục vạn lính, ngoài ra còn thôn tính ở các nơi, chẳng thể tính hết được; dẫu chinh chiến bị tổn thương, không thể nói ít như vậy được. Lập quân doanh chống giữ nhau, khác gì xông pha quyết chiến. *Bản kỷ* kể: "Bộ chúng của Thiệu hơn chục vạn, đóng doanh trại đông tây kéo mấy chục dặm." Ngụy Thái tổ dẫu có tài biến trá khôn lường, mưu lược ở đời chẳng ai hơn được, nhưng chỉ có mấy nghìn binh, thì kháng cự làm sao? Về lý mà nói, thiết nghĩ là chẳng đúng. Thiệu đóng trại kéo dài mấy chục dặm, Công có thể chia doanh trại đối địch nhau, số binh ấy chẳng thể quá ít, đó là một. Thiệu nếu có quân đông gấp mười lần, về lý phải hết sức vây hãm, khiến đường ra vào bị cắt đứt, thế mà Công lệnh cho bọn Từ Hoảng đánh úp xe lương của bên kia, lại tự xuất kích đánh bọn Thuần Vu Quỳnh, giương cờ kéo quân qua lại, như không có ai ngăn trở, rõ là binh lực của Thiệu chẳng thể khắc chế, thế thì binh không thể quá ít được, đó là hai. Các sách đều nói rằng Công chôn sống tám vạn quân của Thiệu, có chỗ nói bảy vạn. Ôi, tám vạn người chạy tán mát, thì tám nghìn người chẳng thể bắt trời được, mà đại binh của Thiệu đều chấp tay chịu chết, duyên có gì có thể chế ngự được họ? Thế thì binh kia chẳng thể quá ít được, đó là ba. Người chép sách muốn nói quân của Công ít để thấy rõ cái lạ kỳ, không phải là chép thật vậy. Xét *Chung Do truyện* kể rằng: "Công và Thiệu cầm giữ nhau, Do

làm Tư lệ, đưa hơn hai nghìn con ngựa đến cấp cho quân." *Bản kỷ* và *Thế ngữ* đều nói rằng bấy giờ Công có hơn sáu trăm kỵ mã, thì ngựa của Do để ở đâu?

Tôn Sách nghe tin Công và Thiệu cầm giữ nhau, bèn lập mưu tập kích Hứa Đô, chưa kịp khởi hành, bị thích khách ở đó giết.

Hàng tặc ở Nhữ Nam là bọn Lưu Tích làm phản hưởng ứng Thiệu, đánh cướp phía dưới huyện Hứa. Thiệu sai Lưu Bị trợ giúp Tích, Công sai Tào Nhân đánh phá Bị. Bị chạy, Nhân phá tan trại của Tích.

Viên Thiệu vận mấy nghìn xe lương tới, Công dùng kế của Tuân Du, phái Từ Hoảng, Sử Hoán đón đánh, đại phá chúng, đốt sạch các xe lương.

Công và Thiệu cầm giữ nhau mấy tháng liền, tuy mỗi lần giao chiến đều chém tướng địch, nhưng binh ít lương hết, sĩ tốt mỏi mệt. Công bảo quan vận lương rằng:

- Qua mười lăm ngày nữa là ta phá Thiệu, các người không phải khó nhọc nữa rồi.

Mùa đông tháng mười, Thiệu điều xe vận lương, sai năm người bọn Thuần Vu Quỳnh dẫn hơn vạn binh hộ tống, nghỉ đêm cách phía bắc quân doanh của Thiệu bốn chục dặm.

Mưu thần của Thiệu là Hứa Du tham tiền, Thiệu không cung ứng đủ, Du đến hàng, nhân đó khuyên Công đánh bọn Quỳnh. Tả hữu ngờ vực, Tuân Du, Giả Hủ khuyên Công nên đánh. Công bèn lưu Tào Hồng giữ trại, thân dẫn năm nghìn quân bộ kỵ đi ngay trong đêm, đến sáng thì tới nơi. Bọn Quỳnh trông xa thấy binh của Công ít, liền ra cửa doanh bày trận. Công tiến đánh gấp, Quỳnh lui vào bảo vệ doanh trại, Công đánh mạnh. Thiệu phái quân kỵ tới cứu Quỳnh. Tả hữu có người nói:

- Quân kỵ của địch gần lắm rồi, xin chia binh chống cự.

Công giận nói:

- Giặc đến sau lưng, hãy bám!

Sĩ tốt đều hết sức tử chiến, đánh tan bọn Quỳnh, đều chém chúng.①

Lúc Thiệu mới nghe tin Công đánh bọn Quỳnh, bảo con trưởng là Đàm rằng:

- Nhân lúc quân kia đánh bọn Quỳnh, ta chiếm doanh trại của chúng, quân kia chắc chắn không có chỗ về rồi.

Bèn sai Trương Cáp, Cao Lãm đến đánh Tào Hồng. Bọn Cáp nghe tin Quỳnh bị đánh vỡ, bèn đến hàng Công. Quân của Thiệu tan tác, Thiệu cùng Đàm bỏ quân mà chạy, qua sông Hoàng Hà. Quân của Công đuổi theo không kịp, bèn thu sạch các đồ truy trọng, giấy má và đồ trân quý của Thiệu, bắt lấy tù binh.② Công bắt được thư từ trong doanh của Thiệu, có cả thư của bộ hạ ở huyện Hứa và người ở trong quân, đều đốt hết.③ Các quận ở Ký châu đa phần đều dâng thành ấp ra hàng.

① *Tào man truyện* chép: Công nghe tin Du tới, đi chân không ra đón, vỗ tay cười nói:

- Tử Viễn, ngài tới đây, việc của ta xong rồi!

An tọa xong, Du bảo Công:

- Quân của họ Viên thế mạnh, lấy gì đối địch? Nay lương thảo của ngài có bao nhiêu?

Công nói:

- Còn đủ dùng một năm.

Du nói:

- Không phải, ngài nói lại xem!

Công lại nói:

- Có thể được nửa năm.

Du nói:

- Túc hạ chẳng muốn phá họ Viên ư, sao không nói thật lòng vậy!

Công nói:

- Mới rồi ta nói đùa thôi. Kỳ thật lương chỉ đủ một tháng, biết làm sao đây?

Du nói:

- Ngài binh cô giữ một chỗ lẻ loi, ngoài không có quân cứu viện mà lương thảo đã cạn, đây là nguy cấp trong ngày vậy. Nay đồ truy trọng của họ Viên hơn vạn xe, đóng ở Cổ Thị, Ô Sào, quân canh giữ không đủ nghiêm; nay dùng khinh binh tập kích họ, bất ngờ mà đến, đốt sạch kho lương ấy, bất quá ba ngày, họ Viên tự bại vậy.

Công cả mừng, liền tuyển quân bộ kỵ tinh nhuệ, đều dùng cờ xí của quân Viên, người ngậm tăm ngựa buộc mõm, nửa đêm theo đường tắt mà đi, mỗi người ôm một bó củi, những chỗ đi qua có người hỏi, đều nói nhỏ rằng: "Viên công sợ Tào Tháo đánh cướp hậu quân, phái binh đến tăng cường phòng bị." Người nghe tin là thật, cho là việc đương nhiên. Khi đến nơi, vây trại, nổi lửa dữ dội, trong doanh đại loạn. Quân của Công đại phá quân Viên, thiêu sạch lương thảo của cải, chém đầu Đốc tướng Lục Nguyên Tiến và bọn Đốc quân kỵ là Hàn Cử Tử, Lã Uy Hoàng, Triệu Duệ, cắt mũi tướng quân Thuần Vu Trọng Giản, Giản chưa chết, lại bắt được hơn một nghìn sĩ tốt, đều cắt mũi, rồi cắt môi cắt lưỡi trâu ngựa, đem đến cho quân của Thiệu xem. Tướng sĩ họ Viên đều khiếp sợ.

Ngay đêm ấy có người bắt lấy Trọng Giản, đưa đến chỗ Công, Công hỏi rằng:

- Sao đến nỗi thế này?

Trọng Giản đáp:

- Thắng thua là bởi ý trời, có gì mà hỏi?

Công tỏ ý không muốn giết. Hứa Du nói:

- Sớm mai soi gương, hấn không bao giờ quên được nỗi nhục hôm nay.

Công bèn giết hấn.

② Hiến đế khởi cư chú chép: Công dâng lời rằng:

"Đại tướng quân Nghiệp hầu là Viên Thiệu trước kia cùng Ký châu mục là Hàn Phúc ủng hộ lập cô⁽¹⁾ Đại tư mã Lưu Ngu lên ngôi, khắc ấn thiên tử, phái cố Trưởng huyện Nhâm là Tất Du đến chỗ Ngu, giảng giải chuyện thiên mệnh. Thêm nữa là Thiệu lại gửi thư cho thần nói rằng: 'Quyên Thành có thể đóng đô, nên dựng cơ sở.' Lại thiện tiện đúc ấn vàng bạc, bọn Hiếu liêm, Kế lại, đều quy về chỗ Thiệu cả. Em họ của Thiệu là Tự làm Thái thú Tế Âm từng gửi thư cho Thiệu nói rằng: 'Nay khắp bốn cõi nghiêng ngửa tang thương, thiên ý thực ở tại nhà ta, thần linh ứng nghiệm, đều ở nơi tôn huynh. Kẻ dưới của Nam huynh muốn Nam huynh tức vị, Nam huynh nói, xét về niên kỷ thì Bắc huynh là trưởng, luận về địa vị thì Bắc huynh là trọng.'⁽²⁾ Do đó muốn dâng ngọc tỷ, nào ngờ Tào Tháo chặn đường.' Tông tộc nhà Thiệu nôi đòi chịu ân trọng của quốc gia, mà hung nghịch vô đạo đến mức như thế. Thần lập tức sửa soạn binh mã, cùng giao chiến ở Quan Độ, nhờ thiên uy của thánh triều, chém được đầu bọn Đại tướng của Thiệu là Thuần Vu Quỳnh cả thầy tám người, đại quân địch tan vỡ. Thiệu và con là Đàm viết khời giáp mà chạy. Đầu giặc bị chém đến hơn bảy vạn, đồ trụy trọng và tài vật thu được kể ỨC VẠN."

③ Ngụy thị Xuân Thu chép: Công nói:

- Đương lúc Thiệu cường mạnh, Cô còn chẳng thể tự giữ nổi mình, phương chi là chúng nhân!

Khi trước, thời Hoàn đế có Hoàng tinh hiện ra ở địa phận đất Sở, đất Tống, người ở Liêu Đông là Ân Quý giỏi xem thiên văn, nói là sau năm mươi năm sẽ có bậc chân nhân nổi dậy ở khoảng Lương, Bái, khí thế chẳng ai đương nổi. Đến lúc ấy vừa đủ năm mươi năm, thì Công phá được Thiệu, thiên hạ chẳng ai đối địch được vậy.

¹ "Cố", tức là người giữ chức trước kia, để phân biệt với người đương chức.

² Nam huynh là chỉ Thuật (chiếm Hoài Nam), Bắc huynh là chỉ Thiệu (chiếm Hà Bắc). Các sách nói Thuật là em Thiệu, song theo gia pháp xưa thì Thuật (con vợ đích), là anh, Thiệu (con nàng hầu), là em, song về tuổi tác và địa vị thì Thiệu hơn.

Năm thứ sáu mùa hạ tháng tư, Công điều binh ở thượng du Hoàng Hà, đánh quân Thiệu ở Thương Đình, phá được. Thiệu quay về, thu thập sĩ tốt ly tán, Công bình định các quận huyện làm phản. Tháng chín, Công quay về Hứa Đô.

Lúc Thiệu chưa bị triệt phá, sai Lưu Bị cướp Nhữ Nam, giặc ở Nhữ Nam là bọn Cung Đô hưởng ứng Bị. Công phái Sái Dương đánh Đô, bất lợi, bị Đô đánh tan ở đấy. Công nam chinh Lưu Bị. Bị nghe tin Công tới, trốn đến hàng Lưu Biểu, bọn Đô đều tan chạy.

Năm thứ bảy mùa xuân tháng giêng, Công đóng quân ở huyện Tiêu, lệnh rằng:

"Ta khởi nghĩa binh, vì thiên hạ trừ bạo loạn. Người dân ở cố hương chết chóc gần hết, ta đi hết ngày trong nước,⁽¹⁾ mà chẳng gặp được người quen, khiến lòng ta đau xót thê lương. Từ khi ta cất nghĩa binh đến nay, tướng sĩ có người ngã xuống không còn ai kế tục, phải tìm kẻ thân thích của họ để nối dõi, ta ban cho ruộng đất, quan phủ cấp trâu cày, lập ra trường học để dạy dỗ họ. Người sống lập đền miếu, để tế tự tổ tiên của người chết, hồn thiêng có linh, sau khi ta trăm tuổi có gì oán hận đây!"

Rồi đến huyện Tuấn Nghi, sửa sang kênh Tuy Dương, sai người làm cỗ thái lao để cúng tế Kiều Huyền.^① Sau đó tiến quân đến Quan Độ.

① Bao Thưởng lệnh chép bài văn tế của Công như sau:

"Cố Thái úy Kiều công, chí đức rạng ngời, bác ái khoan dung. Người trong nước nhớ lời minh huấn, kẻ sĩ ngấm chính lệnh mưu sâu. Dù thân thể không còn hiển hiện, anh linh phảng phất vẫn còn. Bao la thay, rạng rỡ thay! Ta còn nhỏ tuổi, được ngài dạy dỗ chu toàn, ta thiên bẩm tâm tối ương gần, may được bậc quân tử bao dung. Mỗi khi ta tiến bộ, đều

¹ Trong nước, tức nước Bái, một chư hầu thời Xuân Thu, bây giờ vẫn giữ tên ấy.

được ngài khen, như Trọng Ni nói mình kém Nhan Uyên,⁽¹⁾ hay Lý Sinh ngợi ca Giả Phục.⁽²⁾ Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ, ta nhớ mãi lời ấy không quên. Lại nhớ lời ngài ung dung ước hẹn rằng: 'Sau khi ta chết, về lại lô xưa, không có con gà, chén rượu tưới đất, để tế lễ ta, xe qua ba bước, đau bụng chớ trách!' Dẫu bấy giờ là lời nói đùa, nếu chẳng phải thầy bạn chí thân, ai dùng lời ấy từ nhau? Chẳng phải ta tin vong linh ngài giận khiến ta ngã bệnh, vì giao tình cũ lòng thấy bi thương. Nay phụng mệnh đông chinh, đóng quân nơi làng cũ, ngoảnh nhìn quý quán nơi phương bắc,⁽³⁾ tâm tưởng hướng về phần mộ của ngài. Sắm sửa lễ bạc, mong ngài hưởng dụng!"

Thiệu từ sau khi bại quân, phát bệnh thổ huyết, đến mùa hạ tháng năm thì chết. Con nhỏ là Thượng lên thay, Đàm tự xưng là Xa kỵ tướng quân, đóng binh ở Lê Dương.

Mùa thu tháng chín, Công đi đánh Đàm, giao chiến liên tục. Đàm, Thượng mấy lần bại trận phải lui binh, cố thủ.

Năm thứ tám mùa xuân tháng ba, Công đánh thành, quân Viên xuất chiến, Công tiến đánh, đại phá chúng, Đàm, Thượng trong đêm trốn chạy. Mùa hạ tháng tư, Công tiến quân đến Nghiệp huyện. Tháng năm quay về Hứa Đô, lưu Giả Tín đóng binh ở Lê Dương.

Ngày Kỷ Dậu, Công xuống lệnh rằng:

¹ Khổng tử (孔子) có trò đặc ý là Nhan Uyên (颜渊), Khổng tử thường khen Nhan Uyên, than rằng mình chẳng bằng được Uyên; lời này thấy ghi chép ở sách *Luận ngữ* trong phần đối đáp với học trò của mình là Tử Cống (子贡).

² Giả Phục (贾复), tự Quân Văn (君文), người quận Nam Dương huyện Quán Quán, sống vào thời Đông Hán. Thời trẻ hiếu học, bái người quận Vũ Dương là Lý Sinh (李生) làm thầy. Lý Sinh rất trọng vọng nói: "Chí khí và dung mạo của Giả Quân Văn như thế, lại siêng năng học hành, sau này có tài làm tướng quốc vậy." Chiến loạn Vương Mãng, Giả Phục tụ tập mấy trăm người, tự xưng là Tướng quân, đến hàng Quang Vũ đế, có công được phong tước hầu.

³ Kiều Huyền (桥玄), tự Công Tổ (公祖), người huyện Tuy Dương, Hà Nam. Quý quán, tức là nói quê quán của Kiều Huyền.

"Tư Mã Pháp⁽¹⁾ chép rằng: 'Tướng lâm trận mà quân lui thì mắc tội chết', ① cho nên mẹ của Triệu Quát xin không phải chịu tội với Quát.⁽²⁾ Đây là nói rằng người làm tướng thời xưa, quân bại trận ở ngoài, gia thuộc chịu tội ở trong. Ta từ khi sai tướng đi đánh dẹp, chỉ thường công mà không phạt tội, là trái với quốc điển vậy. Nay ta lệnh rằng nếu chư tướng xuất chinh, thua quân là phải trị tội, thất lợi là bãi quan tước." ②

① *Ngụy thư* giảng: Chữ "tuy",⁽³⁾ là lui quân vậy. Đã tiến một thước, thì không được lui một tấc.

② *Ngụy thư* chép tờ lệnh ngày Canh Thân rằng:

"Kẻ bàn luận cho rằng người cầm quân dẫu có công lao và tài năng, nhưng đức hạnh không đủ kham trọng trách làm trưởng quan trong quận quốc, thế gọi là 'có thể trao chính đạo, chưa thể trao đại quyền.' Quán Trọng nói: 'Nếu bậc hiền giả nhờ tài năng mà hưởng lộc thì bề trên được tôn quý, kẻ sĩ dững mãnh nhờ công lao mà hưởng lộc thì sĩ tốt coi khinh cái chết, trong nước có được hai loại người ấy thì thiên hạ trị.'⁽⁴⁾ Ta chưa hề nghe nói việc người không có tài, dững sĩ không chiến đấu, đều được nhận thưởng, mà có thể lập công hưng quốc vậy. Cho nên mình quân chẳng phong quan cho bầy tôi không có công, chẳng thưởng

¹ Tư Mã Nương Thư (司马穰苴), người nước Tề thời Xuân Thu, được Ân An tiến cử với Tề Cảnh Công, Cảnh Công dùng làm tướng. Nương Thư nêu cao quân pháp, chém đầu kẻ bất tuân lệnh, sĩ khí quân Tề rất mạnh, các nước sợ quân Tề, không dám xâm phạm. Tư Mã Pháp là bộ binh pháp của Tư Mã Nương Thư, rất nổi tiếng, là một trong bảy bộ binh pháp lừng danh của Trung Quốc cổ đại.

² Triệu Quát (赵括), con của Triệu Xa, tướng nước Triệu, chỉ giỏi việc binh trên giấy. Nước Tần đánh nước Triệu, lão tướng nước Triệu là Liêm Pha cự Tần, Tần không thắng nổi, tướng Tần lập kế nói là người Tần chỉ sợ Triệu Quát chứ không sợ Liêm Pha, vua Tần lấy Quát thay Pha làm tướng, mẹ của Quát can, vua Triệu không nghe, mẹ Quát xin rằng nếu Quát thua quân sẽ không phải chịu tội với Quát. Vua Triệu ưng, về sau quả nhiên Quát bị tướng nước Tần là Bạch Khởi đánh tan, bốn mươi vạn quân Triệu bị giết, nước Triệu kinh động, mẹ Quát vì có lời xin từ trước nên không bị bắt tội.

³ Nguyên văn câu trong sách binh pháp là: "Tướng quân từ tuy."

⁴ Quán Trọng (管仲), là nhà chính trị, quân sự, và nhà tư tưởng Trung Quốc thời Xuân Thu, nổi tiếng với chiến lược "không đánh mà thắng." Nhờ mưu lược và kế sách xây dựng đất nước của Quán Trọng, nước Tề thời ấy làm bá chủ hầu.

cho quân sĩ không đánh trận; thời bình trị chuộng người đức hạnh, nước nhà có việc thì thường kẻ có công. Lời của kẻ bàn luận, tựa như nhìn hồ dữ qua ống sáo vậy."

Mùa thu tháng bảy, xuống lệnh rằng:

"Từ khi trải tang loạn đến nay, đã mười lăm năm, kẻ hậu sinh chẳng thấy được cái phong tục nhân, nghĩa, lễ, nhượng, ta rất lấy làm tiếc cho họ. Nay lệnh cho các quận trong nước đều phải sửa sang trường học, huyện có năm trăm hộ đặt ra chức Hiệu quan,⁽¹⁾ tuyển chọn kẻ tài tuấn ở trong vùng làm người dạy dỗ học trò, như thế cái đạo của tiên vương chẳng bị phế, mà có ích cho thiên hạ."

Tháng tám, Công đi đánh Lưu Biểu, đóng quân ở huyện Tây Bình. Công vừa rời huyện Nghiệp xuống phương nam, Đàm, Thượng tranh đoạt Ký châu, Đàm bị Thượng đánh bại, chạy đến giữ huyện Bình Nguyên. Thượng vây đánh rất gấp, Đàm sai Tân Bì tới chỗ Công xin hàng cầu cứu. Chư tướng đều ngờ vực, Tuân Du khuyên Công ưng cho,^① Công bèn dẫn quân về. Mùa đông tháng mười, Công về đến Lê Dương, cho con trai mình là Chính kết hôn với con gái Đàm.^②

Thượng nghe tin Công về bắc, bèn bỏ Bình Nguyên quay về huyện Nghiệp. Người quận Đông Bình là Lã Khoáng, Lã Tường phản Thượng, đóng quân ở Dương Bình, dẫn bộ chúng đến hàng, được phong tước Liệt hầu.^③

① *Ngụy thư* chép: Công nói:

- Ta đánh Lã Bố, Biểu chẳng vào cướp, chiến dịch Quan Độ, Biểu chẳng cứu Viên Thiệu, đây là tên giặc chỉ biết tự giữ mình, nên trừ diệt sau. Đàm, Thượng là lũ giao hoạt, nên đánh nhân lúc chúng loạn. Kể cả là Đàm trá hàng ta, rút cục chẳng thể không bó tay chịu trói vậy, nếu ta phá Thượng, chiếm đất của hắn, cũng được lợi nhiều lắm rồi.

Bèn hứa giúp Đàm.

¹ Là chức quan chăm lo việc giáo dục.

② Thần Tùng Chi xét: Thiệu chết đến lúc ấy, tính ra chỉ hơn năm tháng thôi. Đàm dẫu mất nổi tước bá, song chẳng vì Thiệu chịu tang ba năm, mà ở trong cưới gả con gái thi hành cát lễ, là trái lẽ vậy. Ngờ là Ngụy Vũ vì quyền nghi mà nói lời ước hẹn với Đàm; nay nói là kết hôn, vị tất là năm ấy đã thành lễ.

③ *Ngụy thư* chép: Đàm được giải vây, ngầm lấy ấn Tướng quân đưa cho Khoáng. Khoáng nhận ấn rồi đưa cho Công, Công nói:

- Ta cố nhiên biết là Đàm có kế mọn này. Hẳn muốn ta đi đánh Thượng, trong thời gian ấy hẳn sẽ cướp dân tỵ quân, Thượng bị phá, hẳn có thể tự cường để thừa cơ làm khó ta vậy. Nhưng Thượng bị phá thì ta mạnh, sao thừa cơ làm khó ta được?

Năm thứ chín mùa xuân tháng giêng, Công vượt Hoàng Hà, ngăn nước sông Kỳ chảy vào Bạch Câu để thông đường vận lương.

Tháng hai, Thượng lại vây đánh Đàm, lưu Tô Do, Thẩm Phối giữ huyện Nghiệp. Công tiến quân đến sông Hoàn, Do ra hàng. Đến nơi, Công đánh huyện Nghiệp, đắp núi đất, đào địa đạo. Trưởng huyện Vũ An là Doãn Giai đóng quân ở Mao Thành, để thông đường vận lương ở Thượng Đảng. Mùa hạ tháng tư, Công để Tào Hồng đánh huyện Nghiệp, tự mình cầm quân đánh Giai, phá Giai xong lại quay về.

Tướng của Thượng là Tự (Thư) Hộc giữ Hàm Đan, ① Công lại đánh hạ được. Dịch Dương lệnh là Hàn Phạm, trưởng huyện Thiệp là Lương Kỳ đem cả huyện ra hàng, được ban tước Quan nội hầu.

Tháng năm, san phẳng núi đất, địa đạo, đắp hào xung quanh, khơi nước sông Chương tưới như rót vào thành; người trong thành chết đói quá nửa.

Mùa thu tháng bảy, Thượng quay về cứu huyện Nghiệp, chư tướng đều cho rằng "Đại quân bên kia quay về, người người ra sức tử chiến, chẳng bằng tránh lối cho họ." Công nói:

- Thượng theo đường lớn mà đến, ta nên tránh họ; nếu họ men phía tây núi mà tới, ta tất bắt được họ thôi.

Thượng quả nhiên men phía tây núi mà tới, đến sát sông Phũ lập trại.^② Ban đêm Thượng phái binh phạm vòng vây, Công đón đánh phá tan, chúng bỏ chạy, Công bèn vây chặt trại của chúng. Vòng vây chưa khép, Thượng sợ, bèn phái cố Thử sử Dự châu là Âm Quỷ cùng Trần Lâm đến xin hàng, Công không cho, vòng vây càng xiết chặt. Thượng trốn ngay trong đêm, tới giữ núi Kỳ, Công truy kích hấn. Bộ tướng của Thượng là bọn Mã Diên, Trương Dĩ lâm trận xin hàng, quân của Thượng vỡ lờ, Thượng trốn đến Trung Sơn. Công thu hết đồ truy trọng của hấn, bắt được ấn thụ tiết việt của Thượng, sai quân hàng của Thượng đưa cho người nhà Thượng xem, lòng người trong thành tan lờ cả.

Tháng tám, con của anh trai Thẩm Phối là Thẩm Vinh đang đêm mở cửa thành phía đông rước quân ngoài vào. Phối đón đánh, thua trận, bị bắt sống, đem chém, huyện Nghiệp bình.

Công thân đến tế tại mộ của Thiệu, sa nước mắt khóc; ủy lạo vợ của Thiệu, trả lại bảo vật cho người nhà Thiệu, lại ban tặng các thứ nhưng lụa, cấp cho lương thực.^③

① Chữ "tự" đọc là "thư", vùng Hà Sóc nay còn có họ này. Hộc, là con của Thư Thụ vậy.

② *Tào man truyện* chép: Công sai quân do thám mấy lần dò xét, trước sau chúng đều nói:

- Dịch theo đường phía tây, đã ở Hàm Đan.

Công cả mừng, hội chư tướng lại bảo:

- Cô đã có được Ký châu, các người có biết chăng?

Chúng đều nói:

- Không biết.

Công nói:

- Chẳng bao lâu nữa các người sẽ thấy việc này vậy.

③ Tôn Thịnh nói: Xưa kia bậc tiên vương thi hành thưởng phạt, theo đó trừng trị kẻ ác khuyến khích người thiện, là gương sáng để răn đời sau. Thiệu nhân lúc thế gian nguy biến, bèn nảy mưu phản nghịch, trên bàn chuyện thần khí, dưới can thiệp kỳ cương. Cư tang giữ phép, là pháp chế cổ xưa vậy, nhưng thương khóc trước mộ kẻ nghịch thần, ban ân vào gia thất kẻ tham tàn, theo đạo lý chính đáng, đây là việc điên đảo vậy. Giấu oán trong lòng làm thân với người, là điều bậc hiền trí xưa chê cười, khóc than tang lễ người quen cũ, nghĩa không giả dối, kẻ trái đạo nghĩa, sao than khóc được! Xưa Hán Cao sai lầm khóc than họ Hạng,⁽¹⁾ nay Ngụy Vũ lại theo sai lầm ấy, há chẳng phải là nghĩ thấu trăm điều mà hỏng mất một không?

Khi trước, Thiệu và Công cùng khởi binh, Thiệu hỏi Công rằng:

- Nếu như việc chẳng xong, nên chiếm cứ phương nào?

Công hỏi:

- Ý của túc hạ thì sao?

Thiệu nói:

- Phía nam ta giữ lấy Hoàng Hà, phía bắc ngăn các xứ Yên, Đại, kiêm gồm dân chúng Nhung, Địch, ngoảnh về nam để tranh thiên hạ, như vậy có thể nên việc chăng?

Công nói:

- Ta dùng trí lực của người trong thiên hạ, lấy đạo lý chế ngự họ, không đâu không ở được.①

① *Phó tử*⁽²⁾ chép: Thái tổ lại nói:

¹ Hạng Vũ và Lưu Bang tranh đoạt thiên hạ, Hạng vương thua một trận lớn ở Bành Thành, phải bỏ chạy, rồi tự vẫn ở bến Ô Giang, bị cắt đầu. Lưu Bang sai chôn cất Hạng vương theo “lễ Công”, làm lễ cử ai, rồi khóc.

² Phó tử (傅子), tức Phó Huyền (傅玄), tự Hưu Dịch (休奕) người huyện Trị Dương, quận Bắc Địa. Là văn học gia, triết gia thời Tây Tấn. Ông viết sách bình luận các việc ghi chép trong *Tam sử*, gồm mấy chục vạn chữ, sách ấy gọi là Phó tử.

- Thang, Vũ làm vua, há đều nhờ thế đất hay sao? Nếu nương cậy ở nơi hiểm trở kiên cố, tất chẳng thể thuận thời mà biến hóa được vậy.

Tháng chín, hạ lệnh rằng:

"Phía bắc Hoàng Hà mắc cái nạn họ Viên, nên lệnh cho năm nay không phải nộp thuế khóa nữa!"

Lại chế pháp lệnh phạt nặng những kẻ cường hào kiêm tính đất đai, trăm họ vui mừng.^①

Thiên tử cho Công kiêm lĩnh chức Ký châu mục, Công từ chối xin nhường lại Duyện châu.

① *Ngụy thư* chép lệnh của Công rằng:

"Người có nước có nhà, không lo của ít mà lo chia không đều, không lo nghèo túng mà lo chẳng được yên. Dưới sự cai trị của họ Viên, cường hào phóng túng chuyên quyền, người thân thích kiêm tính đất đai; hạ dân bản hàn khốn khổ, đời đời chịu nộp thuế khóa, bán hết gia tài, chẳng đủ để ứng phó; tông tộc nhà Thẩm Phôi, là nơi che giấu kẻ phạm nhân, thành chỗ chứa kẻ nợ tội trốn chủ. Muốn cho trăm họ thân gần nương cậy, giáp binh cường thịnh, há làm vậy được sao! Nay thu thuế ruộng một mẫu bốn thương, mỗi hộ nạp hai thất lụa, hai cân bông tốt mà thôi, không ai được thiên tiện điều dụng. Quan tướng đứng đầu quận quốc tra xét rõ việc ấy, không được bao che giấu diếm nhường kẻ mạnh, mà thu thêm thuế của dân yếu vậy."

Lúc Công vây huyện Nghiệp, Đàm cướp lấy các huyện Cam Lăng, An Bình, Bột Hải, Hà Gian. Thượng bại, quay về Trung Sơn. Đàm đánh Trung Sơn, Thượng chạy đến huyện Cổ An, Đàm kiêm tính binh của Thượng. Công gửi thư cho Đàm, trách đã phụ ước, rồi tuyệt hôn, cho đưa con gái họ Viên về, sau mới tiến binh. Đàm sợ, rời huyện Bình Nguyên, chạy tới giữ huyện Nam Bì. Tháng mười hai, Công tiến vào Bình Nguyên, đoạt và bình định các huyện lân cận.

Năm thứ mười mùa xuân tháng giêng, Công đánh Đàm, phá được, chém Đàm, giết hết vợ con hắn, Ký châu bình định.^①

Công hạ lệnh rằng: "Những kẻ hùa theo họ Viên cùng làm điều ác, cho phép hối cải và thay đổi." Lệnh cho dân chúng không được báo thù riêng, cấm chỉ việc hậu táng, hết thầy phải theo phép nước.

Tháng ấy, Đại tướng của Viên Hi là bọn Tiêu Xúc, Trương Nam làm phản đánh Hi, Thượng; Hi, Thượng chạy đến hàng tộc Ô Hoàn ở Tam Quận. Bọn Xúc dâng cả huyện xin hàng, được phong làm Liệt hầu.

Lúc Công mới đi đánh Đàm, dân chúng trốn tránh việc đập băng,^② Công lệnh không được nhận người về hàng. Được ít lâu, dân bỏ trốn đến tận cửa quan thú tội. Công bảo rằng:

- Nghe nói chúng bay trái lệnh, giết chúng bay thì chỉ chém kẻ cầm đầu, chúng bay nên trốn đi xa, đừng để quan lại bắt được.

Dân nhỏ nước mắt khóc mà đi; sau cùng lại bị bắt cả.

① *Ngụy thư* chép: Công vây đánh Đàm, từ sớm đến giữa trưa không phá được; Công bèn thân cầm dùi thúc trống, sĩ tốt đều phấn chấn, tức thì phá được thành.

② Thần Tùng Chi cho rằng lúc Công đi đánh Đàm, nước ở kênh ngòi đóng băng, Công sai dân đập băng để thông thuyền bè, dân sợ lao dịch nên bỏ trốn.

Mùa hạ tháng tư, giặc núi Hắc là Trương Yển dẫn hơn một vạn bộ chúng đến hàng, được phong tước Liệt hầu.

Người huyện Cố An là bọn Triệu Độc, Hoắc Nô giết Thứ sử U châu và Thái thú Trác Quận. Bộ tộc Ô Hoàn của Tam Quận vây đánh Tiên Vu Phụ ở Quánh Bình.^① Mùa thu tháng tám, Công đi đánh chúng, chém bọn Độc, rồi qua sông Lô cứu Quánh Bình, tộc Ô Hoàn chạy trốn ra nơi đất hiểm.

① *Sách Tục Hán thư* thiên *Quận quốc chí* chép: Quánh Bình, là tên huyện, thuộc quận Ngư Dương.

Tháng chín, Công xuống lệnh rằng:

"Kết đảng mưu việc riêng, thánh nhân cực ghét. Ta nghe nói phong tục Ký châu, cha con ở khác chỗ, thì bêu diều lẫn nhau. Xưa kia Trục Bất Nghi không có anh trai, mà người đời lại nói rằng ông ấy thông gian với chị dâu;⁽¹⁾ Đệ Ngũ Bá Ngư lấy ba cô gái mồ côi làm vợ, người ta lại nói là ông đánh đập bố vợ của mình;⁽²⁾ Vương Phượng chuyên quyền, Cốc Vĩnh lại so người đó với bậc hiền nhân là Thân Bá;⁽³⁾ Vương Thương nói lời trung thực, Trương Khuông cho là nói lời trái đạo.⁽⁴⁾ Đấy đều là việc đổi trắng thay đen, dối trời lừa vua vậy. Nay ta muốn chỉnh đốn phong tục, mà bốn tục xấu kia chưa trừ được, ta lấy làm xấu hổ lắm."

Mùa đông tháng mười, Công quay về huyện Nghiệp.

Khi trước, Viên Thiệu cho con rể là Cao Cán lĩnh chức Tinh châu mục, Công hạ huyện Nghiệp, Cán hàng, Công cho làm Thứ sử. Cán nghe tin Công đi đánh dẹp Ô Hoàn, bèn làm phản ở trong châu, bắt Thái thú Thượng Đảng, phát binh giữ ải Hồ

¹ Trục Bất Nghi (直不疑), người quận Nam Dương, tướng mạo rất đẹp, nổi tiếng có đức sáng. Dưới triều Hán Văn đế thời Tây Hán, ông giữ chức Thái Trung đại phu, một lần lên triều, có viên quan phi báng là ông tư thông với chị dâu mình. Trục Bất Nghi biết được, chỉ bình tĩnh nói: "Ta làm gì có huynh trưởng."

² Đệ Ngũ Luân (第五伦), tự Bá Ngư (伯鱼), người huyện Trường Lăng quận Kinh Triệu, là con cháu họ Điền nước Tề thời Chiến Quốc. Nước Tề bị diệt, con cháu họ Điền trốn đi, thoát được tám người, bèn đổi họ lần lượt thành "Đệ nhất", "Đệ nhị"... cho đến "Đệ bát." Đệ Ngũ Luân làm quan vào cuối thời Đông Hán, ngồi vị đến chức Tư không, nổi tiếng thanh liêm, ngay thẳng, đức độ. Có lần hầu gặp vua, vua hỏi: "Nghe nói người làm quan, đánh cả nhạc phụ của mình, có việc ấy chăng?" Đệ Ngũ Luân đáp: "Thần lấy ba người vợ, đều không có cha."

³ Vương Phượng (王凤) là anh vợ của Hán Nguyên đế nhà Tây Hán, cháu ngoại là Lưu Ngao kế ngôi, Vương Phượng nắm quyền, thao túng triều chính, cả triều đình xu phụ theo;

Thân Bá (申伯) là đại thần của vua Lệ vương và Tuyên vương nhà Tây Chu, là trọng thần có công lớn trong việc hưng thịnh nhà Chu, tiếc rằng sự nghiệp trung hưng chưa hoàn mỹ.

⁴ Vương Thương (王商) là em của Vương Phượng, nhưng khác với anh mình, ông vốn trung hậu, uy nghiêm, được người đời ca tụng. Cuối thời Hán Nguyên đế, ông làm Hữu tướng quân, Quang lộc đại phu.

Quan. Công phái Nhạc Tiến, Lý Điển đánh Cán, Cán lui về giữ thành Hồ Quan. Năm thứ mười một mùa xuân tháng giêng, Công đi đánh Cán. Cán nghe tin, bèn để biệt tướng của mình giữ thành, chạy vào xứ Hung Nô, cầu cứu Thiên vu, Thiên vu không chịu cứu. Công vây Hồ Quan ba tháng, lấy được. Cán bèn trốn đến Kinh châu, bị Đô úy huyện Thượng Lạc là Vương Diễm lòng bắt được đem chém đi.

Mùa thu tháng tám, Công đông chinh hải tặc là bọn Quản Thừa, đến Thuần Vu, phái Nhạc Tiến, Lý Điển đánh phá Thừa, Thừa bỏ chạy ra vùng hải đảo. Công cắt các huyện Tương Bí, Đàm, Thích của quận Đông Hải nhập vào quận Lang Nha, xóa bỏ quận Xương Lự.^①

① *Ngụy thư* chép tờ lệnh ngày Ất Hợi tháng mười rằm:

"Làm vua trị dân phải gây dựng cho dân, sắp đặt quan lại, tối kỵ việc để người ta coi sắc mặt quan trên mà vâng thuận, Kinh Thi nói: 'Thuận theo mưu ta, không phải hôỉ tiếc', đấy thật là điều mà vua tôi tha thiết mong cầu vậy. Ta gánh trọng trách, thường sợ bỏ mất lời trung, mấy năm gần đây, chẳng được nghe kể hay, há chẳng phải ta có lỗi không siêng năng mở lối cho người hiền sao? Từ nay về sau, các thuộc quan như Trị trung, Biệt giá, vào đâu mỗi tháng đều phải kể ra lỗi lầm của mình, ta sẽ xem xét."

Người Ô Hoàn của Tam quận nhân lúc thiên hạ loạn lạc, đánh phá U châu, cướp được hơn chục vạn hộ dân Hán. Viên Thiệu cho lập tù trưởng của ba quận ấy làm Thiên vu, lấy con gái của gia nhân làm con mình, gả cho họ làm vợ. Thiên vu xứ Liêu Tây là Đạp Đốn thế lực rất mạnh, được Thiệu hậu đãi, cho nên anh em Thượng đến theo hàng, mấy lần xâm nhập biên ải gây hại. Công sắp thân chinh đi tiêu phạt, bèn sai đào một con kênh, dẫn nước từ sông Hô tới sông Cô, gọi là kênh Bình Lỗ; lại đào kênh từ cửa sông Câu xuyên đến sông Lộ, gọi là kênh Tuyền Châu, để thông ra bể.

Năm thứ mười hai mùa xuân tháng hai, Công tử Thuần Vu về huyện Nghiệp. Ngày Đinh Dậu, xuống lệnh rằng:

"Ta khởi nghĩa binh đánh giết bạo loạn, đến nay đã mười chín năm, đánh đâu thắng đó, có phải là công lao của mình ta đâu? Mà đây là công sức của các bậc hiền sĩ đại phu vậy. Thiên hạ tuy chưa hoàn toàn yên định, ta muốn cùng các hiền sĩ đại phu chung sức làm việc ấy; mà một mình hưởng công lao, ta làm sao yên lòng được? Nay nên gấp rút định công để tiến hành phong thưởng."

Bởi thế phong thưởng rất lớn cho hơn hai mươi công thần, đều cho làm Liệt hầu. Những người khác cũng theo thứ tự mà thụ phong, lại miễn sưu thuế cho con côi của những người tử nạn, lớn nhỏ đều theo thứ bậc.^①

① *Ngụy thư* chép lệnh của Công rằng:

"Xưa kia Triệu Xa, Đậu Anh làm tướng, được ban nghìn vàng, một sớm chia hết cho người, cho nên có thể lập đại công, thế gian mãi còn lưu tiếng.⁽¹⁾ Ta đọc truyện về họ, chưa từng không ái mộ những người đó. Nay ta với chư tướng và sĩ đại phu cùng theo việc binh nhưng, may được cậy nhờ những bậc hiền nhân chẳng ai tiếc mưu hay, quân sĩ chẳng ai tiếc sức lực, mạo hiểm vào xứ Di bình loạn, mà riêng ta được thưởng công to, lĩnh hộ ấp ba vạn. Đoái nghĩ đến việc Đậu Anh vì nghĩa chia vàng, nay ta chia số tô thuế được thưởng cho chư tướng bộ thuộc cùng các lính thú cũ ở đất Trần, đất Thái, đây là để báo đáp sự khó nhọc của mọi người, ta chẳng dám thiên tiện nhận ân huệ lớn. Còn con côi của những người ốm chết vì việc nước, nên lấy thuế má thóc lúa để chu cấp cho họ. Năm nào thịnh vượng sung túc, thuế má nạp vào, tướng sĩ với chúng nhân đều được hưởng chung."

Công muốn lên bắc đánh người Ô Hoàn ở Tam quận, chư tướng đều nói:

¹ Triệu Xa (赵奢) là danh tướng nước Triệu thời Chiến Quốc; Đậu Anh (窦婴) là tướng giỏi thời Tây Hán. Hai người có công đánh trận, được vua ban thưởng của cải, đem chia hết cho quân sĩ, vì thế quân sĩ phần khởi tin phục, sau ra sức đánh giặc lập nổi công to.

- Viên Thượng, chỉ là thằng tù bỏ trốn thôi, người Di, Địch⁽¹⁾ tham lam chẳng có tình thân, há có thể để Thượng lợi dụng? Nay vào sâu cõi ấy đánh chúng, Lưu Bị tất khuyên Lưu Biểu đến đánh úp Hứa Đô. Vạn nhất có biến, hối hận sao kịp.

Duy có Quách Gia liệu rằng Biểu tất chẳng tin Bị, khuyên Công bắc chinh.

Mùa hạ tháng năm, đến Vô Chung. Mùa thu tháng bảy, trời mưa to, đường ven biển không đi được, Điền Trù xin làm hướng đạo, Công theo lời. Trù dẫn quân ra ải Lô Long, đường bên ngoài quan ải bị cắt đứt không thông, Công sai đào núi lấp lũng dài hơn năm trăm dặm, xuyên qua huyện Bạch Đàn, vượt Bình Cương, lặn lội qua Tiên Ti Đình, theo hướng đông tới Liễu Thành. Còn cách hai trăm dặm, quân rộ mới biết. Thượng, Hi và Đạp Đốn, cùng bọn Thiên vu ở Liêu Tây là Lâu Ban, Thiên vu ở Hữu Bắc Bình là Năng Thần Đế Chi dẫn mấy vạn quân kỵ đón đánh.

Tháng tám, Công dẫn quân lên núi Bạch Lang, thốt nhiên gặp quân rộ, bọn chúng rất đông. Xe chở đồ nặng của Công ở phía sau, quân mặc giáp của Công ít, tả hữu đều hoảng sợ. Công trèo lên cao, trông ra xa thấy quân rộ hàng trận không tề chỉnh, bèn xua binh xuất kích, sai Trương Liêu làm tiên phong, quân rộ vỡ lỏ, Đạp Đốn cùng bộ hạ bị chém cả, lại thu hàng được hơn hai mươi vạn người Hán và Hồ. Thiên vu Liêu Đông là Tắc Bộc Hoàn và các hào mục ở Liêu Tây, Bắc Bình, đều bỏ người đồng tộc, cùng Thượng, Hi chạy trốn qua Liêu Đông, bộ chúng của Thượng còn mấy nghìn quân kỵ.

Trước đây, Thái thú Liêu Đông là Côn Tôn Khang cậy mình ở xa không quy phục. Lúc Công phá Ô Hoàn, có người khuyên Công nên chinh phạt, có thể bắt được anh em Thượng.

¹ Người Trung Quốc xưa ở vùng Hoa Hạ, họ gọi các dân tộc thiểu số ở bốn phía xung quanh là Bắc Địch, Tây Nhung, Đông Di, Nam Man.

Công nói:

- Ta có cách khiến cho Khang chém đầu Thượng, Hi, chẳng phiền đến binh sĩ vậy.

Tháng chín, Công dẫn binh từ Liễu Thành quay về, ① Khang lập tức chém Thượng, Hi và bọn Tốc Bộc Hoàn, đem thủ cấp của chúng đến.

Chư tướng có người hỏi:

- Công quay về mà Khang lại chém đầu Thượng và Hi mang tới, sao vậy?

Công nói:

- Bên kia vốn sợ bọn Thượng, ta đánh gấp thì họ hợp sức chống, ta thông thả thì họ tàn sát lẫn nhau, đấy là cái thế tự nhiên vậy.

Tháng mười một về đến Dịch Thủy, Thiên vu Ô Hoàn ở Đại Quận là Phổ Phú Lô, Thiên vu Ô Hoàn ở Thượng Quận là Na Lôu dẫn các vương tôn của mình đến chúc mừng.

① *Tào man truyện* chép: Bấy giờ trời rất lạnh lại khô hạn, suốt hai trăm dặm đường không có nước uống, trong quân lại thiếu lương, phải giết mấy nghìn con ngựa làm lương ăn, đào sâu xuống đất hơn ba mươi trượng mới có nước. Công về đến nơi, tìm gọi những người đã can gián mình lúc trước, mọi người chẳng ai biết việc gì, người người đều sợ hãi. Công hậu thưởng cho tất cả bọn họ, nói:

- Cô đi lúc trước, là thừa nguy để cầu may, dầu đắc thắng, cũng là trời giúp vậy, nên chẳng thể coi lời ấy là thưởng. Lời can gián của các người, là cái kế vạn toàn, vì thế đáng được khen thưởng, sau này cứ nói chớ có e ngại gì cả.

Năm thứ mười ba mùa xuân tháng giêng, Công về huyện Nghiệp, sai đào ao Huyền Vũ luyện thủy quân.

Nhà Hán bãi chức quan Tam công, đặt chức Thừa tướng, Ngự sử Đại phu. Mùa hạ tháng sáu, lấy Công làm Thừa tướng. ①

① *Hiển để khởi cư chú* chép: Đế sai Thái thường là Từ Cầu trao ấn thụ. Ngự sử Đại phu không được kiêm chức Trung thừa, đặt một người giữ chức Trưởng sử.

Tiên hiền hành trạng chép: Cầu tự Mạnh Bình, người quận Quảng Lăng. Trẻ tuổi thấu hiểu đạo lý, đứng chầu nghiêm sắc mặt. Trải các chức lệnh ở ba quận là Nhiệm Thành, Nhữ Nam, Đông Hải, làm quan ở đâu phong khí nơi đấy cũng thay đổi. Lúc nhận lệnh triệu về triều, bị Viên Thuật bức giữ. Thuật tiếm hiệu, muốn trao cho Cầu ngôi vị Thượng công, Cầu nhất định không chịu khuất. Sau khi Thuật chết, Cầu được ngọc tỷ của Thuật, đưa về triều Hán, được bái làm Vệ úy, Thái thường; Công làm Thừa tướng, đem ngôi vị nhường cho Cầu.

Mùa thu tháng bảy, Công nam chinh Lưu Biếu.

Tháng tám, Biếu chết, con của Biếu là Tông lên thay, đóng đồn ở Tương Dương, Lưu Bị đóng tại Phàn Thành. Tháng chín, Công đến Tân Dã, Tông bèn ra hàng, Bị chạy ra Hạ Khẩu. Công tiến quân đến Giang Lăng, lệnh cho quan dân Kinh châu, được phép hối cải và sửa đổi. Rồi luận xét công lao của những kẻ theo hàng ở Kinh châu, phong tước hầu cho mười lăm người, dùng Đại tướng của Lưu Biếu là Văn Sính làm Thái thú Giang Hạ, sai thống lĩnh binh cũ, lại dẫn dụ thu dùng bọn danh sĩ của Kinh châu là Hàn Tung, Đổng Nghĩa.^①

① Bài tựa ở cuốn *Tứ thể thư thế* của Vệ Hằng chép: Người quận Thượng Cốc là Vương Thử Trọng khéo viết chữ Lệ, là người đặt ra lối viết chữ Khải.⁽¹⁾ Đến đời Linh đế chuộng thư pháp, thế gian có nhiều người khéo viết, nhưng chữ viết của Su Nghi Quan là đẹp nhất, ông ta rất kiêu ngạo về khả năng này, sau khi viết chữ, đều thiêu hủy bản nháp. Lương Học vì tham muốn sở hữu bản nháp nên tìm cách chuốc rượu Nghi Quan, sau khi ông ta say, Học ăn cắp bản nháp, rồi chăm chỉ bắt chước thư pháp ấy, sau

¹ Chữ Lệ, chữ Khải là hai lối viết chữ Hán. Vương Thử Trọng là người đặt ra lối chữ Khải, chân phương, rõ ràng vuông vắn, là sự kết hợp của chữ Lệ và chữ Thảo.

này Hộc làm quan đến chức Thượng thư bộ Tuyền.⁽¹⁾ Vào lúc Công muốn làm Lạc Dương lệnh, Hộc lại phái Công làm Bắc bộ úy. Về sau Hộc nương nhờ Lưu Biểu. Khi Kinh châu bình, Công ra sức tìm kiếm Hộc. Hộc sợ, tự trói mình đến cửa, Công tạm cho nhận chức Quân giá Tư mã, lo việc văn thư, để khuyến khích lối viết chữ giản, lấy công chuộc tội. Công từng treo chữ viết của Hộc trong trướng, hoặc ghim chữ trên tường vách để thưởng ngoạn, Công cho rằng phép viết chữ của Hộc còn cao hơn Nghi Quan.

Hộc tự Mạnh Hoàng, người quận An Định. Những đề tự ở cung điện nhà Ngụy, đều do Hộc viết ra cả.

Dật sĩ truyện của Hoàng Phủ Mật chép: Người quận Nhữ Nam là Vương Tuấn, tự Tử Văn, thời trẻ được Phạm Bàng và Hứa Chương⁽²⁾ biết đến, rất thân với người quận Nam Dương là Sầm Thuật.

Công lúc là kẻ áo vải, đặc biệt yêu mến Tuấn, Tuấn cũng xưng tụng là Công có đủ tài để trị đời. Vào lúc Viên Thiệu và em là Thuật để tang mẫu thân, đem về táng ở Nhữ Nam, Tuấn và Công đến dự, tụ hội ở đó đến ba vạn người. Công ở ngoài ngấm nói nhỏ với Tuấn rằng:

- Thiên hạ sắp loạn, kẻ đầu sỏ gây loạn hẳn là hai kẻ này vậy. Muốn giúp thiên hạ, vì trăm họ mà thỉnh mệnh, chẳng giết hai kẻ này trước, cái loạn nay mai sẽ phát tác thôi.

Tuấn nói:

- Như lời ngài nói, người cứu vớt thiên hạ, là ngài chứ còn ai nữa? Hai người đối mặt nhau mà cười.

Tuấn là người có vẻ ngoài điềm tĩnh mà trong bụng sáng suốt, chẳng chịu ứng mệnh tam phủ của châu quận. Công xa cho vờ, không chịu đến, lánh đời ở đất Vũ Lăng, người đi theo Tuấn có hơn trăm nhà. Để dòi dỏ về Hứa huyện, lại triệu Tuấn làm Thượng thư, vẫn không chịu đến. Lưu Biểu thấy Thiệu cường mạnh, ngấm cùng Thiệu thông đồng, Tuấn bảo Biểu rằng:

¹ Bộ Tuyền quản việc bổ nhiệm, bãi miễn, thăng giáng các quan lại trong cả nước.

² Phạm Bàng (范滂), Hứa Chương (许章), đều là danh sĩ vào thời Hán Linh đế.

- Tào công, là kẻ anh hùng trong thiên hạ vậy, tất sẽ chấn hưng nghiệp bá, theo được cái công của Hoàn, Văn. Nay ngài bỏ gần tìm xa, ví như một sớm nảy việc nguy, mong kẻ ở nơi mạt bắc xa xôi đến cứu, chẳng cũng khó sao!

Biểu không nghe.

Năm Tuất sáu mươi tư tuổi, chết lành ở Vũ Lăng, Công nghe tin rất thương cảm. Lúc định Kinh châu, Công thân tới bờ sông viếng tang, sai đem cải táng ở Giang Lăng, khen là bậc tiên hiền.

Ích châu mục là Lưu Chương ban đầu vâng mệnh trưng tập lính thú, phái binh đến giúp quân. Tháng mười hai, Tôn Quyền giúp Bì vây đánh Hợp Phì. Công từ Giang Lăng đi đánh Bì, đến Ba Khâu, phái Trương Hí đến cứu Hợp Phì. Quyền nghe tin Hí đến, bèn chạy. Công đến Xích Bích, cùng Bì giao chiến, gặp bất lợi. Lúc ấy trong quân có đại dịch, tướng sĩ bị chết rất nhiều, Công bèn dẫn quân về. Bì liền chiếm Kinh châu và các quận phía nam sông Trường Giang.^①

① *Sơn Dương công tái ký* chép: Chiến thuyền của Công bị Lưu Bì đốt, Công dẫn quân theo đường bộ Hoa Dung về, gặp bùn lầy, đường đất bất thông, trời lại nổi gió lớn, Công sai tất cả binh lính gầy yếu phải vác cỏ lấp những chỗ lầy lội, quân kỵ mới qua được. Đám quân sĩ gầy yếu bị người ngựa giầy xéo, vùi lấp trong bùn, chết rất nhiều. Quân đi qua rồi, Công cả mừng, chư tướng hỏi duyên cớ, Công nói:

- Lưu Bì, xứng là đối thủ của ta vậy. Nhưng tính kế còn chậm chạp; nếu y sớm phóng hỏa, bọn ta đã chết sạch rồi.

Bì không lâu sau đó cũng phóng hỏa nhưng không kịp.

Dị đồng bình của Tôn Thịnh chép: Xét *Ngô chí*, Lưu Bì phá quân của Công trước, rồi sau Quyền mới vây đánh Hợp Phì, mà chỗ này chép rằng Quyền đánh Hợp Phì trước, sau mới có việc ở Xích Bích. Hai sách ghi chép bất đồng, *Ngô chí* chép đúng.

Năm thứ mười bốn mùa xuân tháng ba, quân đến huyện Tiêu, đóng thuyền nhẹ, thao luyện thủy quân.

Mùa thu tháng bảy, Công tử sông Qua tiến vào sông Hoài, ra sông Phi, đóng quân ở Hợp Phi. Ngày Tân Mùi, xuống lệnh rằng:

Mọi đây, quân ta mấy lần chinh phạt, gặp lúc có dịch bệnh, quân sĩ tư vong chẳng thể trở về, gia thất oán hận xót thương, trăm họ lưu ly, bậc nhân giả há vui được hay sao? Chỉ là bất đắc dĩ vậy. Nay lệnh cho gia thuộc của những người đã chết, ai không có sản nghiệp chẳng thể tự mưu sinh, quan huyện không được cắt lương, trưởng lại phải chiếu cố phủ dụ, sao cho tỏ rõ được ý nguyện của ta."

Rồi đặt chức trưởng lại ở các quận huyện của Dương châu, cho khai khẩn làm đồn điền ở Thục Pha. Tháng mười hai, quân quay về huyện Tiêu.

Năm thứ mười lăm mùa xuân, Công xuống lệnh rằng:

"Từ xưa các bậc quân vương chịu mệnh trung hưng, ai chẳng được các bậc hiền nhân quân tử cùng hợp sức để trị thiên hạ! Những bậc hiền tài như vậy, thường không ra khỏi cổng làng, há chẳng thể cùng họ tương ngộ hay sao? Chỉ sợ rằng người trên không tìm được họ thôi. Nay thiên hạ còn chưa yên định, đây là thời điểm phải gấp rút cầu hiền. 'Mạnh Công Xước làm gia thần của họ Triệu, họ Ngụy thì dư tài, nhưng không thể làm đại phu ở nước Đằng nước Tiết.'⁽¹⁾ Nếu cứ mong cầu cho được kẻ sĩ thanh liêm rồi sau mới dùng, thì Tề Hoàn sao có thể xưng bá ở đời! Nay thiên hạ chẳng lẽ không có kẻ mặc áo vải thô ôm hoài bão lớn ngồi câu cá trên bến sông Vị hay sao?⁽²⁾ Chả lẽ không

¹ Câu trong sách *Luận ngữ*. Mạnh Công Xước (孟公绰), người nước Lỗ, rất liêm chính, có người tiến cử ông, Khổng tử cho rằng ông là người có đức, nhưng thiếu tài. Cái tài của ông chỉ có thể làm gia thần cho họ Triệu, họ Ngụy (là quan khanh của nước Tấn) thì được, làm quan đại phu nước Đằng, nước Tiết (là hai tiểu quốc) cũng chưa được, huống chi là làm quan đại phu nước Lỗ.

² Khương Tử Nha, tức Khương Thượng (姜尚), tự Tử Nha (子牙), lúc 80 tuổi, ngồi câu cá trên bãi sông Vị, Chu Văn vương gặp được, cho là người tài, mời về giúp đỡ mình, sau này Khương Tử Nha là công thần hàng đầu, giúp vua Vũ vương diệt vua Trụ nhà Ân Thương, mở ra cơ nghiệp vĩ đại của nhà Chu.

có kẻ bị coi là bức hiếp chị dâu nhận vàng hối lộ được Vô Tri tiến cử hay sao?⁽¹⁾ Các ông hãy tiến dẫn những người ấy giúp ta dẫu họ có khuyết điểm, song cứ có tài là đề cử, ta có được họ là trọng dụng."

Mùa đông, cho làm đài Đồng Tước.^①

① Ngụy Vũ cố sự chép tờ lệnh ngày Kỷ Hợi tháng mười hai của Công rằng:

"Cô ban đầu được cử làm Hiếu liêm, tuổi trẻ, tự biết mình vốn chẳng phải là kẻ sĩ nổi danh nơi hang động, sợ người trong nước thấy rõ cái ngu ngốc phàm thường của mình, nên chỉ muốn làm một viên Quận thú, nắn sửa chính giáo, kiến lập danh tiếng, khiến kẻ sĩ trên đời biết đến mình; cho nên lúc ở Tế Nam, Cô hằng hái trừ kẻ ác, dẹp bọn nhơ nhuốc, theo lẽ công bằng tuyển cử, làm trái ý các vị Thường thị. Bởi bọn cường hào ở đó phần nộ, Cô sợ mang họa đến gia đình, nên cáo bệnh về quê."

"Sau khi Cô từ quan, tuổi hãy còn trẻ, trông khắp những người ra làm quan cùng năm trong vùng, có người năm mươi tuổi, vẫn chưa gọi là già, trong lòng tự tính, từ đấy về sau qua hai mươi năm nữa, chờ thiên hạ thái bình, Cô sẽ cùng bọn làm quan đồng năm ở trong vùng so sánh mà thôi. Thế nên Cô ở quê suốt bốn mùa, xây một tịnh xá ở cách phía đông huyện Tiêu năm mươi dặm, định rằng mùa thu mùa hạ đọc thi thư, mùa đông mùa xuân đi săn bắn, tìm địa vị ở đấy cùng, muốn lấy bùn lầy tự che thân, dứt tuyệt ý tưởng lai vãng cùng tân khách, nhưng cũng chẳng được như ý."

"Về sau triều đình vời Cô làm Đô úy, rồi thăng làm Điện quân Hiệu úy, Cô lại có ý muốn vì quốc gia dẹp giặc lập công, cũng muốn được phong một tước hầu là Chinh tây tướng quân, rồi sau này trên mộ được đề một câu là: 'Mộ của quan cố Chinh tây tướng quân Tào hầu nhà Hán', đấy là cái chí của Cô vậy. Nhưng rồi đột nhiên gặp cái nạn Đồng Trác, Cô

¹ Trần Bình (陈平), người huyện Dương Vũ, tỉnh Hà Nam, thời trẻ ham đọc sách, lười làm việc. Sau này Ngụy Vô Tri tiến cử Trần Bình cho Lưu Bang, được trọng dụng. Có người ghen ghét, nói rằng ông khi trước bức hiếp chị dâu, sau này nhận vàng hối lộ, nhưng Lưu Bang quyết dùng người, không coi trọng những lỗi nhỏ nhặt. Trần Bình bày nhiều mẹo hay, là công thần hàng đầu giúp Hán Cao lập nên cơ nghiệp bốn trăm năm của nhà Hán.

cất nghĩa binh nổi dậy. Thời ấy có thể tập hợp được nhiều bộ chúng, nhưng Cô thường tự giảm bớt, chẳng muốn có nhiều quân; sợ dĩ như thế là vì, được nhiều binh thì chí cả, cùng cường địch tranh đấu, sợ lại rước thêm mối họa. Vì thế lúc giao chiến ở Biện Thủy, Cô chỉ có mấy nghìn quân, sau về đến Dương châu mộ thêm binh lính, Cô cũng chỉ có chẳng quá ba nghìn người, chí hướng của Cô vốn chỉ chừa mực như thế. Sau này lĩnh chức Duyệt châu mực, đánh tan và thu hàng ba vạn quân Khăn Vàng. Gặp lúc Viên Thuật tiến hiệu ở Cửu Giang, bộ hạ đều xưng thần, gọi đại môn là Kiến Hiệu môn, phục sức đều theo quy cách thiên tử, hai người vợ tranh giành ngôi Hoàng hậu. Cái mưu phản nghịch đã định, có người khuyên Thuật nên sớm tức vị, bỏ cáo thiên hạ, Thuật đáp: 'Tào công hầy còn, chưa nên vậy.' Về sau Cô đánh dẹp bắt sống bốn tướng của Thuật, cầm tù binh lính của hắn, khiến Thuật cùng quần tan chạy, rồi phát bệnh mà chết. Đến lúc Viên Thiệu chiếm Hà Bắc, binh mạnh thế thịnh, Cô tự liệu tình thế, thấy thật chẳng thể địch nổi hắn, nhưng quyết chết vì nước, đại nghĩa diệt thân, làm mô phạm cho đời sau. May mà phá được Thiệu, chém bêu đầu cả hai con của hắn. Lại còn Lưu Biểu, tự cho mình là dòng tông thất, ôm tấm lòng gian, lúc tiến lúc thoái, quan sát thế sự, hòng chiếm cứ châu quận, Cô lại yên định được, cuối cùng bình định cả thiên hạ."

"Cô thân là Tể tướng, ngôi nhân thần đã cực quý, ước vọng đã quá rồi vậy. Nay Cô nói lời này, xem như tự cao tự đại, là muốn cho người ta nói hết lời, cho nên không phải úy kỵ gì. Thiết nghĩ quốc gia nếu không có Cô, chẳng biết có bao người xưng đế, bao kẻ xưng vương. Hoặc giả có người thấy Cô cường thịnh, bản tính họ chẳng tin chuyện thiên mệnh, phê bình Cô trong chỗ riêng tư, rằng Cô có lòng tiếm việt, mỗi khi nghĩ đến chuyện này, lòng Cô đau đau khôn nguôi. Tê Hoàn, Tấn Văn sợ dĩ danh truyền đến nay, chỉ vì họ có binh lực hùng mạnh, nhưng vẫn phụng sự nhà Chu vậy. Luận ngữ chép rằng: 'Thiên hạ ba phần nhà Chu có được hai, nhưng vẫn thần phục nhà Ân, cái đức của nhà Chu có thể gọi là chí đức rồi', chính là đem cái sức mạnh cương đại mà thờ phục thế lực yếu ớt vậy."

"Xưa kia Nhạc Nghị trốn qua nước Triệu, Triệu vương muốn cùng bàn mưu phạt nước Yên, Nhạc Nghị lay phục xuống khóc, thưa rằng: 'Thần

thờ Chiêu vương, cũng như thờ Đại vương vậy; nếu thần phạm lỗi, bị đuổi sang nước khác, cho đến hết đời, thần chẳng nhẫn tâm làm hại đến một tên tiểu tốt của nước Triệu, huống chi hậu tự của Yên vương!’⁽¹⁾ Lúc Hồ Hợi giết Mông Diêm, Diêm nói: ‘Từ tổ tiên đến con cháu nhà ta, trung tín với nhà Tần đã ba đời rồi; nay ta thân cầm hơn ba mươi vạn binh, thế lực đủ để làm loạn, nhưng tự biết hẳn phải chết để giữ lấy nghĩa, chẳng dám làm nhục đến lời giáo huấn của tổ tiên và phụ lại tấm lòng của tiên vương vậy.’⁽²⁾ Cô mỗi khi đọc truyện về hai người ấy, chưa từng không xót xa rơi nước mắt. Từ tổ phụ Cô cho đến Cô, đều đảm nhiệm các chức vụ quan trọng và thân cận, có thể nói là được tín nhiệm vậy, cho đến anh em Tử Hoàn, là đã quá ba đời rồi.⁽³⁾ Cô chẳng những nói những lời này với chư quân, mà còn nói với thê thiếp nữa, để tất cả bọn họ hiểu rõ tâm ý của Cô. Cô nói với họ rằng: ‘Sau khi ta trăm tuổi, các người đều sẽ tái giá, ta muốn các người nói rõ tâm tư của ta, để những người khác đều được biết.’ Những lời này của Cô đều là từ gan ruột vậy. Sở dĩ Cô thành khẩn nói hết những gì từ đáy lòng, là vì Cô đã thấy Chu công tự bộc bạch nỗi lòng ở bộ sách ‘Kim đằng’⁽⁴⁾, và sợ rằng người ta không biết được nguyên căn. Nhưng nếu muốn Cô lập tức ném bỏ quyền thống soái quân đội trao trả quyền chấp sự, lui về làm Vũ Bình hầu quốc, thật không thể được vậy. Vì sao? Vì Cô e ngại rằng sau khi mình lìa bỏ binh quyền sẽ bị người ta gây vạ. Đã nghĩ đến cái kế lâu dài cho con cháu, lại biết thân mình bại thì quốc gia nghiêng ngửa, thế nên

¹ Nhạc Nghị (乐毅), là tướng nước Yên, có công giúp Yên Chiêu vương hạ được bảy mươi hai thành của nước Tề, sau bị gian thần gièm pha, phải bỏ nước Yên qua nhờ nước Triệu. Vua nước Triệu muốn đánh nước Yên, Nhạc Nghị từ chối, vua nước Triệu xúc động, từ bỏ ý định đánh nước Yên.

² Mông Diêm (蒙恬), là tướng tài của Tần Thủy Hoàng. Thủy Hoàng có hai con, con trưởng là Phù Tô, con thứ là Hồ Hợi. Tần Thủy Hoàng chết, Triệu Cao trái di mệnh lập thứ tử bỏ trưởng. Mông Diêm là bạn chí thân với Phù Tô, Triệu Cao lập kế giết Phù Tô, giết cả Mông Diêm, cả hai người theo lệnh chịu chết.

³ Tào Đẳng (hoạn quan), Tào Tung (Thái úy thời Linh đế), Tào Tháo và các con.

⁴ Chu Vũ vương ốm nặng, Chu công khấn tổ tiên xin chết thay, sử quan đặt lời cầu xin ấy vào một cái hộp có dây buộc bằng vàng (nên gọi là Kim đằng). Vũ vương chết, Chu Thành vương nối ngôi, Chu công làm phụ chính, Quản Thúc dèm pha, Chu công lánh sang Đông Đô. Về sau Thành vương mở hộp Kim đằng ra xem, biết ý của Chu công, bèn rước Chu công trở về.

Cô chẳng thể mến cái hư danh mà để bản thân và quốc gia phải chìm trong thực họa, đó là điều Cô không thể làm vậy."

"Triều đình lúc trước ân phong cho ba con Cô tước hầu, Cô chối từ không nhận, nay Cô lại muốn thụ phong, chẳng phải lấy đó làm vinh, mà muốn lấy đó làm ngoại viện, vì cái kế vạn an vậy. Cô nghe nói Giới Thôi trốn tránh việc thụ phong của Tấn công.⁽¹⁾ Thân Tư từ chối sự phong thưởng của Sở vương,⁽²⁾ chưa từng không buông sách thờ than, lấy đó để tự răn mình. Nhờ uy linh của quốc gia, Cô cảm phũ viết đi chinh phạt, lấy nhược để khắc cường, thế yếu mà cầm tù kẻ mạnh, ý đã mưu đồ chuyện gì, hành động không hề sai sót, trong lòng đã toan lo, chẳng việc nào không xong, sau đó Cô quét sạch quân giặc, cuối cùng dẹp bằng thiên hạ, chẳng nhục đến mệnh chủ, có thể nói là trời giúp cho nhà Hán, chẳng phải sức người làm được vậy. Nhưng phong cho Cô bốn huyện, thực ấp ba vạn hộ, Cô nào có đức độ gì mà kham nổi! Giang sơn còn chưa yên ổn, Cô chẳng thể nhường ngôi vị; còn như đất đai được phong, Cô có thể từ khước. Nay xin trả lại hai vạn hộ của ba huyện Dương Hạ, Chá, Khổ, chỉ ăn lộc một vạn hộ của huyện Vũ Bình, cốt để bớt đi những lời bài bác, giảm nhẹ cái trách nhiệm của Cô vậy."

Năm thứ mười sáu mùa xuân tháng giêng,^① Thiên tử ban sách mệnh cho Thế tử của Công là Phi làm Ngũ quan Trung lang tướng, được đặt thuộc quan, làm phó Thừa tướng.

Bọn Thương Diệu ở Thái Nguyên chiếm Đại Lăng làm phản, Công phái Hạ Hầu Uyên, Từ Hoảng vây đánh phá chúng.

¹ Giới Tử Thôi (介子推), là hiền thần của nước Tấn, theo Tấn Công Trùng Nhĩ lưu lạc mười chín năm, lúc vua đói từng cắt thịt đùi mình nấu lên dâng vua ăn. Tấn công phục quốc, luận công phong thưởng, Thôi không nhận, trốn vào rừng, Tấn công sai đốt rừng để Giới Tử Thôi phải ra, Thôi chịu chết cháy, quyết không ra nhận thưởng.

² Thân Bao Tư (申包胥), là quan đại phu nước Sở. Lúc nước Sở bị nước Ngô đánh, chiếm mất thủ phủ là Dĩnh Đô, Thân Bao Tư đi cầu viện nước Tần, vua Tần không cứu. Thân Bao Tư khóc bảy ngày ở sân đình, vua nước Tần cảm động, sai quân đi, đánh được nước Ngô, khôi phục nước Sở. Sở Vương khen thưởng, Thân Bao Tư quyết chối từ, Sở Vương ép nhận, Thân Bao Tư bỏ trốn.

Trương Lỗ chiếm Hán Trung, tháng ba, Công phái Chung Do đánh dẹp Lỗ. Công sai bọn Uyên tiến ra Hà Đông cùng Do hội quân.

① *Ngụy thư* chép: Ngày Canh Thìn, Thiên tử thông cáo: Bớt năm nghìn hộ, chia số thực ấp một vạn năm nghìn hộ ở ba huyện mà Công nhường cho ba con, lấy Thực làm Bình Nguyên hầu, Cứ làm Phạm Dương hầu, Báo làm Nhiêu Dương hầu, mỗi người hưởng thực ấp năm nghìn hộ.

Bấy giờ chư tướng ở Quan Trung ngờ là Do muốn đánh úp mình, Mã Siêu bèn cùng bọn Hàn Toại, Dương Thu, Lý Kham, Thành Nghi làm phản. Công sai Tào Nhân đến đánh dẹp chúng. Bọn Siêu đóng trại ở Đồng Quan. Công mệnh cho chư tướng rằng:

- Binh xứ Quan Tây mạnh tợn, nên giữ chắc chớ cùng giao chiến.

Mùa thu, tháng bảy, Công tây chinh,① cùng bọn Siêu đóng binh đối nhau ở quan ải. Công mau chóng giữ vững, rồi ngầm phái bọn Từ Hoảng, Chu Linh ngay trong đêm vượt sông ở bến Bồ Phán, chiếm phía tây Hoàng Hà lập quân doanh. Công từ phía bắc Đồng Quan vượt sông, chưa qua được, Siêu bơi thuyền đến đánh gấp. Quan Hiệu úy là Đinh Phỉ liền thả trâu ngựa để nhử địch, giặc tranh nhau bắt trâu ngựa, Công mới qua được bờ bên kia,② men sông lập dũng đạo⁽¹⁾ hướng về nam. Giặc lui về, chống giữ ở cửa sông Vị, Công bèn đặt nhiều đội nghi binh, ngầm dùng thuyền chở binh xâm nhập sông Vị, làm cầu nổi, ban đêm, chia binh lập doanh ở bờ nam sông Vị. Trong đêm giặc đánh quân doanh, phục binh của Công đánh phá được. Bọn Siêu dồn quân ở nam sông Vị, phái tín sứ hẹn với Công cắt đất từ Hoàng Hà về tây xin hòa, Công không nghe.

¹ Dũng đạo: Đắp lũy đất ở hai bên cao quá đầu người, ở giữa thành một con hào giữa hai bức lũy, người đi lại trong con hào đó để tránh tên địch bắn.

Tháng chín, Công tiến quân qua sông Vị.^③ Bọn Siêu mấy lần khiêu chiến, Công lại không ứng chiến; Siêu cố đòi cắt đất, xin đưa con trai đến làm con tin, Công dùng kế của Giả Hủ, vờ đồng ý. Hàn Toại xin được cùng Công tương kiến, Công và cha của Toại đỗ Hiếu liêm cùng năm, lại cùng Toại là bằng hữu đồng tuổi, vì thế khi ngựa giao nhau riêng nói đến chuyện lúc xa nhau, chẳng đề cập gì về việc quân, chỉ nói đến việc cũ ở kinh đô, rồi vỗ tay vui cười. Hội đàm xong, bọn Siêu hỏi Toại:

- Công nói sao?

Toại nói:

- Không nói chuyện gì cả.

Bọn Siêu đều ngờ vực.^④

Hôm khác, Công lại gửi thư cho Toại, nhiều chỗ lại tẩy xóa sửa chữa, làm như Toại sửa đổi đi vậy; bọn Siêu càng nghi ngờ Toại. Công hẹn rằng hôm khác hội chiến, trước hết đem khinh binh dẫn dụ, giao chiến hồi lâu, bèn tung quân hổ kỵ ra giáp kích, đại phá chúng, chém bọn Thành Nghi, Lý Kham. Bọn Toại, Siêu chạy trốn về Lương châu, Dương Thu chạy về An Định, Quan Trung bình định.

Chư tướng có kẻ hỏi Công rằng:

- Ban đầu, giặc giữ Đồng Quan, đường phía bắc sông Vị bỏ trống, ta chẳng theo lối Hà Đông tập kích Phùng Dục mà lại quay lại giữ Đồng Quan, đây đưa ngày tháng rồi sau mới qua bờ Bắc, sao vậy?

Công nói:

- Giặc giữ Đồng Quan, nếu ta tiến vào Hà Đông, giặc tất nổi nhau đến giữ các bến sông, thì ta không thể sang bờ tây được nữa, ta cố tình đồn binh hướng về Đồng Quan; giặc tất phải tụ quân giữ mặt Nam, phía tây Hoàng Hà bỏ trống, cho nên hai tướng mới chiếm được bờ tây Hoàng Hà; rồi sau ta dẫn quân

sang bờ bắc, giặc chẳng thể cùng ta tranh chiếm phía tây sông được nữa, vì đã có quân của hai tướng ở đấy rồi. Ta kết xe liên tiếp dựng thành lũy, lập dũng đạo hướng về nam,^⑤ lập thành cái thế chẳng thể thắng được, lại tỏ ra là ở thế yếu. Ta qua sông Vị lập lũy kiên cố, giặc đến ta không ra, là để cho giặc kiêu căng; cho nên giặc chẳng lập doanh lũy để tác chiến mà yêu cầu cắt đất xin hòa. Ta thuận lời hứa với giặc, để thuận theo ý của chúng, khiến chúng tự yên mà chẳng chuẩn bị gì, nhân đó ta dưỡng sức sĩ tốt, một sớm tập kích bất ngờ, thế gọi là sét đánh không kịp bưng tai vậy, việc binh biến hóa, không phải cố chấp theo một đường lối nào cả.

Ban đầu, mỗi lần giặc đem một đạo quân đến, Công thường mừng ra mặt. Sau khi phá được giặc, chư tướng hỏi duyên có tại sao. Công đáp rằng:

- Quan Trung là nơi xa xôi, nếu giặc đều giữ chỗ hiểm, đi đánh chúng, chẳng phải một hai năm là có thể bình định được. Nay chúng đều kéo đến tụ tập, bộ chúng tuy đông, nhưng các tướng không phục nhau, quân vô chủ soái, một trận có thể diệt được, nên công cũng dễ dàng hơn, ta mừng là vì thế.

① *Ngụy thư* chép: Kẻ bàn luận đa phần nói:

- Binh Quan Tây cường mạnh, quen dùng trường mâu, không kén quân tinh nhuệ làm tiên phong, thì chẳng thể đương nổi.

Công bảo chư tướng rằng:

- Việc đánh là ở ta, chẳng phải do giặc vậy. Giặc dẫu quen dùng trường mâu, ta sẽ khiến chúng chẳng thể đâm trúng được, các ngươi cứ đợi mà xem thôi.

② *Tào man truyện* chép: Công sắp qua sông, tiên đội vừa ghé vào bờ, bọn Siêu chợt ập đến, Công còn ngồi trên hồ sàng⁽¹⁾ chưa kịp

¹ Hồ sàng (胡床), cũng gọi là Giao sàng (交床) hay Thằng sàng (绳床), là đồ vật giống cái ghế xích đu, có thể nằm hoặc ngồi ngả người ra, dùng xong gấp lại được.

đứng dậy. Bọn Trương Cáp thấy việc đã gấp, cùng dẫn Công vào trong thuyền. Nước sông chảy xiết, đẩy thuyền qua bến, trôi đi bốn năm dặm, kỵ binh của bọn Siêu đuổi theo bắn, tên bay như mưa rào. Chư tướng thấy quân bại, chẳng biết Công đang ở đâu, đều kinh sợ, lúc gặp được, vừa mừng vừa thương, có kẻ rơi nước mắt. Công cả cười nói:

- Hôm nay ta suýt bị tên tiểu tặc làm khốn ở chỗ này!

③ *Tào man truyện* chép: Bấy giờ quân của Công mỗi khi qua sông Vị, thường bị kỵ binh của Siêu xung kích, quân doanh không sao lập được, dất lại lẫn nhiều cát, chẳng thể đắp lũy. Lâu Tử Bá khuyên Công rằng:

- Hiện nay tiết trời giá lạnh, nên đắp cát làm thành lũy, lấy nước tưới vào, một đêm có thể xong được.

Công theo lời, bèn cho nhiều người vác túi mềm để chuyển nước, ban đêm binh qua sông đắp thành, gần sáng, thành đắp xong, bởi thế quân của Công qua hết bên kia sông Vị.

Có người ngờ rằng bấy giờ là tháng chín, nước chưa thể đóng băng được. Thần Tùng Chi xét *Ngụy thư* nói: Quân của Công tháng tám đến Đồng Quan, tháng nhuận qua bờ bắc Hoàng Hà, tức năm ấy nhuận tháng tám vậy, ngờ là lúc ấy trời đã rét đậm rồi!

④ *Ngụy thư* chép: Sau hôm Công cùng bọn Toại gặp mặt nói chuyện riêng, chư tướng nói:

- Công và giặc gặp gỡ nói chuyện, chẳng nên xem thường, nên lấy mộc che cho ngựa để phòng bất trắc.

Công ưng chịu. Giặc sắp gặp Công, đều ở trên ngựa bái lạy, người Tần, Hồ ra xem, trước sau chen chúc, Công cười bảo giặc rằng:

- Bay muốn xem mặt Tào công à? Ta cũng là người thô, chẳng phải bốn mắt hai miệng gì, chỉ nhiều mưu trí thôi!

Rợ Hồ ra xem trước sau rất đông. Công lại sai bày năm nghìn quân thiết kỵ thành mười hàng dài, tinh quang sáng rực như ban ngày, giặc càng kinh sợ.

⑤ Thần Tùng Chi xét: Năm Hán Cao tổ thứ hai, Hán, Sở giao chiến ở vùng Kinh, Tác thuộc Huỳnh Dương, đắp đống đạo ở ven sông để giữ kho lương Ngao Thương. Ứng Thiệu nói: "Sợ địch đến cướp đồ truy trọng, nên sai đắp những bức tường thấp ngoắt ngoéo như ngõ phố để giữ". Nay Ngụy Vũ không đắp những bức tường thấp, chỉ bày liên xa nối nhau lập thành hào để chống giữ hai mặt.

Mùa đông tháng mười, quân từ Trường An lên bắc đánh Dương Thu, vây An Định. Thu ra hàng, được khôi phục quan trước, Công sai ở lại để phủ dụ dân chúng trong vùng. ⑥ Tháng mười hai, Công từ An Định quay về, lưu Hạ Hầu Uyên đóng quân giữ Trường An.

① *Ngụy lược* chép: Dương Thu, năm Hoàng Sơ trung được thăng làm Thảo khấu tướng quân, ngôi vị Đặc tiến, tước Lâm Kính hầu, được hưởng hết tuổi trời.

Năm thứ mười bảy mùa xuân tháng giêng, Công quay về huyện Nghiệp. Thiên tử sách mệnh cho Công khi bái lạy không phải xưng danh, lên triều không phải bước rào, được mang kiếm đi giày lên điện, như việc cũ của Tiêu Hà.

Dur đảng của Mã Siêu là bọn Lương Hưng đóng quân ở Lam Điền, Công sai Hạ Hầu Uyên đánh dẹp bọn chúng. Lại cắt các huyện Đãng Âm, Triều Ca, Lâm Lự của quận Hà Nội, huyện Vệ Quốc, Đốn Khâu, Đông Vũ Dương, Phát Can của Đông Quận, huyện Anh Đào, Khúc Chu, Nam Hòa của quận Cự Lộc, huyện Nhiệm Thành của quận Quảng Bình, các huyện Tương Quốc, Dịch Dương, Hàm Đan của nước Triệu sát nhập vào Ngụy Quận.

Mùa đông tháng mười, Công đi đánh Tôn Quyền.

Năm thứ mười tám mùa xuân tháng giêng, tiến quân tới Nhu Tu khẩu, Công phá doanh trại của Quyền ở Giang Tây, bắt được Đô đốc của Quyền là Công Tôn Dương, rồi dẫn quân về.

Thiên tử hạ chiếu gộp mười bốn châu trong thiên hạ lại, lập lại chín châu. Mùa hạ tháng tư, Công về đến huyện Nghiệp.

Tháng năm ngày Bính Thân, Thiên tử sai Ngự sử Đại phu Si Lự mang cò tiết đến sách mệnh cho Công làm Ngự công,^① rằng:

"Trẫm vốn bất đức, lúc trẻ gặp họa xót thương, phải phiêu dạt nơi Tây thổ, rời sang đất Đường, đất Vệ. Đương lúc bấy giờ, 'vua như miếng vải thừa',^② tông miếu thiếu người tế tự, xã tắc vô chủ; đám hung nghịch dòm dò ngôi chí tôn, chia cắt Hoa Hạ, dân khắp bốn cõi, trẫm không quản nổi, di mệnh của Cao tổ nhà ta sắp rụng rơi xuống đất. Trẫm thường thức khuya dậy sớm, đau đớn kinh sợ trong lòng, nghĩ 'Hỡi tổ tiên cha ông ơi, hỡi các đại thần tiên triều ơi,^③ ai là người thương giúp trẫm đây?' Vì thế cảm động tới trời xanh, đem thừa tướng tới, gánh trách nhiệm bảo hộ cho hoàng gia cho ta, cứu giúp trẫm giữa lúc gian nan, trẫm thật được cậy nhờ. Nay trẫm sắp trao cho người điển lễ, người hãy cung kính theo mệnh trẫm."

"Khi xưa Đông Trác mới gây nạn nước, chư hầu buông ngôi vị để mưu tính cho vương thất,^④ người đề xướng lập phép tắc, cầm đầu việc khởi binh, thế là người có lòng trung với bản triều vậy. Sau gặp lúc Hoàng Cân làm phản thay đổi lễ thiên thường, xâm lấn ba châu của ta, họa lan đến dân đen, người lại diệt trừ bọn chúng để giữ yên phương đông, đấy lại là công của người vậy. Hàn Tiêm, Dương Phụng chuyên quyền dụng uy mệnh, người kịp thời thảo phạt, dẹp bỏ nổi khó khăn cho trẫm, rồi thiên đô về huyện Hứa, gây dựng kinh kỳ cho trẫm, đặt quan chức lo việc tế tự, chẳng đánh mất phép tắc xưa, thiên địa quý thần vì thế được yên, thế lại là công của người vậy. Viên Thuật tiếm nghịch, làm xằng ở Hoài Nam, bị oai thế của người trấn áp phải kiêng sợ, người lại bày rõ kế lớn, trong trận Kỳ Dương, Kiều Nhụy dâng đầu, oai của người bao trùm phương nam, Thuật vì thế phải tan vỡ, đấy lại là công lao của người vậy. Người trở giáo đông chinh, Lã Bố chịu chém giết, người cười xe quay lại, Trương Dương chịu chết gục, Tuy Cỗ phải phục tội, Trương Tú kê cổ cúi hàng, thế lại

là công của người vậy. Viên Thiệu ngỗ nghịch rồi loạn thiên thường, mưu nguy hại cho xã tắc, cậy mình đông quân, đẩy binh loạn nước, đương lúc bấy giờ, vương sư yếu nhược, thiên hạ ghê lòng, chẳng ai bền chí, người giữ vững đại khí, sáng suốt như ánh mặt trời, hết sức gắng gỏi vô bị, vận kế sách biến ảo, cuối cùng đến trận Quan Độ, giết sạch bè lũ xấu xa, ⑤ khiến quốc gia ta thoát cơn nguy biến, đấy lại là cái công của người vậy. Người đưa quân vượt sông lớn, dẹp yên được bốn châu, Viên Đàm, Cao Cán đều chịu bêu đầu, cướp biển trốn chạy, giặc núi Hắc thuận theo phép tắc, đấy lại là cái công của người vậy. Ba tộc người Ô Hoàn, làm loạn suốt hai đời, Viên Thượng nương tựa vào họ, lấn chiếm đất hiểm phương bắc, người buộc ngựa kéo xe, một lần chinh phạt mà diệt được, đấy lại là công của người vậy. Lưu Biểu nông nghênh bội phản, chẳng vâng theo phân công chức, vương sư lên đường, uy phong bay phía trước, tám quận trăm thành, bó tay uốn gối, đấy lại là công của người vậy. Mã Siêu, Thành Nghi, hòa nhau làm ác, chiếm bến Hà, Đồng, buông tuồng sừng ỷ, dã tâm vọng tưởng, người quét sạch Vị Nam, dăng tai giặc kẻ vạn, sau yên định được biên cảnh, hòa mục với rợ Nhung, Địch, đấy lại là công của người vậy. Các tộc Tiên Ti, Đĩnh Linh, ở cách xa nhiều lần dịch tiếng theo đến, Thiên vu, Bạch ốc xin quan nhận chức, đấy lại là công lao của người vậy. Người có công yên định thiên hạ, coi trọng đức sáng, bày ra ngôi thứ, tuyên dương tục tốt, chăm truyền lễ giáo, cẩn thận xét hình, quan lại không làm việc hà khắc, dân chúng không mang lòng thắc mắc; người dộc lòng tôn sùng đế tộc, nối lại dòng đã đứt, tỏ đức cũ công xưa, người chẳng có công không ban phẩm trật; dẫu Y Doãn cảm trời xanh, Chu công ngồi bốn bể, chắc đâu hơn được vậy."

"Trẫm nghe nói các bậc tiên vương đều gây dựng đức sáng, lấy đất phong để báo đáp, ban dân để chia phần, ân huệ hậu để tỏ rõ sự tôn sùng, điển lễ khí vật đủ đầy, để làm phen dậu cho vương thất, phụ tá quân vương đương thời. Vào cái thời của Chu Thành, Quán, Sái không yên, nghĩ đến công của người trị kẻ gây nạn, mới sai Thiệu

Khang công ban lộc cho Tề Thái công,⁽¹⁾ phía đông đến biển, phía tây đến Hoàng Hà, phía nam đến Mục Lăng, phía bắc đến Vô Lệ, Ngũ hầu Cửu bá, đều được đánh họ, nối đời ăn lộc Thái sư, rạng ngời ở cõi đông; Rồi thì đến thời Tương vương, cũng có người nước Sở không vâng theo chức phận làm vương, Tương vương lại lệnh cho Tấn Văn lên làm Hầu bá,⁽²⁾ ban cho hai cỗ xe lớn, quân hổ bôn, búa việt, rượu nếp thượng thặng, cung tên, mở mang nghiệp lớn ở Nam Dương, nối đời làm minh chủ. Nhà Chu sở dĩ không tan vỡ, đấy là nhờ cậy vào hai nước đó vậy. Nay người danh lớn đức sáng, cúi mình thờ trẫm, phụng đáp thiên mệnh, xưng tụng đạo lớn, mở mang công nghiệp, nói rộng chín cõi, tuyệt chẳng ai không noi theo, ⑥ công cao hơn Y, Chu, mà thưởng thấp hơn Tề, Tấn, trẫm lấy làm hổ thẹn lắm.”

“Trẫm chỉ có tấm thân bé mọn, được thác ở ngôi đứng đầu muôn dân, nghĩ đến nỗi gian lao, như lội vực băng, ví chẳng được người giúp đỡ, trẫm không sao gánh vác nổi. Nay gộp mười quận là Hà Đông, Hà Nội, Ngụy Quận, Triệu Quốc, Trung Sơn, Thường Sơn, Cự Lộc, An Bình, Cam Lăng, Bình Nguyên vào Ký châu, phong người làm Ngụy công. Ban cho người đất xanh, gói bằng cỏ bạch mao; được đốt bó mai rùa, để kiến lập xã tắc.”⁽³⁾

“Xưa kia thời nhà Chu, Tất công, Mao công vào triều làm Khanh tá, Chu, Triệu nhận chức Sư bảo ra ngoài làm Nhị bá, gánh vác việc

¹ Chu Vũ vương chết, Chu Thành vương nối ngôi, Chu Công Đán phụ chính. Ba người em của Vũ vương là Quán Thúc Tiên, Hoắc Thúc Xử, Sái Thúc Độ được phong đất làm “Tam giám” để canh chừng Vũ Canh (con của vua Trụ nhà Ân Thương). Ba người nghe Vũ Canh dụ dỗ, mưu lật nhà Chu, khôi phục nhà Thương. Chu công, Triệu công yên định nội chính, đánh dẹp ba người, giết Vũ Canh và Quán Thúc Tiên, bắt Hoắc Thúc Xử và Sái Thúc Độ, rồi phong đất cho em nhỏ của Vũ vương là Khang Thúc công.

² Thời Xuân Thu, nước Sở là chư hầu không theo công chức, Vương tử Đái làm loạn nhà Chu, cướp ngôi của Tương vương, Tấn Văn công diệt Vương tử Đái, lập lại Tương vương, yên định nhà Chu, đánh nước Sở, hiệu lệnh chư hầu, làm Bá.

³ Đây là những nghi thức cao quý mà vua ban cho người có công lớn được dùng, cho phép được gây dựng xã tắc riêng, làm chư hầu giúp đỡ vương thất.

trong ngoài,⁽¹⁾ người thực xứng như vậy, cho người làm Thừa tướng lĩnh chức Ký châu mục như cũ. Lại gia thêm cho người lễ Cửu tích, người hãy kính nghe mệnh trẫm.”

”Người kiến lập lễ luật, để dân theo phép tắc, khiến họ yên với chức nghiệp, không có ai đổi chí, ban cho người được dùng xe lớn, binh xa, mỗi thứ một cỗ, hai cỗ xe huyền mẫu.⁽²⁾ Người khuyến khích dân chăm với chức phận, người người gắng sức, ⑦ siêng năng cấy hái, thóc lúa chất đầy, nghiệp lớn trời đầy, thế nên lại ban cho người y phục là áo cổn, mũ miện, giày đỏ một đôi. Người đôn hậu khiêm nhường, khiến dân chúng làm theo, lớn nhỏ có lễ, trên thuận dưới hòa, thế nên lại ban cho người khúc nhạc Hiên huyền, điệu múa Lục dật.⁽³⁾ Người đề xướng việc tuyên dương phong hóa, truyền khắp tứ phương, người nơi xa đổi ác hướng thiện, Hoa Hạ được sung túc, thế nên lại ban cho người được ở nhà sơn son. Người suy xét sâu xa sáng suốt, nghĩ đến Đế lúc có nạn, trao chức trách cho hiền tài, người thiện lương đều được tiến cử, thế nên ban cho người được ‘nap bệ’ để lên điện.⁽⁴⁾ Người nắm quốc gia đại quyền, chính giáo công bằng, cái ác dù rất nhỏ không gì không ngăn chặn, thế nên lại ban cho người ba trăm dũng sĩ hổ bôn. Người cung kính giữ thiên hình, nêu tỏ hình pháp, ⑧ kẻ phạm tội rồi kỷ cương, chẳng ai không bị kể tội rồi giết, thế nên lại ban cho người đao, búa mỗi thứ một cái. Người như rồng bay hổ nhìn, phóng mắt xa tám cõi, đánh dẹp kẻ phản nghịch, bẻ gãy quân thù xông pha bốn bể, thế nên lại ban cho người một cây cung đỏ, trăm mũi tên đỏ, mười cây cung đen, nghìn mũi tên đen. Người lấy ôn hòa

¹ Chu công, Triệu công, Mao công, Tất công; là những hiền tài rường cột của nhà Chu, phù giúp Chu Thành vương mở mang yên định nghiệp nhà Chu.

² Xe ngựa đôi, mỗi hàng bốn con kéo, toàn dùng ngựa đực màu đen.

³ Hiên huyền, là khúc nhạc vui khi lễ hội tại triều tấu lên vương công thường thức; Lục dật, theo lễ chế, Thiên tử dùng đội múa gồm sáu mươi tư người, chia thành tám hàng, tước công được dùng đội múa có bốn mươi tám người, chia sáu hàng.

⁴ Dưới điện chính tại gian giữa chỗ ngồi hộp quần thần, được phép xây bệ (bậc thêm), quan lại đứng châu thành hàng ở dưới, ai có việc thì bước ra, đứng dưới bậc thêm tâu báo việc.

cung kính làm nền móng, lấy hiếu thuận làm đức, nghiêm minh chân thành hết mực, khiến trăm nghĩ mà cảm động, thế nên lại ban cho người một hũ rượu nếp thượng hạng, một bộ cốc đồng rượu tế bằng ngọc khuê. Nước Ngụy được đặt trăm quan công Khanh ở dưới hàng Thừa tướng, đều theo như thể chế của các vương hầu thời Hán sơ."

"Mong thay, người hãy kính theo mệnh trẫm! Hãy đề bạt, khuyến khích bộ chúng, làm sáng rõ công lao, tỏ hết cái đức vẻ vang của người, để báo đáp và biểu dương di mệnh của Cao tổ ta." ①

① Tục Hán thư chép: Lữ tự Hồng Dự, người quận Sơn Dương huyện Cao Bình. Thời trẻ theo học ở chỗ Trình Huyền, năm Kiến An sơ làm Thị trung.

Giang Biếu truyện của Ngưu Phổ chép: Hiến đế từng đặc triệu Lữ và Thiệu phủ Khổng Dung, Đế hỏi Dung rằng:

- Hồng Dự có sở trường gì?

Dung nói:

- Có thể trao chính đạo, chưa thể trao quyền.

Lữ giờ cái hốt lên nói:

- Trước kia Dung làm chúa ở Bắc Hải, chính sự tan lờ, dân chúng lưu ly, quyền của Dung ở đâu vậy!

Rồi cùng Dung tranh cãi nhau về sở trường sở đoản, dẫn đến bất hòa. Công gửi thư hòa giải hai người. Lữ từ chức Quang lộc huân thăng lên làm Đại phu.

② Công Dương truyện chép: "Quân nhược chuế lưu nhiên." (Vua như miếng vải thừa.) Hà Hưu nói: "Chữ chuế (bị bó buộc) cũng như chữ chuế (vật thừa ra). Chữ lưu (cái tua dưới mũ), là kỳ lưu (cái tua cò) vậy. Dùng miếng vải thừa để làm ví dụ, cũng như là nói đó đồ vật trong tay người ta tùy ý sử dụng vậy."⁽¹⁾

¹ Trần Thọ viết: "Nhược chuế lưu nhiên." Bùi Tùng Chi trích Công Dương truyện, giảng nghĩa chữ chuế (贅) và chữ lưu (旒). Là Hiến đế nói đến thân phận mình như người thừa, ngôi vị là hư hão vậy.

③ Lệnh truyền của Văn hầu giảng: "Diệc duy tiên chính." (Cổ quảng tiên chính cũng là tiên chính vậy.) Trịnh Huyền chú: "Tiên chính, là nói bày tôi đời trước. Là chỉ các công khanh đại phu vậy."⁽¹⁾

④ *Tả thị truyện* chép: "Chư hầu thích vị dĩ gian vương chính." (Chư hầu buông bỏ ngôi vị là để chính đạo của vua được yên ổn.) Phục Kiên viết: "Nói rằng chư hầu buông quyền riêng là để phò tá cho vương thất."⁽²⁾

⑤ *Kinh Thi* viết: "Trí thiên chi giới, vu Mục chi dã." (Đến chỗ cùng trời, là cánh đồng Mục.) Trịnh Huyền giảng rằng: "Chữ giới, là chữ cực (cái chỗ tận cùng) vậy." Phạm Hồng chép: "Là chỗ Cồn bị giết."⁽³⁾

⑥ Bàn Canh nói: "Tuy viên hữu chúng" (Vỗ về dân chúng), Trịnh Huyền giảng: "Chữ 'viên', là chữ 'ư' (ở) vậy, nghĩa là yên ủy chúng nhân." Thiên *Quân thích* nói: "Hải ngưng xuất nhật, vông bất suất tỉ." (Góc bể là nơi Mặt trời mọc, chẳng ai không noi theo.) Chữ 'suất', là noi theo. Chữ tỉ, là sai khiến. Tận nơi góc bể, là chỗ mặt trời hiện ra, không ai không theo phép tắc mà ưng chịu sai khiến.⁽⁴⁾

⑦ Bàn Canh nói: "Đọa nông tự an, bất hôn tác lao." (Lười biếng nghề nông để tự yên, là không gắng sức làm việc). Trịnh Huyền chú: Chữ 'hôn' là chữ miễn (cố gắng) vậy.⁽⁵⁾

⑧ Câu "cử kiên thiên hình" (cung kính giữ thiên hình) xuất ra từ sách *Quốc ngữ*, Vi Diệu chú rằng: "Chữ cử, là chữ sát (suy xét)

¹ Trần Thọ viết: "Cổ quảng tiên chính, kỳ thực năng tuất trăm cung?" Bùi Tùng Chi dẫn câu trong lệnh của Văn hầu giải thích nghĩa câu "Cổ quảng tiên chính."

² Trần Thọ viết: "Quần hậu thích vị dĩ mưu vương thất", Bùi Tùng Chi dẫn câu văn trong *Tả truyện* để chú giải nghĩa của chữ thích (釋).

³ Trần Thọ viết: "Vận kỳ thân sách, trí giới Quan Độ", Bùi Tùng Chi dẫn câu trong *Kinh Thi* để chú thích về nghĩa của chữ giới (届).

⁴ Trần Thọ viết: "Mạc bất suất tỉ", Bùi Tùng Chi dẫn câu văn trong *Kinh Thư*, thiên *Quân thích* để chú thích về nghĩa của chữ suất (率) và chữ tỉ (俾).

⁵ Trần Thọ viết: "Sắc nhân hôn tác", Bùi Tùng Chi dẫn câu văn trong *Kinh Thư* để chú giải nghĩa của chữ hôn (昏).

vậy. Chữ kiên, là chữ kính (cung kính) vậy. Chữ hình, là pháp (hình pháp) vậy."⁽¹⁾

© Lời chiếu đó là của quan Thượng thư Tả thừa nhà Hậu Hán là Phan Úc. Úc tự Nguyên Mậu, người quận Trần Lưu huyện Trung Mậu.

Ngụy thư chép lệnh của Công rằng:

"Ôi nhận cửu tích, mở mang thổ vũ,⁽²⁾ Chu công là người ấy vậy. Tám vị vương gia khác họ đời Hán, cùng Cao tổ đều nổi dậy từ hạng áo vải, sáng định vương nghiệp, công của họ lớn như thế, ta sao có thể sánh cùng?"

Trước sau ba lần khiêm nhường chối từ. Vì thế bọn Trung quân sư Lục thụ đình hầu Tuân Du, Tiền quân sư Đông Vũ đình hầu Chung Do, Tả quân sư Lương Mậu, Hữu quân sư Mao Giới, Bình lỗ tướng quân Hoa hương hầu Lưu Huân, Kiến Vũ tướng quân Thanh Uyển đình hầu Lưu Nhược, Phục Ba tướng quân Cao An hầu Hạ Hầu Đôn, Dương Vũ tướng quân Đô đình hầu Vương Trung, Phấn uy tướng quân Nhạc hương hầu Lưu Triễn, Kiến trung tướng quân Xương hương đình hầu Tiên Vu Phụ, Phấn Vũ tướng quân An Quốc đình hầu Trình Dục, Thái Trung đại phu Đô hương hầu Giả Hủ, Quân sư tế tửu Thiên thu đình hầu Đồng Chiêu, Đô đình hầu Tiết Hồng, Nam hương đình hầu Đồng Mông, Quan nội hầu Vương Xán, Phó Tồn, Tế tửu Vương Tuyền, Viên Hoán, Vương Lăng, Trương Thừa, Nhâm Tuấn, Đỗ Tập, Trung hộ Quốc minh đình hầu Tào Hồng, Trung lĩnh quân Vạn tuế đình hầu Hàn Hạo, hành Kiêu kỵ tướng quân An Bình đình hầu Tào Nhân, lĩnh Hộ quân Tướng quân Vương Đồ, Trưởng sử Vạn Tiềm, Tạ Hoán, Viên Bá dâng biểu tấu khuyên rằng:

¹ Trần Thọ viết: "Quân củ kiên thiên hình", Bùi Tùng Chi dẫn câu văn trong sách *Quốc ngữ*, lại dùng lời chú của Vi Diệu để chú giải nghĩa của chữ củ (紂), chữ kiên (虔) và chữ hình (刑).

² Thổ vũ (土宇), có nghĩa là cương vực, quốc thổ. Mở mang thổ vũ tức là được dựng lập quốc gia riêng.

"Từ đời tam đại xa xưa, lấy đất phân phong để báo đáp bầy tôi, người chịu mệnh trung hưng phong phẩm trật cho kẻ phụ tá, đều là để khen công thưởng đức, lấy họ làm phiên vệ cho quốc gia."

"Trước đây thiên hạ băng loạn, bè lũ hung nghịch trỗi dậy, điên cuồng ngang ngược, nhiều không kể xiết. Minh công hăng hái đem thân xông pha vào nơi nguy hiểm, tru diệt hai họ Viên ngỗ nghịch soán đạo, diệt bọn loạn giặc Hoàng Cân, giết sạch lũ cầm đầu hung nghịch, quét sạch loài nhơ nhớp, tắm sương gội gió hơn hai mươi năm, từ khi có thư tịch đến nay, chưa có ai có được cái công như thế."

"Xưa kia Chu công nối theo vết xưa của Văn, Vũ, nhận cái nghiệp lớn đã thành, cao gối cầm bút, cung kính chư hầu, hậu đãi Thương Yêm, chẳng quá hai năm,⁽¹⁾ Lã Vọng nhân hình thế quốc gia ba phần đã có hai, dựa vào cái thế của tám trăm chư hầu, chọt cầm mao việt, một lần trở cò, rồi mở mang thổ vũ, vượt châu kiêm quốc. Tám người con của Chu công đều làm hầu làm bá, dùng trâu đực sắc trắng lông đỏ, cúng tế trời đất, sắp đặt điển chương lễ vật đầy đủ, phỏng theo vương thất, tôn quý sủng vinh lừng lẫy đến như thế."

"Rồi đến nhà Hán hưng khởi, bầy tôi phù tá theo mệnh như bọn Trương Nhĩ, Ngô Nhuế, công lao của họ rất nhỏ, mà cũng được mở đất liên thành, ngoảnh mặt về nam xưng Cô.⁽²⁾ Đấy đều là vua sáng chủ thấu hành sự ở trên, tôi hiền quan giỏi chịu mệnh ở dưới, chính lệnh của thời Tam đại, là phép sáng của vua Hán vậy."

"Nay so sự khó nhọc thì Chu, Lã còn nhàn, xét kể công lao thì Trương, Ngô còn nhỏ, luận về phép tắc thì Tề, Lỗ còn nặng, nói đến đất đai thì Trường Sa là nhiều; thế thì tước phong của nước Ngụy, phải được cái vinh Cửu tích, có đâu lại giữ cái thưởng cũ, giống như mang ngọc mà

¹ Nước Thương Yêm, còn gọi là nước Yêm, là tiểu quốc, đất phong của Vũ vương cho con cháu nhà Ân, đến đời Chu Thành vương làm loạn, bị Chu công đánh dẹp, đến giữa thời Xuân Thu, nước này bị nước Ngụy diệt.

² Trương Nhĩ (张耳), là Thừa tướng nước Triệu, theo Hạng Vũ vào Quan Trung, được lập làm Thường Sơn vương; Ngô Nhuế (吴芮), làm huyện lệnh huyện Bà Dương, cũng theo Hạng Vũ, được lập làm Hành Sơn vương. Hai người này sau theo Hán Cao tổ Lưu Bang, công lao tuy không nhiều lắm, nhưng đều được phong vương tước.

mặc áo vải thô vậy. Vả lại liệt hầu chực tướng, may vịn bám vây rồng, cũng được thưởng riêng chút công mọn, đeo dây thao tía mặc áo vàng, số ấy có đến cả trăm, cũng sẽ nhờ đó mà truyền cho vạn đời, nhưng riêng mình công từ chối ngôi thưởng ở trên, sẽ khiến cho những kẻ ở ngôi dưới tự thấy trong dạ bất an, trên trái lòng hoan hỉ của thánh triều, dưới mất lòng mong mỏi của kẻ đai mũ, quên nghiệp lớn của người phụ tá, thật sự đó là việc làm nhỏ mọn của kẻ thất phu, là điều mà bọn Du rất lấy làm sợ hãi vậy.”

Vì thế Công ra sắc lệnh cho bên ngoài làm tấu chương, chỉ nhận đất Ngụy Quận. Bọn Du lại tấu nói:

“Xét thấy lúc bắt đầu phong Ngụy quốc, thánh triều nẩy mối lo, đã hỏi kế mưu của trăm quan, rồi sau mới ban sách mệnh; nhưng mình công trái ý chỉ của chúa thượng đã lâu, là không hợp đại lễ vậy. Nay đã kính vâng chiếu mệnh, thuận theo nguyện vọng của chúng nhân, lại chối nhiều lấy ít, nhường chín nhận một, thế cũng như là cái thưởng của Hán triều không được thi hành, mà cái cầu xin của bọn Du không được nghe theo vậy. Xưa kia Tề, Lỗ nhận thụ phong, bao la đến Đông Hải, bờ cõi được thu thuế, đến bốn trăm vạn nhà, gốc lớn nghiệp rộng, yên ổn để lập công, cho nên cái công phù giúp có thể thành, lập nên công lao khuông phò hiển hách. Nay Ngụy quốc dẫu tiếng là mười quận, nhưng còn ít hơn Khúc Phụ,⁽¹⁾ tính về số hộ, không thể bằng một nửa, để làm phiên vệ cho vương thất, dựng tường làm bình phong, còn chưa đủ vậy. Vả lại thánh thượng xét nhà Tần mất vì cái họa không có người giúp đỡ, soi xét cái nạn nhiễu loạn ngày trước, phò thác trọng trách gây dựng cho kẻ trung hiền, để loại bỏ cái họa như trước kia, xin mình công cung kính vâng theo Đế mệnh, không nên ngờ vực cự tuyệt làm trái.”

Công liền vâng mệnh.

Ngụy lược chép bức thư đáp tạ của Công dâng lên rằng:

“Thần chịu hậu ân của tiên đế, cho giữ chức Lang, bản tính lười biếng, ý lại mong được vẹn toàn, không dám hy vọng ngôi cao, hay mong cầu được vẻ vang. Gặp lúc Đông Trác gây loạn, vì nghĩa đáng phải chết vì

¹ Ý nói đất phong của Chu Công Đán, là nước Lỗ vậy.

nạn nước, cho nên dám gắng sức đem thân nhận mệnh, đi tiên phong thống suất quân sĩ, may gặp thời cơ nghìn năm mới có, bèn vâng mệnh sai khiến thuộc hạ. Đương lúc hai họ Viên sôi sục càn bậy, Bệ hạ với thần ghê lòng chung lo lắng, ngẩng trông khắp kinh sư, tiến thì đôi đầu với địch mạnh, thường sợ vua tôi đều sa vào miệng hổ, thực không tự nghĩ rằng có thể bảo toàn được cái đầu trên cổ. Cậy nhờ vào anh linh của tổ tiên, bọn xấu đã bị di diệt, khiến kẻ bầy tôi hèn mọn từ đây được vang danh. Bệ hạ lại gia ân, trao cho thần chức Thượng tướng, phong cho tước lộc vẻ vang, hậu hĩnh như trời bể, ước nguyện của thần lúc bình sinh, thật chẳng mong cầu vậy."

"Ngoài miệng và trong lòng thần toan tính, được yêu thích là đợi tội vậy, nên chỉ giữ tước Liệt hầu, để truyền cho con cháu, tự thác thân mình cho bậc thánh minh, để vĩnh viễn không có gì phải lo lắng. Ngờ đâu bệ hạ ban phát thịnh ý, mở nước phong thưởng, để ban cho ngu thần, đất đai sánh với Tề, Lỗ, lễ ngang với phiên vương, thế chẳng phải là thần không có công mà nhận thưởng? Thần bày tỏ lên bệ hạ, bệ hạ không nghe, chiếu thư nghiêm khắc gửi đến, thực khiến cho thần cúi xuống ngẩng lên đều bị bức ép."

"Thần cúi mình tự xét, ngôi bậc đại thần, mà giữ chế mệnh của vương thất, là thứ mà bản thân thần chẳng có, há dám tự mình vọng tưởng, đó là ngu ý của thần, thực cũng muốn bỏ mà lui, muốn được theo mệnh lệnh làm việc như lúc trước. Nay vâng nhận cương thổ, chịu mệnh làm phen dậu cho thiên tử, chẳng dám hưởng thụ lâu dài, mà phải lo nghĩ cho hậu thế; cha con thần cùng thế đến trọn đời, thân tan mệnh hết, để đến đáp hậu ân. Oai trời trước mặt, sợ hãi mà nhận chiếu."

Mùa thu tháng bảy, bắt đầu xây dựng tông miếu xã tắc nước Ngụy. Thiên tử đưa sính lễ lấy ba con gái của Công làm Quý nhân, cô nhỏ nhất phải đợi trưởng thành ở nước Ngụy.①

Tháng chín, xây đài Kim Hồ, sai đào kênh dẫn nước từ sông Chương vào Bạch Câu thông với Hoàng Hà. Mùa đông tháng mười, chia Ngụy quận thành hai bộ Đông Tây, đặt chức Đô úy. Tháng mười một, bắt đầu đặt các chức Thượng thư, Thị trung, Lục khanh.②

① *Hiển đế khởi cư chú* chép: Đế sai Sử trì tiết là hành Thái thường Đại tư nông An Dương đình hầu Vương Ấp, đem ngọc bích, lụa sớ, lụa đỏ pha sắc đen huyền và năm vạn xấp vải mộc đưa tới huyện Nghiệp nạp sớ lễ, giới giả năm người,⁽¹⁾ đều là quan Nghị lang coi việc Đại phu, một người làm Phó giới.

② *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Lấy Tuân Du làm Thượng thư lệnh, Lương Mậu làm Bộc xạ, Mao Giới, Thôi Diễm, Thường Lâm, Từ Dịch, Hà Quý làm Thượng thư, bọn Vương Xán, Đỗ Tập, Vệ Ký, Hòa Hiệp làm Thị trung.

Mã Siêu ở Hán Dương, lại nương tựa vào người Khương, người Hồ gây hại, Đê vương Thiên Vạn làm phản hưởng ứng Siêu, đóng quân ở Hưng Quốc. Công sai Hạ Hầu Uyên tới đánh dẹp chúng.

Năm thứ mười chín mùa xuân tháng giêng, bắt đầu cử hành nghi thức cày ruộng tịch điền.⁽²⁾

Bọn Triệu Cù ở Nam An, Doãn Phụng ở Hán Dương dẹp Mã Siêu, chém bêu đầu vợ con Siêu. Siêu chạy vào Hán Trung. Hàn Toại dời đến Kim Thành, vào bộ lạc của Đê vương Thiên Vạn, thống suất hơn vạn kỵ binh người Khương, Hồ cùng Hạ Hầu Uyên giao chiến, Uyên đánh, đại phá bọn chúng, Toại bỏ chạy tới quận Tây Bình. Uyên cùng chư tướng tấn công Hưng Quốc, giết sạch người nơi này. Xóa bỏ hai quận An Đông và Vĩnh Dương.

Thái thú An Định là Quán Khâu Hưng sắp đi nhận chức quan, Công răn bảo Hưng rằng:

¹ Giới giả là người giúp việc lễ, ở đây là người làm mai mối.

² Lễ tịch điền được tiến hành vào mùa xuân, vua và quan lại lần lượt xuống ruộng cày một vài đường để khích lệ dân làm nông nghiệp. Sau lễ cúng Thần Nông, vua cày ba luống, vương tôn và công khanh cày bảy luống, sĩ phu cày chín luống. Sau đó thửa ruộng này sẽ được chăm sóc và sản phẩm ở ruộng đó được dùng vào ngày lễ tịch điền năm sau.

- Người Khương, Hồ và người Trung Quốc qua lại, nên để họ tự phải người đến, người chờ cho người qua đó. Người tốt thì khó có được, tất họ sẽ khuyên người Khương, Hồ yêu cầu đòi hỏi xứng bầy, nhân đó để tư lợi; nếu ta không theo ý họ là trái với tục của họ, mà nghe theo họ thì không có ích gì cho việc nước.

Hung đến quận, phái Hiệu úy là Phạm Lăng đến Khương Trung, quả nhiên Lăng khuyên người Khương thỉnh cầu chức Thuộc quốc Đô úy. Công nói:

- Ta dự đoán việc này sẽ xảy ra thôi, chẳng phải là ta có tài thánh gì, chỉ là vì ta đã từng trải mà thôi.①

① *Hiến đế khởi cư chú* chép: Đế sai hành Thái thường coi việc Đại tư nông là Dương Đình hầu Vương Ấp cùng Tông chính là Lưu Ngải, đều cầm cờ tiết, và năm người làm giới giả, đem một chiếc xe bốn ngựa kéo chở lụa sớng làm đồ lễ, cùng các quan Cấp sự Hoàng môn thị lang, Dịch đình thừa và hai vị Trung thường thị, đến đón hai Quý nhân ở nước Ngụy.

Tháng hai ngày Quý Hợi, lại tới tông miếu của Ngụy công để trao ấn thụ cho hai vị Quý nhân.

Ngày Giáp Tý, mọi người đến tận cửa Duyên Thu của Ngụy công, đón các Quý nhân lên xe. Nước Ngụy phái các quan Lang trung lệnh, Thiếu phủ, Bác sĩ, Ngự phủ thừa Hoàng cứu lệnh, Thừa tướng duyên theo hầu đưa tiễn Quý nhân.

Ngày Quý Dậu, hai vị Quý nhân đến trung tâm huyện Vị Thương, Đế phái Thị trung là Đan Tương Nhữ đem theo quân hổ bôn cuối ngựa trạm đến đón rước.

Ngày Ất Hợi, hai vị Quý nhân vào cung, Ngự sử Đại phu và các quan Thị trung ăn lộc hai nghìn thạch dẫn các Đại phu, Nghị lang đến gặp mặt ở trong cung, hai vị quan khanh nước Ngụy và các vị Thị trung, Trung lang, cùng các quan công khanh nhà Hán đều lên điện ăn yến.

Tháng ba, Thiên tử cho Ngụy công giữ ngôi vị đứng trên tất cả các vị vương hầu, đổi kim ấn, mang dây thao tía, mũ có tua dài.①

① *Hiển đế khởi cư chú* chép: Đế sai quan Tả trung lang tướng là Dương Tuyên, Đình hầu là Bùi Mậu đem cờ tiết, ấn thụ đến trao cho Công.

Mùa thu tháng bảy, Công đi đánh Tôn Quyền.^①

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Tham quân Phó Cán can rằng:

- Cai trị thiên hạ có hai việc lớn, là dụng văn và dụng võ; dụng võ thì lấy uy làm đầu, dụng văn thì lấy đức làm đầu, uy đức nâng đỡ nhau, thì sau này vương đạo hoàn bị vậy. Trước đây thiên hạ đại loạn, trên dưới mất thể thống, minh công dùng võ đánh dẹp, mười phương đã bình được chín. Nay không vâng vương mệnh, chỉ còn Ngô và Thục vậy, Ngô có thể hiểm Trường Giang, Thục có núi cao ngăn trở, dùng uy để khuất phục là khó, dùng đức để yên ủy thì dễ hơn. Ngu ý cho rằng nên tạm bỏ giáp khí dùng việc binh đao, để dưỡng sức quân, chia đất phong quan, luận công ban thưởng, như thế thì trong ngoài đều yên, kẻ có công được khuyến khích, thì thiên hạ biết tuân theo phép vậy. Rồi sau sẽ dần mở mang trường học, để giáo huấn thiện tính của người ta, biết lấy tiết nghĩa làm đầu. Thần vũ của minh công đã vang dội bốn bề, nếu sửa việc văn để giúp đỡ người, làm thành phép tắc cho cả thiên hạ, không lẽ gì người ta không phục. Nay cất chục vạn binh sĩ, dùng ở bến sông Giang, nếu giặc quyết giữ vững náu mình nơi hiểm trở, thì quân mã của ta chẳng thể trở được tài năng, mưu kế lạ cũng không thi thố được, thế thì cái uy lớn kia tổn hại mà trong bụng kẻ địch cũng chưa chịu phục vậy. Thiết nghĩ minh công hãy nghĩ việc Ngu Thuấn mùa kiền thích, vện uy dưỡng đức, dùng đạo để thắng địch.⁽¹⁾

Công không nghe, quân đi không thu được công trạng gì.

Cán tự Ngạn Tài, người quận Bắc Địa, đến cuối đời làm Thương tào thuộc cho Thừa tướng. Có một con tên Huyền.

¹ Kiền thích (干戚), là đồ nghi trượng. Tích xưa kể rằng, rợ Miêu không phục vua Nghiêu, Nghiêu sai tướng đi đánh, không dẹp được. Vua Thuấn nói vua Nghiêu, sai mùa kiền thích thị oai ở cung đình, bảy ngày sau rợ Miêu sợ uy đức đến hàng.

Khi trước, người ở quận Lũng Tây là Tống Kiến tự xưng là Hà thủ Bình Hán vương, tụ tập bộ chúng ở huyện Bao Hãn, cải niên hiệu, đặt ra trăm quan, cát cứ hơn ba mươi năm. Công phái Hạ Hầu Uyên từ Hưng Quốc đến đánh dẹp Kiến. Mùa đông tháng mười, Uyên đánh giết sạch người ở Bao Hãn, chém đầu Kiến, Lương châu bình.

Công từ Hợp Phì trở về.

Tháng mười một, Hoàng hậu nhà Hán là Phục thị bị buộc tội ngày trước đã viết thư cho cha mình là cố Đôn kỵ Hiệu úy Phục Hoàn, nói rằng Đế từ lúc Đông Thừa bị tru diệt thì oán hận Công, lời lẽ rất xấu xa, tin loang ra, Hậu bị truất ngôi phải chết, anh em đều bị xử tử.^①

① *Tào man truyện* chép: Công sai Hoa Hâm điểm binh vào cung bắt Hậu, Hậu đóng cửa nách trốn ở trong vách. Hâm phá cửa nách phát hiện Hậu trốn sau vách, bèn kéo Hậu ra.

Đế bấy giờ cùng Ngự sử Đại phu là Si Lự ngồi đấy, Hậu bị nắm tóc đi chân không bước qua, núm tay Đế nói:

- Không thể giúp nhau sống được nữa sao?

Đế nói:

- Ta cũng chẳng biết mạng ta còn được đến lúc nào nữa.

Đế bảo Lự rằng:

- Si công, trong thiên hạ thật có việc thế này sao!

Rồi Hậu bị giết, tông tộc nhà Hoàn bị chết đến mấy trăm người.

Tháng mười hai, Công đến Mạnh Tân. Thiên tử sắc mệnh cho Công được đặt nghi trượng "mao đầu",⁽¹⁾ trong cung điện được treo chuông khánh lớn. Ngày Ất Mùi, Công xuống lệnh rằng:

¹ Mao đầu (旄头), là một nghi thức đặc biệt ban cho người cầm quân, trên xe có cắm cờ gắn lông đuôi bò vào cán, tượng trưng cho uy quyền.

"Những kẻ sĩ có đức hạnh chưa hẳn đều có khả năng tiến thủ, kẻ sĩ có chí tiến thủ chưa hẳn đã là người đức hạnh vậy. Trần Bình há phải là người có đức hạnh, Tô Tần há phải là người thủ tín? Nhưng Trần Bình yên định được nghiệp Hán, Tô Tần giúp được nước Yên yếu nhược. Bởi thế mới nói rằng, kẻ sĩ có sở đoản, há có thể phớt bỏ không dùng họ hay sao! Mong Hữu ti hãy nghĩ đến cái nghĩa ấy, thì kẻ sĩ sẽ không bị bỏ sót, quan lại không phải bỏ nghiệp vậy."

Lại nói:

"Hình pháp, là sinh mệnh của trăm họ vậy, nhưng có người giữ hình ngục ở trong quân lại không cho là thế, mà để người như thế gánh vác việc sống chết của ba quân, ta rất lấy làm lo. Nay hãy chọn lấy những người thấu hiểu việc hình pháp, sai nắm giữ phép dụng hình."

Bởi thế mới đặt ra chức Lý tào duyên thuộc.

Năm thứ hai mươi mùa xuân tháng giêng, Thiên tử lập con gái giữa của Công làm Hoàng hậu. Cắt bớt đất đai ở các quận Vân Trung, Định Tương, Ngũ Nguyên, Sóc Phương, mỗi quận lấy ra một huyện cùng dân chúng ở đấy, gộp lại làm quận Tân Hưng.

Tháng ba, Công tây chinh Trương Lỗ, đến Trần Thương, chuẩn bị từ quận Vũ Đô tiến vào xứ sở của rợ Đê; rợ Đê chặn đường, Công phái bọn Trương Cáp, Chu Linh đi trước công phá rợ Đê. Mùa hạ tháng tư, Công từ Trần Thương ra Tán Quan, đến Hà Trì. Đê vương là Đâu Mậu bộ chúng có hơn vạn người, cậy hiểm không phục, tháng năm, Công vây đánh giết sạch chúng. Bọn tướng ở quận Tây Bình, Kim Thành là Khúc Diễn, Tướng Thạch chung sức chém đầu Hàn Toại đưa đến chỗ Công.①

Mùa thu tháng bảy, Công đến Dương Bình. Trương Lỗ sai em là Vệ cùng bộ tướng là bọn Dương Ngang giữ ải Dương Bình, chẹn ngang núi đắp thành dài hơn chục dặm, Công đến đánh không hạ được, bèn dẫn quân về. Giặc thấy đại quân lui, bèn giải tán quân phòng bị. Công liền mật sai bọn Giới Tâm Phiếu, Cao Tộ mạo hiểm tập kích ban đêm, đại phá chúng, chém được

tướng của chúng là Dương Nhiệm, rồi tiến đánh Vệ, bọn Vệ bỏ trốn ngay trong đêm, quân Lỗ tan vỡ chạy vào Ba Trung. Quân của Công vào được Nam Trịnh, thu hết được đồ trân bảo trong phủ khố của Lỗ.② Người đất Ba, đất Hán đều ra hàng. Công khôi phục quận Hán Ninh đổi thành quận Hán Trung; chia huyện An Dương, Tây Thành của quận Hán Trung lập quận Tây Thành, đặt quan Thái thú; tách huyện Tích, huyện Thượng Dung lập thành quận Thượng Dung, đặt quan Đô úy.

① *Diễn lược* chép: Toại tự Văn Ước, ban đầu cùng người đồng quận là Biên Chương đều nổi danh ở các châu quận phương tây. Chương làm Đốc quân Tông sự. Toại vâng mệnh đến kinh sư, Hà Tiến vốn nghe danh Toại, cho đặc cách cùng gặp gỡ, Toại khuyên Tiến sai người giết lũ yêm hoạn, Tiến không nghe, Toại bèn quay về. Gặp lúc bọn người Lương châu là Tống Dương, Bắc Cung Ngọc làm phản, suy cử Chương và Toại làm chủ soái, Chương bỗng nhiên mắc bệnh chết, Toại vì bị bọn Dương bức hiếp, bất đắc dĩ, Toại trở binh làm loạn, tính đến đó là ba mươi hai năm, thì bị giết, bấy giờ đã hơn bảy mươi tuổi rồi.

Linh đế kỷ của Lưu Ngải chép: Chương, có một tên khác là Doãn.

② *Ngụy thư* chép: Quân từ núi Vũ Đô đi qua nghìn dặm, đường lên xuống hiểm trở, quân lính lao nhọc; Công vì thế mở tiệc lớn đãi quân sĩ, chẳng ai không quên hết những lao khổ vừa trải qua.

Tháng tám, Tôn Quyền vây Hợp Phì, Trương Liêu, Lý Điển tập kích phá được.

Tháng chín, bảy họ người rợ ở đất Ba của Di vương là Phác Hồ, Ấp hầu đất Tung là Đỗ Hoạch đem hết người Di của đất Ba và dân chúng người Tung đến quy phục, Công bèn tách Ba Quận, lấy Hồ làm Thái thú Ba Đông, Hoạch làm Thái thú Ba Tây, đều phong họ làm Liệt hầu. Thiên tử sách mệnh cho Công được thừa chế phong hầu bá quan tướng cho các chư hầu.①

① *Hán Ngụy Xuân Thu* của Khổng Diễn chép: Thiên tử cho Công chủ trương gánh vác các việc bên ngoài, lâm sự thì ban thưởng,

hoặc tùy nghi ứng biến, còn mệnh cho Công được thừa chế báii tướng phong hầu cho các chư hầu, chiếu viết:

"Việc lớn trong quân, là ở chỗ thưởng phạt, khuyến khích việc thiện trừng trị kẻ ác, cốt phải kịp thời, cho nên Tư Mã Pháp nói: 'Việc thưởng chẳng nên trễ qua ngày', là muốn cho dân sớm thấy được cái lợi của việc thiện vậy."

"Trước kia vào thời trung hưng, Đặng Vũ vào cửa quan, thừa chế báii Quân tể tửu là Lý Văn làm Thái thú Hà Đông, Lai Hấp lại thừa chế báii Cao Tuấn làm Thông lộ tướng quân, xét những truyện trước đây, đều không phải thỉnh ý trước, để việc đến nơi rồi mới khắc ấn vậy, đấy là phép tắc của Thế tổ thần minh, quyền nghi mà không câu nệ thêm bớt, đó là dùng sự quyền biến tức thời để tỏ rõ uy đức mà nêu bật cái công lao to lớn vậy."

"Theo nghĩa Xuân Thu, quan đại phu ra ngoài cõi, được phép chuyên quyền, nếu sự chuyên quyền ấy là để làm lợi cho xã tắc yên ổn quốc gia mà thôi. Phương chi người nắm giữ trọng trách của nhị bá, là tướng quốc hàm Cửu tích, thực sự cầm quân đi chinh phạt Di Hạ, đem quân ra ngoài cõi, cái được cái mất trong khoảnh khắc, dùng việc khen thưởng vì đời chiếu chỉ là trì trệ công việc của quân vương, thế là không đúng với mong muốn của trẫm vậy."

"Từ nay về sau, những khi lâm sự, việc đáng ban thưởng thì ban thưởng ngay, cho người được thiện tiện khắc ấn chương tাম ban thưởng, đều là khiến cho kẻ trung nghĩa được tướng thưởng khích lệ, người chó lấy làm ngờ."

Mùa đông tháng mười, mới đặt ra danh hiệu từ Hầu tước đến Ngũ đại phu, cùng cự Liệt hầu, cự Quan nội hầu, gồm có sáu hạng, để khen thưởng cho những người có công vì việc quân.①

① *Ngụy thư* chép: Định ra tước hầu có mười tám cấp hiệu, tước Quan Trung hầu có mười bảy cấp, đều được mang kim ấn và dây thao tía; lại ấn định tước Quan nội ngoại hầu có mười sáu cấp, được mang ấn đồng có núm hình con rùa đeo dây thao đen; Ngũ đại phu có mười lăm cấp, mang ấn đồng có núm hình vành khuyên, cũng đeo dây thao đen, tất cả đều không được hưởng

thực ấp, còn các cựu Liệt hầu và cựu Quan nội hầu bao gồm có sáu hạng.

Thần Tùng Chi cho rằng nguồn gốc của việc hư phong hiện nay là từ đấy mà ra.

Tháng mười một, Lỗ từ Ba Trung thống suất số binh sĩ còn lại của mình ra hàng. Công phong cho Lỗ và năm con đều làm Liệt hầu.

Lưu Bị tập kích Lưu Chương, đoạt lấy Ích châu, rồi lại chiếm cứ vùng Ba Trung; Công phái Trương Cáp đến đánh Bị. Tháng mười hai, Công từ Nam Trịnh trở về, lưu Hạ Hầu Uyên đóng binh giữ Hán Trung.①

① Lần hành quân ấy, Thi trung là Vương Xán làm bài thơ ngũ ngôn để tán dương việc hành quân như sau:

"Tòng quân có sướng khổ,
Hỏi rằng anh theo ai.
Ta theo bậc thần vũ,
Sao khó nhọc lâu dài?
Tướng công chinh Quan Hưu,
Hiển hách chấn thiên uy,
Một trận diệt Huân Lỗ,
Hai trận phục Khương Di,
Thu biên tây của giặc,
Như lượm đồ bỏ đi.
Bày thưởng cao hơn núi,
Rượu thịt tràn qua sông,
Trong quân no đủ cả,
Người khỏe ngựa béo phì,
Quân đi thuyền trở lại,
Ra binh lương còn dư.
Mở đất ba nghìn dặm,
Đi lại nhanh như phi.
Ca múa về thành Nghiệp,
Sở nguyện chẳng sai gì."

Năm thứ hai mươi một mùa xuân tháng hai, Công quay về huyện Nghiệp.^① Tháng ba ngày Nhâm Dần, Công đích thân cày ruộng tịch điền.^② Mùa hạ tháng năm, Thiên tử tấn phong Công lên tước Ngụy vương.^③ Hành Thiên vu người Ô Hoàn ở Đại Quận là Phổ Phú Lô cùng Hầu vương xứ ấy vào châu. Thiên tử xuống lệnh cho con gái của Vương được làm Công chúa, ăn lộc ấp thang mộc.⁽¹⁾

Mùa thu tháng bảy, Thiên vu xứ Nam Hung Nô là Hô Trù Tuyên đưa Vương hầu xứ ấy vào châu, Ngụy vương dùng khách lễ tiếp đãi, rồi lưu lại nước Ngụy, sai Hữu Hiền Vương là Khứ Tư coi việc nước.

Tháng tám, dùng quan Đại lý là Chung Do làm tướng quốc.^④

① *Ngụy thư* chép: Ngày Tân Mùi, Hữu ti làm cỗ thái lao cáo tế, chép công lao của những người có công trước miếu đường, ngày Giáp Ngọ, bắt đầu tế xuân, xuống lệnh rằng:

"Kẻ bàn luận nói rằng vào nơi đền miếu khi lên thượng điện cúng tế phải cởi giày. Ta thụ mệnh triều đình, khi lên thượng điện được đeo kiếm và không phải cởi giày. Nay có việc ở chốn miếu đường mà ta cởi giày, là tôn kính tiên công mà bỏ vương mệnh, cung kính cha ông nhưng vô lễ với quân vương, cho nên ta chẳng dám cởi giày khi lên thượng điện vậy. Thêm nữa là lúc sắp tế lễ phải rửa tay, dùng nước tưới lên tay mà không cọ rửa. Rửa tay cho sạch sẽ là cung kính, ta chưa nghe đến lễ tưới nước lên tay mà không rửa, vả lại 'tế thần như có thần ở đó', cho nên ta phải tự mình lấy nước mà rửa tay vậy. Lại nữa, khi cúi lạy thần dâng lễ vật xong, kẻ ở dưới phải yên lặng mà đứng dậy, đợi tấu nhạc kết thúc, như thế là không có lỗi với tổ tiên, lúc tế lễ thì phải thông thả không được qua loa cho xong việc, nên ta ngồi yên đợi tiếng nhạc tiễn thần linh dứt hẳn mới đứng dậy. Sau đó nhận lấy phần thịt tế trao

¹ Ấp thang mộc: Theo nghĩa đen là vùng đất tắm gội của vua khi tế trời đất, thần linh hay tế tổ tiên. Nghĩa rộng có thể hiểu đây là vùng đất phát tích của triều đại. Được hưởng ấp thang mộc tức là phần thưởng rất cao quý mà vua ban thưởng cho người giữ tước vương hoặc đại công thần hay người có địa vị đặc biệt.

cho quan Thị trung, thế là chứng tỏ đã cung kính hết mực, khi xưa người chủ đích thân giữ việc tế lễ, cho nên ta tự tay dâng đồ tế cho thần linh, sau cùng là khoanh tay lui xuống vậy. Trọng Ni nói: 'Dẫu trái số đông, nhưng ta theo lễ', lời ấy thành thật thay."

② *Ngụy thư* chép: Hữu ti tấu rằng:

"Xưa bốn mùa giáng võ lúc nông nhàn. Nhà Hán kế thừa pháp chế nhà Tần, ba mùa không giáng võ, duy có tháng mười là cho thi đánh xe, Đế đến cửa nam Trường Thủy, tập hợp năm dinh quân bày bát trận tiến lui, gọi là 'Hội đánh xe'. Nay binh đao chưa nghỉ, sĩ dân vốn đã quen, từ nay về sau, có thể không cần giáng võ bốn mùa, chỉ chọn ngày trạch cát⁽¹⁾ sau ngày lập thu cho kiểm duyệt đánh xe cưỡi ngựa, gọi là 'duyet binh', trên hợp với lễ danh, dưới kế thừa được pháp chế của nhà Hán."

Đế chuẩn tấu.

③ *Hiến đế truyện* chép chiếu rằng:

"Từ xưa các bậc đế vương, dẫu danh xưng thay đổi, ngôi tước thứ bậc bất đồng, song đến như việc khen thưởng những người có công lớn, gây dựng công đức, khai sáng dòng họ, truyền đến cháu con, chi thứ hay kẻ thân gần, há có gì khác biệt đâu."

"Khi xưa thánh tổ ta chịu mệnh, sáng nghiệp dựng nền móng, xây đắp Khu Hạ⁽²⁾ ta, soi lại phép tắc xưa nay, thông qua thứ bậc chức tước, phong hết sông núi cho họ để lập phen dẫu, khiến cho kẻ khác họ được thân gần, chia cho họ đất đai, để họ giữ nước làm vương, nhờ đó giữ gìn được thiên mệnh, yên ổn bền vững vạn đời. Trái mấy đời bình trị, quân thần vô sự. Thế tổ trung hưng, nhưng bấy giờ có khó có dễ, vì thế bỏ việc phân phong được mấy trăm năm, không có người khác họ được giữ ngôi vị vương hầu."

"Trăm vốn bất đức, được kế thừa nghiệp lớn, không ngờ gặp lúc đất nước tan vỡ, bọn hung ác phóng túng tàn độc, từ tây sang đông, cay đắng khổ sở khôn cùng. Giữa lúc ấy, chỉ sợ đắm chìm vào nơi gian khó, để điểm nhục đến thánh đức của Tiên đế. Cậy nhờ anh linh của hoàng

¹ Tức là ngày tốt lành.

² Khu Hạ cũng hiểu như Hoa Hạ, là vùng đất trung tâm của nước Trung Hoa cổ.

thiên, sai khiến người chủ trì đạo nghĩa gắng gỏi sức mình, rung động thần vũ, giữ gìn cho trăm giữa lúc gian nan, bảo toàn được tông miếu, di dân ở Hoa Hạ, giữ vững khí tiết luân thường, chẳng ai không được che chở.”

“Người siêng năng quá Tắc, Vũ, lòng trung sánh với Y, Chu,⁽¹⁾ mà nép mình tự khiêm nhường, giữ trọn lòng khiêm cung, thế nên khi trước lúc mới đặt nước Ngụy, trăm ban cho người thổ vũ, sợ rằng người cho là trái mệnh, lo rằng người cố chôi tì, cho nên trăm tạm giấu ý nén lòng, phong người làm Thượng công, muốn để thuận theo nghĩa lớn, đợi rồi sẽ ban thưởng công to. Hàn Toại, Tống Kiến, ở phía nam liên kết với Ba, Thục, bèn lữ phản nghịch hợp tung, toan mưu gây nguy cho xã tắc, người lại vâng mệnh làm tướng, như rồng bay hổ chạy, chém bêu đầu bọn đầu sỏ, diệt sạch hang ổ bọn ấy. Đến lúc đánh phương tây, chiến dịch Dương Bình, người thân mặc giáp trụ, thâm nhập nơi hiểm trở, phạt sạch rợ di tàn hại, giết hết bọn hung xấu, phương tây bình lặng, cờ tinh treo vạn dặm, tiếng khen vang động nơi xa, khiến Khu Hạ ta yên ổn.”

“Cái thịnh trị của thời Đường Ngu, là công của các đại thần gây dựng cho ba vị quân vương,⁽²⁾ cái hưng khởi của Văn, Vũ, nhờ có sự phù giúp của Đán, Thích,⁽³⁾ nhị tổ thành cơ nghiệp, là dựa vào sự phụ tá của các bậc anh hào;⁽⁴⁾ Ôi, bậc quân vương sáng suốt, làm việc là vì trách nhiệm của mình, vẫn ban đất thưởng ngọc để báo đáp công thần, há như trăm ít đức, nhờ cậy vào sự cứu giúp của người, mà việc khen thưởng theo phép thường chẳng được đủ đây, lấy gì để báo đáp thần minh và ủy lạo muôn phương? Nay trăm tiến người lên tước Ngụy vương, sai Sứ trì tiết là hành Ngự sử đại phu, Tông chính Lưu Ngải vâng sách mệnh trao

¹ Tắc, Vũ: tức Hậu Tắc và Đại Vũ, đều là những bầy tôi hiền tài của Đế Nghiêu; Y, Chu: tức Y Doãn, Chu Công, đều là bầy tôi của hai vua Văn, Vũ nhà Chu.

² Thời Đường Ngu là thời của các quân chủ cổ xưa của Trung Hoa: Đế Nghiêu, Đế Thuấn.

³ Văn, Vũ: là Chu Văn vương và Chu Vũ vương;

Đán, Thích là Chu Công Đán và Triệu Công Thích, phụ tá Chu Thành vương (Con của Chu Vũ vương).

⁴ Nhị tổ: là Hán Cao tổ Lưu Bang và Quang Vũ đế Lưu Tú, hai vua sáng nghiệp nhà Hán.

cho người ấn xã tắc huyện thố, bao gói dùng bạch mao, kim hồ phù từ số một đến số năm, trúc sử phù từ số một đến số mười.⁽¹⁾ Người chính thức nhận ngôi vương, làm Thừa tướng lĩnh Ký châu mục như cũ. Nay trao tử thụ, phù sách thăng lên làm Ngụy công. Người hãy kính phục lệnh trẫm, đề bạt, khuyến khích bộ chúng của người, vỗ về họ lập nên công nghiệp, để biểu dương mệnh tốt của tổ tông ta."

Ngụy vương dâng thư từ chối ba lần, Đế hạ chiếu đáp lại ba lần không đồng ý. Lại tự tay viết chiếu rằng:

"Bậc đại thánh lấy công đức làm cao đẹp, lấy trung hòa làm điển huấn, cho nên sáng nghiệp vang danh, khiến cho trăm đời mong ngóng, hành đạo chế nghĩa, dùng sức lực để thi hành rất nên bắt chước, vì thế công lao chói lọi đến vô cùng, vẻ vang rạng rỡ. Tắc, Tiết⁽²⁾ mang cái thông minh của bậc nguyên thủ, Chu, Triệu vì dụng được cái trí của Văn, Vũ, dẫu là bậc thứ quan, ngẩng lên than thở cúi xuống suy tư, họ há sánh ngang được với người sao? Trẫm nghĩ đến cái công của cổ nhân, cao đẹp như thế, nghĩ cái công trung cần của người, tốt đẹp đến thế, cho nên thường đem búa chẻ phù chặt ngọc, bày lễ ban sách mệnh, khi thức lúc ngủ than thở bụi ngùi, nên nhăng coi vẫn lại không tu đức. Nay người nhiều lần trái mệnh trẫm, khẩn thiết cố từ, đấy chẳng phải là cái cách làm đẹp lòng trẫm mà giáo huấn hậu thế vậy. Người hãy đề chí nén tiết, chớ có chôi từ lần nữa."

Tứ thế thư thế tự chép: Lương Hộc từng dùng Công làm Bắc bộ úy.

Tào man truyện chép: Tư Mã Kiến Công lúc làm Thượng thư Hữu thừa đã tiến cử Công làm Bắc bộ úy. Khi Công làm vương, cho triệu Kiến Công đến huyện Nghiệp, cùng nhau vui vẻ yến ẩm, bảo Kiến Công rằng:

- Cô hôm nay có thể làm Úy phủ được chăng?

¹ Phù là tín vật (cái thẻ) được vua đặc biệt trao cho một số người. Hồ phù là cái thẻ, thường làm bằng đồng, nếu làm bằng vàng là đặc biệt trọng vọng vậy. Người nắm Hồ phù thì có quyền phát binh, nắm Trúc sử phù thì được phép điều dụng quân đội. Hồ phù hay Trúc sử phù chia thành các số, là quy định riêng từng cái cho từng quan chức ở một địa phương nào đó, ví dụ hồ phù bậc bốn là dành riêng cho quan úy đất Giao châu, đại loại là như vậy.

² Tắc, Tiết: là những bày tỏi hiển tài của Đế Nghiêu; Đế Thuấn.

Kiến Công nói:

- Lúc trước thần tiến cử đại vương, là rất hợp với chức Ủy vậy.

Vương cả cười.

Kiến Công tên Phòng, là cha của Tư Mã Tuyên vương.

Thần Tùng Chi xét tự truyện của Tư Mã Bưu, chép rằng Kiến Công chưa hề làm Hữu thừa, ngờ rằng sách này chép không đúng, còn *Tấn thư* của Vương Ấn nói rằng khi Triệu vương soán vị, muốn tôn ông tổ của mình làm Đế, Bác sĩ là Mã Bình bàn luận khen rằng Phủ quân Kinh Triệu^① trước kia từng tiến cử Ngụy Vũ đế làm Bắc bộ úy, giặc không dám phạm cõi, như thế thì đó là chúng có vậy.

④ *Ngụy thư* chép: Từ đấy bắt đầu đặt chức quan Phụng thường Tông chính.

Mùa đông tháng mười, sửa sang binh bị, ① rồi đi đánh Tôn Quyền, tháng mười một, đến huyện Tiêu.

① *Ngụy thư* chép: Vương thân chinh thúc trống vàng để ra hiệu lệnh tiến lui.

Năm thứ hai mươi hai mùa xuân tháng giêng, quân của Vương ở Cư Sào, tháng hai, tiến quân đến đóng trại ở Hác Khê phía tây Đại Giang. Quyền đắp thành ở Nhu Tu khẩu chống giữ, Vương tiến quân vây đánh, Quyền lui chạy. Tháng ba, Vương dẫn quân về, lưu bọn Hạ Hầu Đôn, Tào Nhân, Trương Liêu đóng giữ ở Cư Sào.

Mùa hạ tháng tư, Thiên tử sắc mệnh cho Vương được bày tình kỳ của Thiên tử, ra vào có quân dẹp đường. Tháng năm, dựng Phán cung. Tháng sáu, lấy quân sư Hoa Hâm làm Ngự sử đại phu. ①

Mùa đông tháng mười, Thiên tử sắc mệnh cho Vương được đội mũ miện có mười hai tua, ngỗi xe có tua bằng vàng, sáu ngựa

¹ Tư Mã Phòng từng giữ chức Kinh Triệu doãn.

kéo, đặt năm người đánh xe,⁽¹⁾ lấy Ngũ quan Trung lang tướng là Phi làm Thái tử nước Ngụy.

① *Ngụy thư* chép: Bắt đầu đặt chức quan Vệ úy. Mùa thu tháng tám, xuống lệnh rằng:

"Xưa kia Y Chí, Phó Thuyết xuất thân là kẻ tiện nhân, Quán Trọng, là kẻ thù của Hoàn công, đều được trọng dụng mà quốc gia hưng thịnh.⁽²⁾ Tiêu Hà, Tào Tham, chỉ là kẻ huyệch lại, Hàn Tín, Trần Bình mang cái danh ô nhục, bị không ít người sỉ nhục đả đấm, sau cùng họ làm nên vương nghiệp, danh tiếng rạng rỡ nghìn thu.⁽³⁾ Ngô Khởi là vị tướng tham tàn, giết vợ để mua lấy lòng tin, vung vàng bạc để cầu lấy chức quan, mẹ chết chẳng quay về chịu tang, nhưng khi ông ấy ở nước Ngụy, người Tân chẳng dám tiến về đông, khi ở nước Sở thì Tam Tấn chẳng dám mưu đồ xâm phạm phía nam.⁽⁴⁾ Nay trong thiên hạ ai tìm được

¹ Đây là nghi thức mà bậc đế vương dùng khi xa giá đi ra ngoài cung điện.

² Y Chí (伊摯), theo sách *Bình pháp* của Tôn Tử, thiên Dụng gián có câu: "Nhà Ân dấy lên, có Y Chí (làm gián điệp) ở nhà Hạ; nhà Chu khởi sự, có Lã Vọng (làm gián điệp) ở nhà Ân vậy." Việc Y Doãn là gián điệp tại nhà Hạ giúp vua Thành Thang thấy nói đến ở sách *Trúc thư kỷ niên*, một tác phẩm có từ thời Chiến Quốc. Như thế thì Y Chí chính là Y Doãn (伊尹). Y Doãn là đại thần của vua Thành Thang nhà Thương, xuất thân là người cày ruộng ở đất Sần. Truyền thuyết kể: Vua Thành Thang gặp, ba lần đưa lễ mời, rồi dùng làm đại thần, sau này có công lớn giúp vua Thành Thang diệt nhà Hạ, lập ra cơ nghiệp nhà Ân Thương.

Vua Vũ Đinh nhà Ân Thương trong cơn mơ gặp được người phù giúp quốc gia, về sau gặp được Phó Thuyết (傳說), khi ấy đang làm thợ xây thành ở Phó Nham, vua Vũ Đinh thấy hình dáng giống hệt người trong giấc mơ của mình, bèn trọng dụng cho làm Tể tướng, Phó Thuyết tạ rằng: "Kẻ sĩ sẽ vì minh chúa mà hết lòng thờ phụng đại nghiệp." Sau này Phó Thuyết giúp nhà Thương được cường thịnh.

Quán Trọng từng thờ công tử Cù Bạch, bắn tên trúng vào người Tề Hoàn công, về sau Tề Hoàn công vẫn trọng dụng. Quán Trọng giúp nước Tề làm bá chủ hầu, rất được Tề Hoàn Công kính trọng, gọi là "Trọng phụ."

³ Tiêu Hà (萧何), Tào Tham (曹参) theo Hán Cao tổ khởi sự ở huyện Bái, chỉ giữ chức huyệch lại nhỏ nhoi; Hàn Tín (韩信) lúc hàn vi phải luôn trôi dạt vô lại ngoài chợ; Trần Bình (陈平) từng mang tiếng ăn hối lộ, bức hiếp chị dâu. Bốn người này đều được Hán Cao trọng dụng, lập công trạng hiển hách, là những công thần hàng đầu của nhà Hán.

⁴ Ngô Khởi (吴起), là người nước Vệ thời Chiến Quốc, làm đại tướng ở nước Ngụy, sau làm tướng quốc nước Sở, là nhà quân sự danh tiếng và tai tiếng, từng giết vợ để lấy lòng tin của vua nước Ngụy, bỏ vàng bạc cầu chức quan, mẹ chết không về chịu tang.

người chí đức còn phiêu dạt ở chốn dân gian, cùng những kẻ dưng mãnh quả cảm quên thân, khi ra trận gắng sức chiến đấu; cũng như bọn văn tài tục lại, có tài cao khí chất khác thường, hoặc người có thể dùng làm tướng; dẫu họ có mang cái danh ô nhục, bị người ta đàm tiếu về đức hạnh, hoặc bất nhân bất hiếu mà kẻ đó có tài trị quốc hay có thuật dụng binh; mọi người hãy tiến cử lên cho ta biết, chớ có vô ý mà bỏ sót họ."

Lưu Bị phái bọn Trương Phi, Mã Siêu, Ngô Lan, đóng đồn ở Hạ Biện; Vương phái Tào Hồng ra cự bọn ấy.

Năm thứ hai mươi ba mùa xuân tháng giêng, quan Thái y lệnh của nhà Hán là Cát Bản cùng bọn Thiệu phủ là Cảnh Kỳ, Tư trực là Vi Hoảng làm phản, vây đánh huyện Hứa, đốt doanh trại của Trương sử phủ Thừa tướng là Vương Tất,^① Tất cùng người quận Dĩnh Xuyên là Điển nông Trung lang tướng Nghiêm Khuông đánh dẹp chém giết bọn ấy.^②

① *Ngụy Vũ cố sự* chép lệnh rằng:

"Linh Trưởng sử là Vương Tất, là thuộc lại của ta từ lúc ta gian nan khai phá chông gai. Hết lòng trung tận tụy với việc công, lòng như sắt đá, là quan lại hiền tài của quốc gia. Đã lâu không được đề bạt, cũng như bỏ ngựa kỳ ngựa ký⁽¹⁾ mà không cưới, lúc vội vàng mới cầu gọi hay sao? Cho nên ta truyền lệnh vời đến, trao công việc thích hợp, vẫn được làm Linh Trưởng sử thống quản công việc như cũ."

② *Tam phụ Quyết lục* chú chép: Bấy giờ có người ở Kinh Triệu là Kim Y tự Đức Y, tự cho mình mấy đời là bầy tôi nhà Hán, từ lúc Kim Nhật Đê⁽²⁾ đánh dẹp Mãng Hà La, lòng trung sáng rõ, danh tiếng khí tiết lừng lẫy nhiều đời. Thấy ngôi Hán sắp đổi dời, cho là về sau vẫn có thể chấn hưng được, mới búi ngui phát phần, bèn cùng bọn Cảnh Kỳ, Vi Hoảng, Cát Bản và con của Bản là Mạc, em của Mạc là Mục kết mưu.

¹ Là thứ ngựa hay, ngày đi nghìn dặm.

² Kim Nhật Đê (金日磾) vốn là Hoàng tử của Thiên vu Hung Nô, vì mâu thuẫn dòng tộc, chạy sang hàng Hán Vũ đế. Vì đẹp trai và có tài cưỡi ngựa nên rất được Vũ đế yêu quý, phong tước Đô hầu, trao quyền nhiếp chính giúp Thái tử Lưu Phất cùng Hoắc Quang. Thời Vương Mãng nắm quyền, con cháu Kim Nhật Đê bị đàn áp phải chạy sang Liêu Đông, là thủy tổ của họ Kim ở Hàn Quốc ngày nay.

Kỷ tự Quý Hạnh, thời trẻ rất nổi danh, làm Thừa tướng duyên, Vương kính trọng Kỷ khác thường, thăng làm Thị trung, giữ chức Thiếu phủ. Mạc tự Văn Nhiên, Mục tự Tư Nhiên, thấy Y kháng khái có phong độ của Nhật Đê, lại cùng Vương Tất giao du, nhân đó ly gián họ, định rằng giết được Tất, sẽ ép Thiên tử đánh nước Ngụy, phía nam lôi kéo Lưu Bị.

Bấy giờ Quan Vũ cường thịnh, mà Vương ở huyện Nghiệp, để Tất nắm binh đốc trách các việc ở huyện Hứa. Bọn Văn Nhiên thống suất lũ tạp nhân cùng hơn nghìn gia đồng nhân đêm tối đốt cửa quan đánh Tất, Y phái người làm nội ứng, bắn trúng vào vai Tất. Tất không biết là bị ai đánh, vì có quan hệ tốt với Y nên chạy đến nương nhờ Y, trong đêm hô hoán gọi Đức Y, người nhà của Y không biết đó là Tất, cho rằng đây là bọn Văn Nhiên, mới đáp lăm rằng: "Vương Trường sử đã chết chưa? Mọi người đã xong việc rồi à!" Tất vội đổi hướng chạy sang lối khác.

Một sách khác chép: Tất định đến nhờ Y, thuộc hạ dưới trướng bảo Tất rằng:

- Việc hôm nay có biết nhà ai gây ra đâu mà tới nhờ vả?

Rồi diu Tất chạy về phía nam thành. Trời sáng rõ, Tất vẫn sống, bọn Văn Nhiên tán mát đi cả, việc hỏng. Hơn chục ngày sau, Tất vì vết thương mà chết.

Hiển đế Xuân Thu chép: Khi bắt được bọn Kỷ, Hoàng, sắp đem chém, Kỷ gào to tên của Ngụy vương rằng:

- Hận rằng ta không tự chủ ý, rút cục bị bọn trẻ ranh làm hỏng việc thôi!

Hoàng cứ dập đầu xuống đất tự tát vào mặt, cho đến tận lúc chết.

Sơn Dương công tái ký chép: Vương nghe tin Vương Tất chết, nổi giận lôi đình, triệu trăm quan nhà Hán đến huyện Nghiệp, lệnh rằng kẻ nào ra cứu hỏa thì đứng bên tả, kẻ nào không ra cứu hỏa thì đứng bên hữu. Chúng nhân cho rằng ra cứu hỏa tất vô tội, đều đứng sang bên tả; Vương cho rằng "kẻ không ra cứu hỏa không phải là trợ loạn, bọn ra cứu hỏa mới thực sự là giặc." Đều đem bọn ấy ra giết đi.

Tào Hồng đánh bại Ngô Lan, chém được bọn tướng của Lan là Nhiệm Quỷ. Tháng ba, Trương Phi, Mã Siêu bỏ chạy về Hán Trung, người Đê ở Âm Bình là Cường Đoan chém Ngô Lan, gửi đầu đến chỗ Hồng.

Mùa hạ tháng tư, người Ô Hoàn ở Đại Quận, Thượng Cốc là bọn Vô Thần Đê làm phản, Vương phái Yển Lăng hầu là Chương đến đánh dẹp phá bọn chúng.^①

① *Ngụy thư* chép lệnh của Vương rằng:

"Mùa đông năm trước trời giáng dịch bệnh, dân chúng bị tàn hại điều đáng, quân hưng khởi ở ngoài, người cày ruộng ít đi một chút, ta rất lấy làm lo. Nay lệnh cho các kẻ nam nữ lại dân: Nữ trên bảy mươi tuổi mà không chồng con, trẻ nhỏ dưới mười hai tuổi mà không có cha mẹ anh em, cùng những người mù lòa, tay không nhấc lên được, chân không thể đi lại, mà không có vợ con cha anh hay sản nghiệp, sẽ được cấp lương ăn suốt đời. Trẻ con đến mười hai tuổi thì thôi, những kẻ bần cùng chẳng thể tự nuôi mình, tùy theo khẩu mà cấp lương. Người già lão hơn tám mươi tuổi cần được nuôi dưỡng, chín mươi tuổi trở lên, miễn không phải làm việc, phải có một người coi sóc."

Tháng sáu, xuống lệnh rằng:

"Người xưa mai táng, đều an trí ở nơi đất bạc màu. Nay ta tính nên lấy vùng đất cao ở phía tây đền thờ Tây Môn Báo làm Thọ lăng, dựa vào chỗ cao làm nền, không phải đắp đất trồng cây. Theo Chu lễ thì đất mộ của người giữ chức Công được quan Trùng nhân cai quản, phạm là bậc chư hầu thì đặt mộ ở hai bên phải trái hướng phía trước, mộ công khanh đại phu đặt ở phía sau, pháp chế của nhà Hán cũng gọi đó là Bồi lăng. Nay các công khanh, liệt tướng, đại thần có công, khi chết nên bồi táng ở Thọ lăng, khoanh chỗ rộng rãi làm cương giới, sao cho vừa đủ để bao trọn mộ."

Mùa thu tháng bảy, sửa sang quân mã, rồi tây chinh Lưu Bị, tháng chín, đến Trường An.

Mùa đông tháng mười, tướng giữ Uyển thành là bọn Hâu Âm làm phản, bắt giữ Thái thú Nam Dương, cướp đoạt quan dân,

chiếm Uyển thành. Trước đấy, Tào Nhân đánh Quan Vũ, đóng ở Phàn thành, tháng ấy Vương sai Nhân vây Uyển thành.

Năm thứ hai mươi tư mùa xuân tháng giêng, Nhân hạ Uyển thành giết sạch dân chúng ở đấy, chém Âm.^①

① *Tào man truyện* chép: Bấy giờ dân chúng ở Nam Dương khốn khổ bởi việc sai dịch, Âm vì thế bắt giữ Thái thú của quận là Đông Lý Cồn, rồi cùng quan dân nhất tề làm phản, liên hòa với Quan Vũ. Công tào ở Nam Dương là Tông Tử Khanh thuyết Âm rằng:

- Túc hạ ứng thuận dân tâm, khởi đại sự, xa gần chẳng ai không ngóng gió trông theo; nhưng bắt giữ tướng của quận, là phản nghịch mà vô ích, sao chẳng thả người ấy ra. Ta với ngài đồng lòng chung sức, nếu quân của Tào công kéo lại, binh của Quan Vũ cũng đến ngay.

Âm theo lời, lập tức thả Thái thú ra. Tử Khanh nhân đêm tối vượt tường thành trốn ra ngoài, lại cùng Thái thú thu nhặt dân chúng còn lại bao vây Âm, vừa may gặp quân của Tào Nhân đến, chung sức diệt được Âm.

Hạ Hầu Uyên cùng Lưu Bị giao chiến ở Dương Bình, bị Lưu Bị giết chết. Tháng ba, Vương từ Trường An tiến ra Tà Cốc, phái quân chặn chỗ hiểm, bức tiến Hán Trung, sau kéo đến Dương Bình. Bị dựa thế hiểm cố thủ.^①

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Bấy giờ Vương muốn quay về, ban khẩu lệnh là "Kê cân",⁽¹⁾ quan lại thuộc hạ không biết ý ấy ra sao. Chủ bộ là Dương Tu liền tự thu xếp hành trang, có người kinh sợ hỏi Tu:

- Sao ngài biết được ý ấy?

Tu nói:

- Gân gà, bỏ đi thì tiếc, ăn thì không được, đem so với việc ở Hán Trung, ta biết là Vương muốn quay về vậy.

¹ Kê cân, tức là gân gà vậy.

Mùa hạ tháng năm, Vương dẫn quân về Trường An.

Mùa thu tháng bảy, lấy phu nhân là Biện thị làm Hoàng hậu. Vương phái Vu Cấm trợ giúp Tào Nhân đánh Quan Vũ. Tháng tám, nước sông Hán dâng cao, tràn ngập quân của Cấm, quân bị chìm dưới nước, Vũ bắt sống Cấm, rồi vây hãm Nhân. Vương sai Từ Hoảng đến cứu Nhân.

Tháng chín, tướng quốc Chung Do vì việc Tây tào duệ là Ngụy Phúng làm phản bị cách chức.^①

① *Thế ngữ* chép: Phúng tự Tử Kinh, người nước Bái, có tài mê hoặc chúng nhân, lay động cả Nghiệp đô,⁽¹⁾ Chung Do vì thế triệu dùng hẳn. Đại quân chưa về đến nơi, Phúng ngầm kết đồ đảng, lại cùng Vệ úy huyện Trường Lạc là Trần Y mật mưu tập kích huyện Nghiệp. Chưa đến kỳ hẹn, Y sợ, trình báo lên Thái tử, Phúng bị giết, mấy chục người bị buộc tội chết.

Gia giới của Vương Sưởng chép "Ngụy Phúng người quận Tế Âm",⁽²⁾ mà chỗ này nói Phúng người nước Bái, việc chưa rõ vậy.

Mùa đông tháng mười, quân quay về Lạc Dương.^① Tôn Quyền phái sứ giả dâng thư, xin tự mình đánh Quan Vũ để chuộc tội. Vương từ Lạc Dương nam chinh đánh Vũ, chưa đến nơi, Hoảng đã đánh Vũ, phá được, Vũ bỏ chạy, Nhân được giải vây. Vương đóng quân ở Ma Pha.^②

① *Tào man truyện* chép: Vương sai tu sửa quan thự của Bắc bộ úy, yêu cầu quy mô lớn hơn so với quan thự cũ.

② *Ngụy lược* chép: Tôn Quyền dâng thư xưng thần, bàn chuyện thiên mệnh. Vương được thư của Quyền bảo với người xung quanh rằng:

- Thằng ranh này muốn để ta ngồi trên lò lửa sao!

Thị trung là Trần Quần, Thượng thư là Hoàn Giai tấu rằng:

¹ Kinh đô của nước Ngụy bấy giờ ở huyện Nghiệp, nên gọi là Nghiệp đô.

² Truyện về Vương Sưởng, xem tập V, quyển 27.

"Nhà Hán từ thời vua An đế tới đây, đại quyền chính sự đã rơi rụng, quốc thống đã mấy lần diệt tuyệt, cho đến nay, chỉ còn có danh hiệu, từ tấc đất đến người dân, đều chẳng phải của nhà Hán nữa, kỳ vận đã tận từ lâu, lịch số đã cáo chung rồi, chẳng phải là hôm nay mới như vậy. Vì thế từ giữa thời Hoàn, Linh, những người sáng suốt biết xét thiên mệnh, đều nói là 'Vận khí nhà Hán đã hết, Hoàng gia đang thịnh.' Điện hạ ứng vận trời, thiên hạ mười phần đã có đến chín, vì việc phụng sự nhà Hán, quần sinh nghiêng mắt ngóng trông, người xa kẻ gần oán thán, thế nên Tôn Quyền ở xa xưng thần, đây là trời người đều hưởng ứng, dị khí đông thanh. Bọn ngu thần cho rằng nhà Ngu, nhà Hạ chẳng vì khiêm cung mà từ chối ngôi vị, nhà Ân, nhà Chu chẳng hô hào tiết mà bắt chước việc đánh giết, đó là sợ uy trời mà biết mệnh vậy, Điện hạ không nên nhún nhường nữa."

Ngụy thị Xuân Thu chép: Hạ Hầu Đôn nói với Vương rằng:

- Thiên hạ đều biết ngôi Hán đã tận, một triều đại khác đang nổi lên. Từ xưa đến nay, người có thể trừ hại cho dân là được trăm họ theo về, người ấy là chủ của dân vậy. Nay điện hạ nắm giữ việc binh nhưng đã hơn ba mươi năm, công đức sáng rõ đến lê dân, được người thiên hạ nương dựa theo về, ứng ý trời thuận lòng dân, sao còn phải hồ nghi gì nữa!

Wang nói:

- Có câu rằng: "Giúp cho có chính đạo, thế cũng là chính đạo rồi." Nếu thiên mệnh là ở ta, ta chỉ làm Chu Văn vương mà thôi.

Tào man truyện và Thế ngữ đều nói Hoàn Giai khuyên Vương lên chính vị, Hạ Hầu Đôn cho rằng nên diệt Thục trước, Thục mất thì Ngô phải phục tùng, hai phương đã định, rồi sau hãy noi theo con đường của Thuấn, Vũ. Vương theo lời ấy. Đến khi Vương mất, Đôn nghĩ lại hối hận vì lời nói lúc trước, phát bệnh rồi chết.

Tôn Thịnh bình rằng: Hạ Hầu Đôn xấu hổ vì làm quan nhà Hán, mong được nhận ấn của nhà Ngụy, Hoàn Giai so với Đôn, có nghĩa khí và thẳng thắn hơn; xét những điều ghi chép ấy, Thế ngữ chép xằng vậy.

Năm thứ hai mươi lăm mùa xuân tháng giêng, Vương đến Lạc Dương. Quyền đánh chém chết Vũ, đưa đầu đến Lạc Dương.

Ngày Canh Tý, Vương băng⁽¹⁾ ở Lạc Dương, hưởng thọ sáu mươi sáu tuổi. ① Di lệnh viết:

"Thiên hạ chưa an định, không nên noi theo lối xưa vậy. Táng ta xong, mọi người đều cởi bỏ tang phục. Tướng sĩ đóng ở nơi trú phòng đều không được tự tiện rời khỏi đồn trại. Hữu ti đều phải tuân thủ chức phận của mình. Khi liệm ta dùng thường phục, không được tùy táng đồ vàng ngọc châu báu theo."

Wương được ban thụy là Vũ vương.

Tháng hai ngày Đinh Mão, an táng ở Cao Lăng. ②

① *Thế ngữ* chép: Thái tổ từ Hán Trung đến Lạc Dương, dựng điện Kiến Thủy, chặt cây ở miếu Trắc Long thì thấy trong cây gỗ đổ huyết.

Tào man truyện chép: Vương sai người thợ là Tô Việt di dời cây gỗ lê rất đẹp, lúc đào lên, các rễ cây bị thương đều chảy máu. Việt bầm lại sự tình, Vương thân tới nơi xem kỹ rất sợ hãi, cho là điềm không lành, sau khi về đổ bệnh.

② *Ngụy thư* chép: Thái tổ tự mình thống quản thiên hạ, dẹp sạch bọn xấu, hành quân dụng binh, đại khái chiếu là theo binh pháp Tôn, Ngô,⁽²⁾ nhưng ứng việc này kỳ mưu, lừa địch quyết thắng, biến hóa như thần. Tự sáng tác sách binh thư hơn chục vạn chữ, chư tướng đi chinh phạt, đều theo tân thư ấy mà hành động. Khi lâm việc lại tự mình đứng ra điều phối, ai theo lệnh thì thắng lợi, ai trái mệnh thì thất bại. Cùng địch đối trận, phong thái nhàn nhã an nhiên, vẻ như không muốn đánh, nhưng đến lúc quyết cơ thừa thắng, khí thế tràn trề, cho nên mỗi khi giao chiến thì tất thắng, quân lính không mong gì hơn. Lại khéo biết xét người, khó ai dối lừa che mắt được, đề bạt Vu Cấm, Nhạc Tiến giữa lúc hành quân,

¹ Vua hay Thiên tử chết gọi là băng.

² Tức Tôn Vũ, Ngô Khởi, hai nhà binh pháp nổi danh thời Chiến Quốc.

thu lấy Trương Liêu, Từ Hoảng trong đám tù binh chiến bại, họ đều theo mệnh lập công, liệt vào hàng danh tướng; ngoài ra còn đề bạt những kẻ hèn mọn, cho họ lên làm mục thú, nhiều không kể xiết. Bởi thế khai sáng được đại nghiệp, văn võ đều giúp sức, cầm quân hơn ba mươi năm, tay không rời sách, ban ngày thì giảng võ, ban đêm suy ngẫm kinh truyện, lên núi cao ắt làm thi phú, tạo dòng thơ mới, đem phối hợp với âm nhạc, đều trở thành những chương nhạc hay. Tài sức hơn đứt người thường, tự tay bắn được chim đang bay, tự thân bắt được mãnh thú, có lần trong một ngày ở Nam Bì bắn được sáu mươi ba con chim trĩ. Khi xây dựng cung thất, sửa sang khí giới, không gì là không theo phép tắc, đều tính toán trọn ý. Bản tính vốn trang nhã, tiết kiệm, không thích đồ hoa lệ, y phục ở hậu cung không hề có gấm vóc, giày của Thị nữ không có hai màu, màn trướng, bình phong rách thì vá lại, đệm cỏ dùng đắp ấm, không viền trang sức. Khi đánh thành vây ấp, lấy được các đồ mỹ lệ, ban thưởng hết cho kẻ có công, người có công được ban thưởng đúng mực, không có chuyện tiếc bạc vàng, kẻ không có công mà mong ban phát, một li cũng không cho, đồ vật bốn phương dâng cống, cùng người dưới chia chung. Thường cho là theo phép tổng chung, quần áo liệm chỉ vừa đủ, mặc nhiều là vô ích, lại có lỗi với phong tục, cho nên đã chuẩn bị may sẵn y phục cho mình lúc chết, chỉ có bốn rương nhỏ thôi.

Phó tử chép: Thái tổ lo việc cưới hỏi xa hoa lãng phí, lúc con gái Công về nhà chồng, đều dùng màn trướng màu đen, thị tì đi theo chẳng quá chục người.

Bác vật chí của Trương Hoa chép: Thời nhà Hán, người quận An Bình là Thôi Viện, con của Viện là Thật, người quận Hoàng Nông là Trương Chi, em của Chi là Sưởng, đều khéo viết chữ thảo, mà Thái tổ chỉ kém họ một chút. Hoàn Đàm, Thái Ung giỏi âm nhạc, người quận Phùng Dục là bọn Sơn Tử Đạo, Vương Cửu Chân, Quách Khải giỏi về cờ vây, Thái tổ chơi ngang ngửa với họ. Thái tổ lại thích thuật dưỡng sinh, cũng am hiểu về nghề thuốc, chiêu dụ được nhiều kẻ sĩ có phép thuật, như Tả Từ ở Lư Giang, Hoa

Đà ở Tiêu Quận, Cam Thủy ở Cam Lăng, Khước Kiệm ở Dương Thành, chẳng ai không đến, Thái tổ lại tập ăn cây dã cát⁽¹⁾ dài đến một thước, cũng có thể uống được chút ít rượu chậm.⁽²⁾

Phó tử chép: Vương công thời Hán mặt, đa phần vứt bỏ vương phục, dùng khăn bằng lụa bóng làm đẹp, vì thế bọn Viên Thiệu, Thôi Bá, tuy là tướng soái, đều đội khăn lụa mềm. Ngụy Thái tổ thấy thiên hạ mất mùa đói kém, tiền của thiếu thốn, bèn phỏng theo cái mũ da thời cổ, cắt lụa trắng làm mũ khắp,⁽³⁾ giản dị mà thích hợp với đạo lý thời thế, dùng màu sắc của mũ để phân biệt sang hèn, mũ ấy nay vẫn dùng, có thể nói đấy là phục sức của quân đội, không phải là quy định của quốc gia vậy.

Tào man truyện chép: Thái tổ là người dễ dãi không trọng uy, ưa âm nhạc, con hát ở bên cạnh, thường từ sáng đến tối. Thường mặc áo lụa mỏng, trên mình đeo một cái túi nhỏ có đai lớn để đựng khăn tay và những vật nhỏ, có lúc đội mũ khắp ra gặp tân khách. Mỗi khi cùng người khác đàm luận, nói năng đùa dỡn, không hề che giấu gì cả, lúc vui sướng khoái chí thì cười âm lên, đến nổi đầu ngả vào mâm bát ở giữa bàn, thức ăn dính đầy vào khăn vấn đầu, đại khái dễ dãi như thế. Nhưng nắm việc hình pháp lại rất khắc nghiệt, chư tướng có mưu kế hay hơn mình, thì tùy cơ lấy phép công mà giết họ, với cố nhân có oán cũ, cũng không ngoại lệ. Những người chịu phạt bị giết, thường đối mặt rõ nước mắt xót than, kết cục không ai được sống.

Khi trước, Viên Trung làm Bái tướng, từng muốn dùng phép trị Thái tổ, người nước Bái là Hoàn Thiệu cũng khinh Thái tổ, lúc ở Duyện châu, người quận Trần Lưu là Biên Nhượng bàn luận nói năng mạo phạm đến Thái tổ, Thái tổ giết Nhượng, giết cả họ tộc và gia quyến, Trung và Thiệu đều lánh nạn ở Giao châu, Thái tổ phái sứ giả tới chỗ Thái thú Sĩ Nhiếp diệt cả dòng tộc họ. Hoàn

¹ Cây dã cát là một loại cây leo, sống ở phía nam Quý Châu, dân gian gọi là cây Câu Vần, các đường làng, ngõ xóm đều có. Cây này có độc tính rất cao, ăn sẽ bị ngộ độc.

² Rượu chậm, là một thứ rượu độc. Người xưa nói “chậm” là một loài chim rất độc, lấy lông cánh nó khuấy vào rượu uống thì chết ngay.

³ Là thứ mũ riêng do Tào Tháo sáng tạo ra.

Thiệu ra tự thú, lạy tạ tội ở trong sân, Thái tổ bảo rằng: "Quỳ lạy mà thoát chết được sao?" Rồi giết Thiệu.

Có lần xuất chinh, hành quân qua ruộng lúa mạch, Thái tổ lệnh "Sĩ tốt không được làm nát lúa, ai phạm sẽ giết". Quân kỵ đều xuống ngựa, nâng lúa mạch mà đi, bấy giờ ngựa của Thái tổ lại chồm vào ruộng, Thái tổ lệnh cho quan Chủ bộ luận tội; Chủ bộ đáp rằng theo nghĩa *Kinh Xuân Thu*, hình phạt không dùng với bậc tôn quý. Thái tổ nói:

- Đặt pháp lệnh mà tự mình vi phạm, lấy gì để làm gương cho người dưới? Nhưng Cô là thống soái quân đội, không thể tự sát được, xin tự chịu hình.

Bèn vung kiếm cắt tóc mình ném xuống đất.

Lại có nàng hầu yêu thương hầu hạ lúc ngủ ban ngày, một lần Thái tổ gối đầu nằm nghỉ, bảo nó rằng:

- Lát nữa đánh thức ta dậy.

Nàng hầu thấy Thái tổ ngủ say, không gọi dậy ngay, lúc Thái tổ tự thức dậy, dùng gậy đánh chết nó.

Có lần đi đánh giặc, quân lương không đủ dùng, Thái tổ ngầm hỏi quan coi lương rằng:

- Làm sao đây?

Quan coi lương nói:

- Nếu dùng đấu nhỏ cấp lương thì đủ.

Thái tổ nói: "Hay."

Sau trong quân có người nói rằng Thái tổ lừa binh sĩ, Thái tổ bảo quan coi lương rằng:

- Chỉ có mượn cái chết của người mới yên được binh lính, không thể việc chẳng xong.

Bèn chém người ấy, rồi bêu đầu mắng rằng:

- Dùng đấu nhỏ, ăn cấp lương của công, phải chém đầu ở quân môn.

Cái tàn ác, ngạo ngược, quyền biến trí trá của Thái tổ, đại loại như thế.

Bình rằng: Thời Hán mạt, thiên hạ đại loạn, anh hùng hào kiệt đều nổi dậy, Viên Thiệu như hổ gùm chiếm giữ bốn châu, cường thịnh chẳng ai địch nổi. Thái tổ tính kế định mưu, vung roi đánh dẹp thiên hạ, nắm hết phép thuật của Thân, Thương,⁽¹⁾ bao quát kế sách diệu kỳ của Hàn, Bạch,⁽²⁾ xét quan trao chức cho kẻ hiền tài, mọi người đều trở được tài năng, tự mình khắc chế tình cảm, mưu cầu sách lược, chẳng kể là kẻ thù cũ, cuối cùng nắm giữ cơ nghiệp của bậc quân vương, làm nên đại nghiệp, chỉ là Thái tổ có mưu lược rất hay. Hoặc có thể nói đó là người phi thường, tuấn kiệt hơn đời vậy.

---ॐ---

¹ Thân Bất Hại (申不害), là nhà pháp gia, tư tưởng gia thời Chiến Quốc. Sau khi nước Hàn diệt nước Trịnh, được Hàn Chiêu hầu dùng làm Thừa tướng. Thân Bất Hại chủ trương cải cách nước Hàn theo đường lối “trong sửa chính giáo, ngoài ứng chư hầu”, thực hành pháp trị và thuật trị rất hà khắc, hạn chế quyền lực của quý tộc. Nước Hàn cường mạnh trở lại.

Thương Ương (商鞅), là hậu duệ của quân chủ nước Vệ thời Chiến Quốc, là nhà chính trị gia, tư tưởng gia, pháp gia, vốn họ Công Tôn, còn gọi là Công Tôn Ương. Ông lập nghiệp ở nước Tần, đưa ra nhiều sách lược cải cách rất hiệu quả, nặng về pháp trị, hợp thời thế nhưng rất bá đạo, nhờ sự cải cách đó mà nước Tần hùng mạnh. Ông được ban ấp phong ở đất Thương nên gọi là Thương Ương. Thương Ương làm tướng quốc nước Tần mười năm, ban hành pháp khắc nghiệt nên bị nhiều quý tộc oán trách. Cuối cùng bị giết, chết thảm.

² Hàn, Bạch: tức là Hàn Tín (韩信), là tướng tài của Hán Cao tổ Lưu Bang và Bạch Khởi (白起), danh tướng của Tần Thủy Hoàng.

QUYỂN THỨ HAI

VĂN ĐẾ KỶ



Văn hoàng đế húy Phi, tự Tử Hoàn, là con của Vũ đế. Đế sinh năm Trung bình thứ tư mùa đông, ở huyện Tiêu.^① Năm Kiến An thứ mười sáu, làm Ngũ quan Trung lang tướng, phó thừa tướng. Năm thứ hai mươi, được lập làm Thái tử nước Ngụy.^② Thái tổ băng, Đế nối ngôi vị, làm Thừa tướng, tước Ngụy vương.^③ Tôn Vương hậu là Vương thái hậu. Đời năm Kiến An thứ hai mươi lăm thành năm Diên Khang nguyên niên.

① *Ngụy thư* chép: Lúc Đế sinh ra, có đám mây màu xanh tròn như cái lọng ở trên trời, lơ lửng suốt ngày, người xem khí sắc cho là chứng cực quý, không phải khí tượng của kẻ bề tôi. Năm tám tuổi, Đế đã có thể soạn chép văn chương, tài năng nổi trội, lâu thông kinh truyện cổ kim và sách vở của bách gia chư tử. Lại khéo cưỡi ngựa bắn cung, giỏi kiếm kích. Lúc tiến cử Mậu tài, Đế không ra ứng khảo.

Hiển đế khởi cư chú chép: Năm Kiến An thứ mười (năm),⁽¹⁾ Đế được quan Tư đồ là Triệu Ôn triệu gọi. Thái tổ dâng biểu rằng:

"Ôn cho đòi đệ tử của thần, việc tuyển cử như thế là không dựa vào năng lực làm chuẩn."

Vua bèn sai Thị trung đang tạm giữ chức Quang học huân là Sĩ Lự cầm cờ tiết phụng sách mệnh ra miễn chức quan của Ôn.

¹ Nguyên tác đoạn chú của Bùi Tùng Chi chép là "Năm Kiến An thứ mười (năm)", không rõ việc này xảy ra vào năm thứ mười, hay năm thứ năm niên hiệu Kiến An. Bản dịch của Tào Văn Trụ ghi rõ là "Năm Kiến An thứ mười ba."

② *Ngụy lược* chép: Thái tổ chưa quyết việc lập Thái tử, Thái tử tự ngò. Bấy giờ có người tên là Cao Nguyên Lữ, khéo xem tướng, bèn gọi vào hỏi, Nguyên Lữ đáp:

- Tướng mạo của ngài quý hiển chẳng thể nói hết được.

Hỏi:

- Ta thọ được bao lâu?

Nguyên Lữ đáp:

- Về tuổi thọ của ngài, đến bốn mươi tuổi sẽ có cái hạn nhỏ, qua tuổi đó thì không phải lo lắng gì.

Sau đó không lâu Đế được lập làm Vương thái tử, đến năm bốn mươi tuổi thì mất.

③ *Hán kỷ* của Viên Hoành chép chiếu của Hán đế rằng:

"Hỡi thái tử Phi của nước Ngụy:

Trước kia trời xanh trao mệnh cho tiên phụ ngươi phù tá Hoàng gia ta, từ đấy quét trừ bè lũ hung nghịch, mở mang yên định chín châu, công tích rạng ngời, rọi chiếu vạn vật, trăm nhờ thế được chấp tay rủ áo lâm triều coi chính sự hơn hai mươi năm nay. Nhưng trời xanh chẳng cố giữ người già lão, mãi để một người che chở cho ta, người sớm lìa trần hồn thiêng nấu ản, bi ai thương xót xiết bao. Trẫm tuyên rõ với thế gian, lấy Phi kế thừa, nắm giữ văn võ, nối tiếp sự nghiệp quang vinh của tiên nhân. Nay sai Sử tri tiết là Ngự sử đại phu Hoa Hâm vâng chiếu sách trao cho Phi ấn thụ Thừa tướng, tể thụ Ngụy vương, lĩnh chức Ký châu mục."

"Hiện nay ngoài biên còn giặc ác, người rợ phương xa chưa quy phục, cò trống vẫn ở nơi biên cảnh, gươm đao chẳng thể cất trong bao, đây là lúc để ngươi nêu cao công nghiệp vĩ đại, là buổi lập công lưu danh vậy. Ngươi làm sao giữ lễ cư tang, để đạt tới cái chí của Tăng, Mẫn⁽¹⁾ đây?"

¹ Tăng Sâm (曾參), tức Tăng tử, tự Tử Dư, người thành Nam Vũ nước Lỗ, học trò của Khổng tử. Là người chí hiếu, được liệt vào hàng "Nhị thập tứ hiếu".

Mẫn Tôn (闵损), người thành Nam Vũ nước Lỗ, tự Tử Kiển, cũng là học trò của Khổng tử, đức hạnh có thể sánh với Nhan Uyên. Khổng tử từng khen rằng: "Hiếu thay, Mẫn Tử Kiển!" Người đời sau cho rằng ông xứng đáng đứng đầu "Nhị thập tứ hiếu."

Hãy kính vâng lệnh trẫm, nén lòng thương đau, cung kính nổi tự, làm rạng rỡ công nghiệp, để xứng ý trẫm. Than ôi, há chẳng nên cố gắng sao!"

Năm thứ nhất tháng hai^① ngày Tuất, lấy Thái trung đại phu là Giả Hủ làm Thái úy, Ngự sử đại phu là Hoa Hâm làm Tướng quốc, Đại lý là Vương Lãng làm Ngự sử đại phu. Đặt các chức Tán kỵ thường thị, Thị lang đều có bốn người, ngoài ra các hoạn nhân làm quan thì cấp bậc không được vượt quá chức Lệnh; nêu rõ thành chiếu lệnh khắc vào sách vàng, cất giấu nơi thạch thất.

① *Ngụy thư* chép tờ lệnh ngày Canh Tuất rằng:

"Bến bãi là chỗ thông thương buôn bán, vườn ao là nơi ngừa chống đất hoang, đặt cấm chế sưu cao thuế nặng, không phải là phép hay để yên dân; nay xóa bỏ cấm lệnh vườn ao, giảm nhẹ thuế khóa bến bãi, đều phải khôi phục lại chế độ Thập nhất."⁽¹⁾

Ngày Tân Hợi, ban thưởng từ bậc vương hầu cho đến các đại thần văn võ vạn học gạo, nghìn xấp lụa, vàng bạc đều thưởng theo thứ bậc. Lại phái sứ giả đi tuần hành ở các quận trong nước, ai trái đạo bạo ngược bóc lột dân, thì đều ghi chép lại cái tội của họ mà xử.

Khi trước, vào năm Hi Bình thứ hai thời nhà Hán, có rồng vàng xuất hiện ở huyện Tiêu, Quang lộc đại phu là Kiêu Huyền hỏi Thái sử lệnh là Đan Dương rằng:

- Đây là điềm gì?

Dương nói:

- Sau này chỗ ấy sẽ có bậc vương giả nổi lên, chẳng đến năm mươi năm, sẽ lại có rồng vàng hiện ở đó. Việc trời thường có hình tượng, đây là sự ứng nghiệm thôi.

¹ Thập nhất (什一), là chế độ thuế khóa thời cổ, thu được mười phần phải nộp thuế cho nhà nước một phần.

Người quận Nội Hoàng là Ân Đăng ngầm chép lời ấy. Đến bốn mươi lăm năm sau, Đăng vẫn còn sống.

Tháng ba, rồng vàng hiện ở huyện Tiêu, Đăng nghe tin ấy nói:

- Lời của Đan Dương, nay đã ứng nghiệm rồi ư!^①

① *Ngụy thư* chép: Vương triều kiến Đăng, bảo Đăng rằng:

- Trước kia Thành Phong nghe được lời chiêm bốc của Sở Khâu mà kính thờ Quý Hữu,⁽¹⁾ Đặng Thần tin lời nói của Thiếu Công mà đem thân mình phụng sự Quang Vũ.⁽²⁾ Đăng vốn già lão, hết lòng tin tưởng thuật chiêm bốc, nhớ rõ điềm trời, ta há được thế sao!

Bèn ban cho Đăng ba trăm斛 gạo, rồi phái người đưa về nhà.

Ngày Kỷ Mão, lấy Tiền tướng quân là Hạ Hầu Đôn làm Đại tướng quân. Thiên vu của người Uế Mạch, người Phù Dư⁽³⁾ và các vương ở Yên Kỳ, Vu Điền đều phái sứ giả đến dâng biểu cống vật.^①

① *Ngụy thư* chép: Ngày Bính Tuất, lệnh cho sử quan tấu trình việc đặt các chức Trọng, Lê, Hi, Hòa, kính thuận trời xanh, lập lịch

¹ Theo sách *Tả thị, Mẫn công nhị niên*, có câu nói đại ý rằng: “Thành Phong (成风) nghe được quẻ bói về Quý Thành tử, tức Quý Hữu (con út của Lỗ Hoàn công) bèn thờ Quý Hữu.” Thành Phong là mẹ của Công tử Thân, sau này Công tử Thân lên ngôi vua nước Lỗ, tức Lỗ Hi công. Lời bói của Sở Khâu (楚丘) ý rằng: “Người con trai, tên Hữu, thuộc Công tộc, là người phù giúp Công thất. Quý thị vong, thì nước Lỗ không xương thịnh được.” Quý thị sau trở thành một trong ba nhà đứng đầu của nước Lỗ.

² Đặng Thần (邓晨), tự Vĩ Khanh (伟卿), người quận Nam Dương huyện Tân Dã, lấy chị (hoặc em gái) của Lưu Tú và là công thần của Quang Vũ để Lưu Tú. Theo *Hậu Hán thư*, thời Vương Mãng mất, Quang Vũ cùng anh là Lưu Bá Thắng và Đặng Thần đều đi đến huyện Uyển, cùng người ở huyện Nhượng là Thái Thiếu Công ăn yến. Thiếu Công (少公) rất hiểu sấm đồ, nói rằng Lưu Tú sẽ làm Thiên tử. Quang Vũ cười nói: “Sao biết được rằng đó là kẻ hèn này nhỉ?” Mọi người ngồi đó đều cười lớn, Thần vui mừng trong bụng, sau này hết sức phù giúp Quang Vũ, cuối cùng làm nên nghiệp lớn.

³ Là cách gọi chung về các bộ tộc thiểu số ở biên ải phía đông bắc vùng Hoa Hạ của Trung Quốc thời ấy. Truyện về các bộ tộc này, xem tập V, quyển 30 (Ô Hoàn, Tiên Ti, Đông Di truyện).

pháp theo sự xoay vần của mặt trời, mặt trăng và các vì sao để thuận theo thời tiết.

Thần Tùg Chi xét: *Ngụy thư* ghi chép về các chức ấy nhưng không thấy nói về người giữ các chức vị ấy vậy.⁽¹⁾

Ngày Đinh Hợi có chiếu lệnh rằng:

"Bọn cố Thượng thư bộc xạ là Mao Giới, Phụng thường Vương Tu, Lương Mậu, Lang trung lệnh Viên Hoán, Thiếu phủ là Tạ Hoán, Vạn Tiêm, Trung úy Từ Dịch, Quốc Uyên, đều là người trung trực ở triều đình, hành vi nhân nghĩa đức hạnh, nhưng sớm lìa đời, mà con cháu bị bỏ rơi, trăm rất thương xót họ, nay đều bãi phong con trai họ làm Lang trung."

Mùa hạ tháng tư ngày Đinh Ty, người huyện Nhiêu An nói có chim trĩ trắng xuất hiện.^① Ngày Canh Ngọ, Đại tướng quân Hạ Hầu Đôn chết.^②

① *Ngụy thư* chép: Ban thuế ruộng cho người huyện Nhiêu An, ban trâu và rượu cho một trăm hộ ở quận Bột Hải, mở hội lớn uống rượu ba ngày; Thái thường làm cỗ thái lao tế ở tông miếu.

② *Ngụy thư* chép: Vương mặc áo trắng đến cửa đông thành Nghiệp cử ai.

Tôn Thịnh nói: Theo lễ, thì Thiên tử khóc người cùng họ ở ngoài cửa tông miếu. Khóc ở cửa thành, thì việc khóc ấy là sai vậy.

Tháng năm ngày Mậu Dần, Thiên tử truyền lệnh cho Vương truy tôn ông nội của Vương là Thái úy Tào Tung làm Thái vương, phu nhân Đinh thị làm Thái vương hậu, phong con của Vương là Duệ làm Vũ Đức hầu.^① Tháng ấy, sơn tặc ở quận Phùng Dục là bọn Trịnh Cam, Vương Chiêu dẫn thuộc hạ đến hàng, đều được phong tước Liệt hầu.^②

¹ Không truyện chú giải *Kinh Thượng thư* nói, "Trọng tức Hi, Lê tức Hòa. Vua Nghiêu lệnh cho Hi Hòa nối nhau làm quan chương quản bốn mùa trong trời đất, khiến cho thần và người không nhiễu loạn, đều có thứ tự." Đại để là sách *Ngụy thư* chép việc Ngụy Văn đế lệnh cho sử quan cho đặt ra bốn chức là Trọng, Lê, Hi, Hòa để biên tu lịch pháp. Bùi Tùg Chi khi chú giải *Tam Quốc chí* nói rằng có chức nhưng không thấy nói ai giữ các chức vụ ấy.

① *Ngụy lược* chép: Dùng quan Thị trung là Trịnh Xứng làm sư phó của Vũ Đức hầu, ban lệnh rằng:

"Thanh kiếm báu Long Uyên, Thái A xuất ra từ sắt ở núi Côn Ngô,⁽¹⁾ ngọc Bích họ Hòa cũng nảy từ ruộng làng Tinh Lí⁽²⁾; mài giữa thành vật tinh, chạm khắc thành của báu, nên trở thành vật có giá liên thành, là vật báu truyền đời. Sự học hành của người ta cũng như việc mài giữa chạm khắc vậy. Xứng là bậc đại nho dốc lòng học tập, hãy gắng sức dùng kinh học giúp Vũ Đức hầu, nên sớm tới vào hầu, để sáng tỏ cái chí của mình."

② *Ngụy thư* chép: Ban đầu, Trịnh Cam, Vương Chiêu đem hết bộ chúng người Hồ của mình ở Lô Thủy⁽³⁾ đến hàng, Vương nhận được hàng thư đem kể với triều thần rằng:

- Lúc trước triều đình có lệnh muốn sai ta đánh dẹp người Tiên Ti, ta không nghe theo mà họ hàng phục; lại có lần muốn sai ta đến mùa thu này đánh dẹp người Hồ ở Lô Thủy, ta không nghe, nay họ lại đến hàng. Trước kia Ngụy Vũ hầu hể mưu việc là ứng nghiệm, có đáng vẻ tự đắc, bị Lý Khôi chê bai.⁽⁴⁾ Nay ta nói lời

¹ Theo sách *Việt tuyệt thư* (越绝书), phần *Ngoại truyền kỳ bảo kiếm* nói rằng Việt vương lệnh cho Âu Dã Tử (歐冶子) rèn năm thanh kiếm báu, đó là: Trạm Lư (湛卢), Cự Khuyết (巨阙), Thắng Tà (胜邪), Ngư Trường (鱼肠) và Thuần Quân (纯钧). Ngoài ra Âu Dã Tử cũng rèn cho Sở Chiêu vương ba thanh kiếm là Long Uyên (龙渊), Thái A (泰阿) và Công Bố (工布). Thanh kiếm Thái A được nhắc tới trong *Sử ký*, phần *Lý Tư liệt truyện*.

² Theo *Tuân tử*, có chép: "Hòa chi bích, Tinh Lí chi quyết dã." Tức là "ngọc bích họ Hòa, nổi lên ở Tinh Lí." Dương Tông chú giải rằng "Tinh Lí, là tên làng vậy."

Theo ghi chép của Hàn Phi Tử thì ngọc bích họ Hòa do một người nước Sở tìm được ở trong núi Kinh đem dâng Sở Lệ vương, thợ xem ngọc bảo đấy là hòn đá, vua cho là nói dối nên chặt chân. Sau này Văn vương lên ngôi, người họ Hòa ôm ngọc, khóc ở chân núi ba ngày đêm, chảy máu mắt, vua sai người đến hỏi, rồi đem ngọc về xem kỹ, thì đúng là ngọc, mới đặt tên gọi là Ngọc bích họ Hòa, là quốc bảo của nước Sở.

³ Người Hồ ở Lô Thủy, đây là một bộ tộc sinh sống ở địa khu phía tây bắc của vùng Hoa Hạ.

⁴ Lý Khôi (李悝), còn có tên là Lý Khắc, người quận Bộc Dương, là nhà chính trị, nhà pháp học nước Ngụy thời Chiến Quốc, phụng sự Ngụy Văn hầu, Ngụy Vũ hầu. Lý Khôi chủ trương chính sách "trọng nông" kết hợp "pháp trị" rất hiệu quả. Khi giữ chức Thừa tướng nước Ngụy, từng nhiều lần chê trách Ngụy Vũ hầu về tính kiêu căng. Nước Ngụy thời ấy cường thịnh có công rất lớn của Lý Khôi.

này, không phải tự cho mình là đúng, chỉ cho là ngồi yên mà thu hàng họ, công ấy lớn hơn so với việc động binh đao vậy.

Bọn Hoàng Hoa ở quận Tửu Tuyền, Trương Tiến ở quận Trương Dịch đều bắt giữ quan Thái thú trong quận làm phản. Thái thú Kim Thành là Tô Tắc đến đánh dẹp Tiến, chém hẳn. Hoa ra hàng.^①

① Hoa sau làm Thứ sử Duyện châu, thấy nói ở Vương Lăng truyện. Tháng sáu ngày Tân Hợi, duyệt binh ở Đông Giao,^① ngày Canh Ngọ, bắt đầu đi đánh phương nam.^②

① *Ngụy thư* chép: Công khanh đại thần đều theo lễ đến mừng, Vương ngự trên xe lọng, xem đánh trống diễu trận.

② *Ngụy lược* chép: Vương sắp xuất chinh, Độ chi Trung lang tướng là Hoắc Tính người quận Tân Bình dâng sớ can:

"Thần nghe nói Văn vương giúp việc cho vua Trụ, bấy giờ người thiên hạ ngậm miệng tránh họa, hết thấy trăm bậc quân tử, chẳng ai tiến dâng lời khuyên. Nay Đại vương kiêm gồm trời đất, khai mở bốn cõi, khiến kẻ hiền người ngu đều noi theo khuôn phép."

"Cúi nghĩ công đức của Tiên vương không ai sánh bằng, nhưng hiện nay người ta vẫn nói rằng đức hạnh không được trọn vẹn. Cho nên thánh nhân nói: 'Trăm họ được vui thì yên.' Binh thư nói: 'Chiến tranh, là việc nguy vậy', là bởi sáu nước kịch liệt giao tranh, nên nhà Tần cường mạnh thừa hư thu lợi, Bân vương chẳng tranh giành, đạo nhà Chu nhờ thế mà hưng.⁽¹⁾ Ngụ thần cho rằng Đại vương nên lấy bản triều làm trọng mà dùng nhu đạo tự giữ, ra oai như hổ ngồi, công nghiệp tự nhiên có thể thành. Mà nay cơ nghiệp mới sáng lập, lại lập tức khởi binh, việc binh là hung hiểm, tất có kẻ ác quấy nhiễu, có kẻ quấy nhiễu thì môi loạn sinh ra, họa loạn sinh ra là thứ khó lường. Thần cho rằng thế là nguy, môi nguy như trứng chồng vậy."

¹ Huyện Bân (豳) thuộc Thiểm Tây (陝西) là địa bàn cũ của nhà Chu. Thời ấy Cơ Xương Chu Văn vương là chư hầu mạnh, làm bá phương tây, nhưng không vội tranh đoạt thiên hạ mà mưu tính từ từ, thu gom nhân tài, khai mở khuếch trương thế lực, truyền cơ nghiệp bền vững cho con, khi thời cơ đến, Vũ vương khởi binh tiêu diệt vua Trụ nhà Ân Thương, khai sáng cơ nghiệp nhà Chu.

"Trước kia vua Khải nhà Hạ ẩn thân ba năm,⁽¹⁾ Kinh Dịch có nói: 'Đi chưa xa thì quay lại được', Luận ngữ có câu: 'Không ngại sửa lỗi.' Thần thực lòng mong đại vương xét rõ việc xưa nay, mưu sâu nghĩ xa, cùng với tam công, đại phu tính toán kỹ lưỡng cái hay dở của việc xuất binh. Thần nhận hậu ân đãi ngộ của tiên vương, thêm nữa là nước mới đổi chính pháp, thần lại được ban ân nhận trọng trách nặng, dẫu biết rằng nói ra là xúc phạm bậc rồng lân, a dua vâng lời là gần với phúc lộc, thần rất cảm khái dâng bản tấu này, biết nguy mà không thể ngăn mình được."

Tấu dâng lên, Đế giận, phái Đốc sát đến bắt tra khảo, giết đi. Về sau Đế lại hối, tha tội và cho người đuổi theo thu hồi lệnh nhưng không kịp.

Mùa thu tháng bảy ngày Canh Thìn, Đế lệnh rằng:

"Hiên Viên dựng Minh đài để nghị bàn triều chính, Phóng Huân lập Cù thất làm nơi hỏi dân về chế độ, đều là việc làm để rộng rãi trưng cầu ý kiến kẻ dưới vậy. ① Nay trăm quan văn võ, hãy chuyên tâm với chức phận hết lòng can gián, tướng soái ra trận theo đúng quân pháp, quan lại trong triều làm sáng rõ chế độ, châu mục quận thú bày tỏ việc chính sự, sĩ đại phu khảo xét lục nghệ,⁽²⁾ ta sẽ xem xét hết thảy."

① Quản tử⁽³⁾ nói: Hoàng đế lập Minh đài để nghị bàn việc nước, ở trên quan sát được việc luyện binh; vua Nghiêu dựng Cù thất là nơi hỏi về chế độ, ở dưới nghe được ý kiến của người dân; vua Thuấn dựng cờ tình để cầu lời nói thiện, khiến bậc quân chủ không bị người ta che mắt; vua Vũ dựng trống ở triều đình, là chỗ nghe người dân kiện cáo; Thang Thương đặt Hình đình ở khắp ngã tư đường, để xét việc phi pháp của quan dân; Vũ vương

¹ Hạ Khải (夏启) là con vua Hạ Vũ (夏禹). Trước đây có tục vua truyền ngôi cho người hiền tài, như Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn, Thuấn truyền ngôi cho Vũ, Vũ truyền ngôi cho Bá Ích. Hạ Vũ chết, Bá Ích để tang ba năm rồi sau trao trả ngôi vua cho Hạ Khải, bắt đầu từ đó chính thức đặt mốc cho việc cha truyền con nối.

² Lục nghệ xưa bao gồm: Lễ, nhạc, ngự (cưỡi ngựa), xạ (bắn cung), thủ (viết chữ) và số học (tính toán).

³ Quản tử (管子), tức Quản Trọng, đại thần của Tề Hoàn công thời Xuân Thu.

dựng vườn Linh Đài, làm nơi đón tiếp các bậc hiền giả: Đây là việc mà các bậc đế thánh vua sáng thời xưa làm để nhớ rằng có nước thì không được để mất, nghĩ đến thì không để sót vậy.

Tôn Quyền phái sứ dâng cống vật. Tướng Thục là Mạnh Đạt thống suất thuộc hạ quy hàng. Đê vương ở quận Vũ Đô là Dương Phó dẫn người trong bộ lạc vào nương dựa, trú ở quận Hán Dương.^①

① *Ngụy lược* chép lệnh do chính Vương thủ bút rằng:

"Ta trước đây phái sứ giả đi tuyên cáo uy linh của quốc gia, mà Đạt lập tức đến. Ta nghĩ việc Kinh Xuân Thu khen Nghi Phụ,⁽¹⁾ lập tức phong báii cho Đạt, sai quay về lĩnh chức Thái thú Tân Thành. Gần đây lại thấy người già con trẻ dất dứu nhau theo về vương hóa. Ta nghe nói dân chúng của bộ lạc Túc Sa tự bắt trời vua của mình rồi quy thuận Thần Nông,⁽²⁾ người nước Bân diệu con trên lưng tiến vào đất Phong, đất Hạo, đây há phải họ bị xua đuổi bức hiếp mà đến đây? Mà vì phong khí và giáo hóa biến đổi khiến cái tình của người ta cảm động, niềm vui phát ra từ tâm khiến họ làm thế vậy. Từ đây mà suy, côi tây nam xa vạn dặm bên ngoài, ai sẽ cùng Quyền và Bị dốc lòng đến chết đây?"

Ngày Giáp Ngọ, đại quân đóng lại huyện Tiêu, mở đại tiệc đãi sáu quân và phụ lão trăm họ của huyện Tiêu ở phía đông ấp.^①

Tháng tám, người huyện Thạch Ấp nói có chim phượng hoàng tụ tập.

① *Ngụy thư* chép: Vương cho bày kỹ nhạc diễn trăm trò, xuống lệnh rằng:

¹ Nghi Phụ (儀父), có tên là Khắc, người nước Lỗ thời Xuân Thu, sự tích về Nghi Phụ thấy ở *Tả truyện*. Nghi Phụ giỏi ngoại giao, thông qua ngoại giao đề cao địa vị của thiên tử. Năm thứ mười lăm đời Lỗ Trang công nước Lỗ, Nghi Phụ được vua nhà Chu ban cho tước Tử, nên người đời sau gọi ông là Chu Tử Khắc, hay đơn giản gọi là Chu Tử.

² Vào thời Viêm đế, tức Thần Nông (神農), vua của bộ lạc Túc Sa (夙沙) phản, không thần phục Viêm đế, Viêm đế không đánh, chỉ chăm chỉ sửa đức, dân Túc Sa bắt trời và giết vua của mình, rồi theo về với Viêm đế.

"Tiên vương rất cao hứng khi trở về nơi mình sinh ra, là theo lễ mà không quên gốc. Huyện Tiêu, là đất Bá vương, chân nhân từ đấy sinh ra, nay miễn tô thuế cho huyện Tiêu hai năm."

Tam lão và quan dân hướng lên chúc thọ, cuối ngày mới thôi. Ngày Bính Thân, Vương đích thân tế tự ở Tiêu lăng.

Tôn Thịnh nói: Xưa kia các bậc tiên vương lấy đức hiếu để trị thiên hạ, bên trong giản ước theo lẽ tự nhiên, bên ngoài rộng rãi thi ân ra bốn bể, người sống thì hết lòng hiếu kính, người mất thì trọn vẹn xót thương, hoài niệm cư tang nơi phòng kín, việc chính sự ký thác cho quan Trùng tể, cho nên nói: "Lễ để tang là ba năm, từ thiên tử đến thứ dân trăm họ"; Như thế cho nên nghĩa tại tam hết sức trung hậu, ân tình của kẻ thần tử nhất mực thành thật, hòa hợp thì giáo hóa hưng, đạo trị quốc được vững chắc, đấy là lý do để bậc thánh nhân thấu suốt thiên địa, đạo nhân luân đôn hậu, giáo hóa sáng tỏ, phong tục thuần khiết, là phép thường trăm đời không thay đổi, là pháp chế trăm vương ghi nhớ ở trong lòng vậy. Cho nên cư tang theo lễ thì đội mũ lụa trắng, dân nước Cối mong nhìn thấy mũ ấy mà làm thơ châm biếm,⁽¹⁾ Tể Dư rút ngắn thời hạn cư tang, Trọng Ni xõa tóc than là kẻ bất nhân,⁽²⁾ Tử Đồi quên thương đau, bậc quân tử cho là vui trong tai vạ,⁽³⁾ Lỗ hầu sửa đổi tang phục, *Kinh Xuân Thu* biết là chẳng được vẹn toàn, há chẳng phải là sự thành tâm thương đau đã suy kém, mới làm đại lễ vui mừng vào lúc cư tang hết mực thương đau sao? Cho nên

¹ Người xưa để tang ba năm, trang phục để tang là áo trắng, mũ trắng, tất trắng. Người hiền ở nước Cối mong mới được thấy thứ tang phục ấy đến mức nhọc lòng lo nghĩ, mới làm ra bài thơ *Tổ quan*. Bài thơ này có trong *Kinh Thi*.

² Tể Dư là học trò của Khổng tử, muốn rút ngắn thời gian cư tang, cho rằng để tang ba năm là dài, Khổng tử nói rằng "con cái sinh ra được cha mẹ bông bế ba năm, Tể Dư không được cha mẹ thương yêu bông ẵm ba năm sao? Tể Dư thật là bất nhân."

³ Tử Đồi (子頹) tức Vương tử Đồi, con thứ của Chu Trang vương thời Xuân Thu, là vị vua cướp ngôi nhà Chu. Chu Ly vương (anh của Vương tử Đồi) chết, con là Chu Huệ vương lên nối, vì Huệ vương làm mất lòng đại thần nên bị đánh đuổi, Vương tử Đồi được lập, không lo sửa chính sự, ham chơi hưởng lạc, suốt ngày yến tiệc, không giữ lễ cư tang, về sau bị chư hầu hợp sức đánh giết, Vương tử Đồi chỉ hưởng ngôi có hai năm.

dù cuối thời Tam đại, thất quốc tề hại, vẫn còn chưa phế bỏ phép mặc đồ tang một tháng, hay cời áo xô gai vào ngày làm lễ "phản khóc" vậy.⁽¹⁾ Đến thời Hán Văn, thay đổi phép xưa, giềng mối đạo nhân luân một sớm bị phế, lễ mặc áo xô cư tang được định đoạt bởi bậc chí tôn, lệnh cấm ngặt ban ra bốn bể, thế nên nghĩa cảm hóa với trăm quan khuyết thiếu, giáo hóa lớn với quân vương roi rúng; dầu trong lòng xét tính kiệm ước, nghĩ việc trị lý quốc gia, đến mức cho là vì hậu thế mà lập đức truyền danh, đề cao giáo hóa cải biến phong tục, nên vì thế đạo nghĩa bạc béo hơn trước kia, phong khí suy bại hơn thời xưa rồi. Vả như Chu Vũ mang bài vị ra quân mà ở Mục Dã chẳng cần bày trận, Tống Tương mặc tang phục sắc đen mà ba vị nguyên soái bị bắt, nên trong việc lập công thành nghiệp, tang phục có tổn hại gì đâu? Ngụy vương đã noi theo pháp chế nhà Hán, hủy bỏ đại lễ cư tang, vào cái lúc bị ai hết mực mà bày lễ nhạc thết đãi thưởng yển, bản thân ở vị trí bắt đầu truyền ngôi cho con cháu mà làm roi rúng cái ý nghĩa cơ bản của vương hóa, đến lúc thụ thiện, lại thu nạp thứ thiếp, quên cái nỗi nhất mực xót thương của mình làm tổn hại đến điển lệnh của bậc thánh hiền, lòng trời vút bỏ rồi, sao trọn vẹn dài lâu! Vì thế biết được rằng tuổi thọ của Vương chẳng được bao xa, lời chiêm bốc về vận số của Vương ở trên đời mau đến vậy.

Mùa đông tháng mười ngày Quý Mão, xuống lệnh rằng:

"Chư tướng đi chinh phạt, sĩ tốt tử vong có kẻ chưa được thu nhặt liệm táng, ta rất xót thương họ; nay bố cáo cho các quận trong nước cấp áo quan nhỏ liệm táng họ. Khi đưa về đến gia đình họ, quan phủ phải cử hành tế lễ." ①

Ngày Bính Ngọ, Vương đến Khúc Lễ.

① Chiếu lệnh vào tháng tám của Cao tổ ở Hán thư chép: "Sĩ tốt chết khi tòng quân, dùng tuệ táng."

Ứng Thiệu nói: "Tuệ, là chiếc áo quan nhỏ, nay gọi là cái hòm."

¹ Theo lễ thì sau khi an táng người chết xong, tang chủ vẫn mặc áo xô gai, bung bài vị của người chết về nhà làm lễ khóc lóc, đây gọi là lễ "phản khóc."

Bài *Bách nhất thi* của Ứng Cừ viết: "Linh xa lăn trên đường, chinh phu không dừng nghỉ."

Bài *Đại mộ phú* của Lục Cơ viết: "Đứng ngắm cây gổ nhỏ mà lòng chứa chan sâu muộn, mắt thấy bóng quan tài lại nghĩ đến linh xa."⁽¹⁾

Hán đế vì mọi người trông ngóng về nước Ngụy, bèn triệu tập công khanh trăm quan,^① tế cáo ở miếu của Cao tổ. Lại sai quan Ngự sử đại phu là Trương Âm cầm cờ tiết dâng tì thụ nhường ngôi vị, hạ chiếu sách rằng:

"Hỡi ôi Ngụy vương! Xưa kia Đế Nghiêu nhường ngôi cho Ngu Thuấn, Thuấn cũng trao lại mệnh trời cho Vũ, thiên mệnh chẳng ở người thường, thiết nghĩ phải trao về người có đức."

"Đạo nhà Hán đổ nát, mất cả thứ tự, xuống đến đời trẫm, đại loạn càng rồi ren, bọn hung nghịch nổi lên tứ tung, thiên hạ đảo điên nghiêng đổ. May nhờ thần vũ của Vũ vương, cứu vớt họa nạn ở tứ phương, làm trong sạch vùng Hoa Hạ, để giữ gìn tông miếu giúp trẫm, há đâu chỉ một mình trẫm được yên, mà cả chín cõi thực sự được nhờ ơn huệ ấy. Nay vương kế thừa nghiệp trước, đức hạnh càng sáng, mở mang đại nghiệp của văn võ, làm tỏ thêm công nghiệp rạng ngời của cha người. Vậy nên trời cao giáng điềm lành, quý thần báo điều hay, trẫm nghĩ kỹ việc người phù tá chính sự, trăm quan dâng lời mong trẫm hạ chiếu mệnh, mọi người đều nói rằng đức độ của người sánh được với Ngu Thuấn, vì thế trẫm noi theo đại điển của Đường Nghiêu, kính nhường ngôi vị cho người."

"Than ôi! Lịch số của trời ở vào mình người, thực mong người vững lòng trung, khiến phúc lộc trời ban không dứt; người hãy kính thuận đại lễ, khoản đãi muôn bang, để cung kính kế nối thiên mệnh." ②

¹ Trần Thọ viết: "Tuệ độc tân liệt" (dùng áo quan nhỏ liệt táng). Bùi Tùng Chi dẫn chữ trong các đoạn văn thời trước, như chiếu lệnh của Hán cao tổ hay chữ trong thi ca, để chú giải nghĩa của chữ "tuệ."

① Hán kỷ của Viên Hoành chép tờ chiếu của Hán đế rằng:

"Trẫm ở ngôi vị đã ba mươi hai năm, gặp lúc thiên hạ đảo điên nghiêng đổ, may nhờ anh linh của tổ tông, nguy mà lại còn. Nhưng ngẩng trông tượng trời, cúi xét lòng dân, vận số hòa đức của Hán triều đã dứt, lịch số chuyển sang họ Tào. Vì thế tiên vương đã dựng nên công thần vũ, nay Ngụy vương lại chối lòa đức sáng để ứng kỳ vận, đây là lịch số đã chứng nghiệm rõ ràng, trẫm tin là vậy. Ôi! Đạo lớn vận hành, thiên hạ là của chung, phải tuyển lấy người hiền tài để trao nhường, thế nên Đường Nghiêu không riêng tư truyền ngôi cho con mình, mà danh tiếng lưu truyền mãi. Trẫm rất lấy làm ham mộ, nay trẫm noi theo phép điển của vua Nghiêu, nhường ngôi cho Ngụy vương."

② Hiến đế truyện ghi chép các việc quanh chuyện nhường ngôi rằng: Tả trung lang tướng Lý Phục dâng biểu lên Ngụy vương rằng:

"Trước đây tiên vương mới kiến lập nước Ngụy, người ngoài biên cảnh nghe tin chưa xét rõ, đều cho rằng bá nhận tước Vương. Lý Thới, Khương Hợp người quận Vũ Đô là khách trọ ở Hán Trung, bảo thân rằng: 'Tất là bá tước Ngụy công thôi, bá tước Vương chưa thích hợp. Việc yên định thiên hạ, là ở Công tử Hoàn nước Ngụy, đây là lời mách bảo của thần linh, ứng hợp điềm sấm, để hợp ý trời thuận lòng người lên ngôi cứu nguy.' Thần đem lời của Hợp nói với Trần nam tướng quân Trương Lỗ, Lỗ cũng hỏi Hợp rằng lời ấy từ thư tịch nào xuất ra? Hợp nói: 'Là từ Ngọc bản của Khổng tử¹ vậy. Lịch số của Thiên tử, đầu trăm đời có thể biết được.' Sau đấy hơn một tháng, có kẻ bỏ trốn đến phương ấy, chép được một cuốn sách, rút cục giống với lời của Hợp. Hợp giỏi về sấm đồ, nổi danh ở vùng Quan Hữu. Lỗ tuy có lòng mến nước, nhưng đắm chìm với cái biến hóa của dị đạo, không lĩnh hội hết dụng ý ngôn từ của Hợp. Về sau bí mật cùng thân nghị luận kế sách, nhưng vì thuộc hạ không đoàn kết, có kẻ muốn bỏ sang phương tây, Lỗ tức giận nói: 'Ta thà làm nô bộc của Ngụy công, chứ không làm thượng khách của Lưu Bị vậy.' Lời nói phát ra xót xa bi thống, tin rằng là có

¹ Ngọc bản là phiếm chỉ loại điển tịch rất quý giá, có thể khắc chữ hay vẽ đồ hình báo điềm tốt lành. Trong cuốn *Thập Di ký* của Vương Gia thời nhà Hán, phần Đường Nghiêu có câu: "Lúc Đế Nghiêu tại vị, đức thịnh rạng ngời, ở bên sông Hà Lạc, bắt được tám ngọc vuông một thước, ở trên có vẽ hình trời đất."

duyên do kia. Hợp năm trước nghênh đón Vương sư, năm sau mắc bệnh chết ở huyện Nghiệp. Từ đấy thần ở tại triều đình, thường nói chuyện với người thân cận của mình tuyên truyền ý này, vào lúc ấy còn chưa thích hợp, chẳng dám nói rõ ràng. Điện hạ tức vì mới có một năm, điềm lành giáng xuống rất nhiều, ngày tháng xoay vần, ngôi Thiên tử là ý trời, hiển nhiên như thế. Nhưng thánh đức đạt dào, điềm lành đã báo rõ, thật là đất trời hớn hở, muôn nước tin theo. Thần mỗi khi dâng lời chúc tụng, muốn nói là lời của Hợp chứng nghiệm; người thờ quân vương tận lễ, kẻ khác còn cho là siểm nịnh. Huống chi thanh danh đức hạnh của thần như bản hèn hạ, vào triều được ít ngày, nói ra là mắc tội lớn, nên tự nén lòng thôi. Nay ơn trời giáng khắp tứ phương, cái ân diệu kỳ rải đầy trời đất, hải nội hòa hợp vui mừng, người phương xa quy phục, điềm lành ứng nghiệm tụ hội, để xưng tụng ý chỉ của thần minh, trước sau đều tốt. Thần chẳng敢 nể nổi hứng khởi mừng vui, kính cẩn dâng lên biểu văn này."

Vương hạ lệnh rằng:

"Lời này ban bố ra ngoài. Trẫm vốn đức mỏng, làm sao được đến như thế, quả không dám nhận lời ấy; đấy thực là chí đức của tiên vương thông đạt đến thần minh, không phải là cái mà sức người đạt đến được vậy."

Bọn Thị trung của nước Ngụy là bọn Lưu Di, Tân Bì, Lưu Diệp, Thượng thư lệnh là Hoàn Giai, Thượng thư là Trần Kiểu, Trần Quần, Cấp sự Hoàng môn thị lang là Vương Bí, Đồng Ngộ cùng nói:

"Bọn thần cúi xét các việc mà Tả trung lang tướng Lý Phục dâng lên, khảo xét hà đồ và lời sấm ký, đem ứng hợp với điềm báo của thần minh, xét các việc thời cổ đại, chưa có gì là không đúng vậy. Cho nên vua Nghiêu nói lịch số ở bản thân mình, xem thiên văn là để hiểu rõ đạo trời; Chu Vũ chưa phát động chiến tranh mà có điềm chim quạ đỏ ngậm sách vàng,¹ Hán tổ chưa hiển lộ mà thần linh hóa thành bà lão báo điềm

¹ Văn vương thấy con quạ đỏ ngậm sách vàng đậu trên nền đền thờ tổ tiên nhà Chu, cho là điềm trời báo rằng hành Hòa thịnh, nghiệp nhà Chu sẽ hưng vượng. Bèn khiêm cung đãi kẻ sĩ, quạ trưa mới ăn, thu dụng hiền tài, về sau con của Văn vương là Vũ vương diệt nhà Ân Thương, kiến lập triều Chu.

hay;⁽¹⁾ Hiếu Tuyên địa vị thấp hèn, tự mình gây dựng cho dòng dõi;⁽²⁾ Quang Vũ mặc áo vải, danh tự đã khắc ở lời sấm.⁽³⁾ Đây là mệnh trời nêu rõ bậc thánh triết, không chỉ ở lời văn, mà mùi thơm lan tỏa, có thể nhận biết được vậy, bởi thế hình tượng trên trời để mách bảo với người, dùng vật mọn là để mô phỏng ý nghĩa thôi. Từ khi đức của nhà Hán suy vi, kéo dài mấy đời, cuối thời Hoàn, Linh, chính đạo chẳng dựng nổi, đến khi đại loạn, là hơn hai mươi năm. Trời cao chẳng diệt tận, mới sinh bậc thánh sáng, để cứu vớt nạn ấy, đây là điềm sấm làm rõ trước, để nêu tỏ bậc chí đức. Điện hạ chưa ứng vận lên ngôi, mà tượng trời biến hóa làm rõ cảnh tượng ở trên, điềm lành tụ tập ứng theo ở dưới, dân chúng bốn phương không tuân lễ chế, nay quy tâm hướng nghĩa, biết lo sợ về sau, dấu những điều mà thư tịch truyền lại, vẫn chưa bằng cái thịnh hôm nay vậy. Thần dân xa gần, chẳng có ai không vui mừng hỉ hả."

Vương truyền lệnh rằng:

"Cái sắc loang lổ của con bò giống như con hổ, cây cỏ non cũng giống như cây lúa, sự việc có chỗ giống nhau mà không phải vậy, là việc hôm nay đấy thôi. Lời này là các người nói ra, không phải cái đức của ta tốt đẹp đến thế."

¹ Hán Cao tổ lúc còn là Đình trưởng, một lần trốn phu đi qua vùng đầm lầy chém chết con rắn trắng chắn ngang đường, có bà lão đến bên con rắn khóc lóc. Người đi phía sau gặp bèn hỏi bà lão vì sao mà khóc, bà lão nói: "Con tôi là con của Bạch đế hóa thành rắn nằm ngang giữa đường, nay bị con của Xích đế chém, nên tôi khóc." Người ta cho rằng đây là điềm báo Lưu Bang lên ngôi vua, sau này Lưu Bang diệt Tần phá Sở, gây dựng nhà Hán.

² Hiếu Tuyên Hoàng đế tức Lưu Tuấn, cháu bốn đời của Hán Vũ đế, ông nội là Lệ thái tử Lưu Cứ từng bị Vũ đế giết. Sau khi Hán Chiêu đế chết, Xương Ấp vương Lưu Hạ lên nối, nhưng vô đạo, làm nhiều việc ác, chỉ ở ngôi có 27 ngày thì bị đại thần phụ chính là Hoắc Quang phế truất. Lưu Tuấn lúc đó địa vị rất thấp được lập lên nối ngôi vua.

³ Khi khởi binh chống lại chính quyền Vương Mãng, Quang Vũ đế Lưu Tú rất tin vào câu sấm truyền: "Hòa hay không, là ở Xích Mi, được hay không, là ở Hà Bắc." Ứng với lời sấm này thì Lưu Huyền (lúc đó xưng là Canh Thủy đế) làm mất lòng các tướng lĩnh khởi nghĩa, bị quân Xích Mi giết; và Quang Vũ đế Lưu Tú lúc đó đã xưng vương ở Hà Bắc, sau định được thiên hạ, lập nhà Đông Hán.

Rồi sai quan Thượng thư bọc xạ tuyên cáo với trăm quan, để mọi người nghe biết.⁽¹⁾

Vì thế lập đàn tế ở Phồn Dương.

Ngày Canh Ngọ, Vương đăng đàn nhận ngôi vị, trăm quan sắp hàng bồi tiếp. Nhận ngôi xong, xuống đàn, cử hành nghi lễ đốt lửa tế trời đất rồi quay về. Đổi năm Diên Khang thành năm Hoàng Sơ, đại xá thiên hạ.^①

① *Hiển đế truyện* chép: Ngày Tân Mùi, Ngụy vương đăng đàn nhận ngôi, công khanh, liệt hầu, chư tướng, Thiên vu Hung Nô và mấy vạn sứ giả của Tứ di về châu sắp hàng bồi tiếp, đốt lửa tế cáo trời đất, ngũ nhạc, tứ độc,⁽²⁾ rằng:

"Kẻ bầy tôi của Hoàng đế là Phi mao muội dùng bò đực đen để tế lễ xin cáo rõ với bậc Thượng đế chí tôn:

Nhà Hán trải hai mươi bốn đời, qua bốn trăm hai mươi sáu năm, bốn bề khốn cùng, đạo tam cương không dựng nổi, ngũ đại hành tinh di dời rối loạn, nay điềm lành đông loạt xuất hiện, suy đoán thuật số, xét đạo nghĩa thời cổ, hết thấy đều cho là lịch số của trời đã xoay tròn vòng, toàn thể dân chúng đều nói đó là ý của thần linh, tỏ rõ rằng vận số nhà Hán

¹ Sau đoạn này còn có các biểu tấu của Thái sử thừa Hứa Chi, Đốc quân ngự sử trung thừa Tư Mã Ý, chiếu sách nhường ngôi của Hán Hiến đế, tấu biểu của Thị trung Lưu Lãm, Thường thị Vệ Trăn, thư của 120 người bọn Phụ quốc tướng quân Thanh Uyển hầu Lưu Nhược, đáp thư của Ngụy vương Tào Phi, chiếu sách của Hán Hiến đế, tấu của Thượng thư lệnh Hoàn Giai, Ngụy vương Tào Phi dâng thư từ chối lần nữa, bọn Thị trung Lưu Dị bốn người lại dâng tấu, chiếu sách lần thứ ba của Hán Hiến đế, bọn Tướng quốc Hoa Hâm, Thái úy Giả Hủ, Ngự sử đại phu Vương Lăng lần nữa dâng thư ..., nội dung đại đồng tiểu dị, trích dẫn điển tịch, ý nghĩa không nhiều, người dịch lược bỏ không dịch.

² Ngũ nhạc (五岳): Là nói năm ngọn núi thiêng của Đạo giáo Trung Quốc, đó là Đông nhạc Thái sơn Thiên tử Nhân thánh đại đế; Nam nhạc Hành sơn Tư thiên Chiêu thánh đại đế; Trung nhạc Tung sơn Trung thiên Sùng thánh đại đế; Bắc nhạc Hằng sơn Anh thiên Huyền thánh đại đế; Tây nhạc Hoa sơn Kim thiên Nguyên thánh đại đế; Tế ngũ nhạc là tế năm vị thần trông coi năm ngọn núi ấy;

Tứ độc (四渎): Sách *Nhĩ nhĩ*, thiên *Thích Thủy* có nói: "Giang, Hà, Hoài, Tê là Tứ độc." Bốn con sông lớn này vây quanh Hoa Hạ, đó là Trường Giang (Nam độc), Hoàng Hà (Tây độc), Hoài Hà (Đông độc), Tê thủy (Bắc độc). Tế tứ độc tức là tế bốn vị thần trông coi bốn con sông lớn ấy.

đã cùng tận, nhà Ngụy nên thuận ینگ đằm lành nhận mệnh. Hán chủ mới đem thần khí xã tắc trao cho bày tôi, phỏng theo khuôn phép thời Hữu Ngu, trao ngôi vị cho Phi. Phi run sợ thiên mệnh, đã từ chối không ینگ. Công khanh trăm quan, tướng sĩ khắp trong ngoài, cho đến các tù trưởng người Man Di đều nói rằng: 'Thiên mệnh đến chẳng nên cự tuyệt chối từ, thần khí xã tắc không thể bỏ trống được, quần thần chẳng thể không có chủ, muôn việc chẳng thể không có ai thống quản.' Phi vâng theo phép trời, chẳng dám không kính nhận. Bèn bói mai rùa, được quẻ Đại Hoàn, dùng cỏ thi tính số, được quẻ Cách Triệu, mới kính cẩn chọn ngày lành, cùng trăm quan dâng đàn nhận tể thụ Hoàng đế, cáo tế với trời cao và thần linh; mong thần linh giúp đỡ, cho mãi hưởng vận tốt lành, muôn dân mong ngóng, ký thác phúc vận nơi triều Ngụy."

Rồi hạ chiếu cho Tam công rằng:

"Thời thượng cổ lúc bắt đầu có bậc quân chủ, tất chuộng ân đức và giáo hóa để làm đẹp phong tục, khi trăm họ thuận theo giáo hóa rồi mới đặt hình luật để trừng phạt hoặc đãi ngộ. Nay trẫm kế nhận ngôi vị Đế vương, bắt đầu lấy năm Diên Khang nguyên niên làm năm Hoàng Sơ nguyên niên, bàn việc đổi ngày chính sóc, thay đổi sắc phục, đặt cờ xí và danh hiệu khác biệt, thống nhất phép cân đo phân lượng, kính theo hành thổ, đại xá thiên hạ; từ kẻ tử tội trở xuống, cho đến những kẻ không đáng được tha thứ, đều được giảm tội."

Ngụy thị Xuân Thu chép: Đế dâng đàn nhận ngôi vị, lễ nghi hoàn tất, ngoạn sang bảo với quần thần rằng:

- Cái việc Thuấn, Vũ, ta biết nó thế nào rồi.

Sưu thần ký của Can Bảo chép: Quan đại phu của nước Tống là Hình Sử Tử Thần biết rõ về đạo trời, năm thứ ba mươi bảy đời Chu Kính vương, Cảnh công hỏi:

- Thiên đạo có điềm triệu sao?

Đáp rằng:

- Sau đây năm năm, vào ngày Đinh Hợi tháng năm, thần sẽ chết; sau khi thần chết năm năm, vào ngày Đinh Mão tháng năm, nước Ngô sẽ diệt vong; sau khi nước Ngô diệt vong năm năm, quân

vương sẽ chết; sau khi quân vương chết bốn trăm năm, Chu thị xưng vương thiên hạ.

Không lâu sau đều như lời Hình Sử Tử Thần nói.

Trong văn tự nói rằng Chu thị làm vua thiên hạ, là bảo nhà Ngụy hưng thịnh vậy. Chu, họ Tào, Ngụy cũng họ Tào, đều là dòng dõi Chu thị. Chỉ có niên đại là lầm lẫn, không biết là Hình Sử tính lầm, hay là do niên đại quá lâu rồi, người chép truyện sao chép lầm?

Năm Hoàng Sơ nguyên niên tháng mười một ngày Quý Dậu, phong Hán đế làm Sơn Dương công, lấy một vạn hộ của ấp Sơn Dương quận Hà Nội làm phụng ấp, trong sở trị được thi hành chính sóc của nhà Hán, dùng nghi lễ của Thiên tử tiến hành giao tế, khi dâng thư không phải xưng thần, lúc cử hành tế lễ ở Thái miếu tại kinh đô, được đưa tặng thịt tế; phong cho bốn người con của Sơn Dương công làm Liệt hầu. Truy tôn Hoàng tổ Thái vương làm Thái hoàng đế, tiên phụ là Vũ vương làm Vũ hoàng đế, tôn Vương thái hậu làm Hoàng thái hậu. Ban cho những người giữ tước Nam tử trong thiên hạ⁽¹⁾ mỗi người tước vị lên một cấp, người nối dõi cha là hạng hiếu để lực điền⁽²⁾ được tăng tước vị hai cấp. Đổi các vương chư hầu của nhà Hán thành Sùng đức hầu, các Liệt hầu thành Quan Trung hầu. Lấy Phồn Xương Đình của huyện Dĩnh Âm lập ra huyện Phồn Xương. Phong tước tăng chức vị cho mọi người đều theo thứ bậc. Đổi chức Tướng quốc thành Tư đồ, Ngự sử đại phu thành

¹ Người giữ tước Nam tử, là con trai lớn trong nhà. Đại khái, thời nhà Tần, Thương Ưởng chế ra tước gồm có hai mươi cấp, lần lượt là: Công sĩ, Thượng tạo, Trâm vi, Bất canh, Đại phu, Quan đại phu, Công đại phu, Bát công, Ngũ đại phu, Tả thứ trưởng, Hữu thứ trưởng, Tả canh, Trung canh, Hữu canh, Thiếu thượng tạo, Đại thượng tạo, Tứ xa thứ trưởng, Đại thứ trưởng, Quan nội hầu, Triệt hầu. Người được ban tước, có tội được chuộc tội, nghèo thì được bán thân cho người khác. Người không được ban tước thì không có những đặc ân ấy, tước càng cao thì ân càng lớn, bán mình thì giá cao hơn, chuộc tội thì tiền bỏ ra ít hơn.

² Hiếu để lực điền (孝悌力田): Là một loại khoa mục tuyển cử thời Hán. Yêu cầu gồm các phẩm chất: Hiếu thuận với phụ mẫu, tôn kính bậc huynh trưởng, chăm chỉ với nghề nông.

Tư không, Phụng thường thành Thái thường, Lang trung lệnh thành Quang lộc huân, Đại lý thành Đình úy, Đại nông thành Đại tư nông. Đất đai các huyện ấp trong quận quốc, đa phần có thay đổi. Lại trao cho Nam Thiên vu của Hung Nô là Hô Trù Tuyên tử thụ của nước Ngụy, ban cho xe lọng xanh, xe kiệu, bảo kiếm, ngọc quyết.

Tháng mười hai, bắt đầu sửa sang cung Lạc Dương, ngày Mậu Ngọ xa giá đến Lạc Dương.^①

① Thần Tùng Chi xét: Các sách chép là lúc ấy Đế ở cung điện phía bắc, lấy điện Kiến Thủy triều hội quần thần, cửa cung ấy gọi là Thừa Minh, câu thơ của Trần Tư vương Tào Thực viết "Yết đế Thừa Minh cung" là đúng vậy. Đến thời Minh đế, tại điện Sùng Đức là cung điện phía nam của nhà Hán bắt đầu khởi dựng các điện Thái Cực, Chiêu Dương.

Ngụy thư chép: Đế cho rằng lịch số nhà Hạ hợp thiên đạo, cho nên dùng lịch nhà Hạ, nhưng sắc phục thì chuộng màu vàng.

Ngụy lược chép: Chiếu sắc cho rằng nhà Hán thuộc hành Hỏa, vì lửa kỵ nước, cho nên mới bỏ chữ "thủy" trong chữ "lạc" mà thêm chữ "giai". Hành của nhà Ngụy kế tiếp nhà Hán là Thổ, là đất, thì ngăn được nước vậy, nước được đất ngăn mà thành dòng chảy, đất có nước thì cỏ cây mọc, cho nên bỏ chữ "giai" thêm chữ "thủy" vào, đổi lại chữ "lạc" thành chữ "lạc".⁽¹⁾

Năm ấy, Trường thủy Hiệu úy là Đái Lăng can là không nên ra ngoài săn bắn liên miên, Đế cả giận; sau Lăng được giảm tội chết xuống một bậc.

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, cử hành nghi lễ tế tự trời đất và tổ tiên ở ngoài thành. Ngày Giáp Tuất, đến Nguyên lăng

¹ Chữ Lạc (洛), tức sông Lạc, ghép bởi chữ Thủy (氵) và chữ Các (各). Nhà Hán hành Hỏa (lửa) kỵ Thủy (nước), xấu, nên vua Hán sai bỏ chữ Thủy, thêm chữ Giai (佳), có nghĩa tốt đẹp, vào bên phải chữ Các, thành chữ Lạc (雒), cũng nghĩa là sông Lạc. Nhà Ngụy đổi lại.

quây chặn cầm thú để săn bắn, phái sứ giả làm cỗ thái lao cúng tế ở miếu của Thế tổ nhà Hán. Ngày Ất Hợi, cử hành Nhật lễ ở cửa đông kinh thành.①

Bắt đầu ra lệnh cho các quận trong nước có sổ nhân khẩu đầy một vạn, mỗi năm xét cử một người làm Hiếu liêm; nếu thấy người có tài lạ, thì không câu nệ quận có hộ khẩu ít nhiều. Ngày Tân Ty, phân chia hộ ấp của Tam công, mỗi người có một con em được phong làm Liệt hầu. Ngày Nhâm Ngọ, giảm thuế ruộng một năm cho quận Dĩnh Xuyên.② Đổi tên huyện Hứa thành huyện Hứa Xương. Lấy bộ phía đông của Ngụy Quận lập quận Dương Bình, bộ phía tây của Ngụy Quận lập quận Quảng Bình.③

① Thần Tùng Chi cho rằng theo lễ chế, vào tiết xuân phân Thiên tử cử hành Nhật lễ; vào tiết thu phân cử hành Nguyệt lễ; xét ra thì tháng giêng năm ấy tế trời đất, thì có Nguyệt mà không có Nhật, ngày Ất Hợi cử hành Nhật lễ, thì có Nhật mà không có Nguyệt, e rằng văn tự ghi chép giản lược thành sai lạc vậy. Xét việc Minh đế cử hành Nhật lễ và Nguyệt lễ, đều như quy định của lễ chế, cho nên biết rằng ghi chép ở chỗ này lầm lẫn vậy.

② *Ngụy thư* chép chiếu rằng:

"Dĩnh Xuyên, là chỗ từ đó Tiên đế khởi binh chinh phạt vậy. Trong chiến dịch Quan Độ, bốn phương như ngói lở, xa gần ngóng trông nhau, mà quận ấy giữ nghĩa, kẻ đình tráng vác kích, người già yếu công lương. Xưa kia Hán Cao lấy vùng Tân trung làm nơi căn bản của quốc gia, vua Quang Vũ dựa quận Hà Nội làm nền móng để dựng nên vương nghiệp, nay trẫm lại đăng đàn thụ thiện ở nơi này, đây là trời cao dùng quận ấy phù tá cho vương triều Đại Ngụy ta vậy."

③ *Ngụy lược* chép: Để hạ chiếu đổi Trường An, huyện Tiêu, Hứa Xương, huyện Nghiệp, Lạc Dương lập thành Ngũ đô; dựng bia đá, phía tây lấy Nghi Dương làm mốc giới, mặt bắc men núi Thái Hành, địa giới phía đông bắc là quận Bình Dương, mặt nam giáp với huyện Lô Dương, địa giới phía đông là huyện Đàm, làm đất

của Trung đô. Lệnh cho người thiên hạ được mặc ý di dời vào nội đô, giảm thuế khóa năm năm, sau đó lại miễn thuế thêm.

Để hạ chiếu rằng:

"Xưa kia Trọng Ni nhờ có tài năng siêu việt, trong lòng chứa khí độ của bậc đế vương, đương lúc nhà Chu suy mạt, không ai chịu vận nhận mệnh trời, ngài thân ở triều đình Lỗ, Vệ, truyền giáo hóa ở vùng sông Thù, sông Tứ, hoàn cảnh rất thê thảm, nhưng cũng rất huy hoàng, muốn khuất mình để bảo tồn đạo nghĩa, nén thân mình để cứu vớt chúng nhân. Lúc bấy giờ các bậc Vương công rút cục không ai chịu dùng ngài, ngài bèn lui về ẩn cư khảo xét lễ chế thời ngũ đại, soạn chép sự tích về các bậc Đế vương xưa, căn cứ lịch sử nước Lỗ mà biên soạn Kinh Xuân Thu, tham chiếu âm nhạc ở chỗ Thái sư mà đính chính Nhã Tụng, khiến cho nghìn năm sau, không có ai không coi là trước tác kinh điển, ngưỡng vọng thánh trí của ngài mà lấy đó dựng kế muôn đời. Than ôi! Có thể nói đó là bậc đại thánh ở đời, vị sư biểu của vạn đời vậy. Nay gặp lúc thiên hạ đại loạn, trăm thứ lễ tế tự bị hủy hoại, các miếu đường xưa kia đổ nát hoang lổ mà chẳng được sửa sang, con cháu của Bao Thành⁽¹⁾ dứt tuyệt mà không ai kế nối, ở làng Khuyết⁽²⁾ không nghe tiếng tụng đọc, bốn mùa chẳng thấy ai đến tế bái, đây há có thể gọi là chuộng lễ đáp công, công đức bất hủ trăm đời mà tế tự thế sao! Nay lấy quan Nghị lang là Khổng Tiện làm Tông thánh hầu, cho hưởng thực ấp trăm hộ, thờ phụng tế tự ở miếu của Khổng tử."

Hạ lệnh cho Lỗ quận sửa sang dựng lại miếu cũ, đặt một trăm hộ quan binh để coi giữ chỗ ấy, lại cho dựng nhà cửa và quán trọ ở bên ngoài miếu ấy làm chỗ trú cho người đến học.

Mùa xuân tháng ba, gia phong cho Thái thú Liêu Đông là Công Tôn Cung làm Xa kỵ tướng quân. Bắt đầu khôi phục đồng tiền

¹ Bao Thành (褒成) là tước hiệu mà vua Hán Bình đế (汉平帝) phong cho con cháu trong gia tộc của Khổng tử.

² Làng Khuyết (阙) là làng cũ của Khổng tử.

Ngũ thù. Mùa hạ tháng tư, lấy Xa kỵ tướng quân Tào Nhân làm Đại tướng quân. Tháng năm, Trịnh Cam lại làm phản, Đế phái Tào Nhân đánh dẹp chém hắn. Tháng sáu ngày Canh Tý, bắt đầu tế tự Ngũ nhạc, Tứ độc, đều chiếu theo thứ tự mà cử hành tế tự.^① Ngày Đinh Mão, phu nhân là Chân thị chết. Ngày Mậu Thìn là ngày hối, có Nhật thực, Hữu ti tấu xin bãi chức của Thái úy, Đế hạ chiếu rằng:

"Tai họa dị thường phát tác, nên trách phạt người đứng đầu quốc gia, mà lại quy lỗi cho bầy tôi tay chân, há đúng với đạo nghĩa trách tội mình của vua Thang, vua Vũ? Nay lệnh cho trăm quan đều phải cung kính hết mình với chức phận, sau này trời đất có giáng họa, chớ có tấu hặc tội Tam công nữa."

① *Ngụy thư* chép: Ngày Giáp Thìn, nhân vì tông miếu ở kinh sư chưa dựng xong, Đế đích thân tế tự Vũ hoàng đế ở điện Kiến Thủy, tự mình dâng vật phẩm cúng tế, giống như lễ người nhà.

Mùa thu tháng tám, Tôn Quyền phái sứ giả dâng tấu chương, đồng thời phái người đưa bọn Vu Cấm về. Ngày Đinh Ty, sai quan Thái thường là Hình Trinh cầm cờ tiết đến bái Quyền làm Đại tướng quân, phong tước Ngô vương, gia thêm Cửu tích.

Mùa đông tháng mười, trao cho Dương Bưu chức Quang lộc đại phu.^① Nhân vì thóc gạo bấy giờ đắt đỏ, bèn bãi bỏ tiền Ngũ thù.^② Ngày Kỷ Mão, lấy Đại tướng quân là Tào Nhân làm Đại tư mã. Tháng mười hai, xa giá đi tuần thú phía đông. Năm ấy đắp dựng lăng Vân Đài.

① *Ngụy thư* chép: Ngày Kỷ Hợi, công khanh hội triều đầu tháng, mọi người dẫn cố Thái úy của nhà Hán là Dương Bưu lên, Đế lấy lễ tân khách đối đãi, hạ chiếu nói:

"Bậc vương xưa chế định ra lễ ban Kỷ trượng,¹ đấy là tân lễ để đãi ngộ người già nhằm coi trọng bậc nguyên lão vậy. Xưa kia Khổng Quang,

¹ Lễ Kỷ trượng (几杖) là lễ nghi ban cho một số người được ngồi ghế cảm trượng, thường là người già lão được ban đặc ân này, để tỏ ý kính người già.

Trác Mậu⁽¹⁾ đều là bậc cao niên đức tốt, được ban lễ ấy. Ngài là bầy tôi đứng đầu của triều Hán ngày trước, từ đời tổ tiên của ngài đến nay, danh vọng tiết tháo nổi tiếng ở đời, nay ngài tuổi đã quá bảy mươi, hành vi không vượt quá quy củ, đáng gọi là bậc lão thành rồi, nên trẫm ban ân sủng dị thường để biểu chương đức cũ. Nay ban cho ngài Diên niên trượng và Phùng kỷ⁽²⁾; hôm nay được mời yết kiến, ngài cứ cầm trượng đi vào, lại có thể đội mũ da hươu.”

Buru từ chối không nghe, cuối cùng mặc áo vải đơn, đội mũ da thường vào triều kiến.

Tục Hán thư chép: Buru thấy vận nhà Hán sắp tận, tự cho là nhà mình nhiều đời làm Tam công, xấu hổ vì làm bầy tôi nhà Ngụy, bèn xưng là chân tay mình co quắp, không đi lại được nữa. Qua hơn chục năm, Đế tức vương vị, muốn dùng Buru làm Thái úy, lệnh cho cận thần tuyên chỉ. Buru từ chối rằng:

- Ta từng vì Hán triều nhận chức Tam công, gặp lúc thời thế suy loạn, chẳng có tài lập được chút ích lợi còn con, nếu lại làm bầy tôi nhà Ngụy, với việc tuyển trạch của quốc gia, cũng chẳng phải là vinh vậy.

Đế không cưỡng lại ý của Buru.

Năm Hoàng Sơ thứ tư, hạ chiếu bãi Buru làm Quang lộc đại phu, phẩm trật là Trung nhị thiên thạch, khi triều kiến ngôi vị ngay dưới Tam công, theo như việc của Khổng Quang ngày trước. Buru dâng tấu chương cố chối từ, Đế không nghe, lại làm cửa riêng cho xe ngựa của Buru đi qua, đặt quan lại sĩ tốt canh cửa, tỏ ý kính

¹ Khổng Quang (孔光) tự Tử Hạ (子夏), người nước Lỗ, đại thần nhà Tây Hán, là cháu đời thứ mười bốn của đức Khổng tử. Vì thông tỏ kinh học, năm hai mươi tuổi được cử làm Nghị lang, làm quan giữ vững nguyên tắc, từng nhận các chức Đình úy, Ngự sử đại phu;

Trác Mậu (卓茂) tự Tử Khang (子康), người quận Nam Dương huyện Uyển, là công thần của Quang Vũ đế Lưu Tú, được người đương thời khen là bậc thông nho. Bản tính khoan hòa nhân ái, cùng người khác làm việc có lúc quan điểm bất đồng, nhưng mọi người đều ái mộ quý mến. Trác Mậu được kể tên trong Vân đài nhị thập bát tướng (云台二十八将) của Quang Vũ đế.

² Diên niên trượng (延年杖) là cây gậy chúc thọ; Phùng kỷ (冯几) là cái ghế tựa để ngồi.

trọng đặc biệt. Năm Bưu tám mươi tư tuổi, là năm Hoàng Sơ thứ sáu thì chết.

Con của Bưu là Tu, sự tích thấy ở *Trần Tư vương truyện*.

② *Ngụy thư* chép: Tháng mười một ngày Tân Mùi, Trần tây tướng quân Tào Chân hạ lệnh cho chúng tướng cùng binh ở các châu quận đánh phá bọn phản loạn người Hồ là Trì Nguyên Đa ở Lô Thủy, Phong Thường, chém hơn năm vạn thủ cấp, bắt sống chục vạn người, thu mười một vạn một con dê, tám vạn con trâu, vùng Hà tây liền bình.

Đế ban đầu nghe tin rợ Hồ tháo nước sông chảy vào huyện Hiên Mĩ, bảo với chư tướng tả hữu rằng:

- Xưa kia Ngỗi Hiêu tháo nước chảy vào Lược Dương, Quang Vũ vì thế nhọc mệt, tiến binh tiêu diệt hẳn. Nay rợ Hồ tháo nước chảy vào huyện Hiên Mĩ, việc của hẳn tương tự với việc của Ngỗi Hiêu, nay việc phá rợ Hồ sẽ đến không lâu nữa.

Hơn chục ngày sau, cáo hịch phá rợ Hồ truyền đến, chúa thượng cả cười nói:

- Kế sách của ta trong màn trướng, nổi phẫn khích của chư tướng ngoài vạn dặm, hai bên tương ứng như hợp phù tiết. Trước sau thắng địch bắt giặc, chưa có ai như thế vậy.

Năm thứ ba mùa xuân tháng giêng ngày Bính Dần là ngày sóc, có nhật thực. Ngày Canh Ngọ, xa giá đến cung Hứa Xương. Đế hạ chiếu rằng:

"Hiện nay việc khảo xét quan lại, suy cử Hiếu liêm, giống việc suy cử Cống sĩ thời cổ; một ấp mười nhà, tất có kẻ trung tín, nếu hạn chế tuổi tác rồi mới chọn kẻ sĩ, thì Lã Thượng, Chu Tấn⁽¹⁾ chẳng thể hiển đạt ở thời trước vậy. Nay lệnh cho các quận trong nước đôi với việc tuyển chọn kẻ sĩ, chớ có câu nệ trẻ già; phạm là người thông hiểu nho gia kinh thuật, thấu đạt văn chương pháp quy, đều được khảo xét và

¹ Lã Thượng (吕尚), tức Khuông Tử Nha, tương truyền là lúc theo về với Chu Văn vương ông đã gần 80 tuổi; Chu Tấn (周晋), không rõ lai lịch và hành trạng.

tuyên dụng. Hữu ti phải tấu lỗi kẻ thiếu chức trách để trị tội theo khuôn phép.” ①

① *Ngụy thư* chép: Ngày Quý Hợi, Tôn Quyền dâng thư, nói:

“Bè đảng của Lưu Bị bốn vạn người, hai, ba nghìn con ngựa, tiến ra Tỷ Quy, thân xin đến dẹp sạch chúng, khắc địch chế thắng để lập công chuộc tội.”

Đế hồi đáp thư rằng:

“Cái tệ hại của Ngỗ Hiêu khi xưa, họa phát ra ở Ấp Cầu, Tì Dương bị bắt, loạn nổi lên ở Hãn Quan, tướng quân phát động uy vũ bừa bừa, hãy gắng sức xông pha lập công khác thường, để xứng ý trẫm.”

Tháng hai, vua của các nước Thiện Thiện, Quy Tư, Vu Điền đều phái sứ giả đến dâng cống vật. Đế hạ chiếu nói:

“Khi xưa người Tây Nhung quy thuận, các bộ lạc Đê, Khương đến châu, Thi, Thư khen ngợi việc ấy. Gần đây các tộc Di ngoài Tây Vực đều theo nhau đến nương dựa, nay trẫm phái sứ giả đến phủ dụ úy lạo họ.”

Từ đấy về sau mới thông hiếu với Tây Vực, đặt chức Mậu kỳ Hiêu úy.

Tháng ba ngày Ất Sửu, lập Tề công là Duệ làm Bình Nguyên vương, em của Đế từ Yến Lăng công là Chương trở xuống gồm mười một người đều phong làm Vương. Bắt đầu ban chế lệnh phong cho Thứ tử của các Vương làm Hương công, con của Vương nối tự phong làm Đình hầu, Thứ tử của các Công phong làm Đình bá. Ngày Giáp Tuất lập Hoàng tử là Lâm làm Hà Đông vương. Ngày Giáp Ngọ, xa giá đến Tương Ấp.

Mùa hạ tháng tư ngày Mậu Thân, lập Quyên Thành hầu là Thực làm Quyên Thành vương. Ngày Quý Hợi, xa giá quay về cung Hứa Xương.

Tháng năm, lấy tám quận ở vùng Kinh, Dương, Giang Biểu lập thành Kinh châu, Tôn Quyền lĩnh chức Mục như cũ; lấy các quận ở phía bắc Trường Giang thuộc Kinh châu lập thành quận Dĩnh Châu.

Tháng nhuận, Tôn Quyền phá Lưu Bị ở Di Lăng.

Lúc trước, Đế nghe tin quân của Bị xuôi đông, cùng Quyền giao chiến, dựng trại lũy liên tiếp hơn bảy trăm dặm, bảo quần thần rằng:

- Bị không hiểu binh pháp, há đâu lại dựng trại sách liên tiếp bảy trăm dặm mà có thể kháng địch sao! "Bao trùm nơi cao thấp hiểm trở mà đóng quân là bị địch cầm bắt", đây là điều tối kỵ của binh gia vậy. Tôn Quyền dâng thư báo tiệp đến nơi rồi.

Bảy ngày sau, thư báo tin phá Bị truyền đến.

Mùa thu tháng bảy, đại nạn châu châu ở Ký châu bùng phát, dân đói, Đế sai Thượng thư Đỗ Kỳ cầm cờ tiết đến lệnh mở kho lương để phát chẩn cứu dân.

Tháng tám, đại tướng nước Thục là Hoàng Quyền dẫn bộ chúng đến hàng.^①

① *Ngụy thư* chép: Quyền cùng bọn chương quản Nam Quận là Thái thú Sử Cáp gồm ba trăm mười tám người, đến chỗ Thứ sử Kinh châu⁽¹⁾ dâng ấn thụ, kích bọc lụa đỏ, cờ xí nghi trượng, cờ trướng, xe chó trống mà mình lĩnh quân. Bọn Quyền đến nơi xa giá đóng, Đế đặt tiệc rượu bày nhạc, cho dẫn vào diện kiến ở điện Thừa Quang. Bọn Cáp, Quyền từng người tiến lên tự giới thiệu về mình, Đế bàn luận về việc thành bại của quân lữ và phân tích cái lẽ tiến thoái, chư tướng chẳng ai không hoan hỉ vui mừng. Đế ban cho Quyền lụa sớng dát vàng, xe ngựa, áo lông cừu, màn trướng, thê thiếp, thuộc hạ và tướng tá đều được ban thưởng theo thứ bậc. Lại bái Quyền làm Thị trung Trấn nam tướng quân, tước Liệt hầu, ngay hôm ấy triệu gọi sai ngồi bên xe; lại phong cho bốn mươi hai người bọn Sử Cáp đều làm Liệt hầu, phong hơn một trăm người làm Tướng quân lang tướng.

¹ Kinh châu nhắc đến ở đây là đất Kinh châu thuộc nước Ngụy lúc bấy giờ, sở trị ở Tương Dương, vùng Tương Phần thuộc Hồ Bắc, chứ không phải vùng Giang Lăng đang thuộc quyền cai quản của Tôn Quyền.

Tháng chín ngày Giáp Ngọ, Đế hạ chiếu rằng:

"Đàn bà tham dự việc triều chính, là cái gốc của họa loạn vậy. Từ nay về sau, quần thần không được tấu việc với Thái hậu, người trong gia tộc Hoàng hậu không được gánh vác việc làm phụ chính, lại không được nhận tước vị vương hầu; đem chiếu này truyền cho hậu thế, nếu kẻ nào làm trái, người thiên hạ cùng tru diệt hẳn." ①

Ngày Canh Tý, sách lập Hoàng hậu là Quách thị. Ban cho người giữ tước Nam tử trong thiên hạ mỗi người tăng hai cấp; người mất vợ góa chồng, kẻ tàn tật và người khốn cùng chẳng thể tự sinh sống đều được ban thóc lúa.

① Tôn Thịnh nói: Phàm là người trị lý quốc gia, tất phải cậy dựa vào người phụ tá tuần kiệt, người hiền đức có kiến thức thông đạt, như thế nhất định sẽ gánh vác được việc trị loạn. Cái lý do nhà Chu hưng thịnh, là có người phụ nữ giúp vào. Nhưng cái đức của người phụ nữ là kính vâng theo ý chồng, ngồi hướng bắc ngoảnh mặt về nam⁽¹⁾ không thể có hai người được, cái lễ tiết tam tông,⁽²⁾ được gọi là chí thuận, còn như hiệu lệnh là từ bậc thiên tử xuất ra, tấu bày công việc chuyên quyền hành xử, là trái với nghĩa xưa vậy. Xưa kia Thân hầu, Lã Thượng,⁽³⁾ chân thành không phò nhà Chu. Nếu thực lòng mưu tính vì thiên hạ, nghĩ người có đức là chỗ cậy dựa, theo phép tắc trao trách nhiệm cho người thân kẻ sơ, thì đều là việc chí công vô tư vậy, há đâu vì là người trong họ tộc Hoàng hậu mà bài xích xa lánh sao? Cuối thời hai vua nhà Hán, vương đạo đổ nát, vì thế kẻ ngoại thích cậy dựa ân sủng và chức tước sinh loạn thứ bậc. Bởi thế từ đấy chính sự hôn ám đạo lý tan vỡ, vận nước phúc lộc suýt chuyển dời, ví như không có cái

¹ Vua thiết triều, ngồi quay lưng về bắc hướng về nam, nói chuyện với quần thần.

² Tam tông (三從): Tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử (người phụ nữ khi còn ở nhà phải nghe theo cha, lúc lấy chồng phải nghe theo chồng, nếu chồng qua đời phải theo con trai).

³ Con cháu của Bá Di được Chu Vũ vương phong tước hầu ở đất Thân nên gọi là Thân hầu; Lã Thượng tức Khương Tử Nha, đại thần của hai vua Văn vương, Vũ vương thời đầu Chu.

nạn Vương Mãng, Lã hậu,⁽¹⁾ há thiếu đi cái họa Điền Tề, Triệu Cao⁽²⁾ sao? Nhưng hậu thế suy xét những việc như thế, lo nghĩ sâu xa để phòng họa hại. Cho đến thời Ngụy Văn, mới phát chiếu lệnh thống nhất, có thể nói là vị chúa có kiến thức nói lời khoáng đạt, nhưng không phải là bậc đế vương đưa lời bàn cao minh vậy.

Mùa đông tháng mười ngày Giáp Tý, chọn mé đông núi Thú Dương làm Thọ lăng. Đế tự viết chung chế⁽³⁾ rằng:

"Theo lễ chế, bậc quân chủ lúc lên ngôi làm quan tài, là để tỏ ý lúc còn sống không quên khi mình chết. ① Xưa kia vua Nghiêu được táng ở Cốc Lâm, quanh mộ đầy cây to, vua Vũ táng ở Cối Kê, dân cây không phải đốn việc, ② cho nên táng ở nơi núi rừng thì hợp với núi rừng làm một thể. Đắp mộ trồng cây, không phải là phép tắc có từ thời thượng cổ, nên ta không chọn dùng."

¹ Vương Mãng (王莽), tự Cự Quân (巨君) là cháu của Vương Chính Quân (Hoàng hậu của Hán Nguyên đế), thuộc dòng tộc ngoại thích. Sau nhiều năm giữ các chức vụ quan trọng trong triều, Vương Mãng gây uy tín cho mình, dần dần cướp ngôi nhà Hán, lập nhà Tân. Triều đình nhà Tân chỉ tồn tại được có 16 năm rồi sụp đổ.

Lã hậu (吕后), là chính thất của Hán Cao tổ Lưu Bang, sau khi Lưu Bang chết, Hán Huệ đế Lưu Doanh còn nhỏ lên nối ngôi, Lã hậu nhiếp chính, làm triều xưng chế suốt 15 năm, anh em họ Lã đầy triều, gây nguy cho Hoàng tộc. Sau khi Lã hậu chết, các đại thần như Trần Bình, Chu Bột giết sạch con cháu họ Lã, đưa con thứ của Lưu Bang là Lưu Hằng lên làm vua, tức Hán Văn đế.

² Nước Tề là đất phong của nhà Chu cho con cháu của Khương Tử Nha, khi Tề Khang công lên làm vua nước Tề, không màng đến chính sự, gia tộc họ Điền bấy giờ cường thịnh, nắm hết các chức vụ quan trọng trong triều, sau Điền Hòa được vua nhà Chu phong làm chư hầu. Khi Tề Khang công chết, Điền Hòa thừa tóm hết đất đai nước Tề, chính thức thay họ Khương làm vua nước Tề.

Triệu Cao (赵高), là hoạn quan, thừa tướng nhà Tần. Khi Tần Thủy Hoàng chết, ngôi Thái tử chưa chính danh, vì công tử Phù Tô thân thiết với anh em Mông Diêm (có tư thù với Triệu Cao) nên Triệu Cao đổi di chiếu, lập Hồ Hợi (con thứ của Tần Thủy Hoàng) lên nối, lại giết Phù Tô và Đại tướng Mông Diêm. Về sau Triệu Cao phế Nhị đế Hồ Hợi, ép phải tự sát, rồi bỏ ngôi Đế, lập Tần Tử Anh làm vương, lại ngầm liên lạc với Lưu Bang xin diệt nhà Tần chia đôi Quan Trung. Tử Anh bày mưu với hoạn quan giết cả ba họ nhà Triệu Cao. Hơn một tháng sau, nhà Tần chính thức sụp đổ.

³ Lời căn dặn về lễ chế an táng của người đang sống với kẻ dưới.

"Thọ lăng dựa vào núi thành một khối, không phải đắp mộ trồng cây, không phải dựng điện đền, xây vườn ập, dọn đường trước mộ. Đại khái việc an táng, là chôn giấu thi thể, muốn để cho người sống không thấy nữa vậy. Xương cốt không biết đau đớn ngứa ngáy, mộ phần chẳng phải là chỗ linh hồn nghỉ ngơi, lẽ chẳng ra mộ cúng tế, là muốn người chết không bị phiền nhiễu vậy, làm quan quách đủ chứa cốt mục, y phục khâm liệm đủ để bọc thi thể rửa nát mà thôi. Cho nên ta tính dùng gò hoang này là chỗ đất không cấy trồng, muốn cho người đời sau không biết nơi chôn táng của ta. Không phải rải tro than ngăn thi thể mục nát, không chôn theo đồ vàng bạc đồng sắt, tất cả dùng đồ sành, để hợp nghĩa đồ xa, sô linh¹ thời xưa. Áo quan chỉ sơn phủ ba lớp, đồ ăn ngậm trong miệng không dùng châu ngọc, không đeo châu hay rải ngọc vào trong hộp, đấy là các tập tục ngu muội vậy."

"Quý Tôn thị dùng ngọc Dư Phan liệm táng, Khổng tử bước lên thêm can, nói là ngày sau sẽ phơi thây giữa bãi tha ma. Tống công được hậu táng, bậc quân tử nói Hoa Nguyên, Nhạc Cự là bấy tôi bất nhân, để mặc vua nhận tiếng xấu. Mộ của Hán Văn đế không bị đào bới, vì Bá lăng không có dấu tích để tìm; mộ của Quang Vũ bị khai quật, là vì Nguyên lăng có đắp mộ trồng cây. Cái vện toàn của Bá lăng, công lao là ở Thích Chi; Nguyên lăng bị đào bới, tội tại Minh đế. Đấy là cái trung chính của Thích Chi làm lợi cho vua, cái yêu kính của Minh đế làm hại người thân vậy. Kẻ trung thần hiếu tử, nên nghĩ đến lời nói của Trọng Ni, Khâu Minh, Thích Chi, soi tấm gương của Hoa Nguyên, Nhạc Cự và Minh đế, khiến người thân của vua được yên ổn để trường tồn, khiến hồn thiêng vạn đời không nguy hại, đấy là có cái đức trung hiếu của bậc thánh hiền rồi."

"Từ xưa đến nay, chưa có nước nào không bị diệt vong, cũng chưa có mộ nào không bị khai quật vậy. Từ khi tang loạn đến nay, lăng mộ của

¹ Đồ xa (涂车) tức dùng bùn đất để đắp thành vật dụng sinh hoạt, sô linh (乌灵) là lấy cỏ rom bện thành những hình người ngựa, rồi dùng các thứ ấy đem chôn táng theo người chết.

hoàng tộc nhà Hán không đâu không bị đào bới, thậm chí đốt mộ để lấy hộp ngọc dây vàng, hài cốt đều sạch nhẵn, đây là hình phạt thiêu đốt, há chẳng đau xót lắm sao? Họa là bởi hậu táng và trồng cây đắp mộ. Cái câu 'Tang, Hoắc là lời răn của ta',⁽¹⁾ chẳng rất rõ ràng về đạo lý sao? Nay kể từ Hoàng hậu cho đến các quý nhân trở xuống, nếu không theo các vương đến đất phong, khi chết đều táng ở khe núi phía tây, trước mộ đánh dấu cho rõ vị trí thôi. Vua Thuấn an táng ở núi Thương Ngô, hai phi sau khi chết không chôn theo cùng chỗ, Diên lăng là nơi chôn táng người chết, cách xa vùng Doanh, Bác, hồn thiêng có linh, chẳng thể không đến chỗ này, một vùng lũng núi, chẳng đủ là xa. Nếu ai làm trái chiếu lệnh hôm nay, xằng bậy thay đổi, sửa đắp lăng mộ hoặc hậu táng, sẽ bị đào mộ phơi thây, kẻ đã chém rồi thì chém lại, chết rồi thì chết thêm lần nữa."

"Làm kẻ thân tử mà coi thường quân vương hay phụ thân đã chết, là bất trung bất hiếu, ví như người chết có linh, sẽ chẳng ban phúc lộc cho kẻ đó. Nay đem chiếu thư này cất giấu nơi tông miếu, sao chép lại để ở phủ Thượng thư, Bí thư và Tam phủ."

① Thần Tùng Chi xét: Theo lễ, quan quách của Thiên tử, chư hầu, đều có mấy tầng; lớp trong cùng bao bọc thi thể gọi là quan tài.⁽²⁾

② Lã thị Xuân Thu chép: Vua Nghiêu được táng ở Cốc Lâm, quanh mộ mọc đầy cây to; vua Thuấn táng ở Kỳ Thị, chợ búa, thương điểm chẳng phải dời chuyển chỗ; vua Vũ táng ở Cối Kê, dân chúng không phải làm sai dịch.

Tháng ấy, Tôn Quyền lần nữa làm phản. Lại cho gộp Kinh châu vào Dĩnh châu. Đế từ Hứa Xương nam chinh, chư quân binh lính cùng tiến phát, Quyền đến sông Giang chống giữ.

¹ Tang Hoảng Dương (桑弘羊) là đại thần của Hán Vũ đế, người quận Lạc Dương; Hoắc Vũ là con của Hoắc Quang, làm quan đại thần của Hán Chiêu đế. Tang Hoảng Dương và Hoắc Vũ đều vì kiêu xa chuốc lấy họa.

² Trần Thọ viết: "Quốc quân tức vị vi ti." Tức là "Quân vương khi lên ngôi làm quan tài." Chữ ti (柩), còn gọi là "nội quan", là lớp trong cùng của áo quan. Bùi Tùng Chi dẫn lời trong *Kinh Lễ* chú giải ý này.

Mùa đông tháng mười một ngày Tân Sửu, xa giá đến huyện Uyển. Ngày Canh Thân là ngày hội, có nhật thực. Năm ấy, bắt đầu đào đầm Linh Chi.

Năm thứ tư mùa xuân tháng giêng, Đế hạ chiếu rằng:

"Từ khi tang loạn đến nay, binh đao không ngừng nghỉ, người trong thiên hạ tàn sát lẫn nhau. Nay trong nước mới định, ai còn dám báo thù riêng nữa ta sẽ giết sạch cả gia tộc kẻ đó."

Tại huyện Uyển cho đắp đài Nam Tuấn.

Tháng ba ngày Bính Thân, xa giá từ huyện Uyển quay về cung Lạc Dương. Ngày Quý Mão, mặt trăng phạm vào sao Tâm ở giữa vòng Đại tinh.^① Ngày Đinh Mùi, Đại tư mã Tào Nhân chết. Tháng ấy có đại dịch.

① *Ngụy thư* chép tờ chiếu ngày Bính Ngọ rằng:

"Tôn Quyền tàn dân hại vật, trăm coi là giặc cướp chẳng thể giúp đỡ, cho nên lệnh cho mãnh tướng đem quân ba đạo cùng đi đánh. Nay quân đội của Chinh đông cùng bè đảng của Quyền là bọn Lã Phạm đang thủy chiến, chém được bốn vạn thủ cấp, bắt được vạn chiếc thuyền. Đại tư mã chiếm giữ Nhu Tu, cầm bắt được quân giặc ở đấy cũng đến vạn. Trung quân và Chinh nam vây đánh Giang Lăng, bọn Tả tướng quân Trương Cáp cuội thuyền nối đuôi nhau thẳng tiến, đánh chúng ở bãi sông phía nam, giặc bỏ chạy chết đuối mấy nghìn tên, lại làm địa đạo công thành, trong ngoài chim chuột không chui lọt, chỗ đấy chỉ là miếng thịt trên mặt bàn thôi! Mà trong chỗ quân giặc lan tràn dịch bệnh, ven sông xác rải đầy đất, sợ sẽ truyền nhiễm bệnh tật. Xưa kia Chu Vũ phạt Ân, hội sư ở Mạnh Tân, Thế tổ đi đánh Ngỗi Hiêu, quay về đóng quân ở Cao Bình, đều là thông hiếu thiên thời mà liệu thế của địch vậy. Vả lại Thành Thang dỡ lưới bủa vây ba mặt, người thiên hạ quy thuận đức nhân."⁽¹⁾ Nay khai mở vòng vây ở Giang Lăng, là để khoan hoãn cái chết cầm chắc

¹ Vua Thành Thang ra ngoài thành, gặp người thợ săn, người này giăng lưới, khấn: "Trái phải, trên dưới đều vào lưới ta." Thành Thang nói: "Ôi, thế thì chết hết cả à." Bèn dỡ ba mặt lưới và khấn: "Trái phải, trên dưới tùy thích, trái lệnh thì vào lưới ta." Người đời khen: "Ôi, cái nhân của đức vua ban đến cả muôn sinh."

của kẻ bị vây hãm vậy. Và lại dùng nghỉ sức binh, giảm bớt lao dịch, nuôi dưỡng quân dân, là để mọi người đều được nghỉ ngơi yên ổn."

Mùa hạ tháng năm, có chim Đề hồ⁽¹⁾ tụ tập ở đầm Linh Chi, Đế hạ chiếu nói:

"Đây là loại chim mà thi nhân gọi là Ô Trạch vậy. Thiên Tào phong trong Kinh thi có câu rằng: 'Trách Cung Công xa lánh người quân tử mà thân gần kẻ tiểu nhân', nay há đâu lại có kẻ sĩ tài trí hiền năng ở ngôi vị thấp kém sao? Không thế thì tại sao loài chim kia tụ tập ở đó? Nay hãy đề cử rộng rãi những kẻ tài đức kiêm toàn, những bậc quân tử có khí tiết cao thượng, để đáp lại lời ca trách móc của người nước Tào về sự xuất hiện của loài chim ấy." ①

① *Ngụy thư* chép: Ngày Tân Dậu, Hữu ti tấu xin dựng hai miếu thờ, lập miếu thờ Thái hoàng đế, hợp tế Đại trường thu Đặc tiến hầu cùng Cao tổ, nếu tình thân đã xa thì bỏ đi; lập riêng miếu thờ Vũ hoàng đế, bốn mùa tế tự, vì là Ngụy thái tổ, nên vạn đời không phá hủy vậy.

Tháng sáu ngày Giáp Tuất, Nhâm Thành vương là Tào Chương mất ở kinh đô. Ngày Giáp Thân, Thái úy Giả Hủ chết. Sao Thái Bạch hiện ra giữa ban ngày. Tháng ấy có mưa lớn, sông Y sông Lạc nước tràn bờ, dân chết đuối, nhà cửa vỡ lở.①

Mùa thu tháng tám ngày Đinh Mão, lấy Đình úy Chung Do làm Thái úy.② Ngày Tân Mùi, đến Huỳnh Dương vây chặn đàn thú để săn bắn, rồi đi tuần phía đông. Đế luận công đánh Tôn Quyền, các ngôi vị từ tướng soái trở xuống đều được tiến tước tăng hộ ấp theo thứ bậc. Tháng chín ngày Giáp Thìn, xa giá đi đến cung Hứa Xương.③

¹ Đề hồ là loại chim nước to, có cái mỏ dài để mò cá, dưới mỏ có túi da giống như là một cái lưới cá. Khi bắt cá, đàn chim xếp thành nửa vòng tròn, khua cánh cho nước động lên, dồn cá vào vùng cạn, sau đó mở "lưới cá" ra xúc từng xúc rồi ngậm mò lại, ép nước chảy ra hết và nuốt chửng cá đọng ở lưới vào bụng.

① *Ngụy thư* chép: Tháng bảy ngày Ất Mùi, đại quân sắp xuất chinh, Đế sai quan Thái thường đem một đầu bò đực cử hành nghi lễ cúng tế ở ngoài thành.

Thần Tòng Chi xét: Trong bản tấu về việc tế giao của nước Ngụy, Thượng thư là Lô Dục nghị bàn về việc tế tự khi có tai vạ nguy hiểm rằng: "Bày đủ muông sinh vật tế, giống như lễ tế giao trước và sau khi xuất chinh." Như thế, thì khi Ngụy thị xuất sư đều cử hành lễ tế giao vậy.

② *Ngụy thư* chép: Hữu ti tấu xin đổi tên điệu nhạc An thế cúng tông miếu nhà Hán thành điệu nhạc Chính thế, điệu nhạc Gia chí đổi thành điệu nhạc Nghênh linh, điệu nhạc Vũ đức đổi thành điệu nhạc Vũ tụng, điệu nhạc Chiêu dung đổi tên thành điệu nhạc Chiêu nghiệp, điệu múa Vân phiên đổi thành điệu múa Phượng tường, điệu múa Dục mệnh đổi thành điệu múa Linh ứng, điệu múa Đức vũ đổi thành điệu múa Tụng vũ, điệu múa Văn chiêu đổi thành điệu múa Đại chiêu, điệu múa Vũ hành đổi thành điệu múa Đại vũ.

③ *Ngụy thư* chép: Tháng mười hai ngày Bính Dần, ban cho phu nhân của Sơn Dương công ấp Thang mộc, con gái của Công là Mạn làm Trưởng Lạc quận công chúa, thực ấp đều hưởng năm trăm hộ. Mùa đông năm ấy, có sương móc giáng ở Phương Lâm viên.

Thần Tòng Chi xét: Phương Lâm viên tức là Kim Hoa Lâm viên, Tề vương Tào Phương tức vị, đổi tên thành Hoa Lâm.

Năm thứ năm mùa xuân tháng giêng, bắt đầu hạ lệnh rằng ai phát hiện ra kẻ mưu phản đại nghịch thì được cáo giác, người khác cấm không được xét tội xử lý; kẻ nào dám cáo giác xằng bậy, thì chiếu theo cái tội đã cáo giác mà trừng trị kẻ đó.

Tháng ba, xa giá từ Hứa Xương quay về cung Lạc Dương.

Mùa hạ tháng tư, lập nhà Thái học, quy định phép thi cử khảo xét Ngũ kinh, đặt chức Xuân thu Cốc lương Bác sĩ.⁽¹⁾ Tháng

¹ Tức là, ngoài khảo xét Ngũ kinh gồm *Kinh Thư*, *Kinh Thi*, *Kinh Lễ*, *Kinh Dịch*, *Kinh Xuân Thu*, thì còn truyền dạy cả *Xuân thu Cốc Lương* truyền.

năm, Hữu ti nhân lúc công khanh hội triều ngày sóc vọng, bèn tấu những việc khó quyết, Đế lắng nghe để quyết đoán các kế sách lớn, cùng bày tôi luận xét những điều được mất.

Mùa thu tháng bảy, xa giá đi tuần du phía đông, đến cung Hứa Xương. Tháng tám, lập đội thủy quân, Đế thân ngự thuyền rồng, đi tuần ở vùng Thái, Dĩnh, qua sông Hoài, ghé đến Thọ Xuân. Quan lại sĩ dân ở địa giới Dương châu, ai phạm tội bị phạt tù từ năm năm trở xuống, đều tha tội cho. Tháng chín, đi đến Quảng Lăng, đại xá cho người ở hai châu Thanh, Từ, hoán đổi tướng lĩnh phòng giữ hai châu.

Mùa đông tháng mười ngày Ất Mão, sao Thái Bạch hiện ra giữa ban ngày. Xa giá quay về cung Hứa Xương. ① Tháng mười một ngày Canh Dần, vì Ký châu mất mùa, Đế phái sứ giả khai mở kho lương phát chẩn cứu dân ở đấy. Ngày Mậu Thân là ngày hối, có nhật thực.

① *Ngụy thư* chép tờ chiếu ngày Quý Dậu rằng:

"Trước mắt có nhiều việc không thỏa đáng, sao tính được kể xa xôi? Nay công việc nhiều mà dân chúng ít, trên dưới vì pháp chế làm khó nhau, trăm họ chẳng biết cất nhắc chân tay vào đâu? Xưa kia có người ở Thái Sơn khóc lóc, cho rằng cái hà khắc của chính trị tệ hơn mãnh hổ,⁽¹⁾ ta có đầy đủ phong phạm của nhà nho, bồi phục giáo huấn của thánh nhân truyền lại, há có thể dùng mắt để đùa bỡn với ngôn từ, hành xử trái với lời răn của thánh nhân sao? Hãy rộng lời thảo luận giảm nhẹ hình phạt, để ra ân cho trăm họ."

Tháng mười hai, Đế hạ chiếu rằng:

¹ Không từ đi ngang qua núi Thái Sơn, thấy người đàn bà đang khóc lóc bên một ngôi mộ. Phu tử nghe thấy bèn sai học trò là Từ Lộ đi xem. Từ Lộ đến, hỏi rằng: "Ta nghe trong tiếng khóc của bà dường như chứa chất nỗi đau?" Người đàn bà đáp: "Đúng vậy. Ngày trước bố chồng tôi chết vì cọp, sau đó chồng tôi lại chết vì cọp, bây giờ con trai tôi cũng chết vì cọp." Phu tử mới hỏi rằng: "Sao bà lại không bỏ đi nơi khác?" Người đàn bà đáp: "Vì ở đây chính sự không hà khắc." Phu tử quay lại bảo học trò: "Các trò hãy ghi nhớ điều này. Chính sự hà khắc còn tàn bạo hơn cọp vậy."

"Bậc vương xưa chế ra lễ nghi, là để nêu tỏ sự hiếu kính thờ phụng tổ tiên, lễ lớn là tế tự trời đất, dưới nữa là tế tự tông miếu, tế tam thần ngũ hành,⁽¹⁾ núi cao sông lớn, lễ tế không thuộc loại này, không có trong điển tịch về tế tự. Thời mạt thế suy loạn, mê muội tin vào sách sử, đến mức bên trong cung điện, giữa nơi song cửa, không đâu không vẩy rượu tế quý thần, mê hoặc người ta quá lắm vậy. Từ nay, ai dám bày đặt cúng tế trái lễ tế tự, sùng tín lời của thầy đông cốt, đều cho bắt giữ khép vào tà đạo, phải chép rõ vào lệnh điển."

Năm ấy đào đầm Thiên Uyên.

Năm thứ sáu mùa xuân tháng hai, phái sứ giả đi tuần hành từ Hứa Xương sang đông đến tận quận Bái, hỏi những điều làm dân khổ, ai bần cùng nghèo khổ thì phát chẩn cứu giúp cho họ.①

Tháng ba, xa giá đến Triệu Lăng, khai thông kênh Thảo Lỗ. Ngày Ất Ty, quay về cung Hứa Xương. Thứ sử Tinh châu là Lương Tập đánh dẹp Kha Bì Năng người Tiên Ti, đại phá hãn. Ngày Tân Mùi, Đế thống suất đội quân thuyền đông chinh.

Tháng năm ngày Mậu Thân, đến huyện Tiêu. Ngày Nhâm Tuất, sao Huỳnh Hoắc phạm vào sao Thái Vi.

① Ngụy lược chép chiếu thư rằng:

"Xưa kia Hiên Viên kiến hiệu ở bốn phương, Chu Vũ nói 'Ta có mười vị đại thần trị lý thiên hạ', đây là cái mà bậc tiên thánh dùng để quản nước trị dân, hoàn thành chức trách được trời cao giao phó, vì thế có được nhiều người hiền là quý vậy. Nay ở bên trong ta có công khanh trấn giữ kinh sư, bên ngoài đặt mục bá để coi xét bốn phương, đến như có việc binh nhung mà xuất chinh, thì trong quân nên có tướng soái tài năng làm cột trụ, nơi có đồ truy trọng, nên có trọng thần trấn thủ, rồi xa giá mới có thể đi khắp thiên hạ, không phải lo lắng trong ngoài. Nay ta sắp đi xa dẹp giặc, muốn cầm giữ lâu năm. Nay lấy Thượng thư lệnh Dĩnh hương hầu là Trần Quân làm Trấn quân đại tướng quân, Thượng thư

¹ Tế Tam thần tức là tế các thần Mặt trời, Mặt trăng và các vì sao; tế Ngũ hành là tế thần của ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

bộc xạ Tây hương hầu là Tư Mã Ý làm Phủ quân đại tướng quân. Nếu như ta đến sông Giang trao phương lược cho chư tướng, thì Phủ quân đang lưu trú ở Hứa Xương, đốc trách các lộ hậu quân, tổng quản các việc văn thư ở phía sau; Trấn quân đi theo xa giá, sẽ đốc trách thống quản các lộ quân, chương quản công việc thay quan Thượng thư; đều ban cho Giả tiết trống sáo, cấp cho sáu trăm quân kỵ ở trung quân. Ta muốn đến cách sông Giang mấy dặm, đắp cung thất, đến ở trong đó, thấy hình thế của địch có thể đánh được, ta sẽ lập tức xuất kỳ binh ra đánh chúng; nếu tình thế chưa thể đánh, thì sẽ thông thả đem sáu quân đi săn bắn, bày tiệc thết đãi quân sĩ."

Tháng sáu, quân sĩ ở quận Lợi Thành là bọn Thái Phương chiếm quận làm phản, giết Thái thú là Từ Chất. Để phái Đồn kỵ Hiệu úy là Nhâm Phúc, Bộ binh Hiệu úy là Đoạn Chiêu cùng Thứ sử Thanh châu đánh dẹp bình bọn ấy; những kẻ bị bức ép và những kẻ bỏ trốn, đều được xá tội. Mùa thu tháng bảy, lập Hoàng tử Tào Giám làm Đông Vũ Dương vương.

Tháng tám, Đế thống suất thủy quân từ huyện Tiêu men sông Qua tiến vào sông Hoài, theo đường bộ đến Từ châu.

Tháng chín, đắp đài Đông Tuân.

Mùa đông tháng mười, xa giá đến cố thành Quảng Lăng, tới bờ sông duyệt binh, sĩ tốt hơn chục vạn, tinh kỳ kéo suốt mấy trăm dặm.^① Năm ấy trời cực rét, đường thủy nước kết băng, thuyền không vào được sông Giang, vì thế Đế dẫn quân về. Tháng mười một, Đông Vũ Dương vương Tào Giám chết. Tháng mười hai, xa giá từ huyện Tiêu đi qua huyện Lương, Đế phái sứ giả làm cỗ thái lao cúng tế cố Thái úy của nhà Hán là Kiều Huyền.

① *Ngụy thư* chép bài thơ Đế làm lúc ngồi trên lưng ngựa rằng:

"Diệu binh bên sông Giang,
Dòng nước sao mênh mang!
Giáo mác thành rừng núi,
Giáp sắt rọi sáng choang.
Mãnh tướng lòng bừng giận,

Chí khí quyết dọc ngang.
 Ai nói sông Giang rộng,
 Một thuyền lau là sang,
 Không đánh địch chịu khuất,
 Thu binh xứng hiên lương.
 Đản Phủ dựng Kỳ Ấp,
 Khai nghiệp quét Ân Thương.⁽¹⁾
 Mạnh Hiến đắp Hồ Lao,
 Người Trịnh sợ cúi hàng.⁽²⁾
 Sung Quốc chăm cấy trồng,
 Tiên Linh tự bại vong.⁽³⁾
 Làm ruộng khắp Hoài, Tứ,
 Đắp thành ở Từ phương.
 Liệu tính mưu thích hợp,
 Sáu quân ngồi ánh dương.
 Há như thơ Đông Sơn,⁽⁴⁾
 Dằng dặc bao buồn thương."

Năm thứ bảy mùa xuân tháng giêng, Đế sắp đến Hứa Xương, cửa nam thành Hứa Xương vô có tự sọt lỏ, Đế trong lòng ghét việc ấy, bèn không vào. Ngày Nhâm Tý, xa giá quay về cung Lạc Dương.

¹ Cổ Công Đản Phủ (古公亶父) còn gọi là Chu Thái vương (ông nội của Chu Văn vương), vốn sống ở đất Mân, vì bị các bộ tộc rợ Nhung, Địch và Đồng Dục quấy nhiễu, ông đưa bộ tộc dời đất Mân, đến dựng nghiệp ở Kỳ Sơn, tránh chiến tranh gây dựng đất nước, sau thành nền móng khai mở nghiệp nhà Chu.

² Mạnh Hiến Tử (孟獻子) tức Trọng Tôn Miệt (仲孙蔑), là vị tông chủ thứ năm của Quý tôn thị, một trong Tam Hoàn của nước Lỗ dưới thời Xuân Thu. Nước Tấn hội minh tại đất Thích của nước Vệ bàn kế đánh nước Trịnh. Trọng Tôn Miệt đề xuất đắp thành Hồ Lao để không chế nước Trịnh. Mùa đông năm ấy, các nước đắp thành. Nước Trịnh phải xin hòa.

³ Triệu Sung Quốc (赵充国), tướng nhà Hán, người quận Lũng Tây, rất dũng lược, nhiều lần cầm quân đánh Hung Nô, chủ trương làm đồn điền, rợ phương bắc lần lượt xin hàng.

⁴ Đông Sơn thi tức bài thơ *Đông Sơn* trong *Kinh Thi* phần *Bân phong* miêu tả cảnh quân sĩ xa quê hành quân đi trận, gió buốt tê lương, đồng ruộng hoang vu, khó về gặp người thân.

Tháng ba, đắp đài Cửu Hoa.

Mùa hạ tháng năm ngày Bính Thìn, Đế ốm nặng, triệu Trung quân đại tướng quân Tào Chân, Trấn quân đại tướng quân Trần Quần, Chinh đông đại tướng quân Tào Hưu, Phủ quân đại tướng quân Tư Mã Tuyên vương, cùng nhận di chiếu phù tá tự vương⁽¹⁾. Lại thả người trong hậu cung từ hạng Thục viện, Chiêu nghị trở xuống cho về nhà.

Ngày Đinh Tỵ, Đế băng ở điện Gia Phúc, bảy giờ mới bốn mươi tuổi.① Tháng sáu ngày Mậu Dần, táng ở lăng Thụ Dương. Từ lúc đưa tang đến lúc chôn táng, đều chiếu theo Chung chế tiến hành.②

① *Ngụy thư* chép: Linh cữu quân ở trước điện Sùng Hoa.

② *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Minh đế sắp theo đưa cữu đi chôn táng, bọn Tào Chân, Trần Quần, Vương Lăng vì trời nắng nóng cổ can gián, Minh đế mới thôi.

Tôn Thịnh nói: Đại để việc tang là việc đau xót nhất đối với bậc hiếu tử, đây là cái đạo nhân luân, chẳng ai không coi trọng. Thế nên thiên tử mất để tang bảy tháng,⁽²⁾ người thiên hạ đều đau xót. Ôi, tình cảm vì nghĩa mà nảy sinh, đến như trên đường gặp cảnh đưa xe tang xuống mộ còn hết sức bi ai, huống chi cái tình phát ra từ đáy lòng, người chuộng lễ nghĩa mà như thế được sao! Cái đức nghiệp của Ngụy thị, nối nhau từ đời nọ sang đời kia không vững bền về gốc rễ rồi. Xưa kia Hoa Nguyên hậu táng Tống công, bậc quân tử cho là để mặc vua nhận tiếng xấu, thì lời can của bọn Quần, là đây ai mắc vào cái lỗi nghiêm trọng đây?⁽³⁾

Trước kia, Đế thích văn chương học vấn, lấy việc soạn chép làm sự nghiệp, tự đọc sách sao chép hoàn thành hơn trăm chương

¹ Tự vương, tức là vương lên nối tự.

² Theo lễ quy định, thiên tử mất thì thiên hạ để tang bảy tháng, chư hầu mất trong nước để tang năm tháng, sĩ khanh đại phu chết người nhà để tang ba tháng.

³ Bùi Tùng Chi chép bài lụy khóc Văn đế của Tào Thực, người dịch lược bỏ không dịch.

sách. Lại sai các nhà Nho biên soạn tập hợp kinh truyện, sắp theo từng loại, cả thảy hơn nghìn thiên, gọi là *Hoàng lãm*.^①

① *Ngụy thư* chép: Đế lúc đầu ở Đông cung, dịch bệnh bùng phát, người bấy giờ đều khốn vì họa dịch, Đế rất cảm thán, bình thời vốn kính trọng Đại lý Vương Lãng bèn gửi thư nói:

"Người ta sinh ra lớn lên hình hài bảy thước, sau khi chết chỉ một miếng đất vừa đủ quan tài, duy có lập đức dương danh, mới là bất hủ, dưới việc ấy tuyệt không gì bằng soạn sách vở. Dịch bệnh mấy lần nổi lên, quan dân xác xơ tàn tạ, ta là hạng người gì, mà có tài giữ vẹn tuổi thọ cho mình?"

Vì thế tự luận chép biên soạn *Diễn luận*, thơ phú, cả thảy hơn một trăm thiên, tập hợp các nhà nho tề tựu đông đủ ở trong thành, giảng luận đại nghĩa, vui vẻ không hề chán mệt.

Đế thường khen Hán Văn đế là vị vua khoan hậu nhân từ, trầm tĩnh vô vi, chuyên tâm nghĩ đến việc dùng đức để giáo hóa dân, có phong thái của bậc hiền giả thánh nhân. Bấy giờ có nhiều nhà nho giỏi văn chương, có người cho rằng Hiếu Văn tuy hiền, nhưng về mặt thông minh tài trí, thiếu đạt quốc chính, không bằng Giả Nghị.⁽¹⁾ Vì thế soạn chép bài *Thái Tông luận* rằng:

"Xưa kia Hữu Miêu không phục, Trọng Hoa khi múa dùng kiên thích,⁽²⁾ Úy Đà xưng đế, Hiếu Văn phủ dụ dùng ân đức,⁽³⁾ Ngô vương không

¹ Giả Nghị (贾谊), sống vào đầu thời Tây Hán, người Lạc Dương, là chính luận gia, văn học gia, nổi danh từ năm mười tám tuổi, được Ngô Công tiến cử, năm hai mươi tuổi làm Bác sĩ, chưa đầy năm được đặc cách thăng làm Thái trung đại phu. Giả Nghị đề xuất cải cách chính trị, kế thừa pháp chế thời Tần, nhưng phé bỏ bại tục, cách tân chế độ, bị các đại thần là Giáng hầu Chu Bột, Dĩnh Âm hầu Quán Anh, Đông Dương hầu Trương Tương Như, Ngự sử đại phu Phùng Kính căm ghét vì các kiến nghị của ông ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, vì thế Chu Bột, Quán Anh đưa lời gièm. Năm 23 tuổi, ông bị biếm chức làm Thái phó cho Trường Sa vương. Sau bị triệu về Trường An làm Thái phó cho Lương Hoài vương. Lương Hoài vương bị ngã ngựa chết, ông lo lắng thành bệnh, năm 33 tuổi chết.

² Trọng Hoa (重华), tức vua Thuấn. Xem chú thích ở tập I, trang 98, quyển 1 (Vũ đế kỷ).

³ Nam Việt vương Úy Đà (Triệu Đà), người huyện Chân Định. Ban đầu vâng mệnh Tần Thủy Hoàng đi đánh Lĩnh Nam, rồi nhận chức Long Xuyên lệnh thuộc quận

đến châu, bèn ban cho Kỷ trượng để vỗ về tâm ý của ông ấy,⁽¹⁾ mà thiên hạ lại yên; vì thế mở rộng giáo hóa tam chương, khiến người ta dễ vui, bỏ cái môi khổ lụy trước kia của dân, mới có thể tản bước ung dung, cao đàm khoát luận, không có môi lo sợ trong lòng. Nếu Giả Nghị tài trí mẫn tiệp, trù hoạch được quốc chính, thì đấy là tài năng đặc biệt của bậc hiền thần, có đáng đáp của Quán Trọng, Ân Anh, há bằng được cái độ lượng của Hiếu Văn là bậc đại nhân sao?"

Giữa năm thứ ba, vì Tôn Quyền không thần phục, Đế lại ban bố *Thái Tông luận* với thiên hạ, tỏ rõ cái ý không muốn chinh phạt vậy.

Ngày khác Đế lại ung dung nói rằng:

- Trông lại thì ta cũng có ba chỗ không tán thành với Hán Văn đế: Một là giết Bạc Chiêu;⁽²⁾ hai là sủng ái Đặng Thông;⁽³⁾ ba là bắt

Nam Hải. Sau khi nhà Tần sụp đổ, binh mã loạn lạc, Úy Đà chiếm đất Quế Lâm, Tượng Quận tự lập làm Nam Việt Vũ vương. Thời Hán Cao tổ, Úy Đà thần phục nhà Hán, đến thời Lã hậu, có lệnh cấm lưu thông hàng hóa giữa Nam Việt và Trung Quốc, Úy Đà dâng thư ba lần, không được đồng ý, mới nổi giận tuyên bố độc lập, tự xưng là Nam Việt Vũ đế, tỏ ý ngang hàng với Trung Quốc. Hán Văn đế là vua Hán bấy giờ, tuy hưng binh, song dùng cách vỗ về phù dụ là chính, phong quan ban thưởng hậu, sai người giữ ấp, thờ cúng tổ tiên của Úy Đà, lại gọi anh em của Đà đến cho họ làm quan, Úy Đà cảm kích, bèn bỏ Đế hiệu, xưng thần.

¹ Ngô vương Lưu Ty, là vua chư hầu thời Hán Văn đế. Con trai của Lưu Ty là Lưu Hiến về triều, uống rượu, đánh cờ với Thái tử, vì thô bạo hung hăng tranh giành, bị Thái tử Lưu Khải dùng bàn cờ đập chết, Ngô vương Lưu Ty căm hận triều đình, thường viện đủ các lý do để tránh về châu kiến Thiên tử, bỏ lễ phiên thần. Hán Văn đế thấy vậy bèn thăm vấn sứ giả nước Ngô, Lưu Ty sợ hãi, có ý định làm phản. Hán Văn đế xoa dịu, không trách tội Ngô vương, lại gửi lễ qua sứ giả, ban cho Ngô vương Lưu Ty chiếc ghế ngồi và gậy chống, nói rằng Ngô vương tuổi cao rất đáng trọng vọng, chuẩn y cho không phải về châu. Ngô vương được miễn tội, ý tưởng tạo phản vì thế tiêu tan.

² Bạc Chiêu (薄昭) là cậu của Hán Văn đế, được Hán Văn đế trao cho chút quyền lực, vì thế phạm tội giết người, Văn đế xử tội chết, ra lệnh trăm quan khóc, còn mình nén nước mắt, sai giết Bạc Chiêu, với việc này, người đời sau đánh giá Hán Văn đế là thánh minh.

³ Hán Văn đế đặc biệt sủng ái bấy tôi là Đặng Thông (邓通), nghe thầy tướng là Hứa Phụ phán rằng Đặng Thông sẽ phải chết đói, Văn đế bèn ban cho Đặng Thông cả núi đồng ở Thục Quận, được phép đúc tiền tiêu, như thế sẽ không lo phải chết đói. Khi Văn đế mất, Cảnh đế lên nối, ghét Thông, bèn tịch thu cả gia sản, Đặng Thông phải đi ở nhờ, sau này quả nhiên chết đói.

Thận phu nhân không được để áo dài chấm đất,⁽¹⁾ gom túi vải của quan Thượng thư làm trướng màn. Ta cho rằng Hán Văn đế tiết kiệm nhưng không có khuôn phép, cậu của Hoàng hậu là người nhà, chỉ nên cho của cải để ra ân nhưng không nên cho quyền bính, vì khi mắc tội phạm pháp, chẳng thể không giết được.

Là ý nói muốn giữ được đạo thẳng, thì hành vi của bậc Đế vương nên như thế.

Ngô lịch của Hồ Xung chép: Đế đem sách *Diễn luận* cùng thơ phú mà mình soạn chép tặng cho Tôn Quyền, lại đem loại giấy Nhất thông⁽²⁾ gửi cho Trương Chiêu.

Bình rằng: Văn đế tư chất văn vẻ câu từ đẹp đẽ, hạ bút thành chương, học rộng nhớ dai, tài nghệ vẹn toàn;① nếu lại thêm khí độ khoáng đạt, gắng sức thành tâm để công bằng chính trực, trau dồi chí hướng giữ lấy cái gốc của đạo nghĩa, mở rộng phát triển thánh đức, thì so với các vị chúa hiền minh thời xưa, nào có xa gì!

① Bài tựa ở sách *Diễn luận* của Đế viết:

"Năm Sơ Bình nguyên niên, Đông Trác giết vua lại hạ độc giết Hoàng hậu, khuynh đảo vương thất. Bấy giờ người trong bốn bể đã khốn khổ bởi chính sự thời năm Trung Bình, thêm cái tàn ác hung nghịch của Trác, nhà nhà nghĩ cảnh loạn, người người tự thấy mối nguy nan. Các mục thú ở Sơn Đông, đều vì đại nghĩa Xuân Thu, 'người nước Vệ đánh Chu Hu ở Bộc',⁽³⁾ nói rằng người người đều muốn đánh dẹp giặc. Vì thế đại hưng nghĩa binh, những kẻ hiệp khách có tên tuổi, các họ tộc lớn giàu mạnh, từ bốn phương như mây tụ, vạn dặm cùng kéo đến; quân

¹ Hán Văn đế là vị vua nổi tiếng về tiết kiệm, là thiên tử nhưng thường ngày ông chỉ mặc quần áo may bằng loại vải thô, dày, rẻ tiền màu đen. Sủng phi của Hán Văn đế là Thận phu nhân (慎夫人) cũng thường xuyên bị nhắc nhở là phải ăn mặc giản dị, không được diện những bộ y phục thướt tha dài quét đất.

² Nhất thông (一通), là một loại giấy rất tốt dùng để viết thư.

³ Chu Hu (州吁), tức Vệ Châu Dụ (衛州吁), con thứ của Vệ Trang công (vua nước Vệ), giết anh là Vệ Hoàn công cướp ngôi vua, được một năm thì bị Hữu tể Xú giết ở đất Bộc.

của hai châu Duyện, Dự giao chiến ở Huỳnh Dương, giáp binh của Hà Nội đóng ở Mạnh Tân. Trác bèn di dời đại giá, sang kinh đô phía tây ở Trường An. Rồi quân của Sơn Đông, kẻ lớn thì vượt chiếm quận quốc, kẻ vừa vừa thì giữ thành chiếm ấp, thế lực nhỏ thì tụ tập nơi bờ ruộng, quay sang thôn tính đánh diệt lẫn nhau. Gặp lúc quân Khăn Vàng nổi lên ở Hải, Đại, sơn khấu gây hại ở Tinh, Ký, thừa thắng đánh vòng quanh, cuốn chiếu xuôi nam, dân nơi thôn ấp trông khói bay mà chạy, người ở thành quách thấy khói bụi bốc lên thì vỡ lở, trăm họ chết chóc rất nhiều, xương cốt phơi như cỏ măng. Bấy giờ ta mới năm tuổi, phụ vương thấy thế gian nhiễu loạn, dạy ta học bắn tên, sáu tuổi thì biết bắn, lại dạy ta cưỡi ngựa, tám tuổi thì ta có thể cưỡi ngựa bắn tên rồi.

Vì thời ấy phụ vương lắm việc, mỗi khi đi xa đánh dẹp, ta thường theo đi. Năm Kiến An sơ, phụ vương xuôi nam đánh Kinh châu, đến huyện Uyển, Trương Tú quy hàng. Một tuần sau⁽¹⁾ thì phản, anh trai của ta là Hiếu liêm Tử Tu, em họ của ta là An Dân bị hại. Năm ấy ta mười tuổi, cưỡi ngựa chạy thoát được. Đại khái là cái đạo văn võ, đều tùy thời mà dùng.

Ta sinh vào cuối năm Trung Bình, lớn lên ở trong chỗ quân lữ, nhân thế từ nhỏ thích cưỡi ngựa bắn tên, đến nay chưa hề suy giảm; ta đuổi theo chim bay chực dậm, ruồi ngựa bắn muông thú thường bách bộ xuyên dương,⁽²⁾ thân thể ngày càng khỏe mạnh, tâm trạng thường không chán mệt.

Năm Kiến An thứ mười, mới bình định Ký châu, người Uế, Mạch cống nạp cây cung tốt, người Yên, Đại dâng biểu con ngựa hay. Bấy giờ đang cuối tiết xuân, vào lúc tế Mộc thần, gió thổi mơn man nhẹ lay cảnh vật, cung khô tay mềm, cỏ xanh lơ phơ, muông thú béo mẫm, ta cùng người anh họ là Tử Đan đi săn bắn ở phía tây huyện Nghiệp, hết ngày bắt được chín con hươu, ba mươi con chim trĩ và thỏ hoang. Ngày sau quân nam chinh đóng tại Khúc Lễ, Thượng thư lệnh Tuân Úc phụng mệnh đến khao quân, gặp ta đàm luận xong, Úc nói:

- Nghe nói ngài giỏi bắn cung hai tay, đấy thật là việc khó làm.

Ta nói:

¹ Một tuần theo cách tính tuần trăng của người Trung Quốc tức là mười ngày, một tháng có thượng tuần, trung tuần và hạ tuần.

² Đứng cách trăm bước chân bắn trúng lá cây liễu.

- Chấp sự chưa thấy ngựa hay hiểu rõ được ý người, rạp dưới vó ngựa mà ngẩng mặt bắn trúng đích vậy.

Úc mừng cười nói:

- Đương nhiên là thế rồi!

Ta nói:

- Nước trên núi thường chảy thẳng, mũi tên bắn ra thường hướng đến đích, mỗi phát tên ta bắn ra dù luôn trúng, không có gì là kỳ diệu. Nếu ruồi ngựa ở chỗ đất bằng, chạy trên cỏ mượt, đón bắt mãnh thú, bắn chặn chim bay, không giương cung sẵn, mà bắn ra là xuyên thấu ngay, ấy mới là kỳ diệu vậy.

Bấy giờ Quân tế tửu là Trương Kinh ngồi ở đấy, ngoảnh nhìn Úc vỗ tay nói:

- Hay lắm.

Ta lại học kiếm kích, học đã nhiều thầy rồi, kiếm pháp ở bốn phương đều có chỗ khác biệt, duy có kiếm pháp ở kinh sư là hơn cả. Những năm thời Hoàn, Linh, có tên lính Hồ bôn là Vương Việt giỏi về thuật ấy, nổi danh ở kinh sư. Người quận Hà Nam là Sĩ A nói trước đây cùng Việt có giao du, học hết được kiếm pháp của ông ấy, ta theo Sĩ A học kiếm tinh thực. Lại từng cùng bọn Bình lỗ tướng quân là Lưu Huân, Phấn uy tướng quân là Đặng Triển cùng yến ẩm, ta bình thời vốn nghe nói Triển sử dụng cánh tay rất khéo, thông tỏ năm thứ binh khí, lại nổi tiếng là có thể tay không vỗ vào mũi đao. Ta cùng bàn luận về đánh kiếm hồi lâu, nói rằng kiếm pháp của tướng quân không giống ai vậy, ta vốn thích kiếm pháp, lại học được kiếm thuật cao minh, nhân thế muốn tìm người cùng đấu kiếm.

Bấy giờ hơi rượu đã bốc lên tai, cây mía đang ăn, bèn dùng làm gậy, bước xuống điện giao đấu, ta ba lần đánh trúng cánh tay ông ta, tả hữu cả cười. Triển có ý bất bình, xin được đổi gậy. Ta nói kiếm pháp của ta rất thần tốc, khó đánh trúng mặt, cho nên đánh vào cánh tay thôi. Triển nói xin giao đấu lại một lần nữa, ta biết là ông ấy muốn ra tay bất ngờ để đánh trúng ta, nhân đó giả vờ tiến về phía trước, Triển quả nhiên tiến lên, ta lùi lại vung chân đá một cước, trúng ngay vào trán ông ta, người ngồi xem sợ hãi. Ta quay về chỗ ngồi, cười nói:

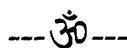
- Xưa kia Dương Khánh khiến Thuần Vu Ý bỏ phương thuốc của mình,⁽¹⁾ lại được truyền bí thuật, nay ta cũng mong Đặng tướng quân vứt bỏ kỹ nghệ cũ, đổi học thứ võ nghệ hay.

Mọi người ngồi đầy đều vui mừng.

Đại đế là trong mọi việc đừng nên cho mình là hay, ta thời ít tuổi lĩnh hội được cách múa song kích, tự cho là mình vô đối; tên tục của song kích là Tọa thiết thất, kết hợp với thuần gọi là Tế mộc hộ; về sau ta theo người nước Trần là Viên Mẫn học tập, dùng đơn kích đả song kích, thường né tránh như thần, đối thủ không biết chống cách nào, ngày trước nếu ta gặp Mẫn nơi đường hẻm, thì chỉ có chết thôi!

Ta thuở nhỏ đùa bỡn với người khác ít lộ vẻ vui mừng, duy có đánh cờ là rất thích thú, lúc nhỏ tuổi ta từng soạn một thiên phú về đánh cờ. Trước kia ở kinh sư có Mã Hợp Hương hầu, Đông Phương An Thế, Trương công tử là danh thủ về cờ, ta thường hận không được cùng mấy người ấy làm đối thủ. Phụ vương thích thi thư điển tịch, tuy ở chỗ quân lữ, tay chẳng rời quyển sách, mỗi khi sớm tối ung dung ngâm đọc, thường nói rằng người ta lúc trẻ chăm học thì tư tưởng chuyên tâm, lớn tuổi mới học thì hay quên, người cao tuổi mà siêng năng chuyên cần học tập, duy có ta và Viên Bá Nghiệp thôi. Ta vì thế lúc ít tuổi thì tụng đọc Kinh Thi, Luận ngữ, đến khi lớn lên thì đọc qua hết Ngũ kinh và Tứ bộ,⁽²⁾ Sử ký, Hán thư, các lời nói của bách gia chư tử, không có gì là không xem hết."

Bác vật chí chép: Đế giỏi đánh cờ vậy, có tài dùng tay vẩy khăn đẩy quân cờ. Bấy giờ có người học trò, lại có thể cúi đầu dùng dây buộc mũi của mình để phẩy quân cờ.



¹ Thuần Vu Ý (淳于意) là người nước thành Lâm Truy nước Tề, sống vào thời vua Hán Văn đế. Ông từng làm Thái Thương lệnh nên được gọi là Thương công. Từ nhỏ chuộng nghề y, sau theo học Dương Khánh (阳庆) được truyền thụ bí thuật, chữa bệnh hiệu nghiệm như thần, nổi danh đương thời.

² Thời cổ, thư tịch sách vở được phân loại theo tên gọi, Tứ bộ (四部) là Kinh, Sử, Tử, Tập.

QUYỂN THỨ BA

MINH ĐẾ KỶ



Minh hoàng đế húy Duệ, tự Nguyên Trọng, là Thái tử của Văn đế vậy. Đế sinh ra được Thái tổ rất yêu mến, thường lệnh cho theo ở bên mình.^① Năm mười lăm tuổi, Đế được thụ phong là Vũ Đức hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai lập làm Tề công, năm thứ ba làm Bình Nguyên vương. Vì mẹ của Đế bị giết,⁽¹⁾ nên Đế chưa được lập làm kế tự.^②

Năm thứ bảy mùa hạ tháng năm, Văn đế bệnh nặng, bèn lập Đế làm Hoàng thái tử. Ngày Đinh Ty, lên ngôi. Hoàng đế, đại xá thiên hạ. Tôn Hoàng thái hậu làm Thái hoàng Thái hậu, Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu. Văn võ đại thần được phong tước đều theo thứ bậc.^③ Ngày Quý Mùi, truy thụy cho mẹ là Chân phu nhân làm Văn Chiêu hoàng hậu. Ngày Nhâm Thìn, lập em trai là Tào Nhụy làm Dương Bình vương.

① *Ngụy thư* chép: Lúc Đế được mấy tuổi đã có tư chất khí phách hơn người, Vũ hoàng đế lấy làm lạ, nói:

- Cội rễ đời thứ ba của nhà ta là ở mày rồi.

Mỗi khi triều yến hội họp, Đế được cùng các quan Thị trung cận thần cùng ngồi trong trướng. Đế ham học hiểu biết rộng, đặc biệt quan tâm đến cái gốc của pháp luật.

② *Ngụy lược* chép: Văn đế vì Quách hậu không có con, nên hạ chiếu sai Hậu nuôi Đế làm con nuôi. Đế vì mẹ mình chết không

¹ Mẹ của Minh đế là Chân hoàng hậu, xem tập I, quyển 5 (Hậu phi truyện.)

minh bạch, ý rất bất bình. Sau bất đắc dĩ, mới phải cung kính thờ Quách hậu, sớm tối thường theo đúng phép tắc đến thăm hỏi việc sinh hoạt thường ngày, Quách hậu cũng vì mình không có con, nên càng yên mến Đế hơn. Văn đế ban đầu thấy Đế không vui, có ý muốn lấy con của người vợ lẽ là Kinh Triệu vương làm người nối tự, cho nên rất lâu không chính thức bái phong Thái tử.

Ngụy mạt truyện chép: Đế thường theo Văn đế đi săn, có lần trông thấy mẹ con con hươu. Văn đế bắn chết hươu mẹ, sai Đế bắn con hươu con, Đế không vâng lệnh nói:

- Bệ hạ đã giết hươu mẹ, thần chẳng nỡ nhẫn tâm giết con của nó nữa.

Nhân đó sa nước mắt khóc. Văn đế lập tức buông cung tên, cho là rất lạ, bèn có ý lập Đế làm người nối tự.

③ *Thế ngữ* chép: Đế và các đại thần trong triều vốn không hề giao tiếp, sau khi Đế tức vị, quần hạ ngóng xem phong thái. Qua mấy ngày, Đế chỉ tiếp kiến riêng Thị trung Lưu Diệp, nói chuyện suốt ngày. Chúng nhân nghiêng tai nghe ngóng, Diệp ra ngoài rồi, chúng hỏi:

- Đế là người thế nào?

Diệp nói:

- Cũng cùng hạng như Tần Hoàng, Hán Vũ,⁽¹⁾ chỉ có tài năng và phương lược là thua sút họ chút ít mà thôi.

Tháng tám, Tôn Quyền đánh quận Giang Hạ, Thái thú là Văn Sính thủ vững. Triều đình nghị bàn muốn phát binh cứu Giang Hạ, Đế nói:

- Quyền quen thủy chiến, sở dĩ dám rời thuyền lên bộ tấn công, là chỉ mong đánh úp lúc ta không phòng bị vậy. Nay đã cùng Sính cầm giữ nhau, thế lực đánh giữ tương đồng, nhất định chẳng dám ở lâu vậy.

Trước đó Đế đã phái quan Trị thư Thị ngự sử là Tuân Vũ đi úy lạo vùng biên giới, Vũ đến nơi, tại Giang Hạ phát binh ở huyện

¹ Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ đế là những vị Hoàng đế cá tính rất cứng mạnh, rất tài năng.

Kinh cùng hơn nghìn quân bộ kỵ mà mình đem theo lên núi đốt lửa, Quyền lui chạy.

Ngày Tân Ty, lập Hoàng tử Quýnh làm Thanh Hà vương. Tướng Ngô là bọn Gia Cát Cẩn, Trương Bá vào cướp bóc ở Tương Dương, Phủ quân Đại tướng quân là Tư Mã Tuyên vương đánh dẹp phá chúng, chém Bá, Chinh đông Đại tướng quân Tào Hưu lại đánh phá biệt tướng của chúng ở Tầm Dương. Đế luận công ban thưởng cho mọi người đều theo thứ bậc.

Mùa đông tháng mười, Thanh Hà vương là Quýnh chết. Tháng mười hai lấy Thái úy là Chung Do làm Thái phó, Chinh đông Đại tướng quân là Tào Hưu làm Đại tư mã, Trung quân Đại tướng quân là Tào Chân làm Đại tướng quân, Tư đồ là Hoa Hâm làm Thái úy, Tư không Vương Lăng làm Tư đồ, Trấn quân Đại tướng quân là Trần Quần làm Tư không, Phủ quân Đại tướng quân là Tư Mã Tuyên vương làm Phiêu kỵ Đại tướng quân.

Năm Thái Hòa nguyên niên mùa xuân tháng giêng, Đế ra ngoài thành tế tự Vũ hoàng đế phối tế với trời, tế tự Văn hoàng đế ở Minh đường để phối tế với Thượng đế. Chia đất phía nam quận Giang Hạ, đặt ra chức Giang Hạ nam bộ Đô úy.

Người quận Tây Bình là Khúc Anh làm phản, giết Lâm Khương lệnh, Trưởng huyện Tây Đô, Đế phái tướng quân Hác Chiêu, Lộc Bân đánh dẹp chém hẳn.

Tháng hai ngày Tân Mùi, Đế cày ruộng tịch điền. Ngày Tân Ty, dựng lăng miếu Văn Chiêu hoàng hậu ở huyện Nghiệp. Ngày Đinh Hợi, tế thần mặt trời ở phía đông kinh thành.

Mùa hạ tháng tư ngày Ất Hợi, ban hành tiền Ngũ thù.⁽¹⁾ Ngày Giáp Thân, bắt đầu xây dựng tông miếu.

¹ Đầu thời Tam Quốc, kinh tế hai nước Ngô, Ngụy bất ổn, vật giá leo thang, phải đúc tiền để đưa vào lưu thông, cả Ngô và Ngụy đều ban hành loại tiền Ngũ thù. Thời xưa tính tiền theo trọng lượng, cứ hai mươi bốn thù bằng một lạng, tương đương nửa lạng ta bây giờ.

Mùa thu tháng tám, tế thần mặt trăng ở phía tây kinh thành. Mùa đông tháng mười ngày Bính Dần, duyệt binh ở Đông Giao. Vua nước Yên Kỳ⁽¹⁾ phái con vào châu.

Tháng mười một, lập Mao Thị làm Hoàng hậu. Thăng thưởng hai cấp cho những người giữ tước Nam tử trong thiên hạ, ban thóc lúa cho những người góa vợ góa chồng cô độc chẳng thể tự sinh sống.

Tháng mười hai, phong cho cha của Hậu là Mao Gia tước Liệt hầu. Thái thú Tân Thành là Mạnh Đạt phản, Đế hạ chiếu sai Phiêu kỵ tướng quân Tư Mã Tuyên vương đánh dẹp Đạt.^①

① *Tam phụ Quyết lục* chép: Bá Lang, người ở Lương châu, thanh danh không được tốt.

Sách ấy chép rằng: Bá Lang họ Mạnh, tên Tha, người quận Phù Phong vậy.

Thời Linh đế, Trung thường thị là Trương Nhượng chuyên quyền việc triều chính, bọn Giám nô của Nhượng coi giữ việc nhà. Tha làm quan không thỏa chí, bèn đem hết gia tài hồi lộ bọn Giám nô, cùng chúng kết thân, gia nghiệp tích chứa lâu năm vì việc ấy bị phá tán sạch. Bọn nô tài đều hổ thẹn, hỏi cái điều mà Tha muốn. Tha nói:

- Chỉ muốn được các người bái lạy thôi.

Bọn nô tài chịu ơn đã lâu, đều hứa đồng ý. Bấy giờ tân khách đến cầu kiến Nhượng, xe ở dưới cửa thường có mấy trăm cỗ, có kẻ nhiều ngày chưa được qua cửa. Tha đến sau cùng, bọn nô tài dòm thấy Tha đến, đều ra trước xe đón lạy, dẫn thẳng xe của Tha một mình tiến vào. Chúng nhân đều kinh sợ, cho là Tha thân thiết với Nhượng, tranh nhau đưa đồ vật trân quý tặng Tha. Tha được những thứ ấy, đưa hết vào hồi lộ Nhượng, Nhượng cả mừng. Tha

¹ Yên Kỳ: Tên một quốc gia cổ ở Tây Vực, gồm các bộ tộc Ô Kỳ, Ô Triền, A Kỳ Ni hợp thành, kinh đô ở thành Viên Cừ. Dân ở đây có chữ viết riêng. Ban đầu lệ thuộc Hung Nô. Về sau, vào năm Vĩnh Nguyên thứ sáu nhà Tây Hán, Ban Siêu phá Hung Nô, nước này phụ thuộc nhà Hán.

lại đem một hộc rượu Bồ đào tặng Nhượng, lập tức được bá làm Thứ sử Lương châu.

Tha sinh ra Đạt, thời trẻ vào Thục. Sự tích về Đạt lúc ở nước Thục được chép trong *Lưu Phong truyện*.

Ngụy lược chép: Đạt vào năm Diên Khang nguyên niên thống suất bộ khúc hơn bốn nghìn nhà quy phục nước Ngụy. Văn đế bấy giờ mới tức vương vị, vốn đã biết Đạt từ trước, nghe tin Đạt đến, rất vui, bèn sai quý thần⁽¹⁾ có kiến thức qua quan sát Đạt, họ quay về nói: "Đạt có cái tài của bậc tướng soái", có kẻ nói: "Đạt có khí chất của bậc khanh tướng vậy", Vương càn kính trọng Đạt.

Để trả lời hàng thư của Đạt rằng:

"Gần đây khanh theo về với thiên mệnh, mà ta chưa thể truyền ý chỉ. Là vì sao? Xưa kia Y Chí lìa bỏ nhà Thương quy thuận nhà Chu,⁽²⁾ Bách Lý rời khỏi nước Ngụ vào nước Tần,⁽³⁾ Nhạc Nghị thương thân mình cùng cảnh ngộ với Ngũ Viên,⁽⁴⁾ Vương Tuân biết nghịch thuận để tính đường

¹ Quý thần vốn chỉ kẻ gia thần giữ chức vụ công khanh đại phu, sau dùng để phẩm chỉ bậc đại thần quý hiển.

² Y Chí (伊摯), là Y Doãn (伊尹), công thần đầu thời nhà Thương, giúp vua Thành Thang diệt nhà Hạ lập nhà Thương. Sau ông phò tá vua nhỏ, là nguyên lão bốn triều, công lao với nhà Thương rất lớn. Bản thân ông vốn xuất thân là nô bộc, nhân vì mẹ của ông sống ở phía tây thôn Không Tang, ven sông Y, nên lấy họ là Y. Còn chữ Doãn trong tên ông sau này mới có, Doãn là quan danh vậy.

³ Bách Lý Hề (百里奚), người nước Ngụ thời Xuân Thu, có sách nói ông là người huyện Uyên nước Sở. Nước Ngụ bị diệt, ông trốn ở nước Tần, Tần Mục công nghe nói ông là người hiền, sai đem năm tấm da dê đổi lấy ông, vì thế ông còn được gọi là Ngũ cô đại phu. Bách Lý Hề làm quan nước Tần, có nhiều công lao giúp nước Tần cường thịnh.

⁴ Nguyên văn câu này là "Nhạc Nghị cảm si di dĩ thiên thể." Hai chữ "si di" là nói cái túi da ngựa, mượn để ám chỉ cái chết của Ngũ Viên ở nước Ngô, hai chữ "thiên thể" là nói cái xác con ve sần, nghĩa bóng trở kiếp sau. *Chiến Quốc sách*, phần *Yên sách* quyển 2, chép: "Xưa kia Ngũ Tử Tư nói được Hạp Lư nghe theo, cho nên dấu chân của Ngô vương đi xa đến đất Dĩnh. Phù Sai chẳng như thế vậy, cho xác Ngũ Viên vào túi da ngựa thả trôi sông Giang." Vì vua Phù Sai nước Ngô nghe lời gièm mới giết kẻ trung thần là Ngũ Viên như thế; Nhạc Nghị là danh tướng nước Yên, giúp Yên Chiêu vương đánh hạ hơn bảy mươi thành của nước Tề. Yên Huệ vương lên nối thay cha, nghe lời gièm nghi ngờ Nhạc Nghị, Nhạc Nghị nghĩ đến Ngũ Viên, thương cảnh ngộ của mình cũng giống như Ngũ Viên.

lui tiến,⁽¹⁾ họ đều xét rõ cái điềm hưng phế, phân biệt cái lẽ tất nhiên của sự thành bại, thế nên người thợ vẽ họa lại hình dáng dung mạo của họ, bậc lương sĩ ghi chép công lao của họ. Nghe nói khanh phong thái tốt đẹp, khí độ trác tuyệt hơn đời, đang thi triển tài năng làm trong sạch nền chính trị đương thời, lưu danh truyền mãi. Nay khanh quay đầu như cá tìm về với dòng trong, là điều rất tốt lành, lòng ngóng về tây, luyện lưu chốn cũ, hạ bút soạn văn, vui mừng về với Ngụy. Xưa kia Ngụ Khanh vào nước Triệu, hai lần diện kiến được làm tướng,⁽²⁾ Trần Bình theo Hán, một lần đến hầu được làm Bồi thừa,⁽³⁾ nay Cô với khanh, ân tình hơn người xưa, nên Cô trao cho khanh ngựa quý để làm sáng tỏ tấm lòng trung quân ái quốc của khanh."

Lại viết:

"Nay trong nước thanh tĩnh, vạn dặm về một môi, ba phương không có cảnh chiến sự, trung nguyên chẳng thấy tiếng chó sủa mơ hồ, vì thế pháp chế khoan hòa cấm lệnh nơi lòng, người đời không ngờ sợ, nơi giam cầm trống rỗng, không hề có con tin.⁽⁴⁾ Khanh sắp tới gặp mặt, tất rõ ý Cô, hãy cẩn thận chớ khiến gia nhân nhôn nháo trên đường, để người thân nhiều người sơ vậy. Nếu khanh muốn lại tương kiến, nên

¹ Vương Tuân (王遵) người thời Tây Hán, là tướng của Ngõi Hiêu ở đất Thục, từng khuyên Ngõi Hiêu không nên xưng đế, Ngõi Hiêu không nghe, sau bị Quang Vũ đế diệt.

² Ngụ Khanh (虞卿) người Hàm Đan, là kẻ sĩ chuyên đi du thuyết thời Chiến Quốc, lần đầu yết kiến Triệu Hiếu Thành vương được ban tặng trăm dật hoàng kim, một đôi ngọc bạch bích, lần thứ hai yết kiến, được bái làm Thượng khanh, vì thế mới có tên là Ngụ Khanh.

³ Trần Bình (陈平) người thời Tây Hán, quê ở huyện Dương Vũ, nhà nghèo ham học, ở với anh, chị dâu khinh ghét, nhưng Trần Bình mặc kệ. Ban đầu Trần Bình theo Hạng Vũ, lập công, sau bị nghi ngờ, Trần Bình sợ, bỏ Hạng Vũ trốn khỏi nước Sở. Trần Bình đến yết kiến Hán Cao tổ Lưu Bang, được làm người theo hầu bên xe của Lưu Bang, lập nhiều công lao, rồi làm đến chức Thừa tướng. Xem thêm chú thích ở tập I, trang 77, quyển 1 (Vũ đế kỷ).

⁴ Theo phép chế nhà Ngụy thì các quan tướng phòng giữ nơi biên ải đều phải để người nhà ở lại kinh đô làm con tin, là để đề phòng các quan tướng trấn thủ nơi biên ải hàng giặc, gây hại cho quốc gia. Ở đây Tào Phi nói như thế với Đạt là tỏ ý nước Ngụy thanh bình, không có cảnh ấy nữa, là lời vỗ về ủy lạo làm yên lòng người mới theo hàng.

yên định bộ khúc trước, giữ vững nơi hiểm yếu, rồi hãy thông thả cười ngựa sang đông."

Đạt đến huyện Tiêu, lúc yết kiến thái độ nhã nhặn, tài biện bác hơn người, mọi người tuyệt chẳng không chú ý.

Lúc Vương sắp đi, cuồi xe nhỏ, cầm tay, vỗ lưng Đạt đùa rằng:

- Khanh không đến để làm thích khách cho Lưu Bị sao?

Rồi cho ngồi cùng xe. Lại ban thêm cho Đạt chức Tấn kỵ thường thị, lĩnh Thái thú Tân Thành, ủy thác cho gánh vác công việc ở phía tây nam. Bấy giờ chúng thần có người cho rằng đãi như thế là quá nhiều, thêm nữa, chẳng nên ủy thác trách nhiệm ở một phương. Vương nghe được lời ấy, nói:

- Ta đảm bảo hẳn không có lòng khác, mà ví như có thì cũng chỉ hao mất ít cung tên và tổn chút lòng trung thôi.

Đạt đã được Văn đế sủng ái, lại cùng Hoàn Giai, Hạ Hầu Thượng giao tình thân thiết, đến khi Văn đế băng hà, bấy giờ Giai và Thượng đều chết rồi, Đạt tự thấy mình chỉ là khách trọ lâu ngày ở cõi ngoài, trong lòng chẳng tự yên.

Gia Cát Lượng nghe tin ấy, muốn ngầm dụ dỗ Đạt, mấy lần gửi thư chiêu vòì Đạt. Đạt cũng viết thư trả lời. Thái thú quận Ngụy Hưng là Thân Nghi và Đạt có hiềm khích, mật dâng biểu nói Đạt cùng nước Thục ngầm thông đồng, Minh đế chưa tin việc ấy. Tư Mã Tuyên vương bèn phái Tham quân là Lương Kỳ dò xét Đạt, lại khuyên hẳn vào triều. Đạt kinh sợ, bèn làm phản.

Tấn kỷ của Can Bảo chép: Lúc Đạt mới vào Tân Thành, trèo lên ải hiểm Bạch Mã, than rằng:

- Lưu Phong, Thân Đàm, giữ tòa thành vững nghìn nhà mà mất được ư!

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, Tuyên vương công phá Tân Thành, chém Đạt, đưa đầu hẳn về kinh.① Để cắt các huyện Thượng Dung, Vũ Lăng, Vu của quận Tân Thành lập quận Thượng Dung, đổi huyện Tích thành quận Tích.

① *Ngụy lược* chép: Tuyên vương dụ tướng của Đạt là Lý Phụ và cháu của Đạt là Đặng Hiền, bọn Hiền mở cửa thành đón quân vào. Đạt bị vây mười sáu ngày thì thua bại, đầu hấn bị đốt thành tro rắc khắp bốn ngả đường thành Lạc Dương.

Đại tướng nước Thục là Gia Cát Lượng vào cướp biên ải, quan dân của ba quận Thiên Thủy, Nam An, An Định làm phản hưởng ứng Lượng.① Đế phái Đại tướng quân Tào Chân làm Đô đốc Quan Hữu, cùng tiến binh. Hữu tướng quân Trương Cáp tập kích Lượng ở Nhai Đình, đại phá Lượng. Lượng thua chạy, ba quận bình. Ngày Đinh Mùi, xa giá đến Trường An.②

Mùa hạ tháng tư ngày Đinh Dậu, Đế quay về cung Lạc Dương.③ Đại xá cho tù nhân từ dưới hạng tử tội trở xuống. Ngày Ất Ty, luận xét công dẹp Lượng, phong tước tăng thực ấp cho mọi người đều theo thứ tự. Tháng năm, trời đại hạn.

Tháng sáu, Đế hạ chiếu rằng:

"Tôn nho quý học, là cái gốc của vương hóa vậy. Gần đây trong số quan viên chưởng quản nho học có kẻ không xứng chức, lấy gì để làm sáng rõ đạo thánh hiền? Nay phải nghiêm cẩn trong việc tuyển lựa Bác sĩ, cho người tài nhận chức Thị trung, Thường thị. Phải tuyên rõ sắc lệnh cho các quận trong nước, khi tiến cử Cống sĩ¹ lấy kinh học làm đầu."

Mùa thu tháng chín, Tào Hưu thống suất chư quân đến huyện Hoán, giao chiến với tướng Ngô là Lục Nghị ở Thạch Đình, bị thua võ. Ngày Ất Dậu, lập Hoàng tử là Tào Mục làm Phồn Dương vương. Ngày Canh Tý, Đại tư mã Tào Hưu chết.

Mùa đông tháng mười, hạ chiếu cho công khanh cận thần đề cử lương tướng mỗi người đề cử một người.

¹ Cống sĩ (贡士), là kẻ sĩ được địa phương tiến cử lên chủ quản cấp trên. Sau này có kỳ thi ở địa phương để tuyển Cống sĩ.

Tháng mười một, Tư đồ Vương Lăng chết. Tháng mười hai, Gia Cát Lượng vây Trần Thương. Tào Chân phái bọn tướng quân Phí Diêu cự Lượng.^④

Con của anh trai Thái thú Liêu Đông Công Tôn Cung là Uyên cướp đoạt ngôi vị của Cung, Đế bèn cho Uyên làm Thái thú Liêu Đông.

① *Ngụy thư* chép: Bấy giờ triều thần chưa biết tính kế ra sao, Đế nói:

- Lượng cậy núi non hiểm trở để giữ vững, nay thì tự kéo đến, đã hợp với cái thuật trong binh thư của bậc trí nhân; nhưng Lượng tham ba quận, biết tiến mà chẳng biết lui, nay nhân cơ hội này, phá Lượng tất xong vậy.

Bèn phát binh mã cả thủy là năm vạn quân bộ kỵ ra cự Lượng.

② *Ngụy lược* chép bản hịch văn của Đế bố cáo thiên hạ cùng dân ở Ích châu rằng:

"Lưu Bị bội ân, tự chạy trốn vào Ba Thục. Gia Cát Lượng bỏ nước của cha mẹ, a dua với đảng giặc bạo tàn, thần người bị hại, chất ác diệt thân. Lượng bề ngoài bắt chước việc gây dựng con côi, mà bên trong thật sự là tham lam chuyên quyền. Anh em Lưu Thảng⁽¹⁾ chỉ ngồi giữ tòa thành trống mà thôi. Lượng lại coi rẻ Ích châu, tàn ngược dân chúng ở đấy, vì thế Lợi Lang, Dã Cừ, Cao Định, Thanh Khương chẳng có chỗ nào

¹ Đích xác thì chỗ này phải là "Anh em Lưu Thiện" mới đúng. Bùi Tùng Chi chú giải *Tam Quốc chí* của Trần Thọ rất cẩn thận, được người đời khen. Tuy nhiên chỗ trích dẫn sách *Ngụy lược* của Ngư Hoạn này rất không rõ ràng, Bùi Tùng Chi cũng không có lời chú nào về vấn đề này. Hịch văn bố cáo thiên hạ mà viết sai tên của quân vương nước đối địch sao?

Về vấn đề này, Triệu Nhất Thanh trong cuốn *Tam quốc chí tập giải* nói Lưu Thảng là tên khác của Lưu Thiện, không rõ căn cứ nguồn nào? *Ngụy lược truyện* của Ngư Hoạn nói lúc Bị ở Tiểu Bái, bị đánh bất ngờ bỏ vợ con mà chạy, cha con lạc nhau. Lưu Thiện trốn vào Hán Trung, được người ở Phù Phong là Lưu Quát mua nuôi làm con, sau nhớ tên tự của cha là Huyền Đức, rồi được đưa về gặp Lưu Bị, lúc ấy Bị đã vào Thục theo lời mời của Lưu Chương. Có thể lúc trước Lưu Thiện được người ta nuôi làm con nuôi rồi đặt tên là Lưu Thảng chăng? Song, dù gì đi chăng nữa, trong bản hịch văn, gọi sai tên quân vương nước khác là điều không chấp nhận nổi. Chi tiết này của *Ngụy lược* rất không đáng tin.

không tan như ngói vỡ, là cừu địch của Lượng. Mà Lượng mặc ngược áo cừu vác củi, da mồn nhẵn lông, chặt chân cho vừa giày, rách thịt hại xương, nói ngược xưng là luận thuyết, tự mình cho là hay. Dụng binh ở nơi đáy giếng, thả bộ trong vết chân trâu. Từ khi trầm tức vị, ba phương biên ải vô sự, vẫn còn xót thương thiên hạ mấy lần gặp cảnh binh đao, vả lại trầm đang muốn săn sóc những người già cả trong bốn bể, nuôi lớn trẻ nhỏ mồ côi sinh ra sau này, nên trước hết làm chuyển biến phong khí về lễ nhạc, thứ nữa là giảng võ vào lúc nông nhàn, cái họa Lượng đem đến ở bên ngoài, trầm chưa dự liệu. Nhưng Lượng mang cái chí ngu dũng của Lý Hùng,⁽¹⁾ chẳng nghĩ đến lời răn liệu đức của Kinh Hàm,⁽²⁾ đuổi bắt quan dân, tham lam cướp bóc ở Kỳ Sơn. Vương sư ta đang cường thịnh, giặc mật vỡ nát khí dũng tan, Mã Tắc, Cao Tường, xa trông bóng đại kỳ trốn chạy. Quân hổ báo truy đuổi bại binh, đập thây lột máu, Lượng như gà tiểu tử, khiếp sợ quân binh của trầm. Quân ta dũng mãnh hăng hái, hết thầy đều muốn hướng về phía trước không dừng. Trầm nghĩ rằng dưới vòm trời chẳng ai không phải là bầy tôi của vua, dù là cái xừ mà quan binh đến, chỉ có cỏ gai sinh sống, trầm cũng chẳng muốn khiến cho cái ấp nghìn nhà có kẻ trung tín trình lương, phải ở cùng lũ ngu hèn tằm tối, chung chịu cảnh lâm than. Cho nên rộng rãi bố cáo trước, để tỏ rõ thành ý của quốc gia, khuyên mọi người hãy suy nghĩ mà thay đổi, không bế tắc nghe sự lôi kéo của kẻ xấu làm động loạn quốc gia. Các tướng lĩnh quan dân ở Ba Thục bị Lượng bức ép, hết thầy từ bậc công khanh trở xuống hãy chấp tay nghe mệnh."

¹ Lý Hùng (李熊) là tướng tâm phúc của Công Tôn Thuật. Sau khi Tây Hán diệt vong, Thuật chiếm Thục trung, tự lập làm vương, lúc ấy Lý Hùng giữ chức Công tào, khuyên Thuật lên ngôi Đế. Nói rằng: "Nay vùng Sơn Đông mất mùa đói rét, người ăn thịt lẫn nhau, binh lính đánh giết, thành ấp biến thành gò hoang. Đất Thục nghìn dặm, thổ nhưỡng màu mỡ, thực là chỗ trời cho, không cấy trồng mà no đủ. Con gái có nghề dệt vải làm áo mặc, rừng có gỗ thừa để dựng nhà. Lại có cái lợi của cá tôm, muối, đồng, thiếc, có sông Phù tiện việc vận chuyển. Ta phía bắc giữ Hán Trung, có cái hiểm của Đỗ Bao, Tà Cốc; phía đông thủ quận, cự ở cửa khẩu Hãn Quan; đất vuông nghìn dặm, quân dân chẳng dưới trăm vạn. Nếu thấy lợi thì xuất binh ra cướp đất, không lợi thì giữ vững lo cấy trồng. Phía đông ta xuôi sông Hán nhòm ngó đất Tần, phía nam thuận dòng xuống uy hiếp Kinh, Dương..." Tương đối giống với quy hoạch "Long Trung đối" của Gia Cát Lượng sau này.

² Kinh Hàm (荊邯), là Kỵ đô úy của Công Tôn Thuật, từng bày mưu cho Thuật tiến đánh Lưu Tú, Thuật không làm được nên thua bại.

③ *Ngụy lược* chép: Bấy giờ có lời bịa đặt, nói rằng Đế đã băng hà, quần thần theo giá đã đi đón lập Ung Khâu vương là Thực. Ở kinh sư, từ Biện thái hậu cho đến các công khanh đều sợ hãi. Lúc Đế về, mọi người ngăm dò xét nét mặt Đế. Biện thái hậu vừa mừng vừa thương, muốn truy tìm người đầu tiên đưa lời đồn đó, Đế nói:

- Cả thiên hạ đều nói, sẽ truy tìm thế nào đây?

④ *Ngụy lược* chép: Trước đó, triều đình sai Tướng quân Hác Chiêu đắp thành Trần Thương; vừa lúc Lượng đến, vây Chiêu, không hạ nổi.

Chiêu tự Bá Đạo, người quận Thái Nguyên, là người hùng tráng, thời trẻ vào quân ngũ làm Đốc bộ khúc, mấy lần lập chiến công, làm Táp hiệu tướng quân, sau trấn thủ Hà Tây hơn chục năm, dân Di sợ phục.

Lượng hãm Trần Thương, sai người cùng làng với Chiêu là Cận Tường ở ngoài thành từ xa thuyết phục Chiêu. Chiêu ở trên lầu đáp lại Tường rằng:

- Pháp lệnh nhà Ngụy thế nào, ngài đã rõ; ta là người thế nào, ngài cũng đã hiểu. Ta nhận ân lớn của quốc gia lại giữ cửa ải quan trọng, ngài không nên nói gì cả, ta chỉ quyết chết mà thôi. Ngài về bẩm với Gia Cát, hãy đánh thành cho mau.

Tường đem lời của Chiêu báo với Lượng, Lượng lại sai Tường khuyên Chiêu lần nữa, nói rằng binh sĩ chẳng bằng, không biết cái việc mình làm là hư hao sẽ bại vong. Chiêu bảo Tường rằng:

- Lời ta nói lúc trước đã định rồi, ta nhận ra ngài, nhưng mũi tên thì không biết ngài đâu.

Tường bèn bỏ đi. Lượng tự thấy mình có mấy vạn quân, mà binh của Chiêu chỉ có hơn nghìn, lại đồn rằng quân cứu ở phía đông chưa thể đến ngay được, bèn tiến binh đánh Chiêu, dựng thang mây, xung xa để lên thành. Chiêu bèn dùng tên lửa bắn chặn thang mây của Lượng, thang bốc lửa, người ở trên thang đều chết cháy. Chiêu lại dùng dây buộc đá làm vũ khí ném vào xung xa, xung xa gãy tan. Lượng bèn đổi phương cách, làm chòi cao trăm thước để trèo lên bắn vào trong thành, lấy đất lấp hào, muốn trèo thẳng

vào thành. Chiêu lại cho đắp hai lần tường ở trong. Lượng bèn làm địa đạo, muốn chui vào trong thành, Chiêu lại cho đào đường ngang trong thành cắt đứt địa đạo. Sớm tối đánh chống nhau hơn hai chục ngày, Lượng không có kế gì, quân cứu đến, phải rút lui.

Đế hạ chiếu khen Chiêu khéo giữ, ban tước Liệt hầu. Khi Chiêu về triều, Đế cho người dẫn Chiêu vào gặp mặt úy lạo, rồi ngoảnh sang bảo Trung thư lệnh là Tôn Tư rằng:

- Quê ngài có người hào sảng, làm tướng rạng rỡ như thế, trăm còn lo gì nữa đây?

Rồi luôn muốn dùng Chiêu vào việc lớn. Vừa lúc Chiêu ốm chết, có di mệnh răn con mình là Khải rằng:

"Ta làm tướng, biết được những việc không nên làm vậy. Ta mấy lần đào mộ người ta, lấy gỗ trong mộ họ để làm chiến cụ, mới biết rằng việc hậu táng là vô ích với người chết vậy. Mà nhất định phải liệm ta bằng thường phục. Và lại người sống thì có chỗ ở, người chết ở chỗ nào đây? Nay đưa mộ ta đi xa, đông tây nam bắc, là ở đây thôi."

Năm thứ ba mùa hạ tháng tư, Nguyên Thành vương là Tào Lễ chết. Tháng sáu ngày Quý Mão, Phồn Dương vương là Tào Mục chết. Ngày Mậu Thân, Đế truy tôn Cao tổ Đại trường thu là Cao hoàng đế, phụ nhân là Cao thị làm Cao hoàng hậu. Mùa thu tháng bảy, Đế hạ chiếu rằng:

"Theo Kinh Lễ, vương hậu không có con nối, phải chọn dựng người con của ngành thứ để nối dòng Đại tông, thì sẽ có người kế thừa dòng chính thống mà phụng thờ công nghĩa, sao phải nghĩ đến tình riêng với người thân nữa đây!"

"Hán Tuyên đế kế nối sau Chiêu đế, ban cho người cha đã chết là Lưu Diệu làm Hoàng;⁽¹⁾ Ai đế vốn là chi thứ phiên thuộc được dựng lập,

¹ Hán Tuyên đế Lưu Tuân (漢宣帝劉詢) là cháu của Hán Vũ đế, cháu Lệ thái tử Lưu Cứ, người bị Hán Vũ đế giết. Em út của Thái tử Lưu Cứ là Lưu Phát Lãng lên thay, sau làm vua Hán, hiệu là Hán Chiêu đế. Chiêu đế chết, Xương Ấp vương là Lưu Hạ lên ngôi, bị phế truất sau 27 ngày. Lưu Tuân lên nối ngôi, sau đó truy tôn hiệu cho cha mình là Lưu Diệu, dù Lưu Diệu chưa từng làm vua.

mà bọn Đông Hoàng viện dẫn cái việc suy vong của nhà Tần, mê hoặc khiến triều đình bấy giờ lâm lãn, đã tôn cha mình là Cung Hoàng, lập miếu ở kinh đô, lại sùng ái thiếp của phiên vương, sánh ngang Trường Tín cung, đứng theo thứ tự Chiêu, Mục ở trước điện, theo bốn phương vị ở Đông cung, dưới lấn áp trên không ra phép tắc, thần minh tiên tổ chẳng giúp,⁽¹⁾ còn cưỡng ép Đan Sư vô tội vì lời can trung chính, dùng đến Phó, Đinh thành cái họa như lửa cháy to.⁽²⁾ Từ đấy về sau, cứ nối theo việc đó mà thi hành."

"Xưa kia Lỗ Văn làm rối loạn việc tế tự, tội bởi Hạ Phụ. Nước Tống trái phép tắc, lỗi ở Hoa Nguyên.⁽³⁾ Nay lệnh cho công khanh và Hữu ti, phải suy xét sâu xa các việc làm đời trước lấy đó làm điều răn. Vạn nhất việc kế tự sau này có người từ ngôi chư hầu về thờ phụng dòng đại thống, thì phải làm rõ cái nghĩa của người nối tự. Kẻ nào dám

¹ Hán Ai đế Lưu Hân (漢哀帝劉欣) là con của Định Đào Cung vương Lưu Khang. Hán Thành đế chết sớm, không có con, Vương Chính Quân là vợ Hán Nguyên đế, mẹ của Hán Thành đế lúc ấy là Thái hậu lập Lưu Hân nối nghiệp. Ai đế tôn Thái hậu làm Hoàng thái hậu. Năm sau lại tôn bà nội mình là Định Đào thái hậu làm Hoàng thái hậu (ngang với Vương Thái hậu), đồng thời tôn mẹ mình là Đinh Cơ làm Thái hậu (ngang với ngôi của Triệu thái hậu, vợ Hán Thành đế), tôn cha mình là Lưu Khang làm Cung hoàng. Triều đình nhà Hán lúc ấy có hai Hoàng thái hậu, hai Thái hậu, cực kỳ hỗn loạn về thứ bậc, là điều chưa từng có tiền lệ. Cung Trường Tín là nơi Hoàng thái hậu ở, Đông cung là nơi Thái tử ở, lúc bấy giờ thứ bậc lộn xộn, không ra thể thống gì.

² Đan Sư (師丹) tự Trọng Công, người huyện Đông Vũ quận Lang Nha, là đại thần của các vua Nguyên đế, Thành đế, Ai đế nhà Hán. Từng giữ các chức Thượng thư sự, Đại tư mã ... được người đời khen là "nghị luận sâu sắc uyên bác, liêm chính giữ đạo." Đan Sư từng đề xuất hạn chế ruộng đất và nô tỳ để giảm bớt mâu thuẫn giai cấp, vì thế xung khắc với giới quyền quý. Đan Sư công khai phản đối việc Ai đế phong tôn hiệu cho cha của Đế là Lưu Khang, mẹ của Đế là Đinh Cơ và tổ mẫu là Phó thái hậu, vì thế đắc tội, bị Ai đế ghét bỏ xa lánh. Ai đế còn dùng người thân thích nhà ngoại là những người họ Phó, họ Đinh vào triều làm quan to, dẫn đến cái họa Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán sau đấy mấy năm.

³ Lỗ Văn tức Lỗ Văn công (魯文公) vua nước Lỗ;

Hạ Phụ tức Trâu Văn công (邾文公), vua nước Trâu (cũng gọi là Chu) là một nước chư hầu nhỏ thời Xuân Thu, sau này vào thời Chiến Quốc, bị nước Sở diệt. Vào thời Hạ Phụ làm vua nước Trâu, nước ấy phụ thuộc nước Lỗ; Hoa Nguyên là người thời Xuân Thu, làm tể tướng nước Tống.

Diễn tích về Hạ Phụ, Hoa Nguyên, người dịch chưa tra cứu được.

nịnh bợ tà vạy dâng lời ton hót đến quân vương đương thời, xằng bậy dựng tôn hiệu không chính đáng để mạo phạm đến dòng chính thống, như gọi cha là Hoàng, gọi mẹ là Hậu, thì các đại thần rường cột, giết hắt không tha. Chiếu thư này chép ở sách vàng, cất giấu nơi tông miếu, ghi rõ vào điển chương pháp lệnh.”

Mùa đông tháng mười, đổi Bình Vọng quan thành Thính Tụng quan.

Đế thường nói:

- Xét hình ngục, là quyết định tính mạng của người trong thiên hạ vậy.

Mỗi khi có xét xử án ngục trọng đại, Đế thường đích thân đến xem xét nghe ngóng việc quyết ngục.

Khi trước, tông miếu ở Lạc Dương chưa dựng xong, bài vị tổ tông của Đế còn để ở miếu thờ tại huyện Nghiệp. Tháng mười một, miếu thờ mới làm xong, Đế sai Thái thường là Hàn Ky cầm cờ tiết đến nghênh đón bài vị của Cao hoàng đế, Thái hoàng đế, Vũ đế, Văn đế ở huyện Nghiệp, tháng mười hai ngày Kỷ Sửu về đến nơi, an trí bài vị trong miếu thờ.^①

① Thần Tụng Chi xét: Năm Hoàng Sơ thứ tư, Hữu ti dâng tấu xin dựng hai miếu thờ, Đại trường thu Thái hoàng đế cùng Cao tổ của Văn đế chung một miếu, lập riêng miếu thờ Vũ đế, trăm đời không phá bỏ. Nay chỗ này không còn bài vị của Cao tổ Cao hoàng đế, đại khái vì tình thân đã xa thì bỏ đi. Đây là phép tắc thời Ngụy sơ chỉ lập miếu thờ người thân, tế tự có bốn đời mà thôi. Đến năm Cảnh Sơ nguyên niên, mới định ra phép chế thờ bảy miếu.

Tôn Thịnh nói: Người chết vẫn luôn tồn tại, tế như có thần ở đó, đón dòi bài vị tổ tông, là việc chính đáng nên làm.

Ngày Quý Mão, vua của người Đại Nguyệt Chi⁽¹⁾ là Ba Điều phái sứ thần đến dâng cống phẩm, Đế cho Điều làm Thân Ngụy Đại Nguyệt Chi Vương.

¹ Đại Nguyệt Chi là tên một bộ tộc thời cổ, sống ở thượng du Hoàng Hà, nay là các vùng A Phú Hãn (阿富汗) và Ba Cơ Tư (巴基斯坦) giáp với phía bắc Ấn Độ.

Năm thứ tư mùa xuân tháng hai ngày Nhâm Ngọ, Đế hạ chiếu rằng:

"Cái thực chất của văn đức ở đời, chịu ảnh hưởng bởi vương giáo. Từ khi binh loạn đến nay, kinh học suy vi, hành động của bậc hậu sinh, chẳng noi theo phép tắc điển phạm. Có phải vì việc dạy dỗ chưa thấm, hay kẻ tiến dụng người chẳng trọng đức chẳng? Nay yêu cầu quan lại phải học thông một loại kinh sách, mới đủ tài gánh vác việc chấn dân; kẻ sĩ uyên bác phải qua khảo hạch, người ưu tú sẽ được cất nhắc, cho bổ dụng gấp. Những kẻ phù phiếm hão huyền chẳng chuyên tâm với cái căn bản của đạo học, đều phải bãi chức."

Ngày Mậu Tý, hạ chiếu cho Thái phó và Tam công rằng:

"Nay đem sách Điển luận của Văn đế khắc vào bia đá, dựng ở ngoài cửa tông miếu."

Ngày Quý Ty, lấy Đại tướng quân Tào Chân làm Đại tư mã, Phiêu kỵ tướng quân Tư Mã Tuyên vương làm Đại tướng quân, Thái thú Liêu Đông là Công Tôn Uyên làm Xa kỵ tướng quân. Mùa hạ tháng tư, Thái phó Chung Do chết. Tháng sáu ngày Mậu Tý, Thái hoàng thái hậu băng hà. Ngày Bính Thân, cắt bỏ quận Thượng Dung. Mùa thu tháng bảy, hợp táng Vũ Tuyên Biện hậu ở Cao Lăng. Hạ chiếu cho Đại tư mã Tào Chân, Đại tướng quân Tư Mã Tuyên vương đi đánh nước Thục.

Tháng tám ngày Tân Ty, đi tuần ở phía đông, phái sứ giả dùng trâu đực cúng tế trong núi Nhạc.^① Ngày Ất Mùi, xa giá đến cung Hứa Xương.

Tháng chín, có mưa lớn, nước ở các sông Y, Lạc, Hà, Hán ngập tràn, Đế xuống chiếu cho bọn Chân đem quân về.

Mùa đông tháng mười ngày Ất Mão, xa giá quay về cung điện Lạc Dương. Ngày Canh Thân, xuống lệnh rằng:

"Các tội nhân chưa đến mức chịu án tử hình cho được chuộc tội theo thứ bậc."

Tháng mười một, sao Thái Bạch phạm vào Tuế tinh.

Tháng mười hai ngày Tân Mùi, cải táng Văn Chiêu Chân hậu ở lăng Triều Dương. Ngày Bính Dần, Đế xuống chiếu sai công khanh tiến cử người hiền tài.

① *Ngụy thư* chép: Xa giá đi qua Phồn Xương, Đế sai quan Chấp kim ngô là Tang Bá làm chức sự của Thái úy, dùng trâu đực tế ở đàn Thụ thiện.

Thần Tùng Chi xét: Sách *Hán kỷ* nói năm Nguyên Hòa thứ ba đời Chương đế, hạ chiếu cho cúng tế tại đàn tức vị ở huyện Cao Ấp, chỗ Ngũ Thành Mịch,¹ nghi thức gần như lễ tế chạp. Việc ấy tuy là việc cũ thời trước đã làm, nhưng chỗ đây là đàn tế trời, mà đàn ấy không có thần, nay không có việc gì cầu với thượng đế, mà đến tế tự ở chỗ đàn không, theo nghi thức của việc cầu đạo nghĩa, đó là việc làm chưa tỏ tường về ý nghĩa vậy.

Năm thứ năm mùa xuân tháng giêng, Đế cày ruộng tịch điền. Tháng ba, Đại tư mã Tào Chân chết. Gia Cát Lượng cướp quận Thiên Thủy, Đế hạ chiếu sai Đại tướng quân Tư Mã Tuyên vương cự Lượng.

Từ tháng mười mùa đông năm trước đến tháng ấy trời không mưa, ngày Tân Ty, lập đàn lễ tế cầu mưa.

¹ *Hậu Hán thư*, *Quang Vũ đế bản kỷ* chép rằng: Năm Canh Thìn thứ ba, Lưu Tú đến thành Khao, bộ tướng là Cảnh Thuần khuyên ông xưng đế. Lưu Tú lệnh cho Hữu ti bày đàn tế ở phía nam núi Khao, tháng sáu tức vị Hoàng đế, đổi tên huyện Khao thành huyện Cao Ấp. Cũng theo *Hậu Hán thư*, thiên *Tế tự chí* nói rằng ở trên đàn tức vị sau này có dựng miếu thờ Quang Vũ đế, hàng năm tế tự. Ở phía trước chính điện có tượng Quang Vũ đế, phía trước miếu thờ có một hòn đá. Tương truyền rằng Quang Vũ đế lúc chạy đến Tín Đô, đêm tối mệt mỏi, lạc mất phương hướng, đi đến Ngũ Thành Mịch (五成陌) ở phía nam huyện Khao, chợt nghe phía trước có tiếng người nói, bèn tiến lên hỏi xem đây là nơi nào thuộc Tín Đô, người phía trước không đáp, hỏi lần nữa, vẫn không trả lời. Quang Vũ đế nổi giận, rút kiếm chém xuống chỗ có bóng đen, có tiếng kêu thất thanh, rồi một người ngã lảo ra, một người thất kinh bỏ chạy. Quang Vũ đế đến gần nhìn kỹ, thì ra là một tảng đá hình người. Về sau có cho dựng một tấm bia đá lớn, trên tấm bia viết chữ: “Đây là nơi Hán Quang Vũ chém người đá.”

Mùa hạ tháng tư, Phụ Nghĩa vương của người Tiên Ti là Kha Bỉ Năng thống suất người trong tộc của mình cùng Đinh Linh đại nhân⁽¹⁾ còn nhỏ tuổi mới được truyền ngôi đến U châu cống ngựa tốt. Cho đặt lại chức Hộ Hung Nô trung lang tướng.

Mùa thu tháng bảy ngày Bính Tý, vì Lượng đã rút chạy, Đế phong tước tăng ngôi vị cho mọi người đều theo thứ bậc.^① Ngày Ất Dậu, sinh hạ Hoàng tử Tào Ân, đại xá thiên hạ.

① *Ngụy thư* chép: Ban đầu, Lượng xuất quân, kẻ luận bàn cho rằng quân của Lượng không có xe truy trọng, Lượng tất chẳng có kế gì, không đánh mà tự tan, không phải nhọc sức quân; có kẻ muốn cắt lúa mạch non ở quanh vùng Thượng Nhai để triệt lương thực của giặc, Đế đều không nghe. Trước sau phát binh tăng thêm quân cho Tuyên vương, lại hạ sắc mệnh sai người bảo vệ lúa. Tuyên vương cùng Lượng cầm giữ nhau, cậy vào lúa mạch ấy làm lương cho quân.

Tháng tám, Đế hạ chiếu rằng:

"Thời xưa chư hầu vào triều kiến Thiên tử, là để cho muôn bang hòa hợp và tình thân thêm sâu sắc vậy. Tiên đế định rõ lệnh, không muốn để cho các vương ở kinh đô, là bởi ấu chủ ở ngôi vị, mẫu hậu nhiếp chính, những việc không hay có cơ hội nảy sinh ngầm, can hệ đến việc thịnh suy vậy. Trẫm nghĩ việc đã mười hai năm rồi không gặp các vương, trong lòng buồn bã trống vắng, có lẽ nào không nổi tình mến nhớ được! Nay lệnh cho chư vương cùng các công hầu trong tông thất đều đem con đích vào triều. Sau này nếu có việc chúa nhỏ lên ngôi, mẫu hậu ở trong cung, lại làm như lệnh cũ của Tiên đế, phải coi trọng và làm rõ lệnh này."

¹ Đinh Linh (丁零), cũng gọi là Đinh Lệnh (丁令), là tên một dân bộ tộc du mục ở phía tây và phía bắc Trung Quốc, thời Hán là thuộc quốc của Hung Nô. Tư Mã Trinh chú dẫn *Ngụy lược* có nói tộc người Đinh Linh ở phía bắc huyện Khang Cư. Đinh Linh đại nhân tức Thủ lĩnh của tộc Đinh Linh.

Mùa đông tháng mười một ngày Ất Dậu, mặt trăng phạm sao lớn Hiên Viên. Ngày Mậu Tuất là ngày hồi,⁽¹⁾ có nhật thực. Tháng mười hai ngày Giáp Thìn, mặt trăng phạm vào sao Trấn. Ngày Mậu Ngọ, Thái úy Hoa Hâm chết.

Năm thứ sáu mùa xuân tháng hai, Đế hạ chiếu rằng:

"Các bậc đế vương thời xưa phong tước dựng ấp cho chư hầu, là để tạo phen dậu cho vương thất vậy. Kinh Thi chẳng nói rằng, "Có đức thì quốc gia yên, con cháu tông thất là thành lũy." Nhà Tần, nhà Hán kế nối nhà Chu, hoặc mạnh hoặc yếu, đều vì lầm lỗi ở quyết sách này. Đại Ngụy sáng nghiệp, chư vương được mở nước, tùy nghi theo thời thế, chưa định rõ chế độ, đó không phải là khuôn phép lâu dài cho hậu thế vậy. Nay cải phong các vương chư hầu, đều lấy quận lập nước."

Tháng ba, ngày Quý Dậu, Đế tuần du phía đông, qua đâu cũng thăm hỏi người cao tuổi và những kẻ cô độc góa vợ mất chồng, ban cho gạo và lụa. Ngày Ất Hợi, mặt trăng phạm sao lớn Hiên Viên.

Mùa hạ tháng tư ngày Nhâm Dần, xa giá quay về cung Hứa Xương. Ngày Giáp Tý, bắt đầu dâng quả mới ở tông miếu. Tháng năm, Hoàng tử Tào Ân chết, được truy thụy là An Bình Ai vương.

Mùa thu tháng bảy, lấy quan Vệ úy là Đồng Chiêu làm Tư đồ. Tháng chín, xa giá tuần hành đến Ma Pha, sửa sang cung Hữu Xương, dựng điện Cảnh Phúc và điện Thừa Quang.

Mùa đông tháng mười, Diễn Di tướng quân Điền Dục thống suất bộ chúng đánh dẹp tướng nước Ngô là Chu Hạ ở núi Thành, giết Hạ. Tháng mười một ngày Bính Dần, sao Thái Bạch hiện ra giữa ban ngày. Có sao chổi ở phương vị sao Dực, gần

¹ Ngày xưa, ở Trung Quốc, một tháng có ba tuần, là Thượng tuần, Trung tuần và Hạ tuần, mỗi tuần mười ngày. Trong một tháng, có ba ngày, đầu tháng (mồng một) gọi là ngày sóc, giữa tháng (mười lăm) gọi là ngày vọng, cuối tháng (ngày ba mươi) là ngày hồi.

chòm sao Thượng tướng tinh của sao Thái Vi.⁽¹⁾ Ngày Canh Dần, Trần Tư vương là Thực chết. Tháng mười hai, xa giá quay về cung Hứa Xương.

Năm Thanh Long nguyên niên mùa xuân tháng giêng ngày Giáp Thân, rồng xanh hiện ra trong giếng Ma Pha thuộc huyện Giáp. Tháng hai ngày Đinh Dậu, xa giá đến Ma Pha xem rồng, vì thế cải niên hiệu; đổi tên Ma Pha thành Long Pha, ban cho những người giữ tước Nam tử lên hai cấp, những người góa vợ góa chồng sống cô độc năm ấy không phải nộp thuế. Tháng ba ngày Giáp Tý, xuống chiếu cho các công khanh tiến cử kẻ sĩ hiền tài có đức hạnh mỗi người tiến cử một người.

Mùa hạ tháng năm, ngày Nhâm Thân, hạ chiếu sai cúng tế cố Đại tướng quân Hạ Hầu Đôn, Đại tư mã Tào Nhân, Xa kỵ tướng quân Trình Dục ở miếu thờ Thái tổ.^① Ngày Mậu Dần, Bắc Hải vương Tào Nhụy chết. Tháng nhuận ngày Canh Dần là ngày sóc, có nhật thực. Ngày Đinh Dậu, đổi phong cho nữ nhân trong tông thất không phải là con gái của các vương đều được làm Ấp chủ. Truyền chiếu xuống các quận trong nước mà núi sông không ở chỗ tế tự theo điển chế thì cấm cúng tế. Tháng sáu, nhà luyện võ trong cung Lạc Dương bị hỏa tai.

① *Ngụy thư* chép chiếu rằng:

"Theo lễ chế của các bậc tiên vương trước đây, lúc công thần còn sống thì tước lộc của họ vẻ vang, chết rồi thì được tế chưng,⁽²⁾ cho nên các

¹ Trung Quốc, từ đời nhà Chu trở về trước, người ta đặt tên cho các chòm sao và từng ngôi sao sáng nhất trong chòm sao ấy, gồm có: "Nhị thập bát tú" và "Tam viên". *Thiên quan thư* của Tư Mã Thiên chép như sau: "Tam viên gồm ba chòm sao: Tử vi, Thái vi và Thiên thị; Nhị thập bát tú gồm các chòm sao: Giốc, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cự, Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dục, Chân; Khuê, Lâu, Vị, Tất, Mão, Chủy, Sâm; Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích." Tam viên phân bố xung quanh chòm sao Bắc Đẩu, còn Nhị thập bát tú phân bố ở bốn hướng trong vùng quỹ đạo mà mặt trời và mặt trăng đi qua.

² Lễ tế chưng là một trong bốn lễ tế dâng đồ cúng: Tế tự vào mùa xuân, tế thực vào mùa hạ, tế dương vào mùa thu, tế chưng vào mùa đông, là lễ tế dâng lên Tiên vương.

công thần đòi Hán, được tế tự ở miếu đình. Các bày tôi là công thần của Đại Ngụy ta công huân sáng rõ, trọn đời tốt đẹp, nay đều noi theo lễ mà tế tự họ."

Vì thế nên bọn Đôn được cùng hợp tế.

Tiên Ti đại nhân là Bộ Độ Căn ở đất hiểm nơi biên ải cùng tên phản loạn thủ lĩnh người Tiên Ti là Kha Bĩ Năng tư thông, Thứ sử Tinh châu là Tất Quỹ dâng biểu, xin lập tức xuất quân để bên ngoài ra oai với Bĩ Năng, bên trong trấn áp Bộ Độ Căn. Để xem biểu nói:

- Bộ Độ Căn vì bị Bĩ Năng dụ dỗ, vốn tự ngờ sợ trong lòng. Nay Quỹ xuất quân, chỉ khiến cho người ở hai khu vực này kinh sợ hợp làm một, làm sao ra oai trấn áp được xứ đó?

Rồi gấp rút hạ sắc mệnh cho Quỹ, nếu xuất quân thì thận trọng chớ vượt đất hiểm qua núi Câu Chú.⁽¹⁾ Nhưng khi chiếu thư đến nơi, Quỹ đã tiến quân đến đóng ở Âm Quán,⁽²⁾ phái tướng quân Tô Thượng, Đồng Bật truy đuổi người Tiên Ti. Bĩ Năng phái con mình đem hơn nghìn quân kỵ đi đón người trong bộ lạc của Bộ Độ Căn, cùng Thượng và Bật gặp nhau, giao chiến ở Lâu Phiên,⁽³⁾ hai tướng chết cả. Người trong bộ lạc của Bộ Độ Căn đều làm phản tiến ra nơi đất hiểm, cùng Bĩ Năng hợp quân cướp phá biên ải. Để phái Kiêu kỵ tướng quân Tân Lãng dẫn trung quân đi dẹp chúng, giặc rợ bèn chạy lên sa mạc phương bắc.

Mùa thu tháng chín, Hung Nô đại nhân người Hồ ở đất hiểm quận An Định là bọn Bạc Cư Tư Chức làm phản, Tư Mã Tuyên

¹ Núi Câu Chú (句注) nằm ở phía bắc huyện Đại, Sơn Tây ngày nay, là một trong chín núi hiểm thời cổ đại, đó là Đại Phàn, Minh Ách, Kinh Nguyên, Phương Thành, Hào, Tinh Hình, Lệnh Tỳ, Câu Chú, Cư Dung. Cao Dụ chú rằng: Núi Câu Chú ở Nhạn Môn quan.

² Địa danh, thuộc huyện Lâu Phiên, quận Nhạn Môn Quan.

³ Địa danh, nay thuộc huyện Ninh Vũ, tỉnh Sơn Tây.

vương phái bọn tướng quân Hồ Tuân truy đuổi đánh dẹp, đánh phá thu hàng bọn ấy.

Mùa đông tháng mười, Đại nhân trong bộ lạc của Bộ Độ Căn là bọn Đái Hồ A Lang Nê đến Tinh châu đầu hàng. Lãng dẫn quân quay về.^①

① *Nguy thị Xuân Thu* chép: Lãng tự Nguyên Minh, người quận Tân Hưng.

Hiển đế truyện chép: Cha của Lãng tên là Nghi Lộc, từng vì Lã Bố đi sứ đến chỗ Viên Thuật, Thuật đem một cô gái trong tông thất nhà Hán gả cho Nghi Lộc. Vợ trước của Nghi Lộc là Đỗ thị ở lại Hạ Bi. Lúc Bố bị vây, Quan Vũ thường thỉnh cầu với Thái tổ, xin lấy Đỗ thị làm vợ. Thái tổ ngò người ấy có nhan sắc, lúc phá được thành, Thái tổ gặp người ấy, bèn tự nạp làm vợ mình.

Nghi Lộc theo hàng, được làm Trưởng huyện Chi. Lúc Lưu Bị chạy khỏi Tiểu Bái, Trương Phi theo Bị, qua bảo Nghi Lộc rằng:

- Người ta lấy mất vợ của mày, mày vì hấn làm trưởng huyện, cứ ngây ngốc như vậy sao! Theo ta bỏ đi chẳng?

Nghi Lộc theo Phi đi mấy dặm, hối hận muốn quay lại, Phi giết Nghi Lộc. Lãng đi theo mẹ được nuôi trong cung phủ của Công, Thái tổ rất yêu mến Lãng, thường cho ngồi ở chiếu của mình, bảo tân khách rằng:

- Ở trên đời có người nào yêu con ghẻ như Cô chẳng?

Nguy lược chép: Lãng rong chơi trong đất chư hầu, trải suốt hai đời Vũ, Văn không mắc lỗi gì. Lúc Minh đế tức vị, trao cho Lãng chức Nội quan, làm Kiêu kỵ tướng quân, Cấp sự trung, mỗi khi xa giá ra vào, Lãng luôn theo hầu.

Bấy giờ Minh đế thích đốc xét án kiện, nhiều lần vì lỗi nhỏ mà kết tội chết, Lãng rút cục chẳng hề có lời can ngăn, lại chưa từng tiến cử được một người tài nào, Đế vẫn lấy tình thân đối đãi rất hậu; mỗi khi hỏi han Lãng, đa phần gọi tiểu tự của Lãng là A Tô, nhiều lần ban thưởng thêm, giúp Lãng xây dựng nhà lớn trong kinh thành. Người khắp bốn phương tuy biết Lãng không có khả năng

giúp ích cho mình, nhưng vì Lãng ở gần bên cạnh bậc Chí tôn, nhiều người đút lót Lãng, Lãng giàu có ngang với bậc công hầu.

Thế ngữ chép: Con của Lãng là Tú, cứng cỏi mạnh mẽ thích nói thẳng, làm quan Bác sĩ thời Tấn Vũ đế.

Ngụy lược xếp Lãng và Khổng Quế ở thiên *Nịnh hãnh*.⁽¹⁾

Quế tự Thúc Lâm, người quận Thiên Thủy. Năm Kiến An sơ, mấy lần đi sứ cho tướng quân Dương Thu đến chỗ Thái tổ. Thái tổ dâng biểu bái làm Kỵ đô úy.

Bản tính Quế hay đón ý người ta mà nịnh nọt, lại thông hiểu phép đánh bạc, đá cầu, nên Thái tổ yêu thích, thường cho ở bên cạnh, ra vào được đi theo. Quế xét ý của Thái tổ, lúc Thái tổ vui mừng, nhân đó trong lúc nói chuyện bày kể những việc ngoắt ngoéo, đa phần Thái tổ nghe theo, mấy lần được ban thưởng, nhiều người đưa quà hối lộ Quế, Quế bởi thế được mặc áo vương hầu hưởng đồ ăn ngon.

Thái tổ đã yêu thích Quế, Ngũ quan tướng và chư hầu cũng đều thân với Quế. Sau này Quế thấy Thái tổ đã lâu không lập ngôi Thái tử, có ý lập Lâm Truy hầu, bèn đổi sang thân gần nương bám Lâm Truy hầu mà nhặt nhẹo với Ngũ quan tướng, Ngũ quan tướng nuốt hận.

Thái tổ mất, Văn đế tức vương vị, chưa xét đến cái tội của Quế. Năm Hoàng Sơ nguyên niên, theo lệ chuyển bái chức Phò mã đô úy. Nhưng Quế ngầm nhận hối lộ của người Tây Vực, hứa giúp về nhân sự. Việc phát lộ, có chiếu bắt Quế thẩm vấn, rồi giết đi.

Ngư Hoạn nói: Bậc trên không trao chức cho người chẳng xứng đáng, thì kẻ dưới chẳng được nhận chức hão, mà sau này bên ngoài không có tiếng than Phạt đàn,⁽²⁾ bên trong không có lời trách quan lại ngồi không ăn lộc, cái tốt đẹp của sự vui hòa được nêu cao, pháp luật của thời thái bình được sáng tỏ vậy. Những kẻ

¹ Chép truyện những quan cận thần xu nịnh ở bên cạnh Hoàng đế.

² *Phạt đàn* (伐檀) là tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, thiên *Quốc phong* phần *Ngụy phong*, lời của bài ấy có mấy câu, đại ý rằng: Quan lớn tham lam, ngồi không ăn lộc, chính nhân quân tử, không được làm quan.

nình thần, chỉ vì bậc nhân chủ yếu không đúng đạo, đến mức kẻ không có đức mà được vinh, người không có công mà được lộc, như thế sao chẳng khiến cho người trung chính ngày càng ít, mà kẻ tà tâm bất chính ngày một nhiều thêm! Nếu Vũ hoàng đế thậm trọng ban thưởng, Minh hoàng đế giữ vững phép tắc, thì bọn người ấy có là gì, huống chi là kẻ dưới bọn ấy nữa?

Tháng mười hai, Công Tôn Uyên chém bọn sứ giả do Tôn Quyền phái đi là Trương Di, Hứa Yển đưa đầu đến triều đình, Đế lấy Uyên làm Đại tư mã Lạc Lãng công.^①

① *Thế ngữ* chép: Thử sử Tinh châu là Tất Quỹ dâng biểu Đế tên nô bộc người Tiên Ti của cố Độ liêu tướng quân nhà Hán là Phạm Minh Hữu, năm ấy đã ba trăm năm mươi tuổi, ăn uống nói năng như người thường. Tên nô bộc nói:

- Hoắc Hiến, là vợ bé của Hoắc Quang. Vợ của Minh Hữu là con gái người vợ trước của Hoắc Quang.⁽¹⁾

Bác vật chí chép: Bấy giờ có một người ở Kinh Ấp, họ tên người ấy đã thất lạc, ăn khỏe bằng sức ăn của chục người, vì thể béo phì không thể cử động được. Cha của người ấy từng đi nhận chức Trưởng lại ở phương xa, lúc dờn sở quan đến huyện nọ, bảo với những bạn hữu có giao tình cũ cung cấp thức ăn cho con mình, trong vòng một hai năm, cả làng thường phải tiết kiệm mới chu cấp đủ.

Phó tử chép: Bấy giờ ở quận Thái Nguyên có người đào mộ phá quan tài người ta, trong áo quan có một người phụ nữ vẫn sống, ra ngoài cùng nói chuyện, như người sống vậy. Đưa người ấy đến kinh sư, hỏi các việc cũ của người ấy, thì không nhớ gì cả. Cây trồng trên mộ người ấy đã chừng ba chục năm, chẳng biết rằng ba chục

¹ Phạm Minh Hữu (范明友) là đại tướng nhà Tây Hán, lấy con gái nhỏ của Hoắc Quang, được Vũ đế trọng dụng, thời Chiêu đế, Tuyên đế, là tướng quân nhận trọng trách ở phương bắc, được phong chức Độ liêu tướng quân, nhiều lần thảo phạt Hung Nô, Ô Hoàn, đều thắng; Sau khi Hoắc Quang chết, con cháu họ Hoắc lộng hành, vợ Hoắc Quang mưu đầu độc Hoàng hậu lúc ấy là Hứa Bình Quân và đưa con gái mình là Hoắc Thành Quân làm Hoàng hậu. Việc thành công. Khi Tuyên đế lập Thái tử, không lập con của Hoắc hoàng hậu, Hoắc gia âm mưu đầu độc Thái tử, song việc phát lộ, cuối cùng bị tru di tam tộc, Phạm Minh Hữu cũng bị giết.

năm qua người phụ nữ ấy sống ở trong lòng đất ra sao? Nếu là một sớm bất chợt sống lại, sao ngẫu nhiên đúng vào lúc phá mộ vậy?

Năm thứ hai mùa xuân tháng hai ngày Ất Mùi, sao Thái Bạch phạm vào sao Huỳnh Hoắc. Ngày Quý Dậu, Đế hạ chiếu rằng:

"Đánh roi là hình phạt của phủ quan, dùng để sửa trị cái tội lười lười vậ, nhưng gần đây có nhiều người vô tội chết vì đòn roi. Nay giảm bớt phép đánh đòn bằng roi gậy, hãy ghi rõ vào pháp lệnh."

Tháng ba ngày Canh Dần, Sơn Dương công mất, Đế mặc áo trắng phát tang, phái sứ giả cầm cờ tiết ra đốc trách tang sự. Ngày Kỷ Dậu, đại xá thiên hạ.

Mùa hạ tháng tư, có đại dịch, điện Sùng Hoa bị hỏa tai. Ngày Bính Dần, Đế hạ chiếu sai Hữu ti làm cỗ Thái lao cáo tế ở miếu thờ Văn đế. Truy thụy Sơn Dương công là Hán Hiếu Hiến hoàng đế, an táng dùng lễ của nhà Hán.^①

① *Hiến đế truyện* chép: Đế mặc áo tang, dẫn quần thần tới khóc lóc, sai sứ giả cầm cờ tiết là hành Tư đồ Thái thường Hòa Hiệp điều tế, lại sai Sử tri tiết là hành Đại tư không, Đại tư nông Thôi Lâm coi sóc tang sự.

Đế hạ chiếu rằng:

"Cái việc thời Ngũ đế hãy còn đây, xưa kia Trọng Ni hết lời ca ngợi công huân vời vợi mệnh mang của Nghiêu, Thuấn, cho rằng việc nhường đế vị là việc làm cao đẹp của bậc đại thánh nhân. Sơn Dương công hiểu rõ rằng lộc trời chuyển vần đã đến lúc hết, mới truyền ngôi vị cho Văn hoàng đế để thuận theo thiên mệnh. Tiên đế lệnh cho Công vào ngày Chính sóc của nhà Hán, được tế trời tế tổ dùng nghi lễ của Thiên tử, tâu bày công việc lên Thiên tử không phải xưng thần, đấy là theo nghĩa vua Thuấn thờ vua Nghiêu vậy."⁽¹⁾ Khi xưa lúc Phóng Huân hôn

¹ Theo *Sử ký, Ngũ đế bản kỷ*. Vua Nghiêu đã cao tuổi, muốn truyền ngôi, hỏi quần thần xem ai có thể gánh vác việc, quần thần nói rằng Đan Chu (con vua Nghiêu) có thể kế thừa, vua Nghiêu cho rằng Đan Chu ngu muội hung ác không thể dùng, rồi xét nhường ngôi cho Thuấn là hiền tài. Người đời sau ca ngợi đấy là tấm gương mẫu mực của việc chọn người tài đức, không vì lợi ích riêng của dòng họ.

lên phách xuống, người trong bốn bể như có tang cha mẹ, bát âm bị cấm tiệt, lúc làm lễ mai táng thì giống như an táng bậc vương vậy.⁽¹⁾ Nay Hữu ti tấu xin dùng tang lễ sánh ngang với các vương chư hầu, điều ấy há đúng với pháp chế đời xưa truyền lại và theo ý chỉ của Tiên đế? Nay truy thụy cho Công là Hán Hiếu Hiến hoàng đế.”

Rồi sai quan Thái úy bày một lễ Thái lao cáo tế ở miếu của Văn đế, tế rằng:

“Duệ nghe nói người theo lễ, phải quay về với cội nguồn noi theo đạo xưa, không quên cái lúc ban đầu, vì thế các vua thời trước, tôn kính người thân của mình, yêu mến hết thủy. Nay Sơn Dương công mắc bệnh lìa nước, Hữu ti kiến nghị nói dùng lễ tang ngang với tang lễ dành cho các vương chư hầu. Duệ nghĩ rằng Sơn Dương công năm xưa biết thiên mệnh kết thúc ở mình, xét thấu lịch số thực ở thánh cung, mới truyền lộc nhường ngôi vị, tôn tiên vương làm chúa của dân ta, đấy là việc làm cao đẹp của Đào Đường vậy. Năm Hoàng Sơ vâng nhận đế vị, truyền mệnh cho Công ở nước phong được thi hành Chính sóc của nhà Hán, lúc tế trời tế tổ, chế độ lễ nhạc theo như lệ của nhà Hán cũ, đấy cũng là cái nghĩa truyền ngôi cao đẹp thời vua Thuần, vua Vũ vậy.”

“Xét việc buổi đầu, ngôi cao chột dựng, thành thực trao nhường, tiếng đến ngày nay. Đại khái là con cái phải lấy việc nối chí theo giáo huấn của tiên vương là hiếu, bây tôi phải phối hợp thiên mệnh và tôn kính noi theo là trung, cho nên Kinh Thi nói rằng ‘chẳng vội theo ý mình, là noi theo chữ hiếu.’ Kinh Thư nói rằng: ‘Người xưa nhận mệnh trời, chẳng quên công ơn lớn.’ Duệ đâu dám chẳng kính vâng theo điển lễ cao đẹp, để làm rạng rỡ thần khí anh linh của vua cha.”

“Nay truy thụy Sơn Dương công là Hiếu Hiến hoàng đế, ban sách thư phong tặng ấn tín dây thao. Lệnh cho quan Tư đồ, Tư không cầm cờ tiết đến điều tế hộ tang, Quang lộc, Đại hồng lư làm phó, Tương tác đại tượng, Phục thổ tướng quân xây thành lăng mộ, cùng trăm quan tướng lại, cò xe y phục theo lễ nghi an táng, nhất nhất giống như việc cũ thời nhà Hán; Chi phí cho việc an táng của trăm quan, đều trông vào Đại tư

¹ Phóng Huân (放勳), còn gọi là Đào Đường hay Đường Nghiêu, là vua Nghiêu vậy. Cũng theo *Sử ký*, khi vua Nghiêu chết, vua Thuần cho cả nước để tang vua Nghiêu, cấm âm nhạc trong thời gian để tang, dùng lễ vương an táng vua Nghiêu.

nông. Lập người kế tự làm Sơn Dương công, để noi theo đời Tam đại, vĩnh viễn làm tân khách nước Ngụy.”

Vì thế làm bản sách mệnh rằng:

“Than ôi! Trước kia trời giáng vạ Hán, nghịch thần Đông Trác, gieo rắc hung ngược, đốt sạch kinh đô, bức đời đại giá. Bấy giờ sáu cõi nhiễu loạn, gian hùng nổi lên. Đế ở Tây kinh, chỉ mong cầu yên, kịp về Lạc Ấp. Rồi hỏi thánh hiền, thay xe ra cửa, dời đến Hứa Xương, dựa Vũ hoàng đế. Tuế ở Huyền Hiêu, hoàng sư chinh phạt, đến sao Thuần Vĩ, qua mười tám năm, giặc cướp dân sạch, chín cõi đều yên.⁽¹⁾ Đế nghĩ công lao, lộc nhờ Ngụy quốc, mới phong thối nhưỡng. Kịp đến Văn hoàng đế, khoan hòa sâu sắc, thông minh trung thực, tiếng nhân lan truyền, người xa quy phục, khác tục hướng nghĩa, ứng trời nhận ngôi, khí thiêng dưới đất, sáng soi nhật nguyệt, xét sao Bắc Đẩu, vâng theo lịch số, định liệu phép tắc, hợp ý Đế vương. Đế vì thế ngẩng trông Thất chính, cúi xét Ngũ điển,⁽²⁾ chẳng mưu hỏi đại thần, không đợi người tiến cử, thần minh giúp đỡ, ứng mệnh truyền ngôi. Lộc truyền xuống trăm, kế nghiệp tổ tiên.”

“Trăm nghe việc xưa thời Đế Nghiêu, Nguyên Khải được đề cử, tứ hung chưa bị đày, Nghiêu đề bạt Thuần tổng quản quốc gia,⁽³⁾ rồi sau mọi việc theo thứ tự, trong bình ngoài vện, trao ngôi giữa Minh đường,

¹ Sao Tuế, còn gọi là Thái Tuế, tức là sao Mộc; chòm sao Huyền Hiêu gồm có ba ngôi sao Nữ, Hư, Ngụy trong Nhị thập bát tú, thuộc địa phận nước Tề (chỉ vùng Sơn Đông, nơi khởi nghiệp của Tào Tháo); chòm sao Thần Vĩ có hai ngôi sao Dực, Chàn trong Nhị thập bát tú, thuộc địa phận nước Sở. Theo sách *Quốc ngữ*, phần *Tán ngữ tứ* có câu “Tuế tại Thọ tinh (vị trí sao Giốc, sao Cang trong Nhị thập bát tú) cùng Thuần Vĩ, là có được đất ấy vậy!” Như thế có nghĩa là sao Thái Tuế bắt đầu từ vùng Sơn Đông, đi đến địa phận đất Sở, nhà Hán do Tào Tháo phù tá đã lấy được toàn bộ vùng đất đai từ phương bắc đến vùng Kinh Sở.

² Hai chữ Thất chính là chỉ vào Mặt trời, Mặt trăng và năm ngôi sao, Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Với hai chữ Ngũ điển, có hai cách giải thích, có sách nói Ngũ điển là năm bộ kinh sách *Thi*, *Thư*, *Dịch*, *Lễ* và *Kinh Xuân Thu*, có sách nói đó là sách vở của năm nhà: Thiệu Ngô, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường, Ngụy.

³ Nguyên Khải (元恺) là cách nói vắn tắt bốn chữ “Bát nguyên bát khai.” Theo truyền thuyết thì Cao Tân có tám người con tài giỏi, gọi là Bát nguyên; họ Cao Dương cũng có tám người con tài giỏi, gọi là Bát khai. Đời vua Nghiêu, dùng họ mà tứ hung là Cung Công, Hoan Đâu, Tam Miêu, Chuyên Húc không bị diệt. Vua Nghiêu dùng Thuần, tứ hung bị tiêu trừ, Thuần được vua Nghiêu nhường ngôi.

lui về giữ trọn lộc, cho nên tài năng đức độ của Nghiêu đứng đầu trăm vương, công đức sáng tỏ như núi lớn. Từ đó đến nay, bảy triều đã qua, đến ba nghìn năm, vận lớn xoay vần, nghiệp truyền xuống trẫm, làm chúa muôn dân, dựng ngôi Hoàng đế."

"Nhớ oai vọng xưa, nô khúc Hàm Trì, kế khúc Thiều Hạ,⁽¹⁾ vượt vết xa mờ của các vua đời trước, coi nhẹ đức kém của Thương, Chu, có thể nói Đế là người cao khiết giữ trọn thanh danh, làm rạng rỡ cái đức lớn cao đẹp mà sự nghiệp vĩ đại vậy. Nếu không phải Hán, Ngụy hợp đức trời đất, ứng nghiệm điềm lành, thuận ý thần dân, dưới trên cảm phục, ai có thể làm được thế đây?"

"Trẫm nghĩ Hiếu Hiến hưởng tuổi trời chẳng lâu dài, nên kính thuận cổ mệnh, khảo xét điển tịch, vâng theo di ý của vua cha anh linh, biểu chương thụy hiệu, tác thành thánh ý, để nêu tỏ cái đức tương hợp cao quý ít có ở đời, truyền lại cái vinh muôn năm bất hủ. Hôn thiên có linh, hãy nhận thêm mỹ đức lớn lao này. Than ôi thương thay!"

Tháng tám ngày Nhâm Thân, táng ở nước Sơn Dương, lăng mộ gọi là Thiện lăng, đặt vườn ấp riêng. Hôm an táng, Đế đội mũ gai mặc áo tang vải sô, khóc gào thảm thiết. Lấy cháu đích tôn của Quế thị Hương hầu là Khang, cho nối tự lập làm Sơn Dương công.

Tháng ấy, Gia Cát Lượng tiến ra Tà Cốc, đóng đồn ở phía nam sông Vị, Tư Mã Tuyên vương thống suất chư quân cự Lượng. Đế hạ chiếu cho Tuyên vương rằng:

"Chỉ nên vững lũy chông giữ để bẻ gãy mũi nhọn của địch, bên kia tiến không thỏa chí, lui không có ai giao chiến, ở lâu thì hết lương, cướp bóc không thu được gì, thì tất phải chạy thôi. Giặc chạy thì ta truy đuổi chúng, lấy sức nhân đợi sức mỏi, đấy là cái đạo toàn thắng vậy." ①

① Ngụy thị Xuân Thu chép: Lượng vẫn thường phái sứ giả đưa thư tới, lại đưa khăn yếm của đàn bà đến để chọc giận Tuyên vương. Tuyên vương sắp sửa xuất chiến, Tân Bì vâng chiếu cầm cờ tiết đến, ngăn Tuyên vương và tướng sĩ lại, Vương bèn thôi.

¹ Hàm Trì (咸池), Thiều Hạ (韶夏) là những khúc nhạc vui diễn tả cảnh thái bình thịnh trị đời vua Nghiêu, vua Thuấn.

Tuyên vương gặp sứ giả của Lượng, chỉ hỏi về việc ăn nghỉ của Lượng cùng công việc nhọc mệt ra sao, chẳng hỏi han đến việc binh nhung. Sứ giả thưa rằng:

- Gia Cát Công dậy sớm thức khuya, hình phạt từ hai mươi trượng trở lên, đều đích thân xem xét; còn ăn uống bất quá chỉ mấy thưng.

Tuyên vương nói:

- Lượng thể chất kiệt quệ rồi, ông ấy có thể giữ được lâu sao?

Tháng năm, sao Thái Bạch xuất hiện vào ban ngày. Tôn Quyền thâm nhập Hồ Khẩu huyện Cư Sào, hướng đến Tân Thành của Hợp Phì, lại phái tướng là Lục Nghị, Tôn Thiệu mỗi tướng dẫn hơn vạn người tiến vào sông Hoài, sông Miện.

Tháng sáu, Chinh đông tướng quân là Mãn Sùng tiến quân chống cự chúng. Sùng muốn rút khỏi Tân Thành, như quân giặc tới Thọ Xuân, Đế không nghe, nói:

- Trước kia Hán Quang Vũ phái toán quân cô chiếm giữ Lược Dương, cuối cùng đánh tan Ngỗi Hiêu, Tiên đế lập lũy Hợp Phì ở phía đông, trông coi Tương Dương ở phía nam, giữ chắc Kỳ Sơn ở phía tây, giặc đến thường bị đánh tan ở dưới ba thành ấy, đất ấy là chỗ tất phải tranh chiếm vậy. Kê cho Quyền đánh Tân Thành, nhất định chẳng hạ nổi. Hãy hạ sắc lệnh cho chư tướng giữ chắc, ta sẽ tự mình qua đó đánh chúng, ta sắp đến, e rằng Quyền đã bỏ chạy vậy.

Mùa thu tháng bảy ngày Nhâm Dần, Đế đích thân ngự thuyền rồng đông chinh, Quyền tấn công Tân Thành, bọn tướng quân Trương Dĩnh toàn lực giao chiến chống giữ, quân của Đế chưa đến, còn cách mấy trăm dặm, Quyền trốn chạy, bọn Nghị, Thiệu cũng lui về.

Quần thần cho rằng Đại tướng quân đang cùng Gia Cát Lượng cầm giữ nhau chưa quyết thắng thua, xa giá nên sang tây đến Trường An. Đế nói:

- Quyền chạy, Lượng võ mật, chỉ Đại tướng quân đủ khắc chế hẳn, ta không phải lo lắng gì rồi.

Bèn tiến quân đến Thọ Xuân, biên chép công lao của chư tướng, phong thưởng cho mọi người đều theo thứ bậc.

Tháng tám ngày Kỷ Mùi, đại diễu binh, mở tiệc thết đãi sáu quân, phái sứ giả cầm cờ tiết ra úy lạo khao thưởng quân sĩ ra sức ở Hợp Phì, Thọ Xuân. Ngày Tân Ty, xa giá quay về cung Hứa Xương.

Tư Mã Tuyên vương cùng Lượng cầm giữ nhau, liên tục nhiều ngày, Lượng mấy lần khiêu chiến, Tuyên vương giữ chắc lũy không ứng chiến. Vừa lúc Lượng chết, quân của Lượng rút về.

Mùa đông tháng mười ngày Ất Sửu, mặt trăng phạm vào sao Trấn và chòm sao Hiên Viên. Ngày Mậu Dần, mặt trăng phạm vào sao Thái Bạch. Tháng mười một, ở kinh đô có động đất, từ phía đông nam kéo đến, có tiếng nổ ầm ầm, mái ngói rung động. Tháng mười hai, Đế hạ chiếu sai Hữu ti sắp xếp bỏ bớt đại hình, giảm tử tội.

Năm thứ ba mùa xuân tháng giêng ngày Mậu Tý, lấy Đại tướng quân Tư Mã Tuyên vương làm Thái úy. Ngày Kỷ Hợi, lập lại quận Sóc Phương. Kinh đô có đại dịch. Ngày Đinh Ty, Hoàng thái hậu băng hà. Ngày Ất Hợi, có đá trời rơi xuống huyện Thọ Quang.

Tháng ba ngày Canh Dần, táng Văn Đức Quách hậu, xây lăng mộ ở khe suối phía tây lăng Thù Dương, đúng như quy định ở chung chế của Văn đế.^①

① *Khải mônng chú* của Cố Khải Chi chép: Thời Ngụy có người đào mộ của Chu vương, đào được một người con gái tuần táng, qua mấy ngày thì thấy có hơi thở, qua mấy tháng thì có thể nói chuyện; tuổi chừng đôi mươi. Đưa đến kinh sư, Quách thái hậu yêu mến nuôi dưỡng nó. Hơn chục năm sau, Thái hậu băng hà, người con gái ấy thương nhớ khóc lóc, hơn một năm sau chết.

Bấy giờ, đại sửa sang cung Lạc Dương, xây dựng điện Chiêu Dương và điện Thái Cực, đắp đài Tổng Chương. Trăm họ lỗ mùa nông tang, bọn bày tôi ngay thẳng là Dương Phụ, Cao Đường Long đều nhiều lần khẩn thiết can gián, tuy Đế không nghe theo, song thường khoan dung cho họ.^①

① *Ngụy lược* chép: Năm ấy xây dựng các điện Thái Cực, đắp đài Tổng Chương, cao hơn chục trượng, bên trên đặt hình chim phượng đang bay; lại ra lệnh đào hồ ở trong vườn Phương lâm, để người vừa trèo thuyền vừa ca hát. Còn ở phía bắc dãy điện, lập ra tám phường, các Tài nhân theo thứ tự ở bên trong,⁽¹⁾ từ hạng Quý nhân và Phu nhân trở lên, chuyển về phía nam ở, bổng lộc của họ phân định phỏng theo cách sắp xếp trăm quan. Đế thường dạo chơi ăn yến ở trong đó, bèn cho tuyển lấy sáu người con gái hiểu biết sách vở có thể tin tưởng giao việc, cho làm Nữ thượng thư, sai coi xét các bản tấu ở bên ngoài đưa vào, được tự quyết đoán xử lý thích hợp, từ bậc Quý nhân xuống đến hạng Thượng bảo, đều được cấp người quét dọn Dịch Đình,⁽²⁾ học nghề ca hát, mỗi nơi có cả nghìn người. Lại dẫn nước suối chảy qua phía trước điện Cửu Long, làm giếng ngọc trên cao có lan can uốn lượn, có ngọc ngậm ngọc cầu, thần long thổ châu. Sai Bác sĩ Mã Quân chế ra Chỉ nam xa,⁽³⁾ Thủy chuyển bách hí đồ.⁽⁴⁾ Vào ngày đầu năm cho làm con thú lớn, gọi là "ngư long mạn duyên", "lộng mã đảo kỳ", đầy đủ như thể chế ở Tây Kinh nhà Hán, cho đắp chắn song phía bên

¹ Phường, cũng như làng, nhưng quy hoạch thành các khu; còn Tài nhân ở đây là chỉ những người có tài năng về nghệ thuật.

² Dịch Đình (掖庭) là nơi ở của các bậc Phi tần, quý nhân của Hoàng đế. Thời nhà Tần gọi là Vĩnh Hạng, thời Hán Vũ đế, vào năm Thái Sơ nguyên niên đổi tên là Dịch đình.

³ Truyền thuyết kể rằng, vào thời nhà Chu, sứ giả người Việt Thường ở phương nam đến nhà Chu, không nhớ đường về, Chu Công làm ra xe Chỉ nam để đưa sứ về nước. Xe Chỉ nam (指南车) vốn là cái xe ngựa kéo, trên xe có người gỗ, mặc áo lông đứng giơ tay ra phía trước, cho dù xe chạy theo bất cứ hướng nào, thì ngón tay của người gỗ luôn chỉ về phía nam.

⁴ Là một thứ đồ chơi, hình như cái xe, bên trong có cơ quan bí mật, có người gỗ đứng trên xe, khi guồng nước trong cơ quan bí mật quay đầy cho nước chảy, người gỗ trên xe thổi sáo, gõ trống, nhảy múa.

ngoài các cửa khuyết ở Xương Hạp. Thái tử xá nhân là Trương Mậu vì Ngô, Thục mấy lần khuấy động, chư tướng xuất chinh, mà Đế đại khởi dụng cung thất, lưu tâm vào trang trí thưởng ngoạn, ban thưởng vô độ, kho tàng rỗng kiệt; lại bắt con gái nhà quan trước đó đã lấy quan lại thứ dân, đem về gả cho binh sĩ, rồi thuận cho người ta đem nô tài tự chuộc, lại tuyển chọn những người có nhan sắc trong số ấy để đưa vào Dịch Đình, bèn dâng thư can rằng:

"Thần cúi xem chiếu thư, thấy con gái nhà quan được gả cho sĩ nhân, tất cả bị đoạt lại, đem gả cho quân lính, đây thực sự là việc quyền nghi nhất thời, nhưng trái với cái đạo thiện của việc giáo hóa vậy. Thần xin được luận bàn việc ấy."

"Bệ hạ, là con trời vậy, quan dân trăm họ, cũng là con của bệ hạ vậy. Theo lẽ, việc ban thưởng cho quân tử và tiểu nhân chẳng cùng ngày, sở dĩ làm thế là để cho quý tiện có sự phân biệt vậy. Quan lại thuộc về quân tử, binh sĩ là tiểu nhân, nay đoạt ở bên kia để cho bên này, cũng không khác gì việc đoạt vợ của anh gả cho em vậy, cái ân tình của cha mẹ thế là thiên lệch rồi."

"Thêm nữa là chiếu thư thuận cho dùng nô tài có tuổi tác và nhan sắc tương đương với vợ để thay thế vợ, cho nên người giàu khuynh gia bại sản, người nghèo vay mượn mắc nợ, phải mua nô tài với giá đắt đem chuộc lại vợ mình. Quan huyện ngoài lấy tiếng là đem họ gả cho binh sĩ mà sự thực bên trong là đưa vào Dịch Đình, người xấu xí trong số ấy mới đưa ra cho binh sĩ. Kẻ được vợ vị tất đã vui lòng, mà người mất vợ tất có nét buồn rầu lo lắng, kẻ khốn khổ kẻ âu sầu, đều không thỏa chí cả. Bậc quân vương có thiên hạ mà chẳng thu được tình cảm yêu mến của muôn dân, ít khi không gặp nguy nan."

"Vả lại quân binh ở ngoài có mấy nghìn vạn người, chi phí một ngày không chỉ nghìn vàng, tất cả tiền thuế trong thiên hạ phụng sự cho quân lao dịch ấy, cũng không cấp đủ, huống chi lại có số con gái không được biên chép vào sổ trong chốn cung đình, gia đình mẫu hậu ở Tiêu phòng, đồ ban thưởng thừa thãi, trong ngoài đưa đến, phí tổn chỗ ấy bằng nửa việc quân."

"Trước kia Hán Vũ đế thích thần tiên, tin thuật sĩ, đào đất làm bể, đắp đất làm núi, may nhờ lúc ấy thiên hạ là một, chẳng ai dám tranh giành

vậy. Từ khi suy loạn đến nay, đã bốn năm mươi năm, ngựa chẳng rời yên, quân sĩ không cởi giáp, mỗi lần giao chiến, máu chảy đỏ đồng, tiếng kẻ bị thương kêu gào thống thiết, đến nay chưa dừng. Còn quân cường khấu ở biên cương, mưu đồ làm nghiêng đổ nhà Ngụy. Bệ hạ chẳng lo sợ răn mình, coi trọng kiệm ước, nghĩ đến việc yên thiên hạ, mà chuyên tâm vào việc xa xỉ, quan Trung thượng phương chuyên chế tạo đồ vật để thưởng ngoạn, rực rỡ soi sáng hậu viên, dựng bàn hừng sương, những thứ ấy thực vui tai khoái mắt người xem, nhưng cũng đủ để người ta thả lòng nói lỏng giặc thù rồi."

"Tiếc thay! Bỏ cái sự cần kiệm của Nghiêu Thuấn, mà làm cái việc xa xỉ của Hán Vũ, thần thiết nghĩ bệ hạ không chọn dùng vậy. Mong bệ hạ mau chóng hạ chiếu, muôn việc nhỏ nhặt vô ích mà phí tổn đều dẹp bỏ đi, lấy việc đó để bớt những chi phí không có ích, hậu thưởng cho cha mẹ vợ con tướng sĩ cơ hàn, hỏi đến những điều dân ghét để dẹp bỏ điều xấu ấy, làm giàu kho đụn, sửa sang giáp binh, lấy sự cung kính để coi sóc thiên hạ. Như thế, giặc Ngô phải trối tay, giặc Thục phải chờ quan tài đến, chẳng đợi đánh giết mà tự phục, đường thái bình có thể tính ngày mà đợi được vậy. Bệ hạ không cần phải lao nhọc tinh thần nghĩ về việc ngoài cõi, quân sư gồi cao đầu, binh sĩ chỉ cho đủ số. Nay các công khanh đều ngậm miệng rút lưỡi, thần chẳng dám dâng lời không có sự lý rõ ràng, thần lúc trước dâng lời cốt yếu lên, quan Tán kỵ tấu thư của thần, được thánh thượng nghe lời can cho là hay, ban chiếu rằng: 'Đúng vậy', rồi cất nhắc thần làm Thái tử xá nhân; vả lại thần làm sách chê bai kẻ làm bầy tôi chẳng có khả năng can gián, nay việc có thể can mà thần chẳng can ngăn, đấy là làm sách hão huyền xằng bậy mà chẳng thể nói ra lời thật."

"Thần nay năm mươi tuổi, thường sợ đến chết không báo đáp được quốc gia, vì thế vót thân lấp mệnh, mạo muội dâng lời. Mong bệ hạ xét soi."

Thư truyền lên rồi, chúa thượng ngoảnh sang bảo tả hữu rằng:

- Trương Mậu cậy là người làng cũ của ta vậy.

Rồi đem việc giao cho quan Tán kỵ mà thôi.

Mậu tự Ngạn Lâm, người huyện Bái.

Mùa thu tháng bảy, điện Sùng Hoa ở Lạc Dương bị hỏa tai, tháng tám ngày Canh Ngọ, lập Hoàng tử Tào Phương làm Tề

vương, Hoàng tử Tào Tuấn làm Tần vương. Ngày Đinh Tỵ, xa giá về cung Lạc Dương. Truyền mệnh cho Hữu ti dựng lại điện Sùng Hoa, đổi tên là điện Cửu Long.

Mùa đông tháng mười ngày Kỷ Dậu, Trung Sơn vương Tào Duyệt chết. Ngày Nhâm Thân, sao Thái Bạch xuất hiện giữa ban ngày. Tháng mười một ngày Đinh Dậu, xa giá về cung Hứa Xương.^①

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Năm ấy khe suối Hắc ở núi Kim huyện San Đan quận Trương Dịch thế nước dữ dội chảy âm âm, lộ đá quý khắc hình vẽ, dáng tượng linh quy, rộng một trượng sáu thước, dài một trượng bảy thước một tấc, chu vi năm trượng tám tấc, dựng đứng ở phía tây khe suối. Lại có bảy con ngựa đá, một con có người cưỡi trên lưng, một con có dây cương buộc, năm con kia có hình dạng nhưng chưa hoàn chỉnh. Có một cái hộp ngọc có chốt khóa phía trước, trên có chữ bằng ngọc, hai cái vòng ngọc quyết, một vòng ngọc bích như nửa hình tròn. Có con kỳ lân ở phía đông, chim phượng ở phía nam, hổ trắng ở phía tây, con muông ở phía bắc, ngựa từ trong xếp hàng quay bốn phía, tất cả đều có màu trắng xanh. Phía nam có năm chữ, viết:

"Thượng thượng tam thiên vương."

Lại có chữ:

"Thuật đại kim, đại thảo tào, kim dẫn thủ chi, kim lập trung, đại kim mã nhất thất tại trung, đại (cáo) khai thọ, thử mã giáp dân thuật thủy."⁽¹⁾

¹ Đây là một câu sấm, ý nghĩa sâu xa, báo trước rằng nhà Tấn sẽ thay nhà Ngụy.

Theo Ngũ hành tương sinh thì Hòa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa. Nhà Ngụy thuộc hành Thổ thay nhà Hán thuộc hành Hỏa (Hòa sinh Thổ), nhà Tấn thuộc hành Kim thay nhà Ngụy (Thổ sinh Kim).

"Thuật đại Kim" tức là hành Kim (Tấn) nổi lên thay hành Thổ (Ngụy).

"Đại thảo Tào" tức là dẹp bỏ hoàn toàn họ Tào.

"Kim dẫn thủ chi" là chỉ hành Kim (Tấn) lấy được thiên hạ.

"Kim lập trung" là hành Kim (Tấn) lập nghiệp.

"Đại kim mã nhất thất tại trung" là chỉ người họ Tư Mã thuộc hành Kim lên ngôi.

"Đại cáo khai thọ" là mở mang nghiệp lớn.

Cả thảy sáu chữ "trung", mười chữ "kim"; Lại có hình dạng giống tượng bát quái cùng một dãy hình sao chổi trên đó.

Thế ngữ chép: Lại có hình tượng một con gà.

Sưu thần ký chép: Khi trước, vào thời vua Nguyên đế, Thành đế nhà Hán, có kẻ sĩ kiến thức cao siêu nói rằng, vào năm nước Ngụy thái bình, sẽ có tảng đá lộ ra ở cách ngoài ba nghìn dặm về phía tây, buộc năm con ngựa, có chữ viết là: "Đại thảo tào." Lúc nước Ngụy mới hưng, ở hang núi phía tây huyện Trương Dịch, có tảng đá lộ ra, bắt đầu thấy hình dáng là vào năm Kiến An, thành hình rõ vào năm Hoàng Sơ, có văn tự đầy đủ vào năm Thái Hòa, khối đá chu vi bảy tầm, ở giữa cao một nhận,⁽¹⁾ sắc đá xanh hoa văn trắng, có hình tượng long mã, lân lộc, phượng hoàng, người tiên, đều sáng loáng rực rỡ, tất cả những việc đó, là điềm báo đời Ngụy, Tấn đại hưng thịnh vậy. Đến năm Thái Thủy thứ ba thời nhà Tấn, Thái thú quận Trương Dịch là Tiêu Thắng dâng lời, nói là thấy đồ hình trên đá lưu lại ở quận tại bản quốc so với chữ viết trên đá hiện nay, văn tự ít nhiều có chỗ bất đồng, nên cẩn thận vẽ lại đầy đủ đồ hình dâng lên. Xét văn tự này thì có tượng năm con ngựa, trên một con ngựa có tượng người đội khăn Bình thượng,⁽²⁾ cầm kích cưỡi trên lưng, một tảng đá giống như con ngựa nhưng chưa hoàn chỉnh, chữ viết trên đó là chữ "kim", chữ "trung", chữ "đại tư mã", chữ "vương", chữ "đại cát", chữ "chính", chữ "khai thọ", chữ viết ấy bày thành một hàng, là chữ "kim đương thủ chi."⁽³⁾

"Thử mã giáp dần thuật thủy" là nói rằng đến năm Giáp Dần họ Tư Mã nhà Tấn (hành Kim) sẽ truyền ngôi sang họ khác (hành Thủy, Kim sinh Thủy). Ở đây là nói đến rợ Ngũ Hồ chăng? Vì rợ Ngũ Hồ ở miền bắc, phương bắc là thuộc hành Thủy.

"Thượng thượng Tam thiên vương", có lẽ nói đến Tư Mã Ý, Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu (ba người được Tấn Vũ đế truy tôn hiệu).

¹ Tầm là đơn vị đo chiều dài, nhận là đơn vị đo độ cao thời cổ, nhà Chu quy định cứ tám thước là một nhận, cũng bằng một tầm, các triều đại khác có thay đổi.

² Khăn Bình thượng (平上) là khăn vải buộc ngang đầu, tương lĩnh thời xưa ra trận hay dùng khăn này.

³ Tương tự chú trước, chữ "kim" chỉ hành Kim (nhà Tấn), chữ "trung" chỉ các vật tụ hội, chữ "Đại tư mã" chỉ vào người họ Tư Mã nắm chức Đại tư mã, chữ "vương" là chỉ ngôi vua, chữ "đại cát" chỉ điềm lành, chữ "chính" chỉ quyền chính, chữ "khai thọ" nói việc mở nghiệp, chữ "kim đương thủ chi" là chỉ hành Kim (Tấn) sẽ có thiên hạ.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Ban đêm ở cửa tây hang Đại Liễu thuộc huyện Đê Trì nước xói vọt âm âm, âm thanh vang rền như sấm, sáng ra thấy có tảng đá xanh đứng giữa làn nước, dài một trượng sáu thước, cao tám thước, có hình vẽ trên đá trắng, thành mười ba con ngựa, một con trâu, một con chim, có hình bát quái như nửa vòng ngọc, đều trời lên, văn tự trên đá ấy là chữ "Đại thảo tào, thích thủy trung, Giáp Dần." Để ghét chữ "thảo", sai người đục đi một nét thành chữ "kế", lấy đá xanh lấp lên chỗ ấy, qua một đêm đá trắng lại tràn ra. Đến thời Tấn sơ, văn tự trên đá ấy lại càng sáng rõ, hình ngựa đều sáng loáng như ngọc vậy.

Năm thứ tư mùa xuân tháng hai, sao Thái Bạch lại xuất hiện giữa ban ngày, mặt trăng phạm sao Thái Bạch, lại phạm một ngôi sao trong chòm sao Hiên Viên, tiến vào chòm sao Thái Vi rồi đi ra.

Mùa hạ tháng tư, đặt ra quán Sùng Văn, cho vời những người giỏi văn chương để sung vào đó. Tháng năm ngày Ất Mão, Tư đồ là Đồng Chiêu chết. Ngày Đinh Tỵ, người Túc Thận Chi⁽¹⁾ dâng biểu cung tên bằng gỗ cây Hộ.

Tháng sáu ngày Nhâm Thân, Đế hạ chiếu nói:

"Hữu Ngu thị vẽ vòng tròn mà dân chẳng dám phạm, người nhà Chu đặt hình pháp mà chẳng phải dùng.⁽²⁾ Trẫm muốn theo cái ý mọn của trăm vương, mến mộ phong khí thời thượng cổ, ôi xa xôi quá làm sao theo kịp được?"

"Pháp lệnh càng rõ, thì tội phạm càng nhiều hơn, hình phạt tăng lên, mà kẻ gian không cấm xuể. Ngày trước đã xét những điều đại tội,

¹ Túc Thận Chi (肅慎氏) là một bộ tộc thời cổ, sống ở phía đông bắc Trung Quốc, từ thời Chu Vũ vương, Chu Thành vương đã cống triều đình cánh cung bằng gỗ cây Hộ và mũi tên đá. Bộ tộc này sinh sống chủ yếu bằng săn bắn, có quan hệ mật thiết với các bộ tộc thiểu số khác như Ấp Lâu, Vật Cát, Mạt Hạt, Nữ Chân.

² Đã sử kể, vua Đại Vũ nhà Hạ dùng hình phạt giam người ta trong vòng tròn vẽ dưới đất, người có tội sợ không dám bước ra khỏi vòng tròn; thời Chu sơ, có hình luật phạt người có tội, nhưng dân giữ lễ, biết đạo nghĩa, không dùng đến hình luật.

những tội ấy đa phần miễn trừ, là nghĩ đến việc cứu vớt tính mệnh của lê dân, đây là chí nguyện của trăm vạ. Nhưng số người chết ở trong ngục khắp các quận quốc, trong một năm qua còn hơn lên mấy trăm người, phải chăng là trăm day bảo không thuận hậu, khiến dân chúng xem thường tội lỗi, dẫn đến việc hình pháp khắc nghiệt vẫn còn tồn tại, để điều đó thành cam bẫy hay sao? Hữu ti luận việc khoan xá cho tử tội trong ngục, phải chú tâm theo cái gốc của việc dung thứ, lúc có kẻ xin khai ân, hoặc cung từ chưa rõ mà án ngục đã quyết tội, thì đó không phải là đã tra cứu tận lý tận tình vậy."

"Nay lệnh cho quan Đình úy cùng cai ngục trong thiên hạ biết, mọi tử tội có đủ án để định tội, mà không phải là kẻ có tội mưu phản hay tự tay giết người, thì phải gấp rút bảo cho người thân của họ biết hình phạt, kẻ nào xin khai ân, phải sai người đem toàn bộ án hình và văn kiện trình lên, trăm sẽ suy xét kỹ lưỡng và trọn vẹn cho họ. Nay bố cáo thiên hạ, hãy làm rõ ý trăm."

Mùa thu tháng bảy, vua nước Cao Câu Ly là Cung chém và đưa đầu bọn sứ giả của Tôn Quyền là Hồ Vệ tới, đưa thắng đến U châu. Ngày Giáp Dần, sao Thái Bạch phạm vào sao lớn trong chòm sao Hiên Viên.

Mùa đông tháng mười ngày Kỷ Mão, xa giá quay về cung điện Lạc Dương. Ngày Giáp Thân, có sao chổi ở chỗ sao Đại Thần,⁽¹⁾ ngày Ất Dậu, lại có sao chổi ở phương đông. Tháng mười một ngày Kỷ Hợi, sao chổi xuất hiện, gần phạm vào sao Thiên Kỳ.⁽²⁾

Tháng mười hai ngày Quý Ty, Tư không Trần Quần chết. Ngày Ất Mùi, xa giá đến cung Hứa Xương.

¹ Sao Đại Thần (大辰), tức sao Tâm, ngôi sáng nhất trong chòm sao Thiên Hạt, ở Việt Nam ta gọi đó là chòm sao Thần Nông.

² Sao Thiên Kỳ (天紀), là ngôi sao sáng nhất trong chòm sao Thị Viên, có chín ngôi, nằm ở phía đông bầu trời gần đường Hoàng đạo, theo quan niệm xưa, chòm sao này chỉ vào Cừu khanh.

Năm Cảnh Sơ nguyên niên tháng giêng ngày Nhâm Thìn, người huyện Sơn Trì nói có rồng vàng hiện ra. Vì thế Hữu ti dâng tấu, cho rằng nhà Đại Ngụy được Địa thống, nên lấy tháng Kiến Sửu làm chính sóc.⁽¹⁾ Tháng ba, chế định lịch pháp, đổi niên hiệu lấy tháng tư là đầu mùa hạ.① Lại chọn quần áo chủ về màu vàng, cúng tế muông sinh màu trắng, binh lính mặc áo đen, tướng soái cưỡi ngựa trắng, dùng cờ lớn màu đỏ, khi hội triều thì dựng lá cờ lớn màu trắng.② Đổi lịch Thái Hòa thành lịch Cảnh Sơ. Các mùa xuân, hạ, thu, đông và các tháng Mạnh, Trọng, Quý⁽²⁾ tuy so với lịch của nhà nông là bất đồng, nhưng các ngày lễ tế trời, tế thần sông thần núi, tế xuân, tế mùa thu mùa đông, lễ ngày tuần thú, lễ ngày đi săn, phân tiết ngày đầu của các mùa, ban tuyên thời lệnh mỗi mùa, tiết khí sớm hay muộn, việc thu hoạch mùa màng của dân, đều dùng các tháng lịch của nhà nông và theo thứ tự tính toán sắp xếp.

① *Ngụy thư* chép: Khi trước, lúc Văn hoàng đế tức vị, vì nhận nhường ngôi từ nhà Hán, nhân đó noi theo chính sóc của nhà Hán không có thay đổi.

Thời Đế ở Đông cung viết sách nghị luận, cho rằng Ngũ đế Tam vương tuy đồng khí chung tổ tiên, về lễ chẳng theo nhau, ngày chính sóc nên tự cải biến cho thích hợp, để tỏ rõ vận số thụ mệnh. Lúc Đế tức vị, suy nghĩ do dự rất lâu, sử quan lại dâng lời nói là nên thay đổi, bèn hạ chiếu sai các vị Tam công, Đặc tiến, Cửu khanh, Trung lang tướng, Đại phu, Bác sĩ, Nghị lang, quan lại ăn lộc nghìn thạch, sáu trăm thạch bàn bạc rộng rãi, việc nghị bàn còn có chỗ bất đồng. Đế dẫn kinh điển xưa, ngày Giáp Tý hạ chiếu rằng:

¹ Người xưa nhận thấy theo lịch nhà nông thì tháng mười hai vạn vật dưới đất bắt đầu sinh trưởng, nhân đó lấy Kiến Sửu (tháng Sửu, tháng mười một, lịch âm bây giờ) làm ngày Chính sóc (ngày đầu năm), như thế gọi là Địa thống (地统).

² Một năm có bốn mùa, mỗi mùa ba tháng, theo quy ước thì Mạnh, Trọng, Quý ứng với ba tháng của một mùa. Tháng bắt đầu một mùa gọi là Mạnh.

"Thái cực xoay vần Tam thân Ngũ tinh ở trên trời, nguyên khí chuyển vận Tam thông Ngũ hành ở dưới đất,⁽¹⁾ lên xuống thành vòng tròn, kết cục lại trở về lúc ban đầu. Cho nên Trọng Ni làm ra Kinh Xuân Thu, căn cứ vào tháng Tam vi, cho mỗi tháng chủ một triều đại, là làm sáng tỏ rằng Tam chính thay phiên nhau làm chủ.⁽²⁾ Nay suy thứ tự của Tam thông, nhà Ngụy được Địa thông, nên lấy Kiến Sửu làm tháng giêng. Ta khảo xét ý kiến của những người có học vấn, để quyết rõ cái nghĩa của nó thôi. Nay đổi tháng ba năm Thanh Long thứ năm thành tháng tư năm Cảnh Sơ nguyên niên."

② Thần Tùng Chi xét: Nhà Ngụy thuộc hành Thổ, nên y phục chủ về màu vàng. Làm theo thời nhà Ân, lấy Kiến Sửu là tháng giêng, cho nên cúng tế cờ quạt hết thay dùng theo lễ của nhà Ân. Lễ ký nói rằng: "Hạ Hậu thị chủ về màu đen, cho nên việc binh cưỡi ngựa đen, thú để cúng tế dùng màu đen; người nhà Ân chủ màu trắng, việc binh cưỡi ngựa sắc "hàn", thú để cúng tế dùng màu trắng. Người nhà Chu chủ màu đỏ, việc binh cưỡi ngựa đỏ, thú để cúng tế dùng muông sinh sắc đỏ." Trịnh Huyền nói rằng: "Hạ Hậu thị dùng Kiến Dần làm tháng giêng, vật sinh sắc đen; nhà Ân lấy Kiến Sửu làm tháng giêng, vật nhạ sắc trắng; nhà Chu lấy Kiến Tý làm tháng giêng, vật manh sắc đỏ. Chữ "hàn", là con ngựa sắc trắng vậy, Kinh Dịch nói: Ngựa trắng giống như Hàn." Theo Chu lễ, thiên Cân xa chức nói: "Kiến đại xích dĩ triều", tức là cờ trắng lớn dùng lúc ra quân, thế thì nhà Chu dùng màu sắc chủ đạo là sắc cờ dùng ở triều đình, màu cờ của triều trước dùng vào việc binh. Nay nhà Ngụy dụng lễ của nhà Ân, thay đổi theo phép chế của nhà Chu, cho nên chế tạo cờ trắng lớn dùng ở triều đình, cờ đỏ lớn dùng vào việc binh.

¹ Tam thân (三辰) tức là mặt trời, mặt trăng và các vì sao; Ngũ tinh (五星) là năm hành tinh Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ; Theo quan niệm ở đây thì vũ trụ thay đổi biến hóa thì trăng sao trên trời cũng xoay vần theo; ngày chính sóc, bốn mùa, ngũ hành dưới đất cũng chuyển vận.

² Nhà Hạ kiến Dần, nhà Ân kiến Sửu, nhà Chu kiến Tý, hợp xưng là Tam chính. Mỗi triều đại lấy một tháng trong năm làm chủ (tháng bắt đầu của năm). Vì thế nên Tam chính cũng là chỉ ba triều đại: Nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu.

Tháng năm ngày Kỷ Ty, xa giá quay về cung Lạc Dương. Ngày Kỷ Sửu, đại xá thiên hạ.

Tháng sáu ngày Mậu Thân, kinh đô có động đất. Ngày Kỷ Hợi, lấy Thượng thư lệnh là Trần Kiểu làm Tư đồ, Thượng thư (Tả) Bộc xạ là Vệ Trăn làm Tư không. Ngày Đinh Mùi, tách huyện Ngụy Dương của quận Ngụy Hưng, huyện An Phú, Thượng Dung của quận Tích lập quận Thượng Dung. Bỏ quận Tích, đem huyện Tích nhập vào quận Ngụy Hưng. Hữu ti tấu rằng:

"Vũ hoàng đế dẹp loạn chuyển lại chính, là Ngụy thái tổ, lễ nhạc dùng điệu múa Vũ Thủy. Văn hoàng đế ینگ vận trời thụ mệnh, là Ngụy cao tổ, lễ nhạc dùng điệu múa Hàm Hy. Đế gây dựng triều đại thịnh trị, là Ngụy liệt tổ, lễ nhạc dùng điệu múa Chương Vũ. Miếu của ba vị tổ, vạn đời không phá bỏ. Ngoài ra các miếu từ thứ tư trở đi, tình thân đã tận thì theo thứ tự phá bỏ đi, như phép chế về miếu thờ các vua nhà Chu là Hậu Tắc, Văn vương, Vũ vương vậy." ①

① Tôn Thỉnh nói: Ôi, thủy hiệu là để nêu tỏ việc làm của người ta, miếu thờ là để bảo tồn nghi dung người ta, đều là khi người ta đã mất rồi sau đó mới dựng lên, là việc đầu tiên nhất phải làm để bảo tồn lâu dài trọn vẹn, để tỏ rõ với trăm đời vậy. Chưa có ai còn đang sống mà trái với phép chế tổ tông, chưa chết mà dự sẵn sự tôn quý hiển hách cho mình. Xưa kia Hoa Nguyên dùng lễ táng hậu bị chê bai, người nước Chu vì trừ việc hung thành trái lễ, lời tấu của Hữu ti nước Ngụy, là mắc lỗi về chính đạo vậy.

Mùa thu tháng bảy ngày Đinh Mão, Tư đồ là Trần Kiểu chết. Tôn Quyền phái tướng là bọn Chu Nhiên đem hai vạn người vây quận Giang Hạ. Thứ sử Kinh châu là bọn Hồ Chất đánh chúng, Nhiên lui chạy.

Khi trước, Quyền phái sứ giả vượt biển cùng nước Cao Câu Ly thông đồng, muốn tập kích Liêu Đông. Đế phái Thứ sử U châu là Quán Khâu Kiệm thống suất chư quân cùng người tộc Tiên Ti, Ô Hoàn đến đóng đồn ở địa giới phía nam Liêu Đông, gửi

thư triệu Công Tôn Uyên. Uyên phát binh làm phản, Kiêm tiến quân đánh dẹp hần, gặp đúng lúc mưa liên tục ngày, thế nước sông Liêu mênh mông, Đế hạ chiếu sai Kiêm dẫn quân về. Bọn Thiển vu người Ô Hoàn ở quận Hữu Bắc Bình là Khấu Lâu Đôn, Đô đốc người Ô Hoàn ở Liêu Tây là Vương Hộ Lưu trú ở Liêu Đông, dẫn bộ chúng theo Kiêm quy thuận triều đình. Ngày Kỷ Mão, hạ chiếu cho quan dân ở Liêu Đông bị Uyên bức bách không về hàng được, hết thảy đều xá tội cho họ. Ngày Tân Mão, sao Thái Bạch xuất hiện giữa ban ngày. Uyên bởi Kiêm đã quay về, bèn tự lập làm Yên vương, đặt trăm quan, xưng niên hiệu là năm Thiệu Hán nguyên niên.

Đế hạ chiếu cho người của bốn châu Thành, Duyện, U, Ký làm thuyền lớn vượt biển.

Tháng chín, dân chúng bốn châu Ký, Duyện, Từ, Dự gặp thủy tai, Đế phái quan Thị ngự sử tuần xét số người bị chết đuối cùng tài sản mất mát, mở kho tàng ở địa phương cứu chẩn cho họ. Ngày Canh Thìn, Hoàng hậu là Mao thị chết.

Mùa đông tháng mười ngày Đinh Mùi, mặt trăng phạm sao Huỳnh Hoắc. Ngày Quý Sửu, táng Minh Đế Mao hoàng hậu ở Mẫn lăng. Ngày Ất Mão, dựng lập Viên Khâu⁽¹⁾ tại núi Ủy Túc ở phía nam Lạc Dương.^①

Tháng mười hai ngày Nhâm Tý là tiết Đông chí, bắt đầu cử hành tế lễ. Ngày Đinh Tỵ, tách bốn huyện Lâm Tục, Nghi Thành, Tinh Dương, Kỳ của quận Tương Dương, đặt ra Tương Dương nam bộ đô úy. Ngày Kỷ Mùi, Hữu ti tấu xin lập miếu Văn Chiêu hoàng hậu ở kinh đô. Tách huyện Nhược Diệp của quận Tương Dương ghép vào quận Nghĩa Dương.^②

¹ Viên Khâu (圓丘), là cái đài được đắp cao (khâu, là cái gò) dùng làm đàn tế trời, đàn ấy hình tròn (viên).

① *Ngụy thư* chép chiếu rằng:

"Bậc đế vương nhận mệnh, tuyệt chẳng ai không kính vâng trời đất để biểu chương thần minh, tôn trọng việc nối đời cúng tế để tộc đế biểu dương công đức, cho nên phép thường thời xưa đã nêu rõ, là đại điển hoàn bị của Thiên tử về cúng tổ tiên và tế trời vậy."

"Xưa kia thời đầu nhà Hán, kế thừa sau lúc nhà Tần diệt học, chọn nhặt những tàn dư lễ chế rơi rớt, để hoàn bị lễ chế về tế tự, từ đàn tế thổ thần ở Cam Tuyền, qua Ung cung Ngũ Chi,⁽¹⁾ lễ tế thần minh thổ địa ở bốn đàn tế, đa phần là không rõ kinh sách, thế nên quy chế phép tắc vô thường, nay thế này mai thế khác, hơn bốn trăm năm, phế bỏ không tế lễ tổ tiên như tế trời. Lễ chế mà các bậc đế vương thời cổ thay nhau gây dựng, vì thế có chỗ thiếu sót."

"Theo hệ phả, Tào thị có xuất xứ từ Hữu Ngụ thị, nay tế tự ở Viên Khâu, là để phối tế với thủy tổ là Đế Thuấn, gọi Viên Khâu là Hoàng hoàng đế thiên; cử hành tế tự ở Phương Khâu gọi là Hoàng hoàng hậu địa, để phối tế với bà phi Y thị là vợ Đế Thuấn; cử hành tế ở Thiên Giao gọi là Hoàng thiên chi thần, để phối tế với Thái tổ Vũ hoàng đế; cử hành tế Địa Giao gọi là Hoàng địa chi kì, để phối tế với Vũ Tuyên hậu; tế vua cha là Cao tổ Văn hoàng đế ở Minh Đường, để phối tế với Thượng đế."

Cho đến năm Thái Thủy thứ hai thời nhà Tấn, đều tế Nam giao, Bắc giao ở hai đàn tế Viên Khâu và Phương Khâu.

② *Ngụy lược* chép: Năm ấy, Đế sai chuyển các chuông lớn, lạc đà, tượng đồng và bàn hưng sương khỏi Trường An. Bàn bị gãy, người đồng nặng không đưa đi được, để lại ở Bá Thành. Đế cho đào bới nhiều đồng để đúc hai tượng đồng, gọi là ông Trọng, bày ngồi ở ngoài cửa Tư mã. Lại đúc rồng vàng, chim phượng mỗi thứ một con, rồng cao bốn trượng, phượng cao hơn ba trượng, bày ở phía trước nội điện. Đắp núi đất ở góc tây bắc vườn Phương lâm,

¹ Cam Tuyền (甘泉), thuộc địa phận Thiểm Tây hiện nay, vốn là một cung điện của nhà Tần, sau đó nhà Hán dựng lại làm nơi đón tiếp các vương chư hầu, khách ngoại quốc; Ung cung (雍宫), tức đất Ung, nằm ở Cam Túc, là nơi các vua Trung Quốc cổ xưa làm lễ tế trời, có đàn tế Ngũ Chi Nguyên (五畤原) nổi tiếng thời cổ nằm ở phía nam huyện Phụng Tường tỉnh Thiểm Tây.

sai công khanh trăm quan đều phải vác đất đắp núi, rồi trồng tùng trúc cùng các loại cây cỏ thơm ở trên núi ấy, bắt các loài chim núi thú rừng thả vào trong đó.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Đế cho dời bàn, bàn gãy, tiếng vang xa mấy chục dặm, tiếng kim địch như tiếng người khóc, vì thế mới để lại ở Bá Thành.

Ngụy lược chép rằng Tư đồ Quân nghị duyệt là Đồng Tâm người quận Hà Đông dâng thư can rằng:

"Thần nghe nói kẻ sĩ ngay thẳng thời xưa, hết lời vì nước, chẳng hiềm cái chết. Vì thế Chu Xương so Cao tổ với Kiệt, Trụ;⁽¹⁾ Lưu Phụ ví Triệu hậu với đũa nô tì.⁽²⁾ Con người ta thiên tính ngay thẳng trung thực, nước sôi đao sắc, dầu đi qua cũng chẳng đoái hoài, đấy thực là vì quân vương lúc đương thời mà yêu tiếc thiên hạ vậy."

"Từ thời Kiến An đến nay, kẻ giao chiến chết ở ngoài đông, có người họ hàng cửa nhà sạch nhẵn, dầu còn sót lại, chỉ có con thơ và người già yếu. Nếu cung thất hiện nay nhỏ hẹp, đáng phải làm cao lớn rộng rãi thêm, cũng nên tùy thời, chẳng để phương hại đến mùa nông, hưởng chi

¹ Chu Xương (周昌) là đồng hương với Lưu Bang, thời nhà Tần làm linh thú, sau theo Lưu Bang vào quan ả phá Tần, nhận chức Trung úy, sau này được làm Ngự sử đại phu, tước Phần Âm hầu. Chu Xương nổi tiếng là người ngay thẳng, đến Tiêu Hà, Tào Tham cũng rất kính trọng. Có một lần Chu Xương vào cung dâng tấu trong giờ nghị, Cao đế đang bế nàng Thích Cơ trong lòng, Chu Xương trông thấy thế quay đầu chạy về, Cao đế vội chạy vượt lên chặn đầu, nắm cổ Chu Xương hỏi: "Ta là vị Hoàng đế thế nào?" Chu Xương vờn cổ nói: "Bệ hạ là dạng Hoàng đế Hạ Kiệt, Thương Trụ vậy." Cao đế nghe xong bật cười khanh khách, bởi thế càng kính trọng Chu Xương. Sau này Cao đế có ý phế trưởng lập thứ, Cao Xương kiên quyết phản đối, tranh biện trước triều đình, rút cục Cao tổ từ bỏ ý định ấy.

² Lưu Phụ (刘辅) là con thứ của Quang Vũ đế Lưu Tú nhà Đông Hán, nổi tiếng ngay thẳng, làm quan Giám nghị đại phu thời vua Hán Thành đế. Khi Hán Thành đế phế Hứa hoàng hậu, định lập Triệu Phi Yến (là con nhà ti tiện, tư cách đê hèn, cha mẹ ruột vốn là nô lệ phục tịch trong phủ quý tộc) làm Hoàng hậu, Lưu Phụ dâng thư can gián, đại ý nói rằng: "Cây gỗ mục chẳng thể làm cột, kẻ tôi đòi chẳng thể là người chủ. Thần nghĩ mình là người cùng họ được đề bạt, sợ làm ô nhục chức giám quan, chẳng dám không tận chết can ngăn, mong bệ hạ xét kỹ." Thư dâng lên, Hán Thành đế vì say mê Triệu Phi Yến nên tức giận, sai quan Thị ngự sử đến bắt Lưu Phụ tống giam vào ngục.

là việc làm ra những đồ vật vô ích, như rồng vàng, chim phượng, điện Cửu Long, bàn húng sương, thổ sơn, uyên trì, đầy đều là những việc mà bậc thánh minh không làm vậy, mà nay những vật ấy lại có rất nhiều ở nơi điện xá."

"Các quan Tam công, Cửu khanh, Thị trung, Thượng thư, người chí đức trong thiên hạ, đều biết là trái đạo mà chẳng ai dám nói, là vì Bệ Hạ trẻ tuổi cương cường, trong lòng họ sợ cái uy sấm sét. Nay bệ hạ đã quý trọng quần thần, cho mũ miện vẽ vàng, cho mặc áo hoa văn cẩm tú, cho ngồi xe kiệu rực rỡ, là để khác với kẻ tiểu nhân; nhưng lại sai vác cây đội đất, mặt mày cau bẳn, thân thể uớt đẫm, chân tay lấm lem, mũ áo xộc xệch, hủy hoại cái sự vẻ vang của quốc gia để cầu lấy cái việc vô ích, có thể nói là rất sai lầm vậy."

"Khổng tử nói: 'Vua sai bầy tôi dùng lễ, bầy tôi thờ vua phải trung.' Vô trung vô lễ, lấy gì dựng nước! Cho nên vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, trên dưới bất thông, trong lòng kết thành mối uất, khiến âm dương bất hòa, tai họa thường giáng xuống, bọn người hung ác nhân đó nổi lên, ai sẽ giúp bệ hạ hết lời mưu việc? Rồi ai sẽ chống đỡ vạn cổ xe xem cái chết như đùa bốn đây?"

"Thần biết nói ra tất phải chết, nhưng thần tự so mình như cái lông trên thân thể con trâu, sống đã vô ích, chết cũng tổn hại gì? Cầm bút mà sa nước mắt, trong lòng từ biệt với đời. Thần có tám con, sau khi thần chết, phải phiên đến bệ hạ vậy!"

Sấp dâng tấu, Tầm tẩm gọi sạch sẽ. Tấu dâng lên, Đế nói:

- Đồng Tầm không sợ chết ư!

Quan chủ quản tàu xin bắt lấy Tầm, Đế hạ chiếu cấm được hỏi đến. Sau này Tầm làm Bối Khâu lệnh, trong sạch giản dị rất được lòng dân.

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, Đế hạ chiếu sai Thái úy Tư Mã Tuyên vương thống suất binh lính đánh dẹp Liêu Đông.①

① Tấn ký của Can Bảo chép: Đế hỏi Tuyên vương:

- Liệu Công Tôn Uyên sẽ dùng kế gì để đối phó với ngài?

Tuyên vương thưa rằng:

- Uyên bỏ thành chạy trốn, là thượng kế vậy; chiếm giữ sông Liêu chống cự đại quân, là kế kém một bậc; ngồi giữ Tương Bình, đây thực là chịu bị cầm tù thôi.

Đế nói:

- Như thế thì trong ba kế ấy kế nào sẽ xảy ra?

Đáp rằng:

- Chỉ có sáng trí suy xét tính rõ rệt ta, mới dự liệu việc bỏ chạy, điều ấy không phải là thứ mà Uyên có thể nghĩ được, hấn lại cho rằng nay ta quân cô đi xa, chẳng thể giữ lâu được, tất trước tiên sẽ chống cự ở Liêu Thủy, sau đó về thủ giữ vậy.

Đế nói:

- Cả đánh giữ và quay về độ bao lâu?

Đáp rằng:

- Đi trăm ngày, đánh trăm ngày; quay về trăm ngày, dùng sáu mươi ngày để nghỉ ngơi, như thế, một năm là đủ rồi.

Ngụy danh thần tấu chép biểu của Tán kỵ thường thị là Hà Tăng rằng:

"Thần nghe nói chế độ pháp quy của các vị vua thời trước, ắt hẳn chu toàn thận trọng, cho nên lúc đặt quan trao chức, thì bố trí người phụ giúp, khi bày quân sai tướng, thì lập phó quan giám quân; lúc tuyên mệnh phái sứ, thì cắt đặt phó sứ, khi lâm địch giao phong, thì cử người đánh xe, đại khái là để họ hết sức mưu nghĩ việc công, phòng cái biến an nguy vậy. Vì thế lúc nguy hiểm khó khăn, thì quyền biến đủ để giúp nhau, không may tổn thương bất trắc, thì có tướng tài thay thế, đây là phòng chắc, rất sâu xa vậy."

"Kíp đến nhà Hán, cũng noi theo phép cũ. Hàn Tín phạt Triệu, Trương Nhĩ làm phó soái; Mã Viện dẹp Việt, Lưu Long làm phó quân. Dấu tích thời trước, ghi rõ trong sách vở. Nay Ý vâng mệnh đi đánh giết kẻ có tội, quân bộ kỵ mấy vạn, đường đất quanh co hiểm trở, hơn bốn nghìn dặm, dấu cây oai trời, đi không cần đánh, ví như giặc lẩn trốn, tiêu phí ngày tháng, mệnh lệnh vô thường."

"Con người chẳng phải là sắt đá, lo tính xa xôi chuẩn bị kỹ lưỡng, thực nên có phó tướng. Nay chưa tướng mà Ý thống lĩnh ở biên ải phía bắc, đều là liêu thuộc, danh vị chẳng có gì đặc biệt, vốn không có danh phận rõ ràng, nếu đột nhiên có biến gấp, chẳng đủ oai để trấn nhiếp."

"Lúc còn chẳng quên nghĩ lúc mất, đây là lời răn của bậc thánh trí vậy, nay nên tuyển chọn đại thần lão luyện vốn là danh tướng có uy trọng, đây đủ lễ trật, phái đến chỗ quân của Ý, tiến thì cùng bàn mưu lược, lui thì làm phó giúp đỡ. Dẫu vạn nhất có vạ không may, chỉ huy quân đội có người định sẵn, thì không lo gì nữa."

Quán Khâu Kiệm chỉ ký chép rằng, bấy giờ lấy Kiệm làm phó cho Tuyên vương.

Tháng hai ngày Quý Mão, lấy quan Thái trung đại phu là Hàn Kỵ làm Tư đồ. Ngày Quý Sửu, mặt trăng phạm vào tâm vòng Cự tinh, lại phạm vào tâm các đại tinh ở giữa vòm trời.

Mùa hạ tháng tư ngày Canh Tý, Tư đồ là Hàn Kỵ chết. Ngày Nhâm Dần, tách mười huyện của nước Bái là Tiêu, Tương, Trúc Ấp, Phù Ly, Kỳ, Chí, Long Kháng, Sơn Tang, Hào, Hồng lập quận Nhữ Âm. Huyện Tống và huyện Khổ của quận Trần đều quy thuộc vào quận Tiêu. Lấy các huyện Bái, Thục Thu, Công Khâu, đất phong Bành Thành, huyện Quảng Thích, gộp năm huyện thành nước Bái Vương. Ngày Canh Tuất, xuống lệnh đại xá thiên hạ.

Tháng năm ngày Ất Hợi, mặt trăng phạm vào tâm vòng Cự tinh, lại phạm vào tâm các đại tinh ở giữa vòm trời. ① Tháng sáu, bỏ huyện Hồ Nô của quận Ngư Dương, đặt lại huyện An Lạc.

① Ngụy thư chép tờ chiếu ngày Mậu Tý rằng:

"Xưa kia Hán Cao tổ sáng nghiệp, Quang Vũ trung hưng, mưu trừ kẻ tàn bạo, công lao sáng rõ bốn bể, mà lãnh mộ sạt lở đổ nát, trẻ trăn trâu giầy xéo lên trên, là trái với cái ý tôn sùng triều đại được kế thừa của Đại Ngụy ta vậy. Nay tuyên rõ trong vòng một trăm bước quanh bốn

mặt lăng của Cao tổ và Quang Vũ, không được để dân chúng cày ruộng hay chăn nuôi chặt củi."

Mùa thu tháng tám, vua của người Khương ở xứ Thiêu Đường là bọn Mang Trung, Chú Nghệ làm phản. Thử sử Lương châu thống suất quân của các quận đánh dẹp, chém đầu Chú Nghệ. Ngày Quý Sửu, có sao chổi xuất hiện ở vị trí sao Trương.^①

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Sử quan nói với Đế rằng:

- Chỗ ấy là cánh đồng thuộc địa phận đất triều Chu, ở Lạc Ấp có việc xấu vậy.

Vì thế Đế hạ lệnh cử hành lễ cầu đảo với quy mô lớn để trấn áp trừ họa.

Ngụy thư chép: Tháng chín, Thái thú Âm Bình người đất Thục là Liêu Đôn làm phản, tấn công doanh trại của Thủ thiện Khương hầu Dăng Khuẩn. Thử sử Ung châu Quách Hoài phái Thái thú Quảng Ngụy là Vương Tán, Thái thú Nam An là Du Dịch đem binh đánh dẹp Đôn. Hoài dâng thư nói:

- Bọn Tán, Dịch chia binh đóng ở hai phía đông tây núi Giáp, vây bên ngoài chỗ phòng vệ của giặc, phá địch trong sớm tối.

Đế nói:

- Dụng binh xấu ở chỗ chia lìa.

Vội hạ chiếu cho Hoài lệnh sai các doanh của Dịch không được ở nơi yếu địa, phải quay về đóng ở chỗ có hình thế tiện lợi. Chiếu sắc chưa đến nơi, quân của Dịch đã bị Đôn đánh tan. Tán bị trúng tên lạc chết.

Ngày Bính Dần, Tư Mã Tuyên vương vây hãm Công Tôn Uyên ở Tương Bình, đại phá chém hấn, truyền đưa thủ cấp Uyên về kinh, các quận ngoài biên phía đông bình.

Mùa đông tháng mười một, biên chép công lao đánh dẹp Uyên, từ Thái úy Tuyên vương trở xuống được tăng ấp phong tước đều theo thứ bậc.

Trước đó, Đế bàn việc phái Tuyên vương đi đánh dẹp Uyên, phát cho bốn vạn binh lính. Quần thần bàn luận đều cho rằng bốn vạn binh là nhiều, lao dịch phí tổn khó cung ứng. Đế nói:

- Đi chinh phạt xa bốn nghìn dặm, tuy rằng xuất kỳ bất ý, cũng phải dựa vào lực lượng, chẳng nên tính đếm một chút phí tổn lao dịch.

Rồi cho bốn vạn người đi. Lúc Tuyên vương đến Liêu Đông, gặp mưa không có cơ hội tấn công, quần thần có người cho rằng Uyên chưa thể phá ngay được, nên hạ chiếu gọi Tuyên vương về. Đế nói:

- Tư Mã Ý lâm nguy tùy cơ ứng biến, việc bắt Uyên có thể tính ngày mà đợi được.

Cuối cùng đều như Đế tính.

Ngày Nhâm Ngọ, lấy Tư không là Vệ Trăn làm Tư đồ, Tư lệ Hiệu úy là Thôi Lâm làm Tư không. Tháng nhuận, mặt trăng phạm vào tâm các đại tinh ở giữa vòm trời.

Tháng mười hai ngày Ất Sửu, Đế bệnh nặng, thân thể bất an. Ngày Tân Ty, lập Hoàng hậu, ban cho người giữ tước Nam tử trong thiên hạ lên hai cấp, ban thóc cho người góa vợ kẻ góa chồng sống cô độc. Lấy Yên vương là Vũ làm Đại tướng quân, ngày Giáp Thân cách chức Vũ, dùng Vũ vệ tướng quân là Tào Sảng thay Vũ.①

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Đế dùng Yên vương là Tào Vũ làm Đại tướng quân, sai cùng bọn Lĩnh quân tướng quân Hạ Hưu Hiến, Vũ Vệ tướng quân Tào Sảng, Đồn kỵ Hiệu úy Tào Triệu, Kiêu kỵ tướng quân Tần Lãng phối hợp với nhau làm phụ chính.

Trung thư giám là Lưu Phóng, Trung thư lệnh là Tôn Tư chiếm riêng quyền ân sủng đã lâu, với bọn Lãng vốn quan hệ không tốt, e sợ có hại về sau, bèn ngầm mưu ly gián họ, nhưng Vũ thường ở cạnh Đế, nên chưa có cơ hội dăng lời.

Ngày Giáp Thân, khí của Đế đã suy, Vũ xuống điện gọi Tào Triệu đến nghị bàn, chưa quay về, mà bên cạnh Đế ít người, chỉ có mình Tào Sảng ở đó. Phóng biết được, bèn gọi Tư cùng tính mưu. Tư nói:

- Không nên vọng động.

Phóng nói:

- Cùng nhau vào vạc nóng, có gì là không thể làm đây?

Bèn đột ngột xông đến yết kiến Đế, roi nước mắt nói:

- Bệ hạ khí đã suy, nếu có mệnh hệ nào, sẽ đem thiên hạ phó thác cho ai?

Đế nói:

- Khanh không nghe nói việc dùng Yên vương sao?

Phóng nói:

- Bệ hạ quên chiếu sắc của Tiên đế, là phiên vương không được phụ chính. Vả lại bệ hạ còn đang bệnh, mà bọn Tào Triệu, Tần Lăng thiện tiện cùng bọn Tài nhân hầu hạ nói năng đùa bỡn. Yên vương cầm binh giữ mặt nam, không đồng ý cho bọn thần vào, thế tức là Thụ Điêu, Triệu Cao rồi vậy.⁽¹⁾ Nay Hoàng thái tử còn thơ ấu, chưa thể thống quản chính sự, bên ngoài giặc cướp cường bạo, bên trong dân chúng lao nhọc oán giận, bệ hạ chẳng lo nghĩ sâu xa đến việc tồn vong, mà gần gũi với họ hàng và người có ân cũ. Dem cơ nghiệp của tổ tông ủy thác, giao phó cho hai ba kẻ quan lại tầm thường, nằm bệnh mấy ngày, trong ngoài nghẽn lối xa cách, xã tắc nguy nan, mà thân mình lại chẳng biết gì, đấy là cái lý do khiến bọn thần đau lòng vậy.

¹ Thụ Điêu (竖刁) là hoạn quan của Tề Hoàn công thời Xuân Thu được sủng ái, Hoàn công chết, các công tử tranh ngôi, Thụ Điêu giết các quan, chuyên quyền phế lập, nước Tề loạn.

Triệu Cao (赵高) là hoạn quan, gian thần nổi tiếng ở nước Tần, mưu cùng Lý Tư sửa di chiếu của Tần Thủy Hoàng, giết tướng tài của nước Tần là Mông Diêm, bức chết con trưởng của Tần Thủy Hoàng là Phù Tô, lập công tử Hồ Hợi là con thứ, rồi thao túng quyền chính, nổi tiếng với tích chỉ hươu nói ngựa, khiến nước Tần nhanh chóng suy sụp, rồi dẫn đến diệt vong.

Đế nghe lời Phóng nói, cả giận hỏi:

- Ai có thể gánh vác việc được?

Phóng, Tư bèn tiến cử Sảng thay Vũ, lại bẩm rằng:

- Nên hạ chiếu cho Tư Mã Tuyên vương sai cùng tham dự.

Đế theo lời ấy.

Phóng, Tư đi ra, Tào Triệu vào, chảy nước mắt khóc cố can ngăn, Đế sai Triệu ban lệnh dừng việc ấy lại. Triệu ra khỏi cửa, Phóng, Tư rào bước đi vào, lại khuyên ngăn Đế, Đế lại theo lời bọn họ.

Phóng nói:

- Bệ hạ nên tự tay viết chiếu.

Đế nói:

- Ta bệnh nặng quá, không viết được.

Phóng liền lên giường, cầm tay Đế cố viết chiếu, rồi đưa ra ngoài, nói lớn rằng:

- Có chiếu bãi chức quan của bọn Yên vương Vũ, không được ở lại trong cung cấm nữa.

Vì thế Vũ, Triệu, Hiến, Lãng cùng nhau khóc lóc quay về phủ đệ.

Khi trước, vào giữa năm Thanh Long thứ ba, có người vợ của một nông dân ở Thọ Xuân tự nói rằng mình là thiên thần hạ phàm, tên là Đẳng nữ,⁽¹⁾ gánh vác công việc hộ vệ hoàng thất, trừ tà rước phúc. Uống nước của người ấy cho, tẩy sạch được vết mụn nhọt, có nhiều người đến chữa trị bệnh. Vì thế Đế cho dựng đài quán ở hậu cung, hạ chiếu thư tán dương, rất sủng ái ưu đãi. Lúc Đế ốm bệnh, uống nước của người đó không nghiệm, vì thế bèn giết người ấy.

Năm thứ ba tháng giêng ngày Đinh Hợi, Thái úy Tuyên vương về đến Hà Nội. Đế sai ngựa trạm triệu đến, cho người dẫn vào trong chỗ nằm, cầm tay Tuyên vương bảo rằng:

¹ Đẳng nữ, có nghĩa là người con gái (phụ nữ) được tôn kính.

- Ta ốm rất nặng, đem hậu sự phó thác cho ngài, ngài cùng Sáng giúp đỡ con nhỏ của ta. Nay gặp được ngài, không có gì ân hận nữa!

Tuyên vương rập đầu lay sa nước mắt.^① Ngay hôm ấy, Đế băng ở điện Gia Phúc,^② năm ấy ba mươi sáu tuổi.^③ Ngày Quý Sửu, táng ở Cao Bình lăng.^④

① *Ngụy lược* chép: Đế đã nghe kế của Lưu Phóng, triệu Tư Mã Tuyên vương, tự mình viết chiếu, viết xong phong kín, ngoảnh sang gọi viên cấp sứ thường túc trực trong cung bảo rằng:

- Tích tà⁽¹⁾ lại đây! Mày cầm chiếu này của ta trao cho Thái úy.

Tích tà lên ngựa đi ngay.

Trước đây, Yên vương giúp Đế vạch kế, cho rằng việc ở Quan Trung là quan trọng, nên tiện đường phái Tuyên vương từ Hà Nội quay sang phía tây rồi về, việc được thi hành. Tuyên vương nhận chiếu trước, chốc lát lại nhận được thư tay viết sau, ngờ là kinh sư có biến, bèn lên ngựa cấp tốc quay về, vào yết kiến Đế. Đế úy lạo hỏi han xong, bèn triệu hai vương Tề, Tần đến bảo rõ với Tuyên vương, đặc biệt trở tay vào Tề vương bảo Tuyên vương rằng:

- Nó đây, ngài nhìn kỹ nó nhé, chớ có lầm lẫn đấy!

Lại truyền bảo Tề vương sai tiến lên ôm cổ Tuyên vương.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Bấy giờ Thái tử Phương tám tuổi, Tần vương chín tuổi, ở bên cạnh Đế. Đế cầm tay Tuyên vương, mắt nhìn Thái tử nói:

- Cái chết lại có thể nhịn được, trăm nhịn chết để đợi ngài, ngài hãy cùng Sáng giúp đỡ nó.

Tuyên vương nói:

- Bệ hạ chẳng thấy tiên đế phó thác thần cho bệ hạ đó sao?

② *Ngụy thư* chép: Linh cữu đế ở phía trước điện Cửu Long.

¹ Tích tà là cách vua chúa gọi tên kẻ hầu hạ thân cận bên cạnh mình.

③ Thần Tùng Chi xét: Ngụy Vũ vào tháng tám năm Kiến An thứ chín định huyện Nghiệp, Văn đế mới thu nạp Chân hậu, ứng theo đó Minh đế được sinh vào năm Kiến An thứ mười, tính đến tháng giêng năm ấy, vừa tròn ba mươi tư tuổi thôi. Bấy giờ đôi ngày chính sóc, lấy tháng mười hai năm trước làm tháng giêng năm sau, có thể nói quá lên là ba mươi lăm tuổi, không thể là ba mươi sáu tuổi được.

④ *Ngụy thư* chép: Nghi dung cử chỉ của Đế dễ coi, trông xa nghiêm trang tề chỉnh. Từ lúc ở Đông cung, chẳng giao tiếp với quần thần trong triều, không hỏi đến chính sự, chỉ dốc tâm trí vào thư tịch mà thôi. Sau khi tức vị, khen ngợi kính lễ đại thần, liệu xét khả năng của quan lại, thật giả không để lẫn lộn với nhau, nhất tâm dứt tuyệt đầu mối của việc dèm pha hủy báng phù phiếm, hành quân động binh, luận quyết đại sự, mưu thần văn võ, đều phục hùnh tài đại lược của Đế. Đế vốn có trí nhớ rất đặc biệt, dù chỉ là bày tôi nhỏ nhất hay quan lại ghi chép sổ sách ở xung quanh, từ bản tính hành vi, tên tuổi lai lịch, cho đến con em cha anh của họ, một lần đã nghe đến hay nhìn qua, nhất định chẳng bao giờ quên sót. Bao dung dùng được người có tật xấu, thu dụng được lời nói thẳng, tự xử đoán văn thư của quan lại thứ dân dâng lên, trong vòng một tháng có đến trăm phong thư, dầu văn vẻ câu từ thô lậu, nhưng xem qua là xét xong mọi lẽ, không hề có vẻ chán mệt.

Tôn Thỉnh nói: Ta nghe các vị trưởng lão nói, Ngụy Minh đế tư chất trời sinh tốt đẹp lạ thường, khi đứng tóc buông chấm đất, ít nói ra lời, nhưng thâm trầm cương nghị giỏi xét đoán. Mới đầu, các công khanh nhận di mệnh phụ tá, Đế đều cho đi gánh vác trọng trách ở một phương, chính lệnh được tự mình đưa ra. Còn ưu đãi lễ ngộ các đại thần, rộng lòng dung nạp lời hay thẳng thắn, dù có người mạo phạm cực lực can gián, cũng không ai bị giết chóc, cái lượng bao dung cho người của bậc quân vương như thế thật vĩ đại vậy. Nhưng chẳng nghĩ việc gây dựng đức tốt truyền cho hậu thế, chẳng giữ vững được gốc rễ cơ nghiệp của tổ tiên, đến nỗi khiến đại quyền nghiêng lệch rơi rụng, xã tắc không có ai bảo vệ, tiếc lắm thay!

Bình rằng: Minh đế thâm trầm cương nghị, giỏi quyết đoán, vững lòng làm việc theo ý mình, đại khái là có phong độ khí phách của bậc quân vương. Song vào lúc trăm họ tàn tệ, bốn bể tan lìa, chẳng kế thừa và phát triển đức nghiệp làm rạng rỡ tổ tông, mở mang nghiệp lớn, lại vội theo vết Tần Hoàng, Hán Vũ, mưu dựng cung quán, xét về mưu lược sâu xa, việc ấy thật nguy thay!

---ॐ---

QUYỂN THỨ TƯ TAM THIẾU ĐẾ KỶ



Tề vương húy Phương, tự Lan Khanh. Minh đế không có con, mới nuôi Vương cùng với Tần vương là Tuân; việc bí mật trong cung vi, chẳng ai biết nguyên ủy chuyện ấy ra sao.^① Năm Thanh Long thứ ba, được lập làm Tề vương.

Năm Cảnh Sơ thứ ba tháng giêng ngày Đinh Hợi là ngày sóc, Đế bệnh rất nặng, bèn lập Vương làm Hoàng thái tử. Hôm ấy, lên tức vị Hoàng đế, đại xá thiên hạ. Tôn Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu, còn Đại tướng quân Tào Sảng, Thái úy Tư Mã Tuyên vương làm phụ chính. Hạ chiếu rằng:

"Trẫm vốn đui hèn, kế thừa nghiệp lớn, đau buồn để tang, không coi nổi việc. Đại tướng quân, Thái úy vâng nhận di mệnh lúc lâm chung, giúp đỡ thân trẫm, quan Tư đồ, Tư không, Trung tể, Nguyên phụ tổng lĩnh trăm quan, để giữ yên xã tắc, các vị hãy cùng công khanh đại phu gắng sức dốc lòng, để xứng ý trẫm. Các nơi đang lao dịch dựng xây cung thất, vâng theo di chiếu nay đều bãi bỏ. Những nô tì của quan lại từ sáu mươi tuổi trở lên, đều tha cho làm dân lành."

Tháng hai, người ở Tây Vực xa mấy lần dịch tiếng⁽¹⁾ dâng biểu vải chống lửa, Đế hạ chiếu cho Đại tướng quân, Thái úy đến mặt thử để bá cáo với trăm quan.^②

¹ Ý nói rằng sứ giả của một nước thuộc vùng Tây Vực rất xa, phải qua mấy lần phiên dịch, người nước này dịch tiếng cho người nước khác nghe, người nghe được lại dịch sang tiếng khác, rồi mới dịch lại sang tiếng Trung Quốc, bấy giờ người Trung Quốc mới hiểu được cái điều mà sứ giả nói.

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Có người nói Đế là con của Nhâm Thành vương là Tào Khải.

② *Dị vật chí* chép: Nước Tư Điều⁽¹⁾ có núi lửa, nằm ở giữa bể nam. Trên núi ấy có lửa quý, mùa xuân mùa hạ tự cháy lên, mùa thu mùa đông tự tắt đi. Có cây cối mọc ở giữa đám cháy mà không bị thiêu rụi vậy, cành lá vỏ cây vẫn tươi, mùa thu mùa đông lửa tắt đi thì đều khô héo cả. Phong tục của người nước này thường là vào mùa đông thì lấy vỏ cây ấy để làm vải, sắc vải xanh hơi đen; nếu có bụi bẩn bám vào vải ấy, đem quăng vào trong lửa, thì lại sáng đẹp vậy.

Phó tử chép: Vào thời Hoàn đế nhà Hán, Đại tướng quân Lương Ký dùng vải chống lửa làm áo đơn, có lần vào lúc đại hội tân khách, Ký vươn tay giành chén rượu, đánh đổ chén làm bắn cái áo ấy, bèn vò nổi giận, cởi cái áo đang mặc ra nói: "Đốt nó đi." Vải gặp lửa, cháy bùng bùng sáng rực lên, như đốt áo thường, chỗ bắn biến hết thì lửa cũng tắt rụi, áo lại sạch sẽ sáng đẹp, như tro lửa mới vậy.

Sưu thần ký chép: Ở một gò lớn thuộc Côn Lôn, có núi lửa cháy, trên núi có chim thú cây cỏ, đều sinh sống ở trong vùng lửa cháy, cho nên có vải chống lửa, nếu không phải làm từ vỏ cây trên núi, thì là từ lông của chim thú trên núi ấy vậy. Xứ Tây Vực lúc trước vào thời nhà Hán có dâng biểu loại vải ấy, một thời gian rất lâu sau thì dứt; đến thời Ngụy sơ, người thời ấy ngỡ rằng không có thứ vải đó. Văn đế cho rằng lửa cháy khốc liệt, không có thứ gì sống nổi trong khí ấy, khi soạn *Diễn luận*, nói rõ rằng việc đó không đúng, bác bỏ điều mà bậc trí giả nghe được. Đến lúc Minh đế tức vị, hạ chiếu cho Tam công nói:

"*Tiên đế trước đây sáng tác Diễn luận, có thể nói là danh ngôn bất hủ, nay khắc lên đá ở ngoài cửa tông miếu và nhà Thái học, sánh ngang với kinh khắc trên đá, để mãi tỏ với người đời sau.*"

¹ Là một quốc gia cổ, có sách nói đây là một hòn đảo ở phía đông nam đảo Trào Oa thuộc vùng Tây Á (nước Xơ ri Lan Ca bây giờ). Tên nước này thấy nhắc đến ở sách *Lạc Dương già lam ký*, quyển thứ tư.

Đến lúc sứ giả người Tây Vực đến dâng biểu vãi chống lửa, vì thế đục bỏ bài luận ấy, mà thiên hạ chê cười vậy.

Thần Tùng Chi trước đây theo đi trận sang tây tới Lạc Dương, qua xem vật cũ, thấy bài *Điển luận* trên đá ở nhà Thái học vẫn còn, nhưng ở ngoài cửa tông miếu thì không thấy, hỏi các vị trưởng lão, họ kể rằng lúc nhà Tấn mới nhận truyền ngôi, dùng ngay tông miếu của nhà Ngụy, dời bia đá ấy sang nhà Thái học, không phải là dựng bia ở hai nơi vậy. Trộm nghĩ lời đoạn văn này trong *Sưu thần ký* là không đúng.

Lại có bài *Thần dị kinh* của Đông Phương Sóc⁽¹⁾ chép: Ở bên ngoài cõi nam hoang vu có một ngọn núi lửa, dài ba chục dặm, rộng năm chục dặm, cây cối trong núi ấy đều xanh tốt mà không héo, lửa cháy đêm ngày, gió táp không bùng lên, mưa trút không tắt rụi. Trong núi lửa có loài chuột, nặng trăm cân, lông dài hơn hai thước, sợi lông như tơ, có thể dùng làm vải được. Vì nó thường sống ở trong lửa, nên có sắc đỏ ửng, thường thường khi ra ngoài thì nó có màu trắng bạc, dùng nước mà tưới lên thì nó chết ngay, bện lông của loài chuột ấy, dệt làm được vải.

Ngày Đinh Sửu hạ chiếu rằng:

"Thái úy đức cao vọng trọng, thẳng thắn theo chính đạo, tận trung suốt ba đời,⁽²⁾ phía nam bắt Mạnh Đạt, phía tây phá giặc Thục, phía đông diệt Công Tôn Uyên, công trùm hải nội. Xưa kia Chu Thành đặt chức Bảo phó, gần đây Hán Quang Vũ tôn sùng Đặng Vũ, đây là sủng đãi người có tài năng siêu việt, tất phải tôn kính vậy. Nay lấy Thái úy làm Thái phó, cho cầm cờ tiết thống lĩnh quân binh đốc trách quân chính như cũ."

¹ Đông Phương Sóc (东方朔), một học giả nổi danh, người vùng Sơn Đông, sống cùng thời với Tư Mã Thiên, sử gia nổi tiếng thời Hán Vũ đế. Đông Phương Sóc bản tính hiền ngang, đa mưu túc trí, hay dùng lời châm biếm, đả kích bọn tham quan, Hán Vũ đế rất xem trọng.

² Ba đời vua nhà Ngụy, là Vũ đế, Văn đế và Minh đế.

Tháng ba, lấy Chinh đông tướng quân Mãn Sủng làm Thái úy. Mùa hạ tháng sáu, đem quan dân huyện Đông Đạp quận Liêu Đông vượt bể đến ở địa giới quận Tề, lấy huyện Tung Thành cũ lập ra huyện Tân Đạp an trí dân bị di dời đến ở đấy.

Mùa thu tháng bảy, chúa thượng bắt đầu đích thân lâm triều, nghe công khanh tấu việc. Tháng tám, đại xá thiên hạ.

Mùa đông tháng mười, lấy Trần nam tướng quân Hoàng Quyền làm Xa kỵ tướng quân.

Tháng mười hai, Đế hạ chiếu rằng:

"Liệt tổ Minh hoàng đế vào tháng giêng lìa bỏ thiên hạ, kẻ thần tử mãi nghĩ nhớ ngày đau buồn ấy, nay dùng lại lịch của nhà Hạ; tuy trái với nghĩa thông lịch Tam thống⁽¹⁾ của Tiên đế, nhưng lễ chế ấy cũng biến cải từ lịch cũ vậy. Lại nữa là lịch nhà Hạ đối với lịch số lại được Thiên chính đúng ngày tiết, nay lấy tháng kiến Dần làm tháng giêng năm Chính Thủy nguyên niên, lấy tháng kiến Sửu làm tháng mười hai năm trước."

Năm Chính Thủy nguyên niên mùa xuân tháng hai ngày Ất Sửu, gia phong quan Thị trung Trung thư giám là Lưu Phóng, Thị trung Trung thư lệnh là Tôn Tư làm Tả, Hữu Quang lộc Đại phu. Ngày Bính Tuất, đem lưu dân huyện Vấn và huyện Bắc Phong xứ Liêu Đông di dời vượt biển, quy hoạch bờ cõi các huyện Xương Quốc, Lâm Truy, Tây An thuộc quận Tề lập ra huyện Tân Vấn, huyện Nam Phong, để lưu dân di dời ở đấy.

Từ mùa đông tháng mười hai năm trước đến tháng ấy trời không mưa. Ngày Bính Dần, hạ chiếu lệnh sai quan coi ngục gấp rút xét lại các oán án, thẩm xét rõ nặng nhẹ hoãn cấp để xử lý thỏa đáng; trăm quan khanh sĩ nói lời thẳng dâng mưu hay, đều phải hết lòng.

¹ Lịch Tam thống là lịch do Lưu Hâm, người thời Tây Hán định ra.

Mùa hạ tháng tư, Xa kỵ tướng quân Hoàng Quyền chết.

Mùa thu tháng bảy, hạ chiếu rằng:

"Dịch nói san chỗ cao lấp chỗ thấp, các việc đều có hạn định, không tổn tiền của, không hại cho dân. Hiện nay trăm họ không no đủ mà cung đình phủ quan có nhiều kim ngân tạp vật, dùng để làm gì? Nay đem năm mươi loại đồ vật bằng vàng bạc, là hơn một nghìn tám trăm cân, cho nấu ra để đúc làm đồ quân dụng."

Tháng tám, xa giá đi tuần xét việc cấy lúa ở địa giới Lạc Dương, ban thưởng cho những nông phu cao tuổi còn khỏe mạnh đều theo thứ bậc.

Năm thứ hai mùa xuân tháng hai, Đế mới thông hiếu sách *Luận ngữ*, sai quan Thái thường đem cỗ thái lao tế Khổng tử ở miếu Tích Ung, để phối tế với Nhan Uyên.

Mùa hạ tháng năm, tướng nước Ngô là bọn Chu Nhiên vây Phàn Thành quận Tương Dương, Thái phó Tư Mã Tuyên vương thống suất quân đội cự chúng.^① Tháng sáu ngày Tân Sửu, quân Ngô lui. Ngày Kỷ Mão, lấy Chinh đông tướng quân là Vương Lăng làm Xa kỵ tướng quân. Mùa đông tháng mười hai, quận Nam An có động đất.

① *Tấn kỷ* của Can Bảo chép: Tướng nước Ngô là Toàn Tông vào cướp vùng Thục Pha, Chu Nhiên, Tôn Luân đem năm vạn người vây Phàn Thành, Gia Cát Cẩn, Bộ Chất vào cướp vùng Tổ Trung; Tông đã thua vỡ bỏ chạy nhưng Phàn Thành bị vây gấp. Tuyên vương nói:

- Mười vạn dân Di ở Tổ Trung, bị ngăn cách ở phía nam sông, lưu li vô chủ, Phàn Thành bị tấn công, nhiều tháng không giải được vây, đây là việc nguy vậy, ta xin tự đến đánh dẹp chúng.

Kẻ bàn luận đều nói:

- Giặc ở xa đến vây Phàn Thành mà không hạ được, bị bẻ gãy ở dưới chân thành vững, là cái thế tự vỡ, nên dùng kế sách lâu dài để ngăn chống chúng.

Tuyên vương nói:

- Thiên *Quân chí*⁽¹⁾ có nói: "Có sức mà chỉ ngăn chống địch, đó là cầm quân không linh hoạt; chẳng có sức mà đương đầu với địch, đó là tự làm quân thua bại." Nay bờ cõi nhiều động, lòng dân nghi hoặc, đó là mối lo lớn của xã tắc vậy.

Tháng sáu, Vương đốc chư quân nam chinh, xa giá đưa tiễn đến ngoài cửa thành Tân Dương. Tuyên vương cho rằng phương nam nóng nực ẩm thấp, không nên cầm giữ lâu, bèn sai quân khinh kỵ đi khiêu chiến, Nhiên không dám động. Vì thế Tuyên vương lệnh cho chư quân nghỉ ngơi tắm rửa, kén quân tinh nhuệ, mộ quân tiên phong, đích thân hô hiệu lệnh, tỏ rõ thế tất đánh. Bọn Nhiên nghe tin, bèn nhân đêm tối bỏ trốn. Truy đuổi đến Tam Châu khẩu, bắt giết được rất nhiều giặc.

Năm thứ ba mùa xuân tháng giêng, Đông Bình vương là Tào Huy chết. Tháng ba, Thái úy Mãn Sùng chết.

Mùa thu tháng bảy ngày Giáp Thân, quận Nam An có động đất. Ngày Ất Dậu, lấy Lĩnh quân tướng quân là Trương Tế làm Thái úy.

Mùa đông tháng mười hai, Ngụy Quận có động đất.

Năm thứ tư mùa xuân tháng giêng, Đế cử hành đại lễ thay quan phục, thưởng quần thần đều theo thứ bậc. Mùa hạ tháng tư ngày Ất Mão, lập Chân thị làm Hoàng hậu, đại xá thiên hạ. Tháng năm ngày sóc, có nhật thực toàn phần, mặt trời biến mất trong chốc lát.

Mùa thu tháng bảy, Đế hạ chiếu cho cúng tế các vị cố Đại tư mã Tào Chân, Tào Hưu, Chinh nam Đại tướng quân Hạ Hầu Thượng, Thái thường Hoàn Giai, Tư không Trần Quần, Thái phó Chung Do, Xa kỵ tướng quân Trương Cáp, Tả tướng quân Từ Hoảng, Tiền tướng quân Trương Liêu, Hữu tướng quân

¹ *Quân chí* là tên một thiên sách trong cuốn *Binh pháp Tôn Tử* của Tôn Vũ soạn ra.

Nhạc Tiến, Thái úy Hoa Hâm, Tư đồ Vương Lăng, Phiêu kỵ tướng quân Tào Hồng, Chinh tây Tướng quân Hạ Hầu Uyên, Hậu tướng quân Chu Linh, Văn Sính, Chấp kim ngô Tang Bá, Phá lỗ Tướng quân Lý Điển, Lập nghĩa Tướng quân Bàng Đức, Vũ mãnh Hiệu úy Điển Vi ở miếu thờ của Thái tổ.

Mùa đông tháng mười hai, nữ vương của nước Nụy là Ti Di Hô phái sứ giả đến dâng biểu cống vật.

Năm thứ năm mùa xuân tháng hai, Đế hạ chiếu cho Đại tướng quân Tào Sảng thống suất quân đội đi đánh Thục.

Mùa hạ tháng tư ngày sóc, có nhật thực.

Tháng năm ngày Quý Ty, Đế học thông *Kinh Thượng Thư*, sai Thái thường đem cỗ thái lao đến tế Khổng tử ở miếu Tích Ung, để phối tế với Nhan Uyên; ban thưởng cho Thái phó, Đại tướng quân và những người hầu giảng đều theo thứ bậc. Ngày Bính Ngọ, Đại tướng quân Tào Sảng dẫn quân về. Mùa thu tháng tám, Tần vương là Tào Tuân chết. Tháng chín, người Tiên Ti xin nội thuộc, Đế đặt họ làm thuộc quốc của quận Liêu Đông, lập huyện Xương Lê để họ cư trú ở đấy.

Mùa đông tháng mười một ngày Quý Mão, Đế hạ chiếu tế tự cố Thượng thư lệnh là Tuân Du ở miếu thờ của Thái tổ. ① Ngày Kỷ Dậu, đặt lại nước Tần thành quận Kinh Triệu. Tháng mười hai, Tư không Thôi Lâm chết.

① Thần Tùng Chi cho rằng Ngụy thị trước đây phối tế mà không đề cập đến Tuân Úc, có lẽ vì năm cuối đời của người ấy có lời di nghị, thêm nữa ngôi vị không phải là bầy tôi cũ của nhà Ngụy vậy. Đến như việc đề cao Trình Dục mà bỏ sót Quách Gia,⁽¹⁾ đặt Chung Do lên trước mà để Tuân Du phía sau, thì là quyết định không rõ ràng vậy. Từ Đà (Từ Tha) mưu phản nghịch mà Hứa

¹ Xem tập I, quyển 3 (Minh đế kỷ). Năm Thanh Long nguyên niên, có phối tế Trình Dục, không có Quách Gia.

Chữ động lòng, cái chí trung thành sánh được với Nhật Đê, và lại mỗi nguy ở Đồng Quan, không có Chữ thì chẳng xong, công lao của Chữ còn quá cả Diển Vi, nay tế Vi mà không đề cập đến Chữ, việc làm ấy lại chưa thấu lẽ vậy.

Năm thứ sáu mùa xuân tháng hai ngày Đinh Mão, quận Nam An có động đất. Ngày Bính Tý, lấy Phiêu kỵ tướng quân là Triệu Nghiễm làm Tư không. Mùa hạ tháng sáu, Nghiễm chết.

Tháng tám ngày Đinh Mão, lấy quan Thái thường là Cao Nhu làm Tư không. Ngày Quý Ty, lấy Tả quang lộc Đại phu là Lưu Phóng làm Phiêu kỵ tướng quân, Hữu quang lộc Đại phu là Tôn Tư làm Vệ tướng quân. Mùa đông tháng mười một, hợp tế ở miếu Thái tổ, bắt đầu cúng tế hai mươi một người là đại thần giúp Thái tổ mà ngày trước bàn luận.

Tháng mười hai ngày Tân Hợi, Đế hạ chiếu dùng *Dịch truyện* mà cố Tư đồ Vương Lãng soạn, lệnh cho các học giả thử truyền dạy. Ngày Ất Hợi, hạ chiếu rằng:

"Hôm sau đại hội quần thần, lệnh cho quan Thái phó được ngồi xe kiệu lên điện."

Năm thứ bảy mùa xuân tháng hai, Thứ sử U châu là Quán Khâu Kiệm đánh dẹp nước Cao Câu Li, mùa hạ tháng năm, đánh dẹp rợ Uế Mạch, đều phá được. Mấy chục nước rợ của bọn Hàn Na Hề đều thống suất người trong bộ lạc ra hàng.

Mùa thu tháng tám ngày Mậu Thân, Đế hạ chiếu rằng:

"Thuộc hạ của ta đến chợ, trông thấy những kẻ bị bán là nô tì của nhà quan, tuổi đều đến bảy mươi, có kẻ bệnh tật lưng gù, ốm đau tàn tạ, đấy là những người dân khốn cùng dưới gầm trời này vậy. Mà quan lại vì họ kiệt lực nên bán họ lần nữa, khiến họ tiến lui không có nơi nương dựa, nay phải hết họ về làm dân lành. Nếu ai không thể tự nuôi thân, quận huyện sở tại phải cấp chẩn cho họ." ①

① Thần Tùng Chi xét: Đế mới tức vị, có chiếu rằng: "Những nô tì của quan lại từ sáu mươi tuổi trở lên đều tha cho làm dân lành." Đã có chiếu ấy, thì phải định ra phép chế lâu dài rồi. Trong vòng bảy tám năm, mà lại có kẻ bán người bảy mươi tuổi, và lại nô tì bảy mươi tuổi hay những người gù lưng, ốm đau tàn tạ, đều không phải là hạng người có thể đem ra bán, nhưng vẫn thấy bán họ ở chợ, đấy đều là việc khó hiểu.

Ngày Kỷ Dậu, hạ chiếu rằng:

"Ta định là đến ngày mười chín sẽ đích thân đi Thái miếu tế tổ, nhưng hôm qua ta ra ngoài thấy có người sửa sang đường xá, trời đang mưa mà lại sửa đường, chỉ phí thời gian và sức lực. Ta thường nghĩ rằng sức của trăm họ ít mà việc lao dịch lại nhiều, sớm khuya lo lắng. Đường đất chỉ cốt ở chỗ thông suốt, ta nghe nói lại đánh đập cả người già con trẻ, cực lực tu bổ sửa sang, dân mỗi một lưu ly cơ khổ, dẫn đến ai oán thở than, ta há yên lòng ngồi xe mà đi cúng tế, tỏ rõ đức tốt ở tông miếu được chăng? Từ nay về sau, hãy xét rõ sắc lệnh này mà hành sự."

Mùa đông tháng mười hai, Đế học thông sách Lễ ký, sai Thái thường làm cỗ thái lao cúng tế Khổng tử ở miếu Tích Ung, đề phối tế với Nhan Uyên.①

① Hán Tấn Xuân Thu của Tập Tạc Xi chép: Năm ấy, tướng nước Ngô là Chu Nhiên xâm nhập Tổ Trung, bắt chém mấy nghìn người; hơn một vạn nhà quan dân ở Tổ Trung vượt sông Miện. Tư Mã Tuyên vương bảo Tào Sảng rằng:

- Nếu ta tự tiện ra lệnh kéo quân về, tất giặc lại đến cướp, nên quyền biến lưu quân lại.

Sảng nói:

- Nay không lo giữ phía nam sông Miện, mà lo giữ dân ở phía bắc sông Miện, không phải là kế sách hay vậy.

Tuyên vương nói:

- Không đúng. Phàm là vật gì đặt ở chỗ yên thì được yên, đặt ở chỗ nguy thì bị nguy, cho nên binh thư nói, thành bại tại hình, an nguy tại thế, hình thế là cái cốt yếu để ngăn chống, chẳng thế không xét kỹ. Ví thử hai vạn quân giặc cắt đứt sông Miện, ba vạn người cùng chụm quân ở phía nam sông Miện cầm giữ nhau, một vạn quân theo đường bộ vào cướp Tổ Trung, ngài có cách gì cứu được?

Sảng không nghe, sau lệnh cho quân về. Nhiên về sau tập kích phá chỗ ấy. Viên Hoài nói với Sảng rằng:

- Người dân vùng Ngô Sở yếu đuối ít sức, bậc anh tài đại hiền không sinh ra ở đất ấy, so tài lượng sức, chẳng đủ để cùng người Trung Quốc đối kháng, nhưng từ đời xưa đến nay họ thường là mối lo của người Trung Quốc, đại khái là họ lấy Giang Hán làm thành lũy, thuyền chèo làm khí giới, lợi thì lên bộ cướp bóc, bất lợi thì rút xuống sông, đánh chúng thì phải đi xa, cái kỹ năng sở trường của người Trung Quốc không có chỗ dùng vậy. Tôn Quyền từ mấy chục năm gần đây, đại khai ruộng rẫy ở Giang Bắc, sửa sang giáp binh, chuyên tâm phòng giữ chỗ ấy, mấy lần ra đánh cướp, dám rời xa sông nước, lên bộ bày quân ở đất bằng, đấy là điều mà người Trung Quốc mới nghe được vậy. Kẻ dụng binh, quý ở chỗ người no đợi kẻ đói, lấy sức nhàn đánh sức mỏi, quân đông chẳng muốn đánh lâu, hành quân không muốn đi xa, giữ ít chỗ thì vững, hợp sức một nơi thì mạnh. Hiện nay nên bỏ từ vùng sông Hoài, sông Hán về nam, lui quân tránh địch. Nếu quân giặc vào ở vùng giữa, đến xâm lấn biên cảnh, thì họ phải dùng cái sở đoản của họ, cái kỹ năng sở trường của Trung Quốc có chỗ dùng rồi. Nếu chúng không dám đến, thì biên cảnh được yên bình, không có mối lo cướp bóc vậy. Khiến cho nước giàu binh mạnh, tu sửa chính trị hợp nhất lòng dân, thì việc lấn nước giặc không xa vậy. Nay Trương Dương trợ trợ ở Hán Nam, giặc men sông Hán mà lên, thì ta chặn đường chẳng cho thông, một trận mà thắng, thì chẳng tốn công mà giặc tự phục, cho nên ta đặt quân ở đấy thì không ích gì với quốc gia, bỏ chỗ ấy cũng chẳng đủ coi là nhục. Từ Giang Hạ về đông, các quận Hoài Nam, đã ba đời nay, mấy lần bỏ chỗ ấy, để giặc đến gần bờ cõi mà đã dễ dàng cướp bóc

được đâu? Nếu dời dân về Hoài Bắc, xa cách chỗ ấy, thì dân chúng yên vui, sao nghe tiếng chim hót chó sủa phải kinh hãi nữa?

Rút cục không dời đi.

Năm thứ tám mùa xuân tháng hai ngày sóc, có nhật thực.

Mùa hạ tháng năm, tách mười huyện ở bắc sông Phần thuộc quận Hà Đông lập quận Bình Dương.

Mùa thu tháng bảy, Thượng thư Hà Yển tấu rằng:

"Người khéo trị nước tất phải tu thân trước, người khéo tu thân tất cần thận ở việc học hành. Hiểu biết đúng đắn thì bản thân đứng đắn, bản thân đứng đắn thì chẳng cần ra lệnh mà kẻ dưới làm theo; hiểu biết không đúng đắn thì bản thân không đoan chính, bản thân không đoan chính thì dù sai khiến kẻ dưới cũng không theo. Thế nên người quân tử, khi giao du với nhau tất phải chọn bậc chính nhân, việc xem việc đọc tất phải phân biệt lễ pháp đại nghĩa, tiếng nhạc buông tuồng của nước Trịnh thì không nghe,¹ kẻ nịnh nọt thì xa lánh mà không gần, rồi sau tà tâm không nảy sinh mà chính đạo có thể rộng mở vậy. Các bậc quân vương ám muội thời mạt vận, không biết lẽ hơn thiệt, ruồng bỏ xa lánh người quân tử, sủng ái thân gần kẻ tiểu nhân, người trung lương bỏ đi, kẻ siểm nịnh thân gần, loạn sinh ra từ kẻ thân cận, ví như chuột trong kho thóc; xét rõ người hôn ám hay hiền minh, chính là nhờ tích lũy kiến thức mà có được, cho nên bậc thánh hiền dặn đi dặn lại lấy đó làm lo lắng. Thuấn dạy Vũ rằng: 'Người thân ư, người thân ư', là nói phải thận trọng với người thân gần vậy. Chu công răn Thành vương rằng: 'Bằng hữu sao, bằng hữu sao', là nói việc thận trọng trong giao kết vậy. Kinh Thi nói: 'Một người phúc đức, muôn dân được nhờ.' Nên từ nay về sau, bề hạ đến lễ ở điện lớn hay dạo chơi nơi hậu viên, đều có đại thần theo hầu, nhân lúc vui chơi yến ẩm, kiêm luôn việc xét văn thư, hỏi bàn chính sự, giảng luận nghĩa kinh sách, làm phép tắc cho muôn đời."

¹ Nhạc nước Trịnh là thứ nhạc dân dật, Khổng tử đề xướng ra Nhã nhạc là thứ nhạc đứng đắn, đối lập với thứ nhạc của nước Trịnh, được các nho gia tán đồng.

Mùa đông tháng mười hai, Tán kỵ thường thị Gián nghị đại phu Khổng Nghệ tấu rằng:

"Theo lễ, cung điện của Thiên tử, có quy định là xà nhà phải dẽ gọt mài cho bóng, không tô trát vẽ vờn xanh đỏ, nên tuân theo lễ xưa. Nay thiên hạ đã bình định, địa vị quân thần đã phân minh, bề hạ chỉ nên dùng biếng nhác trên ngôi, giữ lòng công bằng chính trực, xét rõ thưởng phạt để xử lý triều chính. Nên dứt tuyệt việc học cưỡi ngựa ở hậu viên, khi ra ngoài tất phải ngồi kiệu cưỡi xe, đấy là cái phúc của thiên hạ, là mong mỏi của kẻ thần tử vậy."

Yến, Nghệ đều nhân các việc khiếm khuyết để dâng lời can.

Năm thứ chín, mùa xuân tháng hai, Vệ tướng quân Trung thư lệnh là Tôn Tư, ngày Quý Ty, Phiêu kỵ tướng quân Trung thư giám là Lưu Phóng. Tháng ba ngày Giáp Ngọ, Tư đồ là Vệ Trăn, đều nhường ngôi vị, được ban tước Hầu cho về nhà, ban ngôi vị Đặc tiến.

Tháng tư, lấy Tư không là Cao Nhu làm Tư đồ; Quang lộc Đại phu là Từ Mạc làm Tư không, đều cố từ không nhận chức. Mùa thu tháng chín, lấy Xa kỵ tướng quân là Vương Lăng làm Tư không. Mùa đông tháng mười, gió lớn quật đổ nhà, gãy cây to.

Năm Gia Bình nguyên niên mùa xuân tháng giêng ngày Giáp Ngọ, xa giá đến bãi yết ở lăng Cao Bình.① Thái phó Tư Mã Tuyên vương tấu xin bãi chức quan của Đại tướng quân Tào Sảng, em của Sảng là Trung lĩnh quân Tào Hy, Vũ vệ tướng quân là Tào Huấn, Tán kỵ thường thị là Tào Ngạn, ban tước Hầu cho về nhà. Ngày Mậu Tuất, Hữu ti tấu xin bắt Hoàng môn là Trương Đương giao cho Đình úy, xét chứng thực lời cung, là Sảng mưu đồ phản loạn. Lại nữa là bọn Thượng thư Đình Mật, Đặng Dương, Hà Yến, Tư lệ Hiệu úy Tất Quý, Thứ sử Kinh châu Lý Thắng, Đại tư nông Hoàn Phạm đều cùng Sảng thông đồng gian mưu, bị di diệt ba họ. Việc nói ở Tào Sảng truyện.

Ngày Bính Ngọ, đại xá thiên hạ. Ngày Đinh Mùi, lấy Thái phó Tư Mã Tuyên vương làm Thừa tướng, vì Tuyên vương cố nhường bèn thôi.^②

① *Ngụy thế phả* của Tôn Thịnh chép: Lăng Cao Bình ở núi Đại Thạch phía nam sông Lạc, cách thành Lạc chín chục dặm.

② *Hán Ngụy Xuân Thu* của Khổng Diễn chép: Đế hạ chiếu sai Thái thường Vương Túc sách mệnh cho Thái phó làm Thừa tướng, tăng thực ấp một vạn hộ, quần thần khi tấu việc với Thừa tướng không được xưng danh, như việc cũ của Hoắc Quang nhà Hán.

Thái phó dâng thư từ chối rằng:

"Thần đem thân nhận cố mệnh, lo trách nhiệm nặng nề, cậy dựa uy trời, diệt sạch kẻ xấu gian hung, chuộc được tội là may, công lao chẳng đáng để luận bàn. Thêm nữa chức quan Tam công, là chức mà bậc thánh vương đặt ra, được nêu rõ ở điển lễ. Đến như chức Thừa tướng, mới có từ thời Tần Chính.⁽¹⁾ Nhà Hán theo đó, không thay đổi nữa. Nay chức Tam công đều có đủ, lại ngang nhiên sùng ái thần, là vượt quá điển chế trước đây, thay đổi phép thường của bậc thánh minh, noi theo con đường của nhà Tần nhà Hán, dấu có là kỳ nhân, thần cũng phải làm việc theo phép tắc, hướng chi bản thân thần hiện nay lại không cố tranh giành, người ở bốn phương nghị bàn sẽ nói thần thế nào!"

Gửi thư lên hơn chục lần, Đế mới hạ chiếu theo lời, lại gia thêm lễ cửu tích. Thái phó lại nói:

- Thái tổ công cao đức trọng, nhà Hán tôn sùng, cho nên gia thêm lễ cửu tích, đây là việc lạ qua các đời, không phải là điều mà vua tôi đời sau được nghị bàn vậy.

Lại từ chối không nhận.

Mùa hạ tháng tư ngày Ất Sửu, đổi niên hiệu. Ngày Bính Tý, Thái úy là Tướng Tế chết. Mùa đông tháng mười hai ngày Tân Mão, lấy Tư không là Vương Lăng làm Thái úy. Ngày Canh Tý, lấy Tư lệ Hiệu úy là Tôn Lễ làm Tư không.

¹ Tức Tần Thủy Hoàng, con của Trang Tương vương, tên Chính.

Năm thứ hai mùa hạ tháng năm, lấy Chinh tây tướng quân là Quách Hoài làm Xa kỵ tướng quân. Mùa đông tháng mười, lấy Đặc tiến là Tôn Tư làm Phiêu kỵ tướng quân. Tháng mười một, Tư không là Tôn Lễ chết. Tháng mười hai ngày Giáp Thìn, Đông Hải vương là Tào Lâm chết. Ngày Ất Mùi, Chinh nam tướng quân Vương Sưởng vượt sông, thừa cơ đánh úp quân Ngô, phá chúng.

Năm thứ ba mùa xuân tháng giêng, Thứ sử Kinh châu là Vương Cơ, Thái thú Tân Thành là Trần Thái (Châu Thái) đánh Ngô, phá chúng, thu hàng mấy nghìn người. Tháng hai, đặt huyện Di Lăng thuộc Nam Quận để người theo hàng đến ở. Tháng ba, lấy Thượng thư lệnh là Tư Mã Phu làm Tư không. Tháng tư ngày Giáp Thân, lấy Chinh nam tướng quân là Vương Sưởng làm Chinh nam đại tướng quân. Ngày Nhâm Thìn, đại xá thiên hạ. Ngày Mậu Ngọ, nghe tin Thái úy Vương Lăng mưu phế Đế, lập Sở vương Tào Bưu, Thái phó Tư Mã Tuyên vương sang đông đi đánh Lăng. Tháng năm ngày Giáp Dần, Lăng tự sát. Tháng sáu, cho Bưu được tự xử.

Mùa thu tháng bảy ngày Nhâm Tuất, Hoàng hậu Chân thị băng hà. Ngày Tân Mùi, lấy Tư không là Tư Mã Phu làm Thái úy. Ngày Mậu Dần, Thái phó Tư Mã Tuyên vương chết, lấy Vệ tướng quân Tư Mã Cảnh vương làm Phủ quân đại tướng quân, Lục thượng thư sự. Ngày Ất Mùi, an táng Hoài Chân hậu ở lăng Thái Thanh. Ngày Canh Tý, Phiêu kỵ tướng quân là Tôn Tư chết. Tháng mười một, Hữu ti tấu xin cho các công thần nên được tế chung ở miếu Thái tổ, lại để bài vị các chức quan theo thứ tự, Thái phó Tư Mã Tuyên vương công cao tước quý, ở hàng trên cùng. Tháng mười hai, lấy Quang lộc huân là Trịnh Xung làm Tư không.

Năm thứ tư mùa xuân tháng giêng ngày Quý Mão, lấy Phủ quân đại tướng quân Tư Mã Cảnh vương làm Đại tướng quân. Tháng hai, lập Trương thị làm Hoàng hậu, đại xá thiên hạ.

Mùa hạ tháng năm, có hai con cá, thấy ở trên nhà kho vũ khí.①

Mùa đông tháng mười một, Đế hạ chiếu sai bọn Chinh nam đại tướng quân Vương Sùng, Chinh đông tướng quân Hồ Tuân, Trấn nam tướng quân Quán Khâu Kiệm đi đánh nước Ngô.

Tháng mười hai, Đại tướng quân của nước Ngô là Gia Cát Khác chống đánh, đại phá đại quân ở Đông Quan. Quân gặp bất lợi bèn quay về.②

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Khi trước, Tôn Quyền đắp đê ở Đông Hưng để ngăn nước Sào Hồ. Sau đi đánh Hoài Nam, đê vỡ không sửa sang lại. Năm ấy Gia Cát Khác thống suất quân đến đê tập kết ở hai bên tả hữu núi, cho đắp hai tòa thành hẹp, sai Toàn Doan, Lưu Lược giữ thành, rồi dẫn quân về.

Gia Cát Đản bảo Tư Mã Cảnh vương rằng:

- Buộc người ta phải đến chỗ mình đã định, chứ mình chẳng đến chỗ người ta định, đấy là nói việc lúc này vậy. Nay nhân lúc bên họ có nội xâm, ta sai Văn Thư bức Giang Lăng, Trọng Cung hướng đến Vũ Xương, để kiểm chế quân ở thượng lưu của nước Ngô, rồi mới tuyển quân tinh nhuệ đánh hai thành, quân cứu bên kia đến, ta có thể thắng lớn vậy.

Cảnh vương theo lời.

② *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Quán Khâu Kiệm, Vương Sùng nghe tin quân phía đông bại trận, đều đốt trại bỏ chạy. Triều đình nghị bàn muốn biếm chức của chư tướng, Cảnh vương nói:

- Vì ta không nghe lời Công Hưu, cho nên mới đến thế này. Đó là lỗi của ta vậy, chư tướng có tội gì?

Đều tha cho. Bấy giờ Tư Mã Văn vương làm Giám quân, thống lĩnh chư quân, duy có Văn vương bị biếm tước mà thôi.

Năm ấy, Thứ sử Ung châu là Trần Thái xin triều đình sắc mệnh cho quân Tinh châu đốc sức đánh dẹp rợ Hồ, Cảnh vương theo lời. Quân chưa tập hợp, thì dân ở hai quận Nhạn Môn, Tân Hưng cho rằng sắp phải đi đánh phương xa, bèn kinh sợ làm phản. Cảnh vương lại tạ lỗi với các quan trong triều rằng:

- Đó là lỗi của ta, không phải là trách nhiệm của Huyền Bá!

Vì thế người Ngụy vừa mừng vừa thẹn, mọi người nghĩ cách báo đáp lời ấy.

Tập Tạc Xi nói: Tư Mã Đại tướng quân nhận sai lầm ở hai trận thua cho là lỗi của mình, lỗi tiêu mà nghiệp thịnh, có thể gọi là trí rồi. Người dân quên đi cái thất bại ấy, rồi cúi nghĩ cách báo đáp, dẫu muốn không yên lòng, há có thể được sao? Nếu lại né tránh thất bại đùn đẩy tội lỗi, đem đổ tiếng xấu cho người, thường chọn nhận công lao giấu giếm cái sai của mình, thì trên dưới chẳng đồng lòng, hiền ngu ly tán, đấy là cái thua lần nữa của nước Sở mà là chiến thắng gấp đôi của nước Tấn vậy,⁽¹⁾ sai lầm lại càng nghiêm trọng hơn! Bậc nhân chủ, ví như theo cái đạo lý ấy mà trị quốc, thì chính trị của vương triều chẳng thể không tốt, bản thân không lưu tiếng xấu, hành động có sai lầm nhưng vẫn được dương danh, thua binh mà vẫn chiến thắng, dẫu bại trăm lần cũng có thể được, huống chi là có hai lần ru!

Năm thứ năm mùa hạ tháng tư, đại xá thiên hạ.

Tháng năm, Thái phó nước Ngô là Gia Cát Khác vây Tân Thành quận Hợp Phì, Đế hạ chiếu sai Thái úy Tư Mã Phu chống cự Khác. ① Mùa thu tháng bảy, Khác lui về. ②

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Bấy giờ Khương Duy cũng xuất quân vây Địch Đạo. Cảnh vương hỏi Ngụ Tùng rằng:

- Nay đông tây có việc, hai phương đều cáo cấp, mà chư tướng ý chí tự tan, xử trí việc ấy thế nào?

Tùng nói:

- Xưa kia Chu Á Phu chắc lũy ở Xương Ấp mà Ngô Sở tự bại,⁽²⁾ việc có vẻ như yếu mà mạnh, hoặc có vẻ như mạnh mà yếu,

¹ Thành Đắc Thân làm tướng nước Sở, Tấn Văn công rất sợ. Tấn Sở giao binh, nước Tấn thắng trận, vua nước Sở bức tử Thành Đắc Thân, vua tâu nước Tấn đều mừng rỡ. Xem như nước Tấn thắng nước Sở hai lần vậy.

² Thời Hán Cảnh đế nhà Tây Hán, loạn bảy nước, thế quân rất lớn. Hán Cảnh đế sai con của Chu Bột là Chu Á Phu (周亚夫) dẹp loạn. Chu Á Phu kiến nghị với vua Hán là không nên đối địch với Ngô vương, mà nên cắt đường vận lương của địch. Á Phu cố thủ ở Xương Ấp, quân Ngô hết lương, Chu Á Phu phản kích, quân Ngô Sở thua tan tác, đầu hàng, Ngô vương Lưu Ty bỏ chạy, bị giết, Sở vương Lưu Mậu thua trận, tự sát.

chẳng thể không xét kỹ vậy. Nay Khác điều động hết quân tinh nhuệ bên ấy đi, đủ để phóng túng hoành hành bạo lực, mà cố thủ ở Tân Thành, là muốn dùng hết sức đánh một trận thôi. Nếu công thành không hạ nổi, đòi đánh chẳng được, quân lữ suy yếu mỏi mệt, về thế sẽ tự bỏ chạy, chư tướng chẳng phải tiến đánh, đó là cái lợi của Công vậy. Khương Duy có trọng binh nhưng quân cô xâm nhập hưởng ứng Khác, nhờ vào lúa mạch của ta, không phải là giặc cướp cảm rể sâu vậy. Và lại ta dốc sức ở phía đông, phía tây tất trống rỗng, vì thế địch cứ thẳng tiến. Nay nếu sai chư quân ở Quan Trung gấp đường mà đến, ra chỗ chúng không ngờ, chi thế là chúng chạy thôi.

Cảnh vương nói:

- Hay!

Bèn sai Quách Hoài, Trần Thái đem hết quân Quan Trung, giải vây Địch Đạo; ra sắc mệnh cho bọn Quán Khâu Kiêm đóng binh tự giữ, bỏ Tân Thành cho quân Ngô. Khương Duy nghe tin Hoài tiến binh, lương ăn cho quân thiếu, bèn lui về đóng ở địa giới quận Lũng Tây.

② Bấy giờ Trương Đặc giữ Tân Thành.

Ngụy lược chép: Đặc tự Tử Sản, người ở Trác Quận. Thời trước thống quản Nha môn, giữ chức giúp việc cho Trấn đông tướng quân Gia Cát Đản, Đản không cho là người có tài, muốn phái về làm Hộ quân. Vừa lúc Quán Khâu Kiêm lên thay Đản, bèn sai Đặc đóng giữ Tân Thành Hợp Phì. Lúc Gia Cát Khác vây thành, Đặc cùng bọn Tướng quân Nhạc Phương ba quân tụ hợp được ba nghìn người, quan binh bị bệnh tật cùng người chết trận quá nửa, mà Khác đắp núi đất đánh rát, thành sắp bị phá, không thể giữ nổi. Đặc bèn bảo với người Ngô rằng:

- Nay ta không có ý giao chiến nữa. Nhưng theo phép tắc nhà Ngụy, bị đánh quá trăm ngày mà quân cứu không đến, dù có hàng, người nhà cũng không bị khép tội vậy. Từ khi ta thụ địch đến nay, đã hơn chín chục ngày rồi. Trong thành này vốn có hơn bốn nghìn người, mà kẻ chết trận đã quá nửa, thành dù bị vỡ, vẫn còn có nửa số người không muốn hàng, ta sẽ về bàn với bọn họ,

sắp xếp tên tuổi phân biệt người thiện kẻ ác, sáng sớm hôm sau sẽ đưa tên đến, lại cho cầm ấn của ta đi để làm tin.

Bèn đưa ấn của mình đến cho người Ngô. Người Ngô nghe được lời ấy nên không lấy ấn thụ. Không đánh nữa. Chốc lát, Đặc quay về, bèn ngay trong đêm lấy gỗ ván ở các phòng, bù bổ các chỗ vỡ lở thành hai lớp. Hôm sau, Đặc bảo người Ngô rằng:

- Ta chỉ đánh trận đến chết thì thôi!

Người Ngô cả giận, tiến đánh thành, không hạ được, bèn rút đi. Triều đình khen ngợi Đặc, gia thêm chức Tạt hiệu tướng quân, phong tước Liệt hầu, lại thăng làm Thái thú An Phong.

Tháng tám, Đế hạ chiếu rằng:

"Cố Trung lang người quận Tây Bình là Quách Tuân, tiết tháo cao thượng, hành vi tốt đẹp, giữ chí không đổi. Mới đây tướng nước Thục là Khương Duy cướp bóc ở quận của Tuân, Tuân bị bắt giữ. Năm ngoái Đại tướng quân Phí Y của nước địch thống suất quân đội, ngầm mưu đồ nhòm ngó, đi qua Hán Thọ, mời hội họp rất nhiều tân khách, Tuân trong chỗ ngồi tự tay cầm đao đâm chết Y, dũng quá Nhiếp Chính, công hơn Giới Tử,¹ có thể nói là diệt thân thành nhân, bỏ sống lấy nghĩa rồi. Việc truy phong khen ngợi, là để biểu dương lòng trung nghĩa; ban phúc đến dòng dõi, để tưởng lệ khuyến khích người đời sau. Nay truy phong cho Tuân làm Trường Lạc hương hầu, hưởng thực ấp nghìn hộ, ban thụy là Uy hầu; con được tập tước, bá thêm chức Phụng xa đô úy, ban cho nghìn nén bạc, nghìn xếp lụa, để tỏ rõ ân sủng với người đã chết, truyền mãi đến đời sau." ①

¹ Nhiếp Chính (聂政), người ấp Chi nước Hàn thời Chiến Quốc, vì giết người phải trốn sang nước Tề làm nghề bán thịt lợn, là hiệp khách nổi tiếng, từng chịu ơn của Nghiêm Trọng Tử, sau khi mẹ mất, một mình vào phủ giữa đám quân hầu giết chết tướng quốc nước Hàn là Hiệp Lũy. Truyện về Nhiếp Chính có trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên, phần *Thích khách liệt truyện*.

Giới Tử (介子) tức Phó Giới Tử, người thời Tây Hán. Vua nước Lâu Lan giết sứ giả nhà Hán, Hán Chiêu đế sai Phó Giới Tử đến nước Lâu Lan lập mưu đem vàng bạc đến biếu, cùng vua nước Lâu Lan uống rượu, nhân đó đâm chết vua của nước ấy, đem đầu về dâng, được phong tước Hầu. Truyện về Phó Giới Tử có trong *Hán thư* của Ban Cố, quyển thứ bốn mươi.

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Tuần tự Hiếu Tiên, vốn có học vấn và đức hạnh, nổi danh ở Tây châu. Khương Duy bức ép Tuần, Tuần không chịu khuất. Lưu Thiện dùng làm Tả tướng quân, Tuần muốn đâm chết Thiện nhưng chẳng có dịp gần gũi, thường nhân lúc chúc tụng, vừa bái lạy vừa tiến đến gần, bị tả hữu của Thiện chặn, việc thường chẳng thành, cho nên mới giết Y vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng kẻ bỏ mạng sống giữ nghĩa thời xưa, tất phải xét đến đạo lý vậy, hoặc là cảm ân nhớ đức, quăng bỏ mạng sống không hối tiếc, hoặc có lòng mưu việc lợi hại, ra sức vì gặp thời cơ thích ứng, nhưng chiếu này lại khen cái điều mà Tuần làm như Nhiếp Chính, Giới Tử vậy. Việc chẳng phải là cùng một dạng, đó là làm việc hại người xằng bậy thôi. Người nước Ngụy với nước Thục, tuy là địch quốc, chẳng phải có mối oán thù Triệu Tương diệt Trí, có cái gấp gáp nguy vong của Yên Đan;⁽¹⁾ và lại Lưu Thiện là vị chúa tầm thường, Phí Y là vị Tướng quốc có tài hạng trung, sự còn mất của hai người ấy, vốn chẳng can hệ đến sự hưng vong. Quách Tuần ở nước Ngụy, là kẻ nam tử ở Tây châu thôi, lúc mới bị bắt về Thục, đã chẳng thể giữ tiết không chịu nhục, với nhà Ngụy không hề có trách nhiệm của kẻ ăn lộc, chẳng phải gặp thời được chủ sai khiến, lại vô có thiện cận làm cái việc xả thân không đúng chỗ, nghĩa không có chỗ để khen, công

¹ Dự Nhượng (豫讓), người nước Tấn sống vào cuối thời Xuân Thu, ban đầu thờ họ Phạm, sau thờ họ Trung Hàng, chỉ là khách tầm thường nên người đời không biết đến. Cuối cùng Dự Nhượng thờ Trí Bá (Trí Dao, Trí Bá Dao), được đãi là thượng khách, lúc Trí Bá bị ba nhà Ngụy, Hàn, Triệu diệt, Triệu Tương Tử đem đầu của Trí Bá quét sơn lên làm vỏ đựng rượu, Dự Nhượng vì chủ báo thù, thay tên đổi họ, hủy hoại dung nhan, nuốt than để đổi giọng rồi giả làm kẻ ăn xin ngoài chợ chờ cơ hội giết Triệu Tương Tử. Việc không thành, Dự Nhượng bị bắt, Tương Tử hỏi vì sao thờ ba chủ mà chỉ tận trung với họ Trí, Dự Nhượng đáp: "Ta thờ họ Phạm và họ Trung Hàng, họ xem ta là hạng người thường nên ta báo đáp họ theo lối người thường. Còn như Trí Bá đãi ta như quốc sĩ, nên ta phải báo thù theo lối quốc sĩ." Dự Nhượng xin được đâm một cái vào áo của Triệu Tương Tử để thỏa lòng.

Yên Đan tức là Thái tử Đan (太子丹) nước Yên, cuối thời Chiến Quốc. Khi ấy nhà Tần đánh dẹp lục quốc, nước Yên lâm nguy, Thái tử Đan được Kinh Kha (荊軻), đối đãi yêu chiều nhất mực, muốn Kinh Kha hành thích Tần Thủy Hoàng, việc cũng không thành, song việc làm của Kinh Kha lưu danh thiên cổ. Những truyện về Kinh Kha, Dự Nhượng đều có trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên.

không có chỗ để lập, nên nói là "Bẻ liễu rào rau", là việc làm cường đại, đấy là lời nói về việc này vậy.

Từ khi Đế tức vị cho đến năm ấy, địa giới các quận quốc, huyện đạo đa phần thay đổi, vừa lập ra lại gộp lại, chẳng thể nào tính xuê.

Năm thứ sáu mùa xuân tháng hai ngày Kỷ Sửu, Trấn đông tướng quân là Quán Khâu Kiệm dâng thư nói:

"Trước đây Gia Cát Khác vây Tân Thành của Hợp Phì, người trong thành phái tên lính là Lưu Chính ra ngoài truyền tin tức, bị giặc bắt, tra khảo xét hỏi nội dung tin truyền, bảo Chính rằng: 'Gia Cát Công muốn cho mày sống, mày nên nhất nhất phục tùng.' Chính mắng rằng: 'Chó chết, sao nói thế được! Ta nếu phải chết tất làm con quý nước Ngụy, chẳng cầu thả cầu sống, theo mày bỏ đi vậy. Muốn giết ta, hãy mau giết đi.' Rồi nhất định không nói lời khác. Trong thành lại phái tên lính là Trịnh Tượng ra thành truyền tin tức, có kẻ nói với Khác, Khác phái quân kỵ lân tìm dấu vết, bắt được Tượng đưa về. Bốn năm người gô cổ Tượng lại, đưa đi vòng quanh thành, lệnh cho người bảo Tượng, sai hô lớn, nói: 'Đại quân đã về Lạc Dương, chẳng bằng sớm hàng đi.' Tượng không theo lời ấy, lại hô lớn với người trong thành rằng: 'Đại quân ở gần ngoài vòng vây, tráng sĩ hãy gắng sức!' Giặc lấy đao đâm vào miệng Tượng, để cho không nói được, Tượng bèn kêu lớn, khiến người trong thành nghe biết. Chính, Tượng là lính, mà có thể giữ nghĩa vững tiết, con em họ nên được ưu đãi khác thường."

Đế hạ chiếu rằng:

"Ban tước hiển để biểu dương khen ngợi kẻ có công lao to lớn, trọng thưởng để sủng ái kẻ liệt sĩ cứng cỏi. Chính, Tượng nhận mệnh thông sứ truyền tin, chân giẫm vào tròng vây, mạo hiểm xông vào đao nhọn, khinh thân thủ tín, chẳng may bị bắt, giữ trọn tiết tháo, biểu dương đại thế của sáu quân, yên lòng người giữ thành, lâm nạn chẳng ngoái đầu, hết lòng truyền mệnh. Xưa kia Giải Dương bị người

nước Sở bắt, roi đầu cũng không hai lòng,⁽¹⁾ Lộ Trung đại phu của nước Tề lấy cái chết để hoàn thành sứ mệnh,⁽²⁾ hướng chi là Chính, Tượng, việc làm của họ chẳng lẽ không đáng được khen. Nay truy phong cho Chính, Tượng tước Quan Trung hầu, đều bỏ danh hiệu lính, sai con tập tước, việc táng lễ theo như quy cách của tướng bộ khúc khi chết trận."

Ngày Canh Tuất, bọn Trung thư lệnh là Lý Phong cùng phụ thân của Hoàng hậu là Quang lộc đại phu Trương Tập mưu tính phế đại thần, lấy Thái thường là Hạ Hầu Huyền làm Đại tướng quân. Việc bị phát giác, những người có liên quan đến việc ấy đều bị tội chết. Ngày Tân Hợi, đại xá thiên hạ.

Tháng ba, phế Hoàng hậu Trương thị.

Mùa hạ tháng tư, lập Vương thị làm Hoàng hậu, đại xá thiên hạ.

Tháng năm, bãi phong cha của Hậu là Phụng xa đô úy Vương Quỳ làm Quảng Minh hương hầu, Quang lộc đại phu, ngôi vị Đặc tiến, vợ là Điền thị làm Tuyên Dương hương quân.

¹ Giải Dương (解杨), tự Tử Hò, là quan đại phu nước Tấn thời Xuân Thu. Quân nước Sở đánh nước Tống, vây kinh thành, nước Tống cáo cấp với nước Tề, Tề Cảnh Công sai Giải Dương đi sứ nước Tống báo cho người Tống cố sức giữ thành rồi sẽ đến cứu viện, Giải Dương bị quân Sở bắt được, vua Sở bắt Giải Dương nói là nước Tề sẽ không cứu viện nước Tống, Giải Dương ra trước thành, báo cho người nước Tống là quân Tề sẽ đến cứu, vua Sở giận, nhưng khen là người trung nghĩa, tha cho về.

² Thời Tây Hán, Ngô vương là Lưu Ty, Sở vương là Lưu Mậu làm phản, hưng binh tiến sang tây, thông cáo với chư hầu rằng: "Sắp giết tặc thần của Hán triều để quốc gia yên định." Giao Tây vương, Giao Đông vương, Tri Xuyên vương, Tế Nam vương hưởng ứng, Tề vương do dự không quyết, giữ thành không theo. Quân ba nước vây nước Tề, Tề vương sai Lộ Trung đại phu (路中大夫) báo lên Thiên tử, Thiên tử bảo: "Cố gắng giữ vững, ta phái quân đi đã đánh bại được quân Ngô, Sở rồi." Lộ trung đại phu quay về, vòng vây rất chặt, không vào thành được, tướng lĩnh của ba nước kia cùng Lộ Trung đại phu lập minh ước, rằng: "Quân Hán triều bị phá, nước Tề đầu hàng với ba nước thì người trong thành không bị giết." Lúc đứng dưới thành, Lộ Trung đại phu, trông thấy Tề vương, liền nói: "Hán triều phát trăm vạn binh, Thái úy Chu Á Phu đã đánh tan quân Ngô Sở rồi, đang quay về cứu nước Tề, nước Tề nên giữ vững, chớ hàng!" Lộ Trung đại phu bị giết.

Mùa thu tháng chín, Đại tướng quân Tư Mã Cảnh vương mưu phế Đế, đem nói với Hoàng thái hậu.^① Ngày Giáp Tuất, Thái hậu hạ chỉ dụ rằng:

"Hoàng đế là Phương tuổi không còn trẻ, chẳng tự mình ra sức trị lý quốc sự, say mê với ái thiếp ở trong cung, đắm chìm với nữ sắc, ngày ngày vui với con hát, buông thả bốn cột với bọn xấu; đón người nhà của lục cung giữ lại ở nội phòng, giềng môi đạo nhân luân bị hủy hoại, tiết tháo trai gái nhiều loạn; đạo cung kính hiếu thuận ngày một thiếu sót, việc trái lẽ ngày càng quá, chẳng nên để nối ngôi trời thừa tự, cúng tế tông miếu. Nay sai quan kiêm quản chức Thái úy là Cao Nhu phụng sách mệnh, dùng một đầu trâu lớn cáo tế ở tông miếu, phái Phương về làm phiên vương ở đất Tề, nhường lại ngôi Hoàng đế." ②

Hôm đó ra ở cung riêng, năm ấy mới hai mươi ba tuổi. Sứ giả cầm cờ tiết hộ tống, cho dựng cung Tề vương ở cửa Trùng Môn thuộc quận Hà Nội, chế độ đều như lễ của nước phiên.^③

① Thế ngữ và Ngụy thị Xuân Thu đều kể rằng: Mùa thu năm ấy, Khương Duy vào đánh cướp ở vùng Lũng Hữu. Bấy giờ An đông Tướng quân Tư Mã Văn vương trấn thủ Hứa Xương, được triệu về đánh Duy, đến kinh sư, Đế ở quán Bình Lạc để duyệt quân đi qua. Trung lĩnh quân là Hứa Doãn cùng tiểu thần ở xung quanh bàn mưu, nhân lúc Văn vương đến từ biệt, giết đi, thống suất quân của mình để đánh lui quân của Đại tướng quân. Đã có chiếu thư gửi từ trước. Văn vương vào, Đế đang ăn hạt dẻ, con hát là bọn Vân Ngộ xưng lên rằng: "Gà đầu xanh, gà đầu xanh." Gà đầu xanh, là con vịt vậy. Đế sợ không dám phát động.⁽¹⁾ Văn vương dẫn quân vào thành, Cảnh vương nhân thế mới mưu tính phế Đế.

¹ Gà đầu xanh, tức con vịt, là chữ áp (鴨), chữ áp gồm có chữ giáp (甲), chỉ áo giáp là thứ để che thân thể ghép với chữ mã (馬), chỉ người họ Tư Mã - ở đây là Tư Mã Chiêu - chủ ý nói rằng Tư Mã Chiêu phải mặc áo giáp để đề phòng bị mưu sát, vì thế nên vua Ngụy sợ không dám phát động.

Thần Tùng Chi xét *Hạ Hầu Huyền truyện* và *Ngụy lược*, vào mùa xuân năm ấy Hứa Doãn cùng Lý Phong có việc liên lụy với nhau. Phong đã bị giết, ngay khi đó cho Doãn ra ngoài làm Trấn bắc tướng quân, còn chưa đi, đã bị bãi chức quan thu tài vật giao cho quan Đình úy, đầy đến quận Lạc Lãng, lại sai người đuổi theo giết chết. Mùa thu ấy Doãn không thể giữ thân phận Trung lĩnh quân mà đặt cái mưu kia.

② *Ngụy thư* chép: Hôm ấy, Cảnh vương vâng lệnh của Hoàng thái hậu, chiếu sách cho công khanh đại thần trong triều họp bàn, quần thần biến sắc. Cảnh vương sa nước mắt nói:

- Lệnh của Hoàng thái hậu như thế, các ngài với việc này của hoàng gia thấy thế nào!

Chúng đều nói:

- Xưa kia Y Doãn đuổi Thái Giáp để yên nhà Ân,⁽¹⁾ Hoắc Quang phế Xương Ấp để định nhà Hán,⁽²⁾ đây là quyền nghi để yên định xã tắc để cứu giúp bốn bể, hai người ấy làm việc đổi chúa ở thời xưa, mình công là người làm việc lớn ở thời nay, việc hôm nay, cũng xin theo lệnh của Công.

Cảnh vương nói:

- Các ngài vì trông chờ ở Sư mà trọng vọng, Sư sao né tránh được đây?

Vì thế bèn cùng quần thần chung làm bản tấu lên Vĩnh Ninh cung rằng:

"Bọn thần đương chức gồm Thượng thư lệnh Thái úy Trường Xã hầu thần là Phu, Đại tướng quân Vũ Dương hầu thần là Sư, Tư đồ Vạn Tuế

¹ Y Doãn (伊尹) là đại thần triều Thương, trải bốn đời vua, vua nhỏ là Thái Giáp (太甲) chỉ hưởng lạc không làm việc, Y Doãn khuyên can không nghe, bèn đầy vua đến Đồng Cung, tự mình nắm quyền. Sau ba năm, Thái Giáp hối lỗi, Y Doãn thân đến đón về trao trả ngôi vua.

² Hoắc Quang (霍光), tự Tử Mạnh, là đại thần nhà Tây Hán, làm đại thần bốn triều vua, vua nhỏ là Xương Ấp vương Lưu Hạ làm vua hai mươi bảy ngày làm hơn nghìn việc xấu, Hoắc Quang phế ngôi của Xương Ấp (昌邑), lập Lưu Tuyên lên ngôi, là Hán Tuyên đế vậy.

đình hầu thần là Nhu, Tư không Văn Dương đình hầu thần là Xung, hành Chinh tây An đông tướng quân Tân Thành hầu thần là Chiêu, Quang lộc đại phu Quan nội hầu thần là Ung, Thái thường thần là Yên, Vệ úy Xương Ấp hầu thần là Vĩ, Thái phó thần là Ngạc, Đình úy Định Lãng hầu thần là Phồn, Đại hồng lục thần là Chi, Đại tư nông thần là Tường, Thiếu phủ thần là Bao, Vĩnh Ninh Vệ úy thần là Trinh, Vĩnh Ninh Thái phó thần là Hoành, Đại trường thu thần là Mô, Tư lệ Hiệu úy Dĩnh Xương hầu thần là Tăng, Hà Nam doãn Lan Lãng hầu thần là Túc, Thành môn Hiệu úy thần là Lự, Trung hộ quân Vĩnh An hầu thần là Vọng, Vũ vệ tướng quân An Thọ đình hầu thần là Diễn, Trung kiên tướng quân Bình Nguyên hầu thần là Đức, Trung lũy tướng quân Xương Vũ đình hầu thần là Dị, Đồn kỵ Hiệu úy Quan nội hầu thần là Cai, Bộ binh Hiệu úy Lâm Tấn hầu thần là Kiến, Xạ thanh Hiệu úy An Dương hương hầu thần là Ôn, Việt kỵ Hiệu úy Tuy Dương hầu thần là Sơ, Trường thủy Hiệu úy Quan nội hầu thần là Siêu, Thị trung thần là Tiểu Đồng, thần là Ý, thần là Phong, Bác Bình hầu thần là Biếu, Thị trung Trung thư giám An Dương đình hầu thần là Đản, Tán kỵ thường thị thần là Khiết, thần là Nghi, Quan nội hầu thần là Chi, Thượng thư bộc xạ Quang lộc đại phu Cao Lạc đình hầu thần là Dục, Thượng thư Quan nội hầu thần là Quán, thần là Hồ, Trường Hợp hương hầu thần là Lượng, thần là Tán, thần là Khiên, Trung thư lệnh thần là Khang, Ngự sử trung thừa thần là Kiêm, Bác sĩ thần là Phạm, thần là Tuấn, chúng thần rạp đầu tấu:

"Bọn thần nghe nói bậc Thiên tử, là người cứu vớt nuôi dưỡng quần sinh, mãi yên định muôn bang, công nghiệp của ba vị tổ, sáng lòa trùm sáu cõi. Hoàng đế tức vị, kế thừa hồng nghiệp, tuổi không còn trẻ, chẳng chịu ra sức trị lý quốc sự, say mê với ái thiếp trong cung, đắm chìm với nữ sắc, bê trễ việc học hành, xa lánh khinh mạn nho sĩ, hằng ngày cùng bọn con hát nhỏ là Quách Hoài, Viên Tín ở trước điện Kiến Thủy, điện Phù Dung cời trăn đùa dỡn, sai cùng bọn nữ quan ở trong cung dâm loạn, rồi đích thân đến hậu cung ngắm xem. Lại ở trên quán Quảng Vọng, sai bọn Hoài, Tín ở dưới đài chơi trò làm yêu phụ của người Liêu Đông, đùa dỡn chót nhả vui thú quá độ, người đi đường bưng mắt, Đẽ ở trên đài quán cho là trò vui. Lại ở đài Lãng Vân cho phường ca kỹ

giăng màn, tập hợp đàn bà con gái trong họ đến, Đế ở trên cung Tuyên Khúc ngắm xem, gọi Hoài, Tín sai vào trong màn cùng uống rượu. Bọn Hoài, Tín thay nhau rót rượu, đàn bà con gái đều say, bốn cợt chót nhả không phân biệt trên-dưới. Đế sai nữ quan trong cung là bọn Lý Hoa, Lưu Huân cùng bọn Hoài, Tín đùa bốn, Thanh Thương lệnh là Lệnh Hồ Cảnh quát mắng Hoa và Huân rằng: 'Các cung nữ, là người ở xung quanh chúa thượng, đều có quan tước chức vị, sao như vậy được?' Hoa, Huân mấy lần gièm pha hủy báng Cảnh. Đế thường thích lấy cung tên đánh người, nhân vì giận Cảnh, đánh Cảnh không kể đầu kể mắt, Cảnh bảo Đế rằng: 'Tiên đế trị nhà rất nghiêm, nay bệ hạ ngày ngày cùng hậu phi chơi đùa vô độ, đến mức cùng nhau xem hát, cời trầu dâm loạn, chẳng nên để cho Hoàng thái hậu nghe biết. Cảnh chẳng tiếc phải chết, chỉ giúp kẻ cho bệ hạ thôi.' Đế nói: 'Ta làm Thiên tử, chẳng được tự ý ư? Thái hậu sao quản được ta!' Rồi sai người dùng sắt nung đốt Cảnh, thân mình Cảnh đều nát bồng. Sau khi Chân hậu băng hà, Đế muốn lập Vương quý nhân làm Hoàng hậu. Thái hậu lại muốn tìm người ở bên ngoài, Đế giận nói với bọn Cảnh rằng: 'Nhà Ngụy trước sau lập Hoàng hậu, đều theo ý thích của mình thôi, Thái hậu tất trái ý ta, biết là ta sẽ phải thuận theo chăng?' Sau đó đãi Trương Hoàng hậu rất bạc bẽo. Thái hậu gặp lúc Cáp Dương quân mất, Đế thì hàng ngày ở hậu viên, hát xướng vui nhạc như thường, chẳng tính việc đến thăm hỏi vấn an. Thanh Thương thừa là Bàn Hy can Đế rằng: 'Hoàng thái hậu là người chí hiếu, nay bỗng gặp chuyện rất đau buồn, nước uống chẳng trôi vào miệng, bệ hạ nên qua đó an ủi, chẳng nên chỉ ở chỗ này vui nhạc.' Đế nói: 'Ta tự muốn thế, ai làm gì được ta?' Hoàng thái hậu trở về cung phía bắc, giết Trương mỹ nhân và Ngu Uyển, Đế oán hận, nói với bọn Cảnh, rằng: 'Thái hậu ngang nhiên giết người mà ta sủng ái, thế là không có ân tình mẹ con gì nữa.' Rồi đi ngay đến chỗ vui chơi hôm trước kêu khóc, sai nhật thủy đế ở nhà liệm trong dịch đình rồi chôn táng rất hậu, không để cho Thái hậu biết. Đế mỗi khi thấy đàn bà con gái trong họ có sắc đẹp, thì giữ lại giao cho quan Thanh Thương. Đế đến khóm trúc ở hậu viên cùng đùa bốn, hoặc cùng quan tùy tùng cầm tay nhau cùng đi. Hy bẩm: 'Quan tùy tùng không nên cùng bậc Chí tôn nắm tay nhau.' Đế giận, lại lấy cung tên đánh Hy. Đế hàng ngày đi chơi ở hậu viên, mỗi khi có văn thư ở ngoài đưa vào, Đế chẳng xem, tả

hữu nói 'Đưa ra', Đế cũng không xem kỹ. Thái hậu lệnh cho Đế thường xuyên ở trên điện Thúc Càn học tập, Đế không muốn, sai người đến đó, còn Đế thì bỏ đi thẳng; Thái hậu đến hỏi, Đế trí trá lệnh cho quan Hoàng môn đáp rằng 'Đang học.' Bọn Cảnh, Hy lo sợ, không dám ngăn nữa, lại cùng nhau nịnh hót."

"Đế phóng túng làm việc hôn ám dâm bôn, giềng mối nhân luân bại hoại, tiết tháo trai gái nhiễu loạn, đạo cung kính hiếu thuận ngày một suy đồi, đức xấu ngày càng rõ nét. Bọn thần lo buồn sợ rằng thiên hạ nghiêng ngửa, xã tắc nguy nan đổ vỡ, dù diệt thân bỏ mạng cũng chẳng đủ đền hết nợ. Nay Đế chẳng thể kế thừa được thiên mệnh, bọn thần thỉnh xin được noi theo việc cũ của Hoắc Quang nhà Hán, thu lấy tì thụ của Đế."

"Đế vốn ngày trước là Tề vương lên ngôi, nay nên cho về làm phiên vương ở đất Tề. Sai quan Tư đồ thần là Nhu cầm cờ tiết, cùng Hữu ti đi đem cỗ thái lao đến tế cáo ở tông miếu. Bọn thần kính cẩn mạo muội liều chết tấu lên."

Tấu được chấp thuận.

③ *Ngụy lược* chép: Cảnh vương sắp sửa phế Đế, phái Quách Chi vào bẩm bạch với Thái hậu, Thái hậu cùng Đế đang ngồi đối mặt nhau. Chi bảo Đế rằng:

- Đại tướng quân muốn phế bệ hạ, lập Bành Thành vương là Cứ.

Đế bèn đứng dậy bỏ đi. Thái hậu không hài lòng. Chi nói:

- Thái hậu có con mà chẳng dạy dỗ được, nay ý của Đại tướng quân đã thành, lại ém binh ở bên ngoài để phòng việc bất thường, chỉ nên thuận chỉ, còn nói gì được nữa đây!

Thái hậu nói:

- Ta muốn gặp Đại tướng quân, có lời nói với ông ấy.

Chi nói:

- Sao có thể gặp được đây? Chỉ nên tức tốc đi lấy tì thụ.

Thái hậu tỏ ý nhún, bèn phái Thị ngự ở bên cạnh lấy tì thụ để bên chỗ ngồi. Chi ra ngoài báo với Cảnh vương, Cảnh vương rất mừng. Lại phái sứ giả trao ấn thụ Tề vương cho Đế, sai phái đi ra

cung điện phía tây. Để chịu mệnh, bèn ngồi lên xe Vương, cùng Thái hậu từ biệt, roi nước mắt, bắt đầu từ điện Thái Cực theo hướng nam đi ra, quần thần đưa tiễn mấy chục người, Thái úy Tư Mã Phu bi thương chẳng tự cầm lòng được, những người còn lại đa phần sa nước mắt. Sau khi Vương đi ra, Cảnh vương lại sai sứ giả hỏi ti thụ, Thái hậu nói:

- Bành Thành vương, là Quý thúc⁽¹⁾ của ta vậy, nay sắp được lập, ta sẽ ra sao đây! Vả lại Minh hoàng đế đáng phải tuyệt tự chăng? Ta cho rằng Cao Quý hương công, là cháu trưởng của Văn hoàng đế, là con em của Minh hoàng đế, với lễ chế, thì dòng tiểu tông được nối sau dòng đại tông theo đạo nghĩa,⁽²⁾ các người hãy nghị bàn cho rõ ý này.

Cảnh vương bèn lại cho triệu quần thần, đem lệnh của Thái hậu bảo cho họ biết, chúng bèn bàn định việc nghênh đón Cao Quý hương công. Bấy giờ Thái thường phát chiếu ra đã hai ngày, đợi ti thụ ở huyện Ôn. Việc đã yên, lại hỏi ti thụ, Thái hậu lệnh rằng:

- Ta gặp Cao Quý hương công, biết người ấy từ thừa nhỏ, hôm nay ta muốn tự mình đem ti thụ chính tay trao cho người ấy.

Ngày Đinh Sửu, có lệnh rằng:

"Đông Hải vương là Lâm, con của Cao tổ Văn hoàng đế. Các con của Lâm, với quốc gia là chí thân, Cao Quý hương công là Mao có tài năng và khí độ lớn, nay lấy Mao làm người nối tự của Minh hoàng đế." ①

① *Ngụy thư* chép: Cảnh vương lại cùng quần thần tấu lên Vĩnh Ninh cung rằng:

"Bọn thần nghe nói rằng đạo làm người thì tôn kính người thân của mình nên tôn kính tổ tiên, tôn kính tổ tiên nên tôn kính dòng tộc. Theo lễ, dòng đại tông không có người nối tự, thì chọn lấy người hiền của

¹ Quý thúc, là em út của cha, thuộc hàng cha chú vậy.

² Tông pháp cổ đại quy định, con trưởng dòng đích nối ngôi là dòng Đại tông, các em còn lại thì con cái của họ là dòng Tiểu tông. Theo phép tắc nhà Ngụy đã định thì dòng Đại tông không có người nối dõi sẽ lấy người của dòng Tiểu tông thay.

dòng thứ; làm người nối dõi, là con cho dòng đại tông vậy. Con của Đông Hải Định vương là Cao Quý hương công, là cháu của Văn hoàng đế, đáng được kế thừa dòng chính thống, để nối tự dòng dõi của Liệt tổ Minh hoàng đế. Bốn cỗi được nhờ, muôn bang may mắn, bọn thần thỉnh cầu cho vời Công đến cung Lạc Dương."

Tấu được chấp thuận. Thái hậu sai bọn Trung hộ quân là Vọng, quan kiêm chức Thái thường Hà Nam doãn là Túc cầm cờ tiết, cùng Thiếu phủ là Bao, Thượng thư là Lượng, Thị trung là Biểu phụng mệnh đem pháp giá, đón Công ở huyện Nguyên Thành.

Ngụy thế phả chép: Nhà Tấn nhận nhường ngôi, phong Tề vương làm Thiệu Lăng huyện công. Năm bốn mươi ba tuổi, là năm Thái Thủy thứ mười Vương mất, được ban thụy là Lệ công.

Cao Quý hương công húy Mao, tự Ngạn Sĩ, là cháu của Văn đế, con của Đông Hải Định vương Tào Lâm vậy. Năm Chính Thủy thứ năm, được phong tước Cao Quý hương công ở huyện Đàm. Công thừa nhỏ hiếu học, sớm chín chắn. Tề vương bị phế, công khanh nghị bàn đón lập Công. Tháng mười ngày Kỷ Sửu, Công đến ở quán Huyền Vũ, quần thần tấu xin đến nghỉ ở tiền điện, Công thấy đó là chỗ ở cũ của Tiên đế, bèn tránh sang ở sương phòng phía tây; quần thần lại thỉnh xin lấy pháp giá nghênh đón, Công không nghe. Ngày Canh Dần, Công vào đến Lạc Dương, quần thần đến cửa nách phía tây ở cung điện phía nam nghênh đón bái lạy, Công xuống kiệu muốn bái đáp, quan giúp lễ xin rằng:

- Theo lễ không cần bái đáp.

Công nói:

- Ta là kẻ bầy tôi thôi, sao lại không bái.

Bèn bái đáp.

Đến cửa dừng xe xuống kiệu. Tả hữu nói:

- Theo phép cũ được ngời kiệu mà tiến vào.

Công nói:

- Ta được Hoàng thái hậu trung triệu, chưa biết sự thế thế nào!

Bèn đi bộ đến sảnh phía đông điện Thái Cực, ra mắt Thái hậu. Hôm ấy tức vị Hoàng đế ở trước điện Thái Cực, trăm quan bồi tiếp hớn hở vui mừng. ①

Chiếu thư tức vị nói:

"Trước kia tam tổ¹ là những bậc thần vũ thánh đức, ứng mệnh trời nhận ngôi. Tề vương nối vị, phóng túng trái phép, phúc nghiêng đức lở. Hoàng thái hậu mưu nghĩ xa xôi lấy xã tắc làm trọng, thu nạp mưu kế của bậc Tể phụ, dụng cách phế bỏ quyết ngôi vị, hợp mệnh lớn ở một mình ta."

"Ta vốn ít tuổi, được phó thác ngôi vị ở trên các bậc Vương công, sớm khuya lo lắng, sợ là mình chẳng thể nối theo giữ được lời giáo huấn sáng suốt của tổ tiên, mở mang trung hưng nghiệp lớn, trong lòng đau đáu sợ hãi, như sắp đến chỗ đường cùng. Nay ở triều đình có trăm quan công khanh làm bày tôi tay chân giúp đỡ, ở bốn phương có người ra sức trấn giữ, đều là tích đức góp công, trung cần với đế thất; ta được cậy nhờ vào bày tôi có đức của tổ tiên ngày trước và người cùng tuổi trong tông thất ở xung quanh, dùng họ gánh vác gìn giữ hoàng gia, khiến cho người ngu dốt ám muội là trầm, chỉ buông tay rũ áo mà trị."

"Trẫm nghe nói cái đạo của người làm vua, đức dày sánh ngang trời đất, ân trạch thấm khắp bốn bề, trước hết phải dùng lòng từ ái, làm rõ tốt xấu, rồi sau mới ở trên truyền giáo hóa, muôn dân ở dưới nghe theo. Trẫm tuy bất đức, tôi tằm với đại đạo, xin nguyện cùng người trong nước chung đi trên con đường ấy. Kinh Thư chẳng đã nói rằng: 'Yên dân thì ban ân, lễ dân nhớ việc ấy'."

¹ Tam tổ là ba vị tổ, ở đây là nói Vũ hoàng đế Tào Tháo, Văn hoàng đế Tào Phi và Minh hoàng đế Tào Duệ.

Rồi đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Giảm bớt xe kiệu quần áo, tiết ước đồ khí dụng ở hậu cung, lại bãi chức quan Thượng phương ở ngự phủ và bỏ các vật hoa lệ tinh xảo nhưng vô ích do các người thợ khéo tay làm ra.

① *Nguy thị Xuân Thu* chép: Công thông minh sáng suốt hào sảng có tài lạ, đức hạnh sáng rõ. Lúc bãi triều, Cảnh vương ngầm hỏi người khác rằng:

- Chúa thượng là người chủ thế nào?

Chung Hội đáp:

- Văn tài thì giống như Trần Tư,⁽¹⁾ võ lược cũng tựa như Thái tổ.

Cảnh vương nói:

- Nếu như lời khanh nói, thì là phúc của xã tắc vậy.

Năm Chính Nguyên nguyên niên mùa đông tháng mười ngày Nhâm Thìn, phái Thị trung cầm cờ tiết chia nhau đi khắp bốn phương, xem xét phong tục, úy lạo sĩ dân, xét hỏi những kẻ bị mất chức oan. Ngày Quý Ty, ban cho Đại tướng quân Tư Mã Cảnh vương hoàng việt, lên triều không phải rảo bước, tấu việc không phải xưng danh, được đeo kiếm đi giày lên điện. Ngày Mậu Tuất, rồng vàng hiện ra trong giếng huyện Nghiệp. Ngày Giáp Thìn, lệnh cho Hữu ti luận bàn công lao trong việc định kế sách phế lập, phong tước, tăng thực ấp, tiến cử chức vị, ban thưởng đều theo thứ bậc.

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng ngày Ất Sửu, Trấn đông Tướng quân là Quán Khâu Kiệm, Thứ sử Dương châu là Văn Khâm làm phản. Ngày Mậu Tuất (Mậu Dần), Đại tướng quân là Tư Mã Cảnh vương đi đánh chúng. Ngày Quý Mùi, Xa kỵ tướng quân là Quách Hoài chết. Tháng nhuận ngày Kỷ Hợi, phá Khâm ở huyện Lạc Gia. Khâm trốn chạy, sau đến nước

¹ Trần Tư tức Trần Tư vương Tào Thực, nổi tiếng về tài văn chương thơ phú với những văn thơ diễm lệ. Xem tập IV, quyển 19 (Trần Tư vương truyện).

Ngô. Ngày Giáp Thìn, Đô úy huyện An Phong Hoài Tân (An Phong Tân) chém Kiệm, đưa thủ cấp đến kinh đô.^①

Ngày Nhâm Tý, lại đặc xá cho quan dân ở Hoài Nam bị Kiệm, Khâm mê hoặc lừa dối. Lấy Trấn nam tướng quân là Gia Cát Đản làm Trấn đông đại tướng quân. Tư Mã Cảnh vương chết ở Hứa Xương. Tháng hai ngày Đinh Ty, lấy Vệ tướng quân Tư Mã Văn vương làm Đại tướng quân, Lục thượng thư sự.

① *Thế ngữ* chép: Đại tướng quân đem Thiên tử đi đánh Kiệm, lúc đến huyện Hạng; Kiệm đã bị phá, Thiên tử quay về trước.

Thần Tùng Chi tra xét các sách đều không thấy có việc ấy, đến lúc Gia Cát Đản làm phản, Tư Mã Văn vương mới bức Thái hậu và Đế cùng đi thôi. Vì lúc phát chiếu có dẫn việc nhĩ tổ của nhà Hán và Minh đế đích thân đi xa đánh trận cho là lệ từ trước, nên biết được rằng từ thời Minh đế về sau mới có việc ấy vậy. Xét Trương Phan, Ngu Phổ, Quách Ban đều là quan Lệnh sử của nhà Tấn, Phan, Ban xuất thân là trưởng quan, Phổ, làm quan Nội sử Bà Dương. Phan soạn Hậu *Hán kỷ*, tuy rằng chưa xong hẳn, nhưng lời văn đẹp đẽ hoa mỹ đáng xem. Phổ soạn *Giang Biểu truyện*, xem qua cũng mạch lạc thấu suốt. Duy có Ban soạn sách *Ngụy Tấn Thế ngữ*, khắp khiêng thiếu sót hoàn toàn không theo phép tắc, rất là kém cỏi, vì đương thời cho là chuyện lạ, nên được lưu hành ở đời. Bọn Can Bảo, Tôn Thịnh đa phần chọn lấy lời văn trong đấy để chép sách *Tấn thư*, trong ấy có những lầm lẫn hão huyền như thế, khắp các chỗ đều có sai sót.

Ngày Giáp Tý, Đại tướng nước Ngô là bọn Tôn Tuấn đem quân xưng là có chực vạn đến Thọ Xuân, Gia Cát Đản chống đánh phá chúng, chém được Tả tướng quân Lưu Tán của nước Ngô, đưa tin thắng trận về kinh đô.

Tháng ba, lập Biện thị làm Hoàng hậu, đại xá thiên hạ.

Mùa hạ tháng tư ngày Giáp Dần, phong cha của Hoàng hậu là Biện Long làm Liệt hầu. Ngày Giáp Tuất, lấy Chinh nam đại tướng quân Vương Sưởng làm Phiêu kỵ tướng quân. Mùa thu

tháng bảy, lấy Chinh đông đại tướng quân Hồ Tuân làm Vệ tướng quân, Trấn đông đại tướng quân Gia Cát Đản làm Chinh đông đại tướng quân.

Tháng tám ngày Tân Hợi, Đại tướng quân nước Thục là Khương Duy vào cướp huyện Địch Đạo, Thứ sử Ung châu là Vương Kinh cùng giao chiến ở Thao Tây, Kinh đại bại, quay về giữ thành Địch Đạo. Ngày Tân Mùi, lấy Trường thủy Hiệu úy Đặng Ngải làm hành An tây tướng quân, cùng Chinh tây tướng quân là Trần Thái hợp sức chống Duy. Ngày Mậu Thìn, lại phái Thái úy Tư Mã Phu làm hậu viện.

Tháng chín ngày Canh Tý, Đế học thông *Kinh Thượng Thư*, ban thưởng cho người truyền giảng kinh là bọn Tư không Trịnh Xung, Thị trung Trịnh Tiểu Đồng đều theo thứ bậc. Ngày Giáp Thìn, Khương Duy lui quân. Mùa đông tháng mười, Đế hạ chiếu rằng:

"Trẫm vốn ít đức, chẳng thể ngăn được giặc cướp bạo ngược, mới khiến cho giặc Thục cướp bóc ở biên thủy. Chiến dịch Thao Tây, dẫn đến thua bại, tướng sĩ tử vong, kẻ đến hàng nghìn, có người mất mạng nơi chiến trường, oan hồn chẳng trở về, có kẻ bị giặc trói tay lôi đi, lưu lạc nơi xứ lạ, ta rất xót thương, vì thế đau lòng. Nay lệnh cho các quan Điển nông cùng An phủ đi các bộ ở hai quận sở tại phủ dụ cứu giúp người nhà của các tướng sĩ ở đấy, không thu thuế lao dịch một năm; những người ra sức chiến đấu chết trận, đều theo như phép cũ, chớ có thiếu sót."

Tháng mười một ngày Giáp Ngọ, vì bốn quận ở Lũng Hữu và quận Kim Thành, liên năm thụ địch, có kẻ làm phản bỏ trốn hàng giặc, người thân thích của họ ở quê cũ chẳng yên lòng, triều đình đều đặc xá cho họ. Ngày Quý Sửu, hạ chiếu rằng:

"Ở trận Thao Tây ngày trước, quan dân tướng sĩ có kẻ lâm trận tử vong, có kẻ chết đuối dưới sông Thao, hài cốt không thu nhặt được, vứt bỏ nơi đồng ruộng, ta thường đau xót vì việc ấy. Nay báo cho

Chinh tây, An tây tướng quân, đều phải sai quân bản bộ đến nơi chiến trường cũ và chỗ bờ sông tìm vớt thi thể, thu nhặt và mai táng, để ủy lạo những người còn sống."

Năm Cam Lộ nguyên niên mùa xuân tháng giêng ngày Tân Sửu, rồng xanh hiện ra ở trong giếng huyện Chí. Ngày Ất Ty, Bái vương là Tào Lâm mất.①

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Tháng hai ngày Bính Thìn, Đế họp quần thần hội yến ở sảnh đông của điện Thái Cực, cùng bọn Thị trung là Tuân Nghị, Thượng thư là Thôi Tán, Viên Lượng, Chung Dục, Cấp sự trung Trung thư lệnh là Ngu Tùng cùng bàn giảng về pháp điển, rồi nói về những điều hơn kém của các bậc Đế vương. Đế vốn hâm mộ vua Thiệu Khang nhà Hạ, nhân đó hỏi bọn Nghị rằng:

- Nhà Hạ đã suy, về sau sắp sửa bị diệt, vua Thiệu Khang thu thập quân dân nhà Hạ, khôi phục công nghiệp của vua Vũ, Cao tổ đột khởi ở đất Lũng, thống suất kẻ hào kiệt, quét sạch Tân Hạng, thôn gồm hải nội, hai vị chúa ấy có thể nói là bậc có tài lạ mưu dị, là đại hiền tài trên đời vậy. Xét công đức của họ, thì ai đáng là người đứng đầu?

Bọn Nghị đáp rằng:

- Người có khí tiết lớn trong thiên hạ, được trời trao ngôi vương, phải có đức thánh được ứng vận, rồi mới có thể nhận mệnh sáng nghiệp. So người nối theo nghiệp trước, hưng thịnh công cũ, với người khai mở công nghiệp, khó để chẳng giống nhau. Công đức của vua Thiệu Khang tuy tốt đẹp, cũng chỉ là bậc quân vương trung hưng, so với Thế tổ là đồng hạng vậy. Đến như Cao tổ, bọn thần cho là hơn.

Đế nói:

- Bậc đế vương thời xưa, công đức ngôn hạnh, cao thấp có đắp đổi, vị tất là người sáng nghiệp đều hay hơn, người nối theo đều kém vậy. Các vua Thang, Vũ, Cao tổ dù đều chịu mệnh trời, thân phận là hiền tài thánh minh, đều là những bậc hiền trí tuyệt vời.

Vua Thiệu Khang, Ân Tông giỏi trung hưng, vua Hạ Khải, Chu Thành chinh đốn văn đức, luận đức xét thành quả, so với các vị tổ nhà Hán, ta thấy được cái hơn của họ, mà chưa nghe thấy cái kém của họ; vì họ gặp thời thế khác nhau, cho nên công danh khác nhau thôi. Thiệu Khang sinh sau khi nhà nước diệt vong, bị giáng làm nô bộc của chư hầu, tránh nạn nơi đường núi gập ghềnh, chỉ cầu thoát thân, lại có thể ban bố cái đức của mình mà tỏ mưu hay, cuối cùng diệt được nước Quá, nước Qua, lấy lại được cơ nghiệp của vua Vũ, phối tể nhà Hạ với trời xanh, chẳng làm mất vật cũ, chẳng phải là bậc chí đức chí nhân, há có thể làm nên được cái công huân ấy? Hán tổ nhân thời thế bằng lờ, cậy vào sự quyền biến nhất thời, chuyên tâm dốc hết trí lực để thành công nghiệp, hành sự động tĩnh, đa phần là trái với khuôn phép của thánh nhân; làm con thì cha mình mấy lần nguy khốn, làm vua thì bắt trói hiền tướng, làm cha thì chẳng bảo vệ được con mình; sau khi thân vong, thì xã tắc nghiêng nguy,⁽¹⁾ nếu đem đặt vào thời của Thiệu Khang mà xét, ngờ là chẳng thể khôi phục được cơ nghiệp của vua Vũ vậy. Lấy đó mà nói, nên để vua Thiệu Khang nhà Hạ ở trên mà Hán tổ ở dưới thôi. Các khanh hãy thảo luận hoàn chỉnh cho rõ ràng thêm.

Hôm sau là ngày Đinh Ty, bàn giảng đã xong, bọn Nghĩ, Lượng nghị bàn rằng:

- Thời tam đại dựng nước, chia đất mà trị, nên lúc đất nước suy khốn, không có cái thế bằng lờ, có thể dùng đức vỗ về, khó dùng sức khuất phục. Kịp đến thời Chiến Quốc, mạnh yếu thôn tính lẫn nhau, bỏ đạo đức mà dùng trí lực. Cho nên nhà Tần gian trá có thể dùng sức tranh giành. Vua Thiệu Khang ban đức, là bậc vương anh minh nhân từ vậy; Hán tổ dùng sức, là bậc tuấn kiệt

¹ Lưu Bang tranh thiên hạ với Hạng Vũ, thua trận nhiều lần, cha bị Hạng Vũ bắt, dọa giết nấu thành canh. Khi lấy được thiên hạ, ngược đãi bắt giết các công thần như Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố ... Sau khi thân vong, con là Huệ đế bị chèn ép, họ Lã chuyên quyền, nhà Hán lâm nguy, mấy lần suýt nghiêng đổ, may nhờ các công thần Trần Bình, Chu Bật và người trong tông thất là Lưu Chương ra sức trợ giúp quét sạch họ Lã mới yên được họ Lưu.

trí mưu vậy. Nhân và trí không giống nhau, thì hai vị đế khác nhau thôi. Thi, Thư kể về vua Trung Tông, Cao Tông của nhà Ân, đều liệt họ là bậc đại nhã, cái công của Thiếu Khang tốt đẹp hơn so với nhị Tông, ấy là đại nhã đã rõ ràng rồi. Vua Thiếu Khang là hơn, đúng như chiếu chỉ.

Bọn Tán, Dục, Tùng nghị bàn rằng:

- Vua Thiếu Khang tuy tích đức chứa nhân, nhưng trên nổi cái ân trạch tốt đẹp còn sót lại của vua Vũ, bên trong có sự viện trợ của nước Ngau, nước Nhung, ở ngoài có sự trợ giúp của Thần Mi, Hữu Nghệ, mà Hàn Trác là kẻ ác ngầm, bất đức với dân; Kiêu, Ế bất trung, trong ngoài ruồng bỏ, vì thế mà phục quốc, đại khái là có nguyên nhân như thế. Đến như Hán tổ, nổi lên từ kẻ áo vải, thống suất quân sĩ ô hợp, để thành vị Đế dựng nghiệp. Luận về đức thì vua Thiếu Khang trội, tính về công thì Cao tổ hơn, nói về chỗ dựa thì vua Thiếu Khang dễ làm, xét về thời thế thì Cao tổ mới khó.

Đế nói:

- Các khanh luận rằng vua Thiếu Khang nhờ được giúp đỡ, Cao tổ là người gây dựng sáng nghiệp, thực đầy đủ lắm, nhưng chưa biết rằng thời tam đại, dùng đức nên công như thế kia mới khó, thời cuối Tần đầu Hạng, dùng sức thành công như thế ấy là dễ. Và lại trên nhất là lập đức, thứ nữa mới đến lập công, Hán tổ công cao, chưa bằng vua Thiếu Khang hưng vượng đức tốt vậy. Lại nữa là người có nhân tất có dũng, giết kẻ bạo ngược tất phải dùng võ, cái uy vũ liệt của vua Thiếu Khang, hà tất phải ở bậc dưới so với Cao tổ nhỉ? Chỉ vì kinh sách của nhà Hạ thất lạc, văn tự cũ không trọn vẹn, cho nên cái công huân cao đẹp thiếu khuyết không chép lại được, duy có Ngũ Viên kể sơ qua về đại lược, nói về việc khôi phục công nghiệp của vua Vũ, chẳng làm mất vật cũ, làm rõ thánh nghiệp của tổ tiên, điển chương xưa chẳng sai lầm, ví như chẳng phải là bậc đại nhã kiêm tài, ai có thể so cùng người ấy, giả sử kinh sách điển tịch xưa vẫn còn, việc làm rõ ràng đầy đủ, há cũng có thể lấy các việc giống và khác nhau ra để bàn luận hay sao?

Bởi thế quần thần đều vui lòng bội phục. Trung thư lệnh Ngau Tùng dâng lời rằng:

- Việc của vua Thiếu Khang, đã rất xa rồi, văn tự thời ấy lại mù mờ như thế, vì thế từ xưa đến nay, bọn kẻ sĩ nghị luận tuyệt chẳng ai nói rõ được, cái cao đẹp của đức hạnh nấu kín chẳng lộ ra. Bệ hạ đã dụng lòng suy xét sâu xa, khảo cứu tường tận tích xưa, lại phát chiếu thư, giúp làm sáng tỏ cái cao đẹp của vua Thiếu Khang, lời của chúa thượng sáng rõ đến nghìn năm, nên chép thành sách, truyền mãi cho hậu thế.

Để nói:

- Ta học chẳng thông, những điều nghe thấy còn nông cạn, sợ rằng cái điều mà ta luận, chưa được đúng đắn; ví phỏng được chọn nhật, xem qua thì thường là đúng, lại chẳng đủ coi là quý, sợ rằng sẽ để tiếng cười cho kẻ hiền tài đời sau, cái ám muội của ta càng rõ chẳng?

Vì thế sai Thị lang là Chung Hội bỏ đi biên tập chỉnh lý sắp xếp lại.

Mùa hạ tháng tư ngày Canh Tuất, ban cho Đại tướng quân Tư Mã Văn vương áo cổn và mũ miện, giày đỏ một đôi.

Ngày Bính Thìn, Đế ghé thăm nhà Thái học, hỏi các nhà Nho rằng:

- Thánh nhân xưa được thần minh chỉ dẫn, ngẩng trông trời cúi xét người, bắt đầu lập ra Bát quái, về sau bậc thánh hiền lại gấp lên thành sáu mươi tư quẻ, lập hào để đoán số, hết thảy đại nghĩa ở thế gian, không gì không đủ, nhưng nhà Hạ gọi là *kinh Liên sơn*, nhà Ân gọi là *kinh Quy tàng*, nhà Chu gọi là *Chu dịch*, tên sách thay đổi, là có làm sao?

Bác sĩ giảng *Dịch kinh* là Thuần Vu Tuấn đáp rằng:

- Vua Bào Hi noi theo họa đồ của Toại Hoàng¹ mà chế thành Bát quái, vua Thần Nông suy diễn thành sáu mươi tư quẻ, các

¹ Bào Hi (包羲) tức Phục Hi, là một trong ba vị vua cổ nhất của Trung Quốc, tương truyền ông là người chế ra chữ viết; Toại Hoàng (燧皇), cũng gọi là Toại Nhân thị (燧人氏), được coi là người đầu tiên phát minh ra lửa.

vị Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn thông hiểu cái thay đổi của nó, Tam đại tùy thời, dùng văn tự bổ sung hoàn thiện quẻ bói về mọi việc. Cho nên Dịch, là biến đổi vậy, gọi tên là *Liên sơn*, như khí từ trong núi sinh ra, nổi lên trời đất vậy; *Quy tàng*, là vạn việc tuyệt chẳng có gì không chứa ở trong ấy vậy.

Đế lại nói:

- Nếu quả như Bào Hi noi theo Toại Hoàng mà làm ra *Kinh Dịch*, vì sao Khổng tử không nói là Toại Nhân thì chết thì Bào Hi thì làm ra *Kinh Dịch*?

Tuấn không đáp lại được. Đế lại hỏi rằng:

- Khổng tử tạo ra lời thoán, tượng; Trịnh Huyền⁽¹⁾ viết ra lời chú, tuy là thánh hiền chẳng cùng thời đại, nhưng các lời giải thích nghĩa kinh của họ đồng nhất vậy. Nay lời thoán, tượng cùng lời kinh không liên quan với nhau, nhưng lời chú lại liên quan với thoán, tượng, vì sao lại như vậy?

Tuấn đáp rằng:

- Trịnh Huyền hợp lời thoán, tượng với lời kinh, là muốn khiến cho học giả tra xét dễ dàng vậy.

Đế nói:

- Nếu Trịnh Huyền hợp lời thoán, tượng và lời kinh, với người học là thực sự tiện, thì Khổng tử sao chẳng hợp lại giúp học giả nhỉ?

Tuấn đáp rằng:

- Khổng tử sợ lời văn của mình với lời của Văn vương lẫn với nhau, vì thế không hợp lại, đấy là thánh nhân cho việc không hợp lại là biểu hiện khiêm nhường.

Đế nói:

¹ Trịnh Huyền (郑玄), là nhà nho nổi tiếng thời Đông Hán, trước tác nổi tiếng của ông là *Mao thi chú giải* và *Tam lễ*.

- Nếu thánh nhân cho rằng việc không hợp lại là khiêm nhường, thì duy có Trịnh Huyền là không khiêm nhường sao?

Tuấn đáp rằng:

- Ý nghĩa kinh điển xưa sâu rộng, thánh thượng hỏi sâu xa huyền ảo, chẳng phải là thứ mà thần có thể tường tận được.

Đế lại hỏi rằng:

- Hệ từ nói rằng: "Các vị Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn cỡi xiêm áo mà thiên hạ trị", thế thì thời Bào Hi, Thần Nông người ta không có y phục, thánh nhân dùng đức giáo hóa thiên hạ, sao lại khác lạ như vậy nhỉ?

Tuấn đáp rằng:

- Vào thời Tam hoàng, người ít mà cầm thú nhiều, cho nên lấy lông và da của cầm thú mà người thiên hạ đủ dùng, đến thời Hoàng Đế, người đông mà cầm thú ít, vì thế làm ra xiêm áo để hợp với cái thay đổi của thời thế vậy.

Đế lại hỏi:

- Càn tức là trời, nhưng lại dùng đại diện là vàng, là ngọc, là ngựa già, đều là gộp các vật nhỏ để hợp luận nhỉ?

Tuấn đáp rằng:

- Thánh nhân chú trọng ý nghĩa của hình tượng, hoặc xa hoặc gần, gần thì chọn lấy các vật xung quanh, xa thì chọn ở trời đất.

Giảng Dịch xong, lại lệnh cho giảng Kinh Thượng Thư. Đế lại hỏi rằng:

- Trịnh Huyền nói "Xét kỹ đạo xưa thì giống với đạo trời, là nói đạo của vua Nghiêu giống với đạo trời vậy." Vương Túc¹ nói

¹ Vương Túc (王肅), tự Tử Ung, là nho học nổi tiếng thời Tam Quốc, từng chú giải các sách *Lễ ký*, *Tả truyện*, *Quốc ngữ*. Thời Ngụy Tấn, sách học của ông được người đời rất ưa chuộng. Truyện về Vương Túc xem tập III, quyển 13 (Vương Lăng, Vương Túc truyện).

rằng "Vua Nghiêu noi theo đạo xưa xét kỹ mà làm." Ý nghĩa lời nói của hai người là bất đồng, vậy người nào nói đúng?

Bác sĩ Dữu Tuấn đáp rằng:

- Điều mà các nhà Nho thời trước giảng giải, đều có sức nặng riêng, thần chẳng đủ tài để phân định lời của họ. Nhưng sách *Hồng Phạm* nói rằng "Ba người xem bói, thì theo lời giảng của hai người." Giả, Mã và Túc⁽¹⁾ đều nói "Thuận xét đạo xưa." Theo lời ở sách *Hồng phạm*, lời giảng của Túc là hơn.

Để nói:

- Trọng Ni nói: "Đạo trời bao la, chỉ có vua Nghiêu bắt chước trời." Cái chí thiện chí mỹ của vua Nghiêu, là ở chỗ bắt chước trời, thuận xét đạo xưa, chẳng phải là mục đích của vua Nghiêu vậy. Nay chúng ta mở sách phân tích ý nghĩa để làm rõ thánh đức, nhưng bỏ ý lớn, lại khen ý nhỏ, há đúng với ý của người làm sách sao?

Tuấn đáp rằng:

- Thần vâng theo lời giảng của thầy, chưa tỏ đại nghĩa, đến như việc quyết ý chính xác, xin được theo thánh ý của bệ hạ.

Tiếp đó bàn đến Tứ nhạc⁽²⁾ tiến cử Cỗn, Để lại hỏi rằng:

- Gọi là bậc thánh nhân, vì đức của họ hợp với trời đất, ý sáng của họ hợp với nhật nguyệt, suy nghĩ không gì không chu toàn, ý sáng không đâu không chiếu tới, nay Vương Túc nói rằng: "Nghiêu ý chừng chưa xét rõ về Cỗn, vì thế chỉ dùng thử." Như thế, cái sáng suốt của thánh nhân có chỗ còn chưa tận chăng?

Tuấn đáp rằng:

¹ Giả Quỳ (贾逵), Mã Dung (马融) và Vương Túc (王肃).

² Tứ nhạc (四岳), theo sách *Quốc ngữ*, *Chu ngữ* quyển hạ có nói: "Cháu họ của Cung Công (共工) là Tứ nhạc, là trưởng chư hầu, giúp vua Vũ trị thủy."

- Dù là thánh nhân hiểu rộng, vẫn có chỗ chưa tận, cho nên vua Vũ nói: "Biết người là người sáng suốt, duy có biết Đế vương là khó", nhưng cuối cùng vua Nghiêu vẫn có thể sửa đổi trao ngôi cho bậc thánh hiền, sáng rõ công tích, cũng trở thành bậc thánh vậy.

Đế nói:

- Biết trước biết sau, duy có thánh nhân. Nếu chẳng biết trước, sao cho là thánh được? Nói rằng "Duy có biết Đế vương là khó", nhưng cuối cùng có thể sửa đổi trao ngôi, đại khái gọi là biết người, điều mà thánh nhân khó biết, chẳng phải là không nói hết vậy. Kinh sách nói rằng: "Biết người là bậc thánh triết, có thể chọn người trao chức." Nếu như vua Nghiêu nghi ngờ Cỗn, dùng thử chín năm, là chọn người trao chức sai lầm, sao được gọi là bậc thánh triết?

Tuấn thưa rằng:

- Thần trộm xét kinh truyện, thấy thánh nhân hành sự chẳng thể không có sai lầm, vì thế dùng Tứ hung là lỗi của vua Nghiêu, trọng Nhị thúc là lỗi của Chu công, tin Tế Dư là lỗi của Trọng Ni.

Đế nói:

- Vua Nghiêu dùng Cỗn, chín năm liền không thành công, nước sông Mịch mênh mông, dân khốn đốn vì thủy tai.⁽¹⁾ Đến như lầm lỗi của Trọng Ni là tin Tế Dư, là giữa lời nói và việc làm, nặng nhẹ có chỗ không giống nhau vậy.⁽²⁾ Còn như việc của Chu công và Quản, Sái,⁽³⁾ cũng được *Kinh Thượng Thư* ghi chép lại, đều là việc mà Bác sĩ nên thông hiểu vậy.

¹ Vua Nghiêu dùng Tứ hung là Cỗn, Cung Công, Hoan Đâu, Tam Miêu nên có loạn, vua Thuần phải đánh dẹp mới trị được.

² Không tử đánh giá rằng Tế Dư (tự Tử Ngã) là người giỏi, Tế Dư làm quan ở nước Tề, làm loạn bị giết, Không tử phải xấu hổ vì lầm lẫn của mình.

³ Chu công trọng dụng Quản Thúc, Sái Thúc là những kẻ bày tôi làm phản.

Tuấn đáp rằng:

- Đây đều là những việc mà bậc thánh hiền thời trước nghĩ ngò, chẳng phải là điều mà kẻ ít hiểu biết như thần có thể cứu xét lập luận được.

Tiếp đó đề cập đến câu: "Trong dân có kẻ chưa vợ là Ngu Thuấn",⁽¹⁾ Đế hỏi rằng:

- Đang thời vua Nghiêu, nước lớn gây hại, Tứ hung ở triều, đây là lúc nên mau chóng đề bạt bậc thánh hiền để cứu giúp dân vậy. Thuấn năm ấy đã lập được danh, thánh đức rạng ngời, mà rất lâu không được tiến cử trọng dụng, sao vậy?

Tuấn đáp rằng:

- Vua Nghiêu than thở cầu hiền tài, muốn nhường lại ngôi vị của mình, Tứ nhạc nói rằng: "Tuyển người đức xấu là nhục đến ngôi Đế." Vua Nghiêu lại sai Tứ nhạc suy cử người tài đức ở chốn xóm làng, sau tiến cử được Thuấn. Nguồn gốc việc tiến cử Thuấn, thật bởi vua Nghiêu, đây đại để là nói thánh nhân muốn dân chúng hết lòng vậy.

Đế nói:

- Nghiêu đã nghe nói tài của Thuấn mà chẳng dùng ngay, hơn nữa là bấy giờ trung thần cũng chẳng tiến cử, mới sai đề cử người có tài ở chốn xóm làng rồi sau mới tiến cử, thế gọi là chẳng gấp gáp tuyển dụng kẻ sáng suốt để cứu giúp dân.

Tuấn đáp rằng:

- Điều ấy chẳng phải kẻ ngu dốt như thần có thể hiểu kịp được vậy.

Vì thế lại truyền lệnh giảng Lễ ký, Đế hỏi rằng:

¹ Câu trong *Kinh Thượng thư, Nghiêu điển*. Chỗ này nói đến chuyện vua Nghiêu tìm người tài truyền ngôi vua, tìm được vua Thuấn là người chưa vợ sống bên bờ sông. Vua Nghiêu bèn gả con gái cho Ngu Thuấn, rồi sau dùng thử, cuối cùng tin tưởng, trao ngôi vua.

- Lễ ký nói: "Cao quý nhất là lập đức, thứ đến là việc ban ân báo đáp." Điều là việc trị lý, song do đâu mà việc giáo hóa mỗi bên lại khác nhau; điều là sửa sang chính trị mà có thể dẫn đến lập đức chính, ban ân mà chẳng cần báo đáp ư?

Bác sĩ Mã Chiếu đáp rằng:

- Cao quý nhất là lập đức, là nói thời Tam hoàng, Ngũ đế dùng đức để giáo hóa dân, thứ đến là báo đáp ban ân, là nói thời Tam vương dùng lễ để trị vậy.

Đế nói:

- Hai thời thi hành giáo hóa nông sâu không giống nhau, vậy là hai hạng nhân chủ có điều hơn kém nhau chăng? Hay là thời thế xui khiến ra như thế chăng?

Chiếu đáp rằng:

- Thực bởi thời đại tạo nên văn đức, cho nên giáo hóa có sự nông sâu khác nhau vậy.^①

① Đế tập chép bài tựa của Đế về điềm lành lúc mình mới sinh rằng:

"Xưa kia lúc mới sinh bậc Đế vương, thường có điềm báo tốt lành, đại khái đấy là điềm triệu báo rõ sự vẻ vang thân diệu vậy. Duy có kẻ tiểu tử như ta, là chi cuối dòng nối dõi, được thần minh lân lẩn giúp đỡ, há dám tự so mình với hiền nhân thừa trước, nên mới ghi chép lại để bảo rõ cho người sau được biết. Nay viết rằng:

"Duy năm Chính Thủy tam niên tháng chín ngày sóc là ngày Tân Mùi, đến ngày hai mươi lăm là ngày Ất Mùi vào trực Thành,⁽¹⁾ ta được sinh ra.

¹ Trực Thành tức là nói đến giờ sinh. Ngày trực có mười hai ngày, ứng với mười hai trực là Kiến, Trừ, Mãn, Bình, Định, Chấp, Phá, Nguy, Thành, Thu, Khai, Bế. Tháng giêng thuộc kiến Dần, tháng hai kiến Mão, nên có hiện tượng mỗi tháng có hai ngày liên tiếp cùng một trực, hai ngày đó gọi là "trùng kiến." Bắt đầu ngày tiết đầu tiên của tháng nào thì tính theo trực của tháng đó. Đại khái tạm suy là Tào Mao sinh vào giờ Ngọ.

"Vào lúc ấy,
Khí trời rất trong sáng,
Ánh nhật nguyệt rạng ngời,
Có luồng khí màu vàng,
Bốc lên ngay giữa sảnh,
Chiếu sáng lòe quanh nhà,
Sắc màu lại rực rỡ.
Người xem tướng bèn luận về điềm ấy rằng:
Ngày Mùi thuộc hành Thổ,
Là hành của nhà Ngụy;
Sinh đúng vào trực Thành,
Là ứng với phúc lành;
Luồng khí của hơi nóng,
Là tinh của thần minh;
Không có việc tai hại,
Được thần linh che trùm.
Trời chẳng giúp Tề vương,
Khiến phép tắc đảo điên,
Trăm quan suy cử ta,
Lên kế nối ngôi rồng.
Thân ta còn non nớt,
Bản tính lại ngang ương,
Chưa thể bước đúng đường,
Để noi theo đại đạo,
Chân giẫm lên giá băng,
Lo sợ nước mất tuôn.
Cổ nhân có câu rằng,
Lo lắng thì chẳng quên.
Kẻ tiểu tử ta đây,
Dám biếng lười phóng túng?
Chi thứ chẳng điểm nhục,
Mãi dưng tế chưng thường."⁽¹⁾

¹ Là lễ tế vào mùa thu và mùa đông do bậc đế vương tiến hành.

Tấn chư công tán của Phó Sướng chép: Đế thường cùng bọn Trung hộ quân Tư Mã Vọng, Thị trung Vương Thẩm, Tán kỵ thường thị Bùi Tú, Hoàng môn thị lang Chung Hội ăn yến bàn giảng ở sảnh phía đông, cùng chấp nối văn tự mà luận. Đặt danh hiệu cho Tú là Nho lâm trượng nhân, Thẩm là Văn tịch tiên sinh, Vọng và Hội cũng đều có danh hiệu. Đế bản tính nóng nảy, khi triệu gọi là muốn họ đến lập tức. Bọn Tú làm quan trong cung, nên đến kịp thời, vì Vọng ở bên ngoài, được đặc cách cấp cho xe truy phong,⁽¹⁾ lính hộ bên có năm tên, mỗi lúc tụ hội, Vọng thường ruồi rong mà đến.

Tháng năm, người ở huyện Nghiệp và quận Thượng Cốc (Lạc) đều nói là có sương móc giáng.

Mùa hạ tháng sáu ngày Bính Ngọ, đổi niên hiệu là Cam Lộ. Ngày Ất Sửu, có rồng xanh hiện ở trong giếng huyện Nguyên Thành.

Mùa thu tháng bảy ngày Kỷ Mão, Vệ tướng quân là Hồ Tuân chết.

Ngày Quý Mùi, An tây Tướng quân Đặng Ngải đại phá quân của Đại tướng nước Thục là Khương Duy ở Thượng Nhai, Đế hạ chiếu rằng:

"Quân chưa dùng hết sức, giặc xấu bị diệt tan, chém đầu và bắt sống địch quân, chẳng dưới một vạn, chiến thắng thời gian gần đây, không trận nào được thế. Nay phái sứ giả đến khao thưởng tướng sĩ, mọi người cùng hưởng, yến ẩm hết ngày, hãy làm rõ ý trẫm."

Tháng tám ngày Canh Ngọ, mệnh cho Đại tướng quân Tư Mã Văn vương thêm hiệu Đại đô đốc, khi tấu việc không phải xưng danh, trao cho Giả hoàng việt. Ngày Quý Dậu, lấy Thái úy Tư Mã Phu làm Thái phó. Tháng chín, lấy Tư đồ Cao Nhu làm Thái úy. Mùa đông tháng mười, lấy Tư không Trịnh Xung làm Tư đồ, Thượng thư Tả Bộc xạ Lô Dục làm Tư không.

¹ Xe truy phong là loại xe nhẹ do ngựa trạm kéo, thường dùng cho dịch sứ.

Năm thứ hai, mùa xuân tháng hai, có rồng xanh hiện ra ở trong giếng huyện Ôn. Tháng ba, Tư không Lô Dục chết.

Mùa hạ tháng tư ngày Quý Mão, Đế hạ chiếu rằng:

"Quan dân huyện Cao Hiến của quận Huyền Thố làm phản, trưởng huyện là Trịnh Hy bị giặc giết hại. Người dân trong huyện là Vương Giản công thi thể Hy trên vai, khởi hành trong đêm lúc sao trời còn sáng, đi xa đến quận trị của bản châu, trung tiết đáng khen. Nay đặc bái Giản làm Trung nghĩa Đô úy, để nêu tỏ hành vi khác thường."

Ngày Giáp Tý, lấy Chinh đông Đại tướng quân là Gia Cát Đản làm Tư không.

Tháng năm ngày Tân Mùi, Đế đến Tích Ung, truyền mệnh hội quần thần sai làm thơ phú. Bọn Thị trung là Hòa Cai, Thượng thư là Trần Khiên làm thơ chậm, Hữu ti tấu xin bãi chức quan, Đế hạ chiếu nói:

"Ta vốn ám muội, song yêu thích văn nhã, nay mời rộng mọi người làm thơ phú, để biết việc được mất, nhưng các người bối rối, ý tứ tốt lại thành xấu. Nay tha thứ cho bọn Cai. Quan coi việc nên sắc lệnh là từ nay về sau, quần thần đều phải nghiên ngẫm học tập hàm nghĩa cổ thư, rõ ý kinh điển, để xứng ý trẫm."

Ngày Ất Hợi, Gia Cát Đản không tới theo lệnh triệu, phát binh làm phản, giết Thứ sử Dương châu là Nhạc Lâm. Ngày Bính Tý, triều đình xá tội cho quan dân tướng lại ở Hoài Nam bị Đản lừa dối. Ngày Đinh Sửu, hạ chiếu rằng:

"Gia Cát Đản gây việc hung loạn, Dương châu ngửa nghiêng. Trước kia Kinh Bỗ phản nghịch, Hán tổ tự thân nắm binh nhưng, Ngỗ Hiêu trái mệnh, Quang Vũ sang tây thảo phạt, cho đến Liệt tổ Minh hoàng đế tự thân đi đánh Ngô, Thục, đấy đều là việc làm để nêu cao sự hiển hách, tỏ rõ uy vũ vậy. Nay nên đưa Hoàng thái hậu với trẫm tạm cùng dự việc binh nhưng, tức tốc dẹp yên giặc ác, kịp thời yên định phía đông."

Ngày Kỷ Mão, hạ chiếu rằng:

"Gia Cát Đản gây việc phản loạn, bức hiếp người trung nghĩa, Bình khấu tướng quân Lâm Vị đình hầu là Bàng Hội, Kỵ đốc thiên tướng quân là Lộ Phồn, đều đem theo tả hữu, chém cửa xông ra ngoài, trung tráng dũng liệt, đây là việc làm rất đáng khen. Nay tấn phong cho Hội tước Hương hầu, phong cho Phồn tước Đình hầu."

Tháng sáu ngày Ất Tỵ, hạ chiếu rằng:

"Sứ giả cầm cờ tiết đốc trách các việc quân ở Hạ Khẩu của nước Ngô là Trần quân Tướng quân Sa Tiễn hầu Tôn Nhất, là người trong tông thất của giặc, ngôi vị là Thượng tướng, sợ oai trời biết mệnh, xét rõ họa phúc, nhanh chóng cử binh, theo về đại quốc, dẫu Vi Tử là bỏ nhà Ân, Nhạc Nghị trốn khỏi nước Yên,⁽¹⁾ cũng chẳng hơn được việc làm này. Nay lấy Nhất làm Thị trung Xa kỵ tướng quân, ban cho Giả tiết, lĩnh chức Giao châu mục, tước Ngô hầu, Khai phủ tịch triệu, Nghi đồng tam ti, theo lễ Bát mệnh⁽²⁾ đối với bậc Hầu bá thời xưa, ban cho mũ miện giày đỏ một đôi, để tỏ sự đãi ngộ hơn người." ①

① Thần Tùng Chi cho rằng: Nhất bị bức bách không biết làm sao phải quy hàng, việc ấy không nên khen, xét dùng nghĩa xưa, ý định có lẽ chỉ để dương danh thôi vậy. Việc làm thích hợp lúc ấy, là không được noi theo khuôn phép thời xa xưa, cho nên phải liệu tài mà ban thưởng, đủ để đáp lại cái tình đến hàng mà thôi. Đến mức ban thưởng theo lễ Bát mệnh vẻ vang, lễ nghĩa ngang bậc Tam công, chẳng cũng quá sao? Với việc chiêu an kẻ ở xa, lại không xứng rồi. Sao vậy? Ví như tướng ở bên kia giữ nghĩa, theo thời thế không hiềm nghi, rút cục chẳng vui thích với ân sủng lạ

¹ Vi Tử (微子) là đại thần nhà Ân, là anh của vua Trụ. Vua Trụ tàn bạo bắt nhân, Vi Tử bèn bỏ nhà Ân, theo về nhà Chu, sau này được Chu Vũ vương phong cho đất Tống để lập quốc, trở thành vị vua đầu tiên của nước Tống, chư hầu nhà Chu.

Nhạc Nghị (乐毅) là đại thần nước Yên, có công lớn dẹp nước Tề, sau bị vu hãm, vua ngờ vực, bèn bỏ nước Yên sang thờ nước Triệu.

² Theo *Chu lễ*, Xuân Quan, Đại tông bá thì quan tước phẩm cấp của nhà Chu chia làm chín đẳng cấp, dựa vào hàng Bát mệnh gồm có các vương chư hầu và Tam công.

thường, bị buộc phải sinh lòng phản, vì phản nên hổ thẹn, nổi nhục nào hơn được đây? Nếu tướng bên kia lo mỗi nguy sắp đến, không trốn vội chẳng thoát được, thì tất phải trốn chết để cầu sống, chẳng mong vinh lợi nữa rồi, thế thì ngôi cao lộc dày có là gì đâu? Vào thời Ngụy sơ có Mạnh Đạt, Hoàng Quyền, thời nhà Tấn có Tôn Tú, Tôn Khải; tước thưởng của Đạt, Quyền, so với Nhất là rẻ rúng, lẽ trật với Tú, Khải, khác hơn rất nhiều! Đến lúc Ngô bình, lại giáng truất đi mấy bậc, không theo như lúc ban đầu nữa, há chẳng phải do cái lỗi lúc trước đấy ư?

Ngày Giáp Tý, Đế xuống chiếu rằng:

"Nay xa giá lưu trú ở huyện Hạng, Đại tướng quân thay trăm tiến hành đánh dẹp, đi trước đến Hoài Phố. Trước đây Tướng quốc Đại tư mã đi đánh dẹp, đều đi cùng Thượng thư, nay nên như phép cũ."

Bèn lệnh cho Tán kỵ thường thị là Bùi Tú, Cấp sự Hoàng môn thị lang là Chung Hội đi cùng Đại tướng quân. Mùa thu tháng tám, Đế hạ chiếu nói:

"Xưa kia Yên Thích vương mưu phản, bọn Hàn Nghị can gián mà chết, Hán triều đãi ngộ cất nhắc con cái của họ.⁽¹⁾ Nay Gia Cát Đản gây việc hung loạn, quan Chủ bộ là Tuyên Long, Bộ khúc đốc là Tần Kiết giữ tiết thủ nghĩa, việc sắp xảy ra cố sức can ngăn, bị Đản giết hại, thế gọi là không thân gần như Tỉ Can mà chịu cảnh giết chóc.⁽²⁾ Nay lấy con của Long và Kiết làm Kỵ đô úy, lại ban thưởng thêm, hãy nêu rõ xa gần, để biểu dương người có lòng trung nghĩa."

Tháng chín, đại xá thiên hạ.

¹ Yên vương Lưu Đán (刘旦), là anh của Hán Chiêu đế, con của Hán Vũ đế. Thời Hán Vũ đế còn sống từng muốn kế vị ngai vàng khiến Vũ đế nổi giận. Sau khi Vũ đế mất, Lưu Đán cầu kết với Lưu Thích, Lưu Trương mưu phản. Hàn Nghị (韩谊) can gián bị giết, sau này Chiêu đế phong tặng cho con cháu họ.

² Vua Trụ nhà Ân không chăm lo triều chính, tàn bạo bất nhân, chỉ mê mãi hưởng lạc xa hoa với gái đẹp và các trò tiêu khiển cùng những hình phạt tàn khốc độc ác để mua vui. Tỉ Can (比干), là chú ruột và cũng là đại thần của vua Trụ dâng lời can gián, bị vua Trụ giết chết, xé xác, phanh thây moi tìm ra xem.

Mùa đông tháng mười hai, Đại tướng nước Ngô là bọn Toàn Doan, Toàn Dịch thống suất bộ chúng đến hàng.

Năm thứ ba mùa xuân tháng hai, Đại tướng quân Tư Mã Văn vương phá vỡ thành Thọ Xuân, chém Gia Cát Đản. Tháng ba, Đế hạ chiếu rằng:

"Thời xưa thắng địch, thu thân đắp đống thành gò, lấy việc đó để trừng trị kẻ phản nghịch vô đạo và biểu chương võ công vậy. Năm Nguyên Đĩnh trung thời Hán Hiếu Vũ, đổi huyện Đồng Hương thành huyện Văn Hi, huyện Tân Hương thành huyện Hoạch Gia, để nêu rõ cái diệt vong của Nam Việt. Nay Đại tướng quân đích thân thống lĩnh sáu quân, đóng ở Khâu Đầu, trong diệt quần hùng, ngoài dẹp giặc cướp, có công cứu giúp muôn dân, danh chấn bốn bể. Lấy lại đất từ tay địch, nên đặt tên để ghi nhớ, nay đổi Khâu Đầu thành Vũ Khâu, tỏ rõ việc dùng vũ lực bình loạn, đời sau chẳng quên được, cũng đắp gò cao ở hai ấp để tỏ nghĩa vậy."

Mùa hạ tháng năm, lệnh cho Đại tướng quân Tư Mã Văn vương làm Tướng quốc, phong tước Tấn công, thực ấp tám quận, gia thêm lễ Cử tích, Văn vương trước sau nhường chín lần mới thôi.

Tháng sáu ngày Bính Tý, Đế hạ chiếu rằng:

"Trước đây sơn tặc quận Nam Dương nhiều như ong, muốn bắt cố Thái thú Đông Lý Cồn làm con tin, quan Công tào là Ưng Dư một mình che đỡ cho Cồn, sau Cồn được thoát nạn. Dư gặp họa hại mà mất mạng, chết thân cứu chủ. Nay lệnh cho quan Tư đồ, nhận cháu của Dư là Luân làm chức Lại, để báo đền cái tiết tháo che chở của Dư." ①

① Sở quốc tiên hiền truyện chép: Dư tự Tử Chính, thiên tính cứng cỏi, chí chuộng nhân nghĩa. Năm Kiến An thứ hai mươi ba làm Công tào ở quận.

Bấy giờ hai nước Ngô, Thục không quy phục, bờ cõi lắm mối lo. Uyển tướng là Hầu Âm khuấy động sơn dân, giữ thành làm phản. Dư cùng quan Thái thú là Đông Lý Cồn đang giữa lúc rối

ren, chạy trốn thoát được ra ngoài. Âm lập tức phái quân kỵ truy đuổi, cách thành chục dặm sắp đuổi kịp, giặc liền bắn Cỗn, tên bay như nước xối. Dư lên trước lấy thân ngăn tên, bị bảy vết thương, nhân đó bảo bọn giặc đuổi theo rằng:

- Hầu Âm ngông cuồng giáo hoạt, gây việc hung nghịch, đại quân sắp đến nơi, chuyện đánh giết đã gần kề. Nghe nói các ngươi vốn là người tốt, hẳn không có ác tâm, nên nghĩ xét việc thiện, sao lại chịu sự sai khiến của kẻ ác? Ta đem thân mình thay cho chủ, đã bị trọng thương, nếu thân chết mà chủ được vẹn toàn, chết không có gì ân hận.

Rồi ngẩng mặt lên trời kêu gào khóc lóc, máu và nước mắt chan hòa. Giặc thấy sự trung nghĩa tiết liệt của Dư, mới tha cho Cỗn không làm hại. Sau khi giặc bỏ đi, Dư cũng dứt mệnh.

Chinh nam tướng quân Tào Nhân đánh dẹp bình được Âm, biểu dương hành trạng của Dư, mọi người cùng vầy rượu xuống đất để tế Dư. Thái tổ nghe chuyện, than thở hồi lâu, lệnh cho thuộc hạ ở Kinh châu dựng bia ở cổng làng, ban cho người nhà Dư nghìn hộ lúa.

Cỗn sau làm quan Tư mã của Vu Cấm, thấy nói ở sách *Ngụy lược* phần *Du thuyết truyện*.

Ngày Tân Mão, đại hội luận công đánh dẹp Hoài Nam, phong tước ban thưởng đều theo thứ bậc.

Mùa thu tháng tám ngày Giáp tuất, lấy Phiêu kỵ tướng quân là Vương Sưởng làm Tư không. Ngày Bính Dần, Đế hạ chiếu rằng:

"Phụng dưỡng người già hưng thịnh giáo hóa, đây là lý do khiến phong tục của thời Tam đại lưu truyền mãi không mục nát vậy, thế tất phải suy cử người đức cao vọng trọng làm Tam lão, Ngũ canh và nhất mục cùng kính họ, thỉnh cầu và thu nhận lời răn dạy của họ, ghi chép lời nói và việc làm của họ vào sách sử, rồi sau sáu cõi nối dòng, người thiên hạ theo gương họ mà thành giáo hóa vậy. Nên xét chọn người có đức hạnh, để tuyển lựa sung vào chức ấy. Quan nội hầu Vương Tường, là người tu nhân giữ nghĩa, mẫu mực trong sáng,

Quan nội hầu Trịnh Tiểu Đồng, là người thiện lương, ôn hòa chí hiếu, vâng thuận lễ nghĩa, chẳng mắc sai lầm. Nay lấy Tường làm Tam lão, Tiểu Đồng làm Ngũ canh."

Thiên tử tự mình truyền lệnh cho trăm quan, theo đúng phép cũ cử hành nghi lễ.^①

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Đế đưa lời thỉnh cầu với Tường, Tường đáp:

- Bậc vua sáng thời xưa lễ nhạc đều đầy đủ, thêm nữa lại tỏ rõ sự chân thành, sự chân thành phát ra, thể hiện ở lời nói và việc làm. Bậc đại nhân, hành động trong trời đất; với trời cũng chẳng làm trái, hướng chi là đối với người ru?

Việc khác của Tường thấy ở *Lã Kiên truyện*.

Tiểu Đồng là cháu đích tôn của Trịnh Huyền vậy.

Huyền biệt truyện chép: Huyền có người con, làm chức Lại cho Khổng Dung, được cử Hiếu liêm. Dung bị vây, người ấy qua đó, bị giặc giết hại, có để lại đứa con trai đang trong bụng mẹ, đến ngày Đinh Mão thì sinh; mà Huyền cũng sinh vào năm Đinh Mão, cho nên đặt tên là Tiểu Đồng.⁽¹⁾

Ngụy danh thần tấu chép tờ biểu của Thái thú Hoa Hâm rằng:

"Thần nghe nói khuyến khích phong tục tuyên truyền giáo hóa, trên hết là ở chỗ nêu tỏ cái thiện, ban lộc trao tước, hay nhất là ở chỗ nêu rõ tài năng, thế nên người nước Sở nghĩ đến sự cai trị của Tử Văn,⁽²⁾ lại dùng con cháu dòng dõi của người ấy, nhà Hán khen cái đức của Giang Công,⁽³⁾ khiến cho con cháu nối đời được vẻ vang."

¹ Đặt tên để nói cái ý là đứa trẻ sinh cùng năm vậy.

² Tử Văn (子文), họ Đâu, tên là Cầu Ô Đồ, tự Tử Văn, là quan lệnh doãn (Tể tướng) nước Sở đời Sở Thành vương, thời Xuân Thu. Nổi tiếng là quan liêm khiết, xử sự công bằng không theo tư tình, lại có tài thao lược. Nước Sở nhờ sự cai trị tài giỏi của Tử Văn mà cường thịnh, người nước Sở nhớ ơn ông.

³ Giang Công (江公), làm quan Bác sĩ thời Hán Vũ đế, là nhà Kinh học có tiếng, từng giúp Hán Vũ đế giảng *Kinh Xuân Thu*. Dòng tộc nối đời làm quan Bác sĩ dưới thời Tây Hán.

"Thần cúi xét thấy cố Đại tư nông nhà Hán là Trịnh Huyền người quận Bắc Hải, là nhà Kinh học đương thời, là danh quan của Hoa Hạ, nổi đời là bậc Nho tông. Văn hoàng đế khen ngợi chọn chép tên của các bậc tiên hiền, bá cháu đích tôn của Huyền là Tiểu Đồng làm Lang trung, cho đợi chức ở nhà. Tiểu Đồng năm hơn ba mươi tuổi, phẩm chất hiếm thấy, học nhuần lục kinh, đức hạnh sáng rõ ở thôn ấp. Người vùng Bắc Hải, Thái Sơn chẳng ai không khen cái phẩm chất thiên phú, không quý sự độ lượng rộng rãi của người ấy."

"Xét phẩm hạnh của Tiểu Đồng, thì cái chất phác chính trực là bản tính không đổi, khiêm cung trầm mặc, phụng dưỡng người thân không đôi sắc, chẳng sửa mình mà đức hạnh có thể thấy, chẳng ganh đua mà danh tiếng người đời biết, thần tin rằng với sự trong sạch của người ấy thì cứ đúng theo thứ tự, trước sau mình chiếu sẽ chiêm chước mà cho vời. Thân già lão, suy nhược ốm đau, tai mắt là vô ích, xin cẩn trọng kể hết những điều nghe được."

Ngụy thị Xuân Thu chép: Tiểu Đồng đến chỗ Tư Mã Văn vương, Văn vương có tờ số bí mật, còn chưa giấu đi. Lúc đi nhà tiêu về, bảo Tiểu Đồng rằng:

- Khanh có thấy tờ số của ta chẳng?

Đáp rằng:

- Không thấy.

Văn vương vì nghi ngờ mà cho Tiểu Đồng uống rượu độc, chết.

Trịnh Huyền chú giải Văn vương thế tử chép rằng: "Tam lão, Ngũ canh mỗi chức có một người, đều là người cao tuổi đã nghỉ việc quan rồi vậy."

Chú nhạc ký chép: "Tam lão, Ngũ Canh đều là người già lão, có hiểu biết về Tam đức Ngũ sự⁽¹⁾ vậy."

¹ Tam đức (三德) là ba đức tính cần có của thuật trị dân, đó là: Chính trực, Cương, và Nhu, tức là muốn trị dân, chính trực chưa đủ, còn phải biết cương, nhu, quyền biến, tùy thời thế; Ngũ sự (五事) là năm phương pháp tu thân của vua chúa, đó là: Dáng điệu (phải nghiêm trang kính cẩn), nói năng (phải chậm rãi khúc triết và hợp lý), trông nhìn (phải sáng suốt tinh tường), nghe ngóng (phải tinh tế biết chọn lọc), nghĩ ngợi (phải kỹ lưỡng thấu đáo).

Minh đường luận của Sái Ung nói rằng: Chữ "Canh" đáng phải chép là chữ "Tẩu." Chữ "Tẩu" là chữ để nói về bậc trưởng lão, chữ này so với chữ "Canh" cũng tương tự, người chép sách chép nhầm thành chữ "Canh." Chữ "Tẩu" có chữ "Nữ" bên cạnh chữ "Tẩu", người thời nay cũng cho là chữ "Canh", vì thế nghiệm ra thì biết rằng phải là chữ "Tẩu" vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng Ung bảo rằng chữ "Canh" phải là chữ "Tẩu", thực có vẻ là đúng, nhưng các nhà Nho tuyệt chẳng có ai theo, chưa biết là ai đúng.⁽¹⁾

Năm ấy, rồng xanh, rồng vàng liên tục xuất hiện ở trong giếng thuộc địa giới các huyện Đồn Khâu, Quán Quân, Dương Hạ.

Năm thứ tư, mùa xuân tháng giêng, rồng vàng xuất hiện hai lần, thấy ở trong giếng thuộc địa giới huyện Ninh Lăng.^① Mùa hạ tháng sáu, Tư không Vương Sùng chết. Mùa thu tháng bảy, Trần Lưu vương là Tào Tuấn chết.

Mùa đông tháng mười ngày Bính Dần, tách quận Tân Thành, đặt lại quận Thượng Dung.

Tháng mười một ngày Quý Mão, Xa kỵ tướng quân Tôn Nhất bị người hầu gái của mình giết chết.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Bấy giờ rồng xuất hiện liên tục, hết thấy mọi người cho đấy là điềm cát tường. Để nói:

- Rồng, là đức của bậc quân vương vậy. Trên chẳng hiện ra ở trời, dưới chẳng hiện ra ở ruộng, mà nhiều lần ẩn khuất trong giếng, không phải là điềm lành vậy.

Bèn làm bài thơ *Rồng ẩn* để tự liên tưởng tới phận mình, Tư Mã Văn vương thấy được mới ghét Đế.

Năm thứ năm mùa xuân tháng giêng ngày sóc, có nhật thực.

¹ Chữ Canh (更) có một nghĩa là "từng trái, trái qua", viết gần giống chữ Tẩu (叟), là "người già", chữ "tẩu" có chữ "nữ" (女) ở bên cạnh cũng là chữ "Canh". Bùi Tùng Chi chú rằng cách lập luận của Sái Ung về chữ "Canh" trong hai chữ "Ngũ canh" phải là chữ "Tẩu" có vẻ đúng, nhưng không hiểu sao các nhà nho không theo.

Mùa hạ tháng tư, Đế hạ chiếu sai Hữu ti xét việc noi theo mệnh lệnh lúc trước, lại tấn phong ngôi vị cho Đại tướng quân Tư Mã Văn vương là Tướng quốc, tước Tấn công, gia thêm cửu tích.

Tháng năm ngày Kỷ Sửu, Cao Quý hương công chết, năm ấy mới hai mươi tuổi. ① Hoàng thái hậu xuống lệnh rằng:

"Ta vốn bất đắc, trong nhà gặp việc bất hạnh, trước đây ta đón lập con của Đông Hải vương là Mao, lấy làm người nối tự của Minh đế, thấy nó thích sách vở thông văn chương, mong là có thể thành sự nghiệp, nhưng tính tình nó bạo ngược trái ngang, tháng ngày càng quá trớn. Ta mấy lần trách mắng, sau bị nó căm giận, bày lời xấu xa ngỗ nghịch vô đạo để vu gièm báng bổ ta, khiến hai cung cách tuyệt. Lời mà nó nói, người ta chẳng nỡ nghe, không có trời đất nào che chở. Ta lập tức mật lệnh riêng cho Đại tướng quân, là chẳng nên để nó phụng thờ tông miếu, sợ rằng xã tắc nghiêng lật đảo điên, ta chết rồi không có mặt mũi nào để gặp Tiên đế. Đại tướng quân vì nó còn nhỏ, bảo nó nên đổi lòng làm việc thiện, ân cần giữ lý tranh luận. Nhưng đứa nhỏ này ngang ngược vô lý, việc mà nó làm ngày càng quá, gương nở từ xa bắn vào cung của ta, ta đang khấn khứa bị nó bắn trúng vào gáy, mũi tên rơi ngay trước mặt. Ta nói với Đại tướng quân, là chẳng thể không phế bỏ nó, trước sau đến mấy chục lần. Thằng nhỏ ấy nghe hết, tự biết tội nặng, liền mưu đồ làm việc thí nghịch, đưa hối lộ cho tả hữu của ta, muốn nhân cơ hội phục độc, bí mật pha rượu, nhiều lần cùng nhau bày kế. Việc bị phát lộ, nó định nhân cơ hội cất binh thẳng đến Tây cung giết ta, rồi ra ngoài bắt lấy Đại tướng quân, gọi Thị trung là Vương Thâm, Tán kỵ thường thị là Vương Nghiệp, ② Thượng thư là Vương Kinh đến, đưa tờ chiếu bằng lụa màu vàng trong người ra bảo với họ, nói rằng hôm nay sẽ thi hành. Mối nguy của ta, hơn cả tréng chồng. Ta tuổi cao góa bụa, há lại tiếc cái mệnh thừa sao? Chỉ thương cho di ý của Tiên đế chẳng thành, xã tắc đảo điên nghiêng lật mà đau đớn thôi. Nhờ vào uy linh của tông miếu, Thâm, Nghiệp tức tốc đến nói ngay với Đại tướng

quân, khiến việc phòng giữ được nghiêm cẩn từ trước, nhưng thằng nhỏ ấy lại đem ngay tả hữu ra cửa Vân Long, gõ trống như sấm, tự thân rút đao, dẫn tả hữu túc vệ tập nham cùng nhau xông vào trong trận, bị quân tiên phong giết chết. Thằng nhỏ ấy đã làm việc trái lẽ ngỗ nghịch vô đạo, mà lại tự hãm mình vào đại họa, lần nữa khiến ta đau lòng chẳng nói nên lời."

"Trước kia Xương Ấp vương của nhà Hán mắc tội bị phế làm thứ dân, thằng nhỏ này cũng nên dùng lễ của dân thường mà táng cho nó, nên khiến cho người trong kẻ ngoài đều biết cái việc mà thằng nhỏ ấy đã làm. Lại nữa là Thượng thư Vương Kinh, có việc hung nghịch mà không kể rõ, nay bắt Kinh cùng gia thuộc của hắn đều đưa đến chỗ quan Đình úy."

① Hán Tấn Xuân Thu chép: Để thấy uy quyền của mình ngày càng suy kém, không ngăn được phần hận. Bèn triệu Thị trung là Vương Thâm, Thượng thư là Vương Kinh, Tán kỵ thường thị là Vương Nghiệp đến, bảo rằng:

- Tâm địa của Tư Mã Chiêu, người đi đường đều biết. Ta chẳng thể ngồi yên chịu nổi nhục bị phế, hôm nay sẽ cùng các khanh tự ra ngoài đánh dẹp hắn.

Wang Kinh nói:

- Ngày xưa Lỗ Chiêu công chẳng nhận nhịn Quý thị, thua chạy mất nước, làm trò cười cho thiên hạ.⁽¹⁾ Nay quyền thế ở cửa nhà họ, đã lâu ngày rồi, triều đình và người bốn phương đều vì họ đến chết, chẳng đoái hoài đến lễ thuận nghịch, không phải là chỉ ở một ngày thôi vậy. Và lại quân túc vệ thiếu khuyết, binh giáp ít ỏi yếu kém, bệ hạ nhờ vào họ sao được, mà một sớm làm cái việc như

¹ Họ Quý tôn, cùng họ Thúc Tôn, Mạnh tôn là ba họ lớn ở nước Lỗ thời Xuân Thu, nối đời làm quan khanh, nắm hết quyền ở triều đình, uy thế lấn át cả vua Lỗ Chiêu công (魯昭公). Lỗ Chiêu công giận Quý thị (季氏) vì Quý thị cho múa điệu nhạc Bát dật (tám hàng người múa ở sân đình chỉ dành cho bậc Thiên tử) là trái lễ, muốn trừ đi, nhưng không biết lượng sức mình bị thua, phải lưu vong sang nước Tấn, suốt đời không về được nước Lỗ.

thế, sợ là muốn trừ bệnh mà bệnh càng nặng thêm thôi! Họa nạn e rằng chẳng thể lường hết được, nên phải suy xét rất thận trọng.

Đế bèn bỏ tấm thẻ lệnh ở trong người ra quẳng xuống đất, nói:

- Việc làm ta đã quyết rồi. Nếu chết vì việc chính đáng, có gì mà sợ? Huống chi không hẳn là chết chắc!

Vì thế vào bẩm Thái hậu, Thấm, Nghiệp vội chạy đi báo với Văn vương, Văn vương đặt phòng bị sẵn. Đế bèn thống suất mấy trăm lính hầu trẻ nhỏ, gõ trống rầm rĩ kéo ra.

Em họ của Văn vương là Đồn kỵ Hiệu úy Tư Mã Du đi vào, gặp Đế ở phía đông cửa Chi Xa, tả hữu mừng Du, sĩ chúng của Du bỏ chạy. Trung hộ quân là Giả Sung lại đón chặn Đế ở dưới cửa khuyết phía nam, Đế tự mình dùng kiếm. Chúng muốn lui, Thái tử xá nhân Thành Tế hỏi Sung:

- Việc gấp rồi, phải làm thế nào?

Sung nói:

- Nuôi bọn các nguoi, chính là dùng cho hôm nay đây. Việc hôm nay, không có gì phải hỏi vậy.

Tế lập tức tiến đến đâm Đế, mũi đao xuyên ra sau lưng. Văn vương nghe tin, cả kinh, tự lao đầu xuống đất nói:

- Thiên hạ sẽ nói ta thế nào đây!

Thái phó Phu chạy đến, gối đầu lên đùi Đế mà khóc, rất bi thương, nói:

- Giết bệ hạ, là tội của thần vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng sách của Tập Tạc Xi, tuy là viết ra sau cùng, nhưng thuật lại việc này có mấy chỗ sai khác. Cho nên trước hết chép lời của Tập, để làm rõ những lời khác với các sách được kể ra lần lượt ở dưới đây.

Thế ngữ chép: Vương Thấm, Vương Nghiệp vội đi báo với Văn vương, Thượng thư là Vương Kinh vốn chính trực không đi. Như vậy báo tin ấy là Thấm và Nghiệp.

Tấn chư công tán chép: Thấm, Nghiệp sắp đi, gọi Vương Kinh. Kinh không theo, nói:

- Ta có phải đưa trẻ con đâu!

Tấn ký của Can Bảo chép: Thành Tế hỏi Giả Sung rằng:

- Việc gấp rồi, nên làm sao đây?

Sung nói:

- Công nuôi dưỡng bọn các người, vì việc hôm nay vậy. Sao còn nghi hoặc!

Tế nói: "Đúng." Bèn rút lưỡi mác ra đến đâm Đế.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Đêm ngày Mậu Tý, Đế tự mình đem bọn Những tông tộc bọc xạ là Lý Chiêu, Hoàng môn tông quan là Tiêu Bá¹ xuống đài Lăng Vân, lấy áo giáp và binh khí trao cho lính, muốn nhân lúc gấp díp, tự ra đánh dẹp Văn vương. Gặp lúc trời mưa, Hữu ti tấu xin lui lại một ngày, Đế bèn gặp bọn Vương Kinh đưa tờ chiếu bằng lụa màu vàng ở trong người ra nói:

- Việc này ta chấp nhận được, thì việc gì ta chẳng dám làm! Hôm nay ta sẽ quyết làm việc này.

Rồi vào bạch với Thái hậu, xong rút kiếm treo lên xe, cầm đầu quân Túc vệ ở trong cung và bọn quan hầu nhỏ đánh trống ầm ầm, kéo ra từ cửa Vân Long. Giả Sung từ ngoài đi vào, quân của Đế tan vỡ, Đế vẫn xưng là Thiên tử, tay cầm kiếm ra sức đánh, chúng chẳng ai dám đến gần. Sung khích lệ tướng sĩ, em của Đốc kỵ Thành Tốt là Thành Tế lấy mâu đến đâm, Đế băng ở trong quân. Bấy giờ sấm sét đùng đùng mưa to như trút, trời tối mịt mùng.

Ngụy mạt truyện chép: Giả Sung gọi Đốc hạ tướng Thành Tế đến bảo:

- Việc của nhà Tư Mã nếu thua bại, dòng giống nhà bọn bay há còn được chẳng? Sao chẳng ra đánh!

Anh em nhà Tốt hai người bèn thống suất bọn người dưới tướng đi ra, ngoảnh lại nói:

¹ Các chức quan này là gồm những quan lại nhàn rỗi, theo hầu hạ bên cạnh vua, làm túc vệ, giữ cửa, đỡ vua lên ngựa, đánh xe ... thường là hoạn quan. *Hậu Hán thư*, thiên *Bách quan chí* phiếm chỉ là những người thấp túng bên cạnh vua.

- Nên giết chẳng? Hay bắt sống?

Sung nói:

- Giết đi.

Lúc giao binh, Để nói:

- Buông vũ khí mau!

Binh sĩ của Đại tướng quân đều buông vũ khí. Anh em Tể liền tiến đến đâm Để, Để ngã lộn xuống dưới xe.

② *Thế ngữ* chép: Nghiệp là người quận Vũ Lăng, sau làm Trung hộ quân của nhà Tấn.

Ngày Canh Dần, Thái phó là Phu, Đại tướng quân là Văn vương, Thái úy là Nhu, Tư đồ là Xung rập đầu tấu nói:

"Cúi xét mệnh lệnh mới đây, cô Cao Quý hương công bội nghịch vô đạo, tự hãm mình vào đại họa, noi theo việc cũ của Xương Ấp vương nhà Hán mắc tội bị phế, dùng lễ dân thường để táng. Bọn thần giữ ngôi vị phụ chính, mà chẳng thể khuông phò ngăn họa loạn, cấm chế kẻ gian nghịch, vâng lệnh run rẩy, tim gan lấy bầy. Theo nghĩa Kinh Xuân Thu, bậc vương giả không có ngoại lệ, nhưng Kinh Thư nói: 'Tương vương ra ở nước Trịnh', vì chẳng thể thờ mẹ, cho nên dứt bỏ không để giữ ngôi vua vậy. Nay Cao Quý hương công phóng túng làm việc không có phép tắc, suýt gây nguy cho xã tắc, tự rước lấy nghiêng lật, thần người dứt bỏ, táng dùng lễ dân thường, thực đúng phép cũ. Nhưng bọn thần cúi nghĩ rằng Điện hạ quá giàu lòng nhân từ, tuy xét nghĩa lớn, vẫn còn rủ lòng thương xót, trong lòng bọn thần thật sự chẳng nỡ, cho rằng nên gia ân dùng vương lễ để an táng."

Thái hậu theo lời.①

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Ngày Đinh Mão, táng Cao Quý hương công ở bến sông Triền Giản cách phía tây bắc thành Lạc Dương ba mươi dặm. Xe đưa ma mấy cỗ, không bày cờ thêu, trăm họ tụ nhau lại mà xem, nói:

- Đây là Thiên tử ngày trước bị người ta giết vậy.

Có kẻ bưng mặt mà khóc, bi thương chẳng thể ngăn nổi.

Thần Tùng Chi cho rằng nếu chỉ đem mấy cỗ xe đưa ma, không bày cờ thẻ, sao gọi là được an táng theo vương lễ vậy? Đấy có lẽ là lời nói quá khoa trương, việc làm ấy có thể gọi là rất không đúng lễ nghi vậy.

Thái hậu sai Sử trì tiết là hành Trung hộ quân Trung lữ tướng quân Tư Mã Viêm lên bắc nghênh đón Thường Đạo hương công là Tào Hoàng nổi dậy sau Minh đế.

Ngày Tân Mão, các quan khanh tấu với Thái hậu rằng:

"Điện hạ đức thánh sáng lòa, giữ yên sáu cõi, mà vẫn xưng lệnh, so ra giống với nước phiên. Thỉnh xin từ nay các thư lệnh của Điện hạ, đều xưng là chiếu chế, như việc cũ thời trước."

Ngày Quý Mão, Đại tướng quân cố nhường chức Tướng quốc, tước Tấn công và lễ sủng cử tích. Thái hậu hạ chiếu rằng:

"Có công chẳng giấu, là đại nghĩa theo Chu dịch vậy. Cái cao đẹp của người tài đức kiêm toàn, là điều mà bậc hiền nhân xưa yêu chuộng, nay nghe theo cái ý của Đại tướng quân, nêu tỏ ý ấy ra ngoài, để biểu chương cái đức tốt rạng ngời của ngài."

Ngày Mậu Thân, Đại tướng quân Văn vương tấu rằng:

"Cao Quý hương công thống suất nhân binh theo xe giá, rút đao gõ trống vàng hướng đến nơi ở của thần; thần sợ đao nhọn giao nhau, lập tức sắc lệnh cho tướng sĩ không được đả thương làm hại người, ai trái lệnh theo quân pháp xử trị. Em của Kỳ đốc Thành Tốt là Thái tử xá nhân tên Tế, ngang ngạnh xông vào trong trận làm hại Công, đến nỗi mất mạng; xin lập tức bắt Tế để thi hành quân pháp."

"Thần nghe nói cái tiết tháo của kẻ nhân thần, có chết cũng không mang lòng khác, giữ nghĩa thờ chúa thượng, chẳng dám trốn nạn. Lúc trước biến cố vụt đến, họa cùng khởi phát, thần thực muốn vứt bỏ thân mình giữ cái chết, quyết theo thiên mệnh. Nhưng nghĩ đến cái gốc của sự mưu tính kia cốt muốn gây nguy cho Hoàng thái hậu, làm nghiêng lật tông miếu. Thần nén nhục phải gánh vác trách nhiệm lớn,

nghe ở chỗ giữ yên đất nước, sợ là dù thân có chết, tội lỗi càng nặng. Muốn noi theo cái quyền biến của Y, Chu, để yên nạn cho xã tắc, lập tức cho ngựa dịch chạy không dừng đến rãnh bảo, không được tiến sát xe kiệu, nhưng Tể cự mệnh xông vào giữa trận, dẫn đến biến cố lớn. Thần xót thương thống hận, phủ tạng nát tan, chẳng biết có chỗ đất nào khả dĩ chui xuống được?"

"Điều luật với kẻ phản nghịch vô đạo, thì cha mẹ vợ con những người cùng sinh một gốc đều bị chém. Tể là kẻ hung hăng ngang ngược, phạm phép nước loạn kỷ cương, tội chẳng dung tha. Nay lập tức sắc mệnh cho Thị ngự sử bắt lấy gia thuộc của Tể, giao cho Đình úy, khép đúng tội trạng mà trừng trị." ①

Hoàng thái hậu hạ chiếu nói:

"Trong năm thứ tội trạng, tuyệt chẳng gì lớn bằng tội bất hiếu. Người có con bất hiếu, còn dạy bảo trừng trị nó, như thằng nhỏ ấy há còn được làm bậc nhân chủ chẳng? Ta là đàn bà chẳng thấu đạt được đại nghĩa, cho rằng Thành Tể chẳng thực muốn làm kẻ đại nghịch vậy. Nhưng tâm ý của Đại tướng quân khẩn thiết, lời nói xót xa, nên ta theo lời mà Đại tướng quân tấu. Nên ban bố khắp xa gần, khiến thiên hạ biết rõ gốc ngọn vậy." ②

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Anh em Thành Tể không chịu nhận tội, lúc bị cời trần lôi lên điện, lớn tiếng mắng chửi ngạo ngược; người ở dưới lấy cung bắn chết chúng, chúng mới câm miệng.

② *Thế ngữ* chép: Khi trước, vào năm Thanh Long trung, Thạch Bao là người bán sắt ở Trường An, gặp Tư Mã Tuyên vương, Tuyên vương biết rõ hắn. Sau cất nhắc lên làm Thượng thư lang, rồi trải các chức Thứ sử Thanh châu, Trấn đông tướng quân. Năm Cam Lộ trung, Bao vào chầu, sắp sửa quay về, qua từ biệt Cao Quý hương công, lưu lại trong đó hết ngày. Văn vương phái người thúc Bao đi gấp. Văn vương hỏi Bao:

- Sao lưu lại đấy lâu vậy?

Bao nói:

- Hoàng thượng là người phi thường vậy.

Hôm sau đi đến Huỳnh Dương, mấy ngày sau thì vạ nạn xảy ra.

Tháng sáu ngày Quý Sửu, Hoàng thái hậu hạ chiếu rằng:

"Người làm vua thời xưa đặt tên chữ, khó phạm mà dễ kiêng tránh. Nay chữ tên húy của Thường Đạo hương công rất khó kiêng tránh,⁽¹⁾ nay triều đình hãy thảo luận tường tận để đổi sửa, rồi liệt kê bản tấu đưa lên."

Trần Lưu vương húy Hoán, tự Cảnh Minh, là cháu của Vũ đế, con của Yên vương Tào Vũ vậy. Năm Cam Lộ thứ ba, được phong làm Thường Đạo hương công ở huyện An Thử. Cao Quý hương công chết, công khanh nghị bàn nghênh đón lập Công.

Tháng sáu ngày Giáp Dần, vào đến Lạc Dương, diện kiến Hoàng thái hậu, ngay ngày hôm ấy tức vị Hoàng đế ở trước điện Thái Cực, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu, ban tước và lụa, gạo cho mọi người đều theo thứ bậc.

Năm Cảnh Nguyên nguyên niên, mùa hạ tháng sáu ngày Bính Thìn, tiến cử Đại tướng quân Tư Mã Văn vương giữ vị Tướng quốc, tước Tấn công, tăng ấp phong hai quận, gộp cả lúc trước là tròn mười quận, gia thêm lễ Cử tích, đều như biểu tấu lúc trước; các con em trong họ Tư Mã, những ai chưa nhận tước hầu đều phong làm Đình hầu, ban nghìn vạn tiền, vạn xấp lụa, Văn vương cố nhường bèn thôi.

Ngày Kỷ Mùi, cố phu nhân của Hán Hiến đế là Tiết mất, Đế đến Hoa lâm viên, sai sứ giả cầm cờ tiết truy thụy cho phu nhân là Hiến Mục hoàng hậu. Lúc an táng, xe ngựa phục sức lễ nghi đều như việc cũ thời nhà Hán. Ngày Quý Hợi, lấy Thượng thư

¹ Thường Đạo hương công tên Hoàng, khó tránh phạm, khi lên ngôi đổi là Hoán.

Hữu bộc xạ là Vương Quán làm Tư không, mùa đông tháng mười, Quán chết.

Tháng mười một, Yên vương dâng biểu chúc mừng ngày đông chí, xưng thần. Đế hạ chiếu rằng:

"Vương hầu thời xưa, có người không phải theo lễ quân thần, phụ vương được noi theo nghĩa ấy. Khi dâng biểu không phải xưng thần nữa! Đây là việc báo đáp thích hợp vậy. Người kế nối dòng đại tông với người thân của mình cũng có chỗ chiếu cố, huống chi Yên vương lại là hạng người tôn quý! Nếu như xếp đồng hạng với những tôi thần khác, về tình là cũng chưa ổn. Nay đều phải chiếu theo điển lễ mà làm, nhất định phải xử lý cho thích hợp."

Hữu ti tấu, cho rằng:

"Về lễ chẳng có gì cao hơn việc sùng kính tổ tiên, về phép chế chẳng có gì lớn hơn chính điển. Bệ hạ lấy đức lớn ứng vận trời, cai trị muôn bang, kế nối trọng trách của dòng đại tông, hưng thịnh cơ nghiệp của ba vị tổ."

"Cúi nghĩ Yên vương là người thân thích của bệ hạ, chính thống giữ vị phiên thần, giữ mình thành kính nghiêm túc, theo đạo lý khiêm cung để khởi xướng cho muôn bang. Nay mượn chính điển, giúp nước khai mở đại đạo, thuận phép luân thường, việc làm ấy lại không đúng phép chế. Bệ hạ thực nên tùy tình huống đặc thù mà xử trí, để Yên vương nhận sự đãi ngộ đặc biệt."

"Bọn thần nghị bàn cho rằng tấu chương của Yên vương gửi lên, nên theo như cách thức cũ. Trong chiếu thư mà bệ hạ viết, hoặc thăm hỏi hoặc thỉnh giáo, thì theo nghĩa chuẩn tắc, như 'Kính thăm Yên vương', là có thể biểu đạt chút ít ý kính trọng của bệ hạ, lễ nghi xưng hô sùng kính hơn, tỏ rõ lễ tiết lớn nhỏ, nên viết là 'Hoàng đế cung kính thăm hỏi đại vương.' Còn như chế thư, là chính điển của quốc gia, là cái mà triều đình dùng để nêu tỏ pháp chế, tuyên rõ phép tắc lễ nghi với thiên hạ, nên theo đúng phép thường, phải viết là 'Lệnh cho

Yên vương.’ Phàm là chiếu mệnh, chế thư, tấu việc, các thư từ dâng lên nói đến Yên vương, thì đều nên dùng thêm một nét ngang ở trên. Ngoài việc tế tự ở tông miếu ra, thì đều không được xưng tên của Vương, quan dân tấu việc, dâng thư, công văn gửi đi đều không được phạm đến húy của Vương, để làm rạng rõ lễ đãi ngộ đặc biệt, các vương hầu khác cũng cùng hưởng lệ ấy. Như thế chúa thượng theo được vương điển và pháp chế của tổ tông, lại tự mình biểu lộ được tấm lòng hiếu thảo với phụ vương, hai việc ấy chẳng sai lầm, lễ nghĩa lại thích hợp, nên bố cáo rộng rãi cho thi hành.”

Tháng mười hai ngày Giáp Thân, rồng vàng hiện ở trong giếng thuộc huyện Hoa Âm. Ngày Giáp Ngọ, lấy Tư lệ Hiệu úy là Vương Tường làm Tư không.

Năm thứ hai mùa hạ tháng năm ngày sóc, có nhật thực. Mùa thu tháng bảy, rợ Hàn, Uế Mạch ở bên ngoài quận Lạc Lãng đều thống suất thuộc hạ trong bộ lạc đến triều cống. Tháng tám ngày Mậu Dần, Triệu vương là Tào Cán chết. Ngày Giáp Dần, lại truyền mệnh tiến tước cho Đại tướng quân làm Tấn công, gia thêm ngôi vị Tướng quốc, ban lễ Cữu tích, nhất nhất như chiếu lệnh lúc trước; Văn vương lại cố từ bèn thôi.

Năm thứ ba mùa xuân tháng hai, rồng xanh hiện ra ở trong giếng huyện Chỉ. Mùa hạ tháng tư, người quận Liêu Đông nói là nước Túc Thận phái sứ giả ở nước xa mấy lần dịch tiếng vào triều cống, dâng biểu ba mươi cây cung của nước ấy, cung dài ba thước năm tấc, mũi tên làm bằng gỗ họ dài một thước tám tấc, ba trăm cái nỏ đá, hai mươi bộ áo giáp làm bằng da và xương thú pha lẫn sắt, bốn trăm tấm da điều. Mùa đông tháng mười, Đại tướng nước Thục là Khương Duy vào cướp Thao Dương, Trấn tây tướng quân Đặng Ngải chống đánh, phá Duy ở Hâu Hòa, Duy trốn chạy. Năm ấy, hạ chiếu tế cổ Quân tế tửu là Quách Gia ở miếu thờ của Thái tổ.

Năm thứ tư mùa xuân tháng hai, lại chiếu mệnh tiến ngôi ban tước cho Đại tướng quân như chiếu lúc trước, Văn vương lại cố từ bèn thôi.

Mùa hạ tháng năm, Đế hạ chiếu rằng:

"Thục, là cái nước bé tí tẹo, đất hẹp dân ít, mà Khương Duy ngạo ngược dùng sức của quân dân nước ấy, chưa từng bỏ chí; năm ngoái sau khi thua bại, vẫn còn cấy trồng ở Đạp Trung, bóc lột dân chúng người Khương, lao dịch không thôi, sức dân chẳng thể kham nổi. Kiềm gồm kẻ yếu đánh kẻ tối tăm, là đạo lý hay của việc dùng vũ lực, dẫn dắt người mà không bị người ta dẫn dắt, là sách lược đứng đầu của binh gia. Kẻ mà nước Thục cậy nhờ, chỉ có Duy mà thôi, nhân lúc hấn rời xa khỏi hang ổ, ta dùng sức thì dễ thắng. Nay sai Chinh tây tướng quân Đặng Ngải đốc chư quân, mau chóng đến Cam Tùng, Đạp Trung để chăng lưới đón bắt Duy, Thứ sử Ung châu là Gia Cát Tị đốc chư quân gấp rút đến Vũ Đô, Cao Lô, đầu đuôi gộp sức đánh dẹp. Nếu bắt được Duy, lập tức hai phía đông tây cùng tiến, sẽ quét sạch được Ba Thục vậy."

Lại truyền lệnh cho Trấn tây tướng quân là Chung Hội từ Lạc Cốc đánh Thục.

Mùa thu tháng chín, Thái úy Cao Nhu chết. Mùa đông tháng mười ngày Giáp Dần, lại truyền mệnh tiến ngôi ban tước cho Đại tướng quân nhất nhất như chiếu lúc trước. Ngày Quý Mão, lập Biện thị làm Hoàng hậu. Tháng mười một, đại xá thiên hạ.

Từ lúc Đặng Ngải, Chung Hội thống suất quân đội phạt Thục, đánh đâu thắng đó. Tháng ấy, Thục chủ là Lưu Thiện đến chỗ Ngải xin hàng, Ba Thục đều bình định.

Tháng mười hai ngày Canh Tuất, lấy Tư đồ Trịnh Xung làm Thái bảo. Ngày Nhâm Tý, chia đất Ích châu lập ra Lương châu. Ngày Quý Sửu, đặc xá cho quan dân của Ích châu, lại miễn cho một nửa tô thuế trong năm năm. Ngày Ất Mão, lấy Chinh tây

tướng quân là Đặng Ngải làm Thái úy, Trấn tây tướng quân là Chung Hội làm Tư đồ. Hoàng thái hậu băng hà.

Năm Hàm Hy nguyên niên mùa xuân tháng giêng ngày Nhâm Tuất, xe cũi đến bắt Đặng Ngải.

Ngày Giáp Tý, xa giá đến Trường An. Ngày Nhâm Thân, sai sứ giả đem ngọc bích và lụa đến tế ở Hoa Sơn. Tháng ấy, Chung Hội làm phản ở đất Thục, bị tướng sĩ ở đấy đánh; Đặng Ngải cũng bị giết.

Tháng hai ngày Tân Mão, đặc xá cho mọi người ở Ích châu. Ngày Canh Thân, làm lễ táng Minh Nguyên Quách hoàng hậu.

Tháng ba ngày Đinh Sửu, lấy Tư không là Vương Tường làm Thái úy, Chinh bắc tướng quân là Hà Tăng làm Tư đồ, Thượng thư Tả bộc xạ là Tuân Nghi làm Tư không. Ngày Kỷ Mão, tấn phong cho Tấn công tước Vương, đất phong mười quận, cộng cả lúc trước là hai mươi quận.^① Ngày Đinh Hợi, phong Lưu Thiện làm An Lạc công.

Mùa hạ tháng năm ngày Canh Thân, Tướng quốc Tấn vương tấu xin khôi phục lại tước Ngũ đẳng. Ngày Giáp Tuất, cải niên hiệu. Ngày Quý Mùi, truy phong cho Vũ Dương Tuyên Văn hầu làm Tấn Tuyên vương, Vũ Dương Trung Vũ hầu làm Tấn Cảnh vương.

Tháng sáu, Trấn tây tướng quân Vệ Quán dâng tấu nói lính Ung châu ở huyện Thành Đô thu được một cái ấn bằng ngọc bích, văn tự trên ấn tựa như chữ "Thành tín", Đế chiếu theo nghĩa Quy hòa của Chu Thành vương,⁽¹⁾ tuyên rõ với trăm quan, rồi cho cất giấu ấn ở phủ Tướng quốc.^②

¹ Thúc phụ của Chu Thành vương là Đường Thúc Ngu (唐叔虞) bắt được cây lúa lạ mọc ở gò ruộng trong phần đất phong của mình, lúa ấy hợp thành một bó, cho là lúa tốt nêu tỏ việc thiên hạ vui hòa, là do đức của Chu công dẫn đến, Thành vương lệnh cho Đường Thúc Ngu đem tặng lúa cho Chu công, sai làm bài thơ *Quy hòa*.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Tấn công được tấn tước Vương, Thái úy Vương Tường, Tư đồ Hà Tăng, Tư không Tuân Nghi cùng đến chỗ Vương. Nghi nói:

- Tướng quốc nhận ngôi Vương địa vị tôn quý, Hà hầu là đại thần đứng đầu văn võ trong triều được mọi người nhất mực tôn kính, hôm nay tiện dịp đưa nhau đến bái lạy, không nên chậm trễ.

Tường nói:

- Vị thế tướng quốc, thực là tôn quý, nhưng rút lại chỉ là tể tướng nhà Ngụy, bọn ta là Tam công của nhà Ngụy; tước Công, tước Vương cách nhau có một bậc mà thôi, ngôi thứ đại để giống nhau, sao Tam công của Thiên tử có thể bái lạy người khác được! Tồn hại đến uy vọng của Ngụy triều, giảm bớt cái đức trọng của Tấn vương, bậc quân tử yêu mến kẻ khác thì dùng lễ, ta không làm thế.

Lúc vào, Nghi bèn bái lạy, nhưng riêng Tường chỉ vái dài. Vương bảo Tường rằng:

- Hôm nay ta mới biết là ngài xem trọng ta như vậy.

② Tôn Thịnh nói: Xưa kia Công Tôn Thuật tự nổi dậy ở Thành Đô, xưng hiệu là Thành. Hai chữ trên ấn ngọc đó, ngờ rằng đó là việc mà Thuật làm vậy.

Khi trước, từ sau lúc bình Thục, giặc cướp nước Ngô đóng đồn áp sát Vĩnh An, Đế phái chư quân ở Kinh, Dự lập thế ỷ giốc ứng cứu nhau. Tháng bảy, giặc đều lui chạy. Tháng tám ngày Canh Dần, Đế lệnh cho Trung phủ quân Tư Mã Viêm làm phó giúp việc cho Tướng quốc, lấy nghĩa giống như việc bái tước Lỗ công cho con cháu.⁽¹⁾

¹ Lỗ công, là tước của Cơ Bá Cầm (姬伯禽), vua đầu tiên của nước Lỗ, vốn là con của Chu Công Đán. Sau khi Chu Vũ vương diệt nhà Thương, lập nhà Chu, phong cho các em và công thần làm chư hầu. Chu Công Đán được phong ở đất Khúc Phụ, gọi là nước Lỗ, nhưng Chu công ở lại triều đình giúp Chu Vũ vương, làm phụ chính cho Chu Thành vương. Chu Thành vương sai Bá Cầm về thụ phong, cai quản nước Lỗ.

Ngày Quý Ty, Đế hạ chiếu rằng:

"Nghịch thần là Chung Hội trước đây sách động bạo loạn, tụ tập các tướng sĩ đi chinh chiến, dùng quân uy dối bức họ,⁽¹⁾ bắt đầu lộ rõ gian mưu, phát lời bội nghịch, bức hiếp chúng nhân, bắt tất cả người dưới nghị bàn, giữa lúc vội vàng, tuyệt chẳng ai không kinh khiếp. Tướng quốc Tả tư mã là Hạ Hầu Hòa, Kỵ sĩ tào thuộc là Chu Phủ bấy giờ là sứ giả ở Thành Đô, Trung lĩnh quân Tư mã là Giả Phụ, Lang trung là Dương Tú đều tham dự việc quân của Hội; Hòa, Tú, Phủ đều vững khí tiết chẳng nao núng, cự lại lời hung hăng của Hội, lâm nguy chẳng ngoái đầu, lời nói hành động ngay thẳng, cứng cỏi. Phụ bảo với tướng thủ hạ của Hội là Vương Khởi, rằng 'Hội gian nghịch hung bạo, muốn giết sạch tướng sĩ', lại nói rằng 'Tướng quốc đã thống suất ba chục vạn đại quân sang tây dẹp Hội', muốn nhân đó phô trương hình thế, khích lệ lòng chúng. Khởi ra ngoài, đem lời của Phụ tuyên rõ với chư quân, vì thế khiến tướng sĩ thêm lòng phấn khích. Ban ân sủng hiển vinh, là để biểu chương lòng trung nghĩa. Nay tấn phong cho Hòa, Phụ tước Hương hầu, Tú, Phủ nhận tước Quan nội hầu. Khởi tuyên truyền lời của Phụ, cáo lệnh tướng sĩ, nên được ban thưởng khác thường. Nay lấy Khởi làm Bộ khúc tướng."

Ngày Quý Mão, lấy Vệ tướng quân là Tư Mã Vọng làm Phiêu kỵ tướng quân. Tháng chín ngày Mậu Ngọ, lấy Trung phủ quân là Tư Mã Viêm làm Phủ quân Đại tướng quân. Ngày Tân Mùi, Đế hạ chiếu rằng:

"Giặc Ngô chính pháp bạo ngược, tô thuế vô độ. Tôn Hưu phái sứ giả là Đặng Câu, lệnh cho Thái thú Giao Chỉ bắt nhốt dân quận ấy, điều phát đi làm lính. Tướng nước Ngô là Lã Hưng nhân lúc lòng dân phẫn nộ, lại thừa khi vương sư bình định Ba Thục, lập tức hợp hào

¹ Chung Hội cầm quân đi đánh nước Thục, mưu đồ làm phản, chiếm nước Thục xưng hùng, vì thế tụ tập tướng sĩ, dùng quân uy lừa dối tướng sĩ rằng mình nhận chiếu của Thái hậu đánh Tư Mã Chiêu, bức ép buộc họ theo mình làm phản, sau bị quân lính giết. Xem việc này ở tập V, quyển 27, (Chung Hội truyện).

kiệt, diệt trừ bọn Câu, xua đuổi trưởng quan và Thái thú, phủ dụ quan dân, để đợi mệnh của quốc gia. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam nghe tin Hưng bỏ nghịch theo thuận, cũng đông lòng hưởng ứng, cùng Hưng toàn tâm nhất trí. Hưng gửi thư đến các châu quận ở Nhật Nam, tỏ bày đại kế, binh đến Hợp Phố, cáo rõ họa phúc; phái Đô úy là bọn Đường Phổ đến thẳng huyện Tiến Thừa, vì thế Đô đốc hộ quân của Nam Trung là Hoắc Dặc dâng biểu tỵ kẻ rõ. Lại nữa là quan tướng ở Giao Chỉ đều dâng biểu, nói 'Hưng tạo dựng sự nghiệp, lớn nhỏ vâng mệnh. Trong quận có sơn khải, thường vào quấy rối các quận, song sợ cái kế lạ của Hưng, đều mang hai lòng. Nên quyền biến theo thời, lấy Hưng làm người đốc trách các việc quân ở quận Giao Chỉ, bãi làm Thượng đại tướng quân, tước An Định huyện hầu, xin khen ngợi khích lệ, để ủy lạo người ở cõi biên hoang'."

"Người thành tâm thiện ý, tỏ rõ ở việc làm và lời nói. Xưa kia Nghi Phủ hướng về nước Lỗ, Kinh Xuân Thu khen hành động cao đẹp ấy;⁽¹⁾ Đậu Dung theo về nhà Hán, được nhận lễ đãi ngộ đặc biệt.⁽²⁾ Nay cái uy của quốc gia chấn động cõi xa, phủ dụ vô số về sáu cõi, nay đang là lúc cất nhắc người ở cõi ngoài, đưa bốn bề về một mối. Hưng là người đầu tiên hướng về vương hóa, thống suất bộ chúng cúi đầu chịu phục, tỏ nghĩa ở nơi vạn dặm, xin làm quan giữ chức ở cõi ngoài, nên ban ân sủng, phong tước vị đầy đủ như thỉnh cầu. Đã khiến cho bọn Hưng mang lòng cảm kích vui mừng, mà người ở nơi xa nghe tin ấy, tất đều tranh nhau cố gắng. Nay lấy Hưng làm Sứ tri tiết, Đô đốc các việc quân ở Giao châu, lĩnh chức Nam trung Đại tướng quân, tước An Định huyện hầu, được tùy nghi hành sự, làm trước báo sau."

Sách mệnh chưa đến nơi, Hưng đã bị kẻ dưới giết hại.

¹ Theo *Tả truyện*, Nghi Phủ (儀父), tên là Chu Tử Khắc, sống ở nước Lỗ thời Lỗ Ân công, là người rất giỏi về ngoại giao, từng liên tục hội thề với các nước qua đó đề cao địa vị của vua nhà Chu. Rất được Không tử khen ngợi.

² Đậu Dung (竇融), tự Chu Công, người quận Phù Phong huyện Bình Lăng, thời Vương Mãng làm tướng theo Vương Khuông trấn áp quân Xích Mi, chống Quang Vũ đế, cuối cùng hàng Lưu Tú, được ban tước rất cao, ngôi vị đến chức Tư không.

Mùa đông tháng mười ngày Đinh Hợi, Đế hạ chiếu rằng:

"Xưa kia bậc Đế thánh vua sáng, thời bình có phép hay trị quốc, thời loạn có võ lược siêu quần, văn võ khác đường, đều chọi lò công nghiệp. Thế nên có vua múa kiếm thích để giáo huấn kẻ không phục, có vua bày quân lữ để ra uy với kẻ bạo tàn.⁽¹⁾ Đến như việc yêu dân vẹn nước, ban ân vỗ yên lê dân, tất phải tu sửa văn đức giáo hóa trước, tỏ rõ phép tắc lễ nghi của mình, bất đắc dĩ mới phải dụng binh, đây là điều giống nhau của các bậc vương có đức dày vậy."

"Trước đây cuối thời nhà Hán, thiên hạ băng lở, chín cõi đảo điên, Lưu Bị, Tôn Quyền thừa cơ tác họa. Ba vị tổ tuy vỗ yên Hoa Hạ, song chẳng ngày nào được rồi nạn, khiến giặc cướp tiếm nghịch nhiều đời. May nhờ uy linh của tông miếu, nhờ tổ phụ trung tín uy vũ, phát động đánh dẹp bốn phương, yên định Dung, Thục, việc quân dịch chẳng qua năm, một lần ra quân là chiến thắng. Gần đây Giang Biểu suy kém, chính pháp hôn ám, Ba Hán đã định xong, bên ấy cô nguy không ai cứu viện, các xứ Giao, Kinh, Dương, Việt, trông gió hướng về. Nay tướng nguy ở Giao Chỉ là Lã Hưng đã lĩnh ba quận, từ vạn dặm theo mệnh; Ấp hầu của huyện Vũ Lăng là bọn Trương Nghiêm hợp quân năm huyện, xin làm tôi thần; sơn dân ở huyện Lư Lăng quận Dự Chương dấy binh làm phản nhà Ngô, lấy hiệu là Trạo bắc tướng quân. Hơn nữa là Tôn Hưu bệnh chết, chủ soái thay đổi, trong nước đấu đá nhau, người người đều có ý riêng. Thi Tích là tướng nước địch, là danh thần của giặc, mang lòng hoài nghi tự ngờ, bị kẻ ghen ghét đổ kị. Quân dân làm phản, người thân xa lìa, chẳng ai bền chí, từ xưa đến nay, chưa quốc gia nào có điềm triệu nguy vong rõ ràng như thế. Nay nếu sáu quân diễu oai, xuôi nam đến Giang, Hán, người ở bờ cõi Ngô, Cối tất công già dất trẻ nghênh đón vương sư, đây là đạo lý tất nhiên vậy."

¹ Vua Thuấn cho múa võ thị oai ở cung đình, rợ Miêu sợ uy đức, bảy ngày sau đến hàng, xin quy phục. Chu Vũ vương dẫn quân đánh giặc, đến bến sông diễu binh rồi về, chư hầu đến theo, sau diệt nhà Ân Thương.

"Nhưng hưng sư động chúng, tất nhọc dân tổn của, nên cáo dụ tuyên rõ uy đức, khai mở nhân tín, khiến họ biết cái lợi của việc theo phục hòa thuận. Tham quân sự của Tướng quốc là Tì Thiệu, Thủy tào duệ là Tôn Úc, lúc trước ở Thọ Xuân, đều bị ta bắt làm tù binh. Thiệu vốn là Nam Lăng đốc của nước địch, có tài năng tư chất cứng cỏi; Úc, là họ thuộc của Tôn Quyền, lòng trung lương được ngợi khen. Nay phái Thiệu quay về nam, dùng Úc làm phó, để tuyên dương uy đức của vương triều, cáo dụ người Ngô, bảo rõ với các nơi, người ta hoàn toàn tin lời họ là thực, nếu bên ấy giác ngộ, ta chẳng phải tốn phí đi đánh dẹp; đại khái đây là kế hay quyết thắng ở miếu đường, là đạo lý từ xưa vậy."

"Nay cho Thiệu kiêm chức Tán kỵ thường thị, gia thêm chức Phụng xa đô úy, tước Đô đình hầu; Úc kiêm chức Cấp sự Hoàng môn thị lang, tước Quan nội hầu. Cho thê thiếp và trai gái nhà bọn Thiệu ở đây, đều được tùy tiện đi hay ở, để làm sáng rõ ân đức của quốc gia, không bắt buộc phải trở về, để tỏ rõ sự tín nhiệm."

Ngày Bính Ngọ, lệnh cho Phủ quân Đại tướng quân Tân Xương hầu là Viêm làm Thế tử của Tấn vương.

Năm ấy, bãi chức quan Đồn điền để điều hòa thuế khóa và lao dịch, các Điền nông đều làm Thái thú, Đô úy đều làm Huyện lệnh, Trưởng quan; khuyến khích chiêu mộ người Thục để họ dò vào nội địa, cấp cho lương ăn hai năm, lại miễn trừ tô thuế hai mươi năm. Người ở các huyện An Di, Phúc Lộc đều nói là có lúa tốt mọc.

Năm thứ hai mùa xuân tháng hai ngày Giáp Thìn, người huyện Câu Nhẫn bắt được rùa thần đem dâng, đưa về phủ Tướng quốc. Ngày Canh Tuất, vì lính hồ bôn trước kia là Trương Tu ở Thành Đô ruổi ngựa đến các doanh nói việc Chung Hội phản nghịch, đến nỗi thân chết, triều đình ban cho em của Tu là Ý tước Quan nội hầu.

Mùa hạ tháng tư, người huyện Nam Thâm Trạch nói là có sương móc giáng. Nước Ngô phái sứ giả là Kỷ Trắc, Hoàng Cầu đến xin hòa. Tháng năm, Đế hạ chiếu rằng:

"Tướng quốc Tấn vương, thần cơ diệu toán, rọi sáng bốn bể, điều võ dương uy, oai trùm cõi hoang, phổ truyền giáo hóa, thấm khắp trong ngoài. Xót thương Giang Biểu, còn muốn cứu giúp, dùng võ chuộng nhân, bày ra uy đức. Những nơi hiểu dụ, theo gió hướng về, phái sứ dâng cống, tỏ lòng thuận phục, vật lạ đưa đến, rõ ý vui mừng. Nhưng Vương độc lòng, rất mực khiêm nhường, ghi vào sổ bộ, đưa đến cho ta, đâu vì úy lạo, người mới chịu phục, họ nguyện theo về, là lòng thành thực. Vậy nay, lễ vật Hạo biểu, đều phải đưa về, trả phủ Tấn vương, hợp theo cổ nghĩa."

Vương cố từ, Đế bèn thôi. Lại truyền mệnh cho Tấn vương được đội mũ miện mười hai tua, dựng cờ xí của Thiên tử, ra có quân cảnh vào có quân dẹp đường,⁽¹⁾ ngồi xe dót vàng sáu ngựa kéo,⁽²⁾ phía sau có năm cỗ xe chia làm năm màu đi theo,⁽³⁾ đặt cờ mao cờ hãn, múa điệu nhạc Bát dật,⁽⁴⁾ treo chuông khánh trong cung. Tấn phong Vương phi làm Vương hậu, Thế tử làm Thái tử, các vương tử, vương nữ, vương tôn, tước mệnh và danh hiệu đều như phép cũ. Ngày Quý Mùi, đại xá thiên hạ.

Mùa thu tháng tám ngày Tân Mão, Tướng quốc là Tấn vương mất. Ngày Nhâm Thìn, Thái tử nước Tấn là Viêm được nối

¹ Các nghi thức quy định như mũ miện mười hai tua, cờ Thiên tử, ra có quân cảnh vệ, vào có quân dẹp đường đều là các nghi thức đặc biệt chỉ áp dụng đối với các Hoàng đế. Việc này lộ rõ rằng quyền lực của nhà Ngụy đã chuyển hẳn sang họ Tư Mã.

² Xe của Hoàng đế có sáu ngựa kéo, xe của chư hầu có bốn ngựa kéo.

³ Khi Đế vương đi ra ngoài, có năm cỗ xe đi theo chia ra làm năm hướng là đông (Mộc), tây (Kim), nam (Hỏa), bắc (Thủy) và ở giữa (Thổ), phối theo năm màu là xanh (Mộc), trắng (Kim), hồng (Hỏa), đen (Thủy), vàng (Thổ).

⁴ Lễ nhạc có tám hàng hát múa, mỗi hàng tám người. Đây là một điệu múa có từ thời nhà Chu, dành cho bậc Đế vương. Vua chư hầu chỉ được bày sáu hàng người múa hát. Công khanh đại phu được bày bốn hàng người múa hát.

phong vương vị, tổng nhiếp trăm quan, nắm giữ điển chương chế độ, nhất nhất đều như lúc trước.

Tháng ấy, người huyện Tương Vũ nói có dị nhân xuất hiện, cao hơn ba trượng, vết chân dài ba thước hai tấc, tóc trắng, mặc áo đơn màu vàng, đội Khăn Vàng, tay chống gậy, gọi người dân tên là Vương Thủy đến báo: "Nay thiên hạ thái bình."

Tháng chín ngày Ất Mùi, đại xá thiên hạ. Ngày Mậu Ngọ, lấy Tư đồ Hà Tăng làm Thừa tướng nước Tấn. Ngày Quý Hợi, lấy Phiêu kỵ tướng quân Tư Mã Vọng làm Tư đồ, Chinh đông Đại tướng quân Thạch Bao làm Phiêu kỵ tướng quân, Chinh nam tướng quân Trần Khiên làm Xa kỵ tướng quân. Ngày Ất Hợi, táng Tấn Văn vương.

Tháng nhuận ngày Canh Thìn, nước Khang Cư, nước Đại Uyển⁽¹⁾ dâng biểu ngựa hay, cho đưa vào phủ Tướng quốc, để biểu chương công huân võ về vạn nước ở nơi xa.

Tháng mười hai ngày Nhâm Tuất, phúc lộc Ngụy triều đã tận, lịch số ở nhà Tấn. Đế chiếu lệnh cho công khanh trăm quan bày biện đủ lễ nghi, đắp đàn ở phía nam kinh thành, sai sứ giả dâng ấn thụ và chiếu sách của Hoàng đế, truyền ngôi vị cho Vương nối tự của nhà Tấn, như việc cũ thời Hán Ngụy. Ngày Giáp Tý, Đế phái sứ giả vâng truyền sách mệnh. Rồi dời đến ở thành Kim Dung,⁽²⁾ cuối cùng đến ở huyện Nghiệp, năm ấy Đế hai mươi tuổi.^①

① *Ngụy thế phả* chép: Phong cho Đế làm Trần Lưu vương. Năm năm mươi tám tuổi, là năm Đại An nguyên niên thì băng hà, được ban thụy là Nguyên hoàng đế.

¹ Nước Khang Cư (康居), nước Đại Uyển (大宛) đều là những quốc gia thời cổ ở vùng Tây Vực, nay thuộc vùng Trung Á.

² Đây là một tòa thành do Ngụy Minh đế Tào Duệ cho xây dựng, là một tòa thành nhỏ, nằm ở góc tây bắc thành Lạc Dương.

Bình rằng: Người xưa cho thiên hạ là chung, duy có người hiền được suy cử. Đời sau truyền ngôi vị cho nhau, cha chọn con đích nối tự; nếu không có con nối tự, thì chọn lấy người thân gần có đức sáng thích hợp, như Văn đế, Tuyên đế thời nhà Hán, đấy là nguyên tắc chuẩn mực không có thay đổi vậy. Minh đế đã không làm như thế, gán tình cảm theo ý riêng của mình, nuôi dưỡng đứa hài nhi, rồi truyền cho ngôi Đế, phó thác cho kẻ ngoài phò tá chiếu cố, tất họ phải can dự làm loạn họ tộc, kết quả là Tào Sảng bị tru diệt, Tề vương bị phế ngôi vị. Cao Quý hương công có tài năng, sáng trí sớm trưởng thành, ưa chuộng văn từ, đại khái cũng có phong thái của Văn đế vậy; nhưng khinh suất nóng nảy mặc ý giận dữ, tự giẫm vào đại họa. Trần Lưu vương cung kính ngoảnh mặt về nam, tể phụ nắm quyền chính, kính theo khuôn phép cũ, cúi nhường truyền ngôi vị, sau yên hưởng đất phong của đại quốc, làm tân khách của nhà Tấn, so sánh với Sơn Dương công, thì còn được ban sủng hơn.

QUYÊN THỨ NĂM

HẬU PHI TRUYỆN



Dịch nói: "Nam chính vị hồ ngoại, nữ chính vị hồ nội; nam nữ chính, thiên địa chi đại nghĩa dã."⁽¹⁾ Những bậc vua sáng hiền minh ngày xưa, tuyệt chẳng ai không định rõ phép tắc cai quản Hậu phi, thuận theo cái đức của trời đất, cho nên hai vị phi tần gả đến bến Quy, đạo của nhà Ngu được thịnh,⁽²⁾ Nhâm, Tự nên đôi lứa với Cơ, Chu thất nhờ đó được vui hòa,⁽³⁾ việc hưng phế tồn vong, bền lâu được là bởi nguyên do ấy.

Kinh Xuân Thu nói rằng Thiên tử được lấy mười hai vợ, chư hầu được lấy chín vợ, xét về tình về lý, đây là điển chế không thay đổi vậy. Nhưng đời cuối phóng túng thái quá, mặc ý xa xỉ về tình dục, đến nỗi khiến nam nữ oán hận, hòa khí tổn thương, duy có sắc đẹp được sùng bái, sự hiền thực nết na chẳng còn là gốc rễ, cho nên phong tục giáo hóa đổ nát mà lễ cương thường bị hủy hoại, há chẳng tiếc lắm sao! Than ôi, bậc có nước có nhà, hãy nên lấy đó làm tấm gương lâu dài vậy.

¹ Đàn ông chính đáng ở ngoài, đàn bà chính đáng ở trong; nam nữ đều giữ đạo chính, đó là hợp với nghĩa lớn của trời đất vậy.

² Vua Nghiêu (尧) gả hai người con gái của mình là Nga Hoàng (娥皇) và Nữ Anh (女英) cho Thuấn (舜) ở bến sông Quy, rồi truyền ngôi cho vua Thuấn. Theo truyền thuyết, khi vua Thuấn sau bị bệnh chết ở bến sông Tương, hai người thương khóc, ngồi cạnh mộ bên bờ sông Tương khóc ròng rã suốt bảy ngày đêm. Chỗ nước mắt của hai người rơi xuống mọc ra bụi trúc, người đời gọi là "Tương phi trúc", sau khi khóc than, hai người trâm mình xuống sông tuần tiết theo chồng.

³ Cơ Quý Lịch (季历) lấy nàng Thái Nhâm (太任), con gái họ Chí Nhâm, sinh ra Cơ Xương Chu Văn vương;

Nàng Thái Tự (太姒), con gái họ Hữu Sần, lấy Chu Văn vương sinh ra Chu Vũ vương.

Theo pháp chế nhà Hán, tổ mẫu của Đế gọi là Thái hoàng thái hậu, mẹ của Đế gọi là Hoàng thái hậu, phi của Đế gọi là Hoàng hậu, ngoài ra các chức quan ở nội cung có mười bốn bậc.

Nhà Ngụy dựa theo pháp chế nhà Hán, danh hiệu của mẫu hậu, đều như phép cũ, từ phu nhân xuống dưới, mỗi đời lại có thêm bớt.

Thái tổ kiến quốc, mới sắc mệnh đặt ra Vương hậu, bên dưới Vương hậu có năm bậc là: Phu nhân, Chiêu nghi, Tiệp dư, Dung hoa, Mỹ nhân. Văn đế lại thêm Quý tần, Thục viên, Tu dung, Thuận thành, Lương nhân. Minh đế tăng thêm Thục phi, Chiêu hoa, Tu nghi; bỏ đi chức quan Thuận thành. Năm Thái Hòa trung mới khôi phục chức Phu nhân, địa vị ở trên chức Thục phi. Từ phu nhân xuống dưới tước vị gồm có mười hai bậc là: Quý tần, Phu nhân, ngôi vị đứng sau Hoàng hậu, tước không ai sánh được; ngôi vị Thục phi ngang với quan Tướng quốc, tước sánh với vua chư hầu; ngôi vị Thục viên ngang với Ngự sử đại phu, tước so được với Huyện công; ngôi Chiêu nghi ngang với tước Huyện hầu; ngôi Chiêu hoa ngang với tước Hương hầu; ngôi Tu dung ngang với tước Đình hầu; ngôi Tu nghi ngang với Quan nội hầu; ngôi Tiệp dư ngang với quan Trung nhị thiên thạch; ngôi Dung hoa ngang với quan Chân nhị thiên thạch; ngôi Mỹ nhân ngang với quan Bĩ nhị thiên thạch; ngôi Lương nhân ngang chức quan nghìn thạch.

Vũ Tuyên Biện hoàng hậu, người quận Lang Nha huyện Khai Dương, là mẹ của Văn đế vậy. Vốn là con nhà ca xướng,⁽¹⁾ ① năm hai mươi tuổi, Thái tổ ở huyện Tiêu nạp làm thiếp, về sau theo Thái tổ đến Lạc Dương.

¹ Thời nhà Hán, là trở vào những gia đình nghệ nhân chuyên theo việc âm nhạc, kể từ thời nhà Đường trở đi hai chữ “xướng kỹ” trở thành đại danh từ, chỉ về con hát mang hàm ý xấu.

Lúc Đồng Trác làm loạn, Thái tổ đổi trang phục ra cửa Đông tránh nạn. Viên Thuật kể chuyện chẳng lành của Thái tổ, bấy giờ tả hữu của Thái tổ đã đến huyện Lạc đều muốn quay về, Hậu ngăn họ lại bảo:

- Việc cát hung của Tào quân chưa thể biết được, hôm nay ta về nhà, ngày mai lại đến, còn mặt mũi nào gặp lại nhau nữa? Ví như đúng là họa đến, thì chết cùng nhau có gì là khổ!

Mọi người nghe lời. Thái tổ biết chuyện liền khen ngợi Hậu.

Năm Kiến An sơ, Đinh phu nhân bị phế, Thái tổ lấy Hậu làm kế thất. Những người con của Thái tổ không có mẹ, Thái tổ đều lệnh cho Hậu nuôi dưỡng.^②

Lúc Văn đế được lập làm Thái tử, trưởng quan nội thị ở bên cạnh hướng về phía Hậu chúc mừng rằng:

- Tướng quân được bá làm Thái tử, người thiên hạ chẳng ai không hoan hỉ, Hậu nên dốc hết kho tàng ban thưởng cho mọi người.

Hậu nói:

- Vương bởi vì Phi lớn tuổi, nên lập làm người nối tự, ta chỉ thoát khỏi cái lỗi không dạy dỗ đạo lý cho nó là may lắm rồi, sao lại phải trọng thưởng cho mọi người nữa!

Viên trưởng nội thị quay về, nói hết với Thái tổ. Thái tổ mừng nói:

- Giận không biến sắc, mừng chẳng thất lễ, việc ấy rất khó làm vậy.

① *Ngụy thư* chép: Hậu sinh vào năm Diên Hi⁽¹⁾ thứ ba tháng mười hai ngày Kỷ Tỵ ở quận Tề huyện Bạch Đình, lúc sinh ra có đám khí màu vàng che trên mái nhà hết ngày mới tan. Cha của Hậu là Kính hầu lấy làm lạ, đem hỏi thầy bói là Vương Đán, Đán nói:

¹ Năm Diên Hi (158-167), là niên hiệu dưới thời Hoàn đế nhà Đông Hán.

- Đây là diêm cát tường vậy.

② *Nguy lược* chép: Thái tổ ban đầu lấy Đinh phu nhân, lại có Lưu phu nhân sinh được Tử Tu và trưởng công chúa Thanh Hà.

Lưu thị chết sớm, Đinh thị nuôi dưỡng Tử Tu. Sau khi Tử Tu chết ở huyện Nhuông,⁽¹⁾ Đinh thị thường nói:

- Ông làm chết mất đứa con nhỏ của ta, mà không nghĩ ngợi gì ư?

Rồi khóc lóc không kìm nén được. Thái tổ giận phu nhân, đuổi về nhà, có ý muốn phu nhân phải nhún. Về sau Thái tổ đến gặp phu nhân, phu nhân đang dệt vải, người bên ngoài truyền vào rằng "Công đến", phu nhân vẫn ngồi đập khung cửi như cũ. Thái tổ đến nơi, vỗ vào lưng phu nhân nói:

- Hãy cùng ta lên xe về nhà thôi!

Phu nhân chẳng hề đoái hoài, lại không đáp lời. Thái tổ đi giật lùi ra, đứng ở ngoài cửa, lại nói:

- Không còn gì nữa sao!

Phu nhân lần nữa không đáp, Thái tổ nói:

- Đã quyết chí thật rồi!

Bèn cùng đoạn tuyệt, Thái tổ muốn gia đình ấy gả chồng cho phu nhân, gia đình ấy không dám.

Khi trước, Đinh phu nhân đã làm chính thất, thêm nữa là có Tử Tu, Đinh thị coi mẹ con Hậu chẳng ra gì. Hậu làm kế thất, chẳng nghĩ đến cái xấu cũ, nhân lúc Thái tổ xuất hành ra ngoài, thường bốn mùa sai người đem biếu quà cáp, lại bí mật đến đón phu nhân, dắt vào ngồi ở chỗ chính tọa còn mình ở dưới, đón đến rồi lại đưa đi, đúng như ngày trước.

Đinh thị tạ rằng:

- Người bị phế đuổi như ta, phu nhân có thể đối xử như thường được vậy ru?

¹ Tử Tu tức là Tào Ngang, chết trong trận đánh Trương Tú, cùng tướng yêu của Tào Tháo là Diên Vi.

Về sau Đinh thị mất, Hậu xin Thái tổ mai táng, Thái tổ đồng ý, rồi táng phu nhân ở phía nam thành huyện Hứa. Ngày sau Thái tổ bệnh nặng, tự nghĩ chẳng khỏi được, than rằng:

- Ta trước sau làm việc theo ý mình, trong lòng chưa từng có gì phải tủi hổ. Song ví như chết rồi mà có linh hồn, Tử Tu nếu có hỏi "mẹ ta ở đâu", ta sẽ nói gì để đáp lời đây!

Ngụy thư chép: Hậu bản tính giản dị, tiết kiệm, chẳng chuộng đồ hoa lệ, không trang sức châu ngọc, cầm tú, đồ dùng đều có màu đen kịt. Thái tổ từng gọi tên các thứ châu ngọc đem bày ra, sai Hậu tự chọn lấy một thứ, Hậu chọn lấy một đồ vật hạng trung, Thái tổ hỏi nguyên do, Hậu thưa rằng:

- Lấy đồ vật hạng trên là tham lam, lấy đồ vật hạng dưới là giả dối, cho nên lấy đồ vật hạng trung vậy.

Năm thứ hai mươi bốn, Hậu được bái làm Vương hậu, Thái tổ chiếu sách rằng:

"Phu nhân là Biện thị, vất vả nuôi nấng các con, có cái đức của bậc mẫu nghi. Nay thăng lên ngôi vị Vương hậu, các Thái tử, chư hầu đứng lên bồi lễ, quan khanh dâng rượu chúc thọ, các tử tội ở trong nước được giảm tội một bậc."

Năm thứ hai mươi lăm, Thái tổ băng hà, Văn đế tức vương vị, tôn hậu làm Vương thái hậu, lúc lên ngôi đế, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, hiệu là Vĩnh Thọ cung.^① Minh đế tức vị, tôn Thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

^① *Ngụy thư* chép: Hậu vì kinh phí của quốc gia chẳng đủ, bèn tự giảm khẩu phần ăn uống, các đồ kim ngân tài vật đều bỏ đi. Đông A vương Tào Thực, là con nhỏ của Thái hậu, rất được Hậu yêu mến. Về sau Thực phạm pháp, bị Hữu ti tấu hặc, Văn đế lệnh cho con của em trai Thái hậu là Phụng xa đô úy Biện Lan cùng công khanh nghị bàn bạch với Thái hậu, Thái hậu nói:

- Ta không ngờ thằng ranh con ấy lại làm ra như thế, may về bẩm báo với Đế, chẳng nên vì ta mà cố tình phá hỏng quốc pháp.

Lúc tự mình đến gặp Đế, cũng chẳng hề nói giúp một lời.

Thần Tùng Chi xét: Văn đế nằm mộng thấy mình mài đồng tiền, muốn xóa chữ trên đồng tiền nhưng nó lại càng sáng hơn, đem việc ấy ra hỏi Chu Tuyên. Tuyên thưa rằng: "Đấy là việc nhà của bệ hạ, dấu ý bệ hạ muốn, nhưng Thái hậu không nghe." Thế thì Thái hậu có dụng ý, chẳng đúng như lời nói ở sách này vậy.

Ngụy thư lại chép: Thái hậu mỗi khi theo quân chinh phạt, thấy các bậc cao niên đầu bạc, luôn dừng xe lại gọi hỏi, ban cho lụa bạch, đôi mắt nhỏ nước mắt khóc, nói:

- Tiếc rằng cha mẹ ta chẳng còn ở cạnh ta lúc này.

Thái hậu mỗi lần đến gặp người thân bên ngoại, không hề tỏ ý nồng nhiệt, thường nói:

- Sinh hoạt nên phải tiết kiệm, chẳng nên mong ban thưởng, hãy nghĩ là mình đầy đủ rồi. Nhà ngoại ngạc nhiên cho là ta đả ngộ họ quá bạc, ta tự có nguyên tắc nhất định vậy. Ta thờ Vũ đế bốn năm mươi năm nay, thực hành tiết kiệm lâu ngày, chẳng tự biến thành xa xỉ được, ai phạm điều cấm, ta có thể sẽ tăng thêm tội trạng lên một bậc nữa, chớ mong ta cho cho tiền bạc thóc gạo, ban ân huệ vậy.

Để vì Thái hậu mà dựng nhà cửa cho người em của Thái hậu là Biện Bình, dựng nhà xong, Thái hậu đến mừng nhà mới, mời mọi người thân thích trong nhà ngoại, làm cỗ dưới bếp, không có đồ ăn gì khác thường. Tả hữu của Thái hậu ăn cơm rau cải, không có thịt cá gì. Hậu tiết kiệm đến như thế.

Năm Hoàng Sơ trung, Văn đế muốn truy phong cho cha mẹ của Thái hậu, Thượng thư Trần Quần tấu rằng:

- Bệ hạ lấy thánh đức ứng vận nhận mệnh trời, sáng nghiệp thay đổi pháp chế, phải làm khuôn mẫu mãi mãi cho hậu thế. Xét các văn tự trong điển tịch, theo pháp chế thì không có người phụ nữ nào được chia đất nhận tước phong. Tại lễ điển, người phụ nữ hưởng theo tước của chồng. Nhà Tần làm trái phép xưa, nhà Hán cũng dựa theo nhà Tần, không phải là lệnh điển của Đế vương xưa vậy.

Để nói:

- Bàn như thế là đúng, việc ấy chớ có thi hành. Hãy soạn thành chiếu chỉ cất giấu vào nơi đài gác, làm phép tắc mãi mãi cho hậu thế.

Đến năm Thái Hòa thứ tư mùa xuân, Minh đế mới truy thụy cho tổ phụ của Thái hậu là Quảng hiệu Khai Dương Cung hầu, cha là Viễn hiệu là Kính hầu, tổ mẫu của Thái hậu là Chu được phong làm Dương Đô quân và (Cung) hầu phu nhân, đều ban tặng ấn thụ.

Tháng năm năm ấy, Hậu băng hà. Tháng bảy, hợp táng với Thái tổ ở Cao Lăng.

Khi trước, em trai của Thái hậu là Bình, vì có công được phong làm Đô hương hầu, năm Hoàng Sơ thứ bảy được tấn phong tước Khai Dương hầu, thực ấp một nghìn hai trăm hộ, làm Chiêu liệt tướng quân.^①

Bình chết, con là Lan nối tự.

Lan thời trẻ có tài học,^② làm Phụng xa Đô úy, Du kích tướng quân, gia thêm chức Tán kỵ thường thị. Lan chết, con là Huy nối tự.^③ Để lại chia tước của Bình, phong cho em của Lan là Lâm làm Liệt hầu, Lâm làm quan đến chức Bộ binh Hiệu úy.

Con trai của Lan là Long có con gái là Hoàng hậu của Cao Quý hương công, Long vì là cha của Hậu nên được làm Quang lộc đại phu, ngôi vị Đặc tiến, tước Tuy Dương hương hầu, vợ của Long là Vương thị làm Hiến Dương hương quân. Truy phong cho vợ trước của Long là Lưu thị làm Thuận Dương hương quân, tức là mẹ của Hậu vậy. Con gái của Lâm lại làm Hoàng hậu của Trần Lưu vương, lúc ấy Lâm đã chết rồi, lại phong cho vợ của Lâm là Lưu thị làm Quảng Dương hương quân.

^① *Ngụy lược* chép: Ban đầu, em trai của Biện hậu là Bình, đang thời Kiến An chỉ làm Biệt bộ tư mã, về sau thường đối diện Thái tổ đưa lời oán thán, Thái tổ đáp lời:

- Nhưng được làm em vợ của ta, chẳng phải là nhiều rồi sao?

Về sau lại muốn Thái tổ cấp cho mình tiền bạc gấm lụa, Thái tổ lại nói:

- Những gì mày trộm cắp được, chẳng phải là đủ rồi sao?

Cho nên sau thời Thái tổ, chức quan của Bình chẳng hề thay đổi, tiền của cũng chẳng được nhiều thêm.

② *Ngụy lược* chép: Lan dâng một bài phú tán dương là Thái tử có đức cao đẹp, Thái tử bảo rằng:

- Phú, là phụ giúp cho những lời nói và sự việc, tụng, là hình dung về cái đức cao đẹp tràn đầy, cho nên tác giả không dùng những câu từ sáo rỗng, kẻ nhận nó tất phải xứng đáng thực sự. Bài phú này của Lan, há ta được thể thật sao? Trước kia Ngô Khâu Thọ Vương⁽¹⁾ làm phú về Bảo đỉnh, bọn học trò của Hà Vũ⁽²⁾ ngợi ca, bởi thế mới ban cho vàng bạc, việc Lan nói tuy ta không tin, nhưng về nghĩa cũng đủ để khen. Nay ban cho một cái đầu trâu.

Bởi thế sau này cũng được kính trọng thân thiết.

③ *Ngụy lược* chép: Thời Minh đế, Lan thấy bên ngoài có hai cái nạn,⁽³⁾ mà Đế chỉ quan tâm đến dựng sửa cung thất, nên thường nhân lúc đi theo hầu hạ mấy lần tha thiết can gián. Đế tuy không nghe, nhưng cũng ghi nhận sự khẩn khoản thành thật ấy. Sau Lan vì rượu mắc bệnh tiêu khát,⁽⁴⁾ lúc ấy Đế tin nữ đồng cốt dùng nước phép chữa bệnh, sai người mang nước ban cho Lan, Lan không chịu uống. Đế hạ chiếu hỏi Lan có ý gì? Lan nói trị bệnh

¹ Ngô Khâu Thọ Vương (吾丘寿王), người nước Triệu, sống vào thời Hán Vũ đế, không rõ năm sinh năm mất, tự là Tử Cống, họ là Ngô Khâu. Từng theo Đồng Trọng Thư học *Kinh Xuân Thu*, trải các chức Thị trung, Trung lang, Đô úy Đông Quận, Quang lộc đại phu. Rất giỏi làm phú, số được người đời biết đến chừng năm mươi thiên, nay còn truyền lại được có hai thiên.

² Hà Vũ (何武), tự Quân Công, người thời Tây Hán, rất nhân hậu, có năm anh em, đều làm quận lại, riêng Vũ làm đến chức thuộc hàng Cửu khanh.

³ Thời Minh đế, hai nước Ngô, Thục thường xuyên gây hấn với Ngụy ở biên giới.

⁴ Bệnh tiêu khát là một thứ bệnh đường niệu, với các triệu chứng là miệng thường khát khô, chỉ thích uống rượu, đi giải rất nhiều, cơ thể gầy mòn, rồi chết.

phải dùng thuốc, sao lại tin vào đồng cốt như thế? Để biến sắc, nhưng Lan rút cục không chịu phục tùng. Sau con khát cứ nặng dần, dần đến mất mạng. Bởi thế người đương thời thấy Lan hay nói thẳng, bảo rằng vì Lan dối diện Đế đưa lời bắt bẻ nên Lan phải tự sát, kỳ thật là chẳng đúng.

Văn Chiêu Chân hoàng hậu, là người quận Trung Sơn huyện Vô Cực, là mẹ của Minh đế, hậu duệ của Thái bảo Chân Hàm nhà Hán, nổi đời làm quan ăn lộc hai nghìn thạch. Cha của hậu là Dật, làm Thượng Thái lệnh.

Năm Hậu lên ba tuổi mồ côi cha.① Về sau thiên hạ binh đao loạn lạc, thêm cảnh mất mùa, trăm họ đều bán bảo vật kim ngân châu ngọc, bấy giờ nhà Hậu tích trữ rất nhiều lương thực, bèn bán đi để mua những thứ đó. Năm Hậu hơn mười tuổi, bầm với mẫu thân rằng:

- Nay là thời loạn mà mua nhiều bảo vật, làm kẻ thất phu thì vô tội, người đeo ngọc là có tội. Thêm nữa người xung quanh đều đói kém thiếu thốn, chẳng bằng đem thóc lúa phát chẩn cứu giúp cho họ mặc thân thích và làng xóm, để mở mang ân huệ.

Cả nhà đều khen hay, lập tức theo lời Hậu nói.②

① *Ngụy thư* chép: Dật kết hôn với người quận Thường Sơn là Trương thị, sinh được ba trai năm gái:

Trưởng nam là Dự, chết sớm; con thứ là Nghiễm, được đề cử Hiếu liêm, làm phó quan giúp việc Đại tướng quân, trưởng huyện Khúc Lương; con thứ nữa là Nghiêu, được xét cử Hiếu liêm; trưởng nữ là Khương, con gái thứ là Thoát, rồi đến Đạo, đến Vinh, con út là Hậu.

Hậu sinh tháng mười hai ngày Đinh Dậu năm Quang Hòa thứ năm thời nhà Hán. Mỗi khi Hậu ngủ say, người trong nhà nom thấy phảng phất như có ai trùm cái áo trắng như ngọc lên người Hậu, đều lấy làm lạ. Lúc Dật chết, Hậu còn nhỏ xíu đã biết khóc thương rất thảm, họ hàng nội ngoại càng cho là lạ. Sau có thầy

tướng là Lưu Lương xem tướng Hậu cùng những người con trai, Lương chỉ vào Hậu nói:

- Đứa con gái này quý hiển chẳng thể nói hết được.

Hậu từ nhỏ đến lớn, không thích đùa bỡn. Năm Hậu tám tuổi, ở bên ngoài có kẻ đứng trên ngựa diễn trò, gia nhân và các chị gái đều lên lầu ngắm xem, riêng Hậu không đi. Các chị lấy làm lạ hỏi việc đó, Hậu đáp rằng:

- Đó há phải là thứ để nữ nhân xem sao?

Năm Hậu chín tuổi, thích viết chữ, nhìn văn tự liền hiểu ngay, mấy lần dùng nghiên bút của các anh, các anh bảo Hậu rằng:

- May nên học nữ công. Đụng vào sách vở học tập, muốn làm nữ Bác sĩ chẳng?

Hậu đáp rằng:

- Nghe nói các bậc hiền nữ thời xưa, chẳng có ai không nghiên cứu việc thành bại của các đời trước, lấy đó để răn mình. Chẳng biết chữ, làm sao hiểu được đạo lý ấy.

② *Nguy lược* chép: Năm Hậu mười bốn tuổi, anh giũa của Hậu là Nghiễm chết, Hậu bi thương quá mức, thờ chị dâu rất cung kính khiêm nhường, sớm khuya vất vả, vỗ về nuôi nấng con của Nghiễm, thương yêu hết mực. Mẹ của Hậu bản tính rất nghiêm, đối đãi với các nàng dâu theo phép thường, Hậu mấy lần can mẹ rằng:

- Anh con bất hạnh chết sớm, chị dâu ít tuổi thủ tiết, trông lại chỉ có một mụn con, theo đại nghĩa mà nói, việc đối đãi phải như nàng dâu, còn cái tình thương mến nên coi như con gái.

Người mẹ nghe Hậu nói cảm động rơi nước mắt, liền lệnh cho Hậu và chị dâu ở cùng một chỗ, ngủ nghỉ đứng ngồi cùng nhau, tình thân ái của hai người càng khăng khít.

Năm Kiến An trung, Viên Thiệu cho con thứ của mình là Hy thu nạp Hậu. Hy ra quản U châu, Hậu ở lại phụng dưỡng mẹ chồng. Lúc Ký châu bình, Văn đế thu nạp Hậu ở huyện Nghiệp, Hậu được sủng ái, sinh được Minh đế và Đông Hương công chúa.①

Năm Diên Khang nguyên niên tháng giêng, Văn đế tức vương vị, tháng sáu, nam chinh, Hậu ở lại huyện Nghiệp.

Năm Hoàng Sơ nguyên niên tháng mười, Đế lên ngôi. Sau khi Đế lên ngôi, Sơn Dương công dâng hai người con gái làm vợ vua Ngụy, Quách hậu, Lý quý nhân, Âm quý nhân đều được sủng ái, Hậu càng thất ý, có lời oán.⁽¹⁾ Đế cả giận, năm thứ hai tháng sáu, phái sứ giả ban cho Hậu được tự xử, táng ở huyện Nghiệp.②

¹ Tương truyền lúc Chân thị bị Tào Phi bỏ rơi, đã sáng tác bài thơ *Đường thượng hành* để nói lên nỗi niềm u uất của mình. Xin dịch tặng độc giả bài thơ này.

ĐƯỜNG THƯỢNG HÀNH

Bồ sinh ngã trì trung,
Kì điệp hà li li.
Bằng năng hành nhân nghĩa,
Mạc nhược thiếp tự tri.
Chúng khẩu thước hoàng kim,
Sử quân sanh biệt li.
Niệm quân khứ ngã thì,
Độc sầu thường khô bì.
Tưởng kiến quân nhan sắc,
Cảm kết thương tâm tì.
Niệm quân thường khô bì,
Dạ dạ bất năng mị.
Mạc dĩ hào hiên cố,
Khí quyên tố sở ái.
Mạc dĩ ngư nhục tiện,
Khí quyên thông dữ giới.
Mạc dĩ ma tì tiện,
Khí quyên gian dữ khoái.
Xuất điệp phục hà khổ,
Nhập điệp canh hà sầu.
Biên địa đa bì phong,
Thụ mộc hà tu tu.
Tòng quân trí độc nhạc,
Duyên niên thọ thiên thu.

ĐI TRÊN BỜ ĐÀM

Cỏ bồ mọc trong đầm,
Lá cỏ sao rậm rì.
Vĩ có thành nhân nghĩa,
Đâu bằng thiếp tự suy.
Lời người chày bạc vàng,
Khiến chàng đi biệt li.
Nhớ lúc chàng bỏ thiếp,
Thiếp một mình sầu bì.
Nghĩ đến sắc mặt chàng,
Cảm thương trĩu tâm can.
Nhớ chàng thường buồn khổ,
Giấc đêm không đầy tràn.
Chớ có vì kẻ hiên,
Quên tình thương đã có.
Chớ có vì thịt cá,
Quên củ kiệu củ hành.
Chớ có vì vải mềm,
Quên cỏ gianh cỏ khoái.
Bước ra sao khổ đau,
Đi vào càng thêm sầu.
Ven biên gió tê buốt,
Sao cỏ cây tươi tốt.
Tòng quân được vui thích,
Xin thọ tới ngàn châu.

① *Ngụy lược* chép: Hy ra quản U châu, Hậu ở lại phụng dưỡng mẹ chồng. Lúc Nghiệp Thành bị phá, vợ của Thiệu và Hậu cùng ngồi trên đại sảnh. Văn đế vào nhà Thiệu, thấy vợ của Thiệu và Hậu, Hậu sợ hãi, nép đầu trên gối mẹ chồng, vợ Thiệu chấp hai tay xoắn vào nhau. Văn đế bảo:

- Lưu phu nhân sao thế? Để tân nương tử ngẩng đầu lên nào!

Người mẹ bèn nâng mặt Hậu ngẩng lên, Văn đế tới xem kỹ, thấy nhan sắc của Hậu phi phàm, khen ngợi tán tụng mãi. Thái tổ biết được tâm ý, bèn cho Văn đế đón về lấy làm vợ.

Thế ngữ chép: Thái tổ hạ huyện Nghiệp, Văn đế vào phủ của Viên Thượng trước, thấy có người phụ nữ tóc xõa xươi mặt lấm lem, đứng khóc sau lưng vợ của Thiệu là Lưu thị, Văn đế hỏi về người ấy, Lưu thị đáp:

- Đó là vợ của Hy.

Rồi ngoảnh sang vén búi tóc, lấy khăn lau mặt cho, dung mạo tuyệt trần. Xong, Lưu thị bảo Hậu rằng:

- Chẳng phải lo chết nữa rồi!

Rồi Hậu được thu nạp, rất sủng ái.

Ngụy thư chép: Hậu càng được sủng ái lại càng tự khiêm tốn, ở hậu cung có ai được ân sủng thì Hậu lại khuyên bảo khuyến khích họ, người không được sủng ái thì Hậu an ủi dạy bảo họ, mỗi khi nhân lúc nhàn tản ăn yến, Hậu thường khuyên Đế, nói:

- Các hoàng đế trước kia con cháu đầy đàn, đại khái là vì nàng hầu vợ lẽ đông đúc, mới có được cái lộc ấy vậy. Xin hãy rộng rãi kiếm người đưa vào Thục viên, để đông đúc người kế tự.

Đế trong lòng càng yêu mến Hậu hơn. Về sau Đế muốn đuổi Nhậm thị, Hậu xin với Đế rằng:

- Họ Nhậm đã là danh tộc ở hương đảng, về đức về sắc, bọn thiếp chẳng bằng, sao lại đuổi đi?

Đế nói:

- Họ Nhậm tính khí hẹp hòi nóng nảy chẳng hòa thuận dịu dàng, trước sau cáu giận ta không chỉ có một lần, vì thế ta đuổi đi thôi.

Hậu chảy nước mắt cố xin rằng:

- Thiếp may mắn được ân sủng, là điều mà chúng nhân đều biết, hẳn mọi người sẽ cho rằng Nhậm thị bị đuổi, là do thiếp vậy. Thiếp sợ rằng người trên bị chê trách là vì tình riêng, kẻ dưới sẽ mắc cái tội độc chiếm sự sủng ái, xin hãy lưu ý cho!

Để không nghe, bèn đuổi Nhậm thị.

Năm thứ mười sáu tháng bảy, Thái tổ chinh phạt Quan Trung, Vũ Tuyên hoàng hậu đi theo, lưu lại ở Mạnh Tân, Đế ở lại giữ huyện Nghiệp. Bấy giờ Vũ Tuyên hoàng hậu thân thể có chút bất an, Hậu không đến vấn an được, lo buồn sợ hãi, đêm ngày khóc lóc; tả hữu ruổi ngựa đến thăm bệnh về báo lại, Hậu còn chưa tin, nói:

- Phu nhân lúc ở nhà, bệnh cũ mỗi khi tái phát, phải qua một thời gian mới khỏi được, nay bệnh lại bót ngay, sao mau vậy được? Đây là các người muốn an ủi ta đó thôi!

Rồi lại càng lo lắng hơn. Sau khi nhận được thư của Vũ Tuyên hậu gửi về, nói là bệnh tật đã bình phục, Hậu mới vui vẻ trở lại.

Năm thứ mười bảy tháng giêng, đại quân quay về huyện Nghiệp, Hậu vào chầu Vũ Tuyên hoàng hậu, từ xa trông thấy người ngồi trong màn thì mừng chảy nước mắt, cảm động đến cả người ở chung quanh. Vũ Tuyên hoàng hậu thấy Hậu như thế, cũng khóc, vội bảo Hậu rằng:

- Nương tử cho là bệnh tật hôm nọ của ta nguy như thời gian trước sao? Bệnh của ta rất nhẹ thôi, hơn chục ngày là bót ngay, không tin hãy coi sắc diện của ta mà xem!

Rồi than rằng:

- Đây mới thực là nàng dâu hiền thảo vậy!

Năm thứ hai mươi mốt, Thái tổ đông chinh, Vũ Tuyên hoàng hậu, Văn đế cùng Minh đế, Đông Hương công chúa đều đi theo, bấy giờ Hậu vì bị bệnh ở lại huyện Nghiệp. Năm thứ hai mươi hai tháng chín, đại quân quay về, kẻ hầu hạ ở xung quanh Vũ Tuyên hoàng hậu thấy nhan sắc của Hậu rất viên mãn, lấy làm lạ hỏi Hậu rằng:

- Hậu và hai con chia biệt đã lâu, cái tình của con cái với mình, chẳng lẽ không nghĩ đến, nhưng nhan sắc của Hậu lại càng đầy đặn, sao vậy?

Hậu cười đáp lời họ rằng:

- Bọn Duệ đi theo phu nhân, có gì phải lo lắng sao!

Hậu sáng suốt hiền thực lấy lễ nghĩa giữ mình như thế.

② *Ngụy thư* chép: Hữu ti tấu xin lập cung Trường thu,⁽¹⁾ Đế hạ ti thư nghênh đón Hậu, đưa thẳng thư tới nơi ở của Hậu, Hậu dâng biểu nói:

"Thiếp nghe nói các triều đại trước hưng thịnh, sở dĩ được hưởng nước lâu dài, truyền lộc cho cháu con dòng dõi, không gì là không do từ Hậu phi. Cho nên việc tuyển xét ngôi Hoàng hậu tất phải kỹ lưỡng, để hưng chính giáo ở bên trong. Bệ hạ mới lên ngôi, thực rất nên mau chóng tiến cử người hiền thực, để thống quản lục cung. Thiếp tự xét thấy mình ngu dốt hủ lậu, chẳng gánh vác nổi việc cúng tế, thêm nữa bệnh tật ốm yếu, chí nguyện hèn mọn sao dám giữ ngôi vị ấy."

Ti thư ba lần gửi đến nhưng Hậu ba lần từ nhượng, ngôn từ rất khẩn thiết. Bấy giờ tiết trời cực nóng, Đế định đợi sang thu trời mát mẻ lại cho đón Hậu. Đúng lúc Hậu bị ốm nặng, mùa hạ tháng sáu ngày Đinh Mão, băng ở huyện Nghiệp. Đế xót thương than thở mãi, sách tặng ti thụ cho Hoàng hậu.

Thần Tùng Chi cho rằng theo nghĩa *Kinh Xuân Thu*, trong nhà có việc đại ác hãy giấu diếm, việc ác nhỏ thì không ghi chép. Văn đế không lập Chân thị, hơn nữa còn giết hại, việc đã có thẩm tra rõ ràng. Người chép sử nhà Ngụy nếu cho đó là việc đại ác, thì nên giấu đi không chép, nếu bảo đó là việc ác nhỏ, thì chẳng nên giả dối về từ ngữ, mà dùng lời văn che đậy rộng tuếch như thế, xem ra khác xa với điều ta xem được ở sách sử xưa. Suy diễn từ đó mà nói, những điều khen ngợi về lời nói và hành động của các Hoàng hậu Biện thị và Chân thị, đều khó luận về tính chân thực. Họ Trần đã gạt bỏ bớt đi, là chọn cái đáng tin vậy.

¹ Tức là lập ngôi Hoàng hậu.

Minh đế tức vị, Hữu ti tấu xin truy thụy cho Hậu, Đế sai Tư không Vương Lăng cầm cờ tiết vâng sách mệnh làm cổ thái lao cúng tế ở lăng mộ, lại sai dựng miếu riêng cho Hậu.^①

Năm Thái Hòa nguyên niên tháng ba, lấy một nghìn hộ ở làng An Thành huyện Ngụy Xương quận Trung Sơn, để truy phong cho Dật, ban thụy là Kính hầu; cháu đích tôn là Tượng nối tước.

Tháng tư, lúc mới dựng tông miếu, đào đất bắt được cái ấn ngọc, vuông vắn một tấc chín phân, ngọc tỷ ấy có chữ là "Thiên tử tiện tư từ thân",⁽¹⁾ Minh đế vì thế động lòng, làm cổ thái lao tế cáo ở miếu.

Đế lại thường nằm mơ thấy Hậu, vì thế phân rõ thứ hạng cao thấp của những người thân sơ bên họ ngoại, chia theo đẳng cấp mà tiến dụng theo thứ bậc, rồi thưởng cho ức vạn; lấy Tượng làm Hồ bôn Trung lang tướng. Tháng ấy, mẹ của Hậu mất, Đế mặc tang phục đến viếng, trăm quan bồi giúp.

Năm thứ tư tháng mười một, vì lăng mộ cũ của Hậu ở chỗ thấp, Đế sai Tượng kiêm việc của quan Thái úy, cầm cờ tiết đến huyện Nghiệp, bạch cáo với hậu thổ, tháng mười hai, cải táng Hậu ở lăng Triều Dương. Tượng quay về, được thăng làm Tán kỵ thường thị.

Năm Thanh Long thứ hai mùa xuân, truy thụy cho anh của Hậu là Nghiễm làm An Thành hương Mục hầu. Mùa hạ, giặc Ngô cướp bóc ở Dương châu, Tượng lấy thân phận Phục Ba tướng quân, cầm cờ tiết giám sát chư tướng đông chinh, lúc quay về, lại làm Xạ thanh Hiệu úy.

Năm thứ ba Tượng chết, được truy tặng chức Vệ tướng quân, đổi đất phong ở huyện Ngụy Xương, ban thụy là Trinh hầu; con của Tượng là Sướng nối tự. Phong cho các em của Sướng là Ôn, Vĩ, Diễm đều làm Liệt hầu.

¹ Thiên tử thương nhớ mẹ hiền.

Năm thứ tư, đổi phong tước cho Dật và Nghiễm đều là Ngụy Xương hầu, thụy như cũ. Phong vợ cả của Nghiễm là Lưu thị làm Đông Hương quân, lại truy phong cho vợ cả của Dật là Trương thị làm An Hỉ quân.

① *Ngụy thư* chép bản tấu của Tam công rằng:

"Cái đạo của hiếu kính, là dốc lòng yêu kính người thân của mình, đấy là cái lý do để người trong bốn bể vâng theo giáo hóa, là điều mà trời đất minh xét, thế tức là người sinh ra thì phải dốc hết trí lực để nuôi dưỡng họ, người chết đi thì phải làm cho linh hồn họ được về vãng, khen tụng hết cái cao đẹp của họ, tuyên dương làm rạng danh tên tuổi của họ vậy."

"Nay bệ hạ mang đức sáng của bậc thánh nhân, kế thừa hồng nghiệp, chí hiếu ngời ngời, thấu đến thần minh, gặp cảnh đau buồn, thường vẫn khiêm nhường. Tiên đế được dời táng ở sơn lăng, đại lễ đã hoàn bị, đến như Tiên hậu, thụy chưa được về vãng. Chúng thần cúi nghĩ Tiên hậu khiêm cung nhún nhường sáng rõ đến cõi u minh, phẩm hạnh trác tuyệt sáng tỏ đến mức chẳng cần nói mà giáo hóa lan truyền khắp nước, đức chính ngang với lời khen ở bài Nhị nam,⁽¹⁾ cho nên được nhận điềm tốt lành của thần linh, đòi đòi làm Phi của Đại Ngụy. Dẫu người sớm đi xa, vạn năm về sau, mãi truyền rạng rỡ, cái công lao của Hậu phi không nêu mà còn."

"Xét phép đặt thụy: 'Kiến thức siêu phàm thông minh sáng suốt gọi là Chiêu. Đức hạnh sáng rõ có công lao gọi là Chiêu.' Chữ chiêu, là sáng tỏ đến cùng cực, hưng vượng dài lâu mà không mờ ám vậy. Nên dâng tôn hiệu là Văn Chiêu hoàng hậu."

Tháng ấy, Tam công lại tấu:

"Từ thời xưa thụy tổ của nhà Chu là Hậu Tắc, nhà Chu lập miếu thờ riêng để tế tự Khương Nguyên.⁽²⁾ Ngày nay Văn Chiêu hoàng hậu là

¹ Nhị nam (二南) tức là nói đến những vần thơ khen ngợi đức sáng của người phụ nữ ở bài thơ *Chu nam* (周南) và *Triệu nam* (召南) trong *Kinh Thi*.

² Hậu Tắc (后稷), là con của Đế Khốc và bà Khương Nguyên (姜嫄). Thời vua Nghiêu, giữ chức Nông sư, lo việc cấy trồng. Sang đời vua Thuấn, tiếp tục giữ chức, được vua Thuấn đặt hiệu là Hậu Tắc, phong cho đất Thái, ban cho họ Cơ. Truyền đến đời thứ mười sáu thì giành được thiên hạ, lập ra nhà Chu. Bà Khương Nguyên được coi là "tiên mẫu" của nhà Chu, được lập miếu thờ riêng.

Hoàng hậu của muôn đời, ân đức vô lượng, há có đong đếm được chăng! Ôi, Hậu vì trọng việc tế tự của Hoàng gia, mà thực lòng khiêm nhường, cố khước từ ngôi cao, linh hồn hóa thần, mà không có lăng tẩm miếu đền để hưởng lễ cúng tế, đây thật không phải với việc báo đền, để nêu tỏ đạo hiếu kính vậy. Xét theo phép chế thời cổ, nên theo như Chu lễ, lập miếu riêng cho Tiên tỷ.”⁽¹⁾

Hai lần đều được chuẩn tấu.

Năm Cảnh Sơ nguyên niên mùa hạ, Hữu ti bàn việc yên định thất miếu.⁽²⁾ Mùa đông, lại tấu rằng:

“Hưng nghiệp đế vương, đã có bậc quân vương thụ mệnh, lại có thánh phi hiệp trợ với thần linh, rồi sau con cháu được xưng thịnh lâu bền, cho nên xây dựng được vương nghiệp yên ổn.”

“Xưa kia họ Cao Tân bói rùa biết rằng con của bốn người phi đều có được thiên hạ, mà rồi Đế Chí, Đào Đường, Thương, Chu thay phiên nhau hưng khởi.⁽³⁾ Người nhà Chu suy tôn ngược lên đến Hậu Tắc, cho thờ cúng cùng hoàng thiên, truy đến nguồn gốc của nhà vua, vốn là bà Khương Nguyên, lập riêng cung miếu, đời đời dâng tế, Chu lễ cho rằng ‘tấu nhạc có phép tắc, ca hát có vần điệu, múa như sóng cuộn,⁽⁴⁾ để dâng lên tiên tỷ.’ Thi nhân ca tụng việc ấy rằng: ‘Dân chúng thừa ban đâu, là từ bà Khương Nguyên.’⁽⁵⁾ Đây là nói đến cái

¹ Hai chữ “Tiên tỷ” được Trịnh Huyền, một đại tông sư nho học Trung Quốc cổ chú rằng, đó là trở vào bà Khương Nguyên, tiên mẫu của nhà Chu. Như thế, ở đây Tam công nhà Ngụy ví rằng Chân hoàng hậu cũng xứng được xem như bà Khương Nguyên của nhà Ngụy vậy.

² Theo *Lễ ký*, thiên *Vương chế* có nói: “Thiên tử có bảy miếu, ba hàng bên phải, ba hàng bên trái, cùng miếu của Thái tổ là bảy.” Gồm có tứ thân miếu là cha, ông, cụ, kỵ; thêm hai miếu thờ tổ tiên đời xa và thủy tổ miếu. Vị chi là bảy miếu thờ.

³ Đế Khốc, tức Cao Tân thị (高辛氏) bói rằng người vợ cả là Khương Nguyên có con là Hậu Tắc là sẽ là thủy tổ của nhà Chu; người vợ thứ hai là Giản Dịch có con là Tiết, là thủy tổ của nhà Thương; người vợ thứ ba là Trần Phong con là Đế Nghiêu làm vua nhà Đào Đường; người vợ thứ tư là Tu Tí, sinh ra Đế Chí.

⁴ Những quy định bắt buộc về lễ nhạc thời nhà Chu. Có thể tìm hiểu rõ ở sách *Chu lễ*, *Xuân Quan*, *Đại tư nhạc*.

⁵ Câu này vốn có xuất xứ *Kinh Thi*, thiên *Đại Nhã*, bài *Sinh dân*.

gốc của vương hóa, cũng là nói đến việc chăm lo cho dân chúng vậy. Lại nói: 'Cung thờ thanh tịnh, rộng lớn kín đáo, Khương Nguyên hiển hách, đức chẳng che mờ.' Kinh Thi, Kinh Lễ hết thấy đều ca tụng cái thịnh của họ Cơ, lời lẽ cao đẹp như thế."

"Đại Ngụy ứng vận, nối theo Hữu Ngu, tôn sùng mở mang đạo đế vương, thịnh vượng suốt ba đời, kể số miếu thờ, thực phải so được với nhà Chu. Hiện nay Vũ Tuyên hoàng hậu, Văn Đức hoàng hậu đều được thờ cúng đến muôn đời, còn như Văn Chiêu hoàng hậu được nhận sự phù trợ của thiên thượng với thần linh, nuôi nấng vua hiền, có công cứu vớt sinh dân, đức hạnh tràn khắp đất trời, mở mang dòng dõi, khiến đạo lý và giáo hóa nhờ đó mà hưng thịnh. Nên phải đặt riêng lăng tẩm miếu đền để tế tự, cũng như bí cung của bà Khương Nguyên vậy, thế mà chưa nêu tỏ được phép tắc bất hủ, sợ là cái nghĩa luận công báo đức, vạn đời có chỗ khiếm khuyết, trái với việc tuyên dương hiếu đạo để nêu tỏ cho hậu thế vậy. Miếu của Văn Chiêu xứng đáng được đời đời dâng tế tấu nhạc, giống như miếu tổ, sáng tỏ mãi mãi mà pháp điển không mục, để truyền bá phong tục thánh thiện."

Vì thế bản tấu cùng lời bàn định về thất miếu đều được khắc vào sách vàng, cất giấu nơi rương vàng.

Đế nghĩ đến họ ngoại không thôi. Sướng còn tho ấu, năm Cảnh Sơ mạt, lấy Sướng làm Xạ thanh Hiệu úy, gia thêm chức Tán kỵ thường thị, còn đặc biệt dựng cho một tòa nhà lớn, xa giá thân đến tận nhà. Lại nữa là ở phía hậu viên ngôi nhà ấy cho dựng tòa miếu thờ mẹ của Tượng, gọi cái làng có miếu thờ ấy là làng Vị Dương, để tưởng nhớ họ ngoại.

Năm Gia Bình thứ ba tháng giêng, Sướng chết, được truy tặng chức Xa kỵ tướng quân, ban thụy là Cung hầu; con là Thiệu nối tự.

Năm Thái Hòa thứ sáu, ái nữ của Minh đế là Tào Thục chết, Đế truy phong thụy cho Thục là Bình Nguyên Ý công chúa, cho lập miếu thờ. Dem người cháu họ đã chết của Hậu là Hoàng cùng

hợp táng, truy phong cho Hoàng tước Liệt hầu, lấy em họ của phu nhân họ Quách là Đức làm con nối tự, kế thừa dòng dõi họ Chân, phong Đức làm Bình Nguyên hầu, tập tước của Công chúa.^①

Năm Thanh Long trung, lại phong cho con người anh họ của Hậu là Nghị và ba người em của Tượng, đều làm Liệt hầu. Nghị mấy lần dâng sớ bày tỏ việc chính sự lúc bấy giờ, làm quan đến chức Việt kỵ Hiệu úy. Năm Gia Bình trung, lại phong cho hai người con của Sướng làm Liệt hầu.

Cháu gái của Nghiễm anh trai của Hậu làm Hoàng hậu của Tề vương, cha của Hậu đã chết, phong cho mẹ của Hậu làm Quảng Lạc hương quân.

① Tôn Thịnh nói: Về lễ, người phụ nữ theo phép thường là đã không được phong tước, huống chi là đứa trẻ sơ sinh, mà có thể được dựng ấp riêng sao? Đức là người họ khác, kế nối theo một họ khác là không tốt, chẳng công lao, không thân thích, mà cho nối theo tước của mẹ mình, là trái với nhân tình và pháp điển, như thế là quá vậy. Trần Quần tuy đưa lời phản đối, Dương Phụ dẫn việc để so sánh, nhưng đều chẳng bày tỏ được đến tận cùng cái lễ của bậc vua xưa, nêu tỏ cái nghĩa kế tự phong đất dựng nước, trung trinh đến từng câu từ, cũng là có khuyết điểm vậy! *Kinh Thi* nói rằng: "Thái sư họ Doãn hiền hách, dân chúng đôi mắt trông ngài."⁽¹⁾ Giữ chức Tể phụ, mà có thể qua loa như vậy được sao!

Tấn thư công tán chép: Đức tự Ngạn Tôn. Tư Mã Cảnh vương làm phụ chính, đem con gái gả cho Đức làm vợ cả. Người vợ cả chết sớm, Văn vương lại đem con gái gả cho Đức làm kế thất, tức Kinh

¹ Câu này xuất xứ từ *Kinh Thi*, *Tiểu nhã*. Nhà Tây Chu thời Chu U vương, hạn hán, mất mùa, dân chúng điêu đứng, U vương trọng dụng quan Thái sư Doãn thị, Doãn thái sư là kẻ tham lam, không có lòng chăm lo cho dân, quan đại thần là Gia Phụ dâng thư vạch tội Doãn thái sư, trong thư có mấy câu là "Doãn thái sư uy danh hiền hách, dân chúng dòm ánh mắt trông theo, lòng buồn đau như lửa đốt."

Triệu trưởng công chúa. Hai vương Cảnh, Văn muốn tự kết thân với Quách hậu, vì thế kết thông gia liên tục. Đức tuy không có tài học, nhưng cung kính cẩn trọng, khiêm nhường hòa mục.

Chân Ôn tự Trọng Thu, cùng Quách Kiến và bọn Đức đều là họ tộc của hoàng hậu, nhờ việc đó mà được sủng ái. Năm Hàm Hi sơ, phong Quách Kiến làm Lâm Vĩ huyện công, Đức làm Quảng An huyện công, thực ấp đều là một nghìn tám trăm hộ. Ôn vốn là Quốc hầu, được tiến cử làm Phụ quốc Đại tướng quân, gia thêm Thị trung, lĩnh chức Xạ thanh Hiệu úy, Đức làm Trấn quân đại tướng quân. Năm Thái Thủy nguyên niên, nhà Tấn nhận ngôi trời, gia thêm cho ba người Kiến, Đức, Ôn ngôi vị Đặc tiến.

Đức là người thành thật chất phác, hơn nữa là anh rể của Thế tổ, vì thế sau này được quý hiển ở đời. Đức khi về già được đổi làm Tông chính, rồi thăng lên Thị trung. Năm Thái Khang trung, Đại tư mã Tề vương là Du phải đi xa làm phiên vương, Đức và tả Vệ tướng quân là Vương Tế cùng can gián, người bấy giờ đều khen họ. Thế tổ vì thế trọng vọng Đức, vì vậy cử Đức làm Đại hồng lư, gia thêm chức Thị trung, Quang lộc đại phu, lúc ốm sắp chết, được tặng chức Trung quân đại tướng quân, cho mở phủ Thị trung như lệ trước, ban thụy là Cung công, con Đức là Hi nối tự.

Hi là người tinh tế chín chắn, khí chất cao đẹp, trải các chức Trung thư lang, hữu Vệ tướng quân, Thị trung, ngôi vị đến chức Phụ quốc Đại tướng quân, gia thêm Tán kỵ thường thị. Hi thân với thân cận của vua, nhưng qua sự biến của Kinh Triệu vương là Luân và Tề vương là Quýnh, không dự hội mưu, cũng bởi tài kém, nhưng cũng vì lặng im mà bị bãi chức tước.

Văn Đức Quách hoàng hậu, người quận An Bình huyện Quảng Tông. Tổ tiên nối đời làm Trưởng lại.^① Thời Hậu còn nhỏ thì cha Hậu là Vĩnh cho là lạ nói:

- Đứa con này của ta là Vương trong đám nữ nhân vậy.

Bèn lấy chữ Nữ Vương làm tên tự.

Song thân Hậu mất sớm, lúc tang loạn lưu ly, Hậu nấu thân tại nhà Đồng Đê hầu.⁽¹⁾ Thời Thái tổ làm Ngụy công, được vào Đông cung. Hậu là người có tâm kế, thường bày ý kiến được Đế tiếp nhận. Văn đế được chỉ định làm người kế tự, Hậu có dự mưu. Thái tử tức vương vị, Hậu làm phu nhân, lúc lên ngôi, Hậu được làm Quý tần. Cái chết của Chân hậu, là do Đế sủng ái Hậu vậy.

Năm Hoàng Sơ thứ ba, lúc sắp tiến dụng ngôi vị Hoàng hậu, Văn đế muốn lập Hậu, Trung lang là Sạn Tiềm dâng sớ rằng:

"Các đế vương xưa trị lý thiên hạ, chẳng chỉ do người bên ngoài giúp đỡ, cũng do có người giúp bên trong, trị hay loạn là do ở đó, thịnh suy cũng từ đó mà ra. Cho nên Tây Lăng phối ngẫu với Hoàng đế, Anh Nga đến ở bến sông Quy,⁽²⁾ ba người ấy đều vì hiền minh, mà tiếng thơm lưu lại trên đời. Vua Kiệt chạy ra Nam Sào, họa đều từ nàng Muội Hi; vua Trụ dùng hình phạt pháo lạc, để vui lòng Đát Kỷ.⁽³⁾ Vì thế bậc thánh triết rất cẩn thận trong việc lập nguyên phi, tất phải tìm lấy con nhà đại thế tộc trước tiên, tuyển chọn người hiền đức để thống quản hậu cung, kính phụng tông miếu, dạy dỗ các nữ tử sửa mình."

"Dịch nói: 'Nhà nhà có chính đạo thì thiên hạ định'. Bởi trong cũng như ngoài, đó là phép hay của các vua đời xưa vậy. Kinh Xuân Thu chép chuyện quan Tông Nhân là Hấn Hạ nói rằng, không dùng cái lễ phu nhân để lấy thiếp.⁽⁴⁾ Tề Hoàn ước thệ ở Quỳ Khâu cũng nói 'Không lấy thiếp làm vợ'. Nay tại hậu cung kẻ hèn được sủng ái, địa

¹ Đồng Đê (铜鞮) là tên một địa danh, có từ thời Xuân Thu. Thời nhà Tấn từng cho xây dựng cung Đồng Đê ở đây. Nay là huyện Thâm, tỉnh Sơn Tây.

² Tây Lăng (西陵) là tên một nước thời cổ xưa. Hoàng Đế ngụ ở gò Hiên Viên, lấy con gái của nước Tây Lăng làm vợ, đó là Luy Tổ; Vua Nghiêu gả hai con gái của mình là nàng Nga Hoàng và nàng Nữ Anh cho vua Thuấn ở bến sông Quy.

³ Vua Kiệt (桀) vì nàng Muội Hi (妹喜) mà mất nước, phải chạy ra Nam Sào; vua Trụ (纣) bạo tàn, nướng người trên dàn lửa (pháo lạc), chỉ để vui lòng nàng Đát Kỷ (妲己), cuối cùng cũng mất nước.

⁴ Chuyện này được chép trong *Tả truyện*, thiên *Ai công nhị thập tứ niên*.

vị chỉ dưới quân vương. Nếu nhân ái tiến dụng lên ngôi Hậu, khiến cho kẻ bần tiện được tôn quý bất ngờ, thần sợ đời sau sẽ kẻ dưới lấn người trên, mở ra việc trái phép, loạn từ trên mà nổi lên vậy."

Văn đế không theo, bèn lập làm Hoàng hậu.^②

① *Ngụy thư* chép: Cha của Hậu là Vĩnh, quan vị đến chức Thái thú Nam Quận, thụy là Kính hầu. Mẹ họ Đồng, tức Đường Dương quân, sinh được ba nam hai nữ: Trưởng nam là Phù, làm Cao Đường lệnh, thứ nữ là Dục, thứ nữa tức là Hậu, em của Hậu là Đô, em nữa là Thành. Hậu sinh vào ngày Ất Mão tháng ba năm Trung bình nguyên niên thời nhà Hán, mới sinh ra đã có điềm triệu khác thường.

② *Ngụy thư* chép: Hậu dâng biểu tạ rằng:

"Thiếp không có cái tiết tháo cao đẹp của hai nàng Hoàng, Anh, lại không sánh được vẻ đoan trang tài mạo của hai vị Khương, Nhâm, thật chẳng đủ để giả mạo sung vào nhận địa vị chúa tể của nữ nhân, ở vị trí gánh vác trọng trách ngôi thể thất."

Hậu vốn đã ở Đông cung, lúc tức tôn vị, tuy được sủng ái đặc biệt, trong lòng càng cung kính nghiêm trang, phụng dưỡng Vĩnh Thọ cung,⁽¹⁾ được khen là hiếu thảo. Bấy giờ Sài quý nhân cũng được sủng ái, Hậu dạy dỗ khuyên bảo cho. Các quý nhân ở hậu cung bấy giờ có ai mắc lỗi lầm, Hậu thường che chở cho họ, có ai bị khiển trách, Hậu lập tức vì Đế nói rõ ngọn ngành, Đế có lần vì thế càng nổi giận, Hậu lại vì họ rập đầu xin tạ tội, vì thế lục cung không ai oán giận gì. Bản tính Hậu khiêm ước giản dị, không thích âm nhạc, thường hâm mộ cách làm người của Minh Đức Mã hoàng hậu thời nhà Hán.

Anh em của Hậu mất sớm, vì thế Đế cho anh họ của Hậu là Biểu kế vị sau Quách Vĩnh, bái làm Phụng xa đô úy.

Thân thích bên ngoại của Hậu là Lưu Phi cùng với người ở nước khác thành hôn, Hậu nghe nói, hạ sắc mệnh rằng:

¹ Tức là phụng dưỡng Hoàng thái hậu.

"Những người thân thích của ta lấy vợ lấy chồng, nên cùng người ngang hàng trong thôn xóm nên đôi lứa, không được cậy thế lực để cưỡng bách người khác thông hôn vậy."

Con trai người chị gái của Hậu là Mạnh Vũ về quê tìm vợ nhỏ, Hậu hạ chỉ ngăn lại. Rồi sắc mệnh cho các nhà rằng:

"Đời nay phụ nữ ít, nên đem gả cho tướng sĩ, không được nhân cơ hội để cưỡng lấy người ta về làm thê thiếp. Các người nên tự răn mình, nếu không sẽ bị phạt tội đầu tiên." ①

① *Ngụy thư* chép: Hậu thường sắc lệnh răn bọn Biếu, Vũ rằng:

"Gia đình họ hàng các hoàng hậu nhà Hán, ít được trọn vẹn, đều bởi kiêu xa, có thể không thận trọng sao!"

Năm thứ năm, Đế đông chinh, Hậu lưu lại đài Vĩnh Thủy ở Hứa Xương. Bấy giờ mưa dầm hơn trăm ngày, thành lâu có nhiều chỗ đổ nát, Hữu ti tấu xin dời đi. Hậu nói:

- Trước kia Sở Chiêu vương đi du ngoạn bên ngoài, nàng Trinh Khương ở lại Tiềm đài, nước dâng cao, sứ giả đến đón nhưng không có tin phù, không chịu đi, bị chết chìm.¹ Nay đế ở nơi xa, ta may chưa gặp cái họa ấy, mà tự tiện dời chỗ, sao thế được?

Quần thần chẳng ai dám nói nữa.

Năm thứ sáu, Đế đông chinh đánh nước Ngô, đến Quảng Lăng, Hậu ở lại Tiêu cung. Bấy giờ Biếu ở lại làm Túc vệ, muốn ngăn nước sông để bắt cá. Hậu nói:

- Nước đang lưu thông để vận tải, lại đang thiếu gỗ để xây dựng, nô bộc khách khứa chẳng ở ngay trước mắt, lại muốn lấy

¹ Trinh Khương (昭姜), con gái của Tề hầu, là vợ của vua nước Sở thời Xuân Thu là Chiêu vương. Chiêu vương đi chơi để vợ trên đài Tiềm (Tiềm), nghe nói nước sông sắp dâng cao, sai sứ giả đến đón nàng, Trinh Khương đòi phù tín, sứ giả không có, nàng không chịu đi, nước dâng cao, nàng bị nước cuốn, chết chìm ở dưới sông. Về tên gọi Trinh Khương, *Liệt nữ truyện* của Hoàng Phủ Mật chép là Chiêu Khương, có lẽ vì bà là vợ của Chiêu vương?

tre gỗ của công làm cầu để ngăn nước. Nay làm chức hầu bên xe còn chưa xong, há lại đi bắt cá nữa sao?

Minh đế tức vị, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, gọi là Vĩnh An cung.

Năm Thái Hòa thứ tư, Đế hạ chiếu phong Biểu làm An Dương hầu, lại tiến tước lên Hương hầu, tăng thực ấp, gồm cả trước đó là năm trăm hộ, thăng lên chức Trung lữ tướng quân. Lại lấy con của Biểu là Tường làm Kỵ đô úy. Năm ấy, truy thụy cho cha của Thái hậu là Vĩnh làm An Dương hương Kính hầu, mẹ Thái hậu là Đồng thị làm Đô hương quân. Thăng Biểu lên chức Chiêu đức tướng quân, thêm cho kim ấn và dây thao tía, ngôi vị Đặc tiến, con thứ hai của Biểu là Huấn làm Kỵ đô úy.

Lúc mẹ của Mạnh Vũ chết, muốn hậu táng, dựng từ đường, Thái hậu hạ chỉ nói:

"Từ khi tang loạn đến nay, mộ phần không đâu không bị đào bới khai quật, đều bởi hậu táng vậy; Lăng ở núi Thù Dương có thể lấy làm nơi chôn cất."

Năm Thanh Long thứ ba mùa xuân, Thái hậu băng ở Hứa Xương, quy mô lăng dựng theo chế lệnh, tháng ba ngày Canh Dần, an táng Hậu tại phía tây lăng Thù Dương.①

Đế tiến tước cho Biểu làm Quan Tân hầu, tăng thực ấp năm trăm hộ, gồm cả trước là một nghìn hộ. Thăng chức cho Tường làm Phò mã đô úy. Năm thứ tư, xét cải phong Vĩnh làm Quan Tân kính hầu, vợ là Đồng thị làm Đường Dương quân. Truy phong thụy anh của Hậu là Phù làm Lương Lý đình đài hầu, Đô làm Vũ Thành đình hiếu hầu, Thành làm Tân Nhạc đình định hầu, đều sai sứ giả vâng mệnh đưa chiếu sách đến, làm cỗ thái lao cúng ở miếu thờ. Biểu chết, con của Biểu là Tường nối tự, lại chia tước của Biểu phong em của Tường là Thuật làm Liệt hầu. Tường chết, con của Tường là Chiêu nối tự.

① *Ngụy lược* chép: Minh đế được lập kế tự, đoán nghĩ đau xót về cái chết của Chân hậu, cho nên Thái hậu vì lo lắng dẫn đến bạo vong. Lúc Chân hậu sắp chết, đem Đế thác cho Lý phu nhân. Thái hậu băng hà, phu nhân bèn nói rõ là Chân hậu bị gièm pha mang họa, chẳng được cho vào áo quan, phải dùng tóc che mặt, Đế xót hận rơi nước mắt, ra lệnh vùi đất chôn Thái hậu, đều như việc cũ của Chân hậu.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Khi trước, Chân hậu bị hại chết, là do Quách hậu được sủng ái, lúc liệm xác, Đế ra lệnh lấy tóc che mặt Chân hậu lại, lấy vỏ trấu lấp vào miệng, rồi lập Quách hậu, sai nuôi dưỡng Minh đế. Đế biết việc ấy, trong bụng thường ôm mối căm phẫn, mấy lần khóc lóc hỏi tình trạng cái chết của Chân hậu. Quách hậu nói:

- Tiên đế tự tay giết, sao lại đi trách hỏi ta? Và lại ngươi là người con, nếu nghĩ hận người cha đã chết, vì người mẹ trước mà giết oan người mẹ sau ư?

Minh đế giận, liền bức tử giết đi, hạ sắc mệnh liệm thây giống như việc cũ của Chân hậu.

Ngụy thư chép bài ai sách⁽¹⁾ rằng:

"Duy năm Thanh Long thứ ba tháng ba ngày Nhâm Thân, Tử cung⁽²⁾ của Hoàng thái hậu được đưa đi, an táng ở phía tây lăng Thụ Dương. Ai tử là Hoàng đế Duệ thân cầm ai sách cử hành lễ nghi tế tổ, tự tay lập tế điện, trong lòng bi thống xót xa, vỡ bụng đâm ngực, ngẩng mặt kêu gào, đau đớn cho linh hồn Thái hậu đi xa, bi thương khi xe tang hướng ra đường cái, tam quang vì thế lu mờ; Thái hậu tới chốn hoàng lư⁽³⁾ yên nghỉ. Than ôi, thương thay! Xưa kia nhị nữ nên đôi lứa với Ngu, đạo đế vương sáng rõ. Tam mẫu về với Chu, đạo thánh càng chói lòa, đã được nhiều phúc trạch, lại hưởng nước lâu dài. Đau lòng thay từ mẫu, hương

¹ Là bài sách văn được đọc vào lúc chuyển quan tài Hoàng đế, Thái tử, Phi tần, Vương hầu...

² Quan tài của Hoàng đế, Hoàng hậu dùng bằng gỗ cây Tử nên gọi là Tử cung.

³ Tam quang là mặt trăng, mặt trời, và các vì tinh tú; Hoàng lư cũng như hoàng tuyền, tức là chỗ đất đen.

hóa nơi khuê phòng, đức hạnh ở trong cung, hòa hợp với thánh hoàng, chẳng ngờ tuổi trung niên, đã bạo bệnh thân vong. Xót thương cho con trẻ, cô cút cảnh thương đau, hồn tuy đi xa mãi, thăm mẹ ngóng về đâu? Than ôi thương thay!"

Minh Diệu Mao hoàng hậu, người quận Hà Nội. Năm Hoàng Sơ trung, được tuyển chọn vào Đông cung, thời Minh đế làm Bình Nguyên vương, hoạn quan dâng lên rất được sủng ái, ra vào cho đi cùng xe kiệu. Khi Đế được lập, lấy làm Quý tần. Năm Thái Hòa nguyên niên, lập làm Hoàng hậu. Cha của Hậu là Gia, được bá làm Kỵ đô úy, em của Hậu là Tăng, làm Lang trung.

Khi trước, Minh đế làm vương, ban đầu nạp người quận Hà Nội là Ngu thị làm phi, Đế tức vị, Ngu thị không được lập làm Hoàng hậu, Thái hoàng hậu là Biện thái hậu an ủi hãy cố gắng. Ngu thị nói:

- Họ Tào tự thích lập kẻ hèn mọn, không có ai vì nghĩa chọn lập người hiền vậy. Chúc phận của Hoàng hậu là coi sóc việc trong cung, quân vương nghe chính sự bên ngoài, cái đạo lý ấy phối hợp với nhau mà thành, nếu chẳng làm cho khéo lúc ban đầu, không chắc có thể tròn vẹn về sau vậy. Sợ rằng tất bởi lý do ấy mà quốc phá gia vong thôi.

Ngu thị bởi thế bị truất về ở Nghiệp cung. Lại tiến phong Gia làm Phụng xa đô úy, Tăng làm Kỵ đô úy, ban ân trạch dày. Không lâu sau, phong Gia làm Bác Bình hương hầu, rồi thăng làm Quang lộc đại phu, Tăng làm Phò mã đô úy.

Gia vốn là người đánh xe cho Ngu thị, thốt nhiên được phú quý, Minh đế lệnh cho triều thần hội họp ăn yến ở nhà Gia, dáng dấp cử chỉ của Gia rất ngây ngô ngớ ngẩn, khi nói năng thường tự gọi mình là "hầu thân", người bấy giờ lấy việc đó ra

mà đàm tiếu.^① Về sau Đế lại thêm cho Gia ngôi vị Đặc tiến, Tăng được thăng làm Tán kỵ thị lang.

Năm Thanh Long thứ ba, Gia chết, được truy tặng chức Quang lộc đại phu, đổi phong làm An Quốc hầu, thêm thực ấp năm trăm hộ, gộp cả trước đây là một nghìn hộ, ban thụy là Tiết hầu.

Năm thứ tư, truy phong mẹ của Hậu là Hạ thị làm Dã Vương quân.

① Tôn Thịnh nói: Các bậc đế vương xưa, nhất định phải tìm lấy người hiền thực sánh đôi để biểu dương chí đức, khôi phục giáo hóa của tam vương về cái đạo vợ chồng, truyền lại tục hay cho con cháu. Vụt đến cái cảnh tam quý,⁽¹⁾ mỗi loạn đều từ đạo vợ chồng, nghĩa sinh ra vì cái tình đấm đui, ban cho ngôi vị vì hôn ám, khiến sang hèn không được rõ ràng, kẻ dưới lấn át thay thế người trên, lẽ hưng suy thịnh phế, đều là từ việc ấy vậy. Nhà Ngụy từ Vũ vương, cho đến Liệt tổ, ba Hoàng hậu được thăng, cất lên từ địa vị hèn kém, gốc đã thấp kém rồi, làm sao truyền lại lâu dài được? *Kinh Thi* nói rằng: "Vải thô hề vải nhỏ hề, gió lạnh biết làm sao."⁽²⁾ Lời đó nói việc này chẳng!

Lúc Đế sủng ái Quách Nguyên hoàng hậu, sự sủng ái với Hậu ngày càng lạt lẽo.

Năm Cảnh Sơ nguyên niên, Đế du ngoạn ở hậu viên, cho triệu từ bậc Tài nhân trở lên ăn yến nghe nhạc rất vui. Nguyên hậu nói "nên rước Hoàng hậu tới", Đế không đồng ý. Rồi cấm tả hữu, lệnh không ai được truyền tin ra ngoài. Hậu biết việc ấy, hôm sau, Đế gặp Hậu, Hậu nói:

- Hôm qua đi du ngoạn ăn yến ở Bắc viên, có vui chăng?

¹ Tam quý (三季) là chỉ vào ba vị vua cuối đời các nhà Hạ, Thương, Chu là Kiệt, Trụ, U vương. Ba người này đều vì ba bà vợ (thiếp yêu) rất quái gở là Muội Hi, Đát Kỷ, Bao Tự mà mất nước.

² Ý rằng nhà có người vợ hèn kém thì cũng như miếng vải thô, vải nhỏ, chỉ dùng vào mùa hè, vào mùa đông gió lạnh làm sao che chắn nổi?

Để cho là tả hữu đã tiết lộ chuyện ấy, bèn giết hơn chục người. Rồi ban cho Hậu tự xử, nhưng vẫn thêm cho thụy, rồi an táng ở Mẫn lăng. Lại thăng Tăng lên chức Tán kỵ thường thị, sau chuyển làm Vũ lâm Hổ môn Trung lang tướng, Nguyên Vũ điển nông.

Minh Nguyên Quách hoàng hậu, người quận Tây Bình, là con nhà đại tộc ở Hà Hữu.⁽¹⁾ Năm Hoàng Sơ trung, quận ấy phản loạn, Hậu bị bắt đưa vào trong cung. Minh đế tức vị, Hậu rất được yêu sủng, bái làm Phu nhân. Chú của phu nhân là Lập làm Kỵ đô úy, bác là Chi làm Hổ môn Trung lang tướng.

Để ốm nặng, bèn lập phu nhân làm Hoàng hậu.

Tề vương tức vị, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, gọi là Vĩnh Ninh cung, truy phong thụy cho cha của Thái hậu là Mẫn làm Tây Đô Định hầu, cho con của Lập là Kiến được nối tước ấy. Phong cho mẹ của Thái hậu là Đỗ thị làm Cáp Dương quân. Chi được thăng làm Tán kỵ thường thị, Trường thủy Hiệu úy,^① Lập làm Tuyên đức tướng quân, đều được phong làm Liệt hầu. Anh của Kiến là Đức, cho ra ngoài chăm sóc Chân thị.

Hai người Đức và Kiến cùng làm Trấn hộ tướng quân, đều được phong tước Liệt hầu, cùng nắm giữ quân Túc vệ.

Gặp lúc tam chủ⁽²⁾ yếu nhược, phụ chính đại thần thống quản triều cương, giành đoạt đại sự, đều mưu bàn bắch với Thái hậu trước rồi sau mới thi hành. Bọn Quán Khâu Kiệm, Chung Hội làm loạn, đều lấy danh nghĩa của Thái hậu phát hịch văn thảo phạt.

Năm Cảnh Nguyên thứ tư tháng mười hai Hậu mất, năm thứ năm tháng hai, an táng ở phía tây Cao Bình lăng.^②

¹ Túc là ở phía hữu ngạn Hoàng Hà.

² Ba vua cuối nhà Ngụy là Tào Phương, Tào Mao, Tào Hoán.

① *Ngụy lược* chép: Trong số người nhà họ Quách, Chi là người mạnh mẽ thẳng thắn nhất. Trước lúc Quách hậu được sủng đã có công nên được phong tước Hầu.

② *Tấn thư công tán* chép: Kiến tự Thúc Thủy, có khí phách độ lượng lại mạnh mẽ cứng cỏi, năm Thái Thủy trung bị ốm chết. Con của Kiến là Hồ nối tự, làm Cấp sự trung.

Bình rằng: Những gia đình hậu phi nhà Ngụy, dù nói phú nói quý, cũng không bằng được ngoại thích thời suy bại nhà Hán phi pháp chiếm cứ quyền vị, thao túng triều chính. Soi gương cũ để thay đổi pháp chế, đó là điểm đáng khen của nhà Ngụy vậy. Ngấm lại lời kiến nghị của Trần Quần, lời nghị luận của Sạn Tiềm, thực xứng đáng làm điển phạm cho đế vương trăm đời, làm chuẩn tắc cho hậu thế vậy.

QUYỂN THỨ SÁU

ĐÔNG, NHỊ VIÊN, LƯU TRUYỆN



Đồng Trác tự Trọng Dĩnh, người quận Lũng Tây huyện Lâm Thao.^①

Trác thời trẻ thích làm hiệp khách, từng du ngoạn ở vùng Khương Trung, kết giao với hết thảy các cừ súy người Khương. Sau này Trác về quê cày ruộng, mà những kẻ cừ súy vẫn đến thăm, Trác dẫn về, giết trâu cày cùng nhau ăn uống vui vẻ. Các cừ súy cảm cái tình ấy, quay về cùng thu gom, được hơn một nghìn súc vật các loại đem tặng Trác.^②

Năm cuối đời Hoàn đế nhà Hán, triều đình lấy con nhà lành ở sáu quận phía bắc làm Vũ Lâm lang. Trác có võ nghệ, sức lực ít ai bì, hai vai đeo hai túi tên, bắn cung cả hai tay. Trác làm Quân tư mã, theo Trung lang tướng là Trương Hoán đi chinh chiến ở Tinh châu có công, triều đình bái làm Lang trung, ban cho chín nghìn xấp lụa mềm, Trác đem chia hết cho quan lại sĩ tốt. Được thăng làm Quảng Vũ lệnh, Bắc bộ Đô úy Thục Quận, Mậu kỵ Hiệu úy Tây Vực, rồi bị bãi chức. Sau lại được vời bái làm Thứ sử Tinh châu, Thái thú Hà Đông,^③ rồi thăng làm Trung lang tướng, đánh dẹp quân Khăn Vàng, thua quân đáng tội.

Bọn Hàn Toại khởi sự ở Lương châu, Trác được phục chức Trung lang tướng, sang tây cự Toại. Trác ở phía bắc khe núi Vọng Viên, bị mấy vạn người Khương, Hồ vây hãm, lương thực hết nhẵn. Trác vờ muốn bắt cá, cho đắp một cái đập ngăn nước

làm ao trên đường về của địch, khiến nước động đầy mấy chục dặm, lại lảng lạng men theo chân đập đi qua quân bên kia rồi tháo nước. Quân Khương Hồ bên kia nghe tin biết được liền đuổi theo, nước đã sâu, không qua được. Bấy giờ sáu cánh quân trên Lũng Tây, thì năm cánh quân thua bại, mình quân của Trác được toàn vẹn trở về, đóng đồn giữ Phù Phong. Trác được bãi làm Tiền tướng quân, phong tước Li hương hầu, triệu về làm Tinh châu mục.^④

① *Anh hùng ký* chép: Cha của Trác là Quân Nhã, từ chức quan nhỏ được thăng làm Luân Chi úy quận Dĩnh Xuyên. Có ba con trai: Con trưởng là Trạc, tự Mạnh Cao, chết sớm; con thứ tức là Trác; em của Trác là Mân tự Thúc Dĩnh.

② *Ngô thư* chép: Quận triệu Trác đến làm chức Lại, sai đốc xét đám đạo tặc. Rợ Hồ từng có lần ra cướp bóc, nhiều lần bắt dân chúng, Thứ sử Lương châu là Thành Tự trung triệu Trác đến làm Tòng sự, sai lĩnh quân kỵ lùng bắt đánh dẹp, Trác đại phá chúng, chém được chừng nghìn tên. Thứ sử Tinh châu là Đoàn Quýnh tiến cử Trác vào công phủ, Tư đồ là Viên Ngỗi triệu Trác đến làm Duyện.

③ *Anh hùng ký* chép: Trác nhiều lần đánh dẹp rợ Khương, Hồ, trước sau hơn trăm trận.

④ *Linh đế kỷ* chép: Năm Trung bình thứ năm, triều đình vời Trác về làm Thiếu phủ, sắc mệnh cho quan tướng thủ hạ của Trác đều kiêm thuộc vào Tả tướng quân Hoàng Phủ Tung, đến nhận việc ở sở quan. Trác dâng thư rằng:

"Lương châu nhiễu loạn, kinh nghệ¹⁾ chưa diệt được, đây là lúc kẻ bầy tôi phải gắng hết sức mình vì nước ra sức. Nay quan binh hăng hái, mến ân nghĩ cách báo đáp, đều níu giữ bánh xe của thần, nói lời khẩn khoản thiết xa, thần chưa thể lên đường ngay được. Nay xin tạm coi việc của Tiền tướng quân, hết lòng úy lạo sĩ tốt, gắng sức ra trận."

¹ Kinh nghệ tức cá voi, cá kinh ngoài biển xa, ý nói những cừ sủy ở phương xa.

Năm thứ sáu, triều đình lấy Trác làm Tinh châu mục, lại mệnh cho quan binh của Trác kiêm thuộc vào Hoàng Phủ Tung. Trác lại dâng thư nói:

"Thần chấp chương việc binh nhưng đã mười năm, sĩ tốt lớn nhỏ, quen nhau đã lâu, quyến luyến cái ân nuôi dạy của thần, nguyện vì quốc gia quên mệnh báo đáp, xin được làm tướng ở trong châu, ra sức báo đáp nơi biên thùy."

Trác lại trái chiếu mệnh, đúng lúc được Hà Tiến triệu gọi.

Linh đế băng hà, Thiếu đế tức vị. Đại tướng quân Hà Tiến cùng Tư lệ Hiệu úy Viên Thiệu mưu diệt bọn yêm hoạn, Thái hậu không nghe. Tiến bèn triệu Trác sai đem binh đến kinh sư, đồng thời bí mật dâng thư nói:

"Bọn Trung thường thị Trương Nhưượng trộm cầu ân sủng, gây loạn làm vẩn đục bốn cõi. Xưa kia Triệu Uông hưng binh ở Tấn Dương, để xua đuổi kẻ ác bên cạnh đấng quân vương.⁽¹⁾ Thần xin được khua chiêng gióng trống kéo đến Lạc Dương, lập tức đánh dẹp bọn Nhưượng."

Muốn lấy việc đó để uy bức Thái hậu. Trác chưa đến nơi, Tiến đã chết.^①

Bọn Trung Thường thị Đoàn Khuê đoạt lấy Đế chạy ra bến Tiểu Bình, Trác liền đem bộ chúng của mình nghênh đón Đế ở Bắc Mang, rồi về cung.^②

Bấy giờ em của Tiến là Xa kỵ tướng quân Hà Miêu đã bị quân sĩ của Tiến giết hại,^③ bộ khúc của Tiến và Miêu không có chỗ bám víu, đều đến chỗ Trác. Trác lại sai Lã Bố giết Chấp kim ngô Đinh Nguyên, thâu gồm bộ chúng của Nguyên, nên binh quyền ở kinh đô chỉ ở tay Trác.^④

¹ Thời Xuân Thu, sáu quan khanh nước Tấn chia phe phái công phạt nhau, họ Phạm và họ Trung Hàng mạnh hơn được vua nước Tấn ủng hộ, đánh họ Triệu, vây Triệu Uông ở Tấn Dương, họ Tuân (Trí), Hàn, Ngụy lại giúp họ Triệu. Thế lực của bốn họ mạnh hơn, đánh bại họ Phạm và họ Trung Hàng, đuổi hai họ này sang nước Tề.

① *Tục Hán thư* chép: Tiến tự Toại Cao, người quận Nam Dương, là anh khác mẹ với Thái hậu vậy.

Tiến vốn là con nhà đồ tể, cha là Chân. Sau khi Chân chết, Tiến đem em gái cậy nhờ Hoàng môn để vào chốn Dịch đình, Hoàng đế ân sủng, năm Quang Hòa thứ ba lập làm Hoàng hậu, Tiến bởi thế được quý sủng.

Năm Trung Bình nguyên niên, giặc Khăn Vàng nổi dậy, Tiến được bái làm Đại tướng quân.

Diễn lược chép tờ biểu của Trác rằng:

"Thần cúi nghĩ thiên hạ sở dĩ có kẻ ngỗ nghịch không ngừng, đều do bọn Hoàng môn Thường thị Trương Nhượng khinh mạn đạo trời, thao túng vương mệnh, cha con anh em hấn chiếm cứ châu quận, một lá thư ra khỏi cửa, lập tức thu được nghìn vàng, mấy trăm vạn mảnh đất màu mỡ ở các quận kinh kỳ đều thuộc bọn Nhượng, khiến cho oán khí bốc lên, yêu tặc nổi dậy. Thần lúc trước phụng chiếu đánh dẹp Vu Phu La, tướng sĩ đói khát, chẳng chịu vượt sông, chúng đều nói muốn đến kinh sư trước hết tru diệt bọn yêm hoạn để trừ cái hại cho dân, sau tới nơi phú quý để cầu lấy của cải. Thần tùy cơ an ủy phủ dụ, mãi mới được yên. Thần nghe nói muốn nước ngừng sôi, chẳng gì bằng dập lửa rút củi, ung nhọt vỡ dù đau, còn hơn nuôi nó trong bắp thịt, lúc chết đau đớn mới gọi thuyên, hồi sao cho kịp."

② *Hán kỷ* của Trương Phan chép: Đế bị bọn Hoàng môn cướp đi vào ngày Canh Ngọ tháng tám, phải đi bộ ra Cốc môn, chạy đến bờ sông. Bọn Hoàng môn lao đầu xuống sông chết. Bấy giờ Đế mười bốn tuổi, Trần Lưu vương lên chín tuổi, anh em đi bộ một mình trong đêm muốn về cung, trời tối mờ, theo ánh đom đóm mà đi, qua mấy dặm, được một nhà dân dùng xe trâu chở đi. Ngày Tân Mùi, các quan từ công khanh trở xuống cùng Trác ra nghênh đón Đế dưới sườn núi Bắc Mang.

Hiển đế Xuân Thu chép: Trước đó có câu đồng dao rằng:

"Hầu chẳng ra hầu,
Vương chẳng ra vương,
Nghìn xe vạn kỵ,
Chạy ra Bắc Mang."

Trác bấy giờ vừa mới đến, đóng quân ở vườn Hiến Dương, nghe nói Đế đang về, bèn dẫn bộ chúng ra nghênh đón Đế.

Diễn lược chép: Đế trông xa thấy quân lính của Trác thì chảy nước mắt khóc. Các quan bảo Trác rằng:

- Có chiếu lui binh.

Trác nói:

- Các ông là đại thần quốc gia, chẳng thể khuông phò vương thất, đến nỗi khiến quốc gia chao đảo, ta lui binh sao được!

Bèn cùng vào thành.

Hiển đế kỷ chép: Trác cùng Đế nói chuyện, Đế nói năng chẳng rõ tiếng, Trác bèn đổi sang nói chuyện với Trần Lưu vương, hỏi họa loạn do đâu mà nổi lên; Vương đáp, từ đầu đến cuối, không có chỗ nào sai sót. Trác cả mừng, bèn có ý phế lập.

Anh hùng ký chép: Trung bộ huyện quận Hà Nam là Mẫn Cống đỡ Đế cùng Trần Lưu vương lên đến Lạc Xá thì dừng lại. Đế một mình một ngựa, Trần Lưu vương cùng Cống ngồi chung một ngựa, từ Lạc Xá đi về hướng nam. Công khanh trăm quan cung kính đón đợi ở dưới sườn núi Bắc Mang, cố Thái úy Thôi Liệt đi trước dẫn đường. Trác đem mấy nghìn quân bộ kỵ đến nghênh đón, Liệt quát mắng bắt tránh ra. Trác chửi Liệt rằng:

- Ta ngày đêm đi ba trăm dặm đến đây, sao nói phải tránh, ta chẳng chặt được đầu ngươi chẳng?

Rồi tiến đến diện kiến Đế nói:

- Bệ hạ để bọn Thường thị tiểu hoàng môn tác loạn như thế, cho nên mới sinh họa hại, lỗi ấy chẳng nhỏ đâu?

Lại rảo bước đến chỗ Trần Lưu vương, nói:

- Ta là Đồng Trác đây, tới đây ta bề xuống nào.

Bèn bế lấy Vương từ trong lòng Cống.

Anh hùng ký lại chép: Một sách khác chép rằng Vương không tới cho Trác bế, Trác và Vương mỗi người một ngựa mà đi.

③ *Anh hùng ký* chép: Miêu, là anh cùng mẹ với Thái hậu, mẹ của Miêu trước kia lấy con trai nhà họ Chu. Tướng thuộc hạ của Tiến

là Ngô Khuông, vốn oán Miêu không đồng lòng với Tiến, lại ngờ Miêu cùng hoạn quan thông mưu, bèn lệnh ở trong quân rằng: "Kẻ giết Đại tướng quân, là Xa kỵ vậy." Rồi dẫn binh giúp em của Trác là Mân cùng đánh giết Miêu ở dưới cửa khuyết Chu Tước.

④ *Cửu châu Xuân Thu* chép: Lúc Trác mới vào Lạc Dương, quân bộ kỵ chẳng quá ba nghìn người, tự hiềm rằng binh ít, chẳng khiến người xa kẻ gần chịu phục; qua bốn năm ngày, thường cứ đến đêm thì sai binh ra khỏi bốn cửa thành, sáng hôm sau lại bày cờ gỗ trống mà vào, truyền tin rằng "Binh phương tây lại vào đến Lạc Trung." Mọi người chẳng hay biết, bảo rằng quân của Trác chẳng thể đếm xuể.

Trước đây, Tiến phái Kỵ đô úy người quận Thái Sơn là Bảo Tín đi mộ lính ở địa phương, vừa về đến nơi, Tín báo Thiệu rằng:

- Trác nắm binh mạnh, có chí khác, nay ta chẳng sớm đồ đi, sẽ bị hấn kiểm chế; vừa khi hấn mới đến đây hãy còn mỏi mệt, ta tập kích hấn có thể bắt sống được vậy.

Thiệu úy kỵ Trác, không dám phát động, Tín bèn quay về quê quán.

Đạo ấy đã lâu trời không mưa, có chiếu sách bãi chức Tư không của Lưu Hoàng rồi Trác thay vào chức ấy, không lâu lại thăng Trác làm Thái úy, ban cho Giả tiết việt và quân hồ bôn. Trác bèn phế Đế làm Hoàng Nông vương. Ít lâu lại giết Vương và Hà thái hậu. Lập con nhỏ của Linh đế là Trần Lưu vương, đó là Hiến đế.^①

Trác được thăng làm Tướng quốc, phong tước là Mi hầu, lên triều bái lạy không phải xưng danh, được mang kiếm đi giày lên điện, lại phong mẹ của Trác làm Trì Dương quân, đặt ra các chức Gia lệnh, Gia thừa.⁽¹⁾

Trác thống suất tinh binh kéo đến, vừa đúng lúc hoàng thất đại loạn, bèn tự chuyên quyền phế lập, nắm giữ vũ khố giáp binh

¹ Tức các chức Lệnh, Thừa ở nhà của mình.

và những đồ trân bảo của quốc gia, uy chấn thiên hạ. Trác sinh tính tàn nhẫn bất nhân, tùy tiện dùng nghiêm hình bức hiếp mọi người, ai nhếch mắt lườm nguýt hay có hiềm khích tất bị báo thù, mọi người chẳng thể tự giữ mình.② Trác từng có lần phái quân đến Dương Thành. Bấy giờ vừa đúng ngày xā tháng hai,⁽¹⁾ dân chúng đều ở dưới đài tế, binh sĩ của Trác kéo đến chém đầu nam nhân ở dưới đài, đóng lên xe trâu, chở hết phụ nữ cùng tài vật ở đó về, đem các đầu chúng chặt treo ở trục xe, xe nối đuôi nhau quay về Lạc Dương, kêu rằng đánh giặc đại thắng, hô vang vạn tuế. Vào đến cửa thành Khai Dương, thiêu cháy các đầu ấy, đem phụ nữ cho binh lính làm tì thiếp. Thậm chí gian loạn với cung nhân, công chúa. Sự hung nghịch của Trác đến mức như thế.

① *Hiển đế kỷ* chép: Trác mưu phế Đế, hội quần thần ở triều đường, bàn rằng:

- Trên hết là đạo trời đất, thứ đến là đạo quân thần, đấy là lý do được trị. Nay Hoàng đế ám nhược, chẳng nên để phụng thừa tông miếu, làm người chủ thiên hạ. Ta muốn chiếu theo việc cũ của Y, Hoắc, lập Trần Lưu vương, thì thế nào?

Thượng thư Lô Thực nói:

- Xét *Kinh Thượng Thư*, Thái Giáp được lập mà không sáng suốt, Y Doãn mới đuổi ra Đồng Cung. Xương Ấp vương lập được hai mươi bảy ngày, mắc hơn nghìn tội, cho nên Hoắc Quang mới phế đi. Nay Kim thượng đang tuổi trẻ, hành vi chưa có lỗi lầm, không so với việc trước được vậy.

Trác giận, rời khỏi chỗ ngồi, muốn giết Thực, Thị trung là Sái Ung khuyên giải, Thực mới thoát.

Tháng chín ngày Giáp Tuất, Trác lại hội quần thần nói:

- Hà thái hậu bức bách Vĩnh Lạc thái hậu, khiến Vĩnh Lạc thái hậu lo lắng mà chết, làm rối loạn cái lễ mẹ chồng nàng dâu, không có

¹ Là ngày xuân xā, theo tục xưa ở Trung Hoa là ngày Mậu sau ngày lập xuân năm ngày. Đây là ngày dân chúng tụ tập, tế thần xā, phù giúp cho mùa màng tươi tốt.

tiết tháo hiếu thuận. Thiên tử tư chất non kém, yếu mềm chẳng thể làm vua được. Xưa kia Y Doãn đuổi Thái Giáp, Hoắc Quang phế Xương Ấp, việc chép ở điển tịch, mọi người đều cho là đúng. Nay Thái hậu nên xử như Thái Giáp, Hoàng đế nên xử như Xương Ấp. Trần Lưu vương là bậc nhân hiếu, nên lập tức tôn lên nối ngôi Hoàng đế.

Hiển đế khởi cư chú chép bài sách mệnh rằng:

"Đức Hiếu Linh hoàng đế chẳng thọ lâu dài ở ngôi cao tông, sớm lìa bỏ thân dân. Hoàng đế kế nối nghiệp cha, hải nội nghiêng mắt ngóng trông, nhưng Đế thiên tư khinh bạc, uy nghi chẳng kính cần, lúc cư tang lờn biếng, áo sô không mặc, y phục như thường; ác đức đã rõ, nét xấu vang danh, tổn nhục thần khí, vấy bẩn tông miếu. Hoàng thái hậu không đáng bậc mẫu nghi, thống quản làm chính sự rối loạn. Vĩnh Lạc thái hậu đột ngột băng hà, chúng nhân luận bàn ngờ hoặc. Đạo lý tam cương, giềng mối trời đất, đã bị khiếm khuyết, đấy là đại tội vậy. Trần Lưu vương tên Hiệp, thánh đức đẹp lạ, khuôn phép đúng mực, rộng lòng với kẻ dưới, thẳng thắn với người trên, có biểu hiện của vua Nghiêu; cư tang xót thương, nói năng chính đáng; còn nhỏ mà khí phách, có mỹ đức của Chu Thành.⁽¹⁾ Danh thơm tiếng tốt, thiên hạ nghe biết, xứng đáng kế thừa hồng nghiệp, là người thống quản thiên hạ, đáng để kế thừa tông miếu. Nay phế truất Hoàng đế làm Hoàng Nông vương. Hoàng thái hậu phải trao trả quyền chính."

Thượng thư đọc sách mệnh xong, quần thần chẳng ai nói năng gì, Thượng thư Đinh Cung nói:

- Trời giáng họa cho nhà Hán, tang tóc loạn lạc ngày càng nhiều. Xưa kia Sái Trọng phế Hốt lập Đột,⁽²⁾ Kinh Xuân Thu cho là làm

¹ Chu Thành vương, minh quân thời nhà Tây Chu.

² Sái Trọng (祭仲) là đại thần nước Trịnh thời Xuân Thu, rất được tin tưởng. Vua nước Trịnh là Trịnh Trang công có hai con là Cơ Hốt và Cơ Đột. Trang công chết, Cơ Hốt lên thay, tức là Trịnh Chiêu công; vợ của Trang công là nàng Ung Thị, người nước Tống, vua nước Tống muốn mở rộng ảnh hưởng của mình với nước Trịnh bèn tìm cách khiến cho nước Trịnh lập Cơ Đột, mới lừa bắt Sái Trọng, dọa rằng: "Không lập Đột thì chết." Sái Trọng sợ, thề với vua nước Tống. Chiêu công nghe tin, bỏ ngôi chạy đến nước Vệ, Cơ Đột trở về nước Trịnh, lên ngôi vua, đó là Trịnh Lệ công.

việc quyền biến. Nay các đại thần châm chước nên vì kế lớn của xã tắc, thực hợp ý trời thuận lòng người, xin hô vạn tuế.

Thái hậu vì bị Trác phế, nên khi chết, từ công khanh trở xuống không mặc tang phục, lúc táng, chỉ mặc áo trắng mà thôi.

② *Ngụy thư* chép: Tham muốn của Trác không cùng, nói với tân khách rằng:

- Tướng mạo của ta, quý hiển không ai hơn được.

Anh hùng ký chép: Trác muốn ra oai, quan Thị ngự sử là Nhiễm Long Tông đến chỗ Trác bẩm việc, không cỏi kiểm ra, Trác lập tức đánh chết, kinh sư chấn động. Trác sai đào bới phá áo quan của Hà Miêu, lôi thi thể ra, chẻ xương vứt bỏ ở ven đường. Lại bắt mẹ của Miêu là Vũ Dương quân đem giết đi, ném thây trên đồng lá khô trong vườn, không cho ai thu liệm.

Khi trước, Trác tín nhiệm bọn Thượng thư Chu Bí, Thành môn Hiệu úy Ngũ Quỳnh, dùng người mà họ tiến cử là bọn Hàn Phúc, Lưu Đại, Khổng Trụ, Trương Tư, Trương Mạc, cho họ ra làm tướng cai quản châu quận. Nhưng khi bọn Phúc đến nhận chức quan, đều hợp binh tướng để đánh Trác. Trác nghe tin, cho rằng bọn Bí, Quỳnh thông đồng với nhau hại mình, đều đem họ ra chém.①

① *Anh hùng ký* chép: Bí tự Trọng Viễn, người quận Vũ Uy. Quỳnh tự Đức Du, người quận Nhữ Nam.

Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Ngũ Phu tự Đức Du, thời trẻ rất có khí tiết, làm Môn hạ thư tá ở quận.

Viên trưởng ấp cũ của Phu mắc tội, Thái thú sai Phu tới truyền mệnh, lệnh cho thủ hạ là Đốc bưu bắt lấy. Phu không chịu vâng mệnh, phục xuống đất ngẩng mặt lên can rằng:

- Vua dù không ra vua, bầy tôi chẳng thể không là bầy tôi được, sao mình phủ lại lệnh cho Phu đi truyền mệnh, lệnh cho người ngoài đến bắt ấp trưởng cũ của mình? Xin hãy giao việc ấy cho người khác.

Thái thú cho là lạ mà theo lời. Về sau Đại tướng quân Hà Tiến triệu Phu làm Đông tào thuộc, được ít lâu thăng làm Thị trung, Hà Nam doãn, Việt kỵ Hiệu úy.

Đồng Trác gây loạn, trăm quan run sợ. Phu mặc chiếc áo giáp nhỏ, lúc vào triều đeo bội đao trong áo yếm kiến Trác, muốn rình lúc tiện dịp đâm chết Trác.

Nói chuyện xong cáo từ ra về, Trác đưa đến giữa cửa nách, Phu nhân đó rút đao đâm Trác. Trác rất khỏe, lúi lại không trúng đao, bèn bắt Phu. Trác hỏi:

- Ngươi muốn làm phản chăng?

Phu kêu to rằng:

- Mày không phải là vua của ta, ta không phải là bầy tôi của mày, sao lại là phản được? Mày loạn nước soán chúa, tội ác đầy trời, hôm nay là ngày ta chết, cho nên đến giết thẳng gian tặc vậy, hận là chẳng xé xác mày ở chốn triều đường để tạ thiên hạ.

Trác bèn giết Phu.

Tạ Thừa chép về tên tự và quận gốc của Phu, thì giống với Quỳnh, nhưng sự việc dẫn đến cái chết lại khác thì so với Phu, chẳng biết Phu là tên khác của Quỳnh, hay là có một người khác tên là Ngũ Phu? Đại khái là chưa rõ ràng vậy.

Thái thú Hà Nội là Vương Khuông, phái binh của quận Thái Sơn ra đóng ở bến Hà Dương, muốn nhân đó mưu đánh Trác. Trác phái nghi binh giả bộ sẽ vượt sông ở Bình Âm, rồi ngầm phái quân tinh nhuệ từ phía bắc Tiểu Bình qua sông, đi vòng đánh phía sau Khuông, đại phá Khuông ở phía bắc bến Hà Dương, quân Khuông chết gần hết.

Trác thấy hào kiệt ở Sơn Đông đều nổi dậy, lo sợ không yên. Năm Sơ Bình nguyên niên tháng hai, bèn dời thiên tử về đóng đô Trường An. Lại thiêu cháy cung thất ở Lạc Dương, đào bới tất cả các lăng mộ, lấy bảo vật.^①

Trác đến Tây kinh, làm Thái sư, xưng hiệu là Thượng phụ. Cưỡi xe lọng xanh dát hoa vàng, vẽ hình ở hai bên thành xe,

người bấy giờ gọi xe của Trác là xe Can ma.⁽¹⁾② Em của Trác là Mân làm Tả tướng quân, được phong tước Hộ hầu; con của anh trai Trác là Hoàng làm Thị trung Trung quân Hiệu úy quản binh; tông tộc nội ngoại của Trác la liệt ở triều đình.③ Công khanh diện kiến Trác, phải quỳ lạy ở dưới xe, Trác không hề đáp lễ. Lại hô gọi các quan từ Tam công, Thượng thư trở xuống tụt đến phủ của Trác bẩm việc.④

Trác cho đắp Mi Ô, tường cao ngang với thành Trường An, tích trữ lương thực dùng trong ba mươi năm,⑤ nói rằng nếu việc thành, thì hùng cứ thiên hạ, việc không thành, thì giữ lấy chỗ ấy cũng đủ sống đến già.

Trác có lần đến Mi Ô xem thương khố, từ công khanh trở xuống ra bày lễ tiễn đưa bên ngoài Hoàn Môn. Trác cho quây màn trướng uống rượu, dẫn mấy trăm tên phản nghịch ở quận Bắc Địa đã hàng đến, cho ngồi ở giữa rồi trước hết cắt lưỡi bọn họ, hoặc chặt tay chân, hoặc đục mắt, hoặc bỏ vào vạc đun, có kẻ chưa chết, nằm co giật giữa đám mâm bát, người hội tiệc đều run sợ lấy bấy rơi cả thìa đĩa, mà Trác vẫn ăn uống tự nhiên như thường.

Thái sử xem khí gió, nói rằng sẽ có đại thần bị giết hại. Cố Thái úy Trương Ôn thời ấy làm Vệ úy, vốn không thân thiện với Trác, Trác trong bụng oán ghét Ôn, nhân lúc tượng trời có biến, muốn lấp bỏ điềm xấu, sai người nói rằng Ôn cùng Viên Thuật có quan hệ qua lại, rồi dùng gậy đánh chết Ôn.⑥

Trác dùng pháp lệnh hà khắc, thích hình phạt tàn ác, người ta vu cáo lẫn nhau, kẻ chết oan tính đến hàng nghìn. Bách tính kêu oai oái, người đi đường chỉ liếc mắt trông ngang.⑦

¹ Trác làm Thái sư, xưng là "Trọng phụ", ngồi xe dát vàng, che lọng, vẽ họa rồng phượng, theo như nghi thức của Hoàng đế. "Can ma", là nói đến cái uy quyền tuyệt đối vậy.

Trác cho đập phá hết tượng người đồng, chuông khánh, lại hủy tiền ngũ thù. Rồi đúc đồng tiền nhỏ, giá trị bằng năm phân, không có chữ và hoa văn, viền ngoài không phẳng và không có lỗ ở trong, chẳng hề mài giũa gì cả. Vì thế tiền bạc bị xem nhẹ mà vật phẩm thành quý giá, một học gạo giá mấy chục vạn tiền. Từ đấy về sau tiền và hàng không lưu thông.

① *Hán thư* của Hoa Kiệu chép: Trác muốn dời về Trường An, triệu từ Công khanh trở xuống hội bàn. Tư đồ Dương Bưu nói:

- Xưa kia Bàn Canh năm lần thiên đô, dân chúng nhà Ân đều oán thán, cho nên làm ra ba thiên sách để hiểu dụ dân chúng khắp thiên hạ.⁽¹⁾ Nay trong nước yên ổn, vô có dời đô, e rằng trăm họ kinh động, tổ võ thì kiến tụng thành loạn.

Trác nói:

- Quan Trung đất đai phì nhiêu, cho nên nhà Tần nhờ đó thu gồm lục quốc. Nay dời về Tây kinh, ví như bọn hào kiệt ở Quan Đông dám bạo động, dùng cường binh của ta đối địch với chúng, có thể xua bức chúng đến tận bờ biển.

Bưu nói:

- Làm hải nội kinh động thì rất dễ, khiến cho yên ổn thì rất khó. Hơn nữa Trường An cung thất đổ nát, chẳng thể nhanh chóng khôi phục lại được.

Trác nói:

- Thời Vũ đế ở dưới núi Nam huyện Đỗ Lăng, đã làm mấy nghìn lò nung ngói, ta kéo gỗ ở Lương châu xuôi về đông làm cung thất, xong việc chẳng khó.

¹ Bàn Canh (盤庚) là vị vua thứ 19 nhà Thương, con vua Tổ Đình, em vua Dương Giáp. Thời Bàn Canh bắt đầu trị vì, nhà Thương đóng đô ở Hà Bắc, Bàn Canh dời đô nhiều lần nhằm tìm nơi đất tốt, tránh lũ lụt. Vì dời đô nhiều lần, cuộc sống của dân chúng mất ổn định nên trăm họ oán than. Bàn Canh triệu tập chư hầu nghị bàn, nêu rõ lý do dời đô, làm ba đạo chiếu hiểu dụ dân. Sau năm lần dời đô, Bàn Canh vượt Hoàng Hà, đóng đô ở đất Bạc, Hà Nam, kinh đô cũ của vua Thành Thang, từ đấy nhà Thương cường thịnh, chư hầu thần phục. Từ đời Bàn Canh, nhà Thương được gọi là nhà Ân.

Y kiến của Trác không được Bưu tán thành, Trác bèn đổi sắc mặt nói:

- Công muốn ngăn trở kế của ta sao? Biên Chương, Hàn Ước có thư đến, muốn ta lệnh cho tất cả triều đình phải dời đô. Nếu đại binh bên kia kéo đến, ta chẳng quay lại cứu giúp các ông được, các ông có thể cùng họ Viên sang tây.

Bưu nói:

- Sang phương tây tự Bưu đi được vậy, trông lại thì chẳng biết thiên hạ ra sao thôi!

Bàn xong. Trác lệnh cho quan Tư lệ Hiệu úy là Tuyên Phan đem những tai vạ dị thường ra tấu hặc, nhân đó hạ lệnh bãi chức của Bưu.

Tục Hán thư chép: Thái úy Hoàng Uyển, Tư đồ Dương Bưu, Tư không Tuân Sảng cùng đến chỗ Trác, Trác nói:

- Xưa Cao tổ đóng đô ở Quan Trung, qua mười một đời trung hưng, thì dời đô về Lạc Dương.⁽¹⁾ Từ thời Quang Vũ đến nay lại được mười một đời, xét lời sấm Thạch bao thất, nên lại dời đô về đóng ở Trường An.

Những người ngồi đó đều kinh ngạc, không ai dám hưởng ứng. Bưu nói:

- Dời đô, đổi pháp chế, là đại sự thiên hạ, đều phải hợp lòng dân, tùy thời mà làm. Xưa kia Bàn Canh năm lần dời đô, dân nhà Ân đều oán thán, cho nên làm ra ba thiên sách để hiểu dụ dân. Ngày trước Vương Mãng soán nghịch, đạo ngũ thường⁽²⁾ điên đảo, giặc Xích Mi thời Canh Thủy đế, thiêu cháy Trường An, tàn hại bách tính, dân chúng lưu vong, trăm nhà không còn được một. Quang

¹ Hán Cao tổ lập nhà Hán, đóng đô ở Trường An, truyền được mười một đời thì suy yếu, Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, lập ra nhà Tân. Quang Vũ đế Lưu Tú đánh Vương Mãng, dẹp loạn, khôi phục lại nhà Hán, dời đô về phía đông là Lạc Dương. Vì kinh đô thời Lưu Bang ở Trường An ở phía tây Hoa Hạ, đời sau gọi thời ấy là nhà Tây Hán, thời Quang Vũ đế về sau gọi là nhà Đông Hán.

² Ngũ thường (五常), gồm năm điều là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; những điều ấy là những đạo thường của bất kỳ người quân tử nào cũng phải theo.

Vũ thụ mệnh, dời đô về Lạc Ấp, đấy là việc thích hợp vậy. Nay đang là lúc kiến lập thánh chủ, làm rạng rỡ ngôi Hán, mà vô cớ bỏ cung miếu, quên Viên lăng, sợ là trăm họ kinh ngạc, chẳng hiểu được ý này, tất có cảnh tổ võ kiến tụ dẫn đến nhiều loạn. Lời sấm Thạch bao thất, là ghi chép yêu tà, há có thể tin dùng?

Trác đời sắc mặt nói:

- Dương công muốn ngăn trở kế của quốc gia chẳng? Quan Đông đang loạn, là chỗ giặc nổi lên. Núi Hào ải Hàm là chỗ vững hiểm, là nơi phòng giữ trọng yếu của quốc gia. Lại có gỗ ở Lũng Hữu, công việc lao dịch chẳng khó. Dưới núi Nam ở Đổ Lăng có lò gốm của Hiếu Vũ ngày trước, nung được gạch ngói, một sớm có thể xong việc. Xây dựng cung thất phủ quan, có gì đáng nói đâu! Trăm họ là tiểu dân, sao đủ giúp bàn việc. Ví bằng quân giặc tiến đến, ta đem đại binh đánh đuổi, há chúng được tự yên.

Trăm quan kinh hãi thất sắc. Uyển bảo Trác rằng:

- Thiên đô là việc lớn. Lời của Dương công, sao không nghĩ kỹ!

Trác bãi hội, ngay hôm ấy lệnh cho quan Tư lệ tấu hặc Bưu và Uyển, đều bãi chức. Đại giá lập tức sang tây. Bộ binh của Trác đốt mặt ngoài thành Lạc Dương dài trăm dặm. Trác lại tự dẫn binh đốt cung điện hai phía nam bắc cùng tông miếu, phủ khố, nhà dân, lửa quét sạch nhẵn cả trong thành ngoài nội. Lại bắt những nhà giàu có, kết tội rồi thu hết cả tài vật của họ; kẻ vô tội bị giết, chẳng thể tính xuế.

Hiển đế kỷ chép: Trác bắt được mấy tên lính Sơn Đông, lấy mỡ lợn bôi lên hơn chục tấm vải bố, dùng vải ấy quấn quanh mình họ, sau đó đem ra đốt, lửa từ chân bốc lên. Lại bắt được cả viên Tòng sự Dự châu của Viên Thiệu là Lý Diên, đem luộc chết. Có tên lính người Hồ được Trác ưu ái, cậy ân sủng phóng túng, bị Tư lệ Hiệu úy là Triệu Khiêm giết chết. Trác cá giận nói:

- Con chó ta yêu quý, còn chẳng muốn để người khác mắng nó, huống chi là người ru!

Bèn cho triệu Tư lệ kinh đô đến sai đánh giết Khiêm.

② *Ngụy thư* chép: Ý chừng Trác làm việc ấy để bức hiếp Thiên tử vậy.

Hiển đế kỷ chép: Trác đã làm Thái sư, lại muốn xưng là Thượng phụ, đem việc ấy hỏi Sái Ung. Ung nói:

- Khi xưa Vũ vương thụ mệnh, Thái công là vị quan đầu triều, phò tá Chu thất, để đánh kẻ vô đạo, vì thế thiên hạ tôn kính Thái công, mới xưng là Trọng phụ.⁽¹⁾ Nay công đức của ngài thực cao vời, song cũng nên đợi vùng Quan Đông yên định hẳn, xa giá được trở về đông, rồi sau sẽ bàn định việc đó.

Trác bèn thôi.

Ở kinh sư có động đất, Trác lại hỏi Ung. Ung thưa rằng:

- Đất động là khí âm thịnh, suy cho cùng đó là vì đại thần đã vượt phép chế vậy. Ngài ngồi chiếc xe lọng xanh, người xa kẻ gần đều cho là không nên.

Trác theo lời, bèn thay chiếc xe giát hoa vàng thành chiếc xe lọng đen.

③ *Anh hùng ký* chép: Những đứa con nhỏ của thị thiếp Trác còn ôm trong bọc đều được phong hầu, chơi dây thao vàng. Có đứa cháu gái của Trác tên là Bạch, bấy giờ chưa đến tuổi cài trâm, được phong làm Vị Dương quân. Trác cho dựng một cái đàn ở phía đông Mi thành, rộng hơn hai trượng, cao năm sáu thước, sai Bạch ngồi trên chiếc xe lọng xanh dát vàng, các quan Đô úy, Trung lang tướng, Thứ sử nghìn thạch ở huyện Mi, đều lệnh cho ngồi xe Đại phu mang bút, dẫn đường cho Bạch, ở trên đàn, sai con của anh trai Trác là Hoàng làm sứ giả trao ấn thụ.

④ *Sơn Dương công tái ký* chép: Ban đầu Trác làm Tiền tướng quân, Hoàng Phủ Tung làm Tả tướng quân, cùng đi đánh Hàn Toại, hai người không phục nhau. Sau này Trác bị trưng tập làm Thiếu phủ

¹ Vũ vương, con của Văn vương, lên nối thay cha, đánh vua Trụ bạo tàn. Thái công (Khương Tử Nha), là đại thần của Văn vương được Vũ vương coi như thầy, Khương Thái công giúp Vũ vương đánh vua Trụ, công cao đầu triều, nhà Chu kiến lập, mọi người gọi Khương Tử Nha là "Trọng phụ".

Tinh châu mục, quân đội phải thuộc vào Tung, Trác cả giận. Lúc Trác làm Thái sư, Tung làm Ngự sử trung thừa, bá lạy ở dưới xe. Trác hỏi Tung:

- Nghĩa Chân⁽¹⁾ chịu phục ta chưa?

Tung nói:

- Ta sao biết Minh công làm được đến thế này.

Trác nói:

- Hồng học cố nhiên là có chí xa xôi, chỉ là yển tước tự mình không biết đẩy thôi.⁽²⁾

Tung nói:

- Trước đây ta cùng minh công đều là chim hồng học cả, chẳng ngờ hôm nay minh công biến thành chim phượng hoàng rồi.

Trác cười nói:

- Khanh sớm phục tùng, hôm nay có thể không phải lạy ta vậy.

Hán ký của Trương Phan chép: Trác vỗ tay bảo Hoàng Phủ Tung rằng:

- Nghĩa Chân đã sợ ta chưa?

Tung đáp:

- Minh công dùng đức phù giúp triều đình, ngày đại khánh đang đến, sao ta lại sợ được? Nếu dùng hình phạt quá ác để sợ ý, thì cả thiên hạ đều sợ cả, há chỉ một mình Tung sợ sao?

Trác lặng yên không nói, rồi cùng Tung hòa giải.

⑤ *Anh hùng ký* chép: Huyện Mi cách Trường An hai trăm sáu mươi dặm.

⑥ Phó tử nói: Thời Linh đế cho yết bảng bán chức quan, vì thế lũ Thái úy Đoạn Quýnh, Tư đồ Thôi Liệt, Thái úy Phàn Lăng, Tư không Trương Ôn, đều nộp tiền bạc, nhiều thì nghìn vạn, ít thì

¹ Nghĩa Chân là tên tự của Hoàng Phủ Tung.

² Hồng học là con ngỗng trời (thiên nga), bay cao, bay xa, là loài chim tiêu biểu cho vẻ đẹp thanh thoát, mạnh mẽ; yển tước là loài chim sè, tầm thường nhỏ nhặt.

năm trăm vạn tiền để mua lấy chức Tam công. Quýnh mấy lần chinh phạt có công to, Liệt có danh vọng lớn ở các châu phương bắc, Ôn có tài năng kiệt xuất, Lăng có thể thích ứng với thời thế, đều là kẻ sĩ hiển hách một thời, mà còn dùng tiền mua chức vị, huống chi là bọn Lưu Hiêu, Đường Trân, Trương Hạo nữa ru!

Phong tục thông chép: Tư lệ Lưu Hiêu, vì kết đảng với bọn Thường thị, làm đến ngôi vị Công phụ.⁽¹⁾

Tục Hán thư chép: Đường Trân, là em của Trung thường thị Đường Hành. Trương Hạo, là em của Trung thường thị Trương Phụng.

⑦ *Ngụy thư chép:* Trác sai Tư lệ Hiệu úy Lưu Hiêu biên chép bừa bãi tên của những quan dân là kẻ làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, làm quan không thanh liêm, làm em bất thuận, cứ ứng theo tội trạng đó đem ra giết, tài vật thu hết về cửa quan. Vì thế các việc yêu ghét cùng nổi lên, dân chúng đa phần chết oan.

Năm thứ ba tháng tư, Tư đồ là Vương Doãn, Thượng thư Bộc xạ là Sĩ Tôn Thụy, tướng của Trác là Lã Bố cùng mưu giết Trác. Bấy giờ, Thiên tử mắc bệnh mới khỏi, đại hội quần thần ở điện Vị Ương. Bố sai người đồng quận là bọn Kỵ đô úy Lý Túc, đem theo hơn chục thân binh, mặc giả trang phục của vệ sĩ canh giữ ở cửa nách. Bố mang theo chiếu thư giấu trong bụng. Trác đến nơi, bọn Túc xô xát với Trác. Trác kinh hãi hô gọi Bố ở đâu. Bố nói:

- Có chiếu chỉ.

Rồi giết Trác, diệt sạch ba họ nhà Trác. Chủ bộ là Điền Cảnh rảo bước đến chỗ thây Trác, Bố lại giết Cảnh; cả thảy giết ba người, những người còn lại chẳng ai dám động đậy.^① Quan dân Trường An đều chúc mừng nhau, bọn a dua nường dựa Trác đều bị hạ ngục xử tử.^②

¹ Là chức quan thuộc hàng Tư phụ, giúp việc bên cạnh vua, đại thể là các chức vụ như Ngự sử đại phu, Tư đồ, Thái phó, Thái sư.

① Anh hùng ký chép: Bấy giờ có lời đồng dao rằng:

Thiên lý thảo,

Hà thanh thanh,

Thập nhật bốc,

Do bất sinh.”⁽¹⁾

Còn sáng tác ra bài hát *Đồng dao*. Lại có một đạo sĩ viết lên tấm vải chữ Lã để mách cho Trác, Trác không biết ý là nói Lã Bố vậy.⁽²⁾

Trác sắp vào hội, cho bày quân bộ kỵ thành hàng từ doanh quân đến cung điện, mặc triều phục đi giữa hàng quân ấy. Con ngựa bị vấp chân không chịu tiến, Trác có lòng ngờ muốn dừng lại, Bố khuyên rằng nên đi, Trác bèn độn áo giáp trong mình rồi vào.

Trác chết rồi, bấy giờ nhật nguyệt sáng trong, không hề nghe tiếng gió thoảng. Tất cả bọn Mân, Hoàng cùng với người già con trẻ trong tông tộc nhà Trác ở huyện Mi đều về, bị thuộc hạ của Trác bắt, chém cả. Mẹ của Trác đã chín mươi tuổi, vội chạy đến ổ lũy nói "Xin tha chết cho ta", lập tức bị chém đầu. Các môn sinh và quan lại cũ của Viên thị, cải táng cho những người họ Viên bị giết ở huyện Mi, thu nhật thân người nhà họ Đồng để ở bên cạnh rồi đốt đi. Lại phơi thân Trác ở ngoài chợ. Trác vốn béo phì, mỡ chảy tràn xuống đất, đổ cả thảm cỏ. Ban đêm, quan coi giữ thân Trác làm một cái bắc đèn lớn, để vào lỗ rốn Trác dùng làm đèn, cháy từ đêm cho đến sáng, cứ như thế mấy ngày. Về sau bộ khúc cũ của Trác thu nhật tro cốt bị đốt, để hết vào trong một chiếc áo quan, đem táng ở huyện Mi.

Trong ổ lũy của Trác có hai ba vạn cân vàng, tám chín vạn cân bạc, ngọc châu găm lùa, tạp vật trân ngoạn quý hiếm đều chất cao như núi, chẳng thể biết được là bao nhiêu.

¹ Cỏ ngàn dặm, sao xanh xanh, qua mười ngày, chẳng còn sống. Chữ Thiên (千), chữ Lý (里), chữ Thảo (草) ghép lại thành chữ Đồng (董); chữ Thập (十), chữ Nhật (日), chữ Bốc (卜) ghép lại thành chữ Trác (卓).

² Chữ Bố (布) có nghĩa là tấm vải, viết chữ Lã (呂) lên vải, ý là nói Lã Bố.

② *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Sái Ung ngồi ở chỗ Doãn, nghe tin Trác chết, buột lời than tiếc. Doãn trách Ung rằng:

- Trác là kẻ đại tặc của quốc gia, giết chúa thượng, hại quần thần, trời đất chẳng giúp hắn, thần người cùng căm ghét hắn. Ngài là bầy tôi của quân vương, đòi đòi nhận ân huệ của nhà Hán, quốc chủ bị nguy nan, ngài chưa từng vung mác đánh đuổi, Trác bị trời tru diệt, ngài lại than thở đau xót được ru?

Lập tức sai người bắt giao cho Đình úy. Ung tạ lỗi với Doãn rằng:

- Ta dẫu bất trung, vẫn biết đại nghĩa, lẽ an nguy xưa nay, tai ta nghe được tiếng hay, miệng thường nói lời đẹp, há đâu lại bội bạc quốc gia theo Trác được? Ta nói lời ngu dốt xằng bậy, sai lầm rước vạ, xin chịu hình khắc chữ vào mặt để còn được chép nổi bộ Hán sử.

Công khanh tiếc cái tài của Ung, đều cùng nhau can Doãn. Doãn nói:

- Trước kia Vũ đế không giết Tư Mã Thiên, để hắn soạn sách báng bổ, lưu truyền hậu thế. Hiện nay vận nước suy kém, chính đạo roi rụng, binh mã ở gần kề, chẳng nên để kẻ nịnh thần chấp bút ở bên cạnh ấu chúa, về sau khiến cho bọn ta đều chịu lời bần phi báng.

Rồi giết Ung.

Thần Tùng Chi cho rằng: Sái Ung tuy là người được Trác thân gần tín nhiệm, về tình chắc không cùng một đảng, sao chẳng biết cái gian ác hung hiểm của Trác, bị người trong thiên hạ căm phẫn, nhưng nghe tin Trác chết, về lý không nên than tiếc. Dù cho là mình có đúng đi chẳng nữa, cũng chẳng thể nói ra ở chỗ Vương Doãn. Ngờ là Tạ Thừa đã chép xằng việc ấy vậy. Thái sử Thiên chép truyện, kiến thức sâu rộng có công lạ với đời, mà Vương Doãn bảo là Hiếu Vũ nên sớm giết Thiên, đấy không phải là lời của kẻ thức giả. Chi vì Thiên chép sách không giấu lỗi lầm của Hiếu Vũ, chép thẳng việc lỗi thôi, sao nói là báng bổ được vậy? Vương Doãn là người trung thành ngay thẳng, có thể nói là trong lòng không có tí vết rồi, đã không sợ chê bai, sao lại muốn giết Ung, đáng ra phải luận xem Ung có đáng chết hay không, há đâu

lại vì lo rằng Ung sẽ bán bỏ mình mà giết uống người tài nhĩ! Đây đều là những việc rất xằng bậy mà không thấu suốt vậy.

Hán ký của Trương Phan chép: Khi trước, Sái Ung vì bày giải công việc bị đi đày, nổi danh thiên hạ, nghĩa động chí sĩ. Lúc quay về, các bày tôi được sủng ái ở trong cung ghét Ung. Ung sợ, bèn trốn tránh đến ven biển, qua lại nương nhờ Dương thị ở Thái Sơn, đến chục năm.

Trác làm Thái úy, vời Ung về cho làm chức Duyện, Ung vì xuất thân cao quý được làm Thị ngự sử, sửa kinh sách, trong vòng ba ngày làm đến chức Thượng thư. Sau thăng làm Thái thú Ba Đông, Trác dâng tấu giữ lại làm Thị trung, khi đến Trường An làm Tả trung lang tướng.

Trác kính trọng cái tài của Ung, hậu đãi Ung. Mỗi khi có việc ở triều đình, thường ra lệnh cho Ung thảo lời văn. Lúc Doãn sắp giết Ung, danh sĩ đương thời đa phần đưa lời xin, Doãn hối hận muốn thôi, nhưng Ung đã chết.

Khi trước, con rể của Trác là Trung lang tướng Ngưu Phụ cầm riêng một cánh quân đóng ở huyện Thiểm, chia binh phái Hiệu úy là Lý Thôi, Quách Ty, Trương Tế cướp lấy các huyện của quận Trần Lưu, Dĩnh Xuyên. Trác chết, Lã Bố sai Lý Túc đến huyện Thiểm, muốn dùng chiếu mệnh giết Phụ. Bọn Phụ đón chặn cùng Túc giao chiến, Túc bại chạy đến Hoảng Nông, Bố giết Túc.^① Sau đó ít lâu, ban đêm trong doanh binh của Phụ có kẻ phản chạy ra ngoài, quân trong doanh kinh sợ, Phụ cho là chúng đều làm phản, bèn lấy vàng bạc châu báu, một mình cùng năm người bạn vốn được mình hậu đãi là bọn Hồ Xích Nhi theo nhau, trèo lên bờ thành phía bắc vượt sông, bọn Xích Nhi tham số vàng bạc châu báu ấy, chém đầu Phụ đưa đến Trường An.

^① *Ngụy thư* chép: Phụ kinh hãi sợ không giữ nổi mình, chẳng thể tự yên. Thường cầm binh phù, nắm búa rìu để bên cạnh mình, muốn tự gắng trấn an. Khi ra gặp khách, sai thầy tướng xem

tướng họ trước, để biết là họ có khí phản hay không, lại bói để biết việc cát hung, rồi mới ra gặp khách. Trung lang tướng Đồng Việt tới chỗ Phụ, Phụ sai bói xem, được quẻ Đoái ở dưới quẻ Li ở trên, thầy bói nói: "Hỏa thắng kim, là quẻ người ngoài mưu hại người trong vậy." Phụ lập tức giết Việt.

Hiển để kỷ kể rằng: Thầy bói thường bị Việt lấy roi đánh, cho nên nhân thế báo thù Việt.

Kịp lúc bọn Thôi quay về, Phụ đã bị giết, quân không có chỗ dựa, đều muốn giải tán về nhà. Đã không có chiếu thư xá tội, lại nghe tin người trong thành Trường An muốn giết hết người Lương châu, lo sợ không biết làm sao. Bọn Thôi dùng kế của Giả Hủ, bèn đem bộ chúng của mình sang tây, thu nhặt binh lính ở đấy, rồi kéo đến Trường An, quân đông hơn chục vạn,^① cùng bộ khúc cũ của Trác là bọn Phàn Trù, Lý Mông, Vương Phương hợp binh vây thành Trường An. Hăm thành mười ngày, cùng Bồ giao chiến ở trong thành, Bồ thua chạy. Bọn Thôi thả binh bắt người già con trẻ ở Trường An, giết hết sạch bọn họ, người chết nằm bừa bãi. Lại giết những người giết Trác, phơi thây Vương Doãn ngoài chợ.^②

Bọn Thôi chôn táng Trác ở huyện Mi, trong mưa to gió lớn có sét đánh vào mộ Trác, nước tràn vào huyết mộ, áo quan nổi lên.

Thôi làm Xa kỵ tướng quân, tước Trì Dương hầu, lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy, được cầm Giả tiết. Ty làm Hậu tướng quân, tước Mĩ Dương hầu. Trù làm Hữu tướng quân, tước Vạn Niên hầu. Thôi, Ty, Trù thiện tiện nắm quyền triều chính.^③ Tế làm Phiêu kỵ tướng quân, tước Bình Dương hầu, đóng trại ở Hoảng Nông.

^① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Bọn Thôi ở huyện Thiểm, đều sợ cuống, vội cầm binh tự giữ. Hồ Văn Tài, Dương Chính Tu đều là nhân vật trọng yếu ở Lương châu, nhưng cùng Tư đồ Vương Doãn vốn không có giao tình. Đến khi Lý Thôi làm phản, Doãn bèn gọi Văn Tài, Chính Tu sai sang đông giải tán bọn Thôi, song không tỏ vẻ ôn hòa, bảo họ rằng:

- Lũ chuột Quan Đông muốn làm gì đây? Các khanh hãy qua đó mắng chúng.

Vì thế hai người đi, nhưng thật ra là đi triệu mộ binh rồi trở về.

② *Hán ký* của Trương Phan chép: Bỏ thua binh, dùng ngựa ngoài cửa Thanh Tòà, bảo Doãn rằng:

- Công nên trốn đi.

Doãn nói:

- Yên định quốc gia, là ý nguyện lớn nhất của ta vậy, nếu chẳng được, thì ta đem thân tận chức đến chết. Ấu chủ ở triều đình chỉ cậy ta thôi, lâm nạn mà cầu thả trốn tránh, ta chẳng làm vậy. Ta sẽ gắng khích lệ các quan ở Quan Đông, nghĩ lấy quốc gia làm trọng.

Thôi, Tỵ vào thành Trường An, đóng quân ở cửa nách phía nam cung điện, giết Thái phó Lỗ Quỳ, Đại hồng lư Chu Hoán, Thành môn Hiệu úy Thôi Liệt, Việt kỵ Hiệu úy Vương Kỳ. Quan dân bị hại chết chẳng thể tính xuể.

Tư đồ Vương Doãn xốc nách thiên tử chạy lên cửa thành Tuyên Bình để tránh binh đao, bọn Thôi ở dưới cửa thành bái lạy, phục xuống đất khấu đầu.

Để bảo bọn Thôi rằng:

- Khanh không tác uy tác phúc, mà lại thả cho binh lính tung hoành, muốn làm gì đây?

Bọn Thôi nói:

- Đồng Trác trung thành với bệ hạ, mà vô duyên vô cớ bị Lã Bố giết hại. Bọn thần vì Trác báo thù, chẳng dám làm việc phản nghịch vậy. Xin được làm xong việc, sẽ đến chỗ Đình úy chịu tội.

Doãn cùng đường bị bức phải ra gặp Thôi, Thôi giết Doãn cùng vợ con tông tộc hơn chục người. Trai gái lớn nhỏ trong thành Trường An chẳng ai không sa nước mắt.

Doãn tự Tử Sư, người quận Thái Nguyên huyện Kỳ. Thôi trẻ rất có khí tiết, Quách Thái gặp Doãn cho là người kỳ lạ, nói: "Vương sinh một ngày đi nghìn dặm, có cái tài vương tá vậy." Thái tuy học vấn đức hạnh đáng bậc tiền bối, vẫn cùng Doãn kết làm bằng

hữu. Tam công cùng cho triệu, Doãn lĩnh chức Thứ sử Dự châu, mời Tuân Sảng, Khổng Dung làm Tòng sự, sau thăng làm Hà Nam doãn, Thượng thư lệnh. Lúc làm Tư đồ, Doãn là người nâng giữ vương thất, rất có khí tiết của bậc đại thần, từ thiên tử trở xuống, đều được cậy nhờ. Trác cũng suy cử tin dùng Doãn, ủy thác cho việc triều đình.

Hoa Kiệu nói: Kẻ sĩ lấy sự chính trực lập thân, dùng mưu cứu giúp đời, lấy nghĩa để nên việc, nếu Vương Doãn bài trừ Đồng Trác mà chia xẻ quyền hành của hắn, rồi hãy dò xét sơ hở của hắn để xử tội hắn. Đương lúc bấy giờ, cái nạn của thiên hạ được cởi bỏ rồi, gốc việc đều là trung nghĩa với chúa vậy, cho nên trừ bỏ Trác mà chẳng mất sự chính trực, chia quyền hành mà chẳng bắt nghĩa, dò xét sơ hở mà không gian trá, vì thế mưu vẹn nghĩa thành, mà có kết cục chính đáng vậy.

③ *Anh hùng ký* chép: Thôi, người quận Bắc Địa. Ty, người quận Trương Dịch, có một tên là Đa.

Năm ấy, bọn Hàn Toại, Mã Đằng hàng phục, thống suất bộ chúng đến Trường An; triều đình lấy Toại làm Trấn tây tướng quân, phái quay về Lương châu, Đằng làm Chinh tây tướng quân, đóng ở huyện Mi. Thị trung là Mã Vũ cùng bọn Gián nghị đại phu là Chung Thiệu, Tả trung lang tướng là Lưu Phạm bàn mưu, muốn sai Đằng tập kích Trường An, tự mình làm nội ứng, để giết bọn Thôi. Đằng dẫn binh đến quán Trường Bình, mưu của bọn Vũ tiết lộ, phải chạy trốn ra Hòe Lý. Trù đánh Đằng, Đằng thua chạy, quay về Lương châu; Trù lại tấn công Hòe Lý, bọn Vũ đều chết cả. Bấy giờ dân chúng ở Tam phụ còn mấy chục vạn hộ, bọn Thôi thả lính ra cướp bóc, đánh cướp ở các thành ấp, dân chúng đói khát cơ khổ, trong vòng hai năm người ăn thịt lẫn nhau chết gần hết.①

① *Hiển đế ký* chép: Bấy giờ mới thiên đô, cung nhân đa phần mất y phục, Đế muốn phát lụa trong ngự phủ giúp họ, Lý Thôi không muốn, nói:

- Trong cung có áo, sao lại phải làm áo nữa?

Để hạ chiếu sai bán hơn trăm con ngựa trong chuồng, Đại tư nông ở Ngự phủ xuất hai vạn xấp lụa tạp, cùng số tiền vừa bán ngựa, ban cho các quan từ công khanh trở xuống cùng dân nghèo không thể tự mưu sinh. Lý Thôi nói:

- Đồ tích trữ trong thương khố của ta hãy còn thiếu.

Bèn chớ hết vào để ở trong doanh của mình, Giả Hủ nói:

- Đây là ý của chúa thượng, không nên chống lại.

Thôi không theo lời.

Chư tướng tranh quyền, Thôi bèn giết Trù, thu gom binh lính của hắn.① Ty và Thôi quay sang ngò vực lẫn nhau, giao chiến trong thành Trường An.② Thôi bắt giữ thiên tử ở trong doanh làm tin, đốt cửa thành, cung điện, cướp bóc ở phủ quan, thu hết xe cộ y phục và đồ vật của vua đưa về nhà mình.③ Thôi sai công khanh đến chỗ Ty xin hòa, Ty bắt giữ hết bọn họ.④ Đánh phá nhau nhiều tháng, người chết đến mấy vạn.⑤

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Mã Đằng, Hàn Toại bại trận, Phàn Trù truy đuổi đến Trần Thương. Toại bảo Trù rằng:

- Trời nghiêng đất lật, việc đời chưa thể biết được vậy. Cái mà người ta tranh giành vốn không phải vì oán riêng, mà là việc của vương thất thôi. Ta với túc hạ là người cùng châu, nay tuy có bất hòa, song đại để là ý nghĩ tương đồng, muốn nói với nhau mấy lời hay để từ biệt. Nếu vạn nhất có việc bất như ý, sau này có thể gặp nhau được nữa chăng!

Rồi đều cho quân lui còn mình tiến lên đối ngựa, nắm tay nhau thân thiết, cùng nói chuyện hồi lâu mới từ biệt. Con của anh trai Thôi là Lợi đi theo Trù, Lợi về báo với Thôi là Hàn, Phàn giao ngựa nói chuyện, không biết họ nói những gì, ý chừng thân thiết rất bí mật. Thôi vì thế ngò rằng Trù cùng Hàn Toại thỏa thuận riêng mà có ý khác. Trù muốn đem binh sang đông ra khỏi quan ải, theo Thôi đi mộ thêm quân, nhân đó Thôi mời Trù hội bàn, thừa dịp giết Trù ở chỗ ngồi.

② *Diễn lược* chép: Thôi mấy lần đặt tiệc rượu mời Ty, có lần lưu Ty nghỉ lại qua đêm. Vợ Ty sợ Thôi cho Ty tì thiếp rồi họ đoạt mất sự sủng ái của mình, bèn có ý ly gián hai người. Vừa lúc Thôi cho người đưa biếu đồ ăn, người vợ lấy đậu xị làm thuốc độc cho vào, Ty sắp ăn, người vợ nói:

- Đồ ăn từ ngoài đưa đến, lỡ đâu có gì đó chẳng!

Bèn chọn nhét thuốc độc ra mách với Ty, nói:

- Một chỗ nằm chẳng thể có hai thú mạnh, ta vốn ngờ cái tin của Tướng quân đối với Lý công vậy.

Ngày khác Thôi lại mời Ty, uống rất say. Ty ngờ Thôi bỏ độc cho mình, vội vắt nước phân uống để mửa ra giải độc. Vì thế mới sinh hiềm khích, rồi cầm binh đánh lẫn nhau.

③ *Hiển để khởi cư chú* chép: Ban đầu, Ty mưu đón thiên tử đến doanh của mình, ban đêm có kẻ trốn đến báo với Thôi, Thôi sai con của anh mình là Tiêm đem mấy nghìn binh vây cung điện, dùng ba cỗ xe đón thiên tử.

Dương Bưu nói:

- Từ xưa Đế vương không ở lại nhà của nhân thần. Cử sự nên hợp lòng người trong thiên hạ, các ngài làm thế, là không đúng vậy.

Tiêm nói:

- Kế của tướng quân đã định rồi.

Vì thế thiên tử ngồi một xe, quý nhân phục dịch hầu hạ ngồi một xe, Giả Hủ, Tả Linh ngồi một xe, số còn lại đều đi bộ theo.

Hôm ấy, Thôi dời xe kiệu đến lũy phía bắc, sai Hiệu úy coi xét cổng lũy, trong ngoài cách tuyệt. Các thị thần sắc mặt đều có vẻ dối, bấy giờ tiết trời cực nóng, mọi người đều run sợ ghê lòng. Đế xin năm斛 gạo, năm bộ xương trâu để ban cho tá hữu, Thôi nói:

- Dâng bữa cho chúa thượng, sao phải dùng đến gạo?

Bèn cho xương trâu thối, đều bốc mùi xú uế không thể nào ăn nổi. Đế cả giận, muốn cất vấn trách tội Thôi. Thị trung là Dương Kỳ dâng lời ngăn việc ấy, nói:

- Thôi là kẻ ở biên bìa, quen với tục rợ, nay lại tự biết là việc làm của mình mạo phạm bội nghịch, thường lộ vẻ tấm tức, muốn khiêng được xa giá đến thành Hoàng Bạch⁽¹⁾ để trút bỏ nỗi phần hận của mình. Thần xin bệ hạ hãy nhân nhin việc này, chưa nên làm rõ cái tội của hần vạy.

Để thu nhận lời ấy.

Khi trước, Thôi đóng quân ở thành Hoàng Bạch, cho nên mưu tính muốn dời xe kiệu về chỗ ấy. Thôi vì Tư đồ Triệu Ôn không cùng ý với mình, bèn để Ôn ở trong lũy. Ôn nghe tin Thôi muốn đi dời xe kiệu, gửi thư cho Thôi nói:

"Công trước đây mượn có vì Đồng công báo cừu, nhưng thực ra là đánh giết phá nát đô thành của quân vương, sát hại đại thần, người trong thiên hạ mỗi nhà mỗi hộ chẳng có ai không biết vạy. Nay vì cái hiềm khích nhếch mắt lườm nhau mà tranh đấu, tạo thành cừu thù nặng nghìn cân, dân chúng lâm than, đều chẳng biết nhờ vào đâu mà sống được, lại không tỉnh ngộ, tạo thành loạn họa. Triều đình luôn luôn hạ chiếu công khai bày tỏ, muốn khiến hai bên hòa giải, chiếu mệnh chẳng được thi hành, ân trạch ngày càng tổn hại, mà lại muốn khiêng xe kiệu đến thành Hoàng Bạch, đấy thực là điều mà lão phu không hiểu nổi vạy. Theo Kinh Dịch, một lần phạm lỗi cũng là có lỗi, lại vì phạm nữa, ba lần mà chẳng hối cải, tội ác ngập đầu, là điềm xấu vạy. Chẳng bằng sớm cùng hòa giải, dẫn binh về trại, trên an lòng bậc vạn thặng, dưới toàn vẹn mạng sinh dân, há chẳng may lắm sao!"

Thôi cả giận, muốn phái người giết hại Ôn. Em họ của Thôi là Ứng làm phó quan cũ của Ôn, can gián mấy ngày Thôi mới dừng. Để nghe nói Ôn gửi thư cho Thôi, hỏi Thị trung là Thường Hiệp rằng:

- Thôi chẳng biết hay dở, Ôn nói năng gay gắt quá, nên ta thấy ghê lòng.

Hiệp đáp rằng:

¹ Thành Hoàng Bạch (黄白), nằm ở huyện Tam Nguyên, phía tây nam vùng Thiểm Tây, khu vực người Khương cư trú.

- Lý Ứng đã giải được mối lo ấy rồi.

Để mới hài lòng.

④ *Hán thư* của Hoa Kiệu chép: Tỵ mở tiệc thết đãi công khanh, nghị bàn muốn đánh Thôi. Dương Bưu nói:

- Quân thần cùng đấu đá nhau, người hiệp đáp thiên tử, kẻ bức giữ công khanh, đấy há là việc nên làm chăng?

Tỵ giận dữ, muốn tự tay đâm chết Bưu, Trung lang tướng là Dương Mật cùng tả hữu nhiều người ra sức can gián, Tỵ mới thả Bưu về.

⑤ *Hiển đế khởi cư chú* chép: Bản tính Thôi thích cái thuật bàng môn tà đạo quái lạ, thường có đạo nhân cùng nữ đồng cốt đánh trống lên đồng mời gọi thần linh, cúng tế thần Lục đình, làm đủ các thứ phù chú yểm bùa, không có gì là không làm.

Lại nữa là ở bên ngoài cửa cung của triều đình, Thôi vì Đồng Trác mà làm bài vị, mấy lần dùng trâu dê cúng tế Trác, tế xong, đi qua cửa nách cung điện hỏi vua đã dậy chưa, rồi đòi vào gặp. Thôi đeo ba thanh đao, tay lại cầm roi và nắm một con dao. Thị trung, Thị lang thấy Thôi đeo binh khí, đều sợ hãi khôn xiết, cũng đeo kiếm cầm đao, tiến vào bên cạnh Đế. Thôi đối đáp với Đế, hoặc nói "Bệ hạ thánh minh", hoặc nói "Hoàng đế thánh minh", nói với Đế là hành vi của Quách Tỵ là không có khuôn phép, Đế cũng tùy theo ý Thôi mà đáp lời hấn. Thôi mừng, nói ra lời là "Bệ hạ sáng suốt thật là vị chúa hiền thánh", ý chừng rất tự tin, tự cho là mình tốt đẹp khiến thiên tử được vui lòng. Tuy nhiên, vẫn không muốn để cho cận thần đeo kiếm ở bên cạnh Đế, bảo với người khác rằng:

- Bọn này sắp mưu đồ với ta chăng? Mà đều cầm đao vậy?

Thị trung Lý Trinh, là người cùng châu với Thôi, vốn cùng Thôi có qua lại, nói nhỏ với Thôi là "sở dĩ họ cầm đao, vì trong quân chẳng thể không như vậy, đấy là việc cũ của quốc gia." Thôi mới hết ý ngờ.

Thiên tử thấy Yết giả bộc xạ Hoàng Phủ Lịch là thế tộc ở Lương châu, đặc biệt có tài đối đáp, bèn phái đi lệnh cho Thôi và Tỵ hòa

giải. Lịch đến chỗ Ty trước, Ty nhận chiếu mệnh. Đến chỗ Thôi, Thôi không đồng ý, nói:

- Ta có công đánh Lã Bố, phù giúp chính sự bốn năm nay, vùng Tam phụ được yên tĩnh, đấy là việc mà người thiên hạ biết vậy. Quách Đa, chỉ là thằng đạo tặc trộm ngựa thôi, dám muốn sánh cùng bọn với ta sao? Ta tất phải tru diệt hắn đi. Ngài là người ở Lương châu, hãy xem phương lược và sĩ chúng của ta, có đủ để xử lý Đa chăng? Đa lại cướp giữ công khanh làm tin, việc làm của hắn như thế, mà ngài cầu thả muốn cái lợi cho Quách Đa, trong lòng Lý Thôi này tự chắc vậy.

Lịch đáp rằng:

- Ngày xưa người nước Hữu Cùng là Hậu Nghệ cậy mình có tài thiện xạ, chẳng nghĩ đến hoạn nạn, để người ta dẫn đến chỗ chết.⁽¹⁾ Gần đây Đồng công cường mạnh, là điều mà minh tướng quân tận mắt nhìn thấy, trong có Vương công làm nội chủ, ngoài có Đồng Mân, Đồng Thừa, Đồng Hoàng làm vây bọc, Lã Bố chịu ân mà mưu đồ phản trắc, vụt trong khoảnh khắc, đầu treo ở ngọn tre, đấy là hữu dũng mà vô mưu vậy. Nay tướng quân thân làm Thượng tướng, tay cầm mao việt trượng tiết, con cháu nắm giữ binh quyền, tông tộc được nhận ơn sủng, quan cao lộc hậu của quốc gia thì đều chiếm giữ cả. Nay Quách Đa cướp bắt công khanh làm con tin, tướng quân bức hiếp bậc chí tôn, thì tội của ai nặng ai nhẹ đây? Trương Tế cùng Quách Đa, Dương Định có mưu, lại có kẻ đội mũ đeo đai phụ giúp. Dương Phụng, là cừ súy giặc Bạch Ba thôi, còn biết cái việc mà tướng quân làm là không đúng, tướng quân tuy phong ân sủng cho họ, còn họ thì chẳng chịu dốc hết sức vậy.

¹ Hậu Nghệ (后羿) là vua nước Hữu Cùng, chư hầu nhà Hạ, sức khỏe hơn người, bắn cung giỏi nhất thiên hạ lúc bấy giờ. Vua Thái Khang nhà Hạ ham chơi, bỏ bê chính sự, Hậu Nghệ cướp ngôi, sau khi lên ngôi, Hậu Nghệ cậy mình có tài, ham mê sắc dục, thích săn bắn, giao việc triều chính cho đại thần của mình là Hàn Trác, còn mình hưởng lạc. Một lần Hậu Nghệ đi săn, Hàn Trác dâng rượu ngon, Hậu Nghệ uống say bất tỉnh, bị Hàn Trác giết.

Thôi chẳng thu nhận lời của Lịch, mà mắng Lịch đuổi ra ngoài. Lịch ra, đến cửa cung, bẩm việc Thôi không chịu vâng chiếu, lời lẽ ngôn từ bất thuận. Thị trung Hồ Mạc là người được Thôi yêu mến, gọi người truyền chiếu rồi lệnh cho sửa lời văn. Lại bảo với Lịch rằng:

- Lý tướng quân đối với ngài không bạc, lại nữa là Hoàng Phủ công làm Thái úy, là nhờ sức của Lý tướng quân vậy.

Lịch đáp rằng:

- Hồ Kính Tài, người là quan Thường bá của quốc gia, là bầy tôi phụ chính vậy, mà nói năng như thế, liệu có nghe được chăng?

Mạc nói:

- Ta nghĩ ngài làm trái ý của Lý tướng quân, sợ là chẳng dễ đâu! Ta với ngài thì làm được gì?

Lịch nói:

- Ta nhiều đời chịu ân huệ, thân lại thường ở nơi màn trướng, vua nhục thì bầy tôi phải chết, ta gánh việc quốc gia, có bị Lý Thôi giết hại, thì đó là mệnh trời vậy.

Thiên tử nghe tin Lịch đối đáp lời lẽ cứng rắn, sợ Thôi nghe được, liền sắc mệnh đòi Lịch về. Lịch vừa ra khỏi cửa doanh, Thôi phái lính hổ bôn là Vương Xương đi gọi Lịch. Xương biết Lịch là người chính trực, thả Lịch ra lệnh phải đi ngay, rồi về báo với Thôi, nói là đuổi theo không kịp.

Thiên tử sai Tả trung lang tướng là Lý Cố cầm cờ tiết đến bái Thôi làm Đại tư mã, ở trên hàng Tam công. Thôi tự cho là mình được quý thần trợ giúp, bèn hậu thưởng cho bọn đồng cốt.

Tướng của Thôi là Dương Phụng cùng viên Quân lại của Thôi là bọn Tống Quả mưu giết Thôi, việc tiết lộ, bèn đem binh phản lại Thôi. Thôi bị bộ chúng phản lại, dần suy yếu. Trương Tế từ huyện Thiểm đến hòa giải bọn họ, thiên tử mới được thả ra, bèn đi đến vùng Tân Phong, Bá Lăng.^① Quách Ty lại muốn bức thiên tử về đóng đô ở huyện Mi. Thiên tử chạy đến doanh của Phụng, Phụng đánh Ty phá được hấn. Ty chạy đến Nam Sơn,

Phụng và tướng quân Đồng Thừa đưa thiên tử trở về Lạc Dương.

Thôi, Ty hối hận là đã thả thiên tử ra, lại hòa với nhau, đuổi kịp thiên tử ở huyện Tào Dương quận Hoảng Nông. Phụng kíp vời cừ súy cũ của giặc Bạch Ba ở Hà Đông là bọn Hàn Tiêm, Hồ Tài, Lý Nhạc hợp sức, cùng Thôi, Ty đại chiến. Quân của Phụng thua bại, bọn Thôi thả binh lính giết công khanh trăm quan, cướp lấy cung nhân rồi vào Hoảng Nông.②

Thiên tử chạy đến huyện Thiểm, lên bắc vượt Hoàng Hà, mất đồ truy trọng, phải đi bộ, chỉ có Hoàng hậu và quý nhân đi theo, đến huyện Đại Dương, dừng lại ở trong buồng nhà dân.③ Bọn Phụng, Tiêm bèn đưa thiên tử đến đóng đô ở An Ấp, ngự trên xe trâu. Thái úy Dương Bưu, Thái phó Hàn Dung và các cận thần đi theo có hơn chục người.

Thiên tử lấy Tiêm làm Chinh đông, Tài làm Chinh tây, Nhạc làm Chinh bắc tướng quân, hợp với Phụng, Thừa nắm quyền chính. Lại phái Dung đến quận Hoảng Nông, cùng bọn Thôi, Ty liên hòa, đưa cung nhân và công khanh trăm quan mà bọn họ cướp trở về, cùng xe kiệu và ngựa cưới. Bấy giờ nạn hoàng trùng nổi lên, mùa màng gặp hạn hán không có thu hoạch, quan lại đi theo phải ăn rau ăn táo.④ Chư tướng chẳng chịu nghe nhau, trên dưới loạn, lương thực hết. Phụng, Tiêm, Thừa bèn đem thiên tử về Lạc Dương. Ra khỏi Ki Quan, xuôi Chỉ Đạo, Trương Dương đem lương thực nghênh đón trên đường, được bái làm Đại tư mã. Việc đã nói ở *Trương Dương truyện*.

Thiên tử vào Lạc Dương, cung thất bị đốt sạch nhẵn, các ngã đường hoang vu, trăm quan vạch rẽ cỏ gai, tựa chỗ gò tường mà nghỉ. Châu quận đều giữ binh tự phòng vệ, chẳng ai đến cả. Đói khổ khốn cùng, từ quan Thượng thư lang trở xuống, đều phải tự ra ngoài hái rau kiếm củi, có người đói chết ở chỗ tường vách.

① *Hiển đế khởi cư chú* chép: Ban đầu, thiên tử ra đến cửa Tuyên Bình, đang qua cầu, mấy trăm binh lính của Ty chặn giữa cầu hỏi rằng:

- Đây là thiên tử chăng?

Xe không tiến được. Mấy trăm binh lính của Thôi đều cầm kích lớn ở ngay xung quanh xe kiệu, quan Thị trung là Lưu Ngải hô lớn rằng:

- Đây là thiên tử vậy.

Rồi sai Thị trung là Dương Kỳ giương màn xe lên. Đế nói với chư quân rằng:

- Bọn bay không lui, dám tiến đến sát bậc chí tôn chăng?

Binh lính của bọn Ty bèn lui lại. Qua cầu rồi, sĩ chúng đều hô vạn tuế.

② *Hiển đế kỷ* chép: Bấy giờ Thượng thư lệnh là Sĩ Tôn Thụy bị loạn quân giết hại.

Tam phụ Quyết lục chú chép: Thụy tự Quân Vinh, người quận Phù Phong, nổi đời là con nhà thư hương. Thụy thời trẻ được truyền nối nghiệp nhà, hiểu biết rộng rãi, chẳng gì không thông, ra làm quan trải chức vị vẻ vang. Trác bị giết rồi, Thụy được thăng làm Đại tư nông, là bậc Tam lão của quốc gia. Mỗi khi khuyết chức tam công, Thụy thường ở trong sổ được tuyển chọn. Bọn Thái úy Chu Trung, Hoàng Phủ Tung, Tư đồ Thuần Vu Gia, Triệu Ôn, Tư không Dương Bưu, Trương Hỉ làm công khanh, đều từ chối chức phong nhường cho Thụy. Thiên tử đóng đô ở huyện Hứa, đoái xét công của Thụy, phong cho con của Thụy là Manh làm Đạm Tân đình hầu.

Manh tự Văn Thủy, cũng có tài học, cùng Vương Xán thân thiết. Manh sắp đến ấp phong, Xán làm thơ để tặng Manh, Manh có thơ đáp, chép ở trong *Xán tập*.

③ *Hiển đế kỷ* chép: Ban đầu, kẻ nghị bàn muốn đưa thiên tử xuôi sông xuống phía đông, Thái úy Dương Bưu nói:

- Thần là người quận Hoàng Nông, từ đây về đông, có ba mươi sáu thác ghềnh, không phải là chỗ tắm thân vạn thặng nên đến vậy.

Lưu Ngải nói:

- Thần trước đây làm Thiểm lệnh, biết sông này nguy hiểm, có quân đi thuyền còn bị nghiêng lật, huống chi là nay không có quân, Thái úy bàn đúng vậy.

Việc mới thôi.

Lúc sắp vượt sông lên bắc, sai Lý Nhạc chuẩn bị thuyền. Thiên tử rào bộ trên bờ sông, bờ cao không xuống được, bọn Đồng Thừa tính nổi dây cương ngựa với nhau để buộc vào lưng Đế. Bấy giờ đây tớ của Hoàng hậu là Phục Đức đỡ Hoàng hậu, một tay cầm mười xấp lụa, mọi người lấy lụa của Đức nổi liền làm thành võng. Hành quân Hiệu úy là Thượng Hoàng rất khỏe, lệnh cho Hoàng đi trước cổng Đế, mới xuống được sông lên thuyền. Những người còn lại không qua sông được rất đông, Đế lại phái thuyền đi thu nhặt những người không qua sông được, chúng đều tranh nhau bám vào thuyền, người trên thuyền lấy đao lia vào ngón tay họ, ngón tay ở trong thuyền có thể bốc được.

④ *Ngụy thư* chép: Xe kiệu bấy giờ đỗ ở trong chỗ hàng rào gai góc, cửa nhà không có then cài. Thiên tử cùng quần thần hội họp, binh sĩ nằm phục trên hàng rào xem, đề lên nhau mà cười. Chư tướng thì chuyên quyền, có kẻ tự tiện đánh giết quan Thượng thư. Tư lệ Hiệu úy ra vào, dân binh nhảy ra chặn lại. Chư tướng có kẻ phái con đòi đến cửa cung, có kẻ tự mang rượu tới uống, nhiều hơn cả đồ uống của thiên tử, Thị trung không ra vào được, quát gọi mắng chửi om sòm, sau chẳng thể nào ngăn nổi. Chư tướng lại tranh nhau dâng biểu xin gọi dân chúng ở các doanh lũy làm bộ khúc, đòi lễ vật của họ. Thầy thuốc, sai dịch, đều được làm Hiệu úy, Ngự sử khắc ấn không kịp, bèn lấy dùi vạch vẽ lên, cho có văn tự, chẳng ra thể thống gì cả.

Thái tổ bèn đón thiên tử về đóng đô ở huyện Hứa. Tiêm, Phụng không vâng theo vương pháp, đều chạy ra ngoài, cướp bóc ở vùng Từ, Dương, bị Lưu Bị giết ở đó.① Đồng Thừa đi theo Thái tổ hơn một năm, bị giết chết.

Năm Kiến An thứ hai, triều đình phái Yết giả bộc xạ là Bùi Mậu thống suất chư tướng Quan Tây đánh giết Thôi, di diệt cả ba họ. ② Ty bị tướng của mình là Ngũ Tập đánh úp, chết ở huyện Mi. Tể đói khổ, đến Nam Dương cướp bóc, bị người ở huyện Nhuống giết, người cháu họ là Tú thu lấy quân của Tể. Tài, Nhạc lưu lại Hà Đông, Tài bị kẻ cừu thù giết, Nhạc ốm bệnh chết.

Toại, Đổng tự quay về Lương châu, lại đánh cướp lẫn nhau, sau Đổng vào triều làm Vệ úy, con là Siêu thống lĩnh bộ khúc của Đổng. Năm thứ mười sáu, Siêu và chư tướng ở Quan Trung cùng bọn Toại làm phản, Thái tổ đi đánh phá được. Việc nói ở *Vũ đế kỷ*.

Toại chạy đến Kim Thành, bị bộ tướng của mình giết hại. Siêu chiếm cứ Hán Dương, Đổng bị khép tội di diệt cả ba họ. Bọn Triệu Cù cất nghĩa binh đánh dẹp Siêu, Siêu chạy đến Hán Trung theo Trương Lỗ, sau chạy đến chỗ Lưu Bị, chết ở Thục.

① *Anh hùng ký* chép: Bị dụ Phụng đến cùng tương kiến, nhân đấy bắt Phụng ở chỗ ngồi. Tiêm mất Phụng thế cô, bấy giờ muốn trốn về Tinh Châu, bị tướng giữ đồn Thục Thu là Trương Tuyên đón bắt giết chết.

② *Diễn lược* chép: Đầu Thôi đưa đến, Đế hạ chiếu sai treo lên cao.

Viên Thiệu tự Bản Sơ, người quận Nhữ Nam huyện Nhữ Dương. Cụ nội của Thiệu là An, làm Tư đồ nhà Hán. Từ An về sau, bốn đời giữ ngôi vị Tam công, bởi vậy thế lực uy quyền nghiêng cả thiên hạ. ①

Thiệu tướng mạo anh tuấn, uy vũ, biết nhún mình dãi kẻ sĩ, kẻ sĩ nhiều người nương dựa Thiệu, Thái tổ thời trẻ cũng giao du với Thiệu. Thiệu từ chức Đại tướng quân duyện được thăng làm Thị ngự sử, ② ít lâu được thăng làm Trung quân Hiệu úy, cuối cùng làm đến chức Tư lệ.

① *Hán thư* của Hoa Kiệu chép: An tự Thiệu Công, ham học có uy lớn. Vào thời Minh đế, An làm Thái thú ở quận Sở, thẩm xét án ngục của Sở vương, làm rõ oan khuất của hơn bốn trăm nhà ở đó, họ đều chịu ân cứu giúp, vì thế An trở thành danh thần.⁽¹⁾

Thời Chương đế, An làm quan đến chức Tư đồ, sinh ra Thái thú Thục Quận là Viên Kinh. Em của Kinh là Sưởng làm Tư không. Con của Kinh là Thang, làm Thái úy. Thang có bốn con trai: Con trưởng là Bình, em của Bình là Thành, làm Tả trung lang tướng, đều chết sớm; em của Thành là Phùng, em của Phùng là Ngỗi, đều làm Tam công.

Ngụy thư chép: Từ An trở xuống, đều rộng lượng yêu mến bao dung cho mọi người, khi giao kết không hề kén chọn; tân khách đến nhà mình, bất kể hiền ngu đều được vừa ý, vì thế người thiên hạ quy phục. Thiệu tức là con thứ của Phùng, là anh cùng cha khác mẹ của Thuật, cho ra làm con nối tự của Thành.

Anh hùng ký chép: Thành tự Văn Khai, thân hình tráng kiện, là người hào sảng, bọn quý thích cường hào từ Đại tướng quân Lương Ký trở xuống đều giao kết hữu hảo với Thành, Thành nói ra thì chẳng ai không nghe theo. Cho nên người ở kinh sư có câu ngạn ngữ rằng: "Việc chẳng hài, hỏi Văn Khai."⁽²⁾

② *Anh hùng ký* chép: Thiệu sinh ra thì cha chết, hai quan Tam công⁽³⁾ rất yêu mến Thiệu. Lúc còn nhỏ cho làm quan Lang, khi hai mươi tuổi đổi làm Trưởng huyện Bộc Dương, rất có thanh danh. Gặp lúc mẹ mất, chịu tang mẹ xong, lại để tang cha thêm

¹ Năm Vĩnh Bình thứ mười ba, Sở vương Lưu Anh mưu phản, bị bắt tống ngục tra khảo, khai ra việc quan hệ đến nghìn người. Viên An nhận chức Thái thú quận Sở, chưa đến sở quan, đã qua nhà ngục xét án, những ai không có chứng cứ rõ ràng đều thả. Các quan Phủ thừa, Duyệt sứ đều rập đầu can, cho rằng bọn họ a dua với kẻ phản nghịch, theo phép phải chịu cùng tội. An nói: "Nếu việc làm này không đúng, Thái thú sẽ chịu tội, không ai phải liên lụy cả." Rồi phân biệt rõ ràng đầy đủ án tụng tấu lên trên. Hoàng đế hiểu ra, lập tức đồng ý, hơn bốn trăm nhà vì thế được thoát. Năm sau, An được thăng làm Hà Nam doãn.

² Có việc gì không xong, cứ tìm hỏi Văn Khai.

³ Tức các chú ruột của Thiệu là Viên Thành, Viên Ngỗi, khi ấy đều làm Tam công.

lần nữa,⁽¹⁾ ở ngay tại nhà mồ cả thảy sáu năm. Trọn lễ, đi ở ẩn tại Lạc Dương, không qua lại bữa bãi cùng tân khách, nếu chẳng phải người nổi danh khắp hải nội, thì không chịu tương kiến.

Thiệu thích làm việc nghĩa hiệp, cùng bọn Trương Mạnh Trác, Hà Bá Cầu, Ngô Tử Khanh, Hứa Tử Viễn, Ngũ Đức Du làm bạn hữu ruổi rong, không vâng theo lệnh triệu của sở quan. Trung thường thị là Triệu Trung báo với các quan Hoàng môn rằng:

- Cho Viên Bản Sơ ngồi ở chỗ tôn quý danh cao, lại không vâng theo lệnh triệu mà nuôi dưỡng kẻ dưng sĩ, chẳng biết thẳng này muốn làm việc gì đây?

Chú ruột của Thiệu là Ngõi nghe được chuyện ấy, trách mắng Thiệu rằng:

- Mày sắp phá nhà ta mất!

Thiệu vì thế mới vâng mệnh triệu của Đại tướng quân.

Thần Tùng Chi xét: *Ngụy thư* nói rằng "Thiệu là con thứ của Phùng, cho ra làm con nối tự của bác mình là Thành." Như lời sách này⁽²⁾ nói, thì giống như Thiệu thực sự là con của Thành sinh ra. Người ta bổ sung tang kỳ với người sinh ra mình, về lễ nghĩa cũng không thấy có ghi chép về việc ấy, huống chi đã làm con nuôi nối tự người khác mà lại làm lễ như thế! Hai sách chép chưa rõ là sách nào đúng.

Linh đế băng hà, anh của Thái hậu là Đại tướng quân Hà Tiến cùng Thiệu mưu diệt bọn yêm quan,^① Thái hậu không nghe. Tiến bèn triệu gọi Đồng Trác, muốn lấy đó để bức Thái hậu. Thường thị, Hoàng môn nghe tin, đều đến chỗ Tiến tạ tội, xin phó thác tính mệnh vâng theo sắp đặt. Bấy giờ Thiệu khuyên Tiến nên tiện dịp xử tử bọn này, nói đến hai ba lần, mà Tiến không đồng ý. Tiến lệnh cho Thiệu sai những võ quan tinh thông võ nghệ ở Lạc Dương giám sát lũ hoạn quan. Lại lệnh

¹ Cha đẻ của Thiệu mất khi Thiệu còn nhỏ, khi ấy kỳ tang qua đã lâu, Thiệu lại để tang cha thêm một lần nữa.

² Sách này tức là nói sách *Anh hùng ký*.

cho em của Thiệu là Hồ bôn Trung lang tướng Viên Thuật tuyển hai trăm quân hồ bôn bản tính ôn hòa, vào ở trong cung cấm, thay quân của quan Hoàng môn thủ giữ cửa cung. Bọn Trung thường thị Đoàn Khuê giả lệnh của Thái hậu, triệu Tiến vào nghị bàn, rồi giết Tiến, trong cung hỗn loạn.^② Thuật đem quân hồ bôn đốt cửa Thanh Tỏa của điện Gia Đức ở phía nam cung điện, muốn bức bọn Khuê phải chạy ra. Bọn Khuê không ra, cướp Đế và em của Đế là Trần Lưu vương chạy đến bến Tiểu Bình. Thiệu bèn chém viên Tư lệ Hiệu úy mà bọn hoạn quan đặt ra là Hứa Tương, rồi cầm đầu quân sĩ đi lùng bắt bọn hoạn quan, bắt luận lớn nhỏ đều giết sạch. Có kẻ vì không có râu mà suýt bị giết lầm, đến lúc tự cạo lộ thân thể ra mới được thoát. Hoạn quan cũng có kẻ tâm địa thiện lương tự giữ mình mà vẫn bị chết cùng. Thiệu lạm sát đến như thế, số người bị chết đến hơn hai nghìn. Lại gấp rút truy đuổi bọn Khuê, bọn Khuê đều nhảy xuống sông mà chết. Đế được về cung.

① *Tục Hán thư* chép: Thiệu sai môn khách là Trương Tân đến khuyên Tiến rằng:

- Lũ Hoàng môn, Thường thị cầm quyền bính đã lâu, thêm nữa Vĩnh Lạc thái hậu và bọn Thường thị chuyên thông mưu cầu tài lợi, tướng quân nên chinh đốn thiên hạ, vì cả nước trừ họa.

Tiến cho là đúng, bèn cùng Thiệu kết mưu.

② *Cửu châu Xuân Thu* chép: Khi trước Thiệu khuyên Tiến rằng:

- Lũ Hoàng môn, Thường thị nhiều đời cực thịnh, uy trùm hải nội, ngày trước Đậu Vũ muốn giết chúng nhưng trái lại bị chúng giết hại, chỉ vì lời nói phát lộ ra ngoài, phải đem binh sĩ của Ngũ doanh¹⁾ ra làm quân quyết tử vậy. Binh sĩ của Ngũ doanh sinh trưởng tại kinh sư, vốn sợ phục người ở trong cung, nhưng họ

¹ Ngũ doanh (五营) gồm có năm doanh quân bảo vệ kinh kỳ, đó là Trường thủy (长水), Bộ binh (步兵), Xạ thanh (射声), Đồn kỵ (屯骑), Việt kỵ (越骑). Mỗi doanh có một viên Hiệu úy chỉ huy, nên gọi là Ngũ giáo (五校).

Đậu lại ngược đời dùng cái khí thế của họ, kết cục là họ phản lại chạy theo bọn Hoàng môn, vì thế tự nhận lấy sự bại vong. Nay tướng quân vốn có sự tôn quý là cậu của nhà vua, hai phủ đều nắm giữ binh mạnh, bộ khúc tướng lại của mình đều là bậc danh sĩ anh hùng vui lòng dốc sức đến chết, việc ở trong lòng bàn tay, cũng là gặp thời trời giúp vậy. Nay vì thiên hạ mà diệt trừ kẻ tham ư, công huân sáng rõ, danh truyền đời sau, dẫu là Thân Bá của nhà Chu,⁽¹⁾ dễ đâu hơn được vậy? Nay Hoàng thượng ở điện trước, tướng quân hãy mượn chiếu thư lĩnh binh giữ gìn, song chớ có vào cung.

Tiến thu nhận lời ấy, sau lại hồ nghi; Thiệu sợ Tiến đổi ý, bực Tiến rằng:

- Nay giao kết đã thành, hình thế đã lộ rõ, tướng quân sao chẳng sớm quyết việc ấy đi? Việc dừng ắt sinh biến, họa sẽ đến ngay đằng sau đấy!

Tiến không theo, cuối cùng thất bại.

Đồng Trác gọi Thiệu, nghị bàn muốn phế Đế, lập Trần Lưu vương. Bấy giờ chú ruột của Thiệu là Ngõ làm Thái phó, Thiệu vờ đồng ý với Trác, nói:

- Đây là chuyện lớn, nên cùng Thái phó bàn bạc.

Trác nói:

- Dòng giống họ Lưu bất tất phải bảo tồn.

Thiệu không đáp, cầm ngang thanh đao vái dài rồi bỏ đi.① Thiệu ra ngoài rồi, bèn chạy đến Ký châu. Bọn Thị trung là Chu Bí, Thành môn Hiệu úy là Ngũ Quỳnh, Nghị lang là Hà Ngung, đều là danh sĩ, Trác tin họ, nhưng họ ngầm giúp Thiệu, bèn khuyên Trác rằng:

¹ Thời vua Tuyên vương nhà Tây Chu, nước Sở ở phía nam cường mạnh, không thần phục nhà Chu, Tuyên vương phong cho người cậu của mình là Thân Bá (申伯) kiến lập nước Thân ở Nam Dương. Thân Bá đến nước phong, ổn định quốc gia, phát triển sản xuất, chăn nuôi, tăng cường quân sự phòng thủ mặt nam, nước Sở không thể Bắc tiến được, lập công rất lớn với nhà Chu.

- Phế lập là chuyện lớn, không phải là việc mà kẻ thường nhân hiểu được. Thiệu không thấu đại thể, vì sợ hãi nên chạy ra ngoài, không phải là có chí khác vậy. Nay vội vàng gấp rút tìm nã hấn, thế tất sinh biến. Họ Viên gieo ân đức đã bốn đời, môn sinh cổ lại khắp thiên hạ, nếu họ thu dụng hào kiệt để tụ tập môn đồ, kẻ anh hùng nhân đó nổi lên, thì xứ Sơn Đông không còn là của Công nữa. Chẳng bằng tha hấn, phong cho hấn một chức Quận thú, thì Thiệu mừng ở chỗ được tha tội, ta tất không có gì phải lo gì nữa.

Trác cho là đúng, bèn bái Thiệu làm Thái thú Bột Hải, phong tước Kháng hương hầu.

① *Hiển đế Xuân Thu* chép: Trác muốn phế Đế, bảo Thiệu rằng:

- Hoàng đế tuổi nhỏ tối tăm, không thể làm chủ của cái nước có vạn cỗ xe được. Trần Lưu vương vẫn hơn, nay ta muốn lập người đó. Con người ta kém trí, có lớn lên ngờ là vẫn ngu đần, người cũng biết là phải làm thế nào, hãy tạm thời như thế thôi; người không thấy Linh đế sao? Nghĩ đến việc ấy thật khiến người ta căm tức!

Thiệu nói:

- Nhà Hán làm vua thiên hạ gần bốn trăm năm, ân trạch thấm sâu, muôn dân tôn kính đã lâu rồi. Nay Đế tuy còn thơ ấu, nhưng chưa hề có tiếng bất thiện truyền ra thiên hạ, Công muốn phế đích lập thứ, sợ là mọi người chẳng theo lời bàn của Công vậy.

Trác bảo Thiệu rằng:

- Tiểu tử! Việc thiên hạ há chẳng do ta quyết? Nay ta làm việc đó, ai dám không theo? Mày bảo đao của Đồng Trác ta đây không sắc bén sao!

Thiệu nói:

- Kẻ mạnh trong thiên hạ, há đâu chỉ có Đồng công?

Rồi rút thanh đao ra cầm ngang trên tay vái chào mà đi ra.

Thần Tùng Chi cho rằng vào lúc bấy giờ Thiệu với Trác chưa gây thành hiềm khích, cho nên Trác mới gọi Thiệu hỏi mưu. Nếu chỉ vì nói năng nghị bàn có chỗ bất đồng, mà bị mắng ngay là Tiểu tử, lại có lòng dụng đao kiếm, rồi lúc Thiệu đáp lại, rất cứng cỏi cương cường, Trác lại có thể nhẫn nhịn mà chẳng gia hại sao? Và lại như lời nói đẩy của Thiệu, tiến đã chẳng tỏ rõ sự sáng suốt chính đáng, lui thì trái với cái đạo biến trá nhún nhường, lại lộ rõ ý ganh đua hào sảng của mình, để chạm vào hàm răng nhọn của mãnh thú đang gầm rống, kẻ có chí lập công nghiệp, lẽ nào lại như thế? Như lời này, rất hoang đường vậy.

Thiệu vì thế ở Bột Hải để khởi binh, chuẩn bị đến đánh giết Trác. Việc nói ở *Vũ đế kỷ*.

Thiệu tự xưng hiệu là Xa kỵ tướng quân, làm minh chủ, cùng Ký châu mục là Hàn Phúc lập U châu mục Lưu Ngu làm Đế, phái sứ giả dâng tấu chương đến chỗ Ngu, Ngu không dám nhận. Về sau quân của Phúc đóng ở An Bình, bị Công Tôn Toàn đánh bại. Toàn bèn dẫn binh xâm nhập Ký châu, lấy tiếng là đánh dẹp Trác, nhưng thực sự bên trong muốn tập kích Phúc. Phúc trong lòng chẳng tự yên.① Vừa lúc Trác sang tây vào quan ải, Thiệu quay về đóng quân ở Diên Tân, nhân lúc Phúc hoảng sợ, bèn sai bọn Cao Cán người Trần Lưu, Tuân Kham người Dĩnh Xuyên đến thuyết Phúc rằng:

- Công Tôn Toàn thừa thắng kéo quân về nam, mà các quận hưởng ứng hẳn; Viên Xa kỵ dẫn quân sang hướng đông, ý tứ ấy của họ chẳng thể biết được, bọn ta trộm vì tướng quân mà lo lắng.

Phúc nói:

- Phải làm sao đây?

Kham nói:

- Công Tôn Toàn thống lĩnh quân Yên, Đại, khí thế của hắn chẳng thể đương nổi. Họ Viên là hào kiệt một thời, tất chẳng là người ở dưới tướng quân. Ký châu của ngài, là đất dựng công

lập nghiệp trong thiên hạ vậy, nếu hai kẻ mạnh kia hợp sức, giao binh dưới thành, cái mối nguy vong có thể đứng mà đợi được vậy. Họ Viên, là người quen cũ của tướng quân, vả lại là đồng minh vậy, nay bọn ta lập kế giúp tướng quân, chẳng bằng đem cả Ký châu nhường cho họ Viên. Họ Viên được Ký châu, thì Toàn chẳng thể tranh giành với họ, họ Viên tất khen đức dày của tướng quân. Ký châu vào tay người thân, thế là tướng quân được tiếng là nhường người hiền, mà thân mình yên ổn vững vàng như núi Thái vậy. Xin tướng quân chớ nghi ngờ!

Phức vốn nhát sợ, nhân đó nghe theo kế ấy.

Trưởng sử của Phức là Cảnh Vũ, Biệt giá là Mẫn Thuần, Trị trung là Lý Lịch can rằng:

- Ký châu dù là nơi ngoài cõi, song quân mặc giáp trăm vạn, thóc lúa đủ dùng chục năm. Viên Thiệu là khách ở ngoài đơn thân cùng quần, trông ngóng vào bọn ta, ví như đĩa hài nhi ở trên lòng bàn tay, dứt bú mớm, là chết đói ngay lập tức, sao lại muốn đưa cả châu này cho hắn?

Phức nói:

- Ta là quan lại cũ của họ Viên, vả lại tài ta không bằng Bản Sơ, lượng đức mà nhường, là điều mà người xưa xem trọng, sao các ngài lại tức giận vậy!

Tòng sự là Triệu Phù, Trình Hoán xin đem binh cự Thiệu, Phức lại không nghe. Rồi nhường Thiệu, ② Thiệu bèn lĩnh chức Ký châu mục.

① *Anh hùng ký* chép: Phùng Kỷ xui Thiệu rằng:

- Tướng quân cử đại sự mà ngăn trở người ta chu cấp của cải, chẳng chiếm một châu, thì không thể tự bảo toàn được.

Thiệu đáp rằng:

- Binh lính Ký châu cường mạnh, quân sĩ của ta đói thiếu, ví thử chẳng làm nổi, thì không có chỗ nào mà đứng nữa.

Kỷ nói:

- Nên cùng Công Tôn Toàn tin tức qua lại, khiến hần xuôi nam, đánh lấy Ký châu. Công Tôn tất đến mà Phúc sợ hãi vậy, ta nhân đó sai sứ thuyết việc lợi hại, bày kế họa phúc, Phúc tất phải nhún nhường. Giữa lúc ấy, ta có thể chiếm địa vị của hần.

Thiệu theo lời Kỷ thì quả nhiên Toàn kéo đến.

② *Cửu châu Xuân Thu* chép: Phúc phái Đô đốc tông sự là bọn Triệu Phù, Trình Hoán đem một vạn quân nỏ cứng đi đóng trại ở bờ bắc Hoàng Hà. Bọn Phù nghe tin Phúc muốn đem Ký châu trao cho Thiệu, mới từ Mạnh Tân ruổi ngựa sang đông. Bấy giờ Thiệu còn ở cửa sông Thanh thuộc Triều Ca, bọn Phù từ phía sau kéo đến, thuyền bè mấy trăm chiếc, bộ chúng hơn vạn người, ban đêm nghiêm chỉnh đội ngũ khua trống đi qua doanh của Thiệu, Thiệu rất ghét chúng.

Bọn Phù đến, bảo Phúc rằng:

- Quân của Viên Bản Sơ lương không còn một đấu, đều tự ly tán, tuy có Trương Dương, Vu Phu La mới đến phụ giúp, nhưng chưa chịu theo sự điều dụng, chẳng đủ để đối địch với ta vậy. Bọn Tông sự nhỏ nhen chúng tôi xin tự đem binh cự hần, trong vòng một tuần, hần tất như đất tan ngói vỡ; minh tướng quân chỉ nên nằm cao gối, có gì phải lo, có gì phải sợ!

Phúc không nghe, bèn nhường chức vị, ra ở nhà cũ của Triệu Trung. Rồi phái con mình đem ấn thụ đến Lê Dương cho Thiệu.

Tông sự là Thư Thụ khuyên Thiệu rằng:

- Tướng quân hai mươi tuổi vào triều làm quan, thì danh vang hải nội; vào giữa lúc phế lập, thì trung nghĩa nổi bừng bừng; lúc một người một ngựa ra khỏi cửa, thì Đồng Trác mang lòng lo sợ; khi qua sông lên phía bắc, thì quận Bột Hải khải đầu. Dấy quân sĩ của một quận, thu tóm hết binh ở Ký châu, uy chấn vùng Hà Sóc, danh vang lừng thiên hạ. Dẫu bọn Khăn Vàng gây họa loạn, giặc Hắc Sơn ngược ngạo cứng đầu, cắt quân sang đông, thì Thanh châu yên định; quay về dẹp Hắc

Son, thì Trương Yến bị diệt tan; vòng quân lên bắc, thì Công Tôn tất vỡ; bức hiếp rợ Nhung Địch, thì Hung Nô phải theo. Nay chặn ngang phía bắc Hoàng Hà, hợp đất của bốn châu, thu dụng cái tài của kẻ anh hùng, nắm quân đông trăm vạn, nghênh đón Đại giá ở tây kinh, khôi phục tông miếu ở Lạc Ấp, hiệu lệnh thiên hạ, để đánh dẹp kẻ chưa thần phục; lấy đó để tranh phong, ai có thể địch nổi tướng quân? Không đầy vài năm, việc nên công chẳng khó.

Thiệu mừng nói:

- Đây là tâm nguyện của ta vậy.

Lập tức dâng biểu xin cho Thụ làm Giám quân, Phấn uy tướng quân.^①

Trác phái Chấp kim ngô là Hồ Mẩu Ban, Tướng tác đại tượng là Ngô Tu đem chiếu thư dụ Thiệu, Thiệu sai Thái thú Hà Nội là Vương Khuông giết họ.^②

Trác nghe tin Thiệu thu được Quan Đông, bèn giết hết tông tộc của Thiệu là bọn Thái phó Viên Ngỗi. Đương lúc bấy giờ, những kẻ hào hiệp đa phần nương bám Thiệu, đều muốn giúp Thiệu báo thù; châu quận nổi dậy, tuyệt chẳng ai không mượn danh giúp Thiệu. Phức trong lòng sợ hãi, từ chỗ Thiệu bỏ đi, qua nương nhờ Trương Mạc.^③ Về sau Thiệu phái sứ giả đến chỗ Mạc, có việc nghị bàn, ghé vào tai Mạc nói nhỏ. Phức ngồi ở phía trên, cho là bị họ mưu hại, không biết làm sao liền đứng dậy đi đến chuồng tiêu tự sát.^④

① *Hiển đế ký* chép: Thụ Thụ, là người quận Quảng Bình, thời trẻ chí lớn, nhiều mưu lược quyền biến. Ra làm quan Biệt giá ở trong châu, được tiến cử Mậu tài, trải chức Lệnh ở hai huyện, sau lại làm Biệt giá của Hàn Phức, được đề cử làm Kỵ đô úy. Viên Thiệu được Ký châu, lại cho vời.

Anh hùng ký chép: Bấy giờ là niên hiệu Sơ Bình, tên tự của Thiệu là Bản Sơ, cho là năm hợp với tên tự của mình, tất có thể bình họa loạn.

② *Hán mật danh sĩ lục* chép: Ban tự Quý Bì, người quận Thái Sơn, thời trẻ cùng bọn Độ Thượng người quận Sơn Dương, Trương Mạc người quận Đông Bình cả bảy tám người, đều khinh tài trượng nghĩa, cứu giúp bậc nhân sĩ, người đời gọi bọn họ là "Bát trù".

Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Ban, là em rể của Vương Khuông. Đồng Trác sai Ban phụng chiếu đến Hà Nội, giải tán nghĩa binh. Khuông nhận ý chỉ của Viên Thiệu, bắt Ban tống ngục, muốn giết Ban để răn quân sĩ. Ban gửi thư cho Khuông nói:

"Từ xưa đến nay, chưa có chuyện chư hầu nước nhỏ cất binh hướng đến kinh sư. Lưu Hưởng¹ truyện nói: 'Ném chuột sợ võ đồ quý', vật quý còn phải tránh, huống chi Trác bây giờ ở trong cung khuyết, dùng thiên tử làm tấm bình phong; ấu chúa đang ở trong cung, làm sao có thể đánh giết?"

"Kẻ hèn này cùng Thái phó Mã Công, Thái bộc Triệu Kỳ, Thiệu phủ Âm Tu cùng nhận chiếu mệnh. Các quận thuộc Quan Đông, tuy thực sự căm ghét Trác, vẫn còn phải ngậm miệng kính vâng vương mệnh, chẳng dám nhục mạ. Mà riêng mình túc hạ bắt ta tống ngục, định lấy máu làm lễ tế, đây là việc làm của kẻ hung bạo trái lẽ rất vô đạo vậy. Kẻ hèn này với Đồng Trác nào có gì là thân thích, há phải là kẻ đồng đảng làm việc ác? mà túc hạ ngoác miệng hổ lang, tuôn lời độc địa của loài rắn rết, căm tức Trác mà chuyển giận sang ta, sao tàn khốc quá vậy!"

"Chết, là điều mà con người ta khó tránh, nhưng ta hổ thẹn vì bị đũa ngông cuồng làm hại thôi. Nếu chết mà có linh hồn, ta sẽ tố cáo túc hạ với trời xanh. Ôi, hôn nhân là then chốt của họa phúc, hôm nay ta đã rõ rồi vậy. Trước kia là một thể, hôm nay là cừ thù. Kẻ đã chết này có hai người con, là cháu rể của ngươi, sau khi thân này chết rồi, chớ để chúng đến bên thi hài ta vậy."

Khuông được thư, ôm hai con của Ban mà khóc. Ban sau chết ở trong ngục. Ban từng gặp thần núi Thái Sơn và Hà bá, sự tích ấy có ở sách *Sưu thân ký*, vì lời văn nhiều nên không chép ra đây.

¹ Lưu Hưởng (刘向), tự Tử Chính (子政), tên thật là Canh Sinh, quê ở Bành Thành, là người trong tông thất nhà Hán, sống dưới thời các vua Chiêu đế, Tuyên đế, Nguyên đế, Ai đế. Lưu Hưởng là nhà Kinh học, nhà văn, rất có tài, soạn nhiều sách vở, có người nói ông là tác giả của cuốn *Chiến Quốc sách* nổi tiếng.

③ *Anh hùng ký* chép: Thiệu lấy người quận Hà Nội là Chu Hán làm Đô quan tông sự. Thời trước Hán vì Phúc không xem trọng, trong lòng oán hận, và lại có ý muốn mời đón Thiệu, mới tự phát binh trong thành quách vây giữ nhà Phúc, rút đao lên phòng. Phúc trốn lên trên lầu, Hán bắt được đứa con lớn của Phúc, đánh gãy cả hai chân. Thiệu cũng lập tức bắt Hán, giết đi. Phúc vẫn lo sợ, cho nên báo với Thiệu rồi xin đi.

④ *Anh hùng ký* chép: Công Tôn Toàn đánh giặc Khăn Vàng ở Thanh châu, đại phá chúng, quay về đóng quân ở Quảng Tông, thay đổi quan lại đứng đầu các huyện, các Trưởng lại ở Ký châu chẳng ai không theo gió mà hưởng ứng, mở cửa đón tiếp Toàn.

Thiệu tự mình qua đánh Toàn, giao chiến ở cách hai mươi dặm về phía nam Giới Kiều. Bộ binh của Toàn có hơn ba vạn người bày trận hình vuông, quân kỵ ở hai bên, bên tả bên hữu đều có hơn năm nghìn quân kỵ; quân Bạch mã nghĩa tông¹ giữ vững trung quân, cũng chia làm hai cánh, bên tả bắn sang bên hữu, bên hữu bắn sang tả, cờ tinh khôi giáp sáng lòe trời đất. Thiệu lệnh cho Khúc Nghĩa đem tám trăm quân làm tiên phong xông lên, nghìn quân nổ cứng mặc giáp giương cung bám theo, Thiệu tự dẫn mấy vạn bộ binh bày trận ở phía sau.

Nghĩa ở Lương châu đã lâu, hiểu rõ cách đấu trận của rợ Khương, binh lính đều mạnh mẽ nhanh nhẹn. Toàn thấy binh bên kia ít, liền xua quân kỵ ra muốn dày xéo địch; quân của Nghĩa đều nằm nép mình dưới thuẫn bất động, còn cách không đầy mấy chục bước chân, họ nhất loạt bật dậy, tay vung bụi miệng hô lớn, xông thẳng về phía trước, cung nổ bắn ầm ầm, kẻ trúng tên tất ngã nhào, quân lâm trận chém được tướng của địch là Nghiêm Cương, là Thứ sử Ký châu mà Toàn sắp đặt và hơn nghìn thủ cấp. Quân của Toàn tan vỡ, quân bộ kỵ chạy trốn, không về trại được nữa. Nghĩa truy đuổi đến Giới Kiều; hậu quân của Toàn quay lại giao chiến ở trên cầu, Nghĩa lại phá chúng, rồi đánh đến tận

¹ Bạch mã nghĩa tông (白马义从), là quân kỵ cưỡi ngựa trắng, cực kỳ dũng mãnh, tự nguyện tông quân xả thân vì chủ.

doanh trại của Toàn, nhờ cửa quân doanh, binh sĩ còn lại trong trại đều chạy tán loạn lần nữa.

Thiệu ở phía sau, cách mấy chục dặm mới đến cầu, xuống ngựa cỡi yên, thấy Toàn đã vỡ, chẳng bày quân phòng bị, chỉ đặt mấy chục quân giương nỏ cứng ở dưới trướng, quân cầm kích lớn đi theo hơn trăm người. Hai nghìn quân bộ kỵ của Toàn đang chạy tán loạn thốt nhiên ập đến, bèn vây Thiệu mấy vòng, tên bắn như mưa. Biệt giá tòng sự là Điền Phong đỡ Thiệu định lui vào sau bức tường trống, Thiệu lấy mũ Đâu mâu đập xuống đất nói:

- Đại trượng phu là phải xông lên trước đánh nhau đến chết, lại đi nấp vào chỗ tường vách, há sống như thế được chăng?

Cung nỏ bắn loạn xạ, nhiều người chết, bị thương. Quân kỵ của Toàn không biết đấy là Thiệu, cũng rút lui dần; vừa hay Khúc Nghĩa đến đón, bên kia tan chạy.

Toàn mỗi khi cùng giặc rợ giao chiến, thường cưỡi ngựa bạch, đã truy đuổi là không bắn trượt, nhiều lần bắt được rợ Nhung, giặc bảo nhau rằng: "Nên tránh quân ngựa bạch ra." Vì giặc rợ kiêng sợ ngựa bạch, Toàn bèn chọn lấy mấy nghìn ngựa bạch, tuyển quân cưỡi ngựa bắn tên, gọi là quân Bạch mã nghĩa tòng. Mọi người nói rợ Hồ rất khỏe mạnh, thường cưỡi ngựa bạch, Toàn có mấy nghìn quân kỵ khỏe, đa phần cưỡi ngựa bạch, cho nên dùng hiệu đó.

Thiệu phá được Toàn rồi, dẫn quân xuôi nam đến bến Bạc Lạc, đang cùng hội họp với chư tướng và tân khách, nghe tin binh lính ở Ngụy quận phản, cùng giặc núi Hắc là bọn Vu Độc đánh vỡ Nghiệp thành, giết Thái thú là Lật Thành. Giặc có hơn chục bộ¹, binh chúng mấy vạn người, tụ họp trong huyện Nghiệp. Tân khách đang ngồi trên có người nhà tại huyện Nghiệp, đều lo sợ thất sắc, có kẻ đứng dậy khóc rống, Thiệu mặt không biến sắc, vẫn tự nhiên. Có tên giặc Đào Thăng, là Tiểu lại cũ người quận Nội Hoàng, tâm địa thiện lương, một mình dẫn bộ chúng đi vượt phía tây thành mà vào, đóng giữ cửa châu, không cho bọn giặc

¹ Mỗi bộ là một đạo quân, không rõ là có bao nhiêu người.

khác vào, lấy xe chở người nhà Thiệu cùng các đồ áo mũ ở trong châu, tự mình hộ vệ, đưa đến tận Xích Khâu mới quay về.

Thiệu đến nơi, bèn đóng trại ở Xích Khâu, dùng Đào Thăng làm Kiến nghĩa Trung lang tướng. Rồi dẫn quân vào lũng Thương Nham ở núi Lộc Tràng thuộc Triều Ca đánh dẹp Vu Độc, vây đánh năm ngày, phá được, chém Độc và Ký châu mục mà triều đình Trường An sắp đặt là Hồ Thọ. Lại men núi lên bắc, bức đánh bọn giặc là (Tả phát trượng bát) (Tả tỳ trượng bát), đều chém chúng. Lại đánh bọn Lưu Thạch, Thanh Ngưu Giác, Hoàng Long, Tả Hiệu, Quách Đại Hiền, Lý Đại Mục, Vu Đề Căn, đều phá sạch đồn lũy của chúng, kẻ trốn chạy mới toàn mạng, chém mấy vạn thủ cấp. Thiệu trở về trú quân ở huyện Nghiệp.

Năm Sơ Bình thứ tư, thiên tử sai Thái phó là Mã Nhật Đê, Thái bộc là Triệu Kỳ hòa giải quân Quan Đông. Kỳ đi một mình đến Hà Bắc, Thiệu ra ngoài trăm dặm nghênh đón, bái lạy vâng Đế mệnh.

Kỳ ở lại doanh của Thiệu, gửi thư cho Toàn, Toàn phái sứ giả đưa thư cho Thiệu nói:

"Triệu Thái bộc lấy cái đức của Chu, Triệu, vâng mệnh đi xa, tuyên dương ân đức của triều đình, tỏ rõ hòa mục, sáng như vén mây thấy mặt trời, vui gì bằng được?"⁽¹⁾ Xưa kia Giả Phục, Khấu Tuân cũng tranh giành sĩ tốt, muốn gây nguy hại cho nhau, gặp sự khoan hòa rộng rãi của Quang Vũ, đích thân nghênh tiếp, hai người ngồi cùng xe đến, lại chung xe ra cửa, người thời ấy cho là vinh.⁽²⁾ Ta tự xét mình là kẻ nơi

¹ Chu, Triệu tức Chu công (周公) và Triệu công (召公), là quan phụ chính của Chu Thành vương, sau phò tá Chu Khang vương, khuyên vua tiết kiệm, không xa hoa trụy lạc, giữ tín với dân, thường đi tuyên ban ân đức của vua Chu. Thời ấy thiên hạ thái bình, dân không phạm pháp, trong nước không phải dùng tới hình phạt.

² Giả Phục (贾复), Khấu Tuân (寇恂), là hai đại tướng của Quang Vũ đế nhà Đông Hán, đều có tên trong danh sách hai mươi tám công thần nhà Hán của Quang Vũ đế. Khấu Tuân thời làm Thái thú Dĩnh Xuyên từng giết bộ tướng của Giả Phục ngay giữa chợ, Giả Phục cho là bị sỉ nhục, muốn giết Khấu Tuân, Khấu Tuân nhẫn nhịn nói: "Trước kia Lạn Tương Như không sợ Tần vương, nhưng lại khuất Liêm Pha, đây là vì việc của nhà nước thôi. Nước Triệu nhỏ bé kia còn có người hiểu biết đạo lý như thế, ta sao quên được?" Quang Vũ đế biết chuyện gọi hai người tới bảo: "Nay thiên hạ chưa yên, sao hai hỏ lại chọi nhau. Ta giảng hòa cho hai người." Giả Phục và Khấu Tuân hiểu ra, vui vẻ cùng chung xe đi về rồi giao kết với nhau.

biên bìa, được chung điểm phúc này với tướng quân, đây thực là cái tình thương mến của tướng quân, là cái may mắn của Toản này vậy."

Khúc Nghĩa sau cây công nên kiêu căng, Thiệu bèn giết đi.

Khi trước, thiên tử được lập không phải là ý của Thiệu, lúc ở Hà Đông, Thiệu phái Quách Đồ người quận Dĩnh Xuyên đi sứ. Đồ quay về khuyên Thiệu nghênh đón thiên tử định đô ở huyện Nghiệp, Thiệu không nghe.^① Vừa lúc Thái tổ đón thiên tử đóng đô ở huyện Hứa, thu đất đai ở phía nam Hoàng Hà, xứ Quan Trung đều thuận phục. Thiệu hối, muốn khuyên Thái tổ dời thiên tử về đóng đô ở Quyên Thành để tự thân gần, Thái tổ cự tuyệt việc ấy.

Thiên tử lấy Thiệu làm Thái úy, sau lại chuyển làm Đại tướng quân, phong tước Nghiệp hầu,^② Thiệu nhường tước Hầu không nhận.

Không lâu sau, Thiệu đánh phá vỡ Toản ở Dịch Kinh, thu gồm quân của Toản.^③ Rồi cho con trưởng là Đàm ra Thanh châu, Thư Thụ can Thiệu:

- Tất là mầm họa.

Thiệu không nghe, nói:

- Cô muốn cho các con mỗi đứa giữ một châu vậy.^④

Thiệu lại dùng con giữa là Hy ở U châu, con rể là Cao Cán ở Tinh châu. Bộ chúng của Thiệu có mấy chục vạn, dùng Thẩm Phối, Phùng Kỷ thống quản việc quân, Điền Phong, Tuân Kham, Hứa Du làm mưu sĩ, Nhan Lương, Văn Sú làm tướng soái, kén chọn lấy chục vạn quân tinh nhuệ, một vạn quân kỵ, chuẩn bị đánh huyện Hứa.^⑤

① *Hiển đế truyện* chép: Thư Thụ khuyên Thiệu rằng:

- Nhà tướng quân mấy đời làm Tế tướng, trung nghĩa giúp đời. Nay triều đình lưu ly tan tác, tông miếu vỡ nát, xem ra các châu quận thì bề ngoài mượn có vì nghĩa dấy binh, mà bên trong là mưu đồ đánh diệt lẫn nhau, không ai có chủ ý cứu giúp dân cả.

Và lại hiện nay thành quách ở trong châu mới thu xếp yên ổn, nên nghênh đón Đại giá, an định kinh đô ở huyện Nghiệp, cậy thiên tử mà ra lệnh cho chư hầu, nuôi quân mã để đánh dẹp kẻ không đến vương đình; ai có thể ngăn chống được!

Thiệu hài lòng, muốn theo lời.

Quách Đồ, Thuần Vu Quỳnh nói:

- Nhà Hán đổ nát, đã từ lâu rồi, nay muốn hưng Hán, chẳng cũng khó sao! Và lại ngày nay kẻ anh hùng chiếm cứ các châu quận, vạn người xao động, đấy gọi là nhà Tần đánh mất con hươu, ai bắt được trước sẽ làm vua. Nếu nghênh đón thiên tử để tự thân gần, thì hành động phải dâng biểu văn, theo mệnh thì quyền hành thấp, làm trái thì là chống lệnh; chẳng phải là kế hay vậy.

Thụ nói:

- Nay nghênh đón triều đình, là việc chí nghĩa, lại là kế lớn hợp thời vậy, nếu chẳng tính sớm, tất có người làm trước vậy. Kẻ quyền biến chẳng để lỡ cơ hội, lập công quý ở chỗ thần tốc, tướng quân hãy tính việc ấy đi!

Thiệu chẳng dùng được kế.

Xét sách này nói kế của Thụ Thụ, so với bản truyện là trái vậy.

② *Hiển đế Xuân Thu* chép: Thiệu xấu hổ vì ngôi thứ ở dưới Thái tổ, giận nói:

- Tào Tháo suýt chết mấy lần rồi, ta cứu cho mới sống được, nay lại bội ân, cậy thiên tử để ra lệnh cho ta chẳng!

Thái tổ nghe nói, bèn đem chức Đại tướng quân nhường cho Thiệu.

③ *Diễn lược* chép: Từ đấy Thiệu dâng cống phẩm thừa thớt ít ỏi, sai riêng Chủ bạc⁽¹⁾ là Cảnh Bao mật bẩm rằng:

- Xích đức suy tận, Viên là Hoàng dân, nên thuận thiên ý.⁽²⁾

¹ Chủ bạc (主簿) là chức quan, đại khái tương đồng như chức quan Chủ bộ (主簿), song chức trách và địa vị của họ qua các thời kỳ được quy định rất khác nhau.

² Xích đức tức là đức của hành Hỏa (nhà Hán hành Hỏa, vận Hỏa, màu đỏ), Viên tức là họ Viên, dòng dõi vua Thuấn, Hoàng dân tức là đức Thổ (Thổ là màu vàng).

Thiệu đem lời mật bẩm của Bao nói với tướng sĩ quan lại trong phủ quân. Kẻ bàn luận đều cho là Bao xằng bậy quá đi nên kẻ tội mà giết đi, Thiệu bèn giết Bao để tự biện minh cho mình.

Cửu châu Xuân Thu chép: Thiệu trưng triệu người quận Bắc Hải là Trịnh Huyền nhưng không lễ phép, Triệu Dung nghe tin nói:

- Có được người hiền, là niềm mong ngóng của bậc quân tử vậy. Chẳng kính lễ người hiền, là làm mất niềm mong ngóng của bậc quân tử. Ôi, người làm vua còn chẳng dám làm mất niềm vui sướng của muôn dân, huống chi là đối với bậc quân tử đây? Làm mất lòng mong ngóng của bậc quân tử, thì khó mà có được bậc quân tử rồi.

Anh hùng ký chép rằng Thái tổ làm bài *Đồng Trác ca*, lời rằng:

"Đức hạnh chẳng khiếm khuyết,
Hoạn nạn khó coi thường,
Trịnh Khang Thành uống rượu,
Phủ phục dút hơi tàn,
Quách Cảnh Đồ mệnh tận,
Chết ở trong vườn dâu."

Như lời văn này, thì Huyền không bệnh mà chết. Các sách khác không thấy nói, cho nên sao chép bài này.

④ *Cửu châu Xuân Thu* chép lời can của Thụ rằng:

- Người đời nói rằng một con thỏ chạy trên đường, vạn người đuổi theo bắt, một người bắt được thỏ, kẻ mãi đuổi đều dừng, bởi đã có sự phân định rồi. Và lại tuổi bằng nhau thì lấy người hiền, đức ngang nhau thì phải bói đoán, là phép chế thời xưa vậy. Mong ngài trên hãy nghĩ đến lời răn thành bại của đời trước, dưới xét đến cái nghĩa bắt thỏ phân định.

Thiệu nói:

- Cô muốn lệnh cho bốn con mỗi đứa giữ một châu, để xem xét cái tài năng của chúng.

Thụ ra ngoài nói:

- Họa bắt đầu từ việc này sao!

Đàm mới đến Thanh châu, làm Đô đốc, chưa làm Thứ sử; về sau Thái tổ mới bái làm Thứ sử. Châu ấy từ Hoàng Hà về phía tây, đại khái bất quá chỉ đến huyện Bình Nguyên mà thôi. Đàm nhân đó lên bắc diệt Điền Khải, sang đông đánh Khổng Dung, điều binh ở ven biển, bấy giờ trăm họ vô chủ, vui mừng hơn hờ đi theo. Nhưng Đàm lại tin dùng bọn tiểu nhân, thích đón nhận những lời thiên cận, phóng túng đến mức xa xỉ, chẳng biết cái gian nan của việc cấy hái. Hoa Ngạn, Khổng Thuận là bọn tiểu nhân gian nịnh, lại tin tưởng cho làm kẻ phúc tâm; bọn Vương Tu chỉ làm quan giữ chức hão mà thôi. Nhưng Đàm lại biết tiếp đãi tân khách, ngưỡng mộ người có danh cung kính kẻ sĩ. Sai em vợ lĩnh binh ở trong, hay ra lệnh cướp bóc, ngoài chốn phố chợ còn cướp ở ruộng đồng; biệt phái hai tướng đi mộ binh ở dưới huyện, kẻ có tiền hối lộ thì được miễn, không tiền thì bị bắt, nhiều người nghèo yếu, đến nỗi phải nép trốn trong gò ruộng, bị xua binh bắt trói, như săn bắt chim muông. Ấp có vạn hộ, sổ ghi chép trong sổ tịch không đầy mấy trăm, thu thuế nạp tô, ba phần chẳng được một. Vời gọi hiền sĩ, chẳng ai đến; đến hẹn quân dịch mà người ta không đến, cứ ở yên với tộc đảng, cũng chẳng bị phạt tội.

⑤ *Thế ngữ* chép: Quân bộ của Thiệu năm vạn, quân kỵ tám nghìn. Tôn Thỉnh bình rằng: Xét việc Ngụy Vũ bảo Thôi Diễm rằng: "Hôm qua ta xét hộ tịch của quý châu, thấy có thể thu được ba mươi vạn dân." Từ đó mà suy, chỉ có binh sĩ tác chiến của Ký châu đã như thế, huống chi còn kiêm gồm cả U, Tinh cùng Thanh châu nữa? Thiệu cất đại binh, tất đem hết quân mà đi, là gần chục vạn rồi.

Hiển để truyện chép: Thiệu sắp đem quân xuôi nam, Thư Thụ, Điền Phong can rằng:

- Xuất chinh liền năm, bách tính mệt mỏi, kho vựa không có đồ tích chứa, thuế má sai dịch nhiều lên, là mối lo lắng lâu dài của quốc gia vậy. Nên phái sứ giả báo tin thắng trận lên thiên tử trước, lại chuyên chú việc nông tang cho dân nghỉ ngơi, nếu không báo tiếp được, thì dâng biểu nói họ Tào ngăn đường thờ vua của ta, rồi mới tiến lên đóng quân ở Lê Dương, dần dần mưu

tỉnh đất Hà Nam, làm thêm thuyền bè, sửa sang khí giới, chia phái quân kỵ tinh nhuệ, đi đánh cướp ở nơi biên bìa của bên kia, khiến cho họ không được yên, ta được nhàn hạ. Trong vòng ba năm, việc có thể ngồi mà định được vậy.

Thẩm Phối, Quách Đồ nói:

- Theo phép dùng binh, đông gấp mười lần địch thì vây, đông gấp năm lần địch thì đánh, mới có thể thắng giặc. Nay với tài thần vũ của mình công, xua quân cường thịnh của vùng Hà Sóc, để đánh họ Tào. Cũng ví như trở bàn tay, nay chẳng lấy ngay, sau này khó mà đồ được vậy.

Thụ nói:

- Đại khái cái việc cứu loạn diệt bạo, gọi là binh nghĩa; cậy đông dựa mạnh, gọi là binh kiêu. Binh nghĩa thì không ai địch nổi, binh kiêu thì bị diệt trước. Họ Tào ngênh đón thiên tử yên ổn cung điện ở huyện Hứa; nay ta cất binh hướng về nam, về nghĩa là trái. Vả lại kế sách quyết thắng là ở chốn miếu đường, chẳng tại cường nhược. Họ Tào đã ban hành pháp lệnh, sĩ tốt đã tinh luyện, không phải như Công Tôn Toàn ngồi giữ chịu vây đầu. Nay vứt cái thuật vạn an, mà hưng binh vô danh, thần trộm vì mình công mà lo sợ!

Bọn Đồ nói:

- Vũ vương phạt Trụ, chẳng gọi là bất nghĩa, huống chi đem binh đánh họ Tào mà nói là vô danh sao! Vả lại quân của Công trở sức thần vũ, tướng sĩ hăng hái, người ta tự nghĩ mà theo về, lại chẳng kịp thời sớm định đại nghiệp, e là để lỡ cơ hội vậy. Trời cho mà chẳng lấy, là nhận lấy cái lỗi về mình, đấy là cái lý do để nước Việt làm bá, mà nước Ngô vong quốc vậy. Kế sách của Giám quân, là cái kế giữ chắc, mà không phải là cái kế quyền biến của người biết nắm thời cơ vậy.

Thiệu nghe theo. Bọn Đồ nhân đó gièm Thụ rằng:

- Giám quân thống quản trong ngoài, uy chấn ba quân, nếu hấn dần cường mạnh, lấy gì để khắc chế đây? Kẻ tôi thần so với chúa quyền không bằng thì thịnh, chúa so với tôi thần quyền lực ngang

nhau thì vong, đấy là điều kỵ mà Hoàng Thạch⁽¹⁾ nói đến vậy. Và lại đã nắm quân đội ở ngoài thì chẳng nên biết việc ở trong.

Thiệu ngờ hoặc. Bèn chia chức Giám quân cho ba người đốc trách, sai Thụ cùng Quách Đồ, Thuần Vu Quỳnh mỗi người nắm một cánh quân, rồi hợp binh xuôi nam.

Trước đấy, Thái tổ phái Lưu Bị đến Từ châu cự Viên Thuật. Thuật chết, Bị giết Thử sử Xa Trụ, dẫn quân đóng đồn ở huyện Bái. Thiệu phái quân kỵ giúp đỡ Bị. Thái tổ phái Lưu Đại, Vương Trung đánh Bị, không thắng được.

Năm Kiến An thứ năm, Thái tổ tự mình đông chinh đánh Bị. Điền Phong khuyên Thiệu tập kích phía sau của Thái tổ, Thiệu vì con nhỏ bị ốm từ chối, không đồng ý, Phong nhắc gây lên đập xuống đất nói:

- Ôi thời cơ này khó mà gặp được, lại vì con bệnh của đứa trẻ ranh mà để lỡ mất cơ hội, tiếc thay!

Thái tổ đến, đánh phá Bị; Bị chạy đến chỗ Thiệu.①

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép lời văn của Thiệu hịch xuống châu quận rằng:

"Ta nghe nói bậc minh chúa nhân lúc nguy mà ửng biển, kẻ trung thần lo nạn để lập quyền.

Xưa kia nhà Tần cường mạnh mà chúa yếu kém, Triệu Cao cầm quyền bính, chuyên chế việc triều đình, tự mình ra uy tác phúc, rút cục có một họa ở cung Vọng Di,⁽²⁾ ô nhục đến ngày nay. Kịp đến thời Lã hậu, Lộc,

¹ Hoàng Thạch (黄石) tức Hoàng Thạch Công, theo truyền thuyết đó là người đã trao cho Trương Lương cuốn binh thư, Trương Lương dùng sách ấy bày kế giúp Hán Cao tổ dựng nghiệp Hán, rồi đi ở ẩn, sống trọn đời bình yên.

² Tần Thủy Hoàng chết, Triệu Cao (赵高) giả chiếu lập vua, giết công thần, loại bỏ người chống đối, dần dần nắm hết quyền chính, lũng đoạn triều Tần, tác oai tác phúc, quần thần sợ hãi. Có lần Triệu Cao chỉ con hươu nói đó là con ngựa, người nào nói đó là con hươu thì Triệu Cao tìm tội giết đi, quần thần run sợ. Sau này người khắp thiên hạ nổi lên chống Tần, Triệu Cao sợ mình bị vua hại, bèn lừa bức Tần Nhị thế Hồ Hợi phải tự sát ở cung Vọng Di.

Sản chuyên quyền, tự tiện định quốc gia đại sự, phán quyết việc nơi cấm đình, dưới nát trên suy, cả nước ghê lòng. Vì thế Giáng hầu, Chu Hư hầu hưng binh phản nộ, tru diệt nghịch loạn, tôn lập Thái tông, cho nên vương đạo hưng thịnh, sáng sửa rõ rệt; đây là tấm gương sáng của bậc đại thần lập quyền vậy.”⁽¹⁾

“Tư không Tào Tháo, tổ phụ của nó là Đằng, lúc trước là Trung thường thị, cùng bọn Tả Quân, Tì Hoàng tác yêu gây nghiệt, tham tàn tàn nhẫn, tổn hại giáo hóa ngược đãi dân đen. Cha của nó là Tung, là con nhà ăn mày được dắt về nuôi, nhờ của đứt lót mua được ngôi vị, xe vàng khiêng ngọc, chuyển cửa vào cửa nhà quyền quý, cướp trộm ngôi cao, làm ngửa nghiêng ngôi báu. Tháo là nòi giống sót của hoạn quan, vốn không có đức hạnh, gian xảo cậy thế lấn người, ưa thích loạn lạc vui trong tai họa.”

“Mạc phủ⁽²⁾ ta lúc trước thống lĩnh bọn anh hùng, quét trừ kẻ hung nghịch. Kế đó gặp lúc Đông Trác Lấn quan hại nước, vì thế vung gươm khua trống, phát lệnh sang đông, đang lúc thu dụng anh hùng, bỏ nết xấu để dùng được việc, cho nên để Tháo cùng tham mưu sách lược, cho rằng nó có cái tài ưng khuyến, có thể dùng làm nanh vuốt. Thế nhưng nó ngu si trí ngắn, tiến khinh suất lui bừa bãi, thua binh chết lính, mấy lần bầm dập. Mạc phủ lại chia quân tinh nhuệ, sửa sang bù đắp cho nó, xin cử nó làm Thái thú Đông Quận, Thứ sử Duyện châu, trù lên mình nó tấm da hổ, cho nhận một đạo quân, khích lệ để nó có quyền uy, mong rằng nó như quân Tần báo thù được một trận.⁽³⁾ Nhưng Tháo lại thừa thế vượt rào, phóng túng làm việc hung bạo, xâm đoạt trăm họ,

¹ Hán Cao tổ Lưu Bang chết, con là Lưu Doanh còn nhỏ lên nối, Lã hậu (吕后), vợ của Lưu Bang nắm quyền chính, át quyền của Huệ đế, sau khi Huệ đế mất, Lã hậu cho người nhà họ Lã là Lã Lộc (禄), Lã Sản (产) làm tướng giữ quân trong cung. Lã hậu chết, Trần Bình, Chu Bột, Lưu Chương làm binh biến giết sạch các tướng họ Lã mà Lã hậu dựng lên, lấy lại thiên hạ cho họ Lưu.

² Là đại bản doanh của Viên Thiệu, tức chỉ Viên Thiệu.

³ Mạnh Minh (孟明), người nước Ngưu thời Xuân Thu, làm tướng ở nước Tần, đi đánh trận bị thua quân nước Tấn, bị bắt, sau nhờ nàng Văn Doanh xin với vua Tấn nên được thả ra. Vua nước Tần là Tần Mục công tha tội cho, lại dùng làm tướng, cấp cho quân, sau này Mạnh Minh ra quân đánh bại quân Tấn, vang danh nước Tần, từ đây nước Tần trở thành bá chủ các nước Tây Nhung.

giết người hiền hại kẻ thiện lương. Cố Thái thú Cửu Giang là Biên Nhược, anh tài hơn đời, thiên hạ biết tiếng, vì lời nói thẳng cứng cỏi, luận bàn chẳng a dua, thân bị giết đầu treo cao, vợ con cũng chịu cái họa di diệt. Từ đấy kẻ sĩ phần hận, dân oán thán càng nhiều, một người vung tay, cả châu cùng hưởng ứng, cho nên thân nó bị phá ở Từ châu, đất đai bị Lã Bố đoạt mất, vất vương ở cõi đông, chỗ giẫm chân không có. Mạc phủ ta nghĩ đến cái nghĩa gốc mạnh cảnh yếu, vả lại cũng không dung đảng phản loạn, cho nên lại giương cờ mặc giáp, cuốn chiếu đến đánh, chiêu trống rền vang, quân của Bố tan vỡ, cứu nó khỏi cái họa tử vong, phục hồi cái địa vị phương bá cho nó, thế thì Mạc phủ ta không có đêc với dân chúng ở Duyện châu, nhưng lại có cái công lớn là gây dựng cho Tháo vậy."

"Vào lúc loạn giá trở lại phía đông, bọn giặc làm loạn chính sự. Bấy giờ Ký châu đang có việc ở biên cảnh phía bắc, chẳng thể gấp rút rời ra được, cho nên sai quan Tòng sự trung lang là Từ Huân tới phát lệnh cho Tháo, sai phải sửa sang chốn giao miếu, giúp đỡ che chở ấu chúa. Nhưng nó lại tự tiện phóng túng làm việc chuyên quyền, bức dờn cung cấm, khinh nhờn quan lại của nhà vua, làm bại hoại pháp chế rối loạn kỷ cương, ngồi giữ tam đài,⁽¹⁾ chuyên chế việc triều chính, phong tước tùy ý, xử phạt tại miệng, người nó yêu thích thì cho năm họ về vang, kẻ nó căm ghét thì di diệt cả ba họ, ai bàn tán tụ họp thì giết công khai, ai thăm vụng chê bai thì giết ngấm ngầm, người đường chỉ dám liếc mắt trông ngang, trăm quan ngậm miệng, Thượng thư nhớ đến hội triều cho có mặt, công khanh chỉ sung cho đủ hàm phẩm mà thôi."

"Cố Thái úy Dương Bưu, từng giữ chức ở Tam ti, ngôi vị cực đỉnh, Tháo vì thế ngửa mặt, chụm cho tội lỗi, đánh đập tàn nhẫn, đủ năm thứ hình, buông thả lòng ác, chẳng thêm quan tâm đến phép nước. Lại có Nghị lang là Triệu Ngạn, lời trung nói thẳng, bàn việc đáng nghe, cho nên thánh triều thuận theo, vui tươi ban thưởng, Tháo muốn bịt mắt người khác để đoạt quyền, lấp tuyệt đường nói năng, bèn tự tiện bắt lấy giết đi, chẳng cần tấu báo. Lại như Lương Hiếu vương, là anh em cùng mẹ với tiên đế, lãng mộ tôn quý, từng bách tang tử ở đó còn phải kính

¹ Nắm hết việc của các quan Tam công.

cần, mà Tháo thân đem quan lại tướng sĩ đến đào bới, phá áo quan vớt thây lỏa thể, cướp lấy vàng ngọc châu báu, đến nỗi thánh triều phải rút nước mắt, sĩ dân đau lòng. Lại đặt chức quan Phát khâu Trung lang tướng,⁽¹⁾ Mạc kim Hiệu úy,⁽²⁾ qua đâu đào bới đó, chẳng hài cốt nào không phơi lộ. Nó thân ở chức Tam công, mà hành động theo thói hung ác, tàn hại nhà nước ngược đãi con dân, tuôn độc thần người. Thêm nữa chính sự thâm nghiệt, cấm lệnh hình luật ngăn ngừa sắp bày chông chéo, như giăng lưới lấp lối, hố bẫy chặn đường, cất tay thì mắc lưới, động chân thì sa bẫy, vì thế dân chúng ở hai châu Duyện, Dự buồn bã, ở Đễ đô có lời oán than. Xem hết thư tịch xưa nay, ghi chép về những bầy tôi tàn ngược vô đạo, như Tháo là cùng cực."

"Mạc phủ ta đang hỏi tội kẻ gian ngoài cõi, chưa kịp chỉnh huấn, thêm nữa là có ý bao dung, mong nó có thể tu tỉnh. Nhưng Tháo có dã tâm lang sói, ngầm giấu mưu họa, lại muốn đập gãy rường cột, làm nhà Hán cô thế suy yếu, diệt trừ kẻ trung chính, chuyên làm việc ác nghiệt hung hăng. Năm ngoái ta giống trông bắc chinh, dẹp Công Tôn Toàn, ngăn quân ác nghịch, chống giữ một năm trời; Tháo nhân lúc ta chưa phá được giặc, ngầm thư từ qua lại, muốn mượn có trợ giúp vương sư, để đến đánh úp ta, cho nên dẫn binh đến bến sông, chuẩn bị chèo thuyền qua bờ bắc. May được người đưa thư tiết lộ, Toàn cũng bị giết bên đầu, cho nên nhuệ khí của nó cùn nhụt, mưu đồ chẳng thành. Nay chẹn giữ Ngao Thương, cây sông giữ chắc, lại muốn dùng cánh tay con bộ ngựa, để chặn đường xe lớn. Mạc phủ ta phụng oai linh của nhà Hán, xung xa đi khắp gầm trời, kích dài trăm vạn, quân kỵ nghìn đàn, phát tướng tài như Trung Hoàng, Dục, Hoạch,⁽³⁾ dùng cái thế nỏ cứng cung bền, từ Tinh châu vượt núi Thái Hàng, từ Thanh châu lội sông Tế, Thập, đại quân bơi thuyền trên sông Hoàng Hà đánh mặt trước, quân Kinh châu xuống Uyển, Diệp giữ mặt sau, sấm động hổ vồ, cùng tụ ở ổ giặc, như phóng lửa nóng để đốt mớ cỏ khô, dốc nước bể lớn mà tưới đồng than tàn, có gì mà chẳng diệt được đây?"

¹ Trung lang tướng đào mả.

² Hiệu úy bới vàng.

³ Trung Hoàng tức Trung Hoàng Bá (中黄伯), Dục tức Hạ Dục (夏育), Hoạch tức Ô Hoạch (乌获), đều là những dũng sĩ thời cổ.

"Hiện nay đạo nhà Hán đổ nát, kỷ cương đứt gãy. Tháo đem bảy trăm tinh binh, vây giữ cung khuyết, ngoài xưng là bảo vệ, trong thực là bắt giữ, sợ rằng cái họa soán nghịch, từ đây mà ra. Đây là lúc kẻ trung thần phải gan óc lấy đất, là cơ hội để tráng sĩ lập công vậy, há chẳng nên gắng sức sao!"

Lời văn này là của Trần Lâm.

Thiệu tiến quân đến Lê Dương, phái Nhan Lương đánh Lưu Diên ở huyện Bạch Mã. Thư Thụ lại can Thiệu rằng:

- Lương tính khí nóng nảy hẹp hòi, dẫu kiêu dũng, nhưng không nên để gánh trách nhiệm một mình.

Thiệu không nghe.

Thái tổ cứu Diên, cùng Lương giao chiến, đánh phá, chém được Lương.^①

Thiệu vượt sông, đắp lũy ở phía nam Diên Tân, sai Lưu Bị, Văn Xú ra khiêu chiến. Thái tổ đánh phá chúng, chém Xú; đánh trận nữa, bắt được đại tướng của Thiệu. Quân của Thiệu chấn động.^②

Thái tổ quay về Quan Độ. Thư Thụ lại nói:

- Quân bắc đông gấp mấy lần nhưng sự quả cảm dũng mãnh không so được với quân nam; quân nam lương ít thiếu thốn mà tư trang không bằng quân bắc; quân nam lợi ở chỗ đánh nhanh, quân bắc lợi ở chỗ đánh thư thả. Nên thông thả giữ chắc, dây dưa cầm giữ nhau lâu ngày.

Thiệu không theo, sai lập doanh trại nối nhau tiến dần lên, vây bức Quan Độ, cùng giao chiến, quân của Thái tổ gặp bất lợi, nấp vào trong lũy. Thiệu cho làm những tấm khiên lớn, đắp núi đất cao, từ trên đấy bắn tên vào trong doanh quân Tào, quân trong doanh đều che mộc, chúng cả sợ. Thái tổ bèn làm xe ném đá, ném vào lầu của Thiệu, phá được cả, quân của Thiệu gọi đó là xe sấm sét.^③ Thiệu làm địa đạo, muốn tập kích doanh trại của Thái tổ. Thái tổ liền cho đào con hào dài ở phía trong để

ngăn chống, lại phái kỳ binh đánh úp xe chở lương của Thiệu, đại phá chúng, đốt sạch thóc lúa.

Thái tổ và Thiệu cầm giữ nhau lâu ngày, trăm họ mỗi một thiếu thốn, đa phần làm phản hưởng ứng Thiệu, sĩ chúng thiếu ăn. Đúng lúc Thiệu phái bọn Thuần Vu Quỳnh đem hơn vạn quân lên bắc đón xe lương, Thư Thụ khuyên Thiệu rằng:

- Ta nên phái tướng là Trương Kỳ đi riêng làm một đội quân ở ngoài, để cắt đường đi cướp lương của Tào công.

Thiệu lại không theo.

Quỳnh nghỉ đêm ở Ô Sào, cách quân của Thiệu bốn chục dặm. Thái tổ bèn lưu Tào Hồng giữ trại, tự mình đem năm nghìn quân bộ kỵ nhân đêm tối qua đánh Quỳnh. Thiệu phái quân kỵ cứu Quỳnh, bị thua vỡ bỏ chạy. Thái tổ phá bọn Quỳnh, chém hết bọn chúng. Thái tổ quay về, còn chưa đến doanh, tướng của Thiệu là bọn Cao Lãm, Trương Cáp thống suất bộ chúng đến hàng. Đại binh của Thiệu vỡ lở, Thiệu và Đàm đơn thân cưỡi ngựa lui chạy qua sông. Quân còn lại trá hàng, đều bị chôn sống hết.^④ Thư Thụ không kịp theo Thiệu qua sông, bị người ở đó bắt giữ, đưa đến chỗ Thái tổ,^⑤ Thái tổ đãi hậu Thụ. Sau Thụ toan trốn về với họ Viên, bị giết.

① *Hiển đế truyện* chép: Thiệu sắp phát binh, Thư Thụ họp họ hàng tông tộc của mình, phát tán của cải cho họ rồi nói:

- Thế còn thì có cái uy thế không gì không chống nổi, thế đã mất thì chẳng giữ nổi tấm thân, thương thay!

Em của Thụ là Tông nói:

- Quân mã của Tào công chẳng địch nổi ta, sao anh lại sợ!

Thụ nói:

- Dùng cái mưu sáng của Tào Duyệt châu, lại cậy thiên tử lấy đó làm chỗ dựa, ta tuy là thắng được Công Tôn, song binh sĩ thực sự mỗi một, mà tướng kiêu căng chủ xa xỉ, việc quân thua vỡ, chính

ở chỗ đấy vậy. Dương Hùng có nói: "Sáu nước ngậy ngậy, giúp họ Doanh thay thế họ Cơ",⁽¹⁾ là nói về việc ngày nay vậy.

② *Hiển đế truyện* chép: Thiệu sắp qua sông, Thụ Thụ can rằng:

- Việc thắng thua biến hóa, chẳng thể không xét kỹ. Nay nên lưu giữ trại Diên Tân, chia binh đến Quan Độ, nếu thắng được bên kia, quay về đón quân không muộn, ví có khó khăn, quân chẳng thể về được nữa.

Thiệu chẳng nghe. Thụ sắp qua sông, than rằng:

- Người trên thì chí cường vọng, kẻ dưới thì chăm chăm lập công, sông Hoàng Hà mệnh mông, ta chẳng thể quay về được nữa ru!

Bèn lấy có có bệnh từ chức. Thiệu hận Thụ, liền cắt sổ bộ chúng mà Thụ đang giữ trao cho Quách Đồ.

③ *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Vì thời xưa đã có mũi tên đá, thêm nữa truyện nói rằng: "Quái động thì khua trống", và giải thích: "Quái, là ném đá ra vậy", vì thế mới chế tạo ra xe bắn đá.

④ *Hán kỷ* của Trương Phan nói rằng: Giết sĩ tốt của Thiệu cả bảy tám vạn người.

⑤ *Hiển đế truyện* kể: Thụ kêu to rằng:

- Thụ này không hàng đâu, chỉ bị quân địch bắt thôi!

Thái tổ với Thụ cũng có quen biết, ra đón bảo Thụ rằng:

- Nơi ở khác biệt, cho nên cách tuyệt, chẳng ngờ hôm nay lại bắt giữ nhau vậy!

Thụ đáp rằng:

- Ký châu thất sách, tự chuốc lấy thua bại. Trí lực của Thụ đều khôn, nên bị ngài bắt giữ thôi.

Thái tổ nói:

- Bản Sơ vô mưu, chẳng dùng kế của ngài. Nay tang loạn quá một kỷ⁽²⁾ rồi, quốc gia chưa yên, ta muốn cùng ngài mưu dựng nghiệp.

¹ Vua Tàn họ Doanh, vua nhà Chu họ Cơ. Sáu nước chèn ép làm suy yếu nhà Chu, rút cục Tàn Thủy Hoàng đánh diệt sáu nước, thay ngôi Thiên tử của nhà Chu.

² Một kỷ tức là mười hai năm.

Thụ nói:

- Chú ruột, mẹ và em của Thụ này đều treo mệnh ở nhà họ Viên, nếu được nhận ân lớn của ngài, thì chết sớm là phúc vậy.

Thái tổ than rằng:

- Cô nếu sớm được ngài giúp, thì việc thiên hạ chẳng đáng lo.

Khi trước, Thiệu xuôi đánh phương nam, Điền Phong khuyên Thiệu rằng:

- Tào công khéo dụng binh, biến hóa vô cùng, quân lính tuy ít, không thể khinh thường vậy, chẳng bằng ta hãy chống giữ lâu ngày. Tướng quân cậy vào cái vững của sông núi, nắm giữ quân lính bốn châu, bên ngoài giao kết với kẻ anh hùng, bên trong sửa việc nhà nông thao luyện binh mã, rồi mới tuyển chọn quân tinh nhuệ, chia đặt kỳ binh, thừa lúc họ sơ hở mà xông ra đánh, quấy rối vùng Hà Nam, họ cứu bên hữu thì ta đánh bên tả, cứu bên tả thì ta đánh bên hữu, khiến cho địch mỗi mệt vì ngược xuôi ứng phó, dân chẳng được an nghiệp; ta chưa nhọc mà bên kia đã khổn, chẳng đến hai năm, có thể ngồi mà thắng giặc vậy. Nay bỏ kế sách quyết thắng ở miếu đường, mà quyết thành bại ở một trận đánh, nếu chẳng được như ý, thì hối không kịp vậy.

Thiệu không theo. Phong khẩn khoản can ngăn, Thiệu giận lắm, cho là Phong ngăn trở việc quân, bèn bắt trói giam lại. Quân của Thiệu thua rồi, có người báo Phong rằng:

- Ngài tất được trọng dụng.

Phong nói:

- Nếu việc quân có lợi, ta tất vẹn toàn, nay quân bại trận, ta chắc chết rồi.

Thiệu quay về, bảo tả hữu rằng:

- Ta không dùng lời của Điền Phong, quả nhiên bị hấn chê cười. Bèn giết Phong.①

Thiệu bề ngoài khoan hòa nhã nhặn, có khí độ, lo mừng chẳng lộ trên nét mặt, nhưng trong lòng lại lắm đồ kỵ, đại loại đều như thế cả.

① *Tiên hiền hành trạng* truyện chép: Phong tự Nguyên Hạo, người quận Cự Lộc, có sách nói là người quận Bột Hải. Phong thể chất khỏe mạnh vạm vỡ hơn người, quyền biến mưu trí khác thường, còn trẻ đã mất song thân, cư tang quá mức, kỳ tang đã qua, mà cười chẳng lộ chân răng.

Phong học rộng biết nhiều, nổi danh ở trong châu. Ban đầu được triệu vào phủ Thái úy, đề cử Mậu tài, rồi thăng làm Thị ngự sử. Bọn yếm hoạn chuyên quyền triều chính, kẻ hiền tài bị hại, Phong bèn bỏ chức quan về nhà. Viên Thiệu cất nghĩa binh, dùng lời lẽ nhún nhường, hậu đãi tiền bạc để mời gọi Phong, Phong vì vương thất lắm nạn, có chí khuông phò, bèn ra ứng mệnh của Thiệu, được dùng làm Biệt giá. Phong khuyên Thiệu nghênh đón thiên tử, Thiệu không nghe. Về sau Thiệu dùng mưu của Phong, nhân đó bình được Công Tôn Toản. Phùng Kỷ kiêng sợ sự thành thật chính trực của Phong, mấy lần gièm Phong với Thiệu, Thiệu vì thế ngờ vực Phong.

Thiệu thua bại tan quân, vỡ lở trốn về bắc, quân đội mất sạch, binh lính đều vỗ ngực khóc nói:

- Nếu Điền Phong ở đây, chẳng đến nỗi thế này.

Thiệu bảo Phùng Kỷ rằng:

- Người Kỷ châu nghe tin quân ta bại, đều đang nghĩ đến ta, duy có Điền Biệt giá lúc trước can ngăn ta, không giống mọi người, ta cũng xấu hổ khi gặp mặt hắn.

Kỷ lại nói:

- Phong nghe tin tướng quân lui về, vỗ tay cười lớn, mừng vì lời của mình đúng.

Thiệu vì thế có ý hại Phong.

Khi trước, Thái tổ nghe tin Phong không theo đi trong quân, mừng nói:

- Thiệu tất bại thôi.

Đến lúc Thiệu trốn chạy, lại nói:

- Ví như Thiệu dùng kế của Điền Biệt giá, thắng bại còn chưa thể biết được vậy!

Tôn Thỉnh nói: Xem ra mưu kế của Điền Phong, Thư Thụ, dẫu Lương, Bình dễ gì hơn được thế? Cho nên vua quý ở chỗ xét rõ người tài, bầy tôi hơn người ở chỗ chọn chủ; vua dùng được người trung lương, thì nghiệp bá vương thịnh, bầy tôi thờ vua hôn ám, thì rước họa nguy vong, cái lẽ tồn vong vinh nhục, thường bởi nguyên do ấy. Phong biết là Thiệu sắp bại, mà bại thì mình tất chết, can tâm mạo hiểm nơi miệng hổ để tận trung can gián, kẻ sĩ cứng cỏi ở chỗ, khi làm việc ấy đã chẳng nghĩ là thân mình còn sống nữa. Là bầy tôi của chủ hầu, về nghĩa có thể đến hoặc đi, huống chi Phong với Thiệu không phải là bầy tôi phải hết lòng trung thuận! *Kinh Thi* nói: "Ta sẽ bỏ người, đến đất yên vui", là ý rằng bỏ nước loạn lạc, cũng là đạo nên làm vậy.

Thành ấp ở Ký châu đa phần làm phản, Thiệu lại đánh dẹp những chỗ ấy. Từ sau khi quân bại, Thiệu phát bệnh, năm thứ bảy, vì lo buồn mà chết.

Thiệu yêu mến con nhỏ là Thượng, vì dáng vẻ đẹp, muốn lấy làm người nối tự nhưng chưa nói rõ ra.① Thẩm Phối, Phùng Kỳ cùng Tân Bình, Quách Đồ tranh giành quyền bính, Phối và Kỳ giúp đỡ Thượng, Bình và Đồ giúp đỡ Đàm. Mọi người vì Đàm là con trưởng, muốn lập Đàm. Bọn Phối sợ Đàm được lập thì bọn Bình làm hại mình, bèn nhân ý trước của Thiệu, rồi vâng mệnh tôn Thượng lên thay địa vị của Thiệu. Đàm đến, không được lập, tự xưng hiệu là Xa kỵ tướng quân. Bởi thế Đàm, Thượng hiềm khích.

Thái tổ bắc chinh đánh Đàm, Thượng. Đàm đóng quân ở Lê Dương; Thượng cấp cho Đàm ít quân, lại sai Phùng Kỳ đi theo Đàm. Đàm xin thêm quân, bọn Phối nghị bàn không giúp. Đàm giận, giết Kỳ.②

Thái tổ qua sông vây đánh Đàm, Đàm cáo cấp với Thượng. Thượng muốn chia binh giúp Đàm, lại sợ Đàm đoạt mất quân của mình, bèn sai Thẩm Phối giữ huyện Nghiệp, Thượng tự mình đem binh trợ giúp Đàm, cùng Thái tổ cầm giữ nhau ở Lê Dương. Từ tháng chín năm trước đến tháng hai năm sau, đại chiến ở dưới thành, Đàm, Thượng thua bại lui quân, vào giữ thành. Thái tổ sắp vây thành, Đàm, Thượng bèn nhân đêm tối chạy trốn. Thái tổ truy đuổi đến huyện Nghiệp, thu lúa mạch ở đấy, hạ được Âm An, rồi dẫn quân về huyện Hứa.

Thái tổ nam chinh Kinh châu, quân đến Tây Bình. Đàm, Thượng bèn cử binh đánh lẫn nhau, Đàm thua bại lui trốn đến huyện Bình Nguyên. Thượng tấn công gấp, Đàm phái Tân Bì đến chỗ Thái tổ xin cứu. Thái tổ bèn quay trở lại cứu Đàm, tháng mười đến Lê Dương.③

Thượng nghe tin Thái tổ đi lên bắc, bèn giải vây Bình Nguyên quay về huyện Nghiệp, tướng của Thượng là Lã Khoáng, Lã Tường phản Thượng theo hàng Thái tổ, Đàm lại ngầm khắc ấn tướng quân trao cho Khoáng và Tường. Thái tổ biết Đàm xảo trá, bèn lấy việc kết hôn để yên lòng hắn, rồi dẫn quân quay về. Thượng sai Thẩm Phối, Tô Do giữ huyện Nghiệp, lại đánh Đàm ở Bình Nguyên.

Thái tổ tiến quân sắp sửa đánh huyện Nghiệp, đến sông Hoàn, cách Nghiệp thành năm chục dặm. Do muốn làm nội ứng, mưu tiết lộ, bèn cùng Phối giao chiến ở trong thành, binh bại, chạy ra ngoài theo Thái tổ. Thái tổ tiến đánh thành, làm địa đạo, Phối cũng đào hào lũy ở trong để chống lại. Tướng của Phối là Phùng Lễ mở toang cửa thành, đón hơn ba trăm quân của Thái tổ, Phối phát giác ra, từ trên thành dùng đá lớn ném phá cửa lũy phía trong; cửa lũy đóng lại, người vào đều chết cả. Thái tổ lại vây thành, làm hào, vòng quanh thành bốn chục dặm, đào rất nông, rồi tỏ ý như muốn vượt qua. Phối trông xa cười việc

ấy, không ra tranh lợi. Thái tổ trong một đêm cho đào quyết liệt, sâu rộng hai trượng, khơi nước sông Chương để rót vào thành; từ tháng năm đến tháng tám, người trong thành chết đói quá nửa.

Thượng nghe tin thành Nghiệp nguy cấp, dẫn hơn một vạn quân về cứu thành, men theo phía tây núi kéo đến, rồi sang đông đến Dương Bình đình, cách Nghiệp thành bảy chục dặm, tới sông Phũ, đốt lửa lên để báo cho người trong thành biết, người trong thành cũng đốt lửa để báo lại. Phối xuất binh ra phía bắc thành, muốn cùng Thượng hợp phá vòng vây. Thái tổ đón đánh, Phối thua bại quay về thành, Thượng cũng tan chạy, dựa vào sông Khúc Chương lập trại, Thái tổ bèn vây Thượng, còn chưa hợp binh, Thượng sợ, phái Âm Quỳ, Trần Lâm đến xin hàng, Thái tổ không nghe. Thượng quay lại chạy đến Lạm Khẩu, Thái tổ lại tiến đến vây gấp, tướng của Thượng là bọn Mã Diên lâm trận xin hàng, toàn quân vỡ lờ, Thượng bỏ trốn đến Trung Sơn. Thái tổ thu hết đồ truy trọng, lấy được ấn thụ, tiết việt cùng quần áo đồ vật của Thượng, đem báo cho người nhà Thượng biết, lòng người trong thành tan lờ cả. Con của anh trai Phối là Vinh giữ cửa đông thành, ban đêm mở cửa đón quân của Thái tổ vào, cùng Phối giao chiến ở trong thành, bắt sống Phối. Phối chí khí hiên ngang cứng cỏi, nhất định không nói lời khuất phục, người ta trông thấy chẳng ai không than thở. Thái tổ bèn chém Phối.^④ Cao Cán đem cả Tinh châu ra hàng, Thái tổ lại dùng Cán làm Thứ sử.

④ *Diễn luận* chép: Đàm là con trưởng lại nhân ái, Thượng là con út nhưng đáng vẻ đẹp. Vợ của Thiệu là Lưu thị yêu mến Thượng, mấy lần khen tài của Thượng, Thiệu cũng lạ về dáng mạo của Thượng, muốn lấy làm người nối dõi, chưa kịp nói rõ ra thì Thiệu chết. Lưu thị có tính đố kỵ ghê gớm, Thiệu chết, thì thể còn cứng chưa liệm táng, năm người thiếp được Thiệu sủng ái, bị Lưu thị giết cả. Còn cho là người chết rồi vẫn biết, sẽ lại gặp Thiệu ở dưới

đất, bèn sai cắt tóc bôi mực vào mặt để hủy hoại dáng vẻ của họ. Thượng lại giết sạch người nhà của những kẻ đã bị giết.

② *Anh hùng ký* chép: Kỷ tự Nguyên Đồ.

Khi trước, Thiệu bỏ Đồng Trác chạy ra, cùng Hứa Du và Kỷ đều đến Ký châu, Thiệu vì Kỷ thông minh thấu hiểu công việc và có kế sách, rất thân gần tin tưởng Kỷ, cùng Kỷ cử sự. Về sau Thẩm Phối được tin dùng, cùng Kỷ bất hòa. Có kẻ gièm pha Phối với Thiệu, Thiệu hỏi Kỷ, Kỷ nói:

- Phối bản tính cứng cỏi chính trực, có tiết tháo của cổ nhân, chẳng nên nghi ngờ hấn.

Thiệu nói:

- Ngài chẳng ghét hấn sao?

Kỷ đáp rằng:

- Ngày trước sở dĩ tranh giành nhau là vì tư tình, nay điều mà thần bày tỏ là vì việc nước.

Thiệu khen Kỷ, cuối cùng chẳng phế bỏ Phối. Phối bởi thế thay đổi cùng Kỷ thân thiện.

③ *Ngụy thị Xuân Thu* chép bức thư của Lưu Biểu gửi Đàm rằng:

"Trời cao giáng tai vạ, họa nạn tiếp nối dài, tôn công⁽¹⁾ chột lìa đời, khắp bốn bề tiếc thương. Con hiền lên kế nối, người xa gần trông mong, muốn thi triển sức mình, để phụng thờ minh chúa; hôm nay người dẫu xa, ước nguyện vẫn đang còn. Sao thấy: Có lũ tiểu nhân qua lại chôn trướng đài, lời ton hót xiểm dèm váng vất hai bờ lũy. Khiến cho: Bầy tôi rường cột chia đôi, cột nhục đứt lìa hai môi!"

"Xưa kia từ thời Tam vương Ngũ bá,⁽²⁾ xuống đến thời Chiến Quốc,⁽³⁾ việc cha con giết hại nhau, đại khái là đã có rồi; thế nhưng người muốn lập thành vương nghiệp, người muốn yên định ngôi bá, kẻ muốn khiến tổ tông rạng rỡ, kẻ muốn giữ mộ phần dòng dõi, chưa thấy ai lìa bỏ người thân, cắt bỏ gốc rễ của mình, mà có thể trọn nghiệp nên công,

¹ Tức Viên Thiệu.

² Ba triều: Hạ, Thương, Chu; Năm nhà: Tề, Tống, Tấn, Tần, Sở thời Xuân Thu.

³ Bảy nước cuối thời Đông Chu: Tề, Hàn, Triệu, Ngụy, Yên, Tần, Sở.

truyền lộc cho con cháu đời sau vậy. Kìa như Tề Tương trả mối thù chín đời, Sĩ Cãi làm trọn việc cho Tuân Yển,⁽¹⁾ vì thế Kinh Xuân Thu khen cái nghĩa của họ, bậc quân tử xưng tụng cái tín của họ. Nổi hận của Bá Du với vua Tề, chưa bằng (Văn Công) (Thái Công) căm phần Tào vậy; Tuyên tử nổi nghiệp, chưa bằng người sáng suốt như ngài nổi nghiệp vậy.⁽²⁾ Vả lại bậc quân tử tránh nạn không đi đến nước thù, ngài há quên được cái oán của tiên quân, vứt bỏ tình thân của người chí thân, làm gương xấu cho vạn đời, để lại nỗi thẹn cho đồng minh sao! Kẻ ngạo mạn ở Ký châu chẳng phải là em ngài sao, dĩ nhiên là đúng rồi; ngài nên nén chí nhẫn nhục tẩm thân, để chuyên tâm giúp nước; đâu bị phu nhân ghét, cũng chưa bằng Trịnh Trang bị Khương thị ghét, anh em ngài có hiềm khích, chưa sâu bằng sự ngạo mạn của Tương với Trọng Hoa vậy. Nhưng Trang công có cái vui gặp mẫu thân trong hầm đất, Tương nhận thụ phong ở Hữu Tị.⁽³⁾ Mong ngài hãy quên đi nỗi phần hận lúc trước, suy nghĩ sâu xa cái nghĩa ngày xưa, khôi phục lại tình mẫu tử, anh em như thừa trước."

¹ Tề Ai công (齊哀公) bị Kỳ hầu (紀侯) gièm pha với thiên tử nhà Chu, vua nhà Chu bỏ Ai công vào vạc sôi giết. Tề Tương công (齊襄公), là cháu 9 đời của Ai công, đánh diệt nước Kỳ trả thù cho tổ tiên mình, Kinh Xuân Thu khen ngợi việc nghĩa của Tương công; Sĩ Cãi làm trọn việc cho Tuân Yển: Điền tích, người dịch chưa tra cứu được.

² Bá Du (伯游), là tên tự của Tuân Yển, Phạm Tuyên Tử (范宣子), tức Sĩ Cãi hay Sĩ Mang. Về hai chữ Văn công (hoặc Thái công), tác giả La Tân trong một bài viết về Tam quốc chí có chú thích rằng chỗ này phải viết là tiên công mới đúng. Tiên công ở đây là chỉ vào Viên Thiệu, ý chỗ này nói là nỗi hận của Tuân Yển với vua nước Tề không thể sánh bằng nỗi căm phần của Thiệu với Tào Tháo vậy.

³ Nàng Khương thị, là vợ của Trịnh Vũ công, có hai con, con đầu là Ngô Sinh, lúc sinh ra, vì đẻ khó, Khương thị đau đớn suýt chết nên rất căm ghét, đặt tên là Ngô Sinh (ý nói sinh lầm). Con sau là Đoạn, khôi ngô đẹp đẽ, lại thông minh, Khương thị rất yêu, nhiều lần nói với chồng ý muốn lập Đoạn làm con nối. Trịnh Vũ công không nghe, lập Ngô Sinh làm Thế tử, sau lên nối, là Trịnh Trang công. Khương thị xúi Đoạn làm phản, Trang công biết, đem quân đánh, Đoạn tự tử. Khương thị xấu hổ, Trang công thề: "Chỉ đến khi xuống suối vàng, mẹ con mới gặp mặt nhau." Về sau Trang công nhớ mẹ, nhưng thân là quân vương, không thể phá lời thề để gặp mẹ, có người hiến kế một đào một cái hầm lớn để Khương thị ở đó, Trang công đến gặp mẹ trong hầm đất (tượng trưng cho suối vàng), rồi đón mẹ về cung, giữ trọn đạo hiếu làm con. Vua Thuấn mồ côi mẹ, cha của Thuấn lấy vợ khác (Cô Tẩu) sinh ra Tương. Hai mẹ con Tương hắt hủi, hành hạ Thuấn, sau này Thuấn làm vua, vẫn đối xử tốt với họ, phong đất riêng ở Hữu Tị, cho Tương ăn lộc ở đó.

Lại gửi thư cho Thượng nói:

"Ta biết rằng họa loạn phát ra bởi Tân, Quách, để vạ đến anh em, nghĩ đến tích xưa của Át Bá, Thực Thẩm,⁽¹⁾ quên cái nghĩa anh em chép ở bài 'Thường lệ',⁽²⁾ là người thân lại gây việc can qua, thấy phoi máu chảy, ta nghe tin thấy ghen ngào, tình huynh đệ còn mà như mất."

"Xưa kia Hiên Viên giao chiến ở Trác Lộc; Chu Vũ ra quân ở Thương, Yểm,⁽³⁾ đều có lý do là tiểu trừ kẻ xấu xa tàn hại mà yên định vương nghiệp, không phải là việc tranh nhau cường nhược, hay tỏ nỗi phần hận buồn vui. Cho nên dù diệt người thân cũng chẳng cho là lỗi lầm, giết anh cũng chẳng phải là hại nghĩa. Nay hai ngài mới nối theo nghiệp lớn, nối theo vết trước, tiến thì có mối lo quốc gia nghiêng đổ, lui thì có mối di hận của tiên công, nên suy nghĩ làm việc có nghĩa, nghĩ đến sự yên vui của nước nhà. Vì sao? Kim, Mộc, Thủy, Hỏa lấy cương nhu hỗ trợ nhau, rồi sau mới hòa hợp được, để cho dân dùng. Nay Thanh châu bản tính nóng nảy vội vàng, lắm mê gian ngay. Ngài khí độ rộng rãi, khoan dung có thừa, nên lấy cái lớn bao bọc cái nhỏ, lấy cái hơn bao dung cho cái kém, trước là trừ Tào Tháo để làm sạch mối hận của tiên công; sau khi xong việc, mới nghị bàn đến cái kế phải trái, chẳng cũng tốt sao! Nếu lưu tâm mưu tính đường xa, dẹp cái ham muốn của mình để giữ lễ, thì nên chấn chỉnh cờ binh xua quân ruổi dài, cùng nghĩ về vương thất; nếu mê lắm chẳng tỉnh, trái mà không sửa, thì rợ Hồ còn có lời cười chê trách hỏi, hướng chi ta là kẻ đồng minh, lại có thể chung sức chinh chiến giúp ngài? Đây là việc Hàn Lô, Đông Quách tự làm khốn cho mình lúc trước để lão nông bắt được vậy."⁽⁴⁾

¹ Át Bá (閼伯) và Thực Thẩm (实沈), là hai người con của Cao Tân thị, dấy động can qua, đem binh đi đánh lẫn nhau.

² *Thường lệ* là tên của một bài thơ trong *Kinh Thi*, thiên *Tiểu Nhã*, nói về tình anh em. [Thường lệ chi hoa/ Ngạc bát vĩ vĩ/ Phàm kim chi nhân/ Mạc như huynh đệ/] Tạm dịch: [Thường lệ đơm hoa/ Cuồng đài rờ rờ/ Sống ở trên đời/ Gì hơn huynh đệ?/]

³ Hiên Viên đánh thắng Xi Vưu (thủ lĩnh tộc Cửu Lê) ở Trác Lộc, thống nhất Hoa Hạ. Chu Vũ vương đánh vua Trụ ở Thương, Yểm. Sau dựng nhà Chu.

⁴ Hàn Lô là giống chó nổi tiếng khỏe mạnh ở nước Hàn thời Chiến Quốc; Đông Quách là con thỏ nổi tiếng khôn ngoan. *Chiến Quốc sách* kể rằng: Hàn Lô đuổi Đông Quách ba vòng, năm lần trèo lên núi, hai con vật đuổi nhau, cuối cùng đều mệt mỏi chết dưới chân núi, người làm ruộng trông thấy, bắt được cả hai.

"Trong dạ bồn chồn kiểng chân vượn cổ ngóng trông, mong được nghe tin hòa mục. Nếu là tin tốt lành, thì họ Viên sẽ vinh nhục cùng nhà Hán chẳng? Nếu là tin xấu thì đông minh mãi không còn được mong ngóng nữa vậy."

Đàm, Thượng cuối cùng không nghe.

Hán Tấn Xuân Thu chép bức thư Thẩm Phối dâng lên Đàm:

"Theo nghĩa Xuân Thu, bậc quân quốc chết với xã tắc, kẻ trung thần chết vì vương mệnh. Ví như có kẻ mưu toan làm nghiêng đổ tông miếu, bại loạn quốc gia, đã có kỷ cương điển luật, thân sơ như một vậy. Vì thế Chu công rơi lệ quyết ngục Quản, Sái, Quý Hữu sứt sùi chuốc độc em mình.⁽¹⁾ Vì sao? Đây là vì nghĩa thì nặng mà tình người thì nhẹ, là việc bất đắc dĩ vậy. Xưa kia Vệ Linh công phế Khoái Hội mà lập Triếp, vì Khoái Hội là kẻ vô đạo, vào ấp Thích để soán ngôi, quân nước Vệ phải đánh hấn. Xuân Thu truyện chép: 'Dùng cái nghĩa của Thạch Mạn Cô, là đủ để chống hấn vậy'. Cho nên Khoái Hội cuối cùng nhận lấy cái tội phản nghịch, mà Mạn Cô vĩnh viễn hưởng tiếng trung thần.⁽²⁾ Cha con còn như thế, huống chi là anh em đây?"

"Trước kia tiên công phế tướng quân là lấy người hiền thay cho anh, lập tướng quân ta làm đích tự, trên cáo với thần linh tiên tổ, dưới chép vào thư tịch của tông tộc, tiên công gọi tướng quân là cháu, tướng quân gọi tiên công là chú, người xa kẻ gần trong nước, ai chẳng nghe biết việc

¹ Chu công giết Quản, Sái: Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 88 (Vũ đế ký);

Quý Hữu (季友) tức công tử Quý Hữu, em của Lỗ Trang công. Trang công chết, em họ của Trang công là Thúc Nha muốn lập công tử Khánh Phụ (慶父), Quý Hữu cho công tử Khánh Phụ là người tàn ác, không đáng lập mới nghĩ cách triệt vây cánh của công tử Khánh Phụ, lừa đánh thuốc độc, ép Thúc Nha phải uống thuốc độc chết rồi lập con của Trang công lên nối, tức là vua Lỗ Hi công.

² Khoái Hội (蒯聵) là con của Vệ Linh công. Vì nghi ngờ mẹ của mình là phu nhân Nam Tử (người nước Tống) tư thông với anh ruột là Tống Triều, bèn với thủ hạ định giết mẹ mình, phu nhân Nam Tử sợ, vào báo với Vệ Linh công, Khoái Hội bèn trốn sang nước Tấn. Nước Tấn muốn đưa Khoái Hội về nước nhưng dân nước Vệ ngăn cản, nước Tấn bèn an trí Khoái Hội ở ấp Thích. Vệ Linh công chết, người nước Vệ lập con của Khoái Hội là Cơ Triếp (姬輒) lên ngôi, tức Vệ Xuất công. Thạch Mạn Cô (石曼姑), là tướng của Vệ Xuất công, được sai đi đánh ấp Thích, về sự kiện này, chỉ được nhắc sơ qua trong *Kinh Xuân Thu*, thiên *Ai công tam niên*.

này? Vả lại ngày tiên công lìa đời, tướng quân ta mặc áo xô gai cư tang ở nhà tranh, tướng quân cũng trai giới ở nhà đất, phận thân sơ thế là đã rất rõ ràng. Bấy giờ kẻ hung thần là Phùng Kỷ, xằng bậy vẽ rắn có chân, lời lẽ ngoắt ngoéo xiểm nịnh, làm hỗn loạn tình thân, tướng quân ta nổi giận bừng bừng, đánh giết chẳng bao lâu, rồi tướng quân ta cũng kính mệnh ra chỉ dụ, ban thêm trọng hình."

"Từ đấy về sau, ung nhọt bị phá, cốt nhục không chút gây hiềm, những bày tôi từng nghi ngờ, đều có phúc giữ toàn mạng sống. Cho nên khiến cho tất thấy rõ Hồ mạnh bạo phải kén chọn danh tướng, chinh đồn khi giới, tuyển chọn quân sĩ, dốc hết tiền của trong phủ khố, vét kiệt lương thực trong bờ cõi, đem cung phụng cho tướng quân ta, ta đòi hỏi gì mà chẳng cung ứng đủ? Quần thần tướng soái, cùng giữ cờ đầu, chiến sĩ chinh tề theo thứ tự, thuế trong dân mang cho mình chủ, dẫu ruộng nghiêng kho lặt; tài vật trong dân vét sạch, trên dưới vẫn hớn hở vui mừng, tuyệt chẳng ai dám nói là khó nhọc. Vì sao? Là vì họ quyến luyến tấm lòng trung son sắt, sẽ dốc hết kế sách nơi gan óc, như răng môi nương tựa vào nhau, không quan tâm đến chuyện ban thưởng. Lại bảo rằng vì tướng quân đồng lòng hợp ý, nhất thống thành một thể, tất sẽ cùng trở oai tỏ thế, chống giặc cướp, hưng nước yên nhà. Thế mà có kẻ hung hiểm gièm pha, gây mâu thuẫn vô duyên vô cớ, dùng gian lợi dẫn dụ, đến nỗi khiến tướng quân chốc lát đổi ý thay lòng, quên lòng nhân hiếu thuận, nghe theo mưu kế của sài lang, vu gièm lời phế lập của tiên công, trái với ngôi vị lúc để tang lúc trước, phản bội lại đạo lý kỷ cương, chẳng quan tâm đến cái lễ thuận nghịch, ngang ngạnh mưu đồ đổi ngôi chúa tể của Ký châu, muốn làm người kế nối tiên công. Rồi thả quân ra cướp bóc hoang tàn, đánh phá thành quách giết hại quan lại, thầy phoi chồng chéo đây đông, dân ngã ngốn ngang đây nội, có kẻ bị cắt tóc toạc da thịt, thân thể đứt rời, người chết thì oan hồn đau đớn ở cõi u minh, kẻ sống bị thương loét da thịt thì khóc gào trong bụi cỏ. Lại còn mưu toan đánh lấy Nghiệp thành, hứa tặng cho người Tân, người Hồ tài vật và phụ nữ, dự tính phân chia địa giới đất đai. Có kẻ nghe nói tướng quân có cáo lệnh với quan lại tướng sĩ rằng: 'Cô tuy có mẹ già, chỉ muốn rằng thân thể bà ấy được trọn vẹn mà thôi.' Nghe lời nói ấy, tuyệt chẳng có ai không kinh ngạc mất vía, xót xa đau đớn nước mắt rưng rưng, khiến cho Thái phu nhân buồn rầu phần hận trong phòng, vua tôi

tướng sĩ trong châu ta khép mắt không ngủ bi thương than thở, chân tay không biết động cựa vào đâu; nghĩ muốn rửa tay yên việc binh để nghe mưu nắm việc, thì sợ rằng trái với tiết tháo chết vì mệnh vua ở Kinh Xuân Thu, để lại mối lo lắng khôn lường cho Thái phu nhân, làm rơi rụng cái cơ nghiệp bốn đời của tiên công. Vả lại ba quân phần hận bất bình, người người mang lòng căm giận, tướng quân ta từ chối không được, mới ra đánh trận Quán Đào. Bấy giờ ngoài là chống nạn, trong thực là xin chịu tội, đã chẳng được tha, mà rợ Đồ Các¹ mang lòng phản phúc vô thường, lâm trận phản loạn. Tướng quân ta tiến lui chẳng có công, đầu đuôi thụ địch, bèn dẫn quân lui tránh, không dám cáo từ. Cũng có thể nói là tướng quân còn rủ chút lòng nhân với người thân của mình, ban cái ân không truy đuổi gấp, mà chỉ lần theo dấu vết đuổi cho có lệ, để tướng quân không có chốn nương thân. Con thú khôn cùng tất phải tranh đấu, để giữ chỗ của mình, nhưng rồi quân đội của tướng quân như đất lở ngôi vỡ, đấy chẳng phải là sức người, mà là ý trời vậy."

"Từ đấy về sau lại mong tướng quân sửa được mê lầm đổi theo cái thiện, bỏ lòng xằng giở lẽ, nghĩ lại tình thân sâu sắc như thừa ban đầu; nhưng tướng quân buông thả mình theo tình cảm phóng túng giận dữ, thích thú với việc tàn phá gia môn, nhón chân ngóng trông, kết với giặc ngoài, phóng gió vào lửa cháy, gieo thêm nọc độc hại, để khói lửa bốc cao, máu tuôn dài nghìn dặm, dân trong thành nguy khốn, nghển cổ lên ngóng mong, đâu muốn là chẳng giúp, đâu đâu ngừng được sao! Cho nên mới dẫn quân sang đông, giữ gìn cương thổ, tuy đã gần sát bờ lũy, song chưa hề xâm lấn cảnh vực, chỉ vọng trông chờ tình, sao chẳng thở vắn than dài! Bọn Phôi vốn là gia thần của tiên công, vâng mệnh làm việc phế lập. Còn bọn Đồ hại nước loạn nhà, theo phép thường phải trị. Cho nên tướng quân ta cất quân ở tị châu, để trừ cái bệnh của tướng quân, nếu như trời mở lòng giúp, sớm làm rõ tội lỗi, thì tướng quân ta sẽ rập mình kêu khóc ở trên tay của tướng quân, bọn Phôi cũng cời trần lỏa thể để đợi hình phạt búa rìu. Nếu chẳng sửa lỗi lầm, có ý hại nước, đâu Đồ chẳng treo cao, quân ta chẳng dừng bước. Mong tướng quân nghĩ kỹ việc nên làm, hy vọng tướng quân chọn lối để quay về."

¹ Đồ Các (屠各) là tên một tộc người Hung Nô ở biên giới phía bắc Trung Quốc.

Diễn lược chép: Đàm nhận được thư buồn bã bùi ngủi, trào lên thành mà khóc. Song vì bị Quách Đồ bức ép, cũng đem binh ra giao phong mấy lần, cuối cùng đánh nhau không dừng được.

④ *Tiên hiền hành trạng* chép: Phối tự Chính Nam, người Ngụy Quận, thời trẻ trung liệt kháng khái, có khí tiết chẳng để ai lấn át. Viên Thiệu lĩnh Ký châu, ủy thác công việc dùng làm tâm phúc, cho làm Trị trung Biệt giá, kiêm quản cả Mạc phủ.

Lúc trước, Đàm bỏ đi, kêu gọi hết người nhà của Tân Bì, Quách Đồ ra theo, nhưng riêng người nhà của Tân Bì bị gặp bắt giữ lại. Đến lúc con của anh trai Phối mở cửa thành đón quân vào, bấy giờ Phối ở trên lầu tại góc đông nam thành, trông xa thấy quân của Thái tổ vào, giận bọn Tân, Quách phá nát Ký châu, bèn phái người ruổi ngựa đến nhà ngục của huyện Nghiệp, giết hết người nhà của Trọng Trị. Bấy giờ Tân Bì ở trong quân, nghe tin cửa thành mở, chạy vội đến nhà ngục, muốn giải cứu người nhà của anh mình, nhưng người nhà của anh đã chết cả. Ngay hôm ấy bắt trói Phối, đưa đến dưới trướng, bọn Tân Bì đón chặn dùng roi ngựa đánh vào đầu Phối, mắng Phối rằng:

- Đồ nô bộc, hôm nay mày chết thật rồi!

Phối ngoái lại nói:

- Lũ chó! Chính bởi chúng mày phá Ký châu của ta, ta hận chẳng giết được mày vậy! Vả lại chúng mày hôm nay có thể giết được ta sao!

Chốc lát, Tào công cho dẫn vào gặp, bảo Phối rằng:

- Ngươi có biết ai mở cửa thành của ngươi không?

Phối nói:

- Không biết được.

Tào công nói:

- Là bởi cháu của ngươi là thằng Vinh đấy.

Phối nói:

- Đồ trẻ ranh không đáng được dùng mới đến nỗi thế!

Tào công lại bảo rằng:

- Hôm mới đây Cô đến vây thành, sao tên nó bắn ra nhiều thế?

Phối nói:

- Hận là còn ít đấy!

Công nói:

- Người trung thành với cha con họ Viên, cũng là chẳng thể không làm thế vậy.

Có ý muốn để cho Phối sống. Phối đã không chịu nói lời khuất phục, mà bọn Tân Bì kêu khóc không thôi, Công bèn giết Phối.

Khi trước, người ở Ký châu là Trương Tử Khiêm ra hàng trước, vốn cùng Phối không thân thiện, cười bảo Phối rằng:

- Chính Nam, ngài rút cục sao bằng được ta?

Phối lớn tiếng chửi:

- Mày là thằng giặc phản bội ra hàng, Thảm Phối ta đây là trung thần, dẫu chết, há đâu thèm sống như mày!

Lúc sắp hành hình, quát bọn lính giữ mình bắt phải để mình ngoảnh đầu về hướng bắc, nói:

- Chủ ta ở phương bắc.

Sơn Dương công tái ký của Nhạc Tư và *Hiển đế Xuân Thu* của Viên Diệp đều nói quân lính của Thái tổ vào thành, Thảm Phối giao chiến trong cửa thành, thua trận, trốn ở trong giếng, bị bắt sống ở đó.

Thần Tùng Chi cho rằng Phối là tráng sĩ một thời, là bầy tôi tận trung đến chết của họ Viên, há đâu vào cái ngày cùng vận, lại trốn thân ở trong giếng, việc này rất khó tin, thật là coi thường người khác vậy. Chẳng biết bọn Tư, Vi rút cục là người thế nào, chưa phân biệt rõ đúng sai, mà khinh thường đùa bỡn với bút mực, viết xằng bậy để nays sinh đầu mối khác thường, đưa lời đó vào sách của mình. Đại loại là cách làm như thế, chính là vu gièm mà không nghe không nhìn, khiến kẻ hậu sinh nghi ngờ. Đây thực sự là kẻ tội nhân của sách sử, là điều mà kẻ học hành thấu suốt không nên làm vậy.

Lúc Thái tổ vây huyện Nghiệp, Đàm đánh cướp lấy đất các huyện Cam Lăng, An Bình, Bột Hải, Hà Gian, đánh Thượng ở

Trung Sơn. Thượng chạy đến Cố An theo Hi; Đàm thu hết bộ chúng của Thượng. Thái tổ sắp đánh dẹp Đàm, Đàm liền đánh hạ Bình Nguyên, chiếm Nam Bì, tự mình đóng trại ở Long Thấu. Tháng mười hai, quân của Thái tổ đến cửa trại của Đàm, Đàm không ra, trong đêm chạy đến Nam Bì, đóng trại ở gần huyện Thanh Hà.

Năm thứ mười tháng giêng, Thái tổ đánh hạ được trại, chém bọn Đàm và Đồ. Hi, Thượng bị tướng của mình là Tiêu Xúc, Trương Nam vây đánh, trốn đến chỗ người Ô Hoàn ở Liêu Tây. Xúc tự xưng là Thứ sử U châu, thống suất Thái thú, Trưởng quan của các quận huyện, phản họ Viên hướng về họ Tào, bày mấy vạn quân, giết ngựa trắng ước thề, lệnh rằng: "Ai trái mệnh thì chém!" Mọi người tuyệt chẳng ai dám nói gì, đều theo nhau uống máu thề. Đến lượt Biệt giá Hàn Hành, nói:

- Ta nhận hậu ân của cha con họ Viên, nay họ Viên bại vong, ta có trí mà chẳng thể cứu, có dũng mà chẳng thể chết, về nghĩa là khiếm khuyết rồi; nếu lại ngoảnh mặt về bắc theo họ Tào, là điều mà ta chẳng thể làm được vậy.

Hết thấy người ngồi đấy vì Hành mà thất sắc. Xúc nói:

- Kẻ hưng đại sự, phải dựng lập đại nghĩa, việc thành hay không, chẳng phải do một người, nên cho cái chí của Hành được trọn vẹn, để khích lệ việc thờ chủ.

Cao Cán làm phản, bắt giữ Thái thú Thượng Đảng, cử binh giữ ải Hồ Khẩu; Thái tổ phái Nhạc Tiến, Lý Diễn đánh Cán, không hạ được.

Năm thứ mười một, Thái tổ đi đánh Cán, Cán bèn để tướng của mình là Hạ Chiêu, Đặng Thăng giữ thành, tự mình đến chỗ Thiên vu Hung Nô cầu cứu, không được, một mình cùng mấy quân kỵ trốn, muốn xuôi nam đến Kinh châu; lại bị Đô úy quận Thượng Lạc bắt chém.①

Năm thứ mười hai, Thái tổ đến Liêu Tây đánh người Ô Hoàn. Thượng và Hi cùng người Ô Hoàn đem quân đón đánh, thua chạy đến Liêu Đông, Công Tôn Khang dụ dỗ rồi chém họ, đem đầu đến cho Thái tổ.② Thái tổ ca ngợi tiết tháo của Hàn Hành, luôn cho triệu mà Hành không đến, chết ở nhà.③

① *Diễn lược* chép: Đô úy quận Thượng Lạc là Vương Diễm bắt được Cao Cán, vì công ấy được phong tước Hầu; vợ của Diễm khóc ở trong nhà, cho là Diễm phú quý rồi sẽ lấy thêm nàng hầu vợ lẽ rồi họ đoạt sự sủng ái của mình vậy.

② *Diễn lược* chép: Thượng là người dũng cảm khỏe mạnh, muốn đoạt bộ chúng của Khang, cùng Hi bàn mưu rằng:

- Nay ta đến, Khang tất ra tương kiến, ta muốn cùng huynh ra tay bắt hãn, có Liêu Đông thì vẫn có thể tự mở rộng địa bàn vậy.

Khang cũng tự tính trong bụng rằng:

"Nay ta chẳng bắt bọn Hi, Thượng, không biết lấy gì để dãi bày với quốc gia."

Bèn bố trí quân tinh nhuệ dũng mãnh của mình ở trong chuồng ngựa trước, rồi mới cho mời Hi, Thượng.

Hi, Thượng vào, phục binh của Khang xông ra, bắt trói được cả, để ngồi ở đông đất lạnh. Thượng rét, xin cái chiếu ngồi, Hi nói:

- Đầu lâu sắp đưa đi xa vạn dặm, xin chiếu làm gì!

Sau bị chém đầu.

Đàm tự Hiến Tư. Hi tự Hiến Dịch. Thượng tự Hiến Phủ.

Ngô thư chép: Thượng có em trai tên là Mãi, cùng Thượng đều trốn đến Liêu Đông.

Tào man truyện nói rằng: Mãi, là con của anh trai Thượng. Chuyện chưa rõ ràng.

③ *Tiên hiền hành trạng* chép: Hành tự Tử Bội, người Đại Quận, thanh cao thành thực, khí độ rộng rãi. Lúc nhỏ mồ côi, phụng dưỡng anh chị, họ hàng khen là hiếu thuận.

Viên Thuật tự Công Lộ, là con của Tư không Viên Phùng, em họ của Thiệu vậy.

Thuật nổi tiếng là người có chí khí và hào hiệp. Được đề cử làm Hiếu liêm, phong làm Lang trung, trải các chức trong ngoài, sau làm Chiết xung Hiệu úy, Hồ bôn Trung lang tướng. Lúc Đồng Trác sắp phế đế, lấy Thuật làm Hậu tướng quân; Thuật lại sợ mắc họa với Trác, chạy trốn ra Nam Dương. Vừa lúc Thái thú Trường Sa Tôn Kiên giết Thái thú Nam Dương Trương Tư, Thuật chiếm được quận ấy. Hộ khẩu ở Nam Dương có mấy trăm vạn, nhưng Thuật xa xỉ phóng túng cùng cực, trưng thu thuế vô độ, trăm họ khốn khổ vì việc ấy.

Thuật và Thiệu có hiềm khích, lại bất bình với Biểu nên liên kết với Công Tôn Toàn ở phía bắc; Thiệu cùng Toàn bất hòa nên liên kết với Lưu Biểu ở phía nam. Anh em họ ngờ vực lìa bỏ nhau, bỏ kẻ gần giao kết với người ở xa như thế.^①

Thuật dẫn quân tiến vào Trần Lưu. Thái tổ cùng Thiệu hợp sức đánh, đại phá quân của Thuật. Thuật đem dư đảng chạy đến quận Cửu Giang, giết Thứ sử Dương châu là Trần Ôn, tự quản châu ấy.^② Thuật dùng bọn Trương Huân, Kiều Nhụy làm Đại tướng quân.

Lý Thôi vào Trường An, muốn giao kết với Thuật làm viện binh, lấy Thuật làm Tả tướng quân, tước Dương Địch hầu, ban Giả tiết, phái Thái phó là Mã Nhật Đê đi tuần xét nhân đó đến bái tước ấn cho Thuật. Thuật cướp lấy cờ tiết của Nhật Đê, bắt giữ không cho về.^③

① *Ngô thư* chép: Bấy giờ kẻ bàn luận cho là Linh đế lỗi đạo, khiến thiên hạ phản loạn, vua nhỏ yếu nhược, được tặc thần lập nên, lại chẳng biết thân mẫu của mình là ai. U châu mục Lưu Ngu vốn có đức cao được trọng vọng, bọn Thiệu muốn kiến lập để yên định thế cục lúc đương thời, sai người đến báo với Thuật. Thuật xét thấy Hán thất suy bại, ngầm mang chí khác, cho nên bề ngoài lấy công nghĩa mà thoái thác để cự tuyệt ý của Thiệu.

Thiệu lại gửi thư cho Thuật nói:

"Trước đây ta và Hàn Văn Tiết⁽¹⁾ cùng nhau dựng cái đạo muôn đời, muốn người trong nước được thấy vị chúa trung hưng. Nay phương tây về danh nghĩa là có ấu quân,⁽²⁾ nhưng không phải là huyết mạch của hoàng gia, các quan từ công khanh trở xuống đều nịnh nọt thờ Trác, sao có thể tin phục được! Chúng ta chỉ nên sai binh đi tới nơi quan yếu đóng trại, bọn chúng sẽ bị bức chết ở phía tây. Ta ở phương đông lập thánh quân, việc thái bình có thể mong cầu được, như thế sao còn phải hồ nghi! Hơn nữa gia thất ta bị giết thảm, chẳng nghĩ đến cái thù như Tử Tư, mà ngoảnh mặt về bắc sao?⁽³⁾ Trái với đạo trời chẳng phải là điềm lành, xin hãy nghĩ kỹ việc này."

Thuật đáp thư rằng:

"Thánh chủ là bậc thông minh sáng suốt, có khí chất của Chu Thành. Giặc Trác nhân giữa lúc nguy loạn, ra oai khuất phục trăm quan, thế là nhà Hán mới gặp vận hạn nhỏ. Cái loạn còn chưa trấn áp được, lại muốn phát động bạo loạn. Còn nói rằng ấu chúa hiện nay 'không có huyết mạch của hoàng gia', há chẳng phải là xằng bậy ư! Tổ tiên ta từ trước đến nay, nối đời truyền nhau, lấy trung nghĩa làm đầu. Thái phó công⁽⁴⁾ nhân từ trầm ẩn, đâu biết giặc Trác tất gây họa hại, vì thủ tín mà tuân tiết theo đạo nghĩa, chẳng nỡ bỏ đi vậy. Môn hộ bị diệt sạch, người chết kẻ trốn tán loạn, may ơn nhờ được người xa kẻ gần tương trợ, chẳng nhân lúc này trên đánh dẹp quốc tặc, dưới rửa sạch thù nhà, mà mưu đồ như thế, không phải là điều hay vậy. Lại nói 'gia thất ta bị giết thảm, nên ngoảnh mặt về bắc', đây là vì thù Trác, há phải vì quốc gia đâu? Mệnh vua, là ý trời vậy, ý trời thì chẳng nên thù, huống chi lại trái mệnh vua! Ta một lòng son sắt, chí mưu diệt Trác, chẳng biết việc gì khác cả."

¹ Tức Hàn Phúc, Ký châu mục thời đó, sau bị Thiệu thôn tính.

² Tức Hán Hiến đế, bấy giờ ở Trường An, kinh đô phía tây.

³ Ngũ Viên, tự Tử Tư người nước Sở, cha anh bị vua nước Sở giết hại, bèn bỏ trốn sang nước Ngô, sau giúp vua Ngô diệt nước Sở báo thù nhà. Đương thời, chú của Viên Thiệu, Viên Thuật là Viên Ngỗi bị Đồng Trác giết, Thiệu gửi thư cho Thuật, mong Thuật theo mình cùng đánh Đồng Trác, báo thù nhà, bắt chước Ngũ Viên.

⁴ Tức Viên Ngỗi, bấy giờ làm Thái phó.

② Thần Tùng Chi xét *Anh hùng ký* chép: "Trần Ôn tự Nguyên Đễ, người quận Nhữ Nam. Khi trước làm Thứ sử Dương châu, bị ốm chết. Viên Thiệu phái Viên Di cai quản châu ấy, Di thua trận bỏ chạy, đến nước Bái, bị binh sĩ của mình giết. Viên Thuật lại bổ dụng Trần Vũ làm Thứ sử Dương châu. Vũ tự Công Vĩ, người huyện Hạ Bi. Vũ đã cai quản châu, lúc Thuật bại trận ở Phong Khâu, xuôi nam hướng đến huyện Thọ Xuân, Vũ cự tuyệt Thuật không dung nạp. Thuật lui về giữ huyện Âm Lăng, tập hợp quân lại đánh Vũ, Vũ sợ trốn về Hạ Bi." Như thế, thì Ôn không phải bị Thuật giết, lời này với bản truyện bất đồng.

③ *Tam phụ Quyết lục chú* chép: Nhật Đê tự Ông Thúc, là con cháu dòng dõi Mã Dung.¹ Thời trẻ truyền bá cái đạo của Dung, vì tài học được tiến cử. Cùng bọn Dương Bưu, Lô Thực, Sái Ung làm Điển hiệu Trung thư, trải ngôi vị Cửu khanh, cuối cùng lên đến chức Tam công.

Hiển đế Xuân Thu chép: Thuật tới chỗ Nhật Đê mượn phù tiết xem, nhân đó đoạt lấy không trả lại, trong quân chuẩn bị sẵn hơn một nghìn người, sai đi thúc Nhật Đê đến. Nhật Đê bảo Thuật rằng:

- Tổ tiên nhà ngươi mấy đời làm chức Công, chiêu vò kẻ sĩ như thế nào, mà nay nói lời hối thúc ta như thế, ngươi cho là thuộc lại của phủ quan thì có thể bức ép được sao!

Rồi tới chỗ Thuật xin về, nhưng Thuật giữ lại không cho đi; Nhật Đê vì mất phù tiết bị khuất nhục, lo buồn tức giận mà chết.

Bấy giờ Bái tướng là Trần Khuê người quận Hạ Bi, là đệ tử của cố Thái úy Trần Cầu. Thuật và Khuê đều là con cháu công tộc, thời trẻ cùng giao du, Thuật gửi thư cho Khuê nói:

"Xưa kia chính trị nhà Tần lâm lỗi, quần hùng thiên hạ tranh giành để cướp lấy, kẻ kiêu gồm đủ trí dũng cuối cùng đoạt nghiệp được quần hùng quy thuận. Nay thế sự nhiễu loạn, lại có cái thế đất tan

¹ Mã Dung (马融), tự Quý Trường, người quận Hữu Phù Phong, là cháu họ của danh tướng Mã Viện, là nhà nho học trứ danh đời Đông Hán, có rất nhiều môn đồ, trong đó có hai người nổi tiếng thời Hán mạt là Lô Thực, và Trịnh Huyền.

ngồi lơ rờ, thực là lúc kẻ tài giỏi được dịp thừa cơ tranh đoạt. Ta với túc hạ có giao tình cũ, ngài chịu làm tả hữu giúp ta chăng? Nếu thành đại nghiệp, ngài thực sự là người thân tín đắc lực của ta."

Bấy giờ con thú của Khuê là Ưng ở Hạ Bi, Thuật liền bắt Ưng làm con tin, đồ rằng tất ép được Khuê. Khuê đáp thư rằng:

"Trước kia vua cuối đời nhà Tần, phóng túng tàn bạo, ngược đãi thiên hạ, tàn hại sinh dân, kẻ dưới không kham nổi, nên mới tan vỡ. Nay tuy thời thế suy kiệt, nhưng chưa có cái hà khắc bạo ngược mất nước của nhà Tần vậy. Tào tướng quân thần vũ ứng thời, hưng phục phép xưa, sắp dẹp bằng kẻ hung ác, yên định hải nội, ta tin rằng điềm ấy chứng nghiệm thôi. Ta cho rằng túc hạ đáng phải hợp sức đồng lòng, khuông phò Hán thất, nhưng ngài lại ngấm ngầm mưu đồ bất chính, đem thân rước họa, há chẳng đau lòng sao! Nếu mê lầm mà biết quay lại, còn có thể được thoát. Ta vốn có giao tình cũ, nên dãi tỏ lòng thành, tuy lời trái tai, nhưng có cái tình cốt nhục vậy. Muốn ta xu phụ theo ý riêng, có chết ta cũng chẳng thể làm vậy."

Năm Hưng Bình thứ hai mùa đông, Thiên tử khốn bại ở Tào Dương. Thuật hội quần hạ bảo rằng:

- Nay họ Lưu suy nhược, hải nội như vạc nước sôi. Nhà ta bốn đời làm Công phụ, trăm họ theo về, ta muốn ứng mệnh trời thuận lòng người, ý các ông thế nào?

Mọi người chẳng ai dám đáp lại. Chủ bộ là Diêm Tượng tiến lên nói:

- Xưa kia nhà Chu từ thời Hậu Tắc cho đến Văn vương, đầy công tích đức, ba phần thiên hạ đã có hai phần, còn chịu phục thờ nhà Ân. Minh công dẫu mấy đời xương thịnh, vẫn chưa được như cái thịnh của nhà Chu, Hán thất dẫu suy, cũng chưa bằng được cái bạo tàn của vua Trụ nhà Ân vậy.

Thuật âm ừ không hài lòng. Lại tin theo điềm báo của người quận Hà Nội là Trương Bồ, bèn tiếm hiệu,^① lấy Thái thú Cửu Giang làm Hà Nam doãn. Đặt Công khanh, tiến hành tế giao ở

phía nam và phía bắc bên ngoài thành. Thuật lại hoang phí xa xỉ cùng cực, mấy trăm người ở hậu cung đều mặc lụa bóng, gạo thịt thừa mứa,^② nhưng quân sĩ đói rét, vùng Giang, Hoài trống rỗng, người dân ăn thịt lẫn nhau.

Thuật lúc trước bị Lã Bố phá, sau lại bị Thái tổ đánh bại, bỏ chạy đến chỗ bộ khúc của mình là bọn Lôi Bạc, Trần Lan ở núi Tiềm, lại bị họ chống cự, lo buồn sợ hãi không biết làm sao, định đem Đế hiệu trao cho Thiệu, muốn đến Thanh châu theo Viên Đàm, nhưng phát bệnh chết ở trên đường.^③ Vợ con nương dựa vào quan thuộc cũ của Thuật là Thái thú Lu Giang Lưu Huân, Tôn Sách phá Huân, lại bị bắt sống.

Con gái của Thuật vào ở trong cung của Tôn Quyền, con trai của Thuật là Diệu được bá làm Lang trung, con gái của Diệu lại được gả cho con trai của Quyền là Tôn Phấn.

① *Diễn lược* chép: Thuật cho là họ Viên gốc từ họ Trần, họ Trần, là dòng dõi vua Thuấn, lấy hành Thổ nối hành Hỏa, thế là ứng nối theo vận. Lại thấy có lời sấm nói: "Thay nhà Hán, phải là Đồ Cao vậy." Bởi tên tự của mình ứng với lời sấm ấy,⁽¹⁾ bèn đặt hiệu xưng là Trọng thị.

② *Cửu châu Xuân Thu* chép: Con gái của Tư lệ Phùng Phương, là bậc quốc sắc, tránh loạn ở Dương châu, Thuật trèo lên thành trông thấy hài lòng lắm, bèn thu nhận làm thiếp, rất sủng ái. Các bà vợ khác ghen ghét sự sủng ái ấy, bảo với người đó rằng:

- Tướng quân thích người có chí tiết, nên thường phải rơi nước mắt âu sầu, tất được quý trọng lâu dài.

Phùng thị cho là đúng, về sau gặp Thuật thường rơi nước mắt, Thuật cho là người có tâm, càng thương mến thị. Các bà vợ khác

¹ Sấm rằng: "Đại Hán giả, đương Đồ Cao dã." Tên tự của Viên Thuật là Công Lộ (公路), chữ Lộ (路) có nghĩa là "con đường", chữ Đồ (涂) cũng có nghĩa là "con đường." Đương đồ cao, là chỗ cao giữa đường. Thuật cho là tên tự của mình ứng vào lời sấm.

nhân thế cùng nhau thắt cổ giết thị, treo ở trên cột nhà xí, Thuật tin là thị bắt đắc chí mà chết, bèn tắm liệm chôn cất rất hậu.

③ *Ngụy thư* chép: Thuật sắp đem Đế hiệu trao cho Thiệu, nói:

- Nhà Hán mất thiên hạ đã lâu rồi, thiên tử bị người ta lôi dắt, chính sự ở tay nhà khác, bọn anh hùng hào kiệt tranh đua, chia cắt cương thổ, đầy chẳng khác gì cái thế chia rẽ của bảy nước cuối thời nhà Chu, rút cục kẻ mạnh sẽ kiêm gồm thôi. Thêm nữa họ Viên nhà ta nhận mệnh đáng được làm vương, điềm lành ứng hợp rất rõ. Nay ngài nắm giữ bốn châu, dân trăm vạn hộ, so cường mạnh thì chẳng ai lớn bằng, luận đức thì không ai cao hơn được. Tào Tháo muốn nâng đỡ kẻ suy cứu vớt kẻ yếu, sao có thể cứu giúp nổi lại được mệnh đã diệt vong đây?

Thiệu ngầm cho lời ấy là đúng.

Ngô thư chép: Thuật sau khi bị bọn Lôi Bạc chống cự, lưu lại ba ngày, sĩ chúng hết lương, bèn quay về, mới đến Giang Đình, cách Thọ Xuân tám chục dặm. Hỏi đầu bếp, thì còn có ba mươi đấu lúa mạch vụn. Bấy giờ tiết trời nóng nực, muốn có nước mật uống, lại không có mật. Thuật ngồi trên ván giường, than thở uất nghẹn hồi lâu, bèn kêu lớn rằng:

- Viên Thuật ta đến mức thế này sao!

Rồi ngã gục xuống giường, thổ ra hơn một đấu huyết mà chết.

Lưu Biểu tự Cảnh Thăng, người quận Sơn Dương huyện Cao Bình. Thời trẻ nổi danh, là danh sĩ trong Bát tuấn.⁽¹⁾①

Biểu mình cao hơn tám thước, dung mạo khôi vĩ. Từ chức Đại tướng quân duệ lên làm Bắc quân trung hậu. Linh đế băng hà, Biểu thay Vương Duệ làm Thứ sử Kinh châu. Bấy giờ binh ở Sơn Đông nổi dậy, Biểu cũng tụ quân đóng binh ở Tương Dương.②

¹ Bát tuấn (八儁), theo *Hậu Hán thư*, *Đảng cổ truyện* gồm tám người là: Lý Ưng (李膺), Tuân Dục (荀翌), Đỗ Mật (杜密), Vương Sướng (王暢), Lưu Hữu (刘祐), Ngụy Lăng (魏朗), Triệu Diên (赵典), Chu Ngụ (朱寓). Không có Lưu Biểu.

Viên Thuật ở Nam Dương, cùng Tôn Kiên hợp tung, muốn tập kích đoạt châu quận của Biểu, liền sai Kiên đánh Biểu. Kiên bị trúng lạc tên chết, quân bại, Thuật vì thế không thắng được.

Lý Thôi, Quách Ty vào Trường An, muốn liên kết với Biểu làm ngoại viện, bèn cho Biểu làm Trấn Nam tướng quân, Kinh châu mục, phong tước Thành Vũ hầu, ban Giả tiết. Thiên tử đóng đô ở huyện Hứa, Biểu tuy phái sứ giả đến cống tiến, nhưng câu kết với Viên Thiệu ở phía bắc. Trị trung là Đặng Hy can Biểu, Biểu không nghe,^③ Hy bèn cáo từ là có bệnh lui về, đến hết đời Biểu không ra làm quan.

Trương Tế dẫn quân xâm nhập địa giới Kinh châu, đánh Nhượng Thành, bị trúng tên lạc chết. Các quan lại thuộc hạ ở Kinh châu đều đến chúc mừng, Biểu nói:

- Tế vì khốn cùng mà tới, bọn ta là chủ nhân không theo lễ, đến mức giao phong, đây chẳng phải là bản ý của Châu mục ta, Châu mục ta chỉ nhận lời thương viếng, chẳng nhận lời chúc mừng vậy.

Rồi sai người thu nhận quân của Tế; chúng nghe nói đều vui mừng, bèn phục tùng.

Thái thú Trường Sa là Trương Tiễn phản lại Biểu,^④ Biểu vây đánh liền năm không hạ được. Tiễn bệnh chết, người quận Trường Sa lại lập con của Tiễn là Dịch lên thay, Biểu bèn tấn công thôn tính Dịch, phía nam lấy đất Linh, Quế, phía bắc chiếm Hán Xuyên, đất vuông mấy nghìn dặm, quân sĩ đeo đai mặc giáp hơn chục vạn người.^⑤

① *Hán ký* của Trương Phan chép: Biểu cùng người đồng quận là Trương Ân, Tiết Úc, Vương Phóng, Tuyên Tĩnh (Công Trử Cung) (Công Tự Cung), Lưu Chi, Điền Lâm gọi là Bát giao, có người nói là Bát cố.

Hán mạt danh sĩ lục chép rằng: Biểu cùng Trần Tường tự Trọng Lâm, Phạm Bàng tự Mạnh Bác người quận Nhữ Nam; Khổng Dục tự Thế Nguyên người nước Lỗ; Uyển Khang tự Trọng Lâm người

quận Bột Hải; Đàn Phu tự Văn Hữu, Trương Kiệm tự Nguyên Tiết người Sơn Dương, Sầm Vấn tự Công Hiếu người quận Nam Dương, là Bát hũu.

Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Biểu thụ học ở chỗ người đồng quận là Vương Sướng. Sướng làm Thái thú Nam Dương, hành vi tiết kiệm quá mức. Năm ấy Biểu mới mười bảy tuổi, dâng lời can rằng:

- Hành vi xa xỉ chẳng vượt lẫn người trên, tần tiện chẳng bó buộc kẻ dưới, đại khái đây là cái đạo trung dung, thế nên Cừ Bá Ngọc then vì riêng có mình là người quân tử.⁽¹⁾ Nếu phủ quân chẳng học theo lời minh huấn của Khổng thánh nhân, mà hăm mộ tiết tháo nhỏ mọn của Di Tề, thì không thể sáng tỏ với đời được.⁽²⁾

¹ Cừ Viên (蒧瑗), tự Bá Ngọc (伯玉), người nước Vệ thời Xuân Thu, làm đại quan nước Vệ, trải ba đời vua Hiến công, Tương công, Linh công. Truyện kể: Đêm nọ, Vệ Linh công nghe có tiếng chuông xe ngựa từ xa, đến cửa cung thì im, lát sau lại có tiếng chuông xe. Linh công hỏi phu nhân: “Nàng biết đó là ai chẳng?” Đáp: “Là Đại phu Cừ Bá Ngọc.” Hỏi: “Sao biết?” Đáp rằng: “Thiếp nghe nói, phàm là thần tử đi qua cửa cung, đều phải xuống xe cung kính. Đã là trung thần hiếu tử thì bất kể trước mặt mọi người hay ở chỗ không người, hành vi đều không cẩu thả. Cừ Bá Ngọc là người hiền nổi tiếng của nước Vệ, có nhân trí, tuân lễ tiết. Ban nầy hẳn là ông ấy qua cửa cung, dừng xe tỏ ý cung kính. Tuy giữa đêm vắng không ai thấy, ông ấy vẫn giữ lễ vậy.” Linh công sai người đi hỏi, quả nhiên đúng, nhưng lại bảo phu nhân: “Nàng đoán sai rồi.” Phu nhân cung kính nói: “Ôi, hóa ra thiếp chỉ biết nước Vệ có Cừ Bá Ngọc là người hiền, nay còn có người khác như ông ấy. Người hiền càng nhiều thì nước càng hưng thịnh, thiếp xin chúc mừng quân vương.”

² Khổng tử bỏ nước Lỗ sang nước Vệ, Cừ Bá Ngọc thân với Khổng tử, sai sứ đến thăm. Khổng tử hỏi: “Thầy ngài thường làm gì?” Sứ giả đáp: “Thầy ta muốn hạn chế lỗi của mình mà chưa được.” Sứ về, Khổng tử khen: “Khôn thay, khéo lắm thay.” Ý rằng: “Trò (sứ giả) hay, tất thầy (Cừ Bá Ngọc) phải giỏi.”; Ý khác, lại biết rằng, Cừ Bá Ngọc hiền và khiêm tốn, hiền vì luôn nghĩ lỗi để sửa mình, khiêm tốn vì tự biết là mình chưa sửa được lỗi.

Bá Di (伯夷) là con cả của Á Di, vua nước Cô Trúc, chư hầu nhà Ân. Á Di lập con thứ ba là Thúc Tề (叔齐), Á Di mất, Thúc Tề nhường ngôi cho anh là Bá Di, Bá Di không nhận bỏ trốn, Thúc Tề cũng bỏ ngôi mà đi. Cùng đến chỗ Chu Văn vương, Văn vương mới chết, con là Vũ vương đánh vua Trụ, hai người can: “Cha chết không chôn, gây việc can qua, là hiếu chăng? Bầy tôi giết vua, là nhân chăng?” Vũ vương không nghe, diệt vua Trụ, chư hầu đều phục nhà Chu. Bá Di, Thúc Tề bèn trốn vào núi Thú Dương, thề không ăn thóc của nhà Chu, sau chết đói ở trong núi. Trước khi chết hát rằng: “Ta lên núi Tây hái khóm rau vi! Tôi bạo ngược thay chúa bạo ngược, không biết điều trái của mình! Đạo nhường nhau từ đời Thần nông Ngu Hạ bỗng mất, ta thư thái mà chết, thật mệnh ta suy.”

Sương đáp rằng:

- Người biết tiết kiệm thời nay ít lắm rồi. Vả lại là để uốn nắn phong tục vậy.

② *Chiến lược* của Tư Mã Bưu chép: Lưu Biểu lúc mới cai trị ở Kinh châu, tông tặc⁽¹⁾ ở Giang Nam rất đông đảo, Viên Thuật đóng ở Lỗ Dương, thu vét quân binh ở Nam Dương. Người ở Ngô Quận là Tô Đại lĩnh chức Thái thú Trường Sa, Bối Vũ làm trưởng huyện Hoa Dung, đều ỷ vào quân đội tác loạn. Biểu mới đến, một mình một ngựa tiến vào Nghi thành, mời người huyện Trung Lư là Khoái Lương, Khoái Việt, người quận Tương Dương là Sái Mạo cùng bàn tính.

Biểu nói:

- Tông tặc rất đông, chúng lại không chịu phục, Viên Thuật dựa vào bọn chúng, họa đến nơi rồi! Ta muốn trưng binh, sợ mọi người không đến, các ông có kế sách gì chăng?

Lương nói:

- Mọi người chẳng dựa vào ta, vì cái nhân của ta chưa đủ vậy, người dựa vào ta mà ta không trị được, vì nghĩa của ta chưa đủ vậy; nếu cái đạo nhân nghĩa được thi hành, trăm họ theo ta như nước đổ về chỗ thấp, lo gì người ta không kéo đến theo mà phải hỏi kế sách hưng binh vậy?

Biểu ngoảnh sang hỏi Việt, Việt nói:

- Cai trị thời bình thì lấy nhân nghĩa làm đầu, cai trị thời loạn thì lấy quyền mưu làm đầu. Việc binh chẳng cứ nhiều quân, mà ở chỗ được lòng người vậy. Viên Thuật dũng mãnh mà không quyết đoán, Tô Đại, Bối Vũ đều là lũ vô biên, chẳng đáng lo. Tông tặc đông nhưng đa phần là tham tàn bạo ngược, bị người dưới ghét. Có kẻ vốn được Việt nuôi dưỡng, nay lấy lợi mà sai bảo họ, tất họ sẽ đem bộ chúng đến. Ngài giết kẻ vô đạo trong bọn ấy, phủ dụ mà dùng người. Người trong cả châu, sẽ có ý vui lòng, nghe tiếng ngài có đức dày, tất cộng đội nhau mà đến thôi. Binh

¹ Các hào tộc ở địa phương tự tụ quân đội riêng gây thế lực.

tụ họp dân nương bám, phía nam ta chiếm cứ Giang Lăng, phía bắc giữ lấy Tương Dương, tám quận Kinh châu có thể truyền hịch mà định được. Bọn Thuật dù đến, cũng chẳng làm gì được vậy.

Biểu nói:

- Lời của Tử Nhu, là lời bàn của Ung Quý vậy. Kế của Dị Độ, là mưu của Cửu Phạm vậy.⁽¹⁾

Bèn sai Việt phái người đi dụ tông tộc, được năm mươi lăm người đến, Biểu đều chém cả. Rồi tập kích đánh lấy quân của chúng, có kẻ nhận làm bộ khúc. Duy có bọn giặc là Trương Hồ, Trần Sinh người quận Giang Hạ cầm quân chiếm Tương Dương, Biểu bèn sai Việt cùng Bàng Quý một mình cưỡi ngựa đến khuyên chúng hàng, Giang Nam cuối cùng bình được hết.

③ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Biểu trả lời Hy rằng:

- Đối nội chẳng bỏ chức phận tiến cống, đối ngoại chẳng trái ước với mình chủ, thế là nghĩa đã thông tỏ với thiên hạ vậy. Riêng quan Trị trung lại cho rằng quái lạ sao?

④ *Anh hùng ký* chép: Trương Tiễn, người Nam Dương. Lúc trước làm Trưởng quân ở hai quận Quế Dương, Linh Lăng, rất được lòng người vùng Giang, Tương, nhưng bản tính quật cường không thuận. Biểu bạc đãi người ấy, rất không theo lễ. Tiễn bởi thế mang lòng oán hận, bèn phản lại Biểu.

⑤ *Anh hùng ký* chép: Bọn giặc cướp trong địa giới châu quận đã trừ hết, Biểu bèn mở mang gây dựng học quán, rộng cầu các bậc nho sĩ, sai bọn Kỳ Vô Khải, Tống Trung soạn ra sách *Ngũ kinh chương cú*, gọi là sách *Hậu định*.

¹ Cửu Phạm (臼犯) tức Hồ Yển, cùng Ung Quý (雍季) đều là đại thần nước Tấn thời Xuân Thu. Tấn Văn công làm vua nước Tấn, các nước chư hầu theo Sở, duy có nước Tống theo Tấn, vua Sở giận đánh Tống, người Tống cầu cứu nước Tấn. Tấn Văn công hỏi ý Hồ Yển, Hồ Yển muốn cứu Tống để nêu cao danh vọng nước Tấn. Tấn công hỏi: "Bình ta không bằng nước Sở, làm sao để thắng được?" Hồ Yển nói: "Trọng lễ thì không ngại rắc rối, giỏi đánh trận không ngại việc lừa dối." Tấn công lại hỏi Ung Quý, Ung Quý đáp: "Tát sạch ao thì bắt được nhiều cá, sang năm sẽ không có cá mà bắt nữa, đốt rừng thì bắt được nhiều thú, sang năm làm gì có thú mà bắt nữa, lừa dối chỉ thành công được một lần."

Thái tổ cùng Viên Thiệu đương cầm giữ nhau ở Quan Độ, Thiệu phái người đến cầu trợ giúp, Biểu hứa giúp Thiệu nhưng không đến, cũng chẳng giúp Thái tổ, muốn trụ giữ vùng Giang Hán, để quan sát sự biến trong thiên hạ. Tòng sự Trung lang là Hàn Tung, Biệt giá là Lưu Tiên thuyết Biểu rằng:

- Nay hào kiệt đều tranh giành, lưỡng hùng cầm giữ nhau, gánh vác trọng trách thiên hạ, là ở tướng quân. Tướng quân nếu muốn nên nghiệp, hãy thừa lúc họ mệt mỏi mà nổi dậy, nếu chẳng muốn, hãy lựa chọn theo về với ai trong số họ. Nay tướng quân nắm giữ mười vạn quân, lại ngồi yên trông ngóng. Thấy người này hiền mà chẳng chịu giúp, kẻ kia xin hòa cũng chẳng xong, thế là hai mối oán tất đổ vào tướng quân, tướng quân chẳng đứng ở giữa được rồi. Vốn dĩ Tào công là bậc minh triết, kẻ tài俊 trong thiên hạ đều theo về, người ấy thế tất sẽ thắng được Viên Thiệu, rồi sau sẽ xuất binh hướng đến Giang Hán, sợ là tướng quân chẳng thể ngăn chống được vậy. Cho nên bọn tôi giúp tướng quân bày kế, chẳng gì bằng đem cả châu giúp Tào công, Tào công tất xem trọng cái đức của tướng quân; sẽ được hưởng phúc lộc lâu dài, truyền lại cho con cháu; đấy là kế sách vạn toàn vậy.

Đại tướng của Biểu là Khoái Việt cũng khuyên Biểu, Biểu hồ nghi, bèn phái Tung đến chỗ Thái tổ để quan sát thực hư. Tung về, cực lực bày tỏ uy đức của Thái tổ, khuyên Biểu phái con vào triều làm tin. Biểu ngờ Tung làm phản nói giúp Thái tổ, cả giận, muốn giết Tung, khảo xét người đi theo Tung, biết rằng Tung không có ý khác, mới thôi.^① Biểu tuy ngoài mặt nho nhã, nhưng trong lòng nhiều nghi kỵ, đại loại đều như thế cả.

① *Phó tử* chép: Lúc trước Biểu bảo Tung rằng:

- Nay thiên hạ đại loạn, chưa biết lúc nào mới yên. Tào công giữ thiên tử đóng đô ở huyện Hứa, ngài hãy vì ta đi xem xét sơ hỏ của họ.

Tung đáp rằng:

- Cao nhất là thấu hiểu tiết tháo, thứ nữa là biết giữ tiết. Tung biết giữ tiết vậy. Kẻ thờ chủ là phải giúp chủ, cái danh quân thần đã định, xin lấy cái chết để giữ danh; làm tôi phải hiến thân cho chủ, chỉ biết theo mệnh tướng quân, dẫu nhảy vào nước sôi lửa bỏng, chết cũng không từ. Theo Tung xem xét, Tào công là bậc chí minh, tất giúp được thiên hạ. Tướng quân nếu có thể trên thuận ý thiên tử, dưới quy phục Tào công, tất được hưởng cái lợi trăm đời, nước Sở thực cũng được nhờ; sai Tung đi cũng đáng vậy. Ví như kế ngài chưa định, Tung đi sứ đến kinh sư, thiên tử cho Tung một chức quan, thì Tung là bầy tôi của thiên tử, mà chỉ là quan lại cũ của tướng quân thôi. Ở bên cạnh vua phải giúp vua, thế thì Tung giữ mệnh của thiên tử; về nghĩa không được chết vì tướng quân nữa. Xin tướng quân suy nghĩ kỹ, chớ phụ Tung.

Biểu bèn phái đi, quả như lời Tung nói, thiên tử bái Tung làm Thị trung, thăng làm Thái thú Linh Lăng, khi quay về xưng tụng cái đức của triều đình và Tào công. Biểu cho là Tung hai lòng, đại hội mấy trăm quan thuộc, bày binh gặp mặt Tung, nổi cơn thịnh nộ, cầm cò tiết muốn chém Tung, mắng rằng:

- Hàn Tung dám hai lòng sao!

Chúng đều sợ hãi, muốn khuyên Tung tạ lỗi. Tung không động đây, bảo Biểu rằng:

- Tướng quân phụ Tung, chứ Tung này không phụ tướng quân!

Rồi bày tỏ những lời lúc trước. Biểu vẫn giận dữ không thôi, vợ của Biểu là Sái thị can Biểu rằng:

- Hàn Tung, được người nước Sở ngưỡng vọng; vả lại hấn nói lời thẳng thắn, giết hấn thì không biết nói thế nào.

Biểu bèn thôi nhưng bắt giam Tung.

Lưu Bị chạy đến chỗ Biểu, Biểu hậu đãi Bị, nhưng không trọng dụng.^①

Năm Kiến An thứ mười ba, Thái tổ đi đánh Biểu, chưa đến nơi, Biểu bị bệnh chết.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Thái tổ lúc mới đi đánh Liễu Thành; Lưu Bị khuyên Biều sai người tập kích huyện Hứa, Biều không theo. Đến lúc Thái tổ quay về, Biều bèn báo Bị rằng:

- Ta không dùng lời của ngài, cho nên làm lỡ mất cơ hội lớn vậy.

Bị nói:

- Nay thiên hạ chia cắt, can qua xảy ra hàng ngày, còn cơ hội về sau, há đó là cơ hội cuối sao? Nếu có thể đón đợi cơ hội về sau, thì cơ hội này cũng chưa đủ để tiếc vậy.

Khi trước, Biều và vợ yêu mến con nhỏ là Tông, muốn lấy làm người nối tự, lại có Sái Mạo, Trương Doãn giúp làm bè đảng, Biều bèn cho con trưởng là Kỳ ra làm Thái thú Giang Hạ, chúng bèn vâng mệnh cử Tông làm người nối tự. Kỳ và Tông vì thế thành hiềm khích.① Bọn Việt, Tung cùng Đông tào duệ là Phó Tồn khuyên Tông quy thuận Thái tổ. Tông nói:

- Nay ta cùng các ông chiếm hết đất đai nước Sở, coi giữ cơ nghiệp của tiên quân, bình tĩnh quan sát việc thiên hạ, có gì không được nhỉ?

Tồn thưa rằng:

- Nghịch hay thuận có đại thế, mạnh hay yếu căn cứ vào xu thế; lấy phận nhân thần cự lại bậc nhân chủ, là nghịch vậy; lấy đất Sở mới gây dựng mà ngăn chống quốc gia, về thế chẳng đương nổi vậy; vì Lưu Bị mà đối địch với Tào công, lại chẳng đáng vậy. Ba phương diện đều kém thế, mà muốn đem ra để ngăn chống mũi nhọn của vương sư, là cái đạo tất vong vậy. Tướng quân tự liệu so mình với Lưu Bị thế nào?

Tông nói:

- Ta không bằng được.

Tồn nói:

- Ta tin là dùng Lưu Bị cũng chẳng đủ để ngăn chống Tào công, thế thì dù có giữ được đất Sở, cũng chẳng đủ để tự bảo tồn vậy;

ví như dùng Lưu Bị đủ để ngăn Tào công, thì Bị cũng chẳng chịu làm người dưới của tướng quân vậy. Mong tướng quân chớ nghi ngờ.

Quân của Thái tổ đến Tương Dương, Tông dâng cả châu ra hàng. Bị chạy trốn ra Hạ Khẩu.②

① *Diễn lược* chép: Biểu ốm nặng, Kỳ về thăm bệnh. Kỳ bản tính hiền lành hiếu thảo, Mạo, Doãn sợ Kỳ gặp Biểu, cha con thương cảm lẫn nhau, lại dối ý phớt tác việc sau, liền bảo Kỳ rằng:

- Tướng quân lệnh cho ngài phủ dụ trông coi xứ Giang Hạ, làm bình phong che chắn phía đông của quốc gia, trách nhiệm ấy rất nặng nề; nay ngài bỏ bộ chúng mà đến đây, tất bị trách giận; tấm lòng thương người thân của ngài sẽ làm tăng bệnh tật của cha, không phải là hiếu kính vậy.

Bèn ngăn ngoài cửa, khiến Kỳ không vào được; Kỳ chảy nước mắt mà đi.

② *Phó tử* chép: Tồn tự Công Đễ, dáng người vạm vỡ, hiếu biết rộng, biết xét người.

Tồn được Công phủ vời, bái làm Thượng thư lang, sau làm khách ở Kinh châu, vì có công khuyên dụ Lưu Tông, được ban tước Quan nội hầu. Vào thời Văn đế làm Thị trung, năm Thái Hòa trung chết.

Tồn thời ở Kinh châu, bình phẩm rằng Bàng Thống là hạng "Bán anh hùng",⁽¹⁾ nghiêm rằng Bùi Tiềm cuối cùng sẽ hiển danh vì đức hạnh và thanh bạch; Thống về sau theo giúp Lưu Bị, được đối đãi chỉ dưới Gia Cát Lượng, Tiềm làm quan đến chức Thượng thư lệnh, đều có danh tiếng và đức hạnh. Đến khi Tồn ở triều Ngụy, Ngụy Phúng vì tài trí mà nổi tiếng, Tồn bảo là người ấy tất phản, rút cục như lời Tồn nói.

Con của em trai Tồn là Hổ, có truyện chép riêng.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Vương Uy thuyết Lưu Tông rằng:

¹ Ý nói có một nửa phong độ của kẻ anh hùng, không được trọn vẹn.

- Tào Tháo biết là tướng quân đã hàng, Lưu Bị đã bỏ chạy, tất buông lời không phòng bị, coi thường tiến lên; nếu như cấp cho Uy mấy nghìn kỳ binh, rình đón ở chỗ hiểm, Tào Tháo có thể bắt được vậy. Bắt sống được Tháo thì lập tức uy chấn thiên hạ, ngồi mà như hổ vồ, Trung nguyên đều rộng, có thể truyền hịch mà định, không phải chỉ thu được cái công của một trận thắng, giữ lấy được một ngày hôm nay mà thôi. Đây là cơ hội khó gặp được, chẳng nên để lỡ mất vậy.

Tông không thu nhận lời ấy.

Sưu thần ký chép: Năm Kiến An sơ, ở Kinh châu có lời đồng dao rằng:

*Khoảng năm tám, chín bắt đầu suy,
Năm thứ mười ba chẳng còn gì!"*

Ý nói là từ năm Trung Bình về sau, riêng Kinh châu được vẹn toàn, đến lúc Lưu Biểu làm chức Mục, dân chúng được phong túc yên vui, năm Kiến An thứ tám, thứ chín sẽ bắt đầu suy. Bắt đầu suy, là nói vợ của Lưu Biểu chết, chư tướng tan tác lẻ tẻ vậy. Năm thứ mười ba thì chẳng còn gì, là nói Biểu sẽ chết, vì thế mà tan nát vậy.

Bấy giờ, có người con gái ở huyện Hoa Dung thốt nhiên kêu lớn rằng:

- Kinh châu sắp có đại tang.⁽¹⁾

Lời nói quá mê hoặc, quan huyện cho là lời yêu tà, bắt giam trong ngục hơn một tháng, người ấy ở trong ngục lại đột nhiên khóc lóc nói rằng:

- Hôm nay Lưu Kinh châu chết.

Huyện Hoa Dung cách sở trị châu mấy trăm dặm, quan huyện lập tức phái quan lại cưỡi ngựa đi xem, quả đúng Biểu chết thật, quan huyện bèn thả người con gái đó ra. Người đó lại ngâm hát rằng:

- Chẳng ngờ Lý Lập là tôn quý.

Không lâu sau, Thái tổ bình Kinh châu, lấy người ở quận Trác là Lý Lập, tự Kiến Hiền làm Thứ sử Kinh châu.

¹ Ý nói chúa ở Kinh châu sắp chết.

Thái tổ dùng Tông làm Thứ sử Thanh châu, phong tước Liệt hầu.^① Mười lăm người bọn Khoái Việt đều được phong tước Hầu. Việt làm Quang lộc huân;^② Tung làm Đại hồng lư;^③ Hy làm Thị trung;^④ Tiên làm Thượng thư lệnh; những người còn lại đa phần đều làm quan lớn.^⑤

① Ngụy Vũ cố sự chép lệnh rằng:

"Đất Sở có cái hiểm của núi sông vùng Giang Hán, trước kia là cõi ngoài của quốc gia, so ra cũng giống như nước Tần, Kinh châu là đất cũ của nước Sở. Lưu Trấn nam dùng dân ở đất ấy đã lâu rồi. Sau khi thân chết, các con đôi địch nhau, tuy cuối cùng khó bảo toàn, nhưng cũng có thể kéo dài ngày tháng. Thứ sử Thanh châu là Tông, tấm lòng cao thượng, ý chí thanh khiết, trí sâu tính rộng, khinh vinh trọng nghĩa, lợi mỏng đức dày, xem thường cái cơ nghiệp vạn dặm, coi rẻ cái đông mạnh của ba quân, dốc tấm thân trung chính, giữ danh tốt tiếng hay, trên làm sáng tỏ di chí của tiên công, dưới nắm chặt lộc lớn không hủ mục; đến như Bảo Vĩnh viết Tinh châu,⁽¹⁾ Đậu Dung rời năm quận,⁽²⁾ cũng chưa đủ để so sánh vậy. Dẫu phong cho tước Liệt hầu ở một châu, cũng tiếc là vinh sủng ấy chưa xứng đáng; nhưng người ấy lại dâng thư xin về châu cũ. Chúc Giám sứ tuy tôn quý, nhưng phẩm trật bổng lộc chưa nhiều. Nay nghe theo lời xin, dâng biểu xin bái Tông làm Giám nghị đại phu, Tham đồng quân sự."

¹ Bảo Vĩnh (鮑永) tự Quân Trường, người quận Thượng Đảng huyện Đồn Lưu, là con của quan Tư lệ Hiệu úy Bảo Tuyên nhà Tây Hán thời Ai đế. Vì cha ông bị Vương Mãng giết, ông bỏ trốn, được quan Thái thú Thượng Đảng che chở mới thoát chết. Cuối thời Vương vãng, Bảo Vĩnh là tướng lĩnh trọng yếu của quân Xích Mi, thờ Lưu Huyền, được cầm cờ tiết, chỉ huy quân đội ở Hà Đông, Hà Bắc, Tinh Châu. Khi Lưu Huyền chết, Bảo Vĩnh hàng phục Quang Vũ đế Lưu Tú, ra làm quan nhà Đông Hán, nhận chức Giám nghị đại phu. Truyện về Bảo Vĩnh có chép trong *Hậu Hán thư*, quyển hai mươi chín.

² Đậu Dung (竇融) tự Chu Công, người quận Phù Phong huyện Bình Lăng, thời Vương Mãng làm tướng theo Vương Khuông trấn áp quân Xích Mi, được bái làm Ba Thủy tướng quân. Về sau theo Lưu Huyền làm Trương Dịch thuộc quốc Đô úy. Lưu Huyền chết, Đậu Dung chiếm cứ năm quận vùng Hà Tây thành lực lượng đối kháng chống Quang Vũ đế Lưu Tú, sau nghe lời thuyết dụ về hàng Lưu Tú nhận chức Lương châu mục, theo đi đánh Ngỗi Hiêu, tước An Phong hầu, rồi làm Tư không, hành Vệ úy sự.

② *Phó tử chép*: Việt là dòng dõi của Khoái Thông,⁽¹⁾ là bậc túc trí thâm sâu, cao lớn khỏe mạnh có tư thế kiêu hùng. Đại tướng quân Hà Tiến nghe danh của Việt, cho vời đến làm Đông tào duyện. Việt khuyên Tiến giết bọn yêm quan, Tiến do dự không quyết. Việt biết Tiến tất bại, xin ra ngoài làm Nhữ Dương lệnh, giúp Lưu Biểu bình định trong cõi, Biểu nhờ đó được cường mạnh. Triều đình hạ chiếu thư bái Việt làm Thái thú Chương Lăng, tước Phàn đình hầu. Kinh châu bình, Thái tổ gửi thư cho Tuân Úc nói:

"Ta chẳng mừng được Kinh châu, mừng có được Khoái Dị Độ thôi."

Năm Kiến An thứ mười chín Việt chết. Lúc lâm chung, gửi thư cho Thái tổ, phó thác môn hộ.

Thái tổ đáp thư rằng:

"Người chết mà như còn sống, người sống chẳng phải then. Cô ít khi bảo cử cho ai, chỉ làm nhiều thôi. Hồn người có linh, cũng sẽ nghe được lời này của Cô vậy."

③ *Tiên hiền hành trạng chép*: Tung tự Đức Cao, người quận Nghĩa Dương. Thời trẻ hiếu học, nghèo mà chẳng đổi tiết tháo. Tung biết thời thế sắp loạn, không ra ứng mệnh triệu của Tam công, cùng mấy người bạn thân đồng quận ẩn cư ở trong núi phía tây huyện Lịch. Quân Khăn Vàng nổi dậy, Tung lánh nạn đến phương nam, Lưu Biểu cưỡng bức lấy làm Biệt giá, rồi lại chuyển làm Tông sự trung lang. Biểu ra ngoài thành tế trời đất,⁽²⁾ Tung thẳng thắn can gián nhưng Biểu không nghe, dần dần có ý làm trái. Tung vâng mệnh đi sứ đến huyện Hứa, việc chép tại lời chú lúc trước. Kinh châu bình, Tung ốm bệnh, tới sở quan được phong ấn thụ Đại hồng lư.

④ Hy, là người quận Chương Lăng.

¹ Khoái Thông (蒯通), người quận Phạm Dương, Hà Bắc, vốn có tên là Khoái Triệt (蒯彻), về sau vì tránh húy của Hán Vũ đế mới đổi tên. Khoái Thông có biệt tài mưu thuyết, từng là mưu sĩ của Hàn Tín (tướng tài của Lưu Bang), là người đầu tiên nói kế sách tam phân thiên hạ (Hạng Vũ, Lưu Bang, Hàn Tín), Hàn Tín không nghe mưu của Khoái Thông, sau này bị giết. Khoái Thông sau này trở thành tân khách của Tào Tham (thừa tướng nhà Hán).

² Tế giao là lễ tế trời, chỉ Thiên tử mới được cử hành, Biểu làm lễ ấy là quá phận vậy.

⑤ *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép: Tiên tự Thủy Tông, học rộng nhớ dai, rất thích cái đạo Hoàng Lão,⁽¹⁾ nắm rõ các điển cố của nhà Hán. Làm quan Biệt giá của Lưu Biểu, vâng mệnh đưa chương biểu đến huyện Hứa, diện kiến Thái tổ. Bấy giờ tân khách đều hội họp, Thái tổ hỏi Tiên:

- Lưu châu mục sao lại làm lễ tế trời?

Tiên đáp rằng:

- Lưu châu mục bày tỏ tấm lòng với nhà Hán, ở ngôi vị mục bá, nhưng gặp lúc vương đạo chưa yên, quần hung đầy rẫy trên đường, ôm ngọc đẹp mà không có chỗ làm lễ khấu đầu, soạn biểu chương mà không thấu đến được đức vua, vì thế nên phải ra thành cúng tế trời đất, để tỏ rõ tấm lòng son chân thành.

Thái tổ nói:

- Quần hung là ai?

Tiên nói:

- Ai liếc mắt nhìn đều thấy được.

Thái tổ nói:

- Nay Cô có kẻ sĩ như hùm như gấu, quân bộ kỵ chục vạn, vâng mệnh đánh dẹp kẻ có tội, ai dám không phục?

Tiên nói:

- Đạo nhà Hán đổ nát, quần sinh tiều tụy, đã không có kẻ sĩ trung nghĩa, phù giúp thiên tử, vỗ yên hải nội, khiến muôn bang phục đức, mà cậy quân đội làm việc tàn nhẫn, nói chẳng ai được như mình, thì là bọn Xi Vưu, Trí Bá xuất hiện ngày nay rồi.⁽²⁾

¹ Đạo học của Hoàng đế và Lão tử, chính là đạo “vô vi.”

² Xi Vưu (蚩尤) là thủ lĩnh bộ tộc Cửu Lê, bộ tộc này hung hãn, thường đánh phá các bộ lạc khác. Xi Vưu từng chiếm đất của Viêm Đế (炎帝), tức Du Vỗng, Viêm Đế thua bại, chạy đến Trác Lộc, nhờ Hiên Viên, tức Hoàng Đế (黃帝) giúp đỡ, Hiên Viên đánh một trận dữ dội ở Trác Lộc, diệt Xi Vưu. Tuy nhiên sau đó Hoàng Đế và Viêm Đế nảy xung đột, Hoàng Đế đánh bại Viêm Đế ở Phán Tuyên, thống nhất các bộ lạc ở Trung Nguyên.

Trí Bá (智伯), là quan đại thần nước Tấn cuối thời Xuân Thu, chèn ép vua Tấn, khởi xướng việc chia ba nước Tấn sau này.

Thái tổ lặng im không nói. Rồi báii Tiên làm Thái thú Vũ Lăng. Kinh châu bình, Tiên ban đầu làm Thượng thư của nhà Hán, sau lại làm Thượng thư lệnh của nước Ngụy.

Con rể người cùng quận với Tiên là Chu Bất Nghi, tự là Nguyên Trục, người quận Linh Lăng.

Tiên hiền truyện khen Bất Nghi thừa nhỏ có tài lạ, thông minh nhanh nhẹn, Thái tổ muốn gả con gái cho, Bất Nghi không dám nhận. Thái tổ yêu mến người con là Thương Thư, sớm có tài trí, cho rằng so với Bất Nghi là cùng hạng. Lúc Thương Thư chết, Thái tổ trong lòng ghét Bất Nghi, muốn trừ đi. Văn đế can cho là không nên, Thái tổ nói:

- Người này không phải là người mà mày chế ngự được.

Bèn phái thích khách giết Bất Nghi.

Văn chương chí của Chí Ngu chép: Bất Nghi chết lúc mười bảy tuổi, soạn được bốn bài Văn luận.

Thế ngữ chép: Sau khi Biểu chết hơn tám chục năm, đến năm Thái Khang trung thời nhà Tấn, mộ của Biểu bị đào bới. Thân thể của Biểu và vợ thấy hình trạng như lúc còn sống, mùi thơm tỏa ra mấy dặm.

Bình rằng: Đồng Trác hung ác tàn nhẫn như lang sói, bạo ngược bất nhân, từ khi có sách vở ghi chép đến nay, e là chưa có ai như vậy.^① Viên Thuật xa xỉ phóng túng, hành vi quá quắt, vinh hoa không được hưởng trọn, đấy là tự làm tự chịu.^② Viên Thiệu, Lưu Biểu đều dung mạo uy nghiêm, xem ra có khí phách, giương danh trên đời. Biểu nhậy nhót ở Hán Nam; Thiệu bay cao ở Hà Sóc, nhưng đều là người bề ngoài khoan hòa, bên trong nghi kỵ, thích mưu mà không quyết đoán, có người tài mà chẳng thể dùng, nghe lời thiện mà chẳng đón nhận, phế đích lập thứ, bỏ lễ mà yêu kẻ sủng ái, đến nỗi hậu tự đảo điên, xã tắc nghiêng đổ; chẳng phải là bất hạnh vậy. Xưa kia Hạng Vũ làm trái mưu của Phạm Tăng, đã vui lấp vương

ngiệp của mình;⁽¹⁾ Thiệu giết Điền Phong, còn quá hơn cả Vũ nữa vậy!

① *Anh hùng ký* chép: Trước kia có người cao lớn hiện ra ở Lâm Thao thì người đồng được đúc; lúc Trác sinh ở Lâm Thao thì người đồng bị phá;⁽²⁾ thế gian có Trác thì đại loạn nổ ra, đại loạn nổ ra thì Trác bị diệt, là nguyên do đó vậy.

② Thần Tùng Chi cho rằng Kiệt, Trụ vô đạo, Tần, Mãng phóng túng bạo ngược, đều trải qua nhiều năm, rồi sau cái ác mới rõ ràng. Đồng Trác tự chiếm quyền bính, đến nỗi chết sắp mặt, tính ra ngày tháng, chưa đầy ba năm, mà họa chất như núi lớn, nỗi căm giận lan truyền bốn bể. Cái bản tính tàn hại của hắn, thực lang sói cũng chẳng bằng. Bình là: "Từ khi có sách vở ghi chép đến nay e là chưa có ai như vậy", là lời rất xác đáng. Nhưng đã bình là "hung ác tàn nhẫn", lại nói là "bạo ngược bất nhân", tàn nhẫn, bất nhân, câu từ ấy là để tăng sức nặng vậy. Viên Thuật không có chút công lao mòn mọn, không có chút đức thiện còn con, mà càn rỡ ở đời, xằng bậy tự lên ngôi tôn quý, cho nên kẻ có nghĩa ai cũng chống tay thờ dài, thần người ai ai cũng ghét. Ví như có cung kính tiết kiệm, thì chắc chắn cũng không tránh khỏi nghiêng đổ, mà lời bình chỉ nói: "Xa xỉ quá quất nên vinh hoa không được hưởng trọn", là chưa đủ để thấy được cái đại ác của hắn vậy.

--- 卐 ---

¹ Phạm Tăng (范增), người quận Cư Sào, sống ở thời Tần Mạt. Quân hùng nổi dậy chống Tần, Phạm Tăng theo Hạng Vũ, được tôn là Á phụ. Quân Sở tiến vào Quan Trung, Phạm Tăng khuyên Hạng Vũ diệt thế lực của Lưu Bang, Hạng Vũ không nghe. Về sau tại hội yến Hồng Môn, Phạm Tăng bày kế giết Lưu Bang, việc không thành. Lúc Lưu Bang khốn đốn ở Huỳnh Dương, Trần Bình bày kế ly gián chủ tớ nước Sở, Phạm Tăng bị Hạng Vũ ngờ bèn từ quan, rút cục Hạng Vũ thua bại.

² *Hán thư*, thiên *Ngũ hành chí* chép: Năm thứ hai mươi sáu thời Tần Thủy Hoàng, có mười hai người thân cao năm trượng, chân rộng sáu thước, mặc áo Di Dịch, xuất hiện ở Lâm Thao, Tần Thủy Hoàng sai phá binh khí đúc mười hai bức tượng lớn, đặt ở thành Hàm Dương để trấn áp.

Quan trung ký lại chép rằng: Đồng Trác phá mười tượng người đồng, chỉ còn hai tượng.

QUYỂN THỨ BẢY

LÃ BỐ, TRƯƠNG MẠC, TANG HỒNG TRUYỆN



Lã Bố tự Phụng Tiên, người quận Ngũ Nguyên huyện Cửu Nguyên. Bối kiêu dũng thiện chiến nên nhận chức ở Tinh châu. Thứ sử là Đinh Nguyên làm Kỵ đô úy, đóng quân ở Hà Nội, dùng Bố làm Chủ bộ, đối đãi thân thiết khác thường. Linh đế băng hà, Nguyên đem binh đến Lạc Dương,^① cùng Hà Tiến mưu diệt bọn hoàng môn, được bái làm Chấp kim ngô.

Tiến chết, Đồng Trác vào kinh đô, định làm loạn, muốn giết Nguyên, để thôn gồm binh lính của Nguyên. Trác thấy Bố được Nguyên tin tưởng, bèn dụ Bố sai giết Nguyên. Bố chém Nguyên đem đầu đến chỗ Trác, Trác lấy Bố làm Kỵ đô úy, rất yêu mến tin tưởng, ước thế làm cha con.

① *Anh hùng ký* chép: Nguyên tự Kiến Dương. Vốn xuất thân từ gia đình nghèo khó, là người thô lậu, có vũ dũng, khéo cưỡi ngựa bắn cung. Lúc làm Lại ở huyện Nam, nhận mệnh sai khiến chẳng từ gian khó, khi có cáo cấp, liền truy sát quân cường khấu, thường xông lên phía trước. Nguyên ít đọc sách, thiếu khả năng làm quan.

Bố giỏi việc cung ngựa, sức vóc hơn người, có hiệu là Phi tướng.⁽¹⁾ Ít lâu được thăng đến chức Trung lang tướng, phong tước Đô đình hầu.

¹ Chữ “phi” tức là bay, ý rằng Bố là tướng nhanh nhẹn như bay.

Trác tự biết là mình vô lễ với người khác, sợ họ mưu hại mình, khi đi đứng thường lấy Bố làm hộ vệ. Nhưng Trác tính tình cố chấp nóng nảy, lúc cáu giận chẳng nghĩ đến nguy hiểm, có lần thất ý vì một việc nhỏ, tiện tay rút cây kích ném Bố. Bố giỏi võ nghệ nhanh tay đánh dạt cây kích đi, ngoảnh sang Trác tạ lỗi, Trác cũng có ý nguôi giận. Tuy vậy Bố vẫn ngầm oán hận Trác. Trác thường sai Bố trấn giữ phía trong cửa nách, Bố và thị tì của Trác tư thông, sợ việc bị phát giác, trong lòng tự thấy bất an.

Trước đây, Tư đồ Vương Doãn nhân vì Bố là người cùng châu lại rất tráng kiện, nên hậu đãi thu nạp Bố. Về sau Bố đến chỗ Doãn, dãi bày chuyện Trác có lần suýt giết mình. Bấy giờ Doãn và Bộc xạ Tôn Thụy đang ngầm bàn mưu tru diệt Trác, nên bảo Bố làm nội ứng. Bố nói:

- Nhưng ta có cái nghĩa cha con thì làm thế nào!

Doãn nói:

- Ngài họ Lã, vốn chẳng phải là cốt nhục. Nay lo chết chẳng xong, còn nói gì đến cha con?

Bố bèn nghe theo, tự tay cầm dao đâm chết Trác. Việc đã nói ở *Đổng Trác truyện*. Doãn lấy Bố làm Phấn uy (Phấn vũ) tướng quân, ban cho Giả tiết, Nghi bử tam ti,⁽¹⁾ tấn phong tước Ôn hầu, cùng nắm quyền triều chính.

Bố từ sau khi giết Trác, ghét sợ người Lương châu, người Lương châu đều oán hận Bố. Bởi thế bọn Lý Thôi bèn liên kết nhau lại kéo về đánh Trường An.^① Bố không chống nổi, bọn Thôi liền kéo vào Trường An. Trác chết được sáu tuần⁽²⁾ thì Bố cũng thua bại,^② bèn dẫn mấy trăm quân kỵ chạy ra Vũ Quan, muốn đến chỗ Viên Thuật.

¹ Tức là cho nghi trọng, gần được như ngôi Tam công.

² Sáu tuần: Tức là hai tháng, mỗi tuần là mười ngày theo cách tính lịch của thời ấy.

① *Anh hùng ký* chép: Quách Ty ở phía bắc thành. Bố mở rộng cửa thành, dẫn binh tới chỗ Ty, nói:

- Hãy tạm lui binh, chỉ mình ta và ngươi quyết thắng phụ.

Ty và Bố bèn đơn đả độc đấu, Bố dùng mâu đâm trúng người Ty, quân kỵ của Ty ở phía sau liền tiến ra cứu Ty, Ty và Bố hai bên đều bãi binh.

② Thần Tùng Chi xét *Anh hùng ký* chép: Các sách nói, Bố giết Trác vào ngày hai mươi ba tháng tư, đến ngày mồng một tháng sáu thì thua chạy, năm ấy lại không có tháng nhuận, vậy chẳng thể đến sáu tuần được.

Bố tự cho rằng mình đã giết Trác là giúp Thuật báo cừu, nghĩ Thuật sẽ lấy ân đức để báo đáp. Thuật ghét Bố là kẻ phản phúc, cự tuyệt không thu dụng. Bố lên bắc đến chỗ Viên Thiệu, Thiệu và Bố đánh Trương Yển ở Thường Sơn. Yển có hơn vạn tinh binh, mấy nghìn quân kỵ. Bố có con ngựa hay gọi là Xích Thố, ① thường cùng bọn tướng thân cận của mình là Thành Liêm, Ngụy Tục xung phong hãm trận, về sau phá được quân của Yển. Nhưng lúc xin cấp thêm binh, tướng sĩ lại hay cướp bóc, Thiệu vừa sợ vừa ghét. Bố hiểu ý của Thiệu, tới gặp Thiệu xin đi. Thiệu sợ Bố quay lại hại mình, bèn phái tráng sĩ nhân đêm tối ngầm giết Bố, không giết được. Việc bại lộ, Bố chạy về Hà Nội, ② cùng Trương Dương hợp binh. Thiệu lệnh sai binh lính đuổi theo, chúng đều sợ Bố, chẳng ai dám tiếp cận. ③

① *Tào man truyện* chép: Người đương thời có câu rằng: "Người có Lã Bố, ngựa có Xích Thố."

② *Anh hùng ký* chép: Bố tự nghĩ rằng mình có công với họ Viên, khinh mạn chư tướng bộ hạ của Thiệu, cho là sắp đặt mình ngang bằng họ, là không đủ quý hiển.

Bố xin về Lạc Dương, Thiệu vờ cho Bố lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy, bề ngoài nói là đang sắp xếp phái đi nhận chức, mà bên trong thực muốn giết Bố. Sáng hôm sau lên đường, Thiệu phái ba chục giáp sĩ theo, nói rằng đưa tiễn Bố. Bố sai họ ở trong góc trường, vờ sai

người trong trướng gây đàn. Quân của Thiệu nằm nghỉ, không biết vì sao Bối lại ra được khỏi trướng, mà binh lính họ Viên không phát giác được. Nửa đêm binh lính xông lên, đến chém loạn vào giường của Bối, cho là Bối đã chết. Sáng hôm sau, Thiệu tra hỏi, mới biết Bối vẫn còn sống, bèn đóng cửa thành lại. Bối liền bỏ đi.

③ *Anh hùng ký* chép: Dương và chư tướng thuộc hạ, đều vâng nhận yết bảng của Thôi, Ty truy tìm Bối, cùng mưu giết Bối.

Bối nghe tin ấy, báo với Dương rằng:

- Bối và ngài là người cùng châu. Ngài giết Bối, là ngài kém. Chẳng bằng đem bán Bối, có thể được Ty, Thôi ban tước sủng.

Dương vì thế ngoài mặt hứa với Thôi, Ty, trong bụng lại thật tình bảo hộ Bối. Ty, Thôi lo lắng, bèn đổi ý xuống chiếu thư, phong Bối làm Thái thú Dĩnh Xuyên.

Trương Mạc tự Mạnh Trác, người quận Đông Bình huyện Thọ Trương. Thời trẻ vì hiệp nghĩa mà nổi tiếng, cứu người cùng khổ giúp kẻ nguy nan, dốc hết gia sản không hề tiếc, kẻ sĩ nhiều người theo về. Thái tổ, Viên Thiệu đều thân thiết với Mạc.

Mạc được Công phủ triệu gọi, vì là con nhà quyền quý nên được bái làm Kỵ đô úy, rồi thăng làm Thái thú Trần Lưu. Loạn Đông Trác, Thái tổ cùng Mạc cầm đầu dấy nghĩa binh. Chiến dịch Biện Thủy, Mạc phái Vệ Tư dẫn binh theo Thái tổ. Sau khi Viên Thiệu làm Minh chủ, có khí sắc kiêu căng, Mạc lấy lời chính đáng trách Thiệu. Thiệu sai Thái tổ giết Mạc, Thái tổ không nghe, trách Thiệu rằng:

- Mạnh Trác, là thân cận bằng hữu của ta, phải trái nên nhường nhịn lẫn nhau. Nay thiên hạ chưa định, chẳng nên tự làm nguy cho nhau vậy.

Mạc biết chuyện, càng quý trọng Thái tổ.

Thái tổ đi đánh Đào Khiêm, viết thư báo người nhà rằng: "Nếu ta không về, hãy tới nương nhờ Mạnh Trác." Sau Thái tổ trở về,

gặp Mạc, hai người đối mặt nhau mà khóc. Hai người thân với nhau đến như thế.

Lã Bố chạy khỏi chỗ Viên Thiệu đi theo Trương Dương, qua chỗ Mạc, lúc sắp chia biệt, cầm tay nhau cùng thề thốt. Thiệu nghe nói, rất cảm hận. Mạc sợ Thái tổ sau này giúp Thiệu đánh mình, trong lòng tự thấy bất an.

Năm Hưng Bình nguyên niên, Thái tổ lần thứ hai đi đánh Đào Khiêm, em của Mạc là Siêu cùng chư tướng của Thái tổ là Trần Cung, Tòng sự trung lang là Hứa Dĩ, Vương Khải chung mưu phản Thái tổ. Cung nói với Mạc rằng:

- Hiện nay anh hùng hào kiệt đều nổi dậy, thiên hạ tan lở chia lìa, ngai nắm dân chúng trong nghìn dặm, giữ mảnh đất tứ bề tranh chiếm, vô gươm liếc nhìn, cũng đủ làm bậc hào kiệt, mà để người ta khắc chế, chẳng hèn đớn lắm sao! Nay quân trong châu đông chinh, xứ ấy rỗng không, Lã Bố là tráng sĩ, thiện chiến không ai đương nổi, nếu ta quyền nghi đón mời, chung sức quản Duyện châu, quan sát hình thế thiên hạ, đợi thời thế thay đổi, như thế cũng đủ tung hoành một thời vậy.

Mạc nghe theo.

Thái tổ lúc đầu sai Cung đem binh đóng ở Đông Quận, Cung dẫn bộ chúng sang đông đón Bố làm Duyện châu mục, đóng tại Bộc Dương. Các huyện trong quận đều hưởng ứng, duy có Quyên Thành, Đông A, Phạm huyện trụ giữ giúp Thái tổ. Thái tổ dẫn quân về, cùng Bố giao chiến ở Bộc Dương, quân Thái tổ gặp bất lợi, cầm giữ nhau hơn trăm ngày. Năm ấy hạn hán, có nạn hoàng trùng, lương thực thiếu thốn, trăm họ ăn thịt lẫn nhau, Bố sang đông đóng quân ở Sơn Dương. Trong vòng hai năm, Thái tổ lại thu phục được hết các thành, đánh phá Bố ở Cự Dã. Bố chạy sang đông đến hàng Lưu Bị.^①

Mạc theo Bố, lưu tướng là Siêu và gia thuộc đóng giữ Ung Khâu. Thái tổ vây đánh mấy tháng liền, giết sạch cả thành,

chém Siêu cùng gia quyến Siêu. Mặc đến chỗ Viên Thuật xin cứu, nhưng chưa đến nơi, lại bị binh lính của mình giết hại.^②

① *Anh hùng ký* chép: Bố gặp Lưu Bị, rất cung kính, bảo với Bị rằng:

- Ta và ngài cùng là người ở ven biên vậy.⁽¹⁾ Bố thấy xứ Quan Đông khởi binh, muốn tru diệt董卓. Bố liền giết Trác rồi chạy ra phía đông, chư tướng ở Quan Đông không để cho Bố được yên, đều muốn giết Bố thôi.

Rồi Bố mời Bị vào trướng ngồi ở trên giường của vợ mình, lệnh cho vợ mình hướng vào Bị bái lạy, lại rót rượu cùng ăn uống, gọi Bị là đệ.⁽²⁾ Bị thấy Bố nói năng không giữ phép thường, ngoài mặt tỏ vẻ thân nhiên nhưng trong bụng rất không hài lòng.

② *Hiển đế Xuân Thu* chép: Viên Thuật nghị bàn xưng tôn hiệu, Mạc bảo Thuật rằng:

- Nhà Hán giữ đức Hòa, đã dứt tuyệt mà lại hưng, đức trạch phong lưu, nảy sinh ra minh công. Minh công thân giữ chức vị trọng yếu, vào triều thì hưởng lộc ngồi ở chiếu trên, ra ngoài thì là nơi muôn mắt trông vào, dẫu núi Hoa núi Hoắc⁽³⁾ cũng chẳng thể cao hơn được, tuổi vực chẳng thể so cùng được, có thể nói là đức cao ân lớn với vọi, không có ai là người thứ hai sánh được. Sao lại bỏ vị trí ấy mà muốn xưng chế? Sợ là phúc chỉ như ánh mắt liếc qua, họa đã vụt tới tràn trề. Trang Chu nói con Hi ngư⁽⁴⁾ dùng lúc cúng tế trời, được nuôi dưỡng qua năm, cho mặc áo gấm có hoa văn, bị loan đao⁽⁵⁾ sắc cắt xẻo, để đem vào cửa miếu; vào lúc bấy giờ, muốn xin làm con nghé mồ côi cũng chẳng thể được vậy!

¹ Lã Bố người huyện Ngũ Nguyên, Lưu Bị ở quận Trác, Ngũ Nguyên và Trác Quận đều là đất vùng biên ải.

² Lã Bố coi Lưu Bị như đàn em mình.

³ Núi Hoa, núi Hoắc, tức hai ngọn núi Hoa Sơn, Hành Sơn, là những ngọn núi rất cao ở Trung Quốc.

⁴ Hi ngư (牺牛), là con bò sắc đen tuyền, thường được dùng làm vật tế lễ.

⁵ Loan đao (鸞刀) là con đao chuôi ngọc, có buộc chuông, cực kỳ sắc bén, là dụng cụ để sát sinh trong các lễ tế.

Xét bản truyện, Mạc đến chỗ Thuật, chưa đến nơi thì chết. Mà sách này nói Mạc can gián việc xưng tôn hiệu; chưa rõ sách nào nói đúng.

Bị sang đông đánh Thuật; Bối rình đánh úp lấy Hạ Bị, Bị quay về lại quy hàng Bối. Bối phái Bị đóng quân ở Tiểu Bái, Bối tự xưng là Thứ sử Từ châu.① Thuật phái tướng là bọn Kỳ Linh đem ba vạn quân bộ kỵ đi đánh Bị, Bị cầu cứu với Bối. Chư tướng của Bối bảo Bối rằng:

- Tướng quân thường muốn giết Bị, nay nên mượn tay Thuật trừ hấn.

Bối nói:

- Không thể được. Thuật nếu phá được Bị, tất lên bắc liên kết với chư tướng ở Thái Sơn, thì ta ở trong vòng vây của Thuật, chẳng thể không cứu Bị vậy.

Liên sắp xếp một nghìn quân bộ, hai trăm quân kỵ, gấp rút qua cứu Bị. Bọn Linh nghe tin Bối đến, đều thu binh không dám đánh lại. Bối hạ trại ở cách phía tây nam Tiểu Bái một dặm, phái lính hầu đến mời bọn Linh, bọn Linh cũng mời Bối cùng ăn uống. Bối bảo bọn Linh rằng:

- Huyền Đức, là em của Bối này vậy. Em của Bối bị chư quân vây khốn, nên Bối đến cứu hấn. Bối bản tính không thích đánh nhau, chỉ thích hòa giải đánh nhau thôi.

Bối lệnh cho quan canh cửa đứng ở cửa doanh giờ một cái kích lên, Bối nói:

- Chư quân xem Bối bắn vào cái ngạnh kích, bắn một phát mà trúng thì chư quân phải giải tán, nếu bắn không trúng thì được ở lại quyết đấu.

Bối giương cung bắn kích, trúng giữa cái ngạnh kích; chư tướng đều kinh sợ, nói:

- Tướng quân thực có oai trời vậy.

Hôm sau lại hội uống rượu, rồi sau các bên đều bãi binh.

① Anh hùng ký chép: Lúc Bối mới vào Từ châu, gửi thư cho Viên Thuật. Thuật đáp thư rằng:

"Trước đây Đồng Trác tác loạn, phá hoại vương thất, họa hại đến gia môn của Thuật; Thuật dấy binh ở Quan Đông, chưa thể đánh diệt được Trác. Tướng quân kẻ tội mà giết Trác, đưa đầu hắn đến, giúp Thuật rửa sạch mối nhục thù, khiến Thuật này được sáng mắt ở đời, sống hay chết cũng chẳng phải hổ thẹn gì nữa. Đây là cái công thứ nhất vậy. Lúc trước kia triều đình cử Kim Nguyên Hưu tới Duyện châu, vừa mới đến (Phong Khâu) (Phong Bộ), bị Tào Tháo đón chặn đánh phá ở đó, lưu ly tan tác, đến nỗi suýt diệt vong. Tướng quân phá vỡ Duyện châu, Thuật lại được sáng mắt với xa gần. Đây là cái công thứ hai vậy. Thuật từ lúc sinh ra ở đời đến nay, chẳng nghe biết trong thiên hạ có người là Lưu Bị, mà Bị lại cất binh cùng Thuật đối trận tác chiến; Thuật cậy vào cái uy thế hiển hách của tướng quân, nhờ đó đánh tan được Bị. Đây là cái công thứ ba vậy. Tướng quân có ba công lớn với Thuật, Thuật tuy bất tài, xin lấy sự sống chết mà cung phụng. Tướng quân chinh chiến liên miên, quân lương thiếu khốn; nay xin đưa tặng hai mươi vạn斛 gạo, nghênh đón ở trên đường, không chỉ có thế, vẫn còn đang liên tục đưa đến nữa; nếu như binh khí chiến cụ có gì còn thiếu thốn, lớn nhỏ xin được theo mệnh."

Bối được thư cả mừng, bèn đến Hạ Bi.

Diễn lược chép: Nguyên Hưu tên Thượng, là người quận Kinh Triệu. Thượng cùng người đồng quận là Vi Hưu Phú, Đệ Ngũ Văn Hưu đều nổi danh, được gọi là Tam Hưu.

Thượng, vào đầu thời Hiến đế được bổ làm Thứ sử Duyện châu, bèn sang đông đi đến quận, nhưng Thái tổ đã lĩnh quản Duyện châu. Thượng liền xuôi nam nương nhờ Viên Thuật. Thuật tiếm hiệu, muốn lấy Thượng làm Thái úy, lại chẳng dám nói rõ ra, ngầm sai người dùng ẩn ý nói với Thượng, Thượng không cúi phục, Thuật cũng không dám cưỡng ép.

Năm Kiến An sơ, Thượng trốn về triều, bị Thuật giết hại. Sau đó Thuật báo tang cả hai người là Thượng và Thái phó Mã Nhật Đê

đến kinh sư, thiên tử khen ngợi sự trung liệt của Thượng, vì Thượng than thở, hạ chiếu sai trăm quan điếu tể, rồi bái con của Thượng là Vĩ làm Lang trung, còn Nhật Đê thì không được như vậy.

Anh hùng ký chép: Quân thủy bộ của Bồ xuôi đông, đến cách phía tây Hạ Bi bốn chục dặm; Trung lang tướng của Bị là Hứa Đàm người quận Đan Dương ban đêm sai quan Tư mã đem thư đến chỗ Bồ, nói:

"Trương Ích Đức cùng tướng của Hạ Bi là Tào Báo tranh cãi nhau, Ích Đức giết Báo, trong thành đại loạn, chẳng tin nhau nữa. Binh lính của Đan Dương có nghìn người đóng trại ở phía tây bên trong cửa thành, nghe tin tướng quân hướng đến phía đông, lớn nhỏ đều nhảy nhót, như được sống lại. Binh lính của tướng quân hướng đến cửa thành phía tây, quân Đan Dương sẽ mở rộng cửa đón tướng quân vào thôi."

Bồ bèn tiến binh ngay trong đêm, sáng sớm đến dưới chân thành. Trời sáng rõ, binh lính Đan Dương đều mở cửa đón quân của Bồ vào thành. Bồ ngồi trên cửa thành, quân bộ kỵ phóng hỏa, đại phá quân của Ích Đức, bắt được vợ con và quân tư trang cùng người nhà các quan lại, tướng sĩ của Bị.

Năm Kiến An nguyên niên tháng sáu, một bữa vào lúc nửa đêm, tướng của Bồ là Hách Mạnh người quận Hà Nội làm phản, dẫn binh vào sở trị của Bồ ở phủ Hạ Bi, tiến đến bên ngoài cửa nách của sảnh đường, đồng thanh hô lớn đánh phá cửa nách, cửa vững không vào được. Bồ không biết kẻ làm phản là ai, dắt vợ đi ngay, áo hở vai, đầu không mũ, cùng nhau theo lối chuồng tiêu phá vách chạy ra, đến trại của Đô đốc Cao Thuận, đẩy vội cửa trại đi vào, Thuận hỏi:

- Tướng quân có biết là ai không?

Bồ nói:

- Nghe thanh âm thì là bọn Hà Nội.

Thuận nói:

- Đây là Hách Mạnh vậy.

Thuận lập tức sắp xếp binh lính tiến vào trong phủ, cung nỏ đều bắn thẳng vào bộ chúng của Mạnh; bộ chúng của Mạnh chạy tán loạn, trời sáng rõ lại về trại cũ. Tướng của Mạnh là Tào Tính phản lại Mạnh, cùng Mạnh đối chiến, Mạnh đâm Tính bị thương, Tính phạt được một cánh tay của Mạnh. Thuận chặt đầu Mạnh, để Tính lên xe, đưa đến chỗ Bô. Bô tra hỏi Tính, Tính nói:

- Mạnh vâng theo mưu của Viên Thuật.

Bô hỏi:

- Cùng mưu tính có những ai?

Tính nói:

- Trần Cung đồng mưu.

Bấy giờ Cung ngồi trên, đỏ mặt, người bên cạnh đều phát hiện ra. Bô vì Cung là đại tướng, không hỏi đến.

Tính nói:

- Mạnh thường đem việc này ra hỏi, Tính nói rằng Lã tướng quân là bậc Đại tướng có uy thần, không thể đánh được, chẳng ngờ Mạnh ngông cuồng rồi đại không dùng.

Bô bảo Tính rằng:

- Khanh là kẻ dững kiện vậy!

Rồi sai người chăm sóc kỹ vết thương. Vết thương lành, Bô sai Tính vỗ yên quân cũ của Mạnh, cho lĩnh quân ấy.

Thuật muốn liên kết với Bô làm ngoại viện, bèn cho con trai hỏi cưới con gái của Bô, Bô đồng ý việc ấy. Thuật phái sứ giả là Hàn Dận đem chuyện nghị bàn việc tiến hiệu đến báo với Bô, cùng xin đón dâu. Bái tướng là Trần Khuê sợ là Thuật và Bô thành thông gia, thì hai châu Từ, Dương hợp tung, sẽ thành quốc nạn, vì thế qua khuyên Bô rằng:

- Tào công cung kính nghênh đón thiên tử, phù tá chính sự quốc gia, uy thế hiển hách trùm đời, sắp sửa chinh chiến bốn bề, tướng quân nên cùng ông ấy hợp tác bàn kế sách, thì giữ được sự yên vững như núi Thái. Nay cùng Thuật kết thông gia,

nhận lấy cái tiếng bất nghĩa với thiên hạ, tất có mối nguy như trúng chông.

Bố cũng oán Thuật lúc trước không dung nạp mình, dù con gái đã lên đường, Bố sai người đuổi theo đưa về và tuyệt hôn, đóng gông Hàn Dân đưa đến Hứa Xương, chém bêu đầu ở chợ Hứa.

Khuê muốn sai con là Đăng đến chỗ Thái tổ, Bố không đồng ý cho đi. Vừa lúc sứ giả đến báo Bố làm Tả tướng quân. Bố cả mừng, lập tức đồng ý cho Đăng qua chỗ Thái tổ, lại lệnh cho Đăng dâng tấu chương tạ ân.^① Đăng gặp Thái tổ, nhân đó bày tỏ rằng Bố hữu dũng vô mưu, phản phúc vô thường, nên sớm diệt đi.

Thái tổ nói:

- Bố, có tâm tính của loại sói hoang, thực khó nuôi dưỡng lâu được, không phải chỉ có ngài mới hiểu rõ tính tình của hắn.

Liền ban thêm cho Khuê phẩm trật Trung nhị thiên thạch, bãi Đăng làm Thái thú Quảng Lăng. Sắp chia biệt, Thái tổ cầm tay Đăng nói:

- Việc ở phương đông, ta giao phó hết cho ngài.

Rồi hạ lệnh cho Đăng ngầm tập hợp bộ chúng để làm nội ứng.

① *Anh hùng ký* chép: Khi trước, thiên tử ở Hà Đông, có lần tự tay khắc thư triệu Bố đến đón. Quân của Bố không có lương tích trữ, chẳng thể tự đến, chỉ phái sứ dâng thư lên. Triều đình lấy Bố làm Bình đông tướng quân, phong tước Bình Đào hầu. Người được sai đi đến địa giới quận Sơn Dương thì đánh mất văn tự, Thái tổ lại tự tay viết thư vỗ về ủy lạo Bố, nói hãy khởi binh đến đón thiên tử, tỏ ý cùng chung sức gánh vác việc bình thiên hạ, đồng thời hạ chiếu thư yết bảng, treo thưởng cho kẻ lũng bắt được bọn Công Tôn Toàn, Viên Thuật, Hàn Tiêm, Dương Phụng. Bố cả mừng, lại phái sứ dâng thư lên thiên tử nói:

"Thần vốn sắp sửa nghênh đón đại giá, lại được biết Tào Tháo trung hiếu, vâng đón thiên tử định đô ở huyện Hứa. Thần lúc trước cùng

Tháo giao binh, nay Tháo bảo hộ phù trợ bề hạ, thân là tướng ở ngoài, muốn đem binh tự đi theo, sợ có kẻ nghi ngờ, vì thế đợi tội ở Từ châu, tiến lui chưa dám tùy tiện quyết định."

Lại trả lời thư của Thái tổ rằng:

"Bố là kẻ đắc tội, xét đúng phận sự đáng phải chém đầu, ngài lại tự tay viết thư úy lạo, khen ngợi hậu thưởng. Lại chiếu thư yết bảng trọng thưởng cho người lòng bắt được bọn Viên Thuật; Bố sẽ đem cả tính mệnh của mình ra gắng sức."

Thái tổ lại phái Phụng xa đô úy là Vương Tắc làm sứ giả, mang chiếu thư, đem ấn thụ Bình đông tướng quân đến phong cho Bố. Thái tổ lại tự tay viết thư gửi Bố rằng:

"Ấn thụ đưa đi phong cho tướng quân bị mất ở trại quân tại Sơn Dương, quốc gia không có vàng tốt, Cô tự lấy vàng tốt trong nhà mình ra thay vào để đúc ấn; quốc gia cũng không có dây thao tía, Cô tự lấy dây thao tía mình đang đeo trao cho tướng quân để biểu lộ tấc lòng. Kẻ bất lương mà tướng quân qua lại, như Viên Thuật xưng là thiên tử, tướng quân dùng quan hệ ngay, lại không cho sứ giả qua lại thư từ. Triều đình tin tưởng tướng quân, sai người đến lần nữa, để nêu tỏ tấm lòng trung thành của tướng quân."

Bố bèn phái Đặng dăng tấu chương tạ ân, đồng thời đem một dây thao tốt đến để đáp lại Thái tổ.

Mới đầu, Bố thông qua Đặng cầu lấy chức Từ châu mục, không được, Đặng về, Bố giận, rút kích chém xuống ghế, nói:

- Cha ngươi khuyên ta hợp sức với Tào công, tuyệt hôn với Công Lộ; nay những điều mà ta cầu không được một cái gì, mà cha con ngươi đều được địa vị hiển hách uy quyền trọng vọng; ta bị ngươi bán rồi! Ngươi nói cho ta nghe, họ nói ta thế nào?

Đặng không động nét mặt, thông thả giảng giải với Bố rằng:

- Đặng gặp Tào công, nói: "Đãi tướng quân ví như dưỡng hổ, nên cho ăn no thịt, nếu ăn không no nó sẽ cắn người." Tào công nói: "Chẳng phải như ngài nói! Phải ví như nuôi chim ưng, đói thì dùng được, no thì bay đi mất." Lời của Tào công là như thế.

Bố mới hả lòng.

Thuật giận Bố, cùng bọn Hàn Tiêm, Dương Phụng liên hợp, phái đại tướng Trương Huân đánh Bố.

Bố bảo Khuê rằng:

- Nay khiến cho quân của Thuật đến, là do ngươi, biết làm thế nào?

Khuê nói:

- Tiêm, Phụng và Thuật, là lũ quân ô hợp thôi, kế mưu vốn chẳng định rõ, không thể ràng buộc với nhau lâu dài, hãy theo kế sách của con ta là Đãng mà đánh chúng, xem ra chúng như đàn gà, về hình thế chẳng thể ở cùng một chỗ, nên làm chúng tan lìa ra.

Bố dùng kế sách của Khuê, phái người khuyên nhủ Tiêm, Phụng, khiến họ hợp sức với mình cùng đánh quân của Thuật, quân tư trang lấy được, đều cho hết Tiêm, Phụng. Vì thế Tiêm, Phụng nghe theo, Huân đại bại.^①

① *Cửu châu Xuân Thu* chép thư Bố gửi Tiêm, Phụng rằng:

"Hai tướng quân dờn đại giá sang đông, lập công lớn với nước, huân lao đáng chép vào tre lụa, vạn đời không hủ mục. Nay Viên Thuật động loạn, ta nên phải cùng đánh diệt, sao lại giúp kẻ tặc thần quay lại cùng đánh Bố? Bố có công giết Đồng Trác, cùng hai tướng quân đều là công thần, nên nhân lúc này cùng đánh phá Thuật, lập công với thiên hạ, cơ hội chẳng thể để lỡ vậy."

Tiêm, Phụng được thư, lập tức quay sang tính kế theo Bố. Bố tiến quân, cách trại của bọn Huân trăm bước chân, quân của Tiêm, Phụng nhất loạt xông lên, chém được mười đầu tướng, kẻ chết, người bị thương rơi xuống sông chết chẳng thể tính xuể.

Anh hùng ký chép: Sau đó Bố lại cùng quân của hai tướng Tiêm, Phụng hướng đến Thọ Xuân, thủy lục cùng tiến, qua đâu đánh cướp ở đó. Đến huyện Chung Li, đánh cướp được nhiều rồi quay về. Vượt qua sông Hoài lên bắc, để lại thư gửi Thuật nói:

"Túc hạ cậy quân cường thịnh, thường nói mình có mãnh tướng võ sĩ, muốn thôn tính đánh diệt ta, lại thường bị ngăn chặn! Bố tuy vô dũng, nhưng như hổ nhẩy ở Hoài Nam, trong một thời gian, túc hạ làm con chuột trốn náu ở Thọ Xuân, không dám thò đầu. Mãnh tướng võ sĩ, đâu hết cả rồi? Túc hạ thích nói lời khoa trương để lờ bịp thiên hạ, người trong thiên hạ sao có thể bị lừa hết được? Thời xưa giao tranh, đều có nguyên nhân, lần này gây việc binh đao, đâu phải Bố là người khởi xướng trước. Ta ở cách túc hạ không xa, mong thư đáp lại."

Bố qua sông xong, Thuật tự mình dẫn năm nghìn quân bộ kỵ đến diễu binh ở mé trên sông Hoài, quân kỵ của Bố đều ở phía bắc sông cười đắc ý rồi về. Bấy giờ có người quận Đông Hải là Tiêu Kiến làm Lang Nha tướng, sở trị ở huyện Cử, giữ thành tự thủ, không cùng Bố qua lại. Bố gửi thư cho Kiến nói:

"Người thiên hạ cất binh, vốn là để giết Đồng Trác thôi. Bố giết Trác rồi, đi thẳng đến Quan Đông, muốn xin binh để sang tây nghênh đón đại giá, khôi phục lại kinh đô Lạc Dương, song chưa tướng tự quay ra đánh giết lẫn nhau, chẳng ai chịu nghĩ đến quốc gia cả."

"Bố, là người quận Ngũ Nguyên, cách Tì châu hơn năm nghìn dặm, lại ở lệch về góc tây bắc, nay chẳng đến cùng tranh một góc đất phía đông nam. Huyện Cử với thành Hạ Bi cách nhau không xa, nên đáng ra phải cùng nhau qua lại. Ai cũng như ngài tự thỏa chí để quận quận xưng đế, huyện huyện xưng vương sao!"

"Xưa Nhạc Nghị đánh nước Tề, trong khoảnh khắc hạ được hơn bảy mươi thành của nước ấy, duy có hai thành Cử và Túc Mặc không hạ được, sở dĩ như thế, là vì trong thành ấy có Điền Đan vậy. Bố ta tuy không phải là Nhạc Nghị, ngài cũng chẳng phải là Điền Đan, nên nhận thư của Bố mà cùng bàn kỹ việc này với các bậc trí giả trong huyện."

Kiến được thư, lập tức phái quan Chủ bộ đem thư đến và dâng lễ vật, cống lên năm con ngựa tốt. Kiến lại bị Tang Bá bất ngờ đánh phá, lấy của cải và đồ quân dụng của Kiến. Bố nghe tin, tự đem quân bộ kỵ hướng đến huyện Cử. Cao Thuận can rằng:

- Tướng quân tự mình giết Đồng Trác, uy danh chấn động đến người Di Dịch, chỉ ngồi yên ngoảnh nhìn bốn phương, mà người

khấp xa gần tự nhiên sợ phục, chẳng nên khinh suất tự mình xuất quân; ví bằng không thắng, sẽ tổn hại oai danh không ít.

Bố không nghe lời. Bá sợ Bố cướp bóc gây nhiều loạn, quả nhiên lên thành chống giữ. Bố không hạ được thành, dẫn quân về Hạ Bi. Bá sau đó lại cùng Bố liên hòa.

Năm Kiến An thứ ba, Bố lại phản triều đình giúp Thuật, phái Cao Thuận đánh Lưu Bị ở Tiểu Bái, phá Bị. Thái tổ phái Hạ Hầu Đôn đi cứu Bị, bị Thuận đánh bại. Thái tổ tự đi đánh Bố, đến dưới thành, sai người đưa thư cho Bố, bày kể chuyện họa phúc. Bố muốn hàng, bọn Trần Cung tự thấy rằng mình mắc tội rất nặng, nên ngăn cản kế ấy.^①

Bố phái người cầu cứu với Thuật, tự mình dẫn hơn một nghìn quân kỵ ra đánh, thua chạy, quay về giữ thành, không dám ra.^② Thuật cũng chẳng thể cứu được.

Bố tuy kiêu mãnh, nhưng vô mưu lại hay nghi kỵ, chẳng thể chế ngự được thuộc đảng, chỉ tin vào chư tướng. Chư tướng mỗi người một ý tự ngờ vực nhau, cho nên khi giao chiến đa phần thua bại.

Thái tổ đào hào vây Bố ba tháng, người trên kẻ dưới chia rẽ, tướng của Bố là Hầu Thành, Tống Hiến, Ngụy Tục bắt trói Trần Cung, đem bộ chúng của mình ra hàng.^③ Bố cùng thuộc hạ trèo lên lầu Bạch Môn, thấy binh lính vây gấp lắm, liền xuống thành đầu hàng. Quân lính bèn bắt trói Bố lại, Bố nói:

- Trói chặt quá, xin nói lỏng một chút!

Thái tổ nói:

- Trói hồ chẳng thể không trói chặt.

Bố xin rằng:

- Kẻ mà mình công lo lắng chẳng ai hơn Bố này. Nay ta đã chịu phục rồi, thiên hạ chẳng có gì đáng lo nữa. Minh công lĩnh quân bộ, sai Bố lĩnh quân kỵ, thì bình thiên hạ chẳng khó vậy.

Thái tổ có nét nghi hoặc, Lưu Bị tiến lên nói:

- Minh công không thấy việc Bố thờ Đinh Kiến Dương và Đồng Thái sư sao!

Thái tổ gật đầu. Bố vì thế trở vào Bị nói:

- Thằng trẻ ranh rất không đáng tin.④

Thái tổ liền sai người thắt cổ giết Bố. Bố và bọn Cung, Thuận đều bị bêu đầu đưa về huyện Hứa, rồi sau mới được chôn táng.

① *Hiển đế Xuân Thu* chép: Quân của Thái tổ đã đến Bành Thành. Trần Cung bảo Bố rằng:

- Ta nên ra đón đánh hắn, lấy sức nhàn đánh sức mỏi, không gì không thắng được.

Bố nói:

- Chẳng bằng đợi hắn kéo đến đánh, ta sẽ bức hắn xuống giữa sông Tứ.

Lúc quân của Thái tổ đánh gấp, Bố ở trên lầu Bạch Môn bảo với quân sĩ ở dưới rằng:

- Các ngươi không được vây khốn, ta sẽ tự thú với minh công.

Trần Cung nói:

- Nghịch tặc Tào Tháo, sao gọi hắn là minh công được! Hôm nay hàng hắn, như cái trứng ném vào đá, há toàn mạng được sao!

② *Anh hùng ký* chép: Bố phái Hứa Ty, Vương Khải đến cáo cấp với Thuật, Thuật nói:

- Bố không gả con gái cho con trai ta, về lý đáng phải thua bại, sao còn đến đây thông báo tin tức gì nữa?

Ty, Khải nói:

- Minh thượng nay chẳng cứu Bố, là tự thua bại thôi! Bố bị phá, thì Minh thượng cũng bị phá vậy.

Bấy giờ Thuật đã tiếm hiệu, cho nên gọi là Minh thượng.

Thuật bèn chỉnh đốn quân sĩ, làm thanh viện giúp Bố. Bố sợ Thuật cho là con gái mình không đến, nên không phái binh cứu,

bền lấy bông mềm quấn quanh người con, buộc ở trên ngựa, ngay trong đêm đích thân đưa con gái đến cho Thuật, gặp phải quân canh của Thái tổ chặn đánh, bắn tên ngăn cản không qua được, lại quay về thành.

Bố muốn lệnh cho Trần Cung, Cao Thuận giữ thành, tự mình đem quân kỵ cắt đường vận lương của Thái tổ. Vợ cả của Bố bảo Bố rằng:

- Tướng quân tự ra cắt đường vận lương của Tào công là đúng vậy. Nhưng Cung, Thuận vốn bất hòa, tướng quân một khi đã ra ngoài, Cung, Thuận tất chẳng đồng lòng giữ thành, nếu có sai lầm, tướng quân sẽ tự lập ở đâu đây? Xin tướng quân hãy xét kỹ kế ấy, không được để bọn Cung làm lụy vậy. Lúc trước thiếp ở Trường An, từng bị tướng quân bỏ rơi, may cây được em rể là Bàn Thư che chở giấu diếm giúp, nay bất tất phải trông đến thiếp nữa vậy.

Bố nghe vợ nói thế, sầu muộn chẳng thể tự quyết được.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Trần Cung bảo Bố rằng:

- Tào công từ xa kéo đến, về thế chẳng thể giữ lâu. Nếu tướng quân đem quân bộ kỵ ra ngoài đóng trại, làm thanh thế ở ngoài, Cung đem binh lính còn lại đóng giữ bên trong, nếu họ hướng đến chỗ tướng quân, Cung dẫn quân đánh mặt sau của họ; nếu họ đến công thành, tướng quân làm cứu viện bên ngoài. Bất quá chỉ một tuần, lương ăn cho quân của họ tất hết, đánh có thể phá được họ.

Bố cho là đúng. Vợ cả của Bố bảo rằng:

- Trước kia Tào công đãi Công Đài như con đỏ, hấn vẫn bỏ mà đến đây. Nay tướng quân hậu đãi Công Đài chẳng hơn được Tào công, mà muốn ủy thác cho cả thành này, dứt bỏ vợ con, đem cánh quân cô ra ngoài xa, nếu một sớm có biến, thiếp há còn được làm vợ của tướng quân nữa chẳng!

Bố bèn thôi.

③ *Cửu châu Xuân Thu* chép: Lúc trước, kỵ tướng của Bố là Hầu Thành sai khách chặn mười lăm con ngựa, khách xua hết ngựa bỏ đi, hướng đến Bái thành, muốn theo Lưu Bị; Thành tự đem quân

ky đuổi theo hấn, thu được hết ngựa về. Chư tướng tập hợp đồ lễ đến chúc mừng Thành, Thành cất được năm, sáu hộc rượu, bắn được hơn chục con lợn, chưa ăn uống, trước hết đem nửa số lợn và năm hộc rượu mình tự nấu đến trước mặt Bô, quỳ nói:

- May nhờ ân của tướng quân, tôi đuổi theo lấy lại được số ngựa bị mất, chư tướng đến chúc mừng, tôi tự cất được ít rượu, săn bắn được lợn, chưa dám ăn uống, xin dâng lên trước để tỏ ý mọn.

Bô cả giận nói:

- Bô có lệnh cấm rượu, ngươi lại cất rượu, chư tướng cùng nhau ăn uống kết làm huynh đệ, cùng mưu giết Bô này chăng?

Thành cả sợ lui về, vứt bỏ số rượu mà mình cất, hoàn lại đồ lễ cho chư tướng. Bởi thế tự ngờ, vừa lúc Thái tổ vây Hạ Bi, Thành liền thống suất bộ chúng ra hàng.

④ *Anh hùng ký* chép: Bô bảo Thái tổ rằng:

- Bô hậu đãi chư tướng, mà chư tướng lúc nguy cấp đều phản lại Bô thôi.

Thái tổ nói:

- Ngươi chỉ nghe lời vợ mình, không yêu tiếc vợ của chư tướng, sao cho là đãi hậu được!

Bô lặng yên không đáp.

Hiển đế Xuân Thu chép: Bô hỏi Thái tổ rằng:

- Minh công sao gây mòn đi thế?

Thái tổ nói:

- Ngươi sao biết được cô?

Bô nói:

- Ngày trước ở Lạc Dương, có gặp tại vườn nhà họ Ôn.

Thái tổ nói:

- Đúng. Cô quên mất việc ấy rồi. Sở dĩ cô gây mòn, vì hận rằng chẳng sớm được gặp nhau vậy.

Bô nói:

- Tề Hoàn bỏ qua mối thù bắn vào đai lưng, sai Quán Trọng làm tướng quốc;⁽¹⁾ nay mình công sai Bồ đốc sức làm bầy tôi tay chân, giúp Công làm tiền khu, nên chăng?

Bồ bị trói chặt quá, bảo Lưu Bị rằng:

- Huyền Đức, ngươi làm khách ngồi ở trên, ta là thằng tù bị trói ở dưới, chẳng thể nói giúp nhau một lời sao?

Thái tổ cười nói:

- Sao chẳng nói với ta, mà kêu xin với Lưu sứ quân vậy?

Thái tổ có ý muốn cho Bồ được sống, bèn truyền lệnh sai người nói dây trói. Chủ bộ là Vương Tất rảo bước tiến lên nói:

- Bồ là tên giặc khỏe mạnh vậy. Nay bộ chúng của hãn vẫn còn ở bên ngoài, chẳng thể nói lỏng dây trói được.

Thái tổ nói:

- Ta vốn muốn nói lỏng cho ngươi, Chủ bạ lại không nghe, biết làm sao?

⑤ *Anh hùng ký* chép: Thuận là người thanh bạch, có uy thế và nghiêm khắc, không uống rượu, không nhận hối lộ. Có hơn bảy trăm quân bản bộ đi theo, thường xưng là có nghìn người, khi giáp chiến cụ đều sắc bén chinh tề, các nơi đã đánh phá thì không đâu không vỡ, hiệu là Hãm trận doanh. Thuận thường can Bồ, nói:

- Đại khái cái việc phá gia vong quốc, chẳng phải vì không có kẻ sĩ sáng trí và bầy tôi trung thành vậy, chỉ sợ là không dùng được họ thôi. Khi tướng quân hành động, chẳng chịu nghĩ kỹ, thường

¹ Thời Xuân Thu, Quán Trọng và Bồ Thúc Nha thân nhau, mỗi người thờ một chủ. Quán Trọng thờ Công tử Cú, Bồ Thúc Nha thờ Công tử Tiểu Bạch. Vua nước Tề chết, các Công tử tranh nhau lên nối. Quán Trọng giúp chủ, bắn một mũi tên trúng cái đai lưng của Tiểu Bạch, Tiểu Bạch giả chết, được đưa vào kinh, lên ngôi vua, dùng Bồ Thúc Nha làm Thừa tướng. Bồ Thúc Nha đốc sức tiến cử Quán Trọng. Hoàn công nói: "Người này bắn ta một phát, mối thù này ta chưa quên, mũi tên ta vẫn giữ, sao có thể dùng hãn được? Ta muốn xé hãn ra làm trăm nghìn mảnh." Bồ Thúc Nha đáp: "Vì công tử Cú mà ông ấy bắn bệ hạ, bây giờ nếu bệ hạ trọng dụng ông ấy, ông ấy sẽ vì bệ hạ mà đem mũi tên đó bắn cả thiên hạ!" Hoàn công theo lời, quả nhiên nhờ Quán Trọng mà sau đó nước Tề làm bá thiên hạ.

thích nghe theo lời nói sai lầm, thì sai lầm chẳng thể tính xuể được vậy.

Bố hiểu lời trung của Thuận, nhưng chẳng thể dùng. Từ sau khi Hách Mạnh làm phản, Bố lại càng nhặt nhẻo với Thuận. Vì Ngụy Tục là người thân thiết trong ngoài,⁽¹⁾ Bố bèn đoạt hết số binh mà Thuận lĩnh đem giao cho Tục. Đến lúc sắp đánh trận, lại lệnh cho Thuận nắm giữ số binh mà Tục lĩnh, Thuận cũng nhất định không có ý oán giận.

Lúc Thái tổ bắt được Cung, hỏi Cung có muốn cứu sống mẹ già và con gái không? Cung đáp rằng:

- Cung nghe nói người lấy đức hiếu để trị thiên hạ thì chẳng giết tuyệt người thân của người ta; người lấy đức nhân để ban ân ra bốn bề thì không để khuyết người nối tự của kẻ khác, vận mệnh lão mẫu ta ở trong tay ngài, chẳng tại Cung vậy.

Thái tổ triệu mẹ của Cung đến nuôi dưỡng trọn đời như người thân, gả chồng cho con gái của Cung.^①

① *Diễn lược* của Ngự thị chép: Trần Cung tự Công Đài, người Đông Quận. Cung là người cương trực, cứng cỏi và mạnh mẽ, thời trẻ những kẻ sĩ nổi danh ở trong nước đều đến giao kết. Lúc thiên hạ loạn lạc, ban đầu Cung đi theo Thái tổ, sau tự ngò vực, bèn theo Lã Bố, giúp Bố vạch kế sách, Bố thường không theo kế của Cung. Thành Hạ Bi võ, quân sĩ bắt sống Bố và Cung, Thái tổ đều gặp họ, cùng nói chuyện thừa bình sinh, cho nên Bố có lời xin được sống. Thái tổ bảo Cung rằng:

- Công Đài, người bình thời vẫn tự cho mình là mưu trí kế sách có thừa, nay rút cục thế nào?

Cung ngoảnh sang trở vào Bố nói:

- Chỉ tại người ngồi kia không theo lời Cung, mới đến nỗi thế này. Nếu hấn theo kế của Cung, cũng chưa hẳn đã bị bắt vậy.

Thái tổ cười nói:

¹ Vợ của Lã Bố có một người là người nhà họ Ngụy.

- Việc hôm nay phải làm sao?

Cung nói:

- Kẻ làm tôi bất trung, làm con bất hiếu, chết là đúng phận vậy.

Thái tổ nói:

- Ngươi thì như thế, song mẹ già của ngươi thì sao?

Cung nói:

- Cung này nghe nói người lấy đức hiếu để trị thiên hạ thì chẳng giết hại người thân của người khác; lão mẫu ta còn mất, là ở Minh công vậy.

Thái tổ nói:

- Như vợ con của ngươi thì thế nào?

Cung nói:

- Cung này nghe nói người thi hành nhân chính ra thiên hạ thì chẳng dứt tuyệt đường hương hỏa của người khác; vợ con ta còn mất, cũng là ở Minh công vậy.

Thái tổ không đáp, Cung lại nói:

- Xin được ra ngoài chịu hình phạt, để sáng tỏ quân pháp.

Bèn rào bước ra ngoài, chẳng thể ngăn lại được. Thái tổ khóc mà tiễn Cung, Cung chẳng ngoái lại. Sau khi Cung chết, Thái tổ đãi người nhà của Cung hậu hơn ngày trước.

Trần Đăng, tự Nguyên Long, tại quận Quảng Lăng có uy danh. Lại nhân vì có công chia binh khắc chế Lã Bố, được thêm chức Phục ba tướng quân; năm ba mươi chín tuổi chết. Sau này Hứa Ty cùng Lưu Bị đều ngồi ở chỗ Kinh châu mục là Lưu Biểu, Biểu và Bị cùng luận xét về người trong thiên hạ, Ty nói:

- Trần Nguyên Long là kẻ sĩ của tứ phương, nhưng hào khí thì không xét đến.

Bị hỏi Biểu rằng:

- Hứa quân luận đúng hay sai?

Biểu nói:

- Nếu nói sai, thì Hứa quân đây là kẻ sĩ giỏi, chẳng thể tùy tiện nói lời sáo rỗng; nếu nói đúng, thì Nguyên Long quả là danh trù thiên hạ.

Bị hỏi Ty:

- Ngài nói đến hào khí, có gì để minh chứng chẳng?

Ty nói:

- Trước kia gặp lúc loạn, ta qua Hạ Bi, đến gặp Nguyên Long. Nguyên Long không có ý dùng lễ khách chủ đối đãi, hồi lâu chẳng hề nói chuyện với ta, mà tự lên giường lớn nằm, để cho khách nằm ở dưới giường.

Bị nói:

- Ngài có cái danh là bậc quốc sĩ, nay thiên hạ đại loạn, để vương lưu ly thất sở, mong ngài nghĩ nước quên nhà, có chí cứu đời, mà ngài lại xin đất hỏi nhà, nói lời không thể chọn dùng, đây là điều mà Nguyên Long kiêng dè vậy, duyên có gì mà ông ấy phải nói chuyện với ngài? Nếu như là kẻ tiểu nhân, thì còn muốn nằm trên cái lầu rộng trăm thước, ngài nằm ở đồng đất, sao lại chỉ nằm ở dưới giường thôi?

Biểu cả cười. Bị nhân đó nói rằng:

- Người có văn tài võ lược chí khí cao khiết như Nguyên Long, chỉ tìm người thời xưa mà so sánh thôi, thời nay khó có được người như thế.①

① *Tiên hiền hành trạng* chép: Đổng là người trung thành, hào sảng, chí khí cao khiết, thâm trầm có đại lược, thời trẻ có chí giúp đời cứu dân. Xem rộng thư tịch, nhã nhặn có văn tài, cựu điển văn chương, tuyệt chẳng gì là không thấu suốt.

Năm hai mươi lăm tuổi, được xét cử Hiếu liêm, phong làm Trưởng huyện Đông Dương, dưỡng người già nuôi trẻ mồ côi, xem nỗi khổ dân như nỗi đau của mình. Bấy giờ mất mùa, ruộng hoang dân đói, Châu mục là Đào Khiêm dâng biểu cử Đổng làm

Diễn nông Hiệu úy, Đãng đi tuần xét các chỗ thích hợp để trồng trọt, khai thác hết cái lợi của kênh đào để tiện lợi việc bón tưới, thóc lúa tươi tốt chất chồng.

Đãng phụng mệnh đi sứ đến huyện Hứa, Thái tổ lấy Đãng làm Thái thú Quảng Lăng, sai ngầm tập hợp bộ chúng để mưu diệt Lã Bố.

Đãng ở quận Quảng Lăng, xét rõ thưởng phạt, tuyên rộng uy tín. Bọn hải tặc là Tiết Châu có hơn vạn hộ, phải trói tay theo mệnh. Chưa đến một năm, công nghiệp giáo hóa đã thành, trăm họ kính sợ mà yêu mến. Đãng nói:

- Lúc này có thể cử sự được rồi.

Thái tổ đến Hạ Bi, Đãng thống suất binh trong quận làm tiền khu. Bảy giờ các em của Đãng ở trong thành Hạ Bi, Bố bèn bắt ba người em của Đãng làm con tin, muốn xin cùng hòa. Đãng quyết ý không chịu lún, tiến đến vây ngày một gấp. Thứ gian⁽¹⁾ của Bố là Trương Hoảng, sợ sau bị liên lụy, ban đêm đem ba người em của Đãng ra thành tới chỗ Đãng.

Bố bị giết rồi, Đãng vì có công được gia thêm chức Phục ba tướng quân, rất được lòng người vùng Giang, Hoài. Vì thế có chí thôn tính đánh diệt Giang Nam.

Tôn Sách phái quân đánh Đãng ở thành Khuông Kỳ. Giặc mới đến, tình kỳ khôi giáp che kín mặt sông, quân hạ đều cho rằng nay giặc đông gấp bội lần binh lính trong quận, e là chẳng thể kháng cự, nên dẫn quân tránh chúng, để cho chúng tòa thành rỗng. Kẻ sinh sống trên sông nước mà ở chỗ đất bằng, chẳng thể ở lâu, tất phải rút. Đãng lớn tiếng nói:

- Ta nhận quốc mệnh, đến trấn thủ đất này. Xưa kia Mã Văn Uyên⁽²⁾ cũng giữ chức này, có thể nam bình Bách Việt, bắc diệt rợ

¹ Thứ gian (刺奸) là chức quan chuyên đốc trách giám sát các quan lại. Chức quan này lần đầu được đặt ra vào thời Vương Mãng, đến thời Đông Hán, Ngụy, Tấn vẫn dùng. Mỗi thời kỳ, quyền hạn của chức quan này có chút khác biệt.

² Túc Mã Viện (马援) tự Văn Uyên (文渊), người quận Phù Phong thời Đông Hán, được phong chức Phục ba tướng quân.

Địch, ta đã chẳng thể ngăn trừ kẻ hung tà, sao lại trốn tránh giặc cướp như vậy được! Ta đem thân ra sức báo đáp quốc gia, dựa vào chính nghĩa để dẹp loạn, thuận theo đạo trời, nhất định sẽ thắng chúng thôi.

Rồi đóng cửa tự giữ, tỏ vẻ yếu kém không cùng giao chiến, tướng sĩ đều im tiếng, yên ắng như không có người. Đãng lên thành trông ra xa xem hình thế, biết là có thể đánh. Bèn đích thân hiệu lệnh tướng sĩ, ban đêm chinh đồn binh khí, mờ sáng, mở cửa thành phía nam, dẫn quân đến trại giặc, quân bộ kỵ lên đến phía sau. Giặc kinh sợ bàng hoàng, vội vàng bày trận, không về thuyền được. Đãng tự tay cầm dùi khua trống, thả binh ủa vào trại, giặc vì thế tan tác, đều bỏ thuyền chạy tán loạn. Đãng thừa thắng truy đuổi, chém giặc đến vạn tên.

Giặc căm phẫn vì mất quân, lại cất đại quân hướng đến chỗ Đãng. Đãng thấy quân mình không địch nổi, sai Công tào là Trần Kiêu cầu cứu với Thái tổ. Đãng ngầm ra chỗ cách thành chục dặm lập quân doanh làm chỗ ở, sai người lấy nhiều củi cỏ, cứ hai bó để một chỗ, mỗi chỗ cách nhau chục bước chân, dọc ngang thành hàng, sai người ban đêm cùng nổi lửa, lửa ở các đồng củi bốc cao, người trên thành reo mừng, làm như có đại quân đến. Giặc thấy lửa kinh sợ vỡ lở, Đãng cầm đầu binh lính truy đuổi, chém được vạn đầu giặc.

Đãng được chuyển làm Thái thú Đông Thành. Quan dân Quảng Lăng nhớ ân đức của Đãng, cùng rời quận theo Đãng, người già con trẻ cũng đi nhau đuổi theo. Đãng hiểu dụ sai họ quay về, nói:

- Thái thú ta ở quận của các ngươi, nhiều lần giặc Ngô đến cướp, ta may mà thắng được chúng. Các ngươi lo gì không có Quận thú giỏi?

Tôn Quyền sau lần vượt chiếm được vùng Giang Ngoại. Thái tổ mỗi lần đến Đại Giang lại than thở, hận rằng không sớm dùng kế của Trần Nguyên Long, khiến kẻ tham bạo được dưỡng nạnh nuôi vuốt. Văn đế đoái nghĩ cái công cao đẹp của Đãng, bái con của Đãng là Túc làm Lang trung.

Tang Hồng tự Tử Nguyên, người quận Quảng Lăng huyện Xạ Dương. Cha của Hồng là Mân, trải các chức Hung nô Trung lang tướng, Thái thú Trung Sơn, Thái thú Thái Nguyên, ở đâu cũng có thanh danh.^①

Hồng dung mạo khôi ngô, khác với mọi người, được đề cử Hiếu liêm làm quan Lang. Bấy giờ tuyển chọn quan Lang ở tam thự⁽¹⁾ để bổ làm Trưởng huyện; Triệu Dục người quận Lang Nha làm Trưởng huyện Cử, Lưu Do người quận Đông Lai làm Trưởng huyện Hạ Ấp, Vương Lãng người quận Đông Hải làm Trưởng huyện Tri Khâu, Tang Hồng làm Trưởng huyện Tức Khâu.

Cuối thời Linh đế, Hồng bỏ chức quan về nhà, Thái thú Trương Siêu mời Hồng làm Công tào.

① *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Mân làm việc có tài cán, thấu hiểu việc chính trị, là quan lại có tài của nhà Hán. Ban đầu từ chức Tông sự ở Từ châu được vời vào phủ Tư đồ, đổi phong làm Lô Nô lệnh, Ký châu đề cử người có tài lạ, Mân được thăng làm Thứ sử Dương châu, rồi Thái thú Đan Dương. Bấy giờ biên cảnh cấp báo, rợ Khương, Hồ vào cướp bóc; tam phủ tiến cử người tài, thăng Mân làm Hung Nô trung lang tướng. Vì đánh giặc có công, Mân được trưng triệu bá làm Nghị lang, về kinh sư.

Lúc gặp Thái úy Viên Phùng, Phùng hỏi về thổ địa, phong tục và con người của các chủng tộc ở các nước Tây Vực. Mân trả lời đầy đủ, nói rằng vùng Tây Vực vốn có ba mươi sáu nước, sau chia thành năm mươi lăm nước, ít lâu chia nhỏ thành hơn một trăm nước; những nước ấy đất đai lớn nhỏ, đường đi xa gần, số người nhiều ít, phong tục sinh hoạt thường ngày, sông núi, cây cỏ, chim muông, các loài vật lạ, không giống với ở Trung Quốc, hết thảy

¹ Thời nhà Hán đặt ra Ngũ quan Trung lang, Tà trung lang, Hữu trung lang gọi là Tam thự (三署); mỗi chỗ lại đặt ra Trung lang tướng thống lĩnh, làm thị vệ cho Hoàng đế, thuộc sự quản lý của quan Quang lộc huân. Người trên năm mươi tuổi thì được chọn vào Ngũ quan, số còn lại bố trí vào hai dinh Tả, Hữu. Quan lang là do các quận trong nước suy cử Hiếu liêm để bổ vào Tam thự.

bày tỏ bằng lời, lấy tay vẽ thế đất. Phùng cho là người có tài lạ, than thở rằng:

- Dẫu Ban Cố chép truyện về Tây Vực, sao đã hơn được thế này?

Mân được đổi phong làm Trường thủy Hiệu úy, cuối cùng làm Thái thú Thái Nguyên.

Đồng Trác giết Đế, mưu đồ gây nguy cho xã tắc, Hồng khuyên Siêu rằng:

- Minh phủ nhiều đời chịu ân, anh em đều giữ quận lớn, nay vương thất lâm nguy, tặc thần chưa bị bêu đầu, đây thực là lúc kẻ nghĩa sĩ cứng cỏi trong thiên hạ phải gắng hết sức mình để báo đáp ân huệ vậy. Nay bờ cõi trong quận còn được vẹn toàn, quan dân giàu có, nếu khua dùi gióng trống, có thể có được hai vạn người, lấy đó để khu trừ quốc tặc, làm người khởi xướng cho thiên hạ, là điều đại nghĩa vậy.

Siêu công nhận lời ấy, cùng Hồng sang tây đến quận Trần Lưu, gặp anh là Mạc mưu tính khởi sự. Mạc vốn cũng có ý đó, liền hội họp ở Toan Tảo, Mạc bảo Siêu rằng:

- Nghe nói đệ làm Quận thú, giáo hóa dân chúng ra uy ban ân, chẳng phải tự mình đề xướng, mà trọng dụng Tang Hồng, Hồng là người thế nào?

Siêu nói:

- Tài lược mưu trí của Hồng gấp mấy lần Siêu, Siêu rất quý trọng hẳn, hẳn thực là kẻ kỳ sĩ ở trong nước vậy.

Mạc lập tức sai người dẫn đến gặp mặt Hồng, cùng nói chuyện, cho là Hồng rất khác thường. Lại giới thiệu Hồng với Lưu Công Sơn ở Duyện châu, Khổng Công Tự ở Dự châu, họ đều cùng Hồng giao tình thân thiết. Rồi sắp đặt đàn tràng, đến lúc cùng ước thề, châu quận lại nhường nhau, chẳng ai dám bước lên đàn, mọi người đều suy cử Hồng. Hồng bèn lên đàn bưng chén gổ uống máu, ước thề rằng:

"Hán thất bất hạnh, hoàng cung rối loạn, tặc thần Đông Trác, thừa cơ gây hại, tàn ngược hoành hành, họa đến chí tôn, giết chóc trăm họ, người người sợ hãi, xã tắc nguy vong, bốn cõi nghiêng lật. Bọn Thứ sử Duyện châu là Đại, Thứ sử Dự châu là Trụ, Thái thú Trần Lưu là Mạc, Thái thú Đông Quận là Mạo, Thái thú Quảng Lăng là Siêu, tụ hợp nghĩa binh, cùng cứu nạn nước. Phàm là đồng minh, chung lòng hợp sức, dốc tiết thân tử, đầu rơi thân nát, tất chẳng hai lòng. Nếu trái ước thề, tính mạng chẳng còn, không dòng nối dõi. Hoàng thiên hậu thổ, tổ tông linh thiêng, chứng giám lời này!"

Lời lẽ khí phách của Hồng rất khảng khái, nước mắt giàn giụa, nghe những lời ấy của Hồng, dầu là tiểu tốt sai dịch thân phận thấp hèn, tuyệt chẳng ai không phấn khích, người người đều nghĩ dốc hết khí tiết.^①

Không lâu sau, chư quân chẳng ai chịu tiến lên trước, rồi hết lương mọi người đều giải tán.

① Thần Tùng Chi xét: Vào lúc ấy hội thề chỉ có năm người bọn Lưu Đại mà thôi. *Ngụy thị Xuân Thu* vợ gộp cả mấy người bọn Lưu Biểu vào, đây đều không phải là sự thật. Biểu chiếm vùng Giang Hán, bản thân chưa ra ngoài cõi, lý do gì được cùng lên đàn hội thề với Hồng đây?

Siêu phái Hồng đến chỗ Đại tư mã Lưu Ngụ mưu tính, đúng lúc Công Tôn Toàn gây nạn,⁽¹⁾ Hồng đến Hà Gian, gặp lúc binh lính ở hai châu U, Ký giao tranh, sứ mệnh không thành. Nhưng Viên Thiệu gặp Hồng, lại đặc biệt coi trọng, cùng kết giao rất hòa hợp. Đúng lúc Thứ sử Thanh châu là Tiêu Hòa chết, Thiệu sai Hồng cai quản Thanh châu để phủ dụ quân dân nơi ấy.^①

Hồng ở Thanh châu hai năm, giặc cướp bỏ chạy. Thiệu khen ngợi tài năng của Hồng, điều đi làm Thái thú Đông Quận, sở trị ở Đông Vũ Dương.

¹ Công Tôn Toàn gây chiến, giết U châu mục Lưu Ngụ, chiếm phương bắc.

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Năm Sơ Bình trung, Tiêu Hòa làm Thứ sử Thanh châu. Bấy giờ kẻ anh hùng đều nổi dậy, giặc Khăn Vàng cướp bóc tàn bạo, Hòa mưu với đồng minh, cùng vào kinh sư, không sắp xếp người bảo hộ giúp dân, lại dẫn quân vượt Hoàng Hà sang tây. Không lâu thì hai vị Viên, Tào giao chiến với tướng của Trác ở Huỳnh Dương, thua bại. Giặc Khăn Vàng lan rộng, đánh thành diệt ấp. Hòa chẳng thể ngăn chống, mà binh khí còn sắc bén, quân sĩ đánh trận còn đông đảo, Hòa lại chẳng đặt người làm tai mắt rình xét, để lời xằng bậy gây nhiễu động, quân xa trông thấy giặc cướp là bỏ chạy, chưa từng giao tiếp với gió bụi, nhìn cò nghe trống. Hòa lại muốn làm tan băng dưới sông, khiến cho giặc không sang được, cầu cúng các thần linh, xin là dụng binh tất có lợi, thầy bói thường ở phía trước bày biện, đồng cốt ở bên cạnh không rời; vào gặp thì bàn suông chuyện cao xa đến tận trời xanh, đi ra thì hỗn loạn, mệnh lệnh chẳng thể nào hiểu được. Thanh châu vì thế tiêu điều, nơi nơi đều thành gò hoang.

Thái tổ vây Trương Siêu ở Ung Khâu, Siêu nói:

- Chỉ cậy vào Tang Hồng, hắn sẽ đến cứu ta.

Chúng nhân cho là Viên, Tào đương hòa mục, mà Hồng là người mà Thiệu biểu cử bổ dụng, tất chẳng phá hỏng quan hệ tốt mà rước họa, đi xa đến cứu chỗ này. Siêu nói:

- Từ Nguyên, là bậc nghĩa sĩ trong thiên hạ, nhất định chẳng phản lại gốc rễ, chỉ sợ là bị người ta cấm chế, chẳng kịp đến giúp nhau thôi.

Hồng nghe tin, quả nhiên giẫm chân gào khóc, rồi cầm đầu số quân sĩ mình cai quản, lại đến chỗ Thiệu cầu binh mã, xin đến cứu Siêu, nhưng Thiệu nhất định không đồng ý. Siêu cuối cùng bị diệt tộc. Hồng vì thế oán Thiệu, đoạn tuyệt không cùng qua lại nữa.

Thiệu cất binh vây Hồng, qua năm không hạ được. Thiệu lệnh cho người cùng ấp với Hồng là Trần Lâm gửi thư cho Hồng, lấy

việc họa phúc để bảo rõ, lấy ân nghĩa để trách móc. Hồng đáp thư rằng:

"Cách biệt đã lâu, trong lòng nhung nhớ, đêm khát ngày mong. Ta cách nhau mấy bước chân thôi, nhưng vì tiền lui khác lối, chẳng được cùng nhau gặp gỡ, nỗi xót xa thương hận ấy, lòng này há dễ nguôi ngoai!"

"Ngày trước ta chịu ân chưa quên, gần đây ngài chiếu cố đưa thư đến, bày kế họa phúc, công tư thấu tỏ rõ ràng. Sở dĩ ta chẳng lập tức gửi thư hồi đáp, là vì học vấn nông cạn tài trí ngu độn, chẳng đủ để đáp lời; cũng vì ngài phù giúp trắc thất, đem thân gánh trách nhiệm cho chủ nhân, nhà ngài tại Đông châu, còn kẻ hèn này với chủ nhân là cừu địch.⁽¹⁾ Vốn dĩ kẻ đem thân thờ chủ, dẫu vạch tim xé mật, gan óc lầy đất, vẫn sợ sơ xuất mắc tội, nói lời hay còn bị ngờ trách, tự mình đâu đâu chẳng cứu nổi nhau, sao có thể lo nghĩ giúp người khác đây? Huống chi với tài của ngài, xem cùng điển tịch, há đâu lại u mê với đại đạo, chẳng thấu tỏ chí hướng của ta! Nhưng ngài vẫn nói tới nói lui, kẻ hèn này vì thế biết rõ lời lẽ của túc hạ, tin rằng chẳng bởi lòng thành, mà ngài cứu họa cho mình, hẳn muốn tính kế vắn dài, tranh biện đúng sai, luận bàn phải trái. Lời ta nói ra khắp thiên hạ, mà bày tỏ không rõ ràng, chẳng thể nói là không tổn hại gì, lại nói lời có hại đến cái nghĩa tuyệt giao, chẳng phải là điều mà ta nỡ làm vậy, vì thế ta vứt bỏ giấy bút, nhất định không gửi thư phúc đáp. Ta cũng nghĩ rằng ngài đã hiểu rõ tâm cơ của Ký châu, biết rằng kế của ông ấy đã định, chẳng đổi thay gì nữa. Nay ta lần nữa nhận được thư ngài, viện dẫn việc cổ kim, sáu trang miên man, ta dẫu chẳng muốn nói, nhưng làm thế được sao!"

"Kẻ hèn này là hạng tiểu nhân, vốn nhận việc sai khiến ở ngoài, may trộm giữ chức ở châu lớn, ân sâu nghĩa hậu, há vui được khi hôm nay

¹ Viên Thiệu là do vợ lẽ (trắc thất) sinh ra, là dòng thứ. Khi trước, Tang Hồng và Trần Lâm cùng giúp Viên Thiệu, nhưng bây giờ Tang Hồng đã tuyệt giao, còn Trần Lâm vẫn giúp Thiệu, cảnh ngộ người đi kẻ ở, tình thân hết thì ra thù nghịch.

tự mình quay lại giao tranh! Mỗi khi ta lên thành chỉ huy, xa trông thấy cờ trống của chủ nhân, cảm khái trọn vẹn cái tình cố cữu, nay giương cung cầm tiễn, bất giác nước mắt rơi xuống đầm đìa. Vì sao đây? Ta thấy mình phò tá chủ nhân, không có gì phải hối. Chủ nhân đãi ta, hơn hẳn bậc thường. Ban đầu lúc mới gánh trách nhiệm, ta tự nhủ là sẽ ra sức phấn đấu vì việc lớn, cùng nhau tôn phò vương thất. Há biết đâu rằng thiên tử chẳng được vui, rồi bản châu bị xâm lấn, tướng của quận gặp cái khốn Dữu Lý,⁽¹⁾ Trần Lưu mưu thua binh bại,⁽²⁾ ta mưu tính chậm chạp, để mất cái danh trung hiếu, nay cầm roi ngựa mà đối địch bên ấy, là tổn hại đến tình bằng hữu. Ta tự liệu mà chọn giữa hai điều ấy, thì đó là bất đắc dĩ thôi, mất cái danh trung hiếu và tổn hại đạo bằng hữu, nặng nhẹ khác đường, thân sơ khác mức, cho nên ta nuốt nước mắt tuyệt giao. Ví như chủ nhân còn chút tình với cố nhân, với kẻ ở lại cho ngồi chiếu bên, với kẻ bỏ đi yêu cầu tự trách mình, chẳng gấp gáp truy đuổi kẻ xa lìa bạn hữu, dùng hình phạt giết chóc để cầu lòng tin, khiến người ta vui vẻ giúp mình, thì kẻ hèn này sẽ noi theo cái chí cao thượng của Quý Trát,⁽³⁾ chẳng để hờn nay xảy cuộc chiến này. Nay ta làm sao bắt chước được Quý Trát đây?"

"Trước đây Trương Cảnh Minh⁽⁴⁾ tự mình lên đàn uống máu ăn thề, vâng mệnh bôn tẩu, cuối cùng khiến cho Hàn châu mục nhượng ấn, chủ nhân được đất; rồi sau chỉ vì việc dâng tấu chương về triều,⁽⁵⁾

¹ Ngày xưa Chu Văn vương từng bị Trụ vương bắt giam ở Dữu Lý.

² Thái thú Trần Lưu vốn là Trương Mạc, bị Tào Tháo đánh, để Siêu giữ Ung Khâu, còn mình sang cầu cứu Thuật, nhưng bị quân lính giết. Như vậy Trần Lưu ở đây là chỉ Trương Siêu, người giữ Ung Khâu. Bản truyện có nói là Siêu tính rằng Tang Hồng sẽ cứu Siêu, nhưng sợ là bị người ta kiềm chế.

³ Quý Trát (季札) là con thứ tư của Ngô Mộng, vị vua thứ 19 của nước Ngô thời Xuân Thu, so với ba người anh thì ông là người hiền đức hơn. Vua Ngô qua đời, muốn trao ngôi cho Quý Trát, nhưng ông kiên quyết nhường ngôi.

⁴ Trương Siêu, tự Cảnh Minh.

⁵ Trương Mạc theo lời Trần Cung đón Lã Bố làm Duyệt châu mục, phản lại Tào Tháo, nên Tháo đến đánh, đuổi Lã Bố, giết em của Mạc là Siêu.

được ban trước nhận phù mệnh, trong có chốc lát, lại chẳng được xem xét để tha thứ lỗi lầm, phải nhận cái họa di diệt. ① Lã Phụng Tiên đánh Trác rồi đến hàng, xin binh chẳng được, cáo từ bỏ đi là có tội sao? Lại còn bị đâm chém, suýt nữa mất mạng. Lưu Tử Kỳ phụng mệnh đi sứ quá thời hạn, tấu chương chẳng được phê chuẩn, sợ quyền uy nhớ song thân, nên nói dối xin về nhà, có thể nói là người có chí trung hiếu, không tổn hại đến đạo làm bá của chủ nhân; nhưng lập tức bị đánh chết sắp mặt dưới cờ, chẳng được nhận ân miễn tội. ② Kẻ hèn này dù chẳng sáng suốt, há lại không thể xét đầu mối mà biết kết quả, nhìn việc mọn mà biết được gốc việc, trộm suy diễn tâm ý của chủ nhân, mà biết được là ba người đều chết, thì phạt tội là đáng hay hành hình là đúng sao? Kỳ thực là chủ nhân muốn nhất thống Sơn Đông, tăng binh đánh dẹp cừu thù, sợ rằng quân sĩ hồ nghi, không có gì để ngăn trở việc xấu khuyến khích việc hay, cho nên phế bỏ vương mệnh để đề cao thừa chế, người mộ nghĩa thì nhận ân vinh, kẻ nghịch ý thì bị giết chóc, đấy thực vì lợi ích của chủ nhân, không phải là tâm nguyện của kẻ sĩ ra làm quan vậy. Thế nên kẻ hèn này soi gương răn đời của tiên nhân, khốn cùng tử chiến. Kẻ hèn này dù cực kỳ ngu xuẩn, cũng thường được nghe lời nói của bậc quân tử. Đấy thật chẳng phải là ý nguyện của ta, mà là chủ nhân dẫn tội đến cho ta vậy. Đại khái cái lý do khiến ta vứt bỏ dân chúng, tử thủ thành trì, chính là vì cái đạo lý kẻ quân tử bỏ đi, không đến nước địch vậy. Vì thế ta đắc tội với chủ nhân, bị vây đánh rất lâu, mà tức hạ lại viện dẫn cái nghĩa này để cho ta quay về, không phải là ngôn từ tương đồng mà ý tứ tương phản sao, chẳng phải là điều khiến bậc quân tử vui mừng mà lo lắng hay sao."

"Ta nghe được rằng, kẻ giữ nghĩa chẳng bỏ người thân, tôi trung chẳng lìa vua, cho nên ta được Tông chủ ở phương đông của bản châu coi là ngoại viện thân cận, ta ở trung gian phù giúp tướng của quận⁽¹⁾

¹ Tông chủ ở phía đông bản châu tức là Thái thú Trương Mạc, tướng trong quận tức là Trương Siêu vậy.

để yên định xã tắc, làm một việc mà được hai để cầu lấy trung hiếu, có gì sai? Mà túc hạ muốn ta khinh gốc phá nhà, xem ông ấy là chủ nhân giống như ngài. Chủ nhân với ta thì, về tuổi tác là anh, về danh phận là bạn tốt, đạo lý trái ngược thì cáo từ bỏ đi, để yên chủ giữ tình thân, có thể nói là thuận vậy. Như lời nói của ngài, thì Bao Tư nên trao mệnh cho Ngũ Viên, chẳng nên gào khóc ở sân đình nước Tần rồi.⁽¹⁾ Nếu câu nệ với việc trừ bỏ họa hoạn, là chẳng biết lời nói của mình là trái với cái gốc của đạo nghĩa vậy. Hoặc giả túc hạ thấy thành này bị vây không thoát được, cứu binh chưa đến, vì cảm khái cái nghĩa hôn nhân, nghĩ đến cái tình bạn thuở bình sinh, khuyên ta khuất tiết để tạm sống còn hơn là việc giữ nghĩa mà đảo điên nghiêng lật vậy. Xưa kia Án Anh chẳng khuất chịu phục trước mũi dao sắc nhọn,⁽²⁾ Nam Sứ không uốn cong ngòi bút để cầu sống,⁽³⁾ cho nên thân được dựng tượng, danh truyền hậu thế, huống chi nay kẻ hèn này thành bền giữ chắc, sĩ dân ra sức theo mệnh, phát lương tích trữ ba năm, để dùng một năm, giúp đỡ người khốn khó bù bổ chỗ thiếu thốn, làm vui lòng người thiên hạ, mà chủ người phải tính kế lâu dài mà chia binh xây

¹ Thân Bao Tư (申包胥) và Ngũ Viên (伍員) là bạn thân, đều ở nước Sở. Sở vương giết cha và anh của Ngũ Viên, Ngũ Viên trốn đi, báo với Thân Bao Tư rằng: "Tôi thế nào cũng lật đổ nước Sở." Thân Bao Tư nói: "Tôi thế nào cũng bảo tồn nước Sở." Về sau Ngũ Viên giúp vua Ngô là Hạp Lư đánh đổ nước Sở, quét mả Sở Bình Vương báo thù. Thân Bao Tư chạy sang nước Tần xin cứu, khóc bảy ngày đêm ở sân của vua Tần, cuối cùng xin được binh, đánh đuổi quân nước Ngô, bảo tồn được nước Sở.

² Án Anh (晏嬰), là đại phu nước Tề thời Xuân Thu, sống dưới thời hai vua là Tề Trang công và Tề Cảnh công. Thôi Trữ giết vua nước Tề, rồi cùng Khánh Phong chèn ép các quan đại phu bắt họ thề theo mình. Án Anh không theo, bị Khánh Phong rút dao uy hiếp, nhưng vẫn không chịu phục.

³ Thôi Trữ giết Tề Trang công, gọi Thái sử Bá đến lệnh phải viết rằng "Tiên vương chết vì bệnh." Thái sử Bá không theo, viết đúng sự thực, bị giết. Em của Thái sử Bá là Thái sử Trọng lại chép rằng: "Thôi Trữ giết vua", cũng bị giết. Em của hai người là Thái sử Thúc vẫn viết như hai anh, lại bị giết. Em út là Thái sử Quý vẫn viết rằng: "Ngày Ất Hợi, mùa hạ tháng năm, Thôi Trữ giết vua." Thôi Trữ lắc đầu bỏ đi. Thái sử Trọng đi ra, gặp Nam Sứ thị (南史氏), Thái sử Trọng hỏi rằng đi đâu, Nam Sứ thị nói: "Ta nghe nói anh em nhà ngươi đều chết cả, sợ bỏ mất cái việc ngày Ất Hợi, tháng 5, mùa hạ mới rồi, vậy nên ta cầm thẻ đến để chép."

nhà cày ruộng làm chi! Chỉ sợ gió thu lốc cuốn bụi trần, ngựa của Bá Khuê⁽¹⁾ quay đầu hướng về nam, Trương Dương, Phi Yến hợp sức tác loạn, biên cương phía bắc cáo cấp mỗi nguy treo ngược, thì các bầy tôi tay chân của chủ nhân đều tấu xin quay về thôi. Chủ nhân nên xét kỹ lời răn của bọn ta, cuốn cờ lui binh, chinh đồn quân sĩ ở Nghiệp thành, sao phải giận dữ nhấn nhục đợi chờ, tàn bạo thi ân, điều vô dương oai dưới thành của ta vậy? Túc hạ chê trách ta cậy dựa quân Hắc Sơn đến cứu, thế chẳng nghĩ đến chuyện ta hợp tung với quân Khăn Vàng sao! Thêm nữa là bộ thuộc của Phi Yến đều đã nhận vương mệnh rồi. Trước kia Hán Cao tổ thu Bành Việt ở Cự Dã,⁽²⁾ Quang Vũ ban đầu khai sáng nghiệp với quân Lục Lâm,⁽³⁾ cuối cùng có thể nổi lên trung hưng, để thành đế nghiệp. Ví như có thể phù tá bậc quân chủ để nêu cao giáo hóa, thì có gì phải kiêng dè đây! Huống chi kẻ hèn này đích thân vâng tỳ thư, hợp tác với chủ nhân khởi sự."

"Đi đi hỡi Khổng Chương! Túc hạ cầu lợi ở cõi ngoài, Tang Hồng trao mệnh nơi thân chủ; ngài gửi thân cho minh chúa, Tang Hồng ghi danh ở Trường An. Người bảo ta thân chết thì danh tiếng bị hủy diệt, kẻ hèn này cười người sống chết im lìm chẳng ai hay, đáng thương thay! Ta với người cùng gốc mà chia ngọn, hãy gắng sức lên, gắng sức lên, ta biết nói gì nữa đây!"

① Thần Tùng Chi xét Anh hùng ký nói rằng: "Viên Thiệu sai bọn Trương Cảnh Minh, Quách Công Tắc, Cao Nguyên Tài đến thuyết

¹ Bá Khuê, tức Công Tôn Toàn, tự Bá Khuê. Xem tập II, quyển 8.

² Bành Việt (彭越), người quận Xương Ấp, nhà nghèo, thường sang nước Tề làm thuê, sau đến đầm Cự Dã làm giặc cướp. Lúc Trần Thắng nổi dậy đánh Tần, Bành Việt tụ tập bộ hạ nổi dậy. Khi Lưu Bang tiến quân đến Bành Thành, Bành Việt lúc đó đã có 3 vạn quân, bèn đến Ngoại Hoàng quy hàng Lưu Bang. Khi Lưu Bang diệt Sở, lên ngôi Hoàng đế, Bành Việt được phong làm Lương vương.

³ Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, lập nhà Tân, nhân dân cơ cực vì chiến tranh, mất mùa nên nổi dậy. Dân chúng ở Tân Thị theo Vương Khuông khởi nghĩa, về sau hợp với quân của Mã Vũ ở Nam Dương, Vương Thường và Thành Đan ở Dĩnh Xuyên nên lực lượng rất mạnh. Cánh quân này lấy núi Lục Lâm (ở phía đông bắc huyện Đôn Dương, Kinh châu) làm căn cứ nên được gọi là quân Lục Lâm. Quang Vũ đế Lưu Tú ban đầu cũng hợp tác với quân Lục Lâm do Vương Thường chỉ huy.

phục Hàn Phức, khiến Phức nhường Ký châu." Như thế việc Phức nhường ngôi, Cảnh Minh cũng có công lao. Việc về những người còn lại thì ghi chép chưa được rõ ràng vậy.

② Thần Tùng Chi xét: Công Tôn Toàn dâng biểu kể các tội của Thiệu rằng: "Thiệu và cố Hồ nha tướng quân Lưu Huân cùng khởi binh, Huân vẫn ra sức đến cùng, nhưng Thiệu vì cái giận nhỏ hại oan Huân, đó là cái tội thứ bảy của Thiệu vậy." Ngờ rằng người này là Tử Hoàng⁽¹⁾ vậy.

Thiệu được thư của Hồng, biết Hồng không có ý hàng, bèn tăng binh đánh gấp. Trong thành lương thóc đã hết, ngoài không có quân đến cứu giúp, Hồng tự liệu rằng tất chẳng thoát được, bèn gọi quan lại tướng sĩ đến bảo rằng:

- Họ Viên vô đạo, mưu việc chẳng theo vương pháp, lại không cứu quan tướng trong quận của Hồng. Hồng theo đại nghĩa, chẳng thể không chết, nay chư quân vô sự, không can hệ gì mà cùng chịu cái họa này! Nên trước lúc thành bị vỡ, hãy đem vợ con mình trốn ra ngoài thành đi.

Quân dân đều cúi mình khóc nói:

- Minh phủ với họ Viên vốn không hiềm oán, nay lại vì tướng cũ của quận, mà tự dẫn đến cảnh khốn bại, quan dân sao nỡ đang lúc này rời bỏ minh phủ mà đi được!

Lúc đầu còn đào hang bắt chuột nấu với dây da, sau không có mà ăn nữa. Quan Chủ bộ nắm là trong bếp còn ba đấu gạo, xin chia một phần trong số đó để nấu cháo đặc cho Hồng, Hồng than rằng:

- Chỉ mình ta ăn chỗ gạo này thì làm gì!

Bèn sai nấu cháo loãng, mọi người chia nhau húp cháo, lại giết người thiếp yêu của mình để làm đồ ăn cho tướng sĩ. Tướng sĩ

¹ Lưu Huân, tự Tử Hoàng, từng làm Hồ nha đô úy. Bùi Tùng Chi chú giải làm rõ, Lưu Tử Kỳ mà Trần Thọ nói ở trên, hoặc là Lưu Tử Hoàng, hoặc là Trần Thọ làm.

đều chảy nước mắt, không ai ngẩng mặt lên nhìn. Nam nữ bảy tám nghìn người gối lên nhau mà chết, không một ai rời đội ngũ.

Thành bị phá vỡ, Thiệu bắt sống Hồng.

Thiệu bình thời vốn thân thiện với Hồng, bèn bày màn trướng rộng, đại hội chư tướng gặp mặt Hồng, bảo rằng:

- Tang Hồng, sao lại phụ nhau thế! Hôm nay đã phục ta chưa?

Hồng vỗ tay xuống đất trợn mắt nói:

- Mấy nhà họ Viên thờ Hán thất, bốn đời vua năm người giữ vị Tam công, có thể nói là chịu ân. Nay vương thất suy yếu, không có ý phù giúp, muốn nhân cơ hội, mong cầu cái điều không đáng trông ngóng, giết nhiều kẻ trung lương để dựng cái gian uy cho mình. Hồng thấy người gọi Trương Trần Lưu là huynh, thì phủ quân của ta cũng là đệ của người, phải cùng nhau chung sức hợp lực, giúp quốc gia trừ hại, sao lại nắm giữ quân đứng trông người ta bị giết mổ! Tiếc là Hồng này sức kém, chẳng thể vung đao giúp thiên hạ báo cừu, sao bảo ta chịu phục đây!

Thiệu vốn quý Hồng, ý muốn Hồng khuất phục, sẽ tha Hồng; song thấy Hồng lời lẽ quyết liệt, biết rằng rút cục chẳng thể dùng được cho mình, bèn giết Hồng.^①

Người cùng ấp với Hồng là Trần Dung thời trẻ là thư sinh, rất quý mến ngưỡng mộ Hồng, theo Hồng làm Đông Quận thừa; lúc thành chưa vỡ, Hồng phái đi ra ngoài. Thiệu lệnh cho đến ngồi, thấy Hồng sắp bị giết, Dung đứng dậy bảo Thiệu rằng:

- Tướng quân cử đại sự, muốn giúp thiên hạ trừ kẻ tàn bạo, mà cố tình giết người trung nghĩa trước, há hợp ý trời! Tang Hồng cử sự giúp quan tướng của quận, sao lại giết đi!

Thiệu hồ thẹn, bảo tả hữu sai người lôi Dung ra ngoài, bảo rằng:

- Mày không cùng bọn của Tang Hồng, nói hơn thiệt mà làm gì!
Dung ngoảnh lại nói:

- Nhân nghĩa há có phép thường, noi theo thì là bậc quân tử, làm trái thì là kẻ tiểu nhân. Hôm nay ta nguyện chết cùng ngày với Tang Hồng, chẳng thèm sống cùng ngày với tướng quân!

Lại bị giết. Người ngồi ở chỗ Thiệu chẳng ai không than thở, nói riêng với nhau rằng:

- Làm sao trong một ngày lại giết hai nghĩa sĩ!

Trước đó, Hồng sai hai người là quan Tư mã ra ngoài, cầu cứu với Lã Bố; kịp lúc quay về, thành đã bị phá vỡ, hai người đều xông vào quân địch mà chết.

① *Tam quốc bình* của Từ Chúng chép: Hồng khích lệ thúc đẩy lòng trung nghĩa của người trong thiên hạ, cứu mỗi nguy nan của chủ cũ, cái ân ấy đủ để cảm kích lòng người, nghĩa ấy đủ để khích lệ phong khí đã suy bại. Nhưng họ Viên cũng biết cư xử với thân hữu của mình, trao chức vị ở châu quận, tuy không phải là quân thần, nhưng thực sự là minh chủ, đã nhận mệnh của người ta, về nghĩa chẳng nên hai lòng. Viên, Tào đang hòa mục, giúp đỡ vương thất, Lã Bố phản phúc bất nghĩa, có chí nghịch loạn, nhưng Mạc, Siêu thiện tiện lập Bố làm châu mục, việc ấy đối với vương pháp, nhất định là có tội vậy. Tào công đánh dẹp họ, mà Viên thị chẳng cứu, không thể nói là phi lý vậy. Hồng vốn chẳng nên đến chỗ họ Viên xin quân, lại cũng chẳng nên quay về gây oán thù. Hồng nên tính kế, ví như sức mình chẳng đủ, có thể chạy đến nơi khác để cầu người đến cứu, nếu mưu sức không làm nổi thì chờ cơ hội hành sự, thông thả rình xét sơ hở của người ta, rồi hãy cố sức đến chết vì Siêu. Hà tất phải thề giữ tòa thành khốn mà chẳng biến thông, thân chết dân diệt, công danh chẳng lập được, thật đáng thương thay!

Bình rằng: Lã Bố có cái dũng của con hổ dữ, mà không có mưu lược của bậc anh hùng có tài lạ, lại xảo trá khinh bạc, phản phúc

vô thường, chỉ nhìn thấy mỗi cái lợi, từ xưa đến nay, chưa có ai như thế mà chẳng bị di diệt vậy. Xưa kia Hán Quang Vũ dùng lầm Bàng Manh,¹ gần đây Ngụy Thái tổ bị che mắt bởi Trương Mạc. Biết người thì sáng suốt, duy có việc xét người của Đế vương là khó, tin rằng là vậy! Trần Đăng, Tang Hồng đều có khí phách anh hùng tráng liệt, Đăng tuổi trẻ chết sớm, công nghiệp chưa thành, Hồng vì binh yếu địch mạnh, chí lớn chẳng nên. Đáng tiếc thay!

---ॐ---

¹ Bàng Manh (庞萌) người quận Sơn Dương, là tướng của vua Quang Vũ đế Lưu Tú thời Đông Hán, Lưu Tú rất tin tưởng, thường nói với người khác rằng: "Người mà ta có thể gửi con cô, trao mệnh trong trăm dặm, là Bàng Manh vậy." Sau đó, chỉ vì một chiếu thư Quang Vũ đế gửi mọi người mà bỏ sót Bàng Manh, Bàng Manh bèn khởi binh tạo phản.

QUYỂN THỨ TÁM

NHỊ CÔNG TÔN, ĐÀO, TỬ TRƯỞNG

TRUYỆN

— 380 —

Công Tôn Toàn tự Bá Khuê, người quận Liêu Tây huyện Lệnh Chi. Làm Môn hạ thư tá⁽¹⁾ ở quận.

Toàn có dáng dấp uy nghi, tiếng nói oang oang, Hầu Thái thú rất quý trọng Toàn, đem gả con gái cho,^① rồi phái đến chỗ Lô Thực ở Trác Quận học kinh sách, sau Toàn lại về làm chức Lại ở quận.

Lưu Thái thú mắc tội bị trưng tập đến chỗ Đình úy, Toàn làm Ngự xa,⁽²⁾ giữ phận kẻ hầu đi theo chăm sóc. Lúc Lưu thái thú bị đầy đến Nhật Nam, Toàn chuẩn bị đủ gạo thịt, ở Bắc Mang dâng tế tổ tiên, nâng chén rượu khấn rằng:

*"Trước làm con hiếu đạo,
Nay là tôi tận trung,
Theo chủ đến Nhật Nam.
Nhật Nam nhiều chướng khí,
Sợ đi chẳng quay về,
Hồi liệt tổ liệt tông,
Từ đây xin cáo biệt."*

¹ Môn hạ thư tá (门下书佐), là một chức quan rất nhỏ ở quận, chuyên sao chép văn từ giấy tờ trong công phủ.

² Túc người đánh xe.

Khẩn xong lại bái lạy mãi mới đứng dậy, bấy giờ người xung quanh trông thấy chẳng ai không sục sùi cảm thán.

Lưu đang trên đường đi được xá tội trở về. Toàn vì được cử Hiếu làm quan Lang, nên được đổi phong làm Trưởng sử Liêu Đông thuộc quốc.

Toàn từng dẫn mấy chục kỵ binh ra nơi biên ải, thấy mấy trăm quân kỵ người Tiên Ti, Toàn bèn lui quân vào trong ngôi đình trống, bàn với quân kỵ đi theo mình rằng:

- Nay chẳng xông ra, thì chết cả thôi.

Toàn thân cầm mâu, đầu mâu hai lưỡi sắc nhọn, nháy ra đâm bọn người Hồ, sát thương được mấy chục người, quân kỵ đi theo Toàn cũng chết mất một nửa, mới thoát được. Người Tiên Ti sợ hãi, về sau chẳng dám vào biên ải nữa. Toàn được thăng làm Trác lệnh.

Năm Quang Hòa trung, giặc ở Lương châu nổi lên, triều đình phát ba nghìn quân đột kỵ cho U châu, tạm dùng Toàn làm Đô đốc theo phù lệnh mà hành sự, sai dẫn quân đi. Quân đến Kế Trung, người quận Ngự Dương là Trương Thuần dụ dỗ người Ô Hoàn ở Liêu Tây là bọn Khâu Lực Cứ làm phản, cướp bóc ở Kế Trung, tự xưng hiệu Tướng quân, bắt bó quan dân, đánh chiếm Hữu Bắc Bình và các thành thuộc quốc của quận Liêu Tây, đi đến đâu tàn phá đến đó. Toàn thống suất chư tướng thuộc hạ, truy đuổi đánh dẹp bọn Thuần có công, được thăng làm Kỵ đô úy.

Tham Chí Vương ở thuộc quốc Ô Hoàn dẫn người trong tộc đến chỗ Toàn xin hàng. Toàn được thăng làm Trung lang tướng, tước Đô đình hầu, tiến lên đóng đồn ở thuộc quốc, cùng tướng người Hồ đánh nhau năm, sáu năm. Bọn Khâu Lực Cứ cướp bóc các vùng Thanh, Từ, U, Ký, bốn châu bị chúng làm hại, Toàn chẳng thể chế ngự nổi.

① *Diễn lược* chép: Toàn thiên tính thông minh, xảo ngôn, có tài biện bác, mỗi khi tâu bẩm sự gì không hề nói các việc tiểu tiết, thường tổng hợp các mục việc trong sở quan nói hết một lượt, không hề quên sót nhằm lẫn, Thái thú cho là bậc kỳ tài.

② *Cửu châu Xuân Thu* chép: Thuần tự xưng hiệu là Di thiên tướng quân, An Định vương.

Triều đình nghị bàn cho rằng Tông chính Lưu Bá An người quận Đông Hải vốn nhân nghĩa yêu dân, trước làm Thứ sử U châu, ân tín sáng rõ, người Nhung Địch nương dựa, nếu sai An đến trấn áp phủ dụ, có thể không nhọc quân dân mà yên định được, bèn dùng Lưu Ngu làm U châu mục.^①

Ngu đến nhận chức, phái sứ vào chỗ người Hồ, báo rõ lợi hại, yêu cầu phải đưa đầu của Thuần đến. Bọn Khâu Lực Cừ nghe tin Ngu đến, vui mừng, đều phái thông dịch đến xin quy phục. Toàn ghen ghét vì Ngu lập được công, bèn ngầm sai người rình giết sứ giả của người Hồ. Người Hồ biết sự tình, lén đến nói với Ngu. Ngu dâng biểu xin giải tán các đồn binh, chỉ giữ lại một vạn quân bộ kỵ của Toàn đóng ở Hữu Bắc Bình. Thuần bèn bỏ vợ con, trốn vào chỗ người Tiên Ti, bị môn khách của mình là Vương Chính giết, đem đầu đến chỗ Ngu. Chính được phong tước Liệt hầu. Ngu vì có công lập tức được bá làm Thái úy, phong tước Tương Bôn hầu.^② Gặp lúc Đồng Trác đến Lạc Dương, thăng Ngu làm Đại tư mã, Toàn làm Phấn vũ tướng quân, phong tước Kế hầu.

① *Ngô thư* chép: Ngu, là dòng dõi của Đông Hải Cung vương vậy.⁽¹⁾ Gặp lúc thời thế suy loạn, thêm nữa bấy giờ chúa thượng ở xa, Ngu ra làm quan ở huyện giữ chức Hộ tào lại. Bởi chú tâm tu

¹ Đông Hải Cung vương (東海恭王), tức Lưu Cường (劉彊), là con trưởng của Quang Vũ đế. Mẹ của Lưu Cường là Quách hoàng hậu bị phế, Lưu Cường bấy giờ đang làm Thái tử, tự biết khó yên phận, bèn xin làm phiên vương, Quang Vũ đế ban đầu không nghe, hai năm sau đồng ý, phong Lưu Cường làm Đông Hải Cung vương, ăn lộc hai mươi chín huyện.

thân vâng theo chức phận, được triệu làm Quận lại, sau được cử Hiếu liêm, làm quan Lang, dần dần thăng đến chức Thứ sử U châu, rồi chuyển làm Cam Lăng tướng, rất được lòng người Nhung Địch ở cõi đông.

Sau vì Ngu mắc bệnh về nhà, thường nấu mình giấu thân phận, cùng chia sẻ vui buồn với đồng đảng trong thôn ấp, cứu giúp người, đối xử với người giàu cũng như kẻ nghèo, chẳng vì danh vị mà phân biệt, người trong xóm làng và tông tộc đều tôn trọng Ngu. Bấy giờ người làng có việc kiện tụng, không đến chỗ quan nha, mà tự đến nhờ Ngu phân xử; Ngu lấy tình lý mà luận bàn phán quyết, lớn bé đều cung kính nghe theo, chẳng lấy thế làm oán giận. Một lần có người bị mất trâu, hình dáng và màu lông giống với trâu của Ngu, vì thế cho là đúng trâu của mình, Ngu bèn đem trâu cho kẻ đó; về sau người chủ trâu nọ tìm được con trâu cũ, bèn đem trả trâu và tạ lỗi. Vừa lúc Cam Lăng lại có loạn, quan dân nghĩ Ngu giữ đức hạnh, triều đình lại dùng Ngu làm Cam Lăng tướng, Cam Lăng đại trị. Ngu được trung triệu bái làm Thượng thư lệnh, Quang lộc huân, vì Ngu thuộc Công tộc mà có lễ, lại đổi làm Tông chính.

Anh hùng ký chép: Ngu làm Bác Bình lệnh, ngay thẳng công bằng, cao thượng chất phác, trong cõi không có đạo tặc, tai họa chẳng nảy sinh. Bấy giờ ở huyện tiếp giáp, có nạn hoạn trùng gây hại, lan đến địa giới Bác Bình, chúng chỉ bay qua mà không vào ruộng.

Ngụy thư chép: Ngu ở U châu, thanh bạch giản dị, dùng lễ nghĩa giáo hóa dân. Thời Linh đế, cung điện phía nam bị cháy, triều đình bố cho quan lại ở các châu quận, đều phải đem tiền của đến giúp sửa cung điện, có người đem đến một vạn tiền, có kẻ đem đến hai vạn, nhà giàu thì lấy của cải riêng chu biện, có kẻ phát động lấy tiền của dân chúng để đóng góp, người nghèo khó thanh bạch, không thu xếp được tiền của góp, có kẻ phải tự sát. Linh đế vì Ngu trong sạch thiếu thốn, đặc cách không phải xuất tiền đóng góp.

② *Anh hùng ký* chép: Ngu nhường chức Thái úy, nhân đó tiến cử quan Vệ úy là Triệu Mô, Ích châu mục là Lưu Yên, Dự châu mục

là Hoàng Uyển, Thái thú Nam Dương là Dương Tục, bọn họ đều được dùng làm Công khanh.

Nghĩa binh Quan Đông nổi dậy, Trác liên bức Đế dời giá sang tây, trung dụng Ngu làm Thái phó, đường đi cách trở, tin lệnh không đến được.

Viên Thiệu và Hàn Phúc nghị bàn, cho rằng Thiếu đế bị áp chế bởi kẻ gian thần, thiên hạ không ai theo về. Ngu, là người trong tông thất lại có tiếng tăm, là chỗ để dân chúng ngóng trông, bèn suy cử Ngu làm Đế. Rồi phái sứ giả đến chỗ Ngu, Ngu nhất định không chịu. Bọn Thiệu lại khuyên nhủ Ngu lĩnh chức Thượng thư sự, thừa chế phong bá, Ngu lại không nghe, nhưng vẫn cùng bọn Thiệu liên hòa.^①

Con của Ngu là Hòa làm Thị trung, ở tại Trường An. Thiên tử nghĩ muốn về đông, sai Hòa trá lừa trốn Trác, ngầm ra khỏi cửa Vũ Quan đến chỗ Ngu, lệnh cho Ngu sai đưa quân đến đón. Hòa trên đường đi qua chỗ Viên Thuật, nói rõ ý định của Thiên tử. Thuật muốn lợi dụng Ngu làm hậu viện, bèn giữ Hòa lại không cho đi, hứa là binh của Ngu đến thì cùng sang tây, lệnh cho Hòa thư từ qua lại với Ngu. Ngu nhận được thư của Hòa, bèn phái mấy nghìn quân kỵ đến chỗ Hòa. Toản biết Thuật có chí khác, không muốn phát binh, ngăn trở Ngu, Ngu không nghe. Toản sợ Thuật nghe được tin rồi oán giận mình, cũng phái em họ của mình là Việt dẫn một nghìn quân kỵ đến chỗ Thuật để tự giao kết, lại ngầm khuyên dụ Thuật bắt giữ Hòa, đoạt lấy binh ấy. Bởi thế Ngu và Toản càng hiềm khích. Hòa trốn Thuật lên bắc, lại bị Thiệu giữ lại ở đó.

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Thiệu, Phúc sai cố Thái thú Lạc Lãng là Trương Kỳ người quận Cam Lăng đưa lời bàn đến chỗ Ngu, muốn Ngu tức tôn hiệu. Ngu lớn tiếng mắng Kỳ rằng:

- Lời như thế mà ngươi dám nói sao! Về cái đạo trung hiếu, đã không thể nghe lọt. Cô nhận quốc ân, thiên hạ nhiễu loạn, còn

chưa thể hết sức mình để trừ quốc sĩ, mong rằng có được kẻ sĩ trung liệt ở các châu quận hợp sức hướng về tây, nghênh đón cứu giúp ấu chủ, nay lại xằng bậy mưu phản nghịch, muốn vấy bùn nhơ cho kẻ trung thần sao!

Ngô thư chép: Phúc gửi thư cho Viên Thuật, nói rằng Đế không phải là con của Linh đế, muốn chiếu theo Giáng, Quán giết bỏ chúa nhỏ, đón lập Đại vương như việc xưa;⁽¹⁾ xưng tụng công đức sửa trị của Ngu, vùng Hoa Hạ khó có người thứ hai, là dòng tộc của đương kim tông thất, tuyệt chẳng ai sánh bằng.

Lại viết:

"Xưa kia Quang Vũ là dòng dõi năm đời của Định vương, làm Đại tư mã đốc suất việc ở Hà Bắc, Cảnh Yểm, Phùng Dị khuyên nên tức tôn hiệu, về sau lên thay Canh Thủy.⁽²⁾ Nay Lưu công vốn là một chi khác của Cung vương, tính ra cũng năm đời, làm Đại tư mã lĩnh chức U châu mục, việc này cũng giống với việc của Quang Vũ."

Bấy giờ có bốn ngôi sao hội ở chỗ sao Cơ sao Vĩ,⁽³⁾ Phúc phao lời sấm nói rằng có người thần sắp nổi lên ở địa phận nước Yên. Lại nói rằng có người đàn ông ở quận Tế Âm tên là Vương Định bắt được một cái ấn ngọc, văn tự viết là "Ngu làm Thiên tử." Lại thấy có hai mặt trời hiện ra ở Đại Quận, tỏ rõ là Ngu đáng được lập lên thay.

¹ Giáng hầu Chu Bột (周勃) và Dĩnh Âm hầu Quán Anh (灌嬰), là bầy tôi, công thần của Lưu Bang. Lưu Bang chết, Thái tử Lưu Doanh lên ngôi, tức Hán Huệ đế. Lã hậu thao túng quyền chính, Huệ đế chỉ có hư danh, qua bảy năm buồn mà chết. Lã hậu lập con của một cung nữ là Thiếu đế lên ngôi. Tám năm sau, Lã hậu chết, Trần Bình, Chu Bột bàn định rằng Thiếu đế không phải con của Huệ đế, bèn liên kết với Quán Anh, Lưu Chương, sau đó làm binh biến giết sạch người họ Lã, lập con của Lưu Bang là Lưu Hằng (bấy giờ làm Vương ở đất Đại) lên nối, là Hán Văn đế vậy.

² Theo *Hán thư*, Quang Vũ đế Lưu Tú, là cháu chín đời của Lưu Bang, cháu năm đời của Thung Lăng hầu Lưu Mãi. Vương Mãng cướp ngôi Hán, lập nhà Tân, Lưu Tú mới 15 tuổi, về sau Lưu Tú ra nhập đội quân Lục Lâm chống nhà Tân. Sau khi diệt được Vương Mãng, Lưu Tú được cử đi dẹp vùng Hà Bắc, tại đây Lưu Tú xây dựng lực lượng riêng, ly khai Canh Thủy để Lưu Huyền, theo kế của Phùng Dị, Cảnh Yểm, xưng đế ở Hạo Nam. Sau này Lưu Tú diệt hết các thế lực chống đối và lên ngôi Hoàng đế, lập nhà Đông Hán.

³ Cơ, Vĩ là hai ngôi sao trong Nhị thập bát tú (hai mươi tám ngôi sao ở bốn phương trời, mỗi phương bảy ngôi), được các nhà thiên văn cổ xưa ở Trung Hoa coi trọng.

Thiệu lại gửi thư riêng báo với Thuật. Lúc bấy giờ Thuật ngầm có ý không thần phục, cho rằng nước có vua lớn tuổi sẽ không lợi cho mình, bên ngoài mượn lời công nghĩa để cự tuyệt việc ấy. Thiệu cũng sai người báo riêng với Ngu, Ngu cho là nước có chính thống, kẻ bày tôi nói lời ấy là sai trái, nhất định từ chối không theo; còn toan trốn đến chỗ người Hung Nô để tự cắt đứt liên hệ, bọn Thiệu mới thôi. Ngu vì thế vâng theo chức cố, càng cung kính hơn; các đồ cống nạp của người Hồ, người Khương đem đến cống mình, vì đường đất bất thông, đều cho chuyển đi, đưa hết đến kinh sư.

Bấy giờ, Thuật phái Tôn Kiên đóng đồn ở Dương Thành cự Trác, Thiệu sai Chu Ngang đoạt lấy đất ấy. Thuật phái Việt cùng Kiên đánh Ngang, không thắng được, Việt bị trúng loạn tên chết. Toàn giận nói:

- Em ta chết, cái họa nổi lên là bởi Thiệu.

Bèn xuất quân ra đóng đồn ở Bàn Hà, sắp sửa báo thù Thiệu. Thiệu sợ, đem ấn thụ Thái thú Bột Hải mà mình đeo trao cho em họ của Toàn là Phạm, phái đến quận, muốn kết làm vây cánh. Phạm bèn đem quân Bột Hải trợ giúp Toàn, phá giặc Khăn Vàng ở Thanh, Từ, binh thế càng mạnh; tiến lên đóng quân ở Giới Kiều.^①

Toàn lấy Nghiêm Cương làm Ký châu mục, Điền Khải làm Thanh châu mục, Đan Kinh làm Duyện châu mục, đặt ra các quận huyện. Thiệu đóng quân ở Quảng Xuyên, lệnh cho bộ tướng là Khúc Nghĩa tiến lên giao chiến với Toàn, bắt sống Cương. Quân của Toàn thua chạy đến Bột Hải, cùng Phạm đều quay về huyện Kế, ở phía đông nam thành lớn đắp một tòa thành nhỏ, gần sát chỗ Ngu, hai bên càng căm giận nhau.

① *Diễn lược* chép tờ biểu của Toàn kể tội trạng của Thiệu rằng:

"Thần nghe nói từ thời Hoàng, Hi⁽¹⁾ đến nay, bắt đầu có việc vua trên tôi dưới, mở ra giáo hóa để dạy dỗ dân, nêu hình phạt để cấm điều bạo

¹ Hoàng, Hi tức là các vua Hoàng Đế, Phục Hi thời cổ xưa ở Trung Hoa.

ngược. Nay hành Xa kỵ tướng quân là Viên Thiệu, mượn có nơi theo phép xưa, cướp trộm tước của người khác, lộ tính bạo loạn, ngang nhiên làm việc xấu xa như bản."

"Khi trước làm Thiệu làm Tư lệ Hiệu úy, giữa lúc quốc gia gặp họa tan vỡ, Thái hậu thừa vận nhiếp chính, họ Hà phụ giúp chính sự, Thiệu chuyên nịnh hót tà vạy, nên chẳng thể hành xử thẳng ngay, lệnh cho Đinh Nguyên thiêu đốt Mạnh Tân, mời gọi Đồng Trác, gây ra cái gốc của họa loạn, đó là cái tội thứ nhất của Thiệu vậy. Sau khi Trác vào Lạc Dương thì vua bị bắt làm tin, Thiệu đã chẳng có tài quyền mưu để cứu giúp Thiên tử, lại vứt bỏ ấn tiết, cuống cuống trốn chạy, điểm nhục tước mệnh, phản chúa bất trung, đó là cái tội thứ hai của Thiệu vậy. Thiệu làm Thái thú Bột Hải, lẳng lẳng tuyển binh nhung, trong khi đánh Đồng Trác, chẳng trình báo cha anh, đưa sứ đến cửa nhà quan Thái phó, khiến mẹ con Thái phó một sớm chết bất ngờ, bất nhân bất hiếu, đó là cái tội thứ ba của Thiệu vậy. Thiệu đã hưng binh, trải qua hai năm, không xót cứu nạn nước, chỉ mở rộng bờ cõi tự gom của cải, còn nhiều lần dùng lương thảo của cải cho riêng mình vì những nhu cầu không cấp thiết, sang đoạt làm giàu cho nhà mình, thu vén tiền bạc, trăm họ thở than, chẳng ai không thống hận, đó là cái tội thứ tư của Thiệu vậy. Thiệu bức Hàn Phục, riêng còn ngôi vị hão, lại giả vâng mệnh chiếu ân hành sự, khắc ấn vàng ngọc tủy, mỗi lần gửi văn thư, gấn xi kín để trong cái túi màu đen, viết rằng 'Chiếu thư của nhất Phong, ấn của Phiên Hương hầu.'⁽¹⁾ Cái loạn nhà Tân⁽²⁾ khi xưa, đã sắp thành sự thực, nay Thiệu bày vẽ như thế, là phỏng theo cách cũ, đó là cái tội thứ năm của Thiệu vậy. Thiệu lệnh cho Thôi Cự Nghiệp ngóng xem trăng sao, đưa tiền của hối lộ, cùng nhau ăn uống, hẹn kỳ hội họp, đánh cướp các quận huyện, đấy há phải là việc mà bậc đại thần nên làm? Đó

¹ Theo *Lương thư*, thiên *Hình pháp chí*, nói rằng: Khoảnh đất vuông nhỏ nhất gọi là Tỉnh (井), mười Tỉnh là một Thông (通), mười Thông là một Thành (成), Thành vuông vức mười dặm; mười Thành là một Chung (终), mười Chung là một Đồng (同), Đồng vuông vức trăm dặm; mười Đồng là một Phong (封), mười Phong là một Kỳ (畿). Kỳ vuông vức nghìn dặm. Nhất Phong tức mười vạn Tỉnh, theo quy định thì được thu thuế riêng sáu vạn bốn nghìn Tỉnh, ngựa chiến có bốn nghìn con, binh xa nghìn cỗ, đó là chư hầu lớn bậc nhất.

² Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, lập nhà Tân.

là cái tội thứ sáu của Thiệu vậy. Thiệu và cố Hồ nha đô úy là Lưu Huân cầm đầu phát động binh đao, Huân vẫn gắng sức đến cùng, lại hàng phục được Trương Dương, mà Thiệu vì cái giận nhỏ hại oan Huân, tin dùng lời gièm pha nhảm nhí, sát hại người có công, đó là cái tội thứ bảy của Thiệu vậy. Thiệu lại đưa lời lên cố Thái thú Thượng Cốc là Cao Yên, cố Cam Lăng tướng là Diêu Cống, ngang ngược đòi hỏi tiền của họ, tiền không chu biện đủ, hai người ấy đều vong mạng, đó là cái tội thứ tám của Thiệu vậy. Theo nghĩa Xuân Thu, con vì mẹ được quý hiển. Mẫu thân của Thiệu là tì thiếp, Thiệu thực là kẻ hèn mọn, chẳng thể lấy làm người nối dõi, về nghĩa là không thích hợp, nhưng lại gánh trọng trách giữ chức vị cao, làm ô uế tước vương, tổn nhục đến dòng tộc họ Viên, đó là cái tội thứ chín của Thiệu vậy. Thêm nữa Thái thú Trường Sa là Tôn Kiên, trước lĩnh chức Thứ sử Dự châu, đuổi đánh Đổng Trác, quét dọn lăng miếu, công ấy của Kiên chẳng ai sánh bằng; Thiệu lệnh cho Chu Ngang cướp chiếm ngôi vị, cắt tuyệt lương thảo của Kiên, ra lệnh không ai được vào, khiến cho Trác không bị tru diệt, đó là cái tội thứ mười của Thiệu vậy."

"Thần lại thường nhận được thư của Hậu tướng quân là Viên Thuật, nói rằng Thiệu không phải là người trong nhà của Thuật. Tội lỗi của Thiệu, dấu trúc ở Nam Sơn cũng chẳng thể chép hết. Xưa kia chính sự nhà Chu của họ Cơ suy kém, vương đạo đổ nát, thiên tử dời đô, chư hầu phản loạn, vì thế Tề Hoàn lập minh ước ở Kha Đình, Tấn Văn mở hội ở đất Tiễn, đánh Kinh Sở để lại tiếng thơm, diệt Tào, Vệ để rõ tội vô lễ.⁽¹⁾ Thần dấu hèn hạ, tiếng tăm chẳng bằng bậc tiên hiền, chịu ân đức của triều đình, phải gánh trọng trách này, giữ chức phận cầm phủ việt, phụng mệnh đánh kẻ có tội, lập tức cùng chư tướng đem binh ở châu quận đánh dẹp bọn Thiệu. Nếu việc thắng lợi, đánh được kẻ có tội, kế tục

¹ Nước Tề mạnh phù giúp nhà Chu suy, Hoàn công làm bá chư hầu. Sau khi đánh bại nước Lỗ, Lỗ Trang công dâng Toại Ấp xin hòa, Hoàn công mở hội thề ở đất Kha, trả lại đất cho nước Lỗ, chư hầu tin Hoàn công giữ nghĩa bền theo phục.

Trùng Nhĩ lên ngôi vua nước Tấn, tức Tấn Văn công, tôn phù nhà Chu, tranh ngôi bá với nước Sở, đánh nước Tào (chư hầu của nước Sở, vô lễ với Tấn công lúc còn lưu lạc) và nước Vệ (không cho mượn đường đi giải vây cho nước Tống). Sau khi nước Tấn đánh bại nước Sở, làm bá chư hầu.

cái công trung thành của Hoàn, Văn, hình thế giao chiến thế nào, trước sau sẽ báo lên hoàng thượng."

Rồi cất binh cùng Thiệu đối trận giao chiến, Thiệu không thắng nổi.

Ngu sợ Toản gây biến, bèn cất quân tập kích Toản. Ngu bị Toản đánh bại, vội chạy ra Cư Dung. Toản vây đánh hạ Cư Dung, bắt sống Ngu, đem Ngu về huyện Kế. Vừa lúc Trác chết, thiên tử phái sứ giả là Đoạn Huấn đến tặng thực ấp cho Ngu, sai đốc suất sáu châu; Toản được thăng làm Tiền tướng quân, tước Dịch hầu. Toản vu khống là Ngu muốn xưng tôn hiệu, ép Huấn chém Ngu.^①

Toản dâng biểu xin cho Huấn làm Thứ sử U châu. Toản về sau kiêu căng, làm nhiều việc lỗi quên việc thiện, đa phần là những việc gây hại.^② Tông sự của Ngu là bọn Tiên Vu Phụ, Tề Chu, Kỵ đô úy Tiên Vu Ngân người Ngư Dương, thống suất binh lính trong châu muốn báo thù Toản, vì Diêm Nhu người nước Yên vốn có ân tín, mọi người cùng suy cử Nhu làm Tư mã xứ Ô Hoàn. Nhu chiêu dụ người Ô Hoàn, Tiên Ti, thu mấy vạn người Hồ, người Hán, cùng Thái thú mà Toản đặt ra là Trâu Đan người Ngư Dương giao chiến ở phía bắc sông Lô, đại phá quân ấy, chém Đan. Viên Thiệu lại phái Khúc Nghĩa cùng con của Ngu là Hòa, đem binh cùng Phụ hợp đánh Toản. Quân của Toản mấy lần bại trận, bèn chạy về Dịch Kinh cố thủ.^③

Toản sai làm hào vây quanh mười vòng, ở trong hào lũy đắp gò đất, đều cao năm sáu trượng, làm lầu trên đó; ở giữa lũy đắp lầu cao, đặc biệt có lầu cao đến chục trượng, Toản tự ở trong đó, tích ba trăm vạn斛 lương.^④ Toản nói:

- Người xưa nói rằng việc thiên hạ có thể trở cờ mà định, xem việc hôm nay, thấy không bằng cái mà ta quyết, chẳng gì bằng nghị binh, gắng sức cấy cày tích thóc. Binh pháp nói, trăm tòa

lầu chẳng dễ công phá. Nay lầu của ta cao nghìn tầng, ăn hết chỗ thóc này, cũng đủ biết hết việc thiên hạ rồi.

Muốn dùng việc ấy làm khó Thiệu. Thiệu phái tướng tấn công Toản, liền năm không hạ được.⑤

Năm Kiến An thứ tư, Thiệu đem hết quân vây Toản. Toản phái con đi cầu cứu với giặc núi Hắc, lại muốn tự dẫn quân đột kỵ xông thẳng ra ngoài, dựa vào núi ở phía tây nam, thu bộ chúng ở núi Hắc, trộm giặc ở Ký châu, chẹn ngang cắt đứt đường phía sau của Thiệu. Trưởng sử là Quan Tĩnh khuyên Toản rằng:

- Nay tướng sĩ của Tướng quân, đều đã như đất tan ngôi sụp, những kẻ sở dĩ còn chống giữ nhau được, trông lại ở đây chỉ có người già trẻ nhỏ, lấy Tướng quân làm chủ thôi. Tướng quân giữ vững đã lâu ngày, Viên Thiệu nhất định phải tự lui; sau khi hắn tự lui, quân ở bốn phương tất có thể hợp lại được. Nếu hôm nay Tướng quân bỏ chỗ này đi, quân lính không có tướng đủ uy quyền trấn áp, cái nguy của Dịch Kinh, có thể đứng mà đợi thôi. Tướng quân mất chỗ căn bản, cô độc nơi thảo dã, sao nên việc được!

Toản bèn thôi không ra ngoài.⑥

Cứu binh đến, muốn trong ngoài đánh Thiệu. Toản phái người đưa thư cho con, hẹn lúc đem binh đến, đốt lửa làm hiệu.⑦ Quân dò đường của Thiệu bắt được thư của Toản, như lời hẹn đốt lửa. Toản cho là quân cứu đến, bèn ra ngoài định giao chiến. Thiệu bố trí quân mai phục, đại phá Toản, Toản lại về giữ.

Thiệu đào địa đạo, đục phá tường lầu của Toản, dần dần vào đến giữa lầu.⑧ Toản tự biết tất bại, bèn giết hết vợ con mình, rồi tự sát.⑨

⑤ *Nguy thị Xuân Thu* chép: Khi trước, Lưu Ngụ hòa mục với rợ Nhung Dịch, Toản vì rợ Hồ rợ Di khó chế ngự, định nhân lúc họ không phục mà đánh dẹp, nay thưởng thêm tiền cho họ, tất họ

càng coi thường nhà Hán, được cái danh nhất thời, nhưng để lại mối lo lâu dài. Cho nên những thứ Ngu ban thưởng họ, Toàn liền cướp đoạt lấy.

Ngu mấy lần mời gặp, Toàn xưng có bệnh không tới. Đến lúc Toàn thua trận, Ngu muốn dẹp Toàn, đem bảo với Đông tào duệ là Ngụy Du người quận Hữu Bắc Bình. Du nói:

- Nay Công là người mà thiên hạ vượn cổ ngóng trông, vì Công mà quy thuận, mưu thần là nanh vuốt, chẳng thể không có được. Toàn có văn vũ tài lực đủ để nhờ cậy, đâu có cái ác nhỏ, hãy cố bao dung nhân nhượng.

Ngu bèn thôi.

Một năm sau, Du bệnh chết. Ngu lại cùng thuộc quan nghị bàn, mật lệnh cho mọi người tập kích Toàn. Bộ khúc của Toàn phân tán bên ngoài, bởi sợ thua trận, đào một lối ở cửa đông thành định chạy trốn. Binh sĩ của Ngu chẳng có đội ngũ, không luyện tập chiến trận, lại tiếc nhà dân, Ngu ra sắc lệnh cấm đốt phá. Cho nên Toàn thừa dịp phóng hỏa, rồi nhân đó đem quân tinh nhuệ xung sát. Bộ chúng của Ngu vỡ lở, chạy về thành Cư Dung. Toàn vây đánh bắt gia thuộc của Ngu đem về, giết hại người trong châu phủ, bọn kẻ sĩ đức độ mặc áo đội mũ đều bị giết sạch nhẵn.

Diễn lược chép: Toàn phời Ngu ở ngoài chợ rồi khẩn rằng:

"Nếu người được ứng mệnh làm Thiên tử, trời sẽ giáng mưa để cứu người."

Bấy giờ tiết trời cực nóng, hết ngày không hề có mưa, Toàn bèn giết Ngu.

Anh hùng ký chép: Ngu bị giết, cố Thường Sơn tướng là Tôn Cẩn, phó quan là bọn Trương Dật, Trương Toàn vì trung nghĩa mà phát phần, cùng nhau đến chỗ Ngu, mắng chửi Toàn luôn miệng, rồi sau cùng bị giết với Ngu.

② *Anh hùng ký* chép: Toàn thống quản trong ngoài, con em những kẻ mũ áo có ai tài hoa tuấn tú, thì nhất định đè nén bức họ đến ở đất khốn khó. Có người hỏi nguyên cớ, Toàn đáp rằng:

- Nay chọn dùng con em trong nhà những kẻ mũ áo và kẻ sĩ có đức độ để họ được giàu sang, thì bọn họ đều cho là quan chức ấy họ đáng được hưởng, họ chẳng cảm kích cái ý tốt của người khác vậy.

Toàn lại đãi ngộ sủng ái những kẻ phóng túng kiêu căng, đại loại đa phần là những kẻ tầm thường, như bọn ba người thầy bói số là Lưu Vĩ Đài, tên bán lụa là Lý Di Tử, gã con buôn là Lạc Hà Đương, cùng họ ước thệ làm anh em, tự xưng mình là Bá, gọi ba người kia là Trọng, Thúc, Quý, giàu có đều vạn ức, hoặc chọn con gái của họ hôn phối với con trai của mình, thường nói là sự thân thiết của họ cũng như Khúc Chu, Quán Anh¹ thời xưa vậy.

③ *Anh hùng ký* chép: Trước đó có lời đồng dao rằng:

"Cõi nam nước Yên xuống, phía bắc nước Triệu hợp, giữa chỗ đất bằng hòn đá, chỉ ở trong đó, mới tránh được họa đời."

Toàn cho rằng huyện Dịch là chỗ đất ứng với lời đồng dao ấy, bèn cho đắp thành lớn cố thủ. Biệt tướng của Toàn có kẻ bị địch vây, Toàn không ra cứu, nói với tướng ấy rằng:

- Cứu một người, khiến sau này các tướng cậy có quân cứu không ra sức đánh; nay ta không cứu chỗ ấy, sau này các tướng sẽ ghi nhớ việc đó mà tự cố sức.

Vì thế lúc Viên Thiệu mới đánh phía bắc, các doanh khác ở địa giới cõi nam của Toàn tự liệu không thể tự giữ vững, lại biết là tất chẳng được cứu, cho nên có kẻ tự giết tướng soái của mình, có kẻ bị quân Thiệu phá được, cuối cùng quân của Thiệu đánh thẳng đến dưới cửa của Toàn.

¹ Khúc Chu, Quán Anh: Là hai vị trong số mười tám vị công hầu đời Hán Cao tổ, giúp Cao tổ bình thiên hạ là: Toàn hầu Tiêu Hà, Bình Dương hầu Tào Tham, Tuyên Bình hầu Trương Ngao, Giáng hầu Chu Bột, Vũ Dương hầu Phàn Khoái, Khúc Chu hầu Lịch Thương, Lỗ hầu Hề Quyên, Nhữ Âm hầu Hạ Hầu Anh, Dĩnh Âm hầu Quán Anh, Dương Lăng hầu Phó Khoan, Tín Vũ hầu Cận Hấp, An Quốc hầu Vương Lăng, Cức Phổ hầu Sài Vũ, Thanh Hà hầu Vương Hấp, Quảng Bình hầu Tiết Âu, Phàn Âm hầu Chu Xương, Dương Đô hầu Đinh Phục và Khúc Thành hầu Xung Đạt. Chuyện thông gia giữa các nhà, người dịch chưa tra cứu được.

Thần Tùng Chi cho rằng: Lời đồng dao, chẳng có gì không chứng nghiệm; đến như ghi chép này, tựa hồ như không có điềm triệu. Lời đồng dao này được làm ra, có lẽ vì Toàn trước sau cố giữ huyện Dịch, không tính việc sâu xa. Mà Toàn nhân cái uy phá giặc Khăn Vàng, có ý bành trướng, mới đặt chức Thứ sử ở ba châu, mưu đồ diệt họ Viên, đó là cái nguyên nhân dẫn đến thất bại vậy.

④ *Anh hùng ký* chép: Chư tướng của Toàn nhà nhà đều làm lâu cao, lâu đến cả nghìn chiếc. Toàn làm cửa bằng sắt, cư trú ở trên lâu, đuổi hết tả hữu đi, để nàng hầu vợ lẽ hầu hạ bên cạnh mình, có văn thư thì kéo từ dưới lên.

⑤ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Thiệu gửi thư cho Toàn nói:

"Cô với túc hạ, trước kia đã có minh ước cũ, lại ước thề cùng đánh dẹp phản loạn, tình thân ái hơn cả Bá Di, Thúc Tề, mực đỏ giấy xanh phân minh rõ rệt, gọi là chung sức kéo bánh xe, nối theo vết chân Tề, Tấn,⁽¹⁾ cho nên Cô đã cỡi ấn buông dây thào, lấy miền bắc nối với miền nam, chia sẻ đất đai màu mỡ, để vâng ý bề trên chấp hành phận sự, thế chẳng phải là đã chứng tỏ rõ ràng tấm lòng son của Cô rồi sao?"

"Nay túc hạ mở mắt mà vứt bỏ cái nghĩa lớn của kẻ sĩ cứng cỏi, đưa chân vào chỗ hung hiểm rước lấy cái họa bại vong, Cô dè chừng mà nghĩ lại, lấy tình thân thay thù oán, nên ngầm phái quân mã, phạm lấn Dự châu. Mới đây nghe nói có binh sĩ mặc giáp ở phía nam, túc hạ tự thân lâm chiến, Cô sợ tên bay tứ tán, đao chém loạn dọc ngang, khiến cái họa của túc hạ nặng hơn, lại tăng thêm tội lỗi của Cô vậy, cho nên Cô gửi thư thành khẩn thông thiết, mong là túc hạ có thể cải hối. Nhưng túc hạ ngang nhiên tự buông thả, kiêu căng với cái uy gian trá của mình, nói là có thể nuốt được lưới trời, có thể diệt được bọn anh hùng, kết quả là lệnh quý đệ mất mạng ở đầu mũi đao sắc nhọn.⁽²⁾ Lời ấy còn ở trong tai, nhưng túc hạ cố tình không tìm xét đến cái căn nguyên của tai họa, khắc ghi cái lỗi của mình ở trong lòng, cầu thả muốn thích ý với con giận khôn cùng, chẳng đoái hoài đến ranh giới của sự nghịch thuận, giấu oán hại dân, rước họa đến thân Cô. Rồi thúc ngựa giương cung, đến cương

¹ Tề Hoàn, Tấn Văn nối nhau làm bá, không phò nhà Chu.

² Em họ của Toàn là Việt bị quân của Thiệu giết lúc trước.

thờ của Cô, tàn hại khắp dân sinh, xương trắng rải đầy. Cô đành bất đắc dĩ, dàn trận ở Giới Kiêu. Bấy giờ quân của túc hạ khí thế như sấm sét, tuấn mã như điện chớp; bộ binh của Cô mới hợp, khí giới chẳng nghiêm chỉnh, quân khỏe quân yếu tạp nham, binh ít ỏi mà lắm chủ trương, nhờ trời phụ giúp, đánh nhỏ thắng lớn, sau lần đuổi túc hạ phải bỏ chạy, nhân đó Cô đắp lũy chứa thóc, đấy chẳng phải là uy trời giúp đỡ kẻ thành thực, tỏ rõ điềm lành cho kẻ có lẽ được hưởng phúc dày sao?"

"Chí của túc hạ còn chưa thỏa, muốn khôi phục tập hợp tàn tro rơi rớt, toan tính sâu một hại ta, để đốt cháy Bột Hải. Cô lại chẳng được yên, phải phái quân đến Long Hà. Sai quân yếu đi trước dẫn dụ, đại quân chưa qua sông, mà túc hạ vỡ mặt tan quân, không khua trống mà thua bại, binh sĩ rối loạn, chủ tớ đều chạy. Đấy lại là việc làm của túc hạ, không phải là cái lỗi của Cô vậy. Từ đó về sau, oán ghét hiềm khích càng sâu, quân lữ của Cô, chẳng được mỗi hận này, mới dẫn đến cảnh thân chất thành đồng, đầu lâu đầy đồng, Cô xót thương người vô tội, chưa từng không cảm khái bụi ngùi rơi nước mắt vậy."

"Sau khi nhận được thư của túc hạ, ý tứ khiêm nhường, có lời sửa lỗi trước sau. Kẻ hèn này đã mừng vì tình cũ được khôi phục lại, và lại xót thương muôn dân chẳng được yên, liền dẫn binh sư xuôi nam, kính thuận theo minh ước. Chẳng mấy buổi sớm, mà biên bắc nghe tin vũ hịch, là điều Cô chưa từng ngờ tới. Cô cũng bởi điều đó mà thông khổ tâm can đau đầu mệt óc, tình cảm xáo trộn. Ôi, kẻ ở cương vị thống suất ba quân, phải đảm đương trọng trách của liệt tướng, nên mệnh lệnh phải dữ dội như sương giá, vui vẻ như mưa đúng thời, với cái tốt xấu hay dở, có thể thần nhiên quan sát. Nhưng túc hạ bụng dạ bất nhất, lúc mạnh lúc yếu toan tính đổi thay, bị nguy cấp thì cúi mình khuất thân, được hòa hoãn thì phóng túng buông thả, việc làm không có đầu mối nhất định, lời nói không bày tỏ được sự chuẩn tắc, là tráng sĩ mà bị lậu như thế ru! Vì thế người già con trẻ bị tàn sát, cõi U châu cảm phần oán hờn, quân sĩ phản loạn người thân lìa bỏ, lẻ loi đơn chiếc chẳng có bè đảng."

"Lại nữa là người Ô Hoàn, Uế Mạch, đều ở cùng châu của túc hạ, kẻ hèn này cùng họ khác tục, bọn họ đều giận dữ phát tiết, tranh nhau làm tiên phong; lại có người Tiên Ti ở phía tây và phía đông, nhón gót chân đến vịn dựa. Đấy chẳng phải là đức của Cô có thể vẫy gọi họ, là túc hạ

đã đuổi họ đến chỗ Cô vậy. Ôi đang lúc hình thế dang dở nguy nan, ở chỗ hiểm can qua, trong thì trái ước thề với đồng minh, ngoài thì mất lòng người Nhung Dịch, mà hưng binh ở bản châu, cái họa đã phát ra trong tường vách, muốn nhân đó yên định ngôi bá, chẳng cũng khó sao!"

"Lúc trước vì có quân trộm giặc ở núi tây, Cô xuất binh bình dẹp, hội với tàn quân của Khúc Nghĩa, tức hạ sợ bị giết trốn tránh giữ mệnh, nên Cô dùng đại quân, chia binh quét sạch, đây là binh tiên hành của Cô, lúc nhố cờ phá lũy ở Giới Kiều, là quân tiên phong chế địch vậy. Mới đây nghe nói tức hạ khắc vàng đeo dây thao đồ, chọn dùng nguyên soái, bảo là sẽ khiến cho quân thêm hăng hái, để báo thù cái nỗi nhục của Mạnh Minh,⁽¹⁾ thế nên kẻ ra trận vượn cổ, ngẩng trông cờ tinh, ngờ đâu tức hạ ẩn hình dấu bóng, lặng yên không động, binh tốt chịu cảnh giết mổ, rồi cùng nhau than tiếc? Kẻ lấy oai thế binh thiên hạ, lập cái công lớn hiểm có ở đời, quyền thế thống quân sĩ tốt, nuôi binh mua ngựa, mà kẻ phản loạn không đánh dẹp, kẻ quy phục không thu lấy, uy phong đều mất cả, lấy gì để gây dựng tiếng tăm?"

"Nay cứu kinh đã khôi phục, lưới trời vừa vá, kẻ có tội trốn tránh, người trung thực tài năng giúp giáo hóa, Hoa Hạ được chỉnh trang, mong được hòa mục, cùng dập can qua, thả trâu buông ngựa, mà tức hạ đơn độc ôm giữ đám quân sĩ còn con, giữ cái mái nhà ở trong quân, cam chịu nỗi hổ thẹn thân danh mục nát, làm mất đức tốt dài lâu? Kẻ mạnh mẽ mà trù tính như thế, thật không phải là kẻ sách hay vậy. Nên cời thù giận bỏ hiểm nghi, hòa hợp với ta tình thân như cũ. Lời kẻ hèn này nói, xin trời cao nghe thấu."

Toản không đáp thư, lại tăng cường sửa khí giới phòng bị. Bảo với Quan Tĩnh rằng:

- Nay bốn phương như hổ tranh giành, không ai có thể ngồi yên dưới thành của ta cầm giữ nhau nhiều năm được đâu. Viên Bản Sơ bằng được ta sao!

© Anh hùng ký chép: Quan Tĩnh tự Sĩ Khởi, người quận Thái Nguyên. Vốn là quan lại tàn ác, siểm nịnh mà không có mưu lớn, được Toản đặc biệt tín nhiệm sủng ái.

¹ Mạnh Minh (孟明): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 57 (Viên Thiệu truyện).

⑦ *Diễn lược* chép: Toàn phái Hành nhân⁽¹⁾ là Văn Tắc đưa thư đến bảo với con mình là Tục rằng:

"Phép tấn công của họ Viên, tựa như quỷ thần, khi trống thúc tù và kêu ở trong lòng đất, thì bắc thang trèo lên lầu của ta. Lúc mặt trời lặn mặt trăng nhô lên, là không bao giờ được yên lành. Mày nên đập tan đầu Trương Yển, rồi tức tốc đưa quân khinh kỵ đến đây, đến nơi rồi phải đốt lửa hiệu ở phía bắc, ta sẽ từ phía trong đánh ra. Không làm như thế, sau khi ta chết, thiên hạ dẫu rộng, mày muốn tìm một chỗ đất yên chân, có thể được chăng!"

Hiến đế Xuân Thu chép: Toàn nằm mơ thấy thành Kế lữ, biết tất sẽ thất bại, bèn ngầm phái sứ giả đưa thư cho Tục. Quân dò đường của Thiệu bắt được thư, sai Trần Lâm sửa đổi thư ấy rằng:

"Ta từng nghe nói thời xưa lúc nhà Chu suy vi, thân phơi máu chảy, ta cho là mình không như vậy, lẽ nào hôm nay thân ta bị thế sao!"

Ngoài ra thì lời lẽ giống như lời mà *Diễn lược* chép.

⑧ *Anh hùng ký* chép: Viên Thiệu phân một đạo quân đào đất làm đường, đào xuyên dưới lầu của Toàn, Toàn rồi rít đưa gỗ đến đóng cọc trụ, vững được nửa ngày, Thiệu bèn đốt các cọc trụ mà Toàn đóng, lầu liền nghiêng đổ.

⑨ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Quan Tĩnh nói:

- Ta nghe nói bậc quân tử bị người ta hãm chỗ nguy nan, phải cùng nhau gánh nạn, há có thể sống một mình sao!

Bèn khua ngựa xông vào quân Thiệu mà chết. Thiệu đem hết đầu bọn ấy đến huyện Hứa.

Tiên Vu Phụ đem bộ chúng của mình vâng theo vương mệnh. Triều đình cho Phụ làm Kiến trung tướng quân, đốc trách sáu quận U châu.

Thái tổ cùng Viên Thiệu đang cự nhau ở Quan Độ, Diêm Nhu phái Phụ đi sứ đến chỗ Thái tổ nhận việc, đổi làm Hộ Ô Hoàn

¹ Hành nhân (行人) là chức quan chương quản việc đi sứ thông hiếu giữa các bên, chức này cũng được gọi là Hành lệnh. Nhưng theo Nhan Cổ Sư chú thì chức này là chức quan nắm giữ việc ban hiệu lệnh cho vua chúa.

Hiệu úy. Nhưng Phụ tự đến chỗ Thái tổ, được bái làm tả Độ liêu tướng quân, phong tước Đình hầu, phái quay về trấn thủ ở châu cũ.^①

Thái tổ phá Nam Bì, Nhu dẫn bộ khúc cùng ngựa tốt của người Tiên Ti dâng biểu đến cấp cho quân lính, rồi theo đi đánh ba quận Ô Hoàn, vì có công được phong tước Quan nội hầu.^② Phụ cũng thống suất quân đội của mình đi theo.

Văn đế lên ngôi, bái Phụ làm Hồ nha tướng quân, Nhu làm Độ liêu tướng quân, đều tấn phong tước Huyện hầu. Ngồi vị Đặc tiến.

① *Ngụy lược* chép: Phụ đi theo Thái tổ tới Quan Độ. Viên Thiệu tan chạy, Thái tổ mừng, ngoảnh sang bảo Phụ rằng:

- Năm trước Bản Sơ đưa đầu Công Tôn Toàn đến, Cô tự thấy giạt mình, mà nay Cô đánh thắng được hẳn. Đây thực là ý trời, cũng là sức của các ngài vậy.

② *Ngụy lược* chép: Thái tổ rất yêu mến Diêm Nhu, thường bảo Nhu rằng:

- Ta coi ngươi như con, cũng muốn ngươi coi ta như cha vậy.

Nhu bởi thế tự thác thân ở chỗ Ngũ quan tướng, tình như anh em.

Đào Khiêm tự Cung Tổ, người quận Đan Dương.^①

Thời trẻ ham học, lúc là học trò được quan châu triệu gọi, đề cử làm Mậu tài, phong làm Lư lệnh,^② rồi thăng chức Thứ sử U châu, sau được triệu về bái làm Nghị lang, Tham quân sự cho Xa kỵ tướng quân Trương Ôn, sang tây đánh dẹp Hàn Toại.^③ Gặp lúc giặc Khăn Vàng ở Từ châu nổi dậy, triều đình lấy Khiêm làm Thứ sử Từ châu, Khiêm đánh giặc Khăn Vàng, phá chúng bỏ chạy.

Đổng Trác gây loạn, châu quận khởi binh, Thiên tử thiên đô tới Trường An, bốn phương chia cắt, Khiêm phái sứ giả vượt

đường đến dâng cống, được thăng làm An Đông tướng quân, Từ châu mục, tước Lật Dương hầu.

Thời ấy, trăm họ Từ châu phồn thịnh, thóc gạo dồi dào, dân lưu vong đa phần về đó. Nhưng Khiêm lại trái đạo bổ dụng người vì tình cảm. Thái thú Quảng Lăng là Triệu Dục người quận Lang Nha, là danh sĩ ở vùng Từ châu, vì trung thực mà bị xa lánh;^④ bọn Tào Hoành, là lũ tiểu nhân dèm pha ác ý, Khiêm lại yêu mến tin dùng. Hình pháp chính sự bỏ bê, kẻ lương thiện đa phần bị hãm hại, bởi thế mọi sự dân rối loạn.

Người quận Hạ Bi là Khuyết Tuyên tự xưng là Thiên tử, ban đầu Khiêm liên hợp cùng đi cướp bóc, sau lại giết Tuyên, thu tóm quân lính của hắn.

① *Ngô thư* chép: Cha của Khiêm, là cố Trưởng huyện Dư Diêu. Khiêm mồ côi cha từ nhỏ, lúc đầu vì phóng túng mà nổi danh ở trong huyện. Năm mười bốn tuổi, vẫn còn buộc lụa làm cò, cưỡi ngựa trúc nô đùa, bọn trẻ con ở trong ấp đều chạy theo sau. Cố Thái thú Thương Ngô là Cam Công ở cùng huyện tình cờ gặp trên đường, thấy dung mạo của Khiêm, lấy làm lạ bèn gọi lại, rồi dừng xe cùng nói chuyện, rất thích thú, bèn hứa gả con gái cho.

Phu nhân của Cam Công nghe tin, giận nói:

- Thiếp nghe nói thằng nhỏ nhà họ Đào chơi bời vô độ, sao lại đem con gái mình hứa gả cho nó?

Công nói:

- Nó có nghi biểu lạ, lớn lên tất thành công lớn.

Rồi đem con gái gả cho Khiêm.

② *Ngô thư* chép: Khiêm bản tính cương trực, có khí tiết, lúc còn trẻ được xét Hiếu liêm, bái làm Thượng thư lang, rồi đổi làm Thư lệnh.

Quận thú Trương Bàn, là tiên bối ở cùng quận, với cha Khiêm là bạn hữu, đặc biệt quý Khiêm, nhưng Khiêm xấu hổ vì phải luôn cúi người khác. Khiêm mỗi khi cùng mọi người về Thư thành, vì

việc công đến gặp, việc xong, Bàn thường cho Khiêm vào gặp riêng, cùng Khiêm ăn yến, có lần Khiêm cự tuyệt không ở lại. Bàn hay mời Khiêm đứng dậy múa nối theo mình, Khiêm không đứng dậy, cố cưỡng Khiêm; lúc Khiêm múa, lại không chịu xoay mình.

Bàn nói:

- Ngươi không xoay mình sao?

Khiêm đáp:

- Không xoay mình được, xoay mình thì hơn người.

Bởi thế Bàn không vui, rút cục gây hiềm khích.⁽¹⁾

Khiêm tại chức thanh bạch, không hề bị xét hỏi, lúc tế sao Linh,⁽²⁾ có năm trăm đồng tiền thừa, Trương Bàn muốn tham ô của kẻ dưới. Khiêm bèn trả chức quan bỏ đi.

③ *Ngô thư* chép: Lúc người Khương phương tây vào cướp bóc ở vùng ven biên, triều đình lấy Hoàng Phủ Tung làm Chinh tây tướng quân, Tung dâng biểu xin cử võ tướng đi theo. Khiêm được triệu gọi bái làm Đô úy Dương Vũ, cùng Tung đi đánh người Khương, đại phá chúng.

Về sau Biên Chương, Hàn Toại làm loạn, Tư không Trương Ôn vâng mệnh đi đánh dẹp; lại mời Khiêm làm Tham quân sự, tiếp đãi rất hậu, nhưng Khiêm coi thường cách hành xử của Ôn, trong lòng ngầm có ý bất phục. Lúc xong việc quân trở về, trăm quan mở hội lớn, Ôn nhường cho Khiêm đi chúc rượu, Khiêm ở chỗ đông người nhục mạ Ôn. Ôn giận, đẩy Khiêm ra biên ải.

¹ Theo lệ xưa thì ca múa là một nghi thức ngoại giao rất đặc biệt thể hiện thân tình, khi đang ăn, chủ tiệc yến đứng dậy múa, múa xong lại mời khách múa nối theo, người được thăng quan làm động tác “nhật chuyển thiên giai” (ngày chuyển ngàn bậc), tức là khi múa xong một nhịp phải xoay mình vài chào, chuyển điệu. Khiêm từ chối, nghĩ rằng nếu vài chào thì phải cúi mình xuống, tức là quy lụy người ta, song lại nói thác rằng nếu chuyển mình tức là chuyển bậc, nghĩa là lên cấp (Khiêm đang làm chức lệnh), mà lên cấp nữa là hơn các viên Lệnh khác, ngang cấp với Trương Bàn (Quận thú). Bàn hiểu thâm ý của Khiêm nên giận, ghét Khiêm.

² Sao Linh (灵星), còn gọi là sao Thiên Điền (天田星), chủ việc nông sự. Thời cổ, việc tế sao Linh diễn ra vào ngày Nhâm Thìn, tế ở hướng Đông nam, ý nghĩa là báo ơn cho mùa màng của năm ấy.

Có người khuyên Ôn rằng:

- Đào Cung Tổ vốn có tài thao lược được Công coi trọng, nhất thời vì say sưa mà quá lời thất thố, ngài chẳng rộng lòng tha thứ, mà đuổi người ta ra xứ bất mao,⁽¹⁾ để đức dày chẳng được trọn vẹn, nhân sĩ bốn phương sao yên lòng ngóng về đây! Chẳng bằng cởi thù bỏ hận, khôi phục cái danh phận lúc trước, để cái đức cao đẹp được truyền xa.

Ôn cho lời ấy là đúng, bèn cho người đuổi theo đưa Khiêm về. Khiêm đến, người ấy lại bảo Khiêm rằng:

- Túc hạ khinh bỉ nhục mạ Tam công, tự mình gây tội, nay người ta rộng lòng tha thứ, ơn ấy hậu lắm rồi; túc hạ nên nén chí nhún nhường đưa lời tạ lỗi lúc trước.

Khiêm nói:

- Vâng.

Người ấy lại bảo Ôn rằng:

- Đào Cung Tổ nay rất biết tội của mình, còn nghĩ cách hối lỗi. Tạ tội với Thiên tử xong, tất sẽ đến cửa của Công. Công nên gặp mặt, để an ủi cái thành ý của ông ấy.

Đến lúc Ôn gặp Khiêm ở cửa cung, Khiêm ngẩng mặt nói:

- Khiêm tự tạ lỗi với triều đình, há vì Công sao?

Ôn nói:

- Cung Tổ mắc bệnh mê mẩn còn chưa khỏi chẳng?

Rồi bày tiệc rượu, đối đãi với Khiêm như lúc trước.

④ *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Năm Dục mười ba tuổi, mẫu thân từng bị bệnh, qua ba tháng vẫn không khỏi. Dục thương xót héo mòn, đến nỗi nhắm mắt chẳng ngủ được, cầm thóc ra bói, lúc cầu đảo khóc vãi máu, hàng xóm khen Dục là người chí hiếu.

Dục theo người xử sĩ ở Đông Hoàn Kỳ là Điền Quân thụ học Công Dương truyện, học kiêm các nghề. Trải nhiều năm dẫn thân miệt

¹ Là nơi cỏ cây không mọc nổi, ý nói là đến nơi hoang vu sỏi đá.

mài, chẳng nhòm ngó đến ruộng vườn, thân sơ ít khi nhìn thấy mặt. Lúc sớm tối vào thăm hầu vấn an cha mẹ, chỉ chốc lát lại ra về.

Dục cao thượng liêm chính, giữ lễ mà lập thân, thanh khiết nghiêm cẩn, chẳng ai phạm được chí của Dục; Dục lại nêu tỏ điều thiện để hưng giáo hóa, dẹp hết tà ác để uốn nắn phong tục. Châu quận mời triệu, Dục thường xưng bệnh không ứng mệnh. Tướng quốc là Đàn Mô, Trần Tuân cùng vời, Dục cũng không ra; có kẻ nổi cơn thịnh nộ, nhưng Dục nhất định không chuyển ý. Châu quận suy cử Hiếu liêm, đổi phong Dục làm Trưởng huyện Cử, Dục tuyên dương ngũ giáo,¹ nêu tỏ khuôn phép của quốc gia. Gặp lúc giặc Khăn Vàng gây loạn, cướp bóc ở năm quận, quận huyện phát binh, Dục lo liệu chuẩn bị trước. Thứ sử Từ châu là Ba Kỳ biểu dương công trạng của Dục đứng đầu, nói xứng đáng thăng thưởng, Dục xấu hổ, trả chức về quê.

Từ châu mục Đào Khiêm ban đầu triệu làm Biệt giá Tòng sự, Dục từ chối có bệnh trốn tránh. Khiêm nhiều lần lệnh cho Tòng sự Dương châu là Ngô Phạm người quận Cối Kê tuyên ý chỉ, Dục quyết ý không đi; Khiêm muốn ra uy đưa hình phạt, Dục mới chịu nhận chức. Sau xét cử Mậu tài, Dục được thăng làm Thái thú Quảng Lăng. Giặc cướp là Trích Dung từ Lâm Hoài bị đánh, chạy vào địa giới quận, Dục dẫn binh chống đánh, thua vỡ bị hại.

Năm Sơ Bình thứ tư, Thái tổ đi đánh Khiêm, tấn công hạ được hơn mười thành, đến Bành Thành đại chiến. Binh của Khiêm thua chạy, mấy vạn người bị giết, nước sông Tứ vì thế không chảy được. Khiêm lui giữ Đàm Thành. Thái tổ vì thiếu lương dẫn quân quay về.^①

Năm Hưng Bình nguyên niên, Thái tổ lại đông chinh, lấy được các huyện của quận Lang Nha, Đông Hải. Khiêm kinh sợ, muốn chạy về Đan Dương. Đúng lúc Trương Mạc làm phản nghênh

¹ Ngũ giáo (五教) là năm thứ đạo đức luân lý phải tuân theo, gồm: Sống có nghĩa với cha, thương yêu mẹ, ăn ở hòa thuận với anh, làm em thì cung kính anh, làm con phải hiếu thuận.

đón Lã Bố, Thái tổ quay về đánh Bố. Năm ấy, Khiêm bị bệnh chết.②

① Ngô thư chép: Phụ thân của Tào công bị giết ở quận Thái Sơn, Công quy tội cho Khiêm. Muốn đi đánh Khiêm nhưng sợ sự cường thịnh của Khiêm, bèn dâng biểu lệnh cho các châu quận phải đồng loạt bãi binh. Chiếu rằng:

"Nay hải nội nhiễu nhương, châu quận khởi binh, kẻ đi trận nhọc nhằn lao khổ, nạn trộm cướp chưa yên, ngờ rằng tướng lại có kẻ bất lương, nhân cơ hội đánh dẹp bắt bóc, ngấm ngấm hà hiếp lê dân, làm hại chúng nhân; tin theo gió lan truyền, chấn thành động ấp, người trong tường vách khiếp sợ bọn ngang ngược hung tàn, kẻ trịnh lương hóa thành bọn xấu, thế khác gì ôm củ tỏi cứu hỏa, quạt lửa ngăn nước sôi đầu! Nay dân ở bốn phương lưu li thất sở, đem thân tha hương, dắt díu kẻ đầu bạc vào nơi sơn dã, bỏ con trẻ ở chỗ ngồi lạch, trông lại cố hương mà than thở tiếc thương, ngoảnh về bờ ruộng mà rơi nước mắt, khốn khổ cơ hàn, cũng đã nhiều lắm rồi. Dẫu bao người hối hận về những mê lầm đã qua, nay nghĩ muốn vâng theo giáo hóa, nhưng binh chiến liên miên, chúng nhân kết đảng, đao kiếm bày ra, sợ rằng sáng sớm giải tán, chiều tối bị bắt trói, thế nên vẫn giữ binh chiếm đất, muốn dừng chiến mà chẳng dám giải tán quân binh vậy. Chiếu thư này đến, quân sĩ các nơi phải cời giáp binh, quay về với việc nông tang, chỉ lưu lại một số quan viên giữ chức ở cửa quan, để ủy lạo xa gần, nay tuyên cáo để khắp nơi biết rõ."

Khiêm tiếp chiếu, bèn dâng thư rằng:

"Thần nghe để người xa quy phục, không có đức người ta chẳng đến; để dẹp nạn binh loạn, không có quân đội chẳng nên công. Thế nên ở cánh đông Trác Lộc, Phán Tuyên, Tam Miêu có quân lữ của Ngũ đế,⁽¹⁾ ở bốn nước Hữu Hồ, Quý Phương, Thương, Yểm có quân chinh phạt của bậc

¹ Xi Vưu (蚩尤), xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 95 (Lưu Biểu truyện).

Bộ tộc Tam Miêu (三苗) sinh sống ở dải đất phía nam vùng Hà Nam, gồm một dải đất ở hồ Bà Dương thuộc Giang Tây và hồ Động Đình thuộc Hồ Nam. Tộc Tam Miêu nổi dậy từ thời vua Nghiêu, nhưng vua Nghiêu chưa đánh được, lúc vua Thuấn (舜) được vua Nghiêu (尧) nhường ngôi, liền họp chư hầu, bắt đầu đánh rợ Tam Miêu, sau thắng lớn ở hồ Động Đình, Bà Dương.

ương giả,⁽¹⁾ từ thuở xa xưa, chưa có việc không ra uy mà dưng được loạn, không chinh đồn võ bị mà ngăn được kẻ bạo tàn. Thần mới đây vì trị loạn Khăn Vàng, vâng mệnh ruổi rong, chẳng được thư nhân để bày tỏ sự tình. Tuy nhiên vẫn nhớ điều răn về điển chương pháp độ, nên thần vâng mệnh tuyên rõ uy linh, cung kính thay trời thảo phạt, mỗi khi đánh dẹp thường luôn thắng địch, nhưng loài yêu khốu rất đông, liều lĩnh chết cũng không sợ, cha anh chết hết, con em lại nổi lên, sửa quân động binh triền miên, đến nay đã là mối họa. Nếu vâng chiếu mệnh cỡi giáp binh, nước yếu tự hỏng mất, buông bỏ vũ khí là tích mối họa loạn, tổn hại uy quan mà giúp thêm cho giặc cướp, hôm nay bãi binh, ngày mai nạn tất đến, trên làm ô nhục ân sủng của triều đình, dưới khiến bọn hung nghịch thán ngày lan mãi, đấy chẳng phải là lấy nghĩa gốc mạnh càngh yếu chuyên tâm ngăn kẻ ác dưng họa loạn vậy. Thần dù ngu dốt, trung thứ chẳng rõ ràng, song mang ân phải nghĩ cách báo đền, chẳng nỡ làm như thế. Thần lập tức sắp xếp bộ khốu, tự ra lệnh phòng bị sẵn

¹ Thời nhà Hạ, nước Hữu Hổ (有扈) là chư hầu, địa bàn ở khu vực huyện Hộ của tỉnh Thiểm Tây ngày nay. Hạ Vũ truyền ngôi cho Bá Ích, lúc Hạ Vũ chết, Bá Ích lo quốc tang ba năm rồi trao lại ngôi cho Hạ Khải (con của vua Hạ Vũ). Hạ Khải triệu tập chư hầu đến chứng kiến lễ đăng cơ của mình, chư hầu đều đến, riêng nước Hữu Hổ chống đối, Khải lập tức phát binh tiến đánh, kết quả đánh bại quân Hữu Hổ ở đất Cam, xóa sổ tộc Hữu Hổ trong danh sách chư hầu.

Quý Phương (鬼方) là tên một bộ tộc cổ thời Thương Chu, dấu vết về bộ tộc này được nhắc đến trong các thư tịch cổ như *Dịch kinh*, *Sơn Hải kinh*, *Sử ký*, *Ấn bản kỷ* ... Thời xưa bộ tộc này nổi loạn ở phía tây bắc Hoa Hạ, nhà Ân phải xuất quân đánh dẹp. Sách *Trúc thư kỷ niên* chép: “Năm thứ 32, đánh Quý Phương, đóng quân ở đất Kinh”. Năm thứ 32, theo Tam đại niên biểu thì đó là năm thứ 32 nhà Ân đời Ân Cao Tông (tức vua Vũ Đinh). Vào năm đó, sao Quý nằm ở vùng trời trên địa phận Kinh châu, nên nói đến nước Quý Phương tức là nói đến dân chúng vùng Kinh châu hồi ấy. Sau ba năm đánh dẹp, vua Vũ Đinh thu phục được nước Quý Phương. Có sách nói bộ tộc này là tiền thân của bộ tộc Đinh Linh sau này.

Nước Hữu Sần (有莘), còn gọi là Hữu Sân, là một quốc gia cổ tồn tại từ thời nhà Hạ đến thời nhà Thương. Nhà Thương từng đánh nước Hữu Sần. Cho đến cuối thời nhà Thương, Tây Bá Cơ Xương (Chu Văn Vương) lấy vợ người nước Hữu Sần. Từ sau thời nhà Thương, nước Hữu Sần ra sao, không thấy sử sách nhắc đến.

Nước Yểm (奄), còn có tên khác là Thương Yểm (商奄) có từ thời vua Vũ nhà Hạ, gốc gác là họ Doanh (hoặc họ Từ), từng giúp vua Vũ trị thủy. Đến thời Chu Thành Vương tạo phản, bị Chu Công Đán đánh bại, vào thời Chu Khang vương dời đến bờ nam sông Dương Tử, đến giữa thời Xuân Thu, bị nước Nghi tiêu diệt.

sàng. Ra ngoài dẹp quân cường khấu, chỉ nghĩ gắng hết sức mình, tuyên bày ơn đức của chúa thượng, cung phụng theo chức phận, mong lập công đến cùng, để chuộc lại cái tội phụ bạc."

Lại viết:

"Hoa Hạ nhiễu loạn, sự sôi như vạc nóng, đến nay chưa dừng, cây cỏ không ngóc được, chức cống đã phần khiếm khuyết, thần khi thức lúc ngủ lo lắng thở than, không ngày nào dám yên giấc. Thần thực nghĩ rằng dịp cống dâng tất phải đến, đợi việc tiến cống được hanh thông, thần sẽ bỏ đao cỡi giáp, đó là ý nguyện của thần vậy. Thần trước đây thu xếp được trăm vạn hộ lương, đã bày ở bên sông, xin lập tức lệnh cho binh sĩ đưa đi."

Tào công được thư của Khiêm dâng lên, biết Khiêm chẳng chịu bãi binh, bèn tiến đánh Bành Thành, giết rất nhiều dân chúng. Khiêm dẫn binh đánh lại, Thứ sử Thanh châu là Điền Khải cũng đem binh đến cứu giúp Khiêm. Công dẫn binh quay về.

Thần Tùng Chi xét: Lúc ấy Thiên tử ở tại Trường An, Tào công còn chưa nắm quyền chính. Chiếu thư bãi binh ấy, chẳng phải do họ Tào viết ra.

② Ngô thư chép: Khiêm chết, được sáu mươi ba tuổi, bọn Trương Chiếu làm bài ai từ rằng:

"Cao đẹp thay sức quân,
 Ôi quân hầu tướng quân,
 Lòng ngài đầy mỹ đức,
 Văn và võ đều hay,
 Vẻ bên ngoài chính trực,
 Trong bụng lại nhân từ.
 Làm lệnh ở Thư, Lư,
 Ngài thương yêu con dân;
 Làm mục ở U, Tì,
 Sánh được với Triệu công.⁽¹⁾

¹ Nguyên văn "Cam Đường thị quân." Hai chữ Cam Đường ý nhắc đến Triệu công (Triệu Bá), mỗi lần đi tuần thú thay vua Chu thường ngồi dưới gốc Cam Đường xử kiện, dân chúng rất tin tưởng và yêu mến Triệu Công.

Di, Mịch ở cõi xa,
 Nhờ ngài yên bình cả;
 Yêu khấu nổi rừng rùng,
 Phi ngài ai yên nổi.
 Để nghĩ đến công tích,
 Cho tước mệnh biểu chương,
 Làm Mục lại phong hầu,
 Khai đất ở Lật Dương.
 Sau thăng lên thượng tướng,
 Hiệu An Đông tướng quân,
 Đưa binh đi dẹp loạn,
 Được xã tắc tôn sùng.
 Tuổi trời không dài mãi,
 Ngài bỗng nhiên qua đời,
 Mọi người mất chỗ dựa,
 Dân biết cảnh khôn cùng.
 Mới chưa đầy một tuần,
 Năm quận như băng lở,
 Thương chúng tôi ở đây,
 Sau nương tựa vào ai?
 Nghĩ không tìm ra lối,
 Ngẩng mặt gọi trời xanh.
 Than ôi thương thay!"

Khiêm có hai con trai là Thương và Ứng, đều không chịu ra làm quan.

Trương Dương tự Trĩ Thúc, người quận Vân Trung. Vì có võ nghệ và dũng cảm được nhận chức tại Tinh châu, làm Vũ mãnh tông sự. Thời Linh đế mạt, thiên hạ loạn lạc, Đế dùng tên Tiểu hoàng môn mà mình sủng ái là Kiến Thạc cho hấn làm Tây viên Thượng quân Hiệu úy, đóng ở Kinh đô, muốn lấy đó chế ngự bốn phương, trưng dụng những kẻ hào kiệt trong thiên hạ

cho làm Thiên bì.¹ Thái tổ cùng bọn Viên Thiệu đều làm Hiệu úy, phụ thuộc vào Thạc.①

Thứ sử Tinh châu là Đinh Nguyên phái Dương dẫn binh đến chỗ Thạc, làm Giả tư mã.

Linh đế băng hà, Thạc bị Hà Tiến giết hại. Dương lại bị Tiến sai phái, quay về bản châu mộ binh, được hơn nghìn người, nhân đó lưu lại Thượng Đảng, đánh bọn sơn tặc.

Tiến bại vong, Đồng Trác làm loạn. Dương bèn dùng binh lính mà mình chiêu mộ đánh Thái thú Thượng Đảng ở Hồ Quan, không hạ được, liền cướp lấy các huyện, binh chúng có đến mấy nghìn người.

Binh mã ở Sơn Đông nổi dậy, muốn tru diệt Trác. Viên Thiệu đến Hà Nội, Dương bèn cùng Thiệu hợp binh, lại cùng Thiên vu của Hung Nô là Vu Phu La đóng trại ở bến sông Chương. Thiên vu muốn phản, Thiệu, Dương không theo. Thiên vu bắt giữ Dương rồi cả hai cùng bỏ chạy, Thiệu sai tướng là Khúc Nghĩa truy kích ở phía nam huyện Nghiệp, phá được. Thiên vu bắt Dương đưa đến Lê Dương, đánh phá quân của Độ Liêu tướng quân là Cảnh Chi, chúng lại phẫn chấn. Trác lấy Dương làm Kiến Nghĩa tướng quân, Thái thú Hà Nội.

Thiên tử đến ở Hà Đông, Dương đem binh đến An Ấp, được bái làm An Quốc tướng quân, tước Tấn Dương hầu. Dương muốn nghênh đón Thiên tử về Lạc Dương, chư tướng không nghe; Dương quay về Dã Vương.

Năm Kiến An nguyên niên, Dương Phụng, Đồng Thừa, Hàn Tiêm bức thiên tử về cựu kinh, thiếu lương. Dương đem lương thảo đón ở trên đường, vì thế Thiên tử đến được Lạc Dương.

Dương bảo chư tướng rằng:

¹ Thiên bì (偏裨) tức là các tướng giúp việc.

- Thiên tử, phải được người thiên hạ cùng giúp đỡ, may có công khanh đại thần bên cạnh, Dương nên chống nạn ở ngoài, ở lại kinh đô làm gì?

Bèn quay về Dã Vương. Liền được báii làm Đại tư mã.②

Dương vốn thân thiện với Lã Bố. Thái tổ vây Bố, Dương muốn cứu, không cứu được, bèn đem binh ra Đông Thị, từ xa làm thế cứu viện. Tướng của Dương là Dương Sứ, giết Dương hưởng ứng Thái tổ, Tướng khác của Dương là Tuy Cố giết Sứ, thống giữ binh ấy, muốn lên bắc hợp quân với Viên Thiệu. Thái tổ phái Sứ Hoán đón đánh, phá Cố ở Khuyển thành, chém Cố, thu hết quân ấy.③

① *Linh đế ký* chép: Lấy Hồ bôn Trung lang tướng là Viên Thiệu làm Trung quân Hiệu úy, Đồn kỵ Hiệu úy Bảo Hồng làm Hạ quân Hiệu úy, Nghị lang Tào Tháo làm Điển quân Hiệu úy, bọn Triệu Dung, Phùng Phương làm Trợ quân Hiệu úy, Hạ Mưu, Thuần Vu Quỳnh làm Tả hữu Hiệu úy.

② *Anh hùng ký* chép: Dương bản tính khiêm hòa nhân ái, không thích uy hình. Người dưới mưu phản, bị phát giác, lúc đối mặt Dương khóc lóc, Dương liền tha ngay không hỏi đến nữa.

③ *Diễn lược* chép: Cố tự Bạch Thỏ, giết Dương Sứ xong, Cố đóng trại ở Xạ Khuyển. Bấy giờ có người báo Cố rằng:

- Tên chữ của Tướng quân là Thỏ mà ấp ấy tên là Khuyển, thỏ gặp chó, thế ấy hẳn rất đáng sợ, nên gấp rút chuyển dời sang chỗ khác.

Cố không nghe, sau chết trận.

Công Tôn Độ tự Thăng Tế, vốn là người quận Liêu Đông huyện Tương Bình. Cha của Độ là Diên, tránh chức quan đến cư trú ở quận Huyền Thố,⁽¹⁾ Độ nhận chức quan tại quận.

¹ Tránh làm quan ở kinh sư mà xin đi làm quan ở nơi xa để tránh loạn họa.

Bấy giờ Thái thú Huyền Thố là Công Tôn Vực, con của Vực là Báo, mười tám tuổi, chết sớm. Độ thời trẻ có tên là Báo, lại cùng tuổi với con của Vực, Vực gặp Độ rất yêu mến, phái tới chỗ thầy thụ học, lấy vợ cho. Về sau suy cử Hữu đạo,⁽¹⁾ đổi phong Độ làm Thượng thư lang, được ít lâu chuyển làm Thứ sử Ký châu, rồi vì lời đồn dao lại bị bãi chức. Người cùng quận với Độ là Từ Vinh làm Trung lang tướng của Đồng Trác, tiến cử Độ làm Thái thú Liêu Đông. Độ phát lên từ chức tiểu lại ở Huyền Thố, bị người quận Liêu Đông khinh thường.

Thời trước, người của thuộc quốc là Công Tôn Chiêu giữ chức Tương Bình lệnh, triệu gọi con của Độ là Khang làm Ngũ trưởng.⁽²⁾ Độ đến nhận chức quan, bắt Chiêu, dùng roi đánh chết ở ngoài chợ Tương Bình. Bọn Điền Thiệu là thổ hào thuộc họ lớn ở trong quận vốn không có ân tín, Độ đều dùng phép kế tội giết đi, số bị giết là hơn trăm nhà, người trong quận kinh hoàng run sợ. Độ đánh diệt Cao Câu Li ở phía đông, tập kích Ô Hoàn phía tây, uy chấn hải ngoại.

Năm Sơ Bình nguyên niên, Độ biết Trung Quốc nhiều nhương, bèn bảo với quan lại thân cận của mình là bọn Liễu Nghị, Dương Nghị rằng:

- Ngôi nhà Hán sắp dứt tuyệt, ta phải cùng các ngài mưu đồ lấy tước Vương thôi.⁽³⁾

Bấy giờ ở xã miếu⁽³⁾ của làng Diên thuộc huyện Tương Bình mọc lên một tảng đá lớn, dài hơn một trượng, bên dưới có ba khối đá nhỏ làm chân.

Có kẻ bảo Độ rằng:

¹ Hữu đạo (有道), tức đề cử người tài, có đạo đức tốt ra làm quan, cũng gần như cử Hiếu liêm.

² Thời cổ đại thì phép quân lấy năm người là một ngũ, về hộ tịch thì năm nhà là một ngũ. Mỗi ngũ có một người đứng đầu, gọi là Ngũ trưởng (伍长).

³ Xã miếu tức là miếu thờ thần thổ địa.

- Đây là đằm mũ đá thời Hán Tuyên đế,⁽¹⁾ mà tên làng ấy giống với tên của tiên quân.⁽²⁾ Miếu xã chủ về thờ thần đất, rõ ra là phải có đất đai, mà tam công là phụ tá vậy.⁽³⁾

Độ càng mừng.

Cố Thái thú Hà Nội là Lý Mẫn, nổi danh ở trong quận, ghét việc mà Độ làm, sợ bị hại, bèn đem gia thuộc tới chỗ bể khơi. Độ cả giận, khai quật mộ của cha Mẫn, bừa áo quan đốt thi thể, tru diệt tông tộc của Mẫn.② Rồi chia quận Liêu Đông lập quận Liêu Tây và quận Trung Liêu, đặt chức Thái thú. Lại vượt biển chiếm lấy các huyện ở Đông Lai, đặt chức Thứ sử Doanh Châu. Tự lập làm Liêu Đông hầu, Bình châu mục, truy phong cha là Diên làm Kiến Nghĩa hầu. Lập miếu thờ hai vị tổ của nhà Hán, thừa chế đắp đàn tế ở phía nam thành Tương Bình, cúng tế trời đất, cày ruộng tịch điền, luyện binh, cưỡi xe loan, làm cò cửu lưu, quân kỵ đội mũ lông chim.

Thái tổ dâng biểu cử Độ làm Vũ uy tướng quân, phong tước Vĩnh Ninh hương hầu, Độ nói:

- Ta làm vương ở Liêu Đông, sao lại phong ở Vĩnh Ninh vậy!⁽⁴⁾

Bèn giấu ấn thụ ở kho vũ khí. Độ chết, con là Khang nối tước vị, đem tước Vĩnh Ninh hầu phong cho em mình là Cung. Năm ấy là năm Kiến An thứ chín vậy.

¹ *Hán thư, Lưu Hướng truyện* có chép rằng “vật thịnh tất có biến cố phi thường báo trước.” Thời Hán Chiêu đế, có hình mũ đá ở Thái Sơn, rồi Tuyên đế tức vị. Nhan Cổ Sư chú dẫn sách Thần Toàn rằng: “Dưới chân Quan Sơn có hòn đá đứng thẳng, ba hòn đá làm chân, một hòn ở trên, cho nên nói là Mũ đá vậy.” Cổ nhân cho đây là điềm báo ngôi thiên tử.

² Phụ thân của Độ tên Diên (延), miếu thờ ở làng có tảng đá nổi lên cũng có tên là làng Diên (延).

³ Ý nói rằng có đằm mũ đá tức là Công Tôn Độ lên ngôi thiên tử (hòn đá lớn), ba vị tam công phụ giúp (ba hòn đá nhỏ làm chân).

⁴ Vĩnh Ninh là huyện, phong tước Vĩnh Ninh hầu tức là phong cho tước Huyện hầu. Độ đang cai quản cả xứ Liêu Đông gồm mấy quận, tự xưng vương, nay lại phong tước Huyện hầu, cho nên Độ chê, nhận tước ấn nhưng giấu đi không dùng.

① *Ngụy thư* chép: Độ nói với bọn Nghi, Nghi rằng:

- Sách chép lời sấm nói Tôn Đằng đáng làm Thiên tử, Thái thú họ Công Tôn, tự là Thăng Tế, Thăng tức là Đằng vậy.⁽¹⁾

② *Tấn Dương thu* chép: Con trai của Mẫn đuổi theo tìm Mẫn, ra nơi đất hiểm, qua hơn hai mươi năm không lấy vợ. Người cùng châu quận là Từ Mạc trách hằn rằng:

- Bất hiếu chẳng có gì lớn bằng việc không có người nối tự, sao có thể chung thân không lấy vợ được!

Người ấy bèn lấy vợ, sinh được con là Dận rồi đuổi vợ đi, thường theo lễ cư tang, buồn bã không thôi, qua mấy năm thì chết. Dận sinh ra không biết cha mẹ của mình là ai, đến lúc hiểu rõ, ăn rau thương xót người thân, cũng như ba năm cư tang. Vì chẳng biết được tổ phụ của mình còn hay mất, tự bày bài vị thờ cúng. Bởi thế nổi danh, làm quan đến chức Tư đồ.

Thần Tùng Chi xét: Bản truyện nói Mẫn đem người nhà tới chỗ biển khơi, mà đây lại nói là cùng với con mình thất lạc nhau, việc này chưa rõ ràng vậy.

Năm thứ mười hai, Thái tổ đi đánh ba quận Ô Hoàn, giết sạch người huyện Liễu Thành. Bọn Viên Thượng bỏ trốn đến Liêu Đông, Khang chém đầu bọn Thượng đưa đến. Đã nói ở *Vũ đế kỷ*. Thái tổ phong Khang làm Tương Bình hầu, bá làm Tả tướng quân. Khang chết, con của Khang là bọn Hoảng, Uyên đều còn nhỏ, mọi người lập Cung làm Thái thú Liêu Đông. Văn đế lên ngôi, phái sứ tới báai Cung làm Xa kỵ tướng quân, ban cho Giả tiết, phong tước Bình Quách hầu; truy tặng Khang chức Đại tư mã.

Khi trước, Cung bị bệnh âm tiêu trở thành yêm nhân,⁽²⁾ gầy yếu không thể trị quốc được. Năm Thái Hòa thứ hai, Uyên bức hiếp

¹ Chữ Thăng (升) có nghĩa là bay lên, cũng có nghĩa là lên, như là “thăng đường” tức “lên thêm” đồng nghĩa với chữ Đăng (登), như “đăng lầu” có nghĩa là “lên lầu.”

² Bệnh âm tiêu (陰消), là bệnh liệt dương. Người mắc bệnh này không còn khả năng về hoạt động tình dục, trở thành yêm nhân (người giống như bị thiến).

đoạt ngôi vị của Cung. Minh đế tức vị báí Uyên làm Dương liệt tướng quân, Thái thú Liêu Đông.

Uyên phái sứ giả xuôi nam giao kết với Tôn Quyền, qua lại đưa tài vật biếu lẫn nhau.^① Quyền phái bọn sứ giả là Trương Di, Hứa Yển, đem vàng ngọc và đồ trân bảo đến tặng, lập Uyên làm Yên vương. Uyên cũng e ngại rằng Quyền ở xa chẳng thể nhờ cậy được, nhưng lại tham tài vật, bèn dụ lừa sứ giả của Quyền đến, chém đầu tất cả bọn Di, Yển đưa thủ cấp đến,^② Minh đế vì thế báí Uyên làm Đại tư mã, phong tước Lạc Lãng công, cho cầm cờ tiết, lĩnh quận như cũ.^③ Sứ giả đến, Uyên bày giáp binh thành hàng trận, ra gặp sứ giả, lại nhiều lần hướng vào tân khách trong nước đưa lời nói xấu.^④

Năm Cảnh Sơ nguyên niên, nước Ngụy lại phái Thứ sử U châu là bọn Quán Khâu Kiêm đem tì thư đến triệu gọi Uyên. Uyên bèn khởi binh, đón chặn ở Liêu Toại, cùng bọn Kiêm giao chiến. Bọn Kiêm bất lợi phải quay về. Uyên bèn tự lập làm Yên vương, đặt ra trăm quan và Hữu tì. Lại phái sứ giả cầm cờ tiết, trao ấn tín cho Thiên vu người Tiên Ti, phong báí quan lại cho dân ở ven biên, dụ gọi người Tiên Ti, xâm nhiễu phương bắc.^⑤

Năm thứ hai mùa xuân, Đế phái Thái úy Tư Mã Tuyên vương đi đánh Uyên. Tháng sáu, quân đến Liêu Đông.^⑥ Uyên phái bọn Tướng quân là Ti Diễn, Dương Tộ đem mấy vạn quân bộ kỵ đóng trại ở Liêu Toại, đắp hào lũy vòng quanh hơn hai chục dặm.

Quân của Tuyên vương đến, Uyên lệnh cho Diễn đón đánh. Tuyên vương phái bọn Tướng quân Hồ Tuân đánh phá chúng. Rồi Tuyên vương lại hạ lệnh sai đào lũy, dẫn binh theo hướng đông nam, rồi tiến nhanh về hướng đông bắc, lại gấp rút tới Tương Bình. Bọn Diễn sợ Tương Bình không giữ được, trong đêm chạy trốn. Chư quân tiến đến Thú Sơn, Uyên lại phái bọn Diễn đem quân ra sức tử chiến. Tuyên vương lại đánh, đại phá

chúng, rồi tiến quân đến dưới thành, làm lũy vây quanh. Đúng lúc có mưa dầm hơn hai chục ngày, nước sông Liêu ngập tràn, thuyền vận lương từ cửa sông Liêu đến thẳng dưới chân thành. Mưa tạnh, Tuyên vương sai đắp núi đất, sửa mộc, làm máy bắn đá bắn liên tiếp vào trong thành. Uyên quần bách lăm, lương hết nhẵn, người ăn thịt lẫn nhau, chết rất nhiều. Bọn Tướng quân Dương Tô ra hàng.

Tháng tám ngày Bính Dần, vào ban đêm, có ngôi sao băng dài mấy chục trượng từ phía đông bắc Thú Sơn rơi thẳng xuống phía đông nam thành Tương Bình. Đến ngày Nhâm Ngọ, quân của Uyên tan vỡ, Uyên bèn cùng con mình là Tu đem mấy trăm quân kỵ phá vây chạy về phía đông nam, đại quân gấp rút đuổi đánh, đến chỗ sao băng rơi, chém được cha con Uyên. Sau khi phá thành, chém hết các quan lại từ Tướng quốc trở xuống mấy nghìn thủ cấp, truyền đem đầu của Uyên về Lạc Dương, các xứ Liêu Đông, Đái Phương, Lạc Lãng, Huyền Thổ đều bình định hết.

① Ngô thư chép tờ biểu Uyên dâng lên Quyền rằng:

"Thần cúi nghĩ rằng mình gặp buổi trời đất đảo điên, thốt nhiên mắc vận bất trắc; vương lộ chưa phẳng lặng, thế gian nghiêng ngửa nhiều nhưong. Từ thời tiên nhân của thần đến nay, từng thờ Hán, Ngụy, vịn bám thời vận, vì nước giữ tiết, nôi đời hưởng tước, được coi giữ nơi biên bìa, vẫn biết phù lệnh mà chưa có chỗ theo về."

"Thần thường cảm kích hậu ân, nhiều lần hổ thẹn bày tỏ với sứ giả, song lại nghĩ mình là kẻ bầy tôi thì kết giao không được vượt quá biên cảnh, thế nên cố chấp giữ nghĩa, cự tuyệt sứ giả lúc trước. Dẫu rằng về nghĩa không được sùng kính hai bên, song há đâu dám quên ân đức lớn! Bệ hạ vỗ yên, bảo tồn cho tiểu quốc, trước sau sai bọn Bùi Hiệu úy, Cát Đô úy đến, thần vâng nhận chiếu mệnh, thấy thánh chỉ nồng hậu, lời lẽ mộc mạc sâu sắc, sáng tối đầy đủ rõ ràng, đó cũng là cái mà thần tự bày tỏ, lời ấy còn ở bên tai. Thần ngày thì ngâm nga, đêm thì nổi mộng, suốt đời ghi nhớ, thấy chí mình không biết đủ. Gặp thời suy vi, mùa màng thất bát, đất trời tắc nghẽn, can qua không ngừng, dân chúng lìa tan."

"Thần ngẩng trông thiên mệnh mà ngoái đầu quẹo cổ, tới riêng một góc lặng ngấm mây trời. Nay nhà Ngụy không thể lựa chọn những người trung thiện, khen tặng cho con cháu của các bậc công thần, lại sai người gièm pha bậy bạ những người có chí khí đức hạnh, nghe lời mê hoặc dối lừa của Thúc sủ U châu và Thái thú Đông Lai, bỗng nhiên hưng binh trong châu, mưu đồ làm hại quận của thần. Thần chẳng phụ nước Ngụy, mà là Ngụy tuyệt giao với thần vậy."

"Thần nghe nói rằng cái nghĩa của kẻ bầy tôi là theo phục hoặc bỏ đi; như Điền Nhiêu rời đi đến nước Tề,⁽¹⁾ Nhạc Nghị chạy trốn khỏi nước Triệu,⁽²⁾ vì chẳng được thờ vua, nên chỉ giúp cho vị vua nào có đạo thời; như Trần Bình, Cảnh Huống, cũng là thấy thời cuộc biến loạn, cuối cùng theo về nhà Hán,⁽³⁾ được khắc tên vào thư tịch của nhà vua."

"Thần cúi nghĩ rằng cái đức của bậc hạ chẳng thể có hai, thời này chẳng dễ gặp ở đời, thế nên người ta kính ngưỡng ái mộ mà hàng phục, người phương xa ngưỡng trông nơi hiểm trở, thấy như ở cận kề. Thực mong bậc hạ bày mưu thần sớm định nghiệp lớn, rung động khí thế của sáu quân, thu lấy đất Hà, Lạc, làm vua thánh thay dòng. Thiên hạ may lắm!"

Ngụy lược chép: Quốc gia biết Uyên hai lòng, nhưng sợ quan dân ở Liêu Đông bị Uyên mê hoặc. Bởi thế đưa công văn xuống Liêu Đông, nhân đó xá tội cho họ rằng:

¹ Điền Nhiêu (田饶) người tài của nước Lỗ thời Xuân Thu. *Hàn Phi ngoại truyện* có chép câu nói của Điền Nhiêu nói với Lỗ Ai công rằng: "Ngài không thấy con gà ư? Đầu mang mào, đó là văn. Giương cựa, đó là vũ. Địch thủ trước mặt mà dám đánh, đó là dũng. Thấy thức ăn thì gọi nhau, đó là nghĩa. Quán lý buổi sáng không lỗi hẹn, đó là tín. Người thời nay có được năm đức ấy thực không nhiều." Điền Nhiêu không được vua tin dùng bèn bỏ sang nước Yên, làm Tướng quốc, giúp nước Yên cường thịnh.

² Nhạc Nghị (乐毅) người tài của nước Triệu thời Chiến Quốc, không được vua tin dùng bèn bỏ sang nước Ngụy, cũng không được dùng, lại bỏ sang nước Yên, sau giúp nước Yên đánh bại nước Tề, hạ bảy mươi hai thành, vang danh chư hầu.

³ Trần Bình (陈平) sống vào thời Tần mạt, xã hội loạn lạc, chăm học từ nhỏ, sau vì khúc mắc với chị dâu, bỏ nhà ra đi, đầu quân cho Lưu Bang, sau trở thành một trong những công thần bậc nhất của Lưu Bang trong việc dẹp Sở dựng Hán.

Cảnh Huống (耿况) sống vào cuối thời Tây Hán. Loạn Vương Mãng, theo Quang Vũ đế Lưu Tú lập được công lớn, là công thần của Lưu Tú trong việc dựng lập nhà Đông Hán.

"Báo cho quan lại, tướng soái và dân chúng ở Huyện Thố, Liêu Đông được biết:

Nghịch tặc Tôn Quyền gặp buổi loạn lạc, cậy vào việc tiên nhân của mình cướp châu đoạt quận, rồi lập thành ác đảng, tự chiếm giữ vùng Giang Biểu, bao dung đưa dơ bẩn che giấu kẻ bạo tàn. Trẫm mong hắn có thể sửa đổi, cho nên cất đất phong Vương, khiến hắn được ngoảnh mặt về nam xưng Cô, giữ ngôi vị Thượng tướng, lễ được dùng Cửu mệnh.⁽¹⁾ Quyền tự chấp tay, ngoảnh về bắc rập đầu. Được nhận sự sủng ái đối với kẻ bày tôi, nhận cái vinh hoa của bậc phiên thần, thật chưa có ai được như Quyền vậy."

"Nhưng con sói có dã tâm, mệnh lệnh khó chuyển dời, rút cục phản phúc, bội ân phản chủ, dối trời nghịch thần, dám tiếm xưng tôn hiệu. Cậy vào cái hiểm trở của sông hồ, Thiên tử thảo phạt chưa xong. Từ năm ấy đến nay, hắn nhiều lần phái thuyền đi xa, vượt qua biển lớn, đem nhiều tài vật, dối lừa dụ dỗ dân chúng ở ven biên. Dân biên giới không biết, cùng hắn giao dịch. Từ bậc trưởng lại trở xuống, tuyệt chẳng có ai ngăn cấm. Quyền cho sứ giả là Chu Hạ đem trăm chiếc thuyền, lưu đồn nơi bến bờ, bán buôn đủ vẻ. Đã không nghi ngờ ngăn cấm, còn tặng cho ngựa tốt, lại sai Túc Thư đi theo Hạ đến thông hiếu. Một ấp mười nhà, còn có người trung tín, có kẻ hãm vua vào chỗ nhơ bẩn, là điều mà Kinh Xuân Thu ghi chép vậy."

"Nay Liêu Đông, Huyện Thố phụng sự quốc triều, kẻ đại xanh thảo đồ, tính ra đến trăm nghìn người, kẻ đội khăn sa tua rủ, đều đeo ấn thụ, mà không ai giúp đỡ dâng hiến lời hay. Rùa ngọc vỡ trong hòm, hổ tê ra khỏi hộp, đấy là lỗi của ai đây?⁽²⁾ Quốc triều vì các Tể đại phu⁽³⁾ mà hổ thẹn lắm thay!"

¹ Theo Chu lễ, Xuân quan, Điển mệnh, phân định quan tước có chín hạng, ngôi cao nhất được xưng là Cửu mệnh. Ngôi vị Thượng công làm bá một phương, được dùng Cửu mệnh.

² Hổ và tê giác xỏng ra khỏi chuồng, là do lỗi của người canh gác; mai rùa, ngọc quý vỡ nát trong rương là do lỗi của người coi. Ý nói rằng mỗi họa nguy hiểm phát ra, là lỗi của kẻ nhân thân phù giúp chủ vậy. Ở đây là nói các đại thần của Uyên.

³ Tể đại phu là lỗi nói kính trọng đối với hết thầy các quan viên.

"Xưa kia Hồ Đột⁽¹⁾ có nói: 'Cha dạy con hai lòng, lấy gì để thờ vua? Kẻ làm quan phải hiến thân cho công việc của triều đình, để làm sáng tỏ mối quan hệ thần tử vậy!' Nay lại a tòng hòa theo mưu xấu, bức ép người ta làm xằng theo điều gian trá, há chỉ có cái giáo hóa của cha anh là bất tường, cái thói quen cử sự sai trái của con em mà thôi sao! Như mầm cỏ dại làm hại ruộng cày, theo gió mà đốt lửa, thì cỏ lúa đều cháy hết, sao có thể tách bạch được? Và lại việc ấy cố nhiên là dễ thấy, chẳng phải soi vào việc thành bại ngày xưa, là cái mà sách truyện ghi chép vậy."

"Giang Nam, Hải Bắc⁽²⁾ quăng đường vạn dặm, vua tôi Liêu Đông không có cái họa phải kính sợ, lợi thì về nghĩa là không lợi, quý thì về nghĩa là không quý, ấy là chán ghét cái chỗ yên vui, tìm lấy cái họa nguy vong, coi rẻ cái tiết tháo trung trinh, trọng vọng cái danh phản nghịch vậy. Từ trường người Man, người Mạch, còn biết yêu lễ nghĩa, lấy đó thờ người, cũng khó làm sao! Và lại Túc Thư vô tội, bị ép đi sứ vào Ngô, nhận lệnh làm sứ giả bất nghĩa, lúc đâu cùng người nhà quyết biệt, rỏ nước mắt khóc mà đi. Cho đến ngày Hạ chết, mọi người vui ở núi Thành, Thư tuy thoát chết, hồn phách lìa thân. Cái gì bức bách, mới đến nỗi như thế!"

"Nay các trung thần liệt tướng, hết thảy cảm phần người Liêu Đông phản phúc hai lòng, đều muốn cuời bè vượt biển, hẹn nhau thỏa chí ở đó. Trẫm là cha mẹ của thiên hạ, hơn nữa nghĩ rằng thiên hạ mới định, đã không muốn can qua lao nhọc, lặn lội đi xa xuyên vượt bể lớn, hao phí sức dân lao dịch ở đó, lại thương cho dân đen bán buôn nơi ven biên, mê muội đến như thế, cho nên phái bọn Lang trung là Vệ Thận, Thiệu Mạo tạm đưa chiếu thư đến trước truyền rõ ý này. Nếu là kẻ bầy tôi tay chân trung lương, hãy ra sức tận trung lập đức để giúp vua đúng lúc, phản tà theo chính để lập đại công, cái phúc sẽ không gì lớn bằng. Hoặc giả có kẻ lo sợ tự ngờ thấy mình dơ bẩn đã làm việc ác nghịch, không dám nói ra, ôm mối sợ hãi lâu dài, cho đến những kẻ đã cùng sứ giặc giao du qua lại, đều được tha thứ, cho phép các người hối cải sửa đổi."

¹ Hồ Đột (狐突), là con trai của Hồ Yển, đại phu nước Tấn, thời Tấn Văn công.

² Giang Nam là Đông Ngô của Tôn Quyền, Hải Bắc là Liêu Đông của Công Tôn Uyên.

② Ngụy lược chép tờ biểu của Uyên rằng:

"Thần trước đây phái Hiệu úy là Túc Thư, Lang trung lệnh là Tôn Tổng, dùng lời ngon ngọt đưa lễ hậu hĩnh, để dụ giặc Ngô. May nhờ đạo trời giáng phúc phù trợ Đại Ngụy, khiến tên giặc hôn ám ấy quả nhiên mê hoặc, trái lời quần thần ở dưới, không theo lời can gián của số đông, tin theo lời của thần, phái thuyền đi xa, đem nhiều sĩ tốt, đến nơi phong bái cho thần. Thần bắt giữ bọn chúng, đúng như bản ý, tuy lo lắng về cái tội gây hấn, song tự nghĩ còn may lắm."

"Bọn giặc vốn xưng là có vạn người, theo Thư, Tổng dò xét, có thể là bảy tám nghìn người, đi đến Đạp Tân. Sứ giả nước giặc là Trương Di, Hứa Yển cùng Trung lang tướng là Vạn Thái, Hiệu úy là Bùi Tiềm dẫn hơn bốn trăm quan binh, đem chiếu thư và mười thứ tài vật, đến quận của thần. Thái, Tiềm đi riêng đem tài vật đến tặng, muốn nhân đó mua ngựa. Tướng trong quân của chúng là Hạ Đạt, Ngụ Tư lĩnh quân binh còn lại ở trên thuyền. Thần vốn muốn chờ lúc trời lạnh rồi bắt lấy bọn Di, nhưng quân lính của bọn Di rất đông, thấy thần không vâng lệnh của vua Ngô ngay, có ý ngờ vực. Thần sợ chúng sẽ hành động trước, có tâm lý muốn sống làm càn, bèn lập tức tiến binh vây chúng, chém lấy thủ cấp bọn Di, Yển, Thái, Tiềm. Binh lính đi theo quan lại của bọn ấy, đều là sĩ tốt nhỏ mọn, là lũ sai vặt ở bên cạnh, không tự làm chủ được bản thân, cúi mặt chịu trời xin hàng, thần không nỡ tru diệt, liền thuận theo thu nhận, chuyển sung vào đội ngũ ở biên thành. Thần biết phái tướng là bọn Hàn Khởi thống lĩnh ba quân, ruổi rong hành quân đến huyện Đạp. Rồi sai Linh trưởng sử là Liễu Viễn bày lễ chủ khách dụ mời bọn Đạt, Tư; ba quân ngấm mai phục đợi ở dưới thuyền, lại xua đàn ngựa và tài vật đến, muốn cùng trao đổi. Bọn Đạt, Tư hoài nghi không chịu xuống, sai năm sáu người mua hàng xuống thuyền, muốn trao đổi. Bọn Khởi bèn gõ trống rền vang, tên bay tán loạn, chém được hơn ba trăm thủ cấp, kẻ bị thương chạy rơi xuống nước chết đuối chừng hơn hai trăm người, bọn còn lại tan chạy vào sơn cốc, đến quy hàng hoặc trốn nấu đói rét mà chết, không nằm trong số đó. Thu được ấn bạc, ấn đồng, binh khí, tiền của, chẳng thể tính xuể."

"Thần kính cần phái Tây tào duệ là Công Tôn Hành kính dâng lên các thứ cờ tiết, ấn thụ, phù sánh, cửu tích, và mười thứ tài vật của giặc Quyền tạm trao cho thần, cùng cờ tiết, ấn thụ, và thủ cấp của bọn Di."

Lại viết:

"Túc Thư, Tôn Tổng lúc trước đến nước Ngô, giặc Quyền hỏi chuyện lớn nhỏ trong nhà thần, bọn Thư, Tổng đáp rằng thần có ba con nhỏ, một con là Tu ở riêng để thờ phụng người em đã chết của thần. Quyền dám gian xảo, thiện tiện bá phong. Nay kính dâng lên ấn thụ, phù sách. Thần dù không có cái phong thái rửa tai lắng nghe của người xưa, hơn nữa còn hổ thẹn vì bị giặc Quyền bôi trát do bẩn, dấu đã theo ý trời đánh giết, vẫn còn thừa cảm phần."

Lại viết:

"Cha của thần là Khang, khi trước giết sứ giả của Quyền, kết thành oán thù hiềm khích. Nay thần lừa dối hấn, đưa sứ giả đến dẫn dụ, khiến Quyền xiêu lòng, nước rộng lộc kiệt, vẫn từ xa truyền mệnh cho thần làm Thượng khanh, ân sủng cho ngôi vị cực lớn, chấn động cõi nam, lễ nghĩa đủ đầy. Lại nữa là Quyền tiếp đãi Thư, Tông, rộng rãi ân cần, trọn vẹn trước sau, vua tôi trên dưới, đều vui vẻ kiệt tình. Nhưng thần khiến cho bốn sứ giả bị giết, bêu đầu nơi vạn dặm, quân sĩ lìa tan lưu lạc, bị giết mổ nơi bến bãi, hổ thẹn lan xa, đau nhức ngút trời. Sự oán ghét của Quyền, sẽ khắc vào xương thịt. Nếu trời làm suy nghiệp của hấn, khiến hấn đến chỗ hủy diệt, Quyền sẽ đau lòng phát phần mà chết. Nếu vận hấn chưa hết, hấn sẽ gieo nọc độc, sợ rằng sẽ như con rắn dài vươn mình gây hại. Các đồn điền ở Từ châu cùng các quận Thành Dương, tiếp cận với nhau, nếu như năm sau có thuyền binh hướng về cửa biển, có được tin tức về hấn, xin hãy cấp tốc báo tin cho thần, để thần phòng bị."

Lại viết:

"Nhà thần chịu ân, rất sâu rất nặng, từ lúc thần nắm chính sự đến nay, liên tục được nhận ân sủng vẻ vang, rất đặc biệt không thể tính đếm được, chức phận của thần là phải dẫn thân vào chốn mất còn, kiệt lực cho đến chết. Nhưng thần nông cuồng ngu dại, mưu tính lầm lạc tâm tối u mê, không lập tức bắt sống quân giặc, để đến nỗi bị nghi ngờ. Tấu chương văn biểu của thần trước đây bày tỏ chí hướng và hình thể sự việc, thật sự thần chỉ muốn tên giặc ấy mỗi một, khiến hấn khốn đốn tự đoạn tuyệt, thực chẳng dám bội bạc lại cái ân huệ mấy đời, mà nương cậy vào tên giặc tiếm đạo vậy. Rồi về sau bị người ta oán ghét, mượn

việc vu gièm, sinh điều dối trá, rút cục khiến kẻ sáng mắt thính tai ngờ là có hổ giữa chợ, ân yêu thay đổi, cơn thịnh nộ bùng lên, đến nỗi đắm chìm, mang nỗi nhục dài lâu. May nhờ ân trên, còn nghĩ đến ba thứ tội được tha,¹ khiến thần được sửa chữa sai lầm, tiêu trừ tội lỗi. Bằng như oai trời ở chỗ xa hơn, thần không mượn được, thì đã sớm phải nát tan, mà mỗi nhục trước tiên là bỏ mất việc tế tự, sao có được cơ hội tự tỏ rõ mình, lập được cái công lao nhỏ nhoi này. Thần đã vui mừng vì thắng trận, được tự mình quay đuôi, lại buồn vì việc đã qua, duyên có gì mà có biến cố này, nên vẫn còn sợ hãi nhẩy dựng lên, chưa dám tự yên."

"Mong bề hạ ban lòng nhân giữ trọn vạn vật ngày xuân, tiêu tan phần hận vui lấp oán thù, nén bỏ những điều nhỏ nhặt, soi việc hôm nay để sáng tỏ việc đã qua, xét cội rễ tấm lòng của thần, khiến thần được mãi mãi mang ân đội đức, giữ chức phận mình đến lúc thân bị chôn sâu dưới ba tấc đất."

Lại viết:

"Thần được nhận vinh hoa, ân tình chưa báo đáp, mà mắc tội gây hấn, tự nhận mình xứng nhận sự trách phạt, đáng phải chém giết tức thì, làm răn cho mọi người. Sở dĩ thần vượt phép tắc trái đạo thường, dối trá thông đồng với nước Ngô, thực bởi ý nghĩ khốn cùng quân bách, lập công báo đền còn chưa xong, mà bị oai trời phạt tội nặng thêm lên, vẫn thường e ngại là lỗi của mình đột nhiên không tự tẩy rửa đi được. Cho nên thần mạnh dạn tự rời bỏ cửa khuyết hơn một năm, phái sứ giả đến dụ dỗ người Ngô, biết rằng chúng tất kéo đến, mới quyền nghi xin một quân, năm tháng lâu dần, vốn không có một lời ứng đáp, nay Quyền cho sứ đến gọi, kéo đến tất chẳng nghi ngờ, đến nỗi một lần cử sự, quả đúng như điều thần mưu tính, quan khanh và hết thấy quân sĩ, tụ tập đầy đủ, của cải đem đến, xếp cao nghiêng nước, vừa đến nơi bị bắt sống, tan lìa diệt vong, đến hơn nghìn người, tuyệt không kẻ nào trở về được. Ấy thực là diệt mũi nhọn sắc bén của bọn giặc gian, bẻ gãy cái xảo trá của kẻ khoe khoang kiêu ngạo, tỏ rõ cho thiên hạ biết, phá bót cơ nghiệp của chúng, đủ để làm chúng hổ thẹn vậy. Thần hết lòng cung kính nghĩ về

¹ Ba thứ tội được khoan hồng tha thứ. Theo Chu lễ, đó là: Không biết luật lệ (bất thức), lầm lỗi (quá ngộ), quên sót (di vong), gọi là Tam hựu (三宥).

đất nước, ra sức báo đáp, dẫu có cái lỗi phi thường, cũng có cái công phi thường, xin bệ hạ tha thứ cho thần cái tội vượt quá cung môn, chọn tìm lấy những cái hay nhỏ nhất, có thể dùng đó làm quốc ân, để người ta giữ được vẹn lòng chung thủy vậy."

③ Ngụy danh thần tấu chép biểu tấu của Trung lĩnh quân Hạ Hầu Hiến rằng:

"Công Tôn Uyên năm xưa dám làm trái vương mệnh, phế tuyệt việc cống nạp, thực ngầm mang hai mối. Đã cậy chỗ hiểm trở, lại dựa Tôn Quyền. Cho nên dám ngang bướng, trợn mắt ngông nghênh ngoài bể. Túc Thư đích thân trông thấy phủ khố và quân dân của giặc Quyền, biết chúng yếu kém chẳng đủ để cậy dựa, thế nên quyết kế chém sứ giả của giặc. Thêm nữa là người Cao Câu Li, người Uế Mạch với Uyên là cừu thù, nên hợp nhau vào cướp bóc. Nay Uyên bên ngoài mất sự cứu viện của nước Ngô, bên trong có người Hồ vào cướp, trong lòng biết rằng quốc gia có thể tiến theo đường bộ, về hình thế chẳng thể không mang lòng hoảng sợ. Nhân lúc thế này, ta nên phái sứ giả đến bày kế họa phúc."

"Phụng xa đô úy Tông Hoảng, vào thời Vũ hoàng đế bắt đầu vâng sứ mệnh, khai thông đạo lộ. Văn hoàng đế tức vị, muốn sứ giả hai bên đi lại, sai Hoảng đem vợ con về quê, ban cho xe, trâu và trăm xấp lụa mịch. Hoảng bởi nhận ân, xin chết vì quốc triều, không có ý quay về, thỉnh xin để vợ con ở lại, còn bản thân vâng sứ mệnh. Công Tôn Khang bèn xưng làm phiên thân. Vì Hoảng phụng mệnh đi sứ hợp tâm ý, được ban tước Quan nội hầu."

"Hoảng bản tính quả cảm cứng cỏi, một lòng với quốc gia, sớm khuya chuyên cần, nghĩ rằng mình phải hết sức báo đáp đến cùng. Vốn là con cháu hào môn thế tộc, thời trẻ ham học hỏi, hiểu rộng văn tự thư tịch, đa phần có lưu tâm điển giải, miệng luận thần tốc, biện bác cao nhã, nương theo kinh thư điển tịch, như xuất ra từ lồng ngực, hơn nữa khi làm quan ở bản quận, thường ở cương vị trên người, đây là điều mà sĩ nhân ở phương khác vốn kính phục. Nếu phải phái người đi sứ, thần cho rằng nên sai Hoảng đi. Hoảng vốn ở đất cũ, quen với tập tục của nước ấy, đưa lời thuyết rõ lợi hại, biện bác đủ để lay động ý họ, sáng suốt đủ để thấy việc của họ, tài năng đủ để làm việc, lời lẽ đủ để được tin. Nếu theo

kẻ ấy, dẫn Lịch Sinh thu phục Tề vương,⁽¹⁾ Lục Giả đi thuyết Ủy Đà⁽²⁾ cũng không hơn được vậy. Muốn tiến đường xa, chẳng nên bỏ ngựa kỳ ngựa ký; muốn hết bệnh tật, chẳng nên phế Biển Thước.⁽³⁾ Xin hãy xét lời của kẻ ngu này.”

④ Ngô thư chép: Nước Ngụy phái sứ giả là Phó Dung, Nhiếp Quỷ đến bái Uyên làm Lạc Lãng công. Kế lại của Uyên từ Lạc Dương trở về, nói với Uyên rằng:

- Sứ giả là Tả Tuấn Bá, đều kén chọn những kẻ dũng mãnh, không phải người thường vậy.

Uyên bởi thế ngờ sợ.

Dung, Quỷ đến nơi, trú ở trong học quán. Uyên trước tiên đem quân bộ kỵ bao vây họ, rồi vào nhận bái phong. Dung, Quỷ cả kinh, bởi thế khi trở về Lạc Dương nói rõ hết tình trạng.

⑤ Ngụy thư chép: Uyên biết biến cố ấy không chỉ xuất phát từ một mình Kiêm, bèn phòng bị sẵn, lại phái sứ giả đến tạ lỗi với nước Ngô, tự xưng là Yên vương, xin làm nước đồng minh cứu giúp nhau, nhưng vẫn ra lệnh cho thuộc quan dâng thư lên tự bày tỏ với nước Ngụy rằng:

“Bọn thần là Đại Tư mã Trương sử Quách Hân, Tham quân Liễu Phổ gồm bảy trăm tám mươi chín người nói:

Chúng thần vâng nhận chiếu thư vào ngày Kỷ Mão tháng bảy năm nay, kính cẩn cúi đọc, hồn xiêu phách tán, chẳng biết tính mệnh của mình đáng quăng bỏ nơi đâu! Bọn Hân cúi mình tự xét nghĩ, thấy mình phận sâu thân kiến bé mọn xấu xa, không có tài trị thế, may gặp cơ hội nghìn năm, từ lúc được nhận ân đức sáng sủa của tổ tiên Công Tôn Uyên đến

¹ Lịch Sinh (邴生) người huyện Trần Lưu, là biện sĩ của Hán Cao tổ, từng đi du thuyết nước Tề khuyên Tề vương là Điền Quang giải tán quân theo về nhà Hán, Tề vương nghe theo, sau quân Hán của Hàn Tín đánh nước Tề, Tề vương biết mình bị lừa, bèn bắt Lịch Sinh bỏ vào vạc dầu nấu chín.

² Lục Giả (陆贾) người nước Sở, là đại quan của Hán Cao tổ, lúc Hán Cao tổ xưng đế, Ủy Đà (Triệu Đà) ở Nam Việt không theo, Lục Giả được sai đi sứ phong vương cho Triệu Đà, khuyên Triệu Đà thần phục, Đà nghe theo.

³ Biển Thước (扁鹊) là vị thầy thuốc nổi danh trong lịch sử Trung Quốc.

nay, ơn trạch thấm đẫm, vinh hoa dồi dào, vốn không có thước tắc công lao, lại được nhận quá nhiều; rồi được biểu dương khích lệ, dương danh ở phủ quan, đều là kẻ năng lực hèn kém nương rông bám ngựa, được đeo đai xanh dây thao tía, bay lướt tầng mây, cảm kích ân huệ phải nghĩ mà báo đáp, chết không lùi trốn. Chúng thần nghe rằng bậc vua sáng ở trên, nghe ý thẳng chọn lời hay, kẻ bầy tôi ở dưới, không được giấu diếm ý riêng, vì thế mới nhân cơ hội này để bày tỏ, liệu chết kêu oan."

"Các quận ở cõi biên bìa, dẫu gần sát trung thổ vẫn còn chưa theo lễ giáo, việc bình định ba châu trước kia, phí tổn chuyển vận điều động để cung ứng ban thưởng, hao phí một năm kể đến ức vạn, làm Trung Quốc hư hao. Nhưng họ vẫn cứng cổ không quy phục, cướp giết nơi biên thùy, đốt lửa làm hiệu ngóng trông nhau, vũ hịch đi nối đuôi, cửa thành ngày đóng kín, trên đường không người qua, binh của châu quận phải chạy tan lưu lạc."

"Tổ phụ của Uyên là Độ mới đến coi quận, tiếp nhận chỗ hoang tàn, khai sáng choang nhật nguyệt, bày dựng mưu thần vũ, tụ tập dân ô hợp, quét đất dựng nghiệp, oai danh chấn động rọi sáng cả cõi ngoài, ơn đức thấm đẫm bao bọc cả quần sinh. Đất Liêu Đông không bị hủy hoại, thực cậy nhờ vào Độ vậy. Khổng tử nói: 'Không có Quân Trọng, ta đã phải búi tóc, mặc áo thắt vạt bên trái rồi'. Nếu chẳng gặp được Độ, thì quận đã sớm đã thành gò hoang, mà dân chúng bị bắt đến chỗ giặc rợ vậy.¹ Phong tục và ơn đức ấy để lại, mãi còn không mục nát. Độ mất rồi, quan dân cảm nghĩ ngưỡng mộ, hân hoan suy tôn con của Độ là Khang, kính trọng vâng theo. Khang nối nghiệp lớn, chí tráng mưu hay, văn sáng võ mạnh, gắng sức gây dựng đức nhân với muôn loài; một lòng hướng về kinh sư, cung cung kính kính, giúp nước dẹp loạn, thành tích đầy rẫy, có công lớn với đại sự, đồ được ban thưởng tàng chứa đầy trong vương phủ."

"Độ, Khang gặp được Vũ hoàng đế là đấng minh quân, góp kế sách hay, phù tá nhà Hán, cúi mình dâng lễ, nhún nhường thờ Ngụy. Đây chẳng

¹ Các tộc người ở biên giới phía đông bắc Trung Quốc xưa, theo phong tục đều mặc áo có thắt nút buộc chéo vạt bên trái. Khi Quân Trọng giúp Tề Hoàn công gây dựng bá nghiệp, đánh dẹp các tộc rợ phía đông bắc, đồng hóa dân biên giới, bắt họ thay đổi y phục và theo phong tục lễ giáo vùng Hoa Hạ.

phải là ở chỗ nhỏ thêm chỗ lớn, sợ hãi nên phục tùng, mà là kính mến phong giáo cao đẹp, ngưỡng mộ đức sáng vậy. Vũ hoàng đế cũng dốc lòng tiếp nhận, đôi đũa chẳng kể thứ tự, công lao không cứ to nhỏ, thường chẳng bị bỏ quên. Lại lệnh cho Khang rằng: 'Đất đai Hải Bắc, cắt ra giao phó cho ngài, cháu con đời đời, thật sự được có nó.' Hoàng thiên hậu thổ, đã nghe được tiếng tốt. Bọn thần hết thảy lớn nhỏ, vui lòng ở dưới ngai ca, vâng mệnh chu toàn, chẳng dám làm rơi rụng mất."

"Uyên sinh ra có dáng dấp lan thạch,⁽¹⁾ thuở nhỏ hiếu thuận vâng lời, văn võ đều hay, nhân ái trung thành, lại thêm chính trực; sinh dân kính ngưỡng, chẳng ai không đem lòng yêu mến. Uyên lớn lên kế nối nghiệp lớn rạng rỡ của tổ tiên, làm vua coi sóc muôn dân, trị quốc dùng lễ, giáo hóa tốt đẹp được lưu hành, một mình thấy việc trước người, ràng buộc kẻ phương xa, có cái nghĩa cần vương, xem chỗ nguy như chỗ an, người đời khen là bậc tài cán trung trinh, thanh danh chẳng bị rụng rơi tan vỡ. Tôn Quyền mộ nghĩa, chẳng kể xa xôi vạn dặm, liền năm phái sứ giả đến, muốn tự kết làm viện trợ, tuy đã bị giết hết, chẳng nghĩ nhớ oán cũ, vẫn qua lại lữ lượt, xin hòa ước kết tình thân. Uyên vững tiết tháo, chẳng vì lợi mà quay đầu, chí cứng như đá, kiên quyết bền lòng. Còn sợ rằng tấm lòng son chưa được tỏ rõ, mới dùng lời lẽ nhún nhường, lễ vật hậu hĩnh, dụ dỗ sứ giả của Quyền đến, bêu đầu cắt tai chúng dâng lên, để tỏ rõ mình không hai lòng. Nước Ngô dẫu ở phương xa, nhưng lợi về đường thủy, giương buồm là đến, không có gì cách trở. Uyên chẳng đoái hoài đến mối thâm thù của địch, vẫn ghi nhớ cái tiết tháo của kẻ nhân thần, dứt tuyệt nỗi vui mừng của người Ngô cường mạnh, bọc bạch tấm lòng thờ Ngụy, có thần minh sáng suốt xét soi, có trời cao nghe được. Bệ hạ cố sức cho công nghiệp vĩ đại, chăm lo vô bị, rộng ban hiệu lệnh, cho ân sủng ngang bằng Tề, Lỗ, đến kẻ bồi thần ở dưới, đều được nhận phúc lớn. Thật vì cái ân đức như trời, nên phải trọn vẹn trước sau, dốc hết sức bày tôi, để giữ mãi tước lộc và ngôi vị, chẳng ngờ một sớm, bị khắp nơi ngược đãi. Nghĩ đến sự hậu đãi dạy dỗ, nhớ đến cái công chất chồng, ý nghĩ buồn thương không dứt, đau đau vì bị rũ bỏ, cả nước kêu

¹ Nguyên văn "lan thạch chi tư", tức là "thơm như hoa lan, kiên trinh như đá", là lời nói so sánh bóng bẩy, chỉ người có dáng vẻ đẹp đẽ, tiết tháo cao thượng.

gào, vỗ ngực khóc than, lệ rơi nhuộm máu. Nay những kẻ mà ba quân phải đánh dẹp, là người Man Di Nhung Địch, kẻ kiêu ngạo bất kính, đây là chỗ phải dùng võ, chẳng hề nghe nói kẻ giữ nghĩa với quốc gia lại phải chịu cảnh đánh giết bao giờ."

"Cái phép tắc của bậc thánh vương, là ở cõi ngũ phục,⁽¹⁾ có kẻ không vâng giữ chức phận, thì mình phải tu sửa văn đức, nếu họ vẫn không đến, thì mới đi đánh giết. Uyên cung cung kính kính, cẩn trọng giữ ngôi vị, chuyên cần phụng sự bề trên, có thể nói là cố gắng vậy. Tận trung hết tiết tháo, lại bị tai vạ hoạn nạn. Người ta sáng tác ra khúc hát 'Tiểu biện',⁽²⁾ viết ra vần thơ 'Ly tao',⁽³⁾ đều bởi như thế vậy. Tới như có kẻ gian tà nịnh nọt, nói lời hết sức ngon ngọt, cũng còn phải xem xét rành mạch, để oán ghét mà biết kẻ thiện lương; lời gièm pha xảo trá giống như lời nói thẳng, làm mê loạn tai thánh thượng, còn phải xem lời văn trình bày, để biết được nguyên do của nó. Nếu tin rằng người ta có tội, thì nên nghĩ đến ba thứ tội được tha. Nếu họ chẳng thức tỉnh sửa đổi, thì xét công giáng chức, phải bàn bạc đến tám lần. Nhưng lại bí mật xuất binh rình mò đánh úp, đại quân chợt đến, ruổi ngựa khua đao, xung sát tiến đánh Liêu Đông. Đến loài chó ngựa còn sợ chết, huống chi con người! Thế nên quan dân mạo phạm, lãng nhục vương sư."

"Uyên tuy oan uổng, đang lâm vào cảnh nguy hiểm, còn cậy thánh ân, trong lòng buồn bã hai lần lui tránh, hy vọng rằng hẳn do gian thần giả mệnh vua hành sự, xằng bậy phóng túng ngang ngược ra oai, bèn bảo bọn thần rằng: 'Năm Kiến Quang nguyên niên thời Hán An đế, Liêu Đông thuộc quốc Đô úy là Bàng Phấn, nhận chiếu thư vào tháng ba ngày Ất Mùi, nói rằng hãy bắt Thứ sử U châu là Phùng Hoán, Thái thú Huyền Thố là Diêu Quang. Xét ra thì không có chiếu thư vào ngày Ất

¹ Thời cổ đại, ở ngoại vi cách năm trăm dặm với kinh kỳ, cứ lấy năm trăm dặm là một cõi. Xa gần chia thành Hầu phục (侯服), Điện phục (甸服), Tuy phục (绥服), Yêu phục (要服), Hoang phục (荒服), tất cả gọi là ngũ phục (五服). Phục ở đây là phục tùng thiên tử vậy. Không từ chủ thêm rằng, Phục là nói năm trăm dặm.

² *Tiểu biện* (小弁) là tên một bài hát trong *Kinh Thi*, nói về một đứa trẻ than oán trời đất vì bị người cha xua đuổi;

³ *Ly tao* (离骚) là những vần thơ của Khuất Nguyên, nói về nỗi lòng buồn bực của mình khi bị nhà vua đuổi khỏi nước Sở.

Mùi, bèn phái Thị ngự sử của U châu mục tra khảo gian thần giả mệnh vua. Nay ta ngờ là quan Thứ sử sai nhầm mà vâng theo chế mệnh giả chăng?’ Bọn thần nghị bàn nói: Là vì Thứ sử cất binh, lay động thiên hạ, e là không phải giả mệnh vua, tất đây là có chiếu mệnh. Uyên bèn cúi xuống ngẩng lên than thở, tự thương mình vô tội. Nghĩ kỹ rằng đất đai là thứ nuôi dưỡng người ta, lòng riêng quyến luyến cái công khi xưa mở lối vung roi, nên muốn quăng mũ cởi dây thao, vào chốn núi rừng một đi không trở lại. Bọn thần nín giữ, thề theo đến chết, đóng giữ cửa phủ, không nghe theo ý của Uyên. Nhưng quân hồ sĩ của bảy trại, người Man Di của năm bộ lạc, đều mong mỏi được ăn no, không đồng lòng mưu tính, giang tay hô lớn, đẩy cửa trốn ra. Nông dân ở ngoài thành, vứt cuộc buông liềm, chặt củi chế gậy, sửa mâm làm mộc, ruổi đến cứu nạn, quân lính hình thành, dẫu nhảy vào nước sôi lửa bỏng, chết không cần sống.”

“Uyên dù bị bỏ rơi một mình, oán mà không giận, liền lệnh cho quân, chớ được mạo phạm, rồi tự tay viết thư báo lên, lời lẽ chí thành khẩn khoản. Nhưng quan lại sĩ tốt hung tợn, chẳng thể giải tán, hện nhau hết sức tận trung, nhảy vào chỗ chết không hề hối tiếc. Uyên sợ quan lại sĩ tốt không theo mệnh truyền, bèn thân chinh đuổi theo, tự mình giảng giải cho họ hiểu, chỉ thế mới ngăn họ được. Cái ân cho một bát cơm, là lý do kẻ thất phu xin chết, huống chi nhà Uyên nhiều đời có tín ước cố kết trăm họ, ân đức sáng rõ với lòng dân.”

“Từ khi Tiên đế mới hưng, kịp đến bệ hạ, mấy đời nhà Uyên được vẻ vang, công to đức dày, tên tuổi được biểu dương khen ngợi, rạng danh ở triều đình, đứa trẻ con mới lớn sắp mặc áo mang giày, cũng ngâm vịnh lời văn trong sáng, đó là lời thật. Cái việc chôn xuống rồi lại đào lên, đây là điều mà người xưa lấy làm hổ thẹn. Tiểu Bạch, Trùng Nhĩ, là chư hầu thời suy loạn, còn ngưỡng mộ làm rõ chữ tín, để thịnh nghiệp bá.⁽¹⁾ Kinh Thi khen Văn vương làm gương cho vạn nước,⁽²⁾ Luận ngữ khen

¹ Tiểu Bạch (小白), tức vua Tề Hoàn công; Trùng Nhĩ (重耳), tức Tấn Văn công, cả hai đều làm bá chủ hầu phụng sự nhà Chu.

² Kinh Thi, Đại nhã 3 có câu: “Thượng thiên chi tài, vô thanh vô xú, nghi hình Văn vương, vạn bang tác phụ”, nghĩa là: “Trời ở trên cao, không mùi không vị, tấm gương của Văn vương là khuôn mẫu, muôn dân thấy mà tin.”

Trọng Ni bỏ ăn giữ tín;⁽¹⁾ giữ tín là có đức, cố nhiên là sâu sắc rồi. Nay Ngô, Thục cùng làm Đế, giữ thế chân vạc, thiên hạ lay động, người ta không biết theo về đâu, bọn thần thường vì bề hạ mà trong lòng lo sợ việc ấy. Uyên dựa vào cái vững chắc của thành vàng, cậy vào sự hòa mục của dân chúng, nước giàu binh mạnh, có thể lấy đó xưng hùng.”

“Kẻ làm quan phải hiến thân cho việc của triều đình, dầu chết giữ đạo hay, hết lòng trung nghĩa, để tỏ rõ với chín châu. Hiện nay hai tên giặc dòm ngó, chưa biết lấy gì yên định, thế mà không phòng bị, lại cho là Uyên có hại. Đây là hiểm kẻ yếu tránh kẻ mạnh, trái với cái đạo của bậc Vương giả vậy. Bọn thần dù thô鄙, thiết nghĩ mà xấu hổ vì việc ấy. Nếu không có uy trời, việc cát hung ở cả quận của bọn thần, còn chưa biết được; nếu nói rằng có uy trời, cũng có gì đáng sợ đâu!”

“Bọn thần nghe nói kẻ coi sóc trong nhà, hai đời thì là chủ, ba đời thì là vua. Bọn thần sinh ra ở mảnh đất hoang biên ải, xuất thân trong chốn hàn vi, không được nhà Ngụy giúp đỡ nhiều, suốt đời lệ thuộc vào họ Công Tôn, báo đáp cái ơn nuôi sống và ban tặng chính là ở chỗ liều chết hết lòng. Xưa kia Khoái Thông nói lời thẳng, Hán tổ xá tội chết cho Thông;⁽²⁾ Trịnh Chiêm nói lời kính thuận, Tấn Văn tha chết cho Chiêm.⁽³⁾ Bọn thần ngu dốt ương gàn, chẳng thấu tỏ đại tiết, cầu thả giữ

¹ Học trò của Khổng tử là Tử Cống hỏi: “Trị nước phải làm sao?” Khổng tử nói: “Đủ ăn, đủ quân và dân tin.” Tử Cống hỏi: “Nếu trong ba điều ấy không làm trọn, phải bỏ đi một thì bỏ cái gì.” Khổng tử nói: “Bỏ binh.” Tử Cống lại hỏi: “Nếu hai điều còn lại vẫn phải bỏ một, thì bỏ cái gì.” Khổng tử nói: “Bỏ ăn.”

² Khoái Thông (蒯通), tức Khoái Triệt (蒯徹), sống vào thời Tần mạt Hán sơ, từng khuyên Hàn Tín phản Hán chia ba thiên hạ (Lưu Bang, Hạng Vũ, Hàn Tín), nhưng Hàn Tín không nghe, về sau Hàn Tín bị giết, than tiếc là không dùng kế của Khoái Thông, Lưu Bang bèn bắt Khoái Thông định giết, Khoái Thông nói: “Kỷ cương nhà Tần đứt gãy, anh hùng tuấn kiệt họp lại tranh giành như đàn quạ, hươu sống chuồng, thiên hạ cùng đuổi bắt. Ai vì chủ này, người như Thông rất nhiều, bề hạ giết hết được chăng?” Vì lời thẳng ấy, Lưu Bang xá tội cho Khoái Thông.

³ Trịnh Chiêm (郑詹), tức Thúc Chiêm (叔詹) người nước Trịnh thời Xuân Thu. Tấn Văn công Trùng Nhĩ lưu vong ở nước ngoài, đi qua nước Trịnh xin vào thành, vua nước Trịnh không cho. Thúc Chiêm bấy giờ là quan đại phu khuyên rằng: “Trùng Nhĩ là người hiền, nên lấy lễ đãi; nếu không thế, xin giết ngay đi, tránh họa về sau.” Vua nước Trịnh không nghe. Sau này Trùng Nhĩ phục quốc làm bá chủ hầu, hội minh, nước Trịnh phản Tấn theo Sở, Tấn công giận, trị tội nước Trịnh, đòi bắt Thúc Chiêm, vua nước Trịnh bắt buộc phải đem Thúc Chiêm giao cho nước Tấn.

lấy một côi, bọc bạch gan mật, nói trái tai rồng lân, tội đáng muôn chết. Mong bệ hạ mở lượng hải hà vỗ về nuôi nấng, xét rõ lời vu khống, khiến bọn thần ở xứ xa xôi, mãi mãi được bảo toàn."

© *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Công Tôn Uyên tự lập, xưng niên hiệu là năm Thiệu Hán nguyên niên. Nghe tin người Ngụy sắp đến đánh, lại xưng thần với nước Ngô, xin đem binh bắc phạt để tự cứu. Người Ngô muốn phanh thây sứ giả của Uyên, Dương Huy nói:

- Không nên, làm thế là phơi bày con giận của kẻ thất phu mà vứt bỏ cái kế của bậc bá vương vậy. Chẳng bằng nhân đó mà hậu đãi hấn, phái kỳ binh ngầm qua đó xem thành bại. Nếu Ngụy đánh Uyên không thắng, mà quân ta từ xa xôi đến kết hảo, thì đấy là cái ân ta đối đãi với người rợ ở phương xa, tín nghĩa trùm vạn dặm, nếu việc binh hai bên liên miên không dứt, đầu đuôi chia cắt, thì ta đánh quân bên cạnh của chúng, cướp bóc rồi về, cũng đủ để tỏ cái ý phạt tội của trời, báo thù rửa sạch được cái nhục lúc trước.

Quyền nói: "Hay."

Bèn chỉ huy đại quân tiến phát, bảo sứ giả của Uyên rằng:

- Xin hãy chờ tin, ta sẽ điều phát quân mã, tất sẽ cùng đệ chung vui lo, cùng còn mất, dầu phải chết ở Trung nguyên, ta cũng cam lòng.

Lại nói:

- Tư Mã Ý đi đến đâu không ai chống lại được, ta rất lo cho đệ vậy.

Tấn công định giết Thúc Chiêm, nói: "Người cầm quyền chính nước Trịnh mà để vua Trịnh thất lễ với ta là một tội, nước Trịnh dự hội với ta mà bội ước là hai tội." Nói xong sai mang vạc ra để nấu Thúc Chiêm, Thúc Chiêm nói: "Lúc nhà vua đi qua nước tôi, tôi biết nhà vua hiền minh, người theo hầu đều có tài, khi về nước sẽ lên ngôi bá. Khi chư hầu hội minh, tôi khiến chúa tôi thờ Tấn chớ bội ước, nhưng lời tôi chẳng được dùng, đây là trời hại nước Trịnh vậy. Nhà vua bắt tôi, chúa tôi biết tôi vô tội, không cho đi, nhưng tôi liều mình để cứu trăm họ nước Trịnh. Liều trước được việc là trí, hết lòng vì nước là trung, không sợ họa nạn là dũng, liều mình cứu dân là nhân. Người có đủ bốn điều Nhân, Trí, Trung, Dũng theo phép nước Tấn tất phải đem bỏ vào vạc mà nấu." Nói xong bèn nắm tai vạc kêu rằng: "Người làm bề tôi nên lấy Thúc Chiêm này làm gương." Rồi toan nhảy vào vạc. Tấn công vội ngăn lại, khen ngợi rồi tha cho Thúc Chiêm.

Khi trước, nhà Uyên hay có điềm lạ phát sinh, có con chó đội mũ quần khăn, mặc áo đỏ chạy lên trên nhà, lúc đun bếp lại nấu chín một đứa trẻ con ở trong nồi. Ở chợ phía bắc huyện Tương Bình mọc ra một miếng thịt, dài tròn đều mấy thước, có đầu mắt mồm miệng, không tay chân mà động đậy được. Thầy bói nói:

- Có hình mà chẳng trọn vẹn, có thân mà không có âm tiếng, nước này phải diệt vong.

Độ bắt đầu chiếm Liêu Đông từ năm Trung Bình thứ sáu, đến Uyên là ba đời, cả thảy năm mươi năm thì bị diệt.^①

① *Nguy lược* chép: Ban đầu anh của Uyên là Hoàng làm con tin cho Cung, ở Lạc Dương, nghe nói Uyên đoạt ngôi vị của Cung, bảo là Uyên rút cục chẳng thể giữ cơ nghiệp, nhiều lần tự dâng biểu văn, muốn khiến quốc gia đánh dẹp Uyên. Để vì Uyên đã nắm quyền, cho nên nhân đó phủ dụ Uyên. Lúc Uyên làm phản, triều đình bèn lấy quốc pháp buộc tội Hoàng. Hoàng tuy đã có lời nói từ trước, mong là không bị bắt tội, nhưng bên trong vì là tình thân cốt nhục, biết rằng Uyên bị phá thì mình phải chết theo. Đầu Uyên đưa đến nơi, Hoàng tự xét mình tất phải chết, bèn cùng con trai đối mặt gào khóc. Bấy giờ chúa thượng muốn họ được sống, nhưng Hữu ti cho là không nên, chúa thượng bèn giết họ.

Trương Yển, người quận Thường Sơn huyện Chân Định, vốn họ Trử. Giặc Khăn Vàng nổi dậy, Yển tự tập đám thiếu niên làm quần đạo,¹ đánh cướp quanh quần trong vùng núi non đầm lạch, rồi kéo về huyện Chân Định, bộ chúng có hơn vạn người. Trương Ngưu Giác người huyện Bắc Lăng cũng khởi binh, tự xưng là Tướng binh Tòng sự, cùng Yển liên hợp. Yển suy cử Ngưu Giác làm đầu lĩnh, cùng đánh huyện Anh Đào.

¹ Quần đạo tức là bọn cướp.

Ngưu Giác bị lạc tên bắn trúng, bị thương sắp chết, lệnh cho sĩ chúng phải vâng mệnh Yển, nói rằng:

- Nhất định phải dùng Yển làm chủ soái.

Ngưu Giác chết rồi, mọi người vâng mệnh Yển, cho nên Yển đổi thành họ Trương.

Yển nhanh nhẹn mạnh hơn thần tốc hơn người, cho nên trong quân gọi là Phi Yển.⁽¹⁾ Sau này người đông, địa bàn rộng, các vùng sơn cốc ở Thường Sơn, Triệu Quận, Trung Sơn, Thượng Đảng, Hà Nội đều liên thông nhau, tiểu đầu lĩnh của các vùng ấy là bọn Tôn Khinh, Vương Đương đều đem bộ chúng đi theo Yển, đông đến trăm vạn, gọi là giặc Hắc Sơn. Linh đế chẳng thể đánh được, các quận ở Hà Bắc bị chúng làm hại.

Yển phái người đến kinh đô xin hàng, triều đình bèn bãi Yển làm Bình nan Trung lang tướng.^① Sau đấy, Đồng Trác dời Thiên tử tới Trường An, binh chúng trong thiên hạ mấy lần nổi dậy, Yển bèn đem binh sĩ của mình cùng liên kết với những kẻ hào kiệt.

Viên Thiệu và Công Tôn Toàn tranh giành Ký châu, Yển phái tướng là bọn Đỗ Trường tới giúp Toàn, cùng Thiệu giao chiến, bị Thiệu đánh bại, mọi người dần dần tan tác, Thái tổ sắp bình Ký châu, Yển phái sứ giả tới xin phù tá vương sư, được bãi làm Bình bắc tướng quân; lúc thống suất sĩ chúng đến huyện Nghiệp, được phong làm An Quốc đình hầu, thực ấp năm trăm hộ. Yển chết, con của Yển là Phương nổi tự. Phương chết, con của Phương là Dung nổi tự.^②

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Trương Giác làm phản, bọn Hắc Sơn, Bạch Ba, Hoàng Long, Tả Hiệu, Ngưu Giác, Ngũ Lộc, Đê Căn, Khổ Tư, Lưu Thạch, Bình Hán, Đại Hồng, Tư Lệ, Duyệt Thành, La Thị, Lôi Công, Phù Vân, Phi Yển, Bạch Tước, Dương Phương,

¹ Phi yển (飞燕) tức là nhanh như chim yến bay.

Vu Độc đều khởi binh, lớn thì hai ba vạn, nhỏ cũng chẳng ít hơn mấy nghìn người. Linh đế chẳng thể nào đánh dẹp được, bèn phái sứ giả tới bái Dương Phụng làm Hắc sơn Hiệu úy, thống lĩnh các quân sơn tặc, suy cử Hiêu làm Liêm kế lại. Về sau giặc lại càng tràn lan, không thể nào đếm xuể được.

Diễn lược chép: Đầu lĩnh của quân Hắc Sơn, Khăn Vàng, vốn là những kẻ không đội mũ lông, tự gọi tên hiệu, tên tự của nhau, gọi người cưỡi ngựa trắng là Trương Bạch Ky, gọi kẻ nhanh nhẹn là Trương Phi Yển, gọi người có tiếng nói lớn là Trương Lôi Công, người rậm râu thì tự xưng là Vu Đê Căn, người mắt lớn thì tự xưng là Lý Đại Mục.

Hán kỷ của Trương Phan chép: Lại có ba bộ quân là Tả Hiệu, Quách Đại Hiền, Tả Tì Trượng Bát.

② *Tấn Huệ đế khởi cư chú* của Lục Cơ chép: Môn hạ thông sự lệnh sử Trương Lâm, là cháu bốn đời của Phi Yển. Lâm và Triệu Vương Luân làm loạn, chưa tròn năm, ngôi vị đến chức Thượng thư lệnh, Vệ tướng quân, được phong làm Quận công. Không lâu sau bị Luân giết hại.

Truong Tú, người quận Vũ Uy huyện Tổ Lệ, là cháu trong họ tộc của Phiêu kỵ tướng quân Trương Tế vậy. Biên Chương, Hàn Toại làm loạn tại Lương châu, người ở Kim Thành là Khúc Thắng đánh úp giết trưởng huyện Tổ Lệ là Lưu Tuyên. Tú bấy giờ làm Huyện lại, rình lúc sơ hở giết chết Thắng, người trong quận cho là nghĩa hiệp. Tú bèn chiêu mộ tập hợp những người trẻ tuổi, làm hào kiệt ở trong ấp. Đồng Trác bại vong, Tế cùng bọn Lý Thôi đánh Lã Bố, vì Trác báo cừ. Đã nói ở *Đồng Trác truyện*.

Tú theo Tế, từ lúc đi theo trong quân lập được nhiều công lao, dần dần thăng đến chức Kiến trung tướng quân, tước Tuyên Uy hầu. Tế đóng quân ở Hoảng Nông, sĩ tốt đói quá, bèn xuôi nam đánh huyện Nhuống, bị trúng lạc tên chết. Tú lĩnh quân của Tế,

đóng ở huyện Uyển, cùng Lưu Biểu liên hợp. Thái tổ nam chinh, đóng quân ở Dục Thủy, bọn Tú đem hết bộ chúng ra hàng. Thái tổ thu nạp vợ Tể, Tú hận vì việc ấy. Thái tổ nghe nói Tú không hài lòng, bí mật tính kế giết Tú. Mưu kế lộ, Tú ngầm tập kích Thái tổ. Thái tổ thua quân, hai con bị chết.⁽¹⁾ Tú lui về giữ huyện Nhưỡng,^① Thái tổ đánh gần một năm, không thắng nổi.

Thái tổ cự Viên Thiệu ở Quan Độ, Tú theo kế của Giả Hủ, lại đem bộ chúng đến hàng. Đã nói ở *Giả Hủ truyện*. Tú đến nơi, Thái tổ cầm tay Tú, cùng vui vẻ ăn yến, cho con là trai Tào Quân lấy con gái của Tú, bái Tú làm Dương vũ tướng quân. Chiến dịch Quan Độ, Tú ra sức chiến đấu có công, được thăng làm Phá Khương tướng quân. Lúc theo đi phá Viên Đàm ở Nam Bì, lại được tăng thực ấp, cả thảy là hai nghìn hộ. Thời ấy số hộ khẩu trong thiên hạ giảm sút, mười nhà còn có một, chư tướng được phong thường chưa đầy nghìn hộ, mà riêng có Tú được nhiều. Về sau Tú theo đi đánh Ô Hoàn ở Liễu thành, chưa đến nơi thì chết, được ban thụy là Định hầu.^②

Con của Tú là Tuyên nổi tự, bị buộc tội cùng Ngụy Phúng mưu phản bị giết, đất phong bị tước bỏ.

① *Phó tử* chép: Tú có người thân tín là Hồ Xa Nhi, dũng mãnh đứng đầu trong quân. Thái tổ yêu mến sự mạnh mẽ của hắn, tự tay ban cho vàng. Tú nghe nói lại ngờ là Thái tổ muốn mượn tay tả hữu giết mình, bèn phản.

Ngô thư chép: Tú hàng, dùng kế của Giả Hủ, xin dời chỗ đóng quân tới chỗ đường cao, đường ấy dẫn tới giữa chỗ đóng quân của Thái tổ. Tú lại nói:

- Xe của ta ít mà nhiều đồ nặng, xin được sai binh sĩ đều mặc giáp khi dời chuyển.

¹ Chỗ này có lẽ Trần Thọ chép nhầm. Trận này Tào Tháo chết mất con trưởng là Tào Ngang và cháu là Tào An Dân.

Thái tổ tin Tú, đều nghe theo. Tú liền nghiêm chỉnh đội ngũ tiến vào trại, đánh úp Thái tổ. Thái tổ không phòng bị, nên bại trận.

② *Ngụy lược* chép: Ngũ quan tướng mấy lần nhân lúc Tú xin gặp, nổi giận nói:

- Người giết anh trai ta, sao còn vác mặt nhìn người ta nữa!

Tú trong lòng bất an, bèn tự sát.

Trương Lỗ tự Công Kỳ, người nước Bái huyện Phong. Tổ phụ của Lỗ là Lăng, làm khách ở đất Thục, học đạo trong núi Hộc Minh, làm sách đạo để mê hoặc bách tính, người theo học đạo thì bỏ ra năm đấu gạo, cho nên người đời gọi là Mễ tặc.⁽¹⁾ Lăng chết, con là Hành truyền cái đạo của Lăng. Hành chết, Lỗ lại truyền đạo ấy. Ích châu mục là Lưu Yên lấy Lỗ làm Đốc nghĩa tư mã, giúp Biệt bộ tư mã là Trương Tu đem binh đánh Thái thú Hán Trung là Tô Cố, Lỗ bèn tập kích Tu giết Tu, đoạt lấy binh ấy.

Yên chết, Con của Yên là Chương được lập lên thay, bởi Lỗ không thuận theo, Chương giết sạch gia quyến và mẹ của Lỗ. Lỗ bèn chiếm cứ Hán Trung, dùng quỹ đạo dạy dỗ dân, tự xưng là "Sứ quân." Những kẻ đến học đạo, ban đầu đều được gọi là "Quỹ tốt." Kẻ được truyền thụ đến mức tin tưởng vào cái gốc của đạo, thì gọi là "Tế tửu." Bọn họ đều được thống quản bộ chúng, kẻ có nhiều tín đồ thì gọi là "Trị đầu đại tế tửu." Họ đều dạy dân giữ thành tín không được dối lừa trí trá, ai có bệnh tật thì tự thú lỗi lầm của mình, đại khái so với đạo của quân Khăn Vàng cũng tương tự như nhau. Các tế tửu đều lập ra Nghĩa xá,⁽²⁾ giống như trạm dịch hiện nay. Lại để gạo thịt làm việc nghĩa, treo trong Nghĩa xá, khách đi đường tự lượng sức ăn uống lấy

¹ Mễ tặc (米賊) tức là giặc gạo vậy.

² Nghĩa xá (义舍) tức là nhà làm việc nghĩa.

đu mà dùng; nếu lấy quá nhiều, quý đạo sẽ khiến người đó sinh bệnh. Kẻ phạm pháp, được tha thứ ba lần, lần sau nữa mới dùng hình phạt. Không đặt chức Trưởng lại, đều dùng Tế tửu để cai trị, người Hán, người Di vui vẻ yên bình. Hùng cứ đất Ba, đất Hán gần ba chục năm trời.^①

Thời Hán mạt, triều đình chẳng đủ lực để chinh phạt, bèn thuận theo ban sủng cho Lỗ làm Trấn dân Trung lang tướng, kiêm chức Thái thú Hán Ninh, chỉ thông sứ dâng cống phẩm mà thôi.

Có người dân trong vùng bắt được cái ấn ngọc, thuộc hạ muốn tôn Lỗ làm Hán Ninh vương. Công tào của Lỗ là Diêm Phổ người quận Ba Tây can Lỗ rằng:

- Dân chúng Hán Xuyên ta, số hộ hơn chục vạn, tiền của giàu có đất đai phì nhiêu, tứ bề hiểm vững; trên khuông phò thiên tử, thì làm được Hoàn, Văn,⁽¹⁾ kém nữa thì bằng được Đậu Dung,⁽²⁾ chẳng đánh mất sự phú quý. Nay thừa chế tự sắp đặt, là cái thế chặt chân mình, chẳng hóa nhọc nhằn với tước vương sao. Xin đừng xưng vương vội, chớ nên rước vạ trước.

Lỗ theo lời.

Mã Siêu, Hàn Toại làm loạn, dân chúng ở Quan Tây theo cửa hàng Tý Ngộ chạy vào Hán Trung đến mấy vạn nhà.

① *Diễn lược* chép: Năm Hi Bình trung, yêu tặc bùng khắp, ở vùng Tam phụ có Lạc Diệu. Năm Quang Hòa trung, ở phương đông có Trương Giác, Hán Trung có Trương Tu. Lạc Diệu dạy dân phép ẩn thân, Giác lập ra đạo Thái Bình, Tu lập ra đạo "Ngũ đầu mễ".

Với đạo Thái Bình thì, thiên sư giữ chín thứ tiết trượng làm phù chú, dạy bệnh nhân khẫu đầu suy nghĩ lỗi lầm, rồi lấy bùa nước

¹ Ý nói giúp nhà Hán làm bá chủ hầu như Tề Hoàn, Tấn Văn thời Xuân Thu.

² Đậu Dung (笮融), xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 283 (Trần Lưu vương Tào Hoán truyện).

cho họ uống, bệnh khỏi hẳn hay thuyên giảm trong ít ngày, thì gọi là người sùng đạo, những kẻ không khỏi bệnh, thì bảo là không tin theo đạo. Cái phép của Tu cũng giống như Giác, còn bày thêm tĩnh thất,⁽¹⁾ để bệnh nhân ở trong đó nghĩ đến các lỗi lầm của mình. Lại sai người làm Gian lệnh Tế tửu, Tế tửu chuyên dùng năm nghìn chữ của Lão tử, sai mọi người học tập, gọi là Gian lệnh. Lập ra Quý lại, chuyên việc xin cầu đảo cho người bệnh. Cái phép cầu đảo, là viết tên họ của bệnh nhân vào giấy, tỏ ý là bệnh nhân chịu phục tội. Lập thành ba bản, một bản tâu trời dán trên núi, một bản chôn xuống đất, một bản ném xuống nước, gọi là Tam quan thủ thư. Sai người nhà của bệnh nhân xuất ra năm đấu gạo để trả, cho nên được gọi là Ngũ đấu mễ sư. Thật là vô ích với việc trị bệnh, chỉ là mê hoặc xằng bậy thôi, nhưng những kẻ tiểu dân hôn ám ngu muội, lại tranh nhau cùng phụng thờ.

Về sau Giác bị tru diệt, Tu cũng vong mạng. Đến khi Lỗ ở Hán Trung, nhân vì dân chúng tin theo cái đạo của Tu, bèn sửa sang thêm đạo ấy. Truyền sai lập ra Nghĩa xá, đem gạo và thịt để vào trong đó để cấp người qua lại dùng bước trên đường; còn truyền dạy thuật tự giấu thân, kẻ có lỗi nhỏ, dùng thuật ấy đi bộ một trăm bước, thì lỗi sẽ được tiêu trừ; còn chiếu theo nguyệt lệnh,⁽²⁾ các mùa xuân, hạ cấm sát sinh; lại cấm uống rượu. Dân chúng qua lại trọ ở trong vùng, chẳng ai dám không vâng mệnh.

Thần Tùng Chi cho rằng Trương Tu đích thị là Trương Hành, nếu chẳng phải là *Diễn lược* chép lầm, thì là người chép truyện lầm lẫn vậy.

Năm Kiến An thứ hai mươi, Thái tổ mới từ Tán Quan tiến ra Vũ Đô đi đánh Lỗ, đến ải Dương Bình. Lỗ muốn đem cả thành Hán Trung ra hàng, em trai của Lỗ là Vệ không chịu, thống suất mấy vạn bộ chúng giữ cửa ải thủ chắc. Thái tổ đánh phá cửa ải, tiến vào Thục Quận. ① Lỗ nghe tin ải Dương Bình vỡ, muốn rập đầu quy hàng, Phổ lại nói:

¹ Tĩnh thất (静室) là ngôi nhà dựng ở nơi yên tĩnh để bệnh nhân tĩnh tọa hồi lỗi.

² Thời lệnh vào các mùa, đây là tục lệ xưa của một số vùng ở Trung Quốc.

- Nay ta vì bị bức bách mà đến hàng, công lao tất nhỏ; chẳng bằng nương dựa vào Đỗ Hoạch chạy đến chỗ Phác Hồ chống giữ nhau, rồi sau mới dâng lễ xưng thần, công tất lớn hơn.

Vì thế Lỗ bèn chạy tới Nam Sơn tiến vào quận Ba Trung. Tả hữu muốn đốt hết của cải vật báu trong kho, Lỗ nói:

- Vốn dĩ ta muốn quy thuận quốc gia, nhưng ý nguyện chưa đạt được. Nay đi trốn, là tránh cái khí thế dữ dội của họ, chẳng phải là ta có ác ý gì. Vật quý tiền của trong kho đụn, là của quốc gia vậy.

Bèn phong kín kho tàng rồi bỏ đi. Thái tổ vào Nam Trịnh, rất khen ngợi Lỗ. Lại vì Lỗ vốn có thiện ý, Thái tổ bèn phái người tới úy lạo khuyên dụ. Lỗ đem hết gia quyến đến hàng, Thái tổ tự ra đón bái Lỗ làm Trấn nam tướng quân, lấy khách lễ mà đãi, phong làm Lãng Trung hầu, thực ấp vạn hộ. Phong cho năm con của Lỗ và bọn Diêm Phổ đều làm Liệt hầu. ② Thái tổ lại cho con trai của mình là Bành Tổ lấy con gái của Lỗ.

Lỗ chết, được ban thụy là Nguyên hầu. Con của Lỗ là Phú nối tự. ③

① Ngụy danh thần tấu chép tờ biểu của Đồng Chiêu rằng:

"Vũ hoàng đế nghe lời của Lương châu Tòng sự và những kẻ ra hàng ở Vũ Đô, nói rằng Trương Lỗ dễ đánh, từ thành Dương Bình xuống phía nam Bắc Sơn xa nhau, không thể giữ được, tin theo cho là đúng. Lúc đặt chân đến, thấy chẳng phải như những điều mà mình nghe được, bèn than rằng: 'Lời kẻ khác bàn, ít khi đúng như ý của họ.' Lúc đánh các trại ở trên núi Dương Bình, không hạ được ngay, sĩ tốt chết trận và bị thương rất nhiều. Vũ hoàng đế có ý chán nản, muốn nhổ trại xê núi mà về, đã phái cố Đại tướng quân Hạ Hâu Đôn, cố Tướng quân Hứa Trĩ hô binh ở trên núi rút lui. Lúc tiền quân chưa về, ban đêm đi lâm đường, bất ngờ lạc vào trại giặc, giặc liền lui chạy. Bọn Thị trung là Tân Bì, Lưu Diệp ở đội hậu binh, nói rằng Đôn, Trĩ nói 'Quan binh đã chiếm được đồn trọng yếu của địch, giặc chạy tan tác.' Còn chưa tin lời. Đôn ở phía trước tự thấy rõ, bèn quay về bẩm với Vũ hoàng đế, Đế tiến

nghe đến mà theo về! Lấp nguồn nước thì dòng chảy tự ngừng, điều này là nói về việc ấy vậy! Nếu chẳng làm rõ cái đạo lý ấy mà coi trọng cái công rực rỡ, tước cao thường hậu chỉ dành cho tướng sĩ ra sức liều chết, thì dân chúng hám lợi lúc có loạn, kẻ tục lại cạnh tranh nơi sát phạt, cậy quân ý sức, can qua chẳng ngừng. Thái tổ phong tước như thế, có thể nói là biết đến cái gốc của việc thưởng phạt, dẫu Thang Vũ ở vào địa vị ấy, cũng không hơn được vậy.

Ngụy lược chép: Năm Hoàng Sơ trung, thêm tước ấp cho Phổ, thuận lễ thuận tình. Hơn mười năm sau Phổ ốm chết.

Tấn thư chép rằng: Tây nhung Tư Mã Diêm Toàn, là cháu đích tôn của Phổ vậy.

③ *Ngụy lược* chép: Lưu Hùng Minh, người huyện Lam Điền. Thời trẻ làm nghề hái thuốc, săn bắn, thường ở dưới núi Phúc Xa, vào lúc trời mờ sáng, đi trong đám mây mù, vì nhớ đường không đi lạc, nên người thời ấy ai cũng bảo là Hùng Minh làm được mây mù. Quách Ty, Lý Thôi làm loạn, nhiều người tới theo Hùng Minh.

Năm Kiến An trung, Hùng Minh đem số người theo mình quy thuộc châu quận, châu quận dâng biểu tiến cử Hùng Minh làm tiểu tướng. Bọn Mã Siêu tạo phản, Hùng Minh không chịu theo, Siêu đánh tan Hùng Minh. Sau đó Hùng Minh đến chỗ Thái tổ, Thái tổ cầm tay Hùng Minh bảo:

- Cô mới vào quan ải, nằm mơ gặp được người thần, là khanh đấy ư!

Bèn lấy lễ hậu đãi Hùng Minh, dâng biểu bái làm Tướng quân, phái đi đón bè đảng thuộc hạ của mình. Thuộc đảng không muốn hàng, bèn bắt giữ Hùng Minh rồi làm phản, những kẻ trốn nạn đều đến nương nhờ Hùng Minh, bộ chúng có đến mấy nghìn người, chiếm giữ con đường đến ải Vũ Quan. Thái tổ phái Hạ Hầu Uyên đánh phá chúng, Hùng Minh xuôi nam chạy vào Hán Trung. Đến lúc Hán Trung vỡ, Hùng Minh cùng đường không có chỗ chạy, bèn lại quy hàng. Thái tổ nắm lấy râu Hùng Minh nói:

- Lão tặc, ta tóm được ngươi thật rồi!

Lại cho phục chức quan, dời đến quận Bột Hải.

Bấy giờ lại có bọn Trình Ngân, Hầu Tuyền, Lý Kham, đều là người quận Hà Đông, loạn năm Hưng Bình, mỗi người nắm bộ chúng hơn nghìn nhà. Năm Kiến An thứ mười sáu, đều cùng Mã Siêu hợp binh. Siêu thua vỡ bỏ chạy, Kham lâm trận chết. Ngân, Tuyền xuôi nam vào Hán Trung, Hán Trung bị phá, bèn đến chỗ Thái tổ quy hàng, đều được khôi phục quan tước.

Bình rằng: Công Tôn Toản giữ Dịch kinh, ngồi đợi bị diệt. Độ tàn bạo mà không biết tiết chế mình, Uyên kế nghiệp nhà lại hung tàn, là gốc rễ cho việc nghiêng đổ của dòng tộc vậy. Đào Khiêm tối tăm mê ám rồi sinh bệnh mà chết, Trương Dương trao đầu cho kẻ bầy tôi thuộc hạ, đều nắm giữ châu quận, rút cục chẳng bằng kẻ thất phu, cố nhiên là chẳng có gì để luận bàn vậy. Yến, Tú, Lỗ bỏ nghề cướp bóc quy thuận quốc gia, được liệt vào hạng công thần, trừ mối nguy vong, giữ được tông miếu để thờ tự, thì so với bọn người kia là hơn hẳn vậy.

QUYỂN THỨ CHÍN

CHƯ HẠ HẦU, TÀO TRUYỆN



Hạ Hầu Đôn tự Nguyên Nhượng, người nước Bái huyện Tiêu, là hậu duệ của Hạ Hầu Anh.⁽¹⁾ Năm mười bốn tuổi, theo thầy thụ học, có người làm nhục thầy, Đôn giết hấn, bởi thế nổi tiếng là người cứng cỏi. Thái tổ mới khởi sự, Đôn thường làm phó tướng, theo đi chinh phạt. Lúc Thái tổ làm hành Phấn vũ tướng quân, lấy Đôn làm Tư mã, cho giữ riêng một cánh quân đóng ở huyện Bạch Mã, sau được thăng làm Chiết xung Hiệu úy, lĩnh Thái thú Đông Quận.

Thái tổ đi đánh Đào Khiêm, để Đôn trấn thủ Bộc Dương. Trương Mạc làm phản nghênh đón Lã Bố, gia quyến của Thái tổ ở tại Quyên Thành, Đôn đem khinh quân qua cứu, vừa hay gặp Bố, cùng giao chiến. Bố lui về, vào thành Bộc Dương, thu được đồ truy trọng của Đôn. Lại phái tướng đến trá hàng, cùng bắt giữ Đôn, đòi lấy của cải tài vật, quân trung của Đôn trên dưới kinh hoàng rung động. Bộ tướng của Đôn là Hàn Hạo bèn thống suất binh lính đóng ở ngoài cửa doanh, triệu tập quan lại chư tướng đến, lệnh cho bộ hạ đều phải mặc áo giáp, án binh bất động, các doanh mới yên.

Hạo đến dinh sở của Đôn, quát thét kẻ bắt con tin rằng:

¹ Hạ Hầu Anh (夏侯嬰), tức Nhữ Âm Văn hầu, còn gọi là Đằng công, người huyện Bái, là bằng hữu thời trẻ của Lưu Bang, khai quốc công thần của Hán Cao tổ.

- Bọn bay hung nghịch, dám bắt giữ Đại tướng quân, còn mong được sống nữa chẳng! Vả lại ta vâng mệnh đánh dẹp phản loạn, há đâu vì một vị tướng quân, để chúng bay được tùy tiện sao?

Rồi khóc lóc bảo Đôn rằng:

- Ta phải thi hành quốc pháp thế nào đây!

Bèn gấp rút triệu binh tới đánh bọn bắt con tin. Chúng hoảng sợ khẩu đầu, nói:

- Bọn ta chỉ muốn xin ít đồ tư trang rồi bỏ đi thôi!

Hạo quát mắng chúng, đều đem chém, Đôn được thoát. Thái tổ nghe việc ấy, bảo Hạo rằng:

- Việc làm của khanh có thể dùng làm phép tắc cho vạn đời vậy.

Bèn lệnh, từ nay về sau kẻ nào bắt giữ con tin, mọi người phải hợp sức lại đánh, không cần quan tâm đến con tin. Bởi thế việc bắt con tin dứt hẳn.^①

① Tôn Thịnh nói: Xét *Quang Vũ bản kỷ*, năm Kiến Vũ thứ chín, bọn cướp bắt giữ mẹ và em của Âm quý nhân, quan lại vì không được phép vây bức đạo tặc giữ con tin, nên kẻ cướp giết họ. Thế thì cái việc hợp sức đánh bọn cướp, là phép chế từ xưa vậy. Từ đời Thuận đế, An đế về sau, chính trị giáo hóa suy bại, bọn bắt giữ con tin chẳng úy kỵ gì các bậc vương công, mà Hữu ti cũng chẳng ai tuân theo phép nước, Hạo khôi phục lại việc chém bọn ấy, cho nên Ngụy Vũ mới khen ngợi.

Thái tổ từ Từ châu quay về, Đôn đi theo đánh Lã Bố, trúng tên, bị thương ở mắt trái.^① Sau lại lĩnh chức Thái thú Trần Lưu, Tế Âm, gia thêm chức Kiến vũ tướng quân, phong tước Cao An hương hầu.

Thời ấy đại hạn, nạn hoạn trùng bùng phát, Đôn bèn chặn sông Thái Thọ làm hồ chứa nước, tự thân vác đất làm gương cho tướng sĩ, khuyến khích trồng lúa gié, quan dân được nhờ cái lợi ấy. Đôn được chuyển sang giữ chức Hà Nam doãn.

Thái tổ bình Hà Bắc, Đôn làm Đại tướng cầm hậu quân để ngăn chống địch. Phá xong huyện Nghiệp, Đôn được thăng làm Phục Ba tướng quân, lĩnh chức Doãn như cũ, được tùy nghi hành sự, không phải câu nệ cấm chế.

Năm Kiến An thứ mười hai, biên xét công lao trước sau của Đôn, thêm thực ấp cho Đôn một nghìn tám trăm hộ, gộp cả lúc trước là hai nghìn năm trăm hộ.

Năm thứ hai mươi mốt, sau khi theo đi đánh Tôn Quyền về, Thái tổ sai Đôn đốc suất hai mươi sáu lộ quân, đóng giữ huyện Cư Sào. Ban cho Đôn đội kỹ nhạc có người hát xướng, lệnh rằng:

- Ngụy Giáng vì cái công hòa với rợ Nhung, mà còn được nhận bộ nhạc khí Kim thạch,⁽¹⁾ hưởng chi ngài là tướng quân chiến công hiển hách!

Năm thứ hai mươi bốn, Thái tổ đóng quân ở Ma Pha (là quân đánh phá Lã Bố lúc trước), khi triệu gọi Đôn thường cho ngồi cùng xe, đặc biệt thân thiết xem trọng, được ra vào tận chỗ nằm, chư tướng chẳng ai sánh được.

Đôn được bá làm Tiền tướng quân,⁽²⁾ thống suất chư quân về Thọ Xuân, dời trụ sở đến đóng ở Triệu Lăng.

Văn đế tức vương vị, bá Đôn làm Đại tướng quân, được mấy tháng thì chết.

① *Ngụy lược* chép: Đương thời, Hạ Hầu Uyên và Hạ Hầu Đôn cùng là tướng quân, trong quân gọi Đôn là Mạnh Hạ Hầu.⁽²⁾ Đôn ghét cái tên ấy, cứ mỗi lần soi gương là lại tức giận, thường đập gương xuống đất.

¹ Thời Xuân Thu, rợ Nhung hay quấy rối biên ải nước Tấn, Ngụy Giáng (魏绛) là người tài của nước Tấn, bấy giờ làm tướng, bèn ký hòa ước với rợ Nhung, hai bên không xâm phạm bờ cõi của nhau, vua Tấn phong cho Ngụy Giáng đất An Ấp, thưởng một bộ nhạc khí bằng vàng.

² Hạ Hầu mù.

② *Ngụy thư* chép: Bấy giờ chư tướng đều nhận quan hiệu của nước Ngụy, riêng Đôn dùng quan hiệu của nhà Hán, vì thế Đôn dâng sớ tự bày tỏ rằng mình không thích hợp với cái lễ của kẻ không phải là thần tử nhà Ngụy. Thái tổ nói:

- Ta nghe nói cao nhất trong quan hệ quân thần là bày tôi làm thầy, thứ nữa đến bày tôi là bạn. Như thế tức là với kẻ thần tử, thì người có đức cao được xem trọng hơn, nước Ngụy mỏng mọn, sao đáng để ngài phải khuất thân?

Đôn cố xin, Thái tổ bèn bãi Đôn làm Tiền tướng quân.

Đôn tuy ở trong quân lữ, vẫn tự thân đón thầy về truyền học nghiệp. Bản tính Đôn thanh bạch cần kiệm, mỗi khi có của cải thừa ra thường đem phân phát cho người khác, của không đủ dùng thì trồng vào cửa quan, chẳng hề vun vén sản nghiệp riêng. Đôn chết, ban thụy là Trung hầu.

Con của Đôn là Sung nối tự, Đế đoái nghĩ đến công tích của Đôn, muốn hết thảy con cháu của Đôn nhận tước hầu, vì thế bèn đem một nghìn hộ ở ấp phong của Đôn chia ra cho con cháu, ban cho bảy con và hai cháu của Đôn chức Quan nội hầu. Em của Đôn là Liêm và một người con của Đôn là Mậu trước đây tự được phong làm Liệt hầu.

Lúc trước, Thái tổ đem con gái của mình gả cho Mậu, tức là Thanh Hà công chúa vậy. Mậu trái các chức Thị trung thượng thư, An tây tướng quân, Trấn đông tướng quân, được ban Giả tiết.① Sung chết, con của Sung là Dị nối tự, Dị chết, con của Dị là Thiệu nối tự.②

① *Ngụy lược* chép: Mậu tự Tử Lâm, là con thứ hai của Đôn vậy. Văn đế thời trẻ chơi thân với Mậu, khi tức vị, lấy Mậu làm An tây tướng quân, cho cầm cờ tiết, nối chức của Hạ Hầu Uyên đốc trách Quan Trung. Mậu vốn không có vũ lược, nhưng khéo kinh doanh sản nghiệp. Đến năm Thái Hòa thứ hai, lúc Minh đế tây chinh, có người tố cáo Mậu, Đế bèn triệu Mậu về làm Thượng thư.

Thời Mậu ở phương tây, nuôi rất nhiều ca kỹ và nàng hầu, công chúa vì thế bất hòa với Mậu. Về sau, các em của Mậu không tuân lễ chế, Mậu thường quở trách nghiêm khắc, mấy người em sợ bị trị tội, bèn cùng nhau vu hãm Mậu tội phỉ báng, khiến công chúa tấu việc lên, Đế hạ chiếu thư sai bắt Mậu.

Đế có ý muốn giết Mậu, đem việc hỏi Trường thủy Hiệu úy quận Kinh Triệu là Đoạn Mặc, Mặc cho rằng: "Đấy hẳn là Thanh Hà công chúa bất hòa với Mậu, mới đưa lời gièm pha vu hãm, mong bệ hạ chẳng nên truy tìm sự thật nữa. Vả lại Phục Ba⁽¹⁾ giúp tiên đế có công lao bình thiên hạ, việc này nên nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ." Đế tỏ ý hiểu, nói:

- Ta cũng cho là thế.

Bèn phát chiếu thư tra hỏi kẻ xui công chúa làm biểu tấu, quả nhiên do các em của Mậu là Tử Tang và Tử Giang vu hãm Mậu.

② *Tấn Dương thu* chép: Đến năm Thái Thủy thứ hai, Cao An hương hầu là Hạ Hầu Tá chết, Tá là cháu của Đôn vậy, tuyệt tự không người nối dõi.

Đế hạ chiếu rằng:

"Đôn, là khai quốc công thần của nhà Ngụy, công lao được ghi vào tre lụa. Xưa kia Đinh Kiên⁽²⁾ không có người kế tự, còn có người thương viếng ông ấy, hướng chi trăm vâng mệnh trời lên ngôi Hoàng đế nước Ngụy, mà có thể quên được công thần của mình sao? Nay nên chọn lấy người thân thích trong họ tộc của Thiệu kế nối tước phong của Đôn."

Hàn Hạo, người quận Hà Nội, cùng Sử Hoán người nước Bái đều vì trung dũng mà nổi tiếng. Hạo làm quan đến chức Trung hộ quân, Hoán làm quan đến chức Trung lĩnh quân, đều cai quản cấm binh, phong làm Liệt hầu.①

¹ Đôn từng giữ chức Phục Ba tướng quân.

² Theo *Tà truyện*, Văn công thập bát niên, Đinh Kiên (庭坚) là một trong tám người con tài giỏi của họ Cao Dương (Bát khai), có sách nói rằng Đinh Kiên là Cao Đào (皋陶), quan coi ngục thời vua Nghiêu, vua Thuấn.

① *Ngụy thư* chép: Hàn Hạo tự Nguyên Tự. Thời Hán mạt binh mã nổi dậy, ở các huyện gần vùng rừng núi vùng lạch có nhiều giặc cướp, Hạo tụ tập quân lính phòng giữ trong huyện. Thái thú Vương Khuông lấy Hạo làm Tòng sự, đem binh đi cự Đồng Trác ở Minh Tân. Thời ấy cậu của Hạo là Đỗ Dương làm Hà Âm lệnh, bị Trác bức ép, sai đi chiêu dụ Hạo, Hạo không theo. Viên Thuật nghe chuyện ấy, khen Hạo, dùng làm Kỵ đô úy. Hạ Hầu Đôn nghe tiếng Hạo, mời cùng tương kiến, rất lấy làm lạ, cho lĩnh binh theo đi chinh phạt.

Bấy giờ triều đình đại hội nghị bàn việc cải cách, Hạo cho rằng phải lấy nông sự làm đầu. Thái tổ khen ngợi, thăng Hạo làm Hộ quân. Thái tổ muốn đi đánh Liễu Thành, Lĩnh quân là Sừ Hoán cho rằng Liễu Thành xa xôi, dẫn quân vào sâu không phải là kế vẹn toàn, muốn cùng Hạo chung lời can gián. Hạo nói:

- Nay ta binh cường thế thịnh, uy phong vang bốn bể, giao chiến là thắng, đánh là lấy được, không gì không như ý, mà chẳng nhân lúc này trừ họa hại cho thiên hạ, sẽ là mối lo sau này. Và lại Công là bậc thần vũ, khi hành động thì kế sách không hề có sai sót, ta với ngài là người đứng đầu Trung quân, không nên ngăn trở mọi người.

Sau theo đi phá Liễu Thành, được đổi chức làm Trung hộ quân, được đặt thuộc quan là Trưởng sử, Tư mã. Lại theo đi đánh Trương Lỗ, Lỗ ra hàng. Kẻ bàn luận cho rằng trí dũng mưu lược của Hạo đủ để phủ dụ người ở biên ải, muốn triều đình lưu Hạo lại làm Đô đốc chư quân, trấn giữ Hán Trung. Thái tổ nói:

- Ta sao có thể không có Hộ quân được?

Bèn cho cùng theo về. Hạo được Thái tổ thân gần và tin tưởng như thế. Lúc Hạo chết, Thái tổ rất thương tiếc. Vì Hạo không có con nối, Thái tổ cho con nuôi của Hạo là Vinh được nối tự.

Sừ Hoán tự Công Hưu, thời trẻ ưa làm việc nghĩa, có hùng tâm tráng chí. Thái tổ mới khởi sự, là môn khách theo đi, làm hành Trung quân Hiệu úy, mỗi khi chinh phạt, thường giám sát chư tướng, rất được Thái tổ thân gần tín nhiệm, rồi chuyển làm Trung lĩnh quân. Năm Kiến An thứ mười bốn chết. Con của Hoán là Tĩnh nối tự.

Hạ Hầu Uyên tự Diệu Tài, là em họ của Đôn vậ. Thời Thái tổ còn chưa làm quan, từng vướng chuyện quan sự ở huyện, Uyên đứng ra thay nhận trọng tội, Thái tổ tính kế cứu Uyên, Uyên thoát chết.①

Thái tổ khởi binh, Uyên lấy thân phận là Biệt bộ tư mã, Kỵ đô úy đi theo, sau được thăng làm Thái thú Trần Lưu, Dĩnh Xuyên.

Thái tổ và Viên Thiệu đại chiến tại Quan Độ, Uyên làm hành Đốc quân Hiệu úy. Thiệu bị phá, Thái tổ sai Uyên đốc trách quân lương ở các châu Duyện, Dự, Từ. Bấy giờ lương trong quân thiếu thốn, Uyên liên tục chuyển lương đến tiếp tế, binh lính nhờ đó phần chấn lại. Xương Hi làm phản, Thái tổ phái Vu Cấm đến đánh Hi, còn chưa thắng được, Thái tổ lại phái Uyên cùng Cấm hợp sức, sau đánh được Hi, thu hàng hơn chục đồn trại, Hi đến chỗ Cấm xin hàng. Uyên quay về, được bái làm Điển quân Hiệu úy.②

Giặc Khăn Vàng ở Tế Nam, Lạc An là bọn Từ Hòa, Tư Mã Câu đánh phá thành, giết hại trưởng lại, Uyên đem binh của các quận Thái Sơn, Tề, Bình Nguyên ra đánh, đại phá chúng, chém Hòa, bình định các huyện, thu lương thảo ở các nơi ấy đem cấp cho quân sĩ. Năm thứ mười bốn, Thái tổ lấy Uyên làm hành Lĩnh quân.

Sau khi Thái tổ đi đánh Tôn Quyền trở về, sai Uyên đốc suất chư tướng đánh kẻ phản ở Lư Giang là Lôi Tự, Tự bị phá, Uyên lại làm hành Chinh tây Hộ quân, đốc suất Từ Hoảng đánh giặc cướp ở Thái Nguyên, đánh hạ được hơn hai mươi trại, chém đầu thủ lĩnh của giặc là Thương Diệu, giết sạch quân lính thủ thành. Lúc theo đi đánh bọn Hàn Toại, Uyên tham gia đại chiến ở phía nam sông Vị. Sau lại đốc suất Chu Linh bình các huyện Du Mi, Khiên Đê. Khi cùng Thái tổ hội quân ở An Định, Uyên thu hàng Dương Thu.

① *Ngụy lược* chép: Bấy giờ các vùng Duyên, Dự đại loạn, Uyên vì thiếu thốn không đủ ăn, đem bỏ đứa con trai nhỏ của mình, mà nuôi nấng đứa con gái cô cút của người em đã chết.

② *Ngụy thư* chép: Uyên làm tướng, hay nhanh chóng xông pha chỗ gian nguy, luôn ra chỗ địch không phòng bị, cho nên trong quân có câu rằng:

"Điển quân Hiệu úy Hạ Hầu Uyên, ba ngày năm trăm dặm, sáu ngày một nghìn dặm."

Năm thứ mười bảy, Thái tổ về huyện Nghiệp, lấy Uyên làm hành Hộ quân tướng quân, đốc suất bọn Chu Linh, Lộ Chiêu đóng quân ở Trường An, đánh phá giặc cướp ở Nam Sơn là Lưu Hùng, thu hàng bộ chúng của hắn. Lại vây dư đảng của Toại, Siêu là bọn Lương Hưng ở huyện Hộ, hạ thành, chém Hưng, được phong tước Bác Xương đình hầu.

Mã Siêu vây Thứ sử Lương châu là Vi Khang ở huyện Ký, Uyên tới cứu Khang, chưa đến nơi, Khang đã thua bại. Còn cách huyện Ký hơn hai trăm dặm, Siêu đến đón đánh, quân của Uyên bất lợi. Người Đê ở huyện Khiên làm phản, Uyên dẫn quân quay về.

Năm thứ mười chín, bọn Triệu Cù, Doãn Phụng mưu đánh Siêu, Khương Tự khởi binh ở Lỗ Thành để hưởng ứng họ. Bọn Cù trá lừa khuyên Siêu, khiến Siêu xuất binh đánh Tự, rồi ở phía sau giết sạch vợ con của Siêu. Siêu chạy vào Hán Trung, rồi quay lại vây Kỳ Sơn. Bọn Tự cáo cấp xin cứu, chư tướng nghị bàn nên đợi Thái tổ tiết chế. Uyên nói:

- Công ở huyện Nghiệp, đi rồi về là bốn nghìn dặm, tin báo đến nơi, bọn Tự tất đã bại, chẳng bằng ta đánh gấp.

Bèn xuất phát ngay, sai Trương Cáp lĩnh năm nghìn quân bộ kỵ đi trước, theo đường hẻm Trần Thương tiến vào, Uyên tự đốc lương ở phía sau. Cáp đến bờ sông Vị, Siêu dẫn mấy nghìn quân người Đê, người Khương đón đánh Cáp. Chưa giao chiến,

Siêu bỏ chạy, Cáp tiến binh thu lấy quân trang khí giới của quân Siêu. Uyên đến nơi, các huyện đều đã hàng.

Hàn Toại đóng trại ở huyện Hiên Thân, Uyên quay sang tập kích Toại, Toại bỏ chạy. Uyên thu lấy quân trang và lương thảo của Toại, rồi đuổi đánh đến tận thành Lược Dương, cách Toại hơn hai mươi dặm, chư tướng muốn đánh, có người nói rằng nên đánh rợ Đê ở Hưng Quốc. Uyên cho rằng binh của Toại tinh nhuệ, thành Hưng Quốc bền vững, đánh chẳng thể lấy ngay được, chẳng bằng đánh các tộc Khương ở Trường Li. Người Khương ở Trường Li đa phần ở trong quân của Toại, tất họ sẽ quay về cứu người nhà của mình. Nếu Toại để người Khương độc thủ thì họ cô thế, nếu Toại đi cứu Trường Li thì quan binh giao chiến với họ ở ngoài đồng, có thể bắt được hần vậy. Bèn lưu bộ tướng giữ đồ truy trọng, đem khinh binh bộ kỵ đến Trường Li, tấn công đốt trại của rợ Khương, chém và bắt sống rất nhiều địch. Những người Khương ở trong quân của Toại đều quay về bộ lạc của mình. Toại quả nhiên đến cứu Trường Li, cùng quân của Uyên đối nhau bày trận. Chư tướng thấy quân của Toại đông, sợ lắm, muốn làm hào lũy liên kết các doanh trại lại rồi mới khai chiến. Uyên nói:

- Quân ta dịch chuyển từ nghìn dặm, nay lại làm trại lũy, thì sĩ chúng mỏi mệt, chẳng thể giữ được lâu. Giặc tuy đông, cũng dễ đối phó thôi.

Bèn thúc trống tiến binh, đại phá quân của Toại, đoạt được cờ chỉ huy của địch, rồi quay về Lược Dương, tiến vây Hưng Quốc. Đê vương là Thiên Vạn chạy trốn đến chỗ Mã Siêu, dư đảng của hắn ra hàng. Uyên quay sang đánh rợ Đồ Các ở huyện Cao Bình, chúng đều tan chạy, thu được lương thảo trâu ngựa của họ. Vì thế Uyên được ban Giả tiết.

Khi trước, người huyện Bao Hãn là Tống Kiến nhân lúc Lương châu loạn lạc, tự xưng là Hà thủ Bình Hán vương. Thái tổ sai

Uyên thống suất chư tướng đi đánh dẹp Kiến. Uyên đến nơi, vây Bao Hãn, hơn một tháng thì hạ được, chém Kiến và các quan lại do Kiến đặt ra từ Thừa tướng trở xuống. Uyên biệt phái bọn Trương Cáp đi bình huyện Hà Quan, vượt Hoàng Hà tiến vào Tiểu Hoàng Trung, các tộc Khương ở phía tây Hoàng Hà đều ra hàng, vùng Lũng Hữu bình định. Thái tổ lệnh rằng:

"Tổng Kiến tác loạn hung nghịch trái hơn ba mươi năm, Uyên một lần cất binh mà diệt hãn, là hổ ngồi vùng Quan Hữu, đi đến đâu không ai chống nổi. Chính như câu Trọng Ni nói: 'Ta so với người chẳng bằng được vậy'."⁽¹⁾

Năm thứ hai mươi mốt, tăng thực ấp cho Uyên ba trăm hộ, gồm cả trước đây là tám trăm hộ.

Uyên quay về đánh rợ Khương, rợ Đê ở các quận Vũ Đô, Hạ Biện, thu được hơn một vạn hộ lương của người Đê. Thái tổ sang tây đánh Trương Lỗ, bọn Uyên dẫn chư tướng, vương hầu của Lương châu và các quan lại đến, cùng Thái tổ hội quân ở Hưu Đình. Thái tổ cứ mỗi lần triệu kiến người Khương, Hồ, lấy Uyên ra dọa họ.

Trương Lỗ ra hàng, Hán Trung bình, Thái tổ lấy Uyên làm hành Đô hộ tướng quân, đốc suất bọn Trương Cáp, Từ Hoảng bình Ba Quận. Thái tổ về huyện Nghiệp, lưu Uyên trấn thủ Hán Trung, bãi ngay Uyên làm Chinh tây tướng quân.

Năm thứ hai mươi ba, Lưu Bị trú quân ở ải Dương Bình, Uyên thống suất chư tướng ra cự Bị, cầm giữ nhau qua năm.

Năm thứ hai mươi bốn tháng giêng, Bị nhân đêm tối nổi lửa đốt sạch hào lũy rào chông kín mít của Uyên. Uyên sai Trương Cáp che giữ vòng vây phía đông, tự mình dẫn khinh binh chống đỡ phía nam. Bị khiêu chiến Cáp, quân của Cáp bất lợi. Uyên chia

¹ Không tử được Nhan Hồi, khen Hồi rằng : "Ta so với người chẳng bằng được."

một nửa số binh mà mình quản lĩnh tương trợ Cáp, bị Lưu Bị tập kích, Uyên ra đánh bị giết. Được ban thụy là Mẫn hầu.

Trước đó, Uyên tuy nhiều lần chiến thắng, Thái tổ vẫn thường răn bảo rằng:

- Làm tướng phải có lúc biết khiếp sợ, chẳng thể chỉ cậy vào cái dũng vậy. Tướng phải lấy dũng làm gốc, hành sự phải dùng trí mưu; chỉ biết dùng cái dũng, bất quá chỉ địch nổi một kẻ thất phu mà thôi.

Vợ của Uyên, là em vợ Thái tổ. Con trưởng của Uyên là Hành, lấy con gái của em trai Thái tổ là Hải Dương Ai hầu, ân sủng cực trọng. Hành nối tước của Uyên, sau đổi phong làm An Ninh đình hầu. Năm Hoàng Sơ trung, ban tước cho con thứ của Uyên là Bá, năm Thái Hòa trung, ban tước cho bốn em của Bá đều làm Quan nội hầu.

Bá, năm Chính Thủy trung làm Thảo Thực hộ quân Hữu tướng quân, tấn phong tước Bác Xương đình hầu, vốn rất được Tào Sảng sủng ái, hậu đãi. Nghe tin Sảng bị diệt, Bá tự ngò, trốn vào nước Thực. Vì Uyên là cựu thần có nhiều công lao nên Ngụy đế xá tội cho con của Bá, đầy đến quận Lạc Lãng.^① Em của Bá là Uy, quan vị đến chức Thứ sử Duyện châu.^② Em của Uy là Huệ, làm Thái thú Lạc An.^③ Em của Huệ là Hòa, làm Hà Nam doãn.^④

Hành chết, con của Hành là Tích nối tự, làm Hồ bôn Trung lang tướng. Tích chết, con của Tích là Bao nối tự.

① *Ngụy lược* chép: Bá tự Trọng Quyền. Uyên vì bị người nước Thực giết hại, nên Bá thường nghiêng rãnh căm hận, có ý muốn báo thù nước Thực. Năm Hoàng Sơ trung, Bá làm Thiên tương quân. Chiến dịch Tỳ Ngộ, Bá được triệu gọi làm tiên phong, tiến đến vòng vây ở Hưng Thế, hạ trại ở Khúc Cốc Trung. Người Thực trông xa biết đó là Bá, trở xuống lũy rồi phát binh tấn công. Bá tự mình chống đánh trong lũy chông, chờ quân cứu đến, rồi sau được giải vây.

Sau Bá làm Hữu tướng quân, đóng trại ở Lũng Tây, khéo dưỡng sĩ tốt, hòa với rợ Nhung, họ đều vui vẻ. Đến năm Chính Thủy trung, Bá thay Hạ Hầu Nho làm Chinh Thục hộ quân, thuộc quyền thống quản của Chinh tây tướng quân. Bấy giờ Chinh tây tướng quân Hạ Hầu Huyền, là cháu họ của Bá, nhưng Huyền với Tào Sảng là em bên họ ngoại. Lúc Tư Mã Tuyên vương giết Tào Sảng, bèn triệu gọi Huyền, Huyền về phương đông. Bá nghe tin Tào Sảng bị giết mà Huyền lại bị trưng triệu, cho là họa tất sẽ chuyển đến mình, trong lòng đã lo sợ. Lại vì trước đây Bá và Thứ sử Ung châu Quách Hoài bất hòa, mà Hoài lại thay Huyền làm Chinh tây, Bá càng thấy bất an, vì thế chạy vào Thục.

Rảo bước xuôi nam tới Âm Bình thì lạc đường, đi đến tận cùng hang lũng, lương hết, giết ngựa ăn rồi đi bộ, bàn chân bị tróc thịt, nằm dưới phiến đá, sai người đi tìm đường, song không biết đi về hướng nào. Người Thục hay tin, bèn sai người đến đón tiếp Bá.

Khi trước, vào năm Kiến An thứ năm, thời người em gái trong họ của Bá mới mười ba, mười bốn tuổi, ở quận nhà, lúc đi ra ngoài kiếm củi, bị Trương Phi bắt gặp. Phi biết là con gái nhà lành, bèn lấy làm vợ, sinh được một người con gái, về sau thành Hoàng hậu của Lưu Thiện. Cho nên lúc Uyên mới mất, vợ của Phi xin mai táng cho Uyên. Lúc Bá vào Thục, Thiện cùng tương kiến, giải thích với Bá rằng:

- Phụ thân của ngươi bị hại trong lúc đánh trận thôi, không phải tự tay tiền nhân của ta đâm chết đâu.

Rồi trở vào đưa con nhỏ của mình bảo Bá rằng:

- Đây là cháu ngoại của họ Hạ Hầu đấy.

Bá được ban tước vị và ân sủng rất hậu.

② *Thế ngữ* chép: Uy tự Quý Quyền, là người trọng nghĩa. Địa vị quý hiển, trải chức Thứ sử ở hai châu Kinh, Dự. Con của Uy là Tuấn, làm Thứ sử Tinh châu. Con thứ là Trang, làm Thái thú Hoài Nam. Con của Trang là Trạ, tự là Hiếu Nhã, học rộng đa tài, rất giỏi văn chương, làm quan đến chức Nam Dương tướng, Tán kỵ

thường thị. Trang, là anh rể của hoàng hậu Cảnh Dương nhà Tấn. Bởi thế cả nhà rất thịnh vượng vào thời ấy.

③ *Văn chương tự lục* chép: Huệ tự Trĩ Quyền, lúc còn nhỏ vì tài học được xưng tụng, khéo soạn chép tấu chương. Từng trải chức Tấn kỵ hoàng môn thị lang, cùng Chung Dục nhiều lần tranh biện, nhiều lần khiến Dục chịu phục. Huệ được thăng làm Yên tướng, Thái thú Lạc An. Năm ba mươi bảy tuổi thì chết.

④ *Thế ngữ* chép: Hòa tự Nghĩa Quyền, đầu óc sáng suốt, có tài cán, khéo biện luận. Trải các chức Hà Nam doãn, Thái thường.

Con thứ ba của Uyên là Xứng, con thứ năm của Uyên là Vinh.

Cháu họ của Uyên là Hạ Hầu Trạ viết bài tựa ở sách của mình rằng:

"Xứng tự Thúc Quyền. Từ lúc rất nhỏ đã thích tập hợp bọn trẻ, tự mình làm thủ lĩnh, đùa bỡn làm trò quân lữ bày việc chiến trận, đùa nào trái ý liền dùng roi gây nghiêm trị, chẳng đùa nào dám chống. Uyên ngầm cho là lạ, sai đọc Hạng Vũ truyện và binh thư, thì không chịu đọc, nói:

- Tài năng thì tự có thôi, sao có thể học người khác được?

Năm Xứng mười sáu tuổi, Uyên cho theo đi săn, thấy một con hổ đang chạy, Xứng xua ngựa đuổi theo, cầm không nổi, Xứng bắn một mũi tên mà con hổ ngã. Tiếng đến tai Thái tổ, Thái tổ cầm tay Xứng mừng nói:

- Ta dùng được mày rồi.

Xứng cùng Văn đế giao du từ khi áo vải, mỗi khi yến hội, khí thế lấn át cử tọa, kẻ biện sĩ cũng chẳng thể khuất phục nổi. Những người có danh vọng cao thời ấy đa phần giao du với Xứng. Năm mười tám tuổi Xứng chết.

Em của Xứng là Vinh, tự Ấu Quyền. Thừa ấu thơ đã thông tuệ, bảy tuổi đã biết soạn chép văn chương, mỗi ngày đọc sách nghìn chữ, mắt liếc qua liền nhớ được ngay. Văn đế nghe tiếng cho mời gặp. Bấy giờ tân khách có hơn trăm người, mỗi người viết một tấm danh thiếp, trên danh thiếp đều ghi quê quán và danh tính của mình, người đời gọi đó là 'Tước lí thứ' vậy, khách đưa cho Vinh xem, Vinh liếc qua khắp một lượt,

đọc lại hết tên tuổi và danh tính của họ, chẳng sai trật người nào. Để rất lấy làm lạ.

Trận thua quân ở Hán Trung, Vinh mới mười ba tuổi, tả hữu kéo Vinh chạy, Vinh không chịu, nói:

- Phụ thân ta đang ở chỗ nguy nan, sao ta lại trốn tránh cái chết được!

Bèn vùng kiếm đánh, cuối cùng chết ở trong trận."

Tào Nhân tự Tử Hiếu, là em họ của Thái tổ vậy. ① Nhân thời trẻ thích cung ngựa, săn bắn. Về sau hào kiệt các nơi nổi dậy, Nhân cũng ngầm tụ tập những người trẻ tuổi, được hơn nghìn người, đi khắp vùng Hoài, Tứ, sau theo Thái tổ làm Biệt bộ tư mã, hành Lệ phong Hiệu úy.

Thái tổ phá viên Thuật, Nhân chém và bắt được rất nhiều giặc. Lúc theo đi đánh Từ châu, Nhân thường đốc suất quân kỵ, làm tiên phong. Nhân cầm riêng quân đi đánh tướng của Đào Khiêm là Lã Do, phá Do, rồi quay lại hội với đại quân ở Bành Thành, đại phá quân của Khiêm. Nhân lại theo đi đánh các huyện Phí, Hoa, Tức Mặc, Khai Dương, Khiêm phái biệt tướng đến cứu các huyện, Nhân đem quân kỵ đánh phá chúng.

Thái tổ đánh Lã Bố, Nhân được biệt phái đi đánh huyện Câu Dương, hạ được thành, bắt sống tướng của Bố là Lưu Hà. Thái tổ bình quân Khăn Vàng, nghênh đón Thiên tử định đô ở huyện Hứa, Nhân vì nhiều lần lập công, được bái làm Thái thú Quảng Dương. Thái tổ xem trọng sự dũng mãnh và mưu lược của Nhân, không sai đi giữ quận, cho làm Nghị lang đốc kỵ.

Thái tổ đi đánh Trương Tú, Nhân được biệt phái đi đánh các huyện phụ cận với Tú, bắt sống được hơn ba nghìn dân nam nữ của các huyện ấy. Quân của Thái tổ quay về, bị Tú truy đuổi, quân bất lợi, sĩ tốt mất chí khí, Nhân thống suất kích lệ tướng sĩ của mình ra sức đánh, Thái tổ khen ngợi, cuối cùng phá được Tú.

① *Ngụy thư* chép: Tổ phụ của Nhân là Bao, làm Thái tú Dĩnh Xuyên. Cha của Nhân là Sí, làm Thị trung, Trường thủy Hiệu úy.

Thái tổ cùng Viên Thiệu cầm giữ nhau rất lâu ở Quan Độ, Thiệu phái Lưu Bị tới đánh các huyện ở vùng Ân Cường, các huyện đa phần cắt bộ chúng hưởng ứng Bị. Từ huyện Hứa xuôi về nam, quan dân không yên, Thái tổ rất lấy làm lo lắng. Nhân nói:

- Phương nam thấy đại quân của ta đang có mối nguy trước mắt, về tình thế chẳng thể cứu trợ nhau, Lưu Bị đem binh mạnh áp sát, họ phản bội lại là lý đương nhiên. Song Bị mới thống lĩnh binh của Thiệu, chưa thể dùng bọn họ ngay, ta đánh thì phá được vậy.

Thái tổ khen lời ấy, bèn sai Nhân đem quân kỵ đánh Bị, Bị thua võ bỏ chạy, Nhân thu lại được hết các huyện làm phản rồi quay về.

Thiệu phái biệt tướng là Hàn Tuân chặn đánh cắt đứt con đường thông sang phía tây, Nhân tập kích Tuân ở núi Kê Lạc, đại phá Tuân. Bởi thế Thiệu không dám chia quân ra đánh nữa. Nhân lại cùng bọn Sử Hoán cướp xe tải lương của Thiệu, đốt sạch lương thảo.

Hà Bắc đã định, Nhân đi theo Thái tổ vây đánh Hồ Quan. Thái tổ xuống lệnh rằng:

- Hạ được thành trì, sẽ chôn sống hết quân địch.

Vây mấy tháng trời không hạ được thành. Nhân nói với Thái tổ rằng:

- Vây thành phải để cho người ta lối thoát, đấy là lý do phải mở cho họ một con đường sống. Nay Công tuyên lệnh họ phải chết cả, người ta sẽ cố giữ. Vả lại thành vững mà lương nhiều, đánh thì sĩ tốt bị thương vong, giữ thì dây dưa lâu ngày; lúc này đồn binh dưới chân tòa thành vững, để đánh bắt kẻ địch liệu chết, không phải là kế hay vậy.

Thái tổ theo lời, người trong thành ra hàng. Vì thế lúc biên xét công lao trước sau của Nhân, phong cho Nhân tước Đô đình hầu.

Lúc theo đi bình Kinh châu, Thái tổ cho Nhân làm hành Chinh nam tướng quân, lưu lại đóng đồn ở Giang Lăng, cử tướng Ngô là Chu Du. Du đem mấy vạn bộ chúng đến đánh, mấy nghìn quân tiên phong vừa đến, Nhân trèo lên thành từ xa trông thấy, lập tức tuyển ba trăm người, phái bộ tướng là Ngưu Kim đón đánh. Giặc đông, quân của Kim ít, vì thế bị vây hãm. Trưởng sử là Trần Kiều cùng Nhân ở trên thành, trông xa thấy bọn Kim sắp thua bại, tả hữu đều thất sắc. Nhân bưng bưng phần nộ, bảo tả hữu lấy ngựa đem đến, bọn Kiều cùng níu giữ Nhân lại, bảo Nhân rằng:

- Giặc đông thế thịnh, chẳng thể đương nổi. Ví như bỏ mất mấy trăm người có gì là cay đắng, mà tướng quân phải đích thân đến đó!

Nhân không đáp, rồi mặc áo giáp lên ngựa, dẫn mấy chục tráng sĩ mang cờ chỉ huy cưỡi ngựa ra khỏi thành. Còn cách quân giặc hơn trăm bước, gần sát chiến hào, bọn Kiều cho rằng Nhân nên dừng ngựa trên hào lũy, tạo hình thế ứng cứu Kim, nhưng Nhân lại vượt hào lũy tiến thẳng về phía trước, xông vào vòng vây của địch, bọn Kim nhờ thế được giải thoát. Số binh sĩ còn lại chưa ra hết được, Nhân bèn quay lại đột phá, đưa hết số binh của Kim ra, giết được mấy chục người, quân giặc phải lui về.

Ban đầu bọn Kiều thấy Nhân ra thành, đều sợ hãi, lúc thấy Nhân trở về, bèn than rằng:

- Tướng quân thực là người nhà trời vậy!

Ba quân đều phục cái dũng mãnh của Nhân. Thái tổ lại càng khen ngợi Nhân hơn, bèn chuyển phong cho Nhân tước An Bình đình hầu.

Thái tổ đánh dẹp Mã Siêu, lấy Nhân làm hành An tây tướng quân, thống lĩnh chư tướng cự thủ ở Đồng Quan, phá Mã Siêu ở Vị Nam. Tô Bá, Điền Ngân làm phản, Thái tổ lấy Nhân làm hành Kiêu kỵ tướng quân, đốc đốc bảy cánh quân đánh dẹp bọn Ngân, phá chúng. Thái tổ lại lấy Nhân làm hành Chinh nam tướng quân, ban cho Giả tiết, đóng quân ở Phàn Thành, trấn giữ Kinh châu. Hầu Âm làm phản ở Phàn Thành, cướp bóc bắt giữ mấy nghìn dân chúng ở các huyện lân cận, Nhân thống suất chư quân đánh phá Âm, chém đầu hắn, rồi quay về đóng quân ở Phàn Thành, Thái tổ lập tức bái Nhân làm Chinh nam tướng quân.

Quan Vũ đánh Phàn Thành, bấy giờ nước sông Hán ngập tràn, bảy cánh quân của bọn Vu Cấm bị nhấn chìm, Cấm hàng Vũ. Nhân thống lĩnh mấy nghìn nhân mã giữ thành, tường thành chỉ còn một số chỗ cao không bị chìm. Vũ cưỡi thuyền đến sát thành, vây chặt mấy vòng, liên lạc trong ngoài bị cắt đứt, lương thực sắp hết, cứu binh không đến. Nhân khích lệ tướng sĩ, thề giữ đến chết, tướng sĩ đều cảm động không ai hai lòng. Quân cứu của Từ Hoảng đến, nước dâng cũng đã giảm chút ít, Hoảng từ phía ngoài tập kích Vũ, Nhân thừa cơ ra khỏi trùng vây. Vũ phải lui.

Nhân thời còn trẻ không tu dưỡng tiết hạnh, lúc lớn lên làm tướng, nghiêm chỉnh vâng theo pháp lệnh, thường đặt điều lệnh cho tả hữu, chiếu theo đó mà làm việc. Yển Lăng hầu Tào Chương bắc chinh Ô Hoàn, Văn đế lúc ở ngôi Đông cung, viết thư răn bảo Chương rằng:

- Thân làm tướng soái vâng phép nước, há chẳng nên làm giống như Chinh nam sao?

Lúc tức vương vị, bái Nhân làm Xa kỵ tướng quân, đốc trách việc quân ở các châu Kinh, Dương, Ích, tấn phong tước Trần hầu, thêm thực ấp hai nghìn hộ, cộng cả trước đó là ba nghìn

năm trăm hộ. Lại truy tặng cho cha của Nhân là Sí, ban thụy là Trần mục hầu, sai mười nhà canh giữ mộ. Sau lại triệu Nhân về đóng quân ở huyện Uyển.

Tôn Quyền phái tướng là Trần Thiệu đánh chiếm Tương Dương, triều đình hạ chiếu sai Nhân đánh dẹp. Nhân cùng Từ Hoảng công phá Thiệu, rồi tiến quân vào đóng ở Tương Dương, sai tướng quân Cao Thiên Đẳng dời dân chúng thuộc nước Ngụy từ phía nam sông Hán về bắc sông Hán, Văn đế phái sứ giả đến bái Nhân làm Đại tướng quân. Lại hạ chiếu sai Nhân dời đến đóng trại ở Lâm Dĩnh, thăng làm Đại tư mã, cho thống lĩnh chư quân chiếm Ô Giang, rồi về đóng trại ở Hợp Phì. Năm Hoàng Sơ thứ tư Nhân chết, được ban thụy là Trung hầu.^①

Con của Nhân là Thái nối tự, làm quan đến chức Trấn đông tướng quân, được ban Giả tiết, rồi chuyển phong tước Ninh Lăng hầu. Thái chết, con của Thái là Sơ nối tự. Lại phân phong cho các em của Thái là Giai và Phạm, đều làm Liệt hầu, còn Ngưu Kim làm quan đến chức Hậu tướng quân.

① *Ngụy thư* chép: Bấy giờ Nhân được năm mươi sáu tuổi.

Phó tử nói: Cái dũng của Tào Đại tư mã, Bôn, Dục chẳng hơn được. Còn Trương Liêu so ra kém hơn một chút.

Em của Nhân là Thuần,^① ban đầu làm Nghị lang tham dự việc quân giúp Tư Không. Thuần đốc suất quân kỵ hổ báo theo đi vây Nam Bì. Viên Đàm ra đánh, sĩ tốt chết rất nhiều. Thái tổ muốn dừng tấn công, Thuần nói:

- Nay đi nghìn dặm đánh giết địch, tiến lên chẳng thể thủ thắng, lui về tất mất uy thế; vả lại quân cô vào sâu đất địch, khó cầm giữ lâu. Bên kia thắng nhưng kiêu căng, ta bại mà cảnh giác, lấy sự cảnh giác đối phó với cái kiêu căng, tất có thể thắng.

Thái tổ khen lời ấy, liền sai đánh gấp, Đàm bại trận, quân kỵ thù hạ của Thuần chém được thủ cấp của Đàm. Lúc bắc chinh ba quận Ô Hoàn, quân bộ kỵ của Thuần bắt sống được Thiển vu là Đạp Đốn. Vì Thuần có nhiều công lao, được phong tước Cao Lăng đình hầu, thực ấp ba trăm hộ.

Thuần theo đánh Kinh châu, truy đuổi Lưu Bị ở Trường Bản, bắt được các xe truy trọng và hai con gái của Bị, thu gom binh tốt tàn mạt của hắn. Lại tiến quân thu hàng Giang Lăng, rồi theo Thái tổ về huyện Tiêu.

Năm Kiến An thứ mười lăm Thuần chết. Văn đế tức vị, truy cho thụy là Uy hầu.②

Con của Thuần là Diễn nổi tự, quan vị đến chức Lĩnh quân tướng quân, năm Chính Nguyên trung được tấn phong tước Bình Lạc hương hầu. Diễn chết, con của Diễn là Lượng nổi tự.

① *Anh hùng ký* chép: Thuần tự Tử Hòa. Năm mười bốn tuổi thì cha mất, cùng người anh đồng mẹ là Nhân ở riêng. Thuần nổi nghiệp cha, giàu có nhiều tiền của, đầy tớ người hầu có mấy trăm, Thuần ra kỷ cương quản lý nghiêm khắc, chẳng mất đạo lý, người làng đều cho là có tài. Thuần thích học văn, kính mến kẻ sĩ có học, học sĩ nhiều người theo về, bởi thế xa gần đều xưng tụng. Năm mười tám tuổi, làm Hoàng môn thị lang. Năm hai mươi tuổi, theo Thái tổ đến Tương Ấp mộ binh, rồi thường theo đi chinh chiến.

② *Ngụy thư* chép: Quân kỵ hổ báo do Thuần đốc suất, đều là những kẻ kiêu dũng trong thiên hạ, hoặc là lấy từ chỗ trăm người bù bổ vào, Thái tổ cho là khó chọn được người thống lĩnh bọn ấy. Sau khi Thuần được tuyển làm đốc lĩnh, vỗ về phủ dụ họ, rất được lòng người. Thuần chết, Hữu ti bẩm xin tuyển người thay thế, Thái tổ nói:

- Quan hệ giữa Thuần và ta thân gần, ai có thể so được! Ta chẳng thể thống suất quân hổ báo kỵ của mình sao?

Vì thế không tuyển nữa.

Tào Hồng tự Tử Liêm, là em họ của Thái tổ vậy.①

Thái tổ dấy nghĩa binh đánh Đông Trác, đến Huỳnh Dương, bị tướng của Trác là Từ Vinh đánh bại. Thái tổ mất ngựa, giặc truy đuổi rất gấp, Hồng xuống ngựa, đem ngựa cho Thái tổ, Thái tổ từ chối, Hồng nói:

- Thiên hạ có thể không có Hồng, chẳng thể không có ông.

Rồi đi bộ theo đến bờ sông Biện, nước sâu không qua được, Hồng men sông tìm được thuyền, cùng Thái tổ qua sông, chạy về huyện Tiêu.

Thứ sử Dương châu là Trần Ôn vốn chơi thân với Hồng, Hồng dẫn gia binh hơn nghìn người, tới chỗ Ôn mộ binh, ở Lư Giang mộ được hai nghìn quân mặc giáp, qua phía đông đến Đan Dương lại mộ được mấy nghìn người, sau cùng Thái tổ hội quân ở Long Kháng.

Thái tổ đi đánh Từ châu, Trương Mạc đem cả Duyện châu làm phản nghênh đón Lã Bố. Bấy giờ có nạn đói lớn, Hồng dẫn binh đi trước, tiến chiếm Đông Bình, huyện Phạm, thu gom lương thảo tiếp tế cho quân. Thái tổ đánh Mạc, Bố ở Bộc Dương, Bố tan chạy, Thái tổ chiếm Đông A, rồi chuyển qua đánh hơn mười huyện là Tế Âm, Sơn Dương, Trung Mâu, Dương Vũ, Kinh, Mật, đều hạ được. Vì trước sau lập được rất nhiều công lao, Hồng được bái làm Ung Dương Hiệu úy, thăng làm Dương Vũ trung lang tướng.

Thiên tử đóng đô ở huyện Hứa, bái Hồng làm Giám nghị đại phu.

Hồng được biệt phái đi đánh Lưu Biểu, phá biệt tướng của Biểu ở Vũ Dương, Âm Diệp, Đỗ Dương, Bác Vọng, vì có công, được thăng làm Lệ phong tướng quân, tấn phong tước Quốc Minh đình hầu. Về sau, Hồng nhiều lần theo đi chinh phạt, được bái làm Đô hộ tướng quân.

Văn đế tức vị, lấy Hồng làm Vệ tướng quân, rồi thăng làm Phiêu kỵ tướng quân, tấn phong tước Dã Vương hầu, ban thêm thực ấp nghìn hộ, cộng cả lúc trước là hai nghìn một trăm hộ, ngôi vị Đặc tiến; sau đổi phong làm Đô Dương hầu.

① *Ngụy thư* chép: Bác của Hồng là Đình làm Thượng thư lệnh, dùng Hồng làm trưởng huyện Kỳ Xuân.

Khi trước, nhà Hồng giàu có nhưng bản tính keo kiệt bủn xỉn, Văn đế thời trẻ đến vay tiền không được, vẫn thường oán hận, sau vì người khách trọ phạm pháp, Hồng bị hạ ngục xử tội chết. Quần thần hợp sức cứu nhưng chẳng ai giúp được.

Biện thái hậu bảo Quách hậu rằng:

- Nếu Tào Hồng hôm nay chết, ngày mai ta sẽ lệnh cho Đế phế ngôi Hậu của ngươi.⁽¹⁾

Vì thế Hậu khóc lóc cầu xin, Đế bèn cách chức và tước bỏ đất phong của Hồng.① Bởi Hồng là công thần của Tiên đế, nên người bấy giờ đa phần oán vọng.

Minh đế tức vị, bãi Hồng làm Hậu tướng quân, đổi phong làm Lạc Thành hầu, ban thực ấp nghìn hộ, ngôi vị Đặc tiến, lại bãi làm Phiêu kỵ tướng quân.

Năm Thái Hòa thứ sáu Hồng chết, được ban thụy là Cung hầu. Con của Hồng là Phúc, nối tước hầu.

Lúc trước, Thái tổ chia thực ấp của Hồng phong cho người con của Hồng là Chấn làm Liệt hầu.

Bác họ của Hồng là Du, bản tính đôn hậu, giữ mình cẩn thận, làm quan đến chức Vệ tướng quân, được phong làm Liệt hầu.

① *Ngụy lược* chép: Văn đế bắt Hồng, bấy giờ Tào Chân ở bên cạnh, xin với Đế rằng:

¹ Quách hậu là vợ của Tào Phi, Biện Thái hậu là vợ Tào Tháo, mẹ của Tào Phi, cai quản Hậu cung, có quyền ra sắc mệnh tước bỏ ngôi Hoàng hậu.

- Nay giết Hồng, Hồng tất cho là Chân đã gièm pha hại ông ấy.

Để nói:

- Tự ta trừng trị hần, can hệ gì đến ngươi?

Lúc Biện thái hậu nổi giận trách mắng Đế, nói:

- Thời ở Lương, Bái, không có Tử Liêm thì không có hôm nay.

Đế bèn hạ chiếu phóng thích Hồng, nhưng tịch thu hết tài sản. Thái hậu lại vì Hồng mà xin, sau Đế trả lại hết tài sản cho Hồng.

Khi trước, thời Thái tổ làm Tư không, lấy mình làm gương cho kẻ dưới, mỗi năm phát lệnh thu thuế, sai bản huyện đánh giá gia tài của quan lại. Vì thế huyện lệnh Tiêu huyện bình phẩm gia tài của Hồng cùng hạng với nhà Công. Thái tổ nói:

- Tiền của nhà ta sao bằng nhà Tử Liêm được!

Thời Văn đế ở ngôi Đông cung, có lần tới chỗ Hồng vay trăm xấp lụa, Hồng ý chừng không thoả mái. Lúc Hồng phạm pháp, tự biết phận mình tất chết, khi được tha rồi, mừng rỡ, dâng thư tạ tội nói:

"Thần lúc trẻ chẳng thông đạo lý, lầm lỗi về luân thường thứ bậc của con người, lúc trưởng thành ngẫm làm trái chức phận, lại được bề trên gia ân tha thứ. Thần vốn không kiềm chế biết đủ phận mình, lại mang bản chất sài lang không biết chán, già lão càng tâm tôi tham lam, xúc phạm đến quốc pháp, tội phải đánh ba nghìn gậy, chẳng được tha miễn, đáng giết phanh thây vứt bỏ ngoài ngô chợ, nhờ mông ân trời bể, nên xương thịt vẫn còn. Thần ngẩng lên trông trời, tủi hổ với thần linh, cúi xuống nghĩ lỗi, run lòng thẹn sợ, chẳng thể thắt cổ để tự giết mình, nay cung kính đến ngoài cửa khuyết, lạy dâng tấu chương trần tình."

Tào Hưu tự Văn Liệt, là con cháu trong họ tộc của Thái tổ vậy. Thiên hạ loạn lạc, người trong họ tộc đều ly tán lìa bỏ quê quán.

Năm Hưu mười lăm tuổi, cha chết, mình Hưu cùng một người khách gánh thi thể của cha mình đi chôn táng, rồi dắt dúi mẹ già, vượt sông Giang đến quận Ngô.^① Thấy Thái tổ dấy nghĩa

binh, Hưu thay tên đổi họ chuyển đến Kinh châu, theo đường vòng đi lên bắc, bái kiến Thái tổ.

Thái tổ bảo tả hữu rằng:

- Đây là con ngựa thiên lý của nhà ta đó.

Rồi sai cùng ở một chỗ với Văn đế, đối đãi xem như con. Hưu thường theo đi chinh phạt, Thái tổ sai lĩnh quân kỵ hồ báo hộ vệ mình.

Lưu Bị phái bộ tướng là Ngô Lan đóng đồn ở Hạ Biện, Thái tổ phái Hồng đến đánh Lan, lấy Hưu làm Kỵ đô úy, cùng tham dự việc quân. Thái tổ bảo Hưu rằng:

- Mày tuy là Tham quân, kỳ thực là thống soái vậy.

Hồng nghe được lệnh ấy, cũng ủy thác việc cho Hưu. Bị phái Trương Phi đóng đồn ở Cổ Sơn, muốn cắt đứt mặt sau quân Ngụy. Chúng nghị bàn còn hồ nghi, Hưu nói:

- Giặc nếu thật sự muốn cắt đứt đường của ta, đáng ra phải ngầm đặt phục binh trên đường. Nay lại phô trương thanh thế trước, đây là chẳng có khả năng làm vậy. Nên nhân lúc họ chưa hợp quân, ta gấp rút đánh Lan, Lan thua vỡ thì Trương Phi tự chạy thôi.

Hồng theo lời, tiến binh đánh úp Lan, đại phá địch, Phi quả nhiên bỏ chạy. Thái tổ hạ được Hán Trung, thống suất chư quân quay về Trường An, bái Hưu làm Trung lĩnh quân.

Văn đế tức vương vị, Hưu làm Lĩnh quân tướng quân, xét công lao trước sau, phong cho Hưu tước Đông Dương đình hầu. Hạ Hầu Đôn chết, triều đình lấy Hưu làm Trấn nam tướng quân, ban Giả tiết, đô đốc việc quân ở các nơi, xa giá đến đưa tiễn, chúa thượng còn xuống xe cầm tay Hưu chia biệt.

Tôn Quyền phái tướng đóng đồn ở Lịch Dương, Hưu đến nơi, đánh phá chúng, lại biệt phái binh lính vượt sông Giang, đốt

doanh trại và mấy nghìn nhà của quân giặc ở Vu Hồ. Hưu được thăng làm Chinh đông tướng quân, lĩnh Thứ sử Dương châu, tấn phong tước An Dương hương hầu.

Để đi đánh Tôn Quyền, lấy Hưu làm Chinh đông Đại tướng quân, ban Giả hoàng việt, thống suất bọn Trương Liêu và quân lính thuộc hơn hai mươi quận của các châu, tập kích đại tướng của Quyền là Lã Phạm ở Đông Phố, phá Phạm. Hưu được bái làm Dương châu mục.

Mình để tức vị, tấn phong Hưu làm Trường Bình hầu.

Tướng nước Ngô là Thẩm Đức đóng quân ở huyện Hoán, Hưu đánh bại Đức, chém đầu hắn, tướng nước Ngô là bọn Hàn Tổng, Địch Đan trước sau dẫn bộ chúng đến chỗ Hưu xin hàng. Hưu được tăng thực ấp bốn trăm hộ, cộng cả trước đó là hai nghìn năm trăm hộ, thăng làm Đại tư mã, Đô đốc Dương châu như cũ.

Năm Thái Hòa thứ hai, Đế chia hai đường đi đánh nước Ngô, phái Tư Mã Tuyên vương xuôi sông Hán đi xuống, Hưu dẫn chư quân hướng đến Tầm Dương. Tướng giặc trá hàng, Hưu vào sâu đất giặc, giao chiến bất lợi, lui quân về nghỉ ở Thạch Đình. Ban đêm quân lính kinh hãi, sĩ tốt loạn, vứt bỏ giáp binh và xe truy trọng rất nhiều. Hưu dâng thư tạ tội, Đế phái Đồn kỵ Hiệu úy là Dương Kỳ đến úy lạo phủ dụ, ban cho lễ vật rất hậu.

Hưu vì trận thua ấy bị vỡ khối u ở sau lưng mà chết, được ban thụy là Tráng hầu. Con của Hưu là Triệu nổi tự.^③

① *Ngụy thư* chép: Tổ phụ của Hưu là Thường làm Thái thú Ngô Quận. Lúc Hưu nghỉ lại ở nhà quan Thái thú, thấy ở trên vách có bức vẽ hình tổ phụ của mình, bèn hạ xuống giường khóc lạy, những người cùng ngồi đều than thở khen ngợi Hưu.

② *Ngụy thư* chép: Hưu để tang mẹ rất hiếu thuận. Đế sai Thị trung coi tang phục của Hưu, cho ngồi uống rượu ăn thịt cùng mình, Hưu thụ chiếu mà bộ dạng càng tiêu tụy. Rồi xin về huyện

Tiêu an táng mẫu thân, Để lại phái Việt kỵ Hiệu úy là Tiết Kiêu mang chiếu tới khuyên Hưu tiết chế bi thương, sai đến tận nhà sửa soạn tang lễ, ở lại một đêm chu toàn việc an táng, chôn cất mẹ xong, Hưu đến tận chỗ ở của Để tại hành cung bên ngoài. Để ra gặp, tự mình úy lạo an ủi Hưu. Hưu được yêu quý và tôn trọng như thế.

③ *Thế ngữ* chép: Triệu tự Trường Tư.

Triệu là người có tài học và khí độ nổi danh đương thời, làm Tán kỵ thường thị, Đôn kỵ Hiệu úy.

Minh đế bệnh nặng, đang cùng bọn Yên vương là Tào Vũ phó thác hậu sự. Để bỗng nhiên đổi ý, hạ chiếu cách chức Triệu sai nhận tước hầu về quê.

Năm Chính Thủy trung Triệu chết, được truy tặng chức Vệ tướng quân. Con của Triệu là Hưng nối tự.

Lúc trước, Văn đế chia ba trăm hộ thực ấp của Hưu cho em của Hưu là Toản, cho Toản làm Liệt hầu, sau lấy Toản làm Điện Ngõ tướng quân, chết, được truy tặng chức Tiền tướng quân.①

① *Văn sĩ truyện* của Trương Ấn chép: Cháu của Triệu là Sư, tự Nhan Viễn, thời trẻ gắng rèn dưỡng chí hướng tiết tháo, học rộng, có văn tài. Ra làm quan nhà Tấn, được vời vào công phủ, từng giữ chức Lạc Dương lệnh, có tài danh. Đại tư mã là Tề vương Quýnh làm phụ chính, Sư cùng Tả Tư người nước Tề đều làm Ký thất đốc. Từ chức Trung lang ra ngoài làm Thái thú Tương Dương, Chinh nam Tư mã. Gặp lúc thiên hạ loạn lạc, Sư đi đánh dẹp giặc ở đất Ngõ, giao chiến thua trận bị chết.

Tào Chân tự Tử Đan, là con cháu trong họ tộc của Thái tổ vậy. Thái tổ khởi binh, cha của Chân là Thiệu chiêu mộ binh lính, bị châu quận giết hại.① Thái tổ thương Chân ít tuổi cô cút, đem về nuôi dưỡng cùng các con mình, cho ở cùng chỗ với Văn đế.

Chân có lần đi săn, bị con hổ đuổi, Chân ngoảnh lại bắn hổ, nghe tiếng dây cung bật thì con hổ đã ngã ngựa. Thái tổ khen ngợi sự dũng mãnh của Chân, sai nắm quân kỵ hổ báo.

Chân đánh dẹp giặc ở huyện Linh Khâu, đoạt thành, được phong tước Linh Thọ đình hầu. Chân lấy thân phận là Thiên tướng quân dẫn binh đánh biệt tướng của Lưu Bị ở Hạ Biện, phá chúng, được bái làm Trung kiên tướng quân. Chân theo đi đến Trường An, lĩnh chức Trung lĩnh quân.

Bấy giờ, Hạ Hầu Uyên chết ở Dương Bình, Thái tổ lo lắng. Lập tức dùng Chân làm Chinh Thục hộ quân, đốc suất bọn Từ Hoảng đánh phá Biệt tướng của Lưu Bị là Cao Tường ở Dương Bình. Thái tổ thân đến Hán Trung, triệt quân trở về, sai Chân đến Vũ Đô tiếp đón bọn Tào Hồng về đóng đồn ở Trần Thương.

Văn đế tức vương vị, lấy Chân làm Trấn tây tướng quân, ban Giả tiết, đô đốc các việc quân chính ở hai châu Ung, Lương. Lúc biên xét công lao trước sau, tấn phong Chân làm Đông hương hầu.

Bọn Trương Tiến tạo phản ở quận Tửu Tuyền, Chân phái Phí Diệu đến đánh dẹp phá chúng, chém bọn Tiến.

Năm Hoàng Sơ thứ ba Chân quay về kinh, được dùng làm Thượng quân Đại tướng quân, nắm quyền thống lĩnh mọi việc quân sự trong ngoài,⁽¹⁾ ban Giả tiết việt.

Chân cùng bọn Hạ Hầu Thượng đi đánh Tôn Quyền, vây đánh đồn Ngưu Chử, phá được. Chân được đổi phong làm Trung quân Đại tướng quân, gia thêm chức Cấp sự trung.

Năm thứ bảy, Văn đế bệnh nặng, Chân cùng bọn Trần Quần, Tư Mã Tuyên vương nhận di chiếu làm phụ chính.

¹ Thời xưa hành quân tác chiến thường chia làm ba cánh quân, phân thành tả, hữu và trung quân; hoặc thượng, hạ và trung quân. Ba cánh quân do trung quân phát lệnh. Chức của Chân là Thượng quân Đại tướng quân, nhưng lại nắm quyền thống lĩnh quân sự các nơi là bất thường. Có lẽ trung quân do Ngụy đế trực tiếp nắm giữ.

Minh để tức vị, tấn phong Chân làm Thiệu Lăng hầu,^② thăng chức lên làm Đại tướng quân.

① *Ngụy lược* chép: Chân gốc họ Tần, được họ Tào nuôi dưỡng. Có người nói rằng cha của Chân là Bá Nam ngày trước rất thân thiết với Thái tổ. Năm Hưng Bình mạt, bè lũ bộ đảng của Viên Thuật đánh cướp nhà Thái tổ, Thái tổ chạy ra, bị bọn cướp đuổi theo, liền trốn vào nhà họ Tần, Bá Nam mở cửa chứa chấp. Bọn cướp hỏi Thái tổ ở đâu, Bá Nam đáp rằng: "Chính là ta đây." Liền bị hại. Vì thế Thái tổ nghĩ đến công của Bá Nam, đem họ Tần đổi sang họ Tào.

Ngụy thư chép: Thiệu vì trung thành đôn hậu mà có tài trí, được Thái tổ tin tưởng thân gần. Năm Sơ Bình trung, Thái tổ hưng nghĩa binh, Thiệu chiêu mộ binh lính, theo Thái tổ đi khắp nơi. Bấy giờ Thứ sử Dự châu là Hoàng Uyển muốn hại Thái tổ, Thái tổ tránh được nhưng riêng Thiệu bị hại.

② *Thần Tùng Chi* xét: Cha của Chân tên là Thiệu, mà lại phong cho Chân tước Thiệu Lăng hầu, nếu không phải là sách chép lầm, thì là việc chẳng thể nào luận nổi.

Gia Cát Lượng bao vây Kỳ Sơn, ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định làm phản hưởng ứng Lượng. Để phái Chân đốc suất chư quân đóng ở huyện Mi, phái Trương Cáp đánh tướng của Lượng là Mã Tắc, đại phá Tắc. Dân ở An Định là bọn Dương Điều bức hiếp quan dân chiếm giữ thành một tháng trời, Chân tiến quân vây thành. Điều bảo mọi người rằng:

- Đại tướng quân tự đến, ta xin hàng sớm thôi.

Bèn tự trói mình ra thành. Ba quận đều bình.

Chân cho rằng Lượng sẽ soi xét cái thất bại ở Kỳ Sơn, lần sau xuất quân tất theo lối Trần Thương, bèn sai tướng quân Hác Chiêu, Vương Song thủ giữ Trần Thương, sửa thành ấy. Mùa xuân năm sau, Lượng quả nhiên vây Trần Thương, vì đã có phòng bị trước nên địch không hạ được thành. Chân được tăng thực ấp, cộng cả lúc trước là hai nghìn chín trăm hộ.

Năm thứ tư, Chân về châu ở Lạc Dương, được thăng làm Đại tư mã, cho đeo kiếm đi giày lên điện, vào triều không phải rảo bước. Chân cho rằng "Người Thục liên tục xuất quân xâm phạm biên cảnh, nên nhân cơ hội thảo phạt, mấy đạo quân cùng tiến đánh, có thể đại thắng." Đế theo kế ấy. Lúc Chân phát binh sang tây đánh dẹp, Đế thân đến tiễn đưa. Tháng tám, Chân từ Trường An xuất phát, theo đường hang Tý Ngọ xuôi nam tiến vào Thục. Tư Mã Tuyên vương ngược sông Hán lên, sẽ hội quân ở Nam Trịnh. Các đạo quân khác hoặc từ đường Tà Cốc, hoặc từ quận Vũ Uy tiến vào. Đúng lúc trời mưa dầm hơn ba mươi ngày, sạn đạo⁽¹⁾ vì thế bị cắt đứt, Đế hạ chiếu sai Chân quay về.

Chân thời trẻ cùng người trong họ tộc là Tào Tuân, người cùng làng là Chu Tán đều thờ Thái tổ. Tuân và Tán chết sớm, Chân thương xót họ, xin chia thực ấp mà mình được phong cấp cho con của Tuân và Tán. Đế hạ chiếu rằng:

"Đại tư mã có cái đức nhân vô về nuôi dưỡng con cô của Thúc Hường, có cái tình thân tin nhau giữ nghĩa không quên bạn cũ của Án Bình.⁽²⁾ Cái cao đẹp của bậc quân tử là thành thực giúp người, trăm đồng ý chia thực ấp của Chân cho con của Tuân và Tán, ban cho họ tước Quan nội hầu, mỗi người được phân thực ấp một trăm hộ."

Chân mỗi lần xuất chinh, cùng tướng sĩ chung lao khổ, đồ ban thưởng trong quân không đủ, thường đem gia tài ban cho quân sĩ, sĩ tốt đều nguyện ra sức vì Chân.

Chân bị bệnh quay về Lạc Dương, Đế thân đến tận nhà thăm hỏi bệnh tình. Chân chết, được ban thụy là Nguyên hầu. Con

¹ Sạn đạo tức đường lót ván sắn. Bấy giờ đường vào Thục rất hiểm trở, đi qua các lũng núi cheo leo, phải dùng ván gỗ lát đường để vượt lũng, gọi là sạn đạo.

² Dương Thiệt Hật, tự Thúc Hường (有叔), là quan đại phu, hiền thần của nước Tấn thời Xuân Thu; Án Bình tức Án Anh (晏嬰), tự Bình Trọng, là quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu, rất nổi tiếng. Điển tích tình thân tin nhau giữ nghĩa không quên bạn cũ của Án Bình Trọng, người dịch chưa tra cứu được.

của Chân là Sảng nổi tự. Để đoái nghĩ đến công lao của Chân, hạ chiếu rằng:

"Đại tư mã hành vi trung trinh tiết tháo, phụ tá nhị tổ, trong chẳng cậy ân sủng của kẻ thân thích, ngoài chẳng kiêu căng với kẻ sĩ nghèo hèn, có thể gọi là người tài giữ vững được nghiệp nhà và địa vị của mình, có đủ đức khiêm hư siêng năng kính cẩn. Nay phong hết cho năm con của Chân là Hi, Huấn, Tắc, Ngạn, Ngai đều làm Liệt hầu."

Khi trước, lúc Văn đế chia hai trăm hộ thực ấp của Chân, phong cho em của Chân là Bân là Liệt hầu.

Sảng tự Chiêu Bá, thời trẻ vì là người trong tông thất nên hành vi cẩn trọng, Minh đế lúc ở ngôi Đông cung, rất yêu thích Sảng. Lúc tức vị, cho Sảng làm Tán kỵ thị lang, sau thăng làm Thành môn Hiệu úy, gia thêm Tán kỵ thường thị, rồi chuyển làm Vũ Vệ tướng quân, sủng ái đãi ngộ khác thường.

Để ốm nặng, bèn cho dẫn Sảng vào tận chỗ nằm, bái làm Đại tướng quân, ban cho Giả tiết việt, đốc trách các việc quân trong ngoài, Lục thượng thư sự, cùng Thái úy Tư Mã Tuyên vương đều nhận di chiếu giúp đỡ chúa nhỏ.

Minh đế băng hà, Tề vương tức vị, thêm cho Sảng chức Thị trung, đổi phong làm Vũ An hầu, thực ấp một vạn hai nghìn hộ, được đeo kiếm đi giày lên thượng điện, lên triều không phải rảo bước, lúc xướng lễ bái lạy không phải xưng danh. Về sau Đinh Mật vạch kế, khiến Sảng bạch với Thiên tử, phát chiếu chuyển Tuyên vương làm Thái phó, bề ngoài là danh hiệu cực kỳ tôn quý, nhưng bên trong thực muốn lúc quan Thượng thư tấu việc, thì thông qua mình trước, để nắm hết quyền hành nặng nhẹ được mất.① Các em của Sảng là Hi làm Trung lĩnh quân, Huấn làm Vũ vệ tướng quân, Ngạn làm Tán kỵ thường thị, Thị giảng, các em còn lại đều làm Liệt hầu theo hầu Hoàng đế, ra vào chỗ cửa nách trong cung cấm, quý sủng cực lớn chẳng ai bằng.

Người quận Nam Dương là bọn Hà Yến, Đặng Dương, Lý Thắng, người nước Bái là Đinh Mật, người quận Đông Bình là Tất Quỹ đều có thanh danh, xu phụ thời thế cầu tiến dụng, thời Minh đế thấy bọn chúng phù phiếm hư hao, đều đề nén biếm truất; lúc Sảng cầm quyền chính, bèn lại lần lượt tiến cử, dùng làm phúc tâm. Bọn Dương muốn khiến Sảng gây dựng uy danh với thiên hạ, khuyên Sảng phạt Thục, Sảng theo lời chúng, Tuyên vương ngăn trở việc ấy song không thể cấm chế nổi.

Năm Chính Thủy thứ năm, Sảng sang tây đến Trường An, phát động đại quân đến sáu bảy vạn người, từ Lạc Cốc tiến vào đất Thục. Năm ấy, xứ Quan Trung và rợ Đê, Khương chuyển vận không thể cung ứng đủ, trâu, ngựa, la, lừa chết rất nhiều, dân Di gào khóc trên đường. Tiến vào Lạc Cốc, đi được mấy trăm dặm, giặc dựa núi cố thủ, binh không tiến được. Tham quân của Sảng là Dương Vĩ vì Sảng phân tích hình thế, khuyên nên mau chóng rút về, không làm thế sẽ thua bại.^② Dương và Vĩ cãi cọ nhau trước mặt Sảng, Vĩ nói:

- Dương và Thắng sẽ làm hỏng việc của quốc gia, nên chém chúng.

Sảng không vui, bèn dẫn quân quay về.^③

① *Ngụy thư* chép: Sảng sai em mình là Hi làm biểu tấu rằng:

"Tiên phụ của thần là Chân, phụng sự trải ba triều, ở triều đình đứng đầu trăm quan, ra ngoài làm Thượng tướng. Tiên đế thấy thần là con nối thuộc hàng thân cận trong tông thất, nên khuyến khích đề bạt, cho coi giữ cấm binh ở trong cung, thần tiến thì không có cái đức dày của bậc trung kính, lui thì không có cái tiết tháo tận tâm với việc công của kẻ sĩ thanh bạch. Tiên đế thánh thể bất an, thần dù chạy vạy, hầu hạ thuốc thang, thực không hề nghĩ rằng mình là người thích hợp để phù tá ngày sau, bỗng nhiên được cùng Thái úy Ý đều nhận di chiếu, vừa thẹn vừa sợ, không biết làm sao để bày tỏ ý mình."

"Thần nghe nói Ngu Thuấn xếp bậc hiền tài, cho Tắc, Tiết là nhất, Thành Thang khen công, lấy Y, Lã làm đầu, xét tuyển đề cử rộng rãi, để thấy

được người hơn kẻ kém, đấy thực là phép thường trong việc chọn người phụ tá sắp xếp trường quan, là lệnh điển trong việc biên công báo đáp, từ xưa đến nay, chưa ai ngờ vực là có chỗ khiếm khuyết. Nay thần nông cạn ngu muội, ngôi vị là quan đầu triều, trông lại chỉ thấy vượt thứ bậc, trong lòng hổ thẹn kính sợ, mới bạo dạn bày tỏ ngu tình, kể hết cái chí thật của mình.”

“Người đắc đạo trong thiên hạ có ba điều, là có đức, có tước và tuổi tác. Ý vốn cao thượng sáng suốt lại trung chính, ở ngôi vị thượng ti, danh đủ để trấn áp mọi người, nghĩa đủ để làm gương cho kẻ dưới, là một. Trong lòng tàng chứa đại lược, văn võ kiêm tài, luôn lập công chinh phạt, xa gần quy công, là hai. Từ vạn dặm hồi sư, đích thân nhận di chiếu, phù tá giúp đỡ hoàng gia, trong ngoài hướng về, là ba. Thêm nữa lại là bậc tôn trưởng, nắm kỷ cương của cả nước, bản thân lão luyện việc triều chính; luận về đức thì hơn hẳn Cát Phủ, Phàn Trọng;⁽¹⁾ tính công thì quá cả Phương Thúc, Triệu Hồ.⁽²⁾ Gộp cả công đức, thì Ý thật kiêm gồm được đủ. Thần giữ cái hư danh mà ở bậc cao hơn Ý, người thiên hạ sẽ bảo thần là người trong tông thất được thiên vị, biết tiến mà chẳng biết lui. Bệ hạ nhỏ tuổi mà có khí phách, xét được lành dữ phân rõ

¹ Cát Phủ, tức Doãn Cát Phủ (尹吉甫), là hiền thần của vua Chu Tuyên vương, văn võ toàn tài. Cát Phủ vốn mang họ Hề, tên Giáp, tên chữ là Bá Cát Phủ, Doãn là chức quan. Cát Phủ từng cầm quân lên bắc phạt rợ Hiểm Duẫn ở Thái Nguyên. *Kinh Thi, Tiểu Nhã* có câu “Văn vũ Cát Phủ, vạn bang vi hiền”, ý nói văn võ toàn tài như Cát Phủ, là người hiền của muôn nước. Đời sau nhắc đến hai chữ Cát Phủ như hình tượng của bậc tể phụ hiền năng.

Phàn Trọng, tức Phàn Trọng Bì (樊仲皮). Sách *Phong tục thông nghĩa* chép rằng: Đầu thời Tây Chu, con thứ của Lỗ Hiến công là Trọng Sơn Phô có công lớn trong việc phù tá Chu Tuyên vương trung hưng triều Chu, vì công lớn ấy nên được phong đất ở ấp Phàn, bèn lấy tên ấp làm họ.

² Phương Thúc (方叔), là khanh sĩ thời Chu Tuyên vương, từng dẫn ba nghìn cỗ binh xa đi về phương nam đánh vùng Kinh Sở, lại lên bắc phạt rợ Hiểm Duẫn, là công thần hàng đầu trong việc trung hưng thời Chu Tuyên vương.

Triệu Hồ (召虎), theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên, là Triệu Mục công (召穆公), trọng thần của Chu Tuyên vương thời Xuân Thu, là con cháu của Triệu Khang công (Triệu công Cơ Thích). Thời ấy dân Di ở vùng Kinh Sở nổi loạn, Tuyên vương lệnh cho Triệu Hồ lĩnh binh xuất chinh đánh dẹp rợ Di. Trong *Kinh Thi* có câu: “Giang Hán chi hử, vương mệnh Triệu Hồ”, là nói cái công Triệu Hồ xuất chinh đánh dẹp người Di ở phương nam.

đúng sai, ví như có thể xét lời của thần, thần cho là nên lấy Ý làm Thái phó, Đại tư mã, ở trên nêu tỏ cái sáng suốt tiến cử người hiền của bộ hạ, bên trong tỏ rõ cái chân thành với văn võ của mình, ở dưới khiến ngu thần rũ bỏ được lời đàm tiếu chê bai.”

Vì thế Đế sai Trung thư giám là Lưu Phóng, Trung thư lệnh là Tôn Tư viết chiếu sách rằng:

“Khi xưa Ngô Hán⁽¹⁾ giúp Quang Vũ, có công đi đánh dẹp bình định bốn phương, làm Đại tư mã, danh tiếng đến ngày nay. Thái úy hành vi chính trực, công trùm hải nội, Tiên đế vốn thấy ngôi Đại tư mã trước sau thay đổi luôn thường không được lâu dài,⁽²⁾ cho nên trì hoãn chưa thi hành thôi. Nay Đại tướng quân tiến cử Thái úy là người thích hợp làm Đại tư mã, đã hợp với ý chỉ trước của Tiên đế, lại rõ ý nhường, nâng đức trọng công, là muốn làm sáng tỏ hiền tài, phân biệt rõ đẳng cấp phẩm vị, thuận theo thứ tự già trẻ vậy. Dầu người thân thuộc như Đán, Thích, sùng kính Lã Vọng,⁽³⁾ tỏ ý khiêm nhường can tâm ở ngôi vị dưới, làm sao hơn được! Trẫm rất ngợi khen. Trẫm nghĩ tiên đế vốn biết rằng bậc quân tử vui lẽ trời biết thiên đạo, nhưng điều vụn vặt nhỏ nhặt, không đáng để sợ, nhưng nghĩ xét cái điềm báo Bách Nhân, Bành Vong,⁽⁴⁾ cho nên bồi hồi, có ý chưa thỏa nguyện thôi! Đấy

¹ Ngô Hán (吳漢), tự Tử Nhan, người quận Nam Dương huyện Uyển, từng làm quan nhà Tân thời Vương Mãng, nhận chức huyện lệnh huyện An Lạc, sau theo Lưu Tú. Ngô Hán thường đi đánh dẹp bốn phương, lập nhiều công lao, như giết Miêu Tăng, Tạ Cung, bình định Đồng Mã, diệt Lưu Vĩnh, Đồng Hiến, Công Tôn Thuật, Lô Phương, có công rất lớn trong việc dựng lập nhà Đông Hán. Tên của Ngô Hán đứng hàng thứ ba trong “Vân đài nhị thập bát tướng” của Quang Vũ đế.

² Thời nhà Ngụy, ngôi Đại tư mã thay mấy lần, những người nhận chức ấy như Tào Nhân, Tào Hưu, Tào Chân thường chết sớm không thọ.

³ Chu Công Đán (周公旦) và Triệu Công Thích (召公奭) đều là người trong tông thất, là anh em của vua nhà Chu, có công lao rất lớn trong việc gây dựng triều Chu, nhưng đều phải kính nhường Lã Vọng (呂望) vì Lã Vọng là người có công lao lớn nhất trong việc phù tá hai vua đầu nhà Tây Chu diệt Trụ vương nhà Ân Thương kiến lập nhà Chu.

⁴ Bách Nhân (柏人) là nơi Hán Cao tổ suýt bị ám sát; Bành Vong (彭亡) là nơi Sầm Bành bị Công Tôn Thuật sai thích khách sát hại. Ý nói rằng, đặt Ý làm Đại tư mã thì chức này vốn mấy đời liên tục không được lâu bền nên lo sợ cho Ý phải ở chỗ có điềm nguy hiểm, vì thế còn cân nhắc.

cũng vì tiên đế kính trọng bậc đại thần, cái tình yêu mến rất sâu đậm vậy. Xưa kia Thành vương đặt chức quan Bảo phó, gần đây Hán Hiến Tông dùng Đặng Vũ làm Thái phó, đều là việc ưu ái chuộng người tài tuấn, hẳn là rất tôn trọng vậy. Nay lấy Thái úy làm Thái phó."

② *Thế ngữ* chép: Vĩ tự Thế Anh, người quận Phùng Dục. Minh đế sửa sang cung thất, Vĩ can rằng:

- Nay làm cung thất, chém từng phạt bách trên mộ của sinh dân, phá hủy bia mộ, thú đá, cột trụ ở trước mộ, tội đến vong linh người chết, tổn thương tấm lòng của kẻ hiếu tử, chẳng thể lấy đó làm phép tắc cho hậu thế.

③ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Tư Mã Tuyên vương bảo Hạ Hầu Huyền rằng:

- *Kinh Xuân Thu* nói người nắm trách nhiệm trọng đại thì đức nặng, trước kia Vũ hoàng đế hai lần vào Hán Trung, mấy lần đại bại, đấy là điều mà ngài biết vậy. Nay đường ở Hưng Bình địa thế cực hiểm, Thục đã chiếm giữ trước; nếu tiến thì chẳng thắng được, lui thì bị rình chặn, toàn quân bị diệt là điều chắc chắn rồi. Ngài sẽ làm gì để gánh trách nhiệm của mình đây!

Huyền sợ, bèn nói với Sảng, vì thế dẫn quân lui về. Phí Y tiến chiếm Tam lĩnh (tức Trầm lĩnh, Nha lĩnh và Phấn Thủy lĩnh) để cắt đứt đường về của Sảng, Sảng khốn khổ giao chiến tranh chỗ hiểm, mãi mới qua được. Số trâu ngựa mà Sảng điều phát đi vận chuyển, bị chết và thất lạc sạch nhẵn, người Khương, Hồ oán thán, mà vùng Quan Hữu đều bị hư hao vậy.

Khi trước, Sảng thấy Tuyên vương tuổi cao đức trọng, thường đối đãi phụng sự như cha, không dám chuyên quyền hành sự. Lúc bọn Yển được tiến dụng, đều cùng nhau suy cử ủng hộ, nói Sảng vốn quyền nặng không nên ủy thác việc cho người khác. Vì thế Đế dùng Yển, Dương, Mật làm Thượng thư, Yển nắm giữ việc tuyển cử, Quĩ làm Tư lệ Hiệu úy, Thắng làm Hà Nam doãn, mọi việc ít khi bàn bạc lại với Tuyên vương. Tuyên vương bèn xưng có bệnh tránh gặp Sảng.①

Bọn Yến chuyên quyền triều chính, cùng nhau cắt mấy trăm khoảnh ruộng tốt ở Lạc Dương, Dã Vương là đất do quan Điện nông quản lý, cùng đất thang mộc đã phân cho các Vương chư hầu để làm sản nghiệp riêng, lại thừa thế cướp chiếm của công, mượn có đòi tài vật ở các châu quận. Hữu ti thông gió mà theo, chẳng ai dám kháng ý chỉ. Bọn Yến và quan Đình úy là Lô Dục có bất mãn, nhân lúc quan lại của Dục mắc lỗi nhỏ, bèn theo chiếu văn tự vin vào điều luật hà khắc dẫn ra tội của Dục, sai viên chủ giả thu lấy ấn của Dục trước, rồi dâng tấu văn lên Đế sau. Bọn ấy lạm dụng uy quyền đến như thế. Đồ ăn uống, xe ngựa, y phục của Sảng, phỏng theo xe kiệu của Đế; đem các đồ trân quý và khí vật trong cung chất đầy nhà mình; thê thiếp ở chật hậu đình, lại lấy riêng bảy tám người là Tài nhân của tiên đế, cùng các quan tướng, nhạc sư, trống sáo và ba chục trai gái con nhà thanh bạch, dùng lập đội kỹ nhạc. Giả làm chiếu thư, điều phát năm mươi bảy người là Tài nhân đưa đến Nghiệp đài, sai Tiệp dư của tiên đế dạy họ luyện tập làm ca kỹ. Tự tiện lấy nhạc khí ở Thái nhạc, binh khí ở kho phủ của nhà vua. Lại làm nhà trong lòng đất, bốn bức tường chạm khắc hoa văn, cùng bọn Yến hội ở trong đó ăn yến nghe nhạc. Hi rất lấy làm lo lắng, mấy lần can ngăn, lại soạn ra ba thiên sách, bày tỏ rằng kiêu xa dâm dật tất rước họa bại, lời lẽ ngôn từ rất thống thiết, không dám chê trách Sảng, chỉ nói tránh mượn ý khuyên răn các em để tỏ ý với Sảng. Sảng biết ý của Hi là nhằm vào mình, rất không hài lòng. Một thời gian sau Hi vì lời can gián không được thu nhận, chảy nước mắt khóc mà đi. Tuyên vương bí mật chuẩn bị đối phó với Sảng.

Năm thứ chín mùa đông, Lý Thắng ra làm Thứ sử Kinh châu, trước khi đi qua chỗ Tuyên vương. Tuyên vương xưng là bệnh đã rất khốn, bộ dạng tỏ vẻ tiều tụy. Thắng không phát giác được, tin ngay là thực.②

① Khi trước, Tuyên vương vì Sảng là người thân cận gan ruột của Ngụy đế, công việc thường tôn trọng để Sảng xét trước, Sảng vì Tuyên vương danh vọng cao, thường khuất thân ở dưới, người đương thời khen ngợi họ. Lúc bọn Đinh Mật, Tất Quỹ được tiến dụng, nhiều lần nói với Sảng rằng:

- Tuyên vương có chí lớn mà rất được lòng người, chẳng nên lấy thành ý đối đãi ủy thác việc cho ông ấy.

Bởi thế Sảng thường nghi ngờ phòng bị. Vẻ cung kính vẫn còn, nhưng các việc xảy ra, đều không bàn lại với Tuyên vương. Thế lực của Tuyên vương chẳng thể tranh giành được, lại sợ rước họa vào thân, cho nên tránh Sảng.

② *Ngụy mật truyện* chép: Bọn Sảng lệnh cho Thắng đến từ biệt Tuyên vương, kết hợp dò xét ý tứ. Tuyên vương gặp Thắng, Thắng tự bày tỏ rằng mình không có công lao gì, được nhận ân sủng, gánh vác việc ở bản châu, đến thẳng cửa nhà ngài bái biệt, chẳng ngờ được gia ân, cho dẫn vào tiếp kiến. Tuyên vương sai hai thị nữ hầu ở bên cạnh đưa áo cho mình, áo rơi xuống đất; lại trở tay lên miệng, nói là khát muốn uống nước, thị tì dâng cháo lên, Tuyên vương bưng bát cháo uống, cháo chảy hết xuống ướt đầm ngực. Thắng thương xót, nhân đó rửa nước mắt, bảo Tuyên vương rằng:

- Nay chúa thượng còn thơ ấu, thiên hạ cậy nhờ ở mình công. Nhưng mọi người bàn chuyện bảo rằng mình công tuổi già bệnh phong phát tác, ngờ đâu thể trạng của ngài đến thế này!

Tuyên vương lại chậm chạp cất lời, hơi thở tắc nghẹn liên tục, nói:

- Ta tuổi già bệnh nặng đã lâu, cái chết đến trong sớm tối. Đến quản Tinh châu thật là ủy khuất cho ngài, Tinh châu gần rợ Hồ, làm việc phải khéo léo, ta sợ là chẳng còn gặp lại nhau được nữa, ngài thấy thế nào!

Thắng nói:

- Ta sắp quay về bản châu, không phải Tinh châu.

Tuyên vương vẫn tỏ vẻ mơ hồ, nói:

- Ngài sắp đến Tinh châu, hãy gắng sức tự yêu quý thân mình!

Lời lẽ lăm lăm lung tung, hình trạng như là nói mê sảng. Thắng lại nói:

- Ta đến Kinh châu, không phải Tinh châu vậy.

Tuyên vương bèn như hơi tỉnh ngộ ra, bảo Thắng rằng:

- Ý này già cả rồi, đầu óc u mê sao nhãng, không hiểu lời ngài nói. Nay quay về làm Thứ sử ở bản châu, là dịp rất tốt để nêu tỏ đức dày, lập công dựng nghiệp. Nay sắp cùng ngài chia biệt, ta tự trông lại thấy khí lực suy kiệt, sau này tất chẳng gặp lại nhau nữa, vì thế muốn tự mình bày tiệc mọn tiễn đưa, sinh tử cùng chia biệt. Là muốn cùng anh em Sư, Chiêu và ngài giao kết làm bạn hữu, ngài chẳng nên bỏ nhau mà đi, phụ lại cái tâm ý mọn mọn của Ý này.

Nói rồi sa nước mắt nức nở nghẹn ngào. Thắng cũng than dài, đáp rằng:

- Ta tới nhận lời dạy của ngài, xin quay về để đợi sắc mệnh.

Thắng từ biệt đi ra, cùng bọn Sáng gặp gỡ, nói:

- Thái phó nói năng lăm lăm lung tung, miệng chẳng ngậm được chén, chỉ nam nói bắc. Lại nói rằng ta đi nhận việc ở Tinh châu, ta đáp lời nói rằng sắp trở về nhận việc ở Kinh châu, không phải Tinh châu. Thông thả nói chuyện với nhau, lúc nói rõ ràng ra, thì mới biết là ta sắp quay về Kinh châu thôi. Lại muốn làm chủ nhân bày tiệc tiễn hành. Ta chẳng thể bỏ đi, nên đối đãi tốt với ông ấy.

Lại hướng vào bọn Sáng rơi nước mắt nói:

- Thái phó bệnh tật chẳng thể cứu được, khiến người ta thương xót.

Năm thứ mười tháng giêng, xa giá đến tế bái ở Cao Bình lăng, anh em Sáng đều đi theo.^① Tuyên vương thống suất binh mã, trước hết chiếm lấy kho vũ khí, rồi tiến ra đóng quân ở cầu nổi trên sông Lạc. Lại dâng tấu nói về Sáng rằng:

"Thần trước đây từ Liêu Đông trở về, tiên đế hạ chiếu triệu bệ hạ, Tần vương cùng thần lên giường ngự, cầm tay thần, lo lắng dặn dò

kỹ lưỡng việc ngày sau. Thần nói: 'Nhị tổ cũng phó thác việc hậu sự cho thần, đây là điều mà tị bệ hạ đã thấy, không có gì phải lo buồn khổ sở; vạn nhất có điều bất như ý, thần sẽ lấy cái chết để phụng minh chiếu.' Hoàng môn lệnh là bọn Đồng Cơ và các tài nhân hầu hạ bên giường bệnh, đều nghe biết lời ấy. Nay Đại tướng quân Tào Sảng trái bỏ cố mệnh, bại loạn phép nước, trong thì vượt phạm làm xằng, ngoài thì chuyên quyền triều chính; phá nát quy củ của doanh quân, chiếm riêng cấm binh cho mình, các chức quan cơ yếu trong phủ, đều bố trí cho người thân; quân túc vệ ở trong điện, là người cũ trải mấy đời đều bị bài xích xua đuổi, muốn xếp đặt người mới để gây dựng mưu riêng; câu kết hỗ trợ nhau, buông thả phóng túng mỗi ngày một tề. Đối ngoại đã thế rồi, lại dùng Hoàng môn quan là Trương Dương làm Đô giám, chuyên cùng nhau thông đồng qua lại, rình rập đấng chí tôn, dòm ngó thần khí, ly gián nhị cung, thương tổn tình cốt nhục. Thiên hạ xôn xao, người người mang lòng ghê sợ, ngôi vị của bệ hạ chỉ là nơi gửi trọ, há được yên ổn lâu dài! Đây không phải là bản ý của Tiên đế khi hạ chiếu cho bệ hạ và thần lúc ở trên giường ngự vậy. Thần dẫu già cả vô dụng, há dám quên uống lời xưa? Trước kia Triệu Cao phóng túng càn bậy, Tần thị vì thế bị diệt vong;⁽¹⁾ Lã thị, Hoắc thị sớm diệt bỏ, ngôi Hán được kế nối lâu dài.⁽²⁾ Đó là tấm

¹ Triệu Cao (赵高) giả lập di chiếu, tôn lập Hồ Hợi, giết Phù Tô, Mông Diêm, độc đoán chuyên quyền, chỉ hươu nói ngựa, trừ dập trung thần, làm suy yếu khiến nhà Tần bị diệt vong.

² Lã hậu (吕后) chuyên quyền sau khi Lưu Bang chết, giết công thần, chỉ dùng anh em họ nhà mình nắm các chức vụ cơ yếu trong cung, suýt nữa gây loạn làm mất ngôi nhà Hán. May nhờ Trần Bình, Chu Bật làm binh biến, giết sạch họ Lã, dựng lập bảo tồn cho họ Lưu.

Hoắc Quang (霍光) là đại thần nắm quyền lớn nhất thời vua Chiêu đế và Tuyên đế nhà Hán. Cháu gái của ông là Hoắc Thành Quân được gả cho Tuyên đế, nên gia tộc họ Hoắc là thế lực ngoại thích ở triều đình. Khi Tuyên đế lập Hoàng hậu Hứa Bình Quân (vợ đầu của Tuyên đế) thì dòng họ Hoắc nổi giận, về sau vợ Hoắc Quang câu kết với thầy thuốc, ngầm bỏ thuốc độc hại Hứa Bình Quân lúc bà đang mang thai. Tuyên đế vẫn đẻ yên. Sau khi Hoắc Quang chết, Tuyên đế sai điều tra về cái chết của Hứa Bình Quân, họ Hoắc sợ hãi mưu phản, mưu lộ, Tuyên đế giết sạch gia tộc nhà họ Hoắc, cả thầy hơn 1.000 người.

guơng lớn cho bệ hạ, là thời khắc cho thần nhận mệnh vậy. Thái úy thần là Tể, Thượng thư lệnh thần là Phu, đều thấy Sảng không có lòng với bậc quân vương, không nên để anh em hấn nắm quân túc vệ, đã dâng tấu lên Vĩnh Ninh cung. Hoàng thái hậu sắc lệnh cho thần như lời tấu thi hành. Thần liền ra lệnh cho viên chủ giả và quan Hoàng môn xuống lệnh bãi miễn quan chức và thu binh quyền của bọn Sảng, Hi, Huấn, cho giữ tước hầu về nhà, không được cố ý lưu lại ở bên xa giá; nếu dám trì hoãn, lập tức dùng quân pháp xử trí. Thần gắng chống bệnh tật, đem binh đóng ở cầu nổi trên sông Lạc, để dò xét phòng việc bất thường." ②

① *Thế ngữ* chép: Anh em Sảng trước đấy mấy lần cùng ra ngoài đi du ngoạn, Hoàn Phạm bảo họ rằng:

- Người tổng lĩnh triều chính, kẻ nắm giữ cấm binh, không nên cùng ra ngoài, nếu có người đóng cửa thành, còn ai quay về thành được nữa?

Sảng nói:

- Ai dám làm vậy đây!

Bởi thế cùng đi hết không ai ở lại. Cho đến lần này mọi người cũng đều đi cả.

② *Thế ngữ* chép: Khi trước, Tuyên vương thống suất binh lính từ cửa khuyết chạy thẳng đến kho vũ khí, phải đi qua trước cửa nhà Sảng, có người chặn xe lại. Vợ của Sảng là Lưu thị rất sợ hãi, chạy đến đại sảnh, bảo viên đốc quân phòng vệ trong doanh rằng:

- Công ở ngoài. Nay binh nổi dậy, biết làm sao?

Viên đốc quân nói:

- Phu nhân chớ lo.

Bèn lên cửa lầu, lắp tên giương nỏ muốn bắn. Tướng lĩnh là Tôn Khiêm ở phía sau ngăn lại nói:

- Việc thiên hạ chưa thể biết được.

Cứ co kéo như thế đến ba lần, Tuyên vương vì thế đi qua được.

Sàng nhận được bản tấu của Tuyên vương, không thông báo lên, cùng quần không biết làm gì.^①

Đại tư nông là Hoàn Phạm người nước Bái nghe tin binh nổi dậy, không nghe lệnh triệu của Thái hậu, giả làm chiếu lệnh mở cửa Xương Bình, giật lấy kiếm kích, chém giết quan canh cửa, xuôi nam chạy gấp đến chỗ Tào Sảng. Tuyên vương biết được, nói:

- Phạm vạch kế, Sảng tất chẳng thể dùng được kế của Phạm.

Phạm khuyên Sảng đưa xa giá đến Hứa Xương, triệu binh ở ngoài về. Anh em Sảng do dự không quyết, Phạm lần nữa bảo Hi rằng:

- Ngài tưởng sau việc hôm nay, nhà ngài muốn cầu lấy cuộc sống bần tiện có thể được sao? Vả lại kẻ thất phu bắt người làm con tin, còn muốn cầu mạng sống, nay ngài đi theo thiên tử, hiệu lệnh thiên hạ, ai dám không hưởng ứng?

Hi do dự chẳng thể chọn dùng kế. Thị trung là Hứa Doãn, Thượng thư là Trần Thái khuyên Sảng, nên sớm tự nhận tội. Sảng vì thế phái Doãn và Thái đến chỗ Tuyên vương, nhận tội xin chịu chết, rồi thông tấu của Tuyên vương lên với Đế.^② Bởi thế Đế bãi chức của anh em Sảng, cho giữ tước hầu quay về nhà.^③

① *Tấn ký* của Can Bảo chép: Sảng lưu xa giá nghỉ lại ở bờ nam sông Y, sai chặt cây dựng rào lũy, phân bố mấy nghìn lính làm ruộng sai mặc giáp dùng làm quân vệ.

Ngụy mạt truyện chép: Tuyên vương nói với em mình là Phu rằng, bệ hạ đang ở ngoài chẳng nên để ngủ đêm ngoài đồng, mau đem màn trướng và đầy đủ thức ăn do Thái quan nấu đến địa phương nơi Hoàng đế nghỉ.

② *Tấn thư* của Can Bảo chép: Hoàn Phạm thoát ra được chạy đến chỗ Sảng, Tuyên vương bảo Trương Tế rằng:

- Túi khôn đi mất rồi.

Tế nói:

- Phạm thì có trí rồi, nhưng ngựa hèn tiếc nắm đậu trong chuồng, Sảng tất chẳng thể dùng được kể vậy.

Thế ngữ chép: Tuyên vương sai Hứa Doãn, Trần Thái hiệu dụ Sảng, Tưởng Tế cũng gửi thư truyền ý chỉ của Tuyên vương, lại sai người mà Sảng tin tưởng là Điện trung Hiệu úy Doãn Đại Mục bảo rõ với Sảng, là chỉ miễn chức quan mà thôi, còn ở sông Lạc phát lời thề. Sảng tin lời ấy, bèn bãi binh.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Sảng bãi binh xong rồi, nói:

- Ta chẳng mất địa vị phú ông.

Phạm khóc nói:

- Tào Tử Đan là bậc hiền tài, sinh ra anh em mày, rất một lũ trâu bò thôi! Ta đồ rằng với cái tội hôm nay thì chúng mày sẽ mắc họa diệt tộc rồi!

③ *Ngụy mạt truyện* chép: Anh em Sảng về nhà rồi, liền có sắc mệnh điều phát dân của huyện Lạc Dương là tám trăm người, sai bộ hạ của Đình úy vây bốn phía xung quanh nhà Sảng, các góc làm lầu cao, lệnh cho người ở trên trông xuống giám sát cử động của anh em Sảng. Sảng kể cùng sào mộ, cầm cung tên đi đến giữa hậu viên, người ở trên lầu liền xưng lên rằng "cố Đại tướng quân đi về hướng đông nam!" Sảng quay về lên đại sảnh, cùng anh em nghị bàn, chưa biết cái ý của Tuyên vương nông sâu thế nào, bèn viết thư gửi Tuyên vương nói:

"Kẻ hèn này là Tào Sảng buồn thương lo sợ, hành vi thất lễ rước họa vào thân, phận đáng bị giết mổ, lúc trước ta phái gia nhân đi đón lấy lương thực, đến nay chưa về, thiếu thốn đã mấy ngày, nên phiên ngài tặng cho ít lương ăn, để kéo dài trong sớm tối."

Tuyên vương được thư cả kinh, lập tức đáp thư rằng:

"Lúc trước ta chẳng biết việc thiếu lương, rất không yên lòng. Nay sai đưa đến một trăm斛 gạo, thêm cả thịt khô, đậu muôi, đậu quả."

Không lâu sau đưa đến phủ. Anh em Sảng không thấu hiểu đạo quyền biến, lập tức bèn vui sướng, tự cho là không chết được.

Trước đấy, Trương Dương tự lấy bọn tài nhân là Trương thị, Hà thị mà mình tuyển lựa cấp cho Sảng. Triều đình ngờ là có chuyện gian dối, bắt Dương trị tội. Dương khai là Sảng cùng bọn Yển âm mưu phản nghịch, lúc trước đều thao luyện binh lính, đợi đến giữa tháng ba sẽ phát động, vì thế lại bắt lấy bọn Yển tống ngục.

Lúc Công khanh triều thần họp ở triều đình nghị sự, cho rằng: "theo nghĩa *Kinh Xuân Thu*, "Thân thích của vua không được nghịch loạn, nghịch loạn tất phải giết." Sảng thuộc dòng tộc của nhà vua, nối đời nhận ân sủng đặc biệt, thân nhận di chiếu cầm tay của Tiên đế, phó thác việc thiên hạ, mà trong lòng giấu họa, coi thường vứt bỏ lời cố mệnh, lại cùng Yển, Dương và bọn Dương mưu đồ soán đoạt thần khí, "Phạm là người cùng bè đảng đồng tội, đều là đại nghịch bất đạo." Vì thế bắt bọn Sảng, Hi, Huấn, Yển, Dương, Mật, Quỳ, Thắng, Phạm, Dương, đều xử tội chết, di diệt ba họ.^①

Năm Gia Bình trung, để tiếp nối hậu tự của công thần, mới phong người cháu trong tộc của Chân là Hi làm Tân Xương đình hầu, thực ấp ba trăm hộ, làm người nối dõi phụng thờ Chân.^②

① *Nguy lược* chép: Đặng Dương, tự Huyền Mậu, là con cháu của Đặng Vũ vậy.⁽¹⁾ Lúc trẻ là kẻ sĩ có tiếng ở kinh sư. Thời Minh đế làm Thượng thư lang, được đổi phong làm Lạc Dương lệnh, mắc tội bị bãi chức, bái làm Trung lang, lại kiêm nhiệm chức Trung thư lang.

Ban đầu, Dương cùng bọn Lý Thắng vì chuộng phù phiếm kết làm bạn hữu, lúc ở chức Trung thư, việc phù phiếm càng phát, bị ruồng đuổi, vì thế không được dùng nữa. Năm Chính Thủy sơ,

¹ Đặng Vũ (鄧禹), tự Trọng Hoa, người quận Nam Dương, huyện Tân Dã, là võ tướng, khai quốc công thần của Quang Vũ đế Lưu Tú. Tên của ông đứng hàng đầu trong "Vân đài nhị thập bát tướng."

mới lại cho ra làm Thái thú Dĩnh Xuyên, rồi chuyển làm Đại tướng quân Trường sử, thăng làm Thị trung thượng thư.

Dương là người tham cầu tiền của, lúc trước giữ chức trong cung, giúp cho Tang Ngải nhận chức quan to, Ngải đem người thiếp của cha mình biếu tặng cho Dương, cho nên người ở kinh sư vì chuyện đó có câu nói rằng: "Đem chức đổi cha là Đặng Huyền Mậu." Thường là việc đề đạt tiến cử người làm quan của Dương, đa phần dùng phương cách như thế. Bởi thế cho nên Hà Yến không tuyển được người tài giỏi, chủ yếu là bởi sự không công bằng và trung thực của Dương, vì thế cùng tội chết, đại khái là bởi kết giao không thích đáng.

Đinh Mật tự Ngạn Tĩnh. Cha của Mật là Phỉ, tự Văn Hầu. Khi trước, Phỉ đi theo Thái tổ, Thái tổ vì Phỉ là người cùng làng, nên đặc biệt nhiều dung yêu mến. Phỉ bản tính tham tiền của, mấy lần vì tài vật phạm pháp, thường được tha thứ. Phỉ làm Điện quân Hiệu úy, quản hết trong ngoài, mỗi lần bày tỏ ý kiến, đa phần là được nghe theo.

Năm Kiến An mạt, theo Thái tổ đi đánh Ngô, làm tùy tùng, vì thấy con trâu của nhà mình gầy yếu, bèn tự ý đổi lấy con trâu của công, người ta bầm tội, bị bắt tống vào ngục, tước đoạt chức quan. Về sau Thái tổ hỏi Phỉ rằng:

- Văn hầu, ẩn thụ của người đâu nhỉ?

Phỉ cũng biết là bị trêu đùa, đáp rằng:

- Đem đổi bánh ăn rồi!

Thái tổ cười, ngoảnh sang bảo tả hữu rằng:

- Đông tào Mao duyện⁽¹⁾ nhiều lần kể tội nhà ấy, muốn ta nghiêm trị, chẳng phải ta không biết người ấy không thanh liêm, đích xác là vậy. Nhưng ta có Phỉ, cũng ví như nhà người khác có con chó hay ăn vụng mà khéo bắt chuột, ăn vụng tuy có tổn hại nhỏ, nhưng đồ tích trữ trong túi của ta đủ để bù.

¹ Túc Mao Giới, làm Đông tào duyện. Xem tập III, quyển 12 (Mao giới truyện).

Bèn phục chức cho Phi, lại tin dùng như trước. Mấy năm sau, Phi bị bệnh chết.

Mật thời trẻ không chịu đi giao du, chỉ xem rộng các thư tịch. Là người thâm trầm cương nghị, có chút tài khí mưu lược. Năm Thái Hòa trung, thường trú tại huyện Nghiệp, mượn người ta một căn phòng trống, trọ trong đó. Nhưng các vương hầu cũng muốn mượn căn phòng đó, không biết là Mật đã mượn được, mở cửa tiến ngay vào. Mật trông thấy Vương, bèn bắt chéo hai chân nằm thẳng cẳng trên giường không dậy, lại quát gia nô của mình rằng:

- Bọn người nào đến thế? Mau mắng đuổi chúng đi.

Vương giận Mật vô lễ, quay về kể hết với chúa thượng. Minh đế cho bắt Mật, giam tù ở huyện Nghiệp, vì Mật là con của công thần, được tha thứ đuổi ra. Về sau Đế nghe nói Mật có phong thái của cha, cho gọi bá làm Độ chi lang trung. Tào Sảng vốn chơi thân với Mật, bấy giờ Sảng làm Vũ vệ tướng quân, nhiều lần ở trước mặt Đế khen Mật nói nên đại dụng.

Lúc Đế băng hà, Sảng làm phụ chính, đề bạt cử Mật làm Tán kỵ thường thị, lại chuyển thăng làm Thượng thư.

Mật là người bề ngoài tựa hồ như qua loa đại khái, nhưng trong bụng rất đồ sộ. Lúc giữ chức Thượng thư, nhiều lần hặc tội người khác, đồng liêu rất sợ Mật, nên công việc không được trôi chảy. Thêm nữa là Mật tỏ ý coi rẻ người có địa vị tôn quý, đa phần là chỉ nhìn họ thoáng qua, tuy cùng bọn Hà Yển, Đặng Dương đồng ngôi vị, nhưng đều chê bọn họ, chỉ vì thế lực mà khuất mình với Sảng. Sảng lại kính trọng Mật, nói ra không gì không theo. Cho nên thời ấy có thư phỉ báng, nói là: "Ở trong phủ đài⁽¹⁾ có ba con chó, hai con nhe răng chẳng đáng kể, một con 'cây Mặc' rất độc địa." Ba con chó, là nói Hà, Đặng, Đinh. Mặc, là tên tự thời nhỏ của Sảng vậy. Ý tứ của lá thư đó nói là ba con chó đều muốn cắn người, nhưng Mật rất hung ác và tàn nhẫn vậy. Lời tấu bầm khiến cho Quách thái hậu phải ra ở biệt cung, cũng như việc phái Lạc

¹ Tức phủ Thượng thư vậy.

An vương phải lên bắc đến huyện Nghiệp, hay sai phái Văn Khâm lệnh phải quay về Hoài Nam, đều là mưu kế của Mật cả. Tư Mã Tuyên vương bởi thế đặc biệt cảm hận Mật.

Tất Quĩ, tự Chiêu Tiên. Cha của Quĩ tự Tử Lễ, năm Kiến An trung làm Điển nông Hiệu úy. Quĩ vốn có tài năng, lúc trẻ có tiếng tăm. Thời Minh đế ở ngôi Đông cung, Quĩ làm Văn học duyện. Năm Hoàng Sơ mật, ra ngoài làm Trưởng sử. Minh đế tức vị, Quĩ về triều làm Hoàng môn lang, con của Quĩ lấy công chúa, ở chỗ phú quý giàu sang. Sau được thăng làm Thứ sử Tinh châu.

Thời Quĩ ở tại Tinh châu, người ta gọi Quĩ là "kiêu hào". Bấy giờ các bộ tộc người rợ nhiều lần gây nhiễu, làm hại quan dân, Quĩ thường xuất quân đánh Kha Bi Năng của tộc Tiên Ti, gặp bất lợi. Trung hộ quân là Tưởng Tế dâng biểu nói:

"Tất Quĩ nhiều lần mắc lỗi, việc đã qua thì không trách, nhưng sợ sau này khó có thể dùng lại. Phàm là nhân tài thì có sở trường sở đoản, chẳng thể cưỡng mà thành. Nghe nói Quĩ là người văn nhã có chí hướng, thực là người tài. Nay mắc lỗi ở Tinh châu, lại đổi đến châu khác, chẳng bằng đưa về triều trao cho chức quý hiển, thì chẳng hủy hoại cái đức của Quĩ, với quốc gia thật là vừa khéo. Đây là điều cốt yếu can hệ đến an nguy, mong thánh ân soi xét."

Năm Chính Thủy trung, Quĩ về triều làm Trung hộ quân, rồi chuyển làm Thị trung thượng thư, thăng làm Tư lệ Hiệu úy. Quĩ vốn cùng Sảng thân thiện, mỗi khi dâng lời với Sảng, đa phần được nghe theo.

Lý Thắng tự Công Chiêu. Cha của Thắng là Hưu tự Tử Lãng, là người có trí lược. Ngày trước lúc Trương Lỗ làm Trấn bắc tướng quân, Hưu làm Tư mã, nhà ở Nam Trịnh. Thời ấy ở Hán Trung có sương móc giáng, Tử Lãng thấy Trương Lỗ có mấy vạn tinh binh, có cái vững chắc của bốn quan ải hiểm, bèn kiến nghị nói rằng khí đỏ suy vi đã lâu, sắc vàng đang hưng vượng,⁽¹⁾ muốn Lỗ cử binh xưng hiệu, Lỗ không nghe. Lúc Lỗ bị phá, Thái tổ vì Hưu khuyên

¹ Nhà Hán hành Hỏa, sắc đỏ. Sắc vàng tức là hành Thổ, kế nối tiếp hành Hỏa, tức là thay ngôi nhà Hán.

Lỗ quy thuận, ban cho tước Quan nội hầu, tạm giữ chức Tán quan kỵ tòng, đến ở huyện Nghiệp. Đến năm Hoàng Sơ trung, trải chức Thái thú ở hai quận Thượng Đảng và Cự Lộc, sau vì tuổi cao cho về, bãi làm Nghị lang.

Thắng thời trẻ du ngoạn ở kinh sư, vốn có tài trí, cùng Tào Sảng thân thiện. Minh đế cấm ngặt việc phù phiếm, rồi có người bẩm là Thắng thuộc bè đảng trong nhóm Tứ song Bát đạt,⁽¹⁾ đều có danh xưng. Bởi thế Thắng bị bắt, nhưng bởi các việc có liên quan mắc nối với nhau rất nhiều, nên Thắng được tha, bị cấm chế không bổ dụng mấy năm. Đến băng hà, Tào Sảng phụ chính, Thắng làm Lạc Dương lệnh. Hạ Hầu Huyền làm Chinh tây tướng quân, dùng Thắng làm Trưởng sử. Huyền vốn cũng quan hệ tốt với Thắng. Chiến dịch Lạc Cốc, là theo lời nghị bàn của Thắng mà ra, bởi thế Tư Mã Tuyên vương không hài lòng với Thắng.

Thắng lần lượt được thăng làm Thái thú Huỳnh Dương, Hà Nam doãn. Các chức quận thú mà Thắng đảm nhiệm trước sau, chưa từng có chỗ nào không xứng chức, Thắng làm chức Doãn hơn một năm, vì phòng ốc ở phía trước đại sảnh vỡ lở, liền phái người sửa chữa lại, có một khối gỗ nhỏ lao xuống, trúng giữa cái thẻ phù ở trên đầu con hổ đá, thẻ phù vỡ đôi. Một tuần sau, Thắng được thăng làm Thứ sử Kinh châu, chưa đến nhận chức quan thì bị giết.

Hoàn Phạm tự Nguyên Tắc, nổi đời là dòng tộc nhà quan. Năm Kiến An mạt, được cử vào phủ Thừa tướng. Năm Diên Khang trung, làm Vũ lâm tả giám. Nhân vì có văn tài, cùng bọn Vương Tượng giữ việc tập hợp bộ sách *Hoàng lãm*.

Vào thời Minh đế, Phạm làm Trung lĩnh quân Thượng thư, sau thăng làm Chinh lỗ tướng quân, Đông trung lang tướng, cầm cờ tiết đốc trách các việc quân chính ở hai châu Thanh, Từ, sở trị ở Hạ Bi.

Phạm và Thứ sử Từ châu là Trịnh Kỳ tranh đoạt nhà cửa, giờ cờ tiết ra dọa muốn chém Kỳ, bị Kỳ tấu tội ấy, Đế cho là không chính

¹ Tứ song là nhóm Điền Trù, xem tập III, quyển 11 (Điền Trù truyện). Bát đạt là nhóm Gia Cát Đản, xem tập V, quyển 28 (Gia Cát Đản truyện).

trực, miễn chức gọi về. Sau lại cho làm Thứ lại ở Duyệt châu, trong lòng tấm tức bất đắc chí. Lại nghe tin là sắp được chuyển làm Ký châu mục. Bấy giờ Ký châu thuộc quyền thống quản của Trấn bắc, mà Trấn bắc tướng quân Lã Chiêu nhờ vào thực tài tiến thân làm quan, địa vị vốn ở dưới Phạm. Phạm bảo với vợ mình là Trọng Trường thị rằng:

- Ta thà làm vị quan khanh, hướng về phía Tam công quỳ gối vái dài thôi, chẳng muốn hướng về phía Lã Tử Triển mà khuất mình vậy.

Người vợ nói:

- Ngài trước đây ở miền đông, phạm tội muốn tự ý chém Thứ sử Từ châu, chúng nhân cho là khó làm người dưới của ngài, nay lại then vì chịu khuất với ngài Lã, thế là khó làm người trên của ngài vậy.

Phạm cău vì lời của vợ đúng vào chỗ động chạm, bèn lấy thanh đao khua đánh trúng vào bụng vợ mình. Người vợ bấy giờ đang mang thai, vì thế dọa thai chết. Phạm cũng thuận thế xưng bệnh, không đến Ký châu.

Năm Chính Thủy trung được bái làm Đại tư nông. Phạm lúc trước ở phủ Thượng thư, hiệu là "Hiếu sự",⁽¹⁾ đến lúc làm Tư nông, lại vì thanh liêm cần kiệm nổi danh. Phạm từng sao trích các đoạn vụn vặt trong *Hán thư*, tự ý châm chước kiến giải, đặt tên là *Thế yếu luận*. Tương Tế thời làm Thái úy, từng cùng Phạm gặp mặt nhau ở miếu thờ thổ địa, các quan khanh có mấy người ngồi sắp hàng, Phạm để những đoạn sách mà mình đã soạn ở trong người, muốn đem ra cho Tế xem, nói là Tế nên chú tâm xem đọc. Phạm đưa sách của mình bảo với tả hữu, tả hữu truyền sách lên bảo với Tế, Tế không chịu xem, Phạm cảm hận trong lòng. Nhân lúc thảo luận việc khác, bèn nổi giận bảo Tế rằng:

- Tổ tiên ta bạc đức, sao giống với bọn ông thế?

Tế tuy bản tính mạnh mẽ cứng cỏi, nhưng cũng biết rằng Phạm là người cương cường rắn rỏi, chỉ liếc nhìn qua mà không đáp lời, hai bên đều ra về.

¹ Hiếu sự tức là ý nói người hiếu biết rõ các việc rất minh bạch.

Phạm lúc ở Bái Quận, thứ bậc ngay sau Tào Chân. Vào thời Tào Sảng phụ chính, vì Phạm là đồng hương cao niên lão luyện, nên trong chỗ cửu khanh được đặc biệt kính trọng, nhưng không ai thân mật lắm.

Lúc Tuyên vương khởi binh, cho đóng cửa thành, vì Phạm có danh là "Hiếu sự", bèn hạ chỉ triệu gọi, muốn sai lĩnh Trung lĩnh quân. Phạm muốn ứng mệnh triệu, nhưng con của Phạm can ngăn, cho rằng xa giá ở ngoài, chẳng bằng xuôi nam chạy ra. Phạm thoáng chút ngần ngừ, người con lại giục. Phạm muốn đi nhưng các phó quan Tư nông đều ngăn lại. Phạm không nghe, bèn xông ra đến cửa thành Xương Bình, cửa thành đã đóng. Quan giữ cửa thành là Tư Phồn, vốn được Phạm cử làm quan, Phạm gọi Phồn, nhắc tay cho xem ván thẻ bài ở trong tay mình, giả bộ nói:

- Có chiếu triệu ta, khanh mau mở cửa!

Phồn xin được thấy chiếu thư, Phạm mắng Phồn rằng:

- Ngươi không phải là viên lại cũ của ta chẳng, sao dám thế?

Phồn bèn mở cửa. Phạm ra khỏi thành rồi, ngoảnh lại bảo Phồn rằng:

- Thái phó mưu đồ nghịch loạn, ngươi theo ta bỏ đi thôi.

Phồn đi bộ không thể theo kịp, liền lánh sang ven đường. Phạm xuôi nam gặp Sảng, khuyên anh em Sảng đưa thiên tử đến Hứa Xương, triệu người ở bốn phương trợ giúp. Sảng ngò vức, Hi lại không nói gì. Phạm tự bảo Hi rằng:

- Việc rõ ràng như thế, ngươi đọc sách để làm gì! Trong ngày hôm nay gia nghiệp nhà các ngươi đổ rồi!

Anh em họ Tào đều không nói. Phạm lại bảo Hi rằng:

- Doanh của ngài ở gần phía nam cửa khuyết, sở trị của các quan Điện nông ở ngoài thành Lạc Dương, triệu gọi họ sẽ theo ý. Nay đến Hứa Xương, bất quá chỉ nửa đêm, Hứa Xương có kho đụn riêng, đủ để ta dùng; cái mà ta đáng phải lo là lương thực, nhưng ấn chương Đại tư nông ở bên mình ta đây.

Anh em Hi lặng thinh không theo, đến nửa đêm vào lúc trống canh năm, Sảng bèn ném đao xuống đất, bảo với quần thần đi theo xa giá rằng:

- Ta đồ rằng ý của Thái phó, chẳng qua là muốn khiến cho anh em ta phục tùng ông ấy. Riêng ta thấy có gì là không hợp với người xa kẻ gần đâu!

Bèn tiến lên nói với Đế rằng:

- Bệ hạ hãy phát chiếu miễn chức thần, báo lên đế Hoàng thái hậu ban lệnh.

Phạm biết Sáng tự thú tội miễn chức quan thì mình hẳn bị buộc tội cầm đầu việc xướng nghĩa. Phạm bèn nói:

- Lão tử hôm nay vì anh em người mà mắc vạ diệt tộc rồi.

Bọn Sáng đã bị miễn chức, Đế quay về cung, bèn lệnh cho Phạm đi theo. Đến phía bắc cầu nổi trên sông Lạc, từ xa thấy Tuyên vương, Phạm chỉ xuống xe khấu đầu hành lễ mà không nói gì. Tuyên vương gọi to tên họ của Phạm nói:

- Hoàn đại phu sao làm vậy!

Xa giá vào cung, Đế hạ chiếu chỉ trả lại chức vụ cho Phạm. Phạm đến cửa khuyết bái lạy dâng tấu tạ lỗi, đợi phán tội. Vừa gặp Tư Phồn đến chỗ Hồng lư tự thú, nói hết những lời Phạm nói trước khi ra khỏi thành. Tuyên vương vì thế phần nộ nói:

- Vu hãm người khác phản, theo phép thì ứng tội gì?

Viên chủ giả nói:

- Theo điều luật, phải chịu nhận tội ấy.

Bèn sai bắt Phạm ở dưới cửa khuyết. Lúc ấy người đến bắt Phạm rất vội vã, Phạm bảo viên quan đến bắt mình rằng:

- Cứ thông thả, ta cũng là nghĩa sĩ mà.

Người ấy bèn đưa Phạm đến chỗ quan Đình úy.

Thế ngữ chép: Khi trước, Sáng nằm mơ thấy hai con hổ nuốt lời công,⁽¹⁾ lời công như hai cái bát bay vụt lên, đuổi nhau ở trong đình. Sáng rất ghét việc ấy, đem hỏi người chiêm bốc, Linh đài thừa là Mã Huấn nói:

¹ Lời công tức là vị thần chủ về sấm sét.

- Có việc binh đáng lo.

Huấn lui về, bảo vợ mình rằng:

- Sáng sắp vì binh biến thân vong, trong vòng một tuần đừng có ra ngoài.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Người quận An Định là Hoàng Phủ Mật, vào năm thứ chín mùa đông mơ thấy mình đến Lạc Dương, lúc từ miếu đi ra, thấy xe ngựa rất đông, bèn đem vật cúng dâng lên thần linh khẩn cầu: "Giết Đại tướng quân Tào Sảng." Tỉnh dậy đem việc thấy trong mộng kể lại với người ở trong ấp, người trong ấp nói:

- Ngài muốn làm người nước Tào nắm chiêm bao sao! Nay ở triều đình không có người như Công Tôn Cường thì sao đây? Vả lại anh em nhà Sảng nắm giữ trọng binh, lại cầm quyền Thượng thư sự, ai dám mưu việc?

Mật nói:

- Sảng không có lời thỉnh cầu của Tào Thúc Chấn Đạc, ví như làm lỡ việc cơ yếu của quốc gia thì người ta xa lìa mất rồi, hà tất phải cậy có người như Cường nữa?⁽¹⁾ Trước kia Diêm Hiến của nhà Hán, cậy vào cái tôn quý của mẫu hậu, nắm quyền bính quốc gia, có thể nói là địa vị chí tôn chí trọng rồi, một sớm thành thây ma bởi mười chín kẻ yêm hoạn,⁽²⁾ huống chi là anh em Sảng?

¹ Có người nước Tào nằm mộng thấy một bọn công tử đứng ở cung bàn mưu làm mất nước Tào, thấy Tào Thúc Chấn Đạc (曹叔振铎) bàn rằng xin dọ Công Tôn Cường (公孙强) bằng lòng đã. Quả nhiên ngày sau, lúc Tào Bá Dương lên ngôi, Công Tôn Cường (người nước Trịnh) làm quan Tư thành cầm quyền chính, phản bội nước Tào, thông đồng với nước Tống, nước Tống bèn diệt nước Tào.

² Diêm Hiến (阎显), là anh của Hoàng hậu An Tư, tức Diêm Cơ (阎姬), vợ Hán An đế nhà Đông Hán. An đế chết trong lúc đi du ngoạn Giang Nam, An Tư hoàng hậu không lập tức phát tang, triệu anh trai là Diêm Hiến vào cung nghị bàn, không lập Thái tử là Lưu Bảo lên ngôi, lại lập một người họ hàng xa trong hoàng thất là Bắc Hương hầu Lưu Ý làm vua để dễ điều khiển. Bảy tháng sau Lưu Ý chết, ngoại thích họ Diêm lại theo bài cũ lập hoàng thân khác lên ngôi chứ không phải Lưu Bảo. Thái giám Tôn Trình biết mưu ấy, bèn liên kết với 18 viên hoàng môn quan, cùng tôn lập Lưu Bảo lên ngôi, tức Hán Thuận đế. Bè lũ của hoạn quan và ngoại thích đánh lộn lẫn nhau trong cung, phe ngoại thích bị thua, về sau bị giết cả.

Thế ngữ chép: Khi trước, Sảng đi ra ngoài, Tư mã Lỗ Chi lưu lại trong phủ, nghe nói có biến, liền đem quân kỵ trong doanh chặt phá mở cửa thành thoát được ra ngoài chạy đến chỗ Sảng. Sảng bị giết, Chi được cất nhắc làm Ngự sử trung thừa. Lúc Sảng cởi bỏ ấn thụ, sắp đi ra, Chủ bộ là Dương Tông ngăn lại nói:

- Công nắm giữ vua cầm đại quyền trong tay, vứt bỏ thế này để treo đầu ở phía đông chợ hay sao?

Sảng không nghe theo. Hữu ti tấu rằng Tông là người chỉ lối cho Sảng mưu phản, Tuyên vương nói:

- Người ta đều vì chủ của mình vậy.

Rồi tha cho Tông, lấy làm Thượng thư lang.

Chi tự Thế Anh, người quận Phù Phong vậy. Sau này được tiến cử đến ngôi vị Đặc tiến, Quang lộc đại phu.

Tống tự Sơ Bá, sau làm An đông tướng quân, Trưởng sử của Tư Mã Văn vương.

Thần Tông Chi xét: Hạ Hầu Trạ vì Chi lập một bài minh trên mộ của Chi, cũng như *Tấn kỷ* của Can Bảo đều nói rằng sau khi giết Sảng xong, Tuyên vương lập tức cất nhắc Chi làm Thứ sử Tinh châu, lấy Tống làm Tham quân cho An đông tướng quân. So với ghi chép ở *Thế ngữ* bất đồng.

② *Tấn kỷ* của Can Bảo chép: Tương Tế cho rằng với công huân và sức lực của Tào Chân, thì không nên để tuyệt tự, cho nên mới dùng Hi làm người nối dõi. Tế lại tức giận vì mình nói lời lại thất tín với Sảng, nên phát bệnh mà chết.

Yến, là cháu của Hà Tiến vậy. Mẹ là Doãn thị, là phu nhân của Thái tổ. Yến lớn lên ở trong cung cấm, lại lấy công chúa, thời trẻ vì có tài lạ mà nổi danh, vốn ưa thích lời sách của Lão, Trang,⁽¹⁾ sáng tác sách *Đạo đức luận* và soạn chép các bài văn, phú cả thảy mấy chục thiên.①

¹ Tức là các sách do Trang tử, Lão tử viết ra.

① Yến tự Bình Thúc.

Ngụy lược chép: Lúc Thái tổ làm Tư không, thu nạp mẹ của Yến và nuôi dưỡng Yến. Thời ấy người con của Tần Nghi Lộc là A Tô cũng theo mẹ ở tại nhà Công, đều được sủng ái như công tử họ Tào. Tô tức là Lãng vậy.

Tô bản tính cẩn thận, nhưng Yến thì không úy kỵ điều gì, phục sức phóng theo như Thái tử, cho nên Văn đế đặc biệt ghét Yến, thường không gọi tên tự của Yến, từng bảo Yến là "con giả." Yến lấy công chúa, lại tham luyện nữ sắc, cho nên đến tận năm Hoàng Sơ vẫn không được nhận chức quan gì. Lúc Minh đế được lập, rất lâu sau mới cho Yến làm một chức quan nhàn rồi vô sự.⁽¹⁾ Đến năm Chính Thủy sơ, vì uốn mình đón ý xu phụ Tào Sảng, cũng vì tài năng, cho nên Sảng dùng làm Tán kỵ thị lang, lại thăng làm Thị trung thượng thư.

Yến lúc trước vì lấy công chúa, được ban tước làm Liệt hầu, lại nhân vì mẹ mình ở trong cung, nên Yến có tính cách tự hỷ,⁽²⁾ khi đứng lúc ngồi phẫn sát chẳng rời tay, đi bộ trên đường tự ngoài cổ dõng theo cái bóng của mình. Yến làm Thượng thư, chủ quản việc đề bạt tuyển cử, những người vốn là chỗ quen biết cũ của Yến, đa phần được đề bạt cất nhắc.

Ngụy mạt truyện chép: Vợ của Yến là Kim Hương công chúa, tức là em cùng mẹ với Yến, công chúa là người đức hạnh, bảo với mẹ mình là Thái phi của Bái vương rằng:

- Yến làm việc xấu ngày một nhiều, chúng ta sẽ phải làm gì để giữ lấy thân?

Người mẹ cười nói:

- Mày tuyệt đối không ghét giận Yến sao!

Không lâu sau Yến chết. Yến có một con trai, độ năm, sáu tuổi, Tuyên vương phái người đi bắt. Mẹ của Yến giấu đứa nhỏ trong cung vua, sai người đến bắt tát vào mặt mình, xin hẩn đi bạch với

¹ Những quan: Là chức quan nhàn tản, chỉ hưởng bổng lộc, không có việc gì để làm, không ai cần đến.

² Tính như đàn bà, yếu điệu, đi lại thì lắc lư uốn éo.

Tuyên vương cho đứa nhỏ được sống, người được sai đi bắt đem mọi chuyện bẩm Tuyên vương. Tuyên vương cũng nghe nói vợ Yến có lời dự đoán trước, trong lòng thường khen ngợi; lại vì quan hệ với Bái vương, nên đặc biệt tha không giết.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Khi trước, bọn Hạ Hầu Huyền, Hà Yến danh tiếng vang dội một thời, Tư Mã Cảnh vương cũng ở trong số ấy. Yến thường nói:

- Chỉ người suy nghĩ sâu xa, mới có thể thông hiểu được cái chí của người thiên hạ, Hạ Hầu Thái Sơ là người ấy vậy; chỉ người suy nghĩ tinh tế, mới có thể làm nên sự nghiệp trong thiên hạ, Tư Mã Tử Nguyên là người ấy vậy; chỉ người như thần minh, chẳng vội vàng mà đến nhanh, không bước đi mà tới được, ta nghe nói về người ấy, chưa thấy người ấy vậy.

Đại khái là muốn so ví mình là thần minh.

Ban đầu, Tuyên vương sai Yến tham dự xét án trị tội bọn Sảng. Yến triệt để tra xét hết bè đảng của Sảng, hy vọng nhờ đó được tha thứ. Tuyên vương nói:

- Cả thầy là tám họ.

Yến liệt kê ra bọn Đinh, Đặng là bảy họ. Tuyên vương nói:

- Chưa đủ.

Yến cùng quần, bèn nói:

- Há đâu lại là Yến sao!

Tuyên vương nói:

- Chính thế vậy.

Bèn bắt Yến.

Thần Tùng Chi xét: *Ngụy mạt truyện* kể rằng Yến lấy người em gái cùng mẹ làm vợ, đấy là điều mà sĩ đại phu chẳng nỡ nói ra, dẫu như Sở vương thời xưa lấy chị dâu mình làm vợ, đã là việc rất không phải rồi. Ví thử lời này xuất ra từ ghi chép của sử quan xưa, còn khiến người ta phải ngờ vực nảy sinh nghi vấn, huống chi là từ loại sách hạ đẳng đây? Xét truyện chép về các Vương công, thì Bái vương là do Đỗ thị phu nhân sinh ra. Mẹ của Yến

vốn họ Doãn, công chúa nếu cùng một mẹ với Bái vương, sao lại nói là cùng mẹ với Yến?

Liệt nữ truyện của Hoàng Phủ Mật chép: Em của Sảng là Văn Thúc, lấy con gái của Hạ Hầu Văn Ninh ở quận Tiêu làm vợ, người con gái ấy tên là Lệnh Nữ.

Văn Thúc chết sớm, đoạn tang, Lệnh Nữ thấy mình ít tuổi không có con, sợ người nhà tất đem gả mình đi, bèn cắt tóc tỏ ý không lấy chồng. Sau đấy, người nhà quả nhiên muốn gả chồng cho người khác, Lệnh Nữ nghe tin, lập tức dùng dao cắt đứt hai tai, sinh hoạt thường ngày dựa vào Sảng. Lúc Sảng bị giết, cả nhà họ Tào chết hết. Chú của Lệnh Nữ dâng thư xin tuyệt hôn với họ Tào, cưỡng đón Lệnh Nữ về nhà. Bấy giờ Văn Ninh làm Lương tướng, thương Lệnh Nữ còn ít tuổi, giữ nghĩa, nhưng vì họ Tào không còn ai, hy vọng Lệnh Nữ hồi tâm chuyển ý, bèn ngấm sai người khuyển bảo. Lệnh Nữ than rồi khóc nói:

- Ta cũng nghĩ đến chuyện ấy, xin hứa sẽ theo lời.

Người nhà cho là thực, việc đề phòng lo ngại một chút. Lệnh Nữ vì thế lén vào trong phòng ngủ, dùng dao cắt mũi, rồi trùm áo ngủ ngồi trên giường. Mẹ nàng gọi ra nói chuyện, không thừa, mở áo ra nhìn xem, thấy máu chảy đầy giường. Cả nhà kinh hoàng, chạy qua nhìn kỹ, chẳng ai không xót xa muốn khóc.

Có người bảo với Lệnh Nữ rằng:

- Con người ta sống trên thế gian, như hạt bụi vương trên lá cỏ thôi, sao phải cay đắng làm khổ mình đến thế! Và lại nhà chồng đã bị di diệt hết, thù tiết đến vậy là vì ai đây?

Lệnh Nữ nói:

- Nghe nói người có lòng nhân chẳng vì thịnh suy mà đổi tiết, kẻ có nghĩa chẳng vì còn mất mà thay lòng, nhà họ Tào lúc trước đang thịnh, ta còn muốn gìn giữ đến cùng, huống chi nay đã suy vong, sao nỡ lìa bỏ họ! Hành động của loài cầm thú, ta há làm được sao?

Tư Mã Tuyên vương nghe chuyện thì khen ngợi Lệnh Nữ, thuận theo sai xin con của người khác cho tự nuôi dưỡng, cho làm người nối dõi họ Tào, sau này người con ấy nối danh ở đời.

Hạ Hầu Thượng tự Bá Nhân, là cháu họ của Uyên vậy. Văn đế với Thượng là bạn hữu thân thiết.^① Thái tổ bình Ký châu, Thượng làm Quân tư mã, đem quân kỵ đi theo chinh phạt, sau làm Ngũ quan tướng văn học. Nước Ngụy mới dựng, Thượng được thăng làm Hoàng môn thị lang.

Rợ Hồ ở Đại Quận phản, Thái tổ phái Yến Lăng hầu Tào Chương đi đánh chúng, dùng Thượng làm tham mưu quân sự cho Chương, bình định đất Đại, rồi quay về.

Thái tổ băng ở Lạc Dương, Thượng cầm cờ tiết, hộ tống linh cữu về huyện Nghiệp. Xét gộp cả công lao lúc trước, phong Thượng làm Bình Lăng đình hầu, bái chức Tán kỵ thường thị, lại thăng làm Trung lĩnh quân.

Văn đế lên ngôi, bèn đổi phong Thượng làm Bình Lăng hương hầu, thăng lên Chinh nam tướng quân, lĩnh Thứ sử Kinh châu, ban Giả tiết, cho đốc trách việc quân chính ở phương nam. Thượng dâng tấu nói:

"Biệt quân của Lưu Bị ở Thượng Dung, đường núi hiểm trở khó đi, bên kia không lo tính phòng bị ta, nếu đem kỳ binh ngầm hành quân, xuất kỳ bất ý, thì có cái thế chiến thắng vậy."

Bèn thống suất chư quân đánh phá Thượng Dung, bình được ba quận chín huyện, được thăng lên làm Chinh nam đại tướng quân.

Tôn Quyền dẫu xưng phiên thuộc, nhưng Thượng càng sửa sang phòng bị đánh dẹp, Quyền về sau quả nhiên hai lòng.

Năm Hoàng Sơ thứ ba, xa giá đến huyện Uyển, Đế sai Thượng thống suất chư quân giúp Tào Chân cùng vây Giang Lăng. Tướng của Quyền là Gia Cát Cẩn cùng quân của Thượng cách sông đối trận, Cẩn ra bãi bồi ở giữa sông Giang, rồi chia quân thủy dàn trận trên mặt sông. Ban đêm Thượng dùng nhiều thuyền dầu, đem hơn vạn quân bộ kỵ, từ hạ lưu ngầm vượt

sông, đánh các lộ quân của Cấn, đốt các thuyền của Cấn ở bến sông, thủy lục cùng đánh, phá được Cấn. Thành chưa hạ được, gặp đúng lúc có đại dịch, có chiếu chỉ sắc mệnh cho Thượng dẫn chư quân quay về. Lại được phong thêm thực ấp sáu trăm hộ, cộng cả lúc trước là một nghìn chín trăm hộ, ban Giả phủ việt, thăng làm chức Mục.

Bấy giờ Kinh châu tan hoang, bên ngoài tiếp giáp với người Man người Di, lại cùng nước Ngô cách sông Hán làm mốc giới, dân cũ đa phần trú ở Giang Nam. Thượng khai thông đường từ Thượng Dung sang tây đến bảy tám trăm dặm, sơn dân người Man người Di đa phần phục tùng, trong vòng năm, sáu năm, số theo hàng nương dựa có đến mấy nghìn nhà.

Năm thứ năm, Thượng được cải phong làm Xương Lăng hương hầu.

Thượng có người thiếp yêu rất được sủng ái, sự sủng ái vượt cả chính thất; mà chính thất, là con gái nhà họ Tào vậy, cho nên Văn đế phái người tới thắt cổ giết người thiếp ấy. Thượng xót thương cảm khái đến phát bệnh, thần tình hoảng hốt, chôn cất người thiếp xong, không ngăn nổi nghĩ nhớ, lại ra mộ ngắm nhìn. Văn đế nghe chuyện thì tức giận nói:

- Đồ Tập khinh rẻ Thượng, thật có duyên do vậy.

Nhưng vì Thượng là cựu thần, nên ân sủng không bị giảm bớt.

Năm thứ sáu, Thượng mắc bệnh nặng, trở về kinh đô, Đế mấy lần đến thăm, nắm tay rơi nước mắt. Thượng chết, được ban thụy là Diệu hầu.^②

Con của Thượng là Huyền nối tự. Đế chia ba trăm hộ ở ấp phong của Thượng, ban cho con của em trai Thượng là Phụng tước Quan nội hầu.

① *Ngụy thư* chép: Thượng là người túc trí đa mưu, Văn đế rất xem trọng, cùng Thượng giao kết làm bạn áo vải.

② *Ngụy thư* chép chiếu thư rằng:

"Thượng từ nhỏ theo hầu ta, hết lòng thành dốc chí tiết, tuy rằng khác họ, vẫn là cốt nhục, vì thế vào triều làm kẻ phúc tâm, ra ngoài làm tướng nanh vuốt. Trí mưu tài lược, tinh thâm sáng suốt, kế mưu hơn người, bất hạnh chết sớm, mệnh phải thế sao! Nay truy tặng cho Thượng ấn thụ Chinh nam đại tướng quân, Xương Lăng hầu."

Hà Hầu Huyền tự Thái Sơ. Thời trẻ nổi danh, năm hai mươi tuổi làm Tấn kỵ hoàng môn thị lang. Có lần yết kiến hoàng thượng, ngồi cùng với em của Hoàng hậu là Mao Tăng, Huyền xem việc ấy là bị nhục, về không hài lòng lộ rõ ra mặt. Minh đế hận Huyền, giáng chức làm Vũ Lâm giám.

Năm Chính Thủy sơ, Tào Sảng phụ chính. Huyền, là con người cô ruột của Sảng, vì thế liên tục được thăng chức làm Tấn kỵ thường thị, Trung hộ quân.①

① *Thế ngữ* chép: Huyền nổi tiếng trên đời là kẻ biết xét người, làm Trung hộ quân, đề bạt dùng võ quan và tướng lĩnh cầm quân tác chiến, chẳng ai không phải hạng là tuần kiệt, đa số bọn họ đều làm Châu mục nắm quận. Gây dựng pháp lệnh thi hành giáo hóa, đến nay vẫn là khuôn mẫu cho hậu thế.

Thái phó Tư Mã Tuyên vương hỏi về việc đương thời, Huyền nghị bàn cho rằng:

"Xét tài trao chức, là gốc rễ phép dùng người của quốc gia, cho nên việc tuyển chọn khảo hạch quan lại là ở quan Thượng thư, là chức trách của người trên vậy, xét người hiếu hạnh nơi ngõ xóm, cái hơn kém do hương thôn nghị luận, là phận sự của người dưới vậy. Muốn trong sạch giáo hóa thì tuyển xét phải thận trọng, ở chỗ làm rõ chức trách và phận sự, chẳng nên để trên dưới can thiệp lẫn nhau. Vì sao vậy? Người trên làm quá chức trách, thì sợ rằng việc xét dùng người thiếu căn cứ, lại mở đường cho thói xu phụ thời thế chạy vạy cầu quan; người dưới vượt phận sự, thì e rằng người trao quan tước ở

trong và kẻ ngoài thông đồng nhau, mà kẻ nắm quyền cơ yếu nhiều. Người trao quan tước ở trong thông đồng với kẻ dưới, đấy là thứ dân nắm quyền nghị bàn, kẻ nắm quyền cơ yếu nhiều, đấy là căn nguyên của nhiều loạn vậy. Từ khi đặt chức Trung chính⁽¹⁾ ở châu quận bình xét nhân tài bổ chức đến nay, đã nhiều năm rồi, tiêu chuẩn rất nhiều lại rối loạn, chưa có trật tự nhất định, há chẳng phải vì việc phân chia chức trách và phân sự đan xen lẫn lộn, đều là mắc lỗi về chức và phận mà tạo thành sao! Nếu lệnh cho quan Trung chính chỉ khảo xét phẩm đức và tài năng của sĩ nhân so với đồng僚, phẩm cách của sĩ nhân ngang với đồng僚, thì có thể cho họ bình xét người làm quan được rồi. Vì sao thế? Người hiếu hạnh sáng rõ ở gia đình, há chẳng trung kính với chức quan sao? Người nhân ái khoan dung được cứu tộc xưng tụng, há chẳng thấu tỏ xử lý chính sự sao? Người hành xử công bằng quyết đoán ở xóm làng, há chẳng kham nổi chức trách sao? Ba hạng người ấy, được chọn dùng ở chỗ quan Trung chính, tuy họ không có quan danh, nhưng việc bổ dụng người làm quan họ lại biết rõ vậy. Đức hạnh có hơn kém, tiêu chuẩn khảo hạch có cao thấp, thì người nhận chức quan có cấp bậc và thứ tự, cũng có sự phân biệt rõ ràng rồi. Hà tất phải sai quan Trung chính can thiệp vào việc khảo xét quan lại ở dưới, mà người nắm quyền cơ yếu phải cậy dựa vào quan Trung chính ở trên, khiến trên dưới phạm lẫn nhau, để sinh ra rối loạn sai lầm? Vả lại quan Thượng thư ở trên soi xuống, khảo xét công tích để có sai sót, các cấp đều có trưởng quan, mà khảo xét chỉ trong sớm tối, không thể so sánh hết thứ vụn vặt; lời nghị bàn của kẻ ở xóm làng, dựa ý chủ quan phán đoán, sẽ khiến chủ quản khảo hạch mất chức, chúng nhân kinh hãi, muốn phong tục thanh tĩnh, có thể được

¹ Chế độ “Cửu phẩm trung chính” được đặt ra từ thời Ngụy do Trần Quân khởi xướng vào năm 220. Việc tuyển chọn quan lại đại khái như sau: Chính quyền trung ương phái quan viên về địa phương, về quận thì gọi là Trung chính, về châu thì gọi là Đại trung chính. Chức trách của quan Đại trung chính và Trung chính là phân biệt, đánh giá nhân sĩ theo các tiêu chuẩn như gia thế, đạo đức, tài năng; lại chia thành 9 hạng là: “thượng thượng, thượng trung, ... cho đến hạ trung, hạ hạ.” Kết quả thẩm xét được chuyển lên phủ Thượng thư phê chuẩn rồi chuyển cho bộ Lại làm căn cứ bổ dụng.

sao? Thượng thư ở chỗ xa xôi, cái chí làm quan của chúng nhân dứt tuyệt. Người đến được chỗ quan Thượng thư, đều ngay bên cạnh, ai chẳng sửa sang vẻ ngoài để đạt được cái mình mong cầu? Con đường để đạt được mong cầu, là tự sửa mình ở gia môn, đã chẳng bằng tự hiển đạt ở xóm làng rồi. Tự hiển đạt ở xóm làng, đã chẳng bằng tự mình đến châu quận cầu quan rồi. Nếu mở rộng đường cầu quan, mà lo sợ người ta che giấu chân tình, xa lìa thực tế, đâu có nghiêm khắc trách quan Trung chính, dùng hình phạt để soi xét, cũng vô ích vậy. Sao bằng việc để các bên làm đúng phận sự, trưởng quan đều xét người thuộc địa phận của mình xem ai có tài năng để báo lên quan Thượng thư, Thượng thư căn cứ tài năng và thứ bậc của nhân tài được trưởng quan đề cử, tham khảo lời phẩm bình của người ở thôn xóm về đức hạnh của họ, so với quan lại cùng phẩm cấp, không được có thiên lệch. Quan Trung chính chỉ khảo xét sự tích và hành vi của họ, phân biệt cao thấp, thẩm định thứ hạng của nhân sĩ, không tùy ý thăng giáng. Tam công tổng xét việc tuyển chọn, nếu ngờ là có sai lầm, thì trách nhiệm bởi Hữu ti. Thứ bậc của người được trưởng quan xét cử, quan Trung chính sắp xếp, chiếu theo thứ tự mà dùng, nếu họ không xứng chức, thì trách nhiệm ở bên ngoài phủ Thượng thư. Nhưng trong ngoài tham chiếu lẫn nhau, được mất có bằng cứ, hỗ trợ nhau đôi chiếu kiểm tra, ai có thể che đậy cho nhau được? Như thế thì nhân tâm an định mà sự tình có đạo lý, gần như có thể làm trong sạch phong tục mà việc thẩm xét quan viên được rõ ràng vậy."

Huyền lại cho rằng:

"Thời xưa đặt chức quan, là để phủ dụ cứu giúp trăm họ, thống quản muôn dân, cho nên thiết lập trưởng quan để quản lý quan lại. Gốc của việc quản lý, là muốn có sự thống nhất, chuyên trách, thống nhất thì quan chức yên định về trách nhiệm mà trên dưới bình an, chuyên trách thì chức nghiệp được sửa sang mà công việc không phiền nhiễu. Việc giản ước, nghiệp tu chỉnh, trên dưới đều yên mà chẳng trị, là điều chưa từng có vậy. Bậc đế vương xưa phong lập vạn quốc, đâu

các chi tiết nhỏ chưa nghiên cứu hết được, nhưng việc chia cõi vạch mốc, các bên đều giữ biên cảnh, thì không phải là thể chế ràng buộc lẫn nhau. Khảo xét việc xếp đặt tước Ngũ đẳng trước thời Ân, Chu, thì chỉ phân biệt lớn nhỏ, sang hèn, cũng không có vua quan, thần dân nhưng hai bên lại bó buộc kiềm chế nhau. Hệ thống quan chế bất nhất, thì chức nghiệp không được tu chính; chức nghiệp không được tu chính, thì việc sao giản ước được? Việc không giản ước, thì dân chúng sao yên tĩnh được? Dân không yên tĩnh, thì kẻ tà ác đều nổi dậy, mà kẻ gian dối càng đông rồi. Bậc vương xưa thấu tỏ các việc như thế, cho nên đặt quan chức chuyên trách mà thống nhất quản lý. Bắt đầu từ đời nhà Tần, không theo cái đạo của thánh vương, dùng tư tâm để nắm quyền, lấy gian trá để dối đãi thuộc hạ; sợ quan Chủ tể không tận trung, lập ra chức Giám mục để đốc trách họ, sợ Giám mục uốn cong phép tắc, đặt ra chức Tư sát để coi xét họ; Chủ tể và Giám mục trói buộc nhau, Giám sát và Tư sát coi xét nhau, người người đều sinh dị tâm, trên dưới bất đồng. Nhà Hán kế nối chế độ nhà Tần, không có nắn sửa. Nhà Ngụy ta hưng thịnh, chưa một ngày nhàn rồi để cập đến, điển chế về Ngũ đẳng, tuy khó khôi phục ngay, nên tạm lập ra lễ nghi tiêu chuẩn để thống nhất phép trị quốc. Trường lại hiện nay, đều thay vua quản dân, đã lấy Quận thú làm trọng, lại đặt thêm ra chức Thứ sử. Nếu quận thú quản việc ở địa phương, chỉ ở chỗ đại lược, thì so ra với châu cũng tương đồng, không phải đặt ra cho thêm nặng. Nên giảm bớt chức Quận thú, chỉ dùng quan Thứ sử; chức Thứ sử tồn tại thì chức năng giám sát không bị phế bỏ, quan lại ở quận tính kế vụn, cho về làm nghề nông, để giảm bớt các loại phí tổn, của cải dồi dào, tăng lương thực, đây là một vậy. Huyện lệnh ở huyện lớn có tài cán, đều kham cả chức Quận thú, việc tranh tụng đúng sai, thường sinh ý bất đồng, thuận theo thì yên, giữ ý thẳng của mình thì nảy ra tranh chấp. Cái vị ngon của canh thang, là ở chỗ dung hợp phẩm vị khác nhau, thứ có ích cho trên dưới, là ở chỗ giúp đỡ nhau, thuận theo nhau thì yên, là đàn cầm đàn sắt hòa tấu vậy, bỏ chức Quận thú lại

yên, thì giảm bớt quan chức mà việc giản ước, đấy là hai vậy. Thêm nữa là quan lại cốt cán ở quận, chức trách là giám sát các huyện, mà mưu tính giúp đỡ bè đảng thân quen và người cùng hương ấp có giao tình cũ, khi có việc không hợp ý, lại mượn danh nghĩa việc công để khiến chế cưỡng đoạt, khiến dân chúng khốn khổ, việc xấu sinh ra từ đấy, nếu hợp chức vụ lại, thì căn nguyên của loạn tự lấp kín, đấy là ba vậy. Nay kế thừa cái lúc suy bại, nhân dân điêu đứng, người hiền tài thiếu, kẻ gánh vác việc ít, quan lại giỏi của quận huyện, thường chỉ có một số, quận nhận thành quả từ huyện, việc ở huyện nhiều, nhưng khi tuyển bạt người lên trên, thì quan lại ở quận được cử đầu tiên, thế là chức lại gần với dân, chỉ là kẻ dưới đáy, quan lại can hệ đến sinh mệnh của dân, mà thường ngu độn bỏ lậu. Nay nếu gộp quận huyện lại, tuyển quan đa phần là kẻ thanh bạch có tài cán gánh vác chức trách, thì giáo hóa lan rộng, dân chúng được yên, đấy là bốn vậy. Phép chế quy định huyện có vạn hộ, trưởng quan gọi là quận thú, từ năm nghìn hộ trở lên, gọi là Đô úy, từ nghìn hộ trở xuống, là lệnh trưởng như cũ. Từ cấp trưởng lại trở lên, phải qua khảo hạch tuyển dụng, kẻ có năng lực được thăng chức, địa bàn và hộ khẩu quản lý cũng tăng, đấy là cách tiến cử nhân tài hữu hiệu vậy, nếu chế độ quy định thống nhất, thì quan chức tài năng có thứ tự, việc trị lý và công tích nghiêm chỉnh, đấy là năm vậy. Nếu giảm chức quận thú, việc ở huyện đều báo thẳng lên châu, công việc không bị cách trở, quan chức không lưu trệ một chỗ, cái phong khí của thời tam đại, tuy rằng chưa thể khôi phục được, nhưng phong khí đơn giản hóa có thể thành, tiện dân mà giảm phí tổn, là ở chỗ đấy thôi."

Lại cho rằng:

"Văn hoa và chất phác thay nhau mà dùng, cũng như bốn mùa thay phiên hưng thịnh vậy. Bậc đế vương xét ý trời trị lý muôn dân, tất vào lúc thời thế khốn khó mà giúp cho thông suốt, lúc sự chất phác đi quá giới hạn thì dùng lễ để sửa văn, lúc văn nhã thái quá thì dùng sự chất phác để bổ cứu. Nước Ngụy ta tiếp nối sau thời đại của trăm

vương, kế thừa cái tàn dư của thời Tần, Hán, là lúc thế tục vẫn nhả
 thái quá, nên ra sức cải cách để thay đổi lòng ngưỡng vọng của dân.
 Nay khoa chế quy định từ tước Công và Liệt hầu trở xuống, ngôi vị
 từ Đại tướng quân trở lên, đều được mặc áo gấm, lụa hoa văn, lụa
 trắng, đeo các vật trang sức bằng bạc vàng có chạm khắc, từ hạng ấy
 trở xuống mặc các thứ y phục ngũ sắc tạp nham, tương đồng với
 hạng tiện dân, tuy là đẳng cấp trên dưới, đều có sự phân biệt, nhưng
 chế phục của triều thần, so với bậc Chí tôn sai khác không nhiều, sắc
 đen và sắc vàng, đều được lưu hành ở dưới rồi.⁽¹⁾ Muốn khiến cho ngoài
 chợ không bán các thứ vải vóc hoa lệ, thương nhân không lưu thông
 các loại vật báu quý hiếm, thợ điêu khắc không chế tác chạm trổ đồ
 vật, là chẳng thể làm được vậy. Thế nên ra sức sửa trị từ cái gốc của
 việc ấy, lấy phép chế thời cổ làm chuẩn, văn nhã và chất phác dùng
 thích hợp, chọn phương pháp dung hòa, để lập lễ nghi pháp độ. Xe
 kiệu và phục sức ứng với phẩm trật, đều theo lôî chất phác, cấm chỉ
 phong tục xa hoa của thời mạt thế, thân gia của các đại thần, người
 nhà của kẻ có tước vị, không được dùng gấm lụa chế y phục, không
 được phục sức hoa lệ và đeo đồ vật chế tác tinh xảo, từ trên xuống
 dưới, kiệm ước không xa hoa, chỉ cốt làm rõ đẳng cấp và thứ bậc mà
 thôi, không để tạo ra sự khác biệt quá lớn. Ví như ai có công đức lớn
 được khen thưởng, chúa thượng ban cho người đó cái ân đặc biệt, đều
 tuyên rõ đến Hữu ti, rồi sau mới cho dùng phục sức. Người trên giáo
 hóa kẻ dưới, cũng như gió thổi làm cỏ rạp. Giáo hóa của sự chất phác
 hưng thịnh ở bản triều, thì thói xa xỉ tự tiêu tan ở dưới vậy."

Tuyên vương đáp thư rằng:

"Xét quan chọn dùng người, bỏ chức quan trùng lặp, thay đổi chế
 phục, đều là ý rất hay. Theo lễ, người ở thôn xóm bình phẩm đức
 hạnh của quan lại, triều đình khảo xét thành tích của họ, đại để cũng
 như điều mà ngài đề xuất. Nhưng ở chỗ trung gian nhất thiết phải có

¹ Nhà Ngụy thuộc hành Thổ, chuộng sắc đen và sắc vàng, là màu tôn quý.

tính kế thừa, không thể đột nhiên thay đổi được. Thời nhà Tần không có chức Thứ sử, chỉ có Quận thú và Trưởng lại. Nhà Hán tuy đặt ra chức Thứ sử, nhưng chỉ sai phụng chiếu tra xét có sáu điều mà thôi,⁽¹⁾ cho nên Thứ sử gọi là Truyền xa, thuộc lại gọi là Tòng sự, Thứ sử không có sở trị cố định, thuộc lại không tính là quan viên chính thức, sau này mới chuyển thành quan lại ở phủ nha thôi. Xưa kia Giả Nghị cũng đã lo tính khôi phục phép chế, Hán Văn tuy tự thân mặc áo vải đen thô dày, vẫn chẳng thể khiến cho trên dưới được như ý. Ta e rằng ba việc mà ngài đề xuất, phải đợi người sau có tài năng mới quyết được thôi."

Huyền lại viết thư nói:

"Hán Văn dẫu tự thân mặc áo vải đen thô dày, nhưng chẳng cải cách tu chỉnh chế độ, trong ngoài triều đình có kẻ phục sức xằng bậy vượt phận, bấy tôi sùng ái nhận ban thưởng không có giới hạn, từ đấy mà xét, tựa như là chỉ gây dựng thanh danh cho bản thân mình, không phải là tận tâm dốc chí ra sức chỉnh tu chế độ vậy. Nay Công hầu tuyển quan lại có tài trị thế, nếu noi theo vết hiên thân đời thượng cổ,

¹ Năm Nguyên Phong thứ năm thời Hán Vũ đế bắt đầu đặt chức Thứ sử, chức trách là phụng chiếu đi điều tra xét hỏi ở các châu, phẩm trật hưởng 600 thạch, quan viên đi theo có 30 người. Mục đích là xét tài năng của quan lại để thăng chức hay biếm chức và đoán xét các án oan. Gồm có 6 điều được xem xét, cụ thể như sau:

Một: Cường hào vọng tộc có ruộng đất vượt pháp chế, ý mạnh lấn yếu, cậy đông hiếp ít.

Hai: Quan lại nhận lộc 2000 thạch không vâng chiếu thư, không tuân điển chế, bỏ công theo tư, cậy chiếu thư thủ lợi, lừa gạt xâm hại bách tính, thu giấu của cải làm việc gian tham.

Ba: Quan lại nhận lộc 2000 thạch không nghĩ xét án khó, hung hăng giết người, giận thì dùng hình nặng, yêu thì thưởng quá mức, phiền nhiễu khắc bạc, bóc lột dân đen, làm trăm họ khổ sở, khiến núi lở đá tan, sinh lời ngoa ngôn.

Bốn: Quan lại nhận lộc 2000 thạch cử người đặt chức không công bằng, yêu ghét cầu thả, che lấp hiền tài, ân sủng kẻ tham ngu.

Năm: Con em của quan lại nhận lộc 2000 thạch cậy dựa thế lực và vinh sủng, thoái thác chức vụ.

Sáu: Quan lại nhận lộc 2000 thạch làm trái phép công, xu phụ cường hào, thông đồng nhận hối lộ, tổn hại chính lệnh.

coi trọng cái hoàn mỹ của việc trị lý, đè nén nghiệp mọn vun sửa nghiệp gốc, nếu định chế độ ở trên, thì giáo hóa ở trong dân được thi hành. Đây là lúc thích hợp để tiến hành cải cách, miễn sao thành tâm tận ý, lệnh phát ra trong ngày, ở dưới sẽ theo tiếng vang mà hưởng thôi, còn như giữ lòng khiêm tốn, nói 'đội người hiền năng', thì đây là Y Doãn, Chu công chẳng nấn sửa pháp điển của Ân, Chu vậy. Thiết nghĩ chưa minh bạch lắm về đạo lý."

Ít lâu sau, Huyền làm Chinh tây tướng quân, được ban Giả tiết đốc trách các việc quân chính của hai châu Ung, Lương.^①

Huyền và Tào Sảng cùng phát động chiến dịch Lạc Cốc, người thời ấy chê bai Huyền. Sảng bị giết rồi, Huyền được triệu về làm Đại hồng lư, sau mấy năm lại chuyển làm Thái thường.

Huyền vì Sảng bị biếm truất, trong lòng bất đắc chí. Trung thư lệnh Lý Phong tuy là người được Đại tướng quân Tư Mã Cảnh vương thân gần hậu đãi, nhưng lại có tư tâm với Huyền, bèn câu kết với cha của Hoàng hậu là Quang lộc đại phu Trương Tập, mưu đồ lấy Huyền làm phụ chính. Phong đã thống quản quyền binh ở trong, con trai lấy công chúa, vả lại cùng Tập đều là người quận Phùng Dục, cho nên Tập tin tưởng. Phong ngầm lệnh cho em mình là Thứ sử Duyện châu Lý Dục xin về triều kiến, muốn đem binh vào triều, hợp sức khởi sự. Dục xin triều kiến, chưa được phê chuẩn. Năm Gia Bình thứ sáu tháng hai, đương khi phong báí Quý nhân, bọn Phong muốn nhân lúc Đế ngự tại tiền điện, ở các cửa cung đều có quân cảnh vệ đứng trước thềm mà giết Đại tướng quân, lấy Huyền lên thay, dùng Tập làm Phiêu kỵ tướng quân. Phong ngầm nói nhỏ với bọn Hoàng môn giám là Tô Thước, Vĩnh Ninh thụ lệnh là Nhạc Đôn, Những tòng bộc xạ là Lưu Hiền rằng:

- Bọn các người ở trong cung, đa phần không biết phép tắc, Đại tướng quân là người nghiêm khắc cứng cỏi, đã nhiều lần kể lỗi các người, việc của Trương Dương nên lấy làm gương.

Bọn Thước đều hứa theo mệnh.② Đại tướng quân phong thanh nghe được mưu ấy, mời Phong đến tương kiến, Phong không biết bèn qua gặp, bị giết ngay.③ Việc giao xuống Hữu ti, bèn bắt bọn Huyền, Tập, Thước, Đôn, Hiền đưa đến chỗ quan Đình úy.④

Đình úy Chung Dục tấu rằng:

"Bọn Phong có mưu đồ uy bức bách chí tôn, tru diệt Chúng tể, đại nghịch vô đạo, xin chiếu hình pháp luận xử."

Vì thế triệu hội công khanh triều thần và Đình úy đến nghị bàn, hết thảy cho rằng: "Bọn Phong đều nhận ân sủng đặc biệt, chưởng quản việc cơ yếu, Tập nhận ân sủng là ngoại thích có cái tôn kính của Hoàng hậu, Huyền kế nối theo cựu thần có công lao, đều giữ vị Liệt khanh, mà trong lòng tàng chứa họa hại, dựng mưu hung nghịch, giao kết với hoạn quan, truyền gian kế cho nhau, nhưng sợ uy trời, chẳng dám công khai mưu kế, lại muốn uy hiếp chúa thượng, buông thả hành sự trá ngược, mưu giết lương thần phụ tá, thiện tiện gây dựng băng đảng, suýt làm cung thất nghiêng đổ, xã tắc đảo điên. Cái tội trạng mà Dục nêu ra đều nên chiếu theo luật định, xin phê chuẩn để Dục thi hành."

Để hạ chiếu thư rằng:

"Tề trưởng công chúa, là ái nữ của tiên đế còn lưu lại, xin tha cho ba người con của Tề trưởng công chúa tội tử hình."

Vì thế bọn Phong, Huyền, Tập, Đôn đều bị giết sạch cả ba họ,⑤ những người thân thuộc còn lại bị lưu đày đến quận Lạc Lãng.

Huyền tính cách rộng rãi khoáng đạt, lúc sắp bị chém ở chợ đông, sắc mặt không đổi, cử chỉ hành động tự nhiên như thường, năm ấy bốn mươi sáu tuổi.⑥

Năm Chính Nguyên trung, để giúp cho công thần có người nối đời thừa tự, phong cháu họ của Thượng là Bản làm Xương

Lăng đình hầu, thực ấp ba trăm hộ, để thờ phụng nổi dõi Thượng.

① *Ngụy lược* chép: Sau khi Huyền được thăng chức, Tư Mã Cảnh vương lên thay Huyền làm Hộ quân.

Hộ quân là chức vụ thống lĩnh chư tướng, chủ quản việc tuyển cử võ quan, trước sau những người gánh chức quan này chẳng thể ngăn cấm nổi hành vi đưa nhận hối lộ. Cho nên thời Tể quan Tể làm Hộ quân, có lời hát rằng:

"Cầu chức Nha môn, phải nghìn xấp lụa; thống quản trăm người, cống năm trăm thất."

Tuyên vương và Tể quan hệ rất thân thiết, trong lúc nói chuyện hỏi Tể việc ấy, Tể không lấy gì để giải thích được, bèn nói bốn rằng:

- Mua bán ở chợ Lạc Dương, có thiếu một đồng thì cũng không bán.

Rồi đối mặt nhau cười vui.

Huyền lên thay Tể, cố nhiên chẳng thể cấm tuyệt việc đưa lễ của người ta. Lúc Cảnh vương lên thay Huyền, chỉnh đốn pháp lệnh, người ta không ai dám phạm.

② *Ngụy thư* chép: Huyền vốn quý hiên, vì liên quan đến Sảng nên bị phế truất, trong lòng thường tẩm tức bất đắc chí. Trung thư lệnh là Lý Phong và Huyền cùng cha của Hậu là Quang lộc đại phu Trương Tập ngầm mưu tính làm loạn, Tập vốn ở cùng quận với Phong, là người rất xảo trá, đang làm Thái thú Đông Hoàn bị triệu về, là người nhà của Hậu, cũng bất đắc chí, cho nên cùng kết mưu.

Khi trước, Phong tự cho là mình giữ chức vị cơ yếu, con mình là Thao thân phận lại là Liệt hầu giữ chức Cấp sự trung, lấy Tể trưởng công chúa, cha con nắm trọng trách trong ngoài, trong lòng thường tự thấy bất an.

Phong bí mật bảo Thao rằng:

- Huyền đã là nhân vật trọng yếu của quốc gia, hơn nữa đương giữ chức vụ trọng đại, tuổi đang tráng niên mà bị phế truất lâu

dài, lại là em bên ngoại thân thích của Tào Sảng, cho nên với Đại tướng quân có hiềm khích. Ta nhận được thư của Huyền, rất lấy làm lo lắng. Tập có tài cán, bị tước đoạt binh mã ở quận lớn, quay về ngồi nhàn ở nhà. Họ đều bất đắc chí, ta muốn mày đem mật kế bảo với họ.

Tập có lần mắc bệnh nằm tại giường, Phong phái Thao đến thăm bệnh, Thao đuổi mọi người ra bảo Tập rằng:

- Thao lấy công chúa, cha con giữ vị cơ yếu cận kề hoàng thượng, Đại tướng quân chấp chương chính sự, bọn ta thường sợ không được tín nhiệm, Thái thường trong lòng cũng rất lo lắng. Quân hầu tuy có ngôi vị tôn kính là cha của Hoàng hậu, mối an nguy chưa thể biết được, đều cùng nhà Thao chung mối lo vậy, cha của Thao muốn cùng quân hầu mưu việc.

Tập trầm ngâm nghĩ ngợi hồi lâu rồi nói:

- Gặp nạn chung thuyền, ta sao có thể trốn tránh? Nhưng đây là việc lớn, nếu không thành thì rước họa đến tông tộc ngay.

Thao bèn qua báo với Phong. Phong ngầm nói với bọn Hoàng môn giám là Tô Thước, bọn Tô Thước đáp lời rằng:

- Xin theo kế của quân hầu.

Phong nói:

- Hôm nay phong bái quý nhân, các doanh quân đều đóng ở cửa cung. Bệ hạ đến tiền điện, nhân lúc đấy cùng bức ép Đế, đem trăm quan và binh lính, đến giết Đại tướng quân. Bọn người nên cùng nhau ngầm tâu bẩm ý này.

Bọn Thước nói:

- Bệ hạ ví như không thuận theo mọi người, phải làm sao?

Phong nói:

- Làm việc nên quyền biến, lúc lâm sự nếu Đế chẳng tin nghe, sẽ tiện dịp bắt Đế rồi bỏ chạy thôi. Sao chẳng thuận theo?

Bọn Thước vâng dạ. Phong nói:

- Đây là việc làm diệt tộc, bọn người hãy bí mật cho. Việc thành rồi, bọn người đều sẽ được phong tước hầu, làm Thường thị vậy.

Phong lại mật đem việc báo với Huyền, Tập. Tập phái con mình là Mạc cùng Phong câu kết nhau, cùng mưu tính khởi sự.

Thế ngữ chép: Phong phái con mình là Thao đem mưu kế báo với Huyền, Huyền nói "nên chu đáo tường tận cho", mà không đem việc báo lên trên.

③ *Thế ngữ* chép: Đại tướng quân nghe được mưu của Phong, xá nhân là Vương Tổ xin được đem sinh mệnh của mình ra mời Phong đến phủ Đại tướng quân. Nói:

- Phong nếu không có phòng bị, tình khuất thế bách, tất phải đến, nếu không đến, một mình Tổ đủ để chế phục hần; nếu hần biết mưu đã bại lộ, sẽ dùng bộ hạ che chắn, cầm kích dài tự vệ, đến thẳng cửu cung Vân Long, bức ép Thiên tử trèo lên Lăng Vân đài, trên đài có ba nghìn người cầm binh khí, gõ trống hội chúng, như thế, Tổ này đến chẳng đủ lực để bắt hần.

Đại tướng quân bèn sai Tổ đem xe đón rước Phong. Phong bị bức bách, theo Tổ mà đi.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Đại tướng quân trách mắng Phong, Phong biết họa sắp đến, bèn nghiêm sắc mặt nói:

- Cha con may mang lòng gian dối, sắp làm xã tắc nghiêng nguy, tiếc là ta sức kém, chẳng thể giúp bắt diệt may đi!

Đại tướng quân giận sai dũng sĩ dùng mũi đao đâm vào lưng Phong, giết hần.

Ngụy lược chép: Phong tự An Quốc, là con của cố Vệ úy Lý Nghĩa vậy. Năm Hoàng Sơ trung, nhờ cha được nhận mệnh triệu theo đi trong quân. Ban đầu thời chưa ra làm quan, năm mười bảy, mười tám tuổi, ở tại Nghiệp hạ nổi tiếng thanh bạch, biết xét người, được người đương thời tán thưởng, chẳng ai không chú ý. Sau theo quân đi trú ở Hứa Xương, danh tiếng ngày càng nổi rõ. Cha

của Phong không mong là Phong nổi tiếng như thế, bèn sai đóng cửa, lệnh dứt tuyệt tân khách.

Khi trước, Minh đế ở ngôi Đông cung, Phong ở trong cung nhận chức Văn học. Lúc tức tôn vị, bắt được hàng nhân nước Ngô, hỏi:

- Người ở Giang Đông hay nghe nói đến danh sĩ Trung Quốc, là người nào?

Hàng nhân nói rằng:

- Nghe nói người có tên là Lý An Quốc.

Bấy giờ Phong làm Hoàng môn lang, Minh đế hỏi tả hữu rằng ai là Lý An Quốc, tả hữu đáp đấy là Phong. Đế nói:

- Danh tiếng của Phong lại bao trùm đất Ngô Việt sao?

Sau lại chuyển Phong làm Kỵ đô úy, Cấp sự trung. Sau khi Đế băng hà, Phong làm Thái phó cung Vĩnh Ninh, vì danh tiếng quá tài thực, nên chỉ dùng vào việc nhỏ. Năm Chính Thủy trung, được thăng làm Thượng thư bộc xạ.

Phong ở đài Thượng thư, thường nhiều lần thác là có bệnh, xét chế độ ở phủ Thượng thư bấy giờ, có bệnh trăm ngày sẽ ngừng cấp bổng lộc, Phong có bệnh chưa đầy hai chục ngày, thường khỏi ngay, rồi lại ốm bệnh nghỉ việc, cứ như thế mấy năm.

Lúc trước, con của Phong là Thao được tuyển lấy công chúa, Phong dẫu ngoài mặt tỏ vẻ từ chối, nhưng trong lòng rất cao hứng.

Em của Phong là Dục và Vĩ, ra làm quan khoảng mấy năm, đều trái chức Quận thú. Phong thường ở chỗ đông người răn dạy hai em, nói là nên tận dụng địa vị vinh diệu để làm việc. Lúc Tư Mã Tuyên vương ốm bệnh lâu ngày, Vĩ hưởng lộc hai nghìn thạch, đắm chìm trong rượu, làm loạn hai quận Tân Bình, Phù Phong mà Phong không triệu về, chúng nhân cho là cậy dựa ân sủng.

Tào Sảng chuyên quyền, Phong giữ thái độ lửng lơ giữa hai vị Công, không nghiêng theo ai, cho nên lúc bấy giờ có người viết thư báng bổ rằng: "Thế lực của Tào Sảng nóng như nước sôi, cha con Thái phó lạnh như nước suối, anh em Lý Phong như ác quỷ

Du Quang.⁽¹⁾ Ý tứ lời ấy là nói Phong tuy có vẻ ngoài thanh tĩnh thuần khiết, nhưng thâm tâm có mưu đồ, như ác quỷ Du Quang vậy. Lúc Tuyên vương tấu xin giết Sảng, dùng xe dưới cửa khuyết, cùng Phong truyền tin cho nhau, Phong kinh hãi, sợ đến ngừng thở, hai chân khụy xuống đất không đứng dậy được. Đến năm Gia Bình thứ tư Tuyên vương chết, chức Trung thư lệnh khuyết, Đại tướng quân mưu hỏi ý triều thần: "Nên bổ nhiệm người nào?" Có người chỉ về hướng Lý Phong. Phong tuy biết chức ấy không phải là chức vị vẻ vang, nhưng tự thấy mình với Hoàng đế có quan hệ hôn nhân, nghĩ nương cậy bậc Chí tôn, bởi vậy không chối, vì thế có tấu dùng Phong.

Phong làm Trung thư lệnh hai năm, Đế thường triệu kiến riêng cùng nói chuyện, không biết cả hai nói bàn những gì. Cảnh vương biết là bàn việc riêng, mời hỏi Phong, Phong không đem sự thực kể ra, Cảnh vương vì thế giết Phong. Đây là việc bí ẩn.

Phong trước sau làm quan trải hai đời vua, chẳng lo tính quản lý nghiệp nhà, ngẩng trông vào bổng lộc mà thôi. Thao tuy lấy công chúa, Phong thường ước thúc là không được xâm đoạt lấy đồ vật của ai, lúc được ban thưởng tiền bạc gấm lụa, liền đem ra ngoài giúp cho người thân thuộc; khi được ban thưởng cung nhân, đa phần đem cấp cho con em, mà Phong hay giúp đỡ các cháu ngoại của mình. Sau khi chết, Hữu ti tra soát nhà Phong, trong nhà không có của thừa.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Ban đêm đưa thi thể Phong đến giao cho Đình úy, Đình úy là Chung Dục không nhận, nói:

- Đây không phải là sở trị của quan hành pháp vậy.

Đại tướng quân bèn đem thực trạng kể ra, lại hạ sắc lệnh xuống, Dục bèn nhận. Đế giận, sắp tra hỏi về nguyên do cái chết của Phong, Thái hậu sợ, gọi Đế vào, Đế bèn thôi. Rồi phái người đi bắt Dục.

¹ Du Quang (游光), là tên một loài ác quỷ rất thâm độc trong truyền thuyết.

Thế ngữ chép: Người vợ sau của Dục, là chị gái của Tấn kỵ thường thị Tuân Di, bảo Dục rằng:

- Việc của Trung thư phát lộ, nên nhân lúc chiếu thư chưa đến chạy sang nước Ngô, sao lại ngồi yên đợi chết! Tả hữu của phu quân ai có thể đi cùng đến nơi nước lửa?

Dục nghĩ ngợi còn chưa đáp, người vợ nói:

- Phu quân nắm giữ châu lớn, mà chẳng biết ai có thể cùng sống chết với mình, bỏ đi cũng chẳng thoát được.

Dục nói:

- Hai con ta còn nhỏ, ta chẳng thể bỏ đi. Nay chỉ vì tội của người khác mà liên lụy, thân ta chết, nhưng hai con nhỏ tất thoát.

Quả nhiên như lời Dục nói.

Con của Dục là Bân, là cháu ngoại của Dương Tuấn vậy. Thời Tấn Huệ đế năm đầu, làm Hà Nam doãn, chết cùng lúc với Tuấn, việc thấy chép ở *Tấn thư*.

④ *Thế ngữ* chép: Huyền bị đưa đến chỗ Đình úy, không chịu khai nhận tội. Đình úy là Chung Dục đích thân thẩm vấn Huyền. Huyền nghiêm sắc mặt trách Dục rằng:

- Ta nên nhận tội thế nào? Ngài làm Lệnh sử thẩm vấn người ta, ngài hãy giúp ta cung xưng.⁽¹⁾

Dục thấy Huyền là danh sĩ, khí tiết cao chẳng thể khuất phục, nhưng án ngục phải hoàn tất, vì thế ngay trong đêm làm bản cung tội, bản cung kết hợp hết được các việc liên quan với nhau, rồi chảy nước mắt đưa cho Huyền xem, Huyền xem kỹ, chỉ gật đầu đáp lễ mà thôi.

Em của Dục là Hội, tuổi tác ít hơn Huyền, Huyền không cùng giao vãng, ngày hôm ấy ngồi ở chỗ Dục tỏ ra thân cận với Huyền, Huyền không thêm để ý.

¹ Chung Dục làm lệnh sử (令史), là thuộc lại của Công phủ, chức vụ của Hạ Hầu Huyền khi bị bắt là Thái thường (太常) thuộc hàng công khanh đại phu. Huyền nói rõ cả chức vụ của Dục ra thể hiện rõ chí khí của mình, cũng để tỏ rõ cái ý là xem thường.

Tạp ngữ của Tôn Thỉnh chép: Huyền ở nhà giam, Hội nhân đó muốn thân gần làm bạn với Huyền, Huyền bèn nghiêm sắc mặt nói:

- Chung quân hà tất phải bức nhau như thế!

⑤ *Ngụy thư* chép: Con của Phong là Thao, lấy công chúa, được ban cho tự xử ở trong ngục.

⑥ *Ngụy lược* chép: Huyền từ phương tây quay về, không giao tiếp qua lại với người đời, trong nhà không nuôi chứa gái đẹp.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Khi trước, Hạ Hầu Bá sắp chạy sang Thục, gọi Huyền muốn Huyền cùng bỏ đi. Huyền nói:

- Ta há đâu lại cầu thả cầu sống tự đến làm khách ở chỗ giặc cướp sao?

Bèn quay về kinh sư. Thái phó chết, Hứa Doãn bảo Huyền rằng:

- Ngài không phải lo nữa rồi.

Huyền than rằng:

- Sĩ Tông, sao ngài chẳng hiểu việc đời thế? Người ấy còn có thể vì giao hảo với nhà ta từ lúc nhỏ nên đãi ngộ ta, Từ Nguyên, Từ Thượng chẳng dung tha ta vậy.

Huyền từng soạn chép sách *Nhạc Nghị*, *Trương Lương* cùng *Bản vô nhục hình luận*, lời lẽ thông đạt ý tứ sâu xa, đều lưu truyền ở đời. Lúc Huyền bị bắt, Vệ tướng quân Tư Mã Văn vương rơi nước mắt cầu xin, Đại tướng quân nói:

- Người quên việc lúc mai táng Triệu Tư không sao?

Trước đây, Tư không là Triệu Nghiễm chết, anh em Đại tướng quân hội họp táng lễ, tân khách có mấy trăm người, Huyền bấy giờ đến sau, hết thấy tân khách đều rời chiếu tiến ra đón tiếp, Đại tướng quân bởi thế căm ghét Huyền.

Thần Tùng Chi xét: Tào Sảng vào năm Chính Thủy thứ năm thảo phạt nước Thục, lúc ấy Huyền làm Đô đốc Quan Trung, đến năm thứ mười, sau khi Sảng bị diệt, Huyền mới quay về Lạc Dương thôi. Xét *Thiếu đế kỷ*, Tư không Triệu Nghiễm chết vào năm thứ sáu, Huyền không có cách gì tham dự lễ tang Nghiễm, nếu nói

rằng Huyền về triều, bản kỷ, liệt truyện lại không chép về việc đó. Tựa như là sách ấy chép bậy không đúng sự thực.

Khi trước, Trung lĩnh quân là Hứa Doãn người huyện Cao Dương cùng Phong, Huyền thân thiện. Trước đó có người làm giả chiếu thư phong bá, lấy Huyền làm Đại tướng quân, Doãn làm Thái úy, chung nhau quản chức Lục thượng thư sự. Lại có một người thân phận không rõ ràng nhân lúc trời chưa sáng cưỡi ngựa đem chiếu bản giao cho môn lại của Doãn, nói "Có chiếu lệnh", rồi phi ngựa chạy đi. Doãn lập tức đem quăng thư đốt đi, không đem trình báo với Tư Mã Cảnh vương. Về sau việc của bọn Phong bị phát giác, điều Doãn đi làm Trấn bắc tướng quân, ban Giả tiết, đốc trách các việc quân ở Hà Bắc. Còn chưa xuất phát, vì tội danh phung phí của công, bị bắt đến chỗ Đình úy, lưu đầy đến quận Lạc Lãng, chết ở trên đường.^①

① *Ngụy lược* chép: Doãn tự Sĩ Tông, nối đời hào môn thế tộc. Cha của Doãn là Cứ, làm quan trải các chức Điện nông Hiệu úy, Quận thú. Doãn thời trẻ cùng người đồng quận là Thôi Tán đều dương danh ở Ký châu, được triệu vào quân ngũ. Thời Minh đế, Doãn làm Thượng thư tuyền tào lang, cùng người nước Trần là Viên Khản làm một cặp, cùng bị buộc tội vì việc công, đều bị bắt tống ngục, chiếu chỉ rất khắc nghiệt, đều bị phán tội chết, người chính trực cho là phán quyết nặng. Doãn bảo Khản rằng:

- Ngài là con của bậc công thần, ứng theo phép Bát nghị,⁽¹⁾ không lo về tội chết vậy.

Khản biết ý Doãn, là nói phán quyết nặng.

¹ Bát nghị (八议), tức là có tám trường hợp phạm tội, tùy theo địa vị của người bị tội mà được xét giảm án gồm: Nghị thân (议亲), là người thân thuộc với vua; Nghị cố (议故), là người giúp đỡ vua lâu ngày; Nghị hiền (议贤), là người có đức hạnh lớn; Nghị năng (议能), là người có tài năng lớn; Nghị công (议功), là người có công lớn; Nghị quý (议贵), là người có chức tước lớn; Nghị cần (议勤), là người siêng năng cần mẫn với chức vụ; Nghị tân (议宾), là hậu duệ của công thần tiền triều được đãi ngộ đặc biệt. Duy có những người mắc vào tội "thập ác" thì không được áp dụng.

Doãn chịu hình xong lại làm chức Lại, rồi ra làm Quận thú, dần dần được thăng làm Thị trung thượng thư Trung lĩnh quân.

Doãn nghe nói bọn Lý Phong bị bắt, muốn qua gặp Đại tướng quân, đã ra khỏi cửa, lại nghi hoặc không quyết, nửa đường quay về nhà thay quần, lúc ấy bọn Phong đã bị bắt rồi. Đại tướng quân nghe nói trước đấy Doãn sợ hãi, quái lạ nói:

- Ta tự đi bắt bọn Phong, chẳng hiểu sao sĩ đại phu lại thắng thốt như vậy?

Bấy giờ triều thần đa phần sợ hãi, nhưng chúng nhân đều cho là Đại tướng quân có ý ngờ Doãn. Lúc Trấn bắc tướng quân là Lưu Tĩnh chết, triều đình lấy Doãn thay Tĩnh. Đã nhận phù tiết và Truyền xa, dời ra ngoài trợ. Đại tướng quân gửi thư cho Doãn nói:

"Chức Trấn bắc tuy có ít việc, nhưng là chức thống quản một phương, mong túc hạ nêu cao thanh thế của Hoa Hạ, kiến lập công danh sự nghiệp, thì khi du lãm về bản châu, có thể gọi là mặc áo gấm đi ban ngày vậy."

Doãn trong lòng rất mừng, liền báo với các Trung thư đồng liêu, muốn đổi cờ xí và quân nhạc của mình. Con của anh trai Doãn là Tổ nghe chúng nhân nói Doãn trước đấy bị ngờ, khuyên Doãn "chỉ nên chạy cho mau, làm việc ấy làm gì!" Doãn nói:

- Mày là tặc sĩ không hiểu biết, ta muốn làm rạng rỡ quốc gia thôi, nên mới cầu xin việc ấy.

Đế vì Doãn sắp đi, bèn hạ chiếu hội quần thần, quần thần đều tậ tập, Đế đặc biệt dẫn Doãn đến gần mình; Doãn lúc trước làm Thị trung, cho nên đang khi cùng Đế từ biệt, rơi nước mắt sụt sùi. Tan hội, ra ngoài, Đế hạ chiếu thúc Doãn lệnh phải đi ngay. Đúng lúc Hữu ti tấu nói Doãn lúc trước tự tiện dùng tiền gạo của công cấp cho bọn nghệ nhân và thuộc quan của mình, nên bị bắt ngay giao cho Đình úy, khảo xét thẩm vấn xong, giảm tội chết đầy ra biên ải.

Doãn vào mùa thu năm Gia Bình thứ sáu phải lên đường, vợ con không được tự theo, trên đường đi chưa đến nơi, vào mùa đông năm ấy thì chết.

Nguyễn thị Xuân Thu chép: Doãn làm Lại bộ lang, nắm việc tuyển dụng quận thú. Minh đế ngờ việc tuyển dụng của Doãn không đúng thứ tự, triệu Doãn vào cung, sắp trị tội. Vợ của Doãn là Nguyễn thị đi chân trần chạy ra, bảo rằng:

- Vội mình chủ nên dùng lý mà tranh cãi, khó dùng tình để cầu xin. Doãn gập đầu đáp lễ rồi vào cung. Đế giận cật vấn việc tuyển dụng, Doãn đáp rằng:

- Thái thú quận mỗ tuy hết thời hạn bổ nhiệm nhưng văn thư đến trước, niên hạn vẫn còn; Thái thú quận mỗ văn thư chưa đến, thời hạn bổ nhiệm đã hết.

Đế lấy văn thư xem kỹ lưỡng, rồi thả Doãn sai đi ra. Trông xa thấy áo của Doãn rách, nói:

- Là quan thanh bạch vậy.

Rồi ban thưởng áo.

Doãn sắp ra làm Trấn bắc, mừng báo vợ mình rằng:

- Ta biết là thoát họa rồi.

Vợ nói:

- Họa thấy rõ ở chỗ đấy, sao nói là thoát họa?

Doãn khen tượng ấn, sắp bái nhận, thấy ấn không đẹp, muốn sai khắc lại, đổi khắc đến ba lần. Doãn nói:

- Ấn tuy mới làm xong mà ta đã bị nhục rồi.

Liền căn vặn người đưa ấn, quả nhiên là ấn bị rơi ở nhà xí.

Sách bình về Tượng ấn chép:

"Phép xét tượng ấn vốn có xuất xứ từ Trần Trường Văn, Trường Văn đem nói với Vi Trọng Tương, thợ khắc ấn là Dương Lợi theo Trọng Tương học phép khắc ấn, đem nói với Hứa Sĩ Tông. Dương Lợi dùng phù lục, chú ngữ chiêm nghiệm cát hung, mười phần trúng tám, chín phần. Trọng Tương hỏi Trường Văn 'theo ai mà học được phép xem ấn?' Trường Văn nói: 'Gốc thuật sinh ra từ thời nhà Hán, có các thuật xét tượng ấn, tượng hốt kinh, lại có ượng kinh, ngưu kinh, mã kinh. Thợ khắc ấn là Tông Dương đem phép xét tượng ấn nói với Trình Thân Bá, cho nên có mười hai nhà đem phép xét tượng ấn lưu truyền ở đời'."

Vợ của Doãn là Nguyễn thị hiền hậu thông minh nhưng xấu xí, Doãn mới đầu trông thấy ngạc nhiên, làm lễ giao bài xong, không có ý định vào gặp nữa. Người vợ sai thị nữ dòm xét Doãn, nói "có vị khách họ Hoàn đến", người vợ nói:

- Đây tất là Hoàn Phạm rồi, ông ấy khuyên Doãn vào gặp ta vậy.

Lát sau Phạm quả nhiên khuyên Doãn. Doãn vào, chốc lát bèn đứng dậy, vợ Doãn nắm vạt áo giữ lại. Doãn ngoảnh lại hỏi vợ:

- Phụ nữ có tứ đức, người được mấy đức?

Vợ nói:

- Cái đức mà tân phụ khuyết thiếu chỉ là "dung." Kẻ sĩ có bách hạnh, ngài có được bao nhiêu thứ?⁽¹⁾

Doãn nói:

- Đây đủ cả.

Người vợ nói:

- Kẻ sĩ có trăm thứ phẩm hạnh, lấy đức làm đầu, ngài hiểu sắc không thích đức, sao gọi là đầy đủ được?

Doãn có vẻ thẹn, biết vợ mình là người phi phạm, vì thế rất yêu quý tôn trọng. Sinh được hai con trai, là Kỳ và Mạnh, lúc nhỏ có tiếng tằm. Doãn sau bị Cảnh vương giết hại, người nhà chạy vào báo với vợ Doãn, vợ Doãn lúc ấy đang ngồi bên khung cửi, thần sắc bất biến, nói:

- Ta sớm biết là như thế rồi.

Người nhà muốn giấu con của Doãn đi, vợ Doãn nói:

- Bọn trẻ không liên quan gì.

Về sau lúc dời mộ của Doãn, Cảnh vương phái Chung Hội đi xét bọn trẻ, nếu tài năng phẩm hạnh bằng cha, sẽ bắt. Bọn trẻ nói với mẹ, người mẹ đáp:

¹ Tứ đức của người phụ nữ là: Công, dung, ngôn, hạnh. Bách hạnh của nam nhân: Túc trăm thứ phẩm hạnh của kẻ sĩ.

- Bọn mày tuy giỏi, nhưng tài năng học và thức không nhiều, cứ theo lòng mình cùng Hội nói chuyện, tự nhiên không lo lắng, chẳng nên hết mực đau thương, Hội không hỏi đến thì không nói. Nhưng nên hỏi han một chút đến việc triều đình.

Bọn trẻ theo lời. Hội trở về báo sự việc, cứ thực trạng thưa lại, rút cục lũ trẻ thoát họa, đều nhờ lời dặn của mẹ vậy. Hội tuy biết xét người, nhưng thua trí người phụ nữ hiền minh vậy. Sự hiền minh của Nguyễn thị quả nhiên che chở cho hậu tự, khiến con cháu được truy phong.

Thế ngữ chép: Doãn có hai con trai: Kỳ tự Tử Thái, Mãnh tự Tử Báo, đều có tài về quản lý chính sự, có học vấn. Năm Nguyên Khang trung thời nhà Tấn, Kỳ làm Tư lệ Hiệu úy, Mãnh làm Thứ sử U châu.

Tấn thư công tán của Phó Sướng chép: Mãnh thông lễ nhạc, học vấn uyên bác, là nhân tài bậc nhất đương thời.

Con của Kỳ là Hà, tự Tư Hổ, vì thanh liêm cao thượng mà nổi tiếng, làm quan đến chức Thị trung.

Con của Mãnh là Thức, tự Nghi Hổ, có tài, làm quan đến chức Nội sử Bộc Dương, Thái thú Bình Nguyên.

Người quận Thanh Hà là Vương Kinh cùng Doãn đều nổi tiếng là danh sĩ Ký châu. Năm Cam Lộ trung làm Thượng thư, mắc tội vì việc của Cao Quý hương công bị giết.

Ban đầu Kinh làm Quận thú, mẹ của Kinh bảo Kinh rằng:

- Mày là con nhà cày ruộng, nay làm quan đến chức hai nghìn thạch, hễ cái gì thái quá là không lành, nên dừng lại được rồi.

Kinh không nghe theo, trái chức Thứ sử hai châu, Tư lệ Hiệu úy, cuối cùng rước họa.①

Người đồng quận, bạn của Doãn là Thôi Tán, cũng từng khuyên can Doãn rằng xử thế ở đời chẳng nên huênh hoang mà chuốc họa.②

① *Thế ngữ* chép: Kinh tự Ngạn Vĩ, ban đầu làm Thái thú Giang Hạ. Đại tướng quân Tào Sảng gửi Kinh hai mươi xấp lụa sai đem

bán ở chợ nước Ngô, Kinh không mở thư xem, bỏ chức về nhà. Mẹ Kinh hỏi lý do quay về, Kinh đem sự thực thưa lại. Mẹ Kinh thấy Kinh nắm binh mã mà thiện tiện bỏ chức, bèn đưa Kinh trở lại, ngay trước mặt các quan đánh Kinh năm mươi trượng, Sảng nghe tin, không trị tội nữa.

Kinh làm Tư lệ Hiệu úy, triệu người quận Hà Nội là Hường Hùng làm Đô quan tòng sự. Lúc Vương Nghiệp đi ra, không bày tỏ giúp Kinh, cuối cùng Kinh bị hại.⁽¹⁾

Kinh lâm hình ở chợ Đông, Hùng khóc Kinh, người cả chợ cảm động. Mẹ Kinh bị liên lụy cũng lâm hình, viên lại cũ của Kinh ở Ung châu là Hoàng Phủ Yển bỏ gia tài riêng để thu nhật thi thể mai táng.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Kinh bị bắt, từ biệt mẹ. Mẹ Kinh không đổi sắc, cười rồi đáp rằng:

- Người ta ai chẳng chết? Lúc trước sờ dĩ ta không ngăn mày, là sợ rằng mày chẳng chết đúng chỗ thôi. Vì việc này cùng chết, có gì phải hối hận đâu?

Năm Thái Thủy nguyên niên, Tấn Vũ đế hạ chiếu rằng:

"Cố Thượng thư Vương Kinh, tuy bản thân bị hãm vào tội chết, nhưng giữ chí đáng khen. Người nhà bị diệt không còn một ai, ta thường thương xót, nay hãy ban cho cháu của Kinh làm Lang trung."

② *Ký châu ký* của Tuân Xước chép: Con của Tấn là Hồng, tự Lương Bá, thanh liêm, siêng năng cần trọng, có chí tận trung quên mình, làm Lại bộ thượng thư, Đại tư nông thời nhà Tấn.

Bình rằng: Hạ Hầu, Tào thị, nổi đời là thông gia, cho nên bọn Đôn, Uyên, Nhân, Hồng, Hưu, Thượng, Chân đều vì là thân thích cố cựu gan ruột, được quý hiển coi trọng ở đời, giúp họ Tào dựng công nghiệp, đều ra sức lập công báo đáp. Sảng đức bạc ở địa vị tôn quý, lại ra sức phóng túng vô độ, vốn là việc

¹ Xem sự kiện liên quan ở tập I, quyển 4 (Cao Quý hương công Tào Mao truyện).

làm nguy hại mà *Chu Dịch* đã nêu rõ, là điều mà Đạo gia tối kỵ vậy. Huyền hành sự theo khuôn phép có khí độ, là người có danh tiếng trên đời, nhưng cùng Tào Sảng trong ngoài kháng khít thân mật; địa vị vẻ vang như thế, lại chẳng thể nắn sửa cái sai lầm của Sảng, chiêu vời kẻ có trí có tài. Lấy ý đấy mà luận, sao có thể thoát được họa đây!

--- ॐ ---

QUYỂN THỨ MƯỜI TUÂN ÚC, TUÂN DU, GIẢ HỦ TRUYỆN

— 38 —

Tuân Úc tự Văn Nhược, người quận Dĩnh Xuyên huyện Dĩnh Âm. Tổ phụ của Úc là Thục, tự Quý Hòa, làm Lãng Lãng lệnh. Thời nhà Hán khoảng những năm đời Thuận đế, Hoàn đế, nổi danh đương thời. Thục có tám người con, hiệu là Bát long.⁽¹⁾ Cha của Úc là Cồn, làm Tế Nam tướng. Chú của Úc là Sảng, làm Tư không.^①

① *Tục Hán thư* chép: Thục có tài cao, Vương Sướng, Lý Ứng⁽²⁾ đều coi là thầy, làm Hầu tướng ở Lãng Lăng, hiệu là Thần Quân.

Hán kỷ của Trương Phan chép: Thục học rộng, phẩm hạnh cao thượng, cùng Lý Cố, Lý Ứng kết giao thân thiết đồng chí hướng, đề bạt Lý Chiêu từ chức tiểu lại, là bạn với chú của vua là Lưu Độ từ thuở ấu thơ, Thục vì việc đề cử Hiền lương phương chính⁽³⁾

¹ Tức tám con rồng.

² Vương Sướng (王暢) tự Thúc Mậu, người quận Sơn Dương huyện Cao Bình, làm quan Tư không thời vua Hán Linh đế.

Lý Ứng (李膺) tự Nguyên Lễ, người quận Dĩnh Xuyên huyện Tương Thành, dưới thời Hán Linh đế, ông trải nhiều chức vụ, chức vị cuối cùng là Tư lệ Hiệu úy.

³ Thời nhà Hán, khi có điềm báo tai họa dị thường như nhật thực, động đất, Hoàng đế hạ chiếu chỉ xuống công khanh để hỏi về điềm báo và các việc được mất. Thời Hán Linh đế vì có động đất nên có chiếu vời công khanh. “Hiền lương” là người có tài năng, có đức hạnh tốt; “phương chính” tức là có lòng chính trực. Hiền lương phương chính là một trong những khoa mục trong hệ thống tuyển bạt nhân tài vào thời nhà Hán, bắt đầu được đặt ra vào năm 178 trước Công nguyên, thời vua Hán Văn đế.

được triệu, lúc hỏi về đối sách thì Thục chỉ trích Lương thị,⁽¹⁾ nên bị bổ nhiệm ra ngoài làm Hầu tướng ở Lãng Lăng, chết khi làm quan.

Thục có tám người con là: Kiệm, Cồn, Tĩnh, Đảo, Ưông, Sảng, Túc, Phu.

Sảng tự Từ Minh, thuở nhỏ hiếu học, năm mười hai tuổi, lâu thông *Kinh Xuân Thu*, *Luận ngữ*, đam mê nghiên ngẫm kinh sách điển cổ, chẳng ra ứng mệnh triệu làm quan, đến hơn chục năm. Đồng Trác cầm quyền chính, lại cho triệu Sảng, Sảng định trốn đi, quan địa phương giữ lại báo lên. Chiếu mệnh xuống quận, lập tức bái làm Bình Nguyên tướng. Sảng đến Uyển Lăng, triều đình lại cho người đuổi theo bái làm Quang lộc huân. Coi việc được ba ngày, lại có sách mệnh bái làm Tư không. Sảng phát lên từ kẻ áo vải, qua chín mươi lăm ngày mà làm đến chức Tam công.

Ngày trước Thục ở làng Tây Hào, Uyển Khang lệnh nói rằng ngày xưa Cao Dương thị có tám người con tài giỏi,⁽²⁾ nên đặt tên làng ấy là làng Cao Dương.

Tĩnh tự Thúc Từ, cũng là người chí đức, danh vọng gần như Sảng, chung thân đi ở ẩn.

Dật sĩ truyện của Hoàng Phủ Mật kể:

Có người hỏi Hứa Tử Tương,⁽³⁾ rằng Tĩnh với Sảng ai hiền hơn? Tử Tương nói:

- Hai người đều là ngọc báu vậy, Từ Minh sáng rọi ở ngoài, Thúc Từ sáng ngấm bên trong.

¹ Họ Lương vào thời vua Hán Thuận đế là quý thích, vốn là gia thế đại tộc, tổ tiên từng giúp Quang Vũ đế gây dựng nhà Đông Hán. Con gái của Lương Thương là vợ vua Hán Thuận đế, khi Hán Thuận đế qua đời, Lương thái hậu buông rèm nhiếp chính. Lương Ký, tự Bá Trắc là em của Thái hậu, làm Đại tướng quân, vào thời ấy, quyền lực của họ Lương khuynh đảo cả chính quyền Đông Hán.

² Được người đời gọi là “Bát khai.”

³ Hứa Thiệu (许劭), tự Tử Tương (子将) người quận Nhữ Nam, huyện Bình Dư, nổi tiếng với tài xem tướng, cứ mỗi tháng lại bình phẩm về các nhân vật nổi danh đương thời, người đời gọi là “Nguyệt đán bình.” Từng xem tướng cho Tào Tháo, bình: “Ngài là quan giỏi thời trị, anh hùng thời loạn.” Xem tập I, quyển 1 (Vũ đế kỷ).

Thời Úc còn trẻ, người quận Nam Dương là Hà Ngung gặp cho là kẻ khác thường, nói:

- Người này có tài vương tá vậy.^①

Năm Vĩnh Hán nguyên niên, xét cử Hiếu liêm, Úc được bái làm Thủ cung lệnh.⁽¹⁾ Đồng Trác gây loạn, tìm người cho ra ngoài bổ nhiệm làm chức Lại. Úc được đổi phong làm Kháng Phụ lệnh, bèn bỏ chức về quê, bảo với các vị phụ lão rằng:

- Dĩnh Xuyên, là đất tứ bề tranh chiến, khi thiên hạ có biến, thường là nơi binh đao xung yếu, nên gấp rút rời bỏ chỗ này, chớ ở lại lâu.

Người làng đa phần lưu luyến đất cũ còn do dự, vừa lúc người đồng quận là Hàn Phúc làm Ký châu mục phái quân kỵ đến đón Úc, tuyệt chẳng có ai đi theo, một mình Úc dẫn tông tộc đến Ký châu. Nhưng Viên Thiệu đã cướp đoạt ngôi vị của Phúc, dùng lễ thượng tôn đối đãi Úc. Em trai của Úc là Kham cùng người đồng quận là Tân Bình, Quách Đồ, đều được Thiệu bổ dụng. Úc đồn rằng Thiệu cuối cùng chẳng thể làm nên đại sự.

Thời ấy Thái tổ làm Phấn vũ tướng quân, trú tại Đông Quận, năm Sơ Bình thứ hai, Úc bỏ Thiệu theo Thái tổ. Thái tổ rất mừng nói:

- Người là Tử Phòng⁽²⁾ của ta vậy.

Bèn lấy Úc làm Tư mã, năm ấy Úc hai mươi chín tuổi.

Bấy giờ, Đồng Trác oai lấn thiên hạ, Thái tổ đem việc ấy hỏi Úc, Úc nói:

- Cái bạo ngược của Trác đã quá lắm, tất loạn về sau, không thể giúp hấn được vậy.

¹ Thủ cung lệnh (守宮令) là chức quan chuyên giữ sổ sách, giấy, mực, nghiên bút và một số vật dụng văn phòng khác cho Hoàng đế.

² Trương Lương (张良), tự Tử Phòng (子房), là mưu sĩ nổi danh, công thần hàng đầu của Hán Cao tổ.

Trác phái bọn Lý Thôi xuất binh từ Quan Đông, qua đầu cướp bóc ở đó, đến Dĩnh Xuyên, Trần Lưu rồi quay về. Người làng của Úc ở lại quê khi trước đã phần bị cướp bóc, giết hại. Năm sau, Thái tổ lĩnh Duyện châu mục, sau làm Trấn đông tướng quân, Úc thường làm Tư mã đi theo.

Năm Hưng Bình nguyên niên, Thái tổ đi chinh phạt Đào Khiêm, Úc ở lại chủ trì gánh vác việc. Gặp lúc Trương Mạc, Trần Cung tạo phản lấy Duyện châu, ngầm đón Lã Bố. Bố đến rồi, Mạc bèn sai Lưu Dục đến báo với Úc rằng:

- Lã tướng quân đến giúp Tào sứ quân đánh Đào Khiêm, nên mau chóng cung cấp lương cho quân của ông ấy.

Mọi người nghi hoặc. Úc đoán là Mạc làm loạn, lập tức chinh đốn quân đội bố trí sẵn sàng, sai người ruổi ngựa gấp rút triệu Thái thú Đông quận là Hạ Hầu Đôn, nhưng các thành ở Duyện châu đều hưởng ứng Lã Bố rồi. Bấy giờ tất cả quân của Thái tổ đi đánh Đào Khiêm, binh giữ nhà ít, mà tướng lĩnh quan lại đã phần cùng Mạc, Cung thông mưu. Đôn đến, ngay đêm ấy giết mấy chục kẻ mưu phản, mọi người mới yên.

Thứ sử Dục châu là Quách Cống thống suất mấy vạn bộ chúng đến dưới thành, có người nói Cống và Lã Bố đồng mưu, mọi người rất sợ. Cống xin gặp Úc, Úc sắp đi. Bọn Đôn nói:

- Ngài, là trấn thủ một châu, qua đó tất nguy, không nên đi.

Úc nói:

- Cống cùng bọn Mạc, vốn chẳng phải là cấu kết nhau từ trước vậy, nay đến gấp, kế tất chưa định; nhân lúc kế của họ chưa định, ta đến thuyết họ, ví như họ chẳng để ta sử dụng, cũng có thể khiến họ đứng giữa, nếu ta ngờ họ trước, bên kia sẽ tức giận mà thành kế vậy.

Cống thấy Úc không có ý sợ hãi, cho là Quyên thành chưa dễ đánh, bèn dẫn binh bỏ đi. Úc lại cùng Trình Dục bày kế, sai

người khuyển huyện Phạm và huyện Đông A, cuối cùng bảo toàn được ba thành, để đợi Thái tổ.

Thái tổ từ Từ châu quay về đánh Bỗ ở huyện Bộc Dương, Bỗ chạy sang đông.

Năm thứ hai mùa hạ, Thái tổ đóng quân ở Thừa Thị, năm ấy mất mùa, đói lớn, người phải ăn thịt lẫn nhau.

① *Diễn lược* chép: Trung thường thị Đường Hành⁽¹⁾ muốn đem con gái gả cho người quận Nhữ Nam là Công Minh, Công Minh không lấy, mới chuyển gả cho Úc. Cha của Úc là Cồn hâm mộ gia thế nhà Hành, cho Úc lấy người ấy làm vợ. Úc vì thế bị người đời bàn luận chê bai.

Thần Tùng Chi xét: *Hán kỷ* nói là Đường Hành chết năm Diên Hi thứ bảy thời Hoàn đế, tính ra Úc lúc đó mới có hai tuổi, tất cái ngày hôn sự của Úc, Hành chết đã lâu rồi. Nói rằng Cồn hâm mộ gia thế Hành là chẳng đúng vậy.

Thần Tùng Chi lại cho rằng Cồn đã là một người trong Bát long, tất chẳng thể nào là người cầu thả được, mà có gì bức bách nhau đâu, sao nói rằng Cồn hâm mộ gia thế Hành vậy? Xưa kia Trịnh Hốt khước từ ý của vua Tề bị chê trách,⁽²⁾ Tuấn Sinh cự tuyệt lời của họ Hoắc được ngợi khen,⁽³⁾ trách ở chỗ đánh mất nước viện trợ, khen ở chỗ biết lo xa, đã không có cái hại từ việc đoạn tuyệt thâm giao, cho nên mỗi bên cứ theo chí của mình thôi. Đến như chuyện yêm thụ lộng hành, bốn bề nín thở; Tả Quán, Đường Hành, sống chết tại miệng. Thế nên bấy giờ ngạn ngữ có câu rằng:

¹ Đường Hành (唐衡), người quận Dĩnh Xuyên huyện Yên. Thời Hán Hoàn đế là tiểu hoàng môn, cùng bọn hoạn quan hợp mưu giết ngoại thích là Lương Ký, được phong tước Nhữ Dương hầu, là người rất có quyền lực thời ấy.

² Trịnh Hốt (郑忽), tức Cơ Hốt, con vua Trịnh Trang công, là Thế tử, giúp nước Tề đánh giặc Bắc Nhung, vua nước Tề là Tề Hi công muốn gả con gái là Văn Khương cho, Trịnh Hốt chối từ không lấy, bị quan đại phu là Tế Trọng chê trách.

³ Tuấn Sinh (隼生) là Tuấn Bất Nghi người thời Hán Chiêu đế, cự tuyệt lời cầu hôn gả con gái của Hoắc Quang, đại thần phụ chính thời Tây Hán nắm uy quyền nghiêng thiên hạ lúc bấy giờ, được sử gia Ban Cố ngợi khen.

"Tả hồi thiên, Đường độc tọa",⁽¹⁾ là nói đến cái uy quyền tuyệt đối có một không hai vậy. Thuận theo ý thì lục thân⁽²⁾ an lành, ngược tất đại họa đến ngay; đây là lấy sinh tồn đối diệt vong, đội si nhục để mong một ngày an toàn. Xưa kia Tưởng Hủ gả con gái cho họ Vương,⁽³⁾ không hề tổn hại đến tiết tháo thanh cao, Cỗ chấp thuận cuộc hôn nhân ấy, có hại gì đâu!

Đào Khiêm chết, Thái tổ muốn đoạt lấy Từ châu, rồi mới quay về bình định Bồ. Úc nói:

- Xưa kia Cao Tổ giữ Quan Trung, Quang Vũ chiếm cứ Hà Nội, đều là rễ sâu bèn gốc để không chế thiên hạ, tiến đủ để thắng địch, lui đủ để giữ vững, cho nên dù có nguy khốn thua bại nhưng cuối cùng vẫn làm nên đại nghiệp.⁽⁴⁾ Tướng quân vốn lấy Duyện châu để khởi sự, bình định họa loạn ở Sơn Đông, trăm họ chẳng ai không vui lòng bội phục. Vả lại vùng Hà, Tể, là yếu địa của thiên hạ, nay tuy hoang lổ, cũng dễ yên để tự giữ, đây cũng là Quan Trung, Hà Nội của tướng quân vậy, chẳng thể không ổn định trước. Nay ta đã phá được Lý Phong, Tiết Lan, nếu chia binh sang đông đánh Trần Cung, Cung tất chẳng dám ngoái về tây, ta nhân lúc họ sơ hở đưa binh đến thu lấy lúa mạch chín, tích thóc kiệm lương, một lần cử sự mà có

¹ Quyền lực họ Tả đủ xoay trời, ngôi vị họ Đường không có người thứ hai.

² Lục thân (六亲), có nhiều cách giải thích, ở đây có lẽ là cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

³ Tưởng Hủ (蒋诩), là Thứ sử Duyện châu thời Đông Hán, khí tiết thanh cao, lúc Vương Mãng chuyên quyền, ông bỏ quan đi ở ẩn. Ông từng gả con gái cho con trai Vương Mãng, sau này Mãng cướp ngôi Hán, tự lập nhà Tân, song Tưởng Hủ vẫn giữ chí thanh cao, người đời sau không hề chê trách gì Tưởng Hủ.

⁴ Hạng Vũ phân phong chư hầu, phong Lưu Bang ở Hán Trung, thời ấy là xứ xa xôi hiểm trở nhưng rất giàu có. Lưu Bang gây dựng cơ sở vững chắc, về sau lấy đây làm gốc, từ Hán Trung theo lối Trần Thương tiến ra tranh đoạt thiên hạ với Hạng Vũ, tuy nhiều lần thua bại, nhưng nhờ gốc vững nên lấy được thiên hạ, lập nhà Tây Hán.

Quang Vũ để Lưu Tú được Canh Thủy để phái đi bình Hà Bắc, ông gây dựng cơ sở, đánh chiếm quận Hà Nội là nơi dân chúng giàu có, không bị chiến tranh tàn phá, rồi tiến đánh Quan Trung. Sau này diệt hết các thế lực chống đối, lên ngôi Hoàng đế lập nhà Đông Hán.

thế phá được Bồ vậy. Phá Bồ xong, ta mới liên kết với quân Dương châu ở phía nam,⁽¹⁾ cùng dẹp Viên Thuật, đối trận ở vùng Hoài, Tứ. Nếu bỏ Bồ mà sang đông, để lại nhiều binh thì chẳng đủ binh để dùng, để lại ít binh thì toàn dân phải giữ thành, không ai kiểm củi cắt cỏ. Bồ thừa hư đến cướp bóc, dân tâm hoảng sợ, chỉ có Quyên thành, huyện Phạm, huyện Vệ là có thể bảo toàn, các nơi còn lại không phải của ta, thế là không có Duyện châu nữa vậy. Nếu Từ châu bất định, tướng quân sẽ an thân ở đâu? Vả lại Đào Khiêm tuy đã chết, Từ châu chưa dễ gì mất được. Bên kia soi xét cái thua bại năm trước, sẽ sợ hãi câu kết với nhau, trong ngoài tương ứng. Nay phương đông đều đến lúc thu lúa mạch, tất họ sẽ chắc thành bền lũy để đợi tướng quân, tướng quân đánh thành chẳng hạ nổi, đi cướp không thu được gì, bất quá mười ngày, thì chục vạn quân chưa đánh đã tự khốn rồi.① Lần trước ta đánh Từ châu, hình phạt thực rất nặng,② con em họ nhớ đến cái nhục của cha anh, tất người người quyết chết tự giữ, không có ý hàng, ví như ta có thể phá được họ, cũng chẳng thể thu được người ở Từ châu vậy. Sự việc vốn có mấu chốt, lại bỏ chỗ này lấy chỗ kia, đem cái lớn đổi cái nhỏ, đem yên lành đổi nguy nan, cái thế quyền biến nhất thời, chẳng lo gốc thì không thể bền chắc được vậy. Nay ba điều ấy chẳng điều nào được lợi, xin tướng quân nghĩ kỹ việc ấy.

Thái tổ bèn thôi. Thu lúa mạch xong, lại cùng Bồ giao chiến, chia binh đi bình các huyện. Bồ thua chạy, Duyện châu vì thế bình được.

① Thần Tùng Chi cho rằng vào thời ấy Từ châu chưa định, người Duyện châu lại làm phản, mà nói rằng bộ chúng có mười vạn, tuy lời nói khoa trương, nhưng cốt yếu là không nói cái thế cô lực yếu của mình ra. Thêm nữa ta biết rằng ở chiến dịch Quan Độ, chẳng đã kể là binh không đầy một vạn vậy.

¹ Quân Dương châu tức là quân vùng Giang Hán, khi ấy do Lưu Do thống quản.

② *Tào man truyện* kể: Từ lúc kinh sư gặp loạn Đông Trác, dân chúng phiêu dạt về đông, đa phần nương náu ở quanh vùng Bành Thành. Lúc Thái tổ đến, chôn sống giết chóc mấy vạn nam nữ ở sông Tứ, nước sông không chảy được. Đào Khiêm thống suất quân dân của mình thủ giữ tại Vũ Nguyên, Thái tổ không tiến được. Bèn dẫn quân theo sông Tứ xuôi nam đánh các huyện Thủ Lự, Tuy Lăng, Hạ Khâu, đều đánh giết sạch sẽ; gà chó cũng diệt tận, nơi thôn ấp không có người qua lại.

Năm Kiến An nguyên niên, Thái tổ đánh phá giặc Khăn Vàng. Hán Hiến đế từ Hà Đông quay về Lạc Dương. Thái tổ nghị bàn việc phụng giá đón Thiên tử về huyện Hứa, có người cho rằng Sơn Đông chưa bình định, Hàn Tiêm, Dương Phụng vừa mới đưa Thiên tử đến Lạc Dương, mặt Bắc liên kết với Trương Dương, chưa thể khống chế ngay được.

Úc khuyên Thái tổ rằng:

- Khi xưa Tấn Văn công đón Chu Tương vương mà chư hầu theo hiệu lệnh,⁽¹⁾ Cao tổ sang đông đánh dẹp vì Nghĩa đế mặc áo xô để tang mà thiên hạ theo về.⁽²⁾ Từ lúc Thiên tử lưu ly khốn đốn, tướng quân cầm đầu khởi xướng nghĩa binh, chỉ vì Sơn

¹ Chu Tương vương (周襄王) có em là Thúc Đái (叔帶), còn gọi là Vương tứ Đái. Thúc Đái liên kết với người nước Địch, đánh cướp ngôi của Tương vương. Tương vương cầu cứu nước Tấn, Tấn Văn công bảy giờ mới lên ngôi, mang quân đón Tương vương đưa về Chu, đánh giết Thúc Đái, tôn phù Thiên tử, được Chu Tương vương ban ngọc khuê, các nước chư hầu đều thuận theo, tôn nước Tấn làm bá chủ.

² Sở Nghĩa đế (楚義帝), tên thật là Hùng Tâm (熊心). Nước Sở bị nước Tần diệt, công tộc trốn lánh, Hùng Tâm phải đi chần dề cho nhà giàu. Thời Tần mạt, quần hùng nổi dậy, Hạng Lương cho người tìm dòng dõi vua nước Sở để tôn lập, nhằm mục đích kích động người chống Tần, tìm được Hùng Tâm, bèn tôn làm vua nước Sở. Nghĩa đế từng ước hẹn với chư hầu khi đánh Tần rằng: “Ai vào Quan Trung trước thì làm vua.” Rút cục Lưu Bang vào Quan Trung trước, nhưng lực lượng của Hạng Vũ mạnh hơn, không nghe theo, tự xưng là Tây Sở Bá vương, sai người dời Nghĩa đế đến quận Trường Sa, rồi bí mật sai người đuổi theo giết chết. Lưu Bang từ Hán Trung ra phía đông đánh Sở, đến Tân Thành, biết tin Nghĩa đế bị Hạng Vũ mưu sát, bèn nhân danh báo thù cho Nghĩa đế để đánh Hạng Vũ, sai quân để tang và tập hợp chư hầu tiến vào Bành Thành. Thiên hạ theo về Hán vương.

Đông nhiều loạn, chưa thể đi xa đến vùng Quan Hữu, nhưng vẫn chia phái tướng soái, vượt hiểm thông sứ, tuy rằng chống cái nạn ở bên ngoài, nhưng trong tâm chẳng lúc nào không nhớ về vương thất, thế là tướng quân tỏ rõ cái chí khuông phò thiên hạ vậy. Nay xa giá đã quay về, Đông kinh⁽¹⁾ gai góc um tùm, nghĩa sĩ vẫn nghĩ đến cội nguồn, trăm họ nghĩ nhớ ngày xưa lại càng thương cảm. Thực nên nhân cơ hội này, phụng giá chủ thượng đế thỏa lòng mong mỏi của dân, là đại thuận vậy; giữ lấy chí công để thu phục kẻ anh kiệt, là đại lược vậy; phù giúp chính đạo để vùi người tài tuấn, là đại đức vậy. Thiên hạ đâu có kẻ trái tiết chế, hản chẳng thể lụy đến ta, là điều rõ ràng rồi. Hàn Tiêm, Dương Phụng há dám gây hại! Nếu chẳng định liệu kịp thời, người bốn phương sinh lòng khác, sau này dẫu tính việc ấy, cũng không kịp nữa.

Thái tổ bèn đến Lạc Dương, đón Thiên tử về đóng đô ở huyện Hứa. Thiên tử bái Thái tổ làm Đại tướng quân, thăng Úc làm Thị trung của nhà Hán, coi xét việc của Thượng thư lệnh. Úc thường ở trong nắm giữ các việc quan trọng, ① Thái tổ dù đi chinh phạt ở ngoài, các việc quân quốc đại sự đều cùng Úc trù liệu. ②

Thái tổ hỏi Úc:

- Ai có thể thay khanh giúp ta mưu việc?

Úc nói:

- Tuân Du, Chung Do.

Trước đây, Úc đề xuất các mưu sĩ, tiến cử Hí Chí Tài. Chí Tài chết, lại tiến cử Quách Gia. Thái tổ cho là Úc biết xét người, những người mà Úc tiến cử đều xứng chức, duy có Nghiêm

¹ Đông kinh là chỉ kinh đô phía đông, tức Lạc Dương. Nhà Tây Hán đặt kinh đô ở Trường An, nhà Đông Hán đặt kinh đô ở Lạc Dương. Vì thế gọi là Đông kinh và Tây kinh.

Tượng làm Thái thú Dương châu, Vi Khang làm Thái thú Lương châu, về sau thua bại thân vong.^③

① *Diễn lược* chép: Úc nhún mình tiếp kẻ sĩ, ngồi chẳng thêm chiếu.⁽¹⁾ Tuy là giữ chức ở chỗ đài gác,⁽²⁾ chẳng vì dục vọng mà nản sửa việc theo ý riêng. Úc có một người anh em trong họ đi theo, tài năng đức hạnh rất tầm thường, người ấy bảo Úc rằng:

- Nhân lúc ngài đương gánh vác đại sự, chẳng lẽ không thể dùng mỗ làm chức Nghị lang được sao?

Úc cười nói:

- Quan chức là cái chỗ để người ta biểu lộ tài năng vậy, nếu như có ai hỏi đến, chúng nhân sẽ nói về ta thế nào đây!

Úc giữ lòng công bằng chính trực, đại loại như thế.

② *Diễn lược* chép: Úc là người khô ngô anh tuấn.

Lại có *Bình Nguyên Nễ Hành truyện* chép: Hành tự Chính Bình, năm Kiến An sơ, từ Kinh châu lên bắc du ngoạn Hứa Đô, cậy tài ngạo mạn, tùy ý chê bai người khác, thấy ai chẳng bằng mình thì không thềm nói chuyện, người ta đều vì thế mà ghét Hành. Duy có Thiệu phủ Khổng Dung xem trọng cái tài của hắn, dâng thơ tiến cử Hành rằng:

*"Phẩm chất cao đẹp,
Thành thực trung trinh,
Anh tài siêu việt.
Trước theo nghề văn,
Hiểu thấu sâu xa;
Mắt liếc một lần,
Đọc ngay ra miêng,
Tai mới nghe lọt,
Bụng nhớ không quên.
Tĩnh tình hợp đạo,
Suy nghĩ như thần.*

¹ Ý nói, nếu mình mắc lỗi thì nhận sai, không suy diễn đổ lỗi cho người khác.

² Đài gác, là nói phủ Thượng thư vậy.

Tâm kế Hoằng Dương,⁽¹⁾

Trí sâu An Thế,⁽²⁾

So sánh với Hành,

Thật chẳng quái lạ."

Hành năm ấy hai mươi bốn tuổi.

Bấy giờ Hứa Đô tuy mới dựng, nhưng nhân sĩ đông đảo. Hành từng viết một bức thư châm chọc bọn họ, lời lẽ buông tuồng lỗ mãng nhưng không chỉ rõ người nào. Có người hỏi Hành rằng:

- Sao ngài chẳng theo Trần Trường Văn và Tư Mã Bá Đạt nhỉ?

Hành nói:

- Người muốn ta theo bọn trẻ ranh bán thịt, bung rượu đó sao!

Người ấy lại hỏi rằng:

- Hiện nay trong huyện Hứa, ai là người khá nhất?

Hành nói:

- Có thằng bé nhớn là Khổng Văn Cử, thằng bé nhỏ là Dương Đức Tổ.

Lại hỏi:

- Tào công, Tuân lệnh quân, Triệu dâng khấu⁽³⁾ đều đủ tài cái thế rồi nhỉ?

Hành khen ngợi Tào công không nhiều lắm; lại thấy Tuân dung mạo uy nghi, Triệu có cái bụng lớn, bèn đáp:

¹ Tang Hoằng Dương (桑弘羊), người Lạc Dương, xuất thân từ gia đình buôn bán, đặc biệt giỏi tính toán, vào cung từ năm 13 tuổi, là nhà chính trị gia, đại thần quản lý tài chính thời Hán Vũ đế, Hán Chiêu đế, ngoài ra còn kiêm nhiệm rất nhiều các chức vụ quan trọng khác.

² Trương An Thế (张安世) là người thời Vũ đế, Chiêu đế, Tuyên đế nhà Hán. Ban đầu nhờ địa vị của cha nên được vào cung làm quan lang, có tài nhớ dai, đã xem cái gì là nhớ mãi không bao giờ quên, vua Hán cho là kỳ tài không ai so được, đề cử làm Thượng thư lệnh, Quang lộc đại phu. Về sau được phong làm Hữu tướng quân, tước Phú Bình hầu, là quan thanh liêm nổi tiếng.

³ Những người nhắc đến tên tự ở trên lần lượt là Trần Quân, Tư Mã Lăng, Khổng Dung, Dương Tu, Tào Tháo, Tuân Úc, Triệu Trĩ Trường.

- Nên mượn bộ mặt của Văn Nhượng đi điếu tang, nên sai Trĩ Trường coi xét nhà bếp thỉnh khách.

Ý của Hành cho là Tuấn chỉ được vẻ mặt, còn Triệu chỉ khỏe ăn thịt vậy. Vì thế chúng nhân đều nghiêng rằng căm giận. Hành biết mọi người không hài lòng, muốn xuôi nam về Kinh châu. Lúc gói gém hành trang sắp sửa khởi hành, chúng nhân đưa tiễn, trước hết bày trướng màn soạn tiệc ở phía nam thành, tự bảo nhau rằng:

- Hành nhiều lần vô lễ ngạo mạn, nay hấn đến sau cùng, chúng ta đừng ai đứng lên đón tiếp để đáp trả hấn.

Lúc Hành đến nơi, chúng nhân đều ngồi yên không đứng dậy, Hành bèn gào khóc rất to. Chúng nhân hỏi nguyên cớ vì sao, Hành nói:

- Đi giữa đám áo quan người chết, sao chẳng bi thương?

Hành xuôi nam tới gặp Lưu Biểu, Biểu rất kính lễ Hành. Tướng quân Hoàng Tổ đóng trại ở Hạ Khẩu, con của Tổ là Xạ cùng Hành chơi thân, theo đến Hạ Khẩu. Tổ khen cái tài của Hành, mỗi khi ngồi chơi, trái chiếu mời như khách lạ, lại sai người giúp lễ để cùng Hành đàm luận.⁽¹⁾ Về sau Hành kiêu ngạo xác láo, đáp lại lời Tổ mà nói nhiều câu bốn cột quanh co, Tổ cho là Hành nhục mạ mình, cả giận, ngoảnh lại sai lính hầu nắm đầu ném ra ngoài. Tả hữu liền nhấc lên, lôi ra giết chết.

Thần Tùng Chi thấy bản truyện không tả dung mạo của Úc, cho nên mới chép *Diễn lược* và dẫn truyện về Hành để làm rõ. Lại thấy có người là Phan Úc vì Úc soạn văn bia,⁽²⁾ khen Úc là "Vẻ mặt đẹp như ngọc."

Văn sĩ truyện của Trương Hành chép: Khổng Dung mấy lần tiến cử Nễ Hành với Thái tổ, Thái tổ muốn cùng gặp, nhưng Hành ghét Thái tổ là người ác, thường có ý phẫn hận buồn bã. Từ đó sinh tật ngông cuồng không chịu đến, lại mấy lần bày kế lời bất

¹ Thời xưa, khi có khách quý đến chơi nhà, hai bên ngồi cách xa nhau, theo lễ chủ khách, có người giúp lễ, đem lời người bên này nói lại với người bên kia. Người giúp lễ bên chủ gọi là "thần", bên khách gọi là "giới."

² Bài văn khắc trên bia mộ.

mãn. Thái tổ nghe được lời ấy, mưu định làm nhục Hành, bèn sung làm chức Cỗ lại.⁽¹⁾

Về sau đến buổi chiều tháng tám, mở đại yến, tân khách đều hội họp. Theo quy củ bấy giờ, Cỗ lại lúc đánh trống, đều phải cởi bỏ áo cũ, thay áo mới. Đến lượt Hành, Hành đánh ba hồi trống theo khúc Ngư Dương,⁽²⁾ phong thái sắc mặt chẳng có chi khác thường, nhưng âm tiết rất thần diệu. Tân khách ngồi trên nghe tiếng trống ấy, chẳng ai không cảm khái bồn chồn. Vì cái lỗi không thay áo, kẻ lại mắng Hành, Hành bèn đứng trước mặt Thái tổ, lần lần trút bỏ áo quần, trần truồng mà đứng, rồi thông thả mặc quần đội mũ vào, lại đánh ba hồi trống, sắc mặt chẳng có vẻ thẹn. Thái tổ cả cười, bảo những người ngồi ở bốn phía rằng:

- Cô muốn làm nhục Hành, Hành lại làm nhục Cô.

Đến nay có ba hồi trống Ngư Dương, là từ Hành mà ra vậy.

Dung mấy lần kín đáo trách Hành, rồi tuyên ý của Thái tổ, muốn Hành cùng Thái tổ tương kiến. Hành đồng ý, nói:

- Ta sẽ vì ngài mà qua đó.

Đến buổi chiều tháng mười, Dung đến gặp Thái tổ trước, nói "Hành muốn cầu kiến." Tới ngày hội yến, Hành mặc áo cộc, đội khăn thưa, đi giày vải, ngồi ở bên ngoài cửa doanh của Thái tổ, lấy gậy đập xuống đất, mắng chửi nhục mạ Thái tổ. Thái tổ truyền lệnh ra ngoài sai lấy ngay ba con ngựa khỏe ở trong chuồng và hai lính kỵ, bảo Dung rằng:

- Nể Hành là thằng trẻ ranh, sao dám như thế! Cô giết hấn không khác gì giết loài chim chuột, nghĩ lại thì người này vốn có hư danh, xa gần nghe biết tiếng, hôm nay giết hấn, người ta sẽ bảo Cô không có lượng bao dung. Nay đưa hấn tới chỗ Lưu Biểu, xem kết cục sẽ thế nào?

Bèn lệnh cho lính kỵ đặt Hành lên ngựa, hai lính kỵ hộ tống đến Nam Dương.

¹ Cỗ lại (鼓吏), là người chuyên đánh trống trong các buổi lễ, tiệc.

² Ngư Dương (漁陽), là tên một khúc nhạc bi thương buồn bã thời cổ.

Phó tử chép: Hành giỏi nói năng khéo biện bác nhưng bình luận khắc bạc, hôm gặp Kinh châu mục Lưu Biểu, thậm chí Hành còn tự kết giao với Biểu nữa, Biểu rất hài lòng cho làm thượng tân.⁽¹⁾ Hành xưng tụng Biểu bằng lời lẽ hoa mỹ không ngừng, nhưng lại luận xét tả hữu của Biểu bằng lời lẽ không chừng mực. Bởi thế tả hữu của Biểu nhân khiếm khuyết của Hành đưa lời gièm pha, nói:

- Hành xưng tụng lòng nhân của tướng quân, Tây bá⁽²⁾ chẳng hơn được, duy có điều hấn cho là ngài không có tài quyết đoán; rút cục chẳng làm nên nghiệp, hấn vì lý do đấy.

Lời ấy mới thật là chê Biểu kém trí, mà chẳng phải là lời Hành nói ra. Biểu chẳng xét kỹ, liền xa lánh Hành rồi đuổi đi. Hành vì thế tuyệt giao với Lưu Biểu, kể cùng mới tới chỗ Hoàng Tổ, rút cục thân chết danh diệt, làm trò cười cho thiên hạ, lời gièm chê của người ta mới thực đáng sợ vậy.

③ *Tam phụ Quyết lục chú* chép: Tượng tự Văn Bắc, người quận Kinh Triệu. Thời trẻ rất thông minh uyên bác, có trí mưu, lại can đảm. Làm Đốc quân Ngự sử trung thừa đến Dương châu đánh dẹp Viên Thuật, vừa lúc Thuật bị bệnh chết, vì thế triều đình dùng Tượng làm Thứ sử Dương châu. Năm Kiến An thứ năm, bị Thái thú Lư Giang do Tôn Sách đặt ra là Lý Thuật giết hại, năm ấy ba mươi tám tuổi.

Người đồng quận với Tượng là Triệu Kỳ làm sách *Tam phụ Quyết lục*, sợ người thời bấy giờ chẳng hiểu hết ý nghĩa của sách ấy, nên giấu sách đi, chỉ báo cho Tượng biết.

Vi Khang tự Nguyên Tương, vốn cũng là người quận Kinh Triệu. Khổng Dung viết thư gửi cha của Khang là Doan, nói:

"Hôm trước Nguyên Tương lại chơi, thấy hấn tài năng uyên bác, sáng suốt độ lượng, nhã nhặn rộng rãi lại quả quyết, là người có chí khí lớn lao ở đời. Hôm qua Trọng Tương lại tới, thấy hấn tính tình thuần hậu, trung tín thành thật, thông tuệ nhanh nhẹn, rất mực chân thành, là

¹ Bạc khách quý, được ngồi chiếu trên cùng hàng với chủ nhân.

² Tây bá tức Chu Văn vương Cơ Xương, cha của Chu Vũ vương Cơ Phát, người khai nghiệp triều Chu.

người chủ gánh vác việc nhà. Chẳng ngờ ngài có hai viên ngọc châu, sinh từ hai con trai già, thực rất trân quý vậy.”

Doan từ chức Lương châu mục được triệu về triều làm Thái phó, Khang thay làm Thứ sử Lương châu, người bấy giờ cho là vinh. Về sau Khang bị Mã Siêu vây khốn, kiên cường giữ thành rất lâu, nhưng quân cứu không đến, rút cục bị Siêu giết hại.

Trọng Tương tên Đản, thấy ở Lưu Thiệu truyện.

Từ khi Thái tổ nghênh đón Thiên tử, Viên Thiệu trong lòng bất phục. Thiệu đã thôn tính trọn vùng Hà Sóc, thiên hạ kiêng sợ sự hùng cường của Thiệu. Thái tổ ở phương đông lo Lã Bố, ở phía nam chống Trương Tú, mà Tú đánh bại quân của Thái tổ ở huyện Uyển. Thiệu càng kiêu căng, gửi thư cho Thái tổ, lời lẽ thư ấy đầy vẻ ngạo mạn. Thái tổ cả giận, ra vào hành động cử chỉ rất khác thường, chúng đều cho là vì việc quân với Trương Tú bị bất lợi. Chung Do vì thế hỏi Úc, Úc nói:

- Công là người thông minh, tất chẳng nghĩ đến việc xấu đã qua, ngờ là có việc khác phải lo lắng vậy.

Liên đến gặp Thái tổ hỏi việc ấy, Thái tổ bèn đưa lá thư của Thiệu cho Úc xem, nói:

- Nay ta muốn đánh dẹp kẻ bất nghĩa, nhưng sức chẳng địch nổi, phải làm sao?

Úc nói:

- Việc thành bại từ xưa, nếu thực sự là người tài, dầu yếu tất mạnh, ví như không phải là người tài, dầu mạnh mà hóa yếu, cái tồn vong của Lưu, Hạng,¹ là đủ để xét rồi. Nay người cùng Công tranh đoạt thiên hạ, duy có Viên Thiệu thôi. Thiệu ngoài mặt khoan hòa mà trong lòng nghi kỵ, tin dùng người lại ngờ bụng dạ người ta, Công thì thấu hiểu sáng suốt chẳng câu nệ,

¹ Cuối đời nhà Tần, thiên hạ loạn lạc, Lưu Bang, Hạng Vũ tranh thiên hạ, Lưu Bang ở thế yếu, mấy lần bị Hạng Vũ đánh bại, sau có được nhân tài giúp sức, đổi nguy thành an, thắng được Hạng Vũ, lập ra nhà Hán.

chỉ theo tài mà dùng, đấy là thắng về độ vậy. Thiệu chậm chạp thiếu quyết đoán, thường để lỡ cơ hội, Công có tài quyết đại sự, ứng biến vô cùng, đấy là thắng về mưu vậy. Thiệu trị quân khoan hòa, pháp lệnh bất minh, sĩ tốt dù đông, kỳ thật khó dùng, Công thì pháp lệnh minh bạch, thường phạt dứt khoát, sĩ tốt tuy ít, đều tranh hết sức, thế là thắng về võ vậy. Thiệu cậy gia thế, ung dung với cái vô trí mưu, để thu lấy tiếng khen, nên số ít kẻ sĩ có tài năng khiếm khuyết hâm mộ hư danh quy thuận, Công thì lấy chí nhân để đãi người, cầu sự thành tâm không vì sự hoa mỹ hảo, bản thân cẩn thận cần kiệm, song với người có công lại không keo kiệt bủn xỉn, cho nên kẻ sĩ trung chính thực sự trong thiên hạ tình nguyện chịu sai khiến, thế là thắng về đức vậy. Lấy bốn điều thắng ấy để phụ tá thiên tử, phù trì chính nghĩa chinh phạt kẻ bất nghĩa, ai dám không theo? Cái cường mạnh của Thiệu sao đã hơn được!

Thái tổ mừng. Úc nói:

- Chẳng bằng ta đánh Lã Bố trước, Hà Bắc cũng chưa dễ đồ được vậy.

Thái tổ nói:

- Đúng thế. Ta mê hoặc chỗ này, lại sợ Thiệu xâm nhiễu Quan Trung, làm loạn người Khương, người Hồ, phía nam dụ dỗ Thục Hán, thế là ta chỉ có mỗi Duyện, Dự để chống lại năm sáu phần trong thiên hạ vậy. Sắp tới phải làm sao?

Úc nói:

- Tướng soái Quan Trung mấy chục người, chẳng có ai cầm đầu, duy có Mã Siêu, Hàn Toại là mạnh nhất. Bọn họ thấy Sơn Đông đang giao tranh, tất đều giữ quân dân tự bảo vệ mình. Nay nếu ta lấy ân đức để phủ dụ, phái sứ giả đến liên hòa, giữ yên dù chẳng được lâu, thì trong lúc Công yên định Sơn Đông, đủ để bên kia không hành động. Việc ở phương tây có thể phó thác cho Chung Do, thì Công không có gì phải lo lắng nữa rồi.

Năm thứ ba, Thái tổ phá xong Trương Tú, phía đông bắt sống Lã Bố, yên định Từ châu, bèn cùng Viên Thiệu cầm giữ nhau. Khổng Dung bảo Úc rằng:

- Thiệu đất rộng binh cường, Điền Phong, Hứa Du, là kẻ sĩ trí mưu, giúp bày kế; Thảm Phối, Phùng Kỳ, là bày tôi hết mực tận trung, gánh vác công việc; Nhan Lương, Văn Xú, dũng mãnh trù ba quân, thống lĩnh quân đội; e là khó thắng được hẳn!

Úc nói:

- Thiệu binh tuy đông nhưng pháp lệnh không nghiêm. Điền Phong cứng rắn nhưng hay phạm người trên, Hứa Du tham lam mà chẳng biết sửa mình. Thảm Phối chuyên quyền nhưng vô mưu, Phùng Kỳ quả quyết nhưng tự phụ, hai người ấy ở lại chủ trì việc hậu phương, nếu gia quyến Du phạm phép tắc, tất chẳng thể dung tha vậy, nếu chẳng tha, Du tất gây biến. Nhan Lương, Văn Xú, chỉ có cái dũng của kẻ thất phu thôi, có thể một trận là bắt được vậy.

Năm thứ năm, Công và Thiệu giao chiến liên miên. Thái tổ giữ Quan Độ, Thiệu vây đánh. Lương nuôi quân của Thái tổ sắp hết, gửi thư cho Úc, bàn muốn quay về huyện Hứa để dẫn dụ Thiệu. Úc nói:

- Nay lương nuôi quân dần thiếu, nhưng chưa gian nan bằng lúc Sở, Hán giao tranh ở Huỳnh Dương, Thành Cao vậy. Bấy giờ Lưu, Hạng chẳng ai chịu lui trước, ai lui trước là ở vào thế khuất vậy. Công dùng số quân bằng một phần mười địch, vạch đất mà giữ, chẹn yết hầu của địch làm chúng không tiến nổi, đã nửa năm rồi. Tình thế đến lúc kiệt cùng, tất sẽ có biến, đấy là lúc dùng mưu lạ, chẳng nên để lỡ vậy.

Thái tổ bèn trụ lại. Cuối cùng dùng kỳ binh tập kích biệt quân của Thiệu, chém tướng của Thiệu là bọn Thuần Vu Quỳnh, Thiệu lui chạy. Thảm Phối vì người nhà Hứa Du không tuân

theo phép tắc, liền bắt vợ con của Du, Du giận phản lại Thiệu; Nhan Lương, Văn Xú lâm trận dâng đầu; Điền Phong vì can gián bị giết, đều đúng như định liệu của Úc.

Năm thứ sáu, Thái tổ đến huyện An Dân quận Đông Bình thu lương, lương thiếu, chẳng đủ để đổi phó với Hà Bắc, muốn nhân lúc Thiệu mới bị phá, đem binh nhàn rỗi đi dẹp Lưu Biểu. Úc nói:

- Nay Thiệu thua bại, bộ chúng của hắn chia rẽ, nên nhân lúc hắn khốn cùng, yên định chỗ ấy đi; nếu rời Duyện, Dự, đem quân viễn chinh vùng Giang, Hán, ví Thiệu thu nhặt tàn binh, thừa hư đánh phía sau ta, thì nghiệp của Công bỏ đi cả.

Thái tổ lại đóng quân ở thượng lưu Hoàng Hà.

Thiệu bị bệnh chết. Thái tổ vượt sông, đánh các con của Thiệu là Đàm và Thượng, nhưng Cao Cán, Quách Viên vào cướp bóc quận Hà Đông, vùng Quan Hữu chấn động, Chung Do đốc suất bọn Mã Đằng đánh phá chúng. Việc nói ở *Chung Do truyện*.

Năm thứ tám, Thái tổ biên xét công lao trước sau của Úc, dâng biểu xin phong Úc làm Vạn Tuế đình hầu.①

Tháng chín, Thái tổ hạ huyện Nghiệp, lĩnh chức Ký châu mục.

Có người khuyên Thái tổ "nên khôi phục đặt lại chín châu thời cổ, thì Ký châu mà ta cai quản là nơi rộng lớn, thiên hạ sẽ theo phục thôi." Thái tổ sắp theo lời, Úc nói:

- Nếu thế, thì Ký châu phải kiêm gồm được đất đai của Hà Đông, Phùng Dự, Phù Phong, Tây Hà, U, Tinh, số đất mà chúng ta phải đoạt lấy rất nhiều. Lúc trước Công phá Viên Thượng, bắt Thẩm Phối, hải nội chấn động kinh hãi, tất người người tự lo sợ chẳng bảo vệ được địa bàn của họ, sẽ giữ quân dân cho mình. Nay nếu chia gộp các chỗ ấy vào Ký châu, các tướng lĩnh đều động tâm. Và lại có nhiều người nói là chư tướng vùng Quan Hữu dùng kế sách đóng cửa quan; nay nghe

được việc ấy, cho rằng ta tất đến đoạt lấy đất đai của họ. Một sớm sinh biến, dầu kẻ rất muốn giữ mình, cũng bị bức chuyển sang làm việc trái lẽ, như thế Viên Thượng được khoan hoãn chết, mà Viên Đàm sinh hai lòng, Lưu Biểu nhân thế giữ lấy vùng Giang Hán, thiên hạ chưa dễ đồ được vậy. Mong Công gấp rút tiến binh định Hà Bắc, rồi sau sẽ tu sửa lại cự kinh, phía nam bức Kinh châu, trách cái tội không vào triều cống, thì thiên hạ đều biết rõ cái ý của Công, người người tự yên. Thiên hạ an định rồi, ta mới bàn đến phép xưa, đấy là cái lợi lâu dài cho xã tắc vậy.

Thái tổ bèn dừng bàn việc lập lại chín châu.

① *Úc biệt truyện chép tờ biểu của Thái tổ rằng:*

"Thần nghe nói vạch kế sách là cái công đứng đầu, mưu lược là cái gốc của việc phong thưởng, công lao ở sa trường chẳng vượt quá công trạng nơi miếu đường, công đánh trận chẳng hơn được cái công dựng nước. Thế nên việc phong thưởng ở Khúc Phụ, chẳng thể sau việc phong thưởng ở Doanh Khâu, phong đất cho Tiêu Hà, phải trước việc phong đất ở Bình Dương.¹ Cái lẽ quý kế sách, trọng mưu thần, xưa nay đều chuộng. Thị trung thủ Thượng thư lệnh là Úc, tích đức chất chồng, lớn nhỏ không ai oán hận, gặp lúc thời thế nhiễu loạn, ôm lòng trung nghị suy trị quốc. Thần từ lúc mới cất nghĩa binh, ruổi rong chinh phạt, cùng Úc chung sức đồng lòng, giúp đỡ vương lược, đưa lời dâng kế, chẳng thuật nào không nghiệm. Có công lao của Úc, thần nhờ đó làm nên, đem dùng thì xé rách mây mù, sáng choang nhật nguyệt. Bệ hạ ngự ở huyện Hứa, Úc là tả hữu thân gần, kính cẩn trung thuận, hành sự cẩn trọng, suy nhanh tính kỹ, vô yên mọi sự. Thiên hạ được yên định, là công lao của Úc vậy. Nên cho Úc hưởng tước cao lộc hậu, để biểu dương cái công to lớn ấy."

¹ Nhà Chu dựng nước, phong cho Chu công đất Khúc Phụ trước khi phong đất cho Khương Thượng ở Doanh Khâu; nhà Hán kiến quốc, phong đất cho Tiêu Hà ở nước Trịnh (Trịnh hầu) trước khi phong đất cho Tào Tham ở Bình Dương (Bình Dương hầu). Bản chất việc ấy là đánh giá công của mưu thần đưa sách lược lớn hơn công của tướng sĩ ngoài mặt trận.

Úc cố từ rằng mình không có cái công chiến đấu ở ngoài, không nhất trí với tờ biểu của Thái tổ. Thái tổ gửi thư cho Úc nói:

"Ta cùng ngài cộng sự đến nay, việc gây dựng triều đình, ngài đã giúp đỡ ta việc khuông chính, tiến cử người hiền, hiến kế sách, trình bày việc cơ mật, cũng đã là nhiều rồi vậy. Kẻ có công vị tất đều đã chiến đấu bên ngoài, xin ngài chớ nhún nhường."

Úc mới chịu nhận.

Bấy giờ Tuân Du thường giúp bày mưu kế cho chủ. Anh của Úc là Diễn làm Giám quân Hiệu úy trấn thủ huyện Nghiệp, đốc trách việc quân ở Hà Bắc. Thái tổ đi đánh Viên Thượng, Cao Cán mật phái binh định tập kích đánh úp huyện Nghiệp, Diễn phát giác ra, giết sạch chúng, vì có công được phong làm Liệt hầu.^① Thái tổ đem con gái mình gả cho con trưởng của Úc là Uẩn, sau gọi là An Dương công chúa.

Úc và Du cùng được quý trọng, nhưng họ đều khiêm nhường, tiết kiệm, bổng lộc được ban thưởng đem chia hết cho tông tộc và người quen cũ, trong nhà không có của thừa. Năm thứ mười hai, lại tăng thêm thực ấp cho Úc một nghìn hộ, cộng lại là hai nghìn hộ.^②

① *Tuân thị gia truyện* chép: Diễn tự Hưu Nhược, là anh thứ ba của Úc. Anh thứ tư của Úc là Kham, tự Hữu Nhược, sự tích thấy ở *Viên Thiệu truyện*. Trần Quần và Khổng Dung bình luận về nhân vật ở vùng Nhữ, Dĩnh, Quần nói:

- Tuân Văn Nhược, Công Đạt, Hưu Nhược, Hữu Nhược, Trọng Dự, hiện nay đều là vô đối.

Con của Diễn là Thiệu, ngôi vị đến chức Thái phó. Con của Thiệu là Dung, tự Bá Nhã, cùng Vương Bật, Chung Hội đều nổi danh, làm Lạc Dương lệnh, tham gia việc quân với Đại tướng quân, cùng Bật, Hội luận về nghĩa lý của Dịch, Lão,⁽¹⁾ lưu truyền ở đời.

¹ Tức là các sách *Kinh Dịch* (do Chu Công Đán soạn ra, Khổng tử sau này chú giải) và sách *Đạo đức kinh* (do Lão tử soạn ra, chủ thuyết vô vi.)

Con của Kham là Hoành, tự Trọng Mậu, làm Văn học duyện của Thái tử.

Bấy giờ thường đặt Giáp, Ất,⁽¹⁾ để nghị luận về các vấn đề khó quyết, Hoành và Chung Do, Vương Lăng, Viên Hoán nghị bàn đều bất đồng. Văn đế viết thư cho Do nói:

"Viên, Vương là bậc quốc sĩ, lại là bấy tôi rằng môi của triều đình, Tuân Hoành luận điểm cứng rắn mạnh mẽ, đối đáp mau lẹ sắc sảo, thật là kinh địch của quân hầu, người chung quanh rất lo cho ngài vậy."

Sau cùng Hoành làm Hoàng môn thị lang.

Cháu họ của Hoành là Uẩn, tự Cảnh Văn, làm Thái tử Trung thứ tử, cũng nổi danh. Uẩn cùng Giả Sung chung định ra âm luật, lại viết sách *Dịch tập giải*.

Trọng Dục tên Duyệt, là con nhỏ của trưởng huyện Lang Lăng tên Kiệm, là anh họ của Úc.

Hán ký của Trương Phan khen Duyệt thanh bạch khiêm hư mà trầm tĩnh, khéo theo nghiệp sách vở. Năm Kiến An sơ làm Bí thư Giám thị trung, nhận chiếu gạn sửa *Hán thư* soạn ra ba mươi thiên *Hán ký*, từ đấy làm sáng tỏ thiện ác, suy ra các phép cốt yếu; sách ấy lưu hành nhiều ở đời.

② *Úc biệt truyện* chép: Thái tổ lại dâng biểu rằng:

"Trước kia Viên Thiệu xâm nhập gần kinh đô, giao chiến ở Quan Độ. Bấy giờ binh thiếu lương hết, thần muốn quay về huyện Hứa, bèn gửi thư cho Úc nghị bàn, Úc không nghe theo thần, lại kiến nghị là thần nên trụ vững, rồi tiến dụng mưu hay đánh dẹp, tâm trí thần phẫn chấn lên, cời bỏ mối lo toan ngu ngốc, rút cục diệt hết lũ đại nghịch, thu lấy quân lính của chúng. Ấy là Úc đã nhìn rõ cái cơ thắng bại, mưu lược hơn đời vậy. Lúc Thiệu thua bại, lương thực của thần cũng hết, thần cho rằng Hà Bắc chưa dễ đồ được, muốn về nam đánh dẹp Lưu Biểu. Úc lại ngăn thần, bày rõ điều được mất, thần vì thế quay cờ, sau diệt sạch bọn hung

¹ Giáp, Ất được dùng làm chữ nói thay cho ngôi đại từ, ví như anh Giáp, anh Ất, ... Đại khái không biết rõ là ai, hoặc khi phân biệt việc này, việc kia thì mượn hai chữ ấy làm tên gọi để có chỗ so sánh.

ác, bình ngay được bốn châu. Lần trước ví như thần lui ở Quan Độ, Thiệu tất khua trống mà tiến, hần thần đã chịu cảnh nghiêng lật, chứ không có được cái thế chiến thắng. Lần sau nếu nam chinh, vứt bỏ Duyện, Dự, tham cái lợi ở chỗ khó, sẽ đánh mất nơi căn bản. Hai kế sách của Úc, đã biến vong thành tồn, đổi họa thành phúc, mưu cao công lạ, đấy là điều mà thần chẳng theo kịp vậy; thế nên bậc đế vương xưa ban công lớn cho kẻ bày mưu, thưởng công nhỏ cho kẻ đánh trận; Cổ nhân định cái công của mưu thần nơi màn trướng ở trên, công của kẻ ra trận đánh giặc ở dưới. Việc biên công xét thưởng trước đây, chưa xứng với công lao vùi vùi của Úc, xin bàn định lại cho công bằng về ruộng ấp phong cho Úc."

Úc nhất quyết từ chối, Thái tổ bảo Úc rằng:

- Kế mưu sách lược của ngài, chẳng phải chỉ ở hai điều trong biểu tấu này. Ngài trước sau khiêm nhường, là muốn bắt chước Lỗ Liên tiên sinh⁽¹⁾ chẳng? Thế là đạt đến tiết tháo của bậc thánh nhân cho mọi thứ chẳng có gì quý hiếm vậy. Xưa Giới Tử Thôi có nói: "Kẻ lấy trộm tiền của người ta, còn gọi là kẻ trộm."⁽²⁾ Huống chi mật mưu của ngài ở An Chúng, sáng rõ hơn Cô đến mấy trăm lần rồi! Lấy ra có hai việc để thẩm xét mà ngài lại chối từ, sao ngài thanh cao khiêm nhường nhiều thế!

Thái tổ muốn dâng biểu cho Úc làm Tam công, Úc nhờ Tuân Du ngầm từ chối, đến mấy chục lần, Thái tổ bèn thôi.

Thái tổ sắp đánh Lưu Biểu, hỏi Úc kế sách ra sao, Úc nói:

¹ Lỗ Trọng Liên (魯仲连), người nước Tề thời Chiến Quốc, có rất nhiều mưu kế hay, được vua nước Tề nghe theo. Tuy nhiên ông quyết không nhận thưởng của vua và ra làm quan. Truyện về ông có trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên, xếp chung với truyện về Trâu Dương.

² Giới Tử Thôi (介子推), còn gọi là Giới Chi Thôi, là bày tôi của Tấn Văn công Trùng Nhĩ, lưu lạc gian khổ với Trùng Nhĩ mười chín năm, lúc Tấn công thưởng công cho những người đi theo, quên mất Giới Tử Thôi, Giới Tử Thôi không nhắc, đi ở ẩn; nói rằng: "Tấn Văn công lên ngôi là bởi trời định, đâu bởi công của bày tôi, mà nhận tước lộc, lấy trộm tiền của người còn gọi là kẻ trộm, huống chi tham công trời, nhận tước lộc được ban, coi làm công lao của mình, chẳng phải là dối lòng sao?"

- Nay Hoa Hạ đã bình, phương nam biết nguy khốn rồi. Ta nên biểu lộ là sẽ xuất binh từ Uyển, Diệp nhưng ngầm đem khinh binh tiến đến, đánh úp họ lúc bất ngờ.

Thái tổ bèn thi hành. Đúng lúc Biểu ốm chết, Thái tổ hướng thẳng đến Uyển, Diệp theo như kế của Úc, con của Biểu là Tông đem cả châu ra hàng.

Năm thứ mười bảy, bọn Đồng Chiêu nói Thái tổ nên tấn tước làm Quốc công, nhận đủ Cửu tích, để biểu chương cái công lao đặc biệt, bí mật đem hỏi Úc. Úc cho rằng Thái tổ vốn hưng nghĩa binh để khuông phò triều đình yên định quốc gia, giữ lấy sự chân thành trung trinh, lấy lời thành thật từ chối; bậc quân tử yêu người để đức, chẳng nên như thế. Thái tổ bởi thế trong lòng bất bình. Lúc đi đánh Tôn Quyền, Thái tổ dâng biểu xin phái Úc đến úy lạo quân sĩ ở huyện Tiêu, nhân đó giữ Úc lại, cho làm Thị trung Quang lộc đại phu cầm cờ tiết, tham mưu việc quân cho Thừa tướng.

Quân của Thái tổ đến Nhu Tu, Úc bị bệnh ở lại Thọ Xuân, vì lo lắng mà chết, bấy giờ mới năm mươi tuổi. Được ban thụy là Kính hầu. Năm sau, Thái tổ bèn nhận chức Ngụy công.^①

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Thái tổ biểu thức ăn cho Úc, mở ra không có gì, vì thế Úc uống thuốc độc mà chết. Năm Hàm Hi thứ hai, truy tặng Úc chức Thái úy.

Úc biệt truyện chép: Úc từ lúc là Thượng thư lệnh, thường dâng thư bày tỏ công việc, lúc sắp chết, đều đốt hủy hết đi, cho nên kế lạ mưu ngầm của Úc chẳng được truyền hết vậy. Bấy giờ việc trưng tập lính thú mới đặt ra, chế độ đa phần mới gây dựng lại, Úc từng nói với Thái tổ rằng:

- Xưa kia Thuấn truyền mệnh cho Vũ, Tắc, Tiết, Cao Đào⁽¹⁾ để họ lo toan công nghiệp, việc giáo hóa chinh phạt, đều tùy thời mà

¹ Đây đều là những bầy tôi nổi tiếng của vua Thuấn.

vận dụng. Cao tổ thừa ban đầu, chính vào lúc binh đao kịch liệt, còn tập hợp dân chúng để giáo huấn họ làm việc tốt, Thúc Tôn Thông⁽¹⁾ giảng giải lễ nghi vào giữa lúc binh nhung, Thế tổ lúc buông giáo mác thì giảng giải võ nghệ, lúc dừng ngựa thì luận bàn đạo lý, bậc quân tử không vì giữa lúc hết cái ăn mà bỏ lòng nhân. Nay Công bên ngoài định võ công, bên trong hưng văn học, khiến can qua tắt ngấm, đại đạo lưu hành, quốc nạn phải ngừng, sáu lễ sửa sang, đây là điều mà tổ tông nhà Chu là Cơ Đán⁽²⁾ đã làm để bình trị mau chóng vậy. Đã lập đức lập công, mà lại kiêm việc lập ngôn, thật đúng với ý mà Trọng Ni soạn chép; làm sáng rõ chế độ với đương thời, dương danh với hậu thế, há chẳng phải là lớn lao ư! Nếu đợi việc binh đao xong mới đặt ra pháp chế, rồi xét sửa sang giáo hóa, là việc làm chưa được sáng suốt. Nên những bậc thông nho đại tài trong thiên hạ, khảo luận lục kinh, thẩm định truyện ký, xét kỹ sách vở xưa nay, trừ bỏ những phiền phức nặng nề, chọn lấy cái chân thực nhất, gồm đủ lễ nghĩa học vấn, dần dần thúc đẩy giáo hóa, thì vương đạo nhất định thành.

Úc ung dung cùng Thái tổ bàn luận sửa sang đạo lý, về rất nhiều thứ đại loại như thế, Thái tổ thường khen ngợi và thu nhận ý kiến của Úc.

Đức hạnh của Úc đầy đủ cả, điều trái chính đạo Úc chẳng dụng tâm bàn đến, danh vang thiên hạ, chẳng ai không cho Úc là bậc

¹ Thúc Tôn Thông (叔孙通), người vùng Sơn Đông, sống vào thời cuối Tần, đầu thời Hán, rất có tài, được gọi là bậc "Thông nho", từng giữ chức Bác sĩ trong chính quyền của Tần Nhị thế, sau bỏ quan về quê. Khi Hán Cao tổ Lưu Bang thắng Hạng Vũ ở Bành Thành, Thúc Tôn Thông đi theo Lưu Bang. Tuy nhiên Lưu Bang lại rất xem thường nho sinh, từng giết mũ nhà nho dúi vào đó, Thúc Tôn Thông biết rõ điều ấy, nhẫn nại chờ cơ hội đem sở học của mình ra thực hành. Chính quyền nhà Hán thành lập, lễ nghi quá đơn giản nên trật tự triều đình hỗn loạn, bấy giờ Thúc Tôn Thông xây dựng lễ nghi triều đình, chính quyền nhà Hán đi vào ổn định, Lưu Bang rất hài lòng. Những lễ nghi triều đình do Thúc Tôn Thông đặt ra là khuôn mẫu cho các đời vua phong kiến Trung Hoa sau này, Thúc Tôn Thông được môn đồ của mình ca ngợi là "bậc thánh nhân thông đạt thời thế", còn Tư Mã Thiên, sử gia thời Hán Vũ đế gọi ông là "Tổ sư Nho gia đời Hán."

² Cơ Đán, tức Chu Công Đán, quan phụ chính triều Chu, dẹp loạn.

nghi biểu, những bậc anh tài kiệt xuất trong nước đều kính trọng Úc.

Tư Mã Tuyên vương thường nói "Thư tịch và truyện ký kể việc xa xôi, ta từ khi có tai mắt thì những điều ta từng nghe được trong một trăm mấy chục năm qua, các bậc hiền tài chưa có ai theo kịp Tuân lệnh quân cả."

Những người được Úc đề cử khen ngợi trước sau, là bậc đại tài ở đời, nơi bang ấp thì có Tuân Du, Chung Do, Trần Quần, trong nước thì có Tư Mã Tuyên vương, nếu liệt kê hết bọn người mà trên đời biết danh thì có bọn Sĩ Lự, Hoa Hâm, Vương Lăng, Đỗ Tập, Tuân Duyệt, Tân Bì, Triệu Nghiễm, cuối cùng làm khanh tướng, đã mấy chục người. Úc lựa chọn kẻ sĩ không chỉ theo một đạo lý, có bọn Quách Gia, Hí Chí Tài biết xét thế tục, Đỗ Kỳ cứng cỏi giản dị thiếu văn tài, đều vì họ có mưu trí kế sách mà được đề cử, cuối cùng đều hiển danh. Tuân Du về sau làm Thượng thư lệnh nhà Ngụy, cũng suy cử người hiền tiến dẫn kẻ sĩ. Thái tổ nói: "Hai vị Tuân lệnh⁽¹⁾ xét người, kỹ mà đáng tin, ta suốt đời không quên họ."

Chung Do cho rằng Nhan tử⁽²⁾ chết rồi, tài năng gồm đủ chín đức,⁽³⁾ chẳng thể có được hai người, mà Tuân Úc được như thế. Có người hỏi Do rằng:

- Ngài vốn kính trọng Tuân quân, so sánh ông ấy với Nhan tử, tự cho là mình không bằng được, ông ấy có thể được như tôi nghe thấy chăng?

Đáp rằng:

¹ Tuân Úc, Tuân Du đều làm Thượng thư lệnh.

² Nhan Hồi (顔回), tức Nhan Uyên, đệ tử xuất sắc của Khổng tử.

³ Cao Đào (皋陶) là đại thần của vua Thuấn, đề ra Cửu đức như sau: "Khoan nhi lật (Khoan hòa mà nghiêm trang), nhu nhi lập (mềm mỏng mà vững vàng), nguyên nhi cung (cẩn thận mà cung thuận), loạn nhi kính (có tài trị mà thận trọng), nhiều nhi nghị (biết lắng nghe mà quả quyết), trực nhi ôn (ngay thẳng mà ôn hòa), giản nhi liêm (giản dị mà liêm chính), cương nhi tắc (cứng rắn mà vẹn toàn), cường nhi nghĩa (mạnh mẽ mà có nghĩa)."

- Có mình quân thì có bấy tôi bậc thầy, đó là thuận lẽ vậy. Thái tổ là người thông minh, mỗi khi có đại sự, thường hỏi ý Tuân quân trước, thế thì có cái nghĩa thầy bạn đời xưa vậy. Bọn ta vâng mệnh mà làm, còn ngờ là chẳng hết lẽ, trông lại chẳng cách xa nhau lắm sao!

Hiển đế Xuân Thu chép: Đồng Thừa bị giết, Phục hậu gửi thư cho cha mình là Hoàn, nói quan Tư không giết Đồng Thừa, Đế muốn báo oán. Hoàn nhận được thư đem mách với Úc, Úc ghét việc ấy, giấu mãi mà không nói ra. Hoàn đem kể với người em vợ của mình là Phan Phổ, Phổ phong kín thư đem trình với Thái tổ, Thái tổ ngầm phòng bị. Úc về sau sợ việc bị phát giác, muốn tự mình công bố chuyện ấy, nhân thế xin đi sứ đến huyện Nghiệp, khuyên Thái tổ đem con gái hôn phối với Đế. Thái tổ nói:

- Nay triều đình đã có Phục hậu, gả con gái ta cho chúa thượng sao được, ta có chút công mọn mà bị biên chép lại, ngôi tể tướng, há phải cậy nhờ con gái để được sủng ái sao!

Úc nói:

- Phục hậu không có con, bản tính lại hung tàn, thường gửi thư qua lại cho cha, lời lẽ xấu độc, nên nhân việc đấy mà phế bỏ đi.

Thái tổ nói:

- Người trước đây làm gì không đúng đạo lý chẳng?

Úc tỏ ra sợ hãi nói:

- Ta trước đây đã từng vì Công mà nói ra rồi.

Thái tổ nói:

- Thế đã có việc nhỏ nào mà ta quên không!

Úc lại kinh sợ nói:

- Thật sự là ta chưa nói với Công! Lúc trước Công ở Quan Độ cùng Viên Thiệu cầm giữ nhau, ta sợ làm Công thêm lo nghĩ trong lòng, nên chẳng nói ra thôi.

Thái tổ nói:

- Sau việc ở Quan Độ sao không nói được?

Úc không đáp, chỉ tạ lỗi mà thôi. Thái tổ vì thế oán hận Úc, nhưng bề ngoài vẫn nhẫn nhịn bao dung, cho nên người đời chẳng ai biết được. Đến lúc Đồng Chiêu nghị bàn việc kiến lập tước Ngụy công, ý của Úc bất đồng, muốn chuyển ý đến Thái tổ. Lúc đem tì thư ra khao quân, khi uống rượu lễ xong, Úc lưu lại hỏi han một chút. Thái tổ biết Úc muốn nói việc phong tước, bèn vái chào rồi sai đi ra, Úc cuối cùng chẳng nói được.

Úc chết ở huyện Thọ Xuân, người huyện Thọ Xuân trốn sang bảo với Tôn Quyền, nói Thái tổ sai Úc giết Phục hậu, Úc không nghe, nên tự sát. Quyền truyền rộng tin ấy vào đất Thục, Lưu Bị nghe chuyện ấy, nói:

- Lão tặc chẳng chết, họa loạn chưa thể ngừng được.

Thần Tùng Chi xét *Hiến đế Xuân Thu* nói rằng Úc vì muốn cáo mách việc của Phục hậu mà xin đến huyện Nghiệp, nhưng lại dối Thái tổ rằng: "Lúc trước đã từng nói chuyện đó rồi." Lời nói đã không có chứng cứ, rồi quanh co thác ra là vì sợ có mối lo ở Quan Độ, trong lúc cúi xuống ngẩng lên, lời lẽ quanh co sắc thái gượng gạo, dấu kẻ tầm thường, còn chẳng đến nỗi thế, bậc hiền triết lại điểm nhục quy lụy vậy sao! Phàm là những lời như vậy, đều xuất ra từ những kẻ hẹp hòi thô bỉ, thế gọi là dùng lời lẽ của bọn tiểu nhân để bình phẩm chê bai người quân tử vậy. Viên Diệp là loại dối trá hão huyền, thế là quá lắm vậy.

Con của Úc là Uẩn, nối tước hầu, làm quan đến chức Hồ bôn Trung lang tướng.

Khi trước, Văn đế và Bình Nguyên hầu là Thục được cân nhắc chọn lập, Văn đế hết lòng kính lễ thờ Úc. Lúc Úc chết, Uẩn lại cùng Thục giao hiếu, mà không hòa mục với Hạ Hầu Thượng, Văn đế rất hận Uẩn.

Uẩn chết sớm, con của Uẩn là Dục, vì là cháu ngoại của Đế cho nên được sủng ái.

Em của Uẩn là Vũ, làm Ngự sử trung thừa, em của Vũ là Sân, làm Tòng sự trung lang của Đại tướng quân, đều nổi danh,

nhưng chết sớm.① Em của Sân là Nghĩ, năm Hàm Hi trung là Tư không.②

Con trai của Uẩn là Thứ, kế nối cha làm Tán kỵ thường thị, được tiến tước Quảng Dương hương hầu, năm ba mươi tuổi chết. Con của Thứ là Đồi nối tự.③

Dực làm quan đến chức Trung lĩnh quân, chết, được ban thụy là Trinh hầu, truy tặng chức Phiêu kỵ tướng quân. Con của Dực là Khải nối tự.

Vợ của Dực, là em gái của Tư Mã Cảnh vương, Tư Mã Văn vương, hai vương đều thân với Dực. Năm Hàm Hi trung, khai tước Ngũ đẳng, Dực vì công lao sáng rõ với tiền triều, vì thế đổi phong cho Khải tước Nam Đốn tử.④

① *Tuân thị gia truyện* chép: Uẩn tự Trường Thiến, Vũ tự Thúc Thiến, Sân tự Mạn Thiến, con của Vũ là Ngụ, tự Cảnh Bá.

Thế ngữ chép: Ngụ thời trẻ cùng Bùi Giai, Vương Nhung, Đỗ Mặc đều có tiếng ở vùng Kinh Ấp, Ngụ làm quan nhà Tấn, ngôi vị đến Thượng thư, danh tiếng sáng rõ. Con của Ngụ là Vũ⁽¹⁾ nối tước cha, ngôi vị đến chức Thượng thư.

② *Tấn Dương thu* chép: Nghĩ tự Cảnh Thiến, lúc bé được anh rể là Trần Quần cho là người tài. Nghĩ học rộng kiến thức uyên bác, ý tứ rất chu đáo cẩn thận. Tư Mã Tuyên vương gặp Nghĩ, cho Nghĩ là lạ, nói:

- Con của Tuân lệnh quân, tựa tựa như Viên Khản,⁽²⁾ cũng rõ ra là con nhà khanh tướng.

Rồi cất nhắc bá làm Tán kỵ thị lang.

¹ Tuân Vũ (荀侯) tự Thúc Thiến, là cha của Tuân Ngụ; Tuân Vũ (荀羽) là con của Tuân Ngụ. Hai ông cháu tên giống nhau nhưng cách viết và nghĩa tên khác nhau.

² Viên Khản (袁侃), con trưởng của Viên Hoán. Xem thêm tập III, quyển 11 (Viên Hoán truyện).

Nghĩ phò tá nhà Tấn, ngôi vị đến chức Thái úy, trước Lâm Hoài Khang công. Nghĩ từng căn vặn Chung Hội về nghị luận nói "Dịch vốn không phải là đắp đổi cho nhau", được xưng tụng ở đời.

Em của Nghĩ là Sán, tự Phụng Thiến.

Hà Thiệu chép truyện về Sán rằng:

"Sán tự Phụng Thiến, các anh của Sán đều lấy nho thuật để luận bàn, nhưng riêng Sán thích nói đạo lý, thường cho rằng Tử Cống khen lời của Phu tử vốn hợp với thiên đạo, không thể nghe thấy được, thế thì sáu thư tịch dù có tồn tại, cố nhiên đấy là ý xa xôi của bậc thánh nhân, không có giá trị lớn lao.

Anh của Sán là Vũ cật vấn rằng:

- Dịch cũng nói rằng thánh nhân lập ra quái tượng để biểu đạt hết cái ý sâu xa, lập ra hệ từ¹ là để biểu đạt hết bằng lời nói, thì lời nói xa xôi vì điều chẳng thể biết được mà lại nghe thấy được sao?

Sán đáp rằng:

- Sự màu nhiệm của đạo lý ở chỗ không phải hình tượng của vật nêu lên được. Nay nói lập ra quái tượng để biểu đạt hết ý sâu xa, thế là không biểu đạt được cái hàm ý bề ngoài vậy. Nói lập ra hệ từ để biểu đạt hết bằng lời nói, thế là không nói hệ từ biểu hiện cho cái gì vậy; nếu hình tượng là hàm ý bề ngoài, hệ từ biểu hiện cho lời nói, đương nhiên là ẩn ý chẳng biểu đạt ra được rồi.

Với kiến giải của Sán, những người có tài ăn nói đương thời chẳng ai khuất phục nổi vậy.

Sán lại luận rằng cha mình là Úc chẳng bằng được anh họ của mình là Du. Úc gây dựng sửa đức chính, dùng phép tắc để giáo huấn mọi người, còn Du chẳng sửa sang vẻ bề ngoài, kín đáo cẩn thận tự giữ mình mà thôi. Sán vì thế nói lời khen ngợi Du, các anh của Sán giận mà chẳng nói lại được.

Năm Thái Hòa sơ, Sán đến Kinh Ấp cùng Phó Hồ đàm đạo. Hồ giỏi về danh lý nhưng Sán còn sâu xa hơn, chủ ý tuy giống nhau, song thỉnh

¹ Hệ từ là những lời giải ở dưới mỗi quẻ trong Kinh Dịch.

thoảng có lúc xô xát chẳng hợp ý nhau. Bùi Huy⁽¹⁾ đã thông tư tưởng của hai bên, bảo cả hai lên xe về trạm dịch, chốc lát, Sán và Hồ lại làm lành. Hạ Hầu Huyền cũng thân thiện với Sán.

Sán thường bảo Hồ, Huyền rằng:

- Về đường sĩ đồ của các ông, công danh tất hơn ta, chỉ có kiến thức là kém ta thôi!

Hồ vặn rằng:

- Người có công danh lớn, là người có học thức vậy. Học thức là gốc, công danh là ngọn. Trong thiên hạ có cái gì gốc rễ chẳng đủ mà ngọn tươi tốt được?

Sán nói:

- Người có công danh, chỗ đáng khích lệ là chí khí và khí lượng. Thế thì chí khí và khí lượng tự nhiên bao trùm mọi vật thôi, cố nhiên không phải chỉ có học thức là xong vậy. Ta thấy tài của các ông là cao, nhưng vị tất đã ngang bằng với cái mà các ông làm.

Sán thường cho rằng với phụ nữ, về tài trí chẳng cần bàn luận, chỉ nên lấy sắc đẹp làm chủ. Con gái của Phiêu kỵ tướng quân Tào Hồng có sắc đẹp, Sán vì thế lấy làm vợ, may y phục trướng màn rất hoa lệ, chuyên ở trong phòng hoan lạc yến ả. Qua năm sau, vợ ốm chết, còn chưa liệm táng, Phó Hồ qua nhà Sán thăm viếng; Sán không khóc nhưng thần sắc thê thảm.

Hồ hỏi rằng:

- Phụ nữ tài sắc vẹn đủ rất khó tìm. Ngài lấy vợ, thì bỏ tài mà yêu sắc. Bời thế dễ gặp, sao nay bi ai lắm thế?

Sán nói:

- Giai nhân khó tìm được hai người! Người chết đây đây chẳng có sắc đẹp khuynh quốc, nhưng chưa thể bảo là dễ gặp được.

Rồi đau tiếc thương khóc không thôi, hơn một năm sau cũng chết, năm ấy hai mươi chín tuổi.

¹ Bùi Huy (裴徽) tự Văn Tú, người quận Hà Đông huyện Văn Hi, năm sinh năm mất đều không rõ, là con của Bùi Mậu, làm quan nhà Ngụy, từng giữ chức Thứ sử Ký châu, Quang lộc đại phu.

Sán chọn chơi với những người sang quý, chẳng giao tiếp với người thường, người mà Sán giao du đều là bậc tuấn kiệt một thời. Lúc chôn cất Sán, đến đưa tang có hơn chục người, đều là danh sĩ cùng thời, tiếng khóc của họ, cảm động cả người qua đường.”

③ *Tuân thị gia truyện* chép: Đồi tự Ôn Bá, làm Vũ lâm Hữu giám, chết sớm. Con của Đồi là Tung, tự Cảnh Du.

Tấn Dương thu khen Tung thời trẻ có chí khí và tiết tháo, vốn giỏi về văn học, hiếu nghĩa nhân ái mà ôn hòa, ở triều đình kính cẩn chuyên cần, ngôi vị đến chức Tả, hữu Quang lộc đại phu, mỗ phủ, Nghi đồng tam ti. Con của Tung là Tiễn, tự Lệnh Tắc, trong sạch ôn hòa, có tài năng. Lấy công chúa, thời trẻ trải ngôi vị quý hiển, hai mươi tám tuổi làm Bắc trung lang tướng, Thứ sử hai châu Từ, Duyện, nhận Giả tiết đốc trách việc quân ở ba châu Từ, Duyện, Thanh. Tại chức chục năm, thốt nhiên ốm bệnh bỏ chức, chết tại nhà, được truy tặng chức Phiêu kỵ tướng quân. Cháu của Tiễn là Bá Tử, nay là Ngự sử trung thừa vậy.

④ *Tuân thị gia truyện* chép: Khải, thời Tấn Vũ đế làm Thị trung.

Tấn kỷ của Can Bảo chép: Vũ đế phái Thị trung là Tuân Nghi, Hòa Kiệu cùng đến Đông cung, quan sát Thái tử. Nghi quay về khen phẩm đức và hiểu biết của Thái tử thăng tiến rất mau, nhưng Kiệu nói rằng thánh chất của Thái tử vẫn như lúc trước.

Tôn Thịnh chép là “phái Tuân Úc”,⁽¹⁾ chữ ấy đọc thì cũng giống.

Thần Tùng Chi xét lúc Hòa Kiệu làm Thị trung, Tuân Nghi chết lâu rồi. Ngôi vị của Tuân Úc còn kém quan lại ở phủ Tam công, chẳng thể cùng Kiệu đồng hàng được, không duyên cớ gì được gọi là Thị trung. Điều mà hai sách này kể, đều là sai lầm vậy. Khảo xét về ngôi vị bấy giờ, thì Khải quả thật là Thị trung. Ngôi vị của Khải đến chức Chinh tây tướng quân. Anh của Khải là Đam, làm Thiếu phủ. Em là Khôi, làm Hộ quân tướng quân, khi chết được truy tặng chức Xa kỵ Đại tướng quân.

¹ *Tấn kỷ* của Can Bảo chép là “phái Tuân Nghi (遣荀顗)”, còn Tấn Dương thu của Tôn Thịnh chép là “phái Tuân Úc (遣荀勖)”, hai chữ này viết khác nhau, nhưng đọc giống nhau. Có thể là Tôn Thịnh chép sai vì hai chữ chỉ khác nhau một nét. Tuân Úc nói ở đây khác với Tuân Úc, mưu thần của Thái tổ.

Tuân Du tự Công Đạt, là cháu họ của Úc vậy. Tổ phụ của Du là Đàm, làm Thái thú Quảng Lăng.^①

Du thừa nhỏ mồ côi. Khi Đàm chết, có kẻ lại cũ là Trương Quyền xin coi giữ mộ phần của Đàm. Du năm ấy mười ba tuổi, nghi ngờ hẳn, bảo với người chú là Cù rằng:

- Kẻ lại ấy sắc diện khác thường, e rằng hẳn sẽ làm việc gian dối! Cù ngộ ra, bèn đuổi theo tra hỏi, quả nhiên là tên giết người bỏ trốn. Bời thế lấy làm lạ về Du.^②

Hà Tiến cầm quyền chính, trung triệu danh sĩ trong nước như bọn Du được hơn hai chục người. Du đến, được bái làm Hoàng môn thị lang.

Đồng Trác tác loạn, binh Quan Đông nổi dậy, Trác dời đô đến Trường An. Du cùng bọn Nghị lang là Trịnh Thái, Hà Ngung, Thị trung là Chung Tập, Việt kỵ Hiệu úy là Ngũ Quỳnh bàn mưu rằng:

- Đồng Trác vô đạo, quá cả Kiệt, Trụ, thiên hạ đều oán hẳn, dẫu rằng có binh mạnh, thực tế chỉ là một kẻ thất phu thôi. Nay bọn ta trực tiếp đâm chết Trác để tạ lỗi với trăm họ, rồi sau chiếm cứ núi Hào, lũng Hàm, phụ giúp vương mệnh, lấy đó hiệu triệu thiên hạ, đấy là việc làm của Hoàn, Văn vậy.

Việc sắp thành thì bị phát giác, Trác bắt Ngung, Du tống ngục, Ngung lo sợ tự sát.^③ Còn Du nói năng ăn uống tự nhiên như thường, lúc Trác chết Du được thoát.^④

Du bỏ quan về quê, lại được triệu vào Công phủ, vì là con nhà cao môn được xét cử, thăng làm Nhiệm Thành tướng, không chịu nhận chức. Du thấy đất Thục Hán hiểm vững, nhân dân phong thịnh, bèn xin làm Thái thú Thục Quận, vì đạo lộ cách tuyệt không đến được, bèn trú lại ở Kinh châu.

① *Tuân thị gia truyện* chép: Đàm tự Nguyên Trí. Anh của Đàm là Dục, tự Bá Tu.

Hán ký của Trương Phan khen Dục, Đàm đều anh tuấn hào kiệt, có tài hơn người. Dục cùng bọn Lý Ứng, Vương Sướng, Đỗ Mật có hiệu là Bát tuấn, ngôi vị đến chức Bái tướng. Cha của Du là Di, làm Tòng sự trong châu. Di với Úc là anh em con chú con bác ba đời.

② *Nguy thư* chép: Năm Du được bảy, tám tuổi, Cù có lần say rượu, lỡ làm Du bị thương ở tai; rồi Du ra ngoài đùa dỡn, thường che tai giấu đi không muốn để Cù trông thấy. Cù về sau nghe chuyện ấy, mới kinh sợ vì Du sớm hiểu biết đến như thế.

Tuân thị gia truyện chép: Con của Cù là Kỳ, tự Bá Kì, cùng người chú họ trong tộc là Âm đều nổi danh. Kỳ và Khổng Dung luận về nhục hình, Âm cùng Khổng Dung luận về những điều hơn kém của thánh nhân, đều chép ở *Dung tập*. Ngôi vị của Kỳ đến chức Thái thú Tế Âm; Âm về sau được triệu gọi xét cử Hữu đạo, làm quan đến chức Thừa tướng Tế tửu.

③ *Hán ký* của Trương Phan chép: Ngung tự Bá Cầu, thời trẻ cùng bọn Quách Thái, Giả Bưu đi du học ở Lạc Dương, bọn Thái đều có phong độ phi phàm. Ngung nổi danh ở nhà Thái học, vì thế các danh thần ở trong triều là bọn Thái phó Trần Phồn, Tư lệ Lý Ứng đều giao kết rất thân với Ngung. Lúc tai họa bè đảng⁽¹⁾ nổ ra, Ngung cũng có tên trong đó, bèn đổi danh tính trốn náu ở vùng Nhữ Nam, kết giao với kẻ hào kiệt cùng chí hướng ở xứ đấy. Ngung đã cho Thái tổ là người kỳ lạ, lại nhận biết được con người của Tuân Úc, Viên Thiệu hâm mộ Ngung, cùng Ngung kết giao làm bạn bè hoạn nạn có nhau. Bấy giờ sĩ đại phu trong thiên hạ đa phần gặp cái họa bè đảng, mỗi năm Ngung hai ba lần một mình tới Lạc Dương, đến chỗ Thiệu cùng bàn kế, cứu giúp những kẻ sĩ cùng quần thoát khỏi họa nạn. Nhưng Viên Thuật cũng là kẻ hào hiệp, cùng Thiệu tranh dành tiếng tăm. Ngung chưa lần nào đến chỗ Thuật, Thuật rất căm hận Ngung.

¹ Thời ấy hoạn quan lộng hành, trí thức đa phần ủng hộ ngoại thích diệt hoạn quan, việc bại lộ nên rất nhiều trí thức bị bắt, giết, bị căm đoán, lịch sử gọi sự kiện này là tai họa bè đảng.

Hán mạt danh sĩ lục chép: Thuật từng ngồi với mọi người kể ra ba tội của Ngung, nói:

- Vương Đức Di trước đây là người già cả hiền trí, tài đức kiệt xuất lão luyện, danh vọng đức độ cao vời, mà Bá Cầu xem thường ông ấy, đó là một tội. Hứa Tử Viễn là kẻ hung ác phóng đảng, tính hạnh bất thuần, mà Bá Cầu thân gần với hắn, đó là hai tội. Quách, Giả⁽¹⁾ là bọn kẻ sĩ nghèo túng, không có tiền của sản nghiệp gì, mà Bá Cầu cưỡi ngựa béo, mặc áo cừu nhẹ, sáng choang ở trên đường, đó là ba tội vậy.

Đào Khâu Hồng⁽²⁾ nói:

- Vương Đức Di là người đại hiền nhưng ít khi giúp đỡ người ta, Hứa Tử Viễn dẫu bất thuần nhưng lẫn lộn cứu người trong loạn loạn chẳng hề chậm chân. Bá Cầu tiến cử việc thiện thì lấy Đức Di làm đầu, nói đến việc cứu nạn thì cho Tử Viễn là nhất. Và lại Bá Cầu từng vì Ngu Vĩ Cao tự tay giết người báo cừu, làm việc nghĩa mà thanh danh rung động.⁽³⁾ Còn kẻ thù gia tài cự vạn, ngựa hay trăm con, lại muốn sai Bá Cầu mang trâu ốm, ngựa còi, nằm phục kích nơi đạo lộ, như thế khác nào vạch ngực ra mà đón ngọn dao sắc nhọn của kẻ thù vậy.

Thuật vẫn còn có ý bất bình. Sau, Thuật cùng người quận Nam Dương là Tông Thừa gặp nhau ở dưới cửa khuyết, Thuật nổi giận nói:

- Hà Bá Cầu, là kẻ ác đức, ta phải giết hắn.

¹ Vương Đức Di (王德弥), chưa rõ lai lịch; Hứa Tử Viễn (许子远), tức Hứa Du, từng hiến kế đốt lương Ô Sào trong trận Quan Độ giúp Tào Tháo đánh bại Thiệu. Xem thêm về việc này ở tập I, quyển 1 (Vũ đế kỷ); tập II, quyển 6 (Viên Thiệu truyện); tập III, quyển 12 (Khổng Dung truyện); Quách Thái (郭泰), Giả Bưu (贾彪), những người bạn học với Hà Ngung. Thuật ở đây cho rằng mấy người ấy là bạn học, nhưng Quách, Giả nghèo túng đói rét, còn Ngung lại ăn no mặc ấm không san sẻ với bạn bè.

² Đào Khâu Hồng (陶丘洪), tự Tử Lâm, người Bình Nguyên rất giỏi biện bác, nổi danh cùng Khổng Dung ở quận Bắc Hải, Biên Nhung ở quận Trần Lưu.

³ Người bạn của Ngung là Ngu Vĩ Cao có thù cha chưa báo được, Ngung đến thăm, Vĩ Cao khóc lóc kể sự tình. Ngung cảm nghĩa khí, vì Vĩ Cao báo thù, tự tay giết kẻ kia, đem đầu đến tế trước mộ cha của Vĩ Cao.

Thừa nói:

- Hà sinh là kẻ sĩ anh tuấn, túc hạ khéo đãi ngộ hần, sẽ lôi kéo được những người có danh tiếng tốt trong thiên hạ.

Thuật mới thôi.

Về sau lệnh cấm họp bè đảng được bãi bỏ, Ngung được triệu vào phủ Tư không. Mỗi khi duyệt thuộc ở Tam phủ họp bàn, sách lược mưu kế của Ngung hơn người, kẻ bàn luận đều tự cho là mình không theo kịp. Ngung được thăng làm Bắc quân trung hậu, Đồng Trác lấy làm Trưởng sử. Sau này Tuân Úc làm Thượng thư lệnh, phái người đón táng chú của mình là quan Tư không Tuân Sảng, sai đưa thi thể Ngung đến, rồi táng bên cạnh mộ của Sảng.

④ *Ngụy thư* nói rằng Du sai người đến thuyết phục Trác nên được thoát, so với ghi chép này bất đồng.

Thái tổ đón Thiên tử đóng đô ở huyện Hứa, gửi thư cho Du nói:

"Hiện nay thiên hạ đại loạn, đây là lúc bậc trí sĩ phải lao tâm vậ, mà người muốn tới Thục Hán quan sát thời cuộc biến hóa, chẳng là bỏ mất quá nhiều thời gian ư?"

Vì thế cho vời Du làm Thái thú Nhữ Nam, rồi về triều làm Thượng thư. Thái tổ vốn nghe danh của Du, cùng nói chuyện rất hài lòng, bảo Tuân Úc, Chung Do rằng:

- Công Đạt, là người phi thường vậy, ta được cùng ông ấy bàn mưu tính việc, thiên hạ có gì phải lo nữa đây!

Rồi lấy Du làm Quân sư.

Năm Kiến An thứ ba, Du theo Thái tổ đi đánh Trương Tú. Du nói với Thái tổ rằng:

- Tú và Lưu Biểu cậy dựa nhau thành cường mạnh, nhưng quân của Tú là quân tác chiến lưu động, ngẩng trông vào lương ăn của Biểu, lúc Biểu chẳng thể cung ứng, thế tất chia lìa. Chẳng bằng ta hoãn tiến quân để đợi một thời gian, thì có thể dụ được hần đến; nếu ta đánh gấp, thế tất chúng phải cứu giúp lẫn nhau.

Thái tổ không nghe, bèn tiến quân đến huyện Nhuông, cùng giao chiến. Tú cáo cấp, Biểu quả nhiên cứu Tú. Việc quân bất lợi. Thái tổ bảo Du rằng:

- Ta chẳng dùng lời của người mới đến nổi thế.

Bèn đặt kỳ binh giao chiến lần nữa, đại phá Tú.

Năm ấy, Thái tổ từ huyện Uyển đi đánh Lã Bố,^① đến Hạ Bi, Bố thua quân lui về cố thủ, Thái tổ vây đánh không hạ được, giao chiến liên miên, sĩ tốt mỏi mệt, Thái tổ muốn về. Du và Quách Gia khuyên rằng:

- Lã Bố dũng mãnh mà vô mưu, nay giao chiến ba trận đều thua cả, nhuệ khí của hắn đã suy rồi. Ba quân lấy tướng soái làm chủ, chủ suy thì quân không có chí chiến đấu. Trần Cung có trí mưu nhưng chậm chạp, nay là lúc khí của Bố chưa hồi phục, cái mưu của Cung chưa định, ta tiến gấp đánh chúng, có thể bắt được Bố vậy.

Thái tổ bèn dẫn nước sông Nghi, sông Tứ rót vào thành, thành vỡ lở, bắt sống được Bố.

^① *Ngụy thư* chép: Kẻ bàn luận nói rằng Biểu, Tú còn ở phía sau mà ta quay về đánh úp Lã Bố, kế ấy rất nguy vậy. Du cho rằng Biểu và Tú mới bị phá, về thế chẳng dám hành động. Bố là kẻ dũng mãnh có uy vũ, lại cậy dựa Viên Thuật, nếu chúng tung hoành ở vùng Hoài, Tứ, bọn hào kiệt tất hưởng ứng. Nay thừa lúc hắn mới phản Thuật, mọi người chưa đồng lòng, đánh có thể phá được. Thái tổ nói: "Hay." Rồi đi luôn, Bố vì đánh bại được Bị, bọn Tang Bá hưởng ứng Bố.

Sau theo đi cứu Lưu Diên ở Bạch Mã, Du vạch kế sách chém Nhan Lương. Việc nói ở *Vũ đế kỷ*.

Thái tổ hạ được thành Bạch Mã rồi quay về, phái xe truy trọng men sông sang tây. Viên Thiệu vượt sông truy đuổi, rồi cùng Thái tổ gặp nhau. Chư tướng đều sợ hãi, khuyên Thái tổ quay về giữ doanh trại, Du nói:

- Đây là dụng kế để bắt địch, sao lại bỏ về!

Thái tổ nhìn Du mà cười. Rồi đem đồ truy trọng ra như giặc, giặc tranh nhau đến lấy, thế trận loạn. Thái tổ bèn tung quân bộ kỵ ra đánh, đại phá chúng, chém tướng quân kỵ của địch là Văn Xú, Thái tổ bèn cùng Thiệu cự nhau ở Quan Độ. Lương nuôi quân sắp hết, Du nói với Thái tổ rằng:

- Xe vận lương của Thiệu sẽ đến trong sớm tối, tướng của Thiệu là Hàn Tuân Thái dũng mãnh nhưng hay khinh địch, đánh có thể phá được vậy.^①

Thái tổ hỏi:

- Nên sai ai đi được?

Du đáp:

- Nên phái Tử Hoảng.

Thái tổ bèn phái Hoảng cùng Sử Hoán đón đánh phá đuổi bọn giặc, thiêu hủy đồ truy trọng của chúng. Vừa lúc Hứa Du đến hàng, nói rằng Thiệu phái bọn Thuần Vu Quỳnh dẫn hơn vạn binh đến đón quân vận lương, tướng kiêu sĩ biếng, có thể đón đánh. Chúng đều ngờ vực. Duy có Du và Giả Hủ khuyến khích Thái tổ. Thái tổ bèn lưu Du và Tào Hồng ở lại giữ. Thái tổ tự đem quân công phá chúng, chém hết được bọn Quỳnh. Tướng của Thiệu là bọn Trương Cáp, Cao Lãm đốt quân trang, vũ khí rồi ra hàng, Thiệu bèn bỏ quân chạy trốn.

Trương Cáp đến hàng, Hồng nghi ngờ không dám nhận, Du bảo Hồng rằng:

- Kế của Cáp chẳng được dùng, hấn phần nộ mà đến, sao ngài lại nghi ngờ?

Hồng bèn thu nhận Cáp.

^① Thần Tùg Chi xét các thư tịch, Hàn Tuân Thái hoặc chép là Hàn Mãnh, hoặc gọi là Hàn Nhục, chưa rõ là ai.

Năm thứ bảy, Du theo đi đánh Viên Đàm, Viên Thượng ở Lê Dương. Năm sau, Thái tổ đang đánh Lưu Biểu, Đàm và Thượng tranh đoạt Ký châu. Đàm phái Tân Bì tới hàng cầu cứu, Thái tổ định đồng ý, đem việc ra hỏi thuộc hạ. Thuộc hạ đa phần cho rằng Biểu cường mạnh, nên bình hấn trước, Đàm, Thượng chẳng đáng lo. Du nói:

- Thiên hạ đang lăm việc, mà Lưu Biểu ngồi yên giữ vùng Giang, Hán, có thể biết hấn không gửi chí ở bốn phương rồi. Họ Viên chiếm đất bốn châu, binh sĩ mặc giáp chục vạn, Thiệu dùng khoan hòa hậu đãi thu được lòng người, ví thử hai con hấn hòa mục để giữ lấy Nghiệp Thành, thì cái nạn trong thiên hạ chưa yên vậy. Nay anh em chúng kết oán, đây là cái thế chẳng thể vẹn được cả hai. Nếu họ hợp tác thì lực lượng thống nhất, lực lượng của chúng thống nhất thì ta khó đồ được vậy. Nhân lúc họ loạn ta đánh lấy, việc thiên hạ có thể định được rồi, cơ hội này chẳng thể để lỡ được.

Thái tổ nói: "Hay."

Bèn đồng ý hòa thân với Đàm, quay về đánh phá Thượng. Sau đấy Đàm làm phản, Du theo đi chém Đàm ở Nam Bì. Ký châu bình, Thái tổ dâng biểu xin phong tước cho Du rằng:

"Quân sư Tuân Du, từ lúc mới phụ tá thần, không lần xuất binh nào không đi theo, trước sau thắng địch, đều là mưu của Du vậy."

Vì thế phong Du làm Lăng Thụ đình hầu.

Năm thứ mười hai, lại hạ lệnh đại luận công lao phong thưởng, Thái tổ nói:

- Trung thành chính trực, kế mưu bí mật, vô yên trong ngoài, đây là Văn Nhượng. Công Đạt là thứ hai vậy.

Lại tăng thực ấp cho Du bốn trăm hộ, gộp cả lúc trước là bảy trăm hộ,^① rồi chuyển Du làm Trung quân sư.

Nước Ngụy mới dựng, lấy Du làm Thượng thư lệnh.

① *Ngụy thư* chép: Thái tổ từ Liễu Thành quay về, đi qua nhà Du, khen ngợi những mưu kế và công lao trước sau của Du, nói:

- Nay việc thiên hạ cơ bản đã yên định rồi, ý nguyện của Cô là được cùng các bậc hiền sĩ đại phu chung hưởng công lao. Xưa kia Cao tổ cho Trương Tử Phòng được tự chọn chỗ hưởng thực ấp ba vạn hộ,⁽¹⁾ nay Cô cũng muốn người được tự chọn lấy chỗ đất phong của mình.

Du là người thâm trầm kín đáo lại khéo liệu việc, sáng suốt giữ mình, từ khi theo Thái tổ chinh phạt, thường bày mưu tính kế nơi màn trướng, người đương thời kể cả con em tuyệt chẳng ai biết Du nói những gì. ① Thái tổ thường khen rằng:

- Công Đạt bề ngoài như ngu nhưng bên trong mưu trí, ngoài mặt hèn nhát mà trong tâm gan góc, vẻ ngoài yếu đuối nhưng trong bụng cứng rắn, chẳng khoa trương, không khoe công, người có trí mới có thể sánh cùng, kẻ ngu chẳng thể nào theo kịp, dẫu Nhan Tử, Ninh Vũ cũng chẳng hơn được vậy.⁽²⁾

Lúc Văn đế ở ngôi Đông cung, Thái tổ bảo rằng:

- Tuân Công Đạt, là sư biểu của người đời vậy, may phải hết lòng kính lễ ông ấy.

Du có lần bị ốm, Thế tử đến thăm bệnh, một mình bái lạy dưới giường, Du được kính trọng khác thường như thế.

¹ Hán Cao tổ đánh thắng Hạng Vũ, cho phép đệ nhất mưu sĩ của mình là Trương Lương tự chọn lấy ba ngàn hộ làm thực ấp. Trương Lương không nhận, bỏ đi ở ẩn.

² Nhan Hôi (顔子), là một trong những học trò xuất sắc nhất của Khổng tử, Khổng tử từng nói là mình không bằng được Nhan Hôi.

Ninh Vũ (甯武), còn gọi là Ninh Vũ Tử hay Ninh Du (甯俞) là quan đại phu nước Vệ thời Xuân Thu, thờ hai đời vua là Vệ Văn công và Vệ Thành công. Thời Văn công, vua sáng, nước trị, ông là quan chức tài năng, có công lớn với nước. Thời Thành công, vua kém, nước loạn, ông vẫn tận tụy không hiềm vất vả gian lao, bậc trí giả thời ấy cho ông là kẻ ngu, không thức thời. Khổng tử từng khen ông rằng: “Nước có đạo thì trí, nước vô đạo thì ngu. Cái trí của ông ấy có thể theo kịp được, cái ngu của ông ấy thì không theo kịp được vậy.”

Du và Chung Do giao hiếu, Do nói:

- Ta mỗi khi có việc gì, nghĩ đi nghĩ lại, tự bảo không dễ làm; đem ra bàn với Công Đạt, liền thu được những ý kiến vượt quá mong đợi.

Trước sau Công Đạt vạch ra cả thấy là mười hai kế sách lạ kỳ, chỉ có Do biết được. Do biên soạn thành sách còn chưa xong, thì chết, cho nên người đời chẳng ai nghe biết được tường tận vậy.^②

Du theo Thái tổ đi đánh Tôn Quyền, mất ở trên đường. Thái tổ nói mà roi nước mắt.^③

① *Ngụy thư* chép: Con trai của cô ruột Du là Tân Thao từng hỏi Du về việc lúc Du khuyên Thái tổ lấy Ký châu. Du nói:

- Tá Trị⁽¹⁾ giúp Viên Đàm xin hàng, vương sư bởi thế qua đó bình đất ấy, ta sao biết được?

Từ đấy Thao cùng họ hàng nội ngoại tuyệt chẳng ai dám lần nữa hỏi Du về việc quân quốc đại sự vậy.

② Thần Tùng Chi xét: Sau khi Du mất được mười sáu năm, Chung Do mới chết, soạn chép những kế sách kỳ lạ của Du, nào có khó gì? Mà Do sống đến tám mươi tuổi, còn nói là chưa soạn xong, khiến cho kỳ mưu kế sách tông chính của Du chẳng được truyền lại ở đời, tiếc thay!

③ *Ngụy thư* chép: Bấy giờ là năm Kiến An thứ mười chín, Du được năm mươi tám tuổi. Tính về tuổi thì Du hơn Úc sáu tuổi.

Ngụy thư chép lệnh của Thái tổ rằng:

"Cô cùng Tuân Công Đạt ruổi rong hơn hai chục năm, không hề thấy có chút lỗi lầm nhỏ nhất nào."

Lại nói:

¹ Tá Trị là tên tự của Tân Bì (辛毗), xem tập V, quyển 25 (Tân Bì truyện).

- Tuân Công Đạt thực là hiền nhân vậy, có thể nói là "đạt đến mức ôn, lương, cung, kiệm, nhượng được rồi."⁽¹⁾ Khổng tử khen: "Án Bình Trọng⁽²⁾ khéo giao kết với người, càng lâu thì người ta càng kính trọng ông ấy". Tuân Công Đạt là người như thế vậy.

Phó tử nói: Có người hỏi ta về các bậc quân tử đại hiền thời gần đây, ta đáp rằng:

- Đức nhân của Tuân lệnh quân, trí mưu của Tuân quân sư,⁽³⁾ những người ấy có thể gọi là bậc quân tử đại hiền gần đây rồi. Cái nhân của Tuân lệnh quân để lập đức, sáng suốt tiến cử hiền tài, hành vi lỗi lạc không hề siểm nịnh ai, mưu việc có thể tùy cơ ứng biến. Mạnh Kha⁽⁴⁾ nói: "Cứ năm trăm năm thì có bậc vương giả nổi lên, khi ấy tất có người nổi danh trên đời", người ấy là Tuân lệnh quân chẳng! Thái tổ khen Tuân lệnh quân tiến cử việc thiện, tiến cử chưa được không chịu thôi, Tuân quân sư trừ ác, ác chưa trừ được không chịu dừng.

Con trưởng của Du là Tập, có phong độ của Du, chết sớm. Con thứ của Du là Thích nổi tự, không có con, tuyệt tự. Năm Hoàng Sơ trung, nổi phong cho cháu của Du là Bưu làm Lăng Thụ đình hầu, thực ấp ba trăm hộ, sau chuyển phong làm Khâu Dương đình hầu.

Năm Chính Thủy trung, truy thụy cho Du là Kính hầu.

¹ Tức là năm đức tính đáng quý của người quân tử: Ôn hòa, thuần hậu, khiêm cung, cần kiệm, nhún nhường.

² Án Bình Trọng (晏平仲) tức Án Anh, là tể tướng nổi danh của nước Tề thời Chiến Quốc, gắn với rất nhiều điển tích, như Nhị đào sát tam sĩ, Án tử can vua hay Án tử đi sứ nước Sở.

³ Tuân lệnh quân là chỉ Tuân Úc, Tuân quân sư là chỉ Tuân Du.

⁴ Mạnh Kha (孟軻) tức Mạnh tử (孟子), người đất Trâu, nước Lỗ, là nhà triết học của Trung Quốc, là người tiếp nối sau Khổng tử. Mạnh tử từng đưa ra chứng lý rằng: Từ đời Nghiêu, Thuấn cho đến vua Thành Thang nhà Thương là trên năm trăm năm; từ Thành Thang cho đến vua Văn vương nhà Chu là trên năm trăm năm; Từ Văn vương cho đến thầy Khổng tử lại chừng năm trăm năm. Như thế tức là cứ trong khoảng năm trăm năm thế gian lại sinh ra bậc hiền tài.

Gia Hủ tự Văn Hòa, người quận Vũ Uy huyện Cô Tang. Thừa nhỏ người đời chẳng ai biết đến, chỉ có Diêm Trung người quận Hán Dương xem Hủ là người khác thường, bảo rằng Hủ có cái tài lạ của Lương, Bình.⁽¹⁾①

Châu quận xét cử Hiếu liêm, Hủ nhận chức Lang, nhân mắc bệnh bỏ chức quan, sang tây tới sông Khiên, trên đường đi gặp rợ Đê làm phản, mấy chục người đi cùng đều bị rợ Đê bắt. Hủ nói:

- Ta là của cháu ngoại Đoàn công, bọn mày đừng chôn sống ta, nhà ta tất đem nhiều tiền đến chuộc.

Bấy giờ Thái úy Đoàn Quýnh, trước đó từng làm tướng ở biên ải nhiều năm, uy chấn tây thổ, Giả Hủ mượn danh để dọa người Đê. Rợ Đê quả nhiên chẳng dám hại, cùng thề kết bạn rồi đưa đi, những người còn lại đều chết. Kỳ thật Hủ chẳng phải là cháu ngoại của Đoàn, chỉ là quyền biến để xong việc, đại loại đều như thế.

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Năm Trung bình nguyên niên, Xa kỵ tướng quân là Hoàng Phủ Tung phá xong giặc Khăn Vàng, uy chấn thiên hạ. Diêm Trung bấy giờ thôi giữ chức Tín đô lệnh, khuyên Tung rằng:

- Con người ta khó nắm bắt thời vận nhưng dễ đánh mất cơ hội, thời vận đến thì chẳng thừa cơ trở gót, cho nên bậc thánh nhân thường thuận thời mà hành động, kẻ trí giả tắt nhân cơ hội để nổi dậy. Nay tướng quân gặp thời vận hiếm có, mà để cơ hội dễ dàng vượt mất, thời vận đến mà chẳng nắm lấy, cơ hội đến mà chẳng phát động, sao được hưởng danh vọng lớn đây?

Tung nói:

- Ngài nói vậy là sao?

Trung nói:

¹ Trương Lương, Trần Bình, là những mưu sĩ nổi danh của Hán Cao tổ.

- Đạo trời chẳng ưu ái cho ai, trăm họ theo về kẻ có tài, cho nên cái thành công của bậc cao nhân, là chẳng chịu nhận phần thưởng của chủ hèn. Nay tướng quân đầu xuân được trao mao việt, cuối đông lập được công lao, động binh như thần, mưu tính chẳng trùng kế, trong vòng tuần trăng, thần binh như sấm chớp, đánh nơi kiên cố dễ như bẻ gãy cành khô, diệt địch khác nào dội nước sôi xuống tuyết, thu bảy châu như cuốn chiếu, quét sạch ba mươi sáu phương, giết hết quân Khăn Vàng, trừ mối lo tà hại, ngò là được phong hộ khắc bia, ngoảnh về nam để báo đức, uy chấn bản triều, cõi ngoài nức tiếng. Vì thế quần hùng quay đầu lại, bách tính ngóng theo chân, dẫu chấp công của hai vua Thang Vũ, cũng chưa hơn tướng quân được vậy. Thân lập được công lao siêu việt, lại ngoảnh mặt về bắc để thờ chủ hèn, yên lành được sao?

Tung nói:

- Ta có tâm mà chẳng bỏ trung, sao chẳng yên lành?

Trung nói:

- Không phải. Xưa kia Hàn Tín chẳng nở quên ơn một bữa ăn, mà bỏ mối lợi chia ba, cự tuyệt lời trung của Khoái Thông, bỏ qua cái thế dựng chân đỉnh, lúc gươm sắc đã kề hầu, mới thở than mà hối hận, cho nên bị giết bởi kẻ nữ nhi vậy.⁽¹⁾ Nay thế của chủ yếu hơn Lưu, Hạng, quyền của tướng quân nặng hơn Hoài Âm, trở cò có thể làm mây gió nổi lên, quát thét đủ khiến cho sấm ran chớp giật; khí thế bùng bùng, từ trên cao giáng xuống, chuộng ân để người ta theo trước, chinh võ để họ phục tùng sau, trưng triệu kẻ sĩ ở bốn phương, lay động dân chúng khắp bảy châu, vũ hịch ruổi rong phía trước, đại quân vang động phía sau, chân giày xéo Chương Hà, ngựa uống nước Mạnh Tân, cất lưới trời chẳng kín

¹ Hoài Âm hầu Hàn Tín là công thần của Hán Cao tổ, giúp Cao tổ tranh thiên hạ với Hạng Vũ; lúc thế trận Lưu, Hạng giằng co, Khoái Thông khuyên Hàn Tín dựng thế lực, chia ba thiên hạ với Lưu, Hạng; Tín chịu ân của Cao tổ, cự tuyệt, sau khi Lưu Bang thành công, nghi ngờ các công thần, Hàn Tín bị Lã hậu (vợ của Hán Cao tổ) bắt ở đầm Vân Mộng, đưa về kinh, sau này Lã hậu giết Tín ở nhà treo chuông trong cung Trường Lạc. Xem thêm chú thích nói về Khoái Thông ở tập II, quyển 8, trang 180 (Công Tôn Độ truyện).

kinh đô, tru diệt cái tội của bọn yêm hoạn, trừ bỏ nỗi phần hận chất chồng của bè lũ gây oán, giải mối nguy treo ngược bấy lâu. Như thế thì đánh giữ không cần thành vững, chẳng triệu gọi tất người ta trông bóng mà theo, dẫu đứa trẻ con cũng vung nắm tay không ra sức, đàn bà con gái cũng vén xiêm phụng mệnh theo, huống chi là kẻ sĩ trí năng, nhờ vào thế của gió dữ, thì đại công chẳng khó hợp nhất, tám phương dễ đồng lòng. Công nghiệp đã thành, thiên hạ đã thuận, rồi sẽ đốt lửa tế trời, bố cáo thiên mệnh, sáu cõi chình tề, ngoảnh mặt về nam xưng chế, chuyển thần khí về mình, bỏ nhà Hán suy vong để định ngôi trời, thật là cơ hội lạ thường trời đem đến, là thời cơ tốt để nổi gió vậy. Ôi, cây gỗ mục chẳng thể chạm trở, thế đã suy khó mà phù giúp, tướng quân dù muốn dốc lòng trung cũng khó mà phò tá triều đình, chạm khắc cây gỗ mục, cũng như ngược núi mà chạy, tất chẳng nên việc vậy. Hiện nay quyền hành ở lũ yêm hoạn, cùng nhau buôn bán cái ác, chúa thượng chẳng được tự do, chiếu mệnh phát ra từ tả hữu. Nếu như có chí sáng mà chẳng xét kỹ, có thời cơ mà chẳng làm trước, tất sau này ôm mối hận, cũng không kịp vậy.

Tung không theo, Trung bèn bỏ đi.

Anh hùng ký chép: Giặc ở Lương châu là bọn Vương Quốc khởi binh, cùng nhau bức ép Trung lên làm chủ soái, thống suất ba mươi sáu lộ quân, hiệu là Xa kỵ tướng quân. Trung cảm khái phát bệnh mà chết.

Đồng Trác vào Lạc Dương, Hủ lấy thân phận Thái úy duệ làm Bình tây đô úy, được thăng làm Thảo lỗ Hiệu úy.

Con rể của Trác là Ngưu Phụ làm Trung lang tướng đóng quân tại huyện Thiểm, Hủ ở trong quân của Phụ. Trác bại, Phụ lại chết, mọi người sợ hãi, bọn Hiệu úy là Lý Thôi, Quách Ty, Trương Tế muốn giải tán, nhân lúc lộn xộn quay về cố hương. Hủ nói:

- Ta nghe nói người trong thành Trường An nghị bàn muốn giết hết người ở Lương châu, mà các ông bỏ mọi người đơn độc đi trốn, một người đình trưởng cũng có thể bắt được các ông rồi.

Chẳng bằng thống suất mọi người sang tây, thu nhật binh sĩ ở các nơi đi qua, dùng họ để đánh Trường An, vì Đồng công báo cừu, may mà xong việc, thì phụng sự quốc gia để chinh phạt thiên hạ, nếu như chẳng xong, bỏ chạy cũng chưa muộn vậy.

Chúng cho là phải. Thôi bèn sang tây đánh Trường An. Đã nói ở *Đồng Trác truyện*.^① Về sau Hủ làm Tả Phùng Dực, bọn Thôi muốn nhân lúc thỉnh công ban cho Hủ tước hầu, Hủ nói:

- Cái kế cứu mệnh đó, sao tính là công được!

Rồi cố từ không nhận. Chúng lại cho Hủ làm Thượng thư bộc xạ, Hủ nói:

- Chức Thượng thư bộc xạ, là sư trưởng của quan viên, là chỗ mà người thiên hạ đều trông vào, danh tiếng của Hủ không đủ nặng, chẳng thể khiến người ta tín phục. Thả kẻ ám muội như Hủ này vào chốn vinh lợi, sao ra quốc triều được!

Chúng bèn đổi bái Hủ làm Thượng thư, giữ việc tuyển cử, Hủ giúp đỡ chúng rất nhiều, bọn Thôi thân gần mà kiêng sợ Hủ.^② Lúc mẹ mất Hủ từ quan, được bái làm Quang lộc đại phu.

Bọn Thôi, Ty đấu nhau ở trong thành Trường An,^③ Thôi lại mời Hủ làm Tuyên nghĩa tướng quân.^④ Bọn Thôi dàn hòa, việc thả Thiên tử, che chở cho đại thần, Hủ giúp sức rất nhiều.^⑤

Thiên tử được thả rồi, Hủ dâng trả ấn thụ. Bấy giờ tướng quân Đoàn Ổi đóng trại ở Hoa Âm,^⑥ với Hủ là người đồng quận, Hủ bèn bỏ Thôi sang nương nhờ Ổi. Hủ vốn nổi danh, là người mà quân lính của Ổi ngưỡng vọng. Ổi trong lòng sợ bị Hủ đoạt quyền, nhưng ngoài mặt đối đãi với Hủ lễ nghĩa rất chu toàn, Hủ càng thấy bất an.

① Thần Tùng Chi cho rằng kinh truyện khen "Lời của người nhân, lợi khắp thiên hạ!" Như thế thì lời nói bất nhân, về lý tất có tác dụng ngược lại. Cái công của người nhân khó tỏ, nhưng mầm loạn thì dễ thành, thế nên mỗi họa một khi đã phát tác thì gây hại

đến trăm đời vậy. Đang lúc bấy giờ, kẻ thủ ác ra tay, trời đất sôi sục, khiến họa loạn kết dây, mầm họa lớn đã thịnh hành, thì bang quốc gặp tai ương điêu tàn, lê dân chịu muôn điều oan khốc, há chẳng phải vì lời nói một chiều của Giả Hủ sao? Cái tội của Hủ, không gì lớn hơn vậy! Những điềm động loạn từ xưa đến nay, chưa bao giờ thậm tệ như thế!

② *Hiển đế kỷ* chép: Quách Ty, Phàn Trù và Thôi đang giúp đỡ nhau lại bất hòa, mấy lần muốn đánh đấu nhau. Hủ liền lấy đạo lý trách chúng, chúng rất nghe lời Hủ.

Ngụy thư chép: Hủ giữ việc tuyển cử, đa phần chọn người có danh tiếng cũ cho làm Thượng thư lệnh, Bộc xạ, kẻ bàn luận vì thế khen Hủ.

③ *Hiển đế kỷ* chép: Bọn Thôi và Hủ nghị bàn, Thôi muốn đón Thiên tử vào ở trong doanh của mình. Hủ nói:

- Không nên. Bức hiếp Thiên tử, là việc phi nghĩa vậy.

Thôi không nghe. Trương Tú bảo Hủ rằng:

- Chốn ấy chẳng nên ở lâu, sao ngài chẳng bỏ đi?

Hủ nói:

- Ta nhận quốc ân, về nghĩa chẳng thể bội bạc. Ngài hãy tự đi thôi, ta chẳng đi được.

④ *Hiển đế kỷ* chép: Lúc bấy giờ Thôi triệu gọi mấy nghìn người rợ Khương, Hồ tới, lấy nhung lụa đẹp của vua chọn cấp cho chúng trước, lại hứa ban cho chúng đàn bà con gái trong cung, muốn sai chúng đánh Quách Ty. Rợ Khương, Hồ kéo đến chọc thủng vách nhòm qua cửa cung, nói:

- Thiên tử ở trong đó sao! Lý tướng quân hứa cho ta cung nhân mỹ nữ, nay đều ở đây ư?

Đế lo lắng, sai Hủ giúp mình tính kế. Hủ bèn ngầm gọi các đại soái người Khương, Hồ đến ăn uống, hứa phong tước và cho tài vật quý, vì thế chúng đều bỏ đi. Thôi bởi thế suy yếu.

⑤ *Hiển đế kỷ* chép: Thiên tử sang đông rồi, nhưng Lý Thôi lại đuổi theo, vương sư thua vỡ. Tư đồ Triệu Ôn, Thái thường Vương Vĩ,

Vệ úy Chu Trung, Tư lệ Vinh Thiệu đều bị Thôi nghi ngờ, muốn giết. Hủ bảo Thôi rằng:

- Đấy đều là đại thần của Thiên tử, sao ngài muốn hại họ?

Thôi mới dừng lại.

© *Diễn lược* nói lúc Ổi ở Hoa Âm, sửa sang việc nhà nông, không cướp bóc. Thiên tử quay về phương đông, Ổi đón ở trên đường dâng cống phẩm chu đáo.

Hiển để ký chép: Về sau Đế lấy Ổi làm Đại hồng lư Quang lộc đại phu, năm Kiến An thứ mười bốn, hưởng trọn tuổi trời.

Lúc Trương Tú ở Nam Dương, Hủ ngầm giao kết, Tú phái người đón Hủ. Hủ sắp đi, có người bảo Hủ rằng:

- Đoàn Ổi đãi ngài hậu hĩnh, sao ngài bỏ ông ấy?

Hủ nói:

- Ổi tính cách đa nghi, có lòng ngờ ghét ý của Hủ, lễ tuy hậu, cũng chẳng thể nương cậy, ở lâu sẽ bị ông ấy mưu hại. Ta bỏ đi ông ấy tất mừng, lại mong ta kết giao làm đại viện ở ngoài, tất hậu đãi vợ con ta. Tú không có người chủ mưu, cũng mong có được Hủ này, thế thì người nhà ta và bản thân ta đều toàn vẹn rồi.

Hủ bèn qua chỗ Tú, Tú giữ lễ là phận con cháu, Ổi quả nhiên đối đãi tốt với người nhà Hủ. Hủ khuyên Tú cùng Biểu liên hòa.^①

Thái tổ liên tục đi đánh Tú, một buổi dẫn quân lui về, Tú tự mình truy kích. Hủ bảo Tú rằng:

- Chẳng nên đuổi theo, đuổi theo tất thua bại.

Tú không nghe, tiến binh giao chiến, đại bại trở về. Hủ bảo Tú rằng:

- Mau quay lại đuổi gấp đi, đánh nữa tất sẽ thắng.

Tú tạ rằng:

- Ta chẳng dùng lời của Công, đến nỗi thế này. Nay đã thua bại, sao lại đuổi theo nữa?

Hủ nói:

- Cái thế dùng binh biến hóa, hãy đi gấp tất được lợi.

Tú tin lời Hủ, bèn thu nhặt binh tốt tan tác vội đuổi theo, đại chiến, quả nhiên toàn thắng trở về. Tú hỏi Hủ rằng:

- Tú dùng tinh binh truy kích quân rút lui, mà Công nói rằng tất bại; lui rồi lấy quân thua bại đánh quân thắng, mà Công nói là tất thắng. Đều như lời của Công nói, sao việc trái ngược nhau mà đều ứng nghiệm vậy?

Hủ nói:

- Việc ấy dễ hiểu thôi. Tướng quân tuy khéo dùng binh, nhưng không phải địch thủ của Tào công vậy. Quân kia đúng là mới lui, Tào công tất thân đi đoạn hậu; quân đuổi theo dấu tinh nhuệ, nhưng tướng chẳng địch được, binh sĩ bên kia cũng tinh nhuệ, nên ta biết là tất bại. Tào công đánh tướng quân không bị thất sách, sức chưa hết mà lui về, tất trong nước có việc; đã phá được tướng quân, ắt hẳn khinh binh tức tốc tiến về, để cho chư tướng đi đoạn hậu, chư tướng dẫu dũng mãnh, cũng không phải là địch thủ của tướng quân, nên tuy dùng bại binh mà giao chiến vẫn thắng vậy.

Tú bèn chịu phục.

Sau đấy, Thái tổ cự Viên Thiệu ở Quan Độ, Thiệu phái người chiêu hàng Tú, lại gửi thư cho Hủ kết làm ngoại viện. Tú muốn theo lời, Hủ ngồi đãi khách ở chỗ Tú bảo sứ của Thiệu rằng:

- Ngươi về thay ta tạ với Viên Bản Sơ rằng, anh em trong nhà còn chẳng thể dung được nhau, mà có thể dung được quốc sĩ trong thiên hạ sao?

Tú kinh sợ nói:

- Sao đến nỗi thế!

Rồi nói riêng với Hủ rằng:

- Như thế này, thì ta phải theo ai đây?

Hủ nói:

- Chẳng bằng theo về Tào công.

Tú nói:

- Viên mạnh Tào yếu, thêm nữa ta với Tào công là kẻ thù, theo ông ấy sao được?

Hủ nói:

- Đấy chính là lý do mà ta nên theo vậy. Tào công phụng mệnh Thiên tử để hiệu lệnh thiên hạ, là một điều nên theo vậy. Thiệu cường thịnh, ta đem ít binh lính theo họ, tất họ chẳng lấy ta làm trọng. Tào công binh yếu, được ta tất mừng, là hai điều nên theo vậy. Kẻ có chí bá vương, cố nhiên sẽ coi bỏ oán riêng, để sáng đức với bốn bề, là ba điều nên theo vậy. Xin tướng quân chớ nghi ngờ!

Tú theo lời, thống suất bộ chúng quy thuộc Thái tổ. Thái tổ gặp họ rất mừng, cầm tay Hủ nói:

- Người khiến ta được thiên hạ tin tưởng xem trọng, là ngài vậy.

Rồi dâng biểu lên triều đình xin cho Hủ làm Chấp kim ngô, phong tước Đô đình hầu, thăng chức Ký châu mục. Lúc ấy Ký châu chưa bình định được, Thái tổ lưu Hủ lại làm Tham mưu quân sự cho Tư không.

Viên Thiệu vây Thái tổ ở Quan Độ, lương của Thái tổ vừa hết, mới hỏi Hủ có kế sách gì, Hủ nói:

- Công, minh thắng Thiệu, dũng thắng Thiệu, dụng nhân thắng Thiệu, quyết cơ thắng Thiệu, có bốn cái thắng ấy mà qua nửa năm rồi chẳng yên định được, vì chỉ nghĩ đến kế sách vạn toàn

vậy. Tất đến lúc then chốt sẽ quyết đoán, trong chốc lát có thể định được vậy.

Thái tổ nói: "Hay." Bèn hợp binh xuất kích, đánh đuổi Thiệu ra ngoài quân doanh ba mươi dặm, phá Thiệu. Quân của Thiệu vỡ lở, Hà Bắc bình định được. Thái tổ lĩnh chức Ký châu mục, chuyển Hủ làm Thái trung Đại phu.

Năm Kiến An thứ mười ba, Thái tổ phá Kinh châu, sắp thuận sông xuôi đông. Hủ can rằng:

- Minh công trước phá họ Viên, nay thu Hán Nam, uy danh sáng rõ phương xa, thế quân đã lớn; nếu dựa vào cái giàu có của nước Sở cũ, thết đãi quan lại tướng sĩ, vỗ yên trăm họ, khiến người ta an cư lạc nghiệp, thì có thể chẳng lao nhọc quân dân mà Giang Đông phải cúi đầu theo phục vậy.

Thái tổ không theo, quân đi không được lợi.②

Về sau Thái tổ cùng Hàn Toại, Mã Siêu giao chiến ở Vị Nam, bọn Siêu đòi cắt đất cầu hòa, lại xin đưa con làm tin. Hủ cho rằng nên vờ đồng ý với họ. Thái tổ lại hỏi kế sách của Hủ, Hủ nói:

- Chia rẽ họ mà thôi.

Thái tổ nói:

- Ta hiểu.

Bèn nhất nhất dùng mưu của Hủ. Việc nói ở *Vũ đế kỷ*. Rút cục phá được Toại và Siêu, vốn là mưu kế của Hủ vậy.

① *Phó tử* chép: Hủ xuôi nam diện kiến Lưu Biểu, Biểu dùng khách lễ đãi Hủ. Khi về Hủ nói:

- Biểu, thời bình có cái tài của Tam công vậy; chẳng thấy cái biến hóa của sự việc, đa nghi không quyết đoán, không làm nên việc vậy.

② Thần Tùng Chi cho rằng cái mưu ấy của Hủ, chưa phải là thích hợp lúc đương thời. Vào lúc bấy giờ lũ Hàn, Mã còn như lang sói

ngoái nhìn Quan Hữ, Ngụy Vũ chẳng được ngồi yên ở Dĩnh đô¹ dùng uy để vỗ về miền Ngô Cối, điều ấy cũng rõ rồi. Bên kia Kinh châu, là chỗ mà Tôn, Lưu tất phải tranh giành. Mà người Kinh châu khâm phục cái tư thế anh hùng của Lưu chủ, kiêng sợ cái vũ lược của Tôn Quyền, để lâu ngày, tin rằng chẳng phải các tướng của họ Tào có thể ngăn chống được. Cho nên Tào Nhân giữ Giang Lăng, thất bại chẳng kịp trở gót, sao thi hành được việc phủ dụ vỗ yên, mong họ cúi đầu chịu phục được? Vào cái lúc Giang, Hán mới bình, Dương, Việt sợ uy mất vía, lại có được đầy đủ thủy binh của Lưu Biểu, mượn tay khua mái chèo Kinh Sở, thật gặp dịp sấm động trời quang, cơ hội lớn bỗng không mà có. Chẳng nhân cơ hội ấy lấy đất Ngô, lại đợi họ yên định sao? Đến như việc thua bại ở Xích Bích, đại khái là có vận số. Thật bởi bệnh dịch bùng lên, làm tổn hại cái khí thế mãnh liệt, gió nổi từ phương nam, nhờ thế mà thành mối lửa. Thật bởi trời làm ra vậy, há người làm được sao? Thế thì việc sang đông của Ngụy Vũ, không phải là tính toán sai lầm vậy. Lời khuyên ấy của Hủ, là không thỏa đáng rồi. Ngụy Vũ về sau bình được Trương Lỗ, Thục trung một ngày mấy chục lần kinh sợ, Lưu Bị tuy chém người mà chẳng thể ngăn được, bởi chẳng dùng kế của Lưu Diệp, để mất cơ hội cuốn chiếu, đánh giá đã sai lầm, thì hối không kịp nữa, tức cũng giống như việc này vậy. Người đời đều nói kế của họ Lưu là phải, tức càng thấy rõ lời của Hủ là sai vậy.

Thời ấy, Văn đế làm Ngũ quan tướng, mà Lâm Truy hầu là Thục tài danh đang thịnh, hai bên đều có bè đảng giúp, nghị luận để tranh đoạt ngôi Thái tử. Văn đế sai người hỏi Hủ cái thuật củng cố địa vị, Hủ nói:

- Xin tướng quân nêu cao đức lớn, rộng lòng độ lượng, hết mình với công nghiệp của kẻ sĩ, sớm khuya chăm chỉ, chẳng trái đạo làm con. Chỉ như thế mà thôi.

Văn đế theo lời ấy, rất nỗ lực tự rèn rũa mình.

¹ Dĩnh đô (郢都) là kinh đô cũ nước Sở thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Thái tổ từng có lần đuổi hết tả hữu ra rồi hỏi Hủ, Hủ lặng yên không đáp lại. Thái tổ nói:

- Ta nói chuyện với khanh mà khanh không đáp lời, sao vậy?

Hủ nói:

- Thuộc hạ vừa mới nghĩ đến một việc, nên chưa đáp lại ngay được.

Thái tổ hỏi:

- Khanh nghĩ việc gì?

Hủ nói:

- Nghĩ đến cha con Viên Bản Sơ và Lưu Cảnh Thăng vậy.

Thái tổ cả cười, vì thế ngôi Thái tử mới định.

Hủ tự biết rằng mình chẳng phải là cựa thần của Thái tổ, nhưng kế sách mưu tính rất sâu xa, sợ bị người khác nghi ngờ, nên đóng cửa tự giữ mình, nhún nhường không giao tiếp riêng tư với ai, trai gái lấy vợ gả chồng, chẳng kết giao với nhà cao môn, người thiên hạ bàn luận về tài trí và mưu kế thì đều phục Hủ cả.

Văn đế tức vị, lấy Hủ làm Thái úy,^① tiến tước Ngụy Thọ hương hầu, tăng thực ấp ba trăm hộ, gộp cả trước đó là tám trăm hộ. Lại chia hai trăm hộ thực ấp của Hủ, phong cho một con nhỏ của Hủ là Phóng làm Liệt hầu. Lấy con trưởng của Hủ là Mục làm Phò mã đô úy.⁽¹⁾

Để hỏi Hủ rằng:

¹ Trước thời nhà Tấn, Phò mã đô úy (驸马都尉) là tên một chức quan. Thời ấy khi Hoàng đế xuất hành, các cỗ xe thường kết thành từng đội. Xe của Hoàng đế ngồi gọi là “Chính xa”, do quan Phụng xa đô úy chủ quản; xe của tùy tùng đi theo gọi là “Phó xa”, do Phò mã đô úy chủ quản, hình thức các xe này rất giống nhau, là để người ta không biết vua ngồi xe nào. Kể từ đời nhà Tấn về sau, cứ ai lấy công chúa tất được phong vào chức ấy, vậy nên người lấy công chúa mặc nhiên được gọi là Phò mã.

- Ta muốn đánh dẹp những kẻ không theo mệnh để nhất thống thiên hạ, hai xứ Ngô, Thục, nên đánh xứ nào trước vậy?

Hủ đáp:

- Đánh nước địch thì ưu tiên binh quyền, kiến quốc thì chuộng đức hóa. Bệ hạ ứng kỳ vận nhận ngôi trời, nên phủ dụ coi sóc người trong cõi, nếu dùng văn đức để vỗ yên ngời đợi họ có biến, thì bình họ chẳng khó gì rồi. Ngô, Thục đều là cái nước còn con, nhưng dựa vào núi sông hiểm trở, Lưu Bị có hùng tài, Gia Cát Lượng khéo trị quốc, Tôn Quyền biết liệu thời xét thế, Lục Nghị hiểu cách dùng binh, chiếm chỗ hiểm giữ chỗ yếu, rong ruổi nơi sông hồ, đều khó mưu tính ngay được. Cái đạo dùng binh là, liệu trước đánh sau, lượng địch luận tướng, cho nên cử sự không bị thất sách. Thần trộm đoán rằng trong các quần thần, chẳng ai là đối thủ của Bị và Quyền, đều có lấy thiên uy tới đánh họ, chưa hẳn là cái thế vạn toàn. Xưa kia vua Thuấn múa kiếm thích mà Hữu Miêu tới quy phục, thần cho rằng hiện nay nên trước dùng văn sau dụng võ.

Văn đế không thu nhận ý kiến. Về sau phát động chiến dịch Giang Lăng, sĩ tốt bị chết rất nhiều. Năm Hủ bảy mươi bảy tuổi, chết, được ban thụy là Túc hầu. Con của Hủ là Mục nối tự, ngôi vị đến chức Quận thú. Mục chết, con của Mục là Mô nối tự.②

① *Ngụy lược* chép: Văn đế biết được lời đối đáp của Hủ với Thái tổ, cho nên khi tức vị xếp Hủ lên ngôi đầu ở Thượng ti.

Tuân Úc⁽¹⁾ *biệt truyện* chép: Chức Tư đồ của nhà Tấn bị khuyết, Tấn Vũ đế hỏi Úc là dùng người nào. Úc đáp rằng:

- Tam công là chức mà tất cả mọi người trông vào, chẳng thể dùng người không xứng chức. Xưa kia Văn đế dùng Giả Hủ làm Tam công, Tôn Quyền cười việc ấy.

¹ *Tuân Úc* (荀勗) được nhắc đến ở đây không phải là *Tuân Úc* (荀彧) mưu thần của Tào Tháo, mà là người cháu của *Tuân Úc* (cùng tên, nhưng viết khác nhau), người này là bày tôi của Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm.

② *Thế ngữ* chép: Mô, thời Tấn Huệ đế làm Tán kỵ thường thị, Hộ quân tướng quân, con của Mô là Dận, em của Dận là Kham, em họ của Dận là Sơ, cùng làm quan lớn, đều hiển hách ở triều đình nhà Tấn vậy.

Bình rằng: Tuân Úc thanh cao tài hoa mà nhã nhặn, có phong độ của kẻ phù tá đế vương, nhưng xét rõ việc đề tiên liệu thời thế, thì chí hướng thực hiện còn chưa được đầy đủ vậy. ① Tuân Du, Giả Hủ, toan tính cơ hồ không hề sơ sót, đạt đến mức thấu hiểu sự quyền biến, đại khái là gần được như Lương, Bình vậy! ②

① Bàn luận của người đời, đa phần là chê Úc mưu toan giúp đỡ cho Ngụy thị, để ngôi Hán ngửa nghiêng; ngôi vị quân thần thay đổi, thật bởi do Úc vậy. Tuy rằng sau này tiết tháo có khác thường, nhưng chẳng ngăn nổi vận số đổi dời; cái việc đã trái nghĩa, có hiểu ra cũng cứu vớt làm sao được. Lời phê bình này của họ Trần, đại khái là cũng giống như kiến thức của người đời. Thần Tùng Chi cho rằng viết ra lời bình ấy, thực chưa thấy được chí hướng cao cả của Úc vậy. Úc há chẳng hiểu rõ chí khí của Ngụy Vũ, rằng đó không phải là bày tôi trung trinh của nhà Hán lúc suy vi sao? Quả là vào lúc bấy giờ vương đạo đã suy, hỗn loạn đã cùng cực, kẻ anh hùng hào kiệt như hổ dữ, người người mang dị tâm, nếu chẳng có người đủ tư chất dẹp loạn, có mưu lược khiến người ta thuận thiên mệnh, thì sự tiêu vong của nhà Hán càng mau, đám dân đen chết hết mất rồi. Ôi, muốn phù trợ bậc hùng kiệt, để giúp đỡ thời vận lúc khó khăn, không là người ấy thì là ai nữa đây? Thế nên việc bình trị loạn thế lúc nguy nan, giống như chữa người trọng bệnh, hành động trong tình thế hiểm nghèo, đạt đến tình thế hanh thông không trở ngại, khiến cho bách tính như được thuyền cứu lúc sắp chết đuối, tông thất họ Lưu kéo dài thêm được hai đời, há chẳng phải đúng với ý nguyện ban đầu, là hành động nhân từ khoan thứ hết mực sâu xa của Úc hay sao? Đến lúc nghiệp bá của Ngụy Vũ đã thịnh, ý đồ tiêu diệt nhà Hán đã rõ, Úc mới thân vong tuấn tiết để bày tỏ lòng trung, hoàn thành chính cục thống nhất lúc đó, bày tỏ thành tâm với

trăm đời, có thể nói là nhiệm trọng đạo viễn,⁽¹⁾ chí hướng và hành vi đủ làm gương cho đời. Bảo là Úc không thực hiện được đầy đủ chí hướng, e là lời nói xằng vạy!

② Thần Tùng Chi cho rằng bản thể của liệt truyện, là đem các việc của những nhân vật giống nhau chép vào cùng một chỗ. Trương Tử Phòng là kẻ sĩ cao thượng thanh bạch, quyết chẳng phải cùng loại với Trần Bình. Nhưng mưu thần của nhà Hán, vốn chỉ có Lương và Bình mà thôi. Nếu chẳng chép chung vào một chỗ, thì những người còn lại không biết chép vào đâu, cho nên sử quan ngày trước chép gộp vào, đại khái là việc thích hợp vậy. Loại người như Hủ ở nước Ngụy, có rất nhiều. Truyện về Hủ chẳng biên chép ở thiên Trình, Quách, mà liệt cùng hàng với nhị Tuân; là lỗi về thứ mục vậy. Vả lại người như Hủ so với Du, cũng giống như đom đóm so với mặt trăng vậy! Dù là đều phát ra ánh sáng, nhưng về bản chất hoàn toàn khác nhau. Nay đánh giá Tuân Du, Giả Hủ như nhau, xếp cùng một chỗ, thật là chẳng biết phân biệt vậy.

---ॐ---

¹ Nhiệm trọng đạo viễn tức là nói rằng nhiệm vụ người quân tử thì nặng nề vì lý tưởng chính trị và đạo đức quá cao xa. Câu này có xuất xứ từ sách *Luận ngữ*, thiên *Thái Bá*.

QUYỂN THỨ MƯỜI MỘT
VIÊN, TRƯƠNG, LƯƠNG, QUỐC, ĐIỀN,
VƯƠNG, BÌNH, QUẢN TRUYỆN



Viên Hoán tự Diêu Khanh, người quận Trần huyện Phù Lạc. Cha của Hoán là Bàng, làm quan Tư đồ nhà Hán.① Thời ấy các công tử đa phần làm quá pháp chế, nhưng Hoán điềm đạm giữ mình, nhất cử nhất động đều theo lễ. Quận truyền lệnh lấy Hoán làm Công tào, gian lại trong quận đều tự bỏ đi. Về sau Hoán được Công phủ vời, vì là con nhà cao môn thế tộc được đề cử, thăng làm Thị ngự sử. Được đổi làm Tiêu lệnh, không tới nhậm chức. Lúc Lưu Bị thống quản Dự châu, đề cử Hoán làm Mậu tài.

Về sau Hoán dời nhà đến vùng Giang, Hoài lánh nạn, làm thuộc hạ của Viên Thuật. Thuật mỗi lần có việc mưu hỏi Hoán, Hoán thường đưa lời can thẳng, Thuật dẫu không theo lời, nhưng kính trọng Hoán chẳng dám đối đãi không theo lễ. Ít lâu sau, Lã Bố đánh Thuật ở Phụ Lăng, Hoán đi theo Thuật, rồi bị Lã Bố bắt giữ.

Bố lúc trước cùng Lưu Bị hòa thân, sau vì hiềm khích chia lìa. Bố muốn sai Hoán viết thư nhục mạ Bị, Hoán không nghe, cưỡng ép hai ba lần, Hoán vẫn không chịu. Bố cả giận, dùng binh khí uy hiếp Hoán, nói:

- Làm thì sống, không làm thì chết.

Hoán sắc mặt không đổi, cười đáp lời Bố rằng:

- Hoán này nghe nói chỉ có đức mới có thể khiến người ta nhục, chưa nghe nói dùng lời mắng chửi khiến người ta nhục vậy. Ví như bên kia là bậc quân tử, họ chẳng xấu hổ vì lời của tướng quân, ví bằng họ thực sự là kẻ tiểu nhân, sẽ đem cái ý của tướng quân mà đáp lại, thì bên này nhận cái nhục chứ chẳng phải bên ấy. Và lại Hoán ngày trước thờ Lưu tướng quân, cũng như hôm nay thờ tướng quân vậy, nếu một sớm bỏ đi, lại quay đầu mắng chửi tướng quân, nên chăng?

Bố xấu hổ bèn thôi.

① *Hán kỷ* của Viên Hoành chép: Bàng tự Công Hi, vốn thành thực trong sạch, ít ham muốn, quyết không bao giờ nói cái kém của người khác. Lúc đương thời, những người có thể lực rất được ân sủng, có kẻ vì xu phụ hoặc trái ý bề trên mà rước họa, riêng Bàng trung lập ở triều đình, cho nên yêu ghét chẳng lụy đến thân.

Bố bị giết, Hoán vì thế quy phục Thái tổ.① Hoán nói với Thái tổ rằng:

- Bình đao, là hung khí vậy, bất đắc dĩ mới phải dùng đến thôi. Lấy đao đức để giống trống ra quân, lấy nhân nghĩa để chinh phạt địch quốc, phủ dụ dân mà diệt trừ họa hại cho họ. Làm được thế, chắc chắn sẽ khiến người ta cùng sống chết với mình. Từ khi đại loạn đến nay đã mấy chục năm rồi, dân chúng mong được yên ổn, khao khát thoát khỏi mối nguy treo ngược, nhưng rồi bạo loạn không dừng nghỉ, vì sao đây? Thiết nghĩ đó là vì chính đạo lỗi lầm vậy! Hoán nghe nói bậc vua sáng khéo ở việc giúp đời, cho nên đời loạn thì lấy nhân nghĩa để trị lý, thời thế trá nguy thì lấy chất phác để trấn áp; thời thế thay đổi thì việc làm phải biến hóa, cái đạo trị quốc có chỗ khác biệt, chẳng thể không xét rõ vậy. Pháp chế có thêm bớt, việc trị quốc xưa nay không hẳn là đã tương đồng. Nếu có thể yêu mến tất cả mọi người trong thiên hạ mà ra tay trị loạn khôi phục chính đạo, đâu là dùng vũ lực bình loạn nhưng là lấy đức để giúp đời, đấy

đích xác là đạo lý bất di bất dịch của trăm vương vậy. Công là bậc sáng suốt hơn đời, người xưa nhờ phương cách đó mà thu được lòng dân, Công ra sức thi hành chính đạo đã lâu rồi, nay dân chúng mất lòng tin vào chính trị, Công gắng thay đổi thói cũ, trăm họ nhờ Công, thoát họa nguy vong, nhưng dân chưa biết nghĩa, thiết nghĩ Công nên dùng đạo lý giáo huấn họ, thì thiên hạ may lắm!

Thái tổ thu nhận ý ấy. Bái Hoán làm Nam bộ đô úy ở huyện Bái.

① *Viên thị thế kỷ* chép: Lúc Bối bị phá, cha con Trần Quần lúc ấy cũng ở trong quân của Bối, gặp Thái tổ đều bái lạy. Riêng Hoán hai tay ôm quyền nhấc quá đầu vái chào mà không bái lễ, Thái tổ rất kính trọng Hoán.

Bấy giờ Thái tổ lại cấp xe cho các quan mỗi người mấy cỗ, sai đi lấy các đồ vật trong quân của Bối, ai muốn lấy gì thì lấy. Chúng nhân đều chất nặng xe, riêng Hoán lấy có mấy trăm quyển sách và một ít lương thực đủ dùng thôi, chúng nhân nghe nói việc ấy, rất hổ thẹn. Hoán bảo người thân tín của mình rằng:

- Ta ở chỗ hành quân tác chiến thì cốt yếu là giữ lấy tính mệnh, vì thế lệnh cho quân sĩ khi xuất phát chỉ đem lương thảo đủ dùng thôi, không phải là ta có ý gì. Vì việc đó mà tiếng tăm lan truyền, ta rất hối hận về việc ấy.

Thái tổ vì thế càng quý trọng Hoán hơn.

Thời ấy mới mộ dân để khai khẩn đồn điền, dân không thích, đa phần bỏ trốn. Hoán bẩm với Thái tổ rằng:

- Dân chúng yên ổn với đất cũ không dễ dời đi, chẳng nên vội vàng thay đổi, thuận ý dân mà làm thì dễ, nghịch ý dân mà hành động thì khó, ta nên thuận theo ý nguyện của họ, ai vui lòng thì tuyển mộ, ai không muốn chớ nên cưỡng ép.

Thái tổ theo lời, trăm họ hết sức vui mừng. Sau Hoán được thăng làm Lương tướng. Hoán thường sắc lệnh xuống các huyện rằng:

"Phải quan tâm thăm hỏi đến những người quan quả cô độc và người già lão, biểu chương con hiếu và phụ nữ trinh tiết. Người đời thường nói 'Đời trị thì lễ nghi chu toàn, đời loạn thì lễ nghi đơn giản', đây hoàn toàn tùy lúc gặp việc mà châm chước thôi. Nay tuy là lúc nhiễu nhương, khó dùng lễ nghi để giáo hóa, nhưng làm thế nào là ở chúng ta vậy."

Hoán làm việc quan coi trọng giáo huấn, lấy lòng khoan hậu mà xét việc rồi mới hành động, bề ngoài mềm mỏng ôn hòa nhưng bên trong quyết đoán.^① Hoán nhân vì mắc bệnh từ quan, trăm họ nghĩ nhớ Hoán. Về sau được triệu làm Giám nghị đại phu, Thừa tướng Quân tế tửu.

Hoán trước sau được ban thưởng rất nhiều, đều đem phân chia hết, trong nhà không có của để dành, suốt đời không hỏi han gì về sản nghiệp, trong nhà có thiếu thốn thì lấy ở chỗ khác, chẳng hề suy xét sự tình, nhưng người thời bấy giờ khâm phục sự thanh bạch của Hoán.

① *Ngụy thư* chép: Trưởng huyện Cốc Thục là Lã Kì khen ngợi Chu Uyên và Viên Tân, phái người đến học rồi quay về, Kì triệu gọi hai người, cùng tương kiến, đề bạt Uyên làm Sư hữu tế tửu, Tân làm Quyết nghị tế tửu. Bọn Uyên đều từ chối quay về nhà, không chịu nhận chức. Kì cả giận, sai quan quân đến bắt bọn Uyên, đều dùng trượng đánh chết họ, kẻ bàn luận đa phần cho là sai. Hoán truyền lệnh không được hặc tội Kì, Chủ bộ là bọn Tôn Huy cho rằng: "Tội của bọn Uyên không đáng chết, trường lại tự tiện sai giết người không có đạo lý, Khổng tử nói: "Duy có tài năng và danh tiếng, là không thể vay mượn được." Gọi họ là Sư hữu mà tự ý thi hành đại hình, thì hình phạt và danh xưng mâu thuẫn nhau, không thể lấy đó làm phép tắc."

Hoán truyền lời rằng:

- Chủ bộ bắt tất phải tỉnh ý việc trị tội, làm thế là đúng rồi. Nói cái tội của bọn Uyên không đáng chết, là sai vậy. Cái danh Sư hữu, xưa nay đều có, nhưng có Sư hữu của vua, có Sư hữu của Sĩ

đại phu. Vua đặt ra chức quan Sư hữu, là để kính trọng bầy tôi của mình vậy; ai có tội thì thi hành hình phạt, là phép nước vậy. Nay chẳng luận cái tội của họ mà nói là giết Sư hữu, thế là bỏ qua cái lỗi của họ rồi. Chủ bộ tiếng là cho đệ tử giết Sư hữu, nhưng thực sự là chúa giết bầy tôi, không có gì sai trái vậy. Bậc thánh triết trị lý chính sự, quan sát thời thế mà hành động, cho nên bất tất phải noi theo phép thường, gặp việc thì tùy cơ ứng biến thôi. Giữa lúc thời thế loạn lạc, dân chúng lẩn át quan trên, dẫu ra sức tôn sùng người trên trấn áp kẻ dưới, còn ngờ là chưa lay chuyển được phong khí, mà lại quay sang ủng hộ cái phép thường, chẳng cũng sai lầm sao!

Rồi không hặc tội Kì.

Nước Ngụy mới dựng, Hoán làm Lang trung lệnh, tạm coi việc của Ngụy sử đại phu.

Hoán nói với Thái tổ rằng:

- Nay đại nạn trong thiên hạ đã trừ được, kiềm dụng cả văn quan võ tướng, mới là cái đạo lâu dài vậy. Thần cho rằng nên thu gom tất cả văn chương điển tịch, nêu tỏ cái giáo huấn của thánh nhân, để thay đổi cái cách nghe cách nhìn dân chúng, khiến người trong nước chuộng lễ nghĩa giáo hóa rồi hình thành phong khí, thì người nơi xa chưa thần phục có thể theo văn đức mà đến.

Thái tổ khen lời.

Bấy giờ có người truyền tin rằng Lưu Bị đã chết, quần thần đều đến chúc mừng; Hoán vì từng được Bị tiến cử làm chức Lại, một mình không đến chúc mừng.

Hoán giữ chức được mấy năm thì chết, Thái tổ vì Hoán roi nước mắt, ban cho hai nghìn hộc gạo, truyền một lệnh rằng: "Hãy lấy một nghìn hộc gạo ở kho Thái Thương ban cho người nhà của Lang trung lệnh", một lệnh khác nói: "Đem một nghìn hộc gạo ở kho Viên Hạ cấp cho người nhà Diệu Khanh." Người

ngoài không hiểu được hàm ý của Thái tổ.⁽¹⁾ Thái tổ bèn giảng giải rằng:

- Lấy gạo ở kho Thái Thương, là chiếu theo phép quan; dùng gạo ở kho Viên Hạ, là ban cho người thân cũ vậy.

Lại nói Văn đế nghe chuyện Hoán trước kia cự lời Lã Bố, bèn hỏi em họ của Hoán là Mẫn rằng:

- Về chuyện dũng cảm hay hèn nhát thì Hoán thuộc dạng nào? Mẫn thưa rằng:

- Hoán bề ngoài tựa như ôn hòa mềm mỏng, nhưng đối mặt với việc lớn, ở giữa chỗ nguy nan, dẫu Mạnh Bôn, Hạ Dục⁽²⁾ cũng chẳng thể hơn được vậy.

Con của Hoán là Khản, cũng mộc mạc thanh cao, điềm tĩnh, có phong thái của cha, trải các chức Quận thú, Thượng thư.^①

① *Viên thị thế kỷ* chép: Hoán có bốn con, là Khản, Vũ, Úc, Chuẩn.

Khản tự Công Nhiên, nói năng bàn bạc rõ ràng đúng mực, mềm mỏng lại không mạo phạm, khéo giao tiếp với người. Vào lúc phệ lập hưng vong, người ta tranh đua nhau cầu lợi, Khản thường nhún nhường không bon chen. Người thời bấy giờ vì thế khen ngợi Khản. Khản trải các chức vụ Hoàng môn tuyển bộ lang, hiệu là Thanh Bình. Ít lâu sau thăng đến chức Thượng thư, chết sớm.

Vũ tự Tuyên Hậu, sáng suốt khéo biện luận, cơ trí biết đạo lý, thích nói bàn về đạo gia, thời trẻ bị bệnh, chưa làm quan đã chết.

¹ Kho lương Thái Thương (太仓) là kho lương của quốc gia, chỉ dùng để cấp cho các nhu cầu cơ yếu của quốc gia như quân lương, bổng lộc của quan lại triều đình, quốc gia ban thưởng... Kho lương Viên Hạ (垣下) là thực ấp của Tào Tháo, đây là phần riêng của Tào Tháo cấp cho nhu cầu của gia đình, cấp cho người thân tín, ban thưởng riêng... Lệnh truyền nêu rõ, lấy gạo ở kho của quốc gia ban cho người nhà của Lang trung lệnh (là quan hàm của Viên Hoán), lấy gạo ở kho thuộc thực ấp của mình ban cho người nhà của Diệu Khanh (là tên tự của Hoán, tỏ ý rất mực kính trọng).

² Mạnh Bôn, Hạ Dục, là các dũng sĩ nổi danh về sức khỏe và lòng can đảm thời Xuân Thu.

Úc tự Công Vinh, phẩm hạnh đủ để khuyến khích phong tục, nói năng ít nhưng lời lẽ xác đáng, chết khi đang giữ chức Quang lộc huân.

Chuẩn tự Hiếu Ni, trung tín công bằng chính trực, không then nếu phải hỏi người dưới, chỉ sợ là người ta không hơn mình thôi. Vì việc đòi lắm nỗi gian hiểm, cho nên thường điềm đạm khiêm nhường mà không dám cầu tiến. Soạn sách hơn chục vạn chữ, luận việc trị lý thiên hạ, viết chú giải *Kinh Dịch*, *Chu quan*, *Kinh Thi*, luận về những nghĩa chữ sâu xa khó hiểu trong *Ngũ kinh*, hay trong lời nói của thánh nhân, được lưu truyền ở đời.

Những lời này là từ bài tựa của Chuẩn vậy.

Cửu châu ký của Tuân Xước khen Chuẩn có tài năng kiệt xuất, năm Thái Thủy trung làm Cấp sự trung. Con cháu họ Viên nổi đời đều có danh vọng và địa vị, quý hiển đến tận bây giờ.

Khi trước, em họ của Hoán là Bá, là người công chính cần trọng có tài cán, thời Ngụy sơ làm Đại tư nông, cùng người đồng quận là Hà Quỳ đều nổi danh ở đời. Rồi con của Bá là Lượng, con của Quỳ là Tăng, và Khản lại cùng nổi danh đương thời, là bạn hữu thân thiết.

Lượng là người trung trinh chính trực, có kiến thức và đức hạnh, ghét bọn Hà Yến, Đặng Dương, viết bài luận để chê bai bọn chúng, làm quan đến chức Hà Nam doãn, Thượng thư.^①

Em của Bá là Huy, vì nho nhã chất phác nổi danh. Gặp lúc thiên hạ loạn lạc, tránh nạn ở Giao châu. Tư đồ triệu gọi, không đến.^②

Em của Huy là Mẫn, có võ nghệ lại giỏi việc trị thủy, làm quan đến chức Hà đề yết giả.

① *Tấn thư công tán* chép: Con của Lượng là Sán, tự Nghi Tổ, văn tài xuất chúng, học rộng biết nhiều, liên tục đảm nhiệm việc chương quản về nho học, ngời vị đến chức Thượng thư.

② *Hán ký* của Viên Hoành chép: Ngày trước, thiên hạ sắp loạn, Hoán búi ngùi than rằng:

- Nhà Hán đổ nát, không lâu nữa tất sẽ đại loạn. Ví như thiên hạ nhiều nhưong, trốn đi yên thân được chăng? Nếu trời chưa làm mất chính đạo, dân chúng vì đạo nghĩa được bảo tồn, chỉ có tự mình mạnh mẽ mà giữ lễ, mới có thể che chở cho thân mình thôi!

Huy nói:

- Cổ nhân có nói: "Ai biết thời cơ kẻ ấy liệu việc như thần!" Thấy được thời cơ mà làm, đấy là lý do khiến bậc quân tử được hưởng phúc lớn vậy. Đạo trời có thịnh suy, nhà Hán sắp diệt vong rồi! Kẻ có được công lớn tất sẽ có mối họa lớn, đấy là điều mà bậc quân tử biết rõ, nên họ lui về lánh vào nơi kín đáo. Và lại một khi binh đao đã nổi lên, bên ngoài họa nạn rất nhiều, Huy này sẽ trốn xa vào nơi sông bể, để tránh họa yên thân.

Đến lúc loạn lạc nổi lên, hai người đều làm theo cái chí hướng của mình.

Trương Phạm, tự Công Nghi, người quận Hà Nội huyện Tu Vũ. Tổ phụ của Phạm là Hâm, làm quan Tư đồ nhà Hán. Cha của Phạm là Duyên, làm Thái úy. Thái phó là Viên Ngỗi muốn đem con gái gả cho Phạm, Phạm từ chối không nhận. Phạm bản tính điềm tĩnh, thích đạo gia, coi thường danh lợi, nhận mệnh triệu không chịu tới.

Em của Phạm là Thừa, tự Công Tiên, cũng nổi danh, vì phẩm cách chính trực, được bái làm Nghị lang, rồi thăng làm Y khuyệt đô úy.

Đồng Trác tác loạn, Thừa muốn tập hợp bộ chúng cùng thiên hạ hợp sức tru diệt Trác. Em của Thừa là Chiêu bấy giờ làm Nghị lang, vừa từ Trường An đến, bảo Thừa rằng:

- Nay muốn tru diệt Trác, họ đông ta ít chẳng thể đối địch, và lại cái mưu kế nổi lên nhất thời, giao chiến trên ruộng rẫy của dân, kẻ sĩ trước nay không phủ dụ, binh lính không được luyện tập, khó thành công. Trác cậy có binh lính mà làm việc vô đạo,

cho nên chẳng thể tồn tại lâu; chẳng bằng chọn cái cách từ quan lui về, đợi thời mà hành động, rồi sau mới có thể thỏa chí được.

Thừa cho là đúng, bèn cời bỏ ấn thụ theo đường tắt quay về nhà, cùng Phạm lánh đến Dương châu. Viên Thuật sắm sửa đồ lễ đến mời, Phạm xưng có bệnh không tới, Thuật chẳng thể cưỡng ép khuất phục được. Phạm phái Thừa đến tương kiến, Thuật hỏi rằng:

- Xưa kia Chu thất đồ nát, thì có Hoàn, Văn làm bá; nhà Tần đánh mất chính sự, lại có nhà Hán kế vào. Nay Cô có đất rộng, sĩ dân đông đảo, muốn cầu lấy cái phúc của Tề Hoàn, phỏng theo việc xưa của Cao tổ, phải làm sao?⁽¹⁾

Thừa đáp rằng:

- Thành việc tại đức chứ chẳng tại cường. Kẻ dùng đức mà khiến thiên hạ đồng lòng nhất trí, đâu chỉ có tư chất của kẻ thất phu, cũng hưng nổi nghiệp bá vương, chẳng phải là việc khó làm. Nếu cầu thả lấn áp người ta, nghịch thời mà vọng động, có đông mạnh cũng vút đi, lấy gì mà hưng vượng nổi?

Thuật không hài lòng.

Bấy giờ, Thái tổ đang đi đánh Ký châu, Thuật lại hỏi:

- Nay Tào công muốn dùng mấy nghìn binh khốn mỏi, chống mười vạn quân binh, có thể nói là chẳng biết lượng sức mình rồi! Ngài thấy thế nào?

Thừa bèn nói:

- Cái đức của nhà Hán đâu suy, nhưng thiên mệnh chưa thể thay đổi được, nay Tào công hiếp thiên tử để hiệu lệnh thiên hạ, thì đâu đối địch với trăm vạn binh cũng có thể được.

Thuật vẻ mặt không vui, Thừa liền bỏ đi.

¹ Tề Hoàn công, Tấn Văn công làm bá chủ hầu, tôn phù nhà Chu; Nhà Tần khắc bạc, dân khởi nghĩa. Hán Cao tổ tranh thiên hạ với Hạng Vũ, thắng, lập nhà Hán.

Thái tổ bình Ký châu, sai sứ đến đón Phạm. Phạm vì mắc bệnh ở lại Bành Thành, phái Thừa đến chỗ Thái tổ, Thái tổ dâng biểu xin cho Thừa làm Giám nghị đại phu.

Con của Phạm là Lăng cùng con của Thừa là Tiên bị bọn giặc ở Sơn Đông bắt, Phạm đến chỗ quân giặc xin thả hai con, giặc cho Lăng về với Phạm. Phạm tạ rằng:

- Xin các ông cho đưa trẻ này về sau. Phu nhân ta tuy rất yêu quý đứa con này, nhưng ta thương cháu Tiên còn nhỏ, xin hãy để thằng Lăng ở lại thay nó.

Giặc cho rằng đây là lời trượng nghĩa, tha cả hai về với Phạm.

Thái tổ từ Kinh châu quay về, Phạm gặp gỡ ở quận Trần, được dùng làm Nghị lang, tham dự việc quân của Thừa tướng, rất được kính trọng. Thái tổ đi chinh phạt, thường lệnh cho Phạm và Bình Nguyên ở lại phủ, giúp Thế tử giữ nhà.

Thái tổ bảo Văn đế rằng:

- Người có làm gì tất phải hỏi ý kiến hai người này.

Thế tử giữ lễ theo phận con cháu.

Phạm thường cứu giúp người cùng khổ, những nhà không có sản nghiệp, những kẻ cô quả khắp trong ngoài đều quy phục. Đồ vật người khác biếu tặng, Phạm không nhận, để lại cũng nhất quyết không dùng. Lúc họ về, Phạm đều đem ra trả lại.

Năm Kiến An thứ mười bảy Phạm chết. Nước Ngụy mới dựng, Thừa làm Tham quân Tế tửu cho Thừa tướng, lĩnh Thái thú Triệu Quận, chính sự và giáo hóa ở đó rất thành công. Thái tổ sắp tây chinh, trưng tập Thừa làm Tham quân sự, đến Trường An, Thừa bị bệnh mất.①

① *Ngụy thư* chép: Văn đế tức vương vị, lấy con của Phạm là Tham làm Lang trung. Cháu của Phạm là Thiệu nối dõi, Thiệu thời nhà Tấn làm Trung hộ quân, cùng người cậu là Dương Tuấn đều bị giết, việc thấy nói ở *Tấn thư*.

Lương Mậu tự Bá Phương, người quận Sơn Dương huyện Xương Ấp. Thời trẻ hiếu học, khi bàn luận thường dẫn kinh sách và điển tích, lấy đó để phân biệt phải trái. Thái tổ triệu làm Tư không duyện, lúc xét cử, vì là con nhà cao môn, được bổ nhiệm là Thị ngự sử.

Bấy giờ quận Thái Sơn nhiều đạo tặc, triều đình lấy Mậu làm Thái thú Thái Sơn, trong vòng tuần trăng, người ta công diệu⁽¹⁾ dất nhau đến tới hơn một nghìn nhà.① Mậu được chuyển làm Thái thú Lạc Lãng. Công Tôn Độ ở Liêu Đông, tự tiện giữ Mậu lại, không phách đi nhậm chức, nhưng Mậu nhất định không chịu khuất.⁽²⁾

Độ bảo Mậu và chư tướng rằng:

- Nghe nói Tào công đi đánh nơi xa, huyện Nghiệp không phòng bị, nay ta muốn đem ba vạn bộ tốt, tám vạn quân kỵ, đến thẳng huyện Nghiệp, ai có thể ngăn nổi?

Chư tướng đều nói:

- Đúng.②

Độ lại ngoảnh sang hỏi Mậu:

- Ý ngài thế nào?

Mậu đáp:

- Gần đây thiên hạ đại loạn, xã tắc ngửa nghiêng, tướng quân nắm giữ mười vạn quân binh, lại ngồi yên xem thành bại, làm kẻ bầy tôi, như thế đúng sao! Tào công lo lắng cho sự nguy vong của quốc gia, thương nỗi khốn khổ của trăm họ, thống suất nghĩa binh vì thiên hạ đánh giết kẻ giặc tàn bạo, công cao

¹ Bùi Tùng Chi dẫn sách *Bắc vật ký*, giải thích từ ngữ nói về cái diệu.

² Huyện Lạc Lãng thuộc địa phận vùng Liêu Đông, là địa bàn cai quản của Công Tôn Độ. Thời ấy Hán triều suy vi, hào kiệt chiếm châu giữ quận khắp nơi. Lương Mậu theo lệnh triều đình làm Thái thú Lạc Lãng, theo lẽ phải đến chỗ quan châu trình diện trước và trình báo lệnh của triều đình.

đức lớn, có thể gọi là có một không hai vậy. Vì hải nội mới yên định, dân chúng vừa an cư, cho nên chưa trách phạt cái tội của tướng quân đó thôi! Mà tướng quân còn muốn trưng binh ở phía tây, thì kết cục của sự tồn vong, chẳng trọn buổi sớm đã được quyết định rồi. Tướng quân hãy gắng lên!

Chư tướng nghe Mậu nói, đều chấn động. Hồi lâu, Độ nói:

- Lương quân nói đúng đó!

Về sau Mậu được trưng triệu, thăng làm Thái thú Ngụy quận, Cam Lăng tướng, ở đâu cũng có công tích. Lúc Văn đế làm Ngũ quan tướng, Mậu được tuyển làm Trưởng sử, rồi thăng làm Tả quân sự.

Nước Ngụy mới dựng, Mậu được thăng làm Thượng thư bộc xạ, chuyển làm Trung úy phụng thường.

Thời Văn đế ở ngôi Đông cung, Mậu lại làm Thái tử Thái phó, rất được kính lễ, chết khi đương chức.^③

① *Bác vật ký* chép: Cái địu, người ta dùng tơ lụa dệt thành, rộng tám tấc, dài một thước hai, dùng để buộc trẻ em sau lưng, người ta dùng địu công trẻ em mà đi.

② Thần Tùng Chi xét truyện này nói rằng Công Tôn Độ nghe nói Tào công đi đánh nơi xa, huyện Nghiệp không có phòng bị, thì lúc ấy Thái tổ đã yên được huyện Nghiệp rồi vậy. Xét truyện về Độ, Độ chết vào năm Kiến An thứ chín, cũng năm ấy Thái tổ bình định huyện Nghiệp, lần viễn chinh sau đấy, chỉ có bắc chinh Liễu Thành mà thôi. Năm Thái tổ đi đánh Liễu Thành, thì Độ đã chẳng thể sống lại được nữa rồi.

③ *Anh hùng ký* chép: Tên của Mậu được liệt trong nhóm Bát hữ.⁽¹⁾

¹ *Hán mạt danh sử lục* liệt kê những người trong nhóm Bát hữ không có Lương Mậu. Xem chú của Bùi Tùng Chi ở tập II, quyển 6, trang 84 (Lưu Biểu truyện).

Quốc Uyên tự Tử Ni, người quận Lạc An huyện Cái. Uyên thờ Trịnh Huyền làm thầy.① Sau này Uyên cùng bọn Bình Nguyên, Quán Ninh lánh loạn ở Liêu Đông.② Khi Uyên quay về bản quán, Thái tổ triệu làm Tư không duyên thuộc, mỗi khi nghị luận việc công ở triều đình, Uyên thường đưa lời thẳng, sắc mặt trịnh trọng, không hề có ý riêng tư.

Thái tổ muốn mở mang gây dựng đồn điền, sai Uyên chủ quản việc ấy. Uyên thường bày kế lợi hại, chọn đất an dân, tính số dân để đặt quan, phép tắc về thuế khóa minh bạch rõ ràng, trong vòng năm năm kho đụn chật ních, trăm họ ganh đua nhau nỗ lực an cư lập nghiệp.

Thái tổ đánh Quan Trung, lấy Uyên làm Cư phủ Trưởng sự, thống quản việc trong phủ sự. Người quận Hà Gian là bọn Điền Ngân, Tô Bá làm phản, sau khi bọn Ngân bị phá, vẫn còn dư đảng, theo luật đều bị xử tử. Uyên cho rằng chúng không phải là kẻ thủ ác, xin tha không hành hình. Thái tổ nghe theo, nhờ có Uyên mà hơn một nghìn người được sống.

Đại khái là những văn thư có liên quan đến việc dẹp giặc, thói thường là giết một đếm mười, nhưng số thủ cấp mà Uyên báo lên, chỉ đúng sự thực. Thái tổ hỏi duyên có vì sao, Uyên nói:

- Kẻ đi đánh dẹp giặc ở bên ngoài, đa phần đếm số quân giặc bị họ chém giết nhiều lên, là muốn cho cái công lao của mình lớn hơn, vừa là tuyên truyền để cho dân chúng biết đến mình. Hà Gian là đất trong cõi, bọn Ngân phản nghịch, tuy thắng chúng là có công, song Uyên trộm nghĩ mà xấu hổ.

Thái tổ hài lòng, thăng Uyên làm Thái thú Ngụy quận.

① *Huyền biệt truyện* chép: Uyên ban đầu chưa nổi danh, Huyền khen Uyên rằng:

- Quốc Tử Ni, tài năng đáng khen, ta quan sát người ấy, tất là người tài của quốc gia vậy.

② *Ngụy thư* chép: Uyên dốc chí học hành, thích cổ văn, lúc ở Liêu Đông, thường dạy học tại Sơn Nham, sĩ nhân nhiều người ngưỡng mộ Uyên mà tìm đến, Uyên vì thế nổi danh.

Bấy giờ có kẻ gửi thư nặc danh phỉ báng triều đình, Thái tổ ghét lắm, muốn biết người nào là chủ của bức thư ấy. Uyên xin giữ bản gốc của bức thư, nhưng không tuyên bố lộ ra ngoài. Trong bức thư ấy nhiều lần dẫn bài *Nhị kinh phú*,⁽¹⁾ Uyên lệnh cho viên Công tào rằng:

- Quận này là quận lớn, nay là kinh sư của Thiên tử, mà lại thiếu người có học vấn. Nay nên tuyển chọn những học trò trẻ tuổi, rồi phái thầy đến dạy họ.

Công tào chọn được ba người, dẫn vào diện kiến Uyên, Uyên huấn thị rằng:

- Sở học hiện giờ còn chưa đến nơi đến chốn, về *Nhị kinh phú*, *Bác vật chi thư*, người đời còn sao nhãng, vì ít thầy dạy về vấn đề này, nên tìm những người thích đọc sách này để truyền dạy.

Lại mật dụ ý chỉ cho Công tào. Trong vòng một tuần thì tìm được học trò, bèn đưa họ đến học. Lại nhân đó yêu cầu họ chép ra sách, so chữ của họ với chữ ở bức thư kia, lập tức tìm ra được người viết thư nặc danh phỉ báng. Bèn bắt lấy xét hỏi, tình lý đều đủ cả.

Sau Uyên được thăng làm Thái phó. Tuy Uyên giữ chức vị ở hàng công khanh, vẫn mặc áo vải, ăn cơm rau, bổng lộc được ban đem phân phát hết cho người quen cũ và họ hàng, lấy sự cung kiệm giữ mình, chết khi đương chức.^①

① *Ngụy thư* chép: Thái tổ lấy con của Uyên là Thái làm quan Lang.

¹ *Nhị kinh phú* (二京賦) là trước tác của Trương Hành, người thời Đông Hán, phỏng theo bài *Luông đô phú* của Ban Cố. Trương Hành là người huyện Tây Ngạc, quận Nam Dương, từng giữ các chức Thái sử lệnh, Thị trung, Hà Gian tướng, cuối cùng làm Thượng thư.

Điền Trù tự Tử Thái, người quận Hữu Bắc Bình huyện Vô Chung. Trù thích đọc sách, giỏi kiếm kích.

Năm Sơ Bình nguyên niên, nghĩa binh nổi dậy, Đồng Trác dời Đế về Trường An. U châu mục là Lưu Ngu than rằng:

- Kẻ tặc thần tác loạn, triều đình tan tác, bốn bể ngựa nghiêng, chẳng ai vững chí. Ta là người lớn tuổi trong tông thất, không thể đánh đồng mình với chúng nhân. Nay muốn sai sứ giả về triều tỏ ý dốc tiết tháo của kẻ thần tử mà ra sức, tìm đâu được kẻ sĩ không làm nhục mệnh đây?

Chúng nghị bàn đều nói:

- Điền Trù tuy ít tuổi, mọi người đều khen là bậc kỳ tài.

Trù năm ấy mới hai mươi hai tuổi. Ngu bèn soạn đủ lễ vật mời cùng tương kiến, rất hài lòng, bèn tạm cho làm Tòng sự, chuẩn bị xe ngựa. Lúc sắp khởi hành, Trù nói:

- Nay đường đất cách tuyệt, giặc cướp tung hoành, công khai quan hiệu phụng mệnh đi sứ, sẽ bị chúng nhân chỉ rõ tính danh. Xin được ra đi một mình, mới mong đến được tận nơi thôi.

Ngũ theo lời. Trù bèn về nhà, tự tuyển chọn gia khách của mình và chiêu mộ những người khỏe mạnh dũng cảm còn ít tuổi, được hai mươi quân kỵ cùng đến. Ngũ đích thân ra làm lễ tế thần đường, rồi phái Trù đi.①

Sau khi chọn đường đi, Trù lại đổi lên hướng Tây Quan, ra nơi đất hiểm ngoài biên, men núi đi về phương bắc, thẳng một mạch đến Sóc Phương, theo đường nhỏ mà đi, sau đến được Trường An hoàn thành sứ mệnh. Đế hạ chiếu bãi Trù làm Kỵ đô úy. Trù thấy thiên tử đang chịu nỗi phong trần chưa được yên ổn, mình không nên nhận ân lớn sung hậu, bèn cố từ không chịu. Triều đình cho Trù là người nghĩa khí cao. Tam phủ cùng triệu gọi, đều không đến.

Nhận được đáp thư, Trù ruổi ngựa quay về, chưa đến nơi, Ngu đã bị Công Tôn Toàn sát hại. Trù về rồi, đến bái yết tế tự ở phần mộ của Ngu, bày chương biểu ra, khóc nấc lên rồi đi. Toàn nghe tin cả giận, treo thưởng tìm bắt Trù, hỏi rằng:

- Sao mày tự ra khóc lóc ở mộ của Lưu Ngu, mà không đưa chương biểu đáp tin cho ta vậy?

Trù đáp rằng:

- Hán thất suy đồi, người người sinh lòng khác, duy có Lưu công chẳng mất khí tiết trung trinh. Lờ ở chương biểu đáp tin này, ngôn từ nói về tướng quân không tốt, e rằng đấy không phải là lời mà tướng quân thích nghe, cho nên ta không dâng lên vậy. Vả lại tướng quân sắp khởi đại sự để cầu lấy cái mình muốn, đã diệt người chủ vô tội, lại hận kẻ bày tội giữ nghĩa, thực có làm việc ấy, thì kẻ sĩ ở Yên, Triệu đều đâm đầu xuống bể đông mà chết thôi, há đâu người ta nhẩn tâm theo tướng quân sao!

Toàn khen lời đối đáp của Trù, tha không giết. Toàn cầm giữ Trù ở trong quân, cấm bằng hữu cũ không ai được qua lại với Trù. Có người bảo Toàn rằng:

- Điền Trù là nghĩa sĩ, ngài chẳng đãi theo lễ, mà lại tù cấm hãm, e là sẽ mất lòng người.

Toàn bèn thả cho Trù đi.

① *Tiên hiền hành trạng* chép: Trù sắp đi, cùng Ngu bí mật nghị bàn. Trù nhân đó thuyết Ngu rằng:

- Nay chúa thượng nhỏ tuổi yếu nhược, gian thần chuyên quyền trộm mệnh, dâng biểu lên rồi đợi chương biểu báo về, sợ là lỡ thời cơ. Vả lại Công Tôn Toàn cậy binh làm việc tàn nhẫn, chẳng sớm đồ hãm đi, tất sẽ hối hận về sau.

Ngu không nghe.

Trù được tha bèn quay về phương bắc, thống suất người trong tông tộc và những kẻ khác đi theo được mấy trăm người, vô đất mà thề rằng:

- Mỗi thù của chủ không báo được, ta chẳng thể đứng ở trên đời! Bèn đi vào trong núi Từ Vô, chọn chỗ đất phẳng ở chốn sâu hiểm làm nhà mà ở, tự mình cày ruộng phụng dưỡng cha mẹ. Trăm họ theo về cậy dựa, trong vòng mấy năm có đến hơn năm nghìn nhà.

Trù bảo với các vị phụ lão ở đấy rằng:

- Các vị chẳng cho Trù là kẻ kém cỏi, từ xa xôi cùng đến đây. Người đông thành đô ấp, mà không có ai làm tướng dẫn dắt, sợ rằng không phải là cái đạo yên ổn lâu dài, xin hãy suy cử ra một người hiền năng cao tuổi để làm chủ.

Chúng đều nói: "Hay."

Rồi cùng suy cử Trù. Trù nói:

- Nay đến ở chỗ này, không phải chỉ tạm yên thân mà thôi, rồi đây sẽ mưu đồ đại sự, báo thù rửa nhục. Sợ là chí hướng của chúng ta không rõ ràng, rồi lữ khinh bạc tự kéo đến xâm lấn, nay cầu thả với cái vui sướng nhất thời là không có kế sâu xa lo tính đường dài. Trù có kế ngu này, mong cùng các vị chung lòng thi hành, nên chăng?

Chúng đều nói:

- Được.

Trù bèn đặt ra pháp lệnh gồm các điều: Sát thương, phạm đạo, tránh tụng,⁽¹⁾ phạm tội nặng thì xử tử, dưới nữa cứ theo tội trạng mà phạt, có hơn hai mươi điều. Lại chế định ra lễ nghi hôn thú, hưng nghiệp học, truyền dạy kiến thức, ban bố thi hành xuống đến mọi người, chúng đều cho là ích lợi, đến mức người đi đường không nhặt của rơi. Người ở biên ải phía bắc phục uy tín của Trù kéo nhau đến tụ họp, người Ô Hoàn, Tiên

¹ Sát thương (杀伤) là giết hoặc làm bị thương người khác. Phạm đạo (犯盜) là làm việc trộm cắp. Tránh tụng (諍訟) là việc tranh giành kiện tụng nhau.

Tì đều phái dịch sứ đến đưa cống, Trù đều phủ dụ thu nhận, khiến họ không vào quấy phá. Viên Thiệu mấy lần phái sứ giả đến chiêu dụ, lại trao ấn tướng quân cho, nhân đó chiêu an số thuộc hạ mà Trù thống quản, Trù đều cự tuyệt không tiếp nhận. Thiệu chết, con của Thiệu là Thượng lại cho vò, Trù nhất định không đi.

Trù thường phân hận người Ô Hoàn trước kia nhiều lần giết hại quan lại của quận, có ý muốn đánh dẹp nhưng lực chưa đủ. Năm Kiến An thứ hai mươi, Thái tổ bắc chinh Ô Hoàn, chưa đến nơi, phái sứ giả đến vò Trù trước, lại lệnh cho Điền Dục bảo rõ ý chỉ. Trù dạn môn hạ của mình mau chóng chỉnh đốn hành trang. Môn hạ hỏi:

- Trước kia Viên công ngưỡng mộ ngài, đem lễ vật và sách mệnh đến năm lần, ngài giữ nghĩa không khuất; nay sứ của Tào công một lần đến mà ngài sợ là đi chẳng kịp, sao vậy?

Trù cười rồi đáp rằng:

- Đấy không phải là thứ mà ngài hiểu được.

Rồi theo sứ giả đến nơi đóng quân, Thái tổ cho Trù tạm nhận chức Tư không Hộ tào duệ, sai dẫn vào gặp bàn việc. Hôm sau Thái tổ hạ lệnh rằng:

- Điền Tử Thái không phải là người mà ta nên dùng làm chức Lại vậy.

Rồi xét cử ngay làm Mậu tài, bá làm Điều lệnh, không đến sờ quan, mà cho theo trong quân đóng ở Vô Chung.

Bấy giờ đang mùa hạ có mưa lớn, mà vùng Tân Hải đất trũng nước đọng, bùn lầy không đi lại được, giặc rợ lại thủ giữ chặn đường hiểm, quân không tiến nổi. Thái tổ lo việc ấy, đem ra hỏi Trù. Trù nói:

- Con đường ấy, cứ cuối hạ sang thu thường có nước, chỗ nông không thể thông xe ngựa, chỗ sâu không thể đi thuyền, là nổi

khó khăn đã từ lâu rồi. Trước kia sở trị của quận Bắc Bình nằm tại huyện Bình Cương, có đường đi thẳng ra Lô Long, thông đến Liễu Thành; từ năm Kiến Vũ⁽¹⁾ đến nay, đường đất sứt lổ ngăn cách, qua hai trăm năm rồi, xem ra chỉ quay lại thì có con đường nhỏ là có thể đi được. Nay tướng giặc thấy đại quân nhất định đi qua Vô Chung, không tiến được mà lui, sẽ nơi lỏng không phòng bị. Nếu ta dần dần thu quân về, từ cửa Lô Long vượt ải hiểm Bạch Đàn, ra chỗ đất hoang rộng rãi, đường gần mà tiện lợi, đánh úp chỗ chúng không phòng bị, cái đầu của Đạp Đốn có thể không đánh mà lấy được vậy.

Thái tổ nói:

- Hay.

Bèn dẫn quân quay về, rồi khắc chữ lên cây gỗ lớn trên đường cạnh bờ sông, viết:

"Nay giữa hạ nắng nóng, đường đất không thông, đợi đến tiết thu đông, sẽ lại tiến quân."

Quân kỵ do thám của giặc rờ xem xong, tin ngay cho là đại quân đã bỏ đi. Thái tổ sai Trù đem bộ chúng của mình làm hướng đạo, lên núi Từ Vô, xuyên Lô Long, vượt Bình Cương, lên gò Bạch Lang, còn cách Liễu Thành hơn hai trăm dặm, giặc phát giác ra kinh hoàng. Thiên vu đích thân ra trận, Thái tổ cùng giao chiến, cuối cùng toàn thắng chém địch, truy đuổi chúng lên phía bắc, đến Liễu Thành. Quân quay về tới biên ải, luận công ban thưởng, phong Trù làm Đình hầu, thực ấp năm trăm hộ.^①

Trù tự thấy mình ban đầu vì đi lánh nạn, thống suất mọi người cùng bỏ trốn, chí nghĩa không lập được, lại nhân đó thu lợi, không phải là bản ý của mình, nên cố từ chối. Thái tổ biết thành ý của Trù, nghe theo mà không cưỡng ép.^②

¹ Niên hiệu Kiến Vũ (建武) (25 TL – đến 56 TL) nhà Đông Hán.

① Tiên hiền hành trạng chép biểu của Thái tổ luận công của Trù rằng:

"Văn nhĩ tru tú,
Tài nghệ vẹn toàn,
Thành thực mạnh mẽ,
Tài hoa sáng rõ,
Phủ dụ kẻ dưới,
Đúng mực ôn hòa,
Phụng sự người trên,
Nghiêm trang cẩn thận,
Liệu thế xét thời,
Tiến lui hợp nghĩa.
U châu mới nhiễu,
Hô, Hán hợp đàn,
Thời cuộc động loạn,
Người dân lưu ly,
Không nơi nương dựa.
Trù dẫn tông tộc,
Đến núi Vô Chung,
Theo nhau tránh nạn,
Bắc giữ Lô Long,
Nam trấn yếu ải,
Thanh tĩnh ẩn cư,
Cây ruộng sinh nhai,
Dân chúng quy thuộc,
Chịu theo giáo hóa,
Mang của chia chung.
Cha con Viên Thiệu,
Uy trùm cõi bắc,
Xa kết Ô Hoàn,
Cùng nhau ینگ viện,
Trước sau triệu Trù,
Thủy chung không khuất.
Sau thần phụng mệnh,

Lên bắc thảo phạt,
 Quân tại huyện Dịch,
 Trù ruồi ngựa đến,
 Bày kế hình thế,
 Đánh dẹp rợ Hồ,
 Nào có khác chi,
 Năm xưa Quảng Vũ,
 Hiến kế bình Yên,⁽¹⁾
 Tiết công phân tích,
 Thế cuộc Hoài Nam.⁽²⁾
 Lại sai bộ khúc,
 Giúp thân lộ bố,
 Rút quân dẫn dụ,
 Quân Hồ dân Hán,
 Vì thế đến hàng,
 Ô Hoàn nghe tin,
 Chấn động không yên.
 Vương sư tiến lên,
 Ra nơi đất hiểm,

¹ Lý Tả Xa (李左车) là cháu nội của danh tướng nước Triệu thời Chiến Quốc Lý Mục. Cuối thời nhà Tần, sáu nước nổi dậy, Lý Tả Xa theo phù tá Triệu vương Hiết, có nhiều công lao, được phong tước Quảng Vũ quân. Khi nước Triệu bị diệt, ông theo giúp Trần Dư, bày kế đánh quân Hán do Hàn Tín chỉ huy, Trần Dư không theo kế của ông nên thất bại. Hàn Tín treo thưởng ngàn vàng bắt Tả Xa, có người trối ông đưa đến, Tín lập tức cởi trói, đãi theo lễ bậc thầy rồi hỏi phương lược bình định Yên, Tề. Tả Xa cho rằng quân Hán mỏi mệt, gấp quân Yên, Tề kiên cường chống cự, thắng bại khó đoán, chẳng bằng xếp giáp dùng binh, vỗ về dân Triệu, lại phái người dùng binh uy khuyên hàng thì Yên, Tề có thể bình định. Hàn Tín dùng kế của ông, Yên quả nhiên không đánh mà Yên, Tề xin hàng.

² Tiết Công (薛公), người thời Tần Hán, làm Lệnh doãn nước Sở. Sau khi Hán tổ có thiên hạ, Lã hậu giết Hàn Tín và Bành Việt, muối thịt gửi chư hầu. Hoài Nam vương Anh Bố (Kinh Bố) lo sợ bèn phản Hán, Tiết công đến gặp Lưu Bang hiến kế, khẳng định rằng Anh Bố sẽ làm theo hạ sách là phía đông lấy Ngô, phía tây lấy Hạ Thái, chú trọng về phía đất Việt, tự mình về Trường Sa, như vậy Anh Bố sẽ thất bại. Tiết công lý giải việc Anh Bố chọn hạ sách vì ông ta không có tầm nhìn xa, tính toán nông cạn. Rút cục Anh Bố thua trận, còn hơn trăm người trốn đến Giang Nam nhờ Trường Sa vương Ngô Thần rồi bị giết.

Qua vùng núi non,
 Hơn chín trăm dặm,
 Trừ thống suất quân,
 Năm trăm binh lính,
 Dẫn lối mở đường,
 Qua miền sơn cốc,
 Bền diệt Ô Hoàn,
 Cõi ngoài bình lặng.
 Trừ, vẫn võ toàn diện,
 Tiết nghĩa đáng khen,
 Nên ứng công lao,
 Ban thưởng hậu hĩnh,
 Rõ ý biểu dương,
 Đức cao sáng đẹp."

② Ngụy thư chép tờ lệnh của Thái tổ rằng:

"Trước kia Bá Thành bỏ nước, Hạ Hậu không ép buộc,⁽¹⁾ là muốn khiến cho kẻ sĩ cao thượng, bậc quân chủ ưu đãi bậc hiền giả, không chỉ có ở một đời vậy. Nay thuận theo cái chí nguyện mà Trừ đã giữ."

Người quận Liêu Đông chém đầu Viên Thượng đưa đến, Thái tổ lệnh "Ba quân ai dám khóc thì chém." Trừ vì từng được Thượng triệu gọi, bèn đến viếng khóc. Thái tổ cũng không hỏi tội.①

Trừ dẫn hết gia thuộc của mình cùng hơn ba trăm nhà là người trong tông tộc dời về ở huyện Nghiệp. Thái tổ ban cho Trừ xe ngựa, lương thảo và lụa, Trừ đều phân phát cho người trong họ và người quen biết. Trừ theo đi đánh Kinh châu về, Thái tổ đoái

¹ Bá Thành Tử Cao (伯成子高), người thời Đường Nghiêu. *Lã thị Xuân Thu* chép: Vua Nghiêu trị thiên hạ, lập Bá Thành làm chư hầu. Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn, rồi vua Thuấn truyền ngôi cho vua Vũ (Hạ hậu thị), Bá Thành bèn bỏ quan đi ở ẩn, tự cày ruộng sinh sống. Vua Vũ tới gặp hỏi nguyên cớ, Bá Thành nói "Vua Nghiêu trị thiên hạ, trao thiên hạ cho người khác, là chọn hiền trao chức, là chí công vô tư, thiên hạ đều rõ. Đến đời vua Thuấn cũng vậy. Nay nhà vua thường công phạt tội khiến dân chúng sinh ham muốn, làm nhiều điều gian trá, nảy sinh tham lợi, tranh đua. Đức nhân suy bại, hình phạt tăng lên, ta không nỡ nhìn thấy những chuyện như thế nên tìm nơi hoang dã để ở." Vua Vũ không cưỡng ép.

ngĩ cái công rất lớn của Trù, hối hận là trước đây đã nghe theo lời từ chối của Trù, nói:

- Đây chỉ là thành toàn cho cái chí của một người, nhưng làm tổn hại đến phép chế lớn của vương pháp vậy.

Vì thế bèn lấy tước vị lúc trước phong cho Trù.^② Trù dâng sớ bày tỏ thành ý, lấy cái chết tự thề. Thái tổ không nghe, muốn dất lên bái tước, liên tục ba bốn lần, rút cục Trù nhất định không nhận. Hữu ti hặc tội Trù là hẹp hòi cố chấp trái đạo lý, nếu cố giữ cái khí tiết nhỏ mọn, nên bãi miễn quan chức và ban hình phạt. Thái tổ tôn trọng cách hành xử của Trù, do dự rất lâu không quyết định. Vì thế ban lệnh xuống cho Thế tử cùng các đại thần bàn bạc rộng rãi, Thế tử thấy việc của Trù giống việc Tử Văn chối bổng lộc,⁽¹⁾ Thân Bao Tư tránh phong thưởng,⁽²⁾ không nên cố cưỡng ép để thành toàn cho khí tiết của Trù. Thượng thư lệnh là Tuân Úc, Tư lệ Hiệu úy là Chung Do cũng cho rằng nên nghe theo.^③

Thái tổ vẫn muốn phong tước hầu cho Trù. Trù vốn thân thiết với Hạ Hầu Đôn, Thái tổ bảo Đôn rằng:

¹ Tử Văn (子文), tức Đẩu Cầu Ô Đồ (鬬穀於菟), là quan lệnh doãn nước Sở thời Xuân Thu. Khi ông kế nhiệm Từ Nguyên làm quan lệnh doãn nước Sở, nước Sở đang có loạn, ông đem gia sản ra giúp nước Sở vượt qua nguy khó, được dời sau ca ngai. Ông là vị quan thanh liêm, thương dân, vì có nhiều công lao, được vua nước Sở ban bổng lộc, nhưng ông cho rằng mình nhận thưởng tức là có thêm tiền bạc, mà như vậy tức là làm tăng thêm gánh nặng đóng góp của dân lại khuyến khích người ta tham lam tranh công, nên nhất quyết từ chối không nhận.

² Thân Bao Tư (申包胥) là đại thần nước Sở, khi nước Sở bị nước Ngô đánh, vua Sở đi trốn. Thân Bao Tư cầu xin nước Tần cứu nước Sở, khóc bảy ngày ở sân đình nước Tần khiến vua Tần cảm động cho quân sang cứu. Vì đại công ấy, Sở Chiêu vương muốn thưởng Bao Tư cho chức Hữu doãn, Bao Tư nói: “Mượn quân Tần là việc nước chứ không phải việc riêng. Nay đại vương đã lấy được nước rồi thì lòng tôi được thỏa, có đâu dám nhận chức để cầu lợi.” Sở Chiêu vương cứ ép, Thân Bao Tư bèn trốn đi, bảo vợ mình rằng: “Trước đây, ta vì tình bề bạn, không tiết lộ cái mưu của Ngũ Viên, Ngũ Viên phá được nước Sở, đó là tội của ta. Đã có tội còn nhận công, ta lấy làm xấu hổ lắm!”

- Người hãy qua chỗ hấn đem tình lý ra hiểu dụ, hấn tự nhiên sẽ nghe lời ngài, đừng nói đó là ý của ta.

Đôn tới nhà Trù, nói như lời mà Thái tổ dặn. Trù suy đoán biết đó là ý chỉ, không mở miệng nói lại nữa. Đôn sắp ra về, bèn vỗ vai Trù nói:

- Điền quân, tâm ý của chủ thượng rất ân cần, mà ngài không trông đến hay sao?

Trù đáp rằng:

- Sao ngài nói quá lời vậy! Trù này, là kẻ phụ nghĩa bỏ trốn thôi, nhận cái ân giữ toàn mạng sống, là may mắn lắm rồi. Há đâu có thể bán cái hiểm của Lô Long, để đổi lấy lợi lộc ban thưởng sao? Ví bằng quốc gia có thiên vị Trù, Trù lại chẳng vấn lòng mình mà then thùng sao? Tướng quân vốn biết rõ Trù, mà còn như thế, nếu nhất định là việc bất đắc dĩ, ta nguyện lấy cái chết để tỏ lòng trung, xin tự vẫn trước mặt ngài.

Nói chưa xong, nước mắt đã chảy ròng ròng. Đôn về kể lại hết với Thái tổ. Thái tổ bùi ngùi biết chẳng thể khuất phục, bèn bãi Trù làm Nghị lang. Năm bốn mươi sáu tuổi Trù chết. Con của Trù lại chết sớm. Văn đế lên ngôi, xem trọng đạo đức và nghĩa khí của Trù, ban cho cháu họ của Trù là Tục tước Quan nội hầu, lấy làm người nối tự thờ phụng Trù.

① Thần Tùng Chi cho rằng Điền Trù không ra ứng mệnh triệu của cha con Viên Thiệu, vì họ không phải là người chủ chính thống vậy. Bởi hết lòng mưu toan cho Ngụy tổ, đặt kế vượt Lô Long. Khiến Viên Thượng phải trốn chạy, trao đầu cho người xứ Liêu Đông, duyên cớ đều bởi Trù vậy. Đã rõ người đó là giặc, sao lại viếng khóc ở chỗ đầu hấn? Nếu vì từng được mệnh triệu, có tình nghĩa trong đó, thì chẳng nên vì người khác bày mưu, khiến người kia đến nỗi như thế. Hành động ấy của Trù, quả thực là tiến lui đều không hợp lẽ, so với việc Vương Tu khóc Viên Đàm, bề ngoài giống nhau mà bên trong lại khác vậy.

② Tiên hiền hành trạng chép tờ lệnh của Thái tổ rằng:

"Điều lệnh Diên Trù, chí tiết cao thượng, gặp lúc Hán, Hồ trong châu giao tranh loạn lạc, dẫn thân vào nơi núi thẳm, nghiên cứu nghĩa lý tinh diệu, tự mình xét đạo lý, trăm họ theo về, núi sâu thành đô ấp. Thế lực giặc Viên lớn mạnh, Trù nhận mệnh triệu không khuất phục. Kháng khái giữ chí, để cầu bậc quân chủ chân chính. Lúc Cô vâng chiếu mệnh xuất chinh bình định Hà Bắc, rồi thu phục U châu, sắp bình giặc cướp người Hồ, sai người đem lễ vật đến trao mệnh. Trù lập tức nhận mệnh, bày kế đi theo đường tắt từ đó đánh rợ Hồ, thống suất sơn dân, nhất tề hướng về giáo hóa, mở lối hiểm làm người hướng đạo, vâng mệnh phục dịch, đường gần lại tiện, khiến giặc rợ không ngờ. Chém Đạp Đốn ở Bạch Lang, rồi ruổi dài đến Liễu Thành, là công lao của Trù vậy. Lúc quân về nơi đất hiểm ven biên, mới bàn xét công của Trù, dâng biểu phong tước là Đình hầu, ban thực ấp năm trăm hộ, nhưng Trù tâm nguyện thành khẩn, trước sau chối nhận phần thưởng. Ra sống vào chết đến nay đã tròn ba năm, qua năm chưa ban thưởng, là thành toàn cho chí khí cao thượng của một người, nhưng rất trái với vương điển, cái mất mát là rất lớn vậy. Nên theo như biểu phong, nếu không cái lỗi của ta còn truyền mãi."

③ Ngụy thư chép lời bàn của Thế tử rằng:

"Xưa kia Cừ Ngao⁽¹⁾ tránh không nhận lộc, tiếng tốt truyền lưu, là để khích lệ người thời loạn, khuyên nhủ kẻ tham phu, người hiền là người không nhận lộc thưởng mà vẫn hết mình với chức phận. Cho nên có thể xem là hẹp hòi, mà chẳng thể mĩa mai chê bai được. Đến như việc của Diên Trù, so ra cũng tựa tựa như vậy. Nếu miễn quan chức ban hình phạt, về hình pháp là quá nặng."

Ngụy lược chép lệnh truyền rằng:

"Xưa Bá Di, Thúc Tề bỏ tước vị mà người đời chê Vũ vương,⁽²⁾ có thể nói là ngu ám, Khổng tử cũng cho là 'cầu điều nhân được điều nhân.' Cái khí tiết mà Trù giữ, dầu không hợp đạo, nhưng chỉ là muốn được

¹ Cừ Ngao (遠敖), tức Đẩu Câu Ô Đồ Từ Văn, lệnh doãn nước Sở.

² Bá Di (伯夷), Thúc Tề (叔齊): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 85 (Lưu Biểu truyện).

thanh cao thôi. Nếu cái chí của người thiên hạ đều như Trù, tức là mọi người trên dưới làm việc vì nghĩa như thuyết kiêm ái của Mặc Dịch,⁽¹⁾ hay cái đạo khiến dân thắt nút dây mà ghi nhớ thay cho ghi chép của Lão Đam vậy.⁽²⁾ Nghị luận bề ngoài dẫu hay, nhưng nay vẫn lệnh cho quan Thượng thư lệnh và Tư lệ Hiệu úy xem xét lại để phán quyết việc này."

Ngụy thư chép lời nghị bàn của Tuân Úc, cho rằng "Cái đạo của người quân tử, hoặc ra làm quan hoặc đi ở ẩn, cốt ở chỗ làm việc thiện mà thôi. Cho nên kẻ thất phu giữ chí hướng, bậc thánh nhân đều dựa theo cái lý của mình mà thành công."

Chung Do thì cho rằng: "Nguyên Tư từ chối nhận thóc, Trọng Ni không tán thành,⁽³⁾ Tử Lộ cự tuyệt nhận trâu, Khổng tử cho là ngăn làm việc thiện,⁽⁴⁾ tuy rằng có thể khích lệ người thanh liêm

¹ Mặc Dịch (墨翟), tức Mặc Tử (墨子) là người nước Lỗ thời Chiến Quốc, có sách nói ông là người nước Đằng. Ông nêu 10 chủ trương lớn là: Thượng hiền, Thượng đồng, Tiết dụng, Tiết táng, Phi lạc, Phi mệnh, Thiên chí, Minh quý, Kiêm ái, Phi công gồm 71 thiên, nay còn lại có 53 thiên. Học thuyết của ông có ảnh hưởng rất lớn vào thời Tiên Tần, tư tưởng chủ đạo là Kiêm ái, tức là con người bình đẳng và thương yêu lẫn nhau, trên dưới cùng làm việc nghĩa.

² Lão tử (老子), còn gọi là Lão Đam (老聃) hay Lão quân (老聃). Truyền thuyết nói ông sống cùng thời với Khổng tử. Là tác giả cuốn sách *Đạo đức kinh* nổi tiếng, sáng lập ra Đạo giáo, rất có ảnh hưởng trong văn hóa Trung hoa cổ. Ý tưởng nổi trội của ông là thuyết Vô vi: "Người thuận đất, đất thuận trời, trời thuận Đạo, Đạo thuận tự nhiên." Đại khái khuyên con người ta hành động thuận tự nhiên, không bị ràng buộc bởi mục đích và ham muốn cá nhân. Cho rằng, con người càng thông minh càng gian trá, nên bỏ hết nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, bỏ học, bỏ văn tự (chỉ thắt nút dây để nhớ các việc), con người sẽ chất phác thật thà, xã hội sẽ yên bình.

³ Nguyên Hiến (原宪) tự Tử Tư (子思) người nước Lỗ, là học trò của Khổng tử. Xuất thân nghèo hèn, bản tính thanh liêm, không ham tài lộc, ở nhà tranh, khoét vách làm cửa, sống thanh đạm, vui với đạo đời. Lúc Khổng tử làm quan Tư khấu nước Lỗ, Nguyên Hiến là gia thần của Khổng tử, Khổng tử cấp cho ông bổng lộc là 900 hộc lúa, ông từ chối. Khổng tử không bằng lòng, nói: "Sao không nhận? Lấy để cung cấp cho bà con, láng xóm nghèo mà không được ư?"

⁴ Tử Công và Tử Lộ là hai học trò của Khổng tử. Thời ấy nước Lỗ ban luật rằng: "Người nào chuộc được người bị bắt làm kẻ hầu người hạ ở các nước chư hầu về thì được nhận thưởng." Tử Công chuộc được người về nhưng không nhận thưởng. Khổng Tử buồn nói: "Sau này còn ai muốn chuộc người nữa đây?" Ngược lại, Tử Lộ cứu được người chết đuối, người ta tạ ân một con trâu. Tử Lộ nhận thưởng, Khổng tử mừng nói: "Sau này nhất định sẽ có nhiều người cứu giúp kẻ hoạn nạn." Chung Do dẫn tích có lầm lẫn, Bùi Tùng Chi đã chú thích đoạn này.

khuyên nhủ kẻ tham phu, cũng chẳng đáng khen vậy. Việc làm của Trù hầu không hợp đại nghĩa, nhưng có ích với việc hình thành thói quen chối từ, nên theo như lời bàn của Thế tử."

Thần Tùng Chi xét *Lã thị Xuân Thu*: Pháp chế của nước Lỗ quy định rằng, nước Lỗ có kẻ làm nô bộc ở các nước chư hầu, ai có thể chuộc được người về thì đến phủ quan lĩnh vàng. Tử Cống chuộc được người về mà không lấy vàng, Khổng tử nói: "Tử làm việc thất sách rồi. Từ nay về sau người nước Lỗ chẳng ai chuộc người về nữa." Tử Lộ cứu được người chết đuối, người ấy đem trâu bái tạ, Tử Lộ nhận trâu. Khổng tử nói: "Người nước Lỗ tất lo cứu người chết đuối rồi."

Xét lời ghi chép ở chỗ này so với lời mà Do dẫn ra là tương ứng, chưa rõ là cái ghi chép mà Do dẫn ra có lầm không, mà sự việc lại khác nhau về nguồn gốc?

Vương Tu tự Thúc Trị, người quận Bắc Hải huyện Doanh Lăng. Năm lên bảy tuổi mồ côi mẹ. Vì mẹ của Tu mất vào ngày tế thổ thần, nên hàng năm người làng đi tế thổ thần, Tu cảm động nghĩ nhớ mẹ, rất bi thương. Làng xóm nghe biết, vì thế dừng việc tế.

Năm Tu hai mươi tuổi, đến Nam Dương du học, nghỉ lại ở nhà Trương Phụng. Cả nhà Phụng đều mắc bệnh nặng, không ai thăm nom giúp đỡ, Tu thương xót vỗ về an ủi, lúc họ khỏi bệnh mới đi.

Năm Sơ Bình trung, Khổng Dung ở Bắc Hải triệu gọi Tu lấy làm Chủ bộ, giữ chức Cao Mật lệnh. Họ Tôn ở Cao Mật vốn là hào tộc mạnh, môn khách nhiều lần phạm pháp. Trong dân chúng có kẻ bị cướp bóc, kẻ cướp chạy vào nhà họ Tôn, quan lại không thể đuổi bắt. Tu dẫn quan dân vây chúng, họ Tôn cự giữ, quan dân kiên sợ không dám tiếp cận. Tu lệnh cho quan dân rằng: "Ai dám không đánh vào thì xét cùng tội với giặc." Họ Tôn sợ, bèn giao giặc ra. Bởi thế cường hào sợ phục.

Lúc xét cử Hiếu liêm, Tu chối nhường cho Bình Nguyên, Dung không nghe.^① Thời ấy thiên hạ loạn lạc, vì thế Tu không đi. Không lâu sau, trong quận có kẻ phản. Tu nghe tin Dung gặp nạn, ngay đêm chạy vội đến chỗ Dung.

Lúc giặc mới nổi loạn, Dung bảo tả hữu rằng:

- Người dám mạo hiểm vượt nguy nan đến đây, chỉ có Vương Tu thôi.

Nói dứt lời thì Tu đến. Dung lại cho Tu tạm giữ chức Công tào.

Bấy giờ Giao Đông rất nhiều giặc cướp, Dung lại ra lệnh cho Tu nhận chức Giao Đông lệnh.

Người huyện Giao Đông là Công Sa Lô họ tộc cường mạnh, tự đắp doanh lũy, không theo lệnh điều phát. Tu một mình dẫn mấy quân kỵ vào thẳng nhà hắn, chém đầu anh em Lô, họ Công Sa kinh ngạc không ai dám động. Tu phủ dụ úy lạo những kẻ còn lại, bởi thế giặc cướp ít lâu sau dừng hẳn.

Dung mỗi khi có nạn, Tu dù nghỉ ở nhà, không lần nào không đến giúp. Dung thường nhờ Tu được thoát nạn.

① *Không Dung tập* có chép lời đáp của Dung truyền lệnh cho Tu rằng:

"Cái hiền đức của Nguyên, ta đã biết rồi. Xưa kia Cao Dương thị có tám người con tài giỏi, vua Nghiêu chẳng dùng được, vua Thuấn tiến cử dùng họ. Có thể nói Nguyên là kẻ sĩ tài giỏi chẳng sợ không có chức vị. Để lại cho người hiền sau sử dụng, chẳng cũng nên sao?"

Tu lần nữa tấu trình, Dung đáp:

"Quan duyên tự trọng giữ mình thanh bạch, qua nhiều lần khảo nghiệm trải nguy nan, bàn mưu ít mắc sai lầm, chỉ bảo dạy dỗ người khác không biết mệt. Ta khen công lao, căn cứ đức tốt, đề bạt ngài lên cho triều đình sử dụng, há lại chối từ sao!"

Viên Đàm ở tại Thanh châu, cho vời Tu làm Trị trung tòng sự, Biệt giá Lưu Hiến mấy lần hủy báng vu cáo Tu. Ngày sau Hiến

mắc tội sắp bị xử tử, Tu thăm xét án ấy, Hiến được thoát, người bấy giờ vì thế càng khen ngợi Tu. Viên Thiệu lại triệu Tu đối phong làm Túc Mặc lệnh, sau lại làm Biệt giá cho Đàm.

Thiệu chết, Đàm và Thượng hiềm khích. Thượng đánh Đàm, quân của Đàm thua, Tu thống suất quan dân qua cứu Đàm, Đàm vui mừng nói:

- Khiến quân ta thành công, là Vương Biệt giá vậy.

Đàm thất bại, Lưu Tuấn khởi binh ở Tháp Âm, các thành đều hưởng ứng hắn. Đàm than thở rằng:

- Nay cả châu làm phản, có lẽ vì Cô bất đức chăng!

Tu nói:

- Thái thú Đông Lai là Quán Thống tuy ở ngoài ven biển, người ấy không phản, tất sẽ đến.

Hơn chục ngày sau, Thống Quán bỏ cả vợ con chạy đến giúp Đàm, vợ con bị quân giặc giết hại, Đàm lại dùng Thống làm Thái thú Lạc An.

Đàm lần nữa muốn đánh Thượng, Tu can rằng:

- Anh em quay ra đấu đá lẫn nhau, đấy là cái đạo bại vong vậy.

Đàm không hài lòng, nhưng hiểu chí tiết của Tu. Sau lại hỏi Tu rằng:

- Ngài có kế sách gì chăng?

Tu nói:

- Là anh em, như tay trái với tay phải. Ví như người ta đấu với nhau mà chặt cánh tay mặt của mình, lại nói là "ta tất thắng," như thế có thể được chăng? Ôi, vứt bỏ anh em mà không thân gần, người trong thiên hạ ai thân gần với mình đây! Trong số thuộc hạ có kẻ gièm pha, vốn nghĩ là giữa lúc anh em ngài giao đấu với nhau, mưu cầu cái lợi trong một lúc, xin minh sứ quân bịt tai lại chớ nghe vậy. Nếu ngài chém mấy đứa nịnh thần, lại

cùng người thân hòa mục, lấy đó ngăn chống kẻ địch ở bốn phương, thì có thể tung hoành trong thiên hạ.

Đàm không nghe, bèn cùng Thượng đánh lẫn nhau, rồi thỉnh cứu với Thái tổ. Thái tổ đã phá được Ký châu, Đàm lại làm phản. Thái tổ bèn dẫn quân đánh Đàm ở Nam Bì. Tu lúc bấy giờ đi vận lương ở huyện Lạc An, nghe tin Đàm bị vây gấp, liền đem hết số quân mà mình lĩnh quản cùng các quan Tòng sự gồm mấy chục người chạy vội đến cứu Đàm. Đi đến huyện Cao Mật, nghe tin Đàm chết rồi, bèn xuống ngựa gào khóc nói:

- Chúa không còn nữa ta sẽ về đâu?

Bèn đến thẳng chỗ Thái tổ, xin thu nhật thi thể chôn táng Đàm. Thái tổ muốn quan sát ý tứ của Tu, lặng im không đáp lời. Tu lại nói:

- Ta nhận ơn dày của họ Viên, nếu được thu nhật thi thể của Đàm, rồi sau sẽ tới xin chịu chém giết, không ân hận gì nữa.

Thái tổ khen nghĩa khí của Tu, nghe theo.^①

Thái tổ dùng Tu làm Đốc quân lương, sai quay về huyện Lạc An. Đàm bị phá, các thành đều hàng phục, duy có Quận Thống giữ thành Lạc An không chịu theo mệnh. Thái tổ truyền lệnh sai Tu lấy đầu Thống, Tu thấy Thống là kẻ trung thần vong quốc, nhân đó cởi trói cho Thống, sai đến chỗ Thái tổ. Thái tổ mừng mà tha cho.

Vì chính trị của họ Viên khoan hòa lỏng lẻo, nên kẻ nắm quyền thế lúc tại chức tích lũy rất nhiều của cải. Thái tổ phá huyện Nghiệp, tịch thu hết tài vật tiền của ở nhà bọn Thẩm Phối kể hàng vạn. Lúc phá Nam Bì, tra xét nhà của Tu, thóc gạo chẳng đầy chục斛, lại có đến mấy trăm quyển sách. Thái tổ than rằng:

- Kẻ sĩ chẳng phải là chỉ có cái danh tiếng hão.

Bèn dùng lễ vời làm Tư không duyệt, coi việc của Ti kim Trung lang tướng, thăng làm Thái thú Ngụy Quận. Tu cai trị quận, đề

nén kẻ mạnh, nâng đỡ kẻ yếu, thưởng phạt rõ ràng, được trăm họ ngợi khen.② Nước Ngụy đã dựng, Tu làm Đại tư nông, Lang trung lệnh.

Thái tổ nghị bàn việc thi hành nhục hình, Tu cho rằng lúc này chưa nên thi hành, Thái tổ chọn dùng kiến nghị ấy. Sau đó điều Tu làm Phụng thượng. Về sau Nghiêm Tài làm phản, cùng mấy chục đồ đảng thuộc hạ đánh vào cửa cung. Tu nghe tin có biến, triệu gọi xe ngựa còn chưa đến, liền cầm đầu thuộc hạ đến cửa cung. Thái tổ đang ở đài Đồng Tước trông ra xa thấy có người, nói:

- Người đến kia tất là Vương Thúc Trị vậy.

Tướng quốc Chung Do bảo Tu rằng:

- Theo phép xưa, lúc kinh thành có biến, quan Cữu khanh đều phải ở trong phủ đệ của mình không được ra ngoài.

Tu nói:

- Người ăn lộc quốc gia, sao được né tránh loạn? Ở trong phủ dấu là lệ cũ, nhưng trái nghĩa cứu nạn.

Ít lâu sau, Tu bị bệnh, chết khi đương chức. Con của Tu là Trung, làm quan đến chức Thái thú Đông Lai, Tán kỵ thường thị.

Khi trước, Tu biết tài của Cao Nhu từ lúc Nhu hai mươi tuổi, khen Vương Cơ từ lúc Cơ là đứa trẻ, rút cục sau này cả hai đều thành công lớn, người đời khen là Tu biết nhìn người.③

① *Phó tử* chép: Thái tổ giết Viên Đàm xong, bêu đầu Đàm, lệnh rằng: "Kẻ nào dám khóc hắt thì giết đến cả vợ con." Vì thế Vương Thúc Trị, Điền Tử Thái bảo nhau rằng:

- Sinh thời bọn ta nhận mệnh triệu của họ, họ chết mà ta không khóc, là phi nghĩa vậy. Sợ chết quên nghĩa, lấy gì để đứng ở đời?

Bèn đến chỗ đầu của Đàm mà khóc lóc, tiếng khóc bi ai kinh động ba quân. Quân chính bầm là nên thi hành án tử với họ, Thái tổ nói:

- Họ là nghĩa sĩ vậy.

Rồi tha cho.

Thần Tùng Chi xét Điền Trù truyện, thì Trù được Viên Thượng vờ, chứ không nhận mệnh triệu của Đàm. Phó tử gộp việc của hai người ở một lời nói, là sai với sự thực.

② *Ngụy lược* chép: Tu làm Ti kim Trung lang tướng, tỏ ý từ chối chức quan đúc vàng, vì thế dâng tấu chương nói:

"Tu nghe nói bụi gai trong rừng, không có phẩm chất của cây cột trụ; dòng nước nhỏ yếu không có cái khí thế của ngọn ba đào. Vì thế thần tại chức bảy năm, lòng trung thẳng chẳng sáng tỏ với đời, công nghiệp chẳng nổi rõ trong sự nghiệp, hơn hờ với cái ân được nhận, cúi đầu lại thẹn thùng là chẳng có gì để báo đáp, nên giữa đêm dài chưa từng không thức giấc, buông bát nửa bữa ăn. Vì sao đây? Là bởi năng lực kém mà chức trách nặng, chẳng kham nổi nên lo sợ vậy, xin kính cần dâng lên mấy lời như kiến nghị."

Thái tổ cho là lời kiến nghị rất đúng, bèn gửi thư cho Tu nói:

"Ngài rửa thân tắm đức, tiếng khen lưu truyền ở bản châu, tài cán trung thành lập nên công tích, được người đời khen là cao đẹp, danh tiếng và sự thực tương xứng nhau, vượt hẳn người thường. Cô dụng tâm hiểu ngài, rất thấu suốt tinh tường, không phải chỉ dùng tai nghe mắt nhìn mà thôi đâu."

"Xem xét nghị luận của bậc tiên hiền, đa phần nhận thấy cái lợi của muối và sắt, đủ để chu cấp tài vật cho việc quản quân trị quốc. Khi trước cô lập chức quan Ti kim, không nghĩ là ủy thác cho ngài đảm nhiệm, nhưng không có ai là người thích hợp để tuyển chọn. Cho nên Cô truyền lệnh cho ngài rằng: 'Xưa kia Át Phụ làm Đào chính, dân được lợi nhờ đồ khí dụng của ông ấy, con của ông ấy là Quy Mãn, được phong hầu ở đất Trần;⁽¹⁾ Gần đây Tang Hoảng Dương, ngôi vị đến chức Tam công.⁽²⁾ Đó là điềm báo trước làm tấm gương soi cho ngài vậy', đấy là bản ý của

¹ Át Phụ (遏父) là cháu đời thứ 32 của vua Thuấn, sống cuối thời nhà Thương, sau theo về nhà Chu, nhận chức Đào chính, chủ quản việc chế tác đồ gốm. Con của Át Phụ là Quy Mãn (妤满) được Vũ vương phong ở đất Trần, làm vương chư hầu.

² Tang Hoảng Dương (桑弘羊), người thời nhà Đông Hán, là con người thợ bán hàng ở Lạc Dương, rất giỏi tính toán, năm mười ba tuổi đã nhận chức Thị Trung, rồi sau làm Đại tư nông, quản lý việc sản xuất và buôn bán muối và sắt trong cả nước, sau làm đến chức Tam công.

Cô khi dùng ngài, sợ rằng chúng nhân chưa hiểu ý ấy. Từ đó đến nay, kẻ làm quan ở triều đình, mỗi khi chọn một người giữ chức vị nổi bật, thường đề cử ngài đứng đầu, lúc nghe Viên quân sư nghị luận về các vị hiền sĩ, cho là không ai qua được ngài. Nhưng từ đáy lòng Cô nghĩ đến ngài, thấy chức Quân sư, an nhàn hơn so với chức Tì kim, đến như việc dựng công lập nghiệp, chức Tì kim trọng yếu hơn chức Quân sư. Sự chân thành của Cô, đủ để thấu tỏ đến ngài; sự hiểu biết của ngài về Cô, đủ để tin tưởng không nghi ngờ. Nhưng sợ là những người bên cạnh kiến thức nông cạn hẹp hòi, dùng bầu đong bể, vẽ rắn có chân, sẽ nói là trước sau tuyển chọn trăm lần, thường không dùng ngài, khiến ngài chìm đắm mai một ở chức Tì kim. Rằng ông nọ ông kia, chức vị còn vượt quá ngài, rút cục là sự đãi ngộ của chủ nhân với ngài chẳng hậu. Cô sợ cái tiếng hư hao ấy che lấp đi sự thực, lời bậy lưu truyền dức lác loạn tai. Ví như có việc ấy, mong ngài cũng như Chung Kỳ không nghe lầm tiếng đàn;⁽¹⁾ nếu không có việc ấy, chuẩn bị sớm có gì tổn hại?"

"Trước kia Tuyên đế xét cái tài của Thiệu phủ Tiêu Vọng Chi để bổ dụng làm Tế tướng, cho nên lại điều ông ấy ra ngoài, làm trưởng quan ở quận Phùng Dục. Từ chức Chính khanh điều đi, tựa như là giáng chức. Hoàng thượng sai quan Thị trung tuyên rõ ý chỉ rằng: 'Ngài từng làm Quận thú ở Bình Nguyên ít ngày, cho nên ta lại dùng thử ngài ở Tam Phụ, không phải là có ý xa lánh ngài vậy.'⁽²⁾ Cô suy xét cái dụng ý lúc trước kia của Trung Tông hoàng đế, thấy đích xác rằng đây là sự chuẩn

¹ Chung Huy (鍾徽), tự Tử Kỳ (子期), người nước Sở thời Xuân Thu, là người có tài nghe tiếng đàn mà thấu hiểu tâm tư của người chơi đàn. Tử Kỳ chơi với Bá Nha là người chơi đàn giỏi bậc nhất thời ấy. Có lần Bá Nha và Chung Kỳ lên núi Thái Sơn, gặp trời mưa to bèn dừng lại dưới mòm núi. Bá Nha thấy phiền muộn bèn tấu một khúc nhạc, ban đầu biểu hiện cảnh mưa rơi xuống dòng suối trên núi, tiếp đó khúc nhạc mô phỏng âm thanh của nước lên cuộn cuộn, đất đá đổ nát. Mỗi khi khúc nhạc dứt, Chung Kỳ đều nói ngay được ý tứ của mỗi bài. Bá Nha bèn buông đàn nói: "Giỏi thay! Các hạ có thể nghe thấu cái chí thú trong khúc nhạc, ý của các hạ cũng là ý ta vậy". Hai người kết thành tri kỷ.

² Tiêu Vọng Chi (蕭望之) là hậu duệ của Tiêu Hà, vì có tài cán, Hán Tuyên đế muốn dùng ông làm Tế tướng nên tạm dùng ông làm Tà Phùng Dục để xét cái tài trị dân của ông. Tiêu Vọng Chi lúc ấy đang giữ chức Thiệu phủ, cho là mình bị vua xa lánh, bất mãn với mình nên suy nghĩ đến phát bệnh. Hán Tuyên đế mới sai người tuyên ý chỉ để Tiêu Vọng Chi rõ ý. Trung Tông hoàng đế là hiệu của Hán Tuyên đế được đặt sau khi mất.

bị thích hợp. Mong ngài tôn trọng sự nghiệp của mình để xứng với ý nguyện của Cô. Xưa Công Thúc Văn Tử và gia thần cùng được thăng chức, há chỉ riêng có một mình đâu!"⁽¹⁾

Sau đó không lâu Tu được thăng làm Thái thú Ngụy Quận.

③ *Tấn thư* của Vương Ẩn chép: Tu có một con trai, tên Nghi, tự Chu Biểu, là người cao thượng chính trực. Thời Tư Mã Văn vương làm An Đông tướng quân, Nghi làm Tư mã. Trận thua bại ở Đông Quan, Văn vương nói:

- Việc mới đây, phải trách lỗi tại ai?

Nghi nói:

- Trách lỗi tại quân sư.

Văn vương giận nói:

- Tư mã muốn đẩy tội cho Cô sao?

Bèn giết Nghi.

Con của Nghi là Bao, tự Vĩ Nguyên. Thời trẻ gây dựng tiết tháo cao thượng, điều phi lễ không làm.

Bao mình cao tám thước bốn tấc, dung mạo phi phạm. Vì thương xót cha chết không lành, bèn lánh đời không ra làm quan. Dựng nhà bên cạnh mộ, lấy việc dạy học làm sinh kế. Sớm tối thường đến trước mộ tế bái, luôn bi thương gào khóc đến đứt hơi. Trước mộ ấy có cây bách lớn, Bao thường vịn vào thân cây, nước mắt rơi xuống lá cây ướt đầm, màu sắc của những lá ấy so với lá cây bình thường khác hẳn. Bao đọc *Kinh Thi* đến câu: "Thương thay cha mẹ, sinh ta nhọc nhằn", chưa từng một lần không sa lệ, nước mắt rơi xuống đầm vạt áo.

Nhà Bao nghèo, tự thân cày ruộng, tính khẩu phần ăn mà gieo trồng, đo thân thể mà nuôi tằm dệt áo. Trong số học trò có người

¹ Công Thúc Văn Tử (公叔文子) tức là Công Thúc Phát (公叔发), cháu của vua nước Vệ (Vệ Hiến công) thời Xuân Thu. Gia thần của ông là Đại phu Soạn được ông tiến cử nên cả hai người được thăng làm quan đại phu ở triều đình nước Vệ. Không từ nghe tin khen rằng: "Công Thúc Văn Tử đáng được đặt tên thụy là Văn." (Chữ "văn" tức là nói người có kiến thức vậy).

ngầm giúp Bao cắt lúa, Bao bèn rút số lúa ấy đi; từ đấy chẳng ai dám lần nữa giúp cắt lúa.

Môn sinh của Bao có người bị huyện sở tại gọi quân dịch, cầu xin Bao viết thư dãi bày ý nguyện, Bao nói:

- Học vấn của người chẳng đủ để che chở thân mình, cái đức của ta bạc không đủ để che bóng cho người, giúp ích gì được đây! Và lại ta không cầm bút đã bốn mươi năm nay rồi.

Bèn tự đi bộ vác một trăm cân lương, người con cống đậu muối, môn đồ đi theo hơn một nghìn người. An Khâu lệnh cho là họ đến bái kiến mình, chỉnh đốn y phục ra nghênh đón ở cửa. Bao bèn tiến đến chỗ hai gò đất cao ở trước cửa nhà môn, cúi gập mình hành lễ rồi đứng thẳng dậy. Nói rằng:

- Môn sinh của ta bị quan huyện gọi làm sai dịch, cho nên ta đến tiễn biệt.

Rồi chấp tay sa nước mắt mà đi. Huyện lệnh lập tức giải tán bọn học trò, người cả huyện đều vì thế hổ thẹn.

Người cùng huyện với Bao là Quản Ngạn, thời trẻ có tài cán, chưa ai biết đến, riêng Bao cho là nhất định sẽ thành đạt, thường cùng người ấy giao tình thân ái; trai gái của hai người vừa sinh, bèn cùng hứa hẹn lập hôn ước. Ngạn quả nhiên làm Tây Di hiệu úy. Bao về sau lại đem con gái gả cho người khác, em của Ngạn là Phúc chất vấn Bao, Bao nói:

- Ta vốn chí hướng nông cạn, chỉ có tâm nguyện ở chỗ sơn dã nơi rừng thẳm, chị em gái đều ở xa, nên tin tức tốt xấu cách tuyệt, vì thế ta tự mình phát thệ. Con của hiền huynh chôn táng cha mình ở Đế đô,⁽¹⁾ thế thì là người Lạc Dương vậy, đấy há phải là ý muốn hứa hôn lúc trước của ta?

Phúc nói:

- Chị dâu ta, là người đất Tề vậy. Nhất định sẽ quay về Lâm Truy.

Bao nói:

¹ Theo truyện dẫn, có lẽ khi ấy Quản Ngạn đã chết, được an táng ở kinh đô nhà Tấn lúc đó là Lạc Dương.

- Sao táng cha ở Hà Nam, lại theo mẹ về đất Tề! Dụng ý như thế, hôn ước sao được?

Vì thế không thông hôn với nhà Quản nữa.

Bình Xuân, là dòng dõi của Căn Cú. Thời trẻ gây dựng chí tiết, bần hàn khổ cực tự chịu, vác hòm sách đi du học, bản thân không ở nhà, người làng xóm đều khen ngợi, cho là tài năng kế thừa được tổ tiên. Bao cho rằng Xuân bản tính hẹp hòi, hâm mộ thanh danh, ý chí rất lớn, rút cục nhất định không có thành tựu, sau này quả nhiên nghiệp học của Xuân không thành, lưu lạc xa quê bên ngoài, người có kiến thức vì thế phục Bao.

Bao thường cho rằng hành vi của người ta, nên phải ứng theo chính đạo, chẳng nên theo cái tài của mình mà đòi hỏi cái người khác không làm nổi. Có người đưa biếu tặng vật, Bao đều không nhận. Lúc đô thành Lạc Dương nghiêng lật,⁽¹⁾ giặc cướp nổi như ong, người thân trong tông tộc của Bao đều muốn dời đến Giang Đông, Bao quyến luyến phần mộ của song thân không đi. Giặc cướp hoành hành dữ dội, họ hàng xuôi nam đến quận Thái Sơn. Bao nghĩ nhớ đất cũ không bỏ đi, bị giặc cướp giết hại.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Bao cùng người quận Tế Nam là Lưu Triệu tự Duyên Thế, đều vì không ra làm quan mà nổi danh. Bao vì cha mình bị Văn vương giết bừa, suốt đời không ứng mệnh triệu, chưa từng ngồi ngoảnh mặt về tây, để tỏ ý rằng mình không phải là thần dân nhà Tấn.

Thuần cổ⁽²⁾ *truyện ở sách Ngụy lược* đem bảy người là Chi Tập, Vương Tu, Bàng Dục, Văn Sính, Thành Công Anh, Quách Hiến, Đan Cố chép thành một thiên. Ba người trong số ấy là Tu, Dục, Sính đều đã có truyện riêng, Thành Công Anh thấy chép riêng ở *Trương Ký truyện*, Đan Cố thấy ở *Vương Lăng truyện*, còn lại hai người là Tập và Hiến kể nối sau truyện về Vương Tu.

¹ Là lúc Triều đình Tây Tấn bị đánh đuổi phải chạy về đông thành nhà Đông Tấn.

² *Thuần cổ*, là nói những người ý chí kiên định, suốt đời không thay đổi, giữ chí của mình, bất kể triều đại hay môi trường xung quanh mình thay đổi.

Chi Tập tự Nguyên Thăng, người quận Kinh Triệu. Năm Trung Bình trung ra làm quan ở quận, Công phủ triệu gọi, lúc xét cử Cao đệ, đổi phong làm Thái y lệnh. Thiên tử từ tây sang đông đến Hứa Xương, Tập thường đi theo. Tập và Thiệu phủ Khổng Dung quan hệ thân thiết. Thái tổ làm Tư không, uy đức mỗi ngày một thịnh, nhưng Dung cố tình giữ ý cũ, khi dâng thư sớ lời lẽ xấc xược. Tập thường trách Dung, mong Dung thay đổi kiềm chế bớt, Dung không nghe. Lúc Dung bị giết, đương thời trong số trăm quan ở huyện Hứa trước đây cùng Dung có quan hệ thân mật, chẳng ai dám thu nhật thi thể chôn táng, nhưng riêng Tập tự đến chỗ áo quan khóc Dung rằng:

- Văn Cử, ngài chết lia bỏ ta, ta sẽ nói chuyện cùng ai nữa đây?

Tiếng than ai oán không ngừng. Thái tổ nghe tin, bắt Tập, muốn xét tội, không lâu sau, vì việc có lý do chính đáng nên được tha, cho đầy đến đất Kiều Hạ ở phía đông huyện Hứa. Tập sau này yết kiến Thái tổ, bày tỏ tạ lỗi lúc trước. Thái tổ gọi tên tự của Tập nói:

- Nguyên Thăng, ngươi vốn là người khảng khái vậy!

Nhân đó hỏi về chỗ ở của Tập, cho dọn nhà đến chỗ ở mới, ban cho trăm斛 gạo. Đến năm Hoàng Sơ, Đế hạ chiếu muốn dùng Tập, thấy Tập đã cao tuổi, khen cái đôn hậu của Tập với bạn cũ, có cái tiết tháo của Loan Bố,⁽¹⁾ ban ân bãi làm Trung tán đại phu, cho về nhà, hơn tám mươi tuổi Tập chết.

Quách Hiến tự Ấu Giản, người quận Tây Bình, là hào tộc ở quận ấy. Năm Kiến An trung làm Công tào của quận, châu phủ triệu gọi không tới, vì dốc lòng nhân đức được người cả quận khen ngợi. Đến năm thứ mười bảy, Hàn Ước mất lòng quân, từ Khương Trung quay về, phải nương dựa vào Hiến. Chúng nhân đa phần muốn bắt Ước để lập công lĩnh thưởng, nhưng Hiến đều nghiêm khắc trách chúng, nói:

¹ Loan Bố (栾布) là người thời Tây Hán, chơi thân với Bành Việt từ thừa áo vải. Bành Việt mắc tội bị giết, Loan Bố trái lệnh cấm thu nhật thi thể Bành Việt chôn táng, bị bắt. Loan Bố lấy nghĩa trách vua Hán, cuối cùng được tha, vì làm việc nghĩa mà danh tiếng lưu truyền.

- Người ấy thế cùng đến hàng phục ta, sao muốn hại hẩn?

Rồi che chở hậu đãi Ước.

Về sau Ước bệnh chết, bọn Điền Nhạc, Dương Quỳ chém đầu Ước, sắp đưa đi lĩnh thưởng. Bọn Quỳ muốn biên tên Hiến lên tấu sớ, Hiến không chịu kể tên mình trong đó, nói ta không nhẫn tâm giết người ta lúc sống, há đâu lại nhẫn tâm lấy cái chết của người ta để cầu công? Bọn Quỳ bèn thôi. Bấy giờ Thái tổ đang đánh Hán Trung, tại Vũ Đô, thì bọn Quỳ đưa đầu của Ước đến. Thái tổ vốn nghe danh của Hiến, đến lúc xem tấu sớ, quái lạ là không thấy tên ở đó, vì thế hỏi bọn Quỳ, Quỳ đem sự tình kể hết. Thái tổ khen ngợi sự chí nghĩa của Hiến, bèn dâng biểu gộp tên Hiến và bọn Quỳ đều ban cho tước Quan nội hầu, bởi thế danh tiếng của Hiến chấn động vùng Lũng Hữu.

Năm Hoàng Sơ nguyên niên Hiến mắc bệnh chết. Đến năm Chính Thủy sơ, quốc gia truy xét khen tặng các việc từ thời trước, lại ban cho con của Hiến tước Quan nội hầu.

Bình Nguyên tự Căn Củ, người quận Bắc Hải huyện Chu Hư. Thời trẻ Nguyên cùng Quán Ninh đều vì tiết tháo cao thượng mà nổi tiếng, châu phủ ban mệnh triệu đều không đến. Giặc Khăn Vàng nổi dậy, Nguyên đem gia thuộc về vùng biển, ở trong núi Uất Châu.

Thời ấy Khổng Dung làm Bắc Hải tướng, xét cử Nguyên làm Hữu đạo. Nguyên thấy quân Khăn Vàng đang thịnh, bèn đến Liêu Đông, vì Nguyên và người đồng quận là Lưu Chính đều là người có mưu lược và khí phách, Thái thú Liêu Đông là Công Tôn Độ úy kỵ muốn giết đi, bèn bắt hết gia nhân, thuộc hạ của Chính, Chính thoát được. Độ thông cáo xuống các huyện rằng: "Kẻ nào dám chứa chấp Chính thì xét cùng tội." Chính nguy quẫn, bèn qua nương dựa Nguyên,^① Nguyên che giấu Chính hơn một tháng, lúc ấy Thái Sử Từ người quận Đông Lai đang về triều, Nguyên nhân đó đem Chính phó thác cho Từ.

Ít lâu sau Nguyên bảo Độ rằng:

- Ngày trước tướng quân muốn giết Lưu Chính, cho hắn là mối họa với mình. Nay Chính đã bỏ đi, mối họa của ngài há chẳng phải là đã trừ được rồi sao?

Độ nói:

- Đúng thế.

Nguyên nói:

- Sở dĩ ngài úy kỵ Chính, là vì hắn có trí mưu vậy. Nay Chính đã bị đuổi, trí mưu hết chỗ dùng, ngài còn bắt giữ người nhà của Chính làm chi? Chẳng bằng tha cho họ, không gây thêm oán nữa.

Độ bèn thả họ ra. Nguyên lại giúp của cải đưa tiễn người nhà Chính, đều về được quận cũ. Nguyên ở Liêu Đông, trong khoảng một năm mà người đến quy thuận Nguyên tới mấy trăm nhà, học trò từ xa đến học, tiếng đọc sách lời truyền giảng, thanh âm không dứt.

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Chính đến nương nhờ Nguyên nói:

- Chim bay cùng đường, nấu mình ở chỗ người có chí.

Nguyên nói:

- Sao biết được kẻ này có chí mà đến nương mình?

Sau này Nguyên quay về, Thái tổ cho vời làm Tư không duyệt.

Con gái của Nguyên chết sớm, bấy giờ con trai yếu của Thái tổ là Thương Thư cũng chết yếu, Thái tổ muốn xin hợp táng, Nguyên từ chối nói:

- Hợp táng, là trái lễ vậy. Nguyên này sở dĩ dung thân ở chỗ minh công, Công sở dĩ đãi ngộ Nguyên, là vì Nguyên có thể kính giữ phép tắc mà không thay đổi vậy. Nếu nay lại nghe theo lệnh của minh công, thì chỉ là kẻ phạm tội, minh công làm thế sao được?

Thái tổ bèn thôi, rồi đổi cho Nguyên tạm nhận chức Thừa tướng Chính sự.^①

Thôi Diễm làm Đông tào duyên, dâng tấu tiến cử rằng:

"Chinh sự Bình Nguyên và Nghị lang Trương Phạm, đều là người cao thượng có phẩm hạnh tốt đẹp, chí hướng hành vi trung thành chính trực, sự thanh bạch liêm khiết của họ đủ để khuyến khích phong tục, lòng kiên trinh của họ đủ để lo liệu công việc, có thể gọi là rồng bay phượng liệng, là nhân tài kiệt xuất, là báu vật của quốc gia. Nay suy cử mà dùng họ, há chẳng phải là nhân nghĩa lan xa."

Nguyên nổi thay Lương Mậu làm Ngũ quan trưởng sử, đóng cửa tự giữ mình, không phải việc công thì không ra ngoài.

Thái tổ đi đánh Ngô, Nguyên theo trong quân, rồi chết.^②

① *Hiển đế khởi cư chú* chép: Năm Kiến An thứ năm, bắt đầu đặt hai người làm Chinh sự, Nguyên và người quận Bình Nguyên là Vương Liệt đều được tuyển lựa bổ dụng.

② *Nguyên biệt truyện* chép: Năm Nguyên mười một tuổi cha mất, nhà nghèo, sớm thành mồ côi. Bên hàng xóm có quán trọ học, Nguyên đi qua đó liền khóc. Thầy dạy hỏi:

- Vì sao bé con khóc?

Nguyên nói:

- Kẻ mồ côi dễ bị thương, người nghèo khổ dễ cảm khái. Phàm là người đọc sách, tất đều có đủ cả cha anh, thứ nhất là không cô đơn, thứ hai là được học hành, trong lòng ta buồn ngủi nên rơi nước mắt vậy.

Người thầy cũng thương cảm vì lời nói của Nguyên nên sa nước mắt, nói rằng:

- Bé con muốn đọc sách cũng được thôi.

Nguyên đáp:

- Ta không có tiền.

Người thầy nói:

- Bé con quả có chí khí, ta chỉ giúp ngươi, không lấy tiền.

Vì thế Nguyên tới đọc sách. Trong một mùa đông, đọc thông *Hiếu kinh*, *Luận ngữ*.

Nguyên lúc ở trong đám trẻ, thông tuệ khác thường, khi trưởng thành, phẩm hạnh như ngọc báu.

Nguyên đi học xa, đến huyện An Khâu gặp Tôn Tung. Tung từ chối rằng:

- Ngài cùng quê với Trịnh quân, có biết ông ấy chẳng?

Nguyên đáp rằng:

- Có biết.

Tung nói:

- Trịnh quân học thấu suốt kim cổ, biết rộng nhớ dai, tìm xét tới lẽ sâu xa, đích xác là khuôn mẫu của bậc thầy. Ngài bỏ nhà đi, bốn ba nghìn dặm, đấy gọi là coi Trịnh Huyền là Đông gia khâu⁽¹⁾ vậy. Ngài dường như không biết ông ấy mà nói là biết, sao vậy?

Nguyên nói:

- Lời của tiên sinh, quả thực có thể gọi là thuốc hay đắng miệng rồi; nhưng ngài còn chưa thấu suốt cái thú mọn của kẻ hèn này vậy. Con người ta đều có chí hướng riêng, tiêu chuẩn không giống nhau, cho nên có người lên núi cao mà chọn ngọc, có kẻ xuống bể sâu để tìm châu, sao có thể nói là lên núi thì không biết biển sâu, xuống biển thì không biết núi cao được! Ngài bảo kẻ hèn này coi Trịnh Huyền là Đông gia khâu, tức là ngài xem kẻ hèn này là Tây gia ngu phu chẳng?

Tung tạ lỗi. Lại nói:

- Kẻ sĩ ở hai châu Duyện, Dự, ta biết rất nhiều, chưa có ai như ngài vậy; ta nhất định viết thư giới thiệu cho ngài.

¹ Không từ có tài học xuất chúng lỗi lạc, nhưng láng giềng của Không từ ở phía tây của làng ấy không biết điều đó, gọi Không từ là Đông gia khâu (东家丘), tức là nhà Không Khâu ở phía đông của làng, tỏ rõ sự miệt thị, không kính trọng. Tôn Tung nói ví rằng Bình Nguyên ở cùng quê với vị tông sư lớn đương thời là Trịnh Huyền mà không biết Trịnh Huyền là bậc tài cao xuất chúng.

Nguyên xem trọng ý của Tung, khó từ chối, cầm thư rồi bái biệt. Trong lòng Nguyên cho rằng tìm thầy để tăng tiến học vấn, chỉ hướng cao cả thì có thể hỗ trợ giúp đỡ nhau, không thể nhờ giao du giới thiệu mà có thành quả. Thư từ làm được gì? Bèn giấu thư ở nhà rồi khởi hành.

Trước kia Nguyên rất thích uống rượu, từ sau khi xuất hành, trong vòng tám chín năm, rượu chẳng hề thấm môi. Một mình đi bộ vác hòm sách, gian khổ thì kiên trì gắng sức, đến Trần Lưu thì bái sư là Hàn Tử Trọng, tới Dĩnh Xuyên thì bái Trần Trọng Cung làm thầy, qua Nhữ Nam thì giao kết với Phạm Mạnh Bác, ở Trác Quận thì thân thiết với Lô Tử Cán. Lúc sắp chia biệt, thầy bạn thấy Nguyên không uống rượu, tập hợp gạo thịt để đưa tiễn Nguyên. Nguyên nói:

- Ta vốn giỏi uống rượu, chỉ vì nghĩ là uống rượu sẽ bỏ bê, hỏng nghiệp học, nên đoạn tuyệt với rượu thôi. Nay sắp xa biệt, nhân bữa rượu tiễn biệt của các vị, ta nên yếm ẩm một lần.

Vì thế cùng ngồi uống rượu, hết ngày không say. Khi trở về lấy thư trả lại cho Tôn Tung, giải thích dụng ý không đưa thư ra.

Về sau quận sở tại triệu gọi, cho Nguyên tạm nhận chức Công tào, Chủ bộ. Bấy giờ người nước Lỗ là Khổng Dung ở tại quận, truyền lệnh tuyển cử những quan viên đương nhiệm có tài của bậc công khanh, bèn dùng Trịnh Huyền làm Kế duyệt, Bành Cầu làm Kế lại, Nguyên làm Kế tá.

Có một người Dung yêu thích, thường ra sức tán thưởng, sau lại rất ghét giận, muốn giết người ấy, quan lại dưới trướng đều xin. Lúc ấy người kia cũng ngồi ở đó, rập đầu chảy máu, nhưng Dung không đổi ý. Chỉ có mình Nguyên không xin, Dung bảo Nguyên rằng:

- Mọi người đều cầu xin nhưng riêng có ngài không xin, là sao?

Nguyên đáp rằng:

- Minh phủ đối đãi người nọ, vốn không bạc vậy, thường nói là hết năm nhất định đề bạt ông ta, bảo người ấy là "con ta". Như

thế thì, quan viên trong phủ chưa có ai nhận ân huệ ở trên ông ấy rồi, mà nay lại muốn giết đi. Minh phủ yêu người ta, thì dẫn dắt đề bạt xem như con, ghét giận người ta, thì xô đẩy muốn hại tính mệnh. Nguyên này vốn ngu dốt, chẳng biết minh phủ yêu hấn vì cái gì, ghét hấn vì cái gì?

Dung nói:

- Kẻ kia sinh ở chốn hàn vi, ta gây dựng cho anh em hấn, đề bạt cất nhắc mà dùng hấn; nay kẻ kia phụ lại cái ân của ta. Người tốt thì tiến dụng, kẻ ác thì giết đi, đấy vốn là đạo trị người vậy. Ngày trước Ứng Trọng Viễn⁽¹⁾ làm Thái thú Thái Sơn, xét cử một người làm Hiếu liêm, mới có một tuần mà giết người ấy. Người làm chúa tể, thì hậu hay bạc có quy tắc nhất định nào đâu!

Nguyên đáp rằng:

- Trọng Viễn xét cử Hiếu liêm, rồi giết đi, nghĩa lý của việc ấy là ở đâu? Người được gọi là Hiếu liêm, là kẻ tuấn kiệt được quốc gia tuyển chọn. Việc đề cử nếu đúng, thì giết đi là sai vậy; nếu giết là đúng, thì việc đề cử là sai vậy. *Kinh Thi* nói: "Kẻ kia tặc tử, chẳng xứng sủng vinh." Đại khái là chê trách các việc sai lầm đó vậy. Ngạn ngữ nói rằng: "Yêu thì muốn cho sống, ghét thì muốn cho chết. Đã muốn cho người ta sống, lại muốn bắt người ta chết, thế là mê hoặc vậy." Cái sự mê hoặc của Trọng Viễn là nghiêm trọng lắm rồi. Minh phủ sao lại chọn dùng cách đó?

Dung bèn cười lớn nói:

- Ta chỉ đùa bốn đấy thôi!

Nguyên lại nói:

- Bạc quân tử đối với lời nói của mình, lời phát ra khỏi miệng, ảnh hưởng ngay đến dân chúng, lời nói việc làm, là cái then chốt

¹ Ứng Thiệu (应劭), tự Trọng Viễn (仲远), có sách chép là Trọng Viện (仲瑗), là học giả thời Đông Hán, sống vào thời vua Linh đế, Hiến đế. Nhận chức Thái thú Thái Sơn vào năm Hưng Bình nguyên niên, sau đi theo Viên Thiệu, chết ở huyện Nghiệp vào năm đầu niên hiệu Kiến An. Ứng Thiệu là tác giả của rất nhiều cuốn sách, nay thất truyền chỉ còn lại hai cuốn là *Hán quan nghi* và *Phong tục thông*.

trong cách xử thế của người quân tử. Sao nói muốn giết người mà có thể xem là đùa bỡn đây?

Dung không lấy gì đối đáp lại.

Bấy giờ Hán triều suy vi, xử lý chính sự dùng hối lộ thành thói, Nguyên bèn dẫn người nhà vào trong núi Uất Châu. Quận xét cử Hữu đạo, Dung gửi thơ hiểu dụ Nguyên rằng:

"Ngài, tu tâm dưỡng tính,

Vững lòng kiên trinh,

Tĩnh lặng khiêm hạ,

Giữ tiết thanh cao,

Nước nguy không vào,

Bấy lâu ẩn cư,

Vui nơi mình sống.

Vương thất lắm nạn,

Đô dời sang tây,

Đi đến Cảo kinh.

Thánh triều lao nhọc,

Khiêm cung cầu hiền,

Tìm kiếm khắp nơi,

Tuyển người tài tuấn.

Ta đến thỉnh cầu,

Chủ thượng quyết định,

Sách mệnh ban ra,

Một lòng khẩn thiết.

Nước sắp suy bại,

Góa bụa quên dật,⁽¹⁾

Cha sắp bỏ mình,

Đề Oanh bồn ba,

¹ Sách *Tà truyện* có câu: "Ly bất tuất kì vĩ, nhi ưu Tôn Chu chi vấn, vi tương cấp yên", tức là: "Người đàn bà góa quên nghĩ việc dật vài mà lo nhà Chu suy vong, chiến tranh họa loạn, và sẽ lan đến thân mình."

Đường xa lặn lội,⁽¹⁾
 Hai phụ nữ kia,
 Mà còn giữ nghĩa.
 Thực mong Căn Cứ,
 Giữ lấy lòng nhân,
 Làm tròn trọng trách,
 Vươn tay cứu vớt,
 Kẻ sắp chết chìm,
 Trong chỗ nguy nan,
 Giúp người trăm họ.
 Nếu thực ngồi yên,
 Ở chốn an nhàn,
 Không chút đoái hoài,
 Đến lời ta nói,
 Xưng là quân tử,
 Bỏ lâu thế sao!
 Căn Cứ, Căn Cứ,
 Ngài hãy tới đây!"

Nguyên bèn tránh đến Liêu Đông. Ở Liêu Đông lắm hổ, riêng có thôn ấp của Nguyên là không có mối họa về hổ.

Nguyên từng có lần đi bộ bắt được tiền roi, bèn nhặt lấy treo lên cây, tiền ấy đã không bị lấy mất, mà bọc tiền lại ngày càng nhiều thêm. Hỏi căn nguyên của việc ấy, người ta nói cây đó là cây thần. Nguyên ghét việc đó do mình mà thành nơi thờ thần xằng bậy, bèn giải thích rõ việc ấy, vì thế người trong làng bèn thu hết tiền lại đem cúng thổ thần.

Về sau Nguyên trở về quê quán, dừng lại trú ở núi Tam.

¹ Nàng Đề Oanh (缙紫) là con gái út của Thái Thương lệnh Thuần Vu Ý sống vào thời vua Hán Văn đế nhà Tây Hán. Thuần Vu Ý mắc tội sắp bị tử hình, nàng Đề Oanh nghe tin lặn lội đường xa đến Trường An, xin đem thân làm nô tì để chuộc tội cho cha. Truyện nàng Đề Oanh sau này thành điển cố về lòng hiếu thảo trong văn học Trung Quốc.

Không Dung gửi thư nói:

"Tùy Hội ở nước Tần,⁽¹⁾ Giả Quý ở nước Địch,⁽²⁾ ngẩng trông cúi nghĩ đây không phải quê mình, thở than hoài niệm ngày một tăng. Vừa qua biết rằng ngài trở lại, ở gần núi Tam. Kinh Thi chẳng nói rằng: 'Từ Cảo kinh quay lại, đi biết bao tháng ngày.' Nay ta phái Ngũ quan duyệt, phụng mệnh đến thăm ngài, kể ra cái nỗi vất vả của kẻ bầy tôi giúp chúa, nói rõ mối họa phúc yên nguy. Giờ đây mầm họa chưa trừ được, quân hùng nắm giữ binh, như kẻ đánh cờ mưu tranh thắng."

Nguyên vì thế bèn quay trở lại Liêu Đông. Qua hơn chục năm, sau lại trốn về. Xuôi nam đi đã mấy ngày, thì Độ mới phát giác ra. Độ biết chẳng thể đuổi theo Nguyên được nữa, bèn nói:

- Binh quân có thể gọi là con hạc trắng bay trong mây, không phải thứ chim Thuần yển mà có thể mắc lưới chăng bắt được vậy. Hơn nữa là ta tự phái ông ấy đi, chớ truy tìm nữa.

Vì thế Nguyên thoát mối nguy.

Từ lúc quay về cố quốc, Nguyên bèn truyền giảng lễ nhạc, ngâm vịnh thi thư, có mấy trăm môn đồ, người thẫu tổ đạo có đến mấy chục. Thời bấy giờ Trịnh Huyền học rộng biết nhiều, chú giải điển tịch, cho nên kẻ sĩ nho nhã tụ tập rất đông. Nguyên cũng nhờ bản tính cao thượng thanh bạch, nuôi chí đạm bạc, lời nói ra đều hợp đạo lý, hành vi theo đúng phép tắc, cho nên kẻ sĩ có tài lạ hướng về. Bấy giờ nhân sĩ trong nước nghị bàn, đều nói là ở Thanh châu có cái học thuật của Bình, Trịnh.

¹ Tùy Hội (随会), tức Sĩ Hội (士会), sống ở Ấp Tùy, nên gọi là Tùy Hội. Ngoài ra còn có tên khác là Phạm Hội. Ông nội của Hội là Sĩ Loan, mưu thần của Tấn Hiến công thời Xuân Thu. Tùy Hội là nhà chính trị gia kiệt xuất vào thời Tiên Tần. Triệu Thuần từng sai ông đi sang Tần đón lập Công tử Ung làm vua nước Tấn, sau lại đổi ý lập công tử Di Cao, đánh giết Công tử Ung. Sĩ Hội bỏ trốn sang Tần, được nước Tần trọng dụng, nước Tấn lại đón ông về. Sĩ Hội chính là vị tông chủ đầu tiên của Sĩ thị, một trong sáu quan khanh nước Tấn.

² Giả Quý (贾季) tức Hồ Xạ Cô (狐射姑), người nước Tấn thời Xuân Thu, là con của Hồ Yển, cháu của Hồ Đột, từng giữ chức Chính khanh ở nước Tấn. Sau này Hồ Xạ Cô vì mâu thuẫn với Triệu Thuần trong việc lập vua nước Tấn, bị Triệu Thuần đánh đuổi, phải trốn sang nước Địch, chết ở đó.

Ngụy Thái tổ làm Tư không, triệu gọi Nguyên cho tạm giữ chức Đông cáp tế tửu. Thái tổ lên bắc đánh Thiên vu của ba quận, quay về đóng ở Xương Quốc, đặt yến thiết sĩ đại phu. Rượu say, Thái tổ nói:

- Cô quay về, chư quân thủ giữ huyện Nghiệp tất sẽ đến nghênh đón, hôm nay hoặc sớm mai, ta đồ rằng họ sẽ đến nơi. Người không đến, chỉ có Bình tế tửu thôi!

Nói xong chưa lâu, thì Nguyên đến trước. Môn hạ thông báo vào, Thái tổ vừa mừng vừa sợ, cầm cả giày đứng lên, ra ngoài xa đón Nguyên nói:

- Bậc hiền giả thực khó lường! Cô nói là ngài sẽ không đến, mà ngài từ xa tự khuất thân đến, thực xứng với nỗi khao khát trong lòng Cô.

Nguyên yết kiến xong đi ra, sĩ đại phu trong quân có mấy trăm người đến chỗ Nguyên. Thái tổ lấy làm quái lạ bèn hỏi căn nguyên, bấy giờ Tuân Văn Nhượng ngồi đấy, đáp rằng:

- Chỉ nên hỏi riêng Bình Nguyên thôi!

Thái tổ nói:

- Người có danh tiếng lớn, thì cũng khiến sĩ đại phu dốc lòng ư?

Văn Nhượng nói:

- Người ấy là đệ nhân một đời, là người tinh anh trong đám nhân sĩ, Công nên tận lễ đãi ngộ ông ấy.

Thái tổ nói:

- Đây là tâm nguyện bấy lâu của Cô vậy.

Từ đấy về sau, càng kính trọng hơn.

Nguyên tuy giữ chức ở trong quân, thường vì bệnh tật, ở nhà tại làng quê cao gối nghỉ ngơi, rút cục không gánh vác công việc, lại ít khi hội kiến với người khác.

Trương Phạm người quận Hà Nội, là con nhà danh giá, chí hướng và đức hạnh giống với Nguyên, hai người rất thân gần kính trọng nhau. Thái tổ lệnh rằng:

"Bình Nguyên danh cao đức trọng, giữ mình thanh bạch, xa rời thế tục, an nhiên trơ trọi một mình, chẳng để cho Cô dùng. Nghe nói ngài Trương muốn học theo ông ấy, ta e rằng người đến với ông ấy thì nhiều, nhưng theo chân ông ấy thì ít vậy."

Thời Ngụy Thái tử làm Ngũ quan Trung lang tướng, thiên hạ ngưỡng mộ hướng về, tân khách như mây, nhưng riêng Nguyên tự giữ phép thường, bởi không phải là việc công nên không tham gia bữa bãi. Thái tử ngầm sai người vào lúc nhàn tản nói chuyện hỏi việc ấy, Nguyên nói:

- Ta nghe nói quốc gia lâm nguy thì không kính thờ quan Tể tướng, quân vương già lão thì không theo phò Thế tử, đây là điển chế vậy.⁽¹⁾

Vì thế bèn chuyển Nguyên làm Ngũ quan trưởng sử, lệnh rằng:

- Con ta nhỏ tuổi bất tài, e là khó nắn sửa, mong ngài khuất thân giúp đỡ, để uốn nắn khích lệ nó. Dầu nói là để dùng hết cái tài của người hiền, nhưng lẽ nào ta không hổ thẹn!

Thái tử hội yến, tân khách mấy trăm người, Thái tử đưa lời bàn rằng:

- Quốc quân và phụ thân đều bệnh nặng, chỉ có một viên thuốc, có thể cứu được một người, nên cứu vua hay cứu phụ thân đây?

Chúng nhân phân vân, có người nói cứu cha, có người nói cứu vua. Bấy giờ Nguyên ngồi ở đấy, không tham gia thảo luận. Thái tử hỏi Nguyên việc ấy, Nguyên phản nộ đáp:

- Phụ thân.

Thái tử cũng không can vặn lại nữa.

Sau đấy có Đại hồng lư Trương Thái người quận Cự Lộc, Hà Nam doãn là Bàng Dịch người quận Phù Phong vì hiền đức trong sạch mà nổi tiếng ở đời,^① năm Vĩnh Ninh trung có Thái phó Trương Các người Đông Quận vì chất phác giản dị mà nổi danh.^②

¹ Ý nói đây là nhiệm vụ của tôi trung, không thay cũ đổi mới.

① *Ký châu ký* của Tuân Xước chép: Người quận Cự Lộc là Trương Tì, tự Thiệu Hồ. Tổ phụ của Tì là Thái, tự Bá Dương, có danh tiếng ở nước Ngụy. Cha của Tì là Mạc, tự Thúc Liêu, là Thái thú Liêu Đông. Tì soạn một thiên sách đặt tên là *Tự nhiên hảo học luận*, thấy ở Kê Khang tập. Tì là người kiến thức sâu xa tinh tế, lòng dạ rộng rãi khoáng đạt, người ta tìm hiểu những cái mà ông viết nhưng không ai có thể suy đoán được. Ra làm quan trải hai chức, năm Nguyên Khang sơ làm Thái thú Thành Dương, chưa nhận chức thì chết.

② Đỗ Thù soạn sách *Gia giới* khen Các rằng: Trương Tử Đài, nhìn thì tựa như là người thô kệch chất phác, nhưng trong lòng ông ấy thì không biết được giữa trời đất này người nào đức hạnh hơn, người nào tốt đẹp hơn, mặt mờ tựa như cùng với thiên tính của âm dương hòa quyện. Làm người như thế, tự nhiên chẳng phú quý được, nhưng họa hoạn sẽ từ chỗ nào mà đến? Thế gian có người cao thượng trung chính như Tử Đài, người dốc lòng ngưỡng mộ thì nhiều, kẻ nỗ lực làm theo thì ít lắm vậy.

Quản Ninh tự Ấu An, người quận Bắc Hải huyện Chu Hu.^① Năm mười sáu tuổi thì mất cha, anh em bên ngoại thương Ninh cô độc nghèo khổ, chung nhau tặng đồ táng lễ, Ninh đều từ chối không nhận, tự tính tiền của trong nhà để làm tang cha. Ninh mình cao tám thước, râu tóc rất đẹp. Chơi thân với người huyện Bình Nguyên là Hoa Hâm, người cùng huyện là Bình Nguyên, cùng đi du học ở phương khác, đều kính trọng Trần Trọng Cung.⁽¹⁾

Thiên hạ đại loạn, nghe nói Công Tôn Độ rộng rãi chọn người tài thi hành chính lệnh ở ngoài bể, Ninh bèn cùng Nguyên và bọn Vương Liệt người huyện Bình Nguyên đi đến Liêu Đông.

¹ Trần Thật (陈寔), tự Trọng Cung (仲弓), người huyện Hứa quận Dĩnh Xuyên, là người chăm học, làm quan thanh liêm, đức cao vọng trọng, vì làm Trưởng huyện Thái Khâu nên cũng được gọi là Trần Thái Khâu. Năm Diên Hi thứ chín xảy tai họa bè đảng, Trần Thật vì đức hạnh cao, không bị hặc tội.

Độ để trống quán xá đợi bọn Ninh. Ninh qua gặp Độ xong, bèn dựng lều tranh ở vùng sơn cốc. Bấy giờ người tránh nạn đa phần cư trú ở phía nam quận, nhưng Ninh cư trú ở phía bắc, tỏ ý không đối chí, về sau dần dần có người đến theo. Lúc Thái tổ làm Tư không, triệu gọi Ninh, nhưng con của Độ là Khang giấu mệnh triệu không tuyên ra ngoài.②

① *Phó tử* chép: Ninh là hậu duệ của Quán Trọng, tướng quốc nước Tề. Khi xưa Điền thị chiếm nước Tề nên Quán thị bỏ đi, khi đến nước Lỗ, lúc đến nước Sở. Lúc nhà Hán hưng khởi thì có Quán Thiệu Khanh làm Yên lệnh, mới bắt đầu an gia ở Chu Hư, có danh tiết ở đời, sau chín đời thì sinh ra Ninh.

② *Phó tử* chép: Ninh qua diện kiến Độ, chỉ nói chuyện về kinh sách điển tịch, không đề cập đến thế sự. Sau khi trở về bèn dựa vào núi làm lều, đục đất làm nhà. Người vượt bể đi tránh nạn, đều đến gần đó cư trú, trong vòng chục tháng mà thành thôn ấp. Bởi thế Ninh giảng Thi, Thư, bày đồ tế tự, phục sức uy nghi, tỏ rõ lễ khiêm nhường, không phải là người có học thì không ra gặp. Vì thế Độ an tâm về cái hiền của Ninh, dân chúng cảm hóa theo cái đức của Ninh.

Bình Nguyên bản tính cương trực, thích nghị luận về chính sự đương thời, suy cùng sự vật, vì thế Độ không yên tâm về Nguyên. Ninh bảo Nguyên rằng:

- Rõng giấu mình nên không ai thấy được cái đức thịnh, nói năng không hợp thời, đều là lời nói rước họa vậy.

Rồi bí mật phái người đưa Ninh theo hướng tây quay về.

Con thứ của Độ là Khang lên thay giữ quận, bề ngoài dùng danh hiệu Tướng quân Thái thú, mà bên trong thực chất có dã tâm xưng vương, hạ mình chuộng lễ, muốn mời Ninh làm quan để giúp đỡ cho mình, nhưng rút cục không dám nói ra lời, kính sợ Ninh đến như thế.

Cao sĩ truyện của Hoàng Phủ Mật chép: Ở làng ấp chỗ Ninh cư trú, vào lúc người ta ra giếng múc nước, có khi nam nữ quan hệ hỗn tạp, có lúc tranh giành lấy nước đánh cãi nhau. Ninh lo lắng việc

ấy, bèn mua nhiều đồ dùng, chia ra để ở bên cạnh giếng, mức nước sẵn cho người ta, lại không để họ biết. Người đến lấy nước cho là quái lạ, hỏi ra thì biết là đây là việc mà Ninh làm, vì thế hối trách nhau, không tranh giành cãi vã nữa. Có người hàng xóm để trâu giẫm nát ruộng nhà Ninh, Ninh bèn dắt trâu đến buộc ở chỗ bóng cây, tự cho ăn uống, xong dắt trâu về trả cho chủ. Người chủ trâu nhận trâu, rất xấu hổ, tựa như mình phạm tội rất nặng. Vì thế hàng xóm láng giềng hai bên không có tiếng tranh giành cãi vã, phong tục giữ lễ khiêm nhường lan rộng nơi ven biển.

Vương Liệt, tự Ngạn Phương, vào thời ấy có danh tiếng ở trên Nguyên và Ninh. Liệt từ chối chức Trưởng sử của Công Tôn Độ, theo việc buôn bán để tự làm ô uế danh tiếng của mình.⁽¹⁾ Thái tổ truyền mệnh lấy Liệt làm Thừa tướng dựện, Chinh sự, nhưng chưa đến nhận chức thì chết ở ngoài bể.①

① *Tiên hiền hành trạng* chép: Liệt học thức uyên bác, giữ nghĩa không làm việc gian. Bái người quận Dĩnh Xuyên là Trần Thái Khâu làm thầy, cùng hai người con của thầy là bạn hữu. Bấy giờ bọn Tuân Từ Minh, Giả Vĩ Tiết, Hàn Nguyên Trường, Lý Nguyên Lễ là người quận Dĩnh Xuyên đều tới chỗ Trần quân học, thấy Liệt tài năng học vấn hơn người, thán phục sự lịch duyệt của Liệt, cũng chơi thân với Liệt. Bởi thế tiếng cao đẹp của Liệt sáng rõ khắp nước.

Đạo thành đức lập, Liệt trở về làng cũ, đúng lúc cha mất, khóc thương roi lệ ba năm. Gặp năm mất mùa, ven đường có người chết đói, Liệt bèn chia lương tích trữ để cứu mệnh người trong làng ấp. Vì thế người trong tông tộc khen là hiếu thuận, làng xóm ca ngợi là nhân nghĩa.

Liệt dùng điển tịch để dưỡng tâm tự vui, lấy việc dạy dỗ người làm sự nghiệp, vì thế lập trường học, khích lệ coi trọng việc học hành. Khuyến dụ người đến học, bất kể tính khí của họ ra sao, đều dùng đạo lý để dạy bảo, khiến họ thuận theo cái thiện xa rời

¹ Thời xưa có bốn loại nghề chính là sĩ (học hành, ra làm thầy, làm quan), nông (làm nghề nông), công (làm thợ), thương (buôn bán). Nghề buôn thời ấy là nghề thấp kém nhất, bị người ta khinh rẻ, xem thường.

cái ác. Cái ích lợi thì người ta không tự hiểu ra, nhưng giáo hóa thịnh hành, đều thành phẩm chất quý giá. Môn hạ của Liệt ra vào, nghi dung cử chỉ đáng xem, bấy giờ ở ngoài chợ, hay trên đường có người lạ, người ta đều phân biệt được. Xóm làng trong châu thành phong khí, đua nhau làm việc thiện.

Thời ấy ở trong vùng có kẻ trộm trâu, bị người chủ trâu bắt được. Tên trộm nói:

- Ta nhất thời mê muội, từ nay về sau nhất định sẽ sửa đổi. Ngài đã tha thứ cho ta, xin đừng để Vương Liệt nghe biết chuyện này.

Có người đem việc ấy kể với Liệt, Liệt đem một tấm vải bố tặng cho tên trộm.

Có người hỏi:

- Người ấy đã đi ăn trộm, sợ ngài nghe biết chuyện, ngài lại cho hắn tấm vải, sao vậy?

Liệt nói:

- Khi xưa bọn trộm ăn cắp con tuần mã của Tần Mục công để ăn thịt, Mục công bèn cho chúng rượu. Về sau bọn trộm chẳng tiếc cái chết, để cứu cái nạn cho Mục công.⁽¹⁾ Nay tên trộm này có thể hối cái lỗi của mình, lại sợ ta nghe biết chuyện, thế là biết xấu hổ. Kẻ đã biết xấu hổ, thì lòng thiện sẽ nảy sinh, nên ta giúp tấm vải để khuyên hắn làm việc thiện vậy.

Vào một năm kia, trên đường có một ông lão vác đồ nặng, có người vác hộ đi mấy chục dặm đường, đến nhà ông lão, để xuống rồi bỏ đi, hỏi họ tên, không chịu báo. Ít lâu sau, ông lão lại ra khỏi

¹ Tần Mục công đi săn ở núi Lương Sơn, đang đêm bỗng mất ngựa. Mục công sai người đi tìm, đến chân núi Kỳ thấy hơn ba trăm người tụ họp ăn thịt ngựa, quân sĩ về báo xin đem người đến bắt. Mục công than: “Ngựa đã chết rồi, ta lại giết người thì dân trong nước tất cho là ta quý ngựa hơn người.” Rồi sai đem mấy chục hũ rượu ngon đưa đến núi Kỳ cho bọn ăn thịt ngựa, bảo rằng: “Chúa công ta thấy các người ăn thịt ngựa mà không uống rượu thì hay sinh bệnh, nên sai ta đem rượu ngon đến ban cho các người.” Bọn trộm ngựa bảo nhau rằng: “Chúng ta ăn trộm ngựa, chúa công đã không bị bắt tội lại lo chúng ta mắc bệnh, đem rượu ngon cho, làm sao chúng ta đền được ơn này!” Lúc Mục công đánh nước Tần bị vây, bọn trộm ngựa nghe tin, liều chết xông vào cứu. Mục công được thoát.

cửa, đánh mất cây kiếm trên đường. Có người đi đường trông thấy kiếm, muốn bỏ đấy mà đi, sợ người đi sau bắt được, người chủ kiếm sẽ mất kiếm vĩnh viễn, muốn nhặt lấy rồi thông báo tìm chủ kiếm, lại sợ sai nhầm, bèn ngồi trông giữ thanh kiếm ấy. Đến tối, chủ kiếm quay lại thấy người kia, nhận ra là người vác đồ hộ mình lúc trước. Ông lão nắm tay áo người nọ, hỏi rằng:

- Ngài lúc trước vác hộ đồ cho ta, ta không biết danh tính, nay ngài lại trông giữ thanh kiếm của ta ở trên đường, ta chưa thấy người nào như ngài, xin ngài bảo cho ta biết tính danh, ta sẽ đem việc báo với Vương Liệt.

Người ấy bèn nói tên họ rồi bỏ đi. Ông lão đem chuyện báo với Liệt, Liệt nói:

- Trên đời này có người nhân đức như thế, ta chưa gặp người ấy.

Bèn sai người đi tìm, thì đấy là người trộm trâu lúc trước. Liệt than rằng:

- Điệu nhạc Thiệu có chín tiết, tân khách nước Hữu Ngưu vui hòa,⁽¹⁾ con người ta có thể cảm động bởi việc làm, đến mức như thế vậy!

Bèn sai người trong vùng biểu dương khen ngợi người ấy ở xóm làng.

Bấy giờ có người tranh cãi chuyện thị phi, muốn đến đối chất với nhau ở chỗ Vương Liệt, nhưng người thì đi đến nửa đường bèn quay lại, người thì trông thấy cổng làng rồi quay về, đều nhường lẽ phải cho nhau, không dám để Vương Liệt nghe biết chuyện.

Thời ấy các bậc vương hầu đều đích thân ngồi xe đến nhà riêng của Liệt, mưu hỏi về chính lệnh. Liệt được xét cử Hiếu liêm, tam phủ cùng triệu gọi, đều không chịu đến.

Gặp lúc Đồng Trác tác loạn, Liệt tránh nạn ở Liêu Đông, tự mình cầm nông cụ, làm việc giống như dân chúng, mặc áo vải ăn cơm

¹ Vua Thuấn nhà Hữu Ngưu là bậc thánh vương trị dân theo đức đạo, thiên hạ thái bình, nhà nhà không cần đóng cửa ngõ. Với tâm tính hòa ái với vạn vật, cảm khái với cái giao hòa của trời đất thừa thái bình, vua Thuấn sáng tác khúc nhạc Thiệu. Tương truyền là lúc Không tử ở nước Tề, nghe nhạc Thiệu say mê, ba tháng không biết mùi thịt, nói: “Không ngờ có khúc nhạc kỳ diệu thế.”

rau, không thay đổi niềm vui của mình. Người ở cõi đông, kính trọng Liệt như vua.

Thời suy thế khốn, kẻ hiểu biết đạo lý chân chính ít, người ta kết bè đảng, gièm pha báng bổ lẫn nhau. Từ khi lánh đời ở cõi đông, đa phần người ta làm hại nhau, Liệt ở đó nhiều năm, chưa từng mắc họa. Khiến xứ Liêu Đông kẻ mạnh không lấn át người yếu, số đông không bạo ngược thiểu số, người buôn bán giao dịch ngoài chợ không có hai giá. Thái tổ nhiều lần trưng triệu, người quận Liêu Đông được giải thoát nhờ Liệt nên không phải đi. Đến năm thứ hai mươi ba Liệt ốm nặng, bảy mươi tám tuổi thì chết.

Trung Quốc hơi yên ổn, khách trọ đến Liêu Đông đều quay về, duy có Ninh an nhiên như sẽ ở đó đến già.

Năm Hoàng Sơ thứ tư, Đế hạ chiếu sai công khanh tiến cử bậc quân tử có đức hạnh cao thượng, Tư đồ Hoa Hâm tiến cử Ninh.

Văn đế tức vị,⁽¹⁾ cho triệu Ninh, vì thế Ninh đem gia thuộc vượt biển về quận, Công Tôn Cung đưa tiễn đến Nam Giao, tặng thêm y phục và vật phẩm. Từ lúc Ninh sang đông, những của cải mà Độ, Khang, Cung trước sau đưa tặng, đều tiếp nhận rồi cất giấu hết. Lúc quay về phía tây rồi, đều gói ghém trả về cho họ.^① Đế hạ chiếu lấy Ninh làm Thái trung đại phu, Ninh cố từ không nhận.^②

Minh đế tức vị, Thái úy Hoa Hâm xin lui nhường ngôi vị cho Ninh,^③ Đế bèn hạ chiếu rằng:

"Thái trung đại phu Quản Ninh, giấu kín đức hạnh, lục nghệ⁽²⁾ ghi lòng, đức khiêm hư đủ sánh với người xưa, liêm khiết thanh bạch có thể dương danh trần thế. Trước đây gặp lúc vương đạo suy vì khuyết

¹ Câu văn trên đã kể việc của năm Hoàng Sơ thứ tư dưới thời của Ngụy Văn đế Tào Phi (năm 224) về việc Văn đế sai công khanh tiến cử người có đức hạnh và Tư đồ Hoa Hâm tiến cử Ninh. Đến câu văn bên dưới lại kể ngược lại chuyện lúc Văn đế tức vị (năm 221) sai triệu gọi Ninh. Không hiểu nguyên tác chỗ này có làm lẫn gì chăng?

² Lục nghệ, cũng gọi là lục kinh gồm sáu loại sách vở kinh điển thời ấy là *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch* và *Kinh Xuân Thu*.

tôn, ngài vượt bể ẩn cư, Đại Ngụy thụ mệnh trời, liên công độn nhau mà đến, đấy đại khái là cái đạo lý khiến rồng ẩn cất cánh bay lên, cái phép tắc thánh hiền dùng người lìa xa thế tục. Nhưng từ năm Hoàng Sơ đến nay, mệnh triệu đã nhiều lần ban xuống, ngài thường từ chối bệnh tật, cự tuyệt không đến. Há đâu vì chính sự của triều đình với hứng thú của tiên sinh có khác biệt nên tiên sinh muốn an nhàn ở chốn sơn lâm một đi không trở lại chẳng! Ôi, Cơ Công là thánh sáng, mà cái đức của bậc cao niên chẳng soi rọi tới, thì tiếng chim phượng sao nghe thấy được.⁽¹⁾ ④ Tần Mục là vị chúa hiền, còn phải mưu hỏi ý kiến của lão nhân tóc bạc.⁽²⁾ Huống chi trầm ít đức, sao có thể chẳng mong được nghe đạo lý nơi sĩ đại phu! Nay lấy Ninh làm Quang lộc huân. Lễ nghĩa có phép thường, cái đạo quân thần, chẳng nên phế bỏ. Mong ngài đến gặp, để xứng ý trăm."

Lại hạ chiếu cho Thứ sử Thanh châu rằng:

"Ninh giữ chính đạo, tiết tháo kiên trinh, giấu mình ẩn cư nơi góc bể, ta nhiều lần hạ chiếu triệu, nhưng ông ấy trái mệnh không đến, cứ ở yên trong cõi, cho đấy là việc làm cao thượng. Dẫu có cái đức kiên trinh của kẻ ẩn sĩ cao nhân, nhưng mắc lỗi với cái nghĩa cung kính người cha đã mất của trăm, khiến trăm trông lòng vương cố đợi chờ đã nhiều năm, trăm nói thế là vì sao? Đấy là vì muốn cho thiên hạ bình yên, tất phải mở mang chí hướng của mình, há chẳng phải là cố nhân

¹ Nguyên văn: "Phu dĩ Cơ công chi thánh, nhi cầu đức bất hàng, tác minh điều phát văn." Chữ "cầu", cũng đọc là "cù", nghĩa là chỉ người già lão. Cơ công là Chu Công vậy. Xem chú thích của Bùi Tùng Chi giải thích nghĩa chữ ở phía dưới.

² Tần Mục công là vị chúa hiền của nước Tần, chiêu nạp người tài khắp nơi. Nghe nói Bách Lý Hề là người hiền, lắm mưu nhiều kế, sai người tìm, biết Bách Lý Hề đang bị giam ở nước Sở, Mục công sai chuộc về, lại sợ người nước Sở biết đấy là người giỏi không cho chuộc, nên chỉ dùng năm tấm da dê để chuộc. Bách Lý Hề về nước Tần, đã hơn 70 tuổi, râu tóc bạc trắng, Mục công nói: "Tiếc là đã quá già." Bách Lý Hề nói: "Nếu bảo ta bắt chim bay, đuổi thú dữ, thì quả thực đã già. Nhưng nếu bảo ta vì nước hiền kế mưu thì đúng lúc vậy!" Mục công mừng, cùng bàn quốc sự suốt ba ngày, rất ưng ý, phong làm Thượng khanh, quản quốc chính, nói: "Trời giúp ta! Ta có được ngài như Tề Hoàn có Quản Trọng vậy!" Sau đấy có việc lớn, Mục công đều mưu hỏi Bách Lý Hề, việc không sơ thất, nước Tần hùng mạnh.

cũng luôn cải biến chí tiết để tạo phúc cho dân sao! Ngày tháng trôi đi, thời gian không trở lại, rửa thân tắm đức, muốn có ông ấy trăm phải làm sao? Trọng Ni có nói: 'Ta không sống với người trong thiên hạ thì sống với ai?' Nay lệnh cho quan Biệt giá tòng sự Quận thừa duyệt, phụng chiếu xét lễ chế đưa đến địa phương nơi Ninh cư trú, cấp cho an xa,⁽¹⁾ quan lại tùy tùng, đệm cỏ, đồ ăn đi đường, trên đường đi có người mang tấu văn đi trước."

Ninh xưng là kẻ bầy tôi nơi thảo dã dâng sớ rằng:

"Thần là kẻ cô độc hèn hạ nơi ven bể, nghỉ việc canh nông không có ai làm bè bạn, mà bổng lộc ban xuống quá hậu. Bệ hạ nhận ân kế nối đại thống, đức sánh với Tam Hoàng, giáo hóa vượt quá Đường Ngu.⁽²⁾ Bấy lâu ân trạch thấm dẫm, tích chứa đã mười hai năm, thần chẳng thể ngẩng lên báo đáp cái phúc lành được bệ hạ ban ân nuôi dưỡng. Thân đắm chìm trong đau ốm, bệnh nặng không khỏi, chí tiết đảo điên trái nghịch, thân phận tôi hèn, sớm khuya run sợ, không chốn giải thân."

"Tháng mười một năm Thái Hòa nguyên niên thần nhận mệnh của Công xa Tư mã ban xuống châu quận, tháng tám ngày Giáp Thân có chiếu thư triệu thần, lại ban cho an xa, y phục, đệm cỏ, xét lễ chế đưa tới, vinh sủng cùng đến, vận tốt ùn ùn, khiến thần kinh sợ ngệt thở, nổi lòng canh cánh không biết làm sao. Thần nghĩ những điều tự mình nghe được, muốn dãi tỏ ngu tình, nhưng mình chiếu lệnh rõ, không đồng ý đợi biểu chương dâng lên, vì thế thần trì hoãn không đi,

¹ Theo *Chu lễ*, thiên *Xuân Quan*, *Cán Xa*: An xa (安车) là cái xe kéo có tay vịn dành cho người ngồi trên xe, mặt trước xe điêu khắc, chạm trổ. Người được bề trên triệu triệu, khi lên đường theo mệnh thì đứng trên xe trong lúc xe chạy để thêm phần vinh dự.

² Tam Hoàng (三皇). Hiện nay các học giả Trung Quốc không nhất trí với nhau về Tam Hoàng cụ thể là những ai. Theo *Sử ký Tư Mã Thiên*, đó là Thiên hoàng, Địa hoàng và Nhân hoàng. Theo *Vận Đầu Xu* và *Nguyên Mệnh Bao* thì đó là: Phục Hi, Nữ Oa và Thần Nông. Một số sách khác lại cho rằng đó là: Phục Hi, Toại Nhân (hoặc Hoàng Đế, hoặc Chúc Dung) và Thần Nông; Thời Đường Ngu, tức là thời hai vua Nghiêu, Thuấn vậy.

cho đến tận hôm nay. Thực là phúc như trời bể, ơn cao cực điểm, ân đức không ngò, tràn đầy hiển hách.”

“Tháng hai năm nay châu quận ban xuống chiếu thư viết ngày Tân Dậu tháng mười hai năm thứ ba, lại ban cho thần an xa, y phục, quan Biệt giá Tòng sự và Công tào của quận xét lễ chế đưa đến, thần lại đặc biệt được nhận tể thư, lấy thần làm Quang lộc huân, bệ hạ khiêm cung lao khổ, dẫn việc thời Chu, Tần, tồn trên ích dưới. Ngày thần nhận chiếu, hồn phi phách tán, chẳng có chỗ để chui đầu. Thần lần nữa tự mình tính xét, về đức thì chẳng phải là Viên, Khi⁽¹⁾ mà nhận cái vinh được ban an xa, về công thì không phải là Đậu Dung⁽²⁾ mà có cái ân được nhận tể thư, thần vốn là kẻ tài mọn thấp hèn, gánh vác trách nhiệm của kẻ bày tôi lương đồng, cái người sắp chết, được nhận ngôi vị quan khanh, sợ rằng mắc vạ nghe tiếng chuông yêu ma của Chu Bác.⁽³⁾ Thêm nữa là thần tuổi cao bệnh nặng, chỉ tăng không giảm, chẳng kham nổi trách nhiệm để làm tròn trọng trách.”

“Ngẩng trông về chốn cửa cung, bồi hồi nghĩ đến khuyết đình, kính cẩn bái lạy dâng biểu chương dãi tỏ ngu tình, mong bệ hạ xét soi, thu lại hồng ân, cho thần được về nhà, khiến cho xương cốt của thần không phải vùi lấp ở trên đường.”

Từ năm Hoàng Sơ cho đến những năm Thanh Long, mệnh triệu vẫn đến liên tục, thường là vào tháng tám thì ban cho trâu, rượu.

¹ Đông Viên Công (东园公), vốn họ Đường, tên Bình, tự là Tuyên Minh; Khi Lý Quý (绮里季), họ Ngô, tên Thập. Đây hai trong số bốn vị ẩn sĩ thời Tần mạt Hán sơ, thường sống ẩn cư ở Thường Sơn, mày râu bạc trắng, đều đã trên 80 tuổi, được gọi là “Thường Sơn tứ hạo.” Theo truyền thuyết thì bốn người này từng giúp kế để giữ ngôi vị Thái tử cho Lưu Doanh, sau này là Hán Huệ đế.

² Đậu Dung (窦融), xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 283 (Trần Lưu vương Tào Hoán truyện).

³ Chu Bác (朱博), tự Từ Nguyên, người quận Đỗ Lăng. Thời Hán Thành đế, Chu Bác kế chức thay Thừa tướng Khổng Quang, được phong tước Dương hương hầu, khi bái nhận chức ở trước điện, lên nhận chiếu sách, văng nghe có thanh âm như tiếng chuông. Sau này Chu Bác nương dựa vào Thái hậu, hặc tội Đại tướng quân Phó Hi, Hán Ai đế phái Đình úy điều tra sự thực, Chu Bác sợ tội tự sát.

Để hạ chiếu thư hỏi Thứ sử Thanh châu là Trình Hi rằng:

"Ninh giữ tiết tháo tự cao như vậy, xem ra là cái bệnh suy khốn của người già chăng?"

Hi tấu dâng lời rằng:

"Ninh có người trong tộc là Quản Cống làm chức Lại trong châu, cùng Ninh là hàng xóm, thần thường sai thăm hỏi tin tức. Cống nói: 'Ninh thường đội mũ đen, mặc yếm khố bằng vải bố, tùy theo nóng lạnh mà mặc áo đơn hay áo kép, ra vào trong nhà ngoài sân, có thể tự chống gậy, không chờ người khác nâng đỡ. Một năm bốn mùa tế tự, luôn tự mình gắng sức, cởi thay y phục, đội khăn bông mềm, mặc cái áo đơn trắng bằng vải bố trước kia dùng ở Liêu Đông, tự mình dâng vật phẩm cúng tế, quỳ bái hành lễ. Ninh lúc nhỏ thì mẹ mất, không biết tướng mạo ra sao, thường đặc biệt dâng thêm một chén rượu tế, ứa nước mắt nhặt nhòa. Lại nữa là nhà Ninh ở cách sông bảy tám chục bước chân, mùa hạ thì đến sông rửa chân tay, nhìn vào vườn rau.' Thần xét đoán rằng Ninh trước sau có ý từ chối, chỉ bởi vì sinh ra lớn lên ẩn dật, tuổi già trí suy, vì thế trì trệ, thường giữ ý khiêm nhường. Đây là Ninh muốn bảo toàn cái chí hướng và đức hạnh của mình, chẳng phải là cố giữ cái khí tiết cao thượng vậy." ⑤

① Phó tử chép: Bấy giờ Khang đã chết, không lập con trưởng lại lập em là Cung, Cung hèn yếu, mà con người vợ lẽ của Khang là Uyên tài năng xuất chúng. Ninh nói:

- Phế trưởng lập thứ, người dưới sinh lòng khác, nguyên do của mối loạn từ đấy mà nổi lên vậy.

Bèn đem gia thuộc vượt biển về nhận mệnh triệu.

Ninh ở Liêu Đông, qua ba mươi năm mới quay về, sau này Uyên quả nhiên ngầm lên đoạt ngôi vị của Cung, làm phản quốc gia rồi ở phía nam liên kết với nước Ngô, tiến hiệu xưng vương, Minh đế sai Tướng quốc là Tuyên Văn hầu đi đánh diệt Uyên. Người ở Liêu Đông chết tính cả vạn, đúng như điều mà Ninh tru tính.

Lúc Ninh quay về, trên biển gặp gió dữ, thuyền đều chìm, duy có thuyền của Ninh ngồi là nguyên vẹn như thường. Bấy giờ gió

giật, tối đêm mịt mùng, người trên thuyền đều mê man, chẳng ai biết phải ghé vào đâu. Trông xa thấy ánh lửa sáng, liền mau chóng tiến đến, lên được một hòn đảo. Trên đảo không có người ở, lại chẳng thấy vết lửa tàn, người trên thuyền đều lấy làm lạ, cho là được ánh sáng thần giúp đỡ.

Hoàng Phủ Mật nói: Đây là chứng nghiệm của việc tích thiện vậy.

② *Phó tử* chép: Ninh dâng thư lên Thiên tử, nói vì mình có bệnh nên từ chối, rằng:

"Thần nghe nói Phó Thuyết nổi ở con mộng, làm chúa nhà Ân cảm kích, Lã Thượng nảy điềm triệu, khiến Chu Văn xúc động,⁽¹⁾ là vì cái tài của họ thông đạt đến thần linh nên thức tỉnh được bậc thánh chủ, dùng cái tài của họ để khuông phò đế nghiệp, nên công huân được đại thành. Thần là người già cả vô dụng, thật không có cái tài của họ. Dẫu rằng vào lúc thanh bình thịnh trị, thì cũng như ve sầu thoát xác thôi. Thần trong mình mang bệnh, như ánh mặt trời xế non tây. Mong bệ hạ thuận theo ý nguyện của kẻ nơi thảo dã, khiến lão thần được sống trọn mệnh hèn."

Thư tấu lên, Đế đích thân xem đọc.

③ *Phó tử* chép: Tư không Trần Quần lại tiến cử Ninh rằng:

"Thần nghe nói bậc vương giả nêu tỏ đức thiện để diệt trừ tà ác, cho nên vua Thành Thang tiến cử Y Doãn, thì kẻ bất nhân trốn lánh chạy xa. Cúi xét Chinh sĩ Quản Ninh người quận Bắc Hải, đức hạnh và học vấn là tấm gương tiêu biểu cho người đời, sự thanh khiết cần kiệm đủ để cảm kích kẻ ô trọc, lòng kiên trinh ngay thẳng đủ để nắn sửa thời thế. Ngày trước tuy có chiếu trưng triệu, nhưng lễ nghi chưa đầy đủ. Trước đây Tư không là Tuân Sảng, được bái chức Quang lộc, tiên nho Trịnh Huyền, đã nhận chức Tư nông, nếu lễ nghi đầy đủ hơn, người ấy tất sẽ đến. Đã đến rồi thì mời tới sương phòng phía tây, ngồi mà luận đạo, tất có thể sáng tỏ việc cổ kim, có ích cho phong tục và giáo hóa."

¹ Phó Thuyết (傅说): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 109 (Vũ đế kỷ).

Lã Thượng (吕尚), tức Khương Tử Nha (Lã Vọng) đi câu cá trên sông, vua Văn vương đi săn gặp được, cho là người tài bèn trọng dụng, về sau Lã Thượng giúp cha con vua Văn vương diệt vua Trụ nhà Ân, gây dựng cơ nghiệp nhà Chu.

④ Thiên Quân thích ở Kinh Thượng Thư viết: "Củ tạo đức bất hàng, ngã tắc minh điều bất văn, thần viết kỳ hữu năng cách." Trịnh Huyền nói: "Chữ củ, là nói người già cả vậy. Chữ tạo, là thành tựu vậy." Kinh Thi có câu rằng: "Tiểu tử hữu tạo." Ý nói: Cái đức của người già gây dựng, chí hướng chẳng soi rọi đến giúp cho ta khi ở ngôi vị, thì tiếng chim phượng ta chẳng nghe được, huống chi lại nói là ta có đức thịnh thấu tỏ đến trời cao! Nói thế không đúng vậy. Minh điều là con chim phượng hoàng vậy.

⑤ Cao sĩ truyện chép: Quản Ninh từ lúc vượt biển đến khi trở về, thường tọa trên chiếc giường gỗ hẹp, trước sau hơn năm mươi năm, chưa từng duỗi thẳng hai chân, trên chiếc giường ấy ở chỗ tiếp xúc với hai đầu gối đều bị thủng.

Năm Chính Thủy thứ hai, Thái phó là Đào Khâu Nhất, Vệ úy là Mạnh Quan người quận Vĩnh Ninh, Thị trung là Tôn Ung, Trung thư lang là Vương Cơ tiến cử Ninh rằng:

"Chúng thần nghe nói rồng phượng giấu đi vẻ sáng, ứng đức mà kéo đến, kẻ sĩ sáng suốt trốn nấu, đợi thời mà hành động. Vì thế loan phượng hót ở Kỳ Sơn, đạo của nhà Chu hưng khởi,⁽¹⁾ Tứ hạo phù tá, Hán đế được bình yên.⁽²⁾"

"Cúi xét Thái trung đại phu Quản Ninh, ứng hợp cái đạo trung hòa của trời đất, có đầy đủ sự cao thượng hoàn mỹ của Cửu đức, bao hàm tố chất tốt đẹp, băng thanh ngọc khiết, điềm tĩnh đạm bạc, tiêu điều

¹ Chu Văn vương thời còn làm vương chư hầu, có lần đang hành lễ trên đàn thì có con chim phượng hoàng bay đến hót vang. Chốc lát có vô số chim chóc bay đến đậu kín xung quanh chim phượng, nhảy múa rồi lại hót, lát sau, chim phượng bay về hướng núi Kỳ. Chư hầu thấy thế bèn đến chúc tụng Văn vương, cho rằng Văn vương dùng đức để cai trị thiên hạ, nên cảm động đến lòng trời, nay phái phượng hoàng xuống để triều bái nhà vua. Sau này Văn vương đánh diệt vua Trụ, khai lập cơ nghiệp nhà Chu.

² Con lớn của Lưu Bang Hán Cao tổ là Lưu Doanh, con của Lã hậu, được lập làm Thái tử. Lưu Bang sủng ái người thiếp là Thích phu nhân, lúc Cao tổ bị ốm, muốn phế Lưu Doanh, lập con người sủng thiếp là Như Ý làm Thái tử. Lã hậu sợ, hỏi kế Trương Lương, Trương Lương bèn mời Thường sơn Tứ hạo (Đông Viên Công, Giáng Lý Chuyên, Hạ Hoàng Công, Khỉ Lý Quý) đến giúp. Lưu Bang vốn vô cùng kính trọng bốn vị ẩn sĩ, vì thế quyết định giữ ngôi Thái tử của Lưu Doanh.

giữ đạo; trong lòng vui thích cái thuật của Hoàng Lão, tinh tường lục nghệ, tài học đến chỗ cao thâm, nghiên cứu tới lẽ sâu xa ảo diệu, giấu đạo lý cổ kim trong lồng ngực, bao bọc lẽ cơ yếu của đạo đức. Vào khoảng những năm Trung Bình, giặc Khăn Vàng hoành hành, Hoa Hạ ngửa nghiêng, vương cương đứt gãy. Bởi thế mới trốn lánh thời loạn, cưỡi thuyền vượt biển, làm khách trọ ở Liêu Đông hơn ba chục năm trời. Rong đi ở ẩn, giấu kín vẻ sáng, nấu mình dưỡng chí an nhiên, ngâm ngẫm nghiên cứu học thuyết Nho Mặc,⁽¹⁾ ngâm cái biến hóa giữa các dòng phái, sống ý ở nơi khác tục.”

“Năm Hoàng Sơ thứ tư, Cao tổ Văn hoàng đế mưu hỏi trăm quan, trưng tuyển người tài tuấn, cố Tư đồ là Hoa Hâm đề cử Ninh ứng tuyển, Công xa đặc biệt trưng triệu, chim chóc tận phương xa chấn động, vỗ cánh bay liệng, nhưng Ninh giữa đường gặp hạn, mắc bệnh bất ngờ, liền được báii chức Thái trung đại phu. Liệt tổ Minh hoàng đế khen ngợi đức hạnh cao đẹp của Ninh, thăng chức Quang lộc huân. Bệnh tật của Ninh mỗi ngày thêm nặng, không thể lên đường. Nay bệnh cũ của Ninh đã khỏi, tuổi sắp tám mươi, mà chí hướng chẳng suy kém mỗi một. Ở nhà tranh cửa liếp, nơi nghỉ ngơi sơ sài chật hẹp, cháo loãng lót miệng, cả ngày chỉ một bữa, ngâm vịnh thi thư, chẳng thay đổi niềm vui. Người ta khốn khổ mà có thể hiển đạt, gặp nguy nan tất qua khỏi, kinh qua nguy hiểm, chẳng đổi thay chí tiết của mình, tiếng kim sắc ngọc, càng lâu càng nổi rõ. Tính xét kỹ lưỡng trước sau, ngờ là trời cao giáng phúc lành, nên phù trợ Đại Ngụy, giúp thêm bậc hiền minh. Nay ngôi tam công khuyết thiếu, trăm quan đều mong ngóng. Xưa kia Cao Tông khắc ghi hình tượng, mưu cầu bậc hiền triết, Chu Văn mở mai rùa, để bói tìm người phụ tá có tài năng.⁽²⁾ Huống chi Ninh được nêu tỏ ở tiên triều, danh đức đã sáng rõ, mà lâu nay vẫn lưu lại, không kịp thời tiến dẫn, đây không phải là

¹ Đạo Nho do Khổng tử là người khởi xướng và đạo Mặc do Mặc tử khởi xướng.

² Cao Tông tìm được Phó Thuyết, Chu Văn vương tìm được Lã Thượng (tích đã chú).

tuân theo lời minh huấn, kế thừa chí hướng của tiên triều vậy. Bệ hạ lên ngôi, kế nối hồng tự. Nghiệp thánh ngày một tiến xa, vượt quá Chu Thành.⁽¹⁾ Mỗi khi phát chiếu thư, đều mưu hỏi sư phó. Nếu nối theo cái lệ chiêu hiền cũ của Nhị tổ, dùng lễ thượng tôn kính lễ người già, để ánh quang chiếu khắp, giáo hóa thịnh vượng, sánh với đời xưa."

"Ninh thanh cao điềm đạm, hành vi phảng phất các bậc thánh hiền đời trước, đức hạnh trác tuyệt, hải nội không ai sánh cùng. Xem xét hết thấy những người nhận mệnh chiêu hiền đời trước, như bọn Thân Công, Mai Thừa, Chu Đảng, Phàn Anh,⁽²⁾ xét lại lịch trước sau của họ, quan sát cái phẩm chất thanh trọc của họ, chưa ai có hành vi một mình giữ tiết khích lệ thế tục như Ninh vậy. Thực nên dùng tơ lụa, ngọc bích, đầy đủ lễ vật trưng triệu người hiền, một lần nữa trao kỹ trượng, mời lên sưng phòng phía đông,⁽³⁾ bàn xét điển tịch, ngồi mà luận đạo, trên thì giúp đỡ triều đình, hòa hợp đạo trung chính, dưới thì bồi dưỡng bách tính, chỉnh sửa đạo luân thường, tất có khả quan,

¹ Chu Thành vương, người hưng thịnh lại triều Chu sau mưu nội loạn của ba người em Chu Vũ vương là Quân Thúc Tiên, Hoắc Thúc Xử và Sái Thúc Độ.

² Thân công (申公), tên Bôi, còn gọi là Thân Bôi công, người nước Lỗ, sống vào thời Tần mạt Hán sơ. Theo *Sử ký, Nho lâm liệt truyện*, khi Lưu Bang đi qua nước Lỗ tế Khổng tử, Thân công đem đệ tử đến bái kiến.

Mai Thừa (枚乘), tự là Thúc, người huyện Hoài Âm, là nhà làm từ, phú nổi tiếng thời Tây Hán. Vào thời loạn thất quốc, ông nhờ hai lần can gián Ngô vương Lưu Tỵ mà nổi danh. Thời Cảnh đế, ông làm Đô úy Hoàng Nông, thời Vũ đế, dùng xe êm, lót bánh bằng cỏ bò đi đón ông, rất kính trọng.

Chu Đảng (周党), sống vào thời Hán Quang Vũ đế Lưu Tú, là ẩn sĩ, không thích làm quan. Lưu Tú mời nhiều lần, không được.

Phàn Anh (樊英), tự Quý Tế, người huyện Lỗ Dương, quận Nam Dương, sống vào thời vua An đế, Thuận đế nhà Đông Hán. Thông hiểu ngũ kinh, đặc biệt tinh thông về Dịch, rất được trọng vọng. Thuận đế nhiều lần hạ chiếu vời, nhưng Phàn Anh xưng bệnh không đến, Đế bèn sai Thái y đến chữa bệnh, rồi bày đàn, trải chiếu, dùng lễ sư phó đãi. Phàn Anh không chối được, phải đến, được bái làm Ngũ quan trung lang, ít lâu lại xưng bệnh, được bái làm Quang lộc đại phu, cho về quê.

³ Tương truyền đây là nơi dạy học thời nhà Hạ, cũng là nơi dưỡng lão của các vị lão thần của triều đình, là nơi chứa sách vở, điển tịch quan trọng của triều đình.

làm rạng rỡ và xiển dương giáo hóa của quốc gia. Nếu Ninh cố chấp lòng vững như đá, giữ chí Ki Sơn,⁽¹⁾ theo vết Hồng Nhai,⁽²⁾ bắt chước hành tung của Sào, Hứa, thì thánh triều ta cũng có cái đằm giống thừa Đường, Ngu, là kính trọng người hiền, biểu dương sự tích của họ, truyền tiếng nghìn năm. Dẫu rằng xuất xứ khác đường, thời đại khác biệt, đến như việc hưng thịnh giáo hóa, làm đẹp phong tục, thì đạo lý là một vậy.”

Vì thế đặc biệt chuẩn bị an xa bánh xe lát cỏ bồ, đem lụa trắng ngọc bích làm lễ vật nghênh đón Ninh. Đúng lúc Ninh chết, năm ấy tám mươi tư tuổi. Triều đình bái con của Ninh là Mạc làm Lang trung, sau Mạc làm Bác sĩ.

Khi trước, vợ Ninh chết trước Ninh, người quen cũ của Ninh khuyên Ninh lấy vợ nữa, Ninh nói:

- Ta thường xem đọc lời của Tăng Tử, Vương Tuấn, trong lòng thường khen ngợi họ, há đâu vì tự gặp cảnh ngộ này mà làm trái với ý nguyện lúc trước của ta sao?①

① *Phó tử* chép: Ninh thấy thời thế suy loạn, người đời đa phần xằng bậy thay đổi họ tộc, trái với phép tắc của thánh nhân, sai về ý nghĩa của việc khen đức chuộng công ban họ mạc, cho nên soạn sách *Thị tính luận* để rõ nguồn gốc gia tộc, văn tự nhiều nên không chép lại. Mỗi khi thân nhân, người quen biết cũ, hay hàng xóm láng giềng của mình gặp cảnh khốn cùng, lương ăn trong nhà Ninh dẫu chẳng đầy một thạch, nhất định chia ra để cứu tế cho người. Ninh nói chuyện với con cái nhà người khác, dạy cái đạo hiếu thuận; nói chuyện với anh em người khác, giảng cái đạo

¹ Ki Sơn (箕山) là dãy núi dài, tương truyền vào thời vua Nghiêu, đây là nơi Hứa Do (許由), Sào Phụ (巢父) ẩn mình lánh đời. Theo truyền thuyết, Hứa Do là người hiền, vua Nghiêu muốn truyền ngôi cho, Hứa Do cười ra suối rửa tai. Bấy giờ Sào Phụ dắt trâu ra suối uống nước, thấy Hứa Do rửa tai, hỏi tại sao, Hứa Do đáp: “Ông Nghiêu đòi tôi, bảo tôi làm vua.” Sào Phụ dắt trâu lên đoạn suối phía trên uống nước, Hứa Do hỏi tại sao, Sào Phụ đáp: “Anh rửa tai anh xuống đó tôi sợ trâu tôi uống nhầm.”

² Hồng Nhai (洪崖), là tên một dãy núi, cũng là tiên hiệu của Linh Luân, một bầy tôi của Hoàng Đế, vị vua cổ đại. Linh Luân đắc đạo ở núi Hồng Nhai.

kính nhường; nói chuyện với kẻ nhân thần, khuyên cái đạo trung tín. Về mặt cung kính, nói năng rất thuận lễ, quan sát hành vi của Ninh, siêu phàm thoát tục như chẳng thể theo kịp được. Ninh nói chuyện với người ta rất vui vẻ, mềm mỏng mà ôn hòa, nhân việc của họ mà chỉ dẫn họ đến chỗ thiện, vì thế người cùng tiếp xúc chẳng ai không thay đổi. Ninh chết, người thiên hạ dẫu biết hay không biết Ninh, nghe tin ấy chẳng ai không than thở. Cái đức thuần hậu của Ninh cảm hóa được người ta đến như thế, chẳng cũng thấu đáo sao!

Thời ấy người quận Cự Lộc là Trương Chí, tự Tử Minh, người quận Dĩnh Xuyên là Hồ Chiêu, tự Khổng Minh, cũng nuôi dưỡng chí tiết không ra làm quan. Chí thời trẻ du học ở nhà Thái học, học văn kiêm thông trong ngoài, sau quay về quê. Viên Thiệu trước sau mấy lần triệu gọi, không ra ứng mệnh, dời nhà đến ở quận Thượng Đảng. Tỉnh châu mục là Cao Cán dâng biểu phong làm Lạc Bình lệnh, không tới, lại dọn đến trốn náu ở quận Thường Sơn, môn đồ đến mấy trăm người, sau chuyển đến ở huyện Nhâm. Thái tổ làm Thừa tướng, cho vời, không đến.

Năm Thái Hòa trung, có chiếu trưng cầu kẻ sĩ có học văn sống ẩn dật có khả năng giải trừ tai họa dị thường, quận nhiều lần tiến cử Chí. Lần đấy, phát lệnh sai người đưa đi, vì Chí tuổi cao bệnh tật không thể lên đường. Thái thú Quảng Bình là Lô Dục đến sở quan nhậm chức được ba ngày, quan giữ việc thi hành cương kỷ của quận bầm báo đem bản danh thiếp mời Chí đến tiếp kiến dâng lên. Dục giáo rằng:

- Trương tiên sinh có thể gọi là hạng người trên không thờ thiên tử, dưới không giao du với chư hầu vậy. Người này há đâu lại cầm danh thiếp mời đến gặp để tô thêm vẻ sáng cho ông ấy được! Rồi chỉ phái quan Chủ bộ đem thư tín và đưa lễ dương tửu đến thăm hỏi. Năm Thanh Long thứ tư ngày Tân Hợi có chiếu thư nói:

"Sông Hắc ở quận Trương Dịch thế nước dữ dội chảy âm âm, sóng vỗ xối bờ rung động, tro đá trắng lộ ra hình vẽ, có dáng tượng linh quy, đứng sừng ở phía tây dòng nước, cao chót tro trọi, đá xanh chữ trắng, có hình lân, phượng, long, mã, sáng rõ thành hình, có văn tự tuyên cáo thiên mệnh, sáng sủa rõ ràng. Thái sử lệnh là Cao Đường Long dâng lời rằng: 'Bậc thánh hoàng thánh đế thời xưa chưa từng thấy bảo vật này, thực là phúc vận tốt lành của Đại Ngụy, là vật báu truyền đời của Đông sương phòng.' Nay đem việc này ban cáo thiên hạ." ①

Nhâm lệnh là Vu Xước liền đem việc dò hỏi Chí, Chí ngầm bảo Xước rằng:

- Đại khái là thần linh chỉ báo cho biết việc tương lai, chẳng truy tầm xét việc quá khứ, nên điềm lành hiện ra trước rồi việc phế hưng ngày sau theo đó mà đến. Nhà Hán mất đã lâu rồi, nhà Ngụy đã có được thiên hạ, sao có thể truy xét việc hưng vượng theo điềm cát tường kia được! Đá ấy, là việc biến hóa khác thường ngày nay, là điềm triệu tốt lành cho mai sau vậy.

Năm Chính Thủy nguyên niên, chim Đái trắng⁽¹⁾ làm tổ ở chái nhà phía sau của Chí. Chí bảo người nhà rằng:

- Đái trắng là loại chim hồng nhạn, mà làm tổ ở chái nhà thì đây là điềm dữ vậy.

Bèn đánh đàn ca hát ngâm vịnh, sáng tác hai bài thơ, hơn chục ngày sau thì chết, bấy giờ là một trăm linh năm tuổi.

Năm ấy, Thái thú Quảng Bình là Vương Túc đến nhận chức quan, truyền lệnh xuống các huyện thuộc rằng:

- Lúc trước ta ở kinh đô, nghe nói tới Trương Tử Minh, nay đến hỏi thăm, đúng lúc ông ấy chết, thật hết sức tiếc thương. Ông

¹ Thời xưa cắt giấy màu làm hoa, cài vào tóc cho đẹp, gọi là "hoa trắng." Chim Đái trắng, cũng gọi là Đái nhâm, hình dạng như con chim sè, sắc màu sắc sỡ, trên đầu nó có mũ tựa như con gái cài hoa trên đầu, nên có tên gọi như vậy.

ấy dốc chí học hành, lánh đời ở ẩn, không ganh đua với người đời, lấy thánh đạo để tự vui. Khi xưa có ông già huyện Giáng khuất thân chốn đầm lầy, Triệu Mạnh nâng đỡ ông ấy, chư hầu vì thế hòa mục.⁽¹⁾ Ta thương xót Tử Minh già cả siêng năng với thánh đạo, mà chẳng được nhận vinh sủng, chiếu thư đến nơi, hãy sai quan lại đến úy lạo thăm hỏi người nhà của ông ấy, làm rạng rỡ môn hộ, khiến gia quyến ông ấy được nhận vinh dự đặc biệt khác thường, để yên ủi người đã chết và khuyến khích người sau.

① *Thiên Cổ mệnh ở Kinh Thượng Thư* viết rằng: "Đại ngọc, Di ngọc, Thiên cầu, Hà đồ ở tại Đông sương phòng."⁽²⁾ Chú rằng: "Hà đồ, là đồ hình hiện ra ở Hoàng Hà, đấy là thứ mà bậc đế vương thánh minh vâng nhận vậy."

Hồ Chiêu ban đầu ẩn lánh ở Ký châu, cũng từ chối mệnh triệu của Thiệu, trốn về quê quán. Thái tổ làm Tư không thừa tướng, nhiều lần đem lễ đến trung triệu. Chiêu ra ứng mệnh, đến nơi rồi, tự bày tỏ rằng mình là người sống ở chốn quê mùa, không hữu dụng với việc quân việc nước, thành tâm khẩn cầu xin về. Thái tổ nói:

- Con người ta đều có chí hướng riêng, cái ý ra làm quan hay đi ở ẩn có khác biệt, miễn sao giữ vẹn được cái chí phong nhã cao thượng của mình, về đạo lý là chẳng thể miễn cưỡng được.

Chiêu bèn chuyển đến ở ẩn trong núi Lục Hồn, tự mình cày ruộng giữ thánh đạo, lấy kinh sách để tự vui, người làng xóm rất tôn kính và yêu mến.^①

¹ Ông già huyện Giáng, là nói những người có tuổi thọ rất cao. Diễn tích về ông già huyện Giáng, người dịch chưa tra cứu được.

² Đây là những thứ bảo vật quý giá, được gọi là đồ quốc bảo. *Thiên Cổ mệnh ở Kinh Thượng thư* chép rằng: Chu Khang vương tức vị, kế thừa từ vua Chu Thành vương tám món đồ quốc bảo là: Xích đao, Đại huấn, Hoàng bích, Uyển diễm ở Tây tự (sương phòng phía tây); Đại ngọc, Di ngọc, Thiên cầu, Hà đồ ở Đông tự (sương phòng phía đông).

Năm Kiến An thứ hai mươi ba, Trường huyện Lục Hồn là Trương Cố nhận mệnh lệnh trưng tập điều phát đinh phu, để đưa đến Hán Trung. Trăm họ sợ phải đi lao dịch xa, trong lòng đều rối loạn. Dân chúng là bọn Tôn Lang nhân đó hưng binh giết quan Chủ bộ của huyện, hình thành bạo loạn, huyện ấp bị tàn phá. Cố thống suất hơn chục quan quân thuộc hạ, qua chỗ Chiêu trú nhờ, Chiêu triệu tập dân Di, yên ổn lại thế cục. Bọn Lang bèn xuôi nam nương cậy vào Quan Vũ. Vũ trao ấn cấp binh lính, bọn họ quay về làm giặc cướp, khi đến đình Trường Lạc ở phía nam huyện Lục Hồn, tự ước thề với nhau, nói:

- Hồ cư sĩ là người hiền vậy, nhất định không được xâm phạm nơi ở của ông ấy.

Một dải men sông nhờ Chiêu, đều không phải kinh sợ.

Thiên hạ yên ổn, Chiêu dời nhà chuyển đến huyện Nghi Dương.^②

Năm Chính Thủy trung, bọn Phiêu kỵ tướng quân Triệu Nghiễm, Thượng thư Hoàng Hưu, Quách Di, Tán kỵ thường thị Tuân Nghi, Chung Dục, Thái phó Dữu Nghi,^③ Thái thú Hoảng Nông Hà Trinh^④ thay nhau tiến cử Chiêu rằng:

"Chiêu thiên tính chân thực, thanh cao giản dị, già lão mà kiên định. Đêm tĩnh thanh bạch, có tiết tháo của Bá Di, Túc Hạo.⁽¹⁾ Nên ra ân ban chiếu lệnh triệu gọi, để khích lệ phong tục."

Đến năm Gia Bình thứ hai, Công xa đặc biệt trưng triệu, gặp lúc Chiêu chết, năm ấy tám mươi chín tuổi. Triều đình bèn bái con của Chiêu là Toàn làm Lang trung.

Khi trước, Chiêu khéo viết chữ Lệ, cùng Chung Do, Hàm Đan Thuần, Vệ Ký và Vi Đản đều nổi tiếng, chữ viết trên thẻ thư của họ, luôn được dùng làm khuôn mẫu cho người khác học tập.^⑤

¹ Bá Di và Thường Sơn Túc Hạo (đã chú).

① *Cao sĩ truyện* chép: Khi trước, Tấn Tuyên đế¹ thời còn là kẻ áo vải, với Hồ Chiêu là bạn hữu. Người đồng quận là bọn Chu Sinh mưu hại Đế, Chiêu nghe tin vội đi bộ vượt hiểm, đón chặn Chu Sinh ở vùng Hào, Thăng, ngăn cản Sinh, Sinh không chịu. Chiêu khóc cùng hấn thành thật kết giao, Sinh cảm kích nghĩa cử của Chiêu, bèn thôi. Chiêu nhân đó cùng Sinh chặt cây tảo thề ước rồi từ biệt. Chiêu tuy có cái ân đức ngấm với Đế, nhưng rút cục không nói ra lời, người đời không ai biết được. Chiêu có tiếng là thành thật thủ tín với người ở xóm làng. Năm Kiến An thứ mười sáu, trăm họ nghe tin Mã Siêu phản loạn, hơn một nghìn nhà vào núi trốn cảnh binh đao, đói khát thiếu thốn, sau cướp bóc tài vật của nhau, Chiêu thường dùng lời từ tốn khuyên giải họ, vì thế nạn cướp bóc hết dần, mọi người đều kính phục Chiêu. Cho nên trong bộ lạc nơi Chiêu cư trú, trong vòng ba trăm dặm không ai xâm phạm bạo ngược nhau.

② *Cao sĩ truyện* chép: Thứ sử U châu là Đỗ Thứ từng qua lâu có nơi Chiêu trú, nói bàn, nghị luận đạo lý, lời lẽ ý tứ khiêm nhường kính cẩn, Thứ rất xem trọng Chiêu. Thái úy Tường Tế triệu, Chiêu không đến.

③ *Xét Dữu thị phả*: Nghi tự Thiệu Nhiên, người quận Dĩnh Xuyên. Con của Nghi là Thúc, tự Huyền Mặc, vào thời nhà Tấn làm Thượng thư, tước Dương Dịch tử. Em của Nghi là Tuần, tự Đức Tiên, làm Thái trung đại phu. Tuần kế nối phát dương nghiệp tổ, thành danh môn quý hiển ở đời. Thị trung Dữu Tuấn, Hà Nam doãn Dữu Thuần, đều là con của Tuần, Dự châu mục Trường sử Dữu Nghi, là cháu của Tuần, Thái úy Văn Khang công Dữu Lượng, Tư không Dữu Bạng đều là chất của Tuần, tôn quý hiển đạt đến tận bây giờ.

④ *Văn sĩ truyện* chép: Trình tự Nguyên Cán, người quận Lư Giang, có tài cán về văn học, dung mạo rất cao lớn. Trái các chức Thứ sử U châu, Đình úy, đến thời nhà Tấn về triều làm Thượng thư Quang lộc đại phu. Con của Trình là Kham, làm Hậu tướng quân; con nữa là Úc, làm Xa kỵ tướng quân; con nữa là Uẩn, làm

¹ Tư Mã Tuyên vương chỉ được hậu duệ đời sau suy tôn làm Đế.

Thứ sử Dự châu; những người con khác đa phần làm quan to. Từ đấy về sau nổi đời xương thịnh, Tư không Văn Mục công Hà Sung, là cháu của Uẩn vậy, cao quý hiển đạt đến tận ngày nay.

⑤ *Cao sĩ truyện* chép: Triều đình cho rằng xe binh chưa dừng nghỉ, việc trưng triệu, nên thư thả đợi ngày sau, Chiêu vì thế không được trưng triệu ngay. Về sau Nghi và Hưu lại cùng Dữu Nghi tiến cử Chiêu, có chiếu chỉ hỏi về các lời nghị bàn bình phẩm về Chiêu ở bản châu.

Thị trung là Vi Đản bàn rằng:

- Lễ vời người hiền, triệu kẻ sĩ, là việc làm quan trọng với chính sự vương triều, như thời xưa phải tiến hành khảo sát ở quê quán. Nay bọn Nghi đều là quan Thường bá quản việc dâng lời phát lệnh, Nghi là bậc khanh tá, lời của họ đủ để tin tưởng. Khi quân phạm thượng, là việc mà kẻ trung thần không bao giờ làm vậy. Chiêu là người già cả, đức cao vọng trọng, an nhàn lánh đời ẩn dật ở chốn sơn lâm, thực rất nên tán dương khen ngợi.

Để bèn theo lời kiến nghị của bọn Đản.

⑥ *Phó tử* chép: Hồ chinh quân⁽¹⁾ là người khoan hòa từ ái, chẳng ai không yêu mến, dẫu người ta là kẻ nô bộc, ông ấy nhất định dùng lễ đối đãi. Ngoài thì hòa đồng với tục của người Hồ, trong thì giữ đức thanh cao thuần khiết, trong lòng đã không thích việc gì, vương công cũng không thể khuất, tám mươi tuổi vẫn miệt mài với thư tịch không biết mệt, ta đã đến chỗ Hồ chinh quân gặp được ông ấy rồi.

Bấy giờ có vị ẩn sĩ là Tiêu Tiên, người quận Hà Đông.

Ngụy lược chép: Tiên tự Hiếu Nhiên. Năm Trung Bình mạt, giặc Bạch Ba nổi dậy. Bấy giờ Tiên hơn hai mươi tuổi, cùng người đồng quận là Hâu Vũ Dương nương dựa vào nhau. Vũ Dương ít tuổi, có mẫu thân, Tiên chiếu cố nâng đỡ giúp, trốn tránh giặc Bạch Ba, sang đông làm khách trọ ở Dương châu, lấy vợ cho.

¹ Chinh quân là lời xưng hô tôn kính đối với kẻ sĩ có hành vi cao khiết được nhận mệnh trưng triệu của triều đình.

Năm Kiến An sơ lại quay về phương tây, Vũ Dương đến huyện Đại Dương làm người tra soát hộ tịch, Tiên lưu lại huyện Thiểm.

Năm thứ mười sáu, Quan Trung đại loạn. Tiên thất tán gia thuộc, còn một mình trốn lánh ở bãi sông Hoàng Hà, ăn cỏ uống nước sông, không có áo quần giày dép gì. Bấy giờ Trưởng huyện Đại Dương là Chu Nam từ xa trông thấy, cho rằng Tiên là kẻ sĩ đi trốn, muốn sai người đi thuyền ra bắt. Vũ Dương nói với trưởng huyện rằng:

- Đây là kẻ điên thôi!

Bèn biên chép vào sổ tịch của mình, rồi cho cấp lương, mỗi ngày năm thung. Sau đấy có dịch bệnh, sổ người bị chết rất nhiều, huyện thường sai Tiên chôn táng, lũ trẻ ranh ít tuổi đều khinh rẻ Tiên. Nhưng hành vi của Tiên không tà vạy, đều đúng quy củ; lúc nhận lương, không lấy nhiều thóc; đói không lãng phí đồ ăn, rét không lãng phí cái mặc, kết cỏ làm áo, đầu trần chân không. Mỗi khi ra ngoài, thấy phụ nữ thì nhắm mắt lại, đợi họ đi qua mới mở mắt ra. Tiên tự làm một cái lều hình dáng như con sên, bên trong quét dọn sạch sẽ, lấy cành cây làm giường, bày đệm cỏ bên trên. Đến khi trời rét, gậy lửa để tự sưởi ấm, lẩm bẩm nói chuyện một mình, đói thì ra ngoài làm thuê, ăn no thì thôi, không lấy tiền của người ta. Thêm nữa là khi ra ngoài đi trên đường, lỡ gặp người khác, liền trốn nấu bên đường. Có người hỏi duyên cớ, Tiên thường nói:

- Ta là hạng cỏ rác, với cáo thỏ cùng bầy.

Tiên không hề nói lời càn bậy. Vào những năm Thái Hòa, Thanh Long, Tiên từng cầm cây gậy lội qua chỗ nước nông ở bờ nam Hoàng Hà, luôn miệng tự nói một mình là "không nên, không nên" ... Bởi thế nhiều người ngờ là Tiên không điên.

Năm Gia Bình trung, Thái thú là Giả Mục mới đến nhận chức, có việc đi qua lều của Tiên. Tiên gặp Mục lại bái lạy. Mục cùng nói chuyện, Tiên không đáp lời; cho đồ ăn, không ăn. Mục bảo Tiên rằng:

- Nhà nước sai ta đến làm chúa của ngươi, ta cho ngươi ăn, ngươi không chịu ăn, ta nói chuyện với ngươi, ngươi lại không trả lời ta, như thế, ta không xứng là chúa của ngươi, nên phải đi thôi!

Tiên bèn nói:

- Há đâu lại thế?

Rồi không nói nữa. Sang năm sau, đại phát binh sắp đi đánh dẹp nước Ngô. Có người hỏi Tiên:

- Nay đi đánh nước Ngô kết cục là thế nào?

Tiên không đáp lời, mà hát bừa rằng:

"Chúc nục chúc nục, phi ngư phi nhục, canh tương truy trục, bản tâm vi đương sát tang đương, canh sát kỳ cổ lịch tà!"⁽¹⁾

Người ở quận không hiểu ý Tiên muốn nói gì. Lúc chư quân thua bại, kẻ hiểu sự bèn suy diễn ý tứ của Tiên, ngờ rằng hai chữ "tang đương" là nói Tôn Ngô, hai chữ "cổ lịch" là nói Tào Ngụy, vì thế người ta đều bảo Tiên có ẩn ý vậy.

Nghị lang là Đồng Kinh, người quận Hà Đông đặc biệt khen ngợi những người khí tiết kỳ dị, với Tiên vốn không phải là người quen cũ, bí mật đến quan sát Tiên. Kinh đến nơi, bèn lắc lắc chòm râu bạc trắng của Tiên, làm như mình là người quen cũ, bảo rằng:

- A Tiên khoát đạt nhỉ! Có nhớ cái lúc cùng đi tránh giặc Bạch Ba chăng?

Tiên chăm chú nhìn mà không nói năng gì. Kinh vốn biết lúc trước Tiên chịu ân của Vũ Dương, vì thế lại nói:

- Có nhớ Vũ Dương chăng?

Tiên bèn nói:

- Ta đã báo đáp hẳn rồi.

Kinh lại dẫn dụ muốn cùng nói chuyện tiếp, Tiên liền không đáp lời nữa. Hơn một năm sau Tiên bị ốm chết, bấy giờ tám mươi chín tuổi rồi.

Cao sĩ truyện chép: Người đời chẳng ai biết thân thế của Tiên. Có người nói Tiên sinh vào thời Hán mạt, từ huyện Thiểm dời đến

¹ Tạm dịch: "Chúc nục, chúc nục, chẳng cá chẳng thịt, lại cùng theo đuổi, muốn giết dê cái, lại nhằm dê đực!" Câu hát này được người ta xếp vào dạng sấm ngữ, ý nghĩa thực ra rất cao siêu và khó lý giải.

trú ở huyện Đại Dương, không có cha mẹ, anh em, hay vợ con. Thấy nhà Hán suy vi, bèn tự dứt tuyệt không nói năng gì.

Lúc nhà Ngụy nhận nhường ngôi, Tiên thường kết cỏ làm lều ở bãi sông Hoàng Hà, một mình ở trong đó. Mùa đông mùa hạ thường không mặc áo quần, nằm không bày chiếu, lại không cần đệm cỏ, để thân thể tiếp đất, toàn thân cáu bẩn như trát bùn, thân hình trần truồng, không cùng người đời giao vãng. Có khi mấy ngày ăn một bữa, muốn ăn thì đi làm thuê cho người ta, người ta lấy áo mặc cho, lại hạn định thời gian làm việc trả tiền, Tiên chỉ ăn no một bữa rồi bỏ đi, người ta muốn cho thêm, nhất định không chịu lấy, cũng có khi mấy ngày không ăn gì. Tiên đi lại không theo đường tắt, không cùng đàn bà con gái đối mắt nhìn nhau. Miệng không nói năng, đâu có việc nguy cấp, không nói cùng người khác, người ta đưa đồ ăn đều không lấy.

Thái thú Hà Đông là Đỗ Thứ có lần đem y phục đến tiếp kiến, nhưng Tiên không nói chuyện cùng. Tư Mã Cảnh vương nghe chuyện bèn sai Thái thú An Định là Đồng Kinh nhân có việc đi qua xem xét, Tiên lại không cùng nói chuyện, Kinh cho là bậc đại hiền. Sau này lửa ngoài đồng thiêu cháy lều của Tiên, Tiên vì thế ngủ ngoài trời. Gặp lúc mùa đông, tuyết rơi dày, Tiên trần truồng nằm ngủ không dời đi, người ta cho là chết rồi, đến xem kỹ thấy vẫn như cũ, không vì thế bị ốm bệnh, người ta không ai biết ý của Tiên là thế nào. Chừng hơn trăm tuổi thì chết.

Có người hỏi Hoàng Phủ Mật này rằng:

- Tiêu Tiên là người thế nào?

Ta đáp rằng:

- Ta không đủ tài để hiểu được ông ấy. Xét biểu hiện bên ngoài, chỉ có thể nói đại lược thôi. Đại khái ăn ngon là cái thú vui tầm thường của người đời, quần áo là thứ thân thể không nên coi, nhà cửa là chỗ bán thân không nên lìa, nói năng là việc mà cái miệng không thể bỏ, tuyệt tình thân là điều trong lòng không nên làm. Nay Tiêu Tiên bỏ ăn ngon, coi áo quần, lìa nhà cửa, tuyệt tình thân, ngậm miệng không nói, thản nhiên lấy trời đất làm nhà, chột như là hợp với thánh đạo xưa, ra thì lộ hình thể với mọi

người, vào thì ở chỗ tối tăm tịch mịch, người cả một thời không đủ để ông ấy toại ý, cái rộng của bốn bể không thể khiến ông ấy nghĩ nhớ, kỳ diệu thay, ông ấy với Tam hoàng thuở xưa giống nhau vậy. Từ lúc người ta kết nút dây để ghi nhớ việc đến nay,⁽¹⁾ chưa ai theo kịp cái chí của ông ấy, há phải lời nói của mọi người có thể biểu đạt ra được, đấy là thứ mà tâm hồn của kẻ tầm thường có thể suy đoán được sao! Ông ấy làm nổi cái việc mà người ta không thể làm, chịu đựng cái việc mà người ta không thể chịu đựng, cái nóng cái rét xâm phạm chẳng làm tính mệnh ông ấy bị thương tổn, ở chỗ đông không chẳng khiến thân thể ông ấy sợ hãi, gặp việc nguy cấp chẳng làm ông ấy lo lắng quần bách, bỏ ăn chẳng khiến thân thể ông ấy gầy mòn, bớt nghe nhìn chẳng làm tai mắt ông ấy dơ bẩn, hai chân trần bước trên đất chẳng khiến đất đai tổn hại, yên thân một mình, kéo dài thêm tuổi, thọ quá trăm năm, dẫu người có kiến thức siêu việt cũng chẳng hơn được vậy. Từ thời Phục Hi, Hoàng Đế đến nay, chỉ có một người mà thôi!

Ngụy thị Xuân Thu chép: Cố Thứ sử Lương châu là Cảnh Phủ cho rằng Tiên là "người tiên", Phó Huyền người quận Bắc Hải bảo Tiên là "đồng loại của cầm thú", hai người đều vì Tiên sáng tác truyện, nhưng chẳng ai có tài suy đoán hiểu được Tiên.

Ngụy lược lại chép truyện về Lỗ Luy và Hàn Bần.

Luy tự Bá Trọng, người quận Kinh Triệu. Năm Sơ Bình trung, có người quê ở Sơn Đông là Thanh Ngưu tiên sinh, tự Chính Phương, làm khách trọ ở Tam Phụ. Thanh Ngưu tiên sinh thông hiểu xem sao, đoán hướng gió, xem hướng chim bay, thường ăn hoa mào gà và lá cây nguyên hoa.⁽²⁾ Tuổi tác tựa như người năm sáu chục tuổi, có người thân hữu thân cận biết Thanh Ngưu tiên sinh, bảo là ông ấy hơn trăm tuổi rồi.

Khi trước, năm Luy mười bốn tuổi, theo Chính Phương du học, nhân đó nói là biết được cái thuật của ông ấy. Luy có vợ, không

¹ Ý nói là từ thừa xa xưa mông muội, con người còn chưa nghĩ ra chữ viết, chỉ thắt nút dây để ghi nhớ các việc, tính tháng ngày.

² Cây Nguyên hoa là một loại cây mà lá của nó rất độc, lá này giã nát ra rồi ném xuống sông là cá chết nổi lên, vì thế cây này có tên khác là ngư độc.

con. Năm Kiến An thứ mười sáu, Tam Phụ loạn, lại theo Chính Phương xuôi nam vào Hán Trung. Hán Trung vỡ lở, Chính Phương vào Thục, Luy và Chính Phương lạc nhau, đi theo lưu dân đến huyện Nghiệp, gặp lúc dịch bệnh chết vợ. Đến năm Hoàng Sơ nguyên niên, lại dời đến Lạc Dương, bèn không lấy vợ nữa, một mình cư trú ở ven đường, lấy gạch ngói vỡ xếp làm tường chắn, bày một cái bếp giữa giường, ăn nghỉ ở trong đó. Ban ngày nằm ngấm ngấm, đêm đến thì ngẩng ngẩng sao trời, ngâm vịnh các lời ghi chép ở sách phương thuật. Có người hỏi Luy, Luy ngâm miệng không chịu nói. Đến năm Gia Bình trung, đã tám chín mươi tuổi, trông như mới bốn, năm mươi tuổi. Quan huyện thấy Luy già cả cô độc, bèn cấp lương ăn mỗi ngày năm thung. Năm thung gạo không đủ ăn, Luy thường đi làm thuê để kiếm thêm lương, lương hết lại đi làm, người ta giúp lương thì không lấy. Ăn không cầu ngon, mặc áo vải gai rách rưới, một hai năm sau bị bệnh chết.

Hàn Bần, vốn họ Thạch, tự Đức Lâm, người quận An Định. Năm Kiến An sơ, làm khách trọ ở vùng Tam Phụ. Lúc ấy ở Trường An có vị túc nho là Loan Văn Bác, môn đồ có mấy nghìn người, Đức Lâm cũng đến theo học, ban đầu tinh thông Thi, Thư, sau giỏi các thứ phương thuật, là người giỏi nhất về cái đạo huyền mặc trong số bạn cùng học.⁽¹⁾ Đến năm thứ mười sáu, Quan Trung đại loạn, Bần xuôi nam vào Hán Trung. Khi trước không tu chính sản nghiệp, không lấy vợ sinh con, thường đọc năm nghìn chữ của Lão tử và các loại sách phương thuật, đêm ngày ngâm vịnh.

Năm thứ hai mươi lăm, Hán Trung bị phá, Bần theo mọi người quay về Trường An, từ đó ngây điên không nhận biết được người nào nữa. Ăn chẳng cầu ngon, mùa đông mùa hạ thường mặc áo vải rách buộc nổi chằng chịt. Thân thể như không thể gãy yếu hơn được nữa, mắt tựa như không thấy ai. Một mình ở trong căn nhà nhỏ cuối ngõ, không có láng giềng thân thích. Người khác

¹ Tức các đạo thuật huyền bí sâu xa như bói toán, xem sao, trông gió, nhìn mây ... từ đó suy đoán vận số tốt xấu, các điềm lành dữ.

giúp đỡ cơm áo, không chịu lấy. Quận huyện thấy Đức Lâm cùng quần không vợ con, cấp cho lương ăn mỗi ngày năm thưng, ăn chẳng đủ, hay đi ăn xin, khi xin không lấy nhiều. Người ta hỏi về danh tính, lại không chịu nói, cho nên người ta gọi là Hàn Bần vậy. Có người cùng Hàn Bần vốn quen biết nhau, thường giúp đỡ, Hàn Bần liền quỳ lạy hành lễ, bởi thế người ta bảo là Hàn Bần không điên. Xa kỵ tướng quân Quách Hoài dùng tình gọi đến, hỏi cái mà Hàn Bần muốn, cũng không chịu nói. Hoài bèn cho thịt khô và quần áo, lại không lấy quần áo, chỉ lấy một ít thịt khô và một thưng gạo mà thôi.

Bình rằng: Viên Hoán, Trương Phạm, Bình Nguyên hành vi tiết tháo cao thượng, tiến lui theo đạo lý,^① đại khái là xếp cùng hạng với Cống Vũ, lưỡng Cung.⁽¹⁾ Lương Mậu, Quốc Uyên thứ hạng cũng gần bằng với họ vậy. Trương Thừa thanh danh hành vi kém Phạm một chút, có thể gọi là người em tài năng được rồi. Điền Trù cứng rắn vững tiết tháo, Vương Tu trung trinh, đủ để nắn sửa thế tục; Quán Ninh kiến thức uyên thâm, phong nhã cao thượng, đỉnh đặc hiên ngang không dao động, Trương Chí, Hồ Chiêu đóng cửa tự giữ mình thanh tĩnh, không can dự vào việc đời, cho nên ta chép gộp truyện về họ vào đây.

① Thần Tùng Chi cho rằng ý tứ của chữ "đạo" cũng như chữ "lý" vậy, câu "hành vi tiết tháo cao thượng", tựa như là câu nói có lỗi về nghĩa chữ vậy!

--- ॐ ---

¹ Cống Vũ (贡禹), tự Thiệu Ông, người quận Lang Nha, sống vào thời vua Nguyên đế nhà Tây Hán. Nhờ thông hiểu kinh thuật, hành vi cao thượng thanh bạch mà nổi tiếng. Ông trải các chức vụ Giám nghị đại phu, Quang lộc đại phu, Trường tín thiếu phu, Ngự sử đại phu. Chủ trương các việc tuyên hiền tài, giết gian thần, bãi hát xướng, nêu cao tiết kiệm. Tuổi đã cao, xin về quê, Nguyên đế lưu lại, cử làm Ngự sử đại phu.

Cung Xá (龚舍), tự Quân Thiên, người quận Vũ Nguyên. Cung Thắng (龚胜), tự Quân Tân, người quận Bành Thành. Hai người cùng sống ở cuối thời Tây Hán, nổi danh ngang nhau, được gọi là "lưỡng Cung." Đều hiếu học, thông hiểu ngũ kinh. Cùng nhận chức Thái thú, rồi về làm Quang lộc đại phu, sau đều từ quan về quê.

QUYỂN THỨ MUỖI HAI
THÔI, MAO, TỪ, HÀ, HÌNH, BẢO,
TỪ MÃ TRUYỆN



Thôi Diễm tự Quý Khuê, người quận Thanh Hà huyện Đông Vũ Thành vậy.

Diễm thừa nhỏ vốn chất phác, nói năng chậm chạp, ưa thích kiếm kích, yêu chuộng việc võ. Năm hai mươi ba tuổi, làng xóm xét cử làm Lý chính,⁽¹⁾ bắt đầu cảm kích phấn chấn, đọc sách *Luận ngữ*, *Hàn thi*. Đến năm hai mươi chín tuổi, bèn kết giao với bọn Công Tôn Phương tới thụ học chỗ Trịnh Huyền. Học chưa đến một năm, giặc Khăn Vàng ở Từ châu đánh phá Bắc Hải, Huyền cùng môn đệ đến núi Bất Kỳ tránh nạn. Bấy giờ thóc gạo huyện mua vào không đủ, Huyền bèn giải tán môn sinh. Diễm đã vâng lời ra đi, nhưng quân trộm cướp đầy rẫy, đường sang tây không thông. Vì thế đi vòng quanh khắp vùng Thanh, Từ, Duyện, Dự, sang đông xuống Thọ Xuân, xuôi nam hướng đến Giang, Hồ. Từ khi rời nhà đi tới bốn năm mới quay về, lấy đàn sáo sách vở tự vui.

Đại tướng quân Viên Thiệu nghe danh bèn cho vời Diễm.

Bấy giờ sĩ tốt hoành hành bạo ngược, đào bới mộ phần, Diễm can rằng:

¹ Lý chính (里正), là một chức quan rất nhỏ ở địa phương, tương tự như chức Lý trưởng, cai quản công việc của một làng.

- Trước kia Tôn Khanh⁽¹⁾ từng nói: "Bình sĩ chẳng dạy dỗ, giáp binh không sắc bén, dẫu Thang Vũ cũng chẳng thể dùng họ để đánh trận." Nay xương cốt phơi trên đường, dân chưa thấy đức chính, nên sắc mệnh sai quận huyện chôn cất thi hài, tỏ rõ lòng thương xót với người chết, noi theo đức nhân của Văn vương. Thiệu cho Diễm làm Kỵ đô úy. Về sau Thiệu thao luyện binh sĩ ở Lê Dương, đóng trại tại Diên Tân, Diễm lại can:

- Thiên tử ở huyện Hứa, dân chúng mong ngài trợ giúp trị lý, chẳng bằng hãy giữ lấy bờ cõi tuân theo chức phận, để hải nội được yên ổn.

Thiệu không nghe, rút cục bại trận ở Quan Độ.

Lúc Thiệu chết, hai con giao tranh, muốn giành được Diễm. Diễm xưng bệnh cố từ chối, bởi thế đắc tội với họ, bị bắt giam trong ngục tối, nhờ được Âm Quỳ, Trần Lâm cứu giúp mới được thoát.

Thái tổ phá họ Viên xong, kiêm lĩnh Kỵ châu mục, triệu Diễm làm Biệt giá tông sự, bảo Diễm rằng:

- Hôm qua ta xét hộ tịch, thấy có tới ba mươi vạn dân, quả nhiên là một châu lớn vậy.

Diễm đáp rằng:

- Nay thiên hạ tan vỡ, chín châu chia lìa, hai anh em họ Viên cùng nhà gây việc can qua, dân chúng khắp Kỵ châu phơi xương ngoài đồng. Nay chưa thấy cái tiếng nhân nghĩa của vương sư mở lối, thậm hỏi phong tục, cứu dân khỏi khổ sở lầm than, mà đã tính đếm giáp binh, nghĩ rằng đó là việc đầu tiên, thế thì sĩ dân ở châu này còn trông mong gì ở mình công nữa đây!

Thái tổ đổi sắc tạ lỗi với Diễm. Vào lúc ấy tân khách hết thầy đều cúi mặt thất sắc.

¹ Tôn Khanh (孙卿), tức Tuân tử, tên Huống tự Tử Khanh, người nước Triệu thời Chiến Quốc, là nhà tư tưởng, văn học, chính trị, nho gia lỗi lạc thời ấy.

Thái tổ đi đánh Tinh châu, lưu Diễm lại giúp Văn đế ở huyện Nghiệp. Thế tử hay ra ngoài săn bắn, thay đổi y phục xe cộ, tâm trí ở chỗ vung roi đuổi ngựa. Diễm dâng thư can rằng:

"Nghe nói Văn vương ngao du săn bắn làm vui, Kinh Thư chép việc đó làm răn,⁽¹⁾ Lỗ Ân công đi xem cá, Kinh Xuân Thu chê việc ấy,⁽²⁾ đấy là lời nói chân chính của Chu, Khổng, hai kinh đó làm sáng tỏ đạo nghĩa. Nhà Ân soi cái gương vong quốc của nhà Hạ, Kinh Thi nói rằng gương ấy chẳng xa,⁽³⁾ ngày Tý, ngày Mão không nghe nhạc, Kinh Lễ cho là ngày kỵ,⁽⁴⁾ điều ấy cũng tựa như là việc được mất, chẳng thể không xét kỹ vậy."

"Dòng tộc họ Viên giàu mạnh, các công tử phóng dăng vô độ, tiêu khiển thứ nhạc buông thả, tiếng nghĩa không ai nghe thấy, bậc hiền nhân quân tử, chỉ thoáng qua mà xa lìa, bọn tráng sĩ môn hạ như mãnh thú, chỉ dùng làm công cụ đánh giết, cho nên dẫu có cầm trăm vạn quân, chiếm giữ vùng Hà Sóc, cũng không có chỗ mà đứng chân vậy. Nay quốc gia khốn quẫn, ơn đức còn chưa thấm khắp, trai gái nhón chân ngóng trông, ấy là họ nghĩ đến đức chính vậy. Huống chi Công đích thân thống ngự binh nhung, trên dưới cùng lao khổ, Thế tử nên tuân theo đạo lớn, thận trọng để hành vi được đoan chính,

¹ Kinh thư, thiên Vô Dật có chép việc Chu Văn vương không dám đi săn bắn làm vui để làm tấm gương răn dạy người đời sau.

² Lỗ Ân Công muốn qua xứ Đường xem lưới cá, đại thần Tang Hi Bá can rằng: "Đó không phải việc đại sự như cúng tế, chiến tranh, nhà vua không nên làm, việc ấy đã có các quan lo liệu." Lỗ Ân công không nghe, cứ đi xem lưới cá, nói là nhân tiện sẽ đi tuần du. Khổng tử chép Kinh Xuân Thu, chê Lỗ Ân công làm vua mà can dự cả vào các việc nhỏ nhặt.

³ Vua Đại Vũ kể nói vua Thuấn sáng lập nhà Hạ, truyền đến đời vua Kiệt thì tàn bạo bắt nhân, vua Thành Thang đánh dẹp vua Kiệt lập nên nhà Thương; truyền đến đời vua Trụ lại tàn bạo bắt nhân, bị Vũ vương nhà Chu lại đánh dẹp. Như thế tức là vua Trụ nhà Ân Thương noi theo vết xấu của vua Kiệt nhà Hạ, nên Kinh Thi nói rằng "Nhà Ân soi gương chẳng được xa."

⁴ Thời xưa cho là những ngày Giáp Tý và Ất Mão là ngày kỵ. Trong sách Tả truyện, thiên Chiêu công tứ niên có câu: "Thần tại Tý Mão, vị chi tật nhật", Dương Bá Tuấn chú rằng: "Giáp Tý là ngày vua Kiệt nhà Thương tử vong, Ất Mão là ngày vua Trụ nhà Ân bị giết." Người sau cho rằng hai ngày ấy là ngày rất xấu, ngày kỵ.

nghĩ đến cái mưu lược trọng đại để trị lý quốc gia, bên trong soi xét giáo huấn kẻ gần, bên ngoài biểu dương khí tiết người xa, suy nghĩ kỹ rằng mình ở ngôi Thế tử, phải cho thân mình là cao quý. Thế mà lại hạ thấp thân phận, tùy ý mặc trang phục hèn mọn của bọn lính đi săn bắn, khinh suất ruồi rong vượt hiểm, để tâm trí ở cái thú vui nhỏ mọn là đuổi trĩ bắt thỏ, quên cái trọng yếu là xã tắc, đó thực sự là điều mà kẻ có học thức lấy làm lo lắng vậy.”

“Mong Thế tử hãy đốt sạch xe lọng, vứt bỏ y phục săn bắn, để lấp đầy sự ước vọng của chúng nhân, là chẳng khiến cho lão thần này phải đắc tội với trời.”

Thế tử đáp thư rằng:

“Hôm qua kính nhận thư ngài, được ơn nghe lời dạy bảo, muốn ta đốt sạch xe lọng, vứt bỏ y phục săn bắn, xe lọng ta đã hủy rồi, y phục cũng đã bỏ đi. Về sau nếu ta có làm những việc đại loại như thế, mong lại được nghe lời dạy bảo.”

Thái tổ nhận chức Thừa tướng, Diễm lại làm Đông tây tào duệ thuộc Chinh sự.⁽¹⁾ Lúc mới trao cho Diễm chức Đông tào, Thái tổ dạy rằng:

- Ngài có phong thái của Bá Di,⁽²⁾ có cái ngay thẳng của Sứ Ngư,⁽³⁾ kẻ tham phu mộ cái trong sạch của ngài mà thanh liêm, bậc tráng sĩ chuộng cái danh vọng của ngài mà gắng gỏi, có thể là tấm gương của một thời. Vậy nên ta trao cho ngài chức Đông tào, ngài hãy mau chóng nhận chức.

Nước Ngụy mới dựng, bá Diễm làm Thượng thư. Bấy giờ chưa lập ngôi Thái tử, Lâm Truy hầu là Thực có tài lại được yêu mến.

¹ Chinh sự (徵事) là một chức quan nhỏ, là thuộc quan của Thừa tướng.

² Bá Di (伯夷): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 85 (Lưu Biểu truyện).

³ Sứ Ngư (史魚) tức Sứ Thu, tự Sứ Ngư, người thời Xuân Thu, làm quan đại phu của Vệ Linh công, rất chính trực. Không tử khen: “Trực tại Sứ Ngư! Bang hữu đạo như thi, bang vô đạo như thi.” Nghĩa là: “Ngay thẳng thay ông Sứ Ngư, nước có đạo ông thẳng như mũi tên, nước vô đạo ông cũng thẳng như mũi tên.”

Thái tổ do dự chưa quyết, dùng mật thư ngầm dò hỏi ý kiến người ngoài. Duy có Diễm để lộ bản đáp thư rằng:

"Thần từng nghe nói theo nghĩa Kinh Xuân Thu, lập con thì lấy trưởng, hơn nữa Ngũ quan tướng là người thông minh nhân hiếu, nên được kế thừa chính thống. Diễm này nguyện lấy cái chết giữ ý đó."

Thực, vốn là con rể của anh trai Diễm. Thái tổ quý trọng sự công chính ngay thẳng của Diễm, than thở bùi ngùi mãi,^① đổi Diễm làm Trung úy.

① *Thế ngữ* chép: Vợ của Thực mặc áo gấm thêu, Thái tổ treo lên đài trông thấy, cho là vi phạm chế mệnh, khi về nhà ban tội chết.

Diễm thanh âm tư thái cao vời, mi mắt sáng ngời, râu dài bốn thước, rất có uy thế, kẻ sĩ ở triều đình ngưỡng vọng, mà Thái tổ cũng kính trọng không nề.^①

Diễm từng tiến cử người quận Cự Lộc là Dương Huấn, dù tài năng không đủ, nhưng là người trong sạch thủ tín giữ đạo, Thái tổ lập tức dùng lễ triệu gọi. Sau này Thái tổ làm Ngụy vương, Huấn dâng biểu xưng tụng công chinh phạt, khen ngợi cái đức cao đầy. Người bấy giờ có kẻ cười chê Huấn là dối trá xu phụ quyền thế, cho là Diễm có lỗi trong việc tuyển cử. Diễm tới chỗ Huấn lấy bản thảo của tờ biểu kia xem rõ, rồi viết thư cho Huấn rằng:

"Ta xét biểu chương, thấy việc tốt mà! Thời thế ôi thời thế, thời thế phải có lúc chuyển biến."

Bản ý của Diễm là chê bai những lời bàn luận phê phán mà chẳng suy diễn tình lý vậy. Có kẻ bầm rằng bức thư ấy của Diễm là ngạo đời, oán giận báng bổ, Thái tổ giận nói:

- Ngạn ngữ nói: "Sinh con gái mà", thì "mà" không phải là lời nói tốt. Câu "thời thế phải có lúc chuyển biến", là có ý tứ không khiêm tốn.

Vì thế phạt tội Diễm làm Đồ lệ,⁽¹⁾ rồi sai người đến xem xét Diễm, thấy thần sắc lời nói chẳng hề có ý khuất phục. Thái tổ lệnh rằng:

- Diễm tuy bị phạt, nhưng giao tiếp với tân khách, trong cửa đông đúc như cái chợ, đối đáp với tân khách thì tay xoắn râu mắt nhìn thẳng, như có điều tức giận.

Rồi ban tội chết cho Diễm.②

① *Tiên hiền hành trạng* chép: Diễm thanh cao trung thực, suy nghĩ sáng suốt, phẩm đức cao nhã, hiểu biết sâu xa, hành sự đúng đạo, đường hoàng lắm liệt ở triều đình. Họ Ngụy thừa ban đầu ủy thác cho Diễm việc đề bạt tuyển nhân tài, dư luận đều nhất trí, giữ chức hơn chục năm. Văn võ có tài năng, đa phần là do Diễm sáng suốt đề bạt. Triều đình trọng vọng, thiên hạ khen là người công bằng.

② *Ngụy lược* chép: Người nhận thư của Diễm, đem bọc vào khăn vấn đầu, lên đường vào đô thành. Bấy giờ có kẻ vốn bất bình với Diễm, từ xa trông thấy rõ tên của Diễm trên khăn, bèn đi theo xem rõ thư, rồi bạch lại. Thái tổ cho là Diễm trong bụng chê bai có lòng phỉ báng, bèn bắt giao cho nhà ngục, phạt cắt tóc bắt làm lao dịch. Kẻ bạch tội Diễm lúc trước lại bầm rằng:

- Diễm làm lao dịch, tay xoắn râu mắt nhìn thẳng, trong lòng tựa như bất bình.

Bấy giờ Thái tổ cũng cho là đúng, vì thế muốn giết Diễm. Bèn sai thuộc lại của quan Thanh công qua chỗ Diễm xem xét, lệnh cho kẻ lại rằng:

- Hẹn cho ba ngày phải có tin báo về.

Diễm không ngờ ra, mấy ngày sau, kẻ lại về bạch là Diễm vẫn bình thường như trước. Công phần hận nói:

- Thôi Diễm hẳn muốn khiến Cô phải dùng đến đao đến cưa chẳng!

¹ Đồ (徒) là kẻ tù phạm phải lao dịch khổ sai, lệ (隸) tức là nô lệ. Đồ lệ tức là bị phạt làm việc lao dịch khổ sai như kẻ bị tù đầy.

Kẻ lại vì thế truyền lời tới Diễm, Diễm tạ kẻ lại rằng:

- Giết ta không đáng, ta không hiểu ý này của Công rồi.

Bèn tự sát.

Ngày trước Diễm và Tư Mã Lãng có giao hảo, Tấn Tuyên vương còn đang trai tráng, Diễm bảo Lãng rằng:

- Em trai ngài thông minh sáng suốt, hành sự đúng mực, cương nghị anh tuấn hơn người, e là ngài không theo kịp được.

Lãng cho là không đúng, nhưng Diễm mỗi khi bàn luận luôn giữ quan điểm ấy.

Em họ của Diễm là Lâm, thời trẻ không có danh vọng, dù là người trong họ cũng có nhiều kẻ khinh rẻ Lâm, nhưng Diễm thường nói:

- Thế gọi là có chí khí lớn nên thành công muộn, kết cục hẳn là sau này sẽ tiến xa.

Tôn Lễ, Lô Dục người Trác Quận mới vào làm tướng tại phủ thự, Diễm lại bình về họ rằng:

- Tôn khoát đạt thẳng thắn, cương nghị quả cảm có tài quyết đoán, Lô thanh liêm cơ cảnh thấu tỏ đạo lý, trăm lần vấp ngã không chùn, đều có cái tài của bậc Công khanh vậy.

Về sau Lâm, Lễ, Dục đều làm đến chấp chính đại thần.

Khi bạn của Diễm là Công Tôn Phương và Tống Giai chết sớm, Diễm phủ dụ con cô của họ, yêu mến như con mình. Kiến thức xét người và nghĩa tận tụy của Diễm, đại loại là như thế cả.^①

① *Ngụy lược* chép: Thôi Minh đế, Thôi Lâm từng cùng Tư không Trần Quần nghị luận về các nhân sĩ ở Ký châu, khen Diễm là người đứng đầu. Quần lấy câu "kẻ có trí chẳng giữ được thân mình" để chê bai Diễm. Lâm bèn nói:

- Bậc đại trượng phu cũng có lúc gặp chuyện bất ngờ đẩy thôi, hạng người như khanh, bền lâu là đủ quý hiển chẳng!

Trước kia, Thái tổ vì tính đố kỵ, có chuyện là chẳng nhẫn nhịn, như Khổng Dung người nước Lỗ,^① Hứa Du,^② Lâu Khuê^③ người Nam Dương, đều ý tình cũ bất kính mà bị giết. Nhưng Diễm được người đời thương xót nhất, cho đến nay cái chết của Diễm vẫn coi là oan.^④

① Dung tự Văn Cử.

Tục Hán thư chép: Dung, là cháu chắt đời thứ hai mươi của Khổng tử. Cụ nội của Dung là Thượng, làm Thái thú Cự Lộc. Cha của Dung là Trụ, làm Đô úy Thái Sơn.

Dung từ lúc thơ ấu đã tài hoa khác thường. Bấy giờ Hà Nam doãn là Lý Ứng danh vọng rất lớn, từng lệnh cho môn hạ thông báo với khắp tân khách rằng, nếu chẳng phải là bậc anh tài hiền năng trên đời hoặc con cháu nhà thông gia thì không tiếp kiến. Dung mới hơn mười tuổi, muốn xem Lý Ứng là người thế nào, bèn đến cửa nhà Ứng, bảo người canh cửa rằng:

- Ta, là con cháu nhà thông gia với Lý quân đây.

Ứng gặp Dung, hỏi rằng:

- Cha ông của bậc cao minh, từng giao hảo với nhà kẻ hèn này sao?

Dung nói:

- Đúng. Tiên quân ta là Khổng tử cùng tiên quân của ngài là Lý Lão quân, chung đức so nghĩa mà cùng làm thầy, thì Dung này với ngài là thông gia nhiều đời vậy.⁽¹⁾

Mọi người ngồi ở đấy cho Dung là kỳ lạ, đồng thanh nói:

- Đứa trẻ thật khác thường.

Thái trung đại phu Trần Vĩ đến sau, người cùng ngồi đem chuyện kể lại với Vĩ, Vĩ nói:

- Người ta lúc nhỏ tuổi thông tuệ, lớn lên cũng chưa hẳn là kỳ tài vậy.

¹ Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên thì Lão tử vốn họ Lý tên Nhĩ, lại cũng nói rằng Khổng tử từng đến chỗ Lão tử thỉnh giáo về lễ nên hai bên coi như có quan hệ.

Dung đáp rằng:

- Ví như lời mà ngài nói, lúc ngài còn nhỏ tuổi, có lẽ thông tuệ lắm!

Ứng cả cười, ngoảnh sang bảo Dung rằng:

- Bậc cao minh này lớn lên, tất là người có chí khí lớn.

Người quận Sơn Dương là Trương Kiệm, vì trung thành chính trực bị Trung thường thị Hầu Lãm ghét giận, Lãm khắc tấu chương phát xuống châu quận sai bắt Kiệm. Kiệm và anh của Dung là Bao vốn có quen biết từ trước, trốn đến nương nhờ Bao. Gặp lúc Bao ra ngoài, bấy giờ Dung mười sáu tuổi, Kiệm vì thấy Dung nhỏ tuổi không nói ra. Dung biết Kiệm là bậc trên, sắc diện có nét khốn quẫn, bảo rằng:

- Một mình ta chẳng thể làm chủ nhà được sao!

Rồi giữ Kiệm lại giấu ở trong nhà. Về sau việc tiết lộ, Quận tướng đem thủ hạ ngầm đến bắt, Kiệm tẩu thoát được, lính tức thì bắt Dung và Bao tổng ngục.

Dung nói:

- Đón giấu người kia ở trong nhà là Dung này vậy, Dung đáng chịu tội.

Bao nói:

- Người kia đến tìm ta, tội cũng là bởi ta, không phải là lỗi của đệ, ta đáng chịu tội.

Anh em tranh nhau chết, quận huyện ngờ vực chẳng thể quyết được, bèn chuyển án lên trên nghị tội, chiếu thư truyền xuống buộc tội Bao, Dung vì thế danh tiếng chấn động xa gần.

Dung cùng người quận Bình Nguyên là Đào Khâu Hồng, người quận Trần Lưu là Biên Nhượng, đều vì có tài lạ, về sau được tiến cử làm quan. Dung luận về đạo lý kinh sách không giống bọn Nhượng, nhưng kiến thức quảng bác xuất chúng hơn họ. Tư đồ Đại tướng quân cho vời, lúc xét cử Cao đệ, mấy lần thăng chức làm Bắc quân trung hậu, Hồ bôn Trung lang tướng, Bắc Hải tướng, năm ấy Dung ba mươi tám tuổi.

Sau khi giặc Khăn Vàng tàn phá, Dung tu sửa lại thành ấp, chú trọng dạy học, đặt ra trường lớp, tiến cử hiền tài, biểu dương nho sĩ. Dùng Bành Cầu làm Phương chính, Bình Nguyên làm Hữu đạo, Vương Tu làm Hiếu liêm. Còn lệnh cho huyện Cao Mật vì Trịnh Huyền lập riêng một làng, gọi là làng Trịnh Công. Thêm nữa là người nào ở trong vùng không có con nối, hay kẻ sĩ vân du ở bốn phương bị tử vong, Dung đều cho áo quan để mai táng họ. Người trong quận là Chân Tử Nhiên nổi danh hiếu hạnh, bị chết sớm, Dung vẫn hận mình không bằng được Nhiên, bèn lệnh cho cúng Nhiên chung với ngày tế xã ở huyện. Dung kính lễ người hiền như thế.

Dung ở quận sáu năm, Lưu Bị dâng biểu xin cử Dung lĩnh chức Thứ sử Thanh châu.

Năm Kiến An nguyên niên, triều đình triệu gọi Dung về làm Trương tác đại tượng, thăng chức Thiếu phủ. Mỗi khi triều đình nghị sự bàn hỏi đối sách, Dung thường làm nghị chủ, các công khanh đại phu chỉ liệt kê danh tự mà thôi.

Cửu châu Xuân Thu của Tư Mã Bưu chép: Dung ở Bắc Hải, tự cho là mình trí tuệ uyên bác, tài tuần trù đời, những kẻ anh hùng hào kiệt đương thời đều không theo kịp. Lại tự cho là mình chí khí lớn, muốn dấy binh khoe vũ lực, cùng quần hiền cầu lấy công danh, tự ở Hải Đại liên kết gây dựng cơ sở, không chịu giữ phận như một vị quận thú bình thường, chỉ lúc có việc lớn trong châu, đúng hẹn đến phó hội mà thôi.

Nhưng Dung bổ dụng người, ưa chọn dùng cái tài lập dị của họ, đa phần là bọn nông nổi tài thường. Đến như kẻ sĩ xứng theo tiêu chuẩn xưa, Dung giả vờ cung kính họ, tuy lễ nghi đầy đủ, nhưng không cùng họ bàn quốc sự. Trịnh Huyền ở huyện Cao Mật, Dung gọi là Trịnh công, giữ lễ con cháu. Lúc đàm luận truyền lệnh, lời lẽ đầy vẻ kiêu căng tự mãn với thuộc quan, ngữ khí ôn hòa văn vẻ, như nghiền ngẫm tụng đọc. Nhưng luận việc khảo xét thực tế, thì khó thi hành trọn vẹn. Chỉ có thể phô bày kỹ cương, còn tự mình xử lý việc lại rất sơ sót. Tô thuế thu về thiếu

sự kiểm tra, trong một buổi giết năm thuộc hạ làm Đốc bưu. Gian dân ô lại, nhiễu loạn khắp chợ phủ, cũng chẳng thể trị nổi.

Tinh binh ở U châu phản loạn, kéo đến Từ châu, cuối cùng đến dưới chân thành, cả quận đều sợ hãi. Dung trực tiếp ra khuyên giải họ, kêu gọi họ không được có chí khác. Rồi cùng quan Biệt giáo tính kế ban đêm đánh úp quân U châu, quân U châu đại bại, Dung thu hết bộ chúng của họ. Không lâu sau, hàng binh lại làm phản. Quân Khăn Vàng sắp đến, Dung uống rượu thật say, tự mình lên ngựa, đến mé trên sông Lai chống cự. Giặc cướp lệnh cho cánh quân phía trên cùng Dung cự giữ nhau, hai cánh quân lội qua sông, thẳng đến sở trị của Dung. Thành vỡ, Dung không về được, chuyển đến phía nam huyện, tá hữu dần dần làm phản. Điều đứng qua năm, không ai cứu giúp cho, vì thế không thể bảo vệ được cảnh giới, phải bỏ quận mà đi. Sau chuyển đến Từ châu, lấy thân phận là Bắc Hải tướng tự quay về lĩnh chức Thứ sử Thanh châu, đặt sở trị ở phía bắc quận.

Dung muốn nương cây thế hiểm của núi Hào và ải Hàm, bên ngoài tiếp giáp với quận Liêu Đông, có được lợi thế về tranh chiến, để gây dựng cơ sở, một mình đứng ở một góc, không cùng người khác giao vãng.

Vào lúc Viên, Tào, Công Tôn cùng đầu đuôi qua lại, tướng sĩ của Dung chẳng đầy mấy trăm, lương không đến vạn斛. Vương Tử Pháp, Lưu Khổng Từ có cái tài mọn là biện luận lắt léo, được tin dùng làm kẻ phúc tâm. Tả Thừa Tổ, Lưu Nghĩa Tồn là kẻ sĩ tài tuấn, chỉ dùng làm khách để ngồi bồi tiếp mà thôi, nói rằng dân chúng ngưỡng vọng họ, chẳng nên mắc lỗi vậy. Thừa Tổ khuyên Dung nương tựa người khác để tăng cường thế lực, Dung không nghe rồi giết Thừa Tổ, Nghĩa Tồn bèn bỏ đi. Về sau bị Viên Đàm công phá, từ xuân đến hạ, thành nhỏ giặc đông, tên bay như mưa rơi, nhưng Dung dựa ghế ngồi yên, đọc sách nghị luận như thường. Thành vỡ bộ hạ bỏ trốn, Dung tự chạy về Sơn Đông, gia thất bị Đàm cầm bắt.

Hán ký của Trương Phan chép: Dung ở tại quận tám năm, chỉ bảo toàn được tính mệnh. Để mới định đô ở huyện Hứa, Dung cho là

nên chiếu theo phép cũ mà cai trị, định ra khu vực đất đai thuộc nhà vua, sở quan Chính tư lệ chường quản bờ cõi nghìn dặm, vì thế dẫn công khanh dâng thư nói cái nghĩa ấy. Bấy giờ thiên hạ mới dừng lại, quyền lực của Tào, Viên chưa phân định, bản tấu mà Dung kiến nghị, rất không thức thời. Thêm nữa là Dung tính khí ngạo nghễ ưa nói thẳng, hay suy diễn cái ý bình thường, để đùa bỡn vũ nhục Thái tổ.

Thái tổ ban lệnh cấm rượu, Dung lại đưa thư trào lộng Thái tổ rằng:

"Trên trời có sao Tửu Kỳ, dưới đất có quận Tửu Tuyền, nhân gian có mỹ tửu, cho nên nói vua Nghiêu chẳng uống nghìn chung, không thành bậc thánh. Vả lại Kiệt, Trụ vì nữ sắc mà vong quốc, nay sao không cấm lấy vợ đi."

Thái tổ bề ngoài tuy khoan dung, nhưng trong lòng rất bất bình. Ngự sử đại phu Si Lự biết ý chỉ, dùng phép tắc miễn chức quan của Dung. Qua hơn một năm, Dung lại được báii làm Thái trung đại phu.

Dung dẫu về nhà mất quyền thế, nhưng tân khách hàng ngày đầy cửa, Dung yêu mến nhân tài, rất thích uống rượu, thường vui mừng nói:

- Chỗ ngồi tân khách thường đầy chật, rượu ngon trong chén chẳng rỗng không, ta chẳng có gì phải lo lắng rồi.

Có tên lính Hồ bí dáng vẻ tựa Sái Ung, Dung mỗi khi uống rượu hứng chí, liền đưa ra cùng ngồi, nói:

- Dẫu không có người tuổi cao đức trọng, thì vẫn phải có người coi giữ phép tắc.

Dung yêu thích kẻ sĩ đại loại như thế.

Tục Hán thư chép: Thái úy Dương Bưu và Thuật kết thông gia, Thuật tiếm hiệu, Thái tổ với Bưu hiềm khích, nhân đó bắt Bưu, muốn giết đi. Dung nghe tin, không kịp mặc triều phục, qua gặp Thái tổ nói:

- Dương công mấy đời giữ đức cao khiết, rọi sáng bốn phương, theo *Chu thư* "cha con anh em, tội không liên can", huống chi là

cái tội của họ Viên đây? Dịch nói: "Tích chứa điều thiện có thừa niềm vui", chỉ là dối lừa người ta sao.

Thái tổ nói:

- Đây là bản ý của quốc gia vậy.

Dung nói:

- Ví như Thành vương muốn giết Triệu công, thì Chu công có thể nói là không biết sao?⁽¹⁾ Nay kẻ đại mỗ làm quan trong thiên hạ sở dĩ ngẩng trông vào mình công, vì mình công là bậc nhân trí thông minh, phù giúp Hán triều, tiến người thẳng bỏ kẻ gian, dẫn dắt thiên hạ đến chỗ bình yên vui hòa thôi. Nay lại ngang nhiên giết người vô tội, người khắp thiên hạ nghe qua trông thấy, ai chẳng tan nát cõi lòng? Khổng Dung này là nam tử nước Lỗ, ngày mai sẽ coi bỏ y phục mà đi, không lên triều nữa.

Thái tổ từ bỏ ý định, rồi sai quan án thả Bưu ra.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Sau khi Viên Thiệu bại, Dung gửi thư cho Thái tổ nói:

"Vũ vương phạt Trụ, đem nàng Đát Kỷ thưởng cho Chu công."

Thái tổ thấy Dung học rộng, cho rằng đấy là việc mà kinh truyện chép lại. Sau gặp nhau, hỏi chuyện ấy, Dung đáp rằng:

- Đem việc hôm nay ra khảo xét, ta tưởng đó là việc đương nhiên thôi!⁽²⁾

Năm thứ mười ba, Dung đối đáp với sứ giả của Tôn Quyền, có lời phỉ báng trào lộng, bị buộc tội chém thây vứt bỏ ngoài chợ. Hai con của Dung năm ấy mới tám tuổi, bấy giờ đang đánh cờ, Dung bị bắt, vẫn ngồi an nhiên không đứng dậy. Tả hữu nói:

¹ Chu Công Đán, Triệu Công Thích đều là đại thần phụ chính giúp vua Chu Thành vương.

² Vua Trụ nhà Ân Thương say mê nàng Đát Kỷ (妲己), làm rối loạn chính sự, gây nhiều việc tàn ác. Chu Vũ vương đánh vua Trụ, diệt nhà Thương lập nhà Ân. Bấy giờ Tào Tháo mới diệt Viên Thiệu, Tào Phi lấy nàng Chân thị làm vợ, Chân thị là vợ của Viên Hi (con Viên Thiệu), Dung gửi thư cho Thái tổ, nói Vũ vương đem nàng Đát Kỷ thưởng cho Chu công, bản ý là chế giễu, nhục mạ Tào Tháo.

- Phụ thân các người bị bắt, không đứng dậy là sao?

Hai người con nói:

- Cái tổ yến đã bị phá thì trứng chẳng vỡ sao!

Rồi đều bị giết hại.

Dung có danh vọng cao, tài năng siêu việt, người đời đa phần thương tiếc. Thái tổ sợ xa gần dị nghị, bèn lệnh rằng:

"Thái trung đại phu Khổng Dung đã chịu tội rồi, nhưng người đời đa phần thích cái hư danh của hắn, thiếu tra xét sự thực, thấy tài hoa của Dung biểu lộ cả ra ngoài, hay làm các việc khác thường, bị hoa mắt bởi cái giả dối trí trá của Dung, không xét lại việc làm rối loạn phong tục của hắn vậy. Đó là việc người trong châu nói rằng người quận Bình Nguyên là Nễ Hành truyền kể lời nghị luận của Dung, cho rằng cha mẹ với con cái không thân thích gì, ví như đồ vật trong vại sành, chỉ gửi tạm trong đó, lại nói là nếu gặp năm mất mùa đói kém, mà cha mẹ không tốt, thì đem cấp giúp nuôi sống người khác. Dung trái trời nghịch đạo, bại hoại luân thường rối loạn đạo lý, dẫu đã chém bỏ phơi thây ngoài chợ, vẫn hận là còn muộn. Nay đem việc này công bố khắp, tuyên cáo rõ để chư quân, tướng hiệu, duệ thuộc, đều được nghe biết."

Thế ngữ chép: Dung có hai con, đều còn rất nhỏ. Dung bị bắt, ngoảnh lại bảo hai con rằng:

- Sao chẳng từ biệt ta?

Hai con đều nói:

- Phụ thân còn như thế, làm sao phải nói lời từ biệt nữa!

Cho là nhất định cùng chết cả.

Thần Tùng Chi cho rằng Thế ngữ nói hai con của Dung không từ biệt, biết rằng nhất định cùng phải chết, liệu sự an nguy như thần. Như lời mà Tôn Thịnh nói, thực không minh bạch. Đứa trẻ tám tuổi, mà có thể đoán liệu được họa phúc, thông minh đặc biệt, lộ rõ tài trí tuyệt trần, thì cái ý vui lo của chúng, có lẽ quá cả người lớn, sao thấy cha bị bắt giữ mà lại không hề biến sắc, ngồi đánh cò không đứng dậy, giống như vào lúc nhàn rỗi bình thường? Trước lúc thân sinh tử vong, nói chẳng từ biệt cha, thì chẳng vì bản thân

mình sắp chết mà vứt bỏ cái tình mến nhớ giữa cha và con vậy. Cha yên ổn còn như thế được, huống chi là vào lúc điên đảo đây? Thịnh cho đấy là lời bàn cao đẹp, chẳng phải nói thế là làm hại cha con người ta sao? Đại khái là thích khen ngợi theo ý riêng của mình, mà chẳng biết rằng lời nói của mình làm phương hại đạo lý vậy.

② *Ngụy lược* chép: Du tự Tử Viễn, thời trẻ cùng với Viên Thiệu và Thái tổ thân thiện. Năm Sơ Bình trung theo Thiệu tại Ký châu, thường nói bàn nghị luận ở trên chiếu. Chiến dịch Quan Độ, Du khuyên can Thiệu chớ cùng Thái tổ đối diện tương tranh, đã nói ở *Viên Thiệu truyện*.

Thiệu tự cho là mình cường thịnh, nhất định muốn phô bày hết binh lực. Du biết rằng không thể giúp mưu, bèn trốn đến chỗ Thái tổ. Thiệu thua võ chạy trốn, sau Thái tổ đoạt được Ký châu, Du có giúp công.

Du tự cậy công, thường cùng Thái tổ đùa dỡn nhau, mỗi khi ở trên chiếu, không tự giới hạn mình, đến mức gọi cả tên tự lúc nhỏ của Thái tổ, nói:

- Anh kia, người không có được ta, chẳng có Ký châu vậy.

Thái tổ cười nói:

- Người nói đúng vậy.

Nhưng trong lòng rất chán ghét Du. Sau đấy Du theo đến cửa đông huyện Nghiệp, ngoảnh sang bảo tả hữu rằng:

- Người này không có được ta, thì chẳng thể ra vào được cửa này vậy.

Có người bắm lại lời ấy, vì thế bị bắt giết.

③ *Ngụy lược* chép: Lâu Khuê tự Tử Bá, thời trẻ cùng Thái tổ có giao tình. Năm Sơ Bình trung ở phía bắc địa giới Kinh châu tụ họp bộ chúng, sau đến nương dựa Thái tổ. Thái tổ dùng làm Đại tướng, nhưng không sai năm binh, thường cho ngồi nghị bàn ở trên chiếu. Lúc Hà Bắc bình định, theo ở tại Ký châu. Sau, Thái tổ

theo các con ra ngoài du ngoạn, Tử Bá bấy giờ cũng đi theo. Tử Bá ngoảnh sang bảo tả hữu rằng:

- Cha con nhà này, như hôm nay là vui sướng vậy.

Có người râu cằm lại lời ấy, Thái tổ cho là Bá trong bụng có ý chê bai, bèn sai người bắt lấy tội.

Ngô thư chép: Tử Bá thời trẻ chí khí dũng mãnh, thường than rằng:

- Kẻ nam nhi sinh ra ở đời, đáng phải thống lĩnh mấy vạn binh, nghìn quân kỵ để nêu tỏ cho đời sau!

Đồng bọn đều cười chế giễu. Sau vì tội ăn hối lộ phải trốn tránh, bị bắt giữ xét tội chết, gặp cơ hội vượt ngục thoát ra, kẻ đi bắt truy đuổi gấp, Tử Bá bèn đổi y phục như kẻ trợ giúp người đuổi bắt, ngục lại không phát giác ra, vì thế Bá thoát được. Gặp lúc nghĩa binh thiên hạ nổi dậy, Tử Bá cũng tụ hợp bộ chúng cùng Lưu Biểu nương dựa nhau. Sau quy thuận Tào công, bèn được tin dùng, các việc quân quốc đại kế thường cùng nhau bàn bạc.

Lưu Biểu chết rồi, Tào công hướng tới Kinh châu, con của Biểu là Tông ra hàng, đem phù tiết nghênh đón Tào công, chư tướng đều nghi là trá lừa, Tào công đem việc ấy hỏi Tử Bá. Tử Bá nói:

- Thiên hạ nhiễu nhương, mọi người đều ham vin bám vương mệnh để tự nâng cao bản thân, nay hấn đem phù tiết đến, đây tất là thành tâm.

Tào công nói:

- Rất hay.

Bèn tiến binh. Sau khi ban phẩm trật sủng hậu cho Tử Bá, lại thưởng thêm nghìn vàng, nói:

- Lâu Tử Bá nhận phú quý hưởng an vui so được với Cô, chỉ thế lực là chẳng bằng Cô thôi!

Lúc theo đi phá bọn Mã Siêu, công của Tử Bá rất lớn. Tào công thường than rằng:

- Kế sách của Tử Bá, cô chẳng theo kịp vậy.

Sau Bá cùng người ở Nam Quận là Tập Thụ ngồi chung một xe, gặp Tào công đi ra, Thụ nói:

- Cha con như thế, còn gì khoái hoạt hơn!

Tử Bá nói:

- Sống ở thế gian, nên tự làm được như thế, lại chỉ nhìn ngắm người khác ư!

Thụ bèn bạch lại lời ấy, vì thế Tử Bá bị giết.

Ngư Hoạn nói: Cổ nhân có nói rằng: "Bắt được con chim, là nhờ ở một mắt lưới vậy, nhưng căng cái lưới có một mắt lưới, thì nhất định là chẳng bắt được chim rồi. Con chim có thể bay xa, nó bay xa được, là nhờ sức của đôi cánh vậy, nhưng không có sự trợ giúp của bộ lông, thì nó bay chẳng được xa rồi." Lấy đấy mà suy, sự kiến lập của Đại Ngụy, tuy rằng nhờ sức của công thần, cũng chưa hẳn là không có sự phụ giúp thêm của những người này vậy.

④ *Thế ngữ* chép: Cháu của anh trai Diễm là Lượng, tự Sĩ Văn, vì giản dị chất phác mà nổi tiếng, ra làm quan triều nhà Tấn, ngôi vị đến chức Thượng thư Đại hồng lư.

Ký châu ký của Tuân Xước nói rằng Lượng, tức là cháu của Diễm vậy.

Mao Giới tự Hiếu Tiên, người quận Trần Lưu huyện Bình Khâu. Thời trẻ làm huyện lại, vì thanh liêm công chính được khen ngợi. Lúc sắp đến Kinh châu tránh loạn, chưa tới nơi, nghe nói Lưu Biểu chính lệnh bất minh, bèn qua huyện Lỗ Dương. Thái tổ đến Duyện châu, cho vời Giới đến làm Trị trung tòng sự. Giới nói với Thái tổ rằng:

- Nay thiên hạ võ lò, quốc chủ di dời, sinh dân bỏ nghiệp, đói kém lưu vong, Công gia⁽¹⁾ không năm nào có của tích trữ, trăm

¹ Công gia cũng có nghĩa như nói "nhà của Minh công", tức là nói vùng Duyện, Dự nơi Tào Tháo đang cai quản.

họ không có chí an cư, khó giữ được lâu. Nay Viên Thiệu, Lưu Biểu, dẫu sĩ dân đông mạnh, nhưng đều không lo tính đường xa, chưa gây dựng được gốc rễ căn bản vậy. Đại khái là bình nghĩa thì thắng, giữ địa vị cậy vào tài lực, ta nên phụng mệnh thiên tử để ra lệnh cho kẻ không thần phục, chấn chỉnh việc canh tác, tích trữ quân nhu của cải, như thế thì nghiệp bá vương có thể thành vậy.

Thái tổ cung kính nhận lời ấy, chuyển Giới làm Mạc phủ Công tào.

Thái tổ làm Tư không Thừa tướng, Giới từng làm Đông tào duyệt, cùng Thôi Diễm chung nắm giữ việc tuyển cử. Những người được họ tuyển cử, đều là kẻ sĩ thanh liêm chính trực, lúc ấy dẫu là kẻ có danh lớn mà phẩm hạnh không đoan chính giữ phận, nhất định không được tiến cử. Diễm lấy sự cần kiệm để mọi người noi theo, bởi thế kẻ sĩ trong thiên hạ chẳng ai không lấy tiết tháo và liêm khiết để tự cố gắng, dẫu là trọng thần được quý sủng, xe ngựa y phục chẳng dám vượt khuôn phép. Thái tổ than rằng:

- Dùng người như thế, khiến thiên hạ người người tự sửa mình, ta lo gì nữa đây!

Lúc Văn đế làm Ngũ quan tướng, đích thân đến chỗ Giới, phò thác thân quyến của mình nhờ Giới giúp. Giới đáp:

- Lão thần nhờ năng lực giữ chức phận, may được miễn trách tội, nay lại nói giúp để thăng quan cho người khác là có lỗi, vì thế thần chẳng dám vâng mệnh.

Đại quân về huyện Nghiệp, nghị luận hợp nhất cơ cấu hành chính.⁽¹⁾ Giới xin bãi yết nói là không nên thi hành, người bấy giờ kiêng sợ Giới, đều muốn giảm bớt chức Đông tào, bèn cùng bạch rằng:

¹ Tức hợp hai phủ Đông Tây tào, mọi người sợ Giới, bàn định xin bỏ Đông tào.

- Trước đây Tây tào là trên, Đông tào là dưới, nên bớt Đông tào. Thái tổ hiểu rõ nội tình, hạ lệnh rằng:

- Mặt trời mọc từ phương đông, mặt trăng tròn đầy ở phương đông, phàm khi người ta nói về phương vị, cũng lại nói đến phương đông trước, sao lại giảm Đông tào?

Bèn giảm chức Tây tào.

Khi trước, Thái tổ bình Liễu Thành, ban phát các thứ khí vật lấy được ở đó, đặc biệt đem tấm bình phong sắc trắng không thù và bộ ghế bằng gỗ không chạm khắc ban cho Giới, nói:

- Ngài có phong độ của cổ nhân, cho nên ta ban cho ngài vật dụng của cổ nhân.

Giới giữ ngôi vị quý hiển, thường mặc áo vải ăn cơm rau, vổ về nuôi nấng con cô của anh rất hậu, những đồ được ban thưởng đem phát chẩn giúp đỡ người nghèo trong họ tộc, nhà không có của thừa. Giới được thăng làm Quân sư.

Nước Ngụy mới dựng, Giới làm Thượng thư bộc xạ, lại giữ việc tuyển cử.^① Bấy giờ ngôi Thái tử chưa định, mà Lâm Truy hầu là Thục được sủng ái, Giới ngầm can rằng:

- Gần đây Viên Thiệu đích thứ bất phân, tộc nghiêng nước diệt. Phế lập là việc lớn, đó chẳng phải là việc mà thần muốn nghe.

Lúc quần thần hội họp, Giới đứng lên thay áo, Thái tổ trở mắt nhìn rồi hiểu ý nói:

- Thời xưa bảo kẻ làm việc này là người giữ chức quan Tư trực⁽¹⁾ của quốc gia, ngài là Chu Xương⁽²⁾ của ta vậy.

① *Tiên hiền hành trạng* chép: Giới chính trực thành thực, công bằng liêm chính, giữ ngôi vị trong sạch kính cẩn. Lúc chủ trì việc

¹ Tư trực (司直) là chức quan chủ trì chính nghĩa, vạch rõ các lỗi lầm lớn, cầm đầu việc can gián bề trên, vì lợi ích của quốc gia.

² Chu Xương (周昌): Xem chú thích ở tập I, quyển 3, trang 206 (Minh đế kỷ).

tuyển cử, đề bạt người thanh liêm thật thà, bài xích kẻ phù phiếm rỗng tuếch giả dối, tiến cử người khiêm tốn đức hạnh, đề nén kẻ a dua bè đảng. Trưởng quan trị dân mà công tích chẳng rõ ràng nhưng của riêng giàu có, thì đều bị cách truất đình phế chức, rất lâu sau không được tuyển dụng lại. Vì thế bốn bể hợp về, chẳng ai không gắng rèn phẩm hạnh. Thậm chí có Trưởng quan về nhà, mặt mũi lấm lem y phục xộc xệch, thường đi xe nhỏ xấu không che trướng. Quân lại vào phủ, mặc triều phục của lính bộ binh. Người người đều bắt chước nhau thanh liêm, ăn cơm chan nước trà nhạt, nhà nhà noi gương nhau giữ tiết, dùng nước rửa giặt giải mũ, người tôn quý thì không lụy việc dơ bẩn, kẻ bần tiện không gian dối tiền của, quan lại thanh liêm ở trên, phong tục chuyển dời ở dưới, dân chúng đến nay còn khen ngợi Giới.

Thôi Diễm chết rồi, Giới trong bụng không hài lòng. Sau có kẻ bạch tội Giới, nói:

- Giới ra ngoài gặp kẻ phản bị tội thích chữ vào mặt, vợ con người ấy bị hết bắt làm nô tì ở nhà quan, Giới nói "Trời không làm mưa vì những việc đại loại như thế vậy."

Thái tổ cả giận, bắt Giới tống ngục. Đại lý là Chung Do cật vấn Giới rằng:

- Theo các bậc đế vương thánh minh xưa nay, cứ có tội là liên lụy đến vợ con. *Kinh thư* nói rằng: "Kẻ bên trái không tận sức, kẻ bên phải không tận sức,⁽¹⁾ ta sẽ giết chóc đến cháu con." Theo *Chu lễ*, kẻ giữ chức Tư khấu có tội, thì con trai phải vào chỗ tội nhân làm đứa ở, con gái phải vào nơi già gạo thổi cơm. Theo luật nhà Hán, tất cả vợ con của tội nhân phải làm nô tì, bị thích chữ vào mặt. Phép của nhà Hán phạt thích chữ bôi mực vào mặt, là bảo tồn pháp điển thời cổ. Nay kẻ ấy đích thực là nô tì

¹ Theo phép xưa, khi ra trận, xe binh đi trước, quân bên tả cầm cung nỏ, quân bên hữu cầm giáo mác dài, khi xung phong, tất cả quân sĩ đều phải ra sức, quân bên tả bắn tên sang phải, quân bên hữu dùng giáo mác đâm chém sang bên trái.

vì tổ tiên có tội, dẫu trái trăm đời, còn bị thích chữ vào mặt làm sai dịch ở phủ quan, thứ nhất là để khoan thứ cho sinh mệnh của dân lành, thứ hai là để tha thứ cho lỗi nặng của kẻ có tội. Thế thì tại sao lại nói làm việc ấy là trái ý của thần minh, nên vờ đại hạn đến? Xét theo lẽ thường, hà khắc thì thiên khí lạnh lẽo, hòa hoãn thì thiên khí ấm nóng, khoan hậu thì dương khí cực thịnh, đó là lý do sinh hạn hán.⁽¹⁾ Lời mà Giới nói ra, thì cho rằng đây là hà khắc, hay khoan hòa vậy? Nếu là hà khắc thì phải đang mưa dầm, sao lúc này trái ngược lại sinh hạn hán? Vua Thành Thang là bậc thánh trên đời, đồng ruộng có lúc cỏ không mọc nổi, Chu Tuyên là hạng vua giỏi, có lúc đại hạn rất tai nghiệt.⁽²⁾ Từ lúc có đại hạn đến nay, đã ba mươi năm rồi, mà quy lỗi cho việc có hình phạt thích chữ vào mặt, là giúp ích cho việc cai trị chẳng? Người nước Vệ đánh nước Hình, hưng sư động chúng mà trời mưa, với tội ác là không có liên can, lấy gì để ứng tượng trời? Lời chê bai báng bổ của Giới, lưu truyền giữa chốn dân gian, tiếng tăm không hay, truyền đến tai thánh thượng. Lời mà Giới nói ra, về tình thế chẳng phải là nói một mình, vào lúc ngài gặp người bị khắc chữ vào mặt, cả thầy có mấy người thấy? Kẻ nô tì bị khắc chữ vào mặt kia, là người ngài quen biết chẳng? Duyên cớ gì mà ngài gặp họ, lại đưa lời cảm thán với họ? Lúc ấy vì ai mà ngài nói lời cảm thán? Kẻ nghe được lời ngài cảm thán đáp lời thế nào? Vào ngày tháng nào? Ở chỗ nào? Việc đã phát lộ rồi, không được phép giấu diếm lừa dối, hãy kể đủ sự thực để đối chứng với cáo trạng.⁽³⁾

Giới nói:

¹ Câu này có nguồn gốc từ *Kinh Thượng thư*, đại ý nói rằng chính trị hà khắc thì trời đất lạnh lẽo, chính trị khoan hoãn thì đất trời ấm nóng, dương khí cực thịnh.

² Thành Thang là minh quân của nhà Thương, Chu Tuyên vương là vua giỏi thời nhà Chu, dưới thời cai trị của hai vua này đều từng bị những đợt hạn hán nặng nề.

³ Những điều Chung Do nói đều là mớ mềnh cung cho Mao Giới vì hai người là bạn.

- Thần nghe nói Tiêu Sinh phải tự ải, vì bị khốn bởi Thạch Hiên;⁽¹⁾ Giả tử bị đuổi ra ngoài cõi, vì Giáng, Quán gièm pha;⁽²⁾ Bạch Khởi được ban kiếm phải tự sát ở Đổ Bưu;⁽³⁾ Triều Thác bị giết phoi thây ở chợ Đông;⁽⁴⁾ Ngũ Viên dứt mệnh ở Ngô Đô.⁽⁵⁾

¹ Tiêu Vọng Chi (萧望之), là cháu sáu đời của Tiêu Hà, sống ở nửa cuối thời Tây Hán, người quận Đông Hải huyện Lan Lăng, sau chuyển về Đổ Lăng. Là đại thần dưới hai triều vua là Tuyên đế và Nguyên đế, nổi danh là nhà Kinh học. Vì không hợp với Đại tướng quân Hoắc Quang nên không được trọng dụng. Sau khi Hoắc Quang chết ít lâu, Tiêu Vọng Chi thay Bính Cát làm Ngự sử đại phu. Hoắc thị mắc tội bị diệt tộc, Tiêu Vọng Chi được trọng dụng. Lúc Hung Nô làm loạn, Vọng Chi can gián vua, chủ hòa. Để xuất chinh, thắng trận, Vọng Chi bị giáng chức làm Thái tử Thái phó. Tuyên đế lên ngôi, Vọng Chi lại được trọng dụng, nắm quyền lớn trong triều, làm đến chức Thừa tướng. Vì xung khắc với bọn hoạn quan, bị hai tên hoạn quan là Hoảng Cung và Thạch Hiên bức hại, vu cáo Vọng Chi “xưng tụng người thuộc bề dưới, gièm pha tổ cáo đại thần, hủy hoại tình thân, có ý chuyên quyền.” Vì thế bị bắt, hạ ngục, sau phải uống thuốc độc tự vẫn, thọ sáu mươi tuổi.

² Giả tử, tức Giả Nghị (贾谊): Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 159 (Văn đế kỷ).

³ Bạch Khởi (白起), danh tướng của Tần Chiêu vương, công trùm nước Tần, đánh trận Trường Bình, giết Triệu Quát chôn sống bốn mươi vạn quân Triệu, kiến nghị vây đánh Hàm Đan, Thừa tướng là Phạm Thư ghen ghét với Khởi bèn can vua Tần, vua Tần không nghe kế của Khởi. Sau nước Triệu dùng Liêm Pha làm tướng, đánh lại nước Tần, tướng Tần là Vương Lăng không đánh được. Vua Tần cử Khởi làm đại tướng ra trận, Khởi từ chối cho rằng lúc ấy không thể đánh được nữa, vua Tần cố ép, Khởi nhất định từ chối, vua Tần giận, cử Vương Hạp làm tướng đánh Triệu, bị thua, Khởi nói với tân khách là “đã biết trước như thế mà”, Phạm Thư nhân đó gièm pha Khởi với vua Tần, vua Tần nổi giận, tước quan lộc và thực ấp của Khởi, đẩy ra Âm Mật, khi đến Đổ Bưu, vua Tần ban kiếm cho Khởi tự sát.

⁴ Triều Thác (晁错) là người thời Tây Hán, quê ở quận Dĩnh Xuyên, sống vào đời vua Hán Văn đế và Hán Cảnh đế. Ông có văn tài xuất chúng, từng nhận các chức vụ là Thái tử xá nhân, Bác sĩ, Thái tử gia lệnh, được Thái tử là Lưu Khải tôn xưng là “túi khôn.” Thời Lưu Bang, cắt đất phong vương cho con em để cùng nhau bảo vệ vương triều, về sau các vương hầu có thể lực mạnh, triều đình không quản nổi. Thời Hán Cảnh đế, ông làm Ngự sử đại phu, bày kế là nhân khi chư hầu có sai phạm, cắt đất phong của họ để giảm bớt thể lực chư hầu, để từng bước tăng cường quyền lực của chính quyền trung ương. Vì thế mà xảy loạn thất quốc, chư hầu lấy cớ diệt Triều Thác để khởi binh. Kết cục là Triều Thác bị Hán Cảnh đế giết bằng hình phạt chém ngang lưng ở chợ Đông thành Trường An.

⁵ Ngũ Viên (伍员), tức Ngũ Tử Tư, người nước Sở cuối thời Xuân Thu. Là người văn võ toàn tài, cha là Ngũ Xa có tiếng chính trực, bị Sở Bình vương giết, Ngũ Viên trốn qua nước Ngô, giúp Thế tử Quang lên ngôi, tức vua Hạp Lư. Sau khi góp công

Đối với mấy ngài ấy, hoặc bị người trước đổ ky, hoặc bị người sau vu hại. Thần từ thời trẻ giữ chức tuyền cử, chuyên cần với chức phận, giữ chức vụ thiết yếu cơ mật, nắm đại quyền sắp xếp nhân sự. Có người đem việc riêng phò thác cho thần, thần không vì quyền thế mà mất tiết tháo, có người vì oan ức nói với thần, thần không vì việc nhỏ mà không suy xét. Nhân tình hám lợi, thần dùng pháp luật cấm chỉ, hành vi hám lợi bị cấm chỉ, thì kẻ có quyền thế hại thần, sinh việc đổi trắng thay đen, nói rằng thần có lời báng bổ triều đình, người nói thần báng bổ triều đình, tất chẳng phải là người nào khác. Trước kia Vương Thúc, Trần Sinh tranh biện đúng sai giữa vương đình, Tuyên Từ xử trí công bằng,⁽¹⁾ yêu cầu hai người đưa chứng cứ, phải trái xác đáng, đúng sai có đủ, *Kinh Xuân Thu* khen việc ấy, vì thế chép lại. Nay thần chẳng nói lời kia, không có thời gian, nhân chứng. Nói rằng thần nói lời kia, tất phải có chứng cứ. Xin hãy lấy lời tranh biện của Tuyên Từ, tìm lấy Vương Thúc để đối chất. Nếu thần có lời quanh co, xin lập tức chịu hình trong ngày, thần nguyện được ban hình tứ mã; lúc kiểm ban đến, thần xem như mình được nhận ân. Nay kính cần chép lời cáo trạng dâng lên.

Bấy giờ Hoàn Giai, Hòa Hiệp dâng lời cứu Giới. Giới cuối cùng bị cách chức, chết ở nhà.① Thái tổ ban cho áo quan, tiền, lụa, phong cho con của Giới là Cơ làm Lang trung.

khuyến nước Ngô thành cường quốc, Ngũ Viên đem quân về diệt nước Sở, đào má Sở Bình vương, dùng roi đồng đánh mấy trăm cái vào thi thể của Sở Bình vương khiến xương tan thịt nát. Hạp Lư chết, Phù Sai lên thay, tin dùng gian thần Bá Hi, không trọng dụng Ngũ Viên, tha cho vua Việt là Câu Tiễn về nước. Nước Việt ngày sau hùng mạnh, còn Phù Sai cứ vui chơi với người đẹp là Tây Thi, quên bỏ chính sự, Ngũ Viên can ngăn nhiều lần khiến Phù Sai tức giận, liền ban cho Ngũ Viên thanh kiếm, Ngũ Viên tự sát ở Ngô Đô. Sau này nước Ngô bị vua nước Việt là Câu Tiễn diệt, Phù Sai phải tự vẫn.

¹ Vương Thúc (王叔), Trần Sinh (陈生) và Phạm Tuyên Từ (范宣子), đều là bầy tôi của vua Điều công và Bình công nước Tấn thời Xuân Thu. Điển tích về việc xử trí các tranh cãi giữa Vương Thúc và Trần Sinh ở vương đình nước Tấn, người dịch chưa tra cứu được.

① Tôn Thịnh nói: Ngụy Vũ như thế là dùng hình không chính tắc rồi. Dịch nói: "Phán đoán hình ngục phải sáng suốt", truyện nói: "Cử người chính trực, bỏ kẻ tà vạy", phán đoán hình ngục mà sáng suốt thì trong nước không có dân oán, xử việc gian ngay mà xác đáng thì dân chúng chẳng ai không phục, không có người thành thực thì lời phù phiếm không có căn cứ như nhặng bay xa, lời gièm vu hãm như nước ngấm dần, có thể sửa sang bốn bề, thì chỉ có sự trong sạch và sáng sủa mà thôi. Xưa kia Hán Cao hạ ngục Tiêu Hà, sau khi tha ra lại cho làm Thừa tướng,¹ Giới một lần bị trách tội, vĩnh viễn bị ruồng bỏ, sự độ lượng của hai vị nhân chủ, há chẳng khác nhau sao!

Từ Dịch tự Quý Tài, người quận Đông Hoàn.

Dịch tránh nạn đến Giang Đông, Tôn Sách đem lễ vật đến mời. Dịch thay tên đổi họ, mặc áo xấu giấu thân phận quay về quận cũ.

Thái tổ làm Tư không, vời Dịch đến làm Duyệt thuộc, cho theo đi tây chinh đánh Mã Siêu. Siêu bị phá, quân quay về.

Bấy giờ vùng Quan Trung mới thu phục được, rất không yên ổn, Thái tổ lưu Dịch lại làm Thừa tướng Trưởng sử, trấn giữ phủ dụ Tây kinh, người ở Tây kinh khen ngợi uy tín của Dịch. Dịch được chuyển làm Thứ sử Ung châu, rồi lại quay về làm Đông tào thuộc. Bọn Đình Nghi thời ấy được sủng ái, họp nhau lại hại Dịch, nhưng Dịch không hề động lòng.①

¹ Tiêu Hà (萧何) là công thần bậc nhất của Lưu Bang, nhà Hán dựng, Lưu Bang giết nhiều công thần, Tiêu Hà vốn là quan thanh liêm đầu triều, Lưu Bang nghi kỵ. Có người khuyên Tiêu Hà nên tỏ ra tham lam, tự hại thanh danh của mình khiến Hán vương yên lòng, Tiêu Hà không nghe. Có lần Tiêu Hà để đạt nguyện vọng của dân lên Lưu Bang về việc dùng đất hoang trong vườn thượng uyển để khai khẩn, trồng lúa. Lưu Bang tức giận, cho rằng Tiêu Hà ăn hối lộ của dân mới nghĩ ra việc phá vườn thượng uyển, hạ lệnh bắt giam Tiêu Hà, các quan xin, Tiêu Hà được thả. Lưu Bang chết, Tiêu Hà phù tá con của Lưu Bang, được thăng tước hầu.

Dịch ra làm Thái thú Ngụy quận. Thái tổ đi đánh Tôn Quyền, đổi Dịch làm Lưu phủ Trưởng sử, bảo Dịch rằng:

- Ngài là người trung tín thanh cao, cổ nhân không hơn được, nhưng chó nên nghiêm khắc quá. Khi xưa Tây Môn Báo đeo bên mình miếng da mềm để nhắc mình hành xử khoan hòa,⁽¹⁾ đấy là lấy vật nhu để khắc tính cương vậy, ta mong điều ấy ở ngài. Nay sai ngài thống quản hậu phương, ta không ngoảnh đầu lại mà lo việc được.

Nước Ngụy kiến lập, Dịch làm Thượng thư, lại trông coi việc tuyển cử, lại thăng làm Thượng thư lệnh.

① *Ngụy thư* chép: Có người bảo Dịch rằng:

- Ngài có cái chính trực của Sử Ngư, nhưng có ai là người tài trí như Cừ Bá Ngọc đây? Đinh Nghi đang được quý trọng, ngài nên suy xét mà hạ mình với ông ấy.⁽²⁾

Dịch nói:

- Minh công là người sáng suốt, Nghi há đắc ý lâu dài ở nước Ngụy được sao! Và lại với kẻ lấy sự gian dối để thờ chúa, ta có cách đối phó, ngài lấy tư cách gì để khuyên ta.

Phó tử nói: Vũ hoàng đế, là bậc chí minh vậy. Thôi Diễm, Mao Giới, Từ Dịch, là những người hiền đức trong sạch bậc nhất thời bấy giờ, đều vì trung tín mà hiển đạt ở Ngụy triều; thế mà Đinh

¹ Tây Môn Báo (西门豹), người nước Ngụy thời Chiến Quốc. Thời Ngụy Văn hầu, Tây Môn Báo làm Nghiệp lệnh, nổi tiếng với tài trị thủy, lập được nhiều công lao. Nổi tiếng với tích “Cưới vợ cho hà bá”, dẹp trừ nạn đồng cốt ở Tây Hà. Theo Hàn Phi tử, Tây Môn Báo là người rất nóng tính, nên thường đeo một miếng da mềm ở trong người để tự nhắc bản thân mình là phải hành xử sao cho khoan hòa.

² Sử Ngư (史鱼) là đại thần nước Vệ thời Xuân Thu. Vua nước Vệ tin dùng kẻ xấu là Di Tử Hà, Sử Ngư tiến cử người tài trí là Cừ Bá Ngọc (蘧伯玉), tức Cừ Viện thay chức Tử Hà, vua nước Vệ không nghe. Sử Ngư dặn con rằng: “Ta làm đại quan trong triều mà không tiến cử được người tài, trừ bỏ kẻ xấu, tức là kẻ bầy tôi kém cỏi vậy, sau khi ta chết, không được làm lễ, cứ để thầy ta dưới cửa sổ, thế là xong việc cho ta.” Sử Ngư chết, con theo đúng lời dặn, vua nước Vệ đến viếng, hỏi tại sao, người con kể lại, vua tỉnh ngộ, bèn bãi chức Di Tử Hà, dùng Cừ Bá Ngọc.

Nghi gièm pha họ, để Từ Dịch phải mất chức quan còn Thôi Diễm thì bị giết.

Thái tổ đi đánh Hán Trung, bọn Ngụy Phúng mưu phản, Trung úy Dương Tuấn bị giáng chức.

Thái tổ than rằng:

- Phúng sở dĩ dám sinh lòng làm loạn, là vì bấy tôi nanh vuốt của ta không có ai phòng ngừa gian mưu vậy. Tìm đâu được người như Gia Cát Phong,⁽¹⁾ sai thay Tuấn đây!

Hoàn Giai nói:

- Từ Dịch chính là người ấy!

Thái tổ bèn lấy Dịch làm Trung úy, tự tay viết lệnh rằng:

"Xưa kia nước Sở có Tử Ngọc, Văn công chỉ ngồi nửa chiếu;⁽²⁾ Cáp Âm ở triều đình, Hoài Nam sợ Âm nhụt mưu đồ.⁽³⁾ Kinh Thi nói 'nước có quan ngay thẳng', là nói đến người như ngài vậy."

Dịch tại chức được mấy tháng, bị ốm nặng xin nhường, được bái làm Giám nghị đại phu, rồi chết.^①

¹ Gia Cát Phong (諸葛丰), tự Thiệu Quý, người quận Lang Nha, sống dưới thời vua Hán Nguyên đế. Nổi tiếng là người tài hoa, bản tính cương trực, từng ra lệnh bắt giữ quan Thị trung Hứa Chương vì tội xa xỉ phạm pháp, Hứa Chương vốn là sủng thần thân cận với vua và là thế lực ngoại thích rất nổi tiếng thời bấy giờ.

² Thành Đắc Thần (成得臣), tự Tử Ngọc, tướng tài của Sở Thành vương. Công tử Trùng Nhĩ (tức Tấn Văn công) lưu lạc đến nước Sở, Sở Thành vương đãi tiệc, hỏi Trùng Nhĩ rằng sau này tiếp đãi nước Sở thế nào. Trùng Nhĩ nói: "Nếu hai nước đánh nhau, nước Tấn sẽ lui nhường nước Sở ba xá." Thành Đắc Thần biết Trùng Nhĩ có tài, muốn giết để trừ hậu họa, Sở Thành vương không nghe. Trùng Nhĩ về sau lên ngôi, hai nước Tấn, Sở tranh cường, nước Tấn thắng, nhưng Tấn Văn công vẫn sợ nước Sở vì nước Sở có Thành Đắc Thần, thường lo lắng không yên.

³ Cáp Âm (汲黯), tự Trường Nhụ, người quận Bộc Dương, là danh thần đầu thời Tây Hán, xuất thân từ gia tộc danh môn, bảy đời làm công khanh đại phu, bản thân là hiền tài, từng trải nhiều chức vụ quan trọng, sau dự vào hàng Cửu khanh; nổi tiếng nghĩa hiệp, dân chúng rất quý mến. Cáp Âm vì hay nói thẳng nên vua không thích dùng, nhiều lần bỏ chức ở nơi xa, Âm không chịu đi, chỉ muốn ở lại triều đình. Hoài Nam vương mưu phản, nhưng sợ Âm nên không dám.

① *Nguy thư* chép: Văn đế mỗi khi cùng triều thần hội họp, nghĩ đến Dịch, chưa lần nào không than thở. Dịch không có con, Đế hạ chiếu lấy một người cháu trong họ của Dịch là Thống làm quan Lang, để nối tự thờ phụng Dịch.

Hà Quỳnh tự Thúc Long, người quận Trần huyện Dương Hạ. Cụ nội của Quỳnh là Hy, thời Hán An đế làm quan đến chức Xa kỵ tướng quân.^①

Quỳnh mất cha từ lúc rất nhỏ, ở cùng mẹ và anh trai, vì hiếu thuận được khen ngợi.

Quỳnh mình cao tám thước ba tấc, dung mạo rất nghiêm trang.^② Vì tránh loạn đến Hoài Nam. Về sau Viên Thuật đến Thọ Xuân, cho vời Quỳnh, Quỳnh không ứng mệnh, vì thế bị Viên Thuật giữ ở đó. Rất lâu sau đó, Thuật và Kiều Nhụy cùng vây đánh huyện Kỳ Dương, huyện Kỳ Dương vì Thái tổ cố thủ. Thuật thấy Quỳnh là người của quận đó, muốn bức Quỳnh bèn lệnh sai đi khuyên huyện Kỳ Dương hàng. Quỳnh bảo mưu thần của Thiệu là Lý Nghiệp rằng:

- Trước kia Liễu Hạ Huệ⁽¹⁾ nghe nói đến cái mưu kế đánh nước người mà lo lắng ra mặt, nói: "Ta nghe nói đi đánh lấy nước khác mà chẳng mưu hỏi người nhân, thì lời ấy lọt tai ta sao được."

Bèn trốn náu đến núi Tiềm. Thuật biết là Quỳnh nhất định không để cho mình dùng, bèn thôi. Mẹ của Thái thú Sơn Dương Viên Di, anh họ Thuật, là cô họ của Quỳnh, bởi thế dẫu oán hận Quỳnh nhưng Thuật chẳng dám gia hại.

① *Hán thư* của Hoa Kiệu chép: Hy tự Mạnh Tôn, thời trẻ chí lớn, chẳng hề câu nệ tiểu tiết. Mình cao tám thước năm tấc, hình thể cao lớn, tướng mạo khôi ngô, cử chỉ hành vi khéo léo. Lúc xét cử

¹ Triển Hoạch (展获), tự Từ Cầm, có một tên tự khác là Quý, người ấp Liễu Hạ nước Lỗ thời Xuân Thu, thụy hiệu là Huệ, vì thế còn gọi là Liễu Hạ Quý (柳下季) hay Liễu Hạ Huệ (柳下惠), nổi tiếng là bậc chính nhân quân tử.

Hiếu liêm, được bái làm Yết giả,⁽¹⁾ mỗi khi phong bái ở trên điện, thanh âm của Hy làm chấn động người xung quanh. Hòa đế với việc ấy rất tán thưởng, Hy trái các chức Tư lệ Hiệu úy, Đại tư nông. Năm Vĩnh Sơ thứ ba, nam Thiên vu và Ô Hoàn cùng làm phản, triều đình lấy Hy coi việc của Xa kỵ tướng quân đi đánh dẹp, mấy lần lập công lao. Ô Hoàn xin hàng, Thiên vu lại xưng thần như trước. Vừa lúc ấy Hy bị bạo bệnh chết.

② *Ngụy thư* chép: Thời Hán mạt, bọn yêm hoạn chuyên quyền, chú họ của Quỳ là Hành làm Thượng thư, thường nói thẳng, bởi thế bị liệt vào người trong bè đảng, cha anh đều bị giam cầm.⁽²⁾ Quỳ than rằng:

- Đất trời bể tắc, hiền nhân lánh ẩn.

Bởi thế không ứng mệnh triệu ra làm quan.

Năm Kiến An thứ hai, Quỳ định quay về quê quán, đoán rằng Thuật tất cho người đuổi theo, bèn nhân lúc sơ hở đi trốn mới thoát được, năm sau về đến bản quận. Ít lâu sau, Thái tổ cho vời Quỳ làm Tư không duyệt thuộc.

Bấy giờ có kẻ truyền tin quân của Viên Thuật loạn, Thái tổ hỏi Quỳ rằng:

- Ngài thấy có đáng tin không?

Quỳ đáp:

- Thuận với trời thì trời giúp, tin với người thì người giúp. Thuật không thực sự tin thuận, mà mong sự giúp đỡ của trời và người, nhất định chẳng thể đắc chí với thiên hạ được. Là người chủ mà lỗi đạo, thân thích còn phản lại, huống chi là người ở xung quanh ru! Như Quỳ này xét, cái loạn của hắn là chắc chắn vậy.

¹ Yết giả (渴者), là chức quan đặt ra từ thời Xuân Thu Chiến Quốc, thời Tần, Hán noi theo. Công việc chính là giúp vua truyền chiếu văn về việc phong bái quan lại.

² Cuối thời Đông Hán, hoạn quan lũng đoạn triều chính, bọn ngoại thích thường tìm sự ủng hộ của các phần tử trí thức, mưu lật đổ hoạn quan để nắm quyền, trong một thời gian ngắn, hai lần xảy "họa đảng cố", là việc triều đình bắt bớ, giam cầm, cấm chế các phần tử trí thức.

Thái tổ nói:

- Trị quốc mà bỏ kẻ hiền tài tất bại vong. Như ngài mà Thuật chẳng dùng được; loạn, chẳng cũng đáng sao!

Thái tổ bản tính nghiêm khắc, với các duyên thuộc ở phủ quan, thường dùng tiên trượng để phạt; Quỳ thường giữ thuốc độc bên mình, thề chết không chịu nhục, nhưng suốt đời không phải dùng đến.^①

Sau, Quỳ ra ngoài làm Thành Phụ lệnh.^② Lại được thăng làm Thái thú Trường Quảng. Quận ấy dựa núi sát biển, quân Khăn Vàng chưa bình được, hào kiệt lắm kẻ phản loạn, Viên Đàm lúc trước trao cho họ quan tước chức vị. Người huyện Trường Quảng là Quán Thừa, bộ chúng có hơn ba nghìn nhà, làm cướp gây hại. Kẻ bàn luận muốn cất binh đánh hấn. Quỳ nói:

- Bọn Thừa chẳng phải sinh ra là thích làm loạn vậy, mà quen việc làm loạn, chẳng thể tự hối cải, chưa chịu đức giáo hóa, cho nên không biết quay lại hướng thiện. Nay dùng binh bức gấp, kẻ kia sợ bị di diệt, tất dốc sức đánh. Ta đánh chúng chưa dễ hạ được ngay, dẫu có thắng, tất phương hại đến quan dân, chẳng bằng thư thả dùng ân đức dụ dỗ, khiến cho chúng tự hối cải, có thể chẳng mệt binh mà yên định được.

Bèn phái Quận thừa là Hoàng Trần qua đó, giúp bày kế thành bại, bọn Thừa đều xin quy phục. Quỳ lại phái viên Tiểu lại là Thành Hoảng lĩnh chức Hiệu úy, bọn huyện thừa ở Trường Quảng ra ngoài thành tiếp đón, dâng lên trâu và rượu, rồi đến quận.

Tên giặc ở huyện Mâu Bình là Tòng Tiễn, bộ chúng cũng có mấy nghìn, Quỳ thống suất binh lính của quận giúp Trương Liêu cùng đánh dẹp bình hấn. Người huyện Đông Mâu là Vương Doanh, bộ chúng hơn ba nghìn nhà, bức người huyện Xương Dương làm loạn. Quỳ phái quan lại là bọn Vương Khâm đi, trao mưu lược, sai ly gián chúng. Trong vòng tuần trăng đều bình được.

① Tôn Thịnh nói: Vua lấy lễ sai khiến bầy tôi, bầy tôi lấy trung để thờ vua, vì thế trên dưới hòa mục, đạo sáng về giáo hóa thấm nhuần. Kẻ duyện thuộc ở công phủ, là tạo sĩ thời xưa vậy, thế tất vào lúc cất nhắc tuyển chọn, phải tìm hỏi để bạt kẻ anh tài trác việt, có được người như thế rồi thì luận đạo lý mà bổ dụng, nếu chẳng phải bậc có tài thì việc hỏng mà họa đến. Ví như kẻ đó có lầm lỗi, theo phép phế truất đi là được rồi. Nay lại dùng hình đánh đập người ta, nghiêm khắc để răn cái lỗi nhỏ, há nói là "dùng đức để dẫn dắt, dùng lễ để chỉnh đốn" được sao? Mà xuất xứ lai lịch của kẻ sĩ, nên xét đức độ là cái căn bản đứng đầu; có thể dùng thì bất tất phải câu nệ tiểu tiết, chỉ thẩm tra kỹ hành vi của họ. Cho nên với hạng người cao thượng, cái chí hướng mà họ theo đuổi là ẩn cư ở chốn thanh hư, chứ chẳng phải là ra làm kẻ năng thần của bậc vương hầu, danh hiệu và quan phục là thứ trói buộc được họ sao! Tự biết là mình chẳng phải là hạng người ấy, thì gửi thân trên đường đời, tốt xấu vinh nhục, là do thời thế định đoạt, cho nên Cơ Tử yên phận với việc làm nô bộc,⁽¹⁾ Liễu Hạ vui lòng với ba lần bị biếm truất,⁽²⁾ Tiêu Hà, Chu Bột cũng ở chỗ cùm trói,⁽³⁾ há chẳng nhục nhằn, đấy là mệnh vua vậy. Quý hiểu biết rõ

¹ Cơ Tử (箕子) là con của Đế Ất, chú của Trụ vương nhà Ân Thương, giữ vị Thái sư. Ông nổi danh cùng Vi Tử, Ti Can, đều là hiền thần của vua Trụ. Trụ vương là người tàn bạo, bất nhân. Ba người này đều vì ra sức can ngăn, giúp vua Trụ mà mắc họa. Kết cục là Ti Can bị vua Trụ moi tim, Vi Tử bỏ trốn, Cơ Tử bị giam cầm. Sách *Luận ngữ*, thiên *Vi tử* viết: Vi Tử bỏ đi, Cơ Tử làm nô bộc, Ti Can can ngăn mà bị giết. Khổng tử nói: "Nhà Ân có ba người nhân."

² Liễu Hạ Huệ làm pháp quan nước Lỗ, ba lần bị biếm chức mà không bỏ nước, có người hỏi tại sao ông không bỏ đi, Liễu Hạ Huệ nói: "Lấy đạo ngay thẳng mà thờ người thì đi đâu mà không bị ba lần biếm truất? Lấy đạo tà vạy thờ người thì hà cớ gì phải bỏ nước của cha mẹ mà đi?"

³ Tiêu Hà (蕭何), công thần của Hán Cao tổ Lưu Bang. Tiêu Hà bị Lưu Bang nghi kỵ, nhân lúc ông kiến nghị dùng đất hoang ở vườn Thượng uyển để canh tác, Lưu Bang cho là Tiêu Hà ăn hối lộ của dân nên nghĩ ra cách ấy, bèn bắt tổng ngục, sau lại thả, vẫn trọng dụng.

Chu Bột (周勃) cũng là công thần của Lưu Bang, có công lớn trong việc diệt Tần phá Sở, được phong tước Giáng hầu. Sau này lại có công lớn trong việc diệt họ Lã hưng họ Lưu. Cuối đời, Chu Bột bị tố cáo là có mưu đồ tạo phản, bị bắt nhốt trong ngục. Về sau được tha, nhưng không được Văn đế trọng dụng nữa.

pháp chế đương thời, mà can tâm nhận vinh sủng, giấu thuốc độc đối phó với chủ, để tránh bị nhục. *Kinh Thi* nói rằng "Ấy người nóng nảy hẹp hòi", Hà Quỳ là người có đủ tính ấy vậy. Tha lỗi cho sai lầm, là việc nên làm; khoan thứ với lỗi sai, là không đúng vậy.

② *Ngụy thư* chép: Từ sau khi Lưu Bị làm phản, phía đông nam nhiều lần có biến. Thái tổ dùng Trần Quân làm Toàn lệnh, Quỳ làm Thành Phụ lệnh, các huyện đều dùng danh sĩ để trấn áp phủ dụ các nơi, sau đấy quan dân mới dần dần yên định.

Thời ấy Thái tổ chế định pháp lệnh mới ban xuống châu quận, lại thu tô thuế với tơ mềm và lụa bạch. Quỳ vì quận mới lập, lúc trước vừa dụng binh, chẳng thể dùng hình pháp uốn nắn ngay được, bèn dâng lời rằng:

"Từ khi tang loạn đến nay, dân chúng lưu li thất sở, nay dần hơi yên, nhưng dân chúng quy thuận giáo hóa mới được ít ngày. Pháp lệnh mới mà triều đình ban xuống, đều dùng hình phạt nghiêm minh để nắn sửa khuôn phép và thống nhất giáo hóa vậy. Địa hạt mà thần quản có sáu huyện, bờ cõi mới định, hơn nữa còn hoang sơ nghèo đói, nếu nhất định dùng cấm lệnh để nắn sửa, sợ là có kẻ không theo giáo hóa vậy. Kẻ không theo giáo hóa thì không giết không được, mà làm như thế thì trái với cái ý xét dân chúng để tùy thời thiết lập giáo hóa vậy. Bậc vương xưa phân chia đất đai thành Cửu phục,⁽¹⁾ việc thu thuế có khác biệt về xa gần, chế định hình pháp Tam điển⁽²⁾ để bình trị loạn lạc, ngụ ý cho rằng quận này nên chiếu theo quy định là cõi xa quận mới, các thứ việc vụn vặt trong dân, để trường lại lúc lâm việc được tùy nghi định đoạt, như thế trên không trái chính pháp, dưới thuận theo tâm nguyện của muôn dân. Chẳng đến ba năm, dân chúng

¹ Theo *Chu lễ*, Cửu phục (九服) là sự phân biệt về chín loại khu vực trong nước. Kinh kỳ vương nghìn dặm gọi là Vương kỳ (王畿); tiếp đến là cứ ra xa năm trăm dặm thì gọi là Hầu phục (侯服); Điện phục (甸服); Nam phục (男服); Thái phục (采服); Vệ phục (卫服); Man phục (蛮服); Di phục (夷服); Trấn phục (镇服); Phiên phục (藩服).

² Tam điển (三典): Ba cấp độ hình pháp: Khinh (nhẹ), trung (vừa) và trợn (nặng).

yên ổn với nghiệp của mình, rồi mới dùng hình pháp để nắn sửa tề chỉnh, thì chẳng chỗ nào không thông suốt vậy."

Thái tổ theo lời ấy. Sau triệu Quỳ về kinh, tham mưu việc quân cho Thừa tướng.

Giặc biến là Quách Tổ cướp bóc ở địa giới quận Lạc An, Tế Nam, châu quận khốn khổ vì hấn. Thái tổ thấy Quỳ lúc trước ở Trường Quảng có uy tín, bái Quỳ làm Thái thú Lạc An. Quỳ đến sở quan mấy tháng, các thành đều bình định.

Quỳ lại về triều làm Thừa tướng Đông tào duyện. Quỳ nói với Thái tổ rằng:

- Từ khi quân đội hưng khởi đến nay, chế độ mới sáng lập, dùng người chưa xét rõ gốc gác của họ, vì thế mọi người đều dẫn dắt đồng bọn của mình, bỏ qua đạo đức. Quỳ này nghe nói dùng người hiền ban tước, thì dân chúng chú trọng tu đức; dùng người thường thưởng lộc, thì dân ham công cầu lợi. Quỳ cho rằng từ nay người mà ta sử dụng, tất phải khảo hạch ở xóm làng trước, xét tuổi già trẻ để tiến dụng theo thứ tự, không trái vượt với pháp chế. Ban thưởng phải nêu tỏ được sự trung thành chính trực, báo đáp phải làm rõ cái công chính thuần phác, thì sẽ phân biệt được người hiền hay không, hiển nhiên là có khác biệt rồi. Thêm nữa nên lại sửa đổi được việc bầu cử người quen không xét kỹ thành tích, khiến Hữu ti được chuyên trách theo phận sự của mình. Quan viên ở triều đình, thì Thụ giáo và bộ quan chuyên trách cùng tuyển chọn, mọi người làm đúng chức phận. Trên có thể quan sát được tiết tháo của triều thần, dưới có thể ngăn lấp được nguyên nhân của việc tranh giành, lấy đó để đốc trách thuộc hạ, thống suất muôn dân, như thế thì thiên hạ may lắm.

Thái tổ khen hay.

Nước Ngụy đã dựng, bái Quỳ làm Thượng thư bộc xạ.^① Văn đế làm Thái tử, dùng Lương Mậu làm Thái phó, Quỳ làm Thiếu

phó; đặc biệt lệnh cho hai vị phó giúp Thượng thư Đông tào cùng tuyển quan thuộc cho các Vương và Thái tử. Mậu chết, lại lấy Quỳ thay Mậu. Mỗi tháng vào ngày sóc, Thái phó vào cung gặp Thái tử, Thái tử mặc triều phục chính thức ra thi lễ tiếp kiến; nếu là ngày khác thì không mặc lễ phục theo lễ nghi. Quỳ được thăng làm Thái phó, Thái tử muốn cùng từ biệt, bày lễ túc giới,¹ Quỳ không có ý đến dự; Thái tử bèn gửi thư mời, Quỳ cho rằng nước có phép thường, bèn không đến phó hội. Quỳ tuân thủ chấp hành chế độ như thế. Nhưng vào thời buổi xã hội coi trọng tiết kiệm, Quỳ lại rất mực xa xỉ.

Văn đế lên ngôi, phong Quỳ làm Thành Dương đình hầu, thực ấp ba trăm hộ. Về sau Quỳ có bệnh, thường xin từ chức. Đế hạ chiếu đáp rằng:

"Kính lễ người hiền và cứu thần thân cận, là việc thường làm của Đế vương. Xét về thân cận thì ngài có công huân phù tá, xét về hiền lương thì ngài có đức thuần hậu kiên trinh. Phàm là người có đức dày tất sẽ được báo đáp, nay bệnh của ngài tuy chưa khỏi, nhưng thần minh đã nghe biết rồi. Mong ngài yên lòng, để xứng thuận ý trẫm."

Quỳ chết, được ban thụy là Tĩnh hầu. Con của Quỳ là Tăng nối tự, năm Hàm Hi trung làm Tư đồ.^②

① Ngô thư chép: Bấy giờ anh em Đinh Nghi đang được sủng ái tin dùng, Nghi và Quỳ bất hòa. Thượng thư là Phó Tổn bảo Quỳ rằng:

- Nghi khó đối xử tốt với người khác, ngài là bạn của Mao Giới, bọn người như Giới thì Nghi rất ghét hận rồi. Ngài nên hạ mình một chút!

Quỳ nói:

- Làm việc bất nghĩa chỉ đủ hại thân mình, sao hại người khác được? Và lại có tâm tư gian nịnh, đứng ở triều, há được lâu sao!

¹ Lễ Túc giới (宿戒) là bày tiệc tiễn, chuẩn bị trước mười ngày, trai giới tám gói kiêng kỵ nhiều thứ, cách ba ngày lại trai giới lần nữa, thể thức rất long trọng.

Quỳ trước sau vững chí không khuất phục. Nghi sau này quả nhiên vì hung hăng đối trá mà bại vong.

② *Tấn kỷ* của Can Bảo chép: Tăng tự Dĩnh Khảo. Năm Chính Nguyên trung làm Tư lệ Hiệu úy. Thời ấy cháu gái của Quán Khâu Kiêm gả cho họ Lưu, vì đã có mang bị đưa đến nhà ngục của Đình úy. Mẹ của người con gái họ Tuân, nhờ Vũ vệ tướng quân Tuân Nghi dâng biểu cầu sống, được miễn tội chết,¹ lại đến chỗ Đình úy, xin làm nô tì cho nhà quan để chuộc mệnh con gái. Tăng sai Chủ bộ Trình Hàm nghị luận, bàn rằng:

- Đại Ngụy kế thừa thói xấu của thời Tần, Hán, chưa kịp sửa phép chế. Cái lý do của việc con gái đã xuất giá bị giết nhục, đấy thực là muốn giết sạch kẻ đồng tộc xấu xa vậy. Nếu con gái đã mang thai, thì là mẹ của con nhà người khác. Đối với việc phòng chống thì chẳng đủ để trừng phạt cái gốc rễ của sự gian loạn, về tình thì làm hại đến cái tình của kẻ hiếu tử, con trai không bị tội với tộc khác, mà chỉ mình con gái bị liên quan chịu tội chém giết với hai nhà, đấy không phải là việc làm thương xót chiếu cố nữ giới, mà nghĩa lớn về pháp chế là phải công bằng vậy. Thần cho là con gái ở nhà, có thể chịu hình theo cha mẹ, đã xuất giá đi lấy chồng, phải chịu tội chém giết theo nhà chồng.

Triều đình thuận theo lời bàn, bèn định ra điều luật.

Tấn chư công tán chép: Tăng vì cao thượng phong nhã nên nổi tiếng, hơn nữa tính tình hiếu thuận, quan vị đến chức Thái tử, được phong tước Lãng Lãng huyện công. Hơn tám mươi tuổi thì chết, được ban thụy là Nguyên công. Con là Thiệu nối tự.

Thiệu tự Kính Tổ, tài năng học thức uyên bác sâu xa, có tài trị quốc, đáng vẻ uy nghi. Tổ làm quan cũng đến chức Thái tử, thụy là Khang Công. Con của Thiệu là Nhuy nối tự.

Người anh cùng cha khác mẹ với Thiệu là Tuân, tự Tư Tổ, cũng có tài cán. Thời trẻ trải các chức vụ thanh cao, cuối cùng ở ngôi

¹ Theo lễ giáo phong kiến thời ấy thì việc có mang trước khi lấy chồng được tính vào hạng trọng tội, bị xử chết.

Thái phó. Con của Tuân là Tuy, Tụ Bá Úy, cũng vì mẫn cán với công việc mà nổi tiếng. Năm Vĩnh Gia trung làm Thượng thư, bị Tư Mã Việt sát hại.

Phó tử khen ngợi Tăng và Tuân Nghĩ rằng: Cung kính với người thân của mình theo cái đạo của Văn vương, là Dĩnh Xương Hà hầu đấy ư! Là Tuân hầu đấy ư! Người xưa khen ngợi Tăng Sâm, Mẫn Tốn,⁽¹⁾ thời nay xưng tụng Tuân, Hà. Từ đáy lòng cung kính người thân của mình, ra ngoài thì chuộng lễ nghĩa để tiếp đón người thiên hạ. Kẻ hiếu tử, là gốc rễ của trăm đời; người có đức nhân, là khuôn mẫu cho thiên hạ vậy. Người có thể thi hành cái đạo nhân hiếu, là có nghi biểu của bậc quân tử rồi.

Hình Ngung tự Tử Ngang, người quận Hà Gian huyện Mạo. Ngung được xét cử Hiếu liêm, Tư đồ triệu gọi, đều không tới. Lại đổi họ và tên tự, đến quận Hữu Bắc Bình, theo Điền Trù du ngoạn. Qua năm năm, lúc Thái tổ định Ký châu. Ngung báo Trù rằng:

- Từ khi quân Khăn Vàng nổi dậy đến nay đã hơn hai mươi năm, hải nội như vạc nóng, trăm họ lưu ly. Nay nghe nói Tào công pháp lệnh nghiêm minh. Dân chúng chán ghét loạn lạc lắm rồi, loạn cùng cực sẽ bình trị. Ta xin đi trước ngài một bước.

Bèn sửa soạn hành trang quay về quê. Điền Trù nói:

- Hình Ngung, là người giác ngộ trước trong dân trời vậy.

Bèn đến gặp Thái tổ, xin làm hướng đạo đi đánh Liễu Thành.

Thái tổ triệu Ngung làm Ký châu Tòng sự, người bấy giờ khen Ngung rằng: "Đức hạnh đường đường, là Hình Tử Ngang." Lại phong Ngung làm trưởng huyện Quảng Tông, nhân vì tướng cũ chết, Ngung bỏ chức quan. Hữu ti cho là nên kể tội dùng phép trị, Thái tổ nói:

¹ Tăng Sâm, Mẫn Tốn: Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 122 (Văn đế ký).

- Ngung một lòng với cự quân, là người nhất mực tiết tháo.

Rồi cấm không được xét hỏi. Sau lại đòi về đổi làm Tư không duyệt, phong chức làm Hành Đường lệnh, Ngung khuyến khích dân chúng cày cấy canh nông, phong tục giáo hóa đại thành. Ngung về triều làm Thừa tướng môn hạ đốc, thăng làm Tả Phùng Dực, bị bệnh, bỏ chức quan.

Thời ấy, Thái tổ tuyển thuộc quan cho các con, hạ lệnh rằng:

- Quan lại của Hầu gia,⁽¹⁾ nên có được cái pháp độ uyên thâm như bọn Hình Ngung.

Rồi lấy Ngung làm Gia thừa⁽²⁾ của Bình Nguyên hầu Tào Thực. Ngung lấy đạo nghĩa để phòng ngừa việc phóng túng, không khép nép khuất mình vì bất cứ thứ gì, bởi thế không hòa hợp với Thực. Thứ tử là Lưu Trinh⁽³⁾ gửi thư can Thực rằng:

"Gia thừa Hình Ngung, là kẻ sĩ tài đức của đất bắc, thời trẻ giữ tiết thanh cao, trầm tĩnh sâu sắc, nói ít mà đạo lý nhiều, là kẻ sĩ thanh nhã chân chính vậy. Trinh này thành thực không đủ tài để đứng đồng hàng với người ấy mà cùng được liệt vào hàng tả hữu. Thế nên Trinh đối đãi với ông ấy rất đặc biệt, mà Ngung lại giản dị, ta sợ rằng sau khi xem xét thấu đáo ông ấy sẽ bảo là Quân hầu học tập tựa hồ chẳng theo kịp cha, kính lễ người hiền chẳng đủ, tất có cái cảnh 'Xuân hoa thu thật,'⁽⁴⁾ quên công Gia thừa." Cái tội phỉ báng người trên, là tội không nhỏ, vì đó là tội phản trắc."

¹ Hầu gia tức là gia đình của người giữ tước hầu.

² Gia thừa tức là người quản lý các công việc thường ngày trong phủ.

³ Lưu Trinh (刘楨), tự Công Càn, người quận Ninh Dương, là một người trong Kiến An thất tử nổi danh thời Hán Ngụy, chơi thân với anh em họ Tào, từng được Tào Tháo cho làm Thừa tướng duyệt, sổ thơ phú của ông còn lưu truyền đến nay chừng năm chục bài.

⁴ Đây là lối so sánh ẩn dụ, mùa xuân thì cây cối đơm hoa, mùa thu cho quả ngọt, con người nhờ công dạy dỗ mới có thành tựu. Bấy giờ Lưu Trinh là Thứ tử của Thực, vẫn từ mỹ lệ nên Thực yêu thích, còn Hình Ngung ưa lễ nghi, cấm chế Thực nên bị Thực ghét. Lưu Trinh ví mình như hoa mùa xuân, Hình Ngung là quả mùa thu vậy.

Sau Ngung làm Tham mưu quân sự cho Thừa tướng, rồi chuyển làm Đông tào duyện.

Ban đầu, ngôi Thái tử chưa định, mà Lâm Truy hầu Thục được sủng ái, bọn Đình Nghi đều cổ xúy ca ngợi Thục. Thái tổ hỏi Ngung, Ngung thưa rằng:

- Lấy thứ thay trưởng, là điều răn của đời trước. Xin Điện hạ suy xét kỹ lưỡng thận trọng cho.

Thái tổ hiểu ý của Ngung, sau bèn cho làm Thái tử Thiếu phó, rồi thăng lên Thái phó. Văn đế đăng cơ, lấy Ngung làm Thượng thư bộc xạ, ban tước Quan nội hầu, cho ra làm Tư lệ Hiệu úy, chuyển làm Thái thường. Năm Hoàng Sơ thứ tư, Ngung chết. Con của Ngung là Hữu nối tự.^①

① *Tấn chư công tán* chép: Cháu họ của Ngung là Kiêu, tự Tăng Bá, có tài cán, bản chất bao dung độ lượng, có tiếng tốt ở đời. Trái các chức vị thanh cao. Năm Nguyên Khang trung, cùng Lưu Hoán đều làm Thượng thư Bộ lang, ít lâu được thăng đến chức Tư lệ Hiệu úy.

Bảo Huân tự Thúc Nghiệp, người quận Thái Sơn huyện Bình Dương, là cháu chín đời của quan Tư lệ Hiệu úy Bảo Tuyên nhà Hán.^① Con nối của Tuyên từ quận Thượng Đảng chuyển đến quận Thái Sơn, rồi ở lại đất ấy. Cha của Huân là Tín, thời Linh đế làm Kỵ đô úy, Đại tướng quân Hà Tiến phái sang đông mộ binh. Sau làm Tế Bắc tướng, hợp sức phù tá Thái tổ, bản thân bị người ta giết hại. Việc nói ở *Đồng Trác truyện* và *Vũ đế kỷ*.^② Năm Kiến An thứ mười bảy, Thái tổ truy xét công của Tín, dâng biểu phong cho anh của Huân là Thiệu tước Tân Đô đình hầu.^③ Rồi cho triệu gọi Huân làm Thừa tướng duyện.^④

¹ Bảo Tuyên (鮑宣), tự Tử Đô, sống vào thời vua Hán Ai đế nhà Tây Hán. Từng giữ chức Giám nghị đại phu, vì khuyên can thẳng, lại xúc phạm Thừa tướng nên bị bắt tống ngục, nhờ nhiều đại thần xin cho nên chỉ bị phạt cắt tóc. Thời Vương Mãng, ông không theo giúp, bị bắt giam, bèn tự sát.

① *Ngụy thư* chép: Cha của Tín là Đan, làm quan đến chức Thiếu phủ Thị trung, vì nho nhã mà nổi tiếng ở đời.

Tín thời trẻ có khí tiết lớn, khoan hậu nhân ái, thâm trầm quá quyết có mưu kế. Đại tướng quân Hà Tiến bái làm Kỵ đô úy, phái về quận mộ binh, được hơn nghìn người, quay về đến Thành Cao thì Tiến đã bị người ta giết hại. Tín đến kinh sư, Đồng Trác cũng vừa tới. Tín biết Trác tất làm loạn, khuyên Viên Thiệu đánh úp Trác, Thiệu vì sợ Trác không dám phát động. Việc đã nói ở *Viên Thiệu truyện*. Tín bèn dẫn quân về quê, gom được hai vạn bộ chúng, bảy trăm quân kỵ, xe truy trọng hơn năm nghìn chiếc.

Năm ấy, Thái tổ mới khởi binh ở Ký Ngô, Tín cùng em là Thao đem binh hưởng ứng Thái tổ. Thái tổ và Viên Thiệu cùng dâng biểu cử Tín làm hành Phá lỗ tướng quân, Thao làm Bì tướng quân. Bấy giờ bộ chúng của Thiệu rất đông, kẻ hào kiệt đa phần hưởng về Thiệu. Riêng Tín bảo Thái tổ rằng:

- Kẻ trí lược chẳng kể xuất thân, người có thể thân gồm kẻ anh hùng để dẹp trừ họa loạn quay về chính đạo, là ngài vậy. Nếu chẳng phải người như ngài, dẫu cường mạnh tất cũng thất bại. Ngài là người được trời giúp vậy!

Rồi ngầm tự giao kết, Thái tổ cũng đặc biệt thân gần Tín. Thất bại ở Biện Thủy, Tín bị thương, Thao tử vong ở chiến trường. Thiệu cướp đoạt ngôi vị của Hàn Phúc, rồi chiếm Ký châu.

Tín nói với Thái tổ rằng:

- Kẻ gian thần lợi dụng cơ hội khuấy động vương thất, anh hùng hào kiệt nổi lên đối kháng, người thiên hạ hưởng ứng theo, là đạo nghĩa vậy. Nay Thiệu làm minh chủ, lại lợi dụng quyền lực mưu lợi riêng, tương lai sẽ phát sinh biến loạn, thế là lại có một Trác nữa vậy. Nếu ta ngăn chặn hần, thì về lực chẳng thể khắc chế được, chỉ khiến ta gặp khó, làm sao có thể giúp đời? Ta nên tạm vạch cõi ở phía nam Đại Hà,⁽¹⁾ đợi họ sinh biến.

¹ Tức là giữ lấy vùng đất phía nam sông Hoàng Hà.

Thái tổ khen lời ấy. Lúc Thái tổ làm Thái thú Đông Quận, dâng biểu cử Tín làm Tế Bắc tướng.

Đại quân Khăn Vàng xâm nhập địa giới châu quận, Lưu Đại muốn cùng chúng giao chiến, Tín ngăn lại, Đại không nghe, sau thất bại. Chuyện đã nói ở *Vũ đế kỷ*.

Thái tổ thấy giặc cậy thắng sinh kiêu, muốn đặt kỳ binh dụ chúng ra đánh ở huyện Thọ Trung. Vì thế cùng Tín ra nơi chiến địa trước, bộ quân phía sau chưa tới, thốt nhiên gặp giặc, bèn tiếp chiến. Tín quyết chết giao chiến để cứu Thái tổ, Thái tổ vì địch võ vòng vây ra thoát được, Tín bị chết, bấy giờ bốn mươi một tuổi.

Tín dù gặp cơn loạn lạc khỏi binh, gia phong vốn nề nếp, giữ mình cần kiệm hết mực, nhưng nuôi dưỡng hậu đãi tướng sĩ, trong nhà không có cửa thừa, kẻ sĩ vì thế theo phục.

② *Ngụy thư* chép: Thiệu có phong độ của cha, Thái tổ khen ngợi, phong thêm cho chức Kỳ đô úy, cầm cờ tiết. Thiệu chết, con của Thiệu là Dung nối tự.

③ *Ngụy thư* chép: Huân thanh bạch có khí tiết cao, nổi danh ở đời.

Năm thứ hai mươi, Thái tổ lập Thái tử, lấy Huân làm Trung thứ tử. Sau đổi làm Hoàng môn thị lang, rồi cho ra làm Tây bộ đô úy Ngụy Quận. Em trai Quách phu nhân của Thái tử làm Huyện lại huyện Khúc Chu bị phát hiện ăn cắp vải vóc của công, theo phép phải bị chém ở giữa chợ. Thái tổ bấy giờ ở huyện Tiêu, Thái tử lưu lại huyện Nghiệp, mấy lần tự tay viết thư gửi Huân xin tha tội cho kẻ kia. Huân không dám tự tiện tha tội phạm, liệt kê đủ tội chứng trình lên. Huân trước đây ở Đông cung, giữ chính đạo không luồn cúi, Thái tử cố nhiên không thể hài lòng, lại thêm việc này, oán hận càng tăng. Vừa lúc có kẻ là tướng sĩ đã nghỉ ở quận giới của Huân làm phản, Thái tử mật lệnh cho quan Trung úy dâng tấu bãi miễn quan chức của Huân. Mãi sau, lại bãi Huân làm Thị ngự sử.

Năm Diên Khang nguyên niên, Thái tổ băng hà, Thái tử tức vương vị, Huân làm Phò mã đô úy kiêm Thị trung.

Văn đế thụ thiện, Huân mỗi khi gặp bày tỏ rằng:

- Việc cấp bách ngày nay, chỉ ở việc quân và việc nông, rộng rãi ra ân cho trăm họ. Đền đài đình viện, nên cho làm sau.

Văn đế sắp đi tuần du săn bắn, Huân ngăn xe lại dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói các bậc Ngũ đế Tam vương, chẳng ai không sáng suốt ở việc gây dựng nền móng lễ giáo, lấy hiếu nghĩa cai trị thiên hạ. Bệ hạ là bậc nhân đức thánh minh có lòng trắc ẩn, dựng lập công nghiệp giống với cổ nhân. Thần mong bệ hạ theo được dấu vết thời xưa, khiến vạn đời có thể lấy đó làm phép tắc vậy. Sao lại giữa lúc tang kỳ, chú tâm vào việc cưỡi ngựa ruổi rong như vậy! Thần mạo muội liều chết dâng tấu, mong bệ hạ xét soi."

Đế tự tay xé nát biểu tấu của Huân rồi tiếp tục đi săn, giữa đường lúc dừng lại nghỉ, hỏi thị thần rằng:

- Cái thú của việc săn bắn, so với Bát âm⁽¹⁾ thì thế nào?

Thị trung là Lưu Diệp đáp rằng:

- Săn bắn hơn hẳn lễ nhạc.

Huân phản bác rằng:

- Lễ nhạc, trên thông thần minh, dưới hòa hợp đạo lý, giáo hóa đời trị hưng thịnh, muôn nước yên vui. Khiến phong tục đổi thay, chẳng có gì hơn được lễ nhạc. Huống chi việc đi săn, khiến xe lọng phơi ở ngoài đồng, hại đến việc dưỡng da thịt của Hoàng thượng, dãi gió dầm mưa, chẳng phải là việc lúc an nhàn rồi rãi mới làm sao? Xưa kia Lỗ Ẩn đi xem lưới cá ở đất Đường, Kinh Xuân Thu chê bai việc ấy. Dẫu bệ hạ cho rằng săn bắn là vui, ngu thần không đồng ý với lời ấy.

Nhân đó tấu:

¹ Bát âm (八音), tức là tám loại khí vật để tạo âm trong nhạc lý thời cổ là kim (sắt), thạch (đá), ti (sợi tơ), trúc (ống trúc), thổ (đồ sành), cách (da), mộc (gỗ).

- Lưu Diệp ninh hót bất trung, a dua theo câu nói quá lỗ của bệ hạ. Xưa kia Lương Khâu Cự siểm ninh ở Thuyền Đài,⁽¹⁾ việc làm của Diệp chính là như vậy. Xin Hữu ti hãy luận tội để làm trong sạch Hoàng miếu.

Để giận biến sắc, giải tán đội săn quay về, điều ngay Huân ra ngoài làm Hữu trung lang tướng.

Năm Hoàng Sơ thứ tư, Thượng thư lệnh Trần Quần, Bộc xạ Tư Mã Tuyên vương cùng đề cử Huân giữ chức Cung chính, Cung chính tức là Ngự sử trung thừa vậy. Để bất đắc dĩ bổ dụng Huân, trăm quan sợ hãi, chẳng ai không cung kính.

Năm thứ sáu mùa thu, Đế muốn đi đánh nước Ngô, quần thần họp bàn, Huân đối diện đưa lời can rằng:

- Vương sư thường đi chinh chiến mà chưa lần nào thắng, đại khái vì Ngô, Thục nương dựa nhau như răng với môi, cạy vào cái hiểm trở của núi sông, nếu dùng sức mạnh khó mà hạ được. Năm trước thuyền rồng bị sóng trôi dạt, ngăn cách ở bờ nam, thánh thể giẫm vào nơi nguy hiểm, quần hạ sợ đến vỡ mật. Lúc ấy tông miếu sắp đến chỗ nghiêng lật, đấy là điều răn dạy cho trăm đời. Nay lại binh đao khó nhọc đi đánh nơi xa, ngày hao phí nghìn vàng, Trung Quốc hư hao, khiến cho kẻ địch giao hoạt coi thường thiên uy, thần trộm nghĩ cho rằng đấy là việc không nên.

¹ Lương Khâu Cự (梁丘据) là sàm thần, được Tề Cảnh công yêu mến, Cảnh công nói gì Lương Khâu Cự cũng khen hay, thích gì Lương Khâu Cự cũng chiều ý. Có lần Cảnh công và Tướng quốc Án Anh ngồi bàn chuyện trên lầu Thuyền Đài, Lương Khâu Cự đi tới. Cảnh công nói: "Chỉ có Khâu Cự là hòa đồng với ta." Án Anh nói: "Bệ hạ với Tử Do (Lương Khâu Cự) chỉ đồng thôi chứ không hòa." Cảnh công hỏi: "Hòa với đồng khác nhau sao?" Án Anh nói: "Hòa thì như nấu canh. Có nước, dầu, thịt, rau, cá tươi, đủ thứ gia vị. Hòa hợp các vị đúng cân lượng, đúng khẩu vị người ăn, như thế món canh mới thú. Tử Do thì sao? Bệ hạ nói gì Tử Do cũng hòa theo. Muốn chế thức uống ngon mà lấy nước lã trộn với nước lã thì ngon gì? Đàn cầm, đàn sắt mà cùng phát ra một âm, người ta mất công chế ra hai thứ đàn để làm gì? Thế nên hạ thần mới nói rằng bệ hạ và Tử Do chỉ đồng thôi, chứ không hòa."

Đế càng cảm phần Huân, giáng Huân xuống làm Trị thư chấp pháp.

Đế từ Thọ Xuân trở về, đóng quân ở địa giới quận Trần Lưu. Thái thú Tôn Ung ra thành tới gặp Đế, đi qua chỗ Huân. Bấy giờ doanh lũy chưa làm xong, chỉ dựng được ngọn tiêu ở trên bờ tường, Ung đi đường tắt không theo đường chính, quan Lệnh sử trong doanh là Lưu Diệu cho là trái quân lệnh muốn bắt, Huân vì thành lũy chưa làm xong, ra ngăn lại không bắt tội.

Đại quân về Lạc Dương, Diệu mắc tội, Huân bị tấu hặc biếm chức đuổi ra ngoài, nhưng Diệu bí mật dâng biểu nói Huân ngầm gỡ tội cho Ung. Đế hạ chiếu rằng:

"Huân chỉ hươu nói ngựa, phải bắt giao cho Đình úy."

Đình úy theo phép luận tội:

- Phải chịu hình năm năm.

Tam quan bác đi nói:

- Chiếu theo luật, phạt hai cân vàng.

Đế cả giận nói:

- Huân không có phúc phận được sống, mà bọn ngươi dám thả hãn! Hãy bắt từ tam quan trở xuống giao cho Thứ gian,⁽¹⁾ lệnh cho cú mười đầu là cùng một huyết.

Bọn Thái úy Chung Do, Tư đồ Hoa Hâm, Trấn quân Đại tướng quân Trần Quần, Thị trung Tân Bì, Thượng thư Vệ Trăn, Đình úy Cao Nhu cùng dâng biểu nói "Cha của Huân là Tín có công đức với Thái tổ", để xin tội cho Huân. Đế không nghe, bèn giết Huân.

Huân trị nhà nghiêm chỉnh, liêm khiết lại hay giúp đỡ người, ngày chết, trong nhà không có của thừa. Hai chục ngày sau, Văn đế cũng băng hà, chẳng ai không vì Huân mà thở than tiếc hận.

¹ Là chức quan, chuyên việc coi giữ phạm nhân.

Tư Mã Chi tự Tử Hoa, người quận Hà Nội huyện Ôn. Thời trẻ là học trò, lúc đi tránh loạn ở Kinh châu, ở núi Lỗ Dương thốt nhiên gặp giặc, kẻ đi cùng đều bỏ người già yếu mà chạy, một mình Chi ngồi giữ mẹ già. Giặc đến, chĩa mũi dao vào người, Chi rập đầu nói:

- Mẹ già tôi, sống chết chỉ ở các ông!

Giặc nói:

- Kẻ này là hiếu tử vậy, giết hẳn là bất nghĩa.

Vì thế thoát chết, Chi lấy xe hươu chở mẹ đi. Ở phương nam hơn chục năm, tự mình cày ruộng giữ khí tiết.

Thái tổ bình Kinh châu, lấy Chi làm trưởng huyện Gian. Bấy giờ thiên hạ mới gầy dựng, có nhiều kẻ không vâng vương pháp. Lưu Tiết làm Chủ bộ của quận, đại tộc cũ, là kẻ hào hiệp, có hơn nghìn tân khách, ra ngoài làm đạo tặc, về quận nhiều sớ trị. Ít lâu sau, Chi điều khách của Tiết là bọn Vương Đồng làm lao dịch, Duyệt sứ ngăn lại bẩm:

- Nhà Tiết trước nay chưa từng cung cấp kẻ lao dịch nào, nếu sau này chúng trốn tránh, tất sẽ đình trệ công việc.

Chi không nghe, gửi thư cho Tiết nói:

"Ngài quản tộc lớn, hơn nữa lại là tay chân thân tín của quận, nhưng tân khách thường không giúp việc lao dịch, đã có nhiều người oán vọng, e là tiếng tăm sẽ truyền lên trên. Nay ta điều bọn Đồng đi lao dịch, mong ngài phát lệnh phái họ đi kịp thời."

Bình đã tập hợp ở quận, nhưng Tiết che giấu đồng bọn, lại ra lệnh cho Đốc bưu đem quân đến trí trá trách lỗi huyện, Duyệt sứ của huyện cùng quần, xin đi lao dịch thay Đồng. Chi bèn truyền hịch đến Tế Nam, trình bày đủ tội trạng của Tiết. Thái thú Hác Quang vốn kính trọng tin tưởng Chi, lập tức bắt Tiết thay Đồng đi lao dịch. Dân Thanh châu gọi Chi là người "cho

Chủ bộ của quận làm lao dịch." Chi được thăng làm Quảng Bình lệnh.

Chinh lỗ tướng quân Lưu Huân, vì được quý sủng nên kiêu căng ngang tàng, hơn nữa là tướng cũ ở quận, tân khách đệ tử trong địa giới mấy lần phạm pháp. Huân gửi thư cho Chi, không ghi rõ danh tính, nội dung thư đa phần phó thác việc che chở cho thuộc hạ, Chi không đáp thư của Huân, nhất nhất đều xử theo phép. Về sau Huân vì không tuân phép tắc bị giết, những kẻ giao du với Huân đều bị bắt tội, Chi vì thế được khen ngợi.①

① *Ngụy lược* chép: Huân tự Tử Đài, người quận Lang Nha. Năm Trung Bình mạt, làm trưởng huyện Kiến Bình nước Bái, với Thái tổ là bạn cũ. Sau làm Thái thú Lư Giang, vì bị Tôn Sách đánh phá, tự quy phục Thái tổ, được phong tước Liệt hầu, từ đó được giữ chức trong chỗ nhàn tản. Anh của Huân làm Thứ sử Dự châu, bị bệnh chết. Con của anh Huân là Uy, lại lên thay cha giữ chức ấy. Huân tự cậy mình cùng Thái tổ có giao hảo cũ, nên ngày càng kiêu căng ngạo mạn, mấy lần phạm pháp, lại mắc tội phi báng. Bị người ta bẩm báo lên, Huân bị bắt trị tội, lại bãi miễn chức quan của Uy.

Chi được thăng làm Đại lý chính.

Có người lấy trộm tấm lụa sớ của quan phủ đem giấu ở nóc nhà xí đô thành, viên lại ngờ là nữ thợ dệt lấy, liền bắt giao cho nhà ngục. Chi nói:

- Đại khái lỗi sai của hình phạt, là lỗi sai rất bạo nghiệt. Nay hãy có tang vật trước rồi sau sẽ tra hỏi để lấy cung, như thế chẳng hơn là đánh đòn, e là người ta vô tội mà bị phạt vậy. Kẻ vô tội bị phạt mà nhận, thì chẳng thể lấy đó để quyết tội được. Và lại đơn giản thì người ta dễ theo, là sự giáo hóa lớn nhất với người ta. Chẳng bỏ qua kẻ có tội, là cách để trị lý người đòi vậy. Nay tha cho kẻ còn nghi ngờ, là dùng cái nghĩa lớn để theo, chẳng cũng nên sao!

Thái tổ theo lời bàn ấy.

Chi lần lượt trải chức Thái thú các huyện Cam Lăng, Bái, Dương Bình, ở đâu cũng có thành tích. Năm Hoàng Sơ trung, về triều làm Hà Nam doãn, nén kẻ mạnh đỡ người yếu, kẻ có việc riêng nhờ vả thì không làm. Đúng lúc có người ở nội quan⁽¹⁾ định đem việc nhờ Chi, nhưng không dám nói ra, lại nhờ bác vợ của Chi là Đồng Chiêu. Chiêu cũng sợ Chi, chẳng đưa lời. Chi truyền dạy quần hạ rằng:

- Bậc quân vương có thể đặt ra pháp lệnh, cũng chẳng thể khiến quan lại nhất định không vi phạm được. Quan lại có thể vi phạm giáo lệnh, nhưng chẳng thể để cho quân vương nhất định không biết. Quân vương đặt pháp lệnh mà vi phạm, thì là quân vương kém cỏi; quan lại phạm giáo lệnh mà quân vương biết, thì là cái họa quan lại vậy. Quân vương kém cỏi ở trên, quan lại rước họa ở dưới, đó là nguyên do việc chính sự chẳng có đạo lý. Thế chẳng phải là tất cả đều phải cố gắng sao!

Vì thế quan lại dưới trướng của Chi chẳng có ai không tự mình gắng gỏi.

Môn hạ Tuần hành⁽²⁾ từng nghi ngờ người giữ cửa ăn trộm cái trâm cài đầu của quan, người giữ cửa nói không phải, Tào thuộc bắt kẻ ấy giam vào ngục. Chi dạy rằng:

- Phàm là đồ vật giống nhau thì khó phân biệt, bởi nó chẳng phải là vật điêu khắc trang trí, lại ít khiến người ta bị mê hoặc. Nếu quả thật người ấy phạm tội, Tuần hành sao nỡ quá tiếc một cái trâm, mà coi rẻ cái tình thương đồng loại thế ru! Nên thôi đi, chớ truy vấn người ta nữa.

¹ Nội quan, tức là quan cận thân hầu hạ Hoàng đế.

² Môn hạ tuần hành (门下循行) là một chức vụ đặc thù thời Hán, các phủ quan hay đặt mấy người giữ chức ấy, công việc không cụ thể, cũng không chủ quản thực sự việc gì, chỉ giải quyết các việc theo sự vụ, thường là đi tra xét các tiểu lại.

Minh để tức vị, ban cho Chi tước Quan nội hầu. Được ít lâu, nhũ mẫu của Đặc tiến Tào Hồng là Đáng, cùng kẻ hầu của Lâm Phần công chúa đi chung tế bái thần linh ở Vô Giản,^① bị bắt tống ngục. Biện thái hậu phái Hoàng môn đến phủ quan truyền lệnh, Chi không tiếp lệnh, lập tức ra lệnh cho cai ngục ở Lạc Dương tra khảo hai người đến chết, rồi dâng sớ rằng:

"Phàm là những kẻ tử tội, đều phải dâng biểu tấu trước rồi đợi tin báo lại. Trước đây đã có chế thư cấm tuyệt việc tế tự gian tà để đoan chính phong tục, nay bọn Đáng phạm tội yêu tà, lời cung vừa mới định, Hoàng môn quan là Ngô Đạt đến chỗ thần, truyền lệnh của Thái hoàng thái hậu. Thần chẳng dám thông qua, sợ có kẻ cứu giúp chúng, nên tức tốc truyền tin lên để thánh thượng biết, như thế thực bất đắc dĩ, chỉ là sợ người ta che chở cho phạm nhân. Nếu việc chẳng kết sớm, thì đây là tội của thần, vì thế thần mạo phạm phép thường, lập tức ra lệnh cho quan huyện tra khảo tội nhân đến chết, vì tự tiện thi hành hình lục, thần xin cúi đợi thánh thượng phạt tội."

Để tự tay phê đáp thư rằng:

"Ta coi biểu tấu, đã rõ sự chí tâm của khanh, là muốn vâng chiếu thư, lấy sự quyền biến hành sự, là đúng đắn vậy. Đây là khanh vâng theo ý của chiếu thư, sao phải tạ tội nữa? Sau này Hoàng môn quan có qua, hãy thận trọng, chớ có tiếp kiến."

Chi giữ chức mười một năm, nhiều lần nghị bàn về các điều bất tiện của quy tắc và pháp chế. Ở giữa chốn công khanh, cứ chiếu đạo lý mà làm. Gặp lúc các vương vào chầu, Chi cùng người ở kinh đô giao kết, bị bãi chức.

① Thần Tùng Chi xét: Vô Giản, là tên núi, ở phía đông bắc Lạc Dương.

Về sau Chi nhận chức Đại tư nông. Trước đó các thuộc hạ của Điển nông và quan dân làm hỗn loạn việc buôn bán để mưu sinh, cầu lấy cái lợi. Chi tấu rằng:

"Phép cai trị của bậc đế vương, là chuộng nghiệp cơ bản mà đề nén nghề buôn, chuyên chú nghề nông trọng thị lương thực. Theo vương chế: 'Không có của cải tích trữ ba năm, quốc gia không phải là quốc gia vậy.' Quản tử khu ngôn⁽¹⁾ cho rằng tích lũy lương thực là việc cần kíp. Hiện nay hai nước địch chưa bị diệt, quân lữ không được nghỉ ngơi, cái cốt yếu của quốc gia, chỉ ở lương thực và vải lụa vậy. Vũ hoàng đế đặc biệt đặt ra chức quan Đồn điền, chuyên lấy nông tang làm nghiệp. Năm Kiến An trung, kho đụn trong thiên hạ chật đầy, trăm họ nhà nhà giàu có. Từ năm Hoàng Sơ đến nay, nghe nói các Điển nông tự mưu sinh, đều mưu tính cho thuộc hạ của mình, thật không phải là việc làm thích hợp với đại thể quốc gia vậy. Bậc đế vương xem bốn bề làm nhà, cho nên kinh truyện nói: 'Trăm họ ăn chẳng đủ, vua giàu có với ai!' Giàu có là ở ruộng đất, ở cái chỗ chẳng mất thiên thời mà dùng hết được cái sức của đất. Nay thương lữ kinh doanh mưu cầu cái lợi, tuy có được cái lợi gấp bội một cách rõ ràng, nhưng về đại kế nhất thống, là cái tổn thất không lường được, chẳng bằng khai khẩn thêm một mẫu ruộng để thu thêm lợi. Người nông dân theo việc cày cấy, tháng giêng gieo trồng, bừa đất làm cỏ hái dâu, gắng sức đốt lửa khai hoang gieo mạ, phát cỏ san đất trồng lúa, tháng mười mới xong. Rồi sửa sang kho đụn, làm xe đòn, chuyển tô thuế, sửa đường đất cầu cống, dùng bùn trát kín, ngăn chia phòng ốc, là hết một năm, chẳng ngày nào không làm việc nhà nông vậy. Nay các quan Điển nông đều nói 'Người ở lại làm ruộng, kẻ ra ngoài buôn bán, là cái kế căn bản, thu dụng được hết các lực lượng, về tình thế không thể không làm vậy. Vừa chẳng để hoang phế ruộng vườn, mà không dư sức.' Thần ngu muội cho rằng chẳng nên để cái việc buôn bán tạp nham làm nhiễu loạn nông nghiệp, chuyên việc nông tang phải là điều cốt yếu, đối với quốc kế dân sinh là rất quan trọng vậy."

Minh đế nghe theo.

¹ Quản Trọng, tướng của Tề Hoàn công rất chú trọng nghề nông, coi thường nghề buôn bán. Quản tử khu ngôn tức là thiên Khu ngôn trong sách của Quản Trọng.

Mỗi khi quan trên cho triệu kiến hỏi han, Chi thường hội kiến với Duyệt sử trước, để phán đoán nguyên có và ý tứ của quan trên, cứ theo hiện trạng mà ứng đáp kín kẽ, đều như những điều đã tính trước. Chi bản tính thành thật chính trực, chẳng kiêu căng khoe khoang. Lúc cùng tân khách đàm luận, có điều chẳng vừa ý, liền đổi diện phê bình cái kém của họ, rồi lui về không nói gì khác nữa.

Chi chết khi đương chức, trong nhà không có của thừa, từ khi nước Ngụy kiến lập đến nay, những người giữ chức Hà Nam doãn chưa có ai theo kịp được Chi.

Chi chết, con của Chi là Kỳ nối tự, từ chức Hà Nam thừa chuyển sang làm Đình úy chính, rồi thăng làm Trần Lưu tướng. Ở quận Lương có tù phạm bị bắt giam trong ngục, rất nhiều người liên quan đến án đó, đã mấy năm không xử được. Có chiếu thư sai chuyển án ngục ấy đến huyện thuộc của Kỳ, quan huyện xin chuẩn bị sẵn hình cụ trong nhà lao. Kỳ nói:

- Nay tù phạm có mấy chục người, cung từ xảo trá khó xác quyết, vả lại họ đã quá mệt mỏi về độc hình, tình trạng ấy dễ hiểu vậy. Há nên để chúng ở mãi trong nhà ngục nữa!

Lúc tù phạm được đưa đến, cật vấn xong, chẳng ai dám giấu diếm man trá gì, một buổi xử xong, vì thế Kỳ được thăng vượt cấp làm Đình úy.

Thời ấy Đại tướng quân Tào Sảng chuyên quyền, bọn Thượng thư Hà Yến, Đặng Dương làm vây cánh phụ tá. Người quận Nam Dương là Khuê Thái có lần vì nói năng ngỗ ngược trái ý, bị bắt trói giam ở chỗ Đình úy. Dương thăm vấn tù phạm, muốn buộc Thái vào trọng hình. Kỳ trách Dương rằng:

- Ngài là đại thần giữ chức cơ mật trọng yếu, là người phò tá vương thất, đã chẳng thể giúp đỡ giáo hóa để hình thành đức chính, sánh với cái cao đẹp của cổ nhân, lại buông thả lòng căm

phần theo ý riêng, xử oan cho người vô tội. Khiến trăm họ ghê sợ trong lòng, chẳng phải là việc này sao?

Dương vì thế hổ thẹn, giận dữ lui về. Kỳ lo rằng về sau sẽ đắc tội, liền xưng bệnh từ quan. Ở nhà chưa đến một năm thì chết, năm ấy ba mươi lăm tuổi.

Con của Kỳ là Triệu nổi tự.^①

① Triệu, năm Thái Khang thời nhà Tấn làm Thứ sử Ký châu, Thượng thư, thấy nói *Bách quan chí* (*Bách quan danh*).

Bình rằng: Từ Dịch, Hà Quỳ, Hình Ngung chuộng đức, nghiêm khắc không tư tình, có tiếng tăm ở đời. Mao Giới thanh bạch công chính, Tư Mã Chi trung trinh thành tín, không thiên lệch, không mảy may kiêng sợ kẻ cường bạo. Thôi Diễm cao thượng, phẩm cách nhất mực ưu tú, Bảo Huân giữ lòng công chính không có khiếm khuyết, mà đều chẳng thoát họa sát thân, tiếc thay! *Kinh thi*, thiên *Đại nhĩ* cho rằng "Đã hiểu biết lại khôn ngoan" là quý, Ngu thư cho rằng "Thẳng thắn mà có thể ôn hòa" là hơn, nếu chẳng phải là người trời sinh tài đức kiêm toàn, thì ai có được đầy đủ phẩm cách như thế!

QUYỂN THỨ MƯỜI BA

CHUNG DO, HOA HÂM, VƯƠNG LÃNG

TRUYỆN

— 38 —

Chung Do tự Nguyên Thường, người huyện Trường Xã quận Dĩnh Xuyên.^① Do từng cùng người chú trong họ của cha là Du đi đến Lạc Dương, trên đường tình cờ gặp người xem tướng, người xem tướng nói:

- Đứa trẻ này có quý tướng, nhưng sắp gặp họa sông nước, phải hết sức cẩn thận!

Đi chưa được mười dặm, qua cầu, con ngựa kinh hãi nhảy lên, Do bị rơi xuống nước suýt chết. Du vì thấy lời thầy tướng nói đúng, càng quý Do, bèn cung cấp tiền của, bắt phải chăm học. Lúc xét cử Hiếu liêm,^② Do được bổ làm Thượng thư lang, Dương Lăng lệnh, vì bị ốm bỏ chức. Được vời vào Tam phủ, làm Đình úy chính, Hoàng môn thị lang.

Bấy giờ, Hán đế ở tại Tây kinh, bọn Lý Thôi, Quách Ty làm loạn giữa Trường An, Đế và xứ Quan Đông đứt liên hệ. Thái tổ lĩnh chức Duyện châu mục, bắt đầu phái sứ dâng thư lên.^③

Bọn Thôi, Ty cho rằng: "Quan Đông muốn tự lập Thiên tử, nay Tào Tháo tuy có sứ giả đến tỏ ý, nhưng không phải là chí thật vậy", rồi nghị bàn giữ sứ giả của Thái tổ lại, cự tuyệt ý ấy. Do khuyên bọn Thôi, Ty rằng:

- Hiện nay kẻ anh hùng cùng nổi dậy, đều giả mệnh chuyên chế, duy có Tào Duyện châu là có lòng với vương thất, mà trái

ngịch lòng trung của ông ấy, là không xứng với ước vọng của người đến giúp vậy.

Bọn Thôi, Ty theo lời Do, lại báo đáp hậu hĩnh, bởi thế sứ mệnh của Thái tổ mới được thông. Thái tổ đã mấy lần nghe Tuân Úc khen Do, lại nghe nói Do khuyên bọn Thôi, Ty như thế, càng nghĩ không thôi. Về sau Thôi bức hiếp Thiên tử, Do và Thượng thư lang là Hàn Bân cùng tính kế sách. Thiên tử ra khỏi Trường An, là có công sức của Do vậy. Do được bái làm Ngự sử trung thừa, thăng làm Thị trung Thượng thư bộc xạ, lại xét công lao trước kia phong làm Đông Vũ đình hầu.

① *Tiên hiền hành trạng* chép: Chung Hạo tự Quý Minh, là người ôn hòa hiền hậu lại cẩn trọng, có kiến thức uyên bác về thi luật, truyền dạy cho hơn một nghìn môn sinh, làm Công tào ở quận.

Thời Trưởng huyện Thái Khâu là Trần Thật làm Tây Môn đình trưởng, Hạo đặc biệt kính trọng Thật. Thật ít hơn Hạo mười bảy tuổi, Hạo thường dùng lễ đối đãi như người đồng phạm. Lúc Hạo được vời vào công phủ, đến từ biệt, Thái thú hỏi:

- Ai có thể thay được ngài?

Hạo nói:

- Minh phủ muốn có người như ý mình, Tây Môn đình trưởng có thể dùng được.

Thật nói:

- Chung quân hồ như chẳng có ý quan sát người khác, không hiểu sao lại nhớ đến một mình ta?

Hạo làm Tư đồ duyệt, Tư đồ có lần đi ra ngoài, đường đi lầy lội, người dẫn đường sợ bùn vấy bẩn, đi cách xe của Tư đồ rất xa. Tư đồ vỗ vào đòn xe nói:

- Hôm nay Tư đồ ta đi một mình thôi!

Lúc về phủ xuống xe, sai dịch không nâng đỡ, thi lễ với thuộc quan, nhắc tay mà chẳng ai đáp lễ. Bấy giờ toàn bộ thuộc quan trong phủ đều đệ trình văn trạng tự hặc tội xin bỏ chức, Hạo làm

Tây tào duyên, lập tức mở cửa phủ phân tích rõ với bọn đã xin bỏ chức, rằng:

- Kẻ bầy tôi ở dưới không thể tự mình nói thẳng với chủ, cũng như quan Tư lệ là người cầm cân nảy mực, vì Tư đồ mà thất lễ với Tế tướng, thì chẳng được tin dùng, suốt đời này còn tin dùng các ngài vào chỗ nào nữa?

Các thuộc quan vì thế đều thôi.

Đô quan⁽¹⁾ quả nhiên đến phủ Tây tào duyên, hỏi qua việc quan lại bỏ phủ, Hạo triệu quan lại đến gặp Đô quan, đem hết danh tính các thuộc quan báo rõ, việc mới kết thúc.

Hạo trước sau chín lần được vời vào tam phủ, thăng làm trưởng huyện Nam Hương, Lâm Lu, không đi nhận chức. Bấy giờ các bậc tiền bối ở trong quận được người trong nước theo về, có Thái thú Thương Ngô là Trần Trí Thúc người quận Định Lăng, cố Lê Dương lệnh là Tuân Thục và Hạo là người quận Dĩnh Âm. Thiếu phủ Lý Ứng thường tôn kính ba người này, nói:

- Tuân quân trong sạch hiểu biết nhưng khó bắt chước, Trần, Chung là bậc chí đức có thể học tập.

Cô của Ứng là vợ của anh trai Hạo, sinh ra con là Cận, cùng tuổi với Ứng, đều có tiếng tăm. Cận thích học theo người xưa, có đức nhún nhường. Lúc còn thơ ấu, tổ phụ của Ứng là Thái úy Lý Tu nói:

- Cận giống tính con nhà ta, nước có đạo thì chẳng bị phế bỏ, nước vô đạo thì thoát hình lục vậy.

Lại đem em gái của Ứng gả cho Cận. Cận lánh xa quan mục ở trong châu, chưa từng chịu khuất thân tới đó. Ứng bảo Cận rằng:

- Thầy Mạnh Kha cho rằng trong lòng người ta không có thiện ác phải trái, thì không phải là người vậy. Đệ với người ta lẽ nào không có trắng đen sao!

Cận từng đem lời của Ứng bạch với Hạo, Hạo nói:

¹ Đô quan là viên quan ở kinh đô chuyên coi xét hình phạt.

- Nguyên Lễ, có ông nội đang tại vị, cha chú đều thịnh vượng, Ứng là con rể của Hàn Công, cho nên nói vậy. Xưa kia Quốc Vũ Tử⁽¹⁾ thích vạch lỗi của người khác, ta cho rằng đấy là gốc của oán thù, thời nay có lẽ như thời ấy! Giữ thân mình bảo toàn cho người nhà, là cái đạo phải của mày vậy.

Cận chết sớm, Ứng tuy công danh vinh diệu, ngôi vị đến hàng Khanh tá, nhưng rút cục chết thân vì mối họa đời. Hạo năm sáu mươi chín tuổi chết ở nhà. Hai con của Hạo là Dịch và Phu, đều vì cái họa bè đảng không ra làm quan. Do là cháu của Dịch vậy.

② *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Âm Tu người quận Nam Dương làm Thái thú Dĩnh Xuyên, ra sức biểu dương người hiền cất nhắc kẻ tài tuấn, đề cử Ngũ quan duyệt Trương Trọng làm Phương chính, xét chọn Công tào Chung Do, Chủ bộ Tuân Úc, Chủ ký duyệt Trương Lễ, Tặc tào duyệt Đỗ Hữu, Hiếu liêm Tuân Du, Kế lại Quách Đồ làm chức Lại, khiến quốc triều được vẻ vang.

③ *Thế ngữ* chép: Thái tổ phái sứ giả là Tòng sự Vương Tất đến xin ra sức vì Thiên tử.

Bấy giờ chư tướng ở Quan Trung là bọn Mã Đằng, Hàn Toại, đều nắm giữ binh cường tranh chiến lẫn nhau. Thái tổ đang có việc ở Sơn Đông, thấy xứ Quan Hữu là mối lo, bèn dâng biểu xin lấy Do làm Thị trung giữ chức Tư lệ Hiệu úy, cầm cờ tiết đốc trách chư quân xứ Quan Trung, ủy thác cho việc sau này, đặc biệt được phép xử lý việc không phải câu nệ pháp chế. Do đến Trường An, gửi thư cho bọn Đằng, Toại, bày kế họa phúc, Đằng, Toại đều sai con vào hầu.

Thái tổ ở tại Quan Độ cùng Viên Thiệu cầm giữ nhau, Do đưa hơn hai nghìn con ngựa đến cấp cho quân. Thái tổ gửi thư cho Do nói:

¹ Quốc Tá (国佐), con của Quốc Quý Phụ, là thượng khanh nước Tề thời Xuân Thu, sau khi Quốc Tá chết được ban thụy là Vũ nên gọi là Quốc Vũ Tử (国武子). Quốc Tá lúc làm quan rất hay nói thẳng, nói hết lời, khen chê thiện ác, chẳng úy kỵ gì, lại thích vạch lỗi sai của người, gây thù chuốc oán, sau bị Tề Linh công giết.

"Có được số ngựa ngài đưa đến, rất hợp với lúc nguy cấp này. Vùng Quan Hữu yên bình, triều đình không phải lo lắng ngoài sang tây, là công lao của túc hạ vậy. Xưa kia Tiêu Hà trấn thủ Quan Trung,⁽¹⁾ đủ lương thực để xuất quân thành công, cũng chỉ như vậy thôi."

Sau đó Thiên vu của Hung Nô làm loạn ở Bình Dương, Do thống suất chư quân vây hãm, chưa hạ được; mà viên Thái thú Hà Đông là Quách Viên do Viên Thượng đặt ở đó tiến đến Hà Đông, bộ chúng rất đông. Chư tướng nghị bàn muốn bỏ chỗ đó mà quay về, Do nói:

- Họ Viên đang mạnh, Quách Viên kéo tới, người Quan Trung ngầm thông đồng với hắn, sợ dĩ họ chưa làm phản hết, là bởi trông đến cái uy danh của ta đó thôi. Nếu bỏ mà đi, là tỏ rõ với họ rằng ta yếu nhược, dân chúng ở đây, ai chẳng thành giặc thù? Nếu ta muốn quay lại, còn đến chỗ này được sao! Ấy là chưa đánh mà tự thua trước vậy. Và lại Viên cương gàn hiếu thắng, tất coi thường quân ta, nếu hắn vượt sông Phần lập doanh trại, kịp lúc hắn chưa qua sông mà ta đánh hắn, có thể đại thắng vậy.

Trương Ký khuyên Mã Đằng hội quân đánh Viên, Đằng phái con là Siêu dẫn tinh binh đón đánh. Viên đến, quả nhiên khinh thường vượt sông Phần, bộ chúng can ngăn, Viên không nghe. Vượt sông chưa đến nửa chừng, Siêu đánh, đại phá Viên,^① chém hắn, thu hàng Thiên vu. Việc đã nói ở *Trương Ký truyện*. Sau đó Vệ Cối ở Hà Đông làm loạn, cùng bọn Trương Thịnh, Trương Diễm và Cao Cán đều vào cướp, Do lại thống suất chư tướng đánh dẹp phá chúng.^②

¹ Hán Sở tương tranh, Lưu Bang gây dựng cơ sở ở Hán Trung, Tiêu Hà làm Thừa tướng trấn thủ hậu phương. Lưu Bang vào Trung nguyên tranh thiên hạ với Hạng Vũ, bị thua nhiều trận thiệt hại rất lớn, nhưng nhờ Tiêu Hà bổ sung quân lương chi viện liên tục và kịp thời, nên cuối cùng Lưu Bang diệt Hạng Vũ lập nên nhà Hán.

Từ lúc Thiên tử dời sang tây, dân chúng Lạc Dương sạch nhẵn, Do dời dân xứ Quan Trung đến, lại chiêu nạp bọn phản loạn trốn tránh để sung thêm vào, trong mấy năm nhà dân dần đông đủ. Thái tổ đi đánh Quan Trung, được cung cấp của cải từ đấy, bèn dâng biểu cử Do làm Tiền quân sư.

① *Chiến lược* của Tư Mã Bưu chép: Viên Thượng phái Cao Cán, Quách Viên dẫn mấy vạn quân, cùng Thiên vu người Hung Nô vào cướp Hà Đông, phái sứ giả đến cùng bọn Mã Đằng, Hàn Toại liên hòa, bọn Đằng ngầm hứa theo. Phó Cán khuyên Đằng rằng:

- Cổ nhân có nói: "Thuận đạo thì thịnh, trái đức thì vong." Tào công vâng mệnh Thiên tử tru diệt kẻ bạo loạn, hình pháp sáng suốt, quốc gia được sửa sang, trên dưới nghe mệnh, người có nghĩa tất thưởng, kẻ vô nghĩa tất phạt, có thể nói là thuận đạo rồi. Họ Viên trái vương mệnh, xua quân Hồ lỗ vào lấn Trung Quốc, khoan hòa mà hay đồ kỹ, có lòng nhân mà không quyết đoán, binh dẫu mạnh, nhưng thực sự làm mất lòng người thiên hạ, có thể nói là trái đức rồi. Nay Tướng quân đã thờ người có đạo, mà chẳng hết sức, ngầm ôm hai mối, muốn ngồi xem thành bại, ta sợ rằng lúc thành bại đã định, nhận chiếu văn trách tội, thì Tướng quân là người bị cắt đầu trước nhất vậy.

Vì thế Đằng sợ. Cán nói:

- Kẻ có trí thì chuyển họa thành phúc. Nay Tào công và Viên Thiệu cầm giữ nhau, mà Cao Cán, Quách Viên độc quyền thống chế ở Hà Đông, Tào công dẫu có kế vạn toàn, cũng chẳng thể ngăn được việc Hà Đông không bị nguy cấp vậy. Tướng quân thực sự có thể dẫn quân đánh dẹp Viên, trong ngoài đánh hấn, ấy là thế tất thắng. Như vậy tướng quân đánh một trận, mà chặt đứt một cánh tay của họ Viên, giải mối nguy cấp ở một phương, Tào công tất trọng cái đức của tướng quân. Công lao tên tuổi của tướng quân, trúc lụ cũng chẳng thể chép hết được. Xin tướng quân hãy suy xét kỹ mà lựa chọn!

Đằng nói:

- Xin kính theo lời dạy bảo.

Vì thế phái con là Siêu dẫn hơn một vạn tinh binh, gộp với binh lính của bọn Toại, cùng Do hội đánh bọn Viên, đại phá chúng.

② *Nguy lược* chép: Để hạ chiếu triệu Thái thú Hà Đông là Vương Ấp, Ấp vì thiên hạ chưa định, trong lòng không muốn được triệu, mà quan dân cũng lưu luyến Ấp, bọn huyện thuộc trong quận là Vệ Cố cùng Trung lang tướng Phạm Tiên đều đến chỗ Do cầu xin cho Ấp. Nhưng chiếu chỉ bãi Đỗ Kỳ làm Thái thú, Kỳ đã vào địa giới. Do không nghe lời bọn Tiên, thúc giục Ấp giao nộp ấn phù. Ấp đeo ấn thụ, theo đường tắt từ Hà Bắc đến huyện Hứa tự trao ấn. Sở trị của Do bấy giờ tại Lạc Dương, Do tự cho là cấm lệnh làm mất khuôn phép của Đốc ti, bèn dâng thư tự hạch tội mình rằng:

"Thần trước đây dâng thư lên nói là cố Trấn bắc tướng quân lĩnh Thái thú Hà Đông, tước An Dương đình hầu là Vương Ấp khéo chôi bỏ việc xử lý chính vụ ở sở quan, phạm tội cự lại pháp lệnh, sự việc đáng phải thẩm vấn, tra xét gian ngay. Thần vâng nhận chiếu thư đã chịu trách nhiệm xem xét như yêu cầu. Vì Ấp tự thú nhận tội, nên được khoan xá. Lại nữa là thần dâng lời rằng quan dân lớn nhỏ, đều ngoảnh trông mong ngóng, nói là Ấp sắp quay về, chống cự Thái thú Đỗ Kỳ, nay đều hồi hận, cùng nghênh đón Kỳ đến nhận chức. Cẩn trọng xét văn thư, thần cho là sáo rỗng, vì đã chịu ân đê bạt cất nhắc, sung vào làm người thân cận của vua, kiêm giữ chức vụ cơ yếu, mà làm nhục trọng trách, lại là người đứng đầu của một phương. Thần đã không có đức chính để ban ơn cho muôn dân, lại không có uy hình để tra xét kẻ bất kính, dẫn đến việc Ấp vi phạm chiếu thư, quan Huyện trong quận là Vệ Cố lừa dối bức ép quan dân, đưa lời kêu kiện, ngựa trạm giao nhau trên đường, dân dân làm mất lễ nghi, dân không kính theo vương mệnh. Nay tuy đã hồi lại, nhưng tiếng xấu lưu truyền, lỗi đều bởi Do uy quyền hình pháp không nghiêm."

"Thần lại bệnh tật, trước sau đã hơn một năm, khí lực ngày một suy giảm, ngồi không mà hưởng lộc hậu, buông lơi chức trách, tội phải làm rõ theo phép chế. Nay nghiêm cẩn xét rõ Thị trung giữ chức Tư lệ Hiệu úy tước Đông Vũ đình hầu là Chung Do, may được chịu ân, dấu tài hèn mọn, mà vẫn được đê bạt cất nhắc, được vinh dự theo hầu coi việc cơ mật ở bên cạnh, nhận mệnh làm Đốc sứ. Biết rõ chiếu thư rất lo lắng các

trường lại về chính giáo là khoan hòa yếu kém, tra xét kẻ dưới không xử phạt, để căn bệnh lâu ngày đọng mãi, chức phận bê trễ, pháp lệnh không được thi hành. Ấp dù trái pháp lệnh, đáng phải uốc thúc đúng hình pháp, Do đã gửi văn thư, hạch tội không hợp lý, dẫn đến việc Ấp phải đi xa đến cửa khuyết. Hồng việc nhục đến sứ mệnh, làm tổn thương danh vuột. Mà Cố lừa dối bức ép quan dân, chống cự Kỳ hơn tháng, nay dấu hời lại, song việc làm trái tình lý mất chính đạo, người trong cõi gian dữ, tội tất cả bởi Do dùng uy hình tối tăm."

"Lại nữa là Do bệnh tật lâu ngày, chẳng gánh vác được chức trách, không phải rằng Do là đại thần nên đáng nhận chức ấy. Do khinh mạn phép tắc, không sợ chiếu lệnh, không cùng quốc gia đồng lòng, làm bày tôi bất trung, không úy kỵ điều gì, là đại bất kính. Lại không vâng theo chiếu thư, phụng chiếu bất cần, tai mắt bị che lấp, bị cấp dưới của mình lừa dối, thật yếu kém chẳng gánh vác nổi chức trách. Cần trọng nêu mấy tội để tự hặc mình, thần thỉnh xin bệ hạ cưỡi xe đến chỗ Đình úy trị cái tội của Do, Đại hồng lư tước bỏ quan tước và đất đai của thần."

"Thần đã lâu mang bệnh nặng, qua mùa hạ lại càng nguy kịch, tính mệnh treo trong khoảnh khắc, chẳng gánh vác nổi việc ở sở quan. Nay đem văn thư giao lại cho Công tào tông sự là Mã Thích xử lý, xin bỏ mũ đi chân trần, nép mình chịu tội chết."

Để hạ chiếu không nghe.

Nước Ngụy mới dựng, Do làm Đại lý, rồi được thăng làm Tướng quốc. Văn đế ở ngôi Đông cung, ban cho Do nôi Ngũ thực,⁽¹⁾ trên nôi khắc một bài minh⁽²⁾ nói:

"Hiển hách ở Ngụy,
Bồi thần giúp Hán.
Tướng quốc họ Chung,
Dốc lòng gắng sức.

¹ Nôi Ngũ thực (五熟釜) là một loại nôi nấu ăn đặc biệt thời xưa, trong nôi chia làm năm ngăn, có thể đồng thời một lúc nấu được năm thứ rau.

² Bài minh tức là một đoạn văn tự được khắc lên đồ vật hoặc để răn mình, hoặc để ghi chép lại công đức của ai đó, thường là khắc vào các thứ đồ như chuông, vạc hoặc bia mộ.

Sớm khuya cung kính,
 Chẳng hề an nhàn.
 Làm thầy trăm quan,
 Khuôn mẫu phép tắc." ①

Được mấy năm, vì liên lụy việc Tây tào duệ là Ngụy Phúng mưu phản, có sách mệnh bãi chức cho về nhà.②

Văn đế tức vương vị, Do lại làm Đại lý. Lúc lên ngôi, đổi Do làm Đình úy, tấn phong tước Sùng Cao hương hầu. Rồi thăng làm Thái úy, chuyển phong tước Bình Dương hương hầu. Bấy giờ Do và Tư đồ Hoa Hâm, Tư không Vương Lăng, đều là danh thần đời trước. Văn đế lúc bãi triều, bảo tả hữu rằng:

- Ba vị Công này, là vĩ nhân của một thời, đời sau e là khó có người nối theo được vậy!③

Minh đế tức vị, tấn phong Do làm Đình Lăng hầu, tăng thực ấp năm trăm hộ, gộp cả lúc trước là một nghìn tám trăm hộ, thăng làm Thái phó.

Do vì có bệnh ở đầu gối, lúc bái lạy đứng lên không tiện. Bấy giờ Hoa Hâm cũng tuổi cao bệnh tật, mỗi lúc triều kiến Đế đều sai xe kiệu chở họ đến, quân hổ bộ không lên điện tới chỗ ngồi. Từ đấy về sau Tam công có bệnh, bèn theo việc cũ đó.

① *Ngụy lược* chép: Do làm Tướng quốc, đem khuôn đúc nôi ngũ thực cho Thái tử đúc, nôi đúc thành, Thái tử gửi thư cho Do nói:

"Xưa kia thời Hoàng Đế có tam vạc,⁽¹⁾ triều Chu có cửu đỉnh,⁽²⁾ đều lấy ra một cái để chế món ăn, há được thơm như năm món ăn ở nôi này?

¹ Theo truyền thuyết, sau khi Hoàng Đế đánh bại Viêm đế, để ghi nhớ cuộc chiến khốc liệt, Hoàng Đế bèn cho đúc một cái vạc lớn, ngoài ra lại cho đúc thêm ba cái vạc nhỏ khác, đặt tên là Thiên, Địa và Nhân.

² Hạ Vũ dựng nước, chia thiên hạ thành chín châu, sai đúc chín cái đỉnh (vạc) để tượng trưng chín châu đó, lại đem các sông núi nổi tiếng, danh lam thắng cảnh, đồ vật kỳ dị của các châu vẽ lên thành sách, rồi mô phỏng khắc lên trên chín đỉnh, coi đó là bảo vật trấn quốc. Chín đỉnh ấy truyền qua các triều Hạ, Thương, Chu, đến thời nhà Tần, nhà Hán thì chín đỉnh thất lạc mất.

Nấu nướng món ăn trong vạc, để cúng tế Thượng đế, để nuôi bậc thánh hiền, tỏ rõ cái đức cầu phúc, tuyệt không phải vì cái đẹp của nó. Cho nên không phải là đại nhân, tuyệt chẳng có ai tạo đỉnh; mà không có thần đỉnh, thì chẳng thể tuyên dương được đức dày. Cái nồi đẹp hôm nay, lại càng thêm đẹp. Mà Thi Thần của nhà Chu,⁽¹⁾ Khảo Phụ của nước Tống,⁽²⁾ Khổng Khôi của nước Vệ,⁽³⁾ Ngụy Khòa của nước Tấn,⁽⁴⁾ bốn bậc tôi ấy, đều vì công đức mà được khắc tên trên chuông đỉnh. Nay ngài chủ quản việc cung kính tín phụng Đại Ngụy, để hưng vượng giáo hóa của thánh hiền. Ngài đức hạnh đường đường, nơi này thịnh vượng, thực là điều mà quan Thái thường nên ghi lại, cái nồi ấy như đồ dùng tôn quý nơi tông miếu xứng đáng được khắc chữ lên. Cho nên ta ghi chữ lên đây, khắc ở miệng nồi, coi như để tán dương cái đức cao cả vĩ đại của ngài, truyền mãi không bao giờ mục nát.”

¹ Thi Thần (尸臣): Xem chú giải của Bùi Tùng Chi bên dưới.

² Chính Khảo Phụ (正考父), quan đại phu nước Tống thời Xuân Thu, là con trưởng của Tống Mẫn công, từng phụ tá các vua là Đái công, Vũ công và Nguyên công, địa vị rất cao, hành vi mẫu mực, ba lần làm quan thượng khanh, lại càng cung kính hơn. Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên, phần *Khổng tử thế gia* có chép: Khổng tử là hậu duệ của Khảo Chính Phụ, ở cái vạc tại miếu thờ của Khảo Chính Phụ có đúc bài minh rằng: “Được bổ chức lần thứ nhất thì ta cúi xuống; được bổ chức lần thứ hai thì ta khom lưng; được bổ chức lần thứ ba thì ta cúi thấp, men theo tường mà chạy, cũng không ai dám khinh rẻ ta. Ta ăn cơm ở vạc này, nấu cháo ở vạc này để nuôi miệng ta.”

³ Khoái Hội là Thế tử của Vệ Linh công, vì mâu thuẫn trong nội tộc, lưu vong ở nước ngoài. Vệ Linh công chết, Cơ Triếp (con của Khoái Hội) lên nối, Khoái Hội vẫn ở ngoài, không được về nước. Khoái Hội bèn cùng Khổng Khôi (孔悝), bảy giờ là quan đại phu nước Vệ làm loạn, đánh úp Xuất công, Khoái Hội lên làm vua, tức là Vệ Trang công. Vệ Trang công cảm tạ Khổng Khôi, cho viết bài minh lên vạc để ghi nhớ.

⁴ Ngụy Thủ, là cha của Ngụy Khòa (魏顆), tướng nước Tấn thời Xuân Thu. Ngụy Thủ có người thiếp yêu, khi còn khỏe dặn con là khi nào mình chết thì gả chồng cho nàng, lúc ốm sắp mất lại dặn là khi nào mình chết thì chôn người thiếp theo. Ngụy Thủ chết, Ngụy Khòa đem gả chồng cho nàng, nói: “Ta theo lời cha dặn lúc người còn sáng suốt.” Sau này, Ngụy Khòa đi đánh nhau với nước Tần, có ông già giúp chằng cỏ làm ngựa của tướng nước Tần là Đỗ Hồi ngã nên Ngụy Khòa bắt được. Ông già nói: “Tướng quân biết theo lời dặn sáng suốt của cha mà gả chồng cho con gái tôi, vì thế tôi kết cỏ để báo ơn sâu.” Đây chính là tích “Kết cỏ ngậm vành” nổi tiếng trong dã sử Trung Hoa. Ngụy Khòa vì công lớn, được khắc tên lên chuông đỉnh.

Thần Tùng Chi xét *Hán thư*, thiên *Giao tự chí*, thời Hiếu Tuyên, người ở Mĩ Dương bắt được cái vạc, Kinh Triệu doãn là Trương Sưởng dâng lời bàn rằng: "Xét vạc có khắc chữ rằng: 'Vương lệnh cho Thi thần làm quan ở ấp Tuân này. Ban cho người cò loan, áo thêu, chỗ ngọc.' Thi Thần chấp tay lạy rạp đầu nói rằng: 'Thần đâu dám không dốc hết tâm sức để báo đáp ân mệnh của Thiên tử!' Đây là cái mà nhà Chu ban tặng cho đại thần, con cháu của đại thần khắc ghi công lao của tổ tiên, cất nó trong cung miếu vậy." Bài minh của Khảo Phụ thấy ở *Tả thị truyện*, bài minh của Khổng Khôi thấy ở sách *Lễ ký*, việc này đã rõ ràng nên không chép lại.

Quốc ngữ chép: Trần đánh thắng nước Lộ ngày xưa, nước Tần kéo đến mưu đồ đánh bại Tấn công, Ngụy Khảo đem thân đuổi quân Tần ở Phụ Thị, tự mình ngăn được Đỗ Hồi; việc ấy có bài minh khắc trên chuông của Cảnh công, cho đến nay không mất tiếng tốt, con cháu của Ngụy Khảo chẳng thể không hưng vậy.

Đây là bốn bài minh mà Thái tử nói đến.

Ngụy lược chép: Sau này Thái tổ đi đánh Hán Trung, Thái tử ở tại Mạnh Tân, nghe nói Do có ngọc quyết,⁽¹⁾ muốn có được ngọc ấy nhưng ngại nói ý với Do. Vì thế bí mật sai Lâm Truy hầu nhờ người chuyển ý ấy, Do lập tức đưa ngọc quyết đến.

Thái tử gửi thư cho Do nói:

"Ngọc để sánh với cái đức của người quân tử, để khen ngợi thi nhân. Ngọc Thùy Cức của nước Tấn,⁽²⁾ ngọc Dư Phan của nước Lỗ,⁽³⁾ ngọc

¹ Ngọc quyết (玉玦) là một thứ ngọc bội, chữ quyết (玦) với nghĩa là cái vòng ngọc dễ đeo, đồng âm với chữ quyết (決) có nghĩa là quyết định, cho nên thời xưa cổ nhân dùng đến ngọc quyết là biểu lộ ý định can gián, cự tuyệt.

² Ngọc Thùy Cức là báu vật của nước Tấn. Thùy Cức (垂棘) là tên một địa danh ở nước Tấn thời Xuân Thu, là nơi tìm thấy viên ngọc đẹp nổi tiếng, sau này mượn ý để nói ngọc đẹp. Đỗ Dự khi chú giải sách *Tả truyện* có câu: "Xứ Thùy Cức có thứ ngọc đẹp, cho nên lấy Thùy Cức làm tên ngọc."

³ Dư Phan (璠) là thứ ngọc rất đẹp, có ở nước Lỗ. Khổng tử khen ngọc Dư Phan rằng: "Đẹp thay Dư Phan, đứng xa mà trông, sắc màu rực rỡ, lại gần ngắm kỹ, như là sắt vậy."

Kết Lục của Tống,⁽¹⁾ ngọc Hòa Phác của nước Sở,⁽²⁾ giá hơn vạn lạng vàng, quý trọng như đô thành, nổi tiếng từ xưa, tiếng tăm truyền đến mai sau. Thế nên ngọc Thủy Cức từ nước Tấn đưa ra, vua hai nước Ngưu, Quắc bị bắt sống;⁽³⁾ ngọc bích họ Hòa vào nước Tần, Tương Như vâng tiết thảo.⁽⁴⁾ Trộm thấy sách luận về ngọc, khen là mỹ ngọc trắng thì như mỡ cắt, đen thì như sơn bóng, đỏ thì giống như mào gà, vàng thì ngang ruột cây gai, cây dễ. Ta nghe nói về thứ ngọc ấy, nhưng chưa từng thấy hình dạng thực của chúng. Ta dẫu về đức thì không phải là bậc quân tử, về nghĩa không bằng với thi nhân, đức hạnh như núi của cổ nhân, là cái mà ta ngưỡng mộ. Nhưng bốn vật báu kia là ở thời xa xưa, từ Tần, Hán chưa nghe nói có thứ tốt so được. Vì thế ta tìm nó nhiều năm, chưa gặp được ngọc thật, lòng riêng muốn có nhưng không kết quả gì, cái đói cái khát còn chưa sánh nổi. Gần đây ta thấy Tông Huệ Thúc người quận Nam Dương khen rằng Quân hầu trước đây có ngọc quyết đẹp, ta nghe ông ấy nói thì kinh ngạc vui mừng, vỗ tay cùng cười. Phải tự viết thư bày tỏ, sợ lời truyền đi chưa được rõ ràng, vì thế lệnh

¹ Kết Lục (结绿) là thứ ngọc xanh biếc tuyệt đẹp ở nước Tống. *Chiến Quốc sách*, phần *Tần sách*, quyển 3 có câu: “Nhà Chu có ngọc Chi Ách, nước Tống có ngọc Kết Lục, nước Lương có ngọc Huyền Lê, nước Sở có ngọc Biện Hòa. Đây là bốn thứ ngọc báu nổi tiếng trong thiên hạ.”

² Hòa Phác (和璞), là viên ngọc họ Hòa nước Sở rất nổi danh, về sau được đúc thành cái ấn ngọc truyền quốc của Tần Thủy Hoàng, trên ấn có khắc chữ của Thừa tướng Lý Tư.

³ Thời Xuân Thu, vua nước Tấn là Hiến công muốn đánh nước Quắc, nhưng phải đi qua nước Ngưu, sợ không mượn được đường bèn theo lời đại thần, đem ngọc Thủy Cức (báu vật quốc gia) và con ngựa Khuất Sản (ngựa quý Hiến công hay cưỡi) tặng cho vua nước Ngưu. Vua nước Ngưu tham báu vật, cho nước Tấn mượn đường, nước Quắc bị diệt xong, khi quân Tấn quay về diệt nốt nước Ngưu, thu hồi lại hai thứ báu vật.

⁴ Nước Triệu có viên ngọc bích của họ Hòa, vua nước Tần là Chiêu vương xin đem 15 tòa thành đổi lấy ngọc. Đại thần nước Triệu bàn định, sợ rằng nước Tần được ngọc bội ước, mà không đưa thì sợ nước Tần đánh. Lạn Tương Như được cử đi sứ, đem ngọc đến dâng lên vua Tần ở Chương Đài, vua Tần nhận ngọc, quả nhiên vua Tần không có ý giao thành. Lạn Tương Như lừa nói rằng: “Ngọc này có vết, xin được chỉ cho vua xem”. Rồi cầm lại được viên ngọc, trách Tần bội ước, lại dọa đập vỡ ngọc, vua Tần sợ. Về sau Lạn Tương Như sai người cải trang, giả kỹ viên ngọc, đem về nước Triệu. Rút cục là nước Triệu không mất ngọc, vua Tần cũng không đổi thành trì.

cho xá đệ là Tử Kiến nhờ Tuân Trọng Mậu chuyển đến ngài mấy lời thô lậu. Thư đi không lâu, được thấy đáp thư của ngài, liền từ huyện Nghiệp cưỡi ngựa đến tận nơi, ngọc báu vừa đưa đến, ta bưng lên quỳ gối mở hộp, sáng lóa lóa mắt. Thẹn vì mình thô lậu, mà được ngắm nhìn báu vật hiếm có ở đời, chẳng nhọc một lần đi sứ, không tổn hại vật có giá liên thành, đã được xem Chương Đài của Tần Chiêu, lại không cần dôi trá như Lạn Sinh cướp ngọc. Ngài biếu tặng rất hậu, ta dám không cung kính mà nhận lấy sao!"

Do đáp thư rằng:

"Lúc trước kẻ hèn này được tin dùng ở gần hoàng thượng, được ban ngọc quyết. Thần vốn là lão nhân tại cửa Thượng phương,⁽¹⁾ nên rất biết vật cũ này. Tên của nó là Phù thái, thì tất phải ở đúng chỗ của nó.⁽²⁾ Thần cho rằng người chấp sự được có báu vật này, vì thế trộm giữ, để dùng mà chưa dâng lên. May được cúi mình vâng theo ý người, thực là vui sướng. Trước kia họ Hòa, ân cần đốc lòng trung,⁽³⁾ mà Do còn đợi lệnh, vì thế vẫn mang lòng hổ thẹn."

② Ngụy lược chép: Tôn Quyền xưng thần, chém đưa đầu Quan Vũ đến. Thái tử gửi thư báo cho Do, Do đáp thư rằng:

"Người cùng quận với thần là cố Tư không Tuân Sách nói: 'Con người ta phải theo tình lý, người quý ta thì làm thế nào để có thể quý hơn! Kẻ ghét ta thì cố làm sao để ghét hơn!' Thần đoán nghĩ về Tôn Quyền, lại thấy khả ái."

Thái tử lại gửi thư rằng:

"Ta nhận được đáp thư, biết phương nam có việc mừng. Đến chỗ ngài nói lời đàm luận thanh nhã của Tuân công, về cái khả ái của Tôn Quyền, cứ cầm thư cười mãi không thôi, chẳng rời thư ra được. Nếu Quyền lại giảo hoạt giở trò đùa bỡn, ta sẽ dùng lời Nguyệt đán bình của

¹ Phù Thượng phương (尚方), là nơi chế tạo các thứ khí vật quý, đồ dùng cho Hoàng đế.

² Phù thái ý là vật đẹp phải sánh với người có nghi dung đẹp, Chung Do giữ ngọc quyết đẹp, bấy đã già lão xấu xí, nên tỏ ý rằng ngọc đẹp phải ở với người có nghi dung, nên đưa về chỗ Tào Phi là việc đúng.

³ Xưa kia Biện Hòa có được viên ngọc đẹp, đem dâng ngay lên vua nước Sở.

Hứa Thiệu ở Nhữ Nam để bắt bẻ hắn. Quyền còn do dự qua lại giữa hai nước, cúi xuống ngẩng lên có Tuân, Hứa, cũng đã đủ rồi."

③ *Dị lâm* của họ Lục chép: Do có lần mấy tháng không hội triều, thái độ tỏ ra khác thường, có người hỏi nguyên do việc ấy, Do nói:

- Ta thường thấy có người đàn bà tìm đến, diễm lệ phi phàm.

Người hỏi chuyện nói:

- Đấy tất là ma quỷ, nên giết nó đi.

Người đàn bà sau lại đến, không như lần trước, chỉ ở cửa ngoài. Do hỏi vì sao, người đàn bà nói:

- Công có ý muốn giết ta.

Do nói:

- Không phải thế.

Bèn ân cần gọi, người đàn bà mới vào. Do có ý giận, tuy không nỡ giết, nhưng vẫn chém người đàn bà ấy bị thương ở bắp đùi. Người đàn bà liền đi ra, lấy bông mềm lau vết thương, máu chảy ướt suốt dọc đường. Hôm sau sai người truy tìm dấu vết người đàn bà ấy, thì đến một ngôi mộ lớn, thấy trong áo quan có một người đàn bà đẹp, hình thể như người còn sống, mặc áo lót lụa mềm trắng, áo cánh gấm đỏ, bắp đùi trái bị thương, bông lau máu vương trên áo cánh. Chú của ta⁽¹⁾ là Thái thú Thanh Hà nói như thế.

Thái thú Thanh Hà, là Lục Vân vậy.

Khi trước, Thái tổ hạ lệnh, sai bàn luận kẻ bị tử hình có nên thay bằng nhục hình không. Do cho rằng "Việc nhục hình từ thời cổ, qua thời của thánh nhân có thay đổi, nên cho thi hành trở lại, để thay cho tội chết." Kẻ bàn luận cho rằng đó không phải là cái đạo làm cho dân vui, việc mới thôi. Đến khi Văn đế đích thân bày đại tiệc đãi quần thần, hạ chiếu rằng:

"Đại lý muốn khôi phục lại nhục hình, đấy thực là phép của bậc thánh vương. Các công khanh nên khéo cùng bàn định."

¹ Đại từ nhân xưng "ta" ở đây tức tác giả sách *Dị lâm* vậy.

Nghị bàn còn chưa xong, đúng lúc có việc quân, lại thôi. Năm Thái Hòa trung, Do dâng sớ rằng:

"Đại Ngụy chịu mệnh trời, nối theo dấu tích Ngu, Hạ.⁽¹⁾ Hiếu Văn cải cách hình pháp, chẳng hợp đạo xưa.⁽²⁾ Tiên đế là bậc thánh đức, cố nhiên là người mà trời ban xuống, đối với Tam phần Ngũ điển,⁽³⁾ đều thông suốt hết. Vì thế khi lên kế nối, vẫn luôn ban minh chiếu, nghĩ việc khôi phục hình pháp cổ xưa, làm thành phép lớn của một thời. Vì việc quân liên miên, nên chưa thi hành được. Bệ hạ đoái nghĩ đến di ý sâu xa của nhị tổ, tiếc cái việc chặt chân có thể dùng để cấm kẻ ác, hận là nó đưa người chưa đáng chết đến chỗ chết, sai làm thật rõ hình luật, quần thần cùng nghị bàn. Thần kiến nghị rằng nay người đáng chặt chân mà khéps tội chết, nên khôi phục lại hình phạt này."

"Kinh Thư nói rằng: 'Hoàng Đế xét hỏi kỹ lưỡng hạ dân, người góa bụa tố cáo người Miêu.' Đây là nói vua Nghiêu nên có hình phạt trừ bỏ Xi Vưu, Hữu Miêu, lời tố cáo của hạ dân đã có trước khi xét hỏi vậy. Như hiện nay lúc quyết ngục bế tắc, hỏi đến Tam hòe, Cửu cực,⁽⁴⁾ quan lại, muôn dân, thì muốn theo phép của Hiếu Cảnh, kẻ có tội phải chém, muốn hỏi cải xin chặt chân bên phải thì ưng cho. Kẻ đáng tội

¹ Tức là thời Ngu Thuấn và Đại Vũ (vua đầu tiên của nhà Hạ).

² Thời Hán Hiếu Văn, khi bàn về hình phạt, Hiếu Văn cho rằng: "Pháp luật đúng thì dân tốt; trị tội đúng thì dân theo. Chức trách của các quan lại là dạy dân, hướng dân theo điều tốt. Kẻ đã không thể hướng dân đến chỗ tốt lại lấy pháp luật không đúng để bắt tội, như thế là hại dân, làm những điều bạo ngược." Vì thế bỏ nhục hình, thay bằng đánh roi, gậy. Tuy nhiên nhiều người lẽ ra chỉ bị cắt tay, chân, nhưng vì chịu roi, gậy không chịu nổi nên chết. Sách *Hán thư* bình: "Hình phạt tuy nói là giảm nhẹ, nhưng thực chất là giết người."

³ Tam phần (三坟) là nói đến sách của ba vị vua thời cổ là Phục Hi, Hoàng Đế, Thần Nông; Ngũ điển (五典) là nói đến sách *Kinh Thư*, *Kinh Thi*, *Kinh Lễ*, *Kinh Dịch*, *Kinh Xuân Thu*.

⁴ Tam hòe (三槐) là chỉ vào Tam công. Vào thời nhà Chu, ngoài cửa cung đình có ba gốc cây hòe, lúc Tam công vào châu thiên tử, đứng ngoảnh vào gốc cây hòe, người sau nói đến Tam hòe là có ý trở vào Tam công.

Cửu cực (九棘) là chỉ vào Cửu khanh. Mỗi thời có thay đổi chút ít. Thời Hán quy định gồm: Thái thường (hay Phụng thường), Quang lộc huân, Vệ úy, Thái phó, Đình úy, Đại hồng lư, Tông chính, Đại tư nông, Thiếu phủ.

thích chữ bôi mực vào mặt, cắt mũi, chặt chân trái, cung hình,⁽¹⁾ thì theo như phép của Hiếu Văn, đổi thành hình phạt cắt tóc, đánh roi. Với can phạm, từ hai mươi tuổi đến bốn, năm mươi tuổi, dẫu chặt chân, thì chúng vẫn sống và sinh sản được. Nay người trong thiên hạ ít hơn thời Hiếu Văn, tính ra số người có thể cứu sống trong cả nước, mỗi năm ba nghìn. Trương Thương⁽²⁾ bỏ nhục hình, kẻ phạm tội bị giết mỗi năm tính ra cả vạn. Thần muốn khôi phục nhục hình, mỗi năm cứu sống lấy ba nghìn người."

"Tử Cống hỏi rằng người có thể cứu giúp dân có thể gọi là người có lòng nhân chăng? Khổng tử nói: 'Lòng nhân nào chỉ có vậy, làm tròn được thì là bậc thánh rồi, Nghiêu, Thuấn cũng khốn khổ vì những việc ấy đấy!' Lại nói: 'Đức nhân đâu có xa gì? Ta muốn đức nhân, thì đức nhân đến vậy.' Nếu thực sự thi hành nhục hình, thì dân được cứu giúp mãi."

Thư tấu lên, Đế hạ chiếu rằng:

"Thái phó học vấn ưu tú, tài hoa cao siêu, lưu tâm đến chính sự, lại sâu sắc về hình pháp. Việc lớn này, công khanh và trăm quan nên khéo cùng bàn luận."

Tư đồ là Vương Lăng nghị bàn, cho rằng:

"Do muốn giảm nhẹ các điều luật về tội chết, tăng hình phạt chặt chân, như thế tức là dựng kẻ đang nằm dậy, hóa thây ma thành người sống rồi. Nhưng theo ngu thần, vẫn còn chưa hợp về một ý nhỏ khác. Tội thuộc vào ngũ hình,⁽³⁾ đã nêu tại hình luật, tự nó đã theo quy định

¹ Cung hình (宮刑) tức là bị thiến, đây là hình thức phạt thường áp dụng với kẻ mắc tội dâm tà.

² Trương Thương (张苍), tự Tự Khanh, người cuối thời nhà Tần, là đồng môn với Lý Tư và Hàn Phi, sau theo Lưu Bang, được phong tước Bắc Bình hầu, thời Hán Văn đế từng đảm nhiệm chức Thừa tướng sau khi Quán Anh chết.

³ Ngũ hình (五刑) thời Hán gồm: Phạt roi, phạt gậy, lao dịch, lưu đầy, tử hình. Mỗi loại lại chia ra nhiều bậc, tùy nặng nhẹ mà xử. Đánh roi thì từ 10 đến 50 roi (chia 5 bậc); đánh gậy thì từ 60 đến 100 gậy (5 bậc); lao dịch từ 1 năm đến 3 năm (5 bậc, mỗi bậc thêm bớt 6 tháng); lưu đầy từ 1000 dặm đến 3000 dặm (3 bậc); tử hình chia 2 bậc là thất cổ (giào) hay chém (trảm).

là giảm tội chết xuống một bậc rồi, không chết tức là được giảm. Việc thi hành đã từ lâu, chẳng đợi phải mượn búa, đục ở cái nhục hình xa xôi kia, rồi mới có các thứ bậc tội trạng vậy. Người có lòng nhân thời trước, chẳng nhẫn tâm với cái thảm khốc của nhục hình, cho nên phết bỏ mà không dùng. Từ lúc không dùng đến nay, trải qua mấy trăm năm. Nay lại thi hành nó, sợ rằng vẫn tự về việc giảm hình pháp còn chưa tỏ trong con mắt của muôn dân, mà câu hỏi về nhục hình đã truyền đến tai nước địch rồi, chẳng phải là cách hay lôi kéo người ở xa vậy. Nay xét cái ý mà Do muốn là giảm bớt tử tội, khiến tội chết được giảm thành tội cắt tóc, chặt chân. Ngờ rằng thế là nhẹ, sẽ khiến số tội phạm mỗi năm tăng gấp bội. Bên trong có cái ân chẳng thể kể hết là lấy sống thay chết, song bên ngoài không được tiếng khen là lấy việc chặt chân thay cho tiếng gào hối hùng đầu."

Hơn trăm người bàn luận, đa phần là giống với Lãng. Đế vì hai nước Ngô, Thục chưa bình được, lại thôi.^①

① Viên Hoành nói: Ôi, lòng dân vui trọn mà chẳng thể vẹn mãi, là bởi ta đem cái vật có lợi treo ở ngoài, khiến lòng ham muốn của người ta động ở trong vậy. Vì thế họ mới có hành động tham lam tranh giành đến lấy, mưu cầu cái việc phóng túng. Người ta đến lấy không dừng được, vì cái lòng ham muốn của con người ta chẳng khi nào đủ cả, thế thì cái việc cầu thả cầu may sinh ra. Mưu cầu không chán, lòng ham muốn không thỏa, thì sự gian trá phần nộ bùng lên vậy. Các bậc đế vương trước đây biết cái lẽ như thế, muốn ngừa cái xấu của người đời, mới dùng đức giáo hóa để dạy bảo cái tâm tính của họ trước; tâm tính của họ không dạy dỗ được, thì mới dùng đến hình phạt. *Kinh Thư* viết: "Trăm họ không hòa, đạo ngũ thường không thuận. Người phải làm Tư đồ để cung kính thi hành ngũ giáo."⁽¹⁾ Người Man Di quấy Hoa Hạ, giặc

¹ *Kinh Thư*, thiên *Thuán điển* có câu "ngũ phẩm bất tổn." Khổng Đạt chú rằng, "ngũ phẩm gọi là ngũ thường", ở đây là gồm nghĩa (cha có đạo nghĩa), từ (mẹ hiền từ), hữu (bạn bè hòa thuận), cung (em cung kính anh), hiếu (con hiếu với cha mẹ); sau này thời Khổng từ cho rằng ngũ thường gồm: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

cướp nổi trong ngoài. Người phải làm kẻ sĩ, dùng ngũ hình để họ phục tùng." Thế thì bày đức đặt hình, xen nhau mà sử dụng vậy. Thời Tam đại kế thừa nhau, cái nghĩa ấy đã rõ rồi. Theo *Chu lễ*: "Kẻ bị thích chữ bôi mực vào mặt thì cho giữ cửa, kẻ bị cắt mũi thì cho giữ quan ải, kẻ bị cung hình thì cho giữ cung cấm, kẻ bị chặt chân thì cho giữ vườn." Đó là phép tắc về nhục hình nên được nghị bàn vậy. Tuân Khanh cũng nói rằng, giết người thì phải chết, làm bị thương người thì chịu hình, là cái phép giống nhau của trăm vương,¹ chưa biết phép ấy từ đâu ra. Giết người thì phải xử chết, mà người ta vẫn giết nhau không thôi, tội đáng xử tử lại không giết để làm gương, thì chẳng thể khiến thiên hạ không có người bị giết vậy. Làm người khác bị thương thì phải chịu hình, mà người ta vẫn hại nhau không ngừng, tội đáng thích chữ bôi mực vào mặt, cắt mũi mà lại không dùng hình để họ sợ, thì chẳng thể khiến thiên hạ không có ai phạm tội vậy. Thế nên muốn dùng việc giết chóc tàn hại nhau, tuyệt chẳng gì bằng dùng đức để cảm hóa người ta trước. Tội lỗi đã rõ ràng, thì mới khép hình pháp, thế thì kẻ muốn giết người không nhất định là phải chết, kẻ định hại người chẳng nhất thiết phải chịu hình. Nếu tha rồi mà không thay đổi, thì mới hãm vào tội chết. Cho nên cái cốt yếu mà hình pháp chế định ra, là ở chỗ không thể tùy ý thay đổi được. Lễ giáo thì không giống thế, phải làm rõ thiện ác, là để ngầm khuyến khích tâm tính của người ta, khiến họ tiêu tan cái ý muốn giết chóc vậy; bày rõ cái nhục nhã, là để đánh thức cái thẹn trong lòng người ta, khiến họ bỏ ý nghĩ muốn làm người khác bị thương vậy. Cho nên lỗi nhỏ thì chẳng đến nỗi phải ghi vào, tội nhẹ thì chẳng đến mức dùng hình. Rút cục kẻ bị khép vào tội chết, là kẻ không thể giáo hóa được nữa vậy, vậy nên dù giết một sinh mệnh, hành hình thân thể của một người, là trừ cái hại của thiên hạ, có hại gì đâu! Noi theo cái đạo ấy, phong hóa có thể dần trong sạch, hình phạt

¹ Tuân Khanh (荀卿) tên Huống, tự là Khanh, người cuối thời Chiến Quốc, là nhà tư tưởng, nhà văn, nhà chính trị nổi danh. Tên gốc của ông là Tuân Khanh, đời sau vì tránh tên húy của Hán Tuyên đế nên gọi là Tôn Khanh. Hai chữ Tuân và Tôn phát âm tựa tựa như nhau.

có thể ít dần đi, đây là lý đương nhiên vậy. Ví như chẳng chịu cảm hóa tâm tính của người đời, mà chuyên tâm tin dùng hình phạt, dân chúng mất lòng tin ở đức nghĩa, hành động thì lo mắc lưới hình, cầu sự yên bình ở đời, há có được chăng? Các vị Thành vương, Khang vương của nhà Chu, há đâu đặt ra ba nghìn điều văn là để làm đẹp cho hình pháp sao?⁽¹⁾ Cái đức giáo hóa ngấm dần, suy cho cùng là có nguyên do vậy. Thời Hán sơ tìm xét cái xấu của việc dùng hình tàn khốc, chuyên chú bàn luận về sự khoan hậu, công khanh đại phu, thay nhau xỉ vả cái lỗi của người khác. Văn đế lên ngôi, lại càng xét lẽ cao xa. Trương Vũ nhận hối lộ, thì ban cho vàng để làm hấn thẹn;⁽²⁾ Ngô vương không vào châu, thì dùng lễ lớn để răn bảo cái lỗi của ông ta.⁽³⁾ Vì thế quan dân vui nghiệp, đạo trung thật theo gió lưu truyền, dứt cảnh hình ngục bốn trăm năm, bấy lâu bỏ không dùng hình, há chẳng phải là hiệu quả thật sự của việc sử dụng hài hòa ân trạch và hình phạt sao? Người đời muốn nói rằng để dùng hình phạt, thì không dùng đạo đức giáo hóa trước, là sai lầm lớn vậy. Hiện nay cái tội tử hình, so với pháp chế thời xưa cũng tương đồng. Những kẻ tù phạm từ hạng được miễn tội chết trở xuống, không quá năm năm, được cởi bỏ kim kẹp, lại được đứng ngang hàng với mọi người. Thế là dân không biết xấu hổ với lỗi lầm, nhiều kẻ dối gian trộm cắp, cho nên bọn tù phạm đông đảo mà loạn không trị được. Ví như có kẻ nào đó bỏ lễ giáo, thì phạt đúng với cái tội của kẻ đó, nhất định là dùng đao cưa, suốt đời không cho được cùng hàng với mọi người, người ở lân bang còn xỉ vả kẻ đó, huống chi là người thân gần? huống chi là triều đình? Như thế, thì lữ Túc Sa,

¹ Thời nhà Chu, đặt ra 3.000 điều luật quy định cụ thể về ngũ hình, gồm: Tội thích chữ vào mặt là 1.000 điều, tội chặt chân là 500 điều, tội thiến là 300 điều, tội cắt mũi là 1.000 điều, tội chém đầu là 200 điều.

² Theo *Sử ký Tư Mã Thiên, Hiếu Văn bản kỷ*. Trương Vũ (张武), là đại thần của Hán Văn đế, có lần ông ta và một số người khác nhận của hối lộ, Văn đế phát hiện ra, bèn lấy vàng ở hoàng cung đưa cho bọn họ chứ không bắt họ giao cho Đình úy xét xử, những người này rất xấu hổ.

³ Ngô vương không vào châu, Hán Văn đế dùng lễ lớn để răn bảo: Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 160 (Văn đế kỷ).

Triệu Cao,⁽¹⁾ đã không làm cái việc xấu xa của chúng rồi. Người xưa xét lời nói, xem việc làm, mà rõ được thiện ác. Thế thì việc bậc quân tử bỏ cái hình phạt xử chết, chắc chắn là lâu rồi vậy. Nếu có kẻ chẳng may lầm lỗi, thì theo phép Bát nghị⁽²⁾ bàn về cái lỗi lầm của kẻ đó rồi mới tha thứ vậy. Như nỗi oan của Biện Hòa, Sứ Thiên,⁽³⁾ là do cái tàn ác của hình phạt mới đến nông nỗi thế. Ví như đạo giáo hóa sai lầm, e rằng với tội tử hình còn chẳng miễn được, huống chi là bỏ nhục hình ru? Theo *Hán thư*: "Tội bị chém chân phải thay bằng hình phạt giết chết là điều đầu tiên,⁽⁴⁾ quan lại bị buộc tội nhận của đút, giữ của công mà trộm cắp tài vật, thì đều chém vớt xác ở ngoài chợ." Đây là điều Ban Cố nói về những kẻ đáng sống mà chuốc lấy cái chết vậy. Nay không nỡ làm cái việc thảm khốc là chập mặt chặt chân, mà làm yên dịu cái tiếng gào bi thống của việc cắt chặt, đây là điều cốt yếu đầu tiên của việc trị quốc, cũng là cái mà quốc gia nên thay đổi vậy.

Năm Thái Hòa thứ tư, Do chết. Đế mặc áo trắng thân đến tế viếng, ban thụy là Thành hầu. ① Con của Do là Dục nối tự.

¹ Triệu Cao (赵高) là hoạn quan thời nhà Tần. Sau khi Tần Thủy Hoàng chết, Triệu Cao giả truyền thánh chỉ, giết con trưởng của Tần Thủy Hoàng là Công tử Phù Tô, lập con thứ là Hồ Hợi lên làm Tần nhị đế. Triệu Cao nổi tiếng với tích chi hươu nói ngựa, làm loạn triều Tần; Túc Sa (夙沙), tức Túc Sa Vệ, tướng nước Tề thời Xuân Thu, Tề Tương công sai Túc Sa Vệ đem quân đánh đất Lai, có thể đánh thắng, nhưng Túc Sa Vệ nhận hối lộ rồi về.

² Bát nghị (八议), xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 264 (Hạ Hầu Huyền truyện).

³ Biện Hòa (卞和) tức là người dâng ngọc cho vua nước Sở, bị coi là dâng ngọc giả lừa vua, phạt tội chặt chân, sau này ngọc ấy quả thực là ngọc quý, nên hình phạt ấy là oan.

Lý Lăng là tướng thời Hán Vũ đế, đi đánh Hung Nô bị thua, Hán Vũ đế và đa số các đại thần cho rằng tội trạng thuộc về Lý Lăng, riêng có Tư Mã Thiên (司马迁) bênh Lý Lăng, Vũ đế cho rằng Tư Mã Thiên qua việc này ngầm chê bai Lý Quảng Lợi, là anh vợ của Vũ đế nên phạt Tư Mã Thiên tội cung hình, người đời chê bai Vũ đế và cho rằng Tư Mã Thiên bị tội oan.

⁴ Theo *Hán thư*, nhân việc nàng Đề Oanh xin chịu tội thay cha, Hán Văn đế cảm động, cho bãi bỏ nhục hình, thay tội thích chữ bôi mực vào mặt bằng hình thức cạo đầu, bắt lao dịch trong tù 5 năm, thay tội cắt mũi bằng hình phạt 300 roi, thay tội chặt gối trái bằng đánh 500 roi, thay chặt chân phải bằng tội tử hình. Diễn tích về nàng Đề Oanh, xem thêm chú thích ở tập III, quyển 11, trang 49 (Bình Nguyên truyện).

Khi trước, Văn đế chia thực ấp của Dục, phong em của Do là Diễn cùng con của Do là Thiệu, cháu của Do là Dục làm Liệt hầu.

① *Ngụy thư* chép: Hữu ti nghị bàn về việc ban thụ, cho rằng Do trước kia làm Đình úy, biện xét việc sửa sang hình ngục, dứt mỗi ngày sáng tỏ hiềm nghi, dân không oán thán, cũng như Vu, Trương⁽¹⁾ thời Hán vậy.

Để hạ chiếu rằng:

"Thái phó công cao đức thịnh, ngôi vị là Sư bảo,⁽²⁾ luận về đức hạnh để ban thụ, thường đưa vào đấy trước, ngài kiêm gồm được đức hạnh của các vị Đình úy Vu, Trương rồi."

Bèn sách mệnh ban thụ là Thành hầu.

Dục tự Trĩ Thúc. Năm mười bốn tuổi làm Tấn kỵ thị lang, tâm cơ linh mẫn, nói bàn lưu loát, có phong độ của cha.

Năm Thái Hòa sơ, Tướng nước Thục là Gia Cát Lượng vây Kỳ Sơn, Minh đế muốn tây chinh, Dục dâng sớ rằng:

"Bày kế sách hay khắc địch chế thắng tại miếu đường, là công lớn của kẻ nơi màn trướng, không nên hạ thấp cái uy trên của triều đình mà quyết thắng ngoài nghìn dặm. Xa giá nên trấn thủ trung thổ, để làm hình thế cứu giúp bốn phương. Nay đại quân tây chinh, tuy có uy gấp

¹ Vu Định Quốc (于定国), tự Mạn Thiển (曼倩), là Thừa tướng nhà Tây Hán, người huyện Đàm, quận Đông Hải, rất giỏi về hình pháp, thời Tuyên đế nhận chức Đình úy, khiêm cung, xử án công bằng, quan tâm thương xót người quan quã cô độc, người đời đặc biệt khen ngợi. Vu Định Quốc được phong tước Tây Bình hầu.

Trương Thích Chi (张释之), tự là Quý, người quận Đỗ Dương, là nhà pháp học thời Tây Hán. Đời Hán Văn đế, ông khởi nghiệp từ chức Kỵ lang, sau hơn chục năm được thăng làm Đình úy. Ông chấp nghiêm chính, công bằng, không mua danh. Người đời khen là: "Thích Chi làm Đình úy, trăm họ không dân oan." *Hán thư* có chép: "Thích Chi làm Đình úy, Chu Á Phu xem Thích Chi nghị bình, bèn kết làm thân hữu."

² Sư bảo (师保) là chức quan nhận trách nhiệm phò tá đế vương và dạy dỗ con em trong vương thất, thời xưa hay gọi là Hữu sư, Hữu bảo, gọi chung là Sư bảo.

trăm lần, đôi với chi phí của Quan Trung, cái hao tổn đó không phải chỉ thêm một phần. Và lại binh sư đi giữa mùa nóng nực, đó là điều thi nhân cho là thận trọng, thực không phải là lúc bậc Chí tôn khởi bánh xe đi trận vậy."

Dục được thăng làm Hoàng môn thị lang.

Bấy giờ đại khởi dựng cung thất ở Lạc Dương, xa giá thường đến Hứa Xương, thiên hạ phải về Hứa Xương dự triều chính. Vì Hứa Xương chật hẹp, ở phía nam thành dùng lông thú bện lại làm điện, sắp đặt đủ cá rồng kéo dài liên tiếp, dân chúng lao dịch mệt mỏi. Dục can, cho rằng: "Nay nước lụt nặng hạn bất thường, kho tàng trống rỗng, đại loại là thế, việc nên đợi đến năm được mùa."

Lại dâng lời rằng: "Nên khôi phục lại việc khai hoang đất đai vùng Quan nội, để dân chúng hết sức với nghề nông."

Việc được thi hành.

Năm Chính Thủy trung, Dục làm Tán kỵ thị lang (Thường thị). Đại tướng quân Tào Sảng lúc giữa mùa hạ hưng đại quân phạt Thục, Thục chống giữ, quân không tiến được. Sảng đang muốn tăng binh, Dục gửi thư nói:

"Ta trộm nghĩ rằng kế sách là khắc địch chế thắng ở chốn miếu đường, chẳng dùng đến tên đạn; quân của bậc vương giả, đi không cần đánh. Thục là việc dùng kiên thích có thể thu phục được Hữu Miêu, lui quân đủ để thu giặc cướp đâu sợ, bất tất phải vội vã như Ngô Hán ở Giang Quan,⁽¹⁾ ruổi rong như Hàn Tín ở Tỉnh Hình⁽²⁾

¹ Giang Quan là nơi Công Tôn Thuật tranh giành với quân Hán, quân của Thuật tiến chiếm Di Lăng, Di Đạo, ngăn giữ Kinh Môn. Điển tích này, người dịch chưa tra cứu được.

² Trận Tỉnh Hình, chính là trận "Bối thủy", Hàn Tín phá Triệu nổi tiếng vào đầu thời Hán. Quân Hán bốn vạn người, Hàn Tín bày quân quay lưng xuống sông, khiến quân Triệu chủ quan cười nhạo, quân Hán ở giữa ranh giới sông chết ra sức phản kích đánh tan mười vạn quân nước Triệu của Trần Dư, bắt sống Triệu Yết và mưu sĩ của Triệu Yết là Lý Tà Xa, bình định nước Triệu.

vậy. Thấy có thể tiến thì tiến, biết khó thì lui, đại khái là khuôn phép từ xưa. Thiết nghĩ Công hầu đã tỏ tường điều ấy!”

Sảng không lập được công lao gì rồi về. Dục sau vì thất ý Sảng, bị chuyển làm Thị trung, rồi ra làm Thái thú Ngụy Quận.

Sảng bị diệt, Dục về triều làm Ngự sử trung thừa, Thị trung đình úy. Cái lý lẽ vua hay cha sau khi chết, thì bầy tôi hay con cái được phép nói lời chê bai, còn như kẻ sĩ giữ tước Hầu, thì người vợ của họ không được tái giá nữa, là cái mà Dục mới sáng tạo ra vậy.

Năm Chính Nguyên trung, Quán Khâu Kiêm, Văn Khâm phản loạn, Dục cầm cờ tiết đến hai châu Dương, Dụ ban hành xá lệnh, cáo dụ sĩ dân, sau khi về triều làm Thượng thư.

Gia Cát Đản làm phản, Đại tướng quân Tư Mã Văn vương nghị bàn tự mình đến Thọ Xuân đánh dẹp Đản. Gặp lúc Đại tướng nước Ngô là Tôn Nhất thống suất bộ chúng đến hàng, có kẻ cho rằng "Nước Ngô mới có động loạn, tất chẳng thể lại xuất quân được. Binh ở phía đông đã nhiều, nên đợi sau này hỏi rõ."

Dục cho rằng:

- Kẻ bàn việc liệu địch, nên lấy mình để xét người. Nay Đản dâng đất đai Hoài Nam cho nước Ngô, số người mà Tôn Nhất đem theo, nhân khẩu chẳng đến một nghìn, binh không quá ba trăm. Cái mà nước Ngô mất, đại khái không đáng kể. Nếu Thọ Xuân chưa được giải vây, mà nội bộ nước Ngô chuyển loạn thành an, chưa thể nói là họ không xuất quân vậy.

Đại tướng quân nói: "Hay." Bèn cùng Dục khởi hành.①

Hoài Nam đã bình, Dục làm Thứ sử Thanh châu, gia thêm chức Hậu tướng quân, thăng làm Đô đốc coi xét việc quân chính ở Từ châu, ban Giả tiết, lại chuyển làm Đô đốc Kinh châu.

Năm Cảnh Nguyên thứ tư Dục chết, được truy tặng chức Xa kỵ tướng quân, ban thụy là Huệ hầu. Con của Dục là Tuấn nối tự.

Em của Dục là Hội, có truyện chép riêng.

① Thần Tùng Chi cho rằng Gia Cát Đản đem đất đai Hoài Nam dâng cho nước Ngô, Tôn Nhất đem ba trăm người tới quy hàng Ngụy, nói là Ngô có động loạn, vốn đã là lời nói không có lý. Lời bàn ấy của Dục, sao đủ để khen vậy thay!

Hoa Hâm tự Tử Ngư, người quận Bình Nguyên huyện Cao Đường. Cao Đường là chốn đô hội có tiếng của nước Tề, kẻ đai mũ⁽¹⁾ chẳng có ai không dạo chơi ở thị thành. Hâm làm tiểu lại, lúc hết việc công ra khỏi phủ, thì về nhà đóng cửa, bàn luận thì giữ công bằng, nhất định không làm tổn thương người khác.①

Người cùng quận với Hâm là Đào Khâu Hồng cũng nổi danh, tự cho là mình sáng suốt hơn Hâm. Bấy giờ Vương Phân cùng bọn hào kiệt bàn mưu phế Linh đế. Việc nói ở *Vũ đế kỷ*.② Phân ngầm gọi Hâm, Hồng cùng định kế, Hồng muốn đi, Hâm ngăn Hồng lại nói:

- Phế lập là đại sự, là điều mà Y, Hoắc cho rằng khó làm. Phân bản tính nông nổi vô uy, việc ấy tất chẳng thành, mà rước họa đến họ tộc. Ông không nên qua đó!

Hồng nghe lời Hâm bèn thôi. Về sau Phân quả nhiên thất bại, Hồng mới phục.

Hâm được xét cử Hiếu liêm, đổi phong làm Lang trung, bị bệnh, bỏ chức quan.

Linh đế băng hà, Hà Tiến làm phụ chính, cho vời người quận Hà Nam là Trịnh Thái, người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Du cùng bọn Hâm. Hâm đến, nhận chức Thượng thư lang. Đồng Trác dời Thiên tử về Trường An, Hâm xin ra ngoài làm Hạ Khuê lệnh, bị bệnh không đi được, bèn từ quận Lam Điền đi bộ

¹ Kẻ đai mũ, tức là nói những người làm quan lại vậy.

đến Nam Dương.^③ Bấy giờ Viên Thuật ở huyện Nhưỡng, giữ Hâm lại. Hâm khuyên Thuật tiến quân đánh dẹp Trác, Thuật không dùng kế. Hâm muốn bỏ đi, gặp lúc Thiên tử sai Thái phó là Mã Nhật Đê đi chiêu an vùng Quan Đông, Nhật Đê cho triệu Hâm làm Duyệt thuộc. Lúc sang đông đến Từ châu, có chiếu bái Hâm làm Thái thú Dự Chương, Hâm tại chức trong sạch không phiền nhiễu, quan dân cảm động yêu mến Hâm.^④

Tôn Sách cướp chiếm Giang Đông, Hâm biết Sách khéo dùng binh, bèn buộc khăn lên đầu ra nghênh đón. Sách thấy Hâm là bậc trưởng giả, dùng lễ thượng tân để đối đãi.^⑤

Sau khi Sách chết, Thái tổ đang ở Quan Độ, dâng biểu lên Thiên tử xin trung triệu Hâm. Tôn Quyền muốn giữ Hâm lại, không phái đi, Hâm bảo Quyền rằng:

- Tướng quân kính phụng vương mệnh, vừa mới giao hảo với Tào công, tình nghĩa chưa bền, sai kẻ hèn này đi là tỏ rõ tấm lòng thành của Tướng quân, há chẳng có ích sao? Nay uống công giữ kẻ hèn này, là nuôi dưỡng cái vật vô dụng, chẳng phải là kế hay của Tướng quân vậy!

Quyền hài lòng, bèn phái Hâm đi. Tân khách và người quen cũ tiễn đưa Hâm đến hơn nghìn người, đưa tặng mấy trăm cân vàng, Hâm đều nhận không từ chối một ai, ngầm chép tên từng người lên đồ vật, lúc sắp đi, gom hết các vật lại, bảo tân khách rằng:

- Ta vốn không từ chối tấm lòng của các vị, nhưng đồ vật mà ta nhận rất nhiều. Nghĩ rằng một mình ngồi xe đi xa, sẽ mang cái tội ôm ngọc bích, xin tân khách vì ta tính giúp.

Chúng bèn giữ lại vật mình đưa tặng, mà phục cái đức của Hâm.

① *Ngụy lược* chép: Hâm cùng Bình Nguyên, Quán Ninh người quận Bắc Hải đều đi du học, cả ba rất thân thiết với nhau, người thời ấy gọi ba người là "Nhất long," Hâm là đầu rồng, Nguyên là mình rồng, Ninh là đuôi rồng.

Thần Tùng Chi cho rằng: Bình Căn Cù đạo hay danh tốt, bất tất phải ở dưới Hoa công, Quán Ấu An giấu đức ở ẩn, e rằng chẳng đáng làm đuôi rồng. Lời này của *Nguy lược*, không phải là bày xếp thứ tự trước sau của họ vậy.

② *Nguy thư* khen Phân có danh tiếng lớn với thiên hạ.

③ *Hoa Kiệu phổ tự* chép: Hâm thời trẻ vì phẩm hạnh cao mà nổi danh. Lúc đi tránh loạn ở Tây kinh, cùng sáu, bảy người chung chí hướng là bọn Trịnh Thái, theo đường nhỏ đi bộ ra Vũ Quan. Trên đường gặp một ông già độc hành, xin được đi cùng, mọi người thương cảm muốn đồng ý. Riêng Hâm nói:

- Không nên. Nay bọn ta ở chỗ nguy hiểm, họa phúc vạ hại, đạo lý là một. Vô cớ nhận người ta, chẳng hiểu được tình nghĩa của họ. Đã nhận họ rồi, nếu có biến cố, bỏ rơi họ được sao!

Mọi người không nỡ, rút cục đều cùng nhau đi. Đi được nửa đường, ông già sa xuống giếng, mọi người đều muốn bỏ ông ta. Hâm nói:

- Đã cùng đi với nhau rồi, bỏ người ta là bất nghĩa.

Bèn cùng nhau đem người ấy ra khỏi giếng, sau đó từ biệt mà đi. Chúng mới cho Hâm là người đại nghĩa.

④ *Nguy lược* chép: Thứ sử Dương châu Lưu Do chết, bộ thuộc của Do nguyện suy tôn Hâm làm chủ. Hâm cho là vì thời thế mà tự tiện nhận mệnh, không hợp đạo nhân thần. Mọi người giữ Hâm nhiều tháng, Hâm rút cục từ chối ý ấy, không nghe theo.

⑤ *Ngô lịch* của Hồ Xung chép: Tôn Sách đánh úp Dự Chương, trước hết phái Ngưu Phiên đi thuyết Hâm. Hâm đáp rằng:

- Hâm ở Giang Biều đã lâu, thường muốn quay về bắc; Tôn Cối Kê tới, là ta đi ngay.

Phiên quay về báo với Sách, Sách bèn tiến quân. Hâm quấn khăn trên đầu ra đón Sách, Sách bảo Hâm rằng:

- Phủ quân đức cao danh lớn, xa gần theo về; Sách tuổi còn nhỏ, nên dùng lễ của bậc con em.

Bèn hướng về phía Hâm bái lạy.

Hoa Kiệu phổ tự chép: Tôn Sách chiếm được Dương châu, quân sĩ thể thịnh lại mưu lấy Dự Chương, cả quận rất lo sợ. Quan thuộc xin ra ngoài thành nghênh đón, Hâm nói:

- Không được.

Sách tiến gần chút nữa, chúng lại bấm xin phát quân, Hâm vẫn không nghe. Lúc Sách đến nơi, cả phủ đều đến lầu của Hâm, xin ra ngoài tránh Sách. Hâm bèn cười nói:

- Nay tướng quân tự đến, sao vội tránh ông ấy?

Chốc lát, môn hạ bấm rằng:

- Tôn tướng quân đến.

Hâm mời gặp mặt, Sách bèn vào phủ của Hâm cùng ngồi, đàm luận hồi lâu, đến đêm mới từ biệt ra đi. Nghĩa sĩ nghe chuyện, đều than dài mà trong lòng tự phục vậy.

Sách tự giữ lễ là bậc con em, lấy lễ thượng tôn đối đãi Hâm. Thời ấy hiền sĩ đại phu tránh loạn ở đất Giang Nam rất đông, địa vị đều ở dưới Hâm, người người ngóng gió mà theo. Mỗi khi Sách hội họp, người ngồi trên chẳng ai dám phát ngôn trước, lúc Hâm đứng dậy đi thay áo, mọi người mới bàn luận rầm rĩ.

Tửu lượng của Hâm rất cao, uống đến hơn một thạch mà không say, chúng nhân ngầm quan sát, thường thấy Hâm mũ áo ngay ngắn cho là lạ, người Giang Nam gọi Hâm là "Hoa độc tọa."⁽¹⁾

Giang Biểu truyện của Ngu Phổ chép: Tôn Sách ở tại Tiêu Khâu, phái Ngu Phiên đi thuyết Hâm. Phiên đi rồi, Hâm mời Công tào là Lưu Nhất vào nghị bàn. Nhất khuyên Hâm ở thành, phát hịch đón tiếp quân. Hâm nói:

- Ta tuy là được Lưu Thứ sử sắp đặt, nhưng là người chúa thượng sai đi, bởi thế vẫn là quan cầm phù tiết vậy. Nay theo kế của khanh, sợ rằng chết rồi còn chưa hết tội vậy.⁽²⁾

Nhất nói:

¹ Ngài Hoa có một không hai.

² Hoa Hâm nhận chiếu của vua làm Thái thú Dự chương, lại đón rước quân của Sách (quân ngoài đến chiếm đất), là trái đạo bấy tôi.

- Vương Cảnh Hưng là người được Hán triều bổ dụng, vả lại lúc ấy Cối Kê người đông thế thịnh, vẫn được tha thứ, Minh phủ sao phải lo?⁽¹⁾

Vì thế Hâm giữa đêm thảo hịch, sáng sớm ra thành, phái quan lại mang hịch đến đón rước Sách. Sách bèn tiến quân, cùng Hâm tương kiến, lấy lễ thượng tôn đối đãi, dùng lễ bằng hữu mà tiếp.

Tôn Thịnh nói: Ôi, cách xử thế của kẻ có học thức uyên bác, hẳn là trước tiên phải xét rõ cái giới hạn của việc còn mất, để định phận là đi hay ở, vận xấu thì ngậm miệng để giữ thân, vận tốt thì làm việc nghĩa để hiển đạt cái đạo của mình. Hâm đã không có cái phong thái lánh đời ở ẩn của Di Hạo, lại làm mất cái tiết tháo hiến thân tận trung với quân vương của bấy tôi, cho nên chịu khuất bởi lời khuyên của kẻ học trò xấu xa, kết giao với lũ vô lại càn bậy, ngôi vị bị cướp đoạt bởi đứa trẻ ranh, hủy hoại tiết tháo lúc đương thời. Xưa kia hai nước Hứa, Sái mất ngôi vị, không được liệt vào hàng ngũ chư hầu;⁽²⁾ cái việc "Châu công thật lai", người nước Lỗ cho là ti tiện đáng thẹn.⁽³⁾ So với việc làm của Hâm, lỗi nào lớn hơn đây!

¹ Vương Lăng tự Cảnh Hưng, trước làm Thái thú Cối Kê, quân dân đông đảo, đánh Tôn Sách bị thua ra hàng, sau vẫn được triều đình tha thứ, Tào Tháo khi ấy đang phụng mệnh nhà Hán, triệu gọi Lăng làm quan.

² Nước Hứa, Sái đều là nước nhỏ, chư hầu nhà Chu, địa vị kém. Nước Hứa (許) bị các nước lớn thời Xuân Thu là Trịnh, Sở bức hiếp, sớm theo Trịnh, chiều ngả Sở, liên tục phải dời kinh đô. Nước Sái (蔡) cũng như nước Hứa, khi giúp Lỗ, lúc giúp Ngô. Hai nước này nhỏ yếu, lệ thuộc, không có tư cách đứng vào hàng ngũ chư hầu để vào châu vua nhà Chu. Đến đầu thời Chiến Quốc đều bị nước Sở tiêu diệt.

³ Châu công (vua nước Châu) đưa thư đến nước Lỗ là giai đoạn lịch sử đặc biệt hỗn loạn trong thời nhà Chu suy yếu. Bấy giờ Tề Hoàn công làm bá chư hầu, nước Tề đang muốn đánh nước Lỗ, chư hầu đều ngả theo nước Tề. *Kinh Xuân Thu* (biên niên sử nước Lỗ) có chép: "Ngũ niên đông, Châu công như Tào. Lục niên, xuân, chính nguyệt, thư thật lai." *Công Dương truyện* chú: "Năm thứ năm mùa đông, Châu công đến nước Tào. Năm thứ sáu, mùa xuân tháng giêng, thư lại đến (nước Lỗ)." Tại sao lại chép là "lại đến?" Là vì năm trước (năm thứ năm) Châu công sang nước Tào, đi qua nước Lỗ, không vào gặp vua nước Lỗ, năm sau (năm thứ sáu), lại đến. Theo lễ thì "Chư hầu đi qua cõi của nhau, thì tất phải đến kinh đô triều kiến." Vậy mà Châu công đi qua nước Lỗ, không đến châu, năm sau lại đưa thư đến, thế là vô lễ, nên Không tử (người nước Lỗ) khi viết *Kinh Xuân Thu* chê bai việc đó.

Hâm đến, được báỉ làm Nghị lang, tham dự việc quân chính của quan Tư không, rồi vào triều làm Thượng thư, chuyển làm Thị trung, thay Tuân Úc làm Thượng thư lệnh.

Thái tổ đi đánh Tôn Quyền, dâng biểu xin cho Hâm làm Quân sư.

Nước Ngụy đã dựng, Hâm làm Ngự sử đại phu. Văn đế tức vương vị, báỉ Hâm làm Tướng quốc, phong tước An Lạc hương hầu. Lúc lên ngôi Đế, đổi Hâm làm Tư đồ.^①

Hâm quen kham khổ, bỗng lộc được ban tặng đều đem cấp giúp cho thân thích và người quen cũ, trong nhà không tích trữ đến trăm cân gạo. Công khanh từng được ban thưởng, mỗi người được nhận một nô tì là người nhà của kẻ phạm tội, duy có Hâm thả người ra, lại gả chồng cho người ấy. Để than thở,^② hạ chiếu rằng:

"Tư đồ, là lão thần tài trí kiệt xuất của quốc gia, là cái chỗ giúp hòa hợp âm dương, sửa sang mọi việc. Nay đại quan ăn đồ ngon, mà Tư đồ ăn món nhạt, thật không còn gì để nói vậy."

Bèn ban riêng cho đồ ngự y, vợ con trai gái trong nhà Hâm đều được may y phục.^③

Tam phủ nghị bàn rằng:

- Việc cử Hiếu liên, vốn lấy người có đức hạnh, không bó buộc ở chỗ thử kinh truyện.

Hâm cho rằng:

- Từ khi tang loạn đến nay, lục kinh⁽¹⁾ bị phế bỏ, nay đang là lúc bảo tồn gây dựng lại, để tôn sùng vương đạo. Kẻ chế phép tắc, dùng kinh sách để xét thịnh suy. Nay nghe nói xét cử Hiếu liên

¹ Tương truyền là Không tử đã hiệu đính và chú giải sáu bộ sách, đó *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, *Kinh Lễ*, *Kinh Dịch*, *Kinh Xuân Thu* và *Kinh Nhạc*. Về sau *Kinh Nhạc* thất lạc mất, chỉ còn có năm bộ sách, đời sau gọi là Ngũ kinh.

lại chẳng dùng cách thử kinh truyện, sợ rằng nghiệp học theo đó mà hỏng mất. Nếu gặp kẻ nào có tài lạ, có thể đặc cách trưng dụng. Lo ở chỗ chẳng có người như thế, chứ lo gì không tìm được người đó?

Để theo lời của Hâm.

① *Ngụy thư* chép: Văn đế thụ thiện, Hâm lên đàn làm chủ lễ, dâng tí thụ cho Hoàng đế, để trọn vẹn lễ thụ lệnh.

Hoa Kiêu phổ tự chép: Văn đế thụ thiện, triều thần từ Tam công trở xuống đều nhận tước vị; Hâm vì bấy giờ tỏ sắc mặt không hài lòng, bị chuyển làm Tư đồ, mà không được tấn tước. Ngụy Văn đế rất lâu sau không vui, nhân đó hỏi Thượng thư lệnh là Trần Quần rằng:

- Ta ứng mệnh trời nhận hoàng vị, công khanh trăm quan trong triều, quần hậu ở nội đình, người người chẳng có ai không hớn hở mừng vui, hiện rõ trên nét mặt, duy có quan Tướng quốc và mình ông là chẳng vui vẻ gì, sao vậy?

Quần đứng dậy rời khỏi chiếu quỳ mọp xuống nói:

- Thần và Tướng quốc từng là tôi thần của Hán triều, trong lòng dẫu mừng vui hoan hỉ, nhưng tỏ rõ trên nét mặt như họ, cũng sợ bệ hạ ban thưởng ngay thì thêm tiếng xấu vậy.

Để cả mừng, vì thế kính trọng hai người khác thường.

② Tôn Thịnh nói: Thịnh nghe nói rằng sủng thường hay uy hình, tất do bậc nhân chủ quyết định, cái lễ giận dữ hay rộng lòng tha thứ phải quyền biến thích hợp, gốc từ người làm vua. Từ Lộ biểu riêng, Trọng Ni đập vỡ cái bát ăn của mình;⁽¹⁾ họ Điền trộm thi ân,

¹ Đệ tử của Khổng tử là Từ Lộ làm quan ở ấp Bô, vì trời mưa to sợ nước ngập, Từ Lộ giúp dân khai thông ngòi rãnh, thấy dân chúng lao nhọc khổ cực, bèn đem giỏ cơm bầu nước của mình tặng cho họ. Khổng tử nghe chuyện, liền sai Từ Cống ra ngăn lại, Từ Lộ giận nói: “Do này vì mưa lớn sợ thủy tai, mới đến giúp đỡ dân, vì thấy dân chúng nhiều người đói, cho nên giúp họ giỏ cơm bầu nước, Phu tử sai anh Từ ra ngăn lại là cản Do làm việc nhân vậy.” Khổng tử nói: “Thấy dân đói, sao không bầm với vua, để phát chẩn cứu dân mà đem đồ ăn của mình cho họ? Thế thì vua không có ân với dân mà riêng ngài có đức tốt sao?” Bèn đập vỡ cái bát ăn.

Kinh Xuân Thu chép rõ để chê trách.⁽¹⁾ Những việc ấy trở thành lời khen chê, đạo nghĩa đã rõ ràng rồi vậy. Cái nhà bị giết đến tận con cháu, thì đó là hình phạt nghiêm khắc của quốc gia, cái nhà được nhận sự ban thưởng, đó là được trời cao giúp đỡ, bằng như có xót thương, về lý là không được thiên lệch quá đáng. Hâm giữ chức phận của kẻ bày tôi tay chân, cũng là người nắm trọng trách đứng đầu, nên đàm luận công khai giữa triều đình, để biểu dương lộc trời, thế mà lại yên lặng đón nhận sự ban tặng, một mình làm người quân tử, là đã phạm vào điều cấm kỵ của việc làm phúc, lại trái với nghĩa của việc chối từ, có thể nói đây là cái nhân của kẻ thất phu, chưa phải là hành động chính đạo vậy.

Ngụy thư chép: Hâm bản tính chu đáo tinh tế, hành động hết sức cẩn thận. Thường cho rằng kẻ bày tôi khi bày tỏ công việc, cốt ở chỗ dùng lời lẽ mềm mại kín đáo khuyên can hợp đạo lý mới quý, tới như có chỗ cần phải nói, cũng không dám biểu lộ gay gắt, cho nên các việc làm của Hâm đa phần không được chép lại.

Hoa Kiệu phổ tự chép: Hâm thờ ơ với tiền của, trước sau được ban thưởng hậu, các quan chẳng ai sánh bằng, nhưng cuối cùng sản nghiệp chẳng có nhiều. Trần Quần thường than rằng:

- Như Hoa công, có thể nói là hanh thông mà không xa xỉ, thanh bần mà chẳng bận lòng rồi.

Phó tử nói: "Dám hỏi ai là bậc quân tử ở thời nay?" Đáp rằng: "Lang trung họ Viên tích đức thì hành vi kiệm ước, Thái úy họ Hoa tích đức thì giữ thuận ứng biến, cái trí của họ có thể theo kịp được, nhưng sự trong sạch của họ chẳng thể theo kịp vậy. Lấy trung thực thờ người trên, lấy nhân đức giúp kẻ dưới, Ân Anh, Hành Phủ⁽²⁾ làm sao hơn được đây?"

¹ Điền Hằng (田常), tức Điền Thành tử (田成子), là đại thần nước Tề thời Xuân Thu. Vì muốn thu lòng người nước Tề, bèn dụng trá kế, lấy đấu lớn cho dân chúng vay thóc, lúc thu nợ thóc về vẫn tính đúng số đấu mà mình đã cho vay nhưng lại dùng đấu nhỏ để đóng. Uy tín của Điền Hằng vì thế lên cao, làm quan lớn, sau này con cháu của ông ta cướp ngôi họ Khương làm vua nước Tề.

² Ân Anh (晏嬰), tự Bình Trọng, hiền tướng nổi danh ở nước Tề thời Chiến Quốc, yêu người hiền kính kẻ sĩ, thờ chúa rất có đạo.

③ *Ngụy thư* chép: Lại ban cho năm mươi nô tì.

Năm Hoàng Sơ trung, Đế hạ chiếu sai Công khanh tiến cử bậc quân tử có tiết tháo cao thượng, Hâm tiến cử Quản Ninh, Đế dùng an xa trưng dụng Ninh.

Minh đế tức vị, Hâm được tấn phong tước Bác Bình hầu, tăng thực ấp năm trăm hộ, gộp cả lúc trước là một nghìn ba trăm hộ, chuyển bá chức Thái úy.^① Hâm xưng bệnh xin nhường chức, nhường ngôi vị cho Ninh. Đế không nghe. Sắp đến hội triều, Đế bèn phái Tán kỵ thường thị Mậu Tập phụng chiếu tuyên dụ chỉ rằng:

"Trẫm mới thống quản mọi sự, mỗi ngày xử lý hàng vạn việc, sợ rằng nghe việc xử đoán chẳng minh bạch. Cậy nhờ bấy tôi có đức, giúp đỡ thân trẫm, mà ngài luôn xưng bệnh chôn tì chức vị. Người được nhân chủ lựa xét, quân vương tuyển trạch, chẳng cứ phải hội triều, việc bỏ vinh buông lộc, không mưu cầu chức vị, người xưa đã có rồi, trông lại việc làm của Chu Công, Y Doãn thì không thể. Tu thân trong sạch, thà chết giữ tiết, là việc làm của thường nhân, trẫm không mong đợi việc đó ở ngài. Ngài gắng chống chọi bệnh tật tới dự hội triều, là thi ân cho một người. Trẫm sai người trải sẵn mấy cái chiếu trúc, lệnh cho trăm quan cùng ngồi, để đợi ngài đến, rồi sau trẫm mới ngồi."

Lại hạ chiếu cho Tập rằng:

"Phải đợi Hâm đứng hẳn dậy, rồi mới được về."

Quý Tôn Hành Phụ (季孫行父), tức Hành Phụ (行父), là quan Chính khanh của nước Lỗ thời Xuân Thu, còn gọi là Quý Văn tử, phù tá ba đời vua nước Lỗ là Tuyên công, Thành công và Tương công.

Theo *Sử ký*, *Lỗ thế gia*, xem Quý Văn tử là hiền tướng, được ca ngợi về tài năng và đức độ, viết: "Quý Văn tử nắm quyền, thê thiếp trong nhà không mặc áo lụa, ngựa trong chuồng không thừa thức ăn, trong phủ không có đồ vàng ngọc." Tuy nhiên *Quốc ngữ*, phần *Chu ngữ* lại nói: "Quý Văn tử là đại phu giữ chức Thượng khanh ở nước Lỗ, nắm binh quyền quốc chính, tự chọn ruộng ấp cho mình, vợ con xiêm áo không ai mặc đồ thường, ngựa trong chuồng sợ cỏ xanh không đủ ngon bèn dùng thóc thay cỏ." Đây là hai cách đánh giá trái ngược nhau về một con người, không rõ sách nào đúng?

Hâm bắt đắc dĩ, phải dậy.

① *Liệt dị truyện* chép: Thời Hâm còn là học trò, từng qua đêm ở ngoài cửa nhà người ta. Người vợ của chủ nhà ban đêm trở dạ. Chốc lát, có hai viên quan đến cửa, liền biến sắc lui lại, bảo nhau rằng:

- Có vị Công đang ở đây.

Do dự hồi lâu, một viên quan nói:

- Sổ sách phải định cho xong, còn đứng đây làm gì?

Bèn tiến lên hướng vào Hâm bái lạy, rồi cùng nhau đi vào. Lúc cùng đi ra, bảo nhau rằng:

- Nên cho mấy tuổi?

Một người nói:

- Cho nó ba tuổi.

Trời sáng, Hâm bỏ đi. Sau, muốn chứng nghiệm việc ấy, đến năm thứ ba, cố tình đến hỏi tin tức của đứa bé, quả nhiên đã chết rồi. Hâm vì thế tự biết mình sẽ làm đến Tam công.

Thần Tùng Chi xét thấy sách *Tấn Dương thu* kể rằng Ngụy Thu⁽¹⁾ thời trẻ có việc ngủ nhờ ở nhà người ta, cũng xảy chuyện như thế. Về lý là không có chuyện hai người đều có việc này, cũng bởi là truyện không phải nói về cùng một người. Nay sao tin được *Liệt dị truyện*.

Năm Thái Hòa trung, Đế phái Tào Chân theo lối Tý Ngọ phạt Thục, xa giá sang đông đến Hứa Xương. Hâm dâng sớ rằng:

"Từ lúc binh loạn đến nay, trải hơn hai kỷ.⁽²⁾ Đại Ngụy chịu vận trời nhận mệnh, bệ hạ có thánh đức sánh với đời thịnh của Thành Khang,⁽³⁾ nên mở rộng cơ nghiệp một thời, nối theo vết của Tam vương. Dầu

¹ Ngụy Thu (魏舒), người nước Tấn thời Xuân Thu, nắm giữ quyền chính nước Tấn.

² Một kỷ là mười hai năm.

³ Thành Khang tức là nói đến hai vị Thành vương, Khang vương của nhà Chu, thời hai vua này trị vì được sự quan đời sau khen là thời kỳ thịnh trị yên bình, hình phạt bỏ không dùng, cho nên hai chữ Thành Khang cũng là lời khen về thời thịnh trị.

hai tên giặc cậy hiểm kéo dài vận mệnh, nếu giáo hóa của thánh triều ngày một tốt, người nơi xa nhớ đức, sẽ công đùu nhau mà đến. Việc binh bất đắc dĩ mới phải dùng, nên dừng lại tùy thời hành động. Thần thực mong bệ hạ lưu tâm đến việc sửa sang đạo lý trước, chỉnh phạt là việc sau này. Vả lại nghìn dặm vận lương, chẳng phải là cái lợi của việc dùng binh; vượt hiểm vào sâu đất giặc, không chỉ có cái công đánh trận. Như thần nghe được thì việc điều phát lao dịch năm nay, có chút tổn hại đến nghiệp nông tang. Người trị quốc lấy dân làm nền, dân chúng lấy cơm áo làm gốc. Ví như Trung Quốc không có nỗi lo đói rét, trăm họ không có ý lìa bỏ đất đai, thì thiên hạ may lắm, điềm họa của hai tên giặc, có thể ngồi mà đợi vậy. Thần thân giữ vị Tế tướng, già cả bệnh tật ngày một nặng, cái mệnh khuyến mã sắp tận, sợ rằng không còn được trông ngóng xe loan, ô lọng, chẳng dám không dốc lòng thần tử, mong bệ hạ xét soi!"

Để đáp thư rằng:

"Ngài lo lắng sâu xa cho đại kế quốc gia, trăm rất ngợi khen. Giặc cậy núi cao sông hiểm, nhị tổ khó nhọc ở đời trước, còn chẳng bình được, trăm há dám tự khoe, bảo rằng tất diệt được chúng sao! Chư tướng cho rằng nếu chẳng một lần mưu đánh thủ, thì không biết lý do gì khiến chúng tự diệt vong, vì thế trăm mới biểu dương binh lực của mình là để dò xét sơ hở của chúng. Nếu như cơ trời chưa đến, thì như Chu Vũ hồi sư,⁽¹⁾ là đã xét soi việc trước, đấy là điều răn mà trăm cung kính chẳng thể quên."

Bấy giờ mùa thu có mưa lớn, Đế hạ chiếu sai Chân dẫn quân về. Năm Thái Hòa thứ năm, Hâm chết, được ban thụy là Kính hầu.^① Con của Hâm là Biểu nối tự.

Khi trước, Văn đế chia thực ấp của Hâm, phong cho em của Hâm là Tập tước Liệt hầu. Biểu, năm Hàm Hi trung làm Thượng thư.^②

¹ Chu Vũ vương hội quân ở Mạnh Tân đánh vua Trụ nhà Ân Thương. Bá Di, Thúc Tề đến can, Chu Vũ vương biết lòng người còn nhớ nhà Ân nên chỉ sai kiểm duyệt quân rồi lui về. Hai năm sau, lại ra quân, thắng vua Trụ ở Mịc Dã, lập nhà Chu.

① *Ngụy thư* nói rằng: Hâm bảy giờ bảy mươi lăm tuổi.

② *Hoa Kiệu phổ tự* chép: Hâm có ba con. Biểu tự Vĩ Dung, hơn hai mươi tuổi làm Tấn kỵ thị lang. Bảy giờ các quan Lang đồng liêu chung giữ chức Bình thượng thư sự, còn ít tuổi, đều hăng hái có khí thế, muốn cầu lấy tiếng khen của vua. Tấu thư dâng lên, chỗ nào không hiểu kỹ, thì cố tình bỏ sót không xem, lúc người đưa thư đi rồi, thì lập tức vào tranh biện về cái ý sâu xa của văn tự. Chỉ có Biểu là không thế, việc đến chỗ nào không hiểu rõ, liền cùng Thượng thư bàn luận hết ý tứ của nó, chủ việc cố giữ ý mình, bất đắc dĩ, mới phải cùng tấu lên để nghị bàn. Tư không là (Trần Thái) (Trần Quần) vì thế khen ngợi Biểu.

Biểu làm quan nhà Tấn, trải các chức Thái tử Thiếu phó, Thái thường. Rồi xưng bệnh rời quan trường, được bái làm Quang lộc đại phu.

Biểu bản tính thanh đạm, thường lo rằng đạo lý thiên hạ suy kém. Bọn Tư đồ Lý Dận, Tư lệ (Vương Mật) (Vương Hoàng) thường khen rằng:

- Như người này thì, không thể quý trọng, không thể coi thường, không thể thân gần, không thể xa lánh.

Con thứ của Hâm là Bác, trải chức Nội sử ở ba huyện, làm quan có công tích và danh tiếng.

Con út của Hâm là Chu, làm Hoàng môn thị lang, Thái thú Thường Sơn, học vấn uyên bác có văn tài. Đang tuổi trung niên mắc bệnh, chết ở nhà.

Biểu có ba con. Con trưởng là Dị, tự Trường Tuấn.

Tấn thư công tán chép: Dị có tài văn chương, trải các chức Thượng thư lệnh, Thái tử thiếu phó, được truy tặng chức Quang lộc đại phu, khai phủ.

Kiểu tự Thúc Tuấn, có tài năng và học vấn, soạn sách *Hậu Hán thư*, người đời khen là sử quan giỏi. Làm Bí thư giám, Thượng thư.

Đạm tự Huyền Tuấn, nổi tiếng nhất, làm Hà Nam doãn.

Dị có ba con. Côn tự Kính Luân, thanh cao chính trực lại biết kiềm chế, làm Thượng thư. Hội tự Kính Thúc. Người đòi khen ngợi Hội ngôi vị cao quý mà chính trực. Hằng tự Kính Tắc, là người thông hiểu lý sự, sánh được với Côn, làm Thượng thư; Hội, làm Hà Nam doãn; Hằng, làm Tả Quang lộc đại phu, mở phủ; con của Đàm là Dật, tự Ngạn Hạ, là bậc tài chí thời nay, làm Thứ sử Giang Châu.

Vương Lãng tự Cảnh Hưng, người quận Đông Hải. Vì lâu thông kinh sách, được bái làm Lang trung, đối phong làm Trưởng huyện Tri Khâu. Thầy dạy của Lãng là Thái úy Dương Tứ, Tứ chết, Lãng bỏ việc quan chịu tang. Lúc xét cử Hiếu liêm, Công phủ vờ, không ra ứng mệnh. Thứ sử Từ châu là Đào Khiêm xét Lãng làm Mậu tài.

Bấy giờ Hán đế ở Trường An, binh Quan Đông nổi dậy, Lãng làm Trị trung của Khiêm, cùng bọn Biệt giá là Triệu Dục khuyên Khiêm rằng:

- Theo nghĩa Xuân Thu, giúp chư hầu chẳng bằng chuyên cần với vương thất. Nay Thiên tử đi xa đóng ở Tây kinh, ta nên phái sứ giả đến kính vâng vương mệnh.

Khiêm bèn phái Dục dâng tấu chương đến Trường An. Thiên tử khen ngợi lòng trung tín, bái Khiêm làm An đông tướng quân, lấy Dục làm Thái thú Quảng Lăng, Lãng làm Thái thú Cối Kê.①

Tôn Sách vượt sông Giang cướp đất. Công tào của Lãng là Ngu Phiên cho rằng về lực chẳng thể kháng cự, không bằng tránh Sách. Lãng tự cho rằng mình thân là quan lại của nhà Hán, nên giữ thành ấp, bèn cất binh cùng Sách giao chiến, thua bại, phải lênh đênh vượt biển đến Đông Dã. Sách lại truy kích, đại phá Lãng. Lãng bèn đến chỗ Sách. Sách thấy Lãng nhu nhả, chỉ căn vặn trách tội mà không làm hại.②

Lã Bố bị lưu vong khốn cùng, sớm chẳng chắc chiều, nhưng vẫn thu vén cứu giúp cho người thân cũ, chia chỗ nhiều cắt cho chỗ ít, đức hạnh đạo nghĩa sáng rõ.

① *Lã Bố gia truyện* chép: Quận Cối Kê trước đây tế Tần Thủy Hoàng, đeo gỗ làm tượng, để ở chung miếu thờ với vua Hạ Vũ. Lã Bố đến nhậm chức, cho rằng Thủy Hoàng là vị vua vô đức, không đáng được tế tự, vì thế bỏ tượng ấy đi. Lã Bố ở quận bốn năm, có lòng nhân ái với dân.

② *Hiển đế Xuân Thu* chép: Tôn Sách thống suất quân đến vùng Mân, Việt đánh dẹp Lã Bố. Lã Bố chèo thuyền vượt biển, muốn trốn đến Giao châu, bị binh lính của Sách bức bách, bèn đến cửa quân xin hàng.

Sách lệnh cho sứ giả cật vấn Lã Bố rằng:

"Ta hỏi nghịch tặc là cố Thái thú Cối Kê Vương Lã Bố rằng: Lã Bố chịu quốc ân gánh vác chức quan, sao không nghĩ việc báo đức, lại cậy binh làm ác? Đại quân đánh dẹp, may tránh được họa bêu đầu, chẳng tự giải tán, lại tự bề đảng, đóng giữ trong quận. Vương sư lao khổ đi xa thảo phạt, chẳng tỉnh ngộ theo ngay. Lúc bị đuổi bắt mới nói hàng, có lẽ là dối lừa trí trá, để giữ vẹn cái đầu trên cổ, nếu người cho là không phải, cứ đem hết thực trạng mà thưa lại."

Lã Bố tự xưng là kẻ tù đồ, đáp lời sứ giả rằng:

"Lã Bố vốn tài mọn, lâm chiếm ân riêng, nhận tước không nhường, gây nên tội lỗi. Trước bị đánh dẹp, sợ chết thoát thân, là người quản dân, gửi thân chốc lát. Đại quân uy bức, sợ chạy lên bắc, người theo bệnh tật, hầu hết tử vong, ta cùng mẫu thân, ngồi chung thuyền nhỏ. Tên bay như gió, thuyền bỏ lên bờ, trán cúi cổ so, đem thân tự thú. Lã Bố còn sợ sệt, lo ý chẳng thông, bèn vội tự xưng, mình là tù tội. Trước không liệu độ, mê muội làm càn, trách tội chẳng oan, lòng tràn tử hống. Lã Bố này ngu lỗ, nông nổi đồn hèn, kinh sợ oai trên, vẫn lòng tự hoàng. Lại không ngay thẳng, chẳng sớm tự hàng, lúc bị phá tan, mang gông cùm trói. Mệnh hèn rẻ rúng, mắc tội tày đình, chết có sạch thân, dư thừa tội lỗi. Nay cố buộc tròn, chân bước trong gông, tiếng gào vang xa, đông tây truyền mệnh."

Thái tổ dâng biểu trưng triệu Lãng, Lãng từ Khúc A men theo sông theo biển mà đi, nhiều năm mới đến được.^① Lãng được bái làm Giám nghị Đại phu, tham dự việc quân của quan Tư không.^②

Nước Ngụy mới dựng, Lãng làm Quân tể tửu lĩnh Thái thú Ngụy Quận, rồi thăng làm Thiếu phủ, Phụng thường, Đại lý.

Lãng chú trọng việc khoan thứ, định tội phạt nhẹ. Chung Do là người xét hình pháp kỹ lưỡng sáng suốt, hai người đều vì việc sửa sang hình ngục được khen ngợi.^③

① Lãng được vời còn chưa đến. Khổng Dung gửi thư cho Lãng nói:

"Đường đời cách trở, tình cảm hai ta đứt tuyệt, mỗi cảm hoài lại tăng thêm. Lúc trước thấy biểu chương, biết ngài sắp theo vết tích của Thang Vũ tự kể tội mình, đem thân ra biên ải cõi đông giống lúc ông Cỗn chịu phạt,⁽¹⁾ biểu chương xem chưa xong, mà nước mắt ròng ròng. Chủ thượng là người khoan hòa nhân ái, quý người có đức tha thứ cho kẻ mắc lỗi lầm. Tào công phụ chính, mong người hiền cùng nhau gắng sức. Chiếu thư ban xuống luôn, lời lẽ ân cần, hết mực chân thành khẩn thiết. Biết ngài chèo thuyền vượt biển, nghỉ lại ở Quảng Lăng, chẳng ngờ gấu vàng đột nhiên hiện ở Vũ Uyên.⁽²⁾ Cười vui mong mỏi, xin hãy bảo trọng."

Hán Tấn Xuân Thu chép: Tôn Sách mới bắt được Lãng, trách móc Lãng. Rồi sai Trương Chiêu hỏi kín Lãng, Lãng thề không chịu khuất, Sách phần nộ nhưng không dám làm hại, lưu giữ ở Khúc

¹ Ông Cỗn là đại thần của vua Thuấn, được sai đi trị thủy ở phương đông, qua chín năm không thành công, bị vua Thuấn giết. Vũ, là con của ông Cỗn thay cha trị thủy, tự giam mình ở miền đông, ăn ngủ chung với dân, tiếp tục việc của cha. Sau mười ba năm thì có thành tựu, vua Thuấn rất tin tưởng và trọng dụng ông, truyền ngôi cho ông. Vua Vũ chính là vị vua đầu tiên của nhà Hạ.

² Vua Tấn ồm, chiêm bao thấy con gấu chạy vào cửa sổ. Hàn Tuyên từ hỏi, Từ Sơn nói: "Thời xưa vua Thuấn giết ông Cỗn ở Vũ Sơn, hồn của ông Cỗn hóa thành con gấu vàng vào cửa Vũ Uyên, đời sau tam đại vẫn cúng tế. Nước Tấn từ khi làm minh chủ, chùng chưa cúng tế phải không?"

A. Năm Kiến An thứ ba, Thái tổ dâng biểu trung triệu Lãng, Sách phái Lãng đi.

Thái tổ hỏi:

- Tôn Sách sao được đặc chí như thế?

Lãng nói:

- Sách dũng mãnh trùm đời, là người đại chí tài năng kiệt xuất. Trương Tử Bố, là người mà dân chúng trông mong, ngoảnh mặt về bắc làm tướng văn. Chu Công Cẩn, là hào kiệt ở Giang Hoài, xấn tay áo mà làm tướng quân cho Sách. Kế mưu nếu thành, cái mà hấn mưu toan không nhỏ, cuối cùng sẽ thành kẻ địch lớn trong thiên hạ, không chỉ là tên giặc cướp giữ nhà mà thôi.

② *Lãng gia truyện* chép: Lãng thời trẻ cùng danh sĩ người nước Bái là Lưu Dương là bằng hữu. Dương làm Cử lệnh, năm ba mươi tuổi chết, cho nên người đời sau ít nghe nói đến. Khi trước, Dương vì Hán thất suy kém, biết Thái tổ có hùng tài, sợ làm lụy đến nhà Hán, ý muốn trừ đi nhưng chưa gặp dịp. Đến lúc Thái tổ quý hiển, truy tìm con nối tự của Dương rất gắt. Con của Dương khốn quẫn, chẳng biết trốn nơi đâu. Người thân thích cũ của Dương tuy nhiều, nhưng chẳng ai dám giấu. Lãng bèn thu nhận chứa chấp nhiều năm, lúc từ Cối Kê trở về, lại mấy lần xin còi mối thù. Thái tổ mãi sau mới tha cho, gia tộc của Dương bởi thế được bảo toàn.

③ *Ngụy lược* chép: Thái tổ mời Lãng cùng yến hội, bốn cột Lãng rằng:

- Ta chẳng thể bắt chước được ngài khi xưa ở Cối Kê cúi mình trồng lúa ăn gạo vậy.

Lãng ngẩng mặt lên than rằng:

- Làm đúng phận mình rất khó!

Thái tổ hỏi:

- Ngài nói sao?

Lãng nói:

- Như Lãng trước kia, lúc không đáng cúi mình lại cúi; như mình công hôm nay, lúc đáng nhún mình mà không nhún vậy.⁽¹⁾

Thái tổ vì Tôn Quyền xưng thần mới phái người đến hỏi Lãng, Lãng đáp rằng:

- Tôn Quyền trước đây gửi thư, nói dối là cúi mình xin đánh giặc để chuộc lỗi cũ, sau dâng sớ xưng thần, để tỏ mình không hai lòng. Các thứ như Sô Ngu⁽²⁾ cúi vái, chim hót tiếng người, mình châu, đồng đỏ, vật trân quý ở nơi xa tất sẽ đưa đến. Cái tình thấy ở lời nói, thành quả tỏ ở việc làm. Tam Giang Ngũ Hồ, được cai trị bởi nước Ngụy, dân Ngô phía tây, dân Việt phía đông, biến thành dân nước Ngụy. Đất Yển, đất Dĩnh lấy được rồi, Kinh Môn tự mở ra. Ta cuốn chiếu lấy vùng Ba, Thục, hình thế đã thành. Phúc lộc dồi dào, điềm lành chồng chất, sẽ theo nhau đồn dập đến vậy. Tới ngày nhận ý chỉ, thần vỗ tay phấn khích. Tình cảm dồn nén phát ra, lời lẽ chẳng thể biểu đạt rõ được.

Vấn đế tức vương vị, thăng Lãng làm Ngự sử đại phu, phong tước An Lăng đình hầu.

Lãng dâng sớ khuyên nên dưỡng sức dân, giảm bớt hình phạt. Sớ viết:

"Từ khi khởi binh đến nay hơn ba mươi năm, bốn cõi ngửa nghiêng, muôn dân khôn đồn. May nhờ tiên vương diệt trừ giặc cướp, giúp dưỡng cô nhi, chăm kẻ yếu nhược, khiến Hoa Hạ lại có kỷ cương.

¹ Đây là một đoạn đối đáp dùng lối chơi chữ thông minh. Lãng mới theo về, làm quan, Tào Tháo chưa tin dùng, tỏ ý xem thường. Lãng cũng biết vậy. Tào Tháo nói chuyện khi trước Lãng ở Cối Kê, bị Tôn Sách giam lỏng, tự cắt cây gặt lúa sinh nhai (chiết canh mẽ phạn). Lãng đáp rằng làm đúng phận rất khó, và giải thích là "Sách không đáng để Lãng phải cúi mình nhưng Lãng vẫn cúi mình" (vị khả chiết nhi chiết), ý rằng Lãng là quan nhà Hán, trông coi Cối Kê mà không giữ được đất để yên dân, phải chịu cúi mình hàng Sách, tuy nhiên có ý ngầm trách Tào Tháo là "có thể nhún mình mà chẳng chịu nhún" (khả chiết nhi bất chiết), ý là Tào Tháo không cung kính đối đãi kẻ sĩ. Cách dùng từ "chiết" (từ đa nghĩa) rất thú vị, Lãng là người đối đáp rất linh mẫn, không mất ý trào lộng, mà không khiến chủ nhân tức giận, cũng tỏ rõ là mình không hèn.

² Tên một loài thú dữ trong truyền thuyết, hình dáng tựa như con hổ. Thời xưa hay chế tạo những đồ vật theo hình dáng thú dữ làm đồ chơi.

Muôn dân kéo về tụ tập, đến nay ở yên đất Ngụy, khiến cho trong cõi ngoài biên, gà gáy chó sủa, bốn cõi râm ran, dân chúng hớn hở, vui cảnh thái bình.”

“Nay giặc phương xa chưa phục, binh nhung chưa ngừng, ví như giảm bớt việc sai dịch, đủ để vỗ về người ở nơi xa, dùng quan lại hiền tài, đủ để tuyên dương đức trạch, sửa sang đường xá, tứ dân⁽¹⁾ phồn thịnh, tất sẽ vượt thời xưa mà làm giàu có cho thời nay vậy. Kinh Dịch ngợi ca việc tu chính phép lệnh, Kinh Thư làm sáng tỏ hình pháp, một người làm điều tốt, muôn dân được cậy nhờ, đấy là nói về việc xét hình pháp cẩn thận vậy. Trước kia Tào tướng quốc nói rằng: ‘Tạm theo như việc ngục tụng và buôn bán’,⁽²⁾ là nói việc sửa trị theo lối ôn hòa rộng rãi của quan xét ngục vậy.”

“Người xét án ngục mà nắm được tình thực, thì không có tù phạm chết oan; kẻ đình trảng được ra sức với ruộng đồng, thì không có dân đói kém; người già cả bần cùng được cậy nhờ kho dựn, thì không ai chết đói; việc cưới hỏi kịp thời, thì trai gái không phải oán giận nổi ly biệt trường kỳ; thai nhi được nuôi dưỡng đầy đủ, thì người có mang không phải xa xót tự thương thân; hài nhi mới sinh được che chở, thì trẻ nhỏ không phải nhọc nhằn vì không ai dưỡng dục; trai tráng đúng phận đi quân dịch, thì trẻ thơ không nghĩ việc bỏ nhà; người hai thứ

¹ Thời xưa có bốn hạng dân là sĩ (học trò), nông (người làm ruộng), công (thợ), thương (người buôn bán).

² Lưu Bang lên ngôi vua Hán, cho Tào Tham làm tướng quốc nước Tề giúp Tề vương Lưu Phi, Tào Tham dùng kế của Cái Công, thực hiện phép “vô vi” để trị lý, nước Tề yên ổn. Hán Huệ đế lên ngôi được hai năm, tướng quốc nhà Hán là Tiêu Hà chết, Tào Tham lên thay. Lúc nhận chức, nói với các quan rằng: “Hãy tạm theo như việc coi ngục và buôn bán ở nước Tề, ắt cấm chế được nhiều loạn.” Mọi người hỏi: “Trị quốc không lớn hơn việc ấy sao?” Tào Tham nói: “Không phải, coi ngục là xét việc tố tụng, là chỗ xử kẻ gian, chợ búa là nơi buôn bán, dân buôn thì gian tham; nếu cay nghiệt thì kẻ ác và người gian không có chỗ dung thân, không có chỗ dung thân thì làm loạn. Ta nói việc cai ngục và buôn bán là nói việc chính sự vậy.” Rút cục Tào Tham quản chính sự nhà Hán giống như ở nước Tề là dùng phép vô vi mà trị. Giai đoạn Tào Tham quản chính nhà Hán, Lã hậu chuyên quyền, sóng gió nổi ở triều đình, nhưng dân chúng bình yên, nhà Hán không nghiêng đổ cũng nhờ điều ấy.

tóc không phải đi lính, thì người già không lo té ngã. Thuộc men là để chữa trị bệnh tật, giảm đao dịch⁽¹⁾ là để dân vui với nghiệp của mình, hình phạt uy nghiêm để áp chế kẻ ngang ngược, nhân từ thi ân để cứu giúp người yếu nhược, phát chẩn để giúp đỡ kẻ thiếu ăn. Mười năm sau nữa, gái đến tuổi cài trâm tất đây ngô xóm. Hai mươi năm sau nữa, sĩ binh dũng mãnh tất đây đông vậy.”

Văn đế lên ngôi, đổi Lãng làm Tư không, tấn phong tước Lạc Bình hương hầu.^①

Bấy giờ Đế hay ra ngoài săn bắn, có lần đến tối mệt mỏi về cung. Lãng dâng sớ rằng:

“Chỗ ở của bậc đế vương, ngoài thì cấm vệ che chắn, trong thì cửa cấm nhiều tầng, sắp khởi hành thì bày binh rồi mới ra khỏi trướng, có quân cảnh vệ thì mới bước xuống thềm, lính giương cung sẵn rồi mới lên kiệu, dẹp đường rồi mới có người dẫn ra xe, quân binh xếp hàng che chắn rồi xe mới lăn bánh, có chỗ nghỉ yên rồi mới dừng xa giá, những việc đó là để tỏ rõ sự tôn quý đến cùng cực, cốt ở chỗ đề phòng cẩn thận, theo đúng pháp chế và giáo hóa vậy. Hôm mới đây xa giá ra ngoài tìm bắt hổ, quá trưa mới đi, mờ tối mới quay về, là trái với phép thường của việc nghiêm cẩn đề phòng, không phải là sự cẩn thận hết mực với tấm thân vạn thặng.”

Đế đáp sớ rằng:

“Trẫm xem biểu của ngài, dấu Ngụy Giáng khen thơ Ngu châm để ngâm can Tẩn Diệu,⁽²⁾ Tương Như kể chuyện mãnh thú để khuyên

¹ Thời phong kiến xưa, quan lại bắt dân làm việc của nhà vua, gọi là đao (徭), ai được miễn không phải đi lao động gọi là miễn đao (免徭); dịch (役), là việc đi lính thú ngoài biên ải. Tóm lại, các việc lao dịch, tạp dịch, quân dịch mà chính quyền bắt dân phải phục vụ trong các kỳ hạn nhất định thì gọi là “đao dịch.”

² Thời xưa có người dân nước Ngu làm bài châm can gián việc đi săn của đế vương. Đại khái có những câu như: “Mênh mang vết Vũ, họa vẽ chín châu, khai mở chín đường, dân có miếu đền, thú ăn bụi hoang; hai chốn tách biệt, không quấy nhiễu nhau.” Bài này được người sau gọi là bài *Ngũ châm*. Thấy có chép ở sách *Thượng thư* và *Tả truyện*, thiên *Tương công tứ niên*. Diên tích, người dịch chưa tra cứu được.

răn Hán Vũ,⁽¹⁾ chưa đủ để ví vậy. Hiện nay hai tên giặc chưa tiêu diệt được, tướng soái chinh chiến ở nơi xa, nên giờ đây trẫm vào chốn ruộng đồng là để luyện binh nhưng. Còn như lời răn việc đi săn đến tôi mới về, trẫm đã hạ chiếu cho quan Hữu ti làm theo.” ②

① Ngụy danh thần tấu chép bản tấu xin giảm bớt sự xa xỉ của Lãng rãng:

“Chiếu thư hỏi về những điều được mất, hẳn là nói về các việc ở Đông kinh vậy. Như việc đại tế ở Vân Dương, Phần Âm thuộc Tây kinh,⁽²⁾ có đến một nghìn năm trăm người quần tụ, việc tế tự ở đài Thông Thiên,⁽³⁾ vào cung A Phòng,⁽⁴⁾ trai giới phải đủ trăm ngày, nuôi muông⁽⁵⁾ năm năm làm vật tế, trâu thì ba nghìn con, ngọc quý thì bảy nghìn viên; đồ tế thì lấy lụa bóng có hoa văn để thêu chiếu tế, dùng đồng nữ để dập chân múa hát; dùng rượu ngon phải cất qua ba mùa, người hát nhạc lễ phải có ba nghìn bốn trăm người chuẩn bị phía sau; mỹ nhân ở nội cung tính ra đến gần một nghìn, con em của các Bác sĩ ở học quán là hơn bảy nghìn; trong chuồng có hơn sáu vạn ngựa kéo xe, ngoài đồng chăn ba vạn ngựa, mỗi người mười ngựa; quan Chấp kim ngô có sáu trăm người cưỡi ngựa tùy tùng, lính chạy bộ theo sau đông gấp bội; quan Thái

¹ Diễn tích, người dịch chưa tra cứu được.

² Thời Hán Vũ đế, vua thường nhiều lần đi tuần du các nơi sông núi, cử hành tế lễ. Núi Vân Dương và Phần Âm là nơi Hán Vũ đế tổ chức đại tế. Các lễ tế được ghi chép chủ yếu ở *Sử ký*, quyển 28, *Phong thiện thư*.

³ Hán Vũ đế là vị vua sùng đạo giáo, mưu cầu tìm thuốc trường sinh. Đài Thông Thiên (通天台), do Hán Vũ đế xây dựng, ở phía tây bắc huyện Cam Tuyền, tỉnh Thiểm Tây ngày nay, mục đích là để vờ gọi người tiên, học phép trường sinh bất lão. Đài rộng hơn trăm trượng, cao ba mươi trượng, ở trên đó có thể ngắm mây, xem mưa, trông ra khắp thành Trường An.

⁴ Cung A Phòng (阿房宫), theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên, là do Tần Thủy Hoàng xây dựng ở Tây An, Thiểm Tây. Khởi công được hai năm thì Tần Thủy Hoàng chết. *Hán thư* của Ban Cố nói: “Tần Nhị thế xây tiếp cung A Phòng, xây chưa xong thì nhà Tần diệt vong.” *Sử ký* có nói việc Hạng Vũ đốt cung điện nhà Tần ở Hàm Dương, lửa cháy ba tháng mới tắt. Như vậy có lẽ nói Hạng Vũ đốt cung A Phòng là không đúng vì cung A Phòng không nằm ở Hàm Dương. *Sử sách* cũng không thấy nói các lễ hội được tổ chức ở cung A Phòng, chưa rõ Vương Lãng nói đến cung A Phòng ở đây là ý gì?

⁵ Muông, là con thú thuần sắc, được nuôi dưỡng để dùng trong các lễ tế.

thường tế lễ lăng mộ có nghìn cỗ xe theo, Thái quan được ban sáu nghìn nô tì; trong thành Trường An có ba nghìn quan coi việc trị dân, trong số quan được cấp bổng hai nghìn thạch thì có hai mươi lăm quan xét xử hình ngục. Quan lại sung vào coi việc tạp nạp, uy nghi thừa thải, cao quý đến ba đời, là quá với quy định của lễ nghi. Ôi, cái sự xa xỉ cùng cực, đại để phần lớn là tiếp nhận cái tàn dư từ nhà Tần. Đã trái với cái gốc cung kính thành thật của phẩm vật cúng tế, làm mất hết ý nghĩa của sự giản dị, lại sai lầm về bản chất mà tổn hại đến cái vẻ đẹp của lễ nhạc giáo hóa, tránh cái hay mà theo cái thú riêng.⁽¹⁾

"Hiện nay đang là thời hưng thịnh sáng rõ, nên noi theo thời các vua Nghiêu Thuấn, cắt bỏ xa hoa để chuyên tâm thực hành tiết kiệm, bỏ bớt các thời lệnh rườm rà, làm rõ khuôn phép thận trọng hình phạt, đấy chẳng phải là việc đáng truy cầu sao? Đến như việc ở lăng miếu thì dùng cỗ thái lao tế một ngày, các quận trong nước đều lập ra phép tế tông miếu, quy định số thuộc lại quan viên đi theo đôi với các quan Thừa tướng, Ngự sử, Đại phu. Các việc như thế, đã sửa đổi nhiều lần vào trước thời Ai đế, Bình đế, lại không được thi hành từ sau thời Quang Vũ đế. Thần cần trọng xem xét những điều sửa đổi trong đô tịch, từ việc tế trời đất cho đến tế tự Ngũ đế, lục tông,⁽²⁾ tông miếu, xã tắc, đã noi theo các triều đại trước rồi. Như tế trời đất thì quét đất mà tế, còn tế lễ khác thì đều đắp đàn và làm rào xung quanh thôi. Minh Đường là chỗ để tế Thượng đế, Linh Đài là chỗ để xem thiên văn, Tích Ung là chỗ để sửa lễ nhạc, Thái Học là chỗ để tụ tập nho sinh, Cao Môi là chỗ để cầu cúng điềm lành, lại là chỗ để xét việc thời thế, tuyên dương giáo hóa."

"Xét dân chúng thời xưa, khi mở hội cầu vận tốt lành, lúc trước đều làm ở phía nam của đất nước, đều làm nhà cao như nóc nhà của người nhà Hạ, đủ để cử hành lễ bắn tên cúng tế, nhìn khắp được cảnh vật. Tế tại

¹ Các việc nêu trên là nói đến sự xa xỉ vào thời vua Hán Vũ đế.

² Về việc tế "lục tông" các học giả thời xưa giải thích không thống nhất. Mã Dung cho rằng đó là tế trời đất và bốn mùa xuân, hạ, thu, đông; Giả Quỳ thì cho rằng đó là tế mặt trời, mặt trăng, tinh tú, thần sông, thần biển, thần núi; Không Quang và Lưu Hâm thì cho rằng, đó là tế thần nước, thần lửa, thần sấm sét, thần gió, thần mây, thần núi, thần đầm...

bày chỗ ở ngoài thành tuy tôn nghiêm nhưng trọng chất phác, vẫn có chỗ ngồi thuận tiện ở cửa nhà, cửa lâu, bậc thêm, đủ để tránh gió mưa. Nên cho quân lính nghỉ ngơi vào năm được mùa, để dân sửa sang chính trị. Thời xưa quân Hồ bôn Vũ lâm của ngũ doanh⁽¹⁾ cùng quân Vệ binh tụ họp lại, dẫn đến vạn người, trong số ấy có kẻ là con em lười biếng của nhà buôn, có kẻ là người dân độn của nhà dân cày; dù có chỗ thừa chế, chẳng phải giảng tập binh nhung trận mạc, đã chẳng được diễn tập huấn luyện, lại ít từng trải, dẫn là có danh kỳ thực chẳng xứng, khó để dùng lúc nguy cấp. Có việc ngoài cõi rồi sau mới mộ binh, quân đi rồi mới vận lương, hoặc là quân đóng đồn điền đã lâu, mà không chuyên tâm trồng cấy, không tu sửa khí giới, không có tích trữ đủ đầy, một vùng truyền vũ hịch, thì ba mặt đều hoảng loạn, đấy cũng là cái lỗi sai của nhà Hán gần đây mà ta chẳng nên theo vậy."

"Hiện nay Chư Hạ⁽²⁾ đã yên, nhưng Ba Thục còn ngoài cõi. Dẫn chưa được dùng võ để cởi giáp buông cung, thả ngựa mà thu binh, nên nhân những năm mùa màng bội thu, đem quân chính gửi vào việc nhà nông. Quan quân lớn nhỏ, đều siêng năng cấy hái, dừng thì thành làng xóm ở chốn đồng ruộng, đi thì thành đội ngũ ở chốn sáu quân, giảm bớt đao dịch nặng nề, tăng thêm cơm áo. Dịch nói: 'Khiến dân được vui, thì dân quên lao nhọc; xông vào chỗ nguy mà vui, thì dân quên chết', là nói về ngày nay vậy. Tích lương làm đồ ăn, dưỡng sức làm hình thể, dù ngồi chỗ sáng mà quân chưa động, người Man cõi ngoài tất phải cúi đầu đến cầu xin được sai khiến rồi. Nếu chúng sợ uy chịu sai khiến, ta không đánh mà định được, thì còn hơn là giao binh rồi mới lập uy, đâm chém rồi mới nên công ở nơi xa vậy. Nếu kẻ gian hung không sửa đổi, mê lầm chẳng tỉnh, vẫn muốn lấy sự hung ác để ngược đãi dân, quân sĩ được Đại Ngụy nuôi dưỡng hãy đợi lệnh, rồi mới thông thả tiền ca hậu vũ ra đánh dẹp, binh ta tới nơi thì giặc bẻ tên quay giáo quy hàng, đánh chúng như chặt gỗ mục, bẻ cành khô, thật chẳng đủ lời để ví vậy!"

¹ Ngũ doanh (五营): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 40 (Viên Thiệu truyện).

² Chư Hạ, là chỉ là vùng trung nguyên, quanh khu vực Hoàng Hà, cũng là đất của Tào Ngụy bấy giờ. Khi trước nhà Hạ chiếm cứ khu vực này, gây dựng cơ nghiệp, nên khu vực đó gọi là Hoa Hạ.

② Vương Lăng tập chép rằng thời Lăng làm Đại lý có dâng lời khen quan Chủ bộ là Trương Đăng ở Triệu Quận rằng:

"Trước đây Đăng làm Chủ bộ bản huyện, đúng lúc giặc núi Hắc đến vây quận, Đăng cùng trưởng huyện là Vương Tuấn dẫn bảy mươi hai quan binh đi thẳng đến cứu, cùng với giặc giao chiến, quan binh chạy tán loạn. Tuấn sắp bị hại, Đăng tay không xô xát với một tên giặc, bảo toàn được tính mạng cho Tuấn. Lại có viên trưởng quan là Hạ Dật, bị Đốc bưu đồ oan, Đăng tự mình khảo xét, rõ oan tội của Dật. Cái nghĩa cứu giúp hai người, nên ban thêm vinh hiển khác thường."

Thái tổ vì lúc đó nhiều việc gấp, chưa rỗi rãi đề bạt cất nhắc. Đến đầu năm Hoàng Sơ, Lăng lại cùng với Thái úy Chung Do liên danh dâng biểu văn, khen Đăng giữ chức siêng năng khó nhọc. Đế hạ chiếu rằng:

"Đăng trung nghĩa nổi rõ, giữ chức chuyên cần có công. Danh vị tuy thấp, nhưng chính trực thành thật hành xử thích hợp. Dùng người thân tín sửa soạn đồ ăn cho vua, phải là những quan lại thế này. Nay lấy Đăng làm Thái quan lệnh."⁽¹⁾

Trước đó, năm Kiến An mạt, Tôn Quyền bắt đầu phái sứ giả đến xưng làm phiên thuộc, rồi cùng Lưu Bị giao binh. Đế hạ chiếu nghị bàn: "Có nên hưng binh giúp Ngô thôn tính Thục không?"

Lăng bàn rằng:

- Quân của Thiên tử, tụ tập ở đất Hoa, đất Đại, thực nên ngồi chỗ sáng tỏ oai trời, bất động mà vững như núi. Ví như Quyền đích thân cùng giặc Thục cầm giữ nhau, kịch chiến nhiều ngày, trí lực ngang nhau, việc binh chẳng thể mau chóng chấm dứt, lúc đó ta sẽ cất đại quân để gây thanh thế, rồi mới tuyển chọn tướng lĩnh lão thành trì trọng, nắm chỗ yếu của giặc, quan sát thời cơ rồi mới hành động, chọn chỗ ở rồi mới hành quân, một

¹ Là chức quan, bắt đầu có từ thời nhà Tần, chuyên về việc trông coi yến tiệc cũng như chăm lo việc ăn uống của Hoàng đế.

lần cử sự là không có việc gì phải lo nữa. Nay quân đội của Quyền chưa động, đem quân giúp Ngô thì không lẽ ta đi đánh trước. Và lại nước sông đang thịnh, thực không phải là lúc hành binh động chúng.

Để thu nhận kế ấy.

Năm Hoàng Sơ trung, chim Đẻ hồ đậu ở đầm Linh Chi, Đế hạ chiếu sai Công khanh tiến cử bậc quân tử có đức hạnh đặc biệt. Lãng tiến cử Quang lộc Đại phu Dương Bưu, lại xưng bệnh, nhường chức vị cho Bưu. Đế bèn vì Bưu bố trí quan lại sĩ tốt, ngôi vị ở dưới Tam công. Rồi hạ chiếu rằng:

"Trẫm hướng về ngài cầu người hiền mà chưa được, ngài bỗng nhiên xưng bệnh, chẳng những không cầu được người hiền, lại mở ra tiền lệ làm mất hiền tài, tăng thêm xu hướng suy giảm trọng thân. Sợ là có kẻ ở chỗ ngài nói những lời bất thiện, trái với cái đạo của người quân tử! Sau này ngài chớ nói những lời như thế nữa!"

Lãng bèn đến sỏ quan.

Tôn Quyền muốn phái con là Đăng vào hầu, lại không đưa đến. Bấy giờ xa giá dời về Hứa Xương, triển khai đóng quân làm ruộng với quy mô lớn, muốn cất quân đông chinh. Lãng dâng sớ rằng:

"Trước kia người Nam Việt giữ tình hòa hảo, Anh Tê vào hầu, là trưởng tử nối dõi, sau lại quay về làm vua nước ấy.⁽¹⁾ Người Khang Cư kiêu ngạo giảo hoạt, tỏ ý không thuận, quan Đô hộ dâng tấu cho rằng nên phái con đến hầu, để được xóa cái tội vô lễ.⁽²⁾ Và lại cái họa

¹ Thời Hán Vũ đế, nước Nam Việt bị người Mân Việt đánh, cầu cứu với nhà Hán, Hán Vũ đế sai quân đánh Mân Việt, thắng. Vua Nam Việt sai con trưởng của mình là Anh Tê (嬰齊) đến châu. Anh Tê ở lại Trường An mười năm, lúc vua Nam Việt ốm nặng, Hán Vũ đế cho Anh Tê về nước, sau lên ngôi vua nước Nam Việt.

² Khang Cư là một quốc gia cổ thuộc địa phận Tây Vực, giáp với các nước Ô Tôn, Yêm Sái, Đại Nguyệt Chi, Đại Uyển. Điện tích về việc này, người dịch chưa tra cứu được.

của Ngô Ty, manh nha từ việc sai con vào hầu,⁽¹⁾ Ngỗi Hiêu làm phản cũng không ngoài trông đến con mình.⁽²⁾ Vừa qua nghe tin Quyền có nói là phái con vào hầu mà chưa đến, nay sáu quân hãy nghiêm cẩn phòng bị, thần e rằng chúng nhân chưa thông suốt với thánh chỉ, sẽ bảo là quốc gia oán giận vì Đãng trốn ở lại, vì thế mà hưng binh. Ví như quân đi thì Đãng mới đến, thì đó là hành động quá lớn, là cách gọi người đến quá kém, chưa đủ để coi là mừng. Ví như họ ngoan cố ngạo mạn, dứt khoát không đưa con vào hầu, sợ là dư luận ở bên ấy chưa thông, đều mang lòng lo lắng. Ngu thần cho rằng nên sắc lệnh cho chư tướng cầm quân ở ngoài, đều phải vâng theo cấm lệnh, hết sức cẩn thận coi giữ địa bàn của mình. Ngoài thì tỏ rõ oai phong, trong thì mở mang cày cấy, khiến ta nghỉ ngơi thì chắc như núi, yên lặng mà hiểm như ao sâu, về thế chẳng lay động, về kế chẳng liệu đoán được."

Bấy giờ, Đế đã bố trí quân đội xong bèn hành quân, con của Quyền không đến, xa giá đến sông Giang rồi về.①

① *Ngụy thư* chép: Xa giá đã về, Đế hạ chiếu cho Tam công rằng:

"Ba đời làm tướng, là điều kiêng kỵ của nhà có đạo. Hiếu chiến lạm dụng vũ lực, thời xưa đã thành lời răn. Huống chi nay thủy tai hạn hán liên miên, sĩ dân hao tổn, mà việc làm nhiều gấp mấy lần lúc trước, lao dịch hơn hẳn ngày xưa, tiến chẳng diệt được giặc, lui không hòa với dân. Nhà đột ở trên, người dưới biết được, nhưng mê lầm không tỉnh ngộ, việc mất đạo chẳng còn xa, là có lỗi mà không sửa, nói thế chẳng sai. Nay nên nghỉ dưỡng, kẻ Bị đậu ở núi cao, Quyền ẩn ở vực sâu, dẹp trừ lời bài xích, không quan tâm đến kẻ ở cõi ngoài. Trung tuần tháng này Xa giá đến huyện Tiêu, các quân ở vùng Hoài, Hán, cũng đều tự quay lại, chưa đến cuối tháng chạp phải quay về tây rồi."

¹ Ngô vương Lưu Ty phái con vào hầu, vì tranh giành bị Thái tử của Hán Văn đế giết. Xem thêm chú thích ở tập I, quyển 2, trang 160 (Văn đế kỷ). Thời Hán Cảnh đế, Lưu Ty là một trong những người phát động "loạn thất quốc" ở nước Sở, bị Chu Á Phu đánh dẹp.

² Năm Kiến Vũ nguyên niên thời Quang Vũ đế, Ngỗi Hiêu (隗囂) phái con trưởng của mình là Ngỗi Tuấn đến kinh đô nhà Hán làm tin. Sau Ngỗi Hiêu làm loạn ở đất Lũng, Ngỗi Tuấn bị giết, Ngỗi Hiêu cũng bị Quang Vũ đế Lưu Tú đánh dẹp.

Minh đế tức vị, tấn phong Lãng làm Lan Lăng hầu, thêm thực ấp năm trăm hộ, gộp cả lúc trước là một nghìn hai trăm hộ.

Lãng phụng mệnh đến huyện Nghiệp thăm lăng mộ của Văn Chiêu hoàng hậu, thấy trăm họ có kẻ không được no đủ. Bấy giờ đang sửa sang cung thất, Lãng dâng sớ rằng:

"Từ khi bệ hạ tức vị đến nay, nhiều lần ban ân chiếu, muôn dân trăm họ chẳng ai không hân hoan hơn hờ. Thần mới đây vâng mệnh đi sứ lên bắc, qua lại trên đường, nghe nói người lao dịch rất đông, trong số ấy thì những người đáng được miễn giảm rất nhiều. Mong bệ hạ lưu tâm coi trọng, sớm chiếu xét việc, để mưu tính ngăn giặc."

"Xưa kia Đại Vũ chuẩn bị cứu đại họa cho thiên hạ, nên trước tiên làm cung điện thấp, tiết kiệm cơm áo, nhờ đó mới có thể có được hết chín châu, giúp đỡ năm cõi. Câu Tiễn muốn mở rộng bờ cõi của mình đến Ngự Nhi,^① cắt tai Phù Sai ở Cô Tô, cho nên cũng bó buộc bản thân và người nhà, kiệm ước từ nhà mình để giúp nước, nhờ đó mà bao trọn Ngũ Hồ, cuốn chiếu Tam Giang, ra uy với Trung Quốc, định ngôi bá ở Hoa Hạ.⁽¹⁾ Hai vị Văn, Cảnh của nhà Hán cũng muốn mở mang nghiệp lớn của tổ tiên, coi trọng để nghiệp, cho nên dứt tuyệt ý định xây đài trăm vàng, đề xướng tiết kiệm, mặc áo bằng lụa đen dày, bên trong giảm Thái quan mà không nhận đồ cống nạp, bên ngoài thì bớt sưu thuế dao dịch mà chuyên chú việc nông tang, cho nên được xưng tụng là thời thái bình, hầu như không phải dùng hình phạt."⁽²⁾ Sớ

¹ Câu Tiễn (句踐) là vua nước Việt, khi được Phù Sai tha về nước, nếm mật nằm gai chịu khổ cực mấy mươi năm, thi hành chính sách tiết kiệm, nuôi chí phục thù, sau này diệt được vua Ngô là Phù Sai ở Cô Tô, tranh bá với Trung Nguyên.

² Thời Văn đế, chủ trương tiết kiệm, tự mình mặc áo đen bằng vải thô, chú trọng giảm nhẹ thuế khóa và lao dịch, cấm các châu quận cống hiến vật quý, khi có thiên tai thì chur hầu được miễn cống. Có lần Văn đế định xây phủ đài, khi tính toán thấy tốn 100 cân vàng, Văn đế nói: "Số vàng đó bằng sản nghiệp 10 hộ dân bậc trung, ta ở cung điện do tiên đế xây cất đã thường cảm thấy lo sợ xấu hổ, xây thêm cái mới làm gì?"

Thời Hán Cảnh đế, tiếp tục chính sách của Văn đế, ra sức khuyến khích phát triển nông nghiệp. Dưới thời hai vua Văn Cảnh, đất nước thái bình thịnh trị, người sau gọi thời của hai vua này là Văn Cảnh chi trị.

đĩ Hiếu Vũ có thể hưng khởi thế quân, mở mang cương vực vươn ra ngoài cõi, thực là nhờ vào sự tích lũy đầy đủ của tổ tiên, cho nên có thể gây dựng đại công.⁽¹⁾ Hoắc Khứ Bệnh, chỉ là tướng tài bậc trung, còn vì Hung Nô chưa bị diệt, mà không sửa sang nhà cửa.⁽²⁾ Đây là sáng suốt lo nghĩ cái lâu dài mà mưu tính việc gần, chú trọng việc bên ngoài mà giản tiện bên trong.”

“Từ đầu thời Hán cho đến thời trung hưng, đều là sau khi ngừng nghỉ can qua, rồi mới xây công trình lớn như cung Phượng Khuyết,⁽³⁾ vương khí trời dậy. Nay phía trước điện Kiến Thủy đủ để bày hội triều, phía sau điện Sùng Hoa đủ để đặt nội quan, vườn Hoa Lâm, Thiên Uyển đủ để mở hội yến, nếu lại làm các cửa cao ở phía trước bên ngoài cửa cung, đủ để người ở phương xa xếp hàng triều cống, sửa sang hào lũy quanh thành, đủ để ngăn kẻ vượt qua, tạo thành cái thế hiểm của quốc gia, ngoài các việc cấp thiết đó, hãy đợi đến năm được mùa.”

“Nhất thiết phải siêng năng chuyên cần canh nông, chăm chỉ việc giảng tập binh nhung, thì quốc gia không còn cảnh nam không vợ nữ không chồng, hộ khẩu đông đúc, dân phú binh cường, kẻ địch không thần phục vì ánh sáng của ta không chiếu đến, là điều chưa có vậy.”

¹ Thời Hán Vũ đế, thực hiện củng cố nền quân chủ chuyên chế, vươn ra các khu vực xa xôi giáp với Hoa Hạ, đánh dẹp thu phục các nước lân bang, mở rộng cương thổ. Có được tiền đề để thực hiện các cuộc viễn chinh tốn kém ấy chính là nhờ sự phát triển cực thịnh về kinh tế của hai đời trước Hán Vũ đế là thời Văn Cảnh.

² Hoắc Khứ Bệnh (霍去病), người huyện Bình Dương, quận Hà Đông, là đại tướng của Hán Vũ đế. Năm 18 tuổi, được giao nhiệm vụ cùng người cậu là Vệ Thanh đi đánh Hung Nô, Hoắc Khứ Bệnh dẫn 800 quân, đuổi đánh quân Hung Nô, giết được 2.000 giặc, uy trùm ba quân. Hán Vũ đế ban cho Hoắc Khứ Bệnh dinh thự ở kinh đô, ông từ chối nói: “Hung Nô chưa bị diệt, thần dùng nhà để làm gì?”

³ Đây là công trình lớn do Hán Vũ đế cho xây dựng. Thực ra hai chữ Phượng Khuyết (凤阙) không hẳn là tên của công trình đó. Theo *Sử ký*, thiên *Hiếu Vũ bản kỷ*, có chép: “Phía đông thì có cổng chim phượng hoàng (phượng khuyết), cao hơn hai mươi trượng.” Sách *Tam phụ cổ sự* của Tư Mã Trinh dẫn thêm: “Phía bắc có cổng hình tròn, bên trên có con phượng hoàng bằng đồng, cho nên gọi là cổng chim phượng hoàng vậy.”

Lăng được chuyển làm Tư đồ.

① Ngự Nhi, là địa danh nơi biên ải giáp đất Ngô.

Bấy giờ các Hoàng tử thường bị chết, mà thứ thiếp tại nơi chờ sinh nở ở hậu cung lại ít. Lăng dâng sớ rằng:

"Trước kia Chu Văn mười lăm tuổi đã có Vũ vương, rồi hưởng phúc sinh có được mười người con, để mở rộng dòng dõi họ Cơ. Vũ vương đã già mới sinh được Thành vương, vì thế Thành vương có ít anh em. Hai bậc Vương ấy, đều gây dựng thánh đức, không có lỗi lầm, so cái phúc về đường con cháu của họ, thì không giống nhau. Có lẽ việc sinh dưỡng người sớm người muộn, nên chuyện sinh nở người ít người nhiều vậy."

"Đức độ phúc lộc của bề hạ sánh bằng cả hai vị thánh, vào lúc Cơ Văn nuôi Vũ niên kỷ đã cao rồi, mà con là Phát chưa được cất lên ở phòng kín của hậu phi, các phiên vương chưa đông đúc ở phòng rộng chốn dịch đình. Lấy Thành vương làm ví dụ, cũng chưa phải là muộn, lấy Bá Ấp làm ví dụ, thì chẳng phải là sớm."

"Theo Chu lễ thì nội quan ở lục cung có một trăm hai mươi người, nhưng các kinh sách thường nói, cả thảy chỉ có hai mươi người là giới hạn, đến như tới cuối đời Tần Hán, phỏng chừng là có tới hàng trăm, hàng nghìn người rồi. Như thế dù là nhiều, nhưng số người có cơ hội đến ở Cát quán⁽¹⁾ ngò là rất ít, rõ ràng cái gốc của 'trăm con trai', thực là một ý, chẳng chỉ ở cái việc cốt lấy cho nhiều vậy. Lão thần thành khẩn mong cho quốc gia được cái phúc lộc có hai mươi lăm người con sánh với Hiên Viên, nếu không cũng bằng được Chu Văn có mười người con, coi đó là điều lo lắng."

"Vả lại con nhỏ thường trên trùm áo ngủ dưới nằm đệm ấm, ấm quá thì không hợp với cơ thể yếu ớt làn da mềm mại, vì thế khó phòng

¹ Cát quán (吉馆) là nơi các bậc thứ thiếp của vua chúa đến ở khi sắp đến kỳ sinh nở.

bệnh, mà dễ bị cảm ốm. Nếu thường để cho con nhỏ mặc áo ấm, không đến nỗi quá dày, tất khiến thân thể vững như vàng đá, mà tuổi thọ sánh được với Nam Sơn vậy.”

Để đáp rằng:

“Người có chí trung thành thì lời lẽ nhất mực thành thực, người có tình sâu nặng thì lời lẽ hết sức thâm sâu. Ngài đã khổ công lo nghĩ, lại tự tay viết số bày tỏ đạo lý, ba lần dâng lời hay, lòng trầm hân hoan khôn xiết. Con kẻ tự của trầm chưa lập, vì thế khiến ngài lo lắng, ta cung kính thu nhận lời thẳng, đúng là lời khuyên hữu ích.”

Lã soạn sách Dịch, Xuân Thu, Hiếu kinh, Chu quan truyện, Tấu nghị luận ký, đều truyền lại ở đời.①

Năm Thái Hòa thứ hai Lã chết, ban thụy là Thành hầu. Con của Lã là Túc nối tự.

Khi trước, Văn đế chia thực ấp của Lã, phong cho một con làm Liệt hầu, Lã xin phong cho con của anh trai mình là Tường.

① *Ngụy lược* chép: Lã vốn tên là Nghiêm, sau đổi thành Lã.

Ngụy thư chép: Lã có tài cao văn từ mỹ lệ, nhưng bản tính nghiêm túc khảng khái, nghị biểu uy nghiêm, khiêm tốn giản dị, kể cả đồ lễ từ việc cưới hỏi của thân thích cũng không hề nhận. Thường chê bai người đời là thích khoe tên tuổi, nhưng không cứu giúp kẻ nghèo hèn, cho nên khi dùng tiền của thì lấy việc chu cấp giúp người làm đầu.

Túc tự Tử Ung. Năm mười tám tuổi, theo Tống Trung đọc sách *Thái huyền*, rồi lại chú giải cho sách ấy. ① Năm Hoàng Sơ trung, Túc làm Tán kỵ Hoàng môn thị lang. Năm Thái Hòa thứ ba, được bái làm Tán kỵ thường thị.

Năm thứ tư, Đại tư mã Tào Chân đi đánh Thục, Túc dâng sớ rằng:

"Ghi chép của tiên nhân có nói: 'Nghìn dặm chuyển lương, sĩ tốt có sắc đói, kiểm củi thổi nấu, quân lính chẳng đủ no', đây là nói lúc hành quân trên đường bằng vậy. Huống chi là vào sâu nơi hiểm trở, đào đường mà tiến, thì việc ấy lao nhọc hơn gấp trăm lần. Nay lại có thêm mưa dầm, dốc núi cao trơn tuột, sĩ chúng gắng sức mà không lên nổi, lương ít lại khó theo kịp, thật là điều đại kỵ với việc hành quân vậy. Nghe nói Tào Chân phát binh đã hơn một tháng mà chỉ đi qua chừng nửa hang núi, công phu sửa đường, quân dân đều phải làm. Đây là mình giặc được lấy cái an nhàn mà đợi quân mỏi mệt, là điều kiêng sợ của binh gia vậy. Nói việc đời trước, thì Vũ vương phạt Trụ, ra khỏi quan ải rồi lại quay về; luận việc gần đây, thì Vũ, Văn đi đánh Quyền, đến sông Giang rồi mà chẳng sang. Há chẳng phải là thuận trời, biết thời, thông suốt cái lẽ quyền biến hay sao! Muôn dân biết rằng thánh thượng bị mưa dầm là việc cực kỳ gian khó, dùng binh mà nghỉ ngơi, ngày sau có cơ hội, nhân đó mà dùng họ, thế gọi là khiến dân vui vẻ lẫn vào nguy hiểm, thì dân quên chết vậy."

Đế vì thế bèn bãi binh. Túc lại dâng sớ rằng:

"Nay nên theo lễ cũ, khi cử hành tang lễ đại thần, dâng quả ở tông miếu."

Việc đều được thi hành.

Túc lại dâng sớ trình bày điều cơ bản của chính sự rằng:

"Dẹp bỏ chức quan không có việc, giảm lộc của chức quan không thiết yếu, gộp các chức quan nhàn rỗi, là dùng được cái nguyên nhân lãng phí lương thực; khiến cho quan lại đều có chức phận, kẻ có chức phận phải dốc lòng với công việc của mình, làm việc ắt được nhận lộc, nhận lộc phải liên tục gắng hết sức mình, đây là phép thường thời xưa, là điều thích hợp với bây giờ vậy. Quan lại ít mà lộc hậu, thì phí tổn của công ít, cái chí tiến thân làm quan được khuyến khích. Mọi người đều thi triển tài sức, chẳng ai ỷ lại vào nhau. Tâu bày dùng lời, thử thách dùng việc, họ có tài năng hay không, ý xét ở trong lòng của Đế. Thế nên thời Đường Ngu khi đặt quan phân chức, đích thân lệnh cho

Công khanh, đều làm công việc của mình, rồi mới xét Long làm Nạp ngôn,⁽¹⁾ nay còn thấy ở sách 'Thượng thư', là để tiếp nhận ý kiến của người dưới và truyền lệnh của Hoàng đế mà thôi. Quan chức thời nhà Hạ, nhà Ân thì chẳng rõ được. Cam thệ⁽²⁾ viết 'Người coi sáu việc', rõ ràng là nói Lục khanh cũng là người coi việc vậy. Quan chức thời nhà Chu thì đầy đủ rồi, năm ngày hội triều bàn việc, Công khanh Đại phu đều đến, rồi quan Tư sĩ biện xét ngôi vị của họ. Ghi chép về việc ấy nói: 'Ngôi mà luận đạo, gọi là Vương công; đề ra mà làm, gọi là Sĩ đại phu.' Đến thời Hán sơ, phỏng theo đời trước, Công khanh đều tự mình lên triều bàn việc. Cho nên Cao tổ tự mình đuổi theo Chu Xương đang lui chạy,⁽³⁾ Vũ đế nhẫn nhịn nghe Cáp Âm dâng tấu,⁽⁴⁾ Tuyên đế sai Công khanh năm ngày hội triều một lần, thời Thành đế bắt đầu đặt năm người làm quan Thượng thư. Từ thời ấy về sau chính trị suy bại, lễ chế tàn khuyết. Nay nên khôi phục lại nghi thức năm ngày một lần hội triều bàn việc, sai Công khanh, Thượng thư đều đến dâng lời. Lễ nghi suy phế được lập lại, sáng rõ thánh nghiệp, đấy gọi là tiếng đẹp mà tốt lành vậy."

① Cha của Túc là Lãng gửi thư cho Hứa Tĩnh nói: Túc sinh ở Cối Kê.

¹ Long, là bảy tôi của vua Thuần. Trong *Thuần điển* có nói: Thuần đặt ra chín chức quan, Vũ làm Tư không, Khí làm Hậu tặc, Tiết làm Tư đồ, Cao Đào làm Sĩ sư, Thù làm Cung công, Ích làm Trầm ngư, Bá Di làm Trật tôn, Quý làm Điển nhạc, Long làm Nạp ngôn. Chức quan Nạp ngôn là để thu nhận ý kiến của người dưới dâng lên Hoàng thượng, nhận lời từ Hoàng thượng mà ban bố xuống người dưới.

² Cam thệ (lời thề ở đất Cam), được chép ở sách *Kinh Thư*, phần *Hạ thư* (chép việc nhà Hạ). Thời vua Hạ Khải nhà Hạ, bộ lạc Hữu Hộ không quy thuận, Hạ Khải mang quân đi dẹp loạn, gặp giặc ở đất Cam, ông dùng binh, làm bài Cam thệ, mời sáu vị quan khanh đến ban bố mệnh lệnh, đốc thúc quân sĩ chiến đấu, thắng lớn ở đó, rồi kéo quân về.

³ Chu Xương (周昌): Xem chú thích ở tập I, quyển 3, trang 206 (Minh đế kỷ).

⁴ Cáp Âm (汲黯) người quận Bộc Dương, có tài, thẳng thắn liêm khiết, nhưng kiêu ngạo, ít lễ độ, hay dăng lời can, lời lẽ khó nghe, Vũ đế ghét. Có lần Đế nói: "Ta muốn thế này, thế này ..." Âm nói: "Bệ hạ trong lòng nhiều ham muốn, bên ngoài lại ra vẻ nhân nghĩa thì bắt chước thời Đường Ngu sao được?" Vũ đế giận tái mặt bèn bãi triều. Chế độ thời nhà Hán cho công khanh lên triều bàn việc, Vũ đế dù rất ghét Âm, nhưng vẫn nghe Âm tấu việc.

Năm Thanh Long trung, Sơn Dương công mất, là vua Hán vậy. Túc dăng só rằng:

"Xưa nhà Đường truyền ngôi cho nhà Ngu, nhà Ngu nhường ngôi cho nhà Hạ, đều để tang hết ba năm, rồi mới lên ngôi Thiên tử. Thế nên Đế hiệu không bị tổn hại, cái lễ của vua vẫn còn. Nay Sơn Dương công kính thuận thiên mệnh, thành thực ứng theo lòng mong mỏi của dân, dăng truyền ngôi cho Đại Ngụy, lui về giữ vị tân khách. Công tôn kính nhà Ngụy, chẳng dám không dốc lòng tận tiết. Nhà Ngụy đối đãi với Công, sùng kính mà không coi là kẻ bầy tôi. Nay lúc Công mất, theo phép tẩm liệm, xe ngựa binh tốt, phục sức thêu vẽ, đều giống như đối với bậc Vương, đấy là lý do để xa gần phục tùng đức chính, cho đó là việc làm cao đẹp. Vả lại nhà Hán dùng hiệu của Đế hoàng, hiệu là Hoàng đế. Có tên gọi khác là Đế, không có tên khác là Hoàng, thì xưng Hoàng là nhẹ hơn Đế vậy. Cho nên thời Cao tổ trị quốc, đất không có hai Vương, cha của Cao tổ còn ở đời mà gọi là Hoàng, đấy là xác quyết rõ ràng không có hai vua vậy. Huống chi ngày nay để tặng hiệu cho người chết, nên gọi là Hoàng để phối với tên thụ."

Mình đế không ưng gọi là Hoàng, bèn truy thụ là Hán Hiếu Hiến hoàng đế.^①

① Tôn Thịnh nói: Người hóa hợp với thần gọi là Hoàng, người đức hợp với trời gọi là Đế. Thế nên Tam Hoàng sáng tạo ra hiệu, Ngũ đế tiếp nối theo việc ấy. Thế thì Hoàng là cái danh xưng, cao diệu hơn là Đế vậy. Túc cho rằng gọi là Hoàng nhẹ hơn danh hiệu Đế, cũng chẳng xứng bậy sao!

Thần Tòng Chi cho rằng thời thượng cổ nói Hoàng hoàng hậu đế,⁽¹⁾ tiếp đến là nói Tam ngũ,⁽²⁾ Hoàng trước Đế sau, thực đúng

¹ Trong *Luận ngữ* có câu: "Cầm dụng huyền mẫu, cầm chiêu cao vu hoàng hoàng hậu đế." Hà Yển tập giải chú: "Hoàng, là lớn (đại); hậu là vua (quân). Đại đại quân đế, là thiên đế vậy." Hoàng hoàng hậu đế cũng như nói là Thượng đế chỉ tôn vậy.

² Tam ngũ tức là nói đến Tam Hoàng, Ngũ Đế. Về Tam Hoàng và Ngũ Đế thì các học giả Trung Quốc nhận định rất khác nhau, chưa thống nhất.

như lời Thịnh nói. Nhưng các vị Đế triều Hán, tuy tôn cha là Hoàng, kỳ thực là có danh tôn quý nhưng không có vị thực, ngôi cao nhưng không có dân chúng, sánh với ngôi Đế, há chẳng phải là nhẹ sao! Nhà Ngụy dựa vào lễ chế của nhà Hán, danh hiệu không đổi. Hiếu Hiến băng hà, há không xét kỹ cái nghĩa cổ thời xa xưa? Lời mà Túc nói ra, đại khái là theo phép chế nhà Hán mà nói thôi. Bảo rằng lời của Túc là xằng bậy, thì đây là chê bai nhà Hán, không phải là lời chỉ trích Túc vậy.

Sau này Túc làm Thường thị quản lĩnh Bí thư giám, kiêm chức Sùng văn quan Tế tửu.

Năm Cảnh Sơ trung, xây dựng rất nhiều cung thất, dân bỏ nghề nông, tín ước của triều đình không thành thực, việc giết chóc vội vàng hấp tấp. Túc dâng sớ rằng:

"Đại Ngụy kế nối ngôi cao của trăm vương, sinh dân không đáng là bao, can qua chưa dừng nghỉ, lúc này thực rất nên cho dân chúng nghỉ ngơi và ban ân để làm yên lòng người xa kẻ gần vậy. Tích trữ của cải dưỡng nghỉ sức dân, là ở chỗ giảm đao dịch và siêng năng cấy hái. Nay cung thất chưa làm xong, công nghiệp còn dang dở, việc vận chuyển điều phát, dân phải thay nhau cung phụng. Bởi thế đình phu mệt mỏi vì gặng sức làm, nông dân rời bỏ ruộng rẫy của mình, người cấy lúa thì ít, người ăn lúa lại đông, lúa cũ đã hết, lúa mới không gieo trông kể vào, đây là đại họa của quốc gia, mà không phải là cái kế sách phòng bị lâu dài vậy. Nay đang có ba bốn vạn người lao dịch, điện Cửu Long có thể làm nơi an thánh thể, trong đó đủ để sắp đặt lục cung, điện Hiến Dương, lại sắp dựng xong, duy có phía trước điện Thái Cực, việc lao dịch vẫn còn nhiều, giờ đang rét đậm, bệnh tật hoành hành. Thực mong bệ hạ ban bố ân đức, hạ minh chiếu, xót thương sâu sắc đến cái lao nhọc của kẻ đao dịch, thương đến việc không no đủ của muôn dân, cho quân binh được thường xuyên ăn nhờ vào kho lẫm, lúc không phải điều dụng khẩn thiết, hãy tuyển những kẻ đình tráng trong bọn họ, chọn ra giữ lại một vạn người, lệnh cho cứ một kỳ lại đổi phiên, hết thấy đều được thay nhau nghỉ

ngời, thì chẳng có ai không vui vẻ dốc lòng với công việc, lao nhọc cũng không oán thán vậy. Tính ra một năm có ba trăm sáu mươi vạn phu, cũng chẳng phải là ít. Việc đáng một năm phải xong, thì thông thả làm ba năm. Những người còn lại trong sổ hộ thì chia ra, sai họ cùng làm ruộng, là cái kế không gì hơn vậy. Kho dựn đầy thóc, dân được dư sức, lấy đó để hưng việc công, việc gì chẳng nên? Lấy đó để thi hành giáo hóa, giáo hóa nào chẳng thành?"

"Giữ tín với dân, là báu vật lớn của quốc gia vậy. Trọng Ni nói: 'Từ xưa người ta đều phải chết, dân không tin chẳng thể tồn tại được.' Một nước Tấn môn mọn, một Trùng Nhĩ còn con, muốn dùng dân của mình, tỏ rõ cái tín của mình trước, vì thế người ta tình nguyện theo nhau quy thuận, tin tưởng rồi theo về, dùng họ đánh một trận mà làm bá, đến nay vẫn được xưng tụng. Lúc trước xa giá ghé Lạc Dương, điều phát dân làm quân doanh, Hữu ti ra lệnh làm quân doanh xong thì nghỉ. Việc xong, lại tham cái sức của dân, chẳng làm như lệnh lúc trước. Hữu ti chỉ mưu tính tham cái lợi trước mắt, chẳng đoái hoài gì đến cái bản chất của việc trị quốc. Ngu thần cho rằng từ nay về sau, ví như có lúc lại sai khiến dân, nên sáng rõ mệnh lệnh, sai khiến tất phải đúng như lời hẹn. Ví như có việc kế tiếp, thà một lần nữa phát lệnh, không được thất tín."

"Phàm là những kẻ bị bệ hạ xét tội hành hình, đều là quan lại có tội, là kẻ đáng chết vậy. Nhưng mọi người không hiểu, thế gọi là hấp tấp vội vàng vậy. Bởi thế mong bệ hạ xuống lệnh cho quan lại làm rõ tội trạng của họ. Cân nhắc kỹ cái tội chết của họ mà xử, thì không để hoàng cung có vết nhơ khiến xa gần ngò vức. Và lại nhân mạng rất quý, sinh thì khó mà giết thì dễ, khí đã dứt thì không sống lại được nữa, vì thế bậc thánh hiền rất coi trọng sinh mệnh. Mạnh Kha nói: 'Giết một người vô tội để lấy thiên hạ, bậc nhân nghĩa chẳng làm.' Thời nhà Hán có kẻ phạm đường cấm làm kinh động xe vua, Đình úy là Trương Thích Chi tấu xin phạt vàng, Văn đế kinh lạ vì phạt quá nhẹ, nhưng Thích Chi nói: 'Đúng lúc này, chúa thượng sai giết kẻ đó

là xong. Nay giao xuống Đình úy. Đình úy, là cán cân của thiên hạ, lại nghiêng lệch một bên, dùng hình pháp để trị thiên hạ mà chỗ nặng chỗ nhẹ, thì dân có chỗ nào để đặt tay chân?' Thần cho rằng cái mất mát lớn nhất là bỏ nghĩa, đó không phải là cái mà bậc trung thần nên tâm bày. Đình úy, là quan lại của Thiên tử, còn chẳng thể làm mất công bằng, mà bản thân Thiên tử, lại có thể ngờ hoặc sai lầm ư? Xem trọng bản thân mình, mà coi nhẹ quân vương, là rất bất trung vậy. Chu công nói: 'Thiên tử không nói đùa; lời nói ra, sử quan chép lời ấy, nhạc công hát lời ấy, kẻ sĩ truyền lời ấy.'⁽¹⁾ Lời nói còn không đùa được, huống chi là việc làm? Cho nên lời của Thích Chi chẳng thể không xét kỹ, điều răn của Chu công chẳng nên không làm theo."

Lại bày tỏ:

"Các vật hình chim muông là thứ vô dụng, các thứ rom rác ấy gây phí tổn làm hại tiền bạc của dân, đều nên bỏ đi."

Để từng hỏi Túc rằng:

- Thời Hoàn đế nhà Hán, Bạch Mã lệnh là Lý Vân dâng thư nói:

"Đế vương, là người phán xét. Là vua mà không nghĩ xét sao."⁽²⁾

Lý Vân đáng chết hay không đáng chết?

Túc thưa rằng:

¹ Chu Thành vương lên ngôi khi còn nhỏ, lúc đứng chơi với em là Thúc Ngu ở hậu viên, nhất thời cao hứng, cắt một lá ngô đồng giả làm ngọc khuê, đưa cho Thúc Ngu nói: "Ta dùng lá này phong cho đệ làm chư hầu." Chu công bấy giờ làm phụ chính, biết chuyện, mấy hôm sau xin Thành vương chọn ngày tốt phong cho Thúc Ngu làm chư hầu. Thành vương cười nói: "Ta nói chơi thôi." Chu công nghiêm mặt nói: "Thiên tử không nói đùa, lời nói ra, sử quan chép lại, nhạc công hát lời ấy, kẻ sĩ truyền lời ấy." Chu Thành vương bèn phong đất Đường cho Thúc Ngu. Đây là câu chuyện "Tiễn đồng phong đệ" nổi tiếng trong cổ sử Trung Hoa.

² Lý Vân là huyện lệnh huyện Bạch Mã, sống dưới thời Hán Hoàn đế nhà Đông Hán. Thời ấy chính sự nhà Hán suy vi, việc xét cử quan lại hỗn loạn, nạn hối lộ lộng hành. Lý Vân dâng thư lên Tam công, có đoạn viết: "Đế vương, là người phán xét vậy. Nay ngôi quan thác loạn, tiểu nhân siểm nịnh tiến thân, nạn tham ô lan tràn, chính giáo ngày một tổn hại, việc phong báí Đế không liếc mắt nhìn qua. Là Đế vương mà không nghĩ xét sao?" Để xem tâu nổi giận, sai người bắt Lý Vân tống ngục, rồi giết.

- Đây chỉ là câu nói mắc lỗi về tiết tháo nghịch ý vua. Suy bản ý của Vân, là muốn hết thảy mọi người phải tận tâm, nghĩ đến lợi ích quốc gia. Và lại cái uy của bậc đế vương, còn hơn cả sấm sét, giết một kẻ thất phu, không khác gì giết loài sâu kiến. Rộng rãi mà tha thứ cho Vân, có thể tỏ rõ là Đế vương biết dung nhận lời thẳng, đức ân lan rộng khắp thiên hạ. Cho nên thần cho rằng giết Lý Vân vị tất đã là đúng vậy.

Đế lại hỏi:

- Tư Mã Thiên vì cái nguyên cớ phải chịu hình, trong lòng giấu oán, viết *Sử ký* chê bai Hiếu Vũ đế, khiến người ta nghiêng răng căm hận.

Túc đáp rằng:

- Tư Mã Thiên chép việc, không khen ngợi cái rộng tuếch, chẳng che giấu điều xấu xa. Lưu Hưởng, Dương Hùng⁽¹⁾ phục cái khéo tự sự của Thiên, khen Thiên có cái tài của bậc lương sử, bảo là chép sự thực. Hán Vũ đế nghe nói Thiên soạn *Sử ký*, lấy quyển *Hiếu Cảnh bản kỷ* và *Bản kỷ* về mình xem, vì thế cả giận, đẽo bỏ rồi quẳng đi. Đến nay bản chép về hai Bản kỷ ấy không có trong sách nữa. Về sau vô cớ gặp việc của Lý Lăng, bèn giam Thiên vào tàm thất.⁽²⁾ Đây là người ta oán giận Hiếu Vũ, mà chẳng oán giận sử quan Thiên vậy.

Năm Chính Thủy nguyên niên, Túc ra ngoài làm Thái thú Quảng Bình. Vì việc công lại triệu về, bái làm Nghị lang. Được ít lâu, làm Thị trung, rồi thăng làm Thái thường.

¹ Lưu Hưởng (刘向): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 47 (Viên Thiệu truyện); Dương Hùng (扬雄), tự Tử Vân (子云), sống cuối thời Tây Hán, giỏi văn chương, khéo về từ phú, nổi tiếng đương thời, giữ chức Chấp kích lang. Sau này, Dương Hùng thờ Vương Mãng, làm bài phú ca tụng công đức của Mãng, lúc Mãng thất bại, phải nhảy lầu tự tử, uống một đời văn sĩ, làm bia cho miệng thế gian chê cười.

² Tàm thất (蚕室) là cái nhà ngục để nhốt người bị thiên, kẻ mắc tội sau khi bị thiên phải ở trong buồng kín giống như buồng tằm nên gọi là tàm thất.

Bấy giờ Đại tướng quân Tào Sảng chuyên quyền triều chính, tin dùng bọn Hà Yến, Đặng Dương. Túc cùng Thái úy Tưởng Tế, Tư nông Hoàn Phạm bàn luận đến chính sự đương thời, Túc nghiêm mặt nói:

- Bọn đấy là lũ Hoảng Cung, Thạch Hiên,⁽¹⁾ có gì phải nói nữa!

Sảng nghe được lời ấy, răn bọn Hà Yến rằng:

- Chúng ta hành sự nên cẩn thận! Công khanh đã so các ngài với kẻ ác thời trước rồi.

Túc vì việc ở tông miếu bị bãi chức. Sau làm Quang lộc huân.

Bấy giờ có hai con cá dài một thước, tụ ở nhà kho chứa khí giới, Hữu ti cho là điềm cát tường. Túc nói:

- Cá sống ở vực sâu mà nhảy lên nhà kho, các loài có vảy dưới nước mất chỗ ở của nó vậy. E rằng tướng ngoài biên sắp có cái biến quẳng giáp chẳng?

Sau đó quả nhiên có việc thua bại ở Đông Quan.⁽²⁾

Túc được chuyển làm Hà Nam Doãn. Năm Gia Bình thứ sáu, được cầm cờ tiết kiêm chức Thái thường, đi theo xa giá, đón Cao Quý hương công ở Nguyên Thành. Năm ấy, khí trắng bay ngang trời, Đại tướng quân là Tư Mã Cảnh vương hỏi Túc nguyên có chuyện ấy, Túc đáp rằng:

¹ Hoảng Cung (弘恭), là người Bái Quận, sống vào thời Tây Hán, thời trẻ bị xử tội “hủ hình” (thiến), đưa vào cung làm Trung hoàng môn, ít lâu lên đến chức Trung thượng thư. Thời Tuyên đế, tin dùng hoạn quan, cho chúng giữ chức vụ cơ yếu. Nguyên đế tức vị, Cung và gian thần Thạch Hiên (弘演) chuyên quyền, từng gièm pha Tiền tướng quân Trương Thích Chi và Tướng quân Chu Kham, khiến hai người này phải tự sát trong ngục.

² Chữ giới (介), có nghĩa là vảy cá, cũng có nghĩa là bộ giáp, giống như chữ giáp (甲) là áo giáp của binh sĩ ra trận. Túc luận: “Loài có vảy bỏ chỗ ở của nó, thì suy đoán rằng tướng sĩ giữ biên ải sắp bỏ giáp mà chạy khỏi nơi đồn trú.” Sau đấy xảy việc Gia Cát Đản đánh Gia Cát Khác ở Đông Quan, thua trận.

- Đây là cờ của Xi Vưu⁽¹⁾ vậy, phía đông nam có loạn chẳng? Ngài nên sửa mình để yên trăm họ, thì thiên hạ vui vẻ theo người có đức, kẻ xướng loạn sẽ bị diệt vong trước vậy.

Mùa xuân năm sau, Trần đông tướng quân là Quán Khâu Kiệm, Thứ sử Dương châu là Văn Khâm làm phản, Cảnh vương bảo Túc rằng:

- Hoắc Quang cảm kích lời nói của Hạ Hầu Thắng,⁽²⁾ mới coi trọng kẻ sĩ học đạo Nho, tin rằng là vậy. Yên nước thờ vua, là ở thuật đó chẳng?

Túc nói:

- Trước đây Quan Vũ đốc suất binh sĩ Kinh châu, thu hàng Vu Cấm ở Hán Tân, rồi hướng về bắc có chí tranh thiên hạ. Về sau Tôn Quyền tập kích bắt được gia thuộc tướng sĩ của Vũ, sĩ chúng của Vũ một sớm tan như ngôi lở. Nay cha mẹ vợ con của tướng sĩ ở Hoài Nam đều ở trong châu, ta chỉ nên gấp rút qua đó ngăn giữ, khiến chúng không tiến được, thì tất có cái thể tan lở như Quan Vũ vậy.

Cảnh vương theo kế ấy, liền phá được Kiệm, Khâm. Về sau Túc được thăng làm Trung lĩnh quân, gia thêm chức Tán kỵ thường thị, tăng thực ấp ba trăm hộ, gộp cả số trước đó là hai nghìn hai trăm hộ.

Năm Cam Lộ nguyên niên Túc chết, môn sinh mặc áo xô gai để tang tới mấy trăm người. Túc được truy tặng chức Vệ tướng quân, thụy là Cảnh hầu.

¹ Truyền thuyết Trung Hoa cổ kể rằng: Xi Vưu (蚩尤) là thủ lĩnh bộ tộc Cửu Lê, một bộ tộc rất chuộng chiến tranh. Có lần Xi Vưu xâm chiếm đất của Thần Nông (Viêm Đế), vua Thần Nông không đánh được, đến nhờ Hoàng Đế (thủy tổ của Hán tộc), Hoàng Đế tập hợp chư hầu, đánh bại Xi Vưu ở cánh đồng Trác Lộc.

² Hạ Hầu Thắng (夏侯胜), là danh nho đời Hán, ông thường nói: "Kẻ sĩ lo mình không thông kinh thuật; kinh thuật mà hiểu sơ sài thì đại xanh ấn tía của mình cũng như cỏ rác, chỉ cúi xuống là nhặt được thôi."

Con của Túc là Uẩn nổi tự. Uẩn chết, không có con, nước phong dứt tuyệt. Năm Cảnh Nguyên thứ tư, phong cho con của Túc là Tuân làm Lan Lăng hầu. Năm Hàm Hi trung khai lập tước Ngũ đẳng, vì công huân của Túc sáng rõ ở tiền triều, nên đổi phong cho Tuân tước Tử.^①

① *Thế ngữ* chép: Tuân tự Lương Thái (Lương Phu), học thức sâu xa uyên bác, tại triều đình trung thành chính trực. Trải các chức Hà Nam doãn, Thị trung, ở đâu cũng được khen ngợi. Lại hết lòng với việc công, có tiết tháo quên mình. Cách lệnh là Viên Nghị biểu tặng Tuân con tuần mã, Tuân biết Nghị tham tiền, không nhận. Nghị cuối cùng vì tham của vong thân. Việc dựng Quốc học và nhà Thái học, tôn sùng làm nổi rõ ngũ kinh, đều là do Tuân gây dựng.

Tuân chết lúc hơn bốn mươi tuổi, được truy tặng chức Xa kỵ tướng quân.

Con gái của Túc gả cho Tư Mã Văn vương, tức là Văn Minh hoàng hậu, sinh ra Tấn Vũ đế và Tề Hiến vương Tư Mã Du.

Tấn thư công tán chép: Anh em của Tuân có tám người. Những người thành đạt trong số ấy, thì Kiền tự Cung Tổ, vì có tài được khen, ngôi vị đến chức Thượng thư.

Em của Kiền là Khải, tự Quân Phu, thời trẻ có tài sức nhưng không kiềm ước, cùng Vệ úy là Thạch Sùng giao hiếu, đều hào hoa xa xỉ ganh đua với đời, cuối cùng làm Hậu tướng quân.

Con của Kiền là Khang và Long, ra làm quan, cũng hiển đạt, được hậu thế kính trọng.

Khi trước, Túc thích cái học thuật của Giả, Mã, nhưng không ưa Trịnh thị,⁽¹⁾ lựa chọn tập hợp các điểm giống và khác nhau trong kinh sách, để giải thích các sách *Thượng thư*, *Kinh thi*, *Luận ngữ*, *Tam lễ*, *Tả thị*, biên soạn xong cuốn *Dịch truyện* mà cha mình là Lãng viết ra, đều bày thành hàng ở học quán. Các sách

¹ Tức các nhà nho: Mã Dung (马马), Giả Quỳ (贾逵) và Trịnh Huyền (郑玄).

mà Túc viết bàn về điển chế, giao tế, tông miếu, tang kỷ, khinh trọng, cả thảy hơn một trăm thiên.⁽¹⁾

Bấy giờ có người ở Lạc An là Tôn Thúc Nhiên,^① thụ học dưới cửa Trịnh Huyền, được người đời khen là bậc đại nho của Đông châu. Thúc Nhiên được vời làm Bí thư giám, không ra ứng mệnh triệu. Túc tập hợp luận chứng của thánh nhân để chê bai những chỗ kém của Huyền, Thúc Nhiên phản bác lại rồi giải thích những chỗ đó, viết thành lời chú giải từ các sách *Chu dịch*, *Xuân Thu lệ*, *Mao thi*, *Lễ ký*, *Xuân Thu tam truyện*, *Quốc ngữ*, *Nhĩ nhĩ*, lại làm sách chú giải có hơn chục thiên.

Từ thời Ngụy sơ cho vời kẻ sĩ là Chu Sinh Liệt người quận Đôn Hoàng,^② vào thời Minh đế bọn Đại tư nông là Đồng Ngộ người quận Hoảng Nông, cũng thay nhau chú giải kinh truyện, đều truyền lại ở đời.^③

① Thần Tùng Chi xét: Thúc Nhiên cùng tên với Tấn Vũ đế, cho nên chỉ gọi tên tự.

② Thần Tùng Chi xét người này họ Chu Sinh, tên Liệt. Hà Yến soạn *Luận ngữ tập giải* có lấy ý từ sách *Nghĩa lệ* của Liệt, những chỗ soạn chép khác, thấy ở sách *Trung kinh* bộ thời Tấn Vũ đế.

③ *Ngụy lược* chép: Ngộ tự Quý Trục, vốn chất pháp chậm chạp nhưng hiểu học. Năm Hưng Bình trung, xứ Quan Trung nhiễu loạn, Ngộ cùng anh là Quý Trung nương dựa vào tướng quân Đoàn Oải, lúc vác lúa đi bán, thường cấp kinh sách theo, khi nhàn rỗi thì luyện đọc. Người anh của Ngộ cười việc ấy nhưng Ngộ không thay đổi. Đến năm Kiến An sơ, vương cương mới dựng lại, quận cử Ngộ làm Hiếu liêm, ít lâu thăng lên làm Hoảng môn thị lang.

Bấy giờ, Hán đế ủy thác chính sự cho Thái tổ, Ngộ sớm tối hầu giảng, được Thiên tử yêu mến tín nhiệm. Đến năm thứ hai mươi

¹ Điển pháp chế độ, phương thức, cách thức tế tự, tông miếu, nói về những điều được mất.

hai, trăm quan trong huyện Hứa giả chế mệnh hành sự, Ngô tuy không dự mưu, vẫn bị buộc phải đến huyện Nghiệp, chuyển làm Nhũn tán.⁽¹⁾

Ngô có lần theo Thái tổ tây chinh, trên đường tới Mạnh Tân, đi qua mộ của Hoảng Nông vương. Thái tổ do dự muốn vào bái yết, ngoảnh lại hỏi tả hữu, tả hữu chẳng ai đáp lời, Ngô bèn vượt thứ bậc tiến lên nói: "Theo nghĩa Xuân Thu, quốc quân tức vị chưa qua năm mà chết, là chưa thành vua. Hoảng Nông vương lên ngôi đã ngắn, lại bị bầy tôi bạo ngược kiểm chế, giáng tại nước phiên, không nên bái yết." Thái tổ bèn đi qua.

Năm Hoàng Sơ trung, Ngô ra làm Quận thú. Thời Minh đế, về triều làm Thị trung, Đại tư nông. Được mấy năm, bị bệnh chết. Khi trước, Ngô khéo chỉnh lý sách *Lão tử*, viết *Lão tử chú giải*. Ngô lại thích *Tả thị truyện*, chép thêm lời bằng mực đỏ ở những chỗ khác biệt. Có người theo học, Ngô không đồng ý dạy, bảo: "Nhất định phải đọc trăm lượt trước." Nói: "Đọc sách trăm lượt thì tự thấy được cái nghĩa của nó." Người theo học nói rằng: "Lo không có thời gian." Ngô nói: "Nên chọn lúc tam dư." Có người hỏi về ý tứ chữ tam dư, Ngô nói: "Mùa đông hàng năm có lúc nhàn rỗi, ban đêm có lúc nhàn rỗi, ngày mưa dầm có lúc nhàn rỗi." Bởi thế có ít môn sinh theo học Ngô, Ngô cũng không truyền dạy phần chữ viết bằng mực đỏ của mình cho ai.

Thế ngữ chép: Con của Ngô là Tuy, ngôi vị đến chức Bí thư giám, cũng có tài học. Công thần của Tề vương Quýnh là Đồng Ngải, tức con của Tuy vậy.

Ngụy lược xem Ngô và bọn Giả Hồng, Hàm Đan Thuần, Tiết Hạ, Ngỗi Hy, Tô Lâm, Nhạc Tường gồm bảy người là bậc Nho tông, bài tựa ở sách ấy viết:

"Từ đầu năm Sơ Bình, đến cuối năm Kiến An, thiên hạ tan lìa, lòng người buông thả, cương kỷ đã suy, Nho đạo càng suy tệ. Từ năm Hoàng Sơ nguyên niên về sau, tân chúa mới khôi phục lại, bắt đầu quét sạch tro

¹ Chức quan nhàn hạ, chỉ hưởng lộc, không có vị trí, tiếng nói gì.

than ở nhà Thái học, bù bổ cái sút mẻ tan lở của văn bia cũ, bố trí quan Bác sĩ chép sách, chiếu theo phép Giáp Ất của nhà Hán để khảo thí. Để còn đích thân bố cáo xuống châu quận, người nào muốn theo học, đều phải đến nhà Thái học. Nhà Thái học mới mở, đệ tử theo học có mấy trăm người. Đến những năm Thái Hòa, Thanh Long, trong ngoài lăm việc, người ta tránh binh dịch mà tới. Dẫu bản tính không hiểu đạo lý, nhiều người vẫn xin đến nhà Thái học. Bọn học trò ở nhà Thái học có mấy nghìn, mà các quan Bác sĩ đại khái đều yếu kém, không lấy gì để dạy dỗ đệ tử. Đệ tử vốn cũng tránh lao dịch, lại không có khả năng học tập, đông đến xuân đi, hàng năm như thế. Thêm nữa là dù có kẻ tinh tế, nhưng yêu cầu khảo hạch của phủ đài rất cao, lại chẳng nghĩ hết cái nghĩa lớn của việc khảo thí, chỉ hỏi qua loa về phép viết chữ chấm mực, trăm người cùng thi, xem ra được chưa đến chục người. Thế nên kẻ sĩ có chí học hành ngày một ít đi, mà những kẻ mạt học đều tranh nhau cầu lấy cái phù phiếm rỗng tuếch vậy. Năm Chính Thủy trung, Đế hạ chiếu lệnh nghị bàn việc tế trời ở Viên Khâu, mời khắp các học sĩ. Bấy giờ quan Lang cùng Tư đồ, lĩnh, lại là hơn hai vạn người, tuy lệnh ban bố rộng, nhưng gặp gỡ ở kinh sư chỉ gần vạn người, mà những kẻ ứng chiếu thư nghị bàn sơ sơ chẳng được mấy. Lại nữa là bấy giờ quan lại ở triều đường từ Công khanh trở xuống có hơn bốn trăm, trong số ấy người có thể cầm bút chưa được chục người, đa phần đều theo nhau ăn uống no nê rồi lui về. Than ôi! Nghiệp học chìm đắm rơi rụng, lại đến mức như thế ư. Cho nên trong lòng ta thường khăng khăng quý trọng mấy vị ấy, họ đều ở giữa cái chỗ hoang loạn, mà có thể giữ vững cái chí chất phác của mình vậy."

Giả Hồng tự Thúc Nghiệp, người quận Kinh Triệu huyện Tân Phong. Hồng hiểu học có tài, mà đặc biệt tinh thông về Xuân Thu Tả truyện. Năm Kiến An sơ, ra làm quan ở quận, được cử làm Kế duyện, ứng mệnh triệu của quan châu. Bấy giờ trong châu từ hàng Tham quân sự trở xuống có hơn trăm người, duy có Hồng và Nghiêm Bao người quận Phùng Dục là thông tuệ và có tài học cao nhất.

Hồng trải chức Lệnh ở ba huyện, nhận chức ở đâu cũng lập tức dỡ bỏ chuồng ngựa, đích thân dạy dỗ học trò. Về sau Mã Siêu làm

phản, Siêu bức Hồng, đưa đến Hoa Âm, sai viết lộ bố. Hồng bắt đắc dĩ, phải viết hịch. Tư đồ là Chung Do ở phía đông, biết lời hịch ấy, nói:

- Đó là Già Hồng viết vậy.

Lúc Siêu tan chạy, Thái tổ triệu gọi Hồng cho tạm nhận chức Quân mưu dụện. Vốn là vì lúc trước Hồng giúp Siêu viết lộ bố, cho nên không được nhận chính chức. Mãi lâu sau mới được cho ra làm trưởng huyện Âm Tuyền. Năm Diên Khang trung, chuyển làm Tướng quốc của Bạch Mã vương.

Hồng hay cười đùa vui nhộn. Vương Bưu cũng rất thích văn học, thường coi Hồng là Sư tông, tín nhiệm hơn cả Tam khanh. Được mấy năm Hồng bị bệnh chết, lúc chết hơn năm mươi tuổi, người thời ấy tiếc hận vì Hồng không làm đến chức quan Nhị thiên thạch.

Còn Nghiêm Bao cũng trải chức ở hai huyện, năm Hoàng Sơ trung, vì có tài cao được về triều làm Bí thư thừa, mấy lần tấu văn phú, Văn đế cho là lời văn lạ. Rồi cho Bao ra làm Thái thú Tây Bình, chết khi đương chức.

Tiết Hạ tự Tuyền Thanh, người quận Thiên Thủy. Hạ học văn rộng có tài năng.

Ở quận Thiên Thủy trước đây có bốn họ lớn là Khương, Diêm, Nhậm, Triệu, thường được suy cử ở trong quận, mà Hạ là con nhà nghèo khổ, không vì thế mà khuất thân. Bốn họ muốn cùng trị tội Hạ, Hạ bèn đi du ngoạn, sang đông đến kinh sư. Thái tổ vốn nghe danh của Hạ, rất kính trọng đãi ngộ. Về sau bốn họ kia lại sai tù phạm ở xa dụ dỗ Hạ đi qua Dĩnh Xuyên, bắt lấy tổng ngục. Bấy giờ Thái tổ đã ở Ký châu, nghe nói Hạ bị bản quận bắt làm con tin, vỗ tay nói:

- Hạ vô tội vậy. Chẳng qua là lũ trẻ ranh ở Hán Dương muốn giết hấn thôi!

Bèn báo cho quận Dĩnh Xuyên sai thả Hạ ra, rồi triệu đến cho tạm nhận chức Quân mưu dụện. Văn đế lại khen cái tài của Hạ, năm Hoàng Sơ trung cho làm Bí thư thừa, Để mỗi khi cùng Hạ suy

luận kinh truyện, chưa từng không bàn tròn ngày vậy. Mỗi lần gọi Hạ thì không kêu tên, mà gọi là "tiết quân."

Hạ sinh hoạt rất thiếu thốn, Đế có lần trông thấy áo của Hạ mỏng, cởi áo bào mà mình đang mặc ban cho Hạ. Sau đó Chinh đông tướng quân Tào Hưu về triều kiến, bấy giờ Đế đang cùng Hạ có chuyện bàn luận, bên ngoài bẩm là Hưu đã đến, Đế sai người dẫn vào. Yên định chỗ ngồi xong, Đế ngoảnh sang Hạ nói với Hưu rằng:

- Ngài này, là Tiết Tuyên Thanh người quận Thiên Thủy làm Bí thư thừa, nên được cùng ngồi đàm luận.

Hạ được đãi ngộ đến như thế.

Lúc Hạ sắp được dùng, đứng dịp Văn đế băng hà.

Đến năm Thái Hòa trung, Hạ từng vì việc công đi sang Lan Đài. Lan Đài vốn thuộc phủ Tam công, mà Bí thư thừa là thuộc quan của sở quan, mọi người bảo Hạ là không vào được, vào sẽ mắc tội. Hạ đáp lại rằng:

- Lan đài là cái đài ở ngoài, Bí thư là cái gác ở trong, đài và gác, là một vậy, đổi chỗ cho nhau không được sao?

Người ở Lan Đài không có cách gì bắt bẻ được.¹ Từ đó về sau, mới cho việc đó là thường.

Mấy năm sau Hạ bị bệnh chết, Đế hạ sắc mệnh cho con của Hạ là không phải quay về Thiên Thủy.

Ngõi Hy tự Tử Nha, người quận Kinh Triệu.

Hy nổi đời là con nhà nghèo, thời trẻ hiếu học. Năm Sơ Bình trung, Tam phụ loạn, Hy xuôi nam làm khách ở Kinh châu, chẳng

¹ Lan đài (兰台) vốn là một cái đài cao, đứng ở trên đài có thể trông xuống cung điện. Thời nhà Hán, nơi chứa các sách vở, đồ thư, điển tịch, thư, chế quan trọng trong hoàng cung, gọi là Lan đài, do quan Ngự sử trung thừa cai quản, có đặt ra chức Lan đài lệnh sử, sử quan soạn chép sử ở chỗ ấy. Vào thời nhà Ngụy, đời Ngụy Minh đế, tam phủ tranh luận về hai chức Lệnh sử và Bí thư, tâu bàn cho rằng Bí thư là người chủ quản việc ghi chép sách vở của tiên vương, nắm giữ chế thư, điển phạm, so ra cũng tương đương như chức Đông quan thời nhà Hán. Việc quan lại ở phủ Trung thư được qua lại phủ Tam công chính thức bắt đầu từ việc này.

kể tai hoang binh loạn, vác công kinh sách, mỗi dịp cấy hái có thời gian rồi lại đem ra tụng đọc. Thái tổ định Kinh châu, triệu gọi Hy cho tạm giữ chức Quân mưu dụện.

Năm Hoàng Sơ trung, Thái tổ sai Hy làm Lang trung cho Tiêu vương. Vương vốn nghe nói Hy là nho sĩ, thường dốc lòng theo học. Hy cũng cung kính truyền kiến thức cho Vương, bởi thế được ban tặng rất hậu.

Hy vì có bệnh trở về kinh, được báii làm Lang trung. Năm hơn tám mươi tuổi, vì già lão được ở nhà, người đến học Hy rất đông. Hy đã thông hiểu kinh thuật, lại giỏi xem sao, thường ngẩng xem thiên văn, than thở bảo Ngư Hoạn ta rằng:

- Việc binh đao trong thiên hạ còn chưa thôi, đến như thế sao?

Hoạn lại thường đi theo Hy hỏi về *Tả thị truyện*, Hy đáp rằng:

- Muốn biết cái lẽ tinh vi màu nhiệm thì chẳng gì bằng *Kinh Dịch*, hiểu biết về giếng mối của nhân luân thì chẳng gì bằng *Kinh Lễ*, biết nhiều về tên gọi các loài thảo mộc của núi sông thì chẳng gì bằng đọc *Kinh Thi*, *Tả thị truyện* bất quá là sách kể chuyện đâm chém thôi, chẳng đủ ý cao thâm vậy.

Hoạn nhân đó theo hỏi về *Kinh Thi*, Hy giảng nghĩa sách của bốn nhà Tề, Hàn, Lỗ, Mao,⁽¹⁾ chẳng câu nệ về văn tự, có chỗ lại như ngâm đọc. Hy lại biên soạn chú giải các bộ kinh sách, đến mấy chục vạn chữ; còn chưa kịp sửa sang lại thì bị điếc, mấy năm sau bị bệnh chết.

Sự tích về Hàm Đan Thuần chép tại *Vương Xán truyện*, sự tích về Tô Lâm chép tại *Lưu Thiệu*, *Cao Đường Long truyện*, sự tích về Nhạc Tường chép tại *Đỗ Kỳ truyện*.

Ngư Hoạn nói: Vốn dĩ việc học là ở con người, cũng như nhuộm màu xanh vào tơ trắng vậy! Đây là lý do mà Trọng Ni nói: "Ta

¹ Về sách *Kinh Thi*, vào thời Hán có đến bốn bản, đó là *Lỗ Thi* do Thân Bôi, người nước Lỗ chú giải; *Tề Thi* do Viên Cố Sinh, người nước Tề chú giải; *Hàn Thi* do Hàn Anh chú giải; và *Mao Thi* do Mao Công chú giải; đến nay chỉ còn có *Mao Thi* truyền lại, còn ba bản kia đã thất truyền.

không phải là sinh ra đã biết hết được mọi việc", huống chi là bọn có phẩm hạnh tầm thường đây! Và lại người đòi sở dĩ chẳng quý việc học, nguyên do hẳn là có kẻ "tụng đọc ba trăm bài *Kinh Thi* mà chẳng đối đáp được ở bốn phương" vậy. Ta cho rằng đấy là kẻ trình độ thấp kém thôi, không đáng xem các sách từ *Trung dung* trở lên, là những sách vốn có chất hay, mà hơn nữa lại có văn vẻ! Máy bậc hiền giả này của đời nay, ta cũng biết qua về họ vậy. Kiểm chứng các việc làm được của họ, thực chẳng có nhiều. Nhưng giữ việc học tập không ngừng nghỉ, trên được Đế vương khen ngợi, dưới là bậc danh nho của quốc gia, chẳng phải là bởi việc học hành của họ sao? Bởi thế ta biết rằng, việc học là bao la há có thể dừng nghỉ hay sao!

Bình rằng: Chung Do khoát đạt, thấu hiểu lý lẽ, có tài cán, Hoa Hâm thanh bạch, phẩm hạnh thuần khiết, Vương Lăng tài hoa, văn chương phong phú, thực đều là bậc tài giỏi kỳ lạ của một thời. Nhà Ngụy mới dựng, bắt đầu gây dựng Tam ti, hưng thịnh là ở ba vị này vậy! Vương Túc thành thật chính trực, kiến văn quảng bác, có thể kế thừa nghiệp của cha!⁽¹⁾①

① Lưu Thục cho rằng Túc thẳng thắn thần thờ chúa thượng nhưng lại thích kẻ dưới nịnh bợ mình, đấy là một cái trái ngược vậy. Bản tính ham vinh hoa phú quý nhưng không giao du cầu thả, đấy là hai cái trái ngược vậy. Vốn tham tiếc tài vật nhưng sửa mình không dơ bẩn, đấy là ba cái trái ngược vậy.

---ॐ---

¹ Nguyên văn: “Năng tích tân tai!” *Tả truyện, Chiêu công thất niên* có câu: “Kỳ phụ tích tân, kỳ tử phát khắc phục hủ”, nghĩa là: “Người cha chẻ củi, người con vác củi ra chợ bán.” Ý rằng người con gánh vác cái tiếp cái việc của cha đã làm.

QUYỂN THỨ MƯỜI BỐN
TRÌNH, QUÁCH, ĐỒNG, LƯU,
TUỞNG, LƯU TRUYỆN



Trình Dục tự Trọng Đức, người Đông Quận, huyện Đông A.
Dục mình cao tám thước ba tấc, có bộ râu đẹp.

Quân Khăn Vàng nổi dậy, Huyện thừa là Vương Độ làm phản hưởng ứng chúng, đốt kho lương. Huyện lệnh trèo tường thành bỏ trốn, quan dân già trẻ chạy đến núi Cừ Khâu ở phía đông thành, Dục sai người dò xét Độ. Bọn Độ lấy được tòa thành trống, không muốn giữ, bèn ra phía tây thành cách năm, sáu chục dặm dừng lại đóng trại. Dục bảo bọn Tiết Phòng là đại tộc trong huyện rằng:

- Nay bọn Độ chiếm được thành mà chẳng giữ, cứ xem tình thế của chúng có thể biết được, bọn này chẳng qua chỉ ham muốn cướp bóc tài vật, chứ chẳng có giáp bễ đao sắc mang chí đánh giữ vậy. Nay sao bọn ta không theo nhau về thành cố thủ? Vả lại tường thành cao dày, lương thóc nhiều, lúc này nếu tìm được huyện lệnh về, chung sức giữ chắc, Độ tất chẳng thể ở lâu, đánh có thể phá được vậy.

Bọn Phòng cho là đúng. Quan dân không chịu theo, nói:

- Giặc đang ở phía tây thành, ta chỉ nên ở phía đông thôi.

Dục bảo bọn Phòng:

- Ngu dân chẳng thể bàn việc được.

Bèn ngấm phái mấy người cưỡi ngựa giương cờ từ ngọn núi phía đông chạy đến, khiến bọn Phòng trông thấy, hô lớn rằng "Giặc đã đến", rồi xuống núi chạy nhanh vào thành, quan dân vội vàng chạy theo, rồi tìm được huyện lệnh về, bèn chung sức giữ thành. Bọn Độ đến đánh, không hạ được thành, muốn bỏ đi. Dục thống suất quan dân mở cửa thành gấp rút đánh chúng, bọn Độ tan chạy. Huyện Đông A vì thế được bảo toàn.

Năm Sơ Bình trung, Thứ sử Duyện châu là Lưu Đại cho triệu Dục, Dục không ứng mệnh.

Thời ấy Đại cùng Viên Thiệu và Công Tôn Toàn liên hòa, Thiệu lệnh cho vợ con đến ở chỗ Đại, Toàn cũng phái Tòng sự là Phạm Phương đem quân kỵ giúp Đại. Về sau Thiệu và Toàn hiềm khích, Toàn đánh võ quân của Thiệu, rồi phái sứ đến mách với Đại, xui đuổi vợ con Thiệu về, cùng Thiệu tuyệt giao. Toàn lại hạ lệnh riêng cho Phạm Phương rằng:

- Nếu Đại không đuổi gia quyến của Thiệu, ngươi hãy dẫn quân kỵ về. Ta dẹp xong Thiệu, sẽ thêm binh đánh Đại.

Đại nghị bàn qua ngày không quyết được, quan Biệt giá là Vương Úc bẩm với Đại rằng:

- Trình Dục là người mưu kế, có tài quyết đoán đại sự.

Đại bèn triệu kiến Dục, hỏi kế, Dục nói:

- Nếu bỏ sự cứu viện ở gần của Thiệu mà cầu sự trợ giúp từ xa của Toàn, thì đây là nói việc cầu người ở nước Việt đến cứu đứa trẻ chết đuối vậy. Người như Công Tôn Toàn, chẳng phải là đối thủ của Viên Thiệu vậy. Nay tuy đánh võ quân của Thiệu, nhưng sau cùng sẽ bị Thiệu bắt được. Nếu chỉ suy xét quyền biến nhất thời mà chẳng lo tính xa xôi, tướng quân rút cục sẽ thất bại.

Đại theo lời. Phạm Phương đem quân kỵ quay về, chưa đến nơi, Toàn đã bị Thiệu đánh tan. Đại dâng biểu xin cử Dục làm Kỵ đô úy, Dục vì mắc bệnh từ chối.

Lưu Đại bị quân Khăn Vàng giết hại. Thái tổ đến Duyện châu, cho vời Dục. Dục sắp đi, người làng hỏi Dục rằng:

- Sao ý ngài trước sau trái ngược nhau như vậy!

Dục cười không đáp. Thái tổ cùng Dục nói chuyện riêng, rất hài lòng, cho Dục giữ chức Thọ Trương lệnh.

Thái tổ đi đánh Từ châu, sai Dục cùng Tuân Úc ở lại giữ Quyên Thành. Bọn Trương Mạc làm phản nghênh đón Lã Bố, quận huyện hưởng ứng, duy có các huyện là Quyên Thành, Phạm và Đông A không lay động. Quân hàng của Lã Bố, nói rằng Trần Cung muốn tự đem binh đến lấy Đông A, lại phái Phiếm Nghi đến lấy huyện Phạm, quan dân đều sợ hãi. Úc bảo Dục rằng:

- Nay Duyện châu làm phản, chỉ còn có ba thành này. Bọn Cung đem trọng binh đến đây, không cố kết được nhân tâm, ba thành này tất loạn mất. Ngài là người được dân chúng ngưỡng vọng, nên trở về khuyên họ, chỉ thế mới yên!

Dục bèn quay về, qua huyện Phạm, nói với huyện lệnh huyện ấy là Cạn Doãn rằng:

- Nghe nói Lã Bố bắt giam mẹ, em trai và vợ con ngài, kẻ hiếu tử thực chẳng nên chỉ biết nghĩ! Nay thiên hạ đại loạn, anh hùng đều nổi dậy, tất phải có kẻ kỳ tài hơn đời, mới có thể dẹp loạn yên thiên hạ, đấy là việc mà bậc trí giả cần phân biệt rõ vậy. Chủ giỏi thì xương thịnh, chủ kém thì bại vong. Trần Cung làm phản nghênh đón Lã Bố mà trăm thành ứng theo, tựa như là thuận, nhưng ngài hãy xét xem, Bố sao bằng được người ta! Kẻ như Bố, thô lỗ mà thiếu tình thân, cương gàn mà vô lễ, là kẻ hùng dũng thất phu thôi. Bọn Cung mượn thế lực của hãn tu hợp, chẳng thể giúp ngài được. Binh dẫu đông, rút cục không nên việc. Tào sử quân trí mưu hơn đời ai sánh kịp, ngờ là trời ban xuống vậy! Ngài tất vững được huyện Phạm, ta thủ giữ Đông A, thì cái công của Điền Đan có thể lập được

vậy.⁽¹⁾ Có ai lia bỏ lòng trung hiếu theo kẻ ác khiến mẹ con cùng chết hay không? Mong ngài nghĩ kỹ lời này!

Doãn chảy nước mắt nói:

- Chẳng dám hai lòng.

Lúc ấy Phiếm Nghi đã ở trong huyện, Doãn bèn triệu kiến Nghi, đặt phục binh đâm chết hắn, rồi quay về thúc giục binh lính thủ thành.^① Dục lại phái quân biệt kỵ chặn bến Thương Bình, Trần Cung đến, không qua sông được.

Dục đến Đông A, Đông A lệnh là Tào Chi đã đốc suất khích lệ quan dân, chắc thành thủ vững. Thêm nữa, Tông sự của Duyện châu là Tiết Đễ cùng Dục hợp mưu, rút cục bảo toàn được ba thành, để đợi Thái tổ. Thái tổ về, cầm tay Dục nói:

- Không có ngài ra sức, ta không có chỗ mà về rồi.

Bèn dâng biểu xin cử Dục làm Đông Bình tướng, đóng ở huyện Phạm.^②

① Từ Chúng bình rằng: Doãn về với Tào công, chưa nên nghĩa quân thần. Mẹ, là người chí thân vậy, cái nghĩa kia nên bỏ. Xưa kia mẹ Vương Lăng bị Hạng Vũ bắt, mẹ Lăng cho rằng Cao tổ tất có được thiên hạ, nên tự sát để bền cái chí của Lăng.⁽²⁾ Trong lòng

¹ Điền Đan (田單), là họ hàng xa trong tông thất nước Tề. Thời Tề Mẫn vương, Điền Đan là người coi chợ ở Lâm Truy, không có tiếng tăm gì. Đại tướng nước Yên là Nhạc Nghị liên kết với các nước Tần, Triệu, Ngụy, Hàn đánh nước Tề để báo cái thù “loạn Từ Chi”, hạ được bảy mươi hai thành, chỉ còn có hai thành Lâm Truy và Tức Mặc là giữ được. Điền Đan trốn thoát về thành Tức Mặc, được cử làm tướng, bèn dụng kế ly gián để vua nước Yên ngờ vực triều Nhạc Nghị về. Điền Đan lại sai gom của cải đưa cho tướng nước Yên và nói sẽ hàng, rồi lập đội quân cảm tử, bày kế “thả trâu lửa” đánh tan quân Yên, thu lại nước Tề, đón vua về.

² Vương Lăng (王陵), cường hào ở huyện Bái, cùng quê với Hán tổ Lưu Bang. Thời Tần diệt, Lăng tự tự bề đảng ở Nam Dương chống Tần. Sau khi chiến tranh Hán Sở nổ ra, Lăng theo Lưu Bang, làm tướng soái. Hạng Vũ bắt mẹ của Lăng để dụ hàng Lăng, mẹ Lăng tự vẫn để con giữ chí trung với vua Hán, Hạng Vũ giận nẫu chín mẹ của Lăng. Sau này, Lưu Bang diệt Sở, Lăng nhận tước hầu. Thời Lã hậu chấp chính, Lăng làm Hữu thừa tướng, đồng chức với Trần Bình là Tả thừa tướng. Việc làm của mẹ Lăng được lưu danh thiên cổ.

sáng suốt không có gì vướng mắc, rồi sau mới dốc tiết tháo thờ người đến chết. Công tử Khai Phương của nước Vệ làm quan ở nước Tề, nhiều năm không về nhà, Quản Trọng cho rằng kẻ chẳng nhớ người thân của mình, sao có thể yêu vua, không nên dùng làm tể tướng.⁽¹⁾ Thế nên tìm kẻ trung thần tất phải là kẻ hiếu tử trong nhà, Doãn nên cứu người chí thân trước đã. Mẹ của Từ Thứ bị Tào công bắt được, Lưu Bị liền sai Thứ quay về,⁽²⁾ muốn vì người thiên hạ phải tha thứ cho cái tình của kẻ hiếu thuận. Tào công cũng nên trách Doãn vậy.

② *Ngụy thư* chép: Dục lúc nhỏ thường mơ thấy mình trèo lên Thái Sơn, hai tay bùng mặt trời. Dục tự nghĩ lấy làm lạ, đem chuyện kể với Tuân Úc. Lúc Duyệt châu làm phản, nhờ Dục giữ vẹn được ba thành. Vì thế Úc đem giấc mộng của Dục bạch với Thái tổ. Thái tổ nói:

- Khanh nhất định sẽ là người tâm phúc của ta.

Dục vốn có tên là Lập, Thái tổ bèn thêm cho chữ "nhật" ở trên chữ "lập", đổi tên thành Dục vậy.⁽³⁾

Thái tổ cùng Lã Bố giao chiến ở Bộc Dương, mấy lần bất lợi. Nạn hoàng trùng nổi lên, bèn đều dẫn quân về. Vào thời ấy Thiệu sai người tới khuyên Thái tổ liên hòa, muốn Thái tổ dời gia quyến đến cư trú ở huyện Nghiệp. Thái tổ mới mất Duyệt châu, lương nuôi quân hết, sắp đồng ý. Bấy giờ Dục đi sứ vừa về, sai người dẫn vào gặp, nhân đó nói rằng:

- Trộm nghe tướng quân muốn dời gia quyến, cùng Viên Thiệu liên hòa, thực có việc ấy chăng?

Thái tổ nói:

¹ Khai Phương (开方) là con trưởng của vua nước Vệ, thấy nước Tề hùng mạnh, xin sang làm quan ở nước Tề, mấy chục năm không về nước. Lúc Quản Trọng sắp chết, Tề Hoàn công hỏi Quan Trọng xem có nên dùng Khai Phương làm tể tướng không? Quản Trọng nói: "Kẻ bỏ cha mẹ theo hầu người khác, tất coi trọng danh lợi hơn tình thân. Đang ở ngôi Thái tử mà bỏ đi, là muốn có địa vị cao hơn, có phải vì yêu vua đâu. Xin chớ tin dùng."

² Xem tập VI, *Thục thư*, quyển 32 (Tiên chủ truyện).

³ Chữ "dục" (昱) do chữ "lập" (立) và chữ "nhật" (日) xếp chồng lên nhau mà thành. Như thế cũng là ứng với giấc mơ "tay bùng mặt trời."

- Phải rồi.

Dục nói:

- Tôi nghĩ cái việc tướng quân sắp làm mà sợ, không thể thì sao lại suy tính chẳng thấu đáo vậy! Viên Thiệu chiếm cứ đất Yên, Triệu, có tâm địa nuốt thiên hạ, nhưng trí chưa đủ để nên việc. Tướng quân tự liệu mình có thể ở dưới hần chăng? Tướng quân vốn giữ uy thế rồng hổ, có thể làm cái việc của Hàn, Bành được chăng?⁽¹⁾ Nay Duyện châu tuy tàn khuyết, chỉ còn có ba thành, nhưng quân sĩ có thể chiến đấu, chẳng dưới vạn người. Dựng cái tài thần vũ của tướng quân, có bọn Văn Nhượng và Dục, thu lấy mà dùng, nghiệp bá vương có thể thành vậy. Xin tướng quân nghĩ kỹ lại việc này!

Thái tổ bèn thôi.^①

① *Ngụy lược* chép lại lời khuyên của Dục với Thái tổ rằng:

- Khi xưa Điền Hoàn, là thế tộc nước Tề, anh em ba người thay nhau làm vương, chiếm cứ đất đai nghìn dặm, nắm giữ trăm vạn chúng dân, sánh với chư hầu đều ngoảnh mặt về nam xưng Cô. Mới khi Cao tổ thu được thiên hạ, mà Hoàn vội vã làm tên giặc tù. Đang lúc bấy giờ, Hoàn há có thể can tâm sao!⁽²⁾

Thái tổ nói:

- Đúng. Đây thực là nỗi nhục lớn nhất của kẻ trượng phu vậy.

Dục nói:

¹ Hàn Tín, Bành Việt, đều theo Hán Cao tổ Lưu Bang, làm tướng thống soái, cầm đầu ba quân, giúp Cao tổ chống đánh Hạng Vũ, lập vô số công lao, là đại công thần. Cao tổ thống nhất thiên hạ, nghi kỵ công thần. Hàn Tín không nghe lời khuyên của Khoái Thông, bị Lã hậu bắt giết ở cung Vị Ương. Bành Việt cũng bị vu tội làm phản, cả họ bị giết.

² Điền Hoàn (田横), người đất Địch, là em họ của Tề vương Điền Đan thời nhà Tần và là em ruột của Tề vương Điền Vinh thời Hán Sở. Hán Sở tranh cường, Lưu Bang thắng, lên ngôi vua Hán, Điền Hoàn đem 500 tráng sĩ trốn ra khơi. Lưu Bang sai người chiêu hàng, Điền Hoàn chịu quay về, nhưng đi đến nửa đường dừng lại nghỉ, nói: “Điền Hoàn này với Hán vương trước kia đều là thù lĩnh ở phương nam, nay Hán vương là thiên tử, ta là kẻ vong quốc, xưng làm thần tử thờ ông ta, đó là điều cực kỳ nhục nhã.” Nói xong bèn đâm cổ tự vẫn.

- Dục này ngu xuẩn, chẳng hiểu rõ đại thể, cho rằng cái chí khí của tướng quân chẳng bằng được Điền Hoành. Điền Hoành kia là kẻ tráng sĩ của nước Tề thôi, còn thẹn vì làm kẻ bày tôi của Cao tổ. Nay nghe nói tướng quân muốn sai người đưa gia quyến đến huyện Nghiệp, sắp ngoảnh mặt về bắc thờ Viên Thiệu. Vốn thông minh thần vũ như tướng quân, lại không thẹn vì làm kẻ dưới của Thiệu, tôi trộm vì tướng quân mà xấu hổ vậy.

Những lời sau của đoạn đối thoại này so với bản truyện đại khái cũng tương đồng.

Thiên tử đóng đô ở huyện Hứa, lấy Dục làm Thượng thư. Duyện châu còn chưa yên ổn, Đế lại lấy Dục làm Đông trung lang tướng, lĩnh Thái thú Tế Âm, đốc trách các việc quân chính ở Duyện châu.

Lưu Bị mất Từ châu, đến theo Thái tổ. Dục khuyên Thái tổ giết Bị, Thái tổ không nghe. Việc đã nói ở *Vũ đế kỷ*. Về sau Thái tổ lại phái Bị đến Từ châu đón đánh Viên Thuật, Dục và Quách Gia khuyên Thái tổ rằng:

- Công lúc trước không giết Bị, bọn Dục nghĩ rằng chưa đến lúc vậy. Nay lại cho hấn mượn binh, tất sẽ sinh lòng khác.

Thái tổ hỏi, phái người đuổi theo nhưng không kịp. Đúng lúc Thuật ốm chết, Bị đến Từ châu, bèn giết Xa Trụ, cất binh phản Thái tổ. Ít lâu sau, Dục được thăng làm Chấn uy tướng quân.

Viên Thiệu ở Lê Dương, sắp xuôi nam vượt sông. Bấy giờ Dục có bảy trăm binh giữ Quyên Thành, Thái tổ nghe tin về Thiệu, sai người báo với Dục, muốn thêm cho hai nghìn binh. Dục không chịu, nói:

- Viên Thiệu nắm binh đông mười vạn, tự cho là tới đâu không ai chống nổi. Nay họ thấy Dục ít binh, tất khinh thường không đến đánh. Nếu thêm binh cho Dục, hấn đi qua chẳng thể không đánh, đánh tất thắng, thế lực hai phía của ta đều tổn thất. Xin minh công chớ hồ nghi!

Thái tổ theo lời ấy. Thiệu nghe nói Dục ít binh, quả nhiên không đến. Thái tổ bảo Giả Hủ rằng:

- Cái đảm của Trình Dục, còn quá cả Mạnh Bôn, Hạ Dục.

Dục gom nhặt bốn người trốn lánh ở các lũng núi, thu được mấy nghìn tinh binh, bèn dẫn quân đến Lê Dương hội binh giúp Thái tổ, đánh dẹp Viên Đàm, Viên Thượng. Đàm, Thượng bị phá tan chạy, Thái tổ phong Dục làm Phấn vũ tướng quân, tước An Quốc đình hầu.

Thái tổ đi đánh Kinh châu, Lưu Bị chạy đến đất Ngô. Kê bàn luận cho rằng Tôn Quyền tất giết Bị, Dục đoán rằng:

- Tôn Quyền mới tại vị, chưa được người trong nước kính sợ. Tào công vô địch thiên hạ, mới lấy được Kinh châu, uy chấn Giang Biểu, Quyền dẫu có mưu, chẳng thể một mình đương nổi. Lưu Bị vốn có tiếng anh hào, Quan Vũ, Trương Phi đều có sức địch muôn người, Quyền tất dựa vào họ để ngăn chống ta. Hai bên thế lực phân định, Bị được nhờ trợ giúp mà ổn định, nhất định là không bị bắt giết vậy.

Quyền quả nhiên cấp nhiều binh giúp Bị, để ngăn chống Thái tổ. Sau đấy Trung Nguyên dần bình định, Thái tổ vỗ vai Dục nói:

- Lúc thua bại ở Duyện châu, nếu chẳng dùng lời của ngài, sao ta có được hôm nay?

Tông nhân⁽¹⁾ dâng trâu rót rượu cử hành yến hội, Dục nói:

- Biết đủ là chẳng phải nhục, ta nên lui về ở ẩn thôi.

Bèn tự dâng biểu xin trả lại binh quyền, đóng cửa không ra ngoài.^①

① *Ngụy thư* chép: Thái tổ đi đánh Mã Siêu, Văn đế ở lại giữ nhà, sai Dục tham mưu quân sự. Người quận Hà Gian là bọn Điền Ngân, Tô Bá phản, Để phái tướng quân Giả Tín đánh dẹp chúng.

¹ Tông nhân (宗人), là chức quan chủ quản việc ghi chép phả tộc của nhà vua, quản việc ở tông miếu, chủ các việc tế tự, khánh tiết.

Giặc phản có hơn nghìn tên xin hàng, kẻ bàn luận đều cho rằng nên giết theo phép cũ, Dục nói:

- Giết kẻ ra hàng, là ở buổi nhiều nhưng, thiên hạ âm âm nổi dậy, kẻ bị vây rồi sau mới hàng thì chẳng được tha, lấy đó để thị uy thiên hạ, mở ra đường lợi, khiến họ chưa đến lúc bị vây đã ra hàng. Nay thiên hạ gần như yên định, vả lại trong cõi của ta, tất có quân giặc đến hàng, giết chóc như thế chẳng làm họ sợ oai, trái với cái ý giết kẻ hàng trước đây vậy. Thần cho rằng chẳng nên giết bọn chúng; việc tha hay giết họ, nên bấm báo trước.

Những kẻ bàn luận nói:

- Việc quân có chỗ chuyên quyền, không phải thỉnh ý.

Dục không đáp lời.

Văn đế đứng lên đi vào, dẫn riêng Dục đến gặp nói:

- Sao ngài không nói hết ý?

Dục nói:

- Đại khái việc chuyên mệnh, là nói lúc xảy việc nguy cấp, quyết đoán trong khoảnh khắc thôi. Nay đám giặc này bị khống chế trong tay Giả Tín, không có cái nguy biến sớm tối. Thế nên lão thần chẳng mong tướng quân làm việc đó vậy.

Văn đế nói:

- Ngài lo tính rất khéo.

Tức thì bạch với Thái tổ, Thái tổ quả nhiên không giết. Thái tổ về, nghe được việc đó rất mừng, bảo Dục rằng:

- Ngài không chỉ sáng suốt với việc quân, còn khéo xử lý quan hệ giữa cha con người khác vậy.

Dục bản tính cứng rắn ngang ngạnh, hay xung đột với kẻ khác. Có người tố cáo Dục mưu phản, Thái tổ ban thưởng đãi ngộ Dục càng hậu hơn.

Nước Ngụy kiến lập, Dục làm Vệ úy, cùng Trung úy Hình Trinh tranh nghị trượng, bị bãi chức.

Văn đế lên ngôi, Dục lại làm Vệ úy, được tấn tước An Hương hầu, thêm thực ấp ba trăm hộ, cộng cả trước đây là tám trăm

hộ. Lại chia thực ấp, phong cho con nhỏ của Dục là Diên và cháu của Dục là Hiếu làm Liệt hầu. Vừa mới phong làm Tam công, đúng lúc Dục mất, Đế roi nước mắt, truy tặng chức Xa kỵ tướng quân, ban thụy là Túc hầu.^①

Con của Dục là Vũ nổi tự. Vũ chết, con của Vũ là Khắc nổi tự. Khắc chết, con là Lương nổi tự.

① *Nguy thư* chép: Năm đó Dục tám mươi tuổi.

Thế ngữ chép: Lúc trước, Thái tổ thiếu lương, Dục lấy lương của bản huyện, cung ứng được ba ngày, dùng thịt người trộn lẫn vào, bởi thế triều thần thất vọng, cho nên ngôi vị chẳng đến chức Tam công.

Hiếu, năm Gia Bình trung làm Hoàng môn thị lang.^①

Bấy giờ Hiệu sự hoành hành ngang ngược, Hiếu dâng sớ nói:

"Chu lễ nói: 'Đặt quan phân chức, để trị lý dân.' Xuân Thu truyền viết: 'Trời có mười mặt, người có mười hạng.' Hạng ngu si chẳng thể xếp cùng bậc hiền giả, kẻ bần tiện chẳng thể đứng cùng người phú quý. Vì thế mới đem ý tưởng của bậc thánh triết gộp vào một chỗ, để giúp dựng phong khí. Dùng việc để xét rõ, khảo công tới chín lần, mỗi người tự tu chỉnh chức nghiệp của mình, lo tính việc không ra ngoài chức phận. Cho nên Loạn Thư muốn cứu vớt Tấn hầu, người con của Thư không nghe; người chết phơi thây giữa đường, Bính Cát đi qua chẳng hỏi đến.⁽¹⁾ Người trên chẳng hỏi việc trái chức trách, kẻ dưới chẳng đòi thưởng ngoài chức phận, quan không dùng kiêm việc, dân

¹ Loạn Thư (栾书), còn gọi là Loạn Vũ Tử (欒武子) là Tông chủ của họ Loạn, thế gia nước Tấn thời Xuân Thu. Việc Loạn Thư muốn cứu vớt Tấn hầu, người con của Thư không nghe, người dịch chưa tra cứu được.

Bính Cát (邢吉), tự Thiếu Khanh (少卿), người nước Lỗ, là danh thần nhà Tây Hán, sống dưới thời vua Hán Chiêu đế. Thời làm Thừa tướng, một lần đi đường, thấy đám người đánh nhau, người chết nằm ngang đường, Bính Cát đi qua, không hỏi han gì. Lại đi, thấy có người lừa trâu, trâu thờ hồn hên, Bính Cát dừng lại hỏi xem người kia lừa trâu đi mấy dặm mà trâu thờ như vậy. Duyên sứ thấy Bính Cát trước sau hành xử khác thường, bèn trách Bính Cát, Bính Cát nói: "Dân chúng ầu đã chết người, đã có huyện lệnh, nay trâu đi chưa bao xa mà thờ gấp, ta lo thời tiết sắp biến chuyển rất tai hại, nên sớm phòng bị. Ta là quan Tam công quản việc đại sự, vì thế phải hỏi."

không lao dịch trùng, đây thực là cái đạo lý cốt lõi của quốc gia, trị hay loạn là bởi nguyên do ấy. Việc xa xem ở điển xưa, việc gần xét đời Tần Hán, dấu quan danh thay đổi, chức quyền có khác nhau, đến như việc trọng người trên đề kẻ dưới, điều lệ rất phân minh rõ ràng, suy cho cùng là một vậy."

"Ban đầu không có chuyện quan Hiệu sự can thiệp việc chính sự. Trước đây Vũ hoàng đế mới khai sáng đại nghiệp, chức quan chưa hoàn chỉnh, việc quân lữ lao khổ, lòng dân không yên, kẻ phạm tội nhỏ, chẳng thể không xét rõ, cho nên mới đặt chức Hiệu sự, tạm dùng lúc cấp thiết thôi, chỉ để kiểm xét việc ở một phương, chẳng đến nỗi phóng túng buông thả vậy. Đây là cái kế quyền nghi của kẻ làm bá, chẳng phải là chế độ chuẩn tắc của bậc đế vương. Về sau Hiệu sự dần được tin dùng, lại sinh mầm bệnh, bản chất đã định thay đổi, ý nghĩa ban đầu của việc đặt chức ấy mất đi. Lại lệnh cho họ trên thì được xét việc cung miếu, dưới được thống quản sở quan, quan không phân ngành thứ, chức không định giới hạn, tự ý với chức trách, riêng lòng theo ý thích. Bọn ấy pháp lệnh định từ ngọn bút, chẳng tuân theo phép tắc chiếu lệnh nào; quyết ngục dưới môn đình, chẳng quan tâm xét vấn. Việc tuyển thuộc quan, từ cẩn trọng biến thành sao nhãng, xem kẻ quá đần là người hiền năng. Chúng quản chính sự, lấy việc khắc bạo thay công bằng nghiêm túc, coi kẻ noi theo đạo lý là khiếp hèn. Ngoài thì mượn thiên uy làm thanh thế, trong thì tụ quần gian làm kẻ phúc tâm. Bậc đại thần thẹn vì phải chia quyền với chúng, đều nhẫn nhịn chẳng nói, kẻ tiểu nhân hăi cái khí thế như mũi gai sắc nhọn của chúng, nổi uất ức kết vào lòng chẳng dám kể ra. Đến nỗi Doãn Mô Công gần đây làm việc gian tà phóng túng; tội ác rành rành, kẻ đi đường đều biết, tội lỗi thành hàng, mà nhiều năm chẳng ai hỏi đến. Đã sai với cái ý đặt quan của Chu lễ, lại trái với cái nghĩa chia mười hạng người trong Kinh Xuân Thu. Nay triều đình bên ngoài có Công khanh, tướng giáo thông quản các sở thự, bên trong có Thị trung, Thượng thư tổng xét vạn việc, Tư lệ Hiệu úy thị sát kinh sư, Ngự sử trung thừa soát xét cung điện, đây đều là đặc tuyển kẻ

hiền tài để sung vào các chức ấy, lại làm rõ khoa điều chiếu lệnh để soi xét hành vi sai trái. Hiền tài như thế còn chẳng đủ tín nhiệm, thì đảm Hiệu sự tiểu lại, càng chẳng thể tin được. Nếu những kẻ hiền tài đều suy nghĩ dốc sức tận trung, thì đảm Hiệu sự mọn mọn kia cũng không có ích nữa. Ví như ta thay đổi, đặc tuyển những kẻ quốc sĩ để đảm nhiệm chức trách của Hiệu sự, thì chỉ tăng một chức quan Trung thừa, Tư lệ thôi. Nếu tuyển chọn như phép cũ, những kẻ gian dối như Doãn Mô hiện nay lại càng phát triển. Xét tới xét lui, chức Hiệu sự thật chẳng có tác dụng gì.”

“Khi xưa Tang Hoàng Dương vì nhà Hán mà tìm mỗi lợi, Bốc Thức cho rằng chỉ cần nấu chín Hoàng Dương, thì trời sẽ mưa.⁽¹⁾ Ví như sự được mất của chính trị nhất định cảm động được trời đất, thần e rằng cái tai họa hạn hán lụt lội kia, nguyên do chưa hẳn đã không phải là do Hiệu sự vậy. Tào Cung công xa lánh người quân tử, thân gần kẻ tiểu nhân,⁽²⁾ Quốc Phong mượn cơ ấy để chê trách.⁽³⁾ Vệ Hiến công bỏ bậc đại thần, cùng kẻ tiểu nhân bàn tính, Định Khương bảo là có

¹ Tang Hoàng Dương (桑弘羊) là con một thương gia, rất giỏi việc tính toán. Bốc Thức (卜式) xuất thân từ nghề nông, rất giàu có. Hai người này đều là đại thần của Hán Vũ đế. Tang Hoàng Dương làm Đại nông, quản lý muối và sắt khắp thiên hạ. Ông là người lập ra cái gọi là “Bình chuẩn chế độ” để bình ổn giá cả trong cả nước, mua hàng lúc rẻ, bán ra lúc đắt, thu lợi cho quốc gia. Song thuộc hạ của Tang Hoàng Dương cũng vì thế thu lợi. Bốc Thức khi ấy là Thái phó của Thái tử lại không đồng tình, cho rằng việc làm ấy là độc đoán. Một năm có hạn hán, các nơi lập đàn cầu mưa. Bốc Thức cho rằng đây là trời giáng họa, cứ nấu chín Tang Hoàng Dương thì trời sẽ mưa.”

² Tào Cung công (曹共公) là vị quân chủ thứ 16 của nước Tào, chư hầu nhà Chu thời Xuân Thu. Bản tính ham chơi, không quan tâm đến chính sự, xa lánh quân tử, chỉ tin dùng kẻ tiểu nhân. Công tử Trùng Nhĩ nước Tấn lưu vong đi qua nước Tào, Tào Cung công nghe nói Trùng Nhĩ có quý tướng là hai xương sườn dính nhau, bèn nhân lúc Trùng Nhĩ đi tắm giả mặc y phục người hầu vào xem, xem xong đi ra nói cười âm ỉ. Trùng Nhĩ vì việc ấy cảm giận Tào Cung công. Khi Trùng Nhĩ về nước Tấn làm vua, mang quân đánh nước Tào. Tào Cung công thua trận, bị quân Tấn bắt sống. Hơn 300 đại phu nước Tào bị quân Tấn giết.

³ Quốc Phong là tên một thiên sách trong Kinh Thi, thiên này tập hợp những bài ca dao của 15 nước chư hầu hoặc khu vực, vần điệu du dương dễ nghe, có thể ngâm vịnh. Từ những câu hát ngợi ca về các nước, các khu vực mà xét ra phong tục của các nơi ấy, cũng từ đó biết được chỗ được mất trong chính sự.

tội.¹ Ví như chức Hiệu sự mà có ích với quốc gia, theo lễ nghĩa mà nói, còn hại đến tâm tưởng của các bậc đại thần, huống chi cái gian tà của chúng lộ rõ ra ngoài, lại chẳng bỏ đi, đấy là áo rách mà chẳng vá vào, làm đường mà không quay lại vậy."

Bởi thế chức quan Hiệu sự bị bãi. Hiếu được thăng làm Thái thú Nhữ Nam, hơn bốn mươi tuổi, chết.²

① *Thế ngữ* chép: Hiếu tự Quý Minh, có học thức và hiểu biết.

② *Hiếu biệt truyện* chép: Những văn chương, sách vở mà Hiếu soạn chép rất nhiều nhưng đa phần thất lạc, số còn lại đến bây giờ chẳng tới một phần mười.

Quách Gia tự Phụng Hiếu, người quận Dĩnh Xuyên huyện Dương Dịch.^① Lúc trước, Gia lên phương bắc yết kiến Viên Thiệu, xong bảo với mưu thần của Thiệu là Tân Bình và Quách Đồ rằng:

- Bậc trí giả khéo ở việc chọn chủ, cho nên trăm lần mưu việc là trăm lần toàn vẹn mà công danh có thể lập được. Viên công chỉ muốn nhún mình đãi kẻ sĩ bắt chước Chu công, nhưng chưa hiểu được cái mấu chốt của việc dùng người. Đòi nhiều nhưng ít thiết yếu, thích mưu mà không quyết, muốn chung sức cứu giúp đại nạn cho thiên hạ, định nghiệp bá vương, khó thay!

Rồi bỏ đi.

Trước đấy, người quận Dĩnh Xuyên là Hí Chí Tài, là mưu sĩ trừ hoạch kế sách, Thái tổ rất quý trọng, song chết sớm. Thái tổ gửi thư cho Tuân Úc nói:

¹ Vệ Hiến công (卫献公), vua nước Vệ thời Xuân Thu, bản tính ham chơi, không quan tâm đến chính sự. Lên ngôi thay cha là Vệ Định công, giữa lúc tang sự, không tỏ vẻ thương xót. Mẹ của Hiến công là Định Khương khuyên bảo, nhưng Hiến công không nghe. Hiến công hẹn hai đại phu nước Vệ là Tôn Lâm Phủ và Ninh Thực đến ăn trưa, nhưng không tiếp, mà đi chơi bắn ngỗng với tiểu thần. Hai người giận, làm phản. Vệ Hiến công phải lưu vong.

"Từ sau khi Chí Tài chết đi, chẳng có ai giúp ta tính việc. Vùng Nhữ, Dĩnh vốn nhiều kẻ sĩ giỏi, ai có thể kế nôi được?"

Úc tiến cử Gia. Thái tổ triệu kiến, nghị luận việc thiên hạ. Thái tổ nói:

- Khiến ta thành đại nghiệp, tất là người này.

Gia trở ra, cũng vui mừng nói:

- Thực là người chủ của ta vậy.

Thái tổ dâng biểu cử Gia làm Tư không Quân tể tửu.②

① *Phó tử* chép: Gia thời trẻ có chí hướng cao xa. Thời Hán mạt thiên hạ sắp loạn, Gia từ lúc hai mươi tuổi trốn dấu hình tích, bí mật kết giao với kẻ tuấn kiệt, không tiếp xúc với tục nhân, cho nên người thời ấy đa phần chẳng ai biết, chỉ có bậc thức giả mới biết tài của Gia. Năm hai mươi một tuổi, Gia được triệu vào phủ Tư đồ.

② *Phó tử* chép: Thái tổ bảo Gia rằng:

- Bản Sơ nắm giữ bộ chúng của Ký châu, Thanh châu và Tinh châu theo hần, đất rộng binh cường, mà nhiều lần có hành vi không cung kính. Ta muốn đánh dẹp hần, mà sức chẳng địch nổi, biết làm sao?

Gia đáp:

- Cái hơn kém của Lưu, Hạng, là điều mà Công biết rõ vậy. Hán Cao tổ chỉ hơn về trí; Hạng Vũ tuy mạnh, rút cục bị Lưu Bang bắt. Gia này trộm tính rằng, Thiệu có mười điều bại, Công có mười điều thắng, dấu binh cường mạnh, cũng chẳng là gì. Thiệu đa lễ rườm rà; Công thuận lẽ tự nhiên, là thắng về đạo, là một. Thiệu hành động trái nghịch; Công thuận lẽ phải để thống quán thiên hạ, là thắng về nghĩa, là hai. Thời Hán mạt, chính sự trể nài bởi khoan nhu, Thiệu lấy khoan hòa giúp khoan nhu, nên chẳng trấn nhiếp được; Công nắm sửa chính trị lấy sự nghiêm khắc ràng buộc nên trên dưới biết pháp chế, là thắng về trị, là ba. Thiệu ngoài mặt khoan hòa trong lòng nghi kỵ, dùng người lại ngờ vực họ, người được tin dùng chỉ có con em thân thích; Công bề ngoài giản dị dễ dãi nhưng trong lòng sáng suốt khéo léo, dùng người không hề ngờ vực, chỉ theo tài mà dùng thích hợp, chẳng kể thân sơ, là

thắng về độ, là bốn. Thiệu nhiều mưu kế mà thiếu quyết đoán, về sau thường mắc sai lầm; Công có kế sách hay là thi hành ngay, ứng biến vô cùng, là thắng về mưu, là năm. Thiệu cậy gia thế nhiều đời, bàn chuyện lễ nghĩa cao siêu để thu lấy tiếng khen, kẻ sĩ thích nói lời tán tụng suông theo về đông; Công lấy sự chí tâm đãi người, theo lẽ thực mà làm, không vì tiếng khen hảo, lấy sự kiệm ước làm gương cho kẻ dưới, với người có công thì không hề bủn xỉn, kẻ sĩ trung chính có tâm nhìn xa và thực tài đều nguyện chịu sự sai khiến, là thắng về đức, là sáu. Thiệu thấy người ta đói rét, về thương xót lộ ra nét mặt, nếu không nhìn thấy, thì cũng chẳng nghĩ đến, đấy là lòng nhân của đàn bà thôi; Công với những việc nhỏ trước mắt, thường bỏ qua, đến lúc có việc lớn, lại giúp khắp bốn bề, ân huệ ban ra, vượt quá cả kỳ vọng, dẫu việc không nhìn thấy, suy tính vẫn đầy đủ, không gì không chu toàn, là thắng về nhân, là bảy. Đại thần của Thiệu tranh đoạt quyền bính, lời sàm nịnh mê loạn; Công dùng đạo lý quản thuộc hạ, lời gièm pha ton hót không nghe, là thắng về minh, là tám. Thiệu chẳng biết phân biệt phải trái; Công với việc đúng đắn thì dùng lễ đối đãi, với việc sai trái thì dùng phép để trị, là thắng về văn, là chín. Thiệu thích phô trương thanh thế, không hiểu điều cốt yếu của binh cơ; Công lấy ít thắng nhiều, dụng binh như thần, quân lính được cậy nhờ, địch nhân sợ hãi, là thắng về võ, là mười.

Thái tổ cười nói:

- Như lời Khanh nói, Cô có đức gì để thắng hần.

Gia lại nói:

- Thiệu mới lên bắc đánh Công Tôn Toàn, ta nên nhân lúc hần viễn chinh, sang đông đánh Lã Bố. Không đánh thắng Bố trước, nếu Thiệu đến đánh ta, Bố tất chi viện hần, đấy là việc rất tai hại vậy.

Thái tổ nói:

- Đúng vậy.

Thái tổ đi đánh Lã Bố, đánh ba trận phá được, Bố lui về cố thủ. Bấy giờ sĩ tốt mỏi mệt, Thái tổ muốn dẫn quân về, Gia khuyên

Thái tổ đánh gấp, vì thế bắt được Bối. Việc đã nói ở Tuân Du truyện.^①

① *Phó tử* chép: Thái tổ muốn dẫn quân về, Gia nói:

- Xưa kia Hạng Tịch đánh hơn bảy mươi trận, chưa từng bị thua bại, một sớm thất thế mà thân chết nước vong, là bởi hữu dũng vô mưu vậy. Nay Bối mỗi khi đánh thường thất bại, khí suy lực tận, trong ngoài thất thổ. Mà uy lực của Bối chẳng bằng được Hạng Tịch, song nổi khốn quẫn lại trầm trọng hơn nhiều, nếu ta thừa thắng đánh hấn, chính là lúc bắt được Bối vậy.

Thái tổ nói:

- Hay.

Ngụy thư chép: Lưu Bị thua trận đến hàng, Thái tổ cho làm Dự châu mục. Có người báo Thái tổ rằng:

- Bị có chí anh hùng, nay không sớm trừ đi, sau tất thành họa.

Thái tổ đem việc hỏi Gia, Gia nói:

- Đúng thế. Nhưng Công vung kiếm khởi nghĩa binh, vì trăm họ trừ hại, thành tâm đãi người, dựa vào tín nghĩa để chiêu vòai tuần kiệt, còn sợ là chưa đủ. Nay Bị có cái danh anh hùng, vì cùng khốn theo về với ta mà lại hại hấn, thế tất mang tiếng hại người hiền, thì kẻ trí sĩ sẽ tự ngò, đổi ý chọn chủ, ai giúp Công yên định thiên hạ? Ôi, dứt mối lo một người, để ngăn lòng mong ngóng của bốn bề, cái cơ an nguy, chẳng thể không xét kỹ!

Thái tổ cười nói:

- Ngài nói trúng ý ta rồi.

Phó tử chép: Khi trước, Lưu Bị đến hàng, Thái tổ dùng khách lễ đối đãi, sai làm Dự châu mục. Gia nói với Thái tổ rằng:

- Bị có hùng tài mà rất được lòng người. Trương Phi, Quan Vũ, đều có sức địch muôn người, sẵn lòng chết vì Bị. Gia xét thấy, Bị rút cục không chịu ở dưới người, mưu tính của hấn chưa thể lường được vậy. Cổ nhân có nói: "Một ngày thả địch, hậu hoạn nhiều đời." Nên sớm liệu đi.

Bấy giờ, Thái tổ phụng mệnh Thiên tử để hiệu lệnh thiên hạ, đang chiêu dụ kẻ anh hùng để nêu cao đại tín, chưa theo mưu của Gia được. Đến lúc Thái tổ sai Bị đón đánh Viên Thuật, Gia và Trình Dục đều đón xe ngựa mà can Thái tổ rằng:

- Thả Bị đi, là sinh biến vậy!

Bấy giờ Bị đã đi xa, bèn cất binh làm phản. Thái tổ hận đã không dùng lời của Gia.

Xét điều mà *Ngụy thư* nói, so với lời mà *Phó tử* chép về việc này thấy trái ngược nhau vậy.

Tôn Sách đánh quanh ngàn dặm, thu hết xứ Giang Đông, nghe tin Thái tổ cùng Viên Thiệu cầm giữ nhau ở Quan Độ, muốn vượt sông Giang lên bắc đánh úp huyện Hứa. Chúng nghe nói đều sợ, Gia dự liệu rằng:

- Sách mới thôn tính Giang Đông, những kẻ bị Sách giết đều là anh hùng hào kiệt, có thể khiến kẻ khác dốc sức đến chết. Vậy mà Sách lại coi thường không phòng bị, dẫu có trăm vạn bộ chúng, chẳng khác một mình đi giữa Trung nguyên. Ví như có thích khách mai phục, thì là một người đánh một người thôi. Vì thế ta cho rằng, Sách tất sẽ chết bởi tay một kẻ thất phu.

Sách đến ven biên, còn chưa sang sông, quả nhiên bị môn khách của Hứa Cống giết chết.①

① *Phó tử* chép: Thái tổ muốn tức tốc đi đánh Lưu Bị, kẻ nghị bàn sợ rằng khi quân đi, bị Viên Thiệu đánh úp phía sau, tiến thì không đánh được mà lui thì mất chỗ ở. Việc nói ở *Vũ đế kỷ*.

Thái tổ ngò sợ, đem việc ấy hỏi Gia. Gia khuyên Thái tổ rằng:

- Thiệu vốn chậm chạp mà đa nghi, đến tất không nhanh được. Bị mới khởi sự, nhân tâm chưa phục, đánh gấp hẳn tất bại. Đây là mấu chốt của lẽ tồn vong, chẳng nên bỏ lỡ vậy.

Thái tổ nói: "Hay."

Bèn sang đông đi đánh Bị. Bị thua bại chạy sang chỗ Viên Thiệu, Thiệu quả nhiên không xuất binh.

Thần Tùng Chi xét *Vũ đế kỷ*, quyết kế đi đánh Bị, liệu việc Thiệu không xuất binh, đều xuất bởi Thái tổ. Chỗ này nói dùng kế của Gia, là lời bất đồng. Hơn nữa bản truyện nói rằng Gia liệu được Tôn Sách là người khinh suất, ắt chết bởi tay kẻ thất phu, thật là tiên kiến sáng suốt. Như thế cũng không hẳn là người thượng trí, bởi Gia chẳng biết Sách chết vào năm nào. Nay Sách chết đúng vào năm định đánh úp huyện Hứa, đấy đại khái là việc trùng hợp ngẫu nhiên.

Gia theo đi phá Viên Thiệu, Thiệu chết, lại theo đi đánh Đàm, Thượng ở Lê Dương, đánh thắng liên tiếp nhiều trận. Chư tướng muốn thừa thắng hết sức đánh, Gia nói:

- Viên Thiệu yêu quý hai đứa con này, không biết nên lập đứa nào. Có Quách Đồ, Phùng Kỳ là mưu thần giúp hai đứa, tất sẽ đến lúc chúng giao đấu, rồi chia lìa nhau vậy. Ta đánh gấp thì chúng hòa nhau, ta trì hoãn thì chúng này lòng tranh đoạt. Chẳng bằng ta xuôi nam hướng đến Kinh châu về như đi đánh Lưu Biểu, đợi chúng sinh biến; biến đã thành mà sau ta đánh chúng, có thể chỉ một trận là định được.

Thái tổ nói: "Hay."

Bèn nam chinh.

Quân đi đến Tây Bình, Đàm và Thượng quả nhiên tranh đoạt Kỳ châu. Đàm bị quân của Thượng đánh bại, chạy đến giữ huyện Bình Nguyên, sai Tân Bì xin hàng. Thái tổ quay về cứu Đàm, vì thế ung dung bình định huyện Nghiệp.

Gia lại theo đi đánh Đàm ở Nam Bì, bình Kỳ châu. Gia được phong làm Vị Dương đình hầu.^①

① *Phó tử* chép: Hà Bắc đã bình, Thái tổ nhiều lần triệu gọi kẻ sĩ nổi danh của các châu Thanh, Ký, U, Tinh, dần dần sử dụng họ, cho họ làm Duyện thuộc xét việc. Đều là kế mưu của Gia vậy.

Thái tổ sắp đi đánh Viên Thượng và người Ô Hoàn ở ba quận, chư tướng bộ hạ đều sợ Lưu Biểu sai Lưu Bị lấy danh nghĩa đánh Thái tổ để tập kích huyện Hứa, Gia nói:

- Công tuy uy chấn thiên hạ, nhưng rợ Hồ cậy mình ở xa, tất không đặt phòng bị. Nhân lúc họ không phòng bị, ta thốt nhiên đánh, có thể diệt được chúng vậy. Và lại Viên Thiệu có ân với dân Di, mà anh em Thượng vẫn còn sống. Nay dân ở bốn châu, chỉ vì uy của ta mà nương dựa, ân đức chưa rủ đến, bỏ đấy mà nam chinh, Thượng dựa vào người Ô Hoàn, chiêu vòl bầy tôi của chủ đã chết, người Hồ nhất loạt nổi dậy, dân Di đều ứng theo, Đạp Đốn sinh lòng tính kế dòm dò, e rằng Thanh, Ký không phải là của chúng ta nữa. Biểu, chỉ ngồi bàn suông với khách thôi, tự biết tài của mình chẳng đủ để chế ngự Bị, dùng vào việc lớn thì sợ không ngăn giữ được, dùng vào việc nhỏ thì Bị không để cho dùng, dẫu để nước rộng viễn chinh, Công không lo vậy.

Thái tổ bèn đi. Đến huyện Dịch, Gia nói:

- Binh quý ở chỗ thần tốc. Nay nghìn dặm đánh dịch, đồ truy trọng nhiều, khó tranh lợi, vả lại bên kia nghe biết, tất có phòng bị; chẳng bằng để xe truy trọng lại, khinh binh gấp đường tiến phát, đánh úp chỗ họ không ngờ.

Thái tổ bèn ngầm tiến ra lối hiểm Lô Long, thẳng đến sở trị của Thiên vu. Giặc rợ thốt nhiên nghe tin Thái tổ đến, kinh hoàng hợp nhau ứng chiến. Thái tổ đại phá chúng, chém Đạp Đốn và các vương hầu có tên tuổi. Thượng cùng anh là Hy trốn sang đất Liêu Đông.

Gia học vấn tinh thông sâu sắc lại có mưu lược, thấu hiểu sự việc. Thái tổ nói:

- Chỉ có Phụng Hiếu có thể hiểu được ý của Cô.

Năm Gia ba mươi tám tuổi, lúc từ Liễu Thành quay về, bị ốm nặng, Thái tổ sai thăm bệnh tình, người đi không dứt. Lúc chết, Thái tổ đến viếng tang, rất thương cảm, bảo bọn Tuân Du rằng:

- Các ngài tuổi tác đều suýt soát Cô, chỉ có Phụng Hiếu là ít tuổi nhất. Sau khi thiên hạ an định, ta muốn đem hậu sự phó thác

cho ông ấy, mà giữa lúc tráng niên lại yếu mệnh chết sớm, là mệnh vận sao!

Bèn viết biểu rằng:

"Quân tế tửu Quách Gia, từ lúc theo thân đi chinh phạt, đã mười một năm. Mỗi khi gặp việc quốc gia đại sự, liệu địch ứng biến. Kế sách của thần chưa quyết, Gia đã tính xong. Việc bình thiên hạ, công của người bày kế là cao. Nay Gia bất hạnh đoán mệnh, sự nghiệp chưa trọn. Đoái nghĩ công lao của Gia, thật chẳng thể quên. Nên tăng thực ấp cho Gia tám trăm hộ, cộng cả lúc trước là một nghìn hộ." ①

Ban cho thụ là Trinh hầu. Con của Gia là Dịch nổi tự. ②

① Ngụy thư chép tờ biểu của Thái tổ rằng:

"Thần nghe nói khen trung sủng hiền, vị tất phải là người thân, nghĩ nhớ công tích của kẻ trung hiền, nên ban ân dày cho con cháu. Vì thế vua nước Sở kính trọng Tôn Thúc,⁽¹⁾ vinh phong cho người con; Sầm Bành chết rồi, tước phong đến tận chi thứ.⁽²⁾ Cố Quân Tế tửu Quách Gia, là người trung lương trinh thực, thấu tình đạt lý. Mỗi khi gặp việc quốc gia đại sự, lời phát ra ở chốn doanh đình, vừa khéo để quyết việc, kế sách không chút sai lầm. Từ ngày ở trong quân ngũ, hơn chục năm trời, đi cùng cuội ngựa, ngồi cùng chung chiếu, Đông cầm Lã Bố, Tây bắt Tuy Cố, chém đầu Viên Đàm, bình định phương bắc, vượt nơi đất hiểm, bình định Ô Hoàn, uy chấn Liêu Đông, bêu đầu Viên Thược. Dẫu nhờ uy của bề hạ, thần chỉ huy ở huyện Dịch, đến khi lâm địch, nêu cao hiệu

¹ Tôn Thúc Ngao (孙叔敖), là quan lệnh dẫn nước Sở thời Xuân Thu, sống vào đời Sở Trang vương, có công giúp nước Sở cường thịnh. Thúc Ngao là người nhún nhường, thương dân, làm quan thanh liêm, ưa bố thí. Dân nước Sở rất quý mến ông, vua nước Sở rất kính trọng ông. Sau khi Thúc Ngao chết, Sở Trang vương đem khu đất tốt ban cho con của Thúc Ngao, con của Thúc Ngao từ chối không nhận, chỉ xin chỗ đất xấu để làm lăng mộ cho cha. Sở Trang vương nghe theo.

² Sầm Bành (岑彭), tự Quân Nhiên (君然), người quận Nam Dương huyện Cứu Dương, là nhà quân sự đầu thời Đông Hán, là tướng của Quang Vũ đế Lưu Tú, lập rất nhiều công lao, có tên trong "Vân đài nhị thập bát tướng." Sau khi Sầm Bành chết, Quang Vũ đế phong tước cho con trưởng của Sầm Bành là Sầm Tuân, chức Đồn kỵ hiệu úy, tước Tế Dương hầu. Lại phong thưởng cho con người vợ lẽ của Sầm Bành là Sầm Hoài, ban tước Cốc Dương hầu.

lệnh, diệt sạch hung nghịch, công lao thật sự do Gia vậy. Đúng lúc sắp biểu dương công lao, Gia đoán mệnh chết sớm. Chúa thượng vì triều đình thương tiếc bậc lương thần, bầy tôi tự tiếc hận vì mất người phụ tá. Nay nên thêm ấp phong cho Gia, cộng cả lúc trước là một nghìn hộ, biểu dương người chết giúp người còn sống, hậu thưởng công lúc trước để khuyến khích người đến sau vậy."

② *Ngụy thư* khen Dịch thông đạt hiểu rõ lý lẽ. Dịch tự Bá Ích, thấy nói ở Gia giới của Vương Suồng.

Sau khi Thái tổ đi đánh Kinh châu quay về, đến Ba Khâu gặp dịch bệnh, đốt thuyền, than rằng:

- Nếu Quách Phụng Hiếu còn, chẳng khiến Cô đến nỗi này. ①

Lúc trước, Trần Quần chê Gia không sửa hạnh kiểm, mấy lần ở triều đình tố cáo Gia, Gia tỏ ý tự nhiên, Thái tổ càng trọng dụng Gia hơn, nhưng vì Quần có tài chủ trì chính nghĩa, Thái tổ cũng rất hài lòng. ②

Dịch làm Thái tử Văn học, chết sớm. Con của Dịch là Thâm nối tự. Thâm chết, con của Thâm là Liệp nối tự. ③

① *Phó tử* chép: Thái tổ lại nói:

- Thương thay Phụng Hiếu! Xót thay Phụng Hiếu! Tiếc thay Phụng Hiếu!

② *Phó tử* chép: Thái tổ gửi thư cho Tuân Úc, đoái nghĩ thương Quách Gia nói:

"Quách Phụng Hiếu chưa đầy bốn mươi tuổi, cùng Cô đi khắp nơi mười một năm trời, vượt hiểm gian nan, cùng chung lo lắng. Thêm nữa lại là người thấu hiểu lý lẽ, biết rõ thế sự khiến mọi việc không ngưng trệ, Cô muốn đem hậu sự phó thác cho ông ấy, ngờ đâu đột nhiên chết sớm, lòng Cô đau xót cảm khái khôn cùng. Nay Cô dâng biểu lên trên xin thêm thực ấp cho con cháu Gia đủ một nghìn hộ, như thế có ích gì với người đã chết đâu, chỉ là cảm khái sâu sắc mà tỏ lòng nghĩ nhớ ông ấy. Và lại Phụng Hiếu hiểu Cô hơn ai hết; người trong thiên hạ hiểu được nhau cũng ít thôi, Cô lại vì thế mà đau tiếc hơn. Sao mà đau tiếc đến vậy được!"

Lại gửi cho Úc một bức thư nữa nói:

"Cô nhớ tiếc Phụng Hiếu, chẳng thể người ngoai được. Ông ấy hiểu biết thời thế và việc binh nhung, hơn hẳn người khác. Thêm nữa người ta đa phần sợ bệnh tật, lúc phương nam có dịch bệnh, thường nói: 'Ta đến phương nam, tất chẳng sống để quay về.' Nhưng Gia với Cô cùng thương nghị kế sách, nói rằng nên định Kinh châu trước. Như thế không chỉ tỏ lòng trung hậu lập kế, tất muốn lập công nghiệp, chẳng xá gì tính mệnh. Một lòng thờ người thành tâm đến thế, sao khiến người ta quên được."

③ Thế ngữ chép: Cháu của Gia là Sưởng, tự Thái Trung, có tài năng và hiểu biết, làm Tán kỵ thường thị.

Đổng Chiêu tự Công Nhân, người quận Tế Âm huyện Định Đào. Được xét cử Hiếu liêm, phong làm trưởng huyện Anh Đào, Bách Nhân lệnh, Viên Thiệu dùng làm Tham quân sự.

Thiệu đón đánh Công Tôn Toàn ở Giới Kiều, Thái thú Cự Lộc là Lý Thiệu cùng những kẻ đai mũ trong quận thấy quân của Toàn mạnh, đều muốn nương bám Toàn. Thiệu nghe tin, sai Chiêu lĩnh quận Cự Lộc, hỏi:

- Ngài có cách gì ngăn chống hẳn?

Chiêu đáp:

- Một người trí lực yếu, chẳng thể trừ được mưu của số đông, ta muốn nghĩ cách dẫn dụ chúng, có người tác hợp cùng nghị bàn, khiến chúng can tâm tình nguyện, rồi lúc gặp việc sẽ quyền nghi chế ngự chúng thôi. Kế mưu tùy việc mà định, chưa thể nói trước.

Bấy giờ họ tộc lớn trong quận là bọn Tôn Kháng có mấy chục người chuyên làm mưu chủ, kích động quan dân. Chiêu đến quận, giả làm hịch văn của Thiệu báo xuống quận rằng:

"Ta lấy được lời cung từ tên do thám của giặc là Trương Cát người huyện An Bình, nói chúng sắp đánh quận Cự Lộc, giặc là bọn cố Hiếu liêm Tôn Kháng làm nội ứng, hịch văn đến nơi phải bắt ngay trị theo quân pháp, kẻ ác chỉ có thân tín của hắn, vợ con không liên lụy."

Chiêu chiêu theo mệnh lệnh trong hịch văn, lập tức bắt chém hết bọn chúng. Cả quận kinh hoàng, Chiêu vỗ về một lượt, sau đều yên ổn. Việc làm xong bẩm với Thiệu, Thiệu khen hay.

Đúng lúc Thái thú Ngụy Quận là Lật Phan bị binh sĩ của mình sát hại, Thiệu cho Chiêu lĩnh Thái thú Ngụy Quận. Bấy giờ trong quận đại loạn, giặc tính kế vạn, sai phái sứ qua lại, giao dịch mua bán. Chiêu hậu đãi chúng, nhân đó dùng kế ly gián, thừa sở hở đánh úp, liền đại phá chúng. Trong vòng hai ngày, tin thắng trận truyền đến ba lần.

Em của Chiêu là Phóng, ở trong quân của Trương Mạc. Mạc với Thiệu hiềm khích, Thiệu nghe lời gièm muốn trị tội Chiêu. Chiêu định đến chỗ Hán Hiến đế, đi tới quận Hà Nội, bị Trương Dương lưu lại. Chiêu nhờ Dương giao trả lại ấn thụ cho triều đình, được bái làm Kỵ đô úy.

Bấy giờ Thái tổ lĩnh Duyện châu, phái sứ đến chỗ Dương, muốn mượn đường sang tây đến Trường An, Dương không nghe. Chiêu khuyên Dương rằng:

- Viên, Tào tuy một nhà, thế chẳng hòa hợp lâu. Tào nay tuy yếu, nhưng thực là kẻ anh hùng trong thiên hạ vậy, nên cố kết giao với ông ấy. Huống chi nay có cơ duyên, nên cho ông ấy đi qua báo việc, lại dâng biểu tiến cử ông ấy; nếu quả việc thành, thì vĩnh viễn kết thâm giao.

Dương vì thế cho Thái tổ đi qua báo việc, dâng biểu tiến cử Thái tổ. Chiêu giúp Thái tổ viết thư gửi chư tướng ở Trường An là bọn Lý Thôi, Quách Ty, đều tùy địa vị nặng nhẹ gửi ý ân cần. Dương cũng phái sứ giả đến chỗ Thái tổ. Thái tổ tặng cho Dương chó ngựa, vàng bạc, từ đấy cùng phương tây qua lại. Thiên tử ở An Ấp, Chiêu từ Hà Nội đến, Đế xuống chiếu bái Chiêu làm Nghị lang.

Năm Kiến An nguyên niên, Thái tổ bình định quân Khăn Vàng ở huyện Hứa, phái sứ giả đến Hà Đông. Đúng lúc Thiên tử

quay về Lạc Dương, Hàn Tiêm, Dương Phụng, Đồng Thừa và Dương ý kiến trái ngược bất hòa. Chiêu thấy binh mã của Phụng mạnh nhất nhưng thiếu bè đảng hỗ trợ, bèn lấy danh nghĩa Thái tổ gửi thư cho Phụng nói:

"Ta với tướng quân nghe danh mộ nghĩa, liền tỏ tấm lòng son. Nay tướng quân dẹp trừ nỗi gian nan cho Thiên tử, đưa xa giá về lại cự đô, cái công phù giúp, vượt đời không ai sánh, tốt đẹp lắm thay! Nay bọn hung nghịch nhiễu loạn Hoa Hạ, bốn bể chưa yên, ngôi Thiên tử là chí trọng, bọn ta là phụ tá; tất phải dựa vào số đông hiền tài khiến trong sạch đường vua, thực không phải là việc mà một người có thể độc lập gây dựng được. Tâm phúc như tay chân, thực phải nương nhờ cậy dựa nhau, một thứ không hoàn chỉnh, là bị thiếu khuyết vậy. Tướng quân đương nhiên là người chủ trì ở trong, ta làm ngoại viện. Nay ta có lương ăn, tướng quân có binh lính, người có kẻ không liên thông, đủ để giúp lẫn nhau, sinh tử chia lìa, cùng nhau chung chịu."

Phụng được thư rất mừng, nói với chư tướng rằng:

- Chư quân của Duyện châu ở rất gần huyện Hứa thối, có binh có lương, đây là điều mà quốc gia đang trông ngóng vậy.

Bèn cùng nhau dâng biểu cử Thái tổ làm Trấn đông tướng quân, nối tước Phí đình hầu của cha. Chiêu được nhận phù tiết lệnh.

Thái tổ triều kiến thiên tử ở Lạc Dương, dẫn Chiêu vào cùng ngồi, hỏi rằng:

- Cô nay đến đây, nên thi hành kế gì?

Chiêu nói:

- Tướng quân hưng nghĩa binh để giết kẻ bạo loạn, vào triều bái thiên tử, phù tá vương thất, đây là cái công của Ngũ bá vậy! Nhưng chư tướng ở dưới, lắm người khác ý, vị tất đã phục tùng, nay lưu lại làm kẻ phụ tá, xử lý công việc có bất tiện, ta nghĩ chỉ có cách dời xa giá về huyện Hứa thối. Nhưng triều đình phiêu dạt mãi, mới quay về cự kinh, xa gần ngóng trông, mong được một ngày yên ổn, nay lại di dời xa giá, e là mọi người đều có

lòng chán nản. Nhưng phải làm việc phi thường, mới có cái công phi thường, mong tướng quân hãy xét kỹ điều hơn thiệt!

Thái tổ nói:

- Đấy vốn là cái chí của Cô vậy. Dương Phụng đóng tại huyện Lương gần đây, nghe nói binh của hãn tinh nhuệ, có thể khiến Cô lao nhọc chăng?

Chiêu nói:

- Phụng thiếu bè đảng tương trợ, một mình tỏ ý quy thuận. Việc biểu cử chức Trấn đông, tước Phí đình, đều là mình Phụng quyết định, lại nghe nói hãn soạn thư ước thúc binh sĩ, đủ thấy hãn rất tin tưởng ta. Nên kịp thời phái sứ đến hậu tặng lễ vật đáp tạ, để hãn yên lòng. Nói rằng "Kinh đô không có lương, nên muốn tạm dời xa giá đến Lỗ Dương, Lỗ Dương gần huyện Hứa, việc chuyển vận dễ dàng hơn, nên không có mối lo thiếu thốn." Phụng là người dũng cảm nhưng thiếu suy nghĩ, tất chẳng nghi ngờ, kịp lúc sứ giả hai bên qua lại, ta có đủ thời gian định kế. Phụng làm phiền ta sao được!

Thái tổ nói: "Hay."

Lập tức phái sứ giả đến chỗ Phụng, rồi dời đại giá đến huyện Hứa. Phụng bởi thế thất vọng, cùng bọn Hàn Tiêm đến huyện Định Lăng cướp bóc tàn bạo. Thái tổ không ra ứng chiến, mật qua đánh trại của chúng ở huyện Lương, kẻ bị giết kẻ ra hàng, tức thì bình định được. Phụng, Tiêm mất bộ chúng, sang đông theo hàng Viên Thuật.

Năm thứ ba, Chiêu được thăng làm Hà Nam doãn. Bấy giờ Trương Dương bị bộ tướng của mình là Dương Sứ giết, Trương sử của Dương là Tiết Hồng, Thái thú Hà Nội là Mâu Thượng giữ thành đợi Thiệu cứu. Thái tổ lệnh cho Chiêu một mình vào trong thành, khuyên dụ bọn Hồng, Thượng, hôm ấy hai người dẫn bộ chúng ra hàng. Thái tổ lấy Chiêu làm Ký châu mục.

Thái tổ lệnh cho Lưu Bị chống Viên Thuật, Chiêu nói:

- Bị dừng cảm mà chí lớn, có Quan Vũ, Trương Phi làm vây cánh, e rằng tâm tư của Bị chưa thể suy đoán được!

Thái tổ nói:

- Ta đã hứa với hãn rồi!

Bị đến Hạ Bi, giết Thử sử Từ châu là Xa Trụ, rồi phản. Thái tổ tự đi đánh Bị, chuyển Chiêu làm Từ châu mục.

Viên Thiệu phái tướng là Nhan Lương đánh Đông Quận, Thái tổ lại chuyển Chiêu làm Thái thú Ngụy Quận, theo đánh Lương. Sau khi Lương chết, lại tiến vây Nghiệp Thành.

Người đồng tộc với Thiệu là Xuân Khanh làm Thái thú Ngụy Quận, giữ ở trong thành, cha của Xuân Khanh là Nguyên Trường ở tại Dương châu, Thái tổ phái người đi đón Nguyên Trường. Chiêu gửi thư cho Xuân Khanh nói:

"Nghe nói con hiếu chẳng lìa song thân để cầu lộc, người nhân chẳng quên quân vương vì tình riêng, kẻ chí sĩ chẳng nhân dịp động loạn để cầu may tìm lợi, bậc trí giả chẳng trí trá dối lừa để tự rước nguy nan. Phụ thân của túc hạ, lúc trước tránh nội nạn, xuôi nam đến đất Bách Việt, chẳng phải là xa lìa cốt nhục, vui vẻ ở đất Ngô Cối, bậc có trí hiểu rõ, đấy là việc làm đúng đắn vậy. Tào công thương ông ấy giữ chí thanh cao, xa lìa chúng nhân ít người bầu bạn, nên đặc phái sứ giả đến Giang Đông, người đón kẻ đưa, nay sắp đến nơi rồi. Ví như túc hạ đang ở chỗ bình an, nương dựa người chủ có đức nghĩa, giữ cái chỗ vững như núi Thái, song thân trường thọ sánh với Kiêu, Tòng,⁽¹⁾ lấy

¹ Vương Tử Kiêu (王子乔), là Thái tử của Chu Linh vương, rất thích thổi kèn, tiếng kèn ông thổi lành lốt giống như tiếng chim phượng. Có lần ông đến vùng Y Lạc chơi, gặp vị đạo nhân là Phù Khuru Công đón lên núi, ông ở trên núi tu luyện đắc đạo thành tiên, rồi cưỡi hạc trắng bay lên trời.

Xích Tòng Tử (赤松子), là người tiên, tương truyền ông là Vũ sư thời vua Thần Nông, từng dạy vua Thần Nông thuật đi vào đám lửa mà không bị cháy. Sau ông đến núi Côn Lôn, thường ở trong nhà đá của Tây Vương Mẫu, thích rong chơi bay lượn trong mưa gió.

nghĩa mà nói, cũng nên bỏ bên ấy hướng đến bên này, bỏ dân theo cha vậy. Và lại Trâu Nghi Phụ ban đầu cùng Lỗ Ẩn công kết minh, người nước Lỗ khen việc ấy, mà chẳng ghi chép tước vị, thế thì chưa có mệnh của thiên tử, cái tước tôn quý chẳng thành, đây là theo nghĩa Kinh Xuân Thu vậy.⁽¹⁾ Huống chi hiện nay chỗ mà túc hạ gửi thân là nước nguy loạn, thì cái mà túc hạ nhận là giả mệnh hay chân mệnh đây? Ví như ngài chẳng buông tuồng với đảng ác, mà thiếu sót không đoái nghĩ đến phụ thân, chẳng thể nói là con hiếu. Quên vị trí của tổ tông ở bản triều, yên tâm với cái chức không chính thống, khó có thể nói là trung. Trung hiếu đều bỏ, không thể nói là sáng trí. Thêm nữa túc hạ trước đây được Tào công dùng lễ trưng triệu, nay thân gần với người trong tộc mà xa lánh người sinh ra mình, gửi thân ở chỗ mình nương nhờ mà xa rời vương thất, lưu luyến cái bổng lộc gian tà mà phản lại tri kỷ, xa lìa phúc lộc mà kề cận nguy vong, bỏ nghĩa sáng mà nhận điều đại sỉ, há chẳng tiếc sao! Nếu có thể thốt nhiên đổi tiết, phụng ế dưỡng cha, thác thân với Tào công, trung hiếu chẳng mất, cái danh vinh hiển sáng rõ rồi. Ngài rất nên lưu tâm tính xét, sớm quyết mưu hay."

Huyện Nghiệp đã định, Thái tổ lấy Chiêu làm Giám nghị đại phu. Sau đấy Viên Thượng cậy dựa Đạp Đốn người tộc Ô Hoàn, Thái tổ sắp đi đánh Thượng, lo rằng quân lương khó chuyển vận, bèn đào hai con kênh là Bình Lô và Tuyền Châu dẫn nước biển vào để thông đường vận lương, là kiến nghị của Đồng Chiêu vậy.

¹ Trâu Nghi Phụ (邹仪父), tức Trâu Khắc (邹克), là vị quân chủ của nước Trâu thời Xuân Thu. Thời gian ông tại vị không được chép rõ, sự tích về ông thấy có ghi chép ở *Tả truyện*. Ông là người khéo về ngoại giao, qua các hội thề đề cao địa vị của quân vương nhà Chu và vị thế của nước Trâu. Trong thời gian ông tại vị, liên tục hội thề với vua các nước Lỗ, Tề, Trịnh là những nước rất mạnh thời bấy giờ.

Tả truyện chép: Năm thứ nhất (đời Lỗ Ẩn công), mùa xuân tháng giêng, Lỗ công kế vị ngôi vua nước Lỗ, vì chưa báo tin kế vị với vua nhà Chu nên tạm nắm quyền. Tháng ba năm ấy, Lỗ công cùng Trâu Nghi Phụ (Trâu Khắc) ăn thề ở đất Miệt. Vì chưa được mệnh Chu vương nên không dùng tước vị. Gọi "Nghi Phụ" là đề tỏ ra tôn quý. (Hai chữ Nghi Phụ có nghĩa đáng hàng cha chú).

Thái tổ dâng biểu xin phong Chiêu làm Thiên thu đình hầu, chuyển bá chức Tư không Quân tể tửu.

Sau này Chiêu kiến nghị: "Nên học phép kiến lập phân phong tước Ngũ đẳng thời cổ."

Thái tổ nói:

- Người kiến lập tước Ngũ đẳng, là thánh nhân vậy, đấy không phải là việc mà kẻ nhân thần chế định được, ta sao kham nổi việc ấy?

Chiêu nói:

- Từ xưa đến nay, kẻ nhân thần giúp đời, chưa ai kiến lập được công tích như hôm nay. Kiến lập công tích như hôm nay, chưa ai ở vị thế nhân thần lâu như ngài vậy. Nay mình công thẹn vì cho rằng đức hạnh của mình chưa được hoàn mỹ, vui vẻ giữ danh tiết mà không tự gánh vác chức trách lớn, đức cao đẹp quá Y, Chu, đấy là phẩm đức cao thượng đến cùng cực rồi vậy. Nhưng Thái Giáp, Thành vương vị tất có thể gặp được, nay dân chúng khó giáo hóa, tệ hơn so với đời Ân, Chu, ngài ở vị thế đại thần, làm việc lớn sẽ khiến người ta nghi ngờ, thực chẳng nên không thận trọng lo tính vậy. Mình công tuy uy đức siêu phàm, hiểu rõ pháp trị, mà chẳng ổn định nền móng của mình, lập kế vạ đời, cũng chưa thỏa đáng vậy. Cái gốc của việc ổn định nền móng, là địa bàn và dân chúng, nên dần dần kiến lập, để tự phòng giữ cho mình. Mình công trung tiết hiển lộ, thiên uy tỏ rõ trên nét mặt, lời nói dưới giường của Cảnh Yểm,¹ lời bàn vô

¹ Quang Vũ đế Lưu Tú là tông thất nhà Hán. Sau khi Vương Mãng cướp ngôi Hán, tông thất nhà Hán và hào kiệt khắp nơi nổi dậy. Lúc Lưu Tú đánh hạ Vương Lang tại Hàm Đan, ban đêm nằm ngủ ở trong thành, đến canh ba, Đại tướng quân của Quang Vũ đế là Cảnh Yểm đến nằm ở dưới giường khuyên Quang Vũ sớm tự lập làm Đế, nói rằng: "Thiên hạ của họ Lưu là chí trọng, ngài chẳng nên để người khác họ làm vua."

vọng của Chu Anh,⁽¹⁾ lẽ nào chẳng nghe qua. Chiêu này nhận cái ân phi phạm, chẳng dám không bày tỏ.⁽¹⁾

Về sau Thái tổ nhận tước hiệu Ngụy công, Ngụy vương, đều bởi Đồng Chiêu kiến nghị và đề xuất.

① *Hiển đế Xuân Thu* chép: Chiêu cùng Liệt hầu chư tướng nghị bàn, cho là Thừa tướng nên tiến tước Quốc công, gia thêm đầy đủ Cừ tích, để biểu chương công huân khác thường; gửi thư cho Tuân Úc nói:

"Xưa kia Chu Đán, Lã Vọng, đương giữa lúc thịnh trị của họ Cơ, nhân có hai vị thánh Văn, Vũ khai sáng dựng nghiệp, phù giúp chúa nhỏ là Thành vương, công huân kém Thừa tướng, mà còn nhận tước cao, được phân phong thổ nhượng khai mở quốc gia.⁽²⁾ Điền Đan ở thời mạt thế, xua quân Tề cường mạnh, báo oán nước Yên nhược tiểu, thu được bảy mươi thành, đón Tương vương quay về; Tương vương ban thưởng cho Đan, phía đông đất phong đến Dịch Ấp, phía tây ruộng tốt tới Tri Thượng.⁽³⁾

¹ Lời bàn vô vọng tức là nói về diễm họa phúc khó lường. Thời Chiến Quốc, vua nước Sở là Khảo Liệt vương không có con. Xuân Thân quân là tướng quốc nước Sở, có môn khách là Lý Viên, vì hấn muốn được làm quan bèn đem em gái mình là Lý Yên gả cho Xuân Thân quân. Lý Yên có thai, xui Xuân Thân quân rằng: "Quân vương không có con, sau này chết, em ông ấy lên nối, ngôi vị tướng quốc của chàng khó giữ, nếu chàng dâng thiếp cho quốc vương, sau này sinh được con trai, tất kế ngôi vua nước Sở, nước Sở sẽ thuộc về chàng." Xuân Thân quân nghe lời. Không lâu sau Lý Yên sinh con trai, được lập làm Thái tử, Lý Viên được làm quan. Vua nước Sở ốm nặng, hai anh em họ Lý bàn nhau mưu giết Xuân Thân quân diệt khẩu. Chu Anh (嵇英) là môn khách khác của Xuân Thân quân biết kế của họ Lý, nói với Xuân Thân quân rằng: "Thiên hạ có cái phúc không ngờ, có cái họa không đâu, có hạng người khó lường. Ngài là tướng quốc, nắm quyền nước Sở, phù tá vua mới hay lên làm vua, đây là cái phúc không ngờ. Nay Sở vương ốm sắp mất, khi Sở vương mất, anh em họ Lý tất giết ngài, nắm quyền nước Sở, đó là cái họa không đâu. Ngài nên cho tôi làm Lang trung tướng, khi Sở vương mất, tôi sẽ giết chết Lý Viên, tôi chính là hạng người khó lường vậy." Xuân Thân quân không nghe, quả nhiên khi Sở vương chết, cả nhà Xuân Thân quân bị giết, Lý Viên lên làm tướng quốc.

² Lã Vọng giúp Vũ vương diệt vua Trụ nhà Ân, lập nhà Chu, được phong đất ở nước Tề; Chu Công Đán làm phụ chính giúp Thành vương, dẹp nội loạn, ổn định nhà Chu, được phong đất ở nước Lỗ.

³ Điền Đan được ban ấp, phong tước An Bình quân. Xem chú thích ở tập III, quyển 14, trang 201 (Trình Dục truyện).

Đời trước thường công nông hậu như thế. Nay Tào công gặp lúc hải nội nghiêng lộn, tông miếu bị hủy diệt, thân mang giáp trụ, chinh phạt khắp nơi, dãi gió dầm mưa, gần ba mươi năm, diệt sạch quần hùng, vì trăm họ trừ hại, khiến nhà Hán lại còn, họ Lưu được phụng thờ tể tự. Huống chi công lao so với mấy người trước, như núi Thái so với gò đồng, há coi như nhau được sao? Nay đất phong so Liệt tướng công thần đồng hạng, đều là tước hầu một huyện, đây là điều mà người thiên hạ trông ngóng sao!”

Lúc Quan Vũ vây Tào Nhân ở Phàn Thành, Tôn Quyền phái sứ đến báo rằng:

- Ta phái binh lên hướng tây, muốn ngầm đánh úp Vũ. Giang Lăng, Công An là chỗ đất trọng yếu, Vũ mất hai thành, tất tự mình chạy trốn, quân bị vây ở Phàn Thành, không cần cứu tự được giải thoát. Xin giữ bí mật việc ấy đừng tiết lộ, khiến Vũ có chuẩn bị.

Thái tổ hỏi kỹ quần thần, quần thần đều nói nên bí mật việc ấy. Chiêu nói:

- Việc quân chuộng lẽ quyền biến, cốt sao ta có lợi. Nên biểu hiện ra là ta nhất trí chuyện giữ bí mật cho Quyền, nhưng bên trong lại làm lộ tin tức. Vũ nghe tin Quyền lên hướng tây, nếu quay về tự giữ, vòng vây tức khắc giải, ta thu ngay được cái lợi. Nếu hai tên giặc đối trận cầm giữ nhau, ta sẽ ngồi đợi chúng khốn khó. Bí mật không lộ ra, khiến Quyền đắc chí, không phải là kế hay. Hơn nữa tướng sĩ ở trong vòng vây không biết được cứu, tính toán lương thực thấy thiếu sẽ kinh hoảng, hoặc giả có ý khác, mối nguy không nhỏ. Tiết lộ tin là việc hay. Vả lại Vũ là người cố chấp không biết lắng nghe, tự cậy là hai thành giữ chắc, tất chẳng tức tốc lui về ngay.

Thái tổ nói:

- Hay.

Lập tức truyền lệnh cho tướng đi cứu viện là Từ Hoảng đem thư của Quyền bắn vào trong vòng vây và trại quân của Vũ,

quân trong vòng vây nghe được tin tức, chí khí tăng lên gấp bội. Vũ quả nhiên do dự. Quân của Quyền đến, lấy được hai thành, Vũ vì thế thua võ.

Văn đế tức vương vị, phong Chiêu làm Tương tác đại tượng.⁽¹⁾ Lúc lên ngôi, thăng Chiêu làm Đại hồng lư, tấn phong tước Hữu hương hầu. Năm thứ hai, chia thực ấp trăm hộ, ban cho em của Chiêu là Phóng tước Quan nội hầu, lại chuyển Chiêu làm Thị trung.

Năm thứ ba, Chinh đông đại tướng quân Tào Hưu đến sông Giang, ở tại Đồng Phố Khẩu, tự dâng biểu nói:

"Thần nguyện đem sĩ tốt tinh nhuệ xưng hùng ở Giang nam, dựa vào của cải lấy được của địch, việc thắng tất có tin báo về; nếu thần không còn nữa, chẳng nên nghĩ nhớ."

Đế sợ Hưu tùy tiện qua sông, vội phái ngựa trạm tức tốc phát chiếu thư ngăn lại. Bấy giờ Chiêu ngồi hầu ở bên cạnh, nhân đó nói:

- Thần trộm thấy bệ hạ có sắc lo lắng, chỉ vì duyên có Hưu vượt sông Giang chẳng? Nay vượt sông Giang, là điều mà người ta cho là khó, ví như Hưu có chí ấy, thế tất chẳng thể hành động một mình được, còn phải đợi chư tướng. Bọn Tang Bá đã phú lại quý, không có nguyện vọng gì khác, chỉ muốn bình an đến già, giữ lấy bổng lộc mà thôi, sao chịu nhảy đến chỗ nguy lao đầu vào đất chết để cầu cái thành công may mắn? Ví như bọn Bá chẳng tiến, cái chí của Hưu tự tan. Thần ngờ rằng bệ hạ dẫu hạ chiếu lệnh sai Hưu sang sông, Hưu còn trầm ngâm do dự, chưa theo mệnh ngay vậy.

¹ Là tên một chức quan được đặt ra vào thời Tần, gọi là Tương tác Thiếu phụ. Đến thời Cảnh đế nhà Tây Hán, đổi thành Tương tác Đại tượng, chương quản việc thổ mộc trong công tác xây dựng cung thất, lăng tẩm, tông miếu. Chức danh này các đời sau còn đổi tên nhiều lần, quy định về công việc cụ thể cũng khác nhau.

Sau đấy không lâu, gió lốc thổi bạt thuyền của giặc, trôi hết đến dưới doanh trại của Hưu, kẻ bị chém, người bị bắt, giặc bèn tan chạy. Để hạ chiếu lệnh sai chư quân gấp rút vượt sông, quân chưa tiến kịp thì thuyền cứu của giặc đã đến.

Đại giá đến huyện Uyển, Chinh nam đại tướng quân là Hạ Hầu Thượng đánh Giang Lăng, chưa hạ được thành. Bấy giờ nước nông mặt sông Giang hẹp, Thượng muốn cưỡi thuyền đem quân bộ kỵ lên giữa bãi sông đóng trại, làm cầu nổi, để nam bắc qua lại, kẻ bàn luận đa phần cho là thành tất hạ được. Chiêu dâng sớ nói:

"Vũ hoàng để trí dũng hơn người, mà lúc dụng binh vẫn úy kỵ địch, chẳng dám khinh thường như thế. Binh sĩ vốn thích tiến ghét lui, đấy là thói thường. Ở chỗ đất bằng không hiểm trở, vẫn còn gian nan, nay đang vào sâu đất địch, đường về nên tiện lợi, việc binh lúc tiến lúc thoái, chẳng thể như ý. Nay đóng quân ở giữa bãi sông, là vào rất sâu vậy; dùng cầu nổi để qua sông, là chí nguy vậy; chỉ một đường mà hành quân, là rất hẹp vậy. Ba điều mà binh gia úy kỵ, nay ta mắc cả. Giặc đánh cầu nổi gấp gáp, ngộ nhờ có sơ xuất, quân tinh nhuệ ở trên bãi sông, không phải là quân Ngụy nữa, sẽ biến thành quân Ngô mất. Thân lo nghĩ việc ấy, quên ăn quên ngủ, mà kẻ bàn luận cứ vui vẻ như thường không lấy gì làm lo, há chẳng hồ đồ sao! Hơn nữa nước sông đang dâng, một sớm đột ngột tràn đến, lấy gì phòng ngự? Đã chẳng phá được giặc, còn phải lo quay về. Sao lại ngồi ở chỗ nguy, mà chẳng cho là sợ? Việc sắp nguy rồi, xin bệ hạ soi xét!"

Để ngộ ra lời Chiêu nói, lập tức hạ chiếu sai bọn Thượng cấp tốc rút lui. Giặc ở hai đầu cùng tiến, quan binh chỉ có một đường lui về, nhất thời không lui được, tướng quân Thạch Kiến, Cao Thiên gần như chỉ thoát được thân mình. Quân lui về được chục ngày, nước sông Giang ngập tràn. Để nói:

- Ngài luận việc ấy, sao xét kỹ như vậy được vậy! Dẫu Trương Lương, Trần Bình xét việc, lấy gì hơn được.

Năm thứ năm, lại chuyển phong Chiêu làm Thành Đô hương hầu, bái làm Thái Thường. Năm ấy, chuyển Chiêu làm Quang lộc đại phu, Cấp sự trung.

Chiêu theo đại giá đông chinh, năm thứ bảy quay về, được bái làm Thái phó.

Minh đế tức vị, tấn phong cho Chiêu tước Lạc Bình hầu, thực ấp nghìn hộ, chuyển làm Vệ úy. Phân thực ấp trăm hộ, ban cho một con của Chiêu tước Quan nội hầu.

Năm Thái Hòa thứ tư, Chiêu tạm giữ chức Tư đồ, năm thứ sáu, bái chức thực. Chiêu dâng sớ bày kể cái thói xấu lúc phong tục suy đồi rằng:

"Phàm là người có được thiên hạ, chẳng ai không quý mến coi trọng kẻ sĩ chất phác trung tín, thông hận kẻ dôi trá hư hão không chân thành, vì đấy là kẻ hủy hoại lễ giáo làm loạn pháp trị, bại hoại phong tục hại đến giáo hóa vậy. Gần đây Ngụy Phúng chịu tội tại năm cuối hiệu Kiến An, Tào Vĩ bị chém giết vào đầu năm Hoàng Sơ. Cúi nghĩ chiếu lệnh của thánh thượng ban bố trước sau, thực rất ghét cái thói dôi trá hư hão, những muốn phá dẹp tà đảng, thường nghiêm rằng cấm giận; nhưng quan lại chấp pháp đều sợ kẻ quyền thế, chẳng ai dám bắt bẻ làm rõ cái lỗi của bọn chúng, thế nên phong tục võ lỗ, dục vọng tham lam ngày càng lớn dần. Thần trộm thấy những kẻ ít tuổi hiện nay, không lấy học vấn làm gốc nữa, chỉ chăm chăm chọn việc giao du làm chức nghiệp; nhân sĩ trong nước chẳng lấy hiếu để thanh liêm làm đầu, lại theo xu thế cầu lợi là việc trước tiên. Kết đảng hợp bầy, nâng đỡ lẫn nhau, đưa lời hủy báng chê bai để phạt diệt người khác, dùng lời hay tăng bốc người cùng đảng làm tước thưởng, ai cậy dựa mình thì lời khen ngập tràn, ai không cậy dựa mình thì bới vết tìm lỗi gây hiềm khích. Đến mức bảo nhau là: 'Đời nay có mối lo nào chẳng vượt được, chỉ sợ quan hệ nhân sự không đủ, giao kết bè đảng không rộng rãi; lo gì người ta không biết đến mình, chỉ cần uống đúng thuốc rồi dùng diệu dược điều hòa thôi.' Lại nghe nói có người

sai gia nô lấy danh là 'tại chức gia nhân', mạo phạm ra vào, lai vãng chốn cung cấm, trao đổi thư sớ, thăm dò tin tức. Phàm là những việc như thế, đều là việc mà pháp lệnh cấm đoán, hình phạt không được tha miễn, dẫu tội của Phụng, Vi, cũng không hơn được."

Để vì thế phát chiếu lệnh nghiêm khắc, ruồng đuổi bãi miễn chức quan của bọn Gia Cát Đản, Đặng Dương. Năm Chiêu tám mươi một tuổi chết, ban thụy là Định hầu. Con của Chiêu là Trụ nối tự. Trụ trái chức Quận thú, Cứu khanh.

Lưu Diệp tự Tử Dương, người quận Hoài Nam huyện Thành Đức, là dòng dõi Lăng vương đời Hán Vũ đế. Cha của Diệp là Phổ, mẹ là Tu, sinh được Hoán và Diệp.

Năm Hoán lên chín tuổi, Diệp được bảy tuổi thì mẹ ốm nặng, lúc sắp mất, dặn Hoán và Diệp rằng:

- Nàng hầu của Phổ có tính siểm nịnh hại người. Sau khi ta chết, e rằng tất loạn nhà. Chúng mày lớn lên diệt được nó, thì ta không còn oán hận gì nữa.

Năm Diệp mười ba tuổi, bảo anh là Hoán rằng:

- Lời dặn của mẹ, có thể thực hiện được rồi.

Hoán nói:

- Người làm được sao!

Diệp liền vào nhà giết chết nàng hầu nọ, rồi đi thẳng ra mộ mẹ bái lạy. Người nhà cả kinh, bạch với Phổ. Phổ giận, phái người đuổi bắt Diệp. Diệp quay về bái tạ rằng:

- Vì có lời mẹ dặn lúc lâm chung mới dám vâng theo, không thỉnh ý mà tự thi hành trừng phạt.

Phổ trong lòng kinh lạ, bèn không trách cứ.

Hứa Thiệu ở Nhữ Nam có tiếng là biết xét người, đi tránh loạn ở Dương châu, khen Diệp là người có tài giúp đời.

Sĩ tộc ở Dương châu đa phần coi rẻ việc nghĩa hiệp, gian ác xảo quyệt, như bọn Trịnh Bảo, Trương Đa, Hứa Kiên, đều nắm bộ khúc. Bảo là kẻ kiêu dũng quả cảm nhất, tài sức quá người thường, khắp vùng kính sợ hắn.

Bảo tính đuổi bắt trăm họ vượt sông đến Giang Biểu, thấy Diệp là người xuất thân hoàng tộc, muốn cưỡng bức Diệp đến để khởi xưởng mưu ấy. Diệp bấy giờ mới hơn hai mươi tuổi, trong lòng rất lo lắng, nhưng chưa có cách chối từ. Đúng lúc Thái tổ phái sứ giả đến Dương châu, hỏi xét các việc. Diệp qua gặp, bàn chuyện thế sự, rồi mời sứ giả về nhà, ở lại mấy ngày. Bảo quả nhiên đem mấy trăm người mang trâu, rượu đến dò xét sứ giả, Diệp lệnh cho kẻ hầu đưa bộ chúng của Bảo ra ngồi ngoài cửa, bày cơm rượu thiết đãi; còn mình cùng Bảo ở trong nhà yến ẩm. Lại bí mật bố trí người khỏe mạnh, sai nhân lúc dâng rượu thì chém Bảo. Bảo vốn không ham rượu, quan sát rất tinh, người dâng rượu không dám phát động. Diệp vì thế tự rút bội đao⁽¹⁾ chém chết Bảo, chặt lấy đầu để hiệu lệnh cho đám quân đi theo hắn, nói:

- Tào công có lệnh, kẻ nào dám động thủ, xét đồng tội với Bảo.

Chúng đều kinh hoàng, bỏ trốn về doanh trại. Trong doanh của Bảo có tướng đốc lĩnh mấy nghìn tinh binh, sợ chúng làm loạn, Diệp bèn cưới ngựa của Bảo, đem theo mấy đứa hầu nhỏ, đi thẳng đến trước cửa doanh, gọi bọn cừu súy của chúng, bảo rõ họa phúc, chúng đều khẩu đầu mở cửa trại đón Diệp vào. Diệp phủ dụ úy lạo chúng, hết thấy đều bội phục, suy cử Diệp làm chủ. Diệp thấy Hán thất suy vi, mình là chi thuộc trong hoàng thất, không muốn nắm binh, bèn ủy thác bộ khúc của mình cho

¹ Bội đao (佩刀), là thanh đao nhỏ rất sắc bén, người ta thường dắt ở thắt lưng. Các bậc nam tử thời xưa coi bội đao như một thức đồ trang sức, thường đeo bội đao để tỏ cái uy vũ của mình.

Thái thú Lư Giang là Lư Huân. Huân lấy làm lạ vì việc ấy, Diệp nói:

- Bảo không tuân pháp chế, bộ chúng của hãn vốn chỉ lấy cướp bóc làm lợi, kẻ hèn này không có tiền của, mà muốn chinh đồn bọn chúng, tất về lâu dài sẽ khiến chúng mang lòng oán hận, cho nên đem chúng giao cho ngài thôi.

Bấy giờ sĩ chúng của Huân rất cường thịnh ở vùng Giang Hoài. Tôn Sách rất ghét Huân, phái sứ giả đưa lời khiếm nhường biếu tặng của cải hậu hĩnh, gửi thư khuyên Huân rằng:

"Tông dân⁽¹⁾ của huyện Thượng Liễu, mấy lần lừa dối hạ quốc, ta hận chúng nhiều năm rồi. Ta đánh chúng, nhưng đường đất rất không tiện, muốn nhờ đại quốc thảo phạt chúng. Thượng Liễu rất giàu, ngài lấy được chỗ ấy có thể khiến quốc khố sung túc vậy, ta xin xuất binh làm ngoại viện."

Huân tin lời, lại được Sách tặng đồ châu báu, vải lụa, rất mừng. Quan viên trong ngoài đều chúc mừng, chỉ mình Diệp không như họ. Huân hỏi duyên cớ vì sao, Diệp đáp:

- Thượng Liễu tuy nhỏ, song thành vững hào sâu, khó đánh dễ giữ, chẳng thể lấy được trong vòng một tuần, binh mới ở ngoài, nước tồn ở trong. Sách thừa hư đánh úp, hậu phương chẳng thể tự giữ được. Tướng quân tiến thì khuất với địch, lui chẳng có chỗ về. Nếu nhất định xuất binh, họa đến ngay đó.

Huân không nghe. Rồi hưng binh đánh huyện Thượng Liễu, Sách quả nhiên tập kích phía sau. Huân cùng đường, bèn chạy đến hàng Thái tổ.

Thái tổ đến Thọ Xuân, bấy giờ ở địa giới quận Lư Giang có sơn tặc là Trần Sách, bộ chúng có mấy vạn người, cậy hiểm mà giữ. Trước đấy Thái tổ phái thiên tướng đến bị lừa giết, không thể

¹ Tông dân tức các nhóm quân dân do bọn hào tộc có thế lực lớn ở địa phương nắm giữ, như một đội quân riêng, không tuân pháp chế của vương triều.

cầm bắt được chúng. Thái tổ hỏi thuộc hạ, có nên đánh hay không, chúng đều nói:

- Núi dốc cao mà lũng sâu hiểm, dễ giữ khó đánh; nếu không đánh chúng cũng chẳng đủ để gây hại, đánh được chúng cũng chẳng đủ làm lợi.

Diệp nói:

- Bọn Sách là lũ giặc cỏ, nhân lúc chiến loạn đến giữ chỗ hiểm, rồi cậy dựa nhau thành lớn mạnh thôi, không phải là người có tước mệnh và uy tín thì khó thu phục được. Trước đây thiên tướng tư cách và danh vọng thấp, mà Trung Quốc chưa bình lặng, cho nên Sách dám nương náu ở nơi hiểm thủ giữ. Nay thiên hạ tạm yên, đánh giết trước thu hàng sau. Con người ta sợ chết mong thưởng, hiền ngu đều giống nhau, cho nên Quảng Vũ quân giúp Hàn Tín vạch kế sách,⁽¹⁾ nói là uy danh của Tín đủ để trước dùng thanh uy sau dùng thực lực mà thu phục được nước lân bang vậy. Huống chi với đức của mình công, đông chinh thì tây hã, trước tiên nên chiêu dụ ban thưởng, đại binh đến nơi, lệnh truyền trong ngày, cửa quân mở ra là giặc tự tan vỡ thôi.

Thái tổ cười nói:

- Khanh nói giống ý ta vậy!

Bèn phái mãnh tướng đi trước, đại quân tiến theo sau, đến nơi đánh được Sách, đúng như điều mà Diệp tính. Thái tổ quay về, trung triệu Diệp làm Tư không Thương tào duyện.^①

① *Phó tử* chép: Thái tổ triệu Diệp cùng bọn Tường Tế, Hồ Chất ... cả thầy năm người, đều là danh sĩ ở Dương châu. Qua mỗi xá đình,⁽²⁾ bàn giảng không dứt, vì thế được xem trọng; trong luận

¹ Lý Tà Xa (được phong tước là Quảng Vũ quân) giúp Hàn Tín vạch kế sách: Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 25 (Điền Trù truyện).

² Ngày xưa, quãng đường quân đi một ngày hoặc một đêm (chừng 30 dặm) gọi là một xá, mỗi xá có một trạm nghỉ để đưa đón khách.

chuyện tiên hiền ở quốc ấp, cách chống giặc giữ thành, phép tiến lui lúc hành quân, ngoài liệu sự biến hóa của địch, cái hư thực giữa ta và địch, sách lược chiến tranh, sớm tối bàn không hết. Còn Diệp một mình nằm trong xe, trước sau không nói một lời. Tế lấy làm lạ bèn hỏi, Diệp đáp rằng:

- Người được triệu kiến đối với mình chủ không thể thần trí không ứng hợp, thần trí có thể học mà được sao?

Lúc diện kiến Thái tổ, Thái tổ quả nhiên hỏi đến những bậc tiên hiền ở Dương châu, hình thế của giặc. Bốn người tranh nhau ứng đối, lần lượt mà nói, lần sau gặp lại nói như thế, Thái tổ mỗi lần gặp đều hài lòng, mà Diệp trước sau không nói một lời. Bốn người đều cười. Lần gặp sau Thái tổ thôi không hỏi lại nữa, Diệp bèn tỏ ý bóng gió để động tâm Thái tổ, Thái tổ vừa hiểu được chủ ý. Như thế ba lần. Chủ ý của Diệp là lời bóng gió phải tập trung tinh thần, lời kiến giải độc đáo biểu hiện hết được sự cơ trí của người ta, không thích hợp bàn ở chỗ nói chuyện tạp nhạp. Thái tổ xét kỹ được tâm tư của Diệp rồi, bèn đứng dậy, ít lâu sau dùng bốn người kia làm Lệnh, còn Diệp được tin dùng làm tâm phúc; mỗi khi có việc nghi nan, thường đem ra hỏi Diệp, có khi một đêm hỏi Diệp đến chục lần.

Thái tổ đánh Trương Lỗ, chuyển Diệp làm Chủ bộ. Đến Hán Trung rồi, núi cao khó trèo, quân lương rất thiếu. Thái tổ nói:

- Nơi đây là chỗ đất quái lạ thôi, lấy được hay không có can hệ gì? Quân ta thiếu lương, chẳng bằng gấp rút quay về.

Bèn tự dẫn quân lui, lệnh cho Diệp đốc suất các lộ quân phía sau, sai lần lượt rút đi. Diệp tính rằng Lỗ có thể đánh được, thêm nữa là lương thực không vận đến kịp, dầu có rút đi, quân đội vẫn chẳng thể bảo toàn được, bèn ruổi ngựa đến bám với Thái tổ rằng:

- Chẳng bằng hết sức đánh.

Thái tổ bèn tiến binh, dùng nhiều cung nỏ bắn vào doanh của Lỗ. Lỗ chạy trốn, Hán Trung vì thế bình được.

Diệp tiến lên nói:

- Minh công dùng năm nghìn bộ tốt, đem đánh giết Đồng Trác, bắc phá Viên Thiệu, nam dẹp Lưu Biểu, chín châu trăm quận, mười phần thu được tám, uy chấn thiên hạ, cõi ngoài khiếp sợ. Nay lấy được Hán Trung, người Thục ngóng gió, run lòng vỡ mật, ta thuận thế mà tiến, đất Thục có thể truyền hịch mà định. Lưu Bị, là kẻ nhân kiệt, có kế mưu nhưng chậm chạp, lấy được Thục mới ít ngày, người Thục chưa nương cậy. Nay ta mới phá Hán Trung, người Thục khiếp sợ, có cái thế tự lật. Dựa vào trí sáng của Công, nhân cái thế nghiêng lật của Thục mà áp sát, không lý gì không thắng được vậy. Nếu ta trì hoãn một chút, Gia Cát Lượng sáng việc cai trị mà làm tướng văn, Quan Vũ, Trương Phi dũng trùm ba quân mà làm tướng võ, dân Thục đã yên, chiếm nơi hiểm trở giữ chỗ trọng yếu, thì chẳng thể xâm phạm được nữa rồi. Nay không lấy, tất thành mối lo sau này vậy.

Thái tổ không nghe,^① đại quân bèn quay về. Diệp từ Hán Trung về, được làm hành Quân trưởng sử, kiêm lĩnh quân.

Năm Diên Khang nguyên niên, Thục tướng là Mạnh Đạt thống suất bộ chúng đến hàng. Đạt có dáng dấp, tài hoa nghị biểu, Văn đế rất yêu mến, sai Đạt làm Thái thú Tân Thành, gia thêm chức Tán kỵ thường thị.

Diệp cho rằng: "Đạt vốn có lòng cầu thả cầu an, chỉ cậy tài thích thuật, tất chẳng cảm ân nhớ nghĩa. Quận Tân Thành tiếp giáp với Ngô, Thục, nếu có biến loạn, là quốc gia sinh họa." Văn đế nhất định không đổi ý, về sau Đạt rút cục vì phản loạn thua bại.^②

① *Phó tử* chép: Bảy ngày sau, người Thục đến hàng nói:

- Thục trung một ngày mấy chục lần kinh sợ, Bị tuy chém giết những kẻ kinh sợ nhưng chẳng thể yên nổi.

Thái tổ mời Diệp đến hỏi rằng:

- Nay còn có thể đánh được chăng?

Diệp đáp:

- Nay họ đã yên một chút, chưa thể đánh được vậy.

② *Phó tử* chép: Khi trước, thời Thái tổ, Ngụy Phúng là người có danh vọng lớn, từ khanh tướng trở xuống đều dốc lòng giao kết. Sau đấy Mạnh Đạt bỏ Lưu Bị theo Văn đế, kẻ bàn luận đa phần khen họ có cái tính toán của Nhạc Nghị. Diệp một lần gặp mặt Phúng, Đạt nói rằng họ tất làm phản, rút cục như lời Diệp nói.

Năm Hoàng Sơ nguyên niên, lấy Diệp làm Thị trung, ban tước Quan nội hầu. Đế hạ chiếu hỏi quần thần liệu Lưu Bị có vì Quan Vũ mà xuất binh báo thù nước Ngô không. Chúng nghị bàn đều nói:

- Thục, là nước bé tí thôi, danh tướng chỉ có Vũ. Vũ chết quân tan, người trong nước lo sợ, không lý do gì lại xuất quân.

Riêng Diệp nói:

- Nước Thục dù nhỏ yếu, nhưng mưu tính của Bị là muốn dùng uy vũ để tự cường, thế tất sẽ động dụng quân binh để tỏ ra là mình thừa sức. Vả lại Quan Vũ với Bị, nghĩa là quân thần, ân cũng như cha con; Vũ chết lại chẳng vì hấn hưng binh báo thù, là chẳng đủ để tỏ cái tình chung thủy.

Sau đấy Bị quả nhiên xuất binh đánh Ngô. Cả nước Ngô ứng chiến, Quyền lại phái sứ giả đến xưng làm phiên thuộc. Triều thần đều chúc mừng, riêng Diệp nói:

- Nước Ngô cách biệt bởi Giang, Hán, không có lòng thần phục đã lâu rồi. Đức của bệ hạ đâu sánh được với Hữu Ngu, nhưng bản tính của giặc xấu, chưa cảm hóa được. Nay nhân khó khăn họ mới xin thần phục, tất khó tin vậy. Bên kia hấn vì ngoài bức trong khốn, mới phái sứ đến đấy thôi, ta nên nhân cái khốn cùng của họ, đánh mà chiếm lấy. Người ta nói là một ngày thà địch, hậu họa nhiều đời, chẳng nên không xét kỹ vậy.

Quân của Bì thua bại lui về, sự kính lễ của nước Ngô thay đổi hẳn, Đế muốn hưng sư thảo phạt, Diệp cho rằng: "Bên kia mới đắc chí, trên dưới đồng lòng, ta lại bị sông hồ cách trở, tất khó thắng ngay." Đế không nghe.①

Năm Hoàng Sơ thứ năm, xa giá đến cửa sông Tứ thuộc Quảng Lăng, lệnh sai chư quân ở hai châu Kinh, Dương cùng tiến. Đế hội quần thần, hỏi:

- Quyền không tự đến sao?

Chúng đều nói:

- Bệ hạ thân chinh, Quyền sợ hãi, tất cất quân cả nước ra ứng phó. Lại không dám đem đại quân ủy thác cho kẻ dưới, hẳn sẽ tự dẫn quân đến.

Diệp nói:

- Bên kia cho là bệ hạ vì tấm thân vạn thặng sẽ giữ mình, còn việc lợi vượt sông hồ là ở biệt tướng, tất sẽ kìm binh chờ đợi, chưa có tiến lui gì vậy.

Đại giá dừng lại nhiều ngày, Quyền quả nhiên không đến, Đế bèn hồi sư, nói:

- Sách lược của Khanh đúng lắm. Khanh vì ta nghĩ cách diệt hai tên giặc, nên chẳng thể chỉ biết đến hình thế của chúng mà thôi.

① *Phó tử* chép: Tôn Quyền sai sứ đến xin hàng, Đế vì thế hỏi Diệp. Diệp thưa rằng:

- Quyền vô có đầu hàng, tất nội tình có nguy cấp. Quyền lúc trước tập kích giết Quan Vũ, lấy bốn quận Kinh châu, Bì giận, tất hưng đại binh đánh hẳn. Ngoài có giặc mạnh, lòng dân bất an, lại sợ Trung Quốc thừa cơ thảo phạt, cho nên gượng xin hàng, một là lui binh của Trung Quốc, hai là lợi dụng sự cứu viện của Trung Quốc, khiến quân mình mạnh mà địch nhân nghi ngờ. Quyền khéo dụng binh, biết biến hóa mà đặt kế sách, kế của hẳn tất sinh từ đấy. Nay thiên hạ chia ba, mười phần thì Trung Quốc có tám.

Ngô, Thục đều giữ một châu, cậy núi dựa sông, có nguy cấp thì cứu lẫn nhau, ấy là cái lợi của tiểu quốc vậy. Nay quay lại tự đánh lẫn nhau, là trời làm mất nước họ vậy. Ta nên khởi đại binh, vượt sông tập kích vào nước Ngô. Nước Thục đánh hấn bên ngoài, ta đánh hấn ở trong, chẳng quá một tuần nước Ngô sẽ mất thôi. Ngô mất rồi thì Thục thế cô. Ví như ta cắt được nửa nước Ngô, Thục cố nhiên chẳng thể bền lâu được, huống hồ Thục chỉ lấy được chỗ đất ở ngoài rìa, ta được cả vùng đất phía trong!

Để nói:

- Người ta xưng thần đến hàng mà ta đánh họ, e là người thiên hạ có lòng muốn hàng, tất lấy thế làm sợ, đấy đại để là việc chẳng nên làm! Sao bằng việc Cô cho Ngô hàng, rồi đánh vào hậu phương của Thục đây?

Diệp thừa:

- Thục xa Ngô gần, nếu nghe tin Trung Quốc đánh, Thục tất rút quân về, ta chẳng thể cản chúng. Nay Bị đã nổi giận, cho nên hưng binh đánh Ngô, nghe tin ta phạt Ngô, biết là Ngô tất mất, hấn sẽ hoan hỉ tiến binh cùng ta tranh cắt nước Ngô, tất không đối ý dè nèn con giận mà cứu nước Ngô, đấy là cái thế tất nhiên vậy.

Để không nghe, bèn cho Ngô hàng, rồi định báí Quyền làm Ngô vương. Diệp lại dâng lời rằng:

- Không nên. Tiên đế chinh phạt, thiên hạ mười phần lấy được tám, uy chấn hải nội, bệ hạ vâng mệnh nhận truyền ngôi, đức hợp với trời đất, danh lan bốn phương xa, đấy hiển nhiên là việc thật, chẳng phải kẻ hèn thần này nói lời tán tụng vậy. Quyền tuy có hùng tài, lúc trước chỉ là Phiêu kỵ tướng quân Nam Xương hầu của nhà Hán thôi, chức nhỏ thì thế yếu. Sĩ dân có lòng úy kỵ Trung Quốc, Quyền không thể cưỡng bách họ để thành kế mưu. Ta bắt đắđĩ nhận cho hấn hàng, nên thăng cho hấn hiệu tướng quân, phong thập vạn hộ hầu, chẳng nên ban ngay cho hấn tước vương vậy. Kẻ ở ngôi vương, cách thiên tử có một bậc thôi, phẩm trật lễ phục gần giống nhau. Nếu Quyền chỉ có tước hầu, sĩ dân Giang Nam với hấn chưa có cái nghĩa quân thần vậy. Ta tin lời trá

hàng của hần, phân phong ấp lộc, cho hần đầy đủ ngôi vị tôn hiệu, nghĩa quân thần của họ đã định, đây là giúp hổ thêm cánh vậy. Quyền đã nhận vương vị, sau này đẩy lui quân Thục, bề ngoài tận lễ thờ Trung Quốc, khiến người trong nước đều nghe biết, bên trong làm việc vô lễ để khích giận bệ hạ. Bệ hạ đừng dùng nổi giận, hưng binh đánh hần, hần mới thông thả bố cáo với dân của chúng rằng: "Ta cúi mình thờ Trung Quốc, chẳng tiếc đồ trân quý trọng bảo vật, theo mùa dâng cống, chẳng dám sai cái lễ bày tôi vậy, họ vô cớ đánh ta, tất muốn tàn hại nước ta, bắt dân trai gái nước ta về làm hầu làm thiếp." Dân nước Ngô không duyên cớ gì không tin lời hần. Họ tin lời hần sẽ cảm kích phần nộ, trên dưới đồng lòng, hăng hái thêm gấp bội phần vậy.

Để lại không nghe. Bèn bãi ngay Quyền làm Ngô vương. Về sau Quyền cùng Lục Nghị đánh cho Lưu Bị đại bại, giết binh Thục hơn tám vạn người, Bị gần như chỉ thoát được thân. Quyền về đưa lễ vật ít dần, mà bên trong hành vi bất thuận, quả như lời Diệp nói.

Mình đế tức vị, Diệp được tiến tước Đông Đình hầu, thực ấp ba trăm hộ. Đế hạ chiếu rằng:

"Tôn kính tổ tiên, là để biểu dương hành vi của người hiếu hạnh; truy đến cội nguồn, là để thúc đẩy giáo hóa lan truyền. Vì thế Thành Thang, Văn, Vũ gây dựng triều Thương, Chu, theo nghĩa gốc của Thi, Thư, truy tôn Tắc, Tiết ca tụng Hữu Nhung, Khương Nguyên,⁽¹⁾ làm sáng rõ nguồn gốc của đức dày, người thụ mệnh nhờ đó mà hưng vượng vậy. Từ khi nhà Ngụy ta vâng mệnh kế ngôi trời, đã phát tích từ Cao hoàng đế, Thái hoàng đế, mà công lao lớn nhất là Vũ hoàng đế và Văn hoàng đế. Đến như phụ thân của Cao hoàng đế,⁽²⁾ có tài đức

¹ Hậu Tắc (后稷), là cháu của Hoàng Đế, con trưởng của Đế Khốc, vốn họ Cơ, tên Khi, mẹ của Hậu Tắc là bà Khương Nguyên (姜嫄). Thời hai vua Nghiêu Thuần, Hậu Tắc là quan chủ quản về nông nghiệp. Ông là thủy tổ của nhà Chu.

Tiết (契), là con của Đế Khốc, do thứ phi là Giản Định (họ Hữu Nhung) sinh ra. Thời vua Nghiêu, ông là Tư đồ, chủ quản về giáo hóa. Là thủy tổ của nhà Thương.

² Tức Tào Tiết. Xem tập I, quyển 1 (Vũ đế ký).

mà ở ẩn không ra làm quan, giấu mình tu dưỡng, phẩm đức khiêm nhường, hành động sáng suốt, nhờ thế trời đất cho hưởng phúc khí, đức hóa từ đó lan truyền. Nhưng linh hồn người ẩn nấu chín thâm u, hiệu xưng không ghi chép, như thế thực không phải với việc chuộng hiếu trọng gốc vậy. Nay lệnh cho các quan từ công khanh trở xuống, cùng thảo luận việc đặt thụy hiệu."

Diệp bàn rằng:

"Thánh đế là con cháu hiếu thuận muốn sùng kính tổ tiên, đấy là lòng thành không gì hơn được. Nhưng tính thân sơ, xét xa gần, đại khái có lẽ nghĩa kỷ cương, đấy là lý do để cắt đứt tư tình, lập thành phép công, là khuôn mẫu cho vạn đời vậy. Chu vương sở dĩ truy tôn thủy tổ là Hậu Tắc, bởi vì Hậu Tắc có công phò tá Đường Nghiêu, danh nghĩa tể tự phù hợp điển chế vậy. Đến đâu thời nhà Hán, quy định việc truy thụy, chẳng qua là vì cha mình. Trên so lên với nhà Chu, thì Đại Ngụy ta phát tích bắt đầu từ Cao hoàng; dưới luận so với Hán triều, thì cái lễ truy thụy chẳng đến được tổ tiên. Đấy thật là phép tắc đã thành văn qua nhiều đời, là nghĩa sáng thời nay vậy. Lòng hiếu của bệ hạ phát ra từ tâm, sự chí thành không gì ngăn nổi, nhưng hành xử của bậc quân vương tất phải được ghi chép lại, cho nên với lễ chế phải cân trọng vậy. Thần cho rằng theo nghĩa truy tôn, nên bắt đầu từ Cao hoàng đế mà thôi."

Thượng thư Vệ Trăn cùng Diệp nghị luận tương đồng, việc được thi hành.

Thái thú Liêu Đông là Công Tôn Uyên đoạt ngôi của chú, chuyên quyền tự lập, phái sứ giả đến dâng biểu kể việc. Diệp cho rằng họ Công Tôn được Hán triều bổ dụng, nối đời thay nhau làm quan, đến đó theo đường thủy thì cách bể, đi đường bộ thì núi ngăn, rợ Hồ ở xa khó khống chế, nối đời nắm quyền đã lâu ngày. Nay nếu không diệt, sau tất thành họa hoạn. Nếu hấn hai lòng cậy dựa binh lực, ta mới đến đánh giết, là việc khó làm. Chẳng bằng nhân lúc hấn mới tự lập, có bè đảng có cừ

thù, ta xuất kỳ bất ý, đem quân binh đến dưới thành, bày tiệc thưởng, ra điều kiện chiêu mộ, có thể không nhọc binh sư mà bình định được. Về sau Uyên rút cục làm phản.

Diệp ở triều đình, hầu như không giao tiếp với người đời. Có người hỏi nguyên do, Diệp nói:

- Ngụy thất nối vị chưa lâu, bậc trí giả biết mệnh vận, còn kẻ tục nhân không hiểu được. Kẻ hèn này thời nhà Hán là người trong dòng tộc, thời nhà Ngụy là đại thần phúc tâm, ít ai sánh cùng nên ít qua lại với ai, đấy là việc nên làm để tránh sai lầm.

Năm Thái Hòa thứ sáu, Diệp vì mắc bệnh được bãi làm Thái trung đại phu. Một thời gian sau, làm Đại hồng lư, tại vị hai năm thì nhường ngôi vị, lại làm Thái trung đại phu, rồi chết. Được ban thụy là Cảnh hầu.

Con của Diệp là Ngụ nối tự.^①

Con nhỏ của Diệp là Đào, cũng có tài cao nhưng phẩm hạnh không tốt, làm quan đến chức Thái thú Bình Nguyên.^②

① *Phó tử* chép: Diệp phụng sự Minh hoàng đế, rất được tin tưởng trọng dụng. Đế sắp phạt Thục, triều thần trong ngoài đều nói "không nên." Diệp vào cùng Đế nghị bàn, nhân đó nói "nên đánh"; khi ra bàn với triều thần, lại nói "không nên đánh."

Diệp là người can đảm sáng suốt, mỗi lời nói ra đều có dẫn chứng cụ thể. Trung lĩnh quân Dương Ky, là bề tôi thân cận của Đế, lại rất xem trọng Diệp, kiên định chủ trương không nên đánh Thục, mỗi lần từ trong cung ra, thường qua chỗ Diệp, Diệp giảng cái ý không nên đánh. Sau Ky theo xa giá đến đầm Thiên Uyên, Đế bàn việc phạt Thục, Ky khẩn thiết can. Đế nói:

- Khanh là thư sinh, sao biết được việc binh!

Ky nhún nhường tạ rằng:

- Thần gốc gác xuất thân từ hạng nho sinh, bề hạ nghe qua, đề bạt thần trong chỗ trăm quan, đặt ở chỗ đứng đầu sáu quân, thần có chút tâm tư, chẳng dám không nói hết. Lời thần nói thực chẳng

đủ để chọn dùng, Thị trung Lưu Diệp là mưu thần của tiên đế, thường nói rằng không nên đánh Thục.

Đế nói:

- Diệp gặp ta nói rằng nên đánh Thục.

Kỵ nói:

- Nên triệu Diệp đến đối chất.

Đế liền hạ chiếu triệu Diệp đến, Đế hỏi, Diệp nhất định không nói gì. Sau một mình vào gặp, Diệp trách Đế rằng:

- Đánh nước người, là đại kế vậy, thần được dự nghe mưu lớn, thường sợ rằng trong lúc mộng mị mà tiết lộ ra ngoài thì tội của thần thêm nặng, sao dám nói việc ấy với người khác. Dụng binh, là việc trá lừa, hành động chưa phát ra, chẳng phải kín đáo sao. Bệ hạ để lộ rõ việc này, thần e rằng nước địch đã hay tin rồi vậy.

Đế liền tạ lỗi với Diệp. Diệp ra ngoài, trách Kỵ rằng:

- Kẻ đi câu bắt được con cá lớn, thì buông dây câu mà theo nó, giữ lấy nó rồi sau mới kéo, thì không thể không bắt được vậy. Cái uy của bậc nhân chủ, há chỉ so với con cá lớn mà thôi! Ngài là bầy tôi thành thực thẳng thắn, nhưng kế sách chưa đủ để chọn dùng, chẳng thể không suy nghĩ kỹ vậy.

Kỵ cũng tạ lỗi với Diệp. Diệp có thể ứng biến trên dưới hai đường như thế. Có kẻ nói xấu Diệp với Đế rằng:

- Diệp chẳng tận trung, chỉ khéo dò ý của chúa thượng để nói trước cho hợp ý. Bệ hạ thử cùng Diệp nói chuyện, cứ lật lại ý của Diệp mà hỏi, nếu như điều mà bệ hạ nói đều là trái, nhất định Diệp sẽ lựa lời cho hợp với thánh ý. Lại mỗi lần đều hỏi những việc giống nhau, ý riêng của Diệp tất không có chỗ mà giấu vậy.

Đế đem lời ấy chứng nghiệm, quả nhiên nắm được ý riêng của Diệp, từ đấy xa lánh Diệp. Diệp vì thế phát cuồng, ra làm Đại hồng lư, vì lo lắng mà chết.

Ngạn ngữ nói: "Lời xảo trá chẳng bằng thành thực vụng về", đáng tin thay. Xét kế mưu quyền biến và sự sáng trí của Diệp, ở nhà

dùng đức nghĩa, làm việc giữ trung tín, bậc hiền tài cổ xưa lấy gì hơn được. Một mình trở tài trí, chẳng qua lại với kẻ sĩ cùng thời, trong không mở lòng thờ chúa thượng, ngoài khổ sở với thế tục, chết chẳng được yên thân với thiên hạ, há chẳng đáng tiếc sao!

② *Vương Bật truyện* chép: Người vùng Hoài Nam là Lưu Đào, khéo luận cái thuật hợp tung, được người đương thời xem trọng.

Phó tử chép: Đào tự Quý Dã, vì khéo mà nổi danh, rất giỏi biện bác. Thời Tào Sảng, Đào làm Tuyển bộ lang, bọn Đặng Dương khen Đào sánh được với Y, Lã. Đương lúc bấy giờ, chí khí của Đào lẫm lẫm xanh, bảo Huyền⁽¹⁾ rằng:

- Trọng Ni chẳng phải là thánh. Lấy gì để biết lời của ông ấy là đúng? Bậc trí giả mưu tính việc nước; thiên hạ là một lũ ngu, cũng như cái vật tròn để đùa bỡn trong lòng bàn tay, mà ông ấy chẳng có được thiên hạ, sao gọi là thánh được.

Huyền thấy lời của Đào rất hồ đồ, không cần vặn nữa, bảo Đào rằng:

- Bản chất của sự vật trong thiên hạ, là sự chuyển biến vô thường vậy. Nay nghe lời này, ta thấy ngài không có chỗ để lui nữa rồi!

Sau khi Sảng thất bại, Đào lui về làng, sau đến tạ lỗi vì lời nói lúc trước của mình.

Tấn ký của Can Bảo chép: Quán Khâu Kiệm nổi dậy phản loạn, Đại tướng quân đem việc ra hỏi Đào, Đào đối đáp nhưng ý tứ ngập ngừng. Đại tướng quân giận nói:

- Khanh bình sinh cùng ta bàn luận việc thiên hạ, đến hôm nay lại chẳng nói hết lời sao?

Bèn phái đi làm Thái thú Bình Nguyên, rồi sai người đuổi theo giết chết.

¹ Túc Phó Huyền (傅玄), tự Hưu Dịch (休奕), là nhà triết học, nhà văn, sống vào thời Tây Tấn, người quận Bắc Địa huyện Lê Dương, làm quan đến chức Tư lệ hiệu úy. Người đời sau gọi ông là Phó tử.

T'ưởng Tể tự Tử Thông, người huyện Bình A nước Sở. Tể làm Kế lại ở quận, rồi Biệt giá của châu.

Năm Kiến An thứ mười ba, Tôn Quyền thống suất bộ chúng vây Hợp Phì. Bấy giờ đại quân đi đánh Kinh châu, mắc dịch bệnh, chỉ phái tướng quân Trương Hỉ một mình dẫn một nghìn quân kỵ, qua thống lĩnh binh sĩ ở Nhữ Nam để giải vây, binh sĩ lại mắc dịch bệnh. Tể bèn mật bẩm với Thử sử hầy giả bộ là đã nhận được thư của Hỉ, nói rằng có bốn vạn quân bộ kỵ đã đến Vu Lâu, phái Chủ bộ đi nghênh tiếp Hỉ. Sứ giả đem ba phong thư đi báo với tướng giữ thành, một phong thư đưa được vào thành, hai phong thư bị địch bắt được. Quyền tin là thực, vội vàng đốt lũy vây lui chạy, thành trì nhờ thế được bảo toàn. Năm sau Tể đi sứ đến huyện Tiêu, Thái tổ hỏi Tể rằng:

- Trước kia Cô với Viên Bản Sơ đối trận ở Quan Độ, dòi dân ở huyện Yên và Bạch Mã, dân chẳng trốn, giặc cũng không dám cướp. Nay Cô muốn dòi dân ở Hoài Nam, có sao không?

Tể đáp rằng:

- Lúc ấy binh ta yếu giặc mạnh, không dòi tất mất dân. Từ khi ta phá Viên Thiệu, phía bắc hạ Liễu Thành, phía nam hướng đến Giang Hán, Kinh châu chịu trời tay, uy chấn thiên hạ, dân không có chí khác. Nhưng nay trăm họ nhớ đất cũ, thật chẳng vui vẻ dòi đi, e rằng sẽ bất an.

Thái tổ không theo lời, rồi hơn chục vạn dân vùng Giang, Hoài đều kinh sợ chạy sang Ngô. Sau Tể đi sứ đến huyện Nghiệp, Thái tổ ra đón tiếp trông thấy Tể cả cười nói:

- Ta vốn chỉ muốn dân chúng tránh giặc, lại thành đuổi hết dân đi.

Rồi bái Tể làm Thái thú Đan Dương.

Đại quân đi đánh phương nam trở về, dùng Ôn Khôi làm Thử sử Dương châu, Tể làm Biệt giá. Thái tổ lệnh rằng:

- Quý Tử làm bày tôi, nước Ngô lại có quân vương.⁽¹⁾ Nay ngài về châu, ta không lo gì nữa.

Trong dân có kẻ vu cáo Tể mưu phản chủ soái, Thái tổ nghe tin, hạ chiếu lệnh cho bọn Tả tướng quân Vu Cấm, Bái tướng Phong Nhân trước, nói:

- Tướng Tể há đâu làm chuyện ấy! Nếu quả có chuyện ấy, ta thực không biết xét người vậy! Đấy tất là ngu dân thích loạn, dẫn lời xằng bậy thôi.

Bèn giục quan án làm rõ và bác chuyện ấy. Lại triệu Tể về làm Chủ bộ tây tào thuộc ở phủ Thừa tướng. Lệnh rằng: "Vua Thuấn cử Cao Đào, kẻ bất nhân trốn xa;⁽²⁾ việc tốt xấu được mất, trông vào thuộc hạ hiền năng thôi."

Quan Vũ vây Phàn Thành, Trương Dương. Thái tổ nhân vì Hán đế ở huyện Hứa, gần với giặc, muốn thiên đô. Tư Mã Tuyên vương và Tướng Tể cùng khuyên Thái tổ rằng:

- Bọn Vu Cấm bị nước dìm, không phải thất bại vì tranh chiến, với đại kế quốc gia chưa đủ để có tổn hại. Lưu Bị, Tôn Quyền, ngoài thân mật mà trong xa cách, Quan Vũ đắc chí, Quyền tất chẳng mong muốn vậy. Ta nên phái người xui Quyền đánh úp phía sau Vũ, hứa cắt đất Giang Nam phong cho Quyền, thì vòng vây ở Phàn Thành tự giải được.

¹ Quý Trát (季札), tức Quý Tử, là con thứ tư của Ngô vương Thọ Mộng thời Xuân Thu, là người tài giỏi và hiền đức nhất trong bốn anh em. Ngô vương muốn truyền ngôi cho, nhưng ông nhất định từ chối không nhận, chỉ làm bày tôi. Vua Ngô mất, dặn các con truyền ngôi cho nhau để tuân tự đến Quý Trát. Các con theo lời. *Xuân Thu Công Dương* truyền có câu: "Nước Ngô có quân chủ, có đại phu, là nhờ người hiền Quý Tử. Quý Tử hiền thế nào? Là nhường nước đấy!" Bản ý của Tào Tháo rất rõ ràng là Tướng Tể sẽ kế chức Thứ sử Dương châu sau Ôn Khôi.

² Trương truyền thời vua Thuấn, đề cử Cao Đào (皋陶) là thủ lĩnh tộc Đông Di cũ chương quản việc hình pháp. Cao Đào chính trực nổi danh thiên hạ, sau khi ông nhận chức, những kẻ bất nhân đều trốn chạy.

Thái tổ theo như lời họ nói. Quyền nghe tin, lập tức dẫn binh sang tây đánh úp Công An và Giang Lăng. Vũ liên bị bắt.

Văn đế tức vương vị, chuyển Tể làm Tướng quốc trưởng sử. Lúc lên ngôi, Tể ra ngoài làm Đông trung lang tướng. Tể xin ở lại, Đế hạ chiếu rằng:

"Cao tổ hát rằng 'làm sao có được kẻ sĩ dũng mãnh thủ giữ bốn phương!' Nay thiên hạ chưa yên, cốt yếu trông đợi ở lương thần để trấn giữ biên cảnh. Ngày sau vô sự, lại mang chuông ngọc trả về, chưa phải là muộn."

Tể dâng sách *Vạn cơ luận*, Đế khen sách hay. Sau này Tể về triều làm Tán kỵ thường thị. Bấy giờ Đế hạ chiếu thư, chiếu lệnh cho Chinh nam tướng quân Hạ Hầu Thượng rằng:

"Khanh là tướng tâm phúc trọng yếu, đặc biệt đảm đương sứ mệnh. Ân tình đủ để ra sức đến chết, ân huệ nên khắc ghi lòng. Việc tác uy tác phúc, giết hay tha do người tự quyết."

Thượng đem thư cho Tể xem. Tể về đến nơi, Đế hỏi rằng:

- Cái phong tục, giáo hóa trong thiên hạ mà ngài trông thấy nghe được là thế nào?

Tể đáp rằng:

- Thần chưa thấy điều hay, chỉ thấy lời vong quốc thôi.

Đế phần nộ biến sắc rồi hỏi duyên cớ, Tể đem hết thực trạng kể lại, nhân đó nói:

- Câu "tác uy tác phúc", ấy là lời minh huấn trong *Kinh Thượng Thư*. "Thiên tử không nói đùa",⁽¹⁾ đấy là điều mà người xưa thận trọng. Xin bệ hạ soi xét kỹ!

Vì thế Đế hiểu ra, phái người đuổi theo thu lại tờ chiếu lúc trước.

¹ Tích tiền đồng phong độ: Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 186 (Vương Túc truyện).

Năm Hoàng Sơ thứ ba, Tể cùng Đại tư mã Tào Nhân đi đánh Ngô, Tể được biệt phái đi đánh Di Khê. Nhân muốn tấn công lên bãi Nhu Tu, Tể nói:

- Giặc chiếm mất bờ tây, thuyền la liệt ở thượng lưu, mà binh ta tiến đến chỗ bãi nổi, đấy là tự chui vào địa ngục, là con đường nguy vong vậy.

Nhân không theo, quả nhiên thất bại. Nhân chết, Đế lại dùng Tể làm Đông trung lang tướng, thay lĩnh binh của Nhân. Đế hạ chiếu rằng:

"Khanh kiêm tài văn vũ, chí tiết khảng khái, thường có chí vượt sông hồ thôn tính vùng Ngô Cối, cho nên ta lại trao cho khanh trách nhiệm của tướng soái."

Ít lâu sau, trưng dụng Tể làm Thượng thư.

Xa giá đến Quảng Lăng, Tể dâng biểu nói là đường thủy khó thông, lại dâng bài *Tam châu luận* để khuyến cáo. Đế không nghe, vì thế mấy nghìn thuyền chiến đều dồn ứ không đi được. Kê nghị bàn muốn tìm chỗ đất cao lưu binh làm đồn điền, Tể cho rằng ở phía đông gần hồ, phía bắc sát sông Hoài, nếu lúc nước lớn, giặc dễ đến cướp phá, chẳng nên an doanh làm đồn điền. Đế theo lời ấy, xa giá lập tức tiến phát. Về đến hồ Tinh, nước cạn gần hết, tất cả thuyền bè để lại giao phó cho Tể. Thuyền chiến vốn tàn nát suốt mấy trăm dặm nước, Tể sai đào bốn năm con kênh nhỏ, kéo thuyền tụ lại một chỗ; lại đắp đê đất ngăn nước hồ, dẫn hết nước tụ ở phía sau thuyền, rồi nhất loạt mở đê ngăn để nước đẩy thuyền vào sông Hoài.

Đế về đến Lạc Dương, bảo Tể rằng:

- Sự việc chẳng nên không hiểu biết. Ta nguyên lúc trước quyết ý chia nửa số thuyền đốt ở trong hồ Sơn Dương, khanh ở lại sau đưa hết được thuyền về, gần như cùng ta đồng thời về đến huyện Tiêu. Lại thường bày tỏ được ý kiến, rất hợp ý ta. Từ nay việc vạch kế dẹp giặc, ta sẽ thận trọng tính xét cùng ngài.

Mình để tức vị, Tể được ban tước Quan nội hầu.

Đại tư mã Tào Hưu thống suất quân hướng đến huyện Hoàn, Tể dâng biểu cho rằng: "Vào sâu đất giặc, cùng tinh binh của Quyền đối trận, bọn Chu Nhiên ở thượng lưu, thừa hư đánh mặt sau của Hưu, thần cho là ta không được lợi."

Quân đến huyện Hoàn, Ngô xuất binh ra An Lục, Tể lại dâng sớ nói:

"Nay giặc tạo hình thế ở phía tây, tất muốn hợp binh mưu đồ ở phía đông, nên gấp hạ chiếu cho chư quân đến cứu chỗ ấy."

Lúc quân của Hưu đã bại, vứt bỏ hết khí trượng và đồ truy trọng lui về. Quân Ngô muốn chặn đường ở Giáp Thạch, gấp cứu binh đến, vì thế quan quân không bị diệt sạch. Tể được thăng làm Trung hộ quân.

Bấy giờ hai chức Trung thư giám, Trung thư lệnh hiệu là Chuyên nhiệm, Tể dâng sớ nói:

"Quyền đại thần quá nặng thì quốc gia lâm nguy, tả hữu quá thân thì Đế vương bị che lấp, đây là lời cảnh giới tối cao của cổ nhân vậy."

"Khi xưa đại thần nắm chính sự, kích động trong ngoài. Bệ hạ kiến thức sâu xa tự xét muôn việc, chẳng ai không cung kính. Đại thần chẳng phải không trung, nhưng uy quyền ở kẻ dưới, chúng nhân có ý xem thường chúa thượng, là thói thường của người đời vậy. Bệ hạ đã xét rõ đại thần, mong là không quên suy xét tả hữu. Tả hữu trung chính biết lo xa, vị tất đã hiền hơn đại thần, lúc tranh giành sủng ái đón ý siểm nịnh, e là khả năng rất tinh tường. Nay bên ngoài truyền lời, nói rằng Trung thư, tuy cung kính cẩn thận không dám giao kết bên ngoài, nhưng có tên gọi ấy, vẫn mê hoặc thế tục. Huống hồ thực nắm quyền cốt yếu, ngày ngày ở trước mắt, ví như thừa lúc bệ hạ yếu mệt họ tự định phép chế, xét đoán chuyên quyền, đại thần thấy sự tình biến hóa, cũng nhân thời thế mà hướng theo bọn họ. Một khi có mầm mống của việc ấy, đại thần nhân đó sắp đặt nội bộ tự bảo toàn,

lợi dụng dư luận, tự dẫn dắt người khác kết giao, giúp họ làm nội viện. Như thế, thiện ác khen chê, tất có chỗ hưng khởi, phạt lỗi thường công, tất có chỗ biến hóa; người muốn thăng tiến theo đạo thẳng thì bị ngáng trở, kẻ khuất ý xu phụ tả hữu lại được hanh thông. Tả hữu thừa cơ vào cung, coi sắc diện bề hạ mà hành sự, bề hạ tín nhiệm thân gần họ, không nghi ngờ cảnh giác nữa. Đây là điều bậc thánh nhân sáng trí nên sớm biết, lưu tâm chú ý việc ngoài, thì cử chỉ hành vi tự lộ rõ. E rằng triều thần sợ nói ra không hợp ý mà nhận sự oán hận của tả hữu, không ai đem việc báo lên. Thần tin rằng bề hạ đang tỉnh tâm suy nghĩ, lắng nghe các ý kiến, quan sát kỹ lưỡng, nếu việc chưa tận lý mà người chưa phát huy hết tác dụng, sẽ có sự điều phối thay đổi, để xa thì sánh với công tích của Hoàng Đế, Đường Nghiêu, gần thì làm rạng thánh nghiệp của Vũ, Văn hoàng đế, há đâu chỉ là không chế tả hữu thân cận mà thôi! Nhưng bậc quân vương cũng chẳng thể biết hết việc trong thiên hạ để thể hiện cái anh minh của mình, nên phải phó thác công việc. Nay trách nhiệm của tam công ủy thác cho một người, đã không có lòng trung thành của Chu Công Đán, lại không có sự công chính của Quản Di Ngô, thì có cái tệ là lộng quyền hòng chức."

"Hiện nay kẻ sĩ lương đông tuy thiếu, nhưng những người có phẩm hạnh xứng chức quan châu, thông minh tài trí đảm nhiệm chức vụ, trung tín tận tâm, vâng theo chức phận, có thể xua roi đuổi ngựa, tất chẳng khiến cho triều đình của bậc thánh sáng có cái tiếng là dùng quan lại chuyên quyền vậy."

Đế hạ chiếu rằng:

"Bầy tôi cương trực, là chỗ cậy dựa của bậc nhân chủ. Tể tài kiêm văn võ, lại chuyên cần tận tiết, mỗi khi có việc quân quốc đại sự, thường có tấu bàn, lòng trung nổi rõ, trăm rất ngợi khen."

Bèn thăng làm Hộ quân tướng quân, thêm chức Tán kỵ thường thị.^①

① Chiến lược của Tư Mã Bưu chép: Năm Thái Hòa thứ sáu, Minh đế phái Thứ sử Bình Châu là Điền Dục cuối thuyền vượt biển, Thứ sử U châu là Vương Hùng theo đường bộ, cùng đánh Liêu Đông. Tưởng Tế can rằng:

- Phàm là cái nước không đánh diệt lẫn nhau, bầy tôi chẳng xâm nhiễu bội phản, thì không nên khinh thường đi đánh dẹp. Đi đánh mà chẳng khống chế được, là xua đuổi biến họ thành giặc. Cho nên có câu rằng "Hổ lang trên đường, không trị hồ ly. Trừ họa lớn trước, hại nhỏ tự tan." Nay khu vực ngoài bể cả, nhiều đòi quy thuận ta, hàng năm đều tham gia khảo thí chọn quan, chẳng thiếu khuyết chức phận cống tiến. Thần xin bàn tính, ví bằng một lần cất quân lập tức đánh được, được dân ấy chẳng lợi cho nước, được của ấy chẳng đủ là giàu; giả như có điều bất như ý, thế là kết thành cái oán thất tín với người.

Đế không nghe, bọn Dục đi đánh cuối cùng không thành công rồi về.

Năm Cảnh Sơ trung, bên ngoài chinh phạt giao dịch liên miên, ở trong chuyên chú sửa sang cung thất, trai không vợ gái không chồng oán hận rất lắm, mà mùa màng thất thu, dân đói. Tế dâng sớ rằng:

"Bệ hạ hiện đang khôi phục sự nghiệp quang vinh của tiên nhân, khiến di nghiệp của tổ tiên được rạng ngời, thực chưa được cao gồ nằ mà thiên hạ trị vậy. Nay tuy có mười hai châu, đến như dân số, chẳng hơn số dân một quận lớn thời Hán. Hai tên giặc chưa trừ được, binh sĩ nghỉ ở biên thùy, vừa canh tác vừa đánh giặc, oán hận đã nhiều năm. Tông miếu cung thất, trăm việc mới sơ khai, người cấy trồng còn thiếu, cơm áo cần nhiều, việc khẩn cấp hiện nay chỉ nên để bách tính nghỉ ngơi dưỡng sức, không khiến dân thập phần khốn đốn. Dân đã mệt mệ, ví như có hạn hán thủy tai, người đông trăm vạn, quốc gia không dùng được. Đại đế là sai khiến dân tất phải đợi lúc nông nhàn, không xâm đoạt thời gian mùa vụ. Quân vương muốn dựng công nghiệp lớn, trước tiên phải liệu tính sức dân mà ủy lạo phù dụ."

"Xưa Câu Tiễn dưỡng thai nhi để đợi dùng,⁽¹⁾ Chiêu vương thăm người bệnh, viếng người chết để báo thù rửa hận,⁽²⁾ cho nên có thể dùng nước Yên yếu thu phục nước Tề mạnh, nước Việt suy tiêu diệt nước Ngô khỏe. Nay hai nước địch không đánh không diệt được, không đánh lập tức bị xâm phạm, đời nay không trừ chúng, sẽ mắc tội với trăm đời. Bệ hạ là bậc thánh minh có mưu thần vũ, tạm hoãn việc không cấp thiết, chuyên lo đánh dẹp giặc, thần cho là không khó vậy. Nay lại vui sướng với hoan lạc, hại đến tinh thần; tinh lực dùng quá thì kiệt quệ, thân thể lao nhọc thì khốn mệt."

"Mong bệ hạ kén chọn mỹ nữ ở hậu cung, đủ để có được trăm con. Ngoài ra những chức quan nhà rồi chưa đến tuổi, tạm đưa ra khỏi cung, các việc tất yên tĩnh."

Để hạ chiếu nói:

- Không có Hộ quân, ta chẳng nghe được lời này vậy.①

① Hán Tấn xuân thu chép: Công Tôn Uyên hay tin nước Ngụy sắp đến đánh, lại xưng thần với Tôn Quyền, xin binh cứu viện. Để hỏi Tế rằng:

- Tôn Quyền sẽ cứu Liêu Đông chăng?

Tế nói:

¹ Câu Tiễn (句踐) là dòng dõi của vua Thiệu Khang nhà Hạ, làm vua nước Việt cuối thời Xuân Thu. Câu Tiễn giết vua nước Ngô, mắc thù oán lớn. Phù Sai lên làm vua nước Ngô, đánh thắng và tàn phá nước Việt, Câu Tiễn được Phù Sai cho hàng, bắt về Ngô, làm người hầu hạ, chịu nhục ba năm mới được tha về. Câu Tiễn nuôi chí phục thù, luyện quân, tích lương, dùng mỹ nhân kế, nhún mình cầu cống, vỗ về dân Việt, khuyến khích phụ nữ sinh con để tăng dân lấy người sung vào quân đội. Mười lăm năm sau, nước Việt hùng cường, đánh thắng nước Ngô, bắt giết Phù Sai, làm bá thiên hạ.

² Yên Chiêu vương (燕昭王) là vua nước Yên, lên ngôi sau loạn Tử Chi. Vì nước Tề chiếm nước Yên nên sau khi quân nước Tề rút đi, Yên Chiêu vương căm thù nước Tề, quyết tâm chấn hưng đất nước, chiêu dụng hiền tài, vỗ về sĩ dân, thăm người ốm, viếng người chết, mở rộng cương thổ lên phía bắc, nước Yên dần hùng mạnh. Sau hơn 20 năm, Yên Chiêu vương sai Nhạc Nghị làm tướng, đánh thắng nước Tề, giết vua Tề, thu hơn bảy mươi thành, rửa cái nhục mất nước ngày trước.

- Ngô biết ta chuẩn bị giữ chắc, tham lợi chẳng thể được, vào sâu đất ta thì không phải là điều mà sức họ làm nổi, không vào sâu đất ta thì lao nhọc mà chẳng thu được gì; Quyền dẫu là thần tử ở chỗ nguy, còn án binh bất động, hưởng chi là với người ở cõi xa, hơn nữa trước kia còn bị kẻ đó vũ nhục! Nay sở dĩ bên ngoài nêu cao cái danh ấy, là quý quyết khiến người ta mê hoặc, ta đánh không thắng, thì chúng hy vọng sau khi ta bị bẻ gãy có thể ngồi hưởng thành quả thôi. Nhưng từ chỗ bãi Đạp, đi đến chỗ Uyên còn xa, nếu đại quân cầm giữ nhau, chẳng thể quyết thắng nhanh, thì với trình độ nông cạn của Quyền, có phải khinh binh đánh úp ta hay không, chưa thể lường được vậy.

Tề vương tức vị, chuyển Tế làm Linh quân tướng quân, tiến tước Xương Lăng đình hầu,^① thăng làm Thái úy.

Khi trước, Thị trung Cao Đường Long luận bàn về việc tế giao, cho rằng Ngụy thị là dòng dõi vua Thuấn, nên chọn vua Thuấn để hợp tế với trời. Tế cho là Thuấn vốn họ Quy, nòi giống của họ Quy là họ Điền, không phải là tổ tiên Tào thị, chép rõ văn tự để truy vấn căn vặn Long.^②

Thời ấy, Tào Sảng chuyên quyền triều chính, bọn Đinh Mật, Đặng Dương tùy tiện sửa đổi pháp chế. Gặp lúc có nhật thực bất thường, Đế ban chiếu xuống quần thần hỏi việc được mất, Tế dâng sớ rằng:

"Xưa kia Đại Thuấn giúp vua Nghiêu trị quốc, phòng chuyện kết đảng mưu việc riêng; Chu công phụ chính, cẩn thận ở việc kết giao bằng hữu; Tề hầu hỏi việc cứu nạn, Yến Anh nói rằng hãy bố thí để ban ân; vua nước Lỗ hỏi các việc dị thường, Tang Tôn⁽¹⁾ đáp là nên khoan hoãn việc lao dịch. Thuận ý trời ngăn tai biến, thực sự là việc ở người. Nay hai tên giặc chưa diệt được, tướng sĩ phơi sương đội gió mấy chục năm, nam nữ oán hận ly biệt trường kỳ, trăm họ bần hàn khôn khổ. Người làm ra phép chế của quốc gia, chính là bậc đại tài ở

¹ Tang Tôn (臧孫), tức Tang Vũ Trọng, tên Hột, là quan đại phu nước Lỗ thời Xuân Thu, giữ chức Tư khấu.

đời, có thể đặt kỷ cương trị quốc để truyền cho hậu thế, há đâu quan lại hạng trung ở dưới được tùy tiện cải biến sao? Cuối cùng là không ích gì với việc trị lý, lại khiến dân chúng tổn thương, mong rằng bệ hạ khiến cho bấy tôi vẫn vũ đều giữ chức phận của mình, noi theo cái đạo thanh bình, thì khí tốt lành có thể cảm kích mà đến vậy.”

Sau vì Tể đi theo Tư Mã Tuyên vương đóng quân ở cầu nổi trên sông Lạc, giết bọn Tào Sảng, nên được phong tước Đô hương hầu, thực ấp bảy trăm hộ. Tể dâng sớ nói:

“Thần hổ thẹn vì nhận sủng hạnh bậc Thượng ti, mà Sảng dám giấu họa trong lòng, thế là thần đã không làm tròn trách nhiệm vậy. Thái phó gắng sức một mình quyết kế sách, bệ hạ thấu rõ khí tiết trung trinh của Thái phó, tội nhân chịu chém giết, đây là phúc của xã tắc vậy. Người được phong thưởng sủng hạnh, tất phải là người có công. Nay luận về mưu thì thần chẳng dự tính biết trước, nói về tác chiến thì binh sĩ chẳng phải do thần thống soái, mà ở trên thì mất quyền không chế, ở dưới thì chịu sự khuất lấp. Thần giữ chức quan đầu phủ, dân chúng dõi mắt trông vào, thần thực sợ rằng việc mạo muội nhận thưởng từ đây mà hưng khởi, tục khiêm nhường bởi thế mà bị phế.”

Rồi cố chối, không nhận.^③ Năm ấy Tể chết, được ban thụy là Cảnh hầu.^④

Con của Tể là Tú nổi tự. Tú chết, con của Tú là Khải nổi tự.

Năm Hàm Hi trung, khai lập tước Ngũ đẳng, vì Tể có công huân với tiền triều, triều đình đổi phong cho Khải làm Hạ Thái tử.

① *Liệt dị truyện* chép: Tể làm Linh quân, vợ Tể nằm mộng thấy người con đã chết khóc nói:

- Người ta sinh tử khác đường, con lúc sống là con cháu khanh tướng, nay ở dưới đất làm Thái Sơn ngũ trường, tiểu tụy khôn nhục, chẳng thể dùng lời nói hết. Nay ở phía tây Thái miếu có kẻ hát xướng tên gọi Tôn A, sắp được triệu gọi làm Thái Sơn lệnh, mong mẫu thân bạch với quân hầu, dặn bảo A lệnh chuyển con đến chỗ vui sướng.

Nói xong, người mẹ thốt nhiên tỉnh giấc, hôm sau đem chuyện mộng kể với Tể. Tể nói:

- Mộng mị vốn như thế thôi, chẳng đủ cho là quái lạ.

Tối hôm sau, lại mộng thấy người con nói:

- Con đến nghênh đón tân quân, dừng lại ở phía sau miếu. Trong chốc lát chưa đi ngay, nên tạm thời quay lại. Tân quân giữa trưa hôm nay sẽ khởi hành. Lúc sắp đi nhiều việc, chẳng quay về được nữa, xin vĩnh viễn cáo biệt từ đây. Quân hầu linh khí mạnh mẽ, khó cảm kích mà ngộ ra được, nên con tự mình báo với mẫu thân, xin bấm lại với quân hầu, sao chẳng thử chứng nghiệm một lần xem?

Tiếp đó kể lại hình dạng của A, nói rất đầy đủ cặn kẽ. Sáng hôm sau, vợ Tể lại lần nữa báo Tể rằng:

- Dẫu nói mộng mị chẳng đủ là quái lạ, nhưng do đâu lại trùng hợp như thế? Sao lại không chứng nghiệm một lần xem ứng hợp thế nào?

Tể bèn phái người đến Thái miếu, tìm hỏi Tôn A, quả nhiên gặp được, hình dạng đều phù hợp hết như lời nói. Tể rơi nước mắt khóc nói:

- Ta suýt nữa phụ lại con ta!

Vì thế bèn gặp Tôn A, nói tường tận mọi việc. A không sợ rằng mình sắp chết, lại mừng vì được làm Thái Sơn lệnh, chỉ sợ lời Tể nói không tin được. Bèn nói:

- Nếu đúng như lời tiết hạ⁽¹⁾ nói, thì đây là nguyện vọng của A này vậy. Chẳng biết là hiền tử muốn nhận chức gì?

Tể nói:

- Tùy theo ở dưới đất chỗ nào vui sướng thì hãy giúp cho.

A nói:

- Xin vâng lời dạy bảo.

¹ Thời xưa, các tướng soái chức trọng thường được trao phù tiết để biểu lộ sự tin tưởng của bậc nhân chủ với bầy tôi, người đối thoại khi nói chuyện gọi đối phương là “tiết hạ” là tỏ ý kính trọng đặc biệt.

Tế bèn hậu thưởng cho A, nói xong quay xe về. Tế muốn nhanh chóng biết việc ấy có chứng nghiệm không, từ cửa Lĩnh quân đến dưới miếu, cứ chục bước chân bố trí một người, để truyền tin tức về A. Giờ Thìn thì có tin truyền là A đau bụng, giờ Ty có tin truyền là A đau đốn dữ dội, giữa trưa thì có tin truyền về là A đã tử vong. Tế khóc nói:

- Tuy thương tiếc là con ta bất hạnh, lại cũng mừng là người chết còn biết được vậy.

Hơn một tháng sau, người con lại đến nói với mẹ rằng:

- Con đã được chuyển làm Lục sự rồi.

② Thần Tùng Chi xét *Lập giao nghị* của Tể tướng Tế nói rằng bia văn của Tào Đẳng có câu "dòng tộc họ Tào sinh từ nước Trâu", *Ngụy thư* ghi chép về việc nối dõi của Tào thị cũng như thế. Ngụy Vũ sáng tác *Gia truyện*, tự nói rằng mình là hậu duệ của Tào Thúc Chấn Đặc.⁽¹⁾ Cho nên Trần Tư vương sáng tác *Vũ đế luy* viết: "Vũ hoàng nghiêm thuận, dòng dõi Tắc Chu." Quan điểm ấy là bất đồng vậy. Cho đến năm Cảnh Sơ, Minh đế theo lời nghị bàn của Cao Đường Long, nói Ngụy thị là dòng dõi của vua Thuấn, sau này vua Ngụy viết biểu văn nhường ngôi vị cho nhà Tấn, nói "Trước kia hoàng tổ ta là Hữu Ngu", thì lời ấy lại càng kỳ dị. Xét lời Tế căn vặn Long, và thư tín qua lại với Mâu Tập, đều có căn cứ, vẫn tự nhiên không chép lại. Tế cũng chưa thể xác định là họ tộc Tào thị xuất xứ từ đâu, chỉ nói: "Ngụy thị không phải là dòng dõi vua Thuấn mà tế tự vu vơ người không thuộc về tông tộc, là giáng truất Thái tổ, không phối tế đúng với trời, thì đều là hư hao xằng bậy." Nhưng vào lúc bấy giờ rút cục chẳng ai có thể khảo chứng. Tế lại căn vặn: Trịnh Huyền lập *Tế pháp* chú rằng "Hữu Ngu trên hết là chuộng đức, tế tự tổ tông và thần linh, phối tế với người có đức, từ thời nhà Hạ về sau, mới dần dần chuyển sang tế tự người trong họ tộc." Tế nói: "Câu Long thần⁽²⁾ ở với rái cá. Rái

¹ Tào Thúc Chấn Đặc (曹叔振鐸), vốn họ Cơ, là con thứ sáu của Tây Bá Cơ Xương Chu Văn vương, được Chu Vũ vương phân phong ở đất Tào, là vị vua đầu tiên của nước ấy.

² Câu Long (虬龙) theo truyền thuyết là một loại rồng nhỏ, có sừng, sống ở dưới nước.

cá tế tổ tiên của mình, chẳng tế Cầu Long vậy. Kỳ lân Bạch hổ nhân đức với chó sói, chó sói tế tổ tiên mình, chẳng tế Kỳ lân, Bạch hổ vậy. Như lời mà Huyền nói về cái chuộng của Hữu Ngụ, thì chó sói, rái cá không như vậy sao? Thần cho là điều mà *Tế pháp* giảng, bị học giả nghi ngờ lâu rồi, Trình Huyền không khảo chứng việc kia là trái lẽ mà suy diễn cho thông thuận cái ý của mình." Cái ví dụ về chó sói và rái cá của Tế, đầu tựa như là khôi hài đùa bỡn, nhưng mang ý nghĩa dẫn dụ, có thể suy xét được.

③ Tôn Thịnh nói: Việc Tướng Tế từ chối thực ấp, có thể nói là không phụ lại lương tâm rồi. Ngạn ngữ nói "Chẳng vì lợi ích mà trái nguyên tắc, chẳng vì tình nghĩa mà lòng bất an", Tướng Tế được như thế vậy.

④ *Thế ngữ* chép: Khi trước, Tế đi theo Tư Mã Tuyên vương đóng quân ở cầu nổi trên sông Lạc, Tế gửi thư cho Tào Sảng, nói ý chỉ của Tuyên Vương "chỉ miễn chức quan của Sảng mà thôi", Sảng cuối cùng bị tru diệt. Tế tức giận vì lời nói thất tín của mình, rồi phát bệnh mà chết.

Lưu Phóng tự Tử Khí, người Trác Quận, là hậu duệ của Tây Lương hầu Lưu Hoành con của Quảng Dương Thuận vương thời nhà Hán. Phóng giữ chức Cương kỷ ở quận, được xét cử Hiếu liêm. Gặp lúc thời thế đại loạn, bấy giờ có Vương Tùng người quận Ngự Dương ở đất ấy, Phóng qua nương nhờ Tùng.

Thái tổ hạ được Ký châu, Phóng khuyên Tùng rằng:

- Trước đây Đồng Trác tác nghịch, anh hùng đều nổi dậy, cày binh tự ban phát hiệu lệnh, người người tự thu giấu của cải, duy có Tào công có thể cứu nguy ngăn loạn, phù trì thiên tử, phụng mệnh đánh kẻ có tội, đánh đâu thắng đó. Hai họ Viên cường mạnh, giữ thì bằng lở ở Hoài Nam, đánh thì đại bại ở Quan Độ; thừa thắng cuốn chiếu, sẽ dẹp sạch vùng Hà Sóc, uy hình đã hợp, đại thế đã rõ. Nhanh chân đến sớm thì hưởng phúc, hàng phục sau thì sớm vong, đây là lúc chẳng thể đợi đến

hết ngày mới chạy vạy ruổi rong vạy. Xưa kia Kinh Bồ bỏ cái tôn quý ngoảnh mặt về nam xưng vương, cầm kiếm quy thuận nhà Hán, thực biết rõ cái lẽ phế hưng, xét kỹ đường đi nước bước vậy.⁽¹⁾ Tướng quân nên đến đó gửi thân phó mệnh, tự nhiên được hậu đãi đón nhận vậy.

Tùng cho là lời đúng.

Lúc Thái tổ đánh dẹp Viên Đàm ở Nam Bì, gửi thư triệu gọi Tùng, Tùng dâng ba thành Ung Nô, Tuyền Châu, An Thứ để quy thuận Thái tổ. Phóng giúp Tùng soạn thư đáp lại Thái tổ, lời văn rất mỹ lệ. Thái tổ khen ngợi, lại nghe được lời khuyên của Phóng lúc trước, bởi thế bèn sai triệu Phóng.

Năm Kiến An thứ mười, Phóng và Tùng cùng đến. Thái tổ cả mừng, bảo Phóng rằng:

- Trước kia Ban Bưu nương dựa Đậu Dung mà có công khiến Hà Tây quy thuận nhà Hán,⁽²⁾ nay một việc này sao giống nhau đến vậy!

Bèn lấy Phóng làm Tham mưu việc cho quan Tư không, trải chức Chủ bộ ký thất, rồi ra ngoài lần lượt làm Cáp Dương lệnh, Thù Hủ lệnh và Tán lệnh.

¹ Kinh Bồ (黥布), tức Anh Bồ (英布), người quận Cửu Giang huyện Lục. Thời nhà Tần, mắc tội, chịu phạt đi đày ở Ly Sơn, bị khắc chữ vào mặt nên gọi là Kinh Bồ. Trần Thắng chống Tần, Kinh Bồ tụ hợp đồ đảng hưởng ứng. Khi Hạng Lương (chú của Hạng Vũ) bình định Cối Kê, Kinh Bồ đi theo Hạng Lương, Hạng Lương chết, Kinh Bồ đi theo Hạng Vũ, rồi được phong làm Cửu Giang vương. Về sau bỏ Hạng Vũ theo Lưu Bang, lập được công lao. Lưu Bang lên ngôi vua Hán, Kinh Bồ được phong làm Hoài Nam vương. Về Kinh Bồ, xem thêm chú thích về Lý Tả Xa ở tập III, quyển 11, trang 25 (Điền Trù truyện).

² Ban Bưu (班彪), tự Thúc Bì (叔皮), là cha của Ban Cố (tác giả sách *Hán thư*), người quận Phù Phong huyện An Lăng, xuất thân là nhà nho quý hiển cuối thời Tây Hán. Vì tránh chiến loạn, đến quận Thiên Thủy nương dựa vào Ngỗi Hiêu, sau khuyên Ngỗi Hiêu theo nhà Hán, Ngỗi Hiêu không nghe. Ban Bưu đến vùng Hà Tây, làm Tòng sự cho Đại tướng quân Đậu Dung, bấy giờ đang quản vùng Hà Tây, khuyên Đậu Dung theo nhà Hán, Đậu Dung nghe theo bên Quang Vũ để có được đất Hà Tây, từ đó mở rộng thực lực và nhanh chóng lấy được thiên hạ. Quang Vũ biết Đậu Dung có Ban Bưu giúp mưu, bèn triệu gọi, khen ngợi và phong chức.

Nước Ngụy đã dựng, Phóng và người quận Thái Nguyên là Tôn Tư đều làm Bí thư lang. Trước đấy, Tư cũng trải chức huyện lệnh, Tham thừa tướng quân sự.①

Văn đế tức vị. Phóng, Tư chuyển sang làm Tả Hữu thừa. Được mấy tháng, Phóng được đổi làm Thượng thư lệnh.

Đầu năm Hoàng Sơ, Đế đổi chức Bí thư thành Trung thư, lấy Phóng làm Trung thư giám, Tư làm Trung thư lệnh, đều ban thêm chức Cấp sự trung; Phóng được ban tước Quan nội hầu, Tư làm Quan trung hầu, cùng nhau chấp chương việc cơ mật. Năm thứ ba, Phóng được tấn tước Ngụy Thọ đình hầu, Tư làm Quan nội hầu.

Minh đế tức vị, lại càng được sủng ái tín nhiệm, cùng được gia thêm chức Tán kỵ thường thị; tấn phong Phóng làm Tây hương hầu, Tư làm Nhạc Dương đình hầu.②

Năm Thái Hòa mạt, Ngô chủ phái tướng là Chu Hạ vượt biển đến Liêu Đông, chiêu dụ Công Tôn Uyên. Đế muốn đón chặn đánh Hạ, triều đình nghị bàn đa phần cho rằng không nên. Duy có Tư chủ trương đánh, quả nhiên đại phá Hạ, Tư được tấn phong tước Tả hương hầu.③

Phóng khéo viết thư hịch, chiếu mệnh chiêu dụ của tam tổ, đa phần là do Phóng soạn chép. Năm Thanh Long sơ, Tôn Quyền và Gia Cát Lượng liên hòa, muốn cùng ra cướp phá. Quân do thám ở biên ải bắt được thư tín của Quyền, Phóng bèn thay đổi câu từ trong thư ấy, thường chỉ hoán đổi các chữ trong văn tự gốc mà phù hợp được, rồi giao thư cho Chinh đông tướng quân Mãn Sủng, làm như muốn quy thuận nước Ngụy, phong thư lại đem gửi cho Lượng. Lượng vội chuyển thư cho bọn đại tướng nước Ngô là Bộ Chất, bọn Chất đem thư đến gặp Quyền. Quyền sợ Lượng nghi ngờ, ra sức tự giải thích.

Năm ấy, Phóng và Tư đều được gia thêm chức Thị trung, Quang lộc đại phu.④

Năm Cảnh Sơ thứ hai, xứ Liêu Đông bình định, vì công tham mưu, hai người đều được tiến tước, phong ấp tại huyện nhà, Phóng làm Phương Thành hầu, Tư làm Trung Đô hầu.

① *Tư biệt truyện* chép: Tư tự Ngạn Long. Lúc còn bé khí phách khác thường, năm ba tuổi thì song thân mất, lớn lên với chị dâu. Thụ học ở nhà Thái học, xem rộng truyện ký, người cùng quận là Vương Doãn một lần gặp được cho Tư là kỳ tài. Lúc Thái tổ làm Tư không, lại trung triệu Tư. Gặp lúc anh trai bị người làng giết hại, Tư tự tay cầm dao đâm kẻ giết anh báo thù, rồi đem gia thuộc tránh đến đất Hà Đông, cho nên không ứng mệnh. Ít lâu sau lại nhận mệnh làm quan ở bản quận, vì mắc bệnh từ chối. Bằng hữu ở Hà Đông là Giả Quý báo Tư rằng:

- Túc hạ ôm cái tài siêu quần, đang lúc bang cũ nghiêng lật, chủ tướng ân cần, từ nghìn dặm vườn cổ ngóng trông, nên tôn sùng cái nghĩa nhớ quê cha đất tổ của người hiền xưa. Nhưng ngòi quanh co lâu ngày, cự tuyệt trái quân mệnh, thì cũng như ngòi có vẻ sáng của ngọc bích họ Hòa ở cung đình của Tần vương, nhưng tự ngăn lấp đi cái giá trị liên thành của mình thôi. Thiết nghĩ túc hạ chẳng chọn dùng cách ấy vậy!

Tư cảm lời ấy, bèn qua ứng mệnh.

Tư đến quận nhận chức Công tào, được cử làm Kế lại. Thượng thư lệnh là Tuân Úc gặp Tư, than rằng:

- Châu quận ở phương bắc chịu cảnh tang loạn đã lâu, có thể nói là bậc hiền trí tán lạc tha hương hết, hôm nay mới lại gặp được Tôn kế quân đây!

Bèn dâng biểu xin giữ Tư lấy làm Thượng thư lang. Tư từ chối vì gia đình có nạn, được quay về quận Hà Đông.

② *Tư biệt truyện* chép: Lượng xuất binh ở Nam Trịnh, bấy giờ kẻ nghị bàn cho là nên nhân cơ hội phát đại binh, tới đánh dẹp Lượng, ý của Đế cũng như vậy, đem việc hỏi Tư. Tư nói:

- Ngày trước Vũ hoàng đế đi đánh Nam Trịnh, mưu bắt Trương Lỗ, chiến dịch Dương Bình, nguy mà sau yên. Lại tự mình qua

cứu quân của Hạ Hầu Uyên, mấy lần nói "Nam Trịnh đúng là nhà ngục của trời, năm trăm dặm trong đường Tà Cốc toàn là hang đá thôi", là nói chỗ ấy rất hiểm trở, vì mừng cái lúc cứu được Hạ Hầu Uyên ra mà nói vậy. Lại nữa là Vũ hoàng đế sáng suốt việc dùng binh, xét giặc Thục tụ tập trên núi đá, nhìn giặc Ngô trốn lui nơi sông hồ, đều nhún mình tránh chúng, chẳng khiến tướng sĩ phải lao碌, không tranh cái phần hận một sớm một chiều, thực có thể nói là biết thắng mà đánh, biết khó mà lui vậy. Nay nếu lại tiến quân tới Nam Trịnh đánh dẹp Lương, đường đi đã hiểm trở, phải tính dụng tinh binh lo chuyển vận để trấn thủ bốn châu phương nam ngăn chống thủy tặc, cả thảy dùng năm chục vạn người, tất phải phát động hưng binh thêm. Thiên hạ xao động, hao phí sức người sức của rất lớn, đây thực là điều mà bệ hạ nên lo tính kỹ. Binh lực đánh giữ một, thì lao dịch gấp ba. Chỉ với số binh hiện nay, phân chia nhau truyền lệnh cho đại tướng giữ lấy các chỗ hiểm yếu, uy đủ để trấn nhiếp cường khấu, giữ yên bờ cõi, tướng sĩ như hổ ngủ, mà trăm họ vô sự. Trong vòng mấy năm, Trung quốc ngày một thịnh, hai nước giặc Ngô Thục tắt tự mỗi một.

Để bởi thế mới thôi.

Bấy giờ người nước Ngô là Bành Khi lại khởi nghĩa binh ở Giang Nam, kẻ bàn luận cho là nên nhân cơ hội ấy thảo phạt Ngô, tất sẽ đánh được. Để mưu hỏi Tư, Tư nói:

- Cường tộc huyện Bà Dương trước sau mấy lần cất nghĩa binh, người ít mưu kém, chốc lát liền tan tác. Trước kia Văn hoàng đế thường bí mật luận về hình thế của giặc, nói rằng giết được vạn người ở Đồng Phổ, bắt muôn nghìn chiếc thuyền, trong vòng mấy ngày thuyền và người lại tụ hội; Giang Lăng bị vây nhiều tháng, Quyền quyết dùng một nghìn mấy trăm binh trụ giữ cửa đông, mà đất ấy không bị tan lở. Thế là đã có hình pháp và cấm lệnh, chứng nghiệm cho việc trên dưới hỗ trợ nhau. Lấy việc đây mà suy đoán về Khi, sợ là chưa thể thành mối lo lớn trong gan ruột của Quyền vậy.

Khi quả nhiên không lâu sau bại vong.

③ *Nguy thị Xuân Thu* chép: Hiệu úy Ô Hoàn là Diên Dự thống suất bọn Tiết Quy Nê người Tiên Ti ở tây bộ tiến ra đất hiểm, đánh dẹp Kha Bì Năng, Trí Uất Trúc Kiện, phá chúng, quay về đến thành cũ Mã Ấp, Bì Năng thống lĩnh ba vạn quân kỵ vây Dự. Để nghe tin, chưa biết tính kế ra sao, sang phủ Trung thư mưu hỏi Trung thư giám và Trung thư lệnh. Trung thư lệnh Tôn Tư đáp rằng:

- Thái thú Thượng Cốc Diêm Chí, là em của Nhu vậy, là người mà Bì Năng vốn quy phục và tín nhiệm. Nay sai ruồi ngựa đem chiếu thư đến khuyên Bì Năng, có thể không phải lao nhọc binh sự mà tự giải vây được vậy.

Để theo lời, Bì Năng quả nhiên giải vây cho Dự mà quay về.

④ *Tư biệt truyện* chép: Bấy giờ, Tôn Quyền và Gia Cát Lượng về danh nghĩa xưng là giặc mạnh, không năm nào không có quân chinh chiến, nên hoàng đế đích thân quản lý quần thần, trong bàn tính ngăn chặn giặc cướp, ngoài mưu toan vạch kế khắc địch chế thắng ở miếu đường, Tư đều giữ vai trò then chốt. Tự nhiên trở thành người tâm phúc, Tư thường khiêm nhường giúp việc cho Đế, nói:

- Hưng động sĩ chúng, cắt cử đại sự, nên cùng với quần thần nghị bàn; đã tỏ rõ được cái sáng suốt của mình, lại suy xét được rộng rãi ý kiến.

Mỗi khi triều thần hội bàn thương nghị, Tư tấu trình việc phải trái thích đáng, chọn việc hay để tìm thành công, rút cục không hiển lộ cái đức của mình. Nếu chúng nhân có ai bị trách lỗi vì lời của kẻ sàm nịnh, Tư thường nhiều lần giải thích giúp họ, để chặn lấp mầm mống của việc gièm pha. Như Chinh đông tướng quân Mãn Sủng, Thứ sử Từ châu Từ Mạc, đều bị người ta vu gièm, Tư ra sức bày kể hành vi thường ngày của họ, khiến họ cuối cùng thoát được cái họa không đáng có. Sủng, Mạc bảo toàn được công danh của mình, là công sức của Tư vậy.

Khi trước, Tư ở bang ấp, danh tiếng lớn hơn bạn bè cùng hạng. Người cùng làng với Tư là Tư không duyệt Diên Dự, Lương tướng là Tông Diễm đều ghen ghét hại người khác, Dương Phong a dua kết đảng với bọn Dự, chuyên vì Tư gây chuyện khẩu thiệt,

oán hận hiềm khích rất nặng. Tư không cho rằng lời người khác nói là đúng, mà rút cục không có ý hận họ. Bọn Dục xấu hổ chịu phục, xin cời bỏ thù hận, kết làm thông gia. Tư bảo Dục rằng:

- Ta không có ý thù hận, chẳng biết phải cời bỏ cái gì. Đây là ngài tự hạ thấp mình, xin hãy tự coi trọng bản thân đi!

Bèn cho con trưởng của mình là Hoành lấy con gái của Dục. Lúc Tư đang ngôi vị hiển hách, thì Điền Dục già cả bệnh tật ở nhà, Tư đãi ngộ Dục rất hậu, lại đưa con của Dục về bản quận, cử làm Hiếu liêm. Còn con của Dương Phong là Hậu làm quan Thượng phương, Đế nhân vì việc công nổi giận, muốn theo phép trị tội Hậu, Tư cầu xin giữ mạng sống cho. Tư không nghĩ đến hận cũ như thế.

Năm ấy, Đế ốm nặng, muốn dùng Yên vương Vũ làm Đại tướng quân, cùng Lĩnh quân tướng quân Hạ Hầu Hiến, Vệ vũ tướng quân Tào Sảng, Đồn kỵ Hiệu úy Tào Triệu, Kiêu kỵ tướng quân Tần Lăng cùng làm phụ chính. Vũ bản tính khiêm cung lương thiện, bày tỏ thành ý cố chối. Đế triệu kiến Phóng, Tư, dẫn vào chỗ nằm, hỏi rằng:

- Yên vương hành xử như thế là sao?

Phóng, Tư thưa rằng:

- Yên vương quả thực tự biết mình không kham nổi trách nhiệm lớn vậy.

Đế nói:

- Tào Sảng có thể thay Vũ được không?

Phóng, Tư nhân đấy tán thành. Lại ngầm bày tỏ là nên tức tở cho triệu Thái úy Tư Mã Tuyên vương, để che chắn cho hoàng thất. Đế thu nhận lời ấy, lập tức đem giấy vàng trao cho Phóng viết chiếu. Phóng, Tư ra ngoài rồi, Đế lại đổi ý, hạ chiếu chỉ ngăn Tuyên vương không được đến. Chốc lát lại triệu kiến Phóng, Tư nói:

- Ta tự mình triệu Thái úy, nhưng bọn Tào Triệu phản đối khiến ta dừng việc ấy, suýt nữa làm hỏng việc của ta!

Rồi lệnh sai viết lại chiếu thư, Đế cho triệu một mình Sáng và Phóng, Tư cùng nhận chiếu mệnh, vì thế bãi chức quan của bọn Tào Vũ, Hạ Hầu Hiến, Tào Triệu, Tần Lăng. Thái úy cũng đến, lên giường nhận chiếu mệnh, sau đó Đế băng hà.①

Tề vương tức vị, dùng Phóng, Tư quyết định đại kế, tăng thực ấp ba trăm hộ, gộp cả lúc trước Phóng được một nghìn một trăm hộ, Tư được một nghìn hộ; phong cho hai con yêu của hai người làm Đình hầu, con thứ làm Kỵ đô úy, các con khác đều làm Lang trung. Năm Chính Thủy nguyên niên, lại gia thêm cho Phóng chức tả Quang lộc đại phu, Tư giữ chức hữu Quang lộc đại phu, ban kim ấn dây thao tía, lễ nghi đồng tam ti. Năm thứ sáu, Phóng chuyển làm Phiêu kỵ tướng quân, Tư làm Vệ tướng quân, lĩnh chức Trung thư lệnh, Trung thư giám như cũ. Năm thứ bảy, lại phong hai con của hai người làm Đình hầu, hai người tuổi cao lui nhường ngôi vị, làm Liệt hầu, mỗi tháng vào ngày sóc, vọng đến chầu, ngôi vị Đặc tiến.②

Sau khi Sáng bị giết, lại dùng Tư làm Thị trung, lĩnh chức Trung thư lệnh. Năm Gia Bình thứ hai, Phóng chết, được ban thụy là Kính hầu. Con của Phóng là Chính nối tự.③

Tư lần nữa lui nhường ngôi vị về nhà, được bái làm Phiêu kỵ tướng quân, chuyển làm Thị trung, ngôi vị Đặc tiến như cũ. Năm thứ ba chết, được ban thụy là Trinh hầu. Con của Tư là Hoành nối tự.

① *Thế ngữ* chép: Phóng, Tư nắm giữ việc cơ mật đã lâu, Hiến, Triệu trong lòng bất bình. Có con gà đứng ở gốc cây trong cung điện, hai người bảo nhau rằng:

- Nó đứng thế cũng lâu rồi, xem có thể được bao lâu nữa.

Là có ý nói Phóng và Tư. Phóng, Tư sợ, bèn khuyên Đế triệu Tuyên vương. Đế tự tay viết chiếu thư, lệnh cho dịch sứ thân cận đến, sai trao thư cho Tuyên vương. Tuyên vương đang ở huyện Cấp, bọn Hiến trước đây chiếu lệnh sai Tuyên vương qua Chi

Quan sang tây về Trường An, dịch sứ vừa đến nơi, Tuyên vương ngờ có biến, gọi dịch sứ đến xét hỏi căn kẽ, xong bèn cưỡi xe truy phong đi gấp đến kinh sư. Đế hỏi Phóng, Tư rằng:

- Ai có thể giúp việc hợp với Thái úy?

Phóng nói:

- Tào Sảng.

Đế nói:

- Hẳn kham nổi được việc ấy chẳng?

Sảng đang ở bên cạnh, toát mồ hôi không dám đáp lời. Phóng giảm nhẹ lên chân Sảng, mớm lời vào tai rằng:

- Thần xin lấy cái chết để thờ phụng xã tắc.

Em của Tào Triệu là Toàn làm Đại tướng quân Tư mã, thấy Yên vương Tào Vũ hay mắc lỗi bị chỉ trích. Triệu đi ra, Toàn trông thấy, kinh hãi nói:

- Chúa thượng bất an, vì sao tất cả cùng ra, nên quay lại.

Trời sắp tối, Phóng và Tư tuyên chiếu tại cửa cung, bọn Triệu không được tiến vào, Yên vương bị bãi chức. Sáng hôm sau Triệu đến cửa cung, không được vào, lo sợ, đến chỗ quan Đình úy để xử lý vụ mắc lỗi bị bãi chức. Đế bảo Hiến rằng:

- Ta đã đỡ bệnh, nguoi hãy đi ra.

Hiến sa nước mắt mà ra, cũng bị bãi chức.

Xét lời mà *Thế ngữ* nói về chuyện con gà đứng ở gốc cây để dẫn dắt trước sau, so với bản truyện là bất đồng.

Tư biệt truyện chép: Đế hạ chiếu cho Tư nói:

- Năm ta còn ít tuổi, nhiều lần xem đọc *Kinh Thượng Thư*, *Tả truyện* thường thở than không lần nào không suy nghĩ. Mưu tính đại kế cho vạn năm, ai chẳng muốn cho người thân của mình giữ chức cao thế lớn, nắm binh quyền trọng yếu. Nay chức Xạ thanh Hiệu úy khuyết, từ lâu ta muốn bổ trí cho người thân, ai có thể dùng được?

Tư nói:

- Bệ hạ lo tính sâu xa, thực không phải người như ngu thần theo kịp được. Những điều mà *Thượng thư*, *Tả truyện* chép lại, đều được thánh thượng nghiên cứu, ví như Hán Cao chẳng biết Bình, Bộc sao có thể yên ổn họ Lưu,⁽¹⁾ Hiếu Vũ chẳng biết Kim, Hoắc để phó thác đại sự, e rằng chẳng biết sự tình sẽ thế nào.⁽²⁾ Văn hoàng đế lúc mới triệu Tào Chân về, đích thân hạ chiếu coi trọng việc khảo xét tuyển dụng thần tử, đến lúc giá băng, bệ hạ lên ngôi, còn có Tào Hưu được trong ngoài trông ngóng, nhờ cậy tháng ngày, bệ hạ đích thân trị lý khiến xã tắc không nghiêng ngửa, người người giữ chức phận, không hề có sơ suất nhỏ nào. Lấy đấy mà suy, bày tỏ thân tín quý thích, tuy là dựa quyền thế nắm binh quyền, nên có quy định nặng nhẹ theo phép thường. Nếu để chư hầu nắm binh, lực lượng ngang nhau, súng ai bình đẳng, thì họ chẳng phục nhau; chẳng phục nhau, thì chính kiến bất đồng. Nay sở binh mà nắm doanh quân nắm giữ, thường chẳng quá mấy trăm, tuyển người trao chức Hiệu úy, như hạng ấy, là có người tính liệu. Đến như ủy thác chức vụ trọng đại, có thể nắm giữ cương kỷ quốc gia, nên do thánh thượng chọn lựa quyết định, có một hai người như bọn Bình, Bộc, Kim, Hoắc, Lưu Chương,⁽³⁾ phải dần dần làm uy tín của họ tăng lên, khiến họ củng cố hỗ trợ nhau trấn phục bên ngoài, đối với công việc thế mới là khéo.

Để nói:

- Phải. Như lời khanh nói, đấy chính là điều mà ta lo tính sâu xa. Hôm nay có thể tham chiếu Bình, Bộc, ngang với Kim, Hoắc, thì sánh với Lưu Chương, là ai đây?

Tư nói:

¹ Trần Bình, Chu Bộc đều là công thần của Hán Cao tổ Lưu Bang, giúp dựng ngôi Hán, diệt họ Lã, giữ ngôi vị cho họ Lưu. Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 57 (Viên Thiệu truyện); tập II, quyển 8, trang 140 (Công Tôn Toàn truyện).

² Kim Nhật Đê (金日磾): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 110 (Vũ đế kỷ);

Hoắc Quang (霍光): Xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 229, (Tào Sảng truyện).

³ Lưu Chương (刘章), là cháu của Lưu Bang, là con của Điều Huệ vương Lưu Phi nước Tề. Thời Lã hậu xưng chế, ông được phong là Chu Hư hầu, là người có dũng khí và sức mạnh. Trong chính biến diệt họ Lã giữ họ Lưu, Chu Hư hầu có công đầu trong việc đánh giết Lã Sấn được phong làm Thành Dương vương.

- Thần nghe nói biết người là sáng suốt, duy biết Đế vương là khó. Cái thánh minh của Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, đại đế là ở chỗ tiến dụng người, lấy việc công để thử. Trần Bình ban đầu thờ Hán Cao tổ, bọn Giáng, Quán phi báng Bình là có tội nhận hối lộ vàng và cưỡng hiếp chị dâu.⁽¹⁾ Chu Bột vào cái lúc thối tiêu kéo dây cung, bắt đầu thờ Cao tổ, cũng chưa nổi danh vậy;⁽²⁾ Cao tổ xét tung tích và hành vi của họ, rồi sau mới có thể giao phó cho việc lớn. Hoắc Quang làm Cấp sự trung hơn hai mươi năm, tỉ mỉ cẩn thận, mới được làm kẻ thân tín. Kim Nhật Đê là người rợ Di Dịch, vì chí hiếu chính trực, đặc biệt được cất nhắc bổ dụng, tả hữu còn nói "Khinh suất dùng đứa trẻ con người Hồ mà xem trọng khiến hân thành quý hiển." Bình, Bột tuy định được người nổi tự nhà Hán, cuối cùng, Bột bị bức trả lại tướng ấn, Bình khó tránh được cái họa bị Lã Tu vu khống. Thượng Quan Kiệt, Tang Hoảng Dương cùng Hoắc Quang tranh quyền, suýt thành họa loạn.⁽³⁾ Đấy đích xác là chẳng dễ biết người, hạ thần cho là rất khó vậy. Việc tuyển chọn người, nên phải là bề hạ tự quyết định, nên phải là người mà bề hạ tín nhiệm, thực không phải là việc mà kẻ như ngu thần có thể nhận biết được.

Thần Tùng Chi cho rằng hai người Tôn, Lưu vào lúc có hiệu là "chuyên nhiệm", không chế quyết đoán việc cơ mật, chính sự không gì không nắm bắt xử lý. Tư, Phóng được hỏi việc phó thác, quyết đoán vào lúc an nguy, mà lại đưa lời đối đáp né tránh, không có chủ đích gì. Nhận sự ủy thác của người, về đạo lý há nên như thế? Xét bản truyện và các thư tịch đều nói Phóng, Tư

¹ Trần Bình (陈平): Xem chú thích ở tập I, trang 77, quyển I (Vũ đế kỷ).

² Chu Bột (周勃), đại thần của Hán Cao tổ, người đất Quyển, sau dời sang đất Bái, thừa hân vi thường phải dệt rèm trúc, thổi kèn đám ma kiếm sống.

³ Thượng Quan Kiệt (上官桀) tự Thiếu Thúc (少叔), người huyện Thượng Nhai quận Lũng Tây, là đại thần thời Hán Vũ đế, Hán Chiêu đế. Lúc Vũ đế mất, ông cùng Hoắc Quang, Kim Nhật Đê, Tang Hoảng Dương cùng nhận di chiếu phù tá chúa nhỏ là Lưu Phát Lăng (Chiêu đế). Sau này Hoắc Quang và Thượng Quan Kiệt, Tang Hoảng Dương (桑弘羊) vì tranh quyền này sinh mâu thuẫn. Yên vương là Lưu Đán, Trưởng công chúa là Ngạc Ấp, Thượng Quan Kiệt và Tang Hoảng Dương cùng mưu phản, âm mưu bị lộ, Thượng Quan Kiệt bị giết, Yên vương và Trưởng công chúa phải tự sát. Tang Hoảng Dương vì liên quan cũng bị giết.

khen ngợi Tào Sảng, khuyên triệu Tuyên vương, cái sự diệt vong của nhà Ngụy, gốc họa là ở đây. *Biệt truyện* về Tư, viết ra bởi nhà ấy, muốn dùng lời này để lấp liếm cái sai lầm lớn của Tư, như thế là sợ có vết nhơ về việc phụ lại quốc gia, rút cục vẫn chẳng thể xóa vết được vậy.

② *Tư biệt truyện* chép: Đại tướng quân Tào Sảng chuyên quyền hành sự, đa phần là thay đổi chương pháp cũ. Tư than rằng:

- Ta nổi đòi nhận ân sủng, hơn nữa lại dự nghe việc phò thác, nay ví như chẳng thể phù giúp việc đương thời, có thể ngồi không mà nhận lộc sao?

Bèn cố xưng bệnh. Năm thứ chín tháng hai, Đế ban chiếu rằng:

"Ngài chấp chương việc cơ mật hơn ba mươi năm, mưu tính mọi việc, công huân sáng rõ ở tiền triều. Đến lúc trăm thống quản ngôi vị, luôn được nhờ cậy kể hay. Vì thế trước đây trăm thêm sùng kính để biểu chương, giống như Tam công, bên ngoài thống lĩnh trăm quan, bên trong mong nghe lời chính trực. Ngài vì tuổi cao bệnh tật, dẫu trả ấn thụ, trước sau trịnh trọng, lời nói cử chỉ khẩn thiết. Trời đất vì đại thuận thành đức, quân tử vì thiện lương khoan hậu thành nhân, cố dùng ngài giữ chức, là cưỡng ép cái chí hướng của ngài; nay trăm thuận theo điều ngài chọn lựa, ban cho trăm vạn tiền, cho kiêm chức Quang lộc huân Thiếu phủ, trăm đích thân hạ chiếu, sai dưỡng bệnh tại phủ đệ. Ngài gắng xem bệnh uống thuốc, di dưỡng thần khí, để mãi hưởng lộc đến vô cùng. Trăm bố trí sẵn xá nhân và quan kỵ, thêm cho đồ ăn tốt và rượu ngon để ngài ăn uống hàng ngày."

③ Thần Tùng Chi xét sách *Đầu trích tử vũ* chép: Quan khanh Lưu Hứa tự Văn Sinh, là em của Chính vậy. Sinh cùng sáu người bạn Trương Hoa, đều được khen là văn chương câu từ đáng xem, ý tứ rõ ràng mạch lạc. Vào thời Tấn Huệ đế, Hứa làm Việt kỵ Hiệu úy.

Mưu kế tài lược của Phóng hơn Tư, nhưng tự tu dưỡng bản thân chẳng bằng được vậy. Phóng, Tư đã khéo vâng thuận ý chỉ của chúa thượng, lại chưa từng nói bàn ra lời về chuyện được mất, việc họ đè nén Tân Bì mà trợ giúp Vương Tư,¹ là lý do để

¹ Xem việc liên quan trong tập V, quyển 25 (Tân Bì truyện).

người đời chê bai. Nhưng họ hay nhân lúc quần thần can gián, phù trợ tán đồng ý kiến của họ, luôn bí mật bày kế với Hoàng đế những điều lợi hại, không chú tâm nói lời nịnh hót a dua.

Năm Hàm Hi trung, khai lập tước Ngũ đẳng, vì công huân của Phóng, Tư sáng rõ ở tiền triều, triều đình đổi phong cho Chính tước Phương Thành tử, Hoàn nhận tước Ly Thạch tử.①

① Xét *Tôn thị phả*: Hoàn làm Thái thú Nam Dương. Con của Hoàn là Sở, tự Tử Kinh.

Tấn Dương thu chép: Đồng hương của Sở là Vương Tế, là công tử con nhà hào tộc, làm Đại trung chính ở bán châu. Lúc tìm hỏi xét tuyển về phẩm hạnh và hành trạng của Sở, Tế nói:

- Danh tiếng của người này ta không biết là thế nào.

Rồi tự dãi bày về Sở rằng:

- Tài trí kiệt xuất, kiến thức uyên bác, thanh cao vượt trội, hơn hẳn người thường.

Sở làm quan đến chức Thảo lỗ hộ quân, Thái thú Phùng Dục. Con của Sở là Tuân, làm Thái thú Dĩnh Xuyên. Con của Tuân là Thịnh, tự An Quốc, làm Cấp sự trung, Bí thư giám. Em con bác của Thịnh là Xước, tự Hưng Công, làm Đình úy chính. Sở cùng Thịnh, Xước, đều có văn tài diễm lệ, Thịnh lại khéo nói bàn kiến giải đạo lý, các bài luận Thịnh soạn chép, đều lưu truyền ở đời.

Bình rằng: Tài trí và mưu lược của bọn Trình Dục, Quách Gia, Đồng Chiêu, Lưu Diệp, Tường Tế, xứng là kỳ sĩ ở đời, tuy nhiên về thành tích trị lý và việc tích đức nghiệp, so với Tuân Du thì không bằng, nhưng các việc mà họ trù liệu, có thể sánh với Du được vậy. Lưu Phóng tinh tường bút mực, Tôn Tư siêng năng cẩn thận, cùng chường quản việc cơ yếu, quyền thế vang danh một thời, song sự thành tín chính trực chưa nhất quán, cho nên bị chê là a dua, thường hay nói quá với sự thực.

QUYỂN THỨ MƯỜI LĂM
LƯU, TƯ MÃ, LƯƠNG, TRƯƠNG,
ÔN, GIẢ TRUYỆN



Lưu Phúc tự Nguyên Dĩnh, người nước Bái ấp Tương. Phúc đi tránh loạn ở Dương châu, năm Kiến An sơ, khuyen tướng của Viên Thuật là Thích Ký, Tần Dục, khiến họ thống suất bộ chúng cùng đến chỗ Thái tổ. Thái tổ rất hài lòng, Tư đồ triệu Phúc làm Duyện. Về sau Thái thú Lư Giang mà Tôn Sách đặt ở đó là Lý Thuật giết Thứ sử Dương châu là Nghiêm Tượng, bọn Mai Can, Lôi Tự, Trần Lan ở Lư Giang tụ mấy vạn bộ chúng tác loạn ở vùng Giang, Hoài, tàn phá quận huyện. Thái tổ đang có cái nạn Viên Thiệu, bảo Phúc gánh vác các việc phía đông nam, rồi dâng biểu tiến cử Phúc làm Thứ sử Dương châu.

Phúc đã nhận mệnh, một mình một ngựa đến tòa thành trống Hợp Phì, gây dựng sở trị của châu, ở phía nam vô yên bọn Tự, bọn chúng đều đóng yên một chỗ, theo nhau đến cống tiến dâng lễ vật. Trong vòng mấy năm, ân đức và giáo hóa được thi hành rộng rãi, trăm họ vui vẻ với chính sự, lưu dân vượt núi băng sông theo về đến mấy vạn người. Vì thế Phúc tự tập học trò, lập trường học, mở mang đồn điền, khởi công tu sửa các con đê ở Thục Pha, Như Pha, Thất Môn, Ngô Đường để dẫn nước vào ruộng lúa, quan dân đều có lương tích trữ. Lại xây tường cao làm thành lũy, chứa nhiều gỗ đá, còn đàn mấy vạn

tấm cỏ tranh, tích trữ mấy nghìn斛 mỡ cá, làm đồ phòng bị chiến tranh.

Năm Kiến An thứ mười ba, Phúc chết. Tôn Quyền thống suất mười vạn binh chúng vây đánh thành Hợp Phì hơn trăm ngày, bảy giờ trời đổ mưa liên tục, thành sắp lở, vì thế dùng cỏ tranh che những chỗ tường thành sụt lở, ban đêm đốt mỡ cá chiếu sáng cả ngoài thành, nhìn rõ được hành động của giặc mà phòng thủ, giặc vì thế thua chạy. Sĩ dân Dương châu bởi thế càng nhớ Phúc, cho rằng dấu công lao của Đồng An Vu phòng thủ ở Tấn Dương, cũng chẳng hơn được.⁽¹⁾ Còn cái lợi của đề điều, đến nay vẫn còn công dụng.

Con của Phúc là Tĩnh, năm Hoàng Sơ trung từ Hoàng môn thị lang được thăng lên làm Thái thú Lư Giang, Đế hạ chiếu rằng:

"Phụ thân của khanh trước kia ở châu ấy, nay khanh lại giữ chức ở quận này, có thể nói là gánh vác việc của cha vậy."

Về sau Tĩnh chuyển về Hà Nội, được thăng làm Thượng thư, ban tước Quan nội hầu, rồi ra làm Hà Nam doãn. Tán kỵ thường thị là Ứng Cừ viết thư cho Tĩnh nói:

"Ngài vào triều dâng lời hay, lại từ kinh đô ra ngoài gánh vác. Có cái thuật khiến dân giàu, ngày tháng thêm đây. Tường cao rào chắc, dứt tuyệt lòng tham của bọn khoét ngạch đào tường. Theo mùa trồng ngũ cốc, dứt họa hạn thủy tai. Nông cụ chuẩn bị đủ, không thiếu đói mất mùa. Nuôi tằm trồng lúa có đệm cỏ chắn che, không lo mưa rơi ẩm thấp. Trong đất phong và kỳ hạn của ngài, không có quan trễ lười biếng nhác. Người quan quả cô độc, được ơn nhờ vào kho lẫm. Hơn

¹ Đồng An Vu (董安于) là mưu thần của Triệu Uông (đại quan nước Tấn), phòng thủ thành Tấn Dương, cho xây tường thành, bên trong tường chứa vật liệu làm tên, lại đúc các cột bằng đồng để khi nguy cấp thì lấy ra đúc binh khí chống địch. Sau này Triệu Uông bị Trí Bá (cũng là đại quan nước Tấn) vây đánh, phải trú ở thành Tấn Dương, nhờ có sự chuẩn bị của Đồng An Vu mà thành không bị phá, Triệu Uông thoát nạn, sau này chia ba nước Tấn với họ Hàn và họ Ngụy, nước Triệu trở thành một nước mạnh thời Chiến Quốc.

nữa lại sáng suốt xét việc nhỏ, trọng pháp luật mà không uốn gò; Hữu ti cung kính vâng vương mệnh, trong vòng trăm dặm mọi người đều cúi đầu chấp tay nghe mệnh. Dẫu việc trị lý trước kia của Triệu, Trương, Tam vương,⁽¹⁾ cũng chưa đủ để sánh cùng."

Tĩnh làm việc có khuôn phép đại loại như thế. Ban đầu dường như nhỏ mọn, cuối cùng lại rất tiện lợi cho trăm họ, có phong thái của Phức. Lúc mẹ mất Tĩnh từ quan, sau lại làm Đại tư nông Vệ úy, được tấn phong tước Quảng Lục đình hầu, thực ấp ba trăm hộ.

Tĩnh dâng sớ bày tỏ cái gốc của việc giáo huấn Nho đạo rằng:

"Việc học, là phép tắc trị loạn, là lời giáo huấn trọng yếu của thánh nhân. Từ thời Hoàng Sơ đến nay, rất chú trọng việc học, gây dựng nhà Thái học đã hơn hai mươi năm, nhưng ít có thành quả, đại khái là do xem nhẹ việc tuyển lựa Bác sĩ, học trò trốn tránh dao dịch,⁽²⁾ con em nhà cao môn, xấu hổ vì học với những người không cùng thứ bậc, cho nên không học. Tuy có danh nhà Thái học nhưng không có người học thực, tuy đặt giáo chức mà việc giáo dục không công hiệu. Nên nâng cao tiêu chuẩn tuyển Bác sĩ, chọn người có hành vi tiêu biểu,

¹ Triệu Quảng Hán (赵广汉), tự Tử Đô, người quận Trác huyện Lễ Ngô, sống vào thời Tây Hán, là nhất đại danh thần. Khi làm chấp pháp không né tránh kẻ quyền quý, khi làm việc chăm chỉ nghiêm túc, thường cải trang đi thăm thú trong dân để nắm bắt sinh hoạt của họ, từ đó hiểu được dân tình. Là quan giỏi đời Hán.

Trương Sưởng (张敞); tự Tử Cao, người quận Hà Đông huyện Bình Dương, là đại thần thời Tây Hán, sống vào thời Tuyên đế. Làm quan thanh liêm, cương nhu gồm đủ, cai trị nghiêm minh, không sợ quyền quý, thường nhiều lần dâng lời can gián thẳng, được vua tin dùng. Từng trải các chức Kinh Triệu doãn, Thứ sử Ký châu.

Vương Tôn (王尊), Vương Chương (王章), Vương Tuấn (王骏); đều là quan lại tài năng thời Tây Hán, sống ở ba triều vua khác nhau; Vương Tôn, quê ở Nam Sơn, từng giữ chức Kinh Triệu doãn; Vương Chương tự Trọng Khanh, người quận Thái Sơn huyện Cự Bình, làm quan đến chức Giám nghị đại phu, truyện có ở *Hán thư*, *Nguyên Hậu truyện*; Vương Tuấn, chưa rõ quê quán ở đâu, làm quan đến chức Ngự sử đại phu, chết khi đương chức.

² Dao dịch (徭役): Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 170 (Chung Do truyện). Ý nói rằng việc học tập lại làm nguyên cơ cho việc dân trốn tránh công việc.

thông kinh học gánh vác trách nhiệm làm thầy, chương quản việc giáo dục con em trong nước."

"Chiếu theo phép xưa, con cháu của quan lại có lương bổng từ hai ngàn thạch trở lên, tuổi từ mười lăm, đều phải vào nhà Thái học. Làm rõ pháp chế về con đường thăng giáng vinh nhục; kẻ tinh thông kinh sách, tu dưỡng đức hạnh, thì phải tiến cử họ để coi trọng cái đức; kẻ vứt nghiệp giáo dục, bỏ việc học hành, thì phải gạt bỏ để trừng trị cái xấu; cử người thiện mà dạy không tiến bộ thì khuyến khích, việc giao du phù phiếm, chẳng cấm sẽ tự ngừng thôi."

"Mở mang giáo hóa, để vỗ về kẻ chưa quy thuận; sáu cõi hòa theo phong tục, người xa sẽ đến theo. Đây là giáo huấn của thánh nhân, là cái gốc của việc trị lý vậy."

Về sau Tĩnh được thăng làm Trấn bắc tướng quân, ban Giả tiết, đốc các việc quân sự ở Hà Bắc. Tĩnh cho rằng "Phép tắc căn bản nhất của việc trị lý, chẳng gì hơn phòng thủ, khiến dân Di chia rẽ." Vì thế cho khai mở biên cảnh, đóng đồn giữ chỗ hiểm yếu. Lại tu sửa kênh Lê Lăng và đập Đại, dẫn nước tưới tiêu suốt nam bắc huyện Kế; luân canh trồng lúa, dân ven biên được lợi nhờ việc ấy.

Năm Gia Bình thứ sáu chết, được truy tặng chức Chinh bắc tướng quân, tấn phong tước Kiến Thành hương hầu, ban thụy là Cảnh hầu. Con của Tĩnh là Hi nối tự.^①

① Tấn Dương thu chép: Lưu Hoảng tự Thúc Hòa, là em của Hi vậy. Hoảng và Tấn Thế tổ cùng tuổi, ở cùng làng, vì có ân cũ nên thường được nhận ngôi vị quý hiển. Từ Tĩnh đến Hoảng, nối đời chẳng thiếu danh vọng, lại có tài chính sự. Cuối triều Tây Tấn, Hoảng làm Xa kỵ tướng quân được mở phủ, lĩnh Thứ sử Kinh châu, ban Giả tiết, đốc trách các việc quân chính ở Kinh, Giao và Quảng châu, phong tước Tân Thành quận công.

Hoảng thời ở Giang, Hán, đúng lúc vương thất lăm lăm nạn, được chuyên mệnh tại một phương, dụng hết tài năng của mình.

Hoàng chân thành với quần hạ, gắng sức vì công nghĩa, giản lược hình ngục, chuyên chú vào nông tang. Mỗi khi có việc điều dụng, tự tay viết thư cho địa phương, dẫn dò rất kỹ lưỡng thân mật, cho nên chẳng ai không cảm kích vui lòng, trên dưới chạy đến ngay, đều nói "Được một lá thư của Lưu công, còn hơn là mười viên tòng sự của sở quan vậy."

Bấy giờ Đế ở tại Trường An, lệnh cho Hoàng được tuyển dụng trưởng quan địa phương. Trung sĩ Ngũ Triều người quận Vũ Lăng có phẩm đức cao thượng, Nha môn tướng là Bì Sơ, có công ở Giang Hán, Hoàng dâng biểu tiến cử Triều làm Thái thú Linh Lăng, Sơ làm Thái thú Tương Dương. Đế hạ chiếu thư cho rằng Tương Dương là quận có tiếng, Sơ tư chất và danh vọng thấp, dùng con rể của Hoàng là Hạ Hầu Trắc làm Thái thú Tương Dương.

Hoàng nói:

- Kẻ thống quản thiên hạ thì nên cùng đồng lòng với thiên hạ, trị lý một nước thì nên giúp quốc gia suy cử người tài thực. Ta thống quản mười quận Kinh châu, sao có được mười chàng rể, để sau này cai trị nhỉ!

Bèn dâng biểu nói "Trắc là người thân của thần, theo phép cũ không được cùng coi sóc chính sự, công lao của Sơ nên được báo đáp." Biểu tấu được chấp thuận, mọi người càng phục sự công chính thỏa đáng của Hoàng.

Thái thú Quảng Hán là Tân Nhiễm thấy thiên tử chịu cảnh phong trần, bốn phương nhiễu nhương, bèn bày kế phản nghịch với Hoàng. Hoàng giận chém hấn, người bấy giờ chẳng ai không khen ngợi.

Tấn chư công tán chép: Vào thời ấy thiên hạ dẫu loạn, song Kinh châu được an toàn. Hoàng có cái chí của Lưu Cảnh Thăng bảo hộ cho vùng Giang Hán, chẳng nương cậy vào Thái phó Tư Mã Việt. Việt rất âm ức. Về sau Hoàng bị bệnh chết. Con của Hoàng là Phan, làm Bắc trung lang tướng.

Tư Mã Lãng tự Bá Đạt, người quận Hà Nội huyện Ôn.^① Năm Lãng chín tuổi, có người gọi thẳng tên tự của cha Lãng, Lãng nói:

- Khinh mạn người thân của người khác, thì cũng bất kính với người thân của mình vậy.

Khách tạ lỗi.

Năm Lãng mười hai tuổi, qua khảo xét kinh văn được làm Đồng tử lang, giám quan thấy Lãng thân thể cao lớn trắng kiện, ngờ là Lãng giấu tuổi, liền chất vấn. Lãng nói:

- Nội ngoại nhà Lãng, nhiều đời đều cao lớn, Lãng tuy bé nhỏ yếu đuối, nhưng không có thói vin dựa địa vị cao sang, bớt tuổi để cầu sớm thành danh, đấy chẳng phải là cái mà chí của ta có thể làm vậy.

Giám quan cho Lãng là người khác thường.

Về sau binh Quan Đông nổi dậy, nhà của cố Thứ sử Ký châu Lý Thiệu ở huyện Dã Vương, gần chỗ núi non hiểm trở, muốn dọn về huyện Ôn. Lãng bảo Thiệu rằng:

- Ví như môi với răng, há chỉ có Ngụ, Quắc⁽¹⁾ sao, huyện Ôn và huyện Dã Vương cũng thế vậy; nay bỏ chỗ này giữ chỗ kia, ấy là tránh cái hạn tiêu vong sớm mà thôi. Và lại, ngài được dân trong vùng trông ngóng, nay giặc cướp chưa đến mà dời đi trước, dân các huyện ven núi tất kinh hãi, thế là làm dân tâm lay động mà bắt đầu mở đường cho nạn trộm cướp vậy, thiết nghĩ ngài hãy vì người trong quận mà lo lắng.

Thiệu không nghe. Dân ven núi quả nhiên loạn, dọn vào phía trong, có kẻ bị quân giặc cướp bóc.

① *Tự truyện* của Tư Mã Bưu chép: Tổ phụ của Lãng là Tuấn, tự Nguyên Di, học rộng thích cổ văn, là người lỗi lạc, độ lượng.

¹ Nước Ngụ (虞) và nước Quắc (虢) là hai nước nhỏ yếu thời Xuân Thu, đất đai nối liền, dựa núi dựa sông, một nước mất thì nước kia cũng nguy ngay.

Mình cao tám thước ba tấc, lưng rộng mười vi,⁽¹⁾ có dáng vẻ uy nghi khôì vĩ, khác với mọi người, tông tộc trong hương đảng đều ngưỡng mộ phục tùng. Tuần làm quan đến chức Thái thú Dĩnh Xuyên.

Cha của Lãng là Phòng, tự Kiến Công, bản tính chính trực công bằng, dẫu nhàn rỗi vô sự, vẻ uy nghi không đổi. Rất thích các liệt truyện về danh thần ở *Hán thư*, thường tụng đọc ngâm nga mấy chục vạn chữ. Thời trẻ ra làm quan ở châu quận, trải các chức Lạc Dương lệnh, Kinh Triệu doãn, đến khi cao tuổi được chuyển bái làm Ky đô úy.

Phòng dưỡng chí nơi thôn ấp, đóng cửa tự giữ mình. Các con của Phòng dù đã làm lễ đội mũ nên người, không lệnh cho vào gặp thì không dám bước vào, không lệnh cho ngồi thì không dám ngồi xuống, không chỉ tay gọi hỏi thì không dám nói, giữa cha con cung kính đến như thế.

Năm Phòng bảy mươi một tuổi, là năm Kiến An thứ hai mươi bốn thì chết.

Phòng có tám người con, Lãng là trưởng, con thứ tức là Tuyên hoàng đế nhà Tấn vậy.

Thời ấy Đông Trác đòi kinh của Thiên tử về Trường An, Trác nhân đó lưu lại Lạc Dương. Cha của Lãng là Phòng làm Trị thư ngự sử, phải chuyển dời về hướng tây, vì bốn phương nhiễu loạn, bèn phái Lãng đem gia thuộc về bản huyện. Có kẻ tố cáo Lãng muốn bỏ trốn, bắt đem đến chỗ Trác, Trác bảo Lãng rằng:

- Ngươi với đứa con đã chết của ta cùng tuổi, sao lại phụ nhau như thế!

Lãng bèn nói:

- Mình công vốn có đức cao vội ở đời, gặp lúc thiên hạ đại loạn, thanh trừ bè lũ uế tạp, rộng rãi tiến cử hiền sĩ, đấy thực là hết lòng lo lắng thâm sâu, sắp hưng khởi thời trị vậy. Uy đức đã

¹ Vi (圍), là đơn vị dùng để đo các thứ đồ có hình tròn thời xưa, cứ năm tấc thì tính bằng một vi.

thịnh, công nghiệp đã rõ, nhưng binh tai chiến loạn nổi lên ngày một mạnh, châu quận như vạc nước sôi, xung quanh bốn phía kinh thành, dân không an nghiệp, vứt bỏ cửa nhà điền sản, lưu vong trốn lánh, dẫu bốn phía quan ải bày cấm lệnh, tăng thêm hình phạt giết chóc, cũng chẳng dứt tuyệt ngay được, đó là lý do Lãng này đi về cố hương vậy. Mong mình công soi xét việc đã qua, nghĩ đi nghĩ lại thêm chút nữa, sẽ lập tức vinh danh cùng nhật nguyệt, Y, Chu cũng chẳng đủ để sánh cùng vậy.

Trác nói:

- Ta cũng ngộ ra điều ấy, lời nói của khanh rất có lý.^①

① Thần Tùng Chi xét lời đối đáp này của Lãng, chỉ là kể khen cái công đức của Trác, không thể coi là lời can gián khuyên răn được. Nói xong chẳng hề thuyết minh giải thích, nhưng Trác nói ngay rằng "Ta cũng ngộ ra điều ấy, lời nói của khanh rất có lý!" Lời của khách và chủ dường như là chẳng hòa nhập ăn khớp gì với nhau vậy.

Lãng biết Trác tất diệt vong, sợ bị giữ lại, lập tức phát tán tài vật để hối lộ khắp cộng sự của Trác, xin quay về làng. Về đến nơi Lãng bảo các vị phụ lão rằng:

- Đồng Trác bội nghịch, bị người ở khắp thiên hạ oán thù, đây chính là lúc kẻ trung thần nghĩa sĩ vùng dậy vậy. Quận ta và kinh đô biên cảnh liền với nhau, phía đông Lạc Dương có Thành Cao, phía bắc địa giới có sông lớn, thiên hạ hưng nghĩa binh nếu không tiến được, thế tất sẽ đóng lại ở chỗ này. Đây là mảnh đất tranh chiến chia năm xẻ bốn, khó ở yên được, chẳng bằng nhân lúc đường đất còn thông suốt, ta đem cả họ hàng sang đông đến Lê Dương. Lê Dương có trại lính, Triệu Uy Tôn trước đây lấy vợ người làng ta, là Giám doanh Yết giả, thống quản binh mã, đủ để làm chủ. Nếu sau này có biến, ta lại thông thả xem xét cũng chưa muộn vậy.

Các bậc phụ lão lưu luyến đất cũ, chẳng có ai theo Lãng, duy có người cùng huyện là Triệu Tư, đem hết gia thuộc cùng Lãng

qua đó. Mấy tháng sau, châu quận ở Quan Đông khởi binh, quân đông mấy chục vạn, đều tụ tập ở Huỳnh Dương và Hà Nội. Chư tướng chẳng thống nhất với nhau, thả binh ra cướp bóc, dân chúng chết gần một nửa. Ít lâu sau, binh Quan Đông giải tán, Thái tổ và Lã Bố cầm giữ nhau ở Bộc Dương, Lãng bèn đưa cả nhà về huyện Ôn. Năm ấy đói lớn, người ăn thịt lẫn nhau, Lãng thu vén cứu giúp người trong tông tộc, giáo huấn các em, chẳng vì đạo đời suy bại mà hỏng nghiệp nhà.

Năm Lãng hai mươi hai tuổi, Thái tổ triệu Lãng làm Tư không duyệt thuộc, đổi làm Thành Cao lệnh, vì có bệnh bỏ chức, lại cho làm Trưởng huyện Đường Dương. Lãng cai trị chuyên khoan thứ ra ân, chẳng dùng roi gậy, mà dân không phạm cấm lệnh.

Thời trước, dân của huyện ấy được di dời để sung vào nội đô, sau huyện phải điều dân đi chế tác thuyền bè, dân dời đi sợ Lãng không đủ người làm việc, bèn kéo nhau quay về giúp, Lãng được dân yêu quý như thế. Về sau Lãng được thăng làm Nguyên Thành lệnh, rồi về triều làm Chủ bộ cho Thừa tướng.

Lãng cho rằng cái hình thế thiên hạ đổ nát, là bởi nhà Tần thủ tiêu chế độ Ngũ đẳng, nên các quận trong nước không thao luyện binh lính để chuẩn bị cho chiến tranh vậy. Nay tuy chế độ Ngũ đẳng chưa thể khôi phục, nên ra lệnh cho các châu quận bố trí binh lính, ngoài phòng bị tứ Di, trong ra uy với kẻ không theo phép tắc, lấy đó làm đối sách lâu dài. Lại cho rằng nên khôi phục chế độ tỉnh điền,¹ trước đây vì dân chúng đều có cơ nghiệp nhiều đời, khó đoạt lấy đất của họ, cho đến tận bây giờ. Nay nhân lúc sau cơn đại loạn, dân chúng phân tán,

¹ Tỉnh điền (井田) là chế độ phân chia ruộng đất bắt đầu có từ thời Tây Chu, ruộng đất được chia theo hai đường dọc và hai đường ngang hình thành nên chín phần bằng nhau, đường phân giới dùng làm mương dẫn nước. Mỗi người dân làm một phần ruộng trong tám phần, phần ở giữa tất cả cùng làm, số thu hoạch ở phần đó sung vào kho công.

ruộng đất vô chủ, đều là ruộng công, đây là lúc thích hợp để khôi phục chế độ ấy. Kiến nghị tuy chưa được thi hành, nhưng châu quận lĩnh binh, là bản ý của Lãng vậy. Lãng được thăng làm Thứ sử Duyện châu, chính đạo và giáo hóa được thi hành, bách tích ngợi khen.

Lãng tuy ở trong quân lữ, thường mặc áo thô ăn cơm rau, cần kiệm để làm gương cho người dưới. Lãng rất ưa thích các điển tịch về đạo nhân luân, bọn Lý Dịch ở cùng làng có hư danh rất cao, Lãng thường công khai châm biếm bọn ấy; về sau bọn Dịch thua bại, người bấy giờ rất phục Lãng.

Chung Do và Vương Sán lập luận rằng: "Không phải là thánh nhân chẳng thể dắt thiên hạ đến thái bình." Lãng cho rằng: "Lũ Y, Nhan⁽¹⁾ tuy không phải là thánh nhân, mà khiến mấy đời sau noi theo, sự thái bình có thể đến được vậy."^①

Năm Kiến An thứ hai mươi hai, Lãng cùng bọn Hạ Hầu Đôn, Tang Bá đi đánh Ngô. Đến Cư Sào, quân sĩ gặp đại dịch, Lãng tự thân đi xem xét khắp, bố trí thuốc men. Thốt nhiên bị bệnh chết, năm ấy bốn mươi bảy tuổi. Di mệnh là mặc áo vải quần khăn, tấm liệm dùng thường phục, người ở trong châu thương nhớ Lãng.^②

Minh đế tức vị, phong cho con của Lãng là Di làm Xương Vũ đình hầu, thực ấp trăm hộ.

Em của Lãng là Phu lại đem con mình là Vọng kế tự Lãng. Di chết, con của Vọng là Hồng nối tự.^③

① *Ngụy thư* chép: Văn đế thích lời luận của Lãng, lệnh cho Bí thư chép lại lời văn ấy.

Tôn Thịnh nói: Do đã sai lầm, Lãng cũng chưa đúng vậy. Trước kia "Thang cử Y Doãn, mà kẻ bất nhân lánh xa."⁽²⁾ Dịch nói:

¹ Y Doãn và Nhan Hồi.

² Theo sách *Luận ngữ*: Thành Thang được thiên hạ, tuyển dùng để cử Y Doãn, bọn người xấu phải lánh xa.

"Người con họ Nhan, người ấy có làm lỗi gì chẳng! Nếu có điều bất thiện thì người ấy không thể không biết, biết rồi thì không mắc lại nữa." Từ đó mà nói, thánh nhân hay bậc đại hiền, chỉ có một đạo lý hành xử, tiến hay lui, đi hay ở giống như nhau, nghĩ đến phong tục mà trị lý thiên hạ, về đạo lý không ai không tuân phục; dẫn đến sự thái bình cao đẹp, há phải đợi đến nhiều đời sao? "Người khéo trị nước được trăm năm, cũng có thể ngăn bạo tàn trừ cái xấu." Lại nói "Chẳng theo lối tiên hiền, cũng như chưa đến được chỗ thâm sâu." Suy luận của nhiều đời, là ở lời đó sao! Phương chi là bậc đại hiền, cố nhiên là khác hẳn rồi.

② *Ngụy thư* chép: Lãng sắp mất, bảo tướng sĩ rằng:

- Thử sử ta chịu hậu ân của quốc gia, đốc trách việc trong vạn dặm, cái công nhỏ chưa thành, mà vô ý gặp dịch bệnh thế này, đã chẳng thể tự cứu mình, lại phụ ân của quốc gia. Sau khi ta chết, thì mặc áo vải quần khăn, tấm liệm dùng thường phục, chớ trái chí nguyện của ta vậy.

③ *Tấn thư công tán* chép: Vọng tự Tử Sơ, là con trưởng của Phu. Có tài năng và hiểu biết, sớm nổi danh. Năm Hàm Hi trung ngôi vị đến chức Tư đồ, vào triều Tấn được phong tước Nghĩa Dương vương, thăng làm Thái úy, Đại tư mã. Bấy giờ Phu làm Thái tể,⁽¹⁾ cha con giữ vị Thượng công, từ thời trung đại đến nay chưa có ai được thế.

Hồng tự Khổng Nghiệp, được phong tước Hà Gian vương.

Người cùng dọn nhà đi với Lãng đạo trước là Triệu Tư, làm quan đến chức Thái thường, là quan lại giỏi ở đời.①

① Tư tự Quân Sơ. Con của Tư là Phong tự là Tử, thời nhà Tấn làm Phiêu kỵ tướng quân, tước phong là Đông Bình Lăng công. Đều thấy chép ở *Bách quan danh (chí)*.

¹ Chức quan Thái tể (太宰) mỗi thời lại quy định mỗi khác; như thời Chu gọi là "Chủng tể", thời Xuân Thu Chiến Quốc có rất nhiều quan Thái tể, chức quyền khác nhau, thời Tần, Hán, Ngụy không đặt chức này; về sau thời Minh, Thanh thì gọi Lại bộ Thượng thư là Thái tể. Thời nhà Tấn, vì tránh tên húy của Tư Mã Sư nên đặt chức Thái tể thay cho chức Thái sư.

Lương Tập tự Tử Ngu, người quận Trần huyện Chá, là Cương kỷ⁽¹⁾ của quận. Thái tổ làm Tư không, cho triệu Tập làm trưởng huyện Chương, rồi lần lượt chuyển làm chức Lệnh ở các huyện Thừa Thị, Hải Tây, Hạ Bi, làm việc ở đâu cũng có thành tích. Sau quay về làm Tây tào lệnh sử, rồi thăng làm Tây tào duyện.

Tinh châu mới theo về, Tập được dùng làm Biệt bộ tư mã, tạm lĩnh Thứ sử Tinh châu. Bấy giờ sau cơn hỗn loạn của Cao Cán, người Hồ người Dịch tại địa giới cương ngạnh xung hùng, quan dân phản trốn, nhập vào các bộ lạc của họ; binh lính của hào tộc tụ tập rất đông, trở thành cường khấu gây hại, thay nhau quấy nhiễu, khắp nơi rối rít như bàn cờ. Tập đến sở quan, hiểu dụ chiêu nạp, đều dùng lễ triệu hào tộc địa phương đến, dần dần tiến cử, sai đến làm việc ở Mạc phủ; hào tộc địa phương đã hết, Tập bèn phát lệnh chiêu tập các gia đình khỏe mạnh dùng làm quân "nghĩa tòng"; lại nhân lúc đại quân xuất chinh, chia bọn họ ra lập đội quân dũng lực. Sau khi quan binh đi rồi, Tập lại cho di dời người nhà của họ, trước sau đưa đến huyện Nghiệp, cả thảy mấy vạn khẩu; kẻ nào không theo mệnh, thì hưng binh đến đánh dẹp, chém mấy nghìn thủ cấp, kẻ quy hàng tính kể vạn. Thiên vu kính thuận, các vương hầu quỳ lạy, bộ khúc đều phục tùng vâng chức phận, cùng biên tên vào sổ hộ tịch. Biên cảnh thanh bình, trăm họ ra đồng, chuyên cần gắng việc nông tang, cấm lệnh được thi hành. Các danh sĩ được Tập tiến cử, đều nổi danh ở đời, việc nói tại *Thường Lâm truyện*. Thái tổ khen ngợi Tập, ban tước Quan nội hầu, rồi đổi Tập chính thức làm Thứ sử Tinh châu. Tập được các trưởng lão địa phương xung vịnh,⁽²⁾ cho rằng từ khi biết nghe và hiểu biết, các vị Thứ sử chưa có ai bằng Tập.

¹ Cương kỷ (綱紀) là một chức danh, tương đương với chức Chủ bộ của châu quận hoặc công phủ.

² Xung tụng, làm thành bài ca để ngâm vịnh.

Năm Kiến An thứ mười tám, Tinh châu gộp vào Ký châu, lại đổi bá Tập làm Nghị lang, Tây bộ đô đốc tông sự, thống lĩnh địa hạt Ký châu, tổng quản bộ khúc cũ. Tập lại sai người đi Thượng Đảng chọn lấy những cây gỗ lớn để làm cung thất ở huyện Nghiệp. Tập dâng biểu xin đặt thêm hai người làm chức Đô úy đồn điền, đốc suất sáu trăm dân phu, luân canh trồng đậu và kê, làm phí tổn cấp cho người và trâu cày. Về sau Thiên vu vào hầu, phía tây bắc không phải lo lắng, là công của Tập vậy.^①

Văn đế lên ngôi, đặt lại Tinh châu, Tập lại làm Thứ sử, được tấn phong tước Thân Môn đình hầu, thực ấp trăm hộ; việc trị lý thường là tốt nhất trong thiên hạ. Năm Thái Hòa thứ hai, được trung bá làm Đại tư nông.

Tập ở châu hơn hai mươi năm, nhưng sống cảnh nghèo khổ, nơi ở không có vật trân quý, Minh đế lấy làm lạ, ban tặng cho rất hậu. Năm thứ tư, Tập chết, con của Tập là Thi nối tự.

① *Ngụy lược* chép: Thủ lĩnh bộ tộc Tiên Ti là Dục Diên, thường làm sở châu úy kỵ, một hôm Diên đem theo hơn năm nghìn quân kỵ trong bộ lạc của mình đến chỗ Tập, xin được giao dịch buôn bán. Tập nghĩ nếu không nghe thì sợ họ oán giận, nếu nghe theo họ sẽ đến châu quận, lại sợ bị họ xâm đoạt, vì thế bèn đồng ý cho họ vào một tòa thành trống để giao dịch. Rồi sắc mệnh cho các quận huyện, từ quan Trị trung trở xuống đều phải qua đó. Giao dịch chưa xong, quan coi chợ bắt trói một người Hồ. Quân kỵ của Diên đều kinh hãi, lên ngựa giương cung vây kín xung quanh Tập mấy vòng, quan dân kinh hoảng chẳng biết vì sao. Tập bèn thông thả gọi quan coi chợ, hỏi tại sao bắt trói người Hồ, thì quả thực là người Hồ xâm phạm người ta. Tập bèn sai phiên dịch kêu Diên lại, Diên đến, Tập trách Diên rằng:

- Người Hồ của mày tự phạm pháp, quan lại của ta không xâm phạm mày, sao mày khiến tất cả quân kỵ kinh hãi?

Bèn chém hấn, những người Hồ còn lại sợ vỡ mật chẳng ai dám động. Vì thế về sau không còn giặc rợ cướp bóc nữa.

Năm thứ hai mươi hai, Thái tổ hạ được Hán Trung, chư quân quay về đến Trường An, nhân đó lưu viên Kỵ đốc người Ô Hoàn quận Thái Nguyên là Vương Lỗ Tích lại, sai đóng ở Trì Dương, để phòng bị huyện Lư Thủy. Tích có người vợ yêu, ở lại Tấn Dương. Tích thường nghĩ đến vợ, lại sợ sau này không được trở về, bèn đem năm trăm quân kỵ là bộ hạ của mình làm phản quay về Tinh châu, để số quân kỵ ấy giữa vùng sơn cốc, một mình một ngựa vào thành Tấn Dương, rình bắt vợ mình. Tích ra khỏi thành rồi, châu quận mới phát giác được; quan dân lại sợ Tích bắn giết, không dám đuổi theo. Tập bèn lệnh cho Tông sự là Trương Cảnh, chiêu mộ quân Tiên Ti sai đuổi theo Tích. Ngựa của Tích cộng thêm người vợ, chớ nặng đi chậm, chưa kịp nhập với bộ hạ của mình, bị quân Tiên Ti đuổi theo bắn chết. Ban đầu Thái tổ nghe nói Tích làm phản, sợ xứ ấy làm loạn ở biên ải phía bắc; lúc nghe tin đã giết được Tích, cả mừng, vì Tập trước sau có sách lược, bèn phong cho làm Quan nội hầu.

Khi trước, người quận Tế Âm là Vương Tư cùng Tập đều làm Tây tào lệnh sử. Tư vì giữa lúc bầm tấu nói thẳng, thất ý Thái tổ. Thái tổ cả giận, truyền triệu viên chủ sự, sắp sửa ban cực hình. Đúng lúc Tư đi ra gần đến cửa, Tập thay lượt Tư ra đối đáp, liền bị bắt giữ, Tư vội quay vào, tự kể tội của mình, ứng tội nhận chết. Thái tổ khen Tập tự nhận tội về mình mà không tranh biện, còn Tư là người biết phận của mình, nói:

- Nào ngờ trong quân của ta lại có hai vị nghĩa sĩ thế này?①

Về sau đồng thời cất nhắc cả hai lên làm Thứ sử, Tư lĩnh Dự châu.

Tư cũng là quan lại giỏi, nhưng xử lý việc hà khắc, vụn vặt, không có đại thể, làm quan đến chức Cửu khanh, được phong tước Liệt hầu.②

① Thần Tùng Chi cho rằng Tập với Vương Tư là đồng liêu thôi, chẳng phải tình thân cốt nhục, không có cái nghĩa thâm cổ tự vẫn, mà đem thân mình thay cho Tư, nhận lấy cái họa khôn lường.

Cho đó là nghĩa, chẳng trái với ý cao nhã của những bậc hiền triết đời trước ru! Sử quan Thiên nói rằng: "Có cái chết nặng như núi Thái, có cái chết nhẹ tựa lông hồng", cho nên bậc quân tử chẳng làm cái việc cầu thả mà sống, chẳng làm cái việc cầu thả để chết. Giả sử Tư không nhận tội chết, chủ nhân chẳng rộng lòng tha thứ, thì việc đó gọi là tự thất cổ nơi ngòi rãnh mà chẳng ai biết vậy. Cái nghĩa chết của Tập, há đúng được chăng?

② *Ngụy lược Hà lại*⁽¹⁾ *truyện* chép: Tư cùng Tiết Đễ, Khước Gia đều từ chức vị nhỏ nổi lên, quan tước ngời vị đại khái là ngang hàng. Trong ba người, Đễ hơi thông hiểu về nho thuật, ở sở quan có tiếng là tiết kiệm. Gia và Tư việc làm tương tự nhau. Văn đế hạ chiếu rằng:

"Tiết Đễ là Bác lại, Vương Tư và Khước Gia là Thuần lại,⁽²⁾ *đều ban tước Quan nội hầu, để báo đáp sự chuyên cần của họ."*

Tư là người tuy làm việc phiền toái, nhưng hiểu biết tình huống về văn thư, kính người hiền lễ kẻ sĩ, dốc lòng với thời thế, cũng bởi thế hiển danh. Năm Chính Thủy trung, làm Đại tư nông, tuổi cao mắt quáng, cáu giận vô độ, quan lại cấp dưới ngao ngán chẳng biết duyên cớ vì sao. Bản tính ít tin người, bấy giờ có viên lại thuộc cấp cha bị ốm nặng, nhà ở gần bên ngoài sở quan, bởi thế bầm xin tạm nghỉ. Tư ngờ người kia không nói thật, nổi giận nói:

- Ở đời có kẻ nhớ vợ muốn về nói thác rằng mẹ bệnh, là nói việc này sao!

Bèn không cho về. Cha của viên lại chết vào sáng hôm sau, Tư không có ý hối. Tư làm việc khắc bạc đại loại như thế.

Tư lại nóng tính, có lần cầm bút viết thư, bị con ruồi đậu trên ngọn bút, xua đi lại bay đến, cứ thế hai ba lần. Tư nổi giận, tự đứng lên đuổi ruồi mà không đuổi được, quay về lấy bút ném xuống đất, xéo nát đi.

¹ Hà lại là những quan lại hà khắc.

² Bác lại tức là viên quan có sở học tạp nham không thuần nhất, Thuần lại là quan lại thuần chính hiền lương.

Bấy giờ có Thi Úy người quận Đan Dương, Nghê Nghi người Lỗ Quận, Hồ Nghiệp người quận Nam Dương cũng làm Thứ sử, Quận thú, người bấy giờ gọi họ là hà bạo.⁽¹⁾

Lại có người huyện Cao Dương là Lưu Loại, từng giữ chức Tế thủ,⁽²⁾ rất ác ngầm, vì khéo sửa sang nhân sự, chẳng đến mức là kẻ vô ích ở đời. Năm Gia Bình trung, làm Thái thú Hoằng Nông. Thuộc lại có hơn hai trăm người, Loại không cho ai nghỉ ngơi, chuyên sai phái họ làm những việc không cấp thiết. Ai có lỗi bất kể nặng nhẹ, lập tức tóm đầu họ, dùng gậy đánh loạn xạ, kéo ra rồi lại lôi vào, cứ như thế nhiều lần. Còn sai người đào đất tìm tiền, khắp sở quan, chợ búa, xóm làng, đều có hầm hố. Thêm nữa bề ngoài thác là tiết kiệm, mỗi khi xuất hành, vờ lệnh cho Đốc bưu không được bắt các thuộc quan cúi mình kính lễ ở bên đường, nhưng ngầm biết ai không đến, trong lúc nổi giận nói lời hại danh dự của họ.

Bản tính lại ít tin người, mỗi khi phái Đại lại⁽³⁾ ra ngoài, lập tức sai tiểu lại đi theo dò xét họ, ban ngày thường tự chọc tường vách ngó nghiêng, ban đêm sai tay chân dò xét các thuộc quan, lại vì tay chân chưa đủ tin tưởng, nên phái đầy tớ và nô tì sai thay nhau tra xét để kiểm nghiệm. Một lần đi tuần, dừng nghỉ đêm ở nhà dân. Nhà người dân có hai con chó đuổi theo con lợn, con lợn sợ chạy, lao đầu mắc giữa hàng rào, kêu ầm ĩ một lúc lâu. Loại cho rằng quan lại bên ngoài tự tiện cùng nhau ăn uống, không thềm tra xét, liền kêu Ngũ bách duệ ngũ quan duyệt là Tôn Bật vào, dầm đầu trách mắng. Bật đem sự thực đáp lại, Loại tự thẹn là mình không tìm hiểu rõ, vì thế mượn cớ hỏi sang việc khác.

Có người dân tên là Doãn Xương, năm ấy gần trăm tuổi, nghe tin Toại xuất hành, sắp đi qua đó, bèn bảo với đứa trẻ con rằng:

- Hãy dìu ta đến đón phủ quân, ta muốn bày tỏ ơn đức.

¹ Quan lại hà khắc và tàn bạo.

² Là người đứng đầu quận, cũng tương tự như Quận thú.

³ Đại lại (大吏) là thuộc hạ của các trưởng quan. Trong *Tôn tử binh pháp*, thiên *Địa hình* có câu “Đại lại giận mà không phục”, Tào Tháo chú giải binh pháp Tôn tử có chú rằng: “Đại lại, là tiểu tướng vậy.”

Đứa nhỏ dúi Xương đứng ở bên đường, Loại từ xa trông thấy, quát mắng đứa nhỏ rằng:

- Đưa người chết thế này, sai đến gặp ta sao.

Loại đối với người ta vô lễ, đại loại là như thế.

Theo tục cũ, dân chúng báng bổ trưởng quan có ba điều không được chấp nhận, đó là nói đến chữ thiên, chữ miễn và chữ tử vậy.⁽¹⁾ Loại ở Hoảng Nông, quan dân sợ Loại, bèn viết chữ lên cửa nhà mình rằng: "Lưu phủ quân có ba điều không chấp nhận." Loại tuy có nghe biết việc ấy, cũng chẳng tự thay đổi. Sau này An Đông tướng quân Tư Mã Văn vương tây chinh, trên đường qua Hoảng Nông, người quận Hoảng Nông tố rằng Loại già cả phóng túng chẳng thể đảm nhiệm chức Tế ở quận, Văn vương bèn triệu Loại về làm Ngũ quan Trung lang tướng.

Trương Ký tự Đức Dung, người quận Phùng Dục huyện Cao Lăng. Năm mười sáu tuổi, làm tiểu lại ở quận.① Sau trải nhiều chức vị thấp, được xét cử Hiếu liêm, không đi nhận chức. Thái tổ làm Tư không, cho triệu, không đến, được xét cử Mậu tài, đổi phong làm Tân Phong lệnh, việc cai trị đứng đầu vùng Tam Phụ.

Viên Thượng cự Thái tổ ở Lê Dương, phái Thái thú Hà Đông do mình đặt ra là Quách Viên, Thứ sử Tinh châu là Cao Cán cùng Thiên vu người Hung Nô đánh lấy Bình Dương, cử sứ giả sang tây cùng chư tướng ở Quan Trung hợp tung. Tư lệ Hiệu úy là Chung Do phái Ký thuyết bọn Tướng quân Mã Đằng, Ký đem lợi hại nói ra, bọn Đằng theo lời. Đằng phái con là Siêu đem hơn một vạn binh, cùng Do hợp tác đánh Cán, Viên, đại phá chúng, chém được thủ cấp Viên. Cán cùng Thiên vu đều hàng. Sau đó Cán lại đem cả Tinh châu làm phản. Người quận Hà

¹ Chữ thiên (迁) là dời chuyển, ý là chuyển chức, giáng chức; chữ miễn (免) là bãi bỏ, là truất, ý là bãi chức, cách chức, chữ tử (死) là nói cái chết.

Nội là Trương Thịnh có hơn vạn bộ chúng không quy phục ai, cướp bóc giữa vùng Hào, Mẫn, Vệ Cổ người quận Hà Đông, Trương Diễm người quận Hoằng Nông đều khởi binh hưởng ứng Thịnh. Thái tổ dùng Ký làm Nghị lang, tham dự việc quân giúp Do, sai sang tây gọi chư tướng là bọn Mã Đằng, khiến họ đều dẫn binh hợp đánh bọn Thịnh, phá chúng. Chém đầu bọn Diễm và Cổ, Cản trốn đến Kinh châu. Ký được phong làm Vũ Thủy đình hầu.

Thái tổ sắp đi xa đánh Kinh châu, nhưng bọn Đằng chia nhau chiếm Quan Trung. Thái tổ lại phái Ký đi dụ bọn Đằng, lệnh phải giải tán bộ khúc xin về triều. Đằng đã đồng ý nhưng lại do dự, Ký sợ có biến, bèn gửi công văn đến các huyện thúc chuẩn bị đồ nhu dụng, đem quan lại lĩnh bổng hai nghìn thạch ra đón ở ngoài thành. Đằng bất đắc dĩ, phải đi về phía đông. Thái tổ dâng biểu tiến cử Đằng làm Vệ úy, con của Đằng là Siêu làm Tướng quân, thống quản bộ chúng của Đằng. Sau Siêu phản, Ký theo Thái tổ phá Siêu ở Hoa Âm, sang tây bình định vùng Quan Hữu. Thái tổ lấy Ký làm Kinh Triệu doãn, Ký chiêu tập vỗ về dân ly tán, gây dựng lại huyện ấp, trăm họ nhớ ơn Ký.

Nước Ngụy đã dựng, Ký làm Thượng thư, rồi ra làm Thứ sử Ung châu.

Thái tổ bảo Ký rằng:

- Ngài về bản châu, có thể nói là mặc áo gấm đi giữa ban ngày rồi.

Ký theo đi đánh Trương Lỗ, cầm riêng quân từ Tản Quan vào đánh dẹp rợ Đê phản loạn, thu lúa mạch của chúng để cấp lương cho quân. Lỗ hàng, Ký khuyên Thái tổ dời mấy vạn hộ dân Hán Trung để lấp đầy dân số ở Trường An và vùng Tam phụ. Sau đấy Ký cùng Tào Hồng phá Ngô Lan ở Hạ Biện, lại cùng Hạ Hầu Uyên đánh Tống Kiến, cầm riêng quân đánh Lâm Thao, Địch Đạo, bình được cả.

Bấy giờ, Thái tổ dời dân để sung vào Hà Bắc, dân chúng ở các quận Lũng Tây, Thiên Thủy, Nam An đều kinh nhiễu, pháp phòng không yên, Ký tạm dùng người của ba quận làm tướng lại công bố miễn thuế khóa cho họ, sai sửa sang nhà cửa, làm cối giã gạo bằng sức nước, lòng dân mới yên.

Thái tổ muốn rút quân giữ Hán Trung, lo rằng Lưu Bị lên bắc lấy Vũ Đô vỗ về người Đê để tiến bức Quan Trung, liền hỏi Ký. Ký nói:

- Ta nên khuyên người Đê lên bắc tới chỗ có lương thực để tránh giặc, ai đến trước thì ban thưởng hậu cho họ, kẻ đến trước được lợi, kẻ sau tất bắt chước thôi.

Thái tổ theo kế sách của Ký, bèn tự đến Hán Trung dẫn dắt chư quân, lệnh cho Ký đi Vũ Đô, dời hơn năm vạn nhà người Đê ra trú ở địa giới các quận Phù Phong, Thiên Thủy.^②

① *Ngụy lược* chép: Ký vốn xuất thân từ nhà nghèo, nhưng là người có đáng uy nghi. Thời trẻ khéo viết số, làm môn hạ giữ chức tiểu lại ở quận, nên nhà có cửa. Ký tự nghĩ là mình xuất thân nghèo hèn, không có cách gì để thành đạt, mới thường gắng sức vào đao bút⁽¹⁾ và bản tấu, dò xem các Đại lại có ai thiếu sót thì lập tức giúp họ, vì thế được người ta biết đến.

② *Tam phụ Quyết lược chú* chép: Ký lúc còn là trẻ con, Công tào của quận là Du Ân xét cho là lạ, bảo Ký qua nhà mình, Ký cung kính vâng lời. Ân về trước, lệnh sai người nhà bày cỗ đãi khách. Lúc Ký đến, người vợ của Ân cười nói:

- Ông làm người chẳng! Trương Đức Dung là đứa trẻ ranh, sao coi là khách lạ vậy!

Ân nói:

- Ngươi chó lấy làm lạ, hẳn là người có tài phương bá vậy.

¹ Thời xưa ít giấy viết, thường viết lên thẻ tre, phải dùng vật nhọn khắc lên đó, đao bút là công cụ để viết chữ thời xưa vậy.

Ân bèn cùng Ký bàn luận về sách lược Bá vương. Ân xong, Ân đem con mình là Sở phó thác cho Ký; Ký nhún nhường không nhận, Ân cố gửi gắm, Ký vì Ân là người được quận trọng vọng, khó trái ý Ân, bèn đồng ý việc ấy.

Ân trước cùng Tư lệ Hiệu úy là Hồ Chấn có hiềm khích, Chấn vu hãm giết Ân. Ân chết được hơn một tháng, Chấn cũng mắc bệnh nặng, tự nói một mình rằng: "Ta nhận tội, ta nhận tội, Du Công tào đưa quỷ đến rồi." Vì thế mà chết. Vào thời ấy, người Quan Trung khen Ân rằng: "Sống có cái sáng suốt của kẻ biết xét người, chết có cái linh ứng của bậc thần minh."

Con của Ân là Sở, tự Trọng Doãn, làm Bồ Phán lệnh. Lúc Thái tổ định Quan Trung, Hán Hung khuyết chức Quận thú, Thái tổ đem việc hỏi Ký, Ký khen Sở tài kiêm văn võ, Thái tổ bèn lấy Sở làm Thái thú Hán Hung. Sau chuyển làm Thái thú Lũng Tây.

Ngụy lược chép: Sở là người khảng khái, trái ngôi vị Tể thủ, ở sở quan dùng ân đức để trị, chẳng thích dùng hình giết chóc. Năm Thái Hòa trung, Gia Cát Lượng tiến binh ra Lũng Hữu, quan dân nhiều động. Thái thú các quận Thiên Thủy, Nam An đều bỏ quận trốn về đông, chỉ có Sở giữ quận Lũng Tây, triệu hội quan dân, bảo họ rằng:

- Thái thú ta không có ân đức. Nay binh Thục đến, quan dân các quận đều đã hưởng ứng chúng, đây cũng là lúc các ngài được phú quý vậy. Thái thú vốn là người giữ quận của quốc gia, về nghĩa phải chết cùng quận, các ngài hãy lấy đầu Thái thú ta đem qua bên đó.

Quan dân đều nhỏ nước mắt, nói:

- Xin cùng sống chết với minh phủ, không hai lòng.

Sở lại nói:

- Quan khanh nếu chẳng muốn thế, ta vì các khanh vạch một kế. Nay người ở hai quận phía đông đã bỏ đi, tất có giặc đến, ta chỉ nên cùng nhau giữ vững. Nếu quốc gia đến cứu, giặc cướp tất bỏ đi, đấy là một quận giữ nghĩa, người người được tước lộc vẻ vang vậy. Nếu quan quân không đến cứu, quân Thục đánh ngay một

gấp, các người hãy bắt Thái thú ta rồi ra hàng, cũng chưa muộn vậy.

Quan dân bèn giữ thành. Người quận Nam An quả nhiên đưa quân Thục đến, tiến đánh Lũng Tây. Sở nghe tin giặc đến, bèn phái Trương sử là Mã Ngung ra cửa thành bày trận, rồi tự mình ở trên thành bảo rõ với tướng Thục, nói:

- Bọn người nếu có thể cắt đứt đường ở Lũng, khiến binh phía đông không lên được, trong vòng một tháng, quan lại dân chúng ở Lũng Tây không đánh tự phục; nếu các người không làm được, thì tự làm mình mệt mỏi thôi.

Rồi sai Ngung gõ trống đánh lại, người Thục bèn rút. Hơn chục ngày sau, chư quân đến Lũng Tây, Gia Cát Lượng tan chạy. Nam An, Thiên Thủy đều mắc tội vì ứng theo Lượng bị diệt, Thái thú hai quận đều nhận trọng hình, còn Sở vì có công được phong làm Liệt hầu, các Trương sử và thuộc quan đều được ban thưởng phong bá.

Để khen việc cai trị của Sở, hạ chiếu cho đặc cách được về triều nghe chính sự, dấy lên thượng diện. Sở là người thấp bé nhưng tiếng nói vang, bởi từ chức Lại nổi lên, mới đầu không biết lễ triều kiến bậc quân chủ, nhận chiếu bước lên thêm, chẳng biết nghi thức, Đế lệnh cho Thị trung dẫn lên, hô "Thái thú Lũng Tây bước lên!" Sở đáng lý phải đáp là "Dạ", nhưng lại nói to là "Ừ." Đế ngoảnh đi mà cười, rồi úy lạo khuyến khích Sở. Bãi hội, Sở tự dâng biểu xin ở lại làm Túc vệ, được bá làm Phò mã đô úy.

Sở không có học vấn, nhưng bản tính thích nghe nhạc tiêu khiển. Vì thế nuôi bọn con hát, người đánh đàn tỳ bà, đàn tranh, người thổi tiêu, mỗi khi đi đâu lại đem họ đi theo. Sở ở sở quan thường chơi xúc xắc, ném thẻ vào hồ, hơn hờ tự vui. Được mấy năm, lại ra làm Thái thú Bắc Địa, hơn bảy mươi tuổi thì chết.

Bấy giờ, bọn Nhan Tuấn người quận Vũ Uy, Hòa Loan người quận Trương Dịch, Hoàng Hoa người quận Tửu Tuyền, Khúc Diễn người quận Tây Bình đều đem cả quận làm phản, tự xưng hiệu là Tướng quân, lại công đả lẫn nhau. Tuấn phái sứ giả đưa

mẹ và con mình đến chỗ Thái tổ làm con tin, xin giúp đỡ. Thái tổ hỏi Ký, Ký nói:

- Bọn Tuấn bề ngoài mượn cái uy của quốc gia, bên trong kiêu căng làm trái, kế đã định lực đã đủ, sau sẽ đến lúc làm phản thôi. Việc hiện nay của ta là định xứ Thục, vả lại để hai bên tồn tại mà đấu với nhau, ta cũng như Biện Trang Tử đâm hổ, ngồi đợi xem cái chết của chúng vậy.⁽¹⁾

Thái tổ nói:

- Hay.

Được hơn một năm, Loan bèn giết Tuấn, người quận Vũ Uy là Vương Bí lại giết Loan.

Bấy giờ không đặt ra Lương châu, từ Tam Phụ dần về Tây Vực, đều thuộc Ung châu. Văn đế tức vương vị, mới đặt ra Lương châu, lấy Thái thú An Định là Trâu Kì làm Thứ sử. Người quận Trương Dịch là Trương Tiến bắt giữ Quận thú rồi cất binh chống Kì, bọn Hoàng Hoa, Khúc Diễn đều trực xuất Thái thú cũ, cất binh hưởng ứng Tiến. Ký tiến binh giúp thanh thế cho Hộ Khương hiệu úy là Tô Tắc, cho nên Tắc nhờ thế lập công. Ký được tấn phong tước Đô hương hầu.

Rợ Hồ ở quận Lư Thủy thuộc Lương châu là bọn Y Kiện Kì Thiếp và Trị Nguyên Đa làm phản, vùng Hà Tây cực kỳ nhiễu loạn. Để lo việc ấy, nói:

- Không phải Ký thì chẳng ai yên được Lương châu.

Bèn triệu Trâu Kì về, dùng Ký thay Kì. Để hạ chiếu rằng:

¹ Biện Trang Tử (卞庄子) là đại phu nước Lỗ thời Xuân Thu, có sức khỏe. Một lần đi săn, muốn đâm con hổ, có đứa trẻ ở quán trọ nói: “Hai con hổ sắp ăn thịt con trâu, ăn ngon miệng sẽ tranh giành cắn lẫn nhau. Chúng đánh nhau thì con lớn bị thương, con nhỏ tắt chết. Nhắm con bị thương mà đâm, thì làm một việc được cả hai.” Biện Trang Tử nghe theo, quả nhiên thu được hai con hổ.

"Trước kia Giả Phục xin cầm quân đánh giặc Yển, Quang Vũ cười nói: 'Chấp kim ngô đi đánh Yển, ta lo gì nữa?'"⁽¹⁾ Khanh mưu lược hơn người, nay là lúc đem dùng vào việc. Cho Khanh tùy nghi theo việc mà làm, không phải thỉnh mệnh trước."

Lại phái bọn Hộ quân là Hạ Hầu Nho, Tướng quân là Phí Diêu theo sau Ký. Ký đến Kim Thành, muốn vượt sông, chừ tướng giữ ở đó cho là "Bình ta ít mà đường hiểm trở, không nên thâm nhập." Ký nói:

- Đường đi dấu hiểm, cũng không bằng ải Tinh Hình,⁽²⁾ rợ Di Địch là bọn ô hợp, không có cái kế dùng xe để đi, nay Vũ Uy nguy cấp, nên tức tốc đến ngay.

Bèn vượt sông. Hơn bảy nghìn quân kỵ của giặc đón chặn quan quân ở Chiêm Âm khẩu, Ký đánh tiếng là quân theo lối Chiêm Âm, rồi ngấm theo lối Thả Thứ ra đến Vũ Uy. Rợ Hồ cho là thần, rút về Hiên Mĩ. Ký chiếm được Vũ Uy rồi, Diêu mới đến, bọn Nho còn chưa tới nơi. Ký úy lạo thưởng cho tướng sĩ, lại muốn tiến quân đánh rợ Hồ. Chừ tướng đều nói:

- Sĩ tốt mỗi mệt, giặc rợ đông khí thế mạnh, khó cùng chúng tranh phong được.

Ký nói:

- Nay quân ta không nhìn thấy lương ăn, phải trông vào cửa cái của địch. Nếu giặc rợ thấy quân ta hợp binh, lui về dựa vào núi thẳm, ta đuổi theo chúng thì đường hiểm đói khổ, ta quay về

¹ Giả Phục (贾复), tự Quân Văn (君之), người quận Nam Dương huyện Quán Quân, xuất thân là nho sinh. Năm cuối thời Tân Mãng, tụ tập mọi người làm lục lâm, sau theo Quang Vũ để Lưu Tú, nhận chức Đô hộ tướng quân. Lưu Tú tức vị, Giả Phục làm Chấp kim ngô, tước Giao Đông hầu. Sau này đi đánh Yển vương là Đoàn Tôn và chừ tướng ở miền nam chưa thần phục. Xem thêm chú thích về Giả Phục ở tập I, quyển 1, trang 60 (Vũ đế ký).

² Tinh Hình (井陘) là cửa ải thiết yếu rất hiểm trở xuất phát từ mạch núi Hành Sơn, còn gọi là Thổ môn quan, đây là yếu địa quân sự thời Tần Hán. ải này bốn bề cao vút, ở vùng giữa sâu lút như cái giếng, cho nên gọi là Tinh Hình.

thì giặc ra rình cướp. Như thế, việc binh không dứt, đấy gọi là "một ngày thả địch, lo vạ nhiều đời" vậy.

Rồi tiến quân đến Hiên Mĩ. Quân kỵ của rợ Hồ có mấy nghìn, nhân có gió lớn muốn phóng hỏa đốt doanh trại, tướng sĩ đều sợ hãi. Ký nhân đêm tối giấu ba nghìn binh tinh nhuệ mai phục, sai Tham quân là Thành Công Anh đốc hơn nghìn quân kỵ ra khiêu chiến, lệnh sai lui về hướng nam. Rợ Hồ quả nhiên tranh nhau đuổi theo, Ký nhân đó huy động phục binh cắt đứt đường phía sau bọn chúng, đầu đuôi tiến đánh, đại phá chúng, bắt chém địch tính kể vạn.^① Đế rất hài lòng, hạ chiếu rằng:

"Khanh vượt sông trải tận gian hiểm, lấy quân mới đánh quân nhàn, lấy ít thắng nhiều, công quá Nam Trọng, siêng hơn Cát Phủ.⁽¹⁾ Công này không chỉ là phá quân Hồ, mà khiến vùng Hà Hưu yên bình mãi, ta không phải luôn lo lắng ngoảnh về tây."

Rồi đổi phong tước là Tây hương hầu, tăng thực ấp hai trăm hộ, gộp cả số lúc trước là bốn trăm hộ.

① *Ngụy lược* chép: Thành Công Anh, người quận Kim Thành. Năm Trung Bình mạt, theo Hàn Ước⁽²⁾ làm kẻ phúc tâm. Năm Kiến An trung, Ước từ Hoa Âm thua chạy, quay về Hoàng Trung, bè đảng bộ khúc tan rã, duy có mình Anh đi theo.

Diễn lược chép: Hàn Toại ở Hoàng Trung, con rể của Toại là Diêm Hành muốn giết Toại ra hàng, trong đêm vây đánh Toại, không hạ được. Toại than thở rằng:

¹ Thời nhà Chu, lúc chuẩn bị đông tiến diệt nhà Thương, có mối lo sau lưng là rợ Côn Di, Quỷ Phương, Hiêm Duẩn (thời Tần Hán gọi là Hung Nô). Cơ Xương lệnh cho Nam Trọng (南仲) đem quân phạt rợ Hiêm Duẩn, Nam Trọng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trừ mối lo hậu phương cho Cơ Xương.

Cát Phủ (吉甫) là đại quan thời Chu Tuyên vương, có công lớn trong việc đánh dẹp rợ Hiêm Duẩn quấy nhiễu ở phương bắc. Thiên *Tiểu nhã* trong *Kinh Thi* có câu: "Cát Phủ tài kiêm văn võ, là người hiền của muôn bang."

² Tức Hàn Toại, tự Văn Ước.

- Bậc trượng phu gặp cảnh khốn cùng, họa nổi lên từ hôn nhân chẳng?

Rồi bảo Anh rằng:

- Nay thân thích bội phản, người đồng hóa thành ít, nên từ Khương Trung xuôi tây nam đến Thục thôi.

Anh nói:

- Cất quân mấy chục năm, nay tuy tan bại, sao bỏ nhà mình mà đến nương tựa người khác được!

Toại nói:

- Ta tuổi lên lão rồi, người định bày kế thế nào?

Anh nói:

- Tào công chẳng thể đi xa đến đây, chỉ có mình Hạ Hầu thôi. Bộ chúng của Hạ Hầu chẳng đủ để đuổi ta, lại không thể ở lâu được; ta tạm nghỉ ngơi ở Khương Trung, đợi họ rút đi. Rồi kêu gọi người cũ, vỗ về tụ tập người Khương, người Hồ, vẫn có thể làm nên việc vậy.

Toại theo kế ấy. Bấy giờ trai gái đi theo còn mấy nghìn người. Toại vốn có ân với người Khương, người Khương bèn báo hộ Toại. Lúc Hạ Hầu Uyên quay về, sai Diêm Hành lưu lại phía sau. Anh bèn tụ họp mấy vạn quân Khương, Hồ đánh Hành, Hành muốn bỏ chạy, vừa gặp lúc Toại chết, Anh đến hàng Thái tổ. Thái tổ gặp Anh rất mừng, cho làm Quân sư, phong tước Liệt hầu.

Anh đi theo săn bắn, có ba con hươu chạy vượt lên phía trước, Công lệnh cho Anh bắn chúng, ba phát trúng cả ba, đều nghe tiếng cung thì hươu ngã. Công vỗ tay bảo Anh rằng:

- Chỉ Hàn Văn Ước có thể làm người hết lòng, mà riêng với Cô thì người không thể hết lòng là sao?

Anh bèn xuống ngựa rồi quỳ mà nói:

- Chẳng dối mình công. Ví như chủ cũ của Anh này vẫn còn, thần thật chẳng đến đây vậy.

Rồi rơi nước mắt khóc nức nở. Công khen lòng thành với chủ cũ của Anh, vì thế thân gần kính trọng Anh. Vào khoảng giao thời

giữa năm Diên Khang và Hoàng Sơ, ở Hà Tây có kẻ mưu phản. Để hạ chiếu phái Anh giúp quân Lương châu bình Lũng Hữu, Anh bị bệnh chết.

Diễn lược chép: Diêm Hành, người quận Kim Thành, sau có tên là Diễm, tự Ngạn Minh. Thời trẻ có tiếng là khỏe mạnh, ban đầu làm tiểu tướng, đi theo Hàn Ước.

Năm Kiến An sơ, Ước và Mã Đằng công đá lẫn nhau. Con của Đằng là Siêu cũng có tiếng là người khỏe. Hành từng đâm Siêu, mâu gãy, nhân đó dùng ngọn mâu gãy đâm vào cổ Siêu, suýt giết được. Đến năm thứ mười bốn, Hành được Ước sai đến chỗ Thái tổ. Thái tổ hậu đãi Hành, dâng biểu xin bái làm Thái thú Kiền Vi. Hành nhân đó thỉnh mệnh cho cha mình vào triều làm Túc vệ, rồi quay về phương tây diện kiến Ước, tuyên lệnh truyền của Thái tổ rằng:

"Kính tạ Văn Ước:

Khanh ban đầu khởi binh, bởi bị người ta bức bách, điều đó ta biết rõ vậy. Ngài nên sớm đến đây, cùng ta phò tá quốc triều."

Hành nhân đó bảo Ước rằng:

- Hành cũng là Tướng quân, hưng binh đến nay đã hơn ba mươi năm, quân dân mệt nhọc, ở chỗ này chật hẹp, nên đã sớm tới đó nương dựa. Thế nên lúc trước ở huyện Nghiệp, tự bạch xin đưa cha già đến kinh sư, nay ta chân thành khuyên Tướng quân cũng nên phái một con đến, để tỏ rõ tấm lòng son của mình.

Ước nói:

- Ta tạm thời đợi xem mấy năm nữa đã!

Về sau mới phái con đi, cùng cha mẹ Hành đều sang đông. Gặp lúc Ước sang tây đánh dẹp Trương Mãnh, lưu Hành lại giữ doanh cũ, nhưng bọn Mã Siêu kết mưu phản, cử Ước làm Đô đốc. Lúc Ước về, Siêu bảo Ước rằng:

- Trước đây Chung tư lệ tin dùng Siêu sai bắt lấy Tướng quân, người Quan Đông chẳng nên theo phục tin tưởng họ vậy. Nay Siêu mất cha, lấy Tướng quân làm cha. Tướng quân cũng sắp mất con, hãy coi Siêu là con.

Hành can Ước, không muốn Ước hợp mưu với Siêu. Ước bảo Hành rằng:

- Nay chư tướng không mưu tính mà cùng ý, là bởi số trời.

Bèn sang đông đến Hoa Âm.

Lúc Thái tổ cùng Ước giao đầu ngựa nói chuyện, Hành ở ngay phía sau, Thái tổ trông sang bảo Hành rằng:

- Ta đang nghĩ đến việc làm hiếu tử.

Lúc bọn Siêu tan chạy, Hành theo Ước về Kim Thành. Thái tổ nghe nói Hành có ý trước, nên chỉ giết con cháu của Ước tại kinh sư. Lại tự tay viết thư gửi Hành nói:

"Xem cái việc mà Văn Ước làm, khiến người ta chê cười. Ta trước sau gửi thư cho hắn, không có chỗ nào không khuyên nhủ. Như thế sao ta có thể nhẫn nhịn được nữa! Khanh vì cha có lời can, bởi thế được bình yên vậy. Tuy nhiên, trong chốn lao tù, không phải là chỗ dưỡng người thân, vả lại nhà ta cũng chẳng thể là nơi dưỡng người già mãi được."

Ước nghe tin cha của Hành ở một mình, lại sắp cùng bị hại, muốn khiến Hành toàn tâm toàn ý với mình, bèn miễn cưỡng đem con gái nhỏ gả cho Hành, Hành bắt buộc dĩ phải lấy. Thái tổ quả nhiên ngờ Hành. Lúc Ước sai Hành một mình quản quận Tây Bình. Hành thống suất bộ khúc của mình, cùng tướng của Ước công đá nhau. Hành không thắng, bèn đem người nhà sang đông đến chỗ Thái tổ. Thái tổ dâng biểu bái làm Liệt hầu.

Người quận Tुरू Tuyên là Tô Hành làm phản, cùng hào kiệt người Khương là Lân Đái và hơn một vạn quân kỵ tộc Đinh Linh người Hồ tấn công các huyện biên ải. Ký cùng Hạ Hầu Nho đánh phá chúng, Hành và bọn Lân Đái đều hàng. Ký bèn dâng sớ xin cùng Nho tu sửa thành trì, đắp chương ngại vật để ngăn trở, đặt dụng phong hỏa đài và chòi canh để phòng bị người Hồ.^① Người Khương ở phương tây sợ hãi, đem hơn hai vạn nhà đến hàng.

Sau đó Khúc Quang người quận Tây Bình giết Quận thú quận ấy, chư tướng muốn đánh hắn, Ký nói:

- Chi bọn Quang tạo phản, người trong quận vị tất đã đồng lòng. Nếu ta tự tiện đem quân đến đó, quan dân Khương, Hồ tất cho là quốc gia chẳng phân biệt thị phi, lại khiến cho tất cả cầm giữ nhau, đấy là giúp hổ thêm cánh vậy. Bọn Quang muốn dùng người Khương, Hồ làm hậu viện, nay ta sai người Khương, Hồ đánh úp chúng trước, lại ban thưởng rộng cho họ, những thứ của giặc mà họ cướp được, đều ban cho họ. Bên ngoài làm tan vỡ thế lực của chúng, bên trong chia rẽ mối liên kết của chúng, tất chẳng đánh mà định được.

Bèn phát hình cáo dụ các tộc Khương, ai bị bọn Quang lừa dối theo giúp hấn thì tha tội; ai chém được đầu lĩnh của giặc đưa đến sẽ được khen ngợi phong thưởng. Vì thế bộ khúc bề đảng chém đưa đầu Quang đến, bọn còn lại đều được ở yên như cũ.

① *Nguy lược* chép: Nho tự Tuấn Lâm, là em họ của Hạ Hầu Thượng. Ban đầu làm Kiêu kỵ tư mã của Yển Lăng hầu Tào Chương, sau đến giúp việc cho Chinh nam tướng quân, đô đốc Kinh châu, Dự châu là Tuyên vương. Năm Chính Thủy thứ hai, Chu Nhiên vây Phàn Thành, tướng giữ trong thành là bọn Ất Tu cầu cứu rất gấp. Nho tiến lên đóng đồn ở Đặng Tắc, vì binh ít không dám tiến, chỉ gõ chiêng trống, đặt quân dò đường, cách chỗ Nhiên sáu bảy dặm, diễu quanh rồi quay về, khiến bọn Tu ở xa trông thấy quân cứu, mấy lần như thế. Hơn một tháng, lúc Thái phó đến, bèn cùng nhau tiến lên, bọn Nhiên bỏ chạy. Người bấy giờ bảo là Nho hèn nhát, có kẻ cho rằng Nho tỏ rõ lấy quân ít nghi binh làm quân nhiều, lấy tiếng là đến cứu kịp thời. Nho bởi vì việc ấy được triệu về, làm Thái phó.

Ký coi sóc hai châu hơn chục năm, nhân chính đức chính đều sáng rõ, những người được Ký dùng lễ triệu đến như Bàn Diên người quận Phù Phong, Dương Phụ người quận Thiên Thủy, Hồ Tuân người quận An Định, Bàn Dục người quận Tửu Tuyền, Trương Cung, Chu Sinh Liệt người quận Đôn Hoàng, cuối cùng đều có danh tiếng và ngôi vị. ① Năm Hoàng Sơ thứ tư Ký chết. Đế hạ chiếu rằng:

"Xưa kia Tuân Hoàn Tử lập công huân ở đất Địch, Tấn hầu ban thưởng ấp một nghìn nhà; Phùng Dị dốc sức vì Hán triều, Quang Vũ phong tước cho hai con của Dị.⁽¹⁾ Cố Thứ sử Lương châu là Trương Ký, có tài trị dân nuôi dưỡng sức quân, khiến các tộc Khương quy thuận, có thể nói là bậc lương thần của quốc gia. Nay bất hạnh qua đời, trẫm rất xót thương, ban cho con nhỏ của Ký là Ông Quy tước Quan nội hầu."

Minh đế tức vị, truy thụy cho Ký là Túc hầu, con của Ký là Tập nối tự.

① *Ngụy lược* chép: Ban đầu, Ký làm tiểu lại ở quận, Công tào là Từ Anh từng tự mình đánh Ký ba chục roi. Anh tự Bá Tế, thuộc dòng họ nổi tiếng ở Phùng Dục, năm Kiến An sơ làm Bồ Phán lệnh. Anh bản tính cương cường cố chấp, tự thấy dòng họ mình hơn Ký, danh tiếng đứng đầu ở hương ấp, thêm nữa vì trước đó đã làm nhục Ký, tuy biết Ký quý hiển, nhất định không chịu cầu cạnh Ký. Ký tuy đắc chí, cũng chẳng đoái hoài đến căn nguyên trước, vẫn muốn cùng Anh hòa thân. Có lần nhân lúc say rượu thân thiện đùa bỡn với Anh, Anh cố cự tuyệt không nhận. Anh bởi thế không được tiến dụng nữa. Cho nên người bấy giờ khen Ký không giấu oán cũ, lại khen Anh không chịu uốn lưng cúi mình.

Tập làm Trung thư lang rồi dần dần được thăng lên làm Thái thú Đông Hoàn.

Năm Gia Bình trung, vì con gái làm Hoàng hậu, được triệu về bái làm Quang lộc đại phu, ngôi vị Đặc tiến, phong cho vợ là

¹ Tuân Hoàn Tử tức Tuân Lâm Phụ (荀林父), gốc họ Cơ tên Lâm Phụ, là tông chủ đầu tiên của Trung Hàng thị, một trong Lục khanh của nước Tấn thời Xuân Thu. Thời là nguyên soái trong quân, từng có công đánh lấy đất của nước Địch.

Phùng Dị (冯异) tự Công Tôn, người quận Dĩnh Xuyên huyện Phụ Thành, là khai quốc công thần của Hán Quang Vũ đế Lưu Tú, đứng trong hàng "Vân đài nhị thập bát tướng". Phùng Dị từng giữ chức Chinh tây Đại tướng quân, lập vô số công lao. Hai con của ông là Phùng Chương và Phùng Hân đều được phong tước hầu.

Hướng làm An Thành hương quân. Tập cùng Trung thư lệnh là Lý Phong đồng mưu, bị giết. Việc nói ở *Hạ Hầu Huyền truyện*.^①

① *Ngụy lược* chép: Tập tự Kính Trọng, năm Thái Hòa trung làm Ôn lệnh, có tiếng là khéo về cai trị. Gặp lúc Gia Cát Lượng xuất binh, Tập dâng kế sách có lợi, Đế hạ chiếu hỏi Trung thư lệnh là Tôn Tư, Tư cho là người có mưu lược, bèn triệu đến bãi làm Kỵ đô úy, phái đi tham dự việc đánh Thục. Việc quân xong, về triều làm Thượng thư lang, vì làm việc xứng chức được Minh đế biết đến.

Đế cho rằng tài năng của Tập có thể kham nổi nhiều việc, thử gọi thầy tướng đến xem tướng cho Tập. Thầy tướng nói rằng:

- Chẳng quá chức nhĩ thiên thạch.

Đế nói:

- Tài năng như thế mà nói chỉ làm đến chức hai nghìn thạch sao?

Lúc ở quận Đông Hoàn, lĩnh binh mấy nghìn người. Tập bản tính bủn xỉn mà hay khoe khoang quyền thế, một ngày vì người con gái được vờ đón rời khỏi quận, lúc quay về ngồi trong phủ xá, áy náy bứt rứt. Tập mấy lần vì quốc gia bày hình thế đánh Ngô, Thục, lại từng đối đáp với Tư mã Đại tướng quân đồ rằng Gia Cát Khác tuy đắc thắng ở biên địa, nhưng không lâu sẽ bị giết. Đại tướng quân hỏi về nguyên do việc ấy, Tập nói rằng:

- Oai lẫn chủ, công trùm nước, muốn không chết có được chăng?

Đến lúc Khác từ Hợp Phì quay về, Ngô chủ quả nhiên giết Khác. Đại tướng quân nghe tin Khác chết, bảo chúng nhân rằng:

- Gia Cát Khác có nhiều kẻ phản thay! Gần đây Trương Kính Trọng bàn luận sâu sắc về Khác, cho là tất bị giết. Nay quả nhiên như thế. Cái trí của Kính Trọng hơn hẳn Khác vậy.

Tập và Lý Phong là thông gia, lại ở ngay cạnh nhau. Bấy giờ Phong vội vàng mưu phản, con của Phong là Miếu qua gặp Tập, có bàn mưu. Phong bị bắt, việc liên lụy đến Tập, vì thế bị bắt đến chỗ Đình úy, ban cho tự xử ở trong ngục, các con của Tập đều bị giết.

Cháu của Tập là Ân, năm Vĩnh Hưng trung thời nhà Tấn làm Thứ sử Lương châu, việc thấy ở *Tấn thư*.

Ôn Khôi tự Man Cơ, người quận Thái Nguyên huyện Kỳ. Cha của Khôi là Thứ, làm Thái thú quận Trác, chết. Khôi mới mười lăm tuổi, đưa tang cha về quê, trong nhà nhiều tiền của. Khôi nói:

- Đang đời loạn lạc, giàu có mà làm gì?

Một sớm đem tiêu tán hết, cứu giúp người trong tông tộc. Người trong châu ca tụng, so sánh Khôi với Tuân Việt.⁽¹⁾

Khôi được xét cử Hiếu liêm, phong làm trưởng huyện Lâm Khâu, rồi làm Lệnh ở các huyện Yên Lăng, Quảng Xuyên, làm Lỗ tướng, Bành Thành tướng, ở đâu cũng được địa phương ca ngợi. Sau về triều làm Chủ bộ cho Thừa tướng, rồi ra làm Thứ sử Dương châu.

Thái tổ nói:

- Ta muốn để khanh bên cạnh ta, song lại cho rằng việc đó chẳng quan trọng bằng việc ở trong châu. *Kinh Thư* nói: "Bây tôi tay chân tốt thay! Mọi việc yên bình thay!"⁽²⁾ Ta há không để Tướng Tế làm Trị trung cho người được sao?

Bấy giờ Tế làm Thái thú Đan Dương, Thái tổ bèn phái Tế về châu. Lại nói với bọn Trương Liêu, Nhạc Tiến rằng:

- Thứ sử Dương châu thấu tỏ việc quân, có động tĩnh gì phải cùng nhau thương nghị.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Tôn Quyền công Hợp Phì, thời ấy các châu đều đóng quân giữ biên cảnh. Khôi bảo Thứ sử Duyện châu là Bùi Tiềm rằng:

¹ Tuân Việt (郇越), tự Thần Trọng, người quận Thái Nguyên, sống vào thời Tây Hán, được châu cử làm Mậu tài, thác bệnh từ quan. Ông từng phát tán gia sản đem gồm hơn bốn vạn tiền chia cho chín họ trong tộc, nổi danh ở đời.

² Tương truyền rằng lúc Ngưu Thuấn trị vì, thiên hạ thịnh trị, vua và bầy tôi là Cao Đào xướng họa, làm ra bài ca trong đó có mấy câu là "Cổ quảng lương tai! Thứ sự khang tai!" Ý nói rằng vua tôi trên dưới hòa hợp làm một như đầu và chân tay, mọi việc đều bình yên, muôn dân thịnh trị. Câu này được chép ở *Kinh Thượng thư*, *Cao Đào mô*.

- Vùng này dầu có giặc, chẳng đủ để lo, nhưng sợ rằng Chinh nam⁽¹⁾ sẽ có biến. Nay nước sông lên mà Tử Hiếu quân cô, không có phòng bị từ xa. Quan Vũ kiêu dũng tinh nhuệ, thừa lợi mà tiến, tất thành mối họa.

Quả nhiên xảy việc ở Phàn Thành. Có chiếu thư triệu bọn Tiềm và Thứ sử Dự châu là Lã Cống, bọn Tiềm cứ dềnh dàng. Khôi ngầm nói nhỏ với Tiềm rằng:

- Thế này tất có cáo cấp ở Tương Dương, người lập tức qua đó ngay đi. Sợ dĩ chẳng triệu tập gấp, ấy là không muốn kinh động mọi người ở xa. Trong một hai ngày tới tất có mật thư thúc giục người lên đường, bọn Trương Liêu cũng sắp bị triệu. Bọn Liêu vốn hiểu ý của Vương, nên triệu sau mà đến trước, người sẽ chịu trách phạt thôi!

Tiềm vâng chịu lời ấy, bỏ đồ truy trọng, thay bằng hành trang nhẹ nhàng tức tốc khởi hành, quả nhiên có lệnh thúc giục. Bọn Liêu không bao lâu đều bị triệu, đúng như Khôi dự liệu.

Văn đế lên ngôi, lấy Khôi làm Thị trung, rồi cho ra làm Thái thú Ngụy quận. Được mấy năm, thăng làm Thứ sử Lương châu, cầm cờ tiết lĩnh chức Hộ Khương hiệu úy. Trên đường đi bị bệnh chết, năm ấy bốn mươi lăm tuổi. Đế hạ chiếu rằng:

"Khôi có khí chất của bậc rường cột, phụng sự tiên đế, chuyên cần lão luyện công huân sáng rõ. Lúc giúp trấn nắm việc, trung với vương thất, nên được trao gánh vác chức trách vạn dặm, đảm nhiệm việc ở một phương. Nhưng sao chẳng thỏa, ta rất xót thương!"

Rồi ban cho con của Khôi là Sinh tước Quan nội hầu. Sinh chết sớm, tước bị dứt tuyệt.

Sau khi Khôi chết, người quận Nhữ Nam là Mạnh Kiến làm Thứ sử Lương châu, cai trị rất có tiếng, làm quan đến chức Chinh đông tướng quân.^①

¹ Túc Tào Nhân, tự Tử Hiếu bấy giờ đang giữ chức Chinh nam tướng quân.

① *Ngụy lược* chép: Kiến tự Công Uy, thời trẻ cùng Gia Cát Lượng đều đi du học. Lượng sau này ra Kỳ Sơn, lúc đáp lại thư của Tư Mã Tuyên vương, nhờ Đỗ Tử Tự⁽¹⁾ chuyển ý thăm hỏi của mình tới Công Uy.

Gia Quỳ tự Lương Đạo, người quận Hà Đông huyện Tương Lăng. Từ lúc là trẻ nhỏ, khi chơi đùa thường đặt bày bộ ngũ, tổ phụ là Tập lấy làm lạ, nói: "Mày lớn lên tất thành tướng soái." Vì thế truyền miệng cho mấy vạn chữ trong sách binh pháp.^①

Quỳ ban đầu làm Lại ở quận, giữ chức Trưởng huyện Giáng Ấp. Quách Viên đánh quận Hà Đông, các thành ấp đi qua đều hạ được, Quỳ giữ chắc, Viên đánh không hạ nổi, bèn triệu Thiên vu hợp quân đánh Quỳ rất gấp. Thành sắp vỡ, các bậc phụ lão huyện Giáng yêu cầu Viên không được hại Quỳ. Lúc người huyện Giáng tan chạy, Viên nghe danh của Quỳ, muốn sai làm tướng, lấy binh khí bức ép Quỳ, Quỳ không động đậy. Tả hữu kéo Quỳ ra bắt khấu đầu, Quỳ mắng chúng rằng:

- Làm gì có Trưởng lại của quốc gia vì giặc mà khấu đầu!

Viên giận, muốn chém Quỳ. Quan dân huyện Giáng nghe tin Quỳ sắp bị giết, đều lên thành hô rằng:

- Phụ lời ước giết chủ hiền của bọn ta, chúng ta thà đều chết cả!

Người xung quanh cho là Quỳ nghĩa khí, nhiều người xin giúp, vì thế Quỳ được thoát.^②

Khi trước, Quỳ đi qua huyện Bì Chi, nói: "Ai tranh chiếm được đất này trước thì thắng." Lúc bị vây, biết chẳng thể thoát được, bèn sai người lên ra đưa ấn thụ trả quận, lại nói rằng "Nên gấp giữ Bì Chi." Viên đã thu tóm được quân của huyện Giáng, sắp

¹ Đỗ Tập, xem tập IV, quyển 23 (Đỗ Tập truyện.)

tiến binh. Quỳ sợ Viên chiếm Bì Chi trước, liền dùng kế khác khiến người bày kế cho Viên là Chúc Áo nghi ngờ, Viên bởi thế lưu lại bảy ngày. Quận theo lời của Quỳ, cho nên không bị thua bại.③

① *Ngụy lược* chép: Quỳ nổi đời là dòng họ nổi tiếng, thừa nhỏ mồ côi gia cảnh bần hàn, mùa đông thường không có khổ mà mặc, qua nhà anh vợ là Liễu Phu nghỉ lại, lúc trời chưa sáng rõ, mặc khổ của Phu mà đi, cho nên người bấy giờ bảo Quỳ là người khoát đạt.

② *Ngụy lược* chép: Viên bắt được Quỳ, Quỳ không chịu lay, bảo Viên rằng:

- Vương phủ quân coi quận nhiều năm, ta chẳng biết túc hạ là người nào nữa?

Viên giận nói:

- Mau chém hắn.

Chư tướng che chở giúp cho, bèn giam tù ở Hồ Quan, nhốt trong một cái hầm đất, lấy bánh xe chèn lên, sai người giữ chắc. Đúng lúc sắp giết Quỳ, Quỳ ở trong hầm đất bảo người canh giữ mình rằng:

- Đất này không có kẻ tráng sĩ sao, lại khiến bậc nghĩa sĩ phải chết ở trong hố này nhỉ?

Bấy giờ có Chúc Công Đạo, với Quỳ không phải là người quen cũ, nhưng nghe được lời ấy, thương Quỳ giữ mình ngay thẳng mà bị nguy khốn, bèn nhân đêm tối ngấm qua đó dắt ra ngoài, bẻ gãy cùm thả cho đi, cũng chẳng nói họ tên của mình ra.

③ *Tôn Tư biệt truyện* chép: Tư được cử làm Kế lại ở quận Hà Đông, đến huyện Hứa, tiến cử ở tướng phủ rằng:

- Quỳ ở Giáng Ấp, thống suất khích lệ quan dân, cùng giặc là Quách Viên giao chiến, sức kiệt mà bại, bị giặc bắt giữ, chí khí hiên ngang chính trực, lời lẽ sắc mặt bất khuất; nói lời trung với dân chúng, khí tiết cứng cỏi nổi danh đương thời, dẫu những bậc

quý hiển dựng tóc nắm vạc thời xưa¹ cũng không hơn được. Người ấy tài kiêm văn võ, lúc này thực rất nên dùng.

Ngụy lược chép: Sau khi Quách Viên thua võ, Quỳ mới biết được người thả mình ra lúc trước là Chúc Công Đạo.

Công Đạo, người quận Hà Nam. Về sau vì việc khác bị liên lụy, theo phép đáng phải chịu tội. Quỳ cứu giúp cho, sức chẳng thể giúp cho thoát, nhưng được đổi tội vậy.

Về sau được xét cử Mậu tài, đổi phong chức Thắng Trì lệnh. Cao Cán làm phản, tướng là Trương Diễm cất binh hưởng ứng Cán. Quỳ không biết mưu ấy, qua gặp Diễm. Nghe tin biến loạn nổ ra, muốn về, sợ bị bắt giữ, bèn giúp Diễm vạch kế, làm như cùng đồng mưu, Diễm tin Quỳ. Bấy giờ sở trị của huyện đặt ở Lễ thành, thành lũy không vững, Quỳ tới chỗ Diễm xin binh lính sửa thành. Những người muốn làm loạn đều không giấu mưu của mình, cho nên Quỳ bắt giết hết bọn chúng. Rồi sửa thành cự lại Diễm. Diễm thua, Quỳ vì cư tang tổ phụ bỏ chức, Tư đồ triệu làm Duyện thuộc, dùng làm Nghị lang tham dự việc quân của quan Tư lệ.

Thái tổ đi đánh Mã Siêu, đến Hoảng Nông, nói "Chỗ này là yếu đạo phía tây", lấy Quỳ lĩnh Thái thú Hoảng Nông. Thái tổ triệu kiến Quỳ mưu tính công việc, rất hài lòng, bảo tả hữu rằng:

- Nếu những quan Nhị thiên thạch trong thiên hạ đều như Giả Quỳ, ta lo gì nữa?

Sau đấy trưng phát binh, Quỳ ngò quan Đồn điền đô úy che giấu dân trốn tránh, Đô úy tự cho là mình không phụ thuộc

¹ Vua nước Tần nghe nói nước Triệu có ngọc bích họ Hòa, muốn đổi 15 tòa thành lấy ngọc. Lạn Tương Như là đại quan nước Triệu đem dâng ngọc bích, Tần vương muốn đoạt ngọc báu, Lạn Tương Như lừa lấy lại, rồi dựng tóc trợn mắt dọa đập vỡ ngọc báu, vua Tần sợ, Lạn Tương Như về sau mang được ngọc nguyên vẹn về trả vua nước Triệu.

Điền tích nắm vạc (Trịnh Chiêm, Thúc Chiêm), xem chú thích ở tập II, quyển 8, trang 180 (Công Tôn Độ truyện).

quyền cai quản của quận, nói năng bất thuận. Quỳ giận, bắt hấn, mắng kẻ tội, đánh gãy chân, bị cách chức. Nhưng trong lòng Thái tổ thích Quỳ, lấy Quỳ làm Chủ bộ cho Thừa tướng. ①

Thái tổ đi đánh Lưu Bị, phái Quỳ đến Tà Cốc quan sát địa thế trước. Trên đường đi gặp Thủy hành⁽¹⁾ áp giải mấy chục xe tù phạm, Quỳ vì việc quân gấp, liền xử chết một người tội nặng, số còn lại đều phóng thích cả. Thái tổ khen Quỳ, bái làm Giám nghị đại phu, cùng Hạ Hầu Thượng đều chương quản việc quân.

Thái tổ băng ở Lạc Dương, Quỳ chủ trì tang sự. ② Bấy giờ Yên Lăng hầu Chương làm hành Việt kỵ tướng quân, từ Trường An đến chịu tang, hỏi Quỳ là tử thụ của Tiên vương hiện ở đâu. Quỳ nghiêm mặt nói:

- Thái tử ở huyện Nghiệp, quốc gia có phó quân. Tử thụ của Tiên vương, không phải là cái mà quân hầu nên hỏi vậy.

Rồi vâng mệnh đưa Tử cung⁽²⁾ về huyện Nghiệp.

① *Nguy lược* chép: Thái tổ định đi đánh nước Ngô nhưng gặp mưa dầm không dứt, ba quân đa phần không muốn đi. Thái tổ biết việc như thế, sợ bên ngoài có kẻ can gián, truyền lệnh rằng:

- Nay Cô hạ lệnh giới nghiêm, chưa biết đến lúc nào, ai can gián thì kẻ đó phải chết.

Quỳ nhận lệnh, bảo với ba viên Chủ bộ đồng liêu của mình rằng:

- Nay thực chẳng nên xuất binh, nhưng lệnh truyền như thế, chẳng thể không can vậy.

Bèn viết thư can gián đem bảo với ba người, ba người bắt đắc dĩ, đều ký tên, vào bẩm việc. Thái tổ giận, bắt bọn Quỳ. Lúc sắp tống ngục, truy người khởi xướng, Quỳ liền nói "Là chủ ý của ta", rồi

¹ Là chức quan được đặt ra vào thời Hán Vũ đế, chủ quản việc thu thuế, đúc tiền. Có các chức Thủy hành thừa, Thủy hành đô úy, gọi chung là Thủy hành (水衡).

² Tử cung: Xem chú thích ở tập I, quyển 5, trang 313 (Văn đức Quách hoàng hậu truyện).

chạy thẳng đến nhà ngục. Ngục lại thấy Quỳ là Chủ bộ, không đóng cùm ngay. Quỳ bảo ngục lại rằng:

- Mau cùm ta lại. Bậc tôn quý lại ngờ rằng ta giữ chức thân gần, mà xin hoãn với ngài, nay sắp phái người tới dò xét ta đấy.

Quỳ vừa đeo cùm xong, thì Thái tổ quả nhiên phái người trong nhà đến ngục coi xét Quỳ. Không lâu sau truyền lệnh rằng:

- Quỳ không có ý xấu, nay tha tội và cho phục chức.

Thủa trước, Quỳ là học trò, có xem qua về đại nghĩa, chọn những việc mà mình có thể theo. Rất thích đọc *Xuân thu Tả truyện*, đến lúc làm Mục thú, thường tự duyệt đọc các chỗ mà mình chọn lựa, mỗi tháng thường đọc một lượt từ đầu đến cuối.

Quỳ trước đó ở Hoàng Nông, cùng Điển nông Hiệu úy tranh việc công, lý không thắng được, mới phát phần mọc cái u, về sau u bệnh ngày càng lớn, tự bày tỏ nguyện vọng muốn xin thầy thuốc cắt cái u đi. Thái tổ tiếc cái trung của Quỳ, sợ Quỳ không sống nổi, truyền rằng:

"Báo cho quan Chủ bộ biết, ta nghe nói rằng 'mười người cắt bỏ u thì có chín người chết đấy'."

Quỳ bởi thế theo ý Thái tổ, nên cái u ngày càng lớn. Quỳ vốn có tên là Cù, sau đổi thành Quỳ.

② *Ngụy lược* chép: Bấy giờ Thái tử ở huyện Nghiệp, Yên Lăng hầu chưa đến, sĩ dân rất khổ sở vì lao dịch, lại có dịch bệnh, vì thế trong quân nhiều động. Quần liêu sợ thiên hạ có biến, định không phát tang. Quỳ kiến nghị rằng không nên giữ kín, bèn cử ai, lệnh cho người trong ngoài vào viếng, viếng xong, đều phải xếp hàng yên ổn không được xao động. Nhưng quân Thanh châu tự tiện đánh trống kéo nhau bỏ đi. Chúng nhân cho là nên ngăn bọn ấy lại, kẻ nào không nghe theo thì đánh dẹp. Quỳ cho rằng: "Nay đại tang vẫn chờ táng, Vương nối tự chưa lập, nên nhân đấy mà phủ dụ bọn họ." Bèn tự viết một bài hịch văn dài, báo cho quan lại địa phương cấp lương thực cho bọn họ.

Văn đế lên nối ngôi vương, vì mấy vạn hộ dân của huyện Nghiệp ở phía dưới kinh đô, đa phần không tuân theo phép

tắc, Vương bèn lấy Quỳ làm Nghiệp lệnh. Được hơn một tháng, thăng Quỳ làm Thái thú Ngụy Quận.^①

Đại quân xuất chinh, Quỳ lại làm Chủ bộ Tế tửu cho Thừa tướng. Quỳ từng bị người ta buộc tội, Vương nói:

- Thúc Hưởng còn được tha thứ đến con cháu mười đời sau,⁽¹⁾ huống chi Quỳ có công đức mà thân vẫn còn?

Quỳ theo đi đến Lê Dương, lúc vượt sông có kẻ rối loạn hàng ngũ, Quỳ chém người đó, quân mới nghiêm chỉnh. Đến huyện Tiêu, lấy Quỳ làm Thứ sử Dự châu.^②

Bấy giờ thiên hạ mới khôi phục, châu quận đa phần bê trễ chưa nghiêm chỉnh. Quỳ nói:

- Châu vốn lấy quan Ngự sử ra giám sát các quận, lấy sáu điều của chiếu thư mà xét quyết các trưởng lại từ hàng Nhị thiên thạch trở xuống,⁽²⁾ cho nên cáo trạng của họ đều nói mình thi triển hùng tài sắp đặt kén chọn, tài đốc trách thị sát, chẳng ai nói đến cái đức nhún thuận khoan hòa, nhân ái trong sạch vậy. Nay trưởng lại khinh nhờn phép tắc, đạo tặc ngang nhiên lộ hành, châu quận biết mà chẳng xét, quốc gia lấy gì để giữ chính đạo đây?

Bình tào Tòng sự do Thứ sử trước đó bổ nhiệm, Quỳ đến sở quan mấy tháng, bèn cho về; Quỳ khảo xét hết các quan lại từ Nhị thiên thạch trở xuống, ai dung túng cho thuộc hạ không theo phép tắc, đều dâng tấu xin bãi chức. Để nói:

- Quỳ là chân Thứ sử vậy.

Rồi bổ cáo thiên hạ, nên dùng phép tắc của Dự châu. Ban cho Quỳ tước Quan nội hầu.

¹ Thúc Hưởng (叔向), họ Cơ, tên Hật, Thúc Hưởng là tên tự. Ông làm quan đại phu nước Tấn, thờ ba đời quân chủ là Điệu công, Bình công và Chiêu công, có tài chính trị và ngoại giao, từng hai lần hội minh với nước Sở. Ông còn nổi tiếng vì phẩm hạnh và học thức, có nhiều công lao nên được phong đất ở ấp Dương nên còn gọi là Dương Thiệt Hật.

² Sáu điều: Xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 254 (Hạ Hầu Huyền truyện).

① *Ngụy lược* chép: Lúc trước, thuộc quan của Ngụy Quận đều vì việc công đã đến kỳ hạn nên có nhiều việc cấp thiết, đúng lúc nghe tin Quỳ sắp làm quận thú, đều rời phủ quan đến cửa ngoài của phủ quận. Lúc chuyển chiếu thư đến, Quỳ ra cửa, các thuộc quan của quận đều đứng ở cửa, gặp Quỳ ở dưới xe, Quỳ chấp tay nói:

- Phải đến sở trị chứ, sao lại làm thế này!

② *Ngụy lược* viết: Quỳ làm Thứ sử Dự châu. Dâng lời rằng:

- Thần coi giữ thiên môn,⁽¹⁾ ra vào sáu năm, thiên môn mới dựng, mà thần ở bên ngoài. Mong Điện hạ mưu tính cho muôn dân, không trái lòng trông ngóng của trời và người.

Phía nam của châu tiếp giáp với nước Ngô, Quỳ sai do thám xét rõ hình thế, sửa sang giáp binh, chuẩn bị phòng thủ tác chiến, giặc không dám phạm. Bên ngoài tu chỉnh quân lữ, bên trong coi xét việc dân, ngăn sông Yên, sông Nhữ, đào hồ chứa nước, lại xẻ núi làm kênh dẫn nước, đắp một hồ nhỏ ở Dặc Dương, lại thông đường kênh vận chuyển dài hơn hai trăm dặm, gọi là kênh Giả Hầu.

Năm Hoàng Sơ trung, Quỳ cùng chư tướng đều đi đánh nước Ngô, phá Lã Phạm ở Đồng Phổ, được tấn phong tước Dương Lý đình hầu, thêm chức Kiến uy tướng quân. Minh đế tức vị, tăng thực ấp cho hai trăm hộ, gộp cả số trước là bốn trăm hộ.

Bấy giờ Tôn Quyền ở Đông Quan, đối diện phía nam Dự châu, cách sông Giang hơn bốn trăm dặm. Quyền mỗi lần xuất binh ra quấy phá, thường từ hướng tây theo Giang Hạ, từ phía đông theo Lư Giang. Quốc gia chinh phạt, cũng theo sông Hoài, sông Miện mà tiến. Bấy giờ quân binh của châu ở huyện Hạng, các quận Nhữ Nam, Dặc Dương, thủ giữ biên cảnh mà thôi. Quyền không có nỗi lo ở phương bắc, lúc phía đông phía tây có cáo cấp, thì hợp quân cứu nhau, cho nên thường ít bại trận. Quỳ

¹ Thiên môn tức là vị trí của cung Tử Vi, là chỗ ở của Hoàng đế, ý nói hầu hạ bên cạnh vua, tức là ở triều đình vậy.

cho rằng nên mở đường đi thẳng đến sông Giang, nếu Quyền tự giữ, thì hai phương không đến cứu viện được; nếu hai phương không cứu, thì Đông Quan có thể lấy được. Bèn dòir đến đóng đồn ở Lão Khẩu, bày kế công thủ, Để khen việc ấy.

Tướng Ngô là Trương Anh, Vương Sùng thống suất quân đến hàng. Năm Thái Hòa thứ hai, Để sai Quỳ đốc bốn cánh quân của bọn Tiền tướng quân là Mãn Sùng, Thái thú Đông Hoàn là Hồ Chất, từ Tây Dương trực chỉ hướng Đông Quan; Tào Hưu đi từ huyện Hoán, Tư Mã Tuyên vương đi từ Giang Lăng. Quỳ đến Ngũ Tương Sơn, Hưu lại dâng biểu nói quân giặc có kẻ xin hàng, xin thâm nhập hưởng ứng chúng. Để chiếu lệnh cho Tuyên vương đóng quân lại, Quỳ sang đông cùng Hưu hợp binh tiến lên. Quỳ đồ rằng giặc không phòng bị Đông Quan, tất hợp quân ở huyện Hoán; Hưu vào sâu cùng giặc giao chiến, tất thua bại. Bèn sắp đặt chư tướng, thủy lục cùng tiến, đi được hai trăm dặm, bắt sống được giặc, chúng nói là Hưu giao chiến thua bại, Quyền phái binh chặn ở Giáp Thạch. Chư tướng không biết tính sao, có người muốn đợi hậu quân. Quỳ nói:

- Hưu bại binh ở ngoài, đường dứt tuyệt ở trong, tiến chẳng thể đánh, lui chẳng về được, cái cơ an nguy, chẳng đợi hết ngày. Giặc thấy quân ta không đi nối theo sau, cho nên đến đây; nay ta tức tốc tiến, xuất kỳ bất ý, thế gọi là đến trước địch để dứt cái tâm địa của chúng vậy, giặc thấy quân ta tất bỏ chạy. Nếu ta đợi hậu quân, giặc đã chặn chỗ hiểm, binh đâu nhiều có ích gì đâu!

Bèn gấp đường tiến quân, bố trí nhiều cờ trống làm nghi binh, giặc thấy quân của Quỳ, bèn lui về. Quỳ chiếm lấy Giáp Thạch, đem binh lương cấp cho Hưu, quân của Hưu mới phấn chấn.

Khi trước, Quỳ và Hưu không thân thiện với nhau. Năm Hoàng Sơ trung, Văn đế muốn trao Giả tiết cho Quỳ, Hưu nói:

- Quỳ tính cứng rắn, vốn khinh rẻ chư tướng, không nên cho làm Đô đốc.

Để bèn thôi. Đến lúc bại trận ở Giáp Thạch, nếu không có Quỳ, quân của Hưu đã không được cứu vậ.①

① *Ngụy lược* chép: Hưu oán Quỳ tiến binh chậm chạp, bèn mắng chửi Quỳ, lấy quyền chủ tướng ra lệnh cho Thứ sử Dự châu qua thu nhật khí trượng. Quỳ vốn thẳng tính, bảo Hưu rằng:

- Ta vốn vì quốc gia mà làm Thứ sử Dự châu, chẳng phải là đến giúp thu nhật khí trượng vậ.

Bèn dẫn quân trở về. Rồi cùng Hưu thay nhau dâng biểu tấu, triều đình tuy biết Quỳ ngay thẳng, bởi Hưu là người trong tông thất gánh vác trọng trách, nên cho rằng hai bên không có chỗ nào sai trái vậ.

Ngụy thư chép rằng: Hưu còn giấu cái ý lúc trước, muốn để sau này kể tội Quỳ, Quỳ nhất định không nói gì, người bấy giờ càng vì thế mà khen Quỳ.

Tập Tạc Xi nói: Người hiền tài, bề ngoài giữ đức khiêm hư, bên trong hạ mình dưới người khác, cái tiếng hiềm nghi ganh ghét, còn có chỗ nào mà sinh ra được? Người có cái tiếng là hiềm nghi ganh ghét, tất cùng người ta đối chọi, tranh lấy cái hơn thiệt về bản thân mình vậ. Nếu vì cái thù hận riêng của mình mà hóng việc nước hại cho dân, kẻ kia dù nghiêng đổ, với mình có lợi gì đâu? Mình nếu không lợi, thì hơn thiệt có làm gì? Vì thế mới nói, hiềm nghi ganh ghét là cái tâm địa của kẻ tồi tệ vậ. Nay Quỳ nhẫn nhịn cái phần hận riêng của mình mà gấp rút lo lắng cho kẻ khác, mạo hiểm xông vào nơi nguy khốn mà trừ được cái hại, khiến công lao nổi rõ với mình quân, thi ân với trăm họ, bản thân theo được con đường của bậc quân tử, về nghĩa làm thẹn lòng kẻ đối địch, dù là kẻ có lòng lang sói còn chẳng mê muội báo phục, huống chi là với Tào Hưu ru? Thế thì cứu cái nguy cho kẻ kia, đấy thực là cái thắng của mình, chẳng kể gì đến thù hận cũ, là khiến cho tâm kẻ kia chịu phục, nghĩa công đã thành, lợi riêng cũng lớn, có thể nói là người khéo tranh thắng rồi. Với kẻ không quên được cái việc luôn luôn tranh thắng, chẳng vì thế mà có thể tranh thắng nổi, đó là điều mà ta chưa từng thấy vậ.

Lúc Quỳ ốm nặng, bảo tả hữu rằng:

- Ta nhận hậu ân của quốc gia, hận là chẳng chém được Tôn Quyền để xuống gặp Tiên đế. Tang sự của ta nhất thiết các nơi không được làm rầm rộ.

Quỳ chết, được ban thụy là Túc hầu.① Con của Quỳ là Sung nối tự. Quan dân Dự châu đoái nghĩ đến Quỳ, vì Quỳ khắc tượng lập miếu thờ. Năm Thanh Long trung, Đế đông chinh, ngồi xe kiệu vào miếu thờ Quỳ, hạ chiếu rằng:

"Hôm qua trẫm đi qua huyện Hạng, thấy bia tượng của Giả Quỳ, nghĩ đến mà xót thương. Cổ nhân có câu, lo danh chẳng lập được, chẳng lo thọ không dài. Quỳ có cái công tận trung, chết vẫn được người ta nhớ đến, có thể nói là chết mà thân không mục nát rồi. Nay bổ cáo thiên hạ, để khuyến khích người sau." ②

Sung, năm Hàm Hi trung làm Trung hộ quân.③

① *Ngụy thư* chép: Quỳ bấy giờ được năm mươi lăm tuổi.

② *Ngụy lược* chép: Năm Cam Lộ thứ hai, xa giá đông chinh, đóng quân ở huyện Hạng, Đế lại xuống xe vào miếu thờ Quỳ, hạ chiếu rằng:

"Quỳ chết đi nhân ái được lưu truyền, nhiều đời cúng tế. Nhớ đến phong phạm, trẫm rất ngợi khen. Xưa Tiên đế đông chinh, cũng ghé chỗ này, tự mình nói lời biểu dương ân đức, xưng tụng cái cao đẹp của Quỳ, lòng trẫm bồi hồi, càng thêm cảm khái! Cái nghĩa kính lễ người hiền, hoặc quét dọn mộ phần của họ, hoặc sửa sang của miếu thờ của họ, đấy là tỏ rõ sự sùng kính vậy. Đã quét dọn sạch sẽ miếu thờ của họ, thì những chỗ đột nát phải tu bổ lại."

③ *Tấn thư công tán* chép: Sung tự Công Lư, năm Cam Lộ trung làm Trưởng sử cho Đại tướng quân. Cái nạn Cao Quý hương công, Tư Mã Văn vương nhờ Sung mà được thoát.

Sung là bấy tôi có công lao đứng đầu nhà Tấn, ngôi vị đến chức Thái tử, được phong tước Lỗ công. Thụy là Vũ công.

Ngụy lược liệt truyện xếp ba người là Quỳ cùng Lý Phu và Dương Phái vào một quyển, nay liệt kể về hai người Phu, Phái kế sau Quỳ vậy.

Phu tự Tử Hiến, người quận Cự Lộc. Năm Hưng Bình trung, dân chúng bản quận đói khổ. Phu là học trò, đang trồng rau kiệu, muốn lấy đó làm kế sinh nhai. Có người tới xin, Phu không cho cây nào, cũng không để ăn một mình, nên người bấy giờ nói là Phu có tài tự làm theo ý mình. Sau làm chức Lại.

Năm Kiến An trung, Viên Thượng lĩnh quân Ký châu, lấy Phu làm Chủ bộ, về sau Thượng và anh là Đàm tranh đấu, Thượng xuất quân đến Bình Nguyên, lưu Biệt giá là Thẩm Phối giữ Nghiệp Thành, Phu theo Thượng hành quân. Gặp lúc Thái tổ vây huyện Nghiệp, Thượng quay về muốn cứu huyện Nghiệp. Đi chưa đến nơi, Thượng ngờ trong thành Nghiệp quân phòng giữ ít, lại muốn khiến Phối biết động tĩnh bên ngoài, mới cùng Phu nghị bàn phái người vào đó. Phu đáp lời Thượng rằng:

- Nay sai một kẻ tiểu nhân qua đó, sợ là chẳng đủ để hiểu việc trong ngoài, lại lo rằng chẳng thể tự đến được. Phu xin tự mình qua đó.

Thượng hỏi Phu:

- Phải làm thế nào đây?

Phu nói:

- Nghe nói vòng vây thành Nghiệp rất chặt, nhiều người đi thì bị phát giác, ta cho rằng chỉ đem theo ba quân kỵ là đủ rồi.

Thượng theo kế ấy. Phu tự chọn lấy ba người tính ôn hòa tin cậy được, không nói với họ là đi đâu, đều lệnh sai họ chuẩn bị lương khô, không được cầm khí giới, cấp cho mỗi người một con ngựa khỏe chạy nhanh. Rồi từ giả Thượng đi về phía nam, đến sở quan thì dừng ở trạm dịch. Lúc đến Lương Kỳ, sai người đi theo chặt ba mươi cây gậy giống dụng cụ để đánh đòn, buộc bên mình ngựa, tự mình đội khăn Bình thượng, dẫn ba tên quân kỵ, chập tối đến thẳng dưới thành Nghiệp. Bấy giờ Đại tướng quân tuy có cấm lệnh, nhưng kẻ cắt cỏ chăn muông rất nhiều. Cho nên Phu nhân đêm tối đi vào, đến nửa canh một, tự xưng là Đô đốc, đi qua

vòng vây phía bắc, men theo mé ngoài sang phía đông, từ vòng vây phía đông ra ngoài, lại men vòng vây xuôi nam, đi một bước lại trách mắng tướng sĩ giữ vây, tùy mức nặng nhẹ mà thi hành hình phạt với họ. Sau đi qua phía trước doanh trại của Thái tổ, thẳng về phía nam, từ góc vòng vây phía nam đi vòng sang tây, đến Chương Môn, lại giận dữ trách mắng người giữ vây, bắt trời hấn. Nhân đó mở vòng vây ở chỗ ấy, rong ruổi đến dưới thành, kêu gọi người ở trên thành, người trên thành dùng dây kéo lên, Phu vào được thành. Bọn Phối thấy Phu, vừa mừng vừa thương, gõ trống rầm rầm xung vạn tuế.

Người giữ vòng vây kể lại tình trạng, Thái tổ cười nói:

- Kẻ ấy không chỉ vào được, lại còn ra được nữa.

Phu xong việc muốn quay về, nhưng nghĩ vòng vây bên ngoài tất rất chặt, chẳng thể lại mạo hiểm. Bèn bảo sứ giả đi theo mình nên tức tốc quay về, lại ngầm tính kế, thỉnh ý Phối rằng:

- Nay trong thành ít lương, không dùng người già yếu làm gì, chẳng bằng đuổi ra ngoài để tiết kiệm lương vậy.

Phối theo kế ấy, bèn chờ đến đêm lợc ra mấy nghìn người, đều sai cầm cờ trắng, theo ba cửa thành cùng ra hàng. Lại sai người người cầm đuốc lửa, Phu không lâu sau đó đem người đi theo lúc trước mặc y phục của hàng nhân, theo bọn người trong đêm đi ra. Bấy giờ tướng sĩ giữ vòng vây, nghe nói người trong thành đều ra hàng, ánh lửa sáng choang như ban ngày, chỉ cùng đứng xem lửa cháy, chẳng nhìn đến vòng vây nữa. Phu ra cửa bắc, rồi từ góc tây bắc xuyên vòng vây thoát ra được.

Sáng hôm ấy, Thái tổ nghe tin Phu đã thoát được, vỗ tay cười nói:

- Quả như lời ta vậy.

Phu về gặp Thượng, Thượng rất vui mừng.

Lúc Thượng chẳng thể cứu được huyện Nghiệp, thua võ chạy đến Trung Sơn, rồi Viên Đàm lại truy kích Thượng, Thượng chạy trốn. Phu và Thượng lạc nhau, bèn đến gặp Đàm, lại làm Chủ bộ cho Đàm, sang đông quay về Bình Nguyên. Thái tổ tiến đánh Đàm, Đàm giao chiến chết trận. Phu trở về thành, người trong thành

tuy muốn hàng, còn nhiều loạn chưa yên. Phu tòng quyền muốn được gặp Thái tổ, bèn cưỡi ngựa đến nha môn, nói là Chủ bộ Ký châu là Lý Phu muốn bẩm việc bí mật. Thái tổ gặp Phu, Phu khấu đầu tạ tội. Thái tổ hỏi Phu muốn bạch việc gì, Phu nói:

- Nay trong thành người khỏe kẻ yếu lẫn hiếp nhau, trong lòng đều không yên, Phu cho rằng nên lệnh cho những người mới ra hàng vào trong thành để người trong thành tin và truyền rõ giáo lệnh.

Công bảo Phu rằng:

- Khanh nên trở về tuyên rõ với họ.

Phu quỳ xuống thỉnh giáo, Công nói:

- Cứ theo ý khanh mà tuyên cáo.

Phu trở về vào thành, truyền lệnh:

- Mọi người yên ổn làm việc như cũ, không được xâm lấn lẫn nhau.

Trong thành đã yên ổn, Phu bèn trở lại đáp mệnh, Công thấy Phu là người giỏi đủ để dùng. Gặp lúc đang nhàn rỗi, tạm xét cho làm Nhũn tán. Sau Phu ra làm trưởng huyện Giải, có tiếng là nghiêm túc. Ít lâu thăng đến chức Tư lệ Hiệu úy, bấy giờ đã hơn bảy mươi tuổi rồi, nhưng tinh thần không hề suy kém, mà mưu lược chẳng giảm so với trước. Cuối cùng Phu làm Thái thú Dương Bình.

Phu vốn họ Phùng, sau đổi thành họ Lý.

Dương Phái tự Khổng Cừ, người quận Phùng Dục huyện Vạn Niên. Năm Sơ Bình trung làm Công phủ lệnh sử, vì khéo viết điệp văn được phong làm Trưởng huyện Tân Trịnh.

Năm Hưng Bình mạt, người dân đa phần đói khổ cùng cực, Phái đốc suất dân trữ thêm quả dâu khô, thu đậu xanh, chỗ thừa ra đem giúp người không đủ ăn, cứ như thế tích trữ được hơn nghìn斛, giấu ở một cái kho nhỏ. Lúc Thái tổ làm Thứ sử Duyện châu, sang tây đón Thiên tử, hơn nghìn quân đem theo đều không có lương ăn. Đi qua Tân Trịnh, Phái đến yết kiến, liền đem hết số dâu khô dâng lên. Thái tổ rất mừng. Đến lúc Thái tổ làm phụ chính, thăng Phái làm Trưởng Xã lệnh.

Bấy giờ tân khách của Tào Hồng ở địa giới của huyện, lúc trung tập điều động không vâng pháp lệnh, Phái trước hết đánh gãy chân họ, rồi giết đi. Bởi thế Thái tổ cho là có năng lực, thăng chức cho lần lượt làm Thái thú các huyện Cửu Giang, Đông Bình, Lạc An, việc cai trị đều có công tích.

Phái bị buộc tội tranh giành cùng Đốc quân, chịu hình cắt tóc năm năm. Chịu phạt chưa xong, gặp lúc Thái tổ xuất chinh đến huyện Tiêu, nghe nói thuộc hạ ở huyện Nghiệp nhiều kẻ không vâng cấm lệnh, bèn phát lệnh tuyển chọn người làm Nghiệp lệnh, muốn chọn được người nghiêm túc lịch duyệt so được với Dương Phái, cho nên Phái ở trong số những người được làm Nghiệp lệnh. Bái nhậm chức xong, Thái tổ gặp Phái, hỏi rằng:

- Làm thế nào để cai trị huyện Nghiệp?

Phái nói:

- Hết lòng hết sức, vâng mệnh ban tuyên phép cấm.

Thái tổ nói: "Hay." Rồi ngoảnh sang bảo những người đang ngồi ở bên cạnh rằng:

- Các vị, đây là người nên phải sợ vậy.

Rồi ban cho mười người giúp việc, trăm xấp lụa, muốn lấy đó để khích lệ Phái, cũng là để báo đáp việc giúp quả dâu khô khi trước. Phái từ biệt đi, chưa đến huyện Nghiệp, thì bọn hào tộc trong quân là Tào Hồng, Lưu Huân sợ danh tiếng của Phái, phái người nhà ruổi ngựa đi thông báo cho tử đệ, sai mọi người đều phải tự kiểm chế theo lệnh. Phái làm Lệnh được mấy năm, vì có công nên được chuyển làm Hộ Khương đô úy.

Năm thứ mười sáu, Mã Siêu làm phản, đại quân sang tây đánh dẹp, Phái theo trong quân, đốc trách việc vượt sông ở Mạnh Tân. Thái tổ đã qua bờ nam, quân còn lại chưa sang hết, nhưng quan hoàng môn trong số qua sông trước, quên mang xe theo, muốn đi riêng về bắc quay lại lấy xe, bèn tới chỗ viên Lại xin một chiếc thuyền nhỏ, muốn một mình vượt sông trước. Viên lại không đồng ý, Hoàng môn cùng viên Lại tranh cãi, Phái hỏi quan Hoàng môn:

- Có sợ chẳng?

Hoàng môn nói:

- Không có sợ.

Phái giận nói:

- Sao ta biết được là may không định bỏ trốn đây?

Bèn sai người túm đầu hấn, dùng binh trượng định đánh, nhưng hấn xông ra thoát được, áo khắn đều rách toạc, tự đến mách Thái tổ. Thái tổ nói:

- May không chết là may rồi.

Bởi thế thanh danh của Phái càng chấn động. Lúc Quan Trung bị phá, Phái thay Trương Ký lĩnh chức Kinh Triệu doãn.

Năm Hoàng Sơ trung, người giỏi nho đạo đều được tiến cử, còn Phái vốn nhờ khéo làm việc mà được dùng, nên làm chức Nghị lang nhàn rỗi ở quê nhà.

Phái trước sau thống quản trị lý các quận thành, không nhỏ nhen mưu tính riêng, lại không chịu thờ kẻ tôn quý, nên sau khi từ quan, nhà không có của thừa. Chữa bệnh ở nhà, giúp việc nhà là trẻ nhỏ, không có nô tì. Về sau chọn lấy hai khoảnh ruộng hoang ở (Tịch) Dương Đình thuộc Hà Nam, dựng một cái lều tranh, sống ở trong đó, vợ con Phái bị đói rét. Phái bị bệnh chết, người làng và thân hữu cùng quan dân cũ giúp chôn táng.

Bình rằng: Từ cuối thời nhà Hán về sau, quan Thứ sử thống quản các quận, được quyền ban bố chính lệnh ra ngoài, không như thời trước chỉ đốc trách coi xét trong vùng mà thôi. Giúp Thái tổ khai sáng nền móng, cho đến hết cơ nghiệp nhà Ngụy, đều là những người có danh tiếng thực sự được người đời khen ngợi vậy. Họ đều tinh tế hiểu rõ thời cơ hành sự, khiêm ân uy sáng rõ, cho nên có thể lặng lẽ chinh đốn trong vạn dặm, tiếng tăm của họ được truyền lại cho đời sau.

QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU
NHÂM, TÔ, ĐỔ, TRỊNH, THƯƠNG
TRUYỆN



Nhâm Tuấn tự Bá Đạt, người quận Hà Nam, huyện Trung Mâu. Thời Hán mạt nhiều loạn, xứ Quan Đông đều chấn động. Trung Mâu lệnh là Dương Nguyên lo sợ, muốn bỏ chức mà chạy. Tuấn thuyết Nguyên rằng:

- Đông Trác là đầu sỏ làm loạn, thiên hạ tuyệt chẳng ai dám nhìn thẳng, nhưng chưa có ai nổi dậy trước, không phải là họ không có lòng, mà về hình thế là chưa dám thôi. Minh phủ nếu có thể khởi xướng việc này, tất có người hòa theo vậy.

Nguyên nói:

- Phải tính thế nào?

Tuấn nói:

- Nay xứ Quan Đông có hơn mười huyện, số binh có thể lấy được chẳng dưới vạn người, nếu ngài có thể quyền nghi thay việc của Hà Nam doãn, gộp hết các lực lượng mà dùng, chẳng ai không giúp ta vậy.

Nguyên theo kế ấy, lấy Tuấn làm Chủ bộ. Tuấn bèn vì Nguyên dâng biểu xin tạm thay việc của Hà Nam doãn, sai các huyện giữ vững, rồi phát binh. Gặp lúc Thái tổ khởi sự ở Quan Đông, tiến vào địa giới Trung Mâu, mọi người chẳng biết theo ai, Tuấn một mình cùng người đồng quận là Trương Phấn nghị bàn, đem cả quận quy phục với Thái tổ. Tuấn lại thu nhật riêng

mấy trăm người trong tông tộc cùng gia binh của tân khách, nguyện theo Thái tổ. Thái tổ rất hài lòng, dâng biểu cử Tuấn làm Ky đô úy, đem em họ gả cho Tuấn, rất thân gần tin tưởng. Thái tổ mỗi khi chinh phạt, Tuấn thường ở lại phụ trách việc chu cấp cho quân.

Thời ấy hạn hán mất mùa, lương nuôi quân không đủ, Vũ Lâm giám là Tảo Chi người quận Dĩnh Xuyên kiến nghị lập đồn điền, Thái tổ dùng Tuấn làm Điển nông Trung lang tướng, chiêu mộ bách tính tụ tập làm ruộng ở phía dưới huyện Hứa, được trăm vạn hộ lúa, các quận trong nước lần lượt đặt chức Điền quan, trong vòng mấy năm ở địa phương thóc lúa chất chồng, kho đụn đầy ứ. Chiến dịch Quan Độ, Thái tổ sai Tuấn chương quản việc chuyển quân khí lương thảo. Giặc mấy lần cướp bóc cắt đường vận lương, vì thế Tuấn lệnh sắp xếp cứ một nghìn xe là một bộ, mười đạo cùng tiến song song, lại bày trận nhiều tầng lớp để bảo vệ lương, giặc không dám tiếp cận. Quân lương được đủ đầy, việc bắt đầu từ Tảo Chi mà thành công ở Tuấn. ① Thái tổ thấy công lớn của Tuấn, bèn dâng biểu phong Tuấn làm Đô đình hầu, thực ấp ba trăm hộ, thăng làm Trường thủy Hiệu úy.

① *Ngụy Vũ cố sự* chép lại lệnh rằng:

"Cố Thái thú Trần Lưu là Tảo Chi, vốn tính trung thực có tài cán. Ban đầu cùng dấy nghĩa binh, đi đánh dẹp khắp nơi. Sau Viên Thiệu ở Ký châu, cũng hâm mộ Chi, muốn có được ông ấy. Chi thác thân nương cậy vào Cô đã lâu, Cô sai lĩnh chức Đông A lệnh. Loạn Lã Bố, Duyện châu đều phản, duy có huyện Phạm và Đông A còn vẹn toàn, bởi Chi dùng binh hết sức giữ thành. Sau này đại quân thiếu lương, được Đông A cung cấp mới lấy đó để duy trì, đây là cái công của Chi vậy. Đến lúc phá quân Khăn Vàng, định ở huyện Hứa, lấy được cơ nghiệp của giặc, Chi gánh vác việc hưng lập đồn điền, bấy giờ kẻ nghị bàn đều nói nên tính trâu thu thóc, luật lệ ruộng đất đã định. Sau khi thi hành, Chi bẩm rằng cho thuê trâu và thu thóc, năm được mùa thì lương thu được chẳng

tăng, lúc có lũ lụt hạn hán thiên tai lại giảm, rất không tiện lợi. Nói đi nói lại, Cô vẫn cho rằng nên như cũ, năm được mùa cũng chẳng nên thay đổi lại. Chi cũng giữ ý mình, Cô chẳng biết theo ai, sai Chi cùng Tuân lệnh quân nghị bàn việc ấy. Bấy giờ cố Quân tế tửu là Hâu Thanh nói: 'Theo điều lệ lấy quan trâu, để tính quan điền. Như lời Chi bàn, với quan thì tiện, với người làm ruộng thì bất tiện.' Thanh nói đông dài, để lung lạc Lệnh quân. Chi cũng tự tin, cứ đúng kế hoạch mà bám, giữ phương pháp phân ruộng. Cô liền cho là đúng, sai Chi làm Đồn điền đô úy, thi hành việc thiết lập điền nghiệp. Vụ mùa năm ấy có thu hoạch lớn, sau này nhân thế phổ biến phép phân điền, đồ quân dụng sung túc, bề diệt lũ phản nghịch, yên định thiên hạ, để hưng vương thất. Chi gây dựng kỳ công, bất hạnh chết sớm, Cô truy tặng một quận, còn chưa xứng với công lao. Nay Cô suy nghĩ nhiều về việc ấy, Chi nên được thụ phong, để lưu trữ đến nay là lỗi của Cô vậy. Con của Chi là Xử Trung, nên gia phong cho tước vị, để tế tự Chi khiến sự tích về Chi không hủ nát."

Văn sĩ truyện chép: Chi vốn họ Cức, vì tổ tiên đi tránh loạn, mới đổi thành họ Táo. Cháu của Chi là Cự, tự Đạo Ngạn, thời nhà Tấn làm Thứ sử Ký châu. Con của Cự là Tung, tự là Đài Săn, làm Tấn kỵ thường thị. Đều có tài danh, biên soạn nhiều sách vở. Anh của Tung là Điển, tự Huyền Phương, làm Thái thú Tương Dương, cũng là người có văn tài.

Tuấn khoan hậu có khí độ mà hiểu biết sự lý, mỗi lần bày tỏ công việc, Thái tổ đa phần cho là kế hay. Vào giữa lúc mất mùa, Tuấn thu dưỡng cứu giúp con cô của bằng hữu, kẻ bần khổ trong ngoài tông tộc, đều chu cấp tiếp tế cho, tín nghĩa được người đời xưng tụng.

Năm Kiến An thứ chín Tuấn chết, Thái tổ sa nước mắt thương tiếc rất lâu. Con của Tuấn là Tiên nối tự. Tiên chết, không có con, đất phong bị trừ. Văn đế truy xét công của bày tôi, ban thụy cho Tuấn là Thành hầu. Lại lấy con giữa của Tuấn là Lãm làm Quan nội hầu.

Tô Tắc tự Văn Sư, người quận Phù Phong huyện Vũ Công. Thời trẻ vì học vấn và phẩm hạnh có tiếng, được xét cử Hiếu liêm, Mậu tài, công phủ cho vôi, đều không tới. Tắc bắt đầu làm quan là chức Thái thú Tửu Tuyền, rồi chuyển làm Thái thú An Định, Vũ Đô,^① ở đâu cũng có uy danh. Thái tổ đi đánh Trương Lỗ, qua quận của Tắc, gặp Tắc rất hài lòng, sai làm người dẫn đường cho quân. Sau khi Lỗ bị phá, Tắc vỗ yên các tộc người Đê ở Hạ Biện, thông đường đến Hà Tây, được chuyển làm Thái thú Kim Thành.

Bấy giờ sau cơn tang loạn, quan dân tan tác, đói khát cùng cực, hộ khẩu hao tổn, Tắc vỗ về rất cẩn trọng. Bên ngoài chiêu mộ phủ dụ rợ Khương Hồ, thu lấy trâu và dê của họ, để nuôi dưỡng kẻ bần cùng, người già lão. Cùng dân chia lương mà ăn, trong vòng tuần trăng, dân lưu tán đều quay về, được mấy nghìn nhà. Tắc bèn ban rõ lệnh cấm, kẻ nào phạm phải lập tức giết ngay, người theo lệnh tất có thưởng. Tắc tự mình dạy dân cấy trồng, năm ấy mùa màng bội thu, bởi thế người theo về nương cấy ngày một đông. Lý Việt ở quận Lũng Tây làm phản, Tắc thống suất người Khương Hồ vây đánh Việt, Việt lập tức xin quy phục. Thái tổ bằng, người quận Tây Bình là Khúc Diễn làm phản, xưng là Hộ Khương hiệu úy. Tắc thống suất quân binh thảo phạt hắn, Diễn sợ, xin hàng. Văn đế vì công ấy, thêm cho Tắc chức Hộ Khương hiệu úy, ban tước Quan nội hầu.^②

① *Ngụy thư* chép: Tắc là người cương trực, ghét kẻ ác, thường hãm mộ Cấp Âm, cho là người có nhân cách.⁽¹⁾

Ngụy lược chép: Tắc nổi đời thuộc dòng họ nổi tiếng, năm Hưng Bình trung, Tam Phụ loạn, đói khát cô cùng, tránh nạn ở quận Bắc địa, làm khách trọ tại An Định, nương nhờ kẻ nhà giàu là Sư Lượng. Lượng đãi ngộ Tắc không xứng, Tắc bùi ngùi than rằng:

¹ Cấp Âm (汲黯): Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 105 (Từ Dịch truyện); tập III, quyển 13, trang 182 (Vương Lăng, Vương Túc truyện).

- Cái thời thiên hạ yên định sẽ chẳng còn lâu nữa, tất ta về đây làm Quận thú, sẽ nhún mình tiếp đãi bọn này.

Về sau Tắc cùng bọn Cát Mậu người quận Phùng Dục trốn trong núi Thái Bạch ở phía nam quận, lấy thư tịch tự làm vui. Lúc Tắc ra làm Thái thú An Định, thì bọn Sư Lượng đều muốn chạy trốn, Tắc nghe tin, sớm sai người đến phân tích rõ ràng, dùng lễ báo đáp Lượng.

◎ *Nguy danh thần tấu* chép lệnh của Văn đế hỏi Thứ sử Ung châu là Trương Ký rằng:

"Ô Tắc được thử đảm nhiệm chức Thái thú Kim Thành, có công võ về bình trị dân Di, nghe nói lại xuất quân sang tây yên định huyện Hoàng Trung, giúp thanh thế cho vùng Hà Tây, ta rất ngợi khen. Công tích của Tắc, có thể ban thêm tước vị và thực ấp được chưa? Phong tước là việc quan trọng, cho nên ta đem ra hỏi khanh. Khanh hãy bí mật bày tỏ ý mình, chớ tuyên lộ tin tức ra ngoài."

Ký đáp lệnh rằng:

"Quận Kim Thành, trước đây bị Hàn Toại đốt giết cướp bóc, người bị chết kẻ lưu vong, hoặc chạy trốn sang chỗ Nhung Dịch, hoặc bị hãm trong vòng cướp bóc, số hộ còn lại chẳng đầy năm trăm. Tắc đến nhận chức, bên trong phủ dụ chỗ điêu tàn, bên ngoài tụ họp kẻ ly tán, đến nay số hộ đã có hơn nghìn. Lại có các chủng tộc rợ Khuong ở Lương Thiêu, trước đây giúp Toại cùng làm ác, sau khi Toại chết gục, đã vượt khỏi thành lũy. Tắc trước sau chiêu dụ võ yên, hơn ba nghìn nhà theo đến quận, Tắc đều cấp chẩn tở ân uy, phát huy được hiệu dụng của chức quan. Bọn Khúc Diễn ở Tây Bình xướng tạo gian mưu, Tắc lại xuất quân, đến chỗ đầu lĩnh của chúng, Diễn lập tức theo mệnh đưa người đến làm tin, phá tuyệt lương của giặc. Tắc đã có công cứu giúp dân, lại có tài hòa Nhung Dịch, ra sức tận tiết trung trinh. Gặp bậc chân chúa thánh minh, kẻ có công tất được biên chép lại. Nếu Tắc được ban thêm tước ấp, thực đủ để khích lệ kẻ trung thân, lại sửa sang khuyến khích được phong tục vậy."

Về sau Diễn lại câu kết với các quận lân bang làm loạn, người quận Trương Dịch là Trương Tiến bắt giữ Thái thú Đỗ Thông,

người quận Tửu Tuyền là Hoàng Hoa không vâng lệnh Thái thú Tân Cơ, Tiến và Hoa đều tự xưng là Thái thú để hưởng ứng Diễn. Lại có ba tộc người Hồ ở Vũ Uy cùng hợp nhau vào cướp bóc, giao thông bị cắt đứt. Thái thú Vũ Uy là Quán Khâu Hưng cáo cấp với Tắc. Bấy giờ các hào kiệt ở Ung, Lương đều xua bức rợ Khương Hồ theo bọn Tiến, người trong quận đều cho rằng thế của Tiến mạnh chẳng thể đương nổi. Lại thêm tướng quân Hác Chiêu, Ngụy Bình trước đây đều đóng đồn giữ Kim Thành, cũng nhận chiếu chỉ sai đánh giặc nhưng không được lệnh phát binh sang tây. Tắc bèn triệu kiến các Đại lại trong quận và bọn Hác Chiêu cùng các đầu lĩnh người Khương Hồ bàn tính rằng:

- Nay giặc tuy đông, nhưng đều mới tụ hợp, hoặc bị cưỡng bức phải theo, vị tất đã đồng lòng; ta nhân sơ hở mà đánh chúng, người thiện kẻ ác tất lìa nhau, chúng lìa nhau tất quy phục ta, ta thêm quân mà bên kia hao tổn vậy. Khi quân ta thật đông, thì khí thế tăng gấp bội, tiến quân đánh dẹp, phá chúng tất xong vậy. Nếu đợi đại quân đến, cầm giữ nhau lâu ngày, người thiện không quy phục ta, tất hợp với kẻ ác, thiện ác đã hợp, hình thế khó bồng chốc chia lìa. Dầu đã có chiếu mệnh, ta làm trái mà hợp lẽ quyền biến, chuyên quyền cũng có thể được vậy.

Vì thế bọn Chiêu nghe theo, bèn phát binh cứu Vũ Uy, thu hàng ba tộc người Hồ ở đó, rồi cùng Hưng đánh Tiến ở Trương Dịch. Diễn nghe tin, đem ba nghìn quân bộ kỵ tới nghênh đón Tắc, trình bày là đến giúp quân, nhưng thực muốn nhân cơ hội gây biến. Tắc dụ dỗ cùng tương kiến, nhân đó chém hấn, đem đầu ra thị chúng, đảng giặc đều tan chạy. Tắc bèn cùng chư quân vây Trương Dịch, phá được, chém Tiến và bè đảng của hấn, chúng đều hàng. Diễn thua quân, Hoa sợ, buông thả những người mà mình bắt giữ rồi xin hàng, Hà Tây bình định. Tắc liền quay về Kim Thành. Được tiến phong tước Đô đình hầu, hưởng thực ấp ba trăm hộ.

Tắc được triệu về bái làm Thị trung, cùng Đồng Chiêu là đồng liêu. Chiêu từng gối lên đầu gối Tắc mà ngủ, Tắc đẩy đầu Chiêu ra, nói:

- Đầu gối của Tô Tắc, chẳng phải là cái gối của kẻ nịnh bợ vậy.

Khi trước, Tắc cùng Lâm Truy hầu là Thực nghe nói Ngụy thị thay nhà Hán, đều mặc áo tang khóc thương, Văn đế nghe nói Thực như thế, nhưng không nghe nói đến Tắc. Đế ở tại Lạc Dương, từng ung dung nói rằng:

- Ta ứng vận trời nhận nhường ngôi, nhưng nghe nói có kẻ vì nhà Hán khóc lóc, là sao?

Tắc cho là mình bị tra hỏi, râu ria đều vãnh cả lên, toan dùng chính luận để đối đáp. Thị trung là Phó Tồn nắm tay Tắc nói:

- Không phải là nói ngài vậy.

Vì thế Tắc liền dừng lại.① Văn đế hỏi Tắc rằng:

- Trước kia người phá quận Từ Tuyền, Trương Dịch, thông sứ với Tây Vực, người quận Đôn Hoàng dâng biểu một viên châu lớn dài một tấc, người có thể xin thêm nữa được không?

Tắc đáp rằng:

- Nếu giáo hóa của bệ hạ thấm khắp Trung Quốc, ân đức truyền tới nơi sa mạc, tức là chẳng cầu mà châu báu tự đến; cầu mà có được, chẳng đủ quý vậy.

Đế lặng yên. Về sau Tắc theo Đế đi săn, chốt chuồng thú bị bật ra, sống mất một con hươu, Đế cả giận, ngồi trên hồ sàng rút đao, cho bắt hết bọn đốc lại, sắp đem chém chúng. Tắc khầu đầu nói:

- Thần nghe nói bậc thánh vương thời xưa chẳng vì cầm thú mà hại người, nay bệ hạ đang hưng thịnh cái giáo hóa của Đường Nghiêu, lại vì việc săn bắn làm vui mà giết hại nhiều quan lại, ngu thần cho rằng không nên. Thần bạo dạn lấy cái chết để cầu xin!

Đế nói:

- Khanh là kẻ bày tôi thắng thần vậy.

Bèn xá tội cho tất cả bọn ấy. Nhưng cũng vì thế mà Tắc bị Đế không sợ.

Năm Hoàng Sơ thứ tư, Tắc bị giáng chức làm Đông Bình tướng. Chưa đến nhận chức, bị bệnh chết ở trên đường, ban thụy là Cương hầu.

Con của Tắc là Di nối tự, Di chết, không có con nối, em của Di là Du được tập tước. Du, năm Hàm Hi trung làm Thượng thư.②

① *Ngụy lược* chép: Theo lễ xưa, Thị trung là kẻ thân cận được coi xét việc sinh hoạt hàng ngày của vua, cho nên tục gọi là "Chấp hồ tử." Ban đầu người đồng quận với Tắc là Cát Mậu, bấy giờ làm Phủ Lịch lệnh, đổi chức làm Nhữnh tán. Mậu gặp Tắc, giấu rằng:

- Đường tiến thủ của sĩ đồ chẳng chỉ dừng ở chức Chấp hồ tử.

Tắc cười nói:

- Ta thật chẳng thể bắt chước cái vẻ lom khom tất tả đuổi xe hươu của người được.

Khi trước, Tắc ở Kim Thành, nghe tin Hán đế truyền ngôi, cho rằng vua đã băng, bèn phát tang; sau nghe nói vua còn sống, tự biết là mình không xét kỹ, mới có ý lặng yên. Lâm Truy hầu là Thực tự thương cảm vì việc làm đó trái ý của Tiên đế, cũng vì Hán triều oán hận mà khóc. Sau này Văn đế xuất du, nghĩ lại hận Lâm Truy hầu, ngoảnh sang bảo tả hữu rằng:

- Nhân tâm không hòa, đương lúc ta lên ngôi, trong thiên hạ có kẻ vì Hán triều mà khóc lóc.

Bấy giờ bày tôi đi theo biết được lời ấy của Đế là nói Tào Thực, có người nói lời đó ra, nhưng Tắc lại cho là nói mình, muốn xuống ngựa để tạ lỗi. Thị trung là Phó Tồn trợn mắt nhìn Tắc, Tắc bèn tỉnh ngộ.

Tôn Thịnh nói: Kẻ sĩ không làm cái việc mà họ cho là sai, cũng không cho cái việc mà họ làm là sai, cái chí ra làm quan hay đi ở

ần, há không như thế! Tắc đã làm quan ở triều đình mới, thác thân vào một triều đại khác, lại phát phần mà sinh hai lòng, có ý ngỗ ngược đưa lời nói thẳng, há đó là hành vi đứng đắn của bậc quân tử tài đức sao? *Kinh Thi* nói rằng: "Kẻ sĩ đã dối lừa, bụng dạ còn bất nhất." Là kẻ sĩ mà hai lòng, cũng như bỏ rơi người phối ngẫu, hưởng chỉ là bậc nhân thần?

② Du tự Hưu Dự, từng trải các chức Thái thường, Quang lộc đại phu, thấy nói ở Tấn bách danh quan. *Sơn Đào khai sự*⁽¹⁾ khen Du là người trung hậu và có trí mưu.

Thần Tùng Chi xét con của Du là Thiệu, tự Thế Tự, là thầy của Ngô vương. Vợ của Thạch Sùng,⁽²⁾ là chị gái của Thiệu. Thiệu có thơ chép ở *Kim Cốc tập*. Em của Thiệu là Thận, làm Tả Vệ tướng quân.

Đỗ Kỳ tự Bá Hầu, người quận Kinh Triệu, huyện Đỗ Lăng vậy.^① Kỳ mồ côi từ thuở nhỏ, bị mẹ kế làm khổ, song nổi tiếng là người hiếu thảo. Năm hai mươi tuổi, là Công tào ở quận, rồi giữ chức Trịnh Huyền lệnh. Tù phạm bị giam giữ trong huyện đến mấy trăm người, Kỳ đích thân đến nhà ngục, xử đoán nặng nhẹ, thả hết ra sai đi, tuy là chưa đúng hết, nhưng người trong quận cho là lạ vì Kỳ trẻ tuổi mà có chí lớn vậy. Kỳ được xét cử Hiếu liêm, phong làm Hán Trung phủ

¹ Sơn Đào (山濤), tự Cự Nguyên, là một người trong Trúc Lâm thất hiền, người thời Tây Tấn, quê ở quận Hà Nội huyện Hoài, rất giỏi học thuyết Lão, Trang, giao du với Kê Khang, Nguyễn Tịch. Khi Tư Mã Ý và Tào Sảng tranh quyền, Sơn Đào giấu mình không tham gia vào vụ việc. Tư Mã Ý chấp chính, cử ông làm Tú tài, Lang Trung, rồi thăng làm Thượng thư bộ Lang. Thời Tư Mã Viêm, Sơn Đào làm Đại hồng lư, rồi Thị trung, Lại bộ Thượng thư, Thái tử Thiếu phó, tả Bộc xạ. Rất có tài bình luận, soạn sách *Khai sự*, người đời gọi là *Sơn Đào khai sự*.

² Thạch Sùng (石崇), tự Quý Luân, là văn học gia thời nhà Tấn, nổi tiếng là người đẹp trai, thời nhỏ có tên là Tê Nô. Năm Nguyên Khang nguyên niên, làm chức Thứ sử Kinh châu, giàu có không ai lường được. Năm Vĩnh Khang nguyên niên, bị vu là đồng đảng của Tư Mã Doãn, bị giết, gia sản bị tịch thu. Lại có một sách khác nói rằng Sùng trải các chức Thái phó, Chinh lỗ tướng quân, Giám quân Từ Châu, trấn thủ Hạ Bi, rồi làm Vệ úy, Sùng siêng nịnh tên quý thích là Giả Mật. Lúc Giả Mật bị bãi miễn chức quan, Sùng cũng bị bãi chức, của cải mất hết.

thừa. Gặp lúc thiên hạ loạn, bèn bỏ chức làm khách trọ ở Kinh châu, năm Kiến An trung mới quay về. Tuân Úc tiến cử Kỳ cho Thái tổ,^② Thái tổ lấy Kỳ làm Tư không ti trực, rồi thăng làm Hộ Khương hiệu úy, cầm cờ tiết, lĩnh Thái thú Tây Bình.^③

① *Phó tử* chép: Kỳ, là hậu duệ của Ngự sử đại phu Đỗ Diên Niên thời nhà Hán.⁽¹⁾ Cha của Diên Niên là Chu, từ quận Nam Dương dời đến huyện Mậu Lăng, đến thời Diên Niên lại dời đến huyện Đỗ Lăng, con cháu nối đời ở đó.

② *Phó tử* chép: Kỳ từ Kinh châu về, sau đến huyện Hứa, gặp Thị trung Cảnh Kỳ, nói chuyện suốt đêm. Thượng thư lệnh là Tuân Úc với Kỳ là hàng xóm, ban đêm nghe Kỳ nói, lấy làm lạ, sáng sớm sai người đến bảo Kỳ rằng:

- Có bậc quốc sĩ mà chẳng tiến cử, lấy gì để giữ chức quan?

Úc gặp được Kỳ, hiểu Kỳ như người quen biết cũ, bèn tiến cử Kỳ với triều đình.

③ *Ngụy lược* chép: Kỳ thời trẻ có chí lớn, ở Kinh châu mấy năm, sau khi mẹ kế mất, vì xú Tam Phụ khai thông, bèn mang áo quan mẹ về bắc. Trên đường đi gặp giặc cướp, mọi người chạy trốn, riêng Kỳ không chạy. Giặc muốn bắt Kỳ, Kỳ xin với bọn giặc rằng:

- Bọn người muốn lấy được tiền của thôi, nay ta không có vật gì, thì bắt ta làm chi?

Giặc bèn thôi.

Kỳ về đến nhà, Kinh Triệu doãn là Trương Thời, người quận Hà Đông, với Kỳ là bạn quen cũ, tạm cho Kỳ làm Công tào. Thời thường hiềm là Kỳ rộng rãi khoáng đạt, chẳng lưu tâm các việc hỗ trợ mình, nói rằng Kỳ chí lớn tài sơ, không xứng với chức Công tào. Kỳ nói kín rằng:

- Ta không xứng chức Công tào, nhưng lại xứng chức Thái thú Hà Đông vậy.

¹ Đỗ Diên Niên (杜延年), tự Áu Công (幼公), người quận Nam Dương huyện Đỗ Diễn. Là người thông hiểu pháp luật, ban đầu làm Quân tư không, sau khi đi bình loạn người Di ở Ích châu về được cử làm Giám nghị đại phu, rất được Hán Tuyên đề tín nhiệm, giữ chức Cửu khanh hơn chục năm.

Thái tổ đã bình Hà Bắc, nhưng Cao Cán cất quân Tinh châu làm phản. Bấy giờ Thái thú Hà Đông là Vương Ấp nhận mệnh trung triệu, người quận Hà Đông là Vệ Cỗ, Phạm Tiên bề ngoài lấy danh nghĩa là thỉnh xin giữ Ấp, nhưng bên trong thực tế là cùng Cán thông mưu. Thái tổ bảo Tuân Úc rằng:

- Chư tướng ở Quan Tây, cật hiểm và có ngựa, ta đi đánh tất họ làm loạn. Trương Thịnh cướp bóc ở vùng núi Hào, sông Mẫn, phía nam thông đồng với Lưu Biểu, bọn Cỗ dựa vào chúng, e là sẽ thành cái hại lâu dài. Quận Hà Đông thế núi điệp trùng sông dài uốn lượn, bốn phía xung quanh có nhiều biến động, hiện nay là chỗ yếu địa trong thiên hạ vậy. Ngươi hãy vì ta tiến cử người như Tiêu Hà, Khấu Tuân¹ để trấn thủ chỗ ấy.

Úc nói:

- Đỗ Kỳ là người ấy vậy.^①

Vì thế Thái tổ truy báí Kỳ làm Thái thú Hà Đông. Bọn Cỗ phái mấy nghìn binh chặn giữ bến Thiểm, Kỳ đến nơi không qua sông được. Thái tổ phái Hạ Hầu Đôn đánh bọn Cỗ, Đôn chưa đến nơi. Có người báo Kỳ rằng:

- Nên gấp cất đại binh.

Kỳ nói:

- Quận Hà Đông có ba vạn hộ, không phải đều muốn làm loạn vậy. Nay quân binh gấp rút bức bách, người ta muốn làm việc

¹ Tiêu Hà (萧何), người huyện Bái, cùng khởi sự với Hán Cao tổ Lưu Bang. Ông là đại công thần của Lưu Bang, lập rất nhiều công lao. Khi Cao tổ được Hạng Vũ phân cho đất Hán Trung, ông tiến cử được danh tướng Hàn Tín cho Cao tổ, lại ở hậu phương lo liệu việc quân lương tạo cơ sở vững chắc, là tiền đồ giúp nhà Tây Hán thành công. Khi xét công phong tước, công lao của Tiêu Hà hàng đầu trong số 18 vị công thần, được ban đặc ân khi vào triều được đeo kiếm đi giày lên điện.

Hán Khấu Tuân (寇恂) tự Tử Dục, người quận Thượng Cốc huyện Xương Bình, là danh tướng thời Đông Hán. Quang Vũ đế nhờ có Khấu Tuân giữ vững Hà Nội, cự quân Xích Mi, là cơ sở vững chắc để từ đó dựng nghiệp. Ông thông hiểu kinh thư, giữ đức hạnh, được triều đình nể trọng. Có người cho rằng ông xứng đáng giữ ngôi Tể tướng. Đức tính nổi bật của ông là biết nhẫn nhịn, lấy đại cục làm trọng.

tốt mà không có người chủ trương, tất sẽ sợ hãi mà nghe theo Cỗ. Bọn Cỗ thế lực chuyên nhất, tất liều chết giao chiến. Đánh dẹp mà không thắng, bốn phía xung quanh hưởng ứng chúng, biến loạn trong thiên hạ không dừng được vậy; đánh dẹp mà thắng được, cũng chỉ giết được dân một quận thôi. Và lại bọn Cỗ chưa tỏ rõ ý dứt tuyệt vương mệnh, bề ngoài lấy danh nghĩa là xin giữ chủ cũ, tất không hại chủ mới. Ta một mình một xe đi thẳng qua đó, xuất kỳ bất ý. Cỗ là người đa mưu nhưng không quyết đoán, nhất định vờ đón ta. Ta ở quận một tháng, dùng kế ràng buộc chúng, là đủ rồi.

Bèn theo đường tắt từ bến Đậu qua sông.②

Phạm Tiên muốn giết Kỳ để ra oai với bộ chúng.③ Lại quan sát hành động cử chỉ của Kỳ, rồi chém giết hơn ba mươi người từ quan Chủ bộ trở xuống ở dưới cửa, hành động của Kỳ vẫn tự nhiên như thường. Vì thế Cỗ nói:

- Giết hần chẳng có nghĩa lý gì, chỉ được tiếng xấu; và lại quyền chế là ở bọn ta.

Bèn vâng lệnh lập Kỳ. Kỳ bảo Vệ Cỗ, Phạm Tiên rằng:

- Họ Vệ, họ Phạm, được người quận Hà Đông ngưỡng vọng, ta thật sự trông vào họ mà thôi. Nhưng nghĩa trên dưới đã định, thành bại cùng chung, đại sự phải nên cùng nhau nghị bàn.

Rồi lấy Cỗ làm Đô đốc, làm việc của Quận thừa, giữ chức Công tào; quan quân tướng lĩnh hơn ba nghìn người, đều cho Phạm Tiên đốc trách. Bọn Cỗ mừng, tuy tỏ ra là giúp Kỳ, nhưng cơ bản là xem thường dưới mắt. Cỗ muốn phát đại quân, Kỳ lo việc ấy, khuyên Cỗ rằng:

- Muốn làm việc phi thường, thì chẳng nên lay động lòng người. Nay phát đại quân, mọi người tất rối loạn, chẳng bằng cứ thông thả dùng tiền tài để mộ quân.

Cố cho là đúng, theo lời, rồi dùng tiền của điều phát, mấy chục ngày sau mới xong, chư tướng tham tiền ra ứng mộ thì nhiều nhưng người điều phái đến thì ít. Kỳ lại vào bảo bọn Cố rằng:

- Lòng người ta nhớ về gia đình, chư tướng duyên lại, nên chia ra cho về nghỉ ngơi, lúc khẩn cấp triệu gọi họ cũng chẳng khó.

Bọn Cố sợ trái ý mọi người, lại nghe theo. Vì thế người tốt ở bên ngoài ngấm lòi kéo người của mình, kẻ ác phân tán đều quay về nhà của họ, sĩ chúng lìa tan. Gặp lúc giặc Bạch kỵ đánh huyện Đông Viên, Cao Cán chiếm huyện Hoạch Trạch, người tại các huyện của quận Thượng Đảng giết hại trưởng lại, người quận Hoảng Nông bắt giữ Quận thú, bọn Cố ngấm điều binh không kịp. Kỳ biết người ở các huyện theo phục mình, nhân đó ra ngoài, đem riêng mấy chục quân kỵ đến huyện Trương Tích chống giữ, quan dân nhiều người đem người trong thành ra giúp Kỳ, trong mấy chục ngày, được hơn bốn nghìn người. Bọn Cố cùng Cán, Thịnh hợp sức đánh Kỳ, không hạ được, cướp bóc ở các huyện, không thu được gì. Vừa lúc đại binh kéo đến, Cán, Thịnh thua bại, bọn Cố bị giết, dư đảng của chúng đều được xá tội, sai về làm nghiệp cũ.

① *Phó tử* chép: Úc khen "cái dũng của Kỳ đủ để đương nổi đại nạn, trí mưu đủ để ứng biến, người ấy có thể dùng thử được."

② *Nguy lược* chép: Khi trước, Kỳ và Vệ Cố lúc còn trẻ đùa dỡn nhau, Cố thường khinh miệt Kỳ. Kỳ có lần chơi trò đánh trận rồi tranh cướp cờ với Cố, Kỳ từng bảo Cố rằng:

- Trọng Kiên, ta nay làm quan ở Hà Đông vậy.

Cố vén áo lên mắng Kỳ. Lúc Kỳ làm quan ở đó, thì Cố làm Công tào trong quận. Trương Thời trước nhậm chức ở quận Kinh Triệu, Kỳ nghênh đón quan Tư lệ, cùng với Thời gặp nhau ở Hoa Âm. Lúc Thời và Kỳ tương kiến, về nghi lễ đều cầm hốt ngang nhau. Thời than rằng:

- Ngày hôm qua làm Công tào, nay đã làm Quận tướng rồi!

③ *Phó tử* chép: Tiên nói rằng:

- Đã muốn làm hổ mà lại ghét ăn thịt người, là không thích hợp để làm hổ vậy. Nay không giết hẳn đi, tất thành cái họa về sau.

Lúc ấy, quận huyện trong thiên hạ đều bị tàn phá, quận Hà Đông yên định sớm nhất, ít tổn hại. Kỳ cai trị Hà Đông, chuộng ban ân khoan thứ, lấy đức giúp dân. Dân chúng từng có việc kiện tụng, có kẻ đến báo, Kỳ thân đến gặp bày tỏ đại nghĩa, sai giải tán về nhà suy nghĩ kỹ việc đó, nếu suy nghĩ chưa hết ý, lại đến phủ quan. Các vị phụ lão trong làng xóm nghiêm khắc tự trách nhau rằng:

- Có vị quan tốt như thế, chúng ta sao lại không theo giáo hóa đây?

Từ đấy ít có việc kiện tụng. Kỳ lại ban lệnh xuống các huyện thuộc, đề cử những người con hiếu với cha mẹ, đàn bà không thất tiết với chồng, cháu chắt kính thuận bậc trên, miễn trừ đao dịch, tùy lúc mà an ủi khích lệ họ. Rồi đốc thúc dân nuôi trâu cái, ngựa cái, dưới nữa là gà, chó, lợn, đều có khuôn phép nhất định. Trăm họ siêng năng với nghề nông, nhà nhà giàu có sung túc.

Kỳ lại nói:

- Dân đã giàu rồi, chẳng thể không giáo dục.

Vì thế đến mùa đông¹ sửa sang binh khí giảng dạy võ nghệ, lại mở trường học, tự thân cầm sách giảng truyền kiến thức, phong khí trong quận có chuyển biến.①

① *Ngụy lược* chép: Bác sĩ là Nhạc Tường, nhờ có Kỳ mà thăng tiến. Đến nay quận Hà Đông đặc biệt có nhiều Nho sĩ, là bởi cái giáo hóa của Kỳ vậy.

Hàn Toại, Mã Siêu phản loạn, đa phần các huyện ấp của quận Hoảng Nông, Phùng Dục đều hưởng ứng chúng. Quận Hà Đông tuy liền kề với giặc, nhưng dân không sinh lòng khác. Thái tổ tây

¹ Thời xưa, vào mùa đông, đã qua vụ gặt tháng mười là lúc nông nhàn. Thời điểm ấy hay cho dân luyện tập chiến trận.

chinh đến huyện Bồ Phán, cùng giặc cách sông Vị đóng quân, lương ăn cho quân hết thảy trông vào quận Hà Đông. Lúc giặc bị phá, còn dư hơn hai mươi vạn hộc lương. Thái tổ lệnh rằng:

"Thái thú Hà Đông Đổ Kỳ, chính là người như Khổng tử nói: 'Vua Vũ, ta không chê trách vào đâu được vậy.'⁽¹⁾ Nay tặng phẩm thật là Trung nhị thiên thạch."

Thái tổ đi đánh Hán Trung, Kỳ phái năm nghìn người vận lương, người vận lương tự khích lệ nhau rằng:

- Người ta sinh ra chỉ có một lần chết, chẳng nên phụ lại phủ quân của chúng ta vậy.

Rút cục không một người nào bỏ trốn, Kỳ được lòng người như thế.^①

Nước Ngụy đã dựng, lấy Kỳ làm Thượng thư. Việc binh tạm yên, lại có lệnh rằng:

"Xưa Tiêu Hà định Quan Trung, Khấu Tuân bình Hà Nội, khanh có được cái công như thế, ta muốn đem chức Giám quan trao cho khanh, nhưng lại nghĩ rằng Hà Đông là quận tay chân của quốc gia, là cái gốc của sự sung túc, đủ để không chế thiên hạ, nên tạm phiên khanh ngồi trấn quận ấy."

Kỳ ở quận Hà Đông mười sáu năm, thường là quan lại tài giỏi đứng đầu thiên hạ.

① *Đổ thị Tân thư* chép: Bình lỗ Tướng quân là Lưu Huân, vốn là người mà Thái tổ thân gần, quý hiển lòng lấy ở triều đình. Huân từng tới chỗ Kỳ xin quả táo hồng,⁽²⁾ Kỳ lấy việc khác cự lại. Về sau Huân bị tội tử hình, Thái tổ bắt được lá thư ấy, than rằng:

¹ Vua Đại Vũ (大禹) nhà Hạ là người khiêm nhường, chăm chỉ, giản dị, tiết kiệm, suốt đời chăm lo việc nước. Khi nhận nhường ngôi từ vua Thuấn, ông siêng năng việc công, tương truyền là có ba lần ông làm việc công, đi qua nhà mà không ghé vào thăm. Khổng tử rất khen ngợi ông.

² Gọi là Đại táo, có vị ngọt, dùng làm đồ ăn, cũng để làm thuốc.

- Đồ Kỳ có thể gọi là người "không nịnh nọt người trên" vậy.⁽¹⁾ Rồi khen ngợi đức tốt của Kỳ, xuống lệnh cho châu quận, nói:

"Xưa kia Trọng Ni đôi với Nhan tử, mỗi khi nói đến chẳng thể không khen, tình thân ái đã phát từ trong tâm, lại như con tuần mã thông lĩnh bầy ngựa.⁽²⁾ Nay ta cũng mong mọi người ngẩng trông núi cao, ngưỡng mộ người đức hạnh."⁽³⁾

Văn đế tức vương vị, ban cho Kỳ tước Quan nội hầu, rồi triệu về làm Thượng thư. Lúc lên ngôi, tấn phong cho Kỳ tước Phong Lạc đình hầu. Thực ấp trăm hộ, ① ban chức Tư lệ Hiệu úy. Đế đi đánh nước Ngô, lấy Kỳ làm Thượng thư bộc xạ, ở lại kinh thống quản công việc. Về sau Đế ghé Hứa Xương, Kỳ cũng ở lại coi giữ. Kỳ lại vâng chiếu chỉ chế tác Ngự lâu thuyền, thử thuyền ở sông Đào, thốt nhiên gặp gió lớn bị chết chìm. Đế vì Kỳ rơi nước mắt. ② Hạ chiếu rằng:

"Xưa kia Minh chuyên cần với chức quan của mình mà chết ở dưới sông, Tắc siêng năng trồng lúa mà chết ở trên núi.⁽⁴⁾ ③ Cỗ Thượng thư bộc xạ Đồ Kỳ thử thuyền ở Mạnh Tân, vì thế chết chìm, hết mực trung tín. Trẫm rất xót thương."

¹ Nguyên văn: "Bất mị vu Táo", vốn xuất xứ từ sách *Luận ngữ*, thiên *Bát dật*. Câu văn gốc là: "Dữ kỳ mị vu Áo, nịnh mị vu Táo." Có nghĩa là: "Nịnh thần Áo, thà nịnh thần Táo." Vốn dĩ là thần Áo được thờ ở nhà trên, thần Táo thờ ở dưới bếp, vì thần Táo lo việc ăn uống, nên được dân coi trọng hơn thần Áo. Ở đây có ý nói là Đồ Kỳ không xu nịnh người trên.

² Nguyên văn: "Suất mã dĩ ký", xuất ra từ sách *Pháp ngôn* thiên *Tu thân* của Dương Hùng người thời nhà Hán, có ý so hình tượng nói về bậc hiền giả đứng đầu mọi người.

³ Nguyên văn: "Ngưỡng cao sơn, mộ cảnh hành." Xuất xứ từ *Kinh Thi*, thiên *Xa hạt*, câu văn gốc là: "Cao sơn ngưỡng chi, cảnh hành hành chi." Ý nói núi cao để người ta ngưỡng trông, bậc có đức hạnh lớn thì người ta xem như khuôn phép mà noi theo.

⁴ Tiết (稷) là bầy tôi của vua Thuần, từng giúp vua Đại Vũ trị thủy, được phong đất ở ấp Thương, ông chính thủy tổ của nhà Thương sau đó. Minh (冥), là cháu sáu đời của Tiết, làm quan coi việc sông ngòi thời nhà Hạ, vì việc công bị chết đuối.

Tắc (稷) là bầy tôi của vua Thuần, con của bà Khương Nguyên, dạy dân trồng lúa Tắc, ông được phong ấp ở đất Thai, là tổ tiên của nhà Chu. Tắc siêng năng cấy trồng, chết ở trong núi bên sông Hắc.

Bèn truy tặng chức Thái phó, ban thụy là Đái hầu. Con của Kỳ là Thứ nối tự.^④

① *Ngụy lược* chép: Trước đó Kỳ ở quận, nhận chiếu thư sai biên tên các quả phụ. Bấy giờ ở quận khác có người đã tự lấy chồng lần nữa, song cứ chiếu theo thư chọn đưa đi, tiếng kêu khóc vang đường. Kỳ chỉ chọn người góa chồng, cho nên số người đưa đi ít; lúc Triệu Nghiễm thay Kỳ thì số người đưa đi nhiều.

Văn đế hỏi Kỳ rằng:

- Lúc trước số người mà ngài đưa đi ít, nay sao nhiều vậy?

Kỳ đáp:

- Người mà thần trước đây chọn đưa đi đều là vợ đã mất chồng, nay Nghiễm đưa cả vợ của người mà chồng vẫn còn sống đi vậy.

Đế và tả hữu nhìn nhau thất sắc.^①

② *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Khi trước, Kỳ từng gặp một đồng tử bảo Kỳ rằng:

- Thần Tư mệnh^② sai ta triệu ông.

Kỳ cố xin nó, đồng tử nói:

- Nay ta sẽ giúp ngài xin chọn người thế chỗ. Ngài cẩn thận chớ nói việc này ra!

Nói xong, thốt nhiên không thấy đâu nữa. Đến lúc ấy là hai mươi năm rồi, Kỳ bèn nói ra. Ngay hôm ấy chết, bấy giờ sáu mươi hai tuổi.

③ *Quốc ngữ chú* của Vi Diệu dẫn *Mao thi truyện* chép: Minh, là cháu sáu đời của Tiết vậy, làm chức quan coi việc về sông ngòi thời nhà Hạ, siêng năng với chức phận mà chết ở dưới sông. Tắc, là ông Khí của Chu vậy, siêng năng gieo trồng lúa, chết ở trên núi bên sông Hắc.

¹ Thời chiến loạn, vì nhân khẩu ít nên đưa các quả phụ đi lấy chồng khác để sinh con nhằm tăng nhân khẩu, có thêm người phục vụ chiến tranh. Các quận khác bắt nhiều người để lấy thành tích, Kỳ làm việc có đạo nghĩa, không như Thái thú khác.

² Thần Tư mệnh (司命) tức là Diêm vương, là vị thần chương quản sinh mệnh con người.

④ *Phó tử* chép: Kỳ và quan Thái bộc là Lý Khôi, Thái thú Đông An là Quách Trí giao tình thân thiết. Con của Khôi là Phong giao kết với kẻ anh tuấn, vì tài trí mà nổi danh thiên hạ. Con của Trí là Xung bên trong có thực tài nhưng không tỏ ra bên ngoài, người trong châu chẳng ai khen ngợi vậy. Kỳ làm Thượng thư bộc xạ, hai người đều đưa con cháu đến diện kiến Kỳ. Họ về rồi, Kỳ than rằng:

- Hiếu Ý không có con; chẳng phải chỉ là không có con, e là không có nhà nữa. Quân Mưu là bất tử vậy, con ông ấy đủ để kế nghiệp cha.¹⁾

Người thời ấy đều cho là Kỳ lắm lần. Sau khi Khôi chết, Phong làm Trung thư lệnh, cha con anh em đều bị giết, Xung làm Thái thú Đại Quận, rút cục nổi được nghiệp cha; người đời lúc ấy mới phục tài xét người của Kỳ.

Ngụy lược chép cha của Lý Phong tên Nghĩa, so với ghi chép ở chỗ này là bất đồng, Nghĩa có lẽ là biệt danh của Khôi vậy.

Thứ tự Vụ Bá, năm Thái Hòa trung làm Tán kỵ hoàng môn thị lang.^①

Thứ lấy sự chất phác đãi người, chẳng giả bộ vẻ bề ngoài, thời trẻ không có tiếng tăm. Lúc ở triều đình, chẳng kết giao bè đảng, chuyên tâm hướng về việc công. Mỗi khi chính sự có việc được mất, thường dẫn kỷ cương làm chính luận, vì thế bọn Thị trung Tân Bì cho là có tài.

① *Đỗ thị Tân thư* chép: Thời trẻ Thứ cùng người quận Phùng Dục là Lý Phong đều được gánh vác việc của cha, lại chơi thân với nhau từ thuở ấu để trái đào. Lúc thành người lớn, Phong dùi mài đức hạnh mong lấy tiếng khen ở đời, nhưng Thứ lại phóng túng không câu nệ nói năng thẳng thắn, so với Phong rất khác. Phong vang danh một thời, kẻ sĩ ở kinh sư đa phần vì Phong mà tiến cử lên. Nhưng nhà cầm quyền có người cho rằng Phong có danh tiếng quá với tài thực, còn Thứ là người mặc áo vải thô ôm ngọc báu vậy. Bởi thế Phong không giao du với Thứ. Thứ cũng mặc kệ cứ tự nhiên, không gắng sửa đức hạnh để hợp thời thế. Lúc

¹ Hiếu Ý là tên tự của Lý Khôi, Quân Mưu là tên tự của Quách Trí.

Phong làm quan vinh hiển ở triều đình, Thử vẫn ở nhà như trước. Minh đế vì Thử là con của đại thần, cất nhắc bá làm Tán kỵ thị lang, được mấy tháng, lại chuyển bổ làm Hoàng môn thị lang.

Bấy giờ từ bậc công khanh trở xuống đại hội nghị bàn về các việc được mất, Thử cho rằng: "Thử sử thời xưa, kính thuận sáu điều mà bậc Đế vương ban ra,⁽¹⁾ lấy thanh tĩnh vô vi lập danh, oai phong sáng rõ, nay chớ cho lĩnh binh, để họ chuyên tâm vào việc trị dân." Ngay sau đó Trấn bắc tướng quân là Lã Chiêu lại lĩnh Ký châu.①, Thử bèn dâng sớ rằng:

"Cái đạo của bậc đế vương, chẳng gì hơn việc an dân; cái thuật an dân, là ở chỗ khiến dân được giàu có. Khiến dân được giàu có, thì phải tiết kiệm chi dùng vậy."

"Hiện nay hai tên giặc chưa diệt được, xe binh của vua liên tục xuất hành, ấy là lúc kẻ sĩ hùm gấu phải gắng sức đến cùng kiệt vậy. Nhưng kẻ nho sĩ là dòng dõi cao môn thế phiệt, xem trọng vũ lực, vung tay lớn tiếng tranh luận, lấy binh pháp Tôn, Ngô làm đầu, châu mục quận thú, hết thấy đều sao lãng với cái thuật giúp dân, chỉ quan tâm đến việc của kẻ làm tướng soái. Dân đang vụ nông tang, phải gắng sức với việc can qua, chẳng thể nói là quan tâm đến nghiệp gốc được. Thương khó hàng năm rộng không mà chế độ về thuế cứ nhiều lên, sức dân mỗi năm một suy mà thuế khóa lao dịch tăng đều, chẳng thể nói là tiết giảm phí dụng. Nay Đại Ngụy kiêm quản đất đai của mười châu, nhưng kế thừa cái gian khó của thời tang loạn, hộ khẩu tính ra chẳng bằng số dân của một châu trước kia, mà hai phương tiếm nghịch, giặc rợ phương bắc chưa thần phục, ba phương hiểm nạn, bị cướp phá suốt năm; vốn dĩ thống quản dân chúng của một châu, làm ăn trên đất của chín châu đã là việc gian nan, lại thích vung roi xua ngựa gây để phi nước đại, há chẳng phải là không coi trọng và yêu tiếc sức lực của mình ư? Vũ hoàng đế vốn tiết kiệm, phủ khố sung túc, còn chẳng dám cầm binh của mười châu; số quận dùng

¹ Sáu điều: Xem chú thích ở tập II, quyền 9, trang 254 (Hạ Hầu Huyền truyện).

binh chỉ có hai mươi vạn. Nay các châu ở biên cảnh là Kinh, Dương, Thanh, Tì, U, Tinh, Ung, Lương đều có binh rồi, các châu mà ta có thể dựa vào thực lực để sung của cải vào phủ khố, ra ngoài khắc chế tứ Di, duy có Duyện, Dự, khu Tư lệ và Ký châu mà thôi."

"Thần lúc trước cho rằng châu quận nắm binh, thì chuyên tâm đến việc quân, không siêng năng việc hành chính, nên đặt riêng tướng lĩnh phụ trách việc quân, để châu mục quận thú chuyên tâm việc trị lý; nhưng bệ hạ lại ban cho Lã Chiêu phẩm trật cao quý ở Ký châu. Hộ khẩu ở Ký châu nhiều nhất, đất đai đa phần được khai khẩn, lại có nhiều cây dâu, cây táo, là nguồn thuế trọng yếu của quốc gia, thực chẳng nên để Chiêu nắm giữ việc binh nữa vậy. Nếu cho rằng ở phương bắc tất phải có binh trấn thủ, thì nên đặt riêng một đại tướng để trấn yên chỗ ấy. Tính toán phí tổn cho việc bố trí tướng sĩ, so với việc kiêm chức không có gì khác biệt. Như Chiêu là nhân tài dễ thay; mà trong triều còn thiếu người, thì người có tài kiêm chức ở đời cũng không quá nhiều vậy. Lấy đấy mà suy, thì biết rằng quốc gia căn cứ nhân tài để tuyển quan, chứ chẳng vì chức quan để chọn người vậy. Chức quan có người xứng đáng đảm trách, thì chính sự sáng suốt, ngục tụng được xét kỹ, chính sự sáng suốt cố nhiên là dân giàu có, ngục tụng xét kỹ thì nhà tù rỗng không. Bệ hạ lên ngôi, người bị thẩm xét quyết án trong cả nước có mấy trăm, mỗi năm lại tăng nhiều, thậm chí đến hơn năm trăm người rồi. Dân không nhiều lên, pháp lệnh cũng không nghiêm hơn. Lấy đấy mà suy, thì không phải là chính sự giáo hóa đổ nát, mà việc dùng châu mục quận thú không xứng chức chẳng phải là hậu quả rõ ràng sao?"

"Năm ngoái trâu cày chết, tính trong cả nước thì mười phần giảm mất hai; lúa mạch thất thu một nửa, vụ thu chưa gieo trồng. Nay hai tên giặc nhón nhơ ngoài cõi, chở cỏ chuyển lương, nghìn dặm không đến kịp, về kế mưu sách lược, há chỉ ở binh mạnh thôi sao? Binh sĩ tinh nhuệ càng nhiều, căn bệnh của quốc gia càng nặng thôi. Quốc gia cũng như thân thể người ta, tim bụng khỏe mạnh, tứ chi đâu có bệnh, rút cục không có đại họa; nay Duyện, Dự, khu Tư lệ và Ký châu cũng

là tim bụng của quốc gia vậy. Thế nên ngu thần khẩn thiết mong cầu, các mục thú của bốn châu ra sức chuyên tâm với nghiệp gốc, để kham nổi cái trọng trách của tứ chi. Nhưng nghị luận của một người khó vững, phạm vào ý nguyện của bề hạ thì khó thành, đông người oán giận thì khó kết làm một khối, người ta nghi ngờ thì khó phân xử, cho nên đã nhiều năm rồi chẳng được minh chúa xét đến. Hết thấy những lời này là lời của kẻ hèn kém; lời của kẻ hèn kém, thật không dễ nghe theo. Ví như kế hay tất xuất ra ở miệng người thân tín hay quyền quý, người thân tín hay quyền quý cố nhiên là không phạm vào bốn cái khó để cầu lấy trung ái, đấy là việc mà người trị lý quốc gia xưa nay lo lắng vậy."

① *Thế ngữ* chép: Chiêu tự Tử Triển, người quận Đông Bình. Con trưởng của Chiêu là Tồn, tự Trường Để, làm Tướng quốc duyện, được Tư Mã Văn vương sủng ái. Con thứ của Chiêu là An, tự Trọng Để, thân thiết với Kê Khang, cùng Khang đều bị giết. Con thứ nữa là Túy, tự Quý Để, làm Hà Nam doãn. Con của Túy là Dự, tự Cảnh Ngu, làm Ngự sử trung thừa.

Bấy giờ đại hội triều thần nghị bàn về chế độ khảo hạch quan lại, để khảo xét hết các quan viên trong ngoài. Thứ cho rằng dùng người mà chẳng phát huy hết cái tài của họ, dù họ có tài năng cũng vô ích, vì tài của họ không được dùng vào việc trọng yếu, việc trọng yếu mà họ làm lại không phải là việc cốt yếu ở đời. Bèn dâng sớ rằng:

"*Kinh thư* nói: 'Lấy việc công để thử, khảo hạch ba lần mới thăng hay giáng chức', thực là chế độ hay của bậc Đế vương xưa. Khiến người tài được gánh vác chức quan thích hợp, kẻ có công được nhận lộc xứng đáng, ví như sức của Ô Hoạch nhấc nghìn cân,⁽¹⁾ Lương, Nhạc

¹ Ô Hoạch (乌获) là đại lực sĩ người nước Tần thời Chiến Quốc, sức vóc rất ghê gớm, nâng nổi nghìn cân. *Sử ký*, thiên *Tần bản kỷ* chép: Tần Vũ vương thích người khỏe mạnh, dùng Ô Hoạch, Mạnh Thuyết, Nhâm Bi làm quan, Vũ vương và Mạnh Thuyết nâng thử đỉnh nhà Chu, đỉnh quá nặng, Vũ Vương nâng không nổi, bị đỉnh rơi xuống trúng vào chân, bị gãy xương bánh chè.

tuyển xét biết được sức chân của con ngựa Ký.⁽¹⁾ Đến nay tuy đã trải qua sáu đời⁽²⁾ nhưng chế độ khảo hạch chẳng thấy ghi chép rõ, xem rộng việc làm của bảy vị thánh⁽³⁾ thì vẫn tự về khảo thí chẳng lưu truyền lại, thần thực sự cho là phép tắc của họ thì người đời sau có thể noi theo về đại lược, nhưng các điều văn cụ thể khó liệt kê đầy đủ. Ngạn ngữ nói: 'Ở đời có người loạn mà không có phép loạn.' Ví như phép tắc đã đạt đến sự hoàn hảo, thì Đường Ngu có thể chẳng trông đợi vào sự phù tá của Tắc, Tiết, Ân Chu không quý trọng sự giúp đỡ của Y, Lã rồi. Nay tấu xin khảo xét công tích, bày kể việc thi hành pháp chế thời Chu, thời Hán, bó buộc bởi ý gốc của Kinh Phòng,⁽⁴⁾ có thể nói là đã làm sáng tỏ được cái mâu chốt của việc khảo xét vậy. Còn như cái phong khí chuộng lễ khiêm cung, để cục diện trị thế được tề chỉnh, thần cho là chưa hoàn thiện hết. Nay muốn sai châu quận khảo xét sĩ nhân, họ tất phải theo bốn điều,⁽⁵⁾ đều có được thành quả, rồi sau mới xét cử, gọi đến công phủ dùng thử, cho làm trưởng lại ở gần với dân, lại căn cứ công tích để bổ nhiệm làm Quận thú, hoặc tăng phẩm trật ban tước thưởng, đây là điều cấp thiết nhất của việc khảo xét vậy.

¹ Bá Nhạc (伯乐) vốn có tên là Tôn Dương, bảy tôi của Chu vương, là người nổi tiếng về xem tướng ngựa. Có lần Chu vương sai Bá Nhạc đi tìm thiên lý mã, Bá Nhạc đi khắp nơi không tìm được, sau đi qua nước Kê, gặp được một con ngựa đang thồ một xe muối đi lên dốc, hơi thở nhọc mệt, rất khó sở tựa như sắp chết. Bá Nhạc đến xem, lau mồ hôi cho ngựa, ngựa liền hí lên, Bá Nhạc nghe tiếng biết là ngựa hay, bèn mua về dâng lên Chu vương. Chu vương thấy ngựa gầy, nghi ngờ, nhưng Bá Nhạc quả quyết là ngựa tốt, rồi chăm sóc nó nửa tháng, sau quả thực là thiên lý mã, Chu vương nhờ ngựa ấy lập được nhiều chiến công nên càng kính trọng Bá Nhạc.

Vương Lương (王良), người nước Tấn thời Xuân Thu, rất giỏi nghề đánh xe và xem tướng ngựa. Quan đại phu họ Triệu học nghề đánh xe của Vương Lương rồi đòi thi, thay ngựa ba lần, không thắng được, cho rằng Vương Lương chưa truyền hết nghề cho mình. Vương Lương nói: "Ngài có kỹ thuật nhưng không biết dùng, đánh xe thì phải giống ngựa đúng cách, khi đánh xe thì chỉ nên chú ý đến xe, chứ ông chạy trước thì sợ xe tôi vượt qua, chạy sau thì chỉ nghĩ cách làm sao vượt được xe tôi, chẳng chú ý đến xe, không thua sao được."

² Sáu đời ở đây là chỉ Đường Ngu, Hạ, Thương, Chu, Tần, Hán.

³ Bảy vị thánh là : Nghiêu, Thuấn, Đại Vũ, Thang, Chu Văn, Chu Vũ và Chu công.

⁴ Kinh Phòng (京房), học giả thời Tây Hán, từng chế định điều lệ khảo xét quan lại.

⁵ Bốn điều là: Thông đạo nho, hiểu pháp lệnh, hiểu thuận, có khả năng chính trị.

Thần cho là nên để họ hiển lộ tài năng, chọn dùng kiến nghị của họ, khiến cho phép khảo thí của châu quận được đầy đủ, pháp luật được thi hành rồi, đặt thưởng tất phải tín, ban hình tất phải thi hành. Đến như công khanh và đại thần ở triều đình, cũng nên căn cứ vào chức trách của họ để tiến hành khảo hạch vậy."

"Quan Tam công thời xưa, ngồi mà luận đạo, đại thần ở triều đình, thu nhận ý kiến để bổ khuyết, không việc hay nào không ghi chép lại, không lỗi lầm nào không nắn sửa. Và lại thiên hạ rộng lớn, muôn việc phức tạp phải xử lý, thực không phải là một người sáng suốt có thể soi xét khắp. Cho nên vua là đầu, bầy tôi là tay chân, rõ ràng là một thể phối hợp nhau mà thành vậy. Thế nên cổ nhân nói rằng gỗ dựng đền miếu, không phải một cây làm nên; sự nghiệp của Đế vương, không phải là mưu lược của một kẻ sĩ. Bởi thế mới nói, có đại thần tận trung giữ chức khảo hạch thì có thể đưa thiên hạ đến vui hòa! Và lại kẻ áo vải kết giao, còn trọng tín nghĩa mà nhảy vào nơi nước lửa, cảm ngộ tri kỷ mà xé lòng gan rạch mật, chết theo danh để lập tiết nghĩa; huống chi là kẻ đại vũ đứng giữa triều đình, ngôi vị đến khanh tướng, cái mục đích theo đuổi không chỉ là tín nghĩa của kẻ thất phu, cái tình cảm tôn kính không chỉ là cái ân tri kỷ, việc chết thân há đâu chỉ là thanh danh mà thôi!"

"Những người được sủng ái hưởng lộc hậu nhận trách nhiệm lớn, không phải chỉ mong cầu giúp quân vương bay cao sánh được với Nghiêu, Thuấn mà thôi; bản thân cũng muốn xen dự vào hàng Tắc, Tiết. Vì thế người xưa không lo cái ý niệm trị quốc của mình không biểu đạt được hết, mà lo rằng cái tâm nguyện với chức trách mà mình gánh vác không đủ, đấy thực là bậc nhân chủ khiến họ thành như thế vậy. Nghiêu, Thuấn là bậc quân chủ, ủy thác trách nhiệm cho Tắc, Tiết, Quỳ, Long mà yêu cầu họ thành công, lúc kẻ thần tử có tội, thì giết Cồn mà lưu đầy tứ hung. Nay đại thần có người thân phụng minh chiếu, vâng giữ chức phận ở dưới mắt quân vương, sớm khuya lo việc, kính cẩn siêng năng, ngang nhiên đứng thẳng, giữ chức không cúi mình khuất phục quyền thế, xử việc công bằng không du

nịnh riêng tư, đứng giữa triều đình nói lời thẳng ngay, hành vi chính trực, tự nhiên được minh chủ xét rõ. Nếu có người không tận chức để hưởng lộc tự cho mình là cao, rửa tay không nói tự cho mình là trí, giữ chức chỉ trốn tránh trách nhiệm, tại triều đình không quên giữ địa vị, tu sửa phẩm hạnh nói năng thuận lẽ để yên thân, cũng được minh chủ xét rõ vậy. Ví như cái người giữ thân bảo toàn ngôi vị, không mắc tội bị biếm chức, mà tận tiết với việc công, ở tình thế bị người khác nghi ngờ, công nghĩa chẳng thể phát dương mà lời bàn riêng trở thành tập tục, dấu là người trí mưu như Trọng Ni, cũng chẳng thể phát huy hết tài năng, huống chi là với kẻ tục nhân đây! Học giả hiện nay, bắt chước Thương Ưởng, Hàn Phi¹ nên coi trọng pháp trị và quyền thuật, đua nhau cho là nho gia không thiết thực, không phù hợp thực tế để dùng ở đời, đây là cái tệ bệnh rất nghiêm trọng của tập tục, là điều mà bậc sáng nghiệp phải hết sức thận trọng vậy.”

Sau việc khảo xét quan lại rút cục không được thi hành.①

① *Đỗ thị Tân thư* chép: Thời Lý Phong làm Thường thị, Hoàng môn lang là Viên Khản bị chuyển làm Lại bộ lang, Tuân Vũ ra làm Thái thú Đông Quận, ba người đều là bạn hữu thân thiết làm quan đồng hàng với Thứ.

Người quận Lạc An là Liêm Chiêu vì có tài năng được đề bạt cất nhắc, rất hay dâng tấu sớ hặc tội các quan. Thứ dâng sớ cực lực can gián rằng:

“Thần cúi xét quan Thượng thư lang là Liêm Chiêu tấu hặc xin phạt tội quan Tả thừa Tào Phan vì giữ chức quan mà không tuân chiếu lệnh, buộc phải nhận tội đến nơi phán quyết. Lại nói ‘Những người

¹ Thương Ưởng (商鞅): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 120 (Vũ đế ký).

Hàn Phi (韓非), là người nước Hàn cuối thời Chiến Quốc, lúc Tần Thủy Hoàng đang diệt sáu nước. Ông là nhà pháp trị nổi tiếng thời ấy, là tác giả của bộ sách *Hàn Phi tử* nổi tiếng, tổng hợp tinh hoa của các nhà pháp gia thời trước. Ngoài ra còn có các tác phẩm khác như *Cô phần* (sự phẫn nộ của con người cô độc), *Ngũ đồ* (năm thứ sâu mọt), *Nội ngoại trừ thuyết* (sưu tập những lời bàn về việc trong và việc ngoài), *Thuyết nan* (cái khó trong việc du thuyết), gồm hơn chục vạn chữ.

phán xét tội nhân nên có tấu riêng.’ Thượng thư lệnh là Trần Kiểu tấu rằng không dám chối việc phạt tội, cũng chẳng dám xử phạt nặng vượt quá chức trách, tình lý rất khẩn thiết. Thần trộm thấy xót xa vì triều đình mà đau tiếc! Ôi, thánh nhân chẳng được chọn thời mà sinh, chẳng được đổi dân để trị, nhưng sau khi sinh tất có được sự phù tá của bậc hiền trí, đại khái là xét cái đạo tiến cử mà dùng người, lấy lễ nghĩa mà thống suất quân hạ vậy. Bậc đế vương thời xưa sở dĩ có thể thống lĩnh quốc gia trị lý trăm họ, chẳng ai không muốn xa thì thu được lòng trăm họ, gần thì phát huy hết trí lực của quần thần. Ví như hiện nay đại thần nhận chức ở triều đình đều là người giỏi được tuyển bạt trong thiên hạ, mà chẳng thể khiến họ dốc hết trí lực của mình, chẳng thể nói là khéo dùng người; nếu họ không phải là người giỏi được tuyển bạt trong thiên hạ, cũng chẳng thể nói là khéo liệu tài trao chức. Bệ hạ lao nhọc lo lắng xử lý chính sự, có lúc lòng dạ như lửa đốt, mà các việc không được như ý, hình luật cấm lệnh ngày một bê trễ, há chẳng phải là minh chứng của việc có đại thần không xứng chức sao? Nguyên do ấy từ đâu, không phải chỉ là đại thần không tận trung, cũng bởi bậc quân chủ không dùng hết cái tài của họ vậy. Bách Lý Hề ngụ ở nước Ngưu mà cơ trí ở nước Tần,⁽¹⁾ Dự Nhượng cầu thả an thân ở chỗ họ Trung Hàng lại tỏ tiết với Trí Bá,⁽²⁾ đấy là minh chứng rõ ràng về việc khéo dùng người của cổ nhân rồi. Nay thần nói đại thần cả triều đều bất trung, thì là vu khống các đại thần, nhưng sự việc như trên, có thể suy đoán mà biết được. Bệ hạ cảm khái bởi

¹ Bách Lý Hề (百里奚), người nước Ngưu thời Xuân Thu. Lúc Bách Lý Hề làm đại phu ở nước Ngưu, nước nhỏ, vua tầm thường, không biết dùng cái tài của ông nên ông không lập được công tích gì. Nước Ngưu bị nước Tần diệt, Bách Lý Hề trốn ở nước Tần, Tần Mục công nghe nói ông là người hiền, bèn sai đem năm tấm da dê đổi lấy ông, vì thế ông còn được gọi là Ngũ cô đại phu (五羖大夫). Bách Lý Hề làm Tể tướng nước Tần bảy năm, giản dị, tiết kiệm, thương dân, có nhiều công lao giúp nước Tần cường thịnh, được dân Tần yêu mến. Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên: “Ngũ Cô đại phu chết, trai gái nước Tần chảy nước mắt, trẻ con không ca hát, người già gạo không hò.”

² Dự Nhượng (豫讓): Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 235 (Tể vương Tào Phương truyện).

kho tàng không sung túc, mà việc quân chưa dừng nghỉ, thậm chí bỏ việc dâng cống y phục bốn mùa, giảm bớt lương thực dùng ở ngự phủ, đều là ý chỉ của thánh thượng, cả triều đình xưng tụng là bệ hạ anh minh, nếu bệ hạ xử lý chính sự mà bí mật không nói lộ với người khác, sao có mối lo bức thiết này?"

"Kỵ đô úy Vương Tài và nữ nhân được sủng ái là Mạnh Tư làm chuyện trái phép, việc chấn động cả kinh đô, mà tội trạng phát lộ bởi kẻ tiểu lại báo lên, công khanh đại thần không hề nói qua một lời. Từ khi bệ hạ lên ngôi đến nay, Tư lệ Hiệu úy và Ngự sử trung thừa đã có ai nêu cao kỷ cương để đốc xét kẻ gian nịnh giao hoạt, khiến triều thần cung kính nghiêm túc chưa? Nếu bệ hạ cho là đời nay không có bậc lương tài, triều đình thiếu người hiền phù tá, thì làm sao noi theo dấu xưa của Tấn, Tiệt, lại ngồi đợi người tài tuần ở tương lai sao! Những người hiền nay được gọi là hiền nhân, đều là đại quan được hưởng lộc hậu rồi, nhưng tiết tháo kính thờ quân vương chưa xác lập, tư tưởng hướng về việc công chưa thành một khối, chức trách được ủy thác không chuyên nhất, mà nguyên nhân là bởi tập tục có nhiều điều kỳ hụy vậy. Thần cho là trung thần bất tất phải là người thân, đại thần là người thân không hẳn đều là trung. Sao vậy? Là vì đại thần ở địa vị không bị hiềm nghi thì tự mình được tận tâm với công việc. Nay có người dâng sớ hủy báng người khác mà lời hủy báng không đúng sự thật, tất người ta sẽ nói là kẻ kia bị ghét bỏ vì thù riêng, khen ngợi người khác mà lời khen không đúng sự thực, tất người ta sẽ nói là kẻ kia được ưu ái vì tình thân, tả hữu có người nhân việc ấy để dâng lời yêu ghét, thì không chỉ là lời khen chê của một người, với chính sự bất luận là được hay mất, cũng đều nảy mối ngờ. Bệ hạ nên suy diễn rộng để hiểu rõ tâm tư của đại thần, ra sức khích lệ tiết tháo của kẻ giữ chính đạo, khiến họ tự so mình với cổ nhân, mong ghi danh vào tre lụa. Trái lại, nếu có những người như Liêm Chiêu gây nhiễu ở triều đình, thần e rằng đại thần rút cục sẽ an thân giữ vị, ngồi yên xem được mất, thành tấm gương cho đời sau!"

"Xưa kia Chu công khuyên răn Lỗ hầu rằng: 'Không nên khiến đại thần oán hận là họ không được dùng',⁽¹⁾ bất kể hiền ngu, đều tỏ rõ họ là người khả dụng ở đời. Vua Nghiêu tính kẻ công lao của Thuấn, khen việc đuổi Tứ hung,⁽²⁾ bất kể là chức vị lớn hay nhỏ, cứ có tội là đuổi vậy. Nay đại thần trong triều không tự nhận là mình vô năng, mà cho là bệ hạ không tin dùng họ; không tự cho là mình bất trí, mà cho là bệ hạ không hỏi đến họ. Bệ hạ sao chẳng noi theo cách dùng người của Chu công, theo cái nguyên tắc đuổi người có tội của Ngu Thuấn? Sai quan Thị trung, Thượng thư ngồi ở trong cung thì thờ phụng bệ hạ nơi màn trướng, ra ngoài tuần hành thì theo sau xa giá, tự thân ứng đối khi Hoàng đế hỏi han, điều mà họ bày tỏ tất đến được với bệ hạ, thì từ hành vi của quần thần, họ có tài hay không bệ hạ đều có thể biết được; kẻ trung thành tài cán thì tiến cử, kẻ ám muội hèn kém thì gạt bỏ, ai dám kháng mệnh mà không tự gắng hết mình? Dùng sự thánh minh của bệ hạ, đích thân cùng quần thần nghị luận chính sự, khiến quần thần người người được tự ra sức, người người tự cho mình là thân tín, người người nghĩ việc báo ân, người hiền kẻ ngu, có tài hay không, là ở cái cách bệ hạ dùng họ vậy. Theo đấy mà xử lý sự vụ, thì việc gì không hoàn hảo? Theo đấy để lập công nghiệp, công nào mà chẳng thành? Mỗi khi có việc quân, chiếu thư thường nói: 'Ai sẽ lo tính việc này đây? Ta phải tự mình lo nghĩ thôi.' Gần đây chiếu thư lại nói: 'Lo việc công quên việc riêng, tất không có người như thế, chỉ có lo việc công trước việc riêng sau, tức là biết liệu việc rồi.' Thần cúi đọc minh chiếu, biết rằng bệ hạ suy xét đến tận cùng tâm tư của người dưới, nhưng cũng thấy kỳ quái là bệ hạ không sửa trị tận gốc mà lo lắng về cái ngọn của việc ấy. Người ta có tài hay

¹ Chu công được Vũ vương phong ở đất Khúc Phụ (nước Lỗ), không nhận chức, xin ở triều đình giúp vua, nhường đất phong cho con mình là Bá Cầm, dặn Bá Cầm là phải dùng hết thủy đại thần, không được để họ oán hận là không được dùng.

² Thời vua Nghiêu, Tứ hung là Cung Công (共工), Hoan Đâu (欢兜), Chuyên Húc (顓頊) và Tam Miêu (三苗), đây là những kẻ ác vua Nghiêu chưa diệt được, vua Nghiêu dùng thử Thuấn, Tứ hung bị đuổi diệt, vua Nghiêu khen, nhường ngôi cho Thuấn.

không, thực tế là ở thiên tính, dẫu thần cũng cho rằng đại thần không hẳn là đều xứng chức. Minh chủ khéo dùng người, là ở chỗ khiến người tài không dám bớt sức lực, mà người vô tài không được ở cái chỗ không đúng chức phận. Tuyển cử người không có tài, không hẳn là tội lỗi; chỉ có người không xứng chức mà cả triều đình dung nạp, mới là kỳ quái thôi. Bệ hạ biết những người không tận sức, lại lo thay cái chức trách của họ, biết những người không có tài, lại dạy dỗ họ quản lý công việc của họ, đấy há chẳng phải là quân chủ lao nhọc mà đại thần nhàn rồi hay sao? Dẫu thánh hiền đều còn sống cả, nhất định chẳng thể dùng cách này để trị lý được quốc gia vậy."

"Bệ hạ lại lo cấm lệnh ở phủ Thượng thư không nghiêm mật, lo việc thỉnh xin thăng giáng không dứt tuyệt, thần nghe nói Y Doãn đặt ra chế độ đưa đón tân khách ra vào, tuyển Ác lại để canh giữ cửa quan; uy quyền cấm lệnh từ họ, thật chưa đạt đến cái gốc của việc thiết lập cấm lệnh vậy. Trước kia thời Hán An đế, Thiệu phủ Đậu Gia trưng dụng người con vô tội của anh trai Đình úy Quách Cung, còn bị cử tấu, tấu chương hặc tội liên miên.⁽¹⁾ Gần đây Tư lệ Hiệu úy Khổng Di trưng dụng người em cuồng vọng của Đại tướng quân, mà Hữu ti lạng yên không nói, trông sắc diện đón ý vâng chỉ, thậm chí tiếp nhận sự phó thác. Tuyển cử không theo tài thật, thì việc dùng người là rất có vấn đề vậy. ① Gia có được sự sủng ái của hoàng thân, Cung không phải là trọng thần của xã tắc, mà còn như thế; việc nay so với việc xưa là tương đồng, vì bệ hạ không đốc xét việc thi hành hình phạt để lấp tuyệt cái căn nguyên của nạn a dua kết đảng đấy thôi. Chế độ của Y Doãn, là dùng Ác lại giữ cửa quan, không phải là phương cách trị thế thích hợp vậy. Ví như lời nông cạn của thần được xét dùng, sao còn lo lắng việc kẻ gian hoạt không dứt tuyệt, mà phải dung dưỡng hạng người như bọn Chiêu sao!"

¹ Quách Cung (郭躬), tự Trọng Tôn, người quận Dĩnh Xương huyện Dương Dịch, chủ quản hình ngục dưới thời vua Hán An đế và Hán Chương đế, dùng hình pháp công bằng, dân không kêu oán. Việc Thiệu phủ Đậu Gia trưng dụng người con của anh trai Đình úy Quách Cung, bị cử tấu hặc tội, người dịch chưa tra cứu được.

"Hặc lỗi kẻ gian trái phép, là việc của trung thần, nhưng người đời căm ghét hành vi của kẻ tiểu nhân, cho rằng chúng không đoái hoài đến đạo lý mà chỉ cầu thả cầu chỗ dung thân, thăng quan tiến tước. Nếu bệ hạ không xét rõ căn nguyên của sự việc, tất trái ý nguyện của chúng nhân lại khích nộ những người một lòng vì việc công, hành vi bí mật cáo giác người ta mà xem là tận tiết, há đâu những bậc uyên bác thông đạt có tài lương đồng lại chẳng làm được thế ư? Thực bởi họ nghĩ đến đạo lý mà chẳng làm thế vậy. Khiến người thiên hạ đều bỏ đạo nghĩa mà xu phụ cầu lợi, thì đấy là điều mà bậc nhân chủ rất thống hận, bệ hạ sẽ lấy gì để yên vui, sao chẳng diệt trừ cái tệ ấy từ lúc nó mới nảy mầm! Ôi, cái kẻ đón ý vâng theo chỉ dụ để cầu chỗ dung thân, đại khái là kẻ nông cạn không có đạo nghĩa và đức hạnh vậy, ý đồ của chúng là chỉ làm sao để hợp lòng bậc nhân chủ mà thôi, không phải là muốn trị lý quốc gia yên trăm họ vậy. Bệ hạ sao chẳng thử thay đổi chức vụ của họ rồi xét cái điều họ biểu lộ, họ há cố giữ ý mình mà trái thánh ý sao? Đại thần hiểu tấm lòng của bậc nhân chủ, là yên nghiệp vậy; giữ chức quan quý hiển, là vinh dự vậy; hưởng lộc trọn đời, là được đãi hậu vậy. Đại thần dẫu ngu độn, chưa có ai vì không yêu thích công việc mà ngỗ ngược trái thánh ý, bị bức bách bởi đạo nghĩa, tất tự mình gắng nỗ lực thôi. Thần thực sự cho rằng với hạng người ấy bệ hạ nên xót thương che chở họ, ủy thác cho việc nhỏ, vì sao lại chọn dùng cái ý riêng điên đảo của bọn Liêm Chiêu, mà không quan tâm đến bậc nhân giả đây? Nay ngoài có giặc cướp dòm xét, trong dân khôn khó lâu ngày, bệ hạ nên suy xét việc lợi hại lớn trong thiên hạ, việc được mất của chính sự, thật chẳng thể qua loa đại khái được vậy."

① Thần Tùng Chi xét Đại tướng quân ở đây, là Tư Mã Tuyên vương vậy. Tấn thư chép rằng: "Em thứ năm của Tuyên vương, tên Thông, làm Tư lệ tông sự." Ngờ rằng đấy là người cuồng vọng mà Đỗ Thù nói đến. Con của Thông là Thuận, được phong tước Long Dương đình hầu. Lúc nhà Tấn mới nhận nhường ngôi, Thuận cho là không thấu đạt về thiên mệnh, giữ tiết không đổi chí, bị tước đất phong và tước vị, lưu đày đến quận Vũ Uy.

Thứ ở triều đình tám năm, luận bàn thẳng thắn, đại để là như thế vậy. Sau ra làm Thái thú Hoằng Nông, được mấy năm lại chuyển làm Triệu tướng,^① vì có bệnh bỏ chức.^② Rồi rời nhà ra làm Thái thú Hà Đông, hơn một năm, được điều đi nhận chức Đô đốc hộ quân ở Hoài Bắc, lại vì mắc bệnh bỏ chức.

Thứ ở sở quan, chuyên tâm dốc trí lực vào việc quốc gia đại thể mà thôi, gây dựng ân huệ, rất được trăm họ yêu mến, nhưng không bằng được Kỳ. Không lâu sau, được bái làm Ngự sử trung thừa.

Thứ ở tại triều đình, vì không hòa hợp được với người đương thời, nên thường nhận chức ở ngoài. Lại ra làm Thứ sử U châu, gia thêm chức Kiến uy tướng quân, cầm cờ tiết, Hộ Ô Hoàn hiệu úy. Bấy giờ Chinh bắc tướng quân là Trình Hỉ đóng quân ở huyện Kế, bọn Thượng thư Viên Khản cảnh cáo Thứ rằng:

- Trình Thân Bá vào thời Tiên đế, đè lấn cả Điền Quốc Nhượng ở Thanh châu. Nay cùng túc hạ đều cầm trượng tiết, lại đóng chung đồn ở một thành, rất nên cẩn thận với ông ấy.

Nhưng Thứ không chú tâm. Đến nhận chức còn chưa trọn kỳ, có người con của Tiên Ti đại nhân không qua quan ải, lại đem mấy chục quân kỵ đi thẳng đến châu, người trong châu chém một thằng nhỏ đi theo bọn chúng, không dâng biểu tấu lên. Hỉ bời thế dâng tấu hặc tội Thứ, triều đình hạ lệnh bắt giao cho Đình úy, ứng tội xử tử. Vì cha của Thứ là Kỳ chuyên cần với chức trách chết dưới sông, mới biếm làm thứ dân, lưu đầy đến quận Chương Vũ, năm ấy là năm Gia Bình nguyên niên.^③ Thứ bản tính lỗi lạc thích làm việc theo ý riêng mà không suy tính phòng họa hoạn, rút cục dẫn đến thất bại như thế.

① *Ngụy lược* chép: Thứ ở Hoằng Nông, khoan hòa nhân ái với trăm họ. Lúc dời đi, triều đình lấy Mạnh Khang thay Thứ làm Thái thú Hoằng Nông.

Khang tự Công Hưu, người huyện An Bình. Năm Hoàng Sơ trung, vì Khang với Quách hậu là thân thuộc bên ngoại, nên được

nhận lễ bái Cửu thân, sau chuyển làm Tấn kỵ thị lang. Bấy giờ, chức quan Tấn kỵ đều là những nho sĩ học thức uyên bác tài năng được tuyển chọn sung vào, nhưng duy có Khang vì quan hệ với Hoàng phi mà được dự lẫn trong số ấy, cho nên người thời ấy đều cùng xem thường Khang, gọi là A Cửu.⁽¹⁾

Khang vốn không được thông minh nhanh nhẹn, vì thế giữ chức thanh nhân, đọc rộng kinh truyện, sau có lần tấu bàn về chính sự, văn nghĩa cao đẹp lại thiết yếu, chúng nhân vì thế mới xem trọng. Năm Chính Thủy trung, ra làm Thái thú Hoàng Nông, lĩnh chức Điển nông Hiệu úy.

Khang đến sở quan, giữ mình thanh liêm vâng theo chức phận, khen người thiện, lại thương xót kẻ không có năng lực, giảm bớt các việc ngục tụng, theo cái điều mà dân muốn, nhân đó làm lợi cho họ. Quan lại tại quận Khang cai quản hơn hai trăm người, cứ đến cuối xuân lại cho người nghỉ việc, thường bốn người thì cho một người về. Việc không để lâu, lúc thẩm xét án, đều răn bảo Đốc bưu phải xét việc công bằng, không đồng ý với án kiện thì lệnh cho thuộc quan phái người đi dò xét, theo lẽ đúng mà nắn sửa. Lại không muốn quan dân bị phiền nhiễu, thường dặn quan quân, khi ra ngoài đều mang theo liềm, đến đâu thì tự cắt cỏ cho ngựa ở đấy, không nghỉ ở trạm dịch, mà nghỉ dưới gốc cây ở ngoài đồng, hơn nữa quân đi theo thường chẳng quá chục người. Phủ của quận ở gần đường, các tân khách đi qua, không phải vì việc công thì chiếu phép tắc không cấp phát lương; nếu là người quen cũ đến thăm, thì tự đón về nhà tiếp đãi.

Khang lúc mới được bái quan, chúng nhân tuy biết Khang có chí khí và độ lượng, nhưng cho là chưa từng làm chức mục thú, không khẳng định được tài năng. Nhưng Khang tỏ rõ cái tài cai trị như thế, quan dân đều khen ngợi. Năm Gia Bình mạt, Khang từ chức Thái thú Bột Hải được triệu về làm Trung thư lệnh, sau chuyển làm Trung thư giám.

¹ A Cửu (阿九), tức là dựa vào Cửu thân vậy.

② *Đỗ thị Tân thư* chép: Thứ sau rời kinh sư, dựng xóm Nhất Tuyền ở huyện Nghi Dương, nhân đó đắp hào lũy vòng quanh đất ấy, các gia đình lớn nhỏ vào ở trong đó. Lúc Minh Đế băng hà, có nhiều người vì Thứ mà xin giúp.

③ *Đỗ thị Tân thư* chép: Hi muốn Thứ phải uốn gối phục tùng mình, bèn nhờ Tư Mã Tổng Quyền bảo Thứ cái ý của mình. Thứ đáp thư của Quyền rằng:

"Đa tạ ngài chỉ bảo chỗ khuất khúc. Đại khái, người giữ phép tắc coi việc trong thiên hạ, dùng thiện ý đãi người, chẳng ai không đưa người ta đến chỗ vui thích vậy; dùng ý bất thiện đãi người, chẳng ai không dẫn người ta đến chỗ hiềm khích vậy. Nhưng có lời bàn rằng, phạm là con người thiên tính đều bất thiện, không nên dùng thiện ý đãi người, chỉ nên đối xử hợp lý, được sao hay vậy. Kẻ hèn này là hạng người ấy, do đó muốn lui về ở ẩn cuối thuyền lênh đèn chôn bể khơi thôi, chẳng tự hòa mình ở thế gian. Nhưng nay ta năm mươi hai tuổi, chẳng bị phế bỏ, cũng vì gặp được bậc quân tử thấu tình đạt lý hiểu rõ bản ý của ta; nếu ta chẳng được lượng thứ, có sai người móc ruột gan ta ra, bất quá chỉ vài cân thịt thôi, có giá trị gì đâu, cho nên ta nhất định chẳng tự mình giải thích. Trình Chinh bắc công danh sáng rõ, đi trước kẻ hèn này rất nhiều, có người nào hơn được Chinh bắc đâu! Nay nếu lệnh cho hạ quan là việc bất kể lớn nhỏ, phải thỉnh ý rồi mới thi hành, thì không đúng với bản ý của thượng ti tổng quản; nếu thỉnh ý mà không theo, lại không hợp lẽ trên dưới thuận hòa. Cho nên ta dùng ý mình, dựa vào chí mình, thẳng thắn làm việc thôi. Việc giết người Hồ, thiên hạ bảo đúng, thì đó là vận khí của ta vậy; cho là không đúng, thì kẻ hèn này tự chịu, không oán hận đổ lỗi cho người. Trình Chinh bắc hiểu cũng được, không hiểu cũng được, các vị quân tử sẽ tự cùng phán quyết theo lòng mình thôi, chẳng ở lời nói của kẻ hèn này vậy."

Hi vì thế bèn ngầm soạn tấu chương hặc tội Thứ.

Khi trước, Thứ từ Triệu Quận bị gọi về, người quận Trần Lưu là Nguyễn Vũ cũng từ chức Thái thú Thanh Hà bị triệu gọi, đều tự đến chỗ quan Đình úy chịu phạt, Vũ bảo Thứ rằng:

- Ta xét phẩm cách của ngài có thể noi theo đạo công chính nhưng sự kiên trì không nhất quán, năng lực có thể đảm trách

ngôi đại quan nhưng đường sĩ đồ không thuận, tài học có thể biên chép việc cổ kim nhưng chí thú bất nhất, đấy gọi là có tài mà không dùng được cái tài ấy. Nay sắp rồi nhàn, nên thử suy nghĩ sâu xa, soạn thành một học thuyết của riêng mình.

Thứ ở quận Chương Vũ, bèn soạn sách *Thế luận* có tám chương.^① Lại soạn một thiên sách là *Hưng tính luận*, đại để là lấy cảm hứng từ việc làm của bản thân mình mà soạn thành. Năm thứ tư, chết ở chỗ lưu đầy.

① *Đỗ thị Tân thư* chép: Thứ cho rằng phép lớn của đạo nhân luân, chẳng gì trọng yếu hơn đạo quân thần; cái gốc rễ của việc lập thân, chẳng gì to lớn hơn là lời nói và hành vi; yên lòng chúa thượng cai quản quân dân, không gì tinh tế hơn là chính sách và pháp lệnh; dẹp tàn bạo sát, không gì hay hơn việc dụng binh. Lễ, là bản thể của vạn vật, vạn vật đều có được cái bản thể của mình, không gì là không hay, cho nên gọi tên sách là *Thế luận*.

Năm Cam Lộ thứ hai, người quận Hà Đông là Nhạc Tường đã hơn chín mươi tuổi, dâng thư ca tụng công tích lúc trước của Kỳ, triều đình cảm kích. Để hạ chiếu phong con của Thứ là Dự làm Phong Lạc đình hầu, ban thực ấp trăm hộ.^①

① *Ngụy lược* chép: Nhạc Tường tự Văn Tái. Thời trẻ hiếu học, năm Kiến An sơ, Tường nghe nói Công xa Tư mã lệnh là Tạ Cai người Nam Quận tinh thông *Tả thị truyện*, bèn từ quận Nam Dương đi bộ đến huyện Hứa gặp Cai hỏi các vấn đề cốt yếu khó giải thích, sách *Tả thị Nhạc thị vấn thất thập nhị sự* ngày nay, là do Tường soạn chép vậy. Các vấn đề mà Tường hỏi đã thông, lại quay về quê cũ, bấy giờ Đỗ Kỳ làm Thái thú, cũng rất ham học, tạm cho Tường làm Văn học Tế tửu, sai giáo huấn bọn hậu sinh, vì thế nghiệp học của quận Hà Đông đại thịnh. Đến năm Hoàng Sơ trung, Tường được trưng bái làm Bác sĩ.

Vào thời ấy mới lập nhà Thái học, có hơn mười vị Bác sĩ, sở học đa phần là hạn hẹp, lại không tinh thực mọi lễ, đại để là không quen giảng dạy, sung vào cho đủ số quan viên mà thôi. Duy có

Tường ngũ kinh đều truyền giảng được, có người khó dạy, thực chất là không dạy được, Tường không tỏ vẻ tức giận, lấy gậy vạch vẽ trên đất, dẫn ví dụ giảng giải, đến quên ăn quên ngủ, vì thế một mình vang danh xa gần.

Tường học vấn đã tinh tường, lại khéo suy diễn tam chính ngũ hành,¹ được đặc biệt nhận chiếu lệnh giúp quan Thái sử chế định lịch pháp. Năm Thái Hòa trung, chuyển bá làm Ky đô úy.

Học vấn của Tường rất giỏi nhưng thiếu năng lực trị lý, cho nên trải ba đời vua, rút cục không ra làm Tể thú. Đến năm Chính Thủy trung, vì tuổi cao nghỉ việc quay về nhà, người trong tông tộc ở quê cũ theo học, môn đồ đến mấy nghìn người.

Các tấu sớ nghị luận biện bác của Thử đều đáng xem, nay chọn ra các việc thiết yếu can hệ với việc lớn ở đời chép vào thiên này.^①

① *Đỗ thị Tân thư* chép: Em của Thử là Lý, tự Vụ Trọng. Lúc trẻ cơ trí xét việc tinh tường, Kỳ lấy làm lạ, cho nên đặt tên là Lý. Năm hai mươi mốt tuổi thì chết. Em nữa là Khoan, tự Vụ Thúc, thanh bạch trầm tĩnh ít ham muốn, sáng suốt thích cổ văn. Vì là con nhà danh thần, từ nhỏ đến lớn ở kinh sư, nhưng dốc chí học rộng sách vở, cự tuyệt với việc mưu thân trị thế, ý riêng muốn suy xét các đạo lý huyền bí, vì thế nổi danh, kẻ sĩ làm quan ở đời đa phần giao kết. Được xét cử Hiếu liêm, phong làm Lang trung. Năm bốn mươi hai tuổi thì chết. Về nghĩa của kinh truyện, Khoan đa phần có luận xét biện bác, nhưng mới soạn chép chưa thành, duy có phần chú giải chọn lọc sách *Lễ ký* và *Xuân thu Tả thị truyện*, đến nay còn truyền lại ở đời.

Dự tự Nguyên Khải, là con rể của Tư Mã Tuyên vương. *Tấn thư* của Vương Ẩn khen Dự mưu trí uyên bác, thông tỏ phép trị loạn, thường nói "Đức hạnh, không phải là thứ mà ai ai cũng có thể đạt đến được, dựng công lập thuyết, cũng gần như thế vậy."

Dự xem rộng các điển tịch, nói rằng *Công Dương*, *Cốc Lương truyện*, là lời biện bác đối trá. Lại chê các Nho gia đời trước bình

¹ Đại để là căn cứ vào sự vận động của Ngũ hành mà chế định lịch pháp. Xem thêm chú thích về Tam thần, Tam chính ở tập I, quyển 3, trang 202 (Minh đế ký).

luận chưa xét kỹ ý của Khâu Minh trong *Tả thị truyện*, mà bèn ngang làm hai truyện rối loạn. Bèn tổng hợp các lời bàn, soạn chép *Xuân thu Tả thị kinh truyện tập giải*, tham khảo thêm sách vở của các nhà, gọi tên sách là *Thích lệ*, lại soạn sách *Minh hội đồ*, *Xuân Thu trường lịch*, đầy đủ thành một học phái riêng, đến lúc già mới soạn thành. Thượng thư lang là Chí Ngu rất xem trọng Dự, nói:

- Tả Khâu Minh vốn từ *Kinh Xuân Thu* sáng tác thành truyện, mà sách *Tả truyện* từ đây tự lưu truyền; *Thích lệ* vốn từ *Tả truyện* soạn chép nên, nhưng ý nghĩa rộng mở há chỉ là nội dung trong *Tả truyện*, cho nên cũng tự được lưu truyền.

Dự lập đại công với nhà Tấn, ngôi vị đến chức Chinh nam Đại tướng quân, khai phủ, phong tước Đương Dương hầu, thực ấp tám nghìn hộ.

Con của Dự là Tích, tự Thế Hổ, làm Thượng thư tả thừa.

Tấn chư công tán chép: Thế Hổ là người độ lượng. Anh họ của Dự là Bân, tự Thế Tương, cũng có tài năng và danh vọng, làm Hoàng môn lang, bị Triệu Vương là Tư Mã Luân giết oan.

Con của Hổ là Nghệ, tự Hồng Trị. Thời trẻ có danh tiếng tốt, làm Đan Dương thừa, chết sớm.

Nguyễn Vũ, cũng rộng rãi khoáng đạt, rất có tài vậy.

Xét Nguyễn thị phả: Cha của Vũ là Kham, tự Sĩ Tín, được trưng triệu nhưng về chính sự không có thành tựu gì, sáng tác sách *Tam lễ đồ* lưu truyền ở đời.

Đỗ thị Tân thư chép: Vũ tự Văn Nghiệp, tính tình khoáng đạt lại thông hiểu rộng, là kẻ sĩ uyên bác nho nhã. Ngôi vị chỉ đến Thái thú Thanh Hà.

Em của Vũ là Bình, tự Thúc Văn, làm Hà Nam doãn. Tính thông y thuật, soạn một bộ sách về thuật chữa bệnh.

Con của Bình là Thản, tự Hoàng Thư, thời nhà Tấn làm Thái tử Thiếu phó, Bình đông tướng quân.

Em của Thản là Kha, tự Sĩ Độ.

Duyệt châu ký của Tuân Xước chép: Thản được kể nổi tước của bác, bác chết, theo thứ tự lớn nhỏ thì người anh đáng được nổi

tước, cha ưu ái Kha, đem danh phận kế nối truyền cho Kha, Kha bèn kế tước phong. Bấy giờ Thản còn nhỏ, không hiểu để tranh biện, đến lúc lớn lên mới hối, bèn dùng khăn buộc tóc nhàn cư ở nhà,¹ sau tuy có ra làm quan, nhưng chưa từng cởi khăn vậy.

Thản bản tính rất thành thực nhả nhặn, chuộng lễ không làm việc trái lễ, chú tâm với kinh sách, học rộng, kiến văn quảng bác. Được tuyển làm Văn học duyên của Bộc Dương vương, lại thăng làm Lĩnh quân Trưởng sử, chết ở sở quan. Vương Diễn lúc bấy giờ làm Lĩnh quân, khóc Thản rất thảm thiết.

Trịnh Hồn tự Văn Công, người quận Hà Nam huyện Khai Phong. Cụ nội của Hồn là Chúng, cha của Chúng là Hưng, đều là bậc danh nho.^①

Anh của Hồn là Thái, cùng bọn Tuân Du mưu diệt Đồng Trác, làm Thứ sử Dương châu, chết.^② Hồn đưa con nhỏ của Thái là Mậu đi tránh loạn ở Hoài Nam, Viên Thuật dùng khách lễ đãi rất hậu.

Hồn biết Thuật tất bại vong. Bấy giờ Hoa Hâm làm Thái thú Dự Chương, vốn cùng Thái giao hiếu, Hồn bèn qua sông nương nhờ Hâm. Thái tổ nghe nói Hồn phẩm hạnh thuần hậu, triệu đến làm Duyện, lại thăng làm Trưởng huyện Hạ Thái, rồi Thiệu Lăng lệnh.

Thiên hạ chưa định, dân chúng đều coi trọng cái trước mắt, không nghĩ đến chăn nuôi trồng trọt; kẻ sinh con không lấy gì nuôi sống, đại khái đều không nuôi được. Hồn quản huyện, làm ra dụng cụ săn bắn, tính toán việc trồng dâu, lại kết hợp mở mang cấy trồng, phạt nặng việc vứt bỏ con trẻ. Dân sợ tội, sau ít lâu dân chúng được phong túc, không đâu không đầy đủ. Trai gái xứ ấy được nuôi dưỡng, đa phần lấy chữ Trịnh làm tên

¹ Đây là một phong tục thịnh hành vào thời Hán, người nào buộc khăn trên tóc, là tỏ ý mình là người cao nhả.

tự. Trình được triệu về làm Thừa tướng duyên thuộc, rồi thăng làm Tả phùng dục.

① *Tục Hán thư* chép: Hưng tự Thiếu Cống, làm Giám nghị đại phu. Chúng tự Tử Sư, làm Đại tư nông.

② *Hán kỷ* của Trương Phan chép: Thái tự Công Nghiệp. Thời trẻ có tài năng và trí lược, lắm mưu kế, biết thiên hạ sắp loạn, ngầm giao kết với kẻ hào kiệt. Nhà giàu có nhiều tiền của, có bốn trăm khoảnh ruộng, nhưng đồ ăn uống thường chẳng đủ, nổi danh ở Sơn Đông. Được xét cử Hiếu liêm, Tam phủ cho vời, công xa đến triệu, đều không tới.

Hà Tiến làm phụ chính, trưng dụng danh sĩ, lấy Thái làm Thượng thư thị lang, gia thêm chức Phụng xạ đô úy. Tiến sắp tru diệt bọn Hoàng môn, muốn triệu Đồng Trác để trợ giúp, Thái bảo Tiến rằng:

- Đồng Trác cường bạo tàn nhẫn mà ít nghĩa, tham lam vô độ, nếu mượn hấn làm việc triều chính, trao cho hấn đại sự, hấn thả lòng phóng túng gây nguy cho triều đình. Lấy cái uy đức của mình công, nắm giữ trọng trách A hành,¹ quyết đoán theo ý riêng, diệt trừ kẻ có tội, tin rằng chẳng phải đợi Trác tới viện trợ cho mình vậy. Và lại việc đình trệ sẽ sinh biến, cái gương ấy chẳng xa vậy.

Lại bày sẵn những việc làm thiết yếu, Tiến không có tài mà dùng được, Thái bèn bỏ chức mà đi. Rồi bảo với người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Du rằng:

- Hà công không dễ gì mà giúp được.

Chẳng bao lâu Tiến bị hại, Trác quả nhiên chuyên quyền, phế Đế.

Nghĩa binh Quan Đông nổi dậy, Trác mở hội nghị đại phát binh, trăm quan đều sợ Trác, chẳng ai dám nghịch ý. Thái sợ Trác cường mạnh, càng khó chế ngự, bèn nói:

- Trị quốc là ở đức, chẳng cứ ở binh vậy.

Trác không hài lòng nói:

¹ A hành (阿衡), là chỉ người giữ trọng trách lớn, nắm hết quyền hành, là chỗ mà người khắp nơi nương dựa.

- Như thế, binh là vô ích sao?

Chúng nhân chẳng ai không biến sắc, vì Thái mà run sợ. Thái bèn dùng lời trí trá đáp rằng:

- Không phải là vô ích, mà vì Sơn Đông chẳng đáng để ta thêm binh vậy. Nay Sơn Đông bàn muốn khởi binh, châu quận nối liền nhau, nhân tâm ảnh hưởng nhau vọng động, không phải là không có khả năng đó. Nhưng Trung Quốc ta từ thời Quang Vũ đến nay, không hề có cảnh gà gáy chó sủa,⁽¹⁾ trăm họ đã quên chiến trận từ rất lâu rồi; Trọng Ni có nói: "Đem dân không được huấn luyện ra trận, đấy là vứt bỏ dân vậy", dẫu họ đông cũng chẳng thể làm hại ta được, đó là một vậy. Minh công sinh ở Tây châu, thời trẻ làm tướng của quốc gia, lúc nhàn rỗi thao luyện việc quân, nhiều lần xông pha chiến trường, vang danh ở đời; lấy đấy để ra uy với dân, dân nghĩ mà khiếp phục, đó là hai vậy. Viên Bản Sơ là con em nhà công khanh, sinh ở chốn kinh sư, lớn lên giữa đám đàn bà con gái; Trương Mạnh Trác ở Đông Bình thì cao tuổi, ngồi chẳng nhìn được khắp nhà; Khổng Công Tự thì chỉ giỏi thanh đàm cao luận, nói héo thành tươi, không có tài cầm quân, cậy vào việc siêng năng sương mót; lúc xông vào chốn đao gươm, quyết thư hùng phá địch, tất đều chẳng phải là đối thủ của mình công, đó là ba vậy. Xét kẻ sĩ ở Sơn Đông, có cái sức để cưỡi ngựa giương cung, đứng ngang Mạnh Bôn, nhanh sánh Khánh Kỵ,⁽²⁾ tin nghĩa như kẻ giữ Liêu Thành,⁽³⁾

¹ Ý nói dân chúng thanh bình, nhân dân quên cảnh chiến tranh, thôn xóm yên ổn, không có cảnh gà gáy chó sủa báo động cho mọi người lo phòng bị.

² Mạnh Bôn (孟賁) là dũng sĩ nổi tiếng, người nước Vệ thời Xuân Thu, sức địch muôn người.

Khánh Kỵ (庆忌), con trưởng của vua nước Ngô, nổi tiếng là khỏe mạnh và nhanh nhẹn. Lúc ngồi thuyền, bị một võ sĩ là Yêu Ly ám sát, đâm dao trúng bụng, nhưng vẫn đủ sức xách ngược Yêu Ly lên chìm xuống sông, sau đó nhấc lên đặt trên đầu gối, cười nói: "Thiên hạ còn có dũng sĩ dám cả gan đâm ta sao!"

³ Thời Chiến Quốc, nước Yên đánh nước Tề lấy được Liêu Thành, sau bị vu gièm, sợ bị giết, bèn chống giữ ở Liêu Thành, không về nước. Điền Đan phục quốc, vây Liêu Thành một năm, không hạ được. Lỗ Liên (người Tề) viết thư buộc vào mũi tên bắn vào trong thành khuyên tướng Yên rút quân, tướng nước Yên đọc thư xong, tin tưởng, gặp Lỗ Liên, nói: "Xin tuân lệnh ông!" Rồi bãi binh, bỏ Liêu Thành, sai quân cầm ngược túi tên mà rút về.

muu lược như Lương Bình⁽¹⁾; gánh vác một đạo quân, mong cầu lấy thành công, thì chưa nghe nói có ai trong bọn ấy làm được, đó là bốn vậy. Chắc chắn đám người ấy, vương tước chẳng hơn nhau, vốn như mẹ chồng nàng dâu chưa yên định, đều cậy đông cậy sức, người người đứng bên bàn cờ, để quan sát thành bại, chẳng chịu đồng lòng chung cay đắng, đốc suất quân lữ tiến lên, đó là năm vậy. Các quận ở vùng Quan Tây, phía bắc giáp các quận Thượng Đảng, Thái Nguyên, Phùng Dục, Phù Phong, An Định, từ trước đến nay, nhiều lần cùng người Hồ giao chiến, phụ nữ cầm kích cấp mâu, đeo cung vác tên, hưởng chi là kẻ đàn ông mạnh tợn; đem dân chúng quên chiến trận ở Sơn Đông đối địch quân ấy, ví như đuổi bầy dê vào đám hổ lang, bên nào thắng có thể thấy được, đó là sáu vậy. Vả lại kẻ dững mãnh thiện chiến trong thiên hạ, nay còn thấy được bất quá ở Tinh, Lương, Hung Nô, Đồ Các, Hoàng Trung, Nghĩa Tòng và tám tộc Tây Khương, hết thảy trăm họ vốn sợ hãi phục tùng bọn họ, mà mình công quyền nghi lấy làm nanh vuốt, đến kẻ tráng liệt còn run sợ, hưởng chi là lũ hèn mọn đây! Đó là bảy vậy. Thêm nữa là tướng soái của mình công, đều là kẻ phúc tâm tỏ rõ trung thành, theo đi khắp nơi đã lâu ngày, từ Tam Nguyên, Giáp Khẩu đến đây, ân đức tín nghĩa không gì không sáng rõ, lòng trung thành có thể gánh vác việc ở nơi xa, trí mưu có thể đơn độc đi sứ, lấy tướng đó để đối địch với những kẻ ngông lão ô hợp ở Sơn Đông, thật chẳng thể so sánh được, đó là tám vậy. Việc chiến trận có ba cái bại vong: Lấy loạn đánh trị thì bại vong, lấy tà đánh chính thì bại vong, lấy nghịch đánh thuận thì bại vong. Nay mình công nắm quyền bình định quốc chính, đánh giết kẻ hung loạn, trung nghĩa dựng lên; lấy tam đức đọi cái tam vong, vâng lời đánh kẻ có tội, ai dám kháng cự? Đó là chín vậy. Đông châu có Trịnh Khang Thành,⁽²⁾ đạo học bao quát kim cổ, học trò tụ tập ở đó; Bắc Hải có Bình Căn Cù,⁽³⁾ thanh cao chính trực, mọi kẻ sĩ cho là khuôn mẫu.

¹ Trương Lương, Trần Bình, đều là mưu sĩ kiệt xuất của Hán Cao tổ Lưu Bang.

² Tức Trịnh Huyền.

³ Tức Bình Nguyên. Xem tập III, quyển 11 (Bình Nguyên truyện).

Chư tướng bên kia nếu hỏi kể sách bọn họ, họ sẽ xét điển cổ thư tịch để so cường nhược, nói các nước Yên, Triệu, Tề, Lương không phải là không thịnh, mà sau bị diệt bởi nước Tần; bảy nước Ngô, Sở không phải là không đông, mà chẳng dám vượt Huỳnh Dương,⁽¹⁾ huống chi hiện nay đức chính của ngài sáng choang hiển hiện, người tài trong nước là bày tôi tay chân, muốn gây loạn để cầu lấy cái bất nghĩa, tất chẳng ai tán đồng, để thành kẻ hung mưu, đó là mười vậy. Bằng vào mười việc hơn kém đã nêu ra, lại vô sự trung bình để kinh động thiên hạ, khiến cho dân chúng lo lắng về thú địch, tụ tập nhau làm trái, bỏ đức cậy đông, là xem nhẹ cái uy lớn vậy.

Trác vì thế vui mừng, dùng Thái làm Tướng quân, thống lĩnh chư quân đánh quân Quan Đông.

Có kẻ bảo Trác rằng:

- Trịnh Thái trí mưu hơn người, mà kết mưu với người Sơn Đông, nay lại cấp cho hãn quân mã, sai tới chỗ bè đảng của hãn, tôi trộm vì mình công mà lo sợ.

Trác thu binh mã của Thái, giữ lại bái làm Nghị lang. Sau Thái lại giúp Vương Doãn mưu cùng giết Trác, Thái thoát thân từ Vũ Quan bỏ chạy, quay về đông. Sau này Tướng quân Viên Thuật dùng Thái làm Thứ sử Dương châu, chưa đến nhận chức, chết ở trên đường, năm ấy bốn mươi một tuổi.

Bấy giờ bọn Lương Hưng bắt hơn năm nghìn nhà quan dân làm giặc cướp, các huyện không thể ngăn chống nổi, đều sợ hãi, nương nhờ ở sở trị của quan lại. Kẻ bàn luận tất thấy đều cho rằng nên dời đến chỗ hiểm yếu, Hồn nói:

- Bọn Hưng là quân ô hợp, trốn lủi nơi núi hiểm. Dẫu có người theo, nhưng chỉ là những kẻ bị cưỡng ép làm xằng thôi. Nay nên rộng đường cho kẻ hàng, tuyên dụ ân tín, nếu giữ chỗ hiểm tự thủ, đấy là tỏ rõ thế yếu vậy.

¹ Thời Chiến Quốc, sáu nước dù đông nhưng ô hợp, sau bị Tần tiêu diệt; Loạn thất quốc thời Tây Hán, dù bảy nước chư hầu đông, rút cục vẫn bị triều đình đánh dẹp.

Bèn thu nhật quan dân, sửa thành quách, chuẩn bị phòng giữ. Rồi phát động dân đuổi giặc, định rõ thưởng phạt, cùng thề ước, những điều giao hẹn, được bảy phần mười là thưởng. Trăm họ rất hài lòng, đều tình nguyện đuổi bắt giặc, thu được rất nhiều phụ nữ và tài vật. Quân giặc mất vợ con, đều quay lại hàng. Hồn yêu cầu đưa vợ con kẻ bị bắt đến, rồi trả lại vợ con cho họ, vì thế giặc chuyển ra đánh cướp lẫn nhau, đồng đảng ly tán. Hồn lại phái những quan dân có uy tín, chia ra các nơi sơn cốc cáo dụ, giặc nổi nhau ra hàng, Hồn bèn sai Trương lại của các huyện đều quay về sở trị ở bản quận để chiêu tụ dân. Bọn Hưng sợ, đem bộ chúng còn lại tụ ở Phu Thành. Thái tổ sai Hạ Hầu Uyên tới trợ giúp quận đánh bọn Hưng, Hồn thống suất quan dân xông lên trước, chém Hưng và bè đảng của hắn.

Lại có giặc là bọn Cận Phú, bức Trương huyện Hạ Dương và Huyện lệnh huyện Thiệu Lăng đem hết dân chúng của hai huyện vào núi Cai, Hồn lại đánh dẹp bọn Phú, bắt Trương lại của hai huyện, đem dân bị bắt quay về. Đúng lúc có người là Triệu Thanh Long giết Tả nội sử Trình Hưu, Hồn nghe tin, phái tráng sĩ đến chém bêu đầu hắn. Trước sau có hơn bốn nghìn nhà theo phục Hồn, bởi thế sơn tặc đều bình, dân yên ổn với sản nghiệp. Hồn được chuyển làm Thái thú Thượng Đảng.

Thái tổ đi xa đánh Hán Trung, lấy Hồn làm Kinh Triệu doãn. Hồn vì trăm họ mới tụ tập lại, đặt ra phép chế về di cư, sai gia tộc đông với gia tộc ít kết thành bộ ngũ, nhà ôn hòa thành thật và người cô quả lão ấu thành xóm giềng, siêng năng cấy hái, nêu tỏ cấm lệnh, để phát hiện kẻ gian trá. Bởi thế dân yên tâm với nghề nông, mà đạo tặc chấm dứt. Lúc đại quân vào Hán Trung, việc chuyển vận quân lương của quận Kinh Triệu là tốt nhất. Hồn lại phái dân đến Hán Trung khai khẩn, không có người bỏ trốn. Thái tổ khen Hồn, lại triệu về làm Thừa tướng duyện.

Văn đế tức vị, Hồn làm Thị ngự sử, gia thêm chức Phò mã đô úy, rồi thăng làm Thái thú hai quận Dương Bình và Bái. Địa

giới của quận trũng và ẩm thấp, có mối lo nước ngập, trăm họ thiếu đói. Hồn cho xây hồ chứa ngăn nước tại giáp giới hai huyện Tiêu, Tương, để khai ruộng trồng lúa. Người trong quận đều cho là bất tiện, Hồn nói:

- Địa thế ở đây trũng, nước đọng, nên dẫn nước vào, nhất định có cái lợi lâu dài là cá và lúa, đấy là cái gốc của việc làm dân phong túc vậy.

Bèn tự thân đốc suất quan dân, hưng phát lao dịch, đến giữa mùa đông đều hoàn thành. Năm ấy được mùa lớn, ruộng cấy tăng nhiều, thuế thu vào nhiều gấp mấy lần bình thường, dân được nhờ cái lợi ấy, khắc bia ca tụng công đức của Hồn, gọi hồ ấy là Trịnh Bi.⁽¹⁾

Hồn được chuyển làm Thái thú Sơn Dương, rồi Ngụy Quận, những nơi Hồn cai trị, phép trị lý đều phỏng theo như thế. Lại vì trăm họ ở phía dưới quận khốn khổ vì thiếu gỗ xây dựng, Hồn bèn tính trồng cây Phần du làm rào lũy, kết hợp trồng thêm ngũ quả;⁽²⁾ thân cây Phần du đều thành rào dậu, mà ngũ quả sum suê. Vào địa giới Ngụy Quận, nhà cửa thôn xóm ngay ngắn như một, dân chúng phát tài, đồ dùng đầy đủ. Minh đế nghe nói, hạ chiếu khen ngợi và truyền bá, bổ cáo thiên hạ, thăng Hồn làm Tương tác đại tượng.⁽³⁾

Hồn giữ chức thanh liêm có phẩm hạnh, vợ con không tránh khỏi cảnh cơ hàn. Lúc Hồn chết, triều đình lấy con của Hồn là Sùng làm Lang trung.^①

¹ Chữ “Bi” có nghĩa là cái vũng, cái hồ, gọi là Trịnh bi, tức là hồ nước của họ Trịnh.

² Là năm thứ cây ăn quả phổ biến thời ấy: Đào, mận, hạnh, hạt dẻ và táo.

³ Tương tác đại tượng (将作大匠) là chức quan được đặt ra vào thời Tần, ban đầu gọi là Tương tác Thiếu phủ. Đến thời Cảnh đế nhà Tây Hán, đổi thành Tương tác đại tượng, chương quản việc thổ mộc trong công tác xây dựng cung thất, lăng tẩm, tông miếu. Chức danh này các đời sau còn đổi tên nhiều lần, quy định về công việc cụ thể cũng khác nhau.

① *Tấn Dương thu* chép: Con của Thái là Mậu, tự Lâm Thúc. Thái cùng Hoa Hâm, Tuân Du thân thiết. Bọn họ gặp Mậu nói:

- Cơ nghiệp của Trịnh công chẳng mất người kế nối rồi.

Ban đầu Mậu làm Văn học⁽¹⁾ cho Lâm Truy hầu, ít lâu thăng đến chức Quang lộc đại phu. Năm Thái thủy thứ bảy, lấy Mậu làm Tư không, Mậu cố từ không nhận, sau chết tại nhà.

Con của Mậu là Mặc, tự Tư Huyền.

Tấn chư công tán chép: Mặc nối giữ nghiệp nhà, vì trung thật mà nổi tiếng, làm quan đến chức Thái thường.

Em của Mặc là Chất, Thư, Hủ, đều làm khanh tướng.

Con của Mặc là Cầu, thanh liêm chính trực, hiểu đạo lý, làm Thượng thư Hữu bộc xạ, Lĩnh tuyển.⁽²⁾ Em của Cầu là Dự, làm Thượng thư.

Thương Từ tự Hiếu Nhân, người quận Hoài Nam. Ban đầu làm Quận lại. Năm Kiến An trung, Thái tổ ở Hoài Nam chiêu mộ dân đóng đồn làm ruộng, lấy Từ làm Tuy tập đô úy. Năm Hoàng Sơ mạt, Từ làm Trường An lệnh, thanh liêm tiết kiệm có pháp độ, quan dân kính sợ nhưng yêu mến Từ.

Năm Thái Hòa trung, Từ được thăng làm Thái thú Đôn Hoàng. Quận ở biên địa phía tây, vì tang loạn cách tuyệt với Trung nguyên, thiếu không có quan Thái thú đến hai mươi năm, họ lớn khuếch trương thế lực, bèn lấy đó làm tập tục. Thái thú trước kia là bọn Doãn Phụng, chỉ theo lệ cũ mà thôi, không có cải cách nắn sửa gì. Từ đến nhận chức, áp chế bẻ gãy thế lực của cường hào, vỗ về cứu giúp kẻ nghèo khó, xử lý rất vừa vặn. Đại tộc cũ có ruộng đất thừa, mà dân mọn không có đất cày cấy; Từ đều theo số khẩu mà cắt đất phân chia, dần dần khiến hết thảy bọn họ lấy lại được đất cũ.

¹ Văn học (文学) là tên một chức quan, được đặt ra vào thời Tam Quốc, vốn là chức quan lo việc học hành cho Thái tử; đến đời nhà Tống thì phế bỏ chức này.

² Lĩnh tuyển (领选), tức là kiêm thêm việc tiền cử quan lại.

Trước đấy án kiện ngục tụng ở các thuộc thành động rất nhiều, huyện chẳng thể quyết, đa phần tập hợp lại đưa lên quận; Từ tự mình qua đó thẩm duyệt, châm chước xét nặng nhẹ, nếu như không đáng tội chết, chỉ phạt roi trượng rồi đuổi đi, mỗi năm chỉ xử chết không quá mười người. Lại nữa là thường ngày các tộc người Hồ ở Tây Vực muốn đến dâng cống, nhưng các hào tộc nhiều lần ngăn đường chặn lại; rồi cùng nhau mua đổi, lừa dối khinh mạn họ, đa phần không rõ ràng. Người Hồ thường oán thán, Từ đều úy lạo họ. Trong số người Hồ có người muốn đến Lạc Dương, Từ cấp chứng nhận để họ đi qua quận, người muốn từ quận quay về bản địa, quan phủ cùng họ trao đổi công bằng, thường là đem vật đến phủ quan cùng đổi, sai quan dân hộ tổng họ ở trên đường, bởi thế dân Hán dân Di cùng ca tụng ân đức của Từ. Quản quận mấy năm thì Từ chết ở sở quan, quan dân thương cảm như có tang người thân, vẽ hình của Từ, để nhớ dung mạo. Lúc người Hồ ở Tây Vực nghe tin Từ chết, hết thảy đều tụ tập ở sở quan của Mậu Kỷ hiệu úy và Trưởng lại để phát tang, có người dùng dao rạch mặt, để biểu lộ lòng thành, lại vì Từ lập miếu thờ, ở nơi xa cùng nhau cúng tế Từ.^①

① *Ngụy lược* chép: Vương Thiên người quận Thiên Thủy, nối thay Từ, tuy noi theo vết của Từ, nhưng chẳng thể theo kịp. Triệu Cơ người quận Kim Thành lên nối sau Thiên, lại không bằng Thiên. Đến năm Gia Bình trung, người quận An Định là Hoàng Phú Long thay Cơ làm Thái thú.

Khi trước, người quận Đôn Hoàng không tinh thực cách làm ruộng, thường tưới nước đầm ruộng, khiến cho đất cực nhão, rồi mới cày cấy. Lại không hiểu cách đánh luống gieo hạt, chỉ dẫn nước vào rồi gieo trồng, công sức của người và trâu đã phí, mà lúa thu gặt được lại ít. Long đến, dạy họ cách đánh luống gieo hạt, lại dạy họ cách tưới nước, hết năm tính toán lại, sức lực của họ bỏ ra giảm quá nửa, thóc lúa thu được nhiều gấp năm lần. Thêm nữa là phong tục ở Đôn Hoàng, đàn bà mặc váy, buộc dây thắt bằng ruột dê, dùng vải một tấm. Long lại cấm mặc rồi cho sửa lại, nhưng sửa

không đúng ý họ. Cho nên người quận Đôn Hoàng cho là Long cũng nhắc không bằng được Từ, còn như việc siêng năng yêu dân, giúp người dưới được lợi, có thể nói chỉ kém Từ một chút.

Từ thời Thái tổ đến năm Hàm Hi, Thái thú Ngụy Quận là Ngô Quán người nước Trần, Thái thú Thanh Hà là Nhâm Úc người quận Lạc An, Thái thú Kinh Triệu là Nhan Phi người quận Tế Bắc, Thái thú Hoảng Nông là Lệnh Hồ Thiệu người quận Thái Nguyên, Tế Nam tướng là Khổng Nghệ người nước Lỗ, người thì thương xót kẻ hình ngục, người thì thành tâm ban ân quý mến kẻ khác, người thì giữ mình thanh bạch, người thì vạch rõ kẻ gian, đều là quan giỏi hưởng lộc hai nghìn thạch.^①

① Việc làm của Quán và Úc không thấy được ở chỗ nào.

Ngụy lược chép: Nhan Phi tử Văn Lâm. Có tài năng và học vấn. Thừa tướng triệu làm Thái tử tể tướng. Đầu năm Hoàng Sơ được chuyển làm Hoàng môn thị lang, sau làm Thái thú Kinh Triệu.

Quận Kinh Triệu từ sau khi bị Mã Siêu phá, người dân đa phần không chuyên tâm vào việc cấy trồng, lại qua ba bốn đời Thái thú, chỉ làm việc lấy lợi trước mắt, đều chẳng vì dân lập kế lâu dài. Phi đến nhận chức, bèn lệnh cho các huyện thuộc sửa sang bờ ruộng, trồng cây dâu. Bấy giờ dân đa phần không biết đến xe trâu. Phi đốc dân chúng dùng thời gian rỗi đi lấy gỗ, sai chuyển đến cho thợ để làm xe. Lại đốc suất những người dân không có trâu, lệnh cho họ nuôi lợn và chó, rồi bán đi để mua trâu. Ban đầu dân cho là phiền nhiễu, trong vòng một hai năm, nhà nhà có xe hòm, trâu lớn. Còn dựng trường học, làm nơi cho quan dân đến đọc sách, miễn cho họ một phần dao dịch. Thêm nữa lại cho làm vườn rau ở phủ quan, sai bọn sai dịch của quan lại lúc nhàn rỗi thì vun xới. Lại đốc suất dân đang lúc chuyển nộp tô, trên các xe trâu đều để hai bó củi ở chỗ thuận tiện, vào mùa đông băng giá rét mướt thì đốt củi để hơi nóng nghiền bút. Vì thế phong tục và giáo hóa lan rộng, quan lại chẳng hề phiền nhiễu dân, dân chẳng trách quan lại.

Quận Kinh Triệu và quận Phùng Dực, Phù Phong liền địa giới, đường đất ở hai quận đã xấu lại hay tắc nghẽn, ruộng cấy để cỏ

hoang mạc, dân đói rét, mà quận Kinh Triệu mọi thứ đều chỉnh tề sáng sủa, sự phong túc giàu có luôn là bậc nhất trong mười quận thuộc Ung châu. Phi lại giữ mình trong sạch, chỉ trông vào lương bổng mà thôi, vì thế quan dân sợ Phi bị chuyển đi vậy. Đến năm Thanh Long trung, Tư Mã Tuyên vương lập chợ quân ở Trường An,⁽¹⁾ nhưng quan lại sĩ tốt trong quân nhiều lần lấn ép dân chúng trong huyện, Phi nhân đó bạch với Tuyên vương. Tuyên vương vì thế nổi giận triệu quan coi chợ quân đến, sai đánh một trăm trượng ngay trước mặt Phi. Bấy giờ quan Điển nông Trường An cùng ngồi với Phi, cho rằng Phi nên tạ ân, bèn kín đáo thúc giục Phi. Phi không chịu tạ, hồi lâu mới nói:

- Phi này xem mình công là người gánh trọng trách cai trị ở Tây phương,⁽²⁾ muốn để quân dân trên dưới công bằng, tất không có chuyện bao che cho tả hữu. Nhưng quan Điển nông ngầm thúc giục, muốn sai Phi tạ ơn; ví như Phi làm thế, thì lại không đúng với ý của Minh công vậy.

Tuyên vương vì thế nghiêm trị quan quân. Từ đó về sau, quân doanh và quận huyện đều làm đúng phận sự. Sau đó mấy năm, Phi được chuyển làm Thái thú Bình Nguyên, quan dân kêu khóc chặn đường, xe không tiến được, từng bước từng bước chậm chạp, hơn chục ngày mới ra khỏi địa giới, sang đông đến núi Hào thì mắc bệnh nặng. Lòng Phi vốn quyến luyến quận Kinh Triệu, gia nhân đi theo thấy Phi bệnh nặng, khuyên Phi, nói:

- Bình Nguyên nên gắng giữ gìn sức khỏe.

Phi nói:

- Lòng ta chẳng thực muốn đến Bình Nguyên, bọn bay gọi ta, sao không gọi là Kinh Triệu vậy?

¹ Lập chợ ở trong quân, lính và dân có thể buôn bán trao đổi hàng hóa với nhau.

² Nguyên văn câu này là “phân thiểm chi nhiệm”, hai chữ “phân thiểm” vốn gắn với một điển tích. Chữ “thiểm” tức chỉ huyện Thiểm thuộc Thiểm Tây. Tương truyền vào đầu thời nhà Chu, Chu Công Đán và Triệu Công Thích chia huyện Thiểm để cai trị, Chu công cai trị phía đông huyện Thiểm, Triệu công cai trị phía tây huyện Thiểm, sau này hai chữ “phân thiểm” là dùng để chỉ việc quan lại ở triều đình ra nhận chức quan cai trị ở địa phương.

Rồi chết, được đưa về quận Bình Nguyên. Người quận Kinh Triệu nghe tin, đều vì Phỉ mà rơi nước mắt, bèn dựng bia, đến bây giờ vẫn ca tụng Phỉ.

Lệnh Hồ Thiệu tự Khổng Thúc. Cha làm quan nhà Hán, là Ô Hoàn hiệu úy. Năm Kiến An sơ, Viên thị ở Ký châu, Thiệu bỏ quận gốc đưa người nhà đến trú ở huyện Nghiệp. Năm thứ chín, tạm đến ở ấp Mao Thành huyện Vũ An. Vừa lúc Thái tổ phá được huyện Nghiệp, bèn vây Mao Thành. Thành vỡ, bắt giữ được hơn chục người bạn Thiệu, đều chuẩn bị đem chém. Thái tổ ra xem xét thấy Thiệu, nghi ngờ áo mũ của Thiệu, hỏi rõ về gốc gác tổ tiên, vì biết cha của Thiệu, bèn cởi trói thả ra, tạm cho làm Quân mưu duyên.

Thiệu trải chức Tế thú, sau chuyển làm Chủ bộ cho Thừa tướng, rồi ra làm Thái thú Hoàng Nông.

Thiệu ở sở quan thanh bạch như băng tuyết, vợ con ít khi đến phủ quan; lấy việc thiện để dạy dỗ, lấy khoan thứ để đãi người, không thích việc ngục tụng, với người dưới thì không đổ kỵ. Bấy giờ, người trong quận không hiểu kinh sách, Thiệu bèn hỏi lần lượt các quan lại, có người muốn đi xa tìm thầy, Thiệu lập tức phái đi, sai đến quận Hà Đông tới chỗ Nhạc Tường học kinh sách, hiểu rõ những điều cơ bản mới được trở về, rồi lập trường học, vì thế nghiệp học ở quận Hoàng Nông hưng khởi. Đến đầu năm Hoàng Sơ, Thiệu được triệu bái làm Vũ lâm lang, rồi thăng làm Hồ biên Trung lang tướng, được ba năm, bị bệnh chết.

Ban đầu, người trong tộc của Thiệu là Ngu, lúc còn là bạch y,⁽¹⁾ thường có chí khí cao, chúng nhân nói là Ngu tất sẽ khiến họ Lệnh Hồ được vinh hiển, nhưng mình Thiệu cho rằng "Ngu bản tính lỗi lạc không chịu gò bó, chẳng sửa đức mà muốn làm việc lớn, tất diệt họ tộc nhà ta." Ngu nghe được lời Thiệu nói, trong lòng bất bình. Đến lúc Thiệu làm Hồ biên Trung lang tướng, thì Ngu đã trải nhiều chức vụ, ở đâu cũng có danh tiếng. Ngu gặp Thiệu, nhân lúc thông thả bàn chuyện, ngầm đá kích Thiệu rằng:

- Lúc trước nghe nói đại nhân bảo là Ngu này chẳng kể được tổ nghiệp, hôm nay biết nói thế nào đây?

¹ Bạch y, tức là kẻ áo vải, là dân thường vậy.

Thiệu nhìn Ngu đăm đăm mà không đáp lại. Nhưng bảo riêng với vợ con mình rằng:

- Bản tính và khí độ của Công Tri⁽¹⁾ vẫn như xưa vậy. Ta xét kỹ hắn, kết cục tất sẽ vong bại diệt thân. Chỉ không biết là ta có còn sống để chịu lụy tội với hắn hay không? Mai sau sẽ họa đến các ngươi thôi!

Sau khi Thiệu chết, chừng hơn chục năm sau, Ngu làm Thứ sử Duyên châu, quả nhiên cùng với Vương Lăng mưu việc phế lập, gia thuộc bị tru diệt. Con của Thiệu là Hoa, bấy giờ làm Quận thừa ở Hoàng Nông, vì là họ xa nên không bị đồng tội.

Xét *Khổng thị phả*: Khổng Nghệ tự Nguyên Tuấn, dòng dõi của Khổng tử. Cụ nội của Nghệ là Trù, tự Nguyên Củ, làm Trần tướng. Thời Hoàn đế nhà Hán lập miếu thờ Lão tử ở làng Lại thuộc huyện Khổ, vẽ hình Khổng tử trên vách; Trù làm Trần tướng, dựng bia Khổng tử ở trước bức họa, đến nay vẫn còn. Cha ông của Nghệ đều làm quan Nhị thiên thạch, Nghệ làm Tán kỵ thường thị, có dâng sớ can gián. Chuyện nói ở *Tam thiếu đế kỷ*. Làm quan đến chức Đại hồng lưu. Con của Nghệ là Tuân, tự Sĩ Tín, làm Bình đông tướng quân Vệ úy thời nhà Tấn.

Bình rằng: Nhâm Tuấn ban đầu hưng nghĩa binh, theo về Thái tổ, khai mở ruộng hoang, gieo trồng ngũ cốc, kho vựa đầy tràn, công tích hết mực vậy. Tô Tắc ra oai để bình dẹp loạn, đã ưu tú về chính sự, lại thẳng thắn cương trực, phong thái cứng cỏi đủ để xưng tụng. Đỗ Kỳ khoan dung uy mãnh, hay cứu giúp người, ban ân để yên dân. Trịnh Hồn, Thương Từ, thương dân mà cai trị họ có đạo lý. Bọn họ đều là Quận thú có tiếng tăm vào thời nhà Ngụy vậy! Thứ thường bày kể việc chính sự đương thời, lấy kinh sách luận về thể chế chính sự, đại khái là rất đáng xem vậy.

--- ॐ ---

¹ Lệnh Hồ Ngu tự Công Tri. Xem tập V, quyển 28 (Vương Lăng truyện)

QUYỂN THỨ MƯỜI BẢY

TRƯƠNG, NHẠC, VU, TRƯƠNG, TỪ

TRUYỆN



Trương Liêu tự Văn Viễn, người quận Nhạn Môn huyện Mã Ấp. Vốn dòng dõi họ Nhiếp, vì trốn lánh kẻ thù nên đổi họ.

Liêu thời trẻ làm Quận lại. Thời Hán mạt, Thù sử Tinh châu là Đinh Nguyên thấy Liêu sức vóc hơn người, cho triệu làm Tòng sự, sai đem binh đến kinh đô. Hà Tiến phái Liêu đến Hà Bắc mộ binh, được hơn nghìn người. Lúc quay về, Tiến đã bại, bèn đem số binh ấy quy thuộc Đồng Trác. Trác bại, Liêu đem binh lính quy thuộc Lã Bố, được thăng làm Kỵ đô úy. Bố bị Lý Thôi đánh bại, Liêu theo Bố sang đông đến Từ châu, lĩnh chức Lữ tướng, năm ấy hai mươi tám tuổi.

Thái tổ phá Lã Bố ở Hạ Bi, Liêu đem bộ chúng của mình ra hàng, được bái làm Trung lang tướng, ban tước Quan nội hầu. Liêu nhiều lần lập chiến công, được thăng làm Bì tướng quân. Viên Thiệu bị phá, Thái tổ biệt phái Liêu đi bình định các huyện của nước Lữ.

Liêu cùng Hạ Hầu Uyên vây Xương Hi ở Đông Hải, mấy tháng hết lương, Uyên bàn dẫn quân về, Liêu bảo Uyên rằng:

- Mấy ngày gần đây, mỗi lần đi quanh vòng vây, Hi thường chăm chú nhìn Liêu. Lại thấy tên của họ bắn ra ít dần, thế tất là Hi có ý do dự, cho nên không ra sức đánh. Liêu muốn dụ hắn cùng nói chuyện, hoặc giả có thể dụ được hắn chăng?

Bèn sai người bảo Hi rằng:

- Công có mệnh, sai Liêu đến truyền đạt lại cho ngài.

Hi quả nhiên xuống thành cùng Liêu nói chuyện, Liêu bèn nói:

- Thái tổ là bậc thần vũ, đang dùng đức võ về người bốn phương, ai theo trước tất nhận thưởng lớn.

Hi bèn hứa sẽ ra hàng. Liêu lại một mình trèo lên núi Tam Công, vào nhà Hi, bái kiến vợ con Hi. Hi vui mừng, theo đến chỗ Thái tổ. Thái tổ phái Hi quay về, rồi trách Liêu rằng:

- Đấy không phải là khuôn phép của kẻ làm đại tướng vậy.

Liêu tạ rằng:

- Vì uy tín của mình công sáng rõ với bốn bể, Liêu vâng thánh chỉ, cho nên Hi nhất định chẳng dám hại Liêu vậy.

Liêu theo đi đánh Viên Đàm, Viên Thượng ở Lê Dương, có công, được làm hành Trung kiên tướng quân. Theo đi đánh Thượng ở huyện Nghiệp, Thượng giữ vững không hạ được, Thái tổ về huyện Hứa, sai Liêu cùng Nhạc Tiến hạ huyện Âm An, dời dân của huyện ấy đến phía nam Hoàng Hà. Lại theo đánh huyện Nghiệp, huyện Nghiệp bị phá, Liêu được biệt phái đến nước Triệu, nước Thường Sơn, chiêu hàng bọn giặc ở ven núi và bọn Tôn Khinh ở núi Hắc. Sau theo đi đánh Viên Đàm, Đàm bị phá, Liêu được biệt phái đến bờ biển, phá giặc ở quận Liêu Đông là bọn Liễu Nghị. Lúc về huyện Nghiệp, Thái tổ thân ra đón Liêu, dắt lên ngồi cùng xe, lấy Liêu làm Đăng khẩu tướng quân.

Thái tổ biệt phái Liêu đi đánh Kinh châu, định các huyện của quận Giang Hạ, rồi về đóng quân ở huyện Lâm Dĩnh, phong tước Đô Đình hầu.

Liêu theo đi đánh Viên Thượng ở Liễu Thành, thốt nhiên gặp giặc rợ, Liêu khuyên Thái tổ đánh, chí khí rất hăng, Thái tổ khen Liêu, tự đem cờ chỉ huy mà mình giữ trao cho Liêu. Liêu liền xuất kích, đại phá chúng, chém Thiển vu là Đạp Đốn.①

① *Phó tử* chép: Thái tổ sắp đi đánh Liễu Thành, Liêu can rằng:

- Huyện Hứa là nơi đô hội của thiên hạ. Nay thiên tử tại huyện Hứa, chúa công viễn chinh phương bắc, nếu Lưu Biểu phái Lưu Bị đánh úp huyện Hứa, giữ thiên tử để hiệu lệnh bốn phương, cái thế của Công sẽ mất vậy.

Thái tổ quyết rằng Biểu tất chẳng thể tin dùng Bị, bèn xuất phát.

Bấy giờ Kinh châu chưa định, Thái tổ lại phái Liêu đóng quân ở huyện Trường Xã. Lúc sắp xuất phát, trong quân có kẻ mưu phản, ban đêm kinh động nổi lửa, toàn quân nhiễu loạn. Liêu bảo tả hữu rằng:

- Chớ động. Đây chẳng phải là cả doanh đều phản hết, tất có kẻ gây biến, muốn để mọi người nhiễu loạn thôi.

Bèn hạ lệnh trong quân rằng, kẻ nào không phản phải ngồi yên. Liêu đem mấy chục thân binh, đứng giữa hàng quân. Chốc lát yên định, bắt ngay được kẻ thủ mưu đem giết đi.

Trần Lan, Mai Thành giữ huyện Đê Lục làm phản, Thái tổ phái bọn Vu Cấm, Tang Bá đánh dẹp Thành, Liêu đốc suất bọn Trương Cáp, Ngưu Cái đánh dẹp Lan. Thành vờ hàng Cấm, Cấm triệt quân về. Thành bèn đem bộ chúng của mình tới chỗ Lan, tiến sâu vào núi Tiềm. Trong núi Tiềm có ngọn Thiên Trụ, dốc cao dài hơn hai mươi dặm, đường hẹp hiểm trở, lối đi bộ chỉ một người qua, bọn Lan đắp lũy ở trên đó. Liêu muốn tiến, chư tướng nói:

- Binh ít đường hiểm, khó tiến sâu được.

Liêu nói:

- Đây là cái mà người ta nói là một chọi một, ai mạnh thì tiến được thôi.

Rồi tiến đến chân núi hạ trại, đánh chúng, chém đầu Lan và Thành, bắt hết bộ thuộc của chúng. Thái tổ luận công của chư tướng, nói:

- Trèo lên núi trời, đập chỗ cao hiểm, đánh bại Lan và Thành, là công của Dăng khấu vậy.

Rồi tăng ắp, ban Giả tiết cho Liêu.

Thái tổ đi đánh Tôn Quyền về, sai Liêu cùng bọn Nhạc Tiến, Lý Diễn đem hơn bảy nghìn quân đóng ở Hợp Phì. Thái tổ đi đánh Trương Lỗ, lệnh cho Hộ quân là Tiết Đễ, nhận một phong thư dán kín, bên trên viết: "Giặc đến hãy mở." Ít lâu sau, Quyền thống suất mười vạn bộ chúng vây Hợp Phì, chúng bèn cùng mở giáo lệnh ra xem, lệnh nói: "Nếu Tôn Quyền đến, Trương, Lý tướng quân ra đánh; Nhạc tướng quân giữ, Hộ quân chớ có tham chiến." Chư tướng đều nghi hoặc. Liêu nói:

- Công viên chinh ở bên ngoài, đợi cứu binh đến, bên kia tất phá ta rồi. Vì thế mới ra chỉ lệnh là lúc quân bên kia chưa hợp ta đón đánh, bẻ gãy thế mạnh của chúng, để yên lòng quân, rồi mới có thể thủ giữ. Cái cơ thành bại ở một trận này, chư quân sao còn hồ nghi?

Lý Diễn cũng cùng ý với Liêu. Vì thế Liêu ngay trong đêm tuyển mộ dũng sĩ đi theo, được tám trăm người, giết trâu thết đãi tướng sĩ, đợi sáng hôm sau đại chiến. Trời sáng rõ, Liêu mặc giáp cầm kích, xông lên trước hãm trận, giết chết mấy chục người, chém được hai tướng, hô vang tên tự của mình, xông vào trong lũy, đến dưới cờ sùỵ của Quyền. Quyền cả kinh, quân lính chẳng biết phải làm sao, bỏ chạy lên gò đất cao, dùng kích dài tự giữ. Liêu quát gọi Quyền xuống đánh nhau, Quyền không dám động, trông xa thấy bộ chúng của Liêu đem theo ít, bèn xúm lại vây Liêu mấy vòng. Liêu chỉ huy tả hữu xung đột giữa trùng vây, xông thẳng về phía trước đánh rát, vòng vây mở, Liêu đem mấy chục thủ hạ thoát ra được, số quân sĩ còn lại kêu to rằng:

- Tướng quân bỏ chúng ta sao!

Liêu lại quay vào phá vây, cứu số quân sĩ còn lại ra. Nhân mã của Quyền đều lướt chạy, không ai dám địch. Đánh từ sáng sớm đến giữa trưa, người Ngô mất vía, Liêu quay về sửa sang thủ giữ, lòng quân mới yên, chư tướng đều phục.

Quyền vây giữ Hợp Phì hơn chục ngày, không hạ được thành, bèn rút về. Liêu thống suất chư quân truy kích, suýt bắt được Quyền. Thái tổ rất khen ngợi Liêu, bái làm Chinh đông tướng quân.^①

Năm Kiến An thứ hai mươi mốt, Thái tổ lại đi đánh Tôn Quyền, đến Hợp Phì, đi qua nơi Liêu đánh trận ngày trước, than thở hồi lâu. Bèn tăng binh cho Liêu, lưu nhiều quân ở lại, sai dời đến đóng trại ở Cư Sào.

① Tôn Thịnh nói: Dối trá cố nhiên là cái đạo của kẻ dùng binh, chính kỳ đắp đổi, nếu đã sai tướng xuất chinh, phải trao thực quyền, hoặc nhờ vào cái thế đầu đuôi tương ứng, hay dựa vào cái thế ý giốc, nếu tướng soái bất hòa, tức là đánh mất tác dụng của tướng soái vậy. Đến như việc thủ giữ Hợp Phì, quân cô không có ngoại viện, nếu dùng người dưng mãnh làm tướng tất hiệu chiến gây họa, dùng người nhút nhát tất trong lòng sợ hãi khó giữ thành. Và lại bên kia đông bên ta ít, tất kẻ địch mang lòng coi thường, trễ nải; lấy quân quyết tử bất ngờ đánh cái quân bê trễ, là thế tất thắng vậy; thắng rồi mới thủ, thế tất vững bền. Vì thế Ngụy Vũ chọn tướng lĩnh có tâm tính khác nhau, giao mật thư, dặn họ sử dụng cẩn trọng và đúng lúc, việc đến thì đem ra ứng phó, đúng hợp phù ước.⁽¹⁾ Khéo thay!

Quan Vũ vây hãm Tào Nhân ở Phàn Thành, vừa lúc Tôn Quyền xưng thần, Thái tổ triệu Liêu cùng chư quân đều quay về cứu Nhân. Liêu chưa đến thì Từ Hoảng đã phá Quan Vũ, Nhân được giải vây. Liêu cùng Thái tổ hội quân ở Ma Pha. Quân của Liêu đến, Thái tổ ngồi xe ra úy lạo Liêu, sai quay về đóng quân ở quận Trần.

¹ Phù ước là thư (lệnh) ước hẹn làm tin, người thi hành cứ làm đúng như đã hẹn.

Văn đế tức vương vị, chuyển Liêu làm Tiền tướng quân.^① Phân phong cho anh của Liêu là Phiếm và một người con của Liêu làm Liệt hầu.

Tôn Quyền lại phản, Vương phái Liêu quay về đóng quân ở Hợp Phì, tấn phong tước Đô hương hầu. Cấp cho mẹ của Liêu xe kiệu, lại phái binh mã đưa người nhà của Liêu tới nơi đóng quân, lệnh cho đưa mẹ Liêu đến, tự mình dẫn người trước sau nghênh đón. Chư quân tướng lại mà Liêu đốc suất đều xúm xít bái lạy ở bên đường, người đứng xem cho là vinh.

Văn đế lên ngôi, phong Liêu làm Tấn Dương hầu, tăng thực ấp một nghìn hộ, cộng cả trước đó là hai nghìn hộ.

Năm Hoàng Sơ thứ hai, Liêu về châu ở cung Lạc Dương, Văn đế sai dẫn Liêu đến gặp ở điện Kiến Thủy, tự mình hỏi tình hình lúc phá quân Ngô lúc trước. Đế than thở ngoảnh sang bảo tả hữu rằng:

- Người này cũng như Triệu Hổ⁽¹⁾ thời xưa vậy.

Rồi vì Liêu dụng phủ đệ, lại đặc cách xây điện cho mẹ của Liêu, các bộ tốt mà Liêu ứng mộ đem theo phá quân Ngô lúc trước đều cho làm quân hổ bên.

Tôn Quyền lại xưng thần. Liêu quay về đóng trại ở Ung Khâu, bị ốm. Đế phái Thị trung là Lưu Diệp dẫn Thái y đến xem bệnh, quân hổ bên thăm hỏi tin tức, chen nhau ở trên đường. Bệnh chưa khỏi, Đế cho người đón Liêu tới hành doanh của mình, xa giá thân đến thăm, Đế cầm tay Liêu, ban cho ngự y, thái quan hàng ngày đưa đồ ngự thiện đến. Bệnh bớt dần, Liêu lại về nơi đóng quân.

Tôn Quyền lại phản, Đế phái Liêu ngồi thuyền, cùng Tào Hưu đến huyện Hải Lăng, tới sông Giang. Quyền rất sợ, sắc lệnh cho chư tướng rằng:

¹ Triệu Hổ (召虎): Xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 223 (Tào Sảng truyện).

- Trương Liêu tuy ốm bệnh, chẳng nên cùng hấn đối địch, hãy cẩn thận!

Năm ấy, Liêu cùng chư tướng phá tướng của Quyền là Lã Phạm. Liêu bệnh nặng, rồi chết ở Giang Đô. Để vì Liêu sa nước mắt, ban thụy là Cương hầu.

Con của Liêu là Hồ nối tự. Năm thứ sáu, Đế đoái nghĩ đến cái công của Liêu và Điển tại Hợp Phì, hạ chiếu rằng:

"Chiến dịch Hợp Phì, Liêu, Điển dùng tám trăm bộ tốt, phá mười vạn giặc, kẻ dụng binh từ xưa, chưa có ai được như thế. Khiến kẻ địch đến nay còn mất vía, có thể nói họ là nanh vuốt của quốc gia vậy. Nay phân ấp của Liêu, Điển đều một trăm hộ, ban cho hai con của hai người tước Quan nội hầu."

Hồ làm Thiên tướng quân, chết. Con là Thống nối tự.

① *Ngụy thư* chép: Vương ban cho Liêu bảy ngàn thất lạng, bảy vạn hộ lúa.

Nhạc Tiến tự Văn Khiêm, người quận Dương Bình nước Vệ. Dung mạo thấp bé, vì dũng mãnh can đảm được theo Thái tổ, làm thuộc lại dưới trướng. Thái tổ phái về bản quận mộ binh, được hơn nghìn người, lúc quay về làm Quân giả tư mã, Hãm trận đô úy.

Tiến theo đánh Lã Bố ở Bộc Dương, Trương Siêu ở Ung Khâu, Kiều Nhụy ở huyện Khổ, đều xông lên trước lập công, được phong tước Quảng Xương đình hầu. Theo đi đánh Trương Tú ở huyện An Chúng, vây Lã Bố ở Hạ Bi, phá biệt tướng của bọn ấy, đánh Tuy Cố ở Xạ Khuyển, công phá Lưu Bị ở huyện Bái, đều phá được, vì thế được Bái làm Thảo khẩu Hiệu úy. Tiến qua sông đánh Hoạch Gia, quay về, theo đi đánh Viên Thiệu ở Quan Độ, ra sức đánh, chém được tướng của Thiệu là Thuần Vu Quỳnh. Theo đi đánh Đàm, Thượng ở Lê Dương, chém được

Đại tướng của bọn họ là Nghiêm Kính, nhận chức hành Du kích tướng quân. Lại được biệt phái đi đánh quân Khăn Vàng, phá chúng, bình định quận Lạc An. Theo đi vây huyện Nghiệp, huyện Nghiệp định, lại theo đi đánh Viên Đàm ở Nam Bì, xông lên trước, tiến vào cửa thành phía đông của Đàm. Đàm bại, lại được biệt phái đi đánh thành Ung Nô, phá được.

Năm Kiến An thứ mười một, Thái tổ dâng biểu lên Hán đế, khen ngợi Tiến và Vu Cấm, Trương Liêu rằng:

"Võ lực trùm đời, kế lược chu toàn, phẩm chất trung chính, tiết nghĩa vững vàng, mỗi lần lâm trận, thường xông lên đầu, dũng mãnh ngoan cường, không đâu không võ, tự thân thúc trống, chẳng biết mỏi mệt. Biệt phái xuất chinh, thống soái sư lý, võ yên tướng sĩ, kỷ luật nghiêm minh, một lý không phạm; lâm địch quyết sách, không mắc sai lầm. Luận công ban thưởng, nên cho hiển vinh."

Vì thế lấy Cấm làm Hồ uy tướng quân; Tiến làm Chiết xung tướng quân; Liêu làm Đãng khẩu tướng quân.

Tiến được biệt phái đi đánh Cao Cán, theo đường phía bắc tiến vào Thượng Đảng, rồi đi vòng ra phía sau Cán. Bọn Cán quay về giữ Hồ Quan, Tiến liên tục đánh chém địch. Cán thủ vững chưa hạ nổi, lúc Thái tổ đích thân đến đánh, mới hạ được.

Thái tổ đi đánh Quán Thừa, đóng quân ở Thuần Vu, phái Tiến và Lý Điển đánh Thừa. Thừa thua chạy, trốn đến hải đảo, vùng ven biển bình, Kinh châu chưa phục, lại phái Tiến đóng quân ở Dương Dịch. Sau, Tiến theo bình Kinh châu, đóng quân giữ Tương Dương, đánh bọn Quan Vũ, Tô Phi, chúng đều chạy, người Man, người Di ở vùng sơn cốc thuộc Nam Quận đến chỗ Tiến hàng. Tiến lại đánh dẹp trưởng huyện Lâm Tự là Đỗ Phổ, trưởng huyện Tinh Dương của Lưu Bị là Lương Đại, đều đại phá chúng. Sau Tiến theo đánh Tôn Quyền, được ban Giả tiết. Thái tổ quay về, lưu Tiến cùng Trương Liêu, Lý Điển đóng trại ở Hợp Phì, tăng thực ấp năm trăm hộ, cộng cả lúc trước cả thảy

là một nghìn hai trăm hộ. Vì Tiến nhiều lần lập công, bèn chia năm trăm hộ ấp, phong cho một con làm Liệt hầu; Tiến được thăng làm Hữu tướng quân.

Năm Kiến An thứ hai mươi ba chết, được ban thụy là Uy hầu. Con của Tiến là Lâm nối tự.

Lâm là người quả cảm cương nghị, có phong độ của cha, làm quan đến chức Thứ sử Dương châu. Gia Cát Đản làm phản, ngầm đánh úp giết Lâm, Đế hạ chiếu truy điệu thương tiếc Lâm, truy tặng chức Vệ úy, ban thụy là Mẫn hầu. Con của Lâm là Triệu nối tự.

Vu Cấm tự Văn Tắc, người quận Thái Sơn huyện Cự Bình. Quân Khăn Vàng nổi dậy, Bảo Tín chiêu hợp bộ chúng, Cấm theo nương dựa Tín. Lúc Thái tổ lĩnh Duyệt châu, Cấm và bộ chúng đều đến theo, làm Đô bá,⁽¹⁾ phụ thuộc vào tướng quân Vương Lãng. Lãng thấy Cấm kỳ lạ, bèn tiến cử, cho rằng cái tài của Cấm đủ gánh vác việc của Đại tướng quân. Thái tổ triệu kiến cùng nói chuyện, bái làm Quân tư mã, sai đem binh đến Từ châu, đánh huyện Quảng Uy, hạ được, bái làm Hãm trận đô úy. Cấm theo đi đánh Lã Bố ở Bộc Dương, cầm riêng quân phá hai doanh trại của Bố ở phía nam thành, lại biệt phái đem quân phá Cao Nhã ở Tu Xương. Theo đi đánh các huyện Thọ Trưng, Định Đào, Li Hồ, vây Trương Siêu ở Ung Khâu, đều hạ được. Lại theo đi đánh dư đảng Khăn Vàng là bọn Lưu Tích, Hoàng Thiệu, đóng quân tại Bản Lương, bọn Thiệu ban đêm đánh úp doanh của Thái tổ, Cấm chỉ huy thuộc hạ đánh phá chúng,

¹ Đô bá (都伯) là một chức nhỏ trong quân. Theo “Bộ chiến lệnh” của Tào Tháo, cứ trong năm binh cử một người đứng đầu gọi là Ngũ trưởng, trong hai Ngũ trưởng chọn ra một người đứng đầu gọi là Thập trưởng, trong mười Thập trưởng chọn ra một người đứng đầu gọi là Đô bá.

chém bọn Tích, Thiệu, bộ thuộc của chúng đều hàng.⁽¹⁾ Cấm được thăng làm Bình lữ Hiệu úy.

Cấm lại theo đi vây Kiều Nhụy ở huyện Khố, chém bốn tướng của Nhụy.

Cấm theo đến huyện Uyển, chiêu hàng Trương Tú. Lúc Tú phản, Thái tổ cùng Tú giao chiến bất lợi, quân bại, quay về Vũ Âm. Bấy giờ quân loạn, binh các nơi đều cầu cứu với Thái tổ, Cấm một mình tự thống suất mấy trăm bộ thuộc, vừa đánh vừa lui, tuy có thương vong cũng không đến nỗi tan lìa. Giặc truy kích chậm lại một chút, Cấm thông thả chinh đốn đội ngũ, gõ trống mà lui. Chưa đến chỗ Thái tổ, thấy ở trên đường có hơn chục người bị thương trần truồng bỏ chạy, Cấm hỏi nguyên do, họ đáp:

- Vì bị binh Thanh châu cướp bóc.

Khi trước, sau khi Thái tổ thu hàng quân Khăn Vàng, gọi là binh Thanh châu, Thái tổ tha cho họ, cho nên họ nhân cơ hội làm cướp. Cấm giận, lệnh bảo thuộc hạ của mình rằng:

- Binh Thanh châu cùng quy hàng Tào công, mà quay lại làm giặc sao!

Bèn đánh chúng, hạch tội. Binh Thanh châu sợ chạy đến chỗ Thái tổ tự tố cáo. Cấm về đến nơi, lập doanh lũy trước, không vào yết kiến Thái tổ ngay. Có người bảo Cấm rằng:

- Binh Thanh châu đã tố ngài rồi, nên gấp đến chỗ Công tranh biện việc này.

Cấm nói:

- Nay giặc ở phía sau, không biết khi nào sẽ đuổi đến, chẳng phòng bị trước, lấy gì chống địch? Vả lại Công là người thông minh, lời gièm pha tố cáo sao lọt được!

¹ Theo *Tam quốc chí tập giải* của Lô Bật, việc đánh Lưu Tích và Thiệu xảy ra vào năm Kiến An nguyên niên, bây giờ là năm Kiến An thứ năm, Tích đã chết, còn Thiệu đã hàng.

Rồi thông thả đào hào yên doanh lũy xong, mới vào bái yết, bày giải hết tình trạng. Thái tổ hài lòng, bảo Cấm rằng:

- Cái nạn ở Dục Thủy, tình thế của bọn ta rất nguy cấp, tướng quân ở chỗ loạn mà chinh đồn được quân, đánh kẻ bạo ngược bền doanh lũy, giữ chí tiết không lay động, dấu danh tướng thời xưa, lấy gì hơn được!

Vì thế lúc biên chép công lao trước sau, phong cho Cấm tước Ích Thọ đình hầu.

Cấm lại theo đi đánh Trương Tú ở huyện Nhuỡng, cầm bắt Lã Bố ở Hạ Bi, được biệt phái cùng với Sử Hoán, Tào Nhân đánh Tuy Cổ ở Xạ Khuyển, phá giặc, chém Cố.

Thái tổ lúc mới đi đánh Viên Thiệu, binh Thiệu đông, Cấm tình nguyện làm tiên phong. Thái tổ khen ngợi Cấm, bèn phái hai nghìn bộ tốt, sai Cấm làm tướng, giữ Diên Tân để cự Thiệu, Thái tổ dẫn quân về Quan Độ.

Lưu Bị đem Từ châu làm phản, Thái tổ sang đông đánh Bị. Thiệu đánh Cấm, Cấm giữ chắc, Thiệu không hạ nổi. Cấm lại cùng bọn Nhạc Tiến dẫn năm ngàn quân bộ kỵ, đánh biệt doanh của Thiệu, từ phía tây nam Diên Tân men sông đến hai huyện Cáp và Hoạch Gia, đốt rụi hơn ba chục đồn trại, chém và bắt sống được mấy nghìn người ở mỗi huyện, thu hàng tướng của Thiệu là bọn Hà Mậu, Vương Ma hơn hai chục người. Thái tổ lại sai Cấm cầm riêng quân đóng trại ở huyện Nguyên Vũ, đánh biệt doanh của Thiệu ở bến Đỗ Thị, phá được. Cấm được thăng làm Bì tướng quân, lại theo Thái tổ về Quan Độ. Thái tổ và Thiệu doanh lũy kề nhau, đắp núi đất đối diện. Quân của Thiệu bắn vào trong doanh của Thái tổ, sĩ tốt tử thương rất nhiều, trong quân kinh hãi. Cấm đốc quân giữ núi đất, ra sức đánh, chí càng phấn chấn. Thiệu bị phá, Cấm được thăng làm Thiên tướng quân.

Ký châu bình. Xương Hi lại phản, Thái tổ phái Cấm đến đánh Hi. Cấm gấp rút tấn công; Hi với Cấm có giao tình cũ, đến chỗ

Cấm xin hàng. Chư tướng đều cho là Hi đã hàng, nên đưa đến chỗ Thái tổ, Cấm nói:

- Các ông không biết thường lệnh của Công sao! Bị vây rồi sau mới hàng là không tha. Ta phụng phép thi hành hình luật, là theo lễ tiết kẻ dưới thờ người trên vậy. Hi tuy là bạn cũ, Cấm có thể thất tiết sao!

Rồi tự đến cùng Hi quyết biệt, roi nước mắt mà chém Hi. Bấy giờ Thái tổ đóng quân tại huyện Thuần Vu, nghe tin ấy than rằng:

- Hi hàng chẳng đến chỗ ta lại hàng Cấm, há chẳng phải mệnh sao!

Lại càng tôn trọng Cấm hơn.^①

Đông Hải bình định, Thái tổ bái Cấm làm Hồ uy tướng quân. Về sau, Cấm cùng Tang Bá đánh Mai Thành, bọn Trương Liêu, Trương Cáp đánh dẹp Trần Lan. Cấm đến, Thành đem hết bộ chúng hơn là ba nghìn người ra hàng. Hàng xong lại phản, dẫn bộ chúng của mình chạy đến chỗ Lan. Bọn Liêu cùng Lan cầm giữ nhau, lương nuôi quân thiếu, Cấm vận lương xe trước sau không dứt, Liêu vì thế chém được Lan, Thành. Cấm được tăng thực ấp hai trăm hộ, cộng cả lúc trước là một nghìn hai trăm hộ.

Bấy giờ, Cấm cùng Trương Liêu, Nhạc Tiến, Trương Cáp, Từ Hoảng đều là danh tướng, Thái tổ mỗi khi chinh phạt, cho thay phiên nhau, lúc hành quân cho làm tiên phong, lúc quay về cho cự phía sau; mà Cấm trị quân nghiêm chỉnh, lấy được tài vật của giặc, không giữ riêng thứ gì cho mình, bởi thế được ban thưởng rất hậu. Nhưng vì lấy phép nghiêm để chế ngự thuộc hạ, nên rất không được lòng sĩ chúng.

Thái tổ thường oán giận Chu Linh, muốn tước đoạt quân của Linh. Vì Cấm có uy lớn, Thái tổ phái Cấm đem mấy chục quân kỵ, mang lệnh thư, đến thẳng doanh trại của Linh đoạt lấy quân ấy, Linh và bộ chúng của mình chẳng ai dám động; Thái tổ lấy Linh làm Đốc quân là bộ hạ của Cấm, chúng đều sợ phục, Cấm khiến người khác kiêng sợ như thế. Cấm được thăng làm

Tà tướng quân, ban Giả tiết việt, chia năm trăm hộ, phong một con là Liệt hầu.

① Thần Tùng Chi cho rằng bị vây rồi mới đầu hàng, phép đầu hàng chẳng tha; nhưng bắt giam mà đưa đi, chưa phải là trái mệnh. Cấm chẳng vì từng có giao tình cũ với Hi mà cầu xin một lần, lại mặc lòng thích giết chóc, trái lời bàn của chúng nhân, cho nên rút cục bị bắt xin hàng, chết thêm tiếng xấu, thích đáng thay.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Thái tổ ở tại Trường An, sai Tào Nhân đánh Quan Vũ ở Phàn Thành, lại phái Cấm trợ giúp Nhân. Mùa thu, mưa lớn liên miên, nước sông Hán ngập tràn, chỗ đất bằng nước cao đến mấy trượng, bảy cánh quân của bọn Cấm đều chìm ngấm. Cấm cùng chư tướng trèo lên cao trông ra sông, không có chỗ nào tránh náu, Vũ cưỡi thuyền lớn tới đánh bọn Cấm, Cấm bèn hàng, duy có Bàn Đức không chịu khuất tiết mà chết. Thái tổ nghe tin, thương cảm than thở hồi lâu, nói:

- Ta biết Cấm đã ba mươi năm nay, ngờ đâu lúc lâm nguy ở chỗ gian khó, lại chẳng được như Bàn Đức sao!

Lúc Tôn Quyền bắt được Vũ, bắt sống hết bộ chúng của Vũ, Cấm lại ở Ngô.

Văn đế lên ngôi, Quyền xưng làm phiên thần, phái người trả Cấm về. Đế cho triệu kiến Cấm, thấy Cấm râu tóc bạc trắng, hình dáng dung mạo tiêu tụy, đập đầu sa nước mắt khóc. Đế lấy việc cũ của Tuân Lâm Phụ, Mạnh Minh⁽¹⁾ ra úy dụ, ① bái làm An Viễn tướng quân.

¹ Tuân Lâm Phụ (荀林父), gốc họ Cơ tên Lâm Phụ, là tông chủ đầu tiên của Trung Hàng thị, một trong Lục khanh của nước Tấn thời Xuân Thu. Trận chiến giữa nước Tấn và nước Sở ở đất Bật, quân Tấn do Tuân Lâm Phụ cầm đầu bị quân Sở đánh tan, Tuân Lâm Phụ về triều xin chịu tội chết, Tấn Cảnh công tha, cho sống để báo thù nước Sở. Về sau Tuân Lâm Phụ lập công, đánh hạ nước Xích狄, sát nhập nước này vào nước Tấn.

Mạnh Minh (孟明): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 57 (Viên Thiệu truyện).

Lúc sắp phái Cấm đi sứ Đông Ngô, sai lên phương bắc đến huyện Nghiệp bài yết Cao Lăng trước. Để sai người vẽ sẵn trên tường của lăng mộ bức họa Quan Vũ chiến thắng, Bàng Đức phần nộ, Cấm trong bộ dạng hàng phục. Cấm trông thấy bức họa, hổ thẹn phát bệnh mà chết.

Con của Cấm là Khuê nổi tự được phong tước Ích Thọ đình hầu. Ban thụy cho Cấm là Lệ hầu.

① Ngụy thư chép bài chế rằng:

"Xưa kia Tuân Lâm Phụ thua bại ở đất Bật, Mạnh Minh tan quân ở đất Hào, nước Tần, nước Tấn chẳng bỏ rơi, cho phục hồi tước vị. Sau này nước Tấn lấy được đất của nước Địch, Tần làm bá ở Tây Nhung, tiểu quốc mồn mồn còn như thế, huống chi là cái nước có vạn cỗ xe đây? Việc thua bại ở Phàn Thành, là thủy tai ập đến, không phải lỗi đánh trận, nay phục hồi chức quan cho Cấm."

Trương Cáp tự Tuấn Nghệ, người quận Hà Gian huyện Mạo. Thời Hán mạt ra ứng mộ dẹp quân Khăn Vàng, làm Quân tư mã, là thuộc hạ của Hàn Phức. Phức bại, Cáp đem binh quy thuộc Viên Thiệu. Thiệu lấy Cáp làm Hiệu úy, sai cự Công Tôn Toàn. Toàn bị phá, công lao của Cáp rất nhiều, được thăng làm Ninh quốc Trung lang tướng.

Thái tổ cùng Viên Thiệu chống nhau ở Quan Độ, ① Thiệu phái tướng là bọn Thuần Vu Quỳnh đốc quân vận lương đóng ở Ô Sào, Thái tổ tự mình tới đánh gấp. Cáp khuyên Thiệu rằng:

- Binh của Tào công tinh nhuệ, qua đó tất phá được bọn Quỳnh; bọn Quỳnh bị phá, thì việc của tướng quân hỏng mất, nên gấp dẫn quân đến cứu hấn.

Quách Đồ nói:

- Kế của Cáp không hay. Chẳng bằng đánh thẳng vào đại bản doanh của hấn, hấn tất phải quay về, đấy là chẳng cứu mà tự giải vây được vậy.

Cáp nói:

- Doanh trại của Tào công rất kiên cố, đánh tất không hạ được, nếu bọn Quỳnh bị bắt, hết thủy thuộc hạ chúng ta thành giặc tù thôi.

Thiệu chỉ phái quân khinh kỵ đi cứu Quỳnh, lại dùng trọng binh đánh doanh trại của Thái tổ, không hạ được. Thái tổ quả nhiên phá bọn Quỳnh, quân của Thiệu vỡ lở. Đồ hồ thẹn, lại gièm Cáp rằng:

- Cáp mừng vì quân ta bại, nói lời không khiêm tốn.

Cáp sợ, bèn quy hàng Thái tổ.^②

① *Hán Tấn xuân thu* chép: Cáp khuyên Thiệu rằng:

- Công tuy liên tục thắng, nhưng chớ cùng Tào công giao chiến, nên bí mật phái quân khinh kỵ đánh úp tuyệt đường phía nam của họ, tất quân kia tự bại thôi.

Thiệu không theo kế ấy.

② *Thần Tùng Chi* xét *Vũ đế kỷ* và *Viên Thiệu truyện* đều nói là Viên Thiệu sai Trương Cáp, Cao Lãm đánh doanh trại của Thái tổ, bọn Cáp nghe tin Thuần Vu Quỳnh bị phá, bèn đến hàng, sĩ chúng của Thiệu vì thế vỡ lở. Thế thì bọn Cáp ra hàng rồi quân Thiệu mới vỡ. Đến như truyện này, nói là quân Thiệu vỡ trước, sợ lời gièm của Quách Đồ, rồi sau mới quy hàng Thái tổ, là có chỗ sai khác bất đồng vậy.

Thái tổ được Cáp rất mừng, bảo rằng:

- Xưa Tử Tư chẳng sớm tỉnh ngộ, tự khiến thân mình bị nguy,⁽¹⁾ há được như Vi Tử bỏ nhà Ân,⁽²⁾ Hàn Tín theo nhà Hán đây?

¹ Ngũ Viên (伍員): Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 101 (*Mao Giới truyện*).

² Vi Tử (微子): Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 262 (*Cao Quý hương công Tào Mao truyện*).

Hàn Tín trước theo Hạng Vũ, không được trọng dụng, sau bỏ Sở theo Hán, làm đại tướng, công lao hiển hách, sáng danh muôn đời.

Rồi bái Cáp làm Thiên tướng quân, phong tước Đô đình hầu, đem bộ chúng giao cho, theo đi đánh huyện Nghiệp, hạ được. Lại theo đánh Viên Đàm ở Bột Hải, cầm riêng quân vây Ung Nô, đại phá hần. Lúc theo đi đánh Liễu Thành, cùng Trương Liêu đều làm tiên phong, vì có công được thăng làm Bình địch tướng quân. Được biệt phái đi đánh quận Đông Lai, dẹp Quán Thừa, lại cùng Trương Liêu dẹp bọn Trần Lan, Mai Thành, phá chúng. Lại theo đi phá Mã Siêu, Hàn Toại ở Vị Nam. Vây huyện An Định, thu hàng Dương Thu. Lại cùng Hạ Hầu Uyên đánh dẹp giặc ở đất Phu là Lương Hưng cùng rợ Đê ở Vũ Đô. Lại phá Mã Siêu, bình Tống Kiến.

Thái tổ đi đánh Trương Lỗ, trước tiên phái Cáp đốc suất chư quân đánh dẹp Đê vương là Đậu Mậu ở Hưng Hòa. Thái tổ từ Tấn Quan vào Hán Trung, lại phái Trương Cáp đốc suất năm nghìn bộ tốt ở phía trước mở đường. Đến Dương Bình, Lỗ hàng, Thái tổ quay về, lưu Cáp cùng bọn Hạ Hầu Uyên thủ giữ Hán Trung, chống Lưu Bị. Cáp một mình đốc suất chư quân, thu hàng hai quận Ba Đông và Ba Tây, dời dân của hai quận ấy vào Hán Trung. Lúc tiến quân đến Dăng Cừ, bị tướng của Bị là Trương Phi chống đánh, phải rút quân về Nam Trịnh. Được bái làm Dăng khấu tướng quân.

Lưu Bị đóng trại ở Dương Bình, Cáp đóng trại ở Quảng Thạch. Bị đem hơn vạn sĩ tốt tinh nhuệ, chia làm mười bộ, nhân đêm tối gấp rút đánh Cáp. Cáp thống suất thân binh liều chết quyết đấu, Bị không thắng nổi. Sau đấy Bị ở lũng Tầu Mã đốt đô ấp vùng ngoại vi, Uyên đi cứu hỏa, trên đường gặp quân của Bị, giao chiến, đao kiếm đánh giáp nhau. Uyên bị giết chết, Cáp quay về Dương Bình.① Đang lúc bấy giờ, mới mất nguyên soái, sợ Lưu Bị thừa cơ đánh, ba quân đều thất sắc. Tư mã của Uyên là Quách Hoài bèn lệnh cho bộ chúng rằng:

- Trương tướng quân, là danh tướng của quốc gia, Lưu Bị kiêng sợ ông ấy; hôm nay việc gấp, ngoài Trương tướng quân chẳng ai có thể yên định được.

Bèn suy cử Cáp lên làm chủ trong quân. Cáp ra, chinh quân bày trận, chư tướng đều chịu sự tiết chế của Cáp, lòng quân mới yên.

Thái tổ ở tại Trường An, phái sứ đến ban phù tiết cho Cáp. Thái tổ vì thế thân đến Hán Trung, Lưu Bị giữ trên núi cao không dám giao chiến. Thái tổ bèn dẫn chư quân rời khỏi Hán Trung, Cáp quay về đóng ở huyện Trần Thương.

① *Nguy lược* chép: Uyên tuy làm Đô đốc, nhưng Lưu Bị sợ Cáp mà xem thường Uyên. Lúc giết Uyên, Bị nói:

- Đáng phải diệt được kẻ đầu sỏ là Cáp, giết kẻ này có tác dụng gì!

Văn đế tức vương vị, lấy Cáp làm Tả tướng quân, tiến tước Đô hương hầu. Lúc lên ngôi, tiến phong Cáp là Mạo hầu. Rồi hạ chiếu sai Cáp và Tào Chân đánh rợ Hồ ở huyện Lô Thủy quận An Định và rợ Khương ở Đông bộ, triệu Cáp và Tào Chân cùng vào châu ở cung điện huyện Hứa, sau phái Cáp về nam cùng Hạ Hầu Thượng đánh Giang Lăng. Cáp được biệt phái đốc chư quân vượt sông, chiếm cồn cát ở trên sông lập doanh lũy.

Minh đế tức vị, phái Cáp xuôi nam đóng quân tại Kinh châu, cùng Tư Mã Tuyên vương đánh biệt tướng của Tôn Quyền là bọn Lưu A, truy đuổi đến Kỳ Khẩu, giao chiến, phá Lưu A.

Gia Cát Lượng tiến ra Kỳ Sơn. Để thêm cho Cáp ngôi vị Đặc tiến, phái đốc chư quân, cự tướng của Lượng là Mã Tắc ở Nhai Đình. Tắc cậy hiểm dựa sườn núi phía nam, không xuống chiếm thành. Cáp tuyệt đường lấy nước của Tắc, đánh, đại phá Tắc. Các quận Nam An, Thiên Thủy, An Định đã làm phản hưởng ứng Lượng, Cáp đều đánh phá bình được. Để hạ chiếu rằng:

"Tên giặc là Lượng đem bộ chúng Ba Thục, đối địch với quân hổ báo dũng mãnh. Tướng quân mặc giáp cầm mác, đến đâu thắng đó, trẫm rất ngợi khen. Nay ban thêm thực ấp nghìn hộ, cộng cả lúc trước là bốn nghìn ba trăm hộ."

Tư Mã Tuyên vương thống suất thủy quân ở Kinh châu, muốn xuôi sông Miện xuống sông Giang đánh Ngô, Đế hạ chiếu sai Cáp đốc chư quân Quan Trung tới chịu tiết chế. Cáp đến Kinh châu, đúng lúc tiết trời chuyển sang đông, nước cạn, thuyền lớn không đi được, bèn quay về đóng quân ở núi Phương Thành.

Gia Cát Lượng lại xuất binh, đánh huyện Trần Thương rất gấp, Đế sai ngựa trạm tới triệu Cáp về kinh. Đế đích thân đến phía nam thành, bày tiệc rượu tiễn Cáp, phái ba vạn quân sĩ ở hai miền nam bắc và phân phát quân Vũ vệ, Hồ báo sai hộ vệ Cáp, nhân đó hỏi Cáp rằng:

- Tướng quân đến chậm, Lượng chẳng phải đã lấy được Trần Thương sao!

Cáp biết Lượng quân cô không có lương thực, không thể đánh lâu được, đáp rằng:

- Xem ra thần chưa tới nơi, Lượng đã chạy rồi; bấm tay mà tính thì lương thảo của Lượng chẳng đủ đến mười ngày.

Cáp tiến quân đêm ngày gấp rút đến Nam Trịnh, Lượng lui. Đế chiếu lệnh gọi Cáp về kinh đô, bái làm Chinh tây Xa kỵ tướng quân.

Cáp thông hiểu thuật ứng biến, khéo an doanh bày trận, liệu địa hình và tình thế giao chiến, không gì không như tính toán, từ Gia Cát Lượng trở đi đều kiêng sợ Cáp.

Cáp tuy là võ tướng nhưng yêu thích các nho sĩ, từng tiến cử đồng hương Tư Trạ là người thấu hiểu kinh sách, đức hạnh cao đẹp, Đế hạ chiếu rằng:

"Xưa kia Tể Tuân là võ tướng, tấu xin đặt Ngũ kinh đại phu,⁽¹⁾ thân ở trong quân, cùng các nho sinh ca hát, uống rượu, chơi ném thê vào hồ làm trò vui. Nay tướng quân ngoài thống quản quân lữ, trong không quên quốc triều. Trẫm khen cái ý của tướng quân, nay cất nhắc Trạm làm Bác sĩ."

Gia Cát Lượng lại ra Kỳ Sơn, Đế hạ chiếu sai Cáp đốc chư tướng sang tây đến Lược Dương, Lượng quay về giữ Kỳ Sơn, Cáp truy đuổi đến Mộc Môn, cùng quân của Lượng giao chiến, bị loạn tên bắn trúng vào đầu gối phải, chết,^① được ban thụy là Tráng hầu. Con của Cáp là Hùng nối tự.

Cáp trước sau chinh phạt có công, Minh đế chia sổ hộ của Cáp, phong cho bốn con của Cáp làm Liệt hầu. Bốn người con nhỏ khác được ban tước Quan nội hầu.

① *Ngụy lược* chép: Quân của Lượng lui, Tư Mã Tuyên vương sai Cáp đuổi theo, Cáp nói:

- Phép dùng binh, vây thành tắt mở lối cho giặc chạy, quân lui chớ đuổi theo.

Tuyên vương không nghe. Cáp bắt đắc dĩ, bèn tiến. Quân Thục chiếm chỗ cao bày binh mai phục, cung nỏ loạn xạ, bắn trúng vào đùi Cáp.

Từ Hoảng tự Công Minh, người quận Hà Đông huyện Dương. Ban đầu làm quận lại, theo Xa kỵ tướng quân Dương Phụng dẹp giặc cướp có công, được bá làm Kỵ đô úy. Lý Thôi, Quách Ty gây loạn ở Trường An, Hoảng khuyên Phụng nên cùng thiên tử về Lạc Dương, Phụng theo kế ấy.

¹ Tể Tuân (祭遵) tự Đệ Tôn, người quận Dĩnh Xuyên huyện Dĩnh Dương, là đại tướng nhà Đông Hán, cẩn thận tiết kiệm có tiếng, được người đương thời bình là "Thanh danh vang trong nước, thanh liêm nhất trên đời." Tể Tuân chết, Phạm Thắng dâng tấu lên Quang Vũ đế rằng: "Tuân làm tướng quân, chọn kẻ sĩ đều dùng nho thuật, trước rượu bày nhạc, thi xướng nhã ném thê vào hồ. Lại vì Không tử dựng miếu lập hậu tự, tấu đặt Ngũ kinh đại phu. Tuy trong quân lữ, chẳng quên tế tự, có thể gọi là ưa lễ thích nhạc, sẵn lòng chết để khuyến đạo vậy."

Thiên tử vượt sông đến An Ấp, phong Hoảng làm Đô đình hầu. Lúc đến Lạc Dương, Hàn Tiêm, Đồng Thừa ngày ngày tranh đấu, Hoảng khuyên Phụng đến quy hàng Thái tổ; Phụng muốn theo, sau lại hối. Thái tổ đánh Phụng ở huyện Lương, Hoảng bèn hàng Thái tổ.

Thái tổ trao binh cho Hoảng, sai đánh giặc ở ấp Quyển và huyện Nguyên Vũ, phá chúng, được bái làm Bì tướng quân. Hoảng theo đi đánh Lã Bố, một mình chiêu hàng tướng của Bố là bọn Triệu Thứ, Lý Trâu. Cùng Sử Hoán chém Tuy Cố ở Hà Nội. Rồi theo đi phá Lưu Bị, lại theo đi phá Nhan Lương, đánh hạ huyện Bạch Mã, tiến đến Diên Tân, phá Văn Xú, được bái làm Thiên tướng quân. Hoảng cùng Tào Hồng đánh giặc cướp ở Ân Cường là Chúc Tý, phá hấn, lại cùng Sử Hoán tập kích xe vận lương của Viên Thiệu ở Cổ Thị, công rất lớn, được phong tước Đô đình hầu.

Sau khi Thái tổ vây huyện Nghiệp, phá Hàm Đan, Dịch Dương lệnh là Hàn Phạm vò dăng thành đầu hàng rồi lại chống giữ, Thái tổ phái Hoảng đánh Phạm. Hoảng đến, lấy tên buộc thư bắn vào trong thành, vì Phạm bày tỏ thành bại. Phạm hối, Hoảng liền thu hàng. Xong đến nói với Thái tổ rằng:

- Hai người họ Viên chưa phá được, các thành chưa bị hạ còn nghiêng tai nghe ngóng, hôm nay diệt hết người ở Dịch Dương, hôm sau bọn họ đều liều chết thủ giữ, e rằng Hà Bắc không định ngay được. Xin Công chiêu hàng Dịch Dương lệnh để tỏ ý với các thành khác, thì chẳng ai không theo gió mà quy thuận.

Thái tổ khen lời ấy. Lại biệt phái Hoảng đi đánh Mao Thành, đặt phục binh ngầm đánh úp, phá được ba đồn. Hoảng theo đi phá Viên Đàm ở Nam Bì, dẹp phản tặc ở Bình Nguyên, thắng chúng. Lại theo đi đánh Đạp Đốn, được bái làm Hoành dã tướng quân. Hoảng theo đi đánh Kinh châu, đóng đồn riêng ở Phàn Thành, đánh dẹp giặc ở các huyện Trung Lư, Lâm Tự,

Nghi Thành. Lại cùng Mãn Sủng đánh Quan Vũ ở Hán Tân, giúp Tào Nhân đánh Chu Du ở Giang Lăng. Năm thứ mười lăm, đánh dẹp phản quân ở Thái Nguyên, vây Đại Lăng, hạ được, chém đầu lĩnh của giặc là Thương Diệu.

Bọn Hàn Toại, Mã Siêu làm phản ở vùng Quan Hữu, Thái tổ phái Hoảng đóng binh ở Phần Âm để vỗ yên quận Hà Đông, ban trâu rượu, sai đem tế mộ của tiền nhân. Thái tổ đến Đồng Quan, sợ không qua sông được, triệu Hoảng đến hỏi, Hoảng nói:

- Đại binh của Công ở chỗ này, mà giặc chẳng phục riêng quân giữ Bồ Phán, thì biết được là chúng vô mưu vậy. Nay tinh binh của thần^① qua bến Bồ Phán, làm quân tiền trạm, để chặn đường về của chúng, có thể bắt được giặc vậy.

Thái tổ nói: "Hay. "

Bèn sai Hoảng đem bốn nghìn quân bộ kỵ qua bến sông. Làm hào lũy còn chưa xong, giặc là Lương Hưng trong đêm đem hơn năm nghìn quân bộ kỵ vây đánh, Hoảng đánh chúng bỏ chạy, quân của Thái tổ qua được sông, vì thế phá được bọn Siêu. Thái tổ sai Hoảng giúp Hạ Hầu Uyên bình các tộc Đê ở huyện Du Mi và huyện Khiên, cùng Thái tổ hội quân ở An Định. Thái tổ quay về huyện Nghiệp, sai Hoảng cùng Hạ Hầu Uyên bình dư đảng giặc ở hai huyện Phu và Hạ Dương, chém Lương Hưng, thu hàng hơn ba nghìn nhà.

Sau lại theo đi đánh Trương Lỗ. Thái tổ biệt phái Hoảng đến đánh dẹp rợ Đê ở các vùng núi cao thuộc các huyện Độc và Cừ Di, đều thu hàng chúng. Hoảng được thăng là Bình khấu tướng quân. Sau Hoảng giải vây cho tướng quân Trương Thuận. Lại đánh hơn ba chục đồn binh của bọn giặc là Trần Phúc, đều phá được.

① Thần Tùng Chi cho là vào lúc bấy giờ Hoảng chưa nên xưng thần, e là tác giả soạn chép lầm lẫn vậy.

Thái tổ về huyện Nghiệp, lưu Hoảng cùng Hạ Hầu Uyên cự Lưu Bị ở Dương Bình. Bị phái bọn Trần Thúc lập hơn chục doanh trại cắt đứt đường sào Mã Minh Các, Hoảng được biệt phái đi đánh, phá chúng, giặc tự nhảy xuống sông cốc, chết rất nhiều. Thái tổ nghe tin, rất mừng, ban phù tiết cho Hoảng, lệnh rằng:

- Sạn đạo ấy là yết hầu hiểm yếu của Hán Trung vậy. Lưu Bị muốn cắt đứt đường thông trong ngoài, để thủ giữ Hán Trung. Tướng quân một lần cử sự, mà phá vỡ kế của địch, thật khéo lắm vậy.

Thái tổ bèn tự mình đến Dương Bình, rút toàn quân khỏi Hán Trung.

Thái tổ lại phái Hoảng trợ giúp Tào Nhân dẹp Quan Vũ, đóng quân ở huyện Uyển. Gặp lúc nước sông Hán tràn bờ, bọn Vu Cấm bị chìm. Vũ vây Nhân ở Phàn Thành, lại vây tướng quân Lã Thường ở Tương Dương. Quân sĩ mà Hoảng đem theo đa phần là lính mới, khó dùng để tranh phong với Vũ, Hoảng bèn đến Dương Lăng Pha hạ trại. Thái tổ lại trở về, phái bọn tướng quân là Từ Thương, Lã Kiên đến chỗ Hoảng, lệnh rằng:

- Dội binh mã đến đủ, rồi cùng tiến.

Giặc đóng trại ở Yến thành. Hoảng đến nơi, vờ đào hào xung quanh, tỏ ý muốn cắt đứt hậu quân của giặc, giặc đốt trại bỏ chạy. Hoảng lấy được Yến thành, cùng địch hai mặt doanh trại liền nhau, tiến dần về phía trước, cách vòng vây của giặc ba trượng. Còn chưa đánh, Thái tổ trước sau phái bọn Ân Thự, Chu Cái đem cả thảy hai mươi doanh quân đến chỗ Hoảng. Giặc đóng trại ở Vi Đầu, lại chia quân đóng đồn ở Tứ Trùng. Hoảng đánh tiếng là sẽ đánh trại Vi Đầu, nhưng ngầm tấn công đồn Tứ Trùng. Vũ thấy đồn Tứ Trùng sắp vỡ, tự mình đem năm nghìn quân bộ kỵ xuất chiến, Hoảng đón đánh Vũ, Vũ lui chạy, Hoảng bèn đuổi theo hãm trận rồi cùng xông vào vòng

vây, phá địch, quân địch có kẻ tự lao đầu xuống sông Miện chết. Thái tổ khen rằng:

- Giặc đào hào lũy, rải chông chà mười tầng, tướng quân dốc sức đánh thu được toàn thắng, lại hãm trọng vây của giặc, chém nhiều đầu địch. Ta dụng binh hơn ba mươi năm, những điều ta nghe được về cái khéo của thuật dùng binh từ xưa, chưa từng thấy có ai xông thẳng vào vòng vây của địch vậy. Và lại vòng vây tại Phàn Thành, Tương Dương, còn hơn vòng vây ở Thành Cừ, Tức Mặc,⁽¹⁾ công của tướng quân, vượt quá cả Tôn Vũ, Nhương Thư.⁽²⁾

Hoảng chinh đồn quân quay về Ma Pha, Thái tổ ra ngoài bày dạm đón tiếp Hoảng, bày tiệc rượu mở đại hội. Thái tổ nâng chén mời Hoảng, lại úy lạo rằng:

- Phàn Thành, Tương Dương toàn vẹn được, là công lao tướng quân vậy.

Bấy giờ chư quân đều tụ tập, Thái tổ đi tuần các doanh, sĩ tốt đều rời hàng trận ra xem, nhưng quân doanh của Hoảng chinh tề, tướng sĩ đứng trong trận không động đậy. Thái tổ khen rằng:

- Từ tướng quân có thể nói là có phong độ của Chu Á Phu⁽³⁾ rồi.

¹ Xem chú thích về Điền Đan ở tập III, quyển 14, trang 201 (Trình Dục truyện).

² Tôn Vũ (孙武): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 24 (Vũ đế ký).

Tư Mã Nhương Thư (司马穰苴): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 61 (Vũ đế ký).

³ Chu Á Phu (周亚夫), là con của Giáng hầu Chu Bột, là vị tướng soái lỗi lạc thời Hán Văn đế, Hán Cảnh đế, đặc biệt có tài trị quân. Thời Hán Văn đế, ở Trường An có ba cánh quân, có lần Hán Văn đế đi khảo quân, xe vua đến hai trại kia đều được đón tiếp; khi đến trại của Chu Á Phu bị quân canh cản, quan hầu hô là vua đến, nhưng quân canh trả lời rằng: “Tướng quân có lệnh, trong trại chỉ nghe quân lệnh của tướng, không cần nghe chiếu thiên tử.” Lúc bọn tùy tùng của vua cầm phù hiệu của Hán Văn đế đến, quân canh mới cho vào. Hán Văn đế rất khen ngợi Chu Á Phu. Lúc sắp mất, Hán Văn đế dặn thái tử Lưu Khải rằng khi việc gấp hãy dùng Chu Á Phu, quả nhiên sau này nhờ Chu Á Phu mà dẹp được loạn thất quốc.

Văn đế tức vương vị, lấy Hoảng làm Hữu tướng quân, tấn phong tước Lục hương hầu. Lúc lên ngôi, tấn phong Hoảng làm Dương hầu. Sai Hoảng cùng Hạ Hầu Thượng đánh Lưu Bị ở Thượng Dung, phá được. Lại đế Hoảng trấn thủ Dương Bình, đối phong làm Dương Bình hầu.

Minh đế tức vị, sai Hoảng cự tướng Ngô là Gia Cát Cẩn ở Tương Dương. Tăng ấp cho Hoảng hai trăm hộ, cộng cả lúc trước là ba nghìn một trăm hộ. Hoảng bệnh nặng, di mệnh rằng lúc liệm dùng thường phục.

Hoảng bản tính kiệm ước mà cẩn thận từ việc nhỏ, lúc đem quân đi thường cho người dò xét từ xa, liệu trước là chưa thể thắng, thì sau mới đánh, lúc đuổi địch giành ưu thế, quân sĩ chẳng được nhàn rồi ngồi ăn. Hoảng thường than rằng:

- Cổ nhân lo chẳng gặp được đấng minh quân, nay ta may mắn gặp được, phải lấy việc lập công để báo đáp, há chẳng phải là vinh dự của mình sao!

Hoảng trọn đời chẳng giao kết rộng rãi. Năm Thái Hòa nguyên niên Hoảng chết, được ban thụy là Tráng hầu.

Con của Hoảng là Cái nối tự. Cái chết, con của Cái là Bá nối tự. Minh đế phân ấp phong của Hoảng, phong cho hai người cháu của Hoảng làm Liệt hầu.

Khi trước, người quận Thanh Hà là Chu Linh, làm tướng của Viên Thiệu. Thái tổ đi đánh Đào Khiêm, Thiệu sai Linh đốc suất ba doanh quân trợ giúp Thái tổ, đánh trận có công. Chư tướng mà Thiệu phái đi đều giải tán quay về, Linh nói:

- Linh này xét người đã nhiều rồi, không thấy ai như Tào công, đấy thực là minh chủ vậy. Nay đã gặp, sao lại bỏ?

Bèn ở lại không đi. Tướng sĩ mà Linh đem theo ái mộ Tào công, theo Linh ở lại. Linh về sau thành tướng giỏi, danh tiếng kém

bọn Hoàng một chút, làm quan đến chức Hậu tướng quân, được phong tước Cao Đường đình hầu.^①

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Khi trước, người quận Thanh Hà là Quý Ung chiếm huyện Du phản lại Viên Thiệu rồi hàng Công Tôn Toàn, Toàn phái binh bảo vệ Ung. Thiệu phái Linh đánh Ung. Người nhà của Linh ở trong thành, Toàn đem mẹ và em của Linh đặt trên mặt thành, dụ gọi Linh. Linh trông lên thành chảy nước mắt khóc, nói:

- Kẻ trượng phu đã đem thân giao mình cho người khác, há được nghĩ đến người nhà nữa!

Bèn ra sức đánh, hạ được thành, bắt sống Ung, nhưng người nhà của Linh đều chết cả.

Ngụy thư chép: Linh tự Văn Bác. Thái tổ bình Ký châu rồi, phái Linh đem năm nghìn tân binh và một nghìn quân kỵ trấn giữ phía nam huyện Hứa. Thái tổ răn Linh rằng:

- Tân binh ở Ký châu, quen được đối xử hòa hoãn, nhưng tạm thời phải tề chỉnh, trong lòng có ý tăm tức. Khanh trước đây có tiếng uy nghiêm, nên khéo dùng đạo khoan hòa với chúng, không như thế tất có biến.

Linh đến Dương Dịch, Trung lang tướng là bọn Trình Ngang quả nhiên làm phản, Linh lập tức chém Ngang, đem thực trạng báo lên. Thái tổ tự viết thư cho Linh nói:

"Trong quân vốn là chỗ nguy hiểm, ngoài đôi phó với địch quốc, trong có gian mưu sinh biến khó lường. Xưa kia Đặng Vũ chia một nửa quân của Quang Vũ sang tây, rồi có cái nạn Tông Hâm, Phùng Âm, sau chỉ đem được hai mươi bốn quân kỵ về Lạc Dương,⁽¹⁾ uy vũ há vì thế mà

¹ Đặng Vũ (鄧禹), tự Trọng Hoa, người quận Nam Dương huyện Tân Dã, là khai quốc công thần nhà Đông Hán. Năm Canh Thủy thứ hai, Quang Vũ đế muốn giành Trường An với quân Canh Thủy, bèn cấp cho Đặng Vũ hai vạn quân tây tiến. Đặng Vũ thắng trận liên tiếp, lập nhiều công lao, sau không nghe lời tướng sĩ dưới trướng đánh ngay Trường An, lại đi đánh các vùng phụ cận, để hai tướng Phùng Âm, Tông Hâm giữ hậu phương. Hai tướng tranh quyền giết lẫn nhau. Năm sau Đặng Vũ bị quân Xích Mi đánh bại, chỉ còn hai mươi bốn quân kỵ chạy thoát về Lạc Dương.

giảm tổn? Ngươi đưa thư đến, lời lẽ thành khẩn thống thiết, chỉ ra nhiều lỗi của mình, vị tất đã như cái điều mà ngươi nói."

Văn đế tức vị, phong cho Linh tước Du hầu, tăng thực ấp cho Linh. Hạ chiếu nói:

"Tướng quân phù giúp Tiên đế, nắm binh nhiều năm, uy quá Phương, Triệu,⁽¹⁾ công vượt Giáng, Quán.⁽²⁾ Sai thư tịch ghi chép, vẽ tượng để truyền lại cái đẹp, làm sao cho đủ? Trẫm vâng mệnh trời, làm vua bốn bể, tướng quân công cao, là đại thần của xã tắc, cùng trẫm hưởng phúc chung vui, truyền đến muôn đời. Nay phong cho ngươi tước Du hầu. Nhưng phú quý mà chẳng về cố hương, cũng như mặc áo gấm đi đêm. Nếu như ngươi có chí nguyện ở nơi nào khác, chớ ngại nói ra."

Linh tạ rằng:

"Xin phong ở Cao Đường, đấy vốn là sở nguyện của thần vậy."

Vì thế đổi phong Linh làm Cao Đường hầu, khi chết, được ban thụy là Uy hầu.

Bình rằng: Thái tổ dụng võ công gây dựng công nghiệp, mà lương tướng lúc đương thời, có năm người đứng đầu. Vu Cấm được tiếng là người cương nghị quả cảm nhất, nhưng chẳng khéo giữ được đến cuối cùng. Trương Cáp vì khéo quyền biến mà nổi tiếng, Nhạc Tiến vì kiêu dũng quả cảm mà nổi danh, nhưng ta xem việc làm của mấy người ấy, thực chưa xứng với những điều ta nghe được. Ngờ rằng những ghi chép còn bỏ sót, không được đầy đủ tường tận như Trương Liêu, Từ Hoảng vậy.

---ॐ---

¹ Phương Thúc, Triệu Hồ: Xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 223 (Tào Sảng truyện).

² Chu Bột, Quán Anh: Xem chú thích tập II, quyển 8, trang 140 (Công Tôn Toàn truyện).

QUYỂN THỨ MƯỜI TÁM
NHỊ LÝ, TANG, VĂN, LÃ, HỨA, ĐIỂN,
NHỊ BÀNG, DIÊM TRUYỆN

— 380 —

Lý Diễn tự Man Thành, người quận Sơn Dương huyện Cự Đà. Chú họ của Diễn là Kiên, có chí khí lớn, tụ họp tân khách ở Thừa thị được mấy nghìn nhà. Năm Sơ Bình trung, đem bộ chúng theo Thái tổ, phá quân Khăn Vàng ở huyện Thọ Trương, lại theo đánh Viên Thuật, chinh chiến ở Từ châu.

Lã Bố tác loạn, Thái tổ phái Kiên về Thừa thị, ủy lạo các huyện lân cận. Biệt giá của Bố là Tiết Lan, Trị trung là Lý Phong chiêu dụ Kiên, muốn cùng làm phản, Kiên không nghe, chúng bèn giết Kiên. Thái tổ sai con của Kiên là Chinh quản binh của Kiên, cùng chư tướng đánh Lan, Phong. Lan, Phong bị phá, Chinh theo đi bình định các huyện của Duyện châu có công, ít lâu được phong làm Thứ sử Thanh châu.

Chinh chết, Diễn được chuyển làm Dĩnh Âm lệnh, nhận chức Trung lang tướng, nắm giữ quân của Chinh,^① rồi được thăng làm Thái thú Li Hồ.

① *Ngụy thư* chép: Diễn thời trẻ hiếu học, vì không thích việc binh, bèn bái thầy học *Xuân thu Tả thị truyện*, lại xem rộng các sách. Thái tổ thích tài học của Diễn, cho nên thử dùng Diễn đảm nhiệm việc chính sự trị lý dân.

Thời Thái tổ cùng Viên Thiệu cự nhau ở Quan Độ, Diễn thống suất người trong tông tộc cùng bộ thuộc vận lương thực vải lụa

cấp cho quân. Thiệu bị phá, Thái tổ lấy Diển làm Bì tướng quân, đóng quân ở An Dân.

Thái tổ đánh Đàm và Thượng ở Lê Dương, sai Diển và Trình Dục dùng thuyền chuyển quân lương. Đúng lúc Thượng phái Thái thú Ngụy Quận là Cao Phồn dẫn binh đóng ở thượng lưu Hoàng Hà, chặn đường thủy. Tháo sắc mệnh cho Diển, Dục rằng:

- Nếu thuyền không tiến được, hãy xuống thuyền đi đường bộ.

Diển cùng chư tướng nghị bàn rằng:

- Phồn ít quân mặc giáp chỉ cậy vào thế nước, có lòng trể nài biếng nhác, đánh chúng tất thắng. Việc quân chẳng nên gò bó, tạm vì lợi ích quốc gia, chuyên quyền có thể được vậy, nên gấp đánh chúng

Dục cũng cho là đúng. Bèn lên bắc vượt sông, đánh Phồn, phá được, đường thủy mới thông.

Lưu Biểu phái Lưu Bị phạm phía bắc, đến huyện Diệp, Thái tổ phái Diển theo Hạ Hầu Đôn cự Bị. Bị một sớm đốt đồn trại rồi bỏ chạy, Đôn thống suất ba quân truy kích Bị, Diển nói:

- Giặc vô có lui, e rằng tất có quân phục. Phía nam đường xá chật hẹp, cỏ cây san sát, chẳng nên đuổi theo vậy.

Đôn không nghe, cùng Vu Cấm truy kích, Diển lưu binh thủ giữ. Bọn Đôn quả nhiên đi vào chỗ giặc mai phục, giao chiến bất lợi, Diển tới cứu, Bị thấy quân cứu đến, bèn lui quân về.

Diển theo Thái tổ vây huyện Nghiệp, huyện Nghiệp bình, lại cùng Nhạc Tiến vây Cao Cán ở Hồ Quan, đánh Quán Thừa ở Trường Quảng, đều phá chúng. Diển được thăng làm Bộ lỗ tướng quân, tước Đô đình hầu.

Tông tộc và bộ khúc của Diển có hơn ba nghìn nhà, trú ở Thừa Thị, Diển tự xin được dời đến ở Ngụy quận. Thái tổ cười nói:

- Khanh muốn bắt chước Cảnh Thuần sao?⁽¹⁾

Diễn tạ nói:

- Diễn vốn hèn kém ít công, mà tước lộc ân sủng quá hậu, nên thực muốn đem cả họ hàng dốc sức; thêm nữa là việc chinh phạt chưa thôi, nên quả thật mong được ở gần kinh sư, để khống chế bốn phương, chứ không phải muốn bắt chước Cảnh Thuần vậy.

Vì thế đòi hết tất cả bộ khúc và người trong tông tộc gồm hơn một vạn ba nghìn người đến huyện Nghiệp. Thái tổ khen ngợi Diễn, thăng làm Phá lỗ tướng quân.

Diễn cùng Trương Liêu, Nhạc Tiến đóng quân ở Hợp Phì, Tôn Quyền thống suất bộ chúng vây Hợp Phì, Liêu muốn phụng mệnh xuất chiến. Tiến, Diễn và Liêu vốn bất hòa, Liêu sợ mọi người không theo phục, Diễn khảng khái nói:

- Đây là việc lớn quốc gia, nên ta chỉ xem kế sách của ngài ra sao thôi, há đâu lại nghĩ thù riêng mà quên nghĩa công được!

Bèn thống suất bộ chúng cùng Liêu đánh cho Quyền phải bỏ chạy. Diễn được thêm thực ấp trăm hộ, cộng cả lúc trước nữa là ba trăm hộ.

Diễn thích học văn, quý sự nho nhã, chẳng hề cùng chư tướng tranh công. Lại kính trọng các hiền sĩ đại phu, luôn cho rằng mình không bằng người khác, trong quân khen Diễn là bậc trưởng giả.

¹ Cảnh Thuần (耿纯), tự Bá Sơn (伯山), người quận Cự Lộc, từng làm quan phục vụ chính quyền của Vương Mãng, rồi Lưu Huyền. Lúc Lưu Tú đến Hà Bắc, thiếu binh lương, Thuần dẫn hơn hai nghìn nhà đến giúp. Bấy giờ Vương Lang tự lập ở Hàm Đan, lòng người chia lìa, Thuần sợ người trong tông tộc hai lòng, bèn sai hai em mình là Hân và Túc quay về quê đốt hết nhà cửa để dứt tuyệt ý quay về của người trong họ mạc, Quang Vũ để vì thế than thở, khen ngợi Thuần. Thuần có công lớn trong việc dựng nhà Đông Hán, tên của ông đứng hàng thứ mười ba trong “Vân đài nhị thập bát tướng.” Sau khi Lưu Tú xưng đế, ông nhận chức Thái thú Đông Quận, được phong tước Dĩnh Dương hầu.

Năm ba mươi sáu tuổi Diễn chết, con của Diễn là Trinh nổi tự. Văn đế lên ngôi, đoái nghĩ đến cái công của Diễn ở Hợp Phì, tăng thực ấp cho Trinh một trăm hộ, ban cho một con khác của Diễn làm Quan nội hầu, thực ấp trăm hộ; truy thụy cho Diễn là Mẫn hầu.

Lý Thông tự Văn Đạt, người quận Giang Hạ huyện Bình Xuân.^① Vì nghĩa hiệp mà nổi tiếng ở vùng Giang, Nhữ.

Thông và người trong quận là Trần Cung cùng khởi binh ở Lãng Lăng, dân chúng đều quy phục. Bấy giờ có người tên là Chu Trục, bộ chúng có hơn hai nghìn nhà, đối với Cung và Thông thì ngoài mặt hòa mục nhưng trong bụng ngầm làm trái. Thông muốn mưu giết Trục nhưng Cung lại ngăn ngại. Thông biết là Cung không quyết đoán, bèn một mình định kế, hẹn gặp Trục, mời uống rượu rồi giết Trục. Chúng nhân nhiều loạn, Thông dẫn Cung đi diệt bè đảng của Trục, thu gộp hết quân ở doanh của Trục. Sau đấy em vợ của Cung là Trần Cáp giết Cung rồi chiếm bộ chúng của Cung. Thông đánh phá quân của Cáp, chém Cáp lấy đầu tế trước mộ của Cung. Lại bắt sống đại soái quân Khăn Vàng là Ngô Bá rồi thu hàng bộ thuộc của hắn. Gặp năm mất mùa đói lớn, Thông dốc hết gia tài để phát chẩn cứu giúp mọi người, cùng quân sĩ chia cám bã mà ăn, mọi người đều đua nhau ra sức, bởi thế đạo tặc chẳng dám phạm.

① *Ngụy lược* chép: Tiểu tự của Thông là Vạn Úc.

Năm Kiến An sơ, Thông đem hết bộ chúng đến chỗ Thái tổ ở Hứa huyện. Thái tổ bái Thông làm Chấn uy Trung lang tướng, đóng trại ở phía tây địa giới Nhữ Nam. Thái tổ đánh Trương Tú, Lưu Biểu phái binh trợ giúp Tú, quân của Thái tổ bất lợi. Thông ngay trong đêm đem binh đến chỗ Thái tổ, Thái tổ nhờ thế lại đánh tiếp, Thông làm tiên phong xông lên, đại phá quân của Tú. Được bái làm Bì tướng quân, tước Kiến công hầu. Thái

tổ chia Nhữ Nam thành hai huyện, lấy Thông làm Đô úy huyện Dương An.

Bác vợ của Thông phạm pháp, trưởng huyện Lãng Lãng là Triệu Nghiễm bắt giữ, khép tội tử hình. Bấy giờ quyền sinh quyền sát, quyết đoán bởi Mục thú, vợ con Thông gào khóc xin cứu, Thông nói:

- Ta đang lúc cùng Tào công chung sức, về nghĩa chẳng thể vì việc riêng mà phế bỏ việc công.

Lại khen Nghiễm chấp pháp đúng đắn không a dua siểm nịnh, cùng kết làm thân giao.

Thái tổ và Viên Thiệu chống giữ nhau ở Quan Độ. Thiệu phái sứ giả đến bái Thông làm Chinh nam tướng quân, Lưu Biểu cũng ngầm chiêu dụ, Thông đều cự tuyệt. Thân thích và bộ khúc của Thông khóc nói:

- Nay chúng ta trợ trợ một mình giữ chỗ nguy, đã mất đại viện, có thể đứng mà đợi chết sao, chẳng bằng sớm theo Thiệu.

Thông vỗ gươm mắng chúng rằng:

- Tào công là hạng minh triết, tất sẽ định được thiên hạ. Thiệu dẫu cường thịnh, nhưng dùng người không xác đáng, rút cục thành đũa giặc tù thôi. Ta chết cũng không hai lòng.

Lập tức chém sứ của Thiệu, đưa ấn thụ đến chỗ Thái tổ. Lại đánh giặc ở trong quận là bọn Củ Cung, Giang Cung, Thẩm Thành, đều phá chúng, chém thủ cấp đưa đi. Vì thế bình định được vùng Hoài, Nhữ. Thông được đổi phong tước Đô đình hầu, bái làm Thái thú Nhữ Nam.

Thời ấy giặc là bọn Trương Xích có hơn năm nghìn nhà tụ tập ở núi Đào, Thông đánh phá được.

Lưu Bị và Chu Du vây Tào Nhân ở Giang Lăng, biệt phái Quan Vũ cắt đứt đường lên bắc. Thông thống suất bộ chúng đánh Vũ, lại xuống ngựa nhổ hết chông chà xông vào vòng vây, vừa

đánh vừa tiến, nghênh đón quân của Nhân, dũng mãnh đứng đầu chư tướng.

Thông mắc bệnh chết ở trên đường, bấy giờ có bốn mươi hai tuổi. Được truy tặng thực ấp hai trăm hộ, cộng cả lúc trước là bốn trăm hộ. Văn đế lên ngôi, ban cho thụy là *Cương hầu*. Hạ chiếu rằng:

"Trước kia Viên Thiệu gây nạn, từ đất Hứa, đất Thái về nam, người người đều có dị tâm. Thông giữ nghĩa chẳng ngoái đâu, khiến những kẻ hai lòng chịu phục, trăm rất ngợi khen. Nhưng bất hạnh chết sớm, con của Thông là Cơ tuy đã tập tước, nhưng chưa đủ đáp công. Anh của Cơ là Tự, lúc trước đóng quân ở Phàn thành, lại có công. Gia thế dốc lòng lao khó vì nước, nay lấy Cơ làm Phụng nghĩa Trung lang tướng, Tự làm Bình lỗ Trung lang tướng, để tỏ rõ ân sủng khác thường." ①

① Tẩn thư của Vương Ẩn chép: Con của Tự là Bình, tự Huyền Trụ, tài trí hơn người, đương thời được quý hiển, làm quan đến chức Thứ sử Tần châu. Bình từng đối đáp với Tư Mã Văn vương, nhân đó viết thiên *Gia giới* rằng:

"Trước đây có lần ta đang ngồi hầu ở chỗ Tiên đế,⁽¹⁾ thì có ba vị trưởng lại cùng đến cầu kiến. Ta toan từ tạ lui ra, chúa thượng bảo: 'Làm trưởng quan phải trong sạch, cẩn thận, chuyên cần, tu được ba điều ấy, lo gì chẳng trị?' Rồi họ đều được thụ chiếu. Bọn họ ra ngoài rồi, chúa thượng ngoảnh sang bảo bọn ta rằng: 'Điều ta vừa dạy bọn họ có xác đáng không?' Đám người hầu ngồi đó, chẳng ai không tán dương. Chúa thượng lại hỏi rằng: 'Tất không đúng hẳn, ở chỗ ba điều ấy thì điều nào đúng hàng đầu?' Có kẻ đáp rằng: 'Trong sạch đương nhiên là gốc rễ.' Chúa thượng lại hỏi ta, ta thưa rằng: 'Cái đạo của trong sạch và cẩn thận, là phải phối hợp với nhau mà thành, không thể khác được, cẩn thận phải là nhất. Kẻ trong sạch không hẳn đã cẩn thận, kẻ cẩn thận tất tự trong sạch, cũng như bậc nhân giả hẳn có dũng khí, kẻ có dũng khí không hẳn đã có lòng nhân, vì thế Dịch nói: Thất mệnh túi lại thì không

¹ Tư Mã Chiêu chưa từng xưng đế, chỉ được Tư Mã Viêm truy phong khi nhận nhường ngôi từ Ngụy đế, nhưng Lý Bình khi đối đáp vẫn gọi Tư Mã Văn vương là Chúa thượng?

có lỗi, trái chiều dùng cò tranh,⁽¹⁾ đều là sự cẩn thận đến cùng cực vậy.’ Chúa thượng nói: ‘Lời Khanh nói rất lọt tai. Khanh có thể kể ra xem gần đây có ai là người cẩn thận chăng?’ Mọi người chưa ai biết đôi đáp ra sao, ta bèn nói rằng cố Thái úy Tuân Cảnh Thiển, Thượng thư Đồng Trọng Liên, Bộc xạ Vương Công Trọng⁽²⁾ đều có thể cho là những người cẩn thận vậy. Chúa thượng nói: ‘Mấy người ấy, sớm tôi khiêm cung ôn hòa, coi việc thì kính cẩn, cũng đều là người cẩn thận cả. Nhưng người nhất mực cẩn thận trong thiên hạ, ta nghĩ chỉ có Nguyễn Tụ Tông⁽³⁾ thôi! Mỗi khi nói chuyện với người khác, toàn nói những điều huyền bí xa xôi, mà chưa từng bình luận về việc đương thời, hay bình xét về các nhân vật, thực có thể cho là người cẩn thận đến cùng cực rồi.’ Ta mỗi khi nghĩ đến những lời ấy, cũng đủ để cho là những lời răn bảo sáng suốt. Phạm hành sự của con người ta, lúc ít tuổi lập thân, chẳng nên không cẩn thận, chớ tùy tiện bàn luận về người khác, chớ xem nhẹ khi nói về công việc, như thế thì hối hận có lý do gì để sinh ra, họa hoạn không thể từ đâu mà đến được.”

Con của Bình là Trọng, tự Mậu Tăng. Thời trẻ nổi danh, từng làm Lại ở Bộ lang, rồi làm Thái thú Bình Dương.

Tấn chưa công tán chép: Trọng vì thanh bạch cao thượng mà nổi tiếng. Tướng quốc là Triệu vương Tư Mã Luân vì Trọng được mọi

¹ Câu trong *Kinh Dịch*: “Quát nang vô cửu”, ý rằng không nên nói bừa, là thận trọng từ lời nói thì không sinh lỗi mắc họa; “Tạ dụng bạch mao”, ý nói rằng có đồ quý thì không nên đặt dưới đất, mà phải trải cò mao để kê lót cho êm, là nói rất cẩn thận về việc làm vậy.

² Tuân Nghĩ (荀), tự Cảnh Thiển (景倩), là con thứ ba của Tuân Úc, đại quan nhà Ngụy. Xem tập II, quyển 10 (Tuân Úc truyện).

Đồng Trọng Liên (董仲连) và Vương Công Trọng (王公仲): Chưa rõ là những người nào.

³ Nguyễn Tịch (阮籍), tự là Tụ Tông (嗣宗), con của Nguyễn Vũ, Thừa tướng nước Ngụy, một người trong “Kiến An thất tử” nổi danh thời Hán mạt. Tịch hâm mộ học thuyết của Trang, Lão, nổi danh cùng Sơn Đào, Vương Nhung, Kê Khang... Tịch buồn bã vì việc tranh giành quyền bính cuối thời nhà Ngụy nên từ chối làm tham mưu cho Tào Sảng, tuy vậy vẫn cảm thông với bọn Hà Yến, Hạ Hầu Huyền, Lý Phong, Hứa Doãn hơn là với phe đảng họ Tư Mã. Tịch chỉ sáng tác thi phú, không tham gia chính sự, được người đời ngưỡng mộ. Truyện về Nguyễn Tịch chép ở tập IV, quyển 21 (Vương Xán truyện), phần Bùi chú.

người ngưỡng vọng mới chọn làm Hữu tư mã. Trọng thấy Luân có tướng làm loạn, từ chối có bệnh không nhận chức. Luân bức bách không thôi, Trọng bởi thế không muốn sống nữa, đến mức đổ bệnh, phải có người đỡ dậy nhận thụ phong, mấy ngày sau thì chết, được truy tặng chức Tán kỵ thường thị.

Trọng có hai em, Thượng tự Mậu Trọng, Cù tự Mậu Ước, năm Vĩnh Gia trung đều năm giữ quận; Cù làm quan đến chức Thứ sử Giang Châu. Con của Trọng là Thức, tự Cảnh Tắc, làm quan đến chức Thị trung.

Tang Bá tự Tuyên Cao, người quận Thái Sơn huyện Hoa. Cha của Bá là Giới, làm phó cai ngục ở huyện, quan Thái thú sở tại muốn giết người theo ý riêng, Giới giữ phép không theo. Thái thú cả giận, lệnh cho người bắt Giới đến phủ, lúc ấy có hơn trăm người áp giải. Bá năm ấy mười tám tuổi, dẫn mấy chục người khách men lối tắt trong núi Phí Tây muốn cướp cha, những người áp giải Giới chẳng ai dám ngăn trở, nhờ thế Bá và cha đều trốn nạn ra Đông Hải, Bá vì thế nổi danh là hùng tráng và dũng liệt.

Quân Khăn Vàng nổi dậy, Bá theo Đào Khiêm đánh phá chúng, được bái làm Kỵ đô úy. Bá bèn thu nhật binh sĩ ở Từ châu, cùng bọn Tôn Quan, Ngô Đôn, Doãn Lễ hợp binh một chỗ, Bá làm soái, đóng trại ở Khai Dương. Thái tổ đi đánh dẹp Lã Bố, bọn Bá đem binh đến trợ giúp Bố. Bố bị bắt rồi, Bá tự trốn náu. Thái tổ cho yết bảng bắt được Bá, lúc gặp rất hài lòng, sai Bá đi chiêu hàng bọn Ngô Đôn, Doãn Lễ, Tôn Quan và anh của Quan là Khang, mọi người đều đến chỗ Thái tổ. Thái tổ lấy Bá là Lang Nha tướng, Đôn làm Thái thú Lợi Thành, Lễ làm Thái thú Đông Hoàn, Quan làm Thái thú Bắc Hải, Khang làm Thái thú Thành Dương, đều là các quận cắt từ hai châu Thanh, Từ, ủy thác việc cai quản các nơi đó cho Bá.

Thái tổ tới ở Duyện châu, dùng Từ Hấp, Mao Huy làm tướng, lúc Duyện châu loạn, Hấp, Huy đều phản. Về sau Duyện châu bình định, Hấp, Huy trốn đến hàng Bá. Thái tổ nói với Lưu Bị sai truyền lệnh bảo Bá đưa đầu của hai người kia đến. Bá bảo Bị rằng:

- Bá này sở dĩ có thể tự lập được, là vì chẳng làm những việc thế này. Bá chịu cái ơn giữ toàn mạng sống của chủ công, chẳng dám trái mệnh. Nhưng dốc sức với nghiệp vương bá của quân chủ thì có thể dùng nghĩa mà tỏ rõ, mong tướng quân hãy giúp lời.

Bị đem lời của Bá bẩm với Thái tổ, Thái tổ than thở, bảo Bá rằng:

- Đó là việc làm của cổ nhân mà người có thể làm được, là ý nguyện của Cô vậy.

Bèn cho cả Hấp và Huy làm Quận thú.

Thời Thái tổ đang cùng Viên Thiệu chống giữ nhau, Bá nhiều lần đem tinh binh xâm nhập Thanh châu, nên Thái tổ được chuyên tâm vào việc chống Thiệu, không phải lo nghĩ về phương đông. Thái tổ phá Viên Đàm ở Nam Bì, bọn Bá họp mặt chúc tụng. Bá nhân đó xin phái con em và gia thuộc của cha anh, chư tướng đến huyện Nghiệp. Thái tổ nói:

- Lòng trung hiếu của các ông, há cứ phải ở biểu hiện việc chỗ này! Xưa kia Tiêu Hà phái mười hai đệ tử vào hầu, mà Cao tổ chẳng cự tuyệt,⁽¹⁾ Cảnh Thuần đốt nhà khiêng áo quan đi theo, mà Quang Vũ không ngăn cản,⁽²⁾ ta phải làm gì để thay đổi tiền lệ ấy đây!

Vùng Đông châu nhiều loạn, bọn Bá giữ nghĩa đánh kẻ tàn bạo, bình định vùng bến bãi và ven núi, công lao cực lớn, đều được phong làm Liệt hầu. Bá làm Đô đình hầu, thêm chức Uy lỗ

¹ Tiêu Hà phái mười hai đệ tử vào hầu, mà Cao tổ chẳng cự tuyệt: Điển tích, người dịch chưa tra cứu được.

² Xem chú thích ở về Cảnh Thuần ở tập IV, quyển 18, trang 81 (Lý Diễn truyện).

tướng quân. Bá lại cùng Vu Cấm đánh Xương Hi, giúp Hạ Hầu Uyên dẹp dư đảng giặc Khăn Vàng là bọn Từ Hòa, có công, được thăng làm Thứ sử Từ châu.

Bái quốc công là Vũ Chu làm Hạ Bi lệnh, Bá kính trọng Chu khác thường, đích thân đến tận nhà riêng bái phỏng. Tông sự là thuộc hạ của Bá làm việc không theo khuôn phép, Chu biết được lỗi ấy, liền bắt đem thẩm vấn, Bá càng quý trọng Chu hơn.

Bá theo đi đánh Tôn Quyền, xông lên phía trước, hai lần xâm nhập Sào Hồ, đánh Cư Sào, phá được. Trương Liêu đi đánh Trần Lan, Bá được biệt phái đến huyện Hoán, đánh tướng Ngô là Hàn Đương, khiến Quyền không cứu được Lan. Đương phái binh đón đánh Bá, Bá tham chiến ở Phùng Long, Đương lại phái binh đón chặn Bá ở Giáp Thạch, Bá cùng giao chiến, phá chúng, rồi lui về đóng trại ở huyện Thư. Quyền phái mấy vạn quân đến đóng ở Thư khẩu, chia binh đi cứu Lan, nghe nói quân của Bá đang ở huyện Thư, liền trốn về. Bá ngay trong đêm đuổi theo, gần sáng, đuổi được hơn trăm dặm, chặn đánh mặt trước mặt sau quân giặc. Giặc quần bách, không sao lên thuyền được, ngã xuống sông rất nhiều. Bởi thế quân giặc không cứu được Lan, Liêu bèn phá chúng.

Bá theo đi đánh Tôn Quyền ở Nhu Tu khẩu, cùng Trương Liêu làm tiên phong, trên đường hành quân gặp mưa rào, đại quân chưa tiến kịp, nước sông dâng, thuyền địch dần tiến đến, tướng sĩ đều bất an. Liêu muốn bỏ về, Bá ngăn lại nói:

- Công sáng suốt về việc thành bại, há chịu bỏ bọn ta sao?

Hôm sau quả nhiên có lệnh. Liêu đến, đem việc nói với Thái tổ. Thái tổ khen Bá, bái làm Dương uy tướng quân, ban Giả tiết. Về sau Quyền xin hàng, Thái tổ quay về, lưu Bá cùng bọn Hạ Hầu Đôn đóng quân ở Cư Sào.

Văn đế kế vương vị, thăng Bá làm Trấn đông tướng quân, tiến tước Vũ An hương hầu, đốc trách việc quân chính ở Thanh

châu. Lúc lên ngôi đế, tiến phong Bá làm Khai Dương hầu, đổi phong tước Lương Thành hầu.

Bá cùng Tào Hưu đi đánh giặc Ngô, phá Lã Phạm ở Đồng Phố, rồi được triệu về triều làm Chấp kim ngô, ngôi vị Đặc tiến. Mỗi khi có việc quân, Đế thường mưu hỏi Bá.^①

Minh đế tức vị, thêm thực ấp cho Bá năm trăm hộ, cộng cả lúc trước là ba nghìn năm trăm hộ. Bá chết, được ban thụy là Uy hầu.

Con của Bá là Ngải nối tự.^② Ngải làm quan đến chức Thứ sử Thanh châu, Thiếu phủ. Ngải chết, ban thụy là Cung hầu. Con của Ngải là Quyền nối tự.

Bá trước sau có nhiều công lao, ba người con của Bá được phong làm Liệt hầu, một người được ban tước Quan nội hầu.^③

① *Ngụy lược* chép: Bá có một tên là Nô khẩu. Tôn Quan có tên là Anh tử. Ngô Đôn có tên là Âm nô. Doãn Lễ có tên là Lô nhi. Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Bá được phái cầm riêng quân đến Lạc Dương. Đúng lúc Thái tổ mất, quân sĩ mà Bá lĩnh quân và Thanh châu binh cho rằng thiên hạ sắp loạn, đều thúc trống bỏ đi.

Văn đế tức vị, lấy Tào Hưu làm Đô đốc hai châu Thanh, Từ, Bá bảo Hưu rằng:

- Quốc gia chưa hề theo lời Bá vậy! Ví như Bá này có vạn quân bộ kỵ, tất có thể tung hoành khắp vùng Giang Biểu.

Hưu đem lời ấy nói lại với Đế, Đế ngờ là quân lúc trước theo Bá bỏ đi nay xem chừng đã lớn mạnh mới tỏ ý như thế! Bèn đi tuần thú phía đông, nhân lúc Bá về triều liền tước đoạt binh quyền của Bá.

② *Ngụy thư* chép: Ngải thời trẻ vì tài học mà nổi tiếng, làm Hoàng môn lang, trái chức Quận thú.

③ Một con của Bá là Thuấn, tự Thái Bá, thời nhà Tấn làm Tán kỵ thường thị, sự tích thấy ở *Bách quan danh* của Vũ đế. *Bách quan danh* này, chẳng biết ai soạn ra, đều có đề mục, có khen Thuấn là "Tài năng xuất chúng, điều lý rạch ròi, giới đề cao các phong tục tốt đẹp."

Tôn Quan cũng làm quan đến Thứ sử Thanh châu, nhận Giả tiết, theo Thái tổ đi đánh Tôn Quyền, lúc giao chiến bị thương, chết. Con của Quan là Dục nối tự, ngôi vị cũng đến chức Thứ sử Thanh châu.^①

① *Nguy thư* chép: Tôn Quan tự Trọng Đài, người quận Thái Sơn. Cùng nổi dậy với Tang Bá, đánh dẹp quân Khăn Vàng, được bái làm Kỵ đô úy. Thái tổ phá Lã Bố, sai Bá đi chiêu hàng anh em Quan, đều được đãi ngộ rất hậu.

Quan với Bá đều đi chinh phạt, Quan thường xông lên trước, đi chinh chiến bình định đảng giặc ở hai châu Thanh, Từ, công lao gần bằng Bá, được phong tước Lã Đô đình hầu.

Khang cũng vì có công được phong tước Liệt hầu. Quan cùng Thái tổ hội ở Nam Bì, phái con em chuyển về huyện Nghiệp, Thái tổ bái Quan làm Thiên tướng quân, thăng làm Thứ sử Thanh châu.

Quan theo đi đánh Tôn Quyền ở Nhu Tu khẩu, nhận Giả tiết. Lúc đánh Quyền, vì trúng tên, bị thương ở chân trái, cố sức chiến đấu không nghĩ đến vết thương, Thái tổ úy lạo Quan rằng:

- Tướng quân bị thương rất nặng, mà khí mạnh lại càng phần chấn, há chẳng phải là người vì nước yêu thân sao?

Bèn chuyển làm Chấn uy tướng quân, sau vết thương quá nặng, rồi chết.

Văn Sính tự Trọng Nghiệp, người quận Nam Dương huyện Uyển, là đại tướng của Lưu Biểu, được sai chống giữ phương bắc.

Biểu chết, con Biểu là Tông được lập. Thái tổ đi đánh Kinh châu, Tông dâng cả châu ra hàng, gọi Sính muốn cùng đến, Sính nói:

- Sính này chẳng có tài giữ vẹn được châu quận, là kẻ đang đợi tội mà thôi.

Thái tổ qua sông Hán, Sính bèn đến chỗ Thái tổ, Thái tổ hỏi rằng:

- Sao ngươi đến muộn thế?

Sính nói:

- Ngày trước Sính chẳng thể giúp Lưu Kinh châu phụng sự quốc gia, Lưu Kinh châu tuy đã mất, Sính vẫn là người đứng đầu thủ giữ Hán Xuyên, bảo toàn địa giới, sống chẳng phụ lại con cô của Lưu gia, chết không thẹn với chủ ở dưới đất, nhưng mưu tính bất thành, để đến nỗi thế này. Thật đau lòng hổ thẹn, không mặt mũi nào mà đến sớm được.

Bèn sụt sùi chảy nước mắt. Thái tổ lấy làm thương cảm, nói:

- Trọng Nghiệp, người thật là trung thần vậy.

Rồi dùng lễ hậu đối đãi. Lại trao trả Sính binh quyền, sai cùng Tào Thuần đuổi đánh Lưu Bị ở Trường Bản.

Thái tổ tiến định Kinh châu, quận Giang Hạ tiếp giáp với đất Ngô, lòng dân chưa yên, bèn dùng Sính làm Thái thú Giang Hạ, sai nắm giữ quân phương bắc, ủy thác việc nơi biên cảnh, ban tước Quan nội hầu.^①

Sính và Nhạc Tiến đánh Quan Vũ ở Tầm Khẩu, có công, được tấn phong tước Diên Thọ đình hầu, thêm chức Thảo nghị tể tướng quân. Lại đánh quân vận xe truy trọng của Vũ ở Hán Tân, đốt thuyền lương ở Kinh châu. Văn đế lên ngôi, tiến tước cho Sính là Trường An hương hầu, ban Giả tiết.

Sính cùng Hạ Hầu Thượng vây Giang Lăng, Thượng sai Sính đóng trại riêng tại Miện Khẩu, dừng ở thành Thạch Phạm, tự đảm đương một đội quân, ngăn giặc có công, được thăng làm Hậu tướng quân, tước Tân Dã hầu. Tôn Quyền đem năm vạn bộ chúng tự vây Sính ở Thạch Dương rất gấp, Sính giữ vững không dao động, Quyền trụ giữ hơn hai mươi ngày bèn giải tán lui về. Sính đuổi đánh phá Quyền.^② Vì thế được thêm thực ấp năm trăm hộ, cộng cả lúc trước là một nghìn chín trăm hộ.

① Tôn Thịnh nói: Phụng dưỡng cha mẹ hay thờ vua, cái đạo trung hiếu chỉ có một thôi. Tang Bá thời trẻ vì hiếu thuận, cung cỏi mà nổi tiếng, Văn Sính vì Kinh châu mà rơi lệ chân thành, vì

thế Ngụy Vũ chỉ một lần gặp mặt, đã ủy thác việc quân chính ở hai phương, chẳng phải trong nháy mắt đã thấy được cái hùng tráng vũ dũng của họ sao?

② *Ngụy lược* chép: Tôn Quyền từng tự đem mấy vạn sĩ tốt đến. Đúng lúc mưa lớn, thành lũy sụt lở, dân chúng tản mát ở ngoài đồng, không kịp tu bổ. Sính nghe tin Quyền đến, không biết tính sao, bèn nghĩ chẳng bằng cứ ngằm lặng im để địch ngờ sợ. Vì thế lệnh cho người trong thành không ai được đến gặp, lại tự nằm ở trong nhà không dậy. Quyền quả nhiên ngờ sợ, nói với bộ thuộc của mình rằng:

- Người ấy là trung thần của phương bắc, cho nên được ủy thác giữ quận này, nay ta đến mà chẳng có động tĩnh gì, đây không phải là đặt mưu ngằm, tất phải có quân ngoại viện.

Bèn không dám đánh mà bỏ đi.

Lời này của *Ngụy lược*, so với bản truyện là trái ngược vậy.

Sính ở Giang Hạ mấy chục năm, có ân uy, danh chấn địch quốc, quân giặc không dám lấn.

Để chia thực ấp của Sính, phong cho con của Sính là Đại làm Liệt hầu, lại ban cho cháu họ của Sính là Hậu tước Quan nội hầu. Sính chết, ban thụy là Tráng hầu. Đại chết trước Sính, con nuôi của Sính là Hưu nối tự. Hưu chết, con của Hưu là Vũ nối tự.

Năm Gia Bình trung, người ở Tiêu Quận là Hoàn Ngu làm Thái thú Giang Hạ, thanh bạch cần kiệm, có ân uy, danh tiếng gần được như Sính.

Lã Kiền tự Tử Khác, người huyện Nhâm Thành. Thái tổ ở tại Duyện châu, nghe nói Kiền can đảm mà có mưu lược, lấy làm Tòng sự, đem gia binh đến trấn thủ Hồ Lục. Bộ hạ của Hiệu úy Tương Lăng Đỗ Tùng là bọn Quýnh Mẫu tác loạn, cùng Xương Hi thông đồng. Thái tổ lấy Kiền thay Tùng. Kiền đến nơi, chiêu dụ bọn cừu soái của Quýnh Mẫu và mấy chục kẻ ác tới, ban

cho rượu thịt. Lại tuyển tráng sĩ nằm phục sẵn ở hai bên, Kiên thấy bọn Quynh Mầu đều đang say sưa, sai phục binh xông ra giết chúng. Rồi phủ dụ dư đảng của Quynh, đám giặc mới yên.

Thái tổ lấy Kiên làm Thái thú Thái Sơn. Quận ấy dựa núi giáp bể, thời thế hỗn loạn, nghe nói đa phần dân chúng trốn đến đó. Viên Thiệu sai bọn Trung lang tướng mà mình đặt ra là Quách Tổ, Công Tôn Độc gồm mấy chục người, giữ núi làm giặc cướp, trăm họ khổ sở vì chúng. Kiên đem gia binh đến quận, khai ân tín, bề đảng thuộc hạ của Tổ đều hàng phục, những người đang trốn tránh ở trong núi đều trở về yên ổn với ruộng đồng. Kiên tuyển chọn những người khỏe mạnh trong số ấy sung vào quân lữ, quận Thái Sơn từ đấy có tinh binh, danh tiếng đứng đầu châu quận.

Quân Khăn Vàng ở Tế Nam là bọn Từ Hòa, bắt Trương lại sở tại, đánh thành ấp. Kiên dẫn quân cùng Hạ Hầu Uyên hội binh đánh chúng, trước sau giao chiến mấy chục trận, chém đầu và bắt sống mấy nghìn người. Thái tổ sai Kiên đốc suất binh sĩ ở các quận Thanh châu để đánh dẹp đám giặc ở Đông Lai là bọn Lý Điều, lại lập công. Thái tổ lệnh rằng:

"Kẻ có chí, tất thành đại sự, đại khái là kẻ liệt sĩ hơn đời ở chỗ dám xả thân vì chí hướng vậy. Từ lúc ngài giữ quận đến nay, bắt gian dẹp bạo, trăm họ được yên ổn, đem thân xông pha tên đạn, đánh đâu thắng đó. Xưa kia Khấu Tuân lập danh tại Nhữ, Dĩnh,⁽¹⁾ Cảnh Yểm hiến kế ở Thanh, Duyện,⁽²⁾ xưa nay đều như vậy cả."

Rồi suy cử Kiên làm Mậu tài, gia thêm chức Kỵ đô úy, coi giữ quận như cũ.

¹ Khấu Tuân (寇恂): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 50 (Viên Thiệu truyện).

² Cảnh Yểm (耿弇), là tướng của Quang Vũ đế Lưu Tú. Thời còn đang đánh dẹp các thế lực cát cứ, có kẻ hào tộc địa phương là Trương Bộ chiếm giữ mười ba quận của Thanh châu. Cảnh Yểm đến đánh dẹp, trong một lần đánh trận, bị trúng tên vào đùi trái, Cảnh Yểm vùng đao chặt đứt ngọn tên, tiếp tục xông trận. Hơn một ngày sau đánh bại được Trương Bộ. Lưu Tú đến thăm, nói: "Cảnh tướng quân thắng rồi, đúng là người có chí nhất định sẽ thành công."

Kiên ở quận Thái Sơn mấy chục năm, rất có ân uy. Văn đế tức vương vị, gia thêm cho Kiên chức Bì tướng quân, tước Ích Thọ đình hầu, thăng làm Thứ sử Từ châu, thêm chức Uy lỗ tướng quân. Kiên mời người quận Lang Nha là Vương Tường đến làm Biệt giá, đem hết việc dân sự ủy thác cho Tường, người đòi đa phần khen Kiên dùng được người hiền.^① Kiên đánh dẹp giặc phản ở quận Lợi thành, chém địch lập công.

Minh đế tức vị, đổi phong Kiên làm Vạn Niên đình hầu, thêm thực ấp hai trăm hộ, cộng cả lúc trước là sáu trăm hộ.

Kiên chết, con của Kiên là Phiên nối tự. Phiên chết, con của Phiên là Quế nối tự.

① *Tạp ngữ* của Tôn Thịnh chép: Tường tự Hưu Chính. Bản tính chí hiếu, mẹ kế là người ác nghiệt, thường muốn làm hại Tường, Tường phụng dưỡng không hề biếng nhác. Một tháng kia trời rất lạnh, mẹ kế nói:

- Ta thèm ăn một bữa cá tươi.

Tường bèn cởi quần áo, lấy tay phá băng để tìm bắt cá, một lát, phá vỡ đám băng dày, cá ở dưới nhảy lên, Tường bắt đem về dâng mẹ, người bấy giờ cho là lòng hiếu thảo của Tường cảm động đến loài cá vậy.

Phụng dưỡng mẹ hơn ba chục năm, mẹ mất rồi Tường mới ra làm quan, vì trong sạch và thành thực được người thời ấy quý trọng.

Tấn thư của Vương Ấn chép: Tường bắt đầu ra làm quan, năm ấy đã quá năm mươi tuổi rồi, ít lâu được thăng đến chức Tư lệ Hiệu úy. Cao Quý hương công vào học ở nhà Thái học, dùng Tường là một trong Tam lão, rồi thăng làm Tư không Thái úy. Tư Mã Văn vương mới làm Tấn vương, Tư không là Tuân Nghi muốn Tường hết mực kính trọng Vương, Tường không chịu. Việc nói ở *Tam thiếu đế kỷ*. Tấn Vũ đế lên ngôi, bái Tường làm Thái Bảo, tấn phong làm Thư Lãng công. Năm Thái Thủy thứ tư, lúc tám mươi chín tuổi thì chết. Em của Tường là Lãm, tự Huyền Thông, làm Quang lộc đại phu.

Tấn chư công tán khen Lãm là người thẳng tính trong sạch, rất có chí khí và đức hạnh. Lãm con cháu đầy đàn, hầu hết đều là những kẻ hiền tài, đời nọ nối tiếp đời kia đều thịnh vượng, xưa nay hiếm ai bằng.

Hứa Trử tự Trọng Khang, người huyện Tiêu nước Tiêu. Trử mình cao hơn tám thước, lưng rộng mười vi,⁽¹⁾ dung mạo hùng tráng, sức lực hơn người.

Vào thời Hán mạt, Trử tụ tập những người trẻ tuổi và mấy nghìn nhà trong tông tộc, cùng đắp lũy vững để ngăn chặn giặc cướp. Bấy giờ có hơn vạn người là giặc Cát Pha ở Nhữ Nam đánh vào lũy của Trử, Trử ít người không địch nổi, ra sức đánh, đã mỏi mệt lắm. Tên hết nhẫn, Trử bèn lệnh cho đám nam nữ ở trong lũy, gom nhặt những hòn đá lớn bằng cái đấu về để sẵn ở bốn góc. Trử lấy đá ném mạnh ra, kẻ bị ném trúng đều tan xương, giặc không dám tiến nữa. Trử thiếu lương, vò cùng giặc xin hòa, đem trâu đổi lấy lương thực của chúng, giặc đến lấy trâu, trâu bỏ chạy về lũy. Trử bèn lao ra trước trận, một tay túm đuôi kéo trâu đi giật lùi, được hơn trăm bước. Bọn giặc kinh sợ, bèn không dám lấy trâu mà chạy. Bởi thế ở khắp vùng Hoài, Nhữ, Trần, Lương, giặc đều nghe tiếng mà kiêng sợ.

Thái tổ đi tuần ở hai quận Hoài, Nhữ, Trử dẫn bộ chúng quy thuận Thái tổ. Thái tổ thấy Trử khỏe mạnh liền nói:

- Người này là Phàn Khoái⁽²⁾ của ta vậy.

¹ Vi: Xem chú thích ở tập III, quyển 15, trang 276 (Tư Mã Lăng truyện).

² Phàn Khoái (樊哙), người huyện Bái, là đồng hương của Hán Cao tổ Lưu Bang. Thừa nhờ nhà nghèo, làm nghề bán thịt chó. Lưu Bang dấy binh hưởng ứng Trần Thắng, có Tiêu Hà, Tào Tham và Phàn Khoái đi theo. Phàn Khoái là dũng tướng nổi tiếng, thời Hán Sở tương tranh, Hạng Vũ mời Lưu Bang dự Hồng Môn yến, sai Hạng Trang múa gươm định giết Lưu Bang, Phàn Khoái cắp kiếm xông vào cửa, trợn mắt nhìn Hạng Vũ, Hạng Vũ sợ, sai người ban rượu thịt cho Phàn Khoái, Lưu Bang nhờ thế trốn thoát.

Ngay hôm ấy bá Trử làm Đô úy, dẫn vào làm Túc vệ. Những hiệp khách đi theo Trử đều được dùng làm quân Hồ sĩ.

Trử theo đi đánh Trương Tú, xông lên hàng đầu, chém hơn vạn thủ cấp, được thăng làm Hiệu úy.

Trử lại theo đi đánh Viên Thiệu ở Quan Độ. Bấy giờ, bọn thường theo hầu bên cạnh Thái tổ là Từ Tha mưu phản nghịch, thấy Trử thường ở bên hầu hạ, sợ hãi không dám phát động. Rình được ngày Trử nghỉ, bọn Tha giấu đao trong bụng tiến vào. Trử về đến nhà thấy trong bụng xao xuyến, lập tức quay lại hầu. Bọn Tha không biết, vào trướng trông thấy Trử, rất kinh ngạc. Thấy Tha biến sắc, Trử phát giác ra, tức thì đâm chết bọn Tha. Thái tổ càng yêu mến tin tưởng Trử, ra vào cùng nhau, luôn ở bên cạnh không rời.

Trử theo Thái tổ vây huyện Nghiệp, ra sức chiến đấu lập công, được ban tước Quan nội hầu. Lại theo đi đánh Hàn Toại, Mã Siêu ở Đồng Quan. Thái tổ sắp vượt sông lên bắc, sắp qua sông, quân sĩ lên trước, riêng Thái tổ cùng Trử và hơn trăm quân Hồ sĩ ở lại bờ nam sông đoạn hậu. Siêu dẫn hơn vạn quân bộ kỵ, xông tới chỗ quân của Thái tổ, tên bay như mưa. Trử bám với Thái tổ rằng, giặc đến nhiều, nay quân sĩ đã sang sông hết, nên đi ngay, rồi đỡ Thái tổ lên thuyền. Giặc đánh gấp, quân sĩ tranh nhau qua sông, thuyền nặng sắp chìm. Trử liền chém những kẻ bám vào thuyền, tay trái cầm yên ngựa che cho Thái tổ. Người chèo thuyền bị trúng lạc tên chết, Trử lấy tay phải đẩy thuyền, mới qua sông được. Hôm ấy, nếu không có Trử thì đã nguy to. Sau đấy Thái tổ và bọn Toại, Siêu một ngựa gặp nhau nói chuyện riêng, tả hữu đều không được theo, chỉ mang Trử. Siêu cậy khỏe, muốn ngầm bắt Thái tổ trước trận, vốn nghe nói Trử dũng mãnh, ngờ quân kỵ đi theo kia là Trử, bèn hỏi Thái tổ:

- Hồ hầu của ngài có ở đây chăng?

Thái tổ ngoảnh lại trở vào Trử, Trử quắc mắt lườm. Siêu không dám vọng động, bèn đều lui về. Mấy ngày sau hội chiến, phá được bọn Siêu, Trử đích thân chém đầu giặc, được thắng làm Vũ vệ Trung lang tướng. Danh hiệu Vũ vệ bắt đầu có từ đây. Trong quân thấy Trử khỏe như hổ điên, liền đặt hiệu là Hổ si; vì Siêu từng hỏi ai là Hổ hầu, cho đến nay thiên hạ gọi Trử là Hổ hầu, đều bảo đó là họ tên của Trử vậy.

Tính Trử cẩn thận vâng theo phép công, thận trọng ít nói. Tào Nhân từ Kinh châu về triều kiến, Thái tổ chưa ra, Nhân đi vào gặp Trử bên ngoài điện. Nhân gọi Trử ngồi xuống nói chuyện. Trử nói:

- Vương sắp ra rồi.

Rồi đi ngay vào điện, Nhân tỏ ý giận. Có người trách Trử rằng:

- Chinh nam là tông thất trọng thần, có ý hạ mình gọi ngài, sao ngài lại chối từ?

Trử nói:

- Ông ấy tuy là trọng thần thân thích, nhưng thủ giữ ở ngoài. Trử là nội thần, nói chuyện ở chỗ đông người là đủ rồi, vào nhà nói chuyện riêng sao được?

Thái tổ nghe vậy, càng yêu mến đãi ngộ Trử hơn, thăng làm Trung kiên tướng quân.

Thái tổ băng hà, Trử gào khóc thổ huyết. Văn đế lên ngôi, tấn phong Trử làm Vạn tuế đình hầu, lại thăng làm Võ vệ tướng quân, Đốc trách trung quân túc vệ canh giữ cung cấm, rất thân cận.

Khi trước, những người đi với Trử làm Hổ sĩ đều theo đi chinh phạt, Thái tổ cho rằng họ đều là tráng sĩ, bái làm tướng cùng một ngày, về sau có mấy chục người lập công được thăng làm tướng quân phong hầu, hơn trăm người được làm Đô úy, Hiệu úy, đều là kiếm khách.

Minh để tức vị, tiến tước cho Trử làm Mậu hương hầu, ban thực ấp bảy trăm hộ, lại phong cho con của Trử làm Quan nội hầu. Trử chết, ban thụy là Tráng hầu. Con của Trử là Nghi nối tự.

Anh của Trử là Định, cũng vì có công được phong làm Chấn uy tướng quân, đô đốc quân Hồ bôn.

Năm Thái Hòa trung, Đế nghĩ đến lòng trung hiếu của Trử, hạ chiếu biểu dương, phong cho con và cháu của Trử tước Quan nội hầu. Nghi bị Chung Hội giết chết. Năm Thái Thủy sơ, con của Nghi là Tống nối tự.

Điền Vi, người quận Trần Lưu huyện Di Ngô, tướng mạo khôi ngô, sức lực hơn người, có chí khí giàu lòng nghĩa hiệp.

Người họ Lưu ở huyện Tương Ấp có thù oán với Lý Vĩnh ở huyện Tuy Dương, Vi vì họ Lưu báo thù. Vĩnh lúc đấy làm huyện trưởng huyện Phú Xuân, trong nhà phòng giữ rất nghiêm cẩn. Vi ngồi xe đem gà rượu tới, giả làm khách, cửa mở, Vi đem chủ thủ vào giết Vĩnh, lại giết cả vợ hắn, rồi thông thả đi ra, lấy đao kích ở trên xe xuống, lưng thưng đi bộ. Nhà Vĩnh ở gần chợ, cả chợ đều khiếp hãi, mấy trăm người đuổi theo, chẳng ai dám đến gần. Đi được bốn năm dặm, Vi gặp đồng bọn, nhờ thế đánh tháo thoát được. Vì việc ấy mà Vi được kẻ hào kiệt biết đến.

Năm Sơ Bình trung, Trương Mạc khởi binh, Vi làm lính, là thuộc hạ của Tư mã Triệu Sùng. Lá cờ của nha môn to và dài, mọi người chẳng ai nâng được, Vi một tay nhắc lên, Sùng lạ vì tài sức của Vi. Về sau Vi làm thuộc hạ của Hạ Hầu Đôn, mấy lần chém giặc lập công, được bá làm Tư mã.

Thái tổ đánh Lã Bố ở Bộc Dương. Bố có trại riêng ở cách phía tây Bộc Dương bốn năm chục dặm, Thái tổ trong đêm đánh úp, gần sáng thì phá được. Chưa kịp quay về, gặp cứu binh của Bố đến, ba mặt đánh dồn lại. Bấy giờ Bố đích thân đốc chiến, từ sáng sớm cho tới lúc mặt trời xế bóng liên tiếp mấy chục trận,

hai bên giằng co quyết liệt. Thái tổ chọn người xông lên hãm trận, Vi ứng mộ trước, mấy chục người ứng theo, mọi người đều mặc hai lớp áo giáp, bỏ thuẫn bài, chỉ cầm trường mâu kích dài. Bấy giờ phía tây lại nguy cấp, Vi tiến lên chống giữ, cung nỏ của giặc bắn loạn xạ, tên bay vùn vụt như mưa, Vi không coi vào đâu, bảo bọn người đi theo rằng:

- Giặc tới cách mười bước, hãy bảo ta.

Mấy người nói:

- Mười bước rồi.

Vi lại nói:

- Năm bước hãy báo.

Bọn họ đều sợ, vội nói:

- Giặc đến rồi!

Vi cầm hơn chục chiếc kích, hét lớn bật dậy, những kẻ lao đến chẳng ai không ngã nhào. Quân của Bồ lui. Lúc ấy mặt trời sắp lặn, Thái tổ mới dẫn được quân về. Bái Vi làm Đô úy, dẫn đến bên cạnh, đem mấy trăm thân binh giao cho, thường sai đi vòng quanh đại trướng.

Vi vốn cường tráng vũ dũng, người mà Vi thống lĩnh đều là người được tuyển lựa, mỗi khi chiến đấu, thường xông lên hãm trận. Vi được thăng làm Hiệu úy.

Vi vốn tính trung thực cẩn trọng, thường đứng hầu Thái tổ suốt ngày, đêm ngủ ngay bên trướng, hiếm khi về nghỉ ở nhà riêng. Tính thích uống rượu, sức ăn uống gấp mấy lần người thường, mỗi lần được Thái tổ ban đồ ăn uống, thường uống thỏa thích, người bên cạnh thay nhau rót, phải mấy người cung ứng mới đủ, Thái tổ rất tán thưởng. Vi thích cầm đôi kích lớn và trường đao, trong quân vì thế có câu rằng:

*"Tráng sĩ dưới trướng có Diễn quân
Nâng đôi song kích tám mươi cân."*

Thái tổ đi đánh Kinh châu, đến huyện Uyển, Trương Tú tới hàng. Thái tổ rất mừng, cho dẫn Tú và tướng soái của Tú vào, đặt tiệc rượu thịnh soạn chúc mừng. Lúc Thái tổ mời rượu, Vi cầm búa lớn đứng phía sau, lưỡi búa dài cả thước, Thái tổ tới trước mặt ai, Vi liền giơ búa trừng mắt nhìn người ấy. Tiệc tàn, Tú và tướng soái của Tú không ai dám ngẩng lên nhìn.

Hơn chục ngày sau, Tú phản, đánh úp doanh của Thái tổ, Thái tổ ra đánh bất lợi, một mình cưỡi ngựa bỏ chạy. Vi đứng đánh ở giữa cửa, giặc không vào được. Binh lính bèn theo các cửa khác ủa vào. Bấy giờ thủ hạ của Vi tính ra có hơn chục người, đều liều mình tử chiến, chẳng ai không một địch mười. Giặc trước sau đến đông dần, Vi dùng trường kích đánh tả đờ hữu, mỗi nhát khua ra, hơn chục ngọn mác gãy. Tả hữu tử thương gần hết, Vi bị mấy chục vết thương, dùng binh khí ngăn tiếp chiến, giặc tiến đến bắt. Vi hai tay cắp hai tên địch vung lên đánh giết, bọn giặc không dám tiến đến. Vi lại lao lên trước phá vây, giết được mấy người, bị thương nặng, rồi trợn mắt mắng lớn mà chết. Giặc bèn tiến đến, cắt lấy thủ cấp, truyền cho nhau xem, quân lính lại tới gần xem thi thể Vi.

Thái tổ lui giữ Vũ Âm, nghe tin Vi chết, vì Vi sa nước mắt, rồi chọn người nhân lúc địch sơ hở lấy xác Vi về táng, lại thân đến khóc lóc, phái người đưa về táng ở Tương Ấp, bái con của Vi là Mãn làm Lang trung. Mỗi lần xa giá đi qua, thường dùng lễ trung lao cúng tế.⁽¹⁾

Thái tổ nghĩ nhớ Vi, phong Mãn làm Tư mã, dẫn theo bên mình. Văn đế tức vương vị, lấy Mãn làm Đô úy, ban tước Quan nội hầu.

¹ Chưa rõ lễ trung lao là hạng lễ thể nào. Thời xưa làm cỗ thái lao gồm có thịt trâu bò lợn, cỗ thịt dê thì gọi là tiểu lao.

Bàng Đức tự Lệnh Minh, người quận Nam An huyện Dịch Đạo. Thời trẻ làm Quận lại, rồi Tòng sự trong châu. Năm Sơ Bình trung, theo Mã Đằng đánh dẹp phản loạn người Khương, Đê. Nhiều lần lập công, ít lâu được thăng đến chức Hiệu úy.

Năm Kiến An trung, Thái tổ đánh dẹp Đàm, Thượng ở Lê Dương, Đàm phái bọn Quách Viên, Cao Cán cướp chiếm quận Hà Đông, Thái tổ sai Chung Do đốc suất chư tướng ở Quan Trung đánh dẹp chúng. Đức theo con của Đằng là Siêu chống cự Viên, Cán ở Bình Dương, Đức làm tiên phong, tiến đánh Viên, Cán, đại phá địch, đích thân chém đầu Viên.^① Đức được bái làm Trung lang tướng, tước Đô đình hầu. Về sau Trương Bạch Kỵ phản loạn ở Hoảng Nông, Đức lại theo Đằng đi đánh hấn, phá Bạch Kỵ ở vùng Luông Hào. Mỗi khi xuất chiến, Đức thường xung phong hãm trận đánh lui quân địch, dũng mãnh đứng đầu quân của Đằng. Sau Đằng được triệu về làm Vệ úy, Đức ở lại làm thuộc hạ của Siêu.

Thái tổ phá Siêu ở phía nam sông Vị, Đức theo Siêu trốn đến quận Hán Dương, giữ Ký thành. Tiếp đó lại theo Siêu chạy vào Hán Trung, theo Trương Lỗ. Thái tổ định Hán Trung, Đức theo chúng nhân ra hàng. Thái tổ vốn nghe nói Đức kiêu dũng, bái làm Lập nghĩa tướng quân, phong tước Quan Môn đình hầu, thực ấp ba trăm hộ.

① *Ngụy lược* chép: Đức chém được một thủ cấp, không biết đó là Viên. Sau khi tan cuộc chiến, chúng nhân đều nói Viên đã chết nhưng không tìm được đầu của hấn. Viên, là cháu ngoại của Chung Do vậy. Lát sau, từ trong túi tên của Đức rơi ra một cái đầu, Do trông thấy cái đầu ấy bèn khóc rống. Đức tạ lỗi với Do, Do nói:

- Viên tuy là cháu ta, nhưng là kẻ quốc tặc. Khanh vì có gì mà tạ ta?

Bọn Hâu Âm, Vệ Khai làm phản ở huyện Uyển, Đức dẫn quân mà mình lĩnh quân cùng Tào Nhân chung sức đánh huyện

Uyển, chém Âm, Khai, rồi xuôi nam đóng quân ở Phàn thành, đánh Quan Vũ. Chư tướng ở gần Phàn thành thấy anh họ của Đức ở Hán Trung, đều nghi ngờ.^① Đức thường nói rằng:

- Ta chịu quốc ân, về nghĩa phải lấy cái chết để báo đáp. Ta muốn tự mình đi đánh Vũ. Năm nay ta không giết được Vũ, Vũ đương nhiên giết ta.

Sau đích thân cùng Vũ giao chiến, bắn trúng vào trán Vũ. Bấy giờ vì Đức thường cưỡi ngựa bạch, quân của Vũ gọi Đức là Bạch mã tướng quân, đều kiêng sợ. Nhân sai Đức đóng trại cách phía bắc Phàn Thành chục dặm, gặp lúc trời đổ mưa lớn, hơn chục ngày liền, nước sông Hán mênh mông, địa thế Phàn Thành rất thấp, chỗ đất bằng nước sâu năm sáu trượng, Đức cùng chư tướng tránh nước ngập ở trên đê. Vũ cưỡi thuyền đến đánh, lính trên thuyền lớn bốn bề bắn tên lên đê. Đức mặc áo giáp dày cầm cung, vì thế tên bắn không thủng. Tướng quân Đồng Hành và bộ tướng là Đồng Siêu muốn hàng, Đức đều chém họ. Ra sức đánh từ sáng sớm đến quá trưa, Vũ càng đánh gấp, tên hết, dùng đoàn binh đánh tiếp. Đức bảo Đốc tướng là Thành Hà rằng:

- Ta nghe nói lương tướng chẳng sợ chết để cầu thả thoát thân, kẻ liệt sĩ chẳng hủi danh để cầu sống, hôm nay, là ngày ta chết vậy.

Rồi càng đánh hăng hơn, khí thế càng mạnh, nhưng nước dần dâng cao, tướng sĩ đều hàng. Đức cùng một viên tướng cầm cờ và hai tên Ngũ trưởng, cầm loan cung đeo túi tên, cưỡi chiếc thuyền nhỏ định quay về doanh trại của Nhân. Nước lớn thuyền bị lật, cung tên rơi mất, chỉ đành bám vào thuyền trôi trong làn nước, lúc bị Vũ bắt được, Đức đứng thẳng không chịu quỳ. Vũ bảo rằng:

- Anh nguoi ở tại Hán Trung, ta muốn dùng nguoi làm tướng, sao chẳng sớm hàng đi?

Đức chửi Vũ rằng:

- Thằng ranh con, sao dám bảo ta hàng! Ngụy vương có trăm vạn giáp binh, uy chấn thiên hạ. Lưu Bị nhà mày chỉ là kẻ tài hèn thôi, há địch được sao! Ta thà làm quý của quốc gia, không thèm làm tướng của giặc vậy.

Đức bèn bị Vũ giết hại. Thái tổ nghe tin rất đau xót, vì Đức rơi nước mắt, phong hai con của Đức làm Liệt hầu.

Văn đế tức vương vị, liền phái sứ giả tới mộ của Đức ban thụy, hạ chiếu sách rằng:

"Xưa kia Tiên Chấn bị giết mất mạng, Vương Trục đâm cổ tự vẫn,⁽¹⁾ bỏ thân tuấn tiết, đời xưa khen ngợi họ. Xét quân hầu cương nghị quả cảm, xả thân thành danh, người đời xưng tụng, nghĩa cao sánh với cổ nhân, quả nhân thương xót, nay ban thụy là Tráng hầu."

Lại ban cho bốn người bọn Hội tước Quan nội hầu, đều hưởng thực ấp trăm hộ.

Hội là người dũng liệt, có phong thái của cha, làm quan đến chức Trung úy tướng quân, tước Liệt hầu.②

¹ Tiên Chấn (先軫) là tướng nước Tấn, thờ hai đời vua là Tấn Văn công và Tấn Tương công, có nhiều công lao, giúp Tấn Văn công làm bá chủ hầu, được xem là người trí dũng song toàn. Thời vua Tấn Tương công, Tiên Chấn cầm quân, đánh nhau với quân Tần, bắt được tướng giặc, nhưng Tấn Tương công vì nể nàng Hoài Doanh (vợ thứ của Tấn Văn công, người nước Tần) bèn thả các tướng nước Tần về. Tiên Chấn giận, nhổ nước bọt vào mặt vua, Tấn Tương công tha cho cái tội vô lễ, không giết. Năm ấy nước Địch sang đánh Tấn, Tiên Chấn cầm quân ra đánh, phá được quân nước Địch, nhưng tự phạt cái tội vô lễ của mình lúc trước, ông cởi áo giáp và mũ trụ, xông vào đám quân nước Địch mà chết. Quân nước Địch trả lại xác Tiên Chấn cho nước Tấn, thấy nét mặt vẫn tươi như lúc còn sống.

Vương Trục (王蠋) là người huyện Họa Ấp, nước Tề. Vua nước Yên báo cái thù bị nước Tề tàn phá thời loạn Từ Chi, sai Nhạc Nghị làm tướng đánh nước Tề, hạ hơn bảy mươi thành. Tề Mẫn vương bỏ thành Lâm Truy trốn đến thành Cử, Vương Trục bảy giờ già cả về nghỉ, ở Họa Ấp. Nhạc Nghị nghe nói Vương Trục hiền, rất kính phục, lệnh trong quân rằng: "Quanh đất Họa Ấp, cách ba mươi dặm không được xâm phạm." Rồi sai người đưa lễ hậu, mời làm quan, phong làm Vạn hộ hầu. Vương Trục nói: "Khuất thân theo địch, chẳng bằng lấy cái chết để khích lệ người nước Tề." Bèn đâm cổ tự vẫn. Quân dân nước Tề rất cảm động, bèn cùng chạy đến thành Cử theo Mẫn vương, mưu đồ phục quốc.

① *Ngụy lược* chép: Anh họ của Đức tên Nhu, bấy giờ làm quan ở Thục.

② *Thục ký* của Vương Ẩn chép: Sau khi Chung Hội bình Thục, tuyên dương công tích trước sau của Đức, sai rước thi hài về táng ở huyện Nghiệp, thấy thân thủ trong mộ như lúc còn sống.

Thần Tùng Chi xét rằng Đức chết ở Phàn thành, Văn đế tức vị, liền phái sứ giả đến nơi đặt mộ của Đức, thế thì thi thể của Đức không thể ở đất Thục. Chỗ này là Vương Ẩn chép xằng không có căn cứ vậy.

Bàng Dục tự Tử Di, người quận Tửu Tuyền huyện Biểu Chi. Ban đầu lấy thân phận là Lương châu Tòng sự tạm giữ chức Trưởng huyện Phá Khương, gặp lúc Thái thú Vũ Uy là Trương Mãnh làm phản, giết Thứ sử của quận là Hàm Đan Thương, Mãnh hạ lệnh rằng:

- Kẻ nào dám đến viếng Thương, sẽ giết không tha.

Dục nghe tin, bỏ chức, ngày đêm trốn về, gào khóc để tang cho Thương xong, đến thẳng nhà Mãnh, giắt chủy thủ trong người, định nhân lúc diện kiến sẽ giết Mãnh. Mãnh biết Dục là nghĩa sĩ, hạ lệnh thả cho đi không giết, Dục vì trung liệt mà nổi tiếng.①

Thái thú của quận là Từ Ấp mời Dục làm Chủ bộ. Sau người ở trong quận là Hoàng Ngang làm phản, vây thành trì. Dục bỏ lại vợ con, trong đêm trèo thành ra ngoài vòng vây, cáo cấp với hai quận Trương Dịch, Đôn Hoàng. Ban đầu hai quận nghi ngờ không chịu phát binh, Dục định rút gươm tự vẫn, hai quận cảm cái nghĩa của Dục, bèn giúp phát binh. Quân chưa đến nơi, thành ấp đã bị phá, Ấp chết. Dục bèn thu nhặt thi thể chôn táng Ấp, đưa về bản quận, chịu tang xong ba năm mới quay về. Thái tổ nghe chuyện, cho triệu Dục đến làm Duyện thuộc.

Văn đế lên ngôi, bái Dục làm Phò mã đô úy, thăng làm Thái thú Hải Tây, ban tước Quan nội hầu. Sau triệu về bái làm Trung tán đại phu, chết. Con của Dục là Tăng nối tự.

① *Ngụy lược* chép: Binh sĩ của Mãnh muốn bắt trời Dục, Mãnh nghe tin, than rằng:

- Mãnh vì giết Thử sử gây tội. Người đó lấy sự chí trung lập danh, nếu lại giết người đó, lấy gì để khuyên bảo kẻ sĩ trượng nghĩa của một châu!

Bèn sai Dục để tang cho Thương.

Diễn lược chép: Trương Mãnh tự Thúc Uy, là người quận Đôn Hoàng. Cha của Mãnh là Hoán, thời Hoàn đế từng trải các chức Quận thú, Trung lang tướng, Thái thường, sau định cư ở huyện Hoa Âm, vì thế lúc chết táng ở đất ấy.

Năm Kiến An sơ, Mãnh làm quan ở quận, giữ chức Công tào, bấy giờ bốn quận của Hà Tây cách xa sở trị của Lương châu, bị ngăn cách bởi bọn hà khẩu,¹ Thương thư xin tách vùng ấy để đặt một châu riêng. Triều đình hạ chiếu lấy người quận Trần Lưu là Hàm Đan Thương làm Thử sử Ung châu, quản riêng bốn quận. Thời ấy chức Thái thú Vũ Đô bị khuyết, chiếu chỉ lại vì trước kia cha của Mãnh ở Hà Tây có uy danh, liền lấy Mãnh bổ nhiệm vào chức ấy. Vì thế Thương và Mãnh cùng sang tây.

Khi trước, Mãnh và Thương đồng tuổi, thường đùa dỡn nhau, lúc cùng đi nhận chức, trên đường trách móc nhau sinh oán. Đến nơi rồi, Thương muốn giết Mãnh, Mãnh phát giác được, bèn đem binh đánh Thương. Sở trị Thử sử của Thương và sở trị Thái thú của Mãnh ở gần kề, Thương nghe tin binh đến, sợ cuống trèo lên nóc nhà, gọi tên tự của Mãnh rằng:

- Thúc Uy, mày muốn giết ta chẳng? Nhưng ta chết thì có người biết, mày cũng diệt tộc thôi. Chúng ta giảng hòa, có hơn không?

Mãnh bèn kêu rằng:

- Mày xuống đây!

Thương trèo qua nóc nhà đến chỗ Mãnh, Mãnh liền mắng Thương mấy câu, mắng xong, đem Thương giao cho Đốc bưu. Đốc bưu trói Thương, nhốt trong quán trọ đóng cửa lại. Sau đấy Thương

¹ Hà khẩu tức là bọn giặc cướp ở trên sông.

định đào tẩu, việc bị phát giác, vì thế bị giết. Bấy giờ là năm Kiến An thứ mười bốn. Đến năm thứ mười lăm, Tướng quân Hàn Toại thân đến đánh Mãnh, Mãnh phát quân sang đông chống cự. Quan dân của Mãnh sợ Toại, bèn làm phản hợp nhau đánh Mãnh.

Trước kia, thời Hoán làm Thái thú Vũ Uy, Mãnh còn đang nằm trong bụng mẹ. Mẹ Mãnh mơ thấy Hoán đeo ấn thụ, trèo lên lầu ca hát, sáng ra đem việc ấy kể với Hoán. Hoán hỏi người đoán mộng, kẻ ấy nói:

- Phu nhân ngài sẽ sinh hạ được một cậu con trai, sau này lại tới coi sóc quận này, nó tất chết khi đương chức vậy.

Đến khi Mãnh bị đánh, tự biết mình tất chết, nói:

- Nếu chết thì không biết gì nữa rồi, nếu biết được, làm sao sai người đưa cái đầu của ta sang đông qua Hoa Âm tới mộ của tiên quân đây?

Bèn trèo lên lầu tự thiêu mà chết.

Khi trước, ông ngoại của Dục là Triệu An bị người cùng huyện là Lý Thọ giết hại, ba anh em người cậu của Dục cùng bị bệnh chết, người nhà Thọ mừng. Mẹ của Dục là Triệu Nga tự xót xa vì thù của phụ thân không báo được, bèn lên xe buồng rèm giấu kiếm trong tay áo, giữa trưa đâm chết Thọ trước sân đình, xong, thông thả đến huyện, mặt không đổi sắc, nói:

- Thù của cha ta đã báo được rồi, nay xin chịu chém giết.

Trưởng huyện Lộc Phúc là Doãn Gia cưới ấn thụ bỏ chức, sai thả Nga ra, Nga không chịu đi, Trưởng huyện liền bức phải lên xe đưa về nhà. Lúc được xá tội, châu quận rất khen ngợi và xem trọng, khắc sự tích vào bia để biểu chương ở xóm làng.^①

① *Liệt nữ truyện* của Hoàng Phủ Mật chép: Có người liệt nữ ở quận Từ Tuyền là Bàng Nga Thân,⁽¹⁾ con gái của Triệu Quân An người huyện Lộc Phúc, là vợ của Bàng Tử Hạ.

¹ Bàng Nga Thân, tên lúc nhỏ là Triệu Nga Thân, là con gái của Triệu An, vì là vợ của Bàng Tử Hạ (họ Bàng, tự Tử Hạ, không rõ tên thật), nên gọi là Bàng Nga Thân.

Quân An bị người cùng huyện là Lý Thọ giết hại, Nga Thân có ba người em, đều muốn báo thù, Thọ vì thế phòng bị rất kỹ. Gặp lúc có đại dịch, ba người đều chết. Thọ nghe tin cả mừng, mời hội tông tộc, cùng chúc tụng nhau, nói:

- Người cường tráng của họ Triệu đã chết hết, duy còn có người con gái yếu đuối, sao phải lo lắng nữa!

Việc phòng bị loi lỏng. Con của Nga Thân là Dục ra ngoài, nghe được lời ấy của Thọ, quay về kể với mẹ. Nga Thân vốn có chí báo thù, nghe lời Thọ nói, càng cảm khái phần nộ, thương tâm sa nước mắt nói:

- Lý Thọ, mày chó vội mừng, rút cục mày chẳng thể sống được đâu! Ta và mày cùng chung trời đất, vì người nhà ta, vì cái nhục của ba em ta. Sao mày biết Nga Thân ta chẳng tự tay đâm chết mày, mà tự kiêu hãnh sao?

Bèn ngầm mua một thanh đao, tay cấp kiếm dài cầm dao ngắn, ngày đêm thương khóc, chủ ý giết Thọ. Thọ là người hung hãn ngang tàng, nghe được lời của Nga Thân, luôn cười ngửa đeo đao, người làng đều kiêng sợ hấn. Hàng xóm có người phụ nữ họ Từ, lo là Nga Thân chẳng thể đấu lại Thọ, sợ khi đối địch bị trúng thương, thường khuyên Nga Thân bỏ ý báo thù, nói:

- Lý Thọ là đàn ông, bản tính hung ác, hơn nữa nay luôn đề phòng. Người họ Triệu dẫu chí cứng cỏi, nhưng mạnh yếu chẳng thể đối địch. Lúc gặp gỡ vô tình không khắc chế được hấn, thì lần nữa mắc họa với Thọ, môn hộ tuyệt diệt, nỗi thống nhục là không nhỏ vậy. Xin hãy hành động thận trọng, vì môn hộ mà suy tính.

Nga Thân nói:

- Thù cha mẹ, chẳng cùng trời đất, chung soi nhật nguyệt vậy. Lý Thọ chẳng chết, Nga Thân ta sống ở đời, có ý nghĩa gì đâu! Nay dẫu ba em chết sớm, môn hộ đã tuyệt, mà Nga Thân vẫn còn, há lại mượn tay người khác báo thù sao! Cứ như ý nghĩ của bà hình dung về ta, thì Lý Thọ chẳng thể giết được; xét theo tâm ý của ta, việc Thọ tất bị ta giết chết là rõ ràng rồi.

Mấy đêm sau đao kiếm đã mài xong, Nga Thân chống tay, nghiêng rặng suy tính, bi thương rơi nước mắt thở vắn than dài, gia nhân

và xóm giềng đều cùng cười nhạo. Nga Thân bảo người xung quanh rằng:

- Bọn người cười ta, chỉ vì cho rằng ta là nữ nhi yếu đuối chẳng thể giết được Thọ chứ gì. Ta nhất định sẽ lấy máu ở cổ Thọ rửa thanh đao này, bọn người sẽ thấy điều đó.

Bèn bỏ việc nhà, cưỡi xe hươu đi rình Thọ. Đến thượng tuần tháng hai năm Quang Hòa thứ hai, giữa lúc thanh thiên bạch nhật, ở trước sân đình, Nga Thân và Thọ bỗng gặp nhau, nàng bèn xuống xe gò cương ngựa của Thọ lại, lớn tiếng quát thét hấn. Thọ kinh ngạc, quay ngựa muốn chạy. Nga Thân vung đao chém liên, lại đả thương ngựa của hấn. Ngựa kinh hãi nhảy dựng lên, Thọ ngã sấp mặt giữa lạch nước ven đường. Nga Thân xông đến lần nữa chém hấn, chém trúng gốc cây, đao trên tay gãy. Thọ bị thương chưa chết, Nga Thân thừa thế tiến đến muốn lấy bội đao của hấn mà giết hấn, Thọ giữ thanh đao tròn mắt kêu lớn, nhảy lên cầu mà đứng. Nga Thân bèn vươn mình vung tay, tả chưởng vỗ giữa trán hấn, hữu chưởng đánh vào yết hầu, hai tay bắt chéo xoay tròn một vòng, Thọ theo tay mà ngã ngựa. Nga Thân bèn rút cây đao của mình cắt lấy đầu Thọ, cầm thẳng tới đô đình, nhận tội với Hữu ti, rồi thông thả đi bộ tới nhà ngục, lúc cung tội mặt không đổi sắc.

Bấy giờ Trưởng huyện Lộc Phúc là Doãn Gia người quận Hán Dương không nỡ phán tội Nga Thân, lập tức cời ấn thụ từ quan, bỏ phép tắc thả người có tội.

Nga Thân nói:

- Báo thù thì thân tất chết, là danh phận của thiếp vậy. Xét ngục để phán hình, là phép thường của ngài vậy. Ta đâu dám tham sống để uống phép quan?

Người làng nghe chuyện đó, xô nhau chạy đến thành, kẻ đứng xem ken dày như bức tường, chẳng ai không vì Nga Thân mà mừng thương phần khích than thờ vậy. Quận thú và Đình úy không dám công nhiên thả Nga Thân, ngầm nói nhỏ bảo Nga Thân trốn đi, sẽ để yên cho tự trốn lánh. Nga Thân lớn tiếng tranh biện rằng:

- Uốn cong phép tắc để tránh chết, không phải là bản ý của thiếp. Nay oán cừu đã rửa sạch, chết là phận của thiếp, xin được theo phép chịu tội để bảo toàn quốc thể. Dẫu chết thêm vạn lần, với Nga Thân là xứng đáng, ta chẳng dám tham sống để phụ lại Minh đình⁽¹⁾ vậy.

Đình úy vẫn giữ ý không nghe theo, Nga Thân lại nói:

- Ta là nữ nhân hèn mọn, còn biết pháp chế. Tội giết người, là thứ tội pháp luật không tha. Nay đã phạm vào tội ấy, về nghĩa không thể trốn. Xin chịu hình phạt chém giết, quăng thân ngoài chợ, để nghiêm vương pháp, đấy là chí nguyện của Nga Thân này vậy.

Lời lẽ khí phách cứng cỏi, mặt không có sắc sợ hãi. Đình úy biết khó cưỡng ý, liền bức lên xe đưa về nhà.

Bọn Thứ sử Lương châu là Chu Hồng, Thái thú Từ Tuyền là Lưu Ban chung nhau dâng biểu, khen cái nghĩa tiết liệt của Nga Thân, sai người khắc đá lập bia, vinh hiển Triệu gia. Thái thường là Trương Hoán người quận Hoảng Nông sùng kính cái việc mà Nga Thân đã làm, đem hai mươi bó lụa tỏ ý kính. Người trong nước nghe chuyện, chẳng ai không ca ngợi, nêu cao nghĩa lớn của Nga Thân. Cỗ Hoàng môn thị lang là Lương Khoan người quận An Định truyền kể nghĩa cử của Nga Thân, vì nàng viết truyện.

Huyền Yến tiên sinh⁽²⁾ cho rằng mối thù của cha mẹ, không chung trời đất, đại khái vốn là việc làm của bậc nam tử vậy. Mà Nga Thân là kẻ nữ nhi yếu đuối hèn mọn, đau xót nghĩ đến nỗi nhục cha bị giết, cảm khái vì lời nói hung hăng của bọn ác, vùng kiếm cật cừu địch, người ngựa đều diệt hết, an ủi oan hồn của người cha đã chết, rửa sạch mối di hận của ba em, từ xưa đến nay, chưa có ai hơn vậy. *Kinh Thi* nói rằng: "Cùng sửa giáo mác, cùng đánh cừu thù", việc làm của Nga Thân có thể nói như thế vậy.

¹ Minh đình tức là lời kính trọng đặc biệt của người đối thoại với Huyền lệnh. Đây là lối xưng hô rất phổ biến vào thời nhà Hán.

² Huyền Yến tiên sinh tức là hiệu của Hoàng Phủ Mật. Hoàng Phủ Mật tên lúc nhỏ là Tĩnh, tự Sĩ An, người quận An Định, sinh năm Kiến An thứ hai mươi mốt (nhà Hán), chết vào năm Thái Khang tứ ba (nhà Tấn). Ông viết các sách *Cao sĩ truyện*, *Liệt nữ truyện*, *Dật sĩ truyện*... rất nổi tiếng.

Diêm Ôn tự Bá Kiệm, người quận Thiên Thủy huyện Tây Thành. Lấy thân phận là quan Biệt giá Lương châu giữ chức Thượng Nhai lệnh.

Mã Siêu chạy đến Thượng Nhai, người của quận là bọn Nhâm Dưỡng cử binh nghênh đón Siêu. Ôn ngăn chúng, không cấm chế nổi, bèn ruổi ngựa về châu. Siêu lại vây sở trị của châu là Ký Thành rất gấp, quan châu bèn phái Ôn ngầm ra thành, đến cáo cấp với Hạ Hầu Uyên. Giặc vây kín mấy vòng, Ôn trong đêm tối theo sông ngầm ra ngoài thành. Sáng hôm sau, giặc trông thấy dấu vết, phái người đuổi theo chặn bắt, đến địa giới huyện Hiến Thân thì phát hiện được Ôn, bắt đưa đến chỗ Siêu. Siêu cười trối cho Ôn, bảo rằng:

- Việc thành bại hiện nay có thể thấy được, tức hạ vì tòa thành cô lẻ đi xin cứu binh nhưng bị người ta bắt, theo nghĩa thì đâu là việc nên làm? Nếu nghe lời ta, quay lại bảo với người trong thành, nói rằng phương đông không đến cứu, đấy là cái kế chuyển họa thành phúc vậy. Nếu không theo lời, hôm nay bị ta giết thôi.

Ôn vờ hứa theo lời, Siêu bèn chở Ôn đến dưới chân thành. Ôn hướng lên thành hô lớn rằng:

- Đại quân chẳng quá ba ngày sẽ đến, hãy gắng lên!

Người trong thành đều khóc, hô vạn tuế. Siêu nổi giận quát Ôn rằng:

- Túc hạ không theo lệnh ta chẳng?

Ôn không đáp lại. Bấy giờ Siêu đánh thành đã lâu không hạ được, cố từ tổn dụ dỗ Ôn, mong Ôn đổi ý. Lần nữa bảo Ôn rằng:

- Người quen cũ của ngài ở trong thành, có ai nguyện ý muốn giúp ta chẳng?

Ôn lại không đáp. Siêu liền nghiến răng mắng, Ôn nói:

- Cái đạo thờ vua có chết vẫn không hai lòng, mà ngài lại muốn bậc trưởng giả nói lời bất nghĩa, ta há cầu thả tham sống sao?

Siêu bèn giết Ôn.

Trước đây, miền Hà Hữu nhiễu loạn, đường đất cách trở bất thông, Thái thú Đôn Hoàng là Mã Ngải chết khi tại chức, phủ lại không có phó quan. Công tào Trương Cung vốn có học vấn và phẩm hạnh, người ở quận suy cử tạm nhận chức Trưởng sử, ân tín sáng rõ, Cung bèn phái con mình là Tụ sang đông đến chỗ Thái tổ, xin bổ trí quan Thái thú. Bấy giờ người quận Tưu Tuyền là Hoàng Hoa, người quận Trương Dịch là Trương Tiến đều chiếm giữ quận sở tại, muốn hợp thế lực với Cung. Tụ đến Tưu Tuyền, bị Hoa bắt làm con tin, dùng đao uy hiếp. Tụ rút cục không về được, ngầm gửi thư cho Cung nói:

"Đại nhân thống quản Đôn Hoàng, trung nghĩa hiển lộ, há đâu vì Tụ ở giữa chỗ khốn nguy mà vứt bỏ lòng trung nghĩa được? Xưa kia Nhạc Dương ăn thịt con mình, Lý Thông bị giết cả nhà,⁽¹⁾ là kẻ thần tử của quốc gia, há đâu lại đoái hoài đến vợ con? Nay đại quân

¹ Nhạc Dương (乐羊), người huyện An Ấp nước Ngụy, là hậu duệ của Nhạc Nghị thời Chiến Quốc. Vua nước Trung Sơn là Cơ Quật phát binh phạm nước Ngụy, Nhạc Dương bấy giờ là môn khách của Địch Hoàng. Địch Hoàng khen tài Nhạc Dương, tiến cử lên Ngụy Văn hầu, xin sai làm tướng. Khi ấy con của Nhạc Dương là Nhạc Thụ là tướng nắm quyền ở Trung Sơn, vì thế quần thần họ Ngụy phản đối, cho là Nhạc Dương vì thương con sẽ đầu hàng. Địch Hoàng lấy tính mệnh cả nhà ra đảm bảo, Ngụy Văn hầu bằng lòng. Nhạc Dương vây Trung Sơn ba năm, rất nguy ngập, Cơ Quật giết Nhạc Thụ, nấu thành canh gửi cho Nhạc Dương, Nhạc Dương thần nhiên uống canh thịt con mình, rồi ra đánh, đã bại Cơ Quật, diệt được nước Trung Sơn.

Lý Thông (李通), tự Thứ Nguyên, người quận Nam Dương huyện Uyển, khai quốc công thần nhà Đông Hán, có tên trong "Vân đài nhị thập bát tướng." Gia tộc nổi đời buồn bán, giàu có. Thời Vương Mãng, Thông nghe cha giảng sách, có câu: "Lưu thị phục hưng, Lý thị phù tá." Khi Lưu Tú đến huyện Uyển, Thông đến gặp, quyết định ra phụ tá Quang Vũ để Lưu Tú. Vương Mãng sai Hoàng Hiễn đưa cha của Lý Thông là Lý Thủ xuôi nam đến huyện Uyển để vừa chiêu dụ vừa uy hiếp Lý Thông. Lý Thông quyết khởi binh, vì việc ấy gia tộc Lý Thông bị Vương Mãng giết sạch, phơi thây ở chợ huyện Uyển. Về sau Lý Thông lập nhiều chiến công, rất được ân sủng, quan chức đến Đại tư không, tước Cố Thủy hầu.

sắp đến, chỉ nên gấp rút sửa binh để chống địch thôi; xin đừng theo cái tình yêu tiếc của kẻ hạ lưu, khiến Tụ phải di hận dưới cỏi hoàng tuyền."

Cung lập tức phái em họ của mình là Trương Hoa đánh hai huyện Sa Đầu và Can Tề của quận Từ Tuyền. Cung lại liên tiếp phái binh theo sau Hoa, để cứu viện trước sau. Biệt phái hai trăm quân thiết kỵ nghênh đón thuộc quan của triều đình, sang đông men đường hiểm ở phía bắc quận Từ Tuyền, đi thẳng qua con sông ở phía bắc quận Trương Dịch, đến đón Thái thú là Doãn Phụng. Vì thế Trương Tiến phải đợi Hoàng Hoa cứu trợ; Hoa muốn cứu Tiến, trông sang tây thấy binh của Cung, sợ bị tập kích phía sau, bèn đến chỗ Thái thú Kim Thành là Tô Tắc xin hàng. Tụ rút cục bình an vô sự. Phụng đến được sở quan.

Năm Hoàng Sơ thứ hai, Đế hạ chiếu khen ngợi, ban cho Cung tước Quan nội hầu, bái chức Tây Vực Mậu Kỷ hiệu úy. Được mấy năm triệu về, muốn trao cho chức Thị thần, rồi dùng con là Tụ lên thay.

Cung về đến Đôn Hoàng, cố từ là bệnh nặng. Năm Thái Hòa trung thì chết, được ban tặng chức Chấp kim ngô. Tụ sau làm Thái thú Kim Thành, cha con đều nổi danh ở Tây châu.①

① *Thế ngữ* chép: Con của Tụ là Hiệu, tự Tổ Văn, là người cương cường quyết đoán có tài cán, thời Tấn Vũ đế làm Thái thú Quảng Hán. Vương Tuấn tại Ích châu, nhận chế mệnh mộ binh đánh nước Ngô, nhưng không có hổ phù, Hiệu bèn bắt giữ Tông sự của Tuấn là Liệt Thượng, vì thế bị triệu về triều. Đế trách hỏi Hiệu rằng:

- Sao ngươi không bí mật tấu bẩm lên mà tự tiện bắt Tông sự?

Hiệu nói:

- Thục Hán xa xôi cách tuyệt, Lưu Bị từng cậy dựa vào đất ấy. Ra lệnh mà không có hổ phù, bắt người, thần vẫn cho là còn nhẹ.

Để khen ngợi.

Hiệu sau làm quan đến chức Hưng Nô trung lang tướng. Con của Hiệu là Cố, tự là Nguyên An, có phong thái của Hiệu, làm Hoàng môn lang, chết sớm.

Hiệu, có một sách khác chép tên là Bột.

Ngụy lược Dũng hiệp truyện chép truyện về bốn người bạn Tôn Tân Thạc, Chúc Công Đạo, Dương A Nhược và Bảo Xuất. Tân Thạc tuy là người ở Thục Hán, nhưng Ngư Hoạn lại biên chép vào *Ngụy thư*, đại khái là vì người ấy sống ở vùng đất giáp với nước Ngụy, làm việc nghĩa so với tướng lĩnh Tào Ngụy cũng tương đồng. Luận về hành vi và khí tiết của mấy người này, đều như Bàng Dục, Diêm Ôn. Trong số mấy người kể trên có một người là Chúc Công Đạo, đã thấy ở *Giả Quỳ truyện*. Nay liệt kê truyện về ba người bạn Tân Thạc ở phía sau.

Tôn Tân Thạc, người quận Bắc Hải, vốn con nhà nghèo. Thời Hán Hoàn đế, bạn Thường thị Tả Quán, Đường Hành uy quyền sánh với bậc nhân chủ. Năm Diên Hi trung, em của Hành làm Hồ nha đô úy quận Kinh Triệu, phẩm trật ngang với quan Nhị thiên thạch, nhưng là thuộc quyền của Quận thú. Em của Hành mới đến nhận chức, không cung kính Kinh Triệu doãn, vào cửa phủ không cầm hốt, Công tào của quận là Triệu Túc mắng đuổi ra ở giữa cửa, nói:

- Về lễ nghi thì Hồ nha giống như thuộc thành của quận, sao được phép thông tay tùy tiện vào cửa phủ?

Lập tức bắt quan Chủ bộ của hần. Em của Hành ngoảnh sang giục người mang hốt đến, rồi vào gặp phủ doãn, phủ doãn muốn hết lòng đãi ngộ chủ nhân, lệnh cho người bên ngoài ra chợ mua rượu thịt tiếp đãi. Túc lại bấm răng:

- Con em của Tả, Đường đến làm Hồ nha, không phải là người được tuyển vì đức, không đủ đặc ân để mua rượu thịt đãi, nên tùy nghi theo lễ hạng trung đãi cơm rau mà thôi.

Lúc em của Hành đến nhận chức, phải thuộc quan đến trước, bái Kinh Triệu doãn, Túc lại lệnh cho quan giữ cửa, nói:

- Ta chưa từng thấy con em của quan gia không hiểu quy củ thế này, dùng ký hiệu ở trên thư để báo việc sao?

Đến chiều mới thông báo vào, lại không nhận được hồi báo ngay. Em của Hành đều biết hết việc, rất tức giận, muốn giết hết người nhà của Triệu Túc. Vì thế gửi thư báo với Hành, xin làm chức Kinh Triệu doãn, trong vòng một tuần, được nhận chức ấy. Túc tự biết lỗi lúc trước, bèn trốn chạy.

Bấy giờ chú họ của Túc là Trọng Đài, được bổ làm Thứ sử Lương châu, vì thế Hành xin hạ chiếu trưng triệu Trọng Đài, sai quay về. Sau lại hạ chiếu cho Đô úy ở kinh đô và Đốc bưu ở quận thuộc, bắt hết người nhà họ Triệu từ nhỏ đến lớn, cho đến cả Trọng Đài đều sai giết chết, người nào chứa chấp giấu diếm đều xét cùng tội. Thời ấy chú họ của Túc là Kỳ làm Trưởng huyện Bì Thị, nghe tin có họa nhà, liền từ huyện nhà bỏ trốn, chạy đến vùng Hà Gian, thay tên họ, lại chuyển đến quận Bắc Hải, mặc áo bông đội khăn vải đóng khố, thường ở trong chợ bán bánh bột. Tân Thạc bấy giờ hơn hai mươi tuổi, ngồi một chiếc xe nhỏ, sắp cưới ngựa vào trong chợ. Tân Thạc quan sát Kỳ, ngờ rằng đây là người phi thường. Nhân đó hỏi Kỳ rằng:

- Ông tự làm bánh, hay chỉ buôn bán thôi?

Kỳ đáp:

- Ta buôn thôi.

Tân Thạc hỏi:

- Mua bao nhiêu? Bán bao nhiêu?

Kỳ nói:

- Mua ba mươi tiền, bán cũng ba mươi tiền.

Tân Thạc nói:

- Trông bộ dạng ông như sĩ đồ không ra làm quan, không giống người bán bánh vậy, e là có duyên có!

Bèn mở cửa sau xe, bảo hai người cưỡi ngựa đi theo mình, sai họ xuống ngựa đỡ Kỳ lên xe. Bấy giờ Kỳ cho rằng người ấy là tai mắt

của Đường thị, rất sợ, mặt liền biến sắc. Tân Thạc đóng cửa sau xe, hạ màn phía trước, bảo Kỳ rằng:

- Ta trông tướng mạo của ngài, đã không giống người bán bánh, hơn nữa nay sắc mặt biến động, tức là không có oán lớn, thì phải là kẻ đi trốn. Ta là Tôn Tân Thạc ở Bắc Hải vậy, trong cửa nhà ta có trăm người, lại có mẹ già trăm tuổi ở trên, về thể có thể lo liệu giúp ngài, nhất định chẳng phụ nhau, ngài tất phải đem sự thật nói với ta.

Kỳ bèn kể hết các việc. Tân Thạc bèn chở Kỳ ruổi ngựa về nhà. Dừng xe ngoài cửa, vào trước, nắm với mẹ rằng:

- Hôm nay con ra ngoài giao kết với một vị bằng hữu bị tội chết, họ đang ở bên ngoài, sắp đưa vào bái kiến.

Rồi đi ra, đón Kỳ vào, giết trâu bày rượu, cùng ăn uống vui vẻ. Một hai ngày sau, dùng xe chở Kỳ đến một ngôi nhà tách biệt ở ngoài ruộng, giấu Kỳ ở giữa hai tầng vách.

Mấy năm sau, Đường Hành và đệ tử đều chết hết. Kỳ mới được thoát, quay về bản quận. Tam phủ cũng trung triệu Kỳ, đường sĩ đồ thăng tiến luôn, làm quan đến chức Quận thú, Thứ sử, Thái phó, còn Tân Thạc cũng từ đấy nổi danh ở các quận phía đông, quan vị đến chức Thứ sử Dự châu.

Năm Sơ Bình mạt, Tân Thạc vì phương đông mất mùa, ruộng hoang, xuôi nam làm khách ở Kinh châu. Đến năm Hưng Bình trung, Triệu Kỳ làm Thái phó cầm cờ tiết đi sứ úy lạo thiên hạ, xuôi nam đến Kinh châu, vì thế lại cùng Tân Thạc gặp gỡ, đối mặt nhau rơi nước mắt.

Kỳ gặp Lưu Biểu kể lẽ ngọn ngành chuyện của hai người, bởi thế Biểu càng kính lễ hậu đãi Tân Thạc.

Không lâu sau, Tân Thạc bị bệnh chết, Kỳ ở lại phương nam, vì Tân Thạc để tang.

Dương A Nhược sau có tên là Phong, tự Bá Dương, người quận Tửu Tuyền. Thời trẻ đi tứ xứ làm việc nghĩa, thường lấy chuyện báo cừu giải oán làm việc của mình, cho nên người thời ấy vì A Nhược có câu rằng:

"Chợ đông chém nhau có Dương A Nhược, chợ tây chém nhau có Dương A Nhược."

Năm Kiến An trung, quan Thái thú của quận là Từ Ấp diệt cường tộc họ Hoàng. Bấy giờ Hoàng Ngang ở ngoài thoát được, bèn dùng thóc lúa của nhà và mấy hộc vàng, chiêu mộ quân dân được hơn nghìn người để đánh Ấp. Ấp giữ thành. Phong bấy giờ ở ngoài, thấy Ngang làm việc bất nghĩa, bèn bảo Ấp bỏ vợ con chạy đến quận Trương Dịch cầu cứu. Gặp lúc người quận Trương Dịch mưu phản, giết Thái thú, rồi Ngang cũng phá thành giết Ấp, hai quận hợp thể làm một. Ngang giận Phong không hợp sức giúp mình, bèn treo thưởng hậu lưng bắt Phong, muốn sai phản quân của quận Trương Dịch dùng dây trói cổ Phong, để sống dẫn đến. Phong bèn trốn chạy.

Thái thú Vũ Uy là Trương Mãnh giả cho Phong làm Đô úy, sai đem hịch văn đến quận Cửu Tuyền, nói là theo lời Phong vì Ấp báo thù. Phong bèn một mình một ngựa đi về phía nam Khương Trung, tụ được hơn nghìn lính kỵ, từ phía nam Sơn Trung quận Lạc Lãng xuất phát, đi thẳng đến thành của quận. Còn cách chưa đến ba chục dặm, đều lệnh cho quân kỵ xuống ngựa, kéo theo cành cây cho bụi bốc lên. Người quận Cửu Tuyền từ xa trông thấy bụi bốc cao, cho là đại binh phương đông kéo đến, vì thế tan chạy. Ngang một mình trốn ra ngoài, người Khương bắt được Ngang, Phong bảo Ngang rằng:

- Lúc trước ngươi muốn trói cổ bắt sống ta, nay lại bị ta trói cổ, là sao?

Ngang then tạ lỗi, Phong bèn giết hẩn.

Bấy giờ Hoàng Hoa ở phía đông, lại quay về lĩnh quận. Phong sợ Hoa, lại trốn đến nhờ Thái thú Đôn Hoàng. Tới năm Hoàng Sơ trung, miền Hà Tây bị thu phục, Hoàng Hoa ra hàng, Phong bèn quay về quận. Quận xét cử Hiếu liêm, châu biểu dương nghĩa dũng của Phong, Đế hạ chiếu bái Phong làm Phò mã đô úy. Hơn hai mươi năm sau, Phong bị bệnh chết.

Bảo Xuất tự Văn Tài, người quận Kinh Triệu huyện Tân Phong. Xuất thời trẻ thích làm du hiệp. Năm Hưng Bình trung, Tam phủ loạn, Xuất cùng mẹ già và năm anh em ở lại huyện nhà, vì đói quá, để mẹ trông giữ nhà, anh em dẫn nhau đi hái hạt cỏ bông, gộp lại được mấy thung, để hai anh là Sơ và Nhã cùng em là Thành cầm về, làm đồ ăn cho mẹ, mình Xuất cùng em út ở lại sau tiếp tục hái cỏ bông. Bọn Sơ về đến nhà, thì thấy mấy chục tên cướp đã bắt mẹ của mình, dùng dây trói quặt hai tay ra sau lưng, đang đẩy đi. Bọn Sơ sợ cuống, không dám đuổi theo. Chốc lát, Xuất từ phía sau chạy đến, biết mẹ bị giặc cướp đi, muốn đuổi theo giặc. Anh em đều nói rằng:

- Giặc đông, phải làm sao?

Xuất giận nói:

- Có mẹ mà để cho giặc trói quặt tay, sắp sửa đem ra nấu chín, bọn ta sống làm gì?

Bèn buông ống tay, thắt vạt áo một mình đuổi theo bọn cướp, đi mấy dặm thì gặp giặc. Bọn giặc từ xa trông thấy Xuất, bèn cùng sắp hàng để đợi. Xuất đến nơi, lượn quanh một vòng đầu, chém bốn năm tên giặc. Giặc chạy rồi, lại tụ hợp nhau bao vây Xuất, Xuất nhảy vọt qua vòng vây chém chúng, lại giết chết hơn chục người. Bấy giờ giặc chia hai đường, xua mẹ của Xuất đi trước. Bọn giặc ở lại liên tục đánh Xuất, không thắng nổi, bèn bỏ chạy cùng bọn đã đi trước hợp lại. Xuất lại đuổi đánh chúng, đến gần thấy mẹ mình cùng một người đàn bà hàng xóm bị trói dính liền nhau, Xuất bèn phấn khởi lại đánh bọn giặc. Bọn giặc hỏi Xuất rằng:

- Mày muốn cứu người nào?

Xuất quát mắng giặc, chỉ vào mẹ mình bảo cho chúng biết, giặc bèn cởi trói thả mẹ của Xuất ra. Người đàn bà hàng xóm không được cởi trói, từ xa nhìn Xuất cầu cứu. Xuất lại chém giặc, giặc bảo Xuất rằng:

- Bọn ta đã thả mẹ mày ra, sao không dừng lại?

Xuất lại chỉ vào người đàn bà cầu cứu mình nói:

- Đây là chị dâu của ta vậy.

Giặc lại cười thả người đàn bà ra.

Xuất cứu được mẹ về, bèn nâng dắt hầu hạ, đến làm khách trọ ở Nam Dương. Năm Kiến An thứ năm, đường đi Quan Trung mới khai thông, Xuất chuẩn bị quay về bắc, nhưng mẹ của Xuất không thể đi bộ, anh em muốn dùng xe kiệu đưa mẹ đi. Xuất cho là dùng xe kiệu khiêng vượt núi rất nguy hiểm, chẳng bằng công đi được yên ổn, bèn dùng hòm tre rộng để mẹ ngồi trong, một mình công mẹ trên lưng, về đến quê nhà. Sĩ đại phu ở quê khen sự hiếu nghĩa tiết liệt của Xuất, muốn tiến cử lên châu quận, quan quận triệu gọi Xuất, Xuất nói:

- Ta là dân cày, chẳng dùng nổi mũ áo của nhà quan.

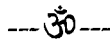
Đến năm Thanh Long trung, mẹ của Xuất hơn trăm tuổi mới chết, Xuất năm ấy hơn bảy mươi tuổi, cư tang theo lễ, đến nay Xuất đã tám mươi chín tuổi, trông như người năm sáu mươi tuổi.

Ngư Hoạn nói: Xưa kia Khổng tử cảm thán Nhan Hối, cho là ba tháng không làm trái đạo nhân, đại khái được xem là người có tâm rồi, nhưng so sao được với Tôn, Chúc, giúp kẻ biến sắc ở ngô chợ, cứu người đảo điên giữa chốn lao tù, người thật việc thật đây? Lại như Chu thị ở Bộc Dương chẳng dám giấu kẻ trốn náu, Chu gia ở nước Lỗ chẳng hỏi đến tình thực, là sao? Vì họ sợ họa đến, nên lòng có bất an vậy. Nhưng Thái Sử Công vẫn khen họ vì cuối cùng họ cứu thoát Quý Bô,⁽¹⁾ há hơn được hai người Tôn, Chúc về sự trượng nghĩa và lòng dũng cảm sao? Nay xa thì góp nhặt chuyện của Tôn, Chúc, gần thì chép việc của Dương, Bảo, khiến sự tích về họ đã không bị mai một, lại thúc đẩy được phong

¹ Quý Bô là tướng của Hạng Vũ, nhiều lần khiến Lưu Bang gặp nguy. Hạng Vũ bị diệt, Lưu Bang treo thưởng ngàn vàng cho ai tìm được Quý Bô, ai dám giấu trong nhà thì giết ba họ. Quý Bô trốn ở nhà họ Chu ở đất Bộc Dương, họ Chu muốn cứu bèn cắt tóc, buộc vòng sắt vào cổ Quý Bô, cho ở lẫn với nô tì, đem bán ông cho nhà Chu Gia vốn là một người nghĩa hiệp. Chu Gia nhận ra Quý Bô, bèn mua về và cho ra đồng cày ruộng, sau đó Chu Gia đi Lạc Dương, gặp Hạ Hầu Anh nhờ Hạ Hầu Anh xin giúp với Lưu Bang, cuối cùng Quý Bô được thoát.

tục. Đến như Bảo Xuất, chẳng phải là kẻ thấm nhuần lễ giáo, mà là nỗi đau xót trong lòng phát ra, nổi lên bởi ý tự nhiên, sự tích tụy ở nơi biên bìa, so với cái cương liệt trung thật của bậc quân tử có gì khác biệt? Như Dương A Nhược, thời trẻ nổi tiếng nghĩa hiệp, lớn lên theo đạo nghĩa, từ tây sang đông, đánh diệt kẻ trái đạo thường, có thể gọi là dũng mà có nhân rồi vậy.

Bình rằng: Lý Điển quý hiển có phong độ nho nhã, vì đạo nghĩa quên oán riêng, rất cao đẹp vậy. Lý Thông, Tang Bá, Văn Sính, Lã Kiên trấn giữ châu quận, đều nổi ân uy. Hứa Trữ, Điển Vi là tả hữu chế địch thủ thắng, so ra cũng như Phàn Khoái của nhà Hán vậy. Bàng Đức chịu chết quát mắng địch, có cái tiết tháo của Chu Hà.⁽¹⁾ Bàng Dục không ngại dùng kiếm tự vẫn, mà lòng thành cảm động quận láng giềng. Diêm Ôn hướng lên thành hô lớn, cái cương liệt sánh ngang với Giải Dương, Lộ trung đại phu thời Xuân Thu vậy.⁽²⁾



¹ Chu Hà (周苛), người huyện Bái, sống vào thời Tần mạt Hán sơ, là anh họ của Chu Xương, ban đầu làm quan nhà Tần, giữ chức tiểu lại ở quận Tứ Thủy. Sau theo Lưu Bang đánh Tần, vào Quan Trung. Lưu Bang làm Hán Trung vương, Chu Hà làm Ngự sử đại phu. Hán Sở tranh cường, Lưu Bang đóng đại quân ở Huỳnh Dương, Hạng Vũ mang tới vây, Kỳ Tín đóng giả làm Lưu Bang ra hàng, Lưu Bang nhân lúc hỗn loạn chạy trốn, Chu Hà cùng Tung Công giữ thành. Hạng Vũ phá thành, muốn dụ hàng Chu Hà, Chu Hà thẳng thừng cự tuyệt, chửi mắng Hạng Vũ. Hạng Vũ tức giận bèn sai bỏ Chu Hà vào vạc nấu chín.

² Giải Dương (解杨), Lộ trung đại phu (路中大夫): Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 237 (Tề vương Tào Phương truyện).

QUYỂN THỨ MƯỜI CHÍN

NHÂM THÀNH, TRẦN, TIÊU VƯƠNG

TRUYỆN

— ୪୫୦ —

Nhâm Thành Uy vương là Chương, tự Tử Văn. Thời trẻ giỏi việc đánh xe bắn tên, sức khỏe hơn người, dùng tay không đánh nhau với mãnh thú, không ngại nơi gian hiểm. Nhiều lần theo đi chinh phạt, ý chí kháng khái. Thái tổ thường phê bình Chương rằng:

- Mày chẳng nghĩ đến việc đọc sách, hâm mộ thánh hiền, mà chỉ thích cưỡi ngựa múa kiếm kích, đấy là việc làm của kẻ võ biên, sao đủ để quý hiển được.

Bèn thử cho Chương đọc Thi, Thư, Chương bảo tả hữu rằng:

- Kẻ trượng phu nhất thiết phải làm Vệ, Hoắc,⁽¹⁾ đem chục vạn quân kỵ ruổi rong nơi sa mạc, đuổi Nhung Địch, lập công dựng hiệu, sao có thể làm một vị Bác sĩ được.

Thái tổ thường hỏi các con về sở thích, sai đều nói ra cái chí của mình. Chương nói:

- Thích làm võ tướng.

Thái tổ hỏi:

¹ Vệ Thanh (卫青), tự Trọng Khanh, người huyện Bình Dương quận Hà Đông, là danh tướng đời Hán Vũ đế thời Tây Hán. Là đại tướng cầm quân trấn giữ giặc rợ phương bắc, hiển hách một thời, từng bảy lần đánh thắng Hung Nô, lập đại công với triều Hán. Hoắc Khứ Bệnh (霍去病): Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 178 (Vương Lăng, Vương Túc truyện).

- Làm tướng thì phải thế nào?

Chương thưa rằng:

- Mặc giáp cứng bền cầm binh khí sắc, lâm nạn chẳng ngoái lại, vì sĩ tốt đi đầu; thưởng tất làm, phạt tất tén.

Thái tổ cả cười.

Năm Kiến An thứ hai mươi mốt, Chương được phong tước Yến Lăng hầu.

Năm thứ hai mươi ba, người Ô Hoàn ở Đại Quận phản, Thái tổ lấy Chương làm Bắc trung lang tướng, hành Kiêu kỵ tướng quân. Sắp khởi hành, Thái tổ răn Chương rằng:

- Ở nhà là cha con, nhận việc là quân thần, hành động phải lấy vương pháp mà hành sự, may hễ lấy đó làm điều răn.

Chương bắc chinh, tiến vào địa giới quận Trác, phản quân người Hồ có mấy nghìn quân kỵ vụt đến. Bấy giờ binh mã chưa tập hợp, chỉ có một nghìn bộ tốt, mấy trăm quân kỵ. Chương dùng kế của Điền Dục, cố thủ nơi hiểm yếu chờ địch sơ hở, giặc bèn lui về rồi giải tán. Chương đuổi theo chúng, tự thân xông pha đánh bắt, bắn quân kỵ người Hồ, nghe tiếng dây cung bật là địch ngã, người trước kẻ sau chồng lên nhau. Giao chiến quá nửa ngày, áo giáp của Chương trúng mấy mũi tên, chí khí càng mạnh, thừa thắng đuổi lên phía bắc, đến tận huyện Tang Can, ① cách Đại Quận hơn hai trăm dặm. Trưởng sử và chư tướng đều cho rằng mới lặn lội đường xa, người ngựa mệt mỏi, lại chịu theo tiết độ, không được đi quá Đại Quận, chẳng nên tiến sâu, trái lệnh khinh địch. Chương nói:

- Thống suất binh sư hành động, chỉ theo lợi mà làm, sao phải chịu tiết chế? Rợ Hồ chạy chưa xa, đuổi theo tất phá được. Theo lệnh để thả địch, chẳng phải là tướng tài vậy.

Bèn lên ngựa, lệnh trong quân rằng:

- Ai lạc phía sau thì chém.

Một ngày một đêm đuổi kịp tướng rợ, đánh, đại phá chúng, bắt chém được mấy nghìn tên. Chương bèn phá lệ thưởng cho tướng sĩ nhiều gấp mấy lần bình thường, tướng sĩ chẳng ai không hể hả.

Bấy giờ Tiên Ti đại nhân là Kha Bì Năng cầm mấy vạn quân kỵ ngóng xem thế hai bên cường nhược ra sao, thấy Chương ra sức đánh, đi đến đâu cũng đều phá được, bèn xin quy phục. Phương bắc bình được hết. Bấy giờ Thái tổ ở tại Trường An, cho triệu Chương đến hành doanh của mình.

Chương từ Đại Quận qua huyện Nghiệp, Thái tử bảo Chương rằng:

- Người mới lập công, nay sang tây gặp chủ thượng, chớ nên khoe khoang, cứ ứng đối như bình thường chẳng nên thái quá.

Chương đến nơi, làm như Thái tử nói, quy hết công cho chư tướng. Thái tổ mừng, nắm râu của Chương nói:

- Thằng bé râu vàng lớn lên quả nhiên khác hẳn vậy.②

① Thần Tù Chi xét huyện Tang Can thuộc Đại Quận, nay người rợ phương bắc chiếm cứ, gọi là đô thành của Tác Can.

② *Nguy lược* chép: Thái tổ ở Hán Trung, Lưu Bị trú tụ trên đỉnh núi, sai Lưu Phong xuống khiêu chiến. Thái tổ chửi rằng:

- Thằng con nhà bán dế, mày thường sai con giả của mày chống cự ông mày sao? Đợi ta gọi thằng bé râu vàng nhà ta đến, sai ra đánh nó.

Bèn triệu Chương. Chương sớm khuya gấp rút lên đường, sang tây đến Trường An nhưng Thái tổ đã quay về, bèn theo lối Hán Trung mà quay lại.

Râu của Chương màu vàng, cho nên lấy tên đó mà gọi.

Thái tổ sau khi trở về đông, lấy Chương làm hành Việt kỵ tướng quân, lưu lại Trường An. Thái tổ đến Lạc Dương, bị ốm, cho ngựa trạm triệu Chương, chưa đến nơi, Thái tổ đã băng

hà.① Văn đế tức vương vị, Chương và chư hầu phải đi đến đất phong.② Đế hạ chiếu rằng:

"Cái đạo của tiên vương, là ban thưởng đặc biệt cho người thân của mình có công huân, gây dựng cả cho em cùng mẹ, được kiến lập bang quốc, kế thừa phong ấp, dùng họ làm phân dậu che chắn cho dòng đại tông, chống kẻ lấn át trấn áp vạ nạn. Chương trước đây vâng mệnh bắc phạt, yên định đất bắc, công ấy rất lớn. Nay tăng thực ấp năm nghìn hộ, cộng cả trước đó là vạn hộ."

Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, được lập làm Nhâm Thành vương. Năm thứ tư, Chương vào châu ở kinh đô, bị ốm chết tại xá đệ,⁽¹⁾ được ban thụy là Uy.③ Đến lúc táng, ban cho xe loan, cờ rồng, quân hộ bốn trăm người, như việc cũ của Đông Bình vương thời nhà Hán.

Con của Chương là Giai nối tự, chuyển đất phong đến huyện Trung Mâu. Năm thứ năm, đổi phong tới huyện Nhâm Thành. Năm Thái Hòa thứ sáu, lại đổi phong là Nhâm Thành quốc, ăn lộc năm huyện là hai nghìn năm trăm hộ. Năm Thanh Long thứ ba, Giai bị buộc tội bí mật phái thuộc quan đến chỗ Trung thượng phương⁽²⁾ chế tác cấm vật, bị tước thực ấp của huyện phong là hai nghìn hộ. Năm Chính Thủy thứ bảy, dời đất phong tới Tế Nam, hưởng thực ấp ba nghìn hộ. Năm Chính Nguyên và Cảnh Nguyên sơ, liên tục được tăng ấp, cả thảy là bốn nghìn bốn trăm hộ.④

① *Ngụy lược* chép: Chương đến, bảo Lâm Truy hầu là Thực rằng:

- Tiên vương triệu ta, là muốn lập mày vậ.

Thực nói:

- Không nên thế. Ngươi chẳng thấy chuyện anh em họ Viên sao?

¹ Xá đệ là nhà nghỉ cho các chư hầu nghỉ ngơi khi được gọi về triều kiến.

² Trung thượng phương (中尚方) là chức quan có từ thời Hán, trông coi việc chế tác các đồ dùng trong cung cấm.

② *Ngụy lược* chép: Thái tử nối tự được lập, táng cha xong, phải Chương đến đất phong. Ban đầu Chương tự cho là mình được tiên vương tín nhiệm, lại có công, hi vọng nhờ đó sau này được trọng dụng, nhưng nghe nói phải theo lệ, tỏ ý rất không hài lòng, không đợi phát lệnh đã bỏ đi. Thời ấy vì Yến Lăng là gò đồi cần cỗi, nên sai Chương đặt sở trị ở Trung Mâu. Lúc Đế thụ thiện,⁽¹⁾ nhân thế phong Chương làm Trung Mâu vương. Sau đấy Đại giá đến Hứa Xương, chư hầu trên dưới ở phương bắc đều sợ cái cứng rắn oai nghiêm của Chương; mỗi khi đi qua Trung Mâu chẳng dám không đi nhanh.

③ *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Khi trước, Chương hỏi tì thụ,⁽²⁾ cầu thả có chí khác, cho nên đến triều đình không được triệu kiến ngay. Chương vì phẫn nộ mà đột tử.

④ Giai, năm Thái Thủy sơ làm Sùng hóa thiếu phủ, thấy nói ở *Bách quan danh*.

Trần Tư vương là Thực tự Tử Kiến. Năm hơn mười tuổi, đã đọc lâu *Kinh Thi*, *Luận ngữ* cùng mấy chục vạn câu từ phú,⁽³⁾ khéo soạn chép văn chương. Thái tổ từng xem văn của Thực, bảo Thực rằng:

- Mày mượn người khác viết cho chẳng?

Thực quỳ xuống nói:

- Nói ra thành lời luận, hạ bút thành văn chương, nên đối mặt mà xét thử, sao lại nói là mượn người giúp được?

Bấy giờ đài Đồng Tước ở huyện Nghiệp vừa mới dựng xong, Thái tổ đưa hết các con lên đài, sai đều làm một bài phú. Thực cầm bút viết một hơi thành bài, rất đáng xem, Thái tổ rất lạ về Thực.^①

¹ Thụ thiện, là nhận nhường ngôi. Ở đây là Tào Phi nhận ngôi nhà Hán từ Hán Hiến đế.

² Tì thụ, tức là ẩn thụ của Vương.

³ Thời Hán, mấy loại văn như Sớ từ, Hán phú rất được ưa chuộng.

Thực bản tính bình dị, không tu chỉnh uy nghi. Xe ngựa phục sức, không chuộng hoa lệ, mỗi lần tham kiến được hỏi về các nghi vấn, cứ ứng lời mà đối đáp, được đặc biệt sủng ái. Năm Kiến An thứ mười sáu, được phong tước Bình Nguyên hầu. Năm thứ mười chín, chuyển phong làm Lâm Truy hầu.

Thái tổ đi đánh Tôn Quyền, sai Thực ở lại thủ giữ huyện Nghiệp, răn Thực rằng:

- Ta trước kia làm Đốn Khâu lệnh, đúng hai mươi ba tuổi. Nghĩ về các việc mà ta làm thời ấy, đến nay không có gì hối hận. Nay mày cũng hai mươi ba tuổi rồi, có thể không nỗ lực sao!

Thực đã có tài được sủng ái, lại có bọn Đinh Nghi, Đinh Dị, Dương Tu làm vây cánh. Thái tổ hồ nghi, mấy lần định lập làm Thái tử. Nhưng Thực buông thả theo ý mình mà hành sự, chẳng tự che giấu, uống rượu không biết kiềm chế. Văn đế hành sự dùng quyền thuật, có dụng tâm tự che giấu tình thực, cung nhân tả hữu, đều vì Văn đế mà nói giúp, nên được chỉ định làm người nối tự.

Năm thứ hai mươi ba, Thực được thêm thực ấp năm nghìn hộ, cộng cả lúc trước là một vạn hộ.

Thực từng có lần ngồi xe đi giữa Trì đạo, mở cửa Tư Mã đi ra ngoài,⁽¹⁾ Thái tổ cả giận, Công xa lệnh bị khép tội chết. Từ đấy ban thêm cấm lệnh đối với chư hầu, mà sự sủng ái với Thực ngày một suy kém.⁽²⁾ Thái tổ đã lo nghĩ đến sự biến trước sau, vì Dương Tu là người tài trí và mưu lược, lại là cháu ngoại của họ Viên, vì thế tìm xét tội danh giết Tu. Thực trong lòng càng thấy bất an.⁽³⁾

Năm thứ hai mươi tư, Tào Nhân bị Quan Vũ vây, Thái tổ lấy Thực làm Nam trung lang tướng, coi việc của Chinh lỗ tướng

¹ Thời xưa quy định đây là đường để xe ngựa của vua đi. Cửa Tư Mã là một cửa bên ngoài cung điện, do Hữu ti quản ngựa canh giữ, ai ra vào đều phải có lệnh.

quân, chuẩn bị phái đi cứu Nhân, cho gọi đến để răn bảo. Thực vì say rượu không vâng lệnh được, bởi thế Thái tổ hối mà bãi chức.^④

① Ngụ ký của Âm Đạm chép bài phú của Thực rằng:

"Theo cha hiền mà vui chơi hễ,
 Lên đài cao trong lòng hớn hở.
 Trông xem Thái phủ rộng mở hễ,
 Rõ là nơi đức thánh tạo.
 Cửa dựng lên cao chót vót hễ,
 Hai cổng khuyết nguy nga sừng sững.
 Đứng giữa trời ngất cảnh đẹp hễ,
 Gác cao nổi về tây uốn lượn.
 Gân sông Chương nước chảy dài hễ,
 Xa trông vườn cây tươi tốt.
 Ngẩng đón gió xuân vui sướng hễ,
 Nghe muôn tiếng chim đua hót.
 Trời mây như vây quanh ta hễ,
 Điều ta mong được thỏa nguyện.
 Nêu nhân hóa khắp vũ trụ hễ,
 Mọi người cung kính thượng kinh.
 Ví như Hoàn, Văn là thịnh hễ,
 Há bằng bậc thánh minh đây!
 Tốt đẹp thay, cao đẹp thay!
 Ân trạch truyền đến nơi xa.
 Phù tá hoàng gia ta hễ,
 Yên định bốn phương.
 Công đức sánh với trời đất hễ,
 Rực rỡ sánh ngang nhật nguyệt.
 Đời sau kính ngưỡng khôn cùng hễ,
 Tuổi thọ sánh với Đông vương"...⁽¹⁾

¹ Đông vương, tức Đông Vương công (东王公), là một vị tiên trong truyền thuyết, thường được xưng tụng song hành với Tây Vương mẫu (西王母). Tuổi thọ sánh ngang trời đất.

Thái tổ rất lấy làm lạ về Thực.⁽¹⁾

② Ngụy Vũ cố sự chép lệnh rằng:

"Ban đầu ta bảo Tử Kiến, là người tốt nhất trong số các con của ta có thể định được đại sự."

Sau lại lệnh rằng:

"Từ khi Lâm Truy hầu Thực tự ý đi ra ngoài, mở cửa Tư Mã đi đến Kim Môn, khiến ta nhìn đứa con này với con mắt khác rồi."

Lại hạ lệnh rằng:

"Từ Trưởng sử của chư hầu đến thuộc quan dưới trưởng, có biết khi ta ra ngoài thường đem chư hầu đi theo là có ý gì không? Từ khi Tử Kiến tự ý mở cửa Tư Mã đi ra, ta chẳng tin tưởng các chư hầu nữa vậy. Sở rằng ta vừa mới đi, chư hầu lại tự tiện ra ngoài, cho nên ta chỉ cho đi ra lúc đi cùng ta. Các người chẳng nên mãi khiến cho ta phải suy diễn xem ai trong số các người là tâm phúc vậy!"

③ *Diễn lược* chép: Dương Tu tự Đức Tổ, là con của Thái úy Bưu vậy. Tu khiêm cung, học rộng đa tài. Năm Kiến An trung, được xét cử Hiếu liêm, đổi phong làm Lang trung, Thừa tướng mời tạm giữ chức Thương tào thuộc Chủ bộ. Bấy giờ, việc quân việc nước rất nhiều, Tu biết hết việc trong ngoài, làm việc đều xứng ý. Từ Thái tử của nhà Ngụy trở xuống đều tranh nhau giao hảo với Tu. Thêm nữa, bấy giờ Lâm Truy hầu là Thực vì tài cán mẫn tiệp mà được sủng hạnh, có ý nhờ vào Tu, mấy lần gửi thư cho Tu, thư viết:

"Nhiều ngày không gặp, nghĩ đến ngài vì ta mà lao nhọc; những muốn cùng gặp vậy. Kể hèn này thời trẻ vốn thích từ phú, đến nay là hai mươi lăm năm rồi, nhưng người làm từ phú đời nay, đại khái có thể nói là ít vậy."

"Trước kia Trọng Tuyên độc bộ ở Hán Nam, Khổng Chương giương cánh ở Hà Sóc, Vĩ Trường vang danh ở Thanh châu, Công Cán lấy lừng ở góc bể, Đức Liễn phát tích ở Đại Ngụy, túc hạ ngạo nghễ ở Thượng

¹ Nguyên văn bài phú này ở đây thấy thiếu so với các tài liệu khác chép, cũng thay đổi một vài chữ trong câu. Bài phú này đã được Từ Vi Lang dịch trong cuốn *Tam quốc diễn nghĩa* theo thể thơ lục bát. Độc giả có thể tìm đọc.

kinh.⁽¹⁾ Đương lúc bấy giờ, người người tự cho là tay mình nắm được ngọc châu của rắn thần,⁽²⁾ nhà nhà tự cho là mình ôm được ngọc đẹp ở núi Kinh vậy.⁽³⁾ Vương ta vì thế bày lưới trời để trùm họ, dùng tám tua để chụp họ,⁽⁴⁾ nay họ đã tụ tập hết ở nước ta rồi. Nhưng mấy người ấy, vẫn chưa thể chấp cánh bay tuyệt tích, một lần cất cánh xa nghìn dặm vậy.”

“Như cái tài của Khổng Chương, chẳng tinh thông từ phú, mà nhiều lần tự cho là mình cùng phong cách với Tư Mã Trường Khanh,⁽⁵⁾ ví như vẽ hổ không thành lại vẽ thành chó vậy. Lần trước ta gửi thư bốn cột hấn, hấn đáp lại bằng bài luận dài cho là kẻ hèn này tán dương văn chương của hấn, ví ta như Chung Kỳ không nghe lâm tiếng đàn,⁽⁶⁾ đến nay vẫn được người ta xưng tụng. Ta cũng không dám bình luận bừa bãi, sợ bị người sau chê cười ta vậy.”

“Những soạn chép của người đời, chẳng thể không có chỗ khiếm khuyết. Kẻ hèn này thường thích người ta phê bình văn chương của mình; để có

¹ Những người nhắc đến ở đây là: Vương Sán (王粲), tự Trọng Tuyên (仲宣). Trần Lâm (陈琳), tự Khổng Chương (孔璋). Từ Cán (徐干) tự Vĩ Trường (伟长). Lưu Trinh (刘桢) tự Công Cán (公幹). Ứng Sướng (应瑒), tự Đức Liễn (德琰), và Dương Tu. Họ đều là những người có tài năng văn chương lừng lẫy thời Hán mạt và Tam quốc. Sự tích về họ có ghi chép ở tập IV, quyển 21 (Vương Xán truyện).

² Theo truyền thuyết, vào thời Xuân Thu, Tùy hầu (隋侯) trông thấy một con rắn lớn bị thương, bèn cứu con rắn đó, còn đắp thuốc và băng bó vết thương cho nó. Sau khi con rắn lành vết thương, nó từ giữa sông bơi lên, ngậm một viên trân châu lớn đến đền ơn cho Tùy hầu. Viên trân châu ấy khi đêm đến tỏa sáng, có thể soi sáng cả một căn nhà, là viên ngọc cực quý hiếm vậy.

³ Tức là viên ngọc của Biện Hòa (卞和), người nước Sở thời Xuân Thu tìm thấy ở núi Kinh, đem dâng cho vua. Sau này được dùng để làm ngọc tỷ vậy.

⁴ Ý nói dùng lễ đãi ngộ, cho những người ấy làm quan.

⁵ Tư Mã Tương Như (司马相如) tự Trường Khanh, người Thành Đô, sống ở thời Hán Vũ đế, đa tài, giỏi thơ phú, đàn hay. Lúc rời quê đến Trường An lập danh, đi qua cầu viết một câu rằng: “Không ngồi xe tứ mã, không qua lại cầu này.” Tư Mã Tương Như vốn là người hào hoa phóng lãng, yêu thích văn chương, không mặn mà với công danh, làm quan ít lâu, ông từ quan đi ngao du thiên hạ. Lúc ở huyện Lâm Củng, gặp nàng Trác Văn Quân, rất si mê sắc đẹp của nàng, bèn gảy đàn sáng tác khúc *Phượng cầu hoàng*, Trác Văn Quân say mê lời phú tiếng đàn của Tư Mã Tương Như bèn đang đêm bỏ nhà trốn theo chàng.

⁶ Bá Nha, Tử Kỳ: Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 37 (Vương Tu truyện).

chỗ nào không hay, thì kịp thời sửa chữa. Xưa kia Đinh Kính Lễ từng soạn một bài văn nhỏ, muốn kẻ hèn này sửa lại, kẻ hèn này tự thấy tài mình không hơn được người ta, từ chối không làm. Kính Lễ nói rằng: 'Có chỗ nào làm khó ngài sao! Ý hay đẹp của lời văn, ta tự biết được. Người đời sau có ai biết người sửa lời văn của ta là ai đâu?' Ta thường khen lời đấy thấu đạt, cho là lời bàn hay đẹp. Xưa kia lời văn của Ni Phủ,⁽¹⁾ là khởi nguồn cho các ý kiến giao lưu; cho đến khi soạn Kinh Xuân Thu, bọn Du, Hạ⁽²⁾ không tìm được một chữ sai. Qua đấy mà nói là không có khiếm khuyết, là điều ta chưa từng thấy vậy. Đại khái là có dung nhan của Nam Uy,⁽³⁾ thì mới có lời bàn về người đẹp; có cái sắc nhọn của kiếm Long uyên,⁽⁴⁾ thì mới có lời bàn về việc chặt chém. Cái tài của Lưu Quý Tự không theo kịp những người kể trên, nhưng thích phê bình văn chương, chọn nhặt những chỗ sai lầm. Xưa kia Điền Ba chế giễu Ngũ đế, quy tội Tam vương, chê bai Ngũ bá ở Tắc Hạ, một sớm mà thuyết phục nghìn người, nhưng Lỗ Liên nói một lời khiến Điền Ba ngậm miệng.⁽⁵⁾ Tài biện bác của Lưu sinh chưa bằng được họ Điền. Trọng Liên của thời nay không khó tìm, há chẳng khiến người ta không than thở được sao!"

"Mỗi người đều có cái điều mình thích, mùi thơm ngát của Lan chỉ và Tôn huệ,⁽⁶⁾ là thứ mà chúng nhân đều thích, nhưng ở ven bể có người

¹ Ni Phủ, tức thầy Khổng tử.

² Tử Du (子游), tức Ngôn Yển, người nước Lỗ, từng làm trưởng quan ở Vũ Thành; Tử Hạ (子夏), tức Bốc Tử Thương, người nước Vệ, dạy học ở Tây Hà, là thầy dạy của Ngụy văn hầu, quân chủ nước Ngụy. Hai người đều là trò giỏi của Khổng tử.

³ Nam Uy (南威) là mỹ nữ nước Tấn thời Xuân Thu. Nam Uy cùng Tây Thi (西施) của nước Việt được gọi chung là Uy Thi. *Chiến Quốc sách, Ngụy sách* quyền nhị, chép: "Tấn Văn công lấy được nàng Nam Uy, ba ngày không nghe việc triều chính, bèn đẩy nàng Nam Uy ra, nói: Hậu thế tất có kẻ vì nữ sắc mà vong quốc vậy."

⁴ Kiếm Long Uyên: Xem chú thích ở tập I, quyền 2, trang 126 (Văn đế kỷ).

⁵ Điền Ba (田巴), là kẻ biện sĩ của nước Tề thời Chiến Quốc. Lỗ Liên (魯连), tức Lỗ Trọng Liên (鲁仲连), là người khéo biện luận của nước Tề. Tương truyền là Điền Ba lúc biện luận ở ấp Tô Khâu, nghị bàn ở ấp Tắc Hạ, một ngày thuyết phục nghìn người. Việc thấy nói ở Lỗ Liên tử. Về Lỗ Liên, xem chú thích ở tập IV, quyền 16, trang 42 (Trịnh Hồn truyện); tập VII, quyền 47, trang 60 (Tôn Quyền truyện).

⁶ Lan chỉ (兰茝); Tôn huệ (蓀蕙), là những thứ cỏ thơm, mùi hương ngan ngát.

đuổi theo người có mùi hôi;⁽¹⁾ thanh âm của khúc Hàm trì, Lục anh,⁽²⁾ là khúc nhạc mà chúng nhân thích nghe, nhưng Mặc Dịch⁽³⁾ lại có bài luận chê những khúc nhạc ấy; há có thể nói là mọi người giống nhau được!”

“Xưa nay từ phú mà kẻ hèn này viết thời trẻ đều đưa cho người khác xem hết. Người khắp ngõ phố bàn tán, tất có chỗ khả thủ, khúc hát của kẻ đánh xe, có chỗ phong nhã, ý tứ của kẻ thất phu, chưa dễ coi thường vậy. Từ phú của ta chưa tinh nghệ, nên chưa đủ để xiển dương đại nghĩa, soi sáng đời sau vậy.”

“Xưa kia Dương Tử Vân,⁽⁴⁾ là kẻ bày tội cầm kích của tiên triều thôi, vẫn nói rằng: ‘Khi lớn lên ta không làm từ phú’ vậy. Ta tuy đức mỏng, ngôi vị là phiên hầu, vẫn mong đốc sức vì thượng quốc, tạo phúc cho dân, dựng công nghiệp muôn đời, lưu công huân vào vàng đá, há đâu chỉ lấy bút mực làm công tích, lấy từ tụng làm người quân tử sao? Nếu chí ta không thực hiện được, đạo của ta chẳng được thi hành, cũng muốn chọn chép lời văn của sử quan, biên xét cái được cái mất của thế tục thời nay, định rõ hàm nghĩa của lòng nhân, lập thành học thuyết của một nhà, tuy chưa thể cất giấu nơi danh sơn,⁽⁵⁾ thì cũng để truyền đọc với bạn bè thân hữu, bàn luận tới khi đầu bạc, há chỉ bàn luận ở hôm nay sao! Ta nói lời này ra chẳng then, mong ngài như Huệ tử hiểu cho ta vậy.⁽⁶⁾ Sớm mai gặp nhau, thư chẳng tỏ hết nỗi lòng.”

¹ Nguyên văn: “Trục xú chi phu.” Xuất ra từ sách *Lã thị Xuân Thu*, thiên *Ngộ hợp*. Bùi Tùng Chi dẫn. Người đời sau dùng thành ngữ “Trục xú chi phu”, là chỉ những kẻ thích việc quái lạ, khác người hay là có ý kiến lạ đời, bất đồng với số đông.

² *Hàm trì* (咸池), là tên một khúc nhạc cổ có từ thời Nghiêu vua Thuấn; Thiệu theo truyền thuyết là khúc nhạc do Thuấn soạn ra, ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị; *Lục anh* (六英) cũng là tên một khúc nhạc cổ, do Chuyên Húc sáng tác (theo Cao Dụ chú Hoài Nam tử).

³ Mặc Dịch (墨翟): Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 30 (Điền Trù truyện).

⁴ Sách *Pháp ngôn* của Dương Hùng viết: Có người nói ta thời trẻ thích thơ phú. Ta đáp: “Đúng.” Không lâu sau ta lại nói: “Khi lớn lên ta không làm vậy.”

⁵ Là nơi tàng chứa sách vở của đế vương xưa.

⁶ Huệ tử (惠子) tức Huệ Thi (惠施), người nước Lương thời Chiến Quốc, là bạn thân của Trang tử. Hai người rất thân thiết và hiểu nhau. Có mẩu chuyện vui về hai người rằng: Trang tử và Huệ tử đứng trên cây cầu nhìn đàn cá bơi lội tung tăng, Trang tử nói: “Đàn cá nhón như vui đùa, sướng lắm thay!” Huệ tử nói: “Ngài không phải cá, sao biết cá vui?” Trang tử nói: “Ngài không phải là ta, sao biết được là ta biết cá vui?”

Tu đáp thư rằng:

"Không hầu mấy ngày, như xa mấy năm, há chỉ là nhận hậu ân quan hoài, khiến ta kính ngưỡng mến nhớ tình sâu dẫu! Ngài khuất thân đưa thư đến, ý vẫn nhã lệ tràn đầy. Tụng đọc ngược xuôi, dẫu ngâm nga Nhã, Tụng,⁽¹⁾ cũng không hơn được vậy. Như cái độc bá của Trọng Tuyên ở Giang Biều, cái vượt trội của họ Trần ở cõi Ký, cái vang danh của Tì, Lưu ở Thanh, Dự, cái phát tích của Ứng Sinh ở nước Ngụy, đầy đều là chuyện đúng cả. Đến như Tu này, tiếng tăm chỉ như gió thoảng, ngưỡng mộ đức hạnh của người ta còn không kịp, mắt chỉ liếc qua văn chương của kẻ khác, chữ ngạo nghễ kia mới đáng sợ làm sao?"

"Cúi nghĩ quân hầu, từ nhỏ đến lớn quý phái, vốn có khí chất của Vũ vương, Chu công, được sự giáo hóa thánh thiện. Người gần kẻ xa trông ngắm, đều cho là có thể nêu cao đức lành, sẽ chiếu rọi đại nghiệp mà thôi, không cho là tài năng của ngài chỉ để xem đọc kinh truyện, lưu tâm ở việc văn chương. Nay ngài dìm Vương vượt Trần, tài thuật siêu việt hơn mấy người ấy, văn của ngài khiến người xem giật mình mà lau mắt, người nghe nghiêng đầu mà vỗn tai; không phải là người có bản chất thông thái tính tình khoáng đạt, vâng theo tự nhiên, thì ai có thể viết lên được những lời như thế? Ta lại từng đích thân làm Chấp sự, nắm thẻ cầm bút, thấy có chỗ ngài soạn chép, ý vẫn như đã tinh thực ở trong lòng, mượn giấy vung tay, không hề đắn đo suy nghĩ dừng lại trong chốc lát. Trọng Ni sáng như nhật nguyệt, không ai hơn được. Sự ngưỡng mộ của Tu với ngài, cũng gần như thế rồi. Vì thế bảo đổi lại bài Hạt điều phú mà ta từ chối, làm bài Thử phú hết ngày mà chẳng dâng lên,⁽²⁾ là vì

¹ Kinh Thi có 311 bài thơ, chia thành ba phần là Phong, Nhã và Tụng. Có nhiều cách giải thích về Phong, Nhã, Tụng. Theo học giả người đời Tống là Trịnh Tiều thì: "Phong, là do thổ phong mà ra, đại để là lời của những kẻ hèn mọn, tôi tớ, đàn bà, con gái; ý thơ tuy xa song lời thơ thì cần trù lặp. Nhã, do sĩ đại phu ở triều đình làm ra, lời thơ thuần hậu mẫu mực, thể thơ lên bổng xuống trầm, không phải là thứ mà hạng hèn mọn, tôi tớ, đàn bà con gái có thể nói lên được; Tụng, chỉ nhằm phô trương công đức to lớn mà thôi, lời thơ nghiêm trang, âm thanh có chừng mực, không dám kể lẽ rườm rà dông dài, cốt tỏ sự tôn kính."

² Sách Văn tuyển của Tiêu Thống, người nhà Lương thời Nam triều có chép truyện nói rằng: Tào Thực sáng tác bài Hạt điều phú, lệnh cho Tu đổi lại, Tu từ chối. Tào Thực lại sáng tác bài Đại thử phú, Tu cũng viết bài đổi lại, nhưng hết ngày mà không dám dâng lên cho Thực xem.

thầy nhan sắc của Tây Thi, lại thêm thẹn cho dung mạo của mình vậy.⁽¹⁾ Cúi nghĩ phận Chấp sự mà không biết lẽ đúng, thẹn vì không có tài để cúi nhận ân mệnh, chỉ xét sửa theo lệnh được sai khiến thôi.”

“Kinh Xuân Thu viết xong, chẳng ai thêm bớt được, Lã thị, Hoài Nam, mỗi chữ đáng nghìn vàng, nhưng rồi đệ tử á khẩu, người ngoài chợ cung kính chấp tay,⁽²⁾ đây là vì bậc thánh hiền có kiến thức trác tuyệt, cho nên khác hẳn với kẻ phàm vậy. Phú tụng thời nay, thi ca thời xưa, chưa từng qua tay Khổng tử sửa chữa, nhưng cái phong nhã thì không có gì khác biệt vậy. Tu này như Tử Vân, già không hiểu việc, gắng soạn một sách, hồi là viết ít. Như thế, bọn người Trọng Sơn, Chu Đán⁽³⁾ đều có lỗi lầm sao! Quân hầu quên cái đức cao đẹp của bậc thánh hiền, thuật lại lời ‘Pháp ngôn’ sai lầm của kẻ tầm thường, kẻ hèn này trộm cho là Quân hầu chưa nghĩ kỹ vậy. Đến như việc không quên nghiệp lớn trị quốc, lưu anh danh đến nghìn năm, khắc công lên chuông khánh, ghi danh vào tre lụa, thì đây là bởi khí độ bao la bao vốn tích sẵn trong lòng Quân hầu vậy, đối với văn chương há có phương hại gì sao? Kẻ hèn này được ngài ban ân huệ đưa từ phú, chỉ mong đui mù ngâm đọc mà thôi.

¹ Nàng Tây Thi là mỹ nữ có sắc đẹp tuyệt trần của nước Việt, mọi cử chỉ của nàng đều uyển chuyển đáng yêu. Tây Thi hay bị đau ngực, mỗi khi phát bệnh thường cau mày nhăn mặt, thành vẻ đẹp nào nùng khiến người ta thêm yêu. Thôn bên cạnh có cô gái xấu xí là Đông Thi thấy người ta khen vẻ đẹp nào nùng của Tây Thi bèn bắt chước, tay ôm ngực, mặt nhăn nhó đi lại trong thôn, nhưng điệu bộ ấy khiến cô ta càng khó coi, người ta trông thấy cô ta bèn đóng cửa nhà lại.

² *Lã thị Xuân Thu* là sách do Lã Bất Vi người thời Tần sai tân khách soạn thành. Tương truyền là sau khi soạn xong sách *Lã thị Xuân Thu*, Lã Bất Vi sai đặt sách ở ngoài cổng thành, lệnh rằng hễ ai sửa được một chữ thì thưởng cho nghìn vàng, rút cục không ai làm nổi.

Hoài Nam tử là sách do Hoài Nam vương Lưu An người thời Hán Vũ đế cùng tân khách sưu tầm, chỉnh lý các tư tưởng từ thời Tiên Tần rồi soạn thành. *Hoài Nam tử* là một hệ thống tư tưởng lớn, các câu văn trong đây nguồn gốc xuất xứ có phần quá đáng, nhưng là sự thực. Tư tưởng đó động chạm đến các thế lực vương hầu. Với tư tưởng ấy, Hoài Nam vương bị triều đình kết tội mưu phản, phải tự sát, liên lụy đến cả vạ người.

³ Trọng Sơn Phụ (仲山父), vốn là dân cày, được tiến cử vào triều làm Tể tướng cho vua Chu Tuyên vương. Khi Tuyên vương thua trận ở phương nam, ông dâng bài “Liệu dân” để khuyên can, lúc Tuyên vương vì tình riêng lập con nhỏ là Lỗ Vũ công làm Thái tử, ông lại khuyên can, nhưng vua không nghe. Việc nói ở sách *Quốc ngữ*, phần *Chu ngữ*.

Dám quên Huệ Thi, để nhục Trang thị sao! Quý Tự nhỏ nhất, sao đủ để nói."

Họ qua lại với nhau, rất nhiều lần như thế. Thực sau này vì phóng túng bị xa lánh, nhưng Thực cố tình qua lại với Tu không dừng, Tu cũng không dám tự dứt. Đến năm thứ hai mươi bốn mùa thu, Công vì Tu trước sau tiết lộ lệnh truyền, giao kết chư hầu, bèn bắt giết Tu. Tu sắp chết, bảo với người quen cũ rằng:

- Ta tự cho rằng mình chết vẫn còn muộn vậy.

Ý Tu cho là bị buộc tội kết giao với Tào Thực vậy. Sau khi Tu chết trăm ngày thì Thái tổ băng, Thái tử được lập, bởi thế có thiên hạ.

Khi trước, Tu vì có được thanh kiếm của Vương Mao⁽¹⁾ dâng cho Thái tử, Thái tử thường đeo kiếm ấy. Lúc tức tôn vị, tại Lạc Dương, thông dong rời cung, đoái nghĩ cái lỗi của Tu quá nhỏ, vỡ kiếm ấy, dùng xe ngoảnh sang bảo tả hữu rằng:

- Đây là thanh kiếm mà trước đây Dương Đức Tổ nói là kiếm của Vương Mao vậy. Mao nay đang ở đâu?

Liên triệu Mao đến gặp, ban lúa và gấm cho Mao.

Văn chương chí của Chí Ngưu chép: Lưu Quý Tự tên Tu, là con của Lưu Biểu, làm đến chức Thái thú Đông An. Soạn thơ, phú, tụng, có sáu thiên.

Thần Tùng Chi xét: *Lã thị Xuân Thu* chép: "Có người có mùi hôi, anh em vợ con của người ấy không ai ở cùng được, người ấy tự mình khổ khổ sống ở ven biển. Có người ở ven biển thích người có mùi hôi ấy, đi theo người ấy suốt ngày không rời." Đây là lời Thực mà nói là: "Trục xú chi phu" vậy.

Việc về Điền Ba xuất ra từ sách *Lỗ Liên tử*, cũng thấy ở sách *Hoàng lãm*, lời văn nhiều cho nên không chép lại.

Thế ngữ chép: Năm Tu hai mươi lăm tuổi, vì có danh Công tử lại có tài năng, được Thái tổ coi trọng, Tu và anh em Đinh Nghi đều muốn giúp Thực làm người kế tự. Thế tử lo việc ấy, dùng xe chở

¹ Vương Mao (王髦), chưa rõ lai lịch và hành trạng.

cái rương hổng, để Trường huyện Triều Ca là Ngô Chắt ngồi ở bên trong, đến cùng bàn mưu. Tu đem việc ấy bẩm với Thái tổ, còn chưa kịp tra xét chứng nghiệm. Thế tử sợ, báo cho Chắt biết, Chắt nói:

- Lo gì? Ngày mai lại đem rương lụa sống đặt trong xe chở đi để hấn nghị hoặc, Tu tắt lại bẩm lần nữa, bẩm lần nữa tắt phải truy tìm, truy tìm mà không nghiệm đúng, thì bên ấy chịu tội thôi.

Thế tử nghe theo, Tu quả nhiên bẩm lên, nhưng không có người nào trên xe, Thái tổ bởi thế ngờ Tu.

Tu cùng Giả Quý, Vương Lăng đều làm Chủ bộ, được Thực làm bằng hữu. Mỗi khi sắp đến chỗ Thực, lo Thực có chỗ khiếm khuyết, bèn đoán trước ý tứ của Thái tổ, chép sẵn đáp áp để đáp lệnh truyền, có hơn chục điều, lệnh cho môn hạ là lệnh truyền ra thì theo thứ tự đối đáp. Quả nhiên lệnh truyền mới xuất ra, thì lời đáp đã đưa ngay vào, Thái tổ thấy quái lạ với sự nhanh nhạy của Thực, truy hỏi mới tiết lộ ra.

Thái tổ phái Thái tử và Thực đều ra cửa thành Nghiệp, lại ngầm hạ sắc lệnh là không cho ai qua cửa, để xem cái việc mà họ làm. Thái tử đến cửa, không ra được mà về. Tu trước đấy dặn Thực rằng:

- Nếu người giữ cửa không cho Quân hầu ra, Quân hầu chịu vương mệnh, có thể chém kẻ giữ thành.

Thực theo lời. Cho nên Tu vì việc giao kết bị ban tội chết.

Con của Tu là Hiêu, con của Hiêu là Chuẩn, đều nổi danh vào thời nhà Tấn. Hiêu vào năm Thái Thủy sơ làm Điển quân tướng quân, nhận chức trách trọng yếu, chết sớm. Chuẩn tự Thủy Khâu, thời Huệ đế mạt, làm Thứ sử Ký châu.

Ký châu ký của Tuân Xước chép: Chuẩn thấy kỷ cương của vương triều chẳng được chỉnh đốn, bèn buông thả uống rượu, không chú tâm gì đến việc quan, tiêu dao cho qua ngày tháng mà thôi. Thành Đô vương biết Chuẩn không trị lý chính sự, chỉ vì Chuẩn là danh sĩ, tiếc tài mà không trách, triệu đến làm Quân mưu tể tửu. Vương phủ giải tán, Chuẩn nghỉ tại gia, chư hầu vùng Quan

Đông nghị bàn muốn lấy Chuẩn bổ vào ngôi Tam công, để tỏ ý việc đề cử là kính hiền chuộng đức. Việc chưa thành thì Chuẩn chết.

Con của Chuẩn là Kiệu, tự Quốc Ngạn, Mao, tự Sĩ Ngạn, đều là kẻ anh tuấn đời sau. Chuẩn thân thiện với Bùi Ngỗi, Nhạc Quảng, vì thế phái hai con đến gặp họ. Ngỗi bàn tính khoát đạt chính trực, thích cái nét cao nhã của Kiệu, bảo Chuẩn rằng:

- Kiệu nhất định theo kịp ngài, nhưng Mao thì kém hơn vậy.

Quảng bàn tính thanh bạch thuần khiết, thích cái nét chất phác trong sạch của Mao, bảo Chuẩn rằng:

- Kiệu tự theo kịp ngài, nhưng Mao tinh tế hơn.

Chuẩn than rằng:

- Cái hơn kém của hai con ta, là ưu khuyết của Bùi, Nhạc vậy.

Kẻ bình luận cho rằng Kiệu tuy bản tính cao nhã, nhưng chất phác trong sạch không theo kịp Mao, lời Quảng nói là đúng.

Phó Sướng nói: "Kiệu giống Chuẩn nhưng thô hơn."

Em của Kiệu là Tuấn, tự Huệ Ngạn, xuất chúng nhất.

Kiệu, Mao đều làm quan có bổng hai nghìn thạch. Tuấn làm Thái phó duyện.

④ *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Thực sắp đi, Thái tử mời Thực cùng uống, ép Thực uống say. Vương triệu Thực, Thực không tự tiếp nhận được vương mệnh, cho nên Vương giận vậy.

Văn đế tức vương vị, giết Đinh Nghi, Đinh Dị và con trai của họ. ① Thực và chư hầu cùng đến nước phong.

Năm Hoàng Sơ thứ hai, Giám quốc yết giả là Quán Quân xét mặt đón ý Đế, tấu rằng: "Thực say rượu khinh mạn, bức hiếp sứ giả." Hữu ti xin trị tội, Đế vì ngại Thái hậu, giáng Thực xuống An hương hầu. ② Năm ấy lại đổi phong làm Quyên Thành hầu. Năm thứ ba, lập làm Quyên Thành vương, thực ấp hai nghìn năm trăm hộ.

① *Nguy lược* chép: Đinh Nghi tự Chính Lễ, người quận Bái. Cha của Nghi là Xung, vốn thân thiện với Thái tổ, bấy giờ theo ngồi xe. Thấy quốc gia chưa yên định, bèn gửi thư cho Thái tổ nói:

"Túc hạ bình sinh thường cảm thán là mình có chí không phò, nay là thời ấy rồi."

Bấy giờ Trương Dương vừa về quận Hà Nội, Thái tổ nhận được thư ấy, bèn dẫn quân đón Thiên tử sang đông đến huyện Hứa, lấy Xung làm Tư lệ Hiệu úy. Sau đó mấy lần Xung qua chỗ chư tướng ăn uống, rượu ngon chẳng dùng được, rượu cháy ruột mà chết. Thái tổ vì lúc trước được Xung khai đạo, thường biết ơn Xung. Nghe nói Nghi là kẻ sĩ giỏi, tuy chưa gặp, nhưng muốn đem ái nữ gả cho Nghi, đem việc ra hỏi Ngũ quan tướng. Ngũ quan tướng nói:

- Lấy nữ nhân xem dung mạo, nhưng mắt của Chính Lễ không tinh tường, chỉ e là ái nữ không hài lòng vậy. Tiểu tử cho rằng không bằng gả cho con của Phục ba là Mậu.⁽¹⁾

Thái tổ theo lời. Ít lâu sau triệu Nghi làm Duyện, đến cùng bàn luận, tán thưởng sự sáng suốt của Nghi, nói:

- Đinh duyện, là kẻ sĩ giỏi vậy, ví như hai mắt của hắc có mù lòa, ta vẫn gả con gái cho, hưởng chi chỉ là chột? Là con ta làm lỡ việc của ta.

Bấy giờ Nghi cũng hận vì không được lấy công chúa, liền thân thiện với Lâm Truy hầu, nhiều lần khen tài lạ của Lâm Truy hầu. Thái tổ đã có ý định lập Thực, mà Nghi lại cực lực tán đồng. Đến lúc Thái tử được lập, muốn trị tội của Nghi, chuyển Nghi làm Hữu thứ gian duyện, muốn Nghi tự quyết tội mình nhưng Nghi không làm được. Bèn tới gặp Trung lĩnh quân là Hạ Hầu Thượng khấu đầu xin giúp, Thượng vì Nghi rơi nước mắt mà không thể cứu. Về sau Đế nhân vì Nghi không chu toàn chức sự, bắt tống ngục, giết Nghi.

Dị tự Kính Lễ, là em của Nghi vậy.

¹ Hạ Hầu Mậu, là con của Hạ Hầu Đôn, từng giữ chức Phục ba tướng quân. Xem tập II, quyển 9 (Chư Hạ Hầu Tào truyện).

Văn sĩ truyện chép: Dị thời trẻ có tài cán, học rộng biết nhiều. Đầu tiên được triệu gọi vào công phủ, năm Kiến An trung làm Hoàng môn thị lang. Dị từng ung dung bảo Thái tổ rằng:

- Lâm Truy hầu thiên tính nhân hiếu, phát tính bởi tự nhiên, lại thông minh thấu đạt, cơ hồ chẳng ai theo kịp. Lại còn học thức uyên bác, văn chương tuyệt trần. Kẻ hiền tài quân tử trong thiên hạ thời nay, bất kể lớn nhỏ, đều nguyện theo giao du với Lâm Truy hầu, vì Lâm Truy hầu mà chết, đây thật là trời giáng phúc cho Đại Ngụy, mà trao lộc truyền mãi đến vô cùng vậy.

Là muốn dùng lời khuyên để Thái tổ động tâm. Thái tổ đáp rằng:

- Thực, là người ta quý, há phải đợi người nói ra? Ta muốn lập hẳn làm người nối tự, thì sao?

Dị nói:

- Việc này là nguyên nhân hưng suy của quốc gia, là cái lý do tồn vong của thiên hạ, không phải là việc mà kẻ ngu hèn ti tiện này dám đề cập đến. Dị nghe nói biết tôi chẳng ai bằng vua; biết con chẳng ai bằng cha. Đến như vua bất luận sáng tối, cha bất kể hiền ngu, mà có thể luôn biết được tôi con của mình là sao? Đại khái là do biết nhau không chỉ qua một việc một vật, biết hết không chỉ trong một sớm một tối. Huống chi mình công vốn là bậc thánh triết, hiểu kỹ con mình. Nay phát lệnh sáng suốt thấu đạt, lời ra khỏi miệng là quyết xác lâu dài, có thể nói là trên ứng mệnh trời, dưới hợp lòng người, là quyết định trong khoảnh khắc, mà lưu truyền đến muôn đời vậy. Dị chẳng kiêng sợ cái chết bởi búa rìu, há dám không nói tận lời!

Thái tổ bị thuyết phục vì lời ấy.

② *Ngụy thư* chép chiếu rằng:

"Thực là em cùng mẹ của trẫm. Trẫm đối với thiên hạ không chỗ nào không bao dung, huống chi lại là Thực? Là tình thân cốt nhục, trẫm xá tội mà không giết, nay đối tước phong cho Thực."

Năm thứ tư, chuyển phong Thực làm Ung Khâu vương. Năm ấy, về hội triều ở kinh đô. Thực dâng sớ rằng:

"Thần tự mang tội về nước phong, ghi tâm khắc cốt, đoái nghĩ tội lỗi, giữa trưa mới ăn, nửa đêm mới ngủ. Thực rõ phép nước chẳng nên vi phạm, thánh ân khó dựa hai lần. Lòng riêng cảm kích với bài *Tương thư*,⁽¹⁾ hiểu cái nghĩa 'người mà vô lễ chẳng bằng chết sớm', soi bóng hỏi mình, muôn phần hổ thẹn.⁽²⁾ Nếu vì tội mà tự vứt bỏ sinh mệnh, thì trái với lời khuyên 'tịch cải'⁽³⁾ của thánh hiền thời cổ, nếu nhẫn nhục cầu tha trộm sống, thì phạm vào lời chê 'hồ nhan'⁽⁴⁾ của thi nhân."

"Cúi nghĩ bệ hạ đức lớn như trời đất, ân dày như cha mẹ, nhân từ như gió xuân, ân trạch như mưa đúng thời. Vì thế chẳng tách biệt cỏ với gai, là ân huệ của mây lành vậy; nuôi dưỡng cả bảy con, là lòng nhân của thi cư vậy.⁽⁵⁾ Xá tội đòi công, là nghĩa đẹp của minh quân vậy; thương ngu mến hiền, là ân tình của cha hiền vậy. Thế nên ngu thần bồi hồi với ân trạch mà chẳng tự vứt bỏ sinh mệnh của mình được vậy."

"Lúc trước nhận chiếu thư, bọn thần bị cấm về triều, lòng nguội chí nhật, tự nghĩ phận mình đến già chẳng mong được cầm nắm ngọc khuê.⁽⁶⁾ Chẳng ngờ thánh chiếu ban ân trưng triệu về kinh, chiếu đến trong ngày, lòng thần như ngựa chạy, ngóng trông xe liễn.⁽⁷⁾ Thần

¹ *Tương thư* là tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, dạy về đạo lý làm người.

² Nguyên văn: "Ngũ tình quý oán." Ngũ tình, tức là nói đến năm thứ tình cảm của con người ta là: Mừng, giận, buồn, vui, oán hận. Dịch thoát.

³ Nghĩa là: Kẻ quân tử buổi sớm có lỗi, buổi chiều phải sửa cái lỗi của mình.

⁴ *Kinh Thi*, bài *Tương thư* có câu: "Nhân nhi vô lễ, hồ bất thuyên tử" (Người mà vô lễ, sao bằng chết sớm). *Kinh Thi*, bài *Xảo ngôn* có câu: "Xảo ngôn như hoàng, nhan nhi hậu dĩ." (Nói khéo như rót, là mặt dày thôi). Tào Thục chọn hai chữ trong hai bài thơ kể trên, ghép thành chữ "hồ nhan." Ý tứ là còn mặt mũi nào mà sống.

⁵ Thi cư là tên một loài chim đại khái giống như chim bồ câu vậy. Chim thi cư nuôi con, buổi sáng bay từ trên cây xuống đầm kiếm mồi, buổi chiều thì mang mồi từ đầm bay lên cây nuôi con. Bài *Thi cư* trong *Kinh Thi* ý rằng: Chim thi cư đậu trên cây, chim có bảy con. Bậc hiền nhân quân tử, chỉ có một uy nghi. Có một uy nghi thì bền lòng không đổi chí.

⁶ Thời xưa vương chư hầu về châu ở kinh sư được cầm ngọc khuê lên triều. Ý của Thục là mình tự nghĩ không có cơ hội về triều kiến nữa.

⁷ Xe kiệu của vua.

tịch mịch ở nơi tây quán,⁽¹⁾ chưa đến được chốn khuyết đình, ý nghĩ trong lòng nhầy nhót, trông ngóng bồi hồi. Kính cẩn bái lạy xin dâng lên hai bài thơ.”

Thơ rằng:

“Phụ thân hiển vinh,
Là Vũ hoàng đế,
Vâng nhận mệnh trời,
Yên định bốn phương.
Cờ hồng bay lượn,
Chín châu xin hàng,
Đức hóa truyền lan,
Cõi hoang quy thuận.
Công vượt Thương, Chu,
Sánh với Đường Nghiêu.

Trời sinh vua ta,
Nổi chí thông minh,
Võ thì nghiêm uy,
Văn thì hòa hợp,
Thay ngôi Hán hoàng,
Coi xét muôn bang.
Khai mở giáo hóa,
Noi theo điển xưa,
Phong dựng anh em,
Làm vương phiên quốc.

Đế nói: Này hầu,
Ngươi quản Thanh châu,
Rộng đến ven biển,
Như Chu phong Lỗ,

¹ Tây quán là phủ đệ của Trần Tư vương Tào Thực nhà Ngụy. Sau này thành danh từ để chỉ phủ đệ của thân vương.

Áo xe huy hoàng,
Cờ ấn theo bậc,
Thêm nhiều hiền tài,
Giữ nhà giúp nước.

Tiểu tử là thần,
Cậy sủng huyênh hoang,
Phá hỏng triều cương,
Quốc gia náo loạn.
Thân làm phen dậu,
Loạn phép tiên vương,
Khinh mạn sứ thần,
Xúc phạm triều nghi.
Nước có hình luật,
Tước thần phải truất,
Ứng phép mà xét,
Đồng tội nguyên hung.⁽¹⁾

Thiên tử thánh minh,
Xót tình đồng mẫu,
Chẳng nỡ xử hình,
Phơi thây ngô chợ,
Trái phép Hữu ti,
Thương thần tiểu tử.
Đổi phong ấp Duyện,
Nơi bến Hoàng Hà,
Không đặt thuộc quan,
Vương không bày tôi,
Lỗi kẻ hoang dân,
Ai người phụ tá?
Thân hèn lo sợ,

¹ Nguyên hung, tức là kẻ thù ác đầu sỏ.

Ở Ký châu này,
Tiểu tử thương thân,
Lo mình mắc họa.

Thiên tử hiển hách,
Thi ân không sót,
Cho mũ tua đen,
Lưng đeo đai đỏ.
Đai đỏ chói lóa,
Thần được hiển vinh,
Phù tiết ngọc khuê,
Nhận thêm vương tước.
Ngẩng nhận kim ấn,
Cúi đỡ sách văn,
Hoàng ân quá hậu,
Cúi vâng kính sợ.
Tiểu tử than thân,
Phận mình gian ngu,
Chết thẹn lăng mộ,
Sống hổ khuyết đình.
Chẳng dám ngạo đức,
Thật cậy nhờ ân,
Gia tước cải phong,
Đủ vinh đến chết.

Lưới trời lồng lộng,
Chẳng tính được mệnh,
Thường sợ thân chết,
Tội xuống hoàng tuyền.
Mong xông tên đạn,
Đông Nhạc cấm cờ,
Dựng lập công lao,
Lấy công chuộc tội.

Hiển thân nhận mệnh,
 Biết miễn lỗi trước,
 Nguyên đến Giang, Tương,
 Mác vung Ngô, Việt.

Thánh thượng mở lòng,
 Thần đến kinh thành,
 Mong thấy thánh nhan,
 Như người đói khát.
 Lòng thần nghĩ nhớ,
 Vừa xót vừa đau,
 Trời cao thấu chẳng,
 Mong ân chiếu khắp."

Lại viết:

"Kính nhận minh chiếu,
 Ứng hội kinh kỳ,
 Giữa khuya gióng xe,
 Tinh sương xuất phát,
 Ngựa ăn no xong,
 Xe bon đường phẳng.
 Truyền dặn đồ dịch,
 Bảo người đi theo,
 Sáng từ Loan Đài,
 Tồi dùng Lan Chử,⁽¹⁾
 Đồng trứng mệnh mang,
 Sĩ nữ tấp nập,
 Đi qua ruộng công,
 Vui nhìn lúa tốt.
 Vòng quanh gốc si,

¹ Loan Đài, Lan Chử: Theo Lã Hưởng, người thời nhà Đường, là học giả, nhà thư pháp nổi tiếng, chú thích thì đây là hai địa danh, nhưng không nói rõ là ở đâu.

Bóng mát chẳng dừng,
Dầu có lương khô,
Đói không ăn vội.
Thấy thành chẳng qua,
Gặp ấp không ngắm,
Sai phu vung roi,
Đường bằng giục ngựa.
Tí mã nước kiệu,
Miệng sùi bọt trắng,
Gió lướt bên xe,
Mây xanh che đầu.
Lội khe qua bến,
Men quanh hẻm núi,
Theo sông Hoàng Hà,
Lên gò cỏ úa.
Tây vượt quan ải,
Lên xuống gập gềnh,
Bốn ngựa mệt mỏi,
Nửa chạy nửa dìng.
Sắp gặp Thánh hoàng,
Chẳng dám thông dong,
Giục ngựa vội vàng,
Đến nhanh kịp hẹn.
Xe trước nổi lửa,
Xe sau vác cờ,
Xe lăn không dìng,
Chuông không dứt tiếng.
Đã đến kinh kỳ,
Trú phía tây thành,
Ân chiếu chưa ban,
Ngày châu xa hút.
Ngẩng trông cửa thành,

*Cúi nghĩ khuyết đình,
Lòng tràn mển nhớ,
Lo buồn như say."*

Đế khen nghĩa văn và lời thơ của Thực, đặc biệt hạ chiếu thư đáp lại khuyên Thực cố gắng.^①

① *Ngụy lược* chép: Ban đầu Thực chưa đến cửa cung, tự nghĩ tội của mình, cần phải tới tạ lỗi với Đế. Bèn để quan lại đi theo trú lại ở Quan Đông, chỉ đem theo ba người giấu thân phận đi trước, vào gặp Trưởng công chúa Thanh Hà,⁽¹⁾ muốn nhờ xin tạ lỗi với Đế. Nhưng quan lại báo tin lên, Đế sai người đón chặn, Thực không gặp được. Thái hậu cho là Thực đã tự sát, đổi mặt Đế khóc lóc. Lúc Thực để đầu trần vác hình cụ, đi chân không đến dưới cửa khuyết, Đế và Thái hậu mới vui mừng. Đến lúc gặp nhau, Đế vẫn nghiêm sắc mặt, không cùng Thực nói chuyện, lại không sai đội mũ đi giày. Thực phục xuống đất rơi nước mắt, Thái hậu vì thế không vui. Đế bèn hạ chiếu lệnh cho Thực mặc lại vương phục.

Ngụy-thị Xuân Thu chép: Bấy giờ pháp lệnh đối xử với chư hầu rất nghiêm. Nhâm Thành vương đột tử, các vương hầu đều nghĩ vì tình anh em mà đau xót.

Thực cùng Bạch Mã vương Tào Bưu về nước phong, muốn cùng đường sang đông, vì tự nghĩ cái tình cách biệt đã lâu, nhưng Giám quốc sứ giả không nghe. Thực phát phần dộc nổi khổ ly biệt mà viết bài thơ rằng:

*"Yết đế Thừa Minh cung,
Rồi trở về nước phong,
Hoàng thành sớm tiến phát,
Chiều tối qua Thủ Dung.
Y, Lạc rộng lại sâu,
Muốn qua không có cầu,
Thuyền con vượt sóng dữ,
Hận đường dài đi lâu.*

¹ Là con của Tào Tháo, vợ của Hạ Hầu Mậu.

Ngoảnh đầu nhớ cung khuyết,
Vươn cổ lòng thương đau.

Thái Cốc sao mà rộng,
Cây núi sẫm màu xanh,
Mưa dầm bùn lấp lồi,
Nước ngập văng tung hoành.
Giữa đường không dấu vết,
Đôi hướng đi lên gò,
Sườn núi mây cao vút,
Ngựa đen óm thành vàng.

Đen vàng vẫn tiến được,
Lòng ta u uất sâu,
Kết sâu bởi vì đâu?
Thân tình dài ly biệt,
Chỉ là bạn đồng hành,
Giữa đường không như nguyện.
Trước càn xe quạ réo,
Sói nhón nhơ trên đường,
Nhặng xanh loạn đen trắng,
Lời gièm thân hóa sơ.
Muốn về không có lối,
Cầm cương đứng chần chờ.

Chần chờ có làm chi,
Nhưng nhớ người sao được,
Gió thu thổi mát mặt,
Ve kêu lạnh bên tai,
Đồng cỏ tiêu điều úa,
Mặt trời khuất non tây,
Thú hoang chạy tìm bầy,
Ngậm cỏ không nhai vợi,
Chim bay vào rừng sâu,
Đập cánh không biết mỏi,
Nghĩ vật lại thương thân,
Vỗ bụng đành than thở.

Than thở cũng làm chi,
 Số trời bất sinh ly,
 Vì sao cùng một mẹ,
 Một đi không hẹn về.
 Cô hồn liệng Cố vực,⁽¹⁾
 Xác thân gửi kinh kỳ,
 Người còn⁽²⁾ ai chẳng lỗi,
 Chết rồi thân tự suy.
 Người ta sống một đời,
 Thoảng qua ngấn ngủi thôi,
 Tháng năm là khoảnh khắc,
 Ngày cũ như vụt trôi,
 Mình không phải vàng đá,
 Than thở lòng đau thôi.

Lòng đau động tinh thần,
 Vứt bỏ chẳng phân vân,
 Trọng phụ chí bốn bề,
 Vạn dặm cũng như gần.
 Mến nhớ ví chẳng giảm,
 Chia xa tình thêm thân,
 Hà tất cùng chẵn trướng,
 Rồi sau mới ân cần.
 Bổng đâu chia cốt nhục,
 Sao chẳng đau vạn phần?

Vì đâu lòng phải đau?
 Thiên mệnh tin được đâu,
 Cầu tiên là huyễn ảo,
 Tùng Tử⁽³⁾ dối rất sâu,

¹ Cố Thành là đất phong của Tào Chương. Tào Thực và Tào Chương là anh em cùng mẹ với Tào Phi, do Biện thái hậu sinh ra. Cả hai chia tay nhau đến đất phong, tới khi Tào Chương chết, hai anh em không được gặp nhau.

² Tào Chương khi ấy đã chết, người còn ở đây là ý nói đến những người anh em khác còn đang sống vậy.

³ Xích Tùng Tử (赤松子): Xem chú thích ở tập III, quyển 14, trang 223 (Đồng Chiêu truyện).

Biển cỏ là chốc lát,
 Trăm năm giữ được đâu?
 Biệt ly không hẹn gặp,
 Cầm tay hỏi bao lâu?
 Vương hãy yêu thân thể,
 Cùng sống đến bạc đầu,
 Nuốt lệ lên đường tiếp,
 Phóng bút viết vài câu."

Năm thứ sáu, Đế đông chinh, quay về qua Ung Khâu, xa giá ghé cung của Thực, thêm ấp năm trăm hộ. Năm Thái Hòa nguyên niên, đổi đất phong đến huyện Tuấn Nghi. Năm thứ hai, lại chuyển về Ung Khâu.

Thực thường tự phân hận, là thân ôm tài kinh luân mà không có chỗ thi hành, dâng sớ xin được dùng thử, sớ rằng:

"Thần nghe nói sĩ nhân sống ở đời, lúc ở nhà thì thờ cha, ra làm quan thì thờ vua; thờ cha ở chỗ khiến phụ thân hiển vinh, thờ vua ở chỗ khiến quốc gia hưng vượng. Cho nên cha hiền năng chẳng yêu đứa con vô dụng, vua nhân đức chẳng nuôi bầy tôi vô năng. Luận đức mà trao chức, là quân vương nên công nghiệp vậy; liệu tài mà trao tước, là bầy tôi được ra sức theo mệnh vậy. Vì thế nên quân vương không trao chức hư, bầy tôi không nhận tước hão; trao chức hư gọi là tiến cử xằng, nhận tước hão gọi là ngồi không ăn lộc, đấy là lý do mà Kinh Thi có lời thơ 'Tố xan'⁽¹⁾ vậy. Xưa kia nhị Quắc⁽²⁾ chẳng từ chối nhận mệnh ở hai nước, là những người có đức dày vậy. Đán, Thích⁽³⁾ không khiêm nhường nhận phong ở Yên, Lỗ, là người có công lao cực lớn

¹ Tố xan (素餐) là lời thơ trong Kinh Thi, chê trách quan lại ngồi không mà hưởng bổng lộc.

² Túc Quắc Trọng (馮仲) và Quắc Thúc (馮叔), là hai em cùng mẹ của Chu Văn vương, đều là khanh sĩ. Sau khi Vũ vương diệt vua Trụ, phong cho Quắc Trọng đất Ché, gọi là Đông Quắc, phong cho Quắc Thúc đất Ung, gọi là Tây Quắc, làm phen dậu cho nhà Chu.

³ Túc Chu Công Đán và Triệu Công Thích, hai đại thần nổi tiếng triều Chu, giúp Chu Thành vương trị loạn, yên nước, công lao cực lớn.

vậy. Nay thần nhận trọng ân của quốc gia, đã ba đời nay rồi. Giữa lúc thiên hạ của bệ hạ ở cảnh thái bình, thánh ân gội rửa, đức giáo thấm dẫm, có thể gọi là phúc dày được rồi. Nhưng trộm giữ vị Đông phiên, tước hàng thượng đẳng, thân mặc áo lụa mềm, miệng ăn trăm vị ngon, mắt nhìn cảnh hoa mỹ, tai nghe âm tơ trúc, đầy đều bởi tước trọng lộc hậu đưa đến vậy. Nghĩ lại cái việc trao tước lộc thời cổ, so với nay có chỗ khác biệt, đều là vì cái công siêng năng giúp nước, giúp bậc quân chủ, tạo phúc cho dân. Nay thần không có đức hạnh để bày tỏ, không có công lao để ghi chép, như thế có hưởng hết tuổi trời cũng không có ích với quốc triều, thật tương hợp với lời hát chề 'Bỉ kỳ' ở phong nhân.⁽¹⁾ Vì thế ngẩng lên thẹn với mũ tua, trông xuống lại ngượng cùng đai đồ."

"Hiện nay thiên hạ thống nhất, chín châu an bình, nhưng trông lại phía tây có Thục kháng mệnh, phía đông có Ngô chưa phục, khiến sĩ binh biên ải chưa được cởi giáp, mưu sĩ chưa được kê gôi nằm cao, thần thực mong hợp nhất bốn cõi để đưa đến cảnh thái hòa. Xưa kia Khải diệt Hữu Hổ mà công của nhà Hạ hiển lộ, Thành đánh Thương, Yểm mà đức của nhà Chu sáng rõ.⁽²⁾ Nay bệ hạ dùng sự thánh minh để thống quản thiên hạ, muốn làm trọn cái công lao của hai vua Văn, Vũ, kế nối cái thịnh trị của hai vua Thành, Khang, tuyển người hiền năng, trao chức cho kẻ có tài, dùng bầy tôi như Phương Thúc, Triệu Hồ⁽³⁾ trấn ngự bốn phương biên cảnh, làm nanh vuốt của quốc gia, có thể gọi là dùng người thích đáng rồi. Chẳng qua chim bay cao chưa bị treo ở dây cung, cá lặn sâu chưa bị buộc ở dây câu, sợ là cái thuật câu, bắn chưa hoàn thiện vậy. Xưa kia Cảnh Yểm không đợi Quang Vũ đến, gấp rút đánh Trương Bộ, nói không để sót giặc lại cho quân

¹ Bài thơ *Hầu nhân* trong thiên *Tào phong* ở *Kinh Thi* có câu: "Bỉ kỳ chi từ/ Bất xứng kỳ phục." Tức là: "Kẻ kia tục từ/ Mũ áo xứng chăng?"

² Khải diệt Hữu Hổ, Thành đánh Thương Yểm: Xem chú thích ở tập II, quyển 8, trang 158 (Đào Khiêm truyện).

³ Phương Thúc, Triệu Hồ: Xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 223 (Tào Sảng truyện).

vuơng.⁽¹⁾ Cho nên Xa Hưu dùng kiếm tự vẫn ở trục xe, Ung Môn đâm cổ ở biên cảnh nước Tề, hai vũ sĩ ấy, há phải là chán sống mà thích chết đâu? Thực bởi phần hận vì chủ của mình bị người ta khinh mạn, vua của mình bị người khác lấn át vậy.⁽²⁾ ①

"Quân vương sủng ái bấy tôi, là muốn trừ hại hưng lợi; bấy tôi thờ quân vương, tất phải hiến thân trị loạn, lập công báo đáp chủ vậy. Xưa kia Giả Nghị hai mươi tuổi, thỉnh cầu được thử giữ chức Thuộc quốc,⁽³⁾ xin được trói cổ Thiên vu mà chế phục bắt hần theo mệnh; Chung Quân lúc trẻ tuổi đi sứ nước Việt, muốn dùng sợi dây dài để trói vua của nước ấy, dắt hần đến cung điện phương bắc.⁽⁴⁾ Hai vị bấy tôi ấy, há thích khoa trương với chủ mà huyênh hoang với đời sao? Chỉ là cái chí của họ uất kết, muốn thi triển cái tài sức của mình, dốc tài năng với minh quân vậy. Ngày xưa Hán Vũ vì Hoắc Khứ Bệnh dựng phủ đệ, Hoắc Khứ Bệnh từ chối nói: 'Hung nô chưa diệt, thần không dùng nhà làm gì!' Bởi thế lo nước quên nhà, xả thân cứu nạn, là cái chí của kẻ trung thần vậy. Nay thần ở cõi ngoài, không phải là không được đãi hậu, mà ngủ không yên chiếu, ăn chẳng ngon miệng, là vì hai phương chưa diệt được mà suy nghĩ vậy."

¹ Cảnh Yêm (耿弇) là tướng tài của Quang Vũ đế Lưu Tú. Khi đi đánh Trương Bộ bị trúng tên vào đùi trái - xem chú thích ở tập IV, quyển 18, trang 93 (Lã Kiên truyện), vẫn cầm binh đánh trận. Bộ tướng nói: "Giặc ở huyện Kịch cường mạnh, tạm thời đóng cửa doanh dưỡng sĩ tốt, đợi Hoàng đế đến." Cảnh Yêm nói: "Thiên tử đến, kẻ thần tử phải giết trâu bưng rượu để đợi, há đâu để giặc lại làm nhục chúa thượng sao?" Bèn ra sức đánh, thắng trận.

² Bùi Tùng Chi dẫn *Thuyết uyển* của Lưu Hướng người đời Hán để chú thích.

³ Chức thuộc quốc là quản lĩnh những kẻ man di đầu hàng. Về Giả Nghị, xem thêm chú thích ở tập I, quyển 2, trang 159 (Văn đế kỷ).

⁴ Chung Quân (終軍), tự Tử Vân (子云), người quận Tế Nam, là nhà chính trị, ngoại giao, sống vào thời Hán Vũ đế. Năm mười tám tuổi, được Hán Vũ đế phong làm "Yết giả Cấp sự trung", sau thăng làm Giám nghị đại phu. Chung Khanh vì nước Nam Việt không phục, tâu xin vua Hán Vũ đế được mang sợi tơ dài sang trói vua Nam Việt đem về trị tội. Chuyến đi sứ của Chung Quân thành công. Nam Việt chịu hàng. Hai chữ "thỉnh anh", tức sợi tơ dài, sau này thành điển tích, là chỉ việc đi tòng quân vậy.

"Cúi xét các lão tướng của tiên phụ là Vũ hoàng đế, nghe nói nhiều người tuổi cao đã lìa đời. Tuy thế gian không thiếu hiền tài, các lão tướng và binh tốt xưa vẫn tinh thực chiến trận, riêng thần không tự lượng lực, có chí dốc sức vì nước, mong lập chút công mọn, để báo đáp ân trạch mà mình đã nhận. Ví như bệ hạ phát một chiếu thư phi thường, cho thần được phát huy tác dụng của trùy đao, sai thần sang tây thuộc quyền Đại tướng quân, được lĩnh một đội quân, nếu sai sang đông thì thuộc quyền Đại tư mã, được thống lĩnh một đội thuyền, tất thần sẽ xông pha vượt hiểm, rong thuyền ruổi ngựa, lâm trận vung đao, làm gương cho sĩ tốt. Tuy chưa thể bắt Quyền giết Lượng, nhưng có thể bắt được hùng soái của địch, diệt sĩ binh của chúng, thần nhất định dốc sức thủ thắng, để rửa sạch cái thẹn một đời, khiến danh treo đầu ngọn bút, tích chép ở sách triều. Dầu chia tây nơi biên Thục, đầu treo ở cung Ngô, thì chết mà vẫn sống vậy. Ví như tài mọn của thần chẳng được dùng thử, suốt đời tịch mịch không có tiếng tăm, chỉ là thân hưởng vinh hoa vô báo thể xác, sinh ra vô ích với đời, chết không tổn hại đến ai, hư hao ở ngôi cao mà nhục lộc hậu, như thú chuồng chim cảnh, có sống đến bạc đầu, cũng chỉ như vật dưỡng trong lồng, đầy vốn không phải là chí nguyện của thần vậy. Nghe nói quân ở phía đông mắc lỗi phòng bị, sư lễ gặp tổn thất nhỏ, thần đang ăn bỏ dở, bèn xốc áo đứng dậy, vội kiếm ngoài sang đông, mà lòng đã rong ruổi ở đất Ngô rồi."

"Thần khi xưa theo tiên phụ Vũ hoàng đế xuôi nam đến Xích Ngạn, phía đông tới Thương Hải, phía tây trông xa thấy Ngọc Môn, phía bắc ra nơi ải hiểm, vì thế thấy được cái cách hành quân dụng binh, có thể nói là thần diệu rồi. Thần biết dụng binh chẳng thể nói trước, lúc lâm nạn thì chế hóa vậy. Thần lập chí muốn ra sức tự báo đáp vào lúc thời thế chính trị thanh bình, lập công ở đời thánh minh. Mỗi khi đọc sử tịch, xem đến các nghĩa sĩ trung thần thời xưa, vứt bỏ tính mệnh mình, vì nạn nước hiến thân, thân tuy bị giết mổ, nhưng công huân khắc vào chuông đỉnh, anh danh chép vào tre lụa, chưa từng không vô bụng mà than thở vậy. Thần nghe nói mình chủ sai khiến thân tử,

chẳng quên bỏ người có tội. Cho nên tướng bại trận thua chạy được dùng, hai nước Tần, Lỗ vì thế thu được thành công;⁽¹⁾ ② bấy tôi dứt dài mũi, trộm ngựa được tha tội, quốc quân hai nước Sở, Triệu vì thế thoát nguy nan.⁽²⁾ ③ Thần tự cảm thương tiên đế sớm băng hà, Uy vương lìa đời, riêng thần là người thế nào, mà tham sống thọ! Thần thường sợ mệnh mình như sương sớm, chôn vùi nơi ngòi rãnh, mộ phần đắp chưa cao, mà thân danh đều tan mất. Thần nghe nói ngựa kỳ ngựa ký hí vang, thì Bá Nhạc xét rõ được cái sức của nó;⁽³⁾ lô cầu kêu bi thương, thì người nước Hàn biết được cái tài của nó.⁽⁴⁾ Vì thế mong bệ hạ đi theo con đường của Tề, Lỗ, cho thần gánh chức trách ruổi rong như thiên lý mã; thử dùng cái miễn tiện của thỏ khôn để chứng nghiệm cái tài bất cận của thần. Nay thần có chí lập cái công nhỏ của loài chó ngựa, trộm tự nghĩ xét, rút cục không ai tiến cử mình như Bá Nhạc, Hàn Quốc, vì thế ở ấp phong mà lòng tự thấy đau thương.”

¹ Tướng bại quân thua chạy được dùng của hai nước Tần, Lỗ, ý chỉ vào hai người là Mạnh Minh của nước Tần và Tào Mạt của nước Lỗ.

Mạnh Minh (孟明): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 57 (Viên Thiệu truyện).

Tào Mạt (曹沫), có dũng, có sức khỏe, là tướng của Lỗ Trang công.

² Sở Trang vương dẹp phản loạn xong, sai bày tiệc rượu thết đãi các quan. Mạt trời khướt bóng, tiệc vẫn dở dang, Trang vương sai thấp nền uống tiếp, lại gọi thiếp yêu là Hứa Cơ ra cho đại thần chúc rượu. Chợt có cơn gió làm tắt hết nến, tướng của Trang vương là Tường Hùng thừa cơ kéo áo của Hứa Cơ treo cột, Hứa Cơ bèn giật đứt dài mũi của Tường Hùng rồi tâu với Trang vương. Trang vương cho rằng mình ép các quan uống rượu say quên cả lễ phép, vì chuyện đàn bà mà sỉ nhục người khác thì không nỡ, bèn sai các quan dứt bỏ hết dài mũi rồi thấp nền uống rượu tiếp. Trang vương và Hứa Cơ đều không biết người đây là ai, Tường Hùng vì thế thoát nạn. Sau này Trang vương đi đánh trận, Tường Hùng luôn xông pha trận mạc, liều chết chiến đấu bên Trang vương, Trang vương hỏi ra mới biết đây là người đã đứt dài mũi của Hứa Cơ năm xưa.

Việc Tần Mục công tha tội cho bọn trộm ngựa. Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 56 (Quân Ninh truyện).

³ Bá Nhạc (伯乐): Xem chú thích ở tập IV, quyển 16, trang 26 (Đỗ Kỳ, Đỗ Thù truyện).

⁴ Là giống chó của nước Hàn, màu sắc đen tuyền như nhung, rất tinh khôn và khỏe mạnh. Tương truyền là những người biết xem chó, cứ nghe tiếng kêu của nó thì biết cái khôn cái tài của nó thế nào.

"Xem đồ bác⁽¹⁾ mà nhón chân, nghe nhạc mà vỗ tay, đây là người biết thưởng thức nhạc và thông hiểu cái thuật đồ bác vậy. Xưa kia Mao Toại, chỉ là kẻ nô bộc ở nước Triệu thôi, còn mượn cái dùi trong túi làm ví dụ, để đánh động chủ nhân mà lập công,⁽²⁾ hướng chỉ đường đường là triều đình của Đại Ngụy lắm kẻ sĩ, mà không có bầy tôi khảng khái dám chết sao! Thần tự khoe khoang tự tiến cử mình, là hành vi xấu xa của nữ lưu tự chọn người phối ngẫu. Mưu thuận thời thế để cầu sự tiến thân, là điều tối kỵ của đạo gia. Nhưng thần dám tỏ bày dâng lời với bề hạ, thực vì thần với quốc gia một thể chia hai, phân hình liên khí, họa loạn chung lo vậy. Mong góp bụi trần để bổ vá non sông, lấy ánh đom đóm để rạng thêm nhật nguyệt, vì thế thần dám mạo muội phô bày cái xấu của mình mà dâng hiến lòng trung." ④

① Thuyết uyển của Lưu Hưởng chép: Giáp binh nước Việt đến nước Tề, Ung Môn Dịch xin được chết. Tề vương nói:

- Thanh âm của chiêng trống chưa vang, tên đạn chưa giao nhau, trường mâu chưa tiếp giáp, sao ngài muốn chết? Có biết lễ tiết của nhân thần chăng?

Ung Môn Dịch đáp rằng:

- Thần nghe nói, trước kia Vương đi săn ở vườn thú, ở trục xe bên tả, Xa Hữu xin chết, Vương nói: "Người vì sao mà chết?" Xa Hữu

¹ Đồ bác là chò trôi cổ xưa, loại loại tương tự như chơi xúc xắc bây giờ.

² Mao Toại (毛遂), là người nước Triệu thời Chiến Quốc, là môn khách của Bình Nguyên Quân Triệu Thắng. Nước Tần đánh bại nước Triệu ở Trường Bình, vây Hàm Đan, Triệu vương sợ hãi, sai Bình Nguyên Quân sang nước Sở cầu viện binh. Bình Nguyên Quân chọn 20 người giỏi trong số môn khách mang theo, nhưng chỉ được có 19 người, thiếu một người. Mao Toại tự tiến cử mình, Bình Nguyên Quân không biết Mao Toại bèn hỏi thì biết là Mao Toại ở nhà mình đã ba năm bèn cười nói: "Người có tài thực, giống như cái dùi trong túi vải, đầu nhọn tất lộ ra ngoài. Tiên sinh ở đây đã ba năm mà tôi chưa nghe nói đến, Tiên sinh nên ở lại." Mao Toại nói: "Nếu tôi được bỏ vào túi vải từ lâu, thì không phải chỉ lộ mũi dùi, mà cả cây dùi đều lộ hết rồi." Bình Nguyên Quân bèn cho đi. Lúc gặp vua Sở đàm phán, vua Sở không giúp, tân khách chẳng biết làm sao, Mao Toại bèn tiến lên trò kiếm vào Sở vương uy bức, Sở vương sợ mà theo. Hàm Đan nhờ được Sở giúp mà giải được vây. Bình Nguyên Quân nói: "Ba tác lược của Mao Toại còn hơn cả trăm vạn quân. Nếu ông ta không tự tiến cử thì sao có được thắng lợi này?"

nói: "Vì có thanh âm ở trục xe bên tả kinh nhiều vua ta vậy." Vương nói: "Trục xe bên tả có thanh âm lạ, đấy là tội của phu xe vậy. Có liên quan gì đến người đâu?" Xa Hữu đáp rằng: "Thần chẳng biết cái thuật gióng xe của xa phu, mà chỉ thấy thanh âm ở trục xe bên tả vậy." Bền đâm cổ mà chết. Có việc đấy chẳng?

Vương nói:

- Có việc ấy.

Ung Môn Địch nói:

- Nay giáp binh nước Việt đến, là thanh âm kinh nhiều vua ta, há chẳng phải là thanh âm lạ dưới trục xe sao? Xa Hữu có thể chết vì thanh âm lạ dưới trục xe, mà riêng thần lại không thể vì giáp binh của nước Việt đến xâm phạm mà chết sao?

Nói xong đâm cổ mà chết. Hôm ấy, tướng nước Việt dẫn quân lui về bảy mươi dặm, nói:

- Tề vương có bày tôi đều như Ung Môn Địch, e là sẽ khiến cho xã tắc nước Việt không có chỗ mà cúng tế.

Bèn quay về. Tề vương dùng lễ thượng khanh táng Ung Môn Địch.

② Thần Tùng Chi xét: Nước Tần dùng tướng bại quân, việc rõ ràng, cho nên không chú.

Lỗ Liên gửi thư cho tướng nước Yên nói:

"Tào tử làm tướng nước Lỗ, ba lần đánh ba lần thua chạy mà mất năm trăm dặm đất, ví như Tào tử không tự nghĩ lại, theo nghĩa chẳng cất chân, đâm cổ mà chết, thì cũng chẳng thoát cái danh là tướng bại quân rồi. Tào tử vứt bỏ cái nhục ba lần thua chạy, mà lui về cùng vua Lỗ tính kế. Lúc Hoàn công đến châu thiên tử, hội chư hầu, Tào tử chỉ dùng một thanh kiếm, xé lòng Hoàn công ở trên đàn, nhan sắc không đổi, lời lẽ khí phách không loạn. Cái thua bại mất đất ba lần đánh trận, một sớm mà thu lại được. Thiên hạ chấn động, chư hầu kinh hãi, uy danh truyền đến tận Ngô, Việt."

Hai kẻ sĩ như thế, không phải là không thể thành toàn được cái đức nhỏ mà không làm những việc nhỏ nhặt vậy.

③ Thần Tùng Chi xét: Sở Trang vương giấu cái tội dứt dải mũ, việc cũng rõ ràng, cho nên không chép ra đây. Có việc Tần Mục

công tha tội cho bọn trộm ngựa, việc ở nước Triệu thì chưa nghe nói. Có lẽ là vua Tần với vua Triệu cũng cùng họ, cho nên vẫn tự đáp đối để tránh dẫn tích của Tần ở trên vậy.

④ *Ngụy lược* chép: Thực tuy dâng biểu văn này, vẫn sợ là mình không được dùng, cho nên viết:

"Con người ta sống ở đời được quý hiển, không phải là quý hiển ở chỗ hưởng cảm ỷ ngọc thực, sống hết tuổi trời, mà quý ở chỗ được thay uy trời mà trị lý vậy. Tước lộc, không phải là thứ hư trương, có công đức rồi sau mới ứng nhận, là xác đáng rồi. Không có công mà tước hậu, không có đức mà lộc trọng, có người cho đó là vinh, nhưng kẻ tráng sĩ lấy thế làm thẹn. Cho nên cao nhất lập đức, thứ nữa là lập công, đại khái là nhờ công đức để lưu danh vậy. Danh thì không tan biến được, là thứ mà kẻ sĩ tranh giành vậy, cho nên đức Khổng tử có lời bàn 'tịch tử',⁽¹⁾ thầy Mạnh Kha có lời nghĩa 'khí sinh'.⁽²⁾ Hai vị ấy một thánh một hiền, há chẳng mong được sống lâu sao? Là vì chí hướng của hai vị ấy không thi triển được vậy. Vì thế thần bùi ngùi cầu xin được dùng thử, mong dựng lập công danh. Than ôi! Cầu xin mà chưa được dùng, mong sao bậc quân tử đời sau thấu hiểu được nỗi khổ tâm của thần vậy."

Năm thứ ba, dời đất phong của Thực đến huyện Đông A. Năm thứ năm, Thực lại dâng sớ xin được thăm hỏi người thân thích, nhân đó bày tỏ tâm ý rằng:

"Thần nghe nói bầu trời xúng là cao nhất, vì không có gì che trùm được; mặt đất xúng là lớn nhất, vì không có gì chuyển chỗ được; mặt trời mặt trăng xúng là sáng nhất, vì không đâu không chiếu tới; bể khơi xúng là rộng nhất, vì không thứ gì dung chứa được. Cho nên Khổng tử nói: 'Lớn lao thay ông Nghiêu làm vua! Chỉ có trời là lớn. Vua Nghiêu bắt chước trời vậy.' Cái ân đức của trời với muôn vật, có thể gọi là rất rộng lớn rồi. Đại khái là vua Nghiêu thi hành giáo hóa, trước thân sau sơ, từ gần đến xa. Kinh truyện nói: 'Hãy làm sáng

¹ Khổng tử nói: "Triều văn đạo, tịch tử hĩ." Nghĩa là: "Sáng nghe hiểu đạo lý, chiều chết cũng thỏa lòng."

² Mạnh tử nói: "Xá sinh thù nghĩa." Nghĩa là: "Bỏ thân giữ nghĩa."

đức lớn, thân gần với cửu tộc, cửu tộc đã hòa mục, làm trăm họ tốt lên.' Đến thời Chu Văn vương cũng chuông việc thúc đẩy giáo hóa, Kinh Thi nói: 'Giữ phép thường với vợ, rồi giữ với anh em, để trị khắp nước nhà.' Vì thế thiên hạ vui hòa, thi nhân ca tụng. Xưa kia Chu công soi xét cái ý bất hòa của Quản, Sái, rộng rãi phân phong cho thân thích để làm phân dậu cho vương thất, kinh truyện nói: 'Chu hầu đời Chu hội minh, người khác họ liệt sau.' Đấy thực là ân nghĩa cốt nhục dù lỗi không lìa, cái nghĩa thân thích thật đôn hậu bền vững vậy, chưa ai có nghĩa mà quên lìa quân vương của mình, có nhân mà bỏ sót thân thích của mình vậy."

"Cúi nghĩ bệ hạ vốn mang đức thánh của Đường Nghiêu, có tư chất nhân ái cung kính của Văn vương, hòa mục với hậu phi, ban ân khắp chín họ, quần liêu trăm quan, thay nhau nghỉ ngơi, lần lượt đến hầu, chính sự ở triều đường không bê trễ, thấu tỏ tình riêng trong chốn nội đình, xóm giềng thân thuộc qua lại tương thông, việc chia vui thăm viếng được tự do biểu lộ, thực có thể gọi là tỏ lòng khoan dung rộng rãi trị người, quảng đại thi ân được rồi. Đến như hạ thần, đường giao vãng với thân nhân dứt tuyệt, bị cấm cố ở thời thánh minh, khiến thần trộm thấy thương thân. Chẳng dám quá phận mong giao vãng cùng bằng hữu, vốn là việc thông thường của con người, là đầu mối của nhân luân. Gần đây lại thêm việc hôn nhân không được lai vãng, anh em cách tuyệt, tin tức cát hung bế tắc, lễ tiết khánh điếu phế bỏ, tình nghĩa cách xa, chẳng bằng kẻ trên đường, cái mức cách trở còn hơn Hồ Việt.¹ Nay thần vì bị cấm chế toàn bộ, vĩnh viễn không có hy vọng được triều kiến, đến như thần một lòng quan tâm đến bệ hạ, gắn kết tình cảm với cung đình, chỉ có thần mình mới biết thôi. Nhưng ý trời như thế, thần biết nói làm sao! Lại nghĩ các vương hầu thường có lòng thân thiết gần gũi với nhau, mong bệ hạ bỗng nhiên ban ân chiếu, cho các nước phong được thăm hỏi chúc mừng nhau, bốn mùa

¹ Người Hồ ở phía bắc của Trung Nguyên, người Việt ở phía nam Trường Giang. Một nam một bắc, cách nhau rất xa vậy.

cùng gặp gỡ, để thỏa tình nhớ mong cốt nhục, để trọn nghĩa hòa mục anh em. Khiến phi thiếp trong nhà được tặng đồ phấn sáp, mỗi năm thêm hai lần gặp gỡ, để chúng thân được sánh nghĩa với ngoại tông, ân huệ được ngang bằng với trăm quan, như thế, cái lời mà cổ nhân xưng tụng, cái điều mà thi nhân ngâm vịnh, lại xuất hiện ở thời thánh minh của bản triều rồi."

"Thần cúi đầu tự nghĩ xét, mình không có cái đức dụng của trùy đao. Chỉ quan sát những người mà bề hạ nhậm dụng, tựa như thần là người khác họ, thăm tự tính liệu, thân mình thật chẳng được như kẻ sĩ ở trong triều. Nếu như được bỏ mũ miện của vương hầu, đội mũ võ quan, cỡi dây thao đỏ, đeo dây đai xanh, bất kể làm Phò mã hay Phụng xạ, được nhận một hiệu phong, yên nhà ở kinh sư, cầm roi cấp bút, ra theo xe lọng, vào hầu xa giá, ứng đáp thánh vấn, nhật nhậm lỗi sót bên hoàng thượng, đấy là chí nguyện chân thành, là giấc mộng không dứt bấy lâu nay trong tâm tưởng của thần vậy. Xưa thần hâm mộ bài thơ 'Lộc minh' miêu tả quân thần yện hội, kẻ đó là ngâm vịnh bài 'Thường lệ' răn bảo tình anh em, sau nữa là nghĩ nhớ bài 'Phạt mộc' nói nghĩa tình bằng hữu, cuối cùng là hoài cảm bài 'Liệu nga' thương cảm khôn cùng.⁽¹⁾ Mỗi khi bốn mùa đến ngày triều hội, thần trợ trọi một mình, xung quanh chỉ có nô bộc, đôi mắt chỉ có vợ con, lời khoát luận cao đàm không có người bày tỏ, suy diễn nghĩa lý không có kẻ lắng nghe, tai nghe âm tơ trúc mà chưa từng không vỗ bụng, trước chén rượu chỉ than thở mà thôi. Thần cúi xét cho rằng cái lòng thành của loài khuyến mã chẳng thể cảm động đến nhân tâm, cũng ví như thành ý của người chẳng thể cảm động đến trời xanh vậy. Chuyện thành lữ, sương rơi,⁽²⁾

¹ Các bài thơ trên đều là những bài thơ trong *Kinh Thi*, nhắc người ta ghi nhớ về tình cảm thân thiết giữa vua tôi, anh em, bè bạn và lòng hiếu của con với cha mẹ.

² Theo *Tả truyện*, thời Xuân Thu ở nước Tề, đời vua Tề Trang công, có người lính là Kỷ Lương chết trận ở thành Cừ, vợ của Kỷ Lương đau đớn hướng lên cửa thành mà khóc suốt bảy ngày đêm, tường thành đổ sập.

Thời Chiến Quốc, ở nước Yên, đời Yên Huệ vương, Trâu Diễn là đại thần, thờ vua rất trung thành, bị quan lại gièm pha, Yên Huệ vương tin lời gièm, bắt Trâu Diễn hạ ngục, Trâu Diễn ngẩng mặt lên trời kêu khóc, giữa mùa hạ trời giáng sương.

mới đây thần tin là thật, nhưng lấy tâm cảnh của thần ra so sánh, thực chỉ là chuyện hư hao mà thôi. Như lá quỳ lá hoắc⁽¹⁾ hướng về phía mặt trời, vầng thái dương chẳng vì quỳ hoắc mà phản chiếu, nhưng lá quỳ lá hoắc vẫn một lòng hướng về mặt trời. Thần trộm tự so mình với quỳ hoắc, nếu được trời đất giáng phúc, rủ ánh tam quang chiếu khắp vạn vật, đây đích thực là tấm tình của bệ hạ thôi.”

”Thần nghe Văn tử giảng: ‘Không lấy phúc trước, chẳng rước họa đâu.’ Mà nay đây kia cách tuyệt, bạn hữu chung nổi ưu tư, nhưng riêng có thần xướng ngôn, là vì thần không muốn rằng ở đời thánh minh mà thánh đức không thi ân cho muôn vật. Nếu không thi ân cho muôn vật, tất lòng người nầy sinh nổi oán phần bi thương, vì thế thiên Bách chu có nổi oán ‘Thiên chi’,⁽²⁾ thiên Cốc phong có lời than ‘Khí dư’.⁽³⁾ Cho nên Y Doãn hổ thẹn vì vua của mình chẳng bằng được Nghiêu Thuấn,⁽⁴⁾ Mạnh tử nói: ‘Chẳng giống như Thuấn thờ vua Nghiêu mà phụng sự quân chủ của mình, là bất kính với vua vậy.’ Thần là kẻ ngu độn, cho nên không phải là Ngu Thuấn, Y Doãn, đến như việc muốn khiến cho đức chính của bệ hạ rạng ngời, để người đời khen tụng đức tốt, tuyên dương ân đức anh minh của bệ hạ, thì đây là thành ý cung cung kính kính của thần, một mình thần ở nơi xa, như chim hạc đứng ngóng trông. Thần mạo muội dâng biểu văn bày tỏ, mong bệ hạ bồng dung nghe thấu ước nguyện của thần.”

Đế hạ chiếu đáp thư rằng:

¹ Lá quỳ, còn gọi là Hướng nhật quỳ (向日葵), nhánh mọc thẳng, cuối thu nở hoa vàng, lá của nó thường hướng về mặt trời. Người ta thường dùng hình tượng của lá này để tỏ ý là kẻ dưới hướng mộ người trên; Cây hoắc hương, là thảo mộc, lá hình tam giác, có mùi thơm.

² Kinh Thi, Quốc phong, bài Bách chu có câu: “Mẫu dã thiên chi/ Bất lượng nhân chi.” Ý là: “Lòng mẹ như trời/ Sao chẳng tin ta?”

³ Kinh Thi, Tiểu nhã, bài Cốc phong có câu: “Tương khùng tương cụ/ Duy dư dữ nhữ/ Tương an tương nhạc/ Nhữ chuyển khí dư.” Ý là: “Đang lo đang sợ/ Chỉ ta với người/ Lúc yên lúc vui/ Người quên lìa ta.”

⁴ Có sách nói: Y Doãn làm quan ở triều đình của vua Trụ nhà Ân, vì Trụ hoang dâm tàn bạo, khinh rẻ chư hầu, đức mỏng, nên Y Doãn sang triều Thương phù tá vua Thành Thang.

"Đại khái là con đường mà giáo hóa lan đi, đều có hưng suy, không phải là ban đầu thiện mà sau ác vậy, là do thế sự mà thành như thế. Sở dĩ lòng trung hậu nhân ái thì ân đến tận cây cỏ, thì người ta mới sáng tác ra bài thơ 'Hành vi';⁽¹⁾ lúc ân trạch suy bạc, không thân với cửu tộc, thì mới xuất hiện lời chê bai 'Giác cung'.⁽²⁾ Nay khiến huynh đệ ở các nước phong tình cảm cách tuyệt, phi thiếp trong nhà phần sáp giản lược, ví thử trăm chẳng thể khiến cho anh được em hòa mục, Vương viện dẫn nghĩa cổ làm ví dụ rất tường tận, nhưng sao lại nói là sự chí thành chẳng đủ để cảm động lòng người? Làm sáng rõ quý tiện, tôn sùng người thân của mình, đãi ngộ hiền tài, lớn bé hòa thuận, là kỷ cương của quốc gia, vốn dĩ không có chiếu lệnh cấm các nước phong thăm hỏi nhau, là do việc nấn sửa bị uốn cong thành lỗi chính sự, quan lại ở dưới sợ bị khiển trách, mới dẫn đến thế thôi. Nay sắc mệnh cho Hữu ti, theo như điều mà Vương thỉnh cầu."

Thực lại dâng sớ bày kế ý nghĩa của việc thăm hạch tuyển cử quan lại, sớ viết:

"Thần nghe nói khí trời đất tương hợp mà muôn vật sinh sôi, quần thần đồng lòng hợp đức mà chính sự đại thành; Thời Ngũ đế không phải người người đều có trí, đến cuối thời Tam quý⁽³⁾ không phải người người đều xuân ngọc, có cái khác là dùng hiền tài hay không dùng, biết hiền tài hay không biết đẩy thôi. Đã có cái danh nghĩa là cử dụng hiền tài, mà sự thật là không có được hiền tài, tất đều là kéo dắt thân hữu của mình mà tiến cử rồi."

"Ngạn ngữ nói: 'Nhà Tể tướng sinh tể tướng, nhà Tướng quân xuất tướng quân.' Tể tướng, phải là người có đức sáng rõ vậy; tướng

¹ Kinh Thi, Đại nhã, bài Hành vi có câu: "Thích thích huynh đệ/ Mạc viễn cụ nhĩ." Ý rằng: "Anh em tương thân/ Chớ xa hãy gần." Nói đến tình thân họ mạc.

² Kinh Thi, Tiểu nhã, bài Giác cung có câu: "Huynh đệ hôn nhân/ Vô tư viễn hĩ." Ý rằng: "Anh em nội ngoại/ Đừng cách xa nhau." Nói việc gắn kết tình thân cửu tộc.

³ Tam quý (三季): Xem chú thích ở tập I, quyển 5, trang 315 (Minh diệu Mao hoàng hậu truyện).

quân, phải là người có võ công hiển hách vậy. Đức sáng rõ, thì có thể nắm sửa quốc triều, dẫn quốc gia đến cảnh thái bình, Tắc, Tiết, Quý, Long là người như thế vậy.⁽¹⁾ Võ công hiển hách, thì có thể đánh dẹp kẻ không quy thuận, uy nhiếp tứ di, Nam Trọng, Phương Thúc là người như thế rồi.⁽²⁾ Xưa kia Y Doãn là nô bộc bồi giá,⁽³⁾ là bản tiện hết mức vậy, Lã Thương làm kẻ đi câu giết mổ,⁽⁴⁾ là hèn mọn hết mức vậy, đến lúc được đề cử với Thang Vũ, Chu Văn, thành chung lòng hợp đức, diệu toán tương thông, há phải là thân gần được tiến cử, hay nhờ sự giới thiệu của người xung quanh đâu. Kinh Thư nói: 'Quân vương phi phạm, tất có thể dùng bầy tôi kiệt xuất; dùng bầy tôi kiệt xuất, tất có thể lập cái công phi phạm.' Hai vị Thang, Vũ của hai triều Ân, Chu là người như thế rồi. Nếu chỉ có bầy tôi thiếu cận ở gần, giữ phép thường theo quy chuẩn, sao đủ giúp lời hay cho bề hạ? Vì thế âm dương bất hòa, tam quang không chiếu khắp, chức quan trống mà chẳng có người, các việc chính trị không tề chỉnh, là trách nhiệm của Hữu ti vậy. Bờ cõi xao động, lân quốc nội xâm, quân thua lính mất, can qua không dừng, là mối lo của tướng lĩnh giữ biên cương vậy. Há chẳng phải là gánh chức hão nhận quốc sủng mà không xứng chức sao? Cho nên chức vụ càng cao thì gánh việc càng nặng, ngôi vị càng lớn thì trách nhiệm càng sâu, Kinh Thư nói: 'Việc không thiết yếu thì không đặt chức', Kinh Thi nói: 'Có chức phận thì phải lo xét chức trách của mình', đây là ý nghĩa của việc đặt ra quan chức vậy."

"Bề hạ vốn mang đức thánh trời ban, đăng cơ hoàng vị kế nối đại thống, đã nghe lời ca Khang tai,⁽⁵⁾ ca tụng cái việc dùng võ sửa văn.

¹ Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 182 (Vương Lăng, Vương Túc truyện).

² Phương Thúc (方叔): Xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 223 (Tào Sảng truyện).

Nam Trọng (南仲): Xem chú thích ở tập III, quyển 15, trang 293 (Trương Ký truyện).

³ Truyền thuyết kể: Lúc Y Doãn (Y Chí) còn là nô bộc, làm kẻ nấu bếp trong nhà thủ lĩnh tộc Hữu Sấn, vua Thang cầu hôn con gái của tộc Hữu Sấn, Y Doãn nghe tin hành Thang hiền, muốn theo nhưng không có lý do, bèn xin làm tiểu thần theo hầu bên xe giá (đáng thần) của con gái tộc Hữu Sấn để đến được nước Thương.

⁴ Lã Thương: Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 63 (Quản Ninh truyện).

⁵ Lời ca "Khang tai": Xem chú thích ở tập III, quyển 15, trang 300 (Ôn Khôi truyện).

Nhưng mấy năm gần đây, thiên tai hạn hán bất thường, dân chúng thiếu khốn vì cơm áo, sự lữ liên tục điều phát, thuế khóa tăng từng năm, thêm nữa là phía đông có việc thua quân, phía tây có tướng bị giết, đến nỗi trai hèn bơi liệng ở Hoài, Tứ, chồn sóc nhảy múa ở rừng sâu. Thần mỗi khi nghĩ đến những việc ấy, chưa từng không buông bát giữa bữa ăn, trước chén rượu mà chống tay suy tính. Xưa kia Hán Văn khởi hành từ đất Đại, lo trong triều có biến, Tống Xương nói: 'Trong triều có thân tộc là Chu Hư và Đông Mâu hầu, bên ngoài có các vương Tề, Sở, Hoài Nam, Lang Nha, đấy là tông thất vững như bàn thạch, xin vương chớ nghi ngại.'⁽¹⁾ Thần cúi nghĩ bệ hạ xa thì xem việc nhĩ Quốc giúp đỡ Chu Văn, gần hơn thì nghĩ chuyện Triệu, Tất phù tá Chu Thành,⁽²⁾ dưới nữa thì xét đến lời nói vững như bàn đá của Tống Xương. Trước kia ngựa Kỳ ngựa Ký lúc ở sườn núi nước Ngô,⁽³⁾ có thể gọi là khôn rồi, đến lúc Bá Nhạc dắt ngựa ra, Tôn Bưu giống ngựa vào xe, hình thể ngựa chẳng có vẻ lao nhọc mà có thể đi ngàn dặm. Đại khái là Bá Nhạc khéo trị ngựa, mình quân khéo trị quân thần; Bá Nhạc trị Thiên lý mã, mình quân đưa thiên hạ đến thái bình; thực là mình chứng hữu hiệu của việc tuyển dụng hiền tài vậy. Nếu quan lại của triều đình xứng chức, muôn việc trong nước đều được trị, võ tướng hành binh đi trận, cái nạn ở phương ngoài lập tức dừng. Bệ hạ có thể ung dung tại đô thành, việc gì phải phiền nhọc đến xe loan, phơi sương gió nơi biên cảnh?"

¹ Hán Văn đế Lưu Hằng còn làm vương ở đất Đại, kinh thành có loạn họ Lã, các vương hầu Chu Hư hầu Lưu Chương và Đông Mâu hầu Lưu Hưng Cứ là tông thất nhà Hán làm tướng đánh diệt họ Lã ở kinh đô. Các quan lại bàn và quyết đón lập Đại vương về lên ngôi Đế, Lưu Hằng lo lắng, nhưng Tống Xương khuyên nên đi, Lưu Hằng bèn về kinh, lên ngôi đế.

² *Sử ký, Chu bản kỷ*: Chu Thành vương sắp băng hà, sợ Thái tử Chiêu không nhận kế ngôi, bèn lệnh cho Triệu Công, Tất Công lĩnh chư hầu để giúp Thái tử. Thành vương băng, hai vị thống suất chư hầu, đem Thái tử Chiêu đến gặp ở miếu của tiên vương, tuyên cáo rằng hai vua Văn, Vũ gian khổ lập vương nghiệp, chăm chỉ tiết kiệm, không tham dục, dốc lòng làm việc nước. Thái tử bèn lên nối, là Khang vương.

³ Ngựa Kỳ ngựa Ký: Xem chú thích ở tập IV, quyển 16, trang 26 (Đỗ Kỳ, Đỗ Thù truyện).

"Thần nghe nói dê khoác da hổ, thấy cỏ thì mừng, thấy sài lang thì hãi, quên rằng mình mang da hổ vậy.⁽¹⁾ Nay đặt tướng lĩnh không xứng chức, là việc tựa tựa như thế vậy. Cho nên ngạn ngữ nói: 'Lo mà chẳng biết nguyên nhân, biết nguyên nhân mà chẳng làm nổi.' Khi xưa Nhạc Nghị chạy sang nước Triệu, trong lòng chẳng quên được nước Yên;⁽²⁾ Liêm Pha ở tại nước Sở, nghĩ mình là tướng nước Triệu.⁽³⁾ Thần sinh ở thời loạn, lớn lên trong quân ngũ, lại nhiều lần nhận giáo huấn của Vũ hoàng đế, thấy được cái cốt yếu của đạo hành quân dụng binh, bất tất phải dùng sách Tôn, Ngô mà ám hợp với binh pháp của họ. Thần tự suy tính trong lòng, thường mong có được một lần triều kiến bệ hạ, xếp hàng ở Kim môn,⁽⁴⁾ giãi chân lên bệ ngọc, được liệt vào chức vị thần tử, được bệ hạ hỏi han chốc lát, khiến thần có một lần thi triển hoài bão, biểu tỏ hết nỗi u uất tích chứa trong lòng, có chết cũng không hối hận gì."

¹ Lời ở sách *Pháp ngôn*, thiên *Ngô tử* của Dương Hùng, nhà văn, nhà triết học, sống cuối thời Tây Hán.

² Nhạc Nghị trong lòng không quên nước Yên: Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 79 (Vũ đế kỷ).

³ Liêm Pha (廉頗), người quận Thái Nguyên, là danh tướng của nước Triệu cuối thời Chiến Quốc, từng đánh Yên, chống Tần lập vô số công lao với nước Triệu. Vua nước Triệu sau này tin dùng con trai của Nhạc Nghị là Nhạc Thừa thay chức của Liêm Pha, Liêm Pha tức giận đánh mang quân đánh bại Nhạc Thừa rồi bỏ sang nước Ngụy. Vua nước Ngụy không tin dùng. Khi nước Triệu bị nước Tần liên tục làm khốn, vua Triệu muốn gọi Liêm Pha về, sai người triệu. Bấy giờ Quách Khai là gian thần của nước Triệu, thù ghét Liêm Pha bèn cho sứ giả vàng bạc để sứ giả nói xấu Liêm Pha với vua Triệu. Sứ giả đến nước Sở, gặp Liêm Pha, Liêm Pha nhớ Triệu muốn về, để tỏ ra còn khỏe mạnh, bèn ăn hết một đấu gạo và mười cân thịt trong một bữa, cưỡi ngựa múa kích như bay. Sứ giả vì đã ăn của đút, khi về tâu với vua Triệu là: "Liêm tướng quân tuy già, nhưng vẫn ăn khỏe, chỉ là cùng thần ngồi trong khoảnh khắc thì ba lần đi đại tiện." Vua nước Triệu cho là Liêm Pha già cả nhiều bệnh không triệu về. Vua nước Sở ngưỡng mộ Liêm Pha, bèn đón về cho làm tướng, nhưng lính dưới quyền không theo nên không lập được công, Liêm Pha than rằng: "Ta ước mình được dùng ở nước Triệu." Liêm Pha sau chết ở nước Sở.

⁴ Kim môn, là một cửa cung điện thời Hán, trước cửa cung có hai con ngựa đồng nên còn gọi là Kim mã môn.

"Thần nhận được văn thư trưng phát sĩ binh mà Hồng lư⁽¹⁾ truyền đạt, kỳ hạn rất gấp. Lại nghe nói Báo vĩ⁽²⁾ đã dựng, xe vua đã tiến gấp, bệ hạ lại lần nữa lao nhọc tẩm thân ngà ngọc, phiền nhiễu tinh thần. Thần thực sợ hãi không dám thờ, chẳng thể ngồi yên một chỗ. Mong được cầm roi thúc ngựa, đầu hướng bụi trần sương gió, tay nắm kỳ kế của Phong Hậu,⁽³⁾ hợp cái yếu lĩnh của Tôn, Ngô, ngưỡng mộ cái chí khởi phát của Bốc Thương,⁽⁴⁾ xả thân báo đáp làm tiên phong, ra sức tận trung dưới bánh xe, dầu không có ích lớn, vẫn mong thêm công nhỏ. Nhưng trời cao xa quá, tình ý chẳng thấu lên, chỉ nghe thấy tiếng mình vọng giữa trời mây mà đấm ngực, ngẩng mặt lên trời than thở mà thôi. Khuất Bình⁽⁵⁾ nói: 'Nước có ngựa Ký mà chẳng biết cưỡi, sao phải ngơ ngác đi tìm?' Xưa kia Quản, Sái bị giết bị đầy, Chu, Triệu là phụ chính,⁽⁶⁾ Thúc Ngự phạm hình luật, Thúc Hưởng

¹ Hồng lư (鸿胪), là chức quan nhà Ngụy đặt ra, chương quản sự vụ ở các nước chư hầu.

² Báo vĩ (豹尾), là vật trang trí trên lá cờ của tướng soái thời cổ. Ở đây chỉ việc Hoàng đế xuất chinh.

³ Phong Hậu (风后), tương truyền là bảy tôi của vua Hoàng Đế thời cổ, rất khéo việc dùng binh. Có sách nói Phong Hậu chính là Phong Bá, là lãnh tụ của một bộ lạc, như Hậu Khai, Hậu Nghệ.

⁴ Không tử và Bốc Thương nói chuyện với nhau. Bốc Thương hỏi: "Cười xinh xắn thay, mắt long lanh đẹp thay, nền trắng vẽ tranh rực rỡ, là thế nào?" Không tử nói: "Phải có nền trắng trước, sau vẽ tranh mới đẹp." Bốc Thương hỏi: "Vậy lễ nhạc có sau nhân sao?" Không tử nói: "Khởi phát ý của ta là trò Thương vậy. Người có thể bắt đầu bàn về Kinh Thi với ta rồi." Nghĩa kín ý rằng: "Lễ, là cách cư xử của con người với nhau giống như nét vẽ sắc sảo thể hiện trên cái nền trong trắng của đức nhân vậy. Có nhân rồi mới có lễ." Ở đây Thực có ý rằng mình ngưỡng mộ cái hiệu nhanh của Bốc Thương về việc có nhân rồi mới có lễ, muốn được xông pha trận mạc, yên giấc rồi mới hưởng yên bình.

⁵ Khuất Nguyên (屈原), tên Bình, người trong hoàng tộc của nước Sở thời Chiến Quốc, là nhà chính trị, có tài thơ phú. Ban đầu được vua yêu mến, sau bị các quan lại ghen tài gièm pha, vua nước Sở nghe lời gièm nên ghét bỏ không dùng, Khuất Nguyên viết thơ *Ly tao* tả nỗi buồn bị ruồng bỏ. Cuối đời, Khuất Nguyên bị đầy đến Giang Nam nên thất chí, phát điên, làm bài phú Hoài Sa rồi ôm phiến đá nhảy xuống sông Mịch La tự vẫn.

⁶ Chu, Triệu phụ chính: Xem chú thích ở tập I, trang 88, quyển 1 (Vũ đế kỷ).

nấn sửa quốc gia.⁽¹⁾ Cái tội của Tam giám,⁽²⁾ thần tự dẫn làm điều răn; lời khen công phụ tá chép ở Nhị nam, đi tìm tất chẳng xa.⁽³⁾ Trong số các hoàng thân quý tộc cùng phiên vương chư hầu, tất có nhân tài đáp ứng yêu cầu của bệ hạ. Vì thế Truyện nói: 'Không có cái thân thích của Chu công, thì không làm được công nghiệp của Chu công.' Mong bệ hạ có chút lưu tâm đến việc này."

"Gần đây Hán triều phong dựng rộng rãi cho phiên vương, nước lớn thì đất phong liên tiếp mấy chục thành, nước nhỏ thì ấp lộc chỉ dùng để tế tự tổ tiên thôi, chẳng như việc phong dựng của họ Cơ triều Chu, chế định ra tước Ngũ đẳng. Như lời can của Phù Tô với Thủy Hoàng, lời bác của Thuần Vu Việt với Chu Thanh Thần,⁽⁴⁾ có thể gọi là biết

¹ Thúc Hưởng (叔向) là đại phu nước Tấn thời Xuân Thu, có em là Thúc Ngự làm quan xét án kiện. *Tả truyện* chép: Đương thời Hình hầu và Ung tử tranh kiện về ruộng đất, lỗi tại Ung tử, nhưng Ung tử đem em gái gả cho Thúc Ngự, Thúc Ngự mê gái đẹp bên xử cho Ung tử thắng. Hình hầu tức giận rút kiếm chém chết Thúc Ngự và Ung tử. Thúc Hưởng xem xét án kiện và khẳng định là ba người đều có tội, phán: "Với người sống phải xử tử, người đã chết cho phanh thây. Ung tử biết mình sai mà hối lộ cho Thúc Ngự làm sai án kiện gọi là 'Hôn', Thúc Ngự nhận hối lộ chuyển tội cho người khác gọi là 'Mặc', Hình hầu giết triều thần, không kiêng nể ai, gọi là 'Tặc'. Theo *Kinh Thư*, ba tội ấy đều đáng giết."

² Tam giám, tức là Quản Thúc, Sái Thúc, Hoắc Thúc được triều Chu phân phong sai giám sát Vũ Canh. Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 88 (Vũ đế kỷ).

³ *Nhị nam* là bài thơ trong *Kinh Thi*, khen tụng cái công phụ tá triều Chu của hai người là Chu Công Đán và Triệu Công Thích.

⁴ Tần Thủy Hoàng diệt sáu nước lập nhà Tần, Chu Thanh Thần tán dương Thủy Hoàng rằng: "Nước Tần từ chỗ đất đai có nghìn dặm, nay diệt sáu nước, thống nhất Hoa Hạ, khắp nơi đều là đất của nhà vua, nên bãi bỏ chế độ phân phong, lập chế độ quận huyện để trừ họa chiến tranh." Thuần Vu Việt phản bác lại: "Hai đời Ân, Chu truyền hơn nghìn năm, đều phong dựng cho con cháu. Nay bệ hạ thống nhất Hoa Hạ, không phong dựng cho con cháu, sau này nếu có vạ nghịch loạn thì ai cứu vãn được? Nên thực hiện việc phân phong." Thừa tướng Lý Tư kiến nghị rằng: "Nay thiên hạ yên định, pháp lệnh đã thống nhất, dân chúng nên nỗ lực làm ruộng, kẻ đọc sách nên học theo phép mới, bọn nho sinh ôm mớ lý thuyết cũ kỹ, dựa vào sách vở để chê bai chế độ, nên giết bỏ chúng, đốt hết sách nho gia để chặn mầm mống hỗn loạn." Phù Tô can rằng: "Thiên hạ mới yên định, dân đen ở phương xa vẫn chưa theo về. Các nho sinh đều học theo Khổng tử, nay bệ hạ dùng pháp luật nặng để trói buộc họ, thần sợ thiên hạ không yên, xin bệ hạ nghĩ đến điều đó." Tần Thủy Hoàng không nghe, theo lời bàn của Lý Tư và Chu Thanh Thần, đốt sách, giết học trò. Vì thế oán phản nổi lên, về sau nhà Tần mất thiên hạ.

được cái biến hóa của thời thế rồi. Có thể khiến cho thiên hạ nghiêng tai dõi mắt, phải là người nắm quyền rồi, cho nên bậc mưu thần có thể thay đổi ý định của bậc quân chủ, thì quyền uy tất trấn nhiếp thuộc hạ. Hào môn đại tộc nắm quyền triều chính, thì quyền lực chẳng ở tay thân thích; có quyền lực trong tay, tuy sơ mà thành năng, quyền thế vút bỏ đi, dẫu thân mà thành nhẹ, đại khái đoạt lấy quyền lực của nước Tề là họ Điền, không phải tông tộc người họ Lã vậy.⁽¹⁾ Chia ba đất Tấn là Hàn, Triệu, Ngụy, không phải là người họ Cơ vậy.⁽²⁾ Mong bệ hạ xét kỹ. Ví như việc thuận lợi thì độc chiếm chức vị, gặp nguy nan thì trốn họa nạn, là bấy tôi khác họ vậy. Mong quốc gia yên định, gia tộc của mình được quý hiển, đắc thời thì cùng hưởng vinh hoa, thất thế thì cùng chung họa nạn, là bấy tôi công tộc vậy. Nay lại xa lánh người trong công tộc mà thân gần với người khác họ, thần trộm thấy nghi hoặc không yên."

"Thần nghe Mạnh tử nói: 'Quân tử khôn cùng thì một mình tu dưỡng cái đức của bản thân, lúc hiển đạt thì tạo phúc khắp thiên hạ.' Nay thần và bệ hạ giẫm nước sôi đạp lửa bỏng, trèo núi lội khe, khô uớt nóng lạnh, họa phúc cùng chung, há là bệ hạ được sao? Vì thế nổi phiền uất không sao ngăn nổi, bái lạy dâng biểu bày tỏ tâm tình. Nếu có chỗ không thỏa đáng, xin bệ hạ hãy giấu thư trong phủ khố, không nên hủy bỏ đi ngay, sau ngày thần chết, việc này có thể xem xét lại. Nếu có chỗ nào xúc phạm thánh ý, xin đưa ý đó ra triều đường, sai kẻ sĩ thông hiểu lễ xưa, chỉ trích lời biểu của thần không hợp nghĩa. Được như thế, thì nguyện vọng của thần đã thỏa rồi."

¹ Nước Tề vốn dĩ là đất phong của Lã Vọng, sau này đến thời Chiến Quốc, con cháu họ Điền vì có công lớn, làm quan khanh ở triều đình, dần dần tiếm quyền của vua Tề. Đến thời Điền Bàn, giao kết với ba quan khanh nước Tấn bành trướng thế lực, cháu của Điền Bàn là Điền Hòa chính thức cướp ngôi vua Tề.

² Chu Thành vương phong cho Cơ Ngụ ở đất Đường, gắn liền với tích Tiễn đồng phong đệ rất nổi tiếng trong cổ sử. Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 186 (Vương Túc truyện), sau này là nước Tấn. Thời Chiến Quốc, ba quan khanh nước Tấn là Hàn Ai hầu, Triệu Kính hầu, Ngụy Vũ nắm hết quyền lực, cùng diệt nước Tấn, chia nước Tấn làm ba.

Để phát chiếu thư phủ dụ, khen ngợi đáp lại. ①

① *Ngụy lược* chép: Về sau mỗi lần đại phát con của sĩ binh, đều lấy binh sĩ ở các nước phong. Thực vì con của binh sĩ ở các nước phong không lâu trước đấy bị điều phát, bọn họ con còn trẻ nhỏ, số còn lại không được bao nhiêu, mà lại trưng phát,⁽¹⁾ bèn dâng thư rằng:

"Thần nghe nói bậc thánh vương thời xưa, đức sáng của họ sánh cùng nhật nguyệt, chữ tín của họ ngang với bốn mùa, vì thế giết kẻ ác không nặng, thưởng người thiện không nhẹ, giận thì như sấm sét, mừng như mưa đúng thời, ân huệ không dứt tuyệt, truyền lệnh không hai lời, lấy những điều ấy để xử lý chính sự, thì triều thần biết rằng phải lấy cái chết để báo đáp rồi. Quan viên nhận chức ở ngoài ngàn dặm, nghĩ việc quân vương ủy thác chức vụ cho mình, tất biết cái lý do mình phải xả thân, dẫu có kẻ dưng lời sàm hãm hại, vẫn thản nhiên không sợ hãi, đại khái đấy là minh chứng của việc quân thần tin nhau vậy."

"Trước kia Chương Tử làm tướng nước Tề, có người báo rằng Chương làm phản, Uy vương nói: 'Không phải.' Tả hữu nói: 'Sao Vương biết rõ việc đó?' Vương nói: 'Quả nhân nghe nói Chương Tử với việc cải táng mẫu thân; còn không dỗi lừa người cha đã chết, há phản quốc quân đang sống của mình sao?'⁽²⁾ Đấy là quân vương tin bày tôi của mình vậy. Trước kia Quản Trọng tự mình bắn Tề Hoàn công, sau bị nhốt trong xe

¹ Binh chế của nhà Ngụy thời ấy có quy định là, một binh sĩ ra trận thì phải có một người đi theo phục dịch, gọi là "binh gia" hay là "thỏ binh", thường lấy người là con cái của binh sĩ ra trận, thời gian phục dịch có niên hạn nhất định, sau khi phục dịch xong lại cho về làm dân thường.

² Nước Tàn đánh nước Tề, Tề Uy vương sai Chương Tử làm tướng chống Tàn. Hai bên cầm giữ nhau rất lâu, Chương Tử không muốn chiến sự kéo dài, bèn đàm phán hòa với quân Tàn, hai bên qua lại giao tiếp, vì thế có người nói với Uy vương rằng Chương Tử làm phản, nên phát binh hỏi tội. Uy vương nói: "Chương Tử không phản quả nhân, đạo lý rất minh bạch, vì sao lại vấn tội ông ấy?" Về sau Chương Tử đem toàn quân đã trở về, thần tử hỏi Tề Uy vương sao biết chắc Chương Tử không phản, Uy vương nói: "Mẫu thân của Chương Tử đắc tội với phụ thân của ông ấy nên phụ thân của ông ấy giết bà ta rồi chôn xác dưới chuồng ngựa. Quả nhân lệnh cho ông ấy làm tướng, nói rằng nếu ngài thắng trận trở về, sẽ dời mộ của mẫu thân ông ấy đến chỗ mới, làm lễ trọng táng, nhưng ông ấy nói, mẹ của thần đắc tội bị cha thần giết, cha thần lúc lâm chung không dặn phải dời phần mộ của mẫu thân, nếu thần dời phần mộ của mẫu thân là bất hiếu với phụ thân. Ôi, người con không trái lời của người cha đã chết, sao có thể không trung với vua của mình được?"

cũi từ nước Lỗ chở đi, sai bọn thiếu niên áp giải đến nước Tề. Quản Trọng biết Hoàn công tắt dùng mình, sợ người nước Lỗ hối hận, bảo bọn thiếu niên rằng: 'Ta ca hát, mày hòa theo, một xướng một họa, đi cho nhanh.' Vì thế Quản Trọng hát, bọn thiếu niên chạy mà hát theo, một ngày đi mấy trăm dặm, không bao lâu thì đến nước Tề. Đến nơi thì làm tướng nước Tề, đấy là bầy tôi tin quân vương của mình vậy.⁽¹⁾"

"Ngày thần mới thụ phong, chiếu sách viết rằng: 'Thực tiếp nhận đất Thanh, phong ở phía đông, phen dậu Hoàng gia, làm phiên nước Ngụy.' Nhưng binh sĩ mà thần được nắm giữ có năm trăm, nay đều đã sáu mươi tuổi rồi, có người không theo khuôn phép nữa, quân hồ bôn và vô sĩ thủ vệ cả thấy hai trăm người. Ví thử họ không già lão, đều thành tráng niên cả, dùng phòng bị chẳng xong, để kiểm xét thủ thành, xem ra chẳng đủ để tự cứu, huống chi lại đều già lão kiệt sức rồi? Mà danh nghĩa là phiên thuộc ở phía đông của nước Ngụy, sai làm phen dậu của vương thất, thần trộm tự thấy thẹn lòng. Dẫu đi đến các nước phong, lấy hết sĩ tử cho quốc gia, hợp lại chẳng quá năm trăm người. Thần cúi xét cho rằng cái tăng giảm của ba quân, thật chẳng được nhờ cậy vào số ấy. Nay phương ngoài chưa bình định, đấy là việc phải lo liệu, thần xin đem bộ khúc gấp đường đến phò hội, vợ chồng vác con thơ, con em mang lương ăn, giẫm xéo guơm đao, xả thân vì nước, há chỉ luyện tập binh trận để làm kẻ phục dịch ba quân sao? Ngụ thần nguyện lấy nước mắt để tăng thêm nước sông, lấy sức chuột để uống vơi bể lớn, với triều đình thì không có thêm bớt gì, với nhà thần là tổn hại rất lớn. Thêm nữa con các sĩ binh của thần trước sau ba lần bị trưng tập, nguồn binh đã kiệt, chỉ còn trẻ nhỏ bảy tám tuổi trở lên, mười sáu mười bảy tuổi đổ lại, là hơn ba mươi người. Nay bộ khúc đều già lão, nằm một tại giường chiếu, cháo ăn không nổi, mắt chẳng thể nhìn, khí suy thở dốc, cả thấy là ba mươi người; bệnh tật ngã nghiêng, mắt lòa tai điếc, là hai mươi ba người. Chỉ dựa vào số ít trẻ nhỏ, bọn lớn có thể làm túc vệ, tuy chẳng đủ để ngăn chống địch cướp, qua loa có thể dùng để cảnh giới đạo tặc; bọn nhỏ chưa kham nổi việc, có thể nhặt rau nhổ cỏ, xua đuổi chim chóc. Người đã ít, một người nghỉ thì một việc phế, một ngày đi thì chức

¹ Tề Hoàn công làm tướng nước Tề: Xem chú thích ở tập II, quyển 7, trang 116 (Lã Bố Trương, Mạc truyện).

nghiệp tan, thần chẳng tự mình đi xử lý thì việc công không nghiêm chỉnh, vì thế thần phải tự làm, chẳng dám ủy thác cho quan lại ở dưới.”

”Bệ hạ là bậc thánh minh, ân chiếu giáng đến ba lần, quy định là con em binh sĩ phục dịch quốc gia, về sau không bị điều phát nữa. Minh chiếu ban xuống, sáng rõ như ban ngày, ân đức khắc vào vàng đá, tất có cái tín của thần minh, hiển nhiên minh bạch, như đất như trời. Đã quy định cho yên chức nghiệp nhưng đều bị điều đi, khiến mọi người thấy âm u như đêm tối, thất ý buồn lòng. Thần cúi xét cho rằng bệ hạ đã cho thần tước vị đứng trên trăm quan, giữ trọng trách làm phiên quốc, đặt ở ngôi khanh sĩ, nhà ở được gọi là cung điện, mộ phần khi chết danh nghĩa gọi là lăng, chẳng nên để thần một mình ở chỗ nguy, không khác với kẻ thường dân. Như Bá Thành mừng với ruộng cày, Tử Trọng vui với vườn rau;⁽¹⁾ nhà tranh cửa sổ cỏ, là nơi Nguyên Hiến ở; ngõ hẹp một bầu nước, là chỗ của Nhan Hồi;⁽²⁾ cái tài của thần chẳng được chọn dùng, thường búi ngùi giữ chí mình. Nếu bệ hạ nghe lời thần cho hết gia binh quay về, bãi thuộc quan, cắt bỏ chức Giám quốc, khiến thần được bỏ ẩn cời dây thao, noi theo cái nghiệp của Bá Thành, Tử Trọng, mưu làm cái việc của Nhan Uyên, Nguyên Hiến, ở lâu cỏ như nhà của Tử Tang, chọn nơi ở như đất của Diên Lăng.⁽³⁾ Như thế, dẫu tiến không thành công nghiệp, lui có thể giữ khí tiết, ngày thân thần chết, cũng như Kiêu, Tùng vậy.⁽⁴⁾ Nhưng thần tự tính biết rằng quốc triều rút cục chẳng thể nghe theo lời cầu như thế của thần, thế nên thần bị kiềm chế

¹ Bá Thành (伯成): Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 26 (Điền Trù truyện).

Tử Trọng (子仲), tức Trần Trọng Tử (陈仲子), là nhà tư tưởng của nước Tề thời Chiến Quốc, học thức uyên bác, phẩm đức cao thượng. Anh của ông ở đất Cáp, lộc vạn chung thóc, ông cho là bất nghĩa không ăn, nhà của anh ông không ở, đến đất Ô Lăng sống, bện dép, tưới nước thuê làm kẻ sinh nhai.

² Nguyên Hiến (原宪): Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 30 (Điền Trù truyện).

Nhan Hồi (颜回), là học trò của Khổng tử, nhà nghèo, ở trong ngõ hẹp, chỉ có một giỏ cơm một bầu nước, nhưng không lấy thế làm buồn, vẫn miệt mài học đạo.

³ Tử Tang, là con của Tề Tuyên công, từ chối tước phong không nhận, ra ở nơi lều cỏ; Con của Ngô vương Thọ Mộng là Quý Trát từ chối nhận ngôi vương, đến đất Diên Lăng, học nghề nông, được người đời gọi là Diên Lăng tử.

⁴ Vương Tử Kiêu, Xích Tùng Tử: Xem chú thích ở tập III, quyển 14, trang 223 (Đổng Chiêu truyện).

bời pháp giáo, bị trói buộc bởi lộc vị, trong lòng ưu tư nhọc mệt, ngẫm nghĩ lao lung mà không có cách gì, làm sao được thanh thoi thỏa chí, tiêu dao tự tại ngoài cõi trần đây? Nếu ước nguyện kia của thần không được nghe, bệ hạ hẳn vẫn muốn coi trọng người thân của mình, một lòng hậu đãi cốt nhục, thêm xương trắng mà tốt cây khô, xin hãy thành toàn cho vẹn đức nhân, giữ nguyên ân chiếu trước."

Vì thế binh sĩ đều được phái quay về.

Mùa đông năm ấy, Đế hạ chiếu lệnh cho chư vương đến châu vào tháng giêng năm thứ sáu. Tháng hai năm thứ sáu, lấy bốn huyện của quận Trần phong Thực làm Trần vương, thực ấp là ba nghìn năm trăm hộ.

Thực thường muốn xin được gặp Đế đàm luận riêng, luận việc chính sự đương thời, mong được dùng thử, rút cục chẳng được. Sau khi về, buồn bã tuyệt vọng.

Pháp chế thời ấy, đối đãi với nước phiên đã rất nghiêm khắc, liêu thuộc đều là bọn thương nhân hạ tiện kém tài, binh sĩ cấp cho họ đều già yếu tàn tật, tổng số chẳng quá hai trăm người. Thêm nữa vì Thực lúc trước mắc lỗi, các việc lại bị giảm đi một nửa, trong vòng mười một năm mà ba lần bị đổi nước phong, Thực thường uất ức không vui, vì thế phát bệnh rồi chết, bấy giờ bốn mươi một tuổi.① Di lệnh sai táng sơ qua. Lấy con nhỏ là Chí, làm chủ giữ nhà, muốn lập Chí.

Khi trước, Thực trèo lên núi Ngự, đổi xuống huyện Đông A, búi ngùi có ý táng thân ở đất ấy, vì thế mưu làm mộ. Con là Chí nổi tự, bị đổi phong làm Tế Bắc vương.

Năm Cảnh Sơ trung Đế hạ chiếu rằng:

"Trần Tư vương trước kia dẫu có lỗi lầm, nhưng đã ước thúc mình, hành vi cẩn thận, để bù bổ lỗi cái lúc trước. Và lại từ ngày còn trẻ đến lúc mất, sách vở chẳng rời tay, thật là tài năng khó thấy vậy. Các tấu biểu về tội trạng của Thực vào giữa năm Hoàng Sơ, mà từ công khanh trở xuống bàn nghị với ba phủ Thượng thư, Bí thư, Trung thư

và Đại hồng lư đều được xóa bỏ đi. Cho biên soạn các thơ, phú, tụng, minh, tạp luận mà Thực trước sau viết nên cả thấy hơn một trăm thiên, chế thành phó bản, cất giữ ở trong ngoài phủ.”

Chí nhiều lần được tăng ấp, gộp cả lúc trước là chín trăm chín mươi hộ.

① Thực thường gảy đàn hòa ca, hát rằng:

“Than ôi thân phiêu dạt,
 Ở đời sao cô độc!
 Xa lìa nơi gốc gác,
 Đêm ngày chẳng thành thoi.
 Đông tây qua bảy lối,
 Nam bắc vượt chín đường.
 Bỗng gặp cuồng phong nổi,
 Thổi ta vào cõi mây.
 Tưởng rằng lên trời thăm,
 Dâu ngò rớt vực sâu.
 Gió cuồng cuốn ta dậy,
 Quẳng vào cánh đồng này.
 Đang nam lại tới bắc,
 Bảo đông lại sang tây.
 Mệnh mông dựa nơi dâu,
 Thoắt chết mà sống dậy.
 Phiêu diêu khắp tám dặm,
 Liên miên qua năm núi.
 Lang thang chẳng ở yên,
 Ai biết ta gian khổ?
 Nguyên làm cây trong rừng,
 Mùa thu theo lửa cháy.
 Cháy tàn há chẳng đau?
 Mong được liền rễ gốc.”

Tôn Thịnh nói: Lạ thay cho cái cách phong dựng của nhà Ngụy vậy! Chẳng noi theo pháp điển của Tiên vương, không nghĩ xét đến cái thuật giữ phen đậu, trái với phong tục hòa mục, phản lại

cái nghĩa tông tử duy thành.⁽¹⁾ Phép phân phong thời Hán sơ, có chỗ quyền thế ngang với bậc nhân chủ, tuy nói rằng không đúng phép chế, nhưng thời thế phải như thế vậy. Chư hầu của Ngụy thị, hèn kém giống kẻ thất phu, đâu như xảy việc trừng trị thất quốc ngày trước, cũng chỉ là sửa nắn lỗi lầm vậy.⁽²⁾ Và lại nhà Ngụy thay nhà Hán, vốn không phải là kết quả của việc tích đức, đức trạch đã kém cỏi, sáu cõi chưa hợp nhất, mà chặt nhánh diệt cành, trao quyền cho họ khác, hình thế giống như cây bệnh, nguy như tổ yến trên màn, không bao lâu thì đứt tự, đấy chẳng phải là do trời diệt vậy. Phép chế ngũ đẳng, là pháp điển vạn đời không thay đổi. Việc hưng vong của sáu đời, thì bài luận của Tào Quýnh đã xét rõ ràng rồi.⁽³⁾

② *Chí biệt truyện* chép: Chí tự Doãn Cung, ham học có tài đức. Thời Tấn Vũ đế còn làm Trung phủ quân, Chí đi nghênh đón Thường Đạo hương công ở huyện Nghiệp, Chí tương kiến Vũ đế vào ban đêm, cùng Đế nói chuyện, từ chiều tối đến tận sáng hôm sau, Đế rất coi trọng Chí. Lúc Đế nhận ngôi, đổi phong Chí làm Quyên Thành công. Lại phát chiếu lấy Chí làm Thái thú Nhạc Bình, Chí trải chức ở các quận Chương Vũ, Triệu Quận, được thăng làm Tán kỵ thường thị, Quốc tử bác sĩ, sau chuyển làm Bác sĩ tể tửu.

Lúc Tề vương là Tư Mã Du sắp được phong đến nước phiên, lệnh cho quan giữ điển lễ thương nghị việc ban thưởng, Chí than rằng:

- Có người tài cán như thế, thân thích như thế, lại không để dựng gốc giúp giáo hóa, mà cho ra xa ngoài góc bể là sao?

¹ *Kinh Thi, Tiểu nhã* có câu: “Tông tử duy thành”, ý rằng con cháu trong tông thất làm thành lũy cho vương thất.

² Nhà Hán phân phong chư hầu, trao quyền rất lớn, về sau xảy loạn thất quốc, bảy nước làm loạn chống lại triều đình, nhờ có Chu Á Phu mới đánh dẹp được.

³ Tào Quýnh (曹問) tự Nguyên Thủ, là người trong tông thất họ Tào (cụ của Tào Quýnh là anh em họ với Tào Đẳng). Tào Quýnh rất có văn tài, vì cảm thán việc Ngụy thị không trọng dụng người trong tông thất nên viết *Lục đại luận*, bản luận về việc hưng vong của sáu đời (Hạ, Thương, Chu, Tần, Tây Hán và Đông Hán) để khuyên Tào Sảng, Sảng không dùng. Xem tập IV, quyển 20 (Vũ Văn thế vương công truyện).

Bèn đưa kiến nghị để can ngăn, lời lẽ rất thống thiết. Để cả giận, bãi chức Chí. Sau lại cho làm Tán kỵ thường thị.

Chí gặp lúc mẹ mất, cư tang tận hiếu, vì thế mắc bệnh, mừng giận thất thường, năm Thái Khang thứ chín Chí chết, được ban thụy là Định công.

Tiêu Hoài vương là Hùng, chết sớm. Năm Hoàng Sơ thứ hai được truy phong thụy là Tiêu Hoài công. Năm Thái Hòa thứ ba, lại được truy phong tước vương. Năm Thanh Long thứ hai, con của Hùng là Ai vương Tào Bình nối tự, thực ấp hai ngàn năm trăm hộ. Năm thứ sáu chết, không có con, nước phong bị xóa bỏ.

Bình rằng: Nhâm Thành có võ nghệ, khỏe mạnh, có khí chất của bậc tướng lĩnh. Trần Tư văn chương tài hoa, thơ phú diễm lệ, đủ để tự lưu truyền hậu thế, nhưng chẳng cẩn thận khiêm nhường phòng xa, cuối cùng dẫn đến bị hiềm khích. Truyện nói "Nước Sở đã mất rồi, thì nước Tề cũng không còn vậy", là nói về hai người này chẳng!

Ngư Hoạn luận: Ngạn ngữ nói: "Nghèo, chẳng phải học, tự kiêu ước; hèn, chẳng phải học, tự khiêm nhường", chẳng phải tính người vốn thế, mà do thời thế khiến người ta như vậy thôi. Đây là cái thế đương nhiên, thật chẳng sai vậy. Ví như Thái tổ sớm ngăn cấm bọn Thực từ lúc trước, thì đây là tâm phúc hiền lương, làm sao có ý ngóng trông ngôi hoàng đế? Chương ôm hận, còn không biết lý do từ đâu tới. Đến như Thực, (há có thể gây nạn?) còn khiến cho Dương Tu vì cây dựa mà bị hại, Đinh Nghi vì đón ý mà diệt tộc? Đáng thương thay! Ta mỗi lần thường lãm lời văn hoa lệ của Thực, ý vẫn như có thần. Từ đây mà xét, sự động tâm của Thái tổ hẳn cũng có căn nguyên của nó vậy.

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI

VŨ VĂN THỂ VƯƠNG CÔNG TRUYỆN



Vũ hoàng đế có hai mươi lăm người con trai:

Biện hoàng hậu sinh ra Văn hoàng đế, Nhâm Thành Uy vương Tào Chương, Trần Tư vương Tào Thực, Tiêu Hoài vương Tào Hù;

Lưu phu nhân sinh ra Phong Mẫn vương Tào Ngang, Tương Thương vương Tào Thước;

Hoàng phu nhân sinh ra Đặng Ai vương Tào Xung, Bành Thành vương Tào Cứ, Yên vương Tào Vũ;

Đỗ phu nhân sinh ra Bái Mục vương Tào Lâm, Trung Sơn Cung vương Tào Cẩn;

Tân phu nhân sinh ra Tế Dương Hoài vương Tào Huyền, Trần Lưu Cung vương Tào Tuấn;

Doãn phu nhân sinh ra Phạm Dương Mẫn vương Tào Củ;

Vương Chiêu nghi sinh ra Triệu vương Tào Cán;

Tôn Cơ sinh ra Lâm Ấp Thương công tử Tào Thượng, Sở vương Tào Bưu, Cương thượng Công tử Tào Cần;

Lý Cơ sinh ra Cốc Thành thượng Công tử Tào Thừa, My Đái công Công tử Tào Chính, Linh thượng Công tử Tào Kinh;

Chu Cơ sinh ra Phàn An công Tào Quân;

Lưu Cơ sinh ra Quảng Tông Thương Công tử Tào Cứ;

Tổng Cơ sinh ra Đông Bình Linh vương Tào Huy;

Triệu Cơ sinh ra Nhạc Lăng vương Tào Mậu.

Phong Mẫn vương Tào Ngang tự Tử Tu. Năm hai mươi tuổi được đề cử Hiếu liêm. Theo Thái tổ nam chinh, bị Trương Tú giết hại. Không có con. Năm Hoàng Sơ thứ hai được truy phong, thụy là Phong Diệu công. Năm thứ ba, lấy con của Phàn An công Tào Quân tên Uyển nối dõi Ngang, phong tước Trung Đô công. Cùng năm ấy đổi phong cho con trưởng là Công. Năm thứ năm, truy phong thêm hiệu cho Ngang là Phong Diệu vương. Năm Thái Hòa thứ ba đổi thụy cho Ngang là Mẫn vương. Năm Gia Bình thứ sáu, cho Uyển nối tước của Ngang làm Phong vương.

Trong những năm Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, cộng cả trước đó là hai ngàn bảy trăm hộ.

Uyển chết, ban thụy là Cung vương. Con của Uyển là Liêm nối tự.

Tương Thương vương Tào Thước, chết sớm, năm Thái Hòa thứ ba được truy thụy. Năm Thanh Long nguyên niên, con là Mẫn vương Tào Tiềm nối tự, năm ấy Tiềm chết. Năm thứ hai, con là Hoài vương Tào Yển nối tự, được ăn lộc hai ngàn năm trăm hộ, năm thứ tư Yển chết. Không có con, đất phong bị xóa bỏ. Năm Chính Nguyên thứ hai, lấy con của Nhạc Lăng vương Tào Mậu là Dương Đô hương công Tào Tùng nối dõi Thước.

Đặng Ai vương Tào Xung tự Thương Thư. Thừa nhỏ thông minh sáng suốt có khí phách khác người, lúc lên năm, sáu tuổi, đã có nhiều mưu kế không ai bằng, trí tuệ như người lớn.

Thời ấy Tôn Quyền từng đưa biểu một con voi lớn, Thái tổ muốn biết con voi ấy nặng bao nhiêu cân, đem ra hỏi quần hạ, hết thảy chẳng ai biết làm thế nào. Xung nói:

- Để voi lên chiếc thuyền lớn, rồi đánh dấu vệt nước ở trên thuyền, lại để đồ vật khác lên đó, thì có thể tính được vậy.

Thái tổ cả mừng, lập tức cho thi hành.

Bấy giờ quân quốc đa sự, phải dùng hình nghiêm khắc. Cái yên ngựa của Thái tổ ở trong kho, bị chuột cắn đứt, quan coi kho lo sợ cho là mình tất phải chết, định tự trói mình ra thú tội, còn sợ không thoát. Xung bảo hẳn rằng:

- Đợi trong ba ngày, rồi hãy đi tự thú.

Rồi Xung lấy dao xuyên thủng chiếc áo mỏng của mình, giống như bị chuột cắn vậy, vò tỏ ra thất ý, nét mặt có sắc âu sầu. Thái tổ hỏi tại sao, Xung thưa rằng:

- Người đòi cho rằng chuột cắn rách áo, thì chủ nhân của nó sẽ gặp chuyện không lành. Nay áo của con bị chuột cắn, vì thế lo buồn.

Thái tổ nói:

- Đây là lời nói xằng thôi, không có gì phải lo lắng cả.

Lát sau quan coi kho nói việc cái yên ngựa bị chuột cắn, Thái tổ cười nói:

- Cái áo mặc trên mình đứa trẻ, còn bị chuột cắn, huống chi là cái yên ngựa treo ở trên cột?

Rồi nhất nhất không tra hỏi gì nữa. Xung nhân ái, hiểu biết mà sáng suốt, đại loại như thế. Mỗi lần có kẻ phải tội bị giết, lại được Xung biện bác phân tích lý lẽ, nhờ đó được cứu thoát, trước sau đến mấy mươi người.^①

Thái tổ mấy lần đối với quần thần khen ngợi Xung, có ý muốn truyền ngôi vị ngày sau.

Năm mươi ba tuổi, là năm Kiến An thứ mười ba Xung bị bệnh nặng, Thái tổ tự cầu thần linh xin giữ mệnh cho Xung. Lúc Xung chết, Thái tổ rất đau buồn. Văn đế khuyên dụ Thái tổ, Thái tổ nói:

- Đây là điều bất hạnh của ta, nhưng là vận may của bọn bay vậy.^②

Nói xong thì rơi nước mắt, vì Xung đem sính lễ hỏi người con gái đã chết của họ Chân rồi hợp táng, truy tặng Xung ấn thụ Ky đô úy, lệnh cho con của Uyển hầu Tào Cứ là Tông nối dõi Xung.

Năm thứ hai mươi hai, phong Tông làm Đặng hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy tặng thụy cho Xung là Đặng Ai hầu, lại truy thêm hiệu là Công.^③ Năm thứ ba, tiến tước cho Tông, đổi đất phong là Quán Quân công. Năm thứ tư, chuyển phong là Kỳ Thị công. Năm Thái Hòa thứ năm, gia thêm cho Xung hiệu là Đặng Ai vương.

Năm Cảnh Sơ nguyên niên, Tông mắc tội vì ở phủ Trung thượng phương chế tác khí vật cấm, bị tước bớt thực ấp ba trăm hộ, biếm tước làm Đô hương hầu. Năm thứ ba, lại làm Kỳ Thị công. Năm Chính Thủy thứ bảy, lại đổi phong làm Bình Dương công.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là một nghìn chín trăm hộ.

① *Ngụy thư* chép: Xung mỗi khi thấy có người phải chịu hình, liền xét tìm cái nỗi oan tình của họ mà nói lý. Đến như những quan lại siêng năng lao nhọc, nhưng vì sơ xuất mắc lỗi mà phạm tội, Xung thường giúp thuyết trình với Thái tổ, xin nên khoan thứ cho họ. Xung ưa biện xét thị phi lại nhân ái, vốn tính hiếu sinh, dung mạo đáng đẹp dễ, khác biệt với mọi người, nên được đặc biệt sủng ái.

Thần Tùng Chi cho rằng cái câu nói có một ý là "Dung mạo đáng đẹp dễ", mà phân ra làm ba câu văn liệt kê, cũng là một lỗi sai trong quá trình kể chuyện vậy.

② Tôn Thịnh nói: Theo nghĩa *Kinh Xuân Thu*, lập tự lấy con trưởng bất kể hiền ngu. Xung dẫu còn sống cũng không nên lập, huống chi là đã chết, mà lại nói ra lời ấy? *Kinh Thi* có câu rằng: "Lời nói cũng không nên dễ dãi." *Ngụy Vũ* nói lời ấy là khinh suất vậy.

③ *Ngụy thư* chép chiếu sách rằng:

"Duy năm Hoàng Sơ thứ hai tháng tám ngày Bính Ngọ, Hoàng đế nói: Than ôi, Đặng Ai hầu người là Xung, trước kia hoàng thiên tự khí ban cho người tấm thân đẹp dễ, khiến cho người có tài thông trí sáng, thành

danh từ thừa ấu thơ. Người đáng được mãi hưởng lộc vị vẻ vang, sống trọn tuổi trời. Sao không hưởng lộc, sớm vội lia trần! Trăm kể ngôi trời, hưởng phúc khắp bốn bể, phong dựng cho người thân, làm phen đậu cho vương thất, duy có người không kịp hưởng vinh dự này, vả lại lễ táng chưa đầy đủ. Lòng trăm đoái nghĩ, xót thương vô ngần. Nay chuyển táng người ở Cao Lăng, sai Sử tri tiết kiêm Yết giả bọc xạ lang trung là Trần Thừa, truy tặng người hiệu là Đặng công, dùng cỗ thái lao cúng tế. Hồn người có linh, hãy nhận lấy vinh sủng tốt lành này. Than ôi thương thay!"

Nguy lược chép: Văn đế thường nói

- Anh ta là Hiếu liêm, tự biết phận của mình vậy. Ví như Thương Thư còn sống, ta cũng không có được thiên hạ!

Bành Thành vương Tào Cự, năm Kiến An thứ mười sáu được phong làm Phạm Dương hầu. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong làm Uyển hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Chương Lăng vương, năm ấy lại chuyển đến đất phong ở nước Nghĩa Dương. Văn đế vì phương nam ấm thấp, lại vì Hoài thái phi là người quận Bành Thành, bèn đổi phong Cự ở Bành Thành. Sau lại đổi đất phong ở Tế Âm. Năm thứ năm, hạ chiếu rằng:

"Bậc vương xưa kiến lập phân phong, tùy thời mà chế định. Hán tổ tăng số quận mà nhà Tần đặt ra, đến thời Quang Vũ để vì số người trong thiên hạ giảm tổn, lại hợp giảm quận huyện. Đến nay so với thời ấy, số người càng không bằng được. Nay đổi phong chư vương, đều làm Huyện vương."

Cự được đổi phong ở huyện Định Đào. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong chư vương, đều lấy quận làm nước, Cự lại được phong ở quận Bành Thành. Năm Cảnh Sơ nguyên niên, Cự bị buộc tội sai người đến Trung thượng phương chế tác cấm vật, tước bớt thực ấp hai nghìn hộ.^① Năm thứ ba, được khôi phục lại thực ấp bị tước.

Trong những năm Chính Nguyên, Cảnh Nguyên nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là bốn nghìn sáu trăm hộ.

① Ngụy thư chép ti thư rằng:

"Hoàng đế chiếu lệnh cho Bành Thành vương:

Hữu ti tấu nói, Vương sai quan Tư mã là Đồng Hòa, đem châu ngọc đến Trung thượng phương ở kinh sư, chế tác nhiều khí vật cấm, thông đồng với chưởng quản thợ chế tác, ra vào gần phủ nha, xa xỉ hoang phí vô độ, khinh chế trái phép, phải dùng phép tắc trói buộc vương. Trẫm vì thế búi ngui, trong dạ không yên. Vương thân phận là tông thất chí thân, ở địa vị phiên thần phụ tá, điển tịch hằng ngày bày trước mắt, người tụng đọc không ngừng nghỉ ở bên. Hơn nữa giữ mình cao nhấ chất phác, cung kính cẩn trọng, chú tâm noi theo chính đạo, siêng năng không biết mệt, há quên sự tận tâm tận ý tu thân, quên xét cái kết cục tốt lành của việc hành thiện sao? Nếu có lỗi nhỏ, hoặc bị kẻ có kiến thức thấp kém khuyên xằng, lại sơ sót không tỉnh ngộ, để sai lầm như thế? Kinh Thư nói: 'Thánh nhân bỏ suy nghĩ sẽ thành kẻ cuồng; kẻ cuồng chịu suy nghĩ sẽ thành thánh.' Lời răn của cổ nhân truyền lại, đến mức như thế, cho nên bậc quân tử suy nghĩ không ngừng về đạo hóa sâu xa vậy. Người thường lo lắng biết cái lý do kém đức mà bỏ, thì đức sáng rồi; người có tấm lòng rộng mở biết cái lý do tắc nghẽn mà thông suốt, thì lòng bình an rồi; người cẩn trọng đức hạnh biết cái lý do mắc lỗi mà sửa, thì đức hạnh toàn vẹn rồi; ba điều ấy, là điều mà Vương nên hoàn bị vậy. Nay chiếu lệnh cho Hữu ti tha thứ cho Vương, tước một huyện hai nghìn hộ, để nêu rõ cái oai Bát bỉnh¹) và phép tước đoạt. Xưa kia Bào Hi, Văn vương soạn Kinh Dịch, nêu rõ ý nghĩa tốt lành, Trọng Ni luận hành vi, nói là biết lỗi thì có thể sửa. Vương nên sửa đổi hành vi, nêu rõ nghĩa ấy, hãy theo ý trẫm chớ biếng lười."

¹ Thời xưa, bậc đế vương có tám thủ đoạn để tiết chế quần thần, đó là: Tước, lộc, dư, trí, sinh, đoạt, phế, tru. Theo *Chu lễ*, thiên *Thái tế*: Vua dùng Bát bỉnh để tiết chế quần thần. Tước, để tiết chế sự tôn quý. Lộc, để tiết chế sự giàu có. Cấp bậc, để tiết chế sự sùng ái. Sắp đặt, để tiết chế hành động. Cho sống, để tiết chế cái phúc. Đoạt, để tiết chế sự nghèo khó. Phế chức, để tiết chế lỗi lầm. Giết, để tiết chế tội lỗi.

Yên vương Tào Vũ tự Bành Tổ. Năm Kiến An thứ mười sáu, được phong tước là Đô Hương hầu. Năm thứ hai mươi hai, đổi phong làm Lỗ Dương Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, được tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Hạ Bi vương. Năm thứ năm, đổi đất phong ở huyện Đan Phụ. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong làm Yên vương.

Minh đế từ nhỏ ở cùng Vũ, thường yêu mến Vũ khác thường. Lúc tức vị, ban sủng khác biệt hẳn với so với chư vương. Năm Thanh Long thứ ba, trung triệu về triều. Năm Cảnh Nguyên nguyên niên, cho về huyện Nghiệp. Năm thứ hai mùa hạ, lại trung triệu đến kinh đô.

Mùa đông tháng mười hai, Minh đế ốm nặng, bái Vũ làm Đại tướng quân, phó thác hậu sự. Nhận chức được bốn ngày, Vũ luôn cố nhường; ý của Đế cũng thay đổi, bèn bãi miễn chức quan của Vũ. Năm thứ ba mùa hạ, Vũ lại về huyện Nghiệp.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, Vũ nhiều lần được tăng thực ấp, cộng cả số trước là năm nghìn năm trăm hộ.

Thường Đạo hương công Tào Hoán, là con của Vũ, về triều kể nối dòng Đại tông.

Bái Mục vương Tào Lâm, năm Kiến An thứ mười sáu được phong tước Nhiêu Dương hầu. Năm thứ hai mươi hai, dời đất phong đến huyện Tiêu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm công. Năm thứ ba, làm Tiêu vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Tiêu. Năm thứ bảy, dời đất phong đến huyện Quyên Thành. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong ở nước Bái.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng ấp, gộp cả lúc trước là bốn nghìn bảy trăm hộ. Lâm chết, con của Lâm là Vĩ nối tự.^①

① Xét *Kê thị phả* chép: Vợ của Kê Khang, là con gái của con Lâm vậy.

Trung Sơn Cung vương Tào Cồn, năm Kiến An thứ hai mươi một được phong tước Bình Hương hầu. Thừa nhỏ hiếu học, hơn mười tuổi có tài soạn chép văn chương. Mỗi khi đọc sách, quan Văn học tả hữu hầu giảng thường sợ vì hao tổn tinh lực sinh bệnh, nhiều lần khuyên dừng nghỉ, nhưng bản tính thích đọc sách, không thể bỏ được vậy.

Năm thứ hai mươi hai, đổi phong làm Đông Hương hầu, cùng năm ấy đổi phong làm Tán hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước Công, thuộc quan đều chúc mừng, Cồn nói:

- Ta sinh ở trong chốn thâm cung, không biết cái gian nan của việc cấy hái, thường mắc lỗi kiêu xa phóng túng. Các vị hiền tài đã chúc mừng ta, nên giúp ta sửa cái khiếm khuyết của mình.

Mỗi khi anh em ra ngoài rong chơi, Cồn một mình say sưa nghiên ngẫm kinh điển, các quan giám sát Văn học nói với nhau rằng:

- Bọn ta vâng chiếu mệnh xét hành vi của Công, có lỗi phải tấu lên, có việc thiện, cũng nên tấu báo, không nên giấu cái tốt của Công vậy.

Bèn cùng dâng biểu xưng tụng cái đức tốt của Cồn. Cồn nghe tin, rất kinh sợ, trách lỗi các quan Văn học rằng:

- Tu thân tự giữ là hành vi của người thường thôi, mà các ngài lại đem tấu lên, đấy chính là tăng thêm gánh nặng của ta vậy. Vả lại nếu có tốt, lo gì người khác không nghe biết, mà vội vàng cùng nhau làm thế? Đấy không phải là giúp ích cho ta vậy.

Cồn thận trọng đến như thế.

Năm thứ ba, làm Bắc Hải vương.

Năm ấy, rồng vàng xuất hiện ở sông Chương phía tây huyện Nghiệp, Cồn dâng thư tán tụng. Đế hạ chiếu ban cho Cồn mười cân vàng, chiếu viết:

"Xưa kia Đường Thúc dâng lúa,⁽¹⁾ Đông Bình hiến tưng,⁽²⁾ đầy đều là tình thân cốt nhục tán tưng sự cao đẹp, để biểu chương cái đức tốt của người thân. Vương nghiên cứu tinh thâm Tam phần Ngũ điển, đáng gọi là đã xét đến cái chân nghĩa của đạo hạnh, văn chương điển nhã sáng sủa, trẫm rất ngợi khen. Vương hãy cẩn trọng giữ phẩm đức của mình, để hưởng trọn tiếng tốt."

Năm thứ tư, đổi phong làm Tán vương. Năm thứ bảy, dời đất phong đến huyện Bộc Dương. Năm Thái Hòa thứ hai đến nước phong, coi trọng việc tiết kiệm, sắc lệnh cho thê thiếp xe sợi dệt lụa, tập làm việc nhà. Năm thứ năm mùa đông, về triều. Năm thứ sáu, đổi đất phong đến quận Trung Sơn.

Khi trước, Cồn về triều kiến, phạm cấm lệnh ở kinh đô. Năm Thanh Long nguyên niên, Hữu ti tấu tội Cồn. Đế hạ chiếu nói:

"Vương vốn cung kính cẩn thận, đột nhiên nảy việc như thế, nên lấy điển chế đối với hoàng thân quốc thích để bình xét việc ấy."

Hữu ti cố chấp giữ ý, Đế hạ chiếu tước ấp ở hai huyện, là bảy trăm năm mươi hộ.^① Cồn lo sợ, răn bảo thuộc quan càng cẩn thận hơn. Để khen ý ấy, năm thứ hai, khôi phục lại huyện bị tước. Năm thứ ba mùa thu, Cồn bị ốm bệnh, Đế hạ chiếu sai Thái y xem bệnh, quân Điện trung, Hồ bôn mang chiếu thư Đế tự tay viết đến và ban cho đồ ăn trân quý, lại phái Thái phi, Bái vương Tào Lâm cùng đến thăm bệnh.

Cồn bệnh khốn, sắc lệnh cho thuộc quan rằng:

¹ Đường Thúc Ngu (唐叔虞), tức Cơ Ngu, là em của Chu Thành vương, được phong ở ấp Đường. *Sử ký, Lễ Chu công thế gia* chép: "Trời ban phúc lành, Đường Thúc có được thứ lúa, khác gốc nhưng cùng một ngọn, dâng lên Thành vương, Thành vương sai Đường Thúc đem tặng Chu công. Chu Công nhận lúa, khen mệnh của thiên tử, viết thiên sách Gia Hòa."

² Đông Bình vương Lưu Thương (刘仓), là con thứ sáu của Quang Vũ đế Lưu Tú nhà Đông Hán, dâng bài tụng khen việc thụ mệnh của Quang Vũ đế, lời văn điển nhã, Quang Vũ đế rất khen ngợi, sai Giả Quỳ lấy lời trong bài văn ấy để làm mẫu giảng nghĩa văn.

"Ta đức mỏng then nhận ân sủng, mệnh lớn sắp tận. Ta vốn tiết kiệm, mà chế độ tang chế của triều đình, là phép tắc của cả thiên hạ. Ngày ta tắt thở, từ khi tắm liệm đến lúc chôn táng, nhất nhất phải vâng chiếu thư. Xưa kia Đại phu của nước Vệ là Cừ Viện¹ táng ở Bộc Dương, ta trông mộ phần, thường nghĩ đến di phong của ông ấy, muốn nhờ linh hồn của hiền nhân che chở cho ta, hãy dựng mộ phần của ta trong cõi ấy, ta tắt qua theo ông ấy. Theo lễ, con trai không chết trong tay đàn bà, nên gấp rút làm xong sảnh đường ở phía đông."

Sảnh đường làm xong, đặt tên là "Toại chí chi đường", ôm bệnh lên xe kiệu đến ở đấy. Lại lệnh cho Thế tử rằng:

"Mày còn nhỏ tuổi, chưa nghe hiểu được đạo nghĩa, sớm làm vương hầu, chỉ biết vui, không biết khổ; không biết khổ, tất sẽ vì kiêu xa mắc lỗi vậy. Tiếp đãi đại thần, phải chú tâm dùng lễ nghi. Ví như không phải là đại thần, người ta già cả cũng nên đáp lễ. Lấy cung kính để thờ anh, lấy từ ái để giúp em; anh em có hành vi bất lương, phải quỳ gối khuyên can. Khuyên can mà họ không theo, thì rơi nước mắt mà giảng giải cho họ; giảng giải mà họ không hối cải, mới nắm với mẫu thân. Nếu họ vẫn không sửa đổi, phải đem việc tấu lên, đồng thời từ chối đất phong. So cái việc giữ sủng mà mắc họa, chẳng bằng nghèo hèn mà toàn tấm thân vậy. Đấy cũng là ta nói đến đại tội thôi, nếu là lỗi bé việc nhỏ, nên che đậy cho họ. Ôi, mày là tiểu tử, phải cẩn thận tu dưỡng ước thúc mình, cung phụng triều đình phải trung trinh, thờ thái phi phải hiếu kính. Ở trong phòng khuê phải vâng lệnh Thái phi; ra ngoài ngưỡng cửa phải vâng lời giáo huấn của Bái vương. Không được có ý lười biếng, để yên ỉm vong linh của ta."

Năm ấy Cồn chết. Để hạ chiếu sai Bái vương Tào Lâm ở lại hoàn tất táng lễ, sai Đại hồng lư cầm cờ tiết quản xét tang sự, quan Tông chính điều tế, tặng đồ phúng viếng rất hậu.

¹ Cừ Viện (蒧瑗), tự Bá Ngọc, gọi là Cừ Bá Ngọc. Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 85 (Lưu Biểu truyện); tập III, quyển 12, trang 104 (Từ Dịch truyện).

Văn chương Cồn soạn chép cả thảy là hơn hai vạn chữ, tài hoa không bằng Trần Tư vương nhưng việc ham văn chương thì sánh bằng. Con của Cồn là Phu nối tự.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là ba nghìn bốn trăm hộ.

① Ngụy lược chép tì thư của Đế rằng:

"Hoàng đế chiếu lệnh cho Trung Sơn vương:

Hữu ti tấu nói, Vương lúc đến triều kiến, vì phạm cấm lệnh giao kết với người ở kinh sư. Trẫm nghĩ đến cái ân với người thân thích, dụng tâm bỏ lời bàn của quan lại. Nhưng pháp lệnh, là quy định chung cho cả thiên hạ vậy, không thể phế bỏ được. Nay tước bớt hai huyện của Vương, là bảy trăm năm mươi hộ. Cúi mình giữ lễ, là đức nhân mà thánh nhân ca ngợi, buổi sớm mắc lỗi mà buổi chiều biết sửa, và việc làm của bậc quân tử vậy. Vương hãy ghi nhớ những lời giáo huấn ấy, không mắc lỗi lần nữa."

Tế Dương Hoài vương Tào Huyền, năm Kiến An thứ mười sáu được phong tước Tây Hương hầu, chết sớm, không có con. Năm thứ hai mươi, lấy con của Bái vương Tào Lâm là Tán nhận tước vị và ấp phong của Huyền, Tán chết sớm, không có con. Văn đế lại lấy em của Tán là Nhất nối dõi Huyền. Năm Hoàng Sơ thứ hai, đổi phong làm Tế Dương hầu. Năm thứ tư, tiến tước làm Công. Năm Thái Hòa thứ tư, truy tiến tước cho Huyền, ban thụy là Hoài công. Năm thứ sáu, lại tiến hiệu là Hoài vương, truy thụy cho Tán là Tây Hương Ai hầu. Nhất chết, ban thụy là Diệu công, con của Nhất là Hằng nối tự.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là một nghìn chín trăm hộ.

Trần Lưu Cung vương Tào Tuấn tự Tử An. Năm Kiến An thứ hai mươi một được phong tước My hầu. Năm thứ hai mươi hai, chuyển đất phong đến huyện Tương Ấp. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Trần Lưu vương. Năm thứ năm, đổi phong đến huyện Tương Ấp. Năm Thái Hòa thứ sáu, lại phong ở quận Trần Lưu. Năm Cam Lộ thứ tư chết. Con của Tuấn là Úc nối tự.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả trước đó là bốn nghìn bảy trăm hộ.

Phạm Dương Mẫn vương Tào Củ, chết sớm, không có con. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, lấy con của Phàn An công Tào Quân là Mẫn nối dõi thờ phụng Củ, phong tước là Lâm Tấn hầu. Năm Hoàng Sơ thứ ba truy phong thụy cho Củ là Phạm Dương Mẫn công. Năm thứ năm, đổi phong Mẫn làm Phạm Dương vương. Năm thứ bảy, dời đất phong đến huyện Câu Dương. Năm Thái Hòa thứ sáu, truy tiến hiệu cho Củ là Phạm Dương Mẫn vương, đổi phong Mẫn làm Lang Nha vương.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là ba nghìn bốn trăm hộ. Mẫn chết, ban thụy là Nguyên vương, con là Hồn nối tự.

Triệu vương Tào Cán, năm Kiến An thứ hai mươi được phong tước Cao Bình đình hầu. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong làm Lại đình hầu. Năm ấy đổi phong làm Hoảng Nông hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước, chuyển phong làm Yên công.^① Năm thứ ba, làm Hà Gian vương. Năm thứ năm, đổi phong đến huyện Lạc Thành. Năm thứ bảy, dời đất phong đến quận Cự Lộc. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong làm Triệu vương.

Mẹ của Cán được Thái tổ sủng ái, lúc Văn đế được làm người nối tự, mẹ của Cán giúp sức. Văn đế sắp băng, có di chiếu, vì thế Minh đế thường ban thêm ân sủng.

Năm Thanh Long thứ hai, Cán tư thông với tân khách, bị Hữu ti tấu báo, Đế ban tì thư cho Cán để răn chuyện ấy, viết:

"Kinh Dịch nói: 'Khai quốc nối nghiệp nhà, kẻ tiểu nhân chớ dùng', Kinh Thi chép rõ lời răn: 'Xe to bốc bụi.'⁽¹⁾ Từ khi Thái tổ thụ mệnh sáng nghiệp, mắt thấy rõ được cái căn nguyên của trị loạn, soi xét then chốt của sự tồn vong, ban đầu phân phong chư hầu, giáo huấn thì dùng lời rất cung kính thận trọng, chọn phù tá thì dùng kẻ sĩ đoan chính trong thiên hạ, thường khen lời răn để lại của Mã Viện,⁽²⁾ xem trọng cấm lệnh chư hầu và tân khách giao du, đến mức người giúp kẻ phạm tội cũng xét đồng tội. Há phải vì thế mà bạc bẽo với cốt nhục đâu? Chỉ là muốn khiến con em không mắc lỗi sai lầm, sĩ dân không hối vì họa hại thôi. Cao tổ lên ngôi, thận trọng xử lý chính sự, bày rõ lệnh cấm chư hầu vào triều khi chưa được triệu. Trầm cảm khái cái ý của bài thơ 'Thường lệ' mà thi nhân sáng tác,⁽³⁾ khen cái nghĩa của bài thơ 'Thái thực',⁽⁴⁾ cũng dựa theo chiếu văn có câu rằng: 'Nếu có chiếu

¹ Kinh Thi, Tiểu Nhã có bài Vô tương đại xa. Nguyên văn là: "Vô tương đại xa, duy trần minh minh." Ý rằng xe lớn chạy thì bốc bụi, che lấp mắt người. Hai chữ "duy trần" là chỉ kẻ tiểu nhân vậy. Trịnh Huyền chú rằng: Đem xe lớn, tiền cử kẻ tiểu nhân, là làm hại đến công đức của mình.

² Mã Viện (馬援), tự Văn Uyên, người quận Phù Phong huyện Mậu Lăng, là tướng của Quang Vũ đế Lưu Tú nhà Hán. Năm 20 tuổi xin ra sa trường dẹp rợ Ngũ Kê, lúc già 80 tuổi vẫn ruổi rong tung hoành chốn biên thùy. Mã Viện thường nói với tân khách rằng: "Kẻ đại phu lập chí, cùng khôn thì càng kiên cường, già lão thì càng tráng chí." Lại nói: "Làm trai nên chết ở chốn biên thùy, lấy da ngựa bọc thân mà chôn mới thỏa, sao lại chịu nằm ở xó giường, chết ở trong tay bọn đàn bà con trẻ?" Lại khuyên con cháu mình rằng: "Chớ có vẽ hổ không thành, lại thành vẽ chó." Ý rằng đừng cố gắng bắt chước kẻ anh hùng, e rằng không thành anh hùng lại thành kẻ bỏ đi.

³ Thường lệ, bài thơ trong Kinh Thi. Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 70 (Viên Thiệu truyện).

⁴ Kinh Thi, thiên Tiểu nhã có bài thơ Thái thực, chê bai vua U vương nhà Chu ngạo mạn triệu kiến chư hầu, không rõ về tín nghĩa.

thì được đến kinh đô',⁽¹⁾ cho nên lệnh cho chư vương giữ lễ tiết triều kiến. Nhưng Sở vương, Trung Sơn vương phạm cấm giao kết tư thông, Triệu Tông, Đái Tiếp đều phải thừa nhận tội lỗi bị phạt. Gần đây Đông Bình vương lại sai thuộc quan đánh đập quan lại của huyện Thọ Trương, Hữu ti tấu báo lên, trẫm phán quyết tước huyện ấp. Hữu ti cho là bọn Tào Toản, Vương Kiều cậy dựa là người trong Cửu tộc, định kỳ tiết nhật, tụ hội ở nhà Vương, ngờ là việc không thích hợp, đều trái với cấm lệnh. Trẫm nghĩ Vương nhỏ tuổi nhưng có tố chất kính thuận, thêm nữa trẫm nhận cố mệnh của Tiên đế, muốn chuộng ân lễ, nối dài đến đời sau, huống chi chỉ ở đời Vương thôi sao? Và lại không phải là thánh nhân, ai không mắc lỗi lầm? Trẫm đã hạ chiếu cho Hữu ti tha thứ cho cái lỗi của Vương. Cổ nhân có câu: 'Thận trọng với cái mình không nhìn thấy, sợ hãi với điều mình chẳng nghe được, chẳng thấy được vật che giấu, chẳng rõ được vật bé nhỏ, cho nên bậc quân tử thận trọng khi có một mình vậy.' Thúc phụ noi theo điển chế của thánh nhân, lại kế thừa di mệnh của Tiên đế, phải nên đau đáu sợ hãi, tinh tâm cung kính với vương vị của mình, để xứng ý trẫm."

Những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là năm nghìn hộ.

① *Nguy lược* chép: Cán có một tên là Lương. Lương vốn là con của người thiếp họ Trần, khi Lương sinh ra thì Trần thị chết, Thái tổ lệnh sai Vương phu nhân nuôi dưỡng Lương.

Năm Lương lên năm tuổi thì Thái tổ bị bệnh nặng, di lệnh nói với Thái tử rằng:

- Thằng bé ấy ba tuổi thì mất mẹ, năm tuổi thì mất cha, ta đem nó thác cho mày thôi.

Thái tử bởi thế thân gần ưu đãi, hơn hẳn so với các em. Lương lúc nhỏ tuổi không biết gì, thường gọi Văn đế là A Ông,⁽²⁾ Để bảo Lương rằng:

¹ Lời chiếu này là chiếu văn của Tào Phi quy định việc về châu đối với các vương chư hầu.

² A Ông, tức là người cha vậy.

- Ta, là anh của mày thôi.

Văn đế thương xót Lương như thế, thường vì Lương mà rơi nước mắt.

Thần Tùng Chi xét: Truyện này cho rằng mẹ quý hay tiện là thứ yếu, bất kể tuổi tác của anh em, cho nên Sở vương Tào Bưu tuổi tác tuy lớn, truyện chép ở sau truyện về Cán. Căn cứ *Chu Kiến Bình truyện*,⁽¹⁾ thì biết Bưu hơn Cán hai mươi tuổi.

Lâm Ấp Thương công tử Tào Thượng, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Sở vương Tào Bưu, tự Chu Hổ. Năm Kiến An thứ hai mốt, được phong tước Thọ Xuân hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước, chuyển phong làm Nhữ Dương công. Năm thứ ba, phong làm Dặc Dương vương. Năm ấy đổi phong là Ngô vương. Năm thứ năm, đổi phong đến huyện Thọ Xuân. Năm thứ bảy, dời đất phong đến huyện Bạch Mã. Năm Thái Hòa thứ năm mùa đông, về châu ở kinh đô. Năm thứ sáu, đổi phong ở đất Sở.

Khi trước, Bưu đến triều, phạm cấm lệnh; năm Thanh Long nguyên niên, bị Hữu ti tấu báo, Đế hạ chiếu tước ba huyện, là một nghìn năm trăm hộ. Năm thứ hai, đại xá thiên hạ, được khôi phục lại huyện ấp bị tước. Năm Cảnh Sơ thứ ba, được tăng năm trăm hộ, cộng cả lúc trước là ba nghìn hộ.

Năm Gia Bình nguyên niên, Thứ sử Duyện châu là Lệnh Hồ Ngu cùng Thái úy Vương Lăng mưu đón Bưu định đô ở Hứa Xương. Việc nói tại *Vương Lăng truyện*.⁽²⁾ Tề vương phái Thái phó cùng Thị ngự sử đến nước phong khảo chứng, bắt trị chư

¹ Truyện về Chu Kiến Bình nằm trong tập V, quyển 29 (Phương kỹ truyện).

² Truyện về Vương Lăng nằm trong tập V, quyển 28, (Vương Lăng truyện).

tướng có liên can. Đình úy xin triệu Bưu về trị tội. Vì thế noi theo việc cũ của Yên vương Lưu Đán thời nhà Hán,⁽¹⁾ sai Đình úy Đại hồng lư cầm cờ tiết đến ban tì thư nghiêm khắc trách hỏi Bưu, sai phải tự xử. ① Bưu bèn tự sát. Phi tần và các con đều bị biếm làm thứ dân, đầy đến quận Bình Nguyên. Từ thuộc quan của Bưu cho đến Giám quốc yết giả, bị buộc tội là biết sự tình mà không có cái nghĩa phù chính đạo, đều chịu tội chết. Nước bị trừ bỏ lập thành quận Hoài Nam.

Năm Chính Nguyên nguyên niên Đế hạ chiếu rằng:

"Cố Sở vương Tào Bưu, bội phản quốc gia nuơng bá m kẻ gian, chết thân phế tự, dẫu tự rước tội, vẫn nên xót thương. Dung nhẫn cho việc xấu của thân thích, là đạo lý đối đãi với người thân của mình vậy, nay phong cho Thế tử của Bưu là Tào Gia làm Thường Sơn Chân Định vương."

Năm Cảnh Nguyên nguyên niên, tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là hai nghìn năm trăm hộ. ②

① Hán Ngụy xuân thu của Khổng Diễn chép tì thư rằng:

"Bạc vương xưa ban thưởng không để sót kẻ cừ thù, dùng hình chẳng né tránh người thân thích, đấy là đạo nghĩa chí công vậy. Cho nên Chu Công roi nước mắt mà quyết tội hai người chú,⁽²⁾ Hiếu Vũ đau lòng mà phán ngục với Chiêu Bình,⁽³⁾ đấy là phép thường xưa nay vậy. Trẫm nghĩ Vương, là người chí thân trong tông thất, làm phiên vương ở cõi ngoài, nhưng không chịu vâng theo khuôn phép của tiên vương, làm

¹ Thời Hán Chiêu đế, Yên vương Lưu Đán (Yên Lạt vương Lưu Đán) mưu phản, tự sát. Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 263 (Cao Quý hương công Tào Mao truyện).

² Chu công phụ quyết tội hai người chú: Xem chú thích ở tập I, trang 88 (Vũ đế ký).

³ Chiêu Bình Quân là con của Long Lự hầu Trần Kiểu và công chúa, con của Hán Cảnh đế, em của Hán Vũ đế. Chiêu Bình Quân là người hung hiểm, gây rất nhiều tội ác, Hán Vũ đế vốn rất yêu quý công chúa nên nhiều lần che chở cho, nhưng Chiêu Bình Quân lại giết cả người vú nuôi của mẹ mình, bị bắt tổng ngục, Hán Vũ đế theo lời bàn của Đông Phương Sóc, không vì tình thân mà bỏ phép nước, bèn xử Chiêu Bình Quân tội chết.

giương cho tông thất, mà mưu tính với kẻ gian tà, lại cùng Thái úy là Vương Lăng, Thứ sử Duyên châu là Lệnh Hồ Ngu cấu kết thông mưu nghịch loạn, mưu gây nghiêng nguy cho xã tắc, có lòng bội phản tà ác, không có nghĩa trung hiếu. Tông miếu có linh, Vương còn mặt mũi nào để diện kiến Tiên đế? Trẫm rất đau lòng vì Vương tự hãm mình vào tội lỗi, lại nhận ân tình của Vương, vì thế rất buồn ngủi. Hữu ti tấu xin phải đưa Vương đến sở quan Đại lý, trẫm nghĩ đến cái nghĩa xét xử người mắc tội trong tông thất, không nỡ phôi thây Vương ở ngõ chợ, nên phải sứ giả ban thư. Vương tự tác nghiệt, chẳng phải do người khác đem đến, việc cũ của Yên Lạc vương, cũng đủ để xem. Vương hãy tự xử đi”!

② Thần Tùng Chi xét: Gia vào thời nhà Tấn, được phong làm Cao Ấp công. Năm Nguyên Khang trung, cùng với Thạch Sùng đều làm Quốc tử bác sĩ. Về sau Gia làm Thái thú Đông Hoàn, Sùng làm Chinh lỗ tướng quân, Giám quân ở hai châu Thanh, Từ, đóng đồn ở Hạ Bi. Gia làm thơ gửi Sùng nói:

"Văn võ hợp thời thế,
Kiêm tài lại sáng trí.
Khá khen Thạch tiên sinh,
Trong nước là tuấn kiệt.
Vào triều ở cạnh Đế,
Ra ngoài làm Cửu liệt.
Uy trấn miền Thanh, Từ,
Danh vang vùng Ngô Việt.
Ngày trước cùng ngôi vị,
Tình thân quá Lỗ, Vệ.
Chia ly hơn mười năm,
Nghĩ tình thêm thấm thiết.
Mong ngài hiểu lòng này,
Nóng lạnh không đổi tiết."

Sùng làm thơ đáp lại rằng:

"Trước thường sánh cùng ngài,
Dạo chơi giữa mây trời,
Ngài đốc lòng giáo huấn,
Lòng ta bỗng sáng bừng."

Hai ta cùng chí hướng,
 Nên tình càng thêm thân.
 Nào phải tình mới nặng,
 Bằng hữu đâu dễ lìa.
 Trọng Ni chẳng khinh Di,
 Lão Đam hướng Tây Nhung.
 Tiêu dao ngoài góc bể,
 Mà giữ yên dòng Vương.
 Việc đời không nhọc tâm,
 Chẳng mơ làm Chu công.
 Thanh tĩnh dưỡng thần khí,
 Vì thế chí ung dung."

Tấn thư của Vương Ẩn chép bản tấu của Lại bộ thị lang Lý Trọng rằng:

"Tông thất nhà Ngụy khuất thân thấp hèn, thường mong là ân điển của thánh thượng xét đến. Thái thú Đông Hoàn là Tào Gia, về tài cán học thức, không bằng được Tào Chí, Tào Hấp, nhưng thuần tính giữ mình trong sạch; hơn hẳn hai người kia; lại đã trải chức tại hai quận. Thân cho là nên ưu ái dòng dõi của triều trước, có thể lấy Gia làm Viên ngoại Tấn kỵ thị lang."

Cương Thương công tử Tào Cần, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, được truy phong thụy. Không có con.

Cốc Thành Thương công tử Tào Thừa, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, được truy phong thụy. Không có con.

My Đái công tử Tào Chính, thờ phụng nổi dãi chú họ là Lang trung Tào Thiệu. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, được phong tước My hầu. Năm thứ hai mươi ba, chết. Không có con. Năm Hoàng Sơ thứ hai truy phong tước, thụy là Đái công. Để lấy con của Bành Thành vương Tào Cú là Phạm làm

người thờ phụng nổi dõi Chính. Năm thứ ba, phong làm Bình Thị hầu. Năm thứ tư, chuyển đất phong đến huyện Thành Vũ. Năm Thái Hòa thứ ba, tiến tước Công. Năm Thanh Long thứ ba, chết. Ban thụy là Điều công, không có con. Năm thứ tư, Đế hạ chiếu lấy em của Phạm là Đông An hương công Tào Xiển làm My công, để thờ phụng nổi dõi Chính.

Trong những năm Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là một nghìn tám trăm hộ.

Linh Thương công tử Tào Kinh, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm truy phong thụy. Không có con.

Phàn An công Tào Quân, thờ phụng nổi dõi chú ruột là Kế Cung công Tào Bân. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, được phong tước Phán hầu. Năm thứ hai mươi tư chết. Con của Quân là Kháng nối tự. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy phong tiến tước làm Công, thụy là An công. Năm thứ ba, đổi phong Kháng làm Kế công. Năm thứ tư, đổi phong làm Đôn Lưu công. Năm Cảnh Sơ nguyên niên chết, thụy là Định công. Con của Kháng là Kham nối tự.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là một nghìn chín trăm hộ.

Quảng Tông Thương công tử Tào Cức, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Đông Bình Linh vương Tào Huy, thờ phụng nổi dõi chú ruột là Công Lăng Lăng Ai hầu Tào Ngọc. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, được phong làm Lịch Thành hầu. Năm

Hoàng Sơ thứ hai, tiến tướng Công. Năm thứ ba, làm Lư Giang vương. Năm thứ tư, đổi phong làm Thọ Trương vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Thọ Trương. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong ở huyện Đông Bình. Năm Thanh Long thứ hai, Huy sai quan thuộc đánh đập quan lại của huyện Thọ Trương, bị Hữu ti tấu báo, Đế hạ chiếu tước bớt một huyện, là năm trăm hộ. Năm ấy khôi phục lại huyện ấp bị tước. Năm Chính Thủy thứ ba chết.

Con của Huy là Hấp nối tự. Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là ba nghìn bốn trăm hộ.①

① Thần Tùng Chi xét: Hấp vào thời nhà Tấn, được phong làm Lâm Khâu công. Trong số tông thất nhà Ngụy, danh tiếng chỉ dưới Quyên Thành công. Đến năm Thái Thủy thứ hai, Hấp phái Thế tử là Côn dâng biểu đến triều đình. Đế hạ chiếu rằng:

"Hấp giữ đức sửa đạo, là người tài trong tông thất nhà Ngụy. Nay Côn từ xa đến, hãy trao cho Côn ấn thụ Thế tử, gia thêm chức Kỵ đô úy, ban lễ phục một bộ, tiền mười vạn, tùy tài lực dụng làm quan."

Hấp soạn sách *Giải hàn thực tán phương*, cùng các sách mà Hoàng Phủ Mật soạn chép đều được lưu hành ở đời.

Lạc Lãng vương Tào Mậu, năm Kiến An thứ hai mươi hai được phong làm Vạn Tuế đình hầu. Năm thứ hai mươi ba, đổi phong làm Bình Dư hầu. Năm Hoàng Sơ thứ ba, tiến tước, đổi phong làm Thừa Chi công. Năm thứ bảy, dời đất phong đến huyện Trung Khâu.

Mậu bản tính ngạo mạn tàn nhẫn, lúc nhỏ không được Thái tổ sủng ái. Kịp đến thời Văn đế, một mình không được phong Vương. Năm Thái Hòa nguyên niên, đổi phong làm Liêu Thành công; năm ấy được phong Vương. Đế hạ chiếu rằng:

"Xưa kia Tượng là người rất ngạo ngược, nhưng Đại Thuấn vẫn phong cho tước Hầu ở ấp Hữu Bí.⁽¹⁾ Gần đây Hoài Nam vương, Phụ Lăng vương của nhà Hán, đều là loạn thần nghịch tử, mà vẫn có người được khôi phục nước phong, có người đến đời con được phong đất.⁽²⁾ Hữu Ngụ thị kiến lập phân phong từ thời thượng cổ, Văn đế, Minh đế, Chương đế của triều Hán ở thời trước tiến hành phân phong, đây là đều ra sức tỏ nghĩa dày với thân thích của mình vậy."

"Liêu Thành công là Mậu lúc nhỏ không thấu tỏ lễ giáo, lớn lên không chuyên tâm chính đạo. Tiên đế cho rằng việc phân phong cho chư hầu thời cổ đại, đều trao cho người hiền, cho nên người họ Cơ vị tất đã được phong hầu, vì thế duy có Mậu không được phong Vương. Thái hoàng thái hậu mấy lần vì Mậu nói giúp. Nghe nói Mậu mới đây biết hối lỗi trước, muốn tu thiện về sau."

"Quân tử giúp người ta tiến bộ, không nghĩ nhớ cái lỗi trước của họ. Nay phong Mậu làm Liêu Thành vương, để an ủi nỗi khổ tâm với con cháu của Thái Hoàng thái hậu."

¹ Thuấn là người hiền, mẹ chết sớm, cha của Thuấn là Cô Tâu lấy vợ khác, sinh ra Tượng. Tượng là người độc ác, vào hùa với mẹ kế nhiều lần hãm hại Thuấn, mưu giết Thuấn, nhưng không thành. Thuấn được vua Nghiêu nhường ngôi, không nhớ oán cũ, vẫn phong cho ở Tượng ở ấp Hữu Bí, làm Hầu. Là vì Tượng là em của vua Thuấn vậy.

² Lưu Trường (劉長) là con của Hán Cao tổ và mỹ nhân họ Triệu. Sau loạn họ Lã, trong số các con của Hán Cao tổ chỉ còn Lưu Hằng và Lưu Trường. Đại thần lập Lưu Hằng, tức Hán Văn đế. Lưu Trường có sức khỏe, rất ngang tàng, coi thường vương pháp, ngồi trộm xe vua, gọi vua bằng anh, lại giết cả đại thần là Thẩm Tự Cơ, Hán đế vẫn tha tội. Lưu Trường được phong làm Hoài Nam vương, quận Lư Giang loạn, Lưu Trường dẹp yên, Văn đế sai ban thưởng, Lưu Trường không nhận, nói: "Ở đây không có ai nghèo." Lại tự mình đặt luật riêng ở Hoài Nam, tự bổ quan lại, không theo phép tắc của triều đình. Về sau Lưu Trường mưu loạn, bị bắt, lưu đày, bèn tự sát. Hán Văn đế chia đất Hoài Nam làm ba, phong cho ba con của Lưu Trường làm vương, Lưu An được kế tước Hoài Nam vương của Lưu Trường.

Lưu Diên (劉延) là con của Quang Vũ đế Lưu Tú, được phong làm Hoài Dương vương, mắc tội ngầm tạo sấm đồ, Hán Minh đế không nỡ giết, chuyển làm Phụ Lăng vương, nhưng Lưu Diên bất mãn. Đến thời Hán Chương đế, Lưu Diên lại cùng Lưu Phương mưu nghịch, Đế lại tha, phế làm Phụ Lăng hầu, không cho giao du với quan lại. Đến đời con của Diên là Xung lại được nhận tước phong của cha.

Năm thứ sáu, đổi phong Mậu làm Khúc Dương vương.

Năm Chính Thủy thứ ba, Đông Bình Linh vương chết, Mậu xưng là đầu hòng, không chịu cử tang, hành vi cử chỉ ra vào như thường. Hữu ti tấu xin trừ đất phong, Đế hạ chiếu tước một huyện, là năm trăm hộ. Năm thứ năm, đòi đất phong đến huyện Lạc Lăng, Đế hạ chiếu nói đất ăn lộc của Mậu ít, các con đông, cho khôi phục lại hộ ấp bị tước, lại tăng thêm bảy trăm hộ.

Trong những năm Gia Bình, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là năm nghìn hộ.

Văn hoàng đế có chín người con trai:

Chân thị Hoàng hậu sinh ra Minh đế,

Lý Quý nhân sinh ra Tán Ai vương Tào Hiệp,

Phan Thục viện sinh ra Bắc Hải Diệu vương Tào Nhụy,

Chu Thục viện sinh ra Đông Vũ Dương Hoài vương Tào Giám;

Cừu Chiêu nghi sinh ra Đông Hải Định vương Tào Lâm;

Từ Cơ sinh ra Nguyên Thành Ai vương Tào Lễ;

Tô Cơ sinh ra Hàm Đan Hoài vương Tào Ung,

Trương Cơ sinh ra Thanh Hà Diệu vương Tào Cống;

Tống Cơ sinh ra Quảng Bình Ai vương Tào Nghiễm.

Tán Ai vương Tào Hiệp, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm truy phong thụy là Kinh Thương công. Năm Thanh Long thứ hai, lại truy đổi thụy hiệu. Năm thứ ba, con của Hiệp là Thương vương Tào Tầm nối tự. Năm Cảnh Sơ thứ ba, tăng năm trăm hộ ấp, gộp cả lúc trước là ba nghìn hộ. Năm Chính Thủy thứ chín chết, không có con. Nước bị trừ bỏ.

Bắc Hải Điều vương Tào Nhuy, năm Hoàng Sơ thứ bảy, Minh đế tức vị, lập làm Dương Bình huyện vương. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong ở quận Bắc Hải. Năm Thanh Long nguyên niên chết. Năm thứ hai, lấy con của Lang Nha vương là Tào Tán thờ phụng nối tự Nhuy, phong làm Xương Hương công. Năm Cảnh Sơ thứ hai, lập làm Nhiêu An vương. Năm Chính Thủy thứ bảy, dời đất phong đến huyện Văn An.

Trong những năm Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng hộ ấp, gộp cả lúc trước là ba nghìn năm trăm hộ.

Đông Vũ Dương Hoài vương Tào Giám, năm Hoàng Sơ thứ sáu được lập; năm ấy chết. Năm Thanh Long thứ ba ban thụy. Không có con. Nước bị trừ bỏ.

Đông Hải Định vương Tào Lâm, năm Hoàng Sơ thứ ba lập làm Hà Đông vương. Năm thứ sáu, đổi phong đến huyện Quán Đào. Minh đế tức vị, theo di ý của Tiên đế, sủng ái Lâm hơn hẳn các anh em khác, nhưng Lâm bản tính thô bạo, ở trong khuê phòng, đối đãi với các tì thiếp, đa phần là tàn hại họ. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong đến quận Đông Hải. Năm Gia Bình nguyên niên chết. Con của Lâm là Khải nối tự.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là sáu nghìn hai trăm hộ. Cao Quý hương công Tào Mao, là con của Lâm vậy, về triều kế nối dòng Đại tông.

Nguyên Thành Ai vương Tào Lễ, năm Hoàng Sơ thứ hai được phong làm Tân công, lấy quận Kinh Triệu lập nước phong. Năm thứ ba, đổi phong làm Kinh Triệu vương. Năm thứ sáu, đổi phong làm Nguyên Thành vương. Năm Thái Hòa

thứ ba chết. Năm thứ năm, lấy con của Nhâm Thành vương Tào Khải là Đễ nối dõi Lễ. Năm thứ sáu, đổi phong Đễ làm Lương vương.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là bốn nghìn năm trăm hộ.

Hàm Đan Hoài vương Tào Ung, năm Hoàng Sơ thứ hai phong làm Hoài Nam công, lấy quận Cửu Giang lập nước. Năm thứ ba, tấn phong Hoài Nam vương. Năm thứ tư, đổi phong đến quận Trần. Năm thứ sáu, đổi phong đến Hàm Đan. Năm Thái Hòa thứ ba chết. Năm thứ năm, lấy con của Nhâm Thành vương Tào Khải là Ôn nối dõi Ung. Năm thứ sáu, đổi phong Ôn đến huyện Lỗ Dương.

Trong những năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, nhiều lần tăng thực ấp, gộp cả lúc trước là bốn nghìn bốn trăm hộ.

Thanh Hà Diệu vương Tào Cống, năm Hoàng Sơ thứ ba thụ phong. Năm thứ tư chết, không có con. Nước phong bị xóa bỏ.

Quảng Bình Ai vương Tào Nghiễm, năm Hoàng Sơ thứ ba thụ phong. Năm thứ tư chết, không có con. Nước bị trừ.

Bình rằng: Vương công của Ngụy thị, đã có cái danh là được phong quốc, mà không có thực quyền xã tắc, lại bị cấm lệnh ngăn cách, giống như tù ngục; ngôi vị tước hiệu không cố định, lớn nhỏ thay đổi hằng năm; cái ân cốt nhục chia lìa, cái nghĩa "Thường lệ" bị phế bỏ. Vì cái tệ hại của phép chế, mà rút cục dẫn đến như thế chẳng!①

① Viên tử nói: Nhà Ngụy gây dựng, kế sau thời đại loạn, dân chúng giảm tổn, không thể bắt chước chế độ dựng nước thời cổ. Vì thế phong vương chư hầu, đều sai tự đến đất phong, có cái danh hảo mà không có quyền thực. Vương quốc có hơn trăm lão binh, để bảo vệ nước phong. Tuy có cái hiệu Vương hầu, nhưng thực tế chỉ ngang hàng với kẻ thất phu. Ngăn cách trợ trợ ở ngoài nghìn dặm, không có lễ nghi triều kiến, nước phong lân bang không được phép hội gặp với nhau. Chư hầu đi săn bắn không được rời địa phận nước phong quá ba mươi dặm, lại đặt chức quan Phòng phụ giám quốc để dò xét họ. Vương hầu đều mong làm kẻ áo vải mà chẳng thể được. Đã trái với cái nghĩa nước tông thất làm phen dậu, lại tổn khuyết cái ân cốt nhục thân thích vậy.

Ngụy thị Xuân Thu chép phong thư của người trong tông thất nhà Ngụy là Tào Quýnh dâng lên rằng:

"Thần nghe nói bậc vương xưa, nhất định phong dựng nước cho người cùng họ để sáng rõ tình thân thích, nhất định gây dựng cho người khác họ để sáng rõ hiền tài. Cho nên Tả truyện chép: 'Ban thưởng cho người có công, thân thiết với người thân, gần gũi với cận thần, tôn kính bậc hiền năng'; Kinh Thư chép: 'Nêu rõ đức lớn, để thân cứu tộc'; Kinh Thi nói: 'Có đức thì quốc gia yên, con cháu tông thất làm thành lũy.' Từ đấy mà xét, không có hiền tài, thì không có ai giúp hưng nghiệp, không có thân thích, thì không có ai giúp trị quốc. Cái đạo chỉ trọng dụng thân thích, chuyên dùng thì quốc gia sẽ dần suy yếu, cái đạo chỉ trọng dụng hiền tài, thiên lệch thì sinh cái tệ bị cướp đoạt. Bậc thánh nhân xưa biết cái lẽ như thế, cho nên rộng cầu người thân kẻ sơ mà dùng cả hai; gần thì có cái vững chắc của người đồng tông làm phen dậu, xa thì có cái trợ giúp của người hiền làm phụ tá, lúc thịnh trị thì có người giúp cùng trị lý quốc gia, lúc suy kém thì có người cùng giữ đất, lúc yên định thì cùng hưởng phúc lộc, lúc nguy nan thì cùng chung họa hoạn. Như thế, đương nhiên gây dựng được quốc gia, giữ được xã tắc của mình, lịch số truyền lâu dài, con con cháu cháu, trăm đời không dứt vậy."

"Nhà Ngụy hiện nay, cái phép tôn kính người hiền dấu sáng rõ, nhưng cái đạo gần gũi người thân chưa đủ. Kinh Thi chẳng nói rằng 'Chim

chìa vôi ở cánh đồng, anh em hoạn nạn vội vàng cứu nhau.⁽¹⁾ Từ đấy mà nói, chỉ có anh em cứu giúp nhau giữa lúc tang loạn, đồng lòng giữa lúc lo họa, tuy có lúc cấu giặc bất hòa, chẳng quên việc chống kẻ ngoài bức hiếp. Vì sao? Vì cùng lo họa vậy. Nay thì không thế, hoặc dùng mà không xem trọng, hoặc bỏ mà không dùng, một sớm cỗi ngoài cảnh giới, đóng cửa cự mệnh, bày tôi tay chân không giúp, kẻ phúc tâm không hộ vệ. Thần trộm nghĩ điều ấy, ngủ không yên chiếu, muốn dâng tấm lòng son, hiến kế nơi cửa khuyết. Xin kính cẩn soạn chép tập hợp các điều mà thần nghe được, tổng luận việc thành bại."

Luận rằng:

"Xưa kia các nhà Hạ, Thương, Chu trải mấy chục đời thống trị, mà nhà Tần chỉ qua hai đời đã diệt vong. Vì sao? Là vì vua của ba nhà, cùng người thiên hạ chung trăm họ, cho nên người thiên hạ cùng chung lo lắng. Tần vương một mình chuyên chế thần dân, cho nên nghiêng nguy mà chẳng ai giúp. Cùng dân chung cái vui của mình, thì dân tất lo mối lo của mình; cùng dân chung cái yên của mình, thì dân tất cứu cái nguy của mình. Bậc vương xưa biết một mình cai trị thì chẳng thể lâu dài vậy, cho nên cùng người khác chung sức cai trị; biết một mình thủ giữ thì chẳng thể giữ vững vậy, nên cùng người khác chung sức thủ giữ. Kiềm gồm thân sơ mà dùng cả hai, gộp người tông thất và khác họ mà cùng dựng lập. Vì thế nặng nhẹ đủ để trấn áp nhau, thân sơ đủ để cầm giữ nhau, đường cướp chiếm tắc nghẽn, tiết nghịch loạn chẳng sinh."

"Lúc tam đại suy kém, Tề Hoàn, Tấn Văn noi theo lễ chế; Sở vương không cống cỏ bao, binh Tề đánh Sở.⁽²⁾ Vua Tống không dâng thành cho nhà Chu, người nước Tấn giết Tể tướng nước Tống.⁽³⁾ Cương kỷ của

¹ Kinh Thi, Tiểu nhã, Đường lệ.

² Tề Hoàn công làm bá chủ hầu, tôn phù nhà Chu. Nước Sở bấy giờ ở phương nam, theo lệ phải cống tiến một bó cỏ bao mao để dùng vào việc cúng tế, nhưng nước Sở cậy mạnh lại ở xa, không thân phục nhà Chu, bỏ lễ cống tiến. Hoàn công hội tám nước chư hầu đóng ở biên giới nước Sở, nước Sở sợ, sai Khuất Hoàn nhận lỗi, cầu hòa.

³ Thời Chu Kính vương, nhà Chu suy yếu cực độ, thành của vua Chu nhỏ hẹp, Tấn Khoảng công hội chư hầu ở Dịch Tuyền, muốn mở rộng thành quách cho vua Chu, nước Tống không theo, tướng nước Tấn là Hàn Bất Tín bắt giết Tể tướng nước Tống là Trọng Kỳ.

nhà Chu bê trễ lại được chấn chỉnh, chư hầu ngạo mạn lại phải cung kính. Sau thời của hai vị bá, kỷ cương dần dần suy bại. Hai nước Ngô, Sở cậy sông Giang, dựa tường thành vững, tuy có lòng cầu chín đỉnh, nhưng úy kỵ tông tộc họ Cơ, ý gian tan trong lồng ngực, mưu nghịch tiêu ở đâu môi; đấy há chẳng phải vì Chu vương tín trọng thân thích, nhậm dùng hiền tài, cảnh lớn lá rậm, gốc rễ được cây nhờ vào sự giúp đỡ của họ sao? Từ đấy về sau, chuyển sang công phạt lẫn nhau; nước Ngô bị thôn tính bởi nước Việt, nước Tấn chia ba, nước Lỗ bị diệt bởi nước Sở, nước Trịnh bị gộp vào nước Hàn; cho đến thời Chiến Quốc, các nước của họ Cơ suy lắm rồi, duy có nước Yên, nước Vệ còn, nhưng đều là nhược tiểu; phía tây bị bức bởi nước Tần mạnh, phía nam úy kỵ nước Tề, nước Sở, lo sợ diệt vong, chẳng rồi nhàn cứu giúp nhau. Đến đời Chu Noãn vương, bị giáng làm thứ dân, dẫu cảnh gốc nứu giữ nhau, được giữ ngôi vị hão, thiên hạ vô chủ, còn kéo dài hơn bốn chục năm trời."

"Nước Tần chiếm địa bàn có hình thế ưu việt, thỏa ý dùng cái thuật trí trá xảo quyệt, chinh phạt Quan Đông, từ từ gặm dần chín cõi, đến thời Thủy Hoàng, bèn định ngôi trời. Triều Chu duy trì lâu thế kia, Tần dùng sức đến như thế, há chẳng phải vì cái đạo lý rễ sâu nứm chặt không nhổ được sao? Dịch chép: 'Mất đấy mất đấy, buộc vào cây dâu.'¹ Cái đức của nhà Chu có thể nói là đúng như lời ấy rồi."

"Nhà Tần xét cái khốn của nhà Chu, cho là nhỏ yếu thì bị soán đoạt, vì thế phứt bỏ tước ngũ đẳng, đặt chức quan ở quận huyện, bỏ dạy lễ nhạc, dùng phép chế hà khắc; con em không được phong một thước tấc, công thần không có đất cắm dùi, trong không có con em tông tộc để tự phù giúp, ngoài không có chư hầu để làm phen dậu, lòng nhân không ban cho thân thích, ân trạch không lan đến họ hàng; như thế cũng ví như người ta cắt chặt chân tay, chỉ dùng tim phổi, cưỡi thuyền vượt biển, vứt bỏ mái chèo; người đứng xem trông đấy mà ghê lòng; mà Thủy Hoàng an nhiên tự cho là mình có cái vững của Quan Trung, có thành bền nghìn dặm, con cháu có cơ nghiệp vạn đời của bậc Đế vương; há chẳng trái lẽ

¹ Ý tứ rằng, cái vật buộc ở gốc cây vững thì khó mà nhổ phá lấy đi được. Cây dâu rễ ăn sâu đan xen chẳng chặt, vì thế rất vững chắc vậy.

sao! Bấy giờ Thuần Vu Việt⁽¹⁾ can rằng: 'Thần nghe nói vua của các nhà Ân, Chu, phong cho con em và công thần hơn nghìn thành. Nay bệ hạ làm quân vương có bốn cõi mà con em làm kẻ thất phu, nếu thốt nhiên có hạng tôi thần như Điền Hằng và bọn lục khanh,⁽²⁾ mà không có ai giúp đỡ, lấy gì để cứu nhau? Làm việc không noi theo phép xưa mà có thể trường tồn được, là điều thần chưa nghe nói vậy'. Thủy Hoàng nghe lời khuyên lộn lộn của Lý Tư mà phớt bỏ lời kiến nghị của Việt, đến ngày thân chết, không có thân thích để phó thác, ủy nhiệm trọng trách nắm thiên hạ vào tay kẻ thất phu, trao gửi mệnh lệnh phết lập vào miệng kẻ gian thần, đến nỗi khiến bọn Triệu Cao diệt trừ tông thất."

"Hô Hại từ nhỏ quen thói khắc bạc, lớn lên tiếp nhận cái hung tàn của cha, chẳng chịu đổi thay phép tắc, sủng ái anh em, mà lại bắt chước thuật của Thân Bất Hại và Thương Ương,⁽³⁾ mưu hòng Triệu Cao; tự mình ở chốn thâm cung, ủy thác chính sự cho sàm tặc, thân tàn ở cung Vọng Di, cầu xin làm dân đen, há có được chăng? Vì thế quận quốc tan vỡ, quân dân vỡ loạn, Trần Thắng, Ngô Quảng khởi xướng trước, Lưu Bang, Hạng Vũ gấp nối sau. Ví như Thủy Hoàng chọn dùng kế sách của Thuần Vu, cấm chế lời bàn của Lý Tư, cắt châu chia nước, phong vương cho con em, ban tước cho hậu duệ như ba nhà, báo đáp cái khó nhọc của công thần, kẻ sĩ có quân vương đích thực, dân chúng có chúa tể cố định, cành nhánh giúp nhau, đầu đuôi hô ứng, ví như con cháu có hành vi lỗi đạo, người thời ấy không có vua hiền như Thang, Vũ, gian mưu chưa

¹ Thuần Vu Việt (淳于越), thời Chiến Quốc làm Bác sĩ của nước Tề, thời nhà Tần làm Bộc xạ, khuyên Tần Thủy Hoàng lập lại chế độ phân phong, Tần Thủy Hoàng không theo. Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 163 (Trần Tư vương truyện).

² Điền Hằng (田常) là đại thần nước Tề thời Xuân Thu, vì tranh quyền với họ Hám, đánh đuổi và bắt giết Tề Giản công, lập Tề Bình công, tự làm Tướng quốc, cắt đất từ An Bình về đông làm ấp riêng, chuyên quyền nước Tề, về sau con cháu họ Điền cướp ngôi vua Tề; Xem thêm chú thích ở tập III, quyển 13, trang 159 (Hoa Hâm truyện).

Lục khanh (六卿), tức sáu quan khanh của nước Tấn thời Xuân Thu gồm các họ: Phạm, Trung Hàng, Trí, Hàn, Triệu, Ngụy. Sáu họ tranh quyền, đánh diệt nhau còn ba họ là Hàn, Triệu, Ngụy. Ba họ này chia nước Tấn làm ba nước, đời sau gọi ba nước này là Tam Tấn.

³ Thân Bất Hại (申不害), Thương Ương (商鞅): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 120 (Vũ đế kỷ).

phát, thì thân thể đã bị chém giết, bọn Trần, Hạng còn con kia lại được thi thố tay chân sao? Cho nên Hán tổ vung kiếm ba thước, xua dân ô hợp, trong vòng năm năm, rút cục thành Đế nghiệp. Từ khi khai mở thố vũ đến nay, dựng lập công huân ở các đời, chưa có ai dễ dàng như Hán tổ vậy.”

“Chặt cây rễ sâu thì khó nên công, bẻ cành khô mục thì dễ dùng sức, là đạo lý đương nhiên vậy. Nhà Hán soi cái lỗi của nhà Tần, phong dựng cho con em, lúc các nhà họ Lã chuyên quyền, mưu nguy cho họ Lưu, nhưng thiên hạ sợ dĩ không nghiêng ngả, trăm họ sợ dĩ chẳng thay lòng, chỉ vì chư hầu lớn mạnh, gắn kết vững vàng như bàn đá, Đông Mâu và Chu Hư hầu thụ mệnh ở trong, các vương đất Tề, Đại, Ngô, Sở làm phân dậu ở ngoài vậy.⁽¹⁾ Ví như Hán tổ nối theo phép lỗi của nhà Tần, bỏ qua cái pháp chế của bậc vương xưa, thì thiên hạ đã truyền họ, không phải là Lưu thị có thiên hạ vậy. Nhưng Cao tổ phong dựng, đất phong hơn cả phép xưa, nước lớn thì vượt châu kiêm quận, nước nhỏ thì có mấy chục thành liên kề; trên dưới không phân biệt, quyền lực sánh ngang nhà vua, cho nên có cái họa thất quốc của Ngô, Sở. Giả Nghị nói: ‘Chư hầu cường thịnh, lâu ngày thì họa loạn sẽ nổi lên. Muốn thiên hạ yên, không gì bằng rộng phong chư hầu mà giảm bớt thế lực của họ, khiến cho hình thể bốn cõi, như cánh tay của thân thể, như ngón tay của cánh tay, thì chư hầu không có lòng bội phản, chúa thượng không lo việc chinh phạt.’ Văn đế không nghe. Đến thời Hiếu Cảnh, lạm dụng kế của Triều Thác, tước đất truất quyền chư hầu, người thân oán hận, kẻ sơ hoảng sợ, Ngô, Sở xưng mưu gian, năm nước trông gió mà theo.⁽²⁾ Cái điềm triệu khởi phát từ thời Cao đế, mâu thuẫn tụ hợp ở thời Văn, Cảnh, là do lỗi phép chế rộng rãi, lúc thay đổi lại quá gấp gáp vậy. Đấy gọi là ngọn lớn tất gãy, đuôi to khó vẫy. Đuôi bằng với thân thể, còn có lúc không chịu theo thân, huống hồ đuôi lớn quá thân thể, có thể vẫy được sao?”

¹ Lưu Hảng kể ngôi: Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 160 (Trần Tư vương truyện).

² Triều Thác (晁错): Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 101 (Mao Giới truyện).

"Vũ đế theo kế sách của Chủ Phụ,⁽¹⁾ xuống lệnh rộng rãi ban ân huệ, từ đây về sau, nước Tề xẻ làm bảy, nước Triệu phân làm sáu, nước Hoài Nam bị cắt làm ba, nước Lương, nước Đại chia làm năm, vì thế bị lấn ép, tông thất suy nhược, chỉ quân áo cơm tô thuế, không tham dự vào chính sự, có người vì tể vàng sắc xấu bị bãi tước,⁽²⁾ có người vì không có con nối dõi nước bị trừ. Đến thời Thành đế, họ Vương chiếm quyền chính. Lưu Hưởng⁽³⁾ can rằng: 'Thần nghe nói người trong hoàng tộc, là cành nhánh của quốc gia; cành nhánh rụng thì gốc rễ không có gì che chở. Hiện nay xa lánh người cùng họ, bè đảng bên ngoài nắm riêng quyền chính, ruồng bỏ tông thất, hoàng tộc cô lập yếu nhược, đây không phải là cách giữ gìn xã tắc, củng cố hoàng vị họ Lưu vậy.' Lời của Hưởng khẩn thiết, dẫn nhiều điển tịch, Thành đế tuy bi thương than thở nhưng chẳng thể dùng. Đến thời Ai đế, Bình đế, người khác họ cầm quyền, mượn nghĩa phụ chính của Chu công, mà thành môi loạn Điền Hằng, an tọa chiếm ngôi trời, một sớm thu yên bốn bể.⁽⁴⁾ Vương hầu tông thất nhà Hán, cỡi ấu tìn bỏ dây thao, dâng cống xã tắc, vẫn sợ không được làm kẻ tôi thân, thậm chí có người cho là điềm lành tác hợp, ca tụng ân đức của Mãng, há chẳng xót sao! Từ đây mà nói, không phải là con em tông thất chỉ trung thành vào thời Huệ, Văn mà phản nghịch vào buổi Ai, Bình vậy, chỉ vì quyền nhỏ thế yếu, chẳng thể giúp yên định được thôi."

¹ Chủ Phụ Yên (主父偃), là đại thần của Hán Vũ đế, người thành Lâm Truy. Chủ Phụ Yên xuất thân bản hàn, từ nhỏ theo học cái thuật tung hoành, bị bọn nho sinh nước Tề xua đuổi, bèn đi chu du thiên hạ. Khi đến Trường An, Chủ Phụ Yên dâng thư lên Hán Vũ đế đề xuất chủ trương "Đại thống nhất", được khen, bái làm Lang trung, rồi thăng đến Trung đại phu.

² Năm Nguyên thú thứ sáu đời Hán Vũ đế, con của Trung Sơn Tĩnh vương Lưu Thắng là Lưu Trinh tể vàng sắc xấu bị bãi tước hầu.

³ Lưu Hưởng (刘向): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 47 (Viên Thiệu truyện).

⁴ Thời Hán Bình đế, gia phong Cừ tích cho Vương Mãng, lúc Bình đế bị bệnh, Vương Mãng học theo Chu công cầu trời giải bệnh cho Vũ vương, làm bài văn khẩn xin chết thay cho vua, nhưng lại dâng rượu độc cho Bình đế. Sau khi Bình đế chết, Vương Mãng lập hậu duệ của Tuyên đế là Lưu Anh (Nhụ Tử Anh) mới 2 tuổi lên ngôi, tự mình nhiếp chính, làm Giả hoàng đế. Hơn hai năm sau, Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, phế ngôi của Nhụ Tử Anh, giáng phong làm An Định công, tự mình lên ngôi đế, lập nhà Tân.

"Lại nhờ Quang Vũ hoàng đế có tư chất trội cao hơn đời, cầm bắt Vương Mãng thành công, kế nối dòng Hán đã tuyệt, đấy há chẳng phải là sức của con em tông thất sao? Nhưng từ đấy vẫn không soi xét cái thất sách của nhà Tần mà noi theo pháp chế cũ của nhà Chu, nối phép phong vương lập nước, lại cầu may mong có sự thống trị đến vô cùng. Cho đến thời Hoàn, Linh, yếm thụ chấp chính, trong triều không có đại thần liêu chết cứu nạn, bên ngoài không có nước phong chung lo lắng, quân vương bị cô lập ở trên, đại thần lộng quyền ở dưới, gốc ngọn chẳng thể ngăn giữ nhau, thân thù chẳng thể phối hợp nhau. Bởi thế thiên hạ như vạc nước sôi, gian hung cùng tranh đoạt, tông miếu cháy thành tro than, cung thất biến thành bụi rậm. Vua nắm đất đai của chín châu, mà không có chỗ yên thân, thương thay!"

"Thái tổ Vũ hoàng đế vốn có tư chất thánh minh, kiêm mưu thần vũ, then vì vương cương dứt tuyệt, xót vì nhà Hán nghiêng lật, nên rồng bay ở Tiêu, Bái, phượng liệng ở Duyệt, Dự, quét dẹp kẻ hung nghịch, trừ diệt lũ kinh nghệ, đón Đế ở tây kinh, định đô ở ấp Dĩnh, đức động trời đất, nghĩa cảm quỷ thần. Hán thị vâng ý trời, nhường ngôi cho Đại Ngụy. Sự hưng khởi của Đại Ngụy, đến nay là hai mươi bốn năm rồi, xét cái tồn vong của năm nhà mà không dùng được sách lược hay của họ, thấy cái nghiêng lật của xe đi trước mà không tránh vết xe; con em giữ vị vương hầu hư hão, vương có dân không sai khiến được, tông thất mai một ở chốn dân gian, không được hỏi han chính sự của bang quốc, quyền hành ngang với kẻ thất phu, thế lực sánh với dân thường; trong không có cái chắc của rễ sâu nùm chặt không nhổ được, ngoài không có sự trợ giúp của tông thất như bàn đá, đấy không phải là cách để yên xã tắc, vì cơ nghiệp vạn đời vậy. Và lại các Châu mục, Quận thú thời nay, là phương bá, chư hầu thời xưa, mà đều giữ đất đai nghìn dặm, thân kiêm trách nhiệm quân lữ, có người nắm quyền mấy nước lân bang, có người anh em cùng nắm đại quyền; mà con em trong tông thất không người nào dự vào trong đó, để chống giữ cho nhau, đấy không phải là cách để củng cố gốc yếu cành, phòng bị mối lo trong muôn một vậy. Cách dùng hiền tài hiện nay, có người siêu việt thì làm chủ danh đồ, có người làm thống soái quân chủ lực, nhưng người trong tông thất có tài văn tất giới hạn làm chúa tể của huyện nhỏ, có tài võ tất bố trí nắm trăm người,

vì thế dẫn đến kẻ sĩ có đức hạnh cao khiết bị khống chế trong tay, người có tài năng hổ thẹn vì cùng thứ bậc với kẻ không cùng hạng, đây không phải là cách dụng lễ khuyến khích tiến cử hiền tài và thưởng thưởng người trong tông thất vậy."

"Suôi kiệt thì dòng cạn, rễ mục thì lá khô; cành rậm thì che gốc; lá rụng thì gốc trơ. Cho nên ngạn ngữ nói: 'Con sâu trăm chân, đến chết không ngã', là lấy đông để nâng đỡ vậy. Lời ấy tuy nói việc nhỏ, có thể dùng ví dụ việc lớn vậy. Vả lại nền móng tường thành chẳng thể chốc lát đắp xong, uy danh chẳng thể một sớm dựng lập, đều phải làm từ từ, gây dựng lâu dài mới thành công. Ví như trồng cây, lâu ngày thì gốc rễ của nó cắm sâu, cành lá của nó sum suê, nếu vội vàng dời cây ở giữa rừng sâu về trồng ở dưới cung khuyết, dẫu lấy đất màu vun đắp, lấy nắng xuân để sưởi ấm, cũng chẳng cứu nổi thân khô, thì nói gì đến việc làm cho nó sinh sôi? Cây cũng như tông thất tử đệ, đất cũng như sĩ dân, dựng lập chưa lâu, thì dưới khinh trên ngạo, thời bình vẫn sợ họ xa lìa bội phản, lúc nguy cấp sẽ thế nào? Bởi thế bậc thánh vương lúc yên mà chẳng rồi nhàn, là vì lo nguy vậy, lúc còn mà bày phòng bị, là vì sợ mất vậy. Cho nên gió dữ chợt đến cũng không lo đổ gãy, thiên hạ có biến cũng không sợ nghiêng ngả rồi."

Quỳnh, là hậu duệ của anh trai quan Trung thường thị Thúc Hưng, là tộc tổ phụ của Thiếu đế vậy.⁽¹⁾ Bấy giờ thiên tử còn nhỏ dại, Quỳnh mong dùng lời luận ấy cảm ngộ Tào Sảng, Sảng không chọn dùng.

--- ॐ ---

¹ Về quan hệ họ tộc của Tào Quỳnh với Tào Tháo. Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 170 (Trần Tư vương truyện).

QUYÊN THỨ HAI MƯƠI MỐT VƯƠNG, VỆ, NHỊ LƯU, PHÓ TRUYỆN



Vương Xán tự Trọng Tuyên, người quận Sơn Dương huyện Cao Bình. Cụ nội của Xán là Cung, ông nội của Xán là Sướng, đều là quan Tam công thời nhà Hán.^① Cha của Xán là Khiêm, làm Trưởng sử của Đại tướng quân Hà Tiến. Tiến vì Khiêm là con cháu nhà Tam công, muốn cùng làm thông gia, thấy hai con của Khiêm, muốn chọn họ. Khiêm không đồng ý. Sau vì mắc bệnh bỏ chức, chết ở nhà.

① *Hán ký* của Trương Phan chép: Cung tự Bá Tông, cao danh nổi tiếng thiên hạ. Thời Thuận đế làm Thái úy.

Khi trước, Thái thú Sơn Dương là Tiết Căn vợ chết không khóc, lúc sắp liệm táng, đến bên linh cửu nói:

- May thay người không chết yếu, có gì phải tiếc hận nữa đâu?

Lúc vợ của Cung chết, Cung và các con đều chống gậy mặc đồ tang, người đương thời chê cười cả hai.

Sướng tự Thúc Mậu, có tên trong Bát tuần.⁽¹⁾ Vào thời Linh đế làm Tư không, vì nạn thủy tai bị bãi chức, rồi Lý Ứng cũng bị bãi quan quay về bản quận, hai người vì nói thẳng cho nên không hợp với người đương thời. Thiên hạ thấy Sướng, Ứng là cao sĩ, là những người hay nói thẳng, hành vi chính trực nên đều kính trọng họ, tình nguyện lặn lội đi theo, chỉ sợ không kịp. Gặp lúc tai họa dị thường liên tiếp, mà kẻ bàn việc đều nói là Tam công không

¹ Nhóm Bát tuần: Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 83 (Lưu Biểu truyện).

xúng chúc, ngờ rằng vì thế nên trời giáng tai biến, nếu dùng Sứơng, Ung thay họ, thì điềm lành tất đến. Bởi thế bọn hoạn quan rất oán hận hai người, cho đến lúc Ung bị giết rồi Sứơng bị phế bỏ, phải chết già ở nhà.

Hiển để dời sang tây, Xán dọn đến Trường An, Tả trung lang tướng là Sái Ung gặp Xán rất kinh lạ. Bấy giờ tài học của Ung nổi tiếng, cả triều đình kính trọng, người đến bái phỏng ngựa xe lấp ngõ, tân khách chật nhà. Ung nghe nói Xán ở ngoài cửa, đi ngược giày ra nghênh tiếp. Sán đến, ít tuổi gầy yếu, dung mạo hình trạng thấp bé, mọi người ngồi đầy đều kinh ngạc. Ung nói:

- Đây là con cháu của Vương công vậy, hấn có tài lạ, ta chẳng bằng được. Văn chương thư tịch của nhà ta, nên đưa hết cho hấn.

Năm Xán mười bảy tuổi, Tư đồ trung triệu, Đế hạ chiếu phong làm Hoàng môn thị lang, Xán thấy tây kinh nhiễu loạn, không đến nhận chức. Vì thế đến Kinh châu nương dựa Lưu Biểu. Biểu thấy Xán tướng mạo thấp bé xấu xí, vóc dáng gầy gò lại phóng túng, cho nên không coi trọng lắm.^①

Biểu chết, Xán khuyên con của Biểu là Tông, nên quy thuận Thái tổ.^② Thái tổ vời Xán làm Thừa tướng duyện, ban tước Quan nội hầu.

Thái tổ bày tiệc rượu ở Hán Tân, Xán nâng chén chúc mừng rằng:

- Đang khi Viên Thiệu hưng khởi ở Hà Bắc, cậy quân dân đông, chí nuốt thiên hạ, nhưng thích hiền tài mà chẳng dùng được, cho nên kẻ sĩ tài giỏi bỏ đi. Lưu Biểu ung dung ở vùng Kinh Sở, ngồi xem thời cuộc biến hóa, tự cho là mình giống Tây Bá được người ta theo về. Kẻ sĩ đến tránh loạn ở Kinh châu, đều là hạng tuấn kiệt trong nước vậy; Biểu chẳng biết dùng người ta, cho nên nước nguy mà không ai giúp. Ngày minh công bình định

Ký châu, xuống xe lập tức chinh đồn quân sĩ xứ ấy, thu hào kiệt ở địa phương mà dùng họ, nhờ đó xưng hùng thiên hạ; lúc bình định vùng Giang Hán, dẫn dụ hiền sĩ tài tuấn ở đấy lại theo thứ bậc trao cho họ ngôi vị, khiến người trong nước chuyển ý, trông gió mà nương cây, văn võ đều được dùng, kẻ anh hùng dốc sức, đấy là nghĩa cử của Tam vương vậy.

Về sau Xán được thăng làm Quân mưu tể tửu.

Nước Ngụy đã dựng, Xán được bái làm Thị trung. Xán biết nhiều kiến thức rộng, hỏi không gì không đáp được. Thời ấy lễ nghi cũ suy bại, việc hưng khởi dựng chế độ, Xán thường chủ trì.^③

① Thần Tùng Chi nói: Viết "tướng mạo thấp bé xấu xí", là nói tướng mạo của Xán không đủ thể hiện tài học vậy. Viết "phóng túng" là giản lược lời văn đi vậy.

② *Văn sĩ truyện* chép lời của Xán khuyên Tông rằng:

- Kẻ hèn này có một kế ngu, xin dâng lên tướng quân, có được chăng?

Tông nói:

- Ta muốn được nghe ý của ngươi.

Xán nói:

- Thiên hạ đại loạn, kẻ hào kiệt đều nổi dậy, trong lúc thảng thốt, mạnh yếu chưa phân, cho nên mọi người đều có toan tính vậy. Đang giữa lúc này, nhà nhà muốn xưng Đế vương, người người muốn làm công hầu. Quan sát việc thành bại xưa nay, ai tiên liệu được bình thế biến hóa, thì thường được hưởng phúc lành. Nay tướng quân tự lượng, so mình với Tào công thì thế nào?

Tông không đáp được. Xán lại nói:

- Như điều mà Xán này nghe được, thì Tào công đích xác là bậc nhân kiệt vậy. Hùng lược trùm đời, trí mưu xuất thế, như diệt Viên Thiệu ở Quan Độ, xua Tôn Quyền ở Giang ngoại, đuổi Lưu Bị ở Lũng Hữu, phá Ô Hoàn ở Bạch Đằng, những kẻ đầu sỏ khác

đều đã đẹp bằng, thường liệu việc như thần, chẳng thể tính đếm hết. Việc hôm nay, suy diễn ra có thể biết được vậy. Tướng quân nếu có thể theo kế của Xán này, cuốn giáp ngược mũi, ứng trời thuận mệnh, quy thuận Tào công, Tào công tất trọng cái đức của tướng quân. Bảo toàn tông tộc, hưởng phúc lâu dài, truyền cho con cháu, đây là kế sách vạn toàn vậy. Xán này gặp cảnh lưu ly loạn lạc, gửi thân ở châu này, chịu ân của cha con tướng quân rất nặng, đâu dám không nói hết lời!

Tông thu nhận lời của Xán.

Thần Tùng Chi xét: Tôn Quyền từ trước đến lúc ấy, vẫn hòa hợp với Trung Quốc, chưa từng giao binh, sao nói là "xua Quyền ở Giang ngoại" được? Ngụy Vũ vào năm Kiến An thứ mười ba đi đánh Kinh châu, Lưu Bị sau đấy mấy năm mới vào Thục, bản thân Bị chưa từng lặn lội đến vùng Quan, Lũng. Thế mà vào năm xuất chinh đánh Kinh châu, lại nói rằng đuổi Bị ở Lũng Hữu, là đã sai lầm lẫn lộn rồi; thêm nữa là núi Bạch Đằng ở vùng Bình Thành, cũng là nơi mà Ngụy Vũ chưa từng đi qua, việc lên bắc đi đánh Ô Hoàn, với địa danh núi Bạch Đằng nhất định không có liên quan. Vì thế ta biết rằng lời văn của Trương Chất là dối trá, mà Chất chẳng hiểu được là cái hư hao của mình tự phơi lộ vậy. Đại để là việc soạn chép xằng bậy của Chất, chẳng nên biện xét bàn luận nữa, các việc như thế, chẳng thể chép hết được.

③ *Quyết nghị yếu chú* của Chí Ngưu chép: Thời Hán mất tang loạn, tuyệt đối không ai đeo ngọc bội. Thị trung của nhà Ngụy là Vương Xán biết cách đeo ngọc bội thời trước, mới khôi phục phép đeo ngọc ấy. Cách đeo ngọc bội hiện nay, là theo phép của Xán vậy.

Khi trước, Xán và người khác cùng đi, trên đường có một tấm bia, người kia hỏi rằng:

- Ngài có thể nhắm đọc thuộc chăng?

Xán đáp:

- Được chứ.

Nhân đó quay lưng lại mà đọc, không sai một chữ nào.

Xán xem người ta đánh cờ vậy, xóa cờ đi, Xán bày lại được. Người đánh cờ không tin, dùng cái khăn vấn đầu trùm lên bàn cờ, sai Xán ra chỗ khác để bày cờ. Bày xong đem ra so sánh, không sai một nước. Xán nhớ dai đến như thế.

Xán giỏi tính toán, làm phép tính, rất đơn giản mà ra đáp án đúng. Lại khéo soạn chép văn chương, nhắc bút là xong, không sửa đổi chữ nào, người bấy giờ thường cho là Xán liệu trước câu chữ; nhưng xem đi xem lại thì câu từ tinh tế, cũng chẳng thể thêm được chữ gì vậy.^①

Xán soạn thơ, phú, luận, nghị gần sáu chục thiên. Năm Kiến An thứ hai mươi mốt, theo đi đánh Ngô. Năm thứ hai mươi hai mùa xuân, bị bệnh chết ở trên đường, năm ấy bốn mươi mốt tuổi.

Xán có hai con, vì có liên quan đến việc phản của Ngụy Phúng, bị giết. Tuyệt tự.

① *Diễn lược* chép: Văn tài của Xán rất cao, biện luận ứng đối rất linh mẫn. Bọn Chung Do, Vương Lăng tuy đều là khanh tướng của nhà Ngụy, đến lúc có việc tấu bàn nghị sự ở triều đình, đều gác bút chẳng thể ra tay thi thố.

② *Văn chương chí* chép: Thái tổ thời đi đánh Hán Trung, nghe tin con của Xán chết, than rằng:

- Cô nếu ở nhà, chẳng khiến Trọng Tuyên không có người nối dõi.

Ban đầu Văn đế làm Ngũ quan tướng, cùng Bình Nguyên hầu là Thực đều thích văn học. Xán cùng người quận Bắc Hải là Từ Cán tự Vĩ Trường, người quận Quảng Lăng là Trần Lâm tự Khổng Chương, người quận Trần Lưu là Nguyễn Vũ tự Nguyên Du, người quận Nhữ Nam là Ứng Sướng tự Đức Liễn, người quận Đông Bình là Lưu Trinh tự Công Cán thân thiết với nhau.

Cán làm Tư không Quân mưu tế tửu duyên thuộc, Ngũ quan tướng Văn học.^①

① Tiên hiền hành trạng truyện chép: Cán là người điềm đạm sâu sắc, cung kính giữ đạo, đầy đủ lục hạnh,⁽¹⁾ văn tài hơn người, múa bút thành chương, coi nhẹ chức quan sao nhãng lợi lộc, chẳng ham vinh hoa ở đời. Năm Kiến An trung, Thái tổ đặc biệt ban cờ tinh để biểu chương, vì Cán mắc bệnh xin nghỉ. Sau đổi phong Cán làm Trưởng huyện Thượng Ngải, lại vì mắc bệnh không đi nhận chức.

Lâm lúc trước làm Chủ bộ của Hà Tiến. Tiến muốn diệt hết lũ yêm hoạn, Thái hậu không nghe, Tiến bèn triệu gọi mãnh tướng ở tứ phương, đều sai chúng dẫn binh hướng đến kinh thành, muốn lấy đó để bức dọa Thái hậu. Lâm can Tiến rằng:

- Dịch có câu: "Đuổi hươu không lo họa"⁽²⁾ Ngạn ngữ nói: "Bung mắt bắt chim." Đây là việc nhỏ còn chẳng nên trá lừa để đắc chí, huống chi là việc lớn của quốc gia, sao có thể dùng sự trá lừa mà xong được? Nay tướng quân giữ uy quyền của nhà vua, nắm binh quyền trong tay, như rồng bay hổ chạy, tiến lui tùy lòng; lấy quyền đẩy hành sự, thì không khác gì dùng bếp lớn đốt lông tơ. Chỉ nên tức tốc phát uy sấm sét, quyền biến hành sự, tùy cơ quyết đoán, trái phép mà hợp đạo, trời người thuận theo; sao lại buông kiểm sách của mình, trưng triệu kẻ khác đến. Đại binh tụ hợp, kẻ mạnh xưng hùng, thế gọi là cầm ngược mũi đao, trao cho người ta cái cán vậy; công việc tất chẳng thành, đấy là khai mỗi loạn vậy.

Tiến không thu nhận lời ấy, rút cục rước họa. Lâm tránh nạn đến Ký châu, Viên Thiệu sai chủ quản văn thư. Họ Viên thua bại, Lâm quy phục Thái tổ. Thái tổ bảo rằng:

¹ Lục hạnh (六行) tức là sáu thứ đức hạnh gồm: Hiếu (hiếu thảo với cha mẹ), hữu (hòa đồng với bạn hữu), mục (thân gần với xóm giềng), nhân (gần gũi với thông gia), nhậm (có trách nhiệm), tuất (biết thương xót người khác).

² Đuổi hươu trong rừng mà không có người dẫn đường thì lạc, đã không bắt được hươu lại còn bị mắc họa.

- Người trước đây giúp Bản Sơ soạn hịch văn, chỉ nên kể tội trạng của Cô thôi, căm ghét cũng chỉ dừng ở người thân của Cô, sao còn hại đến cả cha ông của Cô vậy?

Lâm tạ tội, Thái tổ yêu tiếc cái tài của Lâm nên không truy cứu.

Vũ thời trẻ thụ học chỗ Sái Ung. Năm Kiến An trung, Đô hộ tướng quân Tào Hồng muốn sai Vũ chương quản việc thư ký, Vũ nhất định không chịu khuất. Thái tổ dùng cả Lâm và Vũ làm Tư không Quân mưu tể tửu, chủ quản việc thảo chương biểu chép văn hịch,^① thư hịch về việc quân việc nước, đa phần là do Lâm và Vũ soạn ra vậy.^② Lâm chuyển sang làm Môn hạ đốc, Vũ làm Thương tào duyệt thuộc.

① *Văn sĩ truyện* chép: Thái tổ vốn nghe danh của Vũ, bèn trung triệu, Vũ không ứng mệnh, vì liên tục bị thúc bách, bèn trốn vào trong núi. Thái tổ sai người đốt núi, bắt được Vũ, đưa đến, cho triệu vào.

Lúc Thái tổ đi chinh chiến đến Trường An, mở đại tiệc mời tân khách, giận Vũ không nói chuyện với mình, sai đến ngồi trong đội nghệ nhân. Vũ giỏi về âm luật, có thể gảy đàn cầm, bèn vỗ đàn mà hát, nhân đó sáng tác lời ca rằng:

*"Lù lù cổng trời mở,
Đại Ngụy ứng kỳ vận.
Xa giá tuần chín châu,
Người khắp đông tây oán.
Kẻ sĩ vì tri kỷ,
Nữ vì người mình yêu.
Ân nghĩa nếu ban rộng,
Người ta sao còn loạn?"*

Lời ca uyển chuyển tuyệt hay, tiếng đàn thần diệu phi phàm, hơn hẳn các nhạc công đang ngồi ở đấy, Thái tổ cả mừng.

Thần Tùng chi xét *Diễn lược* của Ngư thị, *Văn chương chí* của Chí Ngưu đều nói rằng Vũ vào năm Kiến An sơ chối là có bệnh trốn tránh việc quân, không vì Tào Hồng mà chịu khuất. Lúc được

Thái tổ triệu, lập tức chống gậy mà ra. Không có chuyện Vũ trốn vào trong núi, lúc đốt núi mới ra thờ chủ vậy. Lại nữa là *Diễn lược* chép việc Thái tổ mới đi đánh Kinh châu, sai Vũ soạn thư gửi Lưu Bị, lúc đi đánh Mã Siêu, lại sai Vũ soạn thư gửi Hàn Toại, hai bức thư ấy hiện nay vẫn còn. Lúc tiến đến Trường An, bọn Toại thua chạy, Thái tổ mới vào được quan ải vào năm thứ mười sáu thôi. Mà Trương Chất nói rằng mới bắt được Vũ lúc Thái tổ ở tại Trường An, thế là không hợp lý. Vũ chết vào năm thứ mười bảy, năm thứ mười tám Thái tổ nhận chiếu sách làm Ngụy công, mà nói rằng khúc ca của Vũ có câu "Đại Ngụy ứng kỳ vận", càng thấy rõ là rất xằng bậy. Hơn nữa bài ca của Vũ có lời rằng "Người ta sao còn loạn", ý nghĩa của bài ca không hoàn chỉnh. Lời ca Vũ soạn ra, tất chẳng thể như thế được.

② *Diễn lược* chép: Các thư từ, hịch văn Lâm soạn chép, bản thảo sau khi soạn xong trình lên Thái tổ. Thái tổ lúc trước vốn mắc bệnh đau đầu, hôm ấy bệnh phát tác, nằm đọc thư hịch do Lâm soạn, đột nhiên đứng dậy nói:

- Bài văn này trị khỏi bệnh cho ta.

Rồi nhiều lần hậu thưởng. Thái tổ từng sai Vũ soạn thư gửi Hàn Toại, đúng dịp Thái tổ sắp đến đó, Vũ đi theo, nhân lúc ngồi trên ngựa soạn thư, thư soạn xong trình lên. Thái tổ cầm bút định sửa, nhưng rút cục là không thể thêm bớt gì được.

Sương và Trình đều được Thái tổ trưng triệu, làm Thừa tướng duyên thuộc. Sương chuyển làm Bình Nguyên hầu thứ tử, sau làm Ngũ quan tướng văn học.① Trình vì tội danh bất kính phải chịu hình, lúc chịu hình xong lại nhận chức Lại.② Văn, phú do Ưng và Trình soạn chép cả thảy gồm mấy chục thiên.

① *Hán thư* của Hoa Kiệu chép: Ông nội của Sương là Phụng, tự Thế Thúc. Tài học mẫn tiệp khéo tụng đọc, cho nên người đời khen là "Ưng Thế Thúc đọc sách, ngũ tinh đều giáng hạ." Phụng soạn sách *Hậu tự* có hơn chục thiên, là danh nho đương thời. Năm Diên Hi trung, quan vị đến chức Tư lệ Hiệu úy.

Con của Phụng là Thiệu tự Trọng Viễn, cũng là người học rộng biết nhiều, rất thích đọc sách soạn thuyết. Thiệu soạn sách *Phong tục thông*, cả thấy hơn trăm thiên, lời lẽ tuy không phải là rất hay, nhưng người đời bội phục cái kiến thức rộng của Thiệu.

Tục Hán thư chép: Thiệu lại soạn các sách *Trung Hán tập tự*, *Hán quan nghi* và *Lễ nghi cổ sự*, cả thấy mười một loại, ba trăm mười sáu quyển. Chế độ của triều đình, nghi thức của trăm quan, sợ dĩ không mất đi, là nhờ Thiệu ghi chép lại. Thiệu làm quan đến chức Thái thú Thái Sơn. Em của Thiệu là Tuần, tự Quý Du, làm Tư không duyện, tức là cha của Sương vậy.

② *Văn sĩ truyện* chép: Cha của Trinh là Lương, tự Mạn Sơn, có một tên là Cung. Thời trẻ có tiếng là tài giỏi, lúc làm Văn học được xem trọng, chết khi làm Dã Vương lệnh.

Diễn lược chép: Văn đế từng ban cho Trinh đai Khuyếch lạc, về sau người thợ chế tạo chiếc đai ấy chết, Văn đế nhớ người đó muốn mượn chiếc đai để vẽ một bức tranh, nhân đó gửi thư cọt Trinh rằng:

"Vật phẩm nhờ người mà thành đồ quý. Vì nó ở trong tay kẻ thấp hèn, không được gần bậc chí tôn nên không đáng quý vậy. Nay ta muốn mượn dùng, ngài chớ nên không trả lại."

Trinh đáp thư rằng:

"Trinh nghe nói ngọc ở núi Kinh, là bảo vật chói lòa của Thiên tử; hạt châu của Tùy hầu, là đuốc sáng của chúng nhân;⁽¹⁾ vàng ở Nam Ngân, đội trên đầu của mỹ nữ; đuôi của con điêu, buộc trên khăn của thị thân: Đây là bốn thứ báu vật, dù bị nén dưới đồng đá, giấu trong bùn lầy, mà nghìn năm rực rỡ, tỏa sáng từ xưa, đều không phải là nhờ được tiếp xúc với bậc tôn quý từ ban đầu vậy. Y phục mà bậc tôn quý mặc, do kẻ thấp hèn làm ra; con ngựa mà bậc tôn quý cưỡi, do kẻ thấp hèn cưỡi thử trước. Cho nên ngôi nhà lớn dựng thành thì người thợ mộc đứng dưới

¹ Ngọc bích núi Kinh (ngọc bích họ Hòa): Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 126 (Văn đế kỷ).

Ngọc châu Tùy hầu: Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 128 (Trần Tư vương truyện).

mái nhà trước, cây lúa mới chín thì người nông phu nếm gạo trước. Tiếc là cái đai Trinh đeo, không phải là vật trang sức đẹp, nếu nó thực sự là vật khác thường, thì đáng phải dâng lên ngay."

Lời lẽ ý tứ của Trinh xảo diệu đều như vậy, bởi thế đặc biệt được các công tử thân gần yêu mến. Về sau Thái tử thường mời các văn sĩ ăn yến, sau khi uống rượu cao hứng, lệnh cho phu nhân là Chân thị ra bá kiến. Chúng nhân ngồi đấy đều phục xuống đáp lễ, nhưng một mình Trinh nhìn thẳng về phía trước. Thái tử nghe chuyện, bèn bắt Trinh, giam tội chết phạt làm lao dịch.

Vũ chết vào năm thứ mười bảy. Cán, Lâm, Suồng, Trinh chết vào năm thứ hai mươi hai.

Văn đế gửi thư cho Nguyên Thành lệnh là Ngô Chấn nói:

"Năm trước dịch bệnh lây lan, những người thân cũ đa phần mắc nạn, Tì, Trần, Ứng, Lưu, cùng chết một lúc, xét các văn nhân xưa nay, đại loại là đều không câu nệ tiểu tiết, ít người lấy danh tiết để tự lập. Nhưng riêng có Vĩ Trường bụng chứa văn tài giữ được phẩm chất, điềm đạm ít ham muốn, có chí Ky sơn,⁽¹⁾ có thể gọi là người có đầy đủ phẩm đức của bậc quân tử rồi. Ông ấy soạn hơn hai mươi thiên sách Trung luận, lời lẽ ý nghĩa văn nhã có luận cừ, đủ để truyền cho hậu thế. Đức Liễn thường có ý hướng sáng tác cuồng ngạo, tài học của ông ấy đủ để soạn sách, tráng chí chưa thỏa nguyện, đáng tiếc lắm thay! Khổng Chương có tài soạn chương biểu, sức bút vượt trội, tinh vi phong phú. Công Cán khí khái phiêu sải thoát tục, nhưng lời văn chưa đủ cứng mạnh. Thư, ký của Nguyên Du nhẹ nhàng bay bổng, đủ khiến người ta khoan khoái vậy. Riêng một mình Trọng Tuyên là khéo về từ và phú, tiếc là thể chất yếu nhược, khí văn không sống động; đến như cái sở trường của ông ấy, cổ nhân không ai vượt qua được vậy. Xưa kia Bá Nha vì Chung Kỳ mà dứt tuyệt tiếng đàn,⁽²⁾

¹ Hứa Do là người hiền, vua Nghiêu nhường ngôi, nhưng Hứa Do không màng đến vinh lợi, ra sông rửa tai, rồi bỏ vào núi Ky đi ở ẩn. Câu "giữ chí Ky sơn" sau này thành thành ngữ để chỉ những người lánh đời ẩn dật.

² Bá Nha, Tử Kỳ: Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 37 (Vương Tu truyện).

Trọng Ni vì Tử Lộ mà đổ bỏ hũ tương,⁽¹⁾ là vì đau tiếc tri âm gặp nạn, thương xót đệ tử không còn gặp được nữa vậy. Các vị ấy tuy không bằng được cố nhân, nhưng là tài俊 của một thời vậy." ①

① *Diễn luận* viết: Văn nhân hiện nay, thì có Khổng Dung người nước Lỗ, Trần Lâm người quận Quảng Lăng, Vương Xán người quận Sơn Dương, Từ Cán người quận Bắc Hải, Nguyễn Vũ người quận Trần Lưu, Ứng Sướng người quận Nhữ Nam, Lưu Trình người quận Đông Bình, bảy vị ấy, về học vấn không có gì là thiếu sót, về câu từ không có chỗ trùng lặp, đều như cuối ngựa kỳ ngựa ký ruổi rong nghìn dặm, nhờ tài học mà cùng nức tiếng. Xán có sở trường về từ phú. Cán thì khí khái phiêu sái thoát tục, nhưng so ra không bằng được Xán vậy. Như các bài *Sơ chinh*, *Đẳng lâu*, *Hòe phú*, *Chinh tư* của Xán, các bài *Huyền viên*, *Lậu chi*, *Viên phiến*, *Quất phú* của Cán, đều Trương Hành, Sái Ung⁽²⁾ cũng chẳng vượt qua được vậy, nhưng những bài văn khác của họ thì chưa được như thế. Lâm, Vũ về ghi chép soạn chương biểu, là tuấn kiệt thời nay vậy. Ứng Sướng hòa nhã nhưng không mạnh mẽ; Lưu Trình mạnh mẽ mà không chặt chẽ. Khổng Dung thể khí văn chương cao diệu, có chỗ hơn người, nhưng chẳng khéo lập luận, lý lẽ không thắng được câu chữ, thậm chí pha lẫn ý trào lộng; còn những chỗ khéo trong văn chương của ông ấy, thì sánh được với bọn Dương Hùng, Ban Cố⁽³⁾ vậy.

¹ *Lễ ký* chép: Khổng tử đang dạy học ở quê nhà, nghe tin Tử Lộ bị bắt xác ở nước Vệ, Khổng Tử sai đồ hũ tương đi không ăn để tỏ lòng thương tiếc Tử Lộ.

² Trương Hành (张衡), tự Bình Tử (平子), người huyện Tây Ngạc quận Nam Dương, là nhà thiên văn, địa lý học, văn học, số học. Thời Đông Hán từng nhận các chức Lang trung, Thái sử lệnh, Thị trung, Hà Gian tướng, soạn rất nhiều sách vở. Nổi tiếng cùng Tư Mã Tương Như, Dương Hùng, Ban Cố, người thời sau gọi bốn người đó là Hán phú tứ đại gia.

Sái Ung (蔡邕), tự Bá Dê (伯喈), người huyện Ngũ quận Trần Lưu, là nhà văn, nhà thư pháp lỗi lạc thời Đông Hán. Đọc thêm về Sái Ung ở tập II, quyển 6, (*Đồng Trắc truyện*).

³ Dương Hùng (扬雄). Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 187 (*Vương Túc truyện*).

Ngoài ra bọn Hàm Đan Thuần,^① Phồn Khâm người quận Dĩnh Xuyên,^② Lộ Túy người quận Trần Lưu,^③ Đinh Nghi, Đinh Di người nước Bái, Dương Tu người quận Hoảng Nông, Cầu Vĩ người quận Hà Nội, văn chương cũng có phong thái, nhưng không được liệt cùng hạng với bảy vị ấy.^④

① *Ngụy lược* chép: Thuần có một tên là Trúc, tự Tử Thúc. Là người tài hoa học rộng, lại nghiên cứu sâu các sách *Thương thiệt hiên*, *Nhĩ nhĩ*, *Khoa đầu văn*, *Đại triện*, *Tiểu triện* và *Thuyết văn tự giải* của Hứa thị. Vào thời những năm Sơ Bình, từ Tam phụ đến làm khách trọ ở Kinh châu. Kinh châu quy thuận triều đình, Thái tổ đã nghe danh của Thuần, triệu gọi cùng tương kiến, kính trọng Thuần khác thường.

Thời Ngũ quan tướng chiêu vờ rộng rãi các bậc anh nho, vốn nghe nói đến danh tiếng của Thuần, vì thế bắm xin Thuần muốn lấy làm thuộc quan Văn học. Đúng lúc Lâm Truy hầu Tào Thực cũng xin Thuần, Thái tổ phái Thuần đến chỗ Thực.

Thực mới được Thuần rất mừng, dẫn vào nhà, không bàn chuyện ngay. Bấy giờ tiết trời nóng nực, vì thế Thực sai người hầu lấy nước tự mình tắm rửa, tắm xong thoa phấn. Rồi để đầu trần lộ vai, diễn năm điệu múa của người Hồ, hai tay vung kiếm tung cầu, đọc hết mấy nghìn lời hí kịch của nghệ nhân, bảo Thuần rằng:

- Hàm Đan sinh thấy thế nào?

Rồi mới thay áo đội khăn, chỉnh lại nghi dung, cùng Thuần bình phẩm về nguồn gốc của việc khai trời mở đất, về cái ý vạn vật khác biệt nhau, rồi sau luận về thứ bậc hơn kém của các bậc hiền thánh, danh thần, liệt sĩ từ thời Phục Hi đến bấy giờ, tiếp đó lại ca

Ban Cố (班固), tự Bá Dê (孟坚), người huyện An Lăng quận Phù Phong, là nhà văn, nhà sử học lỗi lạc thời Đông Hán, tác giả của cuốn *Hán thư* nổi tiếng. Ban Cố giỏi văn chương, khéo từ phú, mười sáu tuổi vào nhà Thái học, nho gia kinh điển không gì không thông. Từng theo tướng quân Đậu Hiến lên bắc đánh Hung Nô, nhận các chức Trung hộ quân, Trung lang tướng. Khi Đậu Hiến bị giết vì lạm quyền, Ban Cố bị liên lụy, chết trong ngục.

tụng văn chương, phú lục xưa nay cho đến các việc chính sự nên làm trước sau của quan viên đương thời, sau đấy lại luận về việc dựa vào hình thế dụng quân hành binh. Xong hạ lệnh sai đầu bếp, đưa ngay rượu và thịt nướng đến, khách ngồi trên chiếu lạng yên, không ai có thể đối đáp được với Thuần. Trời tối, Thuần về nhà, khen ngợi tài của Thực với những người mình quen biết, bảo Thực là "người trời." Nhưng vào thời ấy, ngôi Thái tử chưa lập. Thái tổ nhất thời có ý với Thực, nhưng Thuần nhiều lần khen ngợi cái tài của Thực. Bởi thế Ngũ quan tướng rất không hài lòng. Đến đầu năm Hoàng Sơ, Đế lấy Thuần làm Bác sĩ Cấp sự trung. Thuần làm bài *Đầu hồ phú* có hơn nghìn chữ tấu lên, Văn đế cho là xảo diệu, ban cho nghìn thất lụa.

② *Diễn lược* chép: Khâm tự Hưu Bá, vốn có văn tài, khéo biện luận, thời trẻ có danh tiếng ở vùng Nhữ, Dĩnh. Khâm đã giỏi soạn văn thư, lại khéo về thơ phú. Các thư tín của Khâm gửi Thái tử, ngôn từ ý tứ mới mẻ, câu từ rất tươi đẹp. Khâm làm Thừa tướng Chủ bộ. Năm Kiến An thứ hai mươi ba thì chết.

③ *Diễn lược* chép: Túy tự Văn Úy, thời trẻ học ở chỗ Sái Ung. Năm Sơ Bình trung, theo xa giá đến Tam Phụ. Năm Kiến An sơ, vì tài cao được cất nhắc làm Thượng thư lang cùng người quận Kinh Triệu là Nghiêm Tượng. Tượng vốn tài kiêm văn võ, ra làm Thứ sử Dương châu. Túy về sau làm Quân mưu tế tửu, cùng bọn Trần Lâm, Nguyễn Vũ chương quản việc thảo chương biểu, chép văn tịch.

Lúc Khổng Dung phạm tội, Thái tổ sai Túy thảo tấu chương, Túy thừa ý chỉ nêu tội trạng của Dung, đại để tấu chương nói: "Dung trước ở Bắc Hải, thấy vương thất không yên, chiêu hợp bộ chúng, định mưu đồ làm loạn, nói 'Ta là con cháu của đại thánh nhân, nhưng bị diệt bởi nước Tống. Người có được thiên hạ hà tất phải có mao kim đao!'"¹ Lại viết rằng: "Dung là Cừ khanh, chẳng tuân thủ lễ nghi của triều đình, để đầu trần không đội khăn,

¹ Mao kim đao: Chữ "Mao" (卯) với chữ "kim" (金) và chữ "đao" (刀) ghép lại thành chữ "lưu" (劉), tức là nói họ Lưu vậy, nghĩa rằng thiên hạ là của nhà Hán.

đường đột phạm vào cửa nách ở trong cung. Lại cùng kẻ áo vải là Nễ Hành nói năng bàn chuyện phóng đảng, Hành và Dung lại tán dương nhau. Hành gọi Dung là: 'Trọng Ni bất tử.' Dung đáp rằng: 'Nhan Uyên phục sinh.'" Đại đế là nói các tội của Dung như thế, từ ngữ rất nhiều. Sau khi Dung bị giết, người ta mới thấy bản tấu chương mà Túy soạn, không ai không khen ngợi tài năng nhưng kinh sợ văn bút của Túy vậy.

Đến năm thứ mười chín, Túy chuyển sang làm Bí thư lệnh, theo đại quân đến Hán Trung, vì mua con lừa phạm phép cấm bị khép tội chết. Thái tử vốn cùng Túy thân thiết, nghe tin Túy chết, vì Túy mà than tiếc. Lúc Thái tử tức Đế vị, đặc cách dùng con của Túy làm Trưởng sử.

Ngư Hoạn nói: Tìm xét việc xưa, bọn Lỗ Liên, Trâu Dương, đưa lời viện ví dẫn dụ, để cời bỏ những vương mắc chằng chịt, thực là hạng tài tuần giảo văn chương khéo biện luận vào thời ấy. Nay xem ý văn trước sau của mấy người bọn Vương, Phồn, Nguyễn, Trần, Lộ, cũng có gì là không giống việc xưa đâu? Hiện nay sở dĩ không bàn luận, là vì thời thế khác nhau thôi. Ta trộm nghĩ lại thấy lạ vì họ không được trọng dụng lắm, đem ý ra hỏi quan khanh là Trọng Tương. Trọng Tương nói rằng: "Trọng Tuyên gặp trở ngại vì cứng rắn quá độ, Hưu Bá vốn tính xét nét, Nguyên Du khiếm khuyết vì thể chất yếu đuối, Khổng Chương thực sự không tinh tế, Văn Úy bản tính tàn nhẫn ác độc, phẩm chất hành vi của họ như thế, không thể làm ngọn đuốc tự cháy sáng được, họ không tiến xa, đại đế là có duyên do vậy. Nhưng bậc quân tử không đòi hỏi sự hoàn hảo tốt đẹp ở con một người, ví như sơn đen, tuy không làm cột trụ được, nhưng cái sáng bóng của nó xem ra cũng rất lộng lẫy vậy."

④ Sự tích về Nghi, Di, Tu, đều có ở *Trần Tư vương truyện*.

Văn chương tự lục của Tuân Úc chép: Vĩ tự Công Cao. Thời trẻ thích văn học. Năm Kiến An trung, được triệu tạm nhận chức Quân mưu dụện, Thái tử Thử tử của nước Ngụy, ít lâu sau thăng đến chức Tán kỵ thường thị, Việt kỵ Hiệu úy. Năm Vĩ bốn mươi hai tuổi, là năm Hoàng Sơ thứ tư thì chết.

Em của Sướng là Cừ, con của Cừ là Trinh, đều vì tài văn mà hiển đạt. Cừ làm quan đến chức Thị trung. Trinh vào năm Hàm Hi trung làm tham mưu việc quân cho Tướng quốc.^①

① *Văn chương tự lục* chép: Cừ tự Hưu Liễn, học rộng thích soạn chép văn chương, khéo viết văn thư. Thời Văn đế, Minh đế, từng nhận chức Tán kỵ thường thị. Tề vương tức vị, ít lâu sau Cừ được thăng chức Thị trung, Đại tướng quân Trưởng sử. Tào Sảng nắm quyền chính, đa phần làm trái pháp chế, Cừ làm thơ mượn việc để khuyên can. Lời thơ tuy không hài hòa, nhưng đa phần thiết thực đúng chỗ cốt yếu, người đời lưu truyền lời ấy. Về sau Cừ lại làm Thị trung, chủ quản việc soạn chép. Năm Gia Bình thứ tư Cừ chết, được truy tặng chức Vệ úy.

Trinh tự Cát Phủ, thời trẻ vốn có tài văn, giỏi đàm luận. Năm Chính Thủy trung, danh tiếng và thể lực của Hạ Hầu Huyền rất thịnh, Trinh từng ở nhà Huyền sáng tác thơ ngũ ngôn, Huyền thích thú tán thưởng. Qua xét cử cao đệ, trải ngôi vị hiển hách.

Tấn Vũ đế làm Phủ quân Đại tướng quân, lấy Trinh làm Tham quân sự. Nhà Tấn lên ngôi, thăng Trinh làm Thái tử Trung thứ tử, Tán kỵ thường thị. Trinh vì hiếu đạo nho, giúp Thái úy Tân Nghi chế định lễ nghi mới, việc chưa được thi hành. Năm Thái thủy thứ năm Trinh chết.

Em của Trinh là Thuần. Em của Thuần là Thiệu, năm Vĩnh Gia trung làm Hoàng môn thị lang, bị Tư Mã Việt giết hại. Em của Thuần là Tú. Con của Tú là Chiêm, làm Trấn nam đại tướng quân, Thứ sử Giang châu.

Con của Vũ là Tịch, tài hoa hơn người, văn từ điểm lệ, nhưng bản tính lỗi lạc hào sảng, không chịu gò bó, biết tự kiềm chế hành vi, ít ham muốn, lấy đạo Trang Chu làm khuôn mẫu. Làm quan đến chức Bộ binh Hiệu úy.^①

① Tịch tự Tự Tông.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Tịch là người khoáng đạt không chịu ràng buộc, chẳng câu nệ lễ tục. Bản tính chí hiếu, cư tang tuy không theo lễ thường, nhưng bởi bi thương quá mức hại đến thân thể.

Thứ sử Duyệt châu là Vương Sưởng mời Tịch cùng tương kiến, Tịch hết ngày không nói một lời, Sưởng rất cảm khái, tự cho là người khó lường. Thái úy Tưởng Tế nghe danh cho triệu Tịch, sau Tịch làm Thượng thư lang, Tham quân của Tào Sảng, vì mắc bệnh quay về quê quán. Hơn một năm sau, Sảng bị giết, Thái phó và Đại tướng quân bèn dùng Tịch làm Tòng sự trung lang. Về sau triều đình bàn luận cho là danh tiếng của Tịch cao, muốn nêu rõ sự đãi ngộ, Tịch thấy thời thế nhiều biến động, chỉ giữ chức ăn lộc mà thôi, nghe nói chức Bộ binh Hiệu úy khuyết, trong nhà bếp có nhiều rượu ngon, doanh trại có người khéo nấu rượu, liền xin làm Hiệu úy, sau đó thỏa thích uống rượu say sưa, quên bỏ việc chính sự.

Tịch từng có lần lên núi Quảng Vũ, ngắm nơi chiến địa thời Hán, Sở, rồi than rằng:

- Thời ấy không có anh tài, khiến đứa trẻ trâu được thành danh sao!

Có lúc Tịch tự ý lấy một chiếc xe nhỏ đi, không theo đường lớn, xe đi đến đường cùng, liền khóc lớn rồi quay về.

Tịch thời trẻ thường du ngoạn ở núi Tô Môn, trên núi Tô Môn có một vị ẩn sĩ, không ai biết tên họ là gì, trong chỗ ở chỉ có mấy hộc lúa trúc và bộ chày cối giã gạo bằng gỗ mà thôi. Tịch đi theo vị ẩn sĩ, cùng đàm luận về cái đạo vô vi thời xa xưa, luận đến cái nghĩa thời Tam vương Ngũ đế, Tô Môn tiên sinh lặng thinh vẻ như không nghe thấy. Tịch bèn hướng vào Tô Môn tiên sinh huyết sáo, thanh âm vang vọng, Tô Môn tiên sinh giãn nét mặt như mỉm cười. Tịch chịu phục rồi, Tô Môn tiên sinh cũng huyết sáo vang, thanh âm như tiếng loan phượng. Bấy giờ, Tịch bèn mượn lời nghị luận với Tô Môn tiên sinh để tỏ hoài bão của mình. Tịch hát rằng:

*"Nhật khuất dưới Bất Chu,
Nguyệt xuất giữa Đan Uyên,⁽¹⁾
Vầng dương không thấy nữa,
Ánh trăng thay rạng ngời,*

¹ Bất Chu, Đan Uyên là tên núi và tên sông trong truyền thuyết.

Sáng lòà trong chốc lát,
 Chợt tôi lại tròn đây,
 Phú quý là khoảnh khắc,
 Bần tiện há trọn đời."

Lại than rằng:

"Trời đất phân chia hễ sáu cõi mở, ánh sao rơi rớt hễ nhật nguyệt suy, ta bay giữa thình không có gì phải nghĩ ngợi đâu?"

Lời ra khỏi miệng của Tịch không luận về cái lỗi của người ta, nhưng thanh cao tự phụ, cho nên bị bọn Hà Tăng là kẻ sĩ theo lễ rất thù ghét. Đại tướng quân Tư Mã Văn vương thường bảo vệ Tịch, cuối cùng được hưởng trọn tuổi trời.

Con của Tịch là Hồn, tự Trường Thành.

Thế ngữ chép: Hồn là người thanh đạm, ít ham muốn, nổi danh ở kinh ấp. Làm Thái tử thứ tử, chết sớm.

Thời ấy lại có Kê Khang người Tiêu Quận, lời văn tráng lệ, thích đàm luận về học thuyết của Lão, Trang, nhưng ưa chuộng những người có khí tiết trượng nghĩa. Đến năm Cảnh Nguyên trung, vì mắc tội bị giết.①

① Khang tự Thúc Dạ.

Xét Kê thị phả: Cha của Khang là Chiêu, tự Tử Viễn, làm Đốc quân lương Trị thư thị ngự sử. Anh của Khang là Hi, tự Công Mục, thời nhà Tấn làm Thứ sử Dương châu, Tông chính.

Hi vì Khang chép truyện rằng:

"Nhà ta nối đời học đạo nho, Khang thời trẻ tài trí xuất chúng, tính tình khoáng đạt hơn hẳn bạn bè cùng tuổi, cao thượng thẳng thắn chỉ làm theo ý mình, chẳng trọng thanh danh, khoan hậu rất có khí độ. Học vấn không nhờ thầy truyền thụ, tri thức quảng bác, khi trưởng thành thích cái học thuyết của Lão, Trang, điềm tĩnh không có ham muốn. Bản tính ưa uống đan dược, từng có lần tự dâng thuốc tiên lên Hoàng thượng. Lại giỏi soạn chép văn chương, gảy đàn vịnh thơ, tự vui với hoài bão của mình. Thường cho rằng người ta thành thần tiên, vì thuận theo lẽ tự nhiên, không phải nhờ tích lũy đạo học mà thành. Đến như việc dưỡng

thân tu tính, là để sống trọn tuổi trời, như hạng An Kỳ, Bành Tổ,⁽¹⁾ thì có thể khéo tu dưỡng mà đạt được vậy; bèn soạn bài Dưỡng sinh thiên. Cho rằng người ta sợ dĩ mất mạng là vì quá trọng bản thân mình, vì mong cầu thái quá thành mất thiên tính, chỉ nên xa lìa thế tục một mình khoải hoạt, vì thế xem nhẹ việc đời, mọi việc cứ theo ý mình mà làm. Khang soạn sách về các bậc thánh hiền, những người ẩn dật lánh đời, kẻ viết bỏ danh tự từ thượng cổ đến nay, biên tập thành một bộ truyện, kể từ thời hỗn mang cho đến Quản Ninh, cả thấy là một trăm mười chín người, đại khái đều là người trong nước mà nghìn năm nay không được lưu danh, cho nên người đời không ai biết danh tự của họ."

Tấn thư của Ngưu Dư chép: Nhà Khang vốn mang họ Hễ, người quận Cối Kê. Lúc trước từ Cối Kê dời đến huyện Chí thuộc Tiêu Quận, đổi thành họ Kê, lấy phần trên của chữ "kê", ghép với chữ "son" thành họ, đại khái để tỏ ý đây là họ gốc của mình vậy.⁽²⁾

Có sách nói huyện Chí có núi Kê, nhà Khang ở ven núi ấy, bèn đặt làm họ.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Khang làm khách trọ ở huyện Sơn Dương quận Hà Nội, cùng người khác du ngoạn, chưa ai từng thấy Khang lộ vẻ mừng vui hay giận dữ. Khang cùng người quận Trần Lưu là Nguyễn Tịch, người quận Hà Nội là Sơn Đào, người quận Hà Nam là Hướng Tú, con của anh trai Tịch là Hàm, người quận Lang Nha là Vương Nhung, người quận Bái là Lưu Linh, thân thiết với nhau, thường dạo chơi trong rừng trúc, xưng hiệu là "thất hiền." Chung Hội được Đại tướng quân thân gần, nghe danh của Khang bèn đến bái phỏng.

Hội, là công tử nổi danh, vì tài năng được quý sủng, cưới ngựa béo mặc áo cừ nhẹ, tân khách theo như mây. Khang đang xoa chân rèn sắt, Hội đến, Khang không hành lễ đón tiếp. Khang hỏi Hội rằng:

¹ An Kỳ (安期), Bành Tổ (彭祖) là những nhân vật trong huyền thoại Trung Hoa, đều nhờ thuật dưỡng sinh mà tuổi thọ rất cao, sống được hàng trăm năm.

² Chiết tự chữ "kê" (稽) trong từ Cối Kê (địa danh), ngắt phần trên, thêm chữ "son" (山) vào bên dưới thành chữ "kê" (嵇), chỉ họ Kê.

- Nghe thấy gì mà đến? Đã thấy gì mà đi?

Hội nói:

- Đến vì cái đã nghe, đi vì cái đã thấy.

Hội rất cảm hận Khang.

Đại tướng quân từng muốn triệu Khang. Khang đã có lời dứt tuyệt với đời tục, lại vì người cháu họ hành vi bất hảo, bèn tránh đến đất Hà Đông, có người nói rằng Khang lánh xa trần thế. Sơn Đào làm Tuyển tào lang, tiến cử Khang lên thay mình, Khang đáp thư cự tuyệt, nhân đó tự nói mình không kham nổi thói tục, lại khinh thường cả vua Thang vua Vũ. Đại tướng quân nghe nói rất tức giận.

Khi trước, Khang cùng cháu của Lã Chiêu là Tồn và em của Tồn là An người quận Đông Bình thân thiết với nhau. Lúc Tồn gian dâm với vợ của An là Từ thị, lại vu cho An là bất hiếu, bỏ tù An. An dẫn Khang ra làm chứng, Khang là người nghĩa khí không phụ lòng An, làm chứng rõ việc ấy, An cũng là người rất cứng cỏi, có chí khí giúp đời. Chung Hội khuyên Đại tướng quân nhân đấy trừ họ, Đại tướng quân bèn giết An và Khang. Khang lúc lâm hình thần sắc tự nhiên, ôm đàn cầm mà gảy, gảy xong than rằng:

- Thanh âm cao nhã từ đây dứt tuyệt rồi!

Người bấy giờ chẳng ai không thương xót.

Lúc trước, Khang đi hái thuốc trong núi Bắc thuộc huyện Cáp, gặp vị ẩn sĩ là Tôn Đăng. Khang muốn nói chuyện với Đăng, Đăng lặng yên không đáp lại. Hồi lâu sắp sửa bỏ đi, Khang nói:

- Tiên sinh rút cục không nói gì sao?

Đăng bèn nói:

- Ông tài hoa mà kém hiểu biết, khó tránh vạ đời.

Đến lúc gặp việc của Lã An, Khang làm thơ tự trách mình rằng:

"Muốn ít mắc lỗi lầm,

Phải báng phải kịch liệt.

Ta vốn chẳng hại người,

Luôn bị đời oán ghét.
 Trước thẹn vì Liễu Huệ,
 Nay thẹn bởi Tôn Đăng.
 Trong tủ với lòng mình,
 Ngoài ngượng cùng bằng hữu.”

Các văn chương nghị luận mà Khang soạn chép đến sáu bảy vạn chữ, đều được người đương thời ngâm vịnh.

Khang biệt truyện chép: Tôn Đăng bảo Khang rằng:

- Ngài tính cứng rắn mà tài trí xuất chúng, há tránh được họa sao?

Khang lúc lâm chung nói:

- Viên Hiếu Ni từng theo ta học khúc Quảng Lăng tán, ta thường cố chấp không truyền dạy. Quảng Lăng tán từ nay dứt tuyệt rồi!

Lời này so với ghi chép của Thịnh là bất đồng.

Tấn Dương thu lại kể rằng: Khang gặp Tôn Đăng, Đăng đối mặt Khang hú một hồi dài, hồi lâu không nói gì. Khang từ biệt quay về, nói:

- Tiên sinh rút cục không nói gì sao?

Đăng nói:

- Tiếc thay!

Hai sách này đều do Tôn Thịnh soạn,⁽¹⁾ nhưng ghi chép của chính mình lại khác nhau như thế.

Khang tập mục lục chép: Đăng tự Công Hòa, không biết là người ở xứ nào, không có gia thuộc, Đăng đào hang trong núi Bắc thuộc huyện Cáp mà trú. Mùa hạ thì bện cỏ làm xiêm áo, mùa đông thì xõa tóc tự che mình. Thích đọc Kinh Dịch, gảy đàn cầm, ai đến gặp đều thân gần vui vẻ với họ. Mỗi khi có người đến nhà, Đăng liền đem y phục và thức ăn của mình cho họ, người được giúp không từ chối được.

Thế ngữ chép: Quán Khâu Kiệm tạo phản, Khang có thế lực, lại định khởi binh hưởng ứng Kiệm, đem việc ra hỏi Sơn Đào, Đào nói:

¹ Hai cuốn sách này tức là nói cuốn *Nguy thị Xuân Thu* và *Tấn Dương thu* vậy.

- Không nên.

Kiếm cũng đã thất bại.

Thần Tùng Chi xét bản truyện kể rằng Kê Khang vào năm Cảnh Nguyên trung mắc tội bị giết, nhưng các sách của Can Bảo, Tôn Thịnh, Tập Tạc Xi, đều kể rằng năm Chính Nguyên thứ hai, Tư Mã Văn vương từ Lạc Gia quay về, giết Kê Khang, Lã An. Đại để theo như sách *Thế ngữ* kể thì Khang muốn cất binh hưởng ứng Quán Khâu Kiếm, cho nên nói là khi phá được Kiếm lập tức giết Khang vậy. Kỳ thật là không đúng. Sơn Đào làm Tuyền tào, muốn tiến cử Khang thay mình, Khang gửi thư tuyệt giao, việc có thẩm xét rõ ràng vậy. Xét cuốn *Đào hành trạng* thì đầu năm Cảnh Nguyên thứ hai Đào được phong làm Lại bộ lang rồi. Niên hiệu Cảnh Nguyên và Chính Nguyên cách nhau bảy tám năm, lấy *Đào hành trạng* để tra xét sự việc, như bản truyện là rõ. Thêm nữa là *Chung Hội truyện* cũng nói rằng lúc Hội làm Tư lệ Hiệu úy thì giết Khang; Hội làm Tư lệ, là năm Cảnh Nguyên trung vậy. Can Bảo kể rằng anh của Lã An là Tồn thân với Chung Hội, Tồn là Tướng quốc duệ, cả hai được Tư Mã Văn vương sủng ái, cho nên nhân thế định tội danh của An. Lại xét Văn vương vào năm Cảnh Nguyên thứ tư sau khi Chung, Đặng bình định nước Thục, mới nhận ngôi vị Tướng quốc; nếu như lúc Tồn làm Tướng quốc duệ hãm hại An, thì sao có thể giết Kê Khang, Lã An vào năm phá Quán Khâu Kiếm được? Đây là sai lầm của Can Bảo, kể chuyện tự mâu thuẫn với nhau vậy.

Con của Khang là Thiệu, tự Diên Tổ, thời trẻ nổi danh. Sơn Đào lấy làm Bí thư lang, khen Thiệu bình dị ôn hòa lại cần mẫn, có tài văn, hiểu âm nhạc, tương lai sẽ có thành tựu. Để nói:

- Thiệu là người như thế, nên dùng làm chức Thừa, không dùng làm chức Lang nữa.

Về sau Thiệu trải ngôi vị hiển hách.

Tấn chư công tán chép: Thiệu và con của Sơn Đào là Giản, người quận Hoằng Nông là Dương Chuẩn cùng thân thiết với nhau, nhưng Thiệu là người tình cảm trung thành và chính trực nhất.

Thiệu lấy thân phận Thị trung theo Huệ đế lên bắc đánh Thành Đô vương là Tư Mã Dĩnh, vương sư đại bại, trăm quan đều chạy, duy có Thiệu xả thân bảo vệ, cuối cùng chết bên cạnh Đế. Vì thế nên Thiệu nhiều lần được tuyên dương khen ngợi, truy tặng chức Thái úy, ban thụy là Trung Mục công.

Năm Cảnh Sơ trung, người quận Hạ Bi là Hoàn Uy xuất thân cơ hàn, năm mười tám tuổi soạn sách *Hôn Dư kinh*, dựa vào đạo gia để kiến giải ý của mình. Ban đầu làm Môn hạ Thư tá, Tư đồ Thự lại của nước Tề, về sau làm An Thành lệnh.

Ngô Chất, người quận Tế Âm, vì văn tài ưu tú được Văn đế quý trọng, làm quan đến chức Chấn uy tướng quân, ban Giả tiết đốc trách các việc quân ở Hà Bắc, phong tước Liệt hầu.^①

① *Ngụy lược* chép: Chất tự Quý Trọng, vì có tài học và kiến thức rộng, nên được Ngũ quan tướng và chư hầu quý mến; Chất cũng khéo xử lý mối quan hệ anh em của Ngũ quan tướng, giống như Lâu Quân Khanh hợp năm món của Ngũ hầu đòi trước vậy.⁽¹⁾ Lúc Hà Bắc bình định, Đại tướng quân (Ngũ quan tướng) làm Thế tử, Chất và bọn Lưu Trinh đều được hầu trên chiếu. Lúc Trinh mắc tội bị phạt tù khổ sai, Chất ra làm Trưởng huyện Triều Ca, rồi thăng lên Nguyên Thành lệnh. Sau đấy Đại quân tây chinh, Thái tử ở phía nam tại tòa thành nhỏ Mạnh Tân, gửi thư cho Chất nói:

"Quý Trọng mạnh khỏe chứ! Đường jauh chẳng xa, chỉ vì chức trách ràng buộc, cái tình mong nhớ thiết tha, thật chẳng thể nào gánh nổi. Sở trị của túc hạ ở nơi xa vắng, thư tín qua lại rất ít, càng khiến ta thêm phiền não. Mỗi khi nghĩ đến buổi xưa rong chơi ở Nam Bì, thật chẳng thể quên. Nghĩ đến cái ảo diệu của lục kinh, nhân nhĩ luận đàm bách gia chư tử, thường khi bày cờ, kết chơi bác dịch, mọi người cùng cao đàm

¹ Lâu Hộ (婁护), tự Quân Khanh (君卿), người nước Tề, là thượng khách của năm người cậu vua Thành đế nhà Hán (Bình A hầu Vương Đàm, Thành Đô hầu Vương Thương, Hồng Dương hầu Vương Lập, Khúc Dương hầu Vương Căn và Cao Bình hầu Vương Phùng). Mỗi sáng, Lâu Hộ đi qua nhà của năm vương hầu, các vương hầu đều đưa tặng đồ ăn quý, Lâu Hộ ném thử, rồi hợp năm món ăn của các vương hầu nấu thành một món rất ngon, gọi là Ngũ hầu chinh, cả năm vị vương hầu đều thích.

khoát luận, tâm tình vui sướng, đàn tranh nảy khúc, nghe rất thuận tai. Nhớ lúc ruồi ngựa sẵn bầy nơi bãi bắc, ăn uống ngủ nghỉ chỗ quán nam, thả Cam qua xuống suối trong, dìm Chu lý vào nước lạnh.⁽¹⁾ Ánh dương đã tắt, trăng sáng vừa lên, cùng ngồi chung xe, đến hậu viên du ngoạn, bánh xe lăn chậm chậm, tân khách đều lặng yên, trong đêm gió mát nổi lên, tiếng khèn lá bi ai, vắng nghe như than thở, qua nhạc vui lại đến nhạc buồn, thật khiến người ta bi thương hoài cảm. Ta nghĩ đến cảnh ấy nói rằng, tiếng nhạc vui khó nghe lâu, bọn túc hạ đi theo đều cho là đúng. Nay quả nhiên chia biệt, mỗi người ở một phương. Nguyên Du chết đã lâu, hóa thành dị vật, mỗi khi nghĩ tới lúc ấy, làm sao nói hết được đây?”

“Nay đang giữa tiết tháng năm, gió ẩm thúc muôn vật sinh sôi, khí trời ấm áp, cây quả tốt tươi. Ta ngồi xe xuất du, lên bắc men theo khúc uốn quanh sông Hoàng Hà, người theo hầu thổi khèn lá đi trước dẫn đường, Văn học thừa ngồi ở xe sau, tiết trời cũng giống nhưng tình cảnh thì lại khác, vật xưa còn đó người giờ ở đâu, nỗi sầu này biết làm sao! Nay có việc phải kỵ mã đến huyện Nghiệp, vì thế ta sai theo đường vòng qua thăm nhau. Thôi nhé, xin hãy bảo trọng!”

Năm thứ hai mươi ba, Thái tử lại gửi thư cho Chắt nói:

“Năm tháng qua mau, xa biệt đến nay lại đã bốn năm. Ba năm không gặp, lời thơ Đông sơn vẫn than là xa lâu quá,⁽²⁾ hướng chi nay còn dài hơn, cái tình nghĩ nhớ há chịu được sao? Tuy rằng thư tín qua lại, cũng chưa đủ để cời bỏ nỗi niềm uất kết.”

“Năm trước dịch bệnh lây lan, người thân cũ đa phần mắc nạn lìa đời, Từ, Trần, Ưng, Lưu, mất cùng một lúc, nỗi đau tiếc làm sao nói hết thành lời! Ngày trước rong chơi ở cùng nhau, đi thì cùng xe, nghỉ thì kê chiếu, sao trong chốc lát lại mất nhau! Mỗi khi chén rượu truyền tay, tiếng tơ tiếng trúc nhất loạt hòa tấu, rượu say tai nóng, ngẩng mặt làm thơ phú. Đương lúc bấy giờ, thốt nhiên không tự biết được cái vui của

¹ Cam qua là loại quả như quả dưa, có nhiều nước, Chu lý tức là quả mận. Mùa hạ trời nóng, khi đi xa nóng nực, để những quả ấy xuống nước lạnh ăn giải nhiệt.

² Kinh Thi, bài *Bân phong* nói đến cảnh đi đánh trận ở Đông sơn, quân đi ba năm chưa trở về nhớ quê hương, người vợ ở nhà nhớ chồng than thở, có câu: “Tự ngã bất kiến/ Vu kim tam niên.” Nghĩa là: “Từ khi không gặp/ Nay đã ba năm.”

mình vậy. Nói là phận mỗi người sống trăm năm, cùng giữ cho nhau yên vui lâu dài, sao trong vòng có mấy năm mà đã rụng rơi gần hết, nói lời ấy ra thật hết sức đau lòng. Gần đây ta soạn văn chương để lại của họ, hợp thành một tập. Xem danh tính của bọn họ, đã thành tên người ở cõi âm, đoái nghĩ những lúc rong chơi ngày trước vẫn còn trong tim trong mắt, nhưng các vị ấy đã hóa thành bùn đất, há còn nói được nữa sao!”

“Xem các văn nhân xưa nay, đại loại đều không chú ý đến tiểu tiết, ít người có thể lấy danh tiết để tự lập. Nhưng riêng có Vĩ Trường tụng chứa văn tài giữ được phẩm chất, điềm đạm ít ham muốn, có chí Kỵ Sơn, có thể gọi là người có đầy đủ phẩm đức của bậc quân tử được rồi. Ông ấy soạn hơn hai mươi thiên sách Trung luận, thành luận thuyết của một nhà, lời lẽ ý nghĩa văn nhã có luận cừ, đủ để truyền cho hậu thế, đây là thân chết mà không mục vậy. Đức Liễn thường có ý hướng sáng tác cuồng ngạo, tài học đủ để soạn sách, tráng chí chưa thỏa nguyện, thật tiếc lắm thay! Gần đây ta xem đọc văn chương của họ, đôi mắt với lời văn lau nước mắt, đã đau xót vì người chết, lại tự nghĩ đến thân mình. Khổng Chương sở trường khéo vẽ soạn chương biểu, sức bút vượt trội, tinh vi phong phú. Công Cán khí khái phiêu sái thoát tục, nhưng lời văn chưa đủ cứng mạnh, nhưng thơ ngũ ngôn của ông ấy, tuyệt diệu đương thời. Thư, ký của Nguyên Du nhẹ nhàng bay bổng, đủ khiến người ta khoan khoái vậy. Riêng một mình Trọng Tuyên là khéo về từ và phú, tiếc là thể chất yếu nhược, khí vẫn không sống động, đến như cái sở trường của ông ấy, cổ nhân không ai vượt qua được vậy. Xưa kia Bá Nha đứt tuyệt tiếng đàn bởi Chung Kỳ, Trọng Ni đổ bỏ hũ tương bởi Tử Lộ, là vì đau tiếc tri âm gặp nạn, thương xót đệ tử không còn gặp được nữa vậy. Các vị ấy chỉ là chưa theo kịp cổ nhân, nhưng là tài tuấn của một thời vậy, người còn sống hiện nay thì chẳng theo kịp được họ rồi. Hậu sinh khả úy, người sau há dễ xem thường được họ, nhưng sợ là ta với túc hạ chẳng kịp thấy được điều ấy vậy.”

“Mỗi năm qua đi tuổi lại lớn thêm, trong lòng cất chứa vạn việc, lúc thường có lắm điều lo lắng, đến mức qua đêm chẳng nhắm mắt, chí thú và ý nguyện làm sao giống được với ngày xưa! Đã biến thành ông già rồi, chỉ là chưa bạc đầu thôi. Quang Vũ nói ‘Ta tuổi đã ba mươi, ở trong

quân mười năm, việc đã kinh qua không phải chỉ có một', cái đức của ta tuy chẳng theo kịp ông ấy, về tuổi tác so ra cũng ngang bằng. Ta vốn mang bản chất của dê chó, khoác cái vằn sặc sỡ của hổ báo, không phát cái ánh chiếu của trăm sao, chỉ mượn bóng sáng của nhật nguyệt, hành động đều bị người ta trông vào, khi nào mới thay đổi được hoàn cảnh đây? E là mãi mãi chẳng thể có những ngày xưa vui chơi nữa vậy.⁽¹⁾ Người trẻ tuổi thực phải nên nỗ lực, mỗi tuổi qua đi, sao có thể níu kéo được? Cổ nhân nghĩ việc cầm đuốc chơi đêm, thật có đạo lý của nó vậy."

"Gần đây túc hạ lấy gì để tự vui? Có soạn chép được trước tác gì chẳng? Ta ngóng về đông mà lòng uất nghẹn, viết thư tự thuật tâm sự việc mình."

Thần Tùng Chi thấy bản truyện tuy lược chép thư của Thái tử, nhưng nhiều câu từ hay bị gạn bỏ, nay cố lấy hết lời văn mà Ngụy lược chép để đầy đủ bài văn này.

Thái tử tức vương vị, lại gửi thư cho Chất nói:

"Người ở buổi đi chơi ở Nam Bì, còn lại có ba người, phụ thân sáng nghiệp, những người theo hầu hoặc làm quan tướng hoặc được phong hầu. Nay duy có ngài nhận chức quan muện, người theo ta đi chơi, chỉ có mình ngài chưa được tiến cử. Bình rỗng chén nhục,⁽²⁾ có thể không thẹn lòng sao. Trên đường chẳng nói được dài, hôm nay lại báo tin cho ngài biết."

Lúc trước, Tào Chân, Tào Hưu và bọn Ngô Chất cùng đi chơi ở Bột Hải, bấy giờ Hưu, Chân cũng vì thân phận là người thân trong tông tộc được nhận tước phong, ra ngoài làm Liệt tướng, mà Chất vẫn giữ nguyên chức Trường sử. Vương nghĩ đoán là Chất có oán vọng, cho nên nói chuyện hai người để an ủi Chất.

Chất xuất thân là con nhà nghèo, thời trẻ giao du rong chơi giữa đám quý thích, đại khái là không giao vãng với người làng, cho

¹ Tào Phi tự nhún nhường, ý rằng mình không tài đức, bản chất hèn kém, được nhận ngôi Thái tử là do phụ thân chỉ định, chỉ là mượn oai của phụ thân thôi, mọi hành động lúc bấy giờ đều bị khắp nơi trông vào.

² Lấy ý từ bài thơ *Liệu nga* trong *Kinh Thi*: "Bình chi khánh hĩ/ Duy lồi chi si." Nghĩa là: "Bình rượu rỗng không/ Nhục chén rượu nồng."

nên tuy ra làm quan, quận nhà vẫn không ai biết tiếng. Lúc nhà Ngụy có thiên hạ, Văn đế triệu Chất, cùng xe giá hội tại Lạc Dương. Đến nơi, được bái làm Bắc trung lang tướng, phong tước Liệt hầu, cầm cờ tiết đốc trách việc quân ở các châu U, Tinh, sở trị ở Tín Đô. Năm Thái Hòa trung, về triều. Chất tự cho là mình không được người bản quận xem trọng, bảo Tư đồ là Đồng Chiêu rằng:

- Ta chỉ muốn đi tiểu ở quê nhà thôi.

Chiêu nói:

- Ngài hãy nhịn đi, ta đã tám mươi tuổi rồi, lão già này không muốn bị ngài đái vào người vậy.⁽¹⁾

Thế ngữ chép: Ngụy vương thường xuất chinh, Thế tử và Lâm Truy hầu Tào Thực cùng đưa tiễn ở bên đường. Thực xung tưng công đức, lời nói phát ra bóng bẩy có vần điệu, tả hữu đôi mắt nhìn, Vương cũng rất hài lòng. Thế tử buồn bã như mất vật gì, Ngô Chất ghé vào tai nói nhỏ:

- Khi Vương sắp đi, ngài roi nước mắt là được.

Lúc từ biệt, Thế tử khóc mà bái lạy, Vương cùng tả hữu đều sụt sịt, vì thế đều cho là Thực lắm ngôn từ hoa lệ, nhưng lòng thành không bằng được Thái tử vậy.

Chất biệt truyện chép: Đế từng triệu Chất và Tào Hưu hội họp rất vui, lệnh cho Quách hậu ra gặp bọn Chất. Đế nói:

- Khanh hãy ngẩng đầu lên xem cho kỹ.

Chất được thân gần đến như thế.

Năm Hoàng Sơ thứ năm Chất được triệu về kinh, Đế hạ chiếu thu lệnh cho từ Thượng tướng quân xuống đến Đặc tiến đều tới chỗ Chất tụ họp, đại quan cấp rượu thịt yến hội. Rượu say, Chất muốn vui hết mình. Bấy giờ Thượng tướng quân là Tào Chân vốn béo phì, Trung lĩnh quân là Chu Thước vốn gầy gò, Chất gọi bọn con hát, sai hát về việc béo gầy. Chân cậ mình là quý tộc, then bị hát đùa, giận bảo Chất rằng:

¹ Đồng Chiêu và Ngô Chất đều là người quận Tế Âm.

- Ngươi muốn lấy phận tướng bộ khúc ra đối đãi ta sao?

Phiêu kỵ tướng quân là Tào Hồng, Kinh xa tướng quân là Vương Trung nói:

- Tướng quân tất muốn Thượng tướng quân mặc áo béo lớn, tự mình mặc áo gầy nhỏ.

Chân càng tức giận, rút đao trợn mắt nói:

- Con hát dám khinh y phục, ta chém chết mày.

Bèn ở giữa chỗ ngồi chửi ầm lên. Chất vỗ kiếm nói:

- Tào Tử Đan, mày chẳng qua là đồng thịt trên mâm, Ngô Chất ta nuốt mày không động hầu, nhai mày chẳng động răng, mày dám cậy thế kiêu căng sao?

Thước nhân đó đứng dậy nói:

- Bệ hạ sai bọn ta đến vui với ngài thôi, mà đến nổi như thế sao?

Chất ngoảnh cổ sang mắng Thước rằng:

- Chu Thước, mày dám xô lệch chỗ ngồi sao?

Các tướng quân đều về chỗ ngồi. Thước nóng tính, lại càng tức giận, cũng rút kiếm chém xuống đất. Vì thế tan hội.

Lúc Văn đế băng hà, Chất viết bài *Tư mộ thi* rằng:

*Xa xót trữu sâu thương,
Sầu thương chẳng chịu yên,
Bồi hồi không yên dạ,
Bước đi chân chần chừ.
Nghĩ ân sâu thánh chủ,
Vinh tước ban khác thường.
Tuồng hưởng đến trọn đời,
Thần chí vừa sung sướng,
Ngờ đâu dứt giữa đường,
Người bỏ xuống hoàng tuyền,
Mình ta không chỗ dựa,
Lệ rơi như châu rót,
Chết theo thì vô ích,*

*Thân tàn danh chẳng ghi.
Đành khảng khái gặng sức,
Mong tỏ chí trượng phu.*

Năm Thái Hòa thứ tư, Chắt về triều làm Thị trung. Bấy giờ Tư không Trần Quần làm Lục thượng thư sự, Đế mới tự mình xử lý triều chính, Chắt làm đại thần phụ tá, vì cái gốc của sự an nguy, đối với Đế nhiều lần nói:

- Phiêu kỵ tướng quân Tư Mã Ý là người trí trung chí công, là trọng thần của xã tắc vậy. Trần Quần là kẻ sĩ ung dung, không phải là người có cái tài của tướng quốc, bản thân gánh trọng trách mà chẳng tự mình xử lý.

Đế rất tán thành ý ấy. Năm sau, Đế hạ chiếu nghiêm khắc trách Quần, nhưng người thiên hạ cho là lời của chiếu thư trách Tư không Trường Văn, tức Quần, nói không đúng sự thực vậy.

Mùa hạ năm ấy Chắt chết.

Chắt vì trước đây cậy uy hành vi phóng túng, ban thụy là Sứu hầu. Con của Chắt là Ứng luôn dâng thư kêu oan, đến năm Chính Nguyên trung mới đổi thụy là Uy hầu.

Ứng tự Ôn Thư, làm Thượng thư thời nhà Tấn. Con của Ứng là Khang, tự Tử Trọng, nổi danh ở đời, cũng làm đến chức đại quan.

Vệ Ký tự Bá Nho, người quận Hà Đông huyện An Ấp. Ký thời trẻ sớm chín chắn, vì tài học mà nổi tiếng. Thái tổ trung triệu làm Tư không duyệt thuộc, phong làm Mậu Lăng lệnh, Thượng thư lang.

Thái tổ đi đánh Viên Thiệu, nhưng Lưu Biểu làm ngoại viện cho Thiệu, chư tướng ở Quan Trung lại giữ thế trung lập. Ích châu mục là Lưu Chương vốn có hiềm khích với Biểu, Ký lấy thân phận là Trị thư Thị ngự sử đi sứ Ích châu, lệnh cho Chương phát binh để ngăn chế quân của Biểu. Đến Trường An, đường đất không thông, Ký không tiến được, bèn lưu lại trấn võ Quan

Trung. Bấy giờ dân chúng ở bốn phương hầu hết quay về làm thường dân, chư tướng Quan Trung đa phần dẫn dụ họ làm bộ khúc, Ký gửi thư cho Tuân Úc nói:

"Vùng Quan Trung đất đai màu mỡ, nhất thời gặp cảnh hoang loạn, nhân dân lưu vong đến Kinh châu hơn chục vạn nhà, nay nghe nói quê cũ yên ổn, đều mong ngóng nghĩ muốn quay về. Nhưng quay về lại không có cách gì tự yên nghiệp, chư tướng đều tranh nhau chiêu mộ, dùng họ làm bộ khúc. Lực lượng của quận huyện yếu kém, chẳng thể cùng tranh giành, binh của các nhà càng lớn mạnh hơn. Một mai sinh biến, tất thành mối lo ở phía sau. Hơn nữa, muôi là vật quý của quốc gia, từ khi động loạn đến nay không ai quản lý, nay nên theo phép cũ đặt quan chuyên trách giám sát việc buôn bán, lấy cái lợi thu thêm ấy để mua trâu cày. Nếu có dân quay về, ta đem trâu cày cấp cho họ. Siêng năng cày cấy tích trữ lương thực, để làm giàu cho Quan Trung. Dân chúng phương xa nghe tin, tất sớm tối đua nhau kéo về. Ta lại sai Tư lệ Hiệu úy đóng sở trị ở Quan Trung làm chủ tướng, thì thế lực của chư tướng suy dần, quan dân ngày càng mạnh lên, đấy là cái hay của việc làm cho mình mạnh mà địch yếu vậy."

Úc đem việc bẩm với Thái tổ. Thái tổ theo lời, mới phái Yết giả bộc xạ đốc trách Diêm quan, Tư lệ Hiệu úy đóng sở trị ở Hoàng Nông. Vùng Quan Trung theo phục, Thái tổ bèn triệu Ký về, ít lâu sau thăng làm Thượng thư.^①

Nước Ngụy đã dựng, bái Ký làm Thị trung, cùng Vương Sán đều nắm điển chương chế độ.

Văn đế tức vị, chuyển Ký làm Thượng thư. Ít lâu, lại về làm Thị lang triều Hán, tuyên dương đạo nghĩa của việc nhường ngôi, làm văn cáo chiếu lệnh. Văn đế lên ngôi, Ký lại làm Thượng thư, phong tước Cát Dương đình hầu.

^① *Ngụy thư* chép: Khi trước, Hán triều dời kinh đô, điển chương chế độ cũ ở phủ Thượng thư tán loạn. Từ khi dời đô về huyện Hứa, mới dần có kỷ cương, đa phần nhờ Ký dùng nghĩa xưa tu

chinh lại. Bấy giờ chư tướng của Quan tây, bề ngoài tuy chịu phục, trong bụng còn chưa tin. Tư lệ Hiệu úy là Chung Do xin đem ba nghìn binh tiến vào Quan Trung, bề ngoài lấy có đánh dẹp Trương Lỗ, bên trong là bức ép bắt người của họ làm tin. Thái tổ sai Tuân Úc hỏi Ký, Ký cho rằng "Chư tướng phương tây, đều là bọn thấp hèn quật khởi, không có ý xưng hùng thiên hạ, chỉ cầu thả cầu lấy cái vui sướng trước mắt mà thôi. Nay quốc gia hậu ban tước hiệu cho họ, họ được thỏa cái chí của mình, thì không có biến cố lớn, chẳng lo biến loạn vậy. Nên mưu tính họ sau. Nếu đem binh tiến vào Quan Trung, ý là đánh dẹp Trương Lỗ, nhưng Lỗ ở nơi núi sâu, đường hẹp bất thông, bên kia tất ngờ vực ta; hết thảy bọn họ kinh động, đất hiểm binh cường, e rằng đó mới là mối lo vậy!" Úc đem lời bàn của Ký trình với Thái tổ. Thái tổ ban đầu khen ý ấy, nhưng vì Do cứ giữ ý mình, Thái tổ bèn theo lời bàn của Do. Binh mới tiến phát thì vùng Quan Hữu đại loạn, Thái tổ tự mình đi đánh dẹp, mới bình được họ, số người chết tính kể vạn. Thái tổ hối là đã không nghe lời bàn của Ký, bởi thế càng coi trọng Ký.

Minh đế tức vị, tấn phong Ký làm Văn Hương hầu. Ký dâng tấu rằng:

"Điều luật ở Cửu chương,⁽¹⁾ là điều luật từ xa xưa truyền lại, xét đoán để định tội trạng và đưa ra hình phạt, ý nghĩa của nó rất tinh tế. Các trưởng lại quản trăm dặm, đều nên hiểu pháp luật. Hình pháp, là điều mà quốc gia coi trọng, mà người ta lại tùy tiện nghị bàn theo ý riêng; quan coi ngục, là người quản tính mệnh của trăm họ, mà tuyển dụng những kẻ ti tiện thấp hèn vào chức ấy. Cái hại đối với vương chính, vị tất không hẳn bởi nguyên do ấy. Xin hãy đặt chức Luật bác sĩ,⁽²⁾ để truyền dạy pháp luật cho quan lại."

¹ Sách *Hán thư*, thiên *Hình pháp chí* có nói: Tướng quốc Tiêu Hà nhật nhanh từ hiến pháp của nước Tần, chọn lấy những điều thích hợp, làm ra luật Cửu chương.

² Luật bác sĩ (律博士) là chức quan chuyên về việc giáo dục pháp luật đối với các quan lại địa phương, chức này bắt đầu được đặt ra từ đây, đến thời nhà Nguyên thì phế bỏ.

Việc bèn được thi hành.

Bấy giờ trăm họ cùng khốn mà lao dịch quá nhiều, Ký dăng só nói:

"Thay đổi bản tính của người ta, là việc miến cưỡng chẳng thể được, là thần tử dâng lời lên quân chủ đã không dễ, bậc nhân chủ tiếp nhận ý kiến lại càng khó vậy. Và lại cái mà người ta yêu thích là được phú quý hiển vinh vậy, thứ mà người ta căm ghét là sự nghèo khổ chết chóc vậy, nhưng bốn điều ấy, là do quân vương chế định, được quân vương yêu thích thì phú quý hiển vinh, bị quân vương căm ghét thì nghèo khổ chết chóc; thuận ý chỉ thì mừng vui kéo đến, nghịch ý chỉ thì căm ghét tới ngay. Cho nên nhân thần đều tranh nhau thuận chỉ mà tránh trái ý, trề phi có kẻ vì nước diệt nhà, vì quân vương hiển dương sinh mệnh, ngoài ra có ai dám phạm nham, lao vào điều kỵ húy, đề xuất ý kiến, mở miệng dâng lời? Bệ hạ lưu tâm xem xét việc ấy, thì có thể thấy được cái tình của người dưới rồi. Nay kẻ nghị bàn đa phần thích nói lời lọt tai, lời họ nói về chính trị thì so bệ hạ với vua Nghiêu, vua Thuấn, lời họ nói về chinh phạt thì so hai tên giặc với cáo cầy.⁽¹⁾ Thần cho là không đúng."

"Xưa kia vào thời Hán Văn, chư hầu lớn mạnh, Giả Nghị than thở cho là chí nguy. Huống chi trong bốn bể hiện nay, chia tách làm ba, quần thần tướng sĩ ra sức, đều vì chủ của mình. Người ta đến quy hàng, chưa thể nói là họ bỏ tà theo chính, họ đều nói là bởi bị bức bách nguy khốn, thế thì so với thời sáu nước cát cứ, không có gì khác vậy. Hiện nay ngàn dặm không thấy khói bay, trăm họ khốn khổ cơ hàn, bệ hạ chẳng lưu ý việc ấy, quốc gia sẽ điều tàn chẳng thể chấn hưng lại. Theo lẽ, khí vật thiên tử dùng tất phải là khí vật vàng ngọc, đồ vật thiên tử ăn uống tất phải là tám loại vị ngon trân quý, gặp năm hoang loạn, thì bớt cỗ bàn giảm y phục. Nhưng mức độ xa hoa hay tiết kiệm, nhất định phải xét rõ xem xã hội giàu có hay bần khốn để quyết định

¹ Ý nói Tôn Quyền và Lưu Bị.

vậy. Thời Vũ hoàng đế, hậu cung ăn uống không quá một món thịt, y phục chẳng dùng gấm lụa, đệm cỏ chẳng thêm vễ, khí vật không sơn đỏ, vì thế mới có thể bình định thiên hạ, tạo phúc cho con cháu. Đây đều là điều mà bệ hạ tự mình trông thấy vậy. Việc gấp hiện nay, là vua tôi trên dưới hòa hợp, cùng mưu vạch kế sách, kiểm xét phủ khố, liệu xét thu chi, nghĩ kỹ cái thuật nuôi dân của Câu Tiễn,⁽¹⁾ còn sợ chẳng kịp, huống chi là khí vật bạc vàng mà quan Thượng phương chế tạo, ngày một nhiều thêm, thổ mộc công trình không ngừng nghỉ, phong khí xa xỉ ngày một tăng, kho tàng ngày một kiệt quệ."

"Xưa kia Hán Vũ tin đạo thuật cầu thần tiên, cho là uống được nước cam lộ từ trời cao rơi xuống bát ngọc thì trường sinh bất lão, nên dựng tượng người tiên giơ tay hứng sương.⁽²⁾ Bệ hạ là người thông minh, thường chê cười việc ấy. Hán Vũ cầu nước cam lộ, mà còn bị chê, bệ hạ không cầu nước cam lộ mà bày bàn hứng sương vô nghĩa; chẳng ích lợi gì mà lãng phí công thợ, thần thực mong bệ hạ suy xét kỹ để ngăn dừng việc ấy."

Ký kinh qua hai triều Hán, Ngụy, thường dâng hiến lời trung, đại khái là như thế.

Ký nhận chiếu chủ trừ việc soạn chép, lại biên soạn cuốn *Ngụy quan nghi*, cả thầy mấy soạn chục thiên sách.

Ký giỏi cổ văn, viết chữ điều triện, chữ thảo lệ, không gì là không khéo. Năm Kiến An mạt, Thượng thư hữu thừa người quận Hà Nam là Phan Úc,^① năm Hoàng Sơ, Tán kỵ thường thị

¹ Câu Tiễn (句踐): Xem chú thích ở tập III, quyển 14, trang 252 (Tuồng Tế truyện).

² Hán Vũ đế là vị vua tài năng của nhà Tây Hán, lên ngôi sau thời thịnh trị của hai vua Văn đế và Cảnh đế. Với tiềm lực có sẵn, Vũ đế mở rộng cương thổ Trung Quốc, củng cố nền chuyên chính khiến vương triều nhà Hán vào thời Vũ đế là mạnh nhất về quân sự, có ảnh hưởng lớn đến các đời sau. Tuy nhiên đến cuối đời, Vũ đế lại rất tin tưởng vào thuật trường sinh, cho xây cất rất nhiều cung điện, cầu cúng thần tiên ở khắp nơi, tin dùng bọn phương thuật, từng giao cho thuật sĩ mười vạn cân vàng để tìm thuốc tiên, xây đài hứng sương, có tượng đồng cầm bát ngọc để đón, đài đón thần tiên... vv. Rút cục đều là việc viển vông, bị đời sau chê cười.

người quận Hà Nội là Vương Tượng, cũng giống Ký, đều nhờ văn chương mà nổi danh.②

Ký chết, ban thụy là Kính hầu, con của Ký là Cấn nối tự. Cấn vào năm Hàm Hi trung làm Trấn tây tướng quân.③

① *Văn chương chí* chép: Úc tự Nguyên Mậu, ban đầu tên là Chi, sau đổi thành Úc, vì tránh tên húy của Hoàng hậu. Có người nói Úc vào thời Hiến đế làm Thượng thư lang, được thăng lên chức Hữu thừa. Chiếu thư nói Úc lúc trước phẩm trật hai nghìn thạch, tài hoa sáng suốt, thông thạo việc xưa, nên sắc mệnh cho Úc kiêm lĩnh chức cũ, nhiều lần ban thưởng thêm. Năm thứ hai mươi, Úc được thăng làm Đông Hải tướng. Chưa khởi hành, được giữ lại bái làm Thượng thư tả thừa. Năm ấy Úc bị bệnh chết, bấy giờ mới hơn năm mươi tuổi. Sách mệnh ban Cửu tích cho Ngụy công, là do Úc soạn chép vậy.

Con của Úc là Mãn, làm Thái thú Bình Nguyên, cũng nhờ học hành mà nổi tiếng. Con của Mãn là Ni, tự Chính Thúc.

Ni biệt truyện chép: Ni thời trẻ tài hoa nổi bật, văn từ ôn nhã. Ban đầu ứng mệnh triệu của quan châu, sau vì cha già nên quay về cung dưỡng. Ở nhà hơn chục năm, cha mất, lúc cao tuổi mới ra làm quan. Ni từng tặng thơ cho Lục Cơ, Cơ gửi thơ đáp lại, bài thơ ấy có bốn câu rằng:

"Tốt đẹp thay Phan sinh,
Nổi đời viết lời hay,
Nói theo được tiên nhân,
Làm rạng danh tiên tổ."

Ni cuối cùng làm quan đến chức Thái thường. Chú của Ni là Nhạc, tự An Nhân.

Nhạc biệt truyện chép: Nhạc dung mạo đẹp, vì tài hoa xuất chúng sớm nổi trội nên rất có danh tiếng. Văn chương mà Nhạc soạn chép, câu từ sáng đẹp khác lạ. Nhạc làm Hoàng môn thị lang, bị Tôn Tú giết hại. Văn chương thơ phú của Ni, Nhạc, đều được người đời xem trọng. Cháu họ của Ni là Đào, tự Thang Trọng.

Tấn chư công tán chép: Đào nhờ học rộng, tài trí độ lượng mà nổi danh. Năm Vĩnh Gia mất, làm Hà Nam doãn, bị giết hại.

② Sự tích về Vương Tượng thấy chép riêng ở *Dương Tuấn truyện*.⁽¹⁾

③ *Tấn Dương thu* chép: Cấn tự Bá Ngọc. Là người thanh bạch kiên trinh có tiếng là hiểu đạo lý, thời trẻ được Phó Hồ biết đến. Năm hai mươi tuổi làm Thượng thư lang, trải các chức vị trong ngoài, vào thời nhà Tấn làm Thượng thư lệnh, Tư không, Thái bảo. Lúc bắt đầu làm phụ chính của Tấn Huệ đế, bị Sở vương là Tư Mã Vĩ giết hại.

Thế ngữ chép: Cấn và Phù Phong nội sử người quận Đôn Hoàng là Tác Tĩnh, đều khéo viết chữ thảo. Con của Cấn là Hằng, tự Cự Sơn, làm Hoàng môn thị lang. Con của Hằng là Giới, tự Thúc Bảo, có danh tiếng lớn, làm Thái tử tể tướng, chết sớm.

Lưu Dị tự Cung Tự, người quận Nam Dương huyện An Chúng. Năm Dị mười tuổi, chơi đùa ở trên giảng đường, người ở Dĩnh Xuyên là Tư Mã Đức Tháo xoa đầu Dị nói:

- Tiểu hài tử, tiểu hài tử, "mặc áo vàng, là trong lòng thấu hiểu nghĩa lý",⁽²⁾ người không tự biết sao?

Anh của Dị là Vọng Chi, có danh tiếng ở đời, Kinh châu mục Lưu Biểu triệu làm Tòng sự. Vọng Chi có hai người bạn, đều vì người khác gièm pha phỉ báng, bị Biểu giết hại. Vọng Chi lại thẳng thắn đưa lời can không hợp ý Biểu, bèn cáo quan về quê.

Dị bảo Vọng Chi rằng:

- Triệu Giản Từ giết Đạc Minh, Độc Chuẩn, Trọng Ni đánh xe quay về.① Nay huynh đã chẳng thể bắt chước Liễu Hạ Huệ hòa

¹ Xem tập IV, quyển 23 (*Dương Tuấn truyện*).

² Câu trong *Kinh Dịch*: "Quân tử hoàng trung thông lý, chính vị cư thế." Đại để thì "hoàng trung" là cái đẹp ở bên trong; hoàng là màu vàng, màu của sự trung hòa, thể hiện đức trung. Toàn câu trong *Kinh Dịch* có thể hiểu là: "Bậc quân tử lòng chứa đức tốt và thấu hiểu nghĩa lý, bản thân được ở ngôi chính đáng."

chung với bụi trần ở trong, thì nên học theo Phạm Lãi dời ra ngoài. Đến lúc mắc tội mà tự diệt, e là không nên vậy!

Vọng Chi không nghe, ít lâu sau bị hại. Dị sợ, vội trốn đến Dương châu,^② rồi quy phục Thái tổ. Thái tổ triệu gọi cho làm Thừa tướng duyên thuộc, rồi chuyển làm Ngũ quan tướng Văn học.

Văn đế rất kính trọng Dị, lệnh sai Dị làm người đọc sửa văn thư. Dị đáp thư rằng:

"Trước nay tôn ti có thứ bậc, là danh phận theo lễ thường vậy. Thế nên thần khư khư giữ cái tiết tháo mồn mồn, chẳng dám hạ bút sửa văn. Thần tiếp nhận mệnh lệnh, thực đã hiểu rõ phẩm chất siêng năng khiêm nhường của ngài, là chẳng xem trọng đến địa vị của người ta cao quý ra sao, mà xem trọng kẻ sĩ bình thường nếu họ có tư chất tốt, cũng như Quách Ngỗi không bị xem thường ở nước Yên, cái thuật 'Cửu cửu' không bị bỏ qua ở nước Tề, Nhạc Nghị tự đến, nghiệp bá vì thế mà hưng.^③ Tiết tháo của kẻ thất phu bị tổn hại, mà lập nên công nghiệp vĩ đại, thần dẫu ngu độn chẳng sáng suốt, há dám chôi từ?"

Nước Ngụy mới dựng, Dị làm Hoàng môn thị lang.

① Tân tự của Lưu Hưởng chép: Triệu Giản Tử muốn đoạt thiên hạ, bảo với tướng quốc của mình rằng:

- Nước Triệu có Độc Chuẩn, nước Tấn có Đạc Minh, nước Lỗ có Khổng Khâu, ta giết ba người ấy, là có thể làm vua thiên hạ vậy.

Vì thế bèn cho triệu gọi Độc Chuẩn, Đạc Minh đến hỏi việc chính sự, xong lập tức giết họ. Lại sai sứ giả sắm sửa lễ vật tới nước Lỗ mời Khổng tử, đem thịt trâu béo nghênh tiếp ở ven sông. Sứ giả bảo với phu thuyền rằng:

- Khổng tử lên thuyền rồi, khi ra đến giữa sông phải dìm thuyền mà giết hần.

Khổng tử đến nơi, sứ giả truyền mệnh, rồi tiến lên dâng thịt trâu béo. Khổng tử ngẩng mặt lên trời rồi than rằng:

- Nước sông đẹp để thay, mệnh mang thay, khiến Khâu ta không qua được sông này, là mệnh vậy!

Từ Lộ rào bước tiến đến nói:

- Xin hỏi vì sao thầy lại nói vậy?

Không từ nói:

- Độc Chuẩn, Đặc Minh, là quan đại phu tài giỏi của nước Tấn vậy, lúc Triệu Giản Tử còn chưa đắc ý, thì cần họ để nắm chính sự, đến khi đắc ý rồi, thì giết họ. Rồng vàng không quay về nơi đầm cạn, Phượng hoàng không đến chỗ bị giăng lưới. Thế nên khi người ta mổ thai mọc hài nhi, đốt cháy rừng, thì kỳ lân không đến; lật tổ chim phá vỡ trứng, thì phượng hoàng không bay liệng; tát ao mà bắt cá, thì giao long chẳng hiện ra. Chim, thú gặp việc chẳng lành, còn biết tránh xa kẻ bất nhân, huống chi là Khâu này? Vậy nên hồ dữ găm thét thì hang núi nổi gió, rồng nổi lên thì mây lành hiện ra, gõ chuông ở ngoài môn đình, thì chuông trong miếu đường ứng tiếng. Vật đồng loại thì cảm ứng lẫn nhau, như đồng thanh tương ứng, bóng ứng theo hình, bởi thế bậc quân tử thương xót cho người giống với mình vậy. Nay kẻ kia đã giết người cùng dạng như ta, làm sao ta qua sông này được?

Bèn vòng xe lại không qua sông nữa mà quay về.

② *Dị biệt truyện* chép lá thư tạ lỗi với Lưu Biểu được Dị viết lúc ở trên đường rằng:

"Vong phụ của Dị là Cúc trước đây được nhận ân sủng đãi ngộ đặc biệt, mà không có được cái công tích hiển hách như Quán, Hồ, Hoàn, Văn,⁽¹⁾ đức mỏng lia trần, lòng thành chưa thỏa. Anh của Dị là Vọng Chi lúc trước được ngài đãi ngộ, đã không kế nối được nghiệp tổ làm rạng rỡ công tích của tiên nhân, trong lúc khuyên can không cần trọng, rước họa mệnh tàn. Đấy thực là thần minh không che chở, trời cao giáng tai ương. Đến lúc hồi tiếc, khóc thương chẳng kịp. Dị này ngu muội nông cạn, lời nói việc làm đa phần trái ý, lo sợ lời gièm 'tam chí'⁽²⁾ ngấm dần.

¹ Quán Trọng, Hồ Yển, Tề Hoàn công, Tấn Văn công.

² Tam chí (三至), tức là việc xảy ra đến ba lần. Tăng Sâm (曾參) là người hiền, có người tố cáo với mẹ của Tăng Sâm là Tăng Sâm giết người, bà không tin, vẫn ngồi dệt vải. Về sau thêm hai người nữa đến tố cáo, mẹ của Tăng Sâm sợ hãi, treo qua tường mà trốn vì tin đó là việc thật.

Cái tình mến nhớ của ngài với phụ thân của Dị là Lưu Cúc đã suy, cái việc trách lỗi với Vọng Chi vẫn còn, tất hại đến nghĩa tình thương mến như trời bể trước đây, môn hộ bị tuyệt diệt, chịu tiếng cười chê của kẻ sĩ hiền minh. Thế nên Dị đành trốn chạy, mãi miết lẫn lộn đường sông, hết ngày đã tới huyện Tâm Dương của quận Lu Giang. Khi xưa Chung Nghi giữ tiết hát khúc nhạc phương nam,⁽¹⁾ Tiêu Cừ trên đường gặp bằng hữu tỏ tình mến nhớ cố hương,⁽²⁾ Dị này tuy đã rời xa ngài, há dám quên ân lúc trước?"

Phó tử nói: Sau khi Biểu giết Vọng Chi, sĩ nhân Kinh châu đều tự thấy nguy. Xét bản ý của Biểu, vốn không hề xem thường Vọng Chi, chỉ vì lời thách trái tai, mà lời mỉa mai được đón nhận, vì thế chẳng độ lượng dung nạp lời chính trực vậy. Chiếm toàn bộ đất đai nước Sở, nhưng chẳng thể nhờ đó thành nghiệp bá, chưa hẳn là không có nguyên do từ đấy vậy. Bá Di, Thúc Tề nghịch ý Vũ vương mà thành danh,⁽³⁾ Đinh Công thuận ý Cao tổ mà bị giết,⁽⁴⁾ khí độ của hai vị quân chủ ấy khác xa nhau vậy. Ví chẳng độ lượng khoan dung với người khác, nghĩ suy theo cái tâm ý hẹp hòi của mình, thì thật khó để bao dung cho dân chúng rồi.

③ *Chiến Quốc sách* chép: Có người đem cái thuật "Cửu cửu" đến cầu kiến Tề Hoàn công, Hoàn công không tiếp. Người ấy nói:

¹ Chung Nghi (鍾仪) là quan quản việc âm nhạc của nước Sở, bị quân nước Tấn bắt làm tù đồ, nhưng nhớ cố quốc, vẫn hát khúc nhạc phương nam của nước Sở.

² Tiêu Cừ, tức đại phu Ngũ Cừ, là tổ phụ của Ngũ Tử Tư, vì nhận đất phong ở ấp Tiêu cho nên lấy họ Tiêu, người sau gọi là Tiêu Cừ. Ngũ Cừ chơi thân với Thanh Tử, nước Sở loạn, Ngũ Cừ trốn sang nước Trịnh, đi qua nước Tấn gặp Thanh Tử, bèn mang lương thực ra cùng ăn, bàn chuyện khôi phục cố quốc. Đời sau dùng thành ngữ "Tiêu Cừ ban kinh" là nói việc nghĩ nhớ quê hương.

³ Bá Di (伯夷), Thúc Tề (叔齐): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 85 (Lưu Biểu truyện).

⁴ Đinh công (丁公), còn gọi là Đinh Cố (丁固), là tướng của Hạng Vũ. Hạng Vũ đánh bại Hán Cao tổ ở Bành Thành, Đinh Công đuổi kịp xe của Lưu Bang, Lưu Bang bảo Đinh Công rằng: "Người hiền sao lại hại nhau?" Đinh Công thả cho Lưu Bang đi. Khi Hạng Vũ thất bại, Đinh Công đến gặp Lưu Bang, Lưu Bang nói: "Đinh Công là bề tôi bất trung, Hạng Vương mất thiên hạ vì Đinh Công vậy, đời sau làm bề tôi chớ bắt chước Đinh Công." Bèn giết đi.

- Cừu cừu là cái thuật nhỏ, mà ngài còn đón nhận nó, huống chi là với những cái lớn hơn so với Cừu cừu?

Vì thế Hoàn công cho bày lễ đốt đuốc lớn ở trong cung tiếp kiến người ấy. Không lâu sau, Thấp Bằng từ nơi xa nghe tiếng mà đến theo, nước Tề vì thế xưng bá Trung Nguyên.

Thái tổ ở tại Trường An, muốn thân đi đánh Thục, Dị dăng só nói:

"Thánh nhân chẳng vì có trí tuệ mà coi khinh người tục, bậc vương giả không vì thân phận của người ta mà phớt bỏ ý kiến. Cho nên kiến công lập nghiệp với ngàn năm, tất phải lấy gần để xét xa, chu toàn ở việc quyết đoán, chẳng then hỏi ý người dưới, cũng là muốn thu nhận rộng rãi hết thấy mọi ý kiến của chúng nhân vậy. Vả lại dây da, cung đàn không phải là vật phẩm có thể nói năng, mà bậc thánh hiền dùng để tự nắn sửa mình. Thần tài nông trí cạn, nguyện tự so mình với dây da, cung đàn."

"Trước kia Nhạc Nghị có thể khiến nước Yên nhược tiểu phá được nước Tề lớn mạnh, mà chẳng thể dùng kinh binh bình định Tứ Mặc, là bởi muốn tính kế để lớn mạnh, thì đầu yếu thì tất phải vững chắc, muốn tự thua võ thì đầu cường mạnh tất thua bại vậy. Từ khi Điện hạ khởi binh đến nay, là hơn ba mươi năm, địch nhân không đâu không bị phá, kẻ mạnh không đâu không chịu phục. Nay dựa vào binh lực trong nước, có cái uy bách thắng, mà Tôn Quyền cậy hiểm ở Ngô, Lưu Bị bất phục ở Thục. Thần tử của Di Địch, chẳng so được với binh tốt ở Ký châu, thực lực của Quyền và Bị, không so được với cơ nghiệp của Viên Thiệu, nhưng Bản Sơ bị diệt vong, mà hai tên giặc chưa thể hạ, không phải là hiện nay ta tối kém mà trước kia sáng mạnh vậy. Đây là việc định kế để lớn mạnh và muốn thua võ về hình thế khác nhau thôi. Cho nên Văn vương thảo phạt nước Sùng, ba lần thân chinh không hạ được, quay về sửa đức, rồi mới chinh phục nổi."⁽¹⁾

¹ Văn vương muốn đánh vua Trụ nhà Ân, Sùng hầu hồ (vua của nước Sùng) báo với Trụ vương, Trụ vương bắt giam Văn vương vào ngục. Về sau Văn vương được thả, ba lần đánh Sùng hầu hồ không thắng. Văn vương bèn sửa sang trong nước, nhà Chu lớn mạnh, đánh hạ được nước Sùng.

Nước Tần là nước chư hầu, đi đánh không đâu không phục, lúc kiêm tính thiên hạ, ngoảnh về đông xưng đế, kẻ thất phu hô lớn mà xã tắc tàn vong.⁽¹⁾ Đây là vì dùng sức nhọc mệt ở ngoài, mà chẳng thương xót dân trong nước vậy. Thần lo rằng giặc cướp ở biên bìa tuy không so được với lực của sáu nước, nhưng ở đời chẳng thiếu nhân tài, cái thế tan vỡ, là điều chẳng thể không xét kỹ vậy.”

“Việc thiên hạ có cái được lớn, có cái mất lớn: Hình thế mà có lợi thì ta ra sức tranh thủ, đấy là được lớn vậy; hình thế bất lợi mà ta cố sức tranh đoạt, đấy là mất lớn vậy. Cái kẻ hiện nay, chẳng gì bằng tính liệu cái hiểm của bốn phương, chọn chỗ yếu hại mà chiếm lấy, tuyển lựa tinh binh trong thiên hạ, tùy theo hình thế mà hoán đổi. Điện hạ nên cao gô ở Hoa Hạ, chuyên tâm nghĩ kế trị quốc; mở rộng nông tang, thực hành tiết kiệm, chinh trị mười năm, thì quốc phú dân an rồi.”

Thái tổ bèn tiến lên trước bảo Dị rằng:

- Không phải chỉ có quân chủ hiểu bày tôi, bày tôi cũng nên hiểu quân chủ. Nay ngài muốn ta ngồi yên mà thi hành đức chính của Văn vương, e rằng ta không phải là người như thế vậy.

Ngụy Phúng phản, em của Dị là Vĩ vì liên quan đến việc của Phúng, đáng tội phải giết. Thái tổ lệnh rằng:

- Thúc Hướng không phải chịu tội với em mình là Hổ, là phép chế thời xưa vậy.⁽²⁾

¹ Nước Tần hùng mạnh, diệt sáu nước kiêm tính thiên hạ, áp bức dân chúng, Trần Thắng xua dân hô hào khởi nghĩa, nhà Tần nguy vong, rồi sau chư hầu nổi dậy làm mất nước Tần.

² Thúc Hướng (叔向) tức Dương Thiệt Bất, con của Dương Thiệt Chúc, là người tài ở nước Tấn thời Xuân Thu. Em của Thúc Hướng là Dương Thiệt Hổ (Thúc Hổ), theo phe đảng của Loạn Doanh loạn nước Tấn. Tấn Bình công đuổi Loạn Doanh, lòng bắt phe đảng, Thúc Hổ làm loạn, bị bắt, cả họ mắc tội. Kỳ Hề, là nguyên lão nước Tấn, uy vọng rất cao, tuy đã cáo lão về hưu, nghe tin Thúc Hướng sắp bị hại, liền chống gậy đi từ nhà đến kinh đô cứu giúp. Kỳ Hề gặp nguyên soái trong quân là

Đặc cách được tha không hỏi đến, ① cho chuyển sang tạm nhận chức Thừa tướng thương tào thuộc.

Dị dâng sớ tạ rằng:

"Cái tội của thần đáng phải lật tông, ứng họa diệt tộc. May nhờ anh linh trời đất, gặp vận đúng thời, nước sôi dừng lặng, khiến thần không phải cháy đầu nát trán; khói bốc từ đồng tro tàn, hoa nở từ gốc cây khô. Há có vật nào không báo đáp cái ân huệ của trời đất, có con nào không cảm tạ cái ân nuôi dưỡng của cha mẹ, thần nguyện lấy cái chết để báo đền, thật khó dùng bút mực để biểu tỏ thành lời." ②

Sách vở Dị soạn chép có mấy chục thiên, cùng Đinh Nghi chung luận về hình pháp và lễ nghi, đều truyền ở đời.

Văn đế tức vương vị, Dị làm Thị trung, ban tước Quan nội hầu. Dị chết vào năm Hoàng Sơ thứ hai, ③ không có con, Đế lấy con của em Dị là Phụ nối tục. ④

① *Dị biệt truyện* chép: Khi trước, em của Dị là Vĩ chơi thân với Phúng, Dị răn Vĩ rằng:

- Cái hay đẹp của việc kết giao bằng hữu, là ở chỗ tìm được người hiền, chẳng thể không xét rõ. Nhưng giao du với người đời, chẳng xét kỹ để chọn người, chăm chăm hợp bè đảng, trái với cái nghĩa kết giao bằng hữu của thánh nhân đời trước, không thể gọi là coi trọng mình mà bồi dưỡng đức nhân vậy. Ta xem Ngụy Phúng, chẳng tu dưỡng đức hạnh, mà chuyên làm cái việc lập bè kết phái, phù phiếm mà không thật, đẩy chẳng qua là khuấy loạn việc đời nhằm mua lấy tiếng tăm vậy. Người nên thận trọng với hắn, chớ qua lại với hắn nữa.

Vĩ không nghe lời, cho nên liên lụy mắc họa.

Phạm Mang, nói: "Hiền tài là chỗ dựa của xã tắc, Dương Thiệt Chúc có công với nước Tấn, hai con ông ấy là Dương Thiệt Bất và Dương Thiệt Xích đều có tài nổi nghiệp cha, nay chỉ vì một người con không ra gì (chỉ Thúc Hồ) mà giết hết cả nhà, chẳng đáng tiếc sao? Ngày xưa Khước Nhuế phản nghịch mà con ông ấy là Khước Khuyết vẫn được làm quan. Cha con tội không liên can với nhau, huống chi là anh em! Vì cái thù riêng mà giết kẻ vô tội có tài, ta lấy làm lo cho nước Tấn?" Bèn cùng lên xe đến gặp vua Tấn khuyên giải, vua Tấn tỉnh ngộ, tha cả hai người.

② Dị biệt truyện chép biểu văn của Dị luận về cái đạo trị quốc rằng:

"Xưa kia nhà Chu có mười bảy tâu trị loạn, có một người nữ, chín người là nam thôi, Khổng tử nói 'người tài khó kiếm, há chẳng đúng sao!' ⁽¹⁾ Có được hiền tài là rất khó vậy. Huống chi nay sau cơn động loạn, trăm họ điêu tàn, sĩ dân còn lại đại khái cũng không nhiều vậy. Đại thần là kẻ bảy tay chân, cho đến Đốc ti của châu quận, người giữ trọng trách ở biên cương, tuy quan vị đầy đủ, nhưng chưa hẳn là những người được tuyển lựa thích hợp vậy. Đây không phải là tuyển lựa không có dụng tâm, đại để là thiếu nhân tài mà thành ra như thế thôi. Huống chi từ trước lại trở xuống, tiểu nhân nhận chức nhỏ nhất rất nhiều, tài năng của họ đều được tuyển lựa chu toàn đúng người xứng chức sao? Cái kẻ hiện nay chẳng gì bằng dùng phép tắc đốc xét. Không làm như thế mà đổi chức nhiều lần, đảo qua chuyển lại không dừng, phiền nhiễu của việc đón đưa, chẳng thể tính xuể được. Giữa lúc đảo chuyển, thường có điều gian dối phát sinh, đối với việc nước đã không tiết kiệm, mà với người chấp chính cũng vì duyên cớ ấy thành ra không được yên ổn lâu dài, họ biết cái việc bày ân huệ với dân chẳng đưa đến thành quả cho mình, lại cầu thả trộm yên để tránh họa, đều không nghĩ đến việc tận tâm thương xót dân, mà tơ tưởng cầu lấy tiếng khen, đây không phải là bản ý của người chấp chính đặt quan vậy."

"Quy định về việc truất tước ⁽²⁾ hiện nay, gần như là đều dựa vào lời khen chê của châu quận, chỉ nghe theo lời phù phiếm qua lại mà thôi. Lại nắm hết được sự thật về họ mà tính xét là người ta có tài hay không sao? Quan lại được cho là ưu tú, phải là người vâng theo phép công, lo lắng cho quốc sự, thương xót dân chúng vậy. Ba điều ấy, e rằng quan lại ở

¹ Theo *Kinh Thư, Thuấn điển*, vua Thuấn có năm bảy tâu giỏi là: Đại Vũ (trị thủy), Tắc (dạy canh nông), Tiết (dạy luân lý), Cao Đào (hình pháp), Bá Ích (coi giữ cỏ cây, muông thú). Thời Vũ vương nhà Chu có mười bảy tâu giỏi là: Chu công, Triêu công, Lã Vọng, Tắt công, Vinh công, Thái Diên, Hoành Yêu, Tán Nghi Sinh, Nam Cung Quát và bà Ấp Khương (là vợ Vũ vương). Nói chung là rất ít, nên Khổng tử nói: "Người tài khó kiếm."

² Truất, là bãi miễn chức vụ, tước là cắt nhấc, bỏ nhiệm chức vụ. Truất tước tức là việc bãi chức hay bỏ dụng người vào chức vụ xứng đáng.

châu quận có chỗ chưa thích nghi được, việc chuyển qua đảo lại thành ra có chỗ chưa thỏa đáng. Nếu trưởng lại chấp pháp triệt để, về trị lý tuy đắc kế, nhưng tiếng khen về họ lại chưa hay; khuất ý theo người, về trị lý tuy thất kế, nhưng tiếng khen về họ tất tốt đẹp vậy. Trưởng lại đều biết lý do của việc truất trắc là ở đây, họ lại có thể không bỏ gốc mà tìm ngọn sao?"

"Thần cho là với trưởng lại thì đều nên để họ tương đối ổn định, đủ để khiến họ tự thi triển tài năng. Một năm khảo hạch tài năng, ba năm tổng xét, mới căn cứ để truất trắc. Khảo hạch quan lại đều nên lấy sự thực làm chủ, không được căn cứ tiếng tăm. Việc thật là, đều căn cứ vào họ khẩu mà họ cai quản và ruộng đất mà họ khai khẩn là ít hay nhiều, lúc đạo tặc phát sinh, số dân phản trốn thế nào, lấy việc đó để tính ra hơn kém. Nếu làm như thế, thì quan lại vô tài, có giữ danh cũng vô ích; người có tài năng, dẫu vô danh cũng chẳng tổn hại gì. Phép tắc một sớm được thi hành, dẫu không có sự giám sát của Bộ ti chủ quản, kẻ gian cầu lấy tiếng khen hoặc lời hủy báng người khác có thể một sớm sạch nhẵn vậy."

Việc được thi hành, Thái tổ rất khen lời ấy.

③ *Dị biệt truyện* chép: Bây giờ Dị bốn mươi hai tuổi.

④ *Xét Lưu thị phả*: Phụ tự Bá Lăng, làm Thái thú Trần Lưu. Con của Phụ là Kiều, tự Trọng Ngạn.

Tấn Dương thu chép: Kiều có chí ra sức giúp đời. Thời Huệ đế mạt, làm Thứ sử Dự châu. Hậu duệ của Kiều rất quý hiển, cao quý hiển hách đến tận bây giờ.

Lưu Thiệu tự Khổng Tài, người quận Quảng Bình huyện Hàm Đan. Năm Kiến An trung, làm Kế lại, đến huyện Hứa. Thái sử dâng lời rằng:

- Giữa tháng giêng sẽ có nhật thực.

Thiệu bấy giờ ở chỗ Thượng thư lệnh là Tuân Úc, trong chỗ ngồi có mấy chục người, có người nói rằng nên dừng việc hội triều, có người nói rằng nên lùi thời gian hội họp. Thiệu nói:

- Từ Thận, Bì Táo,⁽¹⁾ là Thái sử giỏi thời xưa, lúc chiêm bốc cát hung, vẫn có khi lầm lẫn. *Lễ ký* nói: Các nước chư hầu cùng đến triều kiến thiên tử, tới cửa cung mà không trọn được lễ nghi có bốn nguyên nhân,⁽²⁾ nhật thực điều thứ nhất. Nhưng phép chế của thánh nhân truyền xuống, là không vì tai biến dự đoán trước mà bỏ lễ nghi triều kiến, có khi tai họa tiêu tan, hoặc là cái thuật suy đoán có lầm lẫn vậy.

Úc khen lời ấy. Bèn sắc lệnh là vẫn hội triều như cũ, nhật thực cũng không xuất hiện. ①

① Năm Vĩnh Hòa trung thời nhà Tấn, Đình úy Vương Bưu gửi thư cho Thứ sử Dương châu là Ân Hạo nói:

"Thái sử nói mông một đầu năm là ngày hợp sóc,⁽³⁾ người bàn luận còn nghi hoặc, nên lui ngày hội châu lại chăng? Trước kia vào năm Kiến Nguyên⁽⁴⁾ nguyên niên, cũng có nhật thực vào ngày đầu năm, Dữu xa ký tả là Lưu Khổng Tài luận việc ấy trong chỗ Bát tọa.⁽⁵⁾ Vào lúc triều đình nghị sự có người cho rằng lời luận của Khổng Tài không đúng với ý trong Kinh Lễ, Tuân lệnh quân theo lời bàn của Khổng Tài, là cái lỗi nhất thời của bậc cao minh vậy. Vì sao? Kinh Lễ nói, chư hầu cùng nhau đến triều kiến thiên tử, vào cửa cung mà không trọn được lễ phải bỏ về có bốn nguyên nhân là: Thái miếu bị hỏa tai, có nhật thực, hậu cung có tang, mưa ngập khiến y phục ướt đầm. Tính xét ra có bốn việc, gọi là

¹ Từ Thận (梓慎), là quan đại phu nước Lỗ, sống vào thời vua Lỗ Tương công và Lỗ Chiêu công, là nhà Âm dương gia có danh tiếng nhất thời ấy; Bì Táo (裨灶), là quan đại phu nước Trịnh, chưa rõ lai lịch và hành trạng.

² Theo *Lễ ký*, đó là: Vào ngày nhật thực; Thái miếu bị hỏa hoạn; Hậu cung có việc tang; mưa lớn úng ngập khiến y phục của chư hầu ướt không được tề chỉnh.

³ Việc đang nói ở đây là nhắc lại chuyện tương tự xảy ra trong những năm Kiến An, có lẽ nguyên tác viết lầm.

⁴ Ngày "hợp sóc", tức là vào ngày sóc (mông một), mặt trời và mặt trăng cùng chạy trên một đường thẳng, xảy ra nhật thực.

⁵ Bát tọa (八座) là chỉ tám hạng quan viên. Quy định về tám hạng quan này qua các thời đại có khác nhau. Cụ thể, thời Đông Hán thì gồm có các quan từ hạng Lục tào thượng thư lệnh và Tả hữu Bộ xạ; thời Ngụy Tấn là Ngũ tào thượng thư, Tả hữu bộ xạ và Nhật lệnh.

chư hầu đã vào cửa nhưng thốt nhiên việc phát sinh, thì không trọn được lễ. Đây không phải là liệu trước cái lúc việc xảy ra, mà mong là cái thuật suy đoán của sử quan có sai lầm, nên không tính sẵn việc bỏ lễ hội châu vậy. Tam thần⁽¹⁾ giáng họa, không gì lớn bằng nhật thực, sử quan báo cái ý khiển trách, mà không sợ hãi, không sửa lễ để phòng trước, lại phớt bỏ cái thuật ngăn ngừa trừ họa, đang lúc thết đãi chư hầu, vua tôi chúc mừng nhau, như thế chẳng gọi là cùng nhau mang tội ở chỗ họa trời sao? Vả lại sự thực được kiểm xét, nghi thức vào ngày hợp sóc, là bậc chí tôn tinh tâm tự xét mình ở trong cung, không nghe chính sự, mũ miện y phục theo phép chế của cung đình, so với lễ hội châu đâu năm có khác biệt. Bởi đức hạnh chưa đầy đủ, thì phải quyền biến mà xét việc. Lễ nghi vào ngày hợp sóc, chẳng nhẹ hơn lễ hội châu đâu năm. Hội châu đâu năm có thể định lui ngày, cái nghiã hợp sóc không thể phớt bỏ. Đây gọi là ứng theo việc cũ của năm Kiến Nguyên, lui ngày châu hội đâu năm lại."

Hạo theo lời ấy, bèn lui ngày châu hội.

Ngự sử đại phu Si Lự cho vời Thiệu, đúng lúc Lự bị bãi chức, Thiệu được bái làm Thái tử xá nhân, rồi thăng làm Bí thư lang. Năm Hoàng Sơ trung, làm Thượng thư lang, Tán kỵ thị lang.

Thiệu nhận chiếu chỉ tập hợp hết các sách vở thuộc Ngũ kinh, chia ra từng loại, soạn thành sách *Hoàng lãm*. Minh đế tức vị, Thiệu ra làm Thái thú Trần Lưu, coi trọng giáo hóa, bách tính xưng tụng. Sau được triệu về bái làm Kỵ đô úy, cùng bọn Nghị lang là Dữu Nghi, Tuân Sơn chế định khoa lệnh, lập ra mười tám thiên *Tân luật*, soạn *Lược luật luận*. Được thăng làm Tán kỵ thường thị.

Bấy giờ nghe nói Công Tôn Uyên nhận thụ phong của Tôn Quyền xưng hiệu Yên Vương, kẻ bàn luận cho là nên giữ quan Kế lại của Uyên, phái binh đi đánh dẹp, Thiệu cho rằng "Ngày trước anh em Viên Thượng quy hàng cha của Uyên là Khang,

¹ Tam thần (三辰) là chỉ mặt trăng, mặt trời và các tinh tú.

Khang chém họ đưa đầu đến, đấy là Uyên tỏ rõ lòng trung từ đời trước vậy. Thêm nữa là hư thực của cái điều mà ta nghe thấy, chưa thể thẩm xét rõ. Người xưa đối với kẻ ở phương xa chưa quy phục, chỉ sửa đức mà không đi chinh phạt, là xem trọng sự lao khổ của dân. Nên rộng lòng tha thứ, khiến người ta tự sửa mình." Về sau Công Tôn Uyên quả nhiên chém đầu sứ giả của Quyền là bọn Trương Di đưa thủ cấp đến.

Thiệu từng sáng tác bài *Triệu đô phú*, Minh đế khen hay, hạ chiếu sai Thiệu soạn *Hứa đô phú*, *Lạc đô phú*. Thời ấy ngoài hưng quân lữ, trong sửa cung thất, Thiệu soạn hai bài phú, đều mượn lời can gián các việc đó.

Năm Thanh Long trung, quân Ngô vây Hợp Phì, bấy giờ quan quân ở phương đông đều chia nhau về nghỉ, Chinh đông tướng quân Mãn Sủng dâng biểu xin tăng thêm binh lính ở trung quân, lại trung tập tướng sĩ đã nghỉ, để đợi tập trung đánh địch. Thiệu nghị bàn rằng:

- Quân giặc mới đến, một lòng khí mạnh. Sủng dùng ít người tự mình đánh giữ ở đất ấy, nếu tiến đánh ngay, chẳng thể thắng địch. Sủng xin đợi binh, là chưa tổn thất vậy. Thần cho rằng nên phái trước năm nghìn bộ binh, ba nghìn quân tinh kỵ, trước khi quân tiến phát, đánh tiếng là đang trên đường, để phô trương thanh thế. Quân kỵ đến Hợp Phì mới lập thành đội ngũ, làm nhiều cò trống, diễu binh dưới chân thành, lại kéo ra phía sau quân địch làm như chặn đường về của chúng, cắt đứt đường vận lương. Giặc nghe tin đại quân đến, có quân kỵ chặn phía sau, tất kinh sợ trốn chạy, ta chẳng đánh mà tự phá được giặc vậy.

Đế theo lời. Binh mới đến Hợp Phì, giặc quả nhiên lui về.

Bấy giờ triều đình hạ chiếu thư rộng rãi cầu hiền tài. Tán kỵ thị lang là Hạ Hầu Huệ tiến cử Thiệu rằng:

"Cúi xét Thường thị Lưu Thiệu, rất trung thành đôn hậu, suy xét thấu đáo, phàm là các việc mà Thiệu sắp xếp, đều tính xét nguồn gốc sâu xa, vì thế quần thần lớn nhỏ, tài học cao thấp, đều chọn lấy chỗ tương đồng mà ngầm xét. Thế nên kẻ sĩ chân thật bội phục sự công bằng đoan chính của ông ấy, người thanh bạch hâm mộ sự khiêm nhường sâu xa của ông ấy, kẻ sĩ thích văn chương khen ngợi trình độ suy xét nghiêm cẩn của ông ấy, người tinh thông phép tắc thấu hiểu cái thâm thúy tinh diệu của ông ấy, kẻ sĩ giỏi suy xét sâu xa biết rõ cái sâu sắc kiên định của ông ấy, người giỏi văn chương yêu mến lời soạn luận của ông ấy, người nghiên cứu chế độ quý trọng cái đơn giản trong điều luật của ông ấy, kẻ sĩ túc trí đa mưu khen tụng cái suy nghĩ sáng suốt vì diệu của ông ấy, hết thảy những lời nghị luận của họ, đều chọn cái hợp với sở trường để khen ngợi dòng phái của mình vậy. Thần nhiều lần nghe lời đàm luận của ông ấy, xem đọc soạn luận của ông ấy, ngầm dần đã nhiều năm, trong lòng bội phục đã lâu, ông ấy thật là nhân tài có khí độ của triều đình vậy. Thần cho rằng người như thế, nên để phụ tá việc cơ yếu đại sự, thu dụng làm mưu thần nơi màn trướng, khiến quốc đạo ngày thêm hưng thịnh, đấy không phải là hạng nhân tài thường có trên đời vậy. Mong bệ hạ vào lúc thư nhàn tĩnh tâm nghe xét, khiến Thiệu vui mừng được tin tưởng, ra sức thi triển hết tài năng, thì cái đức tốt của bệ hạ thông đạt đến trời xanh, như ánh mặt trời ngày thêm mới mẻ vậy." ①

① Thần Tùng Chi cho rằng phàm là những lời xưng tụng tiến cử nhau, đại khái đa phần trong câu từ đầy rẫy lời ca ngợi, nhưng xét ra sự thực không nhiều vậy. Huệ xưng tụng Thiệu là "khiêm nhường sâu xa" đến mức "suy nghĩ sáng suốt vì diệu", gần như là quá mức vậy.

Năm Cảnh Sơ trung, Thiệu thụ chiếu nhận chức Đô quan khảo khóa. Thiệu dâng sớ nói:

"Khảo hạch trăm quan, là việc lớn của vương chính, nhưng đã nhiều đời không thể thi hành, vì thế điển chương chế độ khiếm khuyết mà

chưa bù bổ được, người tài hay vô tài hỗn tạp lẫn lộn nhau. Bệ hạ là bậc thánh minh hùng tài, xót xa cho sự suy đồi của vương cung, dụng tâm tính xét ở trong, minh chiếu phát ra ngoài. Thần nhận thánh ân bao la, khai mở được sự tối tăm, soạn được mười hai điều Đô quan khảo khóa, lại sáng tác được một thiên Thuyết lược. Thần học ít, kiến thức nông cạn, thực chẳng đủ để nêu cao được ý chỉ của thánh thượng, soạn định điển chế.”

Thiệu lại cho rằng nên chế định nghi lễ về lễ nhạc, để cải biến phong tục, bèn soạn mười bốn thiên Nhạc luận, soạn xong chưa kịp trình lên. Gặp lúc Minh đế băng hà, việc không được thi hành.

Năm Chính Thủy trung, Thiệu giữ việc truyền giảng kinh học, được ban tước Quan nội hầu. Các sách vở mà Thiệu tuyển chọn biên soạn, là sách *Pháp luận* và *Nhân vật chí* có hơn một trăm thiên. Thiệu chết, được truy tặng chức Quang lộc huân. Con của Thiệu là Lâm nối tự.

Người quận Đông Hải sống cùng thời với Thiệu là Mâu Tập cũng có tài học, sách vở mà Tập soạn chép rất nhiều, làm quan đến chức Thượng thư, Quang lộc huân.^①

① *Tiên hiền hành trạng* chép: Mâu Phi tự Văn Nhã. Xem rộng kinh truyện, thờ người thân không đổi sắc.⁽¹⁾ Triều đình trung vời làm Bác sĩ, sáu lần được triệu gọi vào Công phủ. Hán đế ở tại Trường An, công khanh rộng cử danh nho. Đương thời cử Phi nhận chức Thị trung, đều không đi nhậm chức. Phi, là cha của Tập vậy.

Văn chương chí chép: Tập tự Hi Bá. Được triệu làm Ngự sử đại phu, trải chức thờ bốn đời nhà Ngụy. Năm Chính Thủy thứ sáu, được sáu mươi tuổi thì chết. Con của Tập là Duyệt tự Khổng Dịch, làm Quang lộc đại phu triều Tấn. Cháu của Tập là bọn Thiệu, Bá, Chinh, Dận, đều được hiển đạt ở đời.

¹ Ý là thờ phụng cha mẹ chí hiếu, không bao giờ tỏ thái độ khó chịu, nét mặt luôn vui tươi.

Bạn của Tập là Trọng Trường Thống, người quận Sơn Dương, thời Hán mạt làm Thượng thư lang, chết sớm. Soạn lại sách *Xương ngôn*, lời văn hay đẹp đáng xem.①

① Tập soạn chép sách *Xương ngôn* của Thống, nói Thống tự Công Lý, thời trẻ hiếu học, xem rộng các sách, văn từ rất phong phú. Năm hơn hai mươi tuổi, du học ở vùng Thanh, Tinh, Từ, Ký, người cùng giao tiếp với Thống đa phần rất kinh lạ. Thứ sử Tinh châu là Cao Cán vốn quý người có danh tiếng, chiêu vòì kẻ sĩ du học ở bốn phương, đa phần đều theo về. Thống qua gặp Cán, Cán đối đãi rất tốt, hỏi về việc thế sự. Thống bảo Cán rằng:

- Ngài có hùng tâm đại chí mà không có hùng tài, yêu thích kẻ sĩ mà chẳng biết chọn người, đây là lời khuyên sâu sắc của ta với ngài vậy.

Cán vốn tự mãn, nên không hài lòng vì lời của Thống. Thống bỏ đi, không lâu sau thì Cán thua bại. Sĩ nhân hai châu Tinh, Ký vì thế biết đến Thống.

Đại tư nông Thường Lâm và Thống cùng ở quận Thượng Đảng, lúc là đại thần Lâm nói Thống tính cách lỗi lạc, dám nói thẳng, không câu nệ tiểu tiết, mỗi khi trong quận liệt kê danh tự để trưng triện, Thống liền xưng bệnh không đến.

Thống lặng yên thất thường, đương thời có người cho rằng Thống mắc bệnh cuồng. Hán đế ở huyện Hứa, Thượng thư lệnh là Tuân Úc chủ trì triều chính, ưa kẻ sĩ mến người tài, nghe danh của Thống, triệu đến lấy làm Thượng thư lang. Sau tham mưu việc quân cho Thái tổ, lúc quay về lại làm Thượng thư lang.

Thống chết vào năm Diên Khang nguyên niên, bấy giờ hơn bốn mươi tuổi.

Thống mỗi khi bàn nói việc làm của thế tục xưa nay, phát phần than thở, liền soạn thành bài luận, đặt tên là *Xương ngôn*, cả thảy là hai mươi bốn thiên.

Tán kỵ thường thị là Tô Lâm người quận Trần Lưu,① Quang lộc đại phu là Vi Đản người quận Kinh Triệu,② Thái thú Lạc An là

Hạ Hầu Huệ người nước Tiều,^③ Thái thú Trần Quận là Tôn Cai người quận Nhâm Thành,^④ Lang trung lệnh là Đỗ Chí người quận Hà Đông^⑤ cũng soạn chép văn, phú, đều lưu truyền ở đời.

① *Ngụy lược* chép: Lâm tự Hiếu Hữu, học rộng, thông tỏ sách *Cổ kim tự chỉ*, phàm là trong các sách vở, truyện văn có chỗ nghi hoặc khó hiểu, Lâm đều giải thích được. Năm Kiến An trung, làm Ngũ quan văn học, rất được kính lễ đãi ngộ. Năm Hoàng Sơ trung, làm Bác sĩ Cấp sự trung. Văn đế sáng tác *Diễn luận* có chỗ khen ngợi Tô Lâm. Lâm vì già lão về quê, quốc gia thường phái người tới thăm hỏi, nhiều lần ban thưởng vật phẩm. Lâm chết lúc hơn tám mươi tuổi.

② *Văn chương tự lục* chép: Đản tự Trọng Tương, là con của Thái phó Vi Doan. Là người có văn tài, khéo soạn chép văn chương. Năm Kiến An trung, làm Thượng kế lại của quận, được đặc cách bái làm Lang trung, ít lâu thăng làm Thị trung Trung thư giám, lúc giữ chức Quang lộc đại phu lui nhường chức vị, năm bảy mươi lăm tuổi chết ở nhà.

Khi trước Hàm Đan Thuần, Vệ Ký và Đản đều khéo viết thư pháp, có danh tiếng. Cháu của Ký là Hằng soạn sách *Tứ thể thư thể*, bài tựa của sách ấy được chép bằng văn tự cổ, viết:

“Từ thời nhà Tần dùng chữ triện, đốt sạch sách vở đời xưa, nên văn tự cổ bị dứt tuyệt vậy. Thời Hán Vũ đế, Lỗ Cung vương phá vách nhà Không tử, bắt được các sách *Thượng thư*, *Xuân thu*, *Luận ngữ*, *Hiếu kinh*, người thời ấy đã chẳng biết văn tự cổ nữa, bảo đó là chữ Khoa đầu,⁽¹⁾ nhà Hán bí mật giấu đi, ít người được thấy sách ấy. Thời nhà Ngụy bắt đầu truyền bá cổ văn, xuất ra bởi Hàm Đan Thuần. Kính hầu sao chép sách *Thượng thư* của Thuần, sau đem bảo với Thuần, mà Thuần không phân rõ được sự khác biệt. Năm Chính Thủy trung, cho dựng bia đá khắc kinh sách dùng ba loại chữ,⁽²⁾ chuyển qua chuyển lại

¹ Chữ khoa đầu là chữ tượng hình cổ, nét chữ giống hình con nòng nọc, lúc viết thường để đầu nét thô và thu bút nét nhọn.

² Thời Tào Phương nhà Ngụy viết kinh sách lên bia đá, dùng ba loại chữ là chữ triện, chữ lệ và cổ văn gọi là “Chính thủy thạch kinh” hay cũng gọi là “Tam thể thạch kinh.”

sai lạc với phép viết chữ của Thuần. Dựa vào cái tiếng của chữ Khoa đầu, người ta bèn bắt chước phép viết chữ ấy. Năm Thái Khang nguyên niên, dân huyện Cấp đào trộm mộ Ngụy Tương vương, bắt được cuốn sách có hơn chục vạn chữ. Xét thư pháp của Kính hầu, cũng có nét tương đối giống.”

Kính hầu là Ký vậy.

Bài tựa chép bằng chữ triện của Hằng viết:

“Vào thời nhà Tần, Lý Tư có hiệu là ‘Công triện,’⁽¹⁾ từ chữ khắc ở danh sơn cho đến chữ ở bài minh khắc trên người đồng đều là chữ viết của Tư vậy. Năm Kiến Sơ trung thời nhà Hán, chữ thư pháp của Tào Hỉ người quận Phù Phong có chút khác biệt so với chữ của Tư cũng được người ta khen đẹp. Hàm Đan Thuần bắt chước chữ của Hỉ, lược bớt đạt đến mức ảo diệu. Vì Đan bắt chước Thuần mà không theo kịp được. Năm Thái Hòa trung, Đan làm Thái thú Vũ Đô, vì giỏi thư pháp được giữ bổ làm Thị trung, bài minh đề trên bảo khí của nhà Ngụy đều là chữ viết của Đan. Thời Hán mạt, lại có Sái Ung chọn dùng phép viết chữ của Tư, Hỉ, chữ cổ kim xen lẫn, nhưng cách giản lược tinh tế không bằng được Thuần vậy.”

Bài tựa chép bằng chữ lệ của Hằng, đại lược có thể xem ở Vũ đế ký.

Lại viết:

“Sư Nghi Quan viết chữ lớn, Hàm Đan Thuần viết chữ nhỏ. Lương Hộc bảo là Thuần học được phép viết chữ của Thử Trọng, nhưng cách dụng bút của Hộc hết sức tự nhiên.”

Bài tựa chép bằng chữ thảo của Hằng viết:

“Nhà Hán hưng khởi mới có chữ thảo, chẳng biết danh tính của người đặt phép viết ấy. Đến thời Chương đế, tướng nước Tề là Đỗ Độ có hiệu là Thiện tác thiên, về sau có Thôi Viện, Thôi Thật cũng đều được khen là thợ viết. Kết cấu chữ của họ Đỗ rất tinh nhưng hình dạng chữ gầy nhỏ, chữ của họ Thôi thì rất được thể bút nhưng kết cấu chữ nhỏ mà thưa.

¹ Chữ triện là phép viết chữ Hán có nét chữ ngoằn ngoèo, xung quanh vuông vức như con dấu. Công triện tức là “khéo viết chữ triện” vậy.

Người quận Hoảng Nông là Trương Bá Anh dựa vào đấy mà chuyển thành thứ chữ thư pháp tinh xảo. Hết thấy áo lụa trong nhà, nhất định chép chữ lên rồi sau tinh luyện, đến bờ ao luyện chữ, nước ao biến thành đen kịt.⁽¹⁾ Hạ bút nhất định thành khuôn mẫu, hiệu là 'thông thông bất hạ thảo',⁽²⁾ một tắc giấy cũng không bị bỏ sót, đến nay người đời cho thứ chữ ấy là vật báu, Vi Trọng Tương gọi chữ của Anh là 'thảo thánh'. Em của Bá Anh là Văn Thư, thư pháp chỉ dưới Bá Anh. Lại có môn đồ là Khương Mạnh Đình, Lương Khổng Đạt, Điền Ngạn Hòa và Vi Trọng Tương, đều là đệ tử của Bá Anh, có danh tiếng ở đời, nhưng phép viết chữ kỳ tuyệt không theo kịp Bá Anh được vậy."

③ Huệ, là con của Uyên. Sự tích ở Hạ Hầu Uyên truyện.

④ Văn chương tự lục chép: Cai tự Công Đạt. Có trí nhớ tốt, hiểu học. Năm hai mươi tuổi, là Thượng kế huyện, được triệu làm Lang trung. Soạn sách *Ngụy thư*. Rồi thăng làm Bác sĩ tư đồ hữu trưởng sử, lại quay về nhận chức Trước tác lang. Chết năm Cảnh Nguyên thứ hai, khi đương chức.

⑤ Văn chương tự lục chép: Chí tự Đức Lỗ. Ban đầu dâng lên Văn đế bài Già phú, được tạm nhận chức Tư đồ quân mưu lại. Về sau xét cử Hiếu liêm, được phong làm Lang trung, chuyển bổ chức Giáo thư.

Chí và Quán Khâu Kiệm là người cùng làng thân thiết với nhau, nên làm thơ gửi Kiệm, lại xin được một viên thuốc của người tiên đưa cho Kiệm, mong nhờ thế mà Kiệm cảm kích giúp mình. Lời bài thơ ấy viết:

"Tuần mã chẳng được dùng,
Quanh quẩn nơi máng cỏ,
Tráng sĩ chí chưa phỉ,
Gập ghềnh lắm chua cay.
Y Chí làm đắng thân,⁽³⁾

¹ Thời xưa viết chữ bằng bút tre hoặc lông, phải mài mực rồi chấm mà viết, mực viết vậy xuống ao khiến nước ao ngả màu đen.

² Đạt khái là "khi vội vã thì không hạ bút viết chữ thảo."

³ Y Chí (Y Doãn). Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 159 (Trần Tư vương truyện).

Lã Vọng thân cầm sào,⁽¹⁾
 Di Ngô khốn ngoài chợ,⁽²⁾
 Ninh Thích đôi trâu than;⁽³⁾
 Thực Kỳ canh giữ cửa,⁽⁴⁾
 Hoài Âm chẳng có ăn;⁽⁵⁾
 Mãi Thần già vác củi,
 Vạ bỏ gọi không về,⁽⁶⁾
 Thích Chi hầu mười năm,

¹ Lã Vọng (Lã Thượng). Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 63 (Quản Ninh truyện).

² Di Ngô, tức Quán Trọng. Quán Trọng nhà nghèo, thừa hàn vi đi buôn bán chung với Bão Thúc Nha, nhưng không khéo về buôn bán nên thường làm hỏng việc. Về sau làm Tể tướng nước Tề, đưa ra những chính sách rất đặc dụng, giúp Tề Hoàn công xưng bá chư hầu.

³ Ninh Thích (甯戚), là người hiền nước Vệ, lúc nghèo đi chăn trâu. Quán Trọng đi chơi gặp, biết Ninh Thích hiền, bèn viết thư đưa cho Thích báo dâng lên vua Tề. Tề Hoàn đi sau Quán Trọng, gặp Thích, Thích không dâng thư lên, lại gõ sừng trâu mà hát, lời hát phạm vào chính sự, Tề Hoàn giận sai bắt lại, muốn giết. Ninh Thích nói: “Xưa vua Kiệt giết Long Phùng, vua Trụ giết Ti Can, nay Thích này bị giết, là đủ ba người hiền rồi.” Hoàn công bèn tha, rồi hỏi chính sự, thấy nói rất hợp lẽ, mới phong làm Đại phu, giữ quốc chính, bấy giờ Thích mới đưa thư của Quán Trọng ra, Hoàn công hỏi sao đưa thư muộn, Thích nói: “Chúa hiền chọn người mà dùng, tôi hiền chọn chúa mà giúp, nếu chúa công ưa lời nịnh ghét lời ngay, lấy lòng hẹp hòi mà đãi kẻ hiền, ta giúp sao được. Vì thế không dâng thư vậy.” Tề Hoàn khen hay. Sau này Ninh Thích có nhiều công lao trong việc chính sự của nước Tề.

⁴ Lịch Thực Kỳ (郚食其) còn gọi là Lịch Sinh, người quận Trần Lưu. Thời trẻ nhà nghèo, làm tiểu lại canh cửa, cả hiền sĩ lẫn cường hào đều không dám tùy tiện qua lại, người thời ấy gọi ông là “thằng cuồng.” Sau Lịch Thực Kỳ theo Lưu Bang, bày kế đánh hạ quận Trần Lưu, được phong làm Quảng Dã Quân. Về sau lập được nhiều công lao, cuối cùng được phong tước Cao Lương hầu.

⁵ Hoài Âm hầu Hàn Tín (韓信), mồ côi từ nhỏ, nhà nghèo, đi câu cá kiếm sống, có hôm không câu được gì, phải xin cơm của bà lão làm nghề giặt lụa thuê. Sau này Hàn Tín theo giúp Hán Cao tổ, là đại tướng cầm quân lập nhiều công lao oanh liệt, danh vang sử sách.

⁶ Chu Mãi Thần (朱买臣), người huyện Ngô quận Ngô, tự Ông Tử (翁子), nhà rất nghèo lại hiếu học, hơn bốn mươi tuổi vẫn làm nghề kiếm củi. Có lần vừa gánh củi vừa đứng đình ngâm vịnh, vợ đi sau xấu hổ, lại không chịu nổi cảnh nghèo, bèn bỏ đi lấy chồng khác. Về sau Chu Mãi Thần được người làng là Nghiêm Trợ tiến cử với Hán Vũ đế, Vũ đế và Chu Mãi Thần đàm luận về *Kinh Xuân Thu* và *Sở từ*, rất thích, bèn phong Chu Mãi Thần làm Trung đại phu, rồi làm Thái thú Cối Kê.

Quan vị không thăng tiến.⁽¹⁾
 Tám người tài phi thường,
 Mà cùng chung một bệnh,
 Vì sao ở đời này,
 Chưa có lời Viên Áng.⁽²⁾
 Nghe nói ngài bệnh lâu,
 Doanh trại không yên tĩnh,
 Có thuốc của Hàn Chung,⁽³⁾
 Gửi thư biểu một viên."

Kiểm đáp thơ rằng:

"Phượng hoàng liệng kinh ập,
 Kêu thương ai nghĩ đâu,
 Trời sinh người tài thánh,
 Đức tốt ai chẳng hay!
 Tám người chưa gặp vận,
 Nay giữa buổi quang minh,
 Hồ Khang ra Lũng Mâu,
 Dương Vĩ không nền móng,
 Bay cao vút mây xanh,
 Hòa lẫn trong vàng sáng.
 Tuấn mã cốt dị thường,
 Bá Nhạc xem là biết,
 Ngài nên dưỡng tài mình,
 Tất đến ngày bay vút.
 Nay thân chẳng bệnh gì,
 Sao phải dùng thuốc tốt?"

¹ Trương Thích Chi (张释之) làm quan Kỵ lang, hơn mười năm không được thăng chức, sau được Viên Áng tiến cử, làm Yết giả, rồi Trung lang tướng, sau cùng làm Đình úy, vang danh thiên hạ.

² Viên Áng (袁盎), người nước Sở, sống ở thời Hán Văn đế, có tài cán, tính cương trực, hay can gián thẳng. Sau này vì phản đối việc lập Lương vương là Lưu Vũ làm người kế vị, bị Lương vương ghét hận, sai thích khách đâm chết.

³ Hàn Chung (韩众), còn gọi là Hàn Chung (韩终), là người tiên trong truyền thuyết. Sách *Thần tiên liệt truyện* do Hồng Hưng Tổ bỏ chú có nói: "Người nước Tề là Hàn Chung, giúp vua hái thuốc, vua không chịu uống, Chung tự uống, bèn thành tiên."

Chim bay lại đừng nghỉ,
 Lũ én sẽ cười chê,
 Thuốc Hàn Chúng dấu tốt,
 Vẫn có người không uống.
 Tình xa xôi vạn dặm,
 Lời bạc đáp thơ hay.
 Lòng này thực cảm kích,
 Lời thật chẳng tại vãn."

Chí rút cục không được thăng chức, khi chết vẫn giữ chức Bí thư.

Lư Giang Hà thị gia truyện chép: Thời Ngụy Minh đế, có Hồ Khang người ở quận Tiêu, năm mười lăm tuổi, vì tài lạ được tiến cử lên triều đình. Khang lại bày tỏ những điều được mất, cho dùng thử ở huyện Kịch. Triều đình hạ chiếu thư đặc cách dẫn về gặp. Chúng nhân nghị luận hết thảy khen ngợi, gọi là "Thần đồng." Đế hạ chiếu chỉ cho đưa đến phủ Bí thư, sai xem rộng các điển tịch.

Đế hỏi Bí thư thừa là Hà Trinh rằng:

- Cái tài của Hồ Khang thế nào?

Trinh đáp rằng:

- Khang tuy có tài, nhưng phẩm chất không đoan chính, nhất định sẽ thất bại.

Sau quả nhiên vì mắc lỗi bị trách phạt.

Thần Tùng Chi xét: Người ở triều đình nhà Ngụy từ thấp hèn mà được hiển vinh, không nghe nói có Hồ Khang; ngờ rằng đó là Mạnh Khang. Sự tích về Mạnh Khang thấy ở *Đỗ Thù truyện*. Sự tích về Dương Vĩ thấy ở *Tào Sảng truyện*.

Phó Hồ tự Lan Thạch, người quận Bắc Địa huyện Nê Dương, là hậu duệ của Phó Giới Tử.⁽¹⁾ Bác của Hồ là Tốn, năm Hoàng Sơ trung làm Thượng thư.①

¹ Phó Giới Tử (傅介子) là dũng sĩ nổi tiếng và là nhà ngoại giao, sống ở thời Hán Chiêu đế nhà Tây Hán, có nhiều công lao, được phong tước Nghĩa Dương hầu.

Hỗ năm hai mươi tuổi nổi danh,^② Tư không Trần Quần triệu làm Duyệt. Bấy giờ Tán kỵ thường thị là Lưu Thiệu chế định phép Đô quan khảo khóa, việc giao xuống Tam phủ luận bàn. Hỗ căn vặn lập luận của Thiệu rằng:

"Thần nghe nói phép chế của bậc đế vương lớn lao sâu sắc, đạo của thánh vương ảo diệu sâu xa, ví như không phải là người tài, thì đạo chẳng thể thi hành suông được, cái đạo trị quốc thần diệu minh bạch, ký thác ở một mình ngài. Đến như vương đạo suy đồi mà bao lâu không ai vá víu, ngôn luận tinh vi chìm đắm, lục điển khiếm khuyết. Là vì sao? Là vì thánh đạo rộng lớn sâu xa thì số đông không theo kịp được vậy. Xét khảo khóa luận của Thiệu, tuy là muốn tìm xét văn tự truất trặc của đời trước, nhưng đại lược chế độ về thời ấy đã tàn khuyết. Lễ chế còn lại, chỉ có điển tịch của nhà Chu, ngoài dựng hầu bá, che chắn Cửu phục,⁽¹⁾ trong lập quan thự, quản xét Lục chức,⁽²⁾ các nơi cố định cống vật, quan viên có chuẩn tắc, trăm quan đều theo chức phận, tứ dân⁽³⁾ yên nghiệp, cho nên việc khảo tích tiện lợi mà việc truất trặc dễ hanh thông vậy. Đại Ngụy ta kế nối cuối thời trăm vương, nối theo công nghiệp của các nhà Tần Hán, chế độ lưu truyền lại, không có sửa sang chọn lọc. Từ năm Kiến An lại đây, cho đến những năm Thanh Long, thần vũ dẹp loạn, bắt đầu khai sáng cơ nghiệp, quét trừ hung nghịch, diệt sạch dư khấu, cò tinh phấp phới, không có lúc rối loạn. Đến như việc trị quốc sửa binh, quyền uy hình pháp đều dùng, văn võ trăm quan, việc quân việc nước không hề câu nệ, tùy thời mà ứng biến, để thích ứng với chính sự. Dùng phép chế cổ xưa thi hành ở hôm nay, thì việc lẫn lộn mà nghĩa khác biệt, khó mà hanh thông được vậy. Sở dĩ như thế, cho nên chế định chế độ phải khảo cứu lâu dài, hoặc có chỗ không vừa khớp, phải chế định theo tình

¹ Cửu phục (九服). Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 110 (Hà Quỳ truyện).

² Lục chức (六职), gồm có các việc: Trị (quản dân, tùy tài mà dùng), giáo (vỗ yên dân, phù dụ tân khách), lễ (làm dân vui, kính quý thần), chính (chế phục dân, tុ vật), hình (hỏi xét dân, trừ đạo tặc), sự (dưỡng dân, chăm vật).

³ Tứ dân, là chỉ bốn hạng người trong xã hội: Sĩ, nông, công, thương.

huống, không dùng để lưu truyền cho hậu thế. Kiến lập quan vị thì đều phải có chức trách, thấu hiểu muôn dân, đấy là lập gốc vậy. Theo danh tiếng khảo sát thực tế, đốc xét khuyến khích thành khuôn phép, đấy là trị ngọn vậy. Gốc chưa lập mà trị ngọn thì phép chế dựng lập chưa tỏ, cái đại lược của quốc gia không xem trọng lại lấy khảo khóa làm đầu, e là không đủ để xét đoán chính xác hiền ngu, phân rõ cái đạo lý của sự tinh thông hay u minh vậy.”

”Khi xưa tiên vương tuyển lựa nhân tài, tất xét cái gốc phẩm hạnh ở quê quán, giảng đạo nghĩa ở học giáo, phẩm hạnh đầy đủ thì gọi là hiền, đạo đức có tu dưỡng thì gọi là tài. Hương lão dâng tiến hiền tài lên tiên vương, tiên vương bái nhận họ, suy cử trong số hiền tài, cho ra ngoài làm trưởng quan, xét cái tài năng của họ, cho về sai trị lý triều chính, đấy là cái phép thu dụng người tài của tiên vương vậy. Hiện nay dân ở chín châu rồi rít đến kinh thành, không có sự tiến cử của Lục hương,⁽¹⁾ chức trách tuyển bạt nhân tài, do Lại bộ chuyên nhiệm. Bình xét phẩm đức và tài năng thực tế vị tất đã đúng, trao quan chức cao thấp vị tất đã phù hợp với đức hạnh, như thế thì việc khảo bình cao thấp, chưa tận xét được nhân tài vậy. Noi theo pháp độ của Đế vương, ban bố thành phép tắc của quốc gia, nội dung tinh thâm nghĩa lý rộng lớn, khó mà tường tận rõ ràng được vậy.”

① Phó tử chép: Tổ phụ của Hồ là Duệ, làm Thái thú Đại Quận. Cha của Hồ là Doãn, làm Hoàng môn thị lang.

② Phó tử chép: Thời ấy Hà Yến vì tài biện bác được hiển hách ở trong chỗ quý thích, Đặng Dương khéo thích ứng thời thế mà thông đạt, tự hợp đồ đảng, dương danh ở chốn xóm làng, còn Hạ Hầu Huyền vì là thần tử tôn quý từ nhỏ đã có danh vọng lớn, làm tông chủ của bọn ấy, cầu giao kết với Hồ nhưng Hồ không chơi cùng. Người bạn của Hồ là Tuân Sán có kiến thức, suy xét sâu xa, nhưng vẫn lạ về việc ấy, bảo Hồ rằng:

¹ Lục hương (六乡), theo phép chế của nhà Chu, cõi ngoài kinh đô trăm dặm chia thành Lục hương, mỗi hương có một đại phu quản lý chính vụ. Đây nói ý là không có sự tiến cử của địa phương.

- Hạ Hầu Thái Sơ là hào kiệt một thời, dốc lòng giao kết với ngài, hòa hợp thì tốt, không hòa hợp thì dẫn đến oán hận. Hai người hiền không hòa mục, không có lợi với quốc gia, đây là cái lý do mà Lạn Tương Như hạ mình với Liêm Pha vậy.⁽¹⁾

Hỗ đáp lời Sán rằng:

- Thái Sơ chí lớn độ lượng, hòa hợp được với người hư danh nhưng không có thực tài. Hà Bình Thúc nói năng sâu xa mà lòng dạ hẹp hòi, khéo biện luận nhưng không thành thực, đây gọi là người có khẩu tài làm điên đảo quốc gia vậy. Đặng Huyền Mậu là bạn bè nhưng không có trước có sau, ngoài mong danh lợi, trong không bền vững, quý hiền thì cùng hưởng hoạn nạn thì lìa bỏ, nói nhiều lại hay đổ kỵ; nói nhiều thì lắm hiềm khích, đổ kỵ thì không có bạn thân. Ta xem ba người ấy, đều là hạng bại đức cả. Xa lánh họ còn sợ là họa đến, huống chi lại thân gần họ nữa sao?

Năm Chính Thủy sơ, phong Hỗ làm Thượng thư lang, lại thăng làm Hoàng môn thị lang.

Bấy giờ Tào Sảng nắm quyền chính, Hà Yến làm Lại bộ thượng thư, Hỗ bảo em của Sảng là Hi rằng:

- Hà Bình Thúc tuy bề ngoài trầm tĩnh nhưng trong lòng hiểm sắc, háms lợi, chẳng nghĩ đến cái gốc của trí lực. Ta sợ rằng tất đến lúc sẽ mê hoặc anh em ngài, người người xa lánh, mà việc triều chính bị suy phế vậy.

¹ Lạn Tương Như (蘭相如) và Liêm Pha (廉頗) đều làm tướng nước Triệu. Liêm Pha là võ tướng hàng đầu của nước Triệu, có công gìn giữ bờ cõi, phá thành chém tướng. Lạn Tương Như xuất thân thấp kém, là môn hạ của hoạn quan Mục Hiền ở nước Triệu, vì công lao đi sứ nước Tần không làm mất uy phong của vua Triệu được vua Triệu cất nhắc, địa vị cao hơn Liêm Pha. Liêm Pha bất mãn, nói: "Ta có công to, Tương Như chỉ nhờ miệng lưỡi, mà địa vị của hắn lại ở trên ta. Ta hễ gặp quyết sẽ làm nhục hắn." Tương Như bèn tránh không gặp Liêm Pha, có người hỏi lý do, Tương Như nói: "Oai như vua Tần mà Tương Như dám thét giữa triều đình, hạ nhục cả quần thần. Tương Như tuy hèn há sợ Liêm tướng quân? Nhưng ta nghĩ, nước Tần mạnh mà không đem binh đánh Triệu vì có ta và Liêm tướng quân. Nay hai hủ đánh nhau, tất có con chết, nên ta nghĩ đến việc nước mà gác thù riêng đó thôi." Liêm Pha nghe được lời của Tương Như, biết mình có lỗi, bèn cởi trần mang roi đến nhà Tương Như xin tạ tội.

Bọn Yến vì thế bất bình với Hổ, nhân việc nhỏ bãi miễn chức quan của Hổ. Lúc Hổ ở nhà lại bãi làm Thái thú Huỳnh Dương, Hổ không đi nhận chức. Thái phó Tư Mã Tuyên vương mời Hổ làm Tòng sự trung lang.

Tào Sảng bị giết, Hổ làm Hà Nam doãn, rồi thăng làm Thượng thư.

Hổ thường cho rằng: "Tần Thủy Hoàng bãi bỏ chế độ chư hầu đặt Quận thú, bày quan chia chức, không giống với thời xưa. Hai triều Hán, Ngụy kế thừa theo, cho đến hiện nay. Nhưng các Nho sinh học sĩ, đều muốn hợp lẫn lễ chế thời tam đại, lễ rộng dẫn dắt sâu xa, không hợp với thời thế, khiến việc thật và chế độ trái nhau, danh nghĩa và thực tế không tương xứng, cho nên cái trị lý của đời trước không thấu đạt, đại khái là bởi như thế vậy. Muốn dốc sức cải cách việc xác định quan chế, noi theo cái gốc chính trị thời cổ, hiện nay gặp lúc vương thất lắm nạn, chưa thể dễ dàng thay đổi được vậy."

① *Phó tử* chép: Hà Nam doãn trong chương quản đế đô, ngoài thống lĩnh kinh kỳ, kiêm quản nhân sĩ ở Lục hương, Lục toại.⁽¹⁾ Dân chúng tập cư ở các phương ấy, đa phần là hào môn đại tộc, dân buôn người Hồ, người Mạch, ở khắp bốn phương tụ tập, đây là nơi mối lợi hội tụ, nhưng cũng là chỗ nảy sinh việc gian tà. Trước đây Tư Mã Chi làm Hà Nam doãn, nêu cao giềng mối nhưng rất đơn giản, tiếp đến là Lưu Tĩnh làm chức Doãn, pha lẫn các điều mục nhưng rất tinh tế chặt chẽ, sau đây Lý Thắng làm Doãn, phá hủy phép thường để thu lấy tiếng khen nhất thời. Hổ lập lại kỷ cương thống quản của Tư Mã Chi, giảm bớt các điều mục ràng buộc của Lưu Tĩnh, lấy đây làm phép tắc trị lý, những phép thường bị Lý Thắng phá hủy được bổ vá dần. Quận có bảy trăm quan lại, có đến một nửa không phải là quan lại cũ. Tập tục

¹ Lục toại (六遂), theo phép chế của nhà Chu, cõi ngoài kinh đô hai trăm dặm chia thành Lục toại, mỗi toại có một "Toại nhân" quản lý chính vụ.

của Đảng⁽¹⁾ ở Hà Nam là Công tào của Ngũ quan duyệt quản việc tuyển chức sự, đều trao việc cho người bản địa, không dùng người ở nơi khác, Hồ đều cử người giỏi trong sổ họ mà dùng song song với sổ quan lại mới, quan tào chia chức, rồi sau xét thứ tự khảo hạch bọn họ. Phép trị lý của Hồ là dùng đức giáo làm gốc rễ, nhưng pháp trị cố định, điều luật đơn giản nhưng người ta không dám phạm, thấy điều lệ là nhận thức rất rõ, việc ngục tụng không dùng hình mà thấu được tình thật. Không ban ân nhỏ, có những việc mà mình tiến dẫn ra có ích lớn với dân, thì đều giấu kín đầu mối vết tích, đều như không phải do mình đề xuất ra. Cho nên thanh danh đương thời không có gì hiển hách, nhưng quan dân nhờ thế được yên ổn rất lâu.

Bấy giờ triều đình nghị bàn việc thảo phạt nước Ngô, Tam chinh⁽²⁾ dâng kế sách đều bất đồng. Đế hạ chiếu thư đem việc hỏi Hồ, Hồ đáp chiếu rằng:

"Xưa kia Phù Sai lấn Tề thắng Tấn, uy thế hoành hành Trung quốc, rút cục gặp họa ở Cô Tô; Tề Mẫn thôn tính đất đai biên cảnh, mở mang nghìn dặm đất, cuối cùng thân chết nước vong. Có khởi đầu tốt không hẳn đã có kết cục tốt, đấy là minh chứng rõ ràng từ thời xưa vậy."

"Tôn Quyền từ khi phá Quan Vũ nuốt Kinh châu về sau, dương đắc ý, ham muốn đây ư, cục điểm gian hung, vì thế Tuyên văn hầu⁽³⁾ dựng mưu sâu, xét kế sách đại cát bình. Nay Quyền đã chết, thác con coi cho Gia Cát Khác. Nếu Khác nắm sửa cái bạo ác của Quyền, trừ bớt chính sách tàn ngược, dân thoát được cảnh khốc liệt, tạm yên với cái ân mới, trong ngoài chung lo, cùng thuyền vượt nạn, tuy rằng chẳng thể tự bảo toàn mãi được, nhưng vẫn kéo dài hơi tàn ở chỗ sông sâu ngoài cõi vậy. Nhưng ở triều đình nghị luận, có người muốn cưỡi thuyền vượt sông, tung hoành ở Giang biển; có người

¹ Đảng (党), là một tổ chức của địa phương vào thời cổ, thường là lấy năm trăm nhà hợp thành một Đảng.

² Tam chinh, tức là: Chinh nam đại tướng quân Vương Sưởng, Chinh đông đại tướng quân Hồ Tuân, Trấn nam tướng quân Quán Khâu Kiêm.

³ Túc Tư Mã Ý.

muốn bốn đường cùng tiến, đánh vào thành lũy nước Ngô; có người muốn mở rộng đồn điền tại bờ cõi, xét sơ hở mà hành động: Đây đều là kế sách đánh giặc theo phép thường vậy."

"Vậy mà từ lúc ta sửa binh phạt Ngô đến nay, trước sau đã ba năm, không phải là quân đánh úp bất ngờ vậy. Dịch quân làm giặc cướp, gần sáu chục năm rồi, bọn họ quân thần trá lập, tốt xấu chung lo, lại thêm nguyên soái mới mất, trên dưới ngờ sợ, bày thuyền chiến la liệt ở bến sông, vững thành giữ hiểm, cái kế tung hoành ở Giang biểu, e là khó thắng được. Duy có việc tiến quân mở rộng đồn điền, tạm coi là bền chắc nhất vậy, lúc phát binh ta thì bố cáo với dân, không xâm phạm cướp bóc, tự làm lương ăn, có của tích trữ, chẳng nhọc quân sĩ vận chuyển; thừa lúc địch sơ hở mà đánh dẹp, không phải lao phí đường xa: Đây là ứng với cái cấp bách của việc quân vậy."

"Xưa kia Phàn Khoái tình nguyện dùng mười vạn quân, tung hoành với giặc Hung Nô, Quý Bố đổi mặt bài xích cho là kẻ kém.⁽¹⁾ Nay muốn vượt Trường Giang, lặn lội đến sào huyệt của giặc, thì cũng ví như ý của Phàn Khoái lúc trước vậy. Chẳng bằng nghiêm pháp lệnh, huấn luyện binh sĩ, mài giũa cái kế vạn toàn, thu dụng kế sách hay để chế phục tàn dư của địch, đây là vạn số tất nhiên vậy." ①

Về sau đại tướng nước Ngô là Gia Cát Khác lúc mới phá được Đông Quan, thừa thắng đánh tiếng là muốn hướng đến Thanh, Từ, triều đình chuẩn bị phòng giữ. Hồ nghị bàn cho rằng "Quân vùng Hoài Hải⁽²⁾ không phải là bọn giặc dám tốc tiến theo

¹ Phàn Khoái và Quý Bố đều là võ tướng, công thần của Hán Cao tổ. Thời Lã hậu cầm quyền chính, Thiển vu Hung nô là Mặc Đồn nhiều lần ngạo mạn xúc phạm nhà Hán, mấy lần viết thư bốn cột tỏ tình với Lã hậu, lời lẽ tục tĩu, Lã hậu cá giận. Phàn Khoái xin mang mười vạn quân đi đánh để rửa nhục. Chư tướng phụ họa, riêng Quý Bố phản đối, nói: "Cao đế cầm hơn 40 vạn quân, bị khốn ở Bình Thành; nay có mười vạn quân, Khoái sao tung hoành ở đất Hung nô được? Đây là đối trá trước mặt thái hậu. Và lại, nhà Tần gây sự với rợ Hồ, bọn Trần Thắng nổi lên, đến nay vết thương vẫn chưa lành. Khoái xu nịnh thái hậu, là muốn khiến thiên hạ phải rung động vậy." Thái hậu bèn thôi không bàn việc đánh Hung nô.

² Ý nói quân nước Ngô, ở vùng Giang Hoài, ven sông bể, không có sở trường về quân bộ, chỉ thạo đường thủy.

đường bộ, hơn nữa trước đây Tôn Quyền phái binh ra bể, nổi trôi chìm đắm, cơ hồ chẳng ai sống sót, Khác há dám dốc tận binh lực, gửi mệnh nơi sóng cả, để cầu may thủ thắng sao? Khác bất quá là phái thiên tướng tiểu soái lĩnh thủy quân tinh thực, vượt biển ngược đến sông Hoài, tỏ ý đánh Thanh, Từ, còn Khác tự cầm binh hướng đến Hoài Nam thôi." Về sau Khác quả nhiên đánh Tân Thành, không thắng được rồi về.

① *Chiến lược* của Tư Mã Bưu chép lời đáp chiếu của Hổ, rõ ràng hơn bản truyện, nay chép lại đầy đủ cho tận cái ý của Hổ. Bưu chép:

Năm Gia Bình thứ tư, Tôn Quyền chết. Chinh nam đại tướng quân là Vương Sưởng, Chinh đông đại tướng quân là Hồ Tuân, Trấn nam tướng quân là Quán Khâu Kiêm đều dâng biểu xin đánh nước Ngô. Triều đình nhân vì kế mưu của Tam chinh bất đồng, hạ chiếu thư hỏi Thượng thư là Phó Hổ, Hổ đáp chiếu rằng:

"Xưa kia Phù Sai thắng Tề lấn Tấn, uy thế hoành hành Trung Quốc, chẳng đủ để tránh cái họa ở Cô Tô; Tề Mẫn vương chiếm đất kiêm gồm nước khác, khai mở nghìn dặm đất đai, chẳng đủ để cứu cái thua bại diên đảo: Có khởi đầu tốt không hẳn đã có kết cục tốt, đấy là minh chứng rõ ràng từ việc xưa vậy."

"Tôn Quyền từ sau khi phá Thục kiêm gộp Kinh châu, dương dương đắc ý, ham muốn đây ư, giết chóc kẻ sĩ trung lương, diệt tận đến con cháu, hung ác đến cực điểm. Tướng quốc Tuyên Văn hầu liệu trước cái nghĩa lấy nước loạn đánh nước vong, dựng mưu sâu, xét kế sách đại cất binh. Nay Quyền đã chết, thác con côi cho Gia Cát Khác. Nếu Khác nắn sửa cái bạo ác của Quyền, trừ bớt chính sách tàn ngược, dân thoát được cảnh khốc liệt, tạm yên với cái ân mới, trong ngoài chung lo, cùng thuyền vượt nạn, tuy rằng chẳng thể tự bảo toàn mãi được, nhưng vẫn kéo dài hơi tàn ở chỗ sông sâu ngoài cõi vậy. Bọn Sưởng nhân đó có lời nghị bàn muốn cuôi thuyền vượt sông, tung hoành ở Giang biểu, thu dân cướp đất, nhân đấy lấy lương ăn của giặc; có người muốn bốn đường cùng tiến, đến nơi dùng võ, dụ dỗ những kẻ hai lòng, đợi chúng băng lở; có người muốn tiến quân đại khai đồn điền, bức những nơi yếu hại của họ, tích trữ lương thực quan sát sơ hở, theo thời mà động: Phàm cả ba kế ấy, đều là kế sách đánh giặc theo phép thường vậy. Nhưng có

được thời cơ đúng mà thi hành, thì công thành danh lập, ví như thời tiết chẳng hợp, tất để hậu họa về sau.”

“Từ lúc ta sửa binh phạt Ngô đến nay, trước sau đã ba năm, không phải là quân đánh úp bất ngờ vậy. Giặc mất nguyên soái, còn địa lợi lui về phòng giữ, nếu họ soạn sửa thuyền chiến, bày la liệt ở bến sông, vững thành bất động, để phòng bị đánh bất ngờ, cái kế tung hoành ở Giang biều, e là rất khó thi hành. Địch quân làm giặc cướp, gần sáu chục năm trời, bọn họ quân thần trá lập, tốt xấu chung lo, nếu Khác trừ sạch cái tệ xấu của họ, trời cao khiến họ dứt bỏ cái khôn khó, cái kế đợi họ bằng lòng, không thể mau chóng đến được vậy. Nay quân trú ở nơi biên địa, cùng giặc cách cự nhau, giặc bày lưới chăng, lại phòng giữ rất nghiêm cẩn, kẻ rình xét không hành động được, tai mắt không nghe được tin tức. Quân không có tai mắt, kiểm xét chưa tường, mà cất đại binh để đến cái chỗ vô cùng nguy hiểm, đây là mong cầu may mắn để thu lấy thành công, đánh trước mà cầu thắng sau, không phải là kế sách hay để bảo toàn quân đội vậy. Duy có cái kế tiến quân đại khai đồn điền, được coi là bền chắc nhất vậy. Nên hạ chiếu sai bọn Sưởng, Tuân chọn chỗ giữ hiểm, xét kỹ cách bố trí sắp đặt của họ, lại lệnh cho quân từ ba phương đồng loạt tiến lên chiếm giữ. Đoạt được đất tốt của họ, khiến họ phải quay về cày cấy trên đất xấu, là một; lúc binh xuất ra thì bố cáo với dân, không xâm phạm cướp bóc, là hai; chiêu dụ người ở ven biên, khiến kẻ theo hàng đến mỗi ngày, là ba; bày lưới giăng bắt từ xa, gián điệp của giặc không qua lại được, là bốn; giặc lui về thủ giữ, lưới chăng của giặc tất rút ngắn, ruộng rẫy của ta dễ dàng khai mở, là năm; tự làm ra lương ăn, quân sĩ không phải chuyển vận, là sáu; nghe được sơ hở và mâu thuẫn của địch, thì tức tốc xuất kích đánh dẹp, là bảy. Cả bảy việc ấy, là ứng với cái cấp bách của việc quân vậy. Ta chẳng đoạt lấy thì giặc độc chiếm của cải, ta chiếm lấy thì cái lợi thu về cho quốc gia, chẳng thể không xét kỹ vậy. Đóng đồn lũy kẻ bức nhau, hình thế đã đan xen, trí dũng đều được thi triển, mưu khéo vụng của các bên đều được dùng, kế sách thi triển rồi thì rõ được mất, ganh đua nhau rồi thì biết rõ hơn kém vẫn dài, cái hư thực của địch sẽ cất giấu vào đâu được? Lấy nhỏ địch lớn, thì nhọc sức kiệt lực, lấy nghèo địch giàu, thì nặng thuế thiếu tiền. Cho nên ‘Địch an nhàn phải khiến họ mệt mỏi, địch đủ lương thảo phải khiến họ đói thiếu’, là nói về việc ấy vậy. Rồi sau ta tụ hợp đại quân chấn nhiếp địch nhân,

ban ân thường gặp tội để chiêu dụ họ, đặt nghi binh trên nhiều phương diện để giặc nghi ngờ. Dùng cái cách mà họ không liệu đến, để lợi dụng sự không phòng bị của giặc; chẳng đến ba năm, phải trái nâng đỡ nhau, giặc tất tan như gói lỏ, phải ngồi yên chịu khổn khó, ta có thể ngồi tính mà đem lợi vậy."

"Xưa kia nhà Hán nhiều đời lo họa Hung nô, triều thần mưu sĩ lên châu sớm tan châu muộn, tướng sĩ mặc giáp đội mũ thì bày kế chinh phạt, bọn đeo đai hốt đều nói nên hòa thân, kẻ sĩ hăng hái mưu nghị việc đánh giết. Cho nên Phàn Khoái nguyện dùng mười vạn đại quân tung hoành xứ Hung nô, Quý Bố đổi mặt bài xích cho là kế kém. Lý Tín xin dùng hai mươi vạn quân một mình đi đánh người nước Sở, rồi quả nhiên khiến quân Tân nhục.⁽¹⁾ Nay chư tướng có người bày kế vượt Trường Giang đập hiểm, một mình đến sào huyệt của giặc, tức là cũng giống những việc vừa nói vậy. Vốn dĩ bệ hạ có đức thánh, tướng phụ tá trung hiền, nghiêm phép luyện sĩ binh, bày đặt mưu kế vạn toàn, thu dụng kế sách hay để chế phục giặc, cái thế băng lở của địch là vận số tất nhiên vậy. Cho nên binh pháp nói: 'Khuất phục binh giặc, mà không cần đấu; hạ thành của giặc, mà không phải đánh.' Nếu bỏ cái đạo lý đương nhiên là quyết thắng ở miếu đường, mà làm theo cái kế có một chỗ không hoàn hảo, đấy thực là điều mà ngu thần lấy làm lo lắng vậy. Cho nên thần mới nói cái kế đại khai đồn điền mà bức địch nhân là hoàn hảo nhất."

Bấy giờ cả triều đình không ai theo lời Hồ nói. Tháng mười một năm ấy, Đế hạ chiếu sai bọn Sưởng đi đánh nước Ngô. Tháng giêng năm thứ năm, Gia Cát Khác chống đánh, đại phá quan quân ở Đông Quan.

Hồ thường đàm luận cho là tài năng và tính cách của người ta không song hành với nhau, Chung Hội cho là tổng hợp lại mà bình luận.①

¹ Lý Tín (李信), tự Hữu Thành (有成), người quận Hòe Lý, danh tướng nước Tần cuối thời Chiến Quốc, giúp vua Tần đánh Triệu, phá Yên. Tần sắp đánh diệt Sở, Tần Thủy Hoàng hỏi các tướng xem cần bao nhiêu quân để đánh Sở, Lý Tín xin 20 vạn quân, Vương Tiễn xin 60 vạn quân, Tần hoàng cho rằng Vương Tiễn già cả quá cần trọng, bèn giao cho Tín 20 vạn quân, rút cục Tín thua trận. Sau đó Vương Tiễn lĩnh 60 vạn quân, đánh diệt nước Sở.

Năm Gia Bình mạt, Hổ được ban tước Quan nội hầu. Cao Quý hương công tức tôn vị, tấn phong Hổ làm Vũ Khanh đình hầu.

Năm Chính Nguyên thứ hai mùa xuân, Quán Khâu Kiêm và Văn Khâm tác loạn. Có người cho rằng Tư Mã Cảnh vương không nên tự mình đi đánh, nên phái Thái úy Tư Mã Phu đi trước, duy có Hổ cùng Vương Túc khuyên Vương nên đi. Cảnh vương bèn khởi hành,^② sai Hổ nhận chức Thượng thư bộc xạ, cùng sang đông. Kiêm, Khâm thua bại, là có mưu của Hổ vậy.

Lúc Cảnh vương chết, Hổ cùng Tư Mã Văn vương đi thẳng về Lạc Dương, Văn vương vì thế được làm phụ chính. Việc nói ở *Chung Hội truyện*.^③ Hội bởi thế có khí sắc kiêu căng, Hổ răn bảo Hội rằng:

- Ngài chí hướng lớn lại tài năng, nên huân nghiệp khó thành vậy, chẳng thể không cẩn thận được!

Hổ vì có công được tấn phong tước Dương hương hầu, tăng thực ấp sáu trăm hộ, gộp cả lúc trước là một nghìn hai trăm hộ. Năm ấy Hổ chết, bấy giờ thọ bốn mươi bảy tuổi, được truy tặng chức Thái thường, thụy là Nguyên hầu.^④

Con của Hổ là Chi nối tự. Năm Hàm Hi trung khai lập tước Ngũ đẳng, vì công huân của Hổ sáng rõ ở tiền triều, đổi phong cho Chi tước Kính Nguyên tử.^⑤

① *Phó tử* chép: Hổ đã thông tỏ việc trị lý và phép nắn sửa quốc chính, lại thấu đạo lý biết được cái cốt lõi của vấn đề, giới luận về tài tính của người, suy xét căn nguyên sự việc rất tinh vi, ít người theo kịp. Tư lệ Hiệu úy Chung Hội rất ít tuổi, mà Hổ sáng suốt kết giao cùng.

Thần Tòng Chi xét: Phó tử lúc trước nói rằng Hổ dự liệu Hạ Hầu Huyền tất bại, không cùng giao kết với Huyền, mà chỗ này nói rằng Hổ thân thiết với Hội. Ngu thần cho rằng Hạ Hầu Huyền vì danh nặng mà dẫn đến họa, tội bởi bên ngoài đem đến; Chung Hội vì hành động tư lợi mà rước lấy bại vong, họa bởi tự mình

mà ra. Như thế thì cái điềm nguy nan của Hạ Hầu Huyền khó thấy, mà hình thể cái bại của Chung Hội dễ xét vậy. Hổ nếu như dự liệu được cái tất nguy của Hạ Hầu, mà chẳng thấy rõ cái mẫu chốt thất bại của Chung Hội, thì cái hiểu biết của Hổ có chỗ tối tăm, khó nói là thấu suốt được; nếu biết hết được cái không trọn vẹn của họ, nhưng tình cảm với hai bên có khác biệt, thì đấy là bởi yêu ghét mà sinh thiên lệch, đâu phải là dự liệu được thành bại của người? Vì yêu ghét mà sinh thiên lệch, thì lại là khuyết thiếu về nhận thức đại thể rồi. Lời bàn này của Phó tử, không phải là lời bàn hữu ích với Hổ vậy.

② *Hán Tấn xuân thu* chép: Hổ cố khuyên Cảnh vương đi, Cảnh vương chưa nghe. Hổ lần nữa nói rằng:

- Binh vùng Hoài, Sở cứng mạnh, mà bọn Kiêm lại cậy dựa lực lượng ở phương xa tác chiến, khí thế của chúng không dễ đối địch vậy. Nếu như chư tướng giao chiến thất bại, đại thể mất cả, thì việc của Công hỏng mất.

Lúc ấy Cảnh vương mới cắt cái u ở mắt, vết thương rất nặng, nghe Hổ bàn, thốt nhiên đứng dậy nói:

- Ta đành ôm bệnh ngồi xe sang đông.

③ *Thế ngữ* chép: Tư Mã Sư ốm nặng, đem việc triều chính trao cho Phó Hổ, Hổ không dám nhận. Lúc Sư chết, Hổ bí mật không phát tang, lấy danh nghĩa Cảnh vương hạ lệnh triệu Tư Mã Chiêu đến Hứa Xương, lĩnh quân của Sư.

Tôn Thịnh bình rằng: Tấn Tuyên, Cảnh vương, Văn vương làm tướng quốc nước Ngụy, kế nối nhau nắm quyền nặng, là nền móng của vương nghiệp rồi. Há đâu Phó Hổ nhỏ mọn tham dự được vào trong đó? Lời mà *Thế ngữ* nói, là không đúng vậy.

④ *Phó tử* chép: Khi trước, Lý Phong và Hổ là người cùng châu, thời trẻ có thanh danh, sớm trải chức đại quan, trong ngoài đều khen ngợi Phong, Hổ lại không thân thiện. Bảo với người cùng chí hướng rằng:

- Phong vẻ ngoài đối trá mà lòng lắm nghi kỵ, thương kẻ mắc lỗi nhỏ mà tối mắt bởi quyền lực, nếu ở chức vị tầm thường thì khả dĩ, lại tự mình nhận chức sự trọng yếu, gặp kẻ sáng suốt tất chết.

Phong sau làm Trung thư lệnh, cùng Hạ Hầu Huyền đều gặp họa, rút cục như lời Hổ nói.

Hổ lúc trẻ cùng Thử sử Ký châu Bùi Huy, Tán kỵ thường thị Tuân Uẩn thân thiết, Huy và Uẩn chết sớm. Hổ lại cùng với Trăn bắc tướng quân Hà Tăng, Tư không Trần Thái, Thượng thư bộc xạ Tuân Nghi, Hậu tướng quân Chung Dục thân thiết, cùng quản lý triều chính, đều là danh thần.

⑤ *Tấn chư công tán* chép: Chi tự Tử Trang, là con út của Hổ vậy. Năm Vĩnh Gia trung triều Tấn làm quan đến chức Tư không. Con của Chi là Tuyên, tự Thế Hoảng.

Thế ngữ khen Tuyên vì công bằng chính trực mà nổi danh, làm quan đến chức Ngự sử trung thừa. Em của Tuyên là Sướng, tự Thế Đạo, làm Bí thư thừa, chết ở chỗ người Hổ. Sướng soạn sách *Tấn chư công tán* và *Tấn công khanh lễ trật cổ sự*.

Bình rằng: Trước kia Văn đế, Trần Tư vương vì là công tử tôn quý, ưa thích văn chương, câu từ đẹp đẽ, đồng thanh tương ứng, kẻ tài sĩ cùng xuất hiện, chỉ có sáu người bọn Xán là được chú ý nhất. Mà riêng có Xán giữ chức quan Thường bá, hưng khởi chế độ của một triều đại, nhưng khí độ điềm đạm của Xán, chưa so được với sự tinh thuận hoàn mỹ của Từ Cán vậy. Vệ Ký cũng vì hiểu rộng điển chương và phép chế xưa, giúp lập phép tắc cho đế vương đương thời. Lưu Thiệu xem rộng thư tịch, văn tài phẩm đức đầy đủ quảng bác. Lưu Dị vì tài suy xét cao minh mà nổi tiếng, Phó Hổ vì biết dụng nhân tài mà thanh danh hiển đạt vậy.①

① Thần Tòng Chi cho rằng Phó Hổ thanh cao hiểu biết, khí độ lớn lao được người đời khen ngợi, danh cao lưu truyền lúc đương thời. Nhưng lời bình ở đây chỉ nói là "biết dụng nhân tài mà thanh danh hiển đạt", đây đã là lời bình phẩm vụng về, lại chẳng đủ để thấy được cái đức cao đẹp của Hổ vậy.

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI HAI

HOÀN, NHỊ TRẦN, TỪ, VỆ, LÔ TRUYỆN



Hoàn Giai tự Bá Tự, người quận Trường Sa huyện Lâm Tương.^① Giai ra làm quan giữ chức Công tào của quận. Thái thú là Tôn Kiên đề cử Giai làm Hiếu liêm, triều đình phong làm Thượng thư lang. Cha mất, Giai quay về quê quán. Lúc Kiên tập kích Lưu Biểu chết khi đánh trận, Giai không quản ngại gian khó đến chỗ Biểu xin táng Kiên, Biểu cảm nghĩa khí nên đồng ý. Về sau Thái tổ cùng Viên Thiệu cự giữ nhau ở Quan Độ, Biểu đem cả châu hưởng ứng Thiệu. Giai khuyên Thái thú của bản quận là Trương Tiễn rằng:

- Cử sự không lấy đạo nghĩa làm gốc, chưa có ai không thất bại. Cho nên Tề Hoàn suất lĩnh chư hầu để tôn phù nhà Chu, Tấn Văn đuổi Thúc Đái để đón Tương vương.⁽¹⁾ Nay họ Viên trái lẽ như thế, mà Lưu mục hưởng ứng hần, là cái đạo rước họa vậy. Minh phủ tất muốn dựng công sáng nghĩa, vẹn phúc tránh họa, chẳng nên hòa mình với họ vậy.

Tiến nói:

- Thế thì nên hướng về đâu?

Giai nói:

¹ Nhà Chu suy yếu, bị chư hầu coi thường, Tề Hoàn công theo sách lược của Quản Trọng, đánh các nước trái nghĩa, tôn phù nhà Chu, làm bá chủ hầu.

Thúc Đái, tức Vương tử Đái cướp ngôi của anh (thiên tử nhà Chu), thông dâm với Hoàng hậu, Tấn Văn công giúp Chu Tương vương đánh đuổi Thúc Đái, lấy lại ngôi cho vua Chu, nước Tấn làm bá chủ hầu.

- Tào công tuy yếu, vì trọng nghĩa mà nổi dậy, cứu giúp mối nguy cho triều đình, phụng vương mệnh mà đánh kẻ có tội, ai dám không phục? Nay nếu ta hợp lực của bốn quận giữ lấy Tam Giang để đợi Tào công đến, mà làm nội ứng cho họ, chẳng cũng nên sao!

Tiền nói:

- Hay.

Bèn cất quân cả quận Trường Sa cùng ba quận lân bang để cự Biều, phái sứ giả đến chỗ Thái tổ. Thái tổ cả mừng. Đúng lúc Thiệu cùng Thái tổ giao chiến, quân chưa thể xuôi nam, Biều gấp rút đánh Tiền, Tiền bệnh chết. Thành bị phá, Giai bèn tự trốn náu. Ít lâu sau, Lưu Biều triệu Giai làm Tòng sự tể tửu, muốn đem em vợ của Sái thị gả cho Giai. Giai tự bày tỏ rằng mình đã kết hôn, cự tuyệt không nhận, nhân đó xưng bệnh xin từ quan.

① *Ngụy thư* chép: Tổ phụ của Giai là Siêu, cha của Giai là Thắng, đều trải chức nắm châu quận. Thắng làm Thượng thư, nổi danh ở phương nam.

Thái tổ định Kinh châu, nghe nói Giai vì Trương Tiền bày mưu, lấy làm lạ, triệu Giai làm Thừa tướng duyệt Chủ bộ, thăng làm Thái thú Triệu quận. Nước Ngụy mới kiến lập, lấy Giai làm Hồ bôn Trung lang tướng Thị trung.

Bấy giờ ngôi Thái tử chưa định, mà Lâm Truy hầu là Thực được sủng ái. Giai nhiều lần bày tỏ rằng Văn đế đức cao lại là con trưởng, nên lập làm Thái tử, vừa công khai vừa bí mật can gián, trước sau rất khẩn thiết.① Lại vì bọn Mao Giới, Từ Dịch rất cương trực không a dua bè phái, nhưng Tây tào duyệt là Đinh Nghi lại bất thiện, thường kể cái kém của bọn họ, bọn họ phải nhờ cậy Giai để tự bảo toàn. Giai vì thiện tâm cứu giúp người, đại loại như thế. Giai được thăng làm Thượng thư, coi việc tuyển cử.

Tào Nhân bị Quan Vũ vây khốn, Thái tổ phái Từ Hoảng cứu Nhân, không giải vây được. Thái tổ muốn tự mình nam chinh, đem ý ấy hỏi quần thần. Quần thần đều nói:

- Vương không đi gấp, việc hôm nay hỏng mất.

Riêng có Giai hỏi:

- Đại vương có cho là bọn Nhân đủ khả năng để liệu hình thế sự việc không?

Thái tổ đáp:

- Có thể.

Giai hỏi:

- Đại vương sợ hai người ấy không tận lực chăng?

Đáp:

- Không.

Lại hỏi:

- Như thế sao đại vương phải tự mình đến đó?

Đáp:

- Ta sợ giặc đông, mà thế lực của bọn Hoảng không đủ thôi.

Giai nói:

- Nay bọn Nhân ở giữa chỗ trọng vây mà tử thủ không sinh hai lòng, chính là vì tình thế đại vương ở xa vậy. Kẻ giữ cái chỗ muôn chết, tất có lòng tử chiến; trong mang lòng tử chiến, ngoài có cường binh giúp, đại vương xét sáu quân thấy rõ là họ dư sức, sao phải lo việc thua trận mà muốn tự mình qua đó nhỉ?

Thái tổ khen lời ấy, đóng quân ở Ma Pha. Giặc bèn lui về.

① *Ngụy thư* chép lời can gián của Giai rằng:

- Nay Thái tử nhân ái đứng đầu thần tử, thanh danh sáng khắp hải nội, lòng nhân hợp với tiết nghĩa, thiên hạ chẳng ai không nghe biết; nhưng đại vương đem chuyện về Thực ra hỏi thần, thần thực sự nghi hoặc về lời đó.

Vì thế Thái tổ biết Giai hết mực giữ chính đạo, lại càng xem trọng Giai hơn nữa.

Văn đế lên ngôi, thăng Giai làm Thượng thư lệnh, phong tước Cao Lương đình hầu, gia thêm chức Thị trung. Giai ốm bệnh, Đế tự đến thăm, bảo rằng:

- Ta sắp giao phó con nhỏ, ký thác vận mệnh thiên hạ cho khanh. Khanh hãy gắng lên!

Bèn đổi phong cho Giai là An Lạc hương hầu, thực ấp sáu trăm hộ, ban cho ba con của Giai tước Quan nội hầu, Hữu vì là con nối nên không được phong tước, bị bệnh mất, lại được truy tặng tước Quan nội hầu. Về sau Giai bị bệnh nặng, Đế lập tức phái sứ giả đến bái làm Thái thường.

Giai mất, Đế vì Giai rơi nước mắt, ban thụy là Trinh hầu. Con của Giai là Gia nối tự. Lại cho em của Giai là Toàn làm Tán kỵ thường thị, ban tước Quan nội hầu.

Gia lấy Thăng Thiên Đình công chúa làm vợ, tới năm Gia Bình trung, làm Thái thú Lạc An, cùng người Ngô giao chiến ở Đông Quan, thua quân, chết, được ban thụy là Tráng hầu. Con của Gia là Dực nối tự.①

① *Thế thuyết* chép: Cháu của Giai là Lăng, tự Nguyên Huy, nổi danh vào thời Tấn Vũ đế, làm quan đến chức Thái thú Huỳnh Dương, chết.

Trần Quần tự Trường Văn, người quận Dĩnh Xuyên huyện Hứa. Tổ phụ của Quần là Thật, cha của Quần là Kỳ, chú của Quần là Kham, đều có danh tiếng rất lớn.① Lúc Quần còn rất nhỏ, Thật thường cho Quần là người kỳ lạ, bảo với các vị phụ lão trong họ rằng:

- Thăng nhỏ này tất hưng khởi tông tộc nhà ta.

Người nước Lô là Khổng Dung kiêu ngạo là có tài cao, ở khoảng giữa độ tuổi của Kỳ và Quần, trước đây với Kỳ là bạn

hữu, về sau giao kết với Quần, lại xem Kỳ là trưởng bối, vì thế Quần nổi danh.

Lưu Bị đến Dự châu, triệu Quần làm Biệt giá. Lúc Đào Khiêm bị bệnh chết, Từ châu nghênh đón Bị, Bị sắp đi, Quần thuyết Bị rằng:

- Viên Thuật đang mạnh, ta mà sang đông, hẳn phải giao chiến với họ. Nếu Lã Bố tập kích phía sau tướng quân, tướng quân đâu có Từ châu, đại nghiệp tất không thành.

Bị sang đông, cùng Viên Thuật giao chiến. Bố quả nhiên tập kích Hạ Bi, phái binh đến giúp Thuật, đại phá quân của Bị, Bị hận đã không dùng lời của Quần. Quần được tiến cử Mậu tài, đổi làm Chá lệnh, không đi nhận chức, theo Kỳ đến tránh nạn ở Từ châu. Vừa lúc Lã Bố bị phá, Thái tổ triệu Quần làm Tư không tây tào duyệt thuộc.

Bấy giờ có người tiến cử Vương Mô người quận Lạc An, Chu Quỳ người quận Hạ Bi, Thái tổ triệu họ. Quần đem lệnh phong của Vương, Chu trả lại Thái tổ, cho rằng Mô, Quỳ đức xấu, rút cục sẽ thất bại, Thái tổ không nghe. Về sau Mô, Quỳ phạm tội trái phép tác loạn bị giết, Thái tổ bèn tạ lỗi với Quần. Quần tiến cử người ở Quảng Lăng là Trần Kiếu, người ở Đan Dương là Đái Kiền, Thái tổ đều dùng họ. Sau này người Ngô làm phản, Kiền trung nghĩa tử nạn, Kiếu về sau là danh thần, người đời cho là Quần biết xét người. Quần được đổi làm chức lệnh ở các huyện Tiêu, Tấn, Trường Bình, lúc cha mất Quần bỏ chức quan. Về sau vì Tư không duyệt xét cử cao đệ, Quần được làm Trị thư thị ngự sử, rồi chuyển làm tham mưu việc quân cho Thừa tướng. Ngụy quốc kiến lập, Quần được thăng làm Ngự sử trung thừa.

① Thật tự Trọng Cung, Kỳ tự Nguyên Phương, Kham tự Quý Phương.

Ngụy thư chép: Đương thời, Thật là vị quan có đức, Kỳ, Kham đều có danh vọng lớn ở đời. Thật làm trưởng huyện Thái Khâu, gặp họa bề đảng, ẩn cư ở núi Kinh, được người xa gần kính ngưỡng.

Linh đế băng hà, Hà tiến phụ chính, tiến dụng kẻ sĩ trong thiên hạ, triệu gọi Thập, muốn lấy làm Tham quân, Thập mượn có già lão bệnh tật, quyết không chịu khuất tiết ra làm quan, Kham làm Tư không duyệt, chết sớm.

Kỷ làm quan trải các chức Bình Nguyên tướng, Thị trung, Đại hồng lư, soạn mấy chục thiên sách, người đời gọi Kỷ là "Trần tử."

Sau khi Thập chết, Tư không Tuân Sảng, Thái phó lệnh Hàn Dung đều mặc áo tang, bắt con cháu theo lễ. Người khắp bốn phương đến viếng tới mấy nghìn cỗ xe, bọn Quách Thái ở Thái Nguyên chẳng ai không đến dự.

Phó tử chép: Thập mất, người khắp thiên hạ đến phúng điếu, lúc liệm táng Thập có ba vạn người dự, người mặc áo xô gai đến mấy trăm.

Tiên hiền hành trạng chép: Đại tướng quân Hà Tiến phái thuộc hạ đến phúng viếng, đặt thụy là Văn Phạm tiên sinh. Vì thế, cao danh của Thập và Kỷ càng nổi, mà Kham cũng được dự vào đó, người đời gọi họ là Tam quân. Mỗi khi quan phủ hạ lệnh trưng triệu danh sĩ, ba người đều đến cùng lúc, lễ vật của công khanh, đại phu chất thành đống,⁽¹⁾ bọn thừa, duyệt lần lượt qua lại ba nhà. Trăm họ ở Dự châu đều vẽ hình Thập, Kỷ, Kham treo ở trong nhà.

Thời ấy Thái tổ thương nghị việc khôi phục lại nhục hình, xuống lệnh rằng:

"Làm sao có được bậc quân tử tài năng thấu hiểu sự lý thông tỏ cổ kim, giúp ta bình xét việc này đây! Trước đây Trần Hồng lư⁽²⁾ cho rằng tử hình là cái cách ban ơn nhân đạo, chính là nói việc ấy vậy. Ngự sử trung thừa có thể bày tỏ rõ cái nghị luận của phụ thân mình được chăng?"

Quần thừa rằng:

¹ Nguyên văn: "Cao nhận thành quần." Theo *Chu lễ, Xuân Quan*, Đại tông bá thì lễ vật của quan khanh là con dê con, lễ vật của đại phu là chim nhận.

² Trần Hồng lư tức là Trần Kỷ, cha Trần Quần, từng làm chức Đại hồng lư nên được gọi một cách kính trọng là Trần Hồng lư.

"Cha thần là Kỷ cho rằng nhà Hán loại bỏ nhục hình mà tăng phạt đánh roi, vốn xuất phát từ lòng trắc ẩn nhưng số người chết lại nhiều thêm, việc đó về danh nghĩa thì nhẹ mà thực chất lại nặng vậy. Danh nghĩa nhẹ thì dễ phạm tội, thực chất nặng thì hại đến dân. Kinh Thư nói: 'Chỉ kính ngũ hình, mới thành tam đức.'⁽¹⁾ Chu Dịch đặt ra các phép xẻo mũi, chặt cẳng, cắt ngón chân, là dùng để phụ giúp chính trị, giáo dục người dân, trừng trị kẻ ác khiến người phạm tội giảm đi. Và lại giết người đền mạng, là hợp với phép xưa; đến như kẻ làm hại người ta, hoặc tàn hủy thân thể họ mà chỉ cắt râu tóc của kẻ ấy, là trái với đạo lý của Chu Dịch vậy. Nếu dùng lại hình phạt thời xưa, khiến kẻ mắc tội dâm phải vào tù thất,⁽²⁾ kẻ phạm tội trộm cắp phải bị chặt chân, thì vĩnh viễn không có kẻ dâm ô phóng dăng, đào tường khoét ngạch làm chuyện gian tà rồi. Trong ba nghìn thứ hình phạt, dẫu chưa thể khôi phục hết, như mấy hình phạt kể trên, là mối lo ở đời nay, nên cho thi hành trước. Theo pháp luật của nhà Hán thì với đại tội là phải giết, đây là tội mà lòng nhân không đến được, còn các tội chết khác, có thể dùng nhục hình. Như thế, dùng hình là giúp cho người ta được sống đủ để thay cho cái chết vậy. Nay dùng phép đánh roi khiến người ta chết thay cho hình phạt không giết, thì đây là trọng thân thể mà coi thường tính mệnh của người ta vậy."

Bấy giờ Chung Do cùng Trần Quần bàn định cùng ý kiến, Vương Lăng và những người bàn khác đa phần cho rằng việc chưa thể thi hành. Thái tổ rất khen lời của Do và Quần, nhân vì việc quân chưa dứt được, để bàn định thêm, cho nên việc đó tạm dừng. Quần được chuyển làm Thị trung, kiêm lĩnh Thừa tướng Đông tây tào duệ. Ở chốn triều đường, cứ việc hợp đạo lý thì làm, rất quý trọng danh nghĩa, không lấy điều trái đạo đối đãi với người.

¹ Ngũ hình (五刑): Xem chú thích ở tập VII, quyển 48, trang 149 (Tôn Hạo truyện).

Tam đức (三德): Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 267 (Cao Quý hương công truyện).

² Tầm thất (蚕室): Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 187 (Vương Lăng truyện).

Thời Văn đế ở ngôi Đông cung, rất kính trọng tài năng của Quần, dùng lễ bạn hữu tiếp đãi, thường khen rằng:

- Từ khi ta có Hôi, học trò ngày càng thân thiết với ta.⁽¹⁾

Lúc tức vương vị, phong Quần làm Xương Vũ đình hầu, rồi chuyển làm Thượng thư. Chế định ra phép Cửu phẩm quan nhân,⁽²⁾ là ý kiến của Quần vậy. Lúc lên ngôi, Quần được thăng làm Thượng thư bộc xạ, thêm chức Thị trung, lại đổi làm Thượng thư lệnh, tiến tước Dĩnh hương hầu.

Đế đi đánh Tôn Quyền, đến Quảng Lăng, sai Quần lĩnh chức Trung lĩnh quân. Đế quay về, ban cho Quần Giả tiết, đô đốc thủy quân. Lúc về Hứa Xương, lấy Quần làm Trấn quân đại tướng quân, kiêm lĩnh Trung hộ quân, Lục thượng thư sự.

Đế ốm nặng, Quần cùng bọn Tào Chân, Tư Mã Tuyên vương đều nhận di chiếu làm phụ chính. Minh đế tức vị, tiến phong Quần làm Dĩnh Âm hầu, thêm thực ấp năm trăm hộ, gộp cả lúc trước là một nghìn ba trăm hộ, cùng Chinh đông Đại tướng quân Tào Hưu, Trung quân Đại tướng quân Tào Chân, Phủ quân Đại tướng quân Tư Mã Tuyên vương đều được mở phủ. Ít lâu sau, làm Tư không, giữ chức Lục thượng thư sự như trước.

Thời ấy, Đế mới nắm giữ chính sự, Quần dâng sớ rằng:

"Kinh Thi chép 'Văn vương làm gương cho vạn nước, muôn dân thấy mà tin theo';⁽³⁾ Lại nói 'Giữ phép thường với vợ, rồi giữ với anh em, để trị khắp nước nhà.' Đạo lý bắt đầu khai mở từ mình, mà người trong thiên hạ dân được cảm hóa. Từ khi tang loạn đến nay, gương

¹ Đây vốn là câu nói của Không tử khen trò giỏi của mình là Nhan Hôi. Tào Phi nói câu ấy ngụ ý rằng: Từ khi mình có Trần Quần, người thân thiết với mình ngày càng nhiều thêm.

² Tức là chế độ Cửu phẩm trung chính, tiến cử nhân tài không dựa vào khoa cử, mà dựa vào hoàn cảnh xuất thân của con người. Chia kẻ sĩ thành chín bậc, theo thứ bậc mà đặt quan tước.

³ Văn vương làm gương cho vạn nước: Xem chú thích ở tập II, quyển 8, trang 179 (Công Tôn Độ truyện).

đạo giáo mà chưa ngừng nghỉ, trăm họ không biết đến cội rễ của vương giáo, rất sợ hãi loạn lạc. Bệ hạ nhận lấy ngôi cao nhà Ngụy, gánh vác cơ nghiệp của nhị tổ, thiên hạ mong ngóng đến thời trị, chỉ nên dùng đức để bày nhân hóa, thương xót đến lê dân, thì muôn dân may mắn. Nếu đại thần phụ họa nhau, thị phi lẫn lộn, đấy là đại họa của quốc gia vậy. Nếu để quần thần chẳng hòa mục thì sinh đảng thù, có đảng thù thì vô có hủy hoại sự yên vui, sự yên vui bị hủy hoại thì chân thật giả dối mất căn cứ, chẳng thể không phòng bị kỹ, để dứt tuyệt mầm mống của việc ấy."

Năm Thái Hòa trung, Tào Chân dâng biểu muốn theo mấy đường phật Thục, từ Tà Cốc tiến vào. Quần cho rằng "Thái tổ trước kia đến Dương Bình đánh Trương Lỗ, thu nhiều lúa, đậu để bổ sung quân lương, Lỗ chưa hạ được mà lương thực đã thiếu thốn. Nay đã không xét nguyên do của việc ấy, hơn nữa Tà Cốc hiểm trở, khó bề tiến lui, việc vận chuyển tất sẽ bị chặn cướp, nếu để nhiều binh giữ nơi trọng yếu, thì hao tổn quân sĩ tác chiến, chẳng thể không suy tính kỹ vậy." Để theo lời bàn của Quần. Chân lại dâng biểu xin tiến theo đường Tý Ngọ. Quần lại bày tỏ các điều bất tiện của việc xuất quân theo hướng ấy, đều nói về kế sách dụng binh. Để hạ chiếu thư đem ý bàn của Quần chuyển xuống cho Chân, Chân cứ theo chiếu thư mà thi hành. Gặp lúc mưa dầm liên miên, Quần lại cho rằng nên hạ chiếu gọi Chân về, Đế nghe theo.

Sau khi ái nữ của Đế là Thục mất, được truy thụy là Bình Nguyên Ý công chúa. Quần dâng sớ rằng:

"Người ta vẫn dài có số, sống chết có phận. Vì thế thánh nhân chế định lễ nghi, hoặc kiềm chế mình, hoặc hết bốn phận với người, để tìm lấy sự công bằng hợp với thiên đạo. Một phần của cha mẹ Khổng tử vì kiêng ước nên không xây đắp sửa sang, con của Diên Lăng Quý Tử chết táng ở vùng Doanh Bác linh hồn chẳng quay về. Hành vi của bậc thánh nhân hợp với trời đất, truyền đến vô cùng, bậc đại đức không vượt quá phép tắc, nên hành động thành tấm gương cho vạn đời vậy."

"Người lên tám tuổi mà chết gọi là Hạ thương,⁽¹⁾ lễ nghi còn chưa được đầy đủ, huống chi công chúa chưa đầy tuổi, mà lễ tống táng như người trưởng thành, lại chế tang phục, cả triều đình mặc áo trắng, sớm tối khóc ròng, từ xưa đến nay, chưa ai được như thế. Còn được bề hạ tự đến xem xét lăng mộ, thân tới tế bái. Mong bề hạ hãy nén lòng, bớt đi những việc tổn hại vô ích, chỉ cho hết thầy quần thần đi tống táng, xin xa giá chờ khởi hành, ấy là đúng với lòng mong mỏi của người trong nước vậy."

"Nghe nói xa giá sắp đến Ma Pha, đúng ra là đã đến Hứa Xương, hai cung trên dưới đều đã sang đông, hết thầy lớn nhỏ ở triều đình, chẳng ai không kinh lạ. Có người nói rằng vì muốn tránh họa tang, có kẻ nói là bề hạ muốn tìm chỗ di dời cung điện, có người chẳng hiểu được nguyên cớ vì sao. Thần cho rằng việc lành dữ có số, họa phúc là bởi người, dời chuyển để cầu yên, cũng là việc vô ích vậy. Nếu như nhất định phải dời tránh, hãy sửa sang thành Kim Dung ở Tây cung, hoặc Biệt cung ở Mạnh Tân, đều có thể tạm thời lưu trú được. Vì có gì mà đem cả cung vội vã đóng lại ngoài đông, làm tổn hại đến ruộng dâu vừa thóc thiết yếu của dân. Thêm nữa là, nếu giặc nghe được tin ấy, cho là nước ta có đại tang, gia tăng quấy nhiễu. Cái nhọc nhằn phí tổn thêm vào đó, chẳng thể nào tính đếm xuể. Và lại với những kẻ sĩ tài giỏi và người hiền, gánh vác việc thịnh suy, lúc đôi diện an nguy, giữ đạo nghĩa tin thiên mệnh, nhất định không di dời gia đình họ để cầu yên, làng xóm theo cái phong tục và giáo hóa của họ, trong lòng không có nỗi sợ. Huống chi bậc đế vương là chúa tể vạn quốc, tĩnh thì thiên hạ an, động thì thiên hạ nhiễu; việc đi hay ở động hay tĩnh, há có thể xem thường sao?"

Đế không nghe.

¹ Theo lễ xưa quy định, những người chết non, từ 16 đến 19 tuổi gọi là Trưởng thương, từ 12 đến 15 tuổi gọi là Trung thương, từ 8 đến 11 tuổi gọi là Hạ thương, dưới 7 tuổi gọi là Vô phục chi thương, nghĩa là thương xót, không phải để tang.

Năm Thanh Long trung, Đế sửa sang cung thất, đúng lúc trăm họ mất mùa. Quần dâng sớ rằng:

"Vua Đại Vũ kế nối cái thịnh trị của thời Đường, Ngu, vẫn để cung thất thấp mặc y phục xấu xí, huống chi nay là lúc sau cơn tang loạn, dân chúng rất ít ỏi, so với thời Văn, Cảnh nhà Hán, bất quá chỉ bằng một quận lớn. ① Lại thêm biên cảnh lắm việc, tướng sĩ lao khổ, nếu lại có cái họa lụt lội hạn hán, thì đó là mối lo lớn của quốc gia vậy. Vả lại Ngô, Thục chưa diệt, xã tắc bất an. Nên thừa lúc họ chưa hưng sư động chúng, ta nên giảng võ khuyến nông, chuẩn bị sẵn để đợi họ. Nay bỏ việc gấp mà ưu tiên xây cung thất, thần sợ rằng trăm họ sẽ khôn khó, lấy gì để ứng địch? Ngày trước Lưu Bị làm nhiều nhà trạm từ Thành Đô đến Bạch Thủy, việc xây dựng phí tổn lao dịch, Thái tổ biết việc ấy làm sức dân mỗi mệt. Nay Trung Quốc lao碌, cũng là mong muốn của Ngô, Thục vậy. Cái cơ an nguy ấy, xin bệ hạ hãy xem xét kỹ."

Đế đáp sớ rằng:

"Cung thất của vua, cũng nên dựng cùng lúc với việc đánh giặc. Sau khi diệt giặc chỉ nên nghỉ ngơi thôi, sao phải phát động lại việc lao碌 làm gì? Thế nên chức phận của ngài, đại lược là làm cái việc của Tiêu Hà vậy."⁽¹⁾

Quần lại dâng sớ nói:

"Xưa kia Hán tổ chỉ có một Hạng Vũ cùng tranh thiên hạ, Vũ đã diệt được, cung thất bị thiêu rụi, vì thế Tiêu Hà mới xây dựng Vũ Khố, Thái Thương, đều là việc gấp thiết yếu, nhưng cũng không có gì là tráng lệ cả. Nay hai kẻ địch chưa dẹp được, thật sự chẳng nên làm giống người xưa vậy." ②

"Cái tham muốn của con người ta, tuyệt chẳng ai không có lời giải thích, huống chi là bậc thiên vương, có ai dám kháng lệnh đâu. Trước đây muốn phá hủy Vũ Khố, thì bảo rằng chẳng thể không phá; sau

¹ Tiêu Hà lúc nắm quốc chính, chủ trì việc xây dựng cung Vị Ương. Thời Minh đế, Trần Quần giữ cương vị như Tiêu Hà thời Lưu Bang nhà Hán.

này muốn gây dựng nó, thì bảo là chẳng thể không gây dựng. Nếu bệ hạ nhất định làm, cố nhiên chẳng phải vì lời nói của bầy tôi mà bệ hạ khuất; nếu bệ hạ có chút lưu tâm đến lời của bầy tôi, thốt nhiên hồi tâm chuyển ý, cũng chẳng phải là vì sức của bầy tôi ngăn được vậy.”

“Năm xưa Hán Minh đế muốn xây cung Đức Dương, Chung Ly can gián, Đế lập tức theo lời của ông ấy, về sau Đế lại xây cung ấy; điện xây thành, Đế bảo với quần thần rằng: ‘Thượng thư Chung Ly còn sống, chẳng xây thành được điện này vậy.’ Bậc vương giả há phải kiêng sợ kẻ bầy tôi nào, đại khái là vì trăm họ vậy. Nay thần đã không có khả năng để vài lời động lại tai thánh thượng, chẳng so được với ý xa của Chung Ly vậy.”

Đế vì thế tỉnh ngộ ra chút ít.

① Thần Tùng Chi xét: *Hán thư địa lý chí* chép rằng: Năm Nguyên Thủy thứ hai,⁽¹⁾ số khẩu trong thiên hạ rất đông, quận Nhữ Nam là quận lớn, có hơn ba mươi vạn hộ. Thì số hộ thời Văn, Cảnh chẳng thể nhiều như thế vậy. Xét những ghi chép về đất đai năm Thái Khang thứ ba nhà Tấn, số hộ dân của nhà Tấn là ba trăm bảy mươi bảy vạn, số hộ dân của Ngô, Thục chẳng thể chiếm một nửa. Theo ghi chép ấy, nước Ngụy đầu mới qua cơn tang loạn, so với thời nhà Tấn cũng không khác biệt lắm. Lời của Trường Văn, vì thế là quá vậy.

② Tôn Thịnh nói: Theo *Chu lễ*, cung điện của Thiên tử, có quy định chạm khắc hoa văn.⁽²⁾ Nhưng bản chất của việc tô vẽ trang trí ấy, theo thời gian đã mai một dần. Nhà Hán kế thừa sự hủ bại của Chu, Tần, có thay đổi giản ước những ràng buộc một cách hợp lý, chứ có phải là chuộng việc tô điểm cung thất đâu, nói hoang phí, là do con cháu sau này. Thế nhưng Vũ đế có nghìn nhà vạn hộ nên đại hưng thổ mộc, lại bảo là không nên khôi phục lại việc trước là sao? Đây là vì Ngụy thị đang có cái nạn Ngô,

¹ Niên hiệu Nguyên thủy vào thời Hán Chiêu đế, cuối thời Tây Hán.

² Nguyên văn là “hữu chương tích chi chế.” Hai chữ “chương tích” này không biết giải nghĩa thế nào, có tài liệu viết hai chữ này là “trác lung.” Tạm dịch.

Thực, bốn bề lo lắng khổ sở, gian nan, nhưng noi theo Tiêu Hà là lời bàn sai lầm, cho đó là phép tắc hay, há chẳng là mê muội với cái đạo lý lớn mà tầm tối ở chỗ biện xét được cái mất sao? Khiến cho quân vương trăm đời bị huyền hoặc ở chỗ quá tàn tiện, lấy đó là lý do sao được. *Kinh Thi* nói rằng: "Lời nói có vết, chẳng nên theo vậy." Là nói về việc ấy đấy.

Khi trước, thời Thái tổ còn, Lưu Dị vì em mình cùng Ngụy Phúng mưu phản, đáng bị giết. Quần khuyên Thái tổ, Thái tổ nói:

- Dị, là danh thần vậy, ta cũng muốn tha cho hắn.

Bèn cho phục chức. Dị rất biết ơn Quần, Quần nói:

- Ta bàn về hình phạt là vì của quốc gia, chẳng phải vì ý riêng vậy; vả lại đó là chủ ý của minh chủ, ta biết gì đâu?

Quần rộng rãi khoát đạt chẳng hề khoe công, đại loại là như thế vậy.

Năm Thanh Long thứ tư Quần chết, được ban thụy là Tĩnh hầu. Con của Quần là Thái nối tự. Để đoái nghĩ đến công đức của Quần, chia hộ ấp của Quần, phong cho một con của Quần làm Liệt hầu.^①

① *Ngụy thư* chép: Quần trước sau mấy lần bí mật bày tỏ những điều được mất, mỗi khi dâng tấu đều giấu kín sự việc, thường hủy ngay bản tấu đi, người bấy giờ và đệ tử tuyệt chẳng ai biết Quần tấu việc gì. Kẻ bàn luận có người chê bai Quần ở ngôi cao mà chấp tay im lặng, năm Chính Thủy trung Đế hạ chiếu sai biên soạn các tấu thư mà quần thần dâng lên, lấy tên là *Danh thần tấu nghị*, các quan lại trong triều mới biết được những việc mà Quần can gián, đều cảm thán không thôi.

Viên tử nói: Hoặc có kẻ nói rằng: "Cố Thiệu phủ Dương Phụ chẳng phải là trung thần sao? Hễ thấy cái sai của bậc nhân chủ, liền thốt nhiên giận dữ mà mạo phạm, nhưng đàm luận với người chưa từng giấu diếm không nói ra, há chẳng phải là 'Bây tôi hết mực thẳng thắn, không chỉ vì bản thân mình' đó sao?" Xin thưa rằng: "Như thế có thể gọi là trực sĩ, còn sự trung tín thì ta chưa

biết được vậy. Kẻ có lòng nhân thì thương yêu người. Kẻ giúp quân vương thì gọi là trung, giúp cho song thân thì gọi là hiếu. Trung hiếu, là cái căn bản nhất của kẻ trung thần vậy. Cho nên nhân ái là cái tốt cùng của con người ta, ví như vua hay song thân có lỗi, đưa lời can gián mà không được, cầu xin nghĩ lại, không được thì mới nói, chẳng nỡ nói lộ ra ngoài. Nay là kẻ bầy tôi, thấy bậc nhân chủ lỗi đạo, lại thẳng thắn chê lỗi để cái xấu lan rộng, chỉ có thể gọi là kẻ trực sĩ, chưa phải là trung thần vậy. Cỗ Tư không Trần Quần thì không thể, đàm luận hết ngày, chưa từng nói cái lỗi lầm của bậc nhân chủ; chép mấy chục bản sớ dâng lên mà người ngoài chẳng biết. Bậc quân tử cho rằng Quần mới đáng là bậc trưởng giả vậy."

Thái tự Huyền Bá. Năm Thanh Long trung, đổi làm Tán kỵ thị lang. Năm Chính Thủy trung, chuyển làm Du kích tướng quân, giữ chức Thứ sử Tinh châu, gia thêm Chấn uy tướng quân, cầm cờ tiết, lĩnh chức Hộ Hung nô Trung lang tướng, lấy sự nhu thuận đối xử với người Di, rất có ân uy. Có nhiều người quyền quý ở Kinh sư gửi Thái tiền của, nhờ Thái mua nô tì, Thái đều treo hết tiền của ấy ở trên vách, không hề mở ra, lúc được triệu về làm Thượng thư, đem hết những của cải đó trả lại cho họ.

Năm Gia Bình sơ, Thái lên thay Quách Hoài làm Thứ sử Ung châu, gia thêm chức Phấn uy tướng quân. Đại tướng quân nước Thục là Khương Duy thống suất quân đội đắp hai tòa thành dựa núi Khúc Sơn, sai bọn Nha môn tướng là Câu An, Lý Hâm thủ giữ, lại tụ tập bọn con tin người Khương Hồ tiến bức các quận. Chinh tây tướng quân là Quách Hoài cùng Thái bàn kế chống giữ. Thái nói:

- Khúc thành tuy vững, nhưng từ Thục đến đó xa hiểm, phải đợi vận lương đến. Rợ Khương sơ Duy lao dịch khó khăn, tất chưa chịu giúp. Nay ta hãy vây chặt chúng, có thể không phải

đổ máu mà hạ được thành; dầu chúng có quân cứu, nhưng đường núi hiểm trở, không phải là dễ hành binh vậy.

Hoài theo kế của Thái, sai Thái đốc suất bọn Thảo Thực hộ quân là Từ Chất, Thái thú Nam An là Đặng Ngải tiến vây Khúc thành, cắt đứt đường vận lương và nguồn nước từ bên ngoài vào thành. Bọn An khiêu chiến, Thái không ra, tướng sĩ Thực khốn quẫn, chia lương khô vét tuyết nấu ăn để kéo dài ngày tháng. Duy quả nhiên đến cứu, từ núi Ngưu Đầu tiến đến, cùng Thái đối trận. Thái nói:

- Binh pháp quý ở chỗ không đánh mà khuất được người. Nay ta chẹn núi Ngưu Đầu, Duy không có đường quay lại, sẽ bị ta bắt sống vậy.

Rồi lệnh cho chư quân giữ chắc thành lũy không được giao chiến, phái sứ đến bẩm với Hoài, muốn từ phía nam vượt Bạch Thủy, men sông sang hướng đông, xin Hoài nhanh chân đến Ngưu Đầu, cắt đứt đường về của quân Thực, có thể hợp sức bắt được Duy, chứ chẳng phải chỉ có bọn An mà thôi. Hoài khen kế ấy, đốc suất chư quân đến đóng giữ Thao Thủy. Duy sợ, bỏ chạy, bọn An cô thế, bèn đều ra hàng.

Hoài chết, Thái lên thay làm Chinh tây tướng quân, được ban giả tiết, đô đốc các việc quân ở hai châu Ung, Lương. Năm sau, Thứ sử Ung châu là Vương Kinh bẩm với Thái, nói rằng Khương Duy và Hạ Hầu Bá sắp chia ba đường hướng đến Kỳ Sơn, Thạch Doanh, Kim Thành, xin Thái tiến binh làm vây cánh, sai quân đội Lương châu tiến đến Bao Hãn, Thảo Thực hộ quân hướng đến Kỳ Sơn. Thái liệu thế địch rút cục chẳng thể phân thành ba đạo, và lại binh thế rất kỵ việc phân tán, quân Lương châu chưa nên vượt cõi, bèn báo với Kinh rằng:

- Phải xét kỹ tin tức, biết rõ hướng đi của địch, đợi đông tây hợp binh lại mà tiến.

Bấy giờ bọn Duy đem mấy vạn quân đến Bao Hãn, rồi đi nhanh tới Dịch Đạo. Thái lệnh sai Kinh tiến lên đóng đồn ở Dịch Đạo, đợi đại quân đến mới bàn mưu đánh giử. Thái tự tiến quân đến Trần Thương. Đúng lúc Kinh thống lĩnh chư quân ở Cổ Quan cùng địch nhân giao chiến, bất lợi, Kinh bèn vượt sông Thao. Thái thấy Kinh không giữ vững được Dịch Đạo, tất có biến cố khác, bèn phái năm doanh quân đi trước cứu ứng, Thái thống suất chư quân đi kế phía sau. Kinh cùng Duy giao chiến, đại bại, đem được hơn vạn quân lui về giữ thành Dịch Đạo, số còn lại đều tan chạy. Duy thừa thắng vây Dịch Đạo.

Thái tiến đến Thượng Nhai, chia binh giữ chỗ hiểm, sớm tối tiến quân. Đặng Ngải, Hồ Phấn, Vương Bí cũng đến, Thái liền cùng Ngải, Bí chia làm ba cánh quân, tiến đến Lũng Tây. Bọn Ngải cho rằng:

- Binh tốt tinh nhuệ của Vương Kinh thua bầm dập ở Vu Tây, giặc đông thế thịnh, binh thừa thắng thì chẳng nên đối địch, mà tướng quân đem lũ binh tốt ô hợp, đi kế sau đám bại quân, tướng sĩ mất vía, vùng Lũng Hữu tất chao đảo. Cổ nhân có câu: "Bị rắn cắn vào tay, tráng sĩ chặt tay mình." Tôn tử nói: "Binh có lúc không đánh, đất có lúc không giữ." Đại khái là bỏ cái nhỏ để bảo toàn cái lớn vậy. Nay cái hại của Lũng Hữu, còn hơn độc xà, đất Dịch Đạo, không phải là không giữ được, nhưng binh của Khương Duy, là cái mũi nhọn ta phải tránh. Chi bằng chẹn hiểm tự giữ, lặng xét biến động, đợi họ mệt mỏi, rồi sau ta lại tiến cứu Dịch Đạo, đấy là kế hay vậy.

Thái nói:

- Khương Duy kéo khinh binh vào sâu, chính là muốn cùng ta tranh phong, để cầu cái lợi ở một trận đánh. Vương Kinh đáng phải thành cao lũy sâu, bẻ gãy nhuệ khí của chúng. Nay vội cùng giao chiến, khiến giặc được đắc kế, đại phá Vương Kinh, vây hãm Dịch Đạo. Nếu Duy lấy cái uy thế chiến thắng, tiến

binh hướng về đông, chiếm giữ cái giàu có của kho lương Lịch Dương, thả binh thu nhặt kè ra hàng, triệu gọi rợ Khương, Hồ, sang đông tranh chiếm vùng Quan, Lũng, truyền hịch ra bốn quận, đấy là điều ta lo sợ vậy. Nhưng Duy đem binh sĩ thừa thắng, giam hãm dưới tòa thành cao, nhuệ khí đã mất, dốc sức kiệt mệnh, thế đánh giữ khác nhau, khách chủ bất đồng. Binh thư nói rằng: "Sửa khí cụ công thành, ba tháng mới xong, đắp núi đất, ba tháng mới nên công." Đấy thực không phải là việc của khinh binh thâm nhập, cái mưu quỷ quyệt của Duy khó mà thành. Quân cô lang thang ở xa, lương thực cung ứng chẳng kịp, chính là lúc ta nên tức tốc tiến phá địch, đấy gọi là sét đánh không kịp bưng tai, là cái thế tự nhiên vậy. Thao Thủy uốn lượn vòng vèo, bọn Duy ở phía trong, nay ta chiếm địa thế ở trên cao, trông xuống chỗ yếu hại của chúng, chẳng cần đánh địch tất bỏ chạy. Giặc cướp không nên thả, bị vây khốn không thể đợi lâu, các ngài sao lại nói lời như thế?

Bèn tiến quân vượt Cao Thành Lĩnh, giấu kín việc hành binh, trong đêm đến đỉnh núi phía đông nam thành Dịch Đạo, nổi nhiều đuốc lửa, thúc trống ầm ỹ. Tướng sĩ trong thành Dịch Đạo thấy quân cứu đến, đều phấn chấn nhảy nhót. Duy ban đầu cho là cứu binh đợi tụ tập rồi mới tiến phát, nhưng thốt nhiên nghe tin quân cứu đến, cho là có biến hoặc bên kia dự mưu sẵn, trên dưới chấn động.

Từ lúc quân xuất phát ở Lũng Tây, Thái cho là sơn đạo hiểm trở, giặc tất đặt phục binh. Thái giấu quân đi theo con đường phía nam, Duy quả nhiên đặt phục binh đã ba ngày.^① Thái ổn định quân bí mật tiến phát, bất ngờ xuất hiện ở phía nam. Duy bèn men núi xông đến, Thái cùng giao chiến, Duy lui về. Quân của Lương châu từ Kim Thành xuôi nam đến Ốc Can Phán. Thái và Kinh mật hẹn ngày, cùng hướng ra đường lớn, bọn Duy nghe tin ấy, bèn chạy, tướng sĩ trong thành Dịch Đạo được thoát. Kinh than rằng:

- Lương ăn không còn đủ được một tuần, nếu chẳng cứu ứng kịp thời, cả thành bị diệt sạch, là mất đi một châu của quốc gia rồi.

Thái úy lạo tướng sĩ, trước sau lần lượt phái quân quay về, lại đổi quân sĩ thủ giữ, đắp sửa thành lũy, rồi quay về đóng trú ở Thượng Nhai.

① Thần Tùng Chi xét: Truyện này chép rằng "Duy cho là cứu binh đợi tụ tập, nhưng thốt nhiên nghe tin quân cứu đến, cho là có biến, trên dưới chấn động", thế thì cứu binh đến là nằm ngoài toan tính. Nếu không biết quân cứu đến, có gì lại đặt phục binh nơi sâu hiểm đã ba ngày? Đặt phục binh là phải dò xét nhau, không thể nói là không biết. Lời văn ở chỗ này là bất thông vậy.

Lúc trước, Thái nghe tin Kinh bị vây, cho là tướng sĩ Địch Đạo vốn đều cùng lòng, cố sức giữ thành, không phải là chỗ mà Duy có thể phá ngay được. Vì thế dâng biểu về triều, lại tiến binh gấp rút đêm ngày đến đó. Mọi người nghị bàn cho là Kinh thua bại, thành trì chẳng thể tự giữ, nếu Duy cắt đứt đường đi Lương châu, kiêm gồm dân Di của bốn quận, chiếm chỗ hiểm ở Quan, Lũng, có thể diệt sạch quân của Kinh mà đoạt Lũng Hữu. Nên đại binh ở bốn phương tụ tập, rồi kéo đến đánh.

Đại tướng quân Tư Mã Văn vương nói:

- Ngày trước Gia Cát Lượng thường có chí ấy, rút cục chẳng làm nổi. Việc lớn mưu sâu, không phải là việc mà Duy có thể lo tính được. Và lại thành trì không phải là chỗ nhanh chóng hạ được, nhưng lương thiếu là việc cấp bách, vì thế tức tốc tây chinh cứu viện, mới là thượng sách vậy.

Thái thường vì một phương có việc, liền đem phô trương thanh thế để cảnh tỉnh cả thiên hạ, cho nên hiếm khi tấu việc, lại giản lược, ngựa trạm đưa thư chẳng quá sáu trăm dặm.

Tư Mã Văn vương nói riêng với Tuân Nghi rằng:

- Huyền Bá thâm trầm dũng mãnh lại quyết đoán, gánh vác trọng trách một phương, cứu tướng trong thành bị vây hãm,

mà chẳng xin thêm binh, tấu thư dâng lên ít lại giản lược, tất có cách đẹp giặc vậy. Làm Đô đốc, Đại tướng, chẳng nên như thế sao!

Về sau triều đình triệu Thái về triều làm Thượng thư hữu bộc xạ, nắm giữ việc tuyển cử, gia thêm chức Thị trung Quang lộc đại phu.

Đại tướng nước Ngô là Tôn Tuấn tiến ra vùng Hoài, Tứ. Triều đình lấy Thái làm Trấn quân tướng quân, ban Giả tiết đốc việc quân ở Hoài Bắc, hạ chiếu lệnh rằng từ Giám quân của Từ châu trở xuống đều chịu tiết chế của Thái. Tuấn lui, quân quay về, Thái được chuyển làm Tả bộc xạ.

Gia Cát Đản tác loạn ở Thọ Xuân, Tư Mã Văn vương thống suất lục quân đóng trại ở Khâu Đầu, sai Thái tổng quản phủ Thượng thư đi theo. Tư Mã Cảnh vương, Văn vương đều chơi thân với Thái, người ở nước Bái là Vũ Cai cũng thân thiết với Thái. Văn vương hỏi Cai rằng:

- Huyền Bá so với cha ông ấy là Tư không thì thế nào?

Cai đáp:

- Thông đạt nho nhã, khoát đạt sáng khoái, vì thiên hạ mà nêu cao uy thế của giáo hóa, coi là trách nhiệm của mình, thì chẳng bằng cha; làm rõ gốc rễ của kỷ cương, đơn giản mà chu toàn, dựng công lập nghiệp, thì hơn cha vậy.

Thái trước sau vì có công được tăng thực ấp hai nghìn sáu trăm hộ, trong số con em của Thái, một người được ban tước Đình hầu, hai người làm Quan nội hầu. Năm Cảnh Nguyên nguyên niên Thái chết, được truy tặng chức Tư không. Ban thụy là Mục hầu.^①

Con của Thái là Tuân nối tự, Tuân chết, không có con. Em của Thái là Ôn nối tước. Năm Hàm Hi trung khai lập tước Ngũ đẳng, bởi công huân của Thái sáng rõ với tiền triều, bèn đổi phong cho Ôn tước Thận tử.^②

① *Tấn ký* của Can Bảo chép: Cao Quý hương công bị giết, Tư Mã Văn vương hội triều thần bàn xét nguyên do. Thái thường Trần Thái không đến, Vương sai cậu của Thái là Tuân Nghĩ triệu gọi. Nghĩ đến nhà, hỏi Thái có thể đến được không. Thái nói:

- Người đòi nghị luận, cho là Thái tôi sánh được với cậu, nay xem ra cậu chẳng bằng Thái vậy.

Con em nội ngoại của Thái đều bức Thái, Thái chảy nước mắt vào triều. Vương sai dẫn Thái vào mật thất, bảo rằng:

- Huyền Bá, khanh khuyên ta nên xử thế nào?

Thái đáp:

- Nên giết Giả Sung để tạ lỗi với thiên hạ.

Văn vương nói:

- Ta lại nghĩ là nên giảm xuống một bậc.

Thái nói:

- Thái tôi bàn thì chỉ có tăng lên hơn mức ấy, chứ chẳng biết giảm xuống bậc nào nữa.

Văn vương vì thế không nói nữa.

Thần Tòng Chi xét bản truyện, Thái chưa từng làm Thái thường, chưa rõ Can Bảo do đâu mà biết chuyện đó.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Đế băng hà, Thái phó Tư Mã Phu, Thượng thư hữu bộc xạ Trần Thái đến gối đầu vào bập vế của Đế, gào khóc rất bi thương. Bấy giờ Đại tướng quân tiến vào trong cung cấm, Thái thấy Vương càng thêm đau xót, Đại tướng quân cũng đối mặt Thái mà khóc, bảo rằng:

- Huyền Bá, với việc này ta phải làm sao?

Thái nói:

- Chỉ chém Giả Sung, mới có thể tạ một chút lỗi với thiên hạ.

Hồi lâu Đại tướng quân nói:

- Khanh hãy nghĩ sang người khác.

Thái nói:

- Há nên để Thái phải nói thêm lời nữa.

Rồi thổ huyết mà chết.

Tôn Thịnh thay đổi lời của Thái, tuy rất nhỏ, nhưng kiểm xét những lời thay đổi của Thịnh, đều không biện xét được chỗ văn bất đồng, lời đổi theo ý mình tự chế ra, đa phần là không như cũ. Phàm đã là lời nói gốc, nên như lời xuất ra khỏi miệng người ta. Lời hay mà trái với sự thật, cố nhiên là bậc quân tử không chọn dùng, huống chi lại chẳng hơn mà đông dài hư hao không căn cứ vào đâu? Xét *Bác vật ký* chép: Trưởng huyện Thái Khâu là Trần Thật, con của Thật là Hồng lưu Trần Kỳ, con của Kỳ là Tư không Trần Quần, con của Quần là Thái, là đời thứ tư, ở hai triều Hán, Ngụy đều có danh tiếng lớn, nhưng đức của họ thì suy giảm dần. Người thời ấy có câu ngạn ngữ rằng: "Công thẹn phải làm khanh, khanh thẹn phải làm trưởng."

② Xét *Trần thị phả*: Hậu duệ của Quần, danh vị suy giảm dần dần. Cháu của Kham là Tá, làm quan đến chức Thứ sử Thanh châu. Em của Tá là Thản, làm Đình úy. Con của Tá là Chuẩn, làm Thái úy, được phong là Quảng Lăng quận công. Em của Chuẩn là Đái và Chinh cùng là em họ của Khâm, đều giữ địa vị cao. Cháu của Chuẩn là Quỳ, tự Lâm Đạo, có tiếng ở vùng Giang Tả, làm Tây trung lang tướng, được truy tặng chức Vệ tướng quân.

Trần Kiểu tự Quý Bất, người quận Quảng Lăng huyện Đông Dương. Nhân vì tránh loạn đến Giang Đông tới ở Đông Thành, từ chối mệnh triệu của Tôn Sách và Viên Thuật, quay về bản quận. Thái thú là Trần Đăng mời làm Công tào, sai Kiểu đến huyện Hứa, bảo rằng:

- Người ở huyện Hứa nghị luận, bình phẩm về ta không công bằng; tức hạ hầy vì ta đến đó xem xét một lượt, rồi quay về chỉ giáo cho ta.

Kiểu đi rồi quay về nói:

- Tôi nghe ngôn luận xa gần, hầu hết cho là minh phủ kiêu căng tự đại.

Đăng nói:

- Nói về gia môn hòa mục, đức hạnh vẹn toàn, ta kính trọng anh em Trần Nguyên Phương; nói về băng thanh ngọc khiết, khuôn phép lễ nghĩa, ta kính trọng Hoa Tử Ngư; nói về hiểu biết chính trực ghét ác như thù, ta kính trọng Triệu Nguyên Đạt; nói về nghe rộng nhớ dai, tài hoa lỗi lạc, ta kính trọng Khổng Văn Cừ; nói tới anh hùng kiệt xuất, mưu lược bá vương, ta kính trọng Lưu Huyền Đức. Ta kính trọng người khác như thế, sao gọi là kiêu ngạo được! Ngoài ra các lời nói vụn vặt tầm thường khác, họ cũng biên chép hết lại để bình phẩm sao?

Nhã ý của Đăng như thế, nhưng đối với Kiều lại rất đổi kính trọng.

Quận trị bị Tôn Quyền phái Khuông Kỳ vây hãm, Đăng lệnh cho Kiều cầu cứu Thái tổ. Kiều thuyết Thái tổ rằng:

- Bì quận tuy nhỏ, nhưng về hình thế đối với quốc gia là trọng yếu, nếu ngài ra ân cứu viện, khiến chỗ đó thành phen đậu cối ngoài, thì mưu đồ của người Ngô sẽ đứt, Từ châu được yên ổn lâu dài, uy danh chấn động nơi xa, nhân ái lưu truyền, kẻ chưa quy phục quốc gia, theo gió đến nương tựa, chuộng đức dưỡng uy, đấy là nghiệp vương bá vậy.

Thái tổ cho Kiều là có tài, muốn lưu lại. Kiều chối rằng:

- Bản quốc có mối nguy treo ngược, ta chạy đến cáo cấp, dẫu không học đòi được Thân Bao Tư, há dám quên cái nghĩa của Hoảng Diễn sao?⁽¹⁾①

¹ Thân Bao Tư cầu cứu nước Tần: Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 80 (Vũ đế kỷ); tập II, quyển 7, trang 129 (Tang Hồng truyện); tập III, quyển 11, trang 27 (Điền Trù truyện).

Hoảng Diễn (弘演): Xem chú của Bùi Tùng Chi bên dưới.

Thái tổ bèn phái binh cứu. Quân Ngô lui rồi, Đổng đặt nhiều quân phục, cầm binh đuổi theo, đại phá chúng.

① *Tân tự* của Lưu Hưởng chép: Tề Hoàn công đưa lời cầu hôn với vua nước Vệ, vua nước Vệ không nghe, mà gả con cho nước Hứa. Nước Vệ bị nước狄 đánh, Hoàn công không cứu, nên vua nước Vệ bị giết. Thi thể của Vệ Ý công bị người nước狄 ăn mất, duy có buồng gan là còn. Vệ Ý công có tôi thân là Hoàng Diễn, vừa mới đi sứ về, quỳ sinh ở chỗ buồng gan nói:

- Vua ở trong, thì bầy tôi ở ngoài.

Rồi mổ bụng mình bỏ buồng gan của Ý công vào bụng mà chết. Tề Hoàn công nói:

- Nước Vệ có bầy tôi như thế mà còn bị diệt, quả nhân không có ai người như vậy, không biết chết ngày nào đây!

Bèn cứu nước Vệ, yên định ngôi vua của nước ấy.

Thái tổ triệu Kiêu làm Tư không duyện thuộc, phong làm Tương lệnh, Chinh nam trưởng sử, Thái thú Bành Thành, Thái thú Lạc Lăng, Tây bộ đô úy Ngụy Quận.

Có người dân ở Khúc Chu vì cha bị bệnh, dùng trâu cầu cúng, huyện kết tội phải chém treo đầu ở chợ. Kiêu nói:

- Người ấy là hiếu tử vậy.⁽¹⁾

Bèn dâng biểu xin tha cho kẻ đó. Kiêu được thăng làm Thái thú Ngụy Quận.

Bấy giờ trong nhà giam có mấy nghìn tù phạm, bị giam giữ mấy năm trời, Kiêu cho rằng pháp chế của nhà Chu có tam điển, pháp luật của nhà Hán có tam chương, nay tham cái đạo lý nặng nhẹ, mà giam giữ tù phạm lâu là tai họa, có thể nói là sai lầm vậy. Kiêu tự mình xem xét tội trạng của phạm nhân, nhất thời bàn luận quyết án.

¹ Thời xưa đặc biệt chú trọng nông nghiệp, trâu cày là vật nuôi rất quan trọng với nghề nông. Vô cớ giết trâu, dùng để cúng tế là tội rất nặng.

Đại quân đông chinh, Kiêu về triều làm Trưởng sử phủ Thừa tướng. Quân quay về, lại làm Thái thú Ngụy Quận, sau chuyển làm Tây tào duyện.

Kiêu theo đi đánh Hán Trung, rồi về triều làm Thượng thư. Chưa về đến huyện Nghiệp thì Thái tổ băng ở Lạc Dương, quần thần cầu nệ đạo thường, cho là Thái tử tức vị, phải đợi chiếu mệnh. Kiêu nói:

- Vương băng ở ngoài, thiên hạ hoảng sợ. Thái tử nên nén đau thương tức vị, để ủy lạo ràng buộc lòng trông ngóng khắp xa gần. Vả lại con yêu của đại vương ở bên cạnh, ví như anh em sinh biển, thì xã tắc nguy mất.

Bèn lập tức bố trí quan viên và bày đủ lễ nghi, xong xuôi hết trong ngày. Hôm sau, lấy danh nghĩa của Vương hậu hạ chiếu, sách mệnh cho Thái tử tức vị, đại xá thiên hạ.

Văn đế nói:

- Trần Quý Bật vào lúc quan trọng khẩn yếu, mưu lược sáng suốt hơn người, thực là tuấn kiệt một thời vậy.

Đế đẳng cơ, chuyển Kiêu tạm nhận chức Lại bộ, phong tước Cao Lăng đình hầu, thăng làm Thượng thư lệnh. Minh đế tức vị, tiến phong Kiêu làm Đông hương hầu, thực ấp sáu trăm hộ. Có lần xa giá đột nhiên đến cửa phủ Thượng thư, Kiêu quỳ hỏi Đế rằng:

- Bệ hạ có mong muốn gì sao?

Đế nói:

- Ta muốn đến xem ngài duyệt văn thư thôi.

Kiêu nói:

- Đây là chức phận của thần, không phải là thứ bệ hạ nên xem. Nếu thần không xứng chức, xin bệ hạ hãy phế truất thần. Bệ hạ nên quay về.

Đế then, lên xe quay về. Kiều thẳng thắn và thành thực như thế.^①

Kiều được thêm chức Quang lộc đại phu, thăng làm Tư đồ. Năm Cảnh Sơ nguyên niên chết, ban thụy là Trinh hầu.^②

① *Thế ngữ* chép: Lưu Diệp lúc trước nhận chức được sủng ái, nhân đó gièm pha là Kiều chuyên quyền. Kiều sợ, đem hỏi con trưởng là Bản, Bản không biết làm thế nào. Con thứ là Khiên nói:

- Chúa thượng là thánh sáng, đại nhân là đại thần, nay nếu chẳng hợp nhau, bất quá không làm tước công nữa thôi.

Mấy ngày sau, Đế triệu Kiều, Kiều lại hỏi hai con, Khiên nói:

- Bệ hạ nghĩ thông, cho nên mới gặp đại nhân vậy.

Kiều gặp Đế, cuối ngày, Đế nói:

- Lưu Diệp tố cáo ngài, trăm có xét việc làm của ngài; lòng trăm đã thấu rõ rồi.

Bèn đem nậm rượu Ngũ bính bằng vàng ban cho Kiều, Kiều từ chối. Đế hỏi:

- Ngài cho là ân huệ nhỏ chẳng? Ngài đã hiểu lòng trăm, song vợ con ngài chưa biết nguyên có vậy.

Đế lo lắng cho xã tắc, hỏi Kiều:

- Tư Mã công là bậc trung chính, có thể gọi là tôi thần của xã tắc chăng?

Kiều nói:

- Ý là người mà triều đình trông ngóng; có phải là tôi thần của xã tắc hay không, thì chưa biết được.

② *Nguy thị Xuân Thu* chép: Kiều vốn là con của họ Lưu, sinh ra bởi người cậu hôn phối với người trong dòng tộc. Từ Tuyên thường chê bai việc ấy, triều đình nghị bàn cho đó là tì vết của Kiều. Thái tổ tiếc Kiều là người tài trí độ lượng, muốn giữ toàn vẹn cho Kiều, bèn hạ lệnh rằng:

"Từ khi tang loạn đến nay, phong tục giáo hóa điêu bạc, lời bàn luận báng bổ, khó dùng để khen chê. Chuyện từ năm Kiến An thứ năm về trước nhất thiết chớ bàn luận. Dem chuyện từ giai đoạn trước mà luận bàn phỉ báng, sẽ coi đó là tội danh mà trị."

Con của Kiêu là Bản nổi tự, trải các chức Quận thú, Cửu khanh. Ở đâu cũng giữ chức cơ yếu, hiểu đại thể, khiến quần hạ tự dốc lòng. Bản có tài thông soái, không tự xét việc nhỏ, chẳng đọc sách về pháp luật mà được Đình úy khen ngợi, hơn hẳn bọn Tư Mã Kỳ, điều lý rất tinh thực. Bản được thăng làm Trấn bắc tướng quân, ban Giả tiết đốc trách các việc quân ở Hà Bắc. Bản chết, con của Bản là Xán nổi tự.

Em của Bản là Khiên, năm Hàm Hi trung làm Xa kỵ tướng quân.^①

① Xét *Tấn thư* chép: Khiên tự Hưu Uyên, là công thần sáng nghiệp của nhà Tấn, ngôi vị đến chức Thái phó, được phong làm Cao Bình quận công.

Khi trước, Kiêu làm Công tào của quận, đi sứ qua địa giới huyện Thái Sơn. Thái thú Thái Sơn là Tiết Đế người Đông Quận rất kinh lạ về Kiêu, kết làm thân hữu. Lúc đùa bốn bảo Kiêu rằng:

- Làm quận lại mà giao kết với Nhị thiên thạch, được vua của nước láng giềng khuất thân theo làm bồi thần xuất du, chẳng cũng đúng sao?

Đế sau làm Thái thú Ngụy Quận, rồi Thượng thư lệnh, đều là nối sau chức của Kiêu vậy.^①

① *Thế ngữ* chép: Đế tự Hiếu Uy. Năm hai mươi hai tuổi, từ chức Tòng sự ở Duyện châu ra làm Thái thú Thái Sơn. Khi trước, Thái tổ định Ký châu, lấy Đế và người ở huyện Đông Bình là Vương Quốc làm tả hữu Trưởng sử, sau Đế làm đến chức Trung lĩnh quân, đều nhất mực trung trinh chuyên cần với công việc, là tấm gương của quan lại lúc đương thời.

Từ Tuyên tự Bảo Kiên, người quận Quảng Lăng huyện Hải Tây. Đi lánh loạn ở Giang Đông, lại từ chối lệnh triệu của Tôn Sách, quay về bản quận.

Tuyên và Trần Kiều đều có tài trị lý, hai người nổi danh ngang nhau mà tình riêng không hòa hợp, nhưng đều được Thái thú là Trần Đăng xem trọng, giúp Đăng hết lòng với Thái tổ.

Dân ở hai huyện Hải Tây, Hoài Phổ tác loạn, Đô úy là Vệ Di, huyện lệnh là Lương Tập giữa đêm chạy vội đến nhà Tuyên, Tuyên bí mật đưa họ đi trốn, vì thế họ thoát được. Thái tổ phái Đốc quân là Hồ Chất tới dẹp giặc, vì binh ít không dám tiến. Tuyên ngầm tới gặp trách Chất, giảng rõ hình thế, Chất bèn tiến binh phá được giặc.

Thái tổ triệu Tuyên làm Tư không duyện thuộc, phong làm Đông Môn lệnh, Phát Can lệnh, sau thăng làm Thái thú quận Tề, lại cho về triều làm Môn hạ đốc, theo đi đến Thọ Xuân. Đúng lúc Mã Siêu tác loạn, đại quân Tây chinh, Thái tổ gặp quan thuộc nói:

- Nay phải viễn chinh, mà phương này chưa yên, đây là mối lo phía sau, nên có một người thanh liêm công chính, có đức lớn để thống binh trấn thủ nơi này.

Bèn lấy Tuyên làm Tả hộ quân, lưu lại thống quản chư quân. Lúc quay về, lấy Tuyên làm Thừa tướng Đông tào duyện, rồi ra làm Thái thú Ngụy Quận.

Thái tổ băng ở Lạc Dương, quần thần vào cung cử ai. Có người nói nên thay tướng giữ thành, dùng những người ở huyện Tiều, huyện Bái.⁽¹⁾ Tuyên lớn tiếng mắng rằng:

¹ Là quê của Tào Tháo, bấy giờ nước Ngụy bắt đầu có chủ trương dùng người họ Tào và họ Hạ Hầu trấn giữ những cương vị quan trọng của quốc gia.

- Nay xa gần nhất thống, người người mang lòng tiết nghĩa, có gì cứ phải dùng người ở huyện Tiêu hay huyện Bái, để làm thương tổn tình cảm của quân túc vệ.

Văn đế nghe chuyện nói:

- Thế mới là tôi thần của xã tắc vậy.

Văn đế lên ngôi, lấy Tuyên làm Ngự sử trung thừa, ban tước Quan nội hầu, chuyển Tuyên làm Thành môn Hiệu úy, sau một tháng lại thăng làm Tư lệ Hiệu úy, chuyển làm Tán kỵ thường thị. Tuyên theo đến Quảng Lăng, lục quân đang cưỡi thuyền, sóng lớn chột nổi, thuyền của Đế chao đảo, Tuyên bị ốm ngồi ở thuyền sau, đập sóng mà tiến, quần liêu chẳng ai dám lên trước. Đế khen Tuyên, thăng làm Thượng thư.

Minh đế tức vị, phong Tuyên làm Tân Dương đình hầu, thực ấp hai trăm hộ.

Trung lĩnh quân Hoàn Phạm tiến cử Tuyên rằng:

"Thần nghe nói Đế vương dùng người, liệu hình thế mà trao việc, gặp buổi tranh đoạt, lấy sách lược làm đầu, sau khi phân định, lấy trung nghĩa đứng trước. Cho nên Tấn Văn dụng kế của Cữu Phạm mà ban thưởng cho lời khuyên của Ung Quý, Cao tổ dụng trí của Trần Bình mà phó thác việc sau cho Chu Bột vậy.⁽¹⁾ Thần thấy Thượng thư Tìe Tuyên, phẩm hạnh trung hậu, giữ mình cương trực; một mình thanh nhã, chẳng cầu nệ thói tục; cứng rắn khó lay động, có khí tiết tôi thần của xã tắc; từng trải qua ngôi vị ở châu quận, ở đâu cũng xứng chức. Nay ngôi Bộc xạ đang khuyết, xin lấy Tuyên chấp chương việc hậu sự, phúc tâm gánh vác việc nặng, chẳng có ai thích hợp hơn Tuyên được."

¹ Phan Khoái là võ tướng danh tiếng của Hán Cao tổ, Cao tổ vừa đi đánh Kinh Bó về, bị thương, Yên vương là Lư Quán phản, Cao tổ sai Phan Khoái cầm binh đi đánh. Có người gièm pha Phan Khoái, Cao tổ muốn bắt Phan Khoái, sợ lực không đủ, bèn dùng mưu của Trần Bình, cử Chu Bột thay Phan Khoái làm tướng. Trần Bình đi gần đến chỗ Phan Khoái đóng quân, dừng lại lập quân doanh, dùng cờ tiết gọi Phan Khoái đến. Phan Khoái vâng chiếu đến doanh, bị bắt ngay.

Đế liền lấy Tuyên làm Tả bộc xạ, sau gia thêm chức Thị trung Quang lộc đại phu.

Xa giá đến Hứa Xương, Tuyên ở lại thống quản chính vụ tại kinh sư. Đế quay về, chủ quản văn kiện trình tấu thư lên. Đế hạ chiếu hỏi:

- Ta xét việc so với Bộc xạ có gì khác nhau chẳng?

Rút cục không xét gì nữa.

Thượng Phương lệnh phạm lỗi bị dụng hình khảo đả. Tuyên dâng sớ bày tỏ là uy hình quá nặng, lại can rằng việc xây dựng cung điện vét tận sức dân, Đế đều tự tay viết chiếu khen ngợi và thu nhận ý kiến. Tuyên nói:

- Người ta bảy mươi tuổi được cử lễ huyền xa,⁽¹⁾ nay thần đã sáu mươi tám, nên cho về được rồi.

Rồi cố từ rằng có bệnh xin nhường chức vị, Đế rút cục không theo lời.

Năm Thanh Long thứ tư Tuyên chết, di mệnh mặc áo vải khăn đơn, tắm liệm dùng thường phục. Đế hạ chiếu rằng:

"Tuyên bản chất hành vi chí thật, trong thẳng ngoài cứng, trải chức ba triều, công chính thành tín, thần sắc trang nghiêm, có khí tiết của người nhận việc thác cô, có thể gọi là bầu tôi rường cột của quốc gia vậy. Trẫm thường muốn cất nhắc lên làm Tam công, nhưng chưa kịp tiến dụng, tiếc thay mệnh lớn chẳng lâu dài! Nay truy tặng cho Tuyên chức Xa kỵ tướng quân, lễ táng như với bậc Công."

Ban cho thụy là Trinh hầu, con của Tuyên là Khâm nối tự.

① *Lã thị Xuân Thu* chép: Xưa Tấn Văn công sắp giao chiến với người nước Sở ở Thành Bộc, triệu Cữu Phạm tới hỏi:

- Binh nước Sở đông quân ta ít, phải làm sao?

Cữu Phạm thưa rằng:

¹ Lễ cáo lão về hưu, có xe đưa về quê quán.

- Thần nghe nói bậc quân vương trọng lễ nghĩa, chẳng quan tâm cái vẻ bề ngoài, bậc quân vương xem trọng chiến tranh, chẳng ngại cái việc lừa dối, đức vua cũng nên dùng phương pháp trá lừa mà thôi.

Văn công đem lời của Cữu Phạm nói với Ung Quý, Ung Quý nói:

- Tát cạn đầm mà bắt cá, há chẳng bắt được hết cá, nhưng sang năm không còn cá nữa. Đốt rừng chăm để săn thú, há chẳng bắt hết được thú, nhưng sang năm không còn thú nữa. Cái đạo trá ngụy, dẫu hôm nay có thể trộm làm được, nhưng sau này người ta sẽ không phục ta nữa, đó chẳng phải là cái thuật lâu dài vậy.

Văn công dùng lời của Cữu Phạm, sau đánh bại người nước Sở ở Thành Bộc. Lúc xét công ban thưởng, công của Ung Quý đứng đầu. Tả hữu can rằng:

- Cái công ở Thành Bộc, là mưu của Cữu Phạm vậy. Đức vua dùng mưu của ông ấy mà lúc ban thưởng thì ông ấy lại đứng sau Ung Quý, ngờ là không đúng chăng?

Văn công nói:

- Lời của Ung Quý, là cái lợi trăm đời vậy; lời của Cữu Phạm, là cái lợi nhất thời vậy. Sao lại lấy cái lợi nhất thời để đứng trước cái lợi trăm đời được?

Vệ Trăn tự Công Chấn, người quận Trần Lưu huyện Tương Ấp. Cha của Trăn là Tư, có khí tiết lớn, không ứng mệnh triệu của Tam công. Lúc Thái tổ mới đến Trần Lưu, Tư nói:

- Bình thiên hạ, tất là người này vậy.

Thái tổ cũng cho Tư là người khác thường, nhiều lần đến chỗ Tư nghị bàn đại sự. Tư theo đi đánh dẹp Đồng Trác, chết lúc giao chiến ở Huỳnh Dương. Thái tổ mỗi lần qua địa giới quận Tương Ấp, thường phái sứ giả tới tế ở miếu của Tư.^① Hạ Hầu Đôn làm Thái thú Trần Lưu, cử Trăn làm Kế lại, có lần lệnh cho vợ ra cùng ăn yến, Trăn cho rằng "Phong tục thời mạt thế, không

hợp với chính lễ." Đôn giện, bắt Trần, không lâu lại thả ra. Về sau Trần làm Hoàng môn thị lang của nhà Hán.

Người ở Đông Quận là Chu Việt mưu phản, dụ dỗ Trần. Thái tổ lệnh nói:

- Cô và cha ngươi cùng nhau cử sự, hơn nữa rất khâm phục cái tiếng cao đẹp của ngươi. Mới đây nghe lời cung của Việt, cố nhiên là Cô không tin. Đến khi được thư của Tuân lệnh quân, đủ thấy rõ lòng trung thành của ngươi.

Lúc Thái tổ phụng chiếu mệnh, đưa lễ vật đón quý nhân về nước Ngụy, nhân đó dâng biểu xin lưu Trần làm Tham mưu quân sự cho Thừa tướng. Truy xét công huân cũ của thân phụ Trần, ban cho Trần tước Quan nội hầu, chuyển làm Hộ tào duệ.

Vấn đế tức vương vị, lấy Trần làm Tán kỵ thường thị. Lúc lên ngôi, phong Trần làm An Quốc đình hầu. Bấy giờ quần thần đều ca tụng công đức của nước Ngụy, đa phần chê bai hạ thấp tiền triều. Riêng Trần làm sáng tỏ đạo nghĩa của việc nhường ngôi, xưng tụng đức tốt của triều Hán. Đế nhiều lần nói với Trần rằng:

- Đồ trân quý trong thiên hạ, ta phải cùng Sơn Dương công chung hưởng.

Trần được thăng làm Thượng thư, chuyển làm Thị trung Lại bộ thượng thư.

Đế đến Quảng Lăng, Trần làm Hành trung lĩnh quân, đi theo. Chinh đông đại tướng quân Tào Hưu dâng biểu nói nhận được thư báo của giặc hàng, nói là "Tôn Quyền đã ở Nhu Tu khẩu." Trần nói:

- Quyền cậy vào Trường Giang, không dám đối kháng, đẩy tất là sợ hãi tạo lời dối trá thôi.

Khao xét quân hàng, quả nhiên đó là lời dối trá của tướng giữ thành bày ra vậy.

① *Tiên hiền hành trạng truyện* chép: Tư tự Tử Hứa. Không tự nấn sửa hành vi lập dị, chẳng thuận theo thói tục ở đời; suy xét sáng suốt sâu sắc, có mưu lược cao xa. Được Xa kỵ tướng quân Hà Miêu cho vời, Tư đồ Dương Bưu nhiều lần mang biểu chương đến triệu.

Đồng Trác gây loạn, Hán thất nghiêng ngựa, Thái tổ đến Trần Lưu, lần đầu tương kiến với Tư, bèn cùng ước thệ, mưu bàn việc khởi binh. Tư đáp rằng:

- Cái mối loạn sinh ra đã lâu rồi, nếu chẳng dùng binh thì không sao chấn chỉnh nổi.

Lại nói:

- Việc hưng binh, là khởi đầu từ hôm nay vậy.

Tư rất thấu triệt cái lẽ phế hưng, là người đầu tiên cổ xúy mưu đồ to lớn của Thái tổ. Hợp binh được ba nghìn người, Thái tổ tiến vào Huỳnh Dương, Tư gắng sức giao chiến hết ngày, gặp bất lợi, thân vong.

Quách Lâm Tông truyện chép: Năm Tư hai mươi tuổi cùng người đồng quận là Quyển Văn Sinh đều được xưng tụng là có đức lớn. Lâm Tông và hai người cùng ra chợ, Tử Hứa mua đồ vật, cứ theo giá cả mà trả tiền ngay, còn Văn Sinh cân nhắc một chút, bớt giá đi mới lấy. Lâm Tông nói:

- Tử Hứa ít ham muốn, Văn Sinh tham lam, hai người này không so như anh em được, chỉ so như cha con thôi.

Sau này Văn Sinh vì tham ô bị mất tiếng tăm, Tư vì khí tiết cứng cỏi nên danh tiếng lưu truyền.

Minh đế tức vị, tấn phong Trần làm Khang Hương hầu, sau chuyển làm Hữu bộc xạ, nắm giữ việc tuyển cử, gia thêm chức Thị trung như trước. Trung hộ quân là Tường Tế gửi thư cho Trần nói:

"Hán tổ gặp được kẻ đi trốn cho làm Thượng tướng, Chu Vũ đế bắt ông lão đánh cá làm Thái sư;⁽¹⁾ kẻ đây tó áo vải, có thể lên địa vị Vương công, hà tất phải giữ khuôn phép, cho dùng thử rồi sau mới bổ dụng?"

Trần đáp thư rằng:

"Cổ nhân dựa vào trí tuệ liệu tài mà dùng người, tất phải khảo xét công tích rồi thi hành việc truất tước; nay ông đánh đông cái thời đánh trận ở Mục Dã với thời của Thành, Khang; ví cái lúc chém rắn khỏi nghĩa với thời Văn, Cảnh, muốn việc tuyển cử không theo phép tắc, bày ra việc đề bạt người tài theo đạo lý cũ, sẽ khiến cho người thiên hạ bon chen mà nổi dậy mất thôi."

Gia Cát Lượng cướp phạm quận Thiên Thủy, Trần tâu rằng:

- Nên phái kỳ binh tiến vào Tản Quan, cắt đường vận lương của Lượng.

Đế bèn lấy Trần làm Chinh Thục tướng quân, ban Giả tiết đốc trách việc quân, Trần vừa đến Trường An, thì Lượng lui. Trần quay về, nhận chức cũ, gia thêm chức Quang lộc đại phu.

Bấy giờ, Đế dốc tâm ý tạo dựng cung điện cao lớn, Trần mấy lần ra sức can gián. Lúc Điện trung giám tự tiện bắt Lan Đài lệnh sử, Trần tấu xin tra xét việc ấy. Đế hạ chiếu thư nói:

"Cung điện không hoàn thành, là điều khiến ta lưu tâm, Khanh truy cứu việc đó là sao?"

Trần dâng sớ rằng:

"Phép chế thời cổ cấm quan lại xâm phạm chức phận của nhau, chẳng phải là ghét cái sự vượt quyền của người ta, thực bởi cái lợi thì ít, mà cái hại thì to lớn. Thần mỗi khi kiểm xét các việc, thấy đại loại đều

¹ Hàn Tín theo Hạng Vũ, không được dùng, bỏ trốn theo Hán, Cao tổ theo lời Tiêu Hà, cất nhắc dùng làm đại tướng, là công thần của nhà Hán;

Lã Vọng đi câu cá trên sông, Chu vương gặp, đón về triều cử làm Thái sư, sau giúp Vũ vương lập nên cơ nghiệp nhà Chu.

như thế cả, sợ là chấp pháp nhân việc này vượt quyền hành sự, sẽ dẫn đến đại tội mất."

Lượng lại ra Tà Cốc; Chinh nam dâng thư nói: "Quân của bọn Chu Nhiên đã vượt quá thành Kinh châu." Trần nói:

- Nhiên, là viên kiêu tướng của nước Ngô, tất phải đi theo Quyền, sắp bày ra hình thế là để ngăn Chinh nam thôi.

Quyền quả nhiên triệu Nhiên tiến vào Cư Sào, tấn công Hợp Phì. Để muốn tự thân đông chinh, Trần nói:

- Quyền bề ngoài tỏ vẻ hưởng ứng Lượng, bên trong kỳ thật đứng xem. Vả lại thành Hợp Phì vững, chẳng phải lo lắng. Xa giá có thể không cần đông chinh, để giảm phí tổn cho sáu quân. Để đến Tầm Dương thì Quyền đã lui về.

Thứ sử U châu là Quán Khâu Kiệm dâng sớ rằng:

"Từ khi bệ hạ tức vị đến nay, thần chưa có công tích gì để ghi chép. Nay Ngô, Thục cậy hiểm, chưa thể bình ngay, tạm thời có thể lấy quân sĩ không dùng tới ở phương này để bình định Liêu Đông."

Trần nói:

"Cái mà Kiệm bày tỏ đều là thuật mọn thời Chiến Quốc, không phải là việc làm của bậc Vương giả vậy. Nước Ngô hàng năm dụng binh, cướp bóc quấy rối biên cảnh, nhưng ta còn án binh bất động nuôi dưỡng sĩ tốt, chưa nhất quyết tìm đến đánh dẹp, thực bởi vì trăm họ mỗi một vậy. Vả lại Uyên sinh ra lớn lên ở cõi ngoài, truyền nhau đã ba đời, bên ngoài phủ dụ rợ Nhung, bên trong sửa sang chiến cụ, mà Kiệm muốn đem quân đội ruổi rong, một sớm cuốn đất mà đến, rõ là việc càn bậy vậy."

Kiệm hành quân cuối cùng gặp bất lợi.

Trần được thăng làm Tư không, rồi chuyển làm Tư đồ. Năm Chính Thủy trung, được tiến tước Trường Viên hầu, thực ấp nghìn hộ, phong một con làm Liệt hầu.

Khi trước, Thái tổ rất lâu không lập Thái tử, lại đang quý mến Lâm Truy hầu. Bọn Đinh Nghi làm vây cánh của Lâm Truy hầu, khuyên Trần tự kết giao, Trần lấy đại nghĩa cự lại chúng.

Vấn đế tức vị, Đông Hải vương là Lâm được sủng ái, Đế hỏi Trần:

- Bình Nguyên hầu là người thế nào?

Trần xưng tụng phẩm đức sáng nhưng nhất định không nói Lâm là người thế nào.

Tào Sảng phụ chính, sai Hạ Hầu Huyền tuyên chỉ, muốn đưa Trần vào làm Thượng thư lệnh, lại giúp em trai cầu hôn, Trần đều không đồng ý. Lại cố xin nhường chức. Đế hạ chiếu rằng:

"Xưa kia Can Mộc đi trốn, nghĩa át cường Tần; Lưu hầu nghỉ dưỡng, không quên việc đánh Sở."¹ Lời nói trung thực là kế mưu hay, mong ngài chớ tiếc lời."

Rồi tặng cho Trần một khu đất, ban vị Đặc tiến, phẩm trật như hàng Tam ti.

Trần chết, được truy tặng chức Thái úy, ban thụy là Kính hầu. Con của Trần là Liệt nối tự, năm Hàm Hi trung làm Quang lộc huân.^①

¹ Đoạn Can Mộc (段干木), người quận Tây Hà, sống vào đầu thời Chiến Quốc. Sinh ở nước Tấn, sau về ở nước Triệu, làm khách ở nước Ngụy, thời trẻ nghèo khổ, chí không thỏa, làm người mới lái bán hàng ở trong chợ, giữ danh tiết, theo học Tử Hạ. Ngụy Văn hầu nghe danh tiếng của Đoạn Can Mộc, muốn cử ông làm quan, đi xe đến tận nhà. Đoạn Can Mộc nghe tin bèn treo tường đi trốn. Ngụy Văn hầu than: "Là cao sĩ vậy." Bèn ở lại Tây Hà một tháng, hàng ngày đến trước công nhà, tựa đòn xe đứng chờ, không dám ngồi. Đoạn Can Mộc cảm nghĩa, mới ra gặp, lên xe về triều. Hiền sĩ bốn phương nghe tin Ngụy Văn hầu kính người hiền, theo gió mà đến. Nước Tần hùng mạnh, nhiều lần muốn đánh nước Ngụy, nhưng sợ nước Ngụy nhiều hiền tài, không dám xuất binh;

Trương Lương là mưu sĩ trong màn trường của Lưu Bang, sức khỏe không tốt, thường đau ốm luôn, nhưng chưa khi nào quên việc bày mưu đánh Sở, vì có nhiều công lao nên được phong tước là Lưu hầu.

① Thần Tùg Chi xét việc cũ cùng *Phó Hàm tập*, Liệt trọn đời giữ chức Quang lộc huân. Hai em của Liệt là Kinh và Giai, đều là quan hưởng lộc hai nghìn thạch. Con của Giai là Quyền, tự Bá Dư. Thời nhà Tấn, Đại tư mã Nhữ Nam vương là Tư Mã Lượng làm phụ chính, dùng Quyền làm Thượng thư lang. Phó Hàm gửi thư cho Lượng nói:

"Vệ Bá Dư là con của anh trai Quý phi, thực có tài văn chương, nên cho làm Đài lang, nhưng không được làm thuộc quan của Đông cung. Thuộc quan Đông cung, lúc trước có cái vạ Dương Tuấn,⁽¹⁾ làng xóm thân thuộc đây đường, nay có Bá Dư, được phá lệ cho làm chức Lang. Một con chó sửa cái bóng, cả đàn sửa vang, sợ ở chỗ cả đàn chó sửa, rồi đến không thể nghe nổi."

Quyền viết lời tựa và chú giải bài *Ngô đô phú* của Tả Tư, bài tựa sơ sai nhưng ngôn từ sinh động văn vẻ, đến như lời chú, thì không có chỗ nào mới mẻ, chỉ làm ô ố giấy mực, không hợp với lời văn trong truyện vậy.

Lô Dục tự Tử Gia, người quận Trác. Cha của Dục là Thực, có danh tiếng ở đời.①

Dục lên mười tuổi thì mồ côi cha, gặp lúc bản châu loạn lạc, hai anh tử nạn. Đương lúc Viên Thiệu và Công Tôn Toản giao tranh, hai châu U, Ký đồng ruộng bỏ hoang, Dục chăm nom con nhỏ và chị dâu góa bụa của anh, vì có học vấn và phẩm hạnh được người đời khen ngợi. Văn đế làm Ngũ quan tướng, triệu Dục tạm cho làm Môn hạ tặc tào. Thôi Diễm cử Dục làm Chủ bộ của Ký châu.

¹ Dương Tuấn (杨骏) tự Văn Trường, người quận Hoảng Nông huyện Hoa Âm, là đại thần thời Tây Tấn. Từ chức Cao Lục lệnh, dần thăng đến chức Xa kỵ tướng quân, phong hầu. Con gái là Hoàng hậu của Tấn Vũ đế, được sủng ái bậc nhất, ba anh em nhận tước hầu, quyền nghiêng thiên hạ, được gọi là "Tam Dương." Sau khi Vũ đế chết, họ tự ý sửa chiếu thư, lập vua nhỏ, cuối cùng nảy chính biến, bị giết cả ba họ.

Bấy giờ thiên hạ mới gây dựng, nhiều người bỏ trốn, cho nên pháp lệnh phạt quân sĩ bỏ trốn rất nặng, tội lụy đến vợ con. Có người vợ của tên lính bỏ trốn là Bạch Đằng, mới lấy chồng được mấy ngày, chưa cùng chồng gặp mặt nhau, Đại lý tấu xin chém vút bỏ thân ngoài ngõ chợ. Dục bác lời ấy nói:

- Đại để cái tình của người phụ nữ, vì gặp gỡ nhau mới sinh ân tình, thành vợ rồi thì nghĩa tình rất nặng. Cho nên *Kinh Thi* nói: "Chưa thấy được chồng, lòng ta bi thương, nếu đã thấy chồng, lòng ta bình lặng."⁽¹⁾ *Lễ ký* có câu rằng: "Người phụ nữ chết mà chưa được bái lạy ở miếu thờ của gia đình nhà chồng, phải đem thi thể về chôn táng ở làng của họ người nữ, là chưa thành vợ vậy."⁽²⁾ Nay Bạch Đằng sống có nỗi bi thương chưa được gặp chồng, chết có nỗi thống khổ chưa thành vợ, mà quan lại bàn là nên dùng đại hình, nếu đã cùng nhau hợp坎, nên gia thêm tội gì? Vả lại sách nói "xét tội liệu hình", là nói cái tội của người chịu tội theo, định tội nên có tiêu chuẩn vậy. *Kinh thư* lại nói rằng "Nếu phải giết người vô tội, thà rằng bỏ phép tắc không hợp lý", là sợ việc định tội quá nặng vậy. Ví như Bạch Đằng đã nhận sính lễ của nhà chồng, đã vào nhà chính, chịu hình là đúng, nhưng giết là quá nặng.

Thái tổ nói:

- Chủ ý của Dục là đúng vậy. Lại viện dẫn kinh điển có lý, khiến Cô cảm khái.

Bởi thế lấy Dục làm Thừa tướng pháp tào nghị lệnh sử, rồi chuyển làm Tây tào nghị lệnh sử.

① *Tục Hán thư* chép: Thực tự Tử Cán. Thời trẻ thờ Mã Dung, với Trịnh Huyền là đồng môn thân thiết với nhau.

¹ Lời thơ trong *Kinh Thi*, *Quốc phong*, *Thiệu nam*, bài *Thảo trùng*.

² Theo tục lệ thời cổ, người phụ nữ đi lấy chồng, nếu ông bà đã chết thì ba tháng sau khi cưới mới được đến miếu thờ của tổ tiên bái lạy thần vị của ông bà. Lễ ấy gọi là "miếu kiến."

Thực là người cương nghị có khí tiết lớn, thường búi ngùi than thở, có chí giúp đời, không đón ý xu phụ người khác để cầu an, không ra ứng mệnh triệu của châu quận. Năm Kiến Ninh trung, được triệu làm Bác sĩ, rồi cho ra ngoài bổ làm Thái thú Cửu Giang, nhân có bệnh bỏ chức. Soạn sách *Thượng thư chương cú, Lễ ký giải cổ*. Ít lâu sau lại được thăng làm Thị trung, Thượng thư.

Trương Giác nổi dậy, triều đình lấy Thực làm Bắc trung lang tướng đi đánh dẹp Giác, vì thất lợi bị phán tội. Không lâu sau, lại dùng làm Thượng thư.

Trương Nhượng cướp Thiệu để chạy ra bến Tiểu Bình, Thực tay cầm kiếm quát mắng bọn Nhượng, bọn Nhượng đều ném binh khí, cúi đầu khóc lóc tạ tội, rồi tự sát. Đồng Trác nghị bàn sắp phế Đế, mọi người chẳng ai dám nói lại, duy có mình Thực nói lời chính nghĩa, đã nói ở *Đồng Trác truyện*.

Thực vì già lão bệnh tật bèn từ quan, ẩn cư tại núi Quân Đô thuộc huyện Thượng Cốc, năm Sơ Bình thứ ba thì chết.

Thái tổ bắc chinh Liễu Thành, đi qua quận Trác, hạ lệnh cho quan Thái thú rằng:

"Cố Bắc trung lang tướng là Lô Thực, danh vang hải nội, có học thức, tôn kính đạo nho, là khuôn mẫu của kẻ sĩ, rường cột của quốc gia vậy. Xưa kia Vũ Vương tiến vào đất của nhà Ân, phong tặng cho làng của Thương Dung,⁽¹⁾ Tử Sản của nước Trịnh mất mà Trọng Ni rơi lệ. Cô đến châu này, tán thưởng dư âm cao đẹp của người xưa. Theo nghĩa Kinh Xuân Thu, con cháu của bậc hiền nhân, có điểm khác biệt với người thường. Nay phái quan Duyệt thừa tu sửa phần mộ, vậy rượu tế lễ, để biểu chương công đức của ông ấy."

Thực có bốn con, Dục là nhỏ nhất.

¹ Thương Dung (商容) là quan phụ trách nhạc lễ của vua Trụ nhà Ân, từng quỳ nơi cửa cung can Trụ vương đừng làm việc ác, vì trung thực thẳng thắn can ngăn, bị vua Trụ tức giận biếm chức đuổi về quê. Chu Vũ vương đánh thắng vua Trụ, tiến vào đất nhà Ân, treo cờ tinh ở cửa làng để biểu dương cái trung hiền của Thương Dung. *Sử ký* của Tư Mã Thiên, phần *Ân bản kỷ*, khen Thương Dung là bậc hiền giả.

Nước Ngụy đã dựng, Dục làm Lại bộ lang. Văn đế lên ngôi, đổi Dục làm Hoàng môn thị lang, rồi cho ra ngoài làm Tế Âm tướng, Thái thú hai quận Lương, Tiêu. Vì quận Tiêu là quê cũ của Đế, cho nên di dời rất nhiều dân sung về đấy, để khai khẩn ruộng nương. Nhưng đất đai ở quận Tiêu xấu, trăm họ cùng quẫn, Dục thương xót họ, dâng biểu xin dời dân đến nước Lương đất đai màu mỡ, thất ý Đế. Tuy Đế nghe theo tấu biểu mà Dục trình lên, nhưng lòng vẫn hận Dục, bèn giáng chức của Dục, sai quản lý di dân làm Điển nông Hiệu úy ở Tuy Dương. Dục một lòng làm lợi cho dân, tự mình đi xem xét, chọn chỗ đất tốt để làm ruộng, trăm họ được cấy nhờ. Dục được thăng làm Thái thú An Bình, Thái thú Quảng Bình, ở đâu cũng ban ân huệ và giáo hóa.

Năm Thanh Long thứ hai, Dục về triều làm Thị trung.

Trước đấy, Tán kỵ thường thị là Lưu Thiệu thụ chiếu chế định hình luật, chưa hoàn thành. Dục dâng tấu nghị luận về ý nghĩa của hình luật xưa nay, cho là pháp luật nên có tiêu chuẩn nhất định, không nên hai mỗi lưng lờ, khiến quan gian dung túng theo ý riêng. Lúc Thị trung là Cao Đường Long vì việc sửa dựng cung thất nhiều lần khẩn thiết can gián, Đế không hài lòng, Dục dâng lời rằng:

"Thần nghe nói vua sáng thì bày tôi chính trực, thánh vương thời xưa sợ chẳng nghe được cái lỗi của mình, nên đặt trống để nghe được lời can. Cận thần hết lòng can gián, đấy là bọn thần không bằng được Cao Đường Long. Long là nho sinh, có tiếng cuồng trực, bệ hạ nên khoan dung cho ông ấy."

Dục tại chức ba năm, nhiều lần biện bác tranh luận với Đế. Đế hạ chiếu nói:

"Liệu tài chọn quan, ban phẩm trật xứng đáng, là việc khó của bậc thánh đế, tất phải có lương thần phụ tá, tiến cử người thay thế. Thị trung là Dục bản tính kiên trinh, công bằng giữ phép, có thể gọi là xét

việc mình bạch, ở ngôi vị không lười biếng vậy. Nay lấy Dục làm Lại bộ thượng thư."

Rồi sai Dục tự ý tuyển người thay chức của mình, nói:

- Có được người như khanh là vừa khéo.

Dục đề cử Thường thị là Trịnh Xung, Đế nói:

- Văn Hòa, ta tự hiểu được hần, ngài hãy tiến cử người mà ta chưa nghe nói đến.

Dục tiến cử Nguyễn Vũ và Tôn Ung, Đế vì thế dùng Ung.

Trước đây bọn Gia Cát Đản và Đặng Dương danh tiếng vang xa, có người trào phúng gọi bọn họ là "Tứ thông bát đạt",⁽¹⁾ Đế rất ghét bọn chúng. Lúc tiến cử chức Trung thư lang, Đế hạ chiếu nói:

"Có tuyển được người thích hợp hay không, là ở Lô sinh thôi. Việc tuyển cử chớ chọn thanh danh, danh tiếng như cái bánh vẽ, chẳng ăn được vậy."

Dục đáp chiếu rằng:

"Danh tiếng chẳng đủ để suy đó là nhân tài đặc biệt, nhưng có thể có được kẻ sĩ bình thường. Kẻ sĩ bình thường kính giáo hóa mộ việc thiện, rồi sau mới có thanh danh, vì thế không phải là đáng ghét vậy. Ngu thần chẳng đủ tài để nhận biết được nhân tài đặc biệt, lại làm chủ thì phải dựa vào danh tiếng để khảo xét là đúng chức trách, chỉ nên chứng nghiệm họ về sau. Cho nên người xưa tấu việc dựa vào lời nói, bình công thông qua khảo xét. Nay pháp chế khảo xét hoang phế, quyết định thăng giáng mà chỉ dựa vào khen chê, như thế thì thật giả hỗn tạp, hư thực lẫn lộn."

Đế thu nhận lời ấy, bèn hạ chiếu chế định phép khảo thí. Đúng lúc chức quan Tư đồ khuyết, Dục tiến cử ẩn sĩ là Quản Ninh,

¹ Tứ thông bát đạt ở đây có lẽ ý giễu rằng bọn người này tỏ vẻ thấu suốt các việc, chuyện khắp bốn phương tám hướng, cái gì cũng hiểu biết cả.

Để không bỏ dụng được. Lại hỏi đề cử người khác, Dục đáp rằng:

- Đôn hậu thật thà, phẩm đức trác tuyệt, thì có Thái trung đại phu Hàn Ky; thanh bạch liêm khiết, thành thực chính trực, thì có Tư lệ Hiệu úy Thôi Lâm; chí khí kiên định, thuần hậu trọn vẹn, thì có Thái thường Thường Lâm.

Để bèn dùng Ky.

Dục lúc tiến cử người, trước tiên đề cử phẩm đức và hành vi, sau mới nói đến tài năng. Hoàng môn Lý Phong từng vì việc ấy hỏi Dục, Dục nói:

- Tài của người ta phải dùng vào việc thiện, cho nên có tài lớn thì thành việc thiện lớn, có tài nhỏ thì thành việc thiện nhỏ. Nay tài nổi tiếng mà chẳng dùng để làm việc thiện, cái tài ấy chẳng hữu dụng vậy.

Phong bội phục lời ấy.

Tề vương tức vị, ban cho Dục tước Quan nội hầu.

Thời Tào Sảng nắm quyền chính, chuẩn bị gây dựng bè đảng của mình, chuyển Dục làm Bộc xạ, lấy Thị trung là Hà Yến thay chức của Dục. Không lâu sau, lại cho Dục ra làm Đình úy, Tư lệ là Tắt Quý lại sàm tấu khiến Dục bị bãi quan, mọi người bàn luận đa phần tranh biện cho Dục, vì thế lại lấy Dục làm Quang lộc huân.

Bọn Sảng bị giết, Thái phó Tư Mã Tuyên vương sai Dục làm hành Tư lệ Hiệu úy, xét án của bọn ấy. Dục lại làm Lại bộ thượng thư, gia thêm chức Phụng xạ đô úy, tước Cao Lạc đình hầu, chuyển làm Bộc xạ, nắm việc tuyển cử như trước, gia thêm chức Quang lộc đại phu.

Cao Quý hương công tức vị, tấn phong Dục làm Đại Lương hương hầu. Phong cho một con làm Đình hầu.

Quán Khâu Kiệm tác loạn. Đại tướng quân Tư Mã Cảnh vương xuất chinh, Dục ở hậu phương coi việc nắm giữ kỷ cương, gia thêm chức Thị trung.

Năm Chính Nguyên thứ ba, Dục vì mắc bệnh nặng, lui nhường ngôi vị. Được thăng làm Tư không, Dục cố suy cử Phiêu kỵ tướng quân là Vương Sùng, Quang lộc đại phu là Vương Quán, Tư lệ Hiệu úy là Vương Tường. Đế hạ chiếu sai sứ giả trao cho Dục ấn thụ, tấn phong tước Phong Dung thành hầu, ban thực ấp hai nghìn ba trăm hộ.

Năm Cam Lộ thứ hai Dục chết, được ban thụy là Thành hầu. Cháu của Dục là Phiên nối tự.

Con của Dục là Khâm và Đĩnh, Khâm vào năm Hàm Hi trung làm Thượng thư, Đĩnh làm Thái thú Thái Sơn.①

① *Thế ngữ* chép: Khâm tự Tử Nhược, Đĩnh tự Tử Hốt. Khâm vào năm Thái Thủy trung làm Thượng thư bộc xạ, chủ trì việc tuyển cử, năm Hàm Ninh thứ tư chết, được truy tặng chức Vệ tướng quân, khai phủ.

Tấn thư của Ngu Dự chép: Khâm thời trẻ rất có danh vọng, không xem trọng tài lợi, thanh khiết đạm bạc, hành động giữ lễ. Người đồng quận là Trương Hoa, nhà nghèo mồ côi từ nhỏ, làng xóm không ai biết đến, duy có Khâm đặc biệt xem trọng Hoa.

Con của Khâm là Phù, tự Tử Vân.

Tấn thư công tán chép: Trương Hoa hiểu rộng nghe nhiều, không gì là không biết. Phù khoáng đạt hiểu biết rộng, có tiếng tăm hơn Hoa, ban đầu làm Thái tử xá nhân, bị bệnh ung nhọt, phải chặt bỏ cánh tay, thành người tàn tật. Triều đình rất coi trọng Phù, đến tận nhà cho làm Quốc tử bác sĩ, sau lại thăng làm Tế tửu. Năm Vĩnh Bình trung làm Bí thư giám.

Đĩnh và con là Hạo và Chí đều làm quan đến chức Thượng thư. Con của Chí là Kham, tự Tử Lượng.

Ôn Kiệu dâng biểu khen Kham thanh bạch hơn người, có văn tài.

Kham biệt truyện chép: Kham giỏi soạn chép văn chương. Lạc Dương nghiêng lật, Kham lên phương bắc nương nhờ Lưu Côn, Côn dùng làm Tư không tòng sự trung lang. Côn thua bại, Kham quy phục Đoạn Mạt Ba. Đầu thời Nguyên đế, nhiều lần triệu Kham làm Tán kỵ trung thư thị lang, Kham không về phương nam được. Năm Vĩnh Hòa thứ sáu, chết ở đất người Hồ, con cháu vượt sông trở về. Đại soái yêu tặc Lô Tuần, là cháu của Kham vậy.

Bình rằng: Hoàn Giai tiên liệu thành bại, tài đoán việc nổi danh đương thời. Trần Quần hành động hợp danh nghĩa, có tiếng là thanh cao nhã nhặn; Thái có khí độ rộng rãi, sáng suốt lão luyện, thực nổi được di nghiệp của cha ông vậy. Việc nước vào thời nhà Ngụy do Thượng thư thống quản, nặng việc bên trong nhẹ việc bên ngoài, cho nên tám vị thượng thư, gánh vác trách nhiệm của sáu vị quan khanh thời cổ vậy. Trần, Từ, Vệ, Lô giữ ngôi vị ấy rất lâu, Trần Kiêu, Từ Tuyên cương nghị quyết đoán, có cốt cách, Vệ Trăn, Lô Dục là tấm gương sáng về việc can gián, làm trong sạch triều chính, đều không thẹn với chức vụ của mình vậy.

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI BA
HÒA, THUỜNG, DƯƠNG, ĐỔ,
TRIỆU, BÙI TRUYỆN



Hòa Hiệp tự Dương Sĩ, người quận Nhữ Nam huyện Tây Bình. Được xét cử Hiếu liêm, Đại tướng quân trung triệu, đều không đến. Viên Thiệu ở tại Ký châu, phái sứ giả đón sĩ đại phu ở Nhữ Nam. Riêng Hiệp cho rằng:

- Ký châu đất phẳng dân cường, là nơi kẻ anh kiệt tranh lợi, là đất bốn bề tranh chiến. Bản Sơ cậy dựa ưu thế ấy, tuy có thế lớn mạnh, nhưng kẻ anh hùng hào kiệt đang nổi dậy, vị tất đã bao toàn được. Lưu Biểu ở Kinh châu không có chí xa, yêu người mến kẻ sĩ, đất đai hiểm trở, thế núi phẳng, dân thuần, dễ nương dựa vậy.

Bèn cùng thân hữu đều xuôi nam theo Biểu, Biểu dùng lễ thượng khách đãi Hiệp. Hiệp nói:

- Ta sợ dĩ không theo Bản Sơ, vì tránh đất tranh chiếm vậy. Quân chủ thời hôn ám, chẳng nên khinh suất thân gần, vì lâu ngày sinh nguy, tất có kẻ gièm pha náu mình ở bên trong.

Vì thế xuôi nam đến Vũ Lăng.

Thái tổ định Kinh châu, trung triệu Hiệp làm Thừa tướng duyên thuộc. Bấy giờ Mao Giới, Thôi Diễm đều là người trung liêm giữ việc bình xét nhân tài, tuyển dụng người xem trọng kiếm ước làm đầu. Hiệp nói rằng:

- Người tài trong thiên hạ, cốt là lúc tại vị quan hệ với người khác ra sao, chẳng nên nhất nhất vì tiêu chuẩn tiết kiệm vậy. Quá trọng kiệm ước, lấy đấy làm nguyên tắc xử thế của mình thì được, lấy việc đấy làm tiêu chuẩn xét người, e rằng làm mất đi nhiều nhân tài. Nay trên triều đình nghị luận, quan lại có người mặc áo mới, ngồi xe đẹp, nói là không thanh liêm; trưởng lại ở trong phủ, nghi dung không tu chỉnh, áo cừu rách nát, lại nói là liêm khiết. Dẫn đến việc sĩ đại phu cố ý làm y phục nhàu bẩn, giấu quần áo xe cộ của mình; Đại quan của triều đình, có người tự mang giỏ cơm bầu nước vào dinh phủ. Lập chính giáo xét phong tục, quý ở chỗ không thiên lệch không cậy dựa, mới có thể được người ta tiếp nhận và kế tục vậy. Nay trọng cái hành vi mà hầu hết mọi người khó kham nổi để kiểm xét người không cùng đường lối với mình, miễn cưỡng mà làm, tất khiến người ta mệt mỏi. Giáo hóa thời cổ đại, cốt ở chỗ thuận thông nhân tình mà thôi. Đại khái những hành vi nắn sửa lập dị thì đã ẩn chứa điều dối trá rồi.①

① Tôn Thịnh nói: Bậc vương xưa trị lý thiên hạ, quan sát dân tình thiết lập giáo hóa, tuy nội dung và hình thức dựa vào thời thế, thêm bớt thay đổi mà dùng, đến như lễ trật về xe cộ y phục, quý tiện phẩm cấp khác biệt, đều theo một đường lối vậy. Nhà Ngụy kế thừa mối loạn của thời Hán, phong tục xa xỉ quá mức, thực nên nghĩ xét tới phép chế thời cổ, giáo huấn người ta giản dị kiệm ước, khiến sự xa xỉ chẳng lẫn tới, sự cần kiệm đủ hợp lễ nghi, tiến thì không bị trách là hẹp hòi nông cạn, lui thì tránh được lời chê xa xỉ thái quá; như thế thì đạo trị quốc thịnh mà lời ca tụng cất lên rồi. Nắn sửa mà thiên lệch quá mức thì sự xảo trá nảy sinh, lấy sự bó buộc để giáo huấn thiên hạ thì khó lay động lòng dân, đấy không phải là điều mà thánh nhân giáo hóa dân chúng, ngăn tà bậy giữ đạo chân thành. Lời của Hòa Hiệp, là lời thành thực vậy.

Nước Ngụy đã dựng, Hiệp làm Thị trung, về sau có kẻ bầm là Mao Giới phi báng Thái tổ, Thái tổ triệu kiến cận thần, rất tức

giận. Hiệp bày tỏ rằng Giỏi vốn giữ hành vi đúng với bốn phận của mình, xin xét sự thực việc ấy. Sau khi bãi triều, Thái tổ lệnh rằng:

- Nay có người bẩm rằng Giỏi không chỉ báng bổ ta, lại còn vì Thôi Diễm mà sinh lòng oán hận. Như thế là tổn hại đến nghĩa quân thần, vì người chết mà oán thán xằng bậy, ta e rằng mình chẳng thể nhẫn nhịn được. Xưa kia Tiêu Hà, Tào Tham và Hán tổ đều xuất thân ti tiện, ra sức kiến lập công huân. Cao tổ mỗi khi lâm cảnh khốn quẫn, hai tướng cung thuận, đạo bày tôi càng sáng rõ, đấy là lý do để phúc lộc truyền đến con cháu vậy. Hòa Thị trung luôn thỉnh cầu xin tra xét sự thực, sở dĩ ta không nghe, là vì muốn từ từ nghiên cứu kỹ lời cáo buộc thôi.

Hiệp đáp rằng:

- Nếu lời cáo giác là đúng, thì cái tội của Giỏi quá nặng, không phải là thứ tội trời đất che chở được. Thần không dám bẻ cong lý lẽ để hại đến nghĩa quân thần vậy, vì Giỏi là người xuất chúng trong số quan lại, được đặc biệt đề bạt, chức vị vẻ vang, nhiều năm được sủng ái, lại cứng rắn công bằng, trung thành chính trực, được nhiều người kính sợ, chẳng dễ có việc như thế. Nhưng lòng người khó kiểm chứng, rất nên khảo xét, từ hai phương diện để chứng nghiệm sự thực của lời cáo buộc. Nay thánh ân rủ lòng nhân, nhẫn nhịn chịu nhục, chẳng nỡ truy xét tận lý, thì khiến sai đúng ngay gian chẳng rõ ràng, nên hãy bắt đầu từ việc này.

Thái tổ nói:

- Sở dĩ ta chẳng khảo xét, là vì muốn bảo toàn cho cả hai người là Mao Giỏi và người cáo buộc thôi.

Hiệp nói:

- Nếu như Giỏi thực có lời báng bổ chủ thượng, đáng phải phơi thây tại ngã chợ; nếu Giỏi không nói lời ấy, người cáo buộc mắc

tội vu hãm đại thần làm mê hoặc tai chủ thượng; hai điều ấy chẳng kiểm xét rõ, thần trộm thấy không yên.

Thái tổ nói:

- Nay đang lúc có việc quân, sao có thể theo lời người ta nói mà tra xét được? Xưa kia Hồ Xạ Cô đâm chết Dương Xử Phụ ở triều đình,⁽¹⁾ đấy là lời răn đối với bậc quân chủ vậy.

Thái tổ đánh thắng Trương Lỗ, Hiệp bày kế là nên nhân cơ hội triệt quân di dời dân, có thể giảm bớt được chi phí bố phòng thủ giữ. Thái tổ không chọn dùng, sau đó lại phải dời dân khỏi Hán Trung. Về sau Hiệp ra ngoài làm Lang trung lệnh.

Văn đế lên ngôi, Hiệp làm Quang lộc huân, phong tước An Thành đình hầu. Minh đế tức vị, tấn phong Hiệp làm Tây Lăng hương hầu, thực ấp hai trăm hộ.

Năm Thái Hòa trung, Tán kỵ thường thị là Cao Đường Long tấu nói:

- Gió đúng mùa không nổi lên, có phong khí của sự hoang phế, tất là Hữu ti không siêng năng với chức phận làm khí trời trái nghịch vậy.

Đế hạ chiếu thư khiêm tốn dẫn lỗi trách mình, rộng rãi trung cầu ý kiến bất đồng. Hiệp cho rằng:

- Dân ít, người cấy trồng thiếu, người không làm ruộng ăn lương lại nhiều. Nước lấy dân làm gốc, dân lấy thóc lúa làm lẽ sống. Cho nên canh nông hao phí một vụ, thì mất cái gốc nuôi dưỡng sinh mệnh. Vì thế bậc vương xưa quyết trừ bỏ cái phí tổn tạp nhạp, để dân chuyên tâm cấy trồng. Từ xưa qua hạ đến nay, dân chúng khốn quẫn vì lao dịch, nông nghiệp bị bỏ phế, trăm họ nhiều loạn không yên, gió đúng mùa không nổi

¹ Hồ Xạ Cô (狐射姑) và Dương Xử Phụ (阳处父) đều là đại thần nước Tấn thời Xuân Thu. Dương Xử Phụ nói với vua nước Tấn về cái lỗi của Hồ Xạ Cô, về sau Dương Xử Phụ bị Hồ Xạ Cô phái người ám sát.

lên, vị tất đã không phải là có nguyên do từ đấy vậy. Cái thuật tiêu trừ tai biến, chẳng gì hơn là tiết kiệm. Thái tổ sau khi kiến lập nghiệp lớn, dùng nhiều phí tổn cung ứng cho việc quân, ban thưởng cho sĩ tốt, quan lại binh lính đầy đủ phong túc, mà thóc lúa trong kho phủ tràn trề, là bởi chẳng dùng vào việc sửa sang cung điện một cách vô ích, cấm tuyệt cái phí tổn phù phiếm. Điều cốt yếu hiện nay, cố nhiên là phải giảm việc lao dịch tạp nhạp, bớt các việc thừa thãi, lấy đó tích trữ cho việc quân. Phòng giữ ở ba phương, nên sớm chuẩn bị sẵn. Liệu tính cái hư thực của giặc, dưỡng sức sĩ chúng, xét kế thắng giặc ở miếu đường, định rõ cái mưu công thủ, hỏi kỹ ý kiến của mọi người để cầu quyết sách đúng đắn. Nếu mưu lược không thống nhất, xem nhẹ địch nhân, phát quân liên miên, lao nhọc mà vô công, đấy gọi là "thích vũ lực mà địch nhân không sợ hãi", là lời răn của cổ nhân vậy.

Hiệp sau chuyển làm Thái thường, sống thanh bạch, giữ mình kiệm ước, đến mức bán cả ruộng đất để tự chu cấp. Minh đế nghe tin, ban thưởng cho lúa và lụa.

Hiệp chết, ban thụy là Giản hầu. Con của Hiệp là Cầm nối tự. Em của Cầm là Quát, thông minh khoáng đạt, có tài năng, làm quan đến chức Đình úy, Lại bộ thượng thư.^①

① *Tấn thư công tán* chép: Hòa Kiệu tự Trường Dư, là con của Quát vậy. Thời trẻ có danh tiếng, vì khí độ rộng rãi được khen. Thường ngưỡng mộ người cậu của mình là Hạ Hầu Huyền, tự xem trọng việc tích lũy của cải, thông minh nhưng không hợp với mọi người. Từ chức Hoàng môn lang được thăng làm Trung thư lệnh, chuyển làm Thượng thư. Thái tử của Mẫn Hoài vương mới được lập, lấy Kiệu làm Thiếu bảo, gia thêm chức Tán kỵ thường thị. Gia sản của Kiệu giàu có, sánh ngang với vương công, nhưng bản tính lại rất keo kiệt. Người em cùng mẹ với Kiệu là Úc, vốn không có danh tiếng, Kiệu khinh thường Úc, cho đấy là điều tổn hại đến thanh danh của gia đình. Kiệu chết ở sở quan, được truy tặng chức

Quang lộc đại phu. Úc vì công chính cương cường mà nổi danh ở đời, quan vị đến chức Thượng thư lệnh.

Người đồng quận với Hiệp là Hứa Cỗn, là con của Hứa Thiệu vậy. Trong sạch chất phác có tài xét người, thời Minh đế làm Thượng thư.^①

① Hứa Thiệu tự Tử Tương.

Nhữ Nam tiên hiền truyện chép: Người quận Triệu Lăng là Tạ Tử Vi, tài trí hơn người, kiến thức cao siêu. Tử Vi gặp Thiệu lúc mới mười tám tuổi, bèn than rằng:

- Người này là vĩ nhân xuất chúng ít thấy ở đời vậy.

Thiệu ban đầu phát hiện ra tài của Phàn Tử Chiêu ở chỗ bán khăn ngoài chợ, nhận ra Ngu Vĩnh Hiền ở nơi chôn thả ngoài đồng, trung triệu Lý Thục Tài ở trong chỗ xóm làng, cất nhắc Quách Tử Du khi mới là kẻ lại trên yên ngựa, diu dắt Dương Hiếu Tổ, tiến cử Hòa Dương Sĩ, đây là sáu vị hiền giả, đều rất mực tài hoa ở đời vậy. Ngoài ra những kẻ sĩ trung lưu, có người đường sĩ đồ ngưng trệ, có kẻ trẻ tuổi hiển đạt, chẳng có ai nhờ sự quan tâm của Thiệu mà không phát lên. Đại khái là những người được Thiệu phát hiện đề bạt, thành tựu nổi bật, rõ đức cao thượng, chẳng thể nhớ hết nổi. Còn như việc làm lộ rõ hành vi của kẻ bất lương, áp chế làm giảm tổn hư danh của chúng, thì Đan Tương công của nhà Chu,⁽¹⁾ cũng không lấy gì hơn được vậy.

Người trong tộc của Thiệu là Hứa Hủ, đắm chìm với vinh lợi, ngôi vị đến chức Tư đồ. Cả tông tộc chẳng ai không cúi mình đến cửa nhà Hủ, đón ý vâng theo, chức quan có được vì hối lộ mà thành, duy có Thiệu không đi qua cửa nhà Hủ.

Người quận Quảng Lăng là Từ Mạnh Bản (Từ Mạnh Ngọc) sắp đến Nhữ Nam, nghe nói Thiệu có danh vọng cao, mời làm Công tào. Kẻ tham hung bị xua đuổi, danh sĩ giữ mình trong sạch đầy triêu.

¹ Đan Tương công (单襄公) là đại thần của vua Chu Định vương. Người dịch không tra cứu được lai lịch và hành trạng.

Viên Thiệu gia thế cao quý thích danh tiếng, làm Trưởng huyện Bộc Dương, bỏ chức về quê, người cưỡi ngựa đi theo rất đông, sắp vào địa giới quận Nhữ Nam, Thiệu bèn than rằng:

- Xe kiệu y phục của ta, há có thể khiến Hứa Tử Tương ra gặp được chăng?

Bèn cưỡi một cỗ xe nhẹ mà về.

Hứa Thiệu được vời làm Công phủ duyên, bái làm Yến Lăng lệnh, cử làm Phương chính, đều không ứng mệnh. Đi tránh loạn ở Giang Nam, tại các nơi đi qua, đều ghi chép tường tận rồi sau tập hợp lại.

Hứa Thiệu chết ở Dự Chương, năm ấy bốn mươi sáu tuổi. Con của Thiệu là Cỗn, nối danh ở thời nhà Ngụy.

Thường Lâm tự Bá Hòe, người quận Hà Nội huyện Ôn. Năm Lâm bảy tuổi, có người bạn của cha đến nhà chơi, hỏi Lâm:

- Bá Tiên có nhà không? Sao mà không bái lạy ta!

Lâm nói:

- Ngài đâu là tân khách, nhưng lại gọi thẳng tên tự của phụ thân ta ra, sao ta phải bái lạy ngài?

Vì thế mọi người đều khen ngợi Lâm.①

Thái thú Vương Khuông khởi binh dẹp Đông Trác, phái môn sinh đến các huyện thuộc dò xét quan dân, ai phạm tội lập tức bắt lấy, tra vấn khảo đả bắt đem tiền bạc lương thực chuộc tội, ai trì hoãn thì di diệt cả họ, lấy đó lập uy. Người chú của Lâm đánh đập tân khách, bị môn sinh của Khuông bắt báo, Khuông nổi giận sai bắt trị tội. Cả tông tộc kinh hãi, không biết lương tiền bị phạt nhiều ít ra sao, sợ bị bắt bó không dám đi cứu. Lâm qua gặp người cùng huyện với Khuông là Hồ Mẫu Bưu, nói:

- Vương phủ quân dựa vào tài cao văn võ, coi xét bị quận. Bị quận có sông núi vây quanh, đất rộng dân giàu, lại có nhiều

hiền tài, thiết nghĩ ngài trọng dụng được họ. Nay chúa thượng nhỏ tuổi, tặc thần như hổ ngồi, Hoa Hạ rung động, đây là lúc kẻ hùng tài nên gắng sức vậy. Nếu muốn tru diệt tên giặc của thiên hạ, cứu giúp cảnh suy vi của vương thất, khiến bậc trí giả ngóng gió theo về, đua nhau hưởng ứng, dẹp tặc loạn cốt ở nhân hòa, đánh đâu chẳng thắng. Ví như không có ân đức, làm việc mất nhân tâm, sự diệt vong sẽ đến, nói gì đến cứu giúp triều đình, dựng lập công danh nữa? Ngài có nghĩ đến điều đó chăng!

Nhân đó nói ý đến việc thúc phụ mình bị bắt. Bưu lập tức viết thư cầu xin Khuông, Khuông tha cho thúc phụ của Lâm. Lâm bèn tránh nạn đến quận Thượng Đảng, cấy trồng ở trong núi. Đương thời có nạn châu chấu phá hoại, riêng Lâm mùa màng bội thu, bèn gọi hết xóm giềng đến, đem lương thực của mình từng thùng từng đấu chia cho họ. Lâm lại nương dựa vào cố Thái thú Hà Gian là Trần Diên Bích. Hai họ Trần, Phùng, là cự tộc của hoạn quan. Trương Dương tham cướp chiếm phụ nữ và của cải của hai họ. Lâm thống suất người trong tông tộc của mình, giúp hai họ Trần, Phùng lập kế. Bị vây hãm hơn sáu chục ngày, cuối cùng bảo toàn được vách lũy.

① *Ngụy lược* chép: Lâm thừa nhỏ gia cảnh bần hàn. Tuy nghèo, nhưng việc không tự mình làm được, cũng không mượn tay người khác. Bản tính ham học, thời Hán mạt là học trò, khi ra ruộng cày đem theo kinh sách. Vợ của Lâm thường tự mang cơm cho Lâm, Lâm tuy ở tại ruộng đồng, vợ chồng kính trọng nhau như khách.

Thứ sử Tinh châu là Cao Cán dâng biểu tiến cử Lâm làm Kỵ đô úy, Lâm từ chối không nhận. Về sau Thứ sử Lương Tập tiến cử danh sĩ trong châu là Lâm và Dương Tuấn, Vương Lăng, Vương Tượng, Tuân Vĩ, Thái tổ đều dùng làm Trưởng huyện. Lâm quản huyện Nam Hòa, cai trị và giáo hóa rất có thành tựu,

được vượt cấp thăng làm Thái thú Bắc Lăng, Thứ sử U châu, ở đâu cũng có công tích.

Văn đế làm Ngũ quan tướng, Lâm làm Công tào. Thái tổ tây chinh, Điền Ngân, Tô Bá làm phản, hai châu U, Ký dấy động. Văn đế muốn đích thân đi đánh dẹp chúng, Lâm nói:

- Trước đây ta cai trị Bắc Lăng, lại ở tại U châu, hình thế của giặc có thể liệu tính được. Quan dân phương bắc thích yên ghét loạn, theo về giáo hóa đã lâu, đa số vững lòng giữ đạo thiện. Ngân, Bá là lũ dê chó tụ tập với nhau, trí nhỏ mưu lớn, chẳng thể gây hại được. Hiện nay đại quân ở xa, ngoài có cường địch, tướng quân là trọng trấn của thiên hạ vậy, khinh động cất quân đi xa, dấu thủ thắng cũng chẳng được xem là vũ dũng.

Văn đế theo lời, phái tướng đi chinh phạt, tức thì bình định được.

Lâm ra làm Thái thú Bình Nguyên, Đông bộ đô úy Ngụy quận, rồi về triều làm Thừa tướng Đông tào thuộc. Nước Ngụy kiến lập, báí Lâm làm Thượng thư. Văn đế lên ngôi, thăng Lâm làm Thiếu phủ, phong tước Lạc Dương đình hầu,^① rồi chuyển làm Đại tư nông.

Minh đế tức vị, phong Lâm làm Cao Dương hương hầu, rồi chuyển làm Quang lộc huân Thái thường. Tấn Tuyên vương vì Lâm là đồng hương đức cao vọng trọng, mỗi lần diện kiến thì quỳ bái hành lễ. Có người bảo Lâm rằng:

- Tư Mã công là bậc cao quý quyền lực lớn, ngài nên ngăn việc hành lễ của ông ấy.

Lâm nói:

- Tư Mã công tự nguyện thành tâm đề xướng hành lễ theo thứ tự già trẻ, làm khuôn phép cho kẻ hậu sinh. Địa vị cao quý không phải là điều ta úy kỵ, bái lễ không phải là việc ta có thể ngăn được vậy.

Người nói lời ấy cung kính then thùng lui ra.② Người bấy giờ bàn luận cho là Lâm tiết tháo cao thượng liêm khiết, muốn suy cử Lâm giữ chức Công phụ, nhưng Lâm xưng bệnh nặng từ chối. Sau triều đình bái Lâm làm Quang lộc đại phu. Năm tám mươi ba tuổi, chết, được truy tặng chức Phiêu kỵ tướng quân, an táng theo lễ với bậc Công, ban thụy là Trinh hầu. Con của Lâm là Thời nổi tự, làm Thái thú Thái Sơn, mắc tội bị giết. Em của Thời là Tĩnh nổi tước phong.③

① *Ngụy lược* chép: Lâm vốn tính thanh bạch, làm quan xứng chức lại nghiêm khắc. Phủ đệ của quan Thiếu phủ và Hồng lư đối cửa nhau, bấy giờ Thôi Lâm làm Hồng lư. Thôi Lâm bản tính khoáng đạt, không hòa đồng với Thường Lâm, nhiều lần nghe thấy thanh âm của Thường Lâm đánh thuộc lại, cho là việc không nên làm. Lâm ban đêm đánh quan lại, thuộc lại không chịu được đau, kêu gào đến rạng sáng. Sáng hôm sau, Thôi Lâm ra cửa, gặp xe của Thường Lâm, bèn cười trêu Lâm rằng:

- Nghe nói ngài làm Đình úy, phải không?

Thường Lâm không hiểu đáp rằng:

- Không phải.

Thôi Lâm nói:

- Ngài không làm Đình úy, sao đêm qua lại tra khảo tù nhân?

Thường Lâm cả thẹn, nhưng không thể tự ngăn mình.

② *Ngụy lược* chép: Khi trước, lúc còn trẻ, Lâm cùng Tư Mã Kinh Triệu chơi thân. Thái phó mỗi khi gặp Lâm, thường muốn quỳ bái. Lâm ngăn lại nói:

- Công là bậc tôn quý rồi, hãy dừng việc ấy.

Lúc chức Tư đồ khuyết, Thái phó có ý muốn dùng Lâm bổ vào chức ấy.

Xét lời này của *Ngụy lược*, so với bản truyện là trái ngược. Thần Tông Chi cho rằng người như Lâm, thì chẳng úy kỵ hạng người

cao quý quyền thế vậy. Luận như thế không đúng, lời của bản truyện là đúng.

③ Xét *Tấn thư*, lúc Gia Cát Đản tạo phản, Đại tướng quân đông chinh, Thôi bị buộc tội là xưng bệnh không đi theo, bị Tư Mã Văn vương giết.

Ngụy lược đem bốn người là Thường Lâm cùng Cát Mậu, Mộc Tịnh, Thôi Miêu liệt vào *Thanh giới truyện*.

Cát Mậu tự Thúc Sướng, người quận Phùng Dực huyện Trì Dương, là người trong họ tộc danh tiếng đương thời. Ham thích đọc sách, không xấu hổ vì mặc áo vải ăn cơm rau, nhưng hổ thẹn vì không hiểu biết các việc. Năm Kiến An sơ, Quan Trung mới bình định, Mậu và người quận Phù Phong là Tô Tắc cùng vào núi Nam huyện Vũ Công, ở ẩn tu thân suy xét mấy năm. Châu xét cử Mậu tài, phong làm Lâm Phần lệnh, Mậu giữ chức thuần chính diêm đạm, quan dân không nỡ dối lừa. Sau lại chuyển làm Thứ tử của Vũ đức hầu. Năm thứ hai mươi hai, người trong họ của Mậu là Cát Bản khởi sự bị bắt, Mậu bị liên lụy. Trước đấy có điều luật cấm cất giấu sách học đạo và binh thư, mà Mậu có cả hai thứ ấy, lại giấu đi không đưa đến sở quan. Đến lúc bị bắt, không biết là bị buộc tội vì bọn Bản, nên bảo với người xung quanh rằng:

- Ta bị bắt tội vì sách vở vậy.

Đúng lúc Chung tướng quốc chứng thực rằng Mậu và Bản là anh em rất xa, cho nên không bị bắt tội. Sau Mậu làm Thái thú Vũ Lăng, không đi nhận chức. Được chuyển làm tướng quốc nước Trịnh, vì nước bị xóa, lại bãi làm Nghị lang. Năm Cảnh Sơ trung, Mậu bị bệnh chết.

Mậu từ khi tu hành, từ nhỏ đến lớn, mùa đông thì khoác áo lông cừu, mùa hạ thì mặc áo vải thô, trên đường thì đi bộ, ăn thì rau dưa sơ sài, vợ con làm việc như sai dịch, nhà cửa như chuông trống. Có người biếu tặng quà, nhất định không chịu nhận. Tuy không vì thế thành cao nhân, trong lòng cũng ghét kẻ bất nghĩa mà phú quý.

Ban đầu quốc gia mới đặt ra chế độ Cử phẩm, đều sai các quận tuyển đặt chức Trung chính, thứ tự từ Công khanh trở xuống, cho đến quan lang, ai có công đức tài năng đều được bổ dụng. Người đồng quận với Mậu là Hộ quân Hiệu úy Vương Diễm, lúc trước mấy lần làm Quận thú, không vì danh lợi làm quan thanh bạch. Mà con của Diễm là Gia làm quan trải chức tại các huyện, cũng là người thông hiểu sự lý. Gia bấy giờ lại về triều làm Tấn kỵ lang, người quận Phùng Dực dâng thư cử Gia làm Trung chính. Thứ bậc của Gia tuy ở trên Mậu, nhưng thể hiện rất nhún nhường, nói:

- Ta đức tốt nhưng thiếu năng lực.

Mậu lộ vẻ u uất nói:

- Than ôi, ta học đòi khăn mũ như cha con người để uy hiếp người ta sao!

Khi trước, người anh sinh đôi với Mậu là Hoàng, trong khoảng những năm Kiến An hai mươi từ chức Công phủ duyệt thăng làm Trường Lăng lệnh. Thời ấy điều luật cấm các Trường lại tự tiện rời sở quan, nhưng Hoàng nghe tin Tư đồ Triệu Ôn chết, tự cho rằng mình là thuộc lại cũ của Ôn, trái cấm lệnh đến chịu tang, bị Tư lệ là Chung Do bắt, xử tử. Mậu bấy giờ là kẻ áo vải, mới có thanh danh ở Tam Phụ, cho là anh mình vì theo việc nghĩa mà chết, oán giận không chịu khóc. Năm Kiến An mạt, Do tiến cử Mậu. Kẻ bàn luận cho là Mậu tất không tới nhận chức, lúc thư tiến cử đến nơi thì Mậu tới, cho nên người bấy giờ có kẻ cho là Mậu sợ Do, có người cho rằng Mậu là kẻ sĩ anh tuấn vậy.

Mộc Tịnh tự Đức Tín, người quận Hà Gian. Thừa nhỏ mồ côi khổ sở, lúc cha con Viên Thiệu chết, bắt đầu làm chức quan nhỏ có tiếng tăm. Tịnh có chí tiết, có lần qua nhà chị gái, chị gái giết gà nấu cơm thết đãi mà không ở lại. Nhưng Tịnh là người công bằng quyết đoán, không sợ cường quyền, được Thừa tướng triệu tạm cho làm Quân mưu duyệt. Năm Hoàng Sơ trung, làm Thành Cao lệnh. Hiệu sự là Lưu Triệu đi qua huyện, phái người gọi Huyện lại, đòi lương thực. Bấy giờ có nạn châu chấu và hạn hán, quan lại không được tiếp đãi nhau. Trong lúc chưa xét rõ tình hình, người

đi theo Triệu tiến vào cửa quan của Tịnh, la lối quát mắng quan lại. Tịnh giận, bèn xỏ giày cầm đao đi ra, nhiều quan quân đi theo, muốn bắt Triệu. Triệu phát giác ra khua ngựa chạy, đem hết thực trạng báo lên. Triều đình hạ chiếu thư nói:

"Triệu thân là Mục ti cai quản quan nha, mà Tịnh muốn bắt trói, không úy kỵ gì, là tự cậy vào thanh danh của mình sao?"

Bèn bắt lấy định giết. Sau Tịnh bị cắt tóc giảm án tử, chịu hình xong thì phục chức, từ đấy bị ruồng đuổi ở ngoài hơn chục năm. Đến năm Chính Thủy trung, Tịnh làm Tam phủ Trưởng sử. Thời ấy nước Ngô sai Chu Nhiên, Gia Cát Cẩn vây đánh Phàn Thành, phái quân thuyền đến phía đông Hiên Sơn chặt gỗ, binh lính người Tang Ca nấu ăn, người nấu xong trước gọi người nấu xong sau, nói:

- Cùng đến ăn đi thôi.

Người nấu xong sau đáp:

- Không.

Người gọi nói rằng:

- Mà muốn làm Mộc Đức Tín sao?

Danh tiếng của Tịnh lưu truyền, lan đến cõi xa như thế. Tuy nhiên người đến từ Hoa Hạ, kẻ không biết tên tự của Tịnh thì cho đó là tên người đời trước vậy.

Tịnh làm Trưởng sử tám năm, lúc tuổi cao mới ra làm Thái thú Tế Âm, được triệu về triều, bái làm Nghị lang. Năm hơn sáu mươi tuổi, tự nghĩ thân mình sống chết khó lường, làm sẵn di chúc, dặn con táng mình tiết kiệm, viết rằng:

"Truyền báo với bọn Vân, Nghi:

Theo lẽ, sự giáo dục ban đầu đối với con người ta là tiêu chuẩn đạo đức tối cao của trăm đời vậy. Cho nên người nỗ lực thực hành theo lẽ thì thành bậc quân tử, người không chuyên tâm theo lẽ nhất định thành kẻ tiểu nhân, nhưng đã không phải là thánh nhân thì chẳng ai có thể giữ cử chỉ hành vi đúng theo lẽ vậy. Thế nên người phú quý thì có cái lỗi kiêu xa, kẻ bần tiện thì bị chê là cố chấp bì lậu, vì thế người sống tiền táng

người chết, mới cầu thả làm điều trái lẽ. Từ đấy mà xét, thì Dương Hồ hạ táng dùng ngọc Dư phan,⁽¹⁾ xương cốt Quý Bình Tử phơi lộ, Hoàn Đồi tự làm quách đá, chẳng bằng chôn táng sơ sài.⁽²⁾ Đây là nói cái đạo lý căn bản của nho học là dẹp loạn khôi phục chính đạo, giống trống nấn sửa phong tục suy đồi, không phải là suy luận đến tận cùng, về sự biến hóa của việc bồi đắp giáo hóa vậy. Nếu suy xét được khởi nguồn và kết quả của sự vật, rằng trời đất là một khối, vạn vật như chó cỏ,⁽³⁾ bao quát thấu triệt cái lẽ tương thông của trời đất, truy tìm căn nguyên của hình ảnh, cùng cái gốc của họa phúc, hợp vận mệnh của việc sống chết làm một, thì ta đã có sự ái mộ với đạo rồi."

"Đạo là một loại sự vật, mờ mờ ảo ảo, sống là hồn phách nương vào thân thể, chết rồi như con vẹt nát xác là xong, thân mình phiêu diêu ở cõi hư vô, cùng với linh hồn tan biến, ngậm cười với biến hóa của tự nhiên, từ đâu đến, đến rồi đi, chỉ như giấc mộng. Sao phải dùng quan quách làm lao tù, lấy xiêm áo quấn quanh thân thể? Thân bị trói buộc dưới đất, chân tay bị gông cùm trong chỗ tối tăm, há chẳng xót sao!"

"Xưa kia Trang Chu khoát đạt, không nhất định là phải thế này hay thế khác; Dương Vương Tôn lỏa thể, biết rằng tắm thân không thể trường tồn.⁽⁴⁾ Cho đến thời mạt thế, người ta níu kéo sự sống oán sợ cái chết, bèn để người chết vào hòm cho ngậm ngọc châu, dùng ngọc đẹp làm

¹ Theo sách *Tả truyện*, *Định công ngũ niên*, Quý Bình Tử (季平子), là tông chủ của Quý tôn thị, một trong ba họ lớn danh giá nắm quyền hành ở nước Lỗ chết, Dương Hồ (阳虎), là gia thần của Quý Tôn thị đem ngọc Dư phan liệm táng theo, về sau mộ của Quý Bình Tử bị người ta đào dời lấy trộm ngọc, vứt hài cốt phơi lộ ngoài bãi tha ma.

² Hoàn Đồi (桓魋), có sách gọi là Hoàn Tuy, là đại quan của nước Tống thời Xuân Thu, là hậu duệ của Tống Hoàn công, giữ chức quan Tư mã. Theo *Lễ ký*, *Cung đàn thượng*, nói: Hoàn Đồi tự làm cái quách bằng đá cho mình, ba năm không xong. Không từ nói: "Nếu làm đẹp mà mất công như thế, chẳng bằng táng sơ sài còn hơn."

³ Trời đất là một khối, nhất quán, không thiên vị, không coi loài nào hơn loài nào, coi muôn vật như nhau, tùy không gian, thời gian và công dụng nhất thời mà có giá trị nhất định, như con chó cỏ (vật làm lễ tế) trước khi hành lễ thì được quý báu nâng niu, sau khi hành lễ bị vứt bỏ vì hết giá trị.

⁴ Dương Vương Tôn (杨王孙) là người thời Tây Hán, không tin thần thánh, lúc sắp chết, dặn bảo trai gái rằng chôn táng mình trần truồng, không phải quan quách áo quần gì cả.

giường, da voi làm chiếu, giết người để táng theo; ở trong huyết mộ, hông mềm lèn chặt, lót than vỏ sò, mong nghìn năm sau thi thể khô ráo, ước được thành thần tiên. Vì thế khi chính giáo suy đồi, người ta tranh nhau hậu táng, nói rằng hành vi của Trang tử phóng túng, cho là Vương Tôn phơi bày thi thể, há lại biết được ma quỷ thời xưa khoác áo cỏ, mà thịt thối ở ngoài đồng là của hồ ly sao?"

"Ta vốn tư chất hèn kém, ô uế chốn thanh lưu. Trước đây thẹn nhận quốc ân, nhiều lần được dùng làm trưởng quan, ở đâu cũng không có công tích, nhưng thay thợ mộc đẽo gỗ thì chỉ có hại, thật là tiến thoái lưỡng nan, không lấy gì rửa sạch nỗi thẹn thùng. Nếu như chẳng thể cưỡng cầu, các người hãy thuận theo mong muốn của ta."

"Ta nay đã hơn sáu mươi tuổi, sống chết khó lường, ví như có chết, hãy để thân thể ta theo cách táng của Vương Tôn thôi. Trên mong chuộc cái tội trốn lánh nơi ngô chợ, dưới được gần gũi với linh hồn của tổ tiên theo đạo hóa. Ta nghĩ bọn bay nhỏ tuổi hồ đồ, chưa biết xét tốt xấu, nếu ganh đua theo thói tục, vứt bỏ chí nguyện của ta, chạy theo tình thương mến lệch lạc, vị tất đã được xem là hiếu; nếu làm trái với quyết định hay vào lúc sáng suốt của Ngụy Vũ Tử, là bọn bay làm trái mệnh của cha, ai sẽ đồng tình đây!⁽¹⁾ Nếu người chết mà biết được, ta sẽ xem xét hành vi của bọn bay."

Năm Gia Bình trung, Tịnh bị bệnh nặng. Lúc sắp khốn, lại lệnh đào sẵn hố chôn. Dặn rằng lúc mình dứt khí, sai hai người đem thi thể chôn vào trong hố, cấm tuyệt tiếng khóc than, chỉ cho phụ nữ đưa táng, cấm chỉ tân khách điếu tế, không bày đồ gồm đựng thóc gạo để cúng tế. Lại dặn sau khi mình chết thì không được làm lễ hạ táng, không được đắp đất trồng cây trên mộ. Vợ con đều vâng theo.

Thời Miêu tự Đức Trụ, người quận Cự Lộc. Thời trẻ thanh bạch, là người ghét ác như thù. Năm Kiến An trung, được triệu vào phủ Thừa tướng. Sau ra làm Thọ Xuân lệnh, chỉ lệnh truyền phai đi ngày. Sở trị của Dương châu tại huyện ấy, bấy giờ Tương Tế làm

¹ Ngụy Vũ Tử, tức Ngụy Thủ (魏曄), người nước Tấn, là cha của Ngụy Khoa. Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 138 (Chung Do truyện).

Trị trung. Miêu vì mới đến nhận chức bèn qua yết kiến Tế, Tế vốn ham rượu, vừa mới uống say, không ra gặp Miêu được. Miêu oán hận quay về, khắc gỗ thành hình người, bên trên đề chữ "Tử đồ Tường Tế", để dưới chân tường, sớm tối bấn tên vào tượng ấy. Quan châu quận tuy biết việc mà Miêu làm là không cung kính, nhưng vì đức hạnh và hành vi của Miêu hơn người, nên không biết phải làm sao.

Lại nói Miêu mới đến nhận chức, cưỡi xe nhỏ, dùng trâu kéo, đeo túi bằng vải bố. Giữ chức hơn năm, trâu sinh được một con nghé. Lúc rời sở quan, Miêu để con nghé lại, bảo Chủ bộ rằng:

- Lúc ta đến đây thì không có con nghé này, con nghé này sinh ra là của Hoài Nam vậy.

Các quan nói:

- Lục súc không biết cha của nó, tự nhiên sẽ theo mẹ.

Miêu không nghe, người bấy giờ đều cho là quá khích, nhưng cũng vì thế mà Miêu nổi danh thiên hạ.

Miêu về triều làm Thái quan lệnh, kiêm lĩnh chức Trung chính của quận ấy, định xét Cửu phẩm, với việc sắp xếp nhân tài thì không rộng rãi, nhưng nhớ cái lỗi của người ta, việc đã qua lâu vẫn để bụng không quên. Ví như Tường Tế bị Miêu phản hận, sau này Tế làm quan đến chức Thái úy, chẳng vì Miêu trước đây hủy báng mình mà thù hận, Miêu cũng chẳng vì Tế tôn quý mà chịu cúi mình. Miêu làm chức Lệnh mấy năm, không nghiêm mà dân trị. Sau đó được thăng làm Điển nông Trung lang tướng. Năm hơn bảy mươi tuổi, là năm Chính Thủy trung bị bệnh chết.

Dương Tuấn tự Quý Tài, người quận Hà Nội huyện Hoạch Gia. Tuấn theo học Biên Nhung người quận Trần Lưu, Nhung rất kính trọng Tuấn. Tuấn thấy binh đao loạn lạc đang nổi lên, mà Hà Nội có đường thông suốt tứ phía, tất là nơi chiến địa, bèn dắt díu già trẻ đến ở chỗ núi non giữa Kinh đô và huyện Mật, có hơn trăm gia đình đi cùng. Tuấn cứu tế cho

người nghèo khổ thiếu thốn, người không kẻ có hưởng chung. Vì có sáu gia đình trong tông tộc nhà Tuấn bị người ta cướp bắt làm nô bộc, Tuấn dốc hết gia tài chuộc họ về.

Thời Tư Mã Tuyên vương mười sáu, mười bảy tuổi, cùng Tuấn tương ngộ, Tuấn nói:

- Đây là người phi thường vậy.

Lại nữa là Tư Mã Lăng sớm có thanh danh, huynh trưởng trong họ ấy là Chi, mọi người chưa biết đến, duy có Tuấn nói rằng:

- Chi dẫu danh vọng trước nay chẳng bằng được Lăng, xét về sự thực thì hơn hẳn vậy.

Tuấn chuyển đến trốn tránh ở Tinh châu. Có người ở bản quận là Vương Tượng, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, làm nô bộc cho người ta, năm mười bảy mười tám tuổi, bị người ta sai đi chăn dê nhưng lại ngồi riêng một chỗ đọc sách, vì thế bị đánh đòn. Tuấn khen là Tượng có khí chất, lập tức đem tiền chuộc Tượng về nhà mình, lấy vợ và xây nhà cho, rồi sau cho ở riêng.

Thái tổ phong Tuấn làm trưởng huyện Khúc Lương, sau về triều làm Thừa tướng duyên thuộc, được tiến cử Mậu tài, phong làm An Lăng lệnh, rồi thăng làm Thái thú Nam Dương. Tuấn tuyên dương đức giáo, dựng trường học, được quan dân xưng tụng. Không lâu được chuyển làm Chinh nam Quân sư.

Nước Ngụy kiến lập, thăng Tuấn làm Trung úy. Thái tổ đi đánh Hán Trung, Ngụy Phúng phản ở huyện Nghiệp. Tuấn đến sở quan tự hặc tội mình. Tuấn vì mới nhận chức được miễn tội, bèn viết thư từ chức gửi Thái tử. Thái tổ không hài lòng, nói:

- Dương trung úy thiện tiện bỏ chức, sao chí khí cao xa quá vậy?

Bèn hạ chiếu thư giáng Tuấn làm Thái thú Bình Nguyên. Văn đế lên ngôi, lại cho Tuấn làm Thái thú Nam Dương.

Thời Vương Tượng làm Tán kỵ thường thị, tiến cử Tuấn rằng:

"Thần cúi xét Thái thú Nam Dương là Dương Tuấn, giữ lòng thuần khiết, khí chất tốt đẹp, hành vi trung tín nghiêm nghị, rộng rãi bao dung, lòng nhân đủ dưỡng vạn vật, chí thành đủ cảm chúng nhân, diu dặt hậu sinh, dạy dỗ bảo ban không biết mệt, ngoài mặt khoan hòa trong lòng ngay thẳng, nhân ái mà dứt khoát. Từ lúc mới ra làm quan, đến đâu cũng thi hành giáo hóa, lại về giữ chức Thái thú Nam Dương, ân đức lưu truyền, người ở lân bang khác đảng, công dụ con nhau mà đến. Nay trong cõi thanh tĩnh, chẳng ai không ra sức thi triển tài năng, nên cho Tuấn về lại bản triều để gắng sức nơi kinh sư, phát dương công nghiệp cho Hoàng đế."

Tuấn từ trẻ đến lớn, xem việc giữ đạo nhân luân là trách nhiệm của mình. Người đồng quận là Thẩm Cố, người quận Trần Lưu là Vệ Tuân vốn đều xuất thân từ binh ngũ, Tuấn đề bạt khích lệ họ, đều thành quan lại ưu tú; về sau Cố trải chức Quận thú, Tuân làm Ngự sử, huyện lệnh, gương sáng về việc hành nghĩa của Tuấn đại loại là như thế.

Khi trước, Lâm Truy hầu là Thực cùng Tuấn giao hảo, Thái tổ còn chưa định ngôi đích tự, bí mật dò ý của các quan. Tuấn dù luận về tài năng của Văn đế và Lâm Truy là ngang nhau, phân tích mỗi bên đều có sở trường, chẳng có ý nói ai thích hợp với ngôi vị, nhưng xưng tụng Lâm Truy là cao đẹp, Văn đế thường vì việc ấy mà cảm hận. Năm Hoàng Sơ thứ ba, xa giá đến huyện Uyển, cho là chợ trong thành không phong túc, Đế nổi giận sai bắt giữ Tuấn. Thượng thư bộc xạ là Tư Mã Tuyên vương, Thường thị là Vương Tượng, Tuân Vĩ xin cho Tuấn, khấu đầu đến chảy máu, Đế không nghe. Tuấn nói:

- Ta biết tội của mình rồi.

Bèn tự sát. Mọi người đều thương Tuấn bị oan.①

① *Thế ngữ* chép: Hai người cháu của Tuấn: Lâm tự Công Chất, làm Thái thú Nhữ Âm; Y tự Công Ngạn, làm Thượng thư; là cậu

của Đông Hải vương triều Tấn Tư Mã Việt vậy. Con của Lãm là Thẩm, tự Tuyên Hoàng, làm Tấn kỵ thường thị.

Ngụy lược chép: Vương Tượng tự Hi Bá. Được Tuấn biết đến rồi đề bạt lên, quả nhiên là người tài trí.

Năm Kiến An trung, Tượng và người đồng quận là Tuân Vĩ đều được Thái tử nước Ngụy lấy lễ tiếp đãi. Sau khi bọn Vương Sán, Trần Lâm, Nguyễn Vũ, Lộ Túy chết, mới thi thố được khả năng, chỉ có Tượng là tài hoa nhất. Nhà Ngụy có thiên hạ, bái Tượng làm Tấn kỵ thị lang, rồi thăng lên Thường thị, phong tước Liệt hầu.

Tượng vâng chiếu chỉ soạn sách *Hoàng lãm*, Đế sai Tượng lĩnh chức Bí thư giám. Tượng từ năm Diên Khang nguyên niên mới soạn sách, mấy năm thì soạn xong, chứa ở Bí phủ, gộp cả lại là hơn bốn mươi bộ, mỗi bộ mấy chục thiên, tổng cộng hơn tám trăm vạn chữ.

Tượng bàn tính độ lượng nhân hậu, lại thêm văn chương tài hoa, ôn hòa nhã nhặn, vì thế người ở kinh sư khen ngợi, khen là bậc Nho tông.

Xa giá tuần du phương nam, còn chưa đến huyện Uyển, Đế hạ chiếu thư nói rằng trăm quan không được can dự vào việc của quận huyện. Lúc xa giá đến nơi, nhưng Uyển lệnh không hiểu ý chiếu thư, thành trì chợ búa đều đóng cửa.⁽¹⁾ Đế nghe tin, phần nộ nói:

- Ta là giặc cướp sao?

Bèn bắt Uyển lệnh cùng Thái thú Dương Tuấn.

Đế hạ chiếu hỏi Thượng thư:

- Hán Minh đế giết bao nhiêu quan Nhị thiên thạch?

¹ Vua đi tuần thú, các thành theo lệ phải đóng cửa để giữ an toàn cho vua, nhưng Văn đế hạ chiếu chỉ lệnh cho trăm quan không can dự vào việc dân sinh, mục đích là để xét đời sống của muôn dân. Huyện Uyển không biết chiếu chỉ, thực hiện theo phép, Văn đế cho rằng Huyện lệnh kháng chỉ, vì thế tức giận, sai bắt Huyện lệnh và Thái thú của quận đó xét tội. Chính văn của Trần Thọ nói là “chợ búa không phong túc”, xét ra cùng ý.

Bấy giờ Tượng thấy chiếu văn, biết Tuấn tất không thoát được. Bèn hướng lên phía Đế khấu đầu, máu chảy đầy mặt, cầu xin giảm tội của Tuấn xuống một bậc. Đế không đáp lời, định quay vào trong trướng. Tượng kéo áo Đế, Đế ngoái lại bảo Tượng rằng:

- Ta biết rõ đầu đuôi chuyện giữa Dương Tuấn và ngài rồi. Nay nghe theo lời ngài, thì không có ta vậy. Ngài muốn không có Tuấn? hay là không có ta nhỉ?

Tượng thấy Đế nói cương quyết, bèn buông tay ra. Đế liền đi vào, quyết tội Tuấn xong, Đế mới ra ngoài. Tượng tự hận rằng chẳng cứu được Tuấn, vì thế phát bệnh mà chết.

Đỗ Tập tự Tử Tự, người quận Dĩnh Xuyên huyện Định Lăng. Cụ nội của Tập là An, ông nội của Tập là Căn, nổi danh ở triều trước.^①

Tập đi tránh loạn ở Kinh châu, Lưu Biểu dùng lễ thượng tân đối đãi. Người đồng quận là Phồn Khâm mấy lần gặp tỏ cái tài của mình với Biểu, Tập bảo Khâm rằng:

- Ta sở dĩ cùng ngài đến đây, chỉ muốn như rồng cuộn chốn đầm sâu, đợi thời bay liệng. Lẽ đâu ngài cho rằng Lưu mục xứng là vị chúa dẹp loạn, mà tính kế gửi thân lâu dài sao? Ngài nếu như không dừng việc tỏ tài năng của mình, thì không phải là bằng hữu của ta vậy. Ta với ngài tuyệt giao thôi!

Khâm bùi ngùi nói:

- Xin kính vâng mệnh ngài.

Tập bèn xuôi nam đến Trường Sa.

^① *Tiên hiền hành trạng truyện* chép: Năm An mười tuổi, vang danh ở xóm làng. Đến năm mười ba tuổi, vào nhà Thái học, hiệu là "Thần đồng." Đã có tiếng là biết người, lại thanh cao thoát tục. Lạc Dương lệnh là Chu Hu mấy lần đợi gặp An, An thường trốn lánh không gặp.

Thời bấy giờ giới quý thích kính mộ đức hạnh cao khiết của An, nhiều người gửi thư đến, An không bao giờ mở ra, vì lo hậu họa, thường đục vách tường giấu thư đi. Về sau những người gửi thư quả nhiên mắc trọng tội, Hữu ti truy bắt những kẻ liên quan, kẻ lại đến nhà, An bèn mở vách trình thư ra, phong ấn vẫn nguyên như cũ, người đương thời đều khen là An lo tính sâu xa. Tam phủ cùng trung triệu, phái công xa đặc biệt đến đón, bái làm Uyển lệnh.

Trước đây có người ở huyện Uyển báo cừ, Huyện lệnh huyện ấy không nỡ xử theo luật, cùng bỏ trốn với nhau. Cường hào trong huyện có kẻ mách chỗ họ trốn náu, quân đến bắt họ. An rất ghét kẻ kia, đến sở quan quyết tội giết hẩn, phơi thây ở ngõ chợ. Sở hữu ti hặc tội, vì thế tự từ chức. Về sau An lại được triệu bái làm Thái thú Ba Quận, tự mình làm gương cho kẻ dưới, dùng lễ nghĩa giáo hóa phong tục.

An vì mắc bệnh chết ở sở quan, dùng thường phục liệm táng, áo quan để mộc không sơn vẽ, con cái tự đi theo xe. Châu quận cho là hiền, dâng biểu chương xin đắp mộ phần.

Căn được xét cử Hiếu liêm, phong làm Lang trung.

Thời ấy Đặng thái hậu của Hán Hòa đế cai quản triều chính, ngoại thích hoành hành, lúc An đã lớn tuổi, vẫn chưa trao trả quyền chính. Căn bèn cùng các quan lang đương thời dâng thư can gián, Đặng thái hậu giận, bắt bọn Căn khép tội. Khép tội xong đều bọc vào trong túi lụa đặt ở trước điện dùng gậy đánh. Chấp pháp thấy Căn đức trọng phụng sự việc công, ngầm dặn bảo kẻ hành hình, khiến hẩn không ra sức đánh. Phạt tội xong, dùng xe chở ra ngoài thành, Căn vì bị đánh nhẹ ngất đi rồi sống lại, bèn nhắm mắt bất động. Qua ba ngày mới bí mật dậy bỏ trốn, làm khách trọ trong một quán rượu ở núi Nghi Thành, qua mười lăm năm, chủ quán biết Căn là người hiền, thường cung kính hậu đãi.

Đặng thái hậu băng hà, An để cho là Căn chết đã lâu. Vì bọn Căn trung thực, An để bố cáo thiên hạ, tìm kiếm bổ dụng con cháu những người bị giết. Căn bèn tự đến, công xa trung triệu, trao phù tiết lệnh.

Có người hỏi Căn:

- Ngày trước ngài gặp nạn, người cùng chí hướng là tri kỷ với ngài trong thiên hạ vốn không ít, làm sao phải tự mình chịu khổ nhiều năm như thế?

Căn đáp rằng:

- Đi khắp nhân gian, cũng không thể xóa được vết tích. Chẳng may bị lộ ra, họa đến người thân và tri kỷ, cho nên ta chẳng làm vậy.

Căn được thăng làm Thái thú Tế Âm, luôn lấy đức nhún nhường xử lý chính sự, phong tục thay đổi. Năm Căn bảy mươi tám tuổi được chết lành, áo quan để mộc không sơn vẽ, liệm táng dùng thường phục. Trưởng lại khi đến nhận chức, thường đến cúng tế ở mộ của An và Căn trước.

Năm Kiến An sơ, Thái tổ nghênh đón Thiên tử định đô ở huyện Hứa. Tập trốn về quê quán, Thái tổ dùng Tập làm Trưởng huyện Tây Ngạc.

Cõi nam của huyện, giặc cướp tung hoành. Đương thời các Trưởng lại trong quận đều gom dân bảo vệ thành quách, không chú tâm đến nghề nông. Ruộng hoang dân khốn, kho vừa rỗng không. Tập tự muốn gieo ân huệ với dân, bèn phái người già yếu đều chia nhau đi gieo trồng, giữ kẻ đình trướng tăng cường phòng giữ, quan dân vui mừng. Gặp lúc Kinh châu xuất quân bộ kỵ vạn người đến đánh thành, Tập bèn triệu hết quan dân gánh việc chống giữ ở trong huyện được hơn năm mươi người, cùng họ thề ước. Người thân thích của họ ở bên ngoài muốn tự giúp đỡ người nhà, nguyện theo lệnh điều phát của Tập; đều khấu đầu xin liều chết. Vì thế Tập thân mang tên đạn, đốc suất mọi người hợp sức. Quan dân cảm ân đức, đều dốc sức theo mệnh. Lâm trận chém được mấy trăm thủ cấp, nhưng bộ chúng của Tập chết mất hơn ba chục người, số còn lại có mười tám người bị thương, giặc vào được thành. Tập thống suất quan dân

bị thương phá vỡ vòng vây thoát ra được, bị chết gần hết, nhưng không có ai phản bội. Tập bèn thu thập số dân tan tác, dò đến Ma Pha hạ trại, quan dân ngưỡng mộ Tập, lại theo đến như về nhà.^①

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Năm Kiến An thứ sáu, Lưu Biểu đánh huyện Tây Ngạc, Trường huyện Tây Ngạc là Đỗ Tập tự đốc suất nam nữ trong huyện giữ thành cố thủ. Bấy giờ Công tào của Nam Dương là Bách Hiếu Trường cũng ở trong thành, nghe âm thanh quân lính tiến đánh, rất sợ hãi, chạy vào nhà đóng cửa, kéo áo trùm kín đầu. Đánh nhau nửa ngày mới dám lộ mặt. Sáng hôm sau, đứng ở bên cửa mà lắng nghe. Qua hai ngày mới ra ngoài cửa ngóng tin tức. Đến bốn, năm ngày sau mới dám cầm thuẫn bài đích thân tham gia chiến đấu, nói với Từ Tự rằng:

- Cái dũng có thể học được vậy.

Tư lệ Chung Do dâng biểu bái Tập làm Nghị lang tham dự việc quân. Tuân Úc lại tiến cử Tập, Thái tổ dùng làm Thừa tướng Quân tế tửu.

Nước Ngụy đã dựng, Tập làm Thị trung, cùng Vương Sán, Hòa Hiệp đồng thời được bổ dụng. Sán học rộng nhớ dai, cho nên khi Thái tổ xuất du, nhiều lần cho đi cùng xe, đến mức được Thái tổ kính trọng chứ không như Hiệp và Tập. Tập từng có lần được Thái tổ triệu gặp riêng, đến tận nửa đêm. Sán bản tính hiếu thắng nóng nảy, rời chỗ ngồi đứng dậy nói:

- Chẳng biết là Công triệu Đỗ Tập nói những gì?

Hiệp cười đáp rằng:

- Việc thiên hạ há có ai biết hết được? Ngài hầu hạ Thừa tướng ban ngày là được rồi, áy náy đến thế, là muốn thấu tóm hết các việc sao?

Về sau Tập lĩnh chức Thừa tướng trưởng sử, theo Thái tổ đến Hán Trung dẹp Trương Lỗ. Thái tổ quay về, bái Tập làm Phò

mã đô úy, lưu lại đốc việc quân ở Hán Trung. Tập khuyên nhủ vỗ về, trăm họ tự vui lòng dời về Lạc Dương, Nghiệp Thành, có đến hơn tám vạn khẩu.

Hạ Hầu Uyên bị Lưu Bị giết, trong quân mất nguyên soái, tướng sĩ đều thất sắc. Tập cùng Trương Cáp, Quách Hoài thu nhặt chinh đồn quân đội, quyền nghi tạm cử Cáp làm Đô đốc, để thống nhất lòng quân, ba quân mới yên định. Thái tổ đông chinh trở về, chuẩn bị chọn tuyển Trường sử lưu lại phủ Thừa tướng, trấn thủ Trường An, quan nắm việc tuyển cử đề cử nhiều người không thích hợp, Thái tổ lệnh rằng:

- Bỏ ngựa ký ngựa kỳ không cưới, lại vội vội vàng vàng đến nơi khác tìm kiếm là sao?

Bèn dùng Tập làm Trường sử lưu phủ, đóng giữ Quan Trung.

Bấy giờ tướng quân Hứa Du nắm bộ khúc, không phục tùng Thái tổ lại có lời ngạo mạn. Thái tổ cả giận, ban đầu muốn đến đánh dẹp. Quần thần nhiều người can:

- Nên chiêu vò phủ dụ Du, cùng đánh dẹp cường địch.

Thái tổ đặt ngang thanh đao trên đùi, sắc mặt tỏ ý không nghe. Tập vào muốn can, Thái tổ chặn lời bảo Tập rằng:

- Kế của ta đã định, khanh chớ nói gì nữa.

Tập nói:

- Nếu kế của Điện hạ là đúng, thần sẽ giúp Điện hạ nên việc; nếu kế của Điện hạ chưa chính xác, dẫu quyết định rồi cũng nên sửa đổi vậy. Điện hạ chặn lời thần, lệnh chớ có nói, sao không để thần được bày tỏ ý mình?

Thái tổ nói:

- Hứa Du khinh nhờn ta, nên xử trí thế nào đây?

Tập nói:

- Điện hạ cho Hứa Du là người thế nào?

Thái tổ nói:

- Là kẻ phàm thường vậy.

Tập nói:

- Chỉ có hiền tài mới biết hiền tài, chỉ có thánh nhân mới biết thánh nhân, kẻ phàm sao có thể biết người phi phàm được? Nay sai lang đi trên đường mà đánh hồ ly trước, người ta sẽ bảo rằng Điện hạ tránh mạnh đánh yếu, tiến chẳng phải là dũng, lui chẳng phải là nhân. Thần nghe nói cung nỏ sức bắn nghìn cân chẳng vì chuột nhất mà phát động, chuông đình nặng vạn thạch chẳng vì cọng cỏ nhỏ mà nổi thanh âm, nay Hứa Du là kẻ mọn mọn, sao đủ khiến Điện hạ phải lao nhọc tài thần vũ nhi?

Thái tổ nói:

- Rất hay.

Bèn hậu đãi phủ dụ Du, Du lập tức quy phục.

Thời ấy Hạ Hầu Thượng thân mật khăng khít với Thái tử, tìm cảm rất thấm thiết. Tập cho rằng Thượng không phải là bạn hữu ích, không xứng được đối đãi đặc biệt, đem việc báo lên Thái tổ. Văn đế ban đầu rất không hài lòng, sau mới suy nghĩ lại. Việc nói ở *Hạ Hầu Thượng truyện*. Tập mềm mỏng mà không mạo phạm, đại loại đều như thế vậy.

Văn đế tức vương vị, ban cho Tập tước Quan nội hầu. Lúc lên ngôi, lấy Tập làm Đốc quân lương ngự sử, phong tước Vũ Bình đình hầu, lại đổi làm Đốc quân lương chấp pháp, rồi vào triều làm Thượng thư. Minh đế tức vị, tấn phong Tập làm Bình Dương hương hầu.

Gia Cát Lượng tiến ra Tần Xuyên, Đại tướng quân là Tào Chân đốc chư quân cự Lượng, Đế chuyển Tập làm Quân sư cho Đại tướng quân, chia một trăm hộ thực ấp ban cho anh của Tập là Cơ tước Quan nội hầu.

Chân chết, Tư Mã Tuyên vương thay chức, Tập lại làm Quân sư, được tăng thực ấp ba trăm hộ, cộng cả lúc trước là năm trăm năm mươi hộ.

Tập vì mắc bệnh được triệu về, bái làm Thái trung đại phu. Tập chết, được truy tặng chức Thiếu phủ, ban thụy là Định hầu. Con của Tập là Hội nối tự.

Triệu Nghiễm tự Bá Nhiên, người quận Dĩnh Xuyên huyện Dương Dịch. Nghiễm đi tránh loạn ở Kinh châu, cùng Đỗ Tập, Phồn Khâm chung của cải cùng sinh hoạt, hợp thành một nhà.

Thái tổ mới đón Hiến để định đô ở huyện Hứa, Nghiễm bảo Khâm rằng:

- Tào Trăn đông ứng thuận thời thế, tất cứu giúp được Hoa Hạ, ta biết chỗ theo về rồi.

Năm Kiến An thứ hai, Nghiễm hai mươi bảy tuổi, bèn nâng dất già trẻ đến chỗ Thái tổ, Thái tổ dùng Nghiễm làm Trưởng huyện Lăng Lăng.

Trong huyện có rất nhiều kẻ giao hoạt, không úy kỵ ai. Nghiễm chọn lựa ra những kẻ cứng đầu nhất, bắt trói xét rõ chứng cứ, đều phán định tội chết. Nghiễm đã giam tù bọn chúng, lại dâng biểu lên phủ quan xin tha, từ đấy ân uy đều nổi rõ.

Bấy giờ Viên Thiệu cử binh xuôi nam xâm phạm, phái sứ giả chiêu dụ các quận của Dự châu, các quận đa phần vâng mệnh của Thiệu. Duy có quận Dương An là không lay động, nhưng Đô úy là Lý Thông vội biên chép hộ khẩu trưng thu thuế. Nghiễm gặp Thông nói:

- Hiện nay thiên hạ chưa yên, các quận đều phản, người có lòng theo về lại thu thuế khóa của họ, kẻ tiểu nhân thích loạn, có thể

không di hận sao! Và lại người xa gần đa phần lo họa, chẳng nên không xét kỹ vậy.

Thông nói:

- Thiệu cùng Đại tướng quân cầm giữ nhau rất gắt, các quận huyện ở xung quanh bội phản như thế. Nếu thuế khóa không đưa đến, kẻ tai mắt tất cho là chúng ta đứng ngấm xem, có ý chờ đợi vậy.

Nghiêm nói:

- Thực cũng như điều ngài lo tính; nhưng nên quyền biến cân nhắc nặng nhẹ, tạm hoãn trưng thu, ta sẽ giúp ngài cởi bỏ mối lo này.

Bèn gửi thư cho Tuân Úc nói:

"Hiện nay quận Dương An đáng phải đưa thuế đến, nhưng đường đi gian hiểm, tất dự định đến nhiều hại. Trăm họ cùng khốn, các thành lân bang đều phản, dễ dẫn đến nghiêng lật, đây là cái cơ an nguy của một phương vậy. Và lại người quận này giữ tiết trung trinh, ở chỗ nguy nan chẳng hai lòng. Làm điều thiện nhỏ tất có tưởng thưởng, là khuyến khích người ta làm việc nghĩa. Người khéo trị quốc, giấu sự giàu có trong dân. Ta cho rằng quốc gia nên thương xót vỗ về dân, số thuế khóa đã trưng thu, đều nên đem trả lại cho họ."

Úc đáp thư rằng:

"Ta sẽ bắt ngay với Tào công, công văn xuống đến quận, toàn bộ thuế khóa tất sẽ hoàn lại cho dân."

Trên dưới đều hoan hỉ, trong quận bèn yên.

Nghiêm về triều làm Tư không duyện thuộc Chủ bộ.①

Thời ấy Vu Cấm đóng trại ở Dĩnh Âm, Nhạc Tiến đóng quân ở Dương Địch, Trương Liêu trú quân ở Trường Xá, chư tướng làm việc theo ý mình, đa phần không hòa hợp cộng tác với nhau; Thái tổ sai Nghiêm tham dự việc của ba cánh quân, mỗi

khi gặp việc lại khuyến dụ giảng giải, vì thế các tướng hòa mục thân thiện.

Thái tổ đi đánh Kinh châu, lấy Nghiễm kiêm chức Thái thú Chương Lăng, rồi chuyển làm Đô đốc hộ quân, giám hộ bảy lộ quân của Vu Cấm, Trương Liêu, Trương Cáp, Chu Linh, Lý Điển, Lộ Chiêu, Phùng Giai. Sau lại làm Chủ bộ của Thừa tướng, thăng làm Thái thú Phù Phong.

Thái tổ điều phát hơn năm nghìn quân cũ của bọn Hàn Toại, Mã Siêu, sai bọn Bình nan tướng quân là Ân Thục đốc lĩnh, lấy Nghiễm làm Quan Trung hộ quân, thống lĩnh hết chư quân. Rợ Khương mấy lần vào cướp gây hại, Nghiễm thống lĩnh bọn Ân Thục truy đuổi đến quận Tân Bình, đại phá chúng. Có người khách là Lã Tịnh mộ dân cày tự xưng là tướng quân, tụ đảng chiếm cứ Trần Thương, Nghiễm lại thống suất bọn Thục đến đánh, giặc bị diệt tức thì.

① *Ngụy lược* chép: Thái tổ lên bắc cự Viên Thiệu, thời bấy giờ xa gần chẳng ai không gửi thư riêng hứa hẹn, có ý thông đồng với Thiệu. Nghiễm và Lĩnh Thái thú Dương An là Lý Thông cùng trị quận, Thông cũng muốn phái sứ đi. Nghiễm vì Thông bày kể cái lý tất bại của Thiệu, Thông mới dừng lại. Lúc Thiệu thua chạy, Thái tổ sai người tìm xét giấy má trong nhà Thiệu, duy không thấy thư sớ của Thông, ngầm biết tất là chủ ý của Nghiễm, bèn nói:

- Đây nhất định là Triệu Bá Nhiên can vậy.

Thần Tùng Chi xét *Ngụy Vũ đế ký*: Sau khi phá Thiệu, bắt được thư từ của người ta ở trong quân tại huyện Hứa, đều đốt đi. Nếu cố sai người tìm xét, để biết người ta có thư từ hay không, thì không phải là cách để yên lòng người vậy. Ngờ rằng lời này là không đúng.

Bấy giờ Nghiễm nhận chiếu thư sai đem một nghìn hai trăm binh qua giúp giữ Hán Trung, Nghiễm sai Thục đốc trách đưa quân đi. Binh lính phải đi cùng người nhà chia biệt, đều có sắc

lo buồn. Thự xuất phát được một ngày, Nghiễm lo quân sinh biến, bèn tự mình đuổi theo đến Tà Cốc khẩu, úy lạo từng người, lại dẫn dò Thự kỹ lưỡng. Xong quay về nghỉ ở nhà Thứ sư Ung châu là Trương Ký. Quân của Thự lại tiến được bốn chục dặm, binh sĩ quả nhiên phản loạn, chưa biết Thự lãnh dữ thế nào. Mà năm trăm quân bộ kỵ đi theo Nghiễm, đều cùng bộ khúc với quân phản loạn, có người quan hệ là thông gia, nghe tin ấy đều kinh hoàng, mặc giáp cầm binh khí, chẳng tự yên được. Nghiễm muốn quay lại, bèn Ký cho rằng:

- Hiện nay binh sĩ trong doanh trại đã nhiều loạn, chỉ một mình ngài đến đó là vô ích, nên đợi tin tức chính xác.

Nghiễm nói:

- Dẫu ngờ binh sĩ bản doanh đồng mưu cùng phản loạn, ta nhất thiết phải nghe được tin biến loạn của quân sĩ ra đi, thì mới sai phái quân được. Thêm nữa có người không muốn phản loạn nhưng chẳng thể tự quyết định, ta nên nhân lúc họ do dự, gấp rút vỗ yên họ. Vả lại kẻ làm chủ soái, đã chẳng thể vỗ yên quân, bản thân chịu họa nạn, là mệnh vậy.

Bèn đi. Đi được ba chục dặm thì dừng, xuống ngựa nghỉ, gọi hết những người đi theo, bảo rõ chuyện thành bại, úy lạo khuyến khích rất khẩn thiết. Chúng đều khảng khái nói:

- Sống chết xin theo Hộ quân, không dám hai lòng.

Rồi tiến đến các doanh, đều triệu tập kiểm xét những kẻ cấu kết làm bậy được hơn tám trăm người, phân tán ở ngoài cánh đồng, Nghiễm chỉ bắt kẻ đầu sỏ là chủ mưu trong số họ trị tội, số còn lại nhất nhất không hỏi đến. Các quân sĩ bị quận huyện bắt đưa đến, đều sai thả ra, vì thế quân sĩ theo nhau quay về hàng.

Nghiễm ngầm dâng thư bẩm rằng:

"Nên phái đại tướng đến đại doanh, xin đem cựu binh đến trấn thủ Quan Trung."

Thái tổ phái tướng quân Lưu Tru đem theo hai nghìn người, đang đợi quân lính đến đủ mới xử trí, nhưng việc lộ, các doanh trại cả kinh, không thể phủ dụ được.

Nghiêm bảo chư tướng rằng:

- Binh cũ vốn ít, quân phương đông chưa đến, vì thế quân ở các doanh trại mưu đồ làm bậy. Nếu gây thành biến loạn, là nguy hiểm khó lường. Nhân lúc họ hồ nghi, nên sớm quyết định.

Bèn tuyên bố là vâng lệnh trên lưu lại một nghìn tân binh già lão trung hậu để trấn thủ Quan Trung, số còn lại đều phái sang đông. Nghiễm liền gặp chủ quản, kê biên danh sách binh lính ở các doanh, cân nhắc nặng nhẹ, phân biệt rõ ràng. Số binh sĩ được lưu lại bèn yên định, cùng với Nghiễm đồng lòng. Binh sĩ phải đi trận cũng không dám vọng động, Nghiễm trong ngày phái hết họ lên đường, nhân đó đem một nghìn người lưu lại, phân bố trong các doanh. Binh phía đông kịp đến, lại bức dụ họ, chuyển cả một nghìn người, lệnh cùng sang phía đông, tổng cộng số người đi sang đông là hơn hai vạn khẩu.^①

① Tôn Thịnh nói: Thịnh nghe nói trị quốc dùng lễ, dân không tin chẳng dựng nổi nghiệp. Chu Thành không quên lời nói về cây ngô đồng,⁽¹⁾ Tấn Văn chẳng trái lời thề đánh đất Nguyên,⁽²⁾ cho nên có thể hưng đạo nghĩa bỏ dùng hình phạt, gây dựng cái công phù giúp trọn vẹn. Nghiễm đã trí trá lừa một nghìn người ở lại, khiến họ dốc lòng ra sức báo đáp, dẫu là quyền biến lúc đầu, cũng nên giữ tín đến cùng. Binh uy đã thành, mà lại bức bách dời chuyển họ. Tín nghĩa đã mất rồi, lấy gì để trị dân?

¹ Chu Thành vương bẻ lá ngô đồng, phong cho em làm vua ở đất Đường: Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 186 (Vương Lăng, Vương Túc truyện).

² Tấn Văn công vây đánh đất Nguyên, lệnh cho quân sĩ mang theo lương ăn ba ngày, ba ngày sau không hạ được thành, Tấn công hạ lệnh lui quân. Mưu sĩ nói: “Tướng đất Nguyên sắp hàng rồi, nên cho quân đợi hai ngày nữa thôi.” Tấn Văn công nói: “Tín, là báu vật của nước, được Nguyên mà mất báu vật, ta không làm vậy.”

Quan Vũ vây Chinh nam tướng quân Tào Nhân ở Phàn Thành. Nghiễm lấy thân phận Nghị lang xuôi nam tham dự việc quân của Nhân, cùng Bình khẩu tướng quân Từ Hoảng đều tiến. Đến nơi, Vũ vây Nhân càng chặt, quân cứu khác chưa đến. Quân mà Hoảng thống lĩnh không đủ để giải vây, nhưng chư tướng lại thúc giục Hoảng gấp rút cứu viện. Nghiễm bảo chư tướng rằng:

- Nay giặc vây rất chắc, nước mưa ngập tràn. Bộ tốt của ta thể đơn lực yếu, mà Nhân bị ngăn cách không thể chung sức, nếu vội cử sự thì trong ngoài đều bất lợi. Nay chẳng gì bằng tiến quân sát vòng vây, phá gián điệp thông báo với Nhân, khiến Nhân biết là quân ngoài đến cứu, để khích lệ tướng sĩ. Tính ra quân bắc bắt quá chục ngày là đến, còn đủ giữ vững. Rồi sau trong ngoài cùng phát động, phá giặc tất xong. Nếu có mắc tội trì hoãn cứu viện, ta sẽ vì chư quân chịu trách nhiệm.

Chư tướng đều mừng, liền làm địa đạo, bắn tên gửi thư cho Nhân, nhiều lần thông tin tức, quân bắc cũng đến, hợp lực đại chiến. Quân của Vũ lui rồi, thuyền bè vẫn chiếm cứ sông Miện, Trương Dương bị cắt đứt bất thông, nhưng Tôn Quyền tập kích quân truy trọng của Vũ, Vũ nghe tin, lập tức chạy xuôi nam trở về. Nhân hội chư tướng bàn kế, chúng đều nói:

- Nay nhân lúc Vũ nguy cấp lo sợ, đuổi hấn tất bắt được.

Nghiễm nói:

- Quyền thừa dịp Vũ gặp khó lúc giao binh, muốn rình đánh úp hậu phương của hấn, lo là Vũ quay về cứu, lại sợ ta thừa cơ hai bên mệt mỏi tiến quân, cho nên nhún thuận mong vì ta ra sức, là lợi dụng sơ hở tùy cơ ứng biến, quan sát thắng bại thôi. Nay Vũ quân cô tan tác, nên để hấn sống làm mối họa cho Quyền. Nếu ta thâm nhập truy kích quân thua bại, Quyền xoay chuyển được mối lo sang bên kia, sẽ thành cái họa với ta vậy. Vương tất phải vì thế mà lo lắng.

Nhân vì thế triệt tiêu phòng bị. Thái tổ nghe tin Vũ chạy, sợ chu tướng truy kích hấn, quả nhiên nhanh chóng hạ sắc mệnh cho Nhân, đúng như điều mà Nghiễm liệu tính.

Văn đế tức vương vị, Nghiễm làm Thị trung. Ít lâu, được bái làm Phò mã đô úy, kiêm Thái thú Hà Đông, Diển nông Trung lang tướng. Năm Hoàng Sơ thứ ba, ban cho Nghiễm tước Quan nội hầu.

Tôn Quyền cướp phạm biên cảnh, Chinh đông Đại tướng quân Tào Hưu thống lĩnh quân của năm châu cự Quyền, trưng triệu Nghiễm làm Quân sư. Bộ chúng của Quyền lui, quân quay về, lại phong Nghiễm làm Nghi Thổ đình hầu, chuyển làm Độ chi Trung lang tướng, rồi thăng làm Thượng thư. Nghiễm theo đi đánh dẹp nước Ngô, đến Quảng Lăng, lại lưu lại làm Chinh đông quân sư.

Minh đế tức vị, tấn phong Nghiễm tước Đô hương hầu, thực ấp sáu trăm hộ, giám sát việc quân ở Kinh châu, ban Giả tiết. Đúng lúc Nghiễm mắc bệnh, không đi, lại làm Thượng thư, ra giám sát việc quân ở Dự châu, lại chuyển làm Đại tư mã quân sư, rồi về triều làm Đại tư nông.

Tề vương tức vị, lấy Nghiễm giám sát việc quân của hai châu Ung, Lương, ban Giả tiết, chuyển làm Chinh Thục tướng quân, rồi thăng làm Chinh tây tướng quân, Đô đốc Ung, Lương. Năm Chính Thủy thứ tư, Nghiễm vì già lão bệnh tật xin về, được triệu gọi bái làm Phiêu kỵ tướng quân,^① thăng làm Tư không.

Nghiễm chết, ban thụy là Mục hầu. Con của Nghiễm là Đình nổi tự.

Khi trước, Nghiễm và người đồng quận là Tân Bì, Trần Quần, Đỗ Tập cùng nổi danh ở đời, người ta gọi họ là "Tân, Trần, Đỗ, Triệu."

① *Ngụy lược* chép: Chức tứ chinh thời xưa đặt quan trông coi về "Quan, trù, tài, tịch",⁽¹⁾ lúc trưởng quan thăng chức hay thuyên chuyển, không ai không lên xe di chuyển theo. Nhưng Nghiễm khoanh tay lên xe, xe khởi hành đến Bá Thượng, mới biết rằng mình quên mang theo thuốc uống hàng ngày. Thái thú Ung châu hay tin, bèn đuổi theo đưa đến mấy rương thuốc đủ loại, Nghiễm cười nói:

- Người ta nói ngôn ngữ khác biệt chẳng dễ dịch, ta ngẫu nhiên hỏi về thuốc uống hàng ngày thôi, sao phải làm vậy?

Bèn không nhận.

Bùi Tiềm tự Văn Hành, người quận Hà Đông huyện Văn Hi. ① Tiềm đi tránh nạn ở Kinh châu, Lưu Biểu dùng lễ tân khách đãi ngộ. Tiềm bảo riêng với bạn thân của mình là Vương Sán và Tư Mã Chi rằng:

- Lưu mục không phải là người có cái tài bá vương, lại muốn tự ở địa vị như Tây Bá, không lâu nữa ông ấy sẽ thất bại thôi.

Bèn xuôi nam đến Trường Sa.

Thái tổ định Kinh châu, dùng Tiềm làm Tham thừa tướng quân sự, rồi cho ra trái chức Lệnh ở ba huyện, sau lại về triều làm Thương tào thuộc.

Thái tổ hỏi Tiềm rằng:

- Ngài lúc trước cùng Lưu Bị đều ở Kinh châu, ngài thấy cái tài của Bị đại khái thế nào?

Tiềm nói:

¹ Tứ chinh là chỉ vào bốn chức: Chinh bắc, Chinh nam, Chinh đông, Chinh tây tướng quân, chuyên đi đánh dẹp bốn phương. Vì các Tướng quân này liên tục đi xa chinh chiến nên được phép đặt các quan viên thuộc quyền ở trong quân. "Quan" là coi xét việc thăng giáng, "Trù" là trông coi việc bếp núc, "Tài" là cai quản việc tài chính, "Tịch" là coi xét về sổ bộ.

- Nếu Bị giữ Trung Quốc, thì chỉ sinh loạn mà chẳng thể trị loạn vậy. Nếu thừa cơ nắm giữ chỗ hiểm yếu, đủ để làm chúa một phương.

① *Ngụy lược* chép: Tiềm nổi đời là họ tộc nổi tiếng. Cha của Tiềm là Mậu, làm quan thời Linh đế, trải chức Huyện lệnh, Quận thú, Thượng thư. Năm Kiến An sơ, vì phụng mệnh triều đình sai khiến dẫn đường cho chư tướng của Quan Trung thảo phạt Lý Thôi có công, được phong tước Liệt hầu. Tiềm lúc trẻ không chú ý tiểu tiết, bởi thế không được cha quý trọng.

Bấy giờ Đại Quận đại loạn, Thái tổ dùng Tiềm làm Thái thú Đại Quận. Vua của người Ô Hoàn và thủ lĩnh của họ, cả thảy ba người, đều tự xưng là Thiên vu, chuyên chế việc trong quận. Thái thú trước đây chẳng ai có thể cai trị nổi sửa được, Thái tổ định trao tinh binh cho Tiềm để trấn áp thảo phạt họ. Tiềm từ chối nói:

- Đại Quận hộ khẩu đông đúc, quân sĩ bắn tên cưỡi ngựa, khi hành động thì có cả vạn. Thiên vu tự biết rằng mình phóng túng hoành hành đã lâu, trong lòng chẳng tự yên. Nay ta đem nhiều binh đến, tất họ sợ hãi mà cự tuyệt cho ta vào cõi, đem ít binh đến thì họ không kiêng sợ. Nên dùng kế sách để giải quyết họ, chẳng nên dùng binh uy bức bách họ vậy.

Bèn một mình lên xe đến Đại Quận. Thiên vu vừa mừng vừa sợ. Tiềm vỗ về Thiên vu để hấn yên định. Từ Thiên vu trở xuống cúi đầu nhận tội, trả lại hết các thứ tài vật, khí giới và phụ nữ cướp đoạt trước sau. Tiềm thăm vấn rồi giết các quan lại trong quận câu kết trong ngoài với Thiên vu là bọn Hác Ôn, Quách Đoan cả thảy hơn chục người, biên bắc chấn động, trăm họ theo về.

Tiềm ở Đại Quận ba năm, rồi về triều làm Thừa tướng Lý tào duyên, Thái tổ biểu dương công lao cai trị Đại Quận, Tiềm nói:

- Tiềm với bách tính tuy khoan hòa, nhưng với người Hồ rất nghiêm khắc. Nay xét ra tất người ta sẽ bàn luận cho rằng Tiềm trị lý quá nghiêm, nên người sau quản việc sẽ khoan thứ; thực ra người Hồ vốn kiêu căng phóng túng, quá khoan hòa tất đạo lý loì lỏng, đã loì lỏng thì phải dùng phép trấn nhiếp, việc tranh tụng từ đấy mà sinh vậ. Xét hình thế ấy, Đại Quận tất lại phản. Vì thế Thái tổ rất hối là đã sớm triệu Tiềm về. Mấy chục ngày sau, tin tức ba vị Thiên vu làm phản truyền đến, Thái tổ bèn phái Yến Lăng hầu Tào Chương làm Kiêu kỵ tướng quân đi đánh dẹp họ.

Tiềm ra ngoài làm Tướng quốc nước Bái, thăng làm Thứ sử Duyện châu. Thái tổ đóng quân ở Ma Pha, khen ngợi Tiềm bày quân tề chỉnh, đặc biệt ban thưởng.

Văn đế lên ngôi, Tiềm về triều làm Tán kỵ thường thị. Lại ra làm Điển nông Trung lang tướng ở Ngụy Quận, Dĩnh Xuyên, dâng tấu tiến cử nhân tài, sánh được với các quận trong nước, từ đấy trở đi, đường sĩ đồ của nông quan được thông đạt. Tiềm được thăng làm Thứ sử Kinh châu, ban tước Quan nội hầu.

Minh đế tức vị, Tiềm về triều làm Thượng thư. Rồi ra làm Hà Nam doãn, lại chuyển làm Quân sư cho Thái úy, Đại tư nông, phong tước Thanh Dương đình hầu, thực ấp hai trăm hộ. Sau lại về triều làm Thượng thư lệnh, dâng lời chính trực phân chức cho quan lại, chọn xét chức danh xứng với tài thật, đề xuất hơn một trăm năm mươi điều cấm ngặt với phủ quan. Tiềm vì cha mất từ chức, được bá làm Quang lộc đại phu.

Năm Chính Thủy thứ năm Tiềm chết, truy tặng chức Thái thường, ban thụy là Trinh hầu.① Con của Tiềm là Tú nối tự.

Tiềm di lệnh là an táng mình tiết kiệm, trên mộ chỉ để chỗ đặt bài vị, khí vật bằng gạch ngói, ngoài ra không bày đặt gì khác.

Tú, năm Hàm Hi trung làm Thượng thư bộc xạ.②

① *Ngụy lược* chép: Đương thời người xa gần đều cho rằng Tiềm sẽ làm Công, đúng lúc bị bệnh chết.

Ban đầu Tiềm tự cho rằng mình xuất thân hèn mọn, không có cha chú bên ngoại, lại vì cha không quý trọng, nhún mình ra làm quan, dẫu kinh qua nhiều chức vụ, nhưng thanh bạch cần kiệm lại cần trọng. Mỗi khi đi nhận chức, không đem vợ con đi theo. Vợ con nghèo khổ, hái rau dặt vải tự cung cấp. Lại nữa là lúc Tiềm làm Thứ sử Duyện châu, từng làm một cái hồ sàng, lúc rời chức vụ, giữ lại treo lên cột. Cha của Tiềm ở kinh sư, ra vào ngồi xe nhỏ; các em của Tiềm làm ruộng ở nhà tranh, thường đi bộ; cả nhà lớn nhỏ mỗi ngày cùng nhau ăn một bữa; gia giáo trong nhà thì trên dưới nghe lời nhau, giống như việc cũ của nhà Thạch Phấn.⁽¹⁾ Về phương diện kiểm xét tính liệu, thì từ khi nhà Ngụy hưng khởi ít người có thể theo kịp được.

Tiềm là người có học thức lại quảng đại, nhã nhặn bao dung, nhưng chỉ làm đến như thế mà thôi, rút cục không được tiến cử, cho nên người đời suy luận là Tiềm vì giữ mình sạch sẽ mà không kính trọng bậc tôn trưởng của mình.

② *Văn chương tự lục* chép: Tú tự Quý Ngạn. Là người khoáng đạt, rộng lòng giúp đỡ mọi người, lên tám tuổi có tài soạn văn chương, vì thế nổi danh. Đại tướng quân Tào Sảng cho vời. Sau khi mất tang cha, Tú nhường tài sản cho anh em. Năm hai mươi lăm tuổi, được thăng làm Hoàng môn thị lang. Sảng bị giết, vì Tú là quan lại cũ bị bãi chức. Sau được thăng làm Vệ tướng, lần lượt chuyển làm Tấn kỵ thường thị, Thượng thư bộc xạ lệnh, Quang lộc đại phu.

Năm Hàm Hi trung, Tấn Văn vương khai lập tước Ngũ đẳng, lệnh cho Tú coi việc định chế độ, phong tước Quảng Xương hầu. Nhà Tấn nhận nhường ngôi, tấn phong cho Tú chức Tả Quang lộc đại phu, đổi phong tước Cự Lộc công, thăng làm Tư không.

¹ Thạch Phấn (石奮), tự Thiên Uy, là đại thần nhà Tây Hán, người quận Hà Nội, rất mực cẩn thận, hành sự rất sáng suốt.

Tú soạn sách luận về Dịch và Nhạc, lại họa mười tám thiên sách *Địa vực đồ*, lưu truyền ờ đời. Các sách *Minh hội đồ* và *Điện trị quan chế* đều chưa soạn thành. Năm Tú bốn mươi tám tuổi, là năm Thái Thủy thứ bảy thì chết, được ban thụy là Nguyên công, phối tể tại tông miếu. Con út của Tú là Ngỗi, tự Dật Dân, kể nổi tước phong.

Ký châu ký của Tuân Xước chép: Ngỗi là người cao nhĩa có kiến thức cao xa, học rộng điển tịch xưa, hành vi cao khiết nghiêm chỉnh, từ nhỏ nổi danh. Trái các chức Thái tử trung thứ tử, Thị trung Thượng thư. Năm Nguyên Khang mạt, làm Thượng thư tả bộc xạ. Triệu vương là Tư Mã Luân vì danh vọng của Ngỗi rất cao, nên kiêng sợ nhưng rất ghét, biết Ngỗi không cùng đồng lòng với Giả thị,⁽¹⁾ bởi thế giết hại Ngỗi.

Thần Tùg Chi xét *Huệ đế khởi cư chú* của Lục Cơ chép "Ngỗi nhĩa nhận khí lượng cao xa, là danh sĩ đương triều vậy", lại chép "Ngỗi là người được dân trông ngóng." Ngỗi tài giỏi uyên bác, khéo về biện luận cật vấn, soạn hai bài luận là *Sùng hữu* và *Quý vô*, để nắn sửa cái thói đời ngông lão hão huyền, câu văn rất thâm thúy, là bài luận nổi tiếng ở đời.

Con của Ngỗi là Tung, tự Đạo Văn. Tuân Xước khen Tung có phong thái của cha ông. Làm Trung thư lang, chết sớm.

Em con chú của Ngỗi là Mạc, tự Cảnh Thanh, có tài năng xuất chúng, làm Tòng sự trung lang của Thái phó Tư Mã Việt, được ban Giả tiết giám sát việc quân trong ngoài ở các doanh quân tại kinh thành.

Em út của Tiềm là Huy, tự Văn Quý, làm Thứ sử Ký châu. Huy tài trí hơn người liệu tính cao xa, giỏi bàn những điều huyền diệu. Sự tích thấy nói ở các truyện về Tuân Sán, Phó Hổ, Vương Bật, Quán Lộ.

Con trưởng của Huy là Lê, tự Bá Tông, Lê có một tên là Diễn, làm Du kích tướng quân. Con thứ của Huy là Khang, tự Trọng Dự, làm Thái tử Tả vệ soái. Con thứ khác là Khải, tự Thúc Tắc, làm

¹ Họ Giả, tức là chỉ họ hàng của ngoại thích là Giả Nam Phong (賈南風), tức con của Giả Sung (賈充), công thần khai quốc nhà Tây Tấn, là vợ của Tấn Huệ đế vậy.

Thị trung Trung thư lệnh, Quang lộc đại phu, được mở phủ đệ. Con thứ nữa là Xước, tự Quý Thư, làm Hoàng môn thị lang, chết sớm, được truy tặng chức Trường thủy Hiệu úy.

Khang, Khải và Xước đều là danh sĩ, nhưng tài hoa và danh vọng của Khải là cao nhất.

Tấn thư công tán chép: Khang là người độ lượng rộng rãi, Xước vì thông đạt sáng suốt mà nổi tiếng, Khải thời trẻ cùng Vương Nhung người quận Lang Nha đều làm Duyệt lại mà dương danh, Chung Hội giới thiệu họ cho Tư Mã Văn vương, nói: "Bùi Khải thông thái, Vương Nhung kiệm ước." Văn vương lập tức triệu làm Duyệt thuộc, qua nhiều lần thăng chức ngôi vị đến quý hiền.

Tạ Côn soạn sách *Lạc Quảng truyện*, khen Khải có kiến thức, tài hoa xuất chúng, người đương thời không ai sánh cùng.

Con của Lê là Bao, làm Thứ sử Tần châu.

Con của Khang là Thuần, làm Hoàng môn thị lang. Con thứ của Khang là Thuấn, làm Thứ sử Từ châu. Con thứ nữa là Cáp, có tài danh. Lúc Tấn Nguyên đế làm An đông tướng quân, Cáp làm Trưởng sử, Thị trung là Vương Khoáng gửi thư cho Tư Mã Việt nói:

"Bùi Cáp ở đấy, tuy không tham dự vào việc trị lý, nhưng hiểu biết và khí độ rộng rãi của ông ấy, đủ khiến cho nhân sĩ ở đấy đặc biệt kính trọng."

Con thứ nữa là Khuếch, làm Trung lữ tướng quân.

Con của Khải là Toàn, làm Trung thư lang. Con thứ là Hiến, làm Thứ sử Dự châu. Con của Xước là Hà, làm Chủ bộ của Thái phó. Toàn, Hà đều có danh vọng lớn, chết sớm.

Tấn thư công tán khen Hiến liêm khiết, kiến thức rộng.

Nguy lược liệt truyện chép truyện về mười người bạn Từ Phúc, Nghiêm Cán, Lý Nghĩa, Trương Ký, Du Sò, Lương Tập, Triệu Nghiễm, Bùi Tiềm, Hàn Tuyên, Hoàng Lăng chung vào một quyển, trong số đó thì bốn người là Ký, Tập, Nghiễm, Tiềm tự có truyện riêng, sự tích về Từ Phúc chép tại *Gia Cát Lượng truyện*, sự tích về Du Sò tại *Trương Ký truyện*. Bốn người bạn Cán được chép ở phía sau của truyện này.

Nghiêm Cán tự Công Trọng, Lý Nghĩa tự Hiếu Ý, đều là người quận Phùng Dục huyện Đông vậy. Huyện Đông của quận Phùng Dục từ trước đến nay không có gia tộc danh giá, cho nên hai người cùng xuất thân hèn mọn, bản tính đều phúc hậu. Đương thời vào năm Trung Bình mạt, hai người đều hơn hai mươi tuổi, Cán thích kiếm kích, Nghĩa thích chủ trì việc tang lễ. Thế gia đại tộc của quận Phùng Dục là các họ Hoàn, Điền, Cát, Quách và quan Thị trung ngày trước là bọn Trịnh Văn Tín, đều cho rằng hai người có tài năng thực, cùng ghi chép về bọn họ.

Gặp lúc vùng Tam Phụ động loạn, người ta đa phần lưu dạt, nhưng Cán, Nghĩa không rời đi, mà cùng với người quen biết cũ chung chịu hoạn nạn, hái rau chặt củi tự sinh nhai. Đến năm Kiến An sơ, vùng Quan Trung mới giải phóng. Có chiếu chỉ chia mấy huyện phía tây quận Phùng Dục lập quận Tả Nội Sử, sở trị ở Cao Lăng; lấy mấy huyện phía đông làm quận gốc, sở trị ở Lâm Tấn. Nghĩa là người ở địa phận huyện thuộc phía tây, Nghĩa bảo với Cán rằng:

- Bọn ta vốn ở các huyện phía tây, chẳng thể cùng tranh chỗ ngồi, nay nên cộng tác cùng ở một chỗ thôi.

Bèn cùng giao kết nương dựa nhau, đều ra làm quan ở Đông Quận giữ chức vị trọng yếu. Tư lệ cho vời Cán, Cán không đến. Cuối năm, quận cử Cán làm Hiếu liêm, Nghĩa làm Thượng kế duyệt. Nghĩa lưu lại kinh sư, làm Bình Lăng lệnh, được thăng làm Nhữn̄g tòng bộc xạ, cuối cùng trải chức vị hiển hách. Kịp lúc nhà Ngụy nhận đất phong mười quận, mời Nghĩa làm Quân tế tửu, rồi làm Thượng thư Tả bộc xạ của nhà Ngụy. Lúc Văn đế tức vị, bái làm Giám nghị đại phu, Chấp kim ngô Vệ úy, chết khi đương chức.

Con của Nghĩa là Phong, tự Tuyên Quốc, thấy nói đến ở *Hạ Hầu Huyền truyện*.

Cán vì là Hiếu liêm được bái làm Bồ Phán lệnh, bị bệnh, từ chức. Sau vì chí hiếu lại được tiến cử, làm Công xa tư mã lệnh. Cán được người trong châu mời, có chiếu thư bái làm Nghị lang, vẫn

cho tham dự việc trong châu. Nhân vì Cán bày kế sách bắt Cao Cán, triều đình truy xét cái công đánh dẹp Quách Viên lúc trước, phong Cán làm Vũ hương hầu, rồi thăng làm Thái thú Hoảng Nông. Lúc Mã Siêu làm phản, quận trị của Cán gần chỗ Siêu, dân chúng phân tán. Siêu bị phá, Cán làm Thái thú Hán Dương. Được thăng làm Thứ sử Ích châu, vì đường đất bất thông, năm Hoàng Sơ trung, lại chuyển Cán làm Ngũ quan Trung lang tướng. Thời Minh đế, Cán được thăng làm Thái phó Vĩnh An, được mấy năm thì chết.

Ban đầu Nghĩa vì chính trực lấy lòng thành đối đãi người, cho nên vào thời ấy Nghĩa cùng bọn Trần Quần có quan hệ rất tốt. Tuy rằng không có tài sức, nhưng rút cục đường sĩ đồ không bị ngăn trở.

Cán sau khi bình định động loạn, lại chuyên tâm về học vấn, đặc biệt giỏi chính lý *Xuân thu Công dương*. Tư lệ Hiệu úy là Chung Do không thích *Công Dương truyện* mà ưa *Tả truyện*, nói họ Tả là quan Thái sử, mà Công Dương là người bán bánh, nên nhiều lần cùng Cán biện xét vấn dài. Do là người cơ trí linh mẫn, khéo về biện luận, Cán nói năng chậm chạp, nhất thời chịu khuất không có cách gì đối đáp lại.

Do bảo Cán rằng:

- Công Dương Cao rút cục là chịu phục Tả Khâu Minh rồi.

Cán nói:

- Bất quá là mình sử quân khuất phục được ta thôi, Công Dương Cao thì chưa hẳn vậy.

Hàn Tuyên tự Cảnh Nhiên, người quận Bột Hải. Là người thấp bé. Năm Kiến An trung, Thừa tướng triệu gọi tạm cho làm Quân mưu duyện, là Những tán tại huyện Nghiệp.

Tuyên có lần ra vào cung môn ở huyện Nghiệp, trong cửa cung phía đông cùng Lâm Truy hầu Tào Thực tương ngộ. Bấy giờ trời mới mưa rào, trên mặt đất đầy bùn lầy. Tuyên muốn tránh Thực, nhưng ngại mưa không đi được, bèn lấy quạt tự che mặt, đứng ở bên đường. Thực ngờ rằng Tuyên đã không bỏ đi, lại không giữ

lễ, bèn dừng xe, sai người thường đi theo mình hỏi Tuyên làm chức quan gì? Tuyên nói:

- Là Quân mưu duệ của Thừa tướng.

Thực lại hỏi rằng:

- Ngài được phép đường đột đến phủ của Liệt hầu chăng?

Tuyên nói:

- Theo nghĩa *Kinh Xuân Thu*, người của vua dẫu hèn, so về hàng là ở trên chư hầu, chưa nghe nói người làm quan của chúa tể lại cúi mặt hành lễ với chư hầu vậy.

Thực lại nói:

- Tức là như lời mà ngài nói, người làm quan lại của cha, khi gặp con của người ấy có nên giữ lễ không?

Tuyên lại nói:

- Về lễ, thì bầy tôi hay con cái cùng bậc, nhưng Tuyên tuổi tác lớn hơn.

Thực biết là khó đối đáp được đến cùng, bèn bỏ đi, nói hết với Thái tử, cho là người khéo biện luận.

Năm Hoàng Sơ trung, Tuyên làm Thượng thư lang, từng vì việc công chịu phạt tội ở trước điện, đã trối, trượng hình chưa thi hành. Xe giá của Văn đế đi qua, hỏi:

- Người ấy là ai?

Tả hữu đáp rằng:

- Là Thượng thư lang Hàn Tuyên người quận Bột Hải vậy.

Để nghĩ lại lời nói của Lâm Truy hầu Tào Thực ngày trước, bèn tỉnh ngộ nói:

- Đây là Hàn Tuyên mà Tử Kiến nói đến sao!

Bèn đặc biệt xá tội cho, vì thế được cời trối. Bấy giờ tiết trời cực rét, Tuyên trước đây vì sắp chịu trượng phạt, đã sớm cời khổ, buộc quần lên mặt; lúc được tha, khổ vẫn buộc ngang lưng chưa cời xuống, bèn rào bước chạy đi. Để trở mắt dõi theo Tuyên, cười nói:

- Ta xem chừng người này sắp tới sẽ là kẻ sĩ vậy.

Sau Tuyên ra làm Thái thú Thanh Hà, Đông Quận.

Thời Minh đế, Tuyên làm Thượng thư Đại hồng lư, được mấy năm thì chết. Tuyên trước sau đảm trách chức quan, ở giữa hạng có tài và không có tài, nhưng khéo ở chỗ rộng lòng tha thứ cho người.

Ban đầu người quận Nam Dương là Hàn Kỵ vì đức cao vọng trọng nhận chức Đại hồng lư trước Tuyên, Kỵ vốn là người hiền, về sau lúc Tuyên đảm trách công việc cũng xứng chức, cho nên trong số những người làm Hồng lư có câu rằng:

"Đại hồng lư, Tiểu hồng lư, thành tích trước sau sao giống nhau như thế."

Xét bản truyện, danh tự của Tuyên không thấy ở đâu, duy *Ngụy lược* có truyện này, nhưng *Thế ngữ* lại liệt Tuyên vào hàng danh thần.

Hoàng Lăng tự Văn Đạt, người Bái Quận. Lăng là người khoáng đạt, tính cách thành thật. Cha là binh tốt của bản huyện, Lăng với việc ấy rất cảm khái, quyết chí đi du học, bởi thế người khắp cả vùng và các sĩ đại phu trong quận kính trọng đặc biệt. Lăng cùng người thuộc họ tộc lớn của quận Đông Bình là Vương Huệ Dương có giao tình riêng rất sâu sắc, Huệ Dương đích thân bái lạy mẹ của Lăng ở dưới giường.

Lăng bắt đầu ra làm quan vào năm Hoàng Sơ trung, làm Trưởng lại, thăng làm Trưởng An lệnh, gặp lúc mẹ mất không đến nhận chức, lại làm Ngụy lệnh, rồi thăng làm Điển nông Trung lang tướng của quận Tương Thành, Thái thú quận Trác. Lăng bị bệnh chết vào thời Minh đế.

Ban đầu Lăng làm trưởng quan, khi có việc liên quan đến cha mình, thường kỵ húy không xưng hô là lính tốt thủ hạ, mà gọi họ tên tự của cha, đến lúc cáo giận, cũng nhất định không nói ra lời.

Lăng làm quan đến hạng Nhị thiên thạch, còn Huệ Dương cũng trải chức Trưởng An lệnh, Thái thú Tुरू Tuyên. Cho nên người bấy giờ nói Huệ Dương bề ngoài tựa như thô lỗ mà bên trong kín

đáo vững vàng, không quan tâm đến gia thế của Lãng vậy, thờ mẹ của Lãng như mẹ của mình, là quan lại khoát đạt vậy.

Ngư Hoạn nói: Người đời khen cái đức của bậc quân tử cũng như con rồng, đại khái là khen cái khéo biến thông của họ vậy. Trước kia có người làm nghề mối lái ở chợ Trường An là Lưu Trọng Thủy, một lần bị kẻ lại ở ngoài chợ vũ nhục, bèn cầm khái phát phần, dùng chân đạp gãy cái thước giống hàng của mình, rồi theo đường học vấn, khổ tâm tu dưỡng, lưu danh ở trong nước. Sau được triều đình trưng triệu, không chịu đến, chúng nhân cho là người có phẩm hạnh cao siêu. Ta cho rằng đời trước ngẫu nhiên có người như thế thôi, nhưng nay Từ Phúc, Nghiêm Cán lại dự vào hạng ấy, nếu bọn họ không có cái chí hướng phi thường, sao có thể làm được thế đây? Lý Nghĩa suy diễn cái chuẩn tắc của đạo lý, Trương Ký khéo ở chỗ liệu việc của trưởng quan, Hàn Tuyên có kiến thức khác thường, Hoàng Lãng tài năng trác tuyệt hơn người, đều như cây cối tự bám rễ ở trên đá, mà danh tiếng truyền ra ngoài ngàn dặm, cũng không phải là việc dễ dàng vậy. Du Sở khảng khái, phơi bày tâm can, đem thân bảo toàn châu quận, lúc diện kiến Đế vương, lại không tạ lễ nghĩa, ưa đùa bỡn trong yến tiệc, cũng là người chân thật vậy. Từ Lương Tập, Triệu Nghiễm đến Bùi Tiềm, tuy là không sánh được với Trương, Dương, đến như việc tự kiểm xét mình, già lão càng sáng suốt, cũng không dễ làm được vậy.

Bình rằng: Hòa Hiệp thanh liêm bình dị, lão luyện chính sự, Thường Lâm học vấn tinh thông, tiết tháo kiên trinh, Dương Tuấn nêu cao luân lý, thi hành việc nghĩa, Đỗ Tập chín chắn ôn hòa, hiểu rõ đại thể, Triệu Nghiễm cương nghị, biết mưu tính, Bùi Tiềm tinh tế lão luyện, tài cán trung trinh, đều là kẻ sĩ tài giỏi của một thời. Đến như Thường Lâm có thể không màng đến chức Tam công, làm đại phu cáo lão về quê, cao đẹp lắm thay!

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI BỐN

HÀN, THÔI, CAO, TÔN, VƯƠNG TRUYỆN



Hàn Ky tự Công Chí, người quận Nam Dương huyện Đỗ Dương.^① Kẻ hào phú ở cùng huyện là Trần Mậu, vu gièm cha của Ky, cha của Ky bị tử hình. Ky thản nhiên không nói năng gì, đi làm thuê dành dụm của cải, ngầm giao kết với kẻ sĩ liều chết, rồi truy hô bắt giết Mậu, đem thủ cấp đến tế mộ cha, bởi thế nổi danh.

Ky được tiến cử Hiếu liêm, Tư không triệu, đều không đến. Bèn đổi tên họ, ẩn cư tránh loạn trong núi Lỗ Dương. Dân trong núi họp đảng, muốn làm cướp. Ky phát tán gia tài sửa trâu rượu, mời cừ súy của họ, vì họ bày kế an nguy. Dân trong núi bị những lời ấy cảm hóa, rút cục không làm việc có hại.

Ky tránh mệnh triệu của Viên Thuật, dọn đến ở núi Sơn Đô. Kinh châu mục Lưu Biểu đem lễ mời, Ky bèn bỏ trốn, xuôi nam trú ở địa giới huyện Sần Lăng, ở đâu cũng được mọi người kính mến, nhưng Biểu rất cảm hận Ky. Ky sợ, bèn ra ứng mệnh, được phong làm trưởng huyện Nghi Thành.

① *Sở quốc tiên hiền truyện* chép: Ky, là dòng dõi của Hàn Vương Tín.⁽¹⁾ Tổ phụ của Ky là Thuật, làm Thái thú Hà Đông. Cha của Ky là Thuần, làm Thái thú Nam Quận.

¹ Hàn Vương Tín (韓王信), vốn có tên là Hàn Tín, là dòng dõi của vua nước Hàn thời Chiến Quốc. Vì trùng tên với danh tướng Hàn Tín của Hán Cao tổ Lưu Bang nên gọi là Hàn Vương Tín để phân biệt. Lúc Hán Cao tổ và danh tướng Hàn Tín dẹp Tam Tần, Hàn vương là Trịnh Xương đầu hàng, Hán Cao tổ cất nhắc Đô úy Hàn Tín của nước Hàn làm Hàn vương, cái tên Hàn Vương Tín bắt đầu có từ đây.

Thái tổ bình Kinh châu, triệu Kỵ đến làm Thừa tướng sĩ tào thuộc. Sau tuyển làm Thái thú Lạc Lăng, lại đổi làm Giám dã yết giả.⁽¹⁾

Việc rèn đúc thời trước dùng mã bài, cứ rèn đúc một mẻ thì dùng sức của bảy con ngựa; lại đổi sang dùng nhân bài, thì hao phí nhân lực; Kỵ bèn mượn sức nước kéo bể gọi là thủy bài,⁽²⁾ tính toán lợi ích, hiệu quả lớn gấp ba lần lúc trước. Kỵ tại chức bảy năm, đồ khí dụng sung túc đầy đủ. Thái tổ viết chế thư khen ngợi, lại gia thêm cho Kỵ chức Ti kim đô úy, ngôi vị chỉ dưới Cửu khanh.

Văn đế lên ngôi, phong Kỵ làm Nghi Thành đình hầu. Năm Hoàng Sơ thứ bảy, thăng Kỵ làm Thái thường, tấn phong tước Nam Hương đình hầu, ban thực ấp hai trăm hộ.

Bấy giờ mới dựng kinh đô Lạc Dương, chế độ chưa hoàn bị, mà tông miếu và bài vị của tổ tiên chúa thượng đều ở Nghiệp đô. Kỵ tấu xin đi nghênh đón bài vị tổ miếu của chúa thượng tại huyện Nghiệp, dựng miếu Lạc Dương, bốn mùa tế tự, đích thân dâng đồ cúng. Rồi nêu cao chính lễ, phế bỏ tà tế, lễ nghi đa phần được nắn sửa. Kỵ tại chức tám năm, vì bị ốm nên nhường chức.

Năm Cảnh Sơ thứ hai mùa xuân, Đế hạ chiếu rằng:

"Thái trung đại phu Hàn Kỵ, tâm thân gọi đức, chí tiết cao khiết, tuổi quá tám mươi, đạo nghĩa vững vàng, có thể gọi là người thuần chính chuyên nhất, tuổi càng cao lại càng siêng năng vậy. Nay lấy Kỵ làm Tư đồ."

Mùa hạ tháng tư Kỵ chết, di lệnh là liệm dùng thường phục, táng không dùng quan quách, lấp đất giấu thân. Kỵ được ban thụy là Cung hầu.^①

¹ Giám sát việc rèn đúc binh khí, đồ dùng cho quân đội.

² Mã bài tức là dùng sức ngựa kéo bể tạo gió để thổi lửa rèn. Nhân bài tức là dùng sức người thay cho ngựa, thủy bài tức là dùng sức chảy của dòng nước thay cho sức người hay sức ngựa để kéo bể thổi lửa.

Con của Kỵ là Triệu nổi tự. Triệu chết, con của Triệu là Bang nổi tự.^②

① Sở quốc tiên hiền truyện chép: Kỵ lúc lâm chung dặn lại rằng:

"Thối tục xa xỉ, lại tỏ ra là kiệm ước, người kiệm ước là phải tiết chế mình theo lễ. Ta thấy đời trước việc tang ma quá phép chế, rất sai lầm vậy. Nếu chúng mày kính nghe lời ta nói, thì lúc liệm ta dùng thường phục, táng thì lấp đất, đào huyệt xong thì táng ngay, vật táng thì dùng đồ sành, chớ làm hơn thế."

Lại dâng sớ rằng:

"Người ta sống có ích với dân, lúc chết cũng chẳng hại cho dân. Huống chi thần ở ngôi vị Tam công, tại chức ít ngày, chưa thể tuyên dương thánh đức để tạo ích lớn cho lê dân. Lại ốm nặng lâu ngày, đã sắp kề chôn u minh. Nay sắp vào vụ nông của trăm họ, chẳng nên lao dịch, xin Chúa thượng dừng lệnh cho quan dân Lạc Dương bày đặt đồ tang. Thần sợ quốc điển có phép thường, khiến ý nguyện riêng của thần chẳng được xem xét, mới mạo muội kính cần dâng tấu văn, mong ơn trên ân chuẩn."

Để xem tấu chương rất cảm thán, bèn hạ chiếu rằng:

"Cố Tư đồ Hàn Kỵ, tích đức giữ phẩm hạnh, dốc lòng trung gây dựng triều đình, đến khi già lão, sự ngay thẳng thanh cao không giảm bớt. Ngồi vị đến chức Tam công, trăm mong được ngài trợ giúp, nhưng ngài thốt nhiên lìa đời, mệnh chẳng dài lâu! Xưa kia Tăng Sâm sắp chết, bắt thay chiếu làm lễ;⁽¹⁾ Ân Anh chuộng kiệm ước, yêu cầu xe tang thấp hơn pháp chế.⁽²⁾ Nay Tư đồ biết mình mệnh tận, có di ngôn thương xót lê

¹ Tăng Sâm là người rất hiếu hạnh và tiết kiệm. Lúc ốm sắp chết, học trò, con cái và hầu nhỏ đứng ngồi xung quanh, Tăng Sâm bảo: "Cái chiếu đẹp để ta đang nằm đây là của quan đại phu nước Lỗ tặng cho đây. Nay các người hãy thay chiếu khác cho ta." Người con là Tăng Nguyên nói: "Vì bệnh cha đang nguy, cho nên không dám kinh động, xin để sáng mai hãy thay." Tăng Sâm thở dài nói: "Ta bây giờ còn mong mọi gì nữa đâu, nếu được chết đường hoàng, khỏi mang cái tiếng phi nghĩa, là đủ rồi." Học trò và con cái bèn xúm lại thay chiếu, Tăng Sâm vừa nằm lên chiếc chiếu khác thì chết.

² Theo lễ chế quy định thì thiên tử chết, xe đưa tang có bảy ngựa kéo; quan đại phu chết, xe đưa tang phải có năm ngựa kéo. Ân Anh, là quan đại phu, giữ vị tể tướng nước Tề, bản tính rất tiết kiệm, khi giữ chức, mặc một cái áo cừu suốt ba mươi năm, khi chết muốn xe tang chỉ có một ngựa kéo.

dân, tất muốn chuông việc kiệm ước, có thể nói là trước sau tốt đẹp vậy. Nay sắp bày tang lễ, đều phải như lệ xưa, chớ có thiếu sót. Đặc biệt ban cho ôn minh bí khí, áo tang một bộ, triều phục bốn mùa, dây đeo và kiếm ngọc.⁽¹⁾”

② *Sở quốc tiên hiền truyện* chép: Bang tự Trường Lâm. Lúc trẻ có tài học, làm Dã Vương lệnh vào thời Tấn Vũ đế, có công tích được khen. Lúc làm Thái thú Tân Thành, nhân vì suy cử huyện lại cũ của huyện Dã Vương làm Kế lại của Tân Thành, Vũ đế cả giận, bèn giết Bang.

Con thứ của Kỵ là Do, làm Thái thú Cao Dương. Con của Do là Hồng, làm Thị ngự sử. Con của Hồng là Thọ, tự Đức Trinh.

Tấn chư công tán chép: Từ Kỵ trở xuống, nối đời giữ tiết trong sạch, đến Thọ vẫn chất phác giữ nếp nhà, bản tính rất trung hậu.

Thọ còn trẻ đã giữ chức thanh cao, Huệ đế lên ngôi, lấy Thọ làm Tán kỵ thường thị, thăng làm Hà Nam doãn. Thọ bị bệnh chết, được truy tặng chức Phiêu kỵ tướng quân.

Vợ của Thọ là con gái của Giả Sung. Vì Sung không có con nối dõi, lấy con của Thọ là Mật làm người nối tự. Năm hai mươi tuổi Mật làm Bí thư giám thị trung, tính cách kiêu ngạo buông thả nhưng lại có tài năng xuất chúng.

Con nhỏ của Mật là Ủy, cũng có tài năng và danh vọng, đều bị Triệu vương là Tư Mã Luân giết hại. Hàn thị từ đấy bị tuyệt diệt.

Thôi Lâm tự Đức Nho, người quận Thanh Hà huyện Đông Vũ Thành. Thời trẻ vì trưởng thành muộn, người trong tông tộc không ai xem trọng, duy có người anh họ là Diễm cho là có tài lạ.

Thái tổ bình Ký châu, triệu gọi phong làm Trưởng huyện Ồi, Lâm nhà nghèo không có xe ngựa, một mình đi bộ đến sở quan.

¹ Là những thứ đồ vật táng lễ đặc biệt thời cổ, thể hiện thân phận tôn quý của người chết.

Thái tổ đi đánh Hồ Quan, hỏi rằng Trương lại nào có phẩm đức và thành tích tốt nhất, Thứ sử Tinh châu là Trương Trắc suy cử Lâm, vì thế đề bạt Lâm làm Chủ bộ của Ký châu, rồi chuyển làm Biệt giá, Thừa tướng duyên thuộc.

Nước Ngụy kiến lập, được ít lâu thăng Lâm làm Ngự sử trung thừa.

Văn đế lên ngôi, bãi Lâm làm Thượng thư, cho ra làm Thứ sử U châu. Bắc trung lang tướng là Ngô Chất thống quản việc quân của Hà Bắc, Thái thú Trác Quận là Vương Hùng báo Biệt giá của Lâm rằng:

- Ngô Trung lang tướng, là người chí thân của Chúa thượng, là đại thần quý hiển của quốc gia. Ông ấy cầm phù tiết thống quản việc quân, quan lại châu quận chẳng ai không cung kính dâng thư đến, mà Thôi sứ quân mới nhận chức không gửi tin qua lại. Nếu ông ấy vì việc ở biên ải không nghiêm chỉnh mà chém ngài, sứ quân há có thể che đỡ cho ngài chăng?

Biệt giá sợ đem lời ấy bẩm với Lâm, Lâm nói:

- Thứ sử ta xem việc bỏ chức quan châu như cởi đôi giày, sao có thể liên lụy đến ngài được? Đất châu này cùng địa bàn của rợ Hồ nối liền, nên lấy tính để trấn áp họ, gây nhiều thì khuấy động lòng phản nghịch của họ, nhất định làm quốc gia này mỗi lo ở phương bắc, ngài hãy chuyển lời này lại cho Vương Hùng.

Lâm tại chức một kỳ, cướp trộm đều yên ắng;^① cũng vì không cung kính với thượng ti, bị giáng làm Thái thú Hà Gian, dư luận đa phần vì Lâm mà oán hận vậy.^②

① Xét *Vương thị phả*: Hùng tự Nguyên Bá, là người trong họ của Thái bảo Vương Tường⁽¹⁾ vậy.

¹ Vương Tường (王祥), tự Hưu Chính (休徵), là đại thần từ nhà Ngụy đến nhà Tây Tấn, là tổ phụ của Vương Hi Chi. Thời nhà Tấn, Vương Tường làm Thái bảo, được phong tước Tuy Lăng công. Vương Tường thờ mẹ rất có hiếu. Xem sự tích về Tường ở tập IV, quyển 18 (Lã Kiên truyện.)

Ngụy danh thần tấu chép biểu của Thái thú An Định là Mạnh Đạt tiến cử Hùng rằng:

"Thần nghe nói vua sáng lấy việc cầu người hiền để lập nghiệp, trung thần lấy việc cử người hiền để báo đền, cho nên Dịch chép 'Nhớ cỏ tranh được cả cụm rễ', Truyện nói 'Tiến cử người mà mình biết.' Thần không tự lượng sức mình, trộm hâm mộ cái nghĩa ấy. Thần trước kia nhân lúc thiếu người, được sung làm vào chức chủ quản. Bấy giờ Thái thú Trác Quận là Vương Hùng làm Tây bộ tòng sự, cùng thần là đồng liêu. Hùng vốn tính thiện lương, quả là người có trí mưu. Trải chức ở ba huyện, chính trực thành thật, hòa hợp với người. Lúc giữ chức ở gần, phụng tuyên ân uy, có thuật vỗ về người ở nơi xa, trong sạch cẩn thận giữ gìn khuôn phép. Thần năm trước đi sứ, qua quận của Hùng. Hùng nói từ khi đặc cách được nhận ân đức bạt của bề hạ, thường gắng dốc chí thành tâm, nghĩ cách quên mình báo đáp. Lời lẽ phấn khích, tình ý khẩn thiết chí thành. Thần dấu ngu ám, chẳng rõ thực hư, cho là Hùng có tài kiêm văn võ, bản tính trung liệt, vượt trội so với đồng liêu. Nay quản lĩnh Trác Quận có ba nghìn hộ, những nhà cô quả chiếm một nửa trong số ấy, phía bắc có cái vũng chắc của binh lính phòng vệ, thực chẳng xứng để Hùng phô bày trí lực, thi triển tài cán lão luyện của mình vậy. Thần nhận ân sâu, không có cách gì báo đáp quốc gia, chẳng thể không cung kính nêu rõ cái ý nồng nặc của mình, xin kính cần bày tỏ điều mình nghe được."

Để hạ chiếu nói:

"Xưa kia Tiêu Hà tiến cử Hàn Tín, Đặng Vũ tiến cử Ngô Hán, thực chỉ hiền tài mới biết hiền tài vậy.⁽¹⁾ Hùng mưu trí can đảm kiêm tài văn võ, ta vốn biết ông ấy. Nay tuyển Hùng làm Tham tán kỵ, tạm giữ chức ở dưới cửa của ta, khi biết rõ ý chỉ, sẽ dùng vào việc lớn ngay thôi. Kẻ sĩ

¹ Hán Cao tổ Lưu Bang ở Quan Trung, Tiêu Hà làm tướng, tiến cử Hàn Tín là người trốn khỏi nước Sở làm đại tướng, được Lưu Bang nghe theo, sau này Hàn Tín lập công lớn trong việc dựng nghiệp của Hán Cao tổ.

Hán Quang Vũ đế Lưu Tú sắp đánh U châu, hỏi Đặng Vũ nên cử ai làm tướng, Đặng Vũ tiến cử Ngô Hán nói "Người ấy can đảm dũng mãnh lại có trí mưu, chớ tướng ít ai theo kịp." Quang Vũ đế dùng Ngô Hán làm Đại tướng quân, quả nhiên thành công lớn.

trong thiên hạ, muốn được dùng đều phải trải chức Tán kỵ trước, rồi sau mới ra lĩnh châu quận, đấy là bản ý của ta vậy.”

Hùng sau làm Thứ sử U châu. Con của Hùng là Hồn, làm Thứ sử Lương châu. Con thứ của Hùng là Nghệ, làm Bình bắc tướng quân. Tư đồ An Phong hầu Vương Nhung, là con của Hồn. Thái úy Vũ Lăng hầu Vương Diễn, Thứ sử Kinh châu Vương Trùng, đều là con của Nghệ.

② *Ngụy danh thần tấu* chép tấu chương của Thị trung là Tân Bì rằng:

“Trước kia Hoàn Giai làm Thượng thư lệnh, vì Thôi Lâm không có cái tài của Thượng thư, nên chuyển làm Thái thú Hà Gian.”

Lời ấy so với truyện này là bất đồng.

Lâm được thăng làm Đại hồng lư. Vua nước Quy Tư phái con đến triều kiến, triều đình khen thưởng cho người từ phương xa đến, ban tặng lễ vật cho vua nước Quy Tư rất hậu. Các nước khác đều phái con đến châu, sứ giả đi lại liên tục không dứt, Lâm sợ các nước phái sứ đến không phải là thực tâm triều cống, mà chỉ là quyền nghi mượn quan hệ buôn bán, nhân đó thông sứ, cầu lấy ấn phong của nước Ngụy, mà trên đường phải phái người hộ tống, phí tổn rất nhiều. Lao nhọc dân chúng, hao phí tiền của vào việc vô ích, bị người Di Địch chê cười, đấy là cái họa của thời trước vậy. Vì thế bèn đưa thư tuyên ý chỉ đến quận Đôn Hoàng, nói về lệ đãi ngộ hậu hay bạc với các nước phong của sáu triều trước, ban thường nhất định phải theo phép thường.

Mình để tức vị, ban cho Lâm tước Quan nội hầu, chuyển làm Quang lộc huân, Tư lệ Hiệu úy. Các quận thuộc mà Lâm cai quản đều bãi chức quan lại phạm phép mắc lỗi. Lâm cai trị xem trọng thành tín, chọn xét việc đại thể, vì thế sau khi rời chức vụ thường được người ta nhớ đến.

Tán kỵ thường thị là Lưu Thiệu soạn *Khảo khóa luận*, Đế ban chế lệnh sai trăm quan thảo luận. Lâm bàn rằng:

"Xét việc khảo hạch quan lại trong 'Chu quan', điều văn đã đủ rồi, từ đời Khang vương về sau, mới dần dần suy bại, như thế tức là phép tắc về việc khảo hạch còn hay mất là bởi con người vậy. Từ cuối đời nhà Hán, cái lỗi của triều đình há chẳng phải tại quy định chức trách của tá lại không nghiêm cẩn sao? Việc quân lễ hiện nay, có lúc an nhàn có khi gấp gáp, nếu dùng điều mục phép tắc hoàn chỉnh, thực thi khắp trong ngoài, mà thêm bớt không có tiêu chuẩn nhất định, cố nhiên là khó thống nhất rồi. Và lại lưới cá không mở ra thì phải tết lại dây lưới, áo cừu không ngay ngắn thì phải xốc lại cổ áo. Cao Đào làm quan triều nhà Ngụy, Y Doãn là tôi thân triều nhà Ân, kẻ bất nhân lánh xa. Ngũ đế Tam vương vị tất đã như nhau, nhưng đều có cách trị lý thiên hạ. Dịch nói: 'Đơn giản dễ dàng, thì tiến sát đến cái đạo lý của trời đất rồi.' Thái tổ ứng thời thế chế định ra pháp lệnh, truyền từ đó đến ngày nay, chẳng lo không hợp với phép xưa vậy. Thần cho rằng chế độ hiện nay, chẳng phải là giản lược không tinh tế, cốt là giữ yên phép tắc không làm sai lạc mà thôi. Nếu như triều thần có người tài đảm nhiệm trọng trách như Trọng Sơn Phụ,⁽¹⁾ làm ra trăm điều phép tắc, ai dám không cung kính với chức phận của mình?"

Năm Cảnh Sơ nguyên niên, chức Tư đồ, Tư không đều khuyết, Tán kỵ thị lang là Mạnh Khang tiến cử Lâm rằng:

"Quan Tế tướng, là người được thiên hạ ngưỡng vọng, thực nên tìm người giữ lòng trung trinh, hành vi đoan chính, đức nghĩa đủ để làm gương cho người trong nước. Thần thiết nghĩ Tư lệ Hiệu úy là Thôi Lâm, bản tính tự nhiên chính trực, khí độ cao nhã rộng rãi. Luận về sở trường của Lâm so với cổ nhân, thẳng thắn không tà tâm thì cùng hạng với Sử Ngự, thanh liêm kiệm ước giữ phép thì sánh đôi cùng Quý Văn vậy.⁽²⁾ Làm mục thú ở châu quận, ở đâu thì nơi đó trị, lúc

¹ Trọng Sơn Phụ (仲山父): Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 132 (Trần Tư vương truyện).

² Sử Ngự (史鱼): Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 83 (Thôi Diễm truyện);

Quý Văn tử (季文子): Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 160 (Hoa Hâm truyện).

quản xứ ngoài,⁽¹⁾ vạn dặm tề chỉnh, thực có cái tài khéo léo của bậc Công phụ, là nhân tài ưu tú xứng chức Tam công vậy."

Năm sau Lâm được nhận chức Tư không, phong tước An Dương hầu, thực ấp sáu trăm hộ. Ở chức tam công được phong tước Liệt hầu, bắt đầu có từ thời Thôi Lâm vậy.^① Ít lâu sau, lại tấn phong Lâm làm An Dương hương hầu.

① Thần Tùng Chi cho rằng thời Hán phong ấp cho Thừa tướng, bị Tuân Duyệt chê bai. Nhà Ngụy phong Tam công làm Liệt hầu, cái lỗi sai là giống nhau vậy.

Lỗ tướng dâng sớ nói:

"Lúc trước nhà Hán lập miếu thờ Khổng tử, Bao Thành hầu⁽²⁾ mỗi năm bốn mùa cúng tế, ở Tích Ung hành lễ, nhất định phải tế tiên sư, Vương gia xuất vật phẩm, hai mùa Xuân, Thu tế tự. Nay tông thánh hầu kế nối thừa tự, không được nhận lễ nghi cúng tế, nên cấp muông sinh tế lễ, sai trưởng lại tiến hành tế tự, tôn phụng Khổng tử là quý thần."

Đế ban chế lệnh sai tam phủ nghị bàn, Bác sĩ là Phó Chi cho rằng "Xuân Thu truyện nói người lập ra lễ nghi tế tự, đích thị là Khổng tử vậy. Tông thánh hầu vừa lên kế nối gia thế dứt tuyệt, là nêu tỏ cái đức thịnh thời. Đến như việc nêu cao học thuyết mà Khổng tử sáng lập, sùng kính đức sáng của Khổng tử, thì nên theo lời sớ mà Lỗ tướng dâng lên."

Lâm nghị bàn cho rằng "Tông thánh hầu cũng vì vương mệnh mà kế tự, không thể nói là chưa có mệnh vậy. Chu Vũ vương gia phong cho hậu duệ của các vị Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, ban vương hiệu cho con cháu ba đời của triều trước, người thời Hạ Vũ, Thương Thang, không được liệt vào hàng tế tự bốn

¹ Ý nói lúc Lâm giữ chức Hồng lư, quản xét các nước ngoài Trung nguyên có quan hệ triều cống với nước Ngụy.

² Bao Thành (褒成): Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 141 (Văn đế kỷ).

mùa, thì đặc biệt lệnh cho quan viên tế tự họ. Nay tính từ Chu công trở lên, ngược đến Tam Hoàng, bỏ qua không tế tự, mà lễ nghi quy định trong kinh sách cũng ghi lại việc ấy. Việc chỉ tế tự Khổng tử hiện nay, là xuất phát từ thời gần đây vậy. Là bậc đại phu đời sau, mà được đặc biệt tế tự long trọng như thế, về lễ chế là vượt quá bậc đế vương xưa, về danh nghĩa là hơn cả Thương Thang, Chu Vũ, có thể nói là sùng kính sự thánh minh báo đáp ân đức rồi, không nên để người ngoài họ tộc của Khổng tử cử hành tế tự vậy."^①

① Thần Tông Chi cho rằng Mạnh Kha⁽¹⁾ dẫn lời văn của Tế Ngã⁽²⁾ rằng: "Ta quan sát Phu tử, thấy hiền minh hơn so với vua Nghiêu, vua Thuấn rồi." Lại viết: "Từ khi có sinh dân đến nay, chưa ai vĩ đại hơn Khổng tử vậy." Đấy há không phải là lời nói chân chính của bậc hiền giả thông đạt, là chuẩn mực về lời bình phẩm sao! Thuật học đạt đến mức cao diệu thì giống nhau, nghìn vạn thánh nhân cũng như một, nhưng thời đại hậu bậc khác nhau thì phong tục có khác biệt, chất phác văn nhã đường lối khác nhau, có khi đương thời thì vinh hiển, chết rồi thì hết vậy, vì thế phong tục giáo hóa của họ truyền lại, đích xác là nông sâu không giống nhau. Nhưng người có học vấn quán thông như thần, lời nói ra là chuẩn tắc cho hậu thế, trăm vương chẳng ai làm trái được, luân lý đạo đức được xác lập, thực chỉ có một người mà thôi. Xét hai đời nhà Chu, dùng văn trị mà thịnh. Nhưng về đạo lý lục kinh, chưa ai đạt đến mức tinh thâm như thế được. Thêm nữa là đã hơn năm trăm năm không xuất hiện bậc thánh hiền, đạo đức giáo hóa đổ nát, điển chế suy diệt, nếu đương thời không có Khổng tử và môn đệ, thì điển chế của triều Chu cơ hồ đã mất rồi. Người có thể phát dương cái đạo của bậc vương xưa, lập công nghiệp muôn đời,

¹ Mạnh Kha, tức thầy Mạnh tử.

² Tế Ngã, tức Tế Dư, người nước Lỗ, có tài biện bác, có năng khiếu về chính trị, là môn đệ của Khổng tử. Một số chủ trương của ông là liệu chết cứu người, hoặc là việc để tang cha mẹ chỉ nên qua một năm, bị Khổng tử chê. Tế Ngã làm quan ở nước Tề, chết trong loạn Trần Thường (Trần Hảng).

sánh ngang trời đất, chiếu sáng mãi cùng ánh mặt trăng mặt trời, há chẳng vượt hẳn lên so với các bậc thánh nhân sao? Lâm không có cái suy nghĩ thấu suốt sáng ngời của sử quan Thiên, không có cái chí khảng khái của Mai Chân,⁽¹⁾ mà lấy cái tâm cái trí thiển cận của mình để lấp nghĩa sáng, có thể gọi là người có kiến văn rộng mà không biết cân nhắc vậy.

Minh đế chia thực ấp của Lâm, phong một con của Lâm làm Liệt hầu. Năm Chính Thủy thứ năm Lâm chết, được ban thụy là Hiếu hầu. Con của Lâm là Thuật nối tự.^①

① *Tấn chư công tán* chép: Em của Thuật là Tùy, thời nhà Tấn làm Thượng thư bộc xạ. Là người linh mẫn thông đạt. Triệu vương Tư Mã Luân soạn vị, Tùy tham dự vào việc ấy. Luân thua bại, Tùy cũng bị phế chức, chịu giam tù mà chết. Cháu của Lâm là Vĩ, tính cách hấp tấp lại sơ suất, làm quan đến chức Hữu vệ soái của Thái tử.

Khi trước, Lâm nhận biết đề bạt người đồng quận là Vương Kinh từ trong hàng ngũ dân chúng, Kinh sau này thành danh sĩ, người đời vì thế khen Lâm là biết xét người.

Cao Nhu tự Văn Huệ, người quận Trần Lưu huyện Ngã. Cha của Nhu là Tĩnh, làm Đô úy Thục Quận.^① Nhu tại xóm làng, bảo với người ở trong ấp rằng:

- Nay kẻ anh hùng đều nổi dậy, Trần Lưu là đất bốn bề tranh chiếm. Tào tướng quân tuy chiếm cứ Duyện châu, vốn có mưu đồ thống nhất bốn phương, không an nhiên tọa thủ vậy. Nhưng Trương phủ quân chiếm được Trần Lưu trước, ta sợ biến loạn sắp tới sẽ nổ ra vậy, nên muốn cùng các ngài tránh đi.

¹ Mai Phúc (梅福), tự Tử Chân, nên gọi là Mai Chân, là người thời Đông Hán, giữ chức Nam Xương úy. Vì thấy Vương Phụng chuyên chính, giết người chính trực, than rằng: “Sinh mạng là hình phạt của ta, thân thể khiến ta chịu nhục, học vấn là họa hoạn của ta, thể xác là công cụ hành hình ta.” Bèn bỏ nhà đi cầu tiên.

Chúng nhân đều thấy Thái tổ và Trương Mạc thân thiện, Nhu lại ít tuổi, không cho lời ấy là đúng.

Anh họ của Nhu là Cán, là con rể của Viên Thiệu,^② ở Hà Bắc gọi Nhu, Nhu đem hết người trong họ tộc đến theo Cán. Lúc Tĩnh chết ở Tây châu, bấy giờ đường đất hiểm trở tắc nghẽn, giặc cướp tung hoành, nhưng Nhu xông pha gian hiểm đến Thục đón linh cữu về quê, cay đắng khổ nhọc, không gì không nếm trải, sau ba năm mới quay về được.

① *Trần Lưu kỳ cựu truyện* chép: Cao tổ phụ của Tĩnh là Cố, thời Vương Mãng không ra làm quan, bị Thái thú Hoài Dương giết hại, vì tiết liệt nổi danh. Con của Cố là Thận, tự Hiếu Phủ. Đôn hậu chất phác, độ lượng thâm trầm, có khí phách. Thận nuôi dưỡng năm người con của anh trai, ân nghĩa rất sâu đậm. Tướng quốc Lang Nha là Hà Anh khen đức hạnh của Thận, đem con gái gả cho. Anh là cha của Xa kỵ tướng quân Hà Hi vậy.

Thận trái chức Lệnh ở hai huyện, rồi làm Thái thú Đông Lai. Vì già lão bệnh tật từ chức về nhà, lều tranh cửa cỏ, vò hũ không có lương tích trữ. Vợ của Thận bảo Thận rằng:

- Ngài trái chức Huyện lệnh, Quận thú, đã rất nhiều năm, sao chẳng tích trữ chút ít để lại cho con cháu?

Thận nói:

- Ta đem thân nỗ lực vì chức phận lấy thanh liêm lập danh gây dựng gốc rễ, chức Thái thú phẩm trật nhị thiên thạch truyền đến con cháu, chẳng phải là việc nên làm sao!

Con của Thận là Thức, bản tính rất hiếu thuận, thường dốc sức phụng dưỡng cha mẹ. Năm Vĩnh Sơ trung, có nạn sâu gây hại, duy có ruộng lúa của Thức không bị sâu phá hoại, Ngũ lệnh là Chu Cường biểu cử Thức lên châu quận. Thái thú Dương Tuấn cử Thức làm Hiếu tử, Thức từ chối không đi. Sau vì là Hiếu liêm phong làm Lang. Con thứ của Thận là Xương, em của Xương là Tứ, đều làm Thứ sử, Quận thú. Con của Thức là Hoàng, là Hiếu liêm. Hoàng sinh ra Tĩnh.

② *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Cán tự Nguyên Tài. Là người tài năng có chí khí cao xa, văn võ rất ưu tú. Cha của Cán là Cung, làm Thái thú Thực Quận. Tổ phụ của Cán là Tứ, làm Tư lệ Hiệu úy.

Xét *Trần Lưu kỳ cựu truyện* và *Hán thư* của Tạ Thừa, thì Cao Cán phải là chú họ của Nhu, không phải là anh họ của Nhu vậy. Chưa biết sách nào chép lầm.

Thái tổ bình họ Viên, lấy Nhu làm Trưởng huyện Quán. Người trong huyện vốn nghe danh của Nhu, mấy kẻ là quan gian ở huyện đều tự động rời chức. Nhu dạy rằng:

- Xưa kia Bình Cát¹ cai quản chính sự, quan lại từng có người phạm lỗi, vẫn được khoan dung. Huống chi làm quan lại ở chỗ này, với ta là chưa có lỗi lầm gì! Hãy triệu họ trở về.

Kẻ bỏ đi quay lại, đều tự mình cố sức, hết thảy thành quan lại tốt.

Cao Cán đã hàng, ít lâu lại đem Tinh châu làm phản. Nhu tự quy hàng Thái tổ, Thái tổ muốn mượn có giết Nhu, lấy Nhu làm Thứ gian lệnh sử; nhưng Nhu chấp pháp công bằng xác đáng, án kiện không đình trệ, Thái tổ lại triệu Nhu cho làm Thừa tướng thương tào thuộc.①

Thái tổ muốn phái bọn Chung Do đánh dẹp Trương Lỗ, Nhu can, cho rằng nay bỗng gặp phát đại binh, phía tây có Hàn Toại, Mã Siêu, họ cho là ta cất quân vì họ, sẽ khuấy động nhau tác loạn, nên chiêu phủ binh mã vùng Tam Phụ trước, Tam Phụ ví như bình được, Hán Trung có thể truyền hịch mà định vậy. Do vào quan ải, Toại, Siêu quả nhiên phản loạn.

¹ Bình Cát (郿吉), danh thần thời Tây Hán, học luật từ nhỏ, là quan coi ngục của nước Lỗ, sau làm Trưởng sử cho Đại tướng quân Hoắc Quang, thăng làm Ngự sử đại phu, cuối cùng làm đến chức Thừa tướng. Nổi tiếng là người nghiêm minh, hành xử có đạo lý. Về Bình Cát, xem thêm chú thích ở tập III, quyển 14, trang 207 (Trình Dục truyện).

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Nhu phán xử công bằng thích đáng, lại sớm khuya không biếng nhác, đến mức bó gối ôm văn thư mà nằm ngủ. Thái tổ từng có lần trong đêm thay y phục đi ra ngoài, quan sát các quan, thấy Nhu, rất thương, dần dần mỗi oán cừ với Nhu mới cời bỏ. Từ đấy nâng đỡ cho Nhu.

Nước Ngụy mới dựng, Nhu làm Thượng thư lang. Rồi chuyển bá làm Thừa tướng Lý tào duệ, Thái tổ lệnh rằng:

"Trị lý yên ổn, lấy lễ làm đầu. Phương cách trị loạn, phải dùng hình trước. Thế nên vua Thuấn lưu đầy tứ hung, lấy Cao Đào làm khanh sĩ. Hán tổ phế pháp chế hà khắc của nhà Tần, để Tiêu Hà định pháp luật. Lý tào duệ kiến thức cao minh, công bằng xác đáng, hiểu sâu diễn chương chế độ, mong ngài gắng sức theo chức phận."

Bọn quân tấu nhạc là Tống Kim ở Hợp Phì bỏ trốn. Theo phép cũ, quân sĩ xuất chinh bỏ trốn, bắt tội tra khảo đến vợ con. Thái tổ lo là không thể cấm chế được kẻ bỏ trốn, lại gia tăng hình phạt với tội ấy. Kim có mẹ, vợ và hai em đều bị bắt đến phủ quan, chủ quản tấu xin giết hết. Nhu bẩm rằng:

- Sĩ tốt trong quân bỏ trốn, đích thực là việc đáng ghét, nhưng thần nghe nói người trong sổ ấy về sau thường hối hận. Kẻ ngu này cho rằng nên tha thứ cho vợ con của họ, một là có thể khiến giặc không tin tưởng họ, hai là có thể khiến họ hồi tâm chuyển ý. Nếu chiếu theo pháp lệnh lúc trước, đương nhiên là dứt tuyệt ý nguyện quay về của họ, mà hiện nay lại gia tăng hình phạt, Nhu này sợ là từ nay binh sĩ trong quân, thấy một người bỏ trốn, sẽ trừng phạt liên đới đến bản thân mình, cũng sẽ theo nhau mà trốn, chẳng thể bắt giết hết được vậy. Đây là trọng hình nhưng không ngăn cấm được người bỏ trốn, lại khiến số người bỏ trốn tăng thêm thôi.

Thái tổ nói: "Hay."

Lập tức dừng việc giết mẹ và em của Kim, người được nhận ân thoát chết rất nhiều.

Nhu được thăng làm Thái thú Dĩnh Xuyên, rồi lại về làm Pháp tào duyện. Bấy giờ đặt bọn Lô Hồng, Triệu Đạt làm Hiệu sự, sai chúng giám sát quan viên, Nhu can rằng:

- Đặt quan phân chức, quan viên đều có chức trách. Nay đặt chức Hiệu sự, đã tỏ ý là người trên không tin kẻ dưới. Lại nữa là bọn Đạt nhiều lần vì yêu ghét riêng tác uy tác phúc, nên tra xét trị tội bọn chúng.

Thái tổ nói:

- Ngài biết bọn Đạt, e rằng không bằng ta vậy. Rút cục có thể xét kẻ gian cử người có công, lại biện xét được việc làm của mọi người, bỏ phí tài năng của hiền nhân quân tử là điều không thể vậy. Xưa kia Thúc Tôn Thông dùng bọn đạo tặc, là có đạo lý vậy.⁽¹⁾

Bọn Đạt sau này mưu gian tham lợi phát tác, Thái tổ giết bọn ấy để tạ lỗi với Nhu.

Văn đế lên ngôi, lấy Nhu làm Trị thư thị ngự sử, ban tước Quan nội hầu, không lâu lại gia thêm chức Trị thư chấp pháp. Trong dân liên tục có lời xằng bậy phỉ báng triều đình, Đế ghét lời ấy, thấy kẻ nào truyền lời xằng bậy lập tức giết đi, lại ban thưởng cho người tố cáo. Nhu dưng sớ rằng:

"Nay kẻ nói lời xằng bậy nhất định giết, người báo lên lập tức ban thưởng. Đã khiến kẻ phạm tội không quay lại đường thiện, lại mở lối cho kẻ hung tàn xảo trá vu hãm người, cái ác sẽ lớn dần, đấy thực không phải là cách để ngăn chặn kẻ gian giảm bớt kiện tụng, là đạo lý dẫn đến sự thái bình vậy. Xưa kia Chu công chế cáo mệnh, xưng tụng tổ tiên của nhà Ân, không đoái hoài gì đến lời oán của kẻ tiểu nhân. Vào đời Thái Tông nhà Hán, cũng ban lệnh phế trừ lời phỉ báng xằng bậy. Ngu thần cho rằng nên ban pháp lệnh phế trừ lời đồn xằng bậy

¹ Thúc Tôn Thông dùng bọn đạo tặc: Diễn tích, người dịch chưa tra cứu được.

và khen thưởng cho người cáo giác, để nêu tỏ đức nhân với việc sinh dưỡng vạn vật của trời cao."

Để không nghe theo ngay, nhưng số người vu cáo nhau ngày càng nhiều. Để bèn hạ chiếu:

"Kẻ nào dám dùng lời phỉ báng tố cáo nhau, sẽ dùng lời cáo buộc của hắn để trị tội hắn."

Vì thế nạn tố cáo nhau dứt tuyệt.

Hiệu sự là bọn Lưu Từ, trong vòng mấy năm bắt đầu từ năm Hoàng Sơ, kiểm xét tội lỗi của quan dân kể hàng vạn vụ, Nhu đều xin tra xét hư thực trừng trị; ngoài ra với các lỗi trái phép vụn vặt, bắt quá chỉ phạt tiền. Năm thứ tư, Nhu được thăng làm Đình úy.

Thời Ngụy sơ, Tam công vô sự, lại ít tham dự việc triều chính. Nhu dẫu sợ nói:

"Trời đất dựa vào bốn mùa mà thành, quân vương dựa vào đại thần giúp chấn hưng chính trị; Thành Thang cậy sự phù tá của Y Doãn, Văn, Vũ tựa vào sức của Chu công, Lã Vọng, kịp đến thời Hán sơ, bọn Tiêu Hà, Tào Tham đều là người có công tích rất lớn, làm tâm phúc của Hoàng đế, đấy đều là vua sáng thánh chủ ở trên tín nhiệm hiên thần, mà tể tướng hiên minh ra sức phù tá ở dưới vậy. Nay Tam công làm tối thần phù tá, đều là bậc lương đồng của quốc gia, là người mà hết thầy dân chúng kính ngưỡng, nhưng chỉ an trí ở ngôi vị Tam công, không sai tham dự triều chính, vì thế mọi người đều nghỉ ngơi an nhàn dưỡng chí cao, ít dẫu lời cống hiến, thực không phải với cái nghĩa tôn kính trọng dụng đại thần của triều đình, không thể gọi là đại thần tận chức hết trách nhiệm vậy. Thời xưa lúc hình pháp hoặc chính sự có việc nan giải, lập tức nghị bàn với quần thần ở Hòe Cức.⁽¹⁾ Từ

¹ Hòe Cức là nơi quan lại họp bàn để nghe việc tranh tụng, phán quyết công việc của triều đình.

nay về sau, triều đình có việc khó quyết can hệ đến hình ngục đại sự, nên tính chuyện hỏi Tam công. Vào buổi sớm các ngày sóc, vọng, nên đặc biệt mời Tam công vào triều, để giảng luận những điều được mất, thảo luận rộng rãi tường tận các việc, có nhiều ích lợi với Đế vương, nêu cao giáo hóa của quốc gia."

Đế khen dùng lời ấy.

Đế vì hiềm oán cũ, muốn trái phép giết Trị thư chấp pháp là Bảo Huân, nhưng Nhu quyết không tuân chiếu mệnh. Đế giận lắm, bèn triệu Nhu đến đài Thượng thư; phái sứ giả thừa chỉ đến chỗ quan Đình úy tra khảo Huân đến chết, Huân chết rồi mới phái Nhu về phủ quan của mình.

Mình đế tức vị, phong Nhu làm Diên Thọ đình hầu.

Thời ấy Bác sĩ chủ trì truyền dạy học vấn, Nhu dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói noi theo đạo lý coi trọng học thuật, là lời giáo huấn vĩ đại của thánh nhân; khen ngợi điển lễ tôn sùng nho học, là bậc đế vương thông tỏ đạo nghĩa vậy. Xưa kia thời Hán mạt quốc gia đổ nát, lễ nhạc tan vỡ, gấu chiến hổ tranh, coi trận mạc là việc hàng đầu, vì thế khiến văn nhân học sĩ, ẩn khuất không hiển lộ. Thái tổ mới hưng khởi, lo lắng các việc như thế, cho nên giữa lúc trị loạn, đều sai quận huyện lập chức quan lo việc dạy học. Cao tổ tức vị, mới mở rộng nghiệp ấy, hưng phục Tích Ung, các châu lập chế độ khảo thí, vì thế kẻ sĩ trong thiên hạ, lại nghe thấy lời giáo huấn từ trường học, quen với lễ nghi tế tự. Bệ hạ coi chính sự, đích xác là bậc thông tuệ sáng suốt, ban rộng kế lớn, làm rạng ngời phép tắc của tiên đế, dẫu Hạ Khải nổi nên móng, Chu Thành kế cơ nghiệp, thực không lấy gì hơn được vậy. Nhưng hiện nay các Bác sĩ đều là hạng thông kinh thuật, phẩm hạnh đoan chính, là người tuyển lựa trong cả nước, mà để thời hạn thăng chuyển không dài hơn các trưởng huyện, e rằng đấy không phải là cách coi trọng nho thuật, khuyến khích người lười biếng vậy. Không từ nói 'đề cử người thiện dạy dỗ kẻ kém thì khuyến khích được người

khác', cho nên người nước Sở đãi ngộ Thân Công,⁽¹⁾ học sĩ nỗ lực tinh tiến, nhà Hán tôn trọng Trác Mậu,⁽²⁾ sĩ đại phu đua nhau kính ngưỡng. Thần cho rằng Bác sĩ, là những người có hiểu biết sâu rộng về đạo lý, lấy nho gia lục kinh làm tông chỉ, nên tùy theo học vấn và phẩm hạnh hơn kém, đãi ngộ có phân biệt không câu nệ lễ thường mà sắp xếp. Tôn sùng đạo đức và giáo hóa, để khuyến khích người theo học, khiến giáo hóa được rộng mở."

Để thu nhận ý ấy.

Về sau đại hưng thổ mộc dựng sửa cung điện, trăm họ lao dịch vất vả; rộng tuyển thiếu nữ, sung đầy hậu cung; nhưng Hoàng tử ở hậu cung lại liên tục chết yếu, không nuôi dưỡng được người kế tự. Nhu dân số nói:

"Hai tên giặc giảo hoạt, ngầm giảng binh luyện võ, mưu động can qua, không có ý chịu trời tay; ta nên nuôi dưỡng tướng sĩ, tu sửa giáp binh, lấy sức nhân đợi sức mới. Nhưng mới đây lại hưng khởi điện xá, trên dưới lao nhọc nhiều loạn; ví như kẻ hiểu biết của Ngô, Thục rõ thực hư, thông mưu hợp sức, một lần nữa cùng ta liều chết, thật chẳng thể xem thường vậy."

¹ Thân Công (申公), tên Bôi, còn gọi là Thân Bôi Công (申培公), người nước Lỗ, sống vào đầu thời Tây Hán. Thời Lã hậu, Thân công du học ở Trường An, cùng Lưu Dĩnh học chung thầy, Dĩnh là Sở vương, lệnh cho Thân Công giúp Thái tử của mình là Lưu Mậu. Mậu không thích học, ghét Thân Công. Lúc Sở vương Lưu Dĩnh chết, Lưu Mậu lên nối vị Sở vương, Thân Công bỏ về nước Lỗ, dạy học ở nhà, không ra khỏi cửa, đệ tử theo học có hơn trăm người. Thân Công đặc biệt giỏi về *Kinh Thi*. Trong số học trò của ông có những người nổi tiếng như Khổng An Quốc, Chu Bá, Hạ Khoan, Lan Lăng Mậu, Từ Yên, Trâu Nhân ... đều giữ chức vị cao.

² Trác Mậu (卓茂) tự Từ Khang, người quận Nam Dương huyện Uyển, sống vào cuối thời Tây Hán, đầu thời Đông Hán. Thời Nguyên đế nhà Hán, Trác Mậu du học ở Trường An, rất giỏi *Kinh Thi*, *Lễ ký*, hiệu là "Uyên bác nho sĩ." Lúc làm Huyện lệnh, có thành tích cao, được trăm họ và thuộc hạ tin phục. Thời Vương Mãng, Mậu từ quan về quê. Lưu Tú lập nhà Đông Hán, Trác Mậu được sĩ đại phu kính ngưỡng, Quang Vũ đế dùng Trác Mậu làm Thái phó.

"Xưa kia Hán Văn đế tiếc của cải dùng cho mười nhà, không tính dựng chiếc đài nhỏ để hứng sương; Hoắc Khứ Bệnh lo lắng cái họa của Hung Nô, không nhân rồi tính việc sửa sang phủ đệ.⁽¹⁾ Huống chi cái phí tổn hiện nay chẳng phải chỉ là trăm nén vàng, cái lo lắng hiện nay há chỉ là mối họa của người Bắc Địch sao? Cung điện thô sơ ta đang dựng hiện nay, đủ để cử hành nghi thức triều yến. Xin hãy giải tán người làm, khiến họ quay về nghề nông. Đợi hai phương bình định xong, lại có thể thông thả sửa sang xây dựng."

"Trước kia Hiên Viên có hai mươi lăm người con, truyền lộc rất dài; vương thất nhà Chu mang họ Cơ lập nước có bốn mươi người, niên đại rất lâu. Bệ hạ là người thông minh thấu đạt, hiểu tận lý tính của sự vật, nhưng mới đây các hoàng tử liên tục chết yểu, điềm sinh con trai lại chưa thấy ứng. Trong lòng quần thần, chẳng ai không áy náy."

"Theo Chu lễ, từ Hậu phi của Thiên tử trở xuống có hai trăm người, nữ quan theo nghi thức trong cung, đã rất đông rồi. Thần trộm nghe nói số người ở hậu đình, vượt quá mức quy định, hậu tự của thánh thượng chẳng xương thịnh, e rằng có thể do nguyên nhân từ đấy. Ngụ thần cho rằng nên tuyển chọn nữ tử ở thực viện, sung cho đủ số người ở nội quan, người thừa ra đều sai đưa về nhà. Vả lại muốn dưỡng thần, phải chuyên tâm tĩnh khí để sinh hoàng tử. Như thế, thì cái điềm đông con lắm cháu, sẽ kéo đến thôi."

Đế đáp số rằng:

"Ta biết ngươi trung thành, trong lòng khắc khoải vì vương thất, thường dâng lời nói thẳng; các việc khác nữa, xin lại được nghe lời."

Bấy giờ cấm lệnh về việc đi săn rất nghiêm. Điển nông huyện Nghi Dương là Lưu Quy ngầm đi săn thú ở trong vùng cấm, Công tào của huyện ấy là Trương Kinh đến chỗ quan Hiệu sự nói việc đó. Để giấu danh tự của Kinh, bắt Quy tống ngục. Nhu dâng biểu xin Đế nói danh tự của kẻ cáo giác, Đế cả giận nói:

¹ Hán Văn đế không xây dựng lộ đài, Hoắc Khứ Bệnh không sửa sang phủ đệ: Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 178 (Vương Lăng truyện).

- Lưu Quy đáng chết mới dám đi săn bắn ở nơi cấm địa của ta. Ta sai đưa Quy đến chỗ Đình úy, Đình úy phải tra khảo thẩm vấn ngay, sao lại thỉnh cầu ta nói danh tự của kẻ cáo giác, có phải ý là ta hồ đồ bắt Quy chăng?

Nhu nói:

- Đình úy, là quan lại công bằng trong thiên hạ, sao được vì sự mừng hay giận của bậc chí tôn mà phá hủy pháp luật?

Lại lần nữa dâng tấu chương, lời lẽ rất sâu xa khẩn thiết. Đế tỉnh ngộ, bèn nói ra danh tự của Kinh. Nhu tức tốc quay về thẩm vấn, hai người đều phải nhận đúng tội trạng của mình.

Theo phép chế đương thời, quan lại gặp đại tang, sau một trăm ngày đều phải quay về vâng giữ chức sự. Viên lại của Hữu tư đồ là Giới Hoảng gặp tang cha, sau có việc quân, nhận sắc mệnh lúc sắp khởi hành, vì mắc bệnh từ chối. Đế hạ chiếu tức giận nói:

- Người không phải là Tăng, Mẫn,⁽¹⁾ sao nói là xót thương sinh bệnh?

Lập tức giục bắt tra khảo đến chết. Nhu thấy Hoảng thực sự rất gầy yếu, dâng tấu bày tỏ sự việc, cho là nên khoan thứ. Đế hạ chiếu nói:

- Giới Hoảng hiếu thuận thay! Hãy khoan thứ cho hắn.

Khi trước, anh trai của Công Tôn Uyên là Hoảng, vì chú mình là Công Tôn Cung phải làm con tin ở kinh sư, ban đầu lúc Uyên còn chưa phản, mấy lần Hoảng bày tỏ rằng Uyên sẽ tạo phản. Lúc Uyên mưu phản nghịch, Đế không nỡ chém treo đầu ngoài chợ, muốn xử tử ở trong ngục. Nhu dâng sớ rằng:

"Kinh Thư nói: 'Kẻ có tội thì trừng phạt cái tội của hắn, người có đức thì biểu chương cái thiện của họ', đây là phép tắc sáng suốt của

¹ Tăng Sâm, Mẫn Tôn: Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 122 (Văn đế kỷ).

vương chế vậy. Hoảng và vợ con là thân thích của kẻ phản nghịch, thực phải chém treo đầu thị chúng, không để sót người nào. Nhưng thần trộm nghe nói Hoảng lúc trước mấy lần tự thuận phục, bày tỏ rằng Uyên là mầm họa, tuy là người đồng tộc của kẻ ác, nhưng xét bản ý có thể tha thứ được. Xưa kia Trọng Ni giải thoát nỗi ưu tư của Tư Mã Ngưu,⁽¹⁾ Kỳ Hề cứu thoát cái tội của Thúc Hướng,⁽²⁾ là tiết nghĩa cao đẹp thời xưa vậy. Thần cho rằng Hoảng thực đã có lời bày tỏ, nên tha tội chết cho hắn; ví như hắn không nói ra, lập tức phải chém treo đầu thị chúng. Nay trước không ban lệnh tha cho hắn, sau chẳng nêu tỏ được tội của hắn, đóng cửa giam hắn trong ngục, sai hắn tự sát, bốn phương trông vào quốc gia, có người dỗi với việc này sinh nghi ngờ vậy.”

Để không nghe, cuối cùng sai người mang rượu độc phẫn sắc vàng đến cho Hoảng và vợ con hắn, ban cho áo quan, y phục, liệm táng ở trong nhà.^①

① Tôn Thịnh nói: Nghe nói thời Ngũ đế không ghi chép lời văn cáo thệ, thời Tam vương không có việc kết minh lập ước thề, thế thì ghi chép về lập minh ước và lời cáo thệ mới bắt đầu từ cuối thời Tam đại, việc dùng người làm con tin bắt đầu từ có lúc nhà Chu suy. Lòng kiên trinh thuần chính của người ta, có thể khiến đất trời cảm động, lúc tâm cơ đã nảy sinh thì chim chóc không hạ cánh.⁽³⁾ Huống chi đức tin của mình chẳng đủ lại cầu mong vưu

¹ Tư Mã Ngưu (司马牛), tên Canh, tự Tử Ngưu, là học trò của Khổng tử. Tư Mã Ngưu có anh em ở nước Tống, can dự vào việc phản loạn, buồn rầu nói: “Người ta đều có anh em, riêng ta thì không.” Tử Hạ (cũng là trò của Khổng tử) dẫn lời thầy, an ủi rằng: “Người ta sống chết có phận, giàu sang do trời. Người quân tử giữ lòng tôn kính không làm lỗi, khiêm cung có lễ, bốn bề đều là anh em, lo gì nữa.”

² Kỳ Hề cứu Thúc Hướng: Xem chú thích ở tập IV, quyển 21, trang 242 (Lưu Di truyện).

³ Theo sách *Liệt tử*: Có người ở ven biển rất thích chim, mỗi sớm đến bờ biển, chim chóc đều bay đến gần đỗ xuống cùng đùa dỡn, hàng trăm lần như thế. Cha của người ấy nói: “Ta nghe nói chim chóc đều đến chơi đùa với mây, mây hãy bắt lấy chúng.” Sáng hôm sau người kia ra biển, chim chóc chỉ liệng trên không trung mà không đỗ xuống.

vật, người ta náy mỗi ngò với mình lại oán trách đối phương hai lòng, thế có khác gì cấp khối băng mong cầu được ấm áp, ôm lửa than hy vọng hưởng mát lành? Và lại với hạng người thích cầu công, với loại người tự cao tự đại, chẳng kẻ nào không bỏ tình dụng kế, hám lợi quên người thân, ví như có nghĩ đến cái ân từ hiếu của cha mẹ, ngò rằng họ còn nghĩ tới mỗi họa nguy thân. Vì thế mà Chu, Trịnh thù nhau,⁽¹⁾ Hán Cao xin canh,⁽²⁾ Ngỗi Hiêu rút con,⁽³⁾ Mã Siêu phản cha,⁽⁴⁾ việc họ làm cực kỳ tàn nhẫn như thế, há lại dựa vào con tin gửi lòng thành tín để cầu sự tin tưởng lâu bền sao? Người làm vua nếu xa thì xem cái chí đạo ngừa tà ác của bậc vương xưa, gần thì xét cái tâm hung hiểm hám lợi của phường xảo quyệt, lấy đức nhân mở lưới để thu phục lòng người,⁽⁵⁾ thì ân cho kẻ khốn khổ, hiển lộ cái uy sấm sét, đáp công bằng cách làm mưa đúng thời, thì kẻ không cung kính phải thu vạt áo trong một sớm, kẻ giận dữ phải uốn gối trước phép tắc rồi. Hà tất phải quản thúc người thân để phủ dụ cái tình của họ, bức bách người mà họ yêu mến để cấm chế sai khiến họ? Nếu đã không làm thế, phải dựa vào kế mưu quyền thuật, lung lạc họ bằng lợi ích, kiềm chế họ bằng sự quyền biến, xét một nhà mà

¹ Đầu thời Xuân Thu, Trịnh là nước chư hầu mạnh nhất, thường cự lại lệnh của nhà Chu. Chu vương và quân chủ của nước Trịnh thường phải phái con tin sang ở lẫn nước của nhau để tỏ ý không bội thề ước, tuy nhiên hai nước thâm thù nhau, không vì thế mà tin lẫn nhau, vẫn phát sinh mâu thuẫn và hành động quân sự.

² Hán Cao tổ Lưu Bang và Hạng Vũ tương tranh giành thiên hạ, Hạng Vũ bắt cha của Lưu Bang là Thái công đặt lên thớt, dọa sẽ bỏ vào vạc nấu chín để Lưu Bang run sợ ra hàng, nhưng Lưu Bang nói: “Ta và ngươi đã kết làm anh em, cha ta cũng như cha ngươi. Nếu ngươi giết cha ta nấu thành canh thì cho ta xin một bát.” Hạng Vũ không làm gì được, bèn bỏ ý định giết Thái Công.

³ Ngỗi Hiêu (隗囂), tự Quý Mạnh, người quận Thiên Thủy, là thủ lĩnh quân phiệt thời nhà Tân và đầu thời Đông Hán. Khi Quang Vũ đế Lưu Tú dẹp các thế lực cát cứ, Hiêu chiếm giữ Lũng Tây, Quang Vũ đế sai tướng là Lai Hấp khuyên dụ Hiêu, Hiêu ban đầu từ chối, về sau cho con là Ngỗi Tuấn về triều làm con tin. Về sau Hiêu không theo lệnh của Quang Vũ đế, bị Quang Vũ đế đánh, Ngỗi Hiêu không vì con mình đang làm tin mà chịu hàng, con tin là Ngỗi Tuấn bị giết, cuối cùng Ngỗi Hiêu thua trận, lo buồn phần hận mà chết.

⁴ Xem tập VI, quyển 36 (Mã Siêu truyện).

⁵ Đức nhân mở lưới: Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 151 (Văn đế kỷ).

luận diêm trời trong bốn bể, phải sinh cái phép tắc hẹp hòi, mong thu được cái lợi ích nhất thời, bởi không thể không lập cái hình phạt mà mình không mong muốn, cho nên mới có việc trừng phạt và giết chóc con tin, điều ấy cũng như việc nói ai trái ước thề, thì toàn quân đánh giết, trời đất tru diệt đấy thôi.⁽¹⁾ Há đâu lại dẫn ra cái phép tắc bốn tội không liên lụy, cái nghĩa được khoan thứ của Tư Mã Ngưu nhi? Ví thử con tin đều không phải gánh chịu hậu quả thay cha anh mình, thường nói ra cái điều mà mình phỏng đoán, bày tỏ nỗi khuất khúc mà đều được sống, thì sẽ thúc đẩy cái việc người con trái đạo lý làm nguy hại đến cha anh để tự bảo tồn. Con em dẫu là con tin, tất không có cái mối lo hình ngục, cha anh tuy ác nghịch, rút cục không sợ bị chém giết. Nhu chẳng xét rõ cái thuật này là trái với cái đạo lý của quân vương có đức thời trị, chẳng khuếch trương được cái đại nghĩa xa xưa, vứt bỏ cái phép chế thời cận đại, mà tùy tiện trong phép tắc dùng hình để cứu giúp cho sinh mệnh của một người, có thể gọi là trong lòng còn giữ điều thiện nhỏ, không đúng với cái thể chế căn bản của bậc đế vương. Trong cái đạo giết người thời xưa, lại có đức nhân. Hình phạt với Hoảng trong chốn lao tù, không phải là sai vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng tranh luận làm rõ đạo lý của sự việc, quý ở chỗ thích hợp với tình huống cụ thể lúc đương thời, hà tất phải xướng lời khoa trương hư hão mà chung quy không có tác dụng. Lời luận phóng túng phù phiếm, không gắn với thực tế, thì cũng như việc vẽ yêu quái, mà đến nỗi hình dáng như chó ngựa vậy. Việc dùng người làm con tin sinh ra, không phải là bất chước thời gần đây, hướng chi ba phương lập chân đỉnh, xứ Liêu Đông xa xôi ở một phương, ràng buộc bằng người thân thuộc của họ để phòng ngừa việc không như ý, không phải là sai vậy. Nhu cho rằng Hoảng lúc trước có lời nói phải, nên rộng lòng tha thứ. Mà Thịnh trách Nhu là chẳng khuếch trương được cái đại nghĩa xa xưa, vứt bỏ cái phép chế thời cận đại, nhưng không lý giải được căn kẽ lời ấy là thế nào? Nếu nói rằng nghi ngờ đề phòng là sai,

¹ Là những câu nói quen thuộc của người xưa khi hội mình thề ước với nhau.

việc dùng người làm tin nên phế bỏ, thế mới gọi là nêu tỏ cái đạo của bậc vương xưa, không quan tâm đến việc sống chết của con tin vậy. Hoảng là con tin, nói lời đã qua nhiều năm rồi, há phải là giữa lúc sống chết, mới giảng giải về cái gốc của đạo lý. Thế có khác gì sự việc đã phức tạp, mới đưa lời phán quyết, bàn luận hư hao về cái cao đẹp của việc không dùng hình pháp, chẳng phải là không thỏa đáng với thực tế sao? Nói cái điều không hợp với thực tế cũng đã là quá rồi, Hán Cao việc cùng bức bách, quyền biến để cứu phụ thân, mà xem là hết mực tàn nhẫn, là tổn hại đến danh dự của Hán Cao vậy. Và lại từ xưa đến nay, chưa hề có con em xằng bậy tố cáo cha anh để mưu đồ bảo toàn tính mệnh gia đình, thực trái với cái lễ tự bảo tồn, là điều mà thần chưa nghe nói đến. Hoảng thân phận là anh tố cáo em, mà việc ấy quả nhiên ứng nghiệm. Lại bảo là Hoảng đáng giết, lấy đó để ngăn ngừa phòng phạm. Nếu thế thì nói ra cũng chết, mà không nói ra cũng chết, há chẳng dứt tuyệt cái lòng hướng thiện của người ta, mà hình phạt thiên lệch không có căn cứ sao? Nếu vậy thì mẹ của Triệu Quát, vốn trước đó có lời xin được miễn tội,⁽¹⁾ anh của Chung Hội, vì bí mật dâng lời mà con được toàn vẹn,⁽²⁾ việc giống như thế xưa nay, đại khái là không ít. Lời nói lúc trước của Hoảng, sự việc cũng giống như lời của mẹ Quát và Chung Dục, mà kết cục trái ngược nhau, thực đáng thương thay!

¹ Triệu Quát (赵括), là con của danh tướng Triệu Xa nước Triệu. Quát học binh thư từ nhỏ, bàn luận về binh pháp rất có khẩu khí, nhưng người cha không tin, mẹ của Triệu Quát hỏi vì sao, Triệu Xa nói: “Cầm quân ra trận là đặt tính mạng vào chỗ chết, mà nó coi việc cầm quân là dễ. Sau này nước Triệu không dùng nó làm tướng thì thôi, nếu dùng nó, làm cho nước Triệu thảm bại, nhất định là do nó vậy.” Sau khi Triệu Xa chết, nước Tần đánh Triệu, Liêm Pha làm tướng, giữ chắc, quân Tần không thắng nổi bèn dùng kế ly gián nói là quân Tần chỉ sợ Triệu Quát, không sợ Liêm Pha, vua nước Triệu tin, cho là Liêm Pha hèn, sai Triệu Quát làm tướng thay Liêm Pha. Triệu Quát sắp đi, mẹ của Quát dâng thư lên Triệu vương, nói Quát không thể làm tướng, nếu cứ sai cầm quân, xin không bắt tội đến gia thuộc. Vua nước Triệu hỏi lý do nhưng vẫn đồng ý cho đi. Rút cục Triệu Quát hung hăng bị tướng Tần là Bạch Khởi đánh tan tác ở Trường Bình, 40 vạn quân Triệu bị quân Tần giết sạch, nước Triệu rung động. Mẹ của Triệu Quát vì đã có lời từ trước nên không bị bắt tội.

² Việc về Chung Dục, xem tập V, quyển 28 (Chung Hội truyện).

Thời ấy, người giết hươu ở vùng cấm đều bị xử tử, thu tài sản sung công, người nào cáo giác đều được ban thưởng hậu. Nhu dâng sớ nói:

"Bậc thánh vương trị lý thiên hạ, chẳng ai không chuyên tâm mở mang nghề nông, tiết kiệm phí dụng tích trữ của cải. Nghề nông mở rộng thì tích trữ được lương thực, phí dụng tiết kiệm thì tích trữ được của cải, của cải được tích trữ mà có mỗi lo họa hoạn, là điều thần chưa thấy vậy. Thời xưa, một phu không cày ruộng, có một người đói, một nữ không dệt vải, có một người rét. Từ mấy năm trở lại đây, trăm họ chịu nhiều thứ lao dịch, người cày ruộng đã giảm, hơn nữa mới đây lại có lệnh cấm săn bắn, đàn hươu xâm phạm phá phách, hủy hoại thóc lúa, nơi nơi bị hại, cái hại của hươu không sao tính xuể. Dân chúng tuy ngăn che rào dậu, song sức chẳng thể ngăn nổi. Đến như vùng xung quanh Huỳnh Dương, trong vòng mấy trăm dặm, cả năm cơ hồ không có thu hoạch gì, sinh mệnh của dân, thật đáng xót thương. Hiện nay của cải tài sản trong thiên hạ rất ít, mà cái tổn hại bởi hươu nai mang lại thì rất nhiều. Nếu đột nhiên có việc binh nhung, hay tai nạn mất mùa, sẽ không trông vào đâu được. Mong bệ hạ hãy nghĩ xét đến việc làm của bậc minh quân xưa, thương cái gian nan của việc cấy hái, khoan thứ cho dân chúng, cho họ được bắt hươu, từ đấy bỏ cấm lệnh, thì trăm họ được cái lợi lâu dài, chẳng ai không hân hoan cổ vũ vậy." ①

① Ngụy danh thần tấu chép bản sớ Nhu dâng lên rằng:

"Thần nghĩ kỹ cái nguyên nhân mà bệ hạ không sớm bắt hươu, đấy thực sự là muốn cho số lượng của chúng thật nhiều, rồi sau mới bắt hết để dùng vào việc quân việc nước. Nhưng thần trộm cho rằng hiện nay số lượng hươu chỉ ngày càng giảm sút, rút cục không thể nhiều thêm được nữa. Vì sao biết được như thế? Hiện nay vùng đất cấm rộng hơn nghìn dặm, theo thần tính toán thì ít nhất trong vùng ấy có đến sáu trăm con hổ lớn nhỏ, năm trăm chó sói, cáo vạn con. Nếu một con hổ lớn ba ngày ăn một con hươu, mỗi hổ một năm ăn hết một trăm hai mươi con hươu, thì sáu trăm hổ mỗi năm ăn hết một vạn hai nghìn đầu hươu vậy. Nếu

mười con sói một ngày cùng ăn hết một con hươu, thì năm trăm chó sói một năm ăn hết một vạn tám nghìn đầu hươu vậy. Hươu con mới sinh ra, chưa thể chạy nhanh, nếu mười con cáo một ngày cùng ăn hết một con hươu con, đến lúc hươu lớn chạy khỏe cũng phải trong vòng một tháng, thế thì một vạn con cáo trong một tháng ăn hết ba vạn con hươu con rồi. Đại thể là mỗi năm số hươu bị ăn thịt là hai mươi vạn con vậy. Ngoài ra hươu còn bị bọn diều hâu, đại bàng giết hại, thần chẳng tính đến. Lấy đấy mà suy, rút cục số lượng đầu hươu không thể tăng được nữa, chẳng bằng sớm bắt lấy chúng là tiện lợi."

Không lâu sau đó, tên lính ở Hộ quân doanh là Đậu Lễ ra khỏi doanh trại không quay về. Người trong doanh cho rằng hắn bỏ trốn, báo lên xin truy đuổi và bắt hết vợ con cùng trai gái nhà hắn vào làm nô tì của phủ quan. Hết thấy bọn họ liên tiếp đến châu phủ kêu oan, tỵ bày tỏ oan khuất, nhưng không ai xem xét. Vì thế họ đến chỗ Đình úy. Nhu hỏi rằng:

- Người sao biết là chồng mình không bỏ trốn?

Đậu thị cúi đầu khóc nói:

- Chồng thiếp thời ít tuổi cô đơn, phụng dưỡng một bà lão làm mẹ, thờ rất cung kính, lại thương xót một người con gái nhỏ, vỗ về chăm sóc không xa rời, không phải là người kinh miệt giáo hoạt không quan tâm đến gia đình vậy.

Nhu lại hỏi:

- Chồng ngươi không cùng người khác sinh oán thù sao?

Đáp rằng:

- Chồng thiếp lương thiện, với người khác không hề có oán thù.

Lại hỏi:

- Chồng ngươi không có quan hệ về tiền của với người ta sao?

Đáp rằng:

- Chồng thiếp từng giúp tiền cho một người lính cùng doanh trại là Tiêu Tử Văn, đòi không được.

Bấy giờ Từ Văn mới phạm tội nhỏ bị giam ở trong ngục, Nhu bèn gặp mặt Từ Văn, hỏi về cái tội mà hắn phạm phải. Từ Văn nói xong, Nhu hỏi:

- Người đã từng mượn tiền của ai chưa?

Từ Văn nói:

- Ta tự biết là mình nghèo hèn, nên không dám cầm tiền của ai vậy.

Nhu quan sát sắc diện và cử chỉ của Từ Văn, bèn nói:

- Người lúc trước cầm tiền của Đậu Lễ, sao lại nói là không mượn?

Từ Văn kinh lạ cho là việc đã bại lộ, ứng đối không trôi chảy. Nhu nói:

- Mày đã giết Đậu Lễ, nên sớm phục tội.

Từ Văn vì thế rập đầu nhận tội, kể hết đầu đuôi việc giết Lễ, chôn vùi xác ở chỗ nào. Nhu bèn phái quan quân, theo lời khai của Từ Văn đi đào bới, tức thì tìm được thi thể Lễ. Để hạ chiếu thư khôi phục thân phận cho vợ con của Lễ làm dân thường. Lại bố cáo với người thiên hạ, lấy việc của Đậu Lễ làm răn.

Nhu làm Đình úy hai mươi ba năm, lại chuyển làm Thái thường, chục ngày sau thăng làm Tư không, sau lại điều làm Tư đồ.

Thái phó Tư Mã Tuyên vương dâng tấu xin bãi chức của Tào Sảng, Hoàng thái hậu hạ chiếu triệu Nhu ban Giả tiết thay nhận việc của Đại tướng quân, ở trong doanh trại của Sảng. Thái phó bảo Nhu rằng:

- Ngài thành Chu Bột rồi vậy.⁽¹⁾

¹ Chu Bột, công thần của Lưu Bang, sau khi diệt họ Lã có công, được cùng Trần Bình giữ chức Tả, Hữu thừa tướng.

Sau khi Sảng bị giết, Nhu được tấn phong tước Vạn Tuế hương hầu.

Cao Quý hương công tước vị, tấn phong Nhu làm An Quốc hầu, chuyển làm Thái úy. Thường Đạo hương công tước vị, tăng ấp cho Nhu, gộp cả trước đây là bốn nghìn hộ, trước sau phong cho hai con của Nhu làm Đình hầu.

Năm Cảnh Nguyên thứ tư, Nhu chín mươi tuổi thì chết, được ban thụy là Nguyên hầu. Cháu của Nhu là Hồn nối tự.

Năm Hàm Hi trung, khai lập tước Ngũ đẳng, vì bọn Nhu công huân sáng rõ với tiền triều, cải phong cho Hồn làm Xương Lục tử.^①

① *Tấn chư công tán* chép: Con trưởng của Nhu là Tuấn, làm Đại tướng quân duyên, con thứ của Nhu là Đản, trải chức Thứ sử ở ba châu, rồi Thái phó. Đản vốn tính phóng khoáng, không câu nệ lễ thường, nhưng quyết đoán cứng cỏi hơn người. Con thứ nữa của Nhu là Quang, tự Tuyên Mậu, thời trẻ thạo quản nghiệp nhà, thông hiểu pháp luật. Thời Tấn Vũ đế, làm Hoàng Sa ngự sử, tương đương với chức Trung thừa, ban đầu tạm giữ chức Đình úy, sau nhận chức thực. Anh của Quang là Đản, tiết tháo hành vi so với Quang có bất đồng, bảo Quang là câu nệ tiểu tiết, thường khinh mạn vũ nhục Quang, nhưng Quang thờ Đản lại càng kính cẩn hơn. Cuối đời làm đến chức Thượng thư lệnh. Được truy tặng chức Tư không.

Tôn Lễ tự Đức Đạt, người quận Trác huyện Dung Thành. Thái tổ bình U châu, triệu Lễ làm Tư không quân mưu duyên.

Lúc mới xảy tang loạn, Lễ và mẹ lạc nhau, người đồng quận là Mã Đài tìm được mẹ của Lễ, Lễ đem cả gia tài chu cấp cho Đài. Về sau Đài phạm tội bị phán xét tử hình, Lễ ngầm chỉ dẫn cho Đài vượt ngục rồi tự mình ra đầu thú, xong việc, Đài nói:

- Thần theo đạo nghĩa không thể bỏ trốn.

Rồi đến thẳng chỗ quan Thứ gian chủ bộ là Ôn Khôi nhận tội. Khôi khen ngợi, bạch hết việc với Thái tổ, hai người được giảm tội xuống một bậc.

Lễ về sau được đổi làm Quận thừa quận Hà Gian, ít lâu lại được thăng làm Đô úy Huỳnh Dương.

Trong núi ở đất Lỗ có mấy trăm tên giặc, chúng chiếm giữ chỗ hiểm, gây hại cho dân; triều đình bèn lấy Lễ làm Lỗ tướng. Lễ đến sở quan, mở kho lương, phát động quan dân, treo thưởng cho người lấy được đầu giặc, chiêu nạp kẻ ra hàng, khiến bọn chúng quay về, đất Lỗ lập tức yên bình.

Lễ trải chức Thái thú các quận Sơn Dương, Bình Nguyên, Bình Xương, Lang Nha. Rồi theo Đại tư mã Tào Hưu đi đánh nước Ngô ở Giáp Thạch, Lễ đưa lời can cho rằng không nên vào sâu đất địch, Hưu không nghe nên bại trận. Lễ được thăng làm Thái thú Dương Bình, rồi về triều làm Thượng thư.

Minh đế đang dựng sửa cung thất, nhưng thời tiết không thuận, trong nước thiếu lương. Lễ cố can ngăn, xin bãi bỏ việc sai dịch, Đế hạ chiếu rằng:

"Nay kính nhận lời thẳng, lập tức phái dân quay về canh tác."

Bấy giờ Lý Huệ giám sát việc xây dựng, lại tấu xin kéo dài việc giữ dân thêm một tháng để việc xây dựng xong hẳn. Lễ trực tiếp đến chỗ xây dựng, không dâng tấu lại nữa, nói rằng có chiếu thư giải tán dân, Đế cho là ý hay mà không trách tội.

Đế đi săn ở núi Đại Thạch, có con hổ xông đến xe kiệu, Lễ liền quăng roi nhảy xuống ngựa, muốn vung kiếm chém hổ, Đế lệnh cho Lễ lên ngựa.

Lúc Minh đế sắp băng hà, lấy Tào Sảng làm Đại tướng quân, cho là nên có tướng tài phù tá, ở dưới giường nhận di chiếu, bèn bãi Lễ làm Đại tướng quân Trưởng sử, gia thêm chức Tán

kỵ thường thị. Lễ thắng thần chính trực không uốn gối, Sảng thấy bất lợi, bèn lấy Lễ làm Thứ sử Dương châu, thêm chức Phục ba tướng quân, ban tước Quan nội hầu.

Đại tướng nước Ngô là Toàn Tông thống suất mấy vạn bộ chúng đến lấn cướp, bấy giờ binh sĩ trong châu đang kỳ nghỉ, quân số không có bao nhiêu. Lễ thân dẫn vệ binh đến chống giữ, giao chiến ở Thục Pha, từ sáng sớm đến tối mịt, sĩ tốt tử thương quá nửa. Lễ xông pha giữa chốn đao guom, ngựa bị mấy vết thương, tay cầm dài trống, hăng hái quên mình, giặc phải lui về. Để hạ chiếu thư úy lạo, ban cho bảy trăm xấp lụa. Lễ vì những quân sĩ bị chết tiến hành tế tự, thân đến gào khóc, tiếng khóc bi thương lay động lòng người, lại đem lụa thưởng chia hết cho gia quyến người chết, không lấy gì cho bản thân mình.

Lễ được triệu bá làm Thiếu phủ, sau ra ngoài làm Thứ sử Kinh châu, rồi thăng làm Ký châu mục.

Thái phó Tư Mã Tuyên vương bảo Lễ rằng:

- Nay hai quận Thanh Hà và Bình Nguyên tranh chấp địa giới đã tám năm, qua hai đời Thứ sử chưa giải quyết được; cái việc Ngu, Nhuế phải đợi đến Văn vương mới xong,⁽¹⁾ người nên khéo léo giải quyết sao cho phân minh rõ ràng.

Lễ nói:

¹ Nước Ngu và nước Nhuế là hai nước chư hầu nằm ở phía tây nhà Thương thời vua Trụ, vì biên giới ở Điền dã sinh ra tranh chấp, họ tới xin Văn vương phân định. Văn vương mời họ tới nước Chu, thấy dân chúng và trăm quan sống theo lễ nghĩa, trên kính dưới hòa, nhường nhịn giúp đỡ nhau, hai vua Ngu, Nhuế đều xấu hổ, nói với nhau rằng: “Tiểu nhân như chúng ta, sao dám lên diện diện kiến bậc quân tử để nhờ phân xử?” Hai người không đến gặp Văn vương nữa, đều chủ động nhường vùng đất vốn đang tranh giành nhau ấy cho nhau, thế là vùng đất đó bị để không, người đời sau gọi chỗ đó là “Nhàn điền” hay là “Nhàn nguyên”. Chư hầu xung quanh nghe chuyện ấy, kéo nhau tới xin quy thuận nhà Chu, thế là thiên hạ ba phần, nhà Chu có hai phần.”

- Việc kiện tụng đất đai thì lấy mộ phần làm bằng chứng, việc xét xử thì lấy chính kiến của các bộ lão, mà người già thì chẳng thể dùng roi đánh đập, thêm nữa khu mộ địa hoặc đã chuyển tới nơi cao ráo phẳng phiu, hoặc bị dời vì cừ thù. Như những điều nghe được hiện nay, dẫu là Cao Đào⁽¹⁾ cũng còn khó quyết. Nếu muốn họ hết tranh tụng, nên dùng địa đồ của Liệt tổ thời phong đất ở Bình Nguyên khi xưa mà quyết định. Hà tất phải suy tìm điển cố thời cổ, để thêm chương từ kiện tụng? Xưa kia Thành vương lấy lá ngô đồng đưa bốn Thúc Ngừ, Chu công liên phong đất cho Thúc Ngừ.⁽²⁾ Nay địa đồ tàng trữ ở thiên phủ, căn bản có thể ngồi ở trên mà quyết đoán, há phải đến tận châu quận để phân xử sao?

Tuyên vương nói:

- Phải đấy. Nên phân chia theo địa đồ.

Lễ đến nơi thiên phủ, án theo địa đồ chia các vùng thuộc huyện Bình Nguyên. Nhưng Tào Sảng tin lời của người quận Thanh Hà, hạ chiếu thư rằng:

"Địa đồ không dùng được, nên tham chiếu những điểm khác biệt."

Lễ dâng sớ rằng:

"Quản Trọng là người phù giúp bá vương, khí độ của ông ấy hẹp hòi, vẫn có thể đoạt ấp Biên của họ Bá, khiến họ Bá không hề có lời oán thán.⁽³⁾ Thần nhận trách nhiệm của Mục bá, vâng lệnh thánh triều

¹ Cao Đào: Là đại thần của vua Nghiêu, nổi tiếng về phân minh, chính trực.

² Tích "Tiên đồng phong đệ": Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 186 (Vương Lăng, Vương Túc truyện).

³ Quản Trọng làm tướng quốc nước Tề, giúp Tề Hoàn công làm bá, Tề Hoàn công rất tôn trọng và ưu ái, lấy ấp Biên có ba trăm mẫu của họ Bá phong cho Quản Trọng. Họ Bá mất ấp trở thành người nghèo khó, ăn uống kham khổ, nhưng suốt đời không oán Quản Trọng.

Không từ chê Quản Trọng là khí độ hẹp hòi, không biết lẽ. Và chỉ ra rằng: Quản Trọng thu quá nhiều thuế của dân, khiến dân chúng sợ hãi; Vua dựng bình phong trước nhà, Quản Trọng cũng bắt chước. Vua chư hầu gặp nhau dùng lễ úp chén, Quản Trọng cũng làm theo. Thế là hẹp hòi, không biết lẽ.

minh xét địa đồ, chứng nghiệm làm rõ bờ cõi địa giới, địa giới huyện Thật lấy sông Vương Ông làm mốc; còn huyện Phụ lấy Mã Đan Hậu làm chứng có, huyện Trá lấy sông Minh Độc làm mốc. Ví như trá nguy chứng có tổ tụng, ngờ là phủ quan sẽ sai lầm. Thần trộm nghe rằng lời nói của số đông thì nấu chảy được vàng, khiến đá nổi gỗ chìm, ba người nói dối thì lời như hổ dữ, khiến từ mẫu quăng thoi.⁽¹⁾ Nay hai quận tranh bờ cõi đã tám năm, một sớm quyết xong, duyên do là từ việc phân tích rõ bức địa đồ, mới có thể tìm xét mà đính chính được. Quận Bình Nguyên ở giữa hai con sông, từ hướng đông đi lên, ở giữa có đê Tước, đê Tước ở phía tây nam huyện Cao Đường, chỗ đất tranh chấp ở phía tây bắc Cao Đường, cách xa hơn hai mươi dặm, có thể nói là khiến người ta thờ dài sa nước mắt vậy. Xét theo địa đồ mà tấu lên thì huyện Phụ không vâng chiếu lệnh, thế là thần hèn nhát vô dụng chẳng làm nổi chức trách của mình, còn mặt mũi nào hưởng tước lộc hão đây.”

Xong lập tức mặc áo đi giày, gióng xe đội triều đình bãi chức. Sáng thấy bản tấu của Lễ, cả giận. Bèn hặc tội Lễ có ý oán vọng, kết tội phạt ở nhà năm năm. Lễ ở nhà hết hạn phạt, chúng nhân đa phần vì Lễ đưa lời xin, triều đình phong cho Lễ làm Thành môn Hiệu úy.

Bấy giờ vua của người Hung Nô là Lưu Tĩnh có bộ chúng cường thịnh, người Tiên Ti lại mấy lần vào cướp phạm biên giới, triều đình bèn dùng Lễ làm Thứ sử Tĩnh châu, gia thêm chức Chấn vũ tướng quân, cho cầm cờ tiết, hộ Hung Nô trung lang tướng. Lễ qua gặp Thái phó Tư Mã Tuyên vương, thần sắc giận dữ nhưng không nói. Tuyên vương hỏi:

¹ Ý rằng, lời nói của nhiều người có sức mạnh của tin đồn, khiến thị phi điên đảo, có thể làm người ta tin rằng đá nổi mà gỗ chìm, ba người nói dối thì có sức mạnh như hổ dữ, đến bà mẹ của người hiền như Tăng Sâm cũng tin là con trai bà giết người. Xem thêm chú thích về lời gièm “Tam chỉ” ở tập IV, quyển 21, trang 239 (Lưu Di truyện).

- Người được đến Tinh châu, còn chê nhỏ sao? Hay tức giận về việc phân chia địa giới bị mất danh phận chẳng? Nay sắp xa biệt, sao chẳng vui mừng?

Lễ nói:

- Minh công sao lại nói cái điều vụn vặt quái gở vậy! Lễ đâu bất đức, há vì chức vị hay việc đã qua mà có ý giận sao? Ta vốn cho là Minh công theo được vết chân Y, Lã, không phò Ngụy thất, trên báo đáp được sự phó thác của Minh đế, dưới dựng lập công huân cho vạn đời. Nay xã tắc sắp nguy nan, thiên hạ động loạn, Lễ này vì thế mà không vui vậy.

Liên chảy nước mắt ròng ròng. Tuyên vương nói:

- Ngài hãy thôi khóc, nên tạm nhẫn nhịn cái không thể nhẫn vậy.

Sáng về sau bị giết, Lễ về triều làm Tư lệ Hiệu úy, cả thầy trước sau coi xét việc ở bảy quận trong năm châu, đều dựng lập uy tín. Lễ được thăng làm Tư không, phong tước Đại Lợi đình hầu, thực ấp trăm hộ.

Lễ thời ấy cùng người đồng quận là Lô Dục hầu cùng bậc, nhưng tình cảm hay có bất hòa. Hai người dù đắp đổi vẫn dài, nhưng danh vị tựa tựa như nhau. Năm Gia Bình nguyên niên Lễ chết, được ban thụy là Cảnh hầu. Cháu của Lễ là Nguyên nối tự.

Vương Quán tự Vĩ Đài, người Đông Quận huyện Lâm Khâu. Thuở nhỏ mồ côi nhưng gắng chí, Thái tổ triệu làm Thừa tướng Văn học duyệt, rồi ra ngoài lần lượt làm lệnh ở các huyện Cao Đường, Dương Tuyền, Toàn và Nhâm, ở đâu cũng được khen ngợi. Văn đế lên ngôi, Quán về triều làm Thượng thư lang, Đình úy giám, lại ra làm Thái thú Nam Dương, Trác Quận.

Phía bắc của quận Trác tiếp giáp với đất của tộc Tiên Ti, thường bị cướp bóc, Quán lệnh cho dân ở ven biên cứ từ mười nhà trở lên, tụ tập một chỗ, đắp công sự phòng bị. Bấy giờ có kẻ không muốn làm việc ấy, Quán bèn phái thuộc hạ đi, sai đến giúp đỡ con em họ, không đặt ra kỳ hạn, chỉ lệnh khi nào xong việc thì mọi người đều về. Vì thế quan dân theo gương, tự khuyến khích nhau làm việc không cần phải đôn đốc, trong vòng một tuần, nhất loạt cùng hoàn thành. Vì việc phòng thủ được chuẩn bị, nạn cướp bóc mới ngừng.

Mình đế tức vị, hạ chiếu thư sai điều tra các quận huyện xem nơi nào là nguy kịch, bình thường hay yên ổn. Chủ sự muốn nói quận mình là bình thường, Quán dạy rằng:

- Quận này gần với giặc ngoài, nhiều lần bị cướp hại, sao không nói là nguy kịch?

Chủ sự nói:

- Nếu nói là quận có mối nguy bên ngoài, sợ là mình phủ phải gửi con về triều làm tin.

Quán nói:

- Làm người chủ, sở dĩ là vì dân vậy. Nay quận có mối nguy bên ngoài, thì việc đao dịch điều phát đương nhiên được giảm miễn. Há có thể vì Thái thú mà phụ lại dân chúng cả quận sao?

Bèn nói là quận có mối nguy bên ngoài, sau đó đưa con đến huyện Nghiệp làm tin. Bấy giờ Quán chỉ có một con trai lại còn thơ ấu. Quán công tâm đến như thế.

Quán giữ mình trong sạch, lấy sự cần kiệm làm gương cho kẻ dưới, liêu thuộc hăm mộ bất chước, chẳng ai không tự cố gắng.

Mình đế đến Hứa Xương, triệu Quán về làm Trị thư thị ngự sử, quản việc án ngục ở trung ương. Bấy giờ Đế hay mừng giận bất

thường, nhưng Quán chẳng a dua thuận ý chỉ. Thái úy Tư Mã Tuyên vương mời Quán làm Tòng sự trung lang, thăng làm Thượng thư, sau ra làm Hà Nam doãn, chuyển làm Thiệu phủ.

Đại tướng quân Tào Sảng sai Tài quan⁽¹⁾ là Trương Đạt phá một ngôi nhà công lấy gỗ và các đồ vật làm của riêng, Quán nghe chuyện, đoạt hết tài vật sung công. Chức quan Thiệu phủ thống quản cả ba kho phủ của hoàng đế, là chỗ giấu đồ trân kỳ ngoạn vật, bọn Sảng xa hoa phóng túng, nhiều lần tìm cách lấy để dùng, sợ Quán giữ phép, bèn chuyển Quán làm Thái phó. Tư Mã Tuyên vương diệt Sảng, sai Quán làm Hành trung lĩnh quân, chiếm doanh quân của em Sảng là Hi, ban Quán tước Quan nội hầu, Quán lại làm Thượng thư, gia thêm chức Phò mã đô úy.

Cao Quý hương công tước vị, phong Quán làm Trung Hương đình hầu. Ít lâu, thêm chức Quang lộc đại phu, chuyển làm Hữu bộc xạ.

Thường Đạo hương công tước vị, tấn phong Quán làm Dương hương hầu, thêm thực ấp một nghìn hộ, cộng cả trước đó là hai nghìn năm trăm hộ. Lại thăng làm Tư không, Quán cố từ, Đế không đồng ý, phái sứ giả đến tận nhà bái phong. Quán tới nhậm chức được mấy ngày, lại dâng trả ấn thụ, rồi tự lên xe về nhà.

Quán chết ở nhà, di mệnh làm phần mộ chỉ đủ chứa quan tài, không đặt đồ táng, không đắp đất trồng cây. Quán được ban thụy là Túc hầu. Con của Quán là Khôi nối tự.

Năm Hàm Hi trung, khai lập tước Ngũ đẳng, vì công huân của Quán sáng rõ với tiền triều, nên đổi phong cho Khôi làm Giao Đông tử.

¹ Tài quan (材官), là quan chương quản thợ làm đồ mộc.

Bình rằng: Hàn Kỵ lúc chưa ra làm quan thì lặng lẽ dùng đức cảm hóa người, khi nhận chức thì lưu lại tiếng khen; Thôi Lâm giản dị chất phác, có tài xét người; Cao Nhu sáng suốt về pháp lệnh và nghĩa lý; Tôn Lễ cương cường quyết đoán, cứng rắn dũng cảm; Vương Quán thanh liêm chính trực, phẩm hạnh cao khiết: Đều đủ tài giữ vị Công phụ. Đến như Hàn Kỵ tuổi quá tám mươi, về nhà mới nhận chức Tư đồ; Nhu giữ chức Đình úy hai mươi năm, là bậc nguyên lão chết ở ngôi vị. So với Từ Mạc, Thường Lâm, còn có chỗ chưa bằng vậy.

---ॐ---

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI LĂM
TÂN BÌ, DƯƠNG PHỤ,
CAO ĐƯỜNG LONG TRUYỆN

— 38 —

Tân Bì tự Tá Trị, người quận Dĩnh Xuyên huyện Dương Địch. Tổ tiên của Bì vào năm Kiến Vũ trung, từ Lũng Tây dời sang đông. Bì theo anh trai là Bình tới chỗ Viên Thiệu.

Thái tổ làm Tư không, triệu Bì, Bì không ứng mệnh. Lúc Viên Thượng công phá anh là Đàm ở Bình Nguyên, Đàm sai Bì đến chỗ Thái tổ xin hòa.^① Thái tổ sắp đi đánh Kinh châu, đóng quân ở Tây Bình. Bì đến gặp Thái tổ chuyển ý tứ của Đàm, Thái tổ cả mừng. Mấy ngày sau, lại muốn bình Kinh châu trước, khiến Đàm, Thượng tự tàn hại lẫn nhau. Hôm khác cho đặt tiệc rượu, Bì xa trông sắc diện Thái tổ, biết là có biến, bèn nói riêng với Quách Gia. Gia bầm bạch với Thái tổ, Thái tổ hỏi Bì rằng:

- Đàm có thể tin tưởng được không? Đánh Thượng có chắc thắng không?

Bì thưa rằng:

- Minh công không cần hỏi đáng tin hay trá lừa, hãy thắng thần mà bàn ngay về cái tình thế của họ thôi. Họ Viên vốn là anh em mà công phạt lẫn nhau, không thể nói là người khác xen vào giữa họ, thế gọi là thiên hạ định được là ở mình vậy. Nay một sớm phải cầu cứu với minh công, như thế là có thể biết được. Hiễn Phủ thấy Hiễn Tư khốn mà chẳng đánh được, thế là sức đã kiệt rồi. Quân sĩ thua ở bên ngoài, mưu thần bị giết ở trong,

anh em gièm pha tranh giành lẫn nhau, đất nước chia đôi; giao chiến chinh phạt liên miên, giáp trụ sinh chấy rận, thêm nữa có nạn hoàng trùng, cảnh mất mùa ập đến, trong nước không có kho đụn, quân đi không có lương mang theo, tai ương giáng từ trên trời, việc người khốn khổ ở bên dưới, dân chúng không kể người ngu kẻ sáng, đều biết cảnh đất tan ngôi lở, đấy là lúc trời diệt Thương vậy. Binh pháp nói có trăm vạn quân mặc giáp thủ tòa thành vững mà không có lương, cũng chẳng giữ được vậy. Nay qua đánh huyện Nghiêp, Thương không quay về cứu, tức là chẳng thể tự giữ được. Quay về cứu, lập tức Đàm sẽ nổi gót theo sau. Lấy cái uy của mình công đối phó với kẻ địch khốn cùng, đánh quân giặc cướp mỗi một, thì không khác gì gió lốc cuốn lá thu rồi. Trời đem Viên Thương cho Minh công, Minh công không lấy mà lại đi đánh Kinh châu. Kinh châu phong túc, nước không có loạn. Trọng Hù⁽¹⁾ có nói: "Đánh lấy cái nước hỗn loạn, lấn chiếm cái nước sắp mất." Hiện nay hai người họ Viên chẳng chuyên tâm mưu tính xa xôi mà toan mưu giành giật lẫn nhau ở bên trong, có thể nói là nước loạn rồi; kẻ giữ không có ăn, người đánh không có lương, có thể gọi là cái nước sắp mất vậy. Bọn họ buổi sớm không lo tính lúc tối, dân chúng không biết tính mệnh sắp tới ra sao, mà ta chẳng phủ dụ vỗ về họ, muốn đợi sang năm khác; năm khác họ được mùa, lại tự biết là sắp mất mà thay đổi sửa sang đức chính, là ta lỡ mất cái cơ hội then chốt của việc dụng binh rồi. Nay nhân cái lúc họ xin cứu mà phủ dụ họ, cái lợi không gì lớn hơn được. Vả lại giặc cướp ở bốn phương, chẳng đâu hơn Hà Bắc; Hà Bắc bình, thì sáu quân thịnh mà thiên hạ chấn động.

Thái tổ nói:

- Rất hay.

¹ Trọng Hù (仲虺) là đại thần của vua Thành Thang nhà Thương, cùng Y Doãn phụ tá vua Thành Thang lập nên cơ nghiệp nhà Thương.

Bèn hứa hòa với Đàm, đóng quân ở Lê Dương. Năm sau đánh huyện Nghiệp, hạ được, dâng biểu xin bái Bì làm Nghị lang.

① *Anh hùng ký* chép: Đàm và Thượng giao chiến ở ngoài cửa thành, Đàm thua quân chạy lên bắc. Quách Đồ khuyên Đàm rằng:

- Nay tướng quân nước nhỏ binh ít, lương hết thế yếu, Hiến Phủ kéo đến, lâu ngày ta không chống nổi. Kẻ ngu này cho rằng nên gọi Tào công đến đánh Hiến Phủ. Tào công đến, tất sẽ tiến đánh huyện Nghiệp trước, Hiến Phủ phải quay về cứu. Tướng quân dẫn binh kéo sang tây, từ huyện Nghiệp lên bắc đều có thể thu được cả. Nếu quân của Hiến Phủ vỡ, lính của hãn phải chạy trốn, ta lại có thể thu gom chúng dùng cự lại Tào công. Tào công là kẻ từ xa đến trợ nhò, lương dùng cho quân không tiếp tế kịp, tất tự bỏ chạy. Trong thời gian ấy, từ nước Triệu lên bắc ta đều chiếm được cả, cũng đủ để ta làm đối thủ của Tào công rồi. Không làm thế, chẳng xong được.

Đàm ban đầu không thu nạp ý kiến, sau lại nghe theo. Hỏi Đồ rằng:

- Sai ai đi sứ được?

Đồ đáp:

- Tân Tá Trị có thể đi được.

Đàm liền phái Bì đến chỗ Thái tổ.

Ít lâu sau, Thái tổ phái Đô hộ là Tào Hồng bình Hạ Biện, sai Bì cùng Tào Hưu tham mưu cho Hồng, hạ lệnh rằng:

"Xưa kia Cao tổ tham tài háo sắc, mà Lương, Bình sửa lỗi cho Cao tổ. Nay Tá Trị, Văn Liệt có tài hơn người, không được khinh thường vậy."

Quân quay về, Bì làm Trưởng sử cho Thừa tướng.

Văn đế lên ngôi, thăng Bì làm Thị trung, ban tước Quan nội hầu.

Bấy giờ triều đình nghị bàn việc đổi chính sóc. Bì cho rằng nhà Ngụy noi theo việc truyền ngôi của Thuấn, Vũ, ứng trời thuận

dân; cho đến thời Thương Thang, Chu Vũ, dùng chiến chinh định thiên hạ, mới đổi chính sóc. Khổng tử nói: "Phải theo lịch nhà Hạ." *Tả thị truyện* chép: "Lịch nhà Hạ ứng hợp với số trời",¹ hà tất phải làm trái với điều đó. Đế khen mà theo lời.

Đế muốn di dời mười vạn hộ sĩ tộc của Ký châu lấp đầy vùng Hà Nam. Bấy giờ liên tiếp có nạn châu chấu khiến dân đói khổ, các quan cho là không nên, nhưng ý của Đế rất quyết liệt. Bì và triều thần đều đến cầu kiến, Đế biết họ muốn can gián, nghiêm sắc mặt ra gặp họ, tuyệt chẳng có ai dám nói gì. Bì nói:

- Bệ hạ muốn di dời sĩ tộc, kế ấy ra sao?

Đế nói:

- Khanh nói ta dời họ đi là không đúng chẳng?

Bì nói:

- Thần cho rằng đó là việc sai lầm vậy.

Đế nói:

- Ta không thể bàn việc với khanh được.

Bì nói:

- Bệ hạ không cho thần là kẻ vô năng, đặt làm tả hữu, cho ở bên cạnh làm quan tham mưu, lại không cùng thần bàn việc sao! Lời mà thần nói ra không phải là việc riêng vậy, mà là lo nghĩ cho xã tắc, sao bệ hạ lại giận thần được!

Đế không đáp, đứng dậy đi vào trong; Bì theo sau kéo vạt áo của Đế, Đế bèn giữ áo không quay đầu lại, hồi lâu mới đi ra, nói:

- Tá Trị, khanh túm áo ta sao cấp thiết quá vậy?

Bì nói:

¹ Thời nhà Chu lấy tháng 12 lập chính sóc (ngày đầu tháng 12 là ngày đầu năm), nhà Chu lấy tháng 11 làm chính sóc, nhà Tần lấy tháng 10 làm chính sóc, nhà Hán kiến lập, đến thời Hán Vũ đế lấy ngày chính sóc theo lịch cũ thời nhà Hạ.

- Nay đòi người đi, là đã làm mất lòng dân, lại không lấy đâu ra lương cấp cho họ.

Đế bèn cho đòi một nửa số nhà đã định.

Bì có lần theo Đế đi bắn chim trĩ, Đế nói:

- Bắn chim trĩ vui lắm thay!

Bì nói:

- Vói bệ hạ thì rất vui, nhưng vói quần thần thì rất khổ.

Đế lặng im không nói, sau đó ít ra ngoài săn bắn.

Thượng quân Đại tướng quân Tào Chân đi đánh Chu Nhiên ở Giang Lăng, Bì theo làm Quân sư. Lúc quay về, được phong tước Quảng Bình đình hầu.

Đế muốn hưng đại quân đánh nước Ngô, Bì can rằng:

- Dân chúng vùng Ngô, Sở, gian hiểm lại khó chế ngự, đạo của ta thịnh thì họ phục ta sau, đạo của ta suy thì họ phản ta trước, đó vẫn là mối lo từ xưa, không phải bây giờ mới có vậy. Nay bệ hạ thống trị thiên hạ, kẻ chưa quy thuận, có thể giữ được lâu sao? Xưa kia Úy Đà xưng đế, Tử Dương tiếm hiệu, chẳng được bao năm, kẻ thần phục kẻ bị diệt.⁽¹⁾ Là vì sao? Cái đạo trái nghịch thì chẳng vẹn toàn lâu, mà đức lớn thì không đâu không thần phục vậy. Hiện nay thiên hạ mới yên, đất rộng dân thưa. Đã mưu tính ở nơi miếu đường rồi sau mới xuất quân, mà khi lâm trận còn sợ hãi, huống chi là nay mưu tính nơi miếu đường còn thiếu sót mà muốn dụng binh, thần thực chưa thấy cái lợi của việc ấy vậy. Tiên đế đã nhiều lần cất quân tinh nhuệ, đến sông Giang rồi mà quay về. Nay sáu quân chẳng tăng thêm so với trước, mà lại noi theo việc ấy, đây không phải là điều dễ dàng vậy. Cái kế ngày nay, chẳng gì bằng sửa dưỡng sức dân

¹ Úy Đà (尉佗) tức Triệu Đà, xưng đế ở Giao Chi, về sau thần phục rồi bị nhà Đông Hán tiêu diệt; Tử Dương (子阳) tức Công Tôn Thuật, xưng đế ở đất Thục, được ít lâu bị Hán Quang Vũ đế Lưu Tú tiêu diệt.

của Phạm Lãi,⁽¹⁾ học phép nắn sửa chính trị của Quản Trọng,⁽²⁾ bắt chước theo cách đóng quân làm ruộng của Sung Quốc,⁽³⁾ chọn dùng sách lược vỗ về kẻ ở nơi xa của Trọng Ni;⁽⁴⁾ trong vòng mười năm, kẻ khỏe mạnh chưa già, người trẻ thêm hăng hái, muôn dân biết nghĩa, tướng sĩ phấn chấn, rồi sau mới dùng quân, thì không phải sai quân đi đến hai lần rồi.

Để nói:

- Như ý của khanh, là để kẻ giặc lại cho con cháu sao?

Bì đáp rằng:

- Xưa kia Chu Văn vương để vua Trụ lại cho Vũ vương, đấy là biết thời thế vậy. Nếu thời cơ chưa đến, tạm nhẫn nhịn có được chăng!

Để cuối cùng quyết đánh nước Ngô, đi đến sông Giang rồi quay về.

Mình để tức vị, tấn phong Bì làm Dĩnh hương hầu, thực ấp ba trăm hộ.

Bấy giờ Trung thư giám là Lưu Phóng, Trung thư lệnh là Tôn Tư được chúa thượng tin dùng, chuyên quyền triều chính, đại thần tuyệt chẳng ai không kết giao, nhưng Bì không cùng họ lai vãng. Con của Bì là Xưởng can rằng:

¹ Phạm Lãi (范蠡), tự Thiệu Bá (少伯) là mưu thần của Việt Vương Câu Tiễn thời Chiến Quốc. Nước Việt đánh nước Ngô, bị thua, Câu Tiễn bị bắt. Sau này được tha về, Phạm Lãi bày kế khuyên Câu Tiễn dưỡng sức dân, luyện quân đội, trữ lương thực khiến quốc phú dân cường. Nhiều năm sau, Câu Tiễn ra quân, đánh một trận thắng nước Ngô, giết được Phù Sai, báo cái thù lúc trước.

² Quản Trọng, đại thần của Tề Hoàn công, bày kế sửa sang chính trị, giúp nước giàu có, đánh nước mạnh giúp nước yếu, tôn phù nhà Chu, đưa nước Tề thành bá.

³ Triệu Sung Quốc (趙充國) là tướng nhà Đông Hán, thời Hán Vũ đế đánh Hung nô, thời Tuyên đế đánh Tây Khương, lập được nhiều chiến công, Hán Tuyên đế chuyên nghe kế của ông nên thành công, trong đó có kế đóng quân làm ruộng ở biên cương khiến nhà Hán giàu mạnh lên mà giặc rợ tự suy yếu phải thần phục.

⁴ Không tử chủ trương dùng lễ giáo dạy dân, từ đó khiến dân chúng quy phục giáo hóa.

- Nay Lư, Tôn chương quản chính sự, chúng đều hòa theo như bóng với hình, đại nhân nên dẹp ý mọn, hòa mình với bụi trần; không như thế tất sẽ có lời báng bổ.

Bì nghiêm sắc mặt nói:

- Chúa thượng dẫu chưa xứng là bậc thông minh, cũng không hèn kém tối tăm. Ta lập thân, vốn có gốc rễ. Tới như việc không hòa với Lư, Tôn, bất quá chỉ khiến cho ta không làm đến chức Công mà thôi, có nguy hại gì đâu? Đại trượng phu vì tước Công mà hủy hoại khí tiết cao đẹp của mình sao?

Những tòng Bộc xạ là Tất Quĩ dâng biểu nói:

"Thượng thư Bộc xạ Vương Tư là quan lại cũ siêng năng tinh tế, nhưng sự sáng suốt và kế mưu sách lược không bằng được Bì, Bì xứng đáng được thay Tư."

Đế đem ý ấy ra dò hỏi Phóng, Tư, Phóng và Tư đáp rằng:

- Bệ hạ dùng Tư, thực sự là muốn dùng hết được cái tài sức của ông ấy, không quý ở hư danh vậy. Bì thực đúng là người sáng suốt thích hợp, nhưng bản tính cứng rắn mà chuyên quyền, đó là điều mà thánh thượng phải suy xét rất kỹ lưỡng vậy.

Rút cục Đế không dùng Bì. Cho ra làm Vệ úy.

Đế đang sửa dựng cung điện, trăm họ phải lao dịch, Bì dâng sớ rằng:

"Thần trộm nghe rằng Gia Cát Lượng giảng võ sửa binh, còn Tôn Quyền mua ngựa ở Liêu Đông, liệu xét ý đồ của chúng, tựa hồ như cùng khuếch trương thế lực giúp cho nhau. Ta sớm phòng bị thì chẳng phải lo, đó là chính sách hay của thời xưa, nhưng nay ta lại sửa dựng cung điện lớn, thêm nữa nhiều năm mùa màng chẳng có thu hoạch. Kinh Thi nói rằng: 'Dân đã khổ đến cùng cực, là lúc cho họ được yên vui, ban ơn ấy ở Trung Quốc, là để vỗ về người ở bốn phương.' Mong bệ hạ hãy mưu tính vì xã tắc."

Đế đáp lại rằng:

"Hai nước giặc chưa diệt mà sửa cung thất, đấy là lúc kẻ can gián thẳng gây dựng danh tiếng vậy. Kinh đô của bậc vương, phải để cho dân chúng cùng xây dựng, khiến hậu thế không có chỗ nào sửa thêm được nữa, đấy là mô phỏng cái sách lược của Tiêu Hà giúp cho nhà Hán vậy. Nay khanh là trọng thần của nhà Ngụy, cũng nên hiểu cái quy tắc đại thể ấy."

Để lại muốn san phẳng núi Bắc Mang, lệnh cho làm đài quán ở trên đó, từ đấy nhìn ra nom thấy được bến Mạnh Tân. Bì can rằng:

- Cái vốn có của trời đất, chỗ cao là cao chỗ thấp là thấp, nay lại làm ngược lại, là trái với đạo lý đó vậy; thêm nữa là phí tổn sức người, dân không kham nổi lao dịch. Vả lại nếu chín con sông đầy tràn, nước lớn gây hại, mà gò đồng đều dẹp bằng, lấy gì để ngăn cản?

Để mới thôi.①

① *Ngụy lược* chép: Gia Cát Lượng vây Kỳ Sơn, không hạ được, dẫn quân về. Trương Cáp đuổi theo Lượng, bị trúng tên lạc chết. Đế thương tiếc Cáp, lúc lâm triều than rằng:

- Thục chưa bình được mà Cáp chết, làm tướng như Cáp có ai đây!
Tư không là Trần Quần nói:

- Cáp thực sự là lương tướng, là người mà quốc gia nương cậy vậy. Trong lòng Bì cho rằng Cáp tuy đáng tiếc, nhưng đã chết rồi, không nên làm suy ý chí của chúa ở trong, lại tỏ ra không cường mạnh ở ngoài. Bèn cự lại Quần rằng:

- Trần công, nói thế sao được! Vào năm Kiến An mạt, thiên hạ chẳng thể một ngày không có Vũ hoàng đế vậy, đến lúc ủy thác vận nước, mà Văn hoàng đế nhận mệnh, vào thời Hoàng Sơ, cũng là lúc không thể không có Văn hoàng đế vậy, đến lúc ủy thác thiên hạ, mà bệ hạ như rồng hưng khởi. Nay người mà quốc gia thiếu, há là Trương Cáp sao?

Trần Quần nói:

- Cũng đúng như lời Tân Bì nói.

Để cười nói:

- Trần công có thể nói là khéo ứng biến rồi.

Thần Tùng Chi cho rằng so về con người tất phải cùng thứ bậc với người ta, lấy ví dụ nên dẫn dắt những người cùng hạng, cho nên bậc quân tử đối với lời nói của mình, không có chỗ nào được cầu thả như vậy. Bì muốn suy rộng chủ ý, nên suy cử hạng người như Trương Liêu, sao lại lấy một tướng đã chết mà làm ví dụ so với tổ tông của chúa được? Câu nói lỗi như thế, nghĩ chẳng có gì quá quất hơn được, tiến thì trái với đồng liêu, lui thì tựa như siểm nịnh, Tá Trị bản chất cứng rắn ngay thẳng, lời như thế không thích hợp vậy. Lời *Ngụy lược* chép đã khó tin, họ Tập lại theo đó mà chép lại, trộm nghĩ lời của người này chứa đựng sự vu khống không ít.

Năm Thanh Long thứ hai, Gia Cát Lượng thống suất bộ chúng tiến ra mé nam sông Vị. Trước đó, Đại tướng quân Tư Mã Tuyên vương mấy lần xin cùng Lượng giao chiến, Minh đế nhất định không nghe. Năm ấy sợ không ngăn cấm được, bèn lấy Bì làm Quân sư cho Đại tướng quân, sai cầm cờ tiết; sáu quân đều cung kính, theo tiết chế của Bì, chẳng ai dám mạo phạm làm trái.^①

Lượng chết, Bì lại về triều làm Vệ úy. Khi chết, được ban thụy là Túc hầu.

Con của Bì là Sưởng nối tự, năm Hàm Hi trung làm Thái thú Hà Nội.^②

① *Ngụy lược* chép: Tuyên vương thường nhiều lần muốn tiến đánh, Bì ngăn cấm không nghe theo. Tuyên vương dù có thể làm theo ý mình, nhưng thường chịu khuất với Bì.

② *Thế ngữ* chép: Sưởng tự Thái Ung, làm quan đến chức Vệ úy. Con gái của Bì là nàng Hiến Anh, được gả cho Thái thường quận Thái Sơn là Dương Đàm, cháu ngoại là Hạ Hầu Trạ viết truyện về nàng Hiến Anh rằng:

Hiến Anh thông minh có tài xét người. Khi trước Văn đế cùng Trần Tư vương tranh làm Thái tử, lúc Văn đế được lập rồi, ôm cổ Bì mừng rỡ nói:

- Tân quân có biết ta vui lắm chẳng?

Bì đem chuyện nói với nàng Hiến Anh, Hiến Anh than:

- Thái tử là người lên thay vua làm chủ tông miếu xã tắc vậy. Lên thay vua chẳng thể không lo lắng, làm chủ quốc gia chẳng thể không sợ hãi, nhận lấy mối lo mà vui mừng, sao có thể lâu dài được? Nhà Ngụy chẳng xương thịnh được chẳng!

Em của Sưởng làm Tham quân cho Đại tướng quân Tào Sảng. Tư Mã Tuyên vương sắp diệt Sảng, nhân lúc Sảng ra ngoài, bèn đóng cửa thành. Tư mã của Đại tướng quân là Lỗ Chi cầm quân trong phủ của Sảng, xông đến cửa phá then, ra khỏi cổng thành chạy tới chỗ Sảng, lại gọi Sưởng cùng bỏ đi. Sưởng sợ hãi, hỏi Hiến Anh rằng:

- Thiên tử ở bên ngoài, Thái phó đóng cửa thành, người ta nói sắp có việc không lợi với quốc gia, về việc này nên làm thế nào đây?

Hiến Anh nói:

- Thiên hạ có những việc không thể biết được, nhưng theo ta tính, Thái phó chỉ là không thể không làm vậy! Minh hoàng đế sắp băng hà, cầm tay Thái phó, đem hậu sự phó thác cho Thái phó, lời ấy vẫn còn ở bên tai quan lại trong triều. Và lại Tào Sảng và Thái phó đều nhận trọng trách ký thác, nhưng lại một mình cầm riêng quyền thế, hành xử kiêu xa, với vương thất là bất trung, với đạo làm người là không ngay thẳng, lần cử sự này bất quá là để giết Tào Sảng thôi.

Sưởng nói:

- Như thế thì bỏ đi có thoát không?

Hiến Anh nói:

- E rằng không được! Cái tài của Sảng không sánh được với cái tài của Thái phó.

Sưởng nói:

- Như thế thì Sưởng có thể không đi được chẳng?

Hiến Anh nói:

- Sao có thể không đi được. Giữ chức phận, là cái nghĩa lớn của người ta. Phàm cái lúc người ta ở chỗ khó khăn, chính là lúc phải cứu giúp họ; vì người cầm roi mà vứt bỏ phận sự của mình, là việc bất tường, chẳng nên vậy. Vả lại vì người mà chết, vì người mà gánh vác, là chức phận của kẻ thân gần tin cận vậy, hãy theo mọi người đi thôi.

Sử dụng bèn ra ngoài. Tuyên vương quả nhiên tru diệt Sảng.

Sau khi việc yên ổn, Sử dụng than rằng:

- Nếu ta không bàn mưu với chị, suýt nữa đã trái nghịch với đại nghĩa rồi.

Kịp khi Chung Hội làm Trấn tây tướng quân, Hiến Anh bảo người cháu họ của mình là Dương Hổ rằng:

- Chung Sĩ Quý nguyên có gì mà ra phương tây?

Hổ nói:

- Sắp tới sẽ diệt Thục vậy.

Hiến Anh nói:

- Hội làm việc phóng túng buông thả, không có đạo lý một mình coi sóc công việc lâu dài ở xứ ngoài, ta sợ là hẳn có chí khác vậy.

Hổ nói:

- Cô chớ có nhiều lời.

Sau đó Hội xin cho con của Hiến Anh là Tú làm Tham quân, Hiến Anh buồn rầu nói:

- Ngày nọ thấy Chung Hội ra ngoài, ta đã vì quốc gia mà lo lắng rồi. Hôm nay nạn đến nhà ta, song đây là việc lớn của quốc gia, tất chẳng thể ngăn được vậy.

Tú cố xin với Tư Mã Văn vương, Văn vương không nghe. Hiến Anh bảo Tú rằng:

- Đi rồi, mà phải lo đề phòng! Bậc quân tử ngày xưa, ở nhà thì phải tỏ đạo hiếu với người thân, ra ngoài thì phải tỏ tiết tháo với quốc gia, tại chức phải nghĩ đến công việc ở sở quan, về nghĩa

phải nghĩ đến cái mà mình gây dựng, không để lại mối lo di họa cho cha mẹ mà thôi. Trong chỗ quân lữ, nên làm cái việc cứu giúp cho người, há đâu chỉ có lòng nhân từ được sao! Mà phải cần thận mới được!

Tú cuối cùng nhờ lời đó bảo toàn giữ được tấm thân.

Hiển Anh đến năm bảy mươi chín tuổi, vào năm Thái Thủy thứ năm thì chết.

Dương Phụ tự Nghĩa Sơn. Người quận Thiên Thủy huyện Ký.^① Phụ lấy thân phận là Tòng sự giúp Châu mục là Vi Doan đi sứ đến huyện Hứa, được triều đình bái làm Trưởng sử huyện An Định. Phụ quay về, chư tướng vùng Quan Hữu hỏi Viên, Tào ai thắng ai bại, Phụ nói:

- Viên công khoan hòa nhưng không có quyết đoán, thích mưu lược nhưng thiếu quyết sách; không quyết đoán thì chẳng có uy, thiếu quyết sách thì lầm lỡ việc về sau, nay tuy mạnh, rút cục chẳng dựng thành đại nghiệp. Tào công có hùng tài mưu lược sâu xa, thời cơ đến thì quyết đoán không do dự, hình pháp thống nhất mà binh tinh nhuệ, dùng người không theo phép thường, kẻ được tin dùng đều dốc hết tài sức của họ, tất có thể làm nên đại sự vậy.

Trưởng sử không phải là chức Phụ yêu thích, bèn bỏ chức quan. Nhưng Doan lại triệu Phụ làm Thái bộc, con của Doan là Khang thay làm Thứ sử, triệu Phụ làm Biệt giá.

Phụ được xét cử Hiếu liêm, triệu vào phủ Thừa tướng, quan châu dăng biểu giữ Phụ làm Tham quân sự.

^① *Ngụy lược* chép: Phụ thời trẻ cùng người đồng quận là Doãn Phụng tự Thứ Tăng, Triệu Ngang tự Vĩ Chương đều nổi danh, Vĩ Chương, Thứ Tăng và Phụ đều làm Tòng sự ở Lương châu.

Mã Siêu thua bại ở phía nam sông Vị, chạy đến giữ đất của các tộc người rợ. Thái tổ đuổi đến An Định, nhưng Tô Bá làm phản

ở quận Hà Gian, sắp dẫn quân về đông. Phụ bấy giờ vâng sứ mệnh ở trong quân, nói với Thái tổ rằng:

- Siêu có cái dũng của Hàn Tín, Anh Bố, rất được lòng rợ Khương, Hồ, người ở tây châu đều úy kỵ hấn. Nếu đại quân quay về, chẳng nghiêm cẩn phòng bị hấn, các quận ở Lũng Thượng không còn là đất của quốc gia nữa vậy.

Thái tổ khen Phụ, nhưng quân quay về vội, việc phòng bị không chu toàn. Siêu thống suất cừ sủy của các tộc rợ để đánh các quận huyện tại Lũng Thượng, các quận huyện ở Lũng Thượng đều hưởng ứng hấn, duy có Ký thành vâng mệnh châu quận cố thủ. Siêu kiêm gồm hết bộ chúng ở vùng Lũng Hữu, mà Trương Lỗ lại phái Đại tướng là Dương Ngang đến trợ giúp Siêu, cả thầy hơn vạn người, tấn công thành. Phụ thống suất sĩ đại phu ở trong vùng cùng hơn nghìn con em trong họ tộc, sai em họ mình là Nhạc ở trên thành làm trại yễn nguyệt,⁽¹⁾ cùng Siêu tiếp chiến, chống giữ từ tháng giêng đến tháng tám mà cứu binh không đến. Quan châu phái Biệt giá là Diêm Ôn men sông ngầm ra ngoài cầu cứu, bị Siêu giết hại, vì thế Thứ sử và Thái thú biến sắc, bắt đầu tính kế hàng Siêu. Phụ chảy nước mắt can rằng:

- Bọn Phụ thống suất cha anh con em vì nghĩa cùng gắng sức, chết cũng không hai lòng; cái việc tử thủ của Điền Đan,⁽²⁾ cũng chẳng vững đến thế này. Vứt bỏ cái công sắp thành, mắc cái danh bất nghĩa, Phụ xin lấy cái chết để tử thủ.

Rồi gào khóc. Thứ sử, Thái thú sau cùng phái người xin hòa, mở cửa thành nghênh đón Siêu. Siêu vào thành, bắt giữ Nhạc ở huyện Ký, sai Dương Ngang giết quan Thứ sử và Thái thú.

Phụ trong bụng có chí báo thù Siêu, nhưng chưa tiện dịp. Ít lâu sau, Phụ vì vợ chết xin về táng. Anh họ bên ngoại của Phụ là

¹ Trại yễn nguyệt là cái trại có hình vòng cung nhô lên như nửa vầng trăng.

² Điền Đan tử thủ: Xem chú thích ở tập III, quyển 14, trang 201 (Trình Dục truyện).

Khuong Tự đóng đồn ở Lịch Thành. Phụ lúc nhỏ lớn lên ở nhà Tự, lúc diện kiến mẹ Tự và Tự, kể việc lúc trước trong huyện Ký, sứt sùi rất bi thương. Tự nói:

- Vì đâu đến nỗi thế này?

Phụ nói:

- Giữ thành chẳng xong, chủ mất chẳng chết theo, còn mặt mũi nào ngẩng nhìn ở thiên hạ nữa! Mã Siêu bỏ cha phản chủ, tai ngược tàn sát tướng của châu, há chỉ là cái trọng trách mình Phụ phải lo lắng, mà là nỗi nhục của sĩ đại phu cả một châu. Ngài cầm binh riêng quyền ở một phương mà không có lòng đánh dẹp giặc, đây là cái lý do để thư tịch chép việc Triệu Thuần giết vua⁽¹⁾ vậy. Siêu cường mạnh nhưng không có đạo nghĩa, có nhiều cơ hội dễ đánh thôi.

Mẹ của Tự cho đúng, lệnh cho Tự theo kế của Phụ. Kế đã định, bên ngoài cùng với người làng là Khuong Ân, Triệu Ngang, Doãn Phụng, Diêu Quỳnh, Khổng Tín và người ở Vũ Đô là Lý Tuấn, Vương Linh kết mưu, ước định việc đánh Siêu, sai em họ là Mô đến huyện Ký nói với Nhạc, cùng liên kết với bọn Lương Khoan người quận An Định, Triệu Cù, Bàng Cung người quận Nam An. Ước thế đã xong, ngày mười bảy tháng chín, cùng Tự khởi binh ở Lỗ thành.

Siêu nghe tin binh của bọn Phụ nổi dậy, tự mình đem quân ra. Nhưng bọn Cù, Khoan cớ trời cho Nhạc, đóng cửa thành huyện Ký, đánh giết vợ con của Siêu. Siêu tập kích Lịch thành, bắt được mẹ của Tự. Mẹ của Tự mắng Siêu rằng:

¹ Triệu Thuần (赵盾) là đại thần nước Tấn thời Xuân Thu, sống dưới thời vua Tấn Linh công. Vua Tấn là người tàn bạo, muốn giết Triệu Thuần, Triệu Thuần trốn xa hai trăm dặm bên ngoài kinh thành, gặp em là Triệu Xuyên, kể lại chuyện. Triệu Xuyên vào triều giết vua, sử quan chép lại rằng Triệu Thuần giết vua. Triệu Thuần hỏi lý do, sử quan nói: "Ngài là Tướng quốc, trốn đi chưa ra khỏi địa giới nước Tấn, lại xảy việc giết vua. Ngài trở về, không trị tội kẻ giết vua, như thế mọi việc không phải do nơi ngài chủ trương sao?"

- Mày là thằng nghịch tử bỏ cha, là giặc Kiệt giết vua, trời đất há dung mày được lâu, sao chẳng sớm chết đi, còn dám ngẩng mặt nhìn người ta sao!

Siêu giận, giết mẹ của Tự.

Phụ cùng Siêu giao chiến, trên mình bị năm vết thương, con em tông tộc chết mất bảy người. Siêu bèn xuôi nam chạy đến chỗ Trương Lỗ.

Lũng Hữu bình xong, Thái tổ phong tặng cái công đánh dẹp Siêu, ban tước hầu cho mười một người, ban cho Phụ tước Quan nội hầu. Phụ chối rằng:

- Phụ này lúc chủ còn không có công cứu nạn, lúc chủ mất không hết sức tử tiết, về nghĩa là đáng trách, về phép là đáng giết; mà Siêu lại chẳng chết, không nên cầu thả nhận tước lộc.

Thái tổ đáp lại rằng:

- Ngài cùng đông đảo hiền tài chung lập đại công, người phương tây luận đàm cho là cao đẹp. Tử Cống chối từ ban thưởng, Trọng Ni cho là ngăn làm việc thiện.⁽¹⁾ Ngài hãy mở lòng để tuân theo quốc mệnh. Mẹ của Khương Tự, khuyên Tự sớm phát quân, trí sáng như thế, dẫu vợ của Dương Sưởng⁽²⁾ e là cũng chẳng hơn thế được. Hiền thay! Hiền thay! Sứ hay ghi chép, tất chẳng thể mai một được vậy.^①

① *Liệt nữ truyện* của Hoàng Phủ Mật chép: Mẹ của Khương Tự, là mẹ của Khương Bá Dịch người quận Thiên Thủy vậy.

¹ Ngăn làm việc thiện: Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 30 (Điền Trù truyện).

² Dương Sưởng (杨敞), người quận Hoa Âm, làm Quân tư mã cho Đại tướng quân Hoắc Quang thời Hán Chiêu đế nhà Tây Hán, sau giữ chức Thừa tướng. Theo sử sách ghi chép thì Dương Sưởng là người rất thiếu quyết đoán, vợ của Dương Sưởng (con gái của sử gia Tư Mã Thiên) lại là người rất mạnh mẽ. Hoắc Quang bàn kế phế Xương Ấp vương, báo với Dương Sưởng, Sưởng sợ hãi, không biết làm sao, vợ của Dương Sưởng khuyên chồng rằng: “Việc quốc gia đại sự há có thể do dự được? Đại tướng quân đã quyết, nên tức tốc hưởng ứng, nếu không thì đại họa lâm đầu ngay.” Việc thành công.

Năm Kiến An trung, Mã Siêu đánh huyện Ký, sát hại Thứ sử Lương châu là Vi Khang, người trong châu rất xót thương, chẳng ai không cảm khái phần hận. Tự làm Phủ Di tướng quân, cầm binh đóng giữ huyện Lịch. Con người cô của Tự là Dương Phụ, lúc trước làm Tòng sự của Khang, đồng bọn có hơn chục người, đều là thuộc hạ của Siêu, ngầm liên kết với nhau vì Khang báo cừu, còn chưa có cơ hội. Gặp lúc vợ của Phụ chết, Phụ từ biệt Siêu xin sang tây thăm hỏi, nhân đó đi qua huyện Lịch, thăm mẹ của Tự, nói chuyện Khang bị hại và cái nạn trong huyện Ký, rồi nhìn nhau khóc lóc hồi lâu. Cả nhà Khương Tự cảm động xót thương, mẹ của Tự nói:

- Ôi! Bá Dịch, Vi thứ quân ngộ nạn, há chỉ là cái nhục của một châu, mà cũng là trách nhiệm của mày, há chỉ là việc của mình Nghĩa Sơn sao? Mày không nên nghĩ về ta nữa, việc để lâu tất sinh biến. Con người ta ai chẳng chết? Chết vì nước, là cái chết lớn lao của kẻ trung nghĩa vậy. Chỉ nên mau chóng phát binh, ta vì mày tự đảm đương công việc, chẳng trói buộc mày vì chút tuổi thừa này.

Nhân đó lệnh cho Tự và Phụ cùng nghị bàn, hai người ưng theo, chia người đi báo cho người làng là Y Phụng, Triệu Ngang và bọn Lương Khoan ở An Định, lệnh cho Tự dẫn binh phản Siêu trước, Siêu giận, tất tự đến đánh Tự, bọn Khoan nhân đó theo sau đóng cửa thành. Ước thế đã xong, Tự bèn tiến binh vào huyện Lỗ, Ngang và Phụng giữ Kỳ Sơn. Siêu nghe tin, quả nhiên tự ra đánh Tự, bọn Khoan theo sau đóng cửa thành huyện Ký, Siêu mất căn cứ. Qua huyện Lỗ, Tự giữ huyện Lỗ. Siêu nhân thế tiến đến huyện Lịch, người trong huyện Lịch thấy Siêu đến, cho là quân của Tự quay về. Lại có tin truyền báo là Siêu đã chạy trốn vào Hán Trung, cho nên huyện Lịch không phòng bị. Lúc Siêu vào huyện Lịch, bắt mẹ của Tự, người mẹ giận mắng chửi Siêu. Siêu bị mắng chửi cả giận, lập tức giết mẹ và con của Tự, đốt thành rồi bỏ đi. Bọn Phụ đem thực trạng báo lên, Thái tổ rất khen ngợi họ, tự tay viết cáo dụ khen ngợi, lời giống như ở bản truyện.

Thần Tùng Chi xét: Mật nói Phụ là con người cô của Tự, mà bản truyện nói rằng Tự là anh họ bên ngoại của Phụ, so với cách gọi nội ngoại ngày nay là bất đồng.

Mật lại chép truyện về người vợ của Triệu Ngang rằng:

"Vợ của Triệu Ngang tên Dị, vốn là vợ của cố Thứ sử Ích châu Triệu Vĩ Chương người quận Thiên Thủy, là con gái của họ Vương vậy. Lúc Ngang làm Khương Đạo lệnh, để Dị lại phương tây. Gặp lúc người đông quận là Lương Song làm phản, đánh phá Tây Thành, giết hai con trai của Dị. Con gái của Dị là Anh, lên sáu tuổi, một mình ở với Dị trong thành. Dị thấy hai con trai đã chết, lại sợ bị Song xâm hại, rút dao muốn tự vẫn, ngoảnh sang Anh than rằng:

- Thân ta chết bỏ mày đi, mày sẽ nương dựa vào ai đây! Ta nghe nói nàng Tây Thi mặc áo không sạch, người ta bưng mũi, huống chi đáng vẻ của ta không bằng được Tây Thi?

Bèn lấy phân trong nhà xí bôi trát lên áo vải gai mà mặc, ăn ít để cho hình dáng gầy đi, từ mùa xuân đến mùa đông. Song cùng châu quận hòa hoãn, Dị cuối cùng vì thế thoát nạn. Ngang phái quan lại đến đón Dị, còn cách chưa đến ba chục dặm đường, Dị dừng lại bảo Anh rằng:

- Đàn bà không có phù tín bảo phó,⁽¹⁾ thì không ra khỏi cửa phòng. Chiêu Khương chìm dưới nước sông, Bá Cơ cháy trong ngọn lửa,⁽²⁾ mỗi khi đọc truyện về họ, trong bụng ta khen họ là tiết liệt. Nay ta gặp loạn mà chẳng thể chết, làm sao có thể gặp lại các cô em chồng được đây? Sở dĩ ta cầu thả sống chẳng chết, chỉ vì thương mày thôi. Nay quán trọ của quan nha đã ở gần, ta bỏ mày mà chết được rồi.

Bèn uống thuốc độc mà chết. Bấy giờ vừa có thang thuốc tốt giải độc, vạch miệng đổ thuốc vào, hồi lâu mới tỉnh lại.

Năm Kiến An trung, Ngang chuyển làm Tham quân sự, dời đến ở huyện Ký. Vừa đúng lúc Mã Siêu đánh huyện Ký, Dị tự đeo túi bao da, giúp Ngang phòng bị, lại cởi hết vòng ngọc, áo thêu của mình đem

¹ Phù tín thứ kê trên trao cho người dưới làm tín vật; bảo phó là chỉ người nuôi dưỡng, dạy dỗ con em của quan lại hoặc đế vương. Phù tín bảo phó là cái thẻ người trên giao cho bảo mẫu làm tín vật, không có tín vật này thì không được tự tiện ra ngoài vị trí được phân phó.

² Chiêu Khương: Xem chú thích ở tập I, quyển 5, trang 311 (Văn đức Quách hoàng hậu truyện);

Bá Cơ (霸姬), vợ Tổng Cảnh công thời Xuân Thu. Đêm nọ, cung điện cháy, có người cứu Bá Cơ, Bá Cơ không thấy người đó có vật làm tin, không chịu ra khỏi đám lửa, chết cháy.

thường cho quân sĩ. Lúc Siêu đánh gấp, trong thành đói khổ, Thứ sử Vi Khang vốn là người nhân hậu, xót thương quân dân bị tàn hại, muốn cùng Siêu hòa hoãn. Ngang can ngăn nhưng Khang không nghe, khi về đem kể với Dị, Dị nói:

- Chủ được bày tôi thắng ngay can gián, quan đại phu có cái nghĩa là làm lợi cho mình; làm lợi cho mình chẳng phải là sai. Họ biết là cứu binh không đến Quan Lũng chẳng? Ta nên cùng nhau dốc sức để lập công to, bảo toàn tiết tháo đến chết, chẳng nên theo họ vậy.

Kịp lúc Ngang quay về, Khang cùng Siêu hòa hoãn. Siêu liền bội ước hại Khang, lại bắt giữ Ngang, bắt đích tể của Ngang là Nguyệt ở Nam Trịnh làm con tin. Muốn yêu cầu Ngang ra sức vì mình, nhưng trong lòng còn chưa tin lắm. Vợ của Siêu là Dương nghe nói Dị là người tiết hạnh, xin cùng Dị ăn yến hết ngày. Dị muốn Ngang được Siêu tin để giúp cái mưu của mình, bảo Dương rằng:

- Trước kia Quân Trọng vào nước Tề, lập nên cái công chín lần hợp chư hầu; Do Dư đi đến nước Tấn, Mục công thành bá.⁽¹⁾ Hiện nay xã tắc mới yên định, trị loạn cốt ở chỗ thu được lòng người, quân mã Lương châu, có thể cùng Trung Nguyên tranh phong, chẳng nên không xét rõ.

Dương rất cảm kích, cho là trung với mình, liền cùng Dị kết giao sâu nặng. Ngang vì thế chiếm được lòng tin của Siêu, vẹn công tránh họa, là nhờ tài sức của Dị vậy.

Lúc Ngang cùng bọn Dương Phụ kết mưu đánh dẹp Siêu, bảo Dị rằng:

- Ta mưu tính như thế, việc tất vạn toàn, nhưng đối với Nguyệt phải làm sao?

Dị lớn tiếng đáp:

- Gây dựng tiếng trung nghĩa cho mình, rửa nỗi nhục lớn cho chủ cho cha, mất đâu còn chẳng cho là trọng, huống chi là một đứa con? Như Hạng Thác, Nhan Uyên, sau trăm năm nữa, cái nghĩa tôn quý vẫn còn vậy.⁽²⁾

¹ Quân Trọng, Do Dư đều là bậc hiền tài rường cột quốc gia ở thời Xuân Thu. Quân Trọng giúp Tề Hoàn công làm Bá, Do Dư giúp nước Tấn lớn mạnh, khởi đầu bá nghiệp, là nền móng giúp nước Tấn hưng khởi về sau.

² Hạng Thác (项託) và Nhan Uyên (颜渊) đều là những người tuổi trẻ tài cao, được thầy Khổng tử kính trọng. Việc Hạng Thác, Nhan Uyên gây dựng tiếng trung nghĩa, rửa nỗi nhục cho chủ cho cha, người dịch chưa tra cứu được.

Ngang nói: "Hay."

Bèn cùng đóng cửa thành đuổi Siêu, Siêu chạy đến Hán Trung, theo Trương Lỗ lấy được quân quay về. Dị lại cùng Ngang giữ Kỳ Sơn, bị Siêu vây hãm, sau ba mươi ngày thì cứu binh đến, mới được giải vây. Siêu bèn giết con của Dị là Nguyệt.

Kể từ khi gặp họa nạn ở Ký thành, cho đến lúc ở Kỳ Sơn, Ngang chín lần xuất mưu lạ, thường có Dị tham gia."

Thái tổ đi đánh Hán Trung, lấy Phụ làm Thứ sử Ích châu. Thái tổ quay về, bái Phụ làm Thái thú Kim Thành, còn chưa đi nhận chức, lại chuyển làm Thái thú Vũ Đô.

Quận ở gần đất Thục Hán, Phụ xin chiếu theo việc cũ của Cung Toại,⁽¹⁾ vỗ yên quận ấy mà thôi. Gặp lúc Lưu Bị phái bọn Trương Phi, Mã Siêu từ con đường nhỏ huyện Thục tiến ra Hạ Biện, hơn vạn người thuộc bảy bộ lạc người Đê của bọn Lô Định làm phản hưởng ứng Siêu. Thái tổ phái Đô hộ Tào Hồng ngăn bọn Siêu, bọn Siêu rút về. Hồng bày rượu mở tiệc, lệnh cho đàn bà con gái mặc áo lụa mỏng hát xướng, đập trống, hết thảy người ngồi xem đều cười. Phụ lớn tiếng trách Hồng rằng:

- Nam nữ có phân biệt, là lễ tiết lớn của quốc gia, sao lại có cái việc nữ nhân thân thể trần truồng trong chốn cử tọa ngồi xem! Dẫu cái loạn thời Kiệt, Trụ, cũng chẳng tệ đến như thế.

Rồi giũ áo đi ra. Hồng lập tức giải tán đội nữ nhạc, mời Phụ vào ngồi, sắc mặt đầy vẻ trang nghiêm kính cẩn.

Đến khi Lưu Bị lấy Hán Trung tiến bức Hạ Biện, Thái tổ thấy Vũ Đô trợ trợ ở xa, muốn di dời người đi, sợ quan dân lưu luyến đất cũ. Phụ vốn có ân uy tín nghĩa rõ rệt, trước sau di dời dân chúng và người Đê, sai hơn một vạn hộ đến trú ở địa giới

¹ Cung Toại (龔遂), đại thần của Hán Tuyên đế. Quận Bột Hải mất mùa, trộm giặc nổi lên, quan lại không cấp chẩn, Hán vương dùng Toại làm Thái thú Bột Hải, vỗ yên quận ấy.

các quận Kinh Triệu, Phù Phong, Thiên Thủy, dời quận trị đến huyện nhỏ là Hòe Lý, trăm họ công địu nhau đi theo. Phụ làm việc chỉ chú trọng đại thể mà thôi, kẻ dưới không nỡ dối lừa.

Văn đế hỏi bọn Thị trung là Lưu Diệp rằng:

- Thái thú Vũ Đô là người thế nào?

Chúng đều khen Phụ là có tiết tháo của bậc Công phụ. Còn chưa kịp dùng, vừa lúc Đế băng hà.

Phụ ở quận hơn chục năm, được triệu bá làm Thành môn Hiệu úy.

Phụ thường thấy Minh đế đội mũ gấm sắc sỡ, mặc áo lụa mỏng có nửa ống tay, Phụ hỏi Đế rằng:

- Áo ấy là chiếu theo lễ phục gì trong lễ nghi vậy?

Đế lặng yên không đáp lại, từ đấy trở đi không mặc áo không đúng khuôn phép để gặp Phụ nữa.

Phụ được chuyển làm Tương tác đại tượng.

Bấy giờ bắt đầu sửa sang cung thất, phát lệnh tuyển mỹ nữ để sung vào Hậu đình, liên tục ra vào săn bắt. Mùa thu, có mưa to sấm sét, chim sẻ chết rất nhiều.

Phụ dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói bậc minh chúa trị ở trên, quần thần dốc lòng ở dưới. Nghiêu, Thuấn là bậc thánh đức, cầu người tìm lỗi dâng lời can; Đại Vũ siêng năng việc công, chỉ cần cung điện thấp; Thành Thang bất ngờ gặp hạn hán, quy lỗi về mình; Chu Văn lấy mình làm gương cho vợ con, rồi lan ra cả nước; Hán Văn tự mình thực hành tiết kiệm, bản thân mặc áo đen dày; đấy đều là những việc làm nêu được tiếng tốt, lưu truyền mãi cho con cháu vậy. Cúi mong bệ hạ kính vâng theo nghiệp lớn của Vũ đế đã mở mang, giữ vẹn công to của Văn hoàng đế, rất nên nghĩ việc sửa sang chính sự của các bậc đế vương xưa, quan sát hết việc chính trị xấu xa của mấy đời cuối buông thả."

"Cái gọi là sửa sang chính sự, là chuyên chú tiết kiệm, coi trọng sức dân; cái xấu của chính sự, là lòng ham muốn phóng túng buông thả, theo cảm xúc mà phát tiết vậy. Mong bệ hạ xét kỹ các sự tích đời xưa vào cái lúc ban đầu vì lý do nào lại sáng rõ, cho đến đời mạt thế vì lý do nào lại suy kém dẫn đến bị tiêu diệt, gần thì xem việc biến loạn thời Hán mạt, cũng đủ để động tâm lo sợ mà răn mình rồi. Ngày trước nếu Hoàn, Linh chẳng phết phép tắc của Cao tổ, vứt sự khiêm cung cần kiệm của Văn, Cảnh, Thái tổ dù có tài thần vũ, có chỗ nào để thi thố tài năng? Còn bệ hạ do đâu mà được ở ngôi tôn quý ấy? Nay Ngô, Thục chưa định được, quân lữ còn ở bên ngoài, mong bệ hạ hành động thì suy nghĩ ba lần, lo lắng trước rồi sau mới thi hành, ra vào phải thận trọng, lấy việc đã qua soi xét mai sau, lời nói ra là nhẹ nhàng, nhưng sự thành bại lại rất nặng."

"Mới đây trời đổ mưa, lại thốt nhiên có nhiều sấm sét dữ dội khác thường, đến nỗi chim sẻ chết. Trời đất thần minh, xem Đế vương là con, nếu chính trị có điều không phải, tất bị tai họa giáng xuống. Trong lòng tự biết trách mình, là điều mà thánh nhân ghi nhớ. Mong bệ hạ lo nghĩ đến cái họa vô hình ở bên ngoài, cẩn thận với những thứ nhỏ nhất mới mạnh nha nẩy mầm, như cái cách thức của Hiếu Văn nhà Hán thả mỹ nhân của Huệ đế, lệnh cho họ được tự lấy chồng; những cô gái nhỏ mới đây được điều về, ở nơi xa không nghe được lệnh, nên để mai sau tính xét. Các nơi nên sửa sang chính trị, chuyên chú kiệm ước."

"Kinh Thư nói: 'Chín họ hòa mục, muôn nước vui hòa.' Nên nghĩ xét chu toàn, để noi theo đạo thẳng, tính toán kỹ lưỡng, để giảm bớt phí tổn. Ngô, Thục đã định, mới trên yên dưới vui, chín họ rạng ngời. Như thế về sau, tổ tiên hân hoan, Nghiêu, Thuấn cũng chưa làm được thế vậy. Nay nên tỏ đại tín với thiên hạ, khiến dân chúng yên lòng, để vỗ về kẻ ở xa."

Bấy giờ Ung Khâu vương là Thục có lời oán hận nặng nề, phiên quốc thân gần nhau, phép cấm rất nghiêm ngặt, vì thế Phụ lại bày tỏ cái nghĩa Cửu tộc. Đế hạ chiếu thư đáp lại rằng:

"Gần đây trăm nhận được mật biểu của khanh, bày tỏ việc đã qua của các bậc vua thánh chúa sáng ngày xưa, để mượn ý nói việc chính trị hôn ám, lời lẽ đến mức khẩn thiết, chân thành ngay thẳng. Mong trăm bù chữa sai lầm, theo đó để sửa sai, rất là đầy đủ vậy. Xét nghĩ lời tâm khố của khanh, trăm rất ngợi khen."

Sau Phụ được thăng làm Thiếu phủ.

Thời bấy giờ Đại tư mã Tào Chân đi đánh Thục, chợt gặp mưa không tiến được. Phụ dâng sớ rằng:

"Xưa kia Văn vương có điềm báo của quạ đỏ, mà còn quá trưa không nhàn rồi để ăn uống;⁽¹⁾ Vũ vương thấy cá trắng nhảy lên thuyền, vua tôi biến sắc.⁽²⁾ Hành động có được điềm lành, cũng còn lo sợ, huống chi giờ có tai họa dị thường mà chẳng kinh sợ việc đánh trận sao? Nay Ngô, Thục chưa bình, mà trời thường giáng tai biến khó lường, bệ hạ nên toan tính sâu xa để chuyên tâm đối phó, an tọa trên chiếu, nghĩ việc dùng đức vỗ về kẻ ở xa, lấy cần kiệm yên ủy người trong nước."

"Gần đây chư quân mới xuất chinh, liền có cái họa trời mưa, tiếp đó là trở ngại núi hiểm, đi đã lâu ngày rồi. Việc vận chuyển nhọc nhằn, người mang vác khổ sở, việc đó phí tổn rất nhiều, nếu vận chuyển không theo kịp, tất có sai sót với cái mưu đồ lúc trước. Truyện nói: 'Thấy có thể được thì tiến, biết gian khó thì lui, là phép tắc hay của việc dùng binh vậy.' Khiến sáu quân khốn khổ ở giữa vùng sơn cốc, tiến không lấy được, lui lại chẳng xong, không phải là cái đạo chính của kẻ cầm quân vậy. Vũ vương đem quân về, nhà Ân cuối cùng diệt vong, là biết cơ trời vậy."⁽³⁾

¹ Điềm báo chim quạ đỏ: Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 134 (Văn đế ký).

² Vũ vương nhà Chu đánh vua Trụ nhà Ân, lúc vượt Mạnh Tân trên sông Hoàng Hà, có con cá trắng nhảy vào thuyền, vua Vũ bèn đem cá đó tế trời, cho rằng đây là điềm báo sẽ chiến thắng Ân Trụ, người sau dùng thành ngữ "Bạch ngư nhập chu" (Cá trắng vào thuyền) là để chỉ điềm lành khi dùng binh.

³ Vũ vương đang đi đánh nhà Ân dẫn quân về: Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 162 (Hoa Hâm truyện).

"Năm nay mùa mất dân đói, nên phát minh chiếu hạ lệnh bớt cổ bàn giảm y phục, các đồ vật trên ngoạn kỹ xảo, đều nên bỏ không làm. Trước kia Thiệu Tín Thần làm Thiệu phủ giữa lúc vô sự, còn dâng tấu xin bãi bỏ món ăn phù phiếm;⁽¹⁾ nay đồ quân dụng chẳng đủ, càng nên tính toán tiết kiệm."

Để lập tức cho triệu chư quân trở về.

Sau đấy có chiếu thư sai triều đình nghị bàn về việc chính trị bất tiện với dân, Phụ bàn cho rằng:

"Cái cốt lõi của việc trị lý là ở chỗ dùng kẻ hiền tài, quốc gia hưng thịnh là ở chỗ chuyên chú việc nhà nông. Nếu bỏ hiền tài dùng người theo ý riêng, đấy là phương cách trị quốc rất sai lầm vậy. Mở rộng cung điện quán xá, đắp đài cao lầu lớn, làm phương hại đến nghiệp chính của dân, đấy là nỗi nguy hại rất lớn với việc nhà nông vậy. Thợ khéo không được chuyên tâm với nghề của mình, lại tranh đua làm đồ vật tinh xảo, để hợp với ý muốn của bề trên, đấy là rất hại đến nghề gốc vậy. Khổng tử nói: 'Chính trị hà khắc quá hồ dữ.' Nay coi giữ việc công là hạng quan lại tầm thường, bản chất của việc sửa sang chính trị không thông suốt, gây bừa bãi phiền hà, thế là rất loạn cho dân vậy. Việc gấp hiện nay, là phải dẹp bỏ ngay bốn điều rất tệ đó, nên hạ chiếu cho các công khanh trong quận quốc, tiến cử kẻ sĩ hiền lương ngay thẳng chất phác mà tuyển dụng họ, đó cũng là một cách cầu hiền vậy."

Phụ lại dâng sớ muốn đưa các cung nhân không được sủng ái ra ngoài, bèn triệu Ngự phủ hỏi về số cung nhân ở hậu cung. Quan lại giữ phép cũ, đáp rằng:

- Đây là việc bí mật trong cung cấm, không được tiết lộ.

Phụ giận, đánh viên quan một trăm trượng, mắng hằn rằng:

¹ Thiệu Tín Thần (邵信臣) tự Ông Khanh, là bảy tôi của vua Nguyên đế thời Tây Hán, người quận Cửa Giang huyện Thọ Xuân; Thiệu Tín Thần làm Thái thú Nam Dương, được khen là hết lòng với dân, coi dân như con, khuyến khích dân chăm lo việc nông tang, thực hành tiết kiệm, dân chúng được no ấm đủ đầy, nạn trộm cắp dứt hẳn, người người yêu kính gọi ông là "Triệu phụ."

- Quốc gia không giữ bí mật với quan Cửu khanh, mà kẻ tiểu lại được giữ bí mật sao?

Đế nghe nói lại càng kính sợ Phụ.

Con gái yêu của Đế là Thục, chưa đầy năm thì chết yếu, Đế rất thương xót, truy phong là Bình Nguyên công chúa, lập miếu thờ tại Lạc Dương, táng ở Nam Lăng. Lúc sắp thân đưa đi táng, Phụ dâng sớ rằng:

"Văn hoàng đế và Vũ Tuyên hoàng hậu băng, bệ hạ đều không đi đưa táng, là bởi trọng xã tắc, phòng bị các việc bất ngờ vậy. Đến khi đưa con nhỏ còn trong bọc mất mà có thể tự thân đi táng sao?"

Đế không nghe.

Đế vừa mới dựng cung điện ở huyện Hứa, lại tính làm đài quán trong cung điện Lạc Dương. Phụ dâng sớ rằng:

"Vua Nghiêu chuộng nhà tranh mà muôn nước an cư, vua Vũ làm cung thất thấp mà thiên hạ vui nghiệp; cho đến Ân, Chu, miếu thờ cao có ba thước, đủ trải chín cái chiếu trúc thôi. Bậc vua sáng để thánh thời xưa, chưa có ai làm cung thất thật cao đẹp để tiền của và sức lực của trăm họ tàn tệ vậy."

"Vua Kiệt làm nhà ngọc, mái hiên bằng ngà voi, vua Trụ làm cung Khuynh, đài Lộc, để chôn vùi xã tắc của mình, Sở Linh đắp đài Chương Hoa mà thân mình nhận tai họa; Tần Thủy Hoàng làm cung A Phòng mà con mình chịu tai ương, thiên hạ phản lại, hai đời mà bị diệt vong.⁽¹⁾ Ôi, không liệu tính cái sức của muôn dân, làm theo cái ham muốn của tai mắt của mình, chưa ai không bị diệt vong vậy. Bệ hạ nên lấy Nghiêu, Thuấn, Đại Vũ, Thang, Văn, Vũ làm phép tắc, lấy Hạ Kiệt, Ân Trụ, Sở Linh, Tần Hoàng làm điều răn sâu sắc để giữ mình."

¹ Cung Khuynh, đài Lộc do vua Trụ nhà Thương xây, cung điện làm nơi vui chơi, đài quán là nơi đem các đồ trân bảo cất chứa; đài Chương Hoa là cái đài lớn do Sở Linh vương thời Xuân Thu dựng nên, làm nơi du ngoạn, ngắm mây trời. Cung A Phòng do Tần Thủy Hoàng sai dựng, rất hùng vĩ.

"Chúa thượng là bậc cao quý tôn kính ở ngôi trên, phải thật sự có đức dày. Cần thận giữ lấy ngôi trời, để vâng mệnh tổ tiên, đại nghiệp lồng lộng, còn phải sợ làm rơi mất. Chẳng sớm khuya cung cung kính kính, thực lòng xót thương dân, lại tự cho là nhân rồi để buông thả mình, chỉ xây dựng cung điện đến dài xa xỉ làm trang sức bề ngoài, tất có cái họa nguy vong diên đảo. Dịch nói: 'Quây kín nhà mình, che chắn gia đình, nhòm qua cửa ngõ, vắng teo không người.' Người làm vua lấy thiên hạ là nhà, nói rằng cái họa của việc làm nhà cao lớn, dẫn đến chỗ nhà cửa không người vậy."

"Hiện nay hai nước giặc hợp tung, mưu đồ gây nguy cho tông miếu, đại quân mười vạn, bốn tấu đông tây, biên cảnh không một ngày yên vui; người cày bỏ nghiệp, dân có sắc đói. Bệ hạ chẳng lấy đó làm mối lo, mà mưu làm cung thất, không có lúc ngừng. Nếu nước mất mà thần có thể một mình tồn tại, thì thần chẳng nói ra vậy; ① Vua là người đứng đầu, thần là bầy tôi tay chân, mất còn một thể, được mất cùng chung. Hiếu kinh nói: 'Thiên tử có bảy đại thần đưa lời can gián thẳng, dầu vô đạo cũng chẳng làm mất đi thiên hạ của mình.' Thần dầu hèn kém, há dám quên cái nghĩa của việc đưa lời can gián thẳng?"

"Lời chẳng đến mức khẩn thiết, thì không đủ để cảm ngộ bệ hạ. Bệ hạ chẳng xét lời nói của thần, sợ rằng ngôi lớn của các bậc liệt tổ liệt tông sẽ rụng rơi xuống đất. Ví như bản thân thần chết đi mà có thể giúp được một điều trong muôn một, thì ngày thần chết, cũng như ngày thần được sinh ra. Kính cần rập đầu sửa sửa áo quan tắm gội, phục đợi tội chết."

Tấu dâng lên, Thiên tử cảm kích lời trung của Phụ, tự tay cầm bút viết chiếu đáp lại.

Mỗi khi triều đình hội bàn, Phụ thường thẳng thắn coi việc giúp thiên hạ là trách nhiệm của mình. Mấy lần can gián, Đế không nghe, bèn luôn miệng xin nhường chức, Đế không đồng ý. Khi Phụ chết, trong nhà không có tài sản thừa. Cháu của Phụ là Báo nối tự.

① Thần Tùng Chi cho rằng cái đạo cùng cực của sự trung thành, là lấy cái chết của mình làm lý lẽ. Vì thế cứu giúp người ta ngăn ngừa cái xấu, chẳng kể đến bản thân mình. Nhưng biểu tấu của Phụ nói rằng "Nếu nước mất mà thần có thể một mình tồn tại, thì thần chẳng nói ra." Thế là phát phần vì mình, há vì quốc gia sao? Lời nói ấy, há chẳng làm tổn hại đến cái nghĩa cương quyết nói thẳng, là một chỗ kém cỏi trong bài biểu hay sao!

Cao Đường Long tự Thăng Bình, người quận Thái Sơn huyện Bình Dương, là hậu duệ của Cao Đường Sinh⁽¹⁾ người nước Lỗ vậy.

Thời trẻ là học trò, Thái thú Thái Sơn là Tiết Đễ lệnh cho làm Đốc bưu ở quận. Đốc quân của quận cùng Đễ tranh luận, gọi thẳng tên tự của Đễ ra mà bài xích. Long vỗ kiếm lớn tiếng quát Đốc quân rằng:

- Xưa kia Lỗ Định bị vũ nhục, Trọng Ni bước lên đàn;⁽²⁾ vua Triệu nghe tiếng đàn tranh của nước Tần, Tương Như tiến lên dâng phấu.⁽³⁾ Nay rõ ra ngươi là kẻ dưới mà gọi thẳng tên của chủ ra, xét về nghĩa phải đánh đòn vậy.

¹ Cao Đường Sinh (高堂生) vốn họ Cao Đường, tên là Bá, là người nước Lỗ thời Tây Hán, chuyên về việc nghiên cứu gây dựng lễ chế. Tương truyền ông là con cháu của Cao Hề, quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu.

² Thời Xuân Thu, vua nước Tề là Cảnh công mời vua nước Lỗ là Định công họp ở Giáp Cốc, trong lúc hội họp, vua Tề cho tấu nhạc Đông Di (nhạc nước Tề), sai 300 người cầm kích múa may, Lỗ Định công sợ, Khổng tử lên đài nói: "Hai nước giao hảo, nên tấu nhạc Trung Hoa mới phải, sao lại tấu thứ nhạc mọi rợ này?" Vua Tề thẹn, sai đội nhạc và quân lính xuống đài. Lát sau, hai vua dùng tiệc, quân nhạc nước Tề lại hát bài Tề cầu (là bài dân ca nước Tề kể chuyện nàng Tề Khương dâm loạn với anh trai mình là Chư Nhi), Khổng tử nói: "Những đứa thất phu dám cột nhà vua chư hầu sao?" Rồi gọi quan Tư Mã nước Lỗ đến chém đầu chúng, đội quân nhạc bỏ chạy. Khổng tử nói: "Hai nước đã giao hảo với nhau như anh em, thì Tư mã của nước Lỗ cũng như Tư mã của nước Tề vậy." Vua Tề nghe nói cả thẹn.

³ Thời Chiến Quốc, nước Tần đánh nước Triệu, cướp đất, vua Tần sai sứ mời vua nước Triệu đến hội ở Dẫn Trì để giảng hòa. Vua nước Triệu đem Lạn Tương Như đi theo. Tần Chiêu Tương vương uống rượu say, nói: "Quả nhân trộm nghĩ Triệu

Đốc quân thất sắc, Đế kinh sợ đứng lên ngăn Long lại. Về sau Long bỏ chức quan, lánh đến đất Tế Nam.

Năm Kiến An thứ mười tám, Thái tổ triệu Long làm Thừa tướng quân nghị duệ, sau làm Văn học cho Lịch Thành hầu là Tào Huy, rồi chuyển làm tướng quốc của Tào Huy. Huy gặp lúc để tang Thái tổ, không thương khóc, lại rong ruổi ra ngoài săn bắn, Long lấy chính nghĩa để can gián, rất tận tiết hết chức trách của người phù tá.

Năm Hoàng Sơ trung, Long làm Trưởng huyện Đường Dương, được tuyển làm sư phó của Bình Nguyên vương. Bình Nguyên vương tức tôn vị, đấy là Minh đế. Đế lấy Long làm Cấp sự trung, Bác sĩ, Phò mã đô úy.

Đế mới lên ngôi, quần thần có người cho là nên mở đại yến hội, Long nói:

- Thời Đường, Ngụ để tang cấm tuyệt tiếng nhạc,⁽¹⁾ Cao Tông có tang ngậm nghĩ không nói năng,⁽²⁾ vì thế đức hạnh sâu sắc, rạng ngời bốn bể.

Cho là không nên bày đại yến hội. Đế cung kính thu nhận kiến nghị. Long được thăng làm Thái thú Trần Lưu.

vương giỏi nhạc, xin gảy đàn sắt cho nghe.” Vua Triệu bèn cầm đàn sắt gảy. Ngự sử nước Tần chép: “Ngày... tháng... năm... vua Tần cùng vua Triệu hội họp uống rượu, sai vua Triệu gảy đàn sắt!” Tương Như tiến lên nói: “Vua Triệu trộm nghe nói vua Tần giỏi về âm nhạc nước Tần, xin bưng cái phễu sành (cái vại đựng rượu) đến để vua Tần gõ lên cùng vui với nhau!” Vua Tần tức giận, không chịu, Tương Như quỳ xuống nói: “Trong năm bước, thần xin được phép lấy máu ở cổ làm bắn người đại vương!” Vua Tần đành miễn cưỡng gõ vào phễu sành một cái, Tương Như gọi ngự sử nước Triệu, sai chép: “Năm... tháng... ngày... vua Tần gõ phễu cho vua Triệu nghe!”

¹ Lúc vua Nghiêu chết, vua Thuấn sai cả nước để tang, trong suốt tang kỳ, cấm tuyệt thanh nhạc.

² Vua Cao Tông (tức vua Vũ Đinh) nhà Ân đức hạnh hơn người. Sau khi lên ngôi quyết phục hưng sự nghiệp nhà Ân Thương, nhưng thiếu bấy tài giỏi nên rất phiền muộn. Lúc để tang Tiên đế, không hề nói năng, khi có việc thì viết chữ để truyền lệnh.

Có người dân chặn muông tên là Đậu Mục, tuổi hơn bảy mươi, rất mực đức hạnh, Long đề cử làm Thượng kế duệ; Đế rất tán thưởng, đặc biệt phong làm Lang trung để địa vị thêm vinh hiển. Sau triệu Long về làm Tán kỵ thường thị, ban tước Quan nội hầu.^①

① *Ngụy lược* chép: Quan Thái sử dâng sớ nói rằng lịch pháp của nhà Hán không phù hợp với thiên thời, nhân đó suy diễn tính toán các ngày sóc, vọng, hối, làm lịch Thái Hòa. Đế thấy Long học vấn rất sâu sắc, lại tinh thông về thiên văn, bèn hạ chiếu sai Long cùng Thượng thư lang là Dương Vĩ, Thái sử đãi chiếu là Lạc Lộc chung nhau suy xét tính toán đính chính. Vĩ, Lộc là Thái sử, Long căn cứ lịch cổ cùng bọn họ hặc tấu nhau, tranh luận đến mấy năm, Vĩ nói là Lộc tính được nhật thực nhưng với ngày nguyệt hối tính không đúng, Long không tính được nhật thực nhưng tính đúng ngày nguyệt hối, Đế hạ chiếu lệnh theo tính toán của quan Thái sử. Long tranh luận với họ tuy không thắng, nhưng xa gần vì thế mà biết học vấn tinh vi của Long vậy.

Năm Thanh Long trung, đại sửa cung điện, sang tây lấy cái chuông lớn ở Trường An mang về. Long dâng sớ nói:

"Xưa kia Chu Cảnh vương không bắt chước đức sáng của Văn, Vũ, sao nhãng cái phép hay của Công Đán, đã đúc tiền lớn, lại làm chuông to, Đán Mục công can gián mà không nghe, Linh Châu Cưu đổi mặt khuyên mà không theo lời,⁽¹⁾ mê lầm chẳng tỉnh, cái đức của nhà Chu vì thế suy bại, lương sử chép việc ấy, làm tấm gương cho hậu thế xét soi. Nhưng kẻ tiểu nhân hiện nay, thích nói về cái hoa mỹ xa xỉ thời Tần, Hán để khuấy động tâm trí thánh thượng, cầu lấy cái khí vật không phù hợp, là thứ vật vong quốc, lao dịch phí tổn, để phương hại đến đức chính, đây không phải là vật hưng lễ nhạc, là phương cách hay để giữ cho thần trí sáng suốt vậy."

¹ Đán Mục công (单穆公), là quân chủ của nước Đán thời Xuân Thu, giữ tước bá; Linh Châu cưu (单穆公), là quân đại phu của Chu Cảnh công, không rõ lai lịch và hành trạng.

Hôm ấy, Đế đến cung Thượng phương, Long cùng Biện Lan đi theo. Đế lấy biểu tấu của Long đưa cho Lan, muốn làm khó Long, nói:

- Việc hưng suy là ở chính trị, âm nhạc thì có can hệ gì? Cái bất minh của giáo hóa, há lại là tội của cái chuông?

Long nói:

- Lễ nhạc, là cái gốc trọng yếu của việc trị quốc vậy. Cho nên tấu chín khúc Tiêu thiều, phượng hoàng đến múa,⁽¹⁾ tiếng trống biến sáu tiết, thiên thần giáng hạ, chính trị vì thế bình ổn, hình pháp vì thế không dùng, đây là cái tác dụng phi thường của âm nhạc vậy. Khúc nhạc bại hoại của Đế Tân một lần cất lên,⁽²⁾ Thương Tân tàn mệnh, chuông lớn đúc thành, Chu Cảnh vương suy bại, cái mấu chốt của sự tồn vong, bền lâu hay không là từ đây sinh ra, sao lại không can hệ đến chính trị hưng suy? Hành xử của quân vương tất được ghi chép lại, đây là quy tắc từ thời cổ, làm mà không theo phép tắc, lấy gì làm khuôn mẫu cho người sau? Âm nhạc của thánh vương là nghe biết khuyết điểm của mình, cho nên mang đạo lý khuyên răn; nguyện ý của kẻ trung thần là dốc sức tỏ tiết tháo, cho nên phải vì nghĩa quên thân mình vậy.

Đế khen là lời có lý. Long được thăng làm Thị trung, kiêm lĩnh Thái sử lệnh. Điện Sùng Hoa bị cháy, Đế hạ chiếu hỏi Long:

"Đây là lỗi gì? Xét trong lễ tiết, có phương cách làm lễ cầu đảo để thần minh giáng phúc trừ họa chăng?"

Long đáp chiếu rằng:

¹ Tiêu thiều (箫韶) là tên một khúc nhạc thời vua Ngụ Thuấn, dạy dân phải có lòng chính đính, cao thượng, không tà dâm. Tương truyền điệu nhạc này do vua Thuấn lúc mới lên ngôi truyền dạy cho ông Quỷ (quan coi giữ về âm nhạc). Ông Quỷ tấu đến khúc thứ chín thì chim phượng kéo đến múa.

² Đế Tân (帝辛), tức vua Trụ nhà Ân Thương, cũng gọi là Thương Tân, là ông vua tàn ác cuối triều Ân Thương, chính sự hà khắc bạo tàn, bị Chu Vũ vương lật đổ.

"Tai biến phát sinh, đều là trời cao báo ý để làm rõ điều răn vậy, chỉ nên theo lễ sửa đức, mới có thể ngăn trừ được họa thôi. Dịch truyện nói: 'Trên không kiềm ước, dưới không tiết chế, lửa dữ rụi nhà.' Lại viết: 'Quân vương đắp đài cao, lửa trời gây tai họa.' Đây là nói việc quân vương cầu thả sửa sang cung thất, không biết đến cái khánh kiệt của dân, cho nên trời ửng theo đó gây họa, lửa từ cung điện cao mà nổi lên vậy. Đầm trời giáng xuống, cố nhiên là khiến trách bệ hạ; bệ hạ nên gia tăng chú trọng đức nhân, để báo đáp ý trời. Xưa kia thời vua Thái Mậu có cây dâu cây lúa mọc trong cung điện, thời vua Vũ Đinh có chim trĩ đậu ở trên đại đỉnh, đều cho đấy là điềm tai họa nên lo sợ, nghiêng mình sửa đức, sau ba năm, người rợ ở phương xa đến triều cống,⁽¹⁾ cho nên họ được tôn xưng là Trung Tông, Cao Tông. Đây là gương sáng của đời trước vậy. Nay xét đầm chiêm bốc thời xưa, nạn hỏa tai phát sinh, đều là lời răn từ việc sửa sang cung thất. Nhưng cái lý do của việc mở rộng cung thất hiện nay, thật bởi vì cung nhân đã quá nhiều. Nên tuyển chọn giữ lại những người có đức hiền thực, theo như phép chế của nhà Chu, số còn lại đều xét cho về. Đây là lời mà tổ tiên giáo huấn Cao Tông, Cao Tông nhờ thế mà được hưởng tiếng tốt lâu dài vậy."

Đế hạ chiếu thư hỏi Long:

¹ Thái Mậu (太戊), vua thứ 9 của nhà Thương, được các đại thần giỏi như Vu Hàm, Y Trắc giúp đỡ, nhà Thương cường thịnh trở lại như thời Thành Thang. Năm thứ bảy sau khi Thái Mậu lên ngôi, có cây dâu và cây lúa mọc tốt trong cung điện, quấn vào nhau. Thái Mậu cho là gở, sợ hãi. Cận thần nói: "Vật gở không thắng được người có đức." Thái Mậu bèn tu đức, hai cây kia đều chết, nhà Thương lại hưng thịnh. Thái Mậu chết, được đặt thụy là Trung Tông.

Vũ Đinh (武丁), là vị vua thứ 22 của nhà Thương, dùng các đại thần giỏi như Phó Thuyết, Tô Kỷ giúp coi sóc chính sự, nhà Thương hưng thịnh, thu phục lại được các chư hầu. Năm thứ 22 dưới thời vua Vũ Đinh, trong lần làm lễ tế vua Thành Thang tại đền thờ, có con chim trĩ đến đậu trên đỉnh đồng hót vang. Vũ Đinh cho là gở, sợ hãi, Tô Kỷ nói: "Hãy tu đức." Vua Vũ Đinh làm theo, ngôi vua yên. Sau khi vua Vũ Đinh chết, được đặt thụy là Cao Tông.

"Trẫm nghe nói thời Hán Vũ đế, đài Bách Lương⁽¹⁾ nẩy hỏa tai, lại đại tu cung điện để trấn áp tai biến, cái nghĩa của việc ấy là thế nào?"

Long đáp chiếu rằng:

"Thần nghe nói sau khi đài Bách Lương ở Tây kinh cháy, có vị thầy bói người nước Việt bày phương thuật là khởi dựng cung Chương để trấn áp điềm hỏa; đây là việc mà thầy bói người nước Việt bày ra, không phải là lời minh huấn của thánh hiền vậy."

"Ngũ hành chí chép: 'Đài Bách Lương cháy, sau đó có thầy bói Giang Sung vu hãm là Vệ thái tử dùng vu thuật làm hại.' Chiếu theo lời chép ở Ngũ hành chí, thì thầy bói nước Việt kiến nghị dựng cung Chương cũng không trấn áp được vậy."

"Khổng tử nói: 'Tai họa là lời cảnh giới và báo ứng hành vi của người, nhân thần cảm ứng lẫn nhau, để răn bảo người làm vua vậy.' Vì thế bậc thánh chủ thấy tai ương thì tự trách mình, cúi nghĩ tu dưỡng đạo đức, để tiêu trừ tai họa nấn sửa đạo thường. Nay nên giải tán dân lao dịch. Quy mô của cung thất, tất phải theo phương châm kiệm ước, bên trong đủ để che gió mưa, bên ngoài đủ để giáng nghi lễ. Dọn dẹp sạch nơi phát sinh hỏa tai, không xây lại cung thất ở chỗ đó, cỏ Tiệp Phủ, lúa Gia Hòa⁽²⁾ tất mọc lên ở đất ấy, để báo đáp cái mỹ đức cung kính chân thành của bệ hạ. Há nên khiến dân hao sức kiệt lực, tiền của rỗng không! Đây thật là chẳng chiêu dẫn điềm lành mà vô về được người ở phương xa vậy."

¹ Theo sách *Tam Phụ hoàng đồ*, Bách Lương đài do Hán Vũ đế cho xây dựng vào năm mùa xuân năm Nguyên Đĩnh thứ hai, vị trí ở phía bắc cung Vị Ương trong thành Trường An, đứng trên đài có thể quan sát được các vùng phụ cận. Mười một năm sau, tức là vào năm Thái Sơ nguyên niên, tháng mười một, đài Bách Lương bị cháy rụi. Hán Vũ đế ra lệnh xây cung Chương để áp chế tai họa.

² Truyền thuyết xưa nói Tiệp Phủ (荇蒲) là loại cỏ hiếm, khi mọc lên thì báo điềm tốt lành. Tống thư, thiên Phù thụ chí hạ chép: "Tiệp Phủ, có tên là Ý Phiến, hình dáng như cây cỏ bông, lá nhỏ, rễ mảnh như tơ, bay phát phơ trong gió, bắt được ruồi nặng. Thời vua Nghiêu, có cây Ý Phiến mọc ở trong bếp"; Lúa Gia Hòa: Xem chú thích ở tập IV, quyển 20, trang 180 (Tào Côn truyện).

Đế vẫn cho sửa lại điện Sùng Hoa, thời ấy có quận thành trong nước thấy rồng vàng xuất hiện, cho nên đổi tên thành điện Cửu Long.

Cửa cung Lăng Tiêu mới dựng xong, có con chim khách làm tổ ở trên cửa, Đế đem việc hỏi Long, Long đáp:

- *Kinh Thi* nói rằng: "Chim khách có tổ, chim cuu chiếm ở." Nay hưng cung thất, dựng cửa Lăng Tiêu, mà chim khách làm tổ trên đó, đây là cung thất chưa dựng thành mà có điềm báo thân mình không được ở vậy. Ý trời như thế là nói, cung thất chưa thành, sẽ có người khác họ đến chiếm giữ, đây là lời răn của thượng thiên vậy. Đạo trời không thiên vị ai, chỉ giúp người thiện, chẳng thể không phòng ngừa kỹ lưỡng, chẳng thể không lo tính sâu xa. Cuối đời nhà Hạ, nhà Thương, đều là kế thừa tổ nghiệp, chẳng cung kính mệnh sáng của trời cao, chỉ nghe lời sàm nịnh của thị thần, phế bỏ đức chính buông thả theo dục vọng, cho nên sự diệt vong của họ đến rất mau. Thái Mậu, Vũ Đinh, mắt thấy tai họa thì kính sợ, họ vâng theo lời răn của trời cao, cho nên thốt nhiên hưng khởi lại tổ nghiệp. Nay nếu bãi trừ các thứ dao dịch, kiềm ước để đủ dùng, gia tăng tôn sùng đức chính, hành sự theo chuẩn tắc của bậc Đế vương, trừ bỏ được mối lo khắp thiên hạ, hưng khởi cái lợi của muôn dân, thì Tam vương có thể thành Tứ vương, Ngũ đế có thể thành Lục đế, há chỉ là cái việc Trung Tông, Cao Tông của nhà Ân chuyển họa thành phúc mà thôi! Thần là tâm phúc của bệ hạ, nếu có thể giúp thêm phúc cho thánh cung, giữ yên xã tắc, dẫu thân thành tro than, gia tộc bị diệt, thì cũng là năm thần được sinh ra vậy. Há đâu lại kiêng sợ cái tội danh ngỗ nghịch, mà khiến cho bệ hạ chẳng nghe được lời nói chí thành?

Đế vì thế cảm kích biến sắc mặt.

Năm ấy, có sao chổi xuất hiện ở vị trí sao Thần. Long dâng sớ rằng:

"Phàm là lúc Đế vương dời đô lập ấp, đều xác định vị trí chỗ đặt đàn xã tắc tế thiên địa, cung kính nơi thờ phụng. Sắp dựng cung thất, thì sửa tông miếu là việc đầu tiên, tiếp đến là dựng thương khố và chuồng ngựa, sửa dựng nhà ở là việc sau cùng. Nay thì Viên khâu, Phương trạch,⁽¹⁾ đàn tế giao nam bắc, Minh đường, Xã tắc,⁽²⁾ thần vị chưa định, quy cách của tông miếu lại chưa phù hợp lễ chế, mà ư chuộng việc tô vẽ cung thất, khiến sĩ dân bỏ nghiệp gốc. Người ngoài đều nói rằng phí dụng dùng cho cung nhân, so với chi phí hưng quân đội trong nước, đại để là ngang bằng nhau. Dân không kham nổi mệnh, đều có lòng oán giận."

"Kinh Thư nói: 'Trời sáng suốt là do dân ta sáng suốt, trời gieo họa phúc là bởi dân gieo họa phúc.' Chúng nhân tụng đọc, thì trời cao ban ngũ phúc,⁽³⁾ dân giận oán than, thì trời cao giáng lục cực,⁽⁴⁾ đấy là nói đến cái thưởng phạt của trời, tùy theo ngôn luận của dân, ỉng theo tâm nguyện của dân vậy. Vì thế coi sóc chính sự cốt lấy việc an dân làm đầu, rồi sau mới xét đến cái giáo hóa thời cổ đại, nắn trên sửa dưới, từ xưa đến nay, chưa từng không như thế vậy."

"Chặt gỗ làm xà dựng cung điện thấp, là lý do để phong phạm của Nghiêu, Thuấn, Đại Vũ được lưu truyền hậu thế; dựng Đài ngọc cung quỳnh, là lý do mao phạm khiến Hạ Kiệt, Thương Tân bị diệt trừ. Cung thất hiện nay, thực trái với giới hạn của lễ chế, lại thêm dựng lập điện Cửu Long, trang sức hoa lệ còn hơn lúc trước. Sao chổi

¹ Viên khâu (圜丘), là nơi tế trời, tế vào ngày Đông chí; Phương trạch (方泽), là nơi tế đất, tế vào ngày Hạ chí.

² Nam Bắc giao (南北郊), là nơi tế trời đất, tế trời ở phía nam kinh thành, tế đất ở phía bắc kinh thành; Minh đường (明堂), là nơi cử hành các nghi thức như: triều hội, tế tự, khánh thưởng, tuyên kẻ sĩ, dưỡng lão ... của quốc gia; Xã tắc (社稷), là nơi nơi thờ cúng thần đất và thần lúa.

³ Ngũ phúc (五福), là năm thứ phúc, đại để gồm: Sống thọ, giàu có, quý hiển, yên vui, con cháu đông đúc.

⁴ Lục cực (六极), là sáu việc hung hiểm, đại để gồm: Chết yểu, bệnh tật, lo phiền, nghèo khổ, xấu xí, yếu hèn.

sáng rực, bắt đầu xuất hiện ở vị trí sao Tâm sao Phòng, tiến phạm vào Đế tinh mà đứng cạnh sao Tử Vi, đây là trời cao yêu tiếc bệ hạ, vì thế phát nẩy hình tượng để răn bảo, trước sau đều hiện ở vị trí Đế tinh, lộ rõ vẻ ân cần trịnh trọng, nhất định là muốn bệ hạ tỉnh ngộ vậy; Đây là lời giáo huấn khẩn thiết của cha hiền, bệ hạ nên chiếu theo cái lễ kính sợ của người con, để làm gương cho thiên hạ trước, để cáo rõ với con cháu đời sau, chẳng nên sao những việc này, khiến trời cao thêm phần nộ.”

Bấy giờ việc quân việc nước rất nhiều, dùng hình pháp rất nặng. Long dâng sợ nói:

“Mở mang cương thổ truyền hoàng vị cho con cháu, tất đợi bậc thánh minh, phù giúp đế vương nắn sửa trị lý, cũng đợi lương thần phụ tá, dùng người tài thì mọi việc thành công mà muôn dân an trị.”

“Đổi dời phong tục, tuyên dương đạo hóa, khiến bốn phương đồng phong khí, ngoảnh đầu thần phục, đạo đức giáo hóa phát dương, chín cõi mộ nghĩa, vốn không phải là điều mà kẻ tục lại làm được vậy. Nay Hữu ti hành sự chỉ tham cứu về hình luật, không xét đến cái đại đạo trị quốc, vì thế dùng hình pháp mà không có hiệu quả, phong tục suy tệ mà không ai quan tâm. Nên coi trọng lễ nhạc, lúc xét giảng và cử hành điển lễ thì sắp xếp thứ bậc tại Minh đường, sửa Tam ung cử hành lễ Đại xạ, Dưỡng lão,⁽¹⁾ hưng dựng lễ nhạc lúc tế trời đất và tổ tiên, tôn kính nho sĩ, tiến cử người ẩn dật, làm rõ các loại chế độ, đổi chính sóc, thay phục sắc, xướng đạo hiếu để, chuộng kiệm ước, rồi hoàn bị lễ nghi phong thiện, quy công cho trời đất, khiến lời nhũ tưng cất lên tràn đầy sáu cõi, cái giáo hóa của thời thái bình truyền đến cháu con. Đây đại khái là cái cao đẹp nhất của việc trị lý, là sự nghiệp cao quý vạn đời không mục vậy. Như thế trong khắp chín cõi, có thể chấp tay rủ áo mà trị, có gì phải lo lắng nữa đây!”

¹ Tam ung (三雍), là cách gọi gộp của Tích ung, Minh đường và Linh đài, là nơi đón vương hầu đến chầu, nghe nhã nhạc; Đại xạ (大射) là nơi hành lễ tuyển chọn kẻ sĩ; Dưỡng lão (养老), là cử hành lễ ban đồ ăn uống, tôn xưng người già.

"Chẳng chỉnh đốn cái gốc của việc trị quốc mà bỏ cứu cái ngọn của việc ấy, cũng ví như gỡ tơ rối, không phải là phép chính lý đúng đắn vậy. Nên lệnh cho trăm quan công khanh và kẻ sĩ thông nho, sai gây dựng lại lễ nghi chế độ, làm thành phép tắc."

Long lại cho là việc đổi chính sóc, thay phục sắc, khác với việc đổi tôn hiệu, thay khí dụng, cho rằng đây là những thứ mà các Đế vương thời xưa dùng để thần thánh chính trị, làm thay đổi cách nghe nhìn của dân chúng, cho nên ba triều xung vương, khiến Tam thống sáng rõ.⁽¹⁾ Vì thế bày kể và phát triển thêm điển chương phép tắc cũ, tấu lên xin cải biến. Để theo lời kiến nghị của Long, đổi năm Thanh Long thứ năm mùa xuân tháng ba thành năm Canh Sơ nguyên niên đầu hạ tháng tư, phục sắc chuộng màu vàng, muông sinh tế tự dùng sắc trắng, là theo Địa chính vậy.

Long được thăng làm Quang lộc huân.

Để càng khuếch trương việc sửa dựng cung điện, chạm khắc tô vẽ lầu gác, đẽo thạch anh ở núi Thái Hành, chọn đá hoa ở huyện Cốc Thành, đắp núi Cảnh Dương ở vườn Phương Lâm, dựng điện Chiêu Dương ở phía bắc điện Thái Cực, đúc các thú vật to lớn là rồng vàng chim phượng, trang trí điện Kim Dung, đài Lăng Vân, cửa Lăng Tiêu. Trăm thứ lao dịch khởi phát, người làm kẻ vạ, từ công khanh đại thần trở xuống cho đến bọn học trò, chẳng ai không phải dốc sức, Đế lại đích thân tự đào đất để làm gương cho mọi người. Đến lúc xứ Liêu Đông không triều cống. Điều hoàng hậu băng hà. Trời giáng mưa lớn, Ký châu nảy thủy tai, cuốn chìm tài vật của dân. Long dâng sớ tha thiết can rằng:

"Cổ ngữ nói: 'Đại đức của trời gọi là sinh, đại bảo của thánh nhân gọi là vị; lấy gì để giữ vương vị? Đây là đức nhân; lấy gì để tụ dân? Đây

¹ Tam thống, Tam chính: Xem chú thích ở tập I, quyển 3, trang 202 (Minh đế kỷ).

là tiên của.' Như thế thì sĩ nhân và thứ dân là nền móng cơ bản của quốc gia vậy; lựa và thóc là cái gốc sinh mệnh của sĩ dân vậy. Lựa và thóc không có tạo hóa thì chẳng sinh trưởng được, không có sức người thì chẳng tươi tốt được. Vì thế Đế vương thân cày ruộng để khuyến khích nghề nông, Hoàng hậu tự hái dâu để khích lệ nghề dệt, dùng việc ấy để cáo rõ với thượng đế, báo cái ý cung kính với ân huệ của trời cao."

"Xưa kia vào thời Y Đường (vua Nghiêu), thế gian gặp ách vận liên miên, âm dương bất hòa, mưa lớn đầy trời, sai Cỗn trị thủy, không có thành quả, bèn suy cử Đại Vũ, theo núi chặt cây để thông thủy đạo, trước sau trải hai mươi năm. Tai họa rất lớn, tuyệt không có gì so được, hưng khởi lao dịch, chưa bao giờ lâu như thế, mà vua tôi Nghiêu, Thuấn, chỉ ngồi ngoảnh mặt về nam thôi. Đại Vũ phân định chín châu, công huân của chúng sĩ, đều có thứ bậc, quân tử và tiểu nhân, phục sức đều có phân biệt. Hiện nay không có nguy cấp như thời ấy, lại khiến công khanh đại phu cùng nô bộc theo việc lao dịch, lời truyền ra Tứ di, không phải là tiếng tốt vậy, thư tịch truyền lại đời sau, không phải là điều hay vậy. Vì thế người có nước có nhà, gần thì tìm xét ở quanh mình, xa thì tìm xét ở các vật, ôm ấp nuôi nấng, cho nên nói 'Bậc quân tử vui vẻ dễ dãi, là cha mẹ của dân.' Nay trên dưới lao dịch, tật bệnh lan truyền, canh nông cấy hái thiếu người, cảnh đói khát ngày một đến gần, không có gì để sống qua năm. Nên gia ân thương xót dân, để cứu giúp cái khốn khó của họ."

"Thần xem các việc ghi chép ở thư tịch xưa, giữa trời và người, chưa hề có việc không cảm ứng lẫn nhau. Vì thế thánh vương thời cổ kính sợ mệnh sáng của thượng thiên, noi theo quy luật nghịch thuận của âm dương, nơm nớp lo lắng, chỉ sợ mình làm trái. Rồi sau đạo trị quốc nhờ thế mà hưng thịnh, đức hạnh mới tương hợp với ý thần minh, sau khi tai họa phát sinh, thì lo sợ mà sửa sang chính sự, chưa ai không truyền lộc cho con cháu đời sau vậy. Cho đến thời mạt thế, quân vương hoang dâm hôn ám, không tôn sùng phép tắc của tiên vương, chẳng thu nhận lời thẳng của kẻ sĩ chính trực, thả lòng theo

cái ham muốn dục vọng của mình, xem thường lời răn biến hóa của trời cao, chưa ai không mau chóng rước họa, dẫn đến cảnh đảo điên nghiêng lật vậy."

"Đạo trời đã nói rõ, xin lấy nhân đạo luận bàn. Lục tình ngũ tính,⁽¹⁾ cùng tồn tại ở mỗi người, tham dục tà ác và liêm khiết chính trực, đều chiếm chỗ một phần. Mỗi khi hành động, đều có tranh đấu ở trong lòng. Nếu tham dục mạnh mà chính tâm yếu thì dục vọng lấn át không cấm chế được; lòng tinh thành không khắc chế được thì sự phóng túng đến vô cùng vậy. Cái mà lòng mong muốn của người ta hướng đến, không phải cái tốt thì là cái đẹp, mà việc tích hợp cái tốt cái đẹp, không có nhân lực vật lực thì chẳng thành được, không có lúa và lụa thì chẳng xong được. Cái tham muốn ví như không có giới hạn, thì sức người chẳng thể kham nổi lao nhọc, của cải chẳng đủ để đáp ứng yêu cầu. Lao khổ và lòng mong cầu cùng hợp một chỗ, sẽ nảy sinh họa loạn. Cho nên chẳng dứt tham muốn thì không có cách gì đáp ứng được. Trọng Ni nói rằng: 'Người không biết lo xa, tất rước mối lo gần.' Từ đấy mà xét, chế định lễ nghĩa, không chỉ cầu thả trôi buột bốn phận, mà phải tránh xa họa hại để hưng phép trị lý quốc gia."

"Nay hai nước giặc Ngô, Thục, không phải chỉ là giặc cướp tụt ập chiếm địa bàn nhỏ hẹp, mà giữ chỗ hiểm cưỡi thuyền trên sông, nắm số đông quân dân, tiềm hiệu xưng đế, cùng Trung Quốc tranh hơn kém. Nay nếu có người đến báo, rằng Quyền, Bị đều sửa đức chính, chủ trương kiềm ước, giảm bớt tô thuế lao dịch, chẳng chế tác vật trân ngoạn, hành động mưu hỏi người hiền ở nước họ, làm việc tuân thủ lễ chế. Bệ hạ nghe tin về họ, há chẳng kinh sợ mà ghét các việc họ làm, cho là khó mà đánh diệt ngay được bọn họ, mà vì quốc gia lo lắng hay chẳng? Nếu có người đến báo rằng, hai nước giặc đều làm việc vô đạo, chuộng việc xa xỉ vô độ, sai khiến sĩ dân của mình, trưng thu

¹ Lục tình là sáu thứ tình cảm của con người: Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét; Ngũ tính là năm đức tính của con người: Nhân đức, nghĩa khí, có khuôn phép, trí tuệ, lòng tin.

thuê nặng, dân không kham nổi mệnh, tiếng than oán ngày một nhiều. Bệ hạ nghe tin về họ, há chẳng thốt nhiên phần nộ vì cái khốn của họ mà xót thương dân vô tội của ta, muốn tức tốc tru diệt bọn họ, sau nữa, há chẳng mừng vì cái khốn bại của bọn họ mà việc đánh bại chúng chẳng khó khăn sao? Ví có các việc như thế, thì có thể thay đổi lập trường mà suy xét, lo tính các việc có ngọn ngành thứ tự cũng chẳng khó rồi."

"Kìa như Tần Thủy Hoàng chẳng xây đắp nền móng đạo đức, mà lại đắp dựng cung A Phòng, chẳng lo cái biến loạn ở trong, mà lo lao dịch sửa tường thành. Đương thời quân thần vạch kế sách ấy, cũng muốn lập cái cơ nghiệp vạn đời, khiến con cháu có được thiên hạ lâu dài, há ngờ đâu rằng một sớm kẻ thất phu lớn tiếng hô, mà thiên hạ nghiêng lật được?⁽¹⁾ Cho nên thần cho là nếu quân vương đời trước biết rằng hành vi của mình tất sẽ dẫn đến thất bại, thì đã chẳng làm cái việc như thế rồi. Vì thế quân vương vong quốc tự cho là mình chẳng thể diệt vong, rồi sau đến nỗi vong quốc vậy; bậc quân vương hiền thánh tự cho là mình sẽ bị diệt vong, rồi sau mới không vong quốc vậy."

"Xưa kia Hán Văn đế được khen là vị chúa hiền minh, tự mình thực hành kiệm ước, ban ân huệ dưỡng dân chúng, nhưng Giả Nghị suy xét so sánh, cho là người thiên hạ có mỗi nguy treo ngược, có một việc đáng thương khóc, hai việc đáng rơi nước mắt, ba việc đáng than dài. Huống chi hiện nay thiên hạ xác xơ tàn tệ, dân không có nổi một thạch thóc để dành, nước không có của tích trữ đủ một năm, phía ngoài có cường địch, sáu quân phơi sương nắng ở ngoài biên, bên trong hưng thổ mộc, châu quận nhiễu động, nếu có địch lấn cướp biên

¹ Tần Thủy Hoàng diệt sáu nước, dựng nhà Tần. Nghe có câu nói rằng: "Làm mất thiên hạ là Hồ." Bèn cho rằng đây là nói rợ Hồ vào cướp Trung Quốc nên ra sức đắp tường thành ngoài biên ải để ngăn chống rợ hồ, lại áp đặt chính sách hà khắc để cai trị trong nước khiến sĩ dân oán hận. Trần Thắng, Ngô Quảng là những người dân khởi xướng việc chống Tần, dẫn đến biến loạn khắp nơi, anh hào nổi dậy, nhà Tần sụp đổ sau hai đời cai trị.

cảnh, thì thần sợ là quân sĩ đắp xây cung điện chẳng thể xả thân vì nước đi chống giặc vậy."

"Thêm nữa, bổng lộc của tướng sĩ quan lại, dần dần bị chiết giảm, so với trước đây, đã giảm mất một phần năm; các quan viên tướng sĩ đã nghỉ hưu lại bị cắt lương bổng, các loại thuế không đáng phải thu nay đều thu một nửa: Đây là nói cái thu vào của phủ quan hiện nay so với trước tăng nhiều, cái chi ra so với trước chỉ là một phần ba. Mà phí dụng chi ra theo tính toán, lại thường không đủ, dạng thuế khóa nhỏ nhất như thịt trâu, thu trước sau liên tục. Xét lại mà suy tính, phàm là các thứ phí dụng, tất phải có chỗ chu cấp. Và lại bổng lộc, thóc lúa và lụa, là những thứ mà bậc nhân chủ dùng để ban ân và nuôi dưỡng quan dân lấy đó để sai khiến họ, mà nay bị phế trừ, thế là tước đoạt sinh mệnh của họ rồi. Đã thu được lòng quan dân mà lại làm mất, đây là căn nguyên nảy sinh oán hận vậy."

"Theo Chu lễ, Đại phủ chương quân tiền của là thuế khóa ở chín cõi, đem cấp cho chín thứ nhu dụng, thu vào có nguyên tắc, xuất ra đúng chỗ, chẳng nhiều phạm lẫn nhau mà chi dùng đều đủ cả. Sau khi các chỗ chi dụng đủ cả, thì số của cải dư thừa từ tiến cống được quân vương dùng để hưởng dụng theo ý thích. Lại nữa là tài vật chúa thượng dùng, tất do quan chương quân tài vụ khảo xét. Nay bộ hạ cùng triều thần ở tại miếu đường trị lý người thiên hạ, không phải tam công cửu khanh, thì là các cận thần, đều là phúc tâm thân tín, nên không có úy kỵ gì. Nếu xét thấy thu vào chi ra có tăng giảm mà chẳng dám đem việc báo lên, phục mệnh ngược xuôi chạy vậy, chỉ sợ chẳng lo liệu được, thì đây là bày tội sung cho đủ số, chẳng phải là bày tội thẳng thắn chính trực vậy. Xưa kia Lý Tư dạy Tần Nhị thế rằng: 'Là bậc nhân chủ mà chẳng tùy tâm theo ý, đây gọi là bị người thiên hạ cùm trói chân tay.' Nhị thế dùng lời ấy, nước Tần vì thế nghiêng lật, Tư cũng diệt tộc. Bởi vậy sử quan Thiên bàn rằng lời khuyên dạy không chính trực của Lý Tư, thành lời răn cho hậu thế xét soi."

Thư tấu lên, Đế xem xong, bảo Trung thư lệnh và Trung thư giám rằng:

- Xem lời tấu này của Long, khiến trẫm lo sợ thay!

Long bệnh nặng, miệng đọc tấu chương dâng lên rằng:

"Tăng tử mắc bệnh, Mạnh Kính tử thăm bệnh. Tăng tử nói: 'Con chim sắp chết, tiếng kêu bi thương, người ta sắp chết, nói lời lương thiện.' Thần bệnh nặng nằm giường, chỉ tăng không thuyên giảm, thường sợ chết bất ngờ, lời trung thẳng không có cách gì biểu đạt. Tấm lòng son thành thực của thần, há chỉ như Tăng tử, mong bệ hạ lưu tâm xét kỹ một lần! Nếu thay đổi nắn sửa được sai lầm đã qua, ra sức hưng khởi nền móng sự nghiệp cho mai sau, khiến thần người đều hưởng ứng, phương xa mộ nghĩa, tứ linh⁽¹⁾ dâng chân bảo, sao ngọc hành⁽²⁾ rọi sáng, thì có thể hơn Tam vương, vượt Ngũ đế, há chỉ là kế thừa giữ nghiệp mà thôi."

"Thần thường lo rằng bậc quân chủ ở đời không nghĩ đến việc bắt chước cái đạo trị quốc của Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ, mà bước theo vết của Kiệt, Trụ, Chu U, Chu Lệ, chẳng ai không chê cười quân vương vong quốc mê loạn thời mạt thế, nhưng hành động của họ lại chẳng tuân theo phép tắc của Ngu, Hạ, Ân, Chu. Thương thay! Như các việc mà họ làm, cốt sao là đạt được mục tiêu, cũng ví như leo cây bắt cá, nấu nước làm băng, việc làm ấy chẳng thể được, là rất rõ rồi."

"Lại xét cái đạo lý có thiên hạ của Tam đại, thánh hiền nối nhau, trải mấy trăm năm, không đất nào không phải là đất đai của họ, không người dân nào không phải là thần dân của họ, vạn nước đều yên, chín châu tề chỉnh; vàng bạc ở Đài Lộc, thóc lúa ở Cự Kiêu, mà vẫn ngoảnh mặt về nam cai trị, là vì sao đây! Nhưng hạng người như Đế

¹ Tứ linh, là bốn thứ linh vật tượng trưng cho uy quyền hay việc báo điềm lành với bậc Đế vương, là: Rồng vàng (long), kỳ lân (lân), rùa vàng (quy), và chim phượng hoàng (phượng).

² Ngọc hành, tức là sao Bắc đẩu.

Quý, Đế Tân,⁽¹⁾ cậy dựa vào sức của mình, trí đủ để cự tuyệt lời can, tài đủ để che đậy lỗi lầm, chuộng lời a dua nịnh nọt, hưng dựng đài quán lâu gác, thích lời nhạc dân dật, khoái thanh âm lá lướt, vui với ca xướng nhảy múa, chìm đắm trong tiếng nhạc dân loạn. Trời cao chẳng thương cứu họ, giạt mình ngoảnh lại, tông miếu đô thành biến thành gò hoang, thủ hạ thành nô bộc, đầu vua Trụ treo dưới cờ trắng, thân vua Kiệt bị lưu đày ở Minh Diêu; cái vị tôn kính của thiên tử, bị Thang, Vũ chiếm mất, há phải họ là người thường, đều là con cháu của bậc vua sáng vậy."

"Lại nữa là thời lục quốc, thiên hạ như vạc sôi nóng bỏng, nước Tân kiêm tính sáu nước, chẳng noi theo đạo thánh, lại dựng cung A Phòng, đắp tường thành thủ giữ, khoa trương ở Trung Quốc, ra uy phục bách man, thiên hạ run sợ, người đi đường chỉ liếc mắt trông ngang; tự cho là dòng dõi của mình rễ sâu lá rộng, nghiệp lớn truyền mãi vạn đời, há ngờ đâu được là hai đời đã diệt, xã tắc của mình đổ nát tan lổn so? Gần đây Hán Hiếu Vũ kế thừa phúc lớn của Văn, Cảnh, ngoài đánh đuổi rợ Di, Địch, trong hưng dựng cung điện, hơn chục năm trời, khắp thiên hạ oán than. Lại tin lời thầy bói người nước Việt, khởi dựng cung Chương, dưới cửa cung có vạn nhà, rút cục dẫn đến cái biến cố Giang Sung vu vạ Thái tử dùng yêu thuật, đến nỗi cung thất tan lìa, cha con tàn sát nhau, thành vạ độc tai hại, di họa đến mấy đời."

"Thần quan sát vào những năm Hoàng Sơ, đêm trời hiển lộ lời cảnh báo, các loài chim lạ lớn lên trong tổ yến, mỏ, vuốt và ngực đều mang sắc hồng, đây là điềm họa cực lớn của vương thất nhà Ngụy vậy, nên đề phòng bầy tôi có dã tâm cuồng vọng trong cung đình. Hãy tuyển dụng chư vương, sai họ nắm binh tại nước phong, hình thành lực lượng ở các địa phương, trấn giữ bốn phía kinh thành, giúp sức cho hoàng thất. Xưa kia nhà Chu dời sang phía đông, cậy dựa vào nước

¹ Tức hai vua Hạ Kiệt và Thương Trụ, là những vị vua tàn ác đời mạt thế của hai triều đại nhà Hạ, nhà Thương.

Tấn, nước Trịnh, Lã hậu tác loạn, thật được nhờ vào Chu Hư,⁽¹⁾ đây đại khái là gương sáng của đời trước. Trời cao không thiên vị ai, chỉ giúp người có đức. Dân chúng ca tụng đức chính, thì quốc vận sẽ kéo dài, người dưới oán hận thở than, lộc nước sẽ truyền cho người tài đức. Từ đây mà xét, thiên hạ là của người thiên hạ, không phải là thiên hạ của riêng bề hạ vậy."

"Thần bị trăm bệnh bủa vây, khí lực dần suy kém, sắp lên xe kiệu ra đi, quay về quê quán, nếu táng mệnh dưới hoàng tuyền, hồn còn biết được, sẽ kết cỏ để báo ân bề hạ."

Để hạ chiếu rằng:

"Tiên sinh sống thanh liêm theo được Bá Di,⁽²⁾ lòng ngay thẳng hơn cả Sở Ngư,⁽³⁾ giữ lòng kiên định trung thành, quên thân trung thực, nếu bệnh tật chưa khỏi, lui về quê làm gì? Xưa kia Bình Cát vì đức tốt, bệnh tật tiêu trừ mà kéo dài tuổi thọ;⁽⁴⁾ Cống Vũ vì giữ tiết, bệnh nguy mà khỏi dần.⁽⁵⁾ Mong tiên sinh chú tâm ăn uống, tĩnh tâm dưỡng bệnh để tự giữ mình."

Long chết, di lệnh là mai táng sơ qua, liệm dùng thường phục.^①

① Tập Tạc Xỉ nói: Cao Đường Long có thể gọi là trung thần rồi. Quân vương xa xỉ thì thường suy nghĩ can ngăn sửa lỗi xấu, lúc sắp chết chẳng quên lo lắng cho xã tắc, lời chính trực cảm động đến quân chủ mê muội, lời răn sáng suốt ứng nghiệm ở hậu thế, lời thẳng thắn đủ để khích lệ người sau, đức tốt sau khi chết lại càng sáng rõ, có thể không gọi là người có trung có trí được sao?

¹ Thời vua Bình vương nhà Chu, chính trị hủ bại, thế nước suy kém, bị rợ Nhung uy hiếp, phải rời kinh đô từ đất Cáo sang Lạc Ấp ở phía đông, dựa vào hai nước Tấn, Trịnh để duy trì thực lực; Thời Lã hậu tác loạn, con em họ Lã giữ binh quyền, loạn chính thất, các đại thần và người trong tông thất phải hợp sức đánh dẹp họ Lã, bảo tồn vương vị cho họ Lưu.

² Bá Di (伯夷): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 85 (Lưu Biểu truyện).

³ Sở Ngư (史鱼): Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 83 (Thôi Diễm truyện).

⁴ Bình Cát (邴吉): Xem chú thích ở tập III, quyển 14, trang 207 (Trình Dục truyện).

⁵ Cống Vũ (贡禹): Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 79 (Bình truyện).

Kinh Thi nói rằng: "Biết nghe dùng mưu ta, không có gì hối hận."
Lại nói: "Nhiều lần chẳng nghe ta, mệnh lớn sẽ nghiêng ngửa." Là nói về lời của Cao Đường Long vậy.

Khi trước, năm Thái Hòa trung, Trung hộ quân là Trương Tế dâng sớ nói:

- Nên noi theo chế độ xưa cử hành phong thiện.

Để hạ chiếu nói:

- Nghe lời ấy của Tế, khiến ta đổ mồ hôi toát xuống chân.

Việc bị gác lại mấy năm, về sau mới nghị bàn cho thi hành, sai Long sửa soạn nghị lễ cho việc ấy. Để nghe nói Long chết, than thở rằng:

- Trời chẳng muốn ta hoàn thành việc phong thiện này, khiến cho Cao Đường tiên sinh bỏ ta mà chết vậy.

Con của Long là Sâm kế nối tước vị.

Hồi trước, năm Cảnh Sơ trung, Đế vì Tô Lâm, Tần Tĩnh đều già lão, sợ không ai truyền lại học nghiệp của họ. Bèn hạ chiếu nói:

"Bậc tiên thánh thời xưa chết rồi, nhưng ngôn luận và lời giáo huấn của họ, được ghi chép ở lục nghệ. Văn chương ở lục nghệ, với lễ nghĩa lại là rất trọng yếu, chẳng lúc nào xa lìa được vậy. Thói tục thời mạt thế làm trái cái lễ căn bản ấy, từ bấy đến nay đã lâu rồi. Bởi thế Mẫn tử chê cái bất học vô thuật của Nguyên Bá,⁽¹⁾ Tuân Khanh ghét việc chôn sống nho sinh thời nhà Tần,⁽²⁾ nho học đã suy hỏng, thì phong khí và giáo hóa vì đâu mà hưng khởi được? Hiện nay các nhà nho lão thành có học vấn lớn, tuổi tác đều đã cao, nghiệp giáo hóa huấn đạo, biết lấy ai để kế nối bọn họ?"

¹ Mẫn tử, tức Mẫn Tôn (闵损), tự Tử Khiên (子骞), cũng gọi là Mẫn Tử Khiên (闵子骞) là người hiền của nước Lỗ, nổi tiếng đức hạnh;

Nguyên Bá (原伯), chưa rõ hành trạng.

² Tuân Khanh (荀卿): Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 146 (Chung Do truyện).

"Xưa kia Phục Sinh sắp lên lão, Hán Văn đế sai Triều Thác kế thừa nghiệp học của ông ấy;⁽¹⁾ Cốc Lương truyện thiếu người nghiên cứu, Tuyên đế phái mười hai quan lang theo thầy học tập. Nay tuyển chọn mười ba người tài cao thông hiểu kinh điển trong số lang lại, theo học Quang lộc huân Long, Tán kỵ thường thị Lâm, Bác sĩ Tĩnh, chia nhau ra học Tứ kinh, Tam lễ,⁽²⁾ lão sư chủ quản là họ đặt phép khảo thí."

"Hạ Hầu Thắng⁽³⁾ nói: 'Cái tệ hại của sĩ nhân là không thông hiểu kinh thuật, nếu không thông hiểu kinh thuật, nắm giữ chức cao tước lớn cũng giống như rễ cây trên mặt đất thôi.' Người có học thời nay nếu tham cứu tinh thông cái đạo lý của kinh học, thì tước vinh lộc sung, chẳng mong mà tự đến. Há chẳng nên cố gắng sao!"

Được mấy năm, bọn Long đều chết, người học kinh học vì thế giải tán.

Khi trước, người huyện Nhâm Thành là Sạn Tiềm, thời Thái tổ làm Lịch lệnh,^① từng làm Đốc giữ Nghiệp thành.

Thời ấy Văn đế là Thái tử, rất ham mê săn bắn, đi sớm về khuya. Tiềm dâng lời can gián rằng:

- Vương công thiết lập chỗ hiểm để giữ vững đất nước của mình, bày cấm vệ ở đô thành, để đề phòng việc bất thường. Đại nhĩ nói: "Con cháu giữ thành lũy, không để thành vỡ lở." Lại chép: "Muru tính chẳng sâu xa, vì thế phải khuyên can." Nếu

¹ Phục Sinh (伏生), có tên là Phục Thắng (伏胜), là nhà Kinh học thời Tây Hán, từng làm quan Bác sĩ thời nhà Tần. Nhà Tần đốt sách giết học trò, Phục Sinh giấu *Kinh Thượng thư* ở trong vách, nhiều năm sau đem truyền thụ ở vùng nước Tề, nước Lỗ. Hán Văn đế mong cầu có được *Kinh Thượng thư*, không có được, bèn sai Triều Thác đến chỗ Phục Sinh mượn sách. Kim văn của *Kinh Thượng thư*, là xuất ra từ nhà Phục Sinh vậy.

Triều Thác (晁错): Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 101 (Mao Giới truyện).

² Tứ kinh: *Kinh Thi*, *Kinh Thượng thư*, *Chu dịch*, *Kinh Xuân Thu*.

Tam lễ: *Chu lễ*, *Nghi lễ*, *Lễ ký*.

³ Hạ Hầu Thắng (夏侯胜), người thời Tây Hán, khai sáng *Kim văn Thượng thư*, từng giữ các chức Quang lộc đại phu, Trường Tín thiếu phủ, Thái tử thái phó.

mải mê du ngoạn sẵn sẵn, sáng sớm đi tối khuya về, vì cái vui thú sẵn sẵn một ngày, mà quên cái nguy hại vô bờ, kẻ ngu này trộm thấy khó hiểu.

Thái tử không hài lòng, nhưng từ đấy về sau việc ra ngoài sẵn sẵn cũng giảm bớt.

Năm Hoàng Sơ trung, Văn đế sắp lập Quách quý tần làm Hoàng hậu, Tiềm dâng sớ can ngăn, lời ở *Hậu phi truyện*.

Thời Minh đế, nhiều thứ lao dịch hưng khởi, gia thuộc thân thích đều bị bài xích xa lánh, Tiềm dâng sớ rằng:

"Trời sinh dân để lại dựng lập quân vương, là để quân vương che chở cho quần sinh, nuôi dưỡng chúng nhân, cho nên quay chế cả bốn bề thì chẳng phải là thiên tử, cương vực bị chia cắt thì không phải là chư hầu vậy. Bắt đầu từ thời Tam hoàng, kéo đến thời Đường, Ngu, đều rộng rãi thi ân cứu giúp người khắp thiên hạ, dùng đức thuần hậu hòa hợp, lê dân được cậy nhờ. Tam vương đã suy vi, xuống đến Hán triều, yên định được ít ngày, tang loạn ngày một lắm, kể từ đấy về sau, cũng không có chuyển biến tốt."

"Thái tổ là bậc thần trí thông tuệ, uy vũ sáng suốt, quét trừ bạo loạn, khôi phục vương cương, để khai mở đế nghiệp. Văn đế nhận nhường ngôi kế nối mệnh trời, khuyếch trương cơ nghiệp Đế vương, tức vị bảy năm, thường phải xử lý chính sự không được rồi nhàn. Bệ hạ là bậc thánh đức, kế nối nghiệp lớn, nên xem trọng việc thái bình, cho dân nghỉ dưỡng. Mà nay ven biên chưa yên tĩnh, sĩ binh chinh chiến phòng giữ ở nơi xa, chiến sự ngoài biên cảnh, cờ tình treo vạn dặm, sáu quân dao động không yên, thủy lục luôn chuyển vận, trăm họ bỏ nghiệp gốc, một ngày hao phí nghìn vàng. Lại đại hưng sửa sang điện xá, dân phu kể vạn, lấy gỗ tùng ở núi Tô Lai,⁽¹⁾ vào hang lũng xẻ núi

¹ Núi Tô Lai, cũng có tên là Vưu Lai, là một ngọn núi nằm ở phía đông nam huyện Thái An, vùng Sơn Đông.

cao kéo gổ, đục đá lạ Vũ Phu,⁽¹⁾ vận chuyển trên sông Hoàng Hà, nghìn dặm chung quanh kinh thành, đều là ngoại đô vương kỳ, phải trưng thu vật phẩm và cung ứng lương thực, để sung đầy vào vườn thú, khiến cỏ rậm um tùm, hươu thỏ từng bầy chạy; phương hại đến nghề nông, đất đai xanh cây dại, dịch bệnh lan truyền, dân chúng trốn lánh, sản vật tan hoang, khí giao hòa của trời đất suy giảm, lúa không sinh trưởng nổi.”

“Thần nghe nói Văn vương kiến lập kinh đô ở đất Phong, từ từ mở mang không cấp bách, trăm họ tự nguyện theo đến, chẳng bao lâu mà thành. Đầm Linh Chiếu, vườn Linh Hữu, vua đều cùng dân chung hưởng. Nay làm cung thất cao lớn cực kỳ xa hoa, điêu khắc cực kỳ xảo diệu, đã quên Minh đường của Hữu Ngu, nghĩ nhớ cung Quỳnh của Đế Tân, đất cấm vuông nghìn dặm, điểm lệ phòng như cung A Phòng, dân cất chân thì đâu mắc lưới, lao dịch gấp trăm lần xây đài Kiên Khê, thần sợ tài lực của dân tàn tận, người dưới chẳng kham nổi mệnh vậy.”

“Xưa kia nước Tần chiếm cứ núi Hào, Hàm Cốc khổng chế sáu cõi, tự cho là đức cao sánh Tam hoàng, công lao kiêm gồm Ngũ đế, muốn xưng hiệu truyền đến vạn đời, nhưng chỉ qua hai đời đã đảo điên nghiêng lật, muốn làm dân đen không được, là bởi rễ lay gốc bật từ trước vậy. Đại khái là bậc thánh vương thống trị thiên hạ, cốt ở chỗ tỏ rõ đức rõ sáng, trọng dụng công thần và thân thích thân cận; dùng kẻ tuấn kiệt ở phủ quan, thì công nghiệp được hưng thịnh, người thân thích thân cận được trọng dụng, thì an nguy cùng lo; gốc sâu rễ chắc, là cành nhánh nâng đỡ cho nhau, dẫu trải thịnh suy, thì trong ngoài có người giúp đỡ vậy.”

“Xưa kia lúc Thành vương thơ ấu, chưa thể thống quản quyền chính, Chu Công Đán, Lã Vọng, Triệu Công Thích, Tất Công Cao, đều ở xung quanh phụ tá; nay đã không có Vệ hầu và Khang thúc làm giám

¹ Đá Vũ Phu là thứ đá đẹp, màu trắng ngà giống như ngọc.

hộ, việc phân Thiểm¹ lại không có người như Đán, Thích gánh vác. Ngôi Thái tử vẫn chưa lập, thiên hạ không có phó vương. Mong bộ hạ hãy lưu tâm đến nơi quan ải, giữ mãi vương vị để truyền đến vô cùng, thì thiên hạ may lắm.”

Về sau Tiềm được bổ làm Yên trung úy, từ chối rằng có bệnh không đi nhận chức, chết.

① Tiềm tự Ngạn Hoàng, sự tích thấy ở Thư Lâm của Ứng Cừ.

Bình rằng: Tân Bì, Dương Phụ cương nghị thành tín mà công bằng chính trực, dâng lời thẳng thắn khuyên can quên mình, có phong thái cơ hồ sánh được với Cặp Ấm vậy. Cao Đường Long học vấn tinh thông, có chí khuông phò quân vương, mỗi khi có điềm trời báo biến cố thì bày kể lời răn, lời nói phát ra thành khẩn từ trong tâm, thật trung thành thay! Đến như việc kiên trì thay đổi chính sách, khiến cho nước Ngụy phỏng theo lịch pháp của Ngu, Thuấn, thì đấy gọi là có dụng ý hay nhưng khiếm khuyết về lẽ thông biến vậy.

---ॐ---

¹ Tương truyền thời Chu sơ, Chu Công Đán và Triệu Công Thích được phân trị đất Thiểm (Thiểm Tây ngày nay), Chu công trị lý phía đông, Triệu công trị lý phía tây. Về sau, việc phân phong, đặt quan địa phương cai trị được gọi là “phân thiểm.”

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI SÁU

MÃN, ĐIỀN, KHIÊN, QUÁCH TRUYỆN



Mãn Sùng tự Bá Ninh, người quận Sơn Dương huyện Xương Ấp. Năm mười tám tuổi, làm Đốc bưu của quận. Bấy giờ trong quận có bọn Lý Sóc đều nắm giữ bộ khúc, làm hại dân lành, Thái thú sai Sùng đi coi xét. Bọn Sóc xin tạ tội, không đi trộm cướp nữa. Sùng giữ chức Cao Bình lệnh. Người trong huyện là Trương Bao làm Đốc Bưu ở quận, tham nhận của đút, gây nhiều loạn chính sự. Sùng nhân lúc hăn đang ở tại quán dịch, thống suất quan lại sĩ tốt ra bắt hăn, cật vấn các tội mà hăn phạm phải, lập tức tra khảo đánh chết ngay trong ngày, rồi bỏ quan về nhà.

Thái tổ tới Duyện châu, triệu Sùng làm Tòng sự. Lúc làm Đại tướng quân, triệu gọi Sùng cho tạm giữ chức Tây tào thuộc, làm Hứa lệnh. Bấy giờ Tào Hồng là tông thất thân cận được sủng ái, có người là tân khách của Hồng ở trong cõi, mấy lần phạm pháp, Sùng bắt hăn trị tội. Hồng đưa thư xin Sùng, Sùng không nghe. Hồng bạch với Thái tổ, Thái tổ cho triệu người coi việc ở huyện Hứa. Sùng biết là muốn xin tha, bèn tức tốc giết hăn đi. Thái tổ mừng nói:

- Việc đáng làm chẳng phải nên như thế sao?

Cố Thái úy Dương Bưu bị bắt giam vào nhà ngục trong huyện, bọn Thượng thư lệnh Tuân Úc, Thiếu phủ Khổng Dung đều dặn Sùng:

- Chỉ nên lấy khẩu cung, chớ dụng hình tra khảo.

Sùng không trả lời một ai, tra khảo lấy cung theo phép. Mấy ngày sau, xin yết kiến Thái tổ, nói với Thái tổ rằng:

- Việc tra khảo lấy cung Dương Bưu không có lời cãi khác. Kẻ đáng giết thì cũng nên nêu rõ tội của hắn trước; người ấy có danh tiếng ở trong nước, nếu tội trạng không rõ ràng, nhất định sẽ làm mất lòng trông ngóng của dân, tội trộm vì mình công mà tiếc cho ông ấy.

Ngay hôm ấy Thái tổ thả Bưu ra. Ban đầu, Úc và Dung nghe nói Bưu bị tra khảo đánh đòn, đều giận, đến lúc nhờ thế Bưu được tha, lại khen ngợi Sùng.^①

① Thần Tùng Chi cho rằng Dương công trong nhà tích đức, thân là danh thần, có lúc phóng túng lỗi lầm, cũng nên bảo toàn cho ông ấy, lẽ đâu lại lạm dụng hình pháp tàn nhẫn quá quắt, mà có thể đánh đòn được vậy? Nếu ứng theo lý lẽ phải tra khảo, hai người hiền là Tuân, Khổng há lại xằng bậy cùng nhau xin nâng đỡ hay sao? Sùng làm như thế có thể nói, đó là dụng tâm của kẻ khốc lại thôi. Dầu sau đó được khen, làm sao cời bỏ được cái ác nghiệt lúc trước?

Bấy giờ Viên Thiệu cường thịnh ở vùng Hà Sóc, mà Nhữ Nam là quận gốc của Thiệu, môn sinh tân khách rải khắp các huyện, nắm binh chống giữ, Thái tổ lo việc ấy, lấy Sùng làm Thái thú Nhữ Nam. Sùng mộ được năm trăm người theo phục mình, thống suất chúng hạ được hơn hai mươi đồn lũy, dụ bọn cừ sùỵ chưa hàng trong số bọn ấy đến, giết hơn mười người tại chỗ ngồi, một lúc đều bình được cả. Thu được hai vạn hộ dân, binh hai nghìn người, lệnh sai họ quay về làm ruộng.

Năm Kiến An thứ mười ba, Sùng theo Thái tổ đi đánh Kinh châu. Đại quân quay về, lưu Sùng làm hành Phấn uy tướng quân, đóng ở Đương Dương. Tôn Quyền mấy lần quấy nhiễu bờ cõi phía đông, Thái tổ lại triệu Sùng về làm Thái thú Nhữ Nam, ban tước Quan nội hầu.

Quan Vũ vây hãm Tương Dương, Sủng giúp Chinh nam tướng quân Tào Nhân đóng quân ở Phàn Thành cự Vũ, nhưng quân của bọn Tả tướng quân Vu Cấm vì gặp mưa lớn lâu ngày, nước sông dâng cao bị Vũ tiêu diệt. Vũ đánh Phàn Thành rất gấp, Phàn Thành bị ngập nước, nơi nơi tan vỡ, chúng đều biến sắc. Có người bảo Nhân rằng:

- Cái nguy hôm nay, không sức nào giữ được. Nên nhân lúc vòng vây của Vũ chưa khép, ta cưỡi thuyền nhẹ chạy trốn trong đêm, dầu mất thành, vẫn còn bảo toàn được thân mình.

Sủng nói:

- Nước nguồn về cấp tập, hy vọng là không đọng lâu được. Nghe nói Vũ phái biệt tướng đã đóng ở phía dưới huyện Giáp, từ huyện Hứa xuôi nam, trăm họ nhiễu loạn, Vũ sợ dĩ không dám tiến, là sợ quân ta lập thế ỷ giốc chặn phía sau thôi. Nay nếu ta bỏ trốn, từ Hồng Hà xuôi nam, không phải là đất của quốc gia nữa vậy; ngài nên đợi.

Nhân nói:

- Phải.

Sủng bèn dìm con ngựa trắng yêu quý của mình xuống nước, cùng quân sĩ ước thệ. Vừa lúc quân cứu của bọn Từ Hoảng đến, Sủng ra sức đánh trận lập công, Vũ bèn lui. Sủng được tấn phong tước An Xương đình hầu.

Văn đế tức vương vị, thăng Sủng làm Dương vũ tướng quân. Sủng phá được quân Ngô ở Giang Lăng có công, lại được bái làm Phục ba tướng quân, đóng ở Tân Dã. Đại quân nam chinh, đến hồ Tinh, Sủng thống suất chư quân ở phía trước, cùng giặc cách sông đối trận. Sủng sắc lệnh cho chư tướng rằng:

- Tối nay gió rất mạnh, giặc tất kéo đến đốt quân doanh của ta, nên phòng bị.

Chư quân đều cảnh giác. Nửa đêm, giặc quả nhiên phái mười cánh quân ngằm trong đêm đến đốt lửa, Sùng đánh úp phá chúng, được tấn phong tước Nam Hương hầu.

Năm Hoàng Sơ thứ ba, ban cho Sùng Giả tiết việt. Năm thứ năm, bái làm Tiền tướng quân.

Minh đế tức vị, tấn phong cho Sùng tước Xương Ấp hầu. Năm Thái Hòa thứ hai, lĩnh Thứ sử Dự châu.

Năm thứ ba mùa xuân, người đến hàng nói là nước Ngô phòng bị rất nghiêm, đánh tiếng là muốn đến Giang Bắc săn bắn, Tôn Quyền muốn tự mình xuất quân. Sùng đồ rằng bên kia tất tập kích Tây Dương nên phòng bị chỗ ấy, Quyền nghe tin, lui về. Mùa thu, nước Ngụy sai Tào Hưu từ phía nam Lư Giang tiến vào Hợp Phì, lệnh cho Sùng hướng đến Hạ Khẩu. Sùng dâng sớ rằng:

"Tào Hưu tuy thông minh quả cảm nhưng ít khi dụng binh, nay theo đường đó, sau lưng là hồ bên cạnh là sông, dễ tiến khó lui, đây là thế đất trũng tối kỵ của binh gia vậy. Nếu vào Vô Cường Khẩu, rất nên phòng bị điều đó."

Biểu của Sùng chưa đến, thì Hưu đã thâm nhập. Giặc quả nhiên từ Vô Cường Khẩu ra chặn ở Giáp Thạch, cắt đứt đường về của Hưu. Hưu giao chiến bất lợi, rút chạy. Vừa lúc bọn Chu Linh từ phía sau đến chỗ đường bị chặn, cùng giặc gặp nhau. Giặc kinh chạy, quân của Hưu nhờ thế mới về được.

Năm đó Hưu chết, Sùng từ chức Tiền tướng quân lên thay đốc trách các việc quân của Dương châu. Quân dân Nhữ Nam đều lưu luyện, lớn nhỏ nối nhau, chạy theo trên đường, chẳng thể ngăn cấm được. Hộ quân dâng biểu, muốn giết kẻ cầm đầu bọn ấy. Đế hạ chiếu sai Sùng đem một nghìn thân binh đi theo, số còn lại một người cũng không hỏi đến.

Năm thứ tư, bái Sùng làm Chinh đông tướng quân.

Mùa đông năm ấy, Tôn Quyền đánh tiếng muốn đến Hợp Phì, Sùng dâng biểu xin triệu chư quân ở Duyện, Dự, chúng đều tụ tập. Giặc ít lâu sau lui về, có chiếu bãi binh. Sùng cho rằng nay giặc cất đại binh mà rút về, không phải là bản ý vậy, đấy tất là muốn giả rút về để ta bãi binh, rồi thừa cơ quay lại, đánh úp lúc ta không phòng bị vậy, bèn dâng biểu xin không bãi binh. Hơn chục ngày sau, Quyền quả nhiên lại kéo tới, đến thành Hợp Phì, không hạ được rồi quay về.

Năm sau, tướng nước Ngô là Tôn Bố phái người đến Dương châu xin hàng, đưa thư rằng: "Đường xa chẳng thể tự đến được, xin hãy đưa binh đến đón." Thứ sử là Vương Lãng cho ngựa trạm đưa thư của Bố tới, xin binh mã đón tiếp Bố. Sùng cho là tất có trá lừa, không giúp binh, rồi thay Lãng viết thư trả lời rằng:

"Ngài vốn biết rõ tà chính, muốn tránh họa theo thuận, bỏ kẻ tàn bạo theo về chính đạo, rất đáng khen ngợi. Nay ta muốn phái binh lính đến đón, nhưng binh đi theo ít thì không đủ giúp phòng vệ, binh đi theo nhiều thì việc tất lan xa. Tạm thời xin hãy giữ kín kế trước để cái chí của mình thành, lúc việc đến sẽ có phép tắc xử trí thích hợp."

Đúng lúc Sùng nhận thư triệu về triều, sắc mệnh cho Trương sử lưu phủ rằng:

- Nếu Lãng muốn qua đón, chớ có cấp quân.

Lãng sau khi đòi binh không được, bèn đơn độc phái một viên Đốc đem bảy trăm quân bộ kỵ đi nghênh đón Bố. Bố trong đêm ngầm đánh úp, Đốc tướng chạy trốn, quân chết hại quá nửa.

Khi trước, Sùng và Lãng cộng sự có bất hòa, bè đảng của Lãng mĩa mai là Sùng già cả khí lực suy kém làm việc sai lầm, cho nên Minh đế triệu Sùng về. Sùng về rồi, khí chất mạnh mẽ tráng kiện, Đế trông thấy bèn phái quay lại.^①

Sùng thường dâng biểu xin ở lại kinh, Đế hạ chiếu đáp lại rằng:

"Xưa kia Liêm Pha ăn khỏe, Mã Viện ngồi vững trên yên ngựa,⁽¹⁾ nay ngài chưa già mà tự nói là đã già lão, so với Liêm, Mã sao trái ngược nhau vậy? Ngài hãy nghĩ đến việc giữ yên biên cảnh, vì quốc gia gắng sức."

① *Thế ngữ* chép: Vương Lăng dâng biểu nói Sủng cao tuổi ham rượu, không nên để gánh vác việc ở một phương. Để sắp cho triệu Sủng, Cấp sự trung là Quách Mưu nói:

- Sủng làm Thái thú Nhữ Nam, Thái thú Dự châu hơn hai mươi năm, có công giữ trọng trách một phương. Lúc trấn thủ Hoài Nam, người Ngô kính sợ. Nếu chẳng đúng như điều Lăng biểu tấu, sẽ bị bên kia dòm ngó. Nên lệnh sai về triều, hỏi han công việc ở địa phương để xem xét lại.

Để nghe theo. Sủng về rồi, lên tiếp kiến, uống rượu đến một thạch không say. Để úy lạo Sủng, phái quay về.

Năm sau, tướng Ngô là Lục Tốn hướng đến Lư Giang, kẻ bàn luận cho là nên tức tốc tới đó. Sủng nói:

- Lư Giang tuy nhỏ, nhưng tướng mạnh binh tinh, giữ được lâu. Lại nữa là giặc bỏ thuyền cách hai trăm dặm kéo lại, phía sau trống rỗng, là còn muốn dụ quân ta đến, nay nên nghe ngóng họ rồi hãy tiến, chỉ sợ chúng chạy ta không theo kịp thôi.

Bèn chỉnh đốn quân mau chóng đến Dương Nghi Khẩu. Giặc nghe tin đại quân xuống phía đông, liền trốn ngay trong đêm.

Bấy giờ Quyền hàng năm đều tính kế kéo đến. Năm Thanh Long nguyên niên, Sủng dâng sớ rằng:

"Phía nam thành Hợp Phì nhìn ra sông hồ, phía bắc trông ra xa giáp với Thọ Xuân, giặc vây đánh Hợp Phì, ta ở thế dựa vào sông; quân binh cứu chỗ ấy, phải phá sau lưng giặc trước, rồi mới giải được vây."

¹ Liêm Pha (廉頗): Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 161 (Trần Tư vương truyện); Mã Viện (馬援): Xem chú thích ở tập IV, quyển 20, trang 184 (Tào Cán truyện).

Giặc đến rất dễ, mà ta qua cứu lại rất khó, nên dời binh lính vào trong thành, cách ba mươi dặm phía tây thành ấy, có chỗ hiểm trở kỳ lạ có thể nương cây, ta lại đắp thành cố thủ, đấy là dẫn giặc vào chỗ đất bằng rồi chặn đường về của chúng vậy, là kế rất tiện."

Hộ quân tướng quân là Trương Tế nghị bàn, cho rằng:

- Như thế là đã tỏ ra với thiên hạ rằng mình yếu, lại trông khói lửa của giặc mà tự lỏ thành của mình, đấy là chưa đánh mà tự vỡ vậy. Một khi đến như thế, địch bức bách không thôi, ta tất phải ở Hoài Bắc để thủ.

Để chưa theo ý của Sùng. Sùng lần nữa dâng biểu rằng:

"Tôn tử nói: Việc binh, là cái đạo dối trá vậy. Cho nên ta mạnh mà tỏ ra yếu không có thực lực, lấy lợi làm địch kiên cố, tỏ ra là mình khiếp sợ. Đấy là tỏ ra ngoài như thế mà chẳng phải thế vậy. Lại nói: 'Khéo lừa dụ địch là ở chỗ tỏ vẻ bề ngoài.' Nay giặc chưa đến mà dời rút vào thành, hành động ấy gọi là tỏ vẻ bề ngoài để dụ địch vậy. Dẫn giặc ra xa sông, chọn lúc lợi mà hành động, ngoài thì ngăn giặc, mà trong được yên lành vậy."

Thượng thư Triệu Tư cho rằng kế sách của Sùng là hay, Để liền hạ chiếu nghe theo. Năm ấy, Quyền tự mình xuất quân, muốn vây Tân Thành, vì chỗ ấy xa sông, lưu lại hai mươi ngày không dám rời thuyền. Sùng bảo chư tướng rằng:

- Quyền thấy ta dời binh khỏi thành, tất có kẻ trong quân của chúng nói lời tự cao tự đại, nay hưng đại quân kéo đến muốn cầu cái công nhất thời, tuy không dám đến đánh, nhưng nhất định sẽ lên bờ để khoe khoang cái uy lực binh lính của mình là có thừa.

Bèn ngầm phái sáu nghìn quân bộ kỵ, mai phục ở ngoài Phì thành nắp kín một chỗ đợi giặc. Quyền quả nhiên lên bờ khoe binh lực, phục binh của Sùng đột nhiên xông ra đánh, chém mấy trăm thủ cấp, có kẻ chạy xuống sông chết đuối.

Năm sau, Quyền tự đem mười vạn quân, đến Tân Thành thuộc Hợp Phì. Sùng ruổi ngựa qua đó, mộ mấy chục tráng sĩ, bẻ cành tùng làm đuốc, tưới dầu lên, theo gió phóng hỏa, đốt chiến cụ của giặc, bắn chết đệ tử của Quyền là Tôn Thái. Giặc vì thế lui về.

Năm thứ ba mùa xuân, Quyền phái mấy nghìn người nhà của quân binh đến làm ruộng ở Giang Bắc. Đến tháng tám, Sùng cho rằng ruộng sắp được thu thóc, nam nữ rải rác ngoài đồng, trú binh phòng vệ của giặc rời xa thành mấy trăm dặm, có thể ngầm tập kích được. Bèn phái Trưởng quan đốc suất ba quân men sông xuôi đông, triệt phá các đồn, đốt thóc lúa rồi quay về. Để hạ chiếu khen ngợi Sùng, nhân đó đem hết các thứ lấy được của giặc thưởng cho tướng sĩ.

Năm Cảnh Sơ thứ hai, vì Sùng tuổi cao được triệu gọi về, thăng làm Thái úy. Sùng không hề vun vén sản nghiệp, trong nhà không có của thừa. Để hạ chiếu rằng:

"Ngài nắm binh quyền ở ngoài, dốc lòng lo lắng việc công, có phong thái của Hành Phủ, Tế Tuân.⁽¹⁾ Nay ban cho ngài mười khoảnh ruộng, năm trăm hộ lúa, hai mươi vạn tiền, để biểu dương cái tiết tháo thanh bạch trung trinh, cần kiệm."

Sùng trước sau được tăng thực ấp, cả thảy là chín nghìn sáu trăm hộ, con cháu có hai người được phong làm Đình hầu. Năm Chính Thủy thứ ba Sùng chết, được ban thụy là Cảnh hầu. Con của Sùng là Vĩ nối tự. Vĩ vì có phẩm cách và khí độ mà nổi danh, làm quan đến chức Vệ úy.^①

① *Thế ngữ* chép: Vĩ tự Công Hành, con của Vĩ là Trường Vũ, có phong thái của Sùng, hai mươi bốn tuổi, làm Đại tướng quân duyện. Cái nạn thời Cao Quý hương công, Trường Vũ lấy thân

¹ Hành Phủ (行父), xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 160 (Hoa Hâm truyện).

Tế Tuân (祭遵): Xem chú thích ở tập IV, quyển 17, trang 71 (Trương Cáp truyện).

phận là chức Duyệt canh giữ cửa nách của cung điện, An Dương đình hầu Tư Mã Cán là em của Tư Mã Văn vương muốn vào cung. Đích phi của Cán, là em gái của Vĩ vậy. Trường Vũ bảo Cán rằng:

- Chỗ này gần cửa cung, Công sắp đến, không ai được vào, nên theo cửa nách phía đông.

Cán bèn nghe theo. Văn vương hỏi sao Cán vào cung chậm, Cán nói nguyên do. Tham quân là Vương Tiễn cũng không được vào, oán Trường Vũ. Thế rồi Tiễn nhân lúc tả hữu của vương bắt việc với Vương, nói Mãn duyệt chặn cửa không cho người vào, nên bị hặc tội.

Chiến dịch Thọ Xuân, Vĩ theo Văn vương đến huyện Hứa, vì bị ốm không đi. Con đi theo, xin về thăm bệnh cha, xong việc mới quay lại, bởi thế bị Vương ghét, bắt Trường Vũ tra khảo chết dưới roi gậy, Vĩ bị cách chức làm thứ dân. Người bấy giờ cho là oan.

Con của em trai Vĩ là Phấn, năm Nguyên Khang trung thời nhà Tấn làm quan đến chức Thượng thư lệnh, Tư lệ Hiệu úy.

Sủng, Vĩ, Trường Vũ, Phấn, đều mình cao tám thước.

Ký châu ký của Tuân Xước chép: Phấn bản tính điềm tĩnh, biết kiềm chế.

Tấn thư công tán chép: Phấn bản tính rộng rãi rất hiểu biết và nhã nhặn, có phong độ của Sủng.

Điền Dục tự Quốc Nhượng, người quận Ngự Dương huyện Ung Ngô. Lưu Bị thua trận chạy đến chỗ Công Tôn Toản, Dục bấy giờ còn trẻ, tự tới thác thân ở chỗ Bị, Bị rất lấy làm lạ. Bị làm Thứ sử Dục châu, Dục vì mẹ đã già xin về quê, Bị sa nước mắt chia biệt, nói:

- Ta hận chẳng được cùng ngài chung sức thành đại sự vậy.

Công Tôn Toản sai Dục giữ chức Đông Châu lệnh, tướng của Toản là Vương Môn phản lại Toản, giúp Viên Thiệu đánh hơn

vạn người đến đánh. Chúng nhân sợ hãi muốn hàng. Dục trèo lên mặt thành bảo Môn rằng:

- Ngài được Công Tôn hậu đãi mà bỏ ông ấy, ta ngờ rằng có chỗ bất đắc dĩ vậy; nay ngài quay lại làm giặc, ta biết ngài là kẻ làm loạn rồi. Ôi, kẻ có trí nông cạn còn biết giữ đạo lý chân chính, ta đã thụ mệnh rồi; sao ngài không đánh gấp đi?

Môn hổ thẹn lui về. Toàn tuy biết là Dục có quyền mưu nhưng chẳng thể dùng được vậy. Toàn thua bại thì Tiên Vu Phụ được người trong nước suy cử, tạm coi việc Thái thú, Phụ vốn thân thiết với Dục, dùng Dục làm Trường sử.

Bấy giờ anh hùng hào kiệt cùng nổi dậy, Phụ chẳng biết theo ai, Dục bảo Phụ rằng:

- Rút cục có thể an định thiên hạ, tất là họ Tào vậy. Nên nhanh chóng quy thuận, không sẽ rước họa về sau.

Phụ theo kế ấy, nhờ đó được phong thưởng hậu. Thái tổ triệu Dục làm Thừa tướng Quân mưu dụện, đổi phong làm Dĩnh Âm, Lang Lăng lệnh, sau thăng lên làm Thái thú Dặc Dương, ở đâu cũng có thành tích về cai trị.

Yển Lăng hầu là Chương đi đánh Đại Quận, lấy Dục làm tướng. Quân trú ở phía bắc huyện Dịch, giặc phục quân kỵ tập kích Dục, quân sĩ rối loạn, chẳng ai biết làm thế nào. Dục chiếu địa hình, quay xe binh bày trận thành vòng tròn, quân cung nỏ giữ dày đặc ở phía trong, làm nghi binh để lấp kín những chỗ sơ hở của mình. Rợ Hồ không thể tiến được, giải tán bỏ đi. Dục truy kích, đại phá chúng, tiến bình Đại Quận, đều là kế sách của Dục vậy.

Dục được thăng làm Thái thú Nam Dương. Trước đây, người trong quận là Hâu Âm làm phản, bộ chúng có mấy nghìn người ở trong núi làm cướp, gây họa lớn cho quận ấy. Thái thú lúc trước bắt được bè đảng và hơn năm trăm người của chúng, dâng biểu tấu lên xin xử chúng tội chết. Dục đến gặp hết bọn tù

tội, úy lạo hiếu dụ, mở đường để chúng tự sửa lỗi, rồi nhất thời cởi bỏ cùm trói giải tán chúng. Bọn tù đều lay rập đầu, xin tự ra sức, rồi đến bảo nhau, bọn cướp một sớm đều giã tán, trong quận được yên bình. Dự đem hết thực trạng tấu lên, Thái tổ khen ngợi Dự.

Đầu thời Văn đế, rợ Địch ở phía bắc cường thịnh, xâm nhiễu biên ải, Đế liền sai Dự cầm cờ tiết lĩnh chức Hộ Ô Hoàn Hiệu úy, Khiên Chiêu, Giải Tuấn cùng làm Hộ Tiên Ti. Từ Cao Liểu về đông, từ Uế Mạch sang tây, có mấy chục bộ lạc người Tiên Ti, là Bỉ Năng, Di Gia, Tổ Lợi cắt đất thống quản, các bên đều chia ranh giới; lại cùng ước thề, tất cả không đem ngựa trao đổi với Trung Quốc. Dự cho rằng người Nhung Địch thống nhất thành một khối, không phải là điều có lợi với người Trung Quốc, bèn gây chia rẽ ly gián giữa họ trước, khiến chúng tự thù địch, công phạt lẫn nhau. Bộ lạc Tổ Lợi trái ước thề, đem nghìn con ngựa cấp cho quan quân, bị Bỉ Năng đánh, cầu cứu với Dự. Dự sợ chúng sẽ hợp lại giúp đỡ nhau, gây hại sâu thêm, nên cứu kẻ thiện đánh kẻ ác, tỏ ân tín với người Địch. Một mình dẫn quân tinh nhuệ, thâm nhập đất rợ, người Hồ rất đông, chia quân vây chặt trước sau, cắt đứt đường về. Dự bèn tiến quân, đến cách giặc rợ hơn chục dặm lập quân doanh, tự nhiều phân trâu ngựa khô lại mà đốt, rồi theo đường khác dẫn quân đi. Rợ Hồ thấy khói lửa không dứt, cho rằng Dự vẫn còn ở đó, bèn bỏ ra xa, đi được mấy chục dặm mới biết. Lại truy đuổi Dự đến Mã Thành, vây kín mít chục vòng, Dự bí mật bố trí nghiêm cẩn, sai quan Tư mã dựng cờ tinh, gõ trống thổi sáo, dẫn quân bộ kỵ từ cửa nam tiến ra, người Hồ đều chăm chú dõi theo rồi chạy đến đó. Dự đem quân tinh nhuệ từ cửa bắc tiến ra, gõ trống rầm rĩ mà xông tới, hai đầu cùng tiến phát, ra chỗ giặc không ngờ, giặc rợ chạy tán loạn, đều vứt bỏ cung ngựa đi bộ chạy trốn, truy đuổi đánh dẹp đến hơn hai mươi dặm, vây ngã che kín mặt đất.

Lại có Ô Hoàn vương là Cốt Tiến là kẻ xảo quyết hung hãn không vâng theo chức phận, Dự nhân đó ra quan ải tra xét, một mình đem cờ chỉ huy dẫn hơn trăm quân kỵ đến quân hạt của Tiến. Tiến đón vào bái lạy, Dự bèn sai tả hữu chém Tiến, kể rõ tội lỗi của hắn để hiệu lệnh bọn chúng. Chúng đều sợ cuống không dám vọng động, Dự liền dùng em của Tiến lên thay Tiến. Từ đấy, người Hồ võ mật, uy danh của Dự rung động vùng sa mạc.

Sơn tặc là Cao Ngải, bộ chúng có mấy nghìn người, cướp bóc, gây hại ở vùng U, Ký, Dự đồ dành sai thủ lĩnh người Tiên Ti là Tổ Lợi chém Ngải, đưa đầu tới kinh đô. Triều đình phong Dự làm Trường Lạc đình hầu.

Dự giữ chức Hiệu úy chín năm, chế ngự người Di Địch, thường bề gãy trấn áp mà thôn tính, chia rẽ bọn cương ngạnh xảo trá. Phàm là kẻ gian trộm trốn tránh, giúp rợ Hồ lập kế bất lợi cho quan quân, Dự đều lập kế ly gián chia rẽ, khiến mưu của bọn hung tà không thành, việc tập trung cư trú của chúng không yên. Sự nghiệp còn chưa triệt để, vì bề đảng của Thứ sử U châu là Vương Hùng muốn cho Hùng được lĩnh chức Hiệu úy Ô Hoàn, chê bai là Dự làm loạn biên ải, khiến quốc gia phát sinh biến sự. Triều đình chuyển Dự làm Thái thú Nhữ Nam, gia thêm chức Diễn Di tướng quân.

Năm Thái Hòa mạt, Công Tôn Uyên ở Liêu Đông làm phản, Đế muốn sai người đi đánh Uyên nhưng khó tìm được người thích hợp, Trung lĩnh quân là Dương Kỳ đề cử Dự ứng tuyển.^① Đế bèn sai Dự giữ chức quan cũ đốc trách chư quân của Thanh châu, ban giả tiết, qua đánh dẹp Uyên. Gặp lúc giặc Ngô phái sứ giả đến cùng Uyên liên kết, Đế thấy giặc rất đông, lại vì phải vượt biển, bèn hạ chiếu cho Dự sai bãi binh. Dự đồ rằng thuyền của giặc sắp quay về, cuối năm có gió dữ, tất sợ bị trôi dạt, sang đông thì không có bờ, phải đi đến núi Thành. Núi Thành không

có chỗ nấu thuyền, tất phải men theo bờ biển, Dự xét đường đi và địa thế, cùng các hòn đảo, rình chặn chỗ hiểm yếu, bày binh đóng giữ. Lại tự mình vào núi Thành, trèo lên ải Hán Vũ xem. Giặc quay về, quả nhiên gặp gió dữ, thuyền đều đâm vào núi chìm đắm, sóng đánh dạt vào bờ, không có chiếc thuyền nào thoát được, rút cục số đông quân giặc bị bắt. Lúc trước, chư tướng đều cười cái việc ngồi chỗ không đợi giặc, lúc phá giặc, mới tranh nhau giúp mưu, xin vào biển vớt bắt các thuyền trôi dạt. Dự sợ giặc thế cùng tử chiến, đều không nghe theo.

Khi trước, Dự làm Thái thú đốc trách Thanh châu, Thứ sử Thanh châu là Trình Hỉ trong lòng không phục, trong lúc xét việc quân, đa phần là ý kiến chia rẽ. Hỉ biết Đế thích báu vật là ngọc châu, bèn bí mật dâng lời rằng:

- Dự tuy có chiến công nhưng cấm lệnh buông thả bê trễ, đồ khí tượng và châu báu vàng ngọc bắt được rất nhiều, đều phát tán hết không nộp vào sở quan.

Bởi thế mà công lao của Dự không được kể đến.

① Thần Tùng Chi xét: Kỵ tự Hưu Tiên, người huyện Huỳnh Dương, sự tích về Kỵ thấy nói ở *Lưu Diệp truyện*. Con của Kỵ là Triệu, thời nhà Tấn làm Thứ sử Kinh châu.

Sơn Đào khải sự⁽¹⁾ khen Triệu là người có tài năng. Con của Triệu là Đàm, tự Đạo Nguyên, con thứ của Triệu là Hâm tự Công Tự, con của Đàm là Úc tự Trường Văn, con thứ của Đàm là Kinh tự Trọng Vũ, đều thấy nói ở *Phan Nhạc tập*.

Về sau Tôn Quyền xưng là đem mười vạn quân tấn công Tân Thành, Chinh đông tướng quân là Mãn Sủng muốn thống suất chư quân đến cứu. Dự nói:

- Giặc hưng đại quân kéo đến, chẳng phải là chỉ tranh cướp cái lợi nhỏ, thực sự là muốn đánh Tân Thành để lừa đại quân của

¹ Sơn Đào (山涛): Xem chú thích ở tập IV, quyển 16, trang 13 (Tô Tác truyện).

ta thôi. Nên nghe ngóng xem nếu chúng đánh thành, ta bẻ gãy nhuệ khí của chúng, không cần tranh phong với giặc vậy. Thành không hạ nổi, chúng tất mỗi mệt trễ nải; chúng mệt mỗi trễ nải rồi ta mới đánh chúng, có thể đại thắng vậy. Nếu giặc biết kế của ta, tất chẳng đánh thành, về hình thế tất sẽ tự chạy. Nếu ta tiến binh ngay, chính là mắc kế của giặc. Lại nữa là đại quân chọn hướng đi, phải khiến chúng khó biết, nếu không sẽ khiến giặc tự biết mưu của ta.

Dự lập tức đem thực trạng báo lên, Thiên tử theo kế ấy. Đúng lúc giặc trốn chạy. Sau người Ngô lại đến cướp, Dự qua cự chúng, giặc lập tức lui. Ban đêm chư quân kinh hãi, nói rằng:

- Giặc lại đến!

Dự nằm không dậy, hạ lệnh rằng:

- Ai kinh động sẽ chém.

Trong chốc lát, phát hiện là không có giặc.

Năm Cảnh Sơ mất, tăng thực ấp cho Dự ba trăm hộ, gộp cả lúc trước là năm trăm hộ. Năm Chính Thủy sơ, thăng Dự làm Hộ Hung Nô trung lang tướng được cầm cờ tiết, gia thêm chức Chấn uy tướng quân, lĩnh Thứ sử Tinh châu. Rợ Hồ ở ngoài biên ải nghe uy danh của Dự, theo nhau đến dâng cống vật. Địa giới châu quận yên tĩnh, trăm họ nhớ ơn Dự.

Dự được triệu về triều làm Vệ úy. Thường xin nhường chức, Thái phó Tư Mã Tuyên vương cho rằng Dự mạnh mẽ cứng cỏi, viết thư nói rõ là không đồng ý. Dự đáp thư rằng:

"Tuổi đã quá bảy mươi mà còn giữ ngôi vị, cũng ví như tiếng chuông kêu vào thời khắc cuối mà làm việc cả đêm không nghỉ, thế hạng người có tội vậy."

Rồi cố xưng bệnh nặng. Được bá làm Thái trung đại phu, ăn lộc công khanh. Năm tám mươi hai tuổi Dự chết. Con của Dự là Bành Tổ nối tự.^①

① *Ngụy lược* chép: Dự nghỉ quan về nhà, trú ở huyện Ngụy. Gặp lúc quận Nhữ Nam phái Kiện Bộ đến đánh phương bắc, vì cảm kích cái ân trước kia của Dự, qua bái phỏng. Dự vì Kiện Bộ giết gà nấu com, đưa tiễn đến đầu bờ ruộng, bảo Kiện Bộ rằng:

- Ta già lão rồi, người qua đây thật cực nhọc. Ta không thể giúp được gì, làm sao đây?

Kiện Bộ thương cái vẻ gầy yếu nghèo khổ của Dự, chảy nước mắt mà đi, lúc quay về kể với quan dân ở chốn cũ chuyện đó. Quận Nhữ Nam giúp mấy nghìn đồng tiền, phái người đến tặng Dự, Dự nhất định không nhận. Lúc bị bệnh chết, khuyên dặn vợ con mình rằng:

- Hãy táng ta bên cạnh mộ Tây Môn Báo.⁽¹⁾

Người vợ gạn hỏi Dự, nói:

- Tây Môn Báo là thần nhân thời xưa, sao lại phải táng ở bên cạnh mộ ông ấy vậy?

Dự nói:

- Cái đạo lý hành xử của Báo giống ta vậy, nếu chết rồi mà vẫn có linh hồn, tất Báo sẽ cùng làm bạn với ta.

Vợ con theo lời. Người quận Nhữ Nam nghe tin Dự chết, thương xót Dự, vẽ hình của Dự, lại lập bài minh khắc vào bia nêu tỏ công lao.

Dự trong sạch tiết kiệm mà giản dị, đồ được ban thưởng đều phát cho tướng sĩ. Mỗi khi người Hồ, người Địch tặng quà riêng, đều cất vào sở quan, không đưa về nhà; gia cảnh thường túng thiếu. Dù là người có bất hòa với Dự, đều khen tiết tháo cao đẹp của Dự.① Năm Gia Bình thứ sáu, Đế hạ chiếu khen ngợi, ban tiền của tháo gạo cho người nhà của Dự. Việc nói ở *Từ Mạc truyện*.

¹ Tây Môn Báo (西门豹): Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 104 (*Từ Dịch truyện*).

① *Ngụy lược* chép: Bọn Tố Lợi của tộc Tiên Ti mấy lần đến làm khách yết kiến, nhiều lần đem trâu ngựa làm quà cho Dục; Dục chuyển giao vào sở quan. Rợ Hồ cho rằng các vật đem tặng Dục lúc trước lộ ra ngoài, chẳng bằng đưa vàng. Liền bí mật đem ba mươi cân vàng đến, bảo Dục rằng:

- Xin hãy đuổi tả hữu ra, ta sắp có điều muốn nói.

Dục theo lời, rợ Hồ quỳ xuống nói:

- Ta thấy Công nghèo, cho nên trước sau đưa tặng Công trâu ngựa, Công thường đưa vào sở quan, nay bí mật đem thứ này dâng lên Công, nên dùng làm của riêng.

Dục mở ống tay áo ra nhận lấy vàng, đáp lại hậu ý ấy. Sau khi rợ Hồ đi, đều đem hết ra giao cho bên ngoài, cứ thực trạng kể rõ ngọn ngành. Vì thế Đế hạ chiếu khen Dục rằng:

"Trước kia Ngụy Giáng mở lòng để thu nạp người Khương,⁽¹⁾ nay Khanh giở ống tay áo để nhận vàng của rợ Dịch, trẫm rất ngợi khen."

Lập tức ban cho Dục năm trăm xấp lụa. Dục được thưởng, chia một nửa giấu trong căn nhà nhỏ, về sau rợ Hồ lại đến, Dục đem một nửa đó tặng cho họ.

Khiên Chiêu tự Tử Kinh, người quận An Bình huyện Quan Tân. Năm hơn mười tuổi, Chiêu đến chỗ người cùng huyện là Lạc Ẩn thụ học. Về sau Ẩn làm Trưởng sử của Xa kỵ Tướng quân Hà Miêu, Chiêu đi theo để trọn nghiệp học. Đúng lúc kinh đô loạn lạc, Miêu và Ẩn bị hại, Chiêu cùng môn sinh của Ẩn là bọn Sử Lộ xông pha chốn gươm đao, cùng tấ liệt thi thể của Ẩn, đưa tang về quê quán, trên đường gặp kẻ cướp, bọn Lộ đều chạy tán loạn cả. Giặc cướp muốn phá áo quan lấy đỉnh, Chiêu sa nước mắt xin tha. Giặc cho là có nghĩa, bèn buông tha rồi bỏ đi. Chiêu bởi thế nổi danh.

¹ Ngụy Giáng (魏绛): Xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 195 (Hạ Hầu Đôn truyện).

Ký châu mục là Viên Thiệu vời Chiêu làm Đốc quân tòng sự, kiêm quản quân đột kỵ người Ô Hoàn. Xá nhân của Thiệu phạm cấm lệnh, Chiêu chém trước rồi tấu bẩm sau, Thiệu cho là có chí lạ mà không bắt tội. Thiệu chết, Chiêu lại thờ con của Thiệu là Thượng. Năm Kiến An thứ chín, Thái tổ vây huyện Nghiệp. Thượng phái Chiêu đến quận Thượng Đảng, đốc trách việc chở lương cho quân. Còn chưa quay về, Thượng thua vỡ bỏ chạy, đến Trung Sơn. Bấy giờ người anh bên ngoài của Thượng là Cao Cán làm Thứ sử Tinh châu, Chiêu thấy ở bên trái Tinh châu có cái thế hiểm của Hằng Sơn, bên phải có cái vững chắc của Đại Hà, quân đeo đai mặc giáp năm vạn, phía bắc cậy dựa vào người Hồ cường mạnh, khuyên Cán nghênh đón Thượng, hợp sức quan sát sự biến. Cán đã chẳng có tài, lại ngầm muốn hại Chiêu. Chiêu nghe tin, nhân lúc sơ hở bèn bỏ đi, vì đường xa không theo kịp Thượng, bèn sang đông đến chỗ Thái tổ. Thái tổ lĩnh Ký châu, triệu Chiêu làm Tòng sự.

Thái tổ sắp đi đánh Viên Đàm, nhưng người Ô Hoàn ở Liễu Thành muốn xuất quân kỵ trợ giúp Đàm. Thái tổ thấy Chiêu từng đốc lĩnh quân Ô Hoàn, bèn phái đến Liễu Thành. Chiêu đến nơi, đúng lúc Tiểu Vương đang chuẩn bị, sắp phát năm nghìn quân kỵ đến chỗ Đàm. Lại có Thái thú Liêu Đông là Công Tôn Khang tự xưng Bình Châu mục, phái sứ giả là Hàn Trung đưa ấn thụ của Thiên vu qua chỗ Tiểu Vương. Tiểu Vương đại hội các trường quan, Trung cũng ngồi đó. Tiểu Vương hỏi Chiêu:

- Trước đây Viên công nói nhận mệnh của Thiên tử, cho ta làm Thiên vu; nay Tào công lại nói sẽ nắm với Thiên tử, cho ta làm Thiên vu thật; Liêu Đông lại cho cầm ấn thụ đến. Như thế, ai mới là chính thống?

Chiêu đáp rằng:

- Trước kia Viên công thừa chế, tạm được quyền phong bá; trung gian có lầm lẫn. Thiên tử truyền mệnh cho Tào công thay Thiệu, nói là sẽ bắt Thiên tử, đổi chức giả thành Thiên vu thật, là đúng vậy. Liêu Đông là quận nhỏ, sao được thiện tiện bá phong?

Trung nói:

- Liêu Đông ta ở phía đông bể lớn, năm binh trăm vạn, lại có được sự giúp đỡ của người Phù Dư, Uế Mạch; cái thế hiện nay, kẻ mạnh được trọng, chỉ mình Tào Tháo được làm chính thống sao?

Chiêu bèn mắng Trung rằng:

- Tào công là người công chính khiêm cung lại thấu tỏ 'sự lý, phù giúp Thiên tử, đánh kẻ phản loạn thu người quy thuận, vỗ yên bốn bể, vua tôi nhà ngươi ngu dốt điều ngoa, nay cậy xa hiểm, làm trái vương mệnh, muốn thiện tiện bá phong, khinh nhờn Thiên tử, sắp đến lúc bị chém giết, há dám lếu láo khinh mạn chế giễu đại nhân sao?

Liền nắm đầu Trung đập xuống đất, rút đao muốn chém hấn. Tiểu Vương kinh hoàng, đi chân không đến ôm lấy Chiêu, ngăn lại xin tha cho Trung, tả hữu biến sắc. Chiêu bèn quay về chỗ ngồi, vì bọn Tiểu Vương thuyết rõ việc thành bại, bày kể điều họa phúc, chúng đều quỳ nép dưới chiếu, kính nhận sắc mệnh, lập tức từ chối sứ giả của Liêu Đông, giải tán quân kỵ đã chuẩn bị.

Thái tổ diệt Đàm ở Nam Bì, tạm dùng Chiêu làm Quân mưu dụyện, cho theo đi đánh dẹp người Ô Hoàn. Đến Liễu Thành, bá Chiêu làm Hộ Ô Hoàn Hiệu úy. Lúc quay về huyện Nghiệp, Liêu Đông đưa đầu Viên Thượng đến, treo đầu ở chợ ngựa, Chiêu trông thấy mà thương cảm, bày đồ cúng tế ở dưới đầu của Thượng. Thái tổ cho là có nghĩa, cử làm Mậu tài.

Chiêu theo binh Hán Trung, Thái tổ quay về, lưu Chiêu lại làm Trung hộ quân. Bình xong Hán Trung, Chiêu về huyện Nghiệp,

được báỉ làm Bình lổ Hiệu úy, nắm binh quyền đốc trách các việc quân ở hai châu Thanh, Từ, đi đánh giặc Đông Lai, chém cừ sủy của chúng, đất phương đông được yên tĩn.

Văn đế lên ngời, báỉ Chiêu làm Hộ Tiên Ti hiệu úy sai cầm cò tiết, đóng binh ở Xương Bình. Bấy giờ, dân chúng ngoài biên địa lưu tán ở các nơi đầm núi, lại có kẻ phản trốn lánh trong chỗ người Tiên Ti, mỗi nơi có mấy nghìn người. Chiêu rộng tuyên ân tĩn, chiêu dụ họ theo về. Kiến nghĩa Trung lang tướng là bọn Công Tôn Tập, thống suất tướng soái bộ khúc của mình, hết thảy đều theo hàng; được sai quay về bản quận. Chiêu lại vời gọi hơn chục vạn người Tiên Ti của bọn Tổ Lợi, Di Gia đến, đều lệnh cho họ phải ở lại nơi biên ải.

Đại quân muốn đi đánh nước Ngô, triệu Chiêu về, Chiêu về đến nơi, đúng lúc bãi binh, được báỉ làm hữu Trung lang tướng, ra làm Thái thú Nhạn Môn. Quận ở ngoài cõi, tuy có đặt quân dò ngóng, nhưng nạn cướp bóc không dứt. Chiêu đã dạy dân bày trận đánh giặc, lại dâng biểu xin miễn tô thuế, dao dịch cho hơn năm trăm nhà người Ô Hoàn, sai chuẩn bị yên ngựa, phái người ra xa dò xét. Giặc rợ mỗi khi xâm phạm biên ải, thì ếm binh đón đánh, chúng kéo đến lập tức bị đánh diệt, bởi thế đảm lượng và dũng khí của quan dân mỗi ngày một hăng hái, nơi đồng hoang không có gì phải lo lắng. Chiêu lại gây ly gián chia rẽ, khiến giặc rợ tự nghi ngờ lẫn nhau.

Tiên Ti đại nhân là bọn Bộ Độ Căn và Tiết Quy Nê với Kha Bỉ Năng có hiềm khích, đem hơn ba vạn nhà của bộ lạc mình đến nơi biên hiểm của quận nương cậy. Chiêu sắc mệnh sai quay về tập kích Bỉ Năng, giết em của Bỉ Năng là Tư La Hầu, lại cùng bọn phản loạn người Ô Hoàn là Quy Nghĩa hầu Vương Đồng, Vương Ký, kết thù oán rất nặng. Vì thế Chiêu tự xuất binh, đốc lĩnh bọn Tiết Quy Nê đánh dẹp Bỉ Năng ở quận cũ Vân Trung, đại phá hần.

Chiêu liên kết với hơn chục vạn nhà của bọn Phụ Đầu người Tiên Ti ở Hà Tây, sửa sang thành cũ Thượng Quán ở phía bắc huyện Hình, đặt đồn canh để trấn áp trong ngoài, rợ Di lớn nhỏ, chẳng ai không quy thuận, những kẻ trốn tránh dẫu là người thân thích cũng không dám giấu giếm, đều bắt đưa đến hết. Vì thế ngoài đồng bình yên, giặc cướp ngừng hẳn. Chiêu lại tuyển chọn người có tài năng và hiểu biết, đưa đến nhà Thái học thụ nghiệp, về truyền dạy cho nhau, trong vòng mấy năm rất nhiều trường học mọc lên.

Sở trị của quận ở huyện Quảng Vũ, các giếng nước đều khô cạn, dân chúng đều phải vác thùng đi xa múc nước, cả đi và về là bảy dặm. Chiêu xác định chính xác địa thế, dựa vào chỗ thích hợp của gò núi, đào ruộng khai kênh, dẫn nước vào thành, dân chúng được nhờ vào mỗi lợi ấy.

Minh đế tức vị, ban cho Chiêu tước Quan nội hầu. Năm Thái Hòa thứ hai, Hộ Ô Hoàn hiệu úy là Điền Dự ra đất hiểm, bị Kha Bì Năng vây ở thành cũ Mã Ấp, đưa thư cầu cứu Chiêu. Chiêu lập tức chỉnh đốn binh mã, muốn đến cứu Dự. Quan lại Tỉnh châu lấy phép thường ngăn Chiêu, Chiêu cho là tướng cầm cờ tiết bị vây, không thể câu nệ theo lời bàn của các quan, tự dâng biểu rồi đi ngay. Lại vừa tiến quân vừa ban vũ hịch, bày kế hình thế, nói rằng sẽ qua tây bắc bắt lấy người nhà của giặc rợ, rồi mới sang đông, hợp quân giết giặc rợ. Hịch đến nơi, quân của Dự hăng hái nhảy nhót. Lại gửi hịch văn đến cho giặc rợ, quân giặc tức thì kinh hãi, đồng loạt ly tán. Quân đến huyện Bình Thành cũ, giặc đều vỡ lở chạy trốn. Bì Năng lại tập hợp quân kỵ, đến nơi đất hiểm ở phía bắc huyện Bình Châu cũ. Chiêu ngầm tiến quân đánh dẹp, chém rất nhiều đầu giặc.

Chiêu thấy giặc Thục là Gia Cát Lượng mấy lần ra đánh, mà Bì Năng giáo hoạt, có thể qua lại với nhau, dâng biểu xin phòng bị, kẻ bàn luận cho là huyện ở xa, còn chưa tin. Gặp lúc Lượng

ở Kỳ Sơn, quả nhiên phái sứ giả đến liên kết với Bỉ Năng. Bỉ Năng đến phía bắc đất Thạch Thành cũ, đầu đuôi giúp đỡ nhau. Đế bèn hạ chiếu gọi Chiêu, sai tới đó tùy nghi đánh giặc. Bấy giờ Bỉ Năng đã quay về phía nam sa mạc, Chiêu và Thứ sử Tất Quỹ bàn rằng:

- Rợ Hồ dịch chuyển bất thường. Nếu ta lao nhọc binh sư truy đuổi vào chỗ xa, thì người nhanh kẻ chậm chẳng tương đồng. Nếu ta ngằm tập kích, thì sơn khê hiểm trở khó lường, lương thực chuyển vận, khó điều hòa đủ. Nên sai người giữ hai cửa Tân Hưng và Nhạn Môn, đóng đồn ở Hình Bắc, ngoài dùng cách vỗ về phủ dụ, trong lệnh cho binh lính làm ruộng, tích trữ của cải lương thực, đợi đến thu đông ngựa béo khỏe, hợp binh của châu quận, thừa cơ đi đánh dẹp, là kế vẹn toàn.

Còn chưa kịp thi hành, đúng lúc mắc bệnh chết.

Chiêu ở quận mười hai năm, uy phong chấn động nơi xa. Danh tiếng về việc trị lý biên ải của Chiêu, chỉ dưới Điền Dục, trăm họ nhớ ơn Chiêu.

Lại có người ở Ngưu Dương là Phó Dung có danh tiếng ở Nhạn Môn, kể nối Chiêu, làm việc ở Liêu Đông cũng có công lao như vậy. Con của Chiêu là Gia nối tự. Con thứ là Hoảng, cũng quá cảm cương nghị có phong thái của Chiêu, làm Thái thú Lũng Tây theo Đặng Ngải đánh Thục có công, năm Hàm Hi trung làm Chấn uy hộ quân. Gia là con cùng mẹ với quan Tư đồ nhà Tấn là Lý Dận, chết sớm.^①

① Xét *Tấn thư*: Hoảng sau này làm Thứ sử Dương châu và Lương châu, vốn quả cảm và cứng cỏi, chết vì việc nước ở biên giới. Con của Gia là Tú, tự Thành Thúc.

Ký châu ký của Tuân Xước chép: Tú có tài năng kiệt xuất, bản tính hào hiệp có chí khí, năm hai mươi tuổi đã có tiếng tốt. Vào năm Thái Khang trung được bọn Vệ Quán, Thôi Hồng, Thạch Sùng nâng đỡ, từ chức Bác sĩ của Tân An lệnh lên làm Tòng sự trung

lang của quan Tư không. Tú cùng người cậu của Đế là Hoàng môn thị lang Vương Khải thường khinh ghét nhau. Khải nói xấu Tú với quan Tư lệ là Tuân Khải, sai Đô quan vu cáo tấu rằng Tú vào ban đêm ở trong xe của người vợ quan Thủ sĩ Cao Bình Quốc là Điền Hưng. Tú lập tức dâng biểu kể rõ nguyên do là mình bị vu hãm, cho rằng Khải làm việc nhơ bẩn, lời lẽ rất nghiêm túc. Vào lúc ấy triều thần tuy có nhiều người biết rõ công nhận, nhưng danh tiếng của Tú vì thế bị tổn hại. Về sau Trương Hoa mời Tú làm Trưởng sử, ít lâu thăng đến chức Thượng thư. Hà Gian vương lấy Tú làm Bình bắc tướng quân, ban Giả tiết, Tú bất ngờ bị hại ở Phùng Dục. Người đời thường thức từ phú của Tú, mà tiếc cái tài của Tú.

Quách Hoài tự Bá Tế, người quận Thái Nguyên huyện Dương Khúc.① Năm Kiến An trung được xét cử Hiếu liêm, đổi phong làm Bình Nguyên phủ thừa.

Văn đế làm Ngũ quan tướng, triệu Hoài cho tạm nhận chức Môn hạ tặc tào, rồi chuyển làm Bình tào nghị lệnh sử của Thừa tướng, theo đi đánh Hán Trung. Thái tổ trở về, lưu Chinh tây tướng quân Hạ Hầu Uyên lại cự Lưu Bị, lấy Hoài làm Tư mã của Uyên. Uyên và Bị giao chiến, Hoài bấy giờ có bệnh không đi. Uyên bất ngờ bị hại, trong quân nhiều loạn, Hoài thu nhặt binh sĩ tản mát, suy cử Đãng khấu tướng quân Trương Cáp làm chủ trong quân, các trại mới yên. Hôm sau Bị định vượt sông Hán đến đánh. Chư tướng nghị bàn rằng bên đông bên ít khó đối địch, Bị lại đang thừa thắng, muốn dựa sông bày trận để cự Bị. Hoài nói:

- Làm thế là tỏ ra ta yếu chẳng đủ lực để bẻ gãy địch nhân, không phải là kế hay vậy. Chẳng bằng cách xa sông bày trận, dẫn dụ chúng đến, họ qua nửa chừng thì ta mới đánh, Bị có thể bị phá vậy.

Bày trận xong, Bị nghi hoặc không vượt sông, Hoài bèn giữ vững, tỏ rõ không có ý quay về. Dem thực trạng báo lên, Thái tổ khen kể ấy, ban Giả tiết cho Cáp, lại dùng Hoài làm Tư mã.

Văn đế tức vương vị, ban cho Hoài tước Quan nội hầu, chuyển làm Trấn tây trưởng sử. Lại lấy làm hành Chinh Khương hộ quân, giúp Tả tướng quân Trương Cáp, Quán quân tướng quân Dương Thu dẹp bọn sơn tặc người Hồ làm phản ở Trịnh Cam, Lô Thủy, đều phá chúng bình định được. Quan Trung mới yên, dân được an nghiệp.

① Xét *Quách thị phả*: Tổ phụ của Hoài là Toàn, làm Đại tư nông; Cha là Ôn, làm Thái thú Nhận Môn.

Năm Hoàng Sơ nguyên niên, Hoài phụng sứ mệnh về kinh chúc mừng Văn đế đăng cơ, nhưng trên đường đi bị bệnh, nên tất cả xa gần phải đợi. Lúc quần thần vui hội, Đế nghiêm mặt trách Hoài rằng:

- Xưa kia vua Vũ hội chư hầu ở Đồ Sơn, Phòng Phong đến muộn, lập tức bị hành hình.⁽¹⁾ Nay khắp thiên hạ cùng đến chúc mừng ta mà riêng khanh đến muộn nhất, sao vậy?

Hoài đáp rằng:

- Thần nghe nói Ngũ đế ngày trước dùng đức dạy dân, nhà Hạ Hậu chính trị suy kém, mới bắt đầu dùng hình phạt. Nay thần gặp được thời thịnh trị của Đường Ngu, thế nên tự biết rằng sẽ thoát cái tội bị giết như Phòng Phong vậy.

Đế hài lòng, cất nhắc Hoài lên làm Thứ sử Ung châu, phong tước Xạ Dương đình hầu, giữ chức chân Thứ sử năm năm.

Đại soái người Khương ở quận An Định là Tích Phiếm làm phản, Hoài đánh dẹp phá được rồi chiêu hàng. Mỗi khi có

¹ Vua Đại Vũ kế nối vua Thuấn lập nhà Hạ. Thời ấy, Cung Công phá rối việc trị thủy, dâng nước lũ đến tận Không Tang (tức đất Khúc Phụ), vua Vũ hội quần thần ở Cối Kê định kế đánh dẹp Cung Công, vì Phòng Phong đến muộn nên bị vua Vũ giết để răn chúng.

người Khương người Hồ đến hàng, Hoài thường sai người gạn hỏi về thân hữu của người ấy trước, xem trong nhà nam nữ nhiều hay ít, tuổi tác cao thấp ra sao; khi gặp mặt, nói một đôi điều đã biết về nội tình của họ, tra hỏi cặn kẽ, họ đều khen tụng là bậc thần minh.

Năm Thái Hòa thứ hai, Thừa tướng nước Thục là Gia Cát Lượng tiến ra Kỳ Sơn, phái tướng quân Mã Tắc đến Nhai Đình, sai Cao Tường đóng trại ở thành Liệt Liễu. Trương Cáp tập kích Tắc, Hoài đánh doanh trại của Tường, đều phá được. Lại đánh phá danh tướng người Khương đất Lũng Tây là Đường Phiếm ở Bao Hãn, được thêm chức Kiến Uy tướng quân.

Năm thứ năm, quân Thục tiến ra Lỗ Thành. Bấy giờ, ở Lũng Hữu không có lương, chúng nghị bàn muốn vận chuyển lương từ Quan Trung đến, Hoài dùng ân uy vỗ về rợ Khương, Hồ, khiến họ xuất lương thảo ra, điều hòa được việc chuyển lương, lương cho quân đủ dùng, Hoài được chuyển làm Dương Vũ tướng quân.

Năm Thanh Long thứ hai, Gia Cát Lượng tiến ra Tà Cốc, làm đồn điền ở Lan Khanh. Bấy giờ Tư Mã Tuyên vương đóng trại ở phía nam sông Vị; Hoài tính rằng Lượng tất tranh chiếm Bắc Nguyên, nên chiếm chỗ đó trước, kẻ bàn luận đa phần cho là không đúng. Hoài nói:

- Nếu Lượng vượt sông Vị lên chỗ đất bằng, liên kết với binh lính ở Bắc Sơn, cắt ngang đường về Lũng, khuấy động dân chúng và người Di, đấy không phải là cái lợi của quốc gia vậy.

Tuyên vương khen kế của Hoài, Hoài liền đóng binh giữ Bắc Nguyên. Hào lũy chưa làm xong, đại binh Thục đã đến, Hoài đón đánh chúng. Mấy ngày sau, Lượng đem đại binh sang tây, chư tướng đều cho là Lượng muốn đánh lũy vây phía tây, riêng Hoài cho rằng đấy là Lượng tạo hình thế ở phía tây, muốn khiến quan binh dồn đến chỗ ấy, tất đánh ở bờ bắc thôi. Đêm ấy

quả nhiên Lượng đánh bờ bắc sông Vị, bởi có phòng bị nên Lượng không lên bờ được.

Năm Chính Thủy nguyên niên, tướng Thục là Khương Duy tiến ra Lũng Tây. Hoài liền tiến binh, truy đuổi đến Cường Trung, Duy lui, Hoài bèn đánh dẹp bọn người Khương là Mê Dương, lại vỗ về phủ dụ được hơn ba nghìn nhà rợ Đê, di dời họ để sung đầy vào Quan Trung. Hoài được thăng làm Tả tướng quân. Người Hồ thuộc đạo Hưu Đồ⁽¹⁾ ở Lương châu là bọn Lương Nguyên Bích, dẫn hơn hai nghìn nhà trong bộ lạc của mình đến nương cậy Ung châu. Hoài tấu lên xin sai họ đến cư trú ở đất huyện Cao Bình của quận An Định, làm dân bảo chướng, sau nhân đấy đặt ra chức Đô úy Tây châu. Hoài được chuyển bái làm Tiền tướng quân, quản châu như cũ.

Năm thứ năm, Hạ Hầu Huyền phạt Thục, Hoài đốc chư quân làm tiên phong. Hoài liệu thế thấy bất lợi, lập tức điều quân rời trận, cho nên không bị thua lớn. Khi về được ban Giả tiết.

Năm thứ tám, người Khương ở các quận Lũng Tây, Nam An, Kim Thành, Tây Bình là bọn Nga Hà, Thiêu Qua, Phạt Đồng, Nga Già Tắc cùng cấu kết nhau phản loạn, vây đánh thành ấp, hướng về nam gọi quân Thục, thủ lĩnh người Hồ ở Lương châu là Trì Vô Đái lại làm phản hưởng ứng chúng. Thảo Thục hộ quân là Hạ Hầu Bá đốc chư quân đóng ở Vị Sí. Quân của Hoài vừa đến Dịch Đạo, kẻ nghị bàn đều cho rằng nên đánh dẹp Bao Hãn trước, trong bình định bọn xấu người Khương, ngoài bẻ gãy cơ mưu của giặc. Hoài tính rằng Duy tất đến đánh Bá, bèn tiến vào Phong Trung, chuyển hướng về nam nghênh đón Bá. Duy quả nhiên tấn công Vị Sí, vừa gặp quân của Hoài đến, Duy vội lui binh. Hoài tiến lên đánh dẹp quân phản loạn người Khương, chém Nga Hà, Thiêu Qua, thu hàng được hơn vạn nhà.

¹ Đạo Hưu đồ, tức đạo Phạt, còn có các tên khác như, đạo Phù Đà, Phù Đồ, Phù Đầu, Vô Đà, Phạt Đà, Phạt Đồ ...

Năm thứ chín, bọn Nga Già Tắc đóng trại ở thành cũ Hà Quan, Bạch Thổ, nương cây vào sông cự quan binh. Hoài biết rõ hình thế ở thượng lưu, bí mật cho binh sĩ qua sông chiếm giữ thành Bạch Thổ, đánh, đại phá chúng. Trì Vô Đái bao vây quận Vũ Uy, gia quyến ở lại quận Tây Hải. Hoài gấp rút tiến quân đến Tây Hải, muốn đánh úp bắt gia thuộc và thu của cải của Đái, vừa gặp lúc Đái quay về, cùng giao chiến ở phía bắc Long Di, Hoài đánh phá đuổi hần.

Bọn giặc ác ở Lệnh Cú⁽¹⁾ đóng tại phía tây núi Thạch Đầu, ngăn trở đường lớn, đoạn tuyệt sứ giả của vua. Hoài quay về qua đó đánh dẹp, đại phá chúng.

Khuông Duy tiến ra Thạch Doanh, từ Cường Xuyên, sang tây nghênh đón Trì Vô Đái, lưu Thái thú Âm Bình là Liêu Hóa đắp thành ở núi Thành Trọng, thu nạp người Khuông tan tác về giữ chỗ đó. Hoài muốn chia binh lấy chỗ ấy. Chư tướng cho rằng đại quân của Duy sẽ sang tây liên kết với quân Hồ cường bạo, Hóa chiếm giữ chỗ hiểm, nếu chia quân làm hai lộ, thế binh chuyển thành yếu, tiến không khắc chế được Duy, lui chẳng hạ được Hóa, không phải kế hay, chẳng bằng hợp lại cùng sang tây, nhân lúc rộ Hồ và quân Thục chưa liên kết, cắt đứt trong ngoài, ấy là đánh vào mối kết giao của giặc vậy. Hoài nói:

- Nay ta qua đánh Hóa, là ra chỗ địch không ngờ, Duy tất phải ngoảnh về cứu. Ví như Duy tự đến, ta đủ sức dẹp Hóa, lại khiến Duy mỗi mệt vì rong ruổi. Binh lính chẳng phải đi xa sang tây, mà mối kết giao với rộ Hồ tự tan, ấy là cái kế sách nhất cử lưỡng toàn vậy.

¹ Lệnh Cú (令居) là địa danh cổ, bắt đầu được đặt ra từ thời Tây Hán, thời nhà Tấn bỏ; thời nhà Lương khôi phục, rồi lại bỏ. Trại sở hiện nay ở phía tây bắc huyện Vĩnh Đăng, tỉnh Cam Túc. *Sử ký* của Tư Mã Thiên, thiên *Bình chuẩn thư* và *Hung Nô liệt truyện* có nhắc đến địa danh này.

Bèn biệt phái bọn Hạ Hầu Bá đuổi Duy ở Đạp Trung, Hoài tự suất chư quân tới đánh bọn Hóa. Duy quả nhiên rong ruổi quay về cứu Hóa, đều như kế của Hoài. Hoài được tấn phong tước Đô hương hầu.

Năm Gia Bình nguyên niên, Hoài được thăng làm Chinh tây tướng quân, đô đốc việc quân ở hai châu Ung, Lương. Năm ấy, Hoài cùng Thứ sử Ung châu là Trần Thái hợp kế, thu hàng Nha môn tướng nước Thục là bọn Câu An ở Sí Thượng. Năm thứ hai, Đế hạ chiếu rằng:

"Chiến dịch Hán Xuyên trước đây, nguy đến nghiêng lật, Hoài tới chỗ nguy cứu nạn, công lao ghi chép vào sách để nơi vương phủ. Ở tại Quan Hữu hơn ba chục năm, ngoài chinh phạt khẩu lỗ, trong vỗ về dân Di. Từ bấy đến nay, đập tan Liêu Hóa, bắt giữ Câu An, công tích nổi rõ, trẫm rất ngợi khen. Nay lấy Hoài làm Xa kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti, cầm cờ tiết, giữ chức Đô đốc như cũ."

Lại tấn phong tước Dương Khúc hầu, thực ấp cả thảy hai nghìn bảy trăm tám mươi hộ, chia ba trăm hộ, phong cho một con làm Đình hầu.^①

Năm Chính Nguyên thứ hai Hoài chết, được truy tặng chức Đại tướng quân, ban đặt thụy là Trinh hầu. Con của Hoài là Thống nối tự. Thống làm quan đến chức Thứ sử Kinh châu, chết, con của Thống là Chính nối tự. Năm Hàm Hi trung, khai lập tước Ngũ đẳng, vì công huân của Hoài sáng rõ ở tiền triều, nên đổi phong tước cho Chính là Phần Dương tử.^②

① *Thế ngữ* chép: Vợ của Hoài, là em gái của Vương Lăng. Lăng bị giết, em gái bị buộc tội theo, Ngự sử tới bắt. Đốc tướng cùng cử súy người Khương Hồ có đến mấy nghìn người khẩu đầu xin Hoài dâng biểu giữ vợ lại, Hoài không nghe. Vợ của Hoài đi trên đường, chẳng ai không sa nước mắt, người người níu tay, muốn cướp giữ lại. Năm người con của Hoài rập đầu chảy máu cầu xin Hoài, Hoài chẳng nỡ nhìn, bèn lệnh sai tả hữu đuổi theo vợ. Vì thế người truy đuổi đến mấy nghìn quân kỵ, mấy ngày mới quay về.

Hoài dâng thư bạch với Tư Mã Tuyên vương rằng:

"Năm con của thần thương xót mẹ, chẳng luyện tiếc thân mình; nếu như không có người mẹ, thì chẳng có năm người con; không có năm người con, cũng không có Hoài vậy. Nay thần vội cho người đuổi theo đưa vợ về, nếu về phép tắc thì chưa thông, phải nhận tội với chủ, xin đợi đến hầu."

Thư đến, Tuyên vương cũng tha thứ cho việc ấy.

② *Tấn chú công tán* chép: Em của Hoài là Phối, tự Trọng Nam, có danh vọng rất cao, ngôi vị đến chức Thái thú Thành Dương. Phỉ Tú, Giả Sung đều là con rể của Phối.

Con của Phối là Triển, tự Thái Thư. Là người có khí độ và tài cán, trải chức vụ công tích sáng rõ, cuối cùng làm Thái phó. Con thứ của Phối là Dự, tự Thái Ninh, làm Tham quân cho Tướng quốc, cũng nổi danh, chết sớm. Con gái Phối gả cho Vương Diễn.

Em của Phối là Trấn, tự Quý Nam, làm Yết giả bộc xạ. Con của Trấn là Dịch, tự Thái Nghiệp.

Sơn Đào khải sự khen Dịch thanh cao giản dị có khí độ rộng rãi, trải chức Thứ sử Ung châu, Thượng thư.

Bình rằng: Mãn Sủng thẳng thắn cương nghị, dũng cảm mà có mưu. Điền Dự giữ mình thanh bạch, mưu lược sáng suốt, tinh tế lão luyện. Khiên Chiêu giữ nghĩa mạnh mẽ cứng cỏi, uy danh công tích lộ rõ. Quách Hoài phương sách tinh tường, thanh danh lan rộng ở xứ Tân, Ung. Nhưng ngôi vị của Dự chỉ ở châu nhỏ, Chiêu rút cục làm đến chức Quận thú, là chưa dùng hết cái tài của họ vậy.

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI BẢY TỪ, HỒ, NHỊ VƯƠNG TRUYỆN



Từ Mạc tự Cảnh Sơn người nước Yên huyện Kế. Thái tổ bình định Hà Sóc, triệu Mạc làm Thừa tướng Quân mưu duệ, rồi thử dùng làm Phụng Cao lệnh, sau gọi về làm Đông tào nghị lệnh sử. Nước Ngụy mới dựng, Mạc làm Thượng thư lang. Pháp lệnh đương thời cấm uống rượu, nhưng Mạc uống trộm đến say khướt. Hiệu sự Triệu Đạt cật vấn về công việc ở phủ nha, Mạc nói:

- Trung thánh nhân.⁽¹⁾

Đạt bầm với Thái tổ, Thái tổ rất tức giận. Độ liêu tướng quân là Tiên Vu Phụ dâng lời rằng:

- Thường ngày khách uống rượu gọi kẻ uống rượu trong là thánh nhân, uống rượu đục là hiền nhân, Mạc vốn giữ mình cẩn thận, lỡ say rượu nên nói càn thôi.

Cuối cùng Mạc được miễn tội. Sau lĩnh chức Thái thú Lũng Tây, rồi chuyển làm Thái thú Nam An.

Văn đế lên ngôi, Mạc trải các chức Tiêu tướng, Thái thú Bình Dương, An Bình, rồi làm Điện nông Trung lang tướng tại Dĩnh Xuyên, ở đâu cũng nổi tiếng, được ban tước Quan nội hầu.

Xa giá đến Hứa Xương, Đế hỏi Mạc:

¹ Cũng như nói: “Trúng từ.” Ân ý nói là mình say rượu.

- Người còn "Trung thánh nhân" nữa chẳng?

Mạc đáp rằng:

- Ngày xưa Tử Phản tự sát bởi Cốc Dương,⁽¹⁾ Ngự Thúc bị phạt vì say rượu nói lời thất thổ,⁽²⁾ thần cũng mê rượu như hai người ấy, không thể tự kiềm chế được, bây giờ vẫn Trung thánh nhân. Cũng như nàng Túc Lữ vì xấu xí được truyền kể,⁽³⁾ còn thần vì say rượu được biết đến vậy.

Để cả cười, ngoảnh sang bảo tả hữu rằng:

- Quả là danh bất hư truyền.

Mạc được thăng làm Quân sư của Phủ quân Đại tướng quân.

Minh đế thấy Lương châu xa xôi cách trở, phía nam tiếp giáp giặc Thục, liền lấy Mạc làm Thứ sử Lương châu, cho cầm cờ tiết lĩnh chức Hộ Khương hiệu úy. Mạc đến nơi, đúng lúc Gia Cát

¹ Công tử Trắc, tức Hùng Trắc (熊側), tự Tử Phản (子反), là con của Sở Mục vương nước Sở thời Xuân Thu, là quan Tư mã của nước Sở. Hai nước Tấn, Sở giao chiến dữ dội ở Yên Lăng, quân Sở thua trận, vua nước Sở bị trúng tên vào mắt, Sở Cung vương muốn lui quân, gọi Tử Phản đến thương nghị. Bấy giờ Tử Phản được người khách là Cốc Dương mời rượu, uống say không dậy được. Khi tỉnh rượu thì quân Sở đã lui xa. Tử Phản tức giận bèn tự sát.

² Ngự Thúc (御叔), là quan đại phu nước Lỗ thời Xuân Thu, không rõ họ, được phong đất ở ấp Ngự nên gọi là Ngự Thúc. *Tả truyện* chép: Năm thứ hai mươi hai đời Tương công, Tang Vũ Trọng đi sứ nước Tấn, gặp mưa, qua ấp của Ngự Thúc. Ngự Thúc ở ấp phong uống rượu say, nói: "Ông ấy làm thánh nhân sao được! Ta sắp uống rượu say, đội mưa mà đi, trí thông minh của ông ấy để làm gì?" Thúc Tôn Báo biết chuyện, nói: "Kẻ không đáng được đi sứ, lại kiêu ngạo với người được đi sứ, là sâu mọt của quốc gia vậy." Bèn hạ lệnh phạt, sai thu tăng thuế ở ấp phong của Ngự Thúc thêm một bậc.

³ Túc Lữ (宿瘤), là cô gái rất xấu xí ở vùng Đông Quách của nước Tề. Có lần Tề Mẫn vương đi tuần du, dân chúng thấy xe ngựa lộng lẫy xúm xít đứng xem, riêng nàng Túc Lữ thản nhiên hái dâu bên đường. Tề Mẫn vương sai người gọi lại hỏi, Túc Lữ nói: "Bố mẹ sai thiếp đi hái dâu, thiếp không dám quan tâm đến việc gì khác." Hỏi thêm vài câu, thấy nàng đối đáp sắc sảo, định đón ngay về cung, nàng Túc Lữ nói: "Chưa xin phép cha mẹ đã lên xe với người khác là việc xấu xa. Nếu nhà vua không dùng lễ tương cầu, thiếp dẫu chết cũng không dám tuân lệnh." Tề Mẫn vương kinh ngạc đưa chính lễ sai đón về cung, sau nàng lên ngôi Hoàng hậu.

Lượng xuất binh ra Kỳ Sơn, ba quận của Lũng Hữu làm phản, Mạc liền phái Tham quân cùng Thái thú Kim Thành đánh giặc ở Nam An, phá chúng.

Ở phía tây Hoàng Hà ít mưa, thường khốn khổ vì thiếu lương, Mạc dâng thư xin tu sửa ao muối ở các quận Vũ Uy, Tử Tuyền để thu muối đổi lấy lương thực của người rợ, lại khai khẩn ruộng lúa nước, mộ dân nghèo làm ruộng, nhà nhà được phong túc, kho tàng đầy ắp. Các chi phí quân dụng ở trong châu còn dư ra, Mạc dùng để mua vàng bạc, vải lụa, chóc ngựa cung cấp cho các phí tổn ở Trung Quốc. Mạc lại thu gom dần đồ khí tượng trong dân gian, đem cất vào phủ kho. Sau đó tuyên giảng nhân nghĩa, dựng lập trường học định rõ giáo huấn, cấm việc hậu táng, dứt bỏ việc cúng tế bừa bãi, tiến kẻ thiện truất kẻ ác, phong tục giáo hóa có nhiều thay đổi, trăm họ quy thuận. Xứ Tây Vực được lưu thông, người Nhung ở cõi hoang về triều cống, đều là công lao của Mạc cả.

Mạc nhân vì có công đánh dẹp kẻ phản người Khương là Kha Ngô, được phong làm Đô đình hầu, thực ấp ba trăm hộ, gia thêm chức Kiến uy tướng quân.

Mạc cùng người Khương, Hồ giao vãng, không hề quan tâm đến lỗi nhỏ; nếu kẻ nào phạm tội lớn, trước hết Mạc thông báo với đầu lĩnh bộ lạc của kẻ ấy, để họ biết, tiếp đó chém đầu kẻ kia để thị chúng, vì thế họ đều tín phục sợ uy. Các đồ được ban thưởng Mạc đều phát cho tướng sĩ, không mang thứ gì về nhà, cơm ăn áo mặc của vợ con không được đầy đủ; Thiên tử nghe biết, tùy thời mà cung cấp thêm cho người nhà Mạc. Mạc đàn hặc kẻ gian gỡ bỏ điều oan, trong châu thanh tịnh mọi việc có thứ tự.

Năm Chính Thủy nguyên niên, Mạc về triều làm Đại tư nông. Sau được thăng làm Tư lệ Hiệu úy, quần liêu kính sợ Mạc.

Mạc vì việc công bỏ chức. Sau làm Quang lộc đại phu, qua mấy năm được bái làm Tư không. Mạc than rằng:

- Tam công là chức quan luận về đạo lý, dùng người có khiếm khuyết là không thích hợp, há có thể dùng kẻ già lão bệnh tật như ta sao?

Bèn cố từ không nhận chức.

Năm Gia Bình nguyên niên, lúc bảy mươi tám tuổi, Mạc chết tại nhà lúc giữ chức Đại phu, được táng theo lễ Công, ban thụy là Mục hầu. Con của Mạc là Vũ nối tự.

Năm thứ sáu, triều đình truy xét những kẻ sĩ có khí tiết thanh bạch, hạ chiếu rằng:

"Nêu tỏ người hiền để biểu chương đức sáng, là việc mà thánh vương xem trọng; tiến cử người thiện giúp cho giáo hóa, là việc mà Trọng Ni ngợi khen. Cố Tư không Từ Mạc, Chinh đông tướng quân Hồ Chất, Vệ úy Điền Dục đều nhận chức ở tiền triều, trải việc bốn đời, ra ngoài thống quản binh mã, về triều cố súy triều chính, giữ chức thanh liêm, lo việc nước quên nhà, chẳng mưu cầu sản nghiệp, sau khi thân chết, trong nhà chẳng có của thừa, trẫm rất ngợi khen. Nay ban cho gia quyến bọn Mạc hai nghìn hộ lúa, ba vạn quan tiền, bố cáo để khắp thiên hạ biết."

Người cùng quận với Mạc là Hàn Quan tự Mạn Du, có tài cán và hiểu biết, nổi danh ngang với Mạc, còn trước cả thời Tôn Lễ và Lô Dục, làm Thứ sử Dục châu, trị dân rất khéo, chết khi đương chức.^①

Lô Khâm soạn sách, khen Mạc rằng:

"Từ công chí khí cao xa, phẩm hạnh trong sạch, hiểu biết rộng rãi, khí thế uy mãnh. Từ biểu hiện của Từ công mà nói, đây là cao thượng nhưng chẳng cần thận tự giữ, trong sạch nhưng chẳng hợp với thời thế, rộng rãi nhưng giữ tín ước, uy mãnh nhưng lại biết khoan dung. Thánh nhân cho sự thanh khiết là khó, nhưng điều ấy với Từ công là rất dễ vậy."

Có người hỏi Khâm:

- Từ công vào thời Vũ đế, người ta cho là bình thường, từ khi ở Lương châu tới khi về kinh sư, người ta lại coi là rất đặc biệt, sao vậy?

Khâm đáp rằng:

- Trước đó bọn Mao Hiếu Tiên và Thôi Quý Khuê quản chính sự, quý kẻ sĩ thanh bạch thật thà, vì thế mọi người đều đổi xe ngựa y phục để cầu danh cao, nhưng Từ công không thay đổi vẫn theo thói thường, nên người ta xem là bình thường. Gần đây thiên hạ xa xỉ, đua đòi bắt chước nhau, nhưng Từ công vẫn phong nhã cao thượng tự nhiên, chẳng a dua theo thói tục, nên cái trước đây xem là tầm thường, nay lại cho là đặc biệt vậy. Người đời thay đổi vô thường, nhưng Từ công vẫn không thay đổi vậy.

① *Ngụy danh thần tấu* chép bài biểu của Hoàng môn thị lang là Đỗ Thứ, khen:

"Hàn Quan, Vương Sưởng, đích xác có tài hơn người, gánh vác nổi ngôi cao chức trách lớn, chẳng phải chỉ có việc của ba châu mà thôi."

Hồ Chất tự Văn Đức, người nước Sở huyện Thọ Xuân.

Thời trẻ Chất cùng Tường Tế, Chu Tích đều nổi tiếng ở vùng Giang, Hoài, ra làm quan ở châu quận. Tường Tế làm Biệt giá, lúc đi sứ đến gặp Thái tổ. Thái tổ hỏi rằng:

- Hồ Thông Đạt, là trưởng giả, ông ấy có còn con cháu gì không?

Tế nói:

- Con ông ấy là Chất, về hoạch định đại lược quốc gia không bằng cha, nhưng chí khí và sự tinh tế về quản lý thì hơn.①

Thái tổ lập tức triệu Chất dùng làm Đồn Khâu lệnh.

Có người dân trong huyện là Quách Chính thông gian với em họ, giết chồng của người ấy là Trình Tha, quận lại là Phùng Lượng bị bắt giam vào nhà ngục để đối chứng. Chính và người

em họ chịu đòn giầu tội, Lượng không chịu được đòn đau, tự nhận rằng là tội của mình, sắp bị kết án. Chết đến nhậm chức, xét kỹ thần sắc và biểu hiện của họ, truy cứu rõ việc ấy, sau khi kiểm chứng chúng đều chịu phục.

① Xét *Hồ thị phả*: Thông Đạt tên Mẫn, vì là Phương chính được triệu làm quan.

Chết về triều làm Thừa tướng Đông tào nghị lệnh sử. Châu quận mời Chết làm Trị trung. Tướng quân Trương Liêu và Hộ quân của Liêu là Vũ Chu có hiềm khích. Liêu đến gặp Thứ Sử Ôn Khôi xin mời Chết đến, Chết chối từ là mình có bệnh. Liêu ra bảo Chết rằng:

- Kẻ hèn này có thành ý với ngài, sao lại phụ ta như thế?

Chết nói:

- Cổ nhân kết giao bằng hữu, biết người kia lấy nhiều mà tin là họ không tham, biết kẻ đó thua chạy mà tin là họ không nhát, nghe lời đồn vu vợ thì không tin, cho nên có thể trọn tình với nhau vậy. Vũ Bá Nam thân là kẻ sĩ thanh nhã, ngày trước tướng quân khen ông ta chẳng hết lời, nay hận vì một cái lờm nguýt, liền sinh ra hiềm khích. Huống chi Chết này tài năng nông cạn, há có thể chung thủy với nhau sao? Đây là lý do ta từ chối vậy.

Liêu cảm kích lời ấy, lại hòa hiếu với Chu.①

① *Tấn thư* của Ngu Dữ chép: Chu tự Bá Nam, người nước Bái huyện Trúc Ấp. Quan vị đến chức Quang lộc đại phu. Con của Chu là Cai, tự Nguyên Hạ. Cai cùng hai em là Thiệu và Mậu, đều nổi tiếng từ thừa còn để chỏm, cùng có tài danh, dẫu là chú bác trong trong làng, cũng không thể biết được tài năng của họ cao thấp thế nào. Bấy giờ người đồng quận là Lưu Công Vinh, có tiếng là biết xét người, từng có lần đến nhà Chu. Chu bảo rằng:

- Ngài có tiếng là sáng suốt biết người, ta muốn gọi ba đứa nhỏ ra diện kiến ngài, ngài hãy liếc mắt xét cao thấp, bắt chước cái cách xử đoán bình phẩm của Quách Thái, Hứa Thiệu được chăng?

Công Vinh bèn tự đến chỗ anh em Cai, cùng nói chuyện, quan sát cử chỉ của bọn họ. Lúc đi ra ngoài bảo Chu rằng:

- Ba con của ông đều là quốc sĩ cả. Nguyên Hạ khí độ rộng rãi nhất, có phong thái của kẻ phò tá, nếu ra sức đường sĩ hoạn, chức vị chỉ dưới Tam công. Thúc Hạ, Quý Hạ cũng chẳng kém hơn chức Thường bá, Nạp ngôn vậy.

Cai làm quan từ lúc trẻ, trải chức trong ngoài, năm Thái Thủy sơ làm Lại bộ thượng thư, được thăng làm Tả Bộc xạ, Hữu Quang lộc đại phu, được mở phủ riêng Nghi đồng tam ti, chết khi đương chức.

Cai làm đại thần từ triều Ngụy, vốn không có mệnh vận được làm người phò tá của Hoàng đế, trong lòng buồn bã, bất đắc dĩ mà giữ ngôi vị, cho nên lúc ở ngôi quan, không được gánh vác trách nhiệm cụ thể gì, chỉ sớm khuya giữ phận cung kính khiêm nhường thôi. Cai trước sau thanh bạch vẹn toàn, người đương thời cho là cao đẹp.

Thiều trải hai chức ở bộ Lang. Sơn Đào khải sự khen Thiều thanh bạch chân thành, cuối cùng giữ chức Tán kỵ thường thị.

Mậu làm quan đến chức Thị trung, Thượng thư. Tuân Khải người quận Dĩnh Xuyên, cháu ngoại của Tuyên đế, là con người cô của Thế tổ, tự phụ là bậc quý thích, muốn cùng Mậu kết giao. Mậu cự tuyệt không đáp lại, bởi thế bị Khải căm giận. Năm Nguyên Khang nguyên niên, Dương Tuấn bị giết.⁽¹⁾ Khải bấy giờ làm Thượng thư bộc xạ, vì Mậu là em vợ của Tuấn, bị vu là cùng bè đảng, vì thế bị giết uống, mọi người đều thương xót cho là bị hàm oan.

Thái tổ triệu Chất làm Thừa tướng duyện. Năm Hoàng Sơ trung, điều Chất sang làm Lại ở bộ Lang, rồi làm Thái thú Thường Sơn, sau chuyển đến nhận chức ở quận Đông Hoàn. Có người học trò là Lô Hiến bị giết hại, Chất nói:

¹ Việc xảy ra vào triều nhà Tấn. Dương Tuấn là bố vợ của Tư Mã Viêm. Huệ đế Tư Mã Trung lên ngôi, Dương Tuấn làm nhiếp chính. Về sau Giả Nam Phong là Hoàng hậu làm đảo chính, giết gia tộc Tuấn để nắm lấy quyền lực.

- Người học trò này không có kẻ thù nhưng có cô vợ trẻ, vì thế mà bị giết chẳng?

Liên gọi hết những thiếu niên cùng độ tuổi với Hiến đến, có kẻ Thư lại là Lý Nhược bị thâm vấn sắc mặt liên thay đổi, vì thế bị Chắt cắt vấn đến cùng. Nhược phải thú tội, tội nhân bị bắt là thế.

Mỗi khi Chắt được ban thưởng vì quân công, đều đem chia hết cho mọi người, không mang thứ gì về nhà. Chắt quản quận chín năm, quan dân yên ổn, tướng sĩ đều nghe mệnh.

Chắt được thăng làm Thứ sử Kinh châu, thêm chức Chấn uy tướng quân, ban tước Quan nội hầu. Đại tướng nước Ngô là Chu Nhiên vây Phàn Thành, Chắt dẫn khinh quân qua đó. Kẻ bàn luận đều cho là thế giặc thịnh không nên đến gần. Chắt nói:

- Phàn Thành địa thế thấp, binh ít, cho nên phải tiến quân để làm ngoại viện; không làm thế, là nguy rồi.

Bèn thúc binh đến chỗ vòng vây, người trong thành mới yên. Chắt được thăng làm Chinh đông tướng quân, ban Giả tiết, đốc trách việc quân ở hai châu Thanh, Từ.

Chắt mở rộng nghề nông tích cốp lương thực, lương tích trữ đủ dùng nhiều năm, đặt ra đài Đông chinh, vừa làm ruộng vừa phòng thủ. Lại nạo vét kênh rạch ở các quận, tiện cho thuyền bè qua lại, sắp xếp nghiêm chỉnh quân nhu sẵn sàng đợi địch. Vùng ven biển được vô sự.

Chắt trầm tính, xét việc trong lòng, không lấy tiêu chuẩn của mình để ước thúc người, ở đâu cũng được người ta nghĩ nhớ đến.

Năm Gia Bình thứ hai Chắt chết, trong nhà không có của thừa, chỉ có y phục được ban tặng và một hòm sách mà thôi. Quân lữ đem việc báo lên, triều đình truy phong Chắt làm Dương Lăng đình hầu, thực ấp trăm hộ, ban thụy là Trinh hầu.

Con của Chắt là Uy nổi tự. Năm thứ sáu, Đế hạ chiếu thư khen ngợi đức hạnh thanh bạch của Chắt, ban cho gia đình Chắt tiền bạc lương thực. Lời đã nói ở *Từ Mạc truyện*.

Uy, năm Hàm Hi trung, làm quan đến chức Thứ sử Từ Châu,^① có công tích đặc biệt, trải chức Quận thú của ba quận, ở đâu cũng nổi tiếng. Uy chết ở quận An Định.

① *Tấn Dương thu* chép: Uy tự Bá Hổ. Thời trẻ rất có chí hướng, nghiêm khắc giữ thanh bạch ước chế mình. Chắt đi nhậm chức ở Kinh châu, Uy từ kinh đô tới thăm cha. Nhà nghèo, không có xe ngựa đầy tớ gì, Uy tự cưỡi lừa đi một mình, đến gặp phụ thân. Ở lại trong chuồng ngựa chừng hơn mười ngày, cáo từ ra về. Lúc sắp từ biệt, Chắt cho Uy một xấp lụa, làm phí tổn trên đường. Uy quỳ xuống nói:

- Đại nhân thanh bạch, chẳng rõ vì đâu lại có xấp lụa này?

Chắt nói:

- Đó là bổng lộc của ta còn dư ra, nên ta cho mày làm phí tổn đi đường thôi.

Uy nhận lấy, từ biệt quay về. Mỗi khi đến nhà trọ, tự thả lừa ra, kiếm củi thổi nấu, ăn xong, lại theo chân lũ khách lên đường, việc đi lại đều như thế.

Có viên đô đốc dưới trướng của Chắt, Uy không biết mặt, trước khi Uy quay về, hẳn xin về thăm nhà, rồi ngầm đem tư trang ra ngoài trăm dặm đón sẵn, nhân đó làm bạn cùng đi, thường tình nguyện giúp đỡ trong việc đi lại, lại giúp dâng đồ ăn uống, theo mấy trăm dặm. Uy sinh nghi, ngầm dùng lời hỏi, mới biết đây là viên đô đốc của cha, bèn lấy xấp lụa phụ thân cho lúc trước ra đáp tạ rồi sai quay về. Về sau nhân lúc gửi thư cho cha, thưa rõ chuyện với Chắt. Chắt sai đánh viên đô đốc nọ trăm trượng, tước chức quan. Cha con Chắt đều thanh liêm và cẩn trọng như thế. Vì thế danh tiếng của Uy sáng rõ, sau trải chức Trường quan. Tấn Vũ đế cho gặp, bàn luận các việc ở biên ải, nói những chuyện thường ngày. Đế khen danh tiếng của phụ thân Uy, hỏi Uy rằng:

- Khanh so với phụ thân thì ai là người thanh liêm hơn?

Uy đáp:

- Thần chẳng bằng được cha mình.

Để nói:

- Vì sao nói là không bằng?

Đáp rằng:

- Cha thần thanh liêm sợ người ta biết, thần thanh liêm sợ là người ta không biết, nên thần còn kém cha thần xa lắm.

Uy quan vị đến chức Tiền tướng quân, Thứ sử Thanh châu. Năm Thái Khang nguyên niên chết, được truy tặng chức Trấn đông tướng quân.

Em của Uy là Bi, tự Quý Tượng, làm Chinh nam tướng quân; con của Uy là Dịch, tự Thứ Tôn, làm Bình đông tướng quân; đều vì phẩm hạnh thanh khiết mà danh tiếng được lưu truyền.

Vương Sưởng tự Văn Thư, người quận Thái Nguyên huyện Tấn Dương.^① Thời trẻ Sưởng cùng người đồng quận là Vương Lăng đều nổi danh. Lăng lớn tuổi hơn, Sưởng đối đãi như anh.

Văn đế ở tại Đông cung, Sưởng làm Thái tử văn học, được thăng làm Trung thứ tử. Văn đế lên ngôi, chuyển Sưởng làm Tán kỵ thị lang, chuyển làm Điện nông ở Lạc Dương. Thời ấy ở kinh đô cây mọc thành rừng, Sưởng chặt gỗ khai hoang, ra sức khuyến dụ bách tính, khai khẩn rất nhiều ruộng. Sưởng được thăng làm Thứ sử Duyện châu.

Minh đế tức vị, thêm cho Sưởng chức Dương liệt tướng quân, ban tước Quan nội hầu. Sưởng tuy nhận chức ở ngoài, trong lòng vẫn nghĩ đến triều đình, cho rằng nước Ngụy kế nối theo cái tệ đoạn của thời Tần, Hán, pháp chế hà khắc phiền toái, nếu không có thay đổi lớn về quốc điển chuẩn theo phong phạm của bậc vương xưa, mà hy vọng chính trị và giáo hóa phục

hung, thì chẳng thể được vậy. Bèn soạn sách *Trị luận*, đại lược là noi theo phép chế xưa lại hợp với việc cốt yếu đương thời gồm hơn hai mươi thiên, lại soạn hơn chục thiên binh thư, nói về vận dụng cái thuật đối trận, tập kích,^② đến năm Thanh Long trung tấu lên triều đình.

① *Xét Vương thị phả*: Bác của Sưởng là Nhu, tự Thúc Ưu; cha của Sưởng là Trạch, tự Quý Đạo.

Quách Lâm Tông truyện chép: Thúc Ưu, Quý Đạo lúc nhỏ, nghe nói Lâm Tông sáng suốt xét người, cùng đến đọi gặp, xin Tông nói về tài năng và phẩm hạnh của mình thích hợp với việc gì, để tiện an trí học nghiệp. Lâm Tông cười nói:

- Hai người bọn ngươi đều có cái tài ăn lộc hai nghìn thạch vậy, tuy nhiên, Thúc Ưu sẽ vì đường sĩ hoạn nổi danh, Quý Đạo nên dùng kinh thuật tiến thủ; nếu trái với tài của mình thay đổi công việc, cũng không đến đích được vậy.

Bọn Thúc Ưu theo lời ấy. Thúc Ưu làm quan đến chức Bắc trung lang tướng, Quý Đạo làm Thái thú Đại Quận.

② *Binh pháp Tôn tử* nói: Tác chiến dùng binh đối địch, dùng kỳ binh thủ thắng; Kỳ chính thay nhau chuyển hóa, như vòng tuần hoàn không có đầu không có cuối.

Con của Vi, anh trai Sưởng và con của Sưởng khi chọn danh tự, đều chiếu theo ý là "khiêm hư, thành thật", để tỏ rõ tâm ý, cho nên con của anh Sưởng tên Mặc tự Xử Tĩnh, tên Thẩm tự Xử Đạo, con của Sưởng tên Hồn tự Huyền Xung, tên Thâm tự Đạo Xung.

Sưởng viết thư răn bọn họ rằng:

"Phàm là cái đạo của người con, không gì lớn bằng bảo toàn tấm thân, giữ vẹn phẩm hạnh, làm vẻ vang cho cha mẹ. Có ba điều ấy thì người ta biết đấy là người thiện, mà có người nguy thân phá nhà, hãm vào cái họa diệt vong, là vì sao? Đấy là bởi truyền thống gia đình họ không phải là chính đạo vậy."

"Hiếu, kính, nhân, nghĩa, đứng đầu bách hạnh, chiếu theo đức hạnh lập thân, là gốc rễ của bản thân ta vậy. Hiếu kính thì tông tộc yên, nhân nghĩa thì làng xóm kính, như thế phẩm hạnh thành ở trong, danh tiếng sáng rõ ở ngoài rồi. Con người ta nếu không chú tâm tu dưỡng phẩm hạnh, mà bỏ gốc tìm ngọn, sẽ dẫn đến chuộng phù hoa hư hao, kết thành băng đảng; phù hoa hư hao thì mắc bệnh dôi trá, kết băng đảng thì dắt kéo họa hoạn đến. Soi xét hai điều ấy phải minh bạch rõ ràng, nhưng người ta noi theo vết xe đổ ngày càng đông, cái tệ bỏ gốc tìm ngọn ngày càng lắm, đều vì người ta bị mê hoặc bởi cái danh đương thời, mê muội với cái lợi trước mắt vậy."

"Phú quý và thanh danh, là thứ mà người đời ưa thích, nhưng bậc quân tử có người có được mà không thêm, vì sao? Là vì họ ghét cái thứ danh lợi có được không theo chính đạo đấy thôi. Cái đáng lo của người ta là biết tiến mà chẳng biết lui, biết muốn mà không biết đủ, cho nên mới bị cái họa khôn nhục, cái lỗi hồi tiếc. Ngạn ngữ nói: 'Nếu chẳng biết đủ, thì cái muốn có sẽ mất.' Cho nên biết đủ thì hài lòng là được rồi. Xem thành bại ở các việc đã qua, suy đoán điều lành dữ mai sau, chưa có ai tham danh cầu lợi, muốn nhưng không chán, mà có thể giữ vẹn gia thế, bảo toàn phúc lộc vậy."

"Ta mong bọn bay lập thân hành sự, noi theo giáo huấn của Nho gia, ngôn luận theo học thuyết của Đạo gia, cho nên dùng các chữ 'Huyền', 'Mặc', 'Xung', 'Hư' làm tên, là muốn khiến cho bọn bay nhớ tới tên mình thì nghĩ đến cái nghĩa, không dám làm quá lẽ thường vậy. Vào thời cổ xưa, trên khay chén có khắc bài minh, trên ghế trượng có viết lời giáo huấn, người ta cúi xuống ngẩng lên đều trông thấy, có tác dụng ngăn hành vi sai lầm; hướng chi đối với danh tự của mình, có thể không tự chú ý sao? Đại để là vật mau thành tự thì sớm bị diệt vong, vật muộn thành tự thì sau tốt lành. Cây hoa nở buổi sớm, về chiều héo úa; từng bách tốt tươi, giữa đông giá rét không suy. Thế nên bậc quân tử cao nhã ghét sự thành tự sớm, có lời răn

'Khuyết Đảng'.⁽¹⁾ Như Phạm Cai đôi đáp với khách nước Tần mà Vũ Tử dùng gây đánh gây cái trâm trên đầu, là ghét sự che lấp người khác của ông ấy vậy." ①

"Con người ta có ưu điểm thì ít khi không tự cao tự đại, có tài năng thì ít khi không tự khoe khoang; tự cao tự đại thì che lấp người, khoe khoang thì lấn át người. Che lấp người thì người ta cũng che lấp mình, lấn át người thì người ta cũng lấn át mình. Cho nên Tam Khước bị giết ở nước Tấn, Vương Thúc mắc tội với vua Chu,⁽²⁾ chẳng chỉ bởi tội tranh giành khoe khoang tự cao tự đại sao? Vì thế bậc quân tử không tự tán dương mình, đấy không phải là sự khiêm nhường, mà là căm ghét cái việc che lấp người khác vậy. Người biết khuất thì có thể duỗi, biết nhường thì có thể thắng, biết yếu thì có thể mạnh, rất ít khi không toại nguyện vậy. Chê bai hay khen ngợi, là nguồn gốc của sự yêu ghét, đấy là mấu chốt của họa phúc vậy, thế nên thánh nhân với việc ấy rất thận trọng. Không từ nói: 'Ta đôi với người khác, có chê ai khen ai; nếu có ai đáng khen, tất phải khảo nghiệm.' Lại nói: 'Tử Cống hay bình phẩm người khác. Anh Tử giới thay, ta thì không rồi nhàn như vậy.' Vốn là bậc thánh nhân đức hạnh vẫn còn thận trọng như thế, huống chi bọn ta hèn phàm lại khinh suất khen chê người khác sao?"

¹ Không từ lệnh cho đưa bé ở làng Khuyết Đảng chuyển lời đến vị khách. Người khách hỏi: "Nó học giỏi sao?" Không từ đáp: "Nó ngồi ở chỗ người lớn, đi ngang hàng với người lớn, ta sai nó đi phục vụ để nó biết thứ bậc."

² Tam Khước tức ba vị đại phu nước Tấn, là Khước Kỵ (卻犄), Khước Thù (卻犛) và Khước Chí (卻至). Ba người đều có tài cán, giữ chức vị chính yếu, quan hệ mật thiết với nhau, đồng sinh cộng tử. Họ Khước vốn là quyền thần ở nước Tấn, sau khi Khước Khắc chết, con của Khước Khắc là Khước Kỵ kế nối ngôi vị tổng chủ, em trai của Khước Kỵ là Khước Chí, em họ là Khước Thù được dự vào hàng Cửu khanh, người thời ấy gọi họ là Tam Khước. Họ Khước khí thế cực thịnh, khinh lãn vua Tấn, cuối cùng gặp biến cố lớn, vua Tấn bắt ngờ sai 800 binh lính vây đánh phủ đệ gia tộc họ Khước, Tam Khước phải tự vẫn, thầy phoi ở triều đường, gia tộc trăm năm bỗng chốc bị diệt vong.

Vương Thúc (王叔). Không rõ lai lịch và hành trạng.

"Trước kia Phục ba tướng quân Mã Viện răn dạy con của anh trai mình, nói: 'Nghe nói đến cái xấu của người khác, phải như nghe nói tới danh tự của cha mình; cái tai nghe được, nhưng cái miệng chẳng nên nói ra vậy.' Lời răn dạy ấy chí lý thay. ② Người ta có kẻ chê mình, thì phải về tự xét lại mình. Nếu như mình có hành vi đáng chê, thì lời của kẻ kia là đích đáng rồi; nếu như mình không có hành vi đáng chê lời của kẻ kia là xằng bậy thôi. Đích đáng thì không oán với người, xằng bậy thì không hại đến mình, hà tất phải đáp lại? Vả lại nghe người ta chê mình mà phẫn hận, thì tiếng xấu lại truyền đến kẻ khác, đáp lại người ta thì càng tệ hại, chẳng bằng lặng yên mà tự tu dưỡng bản thân mình vậy. Ngạn ngữ nói: 'Chống rét chẳng gì bằng mặc thêm áo cừu, ngăn lời phỉ báng chẳng gì bằng tự sửa bản thân.' Lời ấy xác đáng thay. Nếu như gặp kẻ đùa bỡn thị phi, người gian hung hiểm ác, ở gần còn chẳng nên, huống chi là đối diện tranh hơn với họ? Cái nguy hại thực rất sâu vậy. Cái người dôi trá, lời nói chẳng hợp đạo lý, việc làm chẳng theo lời nói, cái nông cạn hão huyền của họ có thể nhận biết được; nhưng người đời bị mê hoặc, vẫn chẳng xét kỹ lời nói và việc làm của họ vậy. Gần đây Ngụy Phúng người Tề Âm, Tào Vĩ người Sơn Dương đều vì tà ác bất chính thua bại, bọn chúng mê hoặc người đời, giữ lòng gian ác, khuấy động bọn hậu sinh. Tuy đã chịu hình phạt bởi búa rìu, là tấm gương to lớn, nhưng cái ô nhiễm của bọn chúng ảnh hưởng rất sâu xa vậy. Chẳng nên không cẩn thận sao!" ③

"Đến như ả sĩ ở chốn sơn lâm, hạng như Bá Di, Thúc Tề, cam nguyện chết đói ở Thù Dương, như Giới Tử Thôi, thân nhiên chịu chết cháy ở núi Miên,¹ tuy có thể dùng để khích lệ những kẻ tham lam khuyển răn thói tục, nhưng bậc thánh nhân thì không làm thế, ta cũng không mong làm như vậy. Nay các bậc tiên bối của bọn bay nổi đời làm quan, chỉ dùng nhân nghĩa lập danh, lấy giữ gìn cẩn thận để

¹ Bá Di (伯夷) và Thúc Tề (叔齐): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 85 (Lưu Biểu truyện); Giới Tử Thôi (介子推): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 80 (Vũ đế kỷ).

người đời xưng tụng, hiểu thuận ở trong nhà, chuyên tâm học hành ở chỗ thầy. Ta cùng người đời giao vãng, tuy bọn ta kẻ làm quan người ở ẩn đều có chỗ bất đồng, nhưng mỗi người đều giữ lấy cái ưu điểm của mình. Quách Bá Ích ở Dĩnh Xuyên, yêu thích kẻ thông đạt, lạnh lẽ mà có trí. Ông ấy là người rộng rãi khoáng đạt không trợn vện, coi khinh sự phú quý thì có thừa; hợp ý mình thì xem trọng như núi, không hợp ý mình thì coi như cỏ rác. Ta vì hiểu được ông ấy nên thân gần, không mong bọn bay làm như ông ấy." ④

"Người quận Bắc Hải là Từ Vĩ Trường, không mong danh cao, không cầu cái thứ mình không đáng có, điềm đạm giữ tiết tháo, chỉ noi theo đạo thẳng. Ông ấy khen chê cái gì, thì mượn ý của cổ nhân để biểu đạt ý mình, với người đương thời thì không hề khen chê. Ta kính trọng ông ấy, mong bọn bay học tập ông ấy. Người quận Đông Bình là Công Lưu Cán, học rộng có tài cao, tiết tháo chân thành lại có chí lớn, nhưng tính tình và hành vi không hài hòa, thiếu sự hạn chế và úy kỵ, cái được và cái mất đủ để bù bổ cho nhau. Ta yêu quý và xem trọng ông ấy, không mong bọn bay ngưỡng mộ ông ấy." ⑤

"Người quận Lạc An là Chiêu Tiên, thuần túy noi theo đạo xưa, bên trong sáng suốt bề ngoài rộng rãi, khiêm tốn nhường nhịn, cư xử không kiêu dè kẻ nhơ bẩn, như hèn nhát mà tỏ nghĩa dũng, ông ấy ở triều đình tận chức quên thân. Ta thân gần và tán thưởng ông ấy, mong bọn bay noi theo ông ấy." ⑥

"Cứ như thế tính rộng ra, tiếp xúc với từng loại người mà suy diễn, bọn bay hồ như có thể suy một việc mà thấy được ba khía cạnh rồi. Còn như việc dùng tiền của trước hết phải vì cứu tộc, ban ân nên chu cấp giúp người ngoài, khi về nhà phải hỏi người già, lúc bàn luận không nên châm biếm, ra làm quan phải tận trung dốc tiết, dùng người phải chú trọng chân tính, xử thế phải bỏ tính kiêu dâm, lúc nghèo túng quyết không lo buồn, lúc tiến thoái phải nghĩ cho thích hợp, khi hành sự nên suy đi tính lại, có như thế mà thôi. Ta còn lo gì nữa đây?"

① Quốc ngữ chép: Phạm Văn Từ chiêu tối lui về triều, Vũ Từ hỏi:

- Sao về muộn vậy?

Văn Từ nói:

- Có người khách nước Tần ra câu đố ở triều đình, quan đại phu chẳng ai đối đáp được, con biết ba câu.

Vũ Từ giận nói:

- Quan đại phu không phải là không đáp lại được, đây là họ tỏ ý khiêm nhường với cha anh thôi, mà là trẻ ranh mà ba lần che lấp người khác ở triều đình, ta không còn, nước Tần sẽ diệt vong không lâu nữa vậy.

Bèn dùng gậy đánh Văn Từ, gãy cái trâm ở trên đầu ông ấy.

Thần Tùng chi xét: Người đối đáp với khách nước Tần, là Phạm Tiếp vậy. Sách này nói là Phạm Cai, có lẽ lầm vậy.

② Thần Tùng Chi cho rằng lời răn ấy của Mã Viện, có thể gọi là lời thiết thực tận lý, là lời giáo huấn không bao giờ bỏ được vậy. Phạm là người có đạo mắc sai lầm, đại khái là giữ lỗi trong nhà, với người không hiểu biết, thì từ mình mà phát lộ vậy. Đến như việc làm, cái được cái mất đã phơi lộ ở đời, nhân cái tốt cái xấu của việc làm ấy, lấy ngay làm điều răn, đem so với lời kia, thì càng xác đáng. Nhưng lời răn của Viện khen cái đẹp của Long Bá Cao, nói cái kém của Đỗ Quý Lương, suy cho cùng là ngăn đường thờ chủ đương thời, làm hại Quý Lương.⁽¹⁾ Lời nói hại người, có gì

¹ Mã Viện, tự Văn Uyên. Thời còn ở Giao Chỉ, con của anh trai Mã Viện là Mã Nghiêm và Mã Đôn thích giễu cợt việc đương thời, giao kết với hiệp khách, Mã Viện viết thư răn dạy, có đoạn viết: “Ta muốn chúng mày nghe chuyện lỗi lầm của người khác giống như nghe thấy tên cha mẹ, cái tai nghe được nhưng cái miệng chẳng nên nói ra. Thích bàn luận chuyện đời, mặc ý giễu cợt việc đương thời là điều ta căm ghét. Long Bá Cao là người đôn hậu cẩn thận, không nói hai lời, thanh liêm tiết kiệm, công chính có uy, ta rất kính trọng ông ấy, muốn chúng mày học theo. Đỗ Quý Lương hào hiệp trọng nghĩa khí, lo mối lo của người, vui điều vui của người, không mất lòng kẻ xấu người tốt, khi cha chết mà người trong mấy quận đều đến viếng, ta kính trọng ông ấy, nhưng không muốn chúng mày học theo. Học theo Long Bá Cao, nếu như chưa tới nơi tới chốn thì vẫn là con người cẩn thận cần kiệm, ví như khắc con chim hồng không thành thì cũng giống được với con vịt. Học theo Đỗ Quý Lương không xong thì thành kẻ ác khiến người đời khinh ghét, giống như vẽ hổ không xong lại thành vẽ chó vậy.”

lớn hơn như thế? So với lời răn của kia, tựa như mâu thuẫn với nhau.

③ *Thế ngữ* chép: Năm Hoàng Sơ trung, Tôn Quyền thông chương biểu. Vĩ vốn là tiểu lại đến bờ sông Giang, cùng Quyền qua lại thư từ xin hối lộ, muốn giao kết ở kinh sư, nên bị giết.

④ Bá Ích tên Dịch, là con của Quách Gia.

⑤ Thần Tùng Chi cho rằng lời của Văn Thư mô phỏng theo lời dạy của Văn Uyên, nêu rõ cái lỗi của con người ta. Ngụy Phúng, Tào Vĩ, hăm thân vào việc gian nghịch, nêu lên làm lời răn, thật không gì hơn. Đến như Quách Bá Ích, Lưu Công Cán, tuy đều cùng Sưởng có giao vãng, tốt xấu đã rõ; nhưng là bạn hữu lâu ngày, vào lúc hiện tại không chê bai thích đáng, mà lại diễn tả ra bằng bút mực, truyền mãi cho con cháu, với bạn cũ thì trái với cái nghĩa giao kết lâu ngày, với con cháu là nêu ra cái xấu cái kém của người đời trước. Với người có tấm lòng, thật rất không nên chọn dùng. Hay thay lời răn con của Đông Phương, xem việc chết đói ở núi Thú Dương là vụng, xem hành vi Liễu Hạ là khéo,⁽¹⁾ đã hàm ý dẫn việc của cổ nhân, thì không phung hại đến người đương thời. Xét việc làm của Vương Sưởng, Mã Viện, chẳng cũng sai lầm sao?

⑥ Chiêu Tiên tên Hồ.

Hồ biệt truyện chép: Hồ, là người quận Lạc An huyện Bác Xương, nổi đời là họ tộc danh tiếng, vì sớm thông minh bản tính chín chắn, nên người làng xóm vì Hồ có câu rằng:

"Người già họ Tường, trẻ thơ họ Nhậm."⁽²⁾

Cha của Hồ là Triệu, tự Tử Dư, vì có đức hạnh cao được người đời xưng tụng. Thời Hán mạt, giặc Khăn Vàng nổi dậy, thiên hạ mất mùa đói kém, dân chúng ăn thịt lẫn nhau. Giặc cướp đến huyện Bác Xương, nghe nói Triệu là người thuộc họ lớn, bèn bảo nhau rằng:

¹ Đông Phương Sóc, người thời Hán Vũ đế, từng đề lại thư răn con, chê việc làm của Bá Di, Thúc Tề, ngợi khen Liễu Huệ, người hiền nước Lỗ.

² Họ Tường, họ Nhậm là hai họ tộc nổi tiếng ở Thanh châu thời ấy. Người nhà họ Tường cứ về già mới thành đại chí, người nhà họ Nhậm lúc nhỏ tuổi đã thông tuệ.

- Bọn ta vốn nghe nói Nhậm Tử Du là người hiền của thiên hạ vậy. Nay dẫu chúng ta làm giặc, sao có thể vào làng của ông ấy được?

Bèn theo nhau bỏ đi. Bởi thế danh tiếng của Triệu vang khắp xa gần, châu quận đều gọi cử làm Hiếu liêm, Triệu trái chúc Toan Tào lệnh, Chúc A lệnh.

Năm Hồ lên tám tuổi mẹ chết, Hồ khóc gào không dứt tiếng, thương xót tự đáy lòng, giống như người lớn, cho nên từ nhỏ đã được người ta khen là thuần hậu. Năm Hồ mười bốn tuổi mới đi học, gặp những chỗ nghi vấn không hỏi đến hai lần, tụng đọc ngũ kinh trong ba năm, đều tìm xét rõ nghĩa lý, bao quát hết các thư tịch, không gì không xem qua, thời bấy giờ các học giả khen Hồ là thần đồng. Gặp năm hoang loạn, Hồ nhà nghèo đi bán cá, đúng lúc quan lại thu thuế buôn bán cá, giá cá đắt gấp mấy lần, Hồ vẫn lấy giá như bình thường. Hồ lại cùng người ta chung tiền cầm cố gia súc, mỗi người bỏ ra số tiền bằng tám thất lạng. Về sau người chủ gia súc mang tiền đến chuộc lại, giá bấy giờ bằng sáu mươi thất lạng. Người chung tiền cầm cố muốn lấy tiền chuộc theo thời giá bấy giờ, Hồ tự lấy giá gốc là tám thất lạng. Người chung tiền hổ thẹn, cũng lấy tiền về theo giá lúc đầu.

Có người hàng xóm tự tiện cấy trồng trên mấy chục mẫu đất của Hồ, người ta đem chuyện ấy nói với Hồ, Hồ nói:

- Tự ta cho họ mượn thôi.

Người hàng xóm nghe nói việc ấy, thẹn thùng bèn tạ lỗi trả lại đất.

Người trong ấp lúc có việc tranh tụng, đều đến chỗ Hồ đối chất, rồi mới chịu phục. Con em trong nhà có đứa không hiểu thuận, cha anh chúng ngầm trách mắng rằng:

- Hành vi của mày, có nên để Nhậm tiên sinh biết chăng!

Ảnh hưởng của Hồ đến lễ giáo, đại loại đều như thế.

Lúc Thái tổ sáng nghiệp, trưng triệu những người chí đức trong nước, Hồ ra ứng tuyển, làm Thứ tử của Lâm Truy hầu, Tướng quốc Đông tào thuộc, Thượng thư lang.

Thời Văn đế, Hồ làm Hoàng môn thị lang. Hồ luôn dâng lời trung, thường cầm bút viết thư bày tỏ nỗi nhớ quê, vì bản thân ở tại hoàng cung, nên khi gửi thư đi không hề dán kín. Để khen Hồ hiền lành cẩn thận, mấy lần điều Hồ làm Thái thú các xứ Đông Quận, Triệu Quận, Hà Đông, ở đâu cũng thi hành giáo hóa, đến nay vẫn còn ảnh hưởng.

Hồ là người vui tính chất phác thiện lương, giữ đức khiêm tốn, học hỏi không biết mệt, cung kính giữ lễ như lo sợ. Hồ tu thân cung kính theo đại nghĩa, đều lẳng lẳng thi hành, không để lộ cái tốt đẹp của mình, cho nên người bấy giờ ít có lời ca tụng.

Hồ soạn ba mươi tám thiên sách, cả thảy hơn bốn vạn chữ. Sau khi Hồ chết, thuộc lại cũ của Hồ là bọn Trình Uy ở Đông Quận, Lưu Cố ở Triệu Quốc, Thượng Quan Sùng ở Hà Đông, ghi chép lại các việc làm và sách vở mà Hồ soạn tấu lên. Đế hạ chiếu sai quan Bí thư, sắp xếp các loại văn chương mà Hồ soạn.

Năm Thanh Long thứ tư, Đế hạ chiếu rằng:

"Trẫm mong có được người tài trí giỏi văn chương, mưu sâu nghĩ xa, xét việc tương lai như trước mắt, thấy việc mờ ám mà biện xét rõ, trù tính mưu lược không phí tâm cơ, định kế phải thi hành được, chính trực cẩn thận, chú tâm tu dưỡng, trầm tĩnh ung dung, siêng năng không biết mệt, dốc chí với việc công, bất kể tuổi tác già trẻ, không câu nệ sang hèn, từ khanh tướng trở lên mỗi người hãy suy cử một người."

Thái úy là Tư Mã Tuyên vương đề cử Sường ứng tuyển. Năm Chính Thủy trung, Sường được điều đi nhận chức tại Từ châu, phong tước Vũ Quan đình hầu, thăng làm Chinh nam tướng quân, ban Giả tiết đốc trách việc quân ở hai châu Kinh, Dự. Sường cho rằng quốc gia có quân số cố định, nhưng việc thắng bại trong chiến tranh không cố định; địa thế hiểm yếu là cố định, nhưng hình thế phòng thủ là không cố định. Nay đóng quân ở huyện Uyển, cách Tương Dương hơn ba trăm dặm, chur quân đóng trại tản mát, thuyền bè ở Tuyên Trì, lúc việc gấp

chẳng kịp đến ứng cứu, bèn dâng biểu xin dòi sở trị đến Tân Dã, luyện thủy quân cho hai châu, mở rộng nghề nông khai khẩn ruộng hoang, kho lương chật ních.

Năm Gia Bình sơ, Thái phó Tư Mã Tuyên vương sau khi giết Tào Sảng, bèn dâng tấu rộng hỏi đại thần việc được mất. Sưởng bày kể năm phương sách trị quốc:

Việc thứ nhất là, muốn coi trọng nghiệp học, phải dứt tuyệt phù hoa, khiến con em công khanh đại phu đến nhà Thái học học tập; Việc thứ hai là, muốn lập chế độ thi cử, thì khảo thí phải có tiêu chuẩn nhất định, không bỏ tiêu chuẩn mà dựa ý chủ quan suy đoán đúng sai, giáng truất mà không luận xem xét tài năng của người ta; Việc thứ ba là, muốn cho người làm quan giữ chức vị ổn định, thì việc thăng quan ban tước phải dựa vào thành tích chính đáng; Việc thứ tư là, muốn giảm số quan viên thực tế nhận lộc, phải khích lệ khiến cho người ta biết liêm sỉ, không để họ cùng bách tính tranh lợi; Việc thứ năm là, muốn dứt tuyệt tục xa xỉ, phải chú tâm đề cao việc tiết kiệm, phục sức của quan viên có tiêu chí hoa văn nhất định, trên dưới có thứ tự, tích thóc chứa lúa, để dân quay về với tục chất phác. Để hạ chiếu thư khen ngợi. Nhân đó sai Sưởng soạn chế độ khảo hạch với trăm quan, Sưởng cho rằng thời Đường Ngu tuy có quy định về phế truất và thăng chức, nhưng phép khảo thí không truyền lại. Phép chế nhà Chu đặt chức Trùng tể, sai khảo xét thành tích của quan lại rồi thi hành thưởng phạt, nhưng không có chế độ khảo xét bình phẩm. Từ đấy mà xét, bậc thánh chủ sáng suốt về việc dùng hiền tài, là lập quy củ đại thể về thăng giáng quan lại, rồi ủy thác việc cho trưởng quan giữ chức vụ quý hiển, tự mình chỉ nắm kỷ cương, cho nên tài năng của quan viên có xứng chức hay không có thể biết được vậy.

Ý tứ của Sưởng đại khái là như thế.

Năm thứ hai, Sưởng tấu rằng:

"Tôn Quyền ruồng đua lương thân, đích thứ phân tranh, ta nên nhân cơ hội mà không chế Ngô, Thục; Vùng Bạch Đế, Di Lăng, các xứ Kiềm, Vu, Tỉ Quy, Phòng Lăng đều ở tại Giang Bắc, dân chúng người Di và dân quận Tân Thành của ta tiếp giáp nhau, có thể tập kích lấy được vậy."

Đế bèn phái Thái thú Tân Thành là Châu Thái tập kích Vu huyện, Tỉ Quy, Phòng Lăng, Thứ sử Kinh châu là Vương Cơ đến Di Lăng, Sưởng đến Giang Lăng, ở hai bờ sông dùng tre làm cầu nổi, vượt sông đánh địch. Giặc chạy về phía nam, đào bảy đường hầm cùng đến đánh. Vì thế Sưởng ra lệnh dùng nô liên thanh đồng thời cùng bắn, đại tướng của giặc là Thi Tích trong đêm bỏ trốn vào thành Giang Lăng, Sưởng đuổi theo chém được mấy trăm thủ cấp. Sưởng muốn dụ địch đến chỗ đất bằng hội chiến, bèn phái năm đội quân đi theo đường lớn lui về trước, khiến giặc từ xa trông thấy vui mừng, lại dùng áo giáp và thủ cấp lấy được của giặc, kéo chạy quanh thành để kích nộ giặc, rồi đặt phục binh để đợi chúng. Tích quả nhiên truy đuổi đại quân, Sưởng cùng giao chiến, thắng chúng. Tích trốn chạy, Sưởng chém được tướng của Tích là Chung Li Mậu, Hứa Mân, bắt được nhiều áo giáp, cờ trống, khí tượng và đồ trân bảo của chúng, rồi chinh đốn đội ngũ kéo về. Vương Cơ, Châu Thái đều có công. Vì thế Sưởng được thăng làm Chinh nam Đại tướng quân, Nghi đồng tam tì, tấn phong tước Kinh Lăng hầu.

Quán Khâu Kiệm, Văn Khâm tác loạn, Sưởng dẫn binh chống chúng có công, Đế phong cho hai con của Sưởng tước Đình hầu, Quan nội hầu, phong Sưởng làm Phiêu kỵ tướng quân.

Gia Cát Đản làm phản, Sưởng chiếm Giáp Thạch để bức Giang Lăng, chẹn Thi Tích, Toàn Hi khiến chúng không sang được phía đông. Đản bị giết rồi, Đế hạ chiếu rằng:

"Xưa kia Tôn Tẫn giúp nước Triệu, suất binh thẳng tiến bắc Đại Lương.¹ Nay binh ở phía tây của Sưởng tiến bất ngờ, cũng để hình thành cái thế đông chinh vậy."

Sưởng được tăng ấp nghìn hộ, cộng cả trước đó là bốn nghìn bảy trăm hộ, thăng làm Tư không, cầm cờ tiết, Đô đốc như cũ. Năm Cam Lộ thứ tư Sưởng chết, được ban thụy là Mục hầu.

Con của Sưởng là Hồn nối tự, năm Hàm Hi trung làm Việt kỵ Hiệu úy.①

① Xét Tấn thư: Hồn từ lúc về triều Tấn nhận chức Việt kỵ, nhiều lần nhận trọng trách thống quản một phương, bình Ngô có công, một con được phong làm Giang Lăng hầu, quan vị đến chức Tư đồ.

Con của Hồn là Tế, tự Tử Vũ, có tài xuất chúng, nghi dung đẹp đẽ, làm Hà Nam doãn, Thái phó. Chết sớm, được truy tặng chức Phiêu kỵ tướng quân.

Em của Hồn là Thâm, làm Thứ sử Ký châu. Em của Thâm là Trạ, tự Xử Xung, làm Thái thú Nhữ Nam.

Con của Trạ là Thừa, tự An Kỳ, làm Nội sử Đông Hải.

Con của Thừa là Thuật, tự Hoài Tổ, làm Thượng thư lệnh, Vệ tướng quân.

Con của Thuật là Thản Chi, tự Văn Độ, làm Bắc trung lang tướng, Thứ sử hai châu Duyện, Dự.

Trong số các con của Sưởng, Trạ là người có danh tiếng và đức hạnh nhất, còn Thừa cũng là danh sĩ, Thuật và Thản Chi đều hiền hách và tôn quý, là danh môn vọng tộc đương thời. Sự tích từ Trạ về sau, thấy ở sách Tấn Dương thư.

¹ Thời Chiến Quốc, Bàng Quyên là tướng nước Ngụy cầm quân đánh nước Triệu, vây kinh đô Hàm Đan. Nước Triệu cầu cứu nước Tề, vua Tề sai Điền Kỵ cầm quân đi cứu, Điền Kỵ dùng mẹo của Tôn Tẫn, dẫn quân đánh thẳng vào kinh đô nước Ngụy là Đại Lương, Bàng Quyên sợ, dẫn quân về cứu, đi đến Quế Lăng, bị phục binh của nước Tề đánh tan tác, nước Triệu được cứu.

Vương Cơ tự Bá Du, người quận Đông Lai huyện Khúc Thành. Thừa nhỏ mồ côi cha, ở với người chú là Vương Ông. Ông nuôi nấng rất tận tình, Cơ cũng hết lòng hiếu thuận. Năm mười bảy tuổi, quận triệu Cơ làm Quận lại, Cơ không thích, bèn bỏ chức, đến địa giới quận Lang Nha du học. Năm Hoàng Sơ trung, xét cử Hiếu liêm, Cơ được bổ chức Lang trung.

Bấy giờ cương thổ Thanh châu mới bình định, Thứ sử là Vương Lăng đặc cách dâng biểu xin mời Cơ đến làm Biệt giá, sau triều đình triệu Cơ làm Bí thư lang, Lăng lại lần nữa xin Cơ về nhận chức. Không lâu sau, Tư đồ là Vương Lăng cho triệu Cơ, Lăng không cho Cơ về. Lăng dâng thư hặc tội quan Châu rằng:

"Đại khái là người có bầy tôi giỏi trong nhà, thì phải đề cử lên quận phủ, quận phủ có công thần ưu tú, thì phải đề cử lên cho triều đình, thế nên thời cổ đại có lễ Cống sĩ của bậc hầu bá. Nay quan châu chọn dùng người làm Túc vệ, lưu giữ quan lại của phủ Thượng thư, là điều mà thần ít khi nghe nói vậy."

Lăng vẫn không cho Cơ đi. Danh tiếng của Lăng được truyền tụng ở Thanh châu, đại để là cũng bởi có Cơ phù giúp vậy. Đại tướng quân Tư Mã Tuyên vương triệu Cơ, Cơ chưa đến, lại được cất nhắc làm Trung thư thị lang.

Minh đế đại tu cung thất, trăm họ lao nhọc khổ sở. Cơ dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói cổ nhân ví dân với nước, nói: 'Nước có thể đẩy thuyền, cũng có thể lật thuyền'. Cho nên yên dân là trên hết, chẳng thể không lo sợ phòng bị. Dân chúng rối nhàn thì phải lo sửa trị, dân lao khổ thì phải nghĩ cách đối phó, vì thế bậc vương xưa yên dân dùng cách kiệm ước, khiến dân không đến nổi sinh loạn."

"Xưa kia Nhan Uyên nói việc đánh xe của Đông Dã Tử, sức ngựa đã kiệt rồi mà đuổi ngựa không dừng, vì thế biết rằng xe ngựa sắp

đồ.¹ Nay việc lao dịch khổ sở, nam nữ có nỗi oán hận chia lìa, mong bề hạ hã xét kỹ cái khốn của Đông Dã, lưu tâm đến sự so sánh nước với dân, nên cho xe rong ruổi vào lúc ngựa chưa tận sức, hã bớt việc lao dịch vào lúc sức dân chưa khốn.”

“Khi xưa nhà Hán có thiên hạ, đến thời Hiếu Văn chỉ có người cùng họ là chư hầu, mà Giả Nghị lo việc ấy nói rằng: ‘Đây là để lừa bên dưới đồng củi mà nằm nghỉ trên đó, lại cho là rất an toàn.’ Nay giặc cướp chưa diệt, trong số mãnh tướng cầm binh, xét ra thì không ai có thể đôi phó được địch nhân, về lâu dài thì Đế vị khó truyền đến con cháu, đang lúc đời thịnh thế, lại chẳng dốc sức để trừ họa, nếu con cháu không có chí khí tranh đua, thì đây là mối lo của xã tắc vậy. Ví như Giả Nghị phục sinh, nhất định phải lo lắng hơn trước kia rồi.”

Tán kỵ thường thị là Vương Túc soạn chép, chú giải các loại kinh truyện và bàn luận chế định lễ nghi trong triều đình, cải biến học thuyết cũ của Trịnh Huyền, nhưng Cơ lại giữ quan điểm giảng nghĩa của Huyền, thường cùng Túc có tranh chấp. Cơ bị điều làm Thái thú An Bình, vì mắc lỗi từ chức. Đại tướng quân Tào Sảng mời Cơ làm Tòng sự trung lang, rồi ra làm Thái thú An Phong. Quận giáp giới với giặc Ngô, Cơ xử lý chính vụ nghiêm minh thanh liêm có ân uy, bố phòng nghiêm cẩn, địch không dám phạm. Cơ được thêm chức Thảo khấu tướng quân.

Nước Ngô từng điều phát binh với quy mô lớn tập kết ở Kiến Nghiệp, đánh tiếng là muốn tiến đánh Dương châu, Thứ sử là Gia Cát Đản sai Cơ mưu tính việc ấy. Cơ nói:

- Trước đây Tôn Quyền hai lần đến Hợp Phì, một lần đến Giang Hạ, về sau Toàn Tông xuất binh ra Lư Giang, Chu Nhiên tiến

¹ Đông Dã Tử (东野子), người thời Xuân Thu, có tài đánh xe, được yết kiến Lỗ Trang công, Đông Dã Tử đánh xe cho ngựa chạy tới chạy lui thẳng như căng dây, rẽ trái sang phải tròn vành vạnh như dùng thước quay. Trang công khen, sai đánh ngựa chạy trăm vòng hình móc câu. Nhan Uyên đi qua, thấy vậy bảo Trang công rằng ngựa sẽ kiệt sức, xe tất phải đổ. Lát sau quả nhiên như lời nói.

cướp Tương Dương, đều không lập được công mà về. Nay bọn Lục Tốn đã chết, mà Quyền tuổi đã cao, trong nhà không có con hiền nối dõi, tại triều không có tôi thần chủ mưu. Quyền tự mình cầm quân thì sợ nội bộ thốt nhiên đánh lẫn nhau, ung nhọt vỡ lở; mà phái tướng soái cầm quân thì tướng cũ đã chết hết, tướng mới chưa được tín nhiệm. Đấy bất quá là muốn ổn định nội bộ, tự giữ mình thôi.

Về sau rút cục Quyền chẳng xuất binh.

Bấy giờ Tào Sảng chuyên quyền, phong tục giáo hóa tan lờ, Cơ soạn bài *Thời yếu luận* để can khuyển việc đương thời. Vì mắc bệnh được triệu về, sau lại rời nhà ra làm Hà Nam doãn, chưa báii chức, Sảng đã bị giết, vì Cơ từng là thuộc quan của Sảng, theo lệ bị bãi chức.

Năm ấy Cơ nhận chức Thượng thư, rời ra ngoài làm Thứ sử Kinh châu, gia thêm chức Dương liệt tướng quân, theo Chinh nam Đại tướng quân Vương Sưởng đi đánh Ngô. Cơ cầm riêng một cánh quân tập kích Bộ Hiệp ở Di Lăng, Hiệp đóng cửa tự giữ. Cơ tỏ vẻ bày thế công, nhưng thực tế là chia binh đánh úp kho lương Hùng Phụ, lấy được hơn ba vạn斛 lương, bắt được An bắc tướng quân Đàm Chính, thu hàng mấy nghìn khẩu. Nhân đấy Cơ dời dân theo hàng, an trí tại huyện Di Lăng. Cơ được ban tước Quan nội hầu. Cơ lại dâng biểu xin đắp thành Thượng Sưởng, dời sở trị quận Giang Hạ đến đó, để tiện uy bức Hạ Khẩu, từ đấy quân giặc không dám xem thường vượt sông Giang. Cơ định rõ chế độ, chỉnh đốn quân đội và nông nghiệp, đồng thời sửa sang trường học, nhân sĩ phương nam khen ngợi.

Bấy giờ triều đình nghị bàn muốn thảo phạt nước Ngô, hạ chiếu lệnh sai Cơ cân nhắc cách tiến binh thích hợp. Cơ đáp chiếu rằng:

"Động binh mà không có công, thì uy danh bị hủy hoại ở ngoài, tiền của khốn khó ở trong, cho nên nhất định phải lo lắng chu toàn rồi sau

mới dụng binh vậy. Nếu như ta chẳng chuẩn bị khai thông đường sông, gom chứa lương thảo, sửa sang thuyền chiến, thì dẫu tụ binh ở Giang Bắc, cũng không thành được cái thế vượt sông rồi. Nay Giang Lăng có hai sông Chương, Thu, có thể dẫn nước tưới cho mấy nghìn khoảnh ruộng. Xung quanh huyện An Lục, đồng ruộng phì nhiêu. Nếu dưới sông trên cạn đều lấy nông nghiệp làm chủ, để bổ sung đầy đủ quân nhu, rồi sau dẫn binh đến Giang Lăng, Di Lăng, chia nhau ra chiếm cứ Hạ Khẩu, theo sông Chương, sông Thu vận chuyển lương thực mà xuống. Giặc biết quan quân có cái thế tác chiến lâu dài, kẻ kháng cự ý trời thảo phạt nảy sinh tâm lý tự tan, mà người hướng về vương hóa ngày càng nhiều. Rồi sau ta thống suất liên hợp người Man Di đánh ở phía trong, binh khỏe của ta từ mặt ngoài đánh dẹp, thì vùng thượng du Hạ Khẩu tất hạ được, mà các quận vùng Giang ngoại chẳng giữ nổi. Như thế, giao thông của hai nước Ngô, Thục cách tuyệt, giao thông đứt tuyệt thì nước Ngô bị cầm bắt rồi. Chẳng làm như thế, cái mục đích việc xuất binh, chưa hẳn đã đạt được vậy."

Vì thế việc phạt Ngô mới dừng.

Tư Mã Cảnh vương mới thống quản chính sự, Cơ dăng thư khuyên rằng:

"Thiên hạ rất rộng, chính sự rất nhiều, thực chẳng nên không lo lắng sợ hãi, ngồi mà đợi sáng được. Người có chí đoan chính thì các loại tà ý chẳng nảy sinh, tâm tĩnh thì mọi việc chẳng vội vàng, lo nghĩ sắp xếp kỹ thì chính lệnh chẳng phiến hà, tin dùng thân cận trung lương thì xa gần thành tâm chịu phục. Bởi thế khiến người phương xa hòa thuận là ở bản thân, yên định chúng nhân là tại cái tâm. Hứa Doãn, Phó Hồ, Viên Khản, Thôi Tán đều là kẻ sĩ chính trực một thời, phẩm chất đoan chính lại không có tâm địa phóng túng, ngài nên cùng bọn họ xử lý chính sự vậy."

Cảnh vương thu nhận lời ấy.

Cao Quý hương công tức vị, tấn phong Cơ làm Thường Lạc đình hầu. Quán Khâu Kiệm, Văn Khâm tác loạn, triều đình lấy Cơ làm hành Giám quân, ban Giả tiết, thống lĩnh quân đội ở Hứa Xương, vừa hay gặp Cảnh vương hội quân ở Hứa Xương.

Cảnh vương nói:

- Ngài tính xem bọn Quán Khâu Kiệm là hạng thế nào?

Cơ nói:

- Sự nghịch loạn của Hoài Nam, không phải là do quan dân muốn loạn vậy, mà bị bọn Kiệm lừa dối bức hiếp, họ sợ cái hình phạt chém giết trước mắt, cho nên mới quần tụ thôi. Nếu đại binh đến uy bức, nhất định đất tan ngói lở, cái đầu của bọn Kiệm, Khâm, chẳng trọn buổi sớm sẽ treo ở quân môn rồi.

Cảnh vương nói: "Hay."

Bèn lệnh cho Cơ nắm giữ quân tiên phong. Kẻ bàn luận đều cho là Kiệm, Khâm mạnh tợn, khó cùng tranh phong. Triều đình hạ chiếu chỉ sai Cơ dừng binh. Cơ cho rằng:

- Bọn Kiệm cất quân đủ để thâm nhập, nhưng lâu chẳng tiến binh, đây là vì việc lừa dối của chúng đã lộ, chúng nhân ngờ vực tự tan lở. Nay chẳng phô trương uy thế của quan quân để xứng với lòng mong ngóng của dân, mà dừng binh đắp lũy cao, tựa như sợ hãi, không hợp đạo lý dụng binh vậy. Nếu như có kẻ cướp bóc dân chúng, lại thêm quân binh của châu quận bị giặc khống chế, lòng dân càng chia lìa; người bị bọn Kiệm bức hiếp, tự nghĩ mình tội nặng, không dám quay về hàng, đây là để quân ở cái chỗ vô dụng, mà gây thành căn nguyên của việc gian trộm. Giặc Ngô dựa cơ hội ấy phát động, thì vùng Hoài Nam không phải là sở hữu của quốc gia nữa, các xứ Tiêu, Bái, Nhữ, Dự nguy cấp không yên, kể ấy là đại thất sách vậy. Đại quân nên tức tốc tiến chiếm Nam Đốn, huyện Nam Đốn có kho lương lớn, tính ra đủ lương cho quân ăn bốn mươi ngày. Giữ

vững thành trì, dựa vào lương thảo tích trữ, tạo khí thế tranh đoạt trước người, đấy là mấu chốt của việc bình quân giặc vậy.

Cơ xin nhiều lần, triều đình nghe theo sai Cơ tiến chiếm sông Thủy Ấn. Cơ đến nơi rồi, lại nói rằng:

- Dụng binh quý ở chỗ thần tốc, chưa hề nghe nói khéo ở chỗ giữ lâu. Hiện nay bên ngoài có giặc mạnh, bên trong có bầy tôi phản loạn, nếu chẳng quyết đoán kịp thời, thì việc nông sâu chưa thể lường được vậy. Kẻ bàn luận đa phần nghĩ rằng người làm tướng cầm quân phải nên cẩn trọng. Làm tướng cầm quân thì cẩn trọng là đúng rồi, nhưng án binh bất động là sai vậy. Cẩn trọng không phải là không tiến binh, mà là tiến binh nhưng không để mắc lỗi thôi. Nay giữ chắc thành vững lũy, thấy lương tích trữ của địch, mà quân cô đói chuyển lương ăn, không phải là kế sách hay vậy.

Cảnh vương muốn đợi các lộ quân đến đầy đủ, còn chưa đồng ý. Cơ nói:

- Tướng ở trong quân, quân lệnh có chỗ không theo. Bên kia có được thành thì lợi thế, bên ta được thành cũng lợi thế, đấy gọi là tranh đoạt thành trì, Nam Đốn là thành như thế vậy.

Bèn lập tức tiến chiếm Nam Đốn, bọn Kiêm từ huyện Hạng cũng muốn qua tranh chiếm, phát binh đi hơn chục dặm, nghe tin Cơ đến trước, lại quay về giữ huyện Hạng.

Bấy giờ Thứ sử Duyện châu là Đặng Ngải đóng đồn ở huyện Lạc Gia, Kiêm sai Khâm dẫn binh tập kích Ngải. Cơ biết thế lực của chúng phân tán, bèn tiến binh bức huyện Hạng, đại quân của Kiêm vì thế thua bại. Bình bọn Khâm xong, Cơ được thăng làm Trấn nam tướng quân, đốc trách việc quân ở Dự châu, lĩnh chức Thứ sử, tấn phong tước An Lạc hương hầu. Cơ dâng sớ xin chia hai trăm hộ, ban cho người con của chú mình là Kiều tước Quan nội hầu, để báo đáp cái ân nuôi dưỡng mình của người chú. Có chiếu chỉ đặc biệt đáp ứng thỉnh cầu.

Gia Cát Đản phản loạn, Cơ lấy thân phận là hành Trấn đông tướng quân ngày trước, đốc trách việc quân ở hai châu Dương, Dự. Bấy giờ đại quân tại huyện Hạng, thấy binh của giặc tinh nhuệ, Để hạ chiếu sai Cơ gom quân giữ vững lũy. Cơ nhiều lần tấu bẩm xin tiến quân đánh dẹp. Gặp lúc nước Ngô phái Chu Dị đến cứu Đản, đóng quân ở An Thành. Cơ lại nhận chiếu lệnh dẫn chư quân chuyển sang chiếm Bắc Sơn, Cơ bảo chư tướng rằng:

- Nay thành lũy đã kiên cố, binh mã sắp tụ tập, ta chỉ nên chú tâm phòng bị để đợi giặc chạy trốn, mà lại dòi binh thủ hiểm, khiến địch được buông thả, dẫu có trí cũng chẳng ngăn ngừa được hậu họa vậy.

Bèn giữ vững lợi thế, dằng số nói:

"Nay ta cùng quân giặc đối địch, nên phải bất động vững như núi. Nếu dòi chuyển quân nương cậy chỗ hiểm, nhân tâm lay động, về thế cục là tổn hại lớn. Chư quân cùng giữ lũy cao hào sâu, lòng quân đều yên định, thì chẳng thể lay động được, đấy là mấu chốt của việc dụng binh vậy."

Thư số tấu lên, có đáp thư đồng ý.

Đại tướng quân Tư Mã Văn vương tiến quân đóng ở Khâu Đầu, phân chia bộ hạ vây giữ, các chỗ đều có người thống quản. Cơ đốc suất hai mươi sáu trại quân ở phía đông và phía nam thành, Văn vương sắc mệnh sai quan quân tiến lên trấn giữ địa giới phía nam, nhất nhất không ai được phát binh. Trong thành lương thực hết nhẵn, địch nhân đêm ngày đánh lũy, Cơ thường chống đánh, phá địch. Thọ Xuân hạ được, Văn vương gửi thư cho Cơ nói:

"Ban đầu người bàn luận rất nhiều, kẻ xin dòi binh rất đông, lúc chưa lâm trận, ta cũng cho rằng nên như thế. Tướng quân tính kỹ lợi hại, một mình vững chí, trên trái với chiếu lệnh, dưới cự lời bàn của chúng nhân, rút cục khắc địch bất giặc, dẫu thuật dụng binh của cổ nhân, cũng chẳng hơn vậy."

Văn vương muốn phái chư tướng đem tinh binh thâm nhập đất giặc, nghênh đón con em của bọn Đường Tư, định thừa cơ gây điên đảo thế cục của nước Ngô. Cơ can rằng:

- Trước kia Gia Cát Khắc nhân lúc thừa thắng trận Đông Quan, đốc kiệt quân binh vùng Giang Biểu, để vây Tân Thành, thành chẳng hạ nổi, mà quân dân tử thương quá nửa. Khương Duy nhân cái lợi ở Thao Thượng, dẫn khinh binh xâm nhập, lương cho quân không chuyển kịp, quân thua vỡ ở Thượng Nhai. Sau khi đại thắng, người trên kẻ dưới khinh địch, khinh địch thì nghĩ đến cái khó khăn không chu đáo. Nay giặc mới bại trận ở ngoài, thêm nữa mối họa bên trong chưa dứt, đây là lúc họ lo bày phòng bị vậy. Và lại binh ta ra trận qua năm, người người có ý quay về, nay bắt sống chục vạn quân giặc, tội nhân đã giết được, việc chinh phạt từ nhiều đời nay chưa ai có được cục diện vẹn quân toàn thắng như hôm nay vậy. Vũ hoàng đế thắng được Viên Thiệu ở Quan Độ, tự cho rằng cái thu được là rất lớn, chẳng đuổi theo quân bỏ chạy nữa, là sợ thua bại hại đến uy phong vậy.

Văn vương mới thôi. Vì vùng Hoài Nam mới bình định, triều đình điều chuyển Cơ làm Chinh đông tướng quân, đốc trách việc quân ở Dương châu, tấn phong tước Đông Vũ hầu. Cơ dâng sớ cố nhường, quy công lao cho tham tá, bởi thế bảy người bọn Trương sữ, Tư mã đều được phong tước hầu.

Năm ấy, mẹ của Cơ chết, Đế hạ chiếu giấu kín việc tang, đón nhận di cốt cha của Cơ là Báo đưa đến Lạc Dương hợp táng, truy tặng Báo chức Thái thú Bắc Hải.

Năm Cam Lộ thứ tư, Cơ được chuyển làm Chinh nam tướng quân, đốc trách việc quân của Kinh châu. Thường Đạo hương công tước tôn vị, Cơ được thêm thực ấp một nghìn hộ, cộng cả lúc trước là năm nghìn bảy trăm hộ. Trước sau phong cho hai người con của Cơ tước Đình hầu, Quan nội hầu.

Năm Cảnh Nguyên thứ hai, Thái thú Tương Dương dâng biểu nói giặc Ngô là bọn Đặng Do muốn theo về vương hóa, Cơ nhận chiếu lệnh, phải nhân cơ hội ấy khuấy động Giang Biểu. Cơ ngờ là trong ấy có trá lừa, phái dịch sứ về bày kể tình trạng. Lại dâng thư nói:

"Từ năm Gia Bình đến nay, bên ta nhiều lần có nội nạn, việc cấp bách hiện nay là ở chỗ giữ yên xã tắc, vỗ về trăm họ, chưa nên động chúng để cầu lấy mỗi lợi bên ngoài."

Văn vương đáp thư rằng:

"Đại để là những người cùng cộng sự với ta, đa phần là đón ý thuận theo, ít có người thực sự hết lòng bày tỏ hết lý lẽ thật. Ta cảm kích bởi lòng thành trung ái của ngài, mỗi khi được ngài khuyên can, ta luôn kính theo lời chỉ giáo."

Về sau bọn Do quả nhiên không hàng.^①

① *Chiến lược* của Tư Mã Bưu ghi chép về việc này của Cơ, rõ ràng hơn bản truyện. Chép rằng:

Năm Cảnh Nguyên thứ hai mùa xuân tháng ba, Thái thú Tương Dương là Hồ Liệt dâng biểu nói:

"Giặc Ngô là bọn Đặng Do, Lý Quang có mười tám trại, đông mưu muốn theo về giáo hóa, phái tướng là Trương Ngô, Đặng Sinh, cùng đưa con tin đến. Chúng ước kỳ hẹn muốn quân của quận đến bờ sông Giang nghênh đón."

Đại tướng quân Tư Mã Văn vương tấu lên. Để hạ chiếu sai Chinh nam tướng quân Vương Cơ sắp đặt chư quân, sai Liệt đốc suất vạn người đến thẳng sông Thụ, đóng trại ở huyện Nghi Thành phía nam quận Nghĩa Dương thuộc Kinh châu, sau khi nhận chiếu thư phải xuất phát sớm, nói:

- Nếu bọn Do đến nơi như lời hẹn, lập tức phải nhân cơ hội khuấy động Giang Biểu.

Cơ ngờ giặc trá hàng, dụ lừa quan quân đến, phái dịch sứ đến ngăn Văn vương, nói:

- Bọn Do hành trạng đáng ngờ. Hãy tạm thời dò xét kỹ, không nên lập tức cử trọng binh thâm nhập theo lời họ.

Lại viết:

"Con đường phía đông Di Lăng, phải dùng xe ngựa, đến Xích Ngạn mới có thể vượt sông Thu, con đường phía tây phải ra đến cửa khẩu Tiến Khê, mới tới được chỗ đất bằng, đều là núi hiểm chập chồi, rừng trúc xanh um, sĩ tốt ở chỗ yếu hại, cung mã chẳng bày trận được. Nay đây cung ướt sức nõ yếu, mưa lụt đang giáng xuống, bỏ việc bận rộn của nhà nông, đi câu cái lợi khó định, đây là việc nguy hiểm vậy. Chiến dịch Tỳ Ngộ trước kia, binh sĩ hành quân mấy trăm dặm gặp lúc mưa dầm, sạn đạo vô lộ, lương thảo phía sau rữa nát hết, tiền quân thiếu lương ăn. Khương Duy dẫn binh thâm nhập, không đợi xe truy trọng, sĩ chúng chịu đói, toàn quân thua võ ở Thượng Nhai. Văn Khâm, Đường Tư, cất trọng binh của nước Ngô, tham lợi ở Thọ Xuân, thân chết không về được. Đây đều là việc gần đây làm tấm gương soi vậy. Từ năm Gia Bình đến nay, quốc gia nhiều lần có nội nạn. Việc thích hợp hiện nay là phải giữ yên xã tắc, phủ dụ trên dưới, dốc sức chuyên tâm với việc nhà nông, vỗ yên trăm họ, chưa nên động chúng để câu cái lợi ở bên ngoài vậy. Cái được chưa đủ cho là nhiều, mà cái mất mát thương tổn uy danh là lớn."

Văn vương nhiều lần nhận thư của Cơ, có ý ngờ vực. Lập tức sắc mệnh cho chư quân đã lên đường, hãy tạm đóng lại ở nơi sở tại, đợi sau này điều động. Cơ lại nói với Văn Vương rằng:

- Xưa kia Hán tổ dùng lời của Lịch Sinh, muốn phân phong cho con cháu của sáu nước, tình ngộ nhờ mưu của Trương Lương, nên mau chóng hủy ấn tín.⁽¹⁾ Mưu tính của Cơ nông cạn, thực

¹ Chiến tranh Hán Sở, Lưu Bang bị Hạng Vũ vây gấp ở Huỳnh Dương, rất lo, bèn bàn mưu với Lịch Sinh. Lịch Sinh khuyên Lưu Bang lập lại con cháu sáu nước chư hầu bị nhà Tần diệt lúc trước làm vây cánh. Lưu Bang nghe theo, sai khắc ấn, chưa kịp mang đi, Trương Lương can ngay rằng: "Đại vương khôi phục sáu nước, lập con cháu của họ thì kẻ du sĩ trong thiên hạ đều về thờ vua của họ, theo thân thích của họ, quay lại với người quen của họ, với mồ mà ông cha họ, vậy đại vương nhờ ai lấy thiên hạ nữa? Nước Sở mạnh nhất thì sáu nước được lập sẽ chịu khuất theo Sở. Đại vương sao mà bắt họ thần phục mình được?" Lưu Bang liền hủy ngay các ấn, không theo kế của Lịch Sinh.

chẳng theo kịp Lưu hầu, cũng sợ rằng lời của người ở Tương Dương là xằng bậy.

Văn Vương vì thế bãi quân gấp, về sau bọn Do quả nhiên không hàng.

Năm ấy Cơ chết, được truy tặng chức Tư không, thụy là Cảnh hầu. Con của Cơ là Huy nối tự, chết sớm.

Năm Hàm Hi trung, khai lập tước ngũ đẳng, vì công huân của Cơ sáng rõ ở tiền triều, nên đổi phong cho cháu của Cơ là Di, lại chia ấp phong ở huyện Đông Vũ, ban cho một con của Cơ tước Quan nội hầu.

Nhà Tấn kiến lập, Đế hạ chiếu rằng:

"Cố Tư không Vương Cơ đức sáng lập công, lại giữ mình thanh bạch chất phác, không mưu cầu sản nghiệp, giữ trọng trách nặng nề rất lâu, trong nhà không tích của riêng, có thể gọi là chết thân sáng đức, đủ để khích lệ thói tục vậy. Nay ban cho người nhà của Cơ hai nô tì."

Bình rằng: Từ Mạc thanh khiết cao thượng, độ lượng rộng rãi, Hồ Chất giữ tiết thanh bạch thuần chính, Vương Sưởng khoáng đạt, có kiến thức và khí độ, Vương Cơ học vấn cao chót, chí tiết kiên trinh, đều chấp chương trọng trách ở một phương, lưu danh hậu thế, công tích sáng rõ. Có thể gọi là lương thần của quốc gia, là kẻ sĩ cao đẹp ở đời vậy.

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI TÁM VƯƠNG, QUÁN KHÂU, GIA CÁT, ĐẶNG, CHUNG TRUYỆN

— 38 —

Vương Lăng tự Ngạn Vân, người quận Thái Nguyên huyện Kỳ. Chú ruột của Lăng là Vương Doãn, làm quan Tư đồ nhà Hán, giết Đồng Trác. Tướng của Trác là bọn Lý Thôi, Quách Ty vì Trác báo cừu, tiến vào Trường An, giết Doãn, giết sạch cả gia quyến Doãn. Lăng cùng anh là Thần, bấy giờ đều nhỏ tuổi, trèo thành thoát được, trốn nạn về quê quán. Lăng được cử Hiếu liêm, làm trưởng huyện Phát Can,^① không lâu được thăng đến Thái thú Trung Sơn, ở sở quan có thành tích về cai trị, Thái tổ triệu Lăng làm Thừa tướng duyên thuộc.

① *Ngụy lược* chép: Lăng làm Trưởng huyện, lỡ mắc tội, bị xử phạt cắt tóc năm năm, đi quét rác ở trên đường. Lúc xe của Thái tổ đi qua, hỏi đây là tù đồ nào, tả hữu đem thực trạng thưa lại.

Thái tổ nói:

- Đây là con của sư huynh ta,⁽¹⁾ hấn bị buộc tội là vì việc công thôi.

Vì thế cho quan Chủ quản tuyển Lăng làm Kiêu kỵ chủ bộ.

Văn đế lên ngôi, bái Lăng làm Tán kỵ thường thị, cho ra ngoài làm Thứ sử Duyên châu, cùng bọn Trương Liêu đến Quảng Lăng đánh dẹp Tôn Quyền. Đến bờ sông, ban đêm có gió lớn, thuyền của tướng Ngô là bọn Lã Phạm trôi dạt đến bờ bắc.

¹ Vương Lăng là cháu của Vương Doãn, Tào Tháo trước đây ở triều đình cũng có quen biết Vương Doãn, mới nhận ra đó là con của anh (thầy) mình.

Lăng cùng chư tướng đón đánh, lũng bắt chém đầu giặc, bắt được thuyền, có công, được phong tước Nghi Thành đình hầu, gia thêm chức Kiến vũ tướng quân, chuyển nhận chức Thứ sử Thanh châu.

Lúc bấy giờ vùng ven biển mới sau cơn tang loạn, luật pháp còn chưa nghiêm chỉnh. Lăng ban bố thi hành chính giáo, thường thiện phạt ác, rất có kỷ cương, trăm họ ngợi khen, chẳng kể hết lời.

Sau Lăng theo Tào Hưu đi đánh nước Ngô, cùng giặc gặp nhau ở Giáp Thạch, quân của Hưu thất lợi, Lăng ra sức chiến đấu phá vỡ vòng vây, Hưu được thoát nạn. Lăng bị chuyển làm Thứ sử Dương châu, Dự châu, đều khiến cho quân dân được hoan hỉ.

Ban đầu Lăng đến Dự châu, treo biển biểu dương dòng dõi của các bậc tiên hiền, tìm những kẻ sĩ chưa được hiển danh, mọi việc đều theo khuôn phép, ý nghĩa rất cao đẹp. Khi trước, Lăng cùng Tư Mã Lăng, Giả Quỳ là bạn hữu, lúc đến Duyện, Dự, Lăng kế thừa danh tiếng và thành tích của họ.

Năm Chính Thủy sơ, Lăng làm Chinh đông tướng quân, được ban Giả tiết đô đốc việc quân ở Dương châu. Năm thứ hai, đại tướng nước Ngô là Toàn Tông đem mấy vạn quân vào cướp Thục Pha, Lăng chỉ huy chư quân đón đánh, cùng giặc tranh chiếm con đê, ra sức giao chiến liên tiếp nhiều ngày, giặc lui chạy. Lăng được tấn phong tước Nam Hương hầu, thực ấp một nghìn ba trăm năm mươi hộ, thăng chức Xa kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti.

Bấy giờ, cháu ngoại của Lăng là Lệnh Hồ Ngu vì có tài năng được làm Thứ sử Duyện châu, đóng binh ở Bình A. Cậu cháu đều giữ binh quyền, riêng nắm trọng trách ở Hoài Nam. Lăng lại được thăng làm Tư không.

Tư Mã Tuyên vương giết xong Tào Sảng, tiến cử Lăng làm Thái úy, ban cho Giả tiết việt. Lăng, Ngu bí mật hợp kế, cho rằng Tề

vương chẳng gánh vác được ngôi trời, Sở vương là Bưu lớn tuổi mà có tài, muốn đón lập Bưu đóng đô ở Hứa Xương.

Năm Gia Bình nguyên niên tháng chín, Ngưu phái tướng là Trương Thúc đến Bạch Mã, cùng Bưu qua lại thăm hỏi nhau. Lãng lại phái xá nhân là Lao Tinh đến Lạc Dương, bàn chuyện với con mình là Quảng. Quảng nói:

- Phế lập là chuyện đại sự, chớ gây họa trước.①

Tháng mười một năm ấy, Ngưu lại phái Thúc đến chỗ Bưu, còn chưa về, vừa lúc Ngưu bị bệnh chết.②

Năm thứ hai, sao Huỳnh Hoắc phạm vào Nam đấu, Lãng bảo:

- Có ngôi sao ở giữa chòm Nam đấu, sắp có người được quý hiển bất ngờ vậy.③

Năm thứ ba mùa xuân, giặc Ngô phong tỏa đường thủy. Lãng muốn nhân đó phát động, bèn nghiêm lệnh chinh đồn chư quân, dâng biểu xin đánh dẹp giặc; chiếu thư trả lời là triều đình không đồng ý. Âm mưu của Lãng quá lớn, liền phái tướng quân là Dương Hoàng đem việc phế lập báo với Thứ sử Duyện châu là Hoàng Hoa, Hoa và Hoàng liên danh đem chuyện bẩm với Thái phó là Tư Mã Tuyên vương. Tuyên vương đem trung quân xuôi đường thủy đánh Lãng, trước tiên xuống lệnh xá tội cho Lãng, lại đem quan Thượng thư là Quảng sang đông, sai viết thư dụ Lãng, đại quân âm thầm đến Bách Xích uy bức Lãng. Lãng tự biết thế cùng, bèn cuôi một chiếc thuyền nhỏ ra đón Tuyên vương, phái phó quan là Vương Úc đến tạ tội, mang theo ấn thụ, tiết việt. Đại quân đến Khâu Đầu, Lãng tự trói mình ở bờ sông. Tuyên vương thừa chiếu phái quan Chủ bộ cỡi trói cho kẻ làm phản đã hàng, gặp Lãng, úy lạo, trao trả ấn thụ, tiết việt, phái quân bộ kỵ sáu trăm người đưa Lãng về kinh đô. Lãng đến huyện Hạng, uống thuốc độc chết.④ Tuyên vương bèn đến Thọ Xuân. Bọn Trương Thúc đều ra tự thú, Vương bèn tra

xét đến cùng việc ấy. Bưu được ban tự xử, chư tướng liên quan đều bị tru di tam tộc.^⑤

Triều đình nghị bàn đều cho rằng theo nghĩa *Kinh Xuân Thu*, Thôi Trữ ở nước Tề, Quy Sinh ở nước Trịnh đều bị chém giết toàn gia, phá quan tài phơi thi thể, tội chép vào điển tịch.⁽¹⁾ Cái tội của Lãng và Ngu nên theo như phép cũ. Vì thế sai đào bới mộ của Lãng và Ngu, phá quan tài, phơi thi thể ở gần chợ ba ngày, đốt ấn thụ và triều phục của hai người, vùi thây xuống đất.^⑥ Rồi tấn phong cho hai người là Hoảng và Hoa tước Hương hầu.

Quảng là người có chí hướng ưa chuộng việc học hành, chết lúc hơn bốn mươi tuổi.^⑦

① *Hán Tấn xuân thu* chép: Lãng và Ngu bàn mưu, cho là Đế nhỏ tuổi bị áp chế bởi cường thần, chẳng kham nổi ngôi vị quốc chủ, Sở vương là Bưu lớn tuổi mà lại có tài, muốn đón lập Bưu, để hưng Tào thị. Lãng sai người đến bảo với Quảng, Quảng nói:

- Phàm là khởi đại sự, phải ứng theo nhân tình. Nay Tào Sảng vì kiêu xa mất lòng dân, Hà Bình Thúc rỗng tuếch mà chẳng sửa mình, Đinh, Tất, Hoàn, Đặng, đều gồm đủ có danh vọng, song hết thầy đều ganh đua với đời. Thêm nữa bọn họ tùy ý thay đổi phép tắc của triều đình, khiến chính lệnh mấy lần biến động, cái sửa đổi tuy hay nhưng việc làm kẻ dưới chẳng tiếp nhận nổi, dân quen với cái cũ, mọi người chẳng ai theo. Cho nên dù thế nghiêng bốn bề, danh chấn thiên hạ, mà bị chém giết cùng ngày, danh sĩ giảm đi một nửa, mà bách tính lạng yên, tuyệt chẳng ai ngò vức hay xót thương, là vì mất lòng dân vậy. Nay chí nguyện của Ý dẫu khó lường, song làm việc chưa trái nghịch, mà đề bạt dùng kẻ hiền năng, mở mang gây dựng điều tốt cho mình, sửa sang

¹ Thôi Trữ (崔杼), là quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu, có tội giết vua Tề Trang công, Quy Sinh (归生) là đại thần nước Trịnh thời Xuân Thu, giết vua Trịnh Linh công; sau khi hai người này chết, đều bị phá áo quan phơi thây ngoài chợ, tội bị chép vào thư tịch. *Kinh Xuân Thu* chép việc đại ác của họ.

chính lệnh của triều đình trước, xứng với những điều mà chúng nhân mong cầu. Các việc xấu mà Sảng làm, thì bên kia không gì không sửa lại, sớm khuya chẳng nghỉ, lấy thương dân làm đầu. Cha con anh em ông ấy, đều nắm giữ binh quyền trọng yếu, chưa dễ vong bại vậy.

Lăng không theo.

Thần Tùng Chi cho rằng những lời đại loại như thế, sử sách thời trước đều không chép lại, mà xuất hiện ở *Tập thị*. Và lại đặt ra những lời về khuôn phép thể chế chẳng giống với việc trước, ngờ rằng những lời ấy đều do Tạc Xi tự tạo ra vậy.

② *Ngụy thư* chép: Ngu tự Công Trì, vốn có tên là Tuấn, năm Hoàng Sơ trung, làm Hòa Nhung hộ quân. Hiệu úy Ô Hoàn là Đoàn Dự đánh dẹp rợ Hồ lập công, mắc lỗi nhỏ là làm trái tiết chế, Ngu dùng hình pháp bắt trói Dự. Để giận, cùm trói Ngu, bãi chức quan trị tội, hạ chiếu nói "Tuấn gì mà ngu dốt thế!" Bèn dùng cái tên ấy.⁽¹⁾ Năm Chính Thủy trung, Ngu làm Trưởng sử của Tào Sảng, sau ra ngoài làm Thứ sử Duyện châu.

Ngụy lược chép: Ngu nghe nói Sở Vương Tào Bưu có trí dũng. Khi trước ở Đông Quận có kẻ ngoa truyền rằng:

"Có con ngựa bạch ở Hoàng Hà biến thành Yêu mã, ban đêm đi qua chỗ quan coi ngựa ở ven sông hí vang, các con ngựa khác đều ứng tiếng, sáng hôm sau thấy ở bờ sông có vết chân, lớn như cái hộc, kéo dài mấy dặm, quay về chui xuống sông."

Lại có lời đồng dao rằng:

"Ngựa bạch ruổi rong đi xuống tây nam, ai cưới được nó là Chu hổ kị."

Sở vương có tiểu tự là Chu Hổ, cho nên Ngu và Vương Lăng ngầm mưu lập Sở vương.⁽²⁾ Bèn phái người chuyển ý đến Vương trước, nói:

¹ Chữ Tuấn (浚) có nghĩa là sâu xa, chữ Ngu (愚) nghĩa là ngu dốt. Để giận việc mà Lệnh Hồ Tuấn làm, xi và là ngu dốt, nên đặt cho cái tên là Lệnh Hồ Ngu.

² Sở vương Tào Bưu được phong ở huyện Bạch Mã, phía tây nam huyện Bạch Mã là kinh đô Lạc Dương, nói ngựa bạch (Bạch mã) rong ruổi xuống tây nam tức là ám chỉ rằng Tào Bưu vào làm chủ Lạc Dương.

- Sứ quân gửi ý tới Vương, việc thiên hạ chẳng thể biết được, xin Vương hãy tự yêu tiếc thân mình!

Buru cũng ngầm hiểu ý ấy, đáp rằng:

- Đa tạ sứ quân, ta biết hậu ý của sứ quân vậy.

③ *Ngụy lược* chép: Lãng nghe nói có người dân ở Đông Bình là Hạo Tường biết xem sao, cho người gọi hỏi Tường. Tường ngờ Lãng có ý kín, muốn làm Lãng hài lòng, không nói rằng nước Ngô sắp có tang sự, mà nói Hoài Nam ở địa phận nước Sở, nay Ngô, Sở là cùng một quê, sắp có bậc đế vương nổi lên. Cho nên kế của Lãng mới định.

④ *Ngụy lược* chép bức thư của Lãng gửi Thái phó rằng:

"Chợt nghe tin thần quân bí mật tiến phát, giờ Tý ở tại Bách Xích, dấu biết mệnh mình cùng tận, vẫn đợi ngài để được tương kiến, thân thủ có phân ly, cũng chẳng lấy thế làm hận, trước sau sai phái sứ giả đi, vẫn chưa có tin báo về, nhón gót ngóng về tây, không rõ vì sao. Hôm qua sau khi kẻ hèn này phái người đưa thư đi, lập tức cưỡi thuyền tới nghênh đón tại Khâu Đầu, sớm nay tiến phát từ Phố Khẩu, kính nhận cáo thư xá tội, cho đến ngày hai mươi ba lại nhận thêm thư, dạy bảo khuyên răn, kẻ này nghe mệnh kinh ngạc, cõi lòng tan nát, chẳng biết nên tự xử mình ở chỗ nào? Kẻ hèn này làm nhục đến ân huệ của triều đình đã lâu, thường được dùng mà không lập được công lao, cho thống quân binh nhưng, nắm quyền thống lĩnh miền đông, việc làm có chỗ khiếm khuyết, trong lòng bất nghĩa, tội chẳng đáng dung, vợ con cùng tội, không biết bầu vút vào đâu. Chẳng ngờ thánh ân như trời che đất chở, vượt quá với cái ân huệ là bảo toàn mạng sống, mắt còn được thấy nhật nguyệt. Đứa cháu đã chết là Lệnh Hồ Ngu vương lời mê hoặc của bọn tiểu nhân, kẻ hèn này nhất thời a dua, khiến mình chẳng nói được hết sự tình. Điều người ta đã biết, có thần minh chứng giám, chẳng phải là việc không kín, thốt nhiên đến nay phát lộ, kẻ hèn này biết đó là tội bị giết bêu đầu. Ôi, sinh ra ta là cha mẹ, cứu sống ta là ngài vậy."

Lại viết thêm:

"Thân ta hãm vào hình tội, đâu dám mong được rộng ân tha thứ. Nay phái phó quan đưa ấn thụ sang, lát sau xin đến, sẽ làm như chiếu thư tự

trời mình theo mệnh. Dẫu tức hạ thiên vị cho ta, nhưng phép tắc của nhà nước có phân biệt."

Khi đến nơi, làm đúng như thư đã viết. Thái phó sai người cỡi trời cho. Lãng đã được tha, thêm nữa cậy vào giao tình cũ, không nghi ngờ gì nữa, bèn cưỡi một chiếc thuyền nhỏ ra tự thú với Thái phó. Thái phó sai người chặn Lãng lại, cầm thuyền ở giữa sông, còn cách hơn mười trượng. Lãng biết rằng mình bị xem là tội nhân, bèn ở đằng xa bảo Thái phó rằng:

- Ngài trực tiếp sai đem thẻ thư đến triệu ta, ta há dám không đến chăng? Sao phải dẫn quân đến đây nữa!

Thái phó nói:

- Là vì ngài không chịu theo người đưa thẻ thư nên ta phải làm vậy thôi.

Lãng nói:

- Khanh phụ ta!

Thái phó nói:

- Ta thà phụ khanh, chứ không phụ quốc gia.

Bèn sai người hộ tống Lãng về tây. Lãng tự biết mình tội nặng, dò tìm cái đình đóng quan tài, để xét ý tứ của Thái phó,⁽¹⁾ thấy Thái phó đã cấp đủ. Lãng đến huyện Hạng, ban đêm gọi phó quan thuộc hạ cùng quyết biệt rằng:

- Ta tuổi gần đến tám mươi, thân danh đều bị diệt sao!

Bèn tự sát.

Tấn ký của Can Bảo chép: Lãng đến huyện Hạng, thấy đền thờ của Giả Quỳ ở bên sông, Lãng kêu to rằng:

- Giả Lương Đạo, Vương Lãng vốn một đời trung với xã tắc nhà Ngụy, duy có ngài là thần, mới biết Lãng thôi.

Tháng tám năm ấy, Thái phó có bệnh, mộng thấy Lãng và Quỳ khắp mình lở loét, rất ghét bọn ấy, rồi chết.

¹ Cấp quan tài mà không có đình (để đóng áo quan) là tỏ ý không phải tội chết; cấp đủ đình, tức là tội chết.

⑤ *Ngụy lược* chép: Người quận Sơn Dương là Đan Cố, tự Cung Hạ, là người có tài năng. Năm Chính Thủy trung, Thứ sử Duyện châu là Lệnh Hồ Ngu và cha của Cố là Bá có giao tình thân thiết, cho triệu Cố, muốn dùng làm Biệt giá. Cố không thích làm quan ở châu, từ chối là có bệnh. Ngu kính lễ càng hậu, Cố không muốn ứng mệnh. Mẹ của Cố là Hạ Hầu thị bảo Cố rằng:

- Sứ quân với cha mày giao hiếu đã lâu, nên không ngừng gọi mày, mày cũng coi như cầu lấy đường công danh, tự mình qua đó đi.

Cố bất đắc dĩ, bèn đến, cùng quan lĩnh Trị trung Tòng sự là Dương Khang đều là tâm phúc của Ngu. Về sau Ngu cùng Vương Lăng thông mưu, Khang và Cố đều biết kế của họ. Lúc Ngu ốm bệnh, Khang theo lệnh của Tư đồ đến Lạc Dương, Cố cũng vì mắc bệnh bỏ chức. Khang ở kinh sư làm lộ việc ấy, Thái phó bèn sang đông bắt Vương Lăng.

Đến Thọ Xuân, Cố diện kiến Thái phó, Thái phó hỏi rằng:

- Khanh biết việc đó chăng?

Cố đáp không biết. Thái phó nói:

- Thế như việc gần đây. Ta hỏi khanh, Lệnh Hồ làm phản đúng chăng?

Cố lại nói không có. Nhưng Dương Khang bẩm, nói công việc của Cố có liên can. Thái phó bèn cho người tới bắt Cố và gia thuộc, đều trói đến chỗ quan Đình úy, hết sức tra khảo hơn chục lần, Cố vẫn nói rằng không có chuyện gì. Thái phó ghi lời của Dương Khang và Cố đối đáp cật vấn nhau, Cố đuối lý, bèn chửi Khang rằng:

- Thằng hèn đã phụ sứ quân, lại diệt dòng tộc nhà ta, hãy nghĩ xem mày có đáng sống chăng?

Lời cung định, việc đưa lên đợi quyết án, Đình úy nghĩ giao tình cũ, đáp ứng thỉnh cầu, giúp Cố gặp mẹ và vợ con. Cố trông thấy mẹ, không dám ngẩng lên nhìn, mẹ Cố biết Cố xấu hổ, an ủi bảo Cố rằng:

- Cung Hạ, mày vốn chẳng muốn ứng mệnh châu quận, vì ta cưỡng ép mày đấy thôi. Mày làm quan cho người ta, tự nhiên phải chịu như thế. Đây là bởi nhà ta đã suy, ta không oán hận gì cả. Bản ý của mày là như lời ta vậy.

Cổ rút cục vẫn không ngừng đầu lên, lại chẳng nói gì, đến tận lúc chết.

Khi trước, Dương Khang tự bầm việc, mong rằng được bá quan phong tước, sau vì lời cung ngôn từ thác loạn có liên quan, cũng bị chém cùng. Lúc sắp bị hành hình, cùng ra khỏi ngục, Cổ lại chửi Khang rằng:

- Thằng hèn, mày chết bởi số phận mày thôi. Nếu chết rồi mà còn biết được, mày có mặt mũi nào mà đi lại dưới đất nữa đây.

⑥ *Tấn ký* của Can Bảo chép: Võ quan ở Duyện châu là Mã Long người quận Đông Bình, thác thân làm gia khách của Ngu, đem gia tài riêng cải táng cho Ngu, chịu tang ba năm, trồng tùng bách trên mộ. Kê sĩ khắp châu quận cho là việc đáng thẹn.

⑦ *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Quảng tự Công Uyên. Em của Quảng là Phi Kiêu, Kim Hổ, đều có tài nghệ sức lực hơn người. Thái phó từng hỏi qua Trương Tế, Tế nói:

- Lãng văn võ gồm đủ, là vô song hiện thời. Bọn Quảng có chí hướng có sức khỏe, cái cao đẹp sánh được với cha vậy.

Khi quay về hồi lời ấy, báo với người thân của mình rằng:

- Ta nói lời này, là diệt tông môn nhà người ta rồi.

Ngụy mạt truyện chép: Con nhỏ của Lãng tự Minh Sơn, nổi danh nhất, khéo viết chữ, có nhiều tài nghệ, người có được chữ của Minh Sơn, đều lấy làm khuôn mẫu. Minh Sơn chạy trốn về hướng Thái Nguyên, truy quân đuổi kịp, lúc ấy có con chim bay đến đậu trên ngọn cây dâu, chập chờn lúc lên lúc xuống, Minh Sơn giương cung bắn, chim lập tức ngã nhào, người đuổi theo bèn dừng lại không dám tiến nữa. Minh Sơn đến nương nhờ nhà người thân ăn uống, nhà người thân báo quan, quan quân bèn tới bắt.

Quán Khâu Kiệm tự Trọng Cung, người quận Hà Đông huyện Văn Hi. Cha của Kiệm là Hưng, năm Hoàng Sơ trung làm Thái thú Vũ Uy, đánh kẻ phản dụ người hàng, khai thông phía tây Hoàng Hà, danh tiếng gần bằng với Thái thú Kim Thành là Tô Tắc. Lại đánh giặc là Trương Tiến và dẹp rợ Hồ phản loạn có công, được phong tước Cao Dương hương hầu.^① Hưng về triều giữ chức Tương tác đại tượng. Kiệm nối tước cha, làm Bình Nguyên hầu văn học.

Minh đế tức vị, Kiệm nhận chức Thượng thư lang, được thăng làm Vũ Lâm giám. Vì là người cũ của Đông cung, nên rất được ưu ái thân gần. Sau ra làm Điển nông ở Lạc Dương. Bấy giờ triều đình lấy nông dân đi sửa sang cung thất, Kiệm dâng sớ rằng:

"Ngu thần cho rằng việc cấp thiết trong thiên hạ là trừ hai mối hại, hai mối hại cấp thiết ấy là cơm ăn áo mặc của dân. Giả sử như môi hại không trừ được, sĩ dân đói rét, dầu cung thất cao đẹp, cũng là vô ích vậy."

Kiệm được thăng làm Thứ sử Kinh châu.

^① Ngụy danh thần tấu chép tờ biểu của Thứ sử Ung châu là Trương Ký rằng:

"Phía tây Hoàng Hà là nơi xa xôi, tang loạn rất lâu rồi, các đạo lộ ở quận Vũ Uy là yết hầu then chốt cơ yếu, hơn nữa dân Hán dân Di sống lẫn lộn, mấy lần có nạn binh đao. Lĩnh thái thú là Quán Khâu Hưng đến nhận chức quan, bên trong phủ dụ quan dân, bên ngoài yên ủy rợ Khương, Hồ, cuối cùng khiến họ quy thuận, là vị quan hiệu dụng. Hoàng Hoa, Trương Tiến ban đầu mưu đồ nghịch loạn, khuấy động các vùng xung quanh, Hưng chí khí trung liệt, lâm nạn chẳng quay đầu, vì quan tướng người Di bày tỏ chuyện họa phúc, miệng nói mà mắt sa lệ. Vì thế nam nữ vạn người, đều mang lòng cảm kích, tỏ ý phấn khích, thề hết lòng theo lệnh. Rồi đem tinh binh tiến đến uy bức quận Trương Dịch, cứu được Lĩnh thái thú là Đỗ Thông, Thái thú Tây Hải là Trương Mục. Quan dân ở hai huyện Phiên Hòa và Li Càn của quận Trương

Dịch cùng các bộ lạc người Hồ trong quận bỏ bọn xấu đến chỗ Hung, Hung đều phủ dụ vỗ yên, khiến họ hết sức với ruộng đồng. Hung mỗi khi làm việc gì, đều hết lòng hết sức, thực là vị quan lại tốt của quốc gia. Điện hạ tức vì, lưu tâm đến vạn việc, nếu có điều thiện nhỏ nhất, tất sẽ tưởng thưởng, thần cúi mình vâng thánh chỉ, bày tỏ rõ ràng các việc Hung đã làm."

Năm Thanh Long trung, Đế mưu tính dẹp Liêu Đông, vì Kiêm được có tài cán và mưu lược, được đổi làm Thứ sử U châu, gia thêm chức Độ Liêu tướng quân, cầm cờ tiết, Hộ Ô Hoàn hiệu úy. Kiêm thống suất chư quân ở U châu tiến đến Tương Bình, đóng trại ở Liêu Toại. Thiên vu xứ Ô Hoàn ở Hữu Bắc Bình là Khấu Lâu Đôn và Đô đốc Ô Hoàn ở Liêu Tây là bọn Suất Chúng Vương Hộ Lưu, trước đây theo Viên Thượng chạy đến Liêu Đông, đem hơn năm nghìn người đến hàng. Khấu Lâu Đôn phái em mình là bọn A La Bàn đến cửa khuyết triều cống, triều đình phong cho hơn hai mươi cừ súy của họ làm Hầu, làm Vương, ban cho họ xe ngựa vải lụa đều theo thứ bậc. Công Tôn Uyên đón chặn cùng Kiêm giao chiến, bất lợi, dẫn quân về. Năm sau, Đế phái Thái úy Tư Mã Tuyên vương thống lĩnh trung quân cùng mấy vạn quân của bọn Kiêm đánh dẹp Uyên, bình định Liêu Đông. Kiêm vì có công được tấn phong tước An Ấp hầu, hưởng thực ấp ba nghìn chín trăm hộ.

Năm Chính Thủy trung, Kiêm vì người Cao Câu Li mấy lần xâm nhiễu gây loạn, bèn đốc suất các quân bộ kỵ đến vạn người tiến ra Huyền Thổ, theo mấy đường đánh dẹp chúng. Vua nước Câu Li là Cung đem binh kỵ bộ hai vạn người, tiến quân đến thượng nguồn sông Phí Lưu, đại chiến ở Lương Khấu, Cung liên tiếp thua bại bỏ chạy. Kiêm bèn neo xe buộc ngựa, trèo lên núi Hoàn Đô, phá kinh đô của nước Câu Li, chém được mấy nghìn thủ cấp giặc rợ. Phái giả của nước Câu Li là Đắc Lai, mấy lần can gián Cung, ① Cung không theo lời của Phái giả. Đắc Lai than rằng:

- Ta đứng tại đất này mà thấy cỏ bông cỏ hao⁽¹⁾ sắp mọc.

Rồi tuyệt thực mà chết, cả nước cho là người hiền. Kiệm lệnh cho chư quân không phá hủy mộ của Đắc Lai, không chặt cây bên mộ của người ấy, bắt được vợ con của Đắc Lai, đều sai thả ra. Cung một mình đem vợ con bỏ trốn. Kiệm dẫn quân quay về.

Năm thứ sáu, Kiệm lại đi đánh Cung, Cung bèn chạy đến Mãi Câu. Kiệm phái Thái thú Huyền Thố là Vương Kỳ đuổi theo Cung,^② vượt qua nước Ốc Trờ hơn nghìn dặm, đến địa giới phía nam của bộ lạc Túc Thận, khắc bia đá chép công lao, bạt đá ở núi Hoàn Đô, làm bài minh ở thành Bất Nại. Giết và thu nạp hơn tám nghìn người ở vùng ấy, lúc luận công phát thưởng, hơn một trăm người được nhận tước hầu. Kiệm lại đào núi khơi dẫn nước, quan dân được nhờ cái lợi ấy.

① Thần Tùng Chi xét *Đông Di truyện*: Phái giả là tên chức quan của nước Câu Li.

② *Thế ngữ* chép: Kỳ tự Khổng Thạc, người quận Đông Lai, tên đại tặc Vương Di năm Vĩnh Gia trung thời nhà Tấn, là cháu nội của Kỳ.

Kiệm được thăng làm Tả tướng quân, nhận Giả tiết coi xét việc quân ở Dự châu, kiêm lĩnh Thứ sử Dự châu, rồi chuyển làm Trấn nam tướng quân. Vì Gia Cát Đản giao chiến ở Đông Quan, bắt lợi, triều đình bèn lệnh cho Đản và Kiệm hoán đổi chức vị. Đản làm Trấn nam, Đô đốc Dự châu, Kiệm làm Trấn đông, Đô đốc Dương châu.

Thái phó nước Ngô là Gia Cát Khác vây Tân Thành của Hợp Phì, Kiệm cùng Văn Khâm chặn đánh Khác, Thái úy Tư Mã Phu đốc trung quân sang đông giải vây, Khác lui về.

Khi trước, Kiệm và bọn Hạ Hầu Huyền, Lý Phong rất thân thiết. Thứ sử Dương châu, Tiền tướng quân Văn Khâm, là

¹ Cỏ bông là thứ cỏ dại mọc, cứ đến mùa thu thì chết khô, gió thổi lá cỏ bay phiêu dạt bành bông; cỏ hao cũng là thứ cỏ dại, mọc rất tốt, thường kết thành từng bụi rậm um tùm. Ý nói nước bị diệt thành gò hoang, kinh đô cỏ dại xanh um.

người cùng ắp với Tào Sảng, dũng mãnh quả cảm song quê kệch, nhiều lần lập chiến công, nhưng thích báo tăng số giặc bắt được, để mong nhận thưởng hậu, đa phần là không được đáp ứng, vì thế oán hận ngày một sâu. Kiêm nhân đó tính kế hậu đãi Khâm, tình cảm rất hòa hợp thân mật. Khâm cũng cảm kích đội ơn, thành tâm không hai lòng.

Năm Chính Nguyên thứ hai tháng giêng, có ngôi sao chổi dài mấy chục trượng, kéo dài đến chân trời phía tây bắc, nổi lên ở địa phận đất Ngô, Sở. Kiêm và Khâm mừng, cho là điềm lành của mình. Bèn giả chiếu của Thái hậu, kể tội trạng của Đại tướng quân Tư Mã Cảnh vương, gửi thư đến các quận trong nước, rồi cử binh làm phản. Bức hiếp chư tướng Hoài Nam từ tướng giữ thành, binh làm đồn điền, cho đến quan dân lớn nhỏ, đều phải vào thành Thọ Xuân, làm đàn tế ở phía tây thành, uống máu ăn thề ước thệ dấy binh, chia người già yếu giữ thành, Kiêm, Khâm tự đem năm sáu vạn bộ chúng vượt sông Hoài, sang tây đến huyện Hạng. Kiêm cố thủ, Khâm ở ngoài làm quân tác chiến lưu động.①

① Bọn Kiêm, Khâm dâng biểu rằng:

"Cổ tướng quốc là Ý, khuông phò nhà Ngụy, trải việc giữ mình trung trinh, cho nên Liệt tổ Minh hoàng đế đem trọng nhiệm ký thác. Ý ra sức dốc hết lòng trung, để vỗ yên Hoa Hạ. Lại nhân vì Tề vương là người thông minh, không có đức xấu, Ý dốc lòng chuyên cần tận trung để phù giúp hoàng thượng, thiên hạ được cậy nhờ. Ý muốn đánh dẹp diệt hai kẻ địch để yên thiên hạ, bắt đầu chia quân làm ruộng, định thời khắc cùng khởi sự, việc chưa thành thì mất. Tề vương nhân vì Ý lập công lớn giúp mình, cho nên mới sai Sư kế nổi nghiệp của Ý, ủy thác việc lớn."

"Thế nhưng, Sư nhiều năm giữ chức, không ốm mà thác bệnh, ngồi yên nắm giữ binh cường, không giữ cái lễ của kẻ bầy tôi, triều thần cho việc đó là sai, kẻ sĩ có nghĩa chê cười hấn, là điều mà thiên hạ nghe biết, đó là cái tội thứ nhất của hấn vậy."

"Ý lập kế chọn cách đánh giặc, chở nhiều lương nuôi quân, hẹn ngày thắng giặc. Sư là đại thần, đáng phải trừ nạn nước, lại là người con, đáng phải gánh trọn nghiệp của cha. Tiếng khóc bi ai còn chưa dứt mà ngừng ngay được, thế là làm tôi bất trung, làm con bất hiếu, đó là cái tội thứ hai của hần vậy."

"Giặc rút lui qua Đông Quan, Sư đang không tự nhiên cất binh, Tam chinh cùng tiến,⁽¹⁾ binh tan thua bại, nhiều năm tích quân, một sớm sạch nhẵn, dẫn mời giặc đến, thiên hạ xao động, người chết kẻ bị thương tan lìa, đó là cái tội thứ ba của hần vậy."

"Giặc đem hết binh cả nước, xưng là có năm mươi vạn, hướng đến Thọ Xuân, mưu đồ đến thắng Lạc Dương, vừa lúc Thái úy là Phu cùng bọn thân lập kế, bèn chặn lấp chỗ hiểm yếu, không cùng địch tranh phong, quay về cố thủ Tân Thành. Tướng sĩ của Hoài Nam xông pha đao nhọn, ngày đêm cùng nhau giữ vững, đắng cay khổ nhọc trăm ngày, người chết đầy đất, từ lúc nhà Ngụy có quân đến nay, lúc khó khăn khốn khổ nhất cũng không hơn thế. Mà Sư thỏa ý tự tung, chẳng luận việc phong thưởng, chuyên quyền tự tác, không biên chép công lao gì, đó là cái tội thứ tư của hần vậy."

"Bọn cố Trung thư lệnh là Lý Phong, nhân vì Sư không có tiết tháo của kẻ nhân thần, muốn bàn cách gạt bỏ hần. Sư biết được nên mời Phong đến, ngay đêm ấy lôi ra giết chết, chở thầy vui áo quan. Bọn Phong là đại thần, là người tâm phúc của đế vương, mà tự ý ra hình tàn khốc bạo ngược, chết không có tội danh, thế là Sư không có lòng với bậc quân vương, đó là cái tội thứ năm của hần vậy."

"Ý thường khen rằng Tề vương tự mình gánh vác được trọng trách của bậc nhân chủ, nghĩa quân thần đã định. Vương được phụng sự đến nay là mười lăm năm, mới nhún nhường nhận lại quyền chính, đi tuần xét kho vũ khí, xuống chiếu lệnh cho cấm binh không được ra ngoài làm xằng. Sư tự biết mình là kẻ gian ác, thần người không ai giúp đỡ, ngang ngược phế bỏ bậc quân vương, lại gán thêm tội lỗi. Phu, là chủ ruột của Sư, bản tính rất nhân hiếu, đuổi theo đưa tiễn Tề vương, nỗi đau xót

¹ Tam chinh là nói ba người: Chinh nam tướng quân Vương Sùng, Chinh đông tướng quân Hồ Tuấn, Trần nam tướng quân Quán Khâu Kiêm. Ba đạo quân này đi đánh Gia Cát Khác của nước Ngô ở trận Đông Quan, thua to, phải rút về.

chẳng tự ngăn nổi. Quần thần đều giận dữ nhưng Sư mang lòng nhân tâm, chẳng đoái hoài đến đại nghĩa, đó là cái tội thứ sáu của hấn vậy."

"Lại nữa là cố Quang lộc Đại phu Trương Tập, vô tội mà bị giết, vợ con ông ấy bị di diệt, họa đến cả mẫu hậu, lại bức dọa bậc Chí tôn, cưỡng thúc co kéo, việc lúc ấy thật bi ai, chẳng ai không đau lòng thương cảm; nhưng Sư lúc chúc tụng lại lấy đó làm vui mừng, đó là cái tội thứ bảy của hấn vậy."

"Bệ hạ lên ngôi, thông minh thần vũ, thực tâm có ý sửa sang phép tắc, muốn nêu cao kiem ước, thiên hạ nghe việc đó, chẳng ai không hoan hỉ vui mừng; nhưng Sư không tự hồi cải, sửa lại lễ tiết của kẻ bầy tôi, lại trái phép trưng binh mộ lính, hủy hoại nội cung, đặt quan tự phòng vệ. Bệ hạ lên ngôi, buổi đầu Sư không lên triều hầu. Bệ hạ muốn đến nhà Sư để thăm bệnh tình của hấn, Sư lại cự tuyệt chẳng nghe, thế là không vâng phép tắc, đó là cái tội thứ tám của hấn vậy."

"Gần đây Lĩnh quân Hứa Doãn sắp làm Trấn bắc, đã đem tiền của ban cấp, nhưng Sư dâng tấu xin gia hình, tuy rằng đưa đi lưu đày, trên đường bỏ đói cho chết, thiên hạ nghe việc ấy, chẳng ai không thương hại, đó cái là tội thứ chín của hấn vậy."

"Quân giữ ở ba phương, một sớm sớm mẻ, Sư tuyển nhiều tinh binh, lấy làm quân vệ trong doanh của mình, Lĩnh quân của năm doanh, khuyết mà không bù bổ, lại chở nhiều khí trọng, chất đầy trong doanh của mình, đây là điều thiên hạ nghe biết, người người mang lòng phẫn oán, lời đồn đại đầy đường, người trong nước nghi ngờ, đó là cái tội thứ mười của hấn vậy."

"Đưa nhiều binh phòng giữ về, chiếm dùng cho nhà mình, để bốn cõi ngoài xa trông rỗng, muốn thiện tiện tăng cường thế lực, để thỏa mãn lòng gian, mộ lính làm đồn điền, lại thêm việc ban thưởng cho chúng, cậy binh làm việc tàn nhẫn, bại hoại rối loạn phép cũ. Dem các phiên thuộc vương công tụ ở huyện Nghiệp, muốn giết hết bọn họ, để một sớm cử sự phế quân vương. Trời không dung kẻ ác mãi, khiến cho mất hấn bị sưng mà việc chẳng thành, đó là cái tội thứ mười một của hấn vậy."

"Tiền nhân của bọn thần đều đi theo Thái tổ Vũ hoàng đế đánh dẹp kẻ hung bạo, thành được đại công, giúp Cao tổ Văn hoàng đế vâng nhận

ngôi từ nhà Hán, mở nước nối nghiệp nhà, cũng như Nghiêu, Thuấn được lưu danh vậy. Thần cùng bọn Hộ quân An Phong là Trịnh Dục, Hộ quân Lư Giang là Lã Tuyên, Thái thú Lư Giang là Trương Hưu, Thái thú Hoài Nam là Đinh Tôn, Hộ quân Đốc thủ Hợp Phì là Vương Hưu nghị bàn, đều vì nhiều đời nhận ân, nghìn năm gió bụi, vẫn nghĩ dốc hết sinh mệnh, để lập công yên định trọn vẹn xã tắc cho quân vương. Nghĩa ấy ví có thành, dẫu mất cả vợ con, nuốt than sơn thân,⁽¹⁾ chết mà không hối hận vậy. Xét cái tội của Sư, nên ban đại hình, để làm rõ tội gian ác. Theo nghĩa Kinh Xuân Thu, một đời làm việc thiện, thì một đời được tha thứ. Ý có công lớn, đây là điều mà người trong nước biết, chiếu theo nghị bàn ở phép cũ, phế Sư đem tước hầu ban cho người em."

"Em của Sư là Chiêu, trung thành cung kính, sáng suốt khoan hòa, yêu thích kẻ sĩ, có khí độ của bậc quân tử ở đời, trung thành vì quốc gia, không giống với Sư. Bọn thần rập đầu tiến cử Chiêu, nên dùng thay Sư làm người đưa đường phò tá thánh cung. Thái úy là Phu, trung hiếu cung thuận, nên thân gần sủng ái, trao chức Bảo phó. Hộ quân Tân kỳ thường thị là Vọng, trung thành công chính tự mình sửa sang chính sự, gánh chức quan xứng với tài năng, từ xa đưa xe đến đón, có cái công làm túc vệ, nên cho làm Trung lĩnh quân."

"Theo nghĩa Kinh Xuân Thu, vì đại nghĩa diệt thân, cho nên Chu công giết em,⁽²⁾ Thạch Thác xé xác con,⁽³⁾ Quý Hữu dùng rượu độc giết anh,⁽⁴⁾ mưu tính cho quốc gia là trên, bảo toàn tông tộc là thứ yếu. Giết Cỗ

¹ Dục Nhượng: Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 235 (Tề vương Tào Phương truyện).

² Chu công giết Quản, Sái: Xem chú thích ở tập I, trang 88, quyển 1 (Vũ đế kỷ).

³ Thạch Thác (石碣) là đại thần nước Vệ thời Xuân Thu. Vệ Hoàn công nhu nhược nên ông lui về ở ẩn. Chu Hu là em khác mẹ của Vệ Hoàn công, giao kết với con của Thạch Thác là Thạch Hậu. Hai người bày mưu giết chết Hoàn công. Thạch Thác nghe tin, bí mật bày mưu với triều thần, giết chết Chu Hu và xé xác con mình, vì nước Vệ và báo thù cho Hoàn công.

⁴ Nước Lỗ thời Xuân Thu, dưới sự cai trị của Lỗ Trang công, là một nước mạnh. Trang công có ba người em là Quý Hữu, Khánh Phủ và Thúc Nha. Quý Hữu là người hiền, hai người kia gian xảo. Trang công sắp chết, Quý Hữu biết hai người kia tất tranh ngôi với con của Trang công, bèn đánh thuốc độc giết chết Thúc Nha. Về sau Quý Hữu lại đuổi được Khánh Phủ, lập con của Trang công là Công tử Thân lên nối ngôi, tức là Lỗ Hi công.

dùng Vũ, là điển sáng của thánh nhân,⁽¹⁾ là điều được xưa nay khen ngợi. Xin bệ hạ nghe lời tấu của bọn thần, triều đình bàn bạc kỹ. Thần nói đúng đạo, nếu Sư thoái vị nhường chức cho người hiền, bãi binh trả hết quyền hành, như phép cũ của thời Tam hoàng, thì thiên hạ hòa hợp. Nếu Sư cậy thế cậy đông không tự lui nhường, bọn thần sẽ thống suất quân tướng thuộc hạ, đêm ngày gấp rút hành quân, bắt theo mệnh trao quyền."

"Bọn thần hôm nay dâng bản tấu này, chỉ muốn cho Đại Ngụy mãi mãi trường tồn, khiến bệ hạ được làm một vị vua đúng nghĩa, vĩnh viễn dứt tuyệt cái họa diệt vong, trăm họ được an toàn, sáu cõi hợp thành một thể, khiến trung thần nghĩa sĩ chẳng thẹn với Tam hoàng và Ngũ Đế thôi. Thần sợ là binh đao nổi lên, thiên hạ nhiễu loạn, mới tâu bày việc lên trên, đưa thư đến ba vị tướng quân ở ba phương cùng các quan Điển nông ở các châu quận trong nước, để mọi người úy lạo quan dân sở tại, không được vọng động, cẩn trọng để nghe ngóng tin tức."

"Cúi mong bệ hạ nuôi dưỡng tinh thần, sáng suốt lo nghĩ việc nguy hại, để vô yên hải nội. Sư chuyên quyền nhờ vào thế lực, thường phạt tự ý, nghe tin bọn thần cất binh, tất hạ chiếu thư ngăn chặn ở các cửa ải và bến sông, khiến trạm dịch đưa thư không thông, thiên tiện trưng tập điều động, sẽ có người bị bắt bó. Đó là chiếu thư của Sư, không phải là chiếu thư của bệ hạ, ở những chỗ đó đều không được vâng theo sai khiến. Bọn thần đường xa, sợ văn thư không được thông khắp các nơi, liền tạm thời thường phạt, để tiện bề làm việc thích hợp, đợi yên ổn sẽ dâng biểu tấu lên."

Đại tướng quân thống suất quân trong ngoài đánh dẹp Kiêm, biệt phái Gia Cát Đản đốc chư quân của Dự châu từ bến An Phong theo lối Thọ Xuân, Chinh đông tướng quân Hồ Tuân đốc chư quân của Thanh, Từ tiến ra vùng Tiêu, Tống, chặn cắt đường về của Kiêm. Đại tướng quân đóng trại ở Nhữ Dương, sai Giám quân là Vương Cơ đốc trách các đạo quân tiên phong chiếm vùng Nam Đốn để đợi Kiêm. Lệnh cho chư quân đều giữ

¹ Vua Thuấn sai Côn đi trị thủy, Vũ không làm nổi, Thuấn bèn giết Côn, dùng con của Côn là Vũ thay đi trị thủy, thành công. Sau này Vũ làm vua, lập ra nhà Hạ.

chắc hào lũy chớ cùng Kiệm giao chiến. Kiệm, Khâm tiến chẳng giao đấu được, lui thì sợ Thọ Xuân bị tập kích, không quay lại được, kể cùng không biết làm sao. Các tướng sĩ của Hoài Nam, gia quyến đều ở tại phương bắc, lòng người tự tan, nổi nhau ra hàng, duy có dân mới theo về ở Hoài Nam là theo lệnh sai khiến. Đại tướng quân phái Thứ sử Duyệt châu là Đặng Ngải đốc chư quân của Thái Sơn hơn vạn người đến huyện Lạc Gia, tỏ ra yếu thế để dụ địch, Đại tướng quân theo đường từ huyện Thù đến. Khâm không biết, quả nhiên ban đêm Khâm muốn tập kích bọn Ngải, sáng ra, thấy quân mã của Đại tướng quân đông đảo, bèn dẫn quân quay về.^① Đại tướng quân thả quân kiêu kỳ truy kích, đại phá Khâm, Khâm trốn chạy. Hôm ấy, Kiệm nghe tin Khâm bại trận, sợ hãi trong đêm chạy trốn, quân đội tan vỡ. Gần đến huyện Thận, còn số ít binh sĩ ở xung quanh cũng bỏ Kiệm mà đi, một mình Kiệm và người em út là Tú cùng người cháu là Trọng giấu mình trong đám cỏ ven sông. Thuộc dân của quan Đô úy ở bến An Phong là Trương Chúc tới bắn chết Kiệm, đưa thủ cấp về kinh đô. Chúc được phong tước hầu. Tú và Trọng chạy vào nước Ngô. Các tướng sĩ bị Kiệm, Khâm bức hiếp, đều quy hàng.^②

① *Nguy thị Xuân Thu* chép: Con giữa của Khâm là Thục, tên lúc nhỏ là Ương. Tuổi còn nhỏ, sức lực dùng mãnh hơn người, bảo Khâm rằng: "Nhân lúc họ chưa yên, ta đánh họ có thể phá được vậy." Vì thế chia quân làm hai đội, ban đêm giáp công vào chỗ đóng quân bên kia. Thục dẫn tráng sĩ đến trước, lớn tiếng hô gọi Đại tướng quân, trong quân rung động nhiều loạn. Khâm đi sau không đến kịp. Sáng ra, Thục rút lui, Khâm cũng dẫn quân quay về.

Nguy mạt truyện chép: Trong cung có người họ Doãn, tự Đại Mục, thuở nhỏ làm gia nô nhà họ Tào, thường hầu hạ ở bên cạnh Đế, Đại tướng quân đem đi cùng. Đại Mục biết một mặt của Đại tướng quân đã lòi ra ngoài, bầm rằng:

- Văn Khâm vốn là tâm phúc của mình công, chỉ vì người ta làm cho mê hoặc thôi, lại là người cùng quê quán với Thiên tử. Đại Mục này trước đây được Văn Khâm tin cậy, xin được đuổi theo nói chuyện khuyên giải hấn, khiến hấn quay về cùng mình công lại giao hảo.

Đại tướng quân nghe theo phái Đại Mục một mình qua đó, Mục cưỡi con ngựa lớn, mặc áo giáp, đuổi theo Văn Khâm, ở đằng xa cùng nói chuyện với nhau. Trong lòng Đại Mục thực sự muốn yên họ Tào, nói ẩn dụ rằng:

- Quân hầu sao khổ sở thế, không chịu nhẫn nhịn mấy ngày nữa vậy!

Là muốn khiến Khâm hiểu ý mình. Khâm tuyệt đối không hiểu được, bèn quay lại lớn tiếng chửi Đại Mục rằng:

- Mày là gia nhân của Tiên đế, chẳng nghĩ đến việc báo ân, lại giúp Tư Mã Sư làm chuyện phản nghịch; chẳng đoái hoài gì đến Thiên tử, trời chẳng giúp mày đâu!

Bèn giương cung đặt tên muốn bắn Đại Mục, Đại Mục sa nước mắt khóc nói:

- Thế sự hổng rồi, hãy khéo tự gắng sức vậy.

② Khâm gửi thư cho Quách Hoài rằng:

"Đại tướng quân Chiêu Bá và Thái phó (bá) cùng nhận cố mệnh, Đế cầm tay ở trên giường, phó thác việc thiên hạ, đây là việc mà người xa kẻ gần đều biết. Sau vì quyền thế lợi lộc, mới tuyệt hậu tự của Chiêu Bá, đến cả người thân và bè đảng của ông ấy, đều là anh tuấn một thời, nên người ta vì thế đau lòng, tại sao như thế! Công hầu có ân với Tư Mã công, thân phận rõ ràng, nghĩa xuyên vàng đá, đang lúc bấy giờ, thiết nghĩ sẽ rất đau xót, nỗi khổ thật khó nhẫn nhịn nổi vậy. Vương Thái úy chán ghét việc chuyên quyền triều chính của Thái phó, ngầm muốn dấy binh, việc rút cục chẳng thành, lại bị giết cả họ, làm hại đến Sở vương, đoái nghĩ đến thực là tiếc hận."

"Thái phó đã mất, nhưng con của Thái phó là Sư kế nghiệp của cha, phóng túng bạo ngược, ngày càng quá quắt, đuổi quân vương giết

hoàng hậu, tàn sát trung lương, trong lòng cất chứa họa hại, rồi sẽ đến lúc thí chúa cướp ngôi. Việc ấy còn nỡ làm, thì có điều gì không nỡ làm nữa đây? Khâm lấy danh nghĩa làm việc trọng đại, thờ quân vương có khí tiết, lòng trung phần hận phát từ tâm, quên ngủ quên ăn, không có gì tiếc hận vậy. Lúc Quán Khâu Tử Bang tự gửi thư cho cha, khuyên nên truyền tin đến Công hầu, hết nghĩa thờ bậc quân vương, muốn gắt sức đến trắng tóc, cũng như Thái công, chỉ đợi tin tức ở phương đông, nghe tiếng vang hưởng ứng nhau, ngày ấy ta nghe được tin tức lẽ nào không hăng hái! Vì thế chẳng đoái hoài đến nỗi thống khổ của vợ con, lập tức cùng Trấn đông Quán Khâu cất hơn ba vạn nghĩa binh, hướng về tây vọt đến kinh sư, muốn phù trì vương thất, quét sạch kẻ gian nghịch, nhón chân ngóng về tây, song không nghe được tin tức, ví người nước Lỗ trông Cao tử,¹ cũng chẳng sốt sắng bằng. Vì lòng nhân gánh vác việc còn không từ chối, huống chi là cứu nạn cho bậc quân vương? Tiểu nhân đồ rằng đường xa ngăn trở, cho nên Công hầu chẳng thể đến được đúng hẹn đó thôi. Như kẻ chung thuyền vượt sông, cùng cục diện an nguy, mối họa đau xót đã vướng vào, không phải lời nói che đậy bên ngoài làm tiêu tan đi được, đây là điều mà tự Công hầu biết rõ vậy. Chúng ta cùng thờ họ Tào, lâu nay trung thành với Ngụy triều, người đi trên đường đều biết như thế. Nhưng làm kẻ sĩ ở triều đình, mà mưu lợi sống tạm, đó là điều mà kẻ sĩ cứng cỏi hổ thẹn, bậc Công hầu coi khinh, bọn nhà buôn còn không nỡ làm thế, huống chi là bọn kẻ sĩ đang làm quan?"

"Quân binh đóng trại ở huyện Hạng, tiểu nhân đến ngày mười sáu tháng nhuận thì tiến quân, tới thành Lạc Gia đánh dẹp Sư, quân lính của Sư mấy chốc mà tan vỡ, bọn ấy chém hết rồi, thì chẳng phải cân nhắc gì nữa, chỉ nên ruổi dài đến thẳng kinh sư. Nhưng tin đồn đến trước, Quán Khâu chẳng tường việc ấy, lại bảo tiểu nhân lăm lăm lộ quân cơ, chur quân vì thế tan như ngói vỡ. Quán Khâu chạy về, tiểu nhân đuổi theo giải thích, mà không theo kịp được. Tiểu nhân quay về huyện Hạng, lại gặp mười hai toán quân của bọn Vương Cơ, tiểu nhân đuổi theo tìm

¹ Cao tử (高子) tức Cao Hề (高侯), là quan Thượng khanh nước Tề. Lỗ Trang công chết, Khánh Phủ là anh em với Trang công muốn cướp ngôi của con trai Trang công. Vua nước Tề sai Cao Hề đem quân sang giúp nước Lỗ, lập Công tử Thân lên ngôi, là Lỗ Hi công.

Quán Khâu, tiến binh đánh dẹp chúng, tức thì phá được, hướng về đâu là thắng đó, mong quân ở phía sau mà sao không có ai tiếp ứng? Quân cô ở chốn lang sói, chẳng còn chỗ tiến lùi, quay về giữ Thọ Xuân, người ở Thọ Xuân lại bỏ chạy, lang sói ngăn trở, không còn kế gì nữa, chỉ còn đường quy thuận Đại Ngô, mượn binh xin lương, theo gót Ngũ Viên thôi."⁽¹⁾

"Chẳng chịu làm kẻ nô bộc, sao được sướng ý mặc lòng, báo cừu cho đấng quân vương, khiến cho họ Tào được hưởng vật phẩm cúng tế, đấy cũng là nghĩ đến việc báo đáp đại quốc vậy. Há đâu Công hầu không thuận theo cái danh phận của Trình Anh, Xử Cửu thời trước,⁽²⁾ mà khiến cho riêng Đại Ngụy không có kẻ sĩ có việc làm được khen ngợi ở đời ư? Nay Đại Ngô một lòng nêu cao đại nghĩa, xót thương sâu sắc. Nhưng kẻ hèn này với địa phận nước lớn liền kề, xa xôi nhưng cùng một đường, mong một ngày cùng nổi dậy, chia cắt đất đai Trung Quốc, không muốn nhân đó giúp cho riêng mình. Công hầu hẳn mang hoài bão ở trong lòng, nên mở rộng đại thế, sợ là quân lính ở Tân Xuyên không thể nổi dậy riêng lẻ. Cái kế ngày nay, nên khuất mình theo người, mong Công hầu phó thác số mệnh cho nhà Hán,⁽³⁾ đông tây cùng cử sự thôi, thế mới có thể đánh thắng dẹp yên được bè đảng của Sư vậy."

"Mong Công hầu hãy xét kỹ lời nông cạn này, nếu ngu kẻ có thể theo được, nên khiến cho quân Hán giữ chỗ hiểm của họ, khiến người ở sáu cõi ra sức, rồi cùng được phong thưởng như Chu, Triệu,⁽⁴⁾ gửi lại cho con cháu. Đấy cũng không phải là việc không trọng yếu, kẻ đại trượng phu dù ở yên cũng là người lỗi lạc, vì thế ta ở nơi xa tỏ rõ lòng trung, giờ đây mong sớm được phúc đáp tin lành."

¹ Ngũ Viên, người nước Sở, cha là Ngũ Xa bị Sở Bình vương giết, trốn sang nước Ngô, giúp vua Ngô hùng mạnh, xin binh về đập bằng nước Sở, quật mộ Sở Bình vương báo thù.

² Thời Xuân Thu, tại nước Tấn, Triệu Thuần có hai người tân khách tâm phúc là Trình Anh (程嬰) và Xử Cửu (杵臼). Lúc Triệu Thuần bị tên gian thần Đồ Ngạn Giã giết, họ hàng bị giết sạch. Trình Anh và Xử Cửu giấu đứa con nhỏ của Triệu Sóc ở trong núi, họ Triệu không bị tuyệt diệt.

³ Ý nói Quách Hoài nên theo nước Thục, tạo thế đông tây hô ứng, cùng đánh Tư Mã Sư ở nước Ngụy.

⁴ Chu công và Triệu công lãnh đạo chư hầu, dẹp nội loạn, phù tá Thành vương, được thiên hạ khen ngợi, bản thân họ được ban tước phong vương.

Bấy giờ Quách Hoài đã chết, Khâm chưa biết, nên mới có bức thư này.

Thế ngữ chép: Quán Khâu Kiệm bị giết, phe đảng có hơn bảy trăm người, mới truyền cho Thị ngự sử là Đỗ Hữu thăm xét rõ ràng, chỉ bắt lấy mười người đứng đầu, còn lại đều tấu lên thả ra.

Hữu tự Quý Tử, người Đông Quận, ra làm Thứ sử Ký châu, Hà Nam doãn thời nhà Tấn. Con của Hữu là Mặc, tự Thế Huyền, trải chức Lại ở Bộ lang, rồi làm Vệ úy.

Con của Kiệm là Điện, làm Trị thư thị ngự sử, lúc trước biết Kiệm mưu tính nổi dậy, đưa riêng người nhà mình trốn chạy lên trên núi Linh huyện Tân An. Để biệt phái một cánh quân đi đánh hạ, giết ba họ nhà Kiệm.^①

① *Thế ngữ* chép: Điện tự Tử Bang, có danh tiếng ở kinh ấp. Tê vương bị phế, Điện bảo Kiệm rằng:

- Đại nhân gánh vác trọng trách một phương, quốc gia nghiêng đổ mà an nhiên tự thủ, là chịu sự trách mắng của người trong bốn bể.

Kiệm cho là đúng. Đại tướng quân ghét Kiệm giúp người khác. Lúc Kiệm khởi binh, xét hỏi những người kiệt hiệt ở địa phương, họ nói rằng không đến với người không có tài năng. Kiệm bắt đầu khởi binh, phái con là bốn người bọn Tông vào nước Ngô. Năm Thái Khang trung, bình được nước Ngô, anh em Tông đều quay về Trung Quốc.

Tông tự Tử Nhân, có phong thái của Kiệm, làm quan đến chức Thái thú Linh Lăng. Con của Tông là Áo, làm Giám quân ở Ba Đông, Thứ sử Ích châu.

Tập Tạc Xi nói: Quán Khâu Kiệm cảm kích lời cố mệnh của Minh đế, cho nên làm cái việc dấy binh như thế. Bậc quân tử cho rằng việc của Quán Khâu Kiệm tuy chẳng thành, có thể gọi là trung thần rồi. Dốc hết khí tiết mà làm việc nghĩa là do mình vậy, thành hay bại là do thời thế vậy, mình nếu không gặp thời, sao thành công được đây? Quên mình mà không tự mong cầu gì, điều đó

được gọi là trung rồi vậy. Người xưa có nói: "Chết mà lại sống, sống thì chẳng thẹn. Như Quán Khâu Kiệm có thể nói là không thẹn vậy."

Khâm trốn vào nước Ngô, nước Ngô dùng Khâm làm Đô hộ, ban Giả tiết, làm Trấn bắc Đại tướng quân, U châu mục, tước Tiêu hầu.^①

① Khâm xin hàng nước Ngô dâng biểu rằng:

"Thần nhận mệnh bất hạnh, giữ chức hèn ở nước Ngụy, hai lần dứt tuyệt với thiên tử. Tuy nép mình ở một góc vẫn tự biết rằng không có đường lui tới. Tư Mã Sư phản nghịch tội ác đầy trời, phế hại hai vua, Tân, Quý, Cao, Mãng, tội ác cũng không đủ để so sánh."⁽¹⁾

"Khâm mấy đời chịu ân của nhà Ngụy, cái tình loài quạ bú mớm, nỗi phần hận riêng trong lòng muốn bật lên, cái nghĩa tại tam, xin hẹn báo đáp khi nằm xuống."⁽²⁾ Lúc trước Khâm cùng bọn Quán Khâu Kiệm, Quách Hoài đều cất nghĩa binh, sắp cùng đánh dẹp Sư, quét sạch hung nghiệt, thần thực thiếu cẩn trọng, cố chấp non kém. Trí mưu nông cạn, khí tiết nhỏ nhen chẳng thông suốt, tiến không có chỗ dựa, đau đớn xé lòng. Lui thì nghĩ là chẳng thể phù giúp bản triều, cúi xuống ngẩng lên ôm mối thẹn, không chỗ chôn mình. Mạo muội noi theo nghĩa xưa, cố xin theo về quý quốc, làm người dân mượn thiên uy, vạn nhất có được mở mang, đến ngày chết đi, cũng không có gì oán hận. Liên quyết ý đem tướng sĩ, theo mệnh về với giáo hóa, hổ thẹn cầu thả tạm sống, không biết bày tỏ thế nào."

"Kính cần dâng lên ấn thụ Sứ tri tiết, Tiên tướng quân, Sơn Tang hầu mà nước Ngụy trao. Sắp dâng biểu mà sợ hãi tội mê lầm, nép mình đợi tội chết."

¹ Tân là vua Trụ nhà Ân, Quý là vua Kiệt nhà Hạ, Cao tức Lã hậu thời Tây Hán, Mãng tức Vương Mãng nhà Tân (thay nhà Tây Hán), bốn người này đều là những kẻ bạo ngược, tàn ác, loạn nước hại quốc gia.

² Tại tam chi nghĩa: Cha là người sinh ra mình, thầy là người dạy dỗ mình, vua là người cho mình ăn lộc. Không có cha thì không được sinh ra, không có thầy dạy dỗ thì không hiểu biết, không có người cho cái ăn thì không lớn lên được. Nghĩa tại tam tức là thờ cha, kính thầy, trung với vua.

Ngụy thư chép: Khâm tự Trọng Nhuộc, người Tiêu Quận. Cha của Khâm là Tắc, năm Kiến An trung làm tướng quân quân ky, có sức khỏe mà dũng cảm.

Khâm thời trẻ đã có tiếng là con nhà tướng, có tài võ được khen ngợi. Ngụy Phúng làm phản, Khâm bị buộc tội cùng Phúng có thư từ qua lại, lúc hạ ngục, bị đánh mấy trăm roi, ứng phải chịu từ tội, Thái tổ vì Tắc mà tha tội cho Khâm.

Năm Thái Hòa trung, Khâm làm Ngũ doanh hiệu đốc, rồi ra làm Nha môn tướng.

Khâm bản tính cương mãnh, hung hăng vô lễ, ở sở quan rất xác xược lấn áp cấp trên, không vâng phép quan, thường bị tấu tội lên, Minh đế giáng chức. Về sau lại cho làm Nha môn tướng ở Hoài Nam, rồi chuyển làm Thái thú Lư Giang, Ứng dương tướng quân.

Vương Lăng tấu rằng Khâm tham lam tàn bạo, không nên cho võ về biên giới, xin cách chức quan trị tội, bởi thế triều đình triệu Khâm về. Tào Sảng vì Khâm là người cùng quê, đối đãi hậu hĩnh, không trị tội của Khâm. Lại phái quay về Lư Giang, gia thêm chức Quán quân tướng quân, ân sủng quý trọng hơn trước. Khâm vì có đó càng thêm kiêu ngạo, thích cậy tài khoe công, vì vũ dũng hơn người nên rất có hư danh ở ba quân.

Sau khi Tào Sảng bị giết, triều đình tiến cử Khâm làm Tiền tướng quân để Khâm yên lòng, rồi sau lại cho thay Gia Cát Đản làm Thứ sử Dương châu.

Từ sau khi Tào Sảng bị giết, Khâm thường lo sợ trong lòng, cùng Gia Cát Đản căm ghét nhau, không chung sức mưu tính việc. Lúc Đản rút bỏ binh, Quán Khâu Kiệm đến, Khâm bèn ngầm cùng Kiệm kết mưu. Khi thua trận bỏ chạy, ngày đêm đi gấp, quân truy đuổi không theo kịp, mới vào được nước Ngô, Tôn Tuấn hậu đãi Khâm.

Khâm tuy ở nước khác, nhưng không chịu khuất tiết ở dưới người, từ bọn Lã Cứ, Chu Dị cho đến các Đại tướng đều ghét giận Khâm, duy có Tuấn là thường giúp đỡ Khâm.

Gia Cát Đản tự Công Hưu, người quận Lang Nha huyện Dương Đô, là dòng dõi của Gia Cát Phong vậy. Ban đầu Đản lấy thân phận Thượng thư lang ra ngoài làm Huỳnh Dương lệnh,^① sau về triều làm Lại bộ lang. Có người phó thác người thân cho Đản, Đản liền nói rõ ý mình mà nhận dùng, về sau đánh giá tốt xấu, thì công khai nghị bàn về cái hay dở của người ấy rồi thi hành thưởng phạt, từ đấy các quan chẳng ai không cẩn thận khi tiến cử người khác.

Đản dần dần được thăng làm Ngự sử trung thừa Thượng thư, cùng bọn Hạ Hầu Huyền, Đặng Dương giao hiếu với nhau, gây danh tiếng ở triều đình, khống chế dư luận ở kinh đô. Có người nói rằng bọn Đản, Dương phù phiếm hảo huyền, tóm lại là chỉ có hư danh, không thể tồn tại được lâu. Minh đế ghét họ, bãi chức quan của Đản.^② Vừa lúc Đế băng hà, năm Chính Thủy sơ, bọn Huyền đều còn tại chức. Lại dùng Đản làm Ngự sử trung thừa Thượng thư, rồi đưa ra làm Thứ sử Dương châu, thêm chức Chiêu vũ tướng quân.

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Đản làm quan Lang, cùng Bộc xạ Đỗ Kỳ thử thuyền trên sông Đào, lỡ gặp gió lật thuyền bị chìm, Đản cũng bị đắm cùng. Quân hổ bên bờ sông cứu Đản, Đản nói:

- Hãy cứu Đỗ hầu trước.

Đản bị trôi dạt vào bờ, chết rồi mà tỉnh lại.

② *Thế ngữ* chép: Thời ấy, bọn kẻ sĩ anh tuấn ở đời là Tán kỵ thường thị Hạ Hầu Huyền, Thượng thư Gia Cát Đản, Đặng Dương, cùng tâng bốc nhau, cho rằng bốn người bọn Huyền là Tứ thông, tám người bọn Đản là Bát đạt, ba người khác là con của Trung thư giám Lưu Phóng tên Hy, con của Tôn Tư tên Mật, con của Lại bộ thượng thư Vệ Trăn tên Liệt, đều không sánh bằng bọn kia, vì dựa vào vị thế của cha, nên ba người ấy được dự vào nhóm, cả thảy là mười lăm người. Đế vì bọn họ bấy lâu làm những việc hảo huyền phù phiếm, đều bãi miễn chức quan suốt đời không dùng lại bọn họ.

Vương Lăng có âm mưu, Thái phó Tư Mã Tuyên vương ngầm đem quân sang đông thảo phạt, lấy Đản làm Trấn đông tướng quân, ban Giả tiết đô đốc việc quân ở Dương châu, phong tước Sơn Dương đình hầu. Gia Cát Khác cất quân đến Đông Quan, triều đình phái Đản đốc chư quân đánh dẹp Khác, cùng giao chiến, bất lợi. Lúc quay về, chuyển làm Trấn nam tướng quân.

Về sau Quán Khâu Kiệm, Văn Khâm làm phản, phái sứ giả đến chỗ Đản, kêu gọi sĩ dân ở Từ châu. Đản chém sứ giả của họ, bố cáo thiên hạ, khiến mọi người biết Kiệm, Khâm hung nghịch. Đại tướng quân Tư Mã Cảnh vương đông chinh, sai Đản đốc trách chư quân ở Dự châu, qua bến An Phong nhằm hướng Thọ Xuân. Kiệm, Khâm bị phá, Đản đến Thọ Xuân trước. Trong thành Thọ Xuân có hơn chục vạn khẩu, nghe tin Kiệm, Khâm bại trận, sợ bị giết, đều phá cửa thành ra ngoài, trốn chạy tứ tung nơi đầm núi, có kẻ chạy vào nước Ngô. Vì Đản ở Hoài Nam đã lâu, triều đình lại lấy Đản làm Trấn đông tướng quân, Nghi đồng tam ti, đốc trách Dương châu.

Đại tướng nước Ngô là bọn Tôn Tuấn, Lã Cứ, Lưu Tán nghe tin Hoài Nam có loạn, vừa lúc Văn Khâm qua đó, bèn suất chúng theo Khâm đi đường tắt đến Thọ Xuân; bấy giờ các đội quân của Đản đã đến, thành trì không thể đánh được nữa, chúng bèn bỏ chạy. Đản phái tướng quân Tưởng Ban truy kích chúng, chém Tán, đưa thủ cấp về, thu ấn tín và phù tiết của Tán. Đản được tấn phong tước Cao Bình hầu, thực ấp ba nghìn năm trăm hộ, rồi chuyển làm Chinh đông Đại tướng quân.

Đản đã cùng bọn Huyền, Dương là chí thân, thêm nữa là bọn Vương Lăng, Quán Khâu Kiệm liên tiếp bị diệt sạch, trong lòng chẳng tự yên, bèn dốc hết kho tàng phát chẩn để gắn kết lòng người, hậu đãi nuôi dưỡng mấy nghìn người thân đang nương nhờ và bọn hiệp khách ở Dương châu làm sĩ tử.^①

Năm Cam Lộ nguyên niên mùa đông, giặc Ngô muốn hướng đến Từ Yển, Đản mượn có sai Đốc binh là Mã Túc đến đòi chúng, rồi lại xin mười vạn quân giữ Thọ Xuân, hơn nữa lại xin đắp thành ở ven sông Hoài để phòng bị giặc cướp, trong bụng là muốn giữ lấy vùng Hoài Nam. Triều đình ngầm biết là Đản có lòng ngờ vực, vì Đản là cựu thần, muốn gọi về để cấm chế. Năm thứ hai tháng năm, triệu Đản về làm Tư không. Đản nhận chiếu thư, càng sợ hãi, bèn làm phản.

Đản triệu hội chư tướng, tự mình xuất binh tấn công Thử sử Dương châu là Nhạc Lâm, giết Lâm.^② Đản thu gom hơn mười vạn quan binh làm đồn điền ở các quận huyện Hoài Nam, Hoài Bắc, tinh binh ở Dương châu mới nương dựa được bốn năm vạn người, tích thóc đủ ăn một năm, đóng cửa thành tự giữ. Rồi phái Trương sử là Ngô Cương đem con nhỏ là Tịnh đến nước Ngô xin cứu giúp.^③ Người Ngô cả mừng, phái tướng là bọn Toàn Dịch, Toàn Đoan, Đường Tư, Vương Tộ, đem ba vạn binh chúng, bí mật cùng Văn Khâm đều đến cứu Đản. Nước Ngô lại lấy Đản làm Tả đô hộ, ban Giả tiết, Đại tư đồ, Phiêu kỵ tướng quân, Thanh châu mục, Thọ Xuân hầu. Bấy giờ Trần nam tướng quân là Vương Cơ vừa mới đến, đốc suất chư quân bao vây Thọ Xuân, còn chưa hợp binh. Bọn Tư, Khâm từ phía đông bắc thành, men núi vượt hiểm, dẫn binh lính của mình phá vây vào thành.

① *Ngụy thư* chép: Đản ban thường quá phép tắc. Có kẻ phạm tội chết, Đản nói lỏng phép cấm để cứu sống họ.

② *Thế ngữ* chép: Lúc Tư Mã Văn vương đã nắm việc triều chính, Trương sử là Giả Sung cho rằng nên phái Tham tá đi úy lạo tướng soái của bốn phương, vì thế Vương phái Sung đến Thọ Xuân. Sung trở về bẩm với Văn vương rằng:

- Đản về lại Dương châu, có uy danh, lòng dân theo về. Nay triệu gọi, ông ta tất nhiên không tới, là họa nhỏ việc mọn; không triệu về, để lâu là đại họa vậy.

Vương bèn lấy Đản làm Tư không. Thư đến nơi, Đản nói:

- Ta làm tước Công đang đứng sau Vương Văn Thư,⁽¹⁾ nay lại thích hợp làm Tư không sao! Không phải sứ giả tới, lại gấp rút đưa thư đến, sai ta đem binh giao cho Nhạc Lâm, việc này tất là Lâm làm ra.

Liên dẫn mấy trăm tá hữu đến Dương châu, người Dương châu định đóng cửa thành, Đản quát rằng:

- Ngươi không phải là quan lại cũ của ta sao!

Liên đi thẳng vào, Lâm bỏ trốn lên lầu, Đản tới chém Lâm.

Ngụy mạt truyện chép: Giả Sung cùng Đản tương kiến, nói chuyện thời sự, nhân đó bảo Đản rằng:

- Những người hiền trong thành Lạc Dương, đều mong việc trao nhường, đây là điều mà ngài biết vậy. Ngài cho là thế nào?

Đản nghiêm mặt nói:

- Ngài không phải là con của Giả Dục châu⁽²⁾ sao? Nổi đời nhận ân của nhà Ngụy, làm sao lại phụ quốc gia, muốn đem nhà Ngụy dâng cho người khác ư? Điều sai trái ta không nhẫn tâm nghe được. Nếu thành Lạc Dương có nạn, ta sẽ chết với vương thất.

Sung lặng yên không nói.

Đản đã bị triệu về, bèn mời các Nha môn tướng tới đặt tiệc ăn yến, gọi các binh lính đi theo Nha môn tướng đến, đều ban cho rượu lệnh phải uống say, rồi bảo chúng nhân rằng:

- Trước đây ta mới làm xong một nghìn bộ áo giáp và binh khí cho quân, muốn dùng để ra đánh giặc, nay sắp quay về Lạc Dương, không được dùng nữa, ta muốn tạm mang ra dùng, đùa bỡn với người khác, một chốc rồi về thôi; các ông hãy tạm dùng.

Liên gấp rút đánh trống đem tướng sĩ bảy trăm người đi ra. Nhạc Lâm nghe tin, đóng cửa châu. Đản đi vòng qua cửa phía nam tuyên bố rằng:

¹ Vương Sưởng, tự Văn Thư, bấy giờ giữ chức Phiệu kỵ tướng quân. Xem tập V, quyển 27 (Vương Sưởng truyện).

² Giả Quỳ, từng giữ chức Thứ sử Dục châu. Xem tập III, quyển 15 (Giả Quỳ truyện).

- Ta sắp về Lạc Ấp, tạm ra ngoài vui chơi, Dương châu sao lại đóng cửa phòng bị?

Tiến đến cửa phía đông, cửa đông lại đóng, Đản bèn sai quân trèo lên thành phá cửa, người trong châu đều bỏ chạy, lính nhân gió phóng hỏa, đốt phủ khố của châu, rồi giết Lâm.

Đản dâng biểu rằng:

"Thần nhận trọng trách của quốc gia, quân binh ở phương đông, Thứ sử Dương châu là Nhạc Lâm chuyên làm việc dôi trá, nói thần cùng với giặc Ngô tư thông qua lại, lại nói là đã nhận chiếu thư sắp thay chức của thần, không có phép tắc đã lâu rồi. Thần phụng mệnh quốc gia, lấy cái chết để giữ tròn tiết nghĩa, rút cục không có nguyên nhân gì khác. Thần hận Lâm là kẻ bất trung, liền đem bảy trăm quân bộ kỵ, vào ngày mồng sáu tháng này đánh dẹp Lâm, ngay trong ngày chém được thủ cấp, đựng đầu trong hộp cho ngựa dịch đưa đi. Nếu thánh triều xét rõ lòng thần, thì thần là bầy tôi của nhà Ngụy; không xét rõ lòng thần, thì thần là bầy tôi của nước Ngô. Hôm nay thần không kìm nổi sự tức giận, kính cẩn bái lạy dâng biểu tỏ lòng ngu, đau xót cảm thương khóc ra máu, nước nỏ sụt sùi, chẳng biết làm sao, mong triều đình xét đến lòng chí thành của thần."

Thần Tùng Chi cho rằng những lời mà Ngụy mạt truyện nói, đại khái đều là lời thô bỉ. Ngờ rằng biểu của Đản phải nói khúc chiết, chẳng đến nỗi thô như thế.

③ *Thế ngữ* chép: Năm Hoàng Sơ mạt, người Ngô đào mộ của Trường Sa vương là Ngô Nhuế,⁽¹⁾ đem gạch trong mộ ấy đến Lâm Tương xây miếu thờ Tôn Kiên. Dung mạo của Nhuế như lúc còn sống, y phục không mục. Về sau người đào mộ ấy gặp Ngô Cương nói:

¹ Ngô Nhuế (吳芮) người huyện Dư Can, là dòng dõi của Ngô vương Phù Sai thời Chiến Quốc. Vào thời nhà Tần, Ngô Nhuế giữ chức Phiên Dương lệnh, rất được lòng dân, được dân gọi là Phiên quân. Sau Ngô Nhuế chống lại nhà Tần, theo Lưu Bang, được Lưu Bang phong tước Trường Sa vương, đóng đô ở Lâm Tương. Khi chết, được ban thụy là Văn vương. Có bài tán nói: "Trước kia Cao tổ định thiên hạ, công thần khác họ được làm vương ở tám nước, gồm: Trương Nhĩ, Ngô Nhuế, Bành Việt, Kinh Bố, Tang Đồ, Lô Oản và hai người tên Hàn Tín, đều là những kẻ quyền biến nhất đời, được phân đất đai, ngoảnh mặt về nam xưng Cô." Truyện về Ngô Nhuế có ở *Hán thư* của Ban Cố, quyển ba mươi tư, liệt truyện thứ tư.

- Ngài sao giống Trường Sa vương Ngô Nhuế, chỉ có điều là thấp bé hơn thôi.

Cương giật mình kinh ngạc nói:

- Là tổ tiên ta vậy, ngài vì đâu mà biết?

Người đó nói nguyên do, Cương hỏi:

- Ngươi có táng lại không?

Đáp rằng:

- Ta táng lại ngay rồi.

Từ năm Nhuế chết cho đến lúc đào mộ lên, là hơn bốn trăm năm, Cương, là cháu đời thứ mười sáu của Nhuế vậy.

Tháng sáu, xa giá đông chinh, đi đến huyện Hạng. Đại tướng quân Tư Mã Văn vương đốc chư quân trong ngoài hai mươi sáu vạn, đến sông Hoài đánh chúng. Đại tướng quân đóng trại ở Khâu Đầu, sai Cơ cùng bọn An đông tướng quân là Trần Khiên hợp vây bốn mặt, trong ngoài nhiều tầng, làm hào lũy rất cao. Lại sai bọn Giám quân là Thạch Bao, Thứ sử Duyện châu là Châu Thái, chọn quân tinh nhuệ làm quân tác chiến lưu động, phòng bị giặc cướp giải vây bên ngoài. Bọn Khâm mấy lần ra đột phá vây, bị đón đánh phải bỏ chạy. Tướng Ngô là Chu Dị lại đem đại binh đến nghênh đón bọn Đản, vượt sông Lê Tương, bọn Thái đón đợi cùng giao chiến, thường bẻ gãy khí thế của chúng. Tôn Lâm vì Dị giao chiến không tiến được, nổi giận giết Dị. Trong thành lương thực chuyển đến thiếu, quân cứu ở bên ngoài không đến được, mọi người không biết trông cậy vào đâu. Tướng quân Trương Ban, Tiêu Di, đều là nanh vuốt bày mưu tính kế cho Đản, bỏ Đản, vượt thành tự theo về với Đại tướng quân.① Đại tướng quân bèn sai làm phản gián, dùng lời quyền biến thuyết bọn Toàn Dịch, bọn Dịch thống suất mấy nghìn bộ chúng mở cửa thành ra hàng. Người trong thành chấn động, chẳng biết làm sao.

① *Hán Tấn xuân thu* chép: Tương Ban, Tiêu Di nói với Gia Cát Đản rằng:

- Bọn Chu Dị thống lĩnh đại quân đến nhưng không tiến được, Tôn Lâm giết Dị rồi quay về Giang Đông, bên ngoài lấy danh nghĩa là phát binh, mà bên trong thực sự là ngồi đợi thành bại, từ việc quay về của họ có thể thấy rõ vậy. Nay nên nhân lúc lòng quân còn vững, sĩ tốt theo mệnh, ta dốc sức quyết tử, đánh vào một mặt của họ, tuy chẳng thể toàn thắng, nhưng có thể có chỗ vẹn toàn.

Văn Khâm nói:

- Người Giang Đông nhân cái oai thắng trận từ lâu, từ đó chưa bị phương bắc làm khốn vậy. Huống chi hôm nay Công cật hơn chục vạn quân nương bám họ, mà Khâm và bọn Toàn Đao đều cùng ở chỗ chết, cha con anh em họ đều ở vùng Giang Biều, nếu Tôn Lâm không muốn cứu họ, chúa thượng và người thân thích của họ há chịu nghe sao? Và lại Trung Quốc không năm nào được vô sự, quân dân đều mỏi mệt, nay giữ ta một năm, thế lực của họ đã kiệt, trong lòng sẽ nảy sinh mưu khác, biến cố sẽ nổi lên, từ việc đã qua tính xét việc hôm nay, có thể tính ngày mà đợi vậy.

Ban, Di cố khuyên Đản, Khâm giận, rồi Đản lại muốn giết Ban. Hai người sợ hãi, vả lại biết là Đản tất bại, đến tháng mười một, bèn dắt nhau ra hàng.

Năm thứ ba tháng giêng, bọn Đản, Khâm, Tư, làm chiến cụ lớn, năm sáu ngày đêm phá vây ở phía nam, muốn phá vỡ trùng vây để thoát ra.① Chư quân trên vòng vây, lên cao dùng xe bắn đá và hỏa tiễn đốt phá chiến cụ của chúng, tên nổ và đá tảng bay như mưa rơi, người chết và bị thương che kín đất, máu chảy đầy hào lũy. Chúng lại quay trở vào thành, trong thành lương đã hết, người ra hàng đến mấy vạn. Khâm muốn đuổi hết người phương bắc ra, để giảm bớt lương ăn, cùng người Ngô thủ vững, Đản không nghe, bởi thế hai bên tranh giành phần hận nhau. Khâm vốn có hiềm khích với Đản, dẫu cùng mưu tính, lúc có việc gặp càng ngờ vực nhau hơn. Khâm gặp Đản mưu

tính việc, Đản bèn giết Khâm. Con của Khâm là Ương và Hổ cầm binh ở trong thành nhỏ, nghe tin Khâm chết, cầm đầu quân sĩ tức tốc đến đó, không sai khiến được quân. Ương, Hổ đơn thân bỏ chạy, trèo thành ra ngoài, tự quy hàng Đại tướng quân. Quan lại trong quân xin giết họ, Đại tướng quân lệnh rằng:

- Cái tội của Khâm phải giết không dung, con của Khâm đáng phải xé xác, nhưng Ương, Hổ vì cùng quẫn mà quy hàng, vả lại thành chưa hạ được, ta giết họ là vững lòng người ở trong thành.

Bèn xá tội cho Ương và Hổ, sai đem mấy trăm quân kỵ rong ruổi đi tuần quanh thành, gọi bảo người trong thành rằng:

- Con của Văn Khâm còn không bị giết, người khác sao phải sợ? Rồi dâng biểu xin cho Ương, Hổ làm tướng quân, đều ban tước Quan nội hầu. Người trong thành vừa mừng vừa lo, thêm nữa ngày một đói khổ, bọn Đản, Tư trí lực đã cùng. Đại tướng quân bèn thân đến vòng vây, bốn mặt tiến binh, cùng lúc khua trống hò reo trèo lên thành, người trong thành không dám động. Đản lúc nguy cấp, một mình cuõng ngựa, đem thuộc hạ phá cửa thành nhỏ chạy ra ngoài. Bộ binh của Tư mã Hồ Phấn của Đại tướng quân đón đánh, chém Đản, đưa thủ cấp đến, giết ba họ nhà Đản. Thuộc hạ của Đản mấy trăm người, vì không hàng bị bắt chém, chúng đều nói:

- Vì Gia Cát Công mà chết, không oán hận.

Đản được lòng người đến như thế.②

Đường Tư, Vương Tộ và các bộ tướng đều cúi mặt tự trời ra hàng, quân Ngô vạn người, khí trượng của lính chất đồng cao như núi.

① *Hán Tấn xuân thu* chép: Văn Khâm nói:

- Tướng Ban, Tiêu Di cho là ta chẳng thể thoát ra mà chạy, Toàn Doan, Toàn Dịch lại thống suất binh chúng ra hàng, đây là lúc địch không phòng bị, ta có thể đánh được rồi.

Đàn cùng bọn Đường Tư đều cho là đúng, bèn cùng hết thảy mọi người ra đánh.

② *Tấn kỷ* của Can Bảo chép: Mấy trăm người chấp tay xếp thành hàng, mỗi khi chém một người, liền chiêu hàng họ, nhưng không có ai đổi ý, cho đến người cuối cùng, người bấy giờ so sánh họ với Điền Hoàn.

Tướng nước Ngô là Vu Thuyên nói:

- Bậc đại trượng phụ nhận mệnh của chủ, đem binh cứu người, đã chẳng thể thắng được, lại trói tay hàng địch, ta chẳng làm vậy.

Bèn bỏ mũ trụ xông vào trận mà chết.

Lúc mới vây Thọ Xuân, kẻ bàn luận đa phần muốn đánh gấp, Đại tướng quân cho rằng:

- Thành vững mà binh lính đông, đánh gấp tất kiệt lực, nếu có giặc cướp bên ngoài, thì trong ngoài thụ địch, đấy là đường lối nguy hiểm vậy. Nay ba kẻ phản tỵ tập với nhau ở trong chốn cô thành, đấy là trời khiến chúng cùng đến chịu giết, ta nên dùng kế vạn toàn trói cổ chúng, có thể ngồi không mà bắt chúng vậy.

Đàn làm phản từ tháng năm năm thứ hai, cho đến tháng hai năm thứ ba thì bị phá diệt. Sáu quân xếp giáp, hào sâu lũy cao, mà Đàn tự khốn, rút cục không nhọc công mà khắc chế được.① Lúc phá Thọ Xuân, kẻ bàn luận lại cho rằng người Hoài Nam luôn phản nghịch, người nhà của quân Ngô ở Giang Nam, không thể tha, nên chôn sống hết sạch bọn họ. Đại tướng quân cho rằng người xưa dùng binh, bảo toàn quốc gia là tối thượng, chỉ giết kẻ ác đầu sỏ mà thôi. Binh lính người Ngô nếu được thả về, thì có thể tỏ rõ được cái rộng lượng của người Trung Quốc rồi. Bèn không giết người nào, phân tán họ ở Tam Hà gần sở trị quận để họ sống yên ổn.

① *Tấn kỷ* của Can Bảo chép: Khi trước, ở Thọ Xuân hàng năm có mưa ngập, nước sông Hoài đầy ắp, thường ú đọng ngập thành ắp, cho nên Văn vương đắp lũy vây quanh. Đàn cười việc ấy nói:

- Lũy ấy vững song chẳng cần đánh mà tự đổ vậy.

Lúc đại quân tấn công, khô hạn qua năm. Thành bị phá, hôm ấy mưa to, lũy vây đều bị đổ.

Con của Đản là Tịnh, tự Trọng Tư, sau khi nước Ngô bình, theo về nhà Tấn. Con của Tịnh là Khôi, tự Đạo Minh, ngôi vị đến chức Thượng thư lệnh, được truy tặng chức Tả quang lộc đại phu, khai phủ.

Đường Tư vốn là người quận Lợi Thành. Năm Hoàng Sơ trung, quận Lợi Thành làm phản, giết Thái thú là Từ Co, suy cử Tư làm chủ. Văn đế phái chư quân đánh dẹp phá được Tư, Tư chạy vào vùng biển, rồi trốn đến nước Ngô, làm quan đến chức Tả tướng quân, được phong tước hầu, cầm cờ tiết. Đản, Khâm bị chém giết, Tư cũng bị bắt sống, ba kẻ làm phản đều bị bắt, thiên hạ rất sung sướng.^① Tư được bái làm An viễn tướng quân, ngoài ra các bộ tướng khác đều ban hư chức, binh lính người Ngô vui lòng chịu phục. Người Giang Đông cảm kích việc ấy, đều không giết người nhà của họ. Quan dân tướng sĩ ở Hoài Nam bị Đản cưỡng ép, chỉ giết kẻ phản nghịch đứng đầu, số còn lại đều xá tội cho. Vương nghe nói Ương, Hồ thu nhật thi thể tẩm liệm Khâm, bèn cấp cho họ xe trâu, đưa về táng ở mộ tổ.^②

① Phó tử nói: Tống Kiến giết trâu cúng thần, cuối cùng tự phá diệt. Văn Khâm hằng ngày tế thờ trời, bị người khác chém. Vợ chồng Gia Cát Đản tự tập bọn đồng cốt, cầu cúng xằng bậy cầu xin phúc, thi thể phơi trên đất Hoài Nam, cả họ bị di diệt. Đây là việc mà cả thiên hạ cùng thấy, đủ để làm gương sáng cho đời vậy.

② Tập Tạc Xí nói: Từ đấy thiên hạ sợ oai nhớ đức. Người quân tử khen Tư Mã Đại tướng quân ở chiến dịch ấy, có thể nói là giỏi dùng đức mà thắng vậy. Kẻ dụng nghiệp thì có tài lạ thôi, họ đều có chỗ hơn người, nhưng không thể kiêm gồm hết được vậy. Cho nên kẻ anh hùng lạm dụng vũ lực chết bởi bất nhân, cái nước giữ nghĩa mất bởi yếu nhược, nay một lần đánh mà cầm bắt ba kẻ phản, bắt nhiều binh sĩ người Ngô, thu cuốn Hoài Nam, bắt giết

chục vạn người, có thể nói là hùng tráng vậy. Nhưng chưa kịp ngồi yên, thường công Vương Cơ,⁽¹⁾ gieo trồng ân huệ với người Ngô, kết tình với người nước khác, ban ân sủng cho Ương táng Khâm, quên hiềm khích trước, không xét lỗi bộ chúng của Đản, khiến kẻ sĩ Dương châu mang lòng thẹn, công cao mà mọi người đều vui, nghiệp lớn mà địch nhớ đức, uy võ đã lan rộng, tài văn lại thấm sâu, suy xét cái đạo ấy, thiên hạ có ai sánh được với ngài đây?

Việc thường công Vương Cơ, đã nói tại *Vương Cơ truyện*. Ương còn có một tên là Thục.

Tấn chư công tán chép: Thục về sau làm tướng quân, phá giặc ở Lương châu, danh vang thiên hạ. Năm Thái Khang trung được điều làm Đông Di hiệu úy, ban Giả tiết. Thục không chịu nhận chức ấy, vào triều từ chối với Vũ đế, Đế gặp nhưng ghét Thục, mượn việc khác bãi chức quan của Thục. Đông An công Gia Cát Do là cháu ngoại của Gia Cát Đản, muốn giết Thục, nhân lúc giết Dương Tuấn, vu hãm là Thục có mưu phản nghịch, rồi giết cả ba họ nhà Thục.

Đặng Ngải tự Sĩ Tái, người quận Nghĩa Dương huyện Cứu Dương. Thừa nhỏ mồ côi cha, Thái tổ phá Kinh châu, Ngải dời đến Nhữ Nam, lấy việc làm ruộng chăn trâu để mưu sinh. Năm mười hai tuổi, Ngải theo mẹ đến Dĩnh Xuyên, đọc văn trên bia mộ của cố Trưởng huyện Thái Khâu là Trần Thật, có câu: "Văn vi thế phạm, hành vi sĩ tặc",⁽²⁾ Ngải bèn lấy tên là Phạm, tự là Sĩ Tắc. Sau biết có người trong họ tộc có tên giống như thế, cho nên mới đổi lại.

¹ Ý nói việc Tư Mã Chiêu an trí việc tang của mẹ Vương Cơ, truy phong cho cha của Cơ là Vương Bảo chức Thái thú Bắc Hải để báo cái công của Cơ trong chiến dịch thảo phạt Gia Cát Đản. Xem tập V, quyển 27 (*Vương Cơ truyện*).

² Văn chương của ngài là điển phạm cho người đời, hành vi của ngài là khuôn mẫu cho kẻ sĩ.

Ngải làm Đô úy học sĩ, vì tật nói lắp, không được làm Cán tá,⁽¹⁾ chỉ làm Đạo điền quản việc phạt cỏ. Phụ thân của viên quan là người đồng quận thương Ngải gia cảnh bần hàn, chu cấp giúp rất hậu, nhưng Ngải không hề cảm tạ. Mỗi khi gặp chỗ núi cao đầm rộng, Ngải thường tính xét trở về những chỗ lập quân doanh, người đương thời đa phần cười chế giễu. Về sau Ngải làm Điển nông cương kỷ, Thượng kế lại, nhân lúc đi sứ được tham kiến Thái úy là Tư Mã Tuyên vương. Tuyên vương cho là có tài, triệu Ngải làm Duyệt,^① rồi thăng làm Thượng thư lang.

① *Thế ngữ* chép: Đặng Ngải thời trẻ là thuộc dân của Điển nông quận Tương Thành, cùng Thạch Bao đều hai mươi ba tuổi. Yết giả Quách Huyền Tín người quận Dương Dịch, là con của Quách Đản Nguyên tên Dịch làm Giám quân thời Vũ đế. Năm Kiến An trung, Thiếu phủ Cát Bản khởi loạn ở Hứa Đô, Huyền Tín bị liên lụy phải về chịu phạt tại gia, tới chỗ quan Tư mã của Điển nông tìm người đánh xe, Tư mã đem Ngải và Bao cấp cho, đi hơn chục dặm, cùng nói chuyện, rất hài lòng về họ, bảo hai người là tương lai đều làm đến chức Tá tướng. Ngải sau làm Điển nông Công tào, phụng mệnh đi sứ đến chỗ Tuyên vương, bởi thế được Tuyên vương biết, rồi được đề bạt cất nhắc.

Bấy giờ triều đình muốn mở rộng việc khai khẩn ruộng đất tích trữ lương thực, để chuẩn bị đánh dẹp giặc, vì thế phái Ngải đi thị sát từ phía đông hai huyện Trần, Hạng đến Thọ Xuân. Ngải cho rằng "Đất tốt nhưng thiếu nước, không đủ để tận dụng hết cái tốt của đất, nên đào kênh rạch, dẫn nước tưới tiêu, vừa mở rộng được quân lương, lại thông đường vận chuyển." Vì thế soạn bài *Tế hà luận* để nêu rõ ý mình.

Lại cho rằng "Xưa kia phá giặc Khăn Vàng, nhân đấy lập đồn điền, tích lương thực ở Hứa Đô để khống chế bốn phương. Nay ba mặt đã định, chiến sự chỉ ở Hoài Nam, mỗi khi cất đại quân,

¹ Cán tá (幹佐), là chức quan giúp việc, chương quản việc coi xét văn thư, sổ sách.

binh vận quá nửa, hao phí của cải ỨC VẠN, quân dịch rất lớn. Vùng đất TRẦN, đất THÁI, thổ nhượng thấp ruộng màu mỡ, có thể giảm bớt gánh nặng lương thực cho vùng đất xung quanh Hứa Xương, lại có thể dẫn nước xuôi đông. Nay phái hai vạn người của Hoài Bắc, ba vạn người của Hoài Nam sai họ đóng đồn làm ruộng, hai phần mười thay nhau nghỉ, như thế luôn có bốn vạn người, vừa làm ruộng vừa thủ giữ. Nước đầy đủ thì mùa màng thu nhiều gấp ba lần ruộng ở phía tây (Hứa Xương), tính trừ phí dụng của binh dân, hàng năm thu về hơn năm trăm vạn hộ lương làm của cải trong quân. Trong vòng sáu bảy năm, có thể tích thêm ba nghìn vạn hộ lương ở mé trên sông Hoài, đấy là lương ăn của mười vạn quân trong năm năm vậy. Lấy lương đấy đánh nước Ngô, không lẽ gì không thắng vậy."

Tuyên vương khen kế ấy, việc đều được thi hành. Năm Chính Thủy thứ hai, bèn khai rộng kênh vận, mỗi khi phía đông nam có việc, đại quân hưng khởi, cưỡi thuyền xuôi xuống, thông sông Giang sông Hoài, lương tích trữ đủ mà không có cái hại nước ngập, đấy là nhờ kiến nghị của Ngải vậy.

Ngải tham dự việc quân của Chinh tây, được thăng làm Thái thú Nam An. Năm Gia Bình nguyên niên, Ngải cùng Chinh tây tướng quân Quách Hoài cự Thiên tướng quân Khương Duy của nước Thục. Duy lui, Hoài định nhân đó sang tây đánh rợ Khương. Ngải nói:

- Giặc lui về chưa xa, ngờ rằng sẽ quay lại, nên chia quân đề phòng bị việc bất ngờ.

Vì thế Hoài để Ngải đóng lại ở phía bắc Bạch Thủy. Ba ngày sau, Duy phái Liêu Hóa từ phía nam Bạch Thủy hướng đến chỗ Ngải lập doanh trại. Ngải bảo chư tướng rằng:

- Nay Duy thốt nhiên quay lại, quân ta ít người, xét phép thường là họ sẽ vượt sông mà không phải bắc cầu. Đây là Duy

sai Hóa cầm giữ ta, khiến ta không về được. Duy tất sẽ từ phía đông đánh úp lấy Thao Thành.

Thao Thành ở phía bắc sông, cách doanh của Ngải chừng sáu chục dặm. Ngải tức thì trong đêm dẫn binh theo lối tắt đến cứu viện, Duy quả nhiên vượt sông, nhưng Ngải đến trước chiếm thành, vì thế quân Ngụy không thua bại. Ngải được ban tước Quan nội hầu, gia thêm chức Thảo khấu tướng quân, sau thăng làm Thái thú Thành Dương.

Thời ấy Hữu Hiền vương Lưu Bảo ở Tĩnh châu là người đứng đầu các bộ lạc rợ, Ngải dâng sớ nói:

"Nhưng Dịch mang lòng dã thú, chẳng vì nghĩa thân gần, khi mạnh thì xâm lấn gây hại, khi yếu thì nương bám thần phục, cho nên Chu Tuyên bị rợ Hiểm Duẫn vào cướp,⁽¹⁾ Hán Cao bị vây ở Bình Thành.⁽²⁾ Mỗi khi Hung Nô cường thịnh, đều là mối lo lớn của các triều trước. Bởi Thiên vu ở ngoài cõi, không thể dẫn dắt khống chế họ theo trật tự, nên ta dẫn dụ Thiên vu đến, khiến phải vào châu.⁽³⁾ Từ đấy người Khương Di mất thống soái, hợp tan vô chủ. Vì Thiên vu ở trong cõi, vạn dặm theo phép tắc. Nay sự tôn kính với Thiên vu ngày một kém, uy thế của cõi ngoài nặng dần, thì rợ Hồ chẳng thể không phòng bị kỹ vậy. Thần nghe nói bộ lạc của Lưu Bảo có người Hồ làm phản, ta nên

¹ Thời vua Tuyên vương trung hưng nhà Chu, rợ Hiểm Duẫn xâm lấn xuống phía nam, có lần đánh đến tận Cảo kinh, Tuyên vương sai Doãn Cát Phủ đem quân đi đánh, thắng trận, truy kích đến tận Thái Nguyên, cho xây thành ngăn giặc rợ.

² Thời Hán sơ, quân Hung nô đánh nhà Hán ở Thái Nguyên, Hán Vương Tín đầu hàng. Năm sau, Hán Cao tổ thân chinh đi đánh Thiên vu Hung nô là Mặc Đốn, tại trận Bạch Đăng (thuộc Bình Thành), bảy vạn quân Hán bị ba mươi vạn quân Hung nô vây chặt bảy ngày, tình thế rất nguy, may nhờ Trần Bình bày kế sai người đến thuyết phục vợ của Mặc Đốn là Yên Chi xin cho, Mặc Đốn mới lui.

³ Lưu Bảo (刘豹), là con của Thiên vu Hung Nô Vu Phu La cuối thời nhà Hán. Vu Phu La chết, em của Vu Phu La là Hồ Trù Toàn kế nối, Lưu Bảo làm Tả Hiền vương (như ngôi vị Thái tử nhà Hán). Sau này, Hồ Trù Toàn phản bị Tào Tháo bắt, Lưu Bảo lên làm Thiên vu, ở lại đất Trung Quốc (vùng Thái Nguyên thời ấy), em trai của Lưu Bảo là Khử Ti vì có công hộ giá giúp Hán Hiến đế vào năm Kiến An sơ được cất lên làm Tả Hiền vương, quản lý ngũ bộ Hung Nô, đóng ở ngoài cõi nhà Hán.

nhân lúc họ phản cắt thành hai nước, để chia rẽ thế lực của họ. Cái công lao của Khứ Ti sáng rõ với tiên triều, mà con ông ấy không được kế nghiệp, nên gia phong cho con ông ấy danh hiệu vẻ vang, sai giữ Nhạn Môn. Khiến họ xa rời quốc thổ làm yếu thế giặc, truy xét công lao cũ của họ để gia phong, khiến họ ra sức vì nước, đấy là kế giữ biên cương lâu dài vậy."

Lại bày tỏ rằng:

"Rợ Khương Hồ và dân Hán cùng ở một chỗ, nên dần dần làm họ xa rời bộ lạc, thành dân biên ngoại của ta, lại giáo hóa khiến họ biết liêm sỉ, thì lấp tuyết được đường gian trộm vậy."

Đại tướng quân Tư Mã Cảnh vương mới phù tá chính sự, khen dùng kế của Ngải.

Ngải được thăng làm Thái thú Nhữ Nam, khi đến nhận chức xét tìm cha của viên lại hậu đãi mình lúc trước, thì người ấy chết đã lâu, Ngải sai quan lại thay mình cúng tế, trọng thưởng mẹ của viên lại nọ, đề cử con của viên quan ấy làm Kế lại. Ngải tại chức, sai khai hoang mở ruộng, quân dân đều phong túc.

Gia Cát Khác vây Tân Thành thuộc Hợp Phì, không đánh được, lui về. Ngải nói với Cảnh vương rằng:

- Tôn Quyền đã chết, đại thần chưa theo phục chủ mới, danh môn đại tộc của nước Ngô, đều có bộ khúc riêng, cậy binh tạo thế, đủ để hiệu lệnh. Khác mới nắm quốc chính, mà bên trong không có người chủ trương, chẳng nghĩ việc phủ dụ trên dưới để dựng gốc rễ, lại ganh đua với bên ngoài, ngược đãi dân của mình, dùng binh cả nước, khốn khó dưới tòa thành vững, người chết mấy vạn, chồng họa mà về, đấy là ngày Khác rước tội diệt thân vậy. Xưa kia Tử Tư, Ngô Khởi, Thương Ưởng, Nhạc Nghị đều từng được quân chủ đương thời trọng dụng, chủ chết liền thân vong. Huống chi cái tài của Khác không bằng được bốn người kia, mà chẳng nghĩ đến họa lớn, cái vong bại của Khác có thể đợi được vậy.

Khác về, quả nhiên bị giết. Ngải được thăng làm Thứ sử Duyên châu, gia thêm chức Chấn uy tướng quân. Ngải dâng thư nói:

"Việc gấp của quốc gia, chỉ là nông nghiệp và chiến cụ, nước giàu thì binh mạnh, binh mạnh thì chiến thắng. Như thế nghề nông là cái gốc của thắng lợi vậy. Khổng tử nói: 'Đủ lương đủ binh', thế thì lương đứng trước binh vậy. Người trên không khích lệ bày thưởng, thì kẻ dưới chẳng ra sức tích chứa của cải. Nay sai xét công tích của quan viên, tiến hành phong thưởng, cốt ở việc khích lệ dân tích của làm giàu, như thế thì dứt được đường giao du bè đảng, căn nguyên của sự phù phiếm sẽ bị lấp tuyệt vậy."

Cao Quý hương công tức tôn vị, phong Ngải làm Nghi Thành đình hầu. Quán Khâu Kiêm tác loạn, phái lính khỏe mang thư đến, muốn mê hoặc đại quân, Ngải chém lính đưa thư, gấp đường tiến quân, mau chóng đến thành Lạc Gia trước, làm cầu nổi. Tư Mã Cảnh vương đến, liền đóng quân ở đó. Văn Khâm đến sau bị đại quân đánh bại ở dưới thành, Ngải đuổi theo đến Khâu Đầu. Khâm chạy sang hàng nước Ngô.

Đại tướng quân nước Ngô là bọn Tôn Tuấn xưng có chục vạn quân, sắp vượt sông Giang, Trấn đông tướng quân là Gia Cát Đản sai Ngải chiếm Phì Dương, Ngải cho rằng chỗ ấy cách xa giặc, không phải nơi yếu hại, liền dời đến đóng trại ở Phụ Đình, phái Thái thú Thái Sơn là bọn Gia Cát Tự qua Lê Tương cự địch, vì thế đuổi địch chạy. Năm ấy Ngải được triệu bái làm Trường thủy Hiệu úy. Vì công lao phá bọn Khâm, Ngải được tấn phong làm Phương Thành hương hầu, hành An tây tướng quân.

Ngải qua giải vây cho Thứ sử Ung châu là Vương Kinh ở Dịch Đạo, Khương Duy lui về đóng ở Chung Đế, vì thế triều đình lấy Ngải làm An tây tướng quân, ban Giá tiết, kiêm lĩnh chức Hộ Đông Khương hiệu úy. Bấy giờ kẻ nghị bàn đa phần cho rằng sức Duy đã kiệt, chưa thể lại xuất quân. Ngải nói:

- Quân ta thua bại ở Thao Tây, tổn thất không phải là nhỏ vậy; quân tan tướng chết, kho lẫm rỗng không, trăm họ lưu ly, cơ hồ suýt nguy vong. Nay theo sách lược mà nói, bên kia có cái thế thừa thắng, ta đích xác ở thế hư nhược, đó là một. Bên kia trên dưới thao luyện với nhau, ngũ binh bèn sắc, bên ta tướng thay binh mới, khí tượng chưa thuần, đó là hai. Bên kia lính dùng thuyền, bên ta quân đi bộ, sự khó nhọc nhàn nhã khác nhau, đó là ba. Các huyện Dịch Đạo, Lũng Tây, Nam An, Kỳ Sơn, đều phải có người giữ, bên kia chuyên tâm một chỗ, ta chia giữ bốn phía, đó là bốn. Bên kia ra Nam An, Lũng Tây, dựa vào thóc của người Khương, nếu tiến ra Kỳ Sơn, có nghìn thừa lúa mạch vừa chín, lấy lương treo sẵn, đó là năm. Kẻ địch mưu tính xảo trá, tất lại kéo đến vậy.

Không bao lâu, Duy quả nhiên hướng đến Kỳ Sơn, nghe tin Ngải đã có phòng bị, bèn vòng qua Đồng Đình nhanh chóng đến Nam An, Ngải chiếm núi Vũ Thành để cầm giữ nhau. Duy cùng Ngải tranh chiếm chỗ hiểm, không hạ được, đêm ấy, Duy vượt sông Vị sang đông, men núi đến thẳng Thượng Nhai, Ngải đại chiến với Duy ở Đoạn Cốc, đại phá Duy.

Năm Cam Lộ nguyên niên, Đế hạ chiếu rằng:

"Nghịch tặc Khương Duy dụng tâm xảo trá, nhiều năm phạm cội, dân Di xao động, phương tây không yên. Ngải vạch kế sách có phương lược, trung dũng thiện chiến, chém tướng kẻ chực, dâng nghìn đầu giặc; khiến oai danh bản quốc chấn động khắp Ba Thục, tiếng tăm truyền lan tới Giang, Dân. Nay lấy Ngải làm Trấn tây tướng quân, đô đốc các việc quân ở Lũng Hữu, tấn phong tước là Đặng hầu. Chia năm trăm hộ ấp phong cho con của Ngải là Trung làm Đình hầu."

Năm thứ hai, Ngải chống Khương Duy ở Trường Thành, Duy lui về. Ngải được thăng làm Chinh tây tướng quân, trước sau tăng thực ấp cả thảy là sáu nghìn sáu trăm hộ.

Năm Canh Nguyên thứ ba, Ngải lại phá Duy ở Hầu Hà, Duy lui về giữ Đạp Trung.

Năm thứ tư mùa thu, triều đình hạ chiếu thư lệnh sai chư quân đi đánh Thục, Đại tướng quân là Tư Mã Văn vương nhận chỉ dụ tiết chế, sai Ngải cầm giữ kiểm chế Duy; Thứ sử Ung châu là Gia Cát Tự chặn Duy, khiến Duy không thể quay về. Ngải sai Thái thú Thiên Thủy là bọn Vương Kỳ đánh thẳng vào doanh trại của Duy, Thái thú Lũng Tây là bọn Khiên Hoàng đón lõng Duy ở mặt trước, Thái thú Kim Thành là bọn Dương Hân đến thẳng Cam Tùng.

Duy nghe tin đại quân của Chung Hội đã vào Hán Trung, dẫn quân lui về. Bọn Hân theo chân đến Cường Xuyên khẩu, đại chiến, Duy thua chạy. Nghe nói quân Ung châu đã chặn đường đóng giữ Kiều Đầu, bèn đi theo cửa Hàm Cốc lên hướng bắc, muốn vòng ra phía sau Ung châu. Gia Cát Tự nghe tin, lui về ba mươi dặm. Duy lên bắc đi hơn ba chục dặm, nghe nói quân của Tự lui, lập tức quay về, đi xuyên qua Kiều Đầu, Tự vội đuổi theo chặn Duy, hết ngày không theo kịp. Duy dẫn quân về đông, lui về giữ Kiểm Các. Chung Hội đánh Duy không thắng được. Ngải dâng biểu nói:

"Nay quân giặc bị bẻ gãy, nên nhân lúc thừa thắng, từ đường nhỏ Âm Bình men lối hẻm vượt qua Đức Dương Đình nhanh chóng đến huyện Phù, cách phía tây Kiểm Các một trăm dặm, cách Thành Đô hơn ba trăm dặm. Kỳ binh của ta xung sát giữa đất yếu hại, quân địch giữ Kiểm Các tất lui về cứu huyện Phù, thì Hội sẽ song xe mà tiến; quân giữ Kiểm Các không quay về, thì quân giữ huyện Phù rất ít thôi. Thiên Quân chỉ trong Binh pháp nói: 'Đánh chỗ không phòng bị, ra chỗ địch chẳng ngờ'. Nay đột nhiên đánh úp chỗ trống rỗng, phá địch tất xong thôi."

Mùa đông tháng mười, Ngải từ Âm Bình đi hơn bảy trăm dặm vào nơi không dấu chân người, đào núi mở đường, làm cầu bắc

ván. Núi cao vực sâu, cực kỳ gian hiểm, thêm nữa lương mang theo thiếu thốn, luôn ở cảnh nguy ngập. Ngải dùng chân bọc kín thân thể, lăn từ trên cao xuống. Tướng sĩ đều vin cây leo vách núi, dính nhau như xâu cá mà tiến. Ngải lên đến huyện Giang Du, tướng Thục là Mã Mặc ra hàng. Vệ tướng quân nước Thục là Gia Cát Chiêm từ huyện Phù lui về Miên Trúc, bày trận đợi Ngải. Ngải phái con là Huệ Đường đình hầu Đặng Trung tiến ra mé hữu, Tư mã là bọn Sư Toàn tiến ra mé tả. Trung, Toàn giao chiến bất lợi, đều quay về, nói:

- Giặc chưa thể đánh được.

Ngải giận mắng:

- Lẽ sống chết tồn vong, là chỉ ở lần này, sao nói không đánh được? Bèn quát mắng bọn Trung, Toàn, muốn chém họ. Trung, Toàn vội quay lại đánh tiếp, đại phá quân Thục, chém đầu bọn Chiêm và Thượng thư Trương Tuân, tiến quân đến Lạc Thành. Lưu Thiện phái sứ giả dâng tì thụ của Hoàng đế, gửi thư đến cho Ngải xin hàng.

Ngải đến Thành Đô, Thiện dẫn Thái tử và các vương hầu cùng quần thần hơn sáu chục người trối mình khiêng áo quan đến quân môn, Ngải cầm phù tiết, cỡi trối đốt quan tài, nhận hàng mà tha cho.

Ngải kiểm chế ước thúc tướng sĩ, không ai được phép cướp bóc, vớ về thu nhận kẻ hàng, sai họ giữ nguyên công việc cũ, nên người Thục đều khen ngợi Ngải. Ngải liền chiếu theo việc cũ của Đặng Vũ thời nhà Hán, thừa chế bái Thiện làm hành Phiêu kỵ tướng quân, Thái tử làm Phụng xa đô úy, các vương hầu làm Phò mã đô úy.⁽¹⁾ Quần thần nước Thục đều tùy thứ bậc cao thấp bái quan chức, hoặc làm thuộc quan của Ngải. Ngải lại

¹ Đặng Vũ là danh tướng của Hán Quang Vũ đế Lưu Tú, khi đánh dẹp bình định xong quận Hà Đông, thừa chế phong Lý Văn làm Thái thú Hà Đông.

lấy Sư Toàn làm Thứ sử Ích châu, Thái thú Lũng Tây là Khiên Hoàng kiêm quản các quận của Thục trung. Sai đắp đài cao ở Miên Trúc làm Kinh quan,⁽¹⁾ để biểu chương chiến công. Sĩ tốt bị tử vong vì việc nước, cùng binh Thục đều táng chung một chỗ.

Ngải kiêu căng khoe công bảo sĩ đại phu nước Thục rằng:

- Các người may mắn gặp ta, cho nên có được hôm nay thôi. Nếu gặp bọn Ngô Hán, đã chết sạch rồi.⁽²⁾

Lại nói:

- Khương Duy xứng là anh hùng một thời, chỉ vì cùng mõ tương ngộ, cho nên cùng đường mạt lộ thôi.

Bậc thức giả chê cười lời ấy.

Tháng mười hai, triều đình hạ chiếu rằng:

"Ngải trở oai gắng sức, vào chốn lỗ đình, chém tướng nhố cò, bêu đầu kinh nghệ, khiến chúa tiếm hiệu trói cổ rập đầu, tội nhân nhiều đời một buổi dẹp yên. Cử binh không lâu, đánh chẳng trọn ngày, gió cuốn mây tàn, định xong Ba Thục. Dẫu Bạch Khởi phá cường Sở, Hàn Tín thắng Triệu mạnh, Ngô Hán bắt Tử Dương, Á Phu diệt thất quốc, tính công luận vẻ đẹp, chẳng đủ để sánh cùng."⁽³⁾ Nay lấy Ngải làm

¹ Thời xưa, khi đánh trận chiến thắng, bên thắng trận thường biểu dương chiến công của phe mình, sai thu thập thi thể địch nhân, vùi thành đống ở một chỗ, đắp đất cao thành mộ lớn, gọi là Kinh quan.

² Ngô Hán (吳漢) là danh tướng của Quang Vũ đế Lưu Tú. Khi đánh dẹp Công Tôn Thuật ở Lũng Hữu, thắng trận, thả binh cướp bóc, giết sạch gia tộc Công Tôn Thuật, Duyên Sầm, đốt phá cung thất, tàn sát bách tính rất hung bạo, bị Lưu Tú trách mắng phạt tội.

³ Bạch Khởi (白起), danh tướng của Tần Thủy Hoàng, đánh bại quân Sở, tiến vào kinh đô khiến nước Sở phải dời kinh đô từ đất Sính đến Thọ Xuân;

Hàn Tín (韓信) bày kế dựa lưng vào sông, đánh tan quân Triệu, bắt sống Triệu vương Yết;

Ngô Hán (吳漢) đánh Lũng Hữu diệt Công Tôn Thuật (tự Tử Dương), sách đã chú;

Chu Á Phu (周亞夫), tướng của Hán Cảnh đế, con Chu Bột, có công lớn trong việc dẹp loạn thất quốc. Xem thêm chú thích ở tập I, quyển 4, trang 232 (Tề vương Tào Phương truyện).

Thái úy, thêm thực ấp hai vạn hộ, phong hai con làm Đình hầu, đều hưởng ấp phong nghìn hộ.” ①

Ngài gửi thư cho Tư Mã Văn vương nói:

“Việc dụng binh trước hết là phô thanh thế sau mới đánh thực, nay nhân thanh uy bình Thục để thừa thế đồ Ngô, người Ngô run sợ, đấy là cơ hội cuốn chiếu vậy. Nhưng sau lúc hưng đại binh, tướng sĩ lao nhọc, không nên động dụng nữa, nên thông thả hoãn lại; tạm lưu hai vạn quân của Lũng Hữu và hai vạn quân Thục, sai khai muôi luyện sắt, làm binh cụ yếu dụng, mặt khác cho đóng thuyền bè, dự liệu sẵn sàng xuôi sông mà tiến, rồi sau phái sứ báo rõ lợi hại, người Ngô tất theo giáo hóa, có thể không đánh mà định được vậy. Nay nên hậu đãi Lưu Thiện để nhử Tôn Hưu, yên sĩ dân để chiêu vờ người ở xa, nếu lại đưa ngay Thiện về kinh đô, người Ngô cho đấy là lưu đầy, thì chẳng khuyến khích được cái lòng hướng về vương hóa của họ. Hãy quyền biến giữ Thiện lại, đợi tới thu đông năm sau, đến lúc ấy xem ra cũng đủ để bình Ngô rồi. Ta cho là nên phong Thiện làm Phù phong vương, ban cho hắc của cải, cấp cho hắc người hầu. Quận Phù Phong có lũy của Đồng Trác, lấy đó làm cung điện. Ban cho con hắc tước Công hầu, phong ấp lộc một quận huyện, để sáng tỏ ân sủng với người quy hàng. Lại mở rộng quận Quảng Lăng, Thành Dương để đợi đãi Ngô chủ, thì họ sẽ sợ uy mến đức, tất trông gió mà theo thôi.”

Văn vương liền sai Giám quân là Vệ Quán hiểu dụ Ngài rằng:

- Làm việc phải bấm báo, chẳng nên tự ý thi hành.

Ngài lần nữa gửi thư nói:

“Ta lĩnh mệnh xuất chinh, phụng chỉ theo phương lược, kẻ thủ ác đã chịu phục; đến như việc thừa chế phong bá là để yên lòng người mới theo về, có thể nói là hợp lẽ quyền nghi. Nay cả nước Thục quy hàng, đất đai đến hết Nam Hải, phía đông giáp với Ngô Côi, nên sớm vỗ yên. Nếu đợi quốc mệnh, qua lại trên đường, tất dây dưa ngày tháng. Theo nghĩa ‘Kinh Xuân Thu’, đại phu ra ngoài cõi, nếu có thể yên xã tắc, lợi cho quốc gia, chuyên quyền có thể được vậy. Nay nước Ngô

chưa phục; địa thế nối liền với Thục, chẳng nên câu nệ theo phép thường để lỡ thời cơ. Binh pháp nói, tiến chẳng cầu danh, lui không tránh tội, Ngải tuy không có cái tiết tháo của cổ nhân, nhưng nhất định chẳng tránh hiềm nghi để tổn hại đến quốc gia vậy.”

Bọn Chung Hội, Hồ Liệt, Sư Toàn đều bẩm là Ngải làm việc trái nghịch, lợi dụng biến loạn để cố kết nhân tâm. Triều đình hạ chiếu thư bắt nhốt Ngải nhốt vào xe tù đưa về kinh thành.^②

① Viên tử nói: Gia Cát Lượng, là người cẩn trọng, nhưng dụng binh Thục tốc chiến, đây là biết nước nhỏ dân ít khó để chiến tranh kéo dài. Nay quốc gia một lần cất quân mà diệt Thục, từ khi có việc chinh phạt đến nay, chưa ai thần tốc hơn được vậy. Xem ra Đặng Ngải dùng vạn người thâm nhập hiểm địa Giang Du, Chung Hội dùng hai mươi vạn đại quân bị chặn tại Kiếm Các không tiến được, sĩ tốt của ba quân sẽ thiếu đói, Ngải tuy thắng trận bắt tướng, nhưng nếu Lưu Thiện giữ mấy ngày không hàng, thì quân của hai tướng ấy khó quay về rồi. Cho nên lập công nghiệp như thế là nguy hiểm vậy. Quốc gia lúc trước có chiến dịch Thọ Xuân, về sau có cái lao nhọc diệt Thục, trăm họ nghèo khó mà thương khổ rỗng, cho nên mối lo của nước nhỏ, là ở chỗ gây dựng để tự bảo tồn, cái lo lắng của nước lớn, là ở chỗ mong thắng lợi mà kiệt lực, sau khi thành công là lúc phải lo sợ để phòng bị vậy.

② *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Ngải ngẩng mặt lên trời than rằng:

- Ngải là trung thần, mà đến lúc thế này sao! Cái oan khốc của Bạch Khởi, lại thấy ở hôm nay rồi.⁽¹⁾

Cha con Ngải đã bị bắt nhốt vào xe tù, Chung Hội đến Thành Đô, trước hết đưa Ngải đi, rồi sau tác loạn. Hội chết rồi, tướng sĩ trong doanh cũ của Ngải đuổi theo xe tù thả Ngải ra, rồi đưa về. Quán phái bọn Điền Tục tới đánh Ngải, gặp ở phía tây Miên Trúc, chém chết Ngải. Con của Ngải là Trung cùng chết với Ngải, những người con khác của Ngải ở Lạc Dương đều bị giết, vợ và cháu của Ngải bị đày đến huyện Tây Thành.^①

¹ Bạch Khởi (白起), xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 101 (Mao Giới truyện).

① *Hán Tấn xuân thu* chép: Khi trước Ngải tiến xuống đến Giang Du, vì Điền Tục không tiến được, Ngải định chém, nhưng rồi được tha. Đến lúc Quán phách Tục đi, bảo rằng:

- Cho người báo thù cái nhục ở Giang Du vậy.

Đỗ Dự bảo mọi người rằng:

- Việc làm của Bá Ngọc chẳng xứng! Thân là danh sĩ, giữ ngôi vị cao, không có đức tốt, thì chẳng thể dạy thuộc hạ theo điều thẳng, đây là tiểu nhân mượn khí độ của người quân tử thôi, lấy gì để tận với chức trách của mình đây?

Quán nghe nói, không kịp gióng xe vội vàng đến tạ lỗi.

Thế ngữ chép: Sư Toản cũng chết cùng Ngải. Toản bản tính nóng nảy ít ban ân, lúc chết thì thể không nguyên vẹn.

Lúc trước, Ngải sắp phạt Thục, mơ thấy mình ngồi trên núi mà trên núi có nước chảy, đem mộng hỏi Diên lỗ hộ quân Viên Thiệu. Thiệu nói rằng:

- Xét quẻ Dịch, trên núi có nước là quẻ Kiến. Quẻ này nói: "Kiến lợi ở tây nam, bất lợi ở đông bắc." Khổng tử nói: "Kiến lợi ở tây nam, đi thì lập công; bất lợi ở đông bắc, là đường cùng vậy." Nay qua tất thắng Thục, ngờ là chẳng quay về được!

Ngải bùi ngùi không vui.①

① *Ký châu ký* của Tuân Xước chép: Thiệu bắt đầu từ chức tiểu lại, rồi thăng đến Vệ úy.

Con trưởng của Thiệu là Hàn, làm Thái thú Hà Đông. Con giữa của Thiệu là Sưởng, làm Đại tư nông. Con út của Thiệu là Thiển, tự Quân Ấu, tính tình khoan hậu mà có khí độ, nổi tiếng đương thời, trải chức Thứ sử Ký châu, Thái tử Hữu vệ soái.

Con của Hàn là Du, tự Thế Đô, thanh bạch cao khiết, khéo biện xét, chọn dùng lời của Công Tôn Long⁽¹⁾ để suy diễn đạo lý. Thời

¹ Công Tôn Long (公孙龙), người nước Triệu thời Chiến Quốc, tự Tử Bình, nổi danh là đạo gia, triết học gia. Công Tôn Long rất khéo biện luận, là môn khách của Bình Nguyên quân nước Triệu.

trẻ thành danh, được phủ Thái úy triệu, ít lâu trải ngôi vị hiển hách, làm đến chức Thị trung trung thư lệnh, rồi thăng làm Trung thư giám.

Thần Tùng Chi xét: Thoán từ nói rằng: "Kiến lợi ở tây nam, đi theo chính đạo", không nói rằng: "lập công"; dưới lại nói rằng: "Gặp người công minh tài đức, đi mới lập được công vậy."

Năm Thái Thủy nguyên niên, nhà Tấn nhận ngôi, Đế hạ chiếu rằng:

"Khi xưa Thái úy Vương Lăng mưu phế Tề vương, mà Vương rút cục chẳng giữ được ngôi vị. Chinh tây tướng quân Đặng Ngải, kiêu căng khoe công thất tiết, đáng ứng trọng tội. Nhưng vào lúc nhận chiếu thư, đã giải tán bộ chúng, trối tay chịu tội, so với việc kháng mệnh cầu sống làm điều tàn ác, thực có khác nhau. Nay đại xá tội trạng của bọn họ, cho kẻ bị lưu đầy được quay về, nếu con cháu họ không còn nên dựng lập người khác để nối dõi, khiến việc tế tự họ không dứt tuyệt."

Năm thứ ba, Nghị lang là Đoạn Chúc dâng sớ minh oan cho Ngải rằng:

"Ngải mang lòng chí trung mà nhận cái danh phản nghịch, có công bình định Ba Thục mà rước họa di diệt, thần trộm vì Ngải xót thương. Tiếc thay, sao nói Ngải mưu phản được! Ngải vốn cứng rắn nóng nảy, dễ mạo phạm người nhả kẻ tục, không hòa hợp với bằng hữu cùng đồng liêu, cho nên người đời chẳng ai kêu oan giúp. Thần mạo muội nói rõ cái thực trạng Ngải không làm phản."

"Xưa kia Khương Duy có chí chen Lũng Hữu, Ngải sửa sang thủ giữ, tích lương luyện binh. Gặp năm hung hạn, Ngải khích lệ gieo trồng, thân mình lấm bẩn, tay cầm cày cuốc, làm gương cho tướng sĩ. Trên dưới cảm kích, chẳng ai không tận lực. Ngải cầm cờ tiết giữ biên cương, trong địa hạt thống quản mấy vạn người, nhưng không lao nhọc tù đày, không trưng dụng của cải sức lực của sĩ dân, nếu không phải người giữ tiết trung cần, có ai làm thế? Cho nên chiến dịch Lạc

Môn, Đoạn Cốc, lấy ít đánh nhiều, bẻ phá cường địch. Tiên đế biết Ngải có thể dùng được, ủy thác cho Ngải trọng trách, trao cho kế hay. Ngải vâng mệnh quên thân, thúc ngựa ruổi xe, xông pha nơi tử địa, dũng khí xung mây, sĩ chúng thừa thế xông lên, khiến vua tồ Lưu Thiện cúi mặt, trối tay quý gôi. Công danh của Ngải đã thành, đáng ghi vào tre lụa, truyền đến vạn đời. Người bảy mươi tuổi lên lão, làm phản là mong muốn gì đây! Ngải thực cậy ân dưỡng dục của quốc gia, trong lòng không ngại hiềm nghi, trộm mệnh thừa chế, là quyền nghi để an xã tắc; đâu có trái phép thường, nhưng hợp với nghĩa xưa, nên suy cái gốc của việc dụng tâm mà định tội, vẫn nên tha thứ. Chung Hội đổ kị uy danh của Ngải, mới dựng chuyện làm phản. Ngải trung mà bị giết, tín mà bị ngờ, đầu treo trên lưng ngựa, con cái đều bị chém, người trông thấy thì rơi nước mắt, người nghe nói thì thở than dài. Bệ hạ mới đăng cơ, hãy mở lòng đại lượng, cởi bỏ mọi nỗi hiềm nghi, với người nhà của những người bị giết, chẳng nên câu chấp, theo tài mà lục dụng."

"Xưa kia dân Tần thương sự vô tội của Bạch Khởi, người Ngô thương nỗi oan khốc của Tử Tư, đều vì họ lập đền thờ. Ngày nay người thiên hạ vì Ngải mà đau lòng thống hận, cũng giống như thế vậy. Thần cho là Ngải thân thể chia lìa, thân vứt nơi bãi cỏ, nên sai người thu nhật thi thể chôn táng, trả lại ruộng vườn cho Ngải. Vì cái công bình Thục, nổi phong cho con cháu của Ngải, sai lấp áo quan định thủy, khiến người chết không di hận. Xá tội cho oan hồn dưới hoàng tuyền, thu được tín nghĩa với hậu thế, táng một người chết mà thiên hạ hâm mộ hành vi, chôn một linh hồn mà người thiên hạ theo đạo nghĩa, đấy là hành động nhỏ mà khiến chúng nhân vui lòng vậy."

Năm thứ chín, Đế hạ chiếu rằng:

"Ngải có công huân, chịu tội không trốn, con cháu bị bắt làm nô bộc, trầm thường vì thế xót thương. Nay lấy cháu đích của Ngải là Lãng làm Lang trung."

Thời Ngải ở phương tây, sửa sang biên hiểm, xây thành đắp lũy. Năm Thái Thủy trung, người Khương hay phản, nhiều lần giết quan Thứ sử, đường đi Lương châu cách tuyệt. Quan dân được an toàn, đều là nhờ việc đắp thành lũy của Ngải vậy.^①

① *Thế ngữ* chép: Năm Hàm Ninh trung, Tích xạ tướng quân là Phàn Chấn ra làm Tây Nhung nhan môn, vào triều gặp Vũ đế từ biệt, Vũ đế hỏi Chấn đường thẳng tiến là từ đâu, Chấn tự kể mình từng là tướng dưới trướng của Đặng Ngải lúc phạt Thục, Đế bèn truy hỏi về Ngải, Chấn ra sức biện xét nói Ngải là trung thần, nói mà rơi nước mắt. Vì lúc trước đã lấy cháu của Ngải là Lãng làm Đan Thủy lệnh, bởi thế chuyển làm Định Lăng lệnh. Người cháu khác của Ngải là Thiên Thu có tiếng tăm lúc đương thời, Quang lộc đại phu là Vương Nhung triệu làm Duyệt. Năm Vĩnh Gia trung, Lãng được thăng lên làm Thái thú Tân Đô, chưa đi nhậm chức, Trương Dương có hỏa hoạn, Lãng cùng mẹ và vợ con chết cháy, duy có hai con là Thao và Hành thoát nạn. Thiên Thu đã chết trước đó, hai người con của Thu cũng bị chết cháy.

Cùng châu với Ngải có người đồng hạng là Châu Thái ở Nam Dương, cũng thích lập công nghiệp, rất khéo dụng binh, làm quan đến chức Chinh lỗ tướng quân, được ban Giả tiết, tổng đốc các việc quân ở Giang Nam. Năm Cảnh Nguyên thứ hai thì chết, được truy tặng chức Vệ tướng quân, thụy là Tráng hầu.^①

① *Thế ngữ* chép: Khi trước, Thứ sử Kinh châu là Bùi Tiềm lấy Thái làm Tông sự, Tư Mã Tuyên vương trấn thủ huyện Uyển, Tiềm nhiều lần sai Thái đến chỗ Tuyên vương, bởi thế được Tuyên vương biết. Lúc đi đánh Mạnh Đạt, Thái làm tiên bộ, Tuyên vương triệu Thái. Thái phải để trùng tang bố, mẹ và ông, cư tang liền chín năm, Tuyên vương để khuyết một chức quan chờ Thái, bổ chức được ba mươi sáu ngày, lại cất Thái lên làm Thái thú Tân thành.

Tuyên vương sai Thái đến gặp Thượng thư Chung Do, Chung Do đùa Thái rằng:

- Người rũ áo vải lên ngôi Tể phủ, ba mươi sáu ngày mà ra vào xe long, quân binh mã một quận; thực như hành khất cười khinh xa, sao đi nhanh thế?

Thái nói:

- Thực có thể. Ngài là danh môn công tử, thời trẻ có văn tài, cho nên giữ chức lại; như con khi cưới trâu, sao chậm chạp vậy!

Hết thầy tân khách đều cười rộ. Về sau Thái chuyển các chức Thứ sử Duyên châu, Thứ sử Dự châu, ở đâu cũng trù liệu tính toán chu đáo cả.

Chung Hội tự Sĩ Quý, người ở quận Dĩnh Xuyên huyện Trường Xã, là con út của quan Thái phó Chung Do.

Hội thời trẻ thông minh lanh lợi sớm chín chắn.^① Trung hộ quân là Tường Tể soạn sách, cho rằng "Cứ xét con mắt, là đủ biết người." Hội lên năm tuổi, Do sai Hội đến gặp Tể, Tể rất kinh lạ, nói:

- Thật là người phi thường vậy.

Lúc Hội tráng niên, rất tài năng, tinh thông kỹ nghệ và lý số, học văn uyên bác, lão luyện về bàn xét sự vật, sớm khuya ngâm đọc, bởi thế rất nổi tiếng.

Năm Chính Thủy trung, Hội làm Bí thư lang, thăng lên Thượng thư Trung thư thị lang.^② Cao Quý hương công tức tôn vị, ban cho Hội tước Quan nội hầu.

① Hội vì mẹ mình chép truyện rằng:

Phu nhân Trương thị, tự Xương Bồ, người huyện Tư Thị quận Thái Nguyên, là mệnh phụ⁽¹⁾ của Thái phó Định Lăng Thành hầu. Gia thế nối đời là trưởng lại ăn lộc hai nghìn hộ. Phu nhân từ nhỏ mất cha mẹ, được sung nạp vào nhà Thành hầu, giữ mình đứng đắn, điều trái lẽ không theo, người trên kẻ dưới đều khen ngợi.

¹ Thời phong kiến, phu nhân được thụ phong hiệu gọi là mệnh phụ. Chung Do bấy giờ là Thái phó, tước hiệu là Định Lăng Thành hầu.

Thiếp yêu của Thành hầu là Tôn thị, lẩn át chính thất, chuyên quyền việc nhà, ý hại người hiền, nhiều lần gièm pha vu hãm, không gì không dám làm. Tôn thị biện bác xảo trá, lời nói đủ để tô vẽ biến không thành có, nhưng rút cục không hại được phu nhân. Lúc phu nhân có mang, Tôn thị lại càng ghen ghét đố kỵ hơn nữa, bèn bỏ thuốc độc vào đồ ăn, phu nhân ăn bị trúng độc, phát giác được thổ ra hết, mê mẩn hoa mắt mấy ngày. Có người nói:

- Sao chẳng đem việc này nói ra với tướng công?

Phu nhân đáp:

- Đích thứ hại nhau, phá nhà nguy nước, xưa nay lấy đó làm điều răn. Ví thử Công tin ta, chúng nhân ai rõ việc này? Kẻ kia trong bụng liệu xét ta, cho là ta tất nói ra, cho nên sẽ nói việc ấy trước ta; việc do kẻ kia nói ra, yên lặng chẳng sợ hơn sao!

Bèn xưng bệnh không tới gặp. Tôn thị quả nhiên nói với Thành hầu rằng:

- Thiếp mong phu nhân sinh con trai, cho nên đưa thuốc sinh con trai, lại bị nói là cho thuốc độc!

Thành hầu nói:

- Cho thuốc sinh con trai là việc tốt, nhưng ngầm để thuốc vào đồ ăn đưa cho người khác, là việc không hợp tình hợp lý vậy!

Bèn tra hỏi người hầu, người hầu kể lại hết, Tôn thị bởi đắc tội bị đuổi.

Thành hầu hỏi phu nhân sao chẳng nói gì, phu nhân nói rõ nguyên do, Thành hầu cả kinh, vì thế càng cho phu nhân là hiền. Năm Hoàng sơ thứ sáu, phu nhân sinh Hội, lại càng được sủng ái. Thành hầu đã đuổi Tôn thị, bèn nạp Giả thị làm chính thất.

Thần Tùng Chi xét: Chung Do bấy giờ đã già lão, mới nạp chính thất. *Kinh Lễ* nói rằng: Nếu không có con nối dõi thì dù bảy mươi tuổi vẫn không được lập chính thất.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Mẹ của Hội được Do sủng ái, Do vì mẹ Hội mà đuổi phu nhân của mình. Biện thái hậu đem việc nói với Văn đế, Văn đế hạ chiếu bắt Do đón phu nhân Tôn thị về. Do phần uất, uống rượu độc, không chết, ăn tiêu thành câ, Đế bèn thôi.

② *Thế ngữ* chép: Tư Mã Cảnh vương sai Trung thư lệnh là Ngưu Tùng soạn biểu, hai lần trình lên không vừa ý, lệnh cho Tùng sửa lại. Để sửa theo ý Cảnh vương lúc bấy giờ, Tùng nghĩ hết cách cũng không sửa nổi, trong lòng khổ não, lộ ra nét mặt. Hội xét thấy vẻ lo lắng của Tùng, liền hỏi, Tùng đem sự thực kể lại. Hội lấy biểu ra xem, sửa giúp năm chữ. Tùng hài lòng chịu phục, đem trình Cảnh vương, Vương nói:

- Không phải là người sửa nổi, ai đã sửa biểu này?

Tùng thưa:

- Là Chung Hội. Thần đã muốn sớm bẩm việc này, đúng lúc được Công hỏi, thần chẳng dám tham nhận cái tài ấy.

Vương nói:

- Người như thế, nên đại dụng, hãy gọi hán đến đây.

Hội hỏi Tùng là như tài năng của Vương thì thứ gì là sở trường, Tùng nói:

- Vương học rộng hiểu biết sâu, không gì không thấu suốt.

Hội bèn dứt tuyệt tân khách, suy nghĩ kỹ mười ngày, một sớm vào gặp, đến tận trống canh hai mới ra. Sau khi Hội đi ra, Vương một mình tự vỗ tay than:

- Người này thật có tài vương tá vậy!

Tùng tự Thúc Mậu, người quận Trần Lưu, là cháu ngoại của Thái thú Cửu Giang Biên Nhuợng. Tùng hai mươi tuổi có tài năng, theo Tư Mã Tuyên vương đi đánh Liêu Đông, Tuyên vương lệnh sai soạn hịch văn, lúc phá giặc, sai soạn hịch bố cáo. Tùng theo về, Tuyên vương triệu làm Duyện, Tùng hai mươi bốn tuổi, được thăng làm Trung thư lang, rồi làm đến chức Thái thú. Con của Tùng là Tuấn, tự Hiến Hoằng, làm quan Đình úy thời nhà Tấn.

Thần Tùng Chi cho rằng Chung Hội là con nhà công hầu có tên tuổi, danh tiếng nổi rất sớm, hai mươi tuổi vào triều, đã trải ngôi vị quý hiển, Cảnh vương làm tướng quốc, há chẳng biết rõ thuộc quan, mà đợi đến lúc Ngưu Tùng dâng biểu mới biết đến rồi cho gặp sao? Ví thử trước đây chưa từng gặp nhau, chỉ thấy năm chữ

kia liền biết là có thể đại dụng, dẫu thánh nhân cũng còn khó làm được, huống chi là Cảnh vương đây?

Quán Khâu Kiệm dấy loạn, Đại tướng quân Tư Mã Cảnh vương đông chinh, Hội đi theo, nắm giữ việc cơ mật, Vệ tướng quân Tư Mã Văn vương cầm đại quân đi nối sau. Cảnh vương chết ở Hứa Xương, Văn vương thống quản sáu quân, Hội định mưu kế trong màn trướng. Bấy giờ ở trên sắc lệnh cho Thượng thư Phó Hồ, cho là phía đông nam mới bình định, quyền nghi lưu Vệ tướng quân đóng binh ở Hứa Xương để chi viện trong ngoài, sai Hồ thống suất chư quân quay về. Hội cùng Hồ bàn mưu, sai Hồ dâng biểu lên, xin cùng Vệ tướng quân đều triệt quân, lui về phía nam sông Lạc đóng binh. Vì thế triều đình bãi Văn vương làm Đại tướng quân, kiêm phụ tá triều chính, Hội được thăng làm Hoàng môn thị lang, tước Đông Vũ đình hầu, thực ấp ba trăm hộ.

Năm Cam Lộ thứ hai, triều đình triệu Gia Cát Đản làm Tư không, bấy giờ Hội đang chịu tang tại nhà, dự liệu là Đản tất không vâng mệnh triệu, ruổi ngựa đến bẩm với Văn vương. Văn vương cho là việc đã thi hành, không thể sửa lại được.^① Lúc Đản làm phản, xa giá đóng tại huyện Hạng, Văn vương đến Thọ Xuân, Hội lại đi theo.

① Hội bấy giờ gặp lúc để tang mẹ. Truyện về mẹ Hội chép:

Phu nhân tính tình thanh cao giữ mình nghiêm cẩn, sáng suốt về việc giao huấn, Hội dẫu còn bé, vẫn khuyên răn rất nghiêm khắc. Năm Hội lên bốn tuổi, phu nhân sai đọc sách *Hiếu kinh*, bảy tuổi cho đọc *Luận ngữ*, tám tuổi đọc *Kinh Thi*, mười tuổi đọc *Kinh Thương Thư*, mười một tuổi đọc *Kinh Dịch*, mười hai tuổi đọc *Xuân thu Tả thị truyện*, *Quốc ngữ*, mười ba tuổi đọc *Chu lễ*, *Lễ ký*, mười bốn tuổi đọc sách *Dịch ký* do Thành hầu soạn, mười lăm tuổi sai vào nhà Thái học để học lời văn hay ở bốn phương và những điều giáo huấn lạ.

Phu nhân bảo Hội rằng:

- Học nhiều thì mỏi mệt, mỏi mệt sẽ sinh lười biếng; ta sợ mày có ý lười, cho nên dạy dỗ mày dần dần, nay mày có thể học một mình được rồi vậy.

Phu nhân rất thích thư tịch, đọc qua nhiều sách, đặc biệt thích *Chu dịch*, *Lão tử*, mỗi khi đọc *Dịch* đến chỗ Khổng tử giảng nghĩa câu: "Minh hạc tại âm, lao khiêm quân tử, tịch dụng bạch mao, bất xuất hộ đình",⁽¹⁾ phu nhân thường sai Hội đọc đi đọc lại, nói rằng:

- Dịch có hơn ba trăm hào, nhưng Trọng Ni đặc biệt giải thích hào này, đây là dạy người ta khiêm cung cẩn thận, nắm vững thời cơ mà hành động, lập thân hành sự phải xét rất kỹ lưỡng, vinh thân là từ đây mà ra, ứng thuận theo cái thuật ấy, là đủ để làm người quân tử rồi.

Năm Chính Thủy thứ tám, Hội làm Thượng thư lang, phu nhân cầm tay Hội dạy rằng:

- Mày mới hai mươi tuổi được vào triều làm quan, con người ta chẳng biết thế nào là đủ thì tổn hại đến thân mình thôi, hãy cố suy nghĩ để tự răn mình!

Bấy giờ Đại tướng quân Tào Sảng nắm quyền triều chính, ngày ngày buông thả đắm chìm trong men rượu, anh của Hội là Thị trung Chung Dục nghỉ việc quan về nhà, nói chuyện ấy. Phu nhân nói:

- Tiếng nhạc thì vui rồi, nhưng khó nghe lâu vậy. Giữ ngôi cao mà không kiêu, biết kiềm chế mình cẩn thận, thì sau này mới không

¹ Đây là các quẻ trong *Kinh Dịch*:

* "Minh hạc tại âm, kỳ tử họa chi." Nghĩa là: "Hạc kêu chỗ khuất, hạc con hòa theo." Đại loại cũng như câu: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu."

* "Lao khiêm quân tử, vạn dân phục dã." Nghĩa là: "Bậc quân tử siêng năng lao nhọc mà khiêm cung, muôn dân đều theo phục."

* "Tịch dụng bạch mao, vô cữu." Nghĩa là: "Lót (vật phẩm cúng tế) dùng cỏ mao trắng, không có lỗi." Thời xưa, cỏ mao trắng dùng để gói các vật phẩm cúng tế. Ý rằng làm việc mà cẩn thận thì không lo mắc lỗi lầm.

* "Bất xuất hộ đình, vô cữu." Nghĩa là: "Không ra khỏi cổng nhà, không có lỗi." Ý rằng biết giữ mình kín đáo thì không lo mắc vạ.

lo họa nạn. Nay xa hoa lẫn át người như thế, không phải là con đường giữ được sự phú quý lâu dài vậy.

Năm Gia Bình nguyên niên, xa giá đến bãi yết ở Cao Bình lăng, Hội là Trung thư lang, đi theo. Tướng quốc Tuyên Văn hầu khởi binh, mọi người lo sợ không yên, nhưng phu nhân vẫn tự nhiên như thường. Gia quyến của bọn Trung thư lệnh Lưu Phóng, Thị lang Vệ Quán, Hạ Hầu Hòa đều thấy quái lạ hỏi:

- Một người con của phu nhân ở giữa chỗ nguy hiểm, sao lại không lo lắng gì vậy?

Phu nhân đáp:

- Đại tướng quân kiêu xa vô độ, ta thường ngờ rằng ông ấy sẽ không được yên lành. Thái phó nhất định chẳng làm nguy hại cho nước, tất vì Đại tướng quân mà cử sự thôi. Con ta ở bên cạnh vua thì có gì phải lo lắng? Vả lại nghe nói Thái phó xuất binh không mang theo nhiều vũ khí, xem thế tất không đánh nhau lâu.

Quả đúng như lời ấy, chúng đều khen là sáng suốt.

Hội coi việc quân cơ mật hơn chục năm, nhiều lần dự mưu chính sự. Phu nhân bảo rằng:

- Xưa kia người con nhỏ của Phạm thị là Triệu Giản Tử bày kế chặt cây, thu được lòng dân,¹ có thể gọi là khéo rồi. Nhưng mẹ của Giản Tử cho là ông ấy đặt điều giả dối làm việc trí trá, vốn là việc làm hèn mọn, tất không thể tồn tại được lâu dài. Đấy nhất định là lời của người có hiểu biết sâu xa, không phải là điều mà kẻ thiển cận có thể nói được, ta thường muốn làm người như thế. Mà biết giữ lòng chính trực, thì có thể tránh được họa rồi. Chỉ nên tu dưỡng tâm chí làm việc có ích cho chính sự đương thời, là chẳng nhục đến tiền nhân vậy. Người đời thường nói là có ai xét hết được vạn việc, chỉ nên gắng sức làm không biết mệt, tiếp nữa là cố nén mình. Dầu tiếp xúc với kẻ ti tiện, vẫn phải nói lời tín nghĩa. Trong lúc giúp đỡ người, phải vạch rõ đúng sai.

¹ Triệu Giản Tử bày kế chặt cây, thu được lòng dân: Diễn tích, người dịch chưa tra cứu được.

Có người nhân đấy hỏi:

- Đó há chẳng phải việc nhỏ sao?

Phu nhân đáp:

- Việc làm của người quân tử, đều là gom nhặt những cái nhỏ thành thứ lớn, nếu vì việc thiện nhỏ cho là vô ích mà chẳng làm, đấy là hành động của kẻ tiểu nhân thôi. Chỉ mong làm những việc cao xa, là điều ta không thích vậy.

Phu nhân từ lúc Hội còn nhỏ, mặc áo vá giản dị, tự mình làm việc nhà, lại khiêm cung cần kiệm. Phàm là việc có lợi thì suy xét kỹ đạo nghĩa, đối diện với tiền của thì nhất định chối nhường. Hội trước sau tặng phu nhân vàng lụa tính kể mấy trăm vạn, phu nhân đưa hết vào kho chung của gia đình chi dùng, không lấy cho mình thứ gì.

Năm phu nhân năm mươi chín tuổi, là năm Cam Lộ thứ hai tháng hai mắc bạo bệnh chết. Đến lúc táng, thiên tử tự tay thảo chiếu, sai Đại tướng quân Cao Đô hầu⁽¹⁾ phúng viếng rất hậu, chi phí táng lễ bất kể lớn nhỏ, hết thảy đều chu cấp.

Kẻ bàn luận cho rằng Công hầu⁽²⁾ có phu nhân, có thể phụ, có thê, có thiếp, đều được gọi là mệnh phụ. Theo điển nghĩa của Thành Phong, Định Tự thời Xuân Thu,⁽³⁾ xem trọng điển lễ, không gọi chung là thiếp, vì thế phải gọi là Thành hầu mệnh phụ. Việc chôn táng, được dùng theo phép xưa, đấy là lễ vậy.

Khi trước, Đại tướng nước Ngô Toàn Tông, là trọng thần lấy con gái của Tôn Quyền, con của Tông là Dịch, cháu của Tông là Tĩnh, cháu họ là bọn Doan, Phiên, Tập đều đem binh cứu Đản. Con của anh trai Dịch là Huy, Nghi ở lại Kiến Nghiệp, cùng

¹ Cao Đô hầu là tước của Tư Mã Ý lúc ấy.

² Chỉ Chung Do, giữ tước Công.

³ Thành Phong (成风), là thiếp của Trang công, mẹ của Hi công, vốn họ Phong, sau khi chết được đặt hiệu là Thành; Định Tự (定姒), là thiếp của Thành công, mẹ của Tương công, sau khi chết đặt hiệu là Thành. Từ đấy về sau, đại để là mẹ vì con được quý hiển, mẹ làm thiếp thì được xưng là phu nhân, được truy thụy.

người nhà tranh kiện nhau, dắt mẹ già cùng bộ khúc mấy chục nhà vượt sông Giang, tự theo hàng Văn vương. Hội lập kế sách, bí mật thay Huy, Nghi viết thư, sai người thân tín của Huy, Nghi đưa vào thành báo với bọn Dịch, nói rằng người Ngô rất tức giận vì bọn Dịch không hạ được Thọ Xuân, muốn giết hết người nhà các tướng sĩ, cho nên mới trốn đi hàng. Bọn Dịch kinh sợ, bèn đem số binh mà mình quản lĩnh mở cửa thành phía đông ra hàng, đều được phong thưởng hậu, lòng người trong thành vì thế tan lìa. Thọ Xuân phá được, mưu của Hội rất nhiều, Hội được thân gần đãi ngộ ngày càng lớn, người bấy giờ gọi Hội là Trương Tử Phòng.

Quân quay về, thăng Hội làm Thái phó, Hội cố từ không nhận. Lấy thân phận Trung lang quản việc nhà ở phủ của Đại tướng quân, làm tâm phúc của Văn vương. Vì việc đánh dẹp Gia Cát Đản có công, Hội được tiến tước Trần hầu, liên tục nhún nhường không nhận. Để hạ chiếu nói:

"Hội nắm giữ binh cơ, cùng dự kế sách, liệu địch chế thắng, có công bày mưu nơi màn trướng, nhưng chối nhường ân sủng, lời lẽ ý tứ thành khẩn, chí không thể cưỡng. Có công không tự ngạo, là điều mà cổ nhân kính trọng, nay thuận theo cái chí mà Hội giữ, để thành toàn đức tốt của Hội."

Hội được thăng làm Tư lệ Hiệu úy. Tuy rằng nhận chức ở ngoài, nhưng việc tổn ích của chính sự đương thời, tranh đoạt với người đời, không gì không nắm giữ hết. Bọn Kê Khang bị giết, đều là kế mưu của Hội cả.

Văn vương cho rằng Đại tướng quân nước Thục là Khương Duy luôn quấy nhiễu biên thù, liệu rằng Thục là tiểu quốc dân mỗi, tài lực kiệt quệ, muốn cất đại binh đồ nước Thục. Duy có Hội cũng cho là nước Thục có thể lấy được, đã sớm trừ liệu kế sách, xét địa hình, khảo luận thế sự. Năm Cảnh Nguyên thứ ba mùa đông, triều đình lấy Hội làm Trấn tây tướng quân, ban Giả

tiết, đốc trách các việc quân ở Quan Trung. Văn vương sắc lệnh cho các châu Thanh, Từ, Duyện, Dự, Kinh, Dương đều sai phải làm thuyền bè, lại lệnh cho Đường Tư chế tác các thuyền vượt biển, bề ngoài làm bộ sẽ đánh nước Ngô.

Năm thứ tư mùa thu, triều đình hạ chiếu sai Đặng Ngải, Gia Cát Tự đều thống lĩnh chư quân ba vạn người, Ngải đến Cam Tùng, Đạp Trung cầm chế Duy, Tự đến thẳng Vũ Nhai, Kiêu Đầu chặn đường về của Duy. Hội thống lĩnh hơn chục vạn đại quân, chia đường từ Tà Cốc, Lạc Cốc vào Thục. Trước tiên lệnh cho Nha môn tướng Hứa Nghi đi trước sửa đường, Hội tiến theo phía sau, nhưng lúc đi qua cầu, ngựa bị sa xuống hố, Hội liền chém Nghi. Nghi, là con của Hứa Trử, có công với vương thất, cũng không được tha. Chư quân nghe chuyện, chẳng ai không run sợ.

Thục lệnh cho các lũy vây đều không được xuất chiến, lui về hai thành Hán, Lạc thủ giữ. Thái thú Ngụy Hưng là Lưu Khâm tiến thẳng đến hang Tý Ngọ, chư quân mấy đạo cùng tiến, đến Hán Trung. Giám quân nước Thục là Vương Hàm giữ Lạc Thành, Hộ quân là Tường Bân giữ Hán Thành, binh đều có năm nghìn. Hội sai Hộ quân là Tuân Khải, Tiền tướng quân là Lý Phụ đều thống lĩnh vạn người, Khải vây Hán Thành, Phụ vây Lạc Thành. Hội đi đường tắt, sang tây tiến ra cửa Dương An, phái người đến tế mộ của Gia Cát Lượng. Sai Hộ quân là bọn Hồ Liệt đi phía trước, công phá cửa quan, lấy được kho lương.

Khương Duy từ Đạp Trung quay về, đến Âm Bình, tập hợp sĩ chúng, muốn đến cửa quan. Chưa đến nơi, nghe tin cửa quan đã bị phá, bèn lui binh về Bạch Thủy, cùng tướng Thục là bọn Trương Dục, Liêu Hóa liên hợp giữ Kiếm Các cự Hội.

Hội gửi hịch cho tướng sĩ quan dân nước Thục rằng:

"Xưa kia ngôi Hán suy vi, quốc gia tan vỡ, dân không đất sống, cơ hồ bị diệt sạch. Thái tổ Vũ hoàng đế thần võ thánh minh, dẹp loạn đưa về

đường chính, cứu vớt mỗi nguy rơi rụng, dừng lại Hoa Hạ. Cao tổ Văn hoàng đế ứng trời thuận dân, chịu mệnh đấng cơ. Liệt tổ Minh hoàng đế kế nối nghiệp sáng, mở mang công tích. Nhưng cõi ngoài cương vực, chính sự còn khác biệt, phong tục có bất đồng, muôn dân thiên hạ chưa theo về vương hóa, đây là điều ba vị tổ vẫn canh cánh mang lòng di hận. Nay chúa thượng thánh đức cao vời, kế nối phát dương công nghiệp của tiên nhân, tế phụ trung kính, sáng suốt thành thực, ra sức phù trì vương thất, sắp xếp chính sự, ban ơn cho trăm họ khiến muôn bang hòa hợp, bày ân đức với trăm tộc người Man khiến họ cung kính đến triều cống."

"Thương cho sĩ chúng Ba Thục các người, há các người không phải là dân sao, xót thay cho trăm họ nơi ấy, lao dịch nhọc nhằn không dừng nghỉ. Vì thế sáu quân chịu mệnh, cung kính thay trời thảo phạt, chư quân của Chinh tây, Ung châu, Trấn tây, năm đạo cùng tiến."

"Việc hành quân từ xưa, lấy nhân làm gốc, vì nghĩa trị loạn; quân của bậc vương, đi không cần đánh; cho nên Ngụ Thuần mùa kiền thích mà thu phục Hữu Miêu,⁽¹⁾ Chu Vũ phát của cải, mở kho lương, biểu chương cải nghĩa của hiền thần.⁽²⁾ Nay Trấn tây ta phụng mệnh đi đánh dẹp, tổng nhiếp trọng binh, bố cáo hịch văn để huấn dụ, để cứu vớt tính mệnh của lê dân, không muốn lạm dụng vũ lực giết người vô tội, thu lấy cái thống khoái ở một trận đánh, cho nên bày tỏ mẫu chốt của sự an nguy, mong các người hãy kính nghe lời ta nói."

"Tiên chủ của Ích châu là bậc anh kiệt trên đời, hưng binh nơi đông ruộng tại bắc phương, vấp ngã khốn đốn ở vùng Tì, Ký, chịu mệnh làm tay chân của Lã Bố, Viên Thiệu, Thái tổ giao tay cứu vớt rồi giúp đỡ, đây đây kết tình, một thời hưng thịnh. Thế nhưng giữa đường bội phản, bỏ đồng đạo thành địch thù, Gia Cát Khổng Minh luôn mưu lấy

¹ Ngụ Thuần mùa kiền thích: Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 98 (Vũ đế ký).

² Chu Vũ vương sau khi diệt vua Trụ nhà Ân, chia của cải ở Lộc Đài, mở kho lương Cự Kiêu để phát chẩn cho dân, lập bia văn biểu chương hiền thần của nhà Ân Thương là Thương Dung.

Tần Xuyên, Khương Bá Ước thường tiến ra Lũng Hữu, khuấy động biên cảnh nước ta, xâm nhiễu dân các tộc Đê, Khương, đang lúc quốc gia có lắm việc, chưa rồi nhàn sửa quân đi xa cứu phạt vậy.⁽¹⁾ Nay biên cảnh đã thanh bình, trong nước vô sự, tích sức đợi thời, hợp binh đánh một hướng, mà binh lực của Ba Thục chỉ một châu, chia ra thủ giữ, thật khó để ngăn chống đại quân thiên hạ.”

”Kể từ trận Đoạn Cốc, Hầu Hà bại binh thua lớn, nguyên khí của Ba Thục tổn thương, há địch được thế trận đường đường của quân ta. Mấy năm lại đây, xú Thục chưa năm nào yên ổn, kẻ chinh phu siêng năng nhọc mệt, há ngăn được lòng dân đến hàng ta. Đây là điều mà tất cả các bậc hiền tài tận mắt thấy rõ vậy. Xưa kia tướng Thục là Trần Tráng bị cầm bắt bởi nước Tần,⁽²⁾ Công Tôn Thuật trao đầu cho Ngô Hán,⁽³⁾ đất hiểm của chín châu, không phải là nơi một họ thống trị lâu dài. Đây đều là điều mà tất cả các vị hiền tài đều được nghe nói vậy. Người sáng suốt thấy cái nguy vào lúc nó chưa thành hình, bậc trí giả tính được cái họa từ lúc nó chưa nảy mầm, vì thế Vi Tử bỏ nhà Thương, làm tân khách ở nhà Chu,⁽⁴⁾ Trần Bình lìa Hạng Vũ, lập công với nhà Hán.⁽⁵⁾ Há đâu lại cầu thả trộm yên như uống rượu độc, nhận bổng lộc mà chẳng biết biến thông sao? Nay ân của quốc triều lớn như trời che đất chở, đức của tế phụ rộng rãi bao dung, kẻ hàng trước được thi ân, kẻ hàng sau bị chém giết, đây là ư sinh ghét diệt vậy.”

¹ Cửu phạt (九伐), là hành động quân sự của đại quốc đi đánh dẹp nước chư hầu hay kẻ nghịch thần vì phạm chế mệnh.

² Nước Tần thời Chiến Quốc dưới thời Tần Huệ vương đã thôn tính nước Thục, đặt thành quận và đưa quan lại đến cai trị. Sau khi Tần Huệ vương chết, quan lại cũ của nước Thục là Trần Tráng (陈壮) lãnh đạo dân Thục chống lại Tần. Tướng Tần là Tư Mã Thác, Trương Nghi, Cam Mậu đưa quân vào Thục đánh dẹp, bắt giết Trần Tráng.

³ Công Tôn Thuật (公孙述), người thời Tây Hán. Sau loạn Vương Mãng, Thuật chiếm đất Thục xưng đế, thù phủ đóng ở Thành Đô. Quang Vũ đế khôi phục nhà Hán, chiêu dụ, Thuật cự tuyệt, bị Quang Vũ đế sai Ngô Hán đánh giết. Trước sau Thuật xưng đế được mười hai năm.

⁴ Vi Tử (微子), xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 262 (Cao Quý hương công Tào Mao truyện).

⁵ Trần Bình (陈平): Xem chú thích ở tập I, trang 77, quyển 1 (Vũ đế kỷ).

"Khi trước tướng nước Ngô là Tôn Nhất dẫn bộ chúng tới quy thuận, ngôi vị là Thượng ti, ân sủng phẩm trật khác thường. Văn Khâm, Đường Tư là những kẻ đại hại của quốc gia, phản chúa thành cừu thù, quay lại thành tướng giặc. Tư khốn bức bị cầm bắt, hai con của Khâm về hàng, đều được làm tướng quân, phong tước hầu; Tư còn được dự nghe việc quốc sự. Bọn Nhất cùng đường phải theo hàng, còn được ban sủng lớn, hưởng chi những bậc hiền tài của Ba Thục biết rõ cơ hội mà theo về! Thục nếu xét kỹ việc thành bại, hãy bắt chước hành vi của người cao đạo, theo vết chân của Vi Tử, nối con đường của Trần Bình, thì được phúc giống như cổ nhân, ân trạch truyền cho con cháu, sĩ dân trăm họ, an nhiên với nghiệp cũ, người dân không phải đổi ruộng, thương nhân chẳng phải chuyển chợ, tiêu trừ được mối nguy như trượng chông, mãi được hưởng phúc bình yên, há chẳng tốt đẹp sao! Nếu như sớm tôi trộm cầu an, mê mà chẳng tỉnh, đại binh khởi phát, ngọc đá đều tan, dầu muốn hồi hận, cũng không kịp nữa."

"Hãy chọn kỹ điều được mất, tự cầu phúc lộc cho mình, mấy lời truyền ra, để khắp nơi đều nghe biết."

Đặng Ngải đuổi theo Khương Duy đến Âm Bình, tuyển chọn tinh binh, muốn từ Đức Dương Đình tiến vào Giang Do, Tả Đàm Đạo đến Miên Trúc, tới thẳng Thành Đô, đề nghị Gia Cát Tự cùng đi. Tự vốn nhận lệnh tiết chế đón chặn Khương Duy, cho rằng sang tây không phải là chiếu mệnh ban đầu, bèn tiến quân trước hướng tới Bạch Thủy, cùng Hội hợp quân. Hội phái tướng quân Điền Chương từ phía tây Kiểm Các, tiến thẳng đến Giang Do. Đi chưa được trăm dặm, Chương tiến phá được ba lũy quân phục của Thục, Ngải sai Chương tiến lên. Chương ruổi dài mà tiến. Quân của Hội và Tự hướng tới Kiểm Các, Hội muốn độc nắm quân quyền, mật bẩm lên là Tự hèn nhát không chịu tiến quân, bắt nhốt Tự vào xe tù đưa về. Quân lính đều thuộc quyền Hội,^① Hội tiến đánh Kiểm Các, không hạ được, dẫn quân lui về, quân Thục cạy hiểm yếu chống giữ.

Ngài tiến đến Miên Trúc, đại chiến, chém Gia Cát Chiêm. Bọn Duy hay tin Chiêm đã bị phá, liền thống suất quân lính của mình sang đông hướng về Ba Quận. Hội bèn tiến quân đến huyện Phù, phái bọn Hồ Liệt, Điền Tục, Bàng Hội đuổi theo Duy. Ngài tiến quân hướng đến Thành Đô, Lưu Thiện đến chỗ Ngài xin hàng, phái sứ giả chiếu sắc cho bọn Duy lệnh phái hàng Hội. Duy đến huyện Thê của quận Quảng Hán, lệnh cho binh lính đều buông khí giới, đưa phù tiết đến chỗ Hồ Liệt, rồi theo con đường phía đông đến hàng Hội.

Hội dâng tấu rằng:

"Lũ giặc là bọn Khương Duy, Liêu Hóa, Trương Dực, Đồng Quyết tránh chết trốn chạy, muốn đến Thành Đô. Thần liền sai bọn Tư mã là Hạ Hâu Hàm, Hộ quân là Hồ Liệt vượt qua Kiếm Các, tiến ra Tân Đô, Đại Độ chặn đường tiến của chúng, bọn Tham quân là Viên Thanh Sam, tướng quân là Câu An nổi gót phía sau chúng, bọn Tham quân là Hoàng Phủ Khải, tướng quân Vương Mãi từ phía nam huyện Phù tiến vào lòng địch, thần giữ huyện Phù tạo thế chi viện đông tây. Quân bộ kỵ mà bọn Duy thống lĩnh có bốn năm vạn người, giáp dày binh sắc, lấp đầy sơn cốc, trong vòng mấy trăm dặm đầu đuôi nối nhau, dựa vào binh đông, song xe hướng về tây. Thần sắc lệnh cho bọn Hàm, Khải sai chia binh chiếm địa lợi, chăng lưới đón đợi, chặn kín đường chạy về phía nam, ngăn lấp đường sang tây tới Thành Đô, tuyệt lối xông lên phương bắc, bốn mặt như mây tụ, đầu đuôi cùng tiến, các đường chạy đều bị chặn, địch muốn chạy cũng không có lối. Thần lại tư tay viết thư dụ địch, mở ra đường sống cho chúng, bọn địch bị bức khốn, biết mệnh cùng số tận, phải cời giáp quăng mâu, cúi mặt chịu hàng, ấn thụ thu kế vạn, đồ dùng chất cao như núi."

"Xưa kia Thuấn Vũ múa kiếm thích, Hưu Miêu tự phục; sư tử ở Mục Dã, quân Thương cầm ngược mâu; xuất chinh không cần đánh, là công nghiệp vĩ đại của đế vương. Bảo toàn nước địch là thượng sách, phá nước địch là kế kém; giữ vẹn quân đội là tối thượng, đánh tan

quân địch là thứ yếu, đây là phép hay của việc dụng binh. Bệ hạ là bậc thánh đức, sánh ngang những vua hiền thời trước, phụ tá trung thành sáng suốt, sánh bằng Công Đán thừa xưa, đức nhân nuôi dưỡng quần sinh, cất quân nghĩa đánh kẻ không thần phục, kẻ khác tục hướng về giáo hóa, không đâu không vui lòng chịu phục, binh khí không vấy máu, vạn dặm cùng phong tục, chín châu liên một cõi. Thần lập tức phụng tuyên chiếu mệnh, nêu cao ân hóa, thu phục lại xã tắc, vỗ yên bách tính, bỏ bớt thuế khóa, dẹp trừ lao dịch, dùng đức để dạy dỗ, dùng lễ để giáo huấn, phong tục đổi dời, trăm họ vui mừng, người người hơn hờ, đang khốn khổ mà dễ chịu, nghĩa ấy không gì hơn được."

Bấy giờ Hội cấm chế ước thúc sĩ chúng không được cướp bóc, tự mình khiêm cung để dẫn dụ mọi người, để giao kết với trăm quan nước Thục, cùng Duy giao tình rất thâm thiết.②

Tháng mười hai, Đế hạ chiếu rằng:

"Hội đến đâu cũng bẻ gãy địch, tiến không ai cưỡng, không chế các thành, giăng lưới vây giặc chạy. Khiến hào soái nước Thục, cúi mặt chịu hàng, kẻ mưu chẳng sơ sót, không việc gì không thành. Cả thấy số địch bị giết ra hàng, tính ra cả vạn, thu được toàn thắng, đi không cần đánh. Bình định cõi tây, biên cương thanh tĩnh. Nay lấy Hội làm Tư đô, tấn phong tước Huyện hầu, thêm thực ấp vạn hộ. Phong hai con của Hội làm Đình hầu, thực ấp đều nghìn hộ."

① Xét Bách quan danh: Tự vào triều Tấn làm Thái thường, Sùng lễ Vệ úy. Con của Tự là Xung, làm Đình úy.

Duyện châu ký của Tuân Xước chép: Con của Xung là Thuyên, tự Đức Lâm, Mân tự Nhâm Lâm, đều nổi tiếng và hiền đạt. Thuyên, làm Thứ sử Duyện châu. Mân làm Thị trung Ngự sử trung thừa.

② Thế ngữ chép: Hạ Hầu Bá trốn vào nước Thục, Thục chủ hỏi:

- Cái đức của Tư Mã công như thế nào?

Bá thưa:

- Hấn đang mưu dụng thế lực cho nhà mình.

Lại hỏi:

- Kê sĩ tài tuấn ở kinh sư có ai?

Bá đáp:

- Có Chung Sĩ Quý, người ấy quản triều chính, là mối lo cho Ngô, Thục vậy.

Hán Tấn xuân thu chép: Khi trước, Hạ Hầu Bá hàng Thục, Khương Duy hỏi Bá rằng:

- Tư Mã Ý đã nắm triều chính bên ấy, liệu có chí chinh phạt nữa chăng?

Bá nói:

- Hấn đang mưu tính gây dựng cho nhà mình, chưa rồi nhàn lo đến việc ngoài. Có Chung Sĩ Quý, người ấy tuy ít tuổi, về sau sẽ là mối lo cho Ngô, Thục, nhưng không phải là người phi thường cũng không dùng được vậy.

Mười lăm năm sau thì Hội quả nhiên diệt Thục.

Xét lời này của Tập Tạc Xi, không phải xuất ra bởi chính sử, nên ta chọn dùng lời của *Thế ngữ* mà phụ thêm lời bàn về Hội vậy.

Hội trong lòng có chí khác, nhân chuyện Đặng Ngải thừa chế chuyên quyền, mật bẩm là Ngải có ý phản,^① vì thế Đế hạ chiếu thư sai bắt Ngải nhốt vào xe tù đưa về kinh. Tư Mã Văn vương sợ Ngải e dè không theo mệnh, hạ sắc lệnh sai Hội tiến binh vào Thành Đô, Giám quân là Vệ Quán đi trước Hội, đem thủ bút của Văn vương tuyên lệnh hiểu dụ quân của Ngải, quân của Ngải đều buông khí giới, Quán bắt Ngải nhốt vào xe tù.

Người mà Hội kiêng sợ chỉ có Ngải, Ngải bị bắt rồi Hội mới đến, một mình thống lĩnh đại quân, uy chấn tây thổ. Hội tự cho là mình công danh trùm đời, không thể ở dưới người khác, hơn nữa tướng khỏe binh mạnh đều ở trong tay mình, bèn mưu phản. Hội muốn sai bọn Khương Duy đem hết binh Thục ra Tà

Cốc, Hội tự đem đại quân theo ở phía sau. Sau khi đến Trường An, lệnh cho kỵ binh theo đường bộ tiến quân, bộ binh theo đường thủy xuôi dòng mà xuống, từ sông Vị tiến vào Hoàng Hà, cho rằng năm ngày có thể đến được Mạnh Tân, cùng quân kỵ hội ở Lạc Dương, một sớm có thể yên định thiên hạ vậy.

Hội nhận thư của Văn vương nói:

"Ta sợ Đặng Ngải e ngại không tới theo mệnh triệu, nay phái Trung hộ quân là Giả Sung đem quân bộ kỵ vạn người theo lối tắt tiến vào Tà Cốc, đóng trại ở Lạc Thành, ta tự đem mười vạn quân đóng ở Trường An, sẽ tương kiến một ngày gần đây."

Hội đọc thư, kinh sợ gọi người thân tín của mình đến nói với họ rằng:

- Chỉ bắt Đặng Ngải, tướng quốc biết mình ta làm là đủ; nay cầm đại quân đến, tất biết ta có ý khác rồi, nên tức tốc phát binh. Việc thành, có thể thu được thiên hạ; nếu việc chẳng xong, lui về giữ Thục Hán, chẳng thẹn làm Lưu Bị vậy. Ta từ ngày ở Hoài Nam tới đây, vạch kế sách không sai sót, là điều mà bốn bề đều biết. Ta công lao như thế có chỗ nào yên ổn mà về đây!

Hội đến Thành Đô vào ngày mười lăm tháng giêng năm Cảnh Nguyên thứ năm, hôm sau, mời tất cả quan viên từ Hộ quân, Quận thú, Nha môn kỵ đốc trở lên cùng quan lại cũ của nước Thục, vì Thái hậu phát tang ở triều đường nước Thục. Giả xưng là có di chiếu Thái hậu, sai Hội khởi binh phế Văn vương, đưa cho tất cả thảy người ngồi ở đấy xem, sai kẻ dưới thương nghị quyết định, cùng biên tên và ký vào, lại sai người thân tín của mình thay quân lính chư quân. Trăm quan được Hội mời đến, hết thảy bị cấm chế ở trong nhà các quan lại của Ích châu, cửa thành cửa cung đều đóng kín, đặt trọng binh vây giữ. Hạ đốc dưới trướng của Hội là Khâu Kiến là thuộc hạ cũ của Hồ Liệt, được Liệt tiến cử lên Văn vương, Hội xin cho đi theo bên mình, rất yêu mến tín nhiệm. Kiến thương Liệt mắc tội, bám với Hội,

xin cho một thân binh được ra vào đưa thức ăn, các nha môn theo lệ đều có một người như thế.

Liệt lửa đối thân binh nhờ hắc đưa sớ cho con mình nói:

"Khâu Kiến mật báo tin tức, nói là Hội cho đào hố to, dự sẵn mũ trắng cùng mấy nghìn gậy lớn, muốn gọi hết binh ở ngoài vào, mọi người được ban mũ trắng, bái làm Tán tướng, rồi nhân lúc không phòng bị sẽ đập chết quăng xuống hố."

Thân binh của các nha môn cũng đều nói lời ấy, một đêm truyền bảo nhau, khắp nơi loạn cả. Có người bảo Hội:

- Nên giết hết từ Nha môn kỵ đốc trở lên.

Hội do dự chưa quyết.

Giữa trưa ngày mười tám, quân binh của Liệt gõ trống ra cửa doanh, quân binh các doanh không hẹn mà đều khua trống náo loạn ra khỏi cửa, không ai đốc thúc họ, nhưng đều tranh lên trước xông đến cửa thành. Bấy giờ đang cấp khí trượng cho Khương Duy, có người nói bên ngoài có tiếng huyên náo, tựa như lửa cháy, chốc lát, có nhiều binh lính chạy đến cửa thành. Hội kinh sợ, bảo Duy rằng:

- Binh sĩ xông đến tựa như muốn làm ác, phải làm sao?

Duy nói:

- Chỉ có đánh chúng thôi.

Hội phái binh đi giết hết các Nha môn, Quận thú bị mình giam giữ, mọi người ở bên trong cùng lấy các chốt lớn chống giữ cửa, binh lính chém cửa, không phá được. Chốc lát, quân bên ngoài bắc thang trèo lên thành, có kẻ châm lửa đốt nhà, người chạy náo loạn như kiến vỡ tổ, tên bay như mưa, các Nha môn, Quận thú đều leo lên mái nhà trốn ra, cùng binh tốt của mình gặp nhau.

Khương Duy dẫn tả hữu của Hội ra sức đánh, tay giết được năm, sáu người, quân sĩ xô xát lộn bậy chém được Duy, rồi

tranh nhau đến giết Hội. Bấy giờ Hội bốn mươi tuổi, tướng sĩ chết mất mấy trăm người.②

① *Thế ngữ* chép: Hội khéo bắt chước chữ của người khác, lúc ở Kiểm Các xem chương biểu bầm việc của Ngải, đều thay đổi lời lẽ trong ấy, khiến câu từ ý tứ bội nghịch ngạo mạn, đa phần là tự khoe khoang. Lại hủy đáp thư của Văn vương, tự tay viết lại thư để Ngải nghi ngờ.

② *Tấn thư công tán* chép: Con của Hồ Liệt tên Uyên, tự Thế Nguyên, là cháu của Hồ Tuân. Tuân là người quận An Định, vốn tài kiêm văn võ, nhiều lần giữ trọng trấn, làm quan đến chức Xa kỵ tướng quân. Con của Tuân là Phấn, tự Huyền Uy, cũng gánh vác việc ở phương ngoài. Con gái của Tuân là Quý nhân của Tấn Vũ đế, được sủng ái. Năm Thái Khang trung, triều đình lấy Phấn làm Thượng thư bộc xạ, gia thêm chức Trấn quân Đại tướng quân, khai phủ. Em của Tuân là Quảng, tự Tuyên Tổ, làm Thiếu phủ. Con thứ của Tuân là Liệt, tự Huyền Vũ, làm Thứ sử Tân châu. Con thứ nữa là Kỳ, tự Huyền Nghi, làm Thứ sử Tinh châu. Con của Quảng là Hỉ, làm Thứ sử Lương châu. Uyên lúc nhỏ có tên tự là Diêu Si, bấy giờ mười tám tuổi, vì giết Hội cứu cha, danh vang khắp xa gần. Sau này Triệu vương Tư Mã Luân soán vị, tam vương hưng quân nghĩa, Luân sai Uyên và Trương Hoảng đem binh ngăn Tề vương, thường phá được quân Tề. Đến lúc bị Thành Đô vương đánh bại, Uyên bèn quy hàng phải phục tội theo phép.

Lúc trước, Ngải làm Thái úy, Hội làm Tư đồ, đều cầm cờ tiết, đô đốc chư quân như trước, nhưng đều chưa nhận thụ phong đã táng mệnh. Anh của Hội là Dục, năm thứ tư mùa đông chết, Hội đương nhiên không biết mà hỏi đến. Con của anh Hội là Ung, đi theo Hội cũng chết cùng, mấy người con khác của anh được Hội nuôi dưỡng là bọn Nghi, Tuấn, bị bắt hạ ngục, ứng tội phải giết. Tư Mã Văn vương dâng biểu xin, Thiên tử hạ chiếu rằng:

"Tổ phụ bọn Tuấn là Do, là lão thần của tam tổ, ngôi vị cực cao đến chức Tam công, phù tá triều đình dựng lập công huân, hưởng lộc

cúng tế ở miếu đình. Cha của bọn Tuấn là Dục, trải chức trong ngoài, chính tích nổi rõ. Xưa kia nước Sở nghĩ đến cái công trị quốc của Tử Văn, chẳng diệt người nô tị của Đâu thị.⁽¹⁾ Nước Tấn ghi nhớ lòng trung Thành Tuyên, bảo tồn cho dòng dõi của Triệu thị.⁽²⁾ Nay vì cái tội của bọn Hội, Ung, mà tuyệt diệt tông tộc của Diêu, Dục, ta rất xót thương! Anh em Tuấn được đặc biệt tha thứ, cho giữ quan tước cũ. Duy có Nghị và Ung phải chịu tội chém giết."

Có người nói: Dục từng mật bẩm với Tư Mã Văn vương, nói rằng Hội cậy tài thuật khó tin nhiệm, chẳng nên ủy thác trọng trách, cho nên bọn Tuấn mới được tha thứ.^①

① Hán Tấn xuân thu chép: Văn vương khen lòng trung thành kiên trinh của Dục, cười bảo Dục rằng:

- Nếu thực có như lời khanh nói, ta quyết không vì hấn mà hại tông tộc của người vậy!

Khi trước, Văn vương muốn phái Hội đánh Thục, Tây tào thuộc là Thiệu Đế xin gặp Vương nói:

¹ Tử Văn, tức Đâu Cầu Ô Đồ (鬬穀於菟), là quan lệnh doãn nước Sở, thương dân, từng phát tán của cải giúp đỡ quốc gia khi gặp nạn, có rất nhiều công lao trong việc trị quốc, được người nước Sở ca tụng. Cháu của Đâu Cầu Ô Đồ là Đâu Việt Tiêu làm loạn, bị Sở Trang vương đánh dẹp, vì nhớ công của Đâu Cầu Ô Đồ nên không tuyệt diệt dòng họ của Đâu Cầu Ô Đồ.

² Thành Tuyên, tức là chỉ vào hai người là Triệu Thôi (趙衰) hiệu Thành Quý và Triệu Thuần (趙盾) hiệu Tuyên Mạnh. Triệu Thôi có công phò tá Trùng Nhĩ lập Tấn Văn công làm bá chủ hầu; Triệu Thuần là quan khanh nước Tấn, có công đánh dẹp chư hầu, phù giúp vua nước Tấn là Linh công. Tấn Linh công sau này thù ghét định giết Triệu Thuần, nhưng em của Triệu Thuần là Triệu Xuyên giết Tấn Linh công, lập chú của Tấn Linh công là Công tử Hắc Đồn, tức Tấn Thành công. Triệu Thuần chết, con là Triệu Quát kế nghiệp. Triệu Quát chết, con là Triệu Sóc kế nối. Tấn Thành công chết, Công tử Cơ Cừ lên nối, tức Tấn Cảnh công. Tấn Cảnh công lấy cô là Triệu Thuần, Triệu Xuyên trước đây từng giết Tấn Linh công nên trị tội họ Triệu, cả nhà họ Triệu bị giết, còn sót một người con mới sinh là Triệu Vũ được gia nhân là Trình Anh, Xử Cửu và quan đại phu là Hàn Quyết che chở cứu giúp. Sau này Hàn Quyết xin Tấn Cảnh công nhớ công lao của họ Triệu với nước Tấn để khôi phục họ Triệu. Tấn Cảnh công thuận theo, phục chức cho Triệu Vũ.

- Nay phái Chung Hội thống suất hơn chục vạn quân đánh Thục, ngu kiến cho rằng Hội đơn thân một mình không có gia thất vướng víu, chẳng bằng sai người của ta theo cùng.

Văn vương cười nói:

- Ta há chẳng biết việc ấy sao? Nước Thục làm thiên hạ lo lắng, khiến người dân chẳng được yên ổn, nay ta thảo phạt, dễ như lật bàn tay thôi, nhưng chúng nhân đều nói rằng Thục không thể dẹp được. Người mà trong lòng do dự khiếp nhát thì trí dũng đều kiệt, trí dũng đều kiệt mà miễn cưỡng sai phái, đi là bị địch cầm bắt thôi. Duy có Chung Hội và ta ý kiến tương đồng, nay phái Hội phạt Thục, tất có thể diệt được Thục. Sau khi diệt Thục, ví như cái điều mà khanh lo lắng xảy ra, lo gì chẳng xử lý được hử? Phàm là tướng thua quân thì chẳng thể nói dũng, đại phu vong quốc thì chẳng thể mưu giúp tồn vong, là vì tim mật đã nát tan rồi vậy. Thục bị phá diệt, dân còn sót lại run sợ, chẳng đủ tâm để mưu việc; tướng sĩ của Trung Quốc cũng đều nghĩ nhớ muốn về quê, chẳng chịu cùng mưu với Hội vậy. Nếu Hội làm ác tạo phản, hử tự rước họa diệt tộc thôi. Khanh chẳng nên lo lắng việc này, hãy cẩn thận chớ để cho người khác nghe thấy nhé.

Đến lúc Hội bẩm rằng Đặng Ngải không tuân phép nước, Văn vương sắp lĩnh binh sang tây, Để lại nói:

- Số quân mà Hội thống quản, nhiều gấp năm sáu lần quân của Đặng Ngải, chỉ nên sắc lệnh sai Hội bắt Ngải, ngài bắt tất phải tự đi.

Văn vương nói:

- Khanh quên lời mình nói lúc trước sao, mà lại nói rằng ta không nên tự đi ư? Tuy vậy, lời ấy chẳng nên tuyên rộng. Ta muốn lấy tín nghĩa đãi người, chỉ mong người khác chẳng phụ ta, há đâu ta lại nghi ngờ họ trước sao! Mới đây, Giả hộ quân

hỏi ta, nói: "Ngài có ngờ Chung Hội không?" Ta đáp rằng: "Nếu nay ta phải khanh đi, há cũng nghi ngờ khanh sao?" Giả Sung cũng không lấy gì đối lại lời ta được. Ta đến Trường An, thì việc tự kết thúc thôi.

Đại quân đến Trường An, Hội quả nhiên đã chết, đều đúng như kế đã liệu lúc trước.^①

① Xét *Bách quan danh* năm Hàm Hi nguyên niên chép: Thiệu Đế tự Nguyên Bá, người quận Dương Bình.

Hán Tấn xuân thu chép: Văn vương nghe nói Công tào của Chung Hội là Hường Hùng thu táng thi thể Hội, triệu đến quát mắng rằng:

- Trước đây Vương Kinh chết, người gào khóc ở phía đông chợ mà ta chẳng hỏi đến, nay Chung Hội thân là kẻ phản nghịch mà người tự ý thu thi thể táng, nếu ta lại bao dung cho người lần nữa, thì vương pháp dùng vào đâu đây!

Hùng thưa:

- Xưa kia tiên vương lấp xương khô chôn thịt thối, ân trạch thấm cốt khô, đương thời há biết trước được công hay tội của thân cốt để sau này thu táng lại? Nay Vương đã giết Hội, về phép nước là đủ rồi, Hùng này cảm nghĩa mà thu táng, cái nghĩa giáo hóa cũng không lầm lỗi. Pháp lệnh lập ra ở trên, truyền rộng xuống dưới, lấy đấy để giáo huấn muôn dân, Hùng này cho rằng việc mình làm là đúng vậy! Hà tất phải khiến Hùng làm trái đạo thường sống chết, để lập thân ở đời! Điện hạ thù hận nắm xương khô, vứt bỏ nơi hoang dã, sau trăm năm, bị tội tở cười chê, cái tiếng hiền đức nhân nghĩa của Điện hạ há che lấp được sao?

Vương hài lòng, bèn cùng Hùng ăn yến đàm luận rồi tha.

Tập Tạc Xi nói: Hường Bá Mậu có thể gọi là người dũng vì đạo nghĩa vậy, khóc Vương Kinh mà thương cảm người ở chợ, táng Chung Hội mà nghĩa động mình chủ, xem ra đều là hành vi trung liệt nêu cao đạo nghĩa, biết chết mà đi tới, không cầu sống vậy. Ví như Kinh, Hội còn sống ở đời mà thân gặp nguy cấp, Hùng há

chẳng chạy đến vì nghĩa sao? Cho nên xét cái tâm từ việc kính người chết của người, có thể thấy cái tình của việc thờ người sống ở họ, nhìn thấy được khí tiết trung trinh của họ, đủ khiến kẻ sĩ trái nghĩa phải thẹn rồi. Vương dùng lễ đối đãi với Hùng mà thả cho đi, có thể nói là anh minh khoát đạt vậy.

Hội từng luận rằng Dịch vô hổ thê, tài tính đồng dị. Sau khi Hội chết, người ta phát hiện trong nhà Hội có mười hai thiên văn chương, tên sách là *Đạo luận*, nhưng thật ra là sách nói về hình danh, văn chương ở sách ấy tựa như là do Hội soạn chép.

Khi trước, lúc Hội hai mươi tuổi cùng người quận Sơn Dương là Vương Bất đều nổi danh. Bất thích luận về nho đạo, tài năng khác thường lại khéo biện bác, chú giải *Kinh Dịch* và *Lão tử*, làm *Thượng thư lang*, năm hơn hai mươi tuổi chết. ①

① Bất tự Phụ Tự. Hà Thiệu vì Bất chép truyện rằng:

Bất còn thơ ấu đã thông tuệ, hơn mười tuổi, thích đọc Lão thị, có tài nói năng, biện bác rất trôi chảy. Cha của Bất là Nghiệp, làm Thượng thư lang. Lúc Bùi Huy làm Lại bộ lang, Bất chưa đến hai mươi tuổi, qua bài phỏng. Huy một lần gặp thì rất lấy làm lạ, hỏi Bất rằng:

- Vô là cái gốc căn bản của vạn vật vậy, nhưng thánh nhân không thích nói đến, mà Lão tử giải bày không thôi về chữ "vô" là thế nào?

Bất đáp:

- Thánh nhân xem "vô" là "thê", mà "vô" thì chẳng lấy gì giải thích rõ được, vì thế không giải thích vậy. Lão tử coi "hữu" là khởi đầu, cho nên thường nói cái thiếu của chữ "vô".

Ít lâu sau, Bất cũng được Phó Hổ rất coi trọng. Vào thời ấy Hà Yến làm Lại bộ Thượng thư, rất lạ về Bất, than rằng:

- Trọng Ni khen hậu sinh khả úy, là nói về người này vậy, có thể gọi hắn là người nhà trời rồi!

Năm Chính Thủy trung, chức Hoàng môn thị lang liên tục khuyết. Hà Yến đã dùng Giả Sung, Bùi Tú, Chu Chính, lại bàn dùng Bất. Bấy giờ Đinh Mật cùng Hà Yến tranh quyền, suy cử Vương Lê người huyện Cao Ấp với Tào Sảng, Sảng dùng Lê. Vì thế bổ nhiệm Bất làm Đài lang.

Lúc mới bổ chức, đến hầu Sảng, trong lúc thỉnh ý, Sảng đuổi tả hữu lui ra, rồi cùng Bật luận về đạo học, trong suốt thời gian nói chuyện không bàn gì đến việc khác, Sảng vì thế cười nhạt chê Bật. Bấy giờ Sảng chuyên quyền triều chính, kết bè đảng riêng, tiến dụng những người mà mình thích, Bật tinh thông tài tuấn nhưng chẳng được giữ danh vị cao. Không lâu sau Lê bị bệnh chết, Sảng lại dùng Vương Thẩm thay Lê, Bật vì thế không được dùng dưới cửa, Yến vì Bật than thở phần hận. Bật ở phủ đài chức đã thấp, công việc lại nhàn nhã không phải sở trường, càng không lưu tâm.

Người quận Hoài Nam là Lưu Đào khéo luận thuật tung hoành, được người đương thời xem trọng. Đào mỗi khi nói chuyện với Bật, thường chịu khuất với Bật. Bật tài học xuất chúng, theo sở học định chí hướng, người khác chẳng thể át chế được.

Bật tính tình ôn hòa, tinh thông nhạc lý, thích yến nhạc, hiểu âm luật, khéo chơi Đâu hồ.⁽¹⁾ Nhưng luận việc xưa kết hợp việc thời nay để phát dương nghị luận, thì không bằng được Hà Yến, cho nên tự nhiên lúc tuyển bạt văn chương, đa phần là Yến được chọn, Bật lại hay chê cười người khác, vì thế bị kẻ sĩ quân tử bấy giờ ghét.

Bật với Chung Hội thân thiết với nhau, nghị luận của Hội nổi tiếng uyên thâm, vẫn thường phải phục Bật là cao trí. Hà Yến cho rằng là thánh nhân thì không được mừng giận buồn vui, lời luận của Yến rất tinh tế, bọn Chung Hội đem truyền giảng lời ấy. Bật với họ bất đồng quan điểm, cho là thánh nhân hơn người thường ở chỗ thần khí sáng suốt, cũng có ngũ tình như người thường; thần khí sáng suốt cho nên thân mình hòa với hư không, ngũ tình giống người thường cho nên không thể không vui buồn ứng với sự vật, như thế thì ngũ tình của thánh nhân ứng với sự vật nhưng không lụy vì nó vậy. Nay thấy thánh nhân không lụy vì sự vật, liền cho là vô tình với vạn vật, là rất sai lầm vậy.

¹ Là một trò chơi giữa lúc yến hội thời xưa, dụng cụ chơi đầu hồ gồm một chiếc bình cao cổ làm bằng đồng, đường kính miệng khoảng ba tấc, cao một thước, đựng đầy hạt đậu, hai miệng bình có gắn hai cái tai, là những chiếc ống nhỏ, không đáy và một bộ tên gồm mười hai chiếc, mỗi mũi tên dài hai thước bốn tấc. Người chơi đứng cách chiếc bình một khoảng bằng 2,5 lần chiều dài mũi tên, phải làm sao ném những mũi tên lọt vào miệng bình. Trong trò chơi, ai ném được nhiều thê vào bình là thắng, nếu ai ném trúng mười hai lần liên tiếp thì gọi là Toàn hồ.

Bật soạn "Chu Dịch chú", người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Dung căn vặn Bật về nghĩa lý của đại điển. Bật đáp ý của Dung, viết thư đưa bốn rằng:

"Cái thông minh của ngài đủ để tìm xét lẽ màu nhiệm cao xa, nhưng chẳng thể loại bỏ bản tính tự nhiên. Cái khí lượng của Nhan tử, là điều mà Khổng tử sớm dự liệu, nhưng đến lúc thấy được chẳng thể không vui mừng, lúc Nhan Hôi chết, Khổng tử chẳng thể không bi thương. Chỉ những người tri thức nông cạn, cho rằng không thể bỏ tình theo lý, đến nay mới biết cái bản tính tự nhiên là không thể vứt bỏ được. Khí lượng của túc hạ tuy đã định vững trong lòng, thế mà lại phí tâm cơ suy tìm nguồn gốc của đại điển, sao ngài suy tư nhiều đến vậy? Vì thế có thể biết được là Ni Phủ mừng thương với Nhan tử, không có gì là lâm lỗi vậy."

Bật soạn "Lão tử chú", chỉ soạn chép lấy các ý cốt yếu, từ đấy suy diễn ra mối quan hệ liên quan để cấu thành chỉnh thể. "Đạo lược luận", "Chu dịch chú" do Bật soạn chép, thường dùng câu từ cao diệu hoa lệ. Người quận Thái Nguyên là Vương Tế ưa đàm luận, nghiên cái học thuật của Lão, Trang, thường nói:

- Xem đọc "Chu dịch chú" của Bật, hiểu biết của ta tăng tiến thêm nhiều.

Nhưng Bật là người ít hiểu đời nên không am tường thời thế, ban đầu cùng Vương Lê, Tuân Dung thân thiết, về sau Lê đoạt được chức Hoàng môn lang của Bật, vì thế Bật hận Lê, tình cảm với Dung cũng không được trọn vẹn. Năm Chính Thủy thứ mười, Bật bị Tào Sảng phế bỏ, mượn việc công bãi chức. Mùa thu năm ấy Bật mắc bệnh chết, bấy giờ hai mươi bốn tuổi, không có con, tuyệt tự.

Bật chết đột ngột, Tấn Cảnh vương nghe tin, than thở nhiều ngày, Bật có kiến thức cao được tiếc thương như thế."

Tôn Thịnh nói: Dịch là tác phẩm tinh túy, xét cứu đến cùng tận sự thần diệu của sự vật làm thông tỏ cái đạo lý biến hóa của sự vật, không phải là người tuyệt đỉnh thông minh trong thiên hạ, ai có thể chú giải được sách ấy? Sách chú giải truyền ở đời, e rằng đều là xằng bậy vậy. Huống chi Bật dùng cách biện giải luận việc xưa

kết hợp việc nay để nêu tỏ nghị luận mà muốn khái quát được ý huyền diệu sao? Cho nên ý nghĩa của sách nông cạn thì câu từ diễm lệ mãn nhãn, bày đặt ra âm dương khéo làm tròn đầy cái học thuyết của mình, đến như sự biến hóa của lục hào, cái hiệu nghiệm của quẻ tượng, tháng năm đắp đổi, ngũ khí thay nhau, Bát đều bấn loạn, lời bàn đa phần là không liên quan gì. Tuy có chỗ đáng xem, nhưng e là dẫn dắt người ta hăm vào chốn bùn lầy.

Bác vật ký chép: Khi trước, Vương Xán và người anh trong tộc là Khải đều đi tránh nạn ở Kinh châu, Lưu Biểu muốn đem con gái gả cho Xán, nhưng hiềm vì Xán hình dáng xấu xí mà nói năng khinh suất, lại vì Khải có phong thái tuấn tú, bèn đem con gái cho Khải. Khải sinh ra Nghiệp, Nghiệp tức là cháu ngoại của Lưu Biểu vậy.

Sái Ung có gần một vạn quyển sách, lúc tuổi cao đem xe chở sách đến cho Xán. Sau khi Xán chết rồi, Tướng quốc duệ là Ngụy Phúng mưu phản, con của Xán có dự mưu, bị giết chết, số sách mà Ung tặng cho Xán đều đưa hết đến nhà Nghiệp.

Nghiệp tự Trường Tự, làm quan đến chức Yết giả bộc xạ. Con của Nghiệp là Hoành tự Chính Tông, làm Tư lệ Hiệu úy. Hoành, là anh của Bát vậy.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Văn đế sau khi giết hai con của Xán, lấy Nghiệp kế tự Xán.

Bình rằng: Vương Lăng phẩm cách tiết tháo cao thượng, Quán Khâu Kiệm có tài cán xuất chúng, Gia Cát Đản uy nghiêm cương nghị, Chung Hội tinh thông lão luyện sách lược, đều nổi danh vì tài hoa, đảm nhiệm chức vị cốt yếu, nhưng vì tâm lớn chí xa, chẳng tính kỹ họa nạn, ngang nhiên hành sự, nhảy vào chỗ hiểm, tông tộc bị diệt sạch, há chẳng phải là hồ đồ lắm sao! Đặng Ngải hiên ngang cường dũng, lập công dựng nghiệp, nhưng chẳng biết đề phòng họa hại, tai họa và bại vong ập đến, sao nhìn xa tiên liệu được việc của Gia Cát Khác mà chẳng thấy

trước việc nguy hiểm của mình, đấy đại khái là cái mà cổ nhân gọi là "Mục luận"⁽¹⁾ vậy.^①

① *Sử ký* chép: Việt vương là Vô Cường cùng Trung Quốc tranh cường, vào thời Sở Uy vương, nước Việt lên bắc phạt nước Tề, Tề Uy vương sai người đi thuyết nước Việt, Việt vương không tiếp. Sứ giả nước Tề nói: "Nước Việt không bị bại vong là may lắm vậy. Ta không xem trọng cách dùng trí của đại vương, vì đại vương dùng trí cũng như con mắt, con mắt thấy được cái nhỏ nhặt mà chẳng tự thấy lông mi của mình. Nay đại vương biết được cái thất sách của Tam Tắc, lại chẳng tự biết cái sai lầm của nước Việt, đấy gọi là 'Mục luận' vậy."

---ॐ---

¹ Cổ nhân nói: "Con mắt có thể thấy được những thứ nhỏ nhặt ở chung quanh, lại chẳng thể nhìn thấy lông mi của chính mình vậy."

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI CHÍN

PHƯƠNG KỸ TRUYỆN



Hoa Đà tự Nguyên Hóa, người huyện Tiêu nước Bái, có một tên là Phu.^① Đà du học ở vùng Từ châu, kiêm thông nhiều loại kinh sách. Bái tướng là Trần Khuê suy cử Đà làm Hiếu liêm, Thái úy Hoàng Uyển triệu gọi, đều không tới.

Đà hiểu thuật dưỡng sinh, người đương thời cho rằng Đà sống gần trăm tuổi nhưng dung mạo vẫn có nét tráng niên. Đà lại tinh thông y thuật, về cách trị bệnh của Đà, là điều chế thang thuốc bất quá chỉ mấy thứ dược vật, phân lượng nhiều ít trong đầu đã phân tích rõ, không phải cân đong lại, nấu chín rồi cho uống, nói rõ những thứ kiêng kỵ với thuốc ấy, khi ngừng dùng thuốc là khỏi ngay. Nếu phải dùng ngải để đốt huyết, bất quá chỉ xông một đôi chỗ, mỗi chỗ không quá bảy tám mồi, bệnh cũng tiêu trừ ngay. Nếu phải châm huyết, cũng chẳng quá một đôi chỗ, lúc châm huyết nói "Hãy cảm nhận mũi châm ta đưa đến chỗ này, nếu đã đến nơi, nói cho ta biết." Bệnh nhân nói: "Đến rồi", liền nhổ ngay mũi châm, bệnh cũng chữa khỏi. Nếu bệnh kết tích tại nội tạng, châm hay thuốc không thể đến được, phải mổ xẻ cắt bỏ đi, Đà liền cho người bệnh uống Ma phát tán,⁽¹⁾ chốc lát người bệnh như say rượu không biết gì, Đà nhân đó mổ xẻ. Nếu bệnh ở trong ruột, Đà liền mổ ruột tẩy rửa, rồi khâu bụng bôi cao lên; bốn năm ngày sau thì khỏi, không hề

¹ Đại loại là một thứ rượu thuốc có tác dụng gây mê do Hoa Đà chế ra.

đau đớn gì, người bệnh cũng không tự thức dậy được, trong khoảng tuần trăng, lập tức bình phục.

① Thần Tùng Chi xét: Chữ "phu" thời cổ viết gần giống như chữ "chuyên", người viết chữ đa phần không phân biệt rõ được. Xét tự của Đà là Nguyên Hóa, thì tên của Đà đúng là Phu vậy.

Phu nhân của cố Cam Lăng tướng có mang sáu tháng, đau bụng không yên, Đà xem mạch, nói:

- Cái thai đã chết rồi.

Sai người dùng tay sờ để biết ở chỗ nào, nếu ở bên tả là con trai, ở bên hữu là con gái. Người nọ nói rằng:

- Ở bên tả.

Đà bèn làm thang thuốc hạ thai, quả nhiên trụt xuống một hình hài nam, bệnh khỏi liền.

Huyện lại là Doãn Thế khổ vì tứ chi mỏi mệt, miệng khô, không muốn nghe tiếng người, tiểu tiện rất khó. Đà nói:

- Thử dùng đồ ăn nóng, mồ hôi toát ra được thì khỏi; mồ hôi không toát ra, sau ba ngày sẽ chết.

Bèn dùng đồ ăn nóng nhưng mồ hôi không toát ra được, Đà nói:

- Khí ở trong ngũ tạng đã tuyệt, bây giờ kêu khóc sẽ chết hẳn.

Quả đúng như lời Đà nói.

Phủ lại là Nhi Tầm và Lý Diên cùng đến coi bệnh, đều bị đau đầu nóng thân, bệnh chứng hai người tương đồng. Đà nói:

- Tầm phải dùng thuốc lợi tiểu, Diên phải dùng thuốc toát mồ hôi.

Có người căn vặn sao cách trị khác nhau, Đà nói:

- Tầm bị bệnh do ngoại cảm, Diên mắc bệnh trong nội tạng, cho nên trị bệnh phải khác biệt.

Lập cho họ thuốc, hôm sau đều khỏi bệnh.

Nghiêm Hân và mấy người ở huyện Diêm Độc cùng đến dò hỏi Đà, vừa đến nơi, Đà bảo Hân rằng:

- Trong người ngài ổn chứ?

Hân nói:

- Ta tự thấy bình thường.

Đà nói:

- Ngài có bệnh nguy cấp thấy rõ trên mặt, chớ uống nhiều rượu.

Hân ngồi một lát rồi quay về, đi được mấy dặm, Hân thốt nhiên đầu váng mắt hoa rơi xuống xe, người đi cùng nâng dậy đưa về nhà, giữa đêm thì chết.

Viên cố Đốc bưu là Đốn Tử Hiến mắc bệnh đã khỏi, đến chỗ Đà coi mạch, Đà nói:

- Còn hư nhược, chưa phục hồi hẳn, chớ có làm việc lao nhọc, làm chuyện vợ chồng tất chết. Lúc sắp chết, lưỡi phải lè ra mấy tấc.

Vợ của người Đốn Tử Hiến nghe nói bệnh của chồng đã khỏi, bèn đi hơn trăm dặm đến thăm, nửa đêm giao hợp, trong khoảng ba ngày phát bệnh, hết thấy như lời Đà nói.

Viên Đốc bưu là Từ Nghị bị bệnh, Đà qua chẩn trị. Nghị bảo Đà rằng:

- Hôm qua ta sai Y tào là Lưu Tô châm vị quản xong, liền ho khan mãi, muốn nằm cũng không yên.

Đà nói:

- Châm không đúng vị quản, lại châm nhầm phải gan, ăn uống sẽ ngày một yếu đi, năm ngày sau thì hết chữa.

Sau quả như lời Đà nói.

Con nhỏ của Trần Thúc Sơn ở huyện Đông Dương lên hai tuổi bị bệnh, trước khi đi tiểu thường khóc, ngày một gầy yếu. Hỏi Đà, Đà nói:

- Mẹ nó lúc mang thai, dương khí tụ ở trong, bầu vú lạnh không, đứa trẻ nhiễm khí lạnh của mẹ, khiến bệnh không khỏi ngay được.

Đà cho bốn viên thuốc "Vật nữ uyên hoàn", uống mười ngày thì khỏi bệnh.

Có vị phu nhân ở Bành Thành ban đêm ra nhà xí, bị bọ cạp chích vào tay, đau buốt kêu gào không ngừng. Đà sai làm thang thuốc ấm gần sôi, ngâm tay vào thuốc, sau mới ngủ được, những người hầu hạ bên cạnh làm mấy thang thuốc nữa, ngâm cho ấm tay, sáng sớm liền khỏi ngay.

Quân lại là Mai Bình mắc bệnh, bỏ chức quan về nhà, nhà ở Quảng Lăng, đi chưa đến hai trăm dặm, dừng lại trọ ở nhà người thân. Một lát, Đà ngẫu nhiên đến chỗ chủ nhà chơi, chủ nhà sai Đà coi bệnh cho Bình, Đà bảo Bình rằng:

- Ngài gặp ta sớm, có thể chẳng đến nỗi chết. Nay bệnh đã kết tích, phải đi gấp mới có thể gặp được người nhà, năm ngày sau tất chết.

Bình lập tức đi về, sau đúng như điều mà Đà quyết.

Đà đang đi đường, thấy một người bị bệnh tắc họng, ham ăn mà không nuốt dạ được, xe của gia nhân định chở tới chỗ thầy thuốc. Đà nghe người đó rên rỉ, dừng xe qua xem bệnh, nói với người ấy rằng:

- Ven đường phía trước có nhà bán bột tỏi trộn dấm chua, đến lấy ba thưng mà uống, bệnh tự nhiên sẽ khỏi.

Liền làm theo lời Đà nói, lập tức thở ra một con trùng dài, treo bên xe, muốn đến tạ Đà. Đà còn chưa về, đưa con nhỏ đang chơi đùa ở trước cửa, ngẩng lên nhìn, tự bảo nhau rằng:

- Trông giống với người gặp cha ta lúc trên xe xem bệnh ở ven đường vậy.

Người bệnh đến chỗ ngồi, thấy trên vách nhà phía bắc của Đà có treo mấy chục con trùng dài như thế.

Lại có một viên Quận thú bị bệnh, Đà cho rằng phải làm cho người ấy nổi cơn thịnh nộ thì mới khỏi bệnh, bèn nhận nhiều

tiền bạc của người ấy nhưng không chữa trị, chẳng làm gì rồi bỏ đi, để thư lại mắng ông ta. Quận thú quả nhiên cả giận, lệnh cho người đuổi theo bắt giết Đà. Con của viên Quận thú biết việc ấy, dặn người sai đi chớ đuổi theo. Quận thú quá tức giận, thổ ra mấy thưng máu đen rồi khỏi bệnh.

Lại có một sĩ đại phu đau ngứa khó chịu, Đà nói:

- Bệnh của ngài ở sâu trong thân thể, đáng phải mổ bụng lấy ra. Nhưng tuổi thọ của ngài cũng bất quá chỉ mười năm nữa, bệnh chẳng thể giết được ngài, chịu bệnh tật mười năm, bệnh và tuổi thọ đều hết, bất tất phải miễn cưỡng mổ xẻ.

Sĩ đại phu không chịu được đau đớn, nhất định muốn trừ bệnh. Đà bèn ra tay, bệnh đau đỡ dần, được mười năm thì chết.

Thái thú Quảng Lăng là Trần Đăng mắc bệnh, trong ngực nhức nhối, mặt đỏ không ăn được. Đà xem mạch rồi nói:

- Trong dạ dày của Phủ quân có mấy thưng sán, sắp biến thành ung nhọt, là do ăn thịt sống mà ra bệnh vậy.

Lập tức làm hai thưng thang, cho uống trước một thưng, chốc lát lại cho uống nốt. Uống xong một lúc, thổ ngay ra ba thưng sán, đầu đỏ mà đều động đập, nửa thân như mang cá sống, bệnh đau liền khỏi ngay. Đà nói:

- Sau ba năm bệnh này sẽ phát, gặp lương y thì mới cứu được.

Đúng hạn quả nhiên phát bệnh, lúc ấy Đà không ở đó, Đăng chết như lời Đà nói.

Thái tổ nghe chuyện cho triệu Đà, Đà thường ở bên cạnh. Thái tổ khổ vì bệnh đau đầu, mỗi khi bệnh phát, tâm loạn mắt hoa, Đà châm vào huyệt cách,⁽¹⁾ tay đưa tới đâu đỡ đau tới đó. ①

① *Đà biệt truyền* chép: Có người bị bệnh khoèo cả hai chân không đi lại được, ngồi kiệu đến chỗ Đà, Đà trông từ xa nói rằng:

¹ Huyệt đạo ở đốt thứ bảy trên xương sống, khoảng giữa ngực và bụng.

- Ta đã châm cứu phục thuốc nhiều rồi, không cần phải xem mạch nữa.

Liên sai cởi áo, điểm vào mấy chục chỗ, mỗi chỗ cách nhau hoặc một tấc, hoặc năm tấc, lộn xộn không giống nhau. Nói là mỗi huyết ấy đều đốt ngải hơ mười lần, đốt huyết xong khỏi ngay, lập tức đi lại được. Sau lại hơ ngải ở huyết đạo sát gáy một tấc, trên dưới ngay ngắn thẳng hàng đều tăm tắp, như kẻ chỉ vậy.

Vợ của Lý tướng quân bệnh nặng, kêu Đà đến coi mạch, Đà nói:

- Bị sảy thai nhưng thai không ra được.

Tướng quân nói:

- Ta nghe nói đúng là sảy thai, nhưng thai đã ra rồi.

Đà nói:

- Xét mạch, thì thai chưa ra vậy.

Tướng quân cho là không phải. Đà bỏ đi, người vợ bớt bệnh một chút. Hơn trăm ngày sau bụng đau lại, lần nữa gọi Đà, Đà nói:

- Trước đây ta coi mạch là có thai. Khi trước đáng là sinh hai con, một ra trước, máu chảy rất nhiều, con sau không sinh kịp. Người mẹ không tự biết, người bên cạnh cũng không hay, không đón ra, vì thế không sinh được. Thai chết, máu ở trong mạch không quay về được nữa, tất khô vón cục ở gáy người mẹ, cho nên khiến cho nhiều lần đau gáy. Nay ta sẽ giúp cho thang thuốc, đồng thời châm vào chỗ ấy, cái thai chết ấy tất ra.

Uống thang rồi châm xong, người vợ đau gấp như muốn sinh. Đà nói:

- Cái thai chết ấy lâu ngày đã khô rồi, không thể tự chui ra được, nên sai người móc thai ra.

Quả nhiên móc ra được một cái thai con trai đã chết, tay chân đầy đủ cả, màu sắc đen kịt, dài đến một thước.

Tuyệt kỹ của Đà, đại loại đều như thế. Nhưng Đà vốn là người đọc sách, lấy y thuật làm chức nghiệp, ý thường tự hồi, sau khi thân gần Thái tổ, thì bệnh Thái tổ càng nặng, khiến Đà chỉ còn coi bệnh cho Thái tổ. Đà nói:

- Bệnh này khó chữa rồi, dày công trị liệu, thì có thể kéo dài được tuổi thọ.

Đà xa nhà lâu ngày muốn quay về, nhân đó nói:

- Nay ta mới được thư nhà, đang muốn tạm xin về.

Về đến nhà, lại chối vợ có bệnh, mấy lần khất hẹn mà không quay lại. Thái tổ liên tục gửi thư gọi, lại sắc mệnh cho quận huyện phát lệnh triệu. Đà cậy tài chán ghét việc thờ người khác, vẫn không chịu lên đường. Thái tổ cả giận, sai người đến tra xét. Nếu vợ bệnh thật, thì ban cho bốn chục hộ đậu, khoan hạn cho ít ngày; nếu là dối trá, lập tức bắt đưa đi. Vì thế Đà bị đưa đến giam vào ngục tại huyện Hứa, tra khảo phải nhận tội. Tuân Úc cầu xin rằng:

- Cái thuật của Đà thật khéo, mạng người là trọng, nên bao dung tha thứ cho Đà.

Thái tổ nói:

- Không lo, thiên hạ không có lũ chuột này thì đã sao?

Rồi tra khảo Đà đến chết. Đà sắp chết, lấy ra một quyển sách đưa cho viên cai ngục, nói:

- Sách này có thể cứu sống người.

Coi ngục sợ tội không nhận, Đà cũng không cưỡng ép, châm lửa đốt đi. Sau khi Đà chết, bệnh đau đầu của Thái tổ chưa khỏi, Thái tổ nói:

- Đà có thể chữa khỏi bệnh này. Kẻ tiểu nhân di dưỡng cái bệnh của ta, muốn cho rằng mình là quan trọng, nếu ta không giết kẻ

này, rút cục hần cũng chẳng vì ta mà triệt bỏ căn nguyên của bệnh vậy.

Về sau đứa con yêu của Thái tổ là Thương Thư bị bệnh, Thái tổ than rằng:

- Ta hối hận đã giết Hoa Đà, khiến cho đứa con này phải chết uống vậy.

Trước đây, Quân lại là Lý Thành mắc bệnh ho khan, đêm ngày không ngủ được, thường thổ huyết lẫn mủ, đem bệnh hỏi Đà. Đà nói:

- Bệnh của ngài là có ung nhọt trong ruột, gây ho và nôn mửa, không phải từ phổi mà ra vậy. Ta cho ngài hai tiền thuốc tán,⁽¹⁾ uống xong sẽ thổ ra hơn hai thưng máu lẫn mủ, hãy mau chóng tự bồi dưỡng thân thể, một tháng có thể phục hồi sắc diện một chút, nên yêu tiếc thân mình, một năm sẽ khỏe. Mười tám năm sau sẽ có lần phát bệnh, lại uống thuốc tán này, bệnh cũng khỏi được. Nếu không dùng thuốc này, cố nhiên sẽ chết.

Lại cho hai tiền thuốc tán, Thành lấy thuốc rồi đi. Được năm sáu năm, trong số người thân có kẻ mắc bệnh như Thành, bảo Thành rằng:

- Nay ngài đã Khang cường khỏe khoắn, ta sắp chết, sao nỡ không cứu gấp mà giấu thuốc,^① để đợi điều chẳng lành? Ngài hãy cho ta mượn trước, ta khỏi bệnh, sẽ vì ngài tới chỗ Hoa Đà xin thêm.

Thành giúp người đó. Vì có việc đến huyện Tiêu, vừa gặp lúc Đà bị bắt, trong lúc vội vàng không nhẫn tâm tới cầu xin. Sau mười tám năm, bệnh của Thành phát lại, không có thuốc uống, vì thế bị chết.^②

¹ Mỗi tiền thuốc tán là một đồng cân thuốc bột.

① Thần Tùng Chi xét: Thời xưa, dùng chữ tàng làm chữ khứ.⁽¹⁾

② *Đà biệt truyện* chép: Có người vào năm Thanh Long trung gặp Thái thú Sơn Dương là Lưu Cảnh Tông người quận Quảng Lăng, Cảnh Tông nói là vào năm Trung Bình mấy lần gặp Hoa Đà, cách trị bệnh của Đà là dùng tay bắt mạch, cách ấy hiệu nghiệm như thần. Lưu Huân người quận Lang Nha làm Thái thú Hà Nội, có người con gái tuổi chừng đôi mươi, cẳng chân bên tả có vết thương, ngứa mà không đau. Vết thương khỏi được mấy chục ngày lại phát, cứ như thế bảy tám năm, cho người đi đón Đà nhờ xem bệnh, Đà nói:

- Bệnh này dễ trị. Phải lấy cho được một con chó sắc lông vàng như cám, và hai con ngựa khỏe.

Rồi lấy dây buộc cổ chó lại, thúc ngựa chạy kéo chó theo, ngựa phi hết cỡ liên tục, tính ra chạy hơn ba chục dặm, chó không đi được nữa, lại sai người đi bộ kéo chó đi tiếp, tính ra sắp được năm mươi dặm. Đà bèn lấy thuốc cho người con gái uống, người con gái ấy liền ngủ không biết gì nữa. Nhân đó Đà lấy dao lớn cắt phần trước của chân sau gần sát bụng chó, lấy chỗ mà mình cắt hướng vào miệng vết thương, cách chừng vài ba tấc. Dùng lại chốc lát, thì có con rắn từ trong vết thương bò ra, Đà liền lấy dùi sắt xuyên ngang đầu rắn. Rắn ở trong da quấy động hồi lâu, lát sau bất động, Đà bèn kéo ra, nó dài đến ba thước, toàn thân như rắn, chỉ có lỗ mắt mà không có con ngươi, lại có vảy ngược. Dùng cao tán đắp vào vết thương, bảy ngày sau thì khỏi.

Lại có người mắc bệnh hoa mắt váng đầu, đầu không cử động được, mắt không nhìn được, đã nhiều năm. Đà sai cời hết áo treo ngược người đó lên, khiến đầu cách mặt đất một hai tấc, lấy vải bố ẩm lau rửa thân thể, dùng Chu táp⁽²⁾ dò xem các mạch, đều thấy lộ huyết ngũ sắc. Đà lệnh cho mấy đệ tử dùng phi đao rạch

¹ Nguyên gốc câu văn của Trần Thọ viết là “Hà nhãn vô cấp khứ dược, dĩ đãi bất tường?” Bùi Tùng Chi chú rằng, chữ “khứ” vào thời Trần Thọ được sử dụng như chữ “tàng”, có nghĩa “giấu đi”, chứ không phải là “bỏ đi” như thời mình (Bùi Tùng Chi) đang sống.

² Có lẽ là công cụ để chẩn mạch?

mạch, máu ngũ sắc chảy ra hết nhẵn, nhìn kỹ thấy máu đỏ, bèn hạ xuống, dùng cao xoa khắp bụng, mồ hôi theo Chu tấp chảy ra, lấy Đinh lịch khuyến huyết tán⁽¹⁾ cho uống, lập tức khỏi.

Lại có một người đàn bà bị bệnh kinh niên, người đòi gọi là bệnh hàn nhiệt.⁽²⁾ Giữa tháng mười một mùa đông, Đà lệnh cho bệnh nhân ngồi trong cái máng đá, giữa buổi sáng mức nước lạnh rót vào, nói rằng phải đủ trăm lần. Mới rót được bảy tám lần, vừa lúc người bệnh run rẩy sắp chết, người rót nước sợ, muốn dừng. Đà lệnh phải rót đủ. Sắp rót đủ tám mươi lần, nhiệt khí bốc ra, lớn vòn trên cao hai ba thước. Rót đủ trăm lần, Đà lại sai người đốt lửa sưởi ấm giường, cho bệnh nhân nằm sắp, hồi lâu sau mồ hôi rịn ra, xoa bột, khô mồ hôi thì khỏi bệnh.

Lại có người bệnh đau nửa bụng như cắt, trong vòng hơn chục ngày, tóc mai lông mày rụng thưa, Đà nói:

- Thế là do lá lách bị thối một nửa, nên mổ bụng chữa trị.

Sai uống thuốc rồi bắt nằm, mổ bụng ra xem, lá lách quả nhiên thối nát một nửa. Dùng dao cắt đi, nạo bỏ thịt thối, lấy cao bôi vào vết thương, đem thuốc cho uống, qua trăm ngày thì bình phục.

Ngô Phổ người quận Quảng Lăng, Phàn A người quận Bành Thành đều theo học Đà. Phổ theo cách chẩn trị bệnh của Đà, những người được Phổ chữa bệnh đều được cứu. Đà nói với Phổ rằng:

- Thân thể con người phải được vận động, chỉ không nên làm việc đến độ cực nhọc thôi. Vận động thì khí trong dạ dày được tiêu tán, huyết mạch lưu thông, bệnh tật không sinh ra được, cũng ví như cái then cửa không mục vậy. Vì thế người tiên thời xưa chỉ dẫn cho người ta luyện tập, mô phỏng như con gấu nghển cổ con cú ngoái đầu, kéo dẫn eo lưng, cử động khớp xương, để làm cho khó già lão. Ta có một thuật, gọi là "Ngũ

¹ Là một thứ thuốc nào đó do Hoa Đà chế ra.

² Một căn bệnh làm cho người ta lúc nóng lúc lạnh bất thường.

cầm chi hí",⁽¹⁾ thứ nhất là hổ, thứ nhì là hươu, thứ ba là gấu, thứ tư là vượn, thứ năm là chim, cũng để trừ bệnh tật, đều có lợi cho bàn chân, nay ta đem chỉ vẽ cho người. Khi trong người không được khoan khoái, hãy đứng dậy diễn trò của một con vật, mồ hôi rịn ra thấm ướt, thì bôi phấn lên, thân thể sẽ nhẹ nhàng ngay, trong bụng cũng muốn ăn.

Phổ làm theo lời ấy, sống đến hơn chín mươi tuổi, tai tinh mắt sáng, răng chắc nguyên vẹn.

A giỏi thuật châm, hết thầy các thầy thuốc đều nói rằng trong khoảng giữa vùng bụng và ngực không thể châm xằng, châm vào chỗ đó bất quá chỉ bốn phân, nhưng A châm vào bụng sâu đến một hoặc hai tấc, có khi châm vào huyết Cự khuyết⁽²⁾ ở vùng ngực đến năm sáu tấc, mà bệnh đều khỏi tức thì.

A theo Đà xin thuốc có thể giúp ích cho người, Đà cho dùng Tất diệt Thanh niên tán.⁽³⁾ Bột Tất diệt một thương, bột Thanh niên mười bốn lạng, lấy chỗ đó trộn lẫn, nói là uống lâu sẽ trừ được ba thứ trùng, lợi ngũ tạng, thân thể nhẹ nhàng, khiến đầu không bị bạc.

A theo lời ấy, sống thọ hơn trăm tuổi. Tất diệt có ở nhiều chỗ, Thanh niên mọc ở vùng Phong, Bái, Bành Thành và Triều Ca.①

¹ Tức là trò đùa bốn của năm loài vật. Trò của hổ thì bấu bốn chân xuống đất, hai chân trước xoải ra trước, hai chân sau choãi ra sau, vượn mình, rồi ngửa mặt lên trời, bước lên ba bước, lùi lại ba bước; Trò của hươu thì cào chân xuống đất, cõ vượn cao, ngó trái đưa chân phải lên cao ba lần, lại ngó phải và đưa chân trái lên cao ba lần; Trò của gấu thì nằm ngửa, tay ôm đầu gối, ngóc đầu dậy, lật trái lật phải bảy lần; Trò của vượn thì hai tay bám lên cành cây, treo mình lủng lẳng, đu lên bảy lần, rồi ngồi xuống đất, dùng tay kéo hai chân lên bảy lần, lại móc chân vào cây, mỗi chân đu bảy lần; Trò của chim thì đứng thẳng co một chân lại, cánh (tay) giang ra vể lên xuống hai mươi bảy lần.

² Là huyết đạo từ rốn thẳng lên khoảng 9 cm, chính là điểm giao nhau của mạch Nhâm và đường nối hai bờ sườn.

³ Tất diệt Thanh niên tán, tức một thứ thuốc tán (bột) làm từ lá cây Sơn, củ Hoàng tinh và cây Thanh niên.

① *Đà biệt truyện* chép: Thanh niên, có một tên là Địa tiết, có một tên là Hoàng chi, chủ về điều trị ngũ tạng, làm lợi tinh khí. Thứ ấy vốn có từ việc một người đi lạc vào núi, được người tiên cho uống, đem kể với Đà. Đà cho là hay, liền bảo với A, A lại giữ kín việc ấy. Gần đây người ta thấy A sống thọ mà khí lực mạnh mẽ, lấy làm lạ, bèn cầu A cho uống thứ ấy, A nhân lúc say rượu lỡ nói ra. Thuốc ấy được dùng rộng rãi, nhiều người uống, đều rất công hiệu.

Diễn luận của Văn đế luận về việc của bọn Khước Kiệm rằng:

"Khước Kiệm người quận Dĩnh Xuyên có tài bỏ com, ăn Phục linh.⁽¹⁾ Người huyện Cam Lăng là Cam Thủy cũng giỏi vận khí, già cả nhưng mang dung mạo của người trẻ tuổi. Tả Từ người quận Lư Giang biết thuật Bồ đạo.⁽²⁾ Họ đều làm Quân lại. Khi trước, Kiệm đến, giá Phục linh tăng gấp mấy lần. Nghị lang là Lý Đàm người An Bình bắt chước Kiệm bỏ com, ăn Phục linh, uống nước lạnh, trúng bệnh tả, đến nỗi mất mạng. Sau khi Thủy đến, chúng nhân chẳng ai không học theo ông ấy như chim cú dòm ngang chó sói ngoái đầu, thở ra hít vào. Quân mưu tể tửu là Đồng Phân người quận Hoằng Nông làm theo quá mức, khí tắc bất thông, chết giấc hồi lâu mới tỉnh. Tả Từ đến, mọi người lại tranh nhau học cái thuật Bồ đạo của ông ấy, đến như tên hoạn quan là Nghiêm Tuấn, cũng tới theo học. Kẻ bị thiên hoạn thực không thể học được cái thuật ấy vậy, con người ta vì đuoài theo cái tiếng, mới đến nỗi như thế. Năm Quang Hòa trung, Bắc Hải vương là Hòa Bình cũng thích đạo thuật, tự cho là sẽ thành tiên. Tôn Ung người quận Tế Nam thời trẻ thờ Hòa Bình, theo đến kinh sư. Gặp lúc Hòa Bình bị bệnh chết, Ung nhân đó táng Hòa Bình ở Đông Đào, Hòa Bình có hơn trăm quyển sách, mấy túi thuốc, đều đem táng theo. Về sau đệ tử là Hạ Vinh nói là thầy của Hòa Bình đã tan hóa. Ung đến nay vẫn tiếc hận vì không lấy được sách quý thuốc tiên. Lưu Hưởng bị mê hoặc bởi ngôn luận của sách Hồng bảo, Quân Du hoa mắt vì lời nói của Tử Chính.⁽³⁾ Kẻ ngu dốt lâm lạc xưa nay, há đâu chỉ có một người thôi!"

¹ Phục linh là một loại nấm, mọc ở rừng núi, chỗ có rễ cây tùng, hình dạng như khối cầu, trong y học dùng làm thuốc. Đây là thứ mà các đạo sĩ thời xưa hay ăn để dưỡng thân, mong thành tiên.

² Bồ đạo, tức là thuật dưỡng sinh của đạo gia vậy.

³ Lưu Hưởng (刘向): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 47 (Viên Thiệu truyện).

Đông A vương sáng tác bài *Biện đạo luận* rằng:

"Trên đời có những kẻ thuật sĩ, vua ta vờ hết thấy bọn họ tới, huyện Cam Lăng có Cam Thủy, quận Lư Giang có Tả Từ, huyện Dương Thành có Khước Kiệm. Thủy có tài vận khí dưỡng sinh, Từ hiểu được thuật phòng trung,⁽¹⁾ Kiệm giỏi bỏ com, đều xưng là sống ba trăm tuổi. Rút cục bọn ấy tụ họp cả ở nước Ngụy, thực ra là vua ta e sợ mưu đồ của bọn người ấy, nối nhau làm chuyện gian xảo dối lừa mọi người, thi hành yêu tà mê hoặc dân chúng, chứ há đâu lại vì muốn xem thần tiên ở Doanh Châu,⁽²⁾ tìm Cầu An Kỳ nơi hải đảo,⁽³⁾ bỏ xe vàng mà lấy mây làm kiệu, vớt sáu ngựa kỳ mà cưỡi rồng bay sao? Từ nhà vua và thái tử cho đến anh em ta đều cho là đáng cười, chẳng tin chúng được vậy. Nhưng bọn Thủy biết chúa thượng đối đãi chúng có hạn, bỗng lộc bất quá chỉ so với viên lại, thưởng chẳng hơn so với kẻ không có công lao, hải đảo khó đến được mà du ngoạn, sáu thứ lễ phục khó mà đeo, rút cục chẳng dám dâng lời hư hao, nói ra lời lẽ phi thường."

"Ta từng thử Khước Kiệm tuyệt đối bỏ com trăm ngày, tự thân cùng hẩn ngủ nghỉ, chỉ được đi lại thoải mái ở trong nhà. Phu nhân của hẩn không ăn bảy ngày thì chết, còn Kiệm vẫn như thường. Nhưng không hẩn là thêm tuổi thọ, chỉ có thể trị bệnh mà không sợ bị đói khát thôi."

"Tả Từ giỏi tu cái thuật phòng trung, luyện khéo thì có thể sống thọ, nhưng tự mình không có được cái chí khí nhất mực tinh luyện, hẩn tuyệt chẳng có cách gì làm được."

"Cam Thủy già lão nhưng có dung mạo của người trẻ tuổi, tự nhiên các thuật sĩ đều cùng theo về với hẩn. Nhưng Thủy nói nhiều mà sự thực ít, hết thấy là những lời ma quái. Ta thường triệu gọi đến làm tả hữu, một mình cùng hẩn đàm luận, hỏi việc mà hẩn làm, lấy sắc mặt ôn hòa để dụ dỗ hẩn, dùng câu từ đẹp để dẫn dắt hẩn, Thủy bảo ta rằng: 'Thầy ta

¹ Là các thuật dưỡng sinh giữ khí của Đạo gia. Cát Hồng người thời nhà Tấn chú giải sách của Bào Phác Tử có nói: Tuy nói là vận khí, nhưng vận khí có mấy phép; tuy gọi là phòng trung mà cái thuật phòng trung có hơn trăm việc.

² Doanh Châu (瀛洲), chỉ các đảo ở ngoài biển đông, kẻ thuật sĩ là Từ Phát thời Tần Thủy Hoàng bị bắt đi tìm thuốc trường sinh bỏ trốn ra xứ đó ở.

³ Cầu An Kỳ (求安期), tức An Kỳ Sinh (安期生), người tiên trong truyền thuyết.

vốn họ Hàn, tự Thế Hùng, ta từng cùng thầy ở Nam Hải luyện vàng, trước sau là bốn năm, ném mấy vạn cân vàng xuống biển.’ Lại nói: ‘Thời Chư Lương,⁽¹⁾ người Hồ ở Tây Vực đến dâng biểu lên thom, đai lưng, đao cắt ngọc, bây giờ ta hồi là đã không lấy.’ Lại nói: ‘Có một nước ở phía tây nước Xa Sư.⁽²⁾ Có đứa trẻ mới sinh, lá lách mọc ra ở sống ngón tay cái, lớn lên nó ăn ít mà chạy nhanh.’ Lại nói: ‘Dùng một đôi cá chép dài năm tấc, trộn một con với nước thuốc, cùng bỏ chúng vào trong mỡ đun sôi, con cá có thuốc thì vấy đuôi mở mang, bơi lặn chìm nổi, tựa như đang ở trong vực, một con thì đã chín có thể ăn được.’ Ta bấy giờ hỏi rằng: ‘Ta theo lời mà thử có được hay chăng?’ Hấn nói: ‘Thuốc ấy cách đây hơn vạn dặm, phải ra chỗ đất hiểm; Thủy này không tự đi nên chẳng có được.’ Lời nói vô cùng đến như thế, thực khó mà chép hết, cho nên ta tạm đề cử những chuyện lạ nhất ở trong đó vậy. Thủy nếu gặp Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ đế, thì lại như lũ Từ Phất, Loạn Đại vậy.”⁽³⁾

Đỗ Quỳ tự Công Lương, người quận Hà Nam. Vì hiểu âm nhạc nên làm Nhã nhạc lang. Năm Trung Bình thứ năm, bị bệnh từ quan. Châu quận và Tư đồ dùng lễ triệu, vì thời thế loạn lạc nên Quỳ trốn đến Kinh châu. Kinh châu mục là Lưu Biểu lệnh cho Quỳ và Mạnh Diệu vì vua Hán chế ra Nhã nhạc,⁽⁴⁾ nhạc chế xong, Biểu muốn xem nhạc ở sân đình, Quỳ can rằng:

- Nay tướng quân xưng là vì Thiên tử chế nhạc, lại nghe tấu nhạc ở sân đình, chẳng phải là việc không nên sao!

Biểu thu nhận lời can ấy bèn thôi.

¹ Không rõ là thời đại nào?

² Tên một nước ở Tây vực thời xưa. Sách *Hán thư* của Ban Cố, *Hung Nô truyện*, quyển thượng có nhắc đến nước này.

³ Từ Phất (徐市) đã nói ở chú trên.

Loạn Đại (栾大), là thuật sĩ sống ở thời Hán Vũ đế, bày ra chuyện thần tiên mê hoặc Hán Vũ đế, về sau bị Vũ đế giết.

⁴ Là thứ âm nhạc chính thống được dùng trong các lễ nghi theo quy định của triều đình đương thời.

Về sau con của Biểu là Tông hàng Thái tổ, Thái tổ lấy Quỳ làm Quân mưu tể tửu, tham dự việc của quan Thái nhạc, nhân đó nhận lệnh sáng chế Nhã nhạc.

Quỳ giỏi âm luật, thông tuệ hơn người, bát âm tơ trúc,⁽¹⁾ không gì không giỏi, duy có múa hát thì không phải là sở trường. Bấy giờ Tán lang⁽²⁾ là Đặng Tĩnh, Doãn Tề khéo ngâm vịnh Nhã nhạc, ca sư là Doãn Hồ khéo hát khúc hát tể tự tông miếu, vũ sư là Phùng Túc, Phục Dưỡng hiểu các điệu múa thời trước, Quỳ tổng hợp hết lại nghiên cứu lấy những chỗ tinh hoa, khảo xét sâu sắc mọi kinh sách, lựa chọn các việc cũ, giảng giải luyện tập nhiều lần, chế tác ra đủ các thứ nhạc khí, việc khôi phục âm nhạc thời cổ xưa đều bắt đầu từ Quỳ vậy.

Năm Hoàng Sơ trung, Quỳ làm Thái nhạc lệnh, Hiệp luật đô úy. Người thợ đúc chuông cho nhà Hán là Sài Ngọc kỹ xảo khéo léo và có ý tưởng, hình dáng các đồ nhạc khí trong cung, đa phần do Sài Ngọc chế tác thành, cũng là người tôn quý đương thời được người ta biết đến. Quỳ lệnh cho Ngọc đúc chuông đồng, tiếng thanh tiếng đục của chuông ấy đa phần không đúng phép tắc, mấy lần phải hủy đi làm lại. Ngọc rất chán ghét, nói rằng về tiếng thanh tiếng đục Quỳ chỉ theo ý của mình, có ý chống đối Quỳ. Quỳ và Ngọc tranh nhau bẩm với Thái tổ, Thái tổ đem cái chuông mà Ngọc đúc ra thử, thấy tiếng vang lẫn lộn, liền biết rằng Quỳ tinh tế mà Ngọc xằng bậy, vì thế bắt tội Ngọc và các con của Ngọc, đều cho ra làm kẻ nuôi ngựa. Văn đế yêu mến đãi ngộ Ngọc, có lần từng ra lệnh cho Quỳ cùng bọn Tả Nguyên (Tả Chân) thổi sáo gảy đàn trong lúc tiếp tân khách, Quỳ có vẻ khó chịu, bởi thế Đế có ý không hài lòng. Sau nhân việc khác ép buộc Quỳ, sai bọn Nguyên đến

¹ Là tám thứ âm thanh của những dụng cụ âm nhạc làm bằng tám thứ: Tơ, tre, vàng, đá, vỏ bầu, da thú, gỗ và đất.

² Tán lang, tức là chức Tán kỵ thị lang vậy. Chức Tán lang được đặt ra từ thời này.

học, Quỳ tự nói là kẻ học nhạc phải nhã, kẻ ra làm quan phải có căn bản, ý vẫn còn bất mãn, cuối cùng bị cách chức rồi chết.

Học trò của Quỳ là Thiệu Đăng, Trương Thái, Tang Phúc người quận Hà Nam, đều làm quan đến chức Thái nhạc thừa, người quận Hạ Bi là Trần Hàng làm Tư luật Trung lang tướng. Kể từ bọn Tả Diên Niên dẫu tinh diệu về âm luật, đều giỏi âm nhạc của nước Trịnh, nhưng yêu thích cổ nhạc bảo tồn nhạc chính thống tuyệt chẳng có ai bằng được Quỳ.^①

① Bấy giờ có người ở quận Phù Phong là Mã Quân, tâm tư linh mẫn hơn đời. Bài tựa của Phó Huyền về Quân viết:

"Mã tiên sinh có tiếng là người khéo trong thiên hạ, thời trẻ vui chơi đùa bỡn, không tự biết mình là người khéo vậy. Đương lúc bấy giờ, không nói hết cái khéo, há người đời không biết sao?"

"Tiên sinh làm Bác sĩ ở cảnh nghèo, bèn nghĩ cách sửa khung cửi, không nói mà người đời biết cái khéo của mình rồi. Khung cửi thời trước cứ năm mươi lần dệt là năm mươi lần đạp chân, sáu mươi lần dệt là sáu mươi lần đạp chân, tiên sinh tính rằng việc này tốn công lãng phí tháng ngày, bèn đổi hết làm mười hai lần đạp chân. Hoa văn kỳ dị biến ảo, sinh ra theo cảm xúc của người dệt, vẫn tạo thành hình dáng tự nhiên, vô cùng như âm dương, giống như Luân Biển⁽¹⁾ không dùng lời nói, lại có thể nói ra cái kết quả thực hành của mình?"

"Tiên sinh làm Cấp sự trung, cùng với Thường thị Cao Đường Long, Kiêu kỵ tướng quân Tân Lăng tranh luận ở triều đình, nói đến Chỉ nam xa,⁽²⁾ hai người nói thời xưa không có Chỉ nam xa, đây là ghi chép hư truyền. Tiên sinh nói: 'Thời cổ có thứ đó, vì chúng ta chưa nghĩ ra thôi, sao lại cho thứ đó là viễn vông được.' Hai người cười nhạo tiên sinh rằng: 'Tên của tiên sinh là Quân, tự là Đức Hành. Quân là cái khuôn để nặn đồ vật, mà hành là thứ dùng để xác định xem vật nặng

¹ Thời Xuân Thu, có người thợ tên Biền khéo chế tạo xe Luân xa, cho nên được gọi là Luân Biền (轮扁).

² Chỉ nam xa: Xem chú thích ở tập I, quyển 3, trang 194 (Minh đế kỷ).

hay nhẹ;⁽¹⁾ vật nặng nhẹ không định đúng được thì chẳng có thứ gì dùng khôn mầu để xác định sao!' Tiên sinh nói: 'Tranh luận sáo rỗng không tác dụng, chẳng bằng thử làm xem kết quả vậy.' Bởi thế hai người bèn đem chuyện bầm với Minh đế, Đế hạ chiếu sai tiên sinh làm thứ đó, rồi Chỉ nam xa được làm ra. Đó là một cái lạ vậy, lại chẳng thể dùng lời nói ra, từ đó thiên hạ phục cái khéo của tiên sinh rồi."

"Tiên sinh ở kinh đô, đất đai ở trong thành, có thể lấy làm vườn, lo không có nước để tưới vườn, bèn chế tác phiên xa,⁽²⁾ sai bọn trẻ con chuyển xe, mà nước lại tự rót xuống, chảy vào rồi lại chảy ra, cái khéo gấp trăm lần bình thường. Đó là hai cái lạ vậy."

"Sau đó có người dâng Đồ bách hí⁽³⁾ lên cho chúa thượng, song bày ra thì nó không thể động đậy được. Đế đem hỏi tiên sinh: 'Nó có thể cử động được không?' Tiên sinh đáp rằng: 'Có thể cử động được.' Đế nói: 'Người có thể làm khéo hơn được không.' Tiên sinh đáp: 'Có thể hơn được.' Rồi nhận chiếu chế tác vật ấy. Lấy gỗ lớn chạm trổ, khiến nó có hình dáng như bánh xe, đặt trên đất bằng, bên dưới dùng nước khởi động. Lại đặt bức tượng người con gái múa hát, rồi làm ra một người gỗ đánh trống thổ sáo; đắp ngọn núi lớn, làm người gỗ vung kiếm múa cầu, leo tường nhào lộn, ra vào tự nhiên; trăm quan ngồi trong dinh thự, cỡi xay gà chọi, biến ảo trăm chiều. Đó là ba cái lạ vậy."

"Tiên sinh thấy nỗ liên châu của Gia Cát Lượng, nói: 'Khéo thì khéo rồi, nhưng chưa khéo hết mực vậy.' Nói rằng có thể làm cho nó tốt hơn năm lần. Lại lo rằng xe bắn đá, nếu địch nhân ở trên thành lâu treo da trâu ướt, bắn trúng thì lại rơi xuống, đá không thể bắn lên liên tục được. Muốn làm một cái bánh xe, treo mấy chục viên đá lớn lên, dùng lấy quay bánh xe liên tục, phép ấy khiến từng hòn đá treo trên đó bay lên

¹ Chữ quân (钧) trong tên của Mã Quân có nghĩa là cái bàn xoay để nặn đồ vật bằng gốm, chữ hành (衡) trong tên tự của Mã Quân có nghĩa là cái cân dùng để xác định tính nặng nhẹ của đồ vật.

² Phiên xa (翻车) là cái xe để dẫn nước, tương truyền được chế ra từ thời Linh đế nhà Đông Hán, không hiểu sao ở đây lại nói là Mã Quân chế tạo ra, có lẽ là dựa trên nguyên lý của Phiên xa thời trước rồi cải tiến đi.

³ Thời cổ đại gọi chung những đồ vật dùng trong ca vũ là Bách hí. Từ này thấy nhắc đến ở sách *Hậu Hán thư* của Ban Cố, thiên *Âi đế ký*. Ở đây có lẽ nói đến đồ vật kỹ nghệ liên quan đến nhạc cụ, được chế tạo rất tinh xảo, có khả năng tự hát hoặc múa.

phá thành của địch, viên đầu viên cuối lao đến vùn vụt. Lại từng thũ dùng bánh xe treo mấy chục viên ngói lớn, bắn lên cao mấy trăm bước.”

“Có người tên Bùi Tử, là kẻ sĩ ở thượng quốc, tinh thông kiến giải sự lý, nghe nói liền cười nhạo. Bèn căn vặn tiên sinh, tiên sinh ngậm miệng không đáp. Bùi Tử tự cho rằng mình căn vặn đúng chỗ yếu của tiên sinh, cười nhạo không thôi. Phó tử ta bảo Bùi Tử rằng: ‘Sở trường của ông là lời nói, sở đoản của ông là khéo léo. Sở trường của họ Mã là khéo léo, sở đoản của ông ấy là lời nói vậy. Dùng cái sở trường của ông, công kích cái sở đoản của bên kia, thì họ không thể không phục ông. Dùng cái sở đoản của ông, căn vặn cái sở trường của bên kia, thì tất có chỗ không phân giải tỏ tường được vậy. Người khéo, là người làm được những việc cực tinh tế trong thiên hạ, ông đem cái việc không kiến giải được để căn vặn ông ấy không thôi, thế là châm chọc công kích nhau, rõ ra là viển vông rồi. Trong lòng cho là trái, ngoài miệng thì khuất phục, đó là nguyên do của việc họ Mã không đáp lại lời ông vậy’.”

“Phó tử ta gặp An Hương hầu, nói đến lời bàn của Bùi Tử, An Hương hầu lại nói giống Bùi Tử. Phó tử ta nói: ‘Thánh nhân lựa chọn khí vật, hay dùng người chẳng tuân theo phép tắc nào: có người vì vẻ phi phạm mà chọn dùng, có người vì giỏi nói bàn mà chọn dùng, có người vì khéo làm việc mà chọn dùng. Người vì vẻ phi phạm mà được chọn dùng, là người không nói mà thành tâm đã tỏ rõ trước rồi, đấy là bậc tuyệt luân đức hạnh như Nhan Uyên vậy. Người vì khéo nói mà được chọn dùng, lấy quyền biến biện rõ đúng sai, đấy là người có tài nói năng như Tề Ngã, Tử Cống vậy. Người vì năng lực mà được chọn dùng, đấy là người giỏi chính trị như Nhiễm Hữu, Quý Lộ, giỏi văn học như Tử Du, Tử Hạ vậy.⁽¹⁾ Dù rằng thánh nhân rõ hết muôn vật, bằng như có chỗ dùng được, tất phải dùng thử, bởi thế mới lấy chính trị để thử Nhiễm, Quý, lấy học vấn để thử Du, Hạ vậy. Bọn Du, Hạ còn như thế, huống chi là từ bọn ấy trở xuống nữa ru! Vì sao vậy? Nói đến cái đạo lý lừng lo, chẳng thể dùng lời nói hết, cốt ở việc làm, nói rõ thì khó tỏ mà thử làm thì dễ biết vậy. Nay như cái mà họ Mã muốn làm, là khí giới tinh

¹ Thánh nhân là nói Khổng tử, những người nhắc đến trong đoạn văn này là Nhan Uyên, Tề Ngã, Tử Cống, Nhiễm Hữu, Quý Lộ, người nước Lỗ; là Tử Du, Tử Hạ, người nước Tấn, đều là đại đệ tử của Khổng tử và là những người nổi tiếng thời ấy về trí tuệ, đức độ và tài năng.

xảo của quốc gia, là chiến cụ thiết yếu của quân sĩ vậy. Hao phí mười tám gổ,⁽¹⁾ nhọc sức của hai người, chẳng mất nhiều thì giờ mà phải trái định rõ. Cần vận cái việc dễ khảo nghiệm kết quả mà khinh rẻ dùng lời áp chế đè nén cái tài lạ của người ta, điều ấy cũng như việc tự cho là cái trí của mình gánh vác được việc trong thiên hạ, dùng cái đạo bất biến của mình để xem xét đến tận cùng cái khó hiểu của muôn vật, đấy là lời đáng viết đi vậy. Cái mà họ Mã làm, dựa theo sự biến ảo mà được như thế, thì cái lời nói lúc trước đều là chẳng đúng rồi. Vì những lời không đúng ấy mà không dùng cái khéo của người ta, thế là cái khéo ở trên đời chẳng còn có chỗ sinh ra vậy. Người cùng được yêu thì đổ kỵ nhau, người cùng làm việc thì hại lẫn nhau, người trong cuộc chẳng thể tránh được. Cho nên bậc quân tử chẳng dùng người để hại người, tất lấy khảo xét làm chuẩn tắc; phế bỏ chuẩn tắc mà không dùng, đấy là ngọc đẹp bị vu là đá xấu, là cái lý do của việc Kinh Hòa ôm ngọc mà khóc vậy.⁽²⁾ Vì thế An Hương hầu ngô ra, bèn nói với Vũ An hầu, Vũ An hầu không coi trọng họ Mã, rút cục không khảo nghiệm thử. Việc đấy rất dễ khảo nghiệm, thêm nữa là cái tiếng khéo của họ Mã đã được thẩm định rồi, thế mà vẫn bỏ qua không xét đến, huống chi là cái tài sâu xa, như viên ngọc vô danh ru? Bậc quân tử đời sau sẽ xét soi việc này!”

“Cái khéo của Mã tiên sinh, thì dẫu Công Thâu Ban, Mặc Dịch, Vương Nhĩ thời xưa, Trương Bình Tử thời Hán gần đây,⁽³⁾ cũng chẳng thể hơn

¹ Tám là đơn vị đo lường thời cổ, tám thước được tính là một tám.

² Biện Hòa người nước Sở thời Chiến Quốc bắt được hòn ngọc ở chân núi Kinh, dâng cho Sở Vũ vương, Sở Vũ vương cho là ngọc giả bèn phạt tội chặt hai chân của Biện Hòa. Sở Thành vương lên ngôi, Biện Hòa ôm ngọc ngồi khóc dưới chân núi Kinh, Sở Thành vương nghe tin, cho người đến xem, mới biết là ngọc đẹp thật. Viên ngọc này sau đúc thành ngọc tỷ truyền quốc của nhà Tần.

³ Công Thâu Ban (公輸般), người nước Lỗ, còn gọi là Lỗ Ban, sống ở thời Xuân Thu chiến quốc, những đồ vật bằng gỗ mà ông chế tạo ra cực kỳ tinh xảo. Tương truyền thang mây dùng để đánh thành trì do ông sáng tạo ra;

Mặc Dịch (墨翟), tức thầy Mặc tử, là người nước Lỗ thời Xuân Thu, là ông tổ của phái Mặc gia;

Vương Nhĩ (王尔) là thợ điêu khắc, không rõ sống vào thời nào, tên tuổi của ông được nhắc đến sớm nhất là ở bài “Dịch phú” của người nước Sở thời Chiến Quốc;

Trương Bình Tử (张平子), tức Trương Hành (张衡), người thời Đông Hán, là thiên văn học, toán học, thi nhân ... và rất nhiều môn kỹ nghệ khác.

được vậy. Công Thâu Ban, Mặc Dịch đều được trọng dụng lúc đương thời, cho nên có ích cho đời. Bình Tử dẫu là Thị trung, Mã tiên sinh tuy là Cấp tỉnh trung, đều không được giữ chức Công quan, cái khéo kia là vô ích với đời. Dùng người chẳng đúng với cái tài năng của họ, là biết đạo lý của tài năng mà chẳng thử dùng tài vào việc, thật là đáng tiếc vậy."

Bùi Tử, là Bùi Tú. An Hương hầu, là Tào Hi. Vũ An hầu, là Tào Sảng vậy.

Chu Kiến Bình, người nước Bái. Giỏi thuật xem tướng, nổi tiếng nơi thôn ấp, hiệu nghiệm không phải chỉ có một lần. Thái tổ làm Ngụy công, nghe tin, triệu làm Lang. Văn đế làm Ngũ quan tướng, khách ngồi trong yến hội có hơn ba mươi người, Văn đế hỏi Bình về tuổi thọ của mình, lại lệnh xem tướng cho hết thảy tân khách. Kiến Bình nói:

- Tướng quân đáng thọ tám mươi tuổi, đến bốn năm mươi tuổi thì sẽ có cái hạn nhỏ, xin hãy giữ gìn cẩn thận.

Bảo Hạ Hầu Uy rằng:

- Ngài năm bốn mươi chín tuổi làm Châu mục, nhưng sẽ có hạn, nếu qua được hạn, có thể thọ tới bảy mươi, ngôi vị đến chức Công phụ.

Bảo Ứng Cừ rằng:

- Ngài đến năm sáu mươi hai tuổi thì ngôi vị đến chức Thường bá, nhưng sẽ có hạn, trước đó một năm, sẽ có lần một mình nhìn thấy một con chó trắng, mà người ở bên cạnh không nhìn thấy.

Bảo với Tào Bru rằng:

- Ngài thống quản phiên bang, đến năm năm mươi bảy tuổi phải có cái hạn vì việc binh đao, nên khéo đề phòng.

Khi trước, Kiến Bình và Tuân Du, Chung Do người quận Dĩnh Xuyên thân thiết với nhau. Du chết trước, con còn nhỏ. Do quản

lý việc nhà của Du, muốn lấy người thiếp của Du. Bèn gửi thư cho người khác nói:

"Ta với Công Đạt từng cùng sai Chu Kiến Bình xem tướng, Kiến Bình nói: 'Tuân quân tuy ít tuổi hơn, nhưng phải đem hậu sự phó thác cho Chung quân.' Ta bấy giờ chợt hấn rằng: 'Ta nghĩ rằng phải lấy nàng A Vụ⁽¹⁾ của người thôi.' Nào có ngờ đâu ông ấy chết sớm, lời đùa bỡn lại ứng nghiệm sao! Nay ta muốn lấy A Vụ, là cách xử lý ổn thỏa vậy. Đoái nghĩ đến lời thần diệu của Kiến Bình, dẫu Đường Cử, Hứa Phụ⁽²⁾ lấy gì để hơn được!"

Văn đế vào năm Hoàng Sơ thứ bảy, lúc bốn mươi tuổi, bị bệnh khốn, bảo tả hữu rằng:

- Lời mà Kiến Bình nói rằng ta thọ tám mươi tuổi, là lời nói mập mờ, ta phải chết thật rồi.

Chốc lát, quả nhiên băng.

Hạ Hầu Uy làm Thứ sử Duyện châu, năm bốn chín tuổi, vào thượng tuần tháng mười hai bị ốm, nghĩ đến lời nói của Kiến Bình, tự cho là số mình tất chết, soạn sẵn di lệnh và các đồ táng lễ, chuẩn bị đủ cả. Đến hạ tuần tháng ấy chuyển bệnh đỡ chút ít, sắp bình phục. Quá trưa ngày ba mươi, cho gọi Kỷ cương Đại lại⁽³⁾ bày tiệc rượu, nói:

¹ A Vụ là tên người thiếp của Tuân Công Đạt, tức Tuân Du.

² Đường Cử (唐举) là người nước Lương thời Chiến Quốc, nổi tiếng vì tài xem tướng người, được ví như tổ sư gia của thuật xem tướng. Ông từng xem tướng cho Thái Trạch người nước Yên lúc ông ta còn long đong lận đận, nhờ có ông chỉ vẽ mà sau này Thái Trạch làm đến chức Thừa tướng nước Tần thay cho Phạm Thư;

Hứa Phụ (许负) là người đàn bà nước Tần sống vào thời Tần mạt Hán sơ, sinh ra được trăm ngày đã biết nói, Tần Thủy Hoàng cho là lạ. Hứa Phụ rất giỏi thuật xem tướng, từng xem tướng cho Ngụy Báo, Đặng Thông.

³ Đại lại là bộ tướng của chủ soái, hai chữ này được nhắc đến trong sách *Bình pháp Tôn tử*, thiên *Địa hình*. Tào Tháo chú rằng: "Đại lại, là tiêu tướng vậy." Kỷ cương Đại lại có lẽ là một chức quan nhỏ, coi giữ cương kỷ trong sở quan của châu, ở đây là Duyện châu của Hạ Hầu Uy.

- Bệnh của ta dần dần bình phục, sáng mai gà gáy, ta được năm mươi tuổi, lời cảnh báo của Kiến Bình, tất sai thật rồi.

Sau khi Uy bãi khách, mắt hoa lên bệnh lại phát, nửa đêm thì chết.

Cừ năm sáu mươi một tuổi làm Thị trung, lúc đi vào phủ quan, chợt thấy con chó trắng, hỏi mọi người, đều nói là không thấy. Vì thế nhiều lần mở hội, xong đều gấp rút đi du ngoạn thăm thú ruộng vườn, lấy việc yến ẩm tự làm vui, qua một năm, đến sáu mươi ba tuổi thì chết.

Tào Bưu được phong làm Sở vương, năm năm mươi bảy tuổi, bị kết tội thông mưu với Vương Lăng, được ban lệnh tự xử.

Hết thảy những điều Kiến Bình nói về bọn này, không gì không như lời nói, chẳng thể kể rõ hết được, cho nên ta chỉ ghi chép sơ qua mấy việc. Duy có việc xem tướng về Tư không Vương Sưởng, Chinh bắc tướng quân Trình Hỷ, Trung lĩnh quân Vương Túc là sai lầm vậy.

Túc năm sáu mươi hai tuổi, bị bệnh nặng, các thầy thuốc đều cho là không khỏi được. Phu nhân của Túc đưa lời gạn hỏi, Túc nói:

- Kiến Bình xem tướng nói ta thọ hơn bảy mươi tuổi, ngôi vị đến chức Tam công, nay đều chưa tới, sao phải lo lắng vậy!

Sau rồi Túc chết.

Kiến Bình lại khéo xem tướng ngựa. Văn đế sắp đi, lấy ngựa ở bên ngoài đưa vào, Kiến Bình đi trên đường gặp, bảo rằng:

- Tướng con ngựa này, hôm nay tất chết thôi.

Đế sắp lên ngựa, con ngựa ghét mùi hương trên áo, kinh sợ cắn vào đầu gối Đế, Đế cả giận, lập tức giết con ngựa.

Kiến Bình chết vào năm Hoàng Sơ trung.

C hu Tuyên tự Khổng Hòa, người huyện Lạc An. Làm quận lại. Thái thú của quận là Dương Phái mộng thấy có người nói:

- Ngày mừng một tháng tám Tào công sẽ đến, tất đem gậy cho ông, đồ uống là rượu thuốc.

Thái thú sai Tuyên bói mộng.

Bấy giờ giặc Khăn Vàng nổi dậy, Tuyên đáp rằng:

- Gậy là để người yếu chống đứng dậy, thuốc là để chữa bệnh cho người, ngày mừng một tháng tám, giặc tất bị diệt trừ.

Đến kỳ hẹn, giặc quả nhiên bị phá.

Về sau người quận Đông Bình là Lưu Trinh mơ thấy một con rắn mọc bốn chân, đào hang ở trong nhà, nhờ Tuyên bói mộng, Tuyên nói:

- Đây là mơ thấy việc nước, không phải là việc nhà ông vậy. Đích xác là việc giết bọn con gái làm giặc.

Không lâu sau, nữ tặc là bọn Trịnh, Khương đều cùng bị đánh dẹp, vì rắn là điềm báo về đàn bà, cái chân không phải là thứ mà rắn nên có vậy.

Văn đế hỏi Tuyên rằng:

- Ta nằm mộng thấy hai viên ngói trên cung điện rơi xuống đất, hóa ra đôi Uyên ương,⁽¹⁾ đây là điềm gì vậy?

Tuyên đáp rằng:

- Ở hậu cung sẽ có người đột tử.

Đế nói:

- Ta lừa khanh đó thôi!

Tuyên thưa rằng:

¹ Uyên ương là loài chim thường bơi trên mặt nước, hình dáng tựa như con vịt nhỏ, chim trống gọi là Uyên, chim mái gọi Ương, chúng thường bơi thành đôi.

- Người ta nằm mộng là có điềm báo, tạm theo hình trạng mà nói ra, liền chiêm nghiệm được điềm cát hung.

Nói chưa xong, thì Hoàng môn lệnh tấu là có cung nhân giết nhau. Không lâu sau, Đế lại hỏi rằng:

- Đêm qua ta mơ thấy luồng khí xanh từ dưới đất bốc lên trời.

Tuyên đáp rằng:

- Thiên hạ sắp có một người con gái tôn quý bị chết oan.

Bấy giờ, Đế đã phái sứ giả ban tì thư cho Chân hậu,⁽¹⁾ nghe Tuyên nói mà hối hận, phái người đuổi theo sứ giả mà không kịp.

Đế lại hỏi rằng:

- Ta nằm mộng mài xóa chữ trên đồng tiền, muốn làm nó mòn đi nhưng nó lại càng sáng hơn, điềm ấy là sao?

Tuyên buồn bã không đáp lời. Đế gắng hỏi về việc ấy, Tuyên đáp rằng:

- Đây là việc nhà bệ hạ, dẫu bệ hạ muốn vậy nhưng Thái hậu không nghe, vì thế vẫn tự muốn xóa lại sáng ra thôi.

Bấy giờ Đế muốn trị tội em mình là Thực, dù bị Thái hậu bức bách, nhưng vẫn biếm tước của Thực. Văn đế dùng Tuyên làm Trung lang, phụ thuộc quan Thái sử.

Từng có người hỏi Tuyên rằng:

- Đêm qua ta mộng thấy con chó cỏ, điềm ấy bói thế nào?

Tuyên đáp rằng:

- Ngài sắp được ăn đồ ăn ngon thôi!

Chốc lát, lên đường, quả nhiên gặp cỗ bàn thịnh soạn. Về sau người ấy lại hỏi Tuyên rằng:

- Đêm qua ta lại nằm mộng thấy con chó cỏ, là sao?

¹ Văn đế bấy giờ sủng ái Quách hậu, ban tì thư cho Chân hậu bắt phải tự sát. Xem việc này ở tập I, quyển 5 (Chân hoàng hậu truyện).

Tuyên nói:

- Ngài sắp bị ngã xe gãy cẳng, nên cẩn thận đề phòng.

Chốc lát, quả như lời Tuyên nói. Sau lại hỏi Tuyên rằng:

- Đêm qua ta lại nằm mộng thấy con chó cỏ, sao vậy?

Tuyên nói:

- Nhà ngài bị cháy, nên khéo giữ gìn.

Chốc lát liền có lửa bốc lên. Người ấy nói với Tuyên rằng:

- Trước sau ba lần, ta đều không mơ như vậy. Ta dò thử ngài thôi, vì sao ngài đều chiêm nghiệm đúng vậy?

Tuyên đáp rằng:

- Đây là thần linh tự động khiến ngài nói ra, cho nên với mộng thật là không khác vậy.

Người ấy lại hỏi Tuyên rằng:

- Ba lần mộng thấy con chó cỏ mà lời bói không giống nhau, sao vậy?

Tuyên nói:

- Con chó cỏ là vật tế thần. Cho nên giấc mộng đầu của ngài, đúng là điềm có được đồ ăn thừa thãi. Tế tự đã xong, thì con chó cỏ bị xe nghiêng qua, cho nên giấc mộng giữa là đúng với điềm ngã xe gãy cẳng. Sau khi con chó cỏ đã bị xe nghiêng qua, tất được chở đi đốt, cho nên giấc mơ cuối là mối lo về hỏa tai vậy.⁽¹⁾

Tuyên bói theo thứ tự giấc mộng, đại loại là thế. Mười lần trúng tám, chín, người đời cho là sánh được với tài xem tướng của Kiến Bình. Ngoài ra các việc chiêm nghiệm khác không liệt kê ra đây.

Tuyên chết vào thời Minh đế mạt.

¹ Con chó bên bằng cỏ, người xưa dùng để tế tự tông miếu, sau khi tế xong thì vứt ra đường, rồi đem đi đốt.

Quản Lộ tự Công Minh, người quận Bình Nguyên. Dáng vẻ thô lậu xấu xí, không có uy nghi lại ham rượu, ăn uống nói cười đùa bỡn, không chơi với người không hợp chí hướng, cho nên người ta đa phần yêu mến mà không kính trọng.^①

① *Lộ biệt truyện* chép: Năm Lộ tám chín tuổi, thích ngẩng mặt xem trăng sao, gặp được người nào liền hỏi tên của các vì sao, đêm không chịu ngủ. Cha mẹ thường cấm Lộ, cũng không thể ngăn nổi. Lộ tự nói rằng "Tuổi ta tuy nhỏ, nhưng trong mắt chỉ thích thiên văn." Thường nói:

- Gà nhà chim đồng, cũng còn biết thời tiết, huống chi là người?

Lộ cùng bọn trẻ lán giềng đùa bỡn giữa bãi đất, thường vạch đất vẽ bầu trời cùng mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Mỗi khi đối đáp nói năng giảng giải việc, đều nói những điều không tầm thường, những kẻ có học vấn giỏi giang chẳng thể bắt bẻ được, đều biết rằng Lộ sẽ thành kẻ có tài đặc biệt khác thường. Lúc trưởng thành, quả nhiên Lộ thấu tỏ *Chu Dịch*, ngẩng mặt biết thiên văn, xem việc khắp bốn phương để định cát hung, thuật toán chiêm bốc, tướng số, không gì không tinh thông.

Lộ bản tính khoan hòa đại lượng, đa phần bao dung giúp người; dẫu ghét ai cũng chẳng thù hằn, miễn ai cũng không khen ngợi, đều muốn lấy đức báo oán. Thường nói:

- Trung hiếu tín nghĩa, là gốc rễ của con người, chẳng thể không xem trọng; thanh liêm chính trực, là vẻ ngoài phù phiếm của kẻ sĩ, không phải là cái cốt lõi.

Tự nói:

- Người hiểu ta rất ít, thì ta đáng quý rồi, sao có thể chặn nổi dòng chảy của sông Giang, sông Hán, ngăn được nước chảy đá mòn? Ta thích cùng Quý Chủ⁽¹⁾ luận đạo, chẳng muốn cùng ngư phủ chung thuyền, đấy là cái chí của ta vậy.

¹ Quý Chủ (季主), tức là Tư Mã Quý Chủ, người nước Sở, là thầy bói ở chợ đông thành Trường An, sau đến núi An Vũ ẩn cư, luyện thành thuật tàng hình. Nhân vật này thấy nhắc đến ở *Sử ký* của Tư Mã Thiên, quyển thứ 128, *Nhật Giả liệt truyện*.

Lộ thờ cha mẹ có hiếu, hết lòng với anh em, tin yêu hòa thuận với bạn hữu, đều tỏ rõ nhân hòa, suốt đời không có chỗ nào thiếu sót. Kẻ sĩ bình phẩm, cuối cùng đều nể phục.

Cha của Lộ làm trưởng huyện Túc Khâu quận Lang Nha, lúc Lộ mười lăm tuổi, đi đến phủ quan đọc sách. Ban đầu đọc cái đạo lý gốc rễ của *Kinh Thi*; *Luận ngữ* và *Kinh Dịch*, liền tỏ rõ cái học vấn uyên thâm của người cầm bút, câu từ ngữ nghĩa văn vẻ mạch lạc. Vào lúc ấy trong trường học có hơn bốn trăm học trò trong nước và phương xa, đều phục cái tài của Lộ. Thái thú Lang Nha là Đan Tử Xuân vốn có tài liệu xét người, nghe nói Lộ tài tuấn đứng đầu trường, muốn được gặp, cha Lộ lập tức sai Lộ đến gặp. Đại hội có hơn trăm tân khách, người ngồi trong hội là những kẻ sĩ có tài nói năng, Lộ hỏi Tử Xuân:

- Phủ quân là danh sĩ, hơn nữa có đáng vẻ tôn quý, Lộ này tuổi còn nhỏ, quả mật còn chưa cứng, nếu muốn xét nhau, sợ mất tinh thần, xin được uống ba thưng rượu ngon trước, rồi mới nói chuyện.

Tử Xuân cả mừng, liền rót ba thưng rượu ngon, sai Lộ uống một mình. Sau khi uống xong, Lộ hỏi Tử Xuân:

- Nay người muốn đối đáp với Lộ, là những kẻ sĩ ngồi ở bốn phía quanh phủ quân đó chẳng?

Tử Xuân nói:

- Ta muốn tự mình cùng người cầm cờ gõ trống đối đáp ngang nhau.

Lộ nói:

- Ta mới đọc cái đạo lý gốc rễ của *Kinh Thi*, *Luận ngữ*, *Kinh Dịch*, học vấn nông cạn, chưa viên dẫn được cái đạo của thánh nhân, bày tỏ được việc của thời Tần, Hán, chỉ muốn luận bàn về cái thú vị của kim mộc thủy hỏa thổ và quỷ thần thôi.

Tử Xuân nói:

- Thứ ấy rất khó, mà ngươi cho là dễ sao?

Vì thế cùng đối xứng về nghị luận chính đại của việc ấy, rồi bàn qua về âm dương, lời lẽ như hoa trôi nước chảy, như cành lá chen

ngang, ít dần thư tịch của thánh nhân, đa phần là phát ra một cách tự nhiên. Từ Xuân và bọn kẻ sĩ thay nhau bắt bẻ, lời lẽ sắc bén, nhưng Lộ đối đáp từng người một, lý lẽ đều có thừa. Từ sáng đến tối, không cần ăn uống. Từ Xuân bảo mọi người rằng:

- Người trẻ tuổi này có tài khí lớn, nghe ngôn luận của hắn, thật giống với lời ở bài phú "Con chó đi săn" của họ Tư Mã,⁽¹⁾ lý lẽ lỗi lạc hùng tráng làm sao, tài hoa thông tuệ tươi sáng hơn người, tất tính toán hiểu rõ được sự biến hóa của trời đất, chẳng phải chỉ là loại giỏi lý lẽ thôi đâu.

Bởi thế Lộ nổi tiếng ở Từ châu, được gọi là thần đồng.

Cha của Lộ làm quan tại huyện Lợi Tào, dân huyện Lợi Tào có ba anh em Quách Ân, đều bị bệnh thọt chân, nhờ Lộ bói cỏ thì xem nguyên do. Lộ nói:

- Trong quẻ cho biết ngôi mộ gốc của nhà ngài, trong mộ có một nữ quỷ, nếu không phải là bác của ngài, thì là thím vậy. Khi trước vào thời mất mùa đói kém, lúc ấy vì tham lợi mấy thung gạo, người xô người ấy xuống giếng, người ấy kêu thất thanh, người đẩy một tảng đá lớn, rơi xuống làm vỡ đầu người ta, cô hồn oan khuất đau đớn, tự tố với trời.

Vì thế Ân rỏ nước mắt khóc nhận tội.^①

① *Lộ biệt truyện* chép: Dân huyện Lợi Tào là Quách Ân, tự Nghĩa Bác, có tài học, giỏi *Chu Dịch*, *Kinh Xuân Thu*, lại có tài ngẩng mặt biết thiên văn. Lộ theo Nghĩa Bác đọc *Kinh Dịch*, trong mấy chục ngày, kiến thức mở mang, nói năng căn vặn vượt cả thầy. Vì thế chia cỏ thi hạ quẻ, vận dụng suy tư tinh diệu, bói xem việc ốm đau, bệnh tật, chết mất, tang ma, giàu nghèo, của bọn học trò trong trường học, hầu như không có sai nhầm, tuyệt chẳng ai không kinh lạ, gọi Lộ là thần nhân.

Lộ lại theo Nghĩa Bác học xem thiên văn, trong ba mươi ngày thông đêm không ngủ, bảo Nghĩa Bác rằng:

¹ Đây là bài phú của Tư Mã Tương Như, không rõ lời của bài phú này ra sao?

- Ngài chỉ dạy bảo cho ta các việc thường ở thôn xóm thôi, đến như việc suy đoán vận hội, bàn luận về các tai họa dị thường, tự sẽ có trời bảo với ta.

Học chưa được một năm, Nghĩa Bác lại phải theo Lộ hỏi các đạo lý cốt yếu của *Kinh Dịch* và thiên văn. Nghĩa Bác mỗi khi nghe Lộ nói, chưa từng không vỗ ghế cảm kích. Tự nói:

- Ngay cái lúc nghe được lời bàn luận cao siêu của ngài, ta quên cả bệnh nặng của mình, người sáng suốt kẻ tối tăm chẳng thể theo kịp được nhau, sao ngài sâu xa vậy!

Nghĩa Bác bày lễ chủ khách, chỉ mời riêng mình Lộ, nói hết những điều cay đắng, tự dãi bày rằng:

- Anh em ta ba người đều bị tật thọt chân, chẳng biết vì duyên có gì? Ngài thử giúp ta lập quẻ, để biết nguyên do của nó. Nếu có vạ xấu, đạo trời cũng xá tội cho người ta, ngài hãy vì ta mà cầu cúng những điều tốt lành với thần minh, chớ tiếc lời. Nếu anh em ta qua khỏi, đấy là được tái sinh vậy.

Lộ liền lập quẻ, nghĩ biết điềm chẳng lành. Gặp lúc chiều tối, nhân đó nghỉ lại, giữa đêm, nói với Nghĩa Bác rằng:

- Ta đã biết được nguyên do rồi.

Rồi nói sự việc, Nghĩa Bác đau xót nước mắt đầm áo, nói:

- Cuối thời vua Hán, quả thực có việc đó. Ngài không nói lời quẻ, vì ngài. Ta không nói ra được, vì lễ. Anh em ta bị thọt chân đến nay hơn ba mươi năm, cẳng chân như có cây gai, không thể chữa được, chỉ mong là không truyền đến con cháu thôi.

Lộ nói rằng hành hỏa không dứt, hành thủy không thừa, chẳng lan đến đời sau vậy.

Vợ của Lưu Phụng Lâm người huyện Quảng Bình bệnh khốn, đã mua áo quan. Bấy giờ là tháng giêng, sai Lộ bói, Lộ nói:

- Mất lúc giữa Ngọ vào ngày Tân Mão tháng tám.

Lâm nói chắc chắn không đúng, rồi người vợ đỡ dần, đến mùa thu lại phát bệnh, hết thảy như lời Lộ nói.①

① *Lộ biệt truyện* chép: Bào Tử Xuân làm Liệt Nhân lệnh, tài trí sáng suốt, cùng Lộ tương kiến, nói:

- Nghe nói ngài vì Lưu Phụng Lâm bói ngày chết của vợ ông ấy, sao rõ ràng thần diệu thế, ngài thử luận bàn nghĩa của lời bói.

Lộ luận về ẩn ý của hào tượng,⁽¹⁾ nói cái nghĩa của sự biến hóa, như khuôn tròn khuôn vuông, không gì không hợp lý. Tử Xuân tự nói:

- Ta thời trẻ rất thích bàn bạc về Dịch, lại thích bói cò thi, có thể gọi là kẻ mù muốn nhìn rõ trắng đen, kẻ điếc muốn nghe thấu âm trong tiếng đục, vất vả mà không nên công trạng gì. Sau khi nghe được lời ngài nói, tự xem lại bản thân mình, thật là kẻ hồ đồ vậy.

Lộ qua gặp Thái thú An Bình là Vương Cơ, Cơ ra lệnh lập quẻ, Lộ nói:

- Đang có người phụ nữ hèn mọn sinh một hài nhi nam, hài nhi rơi xuống đất liền chạy vào bếp mà chết. Lại nữa là trên giường đang có con rắn lớn ngậm cái bút, lớn nhỏ cùng đứng xem, chốc lát rắn bỏ đi. Lại có con quạ bay vào nhà, cùng chim én đánh nhau, én chết, quạ bay đi. Đây là ba việc quái lạ.

Cơ cả kinh, hỏi việc ấy cát hung thế nào. Lộ nói:

- Chỉ là do ngài xa phòng khách lâu ngày, loài yêu quái từ gỗ đá sinh ra gây việc quái lạ thôi. Hài nhi sinh ra liền bỏ chạy, nhưng nó không thể tự chạy được, chỉ là con quái Tống Vô Ky⁽²⁾ đem đứa trẻ vào bếp vậy. Con rắn lớn ngậm cái bút, chỉ là gã Thư tá già thôi. Con quạ cùng con én đấu nhau, chỉ là tên lính già gõ chuông canh cửa vậy. Nay trong quẻ thấy tượng mà không thấy cái hung, biết rằng không có điềm quái gở, bởi thế không có gì phải lo lắng.

¹ Là ngôn từ trong phép bói dịch, nôm na là người bói gieo quẻ, căn cứ vào hình tượng của quẻ mà đưa ra lời luận đoán.

² Theo sách *Bác vật chí* của Trương Hoa (người đời Tống) thì loài yêu quái trong viên đá dưới nước gọi là Long vồng tượng, loài yêu quái trong cây gỗ gọi là Cầu vồng tượng, con quái ở trong đất là Trư vồng tượng, con quái ở trong lò lửa là Tống Vô Ky.

Rút cục không có hại.①

① *Lộ biệt truyện* chép: Cơ và Lộ cùng luận bàn về Dịch, trong mấy ngày, Cơ lấy làm vui mừng hỉ hả, bảo Lộ rằng:

- Mọi người đều nghe nói ngài giỏi bói mai rùa, ta định cùng bàn luận cái hay của nó. Cái tài lạ nhất đời của ngài, đáng được ghi vào tre lụa vậy.

Lộ giúp Cơ xuất quẻ, biết không có gì xấu, nhân đó bảo Cơ rằng:

- Cái đình của Cao Tông thời xưa, không phải là chỗ con trĩ đậu, bậc sân rồng của nhà Ân, không phải là chỗ cây cối mọc, nhưng con trĩ đậu vào đình, Vũ Đinh lên làm Cao Tông, cây dâu cây lúa bỗng mọc nơi sân đình, Thái Mậu vì thế hưng khởi vậy.⁽¹⁾ Biết rằng ba việc chẳng phải là điềm lành, mong phủ quân an thân dưỡng đức, cử sự khoan hòa rộng rãi, chớ vì biết được việc quý thần có thể hại người mà vấy bẩn chân tính trời ban.

Thời ấy các phụ nữ nhà Tín Đô lệnh hoảng sợ, thay nhau mắc bệnh tật, sai Lộ bói cỏ thi. Lộ nói:

- Góc tây gian nhà chính ở phía bắc của ngài, có hai cây đàn ông chết, một cây cầm mâu, một cây cầm cung tên, đầu ở trong vách, chân ở ngoài vách. Cây cầm mâu thì chủ đích đâm vào đầu, nên đầu đau nặng không cử động được; cây cầm cung tên thì chủ đích bắn vào ngực, cho nên quả tim treo trong lồng ngực đau đớn khiến không ăn uống được. Ngày bay lượn vật vờ, đêm gây bệnh cho người, cho nên khiến cho đàn bà kinh hãi vậy.

Vì thế cho khai quật di dời hài cốt đi, người trong nhà đều khỏi cả.①

¹ Vũ Đinh là vị vua thứ hai mươi hai của triều Thương, giai đoạn đó nhà Thương suy yếu, Vũ Đinh phục hưng nhà Thương, chư hầu trước đây phản nhà Thương đều quay lại thần phục;

Thái Mậu là con thứ của Thái Canh, là vị vua thứ chín của triều Thương. Sau khi Ung Kỷ (anh của Thái Mậu) chết, Thái Mậu lên thay, dưới thời cai trị của Thái Mậu, triều Thương cường thịnh như thời vua Thành Thang cai trị.

① *Lộ biệt truyện* chép: Vương Cơ lập tức sai Tín Đô lệnh đào bới trong nhà mình, đào xuống tám thước, quả nhiên có hai cái quan tài, trong một quan tài có ngọn mâu, trong một quan tài có cung sừng tê và mũi tên, mũi tên lâu ngày, gỗ đều nát mủn, chỉ có mũi sắt và cánh cung sừng là còn thôi. Di dời hài cốt, chôn cách thành mười dặm, không ai bị bệnh nữa.

Cơ nói:

- Ta thời trẻ thích đọc Dịch, mãi đùa bỡn đã lâu ngày, chẳng ngờ là thuật số của thần minh, kỳ diệu đến như thế.

Bèn theo Lộ học Dịch, tìm tòi bàn luận về thuật thiên văn. Lộ mỗi khi phân tích sự biến hóa của hào tượng, diễn giải điềm cát hung, chưa từng không giảng giải tỉ mỉ những chỗ khuất khúc quanh co, đến tận cùng cái tinh túy thần diệu của hào tượng. Cơ nói:

- Ban đầu nghe ngài nói, cố làm sao để lĩnh hội được, cuối cùng loạn hết cả, cái đấy là tự trời truyền thụ cho, chẳng phải là sức người vậy.

Vì thế giấu sách *Chu Dịch*, dứt bỏ suy tư, không học lại việc bói mai rùa và bói cỏ thi nữa.

Người trong làng của Lộ là Nãi Thái Nguyên hỏi Lộ:

- Ngài trước đây vì Vương phủ quân luận việc quái lạ, nói rằng gã Thư tá già là con rắn, tên lính hầu già canh cửa gõ chuông là con quạ, bọn ấy vốn đều là người, sao hóa ra hèn mọn vậy? Chỉ trông thấy ở hào tượng, mà xuất ra ở lời của ngài như thế ư?

Lộ nói:

- Ví chẳng có hình tính và đạo trời, thì nguyên do nào là trái với hào tượng mà trong nội tâm tin được đây? Cái biến hóa của vạn vật, là không có hình dạng bình thường, cái biến hóa khác thường của người, là không có thân thể bình thường, hoặc lớn biến thành nhỏ, hoặc nhỏ biến thành lớn, cho nên không có hơn kém. Cái biến hóa của vạn vật, là cái đạo lý bao quát mẫu mực vậy. Vì thế Hạ Cỗn, là cha của Thiên tử, Triệu Vương Như Ý, là con của Hán Cao tổ, mà Cỗn hóa thành con gấu vàng, Như Ý hóa ra con chó xanh, những người ấy cũng ở ngôi vị chí tôn mà biến thành loài

mỡm đen. Huống chi con rắn hợp ở ngôi Thìn Ty, như con quạ đậu ở giữa Mặt trời, đây là hình tượng sáng rõ trong các vật đen tối, như ánh nắng chảy giữa ban ngày, kẻ như gã Thử tá, tên lính gõ chuông, đều là cái thân nhỏ mọn hóa thành con rắn, con quạ, cũng chẳng quá phận đâu!⁽¹⁾

Vương Kinh người huyện Thanh Hà bỏ quan về nhà, Lộ cùng Kinh tương kiến. Kinh nói:

- Gần đây thấy có một việc lạ, ta rất không vui vì việc đó, muốn phiền ngài lập cho một quẻ.

Quẻ gieo thành, Lộ nói:

- Hào tốt, chẳng phải quái lạ vậy. Ban đêm ngài đợi trước cửa nhà chính, có một tia sáng như cái chén uống rượu, chui vào trong bụng ngài, rồi có tiếng âm âm, ngài tinh thần bất an, ngập ngừng cởi áo, vội gọi người vợ, tìm lấy tia sáng thừa roi rút.

Kinh cả cười nói:

- Thật đúng như lời ngài.

Lộ nói:

- Điềm tốt, là điềm thăng quan, ứng nghiệm đến nơi.

Ít lâu, Kinh ra làm Thái thú Giang Hạ.^①

① *Lộ biệt truyện* chép: Kinh muốn sai Lộ bói mai rùa, nhưng ngờ là Lộ làm khó mình, Lộ cười trách Kinh rằng:

- Quân hầu là người hiền đạt ở trong châu, sao nói lời hẹp hòi thế! Xưa kia Tư Mã Quý Chủ có nói, người bói mai rùa tất phải theo phép tắc của trời đất, khí tượng của bốn mùa, thuận nhân nghĩa. Phục Hi lập ra bát quái, Chu Văn vương lập ba trăm tám mươi tư hào, mà thiên hạ trị. Kẻ có bệnh thì có người chữa khỏi, kẻ sắp

¹ Truyền thuyết kể, vua Thuần sai Côn trị thủy, chín năm không xong, bị giết ở núi Vũ Sơn, hóa ra con gấu vàng, con ông là Vũ, lên làm vua, tức Hạ Vũ; Triệu vương Như Ý là con của Hán Cao tổ Lưu Bang, em của Huệ đế, bị Lã hậu giết, hóa thành con chó mỡm xanh.

chết thì có người cứu sống, kẻ mắc họa thì có người cứu thoát, kẻ hành sự thì có người giúp thành việc, dựng vợ gả chồng thì có người giúp sinh con nhiều, há chỉ vì mấy nghìn đồng tiền sao? Lấy đó mà suy, đó mới là việc thiết yếu. Ví như là đạo sáng, thì thánh hiền chẳng từ bỏ, huống chi ta là kẻ tiểu nhân, dám làm khó ngại sao!

Ngạn Vĩ⁽¹⁾ chấp tay tạ Lộ rằng:

- Lời trước là ta đùa bỡn thôi.

Vì thế Lộ giúp lập quẻ, lời bói đều ứng nghiệm.

Kinh mỗi khi luận bàn về Lộ, cho rằng Lộ có được cái tinh khí của con rồng ở trong mây, biết dưỡng tâm và giao tiếp với quỷ thần, không phải chỉ có tài tổng hợp mà thôi.

Lộ lại đến nhà Quách Ân, có con tu hú bay đến đậu trên xà nhà, tiếng kêu rất bi thương. Lộ nói:

- Sắp có một ông già từ phương đông đến, mang theo một cái đầu lợn con, một hồ rượu. Chủ nhà tuy rất mừng, nhưng sẽ có hạn với con nhỏ.

Hôm sau quả nhiên có khách, đúng như điều Lộ bói. Ân yêu cầu khách bớt rượu, kiêng thịt, cẩn thận với đồ nóng, lại bắn gà làm thức ăn, mũi tên từ giữa lùm cây bắn ra trúng vào tay của đứa con nhỏ mới vài tuổi, máu chảy đầm đìa.^①

① *Lộ biệt truyện* chép: Nghĩa Bác sau khi theo Lộ học bói tiếng chim, Lộ nói rằng:

- Ngài tuy thích học đạo, nhưng tư chất thiên bẩm đã ít, lại không thông hiểu âm luật, sợ rằng khó làm thầy người ta được.

Lộ giảng giải về sự biến hóa bát âm,⁽²⁾ trong số năm tiếng âm, dựa theo nhạc luật lấy tiếng của các loài chim là tiếng thương, lấy sáu

¹ Vương Kinh tự Ngạn Vĩ.

² Bát âm, chỉ tám thứ âm thanh. Nguyên văn là chữ “Bát phong”. Theo *Tả truyện*, *Tương công nhị thập cửu niên* có câu: “Ngũ thanh hòa, bát phong bình.” Vương Dẫn Chi chú rằng: “Thời xưa gọi bát âm là bát phong.”

giáp¹) làm đầu mỗi ngày tiết, trái ngược đan xen nhau, ra vào vô cùng. Nghĩa Bác yên lặng trầm tư, nghiền ngẫm mấy ngày, rút cuộc không hiểu gì. Nghĩa Bác nói:

- Cái tài của ta vốn chẳng phải là siêu việt, khó theo đuổi thuật này. Bền thôi.

Lộ đến nhà An Đức lệnh là Lưu Trường Nhân, có con chim khách bay đến đậu trên nóc cửa, tiếng kêu rất gấp. Lộ nói:

- Chim khách kêu ở phía đông bắc là có điềm báo người vợ hôm qua giết chồng, viện có là người chồng có vương mắc với người ở nhà phía tây, chờ chẳng hết ngày vào lúc mặt trời lặn, người báo tin sẽ đến vậy.

Đến lúc đó, quả nhiên có người dân ở huyện Đồng Ngũ từ phía đông bắc đến báo, nói người đàn bà hàng xóm giết chồng mình, nói dối là chồng mình có hiềm khích với người ở nhà phía tây, người đó đến giết chồng mình.①

① *Lộ biệt truyện* chép: Người quận Bột Hải là Lưu Trường Nhân có tài biện bác, mới đầu tuy nghe nói Lộ có thể hiểu được tiếng chim, sau khi gặp Lộ căn vặn rằng:

- Thanh âm của người gọi là nói, tiếng của chim muông gọi là kêu, cho nên con người nói thì biết được đó là tiếng quý, loài chim muông kêu thì biết được đó là tiếng hèn, lý do gì mà ngài cho rằng tiếng chim kêu là lời nói, làm nhiều loạn cái sự khác nhau mà thần linh sắp đặt vậy? Khổng tử nói rằng "Ta không cùng bày với chim muông", là làm rõ cái hèn mọn của chim muông rồi vậy.

Lộ đáp rằng:

- Trời dẫu có hình tượng lớn nhưng chẳng thể tự nói ra, cho nên sao xoay vần ở trên, thần minh chuyển dời ở dưới, chúng nghiệm ở các dấu hiện khác thường của gió mây, dùng chim muông để giao tiếp với thần linh. Dấu hiện khác thường tất thể hiện ở hình

¹ Sáu giáp: Kết hợp thiên can và địa chi, lấy các ngày Giáp Tý, Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần làm ngày chuyển tiết.

thế nổi trôi, giao tiếp với thần minh tất có điềm ứng của tiếng cung tiếng thương, vì thế Tống Tương công mất đức chính, sáu con chim cốc cùng trốn ẩn,⁽¹⁾ Bá Cơ sắp bị thiêu, có con chim hót vang báo tai vạ,⁽²⁾ bốn nước chưa bị hòa tai, gió nóng đã nổi lên,⁽³⁾ chim đỏ bay đến trong ngày, tai ương tại vùng Kinh Sở.⁽⁴⁾ Đây là vật mà trời cao sai đi báo tin, là minh chứng của tự nhiên. Xét về âm luật thì âm thanh vốn có nguồn gốc, tìm tòi để xét việc người thì điềm lành dữ chẳng sai. Xưa kia tổ tiên nhà Tần, vì có công mà nhận thụ phong, nghe có tiếng chim ở Cát Lô, việc ghi chép tại *Kinh Xuân Thu*, đấy đều là việc thật ghi trong kinh sách, không phải là lời hão của thánh hiền vậy. Nhà Thương sắp hưng khởi, cũng có điềm báo từ trứng chim én. Văn vương thụ mệnh, có chim đỏ ngậm sách, đấy là điềm lành của thánh nhân, vận tốt lành của nhà Chu, sao nói là hèn mọn được? Nghe tiếng chim kêu, thần linh tại Thuần hòa, sự nhiệm mầu tại miếu thờ của tám vị thần,⁽⁵⁾ bản thân điều ấy không rõ ràng rành mạch, vẫn biết được Tử Lộ đi thì chết hay sống vậy.

Trường Nhân nói:

- Lời ngài nói ra tuy nhiều, hay nhưng không thật, ta chưa dám tin.

Chốc lát, tiếng chim khách ứng nghiệm, Trường Nhân mới phục.

¹ Tống Tương công mất đức chính, sáu con chim cốc cùng trốn ẩn. Diễn tích, người dịch chưa tra cứu được.

² Bá Cơ sắp bị thiêu, có con chim hót vang báo tai vạ. Diễn tích, người dịch chưa tra cứu được.

³ Bốn nước chưa bị hòa tai, gió nóng đã nổi lên. Diễn tích, người dịch chưa tra cứu được.

⁴ Chim đỏ bay đến trong ngày, tai ương tại vùng Kinh Sở. Diễn tích, người dịch chưa tra cứu được.

⁵ Nguyên văn là: “Yinh tại Thuần hòa, diệu tại Bát thần.” Hai chữ “Thuần hòa” thấy nói ở sách *Tả truyện*, thiên *Chiêu công bát niên*, giảng nghĩa rằng: Bảy ngôi sao trong Nhị thập bát tú theo quan niệm của thiên văn cổ xưa Trung Quốc nằm ở phía nam bầu trời là: Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn. Ba ngôi sao ở giữa bộ sao ấy là Liễu, Tinh, Trương được gọi là Thuần hòa; Hai chữ “Bát thần” thấy nói ở *Sử ký*, thiên *Phong thiện thư*, được giảng rằng Bát thần là miếu thờ của tám thần, gồm Thiên chủ, Địa chủ, Bình chủ, Âm chủ, Dương chủ, Nguyệt chủ, Nhật chủ, Thời chủ.

Lộ đến chỗ quan Diên nông huyện Liệt Nhân là Vương Hoảng Trục, có cơn gió lốc cao hơn ba thước, từ hướng Thân thổi đến, xoáy tròn quanh quần ở trong sân, dừng rồi lại nổi lên, hồi lâu mới tan. Trục nhân đó hỏi Lộ, Lộ nói:

- Phương đông sắp có quan coi ngựa đến, sợ rằng cha phải khóc con, làm sao đây!

Sáng hôm sau có viên quan ở Giao Đông đến, con của Trục quả nhiên chết. Trục hỏi nguyên do việc ấy, Lộ nói:

- Hôm ấy là ngày Ất Mão, thì ứng vận vào người con trưởng vậy. Lá cây rụng ở hướng Thân, sao Đẩu mọc ở hướng Thân, Thân khắc Dần, là ứng việc có tang người chết vậy. Thêm nữa vào giờ Ngọ trong ngày mà gió nổi, thì ứng với con ngựa. Quê Li là nói về văn chương, thì ứng với quan lại. Thân Mùi là con hổ, con hổ là chỉ vào đại nhân, thì là vận vào người cha vậy.

Lại có con chim trĩ trống bay đến, đậu ngay trên đầu cái cột chuông trong nhà Trục, Trục vì thế rất bất an, sai Lộ gieo quẻ, Lộ nói:

- Đến tháng năm ngài tất được thăng chức.

Bấy giờ là tháng ba, đến kỳ, Trục quả nhiên làm Thái thú Bột Hải.①

① *Lộ biệt truyện* chép: Lộ lại nói:

- Gió tùy thời mà động, hào để ứng với tượng, lúc ấy là thần linh điều khiển, tượng thì nêu tỏ cái hình dạng của lúc ấy, là sự chỉ dẫn nhất thời, chẳng đủ để coi là điềm nạn.

Vương Hoảng Trục cũng là người có học thức rộng, có đạo thuật, song đều không giỏi. Hỏi Lộ rằng:

- Suy tìm theo sự biến đổi của cơn gió, có thể được chăng?

Lộ nói:

- Đây chỉ là cơn gió nhẹ, sao đủ coi là dị thường? Nếu các vì tinh tú không đi tuần thú, các vị thần làm việc hỗn loạn, gió ở tám

phương nổi lên hỗn độn, khí dữ như điện chớp, núi lở đá bay, cây to gãy đổ, bụi bốc cao vạn dặm, ngẩng mặt chẳng thấy trời, chim muông trốn náu, muôn dân kinh hãi, vì thế mới sai lũ Tử Thận,⁽¹⁾ trèo lên đài cao, ngóng xem phong khí, phân biệt các tai họa dị thường, tính ngày ứng nghiệm, rồi sau mới biết tư duy về các vấn đề sâu xa, gió dị thường như thế mới đáng sợ.

Quán Đào lệnh là Gia Cát Nguyên được thăng chức làm Thái thú Tân Hưng, Lộ đến đưa tiễn Nguyên, tân khách cùng dự hội. Nguyên tự đứng dậy lấy một cái trứng chim yến, một tổ ong, một con nhện đem bỏ vào trong hộp, sai bói thử. Quẻ gieo thành, Lộ nói:

- Vật thứ nhất:

*"Ngậm khí đợi biến,
Nương ở hiên nhà,
Trống mái thành hình,
Giương cánh bay ra."*

Đây là trứng chim yến vậy.

Vật thứ hai:

*"Nhà cửa lộn ngược,
Cánh cửa rất nhiều,
Chứa tinh nuôi độc,
Sang thu mới hóa."*

Đây là cái tổ ong vậy.

Vật thứ ba:

*"Chân dài run rẩy,
Nhả tơ thành lưới,
Giăng mạng kiếm ăn,
Lợi về ban đêm."*

Đây là con nhện vậy.

¹ Tử Thận (梓慎): Xem chú thích ở tập IV, quyển 21, trang 246 (Lưu Thiệu truyện).

Mọi người ngồi ở đấy vừa kinh ngạc vừa mừng vui.^①

① *Lộ biệt truyện* chép: Gia Cát Nguyên tự Cảnh Xuân, cũng là kẻ sĩ có học. Thích bói mai rùa và cò thi, mấy lần cùng Lộ thi đoán vật kín, chẳng thể sánh cùng. Cảnh Xuân muốn cùng Lộ phân cao thấp, nhân lúc Lộ đến tiền mình, có rất nhiều khách giỏi bàn luận ở đấy. Mọi người nghe nói Lộ giỏi bói mai rùa, xem thiên văn, không biết rằng Lộ có tài rất dị thường, vì thế trước hết cùng với Lộ bàn chung về nguồn gốc các trước tác của thánh nhân, rồi tiếp đến các điềm báo Ngũ đế, Tam vương thụ mệnh. Lộ hiểu ý ngầm của Cảnh Xuân, bèn bắt đầu cuộc chiến, tỏ ra là không chắc chắn, giấu kín Cô hù,⁽¹⁾ đợi bên kia đến đánh. Cảnh Xuân chạy lên bắc, toàn quân bị bẻ gãy, tự nói ta thấy cò tinh của khanh, thì thành lũy đã đổ rồi. Quân sĩ của Lộ muốn đánh, vì thế gõ trống thối tù và, dựng thang mây, quân cung nỏ dựng lên nhất loạt, cò ngà tụ tập như mưa. Rồi sau trèo lên thành điều vũ dương oai, mở cửa ra đối địch, trên luận về Ngũ đế, như Giang như Hán, dưới luận về Tam vương, như vũ như bay; bọn anh tài của Lộ như hoa xuân đua nở, người đánh trận của Lộ như gió thu quét lá. Người nghe hoa mắt ngẩn ngơ, chẳng hiểu nghĩa gì, người nói im tiếng, chẳng ai trong lòng không phục, dẫu Bạch Khởi chôn sống quân Triệu, Hạng Vũ ngăn nước sông Tuy, chẳng lấy gì để tranh hơn.⁽²⁾ Vì thế khách đều muốn trói tay ngậm ngọc, xin buộc tay ở dưới trống quân. Lộ vẫn còn cầm mộc đứng trên núi, chưa chịu đồng ý.

¹ Hai chữ “cô hù” được các thuật sĩ thời xưa hay dùng khi luận bói. Đại loại là đem mười Thiên can (từ Giáp, Ất cho đến Nhâm, Quý) phối hợp với mười hai Địa chi (từ Tý, Sửu cho đến Tuất, Hợi) thành đôi gọi là Tuần, số dư ra của Địa chi được gọi là “Cô” và “Hư”. Muốn hiểu rõ hơn điều này có thể đọc thêm *Sử ký* của Tư Mã Thiên, phần *Quy sách liệt truyện*.

² Bạch Khởi là tướng tài của nước Tần, nổi danh với trận đánh ở Hàm Đan phá Triệu Quát, chôn sống bốn mươi vạn quân Triệu; Hạng Vũ xưng là Tây Sở Bá vương, đánh quân Hán của Lưu Bang ở Linh Bích trên sông Tuy, quân Hán thua to, nhảy xuống sông chết hơn mười vạn, nước sông Tuy không chảy được. Lời của *Lộ biệt truyện* tả cuộc tranh luận của Gia Cát Nguyên và tân khách với Quân Lộ ví như hai bên bày quân đánh trận vậy.

Đến hôm sau, giữa lúc biệt ly, mới nói lời chí thành sau trước. Những kẻ sĩ tài tuấn một thời ở trong nước, ở đấy có đến tám, chín người rồi. Thái Nguyên Tài là người tài năng nhất trong nhóm bằng hữu, đứng giữa nhóm người nói:

- Ta vốn nghe nói ngài vẽ chó, sao lại ra rỗng?

Lộ nói:

- Khí dương còn ẩn kín chưa đổi, không phải là cái mà ngài biết, thì mới nghe ra tiếng chó thôi, có đâu lại được nghe tiếng của rỗng!

Cảnh Xuân nói:

- Nay sắp xa biệt, khi nào gặp lại? Để lại cùng nhau một lần thì bói nữa!

Lộ bói đã trúng cả, Cảnh Xuân cả cười, nói:

- Ngài giúp ta luận ý của quẻ này, giải bày tâm ý trong lòng ta.

Lộ bèn mở hào giải nghĩa, chia gom hình tượng, nói chứng có, lời lẽ thích hợp, thần diệu không thể tả nổi. Cảnh Xuân cùng bọn khách sau khi nghe lời bàn chẳng ai không khen hay, vui hơn cả lúc thi bói đoán.

Cảnh Xuân và Lộ chia biệt, lấy hai việc để khuyên Lộ, nói:

- Ngài tính ham thích rượu, tửu lượng tuy rất được, nhưng không nên giữ mãi, hãy giảm bớt đi. Cái tài của ngài như kính sáng để người ta soi vào, ai ai cũng thấy điều kỳ diệu, ngài xem thiên văn tuy thần thông, nhưng họa bốc như lửa dầu, chẳng thể không cẩn thận. Ngài giữ lấy cái tài năng thông tuệ hơn người, nhàn tản vân du khắp dải sông ngân, chẳng lo không được phú quý vậy.

Lộ nói:

- Ta uống rượu chẳng tới cùng, thì tài chẳng thể thi triển tận, ta muốn giữ rượu làm lễ, dùng ngu xuẩn để khống chế tài năng, làm sao mà có hoạn nạn được?

Người anh trong họ tộc của Lộ là Hiếu Quốc, ở tại Xích Khâu, Lộ tới chỗ Hiếu Quốc, gặp hai người khách. Khi khách đi rồi, Lộ bảo Hiếu Quốc rằng:

- Giữa trán và mang tai của hai người ấy đều có hung khí, tai và dị thường sẽ cùng nổi lên, linh hồn của họ không có mộ phần,^① hồn dạt ra bể, cốt đưa về nhà, chỉ ít thời gian nữa họ sẽ đều chết cả.

Mấy chục ngày sau, hai người nọ uống rượu say, ban đêm cùng ngồi xe, trâu sợ đường hẻm rơi xuống sông Chương, cả hai đều chết đuối.

① *Lộ biệt truyện* chép: Lộ lại nói:

- Nồng mùi thịt thối, thần thái hôn ám, quẻ Khảm chỉ quan quách, quẻ Đoái là xe tang.

Vào lúc bấy giờ, hàng xóm láng giềng của Lộ, nhà chẳng đóng cửa ngoài, không ai trộm cắp lẫn của nhau.

Thái thú Thanh Hà là Hoa Biểu, triệu Lộ đến làm Văn học duệ.

Triệu Khổng Diệu người quận An Bình tiến cử Lộ với Thứ sử Ký châu là Bùi Huy rằng:

"Lộ bản tính hòa nhã rộng rãi, với người đời không ganh ghét, ngẩng nhìn thiên văn thần diệu như Cam Công, Thạch Thân,⁽¹⁾ cúi xem Chu Dịch sánh ngang với Tư Mã Quý Chủ. Nay minh sứ quân đang muốn ẩn thân nơi đông vắng, chuyên tâm chôn đắm sâu, Lộ chính là người ứng điềm nhu hòa, là lúc gặp được vây cánh vậy."

Huy vì thế triệu Lộ làm Văn học tòng sự, dẫn vào cùng tương kiến, rất thích thú kết làm bạn hữu. Lộ dời nhà đến Cự Lộc, được thăng làm Trị trung Biệt giá.

Lúc mới ứng lệnh triệu của châu, Lộ cùng em là Quý Nho ngồi chung xe, đến phía tây huyện Vũ Thành, tự gieo quẻ bói cát hung, nói với Nho rằng:

¹ Cam Công (甘公), là người nước Tề; Thạch Thân (石申), là người nước Ngụy thời Chiến Quốc, họ đều là những nhà thiên văn nổi tiếng của Trung Hoa thời cổ, cùng Vu Hàm người đời nhà Thương, được người đời sau ca ngợi là tổ sư của môn chiêm tinh học.

- Ở chỗ thành cũ thấy ba con cáo, đến đấy mới rõ.

Tiến đến góc thành cũ phía tây sông, quả thấy ba con cáo cùng ngồi xoạc chân bên thành, anh em đều mừng. Năm Chính Thủy thứ chín Lộ được cử làm Tú tài.^①

① *Lộ biệt truyện* chép: Lộ được Hoa Thanh Hà triệu, làm Bắc huỳnh Văn học, nhân sĩ là bạn hữu thời ấy chẳng ai không ngợi khen ái mộ.

Triệu Khổng Diệu người huyện An Bình, sáng suốt có học thức, cùng Lộ có cái danh phận của Quán, Bão,⁽¹⁾ bèn từ Phát Can đến, tới tận trường học của quận cùng Lộ gặp gỡ, nói:

- Ngài học thức đầy bụng, người đã chết thời trước bằng nửa so với ngài, người đang sống bây giờ chẳng có ai sánh kịp ngài, ngài nay sắp bỏ chỗ tục mà bay cao, liệng trên trời xanh, có mây ở đó không? Nghe được tin tức về ngài, khiến ta ăn không ngon miệng. Bùi sứ quân ở Ký châu tài giỏi mà trong sáng, có thể giải thích các lý lẽ huyền diệu sâu xa, mỗi khi bàn luận về Dịch và đạo Lão, Trang, chưa từng không chú giải tinh vi hơn bọn Nghiêm, Cù⁽²⁾ vậy. Lại quan tâm tha thiết đến ý riêng của ta, có thể thành tâm thành ý với nhau. Nay ngài sắp qua đó, ta muốn vì ngài mà bày tỏ lòng thành cảm hổ khai thác.⁽³⁾

Lộ nói:

- Ta không phải là con rồng ở bốn vực sâu, sao có thể che trùm ánh nắng mặt trời ban ngày được? Nếu ngài có thể thổi gió đông, nổi mây buổi sớm, thì đây là điều mà lòng ta không thể chối từ.

Vì thế Khổng Diệu bèn đến Ký châu gặp Bùi sứ quân. Sứ quân nói:

- Sắc diện của ngài sao lại gầy sút vậy?

¹ Quán Trọng và Bão Thúc Nha ở nước Tề, là bạn bè thân hữu, mỗi người thờ một chủ, không vì thế mà không giúp đỡ nhau. Sau này người đời thường dùng hình tượng Quán Bão để nói đến tình bạn gắn bó thân thiết.

² Tức Nghiêm Quân Bình người thời Tây Hán, và Thương Cù, người sống gần thời với Khổng tử. Hai người này chú giải sách Dịch và đạo lý Lão, Trang.

³ Cảm hổ khai thác: Thành ngữ gắn với điển tích, người dịch chưa tra cứu được.

Khổng Diệu nói:

- Thân thể ta vốn không có bệnh tật, nhưng ta thấy trong quận Thanh Hà có một con ngựa kỳ ngựa ký, sau nhiều năm bị trói buộc ở trong chuồng, đã cách xa Vương Lương, Bá Nhạc⁽¹⁾ một trăm tám chục dặm, chẳng được phi trên đỉnh trời, thối con gió bụi, vì thế tiêu tụy thôi.

Sứ quân nói:

- Ngựa kỳ ngựa ký nay ở đâu vậy?

Khổng Diệu nói:

- Quân Lộ người huyện Bình Nguyên tự Công Minh, tuổi ba mươi sáu, bản tính hòa nhã rộng rãi, với người đời không ganh ghét, có thể nói là kẻ sĩ kiệt xuất. Ngẩng nhìn thiên văn thần diệu như Cam Công, Thạch Thân, cúi xem *Chu Dịch* sánh ngang Tư Mã Quý Chủ, tiếp xúc với đạo thuật, mở mang thần khí đến vô cùng, có thể nói là bậc anh tài trong bọn kẻ sĩ. Thân ôm ngọc núi Kinh, bụng chứa bảo vật dạ quang, nhưng chỉ được quận Thanh Hà cho làm Bắc huỳnh văn học, có thể nói làm người ta đau lòng nhức óc vậy. Sứ quân đang muốn chuyên tâm chốn đầm sâu, ẩn thân nơi đồng vắng, muốn khiến bậc minh chủ không phải coi việc một mình, người có tài năng siêu việt không bị bỏ sót mãi, gió mạnh thổi xa, tuyệt chẳng ai không rập mình như cỏ, nên cho Lộ đặc ân ứng điền nhu hòa, đấy là lúc ngài gặp được vây cánh, tất giúp được việc tuyên dương phong khí tốt lành, danh vang khắp chín châu vậy.

Bùi sứ quân nghe nói, thì cảm khái rằng:

- Có như thế sao! Dẫu ta ở châu lớn, chưa thấy người tài lạ có thể dùng để cời bỏ nỗi buồn rầu u uất, nghĩ muốn về kinh sư, để được cùng người ta bàn về thuật đạo thôi, huống chi ở giữa chốn thảo dã có được kẻ sĩ tài năng thanh cao đẹp để thế? Người như thế phải chọn dùng ngay, chớ để ngựa kỳ ngựa ký thành ngựa hèn, ngọc núi Kinh trở thành đá thường vậy.

¹ Vương Lương, Bá Nhạc: Xem chú thích ở tập IV, quyển 16, trang 26 (Đỗ Thù truyện).

Lập tức đưa hịch triệu Lộ đến làm Văn học tòng sự. Lần đầu gặp nhau, đàm luận hết ngày, không biết mỏi mệt. Bấy giờ trời cực nóng, liền dời giường đến dưới gốc cây ở trước sân, cho đến lúc gà gáy báo sáng mới đứng dậy. Lần gặp sau, bèn chuyển Lộ làm Cự Lộc tòng sự. Lần gặp thứ ba, chuyển Lộ lên làm Trị trung. Lần gặp thứ tư, chuyển làm Biệt giá. Đến tháng mười, cử làm Tú tài.

Lộ từ chối Bùi sứ quân, sứ quân nói:

- Hai vị Thượng thư Đinh, Đặng, tuy có tài lược trị quốc, song về đạo lý về sự vật lại không tinh tế. Hà Thượng thư thần khí sáng suốt tinh mẫn, ngôn từ hết sức xảo diệu, chú ý đến những thứ nhỏ nhặt, ngờ là một sợi lông cũng minh bạch, ngài nên cẩn thận! Hãy tự nói là chẳng thể giải thích được cử sự của Dịch, họ tất đến thỉnh giáo. Ngài sắp đến Lạc Dương, nên hiểu kỹ cái đạo lý ấy.

Lộ nói:

- Họ Hà nếu xảo diệu, lấy tài ấy mà làm khó người, là biểu hiện cái vỏ ngoài nông cạn, chưa đến được cái chỗ tinh túy vi diệu ở bên trong. Nếu vào đến cái chỗ tinh túy vi diệu, phải suy tính được cái đạo lý vận hành của thời gian, đối đãi âm dương, xét cái lẽ huyền hư, đến tận cùng của cõi thần cõi người, rồi mới xem đến cái đạo vô cùng, không dễ mà nói kỹ hết được. Nếu muốn phân định rõ từng mục của đạo Lão, Trang mà hỏi về hào, tượng, thích biện bác xét nét mà cất lời văn vẻ sáo rỗng, có thể nói đó là khéo dùng tên bắn vào bia, không phải là có cái tài làm minh bạch được từng sợi lông vậy. Nếu ta đã hiểu hết Cử sự, thì chẳng cần phải lo lắng. Còn như âm dương, cái này ta giỏi đã lâu. Sau khi Lộ này ra đi, đầu năm sẽ có lúc trời nổi cơn gió lớn, gió nổi tất bẻ gãy cây cổ thụ. Nếu gió phát ra từ hướng Cần, hẳn có oai trời, họ chẳng đủ tài cùng ta đàm luận vậy.

Tháng mười hai ngày hai mươi tám, Lại bộ thượng thư Hà Yến mời Lộ, Đặng Dương ở nhà Yến tại huyện Hứa, Yến bảo Lộ rằng:

- Nghe nói ngài hiểu rõ về hào rất thần diệu, thử giúp ta gieo một quẻ, để ta biết ngôi vị của ta có đến chức Tam công chăng?

Lại hỏi:

- Ta liên tục nằm mơ thấy mấy chục con ruồi xanh, bay đến đậu trên mũi, đuổi chúng cũng không chịu bay, là điềm gì?

Lộ nói:

- Con cú vọ, là giống chim hèn dưới vòm trời, lúc ở trong rừng ăn quả dâu, kêu tiếng hay làm người ta cảm động, huống chi lòng Lộ không phải là cỏ cây, dám không hết lòng trung? Xưa kia Nguyên, Khải giúp đỡ Trọng Hoa,⁽¹⁾ ban ân hòa thuận, Chu công phù giúp Thành vương, ngồi mà đợi sáng, cho nên phúc trạch lưu truyền khắp sáu cõi, muôn nước đều yên. Đây là điềm lành về việc chính đạo được sửa sang, không phải do bói đoán làm rõ vậy. Nay quân hầu chức vị nặng như núi lớn, thế như sấm chớp, nhưng người mến đức thì ít, kẻ sợ uy thì nhiều, e rằng đó không phải là lối cung cung kính kính của bậc có nhiều phúc. Lại nữa là cái mũi là quẻ Cấn, là quả núi ở giữa trời, ① cao mà không đổ, đó mới là giữ được sự tôn quý lâu dài. Nay ruồi xanh là giống hôi bẩn, mà tụ tập ở chỗ đó. Ngồi cao điển đảo, ngang ngược sẽ chết, chẳng thể không nghĩ lúc vận họa tràn đến, đó là kỳ hạn của sự thịnh suy. Cho nên núi ở giữa đất gọi là Khiêm, sấm ở trên trời gọi là Tráng; Khiêm thì bớt bên nhiều thêm bên ít, Tráng thì điều trái lẽ không làm. Chưa bị tổn hại thân mình thì không quảng đại, chưa làm trái thì không suy bại. Mong quân hầu trên đoái nghĩ đến cái hay về sáu hào của Văn vương, dưới suy ngẫm đến cái nghĩa thoán tượng của Ni Phủ, thì mới có thể quyết được ngôi Tam công, xua đuổi được đàn nhặng xanh đi vậy.

Dương nói:

- Lão sinh thường đàm.⁽²⁾

¹ Trọng Hoa là tên tự của vua Thuần; Nguyên, Khải, tức nói đến Bát nguyên bát khai. Xem chú thích ở tập I. quyển 3, trang 190 (Minh đế kỷ).

² Lời lữ thầy đồ thường nói.

Lộ đáp rằng:

- Lão sinh đã thấy thì không sinh; thường đàm đã thấy thì không đàm!

Yến nói:

- Qua năm sau ta sẽ lại cùng tương kiến.②

Lộ về làng ấp, đem lời ấy nói với người cậu họ, người cậu mắng Lộ nói năng quá thẳng thắn. Lộ nói:

- Nói chuyện với cái người chết, còn có chỗ nào phải úy kỵ nữa? Người cậu cả giận, nói Lộ bày bạ nông cuồng. Đầu năm, phía tây bắc có gió lớn, bụi bay đầy trời, qua hơn chục ngày, nghe tin Yến, Dương đều bị giết, sau đó người cậu mới chịu phục.③

① Thần Tùng Chi xét: Sách xem tướng nói rằng cái mũi gọi là Thiên trung. Cái mũi có hình tượng của quả núi, cho nên nói: "Quả núi ở giữa trời" là vậy.

② *Lộ biệt truyện* chép: Lộ được Hà Yến mời, quả nhiên là cùng bàn về cứu sự của Dịch, Lộ nghị luận về cứu sự đều rõ ràng. Yến nói:

- Ngài luận về âm dương, trên đời này có một không hai.

Bấy giờ Đặng Dương và Yến cùng ngồi. Dương nói:

- Ngài được biết đến là người giỏi Dịch, mà nói sơ sài không đề cập đến câu từ nghĩa lý trong *Kinh Dịch*, là có gì vậy?

Lộ lựa lời đáp lại Dương rằng:

- Người đã giỏi Dịch thì không bàn luận về Dịch vậy.

Yến nhin cười rồi tán Lộ rằng:

- Thế có thể gọi là lời trọng yếu không cần phải nhiều.

Nhân đó xin Lộ lập quẻ. Lộ đã cân nhắc dẫn ra các gương cũ để răn, Yến tạ Lộ rằng:

- Xem được sự biến hóa thần kỳ của sự vật, người xưa cho là khó; giao tình sơ thiện mà thổ lộ rõ cái thành thật của mình, người nay cho là khó. Nay ngài ở một phương diện mà biết hết cả hai cái đạo

khó ấy, có thể nói là bậc sáng đức, tiếng thơm lẫy lừng. *Kinh Thi* chẳng nói là: "Trong lòng chứa nó, ngày nào quên được" đó sao!

③ *Lộ biệt truyện* chép: Người cậu của Lộ là Hạ đại phu hỏi Lộ rằng:

- Hôm trước gặp Hà, Đặng, mày đã thấy có khí xấu chưa vậy?

Lộ nói:

- Cùng với cái người có họa hội ngộ, sau mới biết là thần minh đáp đối; thành ra gần giống với người lành, lại biết bậc thánh hiền cầu tìm điều kỳ diệu. Về bước đi của Đặng, thì gân không bó được xương, mạch không giữ được thịt, đứng dậy thì nghiêng ngả, tựa như không có chân tay, đấy gọi là tướng Quý tảo. Về cái ngó nghiêng quan sát của Hà, thì hồn không giữ được xác, sắc mặt không có màu huyết, tinh thần vật vờ, dáng dấp tựa như cây khô, đấy gọi là tướng Quý u. Vốn dĩ Quý tảo thì bị gió bắt, Quý u thì bị lửa thiêu, đó là điềm báo của tự nhiên, chẳng thể che lấp được vậy.

Lộ sau vì có tang người thân nghị quan, Bùi sứ quân hỏi:

- Hà Bình Thúc tài danh một thời, kỳ thật là thế nào?

Lộ nói:

- Cái tài của người ấy như nước trong chậu, thấy được thì trong, không thấy được thì đục. Tinh thần rộng rãi, song chí hướng không chuyên tâm học đến ngọn ngành, chẳng thể thành tài được. Muốn lấy nước ở trong chậu, để tìm hiểu cái hình to như quả núi, thì chẳng thể tìm hiểu được, cái trí vì thế mà bị mê hoặc. Cho nên nói về đạo Lão, Trang thì khéo léo nhưng đa phần là văn vẻ sáo rỗng, nói về cái nghĩa vô cùng của Dịch thì mỹ miều mà đa phần là giả dối; văn vẻ sáo rỗng thì đạo phù phiếm, giả dối thì tinh thần trống rỗng; có được cái tài cao lạ mà nông cạn thì dòng chảy tuyệt, được cái tài tầm trung mà tinh thần phù du thì cô lẻ một mình, Lộ này cho rằng cái tài đó chỉ là khéo vật thôi.

Bùi sứ quân nói:

- Đúng như lời bàn. Ta và Bình Thúc mấy lần cùng luận thuyết về đạo Lão Trang và Dịch, thường thấy lời lẽ của ông ta khéo về đạo lý, không thể bắt bẻ được. Thêm nữa là người thời nay hòa theo,

đều tin phục ông ấy, càng khiến ta không hiểu. Ta và ngài cùng gặp gỡ, được nghe lời ngôn luận hay, mới hiểu được rõ ràng vậy.

Lúc trước Lộ qua chỗ Thái thú Ngụy Quận là Chung Dục, cùng luận về nghĩa của Dịch, Lộ nhân đó nói:

- Ta bói rùa có thể biết được ngày sinh hạn chết của ngài.

Dục sai bói ngày tháng sinh của mình, đúng như Lộ nói không có sai khác. Dục rất ngạc nhiên, nói:

- Ngài khiến người ta sợ hãi vậy. Cái chết của ta để phó mặc cho trời, chẳng đem giao phó cho ngài.

Bèn không bói nữa. Dục hỏi Lộ:

- Thiên hạ sắp thái bình chăng?

Lộ nói:

- Hiện nay tứ cửu thiên phi, lợi kiến đại nhân,⁽¹⁾ người có tài thần võ lên dựng nghiệp, vương đạo sáng rõ, lo gì chẳng được yên?

Dục chưa hiểu lời của Lộ, không lâu, bọn Tào Sảng bị giết, Dục mới giác ngộ ra được.^①

① *Lộ biệt truyện* chép rằng: Thái thú Ngụy Quận là Chung Dục, trong sạch tài khí khác đời, căn vặn Lộ hơn hai mươi việc về Dịch, tự cho rằng đấy là những câu hỏi khó và rất tinh tế. Lộ lựa lời thích hợp đối đáp, nói không ngưng tắc, phân tích giảng giải hào tượng, nghĩa lý đều tinh diệu phi thường. Dục liền tạ lỗi với Lộ.

Lộ bói rùa biết được ngày tháng sinh của Dục, Dục ngạc nhiên nói:

- Thánh nhân nghĩ xét mở đường giáo hóa, kết nối muôn vật, sáng rõ đến vậy sao!

Lộ nói:

- Cõi người, cõi thần cùng biến hóa, bao quát cái đạo sống chết, thái cực mệnh mang, đến tận cùng rồi lại trở về chỗ ban đầu. Văn

¹ Tạm hiểu nghĩa: Bay trên bốn mươi chín tầng trời, người có tài gặp nhau hợp sức thì cùng có lợi. Câu này gốc từ *Kinh Dịch*. Nguyên là câu “Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân”, tức là: “Rồng hiện ra ở cánh đồng, gặp được đại nhân thì lợi.”

vương tổn thọ, chẳng lấy làm lo, Trọng Ni chống gậy, chẳng cho là sợ, nhọc lòng bày ra bói cỏ thì mai rùa, nên xét hết cái ý của nó.

Dục nói:

- Sống là việc lành, chết là việc dữ, vui buồn có phân biệt, đấy là cái mà ta chẳng thể sắp đặt, vậy nên phó mặc cho trời, chẳng đem phó thác cho ngài vậy.

Thạch Bao nhận chức Điển nông ở huyện Nghiệp, cùng Lộ tương kiến, hỏi rằng:

- Nghe nói người cùng làng với ngài là Dịch Văn Diệu có thể tàng hình, việc ấy có thể tin được chăng?

Lộ nói:

- Đấy chỉ là cái thuật số che giấu âm dương, nếu biết thuật ấy, thì có thể giấu được bốn ngọn núi lớn, sông biển cũng có thể giấu được. Huống gì là thân người bảy thước, trong cõi biến hóa, tán mây mù để ẩn thân, bày Kim Thủy để xóa dấu vết, phép vừa đủ thuật vừa thành, chẳng đáng coi là khó.

Bao nói:

- Ta muốn được nghe về cái sự kỳ diệu của nó, xin ngài hãy bàn về cái hay của thuật số ấy.

Lộ nói:

- Vật không tinh tế thì không có thần, thuật không tinh diệu thì không thành thuật, cho vật tinh tế là chỗ thần khí tụ hội, thuật thần diệu là thứ mà kẻ trí ngộ được, sự tụ hội là điềm báo, có thể dùng thiên tính mà hiểu thấu, khó dùng lời để luận rõ. Thế nên Lỗ Ban chẳng thể giải thích về hai tay của mình, Ly Chu chẳng thể giải thích về đôi mắt của mình.⁽¹⁾ Lời nói thì không khó, Khổng tử nói "sách không nói hết", là nói cái tinh tế ở trong lời nói vậy, "nói không hết ý", là nói cái sâu sắc trong ý nghĩ vậy, đấy đều là nói về cái thần diệu vậy. Ta xin đề cử những việc đại thể để chứng

¹ Lỗ Ban (魯班) là người thợ mộc có đôi tay khéo léo tuyệt vời, Ly Chu (离殊) là người có đôi mắt sáng thần diệu; họ đều là những người nổi danh trong thư tịch cổ Trung Hoa.

nghiệm điều đó. Mặt trời leo lên bầu trời, chuyển qua vạn dặm, không vật gì không được chiếu sáng, lúc lặn xuống đất, còn ánh sáng lửa than, chẳng thể thấy được nữa. Tiết Thượng nguyên trăng tròn,⁽¹⁾ rọi sáng như đuốc đêm, có thể trông xa, lúc trăng mọc giữa ngày, sáng chẳng bằng tấm gương. Nay giấu được mặt trời mặt trăng đi tất phải có thuật số âm dương, thuật số âm dương thông với muôn loài, chim muông còn biến hóa, huống chi là người! Kẻ biết thuật thì diệu, kẻ biết thần thì linh, không chỉ ứng nghiệm với người sống, người chết cũng có điềm chứng. Vậy thế Đỗ Bá cười khói nóng để luyện mắt, Bành Sinh mượn nước cháy để biến hình.⁽²⁾ Vậy nên người sống có thể ra cũng có thể vào, người chết có thể hiện cũng có thể ẩn, đây là khí thần của vật, hóa thành hồn bay, người và quỷ cảm ứng nhau, là thuật số sai khiến ra như thế.

Bao nói:

- Xem thấu đạo âm dương, chẳng ai hơn ngài, sao ngài không ẩn thân?

Lộ nói:

- Con chim ở chỗ gò đồng, vì yêu thích cái chỗ cao ráo của nó, không muốn như con cá ở sông Giang, sông Hán; con cá ở đầm ao, vui cái chỗ ẩm ướt của nó, không đổi lên cái chỗ của con chim cưỡi gió; bởi hình tính khác biệt nên thân phận không giống nhau vậy. Kẻ hèn này tự muốn tu thân để sáng đạo, nắn thẳng mình để gần nghĩa, thấy được thuật số chẳng cho là lạ, biết được đạo thuật chẳng cho là kỳ, sớm khuya nghiên ngẫm, chăm chăm rèn luyện kiến thức, mà vốn dĩ cái thuật ẩn thân là quái gở, ta chưa rồi để làm việc ấy.

¹ Tam ngũ doanh nguyệt: Hai chữ “tam ngũ”, là nói về tiết Thượng nguyên, tức ngày mười lăm tháng giêng theo lịch nhà nông. Hai chữ “doanh nguyệt”, là nói mặt trăng tròn đầy. Trong bài từ *Vĩnh ngộ nhạc* của Lý Thanh Chiếu, người đời Đường có câu: “Trung châu thịnh nhật, khuê môn đa hạ, ký đắc thiên trọng tam ngũ.”

² Đỗ Bá (杜伯), người thời nhà Chu, sống cùng thời với Chu Công Đán; Bành Sinh (彭生), chưa rõ lai lịch và hành trạng. Câu “Đỗ Bá cười khói nóng để luyện mắt, Bành Sinh mượn nước cháy để biến hình” có lẽ gắn với điển tích nào đó, người dịch chưa tra cứu được.

Thái thú Bình Nguyên là Lưu Côn lấy cái túi ấn và lông gà núi bỏ vào trong hộp, sai Lộ bối. Lộ nói:

"Trong vương ngoài tròn,
Ngũ sắc thành chữ,
Giữ vật thủ tín,
Dùng theo phép tắc,
Đấy là túi ấn;
Núi cao vời vọi,
Có chim sắc hồng,
Lông cánh đen vàng,
Sáng sớm kêu vang,
Là lông gà núi."

Bôn nói:

- Nhà nghỉ của phủ quan ở quận này, nhiều ngày có điềm quái lạ, khiến người ta sợ hãi, nguyên nhân của việc ấy là gì?

Lộ nói:

- Ta ngờ rằng vì thời Hán mạt đại loạn, binh mã nhiều như ong, thi thể của quân sĩ rỏ máu, ngấm nhiễm vào gò núi, nên vào lúc hoàng hôn thường có nhiều hình trạng quái dị vậy. Minh phủ đạo hạnh đức độ cao diệu, tự có trời giúp, mong ngài giữ yên phúc vận, để rạng ngời ân sủng tốt lành.^①

① *Lộ biệt truyện* chép rằng: Cổ quận thú của quận là Lưu Côn tự Lệnh Nguyên, là người trong sạch và có năng lực, ưa *Kinh Dịch* nhưng không tinh thông. Côn cùng Lộ tương kiến, trong lòng rất mừng, tự nói là mình sắp chú giải xong *Kinh Dịch*. Lộ nói:

- Nay mình phủ lao nhọc tinh thần cả một đời, xiển dương đại đạo, thực thu được cái công toàn mỹ. Nhưng Lộ này cho rằng cái gấp của việc chú giải *Kinh Dịch*, so với cái gấp của nước lửa; thì cái nạn nước lửa, tạo thành hậu quả nhất thời, cái trong đục của *Kinh Dịch*, kéo dài đến vạn đời, chẳng thể không yên định tinh thần trước rồi mới suy xét kỹ lưỡng rõ ràng vậy. Từ thời Chu Đán

đến nay, người nghe chọn lời ngôn luận của thánh nhân, chưa ai thảo luận được một phần của *Kinh Dịch*, *Kinh Dịch* sao có thể chú giải được! Lộ này không hiểu được vì sao thánh nhân thời xưa định phương vị quẻ Càn ở hướng Tây Bắc, phương vị quẻ Khôn ở hướng Tây Nam. Càn Khôn là hình tượng của trời đất, nhưng trời đất thì rất lớn, là vua là cha của thần minh, che trùm vạn vật, sinh trưởng không có đầu mối, vì sao lại sắp xếp phương vị của trời đất với sáu quẻ là đồng hạng? Lời thoán của quẻ Càn viết: "Đại tai Càn nguyên, vạn vật tư thùy, nãi thống phiên."¹ Chữ "thống", ý tứ là thuộc vậy, tôn quý không gì lớn bằng, do đâu mà vị trí của nó có khác biệt vậy?

Lưu Bân chiếu theo Hệ từ của *Kinh Dịch*, đa phần dùng các nghĩa lý trong đó để chú giải, không tới được chỗ cốt yếu. Lộ lại bàn xét rõ những vấn đề nghi nan, sự tình đều phân tích thấu triệt. Nói:

- Trời đất, là cội nguồn của Dịch lý, là căn nguyên của biến hóa, nay mình phủ luận về cái trong cái đục của Dịch có nghi vấn, có nghi vấn thì không có cái cốt yếu của tinh thần, e rằng không phải là lời chú Dịch hợp cách vậy.

Lộ nhân đẩy vì Bân luận về cái đạo của Bát quái và cái tinh yếu trong hào tượng, ngôn luận rộng mở, mọi biến hóa liên kết với nhau. Những chỗ mà Bân hiểu được, đều cho là tinh diệu, có chỗ Bân không hiểu nổi, đều cho là thần kỳ. Tự nói:

- Ta chú giải Dịch tám năm, siêng năng suy nghĩ gian khổ, nhiều năm không yên, mong sắp đặt được cái luận thuật tốt nhất, cái tài của ta không hiểu được Dịch, chẳng tiếc cái lao khổ bấy lâu, nay mừng được nghe lời cao luận, thế thì có thể cao gối mà nằm nghỉ rồi.

Bân muốn theo Lộ học phép bói đoán, Lộ nói:

- Nay mình phủ đã dốc tinh thần để chú Dịch, cũng nên dứt tuyệt ý nghĩ với thuật bói cỏ thi. Thuật bói cỏ thi, là làm rõ quy luật của

¹ Nghĩa là: "Lớn thay Càn Nguyên, muôn vật nhờ nó mà bắt đầu nảy nở, nên cai quản cả trời." Khổng Dĩnh Đạt (孔穎達), người thời nhà Đường chú rằng: Càn là tên quẻ, Nguyên là cái đức hàng đầu của Càn. Về sau hai chữ Càn nguyên được dùng để hình dung cho đức lớn của Thiên tử.

lương nghi, sáng tỏ cái bí ẩn hợp khế của âm dương, bói đoán trên đường thì xác định được việc cát hung trong thiên hạ, dùng vào thuật số thì nắm hết được các việc lớn nhỏ trong thiên hạ. Thuật nhỏ, không thể xem như Dịch được vậy.

Bân nói:

- Người dùng thuật số so với nghiên cứu Dịch là gần sát với nhau, ấy là muốn suy tìm cái căn nguyên của sự việc thôi. Như lời mà ngài luận, thì việc hiểu Dịch có ích lợi gì?

Bân giữ Lộ ở lại năm ngày, không để ý gì đến địa vị mình là người làm quan, chỉ cùng nhau thanh đàm luận đạo.

Bân tự nói:

- Ta nhiều lần cùng Hà Bình Thúc luận về Dịch và đạo Lão Trang, đến mức tinh thần phiêu diêu, sánh được với cái chu toàn của tạo hóa, trong như nước sông Kim Thủy, um tùm như rừng trên núi, không so được với lời luận của ngài vậy.

Bân lại nói:

- Nhà nghỉ của phủ quan ở quận này, liên tiếp có biến cố quái lạ, biến hóa rất lạ lùng, khiến người ta sợ hãi, ngài tựa như thấu đạt thuật số, hãy cho ta biết lý do của chuyện ấy là gì?

Lộ nói:

- Quận này sở dĩ có tên là Bình Nguyên, là vì địa thế bằng phẳng, núi không có gồ đá, giống như đất bằng; khí âm chẳng thể thoát ra, khí dương chẳng thể xói vào, âm dương tuy yếu, nhưng vẫn có chút khí thần, khí thần yếu không thật, đa phần tụ khí hung gian, vì đồng loại thì tìm nhau, giống yêu quái ở gồ đá tụ thành bầy. Ta ngờ rằng vào thời Hán mạt binh mã nhiễu nhương, thi thể quân sĩ rỏ máu, ô nhiễm vào gò núi, ác quỷ cảm ứng nhau, biến hóa vô thường, cho nên vào lúc hoàng hôn, có nhiều hình tượng quái dị vậy. Xưa kia Hạ Vũ văn đức sáng rõ, chẳng sợ mắc lỗi với rồng vàng,⁽¹⁾ Chu

¹ Truyện kể: Vua Vũ nhà Hạ trị thủy, có con rồng lớn cuộn trong lũ làm sóng dữ cuốn đồ đồ, Đại Vũ lấy sồi ngũ sắc ném trúng giữa hai sừng rồng, chóc lát viên sồi lớn dần, đè chặt hai sừng rồng, rồng cúi đầu khuất phục, từ đây giúp vua trị thủy.

Vũ có đức tin, không bị mê hoặc bởi gió dữ,⁽¹⁾ nay mình phủ đạo hạnh và đức độ cao diệu, thần trí chẳng sợ yêu quái, tự có trời cao giúp đỡ, sẽ không có điềm bất lợi, mong ngài hãy giữ yên phúc vận để rạng ngời ân sủng tốt lành.

Bân nói:

- Nghe lời cao luận của ngài rất gần đạo lý, mỗi khi có biến cố kỳ quái, ta thường nghe thấy thanh âm tù và chiêng trống, hoặc nhìn thấy hình tượng cung kiếm. Giống tinh ở núi đất, hồn của Bá Hữu,⁽²⁾ đích xác là có thể hội hợp ở một chỗ, xâm phạm thần minh vậy.

Bân hỏi Lộ:

- Dịch nói: "Cứng rắn mạnh mẽ, thực tài thực đức, quang huy phát lộ, mỗi ngày thêm mới", là sự tương đồng sao?

Lộ nói:

- Danh xưng bất đồng, buổi sớm sáng sủa, giữa trưa chói ngời.⁽³⁾

Tấn chư công tán chép: Bân vốn có tên là Viêm, phạm tên húy của Thái tử nhà Tấn, mới đổi thành Bân. Quan vị đến chức Thái tử bộc.⁽⁴⁾ Con trưởng của Bân là Túy, tự Thuần Hổ, làm Thị trung. Con thứ của Bân là Hoàn, tự Chung Hổ, làm Thái thường. Con thứ khác là Hán, tự Trọng Hổ, làm Quang lộc đại phu. Lưu Hán thanh bạch khiêm hư có kiến thức được quý hiển, danh tiếng chỉ kém Nhạc Quảng. Con của Lưu Hoàn là Hàm, làm Thứ sử Từ châu. Con thứ của Hoàn là Đàm, làm Nội sử huyện Tấn Lăng. Con của Đàm là Khôi, tự Chân Trường, làm Đan Dương doãn, là danh sĩ thời trung hưng vậy.

¹ Chu Vũ vương đi trận, gặp bão to gió lớn, không sợ hãi, quyết đánh, thắng được vua Trụ.

² Bá Hữu (伯有), là tên tự của đại phu Lương Tiêu (良霄) người nước Trịnh thời Xuân Thu. Bá Hữu nắm việc quốc chính, vì phát sinh tranh chấp với quý tộc trong nước là Tứ Đái, bị giết. Truyền thuyết nói, sau khi Bá Hữu chết, là ma đói, biến thành ác quỷ, làm kinh nhiều người sống. Người thời sau dùng chữ "hồn Bá Hữu", để chỉ người chết vì oan khuất.

³ Con người ta mỗi ngày thêm mới, có sự khác nhau, cũng như ánh mặt trời, buổi sớm sáng sủa, giữa trưa thì chói lóa, đều là ánh sáng, nhưng có sự thay đổi vậy.

⁴ Là chức quan chương quản xe ngựa ở trong cung, lộc nghìn thạch.

Thanh Hà lệnh là Từ Quý Long sai người đi săn, sai Lộ bói các loại thú săn bắt được. Lộ nói:

- Sẽ bắt được thú nhỏ, nhưng không phải là chim bay, đầu có móng vuốt, nhưng nhỏ chẳng sắc, da tuy loang lổ, sắc sẫm không sáng, không phải hổ chẳng phải trỉ, tên nó là Hồ li.⁽¹⁾

Lúc tối người đi săn quay về, quả nhiên như lời Lộ nói.

Quý Long lấy mười ba vật, bỏ vào trong cái tráp lớn, sai Lộ bói. Lộ nói:

- Trong hòm có mười ba vật.

Vật đầu tiên nói là cái trứng gà, sau nói lại là cái kén tằm, rồi lần lượt nói hết tên các vật ra, duy có cái lược chải đầu nói thành lá cây Ti bà thôi.^①

① *Lộ biệt truyện* chép: Thanh Hà lệnh là Từ Quý Long, tự Khai Minh, có tài cán và cơ trí. Quý Long và Lộ gặp gỡ, cùng luận việc rồng bay thì mây lành nổi, hổ gầm thì gió dữ giật, cho rằng sao Hỏa là rồng, sao Sâm là hổ, Hỏa tinh hiện thì mây hưởng ứng, Sâm tinh hiện gió kéo đến, đấy là cảm ứng biến hóa của âm dương, không phải rồng hổ gọi mây gió đến được vậy.

Lộ nói:

- Khi thảo luận vấn đề nên xét kỹ cái gốc rễ của nó, rồi mới tìm đến cái đạo lý của việc ấy, đạo lý sai thì chỗ mấu chốt đã sai lầm, mấu chốt sai lầm là cái gốc của vịnh nhục. Nếu xem sao Sâm là hổ, thì gió trong lưng núi biến thành gió rét buốt, mà gió rét buốt không phải tên gọi của gió đông.⁽²⁾ Vậy thì rồng thuộc về sao dương, vì ẩn trong đáy nước mà thành âm, linh khí ẩn núp hướng

¹ Tức là con cáo vậy.

² Nguyên văn: “Cốc phong canh vi hàn sương chi phong, hàn sương chi phong phi đông phong chi danh.” Sách *Hoài Nam tử*, thiên *Thiên văn huấn* có câu: “Hổ gầm gió núi giật/ Rồng bay mây ùn ùn.” Hai chữ *Cốc phong* có nghĩa là gió trong lưng núi. *Kinh Thi*, bài *Cốc phong* có câu: “Gió đông thoang thoang/ Mây che mưa rào.” Hai chữ “*Cốc phong*” có nghĩa là gió đông.

lên chỗ hanh thông, khí lành cảm ứng thần minh, hai bên tương hỗ phù trì lẫn nhau, cho nên có thể nổi mây lành vậy. Hổ, là âm tinh mà ở chỗ dương, nương trong rừng cây gầm vang, khua động gió núi, hai khí tương cảm, nên khiến gió dữ nổi. Như đá từ hút sắt, chẳng thấy được cái khí thần của nó mà sắt tự đến, đây là có điềm ứng nghiệm để cảm ứng lẫn nhau vậy. Huống chi rồng có cái biến hóa bay lên từ chỗ ẩn, hổ có cái biến đổi của sắc loang lổ, việc rước mây triệu gió, có gì phải nghi ngờ?

Quý Long nói:

- Rồng ở tại vực sâu, chẳng qua là chỗ đáy giếng, tiếng gầm bi thương của hổ, chẳng quá một trăm bước chân, linh khí lộ rõ sự yếu nhược, chỉ hiển hiện ở chỗ gần, sao có thể khua động mây lành mà thổi gió đông?

Lộ nói:

- Ngài chẳng thấy viên đá lửa trong lòng bàn tay, hình thể không rời tay, mà trên dẫn lửa Thái dương, dưới dẫn nước Thái âm, trong vòng hấp thụ của nó, khói mù vương vít. Ví như tinh khí cảm ứng lẫn nhau, sẽ xuất hiện hình tượng hai viên đá lửa ứng phù nhau; ví như không cảm ứng nhau, thì như chị em gái trong nhà, bất đồng chí hướng.⁽¹⁾ Cái đạo tự nhiên, chẳng phân xa gần.

Quý Long nói:

- Việc chiến tranh trên đời, thì cảm ứng đến tiếng kêu của chim trĩ trước, do đâu có đạo lý đó? Thuật chiêm bốc về việc đó có không, hay chỉ theo tiếng chim trĩ mà dự báo?

Lộ nói:

- Việc người phú quý làm, điềm ứng tại trời, ứng tại trời thì ở mặt trăng mặt trời và các vì sao vậy. Binh đao động thì dân lo lắng, điềm ứng tại vật, ứng tại vật thì ở chim thú nơi rừng núi vậy. Gà rừng là giống chim thuộc quẻ Đoái, kim khí là tinh khí chủ về chiến tranh, con trĩ là loài chim chủ về li tán, dã thú là thần khí

¹ Câu trong *Kinh Dịch*: “Nhị nữ đồng cư, kỳ chí bất đồng.”

chủ về thượng võ, cho nên sao Thái bạch sáng thì gà gáy, sao Huỳnh Hoắc chuyển thì trĩ sợ, đều tự cảm ứng theo quy luật mà động. Thêm nữa, cái đạo thần minh của chiến tranh, phân bố tại sáu giáp,⁽¹⁾ sáu giáp chuyển dời, thuật chiêm bốc không cố định. Vì thế con Cữu ngư của nước Tấn kêu rống, quả nhiên phương tây có chiến tranh,⁽²⁾ viên đá năm Hồng Gia kêu rền vang như sấm, thì có việc binh loạn,⁽³⁾ chẳng phải chỉ can hệ đến tiếng kêu của chim trĩ vậy.

Quý Long nói:

- Đời Lỗ Chiêu công năm thứ tám, có viên đá biết nói ở nước Tấn, Sư Khoáng cho là việc chính sự không hợp với thời thế, nên tiếng oán động tới người dân, vì thế vật nói ra lời chê bai, về đạo lý có thích hợp chăng?⁽⁴⁾

Lộ nói:

- Tấn Bình công xa xỉ quá mức, chuộng sửa sang cung thất, chặt cây đẽo gỗ, tàn phá núi đá, sức dân đã tận, lời oán đến tận nơi đầm núi, thần minh đau xót, lòng người cảm ứng, thần người bật tiếng, vàng đá đồng khí, thì quẻ Đoái biến thành lời khẩu thiệt, lời nói yêu tà động tới khí thần của đá. Truyện nói "Coi rẻ bách tính, tô điểm thành quách, thì vàng đá không biến đổi theo ý nguyện của người", là nói việc ấy vậy.

¹ Sáu giáp gồm: Giáp Tý, Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần.

² Cữu ngư của nước Tấn kêu rống, phương tây có chiến tranh: Điển tích, người dịch chưa tra cứu được.

³ Thời vua Thành đế nhà Hán, vào năm Hồng Gia thứ ba, tháng năm ngày Ất Hợi, ở ngọn núi phía nam quận Thiên Thủy có viên đá lớn kêu vang, tiếng rền như sấm động, sau đấy có việc binh đao, tục dân gọi viên đá ấy là Thạch cổ.

⁴ Tấn Bình công ra sức sửa sang cung thất, rất tốn phí. Có người khách đi qua đất Ngụy Du của nước Tấn, nghe thấy dưới chân núi có tiếng người bàn chuyện nước Tấn, đến gần nhìn kỹ không thấy ai, chỉ có hơn chục viên đá. Đi qua ngoảnh lại thì thấy tiếng nói phát ra từ mấy viên đá ấy. Hỏi dân bản xứ, dân ở đấy nói rằng nghe thấy đá nói mấy ngày rồi. Tiếng đồn đến kinh đô nước Tấn, Tấn Bình công gọi Sư Khoáng đến hỏi, Sư Khoáng tâu: "Đây là quý thần xui khiến ra vậy. Quý thần dựa vào dân, dân yên thì quý thần mới yên, nay chúa công sửa sang lâu dài, khiến dân tốn tiền hao sức, bởi thế mà đá nói." Tấn Bình công nín lặng, hơn tháng sau chết.

Quý Long rất khâm phục, giữ Lộ ở lại mấy ngày. Sau khi Lộ bói việc đi săn chứng nghiệm, Quý Long nói:

- Thuật của ngài dù là thần diệu, nhưng không bói đoán được vật giấu, sao đủ khen là toàn tài được?

Lộ nói:

- Ta dựa theo trời đất xét ý thần minh, bói cỏ thi mai rùa thông đạt tới thần linh, ôm nhật nguyệt mà rong chơi chốn u minh, suy xét tận cùng sự biến hóa mà khái quát các việc phát sinh, hướng chỉ các vật ở gần, sao che mắt ta được?

Quý Long cả cười nói:

- Ngài không khiêm tốn, chỉ lát nữa là sẽ đoán sai thôi.

Lộ nói:

- Ngài còn chưa hiểu được lời khiêm tốn, sao có thể luận đạo được? Trời đất là quẻ Càn Khôn, dùng cỏ thi mai rùa bói đoán được quy luật, nhật nguyệt là hình tượng quẻ Khảm, biến hóa thì là hào âm dương, mờ mịt u minh là căn nguyên của tạo hóa, chỗ tối tăm thì không phát sinh ánh sáng, đấy là giếng mối cốt yếu của *Chu Dịch*, vì sao chê là ta không khiêm nhường?

Quý Long bèn lấy mười ba vật, muốn làm khó Lộ, Lộ bói đoán đều trúng cả. Quý Long bèn than rằng:

- Cái việc ngài làm đáng gọi là thánh, cái thuật của ngài đáng gọi là minh, há đấy là lời nói và việc làm của người được sao?

Lộ theo quân sang phương tây, đi qua mộ phần của Quán Khâu Kiệm, dựa vào gốc cây trầm ngâm bi thương, thần trí không vui. Có người hỏi duyên cớ vì sao, Lộ nói:

- Cây cối tuy rậm, thế đất không bền; bia lụy mỹ miều, không hậu thủ giữ. Huyền Vũ giấu đầu, Thanh Long cụt chân, Bạch Hổ ngậm xác, Chu Tước khóc thương, tứ nguy đủ cả, xét phép đặt mộ sẽ phải diệt tộc. Chẳng quá hai năm, điềm ứng nghiệm sẽ đến thôi.

Rút cục quả như lời Lộ nói.

Sau Lộ nghỉ chức quan, đi qua nhà Nghê thái thú ở quận Thanh Hà. Bấy giờ tiết trời hạn hán, Nghê hỏi Lộ ngày nào có mưa, Lộ nói:

- Tối nay sẽ mưa.

Hôm ấy trời nắng khan, ban ngày không hề có dấu hiệu của mưa, phủ thừa và những người ngồi ở đấy đều cho là không đúng. Đến đúng lúc trống canh một, trăng sao đều lặn mất, mây gió cùng nổi lên, lát sau mưa to như trút. Vì thế Nghê bày lễ chủ nhân đãi khách rất lớn mời Lộ, mọi người hết sức vui sướng.①

① *Lộ biệt truyện* chép: Lộ cùng Nghê thái thú ở quận Thanh Hà tương kiến, Lộ đã tính được ngày mưa, Nghê còn chưa tin. Lộ nói:

- Trời đất tạo hóa vốn dĩ đã trở thành quy luật, chẳng vụt chốc mà đến, chẳng tức khắc mà đi. Cứ qua sáu mươi ngày lại đến ngày Nhâm Tý, thuộc trực Mão, tất ở trong sao có khí nước, khí nước phát huy, bắt đầu từ giờ Mão giờ Thìn, điềm chứng nghiệm ấy tất nhiên đến vậy. Thêm nữa hôm qua mặt trời triệu gọi ngũ tinh, tuyên bố tinh phù, ban lệnh xuống sao Tinh ở phương đông, cáo mệnh đến sao Cơ ở phương nam, sai triệu các vị thần sấm, chớp, gió, mưa, thần đất ở các núi lớn, khuấy động tinh khí ở các sông hồ, mây trên sông Ngân ướt đầm, giao long ngâm linh, chớp đỏ sáng lòe, đất nuốt khí mù, sấm động ầm ầm, khí mưa hít thổi, gió đông ào ạt, sáu phương đều hợp, chỉ trong khoảnh khắc, các vật hiển lộ hình tượng. Trời có kỳ hạn cố định, quy luật vận hành theo thiên hướng tự nhiên, nhận biết được chẳng khó vậy.

Nghê nói:

- Lời cao đàm khoát luận không có bằng cứ, ngài hãy giúp chúng ta gánh vác mối lo này.

Vì thế liền giữ Lộ lại, đi mời Phủ thừa và Thanh Hà lệnh đến. Nói rằng nếu ban đêm trời mưa sẽ vì Lộ làm hai trăm cân thịt trâu non đãi, nếu trời không mưa sẽ giữ Lộ ở lại chực ngày. Lộ nói:

- Nay ta không muốn ăn!

Đến lúc sẩm tối, không hề có khí mây, chúng nhân đều chê cười Lộ. Lộ nói:

- Trên cây có thiếu nữ làm gió,⁽¹⁾ giữa tán cây có tiếng chim hót vang. Lại có thiếu nam nổi gió,⁽²⁾ mọi loài chim nhất tề bay liệng, điềm chúng nghiệm đã đến rồi.

Chốc lát, quả nhiên có gió đông bắc và tiếng chim hót. Mặt trời chưa lặn, hướng đông nam có mây núi nổi chồng lên nhau. Sau lúc hoàng hôn thì tiếng sấm vang trời. Đến giữa trống canh một, trăng sao đều lặn mất, gió mây cùng nổi lên, khí lạnh bốn phía tụ hợp, mưa lớn như nghiêng sông dốc nước. Nghe cười Lộ, nói:

- Lỡ may bói trúng thôi, chẳng phải là thần minh đưa đến.

Lộ nói:

- Lỡ may bói trúng hợp thiên thời, chẳng cũng khéo sao!

Năm Chính Nguyên thứ hai, em của Lộ là Thìn bảo Lộ rằng:

- Đại tướng quân đãi anh rất hậu, anh có mong được phú quý không?

Lộ than dài nói:

- Ta tự biết rõ duyên phận của mình vậy, trời cho ta tài trí thông minh, chẳng cho ta tuổi thọ, e rằng đến bốn bảy, bốn tám tuổi, chẳng kịp thấy con gái lấy chồng con trai lấy vợ đã chết rồi. Nếu may qua được cái hạn ấy, ta muốn làm Lạc Dương lệnh, có thể khiến người đi đường không nhặt của rơi, trống kêu oan không vang tiếng. Chỉ sợ phải đến núi Thái Sơn trị quỷ, chẳng được trị người sống, biết làm sao!

Thìn hỏi nguyên do tại sao, Lộ nói:

- Ta trán không có chủ cốt, mắt không vững thần thái, mũi không có sống cao, gót không có gân chắc, lưng không có chữ

¹ Thiếu nữ là quẻ Đoái trong bát quái, chỉ gió tây.

² Thiếu nam là quẻ Cấn trong bát quái, chỉ gió đông bắc.

tam giáp, bụng không có chữ tam nhâm,⁽¹⁾ đấy đều là điềm báo không trường thọ. Lại vì bản mệnh của ta ở cung Dần, hơn nữa là sinh vào ban đêm. Trời cao có quy luật cố định, chẳng thể kiêng tránh được, chỉ là người ta không biết thôi. Ta trước sau bói đoán việc chết cho hơn trăm người, đại loại không hề có sai lầm vậy.

Tháng tám năm ấy, Lộ làm Thiệu phủ thừa. Tháng hai năm sau Lộ chết, năm đó bốn mươi tám tuổi. ①

① *Lộ biệt truyện* chép: Lộ đã có tài trí, lại gặp vận khí Chu Dương,⁽²⁾ vào thời ấy thanh danh hiển hách, như lửa mạnh gió thốc. Kẻ sĩ đồng đạo chẳng ai không nung bắm. Tân khách kéo đến như mây, bất kể ít nhiều đều được giúp ăn uống. Khách không phân quý tiện, Lộ đều dùng lễ đãi ngộ. Người khắp kinh thành rồi rít bái phỏng, không phải chỉ là nung bắm vào danh vọng và thanh thế mà thôi, cũng vì mang lòng sùng kính đức hạnh của Lộ nữa. Ví chẳng chết sớm, sự vinh hoa quý hiển của Lộ không phải là việc người đời có thể tính được vậy.

Em của Lộ là Thìn từng muốn theo Lộ học thuật chiêm bốc và việc xem thiên văn, Lộ nói:

- Người không thể học thành tài được đâu. Bói đoán không có sự tinh thông phi thường thì chẳng thể phát hiện ra cái quy luật ở trong đó, không có sự tinh diệu nhất mực thì không thể xét thấy được cái đạo lý ẩn trong đó, hãy học *Hiếu kinh*, *Thi kinh*, *Luận ngữ*, đủ để khiến người ta làm Tam công, chớ dùng tri thức vào chỗ đó.

Vì thế Thìn bèn thôi.

Trong số các đệ tử không ai có thể truyền nối được cái thuật của Lộ.

Thìn tự viết bài luận rằng:

¹ Chỉ người có tướng không được hưởng phúc thọ.

² Không rõ ý thế nào? Có lẽ là nói vận số tốt, hợp.

"Kẻ sĩ thời Ngụy, Tấn thấy đạo thuật của Lô thần diệu, chiêm bốc bói đoán không hề có sai lầm, cho rằng Lô có sách kín và biết thuật độn giáp. Thần thường xem qua kinh sách của Lô, chỉ thấy có các sách 'Dịch lâm', 'Phong giác', 'Điều minh' và 'Ngưỡng quan tinh thư', cả thảy mười ba cuốn, là các sách mà người đời đều có. Nhưng lúc Lô một mình đọc sách ở quan xá Thiệu phủ, không có gia nhân đệ tử đi theo, vào lúc Lô chết, người thích sách lạ không thương viếng, trộm cắp sách của Lô, chỉ có các sách 'Dịch lâm', 'Phong giác' và 'Điều minh' là thu về được thôi. Người biết thuật số có một trăm mấy chục nhà, sách của họ có mấy nghìn quyển, thư tịch không ít vậy. Nhưng trên đời ít có người nổi danh, đều bởi vô tài, chẳng phải vì không có sách vậy."

"Họ Bùi ở Ký châu, hai vị Thượng thư Hà, Đặng và người làng là Lưu Thái thường cùng người em ở Dĩnh Xuyên, thấy Quán Lô thiên phú trời ban, thông hiểu cái đạo âm dương, rõ ý cát hung, tìm xét được nguồn gốc của sự vật, vì thế ý tưởng dần nhập tự nhiên, chẳng phải là khó, thường tin phục Lô. Lô tự nói rằng mình và năm người ấy cùng bàn luận khiến tinh thần được thanh thoát, tới đến không dễ chọn mất. Từ năm người ấy trở xuống, thì bàn đến giữa ngày chỉ muốn nằm ngủ thôi. Lại tự nói rằng mình sống ở đời không có nguyện vọng gì hơn là muốn được cùng Tử Thân người nước Lỗ, Bì Táo người nước Trịnh, Bốc Yển người nước Tấn, Tử Vi người nước Tống, Cam Công người nước Sở, Thạch Thân người nước Ngụy⁽¹⁾ cùng trèo lên Linh Đài, vạch xé tượng trời, tản bộ chốn tam quang,⁽²⁾ làm sáng rõ các tai biến dị thường, vận dụng thuật chiêm bốc, quyết đoán các vấn đề nghi nan, thì không có gì hối hận nữa."

"Thần chẳng vì mình nông cạn tôi tầm, nhân vì tình thân khổng hoại,⁽³⁾ nhiều lần cùng Lô thảo luận. Đến như việc biện xét nhân vật,

¹ Tử Thân (梓慎), Bì Táo (裨灶), Bốc Yển (卜偃), Thạch Thân (石申), Cam Công (甘公), Tử Vi (子韦), đều là những người giỏi thuật âm dương, nổi tiếng về thuật chiêm bốc ở thời Xuân Thu Chiến Quốc.

² Mặt trăng, mặt trời và các vì tinh tú.

³ Bài thơ *Thường lệ* trong *Kinh Thi* có câu: "Tử táng chi uy/ Huynh đệ khổng hoại." Nghĩa là: "Tang ma buồn đau/ Anh em tuôn sầu." Đời sau dùng hai chữ "khổng hoại" để chỉ tình anh em thân thiết.

phân tích tốt xấu, nói nghĩa gần, vạch phải trái, thì vụng về không khéo léo vậy. Ví như bày kể kinh sách của Tam Hoàng, Phục Hi, truyền bá lời văn của Chu công, Khổng tử, nói bàn việc lưu chuyển của ngũ tinh, tính toán độ kinh độ vĩ, thì ý tứ tràn đầy, lời tuôn gió lốc, như ngẩng ngẩng nhận bay, vùn vụt khuất dạng, như cúi nhìn khe sâu, mịt mù ngút mắt sáng; ta muốn dùng lời bức bách để cất vấn chỗ nghi nan, thì lạc mất chỗ đầu mối, muốn thụ học để truy cầu đạo lý, tìm xét chỗ mê ảo, thì không nắm bắt được cái cốt yếu, chỉ nghe lời nghị luận mà than dài thôi.”

“Xưa kia Kinh Phòng tuy giỏi thuật chiêm bốc và xem hướng gió bói đoán, rút cục chẳng tránh khỏi họa nạn,⁽¹⁾ nhưng Lộ tự biết mình bốn mươi tám tuổi sẽ chết, có thể gọi là sự sáng suốt của hai người này có khác nhau. Hơn nữa là Kinh Phòng mắt thấy họ dựng lời vu gièm, tai nghe tiếng nhặng vo ve, đôi mắt dưng lời can không được tiếp nhận, nhưng vẫn giữa đường phân vân. Lộ sống giữa thời Ngụy, Tấn, giấu tài trí ở chỗ chất phác, ẩn thân đúng thời, tài thần diệu mà chẳng bị truy xét, lời ngu thực mà chẳng hề sơ sót, có thể gọi là hiểu biết đến chỗ sâu xa vậy. Kinh Phòng trên chẳng độ lượng với người chủ vạn thặng, dưới chẳng kiêng tránh bè lũ siểm nịnh, muốn dựa vào sách ‘Thiên văn’, ‘Hong phạm’, lợi nước lợi thân, khôn quăn chẳng được trọng dụng, rút cục bị hãm vào đại hình, có thể gọi là thừa trí bói đoán tận mưu, được mở cháy cạn nên tắt, há chẳng đáng thương sao! Người đời đa phần đem Lộ so sánh với Kinh Phòng, Thìn này chẳng đồng ý vậy.”

“Nói đến việc ngắm xét sao trời, củi định cát hung, xa chẳng lỗi sai một năm, gần chẳng lầm lẫn ngày tháng, Thìn này cho rằng cái tinh diệu của hai người Cam, Thạch chẳng hơn Lộ vậy. Bói đoán tên vật giấu, nhanh chóng phát hiện được quy luật, Đông Phương Sóc⁽²⁾ chẳng hơn

¹ Kinh Phòng (京房), học giả thời Tây Hán, vốn họ Lý, tự là Quân Minh, người huyện Đôn Khâu thuộc Đông Quận. Kinh Phòng rất giỏi về Dịch học, thông thạo về các thuật bói đoán, nổi tiếng vào thời bấy giờ. Kinh Phòng sống dưới đời vua Hán Nguyên đế, làm quan lang. Về sau bị Thạch Hiên gièm pha, cuối cùng đến chỗ chết.

² Đông Phương Sóc (东方朔), có tài bói đoán vật giấu, từng bói đúng về vật giấu trong hộp của Hán Vũ đế Lưu Triệt là con Tắc kè và con thần lân: Xem thêm chú thích về Đông Phương Sóc ở tập 1, quyển 4, trang 219 (Tề vương Tào Phương truyện).

Lộ vậy. Quan sát cốt cách hình dạng của người mà xét tỏ quý tiện, ngắm xem hình thái của người biết rõ sống chết, Hứa Phụ, Đường Cử⁽¹⁾ chẳng vượt hơn Lộ được. Đến như nói việc suy diễn phong khí mà xét biết khí hậu, lắng nghe tiếng chim mà hiểu rõ thời vận, cũng là điều kỳ lạ nhất đời vậy.”

“Nếu đường quan chức của Lộ hiển đạt, làm tể tướng đại thần, tiếng phú quý truyền ở đời thánh minh, ánh rạng ngời được chép lên tre lụa, khiến các điều nghiệm đoán mờ ảo đều phơi lộ, lời thần bí chẳng bị quên sót, nghìn năm về sau, người có đạo hạnh tất tin mà xem là quý báu, kẻ vô đạo tất ngờ mà xem là quái lạ; tin thì cho là huyền diệu quá mức, sự huyền diệu tương hợp với ý thần minh, hợp ý thần thì không có chỗ nào đáng ngờ vậy. Hận là Lộ tài cao đoán mệnh, đạo thuật quý hiển mà tuổi thọ ngắn, hiền nhân thân gần ở ẩn chốn xa, chẳng tuyên rõ được đạo hay với lương sử, khiến kẻ làm em hèn mọn như ta lần tìm cái thuật của Lộ, tự mình đã kém cõi tối tăm, lại từ rất lâu không lai vãng, những việc chiêm bốc được ghi chép lại,⁽²⁾ Thìn dấu không hiểu đến gốc rễ đạo lý của quẻ bói, chỉ nhật nhạnh tàn dư, mười phần chép được có hai thôi. Còn như việc ngẩng trông ánh sao, luận bàn cái hưng suy của thời Ngụy, Tấn, cho đến cái chìm nổi của ngũ vận,⁽³⁾ các tai họa dị thường của binh đao, thì mười phần chẳng thu được một. Không có nguồn nước thành sông sao được? Không có gốc rễ tốt cây sao được? Dấu cúc mùa thu có thể chọn hái, không so được với hoa đẹp mùa xuân, sao chép văn chương lòng đầy cảm khái, dùng thuật chiêm bốc vừa thẹn vừa thương. Chờ người quân tử mai sau, may có ai dùng tài học cao minh tìm xét được cái nghĩa của nó vậy.”

¹ Hứa Phụ (许负), là thầy bói xem tướng nổi tiếng, sống ở thời Tần mạt, Hán Sở tương tranh. Xem thêm chú thích ở tập V, quyển 29, trang 245 (Chu Kiến Bình truyện); tập VI, quyển 31, Thục thư, trang 14 (Trần Thọ bình truyện).

Đường Cử (唐举), người nước Lương thời Chiến Quốc, nổi danh về xem tướng. Người đời sau nhắc đến Đường Cử để chỉ người có tài xem tướng bói toán.

² Quán Thìn, em của Quán Lộ là tác giả cuốn *Lộ biệt truyện*.

³ Thời cổ đại, người hiểu thuật chiêm bốc thường ngắm xét thiên văn, suy xét vận động của Ngũ hành là tương sinh hay tương khắc, từ đó suy đoán khí vận hưng suy của vương triều.

"Trước kia Mạnh Kinh Châu làm Liệt nhân điển nông, từng hỏi vong huynh của ta rằng, xưa kia Đông Phương Sóc lập quẻ bói đoán thế nào mà biết hai vật giấu là tắc kè và thần lằn. Vong huynh của ta vì thế lập quẻ đặt tượng, dùng ngôn từ và ví dụ trộn lẫn để luận, nghĩa mọn nhưng ý lớn phát triển, biến hóa thúc đẩy lẫn nhau, giao hội ở Thìn Ty, phân biệt được rồng rắn, lời nói đều có đạo lý. Sau khi Lộ dứt lời, Mạnh Kinh Châu than dài nói: 'Nghe được lời cao luận của ngài, tinh thần ta phơi phới nhảy nhót, chỉ muốn bay lên, tài học của ngài sâu rộng đến thế sao!'"

Thần Tùng Chi xét: Cái chỗ mà Thìn nói rằng "người làng là Lưu Thái thường", là nói Lưu Thật vậy. Lúc Quán Thìn soạn truyện về Lộ, bấy giờ Thật làm Thái thường, người em ở Đinh Xuyên tức là Trí, là em của Thật vậy. Thật và Trí đều vì nho học mà nổi danh, nhưng không khéo về nói năng bàn luận. Người đời nói cái tài biện bác của Thật, còn chẳng so được với hai vị Bùì, Hà vậy. Lại xét lời Lộ tự nói, rằng: "Bản mệnh của ta ở cung Dần", thì Lộ sinh vào năm Kiến An thứ mười lăm vậy. Đến năm Thái Thủy thứ chín, ứng ra là ba mươi chín tuổi, mà truyện nói là ba mươi sáu tuổi, vào năm Chính Nguyên thứ ba Lộ chết, ứng ra là bốn mươi bảy tuổi, truyện nói là bốn mươi tám tuổi, đều là không tương ứng vậy.

Gần đây có Diêm Tục Bá, tên Toàn, đáng gọi là am hiểu tình người lý vật, có phong thái của bậc lương sử. Toàn giúp người thiên hạ bù bổ vá víu các chỗ thất thoát trong sử thư, dùng cảm dùng hiểu biết của mình chép lại các việc ở phía dưới thiên sách. Đấy đều là học theo các bậc thánh triết đời xưa, vì thế đủ để được tin tưởng vậy, hy vọng là tránh được lời gièm siểm chê cười.

Toàn từng chép thêm lời của Lưu Thái thường vào truyện về Lộ mà Thìn soạn chép rằng:

"Lộ bắt đầu được người ta biết đến, là bởi bói đoán việc mất trâu của người dân bà hàng xóm, Lộ nói rằng trâu đang ở trong hốc tường phía tây, đầu treo hướng lên trên. Rồi bảo người phụ nữ sai người đi tra xét trong các gò mả, quả nhiên thấy trâu. Người phụ nữ vì thế cho rằng Lộ

giấu trâu của mình, bèn báo quan xét nghiệm, từ đấy người ta mới biết đến đạo thuật của Lộ, Bùi Ký châu nhờ thế nghe được tiếng tăm về Lộ vậy."

Lại chép:

"Có người dân đi trên đường lạc mất vợ con, Lộ bói đoán giúp, bảo ông ta là sáng sớm hôm sau đến phía đông cửa thành sẽ nhìn thấy những người gánh lợn co kéo đánh lẫn nhau. Người đó đến nơi quả thấy như lời Lộ nói, lợn xông ra bỏ chạy, mọi người lập tức đuổi theo. Lợn xông vào trong nhà người ta, làm vỡ cái vò của chủ nhà, có người đàn bà từ trong vò chui ra."

Các việc mà Lưu hầu kể lại đại loại như thế rất nhiều, Thìn ghi chép lại chỉ được hai phần mười thôi.

Lưu hầu kể rằng: "Thần, là Hiếu liêm vậy."

Trung thư lệnh sử Kỳ Huyền Long, là người làng của Lộ, kể rằng: "Lúc Lộ còn ở nhà, từng sang thăm nhà hàng xóm, thấy chủ nhân lo lắng vì nhiều lần bị phát hỏa. Lộ chiêm bốc, bảo chủ nhà sáng hôm sau đến bờ ruộng phía nam dò xét, sẽ thấy một người học trò bịt khăn trên đầu, gióng con trâu đen vào chiếc xe cũ, phải dẫn hết về, bày lễ chủ khách đón đãi, người ấy có thể trừ được hỏa tai. Chủ nhà lập tức theo lời dặn bảo của Lộ. Người học trò nói có việc gấp xin được đi, chủ nhà không nghe, vì thế học trò phải tá túc lại, tâm ý rất bất an, cho là chủ nhà có mưu đồ với mình. Sau khi chủ nhân đi vào nhà, học trò tay nắm dao trốn ra khỏi cửa, dựa lưng vào giữa hai bó củi, co một chân giả bộ ngủ. Đột nhiên có một vật nhỏ tiến thẳng qua trước mặt, trông như con thú, trong tay cầm lửa, chụm miệng thổi. Học trò sợ hãi, giơ đao chém, trúng giữa eo lưng nó, nhìn kỹ thì là con cáo. Từ đấy chủ nhà không bị họa lửa nữa."

Thái thú Trường Quảng ngày trước là Trần Thừa có nghe Thành môn Hiệu úy là Hoa Trường Tuấn kể:

"Khi trước lúc cha mình làm Thái thú Thanh Hà, triệu gọi Lộ làm tiểu lại, Tuấn và Lộ đều ít tuổi, hơn nữa Lộ lại là người làng, vì

thế càng được đặc biệt chú ý, thường cho ngồi cùng xe đi khắp nơi, nên biết hết các chuyện bói đoán của Lộ. Những việc chiêm bốc ứng nghiệm, gặp ba lần những truyện được ghi chép lại. Thìn đã thấp bé, tuổi tác lại nhỏ, so với Lộ thì cách rất xa, hơn nữa phần nhiều thời gian là ở tại làng xóm, cho nên nhiều việc lại càng không hiểu rõ. Thìn làm quan trong châu đến chức Chủ bộ, Bộ tông sự, vào năm Thái Khang sơ phát bệnh cuồng chết."

Tuấn lại kể:

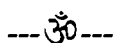
"Lộ bói đoán cũng không phải đều trúng hết, mười lần đúng được bảy tám, Tuấn hỏi duyên cớ vì sao, Lộ nói rằng: 'Về lý thì không có sai lầm, chỉ là lúc tính quẻ hay lời nói ra so với sự thật chưa hoàn toàn phù hợp, cho nên khiến ra thế thôi.' Phu nhân của Hoa thành môn, là con gái của cố Tư không nhà Ngụy là Lô công người Trác Quận, phu nhân từng có lần bị bệnh, liền năm không khỏi. Nhà họ Hoa bấy giờ ở giữa vùng Triền Lý tại mé nam Tây Thành, có ba chuồng ngựa ở góc đông nam. Lộ sau khi bốc quẻ nói sẽ có vị sư phò từ phương đông tới, tự nói là có thể chữa bệnh, theo lời người ấy, tất được họ giúp. Không lâu sau, người chăm nuôi ngựa ở chuồng ngựa phía nam đi lấy áo giáp cho quân lính, tới chỗ Lô công, nói có thể trị bệnh cho nữ lang. Công lập tức tỏ ý lưu giữ người đó lại, sai người chuyên chữa bệnh cho con mình đến nhà họ Hoa lấy thuốc chữa bệnh, ban đầu dùng thuốc tán, sau dùng thuốc viên, không lâu thì có hiệu quả, Lô công tấu lên xin bỏ chức danh chăm nuôi ngựa của người đó, bổ chức làm Thái y."

Lại kể rằng:

"Lúc Lộ đi theo cha ở huyện Lợi Tào, có người dân sở tại bị mất bộ da hươu, sáng sớm hôm ấy trên đường về nhà, gặp một kẻ trên tóc có vết máu, người dân đến báo với Lộ, Lộ gieo quẻ nói: 'Người đó là kẻ trộm, hắn ở ngôi nhà thứ ba trong ngõ đông. Người cứ đến thẳng trước cửa nhà ấy, rình lúc không có người, nhặt lấy một viên ngói, bí mật nhấc đòn tay cái cối giã gạo ở phía đông nhà lên, để viên ngói đó xuống, chẳng quá bữa trưa, người

nhà hấn tự đem vật đã lấy về trả cho người." Đêm ấy, cha của tên trộm phát bệnh đau đầu, người nóng ran mà rất đau đớn, nên hấn cũng đến nhờ Lộ xem quẻ. Lộ nói việc làm ám muội của hấn ra, tên trộm chịu phục. Lộ bảo hấn đem tắm da hươu trả về chỗ cũ, bệnh sẽ tự khỏi. Rồi mật bảo chủ hươu đi lấy về, lại nói nhỏ sai đến chỗ hôm trước, nhắc cái đòn tay lên bỏ viên ngói kia ra, cha kẻ ăn trộm cũng khỏi bệnh. Lại có viên Đô úy trị nội sử đánh mất đồ vật, Lộ bảo hấn sáng sớm hôm sau đến ngoài cửa dinh tìm xét, sẽ gặp một người, đang chỉ trời vạch đất, tay vung vẩy bốn hướng, tự nhiên sẽ tìm được vật bị mất về. Đến chiều tối viên Đô úy quả nhiên tìm lại được vật đánh mất."

Bình rằng: Thuật chẩn trị chữa bệnh của Hoa Đà, thanh luật âm nhạc của Đỗ Quý, phép xem tướng của Chu Kiến Bình, cách đoán mộng của Chu Tuyên, thuật chiêm bốc của Quán Lộ, thực sự đều rất mực huyền diệu, là tuyệt kỹ phi thường vậy. Xưa kia sử quan Thiên soạn chép truyện về Biển Thước, Thương Công, Nhật Giả,⁽¹⁾ là để phổ biến rộng những điều kỳ lạ mình nghe được, lại biểu chương được việc làm của họ. Bởi thế ta soạn chép các truyện về những người này vậy.



¹ Biển Thước, là thầy thuốc nổi tiếng, sống ở thời Chiến Quốc; Thương Công, tức Thuần Vu Ý (淳于意). Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 164 (Văn đế ký); Sự tích về Nhật Giả được chép trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên, quyển 128.

QUYỂN THỨ BA MƯƠI

Ô HOÀN, TIÊN TI, ĐÔNG DI TRUYỆN



Kinh Thư chép: "Man Di quấy rối nhà Hạ", *Kinh Thi* chép: "Hiểm Duẫn càn rỡ tung hoành", họ là mối họa của Trung Quốc đã lâu rồi vậy. Từ thời Tần, Hán đến nay, người Hung Nô gây hại ở biên giới đã lâu. Hiếu Vũ đế tuy bên ngoài quan hệ với tứ Di, phía đông bình hai nước Việt⁽¹⁾ và Triều Tiên, phía tây đánh dẹp Nhị Sư, Đại Uyển, khai thông đường đến nước Cung Tặc, Dạ Lang, nhưng các nước ấy đều ở ngoài cõi hoang phục, không gây hại nặng nhẹ cho Trung Quốc được. Nhưng người Hung Nô lại là mối uy hiếp rất lớn với Hoa Hạ, kỵ binh của rợ Hồ xuôi nam xâm lấn biên hiểm thì Trung nguyên ba phương thụ địch, vì thế triều đình thường phái các tướng Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, thâm nhập phương bắc thảo phạt, truy đuổi Thiên vu đến cùng, đoạt lấy những chỗ đất đai màu mỡ của chúng. Về sau chúng mới giữ biên ải xưng làm nước phen dậu, thế lực vì thế suy yếu.

Năm Kiến An trung, nam Thiên vu là Hô Trù Tuyên về triều, rồi lưu lại làm nội thị, sai Hữu hiền vương phủ dụ người nước ấy, từ đấy người Hung Nô thần phục, hơn cả với nhà Hán thời trước.⁽²⁾ Thế nhưng người Ô Hoàn và người Tiên Ti lại dần dần

¹ Tức nước Nam Việt và Mân Việt.

² Hiền vương là đại quan của người Hung Nô, chia ra có Tả Hiền vương, Hữu Hiền vương. Về chính sách chia rẽ nhằm khuất phục người rợ của chính quyền nhà Ngụy, xem thêm bài sơ của Đặng Ngải ở trang 186, 187 quyển 28 (Đặng Ngải truyện).

cường thịnh, cũng nhân vì mối loạn thời Hán diệt, Trung Quốc lăm việc, không rồi rãi ra ngoài đánh dẹp, cho nên họ thiện tiện lấn xuống hướng nam chiếm đất đai của nhà Hán, cướp diệt thành ấp, giết bắt người dân, biên bắc thường bị khốn khổ vì chúng. Gặp lúc Viên Thiệu thôn tính Hà Bắc, mới phủ dụ người Ô Hoàn ở ba quận,⁽¹⁾ ban ân sủng cho các danh vương mà thu lấy quân kỵ tinh nhuệ của họ. Sau đấy Thượng, Hi lại trốn đến chỗ Đạp Đốn. Đạp Đốn lại là kẻ kiêu căng vũ dũng, các trưởng lão ở biên ải đều hòa với Đạp Đốn, cậy mình ở nơi xa hiểm, dám thu nhận kẻ trốn tránh, để xưng hùng với trăm man. Thái tổ ngầm phái quân lên bắc thảo phạt, xuất kỳ bất ý, đánh một trận mà bình định được Đạp Đốn, người Di Địch khiếp phục, uy thế vang động Hà Sóc. Thái tổ bèn dẫn bộ chúng người Ô Hoàn đã phục tùng theo đi đánh dẹp, từ đấy dân chúng ở biên ải được yên ổn.

Về sau Tiên Ti đại nhân⁽²⁾ là Kha Bỉ Năng lại khống chế các tộc người Địch, thu hết đất cũ của người Hung Nô, từ Vân Trung, Ngũ Nguyên về đông đến sông Liêu, đều là địa phận của người Tiên Ti. Họ mấy lần xâm phạm biên hiểm cướp bóc ven ải, hai châu U, Tinh khốn khổ vì bọn chúng; Điền Dục bị vây ở Mã Thành, Tất Quĩ thua bại ở Hình Bắc. Năm Thanh Long trung, Đế theo lời bàn của Dương Hùng, phái kiếm khách đâm chết Bỉ Năng. Sau đấy các bộ lạc li tán, xâm lấn đánh giết lẫn nhau, kẻ mạnh thì trốn xa, kẻ yếu thì xin phục. Từ đấy cõi biên thù lại yên ổn một chút, việc xâm lấn của người rợ xuống phía nam rất ít, tuy có lúc xảy cướp bóc ở ven ải, nhưng không thể tự nhau gây nhiễu động nữa.

¹ Tức là ba quận: Thượng Cốc (上谷), Liêu Tây (辽西) và Hữu Bắc Bình (右北平) thời ấy.

² Đại nhân danh hiệu, chỉ thủ lĩnh của người Tiên Ti vậy.

Người Ô Hoàn, Tiên Ti tức là rợ Đông Hồ mà người xưa nói đến vậy.⁽¹⁾ Về tập tục và các việc từ thời trước của họ, nhà Hán cho biên soạn và ghi chép lại rồi. Cho nên quyển này chỉ tập hợp những việc từ thời Hán mạt và thời Ngụy sơ về sau, chép cho đầy đủ những việc xảy ra của tứ Di vậy.^①

① *Ngụy lược* chép: Người Ô Hoàn, là rợ Đông Hồ vậy. Vào thời Hán sơ, vua Hung Nô là Mặc Đốn diệt nước ấy, những người còn sống sót của bộ tộc ấy giữ núi Ô Hoàn, nhân đó lấy tên núi làm hiệu.

Tục truyền tộc ấy giỏi cưỡi ngựa bắn tên, men theo bãi cỏ ven sông chăn thả, không ở một chỗ nhất định, lấy nhà rạp⁽²⁾ làm chỗ trú, nhà đều ngoảnh hướng đông. Ban ngày săn bắt cầm thú, ăn thịt uống sữa, lấy lông và da thú làm áo. Người sang kẻ hèn, già lẫn con trẻ, bản tính đều mạnh tợn hung hãn, giận thì giết cả cha anh, nhưng nhất định không hại mẹ của mình, lấy họ của mẹ làm họ dòng tộc, cha anh cũng lấy mẹ mình làm dòng giống, cho nên không làm hại vậy.

Họ thường chọn cử kẻ dũng cảm mạnh mẽ có tài cho thi đấu để lựa chọn ra đại nhân, các thôn ấp đều có tiểu súy, không truyền nối cho nhau. Cứ mấy vạn nhà tự lập thành một bộ lạc lớn, đại nhân khi triệu gọi họ, dùng bản khắc gỗ làm tin để truyền lệnh cho thôn ấp, trên đó không có chữ viết, nhưng người trong bộ lạc chẳng ai dám vi phạm. Họ trong tộc không cố định, cứ lấy danh tự của thủ lĩnh mạnh nhất làm họ. Từ đại nhân trở xuống, mọi người đều tự coi việc chăn nuôi, không phải giúp việc đao dịch.

Bọn họ cưới hỏi đều thông dâm với nhau trước, rồi cướp đàn bà con gái đem đi, hoặc nửa năm hay trăm ngày rồi mới phái người mai mối đem ngựa, trâu, dê đến để làm lễ cưới hỏi. Chàng rể theo vợ về nhà, gặp người nhà vợ mà chẳng có tôn ti trật tự gì, chỉ

¹ Theo cách gọi của người Trung Quốc xưa thì những bộ lạc người rợ ở phía đông bắc Trung Quốc như Ô Hoàn, Tiên Ti thì gọi là Đông Hồ.

² Là loại nhà diên hình của dân du mục, trồng cột, căng bạt hoặc dây rồi lợp lá, hình dạng nhà tựa như cái rạp hát vậy.

đứng vái lạy tất cả, mà không tự báỉ lạy cha mẹ mình. Làm nô dịch cho nhà vợ hai năm, rồi sau nhà vợ mới đưa tặng lễ vật cho đem con gái đi, những của cải ở nhà, đều để hết ở nhà vợ. Cho nên cái tục của họ là nghe theo tính toán sắp xếp của người đàn bà, chỉ đến lúc đánh trận, thì người nam mới được tự quyết.

Bọn họ cha con trai gái, đều ngồi xổm đối mặt nhau, cắt hết tóc trên đầu cho nhẹ. Đàn bà đến lúc lấy chồng mới nuôi tóc, chia thành búi, cài trâm cong, đồ trang sức thì dùng vàng ngọc, nom giống cái mũ Bộ diêu⁽¹⁾ của người Trung Quốc vậy. Cha anh chết, thì lấy mẹ kế và chị dâu của mình làm vợ; nếu không lấy chị dâu, thì đem họ gả cho chú bác trong họ gần của mình làm vợ lẽ, chú bác chết thì họ lại về nhà chồng cũ của mình.

Tập tục của họ là biết được lúc chim thú sinh nở, để phân chia bốn mùa, lúc gieo cấy thường nhờ tiếng hót của chim Bồ cốt⁽²⁾ để ngóng tiết khí. Đất hợp với lúa tẻ xanh, cỏ đông tường, cỏ đông tường giống cỏ bông, hạt như quả quỳ, đến tháng mười thì chín.⁽³⁾ Hạt ấy có thể nấu rượu trắng, nhưng họ không biết làm men rượu. Về gạo ăn họ thường trông cậy vào người Trung Quốc.

Đại nhân của họ biết làm cung tên, yên cương và rọ mồm buộc mồm ngựa, rèn sắt làm binh khí, biết thêu trên da thú làm hoa văn, bện lông thú thành tấm. Lúc có bệnh, họ biết dùng cây ngải để hơ, hoặc đốt nóng đá tự chườm, đốt nóng đất mà nằm lên đó, hoặc tùy vào chỗ đau mà xử trí, lấy đao rạch mạch cho máu chảy ra, rồi cầu cúng trời đất thần sông thần núi, không uống thuốc châm huyết gì cả.

¹ Bộ diêu (步搖), là thứ mũ được đan bằng vải lụa, có các mắt lưới, có buộc lông chim để trang sức.

² Loài chim này có rất nhiều tên gọi khác nhau, có nơi gọi là chim Bột cô, Bát cốc, Thư cưu, Quách công ... Bên ta gọi là chim cu hay chim gáy. Đại loại loài chim này cứ qua tiết Cốc vũ thì mới kêu, qua tiết hạ chí lại thôi, tiếng của nó như giục giã người ta cấy lúa, nên gọi là chim Bồ cốt.

³ Lúa tẻ là thứ lúa giống như lúa mạch, có lẽ là lúa nương của các dân tộc thiểu số nước ta; Cỏ bông là thứ cỏ dại, đến mùa thu thì chết khô, gió thổi lá cỏ bay phiêu dạt bành bông, có lẽ là loại cỏ như cỏ may ở nước ta; về quả Quỳ, không rõ là loại quả thể nào?

Người tôn quý chết vì binh đao, họ liệm thân bỏ vào áo quan, lúc mới chết thì khóc lóc, lúc liệm táng thì ca múa tiễn đưa. Lấy một con chó béo, dùng dây có màu sắc trói lại dắt đi theo; lại lấy ngựa cưới, quần áo đồ vật, phục sức của người chết lúc sinh thời, đốt hết để tống táng theo. Lấy riêng một con chó gầy ra tế, ý là sai hộ tống linh hồn người chết về ở núi Xích. Núi Xích ở phía tây bắc quận Liêu Đông cách đó mấy nghìn dặm, cũng như người Trung Quốc cho rằng linh hồn người chết về ở núi Thái vậy. Đến ngày chôn cất, ban đêm người thân cũ ngồi quây quanh, dắt các thú chó ngựa ra theo thứ tự đã định, người ta khóc theo điệu, ném thịt cho chó, sai hai người miệng tụng đọc thần chú, ý là khiến linh hồn người chết đi thẳng, qua chỗ hiểm trở, không bị ma quỷ chặn đường, thông suốt đến núi Xích, rồi sau đó giết ngựa chó, đốt quần áo vật dụng của người chết.

Người Ô Hoàn kính lễ quỷ thần, thờ trời đất, nhật nguyệt và các vì tinh tú, thần sông thần núi, cùng các vị đại nhân kiệt xuất có danh tiếng thời trước, cũng tế chung bằng trâu dê, cúng xong đều đem đốt đi. Lúc ăn uống tất phải cúng tế trước.

Phép tắc bắt buộc của họ, là trái lời đại nhân thì phải chết; trộm cắp không thoát khỏi tội tử. Họ tàn sát lẫn nhau, người trong bộ lạc tự báo thù, báo thù không dùng được, thì đem tới chỗ đại nhân bình xử, kẻ nào có tội phải xuất trâu dê của mình ra chuộc tội chết, việc báo oán mới dừng. Nhưng nếu họ tự giết cha anh của mình lại không bị tội. Kẻ phản trốn bị đại nhân của họ lùng bắt, các bộ lạc khác không được chứa chấp, đều phải đuổi kẻ đó đến nơi xa hoang vắng. Đất ấy không có núi, chỉ có sa mạc, có nước chảy, có cỏ cây, nhiều rắn hổ mang, ở phía tây nam nước Đinh Linh, phía đông bắc nước Ô Tôn, khiến họ phải khốn cùng.

Từ lúc tổ tiên người Ô Hoàn bị người Hung Nô đánh phá, nhân khẩu ít thế lực yếu, thần phục người Hung Nô, hàng năm phải nộp trâu ngựa dê, quá thời hạn mà không nộp đủ, thì vợ con họ lập tức bị bắt.

Đến thời Thiên Vu Nhất Diên Đê của người Hung Nô, người Ô Hoàn lại mạnh lên, bèn đào bới mộ của Thiên vu người Hung Nô,

báo thù cái nhục bị Mặc Đốn đánh phá. Thiên vu Nhất Diên Đề cả giận, phát động hai vạn quân kỵ để đánh người Ô Hoàn. Đại tướng quân Hoắc Quang nghe tin, phái Độ liêu tướng quân là Phạm Minh Hữu đem ba vạn quân kỵ xuất phát từ Liêu Đông truy kích người Hung Nô. Binh của Minh Hữu gần đến nơi, người Hung Nô đã bỏ đi. Người Ô Hoàn mới bị họa binh đao của người Hung Nô, vì thế suy yếu, Minh Hữu bèn tiến đánh người Ô Hoàn, chém hơn sáu nghìn thủ cấp, lấy đầu ba vị vương của họ đem về. Sau đó người Ô Hoàn mấy lần xâm phạm biên hiểm, Minh Hữu thường đi đánh phá họ.

Đến cuối thời Vương Mãng, người Ô Hoàn hợp với người Hung Nô vào cướp bóc. Quang Vũ đế sau khi bình định thiên hạ, phái Phục ba tướng quân Mã Viện dẫn ba nghìn kỵ binh, từ ải Ngũ Nguyên ra biên hiểm chinh phạt chúng, không được lợi, lại bị chết mất hơn bốn nghìn con ngựa. Người Ô Hoàn lại hưng thịnh, đánh cướp người Hung Nô, người Hung Nô phải dời chuyển lên phía trên nghìn dặm, phía nam sa mạc thành đất trống. Năm Kiến Vũ thứ hai mươi lăm, Đại nhân của người Ô Hoàn là bọn Hác Đán đem hơn chín nghìn người đến cửa khuyết, triều đình bèn phong hơn tám chục người là cừ soái của họ làm Hầu làm Vương, sai trú lại các nơi đất hiểm, phân bố ở địa giới các quận thuộc quốc Liêu Đông, Liêu Tây, Hữu Bắc Bình, Ngư Dương, Quảng Dương, Thượng Cốc, Đại Quận, Nhạn Môn, Thái Nguyên và Sóc Phương, chiêu tập người của bộ lạc đến, cấp cho họ cơm ăn áo mặc, đặt quan Hiệu úy để đốc suất họ, nhân đó biến họ thành quân trình thám phòng bị của nhà Hán, sai đánh người Hung Nô, người Tiên Ti.

Đến năm Vĩnh Bình trung, Đại nhân của người Ô Hoàn ở quận Ngư Dương là Khâm Chí Bôn suất lĩnh người trong bộ lạc làm phản, người Tiên Ti lại quay về cướp bóc gây hại; Thái thú Liêu Đông là Sái Dung tuyển người giết được Chí Bôn, rồi đánh tan bọn ấy.

Đến thời An đế, thủ lĩnh của người Ô Hoàn ở các quận Ngư Dương, Hữu Bắc Bình, Nhạn Môn là Vô Hà lại cùng người Tiên

Ti, người Hung Nô hợp lại, vào cướp bóc ở Đại Quận, Thượng Cốc, Trác Quận, Ngũ Nguyên; triều đình bèn lấy Đại tư nông là Hà Hi làm hành Xa kỵ tướng quân, đem năm doanh quân tả hữu Vũ lâm, phát động quân binh tại các doanh quân ở bảy quận xứ Lê Dương hợp lại là hơn hai vạn người đi đánh chúng. Người Hung Nô hàng phục, người Tiên Ti, Ô Hoàn đều chạy ra ngoài biên hiểm. Sau đấy, người Ô Hoàn dần dần lại tới nương cậy, triều đình bái Đại nhân của họ là Nhung Mạt Ngôi làm Đô úy.

Đến thời Thuận đế, Nhung Mạt Ngôi thống suất Vương hầu là bọn Đốt Quy, Khứ Diên theo Ô Hoàn hiệu úy là Cánh Diệp ra ngoài biên hiểm tập kích người Tiên Ti lập công, khi quay về đều được bái làm Suất Chúng Vương,⁽¹⁾ được ban lụa bó.

Thời Hán mạt, Đại nhân của người Ô Hoàn ở Liêu Tây là Khâu Lực Cự, bộ chúng có hơn năm nghìn nhà, Đại nhân của người Ô Hoàn ở Thượng Cốc là Nan Lôu, bộ chúng có hơn chín nghìn nhà, đều xưng vương, còn Đại nhân của người Ô Hoàn ở thuộc quốc Liêu Đông là Tô Bộc Diên, bộ chúng có hơn nghìn nhà, tự xưng là Tiểu vương, Đại nhân của người Ô Hoàn ở Hữu Bắc Bình là Ô Diên, bộ chúng hơn tám trăm nhà, tự xưng là Hãn Lỗ vương, đều là kẻ cường dũng có kế sách. Thái thú Trung Sơn là Trương Thuần làm phản sát nhập vào bộ chúng của Khâu Lực Cự, tự xưng là Di thiên An Định vương, làm nguyên soái của người Ô Hoàn ở ba quận, vào cướp bóc bốn châu Thanh, Từ, U, Ký, giết cướp quan dân.

Thời Linh đế mạt, dùng Lưu Ngu làm Châu mục, chiêu mộ người Hồ chém đầu Thuần, các châu phương bắc mới yên định. Sau khi Khâu Lực Cự chết, con của Lực Cự là Lôu Ban còn ít tuổi, cháu họ của Lực Cự là Đạp Đốn có vũ lược, được lập lên thay, tổng nhiếp bộ chúng của ba vương, quân dân đều theo lệnh truyền của Đạp Đốn. Viên Thiệu và Công Tôn Toản giao

¹ Suất Chúng Vương, đại loại chỉ các vương thống lĩnh bộ thuộc của một vùng hoặc một bộ lạc nơi biên địa.

chiến liên miên không quyết thắng bại, Đạp Đốn phái sứ đến chỗ Thiệu xin hòa thân, giúp Thiệu tập kích Toàn, phá được. Thiệu bèn giả chế mệnh ban ấn thụ cho Đạp Đốn, (Nan) Tiểu vương, Hãn Lô vương, đều cho làm Thiên vu.^①

① *Anh hùng ký* chép: Thiệu phái sứ giả đến bái tam vương của người Ô Hoàn làm Thiên vu, đều ban cho xe êm, lông hoa, cờ mao, nhà màu vàng, cấm cờ mao bên trái xe. Văn tự khắc trên ván gỗ viết:

"Sứ trì tiết Đại tướng quân đốc trách U, Thanh, Tinh, lĩnh chức Ký châu mục Nguyễn hương hầu là Thiệu, thừa chế hạ chiếu cho Suất Chúng Vương của thuộc quốc Liêu Đông là Ban Hạ, Suất Chúng Vương của Ô Hoàn ở Liêu Tây là Đạp Đốn, Suất Chúng Vương ở Hữu Bắc Bình là Hãn Lô Duy rằng:

"Tổ tiên các ngươi mộ nghĩa hướng thiện, thành thực quy phục giữ nơi đất hiểm, phía bắc ngăn rọ Hiểm Duẫn, phía đông cự người Uế Mạch, nối đời giữ biên thùy phía bắc, làm bảo chương che giữ cho trăm họ, tuy có lúc xâm phạm cương thổ, nên quốc gia sai tướng đi đánh trị cái tội ấy, đại khái có lúc không theo, nhưng đã hối lỗi sửa đổi, so với người Di ngoài cõi thì thông minh hơn cả. Ban đầu lấy Thiên phu trưởng, Bách phu trưởng⁽¹⁾ để thay nhau thống lĩnh, họ đều dốc lòng hết dạ trở tài năng, ra sức gánh vác việc lập công với quốc gia, dần dần nhận mệnh làm Vương làm Hầu."

"Từ lúc vương thất ta lảm việc, Công Tôn Toàn gây nạn, giết hại Quân trưởng địa phương, làm cái việc dối trời lừa chủ, thế nên người trong bốn bể, đều cầm binh khí để bảo vệ xã tắc. Tam vương phần chấn tỏ chí ở ngoài cõi, cầm phần quân gian lo lắng cho quốc gia, giương cung cùng quân binh nhà Hán kết hợp trong ngoài, thực là rất trung hiếu, được triều đình khen ngợi. Thế nhưng quân gian như hổ lớn rắn dài, theo nhau tắc đường, quan tước vua ban, không sao truyền đến được. Người có công huân mà chẳng ban thưởng, sợ sẽ khiến cho kẻ chuyên cần lười

¹ Thiên phu trưởng, Bách phu trưởng là quan danh. *Kinh Thượng thư*, thiên *Mục thế* có nói đến các chức danh này. Đại khái Thiên phu trưởng là chỉ huy đạo quân nghìn người, Bách phu trưởng thống lĩnh đạo quân trăm người.

biếng. Nay phái quan hành Yết giả là Dương Lâm, mang ấn thụ, xe cộ và y phục Thiên vu đến, để báo đáp lại sự khó nhọc của các người. Các người hãy vỗ yên bộ lạc của mình, dạy dân cẩn thận, chớ để họ làm việc xấu xa bạc ác. Các người được nối đời truyền ngôi vị, mãi mãi làm Bách man trưởng. Nếu có làm việc xấu hay việc bất lương, thì sẽ mất bổng lộc, mà mất bổng lộc là thành kẻ thường dân, há chẳng nên cố gắng sao! Thiên vu Ô Hoàn được thống quản bộ chúng, Tả hữu Thiên vu vâng theo tiết chế của Thiên vu, những việc khác đều như cũ."

Về sau Lâu Ban lớn lên, Tiểu vương thống suất bộ chúng của mình suy tôn Lâu Ban làm Thiên vu, Đạp Đốn làm Vương. Nhưng Đạp Đốn nhiều lần vạch kế sách. Người quận Quảng Dương là Diêm Nhu, thời trẻ ẩn nấu trong chỗ người Ô Hoàn, Tiên Ti, được người ở các bộ lạc ấy tin theo. Nhu bèn dựa vào người Tiên Ti, giết Ô Hoàn hiệu úy là Hình Cử rồi thay chức ấy, Thiệu nhân đó ban súng úy lạo hấn để vỗ yên người ở biên ải phía bắc. Sau này Viên Thượng bại trận trốn đến chỗ Đạp Đốn, cậy vào thế lực của hấn, mưu lấy lại Ký châu. Đúng lúc Thái tổ bình Hà Bắc, Nhu thống suất người Tiên Ti, Ô Hoàn theo về nương bám, Thái tổ bèn nhân đó lấy Nhu làm Hiệu úy, vẫn cho cầm cờ tiết của nhà Hán, sở trị ở Quảng Ninh như cũ.

Năm Kiến An thứ mười một, Thái tổ tự đi đánh Đạp Đốn ở Liễu Thành, ngầm đưa quân đi lối tắt, đi chưa đến trăm dặm thì giặc phát giác ra. Thượng cùng Đạp Đốn dẫn bộ chúng đón chặn giao chiến ở Phàm Thành, binh mã rất đông. Thái tổ trèo lên cao trông xa xuống trận giặc, thấy quân Liễu Thành chưa tiến đến, xem chừng quân ấy hơi lay động, bèn tập kích phá được quân ấy, lại tự thân lâm trận chém đầu Đạp Đốn, người chết đầy đồng.

Bọn Tắc Phụ Hoàn, Lâu Ban, Ô Diên trốn đến Liêu Đông, người ở Liêu Đông chém hết bọn ấy, đưa đầu chúng đến dâng. Bọn còn lại chạy tán loạn rồi đều ra hàng. Hơn một vạn nhà người Ô Hoàn ở Tinh châu, U châu mà Nhu thống lĩnh, đều bị di dời hết

về trú ở Trung Quốc, Thái tổ đem quân sĩ trong bộ tộc của các thủ lĩnh là Hâu là Vương cùng đi đánh dẹp. Bởi thế người Ô Hoàn ở ba quận trở thành quân kỵ nổi danh thiên hạ.^①

① *Ngụy lược* chép: Năm Cảnh Sơ nguyên niên mùa thu, triều đình phái Thứ sử U châu là Quán Khâu Kiệm thống suất quân đội đi đánh Liêu Đông. Thiên vu Ô Hoàn của quận Hữu Bắc Bình là Khấu Lâu Đôn, Đô đốc Suất Chúng Vương của Ô Hoàn ở Liêu Tây là Hộ Lưu Diệp, trước theo Viên Thượng trốn đến Liêu Tây, nghe tin quân của Kiệm đến, bèn thống suất hơn năm nghìn người ra hàng. Khấu Lâu Đôn phái em là bọn A La Tường (A La Bàn) đến cửa khuyết triều cống, triều đình phong hơn ba chục cử sý của họ làm Vương, ban cho họ xe cộ, lụa gấm theo thứ bậc.

Bộ Độ Căn của người Tiên Ti^① đã lập, bộ chúng dần dần suy yếu, người anh giữa của Bộ Độ Căn là Phù La Hàn cũng nắm riêng mấy vạn bộ chúng làm Đại nhân.

Năm Kiến An trung, Thái tổ định U châu, Bộ Độ Căn cùng bọn Kha Bì Năng nhờ Ô Hoàn hiệu úy là Diêm Nhu dâng cống vật. Sau đó người Ô Hoàn ở Đại Quận là bọn Năng Thần Đê làm phản, xin lệ thuộc vào Phù La Hàn, Phù La Hàn đem hơn một vạn quân kỵ nghênh đón Đê. Đến huyện Tang Can, bọn Đê bàn bạc, cho rằng bộ hạ của Phù La Hàn pháp lệnh lỏng lẻo, sợ không cứu giúp được mình, lại phái người gọi Kha Bì Năng. Bì Năng lập tức đem hơn một vạn quân kỵ đến đón, cùng lập hội thề. Bì Năng thiện tiện giết Phù La Hàn ở trong hội, con của Phù La Hàn là Tiết Quy Nê cùng bộ chúng đều thuộc quyền Bì Năng. Bì Năng bởi đã giết cha của Quy Nê, nên đãi ngộ Quy Nê rất đặc biệt. Bộ Độ Căn bởi thế oán giận Bì Năng.

Văn đế lên ngôi, Diêm Dự làm Ô Hoàn hiệu úy, cầm cờ tiết Hộ Tiên Ti, đóng đồn ở Xương Bình. Bộ Độ Căn phái sứ giả dâng biểu ngửa, được Đế bái làm Vương. Về sau Bộ Độ Căn nhiều lần cùng Kha Bì Năng công phá lẫn nhau, bộ chúng của Bộ Độ

Căn dần suy yếu, bèn đem bộ chúng của mình gồm hơn một vạn nhà về giữ quận Thái Nguyên, Nhạn Môn. Bộ Đô Căn bèn sai người triệu gọi Tiết Quy Nê bảo rằng:

- Cha mày bị Bì Năng giết hại, mày không nghĩ việc báo oán, lại bám vào kẻ cừ thù. Nay tuy hấn hậu đãi mày, đấy là muốn tính kế để giết mày vậy. Chẳng bằng về với ta, ta với mày là chí thân cốt nhục, có đâu lại theo giúp bọn cừ thù?

Bởi thế Tiết Quy Nê đem người trong bộ lạc của mình trốn theo Bộ Độ Căn, Kha Bì Năng đuổi theo không kịp. Đến năm Hoàng Sơ thứ năm, Bộ Độ Căn đến cửa khuyết dâng cống vật, Đế ban thưởng hậu hĩnh, từ đấy Bộ Độ Căn một lòng giữ biên ải, không làm cướp gây hại nữa, nhưng bộ chúng của Kha Bì Năng ngày một cường thịnh.

Minh đế tức vì, dốc sức vào việc phủ dụ hòa với Nhung Dịch, để dùng nghỉ chinh phạt, chỉ ràng buộc hai bộ lạc ấy mà thôi. Đến năm Thanh Long nguyên niên, Bì Năng dụ Bộ Độ Căn giao kết hòa thân lâu dài, vì thế Bộ Độ Căn đem Tiết Quy Nê cùng tất cả bộ chúng đến giúp Bì Năng, cướp bóc ở Tinh châu, giết cướp quan dân. Đế phái Phiêu kỵ tướng quân là Tần Lãng đi đánh chúng, Quy Nê phản lại Bì Năng, đem bộ chúng của mình ra hàng, được bá làm Quy Nghĩa vương, được ban cò tràng, lọng cán cong, trống sáo, đóng giữ ở Tinh châu như cũ. Bộ Độ Căn bị Bì Năng giết chết.

① *Ngụy thư* chép: Tộc Tiên Ti cũng là tàn dư của rợ Đông Hồ vậy, họ giữ riêng núi Tiên Ti, nhân đó lấy tên núi làm hiệu. Ngôn ngữ và tập tục của họ so với người Ô Hoàn thì cũng giống.

Đất của người Tiên Ti phía đông giáp sông Liêu, phía tây đến Tây Thành. Họ thường tụ hội vào cuối xuân, hát nhạc trên bờ sông, cưới vợ gả chồng, cắt tóc ăn uống. Muông thú họ nuôi khác với muông thú của Trung Quốc, có ngựa hoang, Nguyên dương,

Đoan ngư.⁽¹⁾ Sừng của con đoan ngư làm cung tên, người ta gọi là cung giác đoan. Lại còn có con điêu, con nạp, hồn tử,⁽²⁾ da và lông rất mềm mại, cho nên người thiên hạ dùng lông ấy làm áo cừ.

Người Tiên Ti từ lúc bị Mặc Đốn đánh phá, trốn chạy xa ra ngoài cõi xứ Liêu Đông không cùng các nước tranh giành, chưa có tiếng tăm gì truyền đến nhà Hán, nhưng họ thông qua người Ô Hoàn giao tiếp với Trung nguyên.

Đến thời Quang Vũ đế, Thiền vu phía nam và phía bắc lại công phạt lẫn nhau, người Hung Nô tổn hao, mà người Tiên Ti lại mạnh lên. Năm Kiến Vũ thứ ba mươi, Tiên Ti đại nhân là Vu Cừ Bôn thống suất người trong chủng tộc đến cửa khuyết triều cống, triều đình bái phong Vu Cừ Bôn làm Vương.

Năm Vĩnh Bình trung, Sái Dung làm Thái thú Liêu Đông, dụ dỗ đút lót cho người Tiên Ti, sai chém đầu bọn giặc làm phản người Ô Hoàn là Khâm Chí Bôn, vì thế các Đại nhân người Tiên Ti từ Đôn Hoàng, Tुरू Tuyên tới phía đông Ấp Lạc, đều đến Liêu Đông nhận ban thưởng, người ở hai châu Thanh, Từ cấp cho tiền, năm đó lấy hai ức bảy nghìn vạn tiền để ban thưởng.

Thời vua Hòa đế, Đại đô hộ Hiệu úy người Tiên Ti là Kỳ thống suất bộ chúng theo Ô Hoàn hiệu úy Nhiệm Thượng đánh kẻ phản, triều đình bèn phong Hiệu úy Kỳ làm Suất Chúng Vương.

Năm Diên Bình trung đời Thương đế, người Tiên Ti mới sang đông thâm nhập biên hiểm, giết Thái thú Ngự Dương là Trương Hiến.

Thời An đế, Tiên Ti đại nhân là Yên Lệ Dương vào triều, nhà Hán ban cho vua của người Tiên Ti ấn thụ, xe mui đỏ ba ngựa kéo, cho đến giao tiếp dưới sở trị của Ô Hoàn hiệu úy. Thông thương buôn

¹ Nguyên dương tức là con dê núi có sừng rất lớn, còn Đoan ngư có lẽ là một loại trâu, nhưng chưa rõ hình dáng thế nào?

² Con điêu giống như con chuột, nhưng lớn hơn, lông đuôi dài rậm mượt mà, da của nó may áo mặc rất ấm, chính là con chồn; Hồn tử là con vật to hơn con chuột, hình dáng tựa tựa, có màu xám, cũng có lông dày; còn con nạp, không rõ là con vật gì.

bán với rợ Hồ, đắp sở quan ở hai bộ nam bắc làm nơi giữ vợ con của họ làm tin, thu nhận con tin của hai chục bộ lạc. Từ đấy về sau khi hàng lúc phản, hoặc cùng với người Hung Nô, người Ô Hoàn đánh đấu lẫn nhau.

Thời An đế mạt, triều đình phát hơn hai vạn quân bộ kỵ tại biên cảnh, đóng đồn ở chỗ xung yếu. Sau đó có tám chín nghìn quân kỵ của người Tiên Ti xuyên qua Đại Quận và ải Mã Thành vào giết hại trưởng lại, nhà Hán phái Độ liêu tướng quân Đặng Tuân, Trung lang tướng Mã Tục ra nơi đất hiểm đuổi phá bọn chúng. Đại nhân của người Tiên Ti là bọn Ô Luân, Kỳ Chí Kiện đem hơn bảy nghìn người đến chỗ Tuân xin hàng, triều đình phong Ô Luân làm Vương, Kỳ Chí Kiện làm Hầu, ban cho lụa sớng. Sau khi Tuân hồi sư, Kỳ Chí Kiện lại làm phản, vây Ô Hoàn hiệu úy ở Mã Thành, Độ liêu tướng quân Cảnh Quý và Thứ sử U châu đến cứu giải vây. Kỳ Chí Kiện nhân thế thịnh, có mấy vạn quân kỵ cầm cung nỏ, theo mấy đường vào đất hiểm, đến Ngũ Nguyên (Ninh Mạch) (Mạn Bách), đánh Nam Thiển vu Hung Nô, giết Tả Uất Kiện Nhật Trục Vương.

Thời Thuận đế, Kỳ Chí Kiện lại vào biên hiểm, giết Thái thú Đại Quận. Nhà Hán phái binh sĩ của doanh Lê Dương đóng đồn ở Trung Sơn, kéo quân binh ở các quận ven biên đóng đồn dưới cửa ải, phái quan Nổ suất lệnh của năm doanh quân dạy mọi người đánh trận bắn tên, Thiển vu của Nam Hung Nô đem hơn một vạn quân bộ kỵ đến giúp quân Hán đánh lui Kỳ Chí Kiện. Sau đó Ô Hoàn hiệu úy là Cảnh Diệp đem Suất Chúng Vương ra nơi đất hiểm tập kích người Tiên Ti, chém nhiều đầu giặc, vì thế hơn ba vạn nhà người Tiên Ti đến Liêu Đông xin hàng.

Sau khi người Hung Nô và Bắc Thiển vu chạy trốn, hơn mười vạn nhà còn lại trong bộ tộc đến Liêu Đông ở lẫn lộn, họ đều tự xưng là "Tiên Ti binh." Có người tên là Đầu Lộc Hầu theo quân Hung Nô ba năm, vợ hán ở nhà, sinh con. Đầu Lộc Hầu trở về, thấy lạ muốn giết đi. Người vợ nói:

- Ta có lần đi đường giữa ban ngày nghe tiếng sét, ngẩng lên trời nhìn kỹ thì có tia chớp chui vào miệng, vì thế nuốt vào, bèn có

mang, mười tháng thì sinh, đứa con này tất có điều kỳ dị, hãy để cho nó lớn lên.

Đầu Lộc Hầu cố nhiên không tin. Người vợ nói với người nhà, sai đem về nuôi dưỡng, lấy hiệu là Đan Thạch Hòe, nó lớn lên rất dũng cảm khỏe mạnh, trí lược hơn người. Mười bốn mười lăm tuổi, vì Đại nhân của bộ tộc khác là Bộc Bôn Ấp cướp lấy trâu dê của họ ngoại nhà mình, Đan Thạch Hòe lệnh cho quân kỵ truy kích, đi đến đâu không ai chống nổi, đem hết được trâu dê bị mất về. Vì thế người trong bộ lạc sợ phục, Đan Thạch Hòe đặt phép cấm, phân biệt đúng sai, không ai dám phạm, liền được suy cử làm Đại nhân.

Đan Thạch Hòe đã được lập, bèn làm phủ đình ở phía bắc Cao Liễu bên sông Tuyết Cừ cách núi Đan Hãn hơn ba chục dặm, Đại nhân các bộ lạc phía đông và phía tây đều theo về. Bình mã rất đông, nam cướp biên ải nhà Hán, bắc cự người Đinh Linh, đông đánh lui tộc Phù Dư, tây tập kích người Ô Tôn, chiếm hết đất cũ của người Hung Nô, đông tây dài hơn một vạn hai nghìn dặm, nam bắc rộng hơn bảy nghìn dặm, bao trùm sông núi, đầm nước, ao muối rất rộng. Nhà Hán lo lắng, thời Hoàn đế sai Hung Nô trung lang tướng là Trương Hoán đi đánh hãn, không thắng nổi. Bèn lại phái sứ giả đem ấn thụ đến, phong Đan Thạch Hòe làm Vương, muốn cùng hòa thân. Đan Thạch Hòe cự tuyệt không chịu nhận, cướp bóc càng thêm tệ. Rồi chia đất của mình thành ba bộ là Trung, Đông và Tây. Từ Hữu Bắc Bình về đông đến Liêu Đông, liền với nước Phù Dư, Uế là Đông bộ, hơn hai chục ấp, Đại nhân của bộ ấy là Di Gia, Khuyết Cơ, Tố Lợi, Hòe Đầu. Từ Hữu Bắc Bình về tây đến Thượng Cốc là Trung bộ, hơn chục ấp, Đại nhân của bộ ấy là bọn Kha Tối, Khuyết Cư, Mộ Dung, làm Đại soái. Từ Thượng Cốc về tây đến Đôn Hoàng, phía tây nối liền nước Ô Tôn là Tây bộ, hơn hai chục ấp, Đại nhân của bộ ấy là bọn Trí Kiện Lạc La, Nhật Luật Thôi Diễn, Yển Lệ Du, đều làm Đại soái, mà thuộc quyền chế của Đan Thạch Hòe. Đến thời Linh đế, đại cướp bóc ở hai châu U, Tinh. Các quận nơi ven biên không năm nào không bị bọn ấy làm hại.

Năm Gia Bình thứ sáu, triều đình phái Hộ Ô Hoàn hiệu úy là Hạ Dục, Phá Tiên Ti trung lang tướng là Điền Yển, Hung Nô trung lang tướng là Tang Mân cùng Nam Thiên vu tiến ra ải Nhạn Môn, ba đạo cùng tiến, qua hơn hai nghìn dặm đánh dẹp chúng. Đàn Thạch Hòe thống suất bộ chúng đón đánh, bọn Mân thua chạy, quân mã quay về chỉ còn một phần mười mà thôi. Vì thế người Tiên Ti ngày một đông, săn bắn chần thả, không đủ cấp lương ăn. Sau đó Đàn Thạch Hòe đến sông Ô Hâu Tần xem xét, thấy có chỗ phình rộng mấy trăm dặm, nước lặng không chảy, trong nước có cá nhưng không bắt được. Nghe nói người Hãn giỏi bắt cá, vì thế Đàn Thạch Hòe sang đông đánh nước Hãn, bắt được hơn nghìn nhà, dời họ đến bên bờ sông Ô Hâu Tần, sai bắt cá để giúp lương ăn. Đến nay, bên bờ sông Ô Hâu Tần vẫn có mấy trăm hộ dân người nước Hãn.

Đàn Thạch Hòe năm bốn mươi lăm tuổi chết, con của Đàn Thạch Hòe là Hòa Liên được lập thay, Hòa Liên về tài sức không theo kịp được cha, nhưng tham dâm, bỏ phép tắc, không công bằng, bộ chúng quá nửa làm phản. Năm cuối thời Linh đế mấy lần vào cướp bóc, tấn công Bắc Địa, có kẻ thứ dân ở Bắc Địa giỏi bắn tên bắn trúng Hòa Liên, Hòa Liên chết ngay. Con của hắn là Khiên Mạn nhỏ tuổi, con của anh hắn là Khôi Đầu được lập thay. Sau khi Khôi Đầu đã được lập, Khiên Mạn lớn lên, cùng Khôi Đầu tranh giành đất nước, bộ chúng ly tán. Khôi Đầu chết, em là Bộ Độ Căn được lập thay. Từ sau khi Đàn Thạch Hòe chết, các Đại nhân bèn nối đời thay nhau lập vậy.

Kha Bì Năng vốn ở trong một bộ lạc nhỏ của người Tiên Ti, vì dũng mãnh khỏe mạnh, quyết đoán thẳng thắn, xét việc công bằng, không tham tài vật, mọi người suy cử lên làm Đại nhân. Bộ lạc ở gần biên hiểm, từ lúc Viên Thiệu chiếm Hà Bắc, nhiều người Trung Quốc trốn tránh phản loạn quy thuận hắn, dạy hắn làm binh khí khiến giáp, lại thêm một chút chữ nghĩa. Vì thế Bì Năng dạy dỗ cai quản bộ chúng, bắt chước người Trung Quốc, ra vào săn bắn, dựng lập cờ trướng, lấy tiếng trống làm hiệu lệnh tiến lui.

Năm Kiến An trung, Bì Năng thông qua Diêm Nhu dâng cống vật lên triều đình. Thái tổ sang tây đi đánh Quan Trung, Điền Ngân ở Hà Gian làm phản, Bì Năng đem hơn ba vạn kỵ binh theo Nhu đánh phá Ngân. Về sau người Ô Hoàn ở Đại Quận làm phản, Bì Năng lại giúp chúng cướp hại, Thái tổ lấy Yên Lăng hầu là Chương làm Phiêu kỵ tướng quân, sai bắc chinh, đại phá chúng. Bì Năng chạy trốn ra ngoài biên hiểm, sau đó lại thông hiếu dâng cống vật.

Năm Diên Khang sơ, Bì Năng phái sứ dâng biểu ngựa, Văn đế cũng lập Bì Năng làm Phụ Nghĩa vương. Năm Hoàng Sơ thứ hai, Bì Năng đem hơn năm trăm nhà người Ngụy ở chỗ người Tiên Ti về trú ở Đại Quận. Năm sau, Bì Năng thống suất các đại nhân lớn nhỏ trong bộ lạc đem hơn ba nghìn quân kỵ của bọn Tu Vũ Lô ở Đại Quận Ô Hoàn, xua hơn bảy nghìn trâu ngựa đến trao đổi, phái hơn nghìn nhà người Ngụy đến Thượng Cốc cư trú. Về sau Bì Năng cùng Tiên Ti đại nhân ở Đông bộ là Tổ Lợi và ba bộ lạc của Bộ Độ Căn tranh đấu, công phạt lẫn nhau. Điền Dục dàn hòa, lệnh cho họ không được xâm phạm nhau. Năm thứ năm, Bì Năng lại tập kích Tổ Lợi, Dục thống suất quân khinh kỵ theo đường tắt tiến đến phía sau chúng. Bì Năng biệt phái tiểu soái là Tỏa Nô ngăn chống Dục, Dục tiến lên đánh dẹp, đánh chúng tan chạy, bởi thế Bì Năng sinh hai lòng. Bèn gửi thư cho Phụ quốc tướng quân là Tiên Vu Phụ nói:

"Người Di Dịch không biết chữ, Hiệu úy trước đây là Diêm Nhu bảo cử ta với Thiên tử. Ta cùng Tổ Lợi là cừu thù, năm ngoái ta công phá hắn, nhưng Điền Hiệu úy giúp Tổ Lợi. Ta đang lúc lâm trận có sai Tỏa Nô qua đó, nghe nói sứ quân đến, lập tức bèn dẫn quân lui. Bộ Độ Căn luôn luôn đến cướp bóc, lại giết em của ta, nhưng vu cáo là ta vào cướp bóc. Ta là người Di Dịch tuy không biết lễ nghĩa, anh em con cháu ta đã nhận ấn thụ của Thiên tử, đến trâu ngựa còn biết có tốt bên sông mà gặm, huống chi ta là người có tâm! Tướng quân nên bày tỏ rõ tâm lòng của ta với Thiên tử!"

Phụ được thư kính truyền lên, Đế lại sai Dục chiêu nạp yên ủy hấn. Bộ chúng của Bì Năng sau cường thịnh, quân kỵ cầm cung hơn chục vạn. Mỗi khi cướp bóc được tài vật, chia đều cho mọi người, một chút lợi trước mắt nhất định không lấy làm của riêng, cho nên được mọi người liều chết ra sức vì mình, Đại nhân của các bộ lạc còn lại đều kính sợ hấn, nhưng vẫn chưa thể bằng được Đàn Thạch Hòe vậy.

Năm Thái Hòa thứ hai, Dục phái phiên dịch là Hạ Xá đến bộ lạc của con rể Kha Bì Năng là Uất Trúc Kiện, Xá bị Kiện giết hại. Mùa thu năm ấy, Dục đem người Tiên Ti ở Tây bộ là bọn Bồ Đầu, Tiết Quy Nê ra nơi đất hiểm đánh dẹp Uất Trúc Kiện, đại phá hấn. Lúc về đến Mã Thành, Bì Năng tự đem ba vạn quân kỵ bao vây Dục bảy ngày. Thái thú Thượng Cốc Diêm Chí, là em của Nhu vậy, vốn được người Tiên Ti ở đấy tín phục, Chí qua phân giải khuyên dụ, chúng liền giải vây bỏ đi. Sau đó Thứ sử U châu là Vương Hùng nhận lĩnh chức Hiệu úy, dùng ân tín phủ dụ. Bì Năng mấy lần đến thông hiếu, tới châu dâng cống. Đến năm Thanh Long nguyên niên, Bì Năng dụ dỗ thâu nạp Bộ Độ Căn, sai làm phản ở Tinh châu, cùng giao kết hòa thân, lại tự thống suất một vạn quân kỵ nghênh đón xe truy trọng của Bộ Độ Căn ở Hình Bắc. Thứ sử Tinh châu là Tất Quỹ phái bọn Tướng quân Tô Thượng, Đồng Bật tập kích chúng, Bì Năng phái con mình đem kỵ binh đến cùng bọn Thượng đại chiến ở Lâu Phiên, lâm trận giết hại Thượng, Bật. Đến giữa năm thứ ba, Hùng phái kẻ dũng sĩ là Hàn Long đâm chết Bì Năng, em của hấn lại được lập lên thay.

Tổ Lợi, Di Gia, Quyết Cơ đều là Đại nhân, ở ngoài biên hiểm của các quận Liêu Tây, Hữu Bắc Bình, Ngư Dương, đường đất xa xôi nên không gây hại cho biên giới, nhưng người trong các bộ lạc ấy đa phần đi theo Bì Năng. Năm Kiến An trung, họ thông qua Diêm Nhu dâng cống vật, thông thương buôn bán,

Thái tổ đều dâng biểu ban sủng cho làm Vương cả. Quyết Cơ chết, lại lập con của Cơ là Sa Mạt Hãn làm Thân Hán vương. Năm Diên Khang sơ, bọn chúng đều phái sứ dâng biểu ngựa. Văn đế lập Tổ Lợi, Di Gia làm Quy Nghĩa vương. Tổ Lợi và Bỉ Năng lại công đá lẫn nhau. Năm Thái Hòa thứ hai, Tổ Lợi chết. Con còn nhỏ, mới lấy em của Lợi là Thành Luật Quy làm Vương, thay thống quản bộ chúng ở đấy.

Kinh Thư nói "Phía đông dần ra biển, phía tây đến Luru Sa." Nay theo phép phân định chín cõi, có thể biết mà nói vậy. Nhưng bên ngoài cõi hoang vực, phải qua mấy lần dịch chữ mới đến nơi,⁽¹⁾ nơi đó không có dấu bánh xe đi đến, chưa ai biết phong tục của các nước lạ phương ấy.

Từ thời nhà Ngu đến thời nhà Chu, người Tây Nhung đến dâng biểu vòng ngọc trắng, xứ Đông Di có nước Túc Thận đến cống nạp, đều qua nhiều đời mới đến, nơi ấy xa xôi như thế vậy. Đến khi nhà Hán phái Trương Khiên đi sứ Tây Vực, đến tận cùng nguồn nước sông Hoàng Hà, đi qua nhiều nước, bèn đặt chức Đô hộ để tổng lĩnh các xứ ấy, rồi sau này các việc ở Tây Vực mới tập hợp đủ, nên sử quan chép rõ ra được vậy.

Nhà Ngụy hưng, xứ Tây Vực tuy không đến hết, song các nước lớn phụ thuộc như Quy Từ, Vu Trí, Khang Cư, Ô Tôn, Sơ Lặc, Nguyệt Chi, Thiện Thiện, Xa Sư, không năm nào không về triều dâng cống, đại lược là như việc cũ thời nhà Hán. Nhưng rồi Công Tôn Uyên liền ba đời ông cha có được đất Liêu Đông, Thiên tử vì chỗ đất ấy xa hiểm, ủy thác cho hãn công việc ở cõi ngoài, vì thế khiến xứ Đông Di cách trở, không liên thông được với Hoa Hạ. Năm Cảnh Sơ trung, quốc gia khởi đại binh, giết

¹ Ý nói rằng nơi ấy ở rất xa, phải qua mấy lần người nước nọ phiên dịch cho người nước kia nghe, sau đó mới dịch sang tiếng Trung Quốc được.

Uyên, lại ngầm đưa quân vượt bể, thu các quận Lạc Lãng, Đái Phương, rồi sau đó các xứ ngoài bể yên bình, người Đông Di khuất phục. Sau đó nước Cao Câu Li phản bội, triều đình lại phái một cánh quân đi đánh dẹp, truy đuổi đến tận cùng, vượt các xứ Ô Hoàn, Cốt Đô, qua nước Ốc Trờ, giẫm chân vào phủ đình nước Túc Thận, phía đông đến bể lớn. Các trưởng lão nói rằng có người mặt mũi quái lạ, ở cái chỗ gần nơi Mặt trời mọc, vì thế triều đình cho người đi xem khắp các nước, chọn chép phong tục tập quán của họ, lớn nhỏ khác biệt, đều có tên gọi, có thể chép chi tiết rõ ràng. Tuy là nước Di Địch, nhưng vẫn giữ phép cúng tế. Ở Trung Quốc nếu có thất lạc lễ nghi, tìm ở Tứ di, vẫn tìm được. Cho nên nay soạn chép về các nước theo thứ tự, liệt kê các việc giống và khác nhau ở các nước ấy, để nối tiếp những điều mà sử quan đời trước chưa chép đủ vậy.

Nước Phù Dư ở tại phía bắc trường thành, cách quận Huyền Thố một nghìn dặm, phía nam giáp nước Cao Câu Li, phía đông giáp nước Ấp Lô, phía tây giáp đất của người Tiên Ti, phía bắc có sông Nhực, đất vuông chừng hai nghìn dặm. Số hộ là tám vạn, dân chúng đời đời nối nhau ở đất ấy, có cung thất, kho đụn, nhà ngục. Có nhiều gò núi, đầm lầy rộng, bằng phẳng rộng rãi nhất so với các nước Đông Di trong cõi. Đất đai thích hợp để trồng ngũ cốc, không trồng ngũ quả.

Người nước ấy cao lớn thô kệch, bản tính cứng cỏi cẩn thận mà nông hậu, không ưa cướp bóc. Trong nước có quân vương, lấy lục súc đặt tên cho quan lại, có quan Mã gia, Ngưu gia, Trư gia, Cẩu gia, Đại sứ, Đại sứ giả, Sứ giả. Dân trong thôn ấp có người quyền thế giàu có, các nhà dưới quyền đều là nô bộc. Các gia⁽¹⁾ chia ra chủ quản bốn phía, ở khu lớn thì quản nghìn nhà, chỗ nhỏ thì quản mấy trăm nhà. Ăn uống đều dùng mâm bát, khi hội họp, bái phong, tẩy tước, thì nhường nhau thăng giáng.

¹ Tức là các quan được đặt theo tên sáu giống vật nuôi đã nói ở trên.

Người nước này lấy ngày giữa tháng giêng tế trời, trong nước đại hội, ăn uống ca múa suốt ngày, gọi là "nghênh cô", vào ngày ấy bỏ hình ngục, cởi trói cho tù đồ. Ở nước ấy chuộng mặc áo trắng, vải trắng làm tay áo rộng, mặc áo bào, đóng khố, đi giày da có dây buộc. Đi ra nước ngoài thì chuộng mặc gấm lụa ngũ sắc và đồ len dạ, đại nhân gia mặc áo da cáo, lông khi trắng, áo cừu lông điều màu đen, dùng vàng bạc trang sức trên mũ. Người dịch tiếng chuyển lời đều quỳ, tay chống trên mặt đất mà nói.

Nước này dùng hình pháp rất nghiêm, giết người thì nhận tội chết, bắt hết người nhà làm nô tì. Trộm cắp một thì đền gấp mười hai lần. Trai gái dâm tà, đàn bà ghen tuông, đều giết đi. Rất ghét kẻ có tính đố kỵ, giết xong, quăng thi thể trên núi Nam cho đến khi thối rữa. Muốn lấy con gái nhà người ta, phải nộp trâu ngựa mới giao con gái cho. Anh chết thì em lấy chị dâu, giống như tập tục của người Hung Nô.

Người nước này khéo nuôi muông thú, xuất ngựa tốt, ngọc đỏ, khi lông điều và ngọc trai đẹp. Những viên ngọc trai lớn như quả táo chua. Dùng cung tên, đao, mâu làm binh khí, nhà nhà tự có giáp trụ. Những bậc già cả ở nước này nói người nước mình là "vong nhân" đến đây từ thời xưa. Họ đắp thành làm rào lũy đều hình tròn, giống như nhà ngục. Người đi đường ngày hay đêm không kể già trẻ đều hát, suốt ngày thanh âm không dứt. Có việc quân cũng tế trời, giết trâu xem móng chân để bói điềm cát hung, móng chân chẻ là điềm hung, chụm lại là điềm lành. Nếu có địch, các Gia tự ra đánh, các nhà dưới quyền đều gánh lương ăn đồ uống cấp cho các Gia. Người chết, nếu vào các tháng mùa hạ đều dùng băng lạnh để ướp. Giết người để táng theo, nhiều thì mấy trăm người. Táng rất hậu, nhưng có quách mà không có áo quan.^①

① *Ngụy lược* chép: Tục nước ấy quàn người chết¹ trong năm tháng, giữ được thi thể lâu là vinh. Họ cúng tế người chết, có khi sơ sài có khi kỹ lưỡng. Chủ tang không muốn nhanh mà người khác cưỡng ép, họ thường tranh luận cho rằng đó là giữ tiết tháo. Khi cư tang, trai gái đều mặc áo trắng toát, đàn bà lấy áo vải trùm mặt, bỏ vòng đeo, đại thể so với người Trung Quốc cũng có nét hao hao.

Nước Phù Dư vốn thuộc vào quận Huyền Thố. Thời Hán mạt, Công Tôn Độ khuếch trương thế lực đến bể đông, ra uy thu phục người Di ngoài cõi, vua nước Phù Dư là Úy Cừ Đài mới phụ thuộc vào Liêu Đông. Bấy giờ nước Câu Li và Tiên Ti cường mạnh, Độ vì nước Phù Dư ở vào giữa hai nước kia, mới gả con gái trong họ cho vua nước Phù Dư. Úy Cừ Đài chết, Giản Vị Cư được lập. Không có địch tử, chỉ có con của vợ lẽ là Ma Dư. Vị Cư chết, các Gia cùng lập Ma Dư. Con của anh Nguru gia nhân danh Vị Cư, làm Đại sứ, khinh tiền của ưa bố thí, người trong nước nương cậy vào hắn, hàng năm phái sứ giả đến kinh đô dâng cống. Năm Chính Thủy trung, Thứ sử U châu là Quán Khâu Kiêm đánh dẹp nước Câu Li, phái Thái thú Huyền Thố là Vương Kỳ đến nước Phù Dư, Vị Cư phái các Gia lớn ra thành nghênh đón, cung ứng lương ăn cho quân. Thúc phụ của Nguru gia hai lòng, Vị Cư giết cha con của thúc phụ, thu hết tài vật, sai sứ thu nạp đem đến sở quan.

Theo tục cũ của nước Phù Dư, năm khô hạn thì không thu thuế, ngũ cốc không chín được, thì quy lỗi cho vua, có người nói là nên thay ngôi vua, có kẻ nói là nên giết đi. Ma Dư chết, con của Ma Dư là Y Lự lên sáu tuổi, được lập làm vua. Thời nhà Hán, an táng vua nước Phù Dư thì dùng quan tài bằng ngọc, thường chuẩn bị sẵn để ở quận Huyền Thố, vua chết thì rước về để táng. Công Tôn Uyên chịu tội bị giết, kho tàng ở quận Huyền

¹ “Quàn”, tức là việc lưu giữ thi thể người chết trong nhà một số ngày nhất định, hết thời hạn đó mới đem chôn táng.

Thổ vẫn có một cái áo quan bằng ngọc để sẵn. Ngày nay trong kho của nước Phù Dư có mấy thứ đồ vật là ngọc bích, ngọc khuê, cốc rót rượu tế bằng ngọc thuần chất, truyền đời cho là báu vật, người già ở nước ấy nói rằng những vật đó được ban tặng từ đời trước vậy.^①

Ấn của nước ấy có văn tự là "Ấn của Uế Vương", nước ấy có tòa thành cũ tên là thành Uế, có lẽ nơi ấy vốn là đất của rợ Uế Mạch, mà vua Phù Dư ở trong ấy, bởi thế người già nước này tự nói người nước mình là "vong nhân", đại để là có nguyên nhân như thế vậy.^②

① *Ngụy lược* chép: Nước ấy giàu có, từ đời trước đến bây giờ, chưa từng bị tàn phá.

② *Ngụy lược* chép: Ghi chép trước đây nói rằng, khi xưa ở phương bắc có nước Cao Li, thị tì của vua nước ấy có thai, vua muốn giết đi, thị tì nói rằng: "Có luồng khí như quả trứng gà giáng xuống, ta vì thế có mang." Về sau thị tì sinh con trai, vua đem bỏ nó trong chuồng lợn, lợn đến cho nó bú, lại dọn nó đến chuồng ngựa, ngựa đến cho nó bú, nên không chết. Vua ngờ cho rằng nó là con trời, bèn lệnh cho mẹ nó nhặt lấy đem về nuôi, gọi tên là Đông Minh, thường sai nó đi chăn ngựa. Đông Minh có tài bắn cung, vua sợ nó đoạt mất nước của mình, muốn giết nó. Đông Minh chạy trốn, xuôi nam đến sông Thi Yểm, lấy cung tên bắn xuống nước, thường luồng nổi lên làm thành cái cầu nổi, Đông Minh qua được sông, thường luồng bèn giải tán, binh lính truy đuổi không qua sông được. Đông Minh nhân đó ở lại đất ấy làm vua nước Phù Dư.

Nước Cao Câu Li cách phía đông quận Liêu Đông nghìn dặm, phía nam giáp với nước Triều Tiên, Uế Mạch, phía đông liền với nước Ốc Trử, phía bắc tiếp với nước Phù Dư. Kinh đô ở Hoàn Đô, đất vuông vức chừng hai nghìn dặm; số hộ ba vạn. Có nhiều núi lớn lũng sâu, không có đất bằng đầm lầy. Người ta men lưng núi làm nhà, kiếm ăn ở lạch nước. Không có ruộng đất tốt, tuy ra sức làm ruộng, không đủ để no bụng đầy miệng.

Tục nước ấy tiết kiệm đồ ăn, thích sữa sang cung thất, dựng một ngôi nhà lớn ở bên trái và bên phải nhà của mình, tế quỷ thần, lại tế sao Linh, thần Xã tắc.⁽¹⁾ Người nước ấy bản tính hung ác bạo liệt, thích cướp bóc.

Nước ấy có vua, quan lại ở nước ấy thì có Tương gia, Đối lô, Phái giả, Cổ sồ gia, Chủ bộ, Ưu đãi thừa, Sứ giả, Tào y tiên nhân, lớn nhỏ đều có cấp bậc. Người Đông Di trước đây nói rằng họ là một chủng tộc khác của người Phù Dư, ngôn ngữ và các việc làm của họ, đa phần giống người Phù Dư, nhưng tính khí và y phục có nét khác biệt.

Nước ấy vốn có năm tộc, có bộ Quyên nô, bộ Tuyệt nô, bộ Thuận nô, bộ Quán nô, bộ Quế lâu. Nguyên gốc ban đầu là bộ Quyên nô làm vua, rồi suy yếu dần, hiện nay bộ Quế nô lên thay. Thời nhà Hán ban cho họ trống sáo và nghệ nhân, họ thường đến quận Huyền Thố tiếp nhận khăn áo của triều đình phát, vua nước Cao Câu Li ký tên mình vào sách mệnh. Dần về sau họ kiêu căng, không chịu đến quận nữa, mà đắp một tòa thành nhỏ ở phía đông bờ cõi, đặt khăn áo của triều đình ở trong, hàng năm đến lấy, hiện nay người Hồ vẫn gọi tòa thành ấy là Trách câu lâu. Câu lâu, theo người Cao Câu Li gọi là tòa thành vậy.

Về cách bố trí chức quan của họ: Có quan Đối lô thì không đặt quan Phái giả, có quan Phái giả thì không đặt quan Đối lô. Trong tông tộc nhà vua, thì các đại gia đều xưng là Cổ sồ gia. Bộ Quyên Nô trước vốn là chủ của nước, nay tuy không còn làm vua, chỉ gọi là Đại nhân, được xưng là Cổ sồ gia, cũng được lập tông miếu, tế sao linh, thần xã tắc. Bộ Tuyệt nô nổi đời có quan hệ hôn nhân với vua, được ban hiệu Cổ sồ. Các đại gia cũng tự đặt chức Sứ giả, Tào y tiên nhân, tên của họ đều gửi lên

¹ Sao Linh, còn có tên gọi là sao Thiên Điện, là thần của nghề nông. Xã tắc là chỉ thần đất và thần lúa.

cho quốc vương, còn như gia thần của khanh đại phu, lúc hội họp cùng đứng ngồi, không cùng hàng với Sứ giả và Tào y tiên nhân của nhà vua. Người nhà đại gia trong nước ấy không phải làm ruộng, kẻ chỉ ngồi ăn có hơn vạn khẩu, những hộ ở dưới phải gánh gạo tốt và cá muối từ xa đến cấp cho họ.

Dân nước ấy thích ca múa, các thôn ấp ở trong nước, trai gái sớm khuya tụ tập, cùng nhau ca hát đua bôn. Trong nước không có kho đụn lớn, nhà nhà tự có kho nhỏ, gọi là Phù kinh.

Người nước ấy ưa sạch sẽ, thích chôn giấu rượu, khi quỳ bái thì duỗi một chân, so với người Phù Dư có khác biệt, đi bộ đều như đang chạy. Vào tháng mười lăm tế trời, trong nước đại hội, gọi là Đông minh. Khi hội gặp, y phục đều là gấm màu sắc sỡ dùng bạc vàng tự trang sức. Đại gia, chủ bộ đầu vấn khăn, trên khăn không có gì khác nữa, tiểu gia vấn khăn Chiết phong, hình dáng như cái mũ biện.⁽¹⁾ Phía đông nước ấy có một cái hang lớn, gọi là Toại huyết, vào tháng mười, người trong nước tụ tập, nghênh đón Toại thần về phía đông của nước ấy mà tế, đặt cây gỗ lớn ở chỗ thần tọa. Trong nước không có nhà ngục, kẻ có tội thì các gia nghị bàn bình xét, rồi giết đi, bắt vợ con kẻ có tội đưa vào làm nô tì.

Về tục cưới hỏi ở nước ấy, đã bàn bạc ấn định xong rồi, nhà có con gái sẽ làm một gian nhà nhỏ ở phía sau ngôi nhà lớn, gọi là nhà rể, lúc sắp tối chàng rể đến bên ngoài nhà người con gái, tự xưng danh quỳ lạy, xin được tới ở lại nhà gái, nói như thế vài ba lần, cha mẹ người con gái mới nghe rồi cho ở lại trong gian nhà nhỏ, ở bên cạnh đặt tiền và lụa, đến lúc sinh con đã lớn rồi, mới đưa vợ về nhà mình. Tục nước ấy rất khác thường. Trai gái đã thành vợ chồng, lập tức may áo dành cho lúc chết. Chôn

¹ Mũ biện là cái mũ lớn trùm trên đầu mà quan lại thời xưa hay đội, mũ của võ quan làm bằng da.

táng hậu, vàng bạc tiền lụa, chôn hết theo người chết, chất đá đắp mộ phần, trồng tùng bách thành hàng quanh mộ.

Ngựa của nước ấy đều nhỏ, leo núi nhanh. Người nước ấy có sức khỏe, quen chiến đấu, các nước Ốc Trò, Đông Uế đều phụ thuộc vào nước ấy. Lại có người Tiểu Thủy Mạch. Lúc người Câu Li dựng lập nước, nương theo sông lớn mà ở, phía bắc huyện Tây An Bình có con sông nhỏ, chảy về phía nam đổ vào bể lớn, một chủng tộc khác của người Câu Li dựa vào con sông nhỏ lập nước, nhân đó lấy tên là Tiểu Thủy Mạch, đất ấy xuất ra cung tên tốt, cho nên gọi là Mạch cung vậy.

Thời Vương Mãng sơ trung phát binh xứ Cao Câu Li để đánh rợ Hồ, họ không muốn đi, triều đình cưỡng bách bắt phải đi, họ đều trốn ra biên hiểm làm giặc cướp. Đại doãn ở Liêu Tây là Điền Đan truy kích họ, bị họ giết hại. Quận huyện trong châu quy lỗi cho Câu Li hầu là Đào, Nghiêm Vu tư nói:

"Người nước Mạch phạm pháp, tội chẳng phải do Đào gây ra, tạm thời nên úy lạo vỗ yên. Nay khép hấn vào đại tội, sợ rằng hấn sẽ phản."

Mãng không nghe, hạ chiếu sai Vu đánh Đào. Vu dụ dỗ Câu Li hầu là Đào đến rồi chém hấn, truyền đưa đầu của Đào đến Trường An. Mãng rất hài lòng, bố cáo thiên hạ, lại đổi tên nước Cao Câu Li thành Hạ Câu Li. Đương lúc bấy giờ là nước phong Hầu, năm thứ tám thời Quang Vũ đế nhà Hán, vua nước Cao Câu Li phái sứ giả về triều dâng cống, mới bắt đầu được xưng Vương.

Đến khoảng giữa thời Thương đế, An đế, vua Cao Câu Li là Cung mấy lần vào cướp Liêu Đông, triều đình đem đất ấy nhập vào quận Huyền Thố. Thái thú Liêu Đông là Sái Phong, Thái thú Huyền Thố là Diêu Quang vì Cung gây hại ở hai quận, hưng binh thảo phạt Cung. Cung trá hàng xin hòa, hai quận không tiến nữa. Cung bí mật phái quân đánh úp quận Huyền

Thổ, đốt cháy thành Hậu, tiến vào Liêu Toại, giết hại quan dân. Sau đó Cung lại xâm phạm Liêu Đông, Sái Phong đem khinh binh tướng lại đuổi đánh Cung, thua quân bị chết. Cung chết, con của Cung là Bá Cỗ được lập. Khoảng giữa thời Thuận đế, Hoàn đế, lại xâm phạm Liêu Đông, cướp bóc ở Tân An, Cư Hương, lại tấn công Tây An Bình, trên đường đi giết huyện lệnh huyện Đái Phương, cướp được vợ con của Thái thú Lạc Lãng. Năm Kiến Ninh thứ hai thời Linh đế, Thái thú Huyền Thổ là Cảnh Lâm đánh dẹp Cỗ, chém mấy trăm đầu giặc, Bá Cỗ hàng, nội thuộc vào Liêu Đông. Năm Gia Bình trung, Bá Cỗ xin nội thuộc vào quận Huyền Thổ. Công Tôn Độ khuếch trương thế lực ở bể đông, Bá Cỗ phái bọn Đại gia là Ưu Cư, Chủ bộ là Nhiên Nhân giúp Độ đánh giặc Phú Sơn, phá chúng.

Bá Cỗ chết, có hai con, con trưởng là Bạt Kỳ, con út là Y Di Mô. Bạt Kỳ không được như cha mình, người trong nước bèn cùng nhau lập Y Di Mô làm vua. Từ thời Bá Cỗ, mấy lần vào cướp Liêu Đông, lại thu nhận hơn năm trăm nhà rợ Hồ trốn đến đấy. Năm Kiến An trung, Công Tôn Khang xuất quân đánh Cao Câu Li, phá nước ấy, thiêu đốt thôn ấp. Bạt Kỳ oán hận vì mình là anh nhưng không được lập, bèn cùng các tướng dưới trướng và các gia của bộ Quyên nô gồm hơn ba vạn khẩu đến chỗ Khang xin hàng, rồi quay về đóng lại ở sông Phất Lưu. Rợ Hồ đến hàng lúc trước cũng phản lại Y Di Mô, Y Di Mô lại lập nước mới, là nước Cao Câu Li ngày nay vậy. Bạt Kỳ bèn qua Liêu Đông, có con ở lại nước Câu Li, đấy là Cỗ sồ gia Bác Vị Cư hiện nay vậy. Về sau nước ấy lại đánh quận Huyền Thổ, quận Huyền Thổ cùng quận Liêu Đông hợp sức đánh, đại phá quân nước ấy.

Y Di Mô không có con, dân loạn với người của bộ Quán nô, sinh con trai là Vị Cung. Y Di Mô chết, con được lập làm vua, vua nước Cao Câu Li hiện nay là Cung vậy. Vì cụt nội của vua

tên là Cung, lúc sinh ra đã trợn mắt nhìn, người nước ấy ghét, lúc lớn lên, quả nhiên hung ác bạo ngược, mấy lần đi cướp bóc, khiến nước bị tàn phá. Nay vua sinh ra nằm dưới đất, cũng trợn mắt nhìn người. Người Câu Li gọi việc tương tự là Vị, vì Cung giống như ông tổ lúc trước, cho nên đặt tên là Vị Cung. Vị Cung có sức khỏe và dũng mãnh, cưỡi ngựa phi nhanh, giỏi săn bắn. Năm Cảnh Sơ thứ hai, Thái úy Tư Mã Tuyên vương thống suất quân đội dẹp Công Tôn Uyên, Cung phái Chủ bộ Đại Gia đem mấy nghìn người đến giúp quân. Năm Chính Thủy thứ ba, Cung vào cướp ở Tây An Bình, năm năm sau, bị Thứ sử U châu là Quán Khâu Kiêm phá. Việc đã nói ở truyện về Kiêm.

Nước Đông Ốc Trở nằm ở phía đông ngọn núi lớn Cái Mã của nước Cao Câu Li, men theo bể lớn mà ở. Địa hình nước ấy chiều đông bắc hẹp, phía tây nam dài, ước chừng nghìn dặm, phía bắc tiếp giáp các nước Ấp Lô, Phù Dư, phía nam liền kề với nước Uế Mạch. Số hộ là năm nghìn, không có Đại quân vương, đời đời ở thôn ấp, đều có thủ lĩnh. Ngôn ngữ của người nước ấy đại để giống người Cao Câu Li, có chút khác biệt nhỏ.

Thời Hán sơ, có người nước Yên đi trốn là Vệ Mãn làm vua nước Triều Tiên, bấy giờ nước Ốc Trở nội thuộc vào nước ấy. Hán Vũ đế vào năm Nguyên Phong thứ hai, đánh nước Triều Tiên, giết cháu của Mãn là Hữu Cừ, chia đất ấy thành bốn quận, lấy thành Ốc Trở lập quận Huyền Thố. Về sau chỗ ấy bị người Di Mạch xâm lấn, quận trị dời đến phía tây bắc nước Câu Li, nay chỗ ấy gọi là Cố phủ của quận Huyền Thố vậy. Nước Ốc Trở lại nội thuộc vào quận Lạc Lãng. Nhà Hán vì đất đai xa rộng, ở phía đông dãy núi lớn là Đan Đan, chia đặt quan Đông bộ đô úy, sở trị ở thành Bất Nại, coi riêng bảy huyện ở phía đông dãy núi, bấy giờ cả nước Ốc Trở cũng đều thành huyện. Năm thứ sáu thời Quang Vũ nhà Hán, giảm bớt các quận biên giới, chức Đô úy bởi thế bị bãi. Sau đó đều lấy cử soái trong các

huyện ấy làm Huyện hầu, các huyện Bất Nại, Hoa Lê, Ốc Trờ đều là nước phong tước Hầu. Người Di Định công phạt lẫn nhau, duy có Bất Nại hầu đến nay vẫn đặt các quan Công tào, Chủ bộ, đều là dân huyện Uế làm chức quan ấy. Các cừ soái ở thôn ấp nước Ốc Trờ, đều tự xưng là Tam lão, là phép chế của quận huyện ngày trước vậy. Vì là nước nhỏ, bị ép giữa các nước lớn, bèn thần phục thuộc vào nước Câu Li. Người Câu Li lại đặt Đại nhân ở trong nước ấy làm Sứ giả, sai chọn người chủ quản, lại sai Đại gia thống quản việc tô thuế, vải Mịch, cá, muối, thực vật trong biển, vác cống từ nghìn dặm đưa đến, lại đưa mỹ nữ nước ấy đến làm tì thiếp, đối đãi với họ như nô bộc.

Đất đai nước ấy màu mỡ phì nhiêu, tựa vào núi hướng ra biển, thích hợp để trồng ngũ cốc, ruộng cấy rất tốt. Người nước ấy bản tính thẳng thắn chất phác, khỏe mạnh dũng cảm, vì thiếu trâu ngựa, nên giỏi cầm mâu đánh bộ. Nơi ở và đồ ăn uống, y phục lễ tiết, cơ bản giống với người Câu Li.^① Nước ấy chôn táng dùng cây lớn làm quách, dài hơn chục trượng, mở một đầu làm cửa. Người mới chết đều đem vùi xuống đất, khi thân thể nát rữa, da thịt tiêu sạch, mới lấy xương bỏ vào quách. Cả nhà đều chung một quách, dẻo gỗ như hình người sống, tùy theo số người chết mà làm. Lại lấy cái hũ sành, bỏ gạo vào trong đó, treo bên cạnh ở chỗ cửa quách.

① *Ngụy lược* chép: Phép cưới hỏi của nước ấy, con gái lên mười tuổi, được hứa gả sẵn. Nhà rể đến đón về, nuôi lớn thì lấy làm vợ. Đến lúc sinh con, lại về nhà gái. Nhà gái đòi tiền, trả tiền xong, mới lại quay về nhà con rể.

Quán Khâu Kiêm đánh dẹp nước Câu Li, vua nước Câu Li là Cung trốn đến nước Ốc Trờ, Kiêm bèn tiến lên đánh Cung. Các thôn ấp ở Ốc Trờ đều bị phá, bắt chém được hơn ba nghìn thủ cấp của giặc, Cung trốn đến Bắc Ốc Trờ.

Bắc Ốc Trờ lại có tên gọi là Trí Câu Lô, cách Nam Ốc Trờ hơn tám trăm dặm, phong tục nam bắc đều giống nhau, liền kề với

nước Ấp Lô. Người nước Ấp Lô thích cưỡi thuyền đi cướp bóc, người Bắc Ốc Trờ sợ họ; vào các tháng mùa hạ họ thường ở trong hang sâu trên núi đá để phòng giữ, các tháng mùa đông băng đóng cứng, đường thuyền bất thông, họ xuống trú ở thôn ấp. Vương Kỳ biệt phái quân đuổi đánh Cung, đến hết địa giới phía đông nước ấy. Hỏi những người già lão nước ấy rằng "Bề đông có người ở nữa chăng?" Người già nói rằng người trong nước từng cưỡi thuyền đi bắt cá, gặp gió bị thổi trôi mấy chục ngày, ở phía đông thấy một hòn đảo, trên đấy có người ở, nói năng không hiểu được nhau, phong tục xứ ấy là vào tháng bảy lấy đông nữ¹ chìm xuống biển. Lại kể là có một nước cũng ở giữa biển, trong nước toàn nữ mà không có nam. Lại nói là lấy được một cái áo vải, từ trong lòng biển nổi lên, thân áo giống như áo của người Trung Quốc, hai ống áo dài ba trượng. Còn nói là thấy một con thuyền vỡ, theo sóng biển dạt vào bờ, trên thuyền có một người mặt ở giữa cổ, bắt được người ấy, nói với nhau mà không hiểu nhau, người ấy không ăn mà chết. Những xứ ấy đều ở phía đông nước Ốc Trờ giữa biển lớn.

Nước Ấp Lô ở cách hơn nghìn dặm về phía đông bắc nước Phù Dư, ven biển lớn, phía nam tiếp giáp với nước Bắc Ốc Trờ, chưa biết chỗ cùng cực phía bắc nước ấy là chỗ nào. Đất đai nước ấy nhiều núi hiểm. Người nước ấy hình dáng giống như người Phù Dư, ngôn ngữ thì không giống với người Phù Dư và người Cao Câu Li. Nước ấy có ngũ cốc, trâu, ngựa, vải gai. Người nước ấy đa phần có sức vóc, nước không có Đại quân trường, thôn ấp đều có Đại nhân. Họ trú trong rừng núi, thường ở trong hang, nhà lớn sâu chín tầng, cho rằng nhiều tầng là tốt. Khí đất lạnh lẽo, rất khác với nước Phù Dư.

Tục nước ấy thích nuôi lợn, ăn thịt lợn, lấy da lợn làm áo. Mùa đông lấy mỡ lợn xoa vào người, dày mấy phân, để chống gió

¹ Tức là người con gái chưa lấy chồng.

rét. Mùa hạ thì cởi trần, lấy một thước vải dày kín trước sau, để che thân thể.

Người nước này không sạch sẽ, làm nhà xí ở chính giữa nhà, người vây xung quanh mà ở. Cây cung của họ dài bốn thước, sức bắn như nỏ, mũi tên làm bằng gỗ hộp, dài một thước tám tấc, lấy đá xanh làm mũi tên nhọn, như của nước Túc Thận thời xưa vậy.

Người nước này giỏi bắn tên, tên bắn đều cắm trúng. Mũi tên có bôi thuốc độc, người trúng tên đều chết. Nước này xuất ngọc đỏ, lông điều tốt, nay gọi là điều Ấp Lâu vậy.

Từ thời nhà Hán đến nay, nước Ấp Lâu thần phục thuộc nước Phù Dư, người Phù Dư đòi họ nộp tô thuế nặng, vì thế năm Hoàng Sơ trung họ phản. Người Phù Dư mấy lần đem binh đánh họ, quân dân nước ấy tuy ít, song họ ở chỗ núi hiểm, người nước láng giềng sợ cung tên của họ, rút cục không thể thu phục được họ vậy. Người nước ấy hay cưỡi thuyền đi cướp bóc, nước láng giềng cũng lo sợ. Người Đông Di ăn uống đại loại đều dùng mâm bát, duy có người nước Ấp Lâu là không, phong tục tập quán rất không có kỷ cương vậy.

Nước Uế phía nam giáp nước Thần Hàn, phía bắc liền kề nước Cao Câu Li, nước Ốc Trờ, tận cùng phía đông là bể lớn, phía đông của nước Triều Tiên hiện nay đều là đất của nước ấy vậy. Số hộ có hai vạn. Ngày xưa Cơ Tử⁽¹⁾ đã đến Triều Tiên, chép ra tám điều giáo hóa để dạy dỗ dân ấy, nên không cần đóng cửa nhà mà dân cũng không bị cướp. Hơn bốn mươi đời sau đó,

¹ Cơ tử (箕子) vốn tên là Tư Dư, là con của Văn Đinh, em trai Đế Ất, thúc phụ của Trụ vương, làm quan Thái sư, được phong ở đất Cơ, nên gọi là Cơ tử. Ông là Triết gia đệ nhất cuối đời Ân Thương thời ấy có những biến động lịch sử rất lớn, vì đạo của ông không được thi hành nên bất đắc chí, ông liả bỏ nhà Ân suy vi, chạy đến Triều Tiên, lập quốc gia riêng. Ông vốn nổi tiếng với bài ca đau thương là Mịch Tú, xót xa cho cảnh đổ nát hoàng tàn, lúa mọc xanh um nơi cung điện của nhà Ân.

Triều Tiên hầu là Chuẩn tiếm hiệu xưng Vương. Bọn Trần Thắng nổi lên, thiên hạ phản nhà Tần, dân các nước Yên, Tề, Triệu tránh loạn ở đất Triều Tiên đến mấy vạn khẩu. Người nước Yên là Vệ Mãn, búi tóc như cái vồ mặc áo người Di, lại đến làm vua nước ấy. Hán Vũ đế đem binh đánh diệt nước Triều Tiên, chia đất nước ấy làm bốn quận. Từ đấy về sau, người Hồ, người Hán tách biệt.

Nước ấy không có Đại quân trưởng, từ thời nhà Hán đến nay, quan lại có Hầu ấp quân, Tam lão, thống quản các hộ ở dưới. Người già lão ngày trước ở nước ấy tự kể rằng dân mình và người Câu Li là đồng chủng.

Người nước ấy bản tính trung hậu thành thực, ít ham sắc dục, có liêm sỉ, không thích cầu xin. Ngôn ngữ và phong tục tập quán của họ đại để giống với người Cao Câu Li, song y phục có khác. Trai gái đều mặc áo cổ cong, con trai thường chạm bạc thành hình bông hoa rộng mấy tấc để làm trang sức. Từ dãy núi lớn Đan Đan về tây nối với quận Lạc Lãng, từ núi Lĩnh sang đông có bảy huyện, do Đô úy coi sóc, đều lấy người Uế quản dân. Sau đó bỏ chức quan Đô úy, phong cừ soái ở đó làm Hầu, người Uế ở Bất Nại hiện nay đều là chủng người ấy vậy.

Thời Hán diệt nước Uế nội thuộc vào nước Câu Li. Phong tục nước ấy coi trọng sông núi, sông núi đều có các khu vực riêng, không được xằng bậy bước vào. Người cùng họ không được lấy nhau. Có nhiều điều kỳ hựu, người ốm bệnh chết thì lập tức vứt bỏ nhà cũ, lại làm nhà mới. Nước ấy có vải gai, dâu tằm để làm bông mềm. Họ hiểu rõ cách xem sao, dự đoán được năm được mùa năm đói kém. Người nước ấy không dùng ngọc làm báu vật. Họ thường lấy ngày tiết tháng mười để tế trời, ngày tế trời, họ ngày đêm uống rượu ca múa, gọi ngày đó là Vũ thiên, họ lại tế loài hổ cho rằng đấy là thần. Thôn ấp ở nước ấy nếu có xâm phạm nhau, thì thường cùng bị phạt, đòi phải nộp muông sinh

là trâu ngựa, gọi việc đó là Trách họa.⁽¹⁾ Kẻ giết người thì phải đền mạng. Trong nước ít có cướp bóc. Họ làm ngọn mâu dài ba trượng, có khi phải mấy người cùng cầm mâu, mới có thể giao chiến trên bộ. Cây cung làm bằng gỗ đàn của quận Lạc Lãng có xuất xứ từ đất ấy.

Biển ở nước ấy xuất ra da cá ban, dưới đất có rất nhiều báo hoa, lại xuất ra ngựa Quả hạ, vào thời Hiến đế nhà Hán họ từng dâng biểu thứ ngựa ấy.^{①(2)}

① Thần Tùng Chi xét: Ngựa quả hạ cao ba thước, cưỡi nó mà đến dưới cây có quả thì nó không chịu đi, cho nên gọi là ngựa quả hạ. Việc này thấy nói ở sách *Bác vật chí* và bài *Ngụy đô phú*.

Năm Chính Thủy thứ sáu, Thái thú Lạc Lãng Lưu Mậu, Thái thú Đái Phương Cung Tuân đốc suất dân Đông Uế nội thuộc nước Câu Li, hưng binh đánh người Uế, bọn Bất Nại hầu dâng ấp hàng. Năm thứ tám, Bất Nại đến cửa khuyết triều cống, Đế hạ chiếu lại bái Bất Nại làm vua nước Uế. Bất Nại sinh hoạt lẫn trong chốn dân gian, bốn mùa đến quận tham kiến. Hai quận khi có trưng binh điều phát, cung cấp lao dịch, đãi ngộ như dân thường.

Nước Hàn nằm ở phía nam quận Đái Phương, hai phía đông tây lấy biển làm giới hạn, phía nam liền kề với nước Nụy, đất vuông chừng bốn nghìn dặm. Có ba chủng tộc, một là Mã Hàn, hai là Thần Hàn, ba là Biện Hàn. Thần Hàn, là nước Thần thời cổ vậy.

Chúng Mã Hàn ở phía tây. Dân của chúng này đòi đòi cư trú ở đất ấy, họ trồng trọt, biết lấy dâu tằm, làm vải bông mềm. Các

¹ Trách họa (责祸): Trách là đòi, là yêu cầu nộp cái gì đó, họa là mối họa gây ra. Tức là đòi người gây họa phải nộp phạt.

² Cá ban là loại cá có hình dáng hơi hơi giống con lợn, lưng có sắc xanh đen, da có hoa văn loang lổ. Có lẽ là con hải cầu; Còn ngựa Quả hạ còn gọi là ngựa Hoa lưu, là một thứ ngựa quý mà vua nhà Chu là Mục vương từng có.

nơi đều có thủ lĩnh, lớn thì tự gọi là Thần trí, dưới bậc ấy là Ấp tá, họ ở tản mát giữa vùng sông núi, không có thành quách gì cả. Có nước Viên Tương, nước Mâu Thủy, nước Tang Ngoại, nước Tiểu Thạch Tác, nước Đại Thạch Tác, nước Ưu Hưu Mâu Trác, nước Thần Phần Cô, nước Bá Tế, nước Tốc Lô Bất Tư, nước Nhật Hoa, nước Cổ Đan Giả, nước Cổ Li, nước Nộ Lam, nước Nguyệt Chi, nước Tư Li Mâu Lô, nước Tố Vị Can, nước Cổ Viên, nước Mạc Lư, nước Ti Li, nước Chiêm Li Ti, nước Thần Hấn, nước Chi Xâm, nước Cầu Lư, nước Ti Di, nước Giám Hề Ti Li, nước Cổ Bồ, nước Trí Lợi Cúc, nước Nhiễm Lộ, nước Nghê Lâm, nước Tứ Lư, nước Nội Ti Li, nước Cầm Hề, nước Vạn Lư, nước Tích Ti Li, nước Cửu Tư Ô Đán, nước Nhất Li, nước Bất Di, nước Chi Bán, nước Cầu Tố, nước Tiệp Lư, nước Mâu Lư Ti Li, nước Thần Tô Đồ, nước Mạc Lư, nước Cổ Lạp, nước Lâm Tố Bán, nước Thần Vân Tân, nước Như Lai Ti Li, nước Sở Sơn Đồ Ti Li, nước Nhất Nan, nước Cầu Hề, nước Bất Vân, nước Bất Tư Phần Tà, nước Viên Trì, nước Càn Mã, nước Sở Li, cả thảy là hơn năm chục nước. Nước lớn thì hơn vạn nhà, nước nhỏ thì mấy nghìn nhà, tổng cộng hơn chục vạn hộ. Vua của nước Thần đặt sở trị ở nước Nguyệt Chi. Thần trí xưng danh hiệu là Hoắc Gia Ưu Hô Thần Vân Khiển Chi Báo An Tà Địch Chi Phần Thần Li Nghê Bất Lệ Câu Tà Tần Chi Liêm.⁽¹⁾ Quan lại ở nước ấy thì có các chức quan là Ngụy suất thiện, Ấp quân, Quy nghĩa hầu, Trung lang tướng, Đô úy, Bá trưởng.

Triều Tiên hầu là Chuẩn sau khi tiếm hiệu xưng Vương, bị kẻ đi trốn người nước Yên là Vệ Mãn đánh cướp đất,^① Chuẩn đem tá hữu cung nhân của mình chạy vào biển, chiếm đất Hàn, tự xưng hiệu là Hàn vương.^② Họ ấy về sau tuyệt diệt, nay người Hàn vẫn có người tự xưng Chuẩn. Thời nhà Hán đất ấy thuộc quận Lạc Lãng, bốn mùa đến quận tham kiến.^③

¹ Không hiểu cái tên hiệu dài thế này nghĩa là thế nào?

① *Ngụy lược* chép: Ngày xưa hậu duệ của Cơ Tử làm Triều Tiên hầu, thấy nhà Chu suy vi, nước Yên tự xưng tôn hiệu là Vương, muốn sang đông cướp đất, Triều Tiên hầu cũng tự xưng là Vương, muốn hưng binh chặn đánh nước Yên để tôn phù nhà Chu. Đại phu nước ấy là Lễ can ngăn, mới thôi. Triều Tiên hầu sai Lễ sang tây thuyết nước Yên, vua nước Yên dừng việc cướp đất, không đi đánh nữa. Về sau con cháu dần kiêu căng ngỗ ngược, Yên vương bèn phái tướng là Tần Khai tấn công vào phía tây nước ấy, lấy được hơn hai nghìn dặm đất, đến tận Mãn Phiên làm ranh giới, nước Triều Tiên vì thế suy yếu. Đến lúc nhà Tần thôn gồm thiên hạ, sai Mông Điem đắp trường thành, đến tận Liêu Đông. Bấy giờ vua nước Triều Tiên là Phủ được lập, sợ nước Tần đánh úp, xin quy phục nội thuộc vào nhà Tần, nhưng không chịu đến hội triều. Phủ chết, con của Phủ là Chuẩn được lập. Hơn hai chục năm sau thì Trần, Hạng nổi lên, thiên hạ loạn, dân các nước Yên, Tề, Triệu khốn khổ, dần dần trốn đến chỗ Chuẩn, Chuẩn bèn an trí họ ở phía tây. Lúc nhà Hán lấy Lô Oản làm Yên vương, địa giới chia nước Triều Tiên và nước Yên là sông Phối. Lúc Oản tạo phản, trốn vào đất Hung Nô, người nước Yên là Vệ Mãn đi trốn, mặc áo rọ Hồ, sang đông vượt sông Phối, đến chỗ Chuẩn xin hàng, thuyết Chuẩn xin được ở biên giới phía tây, cho nên những người Trung Quốc đi trốn trở thành phen đậu của Triều Tiên. Chuẩn tin tưởng sủng ái Mãn, bái làm Bác sĩ, ban cho ngọc khuê, phong trăm dặm đất, lệnh cho giữ biên giới phía tây. Mãn chiêu dụ những kẻ đi trốn, bộ chúng đông dần, bèn trí trá phái người báo lên Chuẩn, nói là binh Hán mười đường kéo đến, xin được về triều giữ, rồi kéo về đánh Chuẩn. Chuẩn cùng Mãn giao chiến, không chống nổi.

② *Ngụy lược* chép: Con của Chuẩn cùng người thân lưu lại nước ấy, nhân đó đổi họ thành Hàn. Chuẩn làm vua ở giữa vùng biển, không cùng nước Triều Tiên qua lại với nhau.

③ *Ngụy lược* chép: Ban đầu, lúc Hữu Cừ chưa bị phá, Triều Tiên tướng là Lịch Khê Khanh vì can Hữu Cừ không được, bèn sang đông đến nước Thần, bấy giờ dân theo ra ở có đến hơn hai nghìn

hộ, cũng dùng cống nạp không qua lại với nước Triều Tiên. Đến năm Địa Hoàng thời Vương Mãng, có người là Liêm Tư Xước làm Hữu cù soái của tộc Thần Hàn, nghe nói đất đai của quận Lạc Lãng tốt, người dân giàu có vui tươi, muốn trốn đến hàng. Ra khỏi thôn ấp, thấy một người con trai đang đuổi bắt chim sẻ ở trong ruộng, nghe tiếng nói của người ấy không phải là tiếng của người Hàn. Đến hỏi, người ấy đáp:

- Ta là người Hán, tên là Hộ Lai, bọn ta có một nghìn năm trăm người đi chặt gỗ, bị người Hàn địa phương đánh bắt được, đều cắt tóc làm nô lệ, đã ba năm rồi.

Xước nói:

- Ta sắp đến hàng quận Lạc Lãng của nhà Hán, mày có muốn bỏ đi chẳng?

Hộ Lai nói:

- Được.

Xước nhân đó đem Hộ Lai đến huyện Hàm Tư, quan huyện báo lên quận, quận bèn lấy Xước làm thông dịch, từ huyện Cầm Trung cưỡi đại thuyền vào đất Thần Hàn, đón Hộ Lai, đồng bọn đi theo còn được nghìn người, năm trăm người trong số họ đã chết. Bấy giờ Xước bảo rõ với người Thần Hàn rằng:

- Chúng bay trả lại năm trăm người kia đi. Nếu không trả, quận Lạc Lãng sẽ phái vạn binh cưỡi thuyền đến đánh chúng bay.

Người Thần Hàn nói:

- Năm trăm người kia đã chết, bọn ta sẽ đưa người ra đền thôi.

Bèn đưa ra một vạn năm nghìn người Thần Hàn, một vạn năm nghìn thất vải Biện Hàn để đền, Xước thu lấy rồi về ngay. Quận dâng biểu lên xin khen công nghĩa của Xước, ban cho khăn mũ, ruộng đất, đến mấy đời con cháu, đến năm Diên Quang thứ tư thời An đế, ân cũ mới bị tước bỏ.

Thời Hoàn, Linh mật, nước Hàn nước Uế cường thịnh, quận huyện không khống chế được, dân chúng đa phần phiêu dạt vào nước Hàn. Năm Kiến An trung, Công Tôn Khang chia đất

đai từ huyện Đồn Hữu đến cõi đất hoang phía nam lập quận Đái Phương, phái bọn Công Tôn Mô, Trương Xưởng thu tụ lưu dân, hưng binh đi đánh người Hàn người Uế, dân cũ ở đất ấy dần ra hàng, từ đó người Nụy người Hàn nội thuộc vào quận Đái Phương. Năm Cảnh Sơ trung, Minh đế mật phái Thái thú Đái Phương là Lưu Hân, Thái thú Lạc Lãng là Tiên Vu Tự vượt bể bình hai quận, ban ấn thụ Ấp quân cho các Thần trí của nước Hàn, thứ bậc chỉ dưới Ấp trưởng.

Tập tục xứ ấy thích mặc áo vải khăn, các nhà đến quận tham kiến, đều mượn khăn áo, số người tự đeo ấn thụ mặc áo vải khăn có đến hơn nghìn người. Bộ tòng sự là Ngô Lâm thấy quận Lạc Lãng vốn cai quản cả nước Hàn, bèn chia ra cắt tám nước của người Thần Hàn nhập vào quận Lạc Lãng, quan lại dịch tiếng chuyển lời có chỗ sai khác, các Thần trí khích động sự phẫn nộ của người Hàn, họ tấn công trại Khi Li của quận Đái Phương. Thái thú sợ tại bấy giờ là Cung Tuân, Thái thú Lạc Lãng là Lưu Mậu hưng binh đi đánh họ, Tuân giao chiến chết, hai quận bèn diệt nước Hàn.

Phong tục của nước Hàn thiếu kỷ cương, ấp trong nước tuy có chủ soái, song dân các thôn ấp sống lẫn lộn, không thể thống nhất quản lý được. Họ không có lễ quỳ lạy. Nhà ở làm mái cỏ vách đất, hình dáng như năm mồ, cửa nhà ở phía trên, cả nhà cùng ở trong ấy, không phân biệt lớn nhỏ trai gái gì cả. Phép an táng của họ thì có quách mà không có áo quan, không biết cưới trâu cưới ngựa, trâu ngựa chết thì vút đi. Họ dùng ngọc trai châu chuỗi làm vật báu, hoặc đem buộc vào áo làm đồ trang sức, hoặc đeo ở tai ở cổ, không cho vàng bạc găm lùa là quý.

Người xứ ấy bản tính cứng rắn mạnh tợn, để đầu trần phơi búi tóc, như mũi mác, mặc áo choàng bằng vải, chân đi giày, mặt da giẫm xuống đất. Mỗi khi trong nước có lao dịch hoặc phủ quan sai đắp thành, những người trẻ tuổi mạnh mẽ có sức vóc, đều

đục xuyên da thịt, lấy dây lớn khâu qua, lại dùng cái mai bằng gỗ dài chừng một trượng để giữ, suốt ngày hô hoán ra sức kéo, không cho là đau, còn khuyến khích người ta làm, lại cho rằng thế là khỏe. Thường vào cuối tháng năm việc gieo trồng xong xuôi, họ tế tự quỷ thần, quần tụ ca múa, uống rượu ngày đêm không nghỉ. Lúc mùa, mấy chục người đều đứng nối nhau, chân đạp đất cúi đầu ngửa cổ, tay chân ứng theo, tiết tấu có lúc giống như múa chuông. Vào tháng mười thì việc gặt hái xong, lại cúng tế quỷ thần như thế.

Người xứ ấy tin quỷ thần, mỗi ấp trong nước đều lập một người làm chủ tế trời tế thần, gọi là Thiên quân. Thêm nữa là các nước đều có ấp riêng, gọi chỗ ấy là Tô đồ. Họ dựng một cây gỗ lớn, treo chiêng trống lên, để thờ quỷ thần. Những người bỏ trốn đến đất ấy đều không muốn quay về, mà thích ở lại làm giặc. Người xứ ấy dựng Nghĩa Tô đồ,⁽¹⁾ có nét giống như cái tháp của nhà Phật, nhưng các việc làm thiện ác thì có khác. Các vùng ở phía bắc nước Hàn gần với các quận thì hiểu biết chút ít lễ nghĩa tập tục, những nơi xa xôi chỉ giống như bọn tù ngục, nô tì quần tụ với nhau.

Xứ ấy không có đồ trân bảo. Chim muông cây cỏ đại lược so với Trung Quốc cũng giống. Nơi ấy xuất ra cây dẻ lớn, to như cây lê. Lại xuất ra loại gà đuôi nhỏ, đuôi nó đều dài hơn năm thước. Con trai nước ấy thường xăm trổ hoa văn trên người.

Lại có một giống người ở trên các hòn đảo lớn giữa bể phía tây nước Mã Hàn gọi là Châu Hồ, giống người này hơi thấp bé, tiếng nói không giống với người nước Hàn, đầu tóc đều giống với người Tiên Ti, chỉ mặc áo da, thích nuôi trâu và lợn. Áo của họ che trên mà không che dưới, đại để là như cời trần. Họ cưỡi thuyền qua lại, mua bán ở trong nước Hàn.

¹ Nghĩa Tô đồ, có lẽ là giống như nghĩa xá, nhà trạm, là nơi chu cấp giúp đỡ cho người cơ nhỡ khôn khó.

Chúng tộc Thần Hàn ở phía đông xứ Mã Hàn, người già truyền kể, tự nói dân mình trước kia là những người trốn tránh lao dịch của nhà Tần mới đi đến nước Hàn, người Mã Hàn cắt đất ở địa giới phía đông cho ở. Có cấm tường rào. Ngôn ngữ của họ không giống với người Mã Hàn, gọi nước là Bang, gọi cung tên là Hồ, gọi giặc là Khẩu, uống rượu gọi là Hành thương. Xưng hô với nhau cũng gọi là Đồ, tựa như người nước Tần, không những thế tên gọi đồ vật cũng như giống cách gọi của người nước Yên, nước Tề vậy. Họ gọi người quận Lạc Lãng là A tàn; người phương đông gọi chúng ta là A, ý tứ là nói người quận Lạc Lãng vốn là hậu duệ của những người sống sót vậy. Nay có người gọi họ là người Tần Hàn. Ban đầu có sáu nước, dần dần chia thành mười hai nước.

Chúng tộc Biện Hàn cũng có mười hai nước, lại có các ấp nhỏ riêng rẽ khác, đều có thủ lĩnh, lớn thì gọi là Thần trí, dưới bậc đó là Hiểm trắc, thứ nữa là Phàn uế, thứ nữa Sát hề, thứ nữa là Ấp tá. Có nước Dĩ Đế, nước Bất Tư, nước Biện Thần Di Li Di Đồng, nước Biện Thần Tiếp Đồ, nước Cần Kỳ, nước Nan Di Li Di Đồng, nước Biện Thần Cổ Tư Di Đồng, nước Biện Thần Cổ Thuần Thị, nước Nhiễm Hề, nước Biện Thần Bán Lộ, nước Biện Nhạc Nô, nước Quân Di (nước Biện Quân Di), nước Biện Thần Di Ô Tà Mã, nước Như Trạ, nước Biện Thần Cam Lộ, nước Hộ Lộ, nước Châu Tiên (nước Mã Diên), nước Biện Thần Cầu Tà, nước Biện Thần Tẩu Tào Mã, nước Biện Thần An Tà (nước Mã Diên), nước Biện Thần Độc Lư, nước Tư Lư, nước Ưu Do.

Chúng Biện Hàn, Thần Hàn hợp lại là có hai mươi bốn nước, nước lớn có bốn năm nghìn nhà, nước nhỏ có sáu bảy trăm nhà, tổng cộng có bốn năm vạn hộ. Trong số ấy có mười hai nước nội thuộc vào vua nước Thần. Ngôi vua nước Thần thường do người Mã Hàn làm, đời đời truyền nối thay nhau. Vua nước Thần thì không được tự lập người làm vua.①

Xứ ấy đất đai phì nhiêu, thích hợp trồng ngũ cốc và lúa gié, dân chúng hiểu rõ cách lấy dâu tằm, làm vải lụa, cưới xe trâu xe ngựa. Về lễ nghi và tập tục cưới hỏi, thì trai gái có phân biệt. Họ dùng lông chim lớn để táng theo người chết, ý rằng muốn cho người chết được bay lên trời.②

Trong nước xuất ra sắt, người các nước Hàn, Uế, Nụy đều đến lấy. Các nơi trao đổi mua bán đều dùng sắt, như ở Trung Quốc dùng tiền vậy, lại dùng để cung cấp cho hai quận. Phong tục của họ là thích ca múa uống rượu. Có đàn sắt, hình thù đàn ấy tựa như đàn trúc, gảy lên cũng ra âm khúc. Trẻ con mới sinh ra, người ta lấy đá ép vào đầu nó, muốn đầu bé lại. Hiện nay người Thần Hàn đều có đầu nhỏ. Trai gái giống như người nước Nụy, cũng xăm trổ hoa văn lên thân thể. Họ giỏi bộ chiến, giáo gậy cũng giống với người Mã Hàn. Phong tục của họ, khi đi đường mà gặp nhau, đều dừng lại nhường đường.

① *Ngụy lược* chép: Rõ ràng vua nước Thần là lưu dân vậy, cho nên bị người Mã Hàn ngăn chế.

② *Ngụy lược* chép: Người nước này làm nhà ở, dùng gỗ xếp chồng lên nhau tạo phòng, giống như nhà ngục vậy.

Người Biện Hàn cùng người Thần Hàn ở lẫn lộn, cũng có thành quách. Áo quần và nhà ở so với người Thần Hàn cũng giống. Ngôn ngữ và phong tục tập quán cũng tương tự, việc cúng tế quỷ thần thì có khác, họ đều đặt bếp ở phía tây nhà. Nước Độc Lô ở xứ ấy giáp giới với nước Nụy. Mười hai nước cũng có vua, hình dáng người xứ ấy đều cao lớn. Áo quần sạch sẽ, để tóc dài. Cũng làm khăn rộng bằng vải mịn. Phép tắc tục lệ của họ đặc biệt nghiêm khắc.

Người nước Nụy ở giữa biển lớn về phía đông nam quận Đái Phương, dựa vào núi đảo dựng nước lập ấp. Ngày trước có hơn trăm nước, thời nhà Hán có đến triều kiến, nay tín sứ thông dịch báo là có ba chục nước.

Từ quận đến nước Nụy, phải men theo bờ biển đi đường thủy, qua nước Hàn, rẽ về đông quay sang nam, đến bờ bắc nước Cầu Tà Hàn, đi hơn bảy nghìn dặm, bắt đầu vượt một biển, đi hơn nghìn dặm đến nước Đối Mã. Đại quan ở nước ấy gọi là Ti cầu, phó quan gọi là Ti nô mẫu li. Xứ sở của họ là một hòn đảo cách tuyệt không thông với nơi nào, vuông chừng hơn bốn trăm dặm, đất đai núi non hiểm trở, nhiều rừng rậm, đường đi nhỏ hẹp vòng vèo như đường muông thú chạy. Xứ ấy có hơn nghìn hộ, không có ruộng tốt, ăn vật dưới biển mà sống, phải đi thuyền xuôi ngược nam bắc mua lương thực.

Lại xuôi nam vượt qua một biển hơn nghìn dặm, biển ấy gọi là Hãn hải, đến một nước lớn, quan cũng gọi là Ti cầu, phó quan gọi là Ti nô mẫu li. Đất vuông chừng ba trăm dặm, nhiều tre gỗ rừng rậm, có khoảng ba nghìn nhà, đều có ruộng đất, cày ruộng vẫn không đủ ăn, cũng phải qua lại nam bắc mua lương thực.

Lại vượt qua một biển nữa, đi hơn nghìn dặm thì đến nước Mạt Lô, xứ ấy có hơn bốn nghìn hộ, gần núi sát biển, cỏ cây xanh tốt um tùm, khi đi đường chẳng trông thấy người phía trước. Dân thích bắt cá và con hàu, chẳng kể nước nông hay sâu, họ đều trầm mình xuống bắt lấy những con vật ấy.

Theo đường bộ về phía đông đi chừng năm trăm dặm, đến nước Y Đô, quan của họ gọi là Nhĩ chi, phó quan gọi là Tiết mô cô, Bính cừ cô. Xứ ấy có hơn nghìn hộ, đời nào cũng có vua, đều thống thuộc vào nước Nữ Vương, sứ giả của quận qua lại thường trú ở đấy.

Đi về phía đông nam trăm dặm, đến nước Nô, quan xứ ấy gọi là Hủy mã cô, phó quan là Ti nô mẫu li, có hơn hai vạn hộ.

Đi về phía đông trăm dặm, đến nước Bất Di, quan của họ gọi là Đa mô, phó quan là Ti nô mẫu li, có hơn nghìn nhà.

Xuôi nam đến nước Đầu Mã, phải đi đường thủy mất hai chục ngày, quan xứ ấy gọi là Di di, phó quan là Di di na lợi, xứ ấy ước chừng có hơn năm vạn hộ.

Lại xuôi nam đến nước Tà Mã Nhất, đây là kinh đô của nước Nữ Vương, phải đi đường thủy mười ngày, rồi đi đường bộ một tháng. Quan xứ ấy gọi là Y chi mã, thứ nữa là Di mã thăng, thứ nữa là Di mã hoạch chi, thứ nữa là Nô giai đề, nước ấy có chừng hơn bảy vạn hộ.

Từ nước Nữ Vương lên bắc, số hộ các nơi và đường đất chỉ có thể chép được sơ lược, các nước còn lại ở bên cạnh rất xa xôi cách trở, không thể biết được tỏ tường.

Thứ nữa thì có nước Tư Mã, kế đó có nước Dĩ Bách Chi, kế nữa có nước Y Tà, kế đó có nước Đô Chi, kế nữa có nước Di Nô, kế nữa có nước Hảo Cổ Đô, kế nữa có nước Bất Hô, kế nữa có nước Tả Nô, kế đó có nước Đối Tô, kế đó có nước Tô Nô, kế đó có nước Hô Ấp, kế nữa có nước Hoa Nô Tô Nô, kế đó có nước Quỷ, kế nữa có nước Vi Ngô, kế nữa có nước Quỷ Nô, kế đó có nước Tà Mã, kế nữa có nước Cung Thần, kế đó có nước Ba Lợi, kế đó có nước Chi Duy, kế đó có nước Ô Nô, kế đó có nước Nô, nước đây là cõi tận cùng địa giới của nước Nữ Vương.

Phía nam nước Nữ Vương có nước Cầu Nô, đàn ông làm vua, quan của họ gọi là Cầu cổ trí ti cầu, không nội thuộc vào nước Nữ Vương. Từ quận đến nước Nữ Vương, là hơn một vạn hai nghìn dặm đường.

Đàn ông nước Nụy bất kể lớn bé đều thích chũr vẽ mặt, xăm trổ thân thể. Từ xưa đến nay, sứ giả nước họ đến Trung Quốc, đều tự xưng là Đại phu. Trước kia con của vua Thiếu Khang nhà Hạ Hậu được phong ở Cối Kê,⁽¹⁾ cắt tóc xăm trổ thân thể để tránh cái hại của giao long. Nay người nước Nụy hay trầm mình dưới nước bắt cá, bắt hàu, xăm trổ thân thể cũng là cách để dọa cá

¹ Vua Thiếu Khang là vị vua thứ sáu của nhà Hạ. Ông là con của Hạ Tương. Thời ấy nhà Hạ bị Hậu Nghệ cướp ngôi, về sau Hậu Nghệ bị Hàn Trác đánh, lại mất ngôi. Thiếu Khang lớn lên, tụ tập bộ chúng, đánh thắng và giết Hàn Trác, giành lại quyền thống trị nhà Hạ. Ông phong con thứ của mình là Vu Việt ở đất Cối Kê, để coi việc cúng tế vua Đại Vũ.

lớn và các loài thủy cầm, rồi sau đó lấy việc vẽ thân làm trang sức. Người các nước xăm trổ thân thể đều có nét khác nhau, hoặc bên trái, hoặc bên phải, khi lớn khi nhỏ, sang hèn có khác biệt. Xét theo vị trí nước ấy, là ứng với phía đông của huyện Đông Dã quận Cối Kê vậy.

Phong tục nước này không dâm, đàn ông đều để lộ búi tóc, lấy vải mềm quấn đầu. Áo của họ là tấm vải quấn chéo ngang người, chỉ buộc cho liền lại với nhau, qua loa không may vá gì. Đàn bà búi tóc uốn trên chòm đầu, may áo như áo đơn, xuyên lỗ ở giữa áo, chui đầu mà mặc. Họ trồng lúa gié, cấy vải gai, dâu tằm, xe sợi, xuất ra sợi gai mịn, lụa mềm.

Đất này không có trâu ngựa, hổ báo dê, chim khách. Binh lính dùng mâu, thuẫn, cung tên bằng gỗ. Cung tên gỗ thì dưới ngắn trên dài, lấy tre làm mũi tên hoặc lấy sắt thép hay xương thú làm mũi tên, cách ấy không giống cách làm của người quận Đàm Nhĩ và Chu Nhai.

Khí hậu đất Nụy ẩm áp, mùa đông mùa hạ họ ăn rau sống, đều đi chân trần. Nhà chia ngăn, cha mẹ anh em nằm nghỉ khác chỗ nhau, dùng thứ nước màu đỏ xoa lên thân thể, như người Trung Quốc xoa phấn vậy. Ăn uống thì dùng bát đĩa, lấy tay bốc thức ăn. Lúc chết, có dùng áo quan mà không có quách, đắp đất làm mộ. Người mới chết thì để tang hơn chục ngày, vào những ngày ấy họ không ăn thịt, tang chủ khóc lóc, những người khác tới ca múa uống rượu. Chôn cất xong, cả nhà ra giữa sông tắm rửa, gội đầu cho sạch. Người nước ấy qua lại vượt biển đến Trung Quốc, họ thường sai một người, không được chải đầu, không bắt chấy rận, quần áo bẩn thỉu, không ăn thịt, không gần gũi đàn bà, như người để tang, gọi người đó là Trì suy. Nếu người đi được tốt lành, thì mọi người cấp tài vật cho kẻ kia; nếu người đi mắc bệnh tật, gặp họa hại, thì họ sẽ giết kẻ nọ, gọi người ấy là Trì suy bất cần.

Nước ấy xuất ra ngọc trân châu, ngọc xanh. Núi ở đấy có quặng đá đỏ, gỗ ở nước ấy có các cây chò, thữ, dự chương, nhự lịch, đầu cương, ô hiệu, phong hương, có trúc tiểu cán, đào chi. Có khương, quất, tiêu, nương hà, không biết nó ngon bổ thế nào. Có vượn khỉ, trĩ đen. Phong tục nước ấy là việc đi lại cử sự, phải có luận bàn, thường đốt xương mà bói, để xem điềm cát hung, báo cho người muốn bói trước, cũng như phép bói mai rùa, trông ngọn lửa để đoán điềm triệu. Họ hội họp thì cùng đứng ngồi, cha con nam nữ không phân biệt, bản tính họ thích rượu.^① Khi yết kiến bậc đại nhân đáng kính, chỉ chấp tay để thay quỳ lạy.

Người nước ấy sống lâu, có người trăm tuổi, hoặc tám chín mươi tuổi. Phong tục nước ấy, Đại nhân trong nước đều có bốn năm vợ, nhà bậc dưới có hai hoặc ba vợ. Đàn bà không được dâm dăng, không được ghen tuông đố kỵ. Người ta không trộm cắp, ít có kiện tụng. Người nào phạm pháp, nhẹ thì bị bắt mất vợ con, nặng thì giết cả nhà. Đến như tông tộc cao quý hay thấp hèn, đều có thứ bậc, đủ để thần phục nhau. Phải thu tô thuế.

Có nước Đê Các, trong nước có chợ, giao dịch lúc có lúc không, sai Đại nhân người Nụy giám sát việc giao dịch ở chợ. Từ nước Nữ Vương lên bắc, đặc cách đặt một vị đại soái, để kiểm soát các nước, các nước đều sợ viên quan ấy. Thường thì sở trị của vị đại soái ở nước Y Đô, cũng giống như quan Thứ sử của Trung Quốc. Vua phái sứ giả đến kinh đô, quận Đái Phương, các nước Hàn, hay lúc quận sai sứ đến nước Nụy, quan đại soái đều đến bờ biển kiểm tra, truyền đưa văn thư và các vật ban tặng đến Nữ vương, sao cho không có sai sót gì. Các nhà thứ bậc hạng dưới cùng đại nhân gặp nhau ở trên đường, phải lùi lại bước vào vệ cỏ. Lúc truyền lời dãi bày sự việc, hoặc ngồi xổm hoặc quỳ gối, hai tay chống dưới đất, đấy là tỏ ý cung kính. Khi đối đáp thì nói là "Ôi", tựa như nói "Dạ" vậy.

① *Ngụy lược* chép: Tục nước ấy không biết chính xác bốn tiết trong năm, chỉ tính là mùa xuân thì cày ruộng, mùa thu thì gặt hái mà ghi năm tháng.

Nước ấy vốn cũng lấy đàn ông làm vua, bảy tám chục năm trước, nước Nụy loạn, đánh phá nhau nhiều năm, bèn cùng nhau lập một người con gái lên làm vua, tên là Ti Di Hô, thờ đạo quý, có thể mê hoặc dân chúng, tuổi đã lớn, không có chồng, có em trai giúp việc trị quốc. Từ lúc làm vua đến giờ, ít ai trông thấy. Vua dùng một nghìn nữ tì để hầu hạ mình, duy có một người đàn ông được hầu cấp đồ ăn uống, truyền lời ra lời vào. Vua ở nơi lầu quán trong cung thất, có thành rào bố phòng rất nghiêm ngặt, thường có người cầm binh khí phòng vệ.

Từ nước Nữ Vương sang đông qua biển hơn nghìn dặm, lại có nước khác, đều là chủng người Nụy. Lại có nước Chu Nho ở phía nam nước ấy, người cao ba bốn thước, cách nước Nữ Vương hơn bốn nghìn dặm. Lại có nước Lò, nước Hắc Xi cũng ở phía đông nam nước ấy, thuyền đi một năm có thể đến được. Dò hỏi về đất Nụy, người ta nói đất ấy cách tuyệt trên bãi đảo giữa biển, chỗ cách chỗ liền, đi vòng quanh ước chừng hơn năm nghìn dặm.

Năm Cảnh Sơ thứ hai tháng sáu, Nữ vương nước Nụy phái quan Đại phu là bọn Nan Thăng Mễ đến quận, xin đến chỗ Thiên tử triều kiến dâng cống, Thái thú Lưu Hạ sai quan tướng đưa đến kinh đô.

Tháng mười hai năm ấy, Đế hạ chiếu thư trả lời Nữ vương của nước Nụy rằng:

"Hoàng đế chiếu lệnh cho Thân Ngụy Nụy vương là Ti Di Hô biết:

Thái thú Đái Phương là Lưu Hạ đã phái sứ giả đưa người của người là Đại phu Nan Thăng Mễ, Thứ sử Đô Phất Ngưu Lợi đến dâng biểu bốn nô bộc nam và sáu nô tì nữ, hai thất vải da cá Ban dày hai trượng

theo lệnh người, đã đến nơi. Người ở nơi rất xa, mà phái sứ dâng cống vật, đây là lòng trung hiếu của người, ta hết sức thương mến. Nay phong người làm Thân Ngụy Nụy vương, ban cho kim ấn dây thao đỏ, đóng gói phong kín lại giao cho Thái thú Đái Phương trao cho người. Người hãy vỗ về người trong tộc, gắng tỏ hiếu thuận. Sứ của người là Nan Thăng Mễ, Ngưu Lợi lặn lội bên tầu đường xa, đi đường khó nhọc, nay phong Nan Thăng Mễ làm Suất thiện Trung lang tướng, Ngưu Lợi làm Suất thiện Hiệu úy, ban cho ấn bạc dây thao xanh, sai phái đem đồ ban tặng về nước. Nay lấy năm thất gấm Giao long giáng địa, ① mười tấm len Giáng địa trứu túc, năm chục thất vải đỏ, năm chục thất vải xanh, để đáp lại các vật mà các người dâng cống. Lại ban riêng cho người ba thất gấm cảm địa có thêu hoa văn, năm tấm len ban hoa, năm chục thất lụa trắng, tám lượng vàng, hai cái đao dài năm thước, một trăm cái gương đồng, ngọc trân châu, năm chục cân quặng chì, đều gói lại phong kín giao cho Nan Thăng Mễ, Ngưu Lợi ghi chép nhận lấy đưa về. Hãy đưa hết ra cho người ở trong nước người được biết, để tỏ cái tình thương của quốc gia với người, cho nên mới trịnh trọng ban vật tốt cho người vậy”.

① Thần Tùg Chi cho rằng chữ địa trên phải là chữ đề, Hán Văn đế mặc áo đen gọi là Dặc đề vậy. Chữ này không phải chữ gốc, nếu không phải là cái sai của Ngụy triều, thì là người chép truyện lầm lẫn vậy.

Năm Chính Thủy nguyên niên, Thái thú Cung Tuân phái bọn Kiến trung Hiệu úy là Thê Tuấn mang chiếu thư ấn thụ đến nước Nụy, bái gặp người thay mặt Nụy vương, đưa chiếu thư ban tặng vàng, lụa, gấm len, đao, gương, và các đồ vật trang sức, Nụy vương nhân đó phái người dâng biểu đáp tạ ân chiếu. Năm thứ tư, Nụy vương lại phái tám sứ giả là bọn Đại phu Y Thanh Kỳ, Dịch Tà Cầu dâng biểu nô lệ, gấm của nước Nụy, lụa sớng sắc tía, áo bông mềm, lụa, gỗ đỏ, một đôi chó quý, cung tên ngắn. Bọn Dịch Tà Cầu đều được bái làm Suất thiện Trung lang tướng cho nhận ấn thụ. Năm thứ sáu, Đế hạ chiếu ban cò

tràng màu vàng cho Nan Thắng Mễ của nước Nụy, giao cho châu quận trao tặng.

Năm thứ tám, Thái thú Vương Kỳ đến nhận chức. Nụy nữ vương Ti Di Hô và vua nước Cửu Nô là Ti Di Cung Hô vốn bất hòa, phái bọn Nụy Tái Tư, Ô Việt đến quận nói rõ tình trạng đánh phá lẫn nhau của nước mình. Vương Kỳ sai bọn Tái tào duệ sứ là Trương Chính nhân đó mang chiếu thư, cò tràng vàng đến, mượn cớ bái phong Nan Thắng Mễ phát hịch cáo dụ chúng. Ti Di Hô chết, làm mộ lớn, rộng hơn trăm bước, tuần táng theo hơn trăm nô tì. Lại lập đàn ông làm vua, người trong nước không phục, lại đánh giết lẫn nhau, bấy giờ chết hơn nghìn người. Rồi lại lập một người con gái trong họ của Ti Di Hô là Nhất Dữ, mới mười ba tuổi làm vua, trong nước mới yên. Bọn Chính đem thư hịch cáo dụ Nhất Dữ, Nhất Dữ phái bọn Đại phu nước Nụy là Suất thiện Trung lang tướng Dịch Tà Cửu gồm hai chục người hộ tống bọn Chính quay về, nhân đó đến sở quan, dâng biểu ba chục nô lệ trai gái, cống năm nghìn viên ngọc trai trắng, hai tấm ngọc lớn xâu lỗ màu xanh, hai mươi tư thất gấm hoa văn sắc sỡ khác thường.

Bình rằng: *Sử ký, Hán thư* ghi chép truyện về nước Triều Tiên và hai nước Việt, Đông kinh⁽¹⁾ soạn chép truyện về Tây Khương. Thời nhà Ngụy, người Hung Nô suy yếu, lại có người Ô Hoàn, Tiên Ti và cả người Đông Di, sứ giả thông dịch qua lại, cho nên ghi chép kể lại theo từng việc, đây là việc thường vậy!①

① *Ngụy lược*, thiên *Tây Nhung truyện* chép:

Người Đê có vua, là việc có từ rất lâu rồi. Từ khi nhà Hán khai phá Ích châu, đặt quận Vũ Đô, xua đuổi giống người ở đấy, họ đều trốn náu giữa vùng sơn cốc, hoặc ở huyện Phúc Lộc, hoặc tại đất Khiên, quanh vùng đất Lũng. Người ở đất ấy không phải chỉ

¹ Là trước tác của Phạm Việp.

có một chủng, họ xưng là hậu duệ của Bàn Hồ,⁽¹⁾ hoặc hiệu là Thanh Đê, hoặc hiệu là Bạch Đê, hoặc hiệu là Nhiêm Đê, đầy đại khái là giống người mọi rợ đến ở Trung Quốc, vì thế người ta theo sắc phục mà đặt tên vậy. Người rợ tự gọi nhau là Hạp Trĩ, đều có vương hầu, đa phần nhận bái phong của người Trung Quốc. Gần đây vào năm Kiến An trung, Đê vương ở Hung Quốc là A Quý, Đê vương ở Bạch Hạng là Thiên Vạn đều có bộ lạc hơn vạn người, đến năm thứ mười sáu, theo Mã Siêu làm loạn. Sau khi Siêu bị phá, A Quý bị Hạ Hầu Uyên đánh diệt, Thiên Vạn sang phía tây nam vào đất Thục, bộ lạc của hắn không chịu đi, đều ra hàng. Quốc gia chia ra di dời họ trước sau hai đợt, bố trí ở Phù Phong, Mĩ Dương, nay là hai bộ mà An Di, Phù Di hộ quân coi giữ vậy. Thái thú ở đấy là Thiện, chia họ ra ở địa giới giữa quận Thiên Thủy và Nam An, nay là địa phận cai quản của Thái thú quận Quảng Ngụy vậy. Phong tục, tiếng nói của họ không giống với người Trung Quốc, lại giống với người Khương, người Hồ, bọn họ đều tự có họ, như họ của người Trung Quốc vậy. Họ chuộng y phục màu xanh pha sắc đỏ. Họ biết dệt vải, giỏi cấy trồng, chăn nuôi lợn, trâu, ngựa, la, lừa. Đàn bà nước ấy đã có chồng thì mặc áo lộ vạt, cách thức chế đường viền trang trí trên áo có nét giống người Khương, vạt áo để lộ lại có nét giống với áo choàng của người Trung Quốc. Họ đều kết tóc. Đa phần là biết

¹ *Hậu Hán thư, Nam Man liệt truyện* kể: Khi xưa, vào thời họ Cao Tân trị, có giặc Khuyển Nhung, Đế lo chúng xâm hại, dẹp không được, bèn kiếm người tài trong thiên hạ, nói là ai có thể lấy được đầu Ngô tướng quân của người Khuyển Nhung thì thưởng cho nghìn vàng, thực ấp vạn nhà, lại gả con gái cho. Lúc ấy Đế nuôi một con chó trong nhà, lông của nó năm màu, tên là Bàn Hồ. Sau khi ra lệnh, Bàn Hồ ngậm đầu người đến dưới cửa khuyết, quần thần kinh ngạc lại xem, thì là đầu của Ngô tướng quân. Đế cả mừng, nhưng xét thấy không thể gả con gái cho Bàn Hồ, lại không thể phong tước, bèn bạc muốn báo đáp nhưng chưa biết nên làm thế nào. Con gái nghe tin, cho rằng vua đã ban lệnh, không nên trái tín, bèn xin đi. Đế không thể ngăn, bèn đem con gái gả cho Bàn Hồ. Bàn Hồ lấy được con gái, chạy vào núi Nam, ở trong nhà đá, nơi hiểm trở không có dấu chân người. Do đó con gái cời bỏ xiêm áo, búi tóc ở trên đầu, mặc áo cộc tay. Qua ba năm, sinh ra mười hai người con, sáu trai, sáu gái. Bàn Hồ chết, nhân đó họ tự chọn làm vợ chồng, sau đó sinh sôi nhiều ra, gọi là người Man Di.

tiếng Trung Quốc, bởi họ ở lẫn với người Trung Quốc từ trước vậy. Khi họ về giữa bộ lạc, thì tự nói tiếng Đê. Phép cưới hỏi của họ có nét giống với người Khương, đấy đại khái là vì trước đây họ là người Tây Nhung ở đất Nhai, Ký, Hào vậy. Nay tuy họ đã chịu thống thuộc vào quận quốc, nhưng vốn dĩ ngay trong chỗ họ sống vẫn có vương hầu của bộ lạc vậy. Lại nữa là trước đây vùng phụ cận của quận Vũ Đô đường đất bằng phẳng, cũng có hơn vạn nhà. Người Ti Lỗ vốn là người Hung Nô vậy, người Hung Nô gọi nô tì là Ti. Bắt đầu vào những năm Kiến Vũ, người Hung Nô suy yếu, nô tì của họ ly tán, trốn náu ở Kim Thành, Vũ Uy, vùng sông Hắc phía bắc quận Túc Tuyền, hai phía đông tây vùng Tây Hà, chăn thả gia súc ở bãi cỏ bên sông, cướp bóc ở Lương châu, bộ lạc đông dần, có mấy vạn, không giống với người Tiên Ti ở Đông bộ vậy. Họ không phải chỉ có một chủng, có người Đại Hồ, có người Đinh Linh, hoặc số ít ở lẫn với người Khương, bởi họ vốn là nô tì bỏ trốn ngày trước vậy. Đang lúc Hán, Ngụy chuyển giao, Đại nhân của họ là Đàn Chá chết, một đại nhân khác trong chi của họ ở phía nam gần địa giới Quảng Ngụy, Linh Cư, là Thốc Khôi Lai nhiều lần làm phản, bị chính quyền Lương châu giết chết. Ngày nay có Thiệu Đề, lúc đến hàng, khi bỏ trốn, thường gây hại trên đường ở vùng Tây châu.

Giữa núi nam xứ Tây Vực quận Đôn Hoàng, từ phía tây Nhục Khương đến núi Thông Lĩnh là mấy nghìn dặm, có những chủng khác của người Nguyệt Chi là người Thông Sái Khương, Bạch Mã, Hoàng Ngưu Khương, đều có tù trưởng, phía bắc liền kề với các nước, không biết đường đất xứ ấy rộng hẹp thế nào. Nghe đồn rằng người Hoàng Ngưu Khương có các nhánh chủng khác, đàn bà mang thai sáu tháng thì sinh, biên phía nam gần kề với người Bạch Mã Khương. Các nước Tây Vực, vào thời Hán sơ mới khai thông đường tới chỗ ấy, bấy giờ có ba mươi sáu nước, sau chia thành hơn năm chục nước. Từ năm Kiến Vũ về sau, họ thay nhau thôn tính đánh diệt, đến nay có hai chục nước.

Từ ải Ngọc Môn quận Đôn Hoàng tiến vào Tây Vực, trước có hai đường, nay có ba đường. Từ phía tây ải Ngọc Môn đi ra, qua

Nhược Khương hướng sang tây, vượt Thông Lĩnh, qua Huyền Đô, vào nước Đại Nguyệt Chi, là đường phía nam. Từ phía tây ải Ngọc Môn đi ra, lại từ giếng Đô Hộ tiến phát, vòng sang đầu phía bắc bãi Tam Lũng, qua kho Cư Lô, từ giếng Sa Tây chuyển sang hướng đông bắc, qua Long Đồi, đến nước Lâu Lan cũ, chuyển sang hướng tây thẳng tới nước Quy Từ, đến Thông Lĩnh, là con đường giữa. Từ tây bắc ải Ngọc Môn đi ra, qua Hoành Khanh, vòng tránh bãi Tam Lũng và Long Đồi, đi ra phía bắc Ngũ Thuyền, đến địa giới nước Xa Sư là sở trị Cao Xương của Thành kỳ Hiệu úy, chuyển hướng sang tây vào con đường ở giữa đến nước Quy Từ, là con đường mới. Hết thảy các vật xuất ra từ Tây Vực, đã có sử quan đòi trước ghi chép đầy đủ tường tận, nên nay chỉ nói sơ lược thôi.

Theo con đường phía nam đi sang hướng tây, có nước Thư Chí, nước Tiểu Uyển, nước Tinh Tuyết, nước Lâu Lan đều nội thuộc nước Thiện Thiện. Nước Nhung Lô, nước Hãn Di, nước Cừ Lặc, nước Huyệt Sơn (nước Bì Sơn) đều nội thuộc nước Trí. Nước Kế Tân, nước Đại Hạ, nước Cao Phụ, nước Thiên Trúc đều nội thuộc nước Đại Nguyệt Chi.

Nước Lâm Nghiê, theo kinh Phù đồ nói rằng vua nước ấy sinh ra Phù Đồ. Phù Đồ là Thái tử vậy. Cha là Tiết Đầu Da, mẹ là Mạc Da. Phù Đồ mình mặc áo màu vàng, tóc như sợi tơ xanh, vú có lông xanh, móng tay đỏ như đồng. Khi trước Mạc Da nằm mộng thấy con voi trắng rồi có mang, đến khi sinh, từ sườn bên trái mẹ chui ra, sinh ra thì tóc đã búi, để xuống đất thì đi được bảy bước. Nước ấy ở giữa thành Thiên Trúc. Ở Thiên Trúc lại có người thần, tên là Sa Luật. Ngày trước vào năm Nguyên Thọ nguyên niên thời Hán Ai đế, đệ tử của Bác sĩ Cảnh Lư nhận kinh Phù Đồ từ mệnh truyền của sứ giả nước Đại Nguyệt Chi là Y Tôn, nói "người đây là người được truyền đạo vậy." Ghi chép trong *kinh Phù đồ* có nói đến Bồ tát, Tang môn, Bá văn, Sơ văn, Bạch sơ gian, Tỉ khâu, Thần môn, đều là danh hiệu của đệ tử vậy. Kinh Phù Đồ cũng chép là kinh này cùng *Lão tử kinh* của Trung Quốc có qua lại với nhau, đại khái là cho rằng Lão tử sang tây ra khỏi quan ải, đi

qua Tây Vực đến nước Thiên Trúc truyền dạy cho người Hồ. Phù Đồ đặt biệt hiệu cho đệ tử, tập hợp được hai mươi chín người, không thể chép tường tận hết, cho nên chép sơ lược như thế vậy.

Nước Xa Li có một tên khác là Lễ Duy Đặc, tên nữa là Bái Lệ Vương, ở cách hơn ba nghìn dặm về phía đông nam của nước Thiên Trúc, nước ấy ẩm ướt nóng nực. Sở trị của vua nước ấy ở thành Sa Kỳ, có mấy chục thành khác nữa, sức dân yếu kém, bị người Nguyệt Chi, người Thiên Trúc đánh bắt phải phục tùng. Đất ấy bốn phía đông tây nam bắc là mấy nghìn dặm, dân chúng trai gái đều cao một trượng hoặc tám thước, cưỡi voi, dùng bao che chắn để giao chiến, nay người Nguyệt Chi bắt phải nạp thuế lao dịch cho họ.

Nước Bàn Việt có tên gọi khác là Hán Việt Vương, ở cách mấy nghìn dặm về đông nam của nước Thiên Trúc, kề cận với Ích châu, người nước ấy nhỏ bé giống với người Trung Quốc, các nhà buôn đất Thục thường đến đấy.

Theo con đường phía nam mà đến tận cùng phía tây rồi chuyển sang hướng đông nam là tận đường rồi. Theo con đường giữa sang tây là đi đến nước Ủy Lê, nước Ngụy Tu, nước Sơn Vương đều nội thuộc nước Yên Kỳ; nước Cô Mặc, nước Ôn Túc, nước Ủy Đầu đều nội thuộc nước Quy Từ vậy. Nước Trinh Trung, nước Toa Xa, nước Kiệt Thạch, nước Cừ Sa, nước Tây Dạ, nước Y Nại, nước Mãn Lê, nước Úc Nhược, nước Du Linh, nước Tổn Độc, nước Hưu Tu, nước Cầm đều nội thuộc nước Sơ Lạc. Từ đấy đi sang tây, là các nước Đại Uyển, An Túc, Điều Chi, Ô Đặc.

Nước Ô Đặc có một tên là Bài Đặc, đấy là nước thứ tư ở phía tây, nguyên lai nước ấy từ xưa, không có gì thay đổi. Người đời trước lầm lẫn cho rằng đó là nước Điều Chi ở phía tây nước Đại Tần, nay kỳ thực là ở phía đông. Người đời trước cũng lại sai lầm cho rằng nước mạnh là nước An Túc, nay lại thấy là nước lao dịch nội thuộc nước Điều Chi, hiệu là cõi tây An Túc. Người xưa cũng lại sai lầm cho rằng sông Nhược ở phía tây nước Điều Chi, nay thấy sông Nhược ở phía tây nước Đại Tần. Người xưa cũng lại lầm lẫn cho rằng từ nước Điều Chi đi về phía tây hơn hai trăm ngày, là

gần đến chỗ Mặt trời lặn, nay thấy phía tây nước Đại Tần mới gần chỗ Mặt trời lặn.

Nước Đại Tần còn gọi là nước Lê Gian, nằm ở phía tây bể lớn về phía tây nước An Tức, nước Điều Chi. Cưỡi thuyền từ thành An Cốc thuộc nước An Tức, thẳng đến về hướng tây nước Hải Tây, gặp gió thuận thì hai tháng đến nơi, gió yếu có khi đến một năm, không có gió có thể đi mất ba năm. Nước ấy nằm ở phía tây biển, nên tục gọi là nước Hải Tây vậy. Sông Hà xuất phát từ nước ấy, phía tây lại có biển lớn.

Nước Hải Tây có thành Trì Tán, từ cuối nước ấy thẳng lên bắc là đến thành Ô Đan, qua tây nam lại vượt một con sông, cưỡi thuyền một ngày mới qua được. Sang tây nam lại vượt một con sông, đi một ngày mới qua. Cả thấy có ba kinh đô lớn, lại từ thành An Cốc theo đường bộ thẳng lên bắc là đến bể bắc, lại thẳng hướng tây mà đi là đến bể tây, lại đi thẳng về phía nam qua thành Ô Trì Tán, vượt một con sông, cưỡi thuyền một ngày mới qua được. Đi vòng quanh biển, cả thấy phải sáu ngày mới qua được biển lớn mà đến được nước ấy. Nước ấy gộp lại có hơn bốn trăm thành ấp nhỏ, đông tây nam bắc mấy nghìn dặm. Sở trị của vua nước ấy ở gần sông gần biển, lấy đá làm thành quách. Cây cối mọc trên đất đai nước ấy có tùng, bách, hòe, tử, trúc, cỏ lau, dương liễu, ngô đồng, và trăm thứ cỏ.

Tập quán dân ấy là làm ruộng trồng ngũ cốc, gia súc để cưỡi có ngựa, la, lừa, lạc đà. Nuôi tầm dâu. Tập tục dân nước ấy đa phần thích trò huyền ảo, như phun lửa từ trong miệng, tự trói mình rồi tự cởi ra, nhảy lộn mười hai vòng rất xảo diệu.

Nước ấy không có vua cố định, trong nước mà có tai họa dị thường, liền thay lập người hiền lên làm vua, rồi bãi vua cũ của họ, vua cũng không dám oán hận. Người nước ấy cao lớn đĩnh đạc, giống như người Trung Quốc nhưng mặc áo rọ Hồ. Họ tự nói rằng họ vốn là một chủng khác của người Trung Quốc, thường muốn thông sứ với Trung Quốc, nhưng người nước An Tức mưu lợi với họ, cho nên không đi qua được. Người nước ấy biết chữ của người Hồ. Theo pháp chế của họ, cung thất nhà riêng

đều làm nhiều mái, cấm cò tinh gỗ trống, ngồi xe nhỏ treo lọng trắng, nhà trạm dịch đình bố trí như ở Trung Quốc.

Từ nước An Tức đi vòng theo bể bắc đến được nước ấy, người dân ở liền nhau, mười dặm lại có một đình, ba mươi dặm có một nhà trạm, nên không có đạo tặc. Chỉ có mãnh hổ, sư tử làm hại, người đi đường mà không quần tụ thành nhóm thì không được đi. Nước ấy đặt ra mấy chục tiểu vương, sở trị của những tiểu vương ấy các ở tòa thành chu vi hơn trăm dặm, đặt quan lại coi xét văn thư. Vua có năm cung điện, mỗi cung điện cách nhau khoảng mười dặm, vua nước ấy mỗi sớm đến một cung nghe tấu việc, đến chiều tối thì nghỉ lại đó, sáng hôm sau lại đến một cung khác, cứ năm ngày là hết một vòng. Lại đặt ra ba mươi sáu viên tướng, mỗi khi nghị sự, một tướng không đến thì cũng không bàn việc. Vua xuất hành, thường sai người đi theo cầm một cái túi da bên mình, có người trình bày việc, thì nhận đơn tấu bỏ vào túi, quay về cung mới tự xem xét quyết định.

Người nước ấy dùng thủy tinh chế cột chống cung điện và làm các loại chén quý, làm cung tên. Vua nước ấy phong nhiều vua tiểu quốc, gọi là Trạch Tán vương, Lư Phân vương, Thư Lan vương, Hiền Đốc vương, Dĩ Phục vương, Vu La vương, ngoài ra các tiểu vương của những nước còn lại rất nhiều, không thể kể hết rõ ràng ra được vậy.

Nước ấy xuất ra vải sợi mịn. Dùng vàng bạc làm tiền, mỗi đồng vàng tương đương mười đồng bạc. Lại dệt được vải mịn, nói là dùng lông của con dê nước, gọi tên là vải Hải Tây. Lục súc của nước ấy đều xuất lông, có người nói rằng không chỉ dùng lông dê, cũng dùng vỏ cây hoặc tơ tằm mà làm, dệt thành thảm lông, chiếu lông có hoa văn, màn len đều đẹp, màu sắc của chúng lại rực rỡ hơn những đồ cùng loại mà các nước phía đông biển làm ra vậy. Họ lại thường dùng thêm tơ lụa của Trung Quốc, gỡ ra để làm lụa Hồ, cho nên thường mua bán với các nước thuộc nước An Tức ở trên biển. Vì nước biển mặn đắng không uống được, cho nên ít có người qua lại đến nước này.

Núi nước này xuất ra thứ đá ngọc chín màu, một là xanh, hai là đỏ, ba là vàng, bốn là trắng, năm là đen, sáu là lục, bảy là tía, tám là hồng, chín là biếc. Nay trong núi Y Ngô có đá chín màu, tức là loại ấy. Vào năm Dương Gia thứ ba, Sơ Lặc vương là Thần Bàn dâng biểu một viên đá xanh Hải Tây, một cái đai áo bằng vàng. Nay lại có sách *Tây Vực cựu đồ* nói rằng các nước Kế Tân, Điều Chi xuất đá lạ, tức là thứ đá ngọc kia vậy.

Nước Đại Tần có nhiều vàng, bạc, đồng, sắt, chì, thiếc, rùa thần, ngựa trắng, ngựa lông đỏ, tê giác, đồi mồi, gấu đen, li đỏ, chuột độc, sò lớn, ngọc thạch, mã não, đồng đỏ, lông chim chẻ, vây cá lớn, ngà voi, ngọc phù thái, ngọc minh châu, ngọc dạ quang, ngọc chân bạch, hổ phách, san hô, mười thứ ngọc lưu li có các màu đỏ, trắng, lục, vàng, xanh, sẫm, hồng, tía, ngọc cầu lâm, ngọc lang can, thủy tinh, đá mân côi, quặng hùng hoàng, đá thư hoàng, ngọc bích, ngọc ngũ sắc, mười thứ trầm lông có các màu vàng, trắng, đen, lục, tía, hồng, đỏ, biếc, bạc, vàng sáng, vàng sậm, chiếu lông hoa văn ngũ sắc, chiếu lông bên trên có năm màu bên dưới có chín màu, tơ gấm ánh vàng, lụa tạp sắc, vải dất vàng, vải lụa đào, vải hoa sắc sỡ, vải lụa đào tẩm lớn, vải chống lửa, vải A La Đắc, vải Ba Tắc, vải Độ Đại, vải Ôn Túc, vải đào ngũ sắc, màn thêu vàng giáng địa, màn đấu ngũ sắc, nhất vi mộc, nhị tô hợp, địch đề, mê mê, đầu nạp, bạch phụ tử, huân lục, uất kim, cỏ vân giao, mười hai loại gỗ cây cỏ thơm.

Đường vào nước Đại Tần từ bể bắc thông đường bộ, lại men theo biển mà xuôi về nam, đến gần các nước rợ ở bên ngoài bảy quận Giao Chỉ, lại có đường sông thông với quận Ích châu, Vĩnh Xương, cho nên ở quận Vĩnh Xương xuất ra vật lạ. Người thời trước chỉ nghĩ là có đường thủy, không biết là có đường bộ, nay kể lược qua như thế, dân chúng nước ấy về nhân khẩu số hộ không thể biết hết rõ ràng được. Từ Thông Lĩnh sang tây, đấy là nước lớn nhất, có đặt rất nhiều các tiểu vương, cho nên chỉ ghi chép về những nước lớn phụ thuộc vào nước ấy thôi.

Trạch Tán vương nội thuộc nước Đại Tần, sở trị nước ấy ở giữa biển, phía bắc đến nước Lư Phân, đi đường thủy mất nửa năm,

gặp gió lớn thì một tháng là đến nơi, là nước gần nhất với thành An Cốc của nước An Tức, theo hướng tây nam là đến kinh đô nước Đại Tần, chẳng rõ là mấy dặm.

Lư Phân vương nội thuộc nước Đại Tần, sở trị nước ấy cách kinh đô nước Đại Tần hai nghìn dặm. Từ thành Lư Phân sang tây đến Đại Tần phải vượt bể, băng qua quãng đường hai trăm ba mươi dặm, theo đường biển về phía tây nam, vòng quanh biển rồi đi thẳng về phía tây.

Thư Lan vương nội thuộc nước Đại Tần. Từ nước Tư Đào thẳng về nam qua sông, rồi đi thẳng hướng tây đến nước Thư Lan là ba nghìn dặm. Theo đường phía nam sông đi ra, rồi sang tây, từ nước Thư Lan lại đi thẳng về phía tây đến nước Tỳ Phục là sáu trăm dặm. Theo đường phía nam đến nước Tỳ Phục, rồi theo hướng tây nam đến nước Hiền Đốc. Từ nước Thư Lan, Tỳ Phục đi thẳng về nam, có bãi đá, phía nam bãi đá có biển lớn, xuất ra san hô, ngọc châu. Ở phía bắc nước Thư Lan, Tỳ Phục, Tư Tân A Man có một dãy núi, kéo từ đông sang tây. Phía đông các nước Đại Tần, Hải Tây đều có một dãy núi, trải từ nam sang bắc.

Hiền Đốc vương nội thuộc nước Đại Tần, sở trị nước ấy ở phía đông bắc cách nước Tỳ Phục sáu trăm dặm.

Tỳ Phục vương nội thuộc nước Đại Tần, sở trị ở phía đông bắc cách nước Vu La ba trăm bốn mươi dặm vượt qua biển.

Vu La vương nội thuộc nước Đại Tần, sở trị ở phía đông bắc nước Tỳ Phục, phải vượt sông, từ phía đông bắc nước Vu La lại vượt sông, đến phía đông bắc nước Tư La lại vượt sông. Nước Tư La nội thuộc nước An Tức, liền kề với nước Đại Tần vậy.

Phía tây nước Đại Tần có sông Hải, phía tây sông Hải có sông Hà, từ phía tây nam sông Hà đi lên hướng bắc có một ngọn núi lớn, phía tây có sông Xích, phía tây sông Xích có núi Bạch Vương, ở núi Bạch Vương có gò Tây Vương Mẫu, phía tây gò Tây Vương Mẫu có bãi Tu Lưu, phía tây bãi Tu Lưu có nước Đại Hạ, nước Kiên Sa, nước Chúc Do, nước Nguyệt Chi, ở phía tây bốn nước ấy có sông Hắc, người ta đồn rằng chỗ đó là tận cùng của miền tây rồi.

Từ con đường mới phía bắc sang tây, đến nước Đông Thu Di, nước Tây Thu Di, nước Đan Hoàn, nước Tất Lục, nước Bồ Lục, nước Ô Tham, đều thuộc vào Bộ vương phía sau nước Xa Sư. Sở trị của Vương ở thành Lại, nhà Ngụy cho vua nước ấy là Nhất Đa Tập làm Thủ Ngụy thị trung, hiệu là Đại đô úy, nhận ấn của Ngụy vương. Vòng sang hướng tây bắc thì có nước Ô Tôn, nước Khang Cư, nguyên lai nước ấy xưa nay không có gì thay đổi.

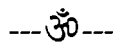
Nước Bắc Ô Y Biệt ở phía bắc nước Khang Cư, lại có nước Liễn, lại có nước Nham, lại có nước Yểm Sái, nước Yểm Sái có tên khác là nước A Lan, các nước ấy đều giống phong tục với nước Khang Cư. Nước này phía tây giáp phía đông nam nước Đại Tần và nước Khang Cư. Nước ấy nhiều lông điều tốt, dân chăn thả theo bãi cỏ gần sông, sát đầm lớn, thời xưa bị kiềm chế nội thuộc nước Khang Cư, nay không phụ thuộc nữa. Nước Hồ Đắc ở phía bắc Thông Lĩnh, phía tây bắc có nước Ô Tôn, phía đông bắc có nước Khang Cư, binh sĩ đánh trận có hơn một vạn người, dân đi chăn thả, trong nước xuất ra ngựa tốt, có lông điều. Nước Kiên Côn nằm ở phía tây bắc nước Khang Cư, binh sĩ đánh trận hơn ba vạn người, dân đi chăn thả, cũng có nhiều lông điều, ngựa tốt. Nước Đinh Linh nằm ở phía bắc nước Khang Cư, binh sĩ đánh trận có sáu vạn người, dân đi chăn thả, xuất ra da chuột nổi tiếng, có loại da trắng, có loại da xanh. Đây là ba nước lớn, nước Kiên Côn nằm ở giữa, đều cách đỉnh An Tập của Thiên vu Hung Nô bảy nghìn dặm, phía nam cách nước Xa Sư Lục năm nghìn dặm, phía tây nam cách địa giới nước Khang Cư ba nghìn dặm, phía tây cách sở trị của vua nước Khang Cư tám nghìn dặm.

Có người cho rằng nước Đinh Linh ấy là nước Bắc Đinh Linh ở đất Hung Nô vậy, còn nước Bắc Đinh Linh ở phía tây nước Ô Tôn, tựa như là một chủng tộc khác của họ vậy. Lại có người cho là phía bắc xứ Hung Nô có nước Hồn Dũ, có nước Khuất Xạ, có nước Đinh Linh, có nước Cách Côn, có nước Tân Lê, nói rõ là phía nam của bể bắc tự có nước Đinh Linh, không phải là nước Đinh Linh ở phía tây nước Ô Tôn này vậy. Các bậc trưởng lão của nước Ô Tôn nói rằng phía nước Đinh Linh có nước Mã Hinh, tiếng nói

của người nước ấy tựa tựa như tiếng chim nhận, từ đầu gối lên trên, giống với người, từ đầu gối trở xuống mọc lông, cẳng chân và móng như ngựa, họ không cưỡi ngựa mà chạy nhanh như ngựa, người nước ấy dũng mãnh khỏe mạnh thiện chiến.

Nước Đoàn Nhân nằm ở phía tây bắc nước Khang Cư, trai gái đều cao ba thước, dân chúng rất đông, cách các nước Yểm Sái rất xa. Trưởng lão nước Khang Cư kể rằng thường có nhà buôn đến nước ấy, nước ấy cách nước Khang Cư chừng hơn một vạn dặm.

Ngư Hoạn luận rằng: Tục nhân cho là cá ở ao nhà không biết đến cái rộng lớn của sông bể, vật phù du chẳng biết khí hậu của bốn mùa, thế là sao? Vì là chỗ mà các vật ấy ở thì nhỏ mà chỗ các vật ấy sinh ra thì hủ lậu vậy. Ngày nay ta xem rộng ra các nước Di ở bên ngoài nước Đại Tần, mà vẫn còn thấy mệnh mông bao trùm như thế, huống chi là cái mà Trâu Diễn⁽¹⁾ suy đoán từ *Kinh Dịch*, *Kinh Thái huyền* để đo lường cái sâu rộng của vũ trụ! Chỉ vì giới hạn chỗ ở của mình nơi vũng nước trong vết chân trâu, lại không có được cái tuổi thọ của Bành Tổ,⁽²⁾ cũng không có duyên cái phận mượn được gió lành để vân du, cưỡi ngựa hay để đi xét phương xa, chỉ nhọc nhằn lờm ngẫm trời đất trắng sao, rồi suy đoán vô căn cứ về tám cõi hoang phục mà thôi.



¹ Trâu Diễn (邹衍) là người nước Tề thời Xuân Thu, là nhà Âm dương gia nổi tiếng, có hai học thuyết là “Ngũ đức chung thủy thuyết” và “Đại cửu châu thuyết”, được người đời ấy khen là “nói tận việc của trời.” Ở đây Ngư Hoạn chê cái thuyết Đại cửu châu của Trâu Diễn vậy.

² Bành Tổ (彭祖) tức Bành Khang, là một nhân vật trong truyền thuyết Trung Hoa, được cho là sống lâu nghìn tuổi. Theo *Thần tiên truyện* thì Bành Tổ là một người họ Tiên tên Khanh, là cháu xa đời vua Chuyên Húc. Vua Nghiêu phong cho ông đất Đại Thành (tức Bành Thành) vì thế nên gọi ông là Bành Tổ.

QUYỂN THỨ BA MƯƠI MỐT

LƯU NHỊ MỤC TRUYỆN

380

Lưu Yên tự Quân Lang, người quận Giang Hạ huyện Cánh Lăng, là hậu duệ của Lỗ Cung vương nhà Hán,⁽¹⁾ năm Nguyên Hòa trung đời Chương đế được đổi phong ở huyện Cánh Lăng, có một chi dõi đến ở đấy.

Yên thời trẻ ra làm quan ở châu quận, vì là người trong tông thất được bái làm Trung lang, sau vì thầy là Chúc công mất nên từ quan.^①

Yên ở núi Dương Thành, tích lũy học văn, truyền dạy môn đồ, lúc xét cử Hiền lương phương chính, được triệu vào phủ Tư đồ, trải các chức Lạc Dương lệnh, Thứ sử Ký châu, Thái thú Nam Dương, Tông chính, Thái thường. Yên tận mắt thấy chính trị thời Linh đế suy kém thiếu sót, vương thất lảm việc, bèn kiến nghị rằng:

- Thứ sử, Thái thú, hối lộ mua chức, bóc lột trăm họ, dẫn đến chúng bạn chia lìa. Nên cho tuyển chọn những trọng thần có thanh danh làm Mục bá, để trấn an thiên hạ.

Yên ở trong triều xin làm Mục ở Giao Chỉ, ý muốn trốn lánh thời loạn. Nghị bàn chưa xong, Thị trung là Đồng Phù người quận Quảng Hán bảo riêng Yên rằng:

- Kinh sư sắp loạn, ở địa phận Ích châu có khí thiên tử.

Yên nghe Phù nói, đổi ý xin ở Ích châu. Đúng lúc Thứ sử Ích châu là Khước Kiệm vì việc sưu thuế nặng nề phiền nhiễu, lời

¹ Lỗ Cung vương (魯恭王), là con của Hán Cảnh đế nhà Tây Hán, được phong ấp ở nước Lỗ.

đồn đại lan xa, ② rồi dân Tinh châu giết Thứ sử là Trương Nhất, dân Lương châu giết Thứ sử là Cảnh Bì, kế của Yên được thi hành. Yên ra ngoài làm Giám quân sứ giả, lĩnh Ích châu mục, phong tước Thành Dương hầu, nhận lệnh bắt Kiêm trị tội; ③ Phù cũng xin làm Đô úy Thục Quận tây bộ thuộc quốc, đúng lúc Thái thượng lệnh là Triệu Vĩ người quận Ba Tây từ quan, Phù theo Yên cùng sang tây. ④

① Thần Tùng Chi xét: Chúc công, là Tư đồ Chúc Diêm vậy.

② Kiêm, là tổ phụ của Khước Chính vậy.

③ *Tục Hán thư* chép: Lúc ấy triều đình dùng Lưu Ngu làm U châu mục, Lưu Yên làm Ích châu mục, Lưu Biểu làm Kinh châu mục, Giả Tông làm Ký châu mục. Bốn Ngu đều là kẻ sĩ có danh tiếng ở hải nội, hoặc từ hạng Liệt khanh, Thượng thư được tuyển làm Mục bá, đều xét bổng lộc cũ đi nhận chức. Theo phép cũ: Được ngồi tuyển xa ba ngựa kéo, trên xe bày màn trướng sắc đỏ.

Thần Tùng Chi xét: Sau khi Linh đế băng hà, nghĩa quân nổi dậy, Tôn Kiên giết Thứ sử Kinh châu là Vương Duệ, rồi sau Lưu Biểu mới làm Kinh châu mục, chẳng phải là cùng thời với Yên vậy.

Hán Linh đế kỷ chép: Để tiếp kiến Yên, tuyên rõ phương lược, hơn nữa lại ban thưởng, sắc mệnh cho Yên làm Thứ sử Ích châu. Vì Thứ sử trước đây là Lưu Tuyền, Khước Kiêm đều tham tàn phóng túng, vợ vét bừa bãi, trăm họ buồn bã, tiếng than thở đầy đồng, Đế lệnh cho Yên đến nơi được tự tiện bắt giữ xét phép hành xử, để tỏ rõ với trăm họ, cấm lệnh bị tiết lộ, khiến ung nhọt vỡ lở, tạo thành vấn nạn quốc gia. Yên nhận mệnh đi, vì đường đất bất thông, phải trú lại ở cõi đông Kinh châu.

④ *Ích bộ kỳ cựu truyện* của Trần Thọ chép: Đồng Phù tự Mậu An. Thời trẻ theo thầy học tập, kiêm thông mấy bộ kinh sách, rất thích sách *Thượng thư* của họ Âu Dương,⁽¹⁾ lại theo ẩn sĩ Dương

¹ Âu Dương Sinh (欧阳生), tự Hòa Bá (和伯), là người quận Thiên Thừa, sống vào thời Tây Hán. Từ nhỏ luyện kinh học, chú giải tường tận *Kinh Thượng thư*, là bản kim văn rất thịnh hành thời Tây Hán.

Hậu,⁽¹⁾ nghiên cứu cái lẽ sâu xa huyền diệu của sách đồ. Vì thế tới kinh sư, đọc sách ở nhà Thái học, sau quay về nhà dạy học, đệ tử từ xa theo đến.

Năm Vĩnh Khang nguyên niên, có nhật thực, Đế xuống chiếu sai tiến cử kẻ sĩ Hiền lương phương chính, hạ sách mệnh hỏi việc được mất. Bọn Triệu Khiêm người Tả Phùng Dực tiến cử Phù, Phù vì ốm bệnh không đến được, ở xa tại Trường An dâng lên một phong thư dán kín, rồi xưng bệnh nặng xin về nhà. Tế phủ trước sau chục lần trung triệu, công xa ba lần đến đón, lần nữa tiến cử làm Hiền lương phương chính, Bác sĩ, Hữu đạo, đều không chịu tới, danh tiếng lại càng lớn.

Đại tướng quân Hà Tiến dâng biểu tiến cử Phù rằng:

"Phù có cái đức của Du, Hạ, kế nối phong thái của họ Khổng,⁽²⁾ trong lòng chứa thuật trị quốc của Tiêu, Đống.⁽³⁾ Nay hai châu Tinh, Lương nhiễu động, người Nhung ở phía tây nổi dậy phản loạn, nên sắc mệnh cho xe công đặc cách đến triệu, đón đãi dùng lễ khác thường, để mưu hỏi kế lạ."

Vì thế Linh đế sai triệu Phù, lập tức bãi làm Thị trung.

Phù ở triều được khen là bậc Nho tông, rất được xem trọng. Rồi Phù xin làm Đô úy Thục Quận thuộc quốc. Phù đi được một năm thì Linh đế băng hà, thiên hạ đại loạn. Sau Phù từ quan, tám mươi hai tuổi chết tại nhà.

¹ Dương Hậu (杨厚), tự Trọng Hoàn, người huyện Tân Đô quận Quảng Hán. Rất tinh thông về sách ký, đồ thư. Dương Hậu làm quan nhà Hán, vào thời ngoại thích, hoạn quan lộng hành, nên chán nản xưng bệnh về quê, dạy dỗ môn sinh, có đến ba nghìn học trò.

² Tử Du, Tử Hạ: Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 129 (Trần Tư vương truyện).

³ Tiêu Diên Thọ (焦延寿), tên tự là Công, người nước Lương, sống vào thời Hán Chiêu đế nhà Tây Hán. Nhà nghèo, hiếu học, lúc làm Tiểu Hoàng lệnh, có tài xét đoán kẻ gian, lúc làm quan, quân gian không dám vọng động. Tiêu Diên Thọ là một học giả lớn, soạn các sách Dịch lâm, Dịch lâm biến chiêm, nay vẫn còn.

Đổng Trọng Thư (董仲舒), người quận Quảng Xuyên, là danh nho thời Cảnh đế và Vũ đế nhà Tây Hán. Ông xuất thân trong gia đình địa chủ, rất chăm học, lúc nghiên cứu *Công Dương Xuân Thu truyền*, ba năm không nói tới ruộng vườn. Từng kiến nghị với Hán Vũ đế là "bỏ sở học của bách gia, độc tôn đạo Nho", khiến đạo Nho phát triển rực rỡ suốt từ thời Hán về sau. Kiến nghị của ông được Hán Vũ đế rất tán thưởng.

Ban đầu ngôn từ nghị luận của Phù rất khác thường, có một không hai ở Ích quận, nên có hiệu là "Chú chí", ngôn từ của Phù người đời chẳng ai bác bỏ được, học vẫn chẳng ai theo kịp. Sau này Thừa tướng Gia Cát Lượng hỏi Tần Mật về sở trường của Phù, Mật nói:

- Đồng Phù khen cái thiện nhỏ, chê cái ác mọn.

Bấy giờ nghịch tặc ở trong châu là bọn Mã Tương, Triệu Chi ở huyện Miên Trúc tự xưng là quân Khăn Vàng, tụ họp dân lao dịch khốn khổ, trong vòng một hai ngày thu được mấy nghìn người, trước hết giết Miên Trúc lệnh là Lý Thăng, quan dân tấp nập hưởng ứng, hợp được hơn vạn người, liền tiến phá huyện Lạc, đánh Ích châu giết Kiệm, lại đến Thục Quận, Kiền Vi, trong vòng tuần trăng, phá nát ba quận. Tương tự xưng là Thiên tử, người theo đến mấy vạn. Tông sự trong châu là Giả Long đem mấy trăm binh mà mình quản lĩnh giữ tại cõi đông quận Kiền Vi, thu nạp quan dân, được hơn nghìn người, đánh bọn Tương, mấy ngày sau lũ giặc chạy, trong châu yên tĩnh. Long bèn tuyển quan binh đi đón tiếp Yên. Yên dời sở trị đến Miên Trúc, phủ dụ chiêu vò loạn dân ly tán, chuyên tâm thi hành chính sách khoan hậu, ngầm có kế khác.

Mẹ của Trương Lỗ từ khi khai sáng quỹ đạo phát tích, lại có chút nhan sắc, thường qua lại nhà Yên, nên Yên phái Lỗ làm Đốc nghĩa tư mã, trụ giữ Hán Trung, cắt đứt sạn đạo, giết hại sứ giả của nhà Hán. Yên dâng thư nói là Mễ tặc chặt đứt đường sà, không có cách gì thông lại, lại mượn việc khác giết mấy chục cường hào ở trong châu là bọn Vương Hàm, Lý Quyền, để gây dựng uy hình.^① Bởi thế Thái thú Kiền Vi là Nhiệm Kỳ cùng Giả Long quay lại đánh Yên, Yên tập kích giết Kỳ và Long.^②

① *Ích bộ kỳ cựu tập ký* chép: Lý Quyền tự Bá Dự, làm Trưởng huyện Lâm Cung. Con của Quyền là Phúc. Thấy chép ở biểu văn Phụ thần tán của Dương Hí người quận Kiền Vi.

② *Anh hùng ký* chép: Lưu Yên khởi binh, không cùng thiên hạ đẹp. Đồng Trác, giữ châu tự thủ. Thái thú Kiền Vi là Nhiệm Kỳ tự xưng

là Tướng quân, cùng Tòng sự là Trần Siêu cất binh đánh Yên, Yên đánh phá họ. Đồng Trác sai Tư đồ Triệu Khiêm đem binh hướng đến Ích châu, khuyên Hiệu úy Giả Long, sai dẫn binh quay lại đánh Yên, Yên tiến ra Thanh Khương cùng họ giao chiến, vì thế đánh thắng, giết họ.

Kỳ, Long đều là người Thục Quận.

Chí của Yên lớn dần, bắt đầu chế tạo xe kiệu và khí cụ của thiên tử. Kinh châu mục là Lưu Biểu dâng biểu về triều nói Yên có ý tựa như Tử Hạ ở Tây Hà⁽¹⁾ ngày trước, nghi hoặc lời bàn của thánh nhân. Bấy giờ con của Yên là Phạm làm Tả trung lang tướng, Đản làm Trị thư ngự sử, Chương làm Phụng xạ đô úy, đều theo Hiến đế ở Trường An,^① chỉ có một con là Mạo làm Biệt bộ tư mã thường đi theo Yên. Hiến đế sai Chương về hiệu dụ Yên, Yên lưu giữ Chương lại không phái đi nữa.^②

Bấy giờ Chinh tây tướng quân Mã Đằng đóng binh ở huyện My làm phản, Yên cùng Phạm và Đằng thông mưu, dẫn binh đánh úp Trường An. Mưu của Phạm bị tiết lộ, Phạm vội trốn về Hòe Lý, Đằng thua bại, lui về Lương châu, Phạm ít lâu sau bị giết, Trác vì thế bắt Đản đem hành hình.^③ Nghị lang là Bàng Hi người Hà Nam với Yên là thông gia, bèn sai tìm các cháu của Yên đưa vào Thục. Bấy giờ Yên bị hỏa hoạn thiêu rụi thành phủ, xe cộ khí cụ cháy sạch, lửa lan đến nhà dân. Yên dời sở trị đến Thành Đô, đã đau xót vì các con của mình bị hại, lại cảm khái vì hỏa tai, năm Hưng Bình nguyên niên, ung nhọt ở lưng vỡ ra mà chết. Đại lại ở trong châu là bọn Triệu Vĩ nhân thấy Chương là người nhân đức ôn hòa, cùng nhau dâng biểu xin cho Chương làm Thứ sử Ích châu, triều đình hạ chiếu lấy Chương làm Giám quân sứ giả, lĩnh Ích châu mục, lấy Vĩ làm Chinh đông Trung lang tướng, suất quân đánh Lưu Biểu.^④

¹ Tử Hạ tuy là học trò của Không tử, song chưa từng xưng tụng thầy Không tử, còn nghi hoặc cả lời bàn của thầy, Tăng Sâm chê ông, cho đó là tội lớn nhất.

① *Anh hùng ký* chép: Cha của Phạm là Yên làm Ích châu mục, Đồng Trác lệnh điều phát tài vật, đều không đưa đến. Trác liền bắt ba anh em Phạm, cùm trói tại My Ổ, đào nhà ngục dưới đất giam tù họ.

② *Diễn lược* chép: Lúc ấy Chương làm Phụng xa đô úy, ở tại kinh sư. Yên thác bệnh triệu Chương về, Chương tự dâng biểu xin về thăm Yên, Yên bèn giữ Chương không cho quay lại.

③ *Anh hùng ký* chép: Phạm từ Trường An trốn đến quân doanh của Mã Đằng, hướng tới Yên xin binh. Yên sai Hiệu úy Tôn Triệu dẫn binh đến trợ giúp, bị thua bại ở Trường An.

④ *Anh hùng ký* chép: Yên chết, con là Chương lên thay làm Thứ sử. Gặp lúc triều đình Trường An bãi người quận Dĩnh Xuyên là Hồ Mạo làm Thứ sử, vào đến Hán Trung. Biệt giá Kinh châu là Lưu Hạp, tướng của Chương là bọn Thẩm Di, Lâu Phát, Cam Ninh làm phản, đánh Chương không thắng, chạy vào Kinh châu. Chương phái Triệu Vĩ tiến đánh Kinh châu, đóng quân ở huyện Câu Tai.⁽¹⁾

Chương, tự Quý Ngọc, đã kế nối tước vị của Yên, nhưng Trương Lỗ dần dần kiêu căng phóng túng, không vâng thuận theo Chương, Chương giết mẹ và em của Lỗ, vì thế thành thù địch. Chương nhiều lần phái bọn Bàng Hi tiến đánh Lỗ, mấy lần bị Lỗ đánh bại. Bộ khúc của Lỗ đa phần ở tại Ba Tây, cho nên Chương lấy Hi làm Thái thú Ba Tây, lĩnh binh ngăn chống Lỗ.① Về sau Hi với Chương đang thân thiết biến thành hiềm khích, Triệu Vĩ cất binh phản lại Chương, quân tan bị giết, đều bởi Chương thiếu sáng suốt quyết đoán mà nghe lời xàm của người ngoài vậy.②

Chương nghe nói Tào công đi đánh Kinh châu, đã bình định Hán Trung, bèn phái người quận Hà Nội là Âm Phổ đến tỏ ý cung kính với Tào công. Tào công phong thêm cho Chương

¹ Là một địa danh cổ, nay thuộc huyện Vân An, tỉnh Tứ Xuyên.

chức Chấn uy tướng quân, anh của Chương là Mạo làm Bình khấu tướng quân.

Mạo phát bệnh cuồng rồi chết.⁽¹⁾③ Chương lại phái Biệt giá tòng sự là Trương Túc người Thục Quận đưa ba trăm tầu binh⁽²⁾ cùng nhiều ngựa vật hỗn tạp đến cho Tào công, Tào công bái Túc làm Thái thú Quảng Hán.

Chương lần nữa phái Biệt giá là Trương Tùng đến chỗ Tào công, Tào công bấy giờ đã bình được Kinh châu, đuổi Tiên chủ, không xét bổ dụng Tùng nữa, Tùng vì thế oán hận. Đúng lúc quân của Tào công bắt lợi ở Xích Bích, lại mắc dịch bệnh chết nhiều. Tùng quay về, chê mĩa Tào công, khuyên Chương tự tuyệt giao,⁽⁴⁾ nhân đó thuyết Chương rằng:

- Lưu Dục châu, là anh em tông thất gan ruột của sứ quân, nên cùng ông ấy kết minh.

Chương đều cho là đúng, phái Pháp Chính đến liên kết giao hảo với Tiên chủ, tiếp đó lại lệnh cho Chính cùng Mạnh Đạt đưa mấy nghìn binh trợ giúp Tiên chủ chống giữ Tào công, Chính xong việc quay về. Về sau Tùng lại khuyên Chương rằng:

- Nay chư tướng trong châu là bọn Bàng Hi, Lý Dị đều cậy công kiêu căng, muốn có ý khác, ta không được Dục châu giúp, thì địch đánh ở ngoài, dân phá bên trong, đấy là cái đạo tất bại vậy.

Chương lại theo lời, phái Pháp Chính đi mời Tiên chủ. Chủ bộ của Chương là Hoàng Quyền bày tỏ cái lợi cái hại của việc ấy, Tòng sự là Vương Lũy người quận Quảng Hán tự treo ngược mình ở cổng thành của châu để can, Chương nhất định không thu nhận lời can, sắc mệnh cho các địa phương cung phụng Tiên chủ, Tiên chủ vào cõi thấy như về nhà.

¹ Nguyên văn: “Mạo cuồng tật vật cố.” Bùi Tùng Chi dẫn lời của Cao Đường Long (người nước Ngụy) chú giải nghĩa của hai chữ “vật cố.”

² Thời Đông Hán và Tam quốc, người già thường được chiêu mộ làm lính, họ là những người từng trải, có kinh nghiệm, tác chiến rất anh dũng, đội binh này được gọi là Tầu binh (叟兵).

Tiên chủ đến phía bắc Giang Châu, từ Điểm Giang ngược sông đến huyện Phù, cách Thành Đô ba trăm sáu mươi dặm, bấy giờ là năm Kiến An thứ mười sáu. Chương thống suất hơn ba vạn quân bộ kỵ, cuổi xe buông trướng rực rỡ, sáng lóa lóa mắt, tới cùng hội hợp; Tiên chủ đem hết tướng sĩ mà mình thống quản đến, luân phiên tiến lại, vui mừng ăn uống hơn trăm ngày. Chương đem của cải cấp cho Tiên chủ, sai đi đánh dẹp Trương Lỗ, rồi mới chia biệt.⑤

① *Anh hùng ký* chép: Bàng Hi với Chương là bạn cũ, lại cứu thoát các con của Chương lúc họ mắc nạn, cho nên Chương hậu đãi Hi, lấy Hi làm Thái thú Ba Tây, Hi bèn cậy thế chuyên quyền.

② *Anh hùng ký* chép: Trước đây, người quận Nam Dương, Tam Phụ chạy vào Ích châu đến mấy vạn nhà, Chương thu dụng làm binh, gọi là binh Đông Châu. Chương bản tính khoan nhu, không có uy lược, người Đông Châu xâm hại dân cũ, Chương cấm chế không được, chính lệnh có nhiều khiếm khuyết, người Ích châu dần oán. Triệu Vĩ vốn được lòng người, Chương ủy thác tin dùng Vĩ. Vĩ nhân lòng dân oán hận nên mưu phản, bèn hối lộ Kinh châu xin hòa, ngầm cấu kết với các họ lớn trong châu, cùng mình đều khởi binh, quay lại đánh Chương. Người ở Thục Quận, Quảng Hán, Kiền Vi đều hưởng ứng Vĩ. Chương vội chạy về thành trì ở Thành Đô thủ giữ, người Đông Châu sợ Vĩ, hết thay đồng lòng hợp sức trợ giúp Chương, đều ra sức tử chiến, sau phá quân phản, tiến đánh Vĩ ở Giang Châu. Tướng của Vĩ là Bàng Nhạc, Lý Dị làm phản giết quân của Vĩ, chém Vĩ.

Hiển đế Xuân Thu chép: Hán triều nghe tin Ích châu loạn, phái Ngũ quan Trung lang tướng là Ngưu Đản đến làm Thứ sử Ích châu; triệu Chương về làm công khanh, Chương không đến.

③ *Thần Tùng Chi* xét: Ngụy Đài hỏi nghĩa của từ "vật cố", Cao Đường Long đáp rằng:

- Ta nghe thầy ta nói: "Vật", là "vô" vậy; cố là "sự" vậy, "vật cố" là "vô sự", tức là nói cái việc chẳng có duyên cớ gì lại tự nhiên sinh ra vậy.

④ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Trương Tùng yết kiến Tào công, Tào công đương tự cậy tài khoe công, chẳng xét bổ dụng Tùng. Tùng quay về, bèn khuyên Chương tự tuyệt giao.

Tập Tạc Xi nói: Xưa kia Tề Hoàn một lần tự khoe công của mình mà chín nước phản lại,⁽¹⁾ Tào Tháo bỗng chốc tự kiêu khoe công mà thiên hạ chia ba, đều là siêng năng vất vả phấn đấu mấy chục năm mà vứt bỏ trong khoảnh khắc, há chẳng đáng tiếc sao! Thế nên bậc quân tử lao nhọc khiêm cung đến xế trưa, toan lo vì kẻ dưới, công cao lại càng phải chú ý khiêm nhường, quyền thế tôn kính phải càng giữ nghĩa với kẻ hèn. Cái tình gần với muôn vật, cho nên dầu quý hiển mà người ta coi trọng chẳng chán ghét; đức hợp với quần sinh, cho nên công nghiệp rộng mở mà thiên hạ càng hớn hở mừng vui. Người như thế, cố nhiên là có được sự phú quý, giữ được công nghiệp, cao quý hiển hách lúc đương thời, truyền phúc cho trăm đời, sao lại kiêu căng tự khoe khoang được! Bậc quân tử vì thế biết Tào Tháo cuối cùng chẳng thể kiêm gồm thiên hạ vậy.

⑤ *Ngô thư* chép: Chương đem hai mươi vạn斛 gạo, một nghìn con ngựa, một nghìn cỗ xe, gấm dày lụa đẹp, đưa đến chu cấp cho Lưu Bị.

Năm sau, Tiên chủ đến Gia Manh, quay binh hướng về nam, đánh đầu thắng đó. Năm thứ mười chín, tiến vây Thành Đô mấy chục ngày, trong thành còn có ba vạn tinh binh, lương thực vải vóc chỉ dùng được một năm, quan dân đều muốn tử chiến. Chương nói:

- Cha con ta ở châu hơn hai chục năm, không có ân đức gì để gia ân cho trăm họ. Bách tính công chiến ba năm, da thịt phơi phơi thảo dã, là vì Chương vậy, ta sao yên lòng được!

Bèn mở thành ra hàng, quần thần chẳng ai không sa nước mắt.

Tiên chủ dời Chương đến huyện Công An thuộc Nam Quận, cho đem theo hết tài vật và ấn thụ Chấn uy tướng quân ngày

¹ Tề Hoàn công làm bá chư hầu. Năm 651 (trước CN), họp chư hầu, Tề Hoàn công kiêu căng, nhà Chu và chư hầu phạt ý.

trước. Lúc Tôn Quyền giết Quan Vũ, chiếm được Kinh châu, cho Chương làm Ích châu mục, đóng ở Tỉ Quy. Chương chết, hào soái vùng Nam Trung là Ung Khải chiếm quận Ích châu làm phản, nương bám nước Ngô. Quyền lại dùng con của Chương là Xiển làm Thứ sử Ích châu, cho ở chỗ giáp giới của hai châu Giao, Ích. Thừa tướng Gia Cát Lượng bình phương nam, Xiển quay về Ngô, làm Ngự sử trung thừa.^①

Khi trước, con trưởng của Chương là Tuần, vợ là con gái của Bàng Hi vậy. Tiên chủ bình Thục, Hi làm Tả tướng quân Tư mã, bấy giờ Chương theo lời của Hi để Tuần ở lại, Tiên chủ lấy Tuần làm Phụng xa Trung lang tướng. Vì thế về sau hai con của Chương, chia ra ở hai nước Ngô, Thục.

① *Ngô thư* chép: Xiển có tên là Vĩ, là người khiêm cung cẩn trọng, khinh tài chuộng nghĩa, có phong cách nhân ái khiêm nhường, sau bị bệnh chết tại nhà.

Bình rằng: Xưa kia Ngụy Báo nghe lời của Hứa Phụ cưới Bạc Cơ về làm vợ,⁽¹⁾① Lưu Hâm thấy hoa văn của sấm đồ thì thay tên đổi tự,⁽²⁾ rút cục thân chẳng thoát họa, mà phúc phận tập trung vào hai vị quân vương. Thế thì với thần minh chẳng thể giả dối cầu xin, thiên mệnh chẳng nên mong cầu bậy bạ, sự ứng nghiệm là tất nhiên vậy. Mà Lưu Yên nghe lời của Đồng Phù

¹ Thời Hán Sở tranh thắng, sáu nước tự lập lại vua, Ngụy Báo làm vua nước Ngụy, Ngụy Áo là bầy tôi của Ngụy Báo đưa con gái mình vào cung vua, sai thầy bói là Hứa Phụ (许负) bói đoán, Hứa Phụ nói: “Sẽ sinh được thiên tử.” Khi ấy Hán Sở đang đánh nhau dữ dội ở Huỳnh Dương, chưa phân thắng phụ, Ngụy Báo giúp Hán, đến khi nghe được lời thầy bói bèn cưới Bạc Cơ, rồi phản Hán theo Sở. Vua Hán cá giận, sai Tào Tham đánh Ngụy, giết Ngụy Báo, bắt Bạc Cơ. Sau này Hán vương Lưu Bang một lần sủng ái Bạc Cơ, sinh được con trai, chính là Hiếu Văn hoàng đế.

² Lưu Hâm (刘歆) tự Từ Tuấn, là dòng dõi của Sở Nguyên vương Lưu Giao (con thứ tư của Hán Cao tổ), là học giả trứ danh cuối thời Tây Hán. Lưu Hâm tinh thông thiên văn học, sử học, rất giỏi về sấm đồ. Có lần nghiên cứu diễn giải lời sấm thấy có chỗ nói “Lưu Tú sẽ làm vua”, bèn đổi tên mình từ Lưu Hâm thành Lưu Tú để mong ứng vào lời sấm truyền. Sau này Lưu Hâm vì việc mưu sát Vương Mãng thất bại phải tự sát.

quyết chiếm đất Ích châu, nghe theo lời tướng số mà cầu hôn với Ngô thị, vội vàng chế tạo xe cộ và y phục, mưu đồ trộm cắp thần khí, thật là mê muội cực điểm vậy. Cái tài của Chương chẳng phải cái tài của người hùng, mà chiếm giữ đất đai thời loạn, khác gì đeo của báu mời quân cường khấu, đấy là lẽ tự nhiên, bị người khác đoạt lấy, chẳng có gì là bất hạnh vậy.^②

① *Hán Ngụy Xuân Thu* của Khổng Diễn chép: Hứa Phụ, là người đàn bà ở huyện Ôn quận Hà Nội, Hán Cao tổ phong là Minh Thư đình hầu.

Thần Tùng Chi cho rằng ngày nay người ở phương đông gọi mẹ là phụ, Diễn vì thế nói rằng Hứa Phụ là người đàn bà, như thế có vẻ phù hợp, nhưng vào thời Hán Cao tổ đều phong tước là Liệt hầu, chưa có những tước Hương, Đình, e rằng việc phong hiệu này là không đúng.

② Trương Phan nói: Lưu Chương ngu muội nhu nhược mà biết chọn nghe lời hay, thì cũng như lữ Tống Tương công và Từ Yến vương⁽¹⁾ thôi, chưa phải là người chủ vô đạo vậy. Trương Tùng, Pháp Chính, tuy có cái nghĩa quân thần mà bất chính, nhưng xét về danh phận của quan chức, tiến thì chẳng bày rõ sự thế, như Hàn Tung, Lưu Quang (Lưu Tiên) khuyên Lưu Biểu, thoái thì chẳng cáo biệt dứt khoát bỏ đi, như Trần Bình, Hàn Tín bỏ Hạng Vũ,⁽²⁾ mà lừng lơ hai mối hai lòng, giúp mưu cho chúa thượng mà bất trung, tội chỉ dưới Chương vậy.

---ॐ---

¹ Tống Tương công (宋襄公), vua nước Tống và Từ Yến vương (徐偃王), vua nước Từ. Hai người này đều là những vị chúa kém cỏi trong thời Xuân Thu, nước yếu nhưng lại rất giàu tham vọng, tuy nhiên cũng vì biết nghe lời can của bầy tôi nên không bị thôn tính tuyệt diệt.

² Hàn Tín, Trần Bình đều là bộ hạ của Hạng Vũ, Hạng Vũ không dùng nên họ dứt khoát bỏ đi theo Lưu Bang, sau này đều là những bầy tôi rường cột giúp Lưu Bang diệt Hạng Vũ lập nhà Hán.

QUYỂN THỨ BA MƯƠI HAI

TIÊN CHỦ TRUYỆN



Tiên chủ họ Lưu, húy Bị, tự Huyền Đức, người huyện Trác quận Trác, là dòng dõi của Trung Sơn Tĩnh vương Lưu Thắng con Hán Cảnh đế. Con của Thắng là Trinh, năm Nguyên Thú thứ sáu được phong tước Lục thành Đình hầu ở huyện Trác. Vì tế tông miếu dâng vàng xấu bị mất tước hầu, nên đến ở đất ấy.⁽¹⁾①

Tổ phụ của Tiên chủ là Hùng, cha là Hoàng nổi đời làm quan ở châu quận. Hùng được xét cử làm Hiếu liêm, quan vị đến chức Lệnh ở huyện Phạm thuộc Đông Quận.

① *Diễn lược* chép: Lưu Bị vốn là dòng dõi của Lâm Ấp hầu vậy.

Tiên chủ mồ côi cha từ nhỏ, cùng mẹ lấy việc đan giày dệt chiếu làm nghiệp. Ở góc đông nam vườn nhà có cây dâu cao hơn năm trượng, xa trông cành lá sum xuê giống như cái tán xe nhỏ, người qua lại đều kinh lạ xem cây ấy là phi phàm, có người cho nhà ấy sẽ sinh bậc quý nhân.①

Tiên chủ lúc nhỏ cùng lũ trẻ trong tộc chơi đùa dưới gốc cây, nói:

- Ta nhất định phải ngồi lên cái xe lọng cắm lông chim thế này.

Người chú là Tử bảo rằng:

- Mày chó nói xằng, sẽ rước họa diệt cả nhà đó.

¹ Đời Hán Vũ đế, khi tế tự tông miếu thì những người trong tông thất ở tước hầu phải rót rượu dâng vàng làm lễ.

Tiên chủ mười lăm tuổi, mẹ sai đi học, cùng người đồng tông là Lưu Đức Nhiên, người quận Liêu Tây là Công Tôn Toàn, đều thờ cố Thái thú Cửu Giang là Lô Thực người cùng quận làm thầy. Cha của Lưu Đức Nhiên là Nguyên Khởi thường chu cấp cho Tiên chủ, giống như Đức Nhiên. Vợ của Nguyên Khởi nói:

- Mỗi người một nhà, sao ta giúp nó mãi như thế được!

Khởi đáp:

- Trong họ tộc nhà ta có thằng nhỏ này, là người phi thường vậy.

Mà Toàn và Tiên chủ chơi với nhau rất thân. Toàn lớn tuổi hơn, Tiên chủ đối đãi như anh.

Tiên chủ rất không thích đọc sách, ưa chó ngựa, hát xướng và quần áo đẹp. Minh cao bảy thước năm tấc, hai tay dài quá gối, ngoảnh đầu tự thấy được tai mình. Rất ít nói năng, mừng giận không lộ ra mặt. Thích giao kết với kẻ hào kiệt, kẻ ít tuổi tranh nhau nhường bắm. Bọn đại thương nhân người quận Trung Sơn là Trương Thế Bình, Tô Song có nghìn nén vàng tiền vốn, đi mua ngựa ở khắp vùng Trác Quận, thấy Tiên chủ dị thường, bèn giúp Tiên chủ nhiều kim ngân tài vật. Tiên chủ nhờ tiền ấy tụ họp bộ chúng.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Người quận Trác là Lý Định nói: "Nhà ấy tất sinh bậc quý nhân."

Năm cuối thời Linh đế, quân Khăn Vàng nổi dậy, châu quận đều cất nghĩa binh. Tiên chủ thống suất bộ thuộc của mình đi theo Hiệu úy Trâu Tĩnh đánh dẹp giặc Khăn Vàng có công, được thăng làm Úy ở huyện An Hi.^①

Đốc bưu⁽¹⁾ vì việc công đến huyện, Tiên chủ cầu kiến, không được vào gặp, bèn xông thẳng vào trời cổ Đốc bưu, đánh hai

¹ Đốc bưu (督邮), là tá lại của Quận thú, chương quản việc tra xét các việc trái phép của quan lại trong địa bàn quận.

trăm trượng, cỡi dây thao buộc vào cổ ngựa của hần, rồi bỏ quan trốn đi.② Ít lâu sau, Đại tướng quân Hà Tiến phái Đô úy Quán Khâu Nghị đến Đan Dương mộ binh, Tiên chủ theo đi cùng, đến Hạ Bi gặp giặc, vì ra sức chiến đấu có công, được phong làm Thừa ở huyện Hạ Mật. Lại bỏ chức. Sau làm Úy ở huyện Cao Đường, rồi thăng làm Lệnh.③

Huyện Cao Đường bị giặc phá, Tiên chủ đến chỗ Trung lang tướng là Công Tôn Toàn. Toàn dâng biểu cử làm Biệt bộ Tư mã, sai giúp Thứ sử Thanh châu là Điền Khải để cự Ký châu mục Viên Thiệu. Tiên chủ nhiều lần lập chiến công, được thử giữ chức Bình Nguyên lệnh, sau lĩnh chức Bình Nguyên tướng.

Người dân trong quận là Lưu Bình vốn khinh rẻ Tiên chủ, hồ thẹn vì mình là thuộc hạ, sai thích khách giết Tiên chủ. Thích khách không nỡ đâm, nói cho Tiên chủ biết rồi bỏ đi. Tiên chủ được lòng người như thế.④

① *Diễn lược* chép: Người quận Bình Nguyên là Lưu Tử Bình biết Lưu Bị là người vũ dũng, bấy giờ Trương Thuần làm loạn, Thanh châu nhận chiếu thư của triều đình, phái Tông sự đem binh đánh dẹp Thuần, đi qua Bình Nguyên, Tử Bình tiến cử Bị với Tông sự, Bị bèn theo đi cùng, gặp quân giặc ở cánh đồng, Bị trúng thương giả chết, sau khi giặc bỏ đi, có người dùng xe chở đi, mới thoát. Sau vì có công đánh giặc, được dùng làm Úy ở huyện An Hi nước Trung Sơn.

② *Diễn lược* chép: Sau đấy triều đình gửi chiếu thư xuống các châu quận, lệnh rằng những người có quân công được dùng làm trưởng lại đều bị sa thải. Bị ngờ rằng mình ở trong số người bị đuổi ấy.

Đốc bưu đến huyện, sắp đuổi Bị, Bị biết việc ấy. Nghe nói Đốc bưu ở quán dịch, Bị muốn đến xin gặp, Đốc bưu xưng bệnh không chịu tiếp, Bị hận hần, bèn về sở quan, dẫn quan binh đến thẳng quán dịch, xông vào cửa, nói:

- Ta được quan phủ mật sai đến bắt Đốc bưu.

Rồi tới giường trói hắn, đem đến huyện, cời dây thao của mình ra buộc vào cổ Đốc bưu, lại trói hắn ở gốc cây, đánh cho hơn trăm trượng, muốn giết hắn. Đốc bưu van xin, Bị bèn thả hắn rồi đuổi đi.

③ *Anh hùng ký* chép rằng: Năm cuối thời Linh đế, Bị từng ở kinh sư, về sau cùng Tào công đều quay về nước Bái, chiêu mộ tụ họp bộ chúng. Đúng lúc Linh đế băng hà, thiên hạ đại loạn, Bị cũng khởi binh theo đi đánh dẹp Đồng Trác.

④ *Ngụy thư* chép: Lưu Bình cấu kết với thích khách muốn giết Bị, Bị không biết lại dãi thích khách rất hậu, thích khách đem sự thực nói rõ với Bị rồi bỏ đi. Thời ấy người dân gặp năm mất mùa đói kém, tụ tập nhau đi cướp bóc. Bị ngoài ngăn ngừa giặc cướp, trong rộng rãi thi ân, nhân sĩ tới thăm, đều ngồi cùng chiếu, ăn cùng mâm, chẳng phân biệt gì. Chúng nhân theo về rất đông.

Viên Thiệu đánh Công Tôn Toàn, Tiên chủ và Điền Khải ở phía đông đóng giữ đất Tề. Tào công đi đánh Từ châu, Từ châu mục là Đào Khiêm sai sứ cáo cấp với Điền Khải, Khải và Tiên chủ cùng cứu Khiêm. Bấy giờ Tiên chủ tự có hơn một nghìn binh, cùng quân kỵ tập nạp người Hồ tộc Ô Hoàn thuộc U châu, lại thu nạp được mấy nghìn dân phu đói kém. Đến nơi, Khiêm lấy bốn nghìn quân ở quận Đan Dương giúp cho Tiên chủ. Tiên chủ bèn bỏ Khải theo Khiêm. Khiêm dâng biểu tiến cử Tiên chủ làm Thứ sử Dự châu, đóng đồn ở Tiểu Bái.

Khiêm bệnh nặng, bảo Biệt giá là My Trúc rằng:

- Không có Lưu Bị chẳng thể yên được châu này vậy.

Khiêm chết, Trúc dẫn người trong châu đi nghênh đón Tiên chủ, Tiên chủ không dám nhận. Người huyện Hạ Bi là Trần Đăng báo với Tiên chủ rằng:

- Nay Hán thất suy bại, bốn bề ngựa nghiêng, lập công dựng nghiệp, chính ở hôm nay vậy. Châu này giàu có, hộ khẩu trăm vạn, mong sứ quân khuất thân tới châu quản việc.

Tiên chủ nói:

- Viên Công Lộ gần đây ở Thọ Xuân, nhà ông ấy bốn đời năm người giữ vị Công khanh, người trong nước theo phục, ngài nên đem việc trong châu giao cho ông ấy.

Đăng nói:

- Công Lộ kiêu căng tự phụ, không phải là người chủ trị loạn. Nay bọn ta muốn giúp sứ quân tập hợp chục vạn quân bộ kỵ, trên có thể giúp chúa cứu dân, làm nên cơ nghiệp Ngũ bá, dưới có thể cắt đất giữ biên cảnh, công lao ghi vào tre lụa. Nếu sứ quân chẳng chịu nghe, Đăng cũng chẳng dám theo lời sứ quân.

Bắc Hải tướng là Khổng Dung bảo Tiên chủ rằng:

- Viên Công Lộ há lo việc nước quên nhà sao? Xương khô trong mả, sao đáng để ý. Cái việc hôm nay, trăm họ theo giúp, trời cho không lấy, hối cũng chẳng kịp.

Tiên chủ bèn lĩnh quân Từ châu.^①

Viên Thuật đến đánh Tiên chủ, Tiên chủ chống Thuật ở Hu Di, Hoài Âm. Tào công dâng biểu cử Tiên chủ làm Trấn đông tướng quân, phong tước Nghi Thành đình hầu, bấy giờ là năm Kiến An nguyên niên. Tiên chủ và Thuật cầm giữ nhau qua tháng, Lã Bố thừa hư đánh úp Hạ Bi. Tướng giữ Hạ Bi là Tào Báo làm phản, tự nghênh đón Bố vào thành. Bố bắt vợ con của Tiên chủ, Tiên chủ chuyển quân tới Hải Tây.^② Dương Phụng và Hàn Tiêm cướp bóc ở khoảng giữa hai châu Từ, Dương, Tiên chủ đón đánh, chém hết chúng. Tiên chủ xin hòa với Lã Bố, Bố trả lại vợ con cho Tiên chủ. Tiên chủ phái Quan Vũ giữ Hạ Bi.

① *Hiển đế Xuân Thu* chép: Bọn Trần Đăng phái sứ giả đến chỗ Viên Thiệu nói:

- Trời giáng tai nghiệt, họa đến bị châu, tướng trong châu tạ thế, sinh dân vô chủ, mọi người lo sợ kẻ gian hùng một sớm thừa cơ nhòm ngó, khiến mình chủ có mối lo giữa trưa, liền cùng nhau vâng mệnh cố Bình Nguyên tướng Lưu Bị phủ quân, coi là tông chủ, khiến bách tính có chỗ quy thuận lâu dài. Hiện nay nạn cướp

bóc hoành hành, chẳng rồi nhàn cõi giáp, xin kính cần phái quan thuộc hạ tới bẩm báo với Chấp sự.

Thiệu đáp rằng:

- Lưu Huyền Đức là người nhĩ nhận rộng rãi, có tín nghĩa, nay Từ châu vui lòng ủng hộ ông ấy, thật xứng với lòng mong mỏi của mọi người vậy.

② *Anh hùng ký* chép: Bị lưu Trương Phi giữ Hạ Bi, tự mình dẫn binh cùng Viên Thuật giao chiến ở Thạch Đình thuộc Hoài Âm, chưa phân thắng phụ. Tướng cũ của Đào Khiêm là Tào Báo ở tại Hạ Bi, Trương Phi muốn giết hắn. Bộ chúng của Báo giữ chặt quân doanh tự thủ, sai người mời Lã Bố. Bố chiếm Hạ Bi, Trương Phi thua chạy. Bị nghe tin, dẫn binh quay về, đi gần đến Hạ Bi, quân vỡ lờ. Bị thu nhặt binh sĩ tàn sát sang đông lấy Quảng Lăng, cùng Viên Thuật giao chiến, lại thua.

Tiên chủ trở về Tiểu Bái,① lại tụ hợp binh được hơn vạn người. Lã Bố ghét lắm, tự xuất binh tiến đánh Tiên chủ, Tiên chủ thua chạy đến hàng Tào công. Tào công hậu đãi Tiên chủ, cho làm Dự châu mục. Tiên chủ xin đến huyện Bái thu nhặt sĩ tốt thất tán, Tào công cấp lương cho quân của Tiên chủ, lại giúp thêm binh sai sang đông đánh Bố. Bố phái Cao Thuận đánh Tiên chủ, Tào công sai Hạ Hầu Đôn đến cứu, không cứu kịp, bị Thuận đánh bại, lại bắt vợ con Tiên chủ đưa đến chỗ Bố.

Tào công tự xuất quân đông chinh,② giúp Tiên chủ vây Bố ở Hạ Bi, bắt sống Bố. Tiên chủ lấy lại được vợ con, rồi theo Tào công về huyện Hứa. Công dâng biểu cử Tiên chủ làm Tả tướng quân, lễ càng trọng hơn, đi thì cùng xe, ngồi thì cùng chiếu. Viên Thuật muốn qua Từ châu lên bắc tới chỗ Viên Thiệu, Tào công phái Tiên chủ đốc Chu Linh, Lộ Chiêu đón đánh Thuật. Chưa đến nơi, Thuật bị bệnh chết.

① *Anh hùng ký* chép: Quân của Bị tại Quảng Lăng, đói khổ khốn quẫn, quan lại sĩ tốt lớn nhỏ tự ăn thịt lẫn nhau, đói khát bức bách đến cùng cực, muốn quay về Tiểu Bái, bèn sai quan đến xin hàng

Lã Bố. Bố lệnh cho Bị về châu, hợp sức đánh Thuật. Lại chiếu theo quy cách Thứ sử chuẩn bị xe ngựa và người hầu, sai người đem vợ con Bị và gia thuộc của bộ khúc tới bờ sông Tứ, làm lễ tiễn đưa.

Ngụy thư chép: Chư tướng bảo Bố rằng:

- Bị mấy lần phản phúc khó dung, nên sớm liệu đi.

Bố không nghe, đem sự thực nói với Bị. Bị trong lòng thấy bất an bèn xin tự thác thân, sai người đến thuyết Bố, xin đóng trại ở Tiểu Bái, Bố bèn phái đi.

② *Anh hùng ký* chép: Năm Kiến An thứ ba, mùa xuân, Bố sai người mang vàng bạc đến Hà Nội mua ngựa, bị lính của Bị cướp mất. Bố vì thế phái bọn Trung lang tướng là Cao Thuận, Thái thú Bắc địa là Trương Liêu đánh Bị. Tháng chín, phá được thành Bái, Bị một mình chạy trốn, vợ con Bị bị bắt sống. Tháng mười, Tào công tự mình đi đánh Lã Bố, Bị ở địa giới nước Lương cùng Tào công gặp nhau, Bị bèn theo Công cùng đông chinh.

Lúc Tiên chủ chưa ra ngoài, cậu của Hiến đế là Xa kỵ tướng quân Đồng Thừa^① nhận cái đai áo của Đế có mặt chiếu bên trong, muốn Tiên chủ giết Tào công. Tiên chủ còn chưa khởi hành. Lúc ấy Tào công ung dung bảo Tiên chủ rằng:

- Nay anh hùng trong thiên hạ, chỉ có sứ quân và Tháo này thôi. Lũ người như Bản Sơ, chẳng đáng kể vậy.

Tiên chủ đang ăn, sợ hãi đánh rơi cả thìa đĩa.^② Vì thế Tiên chủ cùng bọn Trường thủy Hiệu úy Chung Tập, Tướng quân Ngô Tử Lan, Vương Tử Phục cùng bàn mưu. Đúng lúc được sai đi đánh Thuật, chưa kịp động thủ. Sau việc bị phát giác, bọn Thừa đều chịu tội chết.^③

① Thần Tùng Chi xét: Đồng Thừa, là cháu của Đồng Thái hậu mẹ Hán Linh đế, Hiến đế gọi là Trọng nhân. Đại khái là từ thời cổ không có danh vị Trương nhân, nên gọi là cậu vậy.

② *Hoa Dương quốc chí* chép rằng: Đúng lúc ấy có tiếng sấm nổ vang, Bị nhân đó bảo Tháo rằng:

- Thánh nhân có nói "sét gầm gió giạt người biến sắc", quả là vậy. Cái uy của một tiếng sét, mà có thể đến thế này!

③ *Hiển để khởi cư chú* chép: Mưu kế của bọn Thừa với Bị còn chưa phát động, thì Bị được phái ra ngoài. Thừa bảo Phục rằng:

- Quách Đa có mấy trăm binh, chế phục mấy vạn người của Lý Thôi, nhưng chỉ tức hạ với ta đồng lòng chẳng xong được! Xưa kia nhà Lã Bất Vi, nhờ dựa Tử Sở⁽¹⁾ mà được cao quý, nay ta và ngài cũng thế vậy.

Phục nói:

- Tôi sợ hãi chẳng dám nhận trọng trách, và lại binh ta rất thiếu.

Thừa nói:

- Cử sự xong, thu được hết binh của Tào công, xem thế chẳng đủ sao?

Phục nói:

- Nay ở kinh sư có người nào tin dùng được?

Thừa nói:

- Trường thủy Hiệu úy Chung Tập, Nghị lang Ngô Thạc là tâm phúc của ta mưu việc.

Bèn định kế.

Tiên chủ chiếm Hạ Bi, Bọn Linh trở về, Tiên chủ bèn giết Thứ sử Từ châu là Xa Trụ, lưu Quan Vũ giữ Hạ Bi, còn mình thân về Tiểu Bái.①

Xương Bá ở quận Đông Hải làm phản, quận huyện đa phần phản lại Tào công giúp Tiên chủ, bộ chúng có mấy vạn người, Tiên chủ phái Tôn Càn sang chỗ Viên Thiệu xin cùng liên hòa, Tào công phái Lưu Đại, Vương Trung đánh Bị, không thắng nổi.

¹ Vương Tử Sở (王子楚) là con của Hiếu Văn vương nước Tần làm con tin ở nước Triệu, Lã Bất Vi (吕不韦), bấy giờ là nhà buôn giàu có, dùng tiền mua chuộc người nước Triệu đưa Tử Sở về Tần, sau xếp đặt để Tử Sở lên làm vua nước Tần. Lã Bất Vi chiếm được ngôi Thừa tướng.

Năm thứ năm, Tào công đông chinh đánh Tiên chủ, Tiên chủ thua bại.② Tào công thu hết bộ chúng của Tiên chủ, bắt được vợ con Tiên chủ, bắt sống Quan Vũ đem về.

① *Ngô lục* của Hồ Xung chép: Tào công nhiều lần phái người thân cận bí mật dò xét chư tướng xem có ai tụ tập tân khách ăn uống, thì mượn việc hại họ. Bấy giờ Bị đóng cửa, cùng người nhà trồng rau cải, Tào công sai người dòm qua lỗ cửa. Kẻ rình xét đi rồi, Bị bảo Trương Phi, Quan Vũ rằng:

- Ta há phải trồng rau đâu? Tào công tất có ý ngờ ta, chẳng nên ở lại.

Đêm ấy xé hàng rào phía sau, cùng bọn Phi đem đồ nhẹ lên ngựa đều bỏ đi, các thứ y phục mình được ban thưởng, đều gói ghém để lại, rồi qua Tiểu Bái thu gom binh lính.

Thần Tùng Chi xét: Ngụy Vũ để phái Tiên chủ thống lĩnh chư tướng đón đánh Viên Thuật, bọn Quách Gia cùng can, Ngụy Vũ không nghe, việc ấy là hiển nhiên, không phải là mượn việc trồng rau ẩn thân rồi trộm trốn đi. Như lời mà Xung nói, thật hoang đường trái lẽ vậy!

② *Ngụy thư* chép: Bấy giờ, Công đương có việc gấp ở Quan Độ, bèn phân phái chư tướng của mình ở lại đóng trại giữ Quan Độ, tự mình thống suất tinh binh đi đánh Bị. Bị ban đầu cho rằng Công cùng đại địch đối chiến, không thể sang đông, nhưng quân kỵ trình sát vụt đến, nói Tào công tự kéo tới. Bị cả kinh, nhưng còn chưa tin, tự mình đem mấy chục quân kỵ ra xa xem quân của Công, nhìn thấy cờ tinh, liền bỏ bộ chúng mà chạy.

Tiên chủ trốn đến Thanh châu. Thứ sử Thanh châu là Viên Đàm, từng được Tiên chủ tiến cử làm Mậu tài, đem quân bộ kỵ ra nghênh đón Tiên chủ. Tiên chủ theo Đàm đến huyện Bình Nguyên, Đàm sai sứ đến bạch với Thiệu. Thiệu phái tướng sĩ lên đường nghênh đón, đích thân ra cách Nghiệp Thành hai chục dặm, cùng Tiên chủ tương kiến.① Lưu lại hơn một tháng, sĩ tốt thất tán lại dần đến tụ tập.

Tào công cùng Viên Thiệu chống nhau ở Quan Độ, quân Khăn Vàng ở Nhữ Nam là bọn Lưu Tích phản Tào công hưởng ứng Thiệu. Thiệu phái Tiên chủ đem binh cùng bọn Tích đánh cướp ở phía dưới huyện Hứa. Quan Vũ trốn về với Tiên chủ. Tào công sai Tào Nhân dẫn binh đánh Tiên chủ, Tiên chủ quay về chỗ quân của Thiệu, ngầm muốn rời bỏ Thiệu, bèn khuyên Thiệu liên kết với Kinh châu mục là Lưu Biểu ở phía nam. Thiệu phái Tiên chủ đem binh cũ của mình lại đến Nhữ Nam, cùng giặc là bọn Cung Đô hợp quân, bộ chúng có mấy nghìn người. Tào công phái Thái Dương đánh Tiên chủ, bị Tiên chủ giết chết.

① *Ngụy thư* chép: Bị theo về với Thiệu, cha con Thiệu dốc lòng kính trọng.

Tào công phá xong Thiệu, từ phía nam đánh Tiên chủ. Tiên chủ phái My Trúc, Tôn Càn đi báo tin cho Lưu Biểu, Biểu thân ra ngoài thành đón tiếp, dùng lễ thượng tân đãi Tiên chủ, giúp thêm binh lính, sai đóng quân ở Tân Dã. Hào kiệt ở Kinh châu theo Tiên chủ ngày càng đông, Biểu có lòng ngờ, ngầm kiểm chế Tiên chủ.①

Biểu sai Tiên chủ cự bọn Hạ Hầu Đôn, Vu Cấm ở Bác Vọng. Ít lâu sau, Tiên chủ đặt phục binh, một sớm tự đốt trại quân và trốn, bọn Đôn đuổi theo, bị phục binh đánh tan.

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Bị ở Kinh châu mấy năm, có lần ngồi ở chỗ Biểu đứng dậy ra nhà xí, thấy thịt bắp vế mập ra, bùi ngùi chảy nước mắt. Quay về chỗ ngồi, Biểu thấy lạ hỏi, Bị đáp:

- Ta thân thường chẳng rời yên ngựa, thịt ở bắp vế đều tiêu đi. Nay chẳng cưỡi ngựa nữa, thịt bắp vế lại mập ra. Ngày tháng trôi nhanh, đã già lão đến nơi rồi, mà công nghiệp chẳng lập được, vì thế bị thương vậy.

Thế ngữ chép: Bị đóng đồn ở Phàn Thành, Lưu Biểu dùng lễ đối đãi, sợ Bị giúp người khác, không tin dùng lắm. Có lần Biểu mời

Bị hội yển, Khoái Việt, Sái Mao muốn nhân cơ hội bắt Bị, Bị phát giác được, vờ ra nhà xí, ngằm trốn đi. Con ngựa mà Bị cưỡi có tên là Địch lư, Bị cưỡi ngựa Địch lư chạy trốn, bị rơi xuống khe suối Đàn Khê ở phía tây thành Tương Dương, ngựa chìm xuống không lên được. Bị nói gấp:

- Địch lư, việc hôm nay nguy lắm rồi, hãy gắng lên!

Địch lư bèn nhảy vọt lên ba trượng, vì thế qua được khe, bơi sang bờ bên kia, bơi đến giữa dòng thì quân truy đuổi đến, đem ý của Biếu tạ Bị, nói:

- Sao vội bỏ đi thế!

Tôn Thịnh nói: Lời ấy không đúng. Bấy giờ Bị là khách gửi thân, cái thể khách chủ khác nhau, nếu có biến ấy, há Bị được an nhiên đến hết đời Biếu mà không oán cừu với ai sao? Đấy đều là lời nói xằng của người đời, không phải sự thật vậy.

Năm thứ mười hai, Tào công bắc chinh Ô Hoàn, Tiên chủ khuyên Biếu tập kích huyện Hứa, Biếu không dùng kế.^①

Tào công nam chinh Biếu, đúng lúc Biếu chết,^② con Biếu là Tông lên thay, phái sứ đến xin hàng. Tiên chủ đóng giữ Phàn Thành, không biết Tào công đột nhiên đến, quân kia đến huyện Uyển mới nghe tin, bèn đem bộ chúng của mình bỏ đi. Qua Tương Dương, Gia Cát Lượng khuyên Tiên chủ đánh Tông, Kinh châu có thể lấy được. Tiên chủ nói: "Ta chẳng nỡ vậy."^③ Bèn dùng ngựa gọi Tông, Tông sợ không dám đứng dậy. Tả hữu của Tông và người ở Kinh châu đa phần đi theo Tiên chủ.^④ Đi gần đến Tương Dương, bộ chúng đến hơn chục vạn, xe chở đồ nặng mấy nghìn chiếc, đi một ngày được hơn chục dặm, Tiên chủ liền phái Quan Vũ lĩnh riêng mấy trăm thuyền đi đường thủy, sai hội ở Giang Lăng.

Có người báo Tiên chủ rằng:

- Nên tức tốc tới giữ Giang Lăng, nay tuy nắm bộ chúng đông, nhưng binh sĩ mặc giáp ít, nếu binh của Tào công đến, lấy gì cự chúng?

Tiên chủ đáp:

- Muốn thành đại sự tất phải lấy nhân tâm làm gốc, nay người đi theo ta, ta sao nỡ bỏ được! ⑤

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Tào công từ Liễu Thành quay về, Biều bảo Bị rằng:

- Ta chẳng dùng lời của ngài, nên lỡ mất cơ hội lớn ấy.

Bị đáp:

- Nay thiên hạ chia lìa, việc can qua diễn ra hàng ngày, cơ hội sẽ lại đến, há đã hết được? Nếu biết ứng phó về sau, thì việc ấy chưa đủ để tiếc hận vậy.

② *Anh hùng ký* chép: Biều ốm, dâng thư cử Bị lĩnh chức Thứ sử Kinh châu.

Ngụy thư chép: Biều ốm nặng, phó thác việc nước cho Bị, ngỏảnh nhìn Bị nói:

- Con ta bất tài, mà chur tướng lại tán lạc, sau khi ta chết, khanh hãy thay ta nắm Kinh châu.

Bị nói:

- Các cháu đều là hiền tài, ngài cứ yên tâm dưỡng bệnh.

Có người khuyên Bị nên theo lời của Biều, Bị nói:

- Người ấy hậu đãi ta, nay theo lời ấy, người đòi tất cho là ta bạc, ta chẳng nhẫn tâm vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng vợ chồng Biều vốn yêu Tông, bỏ đích lập thứ, ý định đã có từ lâu, không duyên cớ gì lúc lâm chung lại đem Kinh châu trao cho Bị, lời ấy cũng không đúng.

③ *Hán Ngụy Xuân Thu* của Khổng Diễn chép: Lưu Tông xin hàng, không dám báo với Bị. Bị cũng không biết, mãi sau mới phát giác ra, phái người thân tín của mình đến hỏi Tông. Tông sai Tổng Trung đến chỗ Bị tuyên chỉ. Bấy giờ Tào công ở tại huyện Uyển, Bị mới thất kinh, bảo Trung rằng:

- Mấy người bọn khanh làm việc như thế, chẳng sớm nói với ta, nay họa đến nơi mới báo ta, chẳng quá lắm sao!

Rồi rút dao trở vào Trung nói:

- Nay ta chặt đầu ngươi, chẳng đủ để tan mối hận, cũng hồ thẹn vì là đại trượng phu mà lúc sắp chia biệt lại giết bọn ngươi!

Bèn sai đuổi Trung đi, rồi gọi bộ khúc thương nghị. Có người khuyên Bị cướp bắt Tông cùng quan lại của Kinh châu rồi theo lối tắt về nam đến Giang Lăng, Bị đáp rằng:

- Lưu Kinh châu lúc sắp mất đem con cô phó thác cho ta, bội tín tự lên làm chúa, ta quyết chẳng làm, lúc chết đi ta còn mặt mũi nào gặp Lưu Kinh châu đây!

④ *Diễn lược* chép: Bị đi qua vào tạ mộ của Biểu, rồi rửa nước mắt mà đi.

⑤ Tập Tạc Xi nói: Tiên chủ tuy gặp hiểm nạn điên đảo mà tín nghĩa càng sáng tỏ, thế bức việc nguy mà lời nói chẳng lỗi đạo. Mến nhớ ân nghĩa của Cảnh Thắng, cái tình cảm động ba quân; quyến luyến sĩ nhân theo vì nghĩa, mà cam tâm cùng chịu thua bại. Xét cái nguyên nhân thu được lòng người, há đâu chỉ vì hòa chén rượu, chung lao khổ với quân dân, vỗ về kẻ sĩ, thăm hỏi người già yếu bệnh tật mà thôi! Tiên chủ cuối cùng lập nên đại nghiệp, chẳng phải là lý đương nhiên sao!

Tào công thấy Giang Lăng là nơi lăm quân lương, sợ Tiên chủ chiếm chỗ ấy, bèn bỏ xe truy trọng, đem khinh quân đến Tương Dương. Nghe tin Tiên chủ đã đi qua đấy, Tào công dẫn năm nghìn kỵ binh tinh nhuệ gấp rút truy đuổi, một ngày một đêm đi được hơn ba trăm dặm, đuổi kịp ở Trường Bản huyện Đương Dương. Tiên chủ bỏ vợ con, cùng bọn Gia Cát Lượng, Trương Phi, Triệu Vân và mấy chục quân kỵ bỏ trốn, Tào công bắt được người của Tiên chủ và nhiều xe chở đồ nặng. Tiên chủ rẽ sang Hán Tân, vừa hay cùng quân thuyền của Vũ gặp nhau, qua được sông Miện, gặp con trưởng của Biểu là Kỳ làm Thái thú Giang Hạ bộ chúng có hơn vạn người, bèn cùng đến Hạ Khẩu. Tiên chủ phái Gia Cát Lượng tự giao kết với Tôn Quyền,^① Quyền phái bọn Chu Du, Trình Phổ lĩnh mấy vạn

quân thủy, cùng Tiên chủ hợp sức, ② giao chiến với Tào công ở Xích Bích, đại phá Tào công, đốt hết thuyền chiến. Tiên chủ cùng quân Ngô thủy lục đều tiến, đuổi theo đến Nam Quận, bấy giờ lại nổi bệnh dịch, quân bắc chết nhiều, Tào công dẫn quân quay về. ③

① *Giang Biểu truyện* chép: Tôn Quyền phái Lỗ Túc đến chỗ hai con của Biểu viếng tang, lại lệnh sai kết giao với Bị. Túc chưa đến nơi mà Tào công đã qua bến Hán Tân. Túc cố tiến về phía trước, gặp Bị ở Đương Dương, nhân đó tuyên ý chỉ của Quyền, bàn luận đại thể thiên hạ, ý tứ hết sức ân cần. Lại hỏi Bị rằng:

- Dự châu nay muốn đến chỗ nào?

Bị đáp:

- Ta cùng Thái thú Thương Ngô là Ngô Thần (Ngô Cự) có quen biết, muốn qua đó nhờ ông ấy.

Túc nói:

- Tôn Thảo lố là người thông minh nhân ái, kính hiền tài lễ kẻ sĩ, anh hào ở vùng Giang Biểu đều nương bám ông ấy, đã giữ được sáu quận, binh mạnh lương nhiều, đủ để lập đại sự. Nay ta vì ngài tính kế, chẳng bằng phái người tâm phúc đi sứ tự giao kết với phương đông, gây dựng tình hòa hảo, cùng giúp đời dựng nghiệp, mà ngài nói rằng muốn đến nhờ vả Ngô Thần (Ngô Cự) là kẻ tầm thường, ở tíu quận xa, sắp tới sẽ bị người ta thôn tính, há đủ để thác thân?

Bị cả mừng, tiến đến đóng giữ huyện Ngạc, phái ngay Gia Cát Lượng theo Túc đến chỗ Tôn Quyền, thề ước kết đồng minh.

② *Giang Biểu truyện* chép: Bị theo kế của Lỗ Túc, tiến đến đóng giữ Phàn Khẩu thuộc huyện Ngạc. Gia Cát Lượng đến đất Ngô chưa về, Bị nghe tin quân của Tào công xuôi dòng tiến xuống, sợ hãi, ngày ngày phái quan binh tuần tiễu trên sông chờ chực ngóng quân của Quyền. Quan binh trông xa thấy thuyền của Du, vội đến bạch với Bị, Bị nói:

- Sao biết rằng đây không phải là quân Thanh Từ?

Quan bình thừa rằng:

- Nhìn thuyền thì biết.

Bị sai người đến úy lạo họ. Du nói:

- Ta gánh việc quân, chẳng thể ủy thác việc mà đi, ví như ông ấy có thể khuất mình mà đến, đấy thực là điều ta mong ngóng.

Bị bảo Quan Vũ, Trương Phi rằng:

- Bên kia muốn ta đến, ta nay tự giao kết với Đông Ngô mà không qua đó, là không phải với tình đồng minh vậy.

Bèn tự cưỡi một chiếc thuyền mảnh qua gặp mặt Du, hỏi rằng:

- Nay cự Tào công, thực là đúng kế. Binh tốt chiến đấu có được bao nhiêu?

Du nói:

- Ba vạn người.

Bị nói:

- Tiếc là hơi ít.

Du nói:

- Thế là đủ dùng, Dự châu hãy chờ xem Du phá Tào công.

Bị muốn gọi bọn Lỗ Túc đến cùng hội bàn, Du nói:

- Kẻ nhận mệnh phá giặc chẳng thể tùy tiện ủy thác việc, nếu muốn gặp Tử Kính, nên đi gặp riêng. Hơn nữa Khổng Minh đã khởi hành cùng ông ấy, chẳng quá ba ngày nữa sẽ đến vậy.

Bị dẫu rất then và phục Du, nhưng trong lòng chưa tin là Du nhất định phá được quân bắc, nên sai người sửa soạn ở phía sau, đem hai nghìn quân chia đều cho Vũ, Phi, không chịu ở một chỗ với Du, đại khái là để tính kế tiến thủ vậy.

Tôn Thịnh nói: Lưu Bị vốn là bậc hùng tài, ở cái chỗ tất vong, cáo cấp với Ngô, mà nhận được sự tương trợ của họ, không duyên cớ gì lại mong ngóng nơi bãi sông mà trong lòng tính kế ở đằng sau. Lời mà *Giang Biếu truyện* nói, nhất định là người Ngô muốn dùng lời duy mỹ làm đẹp cho Du vậy.

③ *Giang Biểu truyện* chép: Chu Du làm Thái thú Nam Quận, chia đất ở Nam Ngạn đem cấp cho Bị. Bị lập quân doanh riêng ở cửa Du Giang, đổi tên thành Công An. Quan lại tướng sĩ của Lưu Biểu từng theo quân bắc, đa phần phản lại về hàng Bị. Bị vì số đất mà Du cấp cho mình thiếu, chẳng đủ để an dân, về sau mới tòng quyền mượn mấy quận Kinh châu.

Tiên chủ dâng biểu tiến cử Kỳ làm Thứ sử Kinh châu, lại xuôi nam đánh bốn quận. Thái thú Vũ Lăng là Kim Toàn, Thái thú Trường Sa là Hàn Huyền, Thái thú Quế Dương là Triệu Phạm, Thái thú Linh Lăng là Lưu Độ đều quy hàng.^① Người quận Lư Giang là Lôi Tự dẫn mấy vạn bộ khúc đến hàng.

Kỳ bị bệnh chết, quần hạ suy cử Tiên chủ làm Kinh châu mục, sở trị đóng tại Công An. Quyền dần dần lo sợ, mới gả em gái mình cho Tiên chủ để giữ tình hòa hiếu. Tiên chủ đến kinh sư⁽¹⁾ gặp Quyền, hai bên cùng thắt chặt ân tình.^②

Quyền sai sứ đến bàn rằng muốn chung sức cùng vào lấy Thục, có người cho rằng nên đáp lại là đồng ý, Ngô rút cục chẳng thể vượt Kinh châu để lấy Thục, xứ Thục có thể tự bảo vệ mình. Chủ bộ Kinh châu là Ân Quan dâng lời rằng:

- Nếu ta giúp Ngô tiến đánh trước, tiến chưa thể thắng được Thục, lui lại bị Ngô thừa cơ lấn, đại sự hỏng mất. Nay chỉ nên tán đồng việc đánh Thục của họ, nhưng tự nói rằng các quận ta mới lấy được, chưa thể hưng sư động chúng, Ngô tất không dám vượt qua ta đơn độc vào lấy Thục. Cái kế tiến lui như thế, có thể giữ được lợi ích của cả Ngô và Thục.

Tiên chủ theo lời bàn, Quyền quả nhiên bỏ kế ấy. Tiên chủ thăng Ân Quan làm Biệt giá Tòng sự.^③

① *Tam phụ Quyết lược chú* chép: Kim Toàn tự Nguyên Ky, người quận Kinh Triệu, trải chức Hoàng môn thị lang, Thái thú Hán

¹ Đây là kinh sư nước Ngô vậy.

Dương, được trưng triệu bái làm Nghị lang, thăng chức Trung lang tướng, lĩnh Thái thú Vũ Lăng, bị Lưu Bị đánh úp mà chết.

Con của Toàn là Y, sự tích thấy chép ở Ngụy Vũ bản kỷ.

② *Sơn Dương công tái ký* chép: Bị về, bảo tả hữu rằng:

- Tôn Xa kỵ lưng dài chân ngắn, người ấy khó bị kẻ khác thuyết phục, ta chẳng nên lần nữa gặp hần.

Bèn đi gấp suốt đêm ngày.

Thần Tùng Chi xét: *Ngụy thư* chép việc Lưu Bị và Tôn Quyền nói chuyện, cùng *Thục chí* kể truyện Gia Cát Lượng và Quyền nói chuyện lời lẽ giống nhau. Lưu Bị khi trước chưa phá được quân Ngụy, còn chưa cùng Tôn Quyền tương kiến, không thể có lời này. Cho nên ta biết *Thục chí* nói đúng.

③ *Hiển đế Xuân Thu* chép: Tôn Quyền muốn cùng Bị chung sức lấy Thục, phái sứ đến bảo Bị rằng:

- Mễ tặc Trương Lỗ chiếm cứ đất Ba, Hán xưng vương, là tai mắt của Tào Tháo, mưu toan dòm dò Ích châu. Lưu Chương không có uy vũ, chẳng thể tự giữ. Nếu Tháo lấy được Thục, ắt Kinh châu nguy mất. Nay ta muốn đánh Chương trước, rồi tiến lên dẹp Trương Lỗ, đầu đuôi nối liền với nhau, nhất thống Ngô, Sở, đâu có ngại Tào Tháo, cũng không lo vậy.

Bị muốn tự mình lấy Thục, cự tuyệt không nghe, nói:

- Dân Ích châu giàu có, địa bàn hiểm trở, Lưu Chương đầu yếu, đủ để tự giữ. Trương Lỗ hư hao xảo trá, vị tất đã tận trung với Tháo. Nay vội vã đưa quân vào Ba Thục, Hán Trung, chuyển vận từ ngàn dặm, mà muốn thu được toàn công, cử sự chẳng bất lợi, đấy là việc mà Ngô Khôi không thể vạch nổi quy mô, Tôn Vũ chẳng thể khéo mà làm được. Tào Tháo tuy trong lòng không có chúa, nhưng có danh nghĩa vâng mệnh quân vương, kẻ nghị bàn thấy Tháo thất lợi ở Xích Bích, cho rằng lực của hần đã khuất, không có chí xa xôi nữa. Hiện tại thiên hạ ba phần Tháo đã có hai rồi, muốn cho ngựa uống nước Thương Hải, xem binh Ngô Cối, sao chịu bằng lòng ngồi đợi lên lão được? Nay đồng minh có tự

công phạt lẫn nhau, trao cơ hội cho Tào Tháo, khiến địch được thế nhòm ngó, chẳng phải là kế lâu dài vậy.

Quyền không nghe, sai Tôn Du đốc lĩnh thủy quân đóng ở Hạ Khẩu. Bị không cho quân Ngô qua, bảo Du rằng:

- Mày muốn lấy Thục, ta sẽ cắt tóc vào ở trong núi, chẳng thất tín với thiên hạ vậy.

Rồi sai Quan Vũ đóng trại ở Giang Lăng, Trương Phi đóng đồn ở Tỷ Quy, Gia Cát Lượng đóng giữ Nam Quận, Bị tự mình đồn trú ở Sàn Lăng. Quyền biết ý của Bị, vì thế triệu Du về.

Năm thứ mười sáu, Ích châu mục Lưu Chương ở nơi xa nghe tin Tào công sai tướng là bọn Chung Do hướng đến Hán Trung đánh Trương Lỗ, trong lòng rất kinh sợ. Biệt giá Tòng sự người Thục Quận là Trương Tùng thuyết Chương rằng:

- Tào công binh khỏe vô địch thiên hạ, nếu dựa vào cửa của cái của Trương Lỗ để đánh lấy Thục, ai có thể ngăn được?

Chương nói:

- Ta vốn lo nghĩ việc này mà chưa có kế sách gì.

Tùng nói:

- Lưu Dự châu, là người đồng tông với sứ quân lại có mối thâm thù với Tào công, khéo dùng binh, nếu sai đi đánh dẹp Lỗ, Lỗ tất bị phá. Lỗ bị phá, thì Ích châu mạnh lên, Tào công dẫu đến, cũng chẳng thể làm gì vậy.

Chương cho là lời đúng, phái Pháp Chính dẫn bốn nghìn người đi đón Tiên chủ, trước sau đưa tặng của cải tính kế ỨC VẠN. Chính nhân đó bày kế với Tiên chủ, nói Ích châu có thể lấy được.① Tiên chủ lưu bọn Gia Cát Lượng, Quan Vũ giữ Kinh châu, tự mình đem mấy vạn bộ tốt tiến vào Ích châu. Đến huyện Phù, Chương tự ra nghênh đón, gặp nhau rất mừng. Trương Tùng lệnh cho Pháp Chính bám với Tiên chủ, mưu thần Bàng Thống dâng kế, nói nên tiện dịp hai bên gặp gỡ giết Chương. Tiên chủ nói:

- Đây là việc lớn, chẳng nên vội vã.

Chương suy cử Tiên chủ làm hành Đại tư mã, kiêm Tư lệ Hiệu úy; Tiên chủ cũng suy cử Chương làm hành Trấn tây Đại tướng quân, kiêm Ích châu mục. Chương thêm binh cho Tiên chủ, sai đánh Trương Lỗ, lại sai đốc suất quân ở ải Bạch Thủy. Tiên chủ hợp quân được hơn ba vạn người, xe cộ, áo giáp, khí giới, của cải rất nhiều.

Năm ấy, Chương quay về Thành Đô. Tiên chủ lên bắc đến Gia Manh, chưa đánh Trương Lỗ ngay, lại rộng rãi vun trồng ân đức, để thu lấy nhân tâm.

① Ngô thư chép: Bị lúc trước gặp Trương Tùng, sau được gặp Pháp Chính, đều dùng lễ hậu đón tiếp, hết sức vui mừng ân cần đối đãi. Nhân đó hỏi xem Thục trung rộng hẹp thế nào, binh khí, khủ phổ, nhân mã đông ít ra sao, cho đến những nơi trọng yếu, đường đất xa gần, bọn Tùng đều nói rành mạch, lại vẽ hết địa đồ các chỗ núi sông, bởi thế Bị biết hết tình hình hư thực ở Ích châu.

Năm sau, Tào công đánh Tôn Quyền, Quyền gọi Tiên chủ cứu mình. Tiên chủ phái sứ báo với Lưu Chương rằng:

- Tào công đi đánh Ngô, Ngô rất nguy cấp. Tôn thị với Cô vốn là môi răng, thêm nữa Nhạc Tiến ở Thanh Nê cùng Quan Vũ đối trận, nay chẳng qua cứu Vũ, Tiến tất đại thắng, lại chuyển sang phạm địa giới Ích châu, mối lo ấy so với Lỗ thì lớn hơn. Lỗ chỉ là tên giặc tự giữ mình, chẳng đủ lo vậy.

Nhân đó yêu cầu Chương cấp cho một vạn binh và của cải, muốn hướng về đông. Chương chỉ đáp ứng cho bốn nghìn binh, những thứ khác đều cấp giảm đi một nửa.①

Trương Tùng gửi thư cho Tiên chủ và Pháp Chính nói:

- Nay đại sự sắp thành, sao lại bỏ đi như thế?

Anh của Tùng là Túc làm Thái thú Quảng Hán, sợ di họa đến mình, bèn bám với Chương cáo giác mưu của Tùng. Vì thế

Chương bắt chém Tùng, hiềm khích mới bắt đầu tích kết.② Chương sắc lệnh cho chư tướng giữ quan ải khi đưa văn thư chớ thông qua Tiên chủ nữa. Tiên chủ cả giận, triệu đốc quân ở Bạch Thủy quan là Dương Hoài đến, trách mắng hấn vô lễ, rồi chém hấn. Lại sai Hoàng Trung, Trác Ứng lĩnh binh đối phó với Chương. Tiên chủ đến thẳng quan ải, giữ vợ con của chư tướng và sĩ tốt làm tin, rồi dẫn binh cùng bọn Trung, Ứng tiến đến huyện Phù, chiếm huyện thành. Chương phái bọn Lưu Kỳ, Lãnh Bao, Trương Nhiệm, Đặng Hiên cự Tiên chủ ở huyện Phù,③ đều thua bại, lui về giữ Miên Trúc. Chương phái Lý Nghiêm đốc chư quân Miên Trúc, Nghiêm thống suất bộ chúng tới hàng Tiên chủ. Quân của Tiên chủ càng mạnh, bèn phân phái chư tướng bình định các huyện thuộc, bọn Gia Cát Lượng, Trương Phi, Triệu Vân đem binh ngược sông mà lên, bình định Bạch Đế, Giang Châu, Giang Dương, duy có Quan Vũ ở lại trấn Kinh châu.

Tiên chủ tiến quân bao vây huyện Lạc; bấy giờ con của Chương là Tuần giữ thành, bị vây đánh gần một năm.

① *Ngụy thư* chép: Bị nhân thế kích giận bộ chúng của mình rằng:

- Ta vì Ích châu đi đánh cường địch, sư lữ nhọc mệt, chẳng rồi nhàn yên ổn; nay tiên của chất đầy kho tàng mà bunn xin với việc thưởng công, lại muốn sĩ đại phu bỏ mệnh ra sức đánh, có thể được sao!

② *Ích bộ kỳ cựu tạp ký* chép: Trương Túc có dáng vẻ uy nghi, dung mạo cao lớn. Tùng là người thấp bé, phóng túng chẳng giữ tiết, nhưng kiến thức thông đạt, tinh tế quyết đoán, có tài cán. Lưu Chương phái Tùng đến chỗ Tào công, Tào công rất không kính lễ; Chủ bộ của Công là Dương Tu rất xem trọng Tùng, bầm với Công cho triệu Tùng, Công không thu nhận ý kiến. Tu đem binh thư mà Tào công soạn cho Tùng xem, Tùng giữa lúc ăn yến xem qua một lượt rồi gấp lại đọc thuộc. Tu vì thế càng cho Tùng là kỳ lạ.

③ *Ích bộ kỳ cựu tạp ký* chép: Trương Nhiệm, người Thục Quận, gia thế nghèo khó. Thời trẻ can đảm dũng mãnh, có chí tiết, làm Tòng sự trong châu.

Năm thứ mười chín mùa hạ, Tiên chủ phá Lạc Thành,^① tiến vây Thành Đô mấy chục ngày, Chương ra hàng.^②

Thục trung giàu có, trăm họ an vui, Tiên chủ bày đại tiệc khao thưởng sĩ tốt, lấy vàng bạc trong thành nước Thục chia thưởng cho tướng sĩ, lương thực, tơ lụa đều trả về cho chủ. Tiên chủ lại lĩnh chức Ích châu mục, Gia Cát Lượng làm bày tôi tay chân, Pháp Chính làm mưu chủ, Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu làm nanh vuốt, Hứa Tĩnh, My Trúc, Giản Ung làm Tân hữu. Đến như bọn Đồng Hòa, Hoàng Quyền, Lý Nghiêm vốn đều là những quan viên được Chương tín nhiệm, bọn Ngô Nhất,⁽¹⁾ Phí Quan là thông gia của Chương, Bành Dạng là người bị Chương ruồng bỏ, Lưu Ba vốn là người trước đây bị Tiên chủ ghét hận, đều được sắp xếp ở vị trí cao quý, tận dụng hết tài năng của họ. Vì thế kẻ sĩ có chí, chẳng ai không tranh đua cố gắng.

① *Ích bộ kỳ cựu tạp ký* chép: Lưu Chương sai Trương Nhiệm, Lưu Kỳ thống suất tinh binh cự giữ Tiên chủ ở huyện Phù, hai người bị Tiên chủ phá, lui binh cùng con của Chương là Tuần thủ giữ Lạc Thành. Nhiệm dẫn binh ra Nhạn Kiều, giao chiến lại thua, bị bắt. Tiên chủ nghe nói Nhiệm là người trung dũng, sai quân khuyên hàng, Nhiệm lớn tiếng nói:

- Lão thần ta thà chết chẳng thờ hai chủ vậy.

Bèn giết Nhiệm. Tiên chủ than tiếc mãi.

② *Phó tử* chép: Khi trước, lúc Lưu Bị đánh úp Thục Quận, Thừa tướng duyện là Triệu Tiễn nói:

- Lưu Bị chẳng thành công được! Dùng binh thì vụng về, mỗi lần đánh thường thua bại, chạy trốn chẳng kịp, lấy gì để tính nước

¹ Nguyên người này tên thật là Ngô Ý, song Trần Thọ viết sử vào đời Tấn phải tránh tên húy của Tư Mã Ý nên viết chệch tên thành Ngô Nhất.

người? Thục đầu là chỗ đất nhỏ, song tứ bề hiểm vững, cái nước chỉ giữ, khó mà nuốt ngay được vậy.

Trung sĩ là Phó Cán nói:

- Lưu Bị là người khoan hậu nhân nghĩa, độ lượng rộng rãi, có thể khiến người khác dốc sức đến chết vì mình. Gia Cát Lượng thấu suốt đạo trị, khéo biến thông, chính trực mà có mưu, làm tướng văn; Trương Phi, Quan Vũ dũng mãnh có nghĩa khí, đều sức địch muôn người, làm tướng võ. Ba người ấy, đều là nhân kiệt vậy. Lấy sự thao lược của Bị, được tam kiệt giúp đỡ, sao chẳng thành công?

Diễn lược chép: Triệu Tiễn, tự Thúc Mậu, người quận Kinh Triệu huyện Trường Lăng. Thành thực, hiếu học, nói năng thích dẫn thi thư, giàu nhân ái hay xót thương người, bất kể thân sơ.

Tiến được triệu gọi đến công phủ, rồi về triều làm Thương thư bộ Lang. Đồng Trác muốn lấy người thân của mình sung vào phủ Thượng thư, Tiến cự tuyệt không theo. Trác giận, cho gọi Tiến muốn giết, quan lại đều vì Tiến lo sợ, nhưng Tiến tự nhiên như thường. Lúc gặp Trác, lời thẳng sắc nghiêm, giảng rõ phải trái, Trác tuy hung hăng tàn ngược, nhưng chịu phục mà tạ Tiến rồi thẳng làm Bình Lăng lệnh.

Cố tướng quốc Vương Doãn bị hại, chẳng ai dám đến gần, Tiến bỏ chức đi thu nhật thủy Doãn.

Tam Phụ loạn, Tiến làm khách trọ ở Kinh châu, Lưu Biểu lấy làm tân khách. Tào công bình Kinh châu, cầm tay Tiến nói:

- Sao lại gặp nhau muộn vậy!

Bèn trưng triệu cho làm Duyện thuộc. Về sau làm Tư mã của Ngũ quan tướng, Trưởng sử cho Tướng quốc Chung Do, hơn sáu mươi tuổi chết.

Năm thứ hai mươi, Tôn Quyền vì Tiên chủ lấy được Ích châu, sai sứ đến báo rằng muốn thu lại Kinh châu. Tiên chủ nói:

- Đợi ta lấy được Lương châu, sẽ đem Kinh châu giao lại.

Quyền phần nộ, bèn phái Lã Mông tập kích đoạt lấy ba quận Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương. Tiên chủ dẫn năm vạn binh

xuôi đến Công An, lệnh cho Quan Vũ tiến vào Ích Dương. Năm ấy, Tào công bình định Hán Trung, Trương Lỗ trốn chạy đến Ba Tây, Tiên chủ nghe tin, cùng Quyền liên hòa, chia Kinh châu, Giang Hạ, Trường Sa, Quế Dương thuộc Đông Ngô, Nam Quận, Linh Lăng, Vũ Lăng thuộc Tây Thục, rồi dẫn quân về Giang Châu.

Tiên chủ phái Hoàng Quyền đem binh đến đón Trương Lỗ, Trương Lỗ đã hàng Tào công. Tào công sai Hạ Hầu Uyên, Trương Cáp đóng giữ Hán Trung, liên tục xâm phạm địa giới đất Ba. Tiên chủ lệnh cho Trương Phi tiến binh đến Đãng Cừ, cùng bọn Cáp giao chiến tại Ngõa Khẩu, phá bọn Cáp, rồi thu binh quay về Nam Trịnh. Tiên chủ cũng trở về Thành Đô.

Năm thứ hai mươi ba, Tiên chủ thống suất chư tướng tiến binh đến Hán Trung. Chia quân phái bọn Ngô Lan, Lôi Đồng tiến vào Vũ Đô, đều bị quân của Tào công giết sạch. Tiên chủ tạm đóng quân ở ải Dương Bình, cùng bọn Uyên, Cáp chống giữ nhau.

Năm thứ hai mươi bốn mùa xuân, Tiên chủ từ phía nam Dương Bình qua sông Miện, men núi tiến dần, dựa vào địa thế núi Định Quân lập quân doanh. Uyên đem binh đến tranh đất ấy. Tiên chủ lệnh cho Hoàng Trung từ trên cao thúc trống đánh xuống, đại phá quân của Uyên, chém bọn Uyên và Thứ sử Ích châu mà Tào công đặt ra là Triệu Ngung. Tào công từ Trường An cất đại binh nam chinh. Tiên chủ ở chỗ xa vung roi ngựa nói:

- Tào công dẫu đến, cũng chẳng là gì, ta tất có Hán Xuyên vậy.

Lúc Tào công đến, Tiên chủ thu binh giữ chỗ hiểm, trước sau không chịu giao phong, hơn tháng không hạ được, quân sĩ bỏ trốn ngày một nhiều. Mùa hạ, Tào công dẫn quân về, Tiên chủ vì thế có được Hán Trung. Lại phái bọn Lưu Phong, Mạnh Đạt, Lý Bình tiến đánh Thân Đàm ở Thượng Dung.

Mùa thu, quần thần suy tôn lập Tiên chủ làm Hán Trung vương, dâng biểu lên Hán đế rằng:

"Bọn thần: Bình Tây tướng quân Đô Đình hầu thần là Mã Siêu, Tả tướng quân (lĩnh) Trưởng sử Trấn quân tướng quân thần là Hứa Tĩnh, Doanh tư mã thần là Bàng Hi, Nghị tào tông sự trung lang Quân nghị Trung lang tướng thần là Xạ Viên, ① Quân sư tướng quân thần là Gia Cát Lượng, Đãng khấu tướng quân Hán Thọ đình hầu thần là Quan Vũ, Chinh lỗ tướng quân Tân Đình hầu thần là Trương Phi, Chinh tây tướng quân thần là Hoàng Trung, Trấn viễn tướng quân thần là Lại Cung, Dương vũ tướng quân thần là Pháp Chính, Hưng nghiệp tướng quân thần là Lý Nghiêm gồm một trăm hai mươi người dâng lời rằng:

"Xưa kia Đường Nghiêu là bậc chí thánh mà tứ hung ở tại triều,⁽¹⁾ Chu Thành là vị chúa nhân hiền mà tứ quốc gây nạn,⁽²⁾ Cao hậu xưng chế mà họ Lã trộm mệnh,⁽³⁾ Hiếu Chiêu nhỏ dại mà Thượng Quan mưu oán nghịch,⁽⁴⁾ đều là cây dựa ân sủng nhiều đời, mượn lý lẽ để nắm giữ đại quyền quân quốc, cùng hung cực loạn, xã tắc suýt nguy

¹ Đường Nghiêu tức thời vua Nghiêu. Tứ hung là Cung Công, Hoan Đâu, Tam Miêu, Chuyên Húc, bị vua Thuấn dẹp. Xem chú thích ở tập IV, quyển 16, trang 31 (Đỗ Kỳ, Đỗ Thứ truyện).

² Chu Vũ vương diệt vua Trụ nhà Ân Thương, phong dựng chư hầu. Trong số chư hầu có con của Trụ vương là Vũ Canh (trị đất Ân), các em của Chu Vũ vương là Quản Thúc Tiên (nước Quản), Sái Thúc Độ (nước Sái) và Hoắc Thúc Xử (nước Hoắc). Chu Vũ vương chết, Chu Thành vương lên thay còn nhỏ, ba người em của Vũ vương cấu kết với Vũ Canh phản nhà Chu, bị Chu Công Đán đánh dẹp.

³ Cao Hậu tức Lã hậu (呂后), vợ của Hán Cao tổ Lưu Bang. Sau khi Lưu Bang chết, Thái tử Lưu Doanh lên nối, còn nhỏ, Lã hậu nhiếp chính lâm triều xưng chế, chuyên quyền. Sau mười năm cầm quyền, Lã hậu phong vương cho con em họ Lã, đến khi Lã hậu chết, các đại thần nhà Hán đánh diệt họ Lã, lập Lưu Hằng lên làm vua, tức Hán Văn đế.

⁴ Hán Vũ đế chết, con là Lưu Phát Lăng (劉弗陵) lên nối, tức Hán Chiêu đế, vị hoàng đế thứ tám của nhà Tây Hán. Vì Chiêu đế còn nhỏ, hai đại thần là Hoắc Quang (霍光) và Thượng Quan Kiệt (上官桀) cùng phụ chính. Thượng Quan Kiệt vì tranh quyền với Hoắc Quang, lập bè cánh mưu phản, không thành, bị giết. Về việc này, xem thêm chú thích ở tập III, quyển 14, trang 267 (Lưu Phóng truyện).

nan. Nếu như không có Đại Thuấn, Chu Công, Chu Hư, Bác Lục,⁽¹⁾ thì chẳng thể lưu đây bắt diệt kẻ tặc loạn, yên định nghiêng nguy.”

“Cúi nghĩ bệ hạ thánh đức trời sinh, thống quản muôn bang, nhưng gặp ách vận gian nan, lưu ly thất sở. Đồng Trác cầm đầu khuấy nạn, nghiêng đổ kinh sư, Tào Tháo nổi theo gây họa, trộm giữ mệnh trời; Hoàng hậu và Thái tử, bị bắt uống rượu độc chết, gieo loạn thiên hạ, tàn hại muôn dân. Bệ hạ chịu nổi phong trần buồn khổ đã lâu, ẩn mình ở ngôi hư hão. Chúng thần vô chủ, vương mệnh bị lấn, ngôi đế bị nén, thần khí bị tước. Tả tướng quân kiêm Tư lệ Hiệu úy làm Mục của ba châu Dự, Kinh, Ích tước Nghi Thành đình hầu là Bị, vâng nhận tước trật của triều đình, nghĩ phải dốc sức, để tuần tiết vì quốc nạn. Bởi thế khi thấy thời cơ, mới bừng bừng phấn khích, cùng Xa kỵ tướng quân là Đồng Thừa mưu diệt Tháo, để yên định quốc gia, phục lại cựu đô. Gặp lúc Thừa liệu việc không kín, khiến Tháo tạm lay lắt hơi tàn ra sức làm điều đại ác, tàn diệt khắp hải nội. Bọn thần thường sợ vương thất lớn thì có cái họa Diêm Nhạc, nhỏ thì có cái biến An Định, ② đêm ngày ngay ngáy, run sợ chẳng dám nghỉ ngơi.”

“Việc xưa chép ở ‘Ngu thư’, lần lượt hậu dụng người trong chín tộc, nhà Chu soi xét phép tắc hai đời,⁽²⁾ phong dựng cho người cùng họ, Kinh Thi khen ngợi cái nghĩa ấy, triều Chu truyền được lâu dài. Hán triều mới hưng, phong đất lập nước, tôn con em mình làm vương, bởi thế về sau bẻ gãy ngay được cái họa của mấy người họ Lã, rồi dựng nên cơ nghiệp của Thái tông. Chúng thần thấy rằng Bị là dòng dõi Hoàng thất, là con cháu phiến thần, một lòng nghĩ đến quốc gia, gửi chí đem thân dẹp loạn. Từ khi Tào Tháo bị phá ở Hán Trung, anh hùng khắp hải nội ngóng gió nương cây, mà tước hiệu chẳng quý hiển, ngôi cửu tích chưa thêm, đấy chẳng phải là việc hay để trấn vệ xã tắc, là gương sáng cho vạn đời vậy.”

¹ Đại Thuấn dẹp Tứ hung, Chu Công dẹp tứ quốc, Chu Hư hầu Lưu Chương dẹp họ Lã, Bác lục hầu Hoắc Quang dẹp bọn Thượng Quan Kiệt. Tích đã chú.

² Ý nói là phép tắc phong dựng chư hầu qua hai triều nhà Hạ, nhà Thương.

"Chúng thần phụng mệnh ở ngoài, lễ chế vương mệnh bị dứt tuyệt. Xưa kia Thái thú Hà Tây là Lương Thống đang lúc nhà Hán trung hưng, chỉ bởi núi sông cách trở, địa vị quyền lực như Quận thú, chẳng có tài tướng soái, chúng nhân suy cử Đậu Dung làm nguyên soái, rút cục lập lên công tích, phá diệt Ngỗi Hiêu.⁽¹⁾ Nay mối nguy của xã tắc, gấp hơn cái nạn Lũng, Thục. Tháo ngoài nuốt thiên hạ, trong hại quần quan, triều đình có mối nguy tường vách, mà đội ngũ chống kẻ nhờn láo chưa dựng, thật khiến người ta ghê lòng. Chúng thần liền nương theo cựu điển, phong Bị làm Hán Trung vương, bái chức Đại tư mã, đốc trách sáu quân, triệu kết đông minh, quét diệt kẻ hung nghịch. Lấy Hán Trung, Ba, Thục, Quảng Hán, Kiên Vi làm nước phong, tạm chiếu theo điển cũ như đôi với chư hầu thời Hán sơ. Đấy tuy là phép quyền nghi, ví như có lợi cho xã tắc, chuyên quyền có thể được vậy. Rồi sau công thành nghiệp dựng, chúng thần xin chịu tội kiêu chiếu, dẫu chết không hề oán hận."

Vì thế lập đàn tràng ở Miện Dương, bộ chúng bày thành đội ngũ, quần thần sắp hàng bồi tiếp, đọc tấu xong, dâng mũ vương cho Tiên chủ.

① *Tam phụ Quyết lục* chú chép: Viên tự Văn Hùng, người quận Phù Phong. Viên vốn gốc họ Tạ, cùng các họ Tạ ở quận Bắc Địa là đồng tộc. Ông tổ khởi thủy là Tạ Phục làm tướng quân đánh dẹp nơi xa, Thiên tử thấy Tạ Phục không phải là danh tự hay,⁽²⁾ đổi thành Xạ, con cháu mang họ Xạ từ đấy. Anh của Viên là Kiên, tự

¹ Lương Thống (梁统), người quận An Định huyện Ô Thị. Thời nhà Tân, ông nhận chức Thái thú Từ Tuyên. Vào lúc quân Xích Mi đánh vào Trường An, tình thế rất gấp. Lương Thống và Đậu Dung cùng các quận thú khác khởi binh, mọi người suy cử Lương Thống làm chủ soái, Lương Thống từ chối là mình còn có song thân, lại không có tài, vì thế mọi người suy cử Đậu Dung làm tướng quân, quản việc ở năm quận vùng Hà Tây, giữ bờ cõi. Về sau Đậu Dung theo Quang Vũ đế, nhận chức Lương Châu mục, theo đi phá Ngỗi Hiêu, được phong làm An Phong hầu. Lương Thống cũng theo hàng Quang Vũ đế, được phong là Thành Nghĩa hầu.

² Chữ tạ (谢), có nghĩa là lui, là tạ lỗi; chữ phục (服), có nghĩa là chịu phục, là phục tùng. Tạ Phục cũng có nghĩa như là thua trận chịu phục người khác.

Văn Cố, thời trẻ có danh tiếng rất tốt, được triệu vào Công phủ làm Hoàng môn thị lang, Hiến đế mới tức vị, vùng Tam phụ có nạn đói, Kiên bỏ chức, cùng em mình là Viên xuôi nam vào Thục nương nhờ Lưu Chương, Chương lấy Kiên làm Trưởng sử. Lưu Bị thay Chương, lấy Kiên làm Thái thú Quảng Hán, Thục Quận. Viên thuở nhỏ cũng có tiếng đức hạnh, Thái úy Hoàng Phủ Tung vì yêu cái tài của Viên bèn đem con gái gả cho, Thừa tướng Gia Cát Lượng lấy Viên làm Tế tửu, rồi thăng làm Tòng sự, chết khi đương chức.

② Triệu Cao sai Diêm Nhạc giết Nhị Thế.⁽¹⁾ Vương Mãng phế Nhụ Tử làm Định An công.⁽²⁾

Tiên chủ dâng biểu lên Hán đế rằng:

"Thần nghĩ tài mình chỉ sung cho đủ số, may nhờ ơn trên được gánh vác ngôi thượng tướng, tổng trách ba quân, phụng mệnh bên ngoài, chẳng thể quét sạch được giặc cướp, bình dừng chiến loạn, khuông phò vương thất, khiến thánh giáo của bệ hạ bị lấn áp đã lâu, trong sáu cõi bế tắc chưa thông, thần nghĩ lo lắng trần trọc không yên, vạ như có bệnh ở trong đầu."

"Trước kia Đông Trác gây mầm họa loạn, từ đấy về sau, quần hung tung hoành, hại khắp trong ngoài. Cậy nhờ thánh đức uy linh của bệ hạ, thần người cùng ừng, hoặc kẻ trung nghĩa ra sức đánh dẹp, hoặc trời cao giáng phạt, kẻ bạo nghịch đều bị giết, dân dân tiêu tan cả. Chỉ còn mình Tào Tháo, đã lâu chưa trừ được, dân dân chiếm đoạt quốc quyền, mặc lòng phóng túng gây loạn."

¹ Thời Tàn Nhị thế Hồ Hạo cai trị, chính trị triều Tàn hà khắc, dân loạn khắp nơi. Các nước chư hầu tự lập lại, đánh Tàn. Hoạn quan là Triệu Cao (赵高) bảy giờ nắm quyền thừa tướng nhà Tàn, giấu kín việc thua trận, đến khi không giấu được nữa bèn tìm cách giết Nhị thế để giữ thân. Triệu Cao bàn với em rể mình là Diêm Nhạc, đem quân vào cung Vọng Di ép Nhị thế Hồ Hạo tự sát.

² Vương Mãng, là ngoại thích quyền lực cuối thời Tây Hán. Việc Vương Mãng cướp ngôi Hán, xem chú thích ở tập IV, quyển 20, trang 201 (Bình truyện – Tào Quýnh: Lục đại luận).

"Thần trước đây cùng Xa kỵ tướng quân Đông Thừa vạch mưu đánh dẹp Tháo, liệu việc chẳng kín, Thừa bị hãm hại, thần trốn vượt không nơi cư trú, trung nghĩa chẳng nên công. Vì thế khiến Tháo cùng hung cực nghịch, chém giết hoàng hậu, bức độc hại hoàng tử. Thần dẫu triệu kết đồng minh, một lòng ra sức, không ngại yếu kém, nhưng nhiều năm vẫn chưa thể thành công. Thường sợ một sớm theo mệnh xuống hoàng tuyền, cô phụ lại quốc ân, khi thức lúc ngủ mãi thở than, sớm khuya kính sợ chẳng dám trễ lười. Nay bọn liêu thuộc của thần cho rằng theo việc xưa chép ở Ngũ thư lần lượt dùng người trong chín tộc, tỏ rõ chi thứ của vương thất là phen dẫu, qua đời Ngũ đế có thêm bớt, nhưng đạo ấy chẳng thể phế."

"Nhà Chu soi xét phép tắc hai đời, đồng thời phong dựng cho những người họ Cơ, thật được cậy sự phù giúp của hai nước Tấn, Trịnh.⁽¹⁾ Cao tổ lúc mới hưng vượng, tôn con em mình làm vương, mở mang chín nước chư hầu,⁽²⁾ rút cục chém giết những người họ Lã, để yên dòng đại tông. Nay Tháo xấu xa ngang nhiên làm ác, bè lũ rất đông, giấu họa trong tâm, mưu soán đoạt đã hiển lộ. Thuộc hạ của thần dõ nhìn thấy tông thất yếu nhược, hoàng thân trong Đế tộc không ngôi, mới châm chước cách thức xưa, tạm mượn lễ quyền nghi, tôn thần làm Đại tư mã Hán Trung vương."

"Thần cúi mình xét nghĩ hai ba lần, thân nhận hậu ân của quốc gia, gánh vác công việc ở một phương, dốc sức mà việc chưa thành, ơn ấy đã là quá, chẳng nên nhọc chiếm ngôi cao để bị người đời mỉa mai mang tội lớn. Nhưng bị quân thần bức bách, lấy đại nghĩa ép thân. Thần gạt bỏ đi lại nghĩ rằng giặc cướp chẳng hết hung hăng, nạn nước chưa qua, tông miếu nghiêng nguy, xã tắc sắp rụng rơi, vì thế thần lo lắng nghĩ mình phải gánh vác lấy ngôi dẫu. Vậy nên mới ứng

¹ Rợ Khuyển Nhung giết Chu U vương ở Ly Sơn, hai nước Tấn, Trịnh là chư hầu nhà Chu giúp đánh rợ Khuyển Nhung, lập con của U vương là Cơ Nghi Cữu, tức Chu Bình vương.

² Yên, Đại, Tề, Việt, Lương, Sở, Ngô, Hoài Nam, Hoài Dương.

lễ quyền nghi thông biến, để yên định thánh triều, dẫu đem thân xông vào nơi nước lửa, chẳng thể chối từ, mạnh dạn mà lo lắng theo phép thường, để phòng việc ngày sau hôn tiếc. Thế nên thần thuận theo lời bàn của quần liêu, bái nhận ấn tử, để đề cao uy vọng của quốc gia.”

“Ngẩng lên nghĩ tới tước hiệu, ngôi cao ân hậu, cúi xuống suy tư, muốn dốc sức báo đền, trọng trách lớn lao, lo âu trĩu nặng, sợ hãi không dám thở, tưởng như sắp dấn thân vào lũng hiểm. Thần nguyện gắng sức dốc lòng, khích lệ sáu quân, đốc suất các lộ nghĩa binh, ứng trời thuận thời, đánh diệt kẻ hung nghịch, để yên xã tắc, mong báo cái ơn muôn một, nay kính thảo tấu chương dâng lên, sai dịch sứ trao lại cho chúa thượng chức Tả tướng quân cùng ấn thụ Nghi Thành đình hầu.”

Liên đó quay về đóng sở trị ở Thành Đô. Rồi đề bạt Ngụy Diên làm Đô đốc, trấn giữ Hán Trung.^① Bấy giờ Quan Vũ vây đánh tướng của Tào công là Tào Nhân, cầm bắt Vu Cấm ở Phàn Thành. Ngay sau đó Tôn Quyền tập kích giết Vũ, chiếm đoạt Kinh châu.

① *Diễn lược* chép: Bị vì thế khởi dựng quán dịch, đắp tường đất, xây chòi canh,⁽¹⁾ từ Thành Đô đến ải Bạch Thủy, hơn bốn trăm chỗ.

Năm thứ hai mươi lăm, Ngụy Văn đế xưng tôn hiệu, cải niên hiệu là Hoàng Sơ. Có người truyền tin Hán đế bị hại, Tiên chủ bèn mặc chế phục phát tang, truy thụy là Hiếu Mẫn hoàng đế. Sau đó các địa phương nói rằng có nhiều điềm lành, nhật nguyệt nổi nhau không tắt, cho nên Nghị lang Dương Tuyền hầu Lưu Báo, Thanh Y hầu Hướng Củ, Thiên tướng quân Trương Duệ, Hoàng Quyền, Đại tư mã Chúc Ân Thuần, Ích

¹ Thời xưa đánh trận thường có quân kỵ đi tiên phong xung sát, để ngăn chống, tại các điểm quan yếu, người ta cho các bức đắp tường đất dài chắn ngang để ngăn cản voi ngựa. Bên cạnh đó, lại xây các chòi cao để từ trên chòi nhìn được ra xa, để nắm được động tĩnh của quân địch nếu có xâm phạm.

châu Biệt giá tòng sự Triệu Tộ, Trị trung tòng sự Dương Hồng, Tòng sự tế tửu Hà Tông, Nghị tào tòng sự Đỗ Quỳnh, Khuyển học tòng sự Trương Sảng, Doãn Mặc, Tiêu Chu cùng dâng lời rằng:

"Chúng thần nghe nói Hà đồ, Lạc thư, Ngũ kinh, Sấm, Vĩ, đều do Không tử xét soi phân biệt, chứng nghiệm từ lâu. Cần trọng tra xét 'Lạc thư' thiên 'Diệu Độ' có ghi: 'Đời vua đồ thứ ba, đức vận xương thịnh, sau chín đời đến người tên Bì, hợp với ngôi Đế.'⁽¹⁾ 'Lạc thư' thiên 'Bảo hào mệnh' chép: 'Thiên thượng quản đạo đế vương, đến người tên Bì xưng hoàng, lấy chính thống thu đế vị, trăm việc đều nên chẳng thất bại'. 'Lạc thư' thiên 'Lục kỳ vận' chép: 'Cửu hầu thất kiệt tranh vương bá, dân chúng róc xương làm củ đun, đâu người giẫm đạp trên đường lộ, ai khiến vị chúa tên Huyền sang.'⁽²⁾ 'Hiếu kinh' thiên 'Câu mệnh quyết lục' chép: 'Đế vương ba người hưng khởi, chín đời đến Bì'."

"Cha của thần là Quân lúc chưa mất, từng nói phía tây nam mấy lần có khí vàng, bốc cao vài trượng, xuất hiện đã nhiều năm, lại thường có gió tốt mây lành từ sao Tuyền Cơ hạ xuống ứng khí vàng, ấy là điềm lành khác lạ. Lại nữa, giữa năm thứ hai mươi hai, mấy lần có đám mây như tinh kỳ, bay từ tây sang đông, lơ lửng giữa trời, Đồ, Thư nói rằng 'Tất có thiên tử xuất hiện ở phương ấy'. Lại thêm năm ấy sao Thái Bạch, Huỳnh Hoắc, Trấn tinh, thường tới Tuế tinh đuổi theo nhau. Gần đây nhà Hán mới hưng khởi, ngũ tinh cùng Tuế tinh hội hợp; tuế tinh chủ đạo nghĩa, ngôi Hán ở phía tây, chính là phương vị chủ đạo nghĩa, cho nên phép chế của nhà Hán thường lấy Tuế tinh để suy đoán bậc nhân chủ. Dương khi thánh chủ hưng khởi ở châu này, lấy ý trung hưng. Bấy giờ chúa thượng còn ở Hứa Đô, cho nên

¹ Nhà Hán hành hòa, chuộng màu đỏ. Hán Cao tổ Lưu Bang chém rắn trắng khởi nghĩa lập nhà Hán, gọi là Xích đế (đời thứ nhất). Đến khi Quang Vũ đế Lưu Tú tru diệt Vương Mãng trung hưng nhà Hán (đời thứ hai). Lúc ấy đến Lưu Bì là đời thứ ba vậy.

² Vị chúa tên Huyền: tên tự của Lưu Bì là Huyền Đức.

quần thần chẳng ai dám lộ ra lời. Mới đây sao Huỳnh Hoắc lại đuổi theo Tuế tinh, thấy ở khu vực Vị, Mão, Tuất; sao Mão sao Tuất là lưới trời, 'Kinh Thư' nói: 'Đế tinh ở đấy, chúng tà tiêu vong.' Tên húy của thánh thượng sớm tiên kiến được, suy đoán kỳ vận chứng nghiệm, điềm lành đến nhiều lần, như thế không phải chỉ có một sự kiện."

"Thần nghe nói thánh vương hành sự trước thiên thời thì chẳng trái trời, hành sự thuận thiên thời thì được thiên thời, cho nên ứng vận mà sinh, là khế hợp với thần linh. Mong đại vương ứng trời thuận dân, mau chóng dựng nghiệp lớn, để yên định hải nội."

Bọn Thái phó Hứa Tĩnh, An Hán tướng quân My Trúc, Quân sư tướng quân Gia Cát Lượng, Thái thường Lại Cung, Quang lộc huân Hoàng Quyền, Thiếu phủ Vương Mưu dâng lời rằng:

"Tào Phi thí chúa soán ngôi, chôn diệt Hán thất, cướp giữ thần khí, bức hiếp lương thần, tàn khốc vô đạo. Quý thần căm giận, đều nghĩ nhớ họ Lưu. Nay trên không có Thiên tử, hải nội bàng hoàng, chẳng biết ngóng về đâu. Quân hạ trước sau dâng thư hơn tám trăm người, đều kể rõ các điềm lành, có lời đồ, sấm làm minh chứng. Gần đây lại có rồng vàng hiện ra ở Xích Thủy thuộc núi Vũ Dương, suốt chín ngày mới tan. 'Hiếu kinh'⁽¹⁾ thiên 'Viên thân tiết' chép: 'Ân đức cùng cực thì rồng vàng xuất hiện', rồng, là hình tượng của quân vương vậy. Hào thứ chín mươi lăm trong quẻ Càn ở Kinh Dịch nói 'rồng bay trên trời', đại vương đang như rồng bay lên, xứng nhận lấy ngôi đế vậy."

"Thêm nữa trước đây Quan Vũ vây Phàn Thành, Tương Dương, có hai người đàn ông ở Tương Dương là Trương Gia và Vương Hưu dâng ngọc tỷ, ngọc tỷ ấy ẩn dưới sông Hán, nằm tận chỗ đáy sâu, rực sáng chói chang, linh quang thấu trời. Nhà Hán ta, lúc Cao tổ hưng khởi đặt quốc hiệu yên định thiên hạ là ở chỗ này, đại vương theo vết xưa của Tiên đế, cũng hưng khởi ở Hán Trung vậy. Nay ngọc tỷ của Thiên tử hiển lộ phát thần quang, ngọc tỷ xuất hiện ở Tương Dương,

¹ Hiếu kinh là bộ sách chép lời của Khổng tử nói với Tăng tử về đạo hiếu.

từ đầu nguồn sông Hán, minh đại vương là dòng dõi Hán thất nhận ngọc tỷ ấy, là ngôi vị Thiên tử được trao cho đại vương, điềm lành ứng hợp với thiên mệnh, đấy chẳng phải là điều mà sức người làm được vậy."

"Xưa kia nhà Chu có điềm Ô ngư, mọi người nói đó là điềm lành. Nhị tổ thụ mệnh, Đồ, Thư có điềm báo trước, đã chứng nghiệm rõ.⁽¹⁾ Nay trời cao báo điềm lành, quần nho anh tuấn đều dẫn Hà đồ, Lạc thư, các lời sấm ký của Khổng tử, hết thấy đều đủ. Chúng thần cúi nghĩ Đại vương vốn là hậu duệ của Trung Sơn Tĩnh vương con Hiếu Cảnh hoàng đế, gốc rễ trăm đời, trời cao giáng phúc, tư thái kỳ vĩ, anh minh thần vũ, nhân đức trùm đời, yêu thương trăm họ, tôn kính sĩ nhân, vì thế người khắp bốn phương theo về. Khảo cứu linh đồ, suy rộng sấm vĩ, tỏ ý thần minh, danh húy đều sáng rõ. Mong đại vương sớm lên ngôi đế, để kế theo nhị tổ, nối nghiệp tổ tiên, thì thiên hạ may lắm. Chúng thần kính cần giúp Bác sĩ Hứa Từ, Nghị lang Mạnh Quang, lập lễ nghi, chọn giờ lành, để chúa thượng xưng tôn hiệu."

Tiên chủ bèn lên ngôi đế ở phía nam núi Vũ Đàm thuộc Thành Đô.① Lại làm bài văn tế rằng:

"Duy năm Kiến An thứ hai mươi sáu tháng tư ngày Bính Ngọ, Hoàng đế là Bị mạo muội dùng bò đực đen tế lễ, cáo rõ với Hoàng thiên thượng đế hậu thổ thần kỳ:

¹ Tương truyền Vũ vương đi đánh vua Trụ, bơi thuyền qua sông Hoàng Hà, có con cá trắng nhảy vào trong thuyền, gặp lửa hóa thành màu đỏ. Cổ nhân cho là điềm lành. Theo *Sử ký tập giải*, Mã Dung chú: "Cá là loài có vây (giáp), là biểu tượng của binh giáp. Màu trắng là màu ưa thích của nhà Ân, có ý nói quân dân nhà Ân giúp nhà Chu. Màu đỏ là màu ưa thích của nhà Chu, ý nói rằng Vũ vương sẽ đánh được vua Trụ."

Hán Cao tổ Lưu Bang chém rắn trắng khởi nghĩa, dựng nhà Hán. Tương truyền rắn trắng là con của Bạch đế, còn Lưu Bang là con của Xích đế. Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 135 (Văn đế kỷ);

Quang Vũ đế hưng dựng nghiệp Hán, chém người đá ở huyện Khao. Xem thêm chú thích ở tập I, quyển 3, trang 180 (Minh đế kỷ).

Đại loại trên đây là những điềm lành, ứng báo việc người gặp điềm báo lên ngôi hoàng đế.

"Nhà Hán có thiên hạ, lịch số vô cùng. Xưa kia Vương Mãng soạn đạo, Quang Vũ hoàng đế giặc dữ tru diệt hẳn, xã tắc lại còn. Nay Tào Tháo cậy dựa binh quyền, làm việc tàn nhẫn, chém giết Hoàng hậu, đầy trời ngập đất, tội trạng rõ ràng. Con của Tháo là Phi, lại nổi theo hung nghịch, cướp giữ thần khí. Quần thần tướng sĩ cho rằng xã tắc đổ vỡ, Bị phải kể vào, để nổi theo nhị tổ, kính tế thượng đế, thay trời thảo phạt."

"Bị nghĩ mình vô đức, sợ nhục ngôi đế. Hỏi đến thứ dân, cùng các trưởng quan người Man Di ngoài cõi, chúng đều nói: 'Thiên mệnh chẳng thể bỏ ngôi không, nghiệp tổ chớ để suy đồi, bốn bề chẳng thể không người thống quản.' Cả thiên hạ trông ngóng, chỉ ở mình Bị. Bị sợ mệnh sáng của trời, lại sợ ngôi Hán sẽ bị chôn vùi dưới đất, cần trọng chọn ngày lành, cùng trăm quan dâng đàn, nhận tể thụ Hoàng đế. Cho sửa sang đô lễ, cáo tế với thiên thần, mong thần linh hưởng lộc giáng phúc cho nhà Hán, để bốn bề được mãi mãi yên vui!" ②

① *Thực bản kỷ chép*: Ở quận Vũ Đô có người đàn ông hóa thành đàn bà, nhan sắc mỹ miều, như giống tinh ở trong núi vậy. Thục vương lấy về làm vợ, người đó không quen thủy thổ, mắc bệnh muốn quay về nước, Thục vương giữ lại, không lâu sau người đó chết. Thục vương phái binh lính đi lấy đất ở núi Đạm thuộc Vũ Đô, đắp thành quách tại Thành Đô táng người đó ở trong ấy, rộng trùm mấy mẫu đất, cao chục trượng, gọi là Vũ Đạm.

Thần Tùng Chi xét: Vũ Đạm, là tên núi, ở phía tây bắc Thành Đô, đại khái cho rằng phương vị phía tây bắc là quê Càn theo Bát quái, cho nên mới đến đó cử hành nghi thức lên ngôi đế.

② *Ngụy thư chép*: Bị nghe tin Tào công chết, sai Duyệt lại là Hàn Nhiễm dâng diếu thư, lại gửi đồ lễ phúng viếng. Văn đế ghét cái việc nhân lễ tang cầu thân, hạ sắc lệnh sai Thứ sử Kinh châu chém Nhiễm, tuyệt đường sứ mệnh.

Diễn lược chép: Bị phái Quân mưu Duyệt là Hàn Nhiễm mang diếu thư đến, lại dâng gấm lụa vài vóc. Nhiễm xưng bệnh, ở lại Thượng Dung. Từ Thượng Dung đưa thư tin đến, gặp lúc thụ

chung,⁽¹⁾ có chiếu thư đáp tạ, lại sai dẫn Nhiễm đến gặp. Bị được đáp thư, bèn xưng chế.

Năm Chương Vũ nguyên niên mùa hạ tháng tư, đại xá, đổi niên hiệu, lấy Gia Cát Lượng làm Thừa tướng, Hứa Tĩnh làm Tư đồ. Đặt trăm quan, lập tông miếu, hợp tế từ Cao hoàng đế trở xuống.^① Tháng năm, lập Ngô thị làm Hoàng hậu, con là Thiện làm Hoàng thái tử. Tháng sáu, lập con là Vĩnh làm Lỗ vương, Lý là Lương vương. Xa kỵ tướng quân Trương Phi bị tả hữu của mình giết hại.

Khi trước, Tiên chủ phần hân Tôn Quyền đánh úp Quan Vũ, chuẩn bị đông chinh, mùa thu tháng bảy, bèn thống suất chư quân phạt Ngô. Tôn Quyền phái người đưa thư xin hòa, Tiên chủ bưng bưng nổi giận không nghe, tướng của chúa Ngô là bọn Lục Nghị, Lý Dị, Lưu A đóng trại ở huyện Vu và huyện Tỷ Quy; tướng quân Ngô Ban, Phùng Tập từ huyện Vu đánh phá bọn Dị, trú quân ở Tỷ Quy, người Man Di ở Ngũ Khê quận Vũ Lăng phái sứ giả đến xin phát binh.

① Thần Tùng Chi cho rằng Tiên chủ tuy nói là có gốc gác từ Hiếu Cảnh đế, nhưng truyền đời rất xa rồi, chiếu mục⁽²⁾ khó rõ, đã nổi theo ngôi Hán, chẳng biết vì sao Đế lấy ông tổ đầu tiên để lập thân miếu. Vào lúc bấy giờ có bậc anh tài hiền lương làm phụ tá, kẻ nho sinh ở trong cung, về chế độ tông miếu, tất phải có quy định thành chương pháp, thế mà ghi chép thiếu sót qua loa, thật đáng tiếc thay!

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, quân của Tiên chủ về đến Tỷ Quy, thủy quân của các tướng Ngô Ban, Trần Thúc đóng ở Di Lăng, giáp hai bờ đông tây sông Giang. Tháng hai, Tiên chủ từ Tỷ Quy thống suất chư tướng tiến quân, men núi Việt Lĩnh,

¹ Thụ chung, tức là lễ xưng đế. Bấy giờ Tào Phi nhận truyền ngôi xưng đế.

² Theo thứ tự lễ nghi tông miếu thời cổ thì bệ thờ tổ ở chính giữa, xuống một đời là hàng chiêu, đời thứ hai là hàng mục, bên tả là hàng chiêu, bên hữu là hàng mục.

đến Hồ Đình thuộc huyện Di Đạo đóng quân doanh, từ núi Giáp thông sang Vũ Lăng, phái Thị Trung là Mã Lương vỗ về người Man Di ở Ngũ Khê, các tướng soái nhất tề hưởng ứng. Trấn bắc Tướng quân Hoàng Quyền đốc chư quân ở bờ bắc sông Giang, cùng quân Ngô cự nhau ở Di Lăng đạo. Mùa hạ tháng sáu, có đám mây vàng hiện ra ở Tỷ Quy kéo dài hơn chục dặm, rộng mấy chục trượng. Hơn chục ngày sau, Lục Nghị đại phá quân của Tiên chủ ở Hồ Đình, tướng quân Phùng Tập, Trương Nam đều chết. Tiên chủ từ Hào Đình quay về Tỷ Quy, thu hợp binh ly tán, rồi bỏ thuyền, theo đường bộ quay về Ngư Phúc, đổi huyện Ngư Phúc thành huyện Vĩnh An. Ngô phái bọn tướng quân là Lý Dị, Lưu A bám theo quân của Tiên chủ, đóng trại ở phía nam núi.

Mùa thu tháng tám, Tiên chủ thu binh về huyện Vu. Tư đồ Hứa Tĩnh chết. Mùa đông tháng mười, Tiên chủ chiếu lệnh cho Thừa tướng Lượng dựng đàn tế giao ở hai phía nam, bắc Thành Đô.

Tôn Quyền nghe tin Tiên chủ đóng lại ở Bạch Đế, rất sợ hãi, phái sứ giả đến xin hòa. Tiên chủ nghe theo, phái Thái trung đại phu Tông Vĩ đến đáp lại. Mùa đông tháng mười hai, Thái thú Hán Gia là Hoàng Nguyên nghe tin Tiên chủ ốm nặng, cất binh chống giữ.

Năm thứ ba mùa xuân tháng hai, Thừa tướng Lượng từ Thành Đô đến Vĩnh An. Tháng ba, Hoàng Nguyên tiến binh đánh huyện Lâm Cung. Tiên chủ phái tướng quân Trần Hốt đánh Nguyên, quân Nguyên bại, thuận dòng xuôi sông Giang, bị thân binh của mình bắt trói, giải đến Thành Đô, bị chém.

Tiên chủ bệnh nặng, thác con côi cho Thừa tướng Lượng, Thượng thư lệnh là Lý Nghiêm làm phó.

Mùa hạ tháng tư ngày Quý Ty, Tiên chủ băng ở cung Vĩnh An, năm ấy sáu mươi ba tuổi.①

○ Gia Cát Lượng tập chép di chiếu của Tiên chủ sắc mệnh cho Hậu chủ rằng:

"Trẫm lúc mới ốm chỉ mắc bệnh lị thôi, sau lại chuyển sang nhiều bệnh khác, e là chẳng tự khỏi được. Người ta năm mươi tuổi chẳng nói là yếu, ta hơn sáu mươi tuổi, có gì phải tiếc hận nữa, ta chẳng tự bi thương, chỉ vì anh em các người mà nghĩ thôi. Xạ quân đến đây, nói là Thừa tướng khen người sáng suốt độ lượng, tiến bộ rất nhanh, vượt quá kỳ vọng của ông ấy, nếu thực được như thế, ta còn lo gì nữa! Gắng lên, hãy cố gắng lên!"

"Người chó vì điều ác nhỏ mà làm, chó vì điều thiện nhỏ mà không làm. Chỉ có hiền có đức, mới khiến người ta bội phục. Cha mày đức bạc, chó nên bắt chước. Người nên đọc 'Hán thư', 'Lễ ký', lúc nhàn nhã nên xem qua các sách của Chư tử và 'Lục thao', 'Thương Quân thư', cũng giúp tăng thêm ý chí và tri thức. Nghe nói Thừa tướng vì người chính lý hết các sách Thân, Hàn, Quản tử, Lục thao,⁽¹⁾ đã soạn xong, chưa đưa đến, thì bị mất ở trên đường, người nên phải tự thân đến cầu học."

Lúc lâm chung, Tiên chủ cho gọi Lỗ vương đến dặn rằng:

- Sau khi ta chết, anh em mày phải thờ Thừa tướng như cha, lệnh cho người làm công sự giúp Thừa tướng mà thôi.

Lượng dâng biểu lên Hậu chủ rằng:

"Thần cúi nghĩ Đại hành Hoàng đế⁽²⁾ bày nhân bố đức, phúc đến vô cùng, trời chẳng xót thương, bệnh tật ngấm dần, ngày hai mươi bốn tháng này chợt vội đi xa, thần thiếp kêu gào, như cha mẹ mất. Bái đọc di chiếu, Thái tử nắm quyền, trong kỳ cư tang, cử chỉ nghi dung, sao cho thích đáng; trăm quan cử ai, trừ phục hết ba ngày, khi an táng lại như lễ chế; Thái thú các quận, quốc tướng trong quận quốc, Đô úy,

¹ Sách của Chư tử tức là các sách của các vị tiên triết theo quan niệm của nho gia Trung hoa như Khổng tử, Mạnh tử, Tuân tử *Lục thao* là sách binh thư do Khương Tử Nha người thời nhà Chu soạn ra; *Thương quân thư* là sách dạy về quyền thuật của Thương Ưởng người nhà Tần soạn; các sách của Thân Bất Hại, Hàn Phi, Quản Trọng đều là những sách nói về thuật trị quốc theo pháp trị.

² Theo lệ xưa, khi vua mới mất, còn chưa truy thụy thì đều được gọi là Đại hành Hoàng đế.

Trưởng huyện lệnh, hết ba ngày mới được cởi áo tang. Thần là Lượng thân chịu sắc giới, kính sợ thần linh, chẳng dám làm trái. Thần xin tuyên rõ để người dưới phụng mệnh thi hành."

Tháng năm, linh cửu từ Vĩnh An quay về Thành Đô, đặt thụy là Chiêu Liệt hoàng đế. Mùa thu, tháng tám, táng ở Huệ lăng.^①

① *Thần tiên truyện* của Cát Hồng chép: Có vị tiên nhân là Lý Ý Kỳ, người Thục Quận. Người nhiều đời gặp ông đều kể, ông ấy tự xưng là người sống từ thời Hán Văn đế. Tiên chủ muốn đánh Ngô, phái người đến đón Ý Kỳ. Ý Kỳ đến, Tiên chủ lấy lễ đón tiếp rất cung kính, hỏi việc cát hung. Ý Kỳ không đáp mà xin giấy bút, vẽ thành binh mã, quân khí, nghi trượng đến mấy chục tờ, vẽ xong dùng tay xé nát vụn hết cả, lại vẽ thành một người to lớn, lại đào đất chôn xuống, rồi vái mà đi. Tiên chủ rất không vui. Sau đấy Tiên chủ xuất quân đánh Ngô, đại bại trở về, vừa thẹn vừa hận rồi phát bệnh chết, mọi người mới hiểu được ý tứ của Ý Kỳ. Ý Kỳ vẽ một người to lớn rồi chôn xuống, tức là nói cái ý Tiên chủ chết vậy.

Bình rằng: Tiên chủ là người rộng rãi quả cảm, khoan hòa nhân hậu, khéo dùng người kính kẻ sĩ, đại đế là có phong độ của Hán Cao tổ, có khí chất của bậc anh hùng. Đến lúc trao việc nước thác con cô cho Gia Cát Lượng, mà lòng không có ý ngờ vực, thật là vua tôi đều chí công, có thể nói là mẫu mực nhất từ xưa đến nay vậy. Nếu luận về cơ mưu quyền biến và tài thao lược, thì chẳng theo kịp được Ngụy Vũ, bởi thế cương vực quản lĩnh cũng nhỏ hẹp. Thế nhưng vấp ngã mà chẳng uốn gối, sau cùng chẳng chịu ở dưới người, có lẽ suy đoán được rằng sự độ lượng của kẻ kia tất chẳng dung nạp được mình, đấy không phải chỉ là tranh cái lợi, mà còn vì tránh họa cho mình nữa.

QUYỂN THỨ BA MƯƠI BA

HẬU CHỦ TRUYỆN



Hậu chủ húy Thiện, tự Công Tự, là con của Tiên chủ vậy. Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Tiên chủ làm Hán Trung vương, lập làm Vương thái tử. Lúc tức tôn hiệu hạ chiếu sách rằng:

"Duy năm Chương Vũ nguyên niên tháng năm ngày Tân Tỵ, Hoàng đế chiếu viết:

"Thái tử Thiện, trăm gặp lúc vận Hán gian nan, tặc thần soán đạo, xã tắc vô chủ, kẻ sĩ hiểu biết và trăm quan đều cho là thượng thiên mách bảo, muốn trăm lên kế thừa đại thống. Nay lấy Thiện làm Hoàng thái tử, để kế thừa tông miếu, kính thờ xã tắc. Lệnh cho sứ giả cầm cờ tiết là Thừa tướng Lượng trao ấn thụ, người phải cung kính nghe lời sư phó, làm mọi việc phải xét rõ ba điều thiện,⁽¹⁾ người chẳng thể không cố gắng!" ①

Năm thứ ba mùa hạ tháng tư, Tiên chủ băng ở Vĩnh An cung. Tháng năm, Hậu chủ lên kế vị ở Thành Đô, lúc ấy mười bảy tuổi. Tôn Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Năm ấy là năm Hoàng sơ thứ tư nhà Ngụy vậy. ②

① Lễ ký nói: Người làm mọi việc phải xét rõ ba điều thiện, chỉ có Thế tử mà thôi.

¹ Nguyên văn: "Hành nhất vật nhi tam thiện." Ba điều thiện phải xét rõ và tuân theo là: Hiếu đạo cha con, nhớ nghĩa quân thần, biết thứ tự già trẻ. Có sách nói ba điều thiện là: Trọng vua, kính thầy, quý bạn.

Trịnh Huyền giảng: Nghĩa của chữ "vật" cũng như nghĩa của chữ "sự" vậy.

② *Ngụy lược* chép: Lúc trước Bì ở Tiểu Bái, chẳng ngờ Tào công đến bất chợt, hoảng hốt chạy trốn bỏ gia thuộc, sau đến Kinh châu.

Năm đó Thiện mới vài tuổi, phải trốn náu, theo người khác sang tây vào Hán Trung, bị người nọ đem bán. Đến năm Kiến An thứ mười sáu, Quan Trung loạn lạc, người quận Phù Phong là Lưu Quát tránh loạn vào Hán Trung, mua được Thiện, tra hỏi biết Thiện là con nhà lành, bèn nuôi làm con, giúp lấy vợ, sinh được một con trai. Ban đầu lúc Thiện với Bì lạc nhau, Thiện biết tên tự của cha mình là Huyền Đức. Quát có người hàng xóm họ Giản, lúc Bì lấy được Ích châu thì Giản làm Tướng quân, Bì phái Giản đến Hán Trung, Giản nghỉ lại ở vương phủ. Thiện bèn đến chỗ Giản, Giản gặp mặt xét hỏi, thấy việc Thiện nói đều phù hợp. Giản mừng, đem việc nói với Trương Lỗ, Lỗ sai người tắm gội thay áo cho Thiện, rồi đưa đến Ích châu, Bì bèn lập Thiện làm Thái tử. Ban đầu dùng Gia Cát Lượng làm Thái tử thái phó, lúc Thiện được lập, lấy Lượng làm Thừa tướng, uỷ thác mọi việc, bảo Lượng rằng: "Việc chính sự do ngài quản, việc tế tự do quả nhân chủ trì." Lượng cũng vì Thiện chưa quen việc chính sự, vì thế tổng quản công việc trong ngoài.

Thần Tùng Chi xét: *Nhị chủ phi tử truyện* nói "Hậu chủ sinh ở Kinh châu", *Hậu chủ truyện* nói rằng "lúc mới lên ngôi mười bảy tuổi", thế thì Hậu chủ sinh vào năm Kiến An thứ mười hai vậy. Năm thứ mười ba thua bại ở Trường Bản, Bì bỏ vợ con mà chạy, *Triệu Vân truyện* nói "Vân ôm con nhỏ của Bì trong lòng chạy thoát", tức là Hậu chủ vậy. Như thế, Bì và Thiện chưa từng lạc nhau. Lại nói Gia Cát Lượng sau khi Thiện được lập một năm mới lĩnh chức Ích châu mục, năm ấy Lượng gửi thư cho quan Chủ bộ là Đỗ Vi viết "Triều đình nay mười tám tuổi", so với truyện về Thiện là tương ứng, luận về lý là đúng không có gì sai. Mà Ngư Hoạn nói rằng Bì thua bại ở Tiểu Bái, bấy giờ mới sinh Thiện, lúc chạy tới Kinh châu, có thể biết tên tự của cha mình là Huyền Đức, tính ra Thiện phải được năm sáu tuổi. Thời Bì thua trận ở Tiểu Bái, là năm Kiến

An thứ năm, đến lúc Thiện tức vị, trước sau cộng lại là hai mươi bốn năm, ứng theo việc đó thì Thiện phải hơn hai mươi tuổi rồi. Lấy việc để chứng nghiệm, về lý là bất thông. Thế thì lời của *Ngụy lược* là nói xằng, thậm chí viết đến hơn hai trăm chữ, thật là lạ kỳ quá! Lại xét ghi chép ở các thư tịch và *Gia Cát Lượng tập*, thì Lượng cũng chưa từng làm Thái tử Thái phó.

Năm Kiến Hưng nguyên niên mùa hạ, Thái thú Tang Ca là Chu Bao giữ quận mình quản tạo phản.^① Trước đấy, cường hào thế tộc của quận Ích châu là Ung Khải phản, lưu đầy Thái thú Trương Duệ đến nước Ngô, chiếm quận không tuân phục, vua của người Di của quận Việt Tuyền là Cao Định cũng làm phản. Năm ấy, sách lập Trương thị làm Hoàng hậu. Hậu chủ phái Thượng thư lang là Đặng Chi sang củng cố giao hảo với nước Ngô, Ngô vương Tôn Quyền và nước Thục thông sứ hòa thân, đưa sính lễ, năm ấy hai bên thông hiếu kết minh.

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Khi trước, Tòng sự của quận Ích châu là Thường Phòng đi tra xét bộ thuộc, nghe nói Bao có chí khác, bèn bắt Chủ bộ của Bao đem tra vấn, rồi giết hẳn. Bao giận, đánh giết Phòng, vu cho Phòng tội mưu phản. Gia Cát Lượng giết các con của Phòng, đầy bốn người em của Phòng đến quận Việt Tuyền, muốn mượn việc đó để vỗ về Bao. Bao vẫn không chịu hối cải, bèn đem cả quận làm phản hưởng ứng Ung Khải.

Thần Tùng Chi xét: Cứ cho là Phòng bị Bao vu hãm, người chấp chính nên gạn xét rõ sự thực, sao lại giết bừa người vô tội để làm vừa lòng kẻ gian ác bao giờ, e rằng đấy là lời xằng bậy thôi.

Năm thứ hai mùa xuân, khuyến khích việc nhà nông tăng lương thực, đóng cửa tự giữ dưỡng sức dân.

Năm thứ ba mùa xuân tháng ba, Thừa tướng Lượng nam chinh bốn quận, bốn quận đều bình. Đổi quận Ích châu thành quận Kiến Ninh, lấy một phần quận Kiến Ninh và quận Vĩnh Xương lập thành quận Vân Nam, lại lấy một phần quận Kiến Ninh và

quận Tang Ca lập thành quận Hưng Cổ. Tháng mười hai, Lượng quay về Thành Đô.

Năm thứ tư mùa xuân. Đô hộ Lý Nghiêm từ huyện Vĩnh An quay về đóng giữ Giang Châu, cho đắp một tòa thành lớn.^①

① Nay là tòa thành cũ ở Ba Quận.

Năm thứ năm mùa xuân, Thừa tướng Lượng ra đóng đồn ở Hán Trung, lập doanh lũy tại Thạch Mã, Dương Bình ở phía bắc sông Miện.^①

① Gia Cát Lượng tập chép chiếu thư của Thiên ban vào tháng ba rằng:

"Trẫm nghe cái đạo của trời đất, phúc ở lòng nhân mà họa bởi lòng dâm; tích thiện thì xương thịnh, tích ác thì tang loạn, đấy là đạo thường xưa nay vậy. Thế nên Thang, Vũ tu đức mà thịnh vượng; Kiệt, Trụ tàn bạo mà diệt vong."

"Trước đây giữa lúc ngôi Hán suy vi, lưới trời xổng kẻ hung tà, Đổng Trác gây nạn, chấn động kinh kỳ. Tào Tháo gieo họa, chiếm giữ thiên mệnh, tàn hại hải nội, trong lòng không có quân vương. Con nó là Phi, đại nghịch bất đạo, dám loạn thứ bậc, cướp đoạt thân khí, thay đổi chính sóc, hung hăng làm việc kể nổi. Đương lúc bấy giờ, đế tinh tôi sẫm, thiên hạ vô chủ, vận mệnh của Hán thất ta bị vùi chôn dưới đất. Chiêu Liệt hoàng đế tỏ trí anh minh, nêu cao đức sáng, chấn hưng văn võ, ứng vận cần khôn, đem thân dẹp loạn, kinh lược bốn phương, thần người đồng mưu, trăm họ giúp đỡ, muôn dân ủng hộ. Nên, kính thuận đêm sấm, dựng ngôi đổi hiệu, ứng theo thiên mệnh, bỏ vá hung suy, khôi phục tổ nghiệp, nắn sửa triều cương, không để ngôi Hán ta phải rụng rơi xuống đất. Tiếc thay! Muôn phương chưa định, sớm vội lia đời."

"Trẫm vốn thơ đại, kế thống hồng cơ, chưa thấu lời dạy của bảo phó, phải gánh nghiệp lớn tổ tông. Nay, sáu cõi tắc nghẽn, xã tắc chưa định, lòng trẫm đau đáu, nghĩ việc nắn sửa, để rạng nghiệp tiên nhân, nhưng chưa thành đại sự, trẫm rất lấy làm lo. Vì thế thức khuya dậy sớm, chẳng dám rồi nhàn, thường khắc khổ kiệm ước để tăng thêm quốc dụng, khuyên người có giúp kẻ không, siêng việc nhà nông để làm giàu tiền

của cho dân, trao phép thường cho kẻ làm quan, ủy thác việc cho người tài tuần để họ giúp trị lý, dứt tuyệt tạp niệm, bỏ ý riêng tư để bồi dưỡng tướng sĩ. Muốn vung kiếm ruổi dài, trở đánh hung nghịch, nhưng hồng kỳ chưa phát, mà Phi đã tàn đời, đây gọi là củi ta không đốt mà địch tự cháy vậy. Nhưng đảng xấu còn nhiều, thích gây họa lớn, trợn mắt ngông nghênh, diễu vùng Hà, Lạc, cậy binh chưa dèng.”

“Gia Cát thừa tướng ôm chí cao xa, khí phách kiên trung, quên thân lo nước, Tiên đế đem thiên hạ phó thác, vì trẫm gắng sức. Nay đem trọng quyền mao việt trao cho Thừa tướng, giao quyền chuyên mệnh, thống lĩnh quân bộ kỵ hai mươi vạn, tổng trách nguyên nhung, thay trời thảo phạt, trừ họa dẹp loạn, lấy lại cựu đô, là lần Bắc phạt này.”

“Xưa kia Hạng Tịch nắm quân đông mạnh, vượt châu chiếm đất, khuếch trương bá nghiệp, nhưng rút cục bại tại Cai Hạ, chết ở Đông Thành, tông tộc sạch nhẵn, làm trò cười ngàn năm, đều bởi không vì nghĩa, lẩn trên ngược dưới vậy. Nay giặc bắt chước sai lầm, trời người oán chúng, ta ứng thời cơ tức tốc hành động, cậy dựa vào tinh thần ‘viêm Hán’⁽¹⁾ và hồng phúc uy linh của tổ tông tương trợ, đánh đâu thắng đó.”

“Ngô vương Tôn Quyền cùng ta lo nạn nước, kín quân hợp mưu, làm thế ý giốc phía sau. Vua các nước xứ Lương châu đều phái bọn nhà giàu là thủ lĩnh của các tộc Nguyệt Chi, Khang Cư và hơn hai mươi người bọn Khang Thục đến chịu tiết chế, đại quân bắc tiến, liền muốn thông xuất binh mã đi theo, vung mác làm tiên khu. Thiên mệnh đã hợp, nhân sự đồng lòng, binh tinh thế thịnh, tất vô địch vậy.”

“Binh của bậc vương, đi không cần đánh, tôn nghiêm nhân nghĩa, ai dám cự đây. Cho nên chiến dịch Minh Diêu, đao không vấy máu, trận chiến Mục Dã, người Thương ngược mâu.⁽²⁾ Nay cò soái đi đâu, nơi nào ta qua, cũng mong không phải lạm dùng vũ lực. Kẻ biết bỏ tà theo chính, mang giỏ cơm bầu nước nghênh đón vương sư, nước có phép thường, phong thưởng lớn nhỏ, đều theo phẩm vị. Đến như tông tộc nhà Ngụy,

¹ Đại khái là nhà Hán thuộc hành Hòa, là lừa. Viêm Hán, tức là ngọn lửa Hán, ý nói tinh thần khôi phục nhà Hán.

² Minh Diêu (鸣条) là nơi vua Thành Thang đánh bại vua Kiệt. Mục Dã (牧野) là nơi vua Văn vương đánh bại vua Trụ, quân nhà Thương đông hơn nhưng không muốn đánh, đều cầm ngược giáo xin hàng.

trực hệ bàng chi, kẻ ngoài người trong, ai biết suy xét lợi hại, rõ số thuận nghịch, theo tới quy hàng, đều tha tội cả.”

“Xưa kia Phụ Quả dứt tình thân với Trí thị, mà nhận ân phúc bảo toàn dòng họ,⁽¹⁾ Vi Tử bỏ nhà Ân,⁽²⁾ Hạng Bá theo nhà Hán,⁽³⁾ đều có phúc nhận đất phong làm chư hầu. Đây là những gương sáng đời trước vậy. Nếu kẻ nào mê lầm không tỉnh, giúp giặc làm loạn, bất kính vương mệnh, sẽ giết đến vợ con, không hề khoan xá.”

“Nay rộng tuyên ân uy, theo về nguyên soái ta, thương xót nạn dân. Chiếu thư luật lệnh, thừa tướng hãy ban khắp thiên hạ, để xứng ý trẫm.”

Năm thứ sáu mùa xuân, Lượng ra đánh Kỳ Sơn, không thắng. Mùa đông, lại tiến ra Tản Quan, vây Trần Thương, lương hết phải lui về. Tướng nước Ngụy là Vương Song thống suất quân truy đuổi Lượng, Lượng cùng Song giao chiến, phá được, chém Song, rồi quay về Hán Trung.

Năm thứ bảy mùa xuân, Lượng phái Trần Thức tấn công hai quận Vũ Đô, Âm Bình, hạ ngay được hai quận. Mùa đông, Lượng dời doanh phủ đến chỗ đất bằng ở chân núi phía nam, đắp hai thành Hán, Lạc. Năm ấy, Tôn Quyền xưng đế, cùng Thục kết minh ước, hẹn chia đôi thiên hạ.

Năm thứ tám mùa thu, Ngụy sai Tư Mã Ý từ Tây Thành, Trương Cáp từ Tý Ngộ, Tào Chân từ Tà Cốc xuất binh, muốn đánh Hán Trung. Thừa tướng Lượng đợi địch ở Thành Cố, Xích Phán, trời mưa lớn đường đi bị cắt đứt, bọn Chân đều quay về. Năm ấy, Ngụy Diên phá Thử sử Ung châu của nước Ngụy là Quách Hoài ở Dương Khê. Hậu chủ đổi phong Lỗ vương Lưu

¹ Phụ Quả (輔果) vốn họ Trí, người nước Tấn cuối thời Xuân Thu. Trí Tử giao cơ nghiệp cho Trí Bá, là người hung hăng có tướng rước vạ hại tộc, Trí Quả sợ lụy tội về sau bèn đổi sang họ Phụ, tuyệt giao với Trí thị, nên tránh được họa diệt tộc.

² Vi Tử (微子): Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 262 (Cao Quý hương công Tào Mao truyện).

³ Hạng Bá (項伯), tướng của Hạng Vũ, Hạng Vũ định giết Cao tổ ở tiệc Hồng Môn, Hạng Bá báo cho Trương Lương biết, Cao tổ được thoát. Bá hàng Hán, được phong tước hầu.

Vĩnh làm Cam Lăng vương; Lương vương Lưu Lý làm An Bình vương, đều bởi Lỗ, Lương là đất nằm ở địa giới nước Ngô.

Năm thứ chín mùa xuân tháng hai, Lượng lại xuất quân vây Kỳ Sơn, bắt đầu dùng trâu gỗ vận lương. Ngụy sai Tư Mã Ý, Trương Cáp ra cứu Kỳ Sơn. Mùa hạ tháng sáu, Lượng hết sạch lương lui quân, Cáp truy đuổi đến Thanh Phong, cùng Lượng giao chiến, bị tên bắn chết. Mùa thu tháng tám, Đô hộ là Lý Bình bị phế, lưu đầy đến quận Tử Đông.^①

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Mùa đông tháng mười, từ Giang Dương đến Giang Châu có nhiều chim từ bờ nam sông bay sang bờ bắc, không bay qua được, rơi xuống sông chết mấy nghìn con.

Năm thứ mười, Lượng nghỉ ngơi chỉnh quân, khuyến nông ở Hoàng Sa, chế tác xong trâu gỗ ngựa máy, luyện binh giảng võ.

Năm thứ mười một mùa đông, Lượng sai chư quân vận lương, đến tập kết ở cửa Tà Cốc, sửa kho lương Tà Cốc. Năm ấy, người Di ở phương nam là Lưu Trụ làm phản, tướng quân Mã Trung đánh phá bình định được.

Năm thứ mười hai mùa xuân tháng hai, Lượng từ Tà Cốc xuất binh, lần đầu tiên dùng ngựa máy vận chuyển. Mùa thu tháng tám, Lượng chết ở bến sông Vị. Chinh tây Đại tướng quân là Ngụy Diên và Trương sử là Dương Nghi tranh quyền bất hòa, cất binh đánh lẫn nhau, Diên thua chạy; Nghi chém đầu Diên, thống suất chư quân quay về Thành Đô. Năm ấy đại xá thiên hạ. Lấy Tả tướng quân là Ngô Nhất làm Xa kỵ tướng quân, ban giả tiết làm Đốc Hán Trung. Lấy lưu phủ Thừa tướng là Trương sử Tưởng Uyển làm Thượng thư lệnh, tổng quản quốc sự.

Năm thứ mười ba mùa xuân tháng giêng, Trung quân sư là Dương Nghi bị phế, đầy đến quận Hán Gia. Mùa hạ tháng tư, thăng Tưởng Uyển làm Đại tướng quân.

Năm thứ mười bốn mùa hạ tháng tư, Hậu chủ đến huyện Tiên,^① trèo lên núi Quan Phán, ngắm xem dòng sông Vãn, mười ngày

sau mới quay về Thành Đô. Dời vua của người Đê là Phù Kiện cùng hơn bốn trăm hộ dân người Đê từ Vũ Đô đến huyện Quảng Đô.

① Thần Tùng Chi xét: Tiên là tên huyện, thuộc Thục Quận, đọc là Tiên.

Năm thứ mười lăm mùa hạ tháng sáu, Hoàng hậu là Trương thị chết.

Năm Diên Hi nguyên niên mùa xuân tháng giêng, lập Hoàng hậu là Trương thị.⁽¹⁾ Đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Lập con là Tuyên làm Thái tử, con nữa là Dao làm An Định vương. Mùa đông tháng mười một, Đại tướng quân Tởng Uyển xuất quân đóng giữ Hán Trung.

Năm thứ hai mùa xuân tháng ba, thăng Tởng Uyển làm Đại tư mã.

Năm thứ ba mùa xuân, sai Thái thú Việt Tuyền là Trương Nghi bình định quận Việt Tuyền.

Năm thứ tư mùa đông tháng mười, Thượng thư lệnh là Phí Y đến Hán Trung, cùng Tởng Uyển thảo luận việc lớn quốc gia, hết năm mới quay về.

Năm thứ năm mùa xuân tháng giêng, Giám quân là Khương Duy đốc lĩnh một lộ quân, từ Hán Trung quay về đóng ở huyện Phù.

Năm thứ sáu mùa đông tháng mười, Đại tư mã Tởng Uyển từ Hán Trung quay về, đóng giữ huyện Phù. Tháng mười một, đại xá thiên hạ. Lấy Thượng thư lệnh là Phí Y làm Đại tướng quân.

Năm thứ bảy tháng nhuận, Đại tướng quân nước Ngụy là Tào Sảng và bọn Hạ Hầu Huyền hướng đến Hán Trung. Trấn bắc đại tướng quân là Vương Bình chống địch tại vòng vây Hung

¹ Hai hoàng hậu họ Trương đều là con gái của Trương Phi. Xem tập VI, quyển 34 (Nhị chủ phi tử truyện)

Thế, Đại tướng quân Phí Y đốc chư quân qua cứu viện, quân Ngụy lui. Mùa hạ tháng tư, An Bình vương là Lưu Lý chết. Mùa thu tháng chín, Y quay về Thành Đô.

Năm thứ tám mùa thu tháng tám, Hoàng thái hậu mất. Tháng mười hai, Đại tướng quân Phí Y đến Hán Trung, gia tăng phòng thủ.

Năm thứ chín mùa hạ tháng sáu, Phí Y quay về Thành Đô. Mùa thu, đại xá thiên hạ. Mùa đông tháng mười một, Đại tư mã Tưởng Uyển chết.^①

① *Nguy lược* chép: Uyển chết, Thiện bèn tự nắm giữ quốc sự.

Năm thứ mười, vua của người Hồ ở Lương châu là bọn Bạch Hồ Văn, Trì Vô Đái thống suất bộ chúng đến hàng, Vệ tướng quân là Khương Duy nghênh đón vỗ yên, cho họ đến ở huyện Phồn. Năm ấy, người Di ở huyện Bình Khang quận Văn Sơn làm phản, Duy qua đánh dẹp, phá chúng bình định được.

Năm thứ mười một mùa hạ tháng năm, Đại tướng quân Phí Y ra đóng đồn ở Hán Trung. Mùa thu, dân Di ở thuộc quốc Phù Lăng làm phản, Xa kỵ tướng quân Đặng Chi qua đánh dẹp, đều bình phá được.

Năm thứ mười hai mùa xuân tháng giêng, nước Ngụy giết bọn Đại tướng quân Tào Sảng, Hữu tướng quân Hạ Hầu Bá đến hàng. Mùa hạ tháng tư, đại xá thiên hạ. Mùa thu, Vệ tướng quân Khương Duy tiến đánh Ung châu, không thắng bèn quay về. Tướng quân Câu An, Lý Hâm hàng Ngụy.

Năm thứ mười ba, Khương Duy lại xuất binh đến Tây Bình, không thắng bèn quay về.

Năm thứ mười bốn mùa hạ, Đại tướng quân Phí Y về Thành Đô. Mùa đông, lại lên bắc đóng giữ Hán Thọ. Đại xá thiên hạ.

Năm thứ mười lăm, Ngô vương Tôn Quyền chết. Hậu chủ lập con là Tông làm Tây Hà vương.

Năm thứ mười sáu mùa xuân tháng giêng, Đại tướng quân Phí Y bị hàng tướng là Quách Tuần người nước Ngụy giết hại tại Hán Thọ. Mùa hạ tháng tư, Vệ tướng quân Khương Duy lại thống suất bộ chúng vây Nam An, không thắng rồi lui về.

Năm thứ mười bảy mùa xuân tháng giêng, Khương Duy quay về Thành Đô. Đại xá thiên hạ. Mùa hạ tháng sáu, Duy lại thống suất bộ chúng ra Lũng Tây. Mùa đông, hạ ba huyện Địch Đạo, Hà Gian, Lâm Thao, dời dân của ba huyện về huyện Miên Trúc và huyện Phồn.

Năm thứ mười tám mùa xuân, Khương Duy quay về Thành Đô. Mùa hạ lại thống suất chư quân tiến ra Địch Đạo, cùng Thứ sử Ung châu của nước Ngụy là Vương Kinh giao chiến ở Thao Tây, đại phá Kinh. Kinh lui về giữ thành Địch Đạo, Duy rút về đồn trú ở Chung Đế.

Năm thứ mười chín mùa xuân, thăng Khương Duy làm Đại tướng quân, đốc trách nhung mã, Duy cùng Trấn tây tướng quân là Hồ Tế hẹn nhau hội quân ở Thượng Nhai, Tế lỗi hẹn không đến kịp. Mùa thu tháng tám, Duy bị Đại tướng quân nước Ngụy là Đặng Ngải đánh tan ở Thượng Nhai. Duy lui quân về Thành Đô.

Năm ấy, Hậu chủ lập con là Toàn làm Tân Bình vương. Đại xá thiên hạ.

Năm thứ hai mươi, nghe tin Đại tướng quân của nước Ngụy là Gia Cát Đản chiếm Thọ Xuân làm phản, Khương Duy lại thống suất bộ chúng tiến ra Lạc Cốc, đến Mang Thủy. Năm ấy đại xá thiên hạ.

Năm Cảnh Diệu nguyên niên, Khương Duy quay về Thành Đô. Sử quan nói có Cảnh tinh xuất hiện, vì thế đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Hoạn nhân là Hoàng Hạo bắt đầu chuyên quyền triều chính. Đại tướng quân của nước Ngô là Tôn Lâm phế chủ của mình là Lượng, lập Lang Nha vương là Hưu.

Năm thứ hai mùa hạ tháng sáu, Hậu chủ lập con là Kham làm Bắc Địa vương, Tuân làm Tân Hưng vương, Càn làm Thượng Đảng vương.

Năm thứ ba mùa thu tháng chín, truy thụy cho cố tướng quân là Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Bàng Thống, Hoàng Trung.

Năm thứ tư mùa xuân tháng ba, truy thụy cho cố tướng quân Triệu Vân. Mùa đông tháng mười, đại xá thiên hạ.

Năm thứ năm mùa xuân tháng giêng, Tây Hà Vương là Tông chết. Năm ấy, Khương Duy lại thống suất bộ chúng tiến ra Hầu Hòa, bị Đặng Ngải phá, quay về trụ giữ Đạp Trung.

Năm thứ sáu mùa hạ, nước Ngụy đại hưng sư lữ, lệnh cho Chinh tây tướng quân là Đặng Ngải, Trấn tây tướng quân là Chung Hội, Thứ sử Ung châu là Gia Cát Tự mấy đường cùng đánh Thục. Hậu chủ bèn sai bọn tả, hữu Xa kỵ tướng quân là Trương Dực, Liêu Hóa, Phụ quốc Đại tướng quân là Đồng Quyết chống địch.

Năm ấy đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu thành Viêm Hưng.

Mùa đông, Đặng Ngải phá Vệ tướng quân là Gia Cát Chiêm ở Miên Trúc. Hậu chủ dụng kế của Quang lộc đại phu là Tiêu Chu, ra hàng Ngải, dâng thư hàng nói:

"Lấy hai sông Giang, Hán làm địa giới, gập chỗ núi cao sông sâu, dựa vào đất Thục, cậy một góc cao hiểm, nghịch vận phạm uy, năm tháng dân trôi, vì thế với kinh đô thành cõi ngoài cách xa vạn dặm."

"Thường nghĩ năm Hoàng Sơ trung, Văn hoàng đế lệnh cho Hồ nha tướng quân là Tiên Vu Phụ, tuyên mật chiếu rất ôn hòa, tỏ rõ ba điều ân nghĩa, mở cửa quy thuận, đại nghĩa phân minh, mà bị nhân phẩm đức tôi tằm, tham cơ nghiệp mọn của tiên nhân để lại, cúi xuống ngẩng lên đã nhiều năm, vẫn chưa theo về đại giáo. Nay thiên uy chấn động, nhân thần theo nhau nương bám, hoảng sợ vương sư, thần vũ đến nơi, ai dám không thực lòng sửa đổi, để thuận theo vương mệnh! Xin

lập tức sắc lệnh cho chúng tướng quăng mâu cưỡi giáp, quốc khố ở các phủ quan nhất nhất không hủy tổn, vải bố của bách tính còn trên đồng, lương chưa thu ở ngoài ruộng, xin giữ để đợi ân huệ của thượng ti, mong bảo toàn tính mệnh của lê dân."

"Cúi nghĩ Đại Ngụy bày đức giáo hóa, tể phụ như Y, Chu, ân trạch rộng khắp thiên hạ. Xin kính cẩn phái Thị trung ở phủ riêng là Trương Thiệu, Quang lộc đại phu là Tiêu Chu, Phò mã đô úy là Đặng Lương đem ấn thụ dâng lên, kính xin chỉ mệnh, dốc hết lòng thành, việc sinh tử tôn vong, xin theo phán xét. Xe chở áo quan đã ở gần, chẳng dám rườm lời kể lễ."

Hôm ấy, Bắc Địa vương là Kham bi thương vì nước bị diệt, giết vợ con trước, rồi sau tự sát.^①

Thiệu, Lương và Ngải gặp nhau ở huyện Lạc. Ngải được thư, cả mừng, lập tức đáp thư,^② sai Thiệu và Lương về trước. Ngải đến phía bắc đô thành, Hậu chủ dùng xe chở áo quan, tự trói mình, đến cửa lũy quân của Ngải. Ngải cởi trói đốt quan tài, mời vào doanh tương kiến.^③ Nhân đó thừa chế bái Hậu chủ làm Phiêu kỵ tướng quân. Các tướng thủ thành sau khi nhận sắc mệnh của Hậu chủ, rồi mới chịu quy hàng.

Ngải sai Hậu chủ ở lại cung điện cũ của mình, thân đến tận nơi bái phỏng. Mọi người còn thu xếp hành trang chưa xuất phát, thì đến tháng giêng mùa xuân năm sau, Ngải bị bắt. Chung Hội từ huyện Phù đến Thành Đô tác loạn. Hội chết rồi, quân binh ở Thục trung hoành hành cướp bóc, người chết ngổn ngang, mấy ngày sau mới yên định lại.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Hậu chủ định theo kế của Tiêu Chu. Bắc Địa vương là Kham nổi giận nói:

- Nếu quả thế cùng lực kiệt, họa bại tất đến, nên phải cha con vua tôi cùng dựa lưng vào thành đánh một trận, cùng chết với xã tắc, để xuống gặp Tiên đế vậy.

Hậu chủ không nghe, sai đưa ấn đi nộp. Hôm ấy, Kham khóc ở miếu của Chiêu Liệt đế xong, trước giết vợ con, rồi sau tự sát, tả hữu chẳng ai không vì Kham mà sa nước mắt.

② *Thục ký* của Vương Ẩn chép: Ngải đáp thư rằng:

"Vương cương lỗi đạo, quần hùng cùng nổi, long chiến hổ tranh, rút cục theo về chân chúa, đấy đại khái là cái đạo lý quay vòng của thiên mệnh vậy. Từ thánh đế xưa, cho đến Hán, Ngụy, chịu mệnh làm vua, tuyệt chẳng có ai không ở Trung thổ vậy. Hoàng hà hiện đồ hình, Lạc thủy xuất kỳ thư,⁽¹⁾ thánh nhân ghi thành phép tắc, là từ chỗ ấy để hưng nghiệp lớn, nếu không như thế, chưa ai không đảo điên nghiêng lật vậy."

"Xưa kia Ngõi Hiêu dựa Lũng thì vong, Công Tôn Thuật giữ Thục thì diệt, đấy đều là những tấm gương nghiêng lật thời trước vậy.⁽²⁾ Nay thánh thượng sáng suốt, tể tướng trung hiền, đức thịnh sánh với Hoàng Hiên, công lao ngang thời trước.⁽³⁾ Ta phụng mệnh tây chinh, mong vâng nghe tin tốt, nay ngài sai sứ đến, biểu tỏ lòng cảm kích, mang tin lành truyền lại, đấy không phải việc người, có lẽ là ý trời sao!"

"Xưa kia Vi Tử quy thuận nhà Chu, được làm thượng tân, bậc quân tử tùy cơ ứng biến, nghĩa còn ở Đại Dịch, ta lời lẽ khiêm nhường, dùng lễ đãi người hàng, đều theo điển chế đãi kẻ biết thiên mệnh của thánh triết thời xưa vậy. Vẹn nước là thượng sách, phá nước là kế kém, không sáng suốt thấu hiểu, lấy gì để tỏ nghĩa của bậc vương giả đây!"

Thiện lại phái Thái thường là Trương Tuấn, Biệt giá Ích châu là Nhữ Siêu vâng nhận tiết chế, phái Thái phó là Tường Hiên ban sắc mệnh cho Khương Duy. Lại phái Thượng thư lang là Lý Hồ đem nộp sổ bộ quan dân, cả thảy hai mươi tám vạn hộ, nam nữ chín mươi tư vạn khẩu, tướng sĩ mặc giáp mười vạn hai nghìn người, quan lại bốn vạn, gạo hơn bốn mươi vạn hộ, vàng bạc mỗi thứ hai nghìn cân, gấm lụa các loại mỗi thứ hai mươi vạn xấp, các vật dụng khác đều kê khai rõ.

¹ Truyền thuyết xưa Trung Quốc kể rằng, Hoàng Hà từng xuất hiện con rồng, trên mình có những đường vẽ ngoằn ngoèo nên gọi là Hà đồ, sông Lạc từng xuất hiện con rùa, trên lưng có chữ viết nên gọi là Lạc thư, đây đều là những việc kỳ bí cả.

² Ngõi Hiêu (隗囂): Xem chú thích ở tập V, quyển 24, trang 26 (Cao Nhu truyện).

³ Hoàng Hiên (黄轩) tức Hiên Viên hoàng đế, vị vua huyền sử của Trung Quốc.

③ *Tấn chư công tán chép*: Lưu Thiện cưới xe la đến chỗ Ngải, không làm theo lễ nghi của quân vương vong quốc.

Hậu chủ đem cả gia quyến sang đông, sau khi đến Lạc Dương, Đế hạ sách mệnh cho Hậu chủ rằng:

"Duy năm Canh Nguyên thứ năm tháng ba ngày Đinh Hợi. Hoàng đế lâm triều, sai Thái thường ban mệnh phong Lưu Thiện làm An Lạc huyện công. Ôi, người hãy kính nghe mệnh trẫm!"

"Thống lĩnh thiên hạ che trùm vạn vật, lấy yên ổn là trọng, cai quản thiên hạ, xem vui hòa là đầu. Cho nên che chở nuôi dưỡng muôn dân, là đại đạo của bậc quân chủ vậy, vâng thuận ý trời, là ứng với nghĩa 'khôn nguyên'⁽¹⁾ trong Chu Dịch vậy. Trên dưới giao hòa thông suốt, thì vạn vật hòa hợp, mọi thứ được yên."

"Trước đây nhà Hán mất kỷ cương, sáu cõi hỗn loạn. Thái tổ ta thừa vận như rồng hưng khởi, cứu vớt tám cõi, đây là ứng trời thuận dân, vũ yên Hoa Hạ. Vào lúc bấy giờ cha người nhân khi quần kiệt như hổ tranh giành, chín cõi không yên, cây đường xa đất hiểm, chiếm giữ xứ Thục, khiến góc phía tây bờ cõi khác biệt, phương ngoài ngăn cách. Từ bấy đến nay, can qua không ngừng, lê dân trăm họ, chẳng bảo toàn được tính mệnh, gần sáu chục năm trời."

"Trẫm luôn nghĩ đến di chí của cha ông, quyết ý vũ yên bốn bể, nhất thống quốc thổ, cho nên chinh trị sáu quân, diễu oai ở vùng Lương, Ích. Người có khí độ rộng rãi, phẩm đức cao thượng, hiểu sâu đại nghĩa, chẳng e ngại khuất thân xưng thần, lấy thương dân vẹn nước là quý, hồi tâm chuyển ý, ứng biến thuận thời, tin ước thủ nghĩa, một lòng quy thuận, để làm tả hữu của triều đình, hưởng phúc đến vô cùng, há chẳng phải là xét tính sâu xa sao!"

"Trẫm ban cho người được mãi hưởng lộc dày bổng hậu, khảo xét phép tắc của tiên nhân, cho người được khai nước mở đất, noi theo

¹ Khôn nguyên là nói cái đức đẹp của đất, *Kinh Dịch* có câu: "Chỉ tại Khôn nguyên, vạn vật tứ sinh, nãi thuận thừa thiên." Nghĩa là: "Lớn thay Khôn nguyên, muôn vật sanh ra, thuận theo mệnh trời."

cựu điển, cho người được dùng bò đực đen tế lễ miếu tổ, dùng cỏ bạch mao, vĩnh viễn là phiên thần phù giúp nước Ngụy, người hãy kính nhận! Người cung thuận phục tùng lệnh trẫm, ra sức mở rộng đức tâm, để mãi giữ lấy công nghiệp hiển hách.”

Hậu chủ được ban thực ấp vạn hộ, lụa vạn xấp, nô tì trăm người, và các vật phẩm khác tương xứng. Con cháu của Hậu chủ có ba người được làm Đô úy, hơn năm mươi người được phong hầu. Bọn Thượng thư lệnh Phàn Kiến, Thị trung Trương Thiệu, Quang lộc đại phu Tiêu Chu, Bí thư lệnh Khước Chính, Điện trung đốc Trương Thông đều được phong làm Liệt hầu.①

Công vào năm Thái Thủy thứ bảy chết ở Lạc Dương.②

① Hán Tấn Xuân Thu chép: Tư Mã Văn vương cùng Thiện ăn yến, vì Thiện bày lễ nhạc của nước Thục cũ, người xung quanh đều vì thế mà xót xa thương cảm, nhưng Thiện vẫn cười nói tự nhiên như thường. Vương bảo Giả Sung rằng:

- Sự vô tình của người này, có thể đến mức ấy sao! Ví thử Gia Cát Lượng còn sống, cũng chẳng thể giúp cho toàn vẹn được lâu dài, huống chi là Khương Duy đây?

Giả Sung đáp:

- Không như thế, Điện hạ sao có thể kiêm tính được đất Thục.

Ngày khác, Vương hỏi Thiện rằng:

- Có nhớ nước Thục lắm không?

Thiện đáp:

- Ở đây vui lắm, không nhớ Thục.

Khước Chính nghe chuyện, xin gặp Thiện nói:

- Nếu ngày sau Vương có hỏi đến, nên khóc mà đáp rằng: "Phần mộ của tiền nhân xa xôi ở Lũng, Thục, trong lòng thương nhớ phương tây, không ngày nào không nghĩ đến", rồi nhắm mắt lại.

Gặp lúc Vương hỏi lại, Thiện đáp như lời dặn lúc trước. Vương nói:

- Sao mà giống lời của Khước Chính thế!

Thiện kinh hải mở mắt nói:

- Thật đúng như lời của Vương.

Tả hữu đều cười.

② *Thục ký* chép: Ban thụy là Tư Công, con là Tuân nối tự.

Bình rằng: Hậu chủ lúc tin dùng thừa tướng hiền minh thì là bậc quân vương biết theo lý chính, khi bị mê hoặc bởi yêm thụ thì thành hạng quân vương hôn ám, *Kinh truyện* nói: "Tơ trắng không có màu sắc cố định, chỉ được cái dễ nhuộm" thật đúng thay! Theo lẽ, quốc quân kể nổi thể chế, qua năm cải niên hiệu, nhưng ngay năm Chương Vũ thứ ba, liền đổi sang gọi là năm Kiến Hưng, khảo xét nghĩa xưa, đạo lý thể chế là sai. Hơn nữa nước không đặt sử quan, việc ghi chép không có quan viên chuyên trách, vì thế việc làm đa phần bị bỏ sót, tai họa dị thường không được ghi chép lại. Gia Cát Lượng tuy thấu suốt về xử lý chính sự, song đối với các việc này, vẫn chưa được chu toàn. Nhưng qua mười hai năm phù tá Hậu chủ mà niên hiệu không thay đổi, quân lữ luôn hưng mà không tùy ý đại xá, chẳng cũng trác tuyệt sao! Từ khi Lượng chết về sau, pháp chế dần khiếm khuyết, việc hơn kém là rõ rệt vậy.①

① *Hoa Dương quốc chí* chép: Lúc Thừa tướng Lượng còn tại vị, có người nói nên coi trọng việc đại xá. Lượng đáp rằng:

- Trị lý ở đời trọng đức lớn, không dùng ân nhỏ, cho nên Khuông Hành, Ngô Hán⁽¹⁾ không có ý nguyện thi hành đại xá. Tiên đế cũng nói rằng: "Ta trong thời gian qua lại với Trần Nguyên Phương, Trịnh Khang Thành, mỗi khi nghe họ bàn luận, cái đạo trị loạn của họ đều minh bạch, chưa từng nghe họ nói việc đại xá vậy."

¹ Khuông Hành (匡衡), tự Trĩ Khuê (稚圭), người quận Đông Hải, huyện Thừa, là Kinh học gia thời Tây Hán. Đời Hán Nguyên đế giữ chức Thừa tướng. Ban đầu coi chính sự rất tốt, được phong tước ban đất, ông làm việc có sai lầm, trái phép tự ý mở mang điền địa, có nhiều người ngờ ghét. Đến đời Thành đế, bị hặc tội, rồi bị truất làm thứ dân;

Ngô Hán (吴汉), xem chú thích ở tập II, quyền 9, trang 224 (Tào Sảng truyện).

Kìa như Lưu Cảnh Thăng và cha con Quý Ngọc, hàng năm đại xá, có ích gì với việc trị lý đâu.

Thần Tùng Chi cho rằng "không tùy ý đại xá", thực là lời xứng đáng, còn như "niên hiệu không thay đổi", thì là lời khen chưa đạt. Xét niên hiệu Kiến Vũ, Kiến An, đều lâu mà không thay đổi, chưa nghe nói sử quan đời trước cho là tốt đẹp. "Qua mười hai năm phù tá", sao đủ để khen đây? Nói hai giai đoạn riêng biệt vốn là có ý khác, mà lập luận chẳng đến nơi. Sau khi Lượng chết, là niên hiệu Diên Hi, dùng tròn hai mươi năm, nói "phép chế dần khiếm khuyết", sự thực lại không như thế.

---ॐ---

QUYỂN THỨ BA MƯƠI TƯ NHỊ CHỦ PHI TỬ TRUYỆN



Cam hoàng hậu của Tiên chủ, người Bái Quận. Tiên chủ quản Dự châu, trú ở Tiểu Bái, thu nạp làm thiếp.

Tiên chủ mấy lần mất chính thất, Hậu thường thay quản việc nhà. Lúc theo Tiên chủ đến Kinh châu, sinh hạ Hậu chủ. Đúng lúc quân của Tào công ập đến, đuổi kịp Tiên chủ tại Trường Bản huyện Đương Dương, vào lúc bị bức khốn, Tiên chủ bỏ Hậu và Hậu chủ lại, may nhờ Triệu Vân bảo hộ, mới qua được nạn.

Hậu chết, táng ở Nam Quận. Năm Chương Vũ thứ hai, Hậu được truy thụy là Hoàng Tư phu nhân, chuyển táng ở Thục Quận, linh cửu chưa về đến nơi thì Tiên chủ đã lìa trần. Thừa tướng Lượng dâng tấu nói:

"Hoàng Tư phu nhân tu đức giữ lòng nhân, hiền thực cẩn thận. Đại hành Hoàng đế lúc trước ở ngôi Thượng tướng, tần phi tác hợp, nuôi dưỡng Thánh thượng, song mệnh lớn chẳng được lâu dài. Thời Đại hành Hoàng đế còn tại thế, ân sâu nghĩa nặng, đoái nghĩ thần cứu của Hoàng tư phu nhân phiêu diêu ở chốn xa, đã biệt phái sứ giả tới rước về. Vừa lúc Đại hành Hoàng đế băng hà, nay thần cứu của Hoàng Tư phu nhân đã về tới nơi, mà tử cung còn ở trên đường, viên lăng sắp dựng xong, chỉ đợi ngày an táng."

"Thần thường cùng bọn Thái thường là Lại Cung nghị bàn:

Lễ ký nói: 'Dựng lập tình yêu thương khởi đầu từ cha mẹ, là dạy dân theo đạo hiếu. Gây dựng sự kính thuận khởi đầu từ con trưởng, là dạy dân biết thuận hòa.' Đừng quên cha mẹ mình, là bởi thân mình do cha

mẹ sinh ra. Theo nghĩa Xuân Thu, mẹ nhờ con mà quý hiển. Xưa kia Cao hoàng đế truy tôn Thái thượng Chiêu Linh phu nhân làm Chiêu Linh hoàng hậu; Hiếu Hòa hoàng đế cải táng cho mẹ mình là Lương quý nhân, truy tôn hiệu là Cung Hoài hoàng hậu; Hiếu Mẫn hoàng đế cũng cải táng cho mẹ mình là Vương phu nhân, truy tôn hiệu là Linh Hoài hoàng hậu. Nay Hoàng Tư phu nhân nên có tôn hiệu, để an ủi vong linh chốn hàn tuyền, thần thường cùng bọn Cung xét phép đặt thụy, cho rằng nên đặt thụy là Chiêu Liệt hoàng hậu."

"Kinh Thi nói: 'Cốc tắc dị thất, tử tắc đồng huyệt',⁽¹⁾ ① vì thế Chiêu Liệt hoàng hậu nên được hợp táng với Đại hành Hoàng đế, thần xin cho Thái úy tế cáo ở tông miếu, tuyên rõ khắp thiên hạ, nghi thức táng lễ khi hoàn tất sẽ đặc biệt tấu lên."

Chế nói được.

① Lễ ký chép rằng: Thời thượng cổ không có phép hợp táng, từ thời trung cổ về sau mới đặt phép này.

Mục hoàng hậu của Tiên chủ, người huyện Trần Lưu. Anh là Ngô Nhất,⁽²⁾ mồ côi cha từ nhỏ, cha của Nhất với Lưu Yên vốn là bạn cũ, vì thế đem cả nhà theo Yên vào Thục. Yên có chí khác, lại nghe lời thầy tướng giỏi nói là Hậu sẽ đại quý. Yên bấy giờ đem con là Mạo đi theo, bèn cho Mạo thu nạp Hậu. Mạo chết, Hậu ở góa.

Sau khi Tiên chủ định Ích châu, Tôn phu nhân quay về Ngô, ① quần hạ khuyên Tiên chủ mang lễ đón Hậu, Tiên chủ do dự vì Mạo là người đồng tộc, Pháp Chính dâng lời rằng:

¹ Sống chẳng cùng nhà, chết táng chung huyệt. Kinh Thi, bài Đại xa, kể về một đôi nam nữ muốn theo nhau không phải cưới hỏi, nhưng sợ quan Đại phu nên không dám, vì lúc sống chẳng ở được một nhà với nhau, mới mong rằng lúc chết đi sẽ cùng chung huyệt cho thỏa nguyện.

² Ngô Nhất (吳壹) tức là Ngô Ý. Trần Thọ viết Tam quốc chí vào thời nhà Tấn, vì tránh tên húy của Tư Mã Ý mới viết chệch tên người này thành Ngô Nhất.

- Luận về thân sơ, sao bằng được với Tấn Văn và Tử Ngữ.⁽¹⁾

Vì thế Tiên chủ nạp Hậu làm phu nhân.⁽²⁾

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, lập Hậu làm Hán Trung vương hậu. Năm Chương Vũ nguyên niên mùa hạ tháng năm, hạ chiếu sách rằng:

"Trẫm nối thiên mệnh, nhận ngôi chí tôn, xét soi vạn cõi. Nay lập Hậu làm Hoàng hậu, phải sứ giả cầm cờ tiết là Thừa tướng Lượng trao tì thụ, kế thừa tông miếu, làm mẫu nghi thiên hạ, Hoàng hậu hãy kính theo mệnh!"

Năm Kiến Hưng nguyên niên tháng năm, Hậu chủ tức vị, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, hiệu là Trường Lạc cung.

Nhất làm quan đến chức Xa kỵ tướng quân, phong tước Huyện hầu. Năm Diên Hi thứ tám, Hậu mất, hợp táng ở Huệ Lăng.⁽³⁾

① *Hán Tấn Xuân Thu* nói rằng: Tiên chủ vào Ích châu, Ngô sai người đón Tôn phu nhân về. Tôn phu nhân muốn đem Thái tử về Ngô, Gia Cát Lượng sai Triệu Vân cầm binh chặn sông Giang giữ Thái tử lại, mới ngăn được.

② Tập Tục Xí nói: Chuyện hôn nhân, là đầu mối của nhân luân, là cái gốc rễ của vương hóa, kẻ thất phu còn chẳng thể làm việc không theo lễ, huống chi là người làm vua? Tấn Văn bỏ lễ tòng quyền, để hoàn thành công nghiệp của mình, cho nên Tử Phạm nói, có việc cầu người, tất phải thuận theo người ta trước, chuẩn bị đoạt nước của người ta, lấy vợ của họ có là gì, không phải là vô duyên cớ mà trái với lễ giáo vậy. Nay Tiên chủ không có mối bức bách phải làm cái việc quyền biến, mà lại dẫn cái thất thổ của

¹ Tấn Văn công Trùng Nhĩ và Tấn Huệ công Di Ngô là anh em ruột, con của Di Ngô là Tấn Hoài công Tử Ngữ, cũng là cháu ruột của Trùng Nhĩ. Trùng Nhĩ tránh họa phải lưu lạc mười chín năm ở nước ngoài, lúc Tử Ngữ mất lòng dân, Trùng Nhĩ muốn mượn thế lực nước Tần để về làm vua nước Tấn, phải cưới con gái vua Tần là Mục công (tức nàng Hoài Doanh, vợ của Tử Ngữ), nước Tần đem quân giúp Trùng Nhĩ về nước lên ngôi, người đời sau gọi chuyện này là mối lương duyên Tần, Tần.

người trước ra làm ví dụ, không phải là cách mở đường cho bậc quân vương noi theo đạo của Nghiêu, Thuấn vậy. Tiên chủ theo lời, còn sai hơn.

③ *Thực thế phá* của Tôn Thịnh chép: Cháu của Nhất là Kiều, bị Lý Hùng bắt giữ trong ba mươi năm, không vì Hùng mà chịu khuất vậy.⁽¹⁾

Kính Ai hoàng hậu của Hậu chủ, là trưởng nữ của Xa Kỳ tướng quân Trương Phi. Năm Chương Vũ nguyên niên, được nạp làm phi của Thái tử. Năm Kiến Hưng nguyên niên, được lập làm Hoàng hậu. Năm thứ mười lăm mất, táng ở Nam lăng.

Trương hoàng hậu của Hậu chủ, là em gái kế của Kính Ai hoàng hậu. Năm Kiến Hưng thứ mười lăm, vào cung làm Quý nhân. Năm Diên Hi nguyên niên mùa xuân tháng giêng, Hậu chủ hạ chiếu sách nói:

"Trẫm kế nối nghiệp lớn, làm quân vương trị thiên hạ, phụng tế tông miếu xã tắc. Nay lấy Quý nhân làm Hoàng hậu, phái sứ giả tạm coi việc Thừa tướng là Tả tướng quân Hướng Lăng cầm cờ tiết trao tì thụ. Hậu hãy gắng quản hậu cung, cung kính tế tự tông miếu, Hoàng hậu hãy kính vâng theo mệnh!"

Năm Hàm Hi nguyên niên, Hậu theo Hậu chủ dời đến Lạc Dương.^①

¹ Ngô Kiều (吳喬), cháu của Ngô Nhất, sau khi Thực mất, làm quan nhà Tấn, giữ chức Thành Đô lệnh. Thời đó, nhà Tây Tấn loạn, Lý Đặc khởi loạn ở đất Thực tự lập, nhưng chết trận, con lớn của Đặc là Lý Lưu thay cha lĩnh quân, em của Lý Lưu là Lý Hùng đánh bại quân Tấn, khôi phục thanh thế toàn quân. Sau khi Lý Lưu ốm chết, Lý Hùng thay anh lĩnh quân. Không lâu sau, Lý Hùng đánh hạ Thành Đô, xưng là Thành Đô vương, rồi xưng Đế ở đất Thực. Ngô Kiều làm quan nhà Tấn, thua trận, bị Lý Hùng bắt giữ, ba mươi năm, không khuất phục, sau chết.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Ngụy đem các cung nhân nước Thục ban thưởng cho những chư tướng không có vợ, Lý Chiêu Nghi nói:

- Ta chẳng thể đôi ba lần khuất nhục.

Bèn tự sát.

Lưu Vĩnh tự Công Thọ, là con của Tiên chủ, em kế của Hậu chủ vậy. Năm Chương Vũ nguyên niên tháng sáu, Tiên chủ sai Tư đồ Hứa Tĩnh lập Vĩnh làm Lỗ vương, hạ chiếu sách rằng: *"Tiểu tử Vĩnh, cho người đất xanh.⁽¹⁾ Trẫm vâng thiên mệnh, kế thống đại nghiệp, tuân lễ chế xưa, lập nước cho người, phong đất phía đông, chứa trọn Quy Mông,⁽²⁾ nối đời phiên thuộc. Ô hô, kính vâng chiếu lệnh! Chỉ có nước Lỗ, thời đại đổi thay, đạo thánh nhân bày,⁽³⁾ phong hóa còn nguyên. Người dân mến đức, ý tốt lan truyền. Làm vương xé này, tận tâm theo lễ, phủ dụ thần dân, kính xét lễ nghi, vâng chiếu tể tự, người hãy thận trọng!"*

Năm Kiến Hưng thứ tám, đổi phong Vĩnh làm Cam Lăng vương.

Trước đây, Vĩnh ghét tên hoạn nhân Hoàng Hạo, sau Hạo lại được tin dùng, gièm pha nói xấu Vĩnh với Hậu chủ. Hậu chủ dần xa lánh Vĩnh, đến mức hơn chục năm Vĩnh không được vào triều kiến.

Năm Hàm Hi nguyên niên, Vĩnh sang đông dờ đến Lạc Dương, được bãi làm Phụng xa đô úy, tước Hương hầu.

¹ Phong cho Lưu Vĩnh làm vương, là chư hầu quản phương đông (phương đông màu xanh). Hiệu phong là Lỗ vương tức là cho làm vương ở vùng Sơn Đông, nước Lỗ. Bây giờ đất ấy thuộc Ngụy, là hư phong vậy.

² Núi Quy và núi Mông đều thuộc tỉnh Sơn Đông, nước Lỗ cổ xưa. Hai núi này kéo dài chừng tám chục dặm, đoạn tây bắc gọi là Quy sơn, phía đông nam gọi là Mông sơn.

³ Nước Lỗ là nước lễ nghĩa, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi lễ giáo mà Khổng tử truyền dạy.

Lưu Lý tự Phụng Hiếu, cũng là em của Hậu chủ, cùng Vĩnh là anh em khác mẹ. Năm Chương Vũ nguyên niên tháng sáu, Tiên chủ sai Tư đồ là Hứa Tĩnh lập Lý làm Lương vương, hạ chiếu sách rằng:

"Tiểu tử Lý, trăm nối dòng Hán, kính thuận thiên mệnh, noi theo điển trật, lập nước cho người, phong đất phía đông, phiên thần nước Hán. Chỉ nước Lương này, phụ cận kinh đô, dân quen giáo hóa, dễ dẫn đạo lý, khiến dân theo lễ. Hãy toàn tâm ý, vỗ yên lê dân, phủ dụ bách tính, để nước của người, mãi mãi trường tồn, vương hãy kính nhận!"

Năm Kiến Hưng thứ tám, đổi phong Lý làm An Bình vương. Năm Diên Hi thứ bảy Lý chết, ban thụy là Diệu vương. Con của Lý là Ai vương Lưu Dận nối tự, năm thứ mười chín chết. Con của Dận là Thương vương Lưu Thừa nối tự, năm thứ hai mươi chết.

Năm Cảnh Diệu thứ tư, Hậu chủ hạ chiếu rằng:

"An Bình vương là tước mà Tiên đế sắc phong. Ba đời yếu mệnh, người nối tự của nước phiên dứt mối, trăm rất xót thương. Nay lấy Vũ Ấp hầu là Tập nối tước vương."

Tập là con của Lý vậy, năm Hàm Hi nguyên niên, sang đông dòi đến Lạc Dương, được bái làm Phụng xa đô úy, tước Hương hầu.

Thái tử của Hậu chủ tên Tuyền, tự Văn Hành. Mẹ là Vương quý nhân, vốn là người hầu của Kính Ai Trương hoàng hậu. Năm Diên Hi nguyên niên tháng giêng, Hậu chủ hạ chiếu sách nói:

"Bậc đế vương thời xưa, khi kế vị lập người nối tự, làm phó quân quản nước, là đạo thường kim cổ vậy. Nay lấy Tuyền làm Hoàng thái tử, để làm rạng rỡ uy linh của tổ tông, phái sứ giả tạm coi việc của Thừa tướng là Tả tướng quân Hướng Lăng cầm cờ tiết trao ấn thụ."

Người gắng tu dưỡng tính tốt, nghiêm giữ đạo nghĩa, nghiên cứu điển lễ, kính trọng sư phó, rộng nghe lời hay, dưỡng thành phẩm hạnh, người há chẳng dốc lòng tu dưỡng tự mình gắng sức sao!"

Bấy giờ Tuyền được mười lăm tuổi.

Năm Cảnh Diệu thứ sáu mùa đông, Thục mất. Năm Hàm Hi nguyên niên tháng giêng, Chung Hội tác loạn ở Thành Đô, Tuyền bị loạn quân giết hại.^①

① *Thục thế phả* của Tôn Thịnh chép: Em của Tuyền, có sáu người là Dao, Tông, Toàn, Kham, Tuân, Cừ.

Thục bại, Kham tự sát, những người khác đều bị dìm vào nội địa. Gặp đại loạn năm Vĩnh Gia,⁽¹⁾ con cháu tuyệt diệt. Duy có người cháu của Vĩnh là Huyền chạy vào Thục, Lý Hùng trá đặt là An Lạc công làm dòng dõi kế tự Thiện. Năm Vĩnh Hòa thứ ba đánh dẹp Lý Thế, Thịnh tham dự việc binh, gặp Huyền ở Thành Đô.

Bình rằng: Dịch nói rằng có vợ chồng rồi sau mới có cha con, đây là khởi mối của nhân luân, cái sâu nặng của ân tình, chẳng gì hơn thứ ấy. Thế nên ta ghi chép rõ, là để xét kỹ cái bản thể của một quốc gia vậy.

--- ॐ ---

¹ Năm Vĩnh Gia đời Tấn Huệ đế, các vương công nhà Tấn đánh lẫn nhau, gọi là loạn Vĩnh Gia hay là loạn Bát vương.

QUYỂN THỨ BA MƯƠI LĂM

GIA CÁT LƯỢNG TRUYỆN



Gia Cát Lượng tự Khổng Minh, người quận Lang Nha huyện Dương Đô. Lượng là hậu duệ của Tư lệ Hiệu úy nhà Hán là Gia Cát Phong. Cha là Khuê, tự Quân Cống, thời Hán mạt làm Quận thừa quận Thái Sơn. Lượng mồ côi sớm, theo chú là Huyền làm Thái thú Dự Chương do Viên Thuật đặt. Huyền dẫn Lượng cùng em của Lượng là Quân đến nhậm chức. Gặp lúc Hán triều cử Chu Hạo đến thay Huyền. Huyền vốn cùng Kinh châu mục Lưu Biểu là bạn cũ, nên qua đó nương nhờ.^① Huyền mất, Lượng tự mình cày ruộng, thường ca *Lương phụ ngâm*.^{①②}

Lượng mình cao tám thước, thường tự ví mình với Quán Trọng, Nhạc Nghị, người đương thời chẳng ai tin. Duy có người quận Bắc Lăng là Thôi Châu Bình và người quận Dĩnh Xuyên là Từ Thứ tự Nguyên Trực là bạn hữu thân thiết với Lượng, cho là đúng.^③

① *Hiển đế Xuân Thu* chép: Lúc trước, Thái thú Dự Chương là Chu Thuật bị bệnh chết, Lưu Biểu dâng thư cử Gia Cát Huyền làm Thái thú Dự Chương, đặt sở trị ở Nam Xương. Hán triều nghe tin Chu Thuật chết, phái Chu Hạo đến thay Huyền. Hạo tới chỗ Thái thú Dương châu là Lưu Do cầu binh đánh Huyền, Huyền lui về

¹ *Lương Phụ ngâm* nguyên là khúc ca cổ của nước Tề thời Chiến Quốc, kể về sự tích tể tướng nước Tề là Án Anh, dùng hai quả đào giết ba dũng sĩ. Án Anh thấy ba người kiêu ngạo, sợ rằng nếu họ hợp sức sẽ nguy hại tới quốc gia, mới bày kế để ba dũng sĩ tranh nhau hai quả đào, cuối cùng cả ba người vì sĩ diện mà tự sát cả.

đóng giữ Tây thành, Hạo vào Nam Xương. Năm Kiến An thứ hai tháng giêng, dân ở Tây thành làm phản, giết Huyền, mang đầu đến chỗ Do.

Lời mà sách này chép, so với bản truyện bất đồng.

② *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Nhà của Lượng ở huyện Đặng thuộc Nam Dương, cách thành Tương Dương hai mươi dặm về phía tây, xứ ấy gọi là Long Trung.

③ Xét *Thôi thị phả*: Châu Bình, con của Thái úy Thôi Liệt, là em của Quân vậy.

Ngụy lược chép: Lượng ở tại Kinh châu, vào năm Kiến An sơ, cùng người quận Dĩnh Xuyên là Thạch Quảng Nguyên và Từ Nguyên Trực, người quận Nhữ Nam là Mạnh Công Uy đều đi du học, ba người kia đều dốc sức học hành đến tinh thực, riêng Lượng chỉ xem xét những chỗ đại lược mà thôi. Mỗi lúc sớm tối ung dung, thường ôm gối cười dài, bảo ba người rằng:

- Ba người ra làm quan có thể đến chức Thứ sử, Quận thú vậy.

Ba người hỏi chí của Lượng, Lượng chỉ cười không đáp. Về sau Mạnh Công Uy nhớ quê, muốn trở về bắc, Lượng nói:

- Trung Quốc nhiều sĩ đại phu, ngao du hà tất phải nhớ cố hương!

Thần Tùng Chi cho rằng những lời này của *Ngụy lược*, nói Gia Cát Lượng vì Công Uy mà tính thì khả dĩ, nếu bảo đó là Lượng tự nói mình, có thể nói là chưa biểu đạt được tâm ý của Lượng rồi. Lão tử nói rằng biết người là trí, tự biết mình là minh, phàm là hiền trí, cố nhiên phải kiêm gồm cả hai điều ấy. Cứ như hiểu biết của Gia Cát Lượng, há chẳng tự xét rõ phận mình sao? Cao giọng ngâm nga đợi thời cơ đến, chí nguyện biểu hiện ở ngôn từ, chí hướng cao xa, đã định rõ từ lúc ban đầu. Nếu để Lượng dạo bước Trung nguyên, như rồng bay lên, há đông đảo kẻ sĩ xứ ấy có thể nhấn chìm Lượng được sao! Quy phục Ngụy thị, thi triển tài năng, thực chẳng phải Trần Trường Văn, Tư Mã Trọng Đạt có thể bay liệng được, huống chi là kẻ khác đây! Ví như không lo công nghiệp chẳng tới, không lo vương đạo chẳng được thi hành, dẫu

chí trùm vũ trụ mà rút cục chẳng lên hướng Bắc, đại khái là bởi Lượng biết đại quyền đã chuyển dời, Hán thất sắp nghiêng ngửa, nên mới phụ giúp người hào kiệt trong tông thất, lấy việc hưng chỗ suy vì để nổi cái ngôi đã tuyệt là trách nhiệm về mình. Há đâu chỉ vì cái lợi nhỏ mọn nơi biên ải mà thôi! Đây là lời mà Trương Như nói, rằng: "Côn Bằng⁽¹⁾ bay lượn ở nơi xa thẳm, mà kẻ bầy chim còn chăm chú vào bờ lau sậy" vậy.

Công Uy tên Kiến, cũng quý hiển ở nước Ngụy.

Thời Tiên chủ trú tại Tân Dã, Từ Thứ gặp Tiên chủ, Tiên chủ rất kính trọng Thứ, Thứ bảo Tiên chủ rằng:

- Gia Cát Khổng Minh, là "Ngọa Long vậy", tướng quân có muốn gặp ông ấy chăng?^①

Tiên chủ nói:

- Ngài và ông ấy cùng đến đây.

Thứ nói:

- Người này ngài nên đến gặp, ông ấy chẳng chịu khuất mà đến vậy, tướng quân nên hạ mình tới đó.

Bởi thế Tiên chủ bèn đến chỗ Lượng, cả thấy ba lần, mới gặp, nhân đó đuổi hết người đi, nói:

- Hán thất nghiêng ngửa, gian thần trộm mệnh, chúa thượng chịu nỗi phong trần. Cô chẳng liệu đức lượng lực, muốn đem tín nghĩa tỏ với thiên hạ, nhưng trí nông thuật kém, khiến giặc càn rỡ, đến tận hôm nay. Nhưng chí còn chưa dứt, ngài hãy mách bảo Cô kế yên ổn lâu dài được chăng?

Lượng đáp:

¹ Côn Bằng (鵬鵬), là tên một loài chim to lớn trong truyền thuyết, lời gốc xuất ra từ sách của Trang tử. Thiên *Tiêu điều du* trong sách của Trang tử nói: "Ồ cõi mịt mờ phương bắc, có con cá lớn, tên của nó là Côn, thân nó Côn rất to, không biết dài mấy nghìn dặm. Khi biến hóa thành chim, tên của nó là Bằng, lưng nó rất rộng, không biết mấy nghìn dặm."

- Từ thời Đông Trác tới nay, hào kiệt cùng nổi dậy, vượt châu chiếm quận nhiều không tính xuể. Tào Tháo so với Viên Thiệu, danh nhỏ quân ít, nhưng Tháo có thể thắng Thiệu, thế yếu thành mạnh, chẳng phải chỉ có thiên thời, cũng bởi mưu người vậy. Nay Tháo đã nắm quân trăm vạn, bức hiếp thiên tử sai khiến chư hầu, thực chẳng thể tranh phong cùng hãn. Tôn Quyền chiếm cứ Giang Đông, trải đã ba đời, nước hiểm dân thuận, người hiền tài nguyện chịu sai khiến, như thế chỉ có thể dùng làm ngoại viện mà chẳng thể đồ được. Kinh châu phía bắc có sông Hán, sông Miện, phía nam có mối lợi Nam Hải, phía đông liền với Ngô Cối, phía tây thông với đất Ba, đất Thục, đấy là đất dụng võ, không phải chúa giỏi tất chẳng giữ được, là chỗ đất trời dành cho tướng quân đó, tướng quân có ý gì chẳng? Ích châu hiểm kín, ruộng tốt nghìn dặm, là kho của trời cho, Cao tổ nhờ chỗ ấy để thành đế nghiệp. Lưu Chương ám nhược, Trương Lỗ uy hiếp phía bắc, dân thịnh nước giàu mà chẳng biết quản xét, kẻ sĩ tài trí mong gặp được đấng minh quân. Tướng quân là dòng dõi tông thất, tín nghĩa sáng rõ bốn bể, đứng đầu những kẻ anh hùng, mong hiền tài như khát nước, nếu gộp cả Kinh, Ích, giữ các chỗ hiểm, tây hòa với các tộc Nhung, nam phủ dụ Di Việt, ngoài giao hảo với Tôn Quyền, trong sửa sang chính trị; khi thiên hạ có biến, lệnh cho một viên thượng tướng đem quân Kinh châu hướng đến Uyển, Lạc, tướng quân tự mình thống suất bộ chúng Ích châu tiến ra Tần Xuyên, trăm họ ai dám không đem giỏ cơm bầu nước để nghênh đón tướng quân? Nếu thực như thế, thì bá nghiệp có thể thành, Hán thất có thể hưng vậy.

Tiên chủ nói:

- Hay!

Vì thế với Lượng tình cảm ngày càng thâm thiết. Bọn Quan Vũ, Trương Phi rất không hài lòng. Tiên chủ giải thích rằng:

- Cô được Khổng Minh, cũng như cá gặp nước vậy. Mong các ông chó nói nhiều.

Vũ, Phi bèn thôi.②

① *Tương Dương ký* chép: Lưu Bị hỏi chuyện thế sự với Tư Mã Đức Tháo,⁽¹⁾ Đức Tháo nói:

- Đám nho sinh tục sĩ, há biết được thời thế sao? Biết được thời thế mới là tuấn kiệt. Thế gian này chỉ có Phục Long, Phượng Sồ.

Bị hỏi là ai? Đức Tháo đáp:

- Là Gia Cát Khổng Minh và Bàng Sữ Nguyên vậy.

② *Ngụy lược* chép: Lưu Bị đóng ở Phàn Thành. Thời ấy Tào công mới định Hà Bắc, Lượng biết Kinh châu sắp đến lúc thụ địch, mà Lưu Biểu vốn tính trì trệ, không hiểu việc quân. Lượng bèn lên bắc gặp Bị, Bị với Lượng không phải là người quen cũ, lại thấy Lượng ít tuổi, Bị lấy lễ học trò tiếp đãi Lượng. Hội họp xong, mọi người đều về, chỉ có mình Lượng ở lại, Bị cũng không hỏi Lượng muốn nói gì. Tính Bị thích tết lông mao, đúng lúc có người đưa đến cho Bị một cái đuôi trâu, Bị nhân đó tự tay ngồi tết. Lượng bèn tiến đến nói:

- Minh tướng quân đang nuôi chí cao xa, lại chỉ ngồi tết lông mao thôi sao!

Bị biết Lượng không phải là kẻ tầm thường, bèn quăng cái đuôi trâu đi rồi đáp:

- Sao lại nói thế? Ta mượn việc để quên đi sự lo buồn thôi!

Lượng bèn nói tiếp:

- Tướng quân liệu Lưu Trấn nam có sánh được với Tào công chăng?

Bị đáp:

- Không bằng.

¹ Tư Mã Huy (司馬徽), tự Đức Tháo (德操), hiệu là Thủy Kính, người quận Dĩnh Xuyên, có tài xét người.

Lượng lại hỏi:

- Tướng quân tự so mình với ông ấy thì thế nào?

Bị đáp:

- Cũng không bằng.

Lượng nói:

- Nay mọi thứ chẳng bằng, mà binh lính của tướng quân bất quá chỉ mấy nghìn người, lấy quân ấy đọi địch, không phải là kể sai lầm sao!

Bị nói:

- Ta cũng lo buồn việc ấy, nên làm thế nào?

Lượng nói:

- Nay số người ở Kinh châu chẳng phải ít, nhưng số biên trong sổ tịch lại ít, cứ theo sổ tịch trung bình, thì nhân tâm không vui; nên nói riêng với Trần nam, lệnh cho hết thầy dân di cư trong vùng, đều phải tự tới chứng thực, nhân đó biên chép lại để tăng thêm quân dân.

Bị theo kế ấy, cho nên quân dân vì thế đông mạnh. Bị vì thế biết Lượng có tài thao lược, bèn dùng lễ thượng khách tiếp đãi.

Về việc này *Cửu châu Xuân Thu* cũng chép như thế.

Thần Tùng Chi xét biểu văn của Lượng viết rằng: "Tiên đế không xem thần là kẻ hèn mọn, không thẹn phải khuất thân, ba lần đến thăm lều cỏ của thần, hỏi thần việc thế sự", thế thì không phải Lượng đến tìm Bị trước, rõ là vậy. Tuy là trong văn hay có những câu khác nhau, nảy sinh sự so sánh, nhưng trái ngược đến thế, cũng thật là quái lạ.

Con trưởng của Lưu Biểu là Kỳ, rất kính trọng Lượng. Biểu lại nghe lời vợ thứ, yêu con nhỏ là Tông, không hài lòng với Kỳ. Kỳ thường muốn Lượng giúp mình mưu kế để tự yên, Lượng luôn cự tuyệt, không vạch kế giúp. Kỳ bèn đưa Lượng ra chơi hậu viên, cùng lên lầu cao, trong lúc yếm ả, sai người cất thang, nhân đó bảo Lượng rằng:

- Hôm nay trên không tới trời, dưới không đến đất, lòi ra khỏi miệng ngài, lọt vào tai ta thôi, ngài có thể nói được chưa?

Lượng đáp rằng:

- Ngài không thấy Thân Sinh ở trong mà nguy, Trùng Nhĩ ra ngoài thì yên sao?⁽¹⁾

Kỳ tỏ ý cảm kích ngộ ra, ngẫm tính kế trốn đi. Đúng lúc Hoàng Tổ chết, Kỳ được ra ngoài, làm Thái thú Giang Hạ. Không lâu sau Biểu chết, Tông nghe tin Tào công đến đánh, phái sứ giả đến xin hàng. Tiên chủ ở Phàn thành nghe tin ấy, bèn thống suất bộ chúng của mình xuôi nam, Lượng và Từ Thử đều đi theo, bị Tào công truy đuổi đánh phá, bắt được mẹ của Thử. Thử từ biệt Tiên chủ, trở vào ngực mình nói:

- Tôi vốn muốn giúp tướng quân mưu đồ nghiệp vương bá, cho trọn tắc lòng. Nay vì mẹ già thất tán, tắc lòng đã loạn, ở lại không có ích gì, xin bái biệt từ đây.

Rồi đến chỗ Tào công. ①

① *Ngụy lược* chép: Thử lúc trước có tên là Phúc, vốn là con nhà nghèo, thời trẻ ưa việc nghĩa, thích kiếm kích. Năm Trung Bình mạt, từng giúp người khác báo thù, rồi trát bùn lên mặt, cắt tóc trốn đi, bị kẻ lại bắt được, hỏi tên họ, ngậm miệng không nói. Kẻ lại bèn trói đứng ở trên xe, đánh trống lệnh cho người ở chợ đến xem,⁽²⁾ chẳng ai dám nói ra, rồi được đồng đảng cùng đánh tháo cỏi trói, thoát được. Phúc vì thế cảm khái, bỏ nghề đao kiếm, đổi áo đơn khăn thô, nhún mình cầu học. Lúc mới đến học xá, nho sinh nghe nói lúc trước Phúc làm giặc, không ai chịu ở cùng chỗ.

¹ Thân Sinh (申生), Trùng Nhĩ (重耳) là con cùng cha khác mẹ của vua nước Tấn là Hiến công. Ái thiếp của vua Tấn là Ly Cơ, có con trai là Hề Tề, vì muốn con mình được kế vị mới gièm pha với vua Tấn nhằm giết Thân Sinh và Trùng Nhĩ. Thân Sinh ở lại triều đình bị mắc mưu phải tự sát, Trùng Nhĩ trốn ở bên ngoài nên thoát nạn, sau này lên làm vua Tấn.

² Xưa khi bắt được phạm nhân thường để dong trên xe tù, đi khắp đường chợ, gõ trống để dân tình đến xem và nhận mặt hung thủ.

Phúc bèn khuất thân dậy sớm, thường một mình quét phòng, xét ý người khác trước khi hành động, nghe luyện kinh sách, khắc khổ học tập, nghĩa lý tinh thực. Về sau cùng người đồng quận là Thạch Thao thân ái với nhau. Năm Sơ Bình trung, Trung Châu dậy binh, Thứ bèn cùng Thao xuôi nam làm khách ở Kinh châu, tới nơi, lại cùng Gia Cát Lượng đặc biệt thân thiết. Gặp lúc Kinh châu quy thuộc Tào công, Khổng Minh theo Lưu Bị chạy, Phúc và Thao đều về phương bắc. Đến năm Hoàng Sơ trung, Thao làm quan trải chức Quận thú, Diễn nông Hiệu úy, Phúc làm đến chức Hữu trung lang tướng, Ngự sử trung thừa. Tới năm Thái Hòa trung, Gia Cát Lượng tiến ra Lũng hữu, nghe tin Nguyên Trục, Quảng Nguyên quan vị chỉ như thế, cảm thán nói: "Nước Ngụy lắm kẻ sĩ tài giỏi thay! Đến hai người ấy cũng chẳng được dùng sao?" Sau đó mấy năm Thứ mắc bệnh mất, có bia mộ tại Bành Thành, nay vẫn còn ở đó.

Tiên chủ đến Hạ Khẩu, Lượng nói:

- Việc gấp lắm rồi, tôi xin được phụng mệnh đến cầu cứu với Tôn tướng quân.

Bấy giờ Quyền đóng quân tại Sài Tang, ngóng xem thành bại, Lượng thuyết Quyền rằng:

- Thiên hạ đại loạn, tướng quân khởi binh chiếm Giang Đông, Lưu Dục châu cũng thu bộ chúng ở Hán Nam, cùng Tào Tháo tranh thiên hạ. Nay Tháo đã dẹp trừ đại nạn, đại khái đã bình được hết, bèn phá được Kinh châu, uy chấn bốn bể. Kẻ anh hùng không chốn dụng võ, cho nên Dục châu phải lẩn trốn đến đây. Tướng quân hãy lượng sức mà xử trí: Nếu có thể lấy quân sĩ của Ngô, Việt cùng Trung Quốc đối kháng, chi bằng sớm đoạn tuyệt ngay; nếu chẳng thể đương nổi, sao không xếp binh cời giáp, ngoảnh mặt về bắc mà thờ Tào! Nay tướng quân ngoài mặt thác tiếng là phục tùng, mà trong lòng lại toan tính do dự, việc gấp mà không quyết, họa sẽ đến ngay thôi!

Quyền hỏi:

- Ví như lời ngài nói, sao Lưu Dục châu không thờ Tào?

Lượng nói:

- Điền Hoàn là kẻ tráng sĩ của nước Tề thôi, mà còn giữ nghĩa không chịu nhục, huống chi Lưu Dục châu là dòng vương thất, anh tài cái thế, hết thấy kẻ sĩ đều ngưỡng mộ, như nước chảy về biển, nếu việc chẳng xong, đấy là ý trời vậy, sao có thể làm người dưới của Tháo được!

Quyền bưng bưng nói:

- Ta chẳng thể đem cả đất Ngô với mười vạn quân binh, nhận sự tiết chế của người. Kế ta đã quyết rồi! Ngoài Lưu Dục châu chẳng ai đương nổi Tào Tháo, nhưng Dục châu vừa mới thua bại, sao có thể chống nổi nạn này?

Lượng nói:

- Dục châu tuy thua bại ở Trường Bản, nhưng quân sĩ đã quay về cùng một vạn thủy quân tinh nhuệ của Quan Vũ, chiến sĩ của Lưu Kỳ tụ họp ở Giang Hạ cũng chẳng dưới vạn người. Đại quân của Tào Tháo, từ xa tới đã mỏi mệt, nghe nói họ truy kích Dục châu, quân khinh kỵ một ngày đêm đi hơn ba trăm dặm, đấy gọi là "nỏ mạnh bắn xa hết sức, chẳng thể xuyên thủng tấm lụa mỏng" vậy. Cho nên binh pháp kỵ việc ấy, nói "Tất chết Thượng tướng quân." Và lại người phương bắc không quen thủy chiến; hơn nữa dân chúng Kinh châu quy phục Tháo, chỉ vì binh thế bức bách, không phải là thực tâm phục tùng vậy. Nay tướng quân thực có thể sai mãnh tướng thống lĩnh mấy vạn binh, cùng Dục châu hợp mưu đồng sức, phá quân của Tháo tất xong. Quân của Tháo bị phá, tất quay về bắc, như thế thì Kinh, Ngô mạnh lên, cái thế chân đĩnh hình thành rồi. Cái cơ thành bại, là ở hôm nay vậy.

Quyền cả mừng, lập tức sai bọn Chu Du, Trình Phổ, Lỗ Túc nắm ba vạn thủy quân, theo Lượng tới chỗ Tiên chủ, hợp sức cự Tào công.①

Tào công thua bại ở Xích Bích, dẫn quân quay về huyện Nghiệp. Tiên chủ bèn thu các quận phía nam sông, lấy Lượng làm Quân sư Trung lang tướng, sai đốc trách ba quận Linh Lăng, Trường Sa, Quế Dương, điều phát thuế khóa, để bổ sung quân lương.^②

① *Viên tử* chép: Trương Tử Bối tiến cử Lượng với Tôn Quyền, Lượng không chịu lưu lại. Có người hỏi nguyên do, Lượng nói:

- Tôn tướng quân có thể gọi là người chủ tốt, nhưng xét kỹ sự độ lượng ông ấy, có thể yêu mến Lượng mà chẳng dùng hết tài của Lượng, ta vì thế chẳng ở lại.

Thần Tùng Chi cho là Viên Hiếu Ni chép văn lập luận, rất kính trọng con người Gia Cát Lượng, đến như lời này thì mắc lỗi rất lạ. Xem Lượng với Bị quân thần tương ngộ, có thể nói là đời này hiếm thấy, chung thủy chẳng lìa, ai có thể xen vào? Há đâu có chuyện giữa đường bỏ nghĩa chặt vàng,⁽¹⁾ mang lòng chọn chủ, ví thử Quyền dùng hết được tài của Lượng, Lượng sẽ đổi ý đến nương dựa vào Quyền sao? Xét hành vi của Lượng, há như thế được! Quan Vũ bị Tào công bắt được, đãi ngộ rất hậu, có thể nói là dùng hết tài của Vũ rồi, nhưng Vũ vẫn vì nghĩa chẳng bỏ gốc, nói thế thì Khổng Minh chẳng bằng được Vân Trường sao!

② *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép rằng: Bấy giờ Lượng đóng ở Lâm Chung.

Năm Kiến An thứ mười sáu, Ích châu mục Lưu Chương, phái Pháp Chính nghênh đón Tiên chủ, sai đánh Trương Lỗ. Lượng cùng Quan Vũ trấn thủ Kinh châu. Tiên chủ từ Gia Manh quay về đánh Chương, Lượng và bọn Trương Phi, Triệu Vân thống suất bộ chúng ngược sông mà lên, chia nhau đánh lấy các quận huyện, cùng Tiên chủ hợp sức vây đánh Thành Đô. Thành Đô bình định, lấy Lượng làm Quân sư tướng quân, tạm coi việc ở

¹ Câu trong *Kinh Dịch*: “Nhị nhân đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim; Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan.” Tạm dịch: “Hai người đồng lòng thì sức mạnh bẻ gãy được vàng; Lời nói đồng tâm thì ý hay của nó thơm ngát như hoa lan.”

phủ Tả tướng quân. Tiên chủ đánh dẹp bên ngoài, Lượng thường trấn thủ Thành Đô, quân lương đầy đủ.

Năm thứ hai mươi sáu, quần thần khuyên Tiên chủ xưng tôn hiệu, Tiên chủ chưa nghe, Lượng thuyết rằng:

- Xưa kia bọn Ngô Hán, Cảnh Yểm lúc đầu khuyên Thế tổ lên ngôi đế, Thế tổ khiêm nhường từ chối, trước sau đến bốn lần, Cảnh Thuần mới dâng lời rằng: "Anh hùng thiên hạ ngưỡng mộ ngài, mong theo ngài kiến công lập nghiệp. Nếu lại chẳng theo lời bàn luận, sĩ đại phu đều đi tìm chủ khác, chẳng ai theo Công nữa vậy".⁽¹⁾ Thế tổ rất cảm kích với lời nói chí thiết của Thuần, vì thế ưng thuận. Nay họ Tào soán Hán, thiên hạ vô chủ, đại vương là dòng dõi họ Lưu, kế thừa nghiệp tổ mà hưng khởi, nay tức đế vị, là việc thích hợp vậy. Sĩ đại phu theo đại vương trải đắng cay gian khổ đã lâu, cũng mong ngóng có được thước tắc công lao như lời Thuần nói vậy.

Tiên chủ vì thế tức đế vị, sách mệnh cho Lượng làm thừa tướng rằng:

"Trẫm gặp lúc trong nhà bất hạnh, phụng mệnh kế nối đại thống, trong lòng đau đáu sợ hãi, chẳng dám yên vui, lo nghĩ cho trăm họ, sợ rằng chưa thể vỗ yên. Than ôi! Thừa tướng Lượng hiểu rõ tâm ý trẫm, không lười biếng bỏ khuyết giúp trẫm, tuyên ban ân trạch, để ánh nhật nguyệt chiếu khắp thiên hạ! Mong ngài hãy gắng sức!"

Lượng lấy thân phận Thừa tướng coi việc Thượng thư, nhận Giả tiết. Sau khi Trương Phi chết, Lượng lại kiêm chức Tư lệ Hiệu úy.^①

① *Thực ký* chép: Thời Tấn sơ, Phù Phong vương Tư Mã Tuấn trấn thủ Quan Trung, Tư mã Lưu Bảo người huyện Cao Bình, Trưởng

¹ Ngô Hán, Cảnh Yểm, Cảnh Thuần đều là bầy tôi của Quang Vũ đế Lưu Tú. Sau khi chính quyền Vương Mãng sụp đổ, Lưu Tú dẹp dần các thế lực cát cứ, làm chủ được toàn bộ vùng Hà Bắc, Quang Vũ theo lời khuyên của quần thần lên ngôi Đế, lập nhà Đông Hán.

sử Hoàn Thấp người huyện Huỳnh Dương cùng thuộc quan và bọn sĩ đại phu luận bàn về Gia Cát Lượng, lúc đó kẻ bàn luận đa phần chê bai Lượng, gửi thân không đúng chỗ, khiến dân Thục khốn khổ, thế yếu mưu lớn, chẳng biết liệu đức lượng lực. Người quận Kim Thành là Quách Xung cho rằng Lượng quyền trí thao lược, vượt hẳn Quán, Ấn, chỉ công nghiệp là chưa bằng, kẻ bàn luận còn lấy làm ngờ, Xung liền dẫn ra năm việc kín của Lượng mà người đời chưa từng nghe, bọn Bảo cũng chẳng thể bác được. Phù Phong vương rất cảm khái, khen lời của Xung.

Thần Tùng Chi cho rằng những lời khen kỳ lạ về Lượng, thực là điều mà ta rất muốn nghe, nhưng cái điều mà Xung nói, thực đều đáng ngờ, xin cẩn trọng xét từng việc một để vạch rõ những điều không đúng:

Việc thứ nhất Xung nói: Lượng dùng hình pháp nghiêm khắc, bóc lột trăm họ, từ quân tử đến tiểu nhân đều mang lòng oán thán, Pháp Chính can rằng: "Khi xưa Cao tổ vào quan ải, ước hẹn luật pháp có ba điều, vì thế dân Tần cảm ân đức, nay ngài mượn uy lực, chiếm cứ một châu, mới có được nước, ân huệ chưa rủ xuống; Và lại theo cái nghĩa chủ khách, nên phải hạ mình, mong ngài khoan hoãn hình phạt nói lòng điều cấm, để đáp ứng lòng mong ngóng của dân vậy." Lượng đáp rằng: "Ngài chỉ biết một mà chẳng biết hai. Nhà Tần vô đạo, hình pháp hà khắc nên dân oán, kẻ thất phu hô lớn, thiên hạ võ lữ. Cao tổ nhờ thế, mới có thể nói lòng để cứu vớt người. Lưu Chương ám nhược, từ thời Lưu Yên đến nay có ân mấy đời, văn tự pháp chế ràng buộc, đắp đổi hỗ trợ cho nhau, đức chính chẳng nêu, uy hình không nghiêm. Nhân sĩ đất Thục được riêng quyền phóng túng, cái đạo quân thần dần bại hoại; kẻ sủng hạnh thì cho ngôi vị, ngôi cao thì sinh khinh nhờn, kẻ thuận theo thì ban ân, ân tốt đỉnh thì sinh ngạo mạn. Sợ dĩ tệ hại đến thế, thật bởi từ đó vậy. Nay ta ra uy để lập phép, phép được thi hành thì mới biết ân, hạn chế tước lộc, ban cho tước lộc thì mới thấy vinh; vinh ân gồm đủ, thì trên dưới có trật tự. Cái cốt yếu của việc trị, như thế mới rõ ràng."

Luận rằng: Xét Pháp Chính chết trước Lưu chủ, nay nói Pháp Chính can, thì là lúc Lưu chủ còn sống vậy. Chức phận của Gia Cát là bày tôi tay chân, thì việc lớn phải báo với người đứng đầu, Lưu chủ tại thế, Lượng lại chưa lĩnh quân Ích châu, việc thưởng phạt và hình chánh, chẳng ban ra từ mình. Theo điều mà Xung kể về lời đáp của Lượng, thì là chuyên quyền tự quyết, đấy há phải là cách hành xử thích hợp của kẻ bày tôi. Vốn dĩ tính cách của Lượng là khiêm hư cung thuận, quyết không làm thế. Lại nói rằng Lượng dùng hình pháp nghiêm khắc, bóc lột trăm họ, ta chưa nghe nói người khéo chính sự lại nêu cao việc bóc lột.

Việc thứ hai Xung nói: Tào công phái thích khách đến gặp Lưu Bị, lúc mới được đón tiếp, thoát luận cái thế phạt Ngụy, rất hợp ý Bị. Sau hòng tiếp cận, thích khách còn chưa tiện dịp thì Lượng đã vào, khách nước Ngụy thần sắc hoảng hốt, thất thổ. Lượng nhân đó coi xét y, đoán rằng đó chẳng phải người thường. Chốc lát, khách đi ra nhà xí, Bị bảo Lượng rằng: "Sắp được bậc kỳ sỹ, đủ để giúp ích cho ngài." Lượng hỏi người đó ở đâu, Bị đáp: "Là người vừa đứng lên vậy." Lượng chậm rãi than rằng: "Quan khách sắc động mà thần hãi, ánh mắt thấp mà né tránh, gian tướng lộ ra ngoài, tà tâm ẩn bên trong, tất là thích khách của họ Tào vậy." Bèn đuổi theo, thấy đã vượt tường chạy mất.

Luận rằng: Phàm là thích khách, đều là hạng tay không đánh hổ, chết mà không hối vậy. Lưu chủ vốn có mắt xét người, mà bị mê hoặc bởi thích khách, tất khách ấy là kỳ sỹ một thời vậy; lại nói với Gia Cát rằng "đủ để giúp ích cho ngài", thì cũng chỉ dưới Gia Cát một chút. Phàm là hạng người như Gia Cát, hiếm có kẻ chịu làm thích khách cho người, đương thời người bá chủ cũng tiếc kẻ tài ba, tất không đẩy họ đến chỗ chết. Và lại người này không chết, nhất định phải hiển đạt ở nước Ngụy, rốt cục là ai đây? Sao im hơi bất tiếng là vậy!

Năm Chương Vũ thứ ba mùa xuân, Tiên chủ lâm trọng bệnh ở Vĩnh An cung, triệu Lượng từ Thành Đô đến, phó thác hậu sự, bảo Lượng rằng:

- Tài của người gấp mười lần Tào Phi, tất yên định được quốc gia, cuối cùng hoàn thành đại nghiệp. Nếu con trẫm có thể giúp được, hãy giúp; ví như nó bất tài, ngài có thể tự làm chủ.

Lượng chảy nước mắt khóc nói:

- Thần nguyện dốc hết tâm lực phụ chính, một lòng trung trinh, đến chết mới thôi.

Tiên chủ lại hạ chiếu sắc mệnh cho Hậu chủ rằng:

- Mày cùng Thừa tướng nắm giữ quốc sự, phải thờ Thừa tướng như cha.①

Năm Kiến Hưng nguyên niên, Hậu chủ phong Lượng làm Vũ Hương hầu, khai phủ, quản việc. Không lâu sau, lại lĩnh Ích châu mục. Việc chính sự bất kể lớn nhỏ, đều do Lượng quyết.

Các quận ở Nam Trung, cùng nổi lên làm loạn. Lượng vì nước mới có đại tang, cho nên chưa tiện phát binh, lại phái sứ giả sang Ngô, nhân đó kết hòa thân, vì thế thành nước đồng minh.②

① Tôn Thịnh nói: Kẻ trượng đạo phù nghĩa, lập thể chế hoàn chỉnh để người khác tín phục, rồi mới có thể giúp chủ nên công, cuối cùng yên định được đại nghiệp. Ngạn ngữ nói rằng kẻ đánh cờ đã cất tay mà còn do dự bất định thì chẳng thể thắng được đối thủ, phương chỉ phải cân nhắc cái tài của bậc quân vương mà dè dặt đến hai ba lần, sao có thể diệt hết kẻ địch hùng mạnh lân bang để thu gồm bốn bể? Lời di mệnh của Bị cho Lượng, thật rắc rối làm sao! Đời sau có người cho là Bị muốn nhấn mạnh sự thành thực ủy thác, lại lấy đó để thống nhất lòng dân Thục. Bậc quân tử nói rằng: Không đúng vậy; Ví như phó thác cho bậc trung thần hiền lương, thì không phải dạy bảo rõ ràng như thế, nếu không phải là người như vậy, chẳng nên mở ra cho họ con đường oán nghịch. Thế nên việc cố mệnh đời xưa, tất có lưu lại lời cáo dụ; lời nói dối trá quỷ quyết, quyết không phải là lời thác cô vậy. May gặp phải Lưu Thiện ám nhược, không có tính hiểm độc nghi ngờ, mà Gia Cát lại uy vũ thao lược, đủ để khống chế mằm mống

tranh chấp, bởi thế khiến những kẻ không cùng lòng chẳng thể nào trỗi dậy được. Nếu không, sợ rằng đã phát sinh nghi kỵ hiềm khích dẫn đến việc những kẻ không thỏa ý gây họa loạn. Nói rằng đây là quyền thuật, chẳng phải rất hồ đồ sao?

② *Gia Cát Lượng* tập chép: Năm ấy, các đại quan của nước Ngụy là Tư đồ Hoa Hâm, Tư không Vương Lãng, Thượng thư lệnh Trần Quần, Thái sử lệnh Hứa Chi, Yết giả bộc xạ Gia Cát Chương đều tự gửi thư cho Lượng, bày kế mệnh trời việc người, muốn Lượng dâng cả nước xưng thần. Lượng không đáp thư, lại viết một bài Chính nghị rằng:

"Khi xưa Hạng Vũ khởi lên chẳng dựa đức, dẫu chiếm cứ Hoa Hạ, giữ thế cục thành đế nghiệp, rút cục phải tới chỗ vạc nóng, thành lời răn cho hậu thế. Nước Ngụy chẳng xét kỹ làm gương, lại bước theo vết ấy; thoát thân là may, phải lấy đó làm điều răn cho con cháu. Các vị đều là những bậc nguyên lão, vâng mệnh Ngụy chủ mà tiến thư, tựa như Sùng, Tung xưng tụng cái công của Mãng,⁽¹⁾ cũng là bức bách nhau để mong cầu thả cầu may tránh họa thôi."

"Xưa kia Thế tổ chấn hưng nghiệp cũ, thống lĩnh mấy nghìn binh tốt yếu mệt, mà bẻ gãy hơn bốn mươi vạn cường binh của Mãng ở ngoài thành Cỗ Dương. Kẻ giữ đạo nghĩa thảo phạt gian tà, chẳng tại binh nhiều hay ít vậy. Đến như Mạnh Đức, lấy sự quý quyết hơn thế lực, cất mấy chục vạn đại quân, cứu Trương Cáp ở Dương Bình, thế cùng nghi hời, gần như tự thoát, làm nhục khí thế của ba quân, vì thế mất đất Hán Trung, biết rõ thần khí chẳng thể xằng bậy mà lấy được, toàn quân quay về chưa lâu, trúng độc mà chết. Tể Hoàn dâm dật, nối theo làm việc soán đoạt. Các ngài lại buông tuồng dùng lời quý biện hoa mỹ của Tô, Trương,⁽²⁾

¹ Trần Sùng (陈崇), Trương Tùng (张竦), là người cuối thời Tây Hán, xưng tụng công lao của Vương Mãng, giúp Mãng cướp ngôi nhà Tây Hán.

² Tô Tần (蘇秦) và Trương Nghi (張儀), những biện sĩ nổi danh đời Chiến Quốc. Thời ấy nước Tần hùng mạnh, thường đánh các nước khác chiếm đất, Tô Tần đề xướng thuyết Hợp tung, tức là hợp các nước nhỏ yếu (Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên) đánh một nước lớn (Tần), nhằm chống lại việc bị thôn tính; Trương Nghi lại giúp nước Tần thi hành kế Liên hoành, tức là dùng lợi lộc như khiến cho các nước bỏ liên minh với nhau mà liên kết với Tần. Chủ trương "xa giao kết, gần đánh bức", chính là tiền đề giúp Tần thôn tính sáu nước.

vâng mệnh trên mà dâng lên Hoan Đâu¹ những câu từ khí thế ngút trời, muốn lấy đó để vu miệt hủy báng Đường Nghiêu, chê bai ly gián Vũ, Tắc, đấy gọi là chôn vùi lời đẹp văn chương, phí công lao nhọc bút mực thôi. Bậc đại nhân quân tử chẳng làm những việc như thế vậy."

"Thiên Quân giới lại viết: 'Vạn người liều chết, tung hoành thiên hạ.' Xưa kia Hiên Viên thị chinh đồn mấy vạn binh tốt, mà không chế bốn phương, yên định hải nội, hưởng chi ta dùng mấy chục vạn bộ chúng, giữ chính đạo mà soi xét kẻ có tội, ai có thể ngăn trở đây!"

Năm thứ ba mùa xuân, Lượng xuất binh nam chinh,^① thu ẩy bình định được hết. Quân nhu đầy đủ, nước mạnh dân giàu,^② bèn sửa sang khí giới giảng luyện võ nghệ, để đợi khởi sự.

① Hậu chủ hạ chiếu ban cho Lượng một bộ phủ việt bằng vàng, một chiếc xe lọng cán cong, mũ lông chim, trống, sáo trước sau mỗi thứ một bộ, sáu chục quân hổ sơn. Việc chép ở *Lượng tập*.

② *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Lượng đến Nam Trung, mỗi lần đánh trận đều thắng. Nghe nói Mạnh Hoạch là kẻ được dân Di, dân Hán sợ tại phục tùng, bèn sai người tìm bắt đưa đến. Bắt được rồi, cho đi xem xét quân doanh, hàng trận, hỏi rằng:

- Quân này thế nào?

Hoạch đáp rằng:

- Lúc trước không biết hư thực, nên bại. Nay nhờ ơn ngài được xem xét doanh trận, nếu chỉ như thế, thắng cũng dễ thôi.

Lượng cười, thả ra cho đấu lại, bảy lần thả bảy lần bắt, nhưng Lượng vẫn thả Hoạch ra. Hoạch ở lại không đi, nói:

- Công, là uy trời vậy, người nam không phản lại nữa!

Lượng bèn đến Điền Trì. Nam Trung bình định, đều chọn những cừu soái sở tại mà dùng họ. Có người vì thế can Lượng, Lượng nói:

- Ví như lưu người ngoài ở lại làm quan, thì phải lưu binh, binh ở lại thì không có lương ăn, là một điều khó vậy; thêm nữa xứ Di

¹ Hoan Đâu (欢兜) là một trong tam đại thù lĩnh của Miêu Tộc, một trong Tứ hung, vì bắt phục vua Nghiêu, gây loạn, về sau bị vua Thuấn đánh dẹp.

mới bị tàn phá, nhiều người mất cha anh, lưu người ngoài làm quan mà không có binh, tất thành họa hoạn, là hai điều khó vậy; hơn nữa người Di nhiều lần phạm tội đuổi giết trưởng lại địa phương, bởi thế hiềm khích rất nặng, nếu lưu người ngoài ở lại, rút cục không tin tưởng lẫn nhau, là ba điều khó vậy; nay ta tính không lưu binh, không chuyển lương, mà kỷ cương tạm ổn, Hán, Di cùng yên định vậy.

Năm thứ năm, Lượng thống suất đại quân lên bắc đóng ở Hán Trung, lúc sắp tiến phát, dâng sớ rằng:

"Tiên đế sáng nghiệp chưa lâu nửa đường đã băng hà, nay thiên hạ chia ba, Ích châu mỗi một, đây thực là buổi tồn vong nguy cấp vậy. Thế nên kẻ bầy tôi hầu hạ chẳng dám lười nhác ở trong, kẻ sĩ có chí trung thành vong thân ngoài cõi, đại khái là nghĩ nhớ cái ơn tri ngộ của Tiên đế, muốn báo đáp nơi bệ hạ vậy. Bệ hạ thực nên mở mang thánh minh, để sáng di đức của Tiên đế, thúc đẩy chí khí của kẻ sĩ, chẳng nên làm bừa để tự coi rẻ mình, dẫn dụ tiền lệ thất nghĩa, ngăn lấp đường trung của kẻ can gián vậy."

"Trong cung phủ đều là một thể, thường thiện phạt ác, chẳng nên phân biệt. Nếu như có kẻ gian tà phạm cấm hoặc người có hành vi trung thiện, nên giao cho hữu ti luận hình hoặc thưởng thưởng, để làm sáng tỏ đạo lý công bằng sáng suốt của bệ hạ, không nên riêng tư nghiêng lệch, khiến cho khuôn phép trong ngoài sai khác."

"Bọn Thị trung, Thị lang như Quách Du Chi, Phí Y, Đồng Doãn đều là người trung lương thành thật, biết toan tính mà trung thuận, đây là những người tiên đế đã lựa chọn và để lại cho bệ hạ. Ngu ý cho rằng việc ở trong cung, bất luận lớn nhỏ, đều phải mưu bàn với họ, sau mới thi hành, tất có thể bồi bổ thiếu sót và có ích rộng rãi. Tướng quân Hướng Sủng tính hạnh thuần thực, thông hiểu việc quân, ngày trước được dùng thử, Tiên đế khen là có tài cán, thế nên mọi người nghị bàn cử Sủng làm Đốc. Ngu thần cho rằng việc ở trong doanh, đều phải mưu bàn với ông ấy, tất có thể khiến hàng ngũ hòa thuận, người hơn kẻ kém đều ở đúng chỗ của mình."

"Thân cận hiền thần, xa lánh tiểu nhân, đấy là lý do nhà Tiên Hán hưng thịnh; thân gần tiểu nhân, xa lánh hiền thần, đấy là lý do nhà Hậu Hán nghiêng đổ vậy. Lúc Tiên đế còn tại thế, mỗi lần cùng thần đàm luận việc ấy, chưa từng không than thở thống hận với hai vua Hoàn, Linh. Thị trung, Thượng thư, Trưởng sử, Tham quân, đấy đều là những bầy tôi trình lương tử tiết, mong bệ hạ thân gần và tin dùng họ, như thế thì việc hưng vượng nhà Hán có thể tính ngày mà đợi được vậy."

"Thần vốn là hạng áo vải, đem thân cày ruộng ở Nam Dương, cầu thả bảo toàn tính mệnh ở đời loạn, chẳng cầu nổi tiếng với chư hầu. Tiên đế không xem thần là kẻ hèn mọn, không then phải khuất thân, ba lần đến thăm lâu cỏ của thần, hỏi thần việc thế sự, bởi thế thần cảm kích, bèn theo Tiên đế ruổi rong. Sau gặp lúc nghiêng lật, nhận việc giữa lúc bại binh, phụng mệnh trong lúc gian nguy, đến nay đã là hai mươi một năm rồi. ① Tiên đế biết thần cẩn thận, cho nên lúc sắp giá băng đã đem đại sự phó thác cho thần. Thần từ lúc nhận mệnh đến nay, sớm khuya lo lắng, sợ lời phó thác không công hiệu, làm tổn hại đến sự sáng suốt của tiên đế, cho nên tháng năm vượt sông Lô, vào sâu nơi đất không cây. ② Nay phương nam đã định, binh giáp đã đủ, đương lúc khích lệ ba quân, để bắc định Trung nguyên, dốc kiệt tài mọn, diệt trừ kẻ gian hung, hưng phục Hán thất, về lại cựu đô. Đây là điều thần làm để báo đáp Tiên đế, lại trung thành với chức phận mà bệ hạ đã giao phó."

"Còn như việc châm chước lợi hại, tiến dẫn lời trung, là chức trách của bọn Du Chi, Y, Doãn vậy. Mong bệ hạ ủy thác để thần đánh kẻ nghịch tặc lập công, phục hưng nhà Hán; nếu chẳng thành công, thì trị cái tội của thần, để cáo với vong linh Tiên đế. Còn như chẳng tiến dẫn được lời trung có ích với đức chính thì trách tội lười lảo của bọn Du Chi, Y, Doãn, để làm rõ cái lỗi sai của họ; Bệ hạ cũng nên tự tính, hỏi han đạo phải, xét nạp lời ngay, nghĩ sâu đến di chiếu của Tiên đế. Thần thụ ân mà cảm kích khôn cùng, nay sắp đi xa, dâng biểu mà khóc, chẳng biết phải nói thế nào."

Liền đó, Lượng đem quân ra đóng ở Miện Dương.③

① Thần Tùng Chi xét rằng: Lưu Bị thua bại vào năm Kiến An thứ mười ba, phái Lượng đi sứ Ngô. Năm Kiến Hưng thứ năm Lượng dâng biểu xin Bắc phạt, từ khi nghiêng lật đến lúc đấy là tròn hai mươi năm. Thế thì Bị và Lượng lần đầu gặp nhau, là trước lúc bại quân một năm vậy.

② *Hán thư Địa lý chí* chép: Dòng Lô giang khởi nguồn từ quận Tang Ca huyện Câu Đinh.

③ Việc thứ ba Xung nói: Lượng đóng trại ở Dương Bình, phái Ngụy Diên đem chư quân xuôi Đông, Lượng chỉ lưu một vạn người giữ thành. Tấn Tuyên để thống suất hai mươi vạn quân chống Lượng, lại cùng với quân Diên đi khác đường, theo lối tắt mà đến, đang cách chỗ của Lượng chừng sáu mươi dặm, quân do thám bạch với Tuyên để rằng Lượng ở trong thành binh ít lực yếu. Lượng cũng biết Tuyên sắp đến, uy bức đã kề cận, muốn tiến đuổi theo quân của Diên, nhưng cách nhau quá xa, quay về thì bên kia theo vết mà truy đuổi, về hình thế là không chạy kịp, tướng sĩ đều thất sắc, chẳng biết làm sao. Lượng tỏ ý thần nhiên, lệnh trong quân đều ngả cò im trống, không được chạy bừa ra khỏi lũy trại, lại sai mở toang bốn cửa thành, quét đất dọn rửa. Tuyên để thường cho là Lượng hành sự cẩn trọng, mà nay thấy bày ra thế yếu nhược, ngờ là bên ấy có phục binh, bèn dẫn quân về phía bắc Thụ Sơn. Hôm sau vào giờ ăn cơm, Lượng vỗ tay cười lớn bảo các vị Tham tá rằng: "Tư Mã Ý hẳn cho là ta nhát, sắp đặt quân mạnh mai phục, ắt men núi mà chạy rồi." Quân do thám về bẩm lại, quả như lời Lượng nói. Tuyên để sau biết việc đó, rất lấy làm tiếc hận.

Luận rằng: Xét thấy Dương Bình ở Hán Trung. Lượng ban đầu đóng quân ở Dương Bình, Tuyên để còn làm đô đốc Kinh châu, trấn Uyển Thành, đến sau khi Tào Chân chết, mới cùng Lượng ở tại Quan Trung ngăn chống nhau thôi. Nước Ngụy từng phái Tuyên để từ huyện Uyển theo lối Tây Thành phạt Thục, gặp mưa dầm, chẳng nên công. Trước sau là thế, không có chuyện ở tại Dương Bình vào lúc giao binh vậy. Ví như lời Xung nói, Tuyên để đã cất hai mươi vạn đại quân, lại biết rằng Lượng binh ít lực yếu, nếu ngờ bên ấy có quân phục, đúng ra phải bày bố phòng nhiều

tầng, sao đến mức bỏ chạy ngay nhỉ? Lại xét *Ngụy Diên* truyện kể rằng: "Diên thường theo Lượng xuất binh, muốn xin riêng một vạn tinh binh, cùng Lượng theo đường khác hội quân ở Đồng Quan, Lượng cấm chế không cho; Diên vẫn thường bảo Lượng là nhát, than rằng tài của mình chẳng được dùng hết." Lượng còn chẳng cho Diên quản riêng một vạn người, há được như lời Xung nói, là sai cầm trọng binh ở phía trước, nên vì thế phải đem binh yếu nhược tự thủ? Và lại Xung nói với Phù Phong vương như thế, hiển nhiên là nói rõ cái kém của Tuyên đế, đối với việc con hủy báng cha, về lý là chẳng thể nào dung được, mà lại nói rằng: "Phù Phong vương rất cảm khái khen lời của Xung", vì thế cho nên ta biết sách này dẫn toàn chuyện hão vậy.

Năm thứ sáu mùa xuân, Lượng đánh tiếng là theo lối Tà Cốc đạo đánh lấy huyện Mi, sai Triệu Vân, Đặng Chi làm nghi binh, chiếm giữ Cơ Cốc, Đại tướng quân Tào Chân của nước Ngụy cất đại quân chống cự. Lượng đích thân thống suất chư quân đánh Kỳ Sơn, quân nhung tề chỉnh, thưởng phạt nghiêm túc, hiệu lệnh phân minh. Ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định phản Ngụy hưởng ứng Lượng, khắp vùng Quan Trung chấn động.① Ngụy Minh đế sang tây trấn thủ Trường An, mệnh cho Trương Cáp ngăn chống Lượng. Lượng sai Mã Tắc đốc suất chư quân ở phía trước, cùng Cáp giao chiến ở Nhai Đình. Tắc trái tiết chế của Lượng, hành động thất thổ, bị Cáp đại phá. Lượng dời hơn một nghìn hộ dân từ Tây Thành vào Hán Trung,② rồi chém giết Tắc để tạ tội với ba quân. Lại dâng sớ lên Hậu chủ rằng:

"Thần vốn tài hèn, lạm chiếm ngôi cao, thân cầm mao việt để khích lệ ba quân, chẳng thể nêu cao minh pháp, lâm việc sợ hãi, đến mức xây lằm lổ trái mệnh ở Nhai Đình, phía Cơ Cốc cũng không phòng giữ nổi, lỗi đều bởi thần trao chức xét việc không đến nơi. Thần không sáng suốt xét người, nghĩ việc đa phần tâm tôi, theo nghĩa Xuân Thu là trách nhiệm của thống soái, là chức trách mà thần đang đảm đương. Xin tự biếm chức ba bậc, để phạt lỗi lầm."

Hậu chủ vì thế giáng Lượng làm Hữu tướng quân, coi việc thừa tướng, nắm quyền thống soái như trước.③

① *Ngụy lược* chép: Ban đầu, quốc gia cho rằng Thục trung chỉ có một mình Lưu Bị. Bị đã chết rồi, mấy năm yên lặng không có động tĩnh gì, vì thế không chỗ nào có phòng bị; rồi thốt nhiên nghe tin Lượng xuất binh, triều đình một phen kinh hãi, ở Lũng Hữu, Kỳ Sơn lại càng tệ, cho nên ba quận đồng thời hưởng ứng Lượng.

② Việc thứ tư Xung nói rằng: Lượng ra Kỳ Sơn, hai quận Lũng Tây, Nam An ứng thuận thời thế ra hàng, lại vây Thiên Thủy, phá Ký Thành, bắt Khương Duy, lừa đuổi mấy nghìn trai gái sĩ dân vào Thục. Mọi người đều đến chúc mừng Lượng, Lượng cau mặt ưu tư lộ vẻ xót thương, tạ rằng: "Khấp thiên hạ này, chẳng ai không phải dân Hán, uy lực của quốc gia còn chưa cất lên được, khiến bách tính phải khốn đốn trong miệng sài lang. Mỗi người chết đi, đều là tội của Lượng, vì việc này mà đến mừng, ta không thẹn sao được." Bởi thế người Thục đều biết Lượng nuôi chí diệt Ngụy, chẳng phải chỉ mở mang lãnh thổ mà thôi.

Luận rằng: Lượng nuôi chí diệt Ngụy từ lâu rồi, chẳng phải lúc ấy mọi người mới biết vậy, và lại bấy giờ xuất đại binh không thu được thành quả gì, thương vong không ít mà người phản lại nhiều, ba quận theo hàng mà chẳng lấy được. Khương Duy, là kẻ thất phu ở quận Thiên Thủy thôi, bắt được Duy thì nước Ngụy tổn hại gì? Được một nghìn nhà ở Tây Thành, chẳng bù nổi mất mát ở Nhai Đình, có gì là công, mà người Thục đến chúc mừng?

③ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Có người khuyên Lượng huy động thêm binh, Lượng nói:

- Đại quân ở Kỳ Sơn, Cơ Cốc đều nhiều hơn giặc, mà chẳng thể phá giặc lại bị giặc phá, thế thì vấn đề chẳng phải tại binh ít vậy, mà tại người đứng đầu thôi. Nay ta muốn giảm binh bớt tướng, nghiêm minh thưởng phạt, nghĩ kỹ lỗi lầm, xét con đường biến thông mai sau; nếu chẳng làm được như thế, dẫu nhiều binh có ích gì! Từ nay về sau, các vị vì nước tận trung mưu tính, chỉ nên nên siêng năng sửa lỗi cho ta, thì việc có thể thành, giặc có thể diệt, công nghiệp có thể nhón chân mà đợi được.

Vì thế xét kỹ công nhỏ, nêu rõ kẻ trắng liệt, chỉ lỗi trách mình, cáo rõ sai lầm của mình với thiên hạ, mài binh khí giảng võ nghệ, mưu tính việc ngày sau, tinh tuyển binh sĩ, khiến dân chúng quên thất bại.

Lượng nghe tin Tôn Quyền phá Tào Hưu, binh Ngụy kéo sang đông, Quan Trung yếu nhược, tháng mười một, dâng biểu rằng:

"Tiên đế lo Hán, tặc không thể chung ngôi, vương nghiệp chẳng thể ở yên một góc, nên ủy thác cho thần thảo phạt giặc giã. Bởi Tiên đế sáng suốt, lượng được tài mọn của thần, nên biết rằng thần thảo phạt là lấy yếu đánh mạnh; nhưng không đánh giặc, nghiệp vương sẽ mất; chỉ ngồi đợi mất, sao bằng đánh chúng? Thế nên Tiên đế ủy thác việc cho thần mà không nghi ngại vậy. Từ ngày thần thụ mệnh, ăn không ngon miệng, ngủ không yên giấc, chỉ nghĩ việc Bắc chinh, nên lúc trước xuống phương nam, tháng năm vượt sông Lô, vào sâu nơi đất không cây, ngày chỉ ăn một bữa. Thần chẳng phải không tiếc thân mình, chỉ nghĩ vương nghiệp chẳng thể ở yên một góc tại Thục đô, cho nên mạo hiểm nguy nam để vâng theo di ý của Tiên đế, mà kẻ nghị bàn cho là không phải kế hay. Nay giặc đang mỗi một ở phía tây, lại lo lắng ở phía đông, binh pháp dạy rằng phải 'thừa lao', lúc này là dịp nên đánh gấp. Thần cần trọng xin tâu trình mọi nhẽ:

Cao đế sáng tựa nhật nguyệt, mưu thần uyên thâm, mà phải vượt hiểm bị thương, nguy rồi sau mới an. Nay bệ hạ chưa sánh bằng Cao đế, mưu thần chẳng được như Lương, Bình, mà muốn lấy kế lâu dài để thủ thắng, ngồi yên để định thiên hạ, đấy là điều thứ nhất thần không hiểu nổi."

"Lưu Do, Vương Lãng đều tự chiếm châu quận, luận mưu nói kế, dẫn dụ lời thánh nhân, nhưng nghi ngại đầy bụng, tẩm tức trong ngực, năm nay không ra đánh, năm sau chẳng cất quân, khiến Tôn Sách ngồi yên lớn mạnh, rồi nuốt Giang Đông, đấy là điều thứ hai thần không hiểu nổi."

"Tào Tháo mưu kế kỳ tuyệt hơn người, phép dùng binh của hắn, phẳng phất Tôn, Ngô,⁽¹⁾ nhưng bị khốn ở Nam Dương, gặp hiểm ở Ô Sào,

¹ Tôn Vũ (孙武), Ngô Khởi (吴起): Là hai nhà quân sự lừng danh thời Chiến Quốc. Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 24 và trang 109 (Vũ đế kỷ).

nguy nan ở Kỳ Liên, bị bức ở Lê Dương, suýt bại ở Bắc Sơn, gần chết ở Đồng Quan, rồi sau mới tạm yên được một thời thôi, hưởng chi thần tài mọn, lại muốn không trải nguy nan mà yên định được, đây là điều thứ ba thần không hiểu nổi."

"Tào Tháo năm lần đánh Xương Bá không nổi, bốn lần vượt Sào Hồ không xong, tin dùng Lý Phục mà Lý Phục mưu mô, uy thác cho Hạ Hầu mà Hạ Hầu thua bại, Tiên đế thường khen Tháo là giỏi, còn có chỗ kém ấy, hưởng chi thần tài hèn, lẽ nào tất thắng? Đây là điều thứ tư thần không hiểu nổi."

"Từ lúc thần tới Hán Trung đến nay, trong vòng có một năm thôi, nhưng mất Triệu Vân, Dương Quấn, Mã Ngọc, Diêm Chi, Đinh Lập, Bạch Thọ, Lưu Cáp, Đặng Đồng, cùng hơn bảy chục tướng giữ đồn, là những tướng xung trận vô địch. Những Tán kỵ, Vũ kỵ người Tung, Tẩu, Thanh Khương cũng mất hơn một nghìn người, đây đều là người tinh nhuệ thu hợp từ bốn phương trong vài chục năm, chẳng phải từ một châu mà có được, nhưng qua mấy năm, đã tổn thất đến hai phần ba, lấy gì để thắng địch? Đây là điều thứ năm thần không hiểu nổi."

"Nay dân nghèo quân mỏi, mà việc chẳng thể dừng, việc chẳng thể dừng, thì đánh hay không, lao nhọc tổn hao cũng như nhau, mà nay chẳng sớm liệu, muốn dùng một châu để cùng giặc cầm giữ lâu dài, đây là điều thứ sáu thần không hiểu nổi."

"Ôi, khó đoán định nhất, là cái kết của sự việc vậy. Xưa kia Tiên đế thua quân ở Sở, vào lúc bấy giờ, Tào Tháo vỗ tay bảo thiên hạ đã định. Ngày sau Tiên đế liên minh với Ngô, Việt ở phía đông, giữ Ba, Thục ở phía tây, cất quân bắc chinh, Hạ Hầu giao đầu, đây là Tháo thất kế mà nghiệp Hán sắp thành vậy. Về sau Ngô lại trái minh ước, Quan Vũ tan bại, sai lầm vấp ngã ở Tỷ Quy, Tào Phi xưng đế. Phàm là những việc như thế, thật khó mà đoán biết được. Thần cứ cung tận tụy, đến chết mới thôi, còn như việc thành bại được mất, chẳng phải là điều mà thần có thể sáng suốt đoán biết được."

Vì thế có chiến dịch Tán Quan.

Bài biểu này, không có trong Gia Cát Lượng tập, mà thấy ở sách Mặc ký của Trương Nghiễm.

Mùa đông, Lượng lại tiến ra Tấn Quan, vây huyện Trần Thương, Tào Chân chống cự, Lượng hết lương bèn lui về. Tướng nước Ngụy là Vương Song dẫn quân kỵ truy đuổi Lượng, Lượng giao chiến, phá được, chém Song.

Năm thứ bảy, Lượng sai Trần Thúc tiến đánh Vũ Đô, Âm Bình. Thứ sử Ung châu của nước Ngụy là Quách Hoài thống suất quân định tập kích Thúc, Lượng tự tiến binh đến Kiến Uy, Hoài lui về, vì thế lấy được hai quận. Hậu chủ hạ chiếu sách cho Lượng, rằng:

"Chiến dịch Nhai Đình, lỗi bởi Mã Tắc, ngài lại xem là lỗi của mình, sâu sắc tự trách xin biếm chức, vì không muốn trái ý ngài, nên trẫm thuận theo. Năm trước xuất chinh, chém chết Vương Song mang tai về dân; năm nay viễn chinh, Quách Hoài trốn chạy, chiêu hàng được các tộc Đê, Khương, thu lấy hai quận, uy trấn hung nghịch, công huân hiển hách. Hiện nay thiên hạ nhiễu loạn, kẻ ác đầu sỏ chưa bị bêu đầu, ngài nhận trọng trách, là trọng thân cốt cán của quốc gia, mà ở địa vị ủy khuất đã lâu, không phải là cách hay để phát dương nghiệp lớn. Nay phục chức Thừa tướng cho ngài, ngài chớ chối từ." ①

① Hán Tấn Xuân Thu chép: Năm ấy, Tôn Quyền xưng tôn hiệu, quần thần của Quyền đem việc suy tôn hai đế Ngô, Thục đến báo. Mọi người bàn luận đều cho rằng tiếp tục giao kết là vô ích, mà danh bất chính, lệ bất thuận, nên nêu rõ chính nghĩa, cắt đứt minh ước. Lượng nói:

- Quyền có lòng tiếm nghịch đã lâu rồi, quốc gia sở dĩ bỏ qua ý đồ gây hấn ấy, để cầu lấy thế ỷ giốc cứu giúp lẫn nhau. Nay nếu lại công nhiên tuyệt giao với họ, thù hận của họ với ta rất sâu, đương nhiên chúng ta phải dời quân sang đông, cùng họ đấu lực, thôn tính đất đai của họ, rồi mới tính đến Trung nguyên. Bên ấy hiền tài đông đúc, văn võ hòa mục, chưa thể một sớm định ngay được. Trú binh giăng co, ngồi mà đợi già, khiến kẻ địch ở phương bắc đắc kế, chẳng phải là thượng sách. Xưa kia Hiếu Văn nhún

nhường với Hung Nô,⁽¹⁾ Tiên đế rộng lòng kết minh với Ngô, đều là ứng thời thế khéo biến thông, mưu sâu nghĩ xa, không vì cái cáu giận nhất thời như kẻ thất phu vậy. Nay người nghị bàn đều cho rằng Quyền được lợi ở thế ba chân đỉnh, chẳng cùng ta hợp sức nữa, vả lại chí hướng nguyện vọng đã thực hiện được, không có ý vượt sông về bắc, xét điều ấy, đều tựa như đúng mà lại sai vậy. Vì sao thế? Là vì trí lực của Quyền chẳng đủ, cho nên chỉ giới hạn ở Trường Giang tự thủ; Quyền chẳng thể vượt Trường Giang, thì cũng như giặc Ngụy chẳng thể vượt sông Hán, không phải là lực có thừa mà vì sự sắc bén không đủ để đánh lấy vậy. Nay ta mang đại quân thảo phạt, bọn họ khả năng cao thì chia binh cắt đất của giặc Ngụy, cho đó là kế sách lâu dài, khả năng thấp thì cướp dân mở cõi, tỏ uy vũ ở trong nước, quyết không chịu ngồi yên vậy. Ví bằng họ án binh bất động mà hòa mục với ta, khi ta bắc phạt, không phải lo lắng ngoài về đông, địch quân ở Hà Nam chẳng dám kéo hết về tây, cái lợi ấy, cũng đã là lớn lắm rồi. Cái tội tiềm xung của Quyền, chưa nên làm rõ vậy.

Bèn sai Vệ úy Trần Chấn đến chúc mừng Quyền chính tôn hiệu.

Năm thứ chín, Lượng lại tiến ra Kỳ Sơn, dùng trâu gỗ vận quân nhu,^① lương hết lui quân, cùng tướng nước Ngụy là Trương Cáp giao chiến, bắn chết Cáp.^②

Năm thứ mười hai, Lượng đem hết đại quân theo lối Tà Cốc tiến ra, lấy ngựa máy vận chuyển, chiếm gò Ngũ Trượng thuộc huyện Vũ Công, cùng Tư Mã Tuyên vương đối trận ở bờ nam sông Vị. Lượng thường lo lương chẳng chuyển kịp, khiến chí lớn của mình chẳng thực hiện được, vì thế chia binh lập đồn điền, làm cơ sở đồn trú lâu dài. Quân sĩ làm ruộng xen lẫn với dân ở bên sông Vị, mà trăm họ bình an, quân lính không có của

¹ Hán Văn đế Lưu Hằng là vị quân vương có chính sách ngoại giao rất mềm dẻo. Thời Hiếu Văn đế cai trị, quân Hung Nô hay vào cướp phá biên ải, nhưng Hiếu Văn đế nhún nhường ký giao ước hòa thân, tuy nhiên vẫn tăng cường binh lực và sẵn sàng đối phó khi Hung Nô phạm giao ước. Văn đế chủ trương phòng thủ, chỉ ra quân khi địch phạm cõi, không phát động chiến tranh để nhọc sức dân.

riêng.^③ Cầm giữ nhau hơn trăm ngày. Tháng tám năm ấy, Lượng ốm nặng, mất ở trong quân, bấy giờ năm mươi tư tuổi.^④ Lúc quân lui, Tuyên vương đến xem xét quân doanh lũy của Lượng ở đó, nói:

- Thật là kỳ tài thiên hạ vậy!^⑤

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Lượng vây Kỳ Sơn, vờ Kha Bì Năng người Tiên Ti, bọn Bì Năng đến Thạch Thành thuộc quận Bắc Địa cũ hưởng ứng Lượng. Bấy giờ Đại tư mã của nước Ngụy là Tào Chân bị bệnh, Tư mã Tuyên vương từ Kinh châu về triều, Ngụy Minh đế nói:

- Phương tây có việc trọng đại, ngoài tướng quân không ai có thể phó thác được.

Bèn sai Tuyên vương sang tây đóng giữ Trường An, đốc bọn Trương Cáp, Phí Diệu, Đái Lăng, Quách Hoài. Tuyên vương sai Diệu, Lăng lưu lại bốn nghìn tinh binh thủ giữ Thượng Nhai, số bộ chúng còn lại đều đem hết sang tây cứu Kỳ Sơn. Cáp muốn chia binh đóng giữ hai huyện Ung, My, Tuyên vương nói:

- Liệu tiền quân để độc lập đối địch quân Thục, chỉ mỗi tướng quân vậy; nếu chẳng thể đối địch mà chia thành tiền hậu đội, đấy là việc ba cánh quân của nước Sở bị Kinh Bô đánh bại ngày trước vậy.⁽¹⁾

Rồi tiến binh.

Lượng chia binh lưu lại đánh Kỳ Sơn, tự mình đón đánh Tuyên vương ở Thượng Nhai. Bọn Quách Hoài, Phí Diệu rình chặn Lượng, bị Lượng phá vỡ, nhân đó gặt hết lúa mạch chín ở ngoài đồng, gặp Tuyên vương ở phía đông Thượng Nhai, Tuyên vương thu binh cậy hiểm tự giữ, hai bên không giao chiến được, Lượng dẫn quân về. Tuyên vương bám theo Lượng đến Lỗ Thành. Trương Cáp nói:

¹ Hán Cao tổ thống nhất thiên hạ, Kinh Bô làm phản, đem quân đánh nước Sở. Tướng Sở muốn chia làm ba đạo quân, hòng cứu lẫn nhau, cho là hay. Có người nói: "Bố rất thạo việc dùng binh. Nay ta tách quân làm ba cánh, nếu một cánh quân bị bại tất hai cánh quân kia đều bỏ chạy, làm sao cứu được nhau?" Tướng Sở không nghe, quả nhiên khi Bô đánh tan một cánh quân, hai cánh quân kia đều bỏ chạy cả.

- Bên kia từ xa đến đánh, muốn đánh không được, cho là ta lợi ở chỗ không đánh, muốn dụng kế lâu dài để chế phục ta. Vả lại Kỳ Sơn biết đại quân đã ở gần, lòng người tự ổn, ta nên dùng quân đóng trại ở chỗ này, chia thành kỳ binh, xuất kỳ bất ý đánh phía sau họ, chẳng nên tiến quân mà không dám bức họ, lại cứ ngồi yên khiến mọi người thất vọng. Nay Lượng quân cô lương thiếu, cũng phải rút đi thôi.

Tuyên vương không nghe, vẫn bám theo Lượng. Đến nơi, lại lên núi lập quân doanh, nhất định không chịu cùng Lượng giao chiến. Giả Hủ, Ngụy Bình mấy lần xin đánh, nhân đó nói:

- Công sợ Thục như cọp, làm trò cười cho thiên hạ sao!

Tuyên vương lấy làm tức giận. Chư tướng đều xin đánh. Tháng năm ngày Tân Ty, Tuyên vương sai Trương Cáp tấn công vòng vây phía nam, bấy giờ là đội quân vô địch của Thục do Hà Bình thống lĩnh, còn tự mình ở trung quân đối đầu với Lượng. Lượng sai Ngụy Diên, Cao Tường, Ngô Ban đến đánh, đại phá quân Ngụy, chém được ba nghìn thủ cấp của quân giáp dày, lấy được năm nghìn bộ giáp đen, ba nghìn cung cứng, Tuyên vương quay về giữ vững doanh trại.

② Việc thứ năm Xung nói: Ngụy Minh đế tự đi đánh Thục, đến Trường An, sai Tuyên vương đốc lĩnh chư quân của Trương Cáp và sĩ tốt thiện chiến của hai châu Ung, Lương cả thảy hơn ba mươi vạn, kín đáo bí mật tiến phát, hướng đến Kiếm Các. Lượng bấy giờ ở Kỳ Sơn, còn quật nghiêm chỉnh khí giới sắc bén, giữ nơi hiểm yếu, theo phép cử mười binh được thay hai, tại đó có tám vạn binh. Vào lúc quân Ngụy bày trận, đúng lúc đổi binh, các Tham tá đều cho rằng thế giặc cường thịnh, không có thực lực chẳng thể chế phục, nên quyền biến đình binh lại thêm một tháng, để giữ thanh thế. Lượng nói:

- Ta thống soái đại quân xuất chinh, lấy đại tín làm gốc, được Nguyên mà thất tín, là việc mà người xưa lấy làm tiếc;⁽¹⁾ nay quân

¹ Tấn công phạt Nguyên giữ tín: Xem chú thích ở tập IV, quyển 23, trang 342 (Triệu Nghiễm truyện).

lính đã thu xếp hành trang đợi ngày về, vợ con ở nhà tính ngày vườn cổ hạc ngóng trông, dẫu gặp lúc chinh chiến gian nguy, tin nghĩa là thứ chẳng thể bỏ được.

Bèn cứ phát lệnh cho quân lính về. Vì thế những người được đi đều cảm kích vui lòng, tình nguyện ở lại đánh một trận, người ở lại phấn chấn, mong dốc sức đến chết. Chúng đều nói rằng:

- Cái ân của Gia Cát công, chết cũng không báo đáp được.

Đến ngày lâm trận, chẳng ai không rút đao tranh nhau xông lên, một địch mười, giết Trương Cáp, đuổi lui Tuyên vương, đại thắng một trận, đẩy chỉ bởi giữ tín mà nên công vậy.

Luận rằng: Thần Tùng Chi xét: Lần trước Lượng xuất binh ra Kỳ Sơn, Ngụy Minh đế đích thân dẫn quân đến Trường An rồi, năm đấy chẳng đến nữa. Và lại đại quân của Lượng đang ở Quan, Lũng, người Ngụy sao có thể vượt qua quân của Lượng để hướng thẳng đến Kiếm Các? Lượng ở chiến trường, vốn không tính ở lâu dài, sao lại cho quân nghỉ quay về Thục, đều là nói những lời trái với lẽ thường. Tôn Thỉnh, Tập Tạc Xi đã tìm kiếm những điểm dị đồng, không bỏ sót điều gì, mà đều không ghi chép lời Xung nói, ta biết lời ấy đa phần là ngang trái vậy.

③ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Lượng tự đến, mấy lần khiêu chiến. Tuyên vương cũng dâng biểu về triều cố xin đánh. Ngụy đế sai Vệ úy là Tân Bì cầm cờ tiết đến cấm chế Tuyên vương. Khương Duy nói với Lượng rằng:

- Tân Tá Trị mang cờ tiết đến, giặc tất không ra đánh nữa rồi.

Lượng nói:

- Bên ấy vốn không có lòng muốn đánh, sò dĩ cố xin đánh, cốt để tỏ oai với bộ chúng của họ thôi. Tướng ở trong quân, mệnh vua có chỗ không theo, ví như có thể khắc chế ta, há phải đi xa nghìn dặm mà xin đánh sao!

Ngụy thị Xuân Thu chép: Sứ giả của Lượng đến, Tuyên vương chỉ hỏi về chuyện ăn ngủ và những việc làm hàng ngày của Lượng, chẳng hỏi gì về việc binh. Sứ giả thưa rằng:

- Gia Cát công thức khuya dậy sớm, án phạt từ hai mươi gậy trở lên, đều tự mình xét hỏi; mà mỗi bữa ăn chẳng được mấy thung.

Tuyên vương nói:

- Lượng sắp chết rồi!

④ *Ngụy thư* chép: Lượng hết lương thế cùng, lo buồn tức giận đến thổ huyết, một đêm đốt doanh trại trốn chạy, vào hang lũng, giữa đường phát bệnh mà chết.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Lượng chết ở Quách thị ố.

Tấn Dương thu chép: Có ngôi sao màu đỏ sừng nhọn, từ hướng đông bắc bay về phía tây nam, rơi xuống doanh của Lượng, ba lần rơi xuống lại bay lên, lóe sáng rồi tắt. Lát sau Lượng chết.

Thần Tùng Chi cho rằng Lượng mất ở bãi sông Vị, người Ngụy theo vết lén bám theo, cái hình thế được thua, chưa thể lường được, mà bảo rằng Lượng bị thổ huyết, đại khái là nhân cái chết của Lượng mà tự khoa trương vậy. Vốn dĩ Khổng Minh là bậc hùng tài đại lược, há vì Trọng Đạt mà thổ huyết sao? Sau này Lưu Côn tan quân, viết thư cho Tấn Nguyên đế⁽¹⁾ cũng nói rằng: "Lượng thua quân thổ huyết", thì đây là dẫn những lời ghi chép hão để nói việc của mình vậy. Còn nói rằng vào hang lũng rồi chết, là vì người Thục vào lũng núi rồi mới phát tang vậy.

⑤ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Bọn Dương Nghi chinh đồn quân sĩ mà lui, bách tính chạy đến báo với Tuyên vương, Tuyên vương đuổi theo, Khương Duy lệnh cho Nghi trở cò giống trống, nhằm hướng Tuyên vương mà đến, Tuyên vương bèn lui, không dám tiến bước. Vì thế Nghi kết trận mà đi, vào hang lũng rồi mới phát tang. Tuyên vương lần ấy lui binh, trăm họ vì việc đó làm câu ngạn ngữ rằng:

"*Gia Cát chết đuổi được Trọng Đạt sống.*"

Có người mách chuyện ấy với Tuyên vương, Tuyên vương bảo:

- Ta chỉ có thể liệu được việc sống, chẳng liệu được việc chết vậy!

¹ Tấn Nguyên đế là Tư Mã Duệ (司馬睿) vua nhà Đông Tấn. Tư Mã Viêm lập nhà Tấn được mấy chục năm thì xảy loạn bát vương, Tấn Nguyên đế sau chỉ làm chủ được vùng Giang Nam. Lưu Côn (劉琨) là bày tôi của Tấn Nguyên đế.

Lượng di mệnh táng mình tại núi Định Quân thuộc Hán Trung, dựa thế núi làm mộ phần, mà đủ chứa quan tài, khi liệm dùng thường phục, không chôn theo tài vật. Hậu chủ hạ chiếu rằng:

"Chỉ ngài văn võ kiêm toàn,

Sáng suốt thành thực,

Chịu mệnh thác cô,

Dem thân phò trẫm,

Nổi tuyệt hưng suy,

Chí bình chiến loạn;

Ngài chinh sáu quân,

Chinh chiến hàng năm,

Thần vũ hiển hách,

Uy trấn tám phương,

Sắp lập công to cuối Hán,

Huân lao sánh tựa Y, Chu.

Vì sao bất hạnh,

Việc lớn sắp thành,

Gặp bệnh thân vong!

Lòng trẫm đôn đau,

Tim gan tan nát.

Chuộng đức bày công,

Theo phép ban thụy,

Khiến danh sáng mãi về sau,

Khắc sâu bất hủ.

Nay sai Sứ trì tiết là Tả trung lang tướng Đỗ Quỳnh, truy tặng ngài
ấn thụy Thừa tướng Võ Hương hầu, ban thụy là Trung Vũ hầu.

Hôn thiêng có linh,

Hãy nhận sủng vinh.

Than ôi thương thay!

Than ôi thương thay!"

Lúc trước, Lượng tự dâng biểu lên Hậu chủ rằng:

"Thần ở Thành Đô có tám trăm gốc dâu, ruộng xấu mười lăm khoảnh, cái ăn cái mặc của con em, tự có đầy đủ. Đến như thần nhận chức ở ngoài, không có gì khác với phép chế, cái ăn cái mặc của bản thân, đều trông vào cửa quan, chẳng vun vén sản nghiệp riêng, ấy là để lâu dài thước tắc vậy. Đến ngày thần chết, quyết không để trong nhà thừa gấm vóc, bên ngoài dư tài vật, để phụ lại lòng tin tưởng của bề hạ vậy."

Lúc Lượng chết, quả đúng như lời đã nói.

Lượng thiên tính khéo léo, suy nghĩ linh mãnh, cải tiến nỏ liên châu, chế tạo trâu gỗ ngựa máy, đều là ý tưởng sinh ra từ Lượng; suy diễn binh pháp, lập bát trận đồ, tất cả là những yếu lĩnh của Lượng.^① Lời giáo huấn và các thư từ tấu chương của Lượng đa phần rất đáng xem, được biên thành một tập riêng.

① *Ngụy thị Xuân Thu* chép: Lượng lập ra Bát vụ, Thất giới, Lục khủng, Ngũ cụ,⁽¹⁾ đều đầy đủ các chương điều, để giáo huấn khuyên dạy thần tử, lại cải tiến nỏ liên châu, gọi là Nguyên nhung, lấy sắt làm tên, mũi tên dài tám tấc, mỗi nỏ bắn ra mười mũi tên một lần.

Trong *Gia Cát Lượng tập* có chép phép chế tạo trâu gỗ ngựa máy như sau:

"Trâu gỗ thì, bụng vuông đầu cong, dưới bụng có bốn chân, đầu lắp vào cổ, lưỡi dính liền vào bụng. Chở nhiều mà đi chậm, khá là tiện lợi, chẳng phải sai khiến; một mình đi mấy chục dặm, cả đàn đi được hai chục dặm. Lấy khúc cong làm đầu, hai đoạn gỗ làm chân, khúc ngang làm cổ, miếng gỗ xoay làm khớp, miếng gỗ úp xuống làm vai, thùng vuông làm bụng, miếng gỗ chúc xuống làm lưỡi, miếng gỗ cong cong làm xương sườn, miếng gỗ có khắc nét làm răng, gỗ thẳng làm sừng, miếng gỗ nhỏ làm vòng cổ, dây ràng buộc vào trục. Thân trâu đặt lên hai cái đòn có càng đẩy, người đi sáu thước, trâu đi bốn bước. Tải một năm lương, mỗi ngày đi được hai mươi dặm, mà người chẳng khó nhọc."

¹ Tám việc; bảy điều răn; sáu điều sợ hãi; năm điều lo.

"Ngựa máy thì tính thước tắc, sườn dài ba thước năm tắc, rộng ba tắc, dày hai tắc hai phân, trái phải như nhau. Lỗ trục trước cách đầu bốn tắc, đường kính lỗ hai tắc. Lỗ ở chân trước dài hai tắc, cách lỗ trục trước bốn tắc năm phân, rộng một tắc. Trục trước có lỗ cách hai tắc bảy phân, lỗ dài hai tắc, rộng một tắc. Lỗ trục sau cách lỗ cần trước một thước năm phân, lỗ trước lỗ sau lớn nhỏ như nhau. Lỗ chân sau cách lỗ trục trước ba tắc năm phân, lỗ trước lỗ sau lớn nhỏ như nhau. Lỗ cần sau cách lỗ chân sau hai tắc bảy phân, thùng chở cách cần sau bốn tắc năm phân. Cần trước dài một thước tám tắc, rộng hai tắc, dày một tắc năm phân, cần sau giống cần trước, ở trên kê hai cái thùng vuông, dày tám phân, dài hai thước bảy tắc, cao một thước sáu tắc năm phân, rộng một thước sáu tắc, mỗi thùng đựng được hai hộc ba đấu gạo. Từ lỗ cần trên đến tận sườn dài bảy tắc, phía trước phía sau như nhau. Từ lỗ cần trên đến lỗ cần dưới dài một thước ba tắc, lỗ dài một tắc năm phân, rộng bảy phân, tám lỗ đều giống hệt như nhau. Trước sau có bốn chân, chân rộng hai tắc, dày một tắc năm phân. Hình dạng chế tác như mẫu vẽ, da thuộc dài bốn tắc, mặt thẳng hai chiều bốn tắc ba phân. Lỗ thẳng giữa cặp chân và cần, dài hai thước một tắc, rộng năm tắc năm phân, dày một tắc bốn phân, các cần đều giống như nhau."

Năm Cảnh Diệu thứ sáu mùa xuân, Hậu chủ hạ chiếu cho lập miếu thờ Lượng ở Miện Dương.^① Mùa thu, Trần tây tướng quân của nhà Ngụy là Chung Hội đi đánh Thục, đến Hán Xuyên, vào tế ở miếu thờ Lượng, lệnh cho quân sĩ không được cắt cỏ hay kiếm củi quanh mộ của Lượng.

Em của Lượng là Quân, làm quan đến chức Trường thủy Hiệu úy.

Con của Lượng là Chiêm, nổi tước.^②

^① *Tương Dương ký* chép: Lượng mới mất, các địa phương xin lập miếu thờ, triều đình nghị bàn theo thứ tự lễ giáo không đồng ý, trăm họ bèn theo mùa tiết tế tự riêng Lượng ở ven đường. Vì việc ấy có người cho rằng nên thuận ý dân mà dựng miếu thờ ở Thành đô, Hậu chủ không nghe. Bọn Bộ binh Hiệu úy là Tập Long và Trung thư lang là Hướng Sung cùng dâng biểu rằng:

"Thần nghe người đời Chu nhớ đến cái đức của Triệu Bá, chẳng chặt gốc cam đường;⁽¹⁾ Việt vương nghĩ tới cái công của Phạm Lãi, dùng vàng đúc tượng để bảo tồn hình dạng.⁽²⁾ Từ thừa nhà Hán hưng vương đến nay, người làm điều thiện nhỏ, đức nhỏ được vẽ hình lập miếu rất nhiều. Huống chi đức độ của Lượng là khuôn mẫu xa gần, công huân trùm đời, vương thất chẳng tan vỡ, thật nhờ cậy vào người ấy, nhưng việc cúng tế chỉ theo mùa ở nhà riêng, miếu thiếu tượng mà chẳng ai dựng lập, khiến bách tính phải cúng tế nơi ngô hèm, người Nhung, Di thờ tự ở ngoài đồng, đấy không phải là cách ghi công nhớ đức, theo ghi chép của người xưa vậy. Nay nếu nhất nhất thuận ý dân, thì rắc rối mà không có phép tắc, lập miếu ở kinh sư, lại gần sát với tông miếu, đấy là việc mà Thánh thượng còn nghi ngại. Ngu thần cho rằng nên chọn chỗ gần mộ phần, lập miếu thờ Lượng ở Miện Dương, sai thân thuộc bốn mùa tế tự, phàm là quan lại thuộc hạ cũ muốn cúng tế Lượng, đều phải đến tế ở miếu ấy. Có vậy mới dứt tuyệt hẳn việc cúng tế riêng, để chuộng chính lễ vậy."

Vì thế Hậu chủ mới ưng theo.

② *Tương Dương ký* chép: Hoàng Thừa Ngạn, là người cao ngạo khoát đạt lại thông minh, là danh sĩ vùng Miện Nam, bảo với Gia Cát Khổng Minh rằng:

- Nghe nói người chọn vợ; ta có đứa con gái xấu xí, da đen tóc vàng, nhưng có tài năng, có thể nên đôi lứa với người.

Khổng Minh bằng lòng, Hoàng Thừa Ngạn bèn đem xe chở con gái đến. Người bấy giờ cho là chuyện vui, làng xóm chế thành câu ngạn ngữ rằng:

"Chớ làm như Khổng Minh chọn vợ, chỉ lấy được đứa con gái xấu xí của A Thừa thôi."

¹ Đời nhà Chu, Triệu Bá đi tuần thú thay vua, thường ngồi dưới gốc cây cam đường xử kiện, dân có thơ khen rằng: "Té phế cam đường, vật tiền vật phạt, Triệu Bá sờ bặt", tức là: "Cây cam đường rụng rồi, nhưng chớ có cắt chặt, đó là nơi Triệu Bá nghỉ ngơi."

² Phạm Lãi (范蠡): Xem chú thích ở tập V, quyển 25, trang 46 (Tân Bì truyện).

Mục lục cuốn *Gia Cát thị tập* gồm:

Thiên thứ nhất: Khai phủ tác mục;

Thiên thứ hai: Quyền chế;

Thiên thứ ba: Nam chinh;

Thiên thứ tư: Bắc xuất;

Thiên thứ năm: Kế toán;

Thiên thứ sáu: Huấn lệ;

Thiên thứ bảy: Tổng hạch (thượng);

Thiên thứ tám: Tổng hạch (hạ);

Thiên thứ chín: Tạp ngôn (thượng);

Thiên thứ mười: Tạp ngôn (hạ);

Thiên thứ mười một: Quý hòa;

Thiên thứ mười hai: Bình yếu;

Thiên thứ mười ba: Truyền vận;

Thiên thứ mười bốn: Thư gửi Tôn Quyền;

Thiên thứ mười lăm: Thư gửi Gia Cát Cẩn;

Thiên thứ mười sáu: Thư gửi Mạnh Đạt;

Thiên thứ mười bảy: Phế Lý Bình;

Thiên thứ mười tám: Pháp kiếm (thượng);

Thiên thứ mười chín: Pháp khiếm (hạ);

Thiên thứ hai mươi: Khoa lệnh (thượng);

Thiên thứ hai mươi một: Khoa lệnh (hạ);

Thiên thứ hai mươi hai: Quân lệnh (thượng);

Thiên thứ hai mươi ba: Quân lệnh (trung);

Thiên thứ hai mươi bốn: Quân lệnh (hạ).

Có hai mươi bốn thiên, cả thảy gồm mười vạn bốn nghìn một trăm mười hai chữ.

Thần là Thọ bầm tấu:

Lúc trước thân làm Trước tác lang, Thị trung kiêm Trung thư giám Tế Bắc hầu là Tuân Úc, Trung thư lệnh Quan nội hầu là Hòa Kiệu dâng tấu, sai thân thẩm xét tập hợp lại những việc làm trước kia của Thừa tướng nước Thục cũ là Gia Cát Lượng. Lượng phù tá nước nguy, cậy hiểm bất phục, nhưng ngôn luận của Lượng vẫn được biên chép bảo tồn, cho là nếu biên chép mà bỏ sót là điều hổ thẹn, đấy thực là Đại Tấn ta chỉ đức rạng ngời, ân trạch trùm đến cõi vô cùng, từ xưa đến nay, không đâu sánh kịp. Vì thế thân san lược đi những chỗ trùng nhau, tùy thể loại mà biên soạn, cả thấy gồm hai mươi bốn thiên, tên mỗi thiên như đã liệt ở trên.

Thời còn trẻ Lượng đã tài năng siêu quần xuất chúng, khí phách hơn đời, mình cao tám thước, dung mạo khôi vĩ, người bấy giờ cho là kỳ tài. Gặp thời Hán diệt nhiễu loạn, theo chú là Huyền đến tránh nạn ở Kinh châu, tự mình cày ruộng, chẳng mưu cầu nổi tiếng. Bấy giờ Tả tướng quân Lưu Bị thấy Lượng tài năng phi phàm, bèn ba lần đến thăm Lượng nơi lều cỏ; Lượng cảm kích cho là Bị có tư thế anh hùng kiệt xuất, mới tỏ hết lòng thành, kết tình thâm hậu.

Lúc Ngụy Vũ đế nam chinh Kinh châu, Lưu Tông dâng châu quận quy hàng, mà Bị đơn quân thất thế, không tắc đất cắm dùi. Lượng năm ấy hai mươi bảy tuổi, bèn hiến kế lạ, đích thân đi sứ gặp Tôn Quyền, cầu viện Ngô Cối. Quyền vốn ngưỡng mộ Bị, lại tận mắt thấy cái phong nhã khác thường của Lượng, thập phần kính trọng, lập tức phái ba vạn người để giúp đỡ Bị. Bị được giúp đỡ liền cùng Vũ đế giao chiến, đại phá quân Ngụy, rồi thừa thắng tiến đánh, bình định được hết Giang Nam. Về sau Bị lại sang tây đoạt lấy Ích châu. Ích châu đã định, lấy Lượng làm Quân sư tướng quân. Bị xưng tôn hiệu, bái Lượng làm Thừa tướng, Lục thượng thư sự. Lúc Bị lìa đời, con nối bé dại, mọi việc bất kể lớn nhỏ, Lượng đều tự mình quyết định. Vì thế ngoài liên hợp Đông Ngô, trong bình định Nam Việt, lập ra pháp độ, chỉnh lý nhung lữ, công nghệ kỹ xảo, xét đến chỗ tinh vi, điều lệnh nghiêm minh, thường phạt tất tẩn, kẻ không làm ác chẳng trừng trị, người không hành thiện chẳng biểu dương, đến mức quan lại

không dung kẻ gian, người người đều tự mình cố gắng, người đi đường không ngại của bỏ rơi, kẻ mạnh không lấn hiếp người yếu, phong khí giáo hóa thuần hậu tự nhiên vậy.

Dương lúc bấy giờ, Lượng vốn sẵn chí, tiến lên thì như rồng bay hổ nhảy, thâu gồm bốn bể, thoái lui thì vượt lấn biên cương, chấn động thiên hạ. Lại tự cho rằng ngày sau mình không còn, thì chẳng ai giẫm xéo Trung nguyên, đối kháng cùng thượng quốc, vì thế dụng binh không dùng, thường điều võ trở oai. Nhưng cái tài của Lượng thì, trị binh là sở trường mà kỳ mưu là sở đoản, tài cán trị dân hơn là tướng lược. Mà ở phía đối địch, hoặc gặp bậc nhân kiệt, hơn nữa đông ít chẳng ngang nhau, công thủ khác lối, nên dẫu động binh liên miên, mà chưa thể thủ thắng. Xưa kia Tiêu Hà tiến dẫn Hàn Tín, Quán Trọng cử dùng Vương Tử Thành Phủ, đều là liệu xét cái sở trường của mình, chưa ai có tài kiêm liệu mọi việc vậy. Tài năng của Lượng về chính trị, hạ xuống cũng ngang hàng với Quán, Tiêu, nhưng danh tướng bấy giờ không có ai như Thành Phủ, Hàn Tín, cho nên công nghiệp suy bại, đại nghĩa chẳng bằng. Đại khái là thiên mệnh đã theo về, thì chẳng thể lấy trí lực mà tranh giành được vậy.

Năm Thanh Long thứ hai mùa xuân, Lượng thống suất đại quân tiến ra Vũ Công, chia binh làm ruộng, lập cơ sở đồn trú lâu dài. Mùa thu ấy bị bệnh mất, lê dân nghĩ nhớ, truyền tụng sự tích. Đến nay dân của hai châu Lương, Ích vẫn truyền kể chuyện về Lượng, lời như còn văng bên tai, dẫu thơ Cam đường vịnh Triệu công, người nước Trịnh ngợi ca Tử Sản,¹ cũng không hơn được. Mạnh Kha từng nói: "Dùng cái đạo yên dân để sai dân, dẫu khó nhọc dân không than oán; dùng cái đạo mưu sinh để giết người, dẫu có chết dân không hết phần." Lời đáng tin thay!

¹ Tử Sản (子產), học trò của Khổng tử, cầm quyền chấp chính ở nước Trịnh hơn 20 năm, thực hiện nhiều cuộc cải cách (ruộng đất, chính trị, thuế ruộng, chế độ quân đội, pháp luật) giúp nước Trịnh hùng mạnh, được dân chúng nước Trịnh hết lòng ca ngợi. Tư Mã Thiên khi viết Sử ký, ca ngợi Tử Sản rằng: "Tử Sản cai trị đất Trịnh, dân không thể dối."

Kẻ bàn luận có người ngạc nhiên là văn từ của Lượng chẳng có gì điểm lệ, mà lời răn bảo thì chu đáo tỉ mỉ quá mức. Ngu thần cho rằng Cữu Do⁽¹⁾ là đại hiền, Chu công là bậc thánh vậy, xét văn tự tại "Kinh Thượng thư", thấy lời bàn của Cữu Do trong "Cao Đào mô" sơ sài mà điển nhã, lời răn của Chu công trong "Chu công cáo" rườm rà mà tường tận. Sao lại thế? Vì Cữu Do cùng Thuấn, Vũ chung bàn một việc, Chu công cùng quân hạ bệ tên ước thề vậy. Xét các lời của Lượng, là nói với hết thấy chúng nhân phạm sĩ, cho nên ý văn của Lượng chẳng thể đề cập quá xa xôi. Nhưng lời dạy dỗ và di ngôn, đều là kinh qua sự việc mà gom lại, lòng công chính trung thành, thể hiện ra ở bút mực, đủ để người ta hiểu được ý tưởng của mình, lại bổ ích cho người đời.

Cúi mong bệ hạ noi theo thánh hiền thời cổ, rộng lòng bao dung không úy kỵ, nên dẫu địch quốc có nói lời phỉ báng, thần sao lục hết các lời mà không san lược gạt bỏ đi những điều kiêng kỵ, đây là để truyền rộng và nêu cao đạo lớn vậy. Xin kính cẩn sao chép dâng lên bệ hạ trước tác này. Thần là Thọ xiết bao sợ hãi, rạp đầu cúi lạy, tội đáng muôn chết.

Năm Thái Thủy thứ mười, tháng hai, ngày mồng một Quý Ty, Bình Dương hầu tướng thần là Trần Thọ kính trình.

Kiều tự Bá Tùng, là con thứ hai của Cấn, anh trai Lượng, tên tự lúc trước là Trọng Thận. Kiều và anh là Nguyên Tốn đều nổi danh ở đời, kẻ bàn luận cho là tài năng của Kiều không theo kịp anh, nhưng tính tình phẩm đức thì hơn hẳn. Ban đầu, Lượng chưa có con, xin Kiều làm con kế tự, Cấn bầm với Tôn Quyền phái Kiều sang tây, Lượng lấy Kiều làm đích tử của mình, nên mới đổi tên tự của Kiều vậy.⁽²⁾ Kiều được bá làm Phò mã đô úy, theo Lượng đến Hán Trung.① Năm hai mươi lăm tuổi, là năm Kiến Hưng thứ sáu thì chết.

¹ Cữu Do tức Cao Đào, là bảy tôi thân cận tài giỏi của vua Thuấn.

² Đời xưa, con cả đặt tên chữ là Bá, con thứ tên chữ là Trọng. Gia Cát Kiều trước ở Ngô tự là Trọng Thận tức con thứ, sang làm con nuôi của Gia Cát mới đổi tự là Bá Tùng tức là con trưởng, ý rằng Lượng đã coi Kiều là con trưởng để nối dõi.

Con của Kiều là Phàn, quan vị đến chức hành Hộ quân Dục vũ tướng quân, cũng chết sớm. Gia Cát Khác bị giết ở nước Ngô, con cháu đều sạch nhẵn, bởi Lượng đã có người nối dõi, nên Phàn lại quay về Ngô làm người nối dõi cho Cấn.

① Lượng viết thư gửi anh là Cấn rằng:

"Kiều vốn đáng được về Thành Đô, song nay con em chưa tướng đều làm việc chuyển vận, thiết nghĩ phải nên cùng mọi người chung vinh nhục. Nay sai Kiều đốc lĩnh năm sáu trăm binh lính, cùng con em chưa tướng chuyển vận ở Cốc Trung."

Thư này có ở Gia Cát Lượng tập.

Chiêm tự Tử Viễn, năm Kiến Hưng thứ mười hai, Lượng tiến binh ra Vũ Công, gửi thư cho anh là Cấn nói:

"Chiêm nay đã tám tuổi, thông tuệ khả ái, hiềm là sớm chín chắn, e rằng chẳng phải là người có chí khí lớn."

Năm mười bảy tuổi, Chiêm lấy công chúa, được bái làm Kỵ đô úy. Năm sau làm Vũ lâm Trung lang tướng, rồi liên tục được thăng làm Thanh xạ Hiệu úy, Thị trung, Thượng thư bộc xạ, gia thêm chức Quân sự tướng quân.

Chiêm rất khéo về thư họa, hiểu rộng nhớ dai, người Thục nghĩ nhớ Lượng, đều mến cái tài và sự mẫn tiệp của Chiêm. Mỗi khi triều đình có việc chính sự tốt lành, tuy không phải Chiêm là người khởi xướng, trăm họ đều truyền bảo nhau rằng: "Là Gia Cát hầu làm vậy." Thế rồi tiếng khen tràn ngập, nhiều khi quá cả sự thực.

Năm Cảnh Diệu thứ tư, Chiêm làm hành Đô hộ Vệ tướng quân, cùng Phụ quốc Đại tướng quân Nam Hương hầu là Đồng Quyết cùng coi xét việc ở phủ Thượng thư.

Năm thứ sáu mùa đông, Chinh tây tướng quân của nước Ngụy là Đặng Ngải phạt Thục, từ Âm Bình men Cảnh Cốc đạo vào Thục. Chiêm đốc chư quân đến huyện Phù thì đóng lại, quân tiên phong bị phá, lui về, giữ Miên Trúc. Ngải phái người đưa

thư dụ Chiêm rằng: "Nếu ngài theo hàng, ta nhất định dâng biểu cử ngài làm Lang Nha vương." Chiêm giận, chém sứ của Ngải. Bèn ra đánh, đại bại, chết trong trận, bấy giờ mới ba mươi bảy tuổi. Bộ chúng đều ly tán, Ngải khua ngựa ruổi dài đến Thành Đô. Con trưởng của Chiêm là Thượng, cùng Chiêm chết trận.① Con thứ của Chiêm là Kinh và con của Phàn là Hiến, năm Hàm Hy nguyên niên bị dời đến quận Hà Đông.②

① Can Bảo nói: Chiêm dẫu trí chẳng đủ để giúp lúc nguy, dũng chẳng đủ để cự địch, mà có thể bên ngoài chẳng cô phụ quốc gia, bên trong chẳng đổi di chí của cha, hiếu trung vẹn đủ.

Hoa Dương quốc chí chép: Thượng than rằng:

- Cha con ta nhận trọng ân của quốc gia, mà chẳng sớm chém Hoàng Hạo, hôm nay đến chỗ nghiêng đổ, còn sống để làm gì!

Bèn xông thẳng vào chỗ quân Ngụy mà chết.

② *Xét Gia Cát thị phả* chép rằng: Kinh tự Hành Tông.

Thái Thủy khởi cư chú của triều Tấn chép chiếu thư rằng:

"*Gia Cát Lượng tại Thục, tận tâm tận lực, con của Lượng là Chiêm lâm nạn chết vì nghĩa, phẩm đức ưu tú đệ nhất thiên hạ vậy.*"

Cháu của Lượng là Kinh, xét tài được tạm dùng làm chức Lại, sau làm My lệnh.

Thượng thư bộc xạ Sơn Đào soạn sách *Khải sự* viết:

"*My lệnh là Gia Cát Kinh, tổ phụ là Lượng, gặp lúc Hán loạn phân liệt, cha con ở Thục, tuy chẳng thấu đạt thiên mệnh, nhưng cốt yếu là ở việc tận tâm thờ chúa. Kinh trị lý ở huyện My thành tích có tiếng, thần cho rằng nên bổ làm Đông cung xá nhân, để sáng rõ cái đạo lý thờ bậc nhân chủ, xứng đáng với lời bàn của người ở hai châu Lương, Ích.*"

Sau Kinh làm quan đến chức Thứ sử Giang Châu.

Đồng Quyết, thời Thừa tướng Lượng làm Lệnh sử ở phủ, Lượng khen Quyết rằng:

- Đồng lệnh sử, là kẻ sĩ giỏi vậy. Ta mỗi lần cùng ông ấy nói chuyện, thấy suy nghĩ thận trọng rất thích hợp.

Lại chuyển làm Chủ bộ. Sau khi Lượng chết, Quyết dần dần thăng đến chức Thượng thư bộ xạ, thay Trần Chi làm Thượng thư lệnh, thăng làm Đại tướng quân, Bình Đài sự, người quận Nghĩa Dương là Phan Kiến lên thay chức của Quyết.^①

Năm Diên Hy thứ mười bốn, Kiến lấy thân phận là Hiệu úy đi sứ nước Ngô, gặp lúc Tôn Quyền bệnh nặng, không tự tiếp Kiến được. Quyền hỏi Gia Cát Khác rằng:

- Phan Kiến so với Tông Dục thì thế nào?

Khác thưa rằng:

- Tài năng và hiểu biết chẳng bằng được Dục, nhưng tính tình nhã nhặn thì hơn Dục vậy.

Về sau Kiến làm Thị trung, giữ chức Thượng thư lệnh. Từ khi Chiêm, Quyết, Kiến nối nhau thống quản chính sự, Khương Duy thường đi chinh chiến ở ngoài, hoạn quan là Hoàng Hạo trộm lộng quyền chính, đại thần cùng che đỡ lẫn nhau, không ai có thể nắn sửa,^② nhưng riêng Kiến không cùng Hạo qua lại.

Nước Thục bị phá diệt vào mùa xuân năm sau, Quyết và Kiến đều đến kinh đô, cùng làm Tham quân cho Tướng quốc, mùa thu năm ấy cùng kiêm chức Tán kỵ thường thị, sai đến Thục úy lạo quan dân.^③

① Xét *Bách quan biểu* ở *Tấn thư*: Đồng Quyết tự Cung Lập, cũng là người quận Nghĩa Dương. Kiến tự Trường Nguyên.

② *Dị đồng ký* của Tôn Thịnh chép: Bọn Chiêm, Quyết thấy Duy thích tranh chiến mà không thành công, trong nước mỗi một, bèn dâng biểu lên Hậu chủ, xin triệu Duy về làm Thứ sử Ích châu, đoạt lại binh quyền của Duy; từ các trưởng lão nước Thục cho đến Chiêm đều dâng biểu tiến cử Dương Vũ thay việc lúc trước của Duy. Năm Vĩnh Hòa thứ ba thời nhà Tấn, sử quan là Thường Cừ người Thục Quận nói rằng, các vị trưởng lão nước Thục nói: "Trần Thọ từng làm thuộc lại của Chiêm, bị Chiêm vũ nhục, cho nên nhân việc này đổ tiếng xấu cho Hoàng Hạo, rồi nói là Chiêm không có tài nắn sửa triều chính vậy."

③ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Phàn Kiến làm Cấp sự trung, Tấn Vũ đế hỏi Gia Cát Lượng trị quốc ra sao, Kiến thưa rằng:

- Nghe nói lỗi nhất định sửa, chẳng tự cao khoe mình, thường phạt giữ tín, đủ cảm động thần minh.

Đế nói:

- Tốt thay! Ví ta được một người thế này phụ giúp, há đâu có nỗi lao nhọc ngày nay!

Kiến rạp đầu nói:

- Thần trộm nghe người thiên hạ nghị bàn, đều nói Đặng Ngải bị oan, bệ hạ biết mà chẳng trả lại công bằng, đấy há chẳng đúng với lời mà Phùng Đường nói "Dẫu được Pha, Mục mà chẳng thể dùng"⁽¹⁾ sao!

Đế cười nói:

- Ta đang muốn xét rõ việc ấy, lời của khanh khiến ta tỉnh ngộ vậy.

Vì thế Đế phát chiếu thư trả lại sự công bằng cho Ngải.

¹ Phùng Đường (冯唐), người đất Đại, là đại thần của Hán Văn đế nhà Tây Hán. Tổ tiên Phùng Đường là người nước Triệu. Thời ấy, quân Hung Nô hay vào cướp phá, Văn đế lo lắng. Có lần nói chuyện với Phùng Đường, nhân nói về danh tướng nước Triệu, Văn đế than rằng: "Than ôi! Ta không có Liêm Pha, Lý Mục để dùng làm tướng. Nếu có thì lo gì Hung Nô?" Phùng Đường nói: "Thần sợ bệ hạ dẫu có Liêm Pha, Lý Mục cũng không dùng được." Văn đế giận, hỏi: "Sao người biết ta không thể dùng Liêm Pha, Lý Mục?" Phùng Đường nói: "Thời xưa vua sai tướng đi trận, việc ở ngoài đều do tướng quân quyết, khi về mới tâu lại. Thời Lý Mục làm tướng, thuế chợ ở biên giới được tự dùng để nuôi quân, khen thưởng quyết ở ngoài, triều đình không can dự. Vua chỉ cốt sao cho tròn việc chính mà thôi. Vì thế Lý Mục được trở hết tài năng, lên bắc đuổi Thiên vu, phá Đông Hồ, diệt Đan Lãm; phía tây chống cường Tần, phía nam giúp Hàn, Ngụy. Nay dưới thời của bệ hạ, việc làm của Thái thú Ngụy Quận cũng nên công như Lý Mục, thế mà khi báo công lên hễ một lời không hợp liền bị văn quan bắt bẻ, kẻ dưới không được thưởng thích đáng. Đây là luật pháp của bệ hạ quá sáng, thưởng nhẹ phạt nặng, Thái thú Văn Trung là Ngụy Thượng phạm tội vì số thủ cấp báo công lên so với sự thực thiếu sáu cái, bị truất quan tước, sai dịch một năm. Cứ thế mà xét, bệ hạ dẫu có Pha, Mục cũng không dùng được." Văn đế hiểu ra, bèn sai người mang lệnh tha tội cho Ngụy Thượng, lại cho làm Thái thú như trước.

Phàn Kiến nói ý, Vũ đế biết Đặng Ngải bị oan mà không giải, cũng không khác gì việc Văn đế bắt phạt Ngụy Thượng, dẫu có người tài như Gia Cát Lượng cũng không dùng được.

Bình rằng: Gia Cát Lượng làm Tướng quốc, phủ dụ bách tính, định ra phép tắc, hạn chế quan chức, theo lối quyền chế, khai mở lòng thành, bày ra công đạo; người nào tận trung có ích thì dù tư thù vẫn thưởng, kẻ nào phạm pháp lười lẻo thì dầu thân thích vẫn phạt, người chịu tội mà chân tâm hối lỗi dầu nặng vẫn khoan dung, kẻ xảo quyệt lại che đậy giấu lỗi dù nhẹ vẫn giết bỏ; không vì cái thiện nhỏ mà không thưởng, không vì điều ác nhỏ mà không phạt; mọi thứ phải tinh luyện, chú trọng đến đạo lý chân chính, mưu cầu tìm lấy sự thật, thứ dối trá hư hao quyết không chọn dùng, rút cục khiến người ở khắp bang vực, đều tâm phục cảm mến, hình pháp chính sự tuy nghiêm mà không ai oán thán, là vì Lượng dụng tâm lấy sự công bằng mà sáng suốt khuyên răn vậy. Có thể nói đấy là bậc lương tài hiểu rõ việc trị quốc, dầu Quán Trọng, Tiêu Hà cũng không hơn được vậy. Nhưng liên tục hưng sư động chúng, chưa thể thành công, đại khái là phép ứng biến về tướng lược, chẳng phải là sở trường của Lượng vậy.^①

① Viên tử nói: Có kẻ hỏi Gia Cát Lượng là người thế nào?

Viên tử nói: Trương Phi, Quan Vũ cùng Lưu Bị khởi sự, là bày tôi nanh vuốt tâm phúc, nhưng là bọn võ tướng vậy. Mãi sau được Gia Cát Lượng, nhân thế dùng làm tướng phụ tá, mà quần thần vui vẻ bội phục, đấy là Lưu Bị đủ để tin tưởng, mà Lượng đủ để trọng dụng vậy. Đến khi Lượng chịu mệnh thác cô, thống quản chính sự cả nước, thờ vị quân chủ tâm thường, chuyên quyền mà chẳng thất lễ, làm thay việc của vua mà người trong nước chẳng nghi ngờ, như thế tức là đã khiến cho vua tôi và trăm họ đều vui mừng, tôn kính rồi. Hình pháp nghiêm mà người trong nước vui vẻ bội phục, dùng hết sức dân mà người dưới không oán. Lượng quản binh, ra vào như khách, hành quân không cướp bóc, kẻ cắt cỏ kiếm củi không bị bắn giết, như đang ở nước mình. Lúc dụng binh, dùng vững như núi lớn, tiến lui như gió cuốn, ngày xuất binh, thiên hạ chấn động, mà lòng người không rối. Lượng mất đến nay đã mấy chục năm rồi, người trong nước vẫn ngợi ca tiếc

nhớ, như người nhà Chu nhớ Triệu công vậy, Khổng tử nói: "Trò Ung có thể ngồi quay mặt về hướng nam",⁽¹⁾ Gia Cát Lượng là hạng người như vậy.

Lại hỏi Gia Cát Lượng mới đến Lũng Hữu, người ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định đều hưởng ứng Lượng, nếu Lượng tức tiến, thì ba quận ấy không phải đất của Trung Quốc nữa, thế mà Lượng hành binh chậm chạp chẳng tiến gấp; không lâu quan binh đến Lũng, ba quận bị thu lại, Lượng chẳng lập được thước tắc công lao, lỡ mất thời cơ, sao vậy?

Viên tử nói: Binh Thực tinh nhuệ, nhưng thiếu tướng tài, Lượng lần đầu ra quân, chưa biết Trung Quốc mạnh yếu ra sao, vì ngờ sợ nên phải thử; vả lại hội chiến đánh lớn chẳng thể tham lam cái công nhỏ, đấy là lý do không tiến gấp vậy.

Lại hỏi: Sao biết Lượng ngờ sợ vậy?

Viên tử nói: Lần đầu ra quân thì hành binh chậm chắc, đóng doanh thì đồn lũy đan xen, ba quận chuyển hàng lại chưa tiến binh quyết chiến, Lượng gan góc mà thiện chiến, ba quận phản rồi lại chẳng ứng biến tiến gấp, đấy là minh chứng của việc Lượng ngờ sợ vậy.

Hỏi rằng: Sao biết Lượng gan góc mà thiện chiến?

Viên tử nói: Lượng ở tại Nhai Đình, tiền quân thua võ, trại của Lượng cách mấy dặm, chẳng ngăn nổi; quân địch tiến sát, lại thông thả hành quân, đấy là Lượng gan góc vậy. Phép hành quân của Lượng, bình tĩnh mà chắc chắn; bình tĩnh thì dễ bề hành động, chắc chắn thì có thể tiến lui đúng phép tắc. Pháp lệnh của Lượng nghiêm, thường phạt tất tìn, sĩ tốt nguyện ra sức vì Lượng, xông vào chỗ nguy hiểm chẳng ngoái đầu, thế nên nói Lượng thiện chiến vậy.

¹ Nhiễm Ung (冉雍), là một trong mười hai đệ tử nổi tiếng của Khổng tử. Khổng tử khen Nhiễm Ung có đủ tài đức để làm vua, dù rằng Ung không thuộc dòng dõi hoàng tộc. Quay về phương nam tức là xưng vương, quay về phương bắc tức là thần phục kẻ khác, ở đây Viên Tử trích câu của Khổng tử cũng có ý nói Gia Cát Lượng có thể làm vua được vậy.

Hỏi rằng: Lượng thống suất mấy vạn quân, việc gây dựng tạo tác của mấy vạn quân ấy, như công sức của mấy chục vạn quân, đây là việc kỳ quái vậy. Đi đến đâu thì doanh lũy, giếng nước, bếp lò, nhà tiêu, hàng rào, bờ lũy đều ứng theo quy củ, đóng tạm một tháng, lúc dời đi mọi thứ lại như khi mới đến, lao khổ phí công mà chỉ là tô vẽ cho đẹp để cái vỏ ngoài, là sao?

Viên tử nói: Người nước Thục không có tính ổn định cao, nên Lượng muốn rèn cho họ khí chất kiên cường nhẫn nại vậy.

Hỏi rằng: Sao biết được Lượng là người như vậy?

Viên tử nói: Lượng trị quốc mưu cầu lấy cái thực mà chẳng mong tìm cái hư danh, chí hướng lớn nên mong muốn thứ cao xa, không vội vàng cầu lấy cái lợi thiên cận vậy.

Hỏi rằng: Lượng thích sửa sang phủ quan, nơi dừng nghỉ của quan lại, cầu cống, đường xá, đó chẳng phải là việc cấp thiết, sao vậy?

Viên tử nói: Nước nhỏ thiếu hiền tài, nên phải làm thế để giữ sự tôn nghiêm cho quan lại vậy. Lượng trị lý nước Thục, mở mang ruộng vườn, kho lẫm đầy chật, khí giới sắc bén, của cải chất chồng, triều đình hội họp không bày đặt phô trương, ngoài đường không có người say rượu. Gốc vững thì cố nhiên là ngọn được yên, có thừa tiềm lực thì phải quan tâm đến các việc nhỏ, đây là lý do để khuyến khích các công việc ấy vậy.

Hỏi rằng: Lời bàn của ngài về Gia Cát Lượng, là có đủ chứng có vậy. Vốn dĩ Lượng là người rất tài cán mà công lao của Lượng lại nhỏ, sao vậy?

Viên tử nói: Lượng, là người khéo giữ cái gốc, đến như việc ứng biến, thì không phải sở trường, cho nên Lượng chẳng dám dùng cái sở đoản của mình vậy.

Hỏi rằng: Thế thì ngài hết mực ca ngợi sự cao đẹp của Lượng, là vì sao?

Viên tử nói: Đây cố nhiên là người hiền có kiến thức cao xa trác tuyệt rồi, sao có thể yêu cầu sự tận thiện tận mỹ mà phê bình được nữa. Người biết cái sở đoản của mình mà chẳng dùng, đây là bậc đại hiền vậy; đã biết được cái sở đoản của mình thì biết được cái

sở trường của mình rồi. Việc không dễ liệu, nói ra khó đúng, là những thứ mà Lượng không xét, không làm, đấy là những cái mà ta cho là cao đẹp vậy.

Đại hồng lư nước Ngô là Trương Nghiễm viết sách *Mặc ký*, thiên *Thuật tá* trong sách ấy có đoạn luận về Lượng và Tư Mã Tuyên vương rằng:

"Hán triều nghiêng đổ, thiên hạ tan vỡ, hào kiệt chí sĩ, đoạt tranh thần khí. Ngụy thị giữ Trung thổ, Lưu thị chiếm Ích châu, đều xưng binh trong nước, thành bá chủ ở đời. Hai tướng Gia Cát, Tư Mã, ngẫu nhiên gặp thời, thác thân cho minh chúa, hoặc dựng nghiệp với Thục Hán, hoặc thành danh nơi Y, Lạc.⁽¹⁾ Phi, Bị chết rồi, hậu tự kế nối, hai tướng đều chịu mệnh thác cô, phù giúp ấu chúa, chẳng phụ lời hứa trung thành, là tông thần đứng đầu triều đình, là hiền tài phù giúp bá vương vậy. Lấy việc đời trước để xét những việc gần đây, hai tướng hơn kém, có thể nói rõ ra được vậy."

"Khổng Minh dấy lên từ đất Ba, đất Thục, có địa bàn của một châu, so với đại quốc, quân và dân của mình, đại khái chỉ có một phần chín vậy, nhưng đem cống vật đến Đại Ngô, đối kháng nước địch ở phương bắc, đến như việc canh nông tác chiến đều có đội ngũ, hình pháp chỉnh tề, kéo mấy vạn bộ tốt, ruổi dài ở Kỳ Sơn, kháng khái tỏ chí cho ngựa uống nước sông Hà, sông Lạc. Trọng Đạt chiếm cứ đất đai trong thiên hạ rộng gấp mười lần, cậy việc kiêm quản nhiều quân dân, giữ thành vững, nắm quân tinh nhuệ, không có ý bắt địch, chỉ nhằm nhằm tự bảo toàn thôi, khiến Khổng Minh bên kia tự đến tự đi. Nếu người này chẳng chết, tỏ chí đến cùng, nghĩ tính hàng năm, ngày ngày vạch kế, thì lính Lương, Ung không được cời giáp, ngựa Trung Quốc chẳng được tháo yên, cái thế người được kẻ thua, cũng đã quyết định được rồi. Xưa kia Tử Sảm trị nước Trịnh, chư hầu chẳng dám thêm binh,⁽²⁾ Thừa tướng nước Thục cũng gần được như Tử Sảm vậy. So với Tư Mã, chẳng đã hơn rồi sao!"

¹ Vùng châu thổ của sông Y và sông Lạc, là nơi phát tích của các vương triều Trung Hoa cổ đại, người sau nói đến Y, Lạc là chỉ đất Trung Nguyên.

² Tử Sảm, học trò của Khổng tử, làm quan nước Trịnh, giữ chức Chính khanh 21 năm, thực hiện nhiều cải cách khiến nước Trịnh hùng mạnh, chư hầu không dám gây hấn.

"Có người nói, binh giáp là hung khí, chiến tranh là việc nguy, kẻ có nước lại chẳng chuyên tâm giữ yên trong cõi, phủ dụ trăm họ, mà thích mở mang bờ cõi, chinh phạt thiên hạ, đấy chưa phải là kế hay vậy. Gia Cát thừa tướng đích xác là có tài phò tá đế vương, nhưng ở chỗ đất cô lập cách tuyệt, quân sĩ chưa đầy năm vạn, tự mình có thể đóng cửa thủ hiểm, vua tôi vô sự. Vậy mà khiến sư lão lao nhọc, chinh chiến liên miên, chưa lấy thêm được thước tấc đất đai nào, vì mở mang cơ nghiệp đế vương, mà khiến trong nước phải chịu cảnh hoang tàn, phương tây khôn khổ vì phú thuế đao dịch. Tư Mã Ý ở nước Ngụy tài đủ binh nhiều, chưa từng khinh suất, liệu địch mà tiến, có tính cẩn trọng của binh gia; nếu nói rằng Thừa tướng có kế sách hay tất thắng, thì ta chưa thấy được cái công tích hiển nhiên ấy ở đâu, nếu không có kế hay để quyết thắng, thì không phải là lời minh triết, khiến người trong nước đều nghe theo ý ấy, riêng ta trộm thấy nghi hoặc, xin được nghe ngài giải thích."

"Đáp rằng: Nghe nói Thương Thang dựa vào bảy mươi dặm đất, Văn vương dùng trăm dặm đất mà có được thiên hạ, đều là dùng cách chinh phạt mà định được. Nhận vói nhường mà lên ngôi vương, duy có Ngu Thuấn và Đại Vũ mà thôi. Nay Thục, Ngụy là hai nước đôi địch, thế chẳng cùng làm vương, từ thời Tháo, Bị, mạnh yếu khác xa, mà Bị còn xuất binh ra Dương Bình, giết Hạ Hầu Uyên. Vũ vây Tương Dương, sắp bức hàng Tào Nhân, bắt sống Vu Cấm, đương thời ở bắc phương, lớn nhỏ sợ cuống, Mạnh Đức đích thân cầm binh đến Nam Dương, bọn Nhạc Tiến, Từ Hoảng đến cứu viện, vòng vây chưa thể giải được ngay, cho nên Tương Tử Thông nói rằng bấy giờ có người hiền kế dời đô vượt sông về bắc, gặp lúc quốc gia⁽¹⁾ đánh chiếm Nam Quận, Vũ mới giải vây lui quân. Huyền Đức so với Tháo, trí lực hơn kém, sĩ chúng nhiều ít, đạo lý dụng binh hành quân, không thể nói là ngang nhau được, còn vẫn tạm thời thủ thắng, thời ấy lại không có Đại Ngô làm thế ỷ giốc. Nay cái tài của Trọng Đạt, kém hơn Khổng Minh, cái thế lúc bấy giờ, khác với ngày trước, Huyền Đức còn cùng Tháo đôi kháng, thì Khổng Minh có sao chẳng thể ra quân mà giết địch? Xưa kia Nhạc Nghị mang quân của nước Yên yếu kém, kiêm thống binh sĩ của năm nước, ruổi ngựa đánh

¹ Trương Nghiễm là đại quan nước Ngô, quốc gia ở đây là chỉ Đông Ngô vậy.

nước Tề hùng mạnh, hạ hơn bảy mươi thành. Nay binh tốt của Thục Hán, chẳng ít hơn quân của nước Yên, quan hệ quân thần, tin hơn Nhạc Nghị, hơn nữa với quốc gia ta có quan hệ răng môi chi viện, Đông hô Tây ứng, đầu đuôi nối liền, địa thế vững chãi, so với binh của năm nước không khác mấy, sao phải sợ nước địch mà không thể xuất binh? Đại khái cầm binh dùng kế lạ để thắng, chế địch phải dùng trí, đất đai rộng hẹp, quân mã nhiều ít, chưa thể đánh giá thiên lệch vậy. Ta xem cách thức người ấy trị quốc, hình pháp bấy giờ đã rất chỉnh tề, di huấn cho người sau, lời văn khẩn thiết, bày rõ kế tiến thủ, mưu trung ngại ngại, tỏ nghĩa với chúa, dẫu Quán, Án ngày xưa, lấy gì hơn được đây?"

Thục ký chép: Năm Vĩnh Hưng trung thời nhà Tấn, Trần nam tướng quân là Lưu Hoảng đến Long Trung, qua xem nhà cũ của Lượng, dựng bia đá trước cổng làng, lệnh cho Thái phó duệ là Lý Hưng người quận Kiền Vi viết văn bia rằng:

"Thiên tử sai ta, tới Bắc sông Miện, nghe tiếng trống trận mà nhớ mãi, ân trạch của bậc hiền trí xưa để lại, lên núi Long nhìn ra xa, tựa đòn xe cúi mình nơi cố hương Gia Cát."

"Ngài như thần tiên ứng vận, đại khí ai bằng, uyên thâm tích tụ, đức lớn khác thường. Cho nên gió đông giạt thì Sô ngu huyết, mây sấm nổi thì Tiềm lân vọt;⁽¹⁾ Chí ba lần nhận lễ mới cởi áo vải thô,⁽²⁾ Ni được vời thì vén cao xiêm áo,⁽³⁾ Quán báo biến bởi nhận mệnh,⁽⁴⁾ Cống cảm kích

¹ Sô ngu (驄虞) là tên một loài thú trong truyền thuyết, rất khôn ngoan và mạnh mẽ. Tiềm lân (潜鳞) là nói một loài cá lớn thường ẩn mình dưới vực sâu. Hai loài vật này chỉ xuất hiện khi tiết trời thay đổi. Ý nói rằng khi thời thế có biến chuyển thì nhân tài sẽ xuất hiện.

² Chí, tức Y Doãn – Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 109 (Vũ đế kỳ). Tương truyền là vua Thành Thang ba lần đem lễ đến vời Y Doãn mới được Y Doãn tin mà cởi áo vải, chấp nhận làm quan giúp nhà Thương.

³ Ni, tức Khổng tử. Khổng tử được Quý Khang Tử thành thật đón mời đến nước Lỗ giúp chính sự, Khổng tử đứng dậy xốc xiêm áo, lội qua sông, sang nước Lỗ.

⁴ Quán, tức Quán Trọng. Quán Trọng vốn theo hầu Công tử Cù, đối địch với Tề Hoàn công, từng bắn trúng cái đai lưng của Tề Hoàn công, Tề Hoàn sau này lên ngôi vua nước Tề, tha tội và dùng Quán Trọng, Quán Trọng cũng thay đổi, hết lòng phò tá Hoàn công, nước Tề làm bá chủ hầu. Hai chữ "báo biến" là nói sự thay đổi, cũng nói đến sự thăng tiến từ nghèo hèn lên phú quý.

muốn về quê,⁽¹⁾ khác gì Từ sinh chọn ngọc, thả Ngọa long nơi thâm tàng,⁽²⁾ họ Lưu gặp ngài khen lạ, mừng theo chí đạo của ngài. Có bậc quân chủ tri kỷ, thì có lương thần hết lòng, bởi thế mới chia ba ngôi Hán, vượt lãn biên hoang, mới đối địch phương bắc, ruổi ngựa Ngụy cương.”

“Tình anh thay, mình ngài nuốt gọn linh khí đất trời. Há ngài chẳng đáng kính như thần, há ngài chẳng tinh hoa hơn người sao? Sao nghĩ sâu xa vậy, sao đức thanh cao vậy! Ta khác thời chung mộng, hận mình chẳng cùng sinh. Ngẫm bát trận ngài lập, vượt hẳn với Tôn, Ngô, trau dồi kỳ thay, chẳng giống mẫu Công Thâu,⁽³⁾ công hiệu của nỏ thần, sao tinh diệu đến thế! Nghìn giếng sắp chinh tề, bí ảo sao kỳ tuyệt! Xua vào thời Diên, Yêu, còn tên không dấu tích,⁽⁴⁾ có ai như bọn ta, biết kể hay mưu lạ? Tang Văn đã chết rồi, vì lời nói được khen,⁽⁵⁾ lại chưa được như ngài, nói làm đều xứng cả. Di Ngô từ ngoài về, Nhạc Nghị chẳng trọn vẹn,⁽⁶⁾ sao sánh được với ngài, mình triết mà giữ trọn. Nhận mệnh lúc lâm chung, nhún nhường quá Hứa Do,⁽⁷⁾ giúp chúa quản mọi việc, lòng

¹ Cống Vũ (贡禹): Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 79 (Bình truyện).

² Từ sinh, tức Từ Thứ. Dã sử kể là Từ Thứ chia tay Lưu Bị, tiễn cử Khổng Minh nên Lưu Bị mới mời được Khổng Minh. Sự thực không phải như vậy, có lẽ là Lý Hưng khi viết biểu văn này đã viết theo những điều nghe truyền kể.

³ Công Thâu Ban (公输般): Xem chú thích ở tập V, quyển 29, trang 243 (Đỗ Quý truyện) và tập VII, quyển 48, trang 163 (Bình truyện – Lục Cơ: Biện vong luận).

⁴ Thái Diên (太颠), Hoành Yêu (閼天) là hai đại thần phụ tá Chu Văn vương thời Tây Chu. Chu Văn vương bị vua Trụ giam ở Dữu Lý, hai người cùng chúng thần bày kế dâng mỹ nữ và bảo vật cho vua Trụ, cứu được Văn vương. Vào lúc Vũ vương phạt Trụ, Thái Diên và Hoành Yêu đều cầm kiếm hộ vệ Vũ vương. Hai người được người đời ca tụng là hiền thần, nhưng vì không có ai ghi chép công tích nên chỉ còn tên tuổi mà sự tích thất lạc hết.

⁵ Tang Văn Trọng (臧文仲), còn gọi là Tang Tôn Thần, là quan đại phu nước Lỗ, có tiếng là người hiền, tận tụy với chức vụ, có rất nhiều đề xuất có ích với nước Lỗ, lại không cầu nệ lễ thường, được người đương thời kính ngưỡng. Nước Lỗ vào thời Tang Văn Trọng phù tá khá hùng mạnh.

⁶ Di Ngô, tức Quản Trọng (chú đã dẫn), ban đầu thờ Công tử Cù, đối địch với Tề Hoàn công, sau bị bắt, nhờ Bào Thúc Nha khuyên Tề Hoàn công mới được trọng dụng; Nhạc Nghị làm tướng ở nước Yên, có công giúp nước Yên diệt nước Tề, nhưng lại bị vua nước Yên nghi ngờ, phải bỏ nước Yên, trốn sang nước Triệu.

⁷ Hứa Do (許由) là người hiền, được vua Nghiêu truyền ngôi, không nhận, ra suối rửa tai, tỏ ý kiêu, rất thiếu nhún nhường.

dân không tiếng oán. Hình pháp nghiêm như Trịnh, giáo hóa đẹp như Lỗ,⁽¹⁾ Thục dân biết hổ thẹn, người Hà, Vị an cư. Không được như Cao Đào,⁽²⁾ cũng sánh ngang Y Doãn, thà rằng làm Quản, Ân,⁽³⁾ há chịu làm Thánh Tuyên,⁽⁴⁾ để khảng khái thở than!"

"Xưa ngài đi ẩn cư, chọn ở căn nhà này, là chỗ của trí nhân, tròn đầy không giới hạn. Nhật nguyệt chiếu chẳng ngừng, sáng qua thì đêm tới, ai là người chẳng chết, quý ở chỗ lưu danh. Chỉ có công của ngài, mãi truyền lan hậu thế, ta ngâm nga điển cũ, khiến kẻ hèn gặng sức."

"Trải rộng thay! Lan xa thay! Công đức cao vời vợi, bậc trí như ngài, khó hiểu thấu tâm tư. Công trạch lạ khi xưa, giờ trải xa vạn dặm; Nay ta nghĩ đến ngài, mang lễ thăm ngài nơi gò cũ. Hán Cao tổ hồn về quê Phong, Bái,⁽⁵⁾ Thái công sau năm đời mà trở lại từ Chu,⁽⁶⁾ nghĩ hồn linh còn phảng phất, mong hình bóng vẫn còn đây. Hồn ngài có linh, há biết cho chăng?"

Tấn thư của Vương Ân chép: Lý Hưng, là con của Mật, có một tên là An.

---ॐ---

¹ Thời Xuân Thu, nước Trịnh nổi tiếng về hình pháp nghiêm khắc, có lẽ do ảnh hưởng bởi bộ luật của Tử Sản; nước Lỗ nổi tiếng về giáo hóa cao đẹp là do ảnh hưởng lễ giáo từ Khổng tử.

² Cao Đào (皋陶), là đại thần của vua Thuấn, làm quan coi hình pháp, nổi danh thiên hạ, kẻ bất nhân trốn xa. Về sau Cao Đào được vua Hạ Vũ chọn làm người kế nối, nhưng chết sớm, chưa kịp kế vị.

³ Quản Trọng, Ân Anh.

⁴ Thánh Tuyên, tức Khổng tử. Vào thời nhà Hán, Hán Bình đế từng truy thụy cho Khổng tử là "Bao thành Tuyên Ni công."

⁵ Hán Cao tổ người đất Bái.

⁶ Khương Thái công, tức Lã Vọng, được Chu Vũ vương phong đất ở Tề, khi chết táng ở đất của nhà Chu, năm đời sau, con cháu lại đưa về táng ở nước Tề.

QUYỂN THỨ BA MƯƠI SÁU

QUAN, TRƯỞNG, MÃ, HOÀNG, TRIỆU

TRUYỆN

— 38 —

Quan Vũ tự Vân Trường, vốn có tự là Trường Sinh, người quận Hà Đông huyện Giải. Đi trốn đến quận Trác. Tiên chủ ở thôn ấp tụ hợp bộ chúng, Vũ và Phi giúp Bị làm thủ vệ. Tiên chủ làm Bình Nguyên tướng, lấy Vũ, Phi làm Biệt bộ tư mã, chia nhau thống lĩnh bộ khúc. Tiên chủ và hai người ngủ cùng giường, ân tình thân thiết như huynh đệ. Trong lúc mọi người tụ hợp, hai người đứng hầu trọn ngày, lại theo Tiên chủ đi khắp nơi, chẳng tị hiềm gian khổ.① Sau khi Tiên chủ đánh úp Từ châu, giết Thứ sử là Xa Trụ, sai Vũ giữ thành Hạ Bi, tạm coi việc Thái thú,② còn Bị tự quay về huyện Bái.

① *Thực ký* chép: Tào công và Lưu Bị vây Lã Bố ở Hạ Bi, Quan Vũ bầm với Tào công, là Bố sai Tần Nghi Lộc đến xin cứu, rồi xin được lấy vợ của người ấy, Công ưng cho. Lúc phá thành, Vũ lần nữa bầm với Công. Công ngờ người ấy có sắc đẹp, sai đón trước về xem, nhân đó tự giữ lại, Vũ trong lòng tự thấy bất an.

Lời này so với lời mà *Nguy thị Xuân Thu* chép không sai khác.

② *Nguy thư* chép rằng: Lấy Vũ quản việc của Từ châu mục.

Năm Kiến An thứ năm, Tào công đông chinh, Tiên chủ chạy đến chỗ Viên Thiệu, Tào công bắt Vũ đem về, bái làm Thiên tướng quân, lễ ngộ đối đãi rất hậu.

Thiệu phái Đại tướng Nhan Lương đánh Thái thú Đông quận là Lưu Diên ở Bạch Mã, Tào công sai Trương Liêu cùng Vũ làm

tiên phong đánh Nhan. Vũ trông xa thấy xe lọng của Lương, liền xua ngựa xông tới đâm chết Lương giữa vạn quân, chém lấy đầu hắn rồi quay về, chư tướng của Thiệu chẳng ai dám đối địch, vì thế giải vây được Bạch Mã. Tào công lập tức dâng biểu phong Vũ làm Hán Thọ đình hầu.

Lúc trước, Tào công khen Vũ là người dũng tráng, nhưng xét tinh thần của Vũ thấy không có ý lưu lại lâu dài, bèn Trương Liêu rằng:

- Ngài thử lấy tình cảm ước hẹn hỏi hắn.

Không lâu Liêu lấy ý hỏi Vũ, Vũ than rằng:

- Ta rất biết Tào công hậu đãi ta, nhưng ta chịu hậu ân của Lưu tướng quân, thề cùng sống chết, chẳng thể bội lại ông ấy. Ta rút cục không ở lại, nhất định sẽ lập công để báo đáp Tào công rồi mới đi.

Liêu đem lời của Vũ báo với Tào công, Tào công khen nghĩa của Vũ.① Lúc Vũ giết Nhan Lương, Tào công biết Vũ tất bỏ đi, bèn thưởng thêm rất hậu. Vũ gói hết những thứ mà mình được ban, gửi thư cáo từ, rồi chạy đến với Tiên chủ ở chỗ quân Viên. Tả hữu định đuổi theo, Tào công nói:

- Ai nấy đều vì chủ của mình thôi, chớ nên đuổi theo.②

① *Phó tử* chép: Liêu muốn bắu với Thái tổ, sợ Thái tổ giết Vũ, không bắu, thì trái đạo thờ chủ, bèn than rằng:

- Công, là người chủ của ta; Vũ, là anh em thôi.

Bèn báo lại. Thái tổ nói:

- Thờ chủ không quên gốc, là nghĩa sĩ thiên hạ vậy. Khi nào hắn sẽ đi?

Liêu đáp:

- Vũ chịu ân của Công, tất phải lập công báo đáp rồi mới đi vậy.

② Thần Tùng Chi cho rằng Tào công biết Vũ chẳng lưu lại mà trong lòng khen ngợi cái chí của Vũ, lúc Vũ bỏ đi lại không phải

người đuổi theo để thành toàn cho cái nghĩa của Vũ, tự cho rằng mình không có sự độ lượng của bá vương, ai có thể làm được đến thế? Đây thật là cái cao đẹp của Tào công vậy.

Vũ theo Tiên chủ đến chỗ Lưu Biểu. Biểu chết, Tào công định Kinh châu, Tiên chủ từ Phàn Thành sắp xuôi nam vượt sông, biệt phái Vũ lĩnh quân thuyền đem mấy trăm thuyền chiến hẹn gặp nhau ở Giang Lăng. Tào công đuổi đến Đương Dương Trường Bản, Tiên chủ chạy rẽ sang Hán Tân, đúng lúc gặp thuyền của Vũ, liền cùng nhau đến Hạ Khẩu.①

Tôn Quyền phát binh giúp Tiên chủ cự Tào công, Tào công dẫn quân lui về. Tiên chủ thu lấy các quận phía nam sông, bèn phong bá cho những người có công lớn, lấy Vũ làm Thái thú Tương Dương, Đổng khẩu tướng quân, đóng giữ Giang Bắc.

Tiên chủ sang tây định Ích châu, giao cho Vũ đốc trách việc ở Kinh châu. Vũ nghe tin Mã Siêu đến hàng, trước đây vốn không phải là bạn cũ, bèn gửi thư cho Gia Cát Lượng, hỏi Siêu là hạng nhân tài có thể so được với ai. Lượng biết Vũ cao ngạo, bèn đáp thư rằng:

"Mạnh Khôi kiêm tài văn võ, hùng liệt hơn người, là hào kiệt một đời, là hạng người như Kinh Bô, Bành Việt, đáng tranh cao thấp với Ích Đức, còn chưa theo kịp được ông râu dài tuyệt luân siêu quần vậy."

Vũ có bộ râu dài rất đẹp, nên Lượng gọi là ông râu dài. Vũ xem thư rất đắc ý, đem cho tân khách xem.

① *Thực ký chép:* Khi trước, Lưu Bị ở huyện Hứa cùng Tào công đi săn. Trong lúc săn bắn, mọi người tán mát, Vũ khuyên Bị giết Công, Bị không nghe. Khi ở Hạ khẩu, lúc phiêu dạt trên sông, Vũ giận nói:

- Ngày trước trong lúc đi săn, nếu theo lời Vũ này, có lẽ không có cái khốn hôm nay vậy.

Bị nói:

- Bấy giờ ta cũng vì quốc gia mà tiếc hân thôi; nếu quả trời giúp chính đạo, ta sao biết được đây không phải là phúc vận tốt!

Thần Tùng Chi cho rằng sau này Bị cùng bọn Đồng Thừa kết mưu, chỉ vì việc tiết lộ nên chẳng thể thành được thôi, nếu nói là vì quốc gia mà tiếc Tào công, thì việc kia nói thế nào đây! Vũ nếu quả thực có lời khuyên như thế mà Bị không chịu nghe theo, là vì phúc tâm thân thích của Tào công tại đây thực sự rất nhiều, sự tình không có dự liệu trước, không phải là việc có thể tùy tiện mà làm được; Tào tuy có thể giết, thân tất chẳng thoát chết, cho nên tính xét mà dừng, sao nói là tiếc Tào công được! Việc đã qua rồi, cố ý nói thác để tỏ vẻ mình nhã nhặn thôi.

Vũ từng bị trúng tên, bắn xuyên cánh tay trái, về sau vết thương tuy khỏi, nhưng mỗi khi mưa rét, xương cốt vẫn thường đau nhức, thầy thuốc nói:

- Mũi tên có độc, chất độc thấm vào xương cốt, phải mổ cánh tay bị thương, cạo xương trừ độc, rồi sau mới lo ấy mới trừ hẳn được.

Vũ liền đuổi cánh tay sai thầy thuốc mổ ra. Bấy giờ Vũ vừa mời chư tướng uống rượu vừa nói chuyện, huyết trên cánh tay chảy đầm đìa như rót, đầy cả chậu, mà Vũ vẫn cắt thịt uống rượu, cười nói như không.

Năm thứ hai mươi bốn, Tiên chủ làm Hán Trung vương, bái Vũ làm Tiền tướng quân, ban Giả tiết việt. Năm ấy, Vũ thống suất bộ chúng đánh Tào Nhân ở Phàn thành. Tào công phái Vu Cấm trợ giúp Nhân. Mùa thu, có mưa lớn, nước sông Hán mênh mông, bảy cánh quân do Cấm đốc lĩnh đều bị nhấn chìm. Cấm hàng Vũ, Vũ lại chém tướng quân Bàng Đức.

Bọn giặc cướp ở các huyện Lương, Giáp, Lục Hôn từ xa nhận ấn thụ hoặc hiệu phong của Vũ, kết thành bè đảng, uy của Vũ chấn động Hoa Hạ. Tào công nghị bàn dời Hứa Đô để tránh binh tinh nhuệ của Vũ, Tư Mã Tuyên vương và Tào Tể cho

rằng Quan Vũ đặc chí, Tôn Quyền tất không mong muốn vậy. Nên phái người tới khuyên Quyền lên đánh úp phía sau Vũ, hứa cắt đất phía nam Trường Giang để phong cho Quyền, thì vòng vây ở Phàn tự giải được. Tào công nghe theo.

Trước đấy, Quyền phái sứ giả đến tác thành cho con trai mình và con gái Vũ, Vũ chửi mắng nhục mạ sứ giả của Quyền, không đồng ý hôn sự, Quyền cá giận.^① Thêm nữa Thái thú Nam Quận là My Phương ở Giang Lăng, tướng quân Phó Sĩ Nhân đóng ở Công An, vốn hận vì bị Vũ khinh rẻ. Vũ xuất quân, Phương và Nhân cung cấp quân tư trang, không giúp hết sức. Vũ nói "khi quay về sẽ trị tội họ", Phương, Nhân trong lòng đều lo sợ không yên. Vì thế lúc Quyền ngầm dụ hàng Phương, Nhân, bọn họ phái người nghênh đón Quyền. Còn Tào công phái Từ Hoảng cứu Tào Nhân,^② Vũ không hạ được Phàn Thành, dẫn quân lui. Quyền vì thế chiếm Giang Lăng, bắt sống hết vợ con sĩ chúng của Vũ, quân của Vũ bèn tan. Quyền phái tướng đón chặn đánh Vũ, chém Vũ và con của Vũ là Bình ở Lâm Thư.^③

① *Diễn lược* chép: Vũ vây Phàn thành, Quyền phái sứ đến xin trợ chiến, lệnh sai sứ tuyệt đối không được đi nhanh, lại phái Chủ bộ đến báo trước với Vũ. Vũ giận vì Quyền chậm chạp, lại bởi mới bắt được bọn Vu Cấm, bèn mắng:

- Tặc tử dám đùa bọn, ví như hạ xong Phàn Thành, ta chẳng thể diệt mày sao!

Quyền nghe nói, biết Vũ khinh mình, vờ tự tay viết thư để tạ lỗi với Vũ, hứa tự mình dẫn binh đến.

Thần Tùng Chi cho rằng Kinh, Ngô tuy bề ngoài tỏ ý hòa mục, nhưng bên trong nghi ngờ phòng bị lẫn nhau, việc đánh lén Vũ của Quyền, là giấu binh bí mật phát động. Xét *Lã Mông truyện* kể: "Giấu tinh binh trong khoang thuyền, sai bọn áo trắng khua mái chèo, mặc áo thương nhân." Xét lời đấy, thì Vũ chẳng cầu sự giúp đỡ ở Quyền, Quyền tất chẳng nói với Vũ là mình sắp đến. Nếu hứa là sẽ viện trợ, có sao phải giấu kín hình tích của mình vậy?

② *Thực ký chép*: Vũ và Hoảng vốn quý mến nhau, từ xa cùng nói chuyện, chỉ nói các việc sinh hoạt hàng ngày, mà không đề cập gì đến việc quân. Chốc lát, Hoảng xuống ngựa truyền lệnh:

- Ai lấy được đầu Văn Trường, thưởng nghìn cân vàng.

Vũ kinh hãi, hỏi Hoảng rằng:

- Đại huynh, nói vậy là sao?

Hoảng đáp:

- Đây là việc nước thôi.

③ *Thực ký chép*: Quyền phái tướng quân tập kích Vũ, bắt được Vũ cùng con là Bình. Quyền muốn Vũ sống để đổi địch Lưu, Tào, tả hữu nói:

- Kẻ lang sói chẳng nên nuôi, sau tất bị nó hại. Tào công chẳng trừ hấn ngay, tự rước họa lớn, phải bàn chuyện dời đô. Nay há nên cho sống!

Vì thế chém Vũ.

Thần Tùng Chi xét *Ngô thư* nói: Tôn Quyền phái tướng là Phan Chương đón cắt đường chạy của Vũ, Vũ đến bị chém ngay, và lại Lâm Thụ cách Giang Lăng hai ba trăm dặm, há lại không giết Vũ lập tức, còn về nghị bàn việc sống chết của Vũ sao? Lại nói rằng: "Quyền muốn Vũ sống để đổi địch Lưu, Tào", đây là lời không đúng, dùng để bịt miệng bọn trí giả thôi.

Ngô lịch chép: Quyền đưa đầu Vũ đến cho Tào công, dùng lễ chư hầu chôn táng thi hài Vũ.

Về sau truy thụy cho Vũ là Tráng mâu hầu.① Con của Vũ là Hưng nổi tự.

Hưng tự An Quốc, thời trẻ có danh tiếng, Thừa tướng Gia Cát Lượng rất xem trọng. Hai mươi tuổi làm Thị trung, Trung giám quân, được mấy năm thì chết. Con của Hưng là Thống nổi tự, lấy công chúa, làm quan đến chức Hồ bôn Trung lang tướng. Chết, không có con, lấy con vợ lẽ của Hưng là Di nổi tước phong.②

① *Thực ký* chép: Vũ lúc mới xuất quân vây Phàn thành, mộng thấy có đàn lợn cắn vào chân mình, nói với con là Bình rằng:

- Ta nay tuổi đã cao sức suy rồi, đúng là không thể sống mà về!

Giang Biếu truyện chép: Vũ thích *Tả thị truyện*, những chỗ đặc ý đều tụng đọc ngâm nga ra miệng.

② *Thực ký* chép: Con Bàng Đức là Hội, theo Chung, Đặng phạt Thục, Thục bị phá, Hội giết sạch người nhà họ Quan.

Trương Phi tự Ích Đức, người quận Trác, thời trẻ cùng Quan Vũ đều thờ Tiên chủ. Vũ lớn hơn Phi mấy tuổi, Phi nhận là anh. Tiên chủ theo Tào công phá Lã Bố, Phi cùng về huyện Hứa, Tào công bái Phi làm Trung lang tướng.

Tiên chủ bỏ Tào công sang nương nhờ Viên Thiệu, Lưu Biểu. Biểu chết, Tào công tiến vào Kinh châu, Tiên chủ chạy về Giang Nam. Tào công đuổi theo, một ngày một đêm, đuổi kịp ở Đương Dương Tràng Bán. Tiên chủ nghe tin binh của Tào công tràn đến, chạy bỏ cả vợ con, sai Phi đem hai mươi quân kỵ cự phía sau. Phi giữ bên kia sông chặt cầu, trợn mắt cầm ngang ngọn mâu quát rằng:

- Ta là Trương Ích Đức đây, ai dám cùng ta tử chiến!

Địch đều không dám đến gần, vì thế Tiên chủ thoát được.

Tiên chủ định xong các quận phía nam sông, lấy Phi làm Thái thú Nghi Đô, Chinh lỗ tướng quân, phong tước Tân đình hầu, sau chuyển đến Nam Quận.

Tiên chủ tiến vào Ích châu, rồi quay binh lại đánh Lưu Chương, Phi cùng bọn Gia Cát Lượng ngược sông mà lên, chia nhau định các quận huyện. Phi đến Giang Châu, phá tướng của Chương là Nghiêm Nhan làm Thái thú Ba Quận, bắt sống Nhan. Phi mắng Nhan rằng:

- Đại quân đã đến, sao không hàng mà dám chống cự?

Nhan đáp rằng:

- Bọn người vô cớ, xâm đoạt châu của ta, châu ta chỉ có tướng quân roi đầu, không có tướng quân xin hàng vậy.

Phi giận, lệnh cho tả hữu lôi đi chém đầu, Nhan thần sắc bất biến, nói:

- Chém đầu thì chém đầu, sao phải giận dữ thế?

Phi khen ngợi mà tha Nghiêm Nhan, cho dẫn vào đãi làm tân khách.① Các nơi Phi đi qua đều đánh hạ được, cùng Tiên chủ hội ở Thành Đô.

Ích châu đã bình, ban thưởng cho Gia Cát Lượng, Pháp Chính, Trương Phi và Quan Vũ mỗi người năm trăm cân vàng, một nghìn cân bạc, năm vạn tiền, gấm lụa nghìn tấm, những người còn lại đều ban thưởng theo thứ bậc, lấy Phi lĩnh Thái thú Ba Tây.

① *Hoa Dương quốc chí* chép: Lúc trước, Tiên chủ vào Thục, đến Ba Quận, Nhan vỗ bụng than rằng:

- Đây gọi là ngồi một mình ở chốn thâm sơn, thả hổ ra để tự giữ vậy!

Tào công phá Trương Lỗ, lưu Hạ Hầu Uyên, Trương Cáp thủ giữ Hán Xuyên. Cáp đốc chư quân của mình xuống Ba Tây, muốn dời dân của quận ấy về Hán Trung, tiến quân đến Đãng Cừ, Mông Đầu, Đãng Thạch, cùng Phi cự giữ nhau hơn năm mươi ngày. Phi thống suất hơn vạn tinh binh theo đường khác đón quân của Cáp giao chiến, đường núi hẹp, trước sau không cứu ứng được nhau, Phi vì thế phá Cáp. Cáp bỏ ngựa trèo lên núi, cùng hơn chục thủ hạ theo đường hẻm lui chạy, dẫn quân quay về Nam Trịnh, vùng Ba Tây được yên định.

Tiên chủ làm Hán Trung vương, bái Phi làm Hữu tướng quân, ban Giả tiết. Năm Chương Vũ nguyên niên, thăng Phi làm Xa kỵ tướng quân, lĩnh Tư lệ Hiệu úy, tấn phong tước Tây hương hầu, chiếu sách viết:

"Trẫm vâng mệnh trời, kế thống đại nghiệp, trừ tàn dẹp loạn, đức chưa rọi khắp. Giặc cướp tác loạn, dân bị tàn hại, kẻ sĩ nhớ Hán, vườn cỏ ngóng trông. Trẫm rất xót đau, ngồi không yên chiếu, ăn chẳng ngon miệng, chinh quân cáo thệ, thay trời thảo phạt. Vì ngài, trung thành cương nghị, sánh ngang Triệu Hồ, danh vang xa gần, đặc biệt hiển dương, ban chức tước cao, kiêm quản kinh sư. Ngài tuyên thiên uy, dùng đức phủ dụ, dùng hình phạt loạn, để xứng ý trẫm. Kinh Thi chẳng nói, 'Không loạn chẳng gấp, phép nước đứng đầu. Gắng lập công lớn, ban phúc cho người.' Há chẳng nên gắng sức sao!"

Xưa, Phi hùng tráng uy mãnh, chỉ dưới có Quan Vũ, mưu thần nước Ngụy là bọn Trình Dục đều khen Vũ, Phi là sức địch muôn người. Vũ khéo đãi sĩ tốt nhưng kiêu với sĩ đại phu, Phi yêu kính người quân tử nhưng không xót kẻ tiểu nhân. Tiên chủ thường răn Phi rằng:

- Người giết chóc quá mức, lại đánh đập thù hạ mỗi ngày, nhưng vẫn sai họ làm tá hữu, đây là cái đạo chuốc họa vậy.

Phi vẫn không sửa đổi.

Tiên chủ phạt Ngô, Phi đang thống suất hơn vạn người, từ Lãng Trung đến hội sư tại Giang châu. Lúc sắp tiến phát, thù hạ dưới trướng của Phi là Trương Đạt, Phạm Cương giết Phi, cầm thủ cấp, thuận dòng xuôi sông đến hàng với Tôn Quyền. Đô đốc trong doanh của Phi dâng biểu báo lên Tiên chủ, Tiên chủ nghe tin Đô đốc của Phi đưa biểu đến, nói:

- Ôi! Phi chết rồi.

Sau này Phi được truy thụy là Hoàn hầu.

Con trưởng của Phi là Bao, chết sớm. Con thứ của Phi là Thiệu nối tự, làm quan đến Thị trung, Thượng thư bộc xạ. Con của Bao là Tuân làm Thượng thư, theo Gia Cát Chiêm đến Miên Trúc, giao chiến với Đặng Ngải, bị chết.

Mã Siêu tự Mạnh Khởi, người quận (Hữu) Phù Phong huyện Mậu Lăng. Cha của Siêu là Đằng, cuối thời Linh đế cùng bọn Biên Chương, Hàn Toại đều khởi sự ở tây châu.

Năm Sơ Bình thứ ba, Toại, Đằng thống suất bộ chúng đến Trường An. Hán triều lấy Toại làm Trấn tây tướng quân, phái về giữ quận Kim Thành, Đằng làm Chinh tây tướng quân, phái đóng quân ở huyện My. Về sau Đằng đánh úp Trường An, thua chạy, lui về Lương châu. Tư lệ Hiệu úy là Chung Do trấn Quan Trung đưa thư cho Đằng, Toại, giúp bày kế họa phúc. Đằng phái Siêu theo Do đánh dẹp Quách Viên, Cao Cán ở Bình Dương, tướng của Siêu là Bàng Đức đích thân chém đầu Viên. Về sau Đằng và Hàn Toại bất hòa, xin về kinh sư. Vì thế triều đình triệu Đằng làm Vệ úy, lấy Siêu làm Thiên tướng quân, phong làm Đô đình hầu, lĩnh bộ khúc của Đằng.^①

① *Diễn lược* chép: Đằng tự Thọ Thành, là hậu duệ của Mã Viện. Thời Hoàn đế, cha của Đằng tự Tử Thạc, từng làm Lan kiên úy của quận Thiên Thủy. Sau mất chức, nhân đó lưu lại Lũng Tây, ở lẫn với rợ Khương. Nhà nghèo không có vợ, bèn lấy con gái rợ Khương, sinh ra Đằng.

Đằng thời trẻ nghèo không có sản nghiệp gì, thường vào núi Chương đốn củi, vác đến bán ở chợ thành, tự nuôi mình.

Đằng mình cao hơn tám thước, thân thể to lớn, sống mũi rất cao, nhưng tính tình hiền hậu, nhiều người kính trọng Đằng. Cuối thời Linh đế, Thứ sử Lương châu là Cảnh Bì tin dùng gian quan, dân trong vùng cùng người rợ tộc Đê, Khương phản loạn. Châu quận chiêu mộ những người có sức khỏe trong dân, muốn đánh dẹp chúng, Đằng ở trong số ứng mộ ấy. Châu quận cho rằng Đằng có tài lạ, tạm cho làm Quân tòng sự, quản lĩnh bộ chúng. Vì đánh giặc có công, Đằng được bái làm Quân tư mã, sau vì có công thắng làm Thiên tướng quân, lại thăng làm Chinh tây tướng quân, thường đóng quân ở vùng Khiên, Lũng. Năm Sơ Bình trung, bái làm Chinh đông tướng quân.

Thời ấy Tây châu thiếu lương, Đằng tự dâng biểu nói rằng quân dân rất thiếu thốn, xin được cấp lương ở kho Trì Dương, vì thế dời trại đến đê Trường Bình. Nhưng tướng lĩnh ở đấy là bọn Vương Thừa sợ Đằng làm hại mình, bèn đánh doanh quân của Đằng. Bấy giờ Đằng ra ngoài không phòng bị, vì thế thua chạy đến Tây Thượng. Gặp lúc Tam Phụ loạn, Đằng không quay lại phía đông nữa, mà cùng Trần tây tướng quân là Hàn Toại kết làm anh em khác họ, ban đầu rất thân nhau, sau vì bộ khúc thâm phạm đánh lẫn nhau, lại thành thù địch. Đằng đánh Toại, Toại chạy, hợp bộ chúng quay về đánh Đằng, giết vợ con của Đằng, giao binh liên miên không hòa.

Năm Kiến An sơ, cương kỷ của quốc gia bê trễ, thiên hạ loạn, triều đình bèn sai Tư lệ Hiệu úy là Chung Do, Lương châu mục là Vi Doan hòa giải hai người, triệu Đằng về đóng quân ở Hòe Lý, chuyển bá làm Tiền tướng quân, ban giả tiết, phong làm Hòe Lý hầu. Đằng phía bắc phòng Hồ khấu, phía đông chặn Bạch ky, đãi kẻ sĩ tiến người hiền, thương cứu mệnh dân, dân chúng ở Tam Phụ rất yêu mến Đằng. Năm thứ mười ba, triều đình triệu Đằng về làm Vệ úy, Đằng tự thấy mình tuổi cao, bèn về làm Túc vệ.

Trước đấy, Tào công làm Thừa tướng, cho vò con trưởng của Đằng là Siêu, Siêu không đến. Siêu về sau làm Tư lệ Hiệu úy Đốc quân tòng sự, đánh dẹp Quách Viên, bị tên bắn trúng, bèn dùng túi vải lớn bao chân lại mà chiến đấu, phá giặc chém đầu Viên. Để hạ chiếu bá Siêu làm Thứ sử Từ châu, sau bá làm Giám nghị đại phu. Lúc Đằng về triều, triều đình nhân đấy hạ chiếu bá Siêu làm Thiên tướng quân, sai lĩnh quân doanh của Đằng. Lại bá em của Siêu là Hưu làm Phụng xa đô úy, em của Hưu là Thiết làm Kỵ đô úy, dời hết gia thuộc của họ đến huyện Nghiệp, duy có mình Siêu lưu lại Lũng Tây.

Siêu đã thống quản bộ chúng, bèn liên hợp với Hàn Toại, cùng bọn Dương Thu, Lý Kham, Thành Nghi câu kết với nhau, tiến quân đến Đồng Quan. Tào công và Toại, Siêu một mình một ngựa gặp mặt nói chuyện, Siêu cậy khỏe, muốn ngầm xông ra

bắt giữ Tào công trước trận, tướng tả hữu của Tào công là Hứa Trừ nổi giận quắc mắt lườm, Siêu không dám động. Tào công dùng mưu của Giả Hủ, ly gián Siêu, Toại, khiến hai người ngờ vực lẫn nhau, vì thế thua quân đại bại.^① Siêu trốn đến chỗ rợ Nhung, Tào công đuổi đến An Định, gặp lúc phương bắc có việc, bèn dẫn quân quay về đông.

Dương Phụ thuyết Tào công rằng:

- Siêu có cái dũng của Hàn Tín, Kinh Bối, rất được lòng người Khương, Hồ. Nếu đại quân quay về, không phòng bị hấn cần mật, quốc gia sẽ không có các quận của Lũng Thượng nữa vậy.

Quả nhiên Siêu thống suất các bộ lạc người Nhung đánh các quận huyện của Lũng Thượng, các quận huyện Lũng Thượng đều hưởng ứng Siêu, giết Thứ sử Lương châu là Vi Khang, chiếm Ký thành, thu bộ chúng của Khang. Siêu tự xưng là Chinh tây tướng quân, lĩnh Tinh châu mục, đốc việc quân ở Lương châu. Quan lại cũ của Khang là bọn Dương Phụ, Khương Tự, Lương Khoan, Triệu Cù, cùng bàn mưu đánh Siêu. Phụ và Tự khởi sự ở Lỗ Thành, Siêu ra đánh chúng, không hạ được; Khoan và Cù đóng cửa Ký thành, Siêu không vào được. Tiến thoái lưỡng nan, bèn chạy đến Hán Trung nương nhờ Trương Lỗ. Lỗ chẳng đủ để giúp đại sự, Siêu trong lòng u uất, nghe tin Tiên chủ vây Lưu Chương ở Thành Đô, bèn gửi mật thư xin đến hàng.^②

① *Sơn Dương công tái ký* chép: Khi trước, quân của Tào công tại Bồ Phán, muốn vượt sông sang tây, Siêu bảo Hàn Toại rằng:

- Nên ở bắc sông Vị cự hấn, chẳng quá hai mươi ngày, quận Hà Đông hết lương, bên kia tất chạy thôi.

Toại nói:

- Kệ cho chúng qua sông, chặn đánh ở giữa dòng, chẳng khoái hơn sao?

Kế của Siêu không được thi hành. Tào công nghe chuyện, nói:

- Thằng nhóc họ Mã chẳng chết, ta không có đất mà chôn thầy vậy.

② *Diễn lược* chép: Năm Kiến An thứ mười sáu, Siêu cùng chư tướng ở Quan Trung là bọn Hâu Tuyền, Trình Ngân, Lý Kham, Trương Hoàn, Lương Hưng, Thành Nghi, Mã Ngạc, Dương Thu, Hàn Toại, cả thầy mười bộ, đều phản, bộ chúng của bọn ấy có chục vạn, cùng chiếm Hoàng Hà, Đồng Quan, dựng trại lũy thành hàng dài. Năm ấy, Tào công tây chinh, cùng bọn Siêu giao chiến ở chỗ giao nhau của hai sông Hà, Vị, bọn Siêu thua chạy. Siêu đến An Định, Toại chạy về Lương châu. Để hạ chiếu sai bắt giết hết gia thuộc của Siêu. Siêu lại thua võ ở Lũng Thượng. Sau chạy vào Hán Trung, Trương Lỗ lấy làm Đô giảng Tế tửu, muốn đem con gái gả cho Siêu, có kẻ can Lỗ rằng:

- Người chẳng biết yêu người thân của mình như thế, sao có thể yêu mến người khác được?

Lỗ bèn thôi.

Khi trước, lúc Siêu chưa làm phản, em người thiếp của Siêu là Chung lưu lại Tam Phụ, lúc Siêu bại, Chung chạy vào Hán Trung trước. Sớm mừng một tết, Chung chúc thọ Siêu, Siêu đấm ngực thổ huyết nói:

- Dưới cửa nhà ta trăm khẩu, một sớm chết cả, nay chỉ hai ta chúc nhau sao?

Về sau Siêu mấy lần tới gặp Lỗ xin binh, muốn về bắc lấy lại Lương châu, Lỗ phảì đi, không có kết quả. Thêm nữa tướng của Lỗ là bọn Dương Bách muốn hại tài năng của Siêu, Siêu bèn từ quận Vũ Đô bỏ trốn vào giữa vùng người Đê, rồi chuyển qua hàng Thục. Năm ấy là năm Kiến An thứ mười chín vậy.

Tiên chủ phảì người nghênh đón Siêu, Siêu đem binh thẳng đến dưới thành. Người trong thành khiếp sợ, Chương lập tức xin hàng, ① Tiên chủ lấy Siêu làm Bình tây tướng quân, đốc

Lâm Thụ, nhân đó phong lại tước lúc trước của Siêu là Đô đình hầu.^②

Tiên chủ làm Hán Trung vương, bái Siêu làm Tả tướng quân, ban Giả tiết.

Năm Chương Vũ nguyên niên, Tiên chủ thăng Siêu làm Phiêu kỵ tướng quân, lĩnh Lương châu mục, tấn phong tước Uy hương hầu, hạ chiếu sách rằng:

"Trẫm vốn bất đức, trộm kế chí tôn, phụng thừa tông miếu. Cha con Tào Tháo, tội chất hai đời, trẫm rất xa xót, một óc đau lòng. Hải nội oán giận, theo nghĩa về gốc, Đê, Khương quy phục, người Huân mến nghĩa. Vì ngài, tín rõ cõi bắc, uy vũ chói ngời, vì thế, ủy thác cho ngài, nêu cao uy hổ, kiêm thống vạn dặm, cứu khổ muôn dân. Mong ngài, tuyên rộng đức hóa, phủ dụ xa gần, thường phạt thân trọng, vì Hán tác phúc, để xứng với kỳ vọng của người trong thiên hạ."

Hai năm sau Siêu chết, năm ấy bốn mươi tuổi. Lúc sắp chết, dâng sớ rằng:

"Họ hàng trong cửa nhà thần hơn hai trăm mạng, cơ hồ bị Mạnh Đức giết sạch, duy có người em họ là Đại, đang là người kế nối huyết thống thừa tự, xin ký thác nơi bề hạ, nói nữa cũng chẳng hết lời."

Siêu được truy thụy là Uy hầu, con của Siêu là Thừa nối tự.

Đại ngôi vị đến chức Bình bắc tướng quân, tước Trần Thương hầu. Con gái của Siêu gả cho An Bình vương là Lưu Lý.^③

① *Diễn lược chép:* Bị nghe tin Siêu đến, mừng nói:

- Ta có được Ích châu vậy.

Bèn sai người ngăn Siêu lại, rồi ngầm đem binh cấp cho Siêu. Siêu đến nơi, lại lệnh dẫn quân tới đóng ở phía bắc thành, Siêu đến chưa đầy một tuần mà Thành Đô vỡ lở.

② *Sơn Dương công tái ký chép:* Siêu nhân thấy Bị hậu đãi mình, khi nói chuyện với Bị, thường hô tên tự của Bị, Quan Vũ giận, đòi giết Siêu. Bị nói:

- Người ta cùng đường đến theo ta, bọn người giận vì người ta gọi tên tự của ta mà đòi giết, lấy gì để tỏ nghĩa với thiên hạ đây!

Trương Phi nói:

- Như thế, phải tỏ lễ cho hẳn biết.

Hôm sau đại hội, mời Siêu vào, Vũ, Phi cùng cầm đao kích đứng nghiêm kính cẩn, Siêu nhìn quanh trên chiếu, không thấy Phi, Vũ đâu, chợt thấy hai người đứng thẳng, bèn cả kinh, vì thế không dám gọi tên tự của Bị lần nào nữa. Hôm sau than rằng:

- Ta nay biết được cái lý do khiến mình thua bại. Vì gọi tên tự của bậc nhân chủ, mà suýt bị Quan Vũ, Trương Phi giết chết.

Từ đấy về sau rất tôn kính Bị.

Thần Tùng Chi xét cho rằng Siêu vì cùng đường quy hàng Bị, vâng nhận tước vị, sao dám ngạo mạn gọi tên tự của Bị? Và lại Bị vào Thục, lưu Quan Vũ trấn Kinh châu, Vũ chưa từng ở tại Ích châu vậy. Cho nên Vũ nghe tin Mã Siêu quy hàng, gửi thư hỏi Gia Cát Lượng rằng: "Siêu là hạng nhân tài có thể so được với ai", không đúng như ghi chép ở chỗ này. Vũ sao có thể cùng Phi đứng nghiêm kính cẩn đây? Phàm là người khi hành sự, đều tự biết cái nên làm, biết cái không nên làm, thì chẳng làm việc đó vậy. Siêu nếu quả có gọi tên tự của Bị, vì Siêu cho rằng về lý là thích hợp. Tới như việc Vũ xin giết Siêu, Siêu không nghe biết, chỉ thấy hai người đứng nghiêm kính cẩn, sao biết ngay được cái nguyên cớ là vì mình gọi tên tự của Bị, rồi nói là suýt bị Quan, Trương giết nhỉ? Nói chẳng có đạo lý, thật khiến người ta phẫn hận vậy. Các việc mà bọn Viên Diệp, Nhạc Tư ghi chép, đây rầy uế tạp hoang đường, đại loại là như thế, ngờ rằng lược bỏ chẳng thể hết được vậy.

③ *Diễn lược* chép: Lúc trước Siêu mới vào Thục, vợ lẽ của Siêu là Đồng và con là Thu, lưu lại nhờ Trương Lỗ. Lỗ thua bại, Tào công bắt được họ, đem Đồng ban cho Diêm Phổ, đem Thu giao cho Lỗ, Lỗ tự tay giết Thu.

Hoàng Trung tự Hán Thăng, người quận Nam Dương. Kinh châu mục Lưu Biểu lấy làm Trung lang tướng, cùng cháu họ của Biểu là Bàn trấn thủ huyện Du thuộc Trường Sa.

Tào công chiếm được Kinh châu, Trung tạm giữ chức Bì tướng quân, vẫn ở nhiệm sở cũ, thuộc quyền quản chế của Thái thú Trường Sa là Hàn Huyền.

Tiên chủ xuôi nam định các quận, Trung bèn quy hàng, theo Tiên chủ vào Thục. Từ Gia Manh nhận mệnh, quay về đánh Lưu Chương, Trung thường xông pha hãm trận, dũng mãnh cứng cỏi trùm ba quân. Ích châu đã định, bái Trung làm Thảo lộ tướng quân.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Trung ở núi Định Quân thuộc Hán Trung tiến đánh Hạ Hầu Uyên, bộ chúng của Uyên rất tinh nhuệ, Trung xông pha tiến lên, khích lệ sĩ tốt, gõ trống vang trời, hò reo động cốc, một trận chém Uyên, quân Uyên vì thế đại bại. Trung được thăng làm Chinh tây tướng quân. Năm ấy, Tiên chủ làm Hán Trung vương, muốn dùng Trung làm Hậu tướng quân, Gia Cát Lượng khuyên Tiên chủ rằng:

- Danh tiếng của Trung, vốn không cùng bậc với Quan, Mã vậy. Nay xếp họ cùng hàng, Mã, Trương ở gần, tự thấy cái công của Trung, còn có thể giải thích; Quan Vũ ở xa chỉ nghe tin, e rằng chẳng hài lòng, há chẳng phải là không nên sao!

Tiên chủ nói:

- Ta tự sẽ có cách giải thích với Vũ.

Bèn cho Trung với Vũ cùng chức vị, ban tước Quan nội hầu. Năm sau Trung chết, được truy thụy là Cương hầu.

Con của Trung là Tự, chết sớm, không người nối dõi.

Triệu Vân tự Tử Long, người quận Thường Sơn huyện Chân Định. Lúc trước quy thuộc Công Tôn Toàn, Toàn phái Tiên chủ giúp Điền Khải cự Viên Thiệu, Vân liền đi theo, giúp Tiên chủ thống lĩnh quân kỵ.① Lúc Tiên chủ bị Tào công truy đuổi ở Đương Dương Trường Bản, bỏ vợ con chạy về nam, Vân tự mình ôm con nhỏ, tức Hậu chủ vậy, bảo hộ Cam phu nhân, là mẹ của Hậu chủ, đều được thoát nạn. Vân được thăng làm Nha môn tướng quân. Tiên chủ vào Thục, Vân ở lại Kinh châu.②

① *Vân biệt truyện* chép: Vân mình cao tám thước, tư nhan hùng vĩ, được bản quận suy cử, đem quân nghĩa tông⁽¹⁾ đến chỗ Công Tôn Toàn. Bấy giờ Viên Thiệu tự xưng là Ký châu mục, Toàn rất lo người trong châu theo Thiệu, vừa khéo Vân đến trợ giúp, Toàn đùa Vân rằng:

- Nghe nói người của quý châu đều nguyện theo họ Viên, sao một mình ngài chuyển ý, là mê lầm mà tỉnh lại chăng?

Vân đáp rằng:

- Thiên hạ nhiễu loạn, chưa biết ai là phải, dân chúng có mối nguy treo ngược, bị châu nghị luận, theo về bậc nhân chính⁽²⁾ sở tại, chẳng phải vì xa lánh Viên công mà thân gần mình tướng quân vậy.

Bèn cùng Toàn đi đánh dẹp.

Thời ấy Tiên chủ cũng thác thân ở chỗ Toàn, thường giao tiếp với Vân, Vân ngầm có ý giao kết gửi thân. Vân vì có tang anh, cáo biệt Toàn tạm về quê, Tiên chủ biết Vân không quay lại, nắm chặt tay Vân mà từ biệt, Vân từ tạ rằng:

- Vân nhất định chẳng quên ân đức của ngài.

¹ Quân nghĩa tông là quân dấy vì nghĩa.

² Nhân chính là một chủ trương của Nho gia, cho rằng người thống trị thì lấy sự khoan hậu để đối đãi với dân, bày ân huệ, tranh thủ dân tâm. Về sau chuyển thành cách gọi chung để chỉ quan lại địa phương. Bậc nhân chính mà Triệu Vân nói ở đây chính là chỉ vào quan lại sở tại vậy.

Tiên chủ tới chỗ Viên Thiệu, Vân gặp ở huyện Nghiệp. Tiên chủ cùng Vân ngủ chung giường, mật phái Vân chiêu mộ được mấy trăm người, đều xưng là bộ khúc của Lưu Tả tướng quân, Thiệu không biết được. Về sau Vân theo Tiên chủ đến Kinh châu.

② *Vân biệt truyện* chép: Lúc trước, Tiên chủ thua bại, có người nói Vân đã bỏ về bắc, Tiên chủ trở tay vào người ấy nói:

- Từ Long chẳng bỏ ta mà chạy vậy.

Chốc lát, Vân đến nơi.

Vân theo đi bình các quận ở phía nam sông, Tiên chủ lấy Vân làm Thiên tướng quân, lĩnh Thái thú Quế Dương, thay Triệu Phạm. Phạm có người chị dâu góa chồng là Phàn thị, là hạng quốc sắc, Phạm muốn gả cho Vân. Vân chối rằng:

- Ta và ngài vốn cùng họ, anh ngài cũng là anh ta.

Cổ từ không nhận.

Bấy giờ có người khuyên Vân thu nạp Phàn thị, Vân nói:

- Phạm bị bức hàng thôi, tâm địa chưa thể biết được; con gái trong thiên hạ không thiếu.

Bèn không lấy. Phạm quả nhiên trốn chạy, Vân không hề để tâm.

Trước đây, Vân cùng Hạ Hầu Đôn giao chiến ở Bắc Vọng, bắt sống Hạ Hầu Lan. Lan với Vân vốn là người cùng làng, lúc nhỏ có biết nhau, Vân bầm với Tiên chủ cho Lan sống, giới thiệu là Lan hiểu rõ về pháp luật, dùng làm Quân chính. Vân không bỏ rơi người thân gần, tính toán các việc cẩn thận đại loại như thế.

Tiên chủ vào Ích châu, Vân lĩnh chức Lưu doanh tư mã. Thời ấy Tôn phu nhân của Tiên chủ vì là em gái của Quyền nên rất kiêu căng ngang ngược, nhiều lần đem quan binh Đông Ngô tung hoành không theo phép tắc. Tiên chủ thấy Vân nghiêm nghị cẩn trọng, tất nắn sửa được, đặc biệt dùng làm người chưởng quản nội sự. Quyền nghe tin Bị tây chinh, phái nhiều người mang thuyền lớn đón em gái về, nhưng phu nhân một lòng muốn đem Hậu chủ về Ngô, Vân và Trương Phi giăng binh chẹn sông, mới đem được Hậu chủ về.

Tiên chủ từ Gia Manh quay về đánh Lưu Chương, triệu Gia Cát Lượng. Lượng thống suất bọn Vân và Trương Phi ngược sông lên hướng tây, bình định quận huyện đi qua. Đến Giang châu, phân phái Vân theo nhánh sông ngược lên Giang Dương, cùng Lượng hội sư ở Thành Đô. Thành Đô đã định, lấy Vân làm Dục quân tướng quân.^①

Năm Kiến Hưng nguyên niên, Vân làm trung hộ quân, Chinh nam tướng quân, phong tước Vĩnh Xương đình hầu, rồi thăng làm Trấn đông tướng quân.

Năm thứ năm, theo Gia Cát Lượng đóng ở Hán Trung. Năm sau, Lượng xuất quân, đánh tiếng là theo lối Tà Cốc đạo, Tào Chân phái đại quân đón chặn. Lượng lệnh cho Vân và Đặng Chi qua chống cự, còn tự mình đánh Kỳ Sơn. Vân, Chi binh yếu địch mạnh, thất lợi ở Cơ Cốc, vẫn tự chúng cố thủ, không đến nổi đại bại. Quân lui, bị biếm thành Trấn quân tướng quân.^②

① *Vân biệt truyện* chép: Ích châu đã định, bấy giờ kẻ bàn luận muốn lấy nhà cửa ở Thành Đô cùng ruộng vườn, đất canh nông ở ngoại thành ban cho chư tướng.

Vân bác rằng:

- Hoắc Khứ Bệnh vì Hung Nô chưa diệt, không chịu dựng nhà, nay quốc tặc không phải chỉ như Hung Nô, chưa thể cầu an vậy. Đợi khi thiên hạ yên định hết, mọi người đều về quê cha đất tổ, cày cấy ruộng cũ, mới nên làm việc ấy thôi. Dân chúng Ích châu vừa mắc nạn binh đao, nhà cửa ruộng vườn đều nên trả lại, khiến dân chúng an cư phục nghiệp, sau này mới có thể điều dụng, được như thế dân sẽ vui mừng.

Tiên chủ lập tức theo lời.

Hạ Hầu Uyên thua bại, Tào công tranh đất Hán Trung, vận lương dưới núi Bắc Sơn, mấy nghìn vạn斛, Hoàng Trung cho rằng có thể đoạt lấy, binh của Vân theo Trung đi lấy lương. Trung quá hèn không về, Vân đem theo mấy chục quân kỵ mang đồ nhẹ ra

khởi lũy, nghênh đón bọn Trung. Đúng lúc Tào công cất đại quân xuất kích, Vân bị quân tiên phong của Công tập kích, đang đánh, đại quân của Công đến, hình thế nguy bức, bèn đột phá trước trận, vừa đánh vừa lui. Quân của Công thua bại, bèn hợp lại, Vân đánh tan địch, lại xông vào vòng vây. Tướng quân Trương Trứ bị thương, Vân lại ruổi ngựa quay vào đón Trứ. Quân của Công đuổi đến vây lũy, lúc ấy Trường quan Trương Dực người Miện Dương ở trong lũy của Vân, Dực muốn đóng cửa cự giữ, nhưng Vân vào doanh, lại mở toang cổng, hạ cờ im trống. Công ngỡ Vân có phục binh, dẫn quân lui. Vân thúc trống vang trời, chỉ dùng cung nỏ ở phía sau bắn vào quân của Công, quân của Công kinh hãi, tự giẫm đạp lên nhau, rơi xuống sông Hán Thủy chết rất nhiều. Hôm sau Tiên chủ tự đến doanh lũy của Vân xem kỹ nơi chiến địa hôm trước, nói:

- Tử Long một thân toàn là đảm vậy.

Rồi bày nhạc uống rượu đến đêm, trong quân gọi Vân là Hổ uy tướng quân.

Tôn Quyền đánh úp Kinh châu, Tiên chủ cả giận, muốn đánh Quyền. Vân can rằng:

- Quốc tặc là Tào Tháo, không phải Tôn Quyền vậy, vả lại diệt Ngụy trước, thì Ngô tự phục. Tháo dẫu chết, con hấn là Phi làm việc soán đoạt, nên ứng lòng người, sớm đồ Quan Trung, chiếm thượng lưu sông Hà, Vị để đánh dẹp hung nghịch, nghĩa sĩ ở Quan Đông tất gói lương xua ngựa nghênh đón vương sư. Chẳng nên bỏ Ngụy, cùng Ngô tranh chiến; binh thế giao tranh, chẳng dứt ngay được.

Tiên chủ không nghe, bèn đông chinh, lưu Vân đốc Giang Châu.

Tiên chủ thất lợi ở huyện Tỳ Quy, Vân tiến binh đến Vĩnh An, nhưng quân Ngô đã lui về.

② *Vân biệt truyện* chép: Lượng nói:

- Quân ở Nhai Đình lui, binh tướng chẳng thể thu thập, quân ở Cơ Cốc lui, binh tướng không thất lạc nhau, sao vậy?

Chi đáp rằng:

- Vân tự thân đi đoạn hậu, quân trang vật dụng, không bỏ sót gì, binh tướng không duyên có gì lạc nhau được.

Vân có quân trang và vài lụa thừa, Lượng sai chia thưởng cho tướng sĩ, Vân nói:

- Việc quân không lợi, vì sao ban thưởng? Xin đưa hết vào phủ kho ở Xích Ngạn, đợi đến tháng mười giữa đông ban thưởng.

Lượng rất tán đồng.

Năm thứ bảy Vân chết, truy thụy là Thuận Bình hầu.

Khi trước, thời Tiên chủ, duy có mình Pháp Chính được đặt thụy; thời Hậu chủ, Gia Cát Lượng công đức cái thế, Tường Uyển, Phí Y gánh trọng trách quốc gia, cũng được đặt thụy; Trần Chi là người được Hậu chủ sủng đãi, cho tướng lệ đặc biệt, Hạ Hầu Bá từ xa đến hàng, cho nên hai người được đặt thụy; vì thế lúc Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Bàng Thống, Hoàng Trung và Vân được truy thụy, người đương thời bàn luận cho là vinh.^①

Con trưởng của Vân là Thống nối tự, làm quan đến chức Hồ bôn trung lang, Đốc hành lĩnh quân. Con thứ của Vân là Quảng, làm Nha môn tướng, theo Khương Duy ra Đạp Trung, chết khi lâm trận.

① *Vân biệt truyện* chép chiếu của Hậu chủ rằng:

"Vân năm xưa theo Tiên đế, công tích đã rõ. Trẫm lúc nhỏ dại, bước đường gian truân, cậy ngài trung thuận, vượt nổi nguy nan. Truy thụy là để định rõ công to vậy, ngoại đình hãy nghị bàn đặt thụy thích hợp cho Vân."

Bọn Đại tướng quân Khương Duy nghị bàn, cho là Vân năm xưa theo Tiên đế, huân lao rõ rệt, sửa sang thiên hạ, tuân thủ pháp độ, công ghi vào sách. Chiến dịch Đương Dương, nghĩa xuyên vàng đá, trung để giữ trên, vua nhớ thưởng công, lễ để đãi dưới, tôi quên cái chết. Người chết nếu biết, đủ để không mục; người sống

cảm ân, đủ để quên thân. Cần xét "Thụy pháp"⁽¹⁾, nhân hòa hiền đạt, từ ái có ân, là Thuận, giữ việc công bằng, có lý có tình, là Bình, khắc địch chế thắng, bình loạn dẹp họa, là Bình, ứng phép thụy cho Vân là Thuận Bình hầu.

Bình rằng: Quan Vũ, Trương Phi đều xứng sức địch vạn người, là hổ thần của một thời. Vũ hết sức báo đáp Tào công, Phi vì đại nghĩa thả Nghiêm Nhan, đều có phong thái của bậc quốc sĩ. Nhưng Vũ cứng rắn mà kiêu căng, Phi nóng nảy mà vô ân, đều vì sở đoan mà rước họa, đấy là cái lẽ thường tình vậy. Mã Siêu cậy dựa rợ Nhung, tự phụ vào cái dũng của mình, gia tộc gần như bị diệt, tiếc thay! Nhưng vì cùng quần mà đến được chỗ hanh thông, chẳng cũng tốt sao? Hoàng Trung, Triệu Vân cường tráng dũng mãnh, hai người đều là bầy tôi nanh vuốt, họ là lũ Quán, Đàng⁽²⁾ đấy ư?

---ॐ---

¹ Thụy pháp, tức phép đặt thụy.

² Tức Quán Anh và Hạ Hầu Anh (Đằng công), đây là hai hai võ tướng, công thần nổi tiếng của Hán Cao tổ Lưu Bang.

QUYỂN THỨ BA MƯƠI BẢY

BÀNG THỐNG, PHÁP CHÍNH TRUYỆN



Bàng Thống tự Sĩ Nguyên, người quận Tương Dương.

Thống thừa nhỏ chất phác đần độn, chẳng ai cho là người có tài cán. Tư Mã Huy người quận Dĩnh Xuyên là hạng thanh nhã biết xét người, lúc Thống hai mươi tuổi qua gặp Huy, Huy hái dâu ở trên cây, Thống ngồi ở dưới gốc, cùng nói chuyện từ sáng đến tối. Huy rất lấy làm lạ, khen Thống là kẻ sĩ hàng đầu ở Nam Châu lúc bấy giờ, bởi thể tiếng của Thống dần nổi.① Sau đấy quận lệnh lấy Thống làm Công tào.

Bản tính Thống thích đạo nhân luân, siêng bồi dưỡng nhân tài. Thường kể khen người, nhiều khi vượt quá cái tài của họ, người đương thời lấy làm lạ mà hỏi lý do, Thống đáp rằng:

- Hiện nay thiên hạ đại loạn, chính đạo băng lở, người tốt ít mà kẻ ác nhiều. Ta muốn chấn hưng phong tục, thúc đẩy đạo nghiệp, nếu chẳng biểu dương cái tốt của người thì thanh danh của họ chưa đủ để người ta ngưỡng vọng, chưa đủ ngưỡng vọng thì điều thiện sẽ ít vậy. Nay ta đề bạt mười điều mà nói quá năm điều, còn được một nửa, vẫn có thể dùng để đề cao giáo hóa ở đời, khiến kẻ có chí tự cố gắng, cũng chẳng nên sao?

Tướng Ngô là Chu Du giúp Tiên chủ lấy Kinh châu, nhân đó lĩnh chức Thái thú Nam Quận. Du chết, Thống đưa tang đến quận Ngô, người Ngô đa phần đều nghe danh tiếng của Thống. Lúc

Thống sắp quay lại phía tây, mọi người cùng hội tại Xương Môn, Lục Tích, Cố Thiệu, Toàn Tông đều đến. Thống nói:

- Lục tử có thể gọi là ngựa hèn, bước chân đủng đỉnh mà khỏe, Cố tử có thể gọi là trâu mộng, chớ nặng mà đi xa vậy.^②

Bảo Toàn Tông rằng:

- Ngài thích giúp người lại mộ danh, có điểm giống Phàn Tử Chiêu ở Nhữ Nam.^③ Tuy trí lực không nhiều, nhưng cũng là kẻ ưu tú của một thời vậy.

Tích, Thiệu bảo Thống rằng:

- Ví như thiên hạ thái bình, bọn ta sẽ cùng ngài liệu đoán kẻ sĩ trong bốn bể.

Bèn cùng Thống kết bạn thâm giao rồi về.

① *Tương Dương ký* chép: Gọi Gia Cát Khổng Minh là Ngọa Long, Bàng Sĩ Nguyên là Phượng Sồ, Tư Mã Đức Tháo là Thủy Kính, đều là lời của Bàng Đức Công cả.

Đức Công, người quận Tương Dương. Khổng Minh mỗi lần đến nhà Đức Công, một mình lạy dưới giường, Đức Công không ngăn lại. Đức Tháo từng đến chỗ Đức Công, đúng lúc Đức Công qua sông Miện, tế phần mộ tổ tiên, Đức Tháo vào thẳng trong nhà, gọi vợ con Đức Công, sai tức tức làm cơm, bảo:

- Từ Nguyên Trục nói rằng có khách đang tới cùng ta và Bàng Công đàm luận.

Vợ con Đức Công đều sắp hàng bái lạy ở giữa nhà, rồi vội chạy đi bày tiệc. Chốc lát, Đức Công về, vào thẳng nhà gặp nhau, không biết ai là khách.

Đức Tháo nhỏ hơn Đức Công mười tuổi, thờ Đức Công làm anh, gọi là Bàng Công, cho nên người đời bèn bảo Bàng Công là tên của Đức Công, là sai vậy.

Con của Đức Công là Sơn Dân, cũng có thanh danh, lấy chị gái út của Gia Cát Khổng Minh, làm Hoàng môn lại bộ Lang của Ngụy,

chết sớm. Con của Dân là Hoán, tự Thế Văn, năm Thái Khang trung thời nhà Tấn làm Thái thú Tang Ca.

Thống, là cháu họ của Đức Công, thời trẻ không ai cho là người có tài cán, duy có Đức Công coi trọng, năm Thống mười tám tuổi, sai qua gặp Đức Tháo. Đức Tháo cùng trò chuyện, xong bèn than rằng:

- Đức Công thật biết người, đấy thực sự là người giỏi giang vậy.

② *Ngô lục* của Trương Bột chép: Có người hỏi Thống rằng:

- Cứ như lời ngài bình phẩm, Lục tử là nhất sao?

Thống nói:

- Ngựa hèn tuy khỏe, cái mà nó mang theo chỉ là một người thôi. Trâu mộng một ngày đi ba trăm dặm, cái mà nó mang theo há chỉ là sức nặng của một người sao!

Thiệu tới chỗ Thống ngủ lại, trò chuyện, nhân đó hỏi:

- Ngài có tiếng là biết người, ta với ngài thì ai hơn?

Thống đáp:

- Khuôn mẫu thế tục, kén chọn nhân tài, ta không bằng ngài; luận bàn bí sách để vương, nắm giữ những cái thiết yếu nhất, ta tựa như hơn ngài một bậc.

Thiệu phục những lời ấy mà thân thiết với Thống.

③ *Vạn cơ luận* của Tưởng Tế nói rằng Hứa Tử Tương khen chê không công bằng, nhằm nâng Phàn Tử Chiêu mà đìm Hứa Văn Hưu. Lưu Diệp nói:

- Tử Chiêu thành đạt từ việc buôn bán, tuổi đến sáu mươi, lui giữ được phận, tiến không cầu thả.

Tế đáp:

- Tử Chiêu thực một đời giữ vẹn thanh bạch, nhưng xét lời ăn tiếng nói và khẩu khí bên ngoài của ông ấy, thì không phải là địch thủ của Văn Hưu vậy.

Tiên chủ lĩnh Kinh châu, Thống làm Tòng sự giữ chức Lỗi Dương lệnh, ở huyện không xử lý việc công, bị miễn chức quan. Tướng Ngô là Lỗ Túc để lại thư cho Tiên chủ nói:

"Bàng Sĩ Nguyên chẳng phải chỉ có tài trăm dặm vậy, nên sai nhận chức Trị trung, Biệt giá, mới xứng đáng với sức chân của con ngựa Ký vậy."

Gia Cát Lượng cũng nói điều ấy với Tiên chủ, Tiên chủ gặp Thống cùng đàm luận lấy làm thú vị, rất coi trọng Thống, lấy làm Trị trung tòng sự.^① Đối đãi Thống thân mật chỉ dưới Gia Cát Lượng, vì thế cho Thống và Lượng cùng làm Quân sư Trung lang tướng.^② Lượng ở lại trấn giữ Kinh châu, Thống theo Tiên chủ vào Thục.

① *Giang Biểu truyện* chép: Tiên chủ cùng Thống ung dung ăn yến và nói chuyện, hỏi rằng:

- Ngài làm Công tào của Chu Công Cẩn, Cô mới đến Ngô, nghe nói người ấy mật bẩm việc, khuyên Trọng Mưu giữ Cô lại, có việc ấy chẳng? Theo chủ nên vì chủ, ngài đừng giấu ta.

Thống đáp rằng:

- Có việc ấy.

Bị than thở nói:

- Cô lúc nguy cấp, phải cầu cạnh với Ngô, cho nên không thể không qua đó, suýt không thoát khỏi tay Chu Du vậy! Kê sĩ trí mưu trong thiên hạ, sở kiến đại lược giống nhau thôi. Bấy giờ Khổng Minh can Cô chớ nên đi, ý của ông ấy rất kiên quyết và thành khẩn, cũng là lo như thế vậy. Cô cho rằng cái chỗ mà Trọng Mưu đề phòng là phương bắc, lại đang nhờ Cô làm viện trợ, cho nên quyết ý không nghi ngờ. Đây thật là việc đi vào đường hiểm, không phải kế vạn toàn vậy.

② *Cửu châu Xuân Thu* chép: Thống thuyết Bị rằng:

- Kinh châu hoang tàn, nhân tài tan tác, đông có Tôn Ngô, bắc có Tào thị, cái kế chia chân vạc, khó để thực hiện. Nay Ích châu quốc phú dân cường, hộ khẩu trăm vạn, binh mã bốn bộ, lấy ở đó ra tất đủ, của cải chẳng phải tìm ở bên ngoài, có thể quyền biến mượn lấy để định đại sự.

Bị nói:

- Nay khác với ta như nước với lửa, là Tào Tháo vậy, Tháo cấp bách, ta khoan hòa; Tháo tàn bạo, ta nhân từ; Tháo quỷ quyết, ta trung hậu; mọi thứ đều ngược với Tháo, việc mới có thể thành thôi. Nay vì cái nhỏ mà mất tín nghĩa với thiên hạ, là điều mà ta chẳng muốn chọn dùng vậy.

Thống nói:

- Thời quyền biến, định đại sự cố nhiên không phải chỉ có một đường. Kiềm nước yếu, đánh nước ngu, đây là việc làm của Ngũ bá vậy. Nghịch lấy thuận giữ, báo đáp dùng nghĩa, sau khi yên việc, phong cho họ nước lớn, sao lại là phụ tín được? Hôm nay không lấy, rút cục làm lợi cho người khác thôi.

Bị liền nghe theo.

Ích châu mục Lưu Chương và Tiên chủ hội ở huyện Phù, Thống dâng kế rằng:

- Nay nhân lúc hội ngộ này, tiện thể bắt giữ hấn, thì tướng quân chẳng phải khó nhọc dụng binh mà ngồi yên định được một châu vậy.

Tiên chủ nói:

- Mới vào nước người, ân tín còn chưa sáng tỏ, việc đấy không nên làm.

Chương về Thành Đô rồi, Tiên chủ đang giúp Chương lên bắc đánh Hán Trung, Thống lại khuyên rằng:

- Nên ngầm tuyển tinh binh, gấp rút đêm ngày, thẳng tiến đánh úp Thành Đô; Chương vốn không hiểu việc quân, lại không phòng bị sẵn, đại quân vụt đến, cắt tay một cái là định được, đấy là thượng sách vậy. Dương Hoài, Cao Bái, là danh tướng của Chương, đều cậy binh cường, trấn giữ quan ải, nghe nói họ mấy lần dâng thư can ngăn, xúi Chương phát lệnh phái tướng quân về Kinh châu. Tướng quân chưa nên đến đó, hãy phái người đến báo tin, nói là Kinh châu có việc gấp, muốn quay về cứu, lại

sai gói gém hành trang, bề ngoài làm ra vẻ quay về; hai kẻ ấy đã phục anh danh của tướng quân, lại mừng vì tướng quân bỏ đi, tất sẽ cười khinh ky đến gặp, tướng quân nhân cơ hội ấy bắt giữ, tiến lên thu quân của họ, rồi hướng đến Thành Đô, đấy là trung sách vậy. Lui về thành Bạch Đế, liên lạc với Kinh châu, thông thả quay lại tính Ích châu, đấy là hạ sách vậy. Nếu dùng dằng không đi, sẽ dẫn đến việc nguy khốn, không nên ở lâu vậy.

Tiên chủ dùng trung sách của Thống, lập tức chém Hoài, Bái, quay lại hướng đến Thành Đô, những chỗ đi qua đều hạ được.

Tiên chủ mở hội ở huyện Phù, sai bày rượu tấu nhạc, bảo Thống rằng:

- Hội hôm nay, có thể gọi là vui rồi.

Thống nói:

- Đánh lấy nước người mà cho là vui, không phải là binh nhân nghĩa vậy.

Tiên chủ say, giận nói:

- Vũ vương phạt Trụ, trước ca sau múa, không phải là nhân nghĩa sao? Lời nguoi nói không đáng, nên mau đứng dậy bước ngay đi!

Vì thế Thống ngần ngừ bước lùi trở ra. Tiên chủ bỗng hối hận, mời Thống quay lại. Thống lại ngồi xuống chỗ cũ, cũng chẳng tạ cái lỗi trước, cứ ăn uống tự nhiên. Tiên chủ bảo rằng:

- Lời vừa bàn luận, là ai thất thố vậy?

Thống đáp rằng:

- Vua tôi đều thất thố cả.

Tiên chủ cả cười, lại ăn uống vui vẻ như trước.①

① Tập Tục Xì nói: Bậc bá vương, tất lấy nhân nghĩa làm cái căn bản, cậy tín thuận làm tông chỉ, thiếu sót một điều, thì cái đạo của họ không thuận rồi. Nay Lưu Bị rình đoạt đất của Chương, quyền

biển để nên nghiệp, phụ tín là tình, đức nghĩa đều sai, tuy công nghiệp từ đấy hưng khởi, nhưng bại hoại nghĩa lớn của mình, ví như chặt bỏ cánh tay để bảo toàn thân thể, làm sao vui được? Bàng Thống sợ lời ấy lan ra ngoài, biết là chúa của mình tất ngộ ra, cho nên công khai nắn sửa lỗi lầm của chủ, mà chẳng để ý đến đạo lý khiêm cung thông thường. Nắn sửa như thế là quá đúng, đã tỏ hết được cái phong thái chính trực dám dăng lời thẳng của mình. Người trên có lỗi mà sửa đổi được, là nhờ ở bầy tôi vậy, đón nhận lời thẳng mà không câu chấp, là thuận theo đạo lý vậy. Có bầy tôi chính trực thì bệ long đường cao quý;¹ theo đạo lý thì mọi chính sách đều được thi hành; một lời nói mà ba điều thiện đều sáng rõ, lời can gián thốt nhiên mà đạo nghĩa rõ rệt đến trăm đời, có thể nói đã đạt được cái đại thể rồi vậy. Nếu tiếc cái sai lầm nhỏ mà bỏ mất cái lợi ích đại thể, bo bo giữ lấy cái lời sai lầm ấy, tự dứt bỏ lời thẳng thần sâu xa, mà thành được vương nghiệp, đấy quả là điều chưa từng có vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng cái mưu đánh úp Lưu Chương, kế tuy xuất ra bởi Thống, nhưng trái nghĩa mà nên công, vốn là cái đạo đối trá, đã đau ở trong lòng, thì cái niềm vui sướng phải tự giấu đi, thế nên nghe Bị nói lời vui sướng, bất giác khinh suất mà đáp lại vậy. Bị vui chén thất thổ, việc ấy giống như mừng trên cái họa của người, tự so mình với Vũ vương, mà chẳng có vẻ thẹn, ấy là Bị sai chứ Thống không có lỗi, Thống nói: "Vua tôi đều thất thổ cả", đại khái là chia sẻ cái lời báng bổ kia thôi. Lời bàn của họ Tập, tuy đại ý không sai, nhưng những lời suy diễn như thế, gần như là phóng lãng vậy.

Lúc tiến vây huyện Lạc, Thống suất binh đánh thành, bị loạn tên bắn trúng, chết, năm ấy Thống ba mươi sáu tuổi. Tiên chủ đau tiếc, nói mà rơi nước mắt. Bèn bãi cha của Thống làm Nghị lang, thăng làm Giám nghị đại phu, Gia Cát Lượng đích thân phong bá. Truy tặng cho Thống tước Quan nội hầu, thụy là Tĩnh hầu.

¹ Bệ long đường, là bậc thềm dẫn lên ngai vua, ở đây ý nói là quyền lực của nhà vua được tôn trọng vậy.

Con của Thống là Hoành, tự Cự Sư, là người cương trực giản dị dám phê bình, vì khinh mạn Thượng thư lệnh Trần Chi, bị Chi đề nén, đến chết cũng chỉ làm Thái thú Phù Lăng.

Em của Thống là Lâm, lấy thân phận là Trị trung tòng sự Kinh châu theo Trấn bắc tướng quân Hoàng Quyền đi đánh Ngô, gặp lúc quân thua bại, theo Quyền vào nước Ngụy, Ngụy chủ phong làm Liệt hầu, làm quan đến chức Thái thú Cự Lộc.^①

^① *Tương Dương ký* chép: Vợ của Lâm, người cùng quận, là em gái của Tập Trinh.⁽¹⁾ Sự tích về Trinh thấy chép ở Phụ thần tán của Dương Hí.⁽²⁾ Tào công phá Kinh châu, Lâm và vợ bị chia cách, vợ Lâm nuôi dưỡng đứa con gái nhỏ hơn chục năm, sau Lâm theo Hoàng Quyền hàng Ngụy, mới lại đoàn tụ. Ngụy Văn đế nghe chuyện vợ Lâm thủ chí rất khen ngợi, ban cho màn trướng y phục, để nêu tỏ nghĩa tiết của nàng.

Pháp Chính tự Hiếu Trực, người quận Hữu Phù Phong, huyện Mi. Tổ phụ của Chính là Chân, nổi tiếng là người thanh cao tiết nghĩa.^①

Năm Kiến An sơ, thiên hạ mất mùa, Chính và người đồng quận là Mạnh Đạt cùng vào Thục nương nhờ Lưu Chương, rất lâu sau mới làm Tân Đô lệnh, về sau được trưng triệu tạm cho làm Quân nghị Hiệu úy.

Chính đã không được tin dùng, lại bị lũ khách ở nhờ châu ấp chê bai là không theo phép tắc, nên không thỏa chí. Ích châu biệt giá là Trương Tùng chơi thân với Chính, tự tính là Chương

¹ Tập Trinh (习祯) là người rất nổi tiếng ở đất Kinh châu. Thời Lưu Biểu cai trị Kinh châu có sáu họ lớn gồm họ Bàng (đứng đầu là Bàng Đức Công), họ Hoàng (đứng đầu là Hoàng Thừa Ngạn), họ Khoái (đứng đầu là Khoái Việt), họ Mã (đứng đầu là Mã Lương, Mã Tốc), họ Sái (đứng đầu là Sái Mạo) và họ Tập (đứng đầu là Tập Trinh).

² *Phụ thần tán* là biểu văn ca tụng công đức của những danh thần nước Thục do Dương Hí soạn ra vào năm Diên Hi thứ tư nhà Thục Hán. Xem trọn bài biểu này ở tập VI, quyển 45 (Dương Hí truyện).

không đủ tài để thành nghiệp, thường than thở riêng với nhau. Tùng ở Kinh châu gặp Tào công quay về, khuyên Chương đoạn tuyệt với Tào công mà tự giao kết với Tiên chủ. Chương hỏi:

- Ai có thể làm sứ giả?

Tùng bèn tiến cử Chính, Chính chối xin nhường, không được đành phải nhận. Chính trở về, khen với Tùng rằng Tiên chủ có hùng lược, rồi ngầm mưu tính vạch kế, muốn cùng phụng sự, nhưng chưa có cơ hội. Sau Chương nghe tin Tào công muốn phái tướng đi đánh Trương Lỗ nên có lòng sợ hãi, Tùng bèn khuyên Chương nên nghênh đón Tiên chủ, sai Tiên chủ đánh Lỗ, Chương lại sai Chính nhận mệnh. Chính truyền ý chỉ xong, ngầm hiến kế với Tiên chủ rằng:

- Dựa vào cái anh minh tài lược của mình tướng quân, thừa lúc Lưu châu mục hèn yếu; Trương Tùng, là bày tôi tay chân trong châu, làm nội ứng ở bên trong; sau này nhờ cái giàu có của Ích châu, cây cái hiểm trở của kho trời, lấy chỗ đó thành nghiệp, cũng như trở bàn tay vậy.

Tiên chủ cho là đúng, ngược sông sang tây, cùng Chương hội ở huyện Phù. Khi lên bắc đến Gia Manh, lại xuôi nam quay về đánh Chương.

① *Tam phụ Quyết lược chú* chép: Chân tự Cao Khanh, thời trẻ hiểu rõ Ngũ kinh, kiêm thông sấm ký, không học lâu ở một thầy, nổi tiếng có tài cao. Thường đội khăn luân cân tới gặp Thái thú Phù Phong, Thái thú nói:

- Ai công tuy không xứng ngôi, vẫn có bày tôi như Trọng Ni, Liễu Hạ Huệ chẳng bỏ nước của cha mẹ mà đi,⁽¹⁾ ta muốn ngài khuất thân làm Công tào thì thế nào?

¹ Liễu Hạ Huệ (柳下惠) tên thật là Triển Hoạch (展获), tự Tử Cầm (子禽), người đất Liễu Hạ, nước Lỗ, nổi tiếng là bậc chính nhân quân tử. Ông làm quan ba lần bị truất mà không bỏ nước. Ông sống vào thời Lỗ Hi công trước Lỗ Ai công hơn một trăm năm. Có lẽ “Tam phụ Quyết lược chú” nhầm lẫn, hoặc là viên quan trấn thủ đất Phù Phong nhớ nhầm mà nói vậy.

Chân nói:

- Vì Minh phủ⁽¹⁾ đãi người có lễ, nên ta bốn lần vào hầu, nếu Minh phủ muốn lấy ta làm Lại để sai khiến, Chân này sẽ đến ở phía bắc Bắc Sơn, phía nam Nam Sơn thôi.⁽²⁾

Thái thú Phù Phong không dám lấy Chân làm Lại.

Khi trước, Chân chưa đầy hai mươi tuổi, phụ thân ở Nam Quận, Chân đi bộ tới ngóng, lúc muốn quay về, phụ thân bèn giữ lại ăn tết, cho xem các quan hội họp lúc buổi sớm. Hội có mấy trăm người, Chân ở phía trong cửa sổ dòm ngó rồi thì thầm với phụ thân. Hết hội, hỏi Chân rằng:

- Ai là người hiền?

Chân đáp:

- Tào duyện Hồ Quảng có khí lượng của bậc công khanh.

Sau này quả nhiên Quảng làm tới ngôi Tam công trong Cửu khanh, người đời vì thế phục cái tài biết xét người của Chân.

Phủ quan trước sau trung triệu, Chân đều không tới, bạn hữu của Chân là bọn Quách Chính đều khen, gọi Chân là Huyền Đức tiên sinh. Năm tám mươi chín tuổi, là năm Trung Bình thứ năm Chân chết.

Cha của Chính là Diễn, tự Quý Mưu, làm Tư đồ duyện, Đình úy tả giám.

Trịnh Độ khuyên Chương rằng:①

- Tả tướng quân lĩnh quân cô tập kích ta, binh chẳng đầy vạn, sĩ chúng chưa phục, chỉ dựa vào thóc lúa ở ngoài đồng, quân không có đồ truy trọng. Kế hay không gì bằng đuổi hết dân ở Ba Tây, Tử Đồng sang phía tây sông Phù, các kho lương và lúa má ngoài đồng, đều đốt bỏ một lượt, thành cao hào sâu, lấy

¹ Cách xưng hô tôn kính, để tôn trọng người đối thoại.

² Ý của Chân tức là Chân không muốn làm quan, nếu cứ bắt làm quan thì Chân sẽ bỏ đến nơi xa xôi mà ở. Bắc Sơn là ngọn núi ở phía nam đất Hán Trung, từ Mi huyện tới đó rất xa, phải vượt đường sạn đạo gập ghềnh, tức là ra ngoài cõi vậy. Nam Sơn chưa rõ ở đâu, ý tứ cũng như vậy.

tình để đợi địch. Bên kia đến, muốn đánh, chớ có ra, ít lâu họ không có lương thảo, bất quá trăm ngày, tất sẽ tự chạy. Họ chạy thì ta đuổi đánh, tất bắt được thôi.

Tiên chủ nghe kể mà sợ, bèn hỏi Chính. Chính nói:

- Rút cục kế ấy chẳng được dùng, không nên lo lắng.

Chương quả đúng như lời Chính nói, bảo với quần hạ rằng:

- Ta nghe nói cự địch để an dân, chưa nghe nói động dân để tránh địch vậy.

Vì thế cách chức Độ, không dùng kế ấy.

Đến lúc quân vây Lạc thành, Chính viết thư cho Chương rằng:

"Chính vụng tính vô thuật, nay mình hảo hai bên bị tổn hại, sợ là tả hữu chẳng rõ gốc ngọn, tất đều quy tội cho Chính, khiến Chính hồ thẹn tới chết, lại làm nhục tới Chấp sự, vì thế đành bỏ thân ở ngoài, chẳng dám về phục mệnh. Lại sợ thanh âm của Chính làm uế bẩn tai tướng quân, cho nên trong thời gian ấy chẳng dám dâng thư, đoái nhớ cái tình đãi ngộ ngày xưa, chỉ dám trông xa nhưng nhớ. Nhưng nghĩ mình trước sau vạch xé tim gan, từ thuở ban đầu cho đến tận sau này, thật chẳng giấu giếm ý riêng, hay có chỗ không tận sức, chỉ vì ngu ám kế mông, lòng thành chẳng đủ cảm động tướng quân, mới dẫn đến thế này thôi. Nay việc nước đã nguy, tai vạ ập đến, tuy Chính vứt thân buông thả ở ngoài, nói ra lời chỉ để tướng quân thêm oán ghét, nhưng vẫn tham lam lo nghĩ, để tỏ hết lòng trung."

"Bản ý của mình tướng quân, là điều mà Chính này hiểu rõ, thật chỉ nhỏ nhen là không muốn thất ý với Tả tướng quân, mà rút cục lại đến nỗi này, thực vì tả hữu của tướng quân chẳng thấu đạt cái đạo hành sự của kẻ anh hùng, cho là có thể trái với thề ước, dựa vào ý khí tương hợp, nhật nguyệt cùng lặn,¹ xu nịnh cầu thuận tai vui mắt, a dua nhau theo ý chỉ, chẳng lo tính kế sách trị quốc sâu xa vậy. Nay sự biến đã

¹ Ý nói đến những kẻ bè tôi kết bè siểm nịnh chủ nhân. Mặt trời (chủ nhân), mặt trăng (bầy tôi) theo nhau mà lên xuống.

xảy ra, lại chẳng biết lượng cái thế cường nhược, cho là Tả tướng quân cô độc viễn chinh, không có lương tích trữ, muốn lấy nhiều đánh ít, cầm giữ lâu ngày. Nhưng từ quan ải tới đây, những chỗ đi qua tan vỡ tức thì, quân ở hành cung, biệt trại của tướng quân, ngày một rơi rụng tan tác. Lạc Thành tuy có vạn binh, đều là lính võ trận, tướng tan quân, nếu muốn tranh chiến một trận, thì thế lực của binh tướng, thật chẳng tương đương. Các bên lấy lương thảo làm kế lâu dài, nay bên ấy doanh đã vững, thóc lúa đã chất chồng, mà đất đai của mình tướng quân mỗi ngày một giảm, trăm họ ngày một khốn đói, lực lượng bên đối địch lại nhiều, nguồn cung ứng rộng mở. Cứ như ý của kẻ ngu này tính xét, tất bên ngài kiệt lương trước, sẽ chẳng cầm giữ được lâu nữa vậy."

"Chỉ thủ không đánh, còn chẳng kham nổi, nay Trương Ích Đức có mấy vạn bộ chúng, đã định Ba Đông, tiến vào địa giới Kiên Vi, chia binh bình Tư Trung, Đức Dương, ba đường dần tiến, lấy gì để ngăn chống đây? Người lúc trước bày mưu cho mình tướng quân, tất bảo bên ấy quân cô viễn chinh chẳng có lương, vận chuyển không kịp, quân ít không có lực kế tiếp. Nay đường đi Kinh châu đã thông, bộ chúng đông gấp chục lần, thêm nữa Tôn Xa kỵ sai em mình cùng bọn Lý Dị, Cam Ninh làm hậu viện. Nếu tranh cái thế chủ khách, cậy đất nhà để thủ thắng, thì nay bên ấy đã có toàn bộ Ba Đông, Quảng Hán, Kiên Vi, quá nửa đã định, một quận Ba Tây, cũng chẳng còn là của mình tướng quân nữa. Tính ra cái chỗ mà Ích châu trông vào chỉ có Thục Quận, mà Thục Quận cũng như ngói vỡ; ba phần mất hai, quan dân khốn mỏi, nghĩ rằng mười hộ có tới tám hộ làm loạn; nếu địch ở xa thì trăm họ chẳng thể kham nổi lao dịch, địch ở gần thì một sớm đổi chủ thôi. Các huyện ở Quảng Hán, là ví dụ mình chứng vậy."

"Lại nữa là Ngư Phúc và Quan Đầu thật là cái cửa phúc họa của Ích châu, nay hai cửa này đều mở, thành vững đều bị hạ, chư quân đều bị phá, binh tướng đều hết, mà địch mấy đường cùng tiến, đã xâm nhập đến tim phổi, vẫn ngồi giữ Đô, Lạc, cái thế tồn vong, có thể thấy rõ ràng rồi vậy. Đây chỉ là đại lược, qua loa ở bên ngoài thôi, còn những khuất khúc khác, khó dùng lời nói hết vậy. Chính này là người dưới

ngu dốt, còn biết việc ấy chẳng thể làm nổi, huống chi xung quanh mình tướng quân có các kẻ sĩ thông minh sáng suốt việc dùng mưu, há chẳng thấy được số mệnh như thế ư? Rõ họ chỉ là bọn sớm tối tranh giành sung hạnh, cầu bao dung để xu nịnh, chẳng lo tính mưu xa, không hề tận tâm hiến dâng lương kế vậy. Nếu việc cùng thế bách, sẽ đều tìm đường sống, cầu xin được qua cửa ngõ, chuyển lòng tráo trở, so hiện nay ý họ đã khác nhau, sẽ chẳng vì mình tướng quân mà ra sức đến chết vậy. Mà nhà tướng quân còn phải nhận mối lo này."

"Chính tuy bị phi báng là bất trung, nhưng tự vẫn tâm cho là chẳng phụ thánh đức, đoái nghĩ trách nhiệm và đạo nghĩa, thật hết sức đau lòng. Tả tướng quân từ trước tới nay, tình cũ vẫn y nguyên, thật không có ý bạc bội. Ngụ ý cho rằng nên tính việc quyền biến, là để bảo toàn cho gia đình của tướng quân."

① Hoa Dương quốc chí chép: Độ là người Quảng Hán, làm Tòng sự ở châu.

Năm thứ mười chín, tiến vây Thành Đô, thái thú Thục Quận của Chương là Hứa Tĩnh định treo tường ra hàng, việc bị phát giác, không thành. Chương bởi nguy vong gần kề, cho nên không giết Tĩnh. Lúc Chương đầu hàng, Tiên chủ vì thế mà bạc đãi không dùng Tĩnh. Chính khuyên rằng:

- Thiên hạ có những kẻ hữu danh vô thực, Hứa Tĩnh là người như vậy. Nhưng nay chúa công mới khai sáng đại nghiệp, chẳng thể giải thích rõ ràng cho mọi người trong thiên hạ, cái danh hảo của Tĩnh, đã lan rộng ra bốn bể, nếu không đãi ngộ ông ấy, người trong thiên hạ vì thế mà cho là chúa công khinh rẻ người hiền. Nên phải kính trọng hơn, để mê hoặc xa gần, như ngày xưa Yên vương đãi Quách Ngỗi⁽¹⁾ vậy.

¹ Thời Chiến Quốc, vua nước Yên muốn cầu hiền, hỏi kẻ Quách Ngỗi (郭隗). Ngỗi nói: "Đại vương nên trọng dụng ngay tôi đây. Kẻ hèn như tôi mà được trọng dụng, người hiền khác thấy vậy tất sẽ từ nghìn dặm mà tìm đến." Yên Chiêu vương bèn trọng dụng Quách Ngỗi, quả nhiên thu được rất nhiều hiền tài.

Tiên chủ vì thế hậu đãi Tĩnh.^① Rồi lấy Chính làm Thái thú Thục Quận, Dương vũ tướng quân, ngoài thống kinh kỳ, trong làm mưu chủ. Từ đấy, đối với ân đức một bữa ăn, nổi oán hận một lần trừng mắt, không gì không báo phục, lại tùy tiện bắt giết làm hại rất nhiều người.

Có người nói với Gia Cát Lượng rằng:

- Pháp Chính ở Thục Quận tung hoành quá mức, tướng quân nên bầm với chúa công, đè nén uy khí của ông ấy xuống.

Lượng đáp:

- Chúa công khi ở Công An, bắc úy kỵ cái cường mạnh của Tào công, đông kiêng sợ cái bức bách của Tôn Quyền, gần lại sợ Tôn phu nhân sinh biến ngay sát nách. Đang lúc như thế, tiến thoái gian nan, có Pháp Hiếu Trực là người nâng đỡ, chúa công mới cất cánh bay liệng tự do, không ai chế phục được. Sao lại cấm đoán Pháp Chính khiến ông ấy không được làm theo ý riêng sao?

Khi trước, Tôn Quyền đem em gái mình gả cho Tiên chủ, người con gái ấy vốn tài trí mẫn tiệp lại cương mãnh, có phong thái của các anh mình, thị tì hơn trăm người, đều quen cầm đao đứng hầu, Tiên chủ mỗi lần vào phòng, trong lòng thường ớn lạnh; Lượng lại biết Tiên chủ vốn yêu mến và tin tưởng Chính, cho nên mới nói như thế.^②

① Tôn Thịnh nói: Kính hiền chuộng đức, là cái đạo chính yếu của quốc gia, phong tặng phần mộ của tiên hiền, là khuôn thước phép tắc của tiên vương, cho nên tất phải thi hành cái đạo lý xa xôi, nghĩa cao trùm đời, rồi sau có thể nhìn xa khắp bốn bể, cứu giúp lê dân. Nếu không phải kẻ sĩ thích hợp, thì đạo lý chẳng thể thi hành bấy bọ. Tĩnh ở nhà thì anh em bất hòa, ra ngoài thì làm quan ở cái chỗ không đáng làm, bàn về tín nghĩa thì lúc gặp gian nguy thay lòng đổi dạ, luận về nhận thức thì ngờ rằng đó là đầu mối họa hoạn, sao có thể cho ân sủng trước rồi lấy đó để cảm kích kẻ trí giả được? Nếu như chuộng cái danh hảo, xem thường vinh dự cá nhân, thì với những kẻ sĩ chính trực trượng nghĩa, sẽ lấy gì để

tiếp đãi họ đây? Chính chuyên dùng thuật huyền hoặc, trái với phong thái của người cao quý, đem ví Hứa Tĩnh như Quách Ngỗi, là trái với lẽ thường rồi.

Thần Tùng Chi cho rằng Quách Ngỗi không phải là người hiền, bởi dùng kế quyền biến mà được ân sủng, hưởng chi Văn Hưu danh tiếng đã vang xa rõ rệt, thiên hạ đều cho là bậc tài hoa khác thường, tuy rằng cuối đời có vết lỗi, nhưng việc ấy không lộ rõ ra ngoài, nếu không ban lễ ngộ, lấy gì để giải thích với những kẻ còn ngờ hoặc ở xa gần? Pháp Chính lấy Tĩnh so với Ngỗi, chưa hẳn là không đúng, mà Thịnh lấy việc phong tặng mộ phần cho tiên hiền để làm khó, sao câu nệ chuẩn tắc quá vậy! Như thế thì Yên Chiêu cũng sai, há chỉ có Lưu Ông⁽¹⁾ sao? Đến như anh em có bất hòa, lỗi là bởi Tử Tương, ta tìm xét lời bàn của Tường Tế, thì biết chẳng phải lỗi của Văn Hưu vậy. Thịnh lại chê bai là Tĩnh làm quan ở cái chỗ không xứng đáng, có thể là nói việc làm quan với Đồng Trác. Lúc Trác mới cầm quyền chính, ra sức đề bạt cất nhắc người tài俊, vô số người nhận tước mệnh của Trác đều như thế cả. Văn Hưu được tuyển làm quan, là trước khi Trác có chức vị, sau này được thăng làm Trung thừa, không phải được thăng vượt cấp. Lấy việc ấy mà bêu riếu, thì bọn Tuân Sảng, Trần Kỳ⁽²⁾ đều bị người đời ghét bỏ hay sao?

② Tôn Thịnh nói: Tùy tiện tác uy tác phúc, là cái đạo mất nhà hại nước, sủng hình buông thả, là căn nguyên của việc hỏng khuôn phép loạn đạo lý, sao có thể vì là công thần mà được thỏa sức phóng túng lấn át người, vì được sủng ái mà lợi dụng quyền lực của quốc gia sao? Cho nên khi xưa Diên Hiệt tuy siêng năng có công to, cũng chẳng thoát hình phạt vì trái mệnh,⁽³⁾ Dương Can

¹ Tức Lưu Bị.

² Tuân Sảng (荀爽), Trần Kỳ (陈纪) đều là những đại thần thuộc hàng Tam công vào thời Đồng Trác bức Hán Hiến đế về Trường An, là những người rất có khí tiết.

³ Tấn Văn công lên ngôi, đem quân đánh nước Tào để báo cái thù khi trước Tào Cung công nấp ở nhà tắm rình xem trộm xương sườn. Hi Phụ Cơ là người hiền, làm Đại phu nước Tào, khuyên Tào Cung công nên giảng hòa, Cung công không nghe, theo kế của Vu Lang cự quân Tấn. Rút cục thành vỡ, thua trận. Tấn Văn công biết Hi Phụ Cơ là người hiền, lệnh rằng ai dám xâm phạm nhà của Hi Phụ Cơ sẽ giết. Diên Hiệt (顛頤) và Ngụy Thủ (魏棼) là những võ tướng cậy công cao, coi thường lệnh, nên đốt nhà của Hi Phụ Cơ. Diên Hiệt bị Tấn Văn công giết.

dầu là thân thích, vẫn bị giết người hầu vì tội nhiều loạn hàng ngũ,⁽¹⁾ há họ chẳng thân quý sao, đây là vương pháp vậy. Cứ như lời Gia Cát, thì đây là lỗi về chuẩn tắc hình pháp của quốc gia rồi.

Năm thứ hai mươi hai, Chính thuyết Tiên chủ rằng:

- Tào Tháo một lần cử sự mà hàng phục Trương Lỗ, bình định Hán Trung, chẳng nhân cái thế ấy để đồ Ba, Thục, mà lưu Hạ Hầu Uyên, Trương Cáp đóng giữ, bản thân vội vàng về bắc, đây không phải là trí của Tháo không tính kịp mà bởi lực của hắn không đủ vậy, tất trong nội bộ của hắn có điều lo nghĩ bức bách thôi. Nay xét tính tài thao lược của Uyên, Cáp chẳng hơn được tướng soái của quốc gia, cất bộ chúng đến đánh dẹp, thì nhất định sẽ thắng được. Thủ thắng rồi, ta mở rộng nghề nông, tích trữ lương thực, rình xét sơ hở của địch, thượng sách có thể tiêu diệt giặc cướp, phù giúp vương thất, trung sách có thể tầm thực⁽²⁾ chiếm Ung, Lương, mở rộng cương thổ, hạ sách cũng có thể cố thủ nơi yếu hại, làm kế chống giữ lâu dài. Đây đại khái là cơ hội trời giúp chúng ta, thời cơ chẳng nên để mất vậy.

Tiên chủ khen kế sách ấy, bèn thống lĩnh chư tướng tiến binh đến Hán Trung, Chính cũng đi theo.

Năm thứ hai mươi tư, Tiên chủ từ phía nam Dương Bình vượt sông Miện, men núi tiến dần, tới Định Quân, Hưng Thế lập quân doanh. Uyên đem binh tới tranh địa thế ấy. Chính nói:

- Có thể đánh rồi.

Tiên chủ truyền lệnh cho Hoàng Trung thừa thế từ trên cao gõ trống reo hò đánh xuống, đại phá quân của Uyên, bọn Uyên phải trao đầu. Tào công tây chinh, nghe được sách lược của Chính, nói:

¹ Tân Điều công hội chư hầu, công tử Dương Can (杨干), em của Tân Điều công, cậy mình là thân thích làm rối loạn hàng ngũ, tướng nước Tấn là Ngụy Giáng giết người hầu của Dương Can để nghiêm quân pháp.

² Tầm thực, tức là ăn dần dần như tầm ăn lá dâu vậy.

- Ta vẫn biết Huyền Đức chẳng có đủ tài như thế, tất có người khác chỉ giáo vậy.①

① Thần Tùng Chi cho rằng Thục với Hán Trung, cũng như môi với răng vậy. Tài trí như Lưu chủ, há chẳng biết thế? Hoặc là kế sách chưa kịp triển khai, thì Chính đã phát ngôn trước mà thôi. Nghe dùng mưu hay để thành công nghiệp, người chủ có tài bá vương, ai không như thế? Ngụy Vũ cho là để người ta chỉ dạy, là hèn kém sao! Đấy đại khái là những lời lẽ dư thừa sự sĩ nhục oán giận, không chắc đấy thực sự là lời của Ngụy Vũ vậy.

Tiên chủ tự lập làm Hán Trung vương, lấy Chính làm Thượng thư lệnh, Hộ quân tướng quân. Năm sau Chính chết, bấy giờ mới bốn mươi lăm tuổi. Tiên chủ vì Chính rơi nước mắt nhiều ngày. Đặt thụy là Dục hầu. Ban cho con của Chính là Mạc trước Quan nội hầu, làm quan tới chức Phụng xạ đô úy, Thái thú Hán Dương.

Gia Cát Lượng và Chính, tuy sở thích bất đồng, nhưng lấy nghĩa công giúp nhau. Lượng thường ngạc nhiên với trí thuật của Chính. Tiên chủ vừa tức tôn hiệu, lập tức đông chinh Tôn Quyền để báo thù cái nhục Quan Vũ, quần thần rất nhiều người can gián, Tiên chủ nhất nhất không nghe. Năm Chương Vũ thứ hai, đại quân thua bại, về đóng ở Bạch Đế. Lượng than rằng:

- Pháp Hiếu Trực nếu còn, thì có thể ngăn chúa thượng, khiến chúa thượng chẳng sang đông; ví bằng có sang đông, tất không bị nghiêng nguy như thế vậy.①

① Tiên chủ tương tranh với Tào công, hình thế không lợi, nên lui binh, nhưng Tiên chủ cả giận không chịu lui về, không ai dám can ngăn. Tên bay như mưa, Chính bèn tới chặn phía trước Tiên chủ, Tiên chủ nói:

- Hiếu Trực hãy tránh tên.

Chính nói:

- Minh công còn đem thân xông pha tên đạn, hướng chi là tiêu nhân.

Tiên chủ bèn nói:

- Hiếu Trực, ta với ngươi đều lui.

Bèn lui về.

Bình rằng: Bàng Thống vốn thích giao kết với nhân sĩ, học vấn thấu suốt, suy nghĩ sâu xa, được khen là tuần kiệt đất Kinh, Sở đương thời. Pháp Chính thấy rõ thành bại, có diệu kế kỳ mưu, nhưng không được khen về phẩm hạnh. So sánh với các bầy tôi nước Ngụy, Thống với Tuân Úc gần như một cặp, Chính và Trình, Quách cũng giống như một đôi chẵn?

---ॐ---

QUYỂN THỨ BA MƯƠI TÁM

HỨA, MY, TÔN, GIẢN, Y, TẦN TRUYỆN



Hứa Tĩnh tự Văn Hưu, người quận Nhữ Nam huyện Bình Dư. Thời trẻ cùng em họ là Thiệu đều nổi danh, cả hai có tiếng là biết bình phẩm nhân tài, nhưng tình riêng lại không hòa hợp. Thiệu làm Công tào của quận, bài bác ruộng bỏ Tĩnh khiến Tĩnh không được lực dụng, phải làm nghề đuổi ngựa để tự nuôi thân. Người quận Dĩnh Xuyên là Lưu Dục làm Thái thú Nhữ Nam, bèn tiến cử Tĩnh làm Kế lại, lúc xét cử Hiếu liêm, đổi phong Tĩnh làm Thượng thư lang, nắm giữ việc tuyển cử.

Linh đế băng hà, Đồng Trác cầm quyền chính, lấy Chu Bí người quận Hán Dương làm Lại bộ thượng thư, sai giúp Tĩnh cùng bàn định, tiến dụng hay phế bỏ sĩ nhân trong thiên hạ, sa thải bọn ô trọc, đề bạt cất nhắc kẻ có tài bị đè nén. Vì thế tiến dụng bọn Tuân Sảng, Hàn Dung, Trần Kỳ người quận Dĩnh Xuyên làm Công, Khanh, Quận thú; bãi Thượng thư Hàn Phúc làm Ký châu mục, Thị trung Lưu Đại làm Thứ sử Duyện châu, Trương Tư người quận Dĩnh Xuyên làm Thái thú Nam Dương, Khổng Du người quận Trần Lưu làm Thứ sử Dự châu, Trương Mạc người Đông Quận làm Thái thú Trần Lưu. Tĩnh được thăng làm Thái thú Ba Quận, không đi nhận chức, lại được bổ làm Ngự sử trung thừa.

Bọn Hàn Phúc đến nhậm chức xong, đều cất binh quay lại kinh đô, muốn tru diệt Trác. Trác giận quát Bí rằng:

- Các người nói nên đề bạt trọng dụng kẻ sĩ giỏi, Trác theo kế của các người, không muốn trái ý người thiên hạ. Nhưng những người được các người lực dụng, vừa nhậm chức xong, đều quay lại đánh ta. Trác dùng sự giúp đỡ của các người để làm gì!

Quát xong sai đuổi Bí ra, chém ở ngoài thành.

Anh họ của Tĩnh là Dương làm Trần tướng, lại cùng Du hợp mưu, Tĩnh sợ bị giết, chạy tới chỗ Du. ① Du chết, Tĩnh nương nhờ Thử sử Dương châu là Trần Y. Y chết, vì Đô úy Ngô Quận là Hứa Cống, Thái thú Cối Kê là Vương Lăng với Tĩnh vốn là chỗ quen biết cũ, nên Tĩnh đến xin bảo hộ.

Tĩnh thu dưỡng giúp đỡ thân thích và làng xóm, thường liệu tính chu cấp cho họ, điều ấy vốn xuất phát từ lòng nhân hậu của Tĩnh mà ra.

① *Thực ký chép: Tĩnh về sau tự tỏ ý rằng:*

- Hòa cùng đảng giặc để cầu mạng sống, là điều mà về tình ta chẳng nỡ làm; giữ chức quan là chuốc lấy nguy vong, ví như có chết cũng không thành nghĩa. Trộm nghĩ cổ nhân lúc đối diện nan nguy chẳng câu nệ lễ thường, đây là quyền biến để giúp cho cái đạo của mình vậy.

Tôn Sách vượt sông Giang về đông, mọi người đều chạy tới Giao châu tránh nạn, Tĩnh tự mình ngồi ở ven sông, nhường cho người đi theo mình lên thuyền trước, thân sơ đi hết, rồi theo sau mà đi, người bấy giờ thấy thế chẳng ai không than thở.

Đến Giao Chỉ rồi, Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp rất kính trọng hậu đãi Tĩnh. Người nước Trần là Viên Huy đã trú tại Giao châu, Huy gửi thư cho Thượng thư lệnh Tuân Úc nói:

"Hứa Văn Hưu là kẻ sĩ anh tài đặc biệt, trí lược đủ để mưu việc lớn. Từ khi lưu lạc tới nay, với quần sĩ ở chung một chỗ, mỗi khi có họa nguy cấp, thường lo cho người khác trước nghĩ đến mình sau, cùng

chung cảnh cơ hàn với người trong ngoài cứu tộc. Lấy lễ cương thường đối đãi với mọi người, khoan thứ trầm ẩn, việc đều có sự thực minh chứng, không thể nhất nhất từng việc mà liệt kê ra hết được.”

Người quận Cự Lộc là Trương Tường^① phụng vương mệnh đi sứ Giao Chỉ, dựa vào quyền thế chiêu mộ Tĩnh, muốn cùng thề ước, Tĩnh cự tuyệt không theo.

Tĩnh viết thư cho Tào công rằng:

“Việc đời gian hiểm, họa loạn đan xen, ta ngu hèn tham sống, tự trốn lánh ở đất man di, xa biệt đã chục năm trời, tin tức cát hung diệt tuyệt. Năm xưa khi ở Cối Kê, ta được thư của túc hạ, lời lẽ chí thành thân mật, lâu nay chẳng hề quên. Gần đây Viên Thuật trái mệnh bội nghĩa, phiến động nghịch loạn, đường đất bốn phương tắc nghẽn, dấu lòng khắc khoải ngóng về phương bắc, muốn đi chẳng có lối nào. Quân của Chính Lễ lui, binh của Thuật tiến đến, Cối Kê nghiêng lật, Cảnh Hưng mất chỗ dựa, vùng Tam giang Ngũ hồ, đều thành đất giặc. Lúc bấy giờ khốn đốn, không có cách gì để báo với túc hạ, ta liền cùng bọn Viên Bái, Đặng Tử Hiếu lặn lội vượt bể, xuôi nam đến Giao châu. Đi khắp một vòng phương đông qua các nước Âu, Mân, Việt, hành trình vạn dặm, không trông thấy đất đai nhà Hán, phiêu bạt phong ba, hết lương ăn rễ cỏ, liên tục đói khát, người chết quá nửa. Qua Nam Hải rồi, cùng Lĩnh quận là Nghê Hiếu Đức tương kiến, được biết túc hạ trung nghĩa đại phát, chinh đồn binh hung, sang tây nghênh đón đại giá, tuần xét Trung Nhạc. Nghe tin lành ấy, ta vừa xót vừa mừng, lập tức cùng Viên Bái và Từ Nguyên Hiên chinh lại hành trang, muốn lên bắc về Kinh châu. Gặp lúc người Di Việt ở các huyện của quận Thương Ngô khởi loạn, châu phủ nghiêng lật, đường đất cách tuyệt, Nguyên Hiên bị hại, người già kẻ yếu đều bị giết. Tĩnh men bờ sông đi hơn năm nghìn dặm, lại gặp dịch bệnh, bá mầu qua đời, lây đến những người đi theo, tới cả vợ con của họ, một thời gian sau chết gần sạch nhẵn. Người còn lại bỗng bế nhau, tiến đến quận này, tính ra những người bị quân binh giết hại và mắc bệnh

chết, mười phần chỉ sót một hai. Cái gian nan của sinh dân, nổi đắng cay cùng cực, há có thể tỏ bày hết được!" ②

"Ta sợ rằng thốt nhiên gặp vạ đảo điên, vĩnh viễn thành quỷ ma trốn lánh, lo buồn sâu thẳm, quên ngủ quên ăn. Muốn bám theo các cống sứ hồi triều, tự tìm cơ hội cứu mình, quay về chết ở khuyết đình, nhưng đường thủy bộ sang Kinh châu không thông, dịch sứ của Giao châu với Trung nguyên lâu nay đứt tuyệt. Muốn ngược Ích châu, lại có quân canh phòng nghiêm ngặt, quan viên trưởng lại cũ, nhất định không cho vào cõi. Lúc trước Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Uy Ngạn, nhiệt tình lấy thân phận của mình phó thác việc cho anh em ở Ích châu, thêm nữa Tĩnh cũng tự mình gửi thư, chân thành thống thiết bày kế nổi đắng cay, nhưng tuyệt vô âm tín, chưa có thư hồi báo. Dầu ngưỡng vọng ánh sáng anh minh của túc hạ, cũng chỉ ngheh cổ kiếng chân mong ngóng, làm sao chấp cánh tự bay về?"

"Được biết thánh chủ nhân đức sáng suốt, cho túc hạ vinh dự nắm đại quyền đánh dẹp, phạm là những kẻ trái tiết nghĩa, đa phần bị túc hạ đánh giết, mong túc hạ gắng sức phấn đấu khiến người người đồng lòng, thiên hạ thuận theo vương mệnh để muôn đường chung vệt bánh xe."

"Lại nói Trương Tử Vân ngày trước ở tại kinh sư, lập chí khuông phò vương thất, nay tuy thân ở chốn man hoang, không được tham dự triều chính, cũng là phiên trấn của quốc gia, là ngoại viện của túc hạ vậy. ③ Nếu Kinh, Sở bình an, ân trạch của nhà vua thấu đến phương nam, túc hạ thốt nhiên phát một đạo chỉ lệnh cho Tử Vân, ân cần dặn bảo, khiến ta có thể theo đường Kinh châu xuất phát, không được như thế, sẽ lại phải giới thiệu lẫn nhau với anh em ở Ích châu, khiến họ tiếp nhận ta. Ví như trời cho ta sống thêm vài năm, người đời chậm gây họa hoạn, để ta được về chịu tội với quốc gia, cởi bỏ cái lỗi lầm trốn lánh, thì có nát thân dưới cừu tuyền, ta có gì ân hận nữa đâu! Nếu thời thế nảy sinh tai biến, việc có thuận lợi hay trắc trở, mệnh người khó đoán, chết không minh bạch, thì ta đành vĩnh viễn mang tội danh trốn lánh, táng thân ở đất biên thùy thôi."

"Xưa kia Doanh Khâu phù giúp nhà Chu,⁽¹⁾ cầm phủ việt nắm quyền chuyên mệnh chinh phạt, Bác Lục phù tá nhà Hán,⁽²⁾ ra vào có quân Hồ bồn cảnh tất. ④ Ngày nay túc hạ phò nguy cứu khốn, là trụ đá của quốc gia, giữ trách nhiệm của Sư Vọng, kiêm trọng trách của Hoắc Quang. Ngũ hầu Cứu bá, chế ngự ở trong tay, từ xưa đến nay, cái tôn quý của kẻ nhân thần chưa có ai theo kịp túc hạ vậy. Ôi, tước cao thì lo lắng thâm sâu, lộc hậu thì trọng trách nặng nề, túc hạ giữ trọng nhiệm của người có tước cao, đảm đương địa vị của người nắm chức trách nặng, lời nói ra khỏi miệng, tức là thưởng phạt, ý tứ nảy ở trong lòng, liền thành họa phúc. Hành sự hợp đạo, tức là xã tắc yên ổn, hành sự lỗi đạo, tức là bốn phương tán loạn. An nguy của quốc gia, là ở chỗ túc hạ; vận mệnh của trăm họ, treo dưới tay Chấp sự. Từ Hoa Hạ tới Tứ Di, mọi người đều ngưỡng vọng đôi mắt nhìn. Trách nhiệm của túc hạ như thế, há có thể không xem kỹ cái duyên do phế hưng chép trong thư tịch, cái nguyên nhân của vinh nhục, quên bỏ oán cũ, khoan hòa với trăm quan, thăm xét ngũ tài,⁽³⁾ vì chức chọn người? Nếu có được người tài, dẫu là thù vẫn quyết đề cử; ví thử có người không xứng, dẫu tình thân cũng không trao chức. Vì yên ổn xã tắc, vì cứu vớt lê dân, nghiệp dựng công thành, thì công tích của túc hạ sẽ phổ thành điệu nhạc, công huân ghi vào vàng đá, mong túc hạ hãy gắng lên! Vì nước tự trọng, vì dân tự tiếc mình."

¹ Khương Tử Nha câu cá trên sông Vị, Chu Văn vương đi săn gặp được, đón về, tôn làm Thái Công Vọng (ý rằng đây là người mà Thái Công mong ngóng). Sau này Khương Tử Nha giúp Vũ vương (con của Văn vương) diệt vua Trụ, lập nhà Chu. Vũ vương phong đất Doanh Khâu cho Khương Tử Nha.

² Hoắc Quang, là đại thần của Hán Vũ đế, sau khi Vũ đế mất, nắm quyền nhiếp chính, phù tá Hán Chiêu đế Lưu Phát Lăng. Hoắc Quang thờ bốn đời vua là Vũ đế, Chiêu đế, Xương Ấp vương và Tuyên đế. Bác Lục hầu là tước phong của Hoắc Quang.

³ Ngũ tài (五材) tức là năm đức tính ưu tú của sĩ nhân, gồm: Dũng, Trí, Nhân, Tín, Trung. Dũng thì chẳng thể phạm; Trí thì chẳng thể loạn; Nhân thì yên người khác; Tín thì không dối lừa; Trung thì không hai lòng. Năm đức tính ấy là tiêu chuẩn để lựa chọn nhân tài.

Tường hặn Tĩnh không tự giao kết với mình, liền lục tìm các trước tác thư sớ mà Tĩnh nhờ chuyển, ném hết xuống sông.

① *Vạn cơ luận* chép rằng: Tường tự Nguyên Phượng.

② Thần Tùng Chi cho rằng Khổng tử từng nói: "Bậc hiền giả lánh đời, kẻ hạng dưới tránh loạn", cái cốt yếu là biết rõ mối an nguy, việc đi hay ở quyết sao cho thích đáng vậy. Hứa Tĩnh làm khách trọ ở Cối Kê, là kẻ sĩ giữa chốn dân gian, Tôn Sách đánh đến, với Tĩnh có làm sao? Mà lại vạn dặm vượt bể, đi vào xứ sở dịch bệnh, đến nỗi khiến cho bậc tôn trưởng và người yếu nhược chịu lắm than, trải trăm điều thống khổ, có thể nói là tự mình rước vạ rồi. Mưu thần như thế, khó nói là có trí được. Sao bằng an nhiên với thời thế thuận ứng biến hóa, ung dung ở giữa vùng Ngô Việt, cùng lũ Trương Chiêu, Trương Hoàn giữ sự yên vui có tốt hơn không?

③ Tử Vân tên Tân, người quận Nam Dương, làm Thứ sử Giao châu, sự tích thấy ở *Ngô chí*.

④ *Hán thư Hoắc Quang truyện* chép: "Quang đi trên đường phố, quan lang và quân Vũ Lâm đi theo dẹp đường gọi là 'cảnh tất'." Chưa rõ hai chữ "Hỗ bồn" mà Tĩnh nói có xuất xứ từ đâu.⁽¹⁾

Về sau Lưu Chương bèn sai sứ giả chiêu vờ Tĩnh, Tĩnh liền vào Thục. Chương lấy Tĩnh làm Thái thú Ba Quận, Thái thú Quảng Hán. Người quận Nam Dương là Tổng Trọng Tử ở Kinh châu gửi thư cho Thái thú Thục Quận là Vương Thương nói:

"Văn Hưu là người lỗi lạc quý báu lạ thường, tài năng cái thế, túc hạ nên xem là khuôn mẫu." ①

Năm Kiến An thứ mười sáu, Tĩnh chuyển nhận chức ở Thục Quận. ②

¹ Sách *Tam quốc chí bạch thoại* của Tào Văn Trụ chú: Hỗ bồn, là chỉ Hỗ bồn Hiệu úy. Thời nhà Hán có bọn quan võ "Bát hiệu úy", Hỗ bồn Hiệu úy là một loại Bát hiệu úy, chương quản việc hộ vệ các xe kiệu nhỏ của hoàng gia.

Năm Kiến An thứ mười chín, Tiên chủ hạ được xứ Thục, dùng Tĩnh làm Tả tướng quân trưởng sử. Tiên chủ làm Hán Trung vương, Tĩnh làm Thái phó. Lúc tức tôn hiệu, ban sách phong cho Tĩnh rằng:

"Trẫm được kế nối đại nghiệp, làm quân vương xét soi vạn cõi, sớm tối trong dạ bàng hoàng, lo sợ chẳng thể vỗ yên. Kinh Thư nói: 'Bách tính không hòa, ngũ tước không kính, người làm Tư đồ, kính bày Ngũ giáo, chấp pháp khoan hòa.'⁽¹⁾ Ngài hãy gắng sức! Giữ đức không lùi, để xứng ý trẫm."

① Ích châu kỳ cựu truyện chép: Thương tự Văn Biểu, người quận Quảng Hán, vì tài học mà nổi danh, tiếng tăm sáng rõ ở trong châu. Lưu Chương triệu làm Trị trung tòng sự. Thời ấy đường về kinh sư cách tuyệt, Mục bá của các châu tựa như chư hầu thời thất quốc vậy, nhưng Chương bản tính hiền yếu đa nghi, không thân gần tín nhiệm các đại thần. Thương dâng tấu can Chương, Chương rất cảm kích ngộ ra.

Khi trước, Hàn Toại và Mã Đằng tác loạn tại Quan Trung, mấy lần cùng cha của Chương là Yên trao đổi tin tức, đến lúc con của Đằng là Siêu lại cùng Chương truyền tin cho nhau, có ý muốn liên kết với Thục. Thương bảo Chương rằng:

- Siêu dũng mãnh mà bất nhân, thấy lợi thì không nghĩ đến đạo nghĩa, chẳng nên kết quan hệ răng môi. Lão tử nói: "Lợi khí của quốc gia, chẳng nên đem kể với người ta." Ích châu hiện nay, kẻ sĩ có tài nhân dân phong túc, bảo vật từ đó sinh ra, là chỗ mà kẻ giáo hoạt trong thiên hạ muốn khuynh đảo. Đây là lý do bọn Siêu ngóng sang tây vậy. Nếu lôi kéo mà thân gần hắn, thì cũng như dưỡng hổ, tương tự với di họa rồi.

Chương theo lời ấy, bèn cự tuyệt Siêu.

¹ Kinh Thư, thiên Thuấn điển viết: "Ngũ phẩm bất tổn." Ngũ phẩm tức Ngũ thường, đó là: cha có nghĩa, mẹ hiền từ, bạn hòa thuận, em kính anh, con có hiếu. Ngũ giáo là năm điều kể trên mà người ta phải noi theo.

Kinh châu mục Lưu Biểu và danh nho Tống Trung đều nghe danh của Thương, gửi thư cho Thương tự bày tỏ hậu ý. Hứa Tĩnh nổi tiếng là biết xét người, đến Thục, gặp Thương rồi khen rằng:

- Nếu Thương sinh ra ở Hoa Hạ, dẫu Vương Cảnh Hưng cũng không lấy gì hơn được vậy.

Chương dùng Thương làm Thái thú Thục Quận. Người ở Thành Đô là Cầm Kiên đức hạnh chí hiếu, Thương đắp đất sửa mộ phần, truy tặng là Hiếu liêm. Lại vì Nghiêm Quân Bình, Lý Hoằng lập đền thờ viết bài minh, để biểu chương các bậc tiên hiền. Còn tu sửa trường học, mở rộng nghề nông, bách tính được lợi nhờ việc ấy. Thương ở quận chục năm, chết khi đang làm quan, Hứa Tĩnh lên thay chức.

② *Sơn Dương công tái ký* chép: Năm Kiến An thứ mười bảy, Hán triều lập Hoàng tử Lưu Hi làm Tế Âm vương, Lưu Ý làm Sơn Dương vương, Lưu Đôn làm Đông Hải vương. Tĩnh nghe tin ấy nói:

- Lão tử nói: "Muốn trói chặt người khác, tất phải nói lỏng họ trước. Muốn lấy của người khác, tất phải đưa cho họ trước." Đây có thể nói là hành vi của Mạnh Đức vậy!

Tĩnh tuy tuổi quá bảy mươi, vẫn yêu mến nhân tài, giúp đỡ khuyến khích kẻ hậu sinh, đàm luận không biết mệt. Thừa tướng Gia Cát Lượng nhận chức, nghi thức đều do Tĩnh chủ trì.

Năm Chương Vũ thứ hai Tĩnh chết. Con của Tĩnh là Khâm, chết trước Tĩnh. Con của Khâm là Du, năm Cảnh Diệu trung làm Thượng thư.

Ban đầu anh trưởng của Tĩnh thờ người ở quận Dĩnh Xuyên là Trần Kỳ làm thầy, cùng bọn Viên Hoán người quận Trần, Hoa Hâm người quận Bình Nguyên, Vương Lãng người quận Đông Hải thân thiết với nhau. Hâm, Lãng và con của Kỳ là Quần, thời Ngụy sơ làm Tam công đại thần, đều gửi thư cho Tĩnh, bày tỏ tình thân cũ, nghĩa tình thành thực chân chất, văn tự nhiều cho nên không chép lại.①

① *Ngụy lược* chép thư của Vương Lăng gửi cho Văn Hưu rằng:

"Văn Hưu túc hạ:

Biết túc hạ vẫn bình an, rất mừng, rất mừng. Túc hạ há nhớ hai ta đã hơn ba mươi năm xa biệt mà chưa có cơ duyên gặp gỡ chẳng! Thi nhân so một ngày xa cách với một năm, huống chi đã trải đằng đặc bao năm tháng! Từ lúc cùng túc hạ ly biệt, tin tức như lảng rồi lại nổi, như dứt rồi lại nổi đã mấy lần rồi. Từ nay về sau, ta trú trong cung Thăng Bình tại kinh sư, vịn bảm thánh chủ nấp dưới cánh rồng. Bạn bè cùng bọn là đời gần hết, may có được lão hủ ta và túc hạ đều là người già lão còn sót lại, nhưng cách xa nhau tới mấy nghìn dặm, lại thêm đường đất cách trở gập ghềnh, lúc nghe phong thanh tin tức về túc hạ, mượn tình cô cựa còn trong tâm tưởng, neho mắt trông về nơi xa xứ lạ, so với cả đời xa cách có khác gì đâu? Trước đây ta theo trong quân đến Kinh châu, gặp Đặng Tử Hiếu và Hoàn Nguyên Tương, nghe qua về tình hình của túc hạ, biết rằng túc hạ ở tại Ích châu, nắm chức lĩnh quận, giữ chí tiết phẩm hạnh, tuổi cao tâm nguyện vẫn không đổi. Thời ấy ta hầu chuyện Vũ hoàng đế tại thính phòng của Lưu Cảnh Thăng ở Giang Lăng, thông đêm luận đàm về túc hạ, khát khao mong nhớ, thật chẳng dùng được vậy."

"Từ khi Thiên tử ở Đông cung, tới khi tức vị, thường hội quần thần, bàn luận về những kẻ sĩ tài tuấn kiệt xuất trong thiên hạ còn tại thế, nói rằng người ta đều dễ thành kẻ anh tài, mà kẻ sĩ lại ít có người xuất chúng, ta bèn dùng cái khí chất kém cỏi của Nguyên Nhưỡng, kích động sự quan tâm của Phu tử; mỗi khi ta nói đến túc hạ, lại cho là bậc trí mưu hàng đầu, khiến thiên tử chú ý, còn hơn so với người đời trước,⁽¹⁾ Kinh Thư nói: 'Nghĩ vật tìm thứ mới, nhớ người tìm bạn cũ', Dịch nói: 'Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.' Lưu tướng quân bên ấy

¹ *Luận ngữ* có đoạn viết: "Nguyên Nhưỡng là người quen của Khổng tử, ngồi xỏm dọ Khổng tử đến (hành vi vô lễ). Khổng tử trách: 'Lúc nhỏ người không kính tôn trưởng, lớn lên chẳng làm được gì đáng khen, già vẫn chưa chịu chết, đây là hại luân thường phong tục.' Bèn lấy gậy gõ vào ống chân của Nhưỡng." Khổng tử có ý rằng: "Cuộc đời của Nhưỡng thật vô vị." Ở đây Vương Lăng viết thư cho Hứa Tĩnh, ý rằng: Lăng tỏ ý với Văn đề rằng mình là người kém cỏi vô dụng, lại ngầm tiến cử với Văn đề là chỉ có Hứa Tĩnh mới thực là người tài năng, đáng để Văn đề quan tâm.

với Đại Ngụy, so về hai phương diện, bao gồm cả hai nghĩa ấy. Việc gặp gỡ ngày trước, tương tự rồi phân ly, thực không phải là bản ý của Vũ hoàng đế; biến cố gần đây, thời vận tốt rồi lại xấu, cũng không phải là ý muốn của túc hạ vậy. Chúa thượng hiểu rõ đại nghĩa của Thư, Dịch, biết cái hay của việc giao kết là ở chỗ chúng ta già lão vẫn giữ được giao tình, cho nên ta phái hàng nhân đem những thứ ngựa hay, áo lông điều, áo len mà người Ngô dâng biếu đến cho ngài mà không nghi ngại."

"Nay đường đất mới khai thông, thỏa thích bày tỏ tình xưa, thăm hỏi lẫn nhau, là lẽ thường tình. Cái tình xa biệt lâu, không phải là thứ mà bút mực có thể viết ra hết được, ta cũng nghĩ rằng túc hạ có cùng ý niệm. Nay, trai gái túc hạ sinh được mấy người? Tuổi tác độ bao nhiêu? Kẻ hèn này liên tiếp mất một trai một gái, nay có hai trai. Đứa lớn tên là Túc, hai mươi chín tuổi, sinh ở Côi Kê; đứa nhỏ mới hơn một tuổi. Viết thư mà lòng đau xót, nhưng nhớ trăn miên."

Thư khác viết:

"Trước ta từng nghe Kinh Thượng thư có câu 'Nhận ngôi vị từ Văn Tổ.'⁽¹⁾ Lại nghe trong sách Luận ngữ có câu: 'Lịch số ở mình người, hãy giữ lấy đạo trung.' Đấy há phải là việc mà bọn già lão chúng ta dễ nhìn thấy được, vừa hay đúng lúc trời trao mệnh cho thánh chủ đăng cơ, ta thấy được cái lễ nghi 'tam nhượng',⁽²⁾ quan sát các điềm lành tụ hội, nhìn tận mắt cái lễ thăng đường cực kỳ cung kính, ngẩng xem lửa tể xanh bốc lên chói lóa; vào lúc ấy ta thốt nhiên tự cho là mình sống ở thời vận Đường Ngu, đến chỗ cung Tử Vi trên thiên đình, thực vinh quang không gì hơn được vậy. Chỉ bùi ngùi là chẳng được dắt tay túc hạ, cùng liệt vào số hai người, đến nghe câu 'Khâm tai' của nhà Đường.⁽³⁾ Túc hạ dẫu ở cõi biên bìa, tường cũng căng mắt như trông về, nghiêng tai như lắng nghe, vượn cổ như hạc ngóng. Năm xưa Trần Công người quận

¹ Vua Nghiêu làm thiên tử, đem việc thiên hạ trao cho vua Thuấn. Theo *Kinh Thư*, phần *Thuấn điển*, thì Văn Tổ (文祖) là miếu thờ thủy tổ của vua Nghiêu; Theo *Sử ký*, *Ngũ đế bản kỷ* thì Văn Tổ, là tổ tiên của vua Nghiêu; Theo Mã Dung, một học giả đời Hán, cho rằng, trời là tổ tiên của vạn vật, nên Văn tổ tức là trời. Về hai chữ Văn Tổ, các học giả chưa thống nhất.

² Ý nói lễ nhường ngôi của Hán Hiến đế cho Tào Phi.

³ Xem chú thích ở tập III, quyển 15, trang 300 (Ôn Khôi truyện).

Nhữ Nam mới được bá chức, không theo phép thường, đem ngôi vị thượng khanh nhường cho Lý Nguyên Lễ. Lấy đấy mà suy, ta nên tự lui nhường ngôi vị cho túc hạ vậy. Ví như nhường được chức vị cho túc hạ mà thu lấy cái tiếng tốt 'kính nhường người hiền', rồi sau cời đai trao ấn, ngao du đàm luận với những người như Trần Bình, Chu Bột giữa nhân gian, cùng túc hạ kể về nỗi gian lao cực khổ đã trải qua, nâng chén say sưa, lớn tiếng luận đàm, sảng khoái cười vang, cũng đủ để trút bỏ mối lo mà kéo dài tuổi thọ. Nâng bút bày tỏ tâm tình, theo chữ cười vui."

Thư nữa viết:

"Mùa hè năm trước có gửi thư mà chưa đến tay túc hạ, nay lần nữa viết thư, kèm theo cả lời thăm hỏi lần trước. Hoàng đế rất thương tiếc Lưu tướng quân sớm lìa đời, vừa thương xót cho nỗi gian nan của con cô ông ấy, vừa đau tiếc cho bọn nhân sĩ có chí khí như Khổng Minh và túc hạ, rút cục chìm đắm ở vùng đất của rợ Khương Di khác tộc, vĩnh viễn cách tuyệt với Hoa Hạ, mà không có cơ duyên được vào châu ở Trung Quốc, không hy vọng được ngắm nhìn đất cũ quê xưa, cho nên Hoàng đế để lại nẩy lòng từ ái muốn ủy lạo nhân tâm, lần nữa hạ mệnh chiếu để bố cáo ân đức, sắc lệnh cho bọn Lãng, sai ta lần nữa viết thư gửi túc hạ."

"Dựa vào trí thông minh của túc hạ, mà liệu xét dụng tâm ân cần của thánh ý, cũng đủ để ngộ ra núi cao bể lớn ở đâu, biết được cái chỗ mà trăm sông phải đổ về. Xưa kia Y Doãn bỏ nhà Hạ mà tới nhà Ân, Trần Bình lìa Sở mà theo nhà Hán, vẫn sáng đức ở ngôi A hành, tỏ công ở chức Tể tướng. Nếu túc hạ có thể giúp con cô của người khác, dẹp yên nỗi do dự của người ta, bỏ nguy hiệu trái phép thường, kính nhận mệnh phong của Đại Ngụy, khách chủ đều hưởng cái danh vinh hiển hiếm có, trên dưới cùng nhận cái ân rạng rỡ bất hủ, công và nghiệp đều thành, danh và huân đều rõ, xét công tích, đủ để vượt qua Y, Lã rồi. Ta đã vâng chiếu chỉ, lại nhớ giao tình cũ, tình riêng chẳng thể nào ngăn nổi. Ví như chẳng nói cái điều mà túc hạ có thể theo, bày kể cái điều mà túc hạ có thể thấy, thì không tuyên rõ chiếu mệnh, khai mở cái ân to lớn bao la của Thánh thượng, không biểu đạt được tâm tư của ta trong mộng tưởng đêm ngày. Nếu trời cao khai mở tâm chí của chúng nhân, túc hạ

chỉ dẫn được tâm ý của Thục chủ, cái kỳ vọng nắm tay nhau của ta nhất định có ngày thành. Ví như đường đi gian nan chưa bằng phẳng, kẻ của túc hạ chẳng được nghe theo, lại sợ lời thăm hỏi của ta không đến được, làm sao gặp mặt nữa đây!"

"Trước sau hai thư, mỗi khi viết đến chỗ này, ít khi ta không buồn thương xúc động ở trong lòng. Túc hạ chu du sông hồ, đã tới Nam Hải, xem khắp tập tục của người Di, có thể nói là đi khắp thiên hạ rồi; ý tưởng ở trong lòng của túc hạ, nhất định luyến nhớ đến Hoa Hạ, có thể gọi là ngày càng sâu sắc rồi. Vì mình chọn chỗ ở, vẫn mong về trung thổ; vì chủ chọn chốn yên thân, há có thể chẳng khắc khoải nhớ đến kinh sư, mà do dự ở cõi biên hoang sao? Mong túc hạ nghĩ kỹ lời của kẻ ngu này, rồi nhanh chóng hồi báo lại."

My Trúc tự Tử Trọng, người quận Đông Hải huyện Cù. Tổ tiên nổi đời làm nghề buôn bán, khách khứa hầu nhỏ trong nhà đến vạn người, tiền của ứ đọng.^① Sau này Tử châu mục là Đào Khiêm triệu làm Biệt giá tòng sự. Khiêm chết, Trúc vâng theo di mệnh của Khiêm, đón Tiên chủ ở Tiểu Bái.

Năm Kiến An nguyên niên, Lã Bố thừa lúc Tiên chủ đi chống Viên Thuật, đánh úp Hạ Bi, bắt được vợ con của Tiên chủ. Tiên chủ bèn chuyển quân đến huyện Hải Tây thuộc Quảng Lăng, Trúc vì thế dâng tiến em gái của mình cho Tiên chủ làm phu nhân, lại dâng hai nghìn nô khách cùng vàng bạc, tiền của để trợ giúp quân tư trang; đương lúc Tiên chủ khốn quân, nhờ thế lại phần chấn được. Về sau Tào công dâng biểu tiến cử Trúc lĩnh chức Thái thú quận Doanh,^② em của Trúc là Phương làm Bành Thành tướng, hai người đều bỏ chức, theo Tiên chủ đi khắp nơi. Tiên chủ muốn tới Kinh châu, phái Trúc đi trước báo tin cho Lưu Biểu, Tiên chủ lấy Trúc làm Tả tướng quân Tòng sự trung lang.

Ích châu đã định, Trúc được bái làm An Hán tướng quân, thứ bậc ở trên hàng Quân sư tướng quân.

Trúc vốn ung dung đôn hậu lại nhã nhặn, nhưng tài cán năng lực chẳng có sở trường gì. Vì thế Tiên chủ chỉ dùng lễ thượng tân để đối đãi, chưa từng cho nắm quyền thống suất quân đội. Nhưng ban thưởng nhiều ân sủng, không ai so bì được.

① *Sưu thần ký* chép: Trúc có lần từ Lạc Dương quay về quê, còn cách làng mấy chục dặm, thấy một người phụ nữ ở ven đường, theo Trúc xin đi nhờ xe. Đi được mấy dặm, người phụ nữ xuống xe tạ rồi đi, bảo Trúc rằng:

- Ta là sứ giả nhà trời, đang đi đốt nhà của My Trúc ở Đông Hải, cảm kích ngươi cho ta đi nhờ xe, cho nên đem việc đó nói với ngươi.

Trúc nhân đó thỉnh xin, người phụ nữ nói:

- Không thể không đốt được. Thế này vậy, ngươi nên đi mau, ta sẽ trì làm chậm lại, giữa trưa hôm nay sẽ phát hỏa.

Trúc bèn về nhà, vội vàng đem hết tài vật ra ngoài, giữa trưa thì lửa cháy dữ dội.

② *Tào công tập* chép biểu của Công rằng:

"Quận Thái Sơn địa giới rất rộng lớn, cự dân ở đấy đa phần khinh bạc hung hãn, nên quyền biến thích hợp thời thế, có thể tách năm huyện lập ra quận Doanh, tuyển chọn người thanh liêm làm tướng trấn thủ. Thiên tướng quân My Trúc, vốn hành vi cao khiết trung trinh, văn võ sáng rõ, xin lấy Trúc làm lĩnh Thái thú quận Doanh, để vỗ yên quan dân."

Phương làm Thái thú Nam Quận, cùng Quan Vũ cộng sự, nhưng tình riêng có bất hòa, Phương làm phản nghênh đón Tôn Quyền, Vũ vì thế thua bại. Trúc tự trối mình xin chịu tội, Tiên chủ ủy dụ rằng anh em tội không liên quan đến nhau, vẫn hậu đãi như trước. Trúc hổ thẹn tức giận phát bệnh, hơn một năm sau thì chết.

Con của Trúc là Uy, làm quan tới chức Hồ bôn Trung lang tướng. Con của Uy là Chiếu, làm Hồ kỵ giám. Từ Trúc đến Chiếu, đều tinh thực cung ngựa, khéo bắn tên đánh xe.

Tôn Can tự Công Hữu, người quận Bắc Hải. Tiên chủ lĩnh Từ châu, triệu làm Tòng sự,^① sau theo Tiên chủ đi khắp nơi. Tiên chủ lìa bỏ Tào công, phái Can đến tự giao kết với Viên Thiệu, lúc sắp tới Kinh châu, Can lại cùng Mi Trúc đều đi sứ đến chỗ Lưu Biểu, xử lý việc đều như ý chỉ. Sau Biểu gửi thư cho Viên Thượng, nói cái biến tương tranh giữa anh em họ, thư rằng:

"Ta mỗi khi cùng Lưu Tả tướng quân và Tôn Công Hữu cùng luận bàn việc ấy, chưa từng không đau xót đến xương tủy, đều vì thế mà bi thương vậy."

Can được xem trọng như thế.

Tiên chủ định Ích châu, thăng Can từ chức Tòng sự trung lang lên làm Bình trung tướng quân, được đối đãi gần bằng My Trúc, so với Giản Ung đồng hạng. Ít lâu sau, Can chết.

① *Trịnh Huyền truyện* chép rằng: Huyền tiến cử Can với quan châu. Can được trung triệu, là bởi Huyền đề cử vậy.

Giản Ung tự Hiếu Hòa, người ở quận Trác. Thời trẻ cùng Tiên chủ là có giao tình, theo đi khắp nơi. Tiên chủ đến Kinh châu, Ung và My Trúc, Tôn Can cùng làm Tòng sự trung lang, thường ngồi đàm đạo với khách, qua lại đi sứ theo lệnh.

Tiên chủ vào Ích châu, Lưu Chương gặp Ung, rất yêu mến. Về sau Tiên chủ vây Thành Đô, phái Ung đi trước thuyết Chương, Chương bèn cùng Ung ngồi chung xe, ra thành đầu hàng. Tiên chủ bái Ung làm Chiêu đức tướng quân.

Ung ưa nghị bàn trào phúng, tính tình xuề xòa mà ngạo mạn lấc cấc, ngồi tại chiếu cạnh Tiên chủ, vẫn xoạc chân nghiêng ngả, không đủ vẻ uy nghi, tự buông thả theo ý thích; Gia Cát Lượng và người dưới tương kiến thì làm riêng một cái giường

dài mà hẹp, để Ung gối đầu nằm nói chuyện, không có chỗ nào mà co duỗi.

Thời ấy trời hạn hán hiếm lương nên cấm rượu, người nào nấu rượu phải chịu hình. Quan lại đến một nhà bắt được đồ nấu rượu, kẻ bàn luận muốn xử phạt nhà ấy giống như người phạm tội nấu rượu. Ung cùng Tiên chủ đi tra xét ở ngoài, thấy một nam một nữ đang đi đường, bảo Tiên chủ rằng:

- Người kia sắp làm việc dâm, vì sao không bắt trói?

Tiên chủ hỏi:

- Sao người biết hắn sắp làm việc dâm?

Ung đáp rằng:

- Kẻ kia có dâm cụ, so với kẻ muốn nấu rượu cũng giống.

Tiên chủ cả cười, rồi tha tội cho người có đồ nấu rượu. Sự khôi hài của Ung, đại loại đều như thế vậy.^①

① Có người nói rằng: Ung vốn họ Cảnh, người ở U châu nói chữ Cảnh thành chữ Giản, vì thế theo âm tiết mà đổi thành họ Giản.

Y Tịch tự Cơ Bá, người quận Sơn Dương. Thời trẻ nương nhờ người cùng ấp là Trần nam tướng quân Lưu Biểu. Tiên chủ ở Kinh châu. Tịch thường qua lại tự thác thân.

Biểu chết, Tịch liền theo Tiên chủ xuôi nam vượt sông, vào Ích châu. Ích châu đã định, Tiên chủ lấy Tịch làm Tả tướng quân Tòng sự trung lang, được trọng đãi kém hơn một chút so với bọn Tôn Can, Giản Ung.

Tiên chủ sai Tịch sang đông đi sứ Đông Ngô, Tôn Quyền nghe nói cái tài biện bác của Tịch, muốn dùng lời bắt bẻ để khuất nhục. Tịch vừa vào bái lạy, Quyền nói:

- Ngài thờ quân vương vô đạo có nhọc chăng?

Tịch đáp ngay rằng:

- Lay một lần rồi đứng dậy, chưa đủ để gọi là nhọc.⁽¹⁾

Sự cơ trí mẫn tiệp của Tịch, đại loại đều như thế, Quyền rất lạ về sự mẫn tiệp của Tịch. Về sau Tịch được thăng làm Chiêu văn tướng quân, cùng bọn Gia Cát Lượng, Pháp Chính, Lưu Ba, Lý Nghiêm chung sức soạn Thục khoa.⁽²⁾ Phép chế ở Thục khoa, là từ năm người ấy vậy.

Tần Mật tự Tử Sắc, người quận Quảng Hán huyện Miên Trúc. Thời trẻ có tài học, châu quận trưng triệu, thường cáo bệnh không tới. Lại dâng bản tấu lên Ích châu mục là Lưu Yên, tiến cử nho sĩ Nhâm Định Tổ rằng:

"Xưa kia Bách Lý, Kiến Thúc lấy sự già dặn mà định kế,⁽³⁾ Cam La, Tử Kỳ đều dưới hai mươi tuổi mà lập công,⁽⁴⁾ cho nên Kinh Thư ngợi khen người già, mà Dịch xưng tụng Nhan Uyên, bởi thế mới biết rằng, tuyển chọn kẻ sĩ, lực dụng hiền năng, chẳng câu nệ trẻ già, đấy mới là sáng suốt vậy."

"Lâu nay, việc xét cử trong nước, đa phần chọn những kẻ anh tuấn trẻ tuổi mà bỏ sót bậc cao niên, mọi người bàn luận không thống nhất, sai đúng chia đôi, đấy là việc xét cử lúc thời thế an bình, không phải là

¹ Tịch là bày tội của Lưu Bị, Quyền hỏi về đạo lý, nhưng tỏ ý làm nhục sứ mệnh của Tịch, lại vũ nhục Lưu Bị. Tịch vừa quỳ lay Quyền xong, nói ngay câu ấy, coi ngay Quyền là vị chúa vô đạo.

² Thục khoa là luật định về các phép tắc của nước Thục.

³ Bách Lý Hề (百里奚), người nước Tần thời Đông Chu, thời trẻ không được dùng, lưu lạc khắp nơi, lúc về già Tần Mục công nghe tiếng, dùng năm bộ da dê chuộc về cho làm Đại phu, công danh lừng lẫy.

Kiến Thúc (蹇叔), kết nghĩa chi lan với Bách Lý Hề, được Bách Lý Hề tiến cử với Tần Mục công, cũng lập nên công lao rực rỡ.

⁴ Cam La (甘罗), người nước Tần, nổi danh thần đồng, năm mười hai tuổi đi sứ nước Triệu, thuyết phục vua Triệu cắt năm thành ở biên ải cho Tần.

Tử Kỳ (子奇), người nước Tề thời Chiến Quốc, mới mười tuổi đã bày kế yên định thành Đông A của nước Tề, được làm thống soái huyện Đông A, chỉ huy quân Tề đánh bại quân Ngụy.

đề cử lúc cấp bách trong thời loạn vậy. Muốn cứu nguy dẹp loạn, sửa mình để yên dân, thì phải là bậc siêu quần trác tuyệt, có ý vị khác đời, khiến lân bang kinh hãi, bốn phương hoảng sợ, trên hợp ý trời, dưới thuận lòng người; trời người đã hòa hợp, trong lòng chẳng có gì phải hổ thẹn, dẫu vô ý gặp cơn hung loạn, có gì phải lo sợ đâu!”

“Xưa kia người nước Sở là Diệp Công thích rồng, rồng thần giáng hạ,⁽¹⁾ cái yêu thích hư hao còn thấu tỏ đến trời, huống chi là sự chân thành? Nay xử sĩ Nhậm An, là người nhân nghĩa ngay thẳng, danh truyền khắp bốn phương xa, ví như được tuyển chọn, thì người cả một châu đều cảm phục.”

“Xưa kia vua Thang đề cử Y Doãn, kẻ bất nhân trốn xa, Hà Vũ tiến cử Nhị Cung,⁽²⁾ tên tuổi hai người song danh trong sử sách, cho nên tham tìm cái cao tầm thường mà sao nhãng với núi Tung cao vạn nhận, thích cái tô điểm trước mắt mà quên tiếng khen của thiên hạ, đây thực sự là điều mà người xưa thận trọng vậy. Cái việc đeo đá cầu ngọc, mổ trai tìm châu, là Tùy hay Hòa⁽³⁾ đã rõ ràng, tỏ như ban ngày, sao phải hồ nghi nữa! Ta tin rằng đã biết là ban ngày thì chẳng ai cầm đuốc, vì mặt trời thừa chiếu sáng, chỉ là chút ngu tình mọn mọn, mong tỏ ý mình.” ①

① Ích bộ kỳ cựu truyện chép: An, người quận Quảng Hán. Thời trẻ thờ Chinh sĩ là Dương Hậu,⁽⁴⁾ nghiên cứu sâu sắc sách vở thư tịch, du lãm ở kinh sư, rồi về nhà giảng học, cùng Đồng Phù đều vì học vấn và đức hạnh mà nổi tiếng ngang nhau.

¹ Diệp Công (叶公), người nước Sở vốn rất thích rồng, các tranh treo trên tường, rèm cửa, cột nhà đều vẽ rồng. Rồng thật trên thiên đình cảm động bay xuống tận nhà Diệp Công.

² Nhị Cung tức là hai vị Cung Xá (龚舍), Cung Thắng (龚胜). Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 638 (Trần Thọ bình truyện).

³ Ngọc báu của Biện Hòa, Tùy hầu: Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 128 (Trần Tư vương truyện).

⁴ Dương Hậu (杨厚), người Quảng Hán, là danh nho đời Đông Hán, giỏi đoán sấm ký, có rất nhiều đệ tử theo học. Được triều đình trưng triệu nhưng không chịu ra làm quan, đi ở ẩn. Chinh sĩ chính là chỉ những người ở ẩn, không làm quan.

Quận mời An làm Công tào, Châu triệu làm Trị trung, Biệt giá, rút cục không giữ chức lâu. Châu quận suy cử là Hiếu liêm, Mậu tài, Thái úy triệu, phong làm Bác sĩ, công xa đến đón, An đều xưng có bệnh không tới. Châu mục là Lưu Yên dâng biểu tiến cử nói An tinh tường pháp độ, khí tiết siêu phàm, có tài liệu việc, là báu vật của quốc gia, nên dùng làm bày tôi phụ tá quân vương, nhằm tránh lỗi sai về quyết sách của quốc gia. Phải dùng đại lễ chiêu hiền, lấy vương mệnh triệu gọi. Bởi đường vua cách trở, vì thế vương mệnh không đến được.

Năm An bảy mươi chín tuổi, là năm Kiến An thứ bảy thì chết, đệ tử ngưỡng mộ, lập bia viết bài minh. Ngày sau Thừa tướng Lượng hỏi Tân Mật về sở trường của An, Mật đáp:

- An nhớ cái thiện của người, quên cái lỗi của họ.

Thời Lưu Chương, người cùng quận với Mật là Vương Thương làm Trị trung tông sự gửi thư cho Mật nói:

"Bần tiện khốn khổ, lại có thể hài lòng suốt đời sao! Biện Hòa ôm ngọc là để khoe sáng với đời. Ngài nên đi một lần, cùng quan châu tương kiến."

Mật hồi thư đáp rằng:

"Xưa kia vua Nghiêu đãi Hứa Do, chẳng phải là không rộng rãi vậy, mà Do lấy nước rửa tai;⁽¹⁾ vua Sở mời đón Trang Chu, chẳng phải là không chu đáo vậy, mà Chu cầm sào không ngoái lại.⁽²⁾ Dịch nói: 'Cái gì bền chắc thì chẳng thể nhớ được',⁽³⁾ khoe sáng với đời làm gì? Vả lại quốc quân là chúa tài giỏi, ngài là tôi thần phụ tá tài năng, chẳng nhân lúc này dựng lập kế của Tiêu Hà, Trương Lương, thì chưa đủ gọi là trí vậy. Kẻ hèn này phơi lưng giữa ruộng đồng, ngâm nga giỏ cơm bầu nước của họ Nhan, ca vịnh lầu tranh cửa cỏ của Nguyên

¹ Hứa Do là cao sĩ ẩn thân ở đất Bái Trạch, vua Nghiêu đem thiên hạ nhường cho, Do không nhận, ra sông Đĩnh Thủy rửa tai.

² Trang Chu, tức Trang tử được vua nước Sở mời làm quan, không nhận lời, buông mái chèo đi ngao du trên sông.

³ Ý nói là chí tiết đã vững thì khó mà lay chuyển được.

Hiển,⁽¹⁾ thường bay liệng nơi núi non đâm lạch, làm bạn với bọn Trường Thu, Kiệt Nịch,⁽²⁾ nghe vượn hú trong rừng sâu, xem hạc bay giữa thình không, coi an thân là vui, lấy vô lo là phúc, vứt bỏ hết hư danh, dứt ý với đời triệu, người đời biết ta ít, thì ta thấy quý rồi. Đây mới là lúc kẻ hèn này đắc chí, có gì là khôn khổ đâu!”

Sau này Thương vì Nghiêm Quân Bình, Lý Hoằng⁽³⁾ mà lập miếu thờ. Mật gửi thư cho Thương nói:

“Tôi vì bệnh tật lánh xa thế tục, mới đây biết tức hạ vì Nghiêm, Lý mà lập miếu thờ, có thể nói là ân cần hậu đãi đồng đạo vậy. Xem ra văn chương của họ Nghiêm che trùm thiên hạ, có tiết tháo siêu thoát của Hứa Do, Bá Di, tựa như núi lớn chẳng lay động, ví như Dương tử không khen, hẳn vẫn tự sáng rõ ở đời. Như Lý Trọng Nguyên, nếu chẳng được Pháp ngôn⁽⁴⁾ nâng đỡ, tiếng tăm tất đã chìm đắm, vì không có được cái vỏ ngoài của hổ báo vậy, chỉ có thể gọi là người vin rồng bám phượng thôi. Như Dương Tử Vân chuyên tâm soạn sách lập thuyết, có ích với đời, bị hãm trong bùn lầy chẳng nhiễm bẩn, hành động hợp ý thánh nhân, người khắp thiên hạ đến nay, vẫn tụng đọc văn chương của ông ấy. Bang ta có người như thế, đủ để rạng sáng bốn phương, quái lạ thay ngài bỏ ông ấy, không lập miếu thờ.”

“Đất Thục vốn không có học sĩ, Văn Ông phái Tương Như sang đông học Thất kinh,⁽⁵⁾ quay về giáo dục quan dân, vì thế nghiệp học của Thục sánh ngang với Tề, Lỗ. Cho nên Địa lý chí chép: ‘Văn Ông khởi

¹ Nhan Uyên, Nguyên Hiên là những đệ tử nổi danh của Khổng tử, ở cảnh thanh bần, khôn khổ không đổi chí, vẫn yêu đời, an phận nghèo hèn, nhân tâm tiêu dao.

² Trường Thu (长沮), Kiệt Nịch (桀溺), hai người tài danh thời Xuân Thu, chung cày ruộng nơi thôn dã, Khổng tử du ngoạn các nước, qua nơi ở của họ, sai đệ tử Tử Lộ tới hỏi chuyện.

³ Là hai học giả khá có danh tiếng cuối thời Tây Hán, từng sinh sống ở xứ Thục.

⁴ Sách *Pháp ngôn* do Dương Hùng soạn, mô phỏng hình thức theo sách *Luận ngữ*. Bàn xét và khen chê các nhân vật.

⁵ Văn Ông (文翁) tức Văn Đãng (文党), tự Trọng Ông (仲翁), người quận Lu Giang, huyện Thục, làm Thái thú Thục Quận thời Hán Cảnh đế; Tư Mã Tương Như (chú thích ở trang sau), là học trò của Văn Ông.

xướng giáo hóa, Tương Như là thầy.’ Nhà Hán được kẻ sĩ, đến thời kỳ hưng thịnh; bọn người như Trọng Thu, không hiểu rõ lễ phong thiện, Tương Như chế ra lễ ấy.⁽¹⁾ Người có thể chế lễ tác nhạc, làm đổi đời phong tục, há chẳng phải là khiến cho lễ nghi đúng thứ bậc có ích với đời sao! Tuy nói Tương Như thờ Trác Vương Tôn có khiếm khuyết,⁽²⁾ cũng như Khổng tử khen ngợi bá nghiệp của Tề Hoàn,⁽³⁾ Công Dương tán tụng sự khiêm nhường của Thúc Thuật.⁽⁴⁾ Kẻ hèn này cũng thích cái giáo hóa của Trường Khanh, nên vì họ lập miếu thờ, sớm soạn chép bài minh.”

Trước đây, Lý Quyền tới chỗ Mật mượn đọc *Chiến Quốc sách*. Mật nói:

- *Chiến Quốc* nói thuật tung hoành, ngài dùng nó làm gì?

Quyền nói:

- Trọng Ni, Nghiêm Bình tập hợp sách của các nhà, làm thành *Kinh Xuân Thu* và sách *Chỉ quy*,⁽⁵⁾ sở dĩ biến vì hợp các sông mà lớn rộng, người quân tử vì kiến thức uyên bác mà thành vĩ đại.

¹ Thời cổ, Đế vương khi lên ngôi, làm một bài văn tế đến tế trời ở núi Thái, gọi là Lễ phong thiện. Qua nhiều giai đoạn chiến tranh khốc liệt, lễ nghi thất lạc. Tư Mã Tương Như trước khi chết từng khuyên Hán Vũ đế làm lễ phong thiện, sau khi ông chết, Hán Vũ đế sai bày tôi đến nhà, tìm được *Phong thiện thư*. Sách ấy ghi chép các lễ nghi tổ chức lễ phong thiện.

² Tư Mã Tương Như nhà rất nghèo, nhưng giỏi thơ phú, nức tiếng ở đất Thục. Trác Vương Tôn nhà giàu, nổi tiếng trong vùng, có người con gái rất xinh đẹp là nàng Trác Văn Quân. Tư Mã Tương Như có lần đến dự tiệc ở nhà Trác Vương Tôn, gảy đàn, làm bài phú “Phượng cầu hoàng”, đôi trai tài gái sắc gặp gỡ, mê đắm nhau, bèn rũ nhau cùng bỏ trốn lúc nửa đêm. Đây là việc làm vượt lễ giáo, không thể chấp nhận, nhất là vào thời ấy, là khuyết điểm lớn của Tư Mã Tương Như trong việc thờ nhạc phụ là Trác Vương Tôn.

³ Tề Hoàn công làm bá, đứng đầu chư hầu tôn phù nhà Chu, công lao cực lớn. Tuy nhiên Hoàn công không nghe lời Quản Trọng, tin dùng tiểu nhân, sau khi Hoàn công chết, các con tranh giành nhau, nghiệp bá của nước Tề tan. Đó là chỗ kém của Tề Hoàn công.

⁴ Công Dương tán tụng sự khiêm nhường của Thúc Thuật: Điển tích, ND chưa tra cứu được.

⁵ Khổng tử soạn *Kinh Xuân Thu*, là biên niên sử nước Lỗ. Nghiêm Bình viết sách bói toán (*Chỉ quy*), đều là những sách kinh điển trong thư tịch cổ của Trung Quốc.

Mật đáp rằng:

- Thư tịch không phải do sử quan ghi chép, không phải là sách vở của nhà Chu, Trọng Ni không chọn dùng; đạo trái lẽ hư vô, chẳng theo lý tự nhiên, Nghiêm Bình không suy diễn. Biển vì động ú, mỗi năm phải dọn trong; bậc quân tử uyên bác, điều trái lẽ không bắt chước. Nay Chiến Quốc là sách có thuật phản phúc của Nghi, Tần,⁽¹⁾ giết người để tự mưu sinh, hại người để tự bảo toàn, là điều mà kinh sách căm ghét. Vì thế Khổng tử phát phần soạn *Kinh Xuân Thu*, để đường đường chính chính nêu cao đạo lớn, lại chế định *Hiếu kinh*, để tuyên dương rộng rãi đức nhân. Phòng lấp cái xấu từ lúc mới sinh, dự sẵn cách đề nén nó, vì thế Lão thị chủ trương tuyệt họa từ lúc nó chưa nảy mầm, há chẳng đúng sao!⁽²⁾ Thành Thang đại thánh nhân, mắt thấy việc sẵn thú mà nghĩ cái sai của việc đi săn,⁽³⁾ Định công là vua hiền, nhưng vì nữ nhạc mà bỏ bê việc triều đình,⁽⁴⁾ ① những việc như thế, làm sao liệt kê hết được. Đạo gia có câu: "Không thấy cái ham muốn, thì lòng không rối loạn!" Thế nên đạo của trời đất chỉ ra quy luật đó, đạo của nhật nguyệt sáng theo quy luật đó; lẽ ấy thẳng như mũi tên, là cái mà bậc quân tử phải bắt chước. Hồng Phạm ghi chép tai vạ, từ lời nói và việc làm của người ta khởi phát ra, há chẳng giống cái quý quyết quyền nghi của Chiến Quốc sao!

¹ Tô Tần, Trương Nghi: Xem chú thích ở tập VI, quyển 35, trang 91 (Gia Cát Lượng truyện).

² Lão tử nói: "Người ta đều biết phòng họa hoạn, nhưng ít người biết làm cho họa hoạn đừng sinh ra."

³ Thành Thang mở lưới tò đức nhân. Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 151 (Văn đế kỷ).

⁴ Khổng tử ở Lỗ, giúp nước Lỗ cường thịnh. Nước Tề giáp nước Lỗ, sợ nước Tề mạnh sẽ lấn át nước mình. Đại phu nước Tề là Lê Di bày kế cho vua Tề, xui tuyên chọn một đội nữ nhạc toàn những người trẻ tuổi, xinh đẹp, hát hay đem biếu tặng vua nước Lỗ. Vua nước Lỗ được đội nữ nhạc, rất say mê, quên bỏ việc chính sự. Khổng tử bèn bỏ nước Lỗ mà đi.

① Thần Tùg Chi xét: Truyện về Lỗ Định công ở *Kinh Thư* không có chỗ nào thiện có thể khen được. Mật nói Định công là vua hiền, thì học vấn của Mật còn nông cạn chưa thấu đạt vậy.

Có người bảo Mật rằng:

- Túc hạ muốn tự so mình với Sào, Hứa, Tứ Hạo, có sao lại phô trương văn từ diễm lệ của mình, biểu lộ tài năng?

Mật đáp rằng:

- Kẻ hèn này văn chẳng tận lời, nói chẳng tận ý, văn từ có gì là diễm lệ để phô trương đây! Xưa kia Khổng tử ba lần cầu kiến Ai công, viết thành bảy thiên *Tam triều ký*, đấy là những chỗ với việc đời chẳng thể lặng yên không nói vậy.① Tiếp Dư vừa đi vừa hát, kẻ bàn luận dùng lời hát để làm sáng nghĩa thơ; ông lão đánh cá vịnh nước sông Thương trong đục, bậc hiền sĩ dùng lời ngâm vịnh để làm rạng nghĩa văn.⁽¹⁾ Hai người ấy, không có mong cầu gì với thời thế vậy. Con hổ sinh ra thì da có vằn sặc sỡ, con phượng sinh ra thì lông có sẵn năm màu, há phải là chúng lấy màu sắc tự vẽ cái vỏ cho mình đâu? Đó là tính tự nhiên vậy. Đại khái là *Hà đồ*, *Lạc thư* nhờ có sẵn văn tự mà truyền đời, lục Kinh nhờ vẻ đẹp mà lan rộng, quân tử nhờ lễ nhạc giáo hóa mà thành đức tốt, lời văn đẹp dễ thì có phương hại gì! Cái ngu của kẻ hèn này, còn đáng thẹn hơn cái sai lầm của Cách Tử Thành, há đâu lại so ta với người hiền ư!②

① *Thất lược* của Lưu Hướg chép: Khổng tử ba lần gặp Ai công, viết bảy thiên *Tam triều ký*, nay còn ở sách *Đại đài lễ*.

¹ Tiếp Dư (接輿) người nước Sở thời Chiến Quốc, là bậc đại trí xứng danh là chân nhân không lộ tướng. Vì chán ghét quan trường, ông giả điên ca hát suốt ngày, thường dùng lời hát bàn chuyện đạo lý. Tiếp Dư từng mượn lời ca nhắc nhở Khổng tử khi Khổng tử không được vua nước Sở trọng dụng, lúc Khổng tử hiểu ra ý ấy, thì Tiếp Dư đã bỏ đi mất.

Khuất Nguyên (屈原) nói chuyện với ông lão ở bờ sông Thương Lang, ông lão khuyên Khuất Nguyên nên theo dòng đời mà sống, nhưng Khuất Nguyên cho rằng người đời vẩn đục, chỉ mình ông trong sạch, rồi nhảy xuống sông tự vẫn. Xem thêm chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 162 (Trần Tư vương truyện).

Thần Tùg Chi xét: Trong cuốn *Trung kinh* bộ có tám quyển *Khổng tử tam triều*, một quyển mục lục, còn lại là bảy quyển.

② Thần Tùg Chi xét: *Luận ngữ* hiện nay chép tên người ấy là Cức Tử Thành. Tử Thành bàn về người quân tử, nói: "Quân tử chỉ cần chất là đủ, dùng văn làm gì!"⁽¹⁾ Nhưng rồi phải chịu khuất vì lời của Tử Cống, nên lời Mật nói là sai lầm vậy.

Sau khi Tiên chủ định Ích châu, Thái thú Quảng Hán là Hạ Hầu Toàn mời Mật làm Sư hữu tể tửu, lĩnh Ngũ quan duyệt, tôn là Trọng phụ. Mật xưng bệnh, nằm nhà. Toàn dẫn Công tào là Cổ Phác, Chủ bộ là Vương Phổ, đem cỗ bàn tới nhà Mật ăn yến đàm luận, Mật vẫn nằm như cũ. Toàn hỏi Phác rằng:

- Nói đến cái đầy đủ về đồ dưỡng sinh của quý châu, thật hơn hẳn các châu khác, không biết các sĩ nhân so với châu khác thì thế nào?

Phác thưa rằng:

- Từ thời tiền Hán đến nay, so về tước vị sĩ nhân thì châu ta chẳng bằng được châu khác, đến như các trước tác làm khuôn mẫu ở đời, thật chẳng kém châu nào vậy. Nghiêm Quân Bình hiểu đạo Hoàng, Lão viết ra sách *Chỉ quy*,⁽²⁾ Dương Hùng hiểu *Kinh Dịch* soạn sách *Thái huyền*, đọc *Luận ngữ* soạn sách *Pháp ngôn*, Tư Mã Tương Như vì Vũ đế chế văn cáo *Phong thiện*, là những việc mà đến nay người thiên hạ đều biết vậy.

Toàn hỏi:

- Trọng phụ thấy thế nào?

¹ Cức Tử Thành và Tử Cống bàn về người quân tử, Cức Tử Thành nói: "Quân tử chỉ cần chất là đủ, dùng văn làm gì?" Tử Cống nói: "Tiên sinh nói sai rồi, văn và chất ví cũng như da với lông, đã cạo sạch lông đi rồi thì còn biết đâu là da hổ, đâu là da chó?"

² Hoàng Đế, Lão tử chủ trương con người tuân theo đạo lý tự nhiên. Nghiêm Quân Bình là nhân sĩ đất Thục, dựa theo đạo lý này để viết ra sách bói toán, suy diễn sự vật, hiện tượng theo đạo lý của Hoàng, Lão.

Mật lấy cái bộ võ vào má^①, nói:

- Xin minh phủ chớ dùng chữ Trọng phụ gán cho kẻ rom rác này, dân hèn xin vì Minh phủ mà trình bày gốc rễ của những việc ấy. Thục có núi Vấn Phụ, sông Giang chảy ra từ lòng núi, để tinh vì thế hội tụ xương thịnh, thần linh vì thế tạo phúc, cho nên ruộng đồng ngàn dặm phì nhiêu.^② Giang, Hà, Hoài, Tế là Tứ độc, Đại Giang là đứng đầu,⁽¹⁾ đấy là một. Vua Đại Vũ sinh ra từ móm đá, móm đá ấy là quận Vấn Sơn hiện nay vậy.^③ Xưa kia vua Nghiêu gặp nạn hồng thủy, ông Cỗn trị thủy không nổi, Vũ khơi Đại Giang tháo Hoàng Hà, cho nước chảy về đông rót ra bể, vì dân trừ hại, từ khi có sinh dân đến nay, công ấy tuyệt chẳng có ai sánh bằng, đấy là hai. Thiên đế đặt sao Phòng sao Tâm, bày sao Tham sao Phạt, sao Tham sao Phạt thì ở địa phận Ích châu vậy, Tam Hoàng cưỡi xe ra Cốc khẩu, Cốc khẩu chính là Tà Cốc hiện nay vậy, đấy là ba.^④ Đại khái đó là cái gốc ban đầu của bí châu, Minh phủ dùng nhĩa mà luận, so với các châu của thiên hạ thì thế nào?

Vì thế Toản ngập ngừng không lấy gì để đáp lại.

① Bộ, là cái hốt vậy.

② Hà đồ Quát địa tượng chép: Vùng đất Dân Sơn, trên bầu trời về phía đông là địa phận sao Tinh, để tinh vì thế hội tụ xương thịnh, thần linh vì thế tạo phúc, trên đỉnh trời là sao Tinh.

Thục đồ phú của Tả Tư chép: Xa xa có ngôi sao ở Dân Sơn, là sao Tinh trên trời, trời đất ứng vận mà hội tụ xương thịnh, hồng phúc lan tỏa nên hưng vượng.

③ Đế vương thế kỷ chép: Cỗn lấy người con gái họ Hữu Sần tên là Chí, tự sửa lỗi mình. Đi lên núi, thấy có sao băng bay xuyên qua sao Mão, vì thế mộng寐 liên tiếp, tâm ý tương thông, lại mơ thấy mình nuốt thần châu, ngực bụng rách toang, mà sinh ra vua Vũ ở móm đá.

¹ Tứ độc (四渎): Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 136 (Văn đế kỷ).

Thục bản kỷ của Tiêu Chu chép: Vua Đại Vũ vốn là người quận Vấn Sơn huyện Quảng Nhu, sinh ra ở mỏm đá, địa danh ấy là Khô Nghê Bình, thấy nói ở *Thế đế kỷ*.

④ *Thục kỷ* chép: Tam hoàng cưỡi xe ra Cốc khẩu, chưa rõ Mật do đâu mà biết Cốc khẩu là Tà Cốc vậy.

Ích châu triệu Mật làm Tòng sự tể tửu. Tiên chủ xưng tôn hiệu xong, sắp sửa sang đông đánh nước Ngô, Mật bày tỏ rằng thiên thời bất lợi, mắc tội bị giam vào ngục tối, về sau được thả ra.

Năm Kiến Hưng thứ hai, Thừa tướng Lượng lĩnh Ích châu mục, tuyển Mật đón về châu làm Biệt giá, ít lâu sau bái làm tả Trung lang tướng, Trường thủy Hiệu úy.

Nước Ngô phái sứ giả là Trương Ôn đem lễ vật đến giao hảo, trăm quan đều đến nghênh tiễn. Chúng nhân tề tựu mà Mật chưa đến, Lượng nhiều lần phái sứ đến thúc giục Mật, Ôn hỏi:

- Người đó là ai vậy?

Lượng nói:

- Là học sĩ của Ích châu.

Lúc Mật đến, Ôn hỏi rằng:

- Ngài có đọc sách chẳng?

Mật nói:

- Đứa trẻ cao năm thước đều đọc sách, hà tất phải hỏi tiểu nhân!

Ôn lại hỏi rằng:

- Trời có đầu chẳng?

Mật nói:

- Có chứ.

Ôn hỏi:

- Ở phương nào vậy?

Mật nói:

- Ở phương tây. *Kinh Thi* nói: "Lại ngoảnh về tây." Vì thế suy ra, đầu của trời ở phương tây.

Ôn hỏi:

- Trời có tai chăng?

Mật đáp:

- Trời ở cao mà nghe được tiếng dưới thấp. *Kinh Thi* nói: "Hạc kêu ở chín tầng cao, tiếng nghe đến tận trời." Nếu trời không có tai, vì sao nghe được?

Ôn nói:

- Trời có chân không?

Mật nói:

- Có. *Kinh Thi* nói: "Bước trời khó nhọc." Nếu trời không có chân, lấy gì để bước?

Ôn hỏi:

- Trời có họ không?

Mật đáp:

- Có chứ.

Ôn hỏi:

- Họ gì?

Mật đáp:

- Họ Lưu.

Ôn hỏi:

- Sao biết là họ Lưu?

Đáp rằng:

- Thiên tử họ Lưu, cho nên biết trời họ Lưu vậy.

Ôn nói:

- Mặt trời mọc ở phương đông phải không?

Mật đáp:

- Tuy mọc ở đông nhưng lặn về tây.

Người hỏi kẻ đáp như tiếng vọng, ứng tiếng mà phát ra, vì thế Ôn rất kính phục. Văn từ biện bác của Mật, đại loại là như vậy. Sau Mật được thăng làm Đại tư nông, năm thứ tư thì chết.

Khi trước Mật xem văn tự về thế hệ Đế vương, nói là Ngũ đế đều cùng một tộc, Mật biện xét tận gốc rễ cái không đúng của lời ấy. Lại luận về cái thuyết dưỡng thịnh của các bậc hoàng đế, bá vương, rất thông suốt và có đạo lý. Tiêu Doãn Nam thời trẻ nhiều lần đến cầu giáo, lời luận ấy biên chép ở *Xuân Thu nhiên phủ luận*, văn tự nhiều cho nên không chép lại.

Bình rằng: Hứa Tĩnh sớm có danh tốt, vì đôn hậu thành thật mà nổi tiếng, lại một lòng khuyến giúp người đời, tuy rằng hành sự và cử chỉ, vị tất đã thỏa đáng, Trương Tế cho là "bậc đại trí ở chốn miếu đường."^① Mi Trúc, Tôn Càn, Giản Ung, Y Tịch đều có phong thái nghị bàn ung dung, được người đời kính lễ. Tân Mật ban đầu hâm mộ sự cao thượng của bậc ẩn sĩ lánh đời, nhưng không có cái tư chất của kẻ đại trí như ngu. Xét tài ứng đối có thừa, lời văn đẹp dễ tráng lệ, có thể gọi là tài sĩ của một thời rồi.

① *Vạn cơ luận* bình luận về Hứa Tử Tương rằng: Hứa Văn Hưu, là bậc đại trí ở chốn miếu đường vậy, nhưng Hứa Tử Tương chê biếm ông ấy. Nếu thật sự không xem trọng ông ấy, thì Tử Tương không sáng suốt vậy; nếu như hiểu về Văn Hưu, đại để phải thừa nhận ông ấy là người tốt vậy.

QUYỂN THỨ BA MƯƠI CHÍN

ĐỒNG, LƯU, MÃ, TRẦN, ĐỒNG, LÃ TRUYỆN



Đồng Hòa tự Ấu Tế, người huyện Chi Giang thuộc Nam Quận, tổ tiên của Hòa vốn ở Giang Châu thuộc Ba Quận. Thời Hán mạt, Hòa thống suất tông tộc sang tây. Ích châu mục là Lưu Chương lấy Hòa làm trưởng huyện Ngưu Bử, trưởng huyện Giang Nguyên, Thành Đô lệnh.

Đất Thục sản vật phong phú, phong tục xa xỉ, những nhà buôn bán phục sức như vương hầu, ăn đồ ngon quý; việc hôn thú tang táng, khuynh gia bại sản. Hòa tự tiết kiệm lấy mình làm gương, mặc áo xấu ăn cơm rau, phòng cấm việc tiếm vượt pháp chế, lập ra phép tắc, phong tục ở địa phương biến chuyển tốt, mọi người sợ không dám phạm phép. Nhưng lũ cường hào trong cõi sợ phép tắc nghiêm khắc của Hòa, khuyên Chương chuyển Hòa làm Ba Đông thuộc quốc đô úy. Quan dân già trẻ mấy nghìn người dắt díu xin giữ Hòa lại. Chương nghe theo giữ Hòa lại hai năm, sau thăng Hòa làm Thái thú Ích châu, sự thanh bạch tiết kiệm của Hòa vẫn như trước. Hòa giao tiếp với người Man, người Di, bán đổi công bằng, hết sức thành tâm, dân phương nam yêu mến mà tín nhiệm Hòa.

Tiên chủ định Thục, triệu Hòa làm Chương quân Trung lang tướng, cùng Quân sư tướng quân là Gia Cát Lượng đều tạm nhận việc ở phủ Đại tư mã của Tả tướng quân, dâng kế bố khuyết, hai người kết thành bằng hữu.

Từ lúc Hòa giữ chức ăn lộc, ngoài lĩnh quận ở biên viễn, trong chương quản việc cơ yếu, hơn hai mươi năm, ngày chết trong nhà không thừa một thạch lương.

Lượng sau khi làm Thừa tướng, răn bảo thuộc hạ rằng:

"Nhận việc ở phủ quan, nên tập hợp ý kiến của số đông, rộng cầu ích lợi để tận trung báo đáp. Nếu tránh hiềm khích nhỏ, thì khó lấy được ý kiến trái ngược, đấy là thiếu sót và mất mát vậy. Có ý kiến trái ngược là thu được cái đúng, cũng như phá bỏ gỗ xấu mà lấy được ngọc báu. Nhưng khổ nỗi con người ta chẳng tận tâm, duy có Tì Nguyên Trục xét việc chẳng hồ đồ, lại được Đồng Ấu Tế tham gia việc ở phủ sự bảy năm, việc có chỗ không chu đáo, kể như có mười ý khác nhau, nhất định đều bày tỏ hết. Ví như mọi người đều bắt chước được một phần mười cái suy nghĩ của Nguyên Trục, theo được cái siêng năng cần mẫn của Ấu Tế, có lòng trung với nước, thì Lượng có thể bớt được sai lầm rồi."

Lại nói:

"Trước đây lúc đầu ta giao tiếp với Châu Bình, luôn được nghe điều tổn ích, sau giao kết với Nguyên Trục, lại được nghe lời dạy bảo; khi trước cùng thương nghị với Ấu Tế, mỗi lời nói ra luôn tận lễ, sau này cộng sự với Vĩ Độ, thường được nghe lời can gián; tuy ta thiên bảm tối tăm, chẳng thể tiếp thu hết được, nhưng ta với bốn người ấy trước sau hòa hợp, như thế cũng đủ để tỏ rõ rằng ta chẳng hề ngờ vực về lời thẳng vậy."

Lượng đoái nghĩ về Hòa sâu sắc đến như thế.^①

① Vĩ Độ, họ Hồ, tên Tế, người quận Nghĩa Dương. Làm Chủ bộ của Lượng, hết lòng trung thuận, bởi thế rất được khen ngợi. Lượng chết, Tế làm Trung điện quân, thống lĩnh chư quân, được phong làm Thành Dương Đình hầu, rồi thăng làm Trung giám quân Tiền tướng quân, đốc Hán Trung, được ban giả tiết lĩnh Thứ sử Duyện châu. Em của Tế là Bác, trái chức Trường thủy Hiệu úy, Thượng thư.

Lưu Ba tự Tử Sơ, người quận Linh Lăng huyện Chung Dương. Thời trẻ nổi danh,^① Kinh châu mục là Lưu Biểu nhiều lần trưng triệu, suy cử làm Mậu tài, đều không tới.

Biểu chết. Tào công đánh dẹp Kinh châu. Tiên chủ chạy xuống Giang Nam, nhân sĩ Kinh Sở chạy theo như mây, nhưng Ba lên bắc đến chỗ Tào công. Tào công triệu làm Duyệt, sai đi chiêu nạp nhân sĩ của ba quận Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương.^② Lúc Tiên chủ chiếm được ba quận, Ba không quay về được, bèn lánh đến quận Giao Chỉ,^③ Tiên chủ rất lấy làm căm hận.

① *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép: Tổ phụ của Ba là Diệu, làm Thái thú Thương Ngô. Cha của Ba là Tường, làm Thái thú Giang Hạ, Đãng khấu tướng quân. Thời Tôn Kiên cất binh dẹp Đông Trác, vì Thái thú Nam Dương là Trương Tư không cấp quân lương, bị giết. Tường cũng đồng tình, sĩ dân Nam Dương vì thế oán Tường, cất binh đến đánh, Tường cùng họ giao chiến, thua bại. Lưu Biểu vốn không thích Tường, nên quản thúc Ba, muốn giết, mấy lần phái người thân tín cũ của Tường ngầm vờ bảo Ba rằng:

- Lưu mục muốn gây hại, ta nên cùng trốn đi.

Nói như thế mấy lần, Ba nhất định không đáp ứng. Người kia kể hết với Biểu, Biểu mới không giết Ba.

Năm Ba mười tám tuổi, quận cho tạm nhận chức Chủ ký chủ bộ của Hộ tào sử. Lưu Tiên chủ muốn phái Chu Bất Nghi đến chỗ Ba học tập. Ba đáp rằng:

- Trước đây ta du học ở Kinh Bắc, học thầy chẳng bao lâu, cái học vấn về tụng đọc thi thư, chẳng đủ để chép tên, trong không có cái thuật thủ an của Dương Chu,⁽¹⁾ ngoài chẳng có phong độ giúp đời

¹ Dương Chu (杨朱), tự Tử Cư (子居), người nước Ngụy thời Chiến Quốc. Là triết học gia, đề ra thuyết "quý sự sống, trọng bản thân, vì chính mình", ông quan niệm: "Không vì cái lợi lớn của thiên hạ mà chịu mất đi một sợi lông chân của mình." Ghi chép về ông chỉ có vài dòng rải rác trong các sách vở của Mạnh tử, Hàn Phi tử, Lã thị Xuân Thu, Hoài Nam tử.

của Mặc Dịch,⁽¹⁾ giống như sao Cơ trên trời nam, hư hao không dùng được.⁽²⁾ Ngài viết thư muốn ta dạy cháu ngoại của ngài làm hại đến cái vẻ tươi đẹp của loan phượng, đưa nó đến sào huyệt của yển tước, sao có thể gọi là chỉ rõ đạo sáng được? Ta tự thẹn rằng học vấn của mình "có mà như không, tưởng đủ mà như trống rỗng", sao dám vâng lời!

② *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép: Tào công bại ở Ô Lâm, lúc quay về bắc, muốn phái Hoàn Giai đi sứ, Giai chối rằng mình chẳng được bằng Ba. Ba bảo Tào công rằng:

- Lưu Bị chiếm Kinh châu, không đi được vậy.

Công nói:

- Bị nếu có mưu đồ, Cô phát đại quân đối phó với hắn.

③ *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép: Ba qua Linh Lăng, việc không thành, muốn đến Giao châu, tìm đường về kinh sư. Bấy giờ Gia Cát Lượng ở tại Lâm Chung, Ba gửi thư cho Lượng nói:

"Ta muốn vượt nguy trái hiểm, đến chỗ người dân mến nghĩa, tự hợp với mọi người, nương theo ý trời, thuận với vạn vật, việc ta mưu tính há để người khác phải khuyên bảo. Nếu đường cùng số tận, ta sẽ gửi mệnh chôn bể khơi, chẳng ngoái lại Kinh châu nữa."

Lượng cho người đuổi theo báo rằng:

- Lưu công hùng tài cái thế, chiếm giữ Kinh châu, chẳng ai không phục đức, ý trời việc người, khi thế này lúc thế khác, là điều ngài đã biết rồi. Túc hạ muốn đến nơi nào?

Ba nói:

- Ta nhận mệnh mà đến, việc chẳng thành thì phải quay về, đấy là cái lý đương nhiên. Túc hạ nói gì thế!

Ba lại từ Giao Chỉ đến Thục.① Ít lâu sau Tiên chủ định Ích châu, Ba vội tỏ ý tạ tội, Tiên chủ không trách.② Gia Cát Khổng Minh

¹ Mặc Dịch (墨翟): Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 30 (Điền Trù truyện).

² Sao Cơ, cũng đọc là Ky, nằm ở phía nam bầu trời, hình dáng như cái sàng, là một đồ dùng của nhà nông, nhưng sàng ở trên trời, chỉ để nhìn mà không dùng được vào việc.

nhiều lần dâng lời tiến cử Ba, Tiên chủ triệu Ba làm tả Tướng quân Tây tào duyện.^③ Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Tiên chủ làm Hán Trung vương, Ba làm Thượng thư, sau thay Pháp Chính làm Thượng thư lệnh.

Ba giữ mình thanh liêm cần kiệm, chẳng hề vun vén sản nghiệp, lại tự nghĩ rằng mình không quy phục sớm, sợ bị nghi ngờ, nên cung kính lặng lẽ giữ thân, hết việc về nhà không giao kết riêng, không phải việc công thì không lên tiếng.^④

Tiên chủ xưng đế hiệu, chiêu cáo với hoàng thiên thượng đế hậu thổ thần kỳ, hết thảy các văn, cáo, sách, mệnh, đều do Ba thủ bút.

Năm Chương Vũ thứ hai Ba chết. Sau khi Ba chết, quan Thượng thư bộc xạ của nước Ngụy là Trần Quần gửi thư cho Thừa tướng Gia Cát Lượng, hỏi về tin tức của Ba, gọi Ba là Lưu quân Tử Sơ, rất mực kính trọng.^⑤

① *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép: Ba vào Giao Chỉ, đổi thành họ Trương. Ba cùng Thái thú Giao Chỉ Sĩ Nhiếp bàn việc không hợp, bèn theo lối Tang Ca bỏ đi. Bị người quận Ích châu bắt lại, quan Thái thú muốn giết Ba. Chủ bộ nói:

- Người này là kẻ phi thường, không nên giết vậy.

Chủ bộ xin tự mình đưa Ba lên châu, gặp Ích châu mục là Lưu Chương, cha của Chương là Yên trước kia được cha của Ba là Tường tiến cử làm Hiếu liêm, Chương gặp Ba rất mừng, mỗi khi có việc lớn thường đem ra hỏi ý Ba.

Thần Tùng Chi xét: Lưu Yên thời Hán Linh đế đã rời chức Tông chính Thái thường, ra làm Ích châu mục, Tường vào lúc Tôn Kiên khởi sự ở Trường Sa mới làm Thái thú Giang Hạ, không thể tiến cử Yên làm Hiếu liêm, việc rõ ràng vậy.

② *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép: Chương phái Pháp Chính nghênh tiếp Lưu Bị, Ba can rằng:

- Bị, là hào kiệt vậy, vào tất gây họa, chẳng nên dung nạp.

Bị vào Thục rồi, Ba lại can rằng:

- Nếu sai Bị đánh dẹp Trương Lỗ, đấy là thả hổ về rừng sâu vậy.

Chương không nghe. Ba đóng cửa ở nhà xưng có bệnh. Bị đánh Thành Đô, lệnh ở trong quân rằng:

- Kẻ nào hại Ba, sẽ giết đến ba họ.

Bị được Ba, rất mừng.

③ *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép: Trương Phi từng đến nhà Ba, Ba không tiếp chuyện, Phi vì thế rất tức giận. Gia Cát Lượng bảo Ba rằng:

- Trương Phi tuy là hạng võ biên, nhưng rất kính mộ túc hạ. Nay chúa công đang tụ họp văn võ, để định đại sự; túc hạ đâu thiên tính thanh cao, cũng nên hạ mình một chút.

Ba nói:

- Đại trượng phu ở đời, đáng phải kết giao với anh hùng bốn bể, như mấy gã nhà binh có chuyện gì để nói cùng?

Bị nghe chuyện, giận nói:

- Cô muốn định thiên hạ, mà Tử Sơ chuyên gây rối. Ông ấy muốn về bắc, mượn đường ở chỗ này, há phải muốn giúp Cô thành nghiệp đâu?

Bị lại nói:

- Tử Sơ tài trí tuyệt luân, như Cô, có thể dùng được ông ấy, ngoài Cô ra khó ai dùng nổi.

Lượng cũng nói:

- Vận trù kế sách nơi màn trướng, thuộc hạ còn thua Tử Sơ xa lắm! Nếu cầm dùi trống, hội quân môn, khiến bách tính háng hái vui mừng, phải đợi nghe người ta nghị luận.

Khi trước, lúc vây đánh Lưu Chương, Bị hẹn với sĩ chúng rằng:

- Nếu việc thành công, trăm thứ tài vật trong phủ kho, Cô không xét đến.

Lúc hạ được Thành Đô, sĩ chúng đều bỏ mộc quăng mác, chạy tới kho tàng tranh lấy bảo vật. Vì thế đồ dùng trong quân không đủ, Bị rất lo lắng. Ba nói:

- Việc dễ thôi, chỉ nên đúc tiền mệnh giá một trăm, bình ổn các thứ vật giá, lệnh cho quan lại xét dấu giá công khai.

Bị nghe lời, trong vòng mấy tháng, phủ kho lại sung túc.

④ *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép: Thời ấy lòng người ở Trung Nguyên chưa định, nghe tin Bị ở Thục, bốn phương vurun cổ ngóng chờ. Nhưng Bị muốn xưng Đế gấp, Ba cho rằng làm như thế địa bàn không mở rộng thêm được, nên hoãn việc ấy lại. Ba và Chủ bộ là Ung Mậu can gián Bị, Bị mượn việc khác giết Mậu, bởi thế người ở xa không đến theo phục nữa.

⑤ *Linh Lăng tiên hiền truyện* chép: Phụ Ngô tướng quân là Trương Chiêu từng ở trước mặt với Tôn Quyền luận về tính khí hẹp hòi quá mức của Ba, cho rằng Ba chẳng nên cự tuyệt Trương Phi quá đáng như vậy. Quyền nói:

- Ví như Tử Sơ theo dòng đời chìm nổi, nhẫn nhịn khiến Huyền Đức vui lòng, giao kết với những kẻ không giống mình, sao đủ để xưng là cao sĩ được?

Mã Lương tự Quý Thường, người quận Tương Dương huyện Nghi Thành. Năm anh em, đều có tài danh, người làng có câu ngạn ngữ rằng: "Mã thị ngũ thường, bạch mi tối lương."⁽¹⁾ Nguyên lông mày của Lương sắc trắng, nên có lời khen ấy.

Tiên chủ lĩnh Kinh châu, triệu Lương làm Tòng sự. Lúc Tiên chủ vào Thục, về sau Gia Cát Lượng cũng theo vào, Lương ở lại Kinh châu, gửi thư cho Lượng nói:

"Nghe nói Lạc Thành đã hạ xong, đấy là phúc lộc trời ban vậy. Tôn huynh ứng thời vận, phù trì thế đạo, phối hợp tổ nghiệp, vinh diệu quốc gia, cái hình thế đã hiện rõ rồi. ① Người quyền biến phải suy tư lo lắng, xét đoán kỹ lưỡng sâu xa, tuyển chọn nhân tài, nên thích hợp

¹ Năm anh em họ Mã, tự là Thường, người có lông mày trắng giỏi nhất.

với thời thế. Nếu ánh sáng nhu hòa của chính sách làm kẻ ở xa vui vẻ, đức hạnh phủ khắp đất trời, để người đời vui vẻ theo mệnh lệnh, thế gian theo đại đạo, khiến âm luật cao diệu cùng tấu lên, cải sửa thứ âm nhạc ủy mị của Trịnh, Vệ, lợi cho đại sự, không cưỡng đoạt lẽ luân thường, thật là đạo quân huyền⁽¹⁾ đến mức cùng cực vậy, là khúc điệu của Bá Nha, Sư Khoáng vậy. Ta đâu chẳng phải Chung Kỳ,⁽²⁾ đâu dám không gõ tiết ngợi ca."

Tiên chủ triệu Lương làm Tả tướng quân duyện.

① Thần Tùng Chi cho rằng Lương có thể cùng Lượng kết thành huynh đệ, hoặc rất thân gần với nhau; Lượng nhiều tuổi hơn, cho nên Lương gọi Lượng là tôn huynh vậy.

Về sau Tiên chủ phái Lương đi sứ Đông Ngô, Lương báo Lượng rằng:

- Nay Lương vâng quốc mệnh, hòa hợp hai nhà, mong ngài giới thiệu Lương với Tôn tướng quân.

Lượng nói:

- Ngài thử tự mình viết thư giới thiệu.

Lương lập tức viết bản thảo rằng:

"Quân chủ tôi phái Duyện sứ là Mã Lương đến quý quốc biểu đạt tình hữu nghị và tiếp tục quan hệ hữu hảo, để kế nối cái công huân của Côn Ngô, Thi Vi.⁽³⁾ Người này là kẻ sĩ tài hoa, nổi tiếng ở đất

¹ Tức là cái đạo âm nhạc vậy.

² Chung Huy (鍾徽) tự Tử Kỳ (子期): Chú thích ở tập III, quyển 11, trang 37 (Vương Tu truyện).

³ Côn Ngô (昆吾) là một nước chư hầu, làm bá chủ cuối thời Hạ, phù giúp nhà Hạ chống lại Thành Thang. Côn Ngô cũng là tên vị quân chủ đầu tiên của nước Côn Ngô. Theo *Sử ký*, Côn Ngô là hậu duệ thứ sáu của Chuyên Húc, con trưởng của Lạc Chung;

Thi Vi (豕韦) là nước chư hầu bá chủ thời nhà Thương. Theo Trang tử, nước Thi Vi được hình thành từ đời vua Thiệu Khang nhà Hạ, đến đời vua Thành Thang nhà Thương bị diệt, đến thời nhà Chu lại phục quốc, giúp Chu Vũ vương diệt vua Trụ.

Kinh Sở, tuy thiếu tài ăn nói lưu loát, nhưng làm việc chu toàn, mong ngài giảm bớt vẻ uy nghiêm đón tiếp, giúp hần tròn sứ mệnh."

Quyền cung kính tiếp đãi Lương.

Tiên chủ xưng tôn hiệu, lấy Lương làm Thị trung. Lúc sang đông đánh Ngô, phái Lương tiến vào Vũ Lăng chiêu nạp người Man Di ở Ngũ Khê, các cừ soái người Man Di đều nhận ấn phong hiệu, hết thảy theo đúng ý chỉ. Lúc Tiên chủ thua võ ở Di Lăng, Lương cũng bị hại. Tiên chủ bái con của Lương là Bình làm Kỵ đô úy.

Em của Lương là Tắc, tự Ấu Thường, làm Tòng sự ở Kinh châu theo Tiên chủ vào Thục, được phong làm Miên Trúc lệnh, Thành Đô lệnh, Thái thú Việt Tuyền.

Tắc tài trí hơn người, thích luận việc quân, Thừa tướng Gia Cát Lượng quý mến khác thường. Tiên chủ sắp mất bảo Lượng rằng:

- Mã Tắc nói quá tài thực, không nên đại dụng, ngài hãy xét kỹ hần!

Lượng vẫn không cho là đúng, dùng Tắc làm Tham quân, thường dẫn vào gặp đàm luận, từ sáng đến khuya.①

① *Tương Dư* ký chép: Năm Kiến Hưng thứ ba, Lượng đi đánh Nam Trung, Tắc tiến mấy chục dặm đường. Lượng nói:

- Tuy cùng ngài mưu việc mấy năm, nay vẫn mong ngài đề xuất mưu hay.

Tắc đáp rằng:

- Nam Trung cậy ở nơi xa hiểm, không phục đã lâu rồi, dẫu hôm nay phá họ, hôm sau họ lại phản thôi. Cái ngày Minh công dẫn quân nghiêng nước lên bắc đối phó cường địch, bên kia xem biết hình thế trong nước trống rỗng, họ phản cũng rất nhanh. Nếu giết sạch người Di để trừ hậu hoạn, đã không phù hợp với đạo nhân, lại chẳng thể làm ngay được vậy. Cái đạo dùng binh, công tâm là thượng sách, phá thành là hạ sách, đánh vào lòng người là thượng

sách, cử binh quyết chiến là hạ sách, mong Công khiến họ thành tâm chịu phục mà thôi.

Lượng chọn dùng kế ấy, tha Mạnh Hoạch để thu phục phương nam. Cho nên suốt đời Lượng, người Nam không dám làm phản nữa.

Năm Kiến Hưng thứ sáu, Lượng dẫn quân hướng đến Kỳ Sơn, bấy giờ có bốn tướng lão luyện như Ngụy Diên, Ngô Nhất, kẻ bàn luận đều nói nên sai làm tiên phong, nhưng Lượng trái lời chúng đề bạt Tắc, cho thống lĩnh đại quân ở phía trước, cùng tướng Ngụy là Trương Cáp giao chiến ở Nhai Đình, bị Cáp đánh tan, sĩ tốt ly tán. Lượng tiến không có chỗ dựa, phải lui quân về Hán Trung.

Tắc bị hạ ngục chết, Lượng vì Tắc sa nước mắt. Lượng chết lúc ba mươi sáu tuổi, Tắc chết năm ba mươi chín tuổi.①

① *Tương Dương ký* chép: Tắc lúc lâm chung gửi thư cho Lượng nói:

"Minh công coi Tắc như con, Tắc coi minh công như cha. Xin minh công nghĩ đến cái nghĩa giết Cỗ mà dựng Vũ, khiến mối giao tình thừa bình sinh giữa chúng ta chẳng khuyết hại ở chỗ này, Tắc dầu chết cũng không ân hận dưới chốn hoàng tuyền."

Bấy giờ chục vạn sĩ chúng đều vì Tắc sa nước mắt. Lượng tự thân đến tế, đãi con côi của Tắc như lúc Tắc còn sống.

Tướng Uyển sau này đến Hán Trung, bảo Lượng rằng:

- Xưa kia nước Sở giết Đắc Thần, rồi sau Văn công mừng vui khôn xiết.⁽¹⁾ Nay thiên hạ còn chưa định mà giết kẻ sĩ trí mưu, há chẳng đau tiếc sao!

Lượng rơi nước mắt nói:

¹ Thành Đắc Thần (成得臣) là tướng giỏi của nước Sở. Nước Tấn và nước Sở tranh bá, giao chiến ở Thành Bộc, Thành Đắc Thần cầm quân nước Sở bị quân Tấn do Tiên Chấn chỉ huy đánh bại, vua nước Sở giết Thành Đắc Thần, Tấn Văn công nghe tin hết sức vui mừng. Kể từ sau khi Thành Đắc Thần chết, nước Sở không thể hưng vượng để tranh ngôi bá với nước Tấn được nữa.

- Tôn Vũ sở dĩ chế phục được người thiên hạ, vì dùng hình pháp nghiêm minh vậy.⁽¹⁾ Đây là cái lý do Dương Can loan phép mà Ngụy Giáng chém giết kẻ hầu của Can vậy.⁽²⁾ Nay bốn bề phân liệt, binh đao mới nổi lên, nếu lại phế bỏ phép tắc, lấy gì để đánh giặc đây!

Tập Tạc Xi nói: Gia Cát Lượng chẳng thể kiêm tính được thượng quốc, há chẳng thích đáng sao! Người nước Tấn liệu đoán cái thành công ngày sau của Lâm Phụ, cho nên phế bỏ phép thường mà thu công lạ;⁽³⁾ Sở Thành ám muội không biết Đắc Thần còn có ích với mình, cho nên giết đi để thảm bại nặng nề. Nay nước Thục nhỏ hẹp ở một góc, nhân tài thiếu so với thượng quốc, mà giết người tài tuần của nước mình, mong thu lấy hiệu năng của kẻ tài thường, trọng việc sáng phép hơn là dụng tài, chẳng bắt chước cái đạo lý ba lần thua bại của người xưa,⁽⁴⁾ mong thành đại sự, chẳng cũng khó sao! Và lại Tiên chủ răn bảo là chẳng nên đại dụng Tắc, há chẳng phải là nói Tắc không có tài thực? Lượng vâng nhận lời răn mà chẳng thể theo được, rõ ràng Tắc là người khó bỏ vậy. Thân làm chúa tể thiên hạ, muốn đại dụng hết nhân lực vật lực của quốc gia, mà chẳng liệu tài tiết chế trách nhiệm, tùy tài giao việc; biết Tắc nói quá tài thực, thì là trái với lời răn của mình chủ, quyết việc giữa lúc mất mát, lập tức giết người hữu ích, thật khó có thể nói việc làm ấy của Lượng là trí vậy.

¹ Tôn Vũ là nhà quân sự lừng danh của nước Ngô cuối thời Xuân Thu. Khi Tôn Vũ được Ngũ Viên tiến cử cho vua Ngô là Hạp Lư, đã dâng lên 13 thiên binh pháp, được vua Ngô rất tán thưởng. Tôn Vũ dùng cung nữ để diễn tập binh pháp, cung nữ cười đùa liền bị Tôn Vũ chém ngay, Ngô vương rất kính nể, lệnh cho Tôn Vũ làm Thượng tướng quân, rồi phong làm quân sư. Sau này Tôn Vũ ra sức vì nước Ngô, lập được nhiều chiến công, phía tây phá Sở, phía bắc uy hiếp Tề, Tấn, nổi tiếng chư hầu. Về Tôn Vũ, xem thêm chú thích ở tập I, quyển 1, trang 24 (Vũ đế ký).

² Ngụy Giáng giết người hầu của Dương Can: Xem chú thích ở tập VI, quyển 37, trang 163 (Pháp Chính truyện).

³ Tuân Lâm Phụ (荀林父) đánh nước Sở thua trận, được tha tội, sau lập công hạ nước Địch: Xem chú thích ở tập IV, quyển 17, trang 65 (Vu Cẩm truyện).

⁴ Tào Mạt làm tướng nước Lỗ thời Xuân Thu, có sức khỏe, được Lỗ Trang công rất yêu mến. Tào Mạt cầm quân, ba lần đánh nước Lỗ thua cả ba, mất năm trăm dặm đất, Lỗ Trang công không trị tội, vẫn cho làm tướng. Tề Hoàn công hội chư hầu, ở trên đàn, Tào Mạt cầm chùy thủ năm áo uy hiếp Tề Hoàn công, vua Tề sợ, bèn trả lại những đất đai đã lấy của nước Lỗ.

Trần Chấn tự Hiếu Khởi, người quận Nam Dương. Tiên chủ lĩnh chức Kinh châu mục, triệu Chấn làm Tòng sự, sai xét việc ở các quận, sau theo Tiên chủ vào Thục. Đất Thục đã định, Chấn làm Thục Quận bắc bộ đô úy, nhân vì việc đổi tên các quận, Chấn làm Thái thú Vãn Sơn, rồi chuyển làm Thái thú Kiền Vi.

Năm Kiến Hưng thứ ba, Chấn được triệu về triều bái làm Thượng thư, thăng chức Thượng thư lệnh, phụng mệnh đi sứ nước Ngô.

Năm thứ bảy, Tôn Quyền xưng tôn hiệu, nước Thục lấy Chấn làm Vệ úy, sang chúc mừng Quyền lên ngôi Đế.

Gia Cát Lượng gửi thư cho anh là Cấn rằng:

"Hiếu Khởi bản tính trung hậu, tuổi càng cao càng thêm cứng cỏi, gặp lúc cổ xúy quan hệ Đông Tây, khiến hai nước giao hảo hòa hợp, ông ấy là người thích hợp vậy."

Chấn vào địa giới nước Ngô, gửi công văn cho tướng giữ quan ải nói:

"Đông Ngô và Tây Thục, dịch sứ qua lại, mũ lọng nhìn nhau, thân minh hữu hảo, khiến quan hệ hai nước ngày càng mới mẻ. Quân chủ Đông Ngô ứng giữ lộc trời, đốt lửa cáo tế thượng thiên, tiếp nhận phù mệnh, phân định thổ nhượng, thiên hạ hưởng ứng, các nơi theo về. Trong lúc này, nếu hai nước đồng lòng thảo phạt nghịch tặc, giặc cướp há chẳng bị diệt sao! Vua tôi trên dưới ở Tây triều, vượn cổ ngóng trông. Chấn tuy bất tài, lam phong sứ tiết, vâng mệnh đem lễ đến giao hảo, hăm hở vào địa giới, đến Ngô như về nhà. Xưa kia Hiến từ đến nước Lỗ, phạm sơn húy, Kinh Xuân Thu chê ông ấy.⁽¹⁾ Mong

¹ Phạm Hiến từ (范献子), tức Phạm Ưởng (范鞅), là tông chủ của họ Phạm nước Tấn thời Xuân Thu. Hiến từ sang chơi nước Lỗ, hỏi về tên các ngọn núi, phạm vào các chữ phải tránh húy, người nước Lỗ khi trả lời đều nói tránh đi, Hiến từ hỏi vì sao, người nước Lỗ bèn nhân đây giải thích. Hiến từ về nước, than rằng: "Người ta không thể không học, ta đến nước Lỗ, thô lỗ phạm húy, làm trò cười cho thiên hạ, chỉ bởi không học vậy."

các vị cho ta biết các việc nên chú ý, để sứ đoàn hành động cho đúng mực. Ngay hôm nay ta sẽ báo rõ với thành viên sứ đoàn, mỗi người phải tự ước thúc hành vi của mình. Ta thuận sông mà xuống, hành trình rất gấp, diễn chương hai nước khác nhau, sợ phạm lỗi lầm, mong các vị châm chước, để chúng ta hành xử cho thích hợp.”

Chấn đến Vũ Xương, Tôn Quyền cùng Chấn lên đàn tế uống máu ăn thề, giao ước phân định thiên hạ: Các châu Từ, Dự, U, Thanh thuộc Ngô; các châu Tinh, Lương, Ký, Duyện thuộc Thục, còn châu Tư Lệ, lấy ải Hàm Cốc làm ranh giới. Chấn quay về, được phong làm Thành Dương đình hầu.

Năm thứ chín, Đô hộ Lý Bình phạm tội lừa dối bị phế chức làm dân thường; Gia Cát Lượng gửi thư cho Trương sừ là Tường Uyển, Thị trung là Đồng Doãn nói:

“Lúc trước, Hiếu Khởi sắp sang Ngô, từng vì ta nói là Chính Phương bụng có vảy lân, xóm làng cho rằng chẳng nên gần. Ta chỉ cho là có vảy lân thì không nên phạm vào thôi, chẳng ngờ lại nảy việc như Tô, Trương¹ thật ngoài ý muốn. Đây là việc mà Hiếu Khởi biết trước vậy.”

Năm thứ mười ba, Chấn chết. Con của Chấn là Tế nối tự.

Đồng Doãn tự Hưu Chiêu, là con của Chương quân Trung lang tướng Đồng Hòa.

Tiên chủ lập Thái tử, Doãn được tuyển làm Xá nhân, chuyển làm Tẩy mã. Hậu chủ kế vị, thăng Doãn làm Hoàng môn thị lang.

Thừa tướng Lượng sắp bắc chinh, trú tại Hán Trung, lo rằng Hậu chủ ít tuổi, khó biện xét thị phi, thấy Doãn bản tính công chính thẳng thắn, muốn để Doãn coi xét việc trong cung. Bèn dâng sớ:

¹ Tô Tần (蘇秦), Trương Nghi (張儀): Xem chú thích ở tập VI, quyển 35, trang 91 (Gia Cát Lượng truyện).

"Bọn Thị trung Quách Du Chi, Phí Y, Thị lang Đồng Doãn, là Tiên đế tuyển chọn để bạt để lại cho bề hạ, đến như việc suy xét châm chước lợi hại, tiến dẫn hết lời trung, là trách nhiệm của họ vậy. Ngu thần cho rằng việc ở trong cung, việc không kể lớn nhỏ, đều phải bàn với họ, ắt hẳn có thể bồi bổ khiếm khuyết sơ thất, thu được ích lợi to lớn. Nếu như không có lời nói dấy đức, tất phải giết bọn Doãn để làm rõ sự khinh mạn."

Lượng không lâu sau đó lại mời Y làm Tham quân, Doãn được thăng làm Thị trung, lĩnh chức Hộ bộ Trung lang tướng, thống lĩnh thân binh túc vệ.

Du Chi tính cách vốn hòa thuận, chỉ sung vào cho đủ số mà thôi.^① Vì thế việc dâng hiến lời can, đều chỉ có mình Doãn đảm trách vậy. Doãn hành xử giữ phép, phòng chế tiểu nhân, ra sức nắn sửa. Hậu chủ thường muốn tuyển chọn mỹ nữ để sung vào hậu cung, Doãn cho là hậu phi của thiên tử ngày xưa chẳng quá mười hai người,⁽¹⁾ nay phi tần đã đủ, không nên tăng thêm, rút cục quyết không đồng ý. Hậu chủ càng kính sợ Doãn.

Thượng thư lệnh là Trương Uyển lĩnh Thứ sử Ích châu, dâng sớ nhường chức cho Phí Y và Doãn, lại dâng biểu nói "Doãn nhận chức ở trong cung đã nhiều năm, phò tá vương thất, nên ban cho tước, đất để khen thưởng công lao." Doãn cố từ không nhận.

Hậu chủ lớn dần, yêu mến hoạn quan là Hoàng Hạo. Hạo tâm cơ linh mãnh khéo xu nịnh, muốn tự xen vào nắm quyền. Doãn thường trên thì nghiêm sắc mặt nắn sửa Hậu chủ, dưới thì trách mắng Hạo. Hạo sợ Doãn, không dám làm trái. Suốt đời Doãn, ngôi vị của Hạo chẳng quá chức Hoàng môn thừa.

¹ Xem thêm phần dẫn truyện ở tập I, quyển 5 (Hậu phi truyện).

① *Sở quốc tiên hiền truyện* chép: Du Chi, người quận Nam Dương, vì khí độ và học nghiệp mà nổi tiếng ở đời.

Doãn từng cùng bọn Thượng thư lệnh Phí Y, Trung điển quân Hồ Tể hẹn nhau cùng yến hội, xe ngựa đã chuẩn bị xong, nhưng Lang trung là Đồng Khôi người quận Tương Dương đến chỗ Doãn bái kiến. Khôi trẻ tuổi chức thấp, thấy Doãn giống xe sắp đi, thì do dự muốn lui về, Doãn không hài lòng, nói:

- Sở dĩ ta định đi ra ngoài, là muốn cùng bằng hữu du ngoạn đàm luận thôi, nay ngài đã tự khuất thân đến, là muốn khai mở tâm tình, ta bỏ cuộc đàm luận này, tới dự buổi yến kia, như thế là không đúng vậy.

Bèn truyền lệnh cỡi ngựa, bọn Y cũng dừng xe không đi nữa. Doãn giữ đạo chính kính lễ kẻ sĩ, đại để là như thế vậy.①

Năm Diên Hi thứ sáu, Doãn được gia phong chức Phụ quốc tướng quân. Năm thứ bảy làm Thị trung thay việc Thượng thư lệnh, làm phó giúp việc cho Đại tướng quân Phí Y. Năm thứ chín, chết.②

① *Tương Dương ký* chép: Đồng Khôi tự Hưu Tự, người quận Tương Dương. Sau khi vào Thục, lấy thân phận là Tuyên tín trung lang làm phó giúp việc cho Phí Y đi sứ nước Ngô.

Tôn Quyền từng có lần say rượu hỏi Y rằng:

- Dương Nghi, Ngụy Diên, là hạng trẻ trâu tiểu nhân. Tuy là thường có cái ích như chim hót chó sủa theo thời vụ, nhưng đã dùng họ, thì không thể xem thường, nếu một mai không có Gia Cát Lượng, tất thành họa loạn mất. Các ngài thật hồ đồ, không hề nghĩ việc phòng ngừa mối lo này, há có thể gọi là suy xét mưu tính lâu dài cho con cháu?

Y ngạc nhiên nhìn quanh bốn phía, không đáp lại ngay được. Khôi nhìn Y nói:

- Ngắn gọn có thể nói cái sự bất hòa Nghi và Diên nổi lên là bởi phần hận riêng tư, nhưng không có cái tâm thế khó chế ngự của

Kinh Bối, Hàn Tín. Nay giữa lúc tiểu trù cường tặc, nhất thống Hoa Hạ, công nhờ sức người mà thành tựu, nghiệp bởi tài trí mà rộng mở, nếu loại bỏ những người ấy không dùng, để phòng hậu họa, thì cũng giống như phòng phong ba mà tính bẻ mái chèo, không phải là kế hay vậy.

Quyền thích ý cả cười. Gia Cát Lượng nghe chuyện ấy, cho là Khôi biết nói năng. Quay về chưa được ba ngày, Lượng triệu Khôi làm thuộc quan ở phủ Thừa tướng, sau thăng làm Thái thú Ba Quận.

Thần Tùng Chi xét: *Hán Tấn Xuân Thu* cũng chép lời này, song không nói là lời của Đồng Khôi, ngôn từ cũng có chút khác biệt, hai sách ấy đều lấy ra từ *Tập thị*⁽¹⁾ mà bất đồng như thế. Bản truyện kể rằng: "Khôi ít tuổi chức quan thấp", nếu đã làm thuộc quan ở phủ Thừa tướng, rồi ra ngoài làm Thái thú Ba Quận, thì chức vụ không phải là nhỏ rồi. Vì thế e là lời ở *Tập thị* là chưa thể xét rõ được vậy.

© *Hoa Dương quốc chí* chép: Thời ấy người Thục gọi Gia Cát Lượng, Tưởng Uyển, Phí Y và Doãn là "Tứ tướng", lại có hiệu nữa là "Tứ anh."

Trần Chi thay Doãn làm Thị trung, cùng Hoàng Hạo trong ngoài đắp đổi, Hạo bắt đầu tham dự chính sự. Sau khi Chi chết, Hạo từ chức Hoàng môn lệnh lên làm Trung thường thị, Phụng xa đô úy, thao túng quyền bính, cuối cùng dẫn đến mất nước. Người Thục chẳng ai không nghĩ nhớ đến Doãn. Đến lúc Đặng Ngải đánh nước Thục, nghe nói Hạo gian hiểm, sai bắt giam, muốn giết, nhưng Hạo hối lộ nhiều của cải cho tả hữu của Ngải, được thoát chết.

Chi tự Phụng Tông, người quận Nhữ Nam, là cháu ngoại của anh trai Hứa Tĩnh vậy. Thừa nhỏ mồ côi cha, lớn lên trong nhà Tĩnh. Hai mươi tuổi nổi danh, ít lâu sau được thăng đến chức Tuyền tào lang, thần sắc uy nghiêm, biết nhiều thứ kỹ nghệ,

¹ *Tương Dương ký* và *Hán Tấn Xuân Thu* đều là sách do Tập Tạc Xi soạn chép.

giỏi trí mưu, Phí Y rất lấy làm lạ, nên phá cách cho kế nổi Doãn làm nội thị.

Lã Nghệ chết, Chi lại làm Thị Trung coi việc của Thượng thư lệnh, gia thêm chức Trấn quân tướng quân, Đại tướng quân Khương Duy tuy ngôi thứ ở trên Chi, nhưng thường thống lĩnh quân ở bên ngoài, ít khi đích thân dự việc triều chính. Chi trên vâng ý chỉ của Hậu chủ, dưới đón ý bọn yếm thụ, rất được yêu mến tin tưởng, quyền lớn hơn Duy.

Năm Cảnh Diệu nguyên niên Chi chết, Hậu chủ thương tiếc, nói lời roi nước mắt, bèn hạ chiếu rằng:

"Chi giữ chức một kỷ, lấy nhu thuận ôn hòa làm chuẩn tắc, xử lý việc có chương pháp, hòa đồng với người, công tích xán lạn huy hoàng. Tiếc thay thọ mệnh chẳng dài, trăm rất xót thương. Sống có tiếng tốt, chết tặng thụy hay, nay ban thụy là Trung hầu."

Lại ban cho con Chi là Xán tước Quan nội hầu, cất nhắc con thứ của Chi là Dự làm Hoàng môn thị lang. Từ khi Chi được sủng ái, Hậu chủ nhớ lại ngày càng hận Doãn, cho là Doãn cao ngạo khinh rẻ mình, bởi Chi khéo a dua nịnh nọt, Hạo thù dệt ly gián mà ngầm dần vậy.

Cháu của Doãn là Hoành, làm Thái thú Ba Tây thời nhà Tấn.①

① Thần Tùng Chi cho rằng con của Trần Quần là Thái, con của Lục Tốn là Kháng, đều lấy truyện của con nổi truyện của cha, không chép thành truyện riêng, đến như bọn Vương Túc, Đỗ Thứ, Trương Thừa, Cố Thiệu, chẳng ai không như thế, duy có mình Doãn là chép riêng một truyện, chưa rõ dụng ý thế nào, hay vì Doãn danh vị cao hơn người, công nghiệp vượt quá phụ thân chẳng? Hạ Hầu Huyền, Trần Biểu đều là cha hèn sinh con giỏi, mà cũng chép truyện như với Thái vậy, *Ngụy thư* gọi chung quyển này là *Chư Hạ Hầu Tào truyện*, mà không thêm lời bình phẩm. Trần Vũ và Trần Biểu đều làm quan đến chức Thiên tướng quân, không chép truyện riêng, vì ngôi vị không quá cao vậy.

Lã Nghệ tự Quý Dương, người quận Nam Dương. Cha của Nghệ là Thường, khi trước đưa cố tướng quân Lưu Yên vào Thục, gặp lúc đường vua tắc nghẽn, vì thế không về được. Nghệ mồ côi cha từ nhỏ, thích đọc sách gầy đàn. Khi trước, Tiên chủ định Ích châu, đặt ra chức Diêm phủ Hiệu úy, thu lấy mối lợi từ muối và sắt, về sau Hiệu úy Vương Liên mời Nghệ cùng bọn Đỗ Kỳ người quận Nam Dương, Lưu Cán người quận Nam Hương đều làm Điển tào đô úy. Nghệ được thăng làm Tân Đô lệnh, Miên Trúc lệnh, vì có lòng thương xót dân, được trăm họ khen ngợi, thành tích đứng đầu các quận thành trong châu. Được thăng làm Thái thú Ba Tây.

Thừa tướng Gia Cát Lượng xuất quân liên năm, điều phát binh lương ở các quận, nhiều địa phương không cấp kịp, Nghệ chiêu binh mộ được năm nghìn người đưa đến chỗ Lượng, úy dụ đưa họ vào khuôn phép, không ai bỏ trốn. Nghệ được chuyển làm Thái thú Hán Trung, kiêm lĩnh chức Đốc nông, phụ trách cung ứng quân lương.

Lượng chết, Nghệ được thăng làm Thái thú Quảng Hán, Thái thú Thục Quận. Thục Quận là đô hội trọng yếu, hộ khẩu rất đông, thêm nữa sau khi Lượng chết, sĩ tốt trong quân ngũ trốn lệnh, thay nhau mạo danh sung quân lấy lương, gian trá bất nhất. Nghệ đến nhậm chức, tiến hành phòng ngừa cấm chế, hiểu dụ khuyên bảo đạo lý, trong vòng mấy năm, kẻ trốn tránh tự ra đăng ký đến hơn một vạn khẩu. Sau Nghệ về triều làm Thượng thư, thay Đồng Doãn làm Thượng thư lệnh, các việc không lưu trệ, ngoài cửa không có khách đứng chờ.

Nghệ trải các chức trong ngoài, giữ mình khiêm ước, trầm tĩnh ít nói, làm cho chính sự giản tiện chẳng phiền nhiễu, được khen là thanh bạch tài năng; nhưng giữ phép rất nghiêm khắc, ưa dùng bọn văn quan tục lại, cho giữ chức đại quan, danh tiếng giảm tổn ở quận huyện.

Năm Diên Hi thứ mười bốn Nghệ chết.

Con của Nghệ là Thần, năm Cảnh Diệu trung làm Thành Đô lệnh.

Em của Thần là Nhã, làm Yết giả. Nhã là người thanh bạch có văn tài, soạn ra mười lăm thiên *Cách luận*.

Đỗ Kỳ lần lượt trải các chức Quận thú, Giám quân, Đại tướng quân, Tư mã. Lưu Cán quan đến chức Thái thú Ba Tây, hai người đều thân thiết với Nghệ, cũng được người đương thời khen ngợi, nhưng kiếm ước giữ khuôn phép, không theo kịp được Nghệ.

Bình rằng: Đồng Hòa chất phác giản dị. Lưu Ba khí tiết thanh cao. Mã Lương trung lương thành thật, xứng là lệnh sĩ. Trần Chấn trung thành kính cẩn, tuổi cao càng cứng cỏi, Đồng Doãn nắn sửa Hậu chủ, đạo nghĩa tỏ trên nét mặt, đều là lương thần của nước Thục rồi. Lã Nghệ quản quận đến đâu cũng được ngợi khen, xử lý việc triều chính thì danh tiếng bị giảm tổn, cũng là hạng người như Hoàng, Tiết⁽¹⁾ vậy.

---ॐ---

¹ Hoàng, Tiết: Chưa rõ hai người này là ai?

QUYỂN THỨ BỐN MƯƠI
LƯU, BÀNH, LIÊU, LÝ, LƯU,
NGUY, DƯƠNG TRUYỆN



Lưu Phong, vốn là con của La hầu họ Khấu, là cháu ngoại của họ Lưu ở Trường Sa. Tiên chủ đến Kinh châu, vì chưa có người kế tự, thu dưỡng Phong làm con. Lúc Tiên chủ vào Thục, từ Gia Manh quay về đánh Lưu Chương, bấy giờ Phong mới ngoài hai mươi tuổi, có võ nghệ, khí lực hơn người, đem binh cùng bọn Gia Cát Lượng, Trương Phi ngược sông lên phía tây, đi đến đâu cũng thắng trận. Ích châu đã định, Tiên chủ lấy Phong làm Phó quân Trung lang tướng.

Khi trước, Lưu Chương phái người quận Phù Phong là Mạnh Đạt làm phó cho Pháp Chính, đều đem hai nghìn người, sai đến nghênh đón Tiên chủ, Tiên chủ nhân đó lệnh cho Đạt kiêm lĩnh số binh ấy, lưu trú ở Giang Lăng. Sau khi bình Thục, lấy Đạt làm Thái thú Nghi Đô.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Tiên chủ lệnh cho Đạt từ Tỷ Quy lên bắc đánh Phòng Lăng, Thái thú Phòng Lăng là Khoái Kỳ bị quân của Đạt giết chết, Đạt sắp tiến đánh Thượng Dung, Tiên chủ sợ một mình Đạt khó nên việc, bèn phái Phong từ Hán Trung xuôi sông Miện thống lĩnh quân của Đạt, cùng Đạt hội tại Thượng Dung. Thái thú Thượng Dung là Thân Đàm đem bộ chúng ra hàng, phái vợ con cùng tông tộc đến Thành Đô. Tiên chủ gia thêm cho Đàm chức Chinh bắc tướng quân, lĩnh chức Thái thú Thượng Dung tước Viên hương hầu như cũ, lấy em

của Đàm là Nghi làm Kiến tín tướng quân, Thái thú Tây Thành, đổi Phong làm Phó quân tướng quân.

Đến lúc Quan Vũ vây Phàn Thành, Trương Dương, liên tục triệu gọi Phong, Đát, lệnh sai phát binh giúp mình. Phong, Đát chối rằng sơn quận mới theo về, chưa dám kinh động, không theo lệnh Vũ. Lúc Vũ bại trận, Tiên chủ hận hai người. Thêm nữa là Phong và Đát tranh phần bất hòa, không lâu sau, Phong cướp cờ và trống của Đát. Đát đã sợ tội, lại căm giận Phong, bèn dâng biểu từ biệt Tiên chủ, dẫn binh mà mình lĩnh quân tới hàng Ngụy.^①

Ngụy Văn đế khen phong tư tài mạo của Đát đáng xem, lấy làm Tán kỵ thường thị, Kiến vũ tướng quân, phong tước Bình Dương đình hầu. Lại gộp ba quận Phòng Lăng, Thượng Dung, Tây Thành làm quận Tân Thành, lấy Đát làm Thái thú Tân Thành. Phái Chinh nam tướng quân là Hạ Hầu Thượng, Hữu tướng quân là Từ Hoảng cùng Đát đánh Phong.

① *Ngụy lược* chép bài biểu từ giã Tiên chủ của Đát rằng:

"Cúi nghĩ điện hạ sắp dựng nghiệp Y, Lã, noi theo công nghiệp của Hoàn, Văn, đại nghiệp mới dựng, tạm mượn thế lực của Ngô, Sở, bởi thế được kẻ sĩ nhìn xa hiểu rộng theo về. Thần từ lúc theo về đến nay, tội lỗi chất chồng như núi, thần còn tự biết, huống hồ là bậc quân vương! Nay vương triều đã hưng thịnh, kẻ anh tài xếp hàng tụ tập, thần thì trong không có khí phách của người phò tá, ngoài thì không có cái tài của kẻ làm tướng soái, được liệt vào hạng công thần, thực tự lấy làm hổ thẹn vậy."

"Thần nghe nói Phạm Lãi biết lui về ở ẩn, chu du giữa Ngũ hồ;⁽¹⁾ Cữu Phạm tạ tội, quanh quẩn ở trên sông.⁽²⁾ Ôi, giữa lúc phong vân tề hội, lại

¹ Phạm Lãi (范蠡) cùng Văn Chung giúp vua nước Việt là Câu Tiễn đánh bại nước Ngô, báo cái thù bị giam tù lúc trước. Sau khi thành công Phạm Lãi tránh họa bỏ đi chu du Ngũ hồ. Văn Chung ở lại, bị Câu Tiễn giết chết. Về Phạm Lãi, xem thêm chú thích ở tập V, quyển 25, trang 46 (Tân Bi truyện).

² Cữu Phạm (咎犯) tức Hồ Yên, người nước Tấn thời Xuân Thu, từng theo công tử Trùng Nhĩ bốn ba lưu lạc mấy mươi năm, rồi giúp đỡ Trùng Nhĩ trở về Tấn lên ngôi vua, sau tránh tội, bỏ đi.

xin nhất thân bá biệt. Là có vì sao? Là bởi đã biết sâu sắc cái lẽ tiến lui tan hợp vậy. Phương chi thần là kẻ ti bỉ, chẳng có công lao to lớn, tự trối mình với việc đời, trộm ái mộ các bậc tiên hiền, suy nghĩ sâu xa lại thêm xấu hổ."

"Xưa kia Thân Sinh chỉ hiệu bị người thân ngờ vực, Tử Tư chỉ trung bị giết bởi quân vương, Mông Diêm mở cõi mà chịu đại hình, Nhạc Nghị phá Tề mà gặp lời sàm nịnh, thần mỗi khi đọc các sách nói về họ,⁽¹⁾ chưa từng không cảm khái bùi ngùi sa lệ, mà nay thân mình gặp việc ấy, lại càng thấy thương đau. Vì sao thế? Là bởi Kinh châu nghiêng đổ, đại thần thất tiết, trăm người không về được một. Thần tự xét nghĩ, trả lại đất Phòng Lăng, Thượng Dung, mà giữ lấy tấm thân, tự buông thả ở ngoài. Cúi mong điện hạ rủi thánh ân cảm thông cảnh ngộ, xót thương cho tâm cảnh của thần, đoái thương cái việc mà thần đã làm vậy. Thần là kẻ tiểu nhân, chẳng thể thủy chung, biết sai mà vẫn làm, đâu dám chối mình không có tội!"

"Thần thường nghe rằng quân tử tuyệt giao thì không nói xấu nhau, tôi thần bỏ đi cũng không nói lời oán thán, thần nhớ người quân tử dạy thế, mong quân vương hãy gắng lên."

Đạt gửi thư cho Phong nói:

"Cổ nhân có câu: 'Sơ bất gián thân, tân bất gia cự.'⁽²⁾ Đây là nói người trên sáng suốt kẻ dưới chính trực, thì lời tấu gièm xằng bậy

¹ Thân Sinh (申生) là công tử nước Tấn thời Xuân Thu, rất có hiếu, vì bị mẹ kế ghét bỏ, sau bị cha ngờ vực phải chết;

Ngũ Viên (伍員), tự Tử Tư (子胥), người nước Sở thời Chiến Quốc, là trung thần giúp vua nước Ngô là Phù Sai diệt nước Sở, về sau bị vua nước Ngô giết chết;

Mông Diêm (蒙恬) là cháu của Mông Ngao, tướng giỏi của Tần Thủy Hoàng. Mông Diêm cầm quân đánh Hung Nô, trấn thủ Thượng Quận, giữ vững bờ cõi phía bắc nước Tần, có công xây Vạn lý trường thành, ngăn rợ Hồ, nhưng bị gian thần là Triệu Cao và Lý Tư xúi Hồ Hợi hại chết;

Nhạc Nghị (樂毅), người thời Chiến Quốc, có công giúp vua nước Yên đang suy yếu mà đánh hạ được bảy mươi hai thành của nước Tề, sau bị gian thần sàm tấu hãm hại, phải bỏ nước Yên trốn sang nước Triệu.

² Người sơ chẳng bon chen được người thân, người mới chẳng tranh hơn được người cũ.

chẳng thể thi hành. Nếu là kẻ lừa vua lẫn chủ, thì dẫu cha hiền yêu con, trung thần có công cũng lo mắc họa, hiểu tử giữ lòng nhân cũng gặp nguy. Chung, Thương, Bạch Khởi, Hiếu Kỷ, Bá Kỳ, đều là hạng ấy vậy.⁽¹⁾ Những việc như thế, chẳng phải cốt nhục dính liền, tình thân hết mức rồi sinh mối họa sao. Ngờ rằng khi ân yêu dời chuyển thì tình thân sẽ đổi thay, đấy là lúc có lời gièm pha ly gián, dẫu trung thần chẳng đổi chúa, hiểu tử chẳng lừa cha, song vì môi lợi, thân thích còn biến ra thù nghịch, huống chi chẳng phải là kẻ thân gần! Đấy là cái lý do mà Thân Sinh, Vệ Cáp, Ngự Khấu, Sở Kiến vốn là cốt huyết của phụ thân, đáng được lập làm nối tục chính thống, phải gặp họa sát thân.⁽²⁾ Nay túc hạ cùng Hán Trung vương, về đạo lý chỉ là kẻ qua đường thôi, thân chẳng phải cốt huyết mà giữ thế quyền, nghĩa không phải vua tôi mà ở ngôi cao, đi xa chinh chiến thì có cái uy thống soái một phương, ở gần thủ giữ thì nắm danh hiệu Phó quân, đấy là điều mà xa gần đều nghe biết vậy. Từ khi A Đẩu được lập làm Thái tử đến nay, những kẻ hiểu biết đều vì túc hạ mà ghê lòng. Ví như Thân Sinh theo lời khuyên của Tử Du, hẳn đã làm Thái Bá; Vệ Cáp nghe mưu

¹ Văn Chung (文種), giúp Việt vương Câu Tiễn đánh bại Phù Sai, sau này Văn Chung bị Câu Tiễn bức chết;

Thương Ưởng (商鞅), người nước Vệ thời Chiến Quốc, ở Tần, đưa nước Tần thành Bá chủ hầu, sau bị vua Tần giết. Xem thêm chú thích ở tập I, quyển 1, trang 120 (Vũ đế ký);

Bạch Khởi (白起) danh tướng bậc nhất nước Tần, lập vô số chiến công, sau bị gièm pha, vua Tần hại chết. Xem thêm chú thích ở tập III, quyển 12, trang 101 (Mao Giới truyện);

Hiếu Kỷ (孝己) là con vua Vũ Đinh thời nhà Thương, rất có hiếu, bị gièm pha, chịu kiếp lưu đầy mà chết;

Bá Kỳ (伯奇) là đại quan nhà Chu, thờ mẹ kế rất hiếu, cha nghe lời mẹ kế vu hãm, đày ải Bá Kỳ.

² Vệ Cáp (卫伋) là thế tử nước Vệ, bị ái thiếp của Vệ Tuyên công gièm pha phải chết;

Ngự Khấu (御寇) là thế tử nước Trần, bị Trần Tuyên công nghi có âm mưu cướp ngôi, bị giết;

Sở Kiến (楚建) là thế tử nước Sở, bị Phí Vô Cực gièm pha, sau bị Sở Bình vương giết.

của em, chẳng phụ thân nào có thể trách chê.⁽¹⁾ Kìa như Tiểu Bạch chạy trốn ra ngoài, rồi quay về làm Bá; Trùng Nhĩ vượt tường, rồi sau này phục nghiệp. Từ xưa đã thế, chẳng phải chỉ bây giờ mới có vậy."

"Kẻ có trí quý ở chỗ tránh được họa, kẻ sáng suốt hơn người ở chỗ thấu lý lẽ; kẻ hèn này liệu rằng ý của Hán Trung vương đã định ở trong, sẽ nảy sinh mối ngờ với kẻ ở ngoài thôi; chủ ý đã định thì chẳng thể lay được, nghi ngờ nảy sinh thì lòng tất sợ hãi; họa loạn dấy lên, chưa bao giờ không phải là ở lúc phé lậ vậy. Cái tình đời oán giận riêng tư, chẳng thể nào không thấy, sợ rằng tả hữu tất có kẻ gièm pha với Hán Trung vương thôi. Thế thì mối ngờ đã thành, tiếng oán đã nghe, lời gièm pha đến như rót vào tai. Nay túc hạ ở xa, còn có thể tạm thời yên ổn; nếu đại quân chúng ta tiến đánh, túc hạ đánh mất cơ sở mà về, thiết tưởng mối nguy đã cận kề."

"Xưa kia Vi Tử bỏ nhà Ân,⁽²⁾ Trí Quả lìa tông tộc,⁽³⁾ rồi nguy tránh vạ, cũng đều như thế đấy. ① Nay túc hạ quên bỏ cha mẹ mà theo người khác, là phi lễ vậy; biết họa sắp tới mà vẫn ở lại, là bất trí vậy; thấy lẽ phải chẳng theo mà còn ngờ vực, là phi nghĩa vậy. Tự xưng là

¹ Triệu Thôi (趙衰) tự Tử Dư (子余), đại thần nước Tấn. Lời Triệu Thôi khuyên Thân Sinh, ND chưa tra cứu được.

Dòng dõi đời thứ mười ba của Hậu Tắc thời vua Nghiêu là Cổ Công Đán Phủ, tức Chu Thái vương, vốn họ Cơ. Cổ Công Đán Phủ có ba con trai, con trưởng là Thái Bá (太伯), con thứ là Trọng Ung, con út là Quý Lịch. Quý Lịch lấy nàng Thái Nhâm, sinh ra Cơ Xương. Vì Cơ Xương tư chất tốt, tài năng lộ rõ từ nhỏ, Cổ Công Đán Phủ muốn truyền ngôi cho Quý Lịch để Cơ Xương được hưởng cơ nghiệp. Thái Bá thông minh nhân đức biết chuyện, sau khi để tang cha xong, dắt Trọng Ung trốn đến Kinh Nam, sau này Cơ Xương Chu Văn vương nối nghiệp, là tiền đề để Vũ Vương diệt vua Trụ nhà Ân Thương, lập nên nhà Chu cơ nghiệp truyền tám trăm năm. *Sử ký* khen Thái Bá rằng: "Thái Bá có thể nói là con người chí đức vậy. Ba lần nhường thiên hạ. Dân không biết chuyện đó để mà khen ngợi."

Công tử Thọ, em của Vệ Cáp (卫伋), biết anh sắp bị vua cha giết, khuyên anh trốn đi, Vệ Cáp không nghe, công tử Thọ đi chết thay anh, Vệ Cáp sau vẫn bị giết.

² Vi Tử (微子) là quan nhà Ân, can Trụ vương tàn ác không được, bỏ đi, tránh được nạn.

³ Trí Quả (智果) là người nhà Trí Bá đời Chiến Quốc, vì lìa bỏ Trí Bá nên khi họ Trí bị ba nhà Hàn, Ngụy, Triệu diệt, Trí Quả thoát khỏi họa hoạn.

kẻ trượng phu, mà phạm ba điều ấy, là đáng quý sao? Cứ như cái tài của túc hạ, nếu liều thân sang đông, kế nghiệp La hầu, là không bạc với người thân; ngoảnh mặt về bắc thờ vua, vì kỷ cương chính thống, là không quên gốc cũ vậy; giận mà không loạn, để tránh nguy vong, không phải là hành vi của kẻ mù lòa vậy."

"Lại nữa, bệ hạ mới nhận nhường ngôi, khiêm tốn dãi kẻ dưới, lấy đức cảm hóa phương xa, nếu túc hạ nhanh chóng hướng về, chẳng phải chỉ bằng hạng với kẻ hèn này, nhận phong ba trăm hộ, kế thống La quốc mà thôi, hẳn sẽ chẻ phù với đại bang, là hầu vương khai quốc đầu tiên. Nay đại quân của hoàng đế đã phát, trống kua rền vang, dật khoát tiến đánh vùng Uyển, Đặng; nếu hai kẻ địch không hàng, quân lữ nhất định không về. Túc hạ nên nhân lúc này sớm định kế hay. Kinh Dịch có câu: 'Lợi kiến đại nhân'⁽¹⁾; Kinh Thi có câu: 'Tự cầu đa phúc',⁽²⁾ nên sớm hành động. Túc hạ hãy tự cố gắng, chớ bắt chước Hồ Đột đóng cửa không ra ngoài."

Phong không nghe lời Đạt.

① Quốc ngữ chép: Trí Tuyên tử sắp lập Dao làm kế tự, Trí Quả nói:

- Chẳng bằng lập Tiêu.

Tuyên tử nói:

- Tiêu rất ngang ngược.

Đáp rằng:

- Tiêu ngang ngược ngoài mặt thôi, Dao có năm điều hơn người, lại có một điều chẳng bằng người ta vậy. Râu đẹp mà dài là hơn người, đánh xe bắn cung đều tài là hơn người, nhiều kỹ nghệ gồm đủ là hơn người, xảo trá biện bác lanh lẹ là hơn người, mạnh mẽ cương nghị quả cảm là hơn người, đã thế lại vô cùng bất nhân. Có năm điều lấn áp người, mà hành vi lại bất nhân, thì có thể lâu dài được sao! Nếu quả thực lập Dao, tông tộc họ Trí tất bị diệt!

¹ Người có tài và người có đức kết hợp với nhau thì cả hai đều có lợi.

² Tự mình giúp mình còn hơn là nhờ người khác giúp mình.

Tuyên tử không nghe. Trí Quả bỏ tộc, đến quan Thái sử xin đổi làm họ Phụ. Lúc họ Trí diệt vong, duy có Phụ Quả được yên.

Thân Nghi phản Phong, Phong thua võ chạy về Thành Đô. Thân Đam hàng Ngụy, Ngụy tạm cho Đam làm Hoài Tập tướng quân, rồi đến giữ Nam Dương, Nghi làm Thái thú Ngụy Hưng, phong tước Viên hương hầu, đóng quân ở Tuân Khẩu.^①

Phong về tới Thành Đô, Tiên chủ trách Phong lẩn bức Đạt, lại không cứu Vũ. Gia Cát Lượng lo rằng Phong vốn cương mãnh, sợ khi thời thế đổi thay rút cục khó chế ngự, khuyên Tiên chủ nhân việc ấy trừ đi. Vì thế Tiên chủ ban cho Phong được chết, tự xử. Phong than rằng:

- Ta hận là không theo lời của Mạnh Tử Độ.

Tiên chủ vì Phong sa nước mắt.

Đạt vốn có tên tự là Tử Kính, vì tránh tên chú ruột Tiên chủ là Kính, mới đổi đi.

^① *Ngụy lược* chép: Anh của Thân Nghi tên Đam, tự Nghĩa Cử. Khi trước tự tập mấy nghìn nhà ở Tây Bình, Thượng Dung, sau qua lại với Trương Lỗ, lại phái sứ giả đến chỗ Tào công, Tào công ban cho danh hiệu Tướng quân, nhân đó sai lĩnh chức Đô úy Thượng Dung. Đến năm Kiến An mạt, bị Thục vây đánh, mới đem quân ấy lệ thuộc phương tây. Năm Hoàng Sơ trung, Nghi lại về hàng, Đế hạ chiếu ban danh hiệu cũ của Đam cho Nghi, nhân đó bái Nghi làm Thái thú Ngụy Hưng, phong tước Liệt hầu. Năm Thái Hòa trung, Nghi cùng Mạnh Đạt bất hòa, mấy lần dâng tấu nói Đạt hai lòng định về Thục, lúc Đạt phản, Nghi cắt đứt đường sang Thục, khiến quân cứu không tới được. Sau khi Đạt chết, Nghi đến huyện Uyển gặp Tư Mã Tuyên vương, Tuyên vương khuyên Nghi vào triều. Nghi đến kinh sư, Đế hạ chiếu chuyển bái Nghi làm Lâu thuyền tướng quân.

^② Con của Phong là Lâm làm Nha môn tướng, năm Hàm Hi nguyên niên dời về quận Hà Đông. Con của Đạt là Hưng làm Nghị đốc quân, năm ấy dời về quận Phù Phong.

Bành Dạng tự Vĩnh Niên, người quận Quảng Hán. Minh cao tám thước, dung mạo rất cao lớn. Tâm tính kiêu ngạo, khinh rẻ tất cả mọi người xung quanh, duy chỉ kính trọng người đồng quận là Tần Tử Sắc, tiến cử Mật với Thái thú là Hứa Tĩnh rằng:

"Khi xưa Cao Tông mơ thấy Phó Thuyết, Chu Văn cầu được Lã Thượng, rồi đến Hán tổ, thu nạp Thảm Thực Kỳ trong đám áo vải,⁽¹⁾ nhờ đó khởi xướng nghiệp đế vương truyền lại cho đời sau, công đức rạng ngời. Nay minh phủ khảo xét pháp điển của đế vương xưa, chân thành theo ý chỉ của thần minh, bắt chước đức sáng của Công Lưu, thi hành cái ân của Triệu Bá,⁽²⁾ mong lời thơ Thanh miếu ca tụng đời trị từ đây sinh ra,⁽³⁾ nghĩa khen chê từ đây hưng khởi, nhưng lòng cánh còn chưa đủ vậy."

"Cúi xét xử sĩ người quận Miên Trúc là Tần Mật, lòng chứa đức sáng của Sơn Phủ, hành vi chính trực như Tuấn Sinh.⁽⁴⁾ Gõ đầu lên

¹ Phó Thuyết (傅说): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 109 (Vũ đế kỷ).

Lã Thượng (吕尚): Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 63 (Quản Ninh truyện).

Thảm Thực Kỳ (审食其): Là đồng hương của Hán Cao tổ, theo Lưu Bang, làm xá nhân, nhiều lần giúp đỡ vợ con Lưu Bang thoát nạn trong lúc Hán Sở tranh cường. Sau này thành thân tín của Lã hậu, được phong tước Tích Dương hầu.

² Công Lưu (公刘), họ Cơ, tên Lưu, Công là chữ tôn xưng vậy. Công Lưu là thủ lĩnh đời thứ tư của nước Thai. Thời gian Công Lưu tức vị, thường bị các bộ lạc Tây Nhung quấy phá, ông dời đô đến đất Bân, là tổ tiên trực tiếp của nhà Chu, công lao của ông với nhà Chu chỉ đứng sau Hậu Tắc.

Triệu Bá (姬奭), họ Cơ, còn gọi là Triệu công hay Triệu Công Thích, là đại thần, tông thất nhà Chu, phù tá Chu Vũ vương diệt vua Trụ, sau lại làm phụ chính cùng Chu Công Đán giúp vua Thành vương. Triệu Bá thường đi tuần thú thay vua, ngồi nghỉ dưới gốc cây Cam Đường, xử kiện rất công minh, dân chúng nhà Chu nhớ ơn ca tụng công đức của ông.

³ Kinh Thi, phần Chu tụng, gồm những bài thơ dùng trong tế lễ tông miếu, biểu thị tinh thần lễ nhạc. Bài thơ Thanh miếu nói về ngôi miếu thờ tổ tiên nhà Chu.

⁴ Trọng Sơn Phủ (仲山父): Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 132 (Trần Tư vương truyện).

Tuấn Sinh (隼生), tức Tuấn Bất Nghi, đại thần của vua Chiêu đế nhà Hán, là người ngay thẳng chính trực, dám từ chối lời cầu hôn gả con gái của Hoắc Quang.

đá, uống nước dưới sông, mặc áo vải gai ngâm vịnh giữa núi rừng, an nhiên với đường nhân nghĩa, điếm đạm giữa cõi mênh mông, tiết tháo cao thượng, giữ lòng thành không suy suyển, dẫu kẻ sĩ trốn náu thời xưa, cũng không hơn được vậy. Nếu mình phủ chiêu vời được người ấy, dấy là thu được kẻ sĩ trung thẳng lỗi lạc, công lớn ích dày, dựng nghiệp lập công, rồi sau được ghi danh nơi vương phủ, tiếng tăm truyền đến đời sau, chẳng cũng tốt đẹp lắm sao!”

Dạng làm quan ở trong châu, chẳng quá chức Thư tá, sau lại bị chúng nhân gièm pha mai mỉa với Châu mục là Lưu Chương, Chương cắt tóc đóng gông Dạng như tù đồ. Gặp lúc Tiên chủ vào Thục, ngược sông lên bắc. Dạng muốn dâng lời thuyết Tiên chủ, bèn qua bá kiến Bàn Thống. Thống với Dạng không phải người quen cũ, lại đúng lúc có tân khách, Dạng trèo thẳng lên giường Thống mà nằm, bảo Thống rằng:

- Đợi khách đi hết rồi ta cùng ngài đàm luận.

Khách của Thống đi rồi, Thống tới chỗ Dạng ngồi xuống, Dạng lại đòi Thống cho ăn trước, mới cùng nói chuyện, nhân đó ngủ lại nhà Thống, cho đến hôm sau. Thống rất thích Dạng, Pháp Chính vốn cũng biết Dạng, bèn cùng tiến cử Dạng với Tiên chủ. Tiên chủ cũng cho Dạng là kỳ tài, mấy lần lệnh cho Dạng truyền việc quân, chỉ đạo chư tướng, mỗi lần phụng mệnh đều khiến Tiên chủ vừa ý, ngày càng được đánh giá cao. Thành Đô đã định, Tiên chủ lĩnh Ích châu mục, cử Dạng làm Trị trung tòng sự.

Dạng khởi đầu từ kẻ tù đồ, một sớm thành kẻ bề trên của người ở trong châu, dương dương đắc ý, kiêu căng vênh váo rất quá. Gia Cát Lượng tuy bề ngoài tiếp đãi Dạng, nhưng trong lòng không ưa. Thường bí mật nói với Tiên chủ, rằng Dạng chí khí lớn lao, khó bề yên phận. Tiên chủ đã kính trọng tin tưởng Lượng, càng xét nét hành vi của Dạng, tình cảm dần dần xa lánh, rồi giáng chức Dạng làm Thái thú Giang Dương.

Dạng nghe tin sắp phải đi xa, tâm ý không hài lòng, bèn qua gặp Mã Siêu. Siêu hỏi Dạng rằng:

- Ngài có tài năng cao chót, chúa công đối đãi rất trọng, cho rằng ngài cùng Khổng Minh, Hiếu Trục ngang hàng, há đâu lại ra ngoài nhận quận nhỏ, khiến mọi người thất vọng nhỉ?

Dạng nói:

- Lão Cách hoang đường vô lý, nhắc đến làm gì!⁽¹⁾

Lại bảo Siêu rằng:

- Ngài ở ngoài, ta ở trong, không đủ để định thiên hạ sao.

Siêu như lữ khách ở trọ mới theo về, thường mang lòng lo sợ, nghe Dạng nói cả kinh, lặng yên không đáp. Dạng đã lui, Siêu dâng biểu kể hết những lời của Dạng, vì thế Tiên chủ bắt Dạng giao cho Hữ ti.

① *Phương ngôn* của Dương Hùng viết: Những chữ: Kê, Tai, Can, Đô, Cầu, Cách, là chữ nói người già vậy.

Quách Phác⁽²⁾ chú rằng: Những người già cả thì da và lông trên cơ thể đều khô héo tiêu tụy.

Thần Tùng Chi cho rằng da bỏ hết lông đi thì gọi là Cách.⁽³⁾ Người xưa thường dùng da thuộc để làm áo giáp, cho nên mới gọi là binh cách, chữ cách là nói việc binh vậy. Dạng chửi Bị là lão cách, cũng như nói là thằng lính già vậy.

Dạng ở trong ngục gửi thư cho Gia Cát Lượng nói:

"Kẻ hèn này trước đây làm việc với các chư hầu, cho rằng Tào Tháo bạo ngược, Tôn Quyền vô đạo, Chấn uy⁽⁴⁾ ám nhược, duy chúa công

¹ Bùi Tùng Chi dẫn sách *Pháp ngôn* của Dương Hùng và lời chú của Quách Phác để giảng nghĩa của chữ "cách." Đại ý rằng, nói "Lão cách", tức là câu nói thô tục đầy vẻ xem thường rằng Lưu Bị chỉ là "Thằng lính già" vậy.

² Quách Phác (郭璞), là học giả có tiếng Đông Tấn, người quận Hà Đông, thông hiểu kinh thuật, học rộng tài cao, giỏi thuật số, rất thích chú giải cổ văn.

³ Chữ Cách có nghĩa là da thuộc, người xưa thường dùng da thuộc để làm áo giáp.

⁴ Tức Lưu Chương. Xem tập VI, quyển 31 (Lưu nhị mục truyện).

có khí phách bá vương, có thể hưng nghiệp trị quốc, nên mới tức tốc quên thân đến theo. Đúng lúc chúa công sang tây, kẻ hèn này nhờ Pháp Hiếu Trực khoe khoang tiến cử, Bàng Thống ở trong chiêm chước, mới được bái kiến chúa công ở Gia Manh, chỉ tay cùng đàm đạo, luận việc cốt yếu về trị lý quốc gia, bàn giảng cái nghĩa nên nghiệp bá vương, dựng kế lấy Ích châu, chúa công cũng định sẵn kế sáng, đương nhiên tán thành ngay, bèn cử sự. Kẻ hèn này lúc trước ở trong châu chẳng qua là hạng phàm hèn, thường lo vướng vào tội lỗi, bỗng nhiên gặp lúc mây gió xoay vần tên bay trúng đích, cầu chúa được chúa, chí hướng thực hiện, công danh hiển dương, từ trong đám áo vải được cất lên hàng quốc sĩ, trộm giữ vị Mậu tài, hưởng hậu ân như cha đối với con, còn ai hơn thế nữa." ①

"Dạng này một sớm rõ đại, tự rước tội đáng bầm vằm, làm con quý bất nghĩa bất trung! Dân ta trước có nói, tay tả giữ địa đồ thiên hạ, tay hữu tự đâm vào yết hầu, kẻ ngu phụ cũng không làm vậy. Huống chi kẻ hèn này vẫn còn biết phân biệt lúa và rau! Dạng sở dĩ có ý oán vọng, vì chẳng tự liệu được mình, cầu thả cho rằng mình là kẻ đứng đầu chốn hưng sự nghiệp, mà nghe nói bị đẩy đến Giang Dương, chẳng hiểu được ý riêng của chúa công, tâm lý thốt nhiên bị kích động, lại có chút hơi men, Dạng lỡ lời nói ra chữ 'lão'. Đây là chỗ ngu dốt nông cạn trong suy nghĩ của kẻ hèn này, thật ra chúa công chưa già vậy. Vả lại người lập cơ nghiệp, há đâu ở chỗ trẻ già, Tây Bá chín mươi tuổi, há đâu chí khí đã suy, ta phụ cha hiền, tội đáng chết trăm lần vậy. Còn như lời nói kẻ trong người ngoài, là muốn Mạnh Khởi lập công ở bắc châu, hợp sức với chúa công, cùng đánh dẹp Tào Tháo thôi, há dám có chí khác sao? Mạnh Khởi nói câu đấy, nhưng chẳng phân biệt hàm nghĩa trong đó, khiến người ta thật đau lòng."

"Khi trước kẻ hèn này từng cùng Bàng Thống chung thế ước, mong theo vết chân của túc hạ, tận tâm với sự nghiệp của chúa công, theo được thanh danh của cổ nhân, công lao ghi vào tre lụa. Thống bất hạnh mà chết, kẻ hèn này hư hỏng tự rước vạ. Là ta tự hủy hoại mình, còn oán trách gì ai! Túc hạ, là Y, Lã đương thời, nên khéo giúp chúa

công mưu việc, hoàn thành đạo lớn. Trời soi đất xét, thần linh có thiêng, ta biết nói gì nữa đây! Chỉ mong túc hạ hiểu rõ tấm lòng của kẻ hèn này thôi. Ta đi, túc hạ hãy gắng sức."

Bảo trọng! Bảo trọng!"

Dạng cuối cùng bị giết, năm ấy ba mươi bảy tuổi.

① Thần Tùng Chi cho rằng: Câu "hưởng hậu ân như cha đối với con", là Dạng nói Lưu chủ lấy cái ân dày dành cho con, để đối xử với mình, cho nên đoạn sau của thư này viết rằng: "Ta phụ cha hiền, tội đáng chết trăm lần" vậy.

Lieu Lập tự Công Uyên, người quận Vũ Lăng huyện Lâm Nguyên. Tiên chủ lĩnh chức Kinh châu mục, triệu Lập làm tòng sự, lúc ấy Lập chưa đầy ba mươi tuổi, được đề bạt làm Thái thú Trường Sa.

Tiên chủ vào Thục, Gia Cát Lượng trấn thủ Kinh châu, Tôn Quyền phái sứ giả thông hiếu với Lượng, nhân đó hỏi kẻ sĩ bày mưu kế giúp trị lý là những ai, Lượng đáp rằng:

- Bàng Thống, Liêu Lập, đều là lương tài đất Sở, đang giúp chúa hưng dựng sự nghiệp.

Năm Kiến An thứ hai mươi, Quyền phái Lã Mông đánh lên ba quận phía nam, Lập thoát thân chạy trốn, tự quay về gặp Tiên chủ. Tiên chủ vẫn một lòng tiếp đãi, chẳng hề trách cứ, cho Lập làm Thái thú Ba quận.

Năm thứ hai mươi bốn, Tiên chủ làm Hán Trung vương, triệu Lập làm Thị trung. Hậu chủ kế vị, chuyển Lập làm Trường thủy Hiệu úy.

Bản ý của Lập, tự cho là mình có tài danh xứng làm phó cho Gia Cát Lượng, mà lại ở chức nhàn tản bên dưới cả bọn Lý Nghiêm, thường tấm tức trong lòng. Về sau Thừa tướng dụện là Lý Cáp (Lý Thiệu), Tường Uyển đến bái phỏng, Lập bày kể rằng:

- Đại quân đang viễn chinh, mấy người bọn khanh hãy xét kỹ việc này. Trước kia Tiên chủ chẳng lấy Hán Trung, chạy đến tranh ba quận phía nam với người Ngô, rút cục mất ba quận đấy với họ, quân sĩ lao dịch vất vả, vô ích mà về. Việc vứt bỏ đất Hán Trung, khiến Hạ Hầu Uyên, Trương Cáp thâm nhập đất Ba, suýt nữa mất cả châu. Sau khi được Hán Trung, lại để Quan hầu chết thân tan tác không còn gì, Thượng Dung thảm bại, thành ra mất hẳn một phương. Đấy cũng bởi Vũ cạy cái danh oai dũng, tác chiến không có đường lối, chỉ dựa vào ý tưởng nhất thời thôi, cho nên trước sau gì cũng tan quân thua bại vậy. Nay dùng hạng người như Hướng Lãng, Văn Cung, đều là bọn người phạm tục thôi. Cung làm Trị trung chẳng có cương kỷ gì; Lãng trước tôn sùng anh em Mã Lương, nói họ là thánh nhân, nay làm Trưởng sử, không hợp đạo lý lắm. Trung lang Quách Diễn tuổi cao, chỉ theo hùa với người thôi, chẳng đủ giúp mưu việc lớn, mà nhấc lên làm Thị trung. Nay thế nước suy vi, mà dùng ba người ấy, là không đáng vậy. Như Vương Liên là kẻ tục tằn, làm việc cầu thả bóp nặn của dân, khiến cho bách tính mỗi mệt, mới dẫn đến cái huyên náo ngày nay vậy.

Cáp, Uyên bắm lại hết những lời của Lập với Gia Cát Lượng. Lượng dâng biểu kể tội Lập rằng:

"Trường thủy Hiệu úy Liêu Lập, ngồi một chỗ tự cho là mình tôn quý, chê bai bình phẩm sĩ chúng của triều đình, công nhiên chỉ trích quốc gia không biết trọng dụng hiền tài mà dùng kẻ tục lại, lại nói thông soái vạn người đều là bậc tiểu tử; phỉ báng Tiên đế, mỉa mắng chúng thần. Người ta nói quốc gia kén chọn binh sĩ, lúc lập bộ ngũ phải phân minh, Lập ngẩng đầu ngấm nóc nhà, biến sắc phát phần quát thét rằng: 'Có gì đáng nói!' Đại để các việc như thế chẳng thể kể hết. Con dê loạn bầy còn gây hại, huống chi Lập gửi thân tại ngôi vị lớn, người tài trí từ bậc trung trở xuống nghe ngôn luận của Lập, há phân rõ được thật giả hay sao?" ①

Hậu chủ liền phế Lập làm dân thường, đẩy đến quận Vấn Sơn. Lập thân dẫn vợ con tự mình cày ruộng, lúc nghe tin Gia Cát Lượng chết, nhỏ nước mắt than rằng:

- Ta trọn đời làm nô dịch ở chốn khác tộc rồi.

Sau này Giám quân Khương Duy dẫn quân qua Vấn Sơn, tới thăm Lập, khen Lập chí khí không suy giảm, nói năng bàn xét tự nhiên.

Lập rút cục chết già ở chỗ lưu đầy. Vợ con quay về Thục.

① Gia Cát Lượng tập có biểu văn của Lượng viết:

"Lập thờ Tiên đế không có lòng trung hiếu, giữ Trường Sa thì mở cửa đón giặc, quản Ba Quận thì tâm tôi khiến chính sự nhiễu loạn, đi theo Đại tướng quân thì phỉ báng mắng chê người khác, hầu linh cữu của Tiên đế thì rút dao chém đầu người ta bên áo quan. Sau khi bệ hạ tức vị, đề cao chức hiệu quan viên, Lập qua khảo hạch nhận chức tướng quân, ông ta gặp mặt thần nói: 'Sao lại liệt ta vào hàng tướng quân! Mà chẳng suy cử ta làm công khanh, ở bên trên hàng Ngũ giáo!' Thần đáp: 'Danh hiệu tướng quân, là qua khảo hạch bầu chọn thôi. Đến như hiệu quan khanh, thì Chính Phương cũng chưa được làm quan khanh vậy. Huống chi chức vị của ngài chỉ là một trong Ngũ giáo vậy.'⁽¹⁾ Từ đấy về sau, Lập tấm tức oán hận mãi."

Hậu chủ hạ chiếu rằng:

"Tam Miêu loạn phép, Hưu Ngu lưu đầy hấn,⁽²⁾ Liêu Lập mê loạn cuồng vọng, trăm chẳng nở ra hình, lập tức lưu đầy Lập đến xứ cỏ cây không mọc được."

¹ Ngũ giáo (五校), là chỉ người giữ chức Hiệu úy quản một doanh quân trong Ngũ doanh ở kinh kỳ. Về Ngũ doanh (五营), xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 40 (Viên Thiệu truyện).

Theo quy định thời nhà Hán, chức vị Cửu khanh gồm: Thiếu phủ, Thái bộc, Phụng thường, Tông chính, Đại tư nông, Đại hồng lô, Đình úy, Vệ úy và Lang trung lệnh.

² Bộ tộc Tam Miêu (三苗) sống ở phía nam vùng Hà Nam (đãi đất ở khu vực hồ Bà Dương thuộc Giang Tây và hồ Động Đình của Hồ Nam). Tộc Tam Miêu nổi dậy từ thời vua Nghiêu, vua Nghiêu không đánh được, vua Thuấn (舜) được truyền ngôi, lên thay vua Nghiêu (尧), hợp chư hầu, đánh Tam Miêu, thắng lớn ở hồ Động Đình, Bà Dương, lưu đầy thủ lĩnh tộc Tam Miêu.

Lý Nghiêm tự Chính Phương, người quận Nam Dương. Thời trẻ làm Quận lại, vì tài cán mà nổi danh. Kinh châu mục Lưu Biểu sai Nghiêm đến nhận chức lần lượt ở các huyện trong quận. Đến lúc Tào công tiến vào Kinh châu, Nghiêm làm huyện lệnh huyện Tỳ Quy, bèn sang tây đến Thục, Lưu Chương lấy làm Thành Đô lệnh, lại vì tài cán mà nổi tiếng.

Năm Kiến An thứ mười tám, Chương tạm dùng Nghiêm làm Hộ quân, cự Tiên chủ ở Miên Trúc. Nghiêm cầm đầu sĩ chúng đến hàng Tiên chủ, Tiên chủ bái Nghiêm làm Bì tướng quân. Thành Đô đã định, Tiên chủ lấy Nghiêm làm Thái thú Kiền Vi, Hưng nghiệp tướng quân.

Năm thứ hai mươi ba, đạo tặc là bọn Mã Tần, Cao Thắng khởi sự ở huyện Thê, tụ họp bộ ngũ mấy vạn người, đến thẳng huyện Tư Trung. Thời ấy Tiên chủ ở Hán Trung, Nghiêm không đợi phát binh ở ngoài, chỉ đem năm nghìn quân sĩ trong quận đến đánh dẹp chúng, chém đầu bọn Tần, Thắng. Chi đảng của giặc giải tán, lại quay về làm dân. Lại có thủ lĩnh người Di của quận Việt Tuyền là Cao Định phái quân vây huyện Tân Đạo, Nghiêm tức tốc đến cứu viện, giặc đều tan chạy. Nghiêm được gia thêm chức Phụ Hán tướng quân, lĩnh quận như cũ.

Năm Chương Vũ thứ hai, Tiên chủ trung triệu Nghiêm đến Vĩnh An cung, bái làm Thượng thư lệnh. Năm thứ ba, Tiên chủ ốm nặng, Nghiêm cùng Gia Cát Lượng đều nhận di chiếu phù giúp chúa nhỏ; lấy Nghiêm làm Trung đô hộ, thống quản việc quân trong ngoài, lưu lại trấn thủ Vĩnh An.

Năm Kiến Hưng nguyên niên, Nghiêm được phong tước Đô hương hầu, ban giả tiết, thêm tước Quang lộc huân. Năm thứ tư, chuyển làm Tiền tướng quân.

Vì Gia Cát Lượng sắp xuất binh ra Hán Trung, Nghiêm phải đảm đương quản việc ở hậu phương, liền dời đến đóng ở

Giang Châu, lưu Hộ quân là Trần Đáo thủ giữ Vĩnh An, đều thuộc quyền thống quản của Nghiêm.

Nghiêm gửi thư cho Mạnh Đạt nói:

"Ta và Khổng Minh đều nhận ký thác, rất nhiều lo lắng, trách nhiệm nặng nề, mong có được bạn tốt."

Lượng cũng gửi thư cho Đạt nói:

"Xử lý công việc trôi chảy, không lưu trệ, là tính cách của Chính Phương vậy."

Nghiêm được quý trọng như thế.^①

Năm thứ tám, Nghiêm được thăng làm Phiêu kỵ tướng quân. Vì Tào Chân sắp đem ba đạo quân hướng đến Hán Xuyên, Lượng lệnh cho Nghiêm đưa hai vạn người đến Hán Trung. Lại dâng biểu lên suy cử con của Nghiêm là Phong làm Đốc quân, Đô đốc Giang Châu, phụ trách việc ở hậu phương của Nghiêm. Lượng vì năm sau sẽ xuất quân, lệnh cho Nghiêm làm Trung đô hộ tạm quản việc ở phủ Thừa tướng. Nghiêm đổi tên thành Bình.

① Gia Cát Lượng tập chép thư của Nghiêm gửi Lượng, khuyên Lượng nên nhận cử tích, tiến tước xưng vương. Lượng đáp thư rằng:

"Ta với túc hạ biết nhau đã lâu rồi, há chưa hiểu rõ về nhau! Túc hạ thăng thấn khuyên ta để rạng danh cho nước, hẳn ta vì đạo lý chớ câu nệ, vì thế ta không thể lặng yên được nữa. Ta vốn là kẻ hèn sĩ ở phương đông, bởi Tiên đế dùng làm, cho ngôi vị nhân thần cực cao, lộc ban trăm nghìn vạn, nay việc đánh dẹp kẻ giặc chưa có thành quả, ơn tri kỷ chưa báo đáp được, mà được quý sủng sánh ngang Tề Hoàn, Tấn Văn, ngồi một chỗ tự cho mình là tôn quý, đấy là trái nghĩa vậy. Nếu đã diệt Ngụy chém Duệ, Đế quay về ở cố đô, ta cùng các ngài nhất tề được phong tước, dẫu thập tích ta cũng nhận, huống chi chỉ là cử tích!"

Năm thứ chín mùa xuân, Lượng trú quân ở Kỳ Sơn, Bình thúc đốc vận lương thảo. Đang khi cuối hạ đầu thu, gặp lúc mưa

dầm, việc vận lương cung ứng không kịp, Bình phái Tham quân là Hồ Trung, Đốc quân là Thành Phan truyền dụ chỉ, gọi Lượng quay về; Lượng vâng mệnh lui quân. Bình nghe tin quân lui về, cố tỏ ra kinh hãi, nói "Quân lương đầy đủ, sao tự tiện quay về!" Muốn tỏ ra là mình không có lỗi, hiển nhiên là lỗi không tiến quân của Lượng. Lại dâng biểu lên Hậu chủ, nói "Đại quân vờ lui, là muốn dụ địch giao chiến." Lượng bày đủ hết các thư sớ trước sau có thủ bút của Bình làm rõ gốc ngọn, những sai trái mâu thuẫn của Bình lộ rõ. Bình tận lời cặn lý, phải cúi đầu nhận tội. Vì thế Lượng dâng biểu kể tội Bình rằng:

"Từ sau khi Tiên đế băng hà, Bình ở sở quan chỉ vun vén sản nghiệp, còn cho rằng mình được ơn huệ nhỏ, an thân cầu danh, không lo việc nước. Thần muốn Bắc tiến, mong Bình lĩnh binh để trấn Hán Trung, Bình quanh co thoái thác, không có ý đến đó, mà cầu lấy năm quận thành lập Ba châu tự làm Thứ sử.⁽¹⁾ Năm trước thần sắp tây chinh, mới lệnh cho Bình làm chủ đốc trấn Hán Trung, Bình nói rằng bọn Tư Mã Ý được khai phủ tuyển triệu quan lại. Thần biết Bình tâm ý hẹp hòi, muốn nhân lúc quân đi để bức bách thần hòng thủ lợi, vì thế thần dâng biểu xin bãi con của Bình là Phong làm Đốc chủ Giang Châu, đổi đổi sủng hậu, để được việc trong một lúc. Ngày Bình đến, được ủy thác mọi việc, quần thần trên dưới đều lấy làm lạ vì thần đổi đổi với Bình quá hậu. Chính vì đại sự chưa định, Hán thất nghiêng nguy, đã kích cái nhỏ nhen của Bình, chẳng bằng ngợi khen khích lệ vậy. Thần chỉ nghĩ tình ý của Bình để ở chỗ vinh lợi mà thôi, chẳng ngờ tâm trí Bình đảo điên đến thế. Nếu việc bỏ qua không quyết xử, sẽ dẫn đến họa bại, đấy là sự ngu ám của thần, nói nhiều càng thêm xấu hổ." ①

¹ Nước Thục vốn chỉ có châu Ích, Gia Cát Lượng làm Ích châu mục, đương nhiên không có chỗ cho Lý Nghiêm. Lý Nghiêm phòng thủ phía đông, đòi tách năm quận là Ba, Ba Đông, Ba Tây, Bồi Lăng ... muốn lập thành châu mới là Ba châu, để Nghiêm lĩnh chức Thái thú.

Vì thế Hậu chủ phế Bình làm thứ dân, đày đến quận Tử Đồng.② Năm thứ mười hai, Bình nghe tin Lượng mất, phát bệnh mà chết.

Bình thường mong là Lượng còn sống tất sẽ lại bổ dụng mình, nghĩ rằng người sau không ai làm việc đó nữa, cho nên bi phần vậy.③

Phong làm quan đến chức Thái thú Chu Đề.

① Tấu văn hặc tội Bình của Lượng viết:

"Bình làm đại thần, nhận ân quá mức, chẳng nghĩ việc hết mình báo đáp, lại ngang ngược dựng chuyện, nhục ngôi cao chưa đủ, lại mê hoặc trên dưới, luận tội bỏ phép tắc, dẫn dụ người làm việc gian, bụng dạ hẹp hòi mà chí ngông cuồng, coi như không có trời đất. Từ khi gian dối bại lộ, Bình nảy lòng muốn sống, nghe nói đại quân sắp tới, đã ở Tây Hương thì Bình thác bệnh quay về Thục, Chương. Quân binh sắp đến sông Thục, Bình lại quay về Giang Dương, Tham quân của Bình là Hồ Trung ra sức can mới chịu dừng. Nay giặc soán nghịch chưa diệt được, xã tắc lâm nguy nan, việc nước chỉ hòa thuận, mới có thể thắng giặc, chẳng nên bao dung nhẫn nhịn, để nguy hại cho nghiệp lớn."

"Bọn thần: Hành Trung quân sư Xa kỵ tướng quân Đô hương hầu thần là Lưu Diễm, Sử trị tiết Tiên quân sư Chinh tây đại tướng quân lĩnh Thứ sử Lương châu Nam Trịnh hầu thần là Ngụy Diên, Tiên tướng quân Đô đình hầu thần là Viên Lâm, Tả tướng quân lĩnh Thứ sử Kinh châu Cao Dương hầu thần là Ngô Nhất, Đốc tiên bộ Hữu tướng quân Huyền hương hầu thần là Cao Tường, Đốc hậu bộ Hậu tướng quân An Lạc đình hầu thần là Ngô Ban, lĩnh Trưởng sử Tuy quân tướng quân thần là Dương Nghi, Đốc tả bộ hành Trung giám quân Dương vũ tướng quân thần là Đặng Chi, hành Tiên giám quân Chinh nam tướng quân thần là Lưu Ba, hành Trung hộ quân Thiên tướng quân thần là Phí Y, hành Tiên hộ quân Thiên tướng quân Hán Thành đình hầu thần là Hứa Doãn, hành Tả hộ quân Đốc tín Trung lang tướng thần là Đinh Hàm, hành Hữu hộ quân Thiên tướng quân thần là Lưu Mẫn, hành Hộ quân Chinh nam tướng quân Dương Dương đình hầu thần là Khương Duy, hành Trung điện quân Thảo lộ tướng quân thần là Thượng Quan

Ung, hành Trung tham quân Chiêu vũ Trung lang tướng thần là Hồ Tế, hành Tham quân Kiến nghĩa tướng quân thần là Diêm Yến, hành Tham quân Thiên tướng quân thần là Thoán Tập, hành Tham quân Bì tướng quân thần là Đỗ Nghĩa, hành Tam quân Vũ lược Trung lang tướng thần là Đỗ Kỳ, hành tham quân Tuy Nhung đô úy thần là Thịnh Bột, lĩnh Tông sự Trung lang tướng thần là Phàn Kỳ cùng nghị bàn, lập tức xin bãi chức của Bình, truất quan lộc, thu phù tiết, ấn thụ, phù sách, tước ngôi vị và đất phong của Bình."

② Gia Cát Lượng gửi thư cho con của Bình là Phong dạy rằng:

"Ta cùng cha con người chung sức để phù trợ nhà Hán, đây là điều mà thần mình nghe biết, chẳng phải chỉ có người đời mới biết vậy. Ta dâng biểu xin cho cha người giữ chức Đô hộ chủ trì việc ở Hán Trung, ủy thác cho người trấn thủ cửa ải phía đông, chẳng để cho người ta phải bàn tán vậy. Có thể nói là thành tâm thành ý cảm động, trước sau nên giữ gìn, sao giữa đường lại trái ngang như thế!"

"Xưa kia quan khanh nước Sở thường bị giáng truất, rồi lại được phục chức, nghĩ đến đạo lý thì được tốt lành, đây là ứng theo vận số tự nhiên vậy. Mong người an ủi Đô hộ, nghiêm túc nghĩ đến lầm lỗi lúc trước. Nay dấu chức vụ bị mất, gia nghiệp kém khi xưa, song nô tì tân khách một trăm mấy chục người, người làm Trung lang tham quân nơi mặt phủ, so với người cùng khí số, vẫn là bậc hào môn. Nếu Đô hộ một lòng nghĩ lỗi đã qua, người và Công Diễm hết lòng thu xếp giúp đỡ, bề tắc có thể lại thông suốt, cái đã mất lại có thể quay về. Người hãy suy nghĩ kỹ lời khuyên này, hiểu rõ dụng ý của ta, thư sắp gửi đi mà than dài, chỉ sa lệ mà thôi."

③ Tập Tạc Xi nói: Xưa kia Quán Trọng đoạt ấp Biền có ba trăm hộ của họ Bá, họ Bá suốt đời không nói lời oán thán,⁽¹⁾ thánh nhân cho là khó. Gia Cát Lượng khiến Liêu Lập nghĩ nhớ rơi lệ, Lý Bình phải vào chỗ chết, há chỉ không nói lời oán thán mà thôi! Ôi nước rất phẳng nên người gian phải lấy đó làm chuẩn, gương rất sáng nên kẻ xấu không có cơ hội phát giận, nước và gương sở dĩ có thể đến được chỗ tận cùng của vật mà không gì oán hận, đó là

¹ Quán Trọng đoạt ấp Biền: Xem chú thích ở tập V, quyển 24, trang 35 (Tôn Lễ truyện).

vì chúng vô tư vậy. Nước và gương vô tư, do vậy không phải chịu sự báng bổ chê bai, hưởng chi bậc đại nhân quân tử mang lòng vui sống, luôn có cái đức tha thứ xót thương, song hình luật thì không thể không dùng, khi gia hình lại như mình có lỗi, ban tước lộc mà không riêng tư, giết người mà không giận dữ, thiên hạ có ai không phục được sao! Gia Cát Lượng vì thế có thể gọi là có tài dụng hình rồi, từ thời Tần, Hán đến nay chưa từng có người nào như thế vậy.

Lưu Diễm tự Uy Thạc, người nước Lỗ. Tiên chủ lúc ở Dự Châu, triệu làm Tòng sự, vì Diễm cùng họ với Tiên chủ, lại phong lưu lỗi lạc, giỏi đàm luận, nên được thân gần hậu đãi, cho theo đi khắp nơi, coi như tân khách.

Tiên chủ định Ích châu, lấy Diễm làm Thái thú Cỗ Lãng. Hậu chủ lên ngôi, phong cho Diễm tước Đô Hương hầu, ngôi vị chỉ kém Lý Nghiêm, làm Vệ úy, Trung quân sự, Hậu tướng quân, rồi thăng làm Xa kỵ tướng quân. Tuy nhiên Diễm không được tham dự quốc chính, chỉ lĩnh binh hơn nghìn người, đi theo Thừa tướng Lượng đàm luận hùng biện mà thôi. Xe cộ y phục, đồ ăn thức uống rất xa xỉ, thị tì có mấy chục người, đều giỏi thanh nhạc, đều được dạy đọc thuộc lòng bài *Linh Quang điện phú* của nước Lỗ.⁽¹⁾

Năm Kiến Hưng thứ mười, Diễm cùng Tiền quân sự là Ngụy Diên bất hòa, nói năng ngông cuồng, Lượng trách mắng Diễm. Diễm viết thư tạ lỗi với Lượng rằng:

"Diễm này bản tính rộng tuếch, tiết tháo đức hạnh nông cạn, lại thêm mắc bệnh ham rượu say sưa cần bậy, từ thời Tiên đế đến nay, thường luận bàn lộn xộn, nghiêng ngửa triều cương. Nhưng mình công chỉ một lòng vì nước, tha thứ cho tấm thân uế tạp, nâng đỡ cứu vớt, ban

¹ Là bài phú do Vương Diên Thọ, con của Vương Dật Chi viết ra. Bài phú này cùng bài *Lương đô phú* của Ban Cố, bài *Nhị kinh phú* của Trương Hành rất nổi tiếng thời ấy.

cho ngôi vị tước lộc, bảo toàn cho Diễm đến hôm nay. Mới đây lại say sưa mê muội, nói năng càn rỡ, bề trên nhân từ nhân nhện, không sửa trị tội lỗi, khiến Diễm được vẹn toàn, giữ trọn tính mạng. Diễm này nhất định nghiêm khắc trách mình sửa lỗi, xin lấy cái chết để thề với thần linh; nếu trái còn cấm lệnh của quốc gia, sẽ không mặt mũi nào sống ở đời."

Vì thế Lượng phái Diễm về Thành Đô, quan vị như cũ. Diễm từ đấy thần trí hoảng hốt.

Năm thứ mười hai tháng giêng, vợ của Diễm là Hồ thị vào cung mừng Thái hậu, Thái hậu đặc biệt ra lệnh giữ Hồ thị lại, hơn một tháng mới cho ra. Hồ thị là người rất đẹp, Diễm ngờ là vợ mình và Hậu chủ có tư tình, bèn gọi năm trăm lính đến, dùng gậy đánh vào mặt Hồ thị, rồi sau đuổi đi. Hồ thị tố cáo Diễm, Diễm bị tống ngục. Hữu ti luận rằng:

- Sĩ tốt không phải là để đánh vợ người ta, mặt người không phải là chỗ dùng gậy.

Diễm bị chém phoi thây ngoài chợ. Từ đó dứt hẳn việc vợ và mẹ của đại thần vào triều chúc tụng.

Ngụy Diên tự Văn Trường, người quận Nghĩa Dương. Diên lấy thân phận là bộ khúc theo Tiên chủ vào Thục, thường lập chiến công, được thăng làm Nha môn tướng quân.

Tiên chủ làm Hán Trung vương, rời sớ trị về Thành Đô, cần chọn một tướng trọng yếu để trấn Hán Xuyên, mọi người bàn luận cho rằng tất là Trương Phi, Phi trong lòng cũng nghĩ vậy. Tiên chủ đề bạt Diên làm Đốc Hán Trung, Trấn viễn tướng quân, Thái thú Hán Trung, toàn quân đều kinh ngạc.

Tiên chủ đại hội quần thần, hỏi Diên rằng:

- Nay đem trọng nhiệm ủy thác cho khanh, khanh phải làm sao để giữ chỗ này?

Diên đáp:

- Nếu Tào Tháo đem binh mã thiên hạ tới, thần xin vì đại vương cự Tháo; nếu một đại tướng đem mười vạn quân đến, thần xin vì đại vương mà nuốt chúng.

Tiên chủ khen hay, mọi người đều khen lời ấy.

Tiên chủ xưng đế hiệu, phong bá Diên làm Trấn bắc tướng quân. Năm Kiến Hưng nguyên niên, phong tước Đô đình hầu. Năm thứ năm, Gia Cát Lượng đóng ở Hán Trung, đổi Diên làm Đốc tiền bộ, kiêm Thừa tướng Tư mã, Thứ sử Lương châu. Năm thứ tám, Lượng sai Diên đem quân sang tây vào Khương Trung, Hậu tướng quân nước Ngụy là Phí Diệu, Thứ sử Ung châu là Quách Hoài cùng Diên giao chiến ở Dương Khê, Diên đại phá bọn Hoài, được thắng làm Tiền quân sư Chinh tây đại tướng quân, ban Giả tiết, tấn phong tước Nam Trịnh hầu.

Diên mỗi khi theo Lượng xuất chinh, thường muốn xin cầm một vạn binh, cùng Lượng đi khác đường hội quân ở Đồng Quan, như việc cũ của Hàn Tín,⁽¹⁾ Lượng không chế không đồng ý. Diên thường bảo Lượng nhất, than thở hận cái tài của mình không được dùng hết.①

Diên khéo dưỡng sĩ tốt, dũng mãnh hơn người, lại có tính kiêu căng, người đương thời đều kiêng tránh Diên. Duy có Dương Nghi không chịu nhường Diên, Diên vì thế mà căm phẫn, có lúc quan hệ hai người như nước với lửa.

Năm thứ mười hai, Lượng xuất quân lên bắc theo lối Tà Cốc, Diên làm tiên phong. Ra khỏi đại doanh của Lượng chục dặm, Diên mộng thấy trên đầu mọc sừng, đem hỏi quan chiêm bốc là Triệu Trực, Trực đối Diên rằng:

¹ Hàn Tín, tướng của Hán Cao tổ, cùng Lưu Bang chia quân từ Hán Trung đánh ra, đẩy lui Hạng Vũ, sau lấy được Tam Tần.

- Giống Kỳ Lân trên đầu có sừng mà chẳng dùng đến, đó là điềm không đánh mà giặc tự tan vậy.

Khi lui về báo với người khác rằng:

- Chữ Giốc chiết tự, trên là chữ đao dưới là chữ dụng, dùng đao ở trên đầu, điềm ấy rất dữ vậy."⁽¹⁾

① *Ngụy lược* chép: Hạ Hầu Mậu làm An Tây tướng quân, trấn thủ Trường An, Lượng ở Nam Trịnh cùng thuộc hạ nghị bàn, Diên nói:

- Nghe nói Hạ Hầu Mậu ít tuổi, là con rể của chủ, hèn nhát mà vô mưu. Nay ví như Diên có năm nghìn tinh binh, năm nghìn quân tải lương, thẳng từ Bao Trung tiến ra, men núi Tần Lĩnh sang đông, đến hang Tý Ngọ thì lên bắc, chẳng quá mười ngày có thể đến được Trường An. Mậu nghe tin Diên đến bất chợt, tất cuội thuyền chạy trốn. Trong thành Trường An chỉ có bọn Ngự sử và Thái thú Kinh Triệu thôi, lương thảo ở Hoàn Môn, Để Các và thóc của tán dân đủ để chu cấp vậy. Quân phương đông bên kia tụ hợp nhau, phải trên hai mươi ngày, còn Công từ Tà Cốc kéo đến, nhất định kịp vậy. Như thế, một lần cất tay mà từ Hàm Dương sang tây có thể định rồi.

Lượng cho là kế ấy mạo hiểm, chẳng bằng yên ổn theo đường phẳng mà tiến, có thể lấy Lũng Hữu, thập toàn tất thắng mà chẳng phải lo gì, nên không dùng kế của Diên.

Mùa thu, Lượng bệnh khốn, bí mật cùng bọn Trương sử là Dương Nghi, Tư mã là Phí Y, Hộ quân là Khương Duy sắp xếp phương thức lui quân sau khi mình chết, lệnh sai Diên đoạn hậu, kế nữa là Khương Duy; nếu Diên không theo lệnh, quân tự hành động theo phép thường.

Lượng vừa chết, trong quân bí mật không phát tang, Nghi lệnh sai Y qua thăm dò ý của Diên. Diên nói:

¹ Chữ “giốc” (角), là chữ “dụng” (用) nằm dưới chữ “đao” (刀). Trên đầu có đao, là điềm mất đầu.

- Thừa tướng tuy mất, nhưng ta vẫn còn đây. Thuộc quan và thân nhân có thể đưa tang cửu về táng, ta tự thống suất chư quân đánh giặc, há vì một người chết mà phế việc lớn thiên hạ sao? Vả lại Ngụy Diên ta là người thế nào, mà phải làm thuộc hạ của Dương Nghi, là tướng đi đoạn hậu sao!

Nhân đó cùng Y bàn chuyện giữ lại một bộ phận quân, sai Y viết thư cùng mình ký tên vào, báo với chư tướng. Y dối Diên rằng:

- Ta sẽ vì ngài quay về khuyên bảo Dương Trường sử, Trường sử là quan văn, không hiểu việc quân, tất chẳng trái mệnh ngài vậy.

Y ra khỏi cửa vội ruổi ngựa mà đi, Diên chợt hối lại, đuổi theo thì không kịp nữa.

Diên phái người đi dò xét bọn Nghi, thấy họ chiếu theo phép tắc của Lượng, các doanh trại lần lượt dẫn quân về. Diên cả giận, nhân lúc quân của Nghi còn chưa xuất phát, đem quân lính mà mình lĩnh quản đi tắt đường về nam trước, những chỗ đi qua đốt sạch đường sà. Diên, Nghi đều dâng biểu tố nhau là phản nghịch, trong vòng một ngày, hịch tới liên tiếp. Hậu chủ đem việc hỏi Thị trung là Đồng Doãn, Lưu phủ Trường sử là Tường Uyển, Uyển và Doãn đều bảo cử cho Nghi mà nghi ngờ Diên.

Bọn Nghi bỏ núi thông đường, hành quân đêm ngày, đi theo phía sau Diên. Diên đến trước, chiếm giữ Nam Cốc khẩu, phái binh đón đánh bọn Nghi, bọn Nghi lệnh cho Hà Bình ở phía trước chặn Diên. Bình quát mắng Diên lỗi tự tiện về trước, nói:

- Công mất, thi thể còn chưa lạnh, sao bọn bay dám thế?

Sĩ chúng của Diên biết lỗi ở Diên, chẳng ai theo mệnh, quân tan hết. Một mình Diên cùng mấy người con chạy trốn, quay về Hán Trung. Nghi phái Mã Đại đuổi theo chém Diên, đem thủ cấp giao cho Nghi, Nghi đứng dậy tự đập chân vào đầu Diên, mắng:

- Nô tài ngu xuẩn, còn làm ác được không?

Rồi giết sạch cả ba họ nhà Diên.

Khi trước, Trương Uyển thống suất quân Túc vệ của các doanh quân vôi vãi lên bắc, đi được mấy chục dặm, tin Diên chết truyền đến, bèn quay về.

Ý của Diên vốn chẳng phải là lên bắc hàng Ngụy mà là quay về nam, chỉ muốn trừ bỏ bọn Nghi. Thường ngày chư tướng hay bất đồng, mong rằng người đương thời bàn luận lấy Diên thay Lượng. Bản ý của Diên chỉ như thế, không phải là muốn phản Thục.^①

① *Ngụy lược* chép: Gia Cát Lượng ốm, bảo bọn Diên rằng:

- Sau khi ta chết, chỉ cần trọng tự giữ giang sơn, chớ gây phiền phức.

Lại sai Diên thay mình điều hành công việc, bí mật đưa tang về. Diên bèn giấu tin thừa tướng mất, đi đến Bao khẩu, mới phát tang. Trưởng sử của Lượng là Dương Nghi vốn bất hòa với Diên, thấy Diên lên thay nắm việc quân, sợ bị Diên làm hại, bèn nói phao lên rằng Diên muốn dẫn quân quy phục phương bắc, rồi thống suất bộ chúng đánh Diên. Bản ý Diên không có ý ấy, không đánh mà lui chạy, bị quân đuổi theo giết chết.

Thần Tùng Chi cho rằng đại khái đây là lời đồn của nước địch, chẳng thể đem so với bản truyện để xét đúng sai.

Dương Nghi tự Uy Công, người quận Tương Dương. Năm Kiến An trung, làm Chủ bộ cho Thứ sử Kinh châu là Phó Quần, rồi bỏ Quần đến chỗ Thái thú Tương Dương là Quan Vũ. Vũ lệnh cho làm Công tào, sai phụng mệnh đi sứ sang tây đến chỗ Tiên chủ. Tiên chủ cùng bàn luận đại kế quốc gia, cái được mất của chính sự, rất hài lòng, nhân đó trung triệu làm Tả tướng quân Bình tào duyện. Lúc Tiên chủ làm Hán Trung vương, đề bạt Nghi làm Thượng thư.

Tiên chủ xưng tôn hiệu, đi đánh Đông Ngô, Nghi cùng Thượng thư lệnh Lưu Ba bắt hòa, bị giáng chức mấy cấp tạm giữ chức Thái thú Hoàng Nông.

Năm Kiến Hưng thứ ba, Thừa tướng Lượng dùng Nghi làm Tham quân, tạm quản việc trong phủ, chuẩn bị xuôi nam. Năm thứ năm, theo Lượng đến Hán Trung. Năm thứ tám, được thăng làm Trưởng sử, gia thêm chức Tùy quân tướng quân. Lượng nhiều lần xuất quân, Nghi thường quy hoạch sắp xếp, trù liệu lương thảo, chẳng phải lo nghĩ tính toán, vụt chốc đã xong. Việc điều tiết quân nhưng, sắp xếp đầy đủ là ở Nghi. Lượng rất xem trọng tài cán của Nghi, ngang bằng với sự kiêu dũng của Ngụy Diên, thường hận là hai người ấy bất hòa, chẳng nỡ thiên lệch để phớt bỏ ai.

Năm thứ mười hai, Nghi theo Lượng ra đóng đồn ở Cốc Khẩu. Lượng chết nơi chiến địa. Nghi lĩnh quân lui về, lại đánh giết Diên, tự cho là mình công lao rất lớn, đáng phải được thay Lượng cầm quyền chính, kêu Đô úy là Triệu Chính dùng *Chu Dịch* bói cho mình, được quẻ Gia Nhân, thì yên lặng không vui.⁽¹⁾

Lượng lúc sinh tiền có mật chỉ, nói rằng Nghi tính tình nhỏ nhen, có ý phò thác việc cho Tưởng Uyển, Uyển vì thế nhận chức Thượng thư lệnh, Thứ sử Ích châu. Nghi đến, được bái làm Trung quân sự, không ở vị trí thống lĩnh, chỉ ung dung nhàn hạ mà thôi.

Khi trước, Nghi làm Thượng thư cho Tiên chủ, Uyển làm Thượng thư lang, sau tuy đều làm Tham quân Trưởng sử của

¹ Gia Nhân, là quẻ thứ 37 trong *Kinh Dịch*, lời thoán của quẻ có câu: “Nữ chính vị hồ nội, nam chính vị hồ ngoại. Nam nữ chính, thiên hạ chi đại nghĩa dã.” Ý là: “Đàn ông chính đáng (lo việc) ở ngoài, đàn bà chính đáng (lo việc) ở trong; nam nữ giữ đạo chính (cùng lo việc), đó là hợp với nghĩa lớn của trời đất vậy.” Quẻ này khuyên người ta giữ mình tu dưỡng theo đạo chính, làm đúng bổn phận của mình.

Thừa tướng, nhưng Nghi thường theo đi trong quân, phải lao khổ, tự nghĩ mình tuổi tác và sự từng trải đứng trên Uyển, tài năng hơn hẳn, vì thế phần hân hiển lộ trên nét mặt, tiếng oán thán phát ra từ trong bụng. Người bấy giờ sợ lời nói năng không giữ tiết của Nghi, chẳng ai dám giao vãng, duy có Hậu quân sư là Phí Y qua thăm an ủi Nghi. Nghi đối mặt Y buông lời oán vọng, trước sau đông dài, lại bảo riêng Y rằng:

- Trước đây giữa lúc Thừa tướng mới mất, nếu ta đem toàn quân tới chỗ họ Ngụy, vị thế há đâu lại thất ý thế này! Thật khiến cho người ta hối hận không kịp vậy.

Y bí mật tấu báo lời của Nghi. Năm thứ mười ba, Nghi bị phế làm dân thường, đày đến quận Hán Gia. Nghi đến nơi đây ải, lại dâng thư phi báng, ngôn từ chỉ trích kịch liệt, triều đình bèn lệnh xuống quận sai bắt Nghi. Nghi tự sát, vợ con Nghi trở về Thục.^①

① *Sở quốc tiên hiền truyện* chép: Anh của Nghi là Lự, tự Uy Phương. Thời trẻ có đức hạnh, là tài danh hàng đầu ở Giang Nam. Châu quận dùng lễ trung triệu, tam công gọi mời, đều không khuất được. Năm mười bảy tuổi, chết yếu, người làng đều khen là "Đương quân đức hạnh."

Bình rằng: Lưu Phong vốn ở vị trí bị hiểm nghi, có lo lắng phòng giữ cũng chẳng đủ để tự vệ. Bành Dạng, Liêu Lập vì tài năng được đề bạt tiến dụng, Lý Nghiêm vì tài cán lão luyện mà quan vận hiển đạt, Ngụy Diên vì dũng lược được gánh vác trọng nhiệm, Dương Nghi vì khéo việc mà chức tước vẻ vang, Lưu Diễm là bạn cũ của Tiên chủ, hết thảy ở vị trí tôn quý trọng yếu. Xem cử chỉ và hành vi của họ, xét kỹ việc kính giữ bốn phận của họ, thì đều là rước họa đón tội, không ai là không tự mình gây ra cả.

QUYỂN THỨ BỐN MƯƠI MỐT
HOẮC, VƯƠNG, HƯỚNG, TRƯƠNG,
DƯƠNG, PHÍ TRUYỆN

— 380 —

Hoắc Tuấn tự Trọng Mạc, người huyện Chi Giang thuộc Nam Quận. Anh của Tuấn là Đốc, tụ họp mấy trăm bộ khúc trong làng xóm, Đốc chết, Kinh châu mục Lưu Biểu lệnh cho Tuấn nắm bộ khúc của Đốc. Biểu chết, Tuấn thống suất bộ chúng theo hàng Tiên chủ, Tiên chủ lấy Tuấn làm Trung lang tướng.

Tiên chủ từ Gia Manh hướng về nam đánh Lưu Chương, lưu Tuấn lại giữ thành Gia Manh. Trương Lỗ phái tướng là Dương Bạch tới dụ Tuấn, xin cùng giữ thành, Tuấn nói:

- Cái đầu của tiểu nhân có thể lấy, nhưng thành thì không lấy được.

Bạch bèn bỏ đi. Về sau bọn tướng của Chương là Phù Cầm, Hướng Tồn dẫn hơn một vạn người từ sông Lãng ngược lên, vây đánh Tuấn, gần một năm, không hạ được. Binh tốt của Tuấn ở trong thành chỉ có mấy trăm, xét thấy địch sơ hở trễ nải, bèn tuyển quân tinh nhuệ ra đánh, đại phá chúng, chém ngay được thủ cấp của Tồn. Tiên chủ định Thục, khen công của Tuấn, rồi chia quận Quảng Hán lập quận Tử Đồng, lấy Tuấn làm Thái thú Tử Đồng, Bì tướng quân.

Tuấn làm quan ba năm, bốn mươi tuổi chết, đưa về táng ở Thành Đô. Tiên chủ rất thương tiếc, bèn gửi chiếu cho Gia Cát Lượng nói:

"Tuấn là quan lại ưu tú, thêm nữa có công với nước, ta muốn tự thân tới tế."

Bèn thống suất các quan đến điều tể, nhân thế ngủ lại bên mộ, người đương thời cho là Tuấn rất vinh dự.

Con của Tuấn là Dặc, tự Thiệu Tiên, năm cuối thời Tiên chủ, làm Thái tử xá nhân. Hậu chủ lên ngôi, đổi Dặc làm Yết giả.

Thừa tướng Gia Cát Lượng lên bắc trú tại Hán Trung, mời Dặc làm Ký thất, sai đi cùng con mình là Kiều tới khắp các quân doanh. Lượng chết, Dặc làm Hoàng môn thị lang. Hậu chủ lập Tuyền làm thái tử, lấy Dặc làm Trung thứ tử, Tuyền ham săn bắn, ra vào không theo quy củ, Dặc viện dẫn nghĩa kinh điển xưa, can gián tận lời, tha thiết hết mực. Về sau Dặc làm Tham quân giúp việc cho Đô đốc Lai Hàng, lại chuyển làm Hộ quân, quản việc như trước.

Thời ấy rợ Liêu quận Vĩnh Xương cậy hiểm không phục, nhiều lần cướp bóc gây hại, triều đình lấy Dặc làm Thái thú Vĩnh Xương, thống lĩnh một cánh quân đi đánh dẹp, chém được hào soái của chúng, phá thôn ấp của chúng, trong quận được yên tĩnh. Dặc được thăng làm Giám quân Dục quân tướng quân, lĩnh Thái thú Kiến Ninh, quân quay về, Dặc lại thống quản công việc ở các quận phía nam.

Năm Cảnh Diệu thứ sáu, được tấn phong làm An Nam tướng quân.

Năm ấy, nước Thục bị nước Ngụy thôn tính, Dặc cùng với Lĩnh quân của Ba Đông là La Hiến người quận Tương Dương đều bảo toàn một phương, đem quân ra hàng, bởi thế đều được giữ quan chức cũ, còn được sủng ái hơn.^①

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: 'Hoắc Dặc nghe tin quân Ngụy đến, muốn dẫn binh tới cứu Thành Đô, nhưng Hậu chủ cho là việc chuẩn bị chống định đã xong, không nghe.'

Thành Đô thất thủ, Dặc mặc tang phục gào khóc, cử hành đại tang ba ngày. Chư tướng đều khuyên nên mau chóng ra hàng, Dặc nói:

- Nay đường đất cách trở, chưa rõ chúa ta an nguy thế nào, việc lớn là bỏ hay giữ, không nên cầu thả. Ví như chúa thượng hòa hảo với nước Ngụy, Ngụy dùng lễ đối đãi, ta đem vạn dân biên cảnh ra hàng, cũng không muộn vậy. Nếu vạn nhất chúa ta bị nhục, ta sẽ lấy cái chết để cự tuyệt, nói đến nhanh chậm làm gì!

Sau khi hỏi biết tin tức Hậu chủ dời sang đông, Dặc mới dẫn tướng lĩnh và Quận thú của sáu quận dâng biểu nói:

"Thần nghe nói sống ở trên đời có ba người, phải kính thờ như một, nếu ba người đó gặp nguy nan, phải quên bỏ tính mệnh bản thân mình.⁽¹⁾ Nay thần nước mất chủ hàng, lấy cái chết báo quốc cũng không được nữa, vì thế đành phải theo hàng, thực không dám hai lòng."

Tấn Văn vương khen Dặc, lại bái làm Đô đốc Nam Trung, ủy thác cho gánh vác việc cũ.

Về sau, triều đình phái Dặc đem binh cứu viện Lã Hung, bình loạn ở ba quận là Giao Chi, Nhật Nam, Cửu Chân, vì có công được phong tước Liệt hầu, hiệu sủng thưởng hậu.

Cháu của Dặc là Bưu, thời nhà Tấn làm Thái thú Việt Xuyên.

Tương Dương ký chép: La Hiến tự Lệnh Tắc. Cha của Hiến là Mông, tránh loạn vào Thục, quan vị đến chức Thái thú Quảng Hán.

Hiến thời trẻ vì tài học nổi danh, mười ba tuổi có thể viết văn chương. Hậu chủ lập thái tử, Hiến làm Thái tử xá nhân, rồi thăng làm Thứ tử, Thượng thư lại Bộ lang, lấy thân phận là Tuyên tín Hiệu úy đi sứ nước Ngô, được người Ngô khen ngợi.

Bấy giờ Hoàng Hạo tham dự chính sự, mọi người đa phần xu phụ hấn, riêng Hiến cùng Hạo bất đồng, Hạo tức giận, giáng Hiến làm Thái thú Ba Đông.

Bấy giờ Hữu đại tướng quân⁽²⁾ Diêm Vũ thống quản Ba Đông, làm Lĩnh quân, Hậu chủ bái Hiến làm phó cho Vũ. Nước Ngụy phạt

¹ Thờ vua, kính cha, thương mẹ.

² Chức Đại tướng quân vốn chỉ có một, thời ấy Hoàng Hạo tham dự chính sự, kiến nghị với Hậu chủ đặt ra Tả, Hữu đại tướng quân, cốt yếu chỉ để phân chia quyền lực của Khương Duy mà thôi.

Thục, Hậu chủ triệu Vũ sang tây quay về Thành Đô, để lại hai nghìn quân của Vũ, lệnh sai Hiến giữ thành Vĩnh An. Không lâu nghe tin Thành Đô bại, người trong thành nhiều loạn, các Trưởng lại ở ven sông đều bỏ thành chạy, Hiến chém một người phao tin Thành Đô loạn, trăm họ mới yên. Lúc tin Hậu chủ hàng Ngụy truyền đến, Hiến thống suất số quân lính mình quản lĩnh đến Đình xá khóc lóc ba ngày.

Người Ngô nghe tin Thục thua bại, khởi binh ngược về phía tây, bề ngoài thác là cứu viện, thực tế là muốn đánh úp Hiến. Hiến nói:

- Bản triều nghiêng đổ, nước Ngô với ta là nước môi răng, chẳng thương xót cứu nạn giúp lại rình cầu mỗi lợi cho mình, bội mình trái ước. Vả lại Hán đã mất, Ngô giữ được lâu sao, ta há đâu lại làm giặc hàng Ngô nữa!

Bèn chỉnh đốn giáp khí bảo vệ thành trì, cáo thệ với tướng sĩ, dùng tiết nghĩa khích lệ, chẳng có ai không theo mệnh.

Người Ngô nghe tin Chung Hội, Đặng Ngải đã chết, quân chiếm thành nước Thục vô chủ, có chí nuốt đất Thục, nhưng Ba Đông cố thủ, binh không qua được, liền phái Bộ Hiệp thống suất đại quân sang tây. Hiến thân đến bờ sông chỉ huy cự địch, không ngăn được, bèn phái Tham quân là Dương Tông phá vây lên bắc, cáo cấp với An Đông tướng quân là Trần Khiên, lại đưa ấn thụ của các quan văn võ và con tin đến chỗ Tấn vương. Hiệp đánh thành, Hiến ra giao chiến, đại phá quân của Hiệp. Tôn Hưu giận, lại phái bọn Lục Kháng đem ba vạn quân nữa đến gia tăng vây đánh Hiến.

Bị đánh sáu tháng trời, quân cứu không tới, người trong thành tật bệnh quá nửa. Có người khuyên Hiến bỏ thành chạy, Hiến nói:

- Bậc nhân chủ, là người mà trăm họ trông ngóng, lúc nguy cấp chẳng yên định được, lại vội vã bỏ chạy, đấy là việc người quân tử không làm vậy, ta hết mệnh ở chỗ này thôi.

Trần Khiên tấu việc nguy cấp ở Vĩnh An lên Tấn vương, Tấn vương phái Thứ sử Kinh châu Hồ Liệt đến cứu Hiến, bọn Kháng phải lui về. Tấn vương lập tức cho Hiến nhận việc cũ, bái làm Giang Lăng tướng quân, phong tước Vạn Niên đình hầu.

Lúc bốn huyện của quận Vũ Lăng nổi dậy phản Ngô, Tấn vương lại lấy Hiến làm Thái thú Vũ Lăng, Giám quân Ba Đông. Năm Thái Thủy Nguyên đổi phong Hiến làm Tây Ngạc huyện hầu.

Hiến đưa vợ con về ở Lạc Dương, Vũ đế lấy con của Hiến là Tập làm Cấp sự trung. Năm thứ ba mùa đông, Hiến về châu, được thăng vị Quán quân tướng quân, ban Giả tiết.

Năm thứ tư tháng ba, Hiến theo Đế dự yến tiệc ở Hoa lâm viên, Đế hạ chiếu hỏi con em của đại thần và các tiền bối nước Thục có ai nên nhậm dụng, Hiến tiến cử Thường Kỳ, Đỗ Chấn, Thợ Lương người Thục Quận, Trần Thọ người Ba Tây, Cao Quỹ người Nam Quận, Lã Nhã, Hứa Quốc người quận Nam Dương, Phí Cung người quận Giang Hạ, Gia Cát Kinh người quận Lang Nha, Trần Dự người quận Nhữ Nam, tất cả được bổ dụng ngay, đều nổi danh ở đời.

Sau khi Hiến từ kinh đô quay về, đánh lấy được Vu Thành của nước Ngô, nhân đó dâng kế phạt Ngô. Hiến là người thành tín, nghiêm túc, ngay thẳng, khéo đãi binh sĩ, siêng năng với việc quân, coi rẻ tiền tài ưa bố thí, chẳng vun vén sản nghiệp.

Năm thứ sáu Hiến chết, được truy tặng chức An Nam tướng quân, thụy là Liệt hầu.

Con của Hiến là Tập, làm Lăng Giang tướng quân lĩnh bộ khúc, chết sớm, được truy tặng chức Thái thú Quảng Hán.

Con của Tập là Huy, làm Nội sử ở Thuận Dương, năm Vĩnh Gia thứ năm bị Vương Như⁽¹⁾ giết hại.

Chữ Hiến chép ở *Tương Dương ký* với tên người chép ở bản truyện⁽²⁾ không giống nhau, chưa rõ chữ nào đúng.

¹ Vương Như (王如), người huyện Tân Phong, quận Kinh Triệu. Vương Như giữ chức võ quan nhỏ ở bản châu, sau vì chiến loạn lưu lạc đến Uyển Thành. Năm cuối thời Tây Tấn, triều đình lệnh bức lưu dân phải quay về Quan Trung, Vương Như thống suất mọi người đánh lại quan binh, hạ Tương Thành, lưu dân hưởng ứng rất đông, đến năm vạn người. Vương Như bèn tự xưng là tướng quân. Được mấy năm thì triều đình nhà Tấn đánh dẹp.

² Chữ Hiến (獻) trong *Tương Dương ký*, có nghĩa là “người hiến tài” và chữ Hiến (宪) trong *Tam quốc chí*, nghĩa là “tiêu chuẩn, điển phạm.”

Vương Liên tự Văn Nghi, người quận Nam Dương. Thời Lưu Chương, Liên vào Thục làm Tử Đồng lệnh.

Tiên chủ khởi sự ở Gia Manh, tiến quân từ hướng nam, Liên đóng cửa thành không hàng, Tiên chủ cho là người tiết nghĩa, không cưỡng bức. Lúc bình xong Thành Đô, lấy Liên làm Thập Phương lệnh, lại chuyển làm Quảng Đô lệnh, ở đâu cũng có thành tích. Được thăng làm Tư diêm Hiệu úy, phụ trách kinh doanh sắt và muối, thu được mỗi lợi rất lớn, giúp ích cho quốc dụng, lại kén chọn được nhiều người tài làm thuộc quan dưới trưởng, như bọn Lã Nghệ, Đỗ Kỳ, Lưu Cán, sau này họ đều làm đến chức đại quan, là do Liên tiến cử đề bạt vậy. Liên lại được thăng làm Thái thú Thục Quận, Hưng Nghiệp tướng quân, kiêm quản việc khai muối và sắt như trước.

Năm Kiến Hưng nguyên niên, Hậu chủ bãi Liên làm Đôn kỵ Hiệu úy, lĩnh Thừa tướng Trưởng sử, phong làm Bình Dương đình hầu.

Bấy giờ các quận phương nam không theo phục, Gia Cát Lượng sắp thân chinh đánh dẹp, Liên can gián cho rằng: "Nơi ấy là chỗ đất cỏ cây không mọc nổi, dịch bệnh lưu hành, chẳng xứng để người được cả nước trông ngóng như ngài mạo hiểm xuất hành." Lượng lo rằng cái tài của chư tướng chẳng được như mình, quyết ý ra đi, nhưng lời can của Liên rất khẩn thiết, nên đắn đo suy nghĩ rất lâu. Không bao lâu sau Liên chết. Con của Liên là Sơn nối tự, quan vị đến chức Thái thú Giang Dương.

Hướng Lăng tự Cự Đạt, người quận Tương Dương, huyện Nghi Thành.^① Kinh châu mục Lưu Biểu lấy Lăng làm trưởng huyện Lâm Tự. Biểu chết, Lăng quy thuộc Tiên chủ.

Tiên chủ bình định các quận phía nam Trường Giang, sai Lăng thống quản việc quân chính ở bốn huyện Tỳ Quy, Di Đạo, Vu

Son, Di Lăng. Sau khi bình định đất Thục, Tiên chủ lấy Lăng làm Thái thú Ba Tây, ít lâu lại chuyển Lăng làm Thái thú Tang Ca, rồi đổi đến Phòng Lăng.

Hậu chủ lên ngôi, Lăng làm Bộ binh Hiệu úy, thay Vương Liên giữ chức Trưởng sử phủ Thừa tướng. Thừa tướng Lượng nam chinh, Lăng ở lại thống quản công việc hậu phương.

Năm thứ năm, Lăng theo Lượng tới Hán Trung.

Lăng vốn thân thiết với Mã Tắc, Tắc thua trận bỏ trốn, Lăng biết nhưng vì tình riêng không tấu bẩm, Lượng hận Lăng, bãi chức đuổi về Thành Đô. Sau mấy năm, Lăng lại làm Quang lộc huân, sau khi Lượng chết Lăng chuyển nhận chức Tả tướng quân, khi xét công lao cũ, phong cho Lăng tước Hiến Minh đình hầu, vị Đặc tiến.

Khi trước, thời Lăng còn trẻ dẫu có xem qua kinh văn, nhưng không nghiên cứu nhiều, vì làm quan có tài được khen ngợi. Từ khi bị bãi chức Trưởng sử, nhàn nhã vô sự gần ba mươi năm,^② vì thế lại dụng tâm nghiên cứu điển tịch, cần mẫn không biết mệt. Hơn tám mươi tuổi, còn tự tay hiệu đính sách vở, sửa chữa những chỗ sai lầm, hợp lại thành nghìn thiên sách, nhiều nhất thời bấy giờ. Lăng mở cửa tiếp đãi tân khách, thu nạp dạy dỗ kẻ hậu bối, chỉ giảng luận nghĩa xưa, không can hệ đến việc đương thời, vì thế được khen ngợi. Trên thì từ quan chấp chính, dưới đến trẻ để chòm, ai nấy đều kính trọng.

Năm Diên Hi thứ mười Lăng chết.^③ Con của Lăng là Điều kế tự, năm Cảnh Diệu trung làm Ngự sử trung thừa.^④

① *Tương Dương ký* chép: Thầy dạy học hồi nhỏ của Lăng là Tư Mã Đức Tháo, cùng Từ Nguyên Trực, Hàn Đức Cao, Bàng Sĩ Nguyên đều là bạn tốt.

② *Thần Tùng Chi* xét: Lăng mắc tội vì chuyện của Mã Tắc bị bãi chức Trưởng sử, là vào giữa năm Kiến Hưng thứ sáu. Đến năm

Diên Hi thứ mười Lãng chết, cả thầy có hai mươi năm thôi, chỗ này nói là "ba mươi năm", văn tự có lầm lẫn vậy.

③ *Tương Dương ký* chép: Di ngôn của Lãng răn dạy con mình rằng:

"Tả truyện nói thắng địch là ở nhân hòa, chẳng ở binh nhiều, suy rộng lời ấy có ý rằng trời đất giao hòa thì vạn vật sinh, vua tôi hòa mục thì quốc gia yên ổn, cứu tộc hòa hảo thì ai cũng thỏa nguyện, mọi thứ bình yên, thế nên thánh nhân đều chú trọng đến chữ 'hòa', cho đấy là điều can hệ đến sinh tử tồn vong vậy. Ta, là kẻ tiểu tử của nước Sở thôi, mồ côi cha mẹ từ sớm, được hai anh nuôi dạy, bản tính ta chẳng đến mức theo lợi mà hư hỏng. Nay chỉ nghèo thôi; nhưng nghèo chẳng phải là cái họa của người ta, chỉ có chữ 'hòa' mới là đáng quý, mà hãy tự mình cố gắng!"

④ *Tương Dương ký* chép: Điều tự Văn Báo, cũng là người học rộng biết nhiều, vào thời nhà Tấn làm Thái thú Giang Dương, Quân tư mã ở Nam Trung.

Con của anh trai Lãng tên Sùng, thời Tiên chủ làm Nha môn tướng. Thảm bại ở Tỳ Quy, riêng quân doanh của Sùng toàn vẹn trở về. Năm Kiến Hưng nguyên niên Sùng được phong tước Đô đình hầu, sau làm Trung bộ đốc, quản quân Túc vệ.

Gia Cát Lượng sắp đánh phương bắc, dâng biểu lên Hậu chủ nói:

"Tướng quân Hưởng Sùng, bản tính thiện lương công chính, thông hiểu việc quân, khi trước được dùng thử, Tiên đế khen là có tài, bởi thế mọi người bàn luận tiến cử Sùng làm Đốc. Ngụ thần cho rằng việc ở trong doanh, đều phải hỏi người này, tất có thể khiến hàng trận hòa mục, hơn kém được phân định rõ ràng."

Vì thế Sùng được thăng làm Trung lĩnh quân. Năm Diên Hi thứ ba, đi đánh rợ Man Di ở quận Hán Gia, bị hại.

Em của Sùng là Sung, trải chức Xạ thanh Hiệu úy, Thượng thư.①

① *Tương Dương ký* chép: Năm Hàm Hi nguyên niên nhà Ngụy, tháng sáu, Trấn tây tướng quân Vệ Quán đến Thành Đô, lấy được cái ấn ngọc có núb, văn tự khắc trên ấn là hai chữ "Thành tín", người Ngụy đem ấn ấy ra tuyên với trăm quan, rồi giấu vào phủ Tướng quốc. Sung nghe chuyện ấy nói:

- Ta nghe Tiêu Chu nói, Tiên đế húy Bị, hàm nghĩa của chữ Bị là "hoàn bị" vậy, Hậu chủ húy Thiện, nghĩa của chữ Thiện là "trao nhường" vậy, như thế là nói chính quyền họ Lưu đã trải đủ rồi, phải trao nhường cho người khác vậy. Nay Trung phủ quân tên Viêm,⁽¹⁾ mà niên hiệu cuối của Thục Hán là Viêm Hưng, ngọc bích xuất hiện ở Thành Đô, được thu về cất ở phủ Tướng quốc, đây hẳn là ý trời vậy.

Năm ấy, báì Sung làm Thái thú Từ Đồng, tháng mười hai năm sau Tấn Vũ đế tức tôn vị, nghĩa của hai từ Viêm Hưng đã chứng nghiệm vậy.

Tôn Thịnh chép: Khi xưa Công Tôn vì nổi dậy ở Thành Đô, lấy hiệu là Thành thị, hai chữ "Thành tín" trên viên ngọc, đại khái là do Thuật làm ra vậy.

Tương Duệ tự Quân Tự, người ở Thành Đô thuộc Thục Quận. Duệ nghiên cứu *Công Dương Xuân Thu*, xem rộng *Sử ký*, *Hán thư*. Người quận Nhữ Nam là Hứa Văn Hưu vào Thục, cho rằng Duệ tài cán mẫn tiệp, là kiểu người như Chung Nguyên Thường⁽²⁾ ở Trung nguyên vậy. Thời Lưu Chương, xét cử làm Hiếu liêm, Duệ làm Trưởng huyện Ngư Phúc, khi về Châu tạm giữ chức Tòng sự, kiêm lĩnh chức Trưởng hạ tư mã.

Trương Phi từ Kinh châu theo lối Điểm Giang tiến vào Thục, Chương trao binh cho Duệ, ở Mạch Hạ thuộc Đức Dương cự Trương Phi, quân thua bại, quay về Thành Đô. Duệ vâng mệnh

¹ Tư Mã Viêm, sau lên ngôi lập triều Tấn, hiệu là Tấn Vũ đế.

² Tức Chung Do, tự Nguyên Thường, đại quan nước Ngụy thời ấy.

Chương đi sứ tới chỗ Tiên chủ, Tiên chủ hứa dùng lễ đối đãi với Chương để yên định nhân tâm, Duệ quay về, cửa thành bèn mở. Tiên chủ lấy Duệ làm Thái thú Ba Quận, rồi về Thành Đô làm Ti kim Trung lang tướng, coi sóc việc chế tạo nông cụ và khí giới.

Trước đây, người quận Ích châu giết Thái thú quản quận là Chính Ngang, kỳ súy⁽¹⁾ Ung Khải nổi tiếng có ân tín với người ở xứ nam, sai sứ đi khắp nơi, thông đồng với Tôn Quyền ở phương xa. Triều đình bèn lấy Duệ làm Thái thú Ích châu, Duệ đi thẳng tới quận. Khải ngông lão không phục, mượn giọng quỷ trá khích rằng:

- Trương phủ quân như chiếc hồ lô, bề ngoài dẫu bóng bẩy nhưng bên trong thực ra lại thô ráp, không đáng giết, hãy trói lại đem sang nước Ngô.

Bởi thế mới trói Duệ đưa đến chỗ Quyền.

Lúc Tiên chủ mất, Gia Cát Lượng phái Đặng Chi đi sứ Đông Ngô, Lượng lệnh cho Chi trong lúc nói chuyện với Quyền xin thả Duệ về. Duệ từ khi đến Ngô đã mấy năm, lưu lạc trốn náu, Quyền chưa biết đến, cho nên hứa với Chi sẽ thả Duệ.

Duệ sắp đi, Quyền sai dẫn vào gặp, hỏi Duệ rằng:

- Đất Thục có quả phụ họ Trác, trốn nhà theo Tư Mã Tương Như, phong tục của quý thổ là thế sao?⁽²⁾

¹ Kỳ súy (耆率), là cường hào địa phương đã cao tuổi, có uy tín rất lớn trong cộng đồng dân cư của một vùng.

² Trác Văn Quân (卓文君), người huyện Lâm Cùng, Thục Quận, sống vào thời Hán Cảnh đế, Hán Vũ đế, là con gái của vị hào phú đất Thục lúc bấy giờ là Trác Vương Tôn. Nàng Trác Văn Quân xinh đẹp ít ai bì, giỏi đàn, hiểu âm luật, lấy chồng từ rất sớm, nhưng năm nàng mười bảy tuổi thì góa chồng. Tư Mã Tương Như đến nhà Trác Vương Tôn uống rượu, rất mê vẻ đẹp của Trác Văn Quân, sáng tác khúc *Phượng cầu hoàng*, tự gảy đàn theo khúc hát. Trác Văn Quân nấp sau rèm nghe đàn, say mê Tư Mã Tương Như, Trác Vương Tôn biết chuyện, phản đối kịch liệt. Trác Văn Quân bèn bỏ nhà trốn đi theo Tư Mã Tương Như. Hai người mở quán bán rượu làm kế sinh nhai, về sau Trác Vương Tôn đành chấp nhận Tư Mã Tương Như làm rể.

Duệ thưa rằng:

- Ngươi thần cho rằng góa phụ họ Trác, còn hiền hơn vợ của Chu Mãi Thần.⁽¹⁾

Quyền lại hỏi Duệ rằng:

- Ngươi về nước, tất được Tây triều trọng dụng, rút cục không phải làm lão nông ở nơi thôn dã nữa rồi, ngài lấy gì để báo đáp ta?

Duệ đáp:

- Duệ này mang tội trở về, phải phó thác tính mệnh cho Hữu ti, nếu may mắn giữ được cái đầu trên cổ, thì tính mệnh năm mươi tám năm trước là nhờ phụ mẫu, từ đấy về sau là của đại vương ban cho vậy.

Quyền nghe xong cười nói vui vẻ, rất kính trọng khí sắc của Duệ. Duệ ra khỏi cửa cung, rất hối hận vì đã không tỏ ra ngu

Tư Mã Tương Như được Hán Vũ đế triệu gặp, Tương Như sáng tác bài *Thượng lâm phổ* ca ngợi cảnh đi săn của vua, Vũ đế thích, phong Tư Mã Tương Như làm quan Lang. Tư Mã Tương Như ở lại Trường An, Trác Văn Quân ở Thành Đô một mình cô quạnh đợi chồng. Tương Như ở Trường An, có ý định lấy vợ lẽ, Trác Văn Quân nghe tin, viết thư gửi Tư Mã Tương Như, đó là bài thơ *Bạch đầu ngâm* và bài *Quyết biệt thư*, có những câu như: “Mong được tấm lòng chàng/ Bạc đầu không chia cách.” Tương Như đọc thư vợ, xúc động, bèn bỏ quan quay về Thành Đô, hai người sống với nhau đến già.

¹ Chu Mãi Thần, người quận Ngô huyện Ngô, nhà nghèo ham đọc sách, làm nghề bán củi sinh nhai. Thường ngày vừa gánh củi vừa ngâm nga tụng đọc, vợ khuyên không được, xấu hổ, lại chán cảnh nghèo, đòi ly hôn. Chu Mãi Thần nói: “Ta năm mươi tuổi mới giàu, nay đã hơn bốn mươi rồi. Nàng chịu khổ lâu ngày, đợi ta giàu sang sẽ đáp công nàng!” Vợ giận nói: “Người như ông chỉ chết đói ở nương rạch, giàu sang sao được!” Bèn quyết ly hôn, Mãi Thần đành chịu. Mấy năm sau, Mãi Thần kéo xe đến Trường An, được người cùng huyện là Nghiêm Trợ giúp, tiến cử với Hán Vũ đế. Vũ đế gặp nói chuyện, rất thích, bèn bái làm Trung đại phu, rồi sau cho làm Thái thú Cối Kê.

Chu Mãi Thần về quê nhận chức, gặp vợ cũ và chồng đang quét dọn đường xá, bèn dừng xe, sai người đón cả hai lên xe khác, chở vào dinh Thái thú, cho ở hậu viên, giúp ăn uống. Hơn một tháng sau, người vợ thất cổ chết, Chu Mãi Thần sai chồng mới của nàng mai táng hậu.

Trương Duệ đáp lại lời chê của Tôn Quyền bằng cách chỉ dẫn ra hai người phụ nữ, một ở nước Thục (Trác Văn Quân), một ở nước Ngô (vợ Chu Mãi Thần), rất sống động, cũng rất sâu cay.

ngốc, bèn lên thuyền, gấp rút khởi hành. Quyền quả nhiên cho người đuổi theo, Duệ đã vào địa giới Vĩnh An mấy chục dặm rồi, kẻ truy đuổi không theo kịp.

Về đến nước Thục, Thừa tướng Lượng dùng làm Tham quân, tạm coi việc ở phủ, lại lĩnh chức Trị trung tòng sự ở Ích châu.

Lượng ra đóng quân ở Hán Trung, Duệ lấy thân phận là Xạ thanh Hiệu úy kiêm chức Lưu phủ trưởng sử, thường khen Lượng rằng:

- Công thường không sót người ở xa, phạt không ngại kẻ thân gần, tước chẳng thể không công mà nhận, hình không vì quý hiên mà miễn, đấy là lý do để người hiên kẻ ngu đều gắng gỏi quên mình vậy.

Năm sau, Duệ lên bắc đến chỗ Lượng hỏi han công việc, mấy trăm người theo đưa tiễn, xe cộ đầy đường, Duệ gửi thư về cho người thân nói:

"Gần đây ta lặn lội đường xá vất vả, ngày đêm tiếp đãi khách, chẳng được nghỉ ngơi, người ta kính trọng cái quan hiệu Thừa tướng Trưởng sử, đến con ta là Trương Quân cũng tự phụ về cái chức này, một mối đến muốn chết."

Duệ nói năng khôi hài mãi tiếp, đại loại là như thế vậy.

Duệ thời trẻ thân thiết với Dương Cung người quận Kiền Vi, Cung chết sớm, để lại mẹ già và đứa con cô mới mấy tuổi, Duệ đón về nuôi, chia cho phòng riêng để ở, thờ mẹ Cung như mẹ mình. Con của Cung là Tức lớn lên, Duệ lại lấy vợ cho, mua nhà cửa ruộng vườn, sai lập hộ riêng. Duệ thương giúp thân nhân của bạn cũ, cứu tế cho thân thích nghèo khó, làm rất nhiều việc nghĩa. Duệ được gia thêm chức Phụ Hán tướng quân, lĩnh Trưởng sử như cũ.

Năm Kiến Hưng thứ tám Duệ chết. Con của Duệ là Mạo nối tự, trải chức Quận thú, Giám quân ở ba quận.

Em của Mạo là Đô, làm Thái tử Trung thứ tử.

Dương Hồng tự Quý Hưu, người quận Kiền Vi huyện Vũ Dương. Vào thời Lưu Chương từng trải chức ở các quận.

Tiên chủ định Thục, Thái thú Lý Nghiêm lệnh sai Hồng làm Công tào. Nghiêm muốn chuyển phủ quan của quận, Hồng cố sức can nhưng Nghiêm không theo, bèn bỏ chức Công tào, xin từ nhiệm. Nghiêm bèn cử Hồng lên châu, làm Thục bộ tòng sự.

Tiên chủ tranh chiếm Hán Trung, gửi thư gấp đòi phát binh, Quân sư tướng quân Gia Cát Lượng đem việc ấy hỏi Hồng, Hồng nói:

- Hán Trung là yết hầu của Ích châu, mấu chốt tồn vong của ta chính ở chỗ đó, nếu ta không có Hán Trung thì không có Thục nữa, địch ở đấy là cái họa ở trước cửa vậy. Việc hiện nay là, đàn ông phải chiến đấu, đàn bà phải vận chuyển, phát binh có gì phải nghi ngại?

Bấy giờ Thái thú Thục Quận là Pháp Chính theo Tiên chủ lên bắc, Lượng bèn dâng biểu xin lấy Hồng tạm làm Thái thú Thục Quận, mọi việc Hồng đều làm rất tốt, vì thế để Hồng chính thức giữ chức ấy. Ít lâu, lại chuyển Hồng làm Trị trung tòng sự Ích châu.

Sau khi Tiên chủ xưng tôn hiệu, đánh Ngô không thắng, lui về trú ở Vĩnh An. Thái thú Hán Gia là Hoàng Nguyên vốn không được Gia Cát Lượng xem trọng, nghe tin Tiên chủ ốm nặng, sợ sau này mắc họa, bèn đem cả quận tạo phản, đốt thành Lâm Cung. Bấy giờ Lượng sang đông thăm bệnh Tiên chủ, Thành Đô bỏ trống, vì thế Nguyên càng không kiêng sợ gì. Hồng lập tức bạch với Thái tử, xin phát thân binh của thái tử, sai tướng quân Trần Hốt, Trịnh Xước đánh dẹp Nguyên. Mọi người nghị bàn cho rằng nếu Nguyên không thể vây Thành Đô, sẽ theo lối Việt Tây chiếm Nam Trung, Hồng nói:

- Nguyên vốn tính hung bạo, không có ân tín với người, sao làm thế được? Chẳng qua là muốn theo đường thủy sang đông, nếu như chúa thượng bình an, sẽ cúi mặt tự trời thính tội; bằng

như có biển,⁽¹⁾ hấn sẽ chạy sang Ngô để cầu đường sống thôi. Nên sắc mệnh cho Hốt và Xước chỉ đón chặn ở Hạp Khẩu của quận Nam An là bắt được hấn thôi.

Hốt và Xước theo lời Hồng, quả nhiên bắt sống Nguyên.

Năm Kiến Hưng nguyên niên Hồng được ban tước Quan nội hầu, lại làm Thái thú Thực Quận, Trung tiết tướng quân, sau làm Việt kỵ Hiệu úy, lĩnh quận như cũ.

Năm Kiến Hưng thứ năm, Thừa tướng Lượng lên bắc trú tại Hán Trung, muốn dùng Trương Duệ làm Lưu phủ Trường sử, mới hỏi Hồng xem thế nào? Hồng đáp rằng:

- Duệ thiên bẩm thông minh nhanh nhẹn, sở trường ở chỗ xử lý nhiều việc tạp nhạp, tài năng thực đương nổi chức ấy, nhưng bản tính không công bằng, sợ rằng chẳng thể gánh vác việc một mình, không bằng để Hướng Lãng lại. Lãng công chính vô tư, Duệ theo làm tùy tùng dưới mắt ngài, để y ra sức tỏ tài năng, là tiện cả đôi đường.

Lúc trước, Duệ còn trẻ thân thiết với Hồng. Duệ bị lưu đày ở Đông Ngô, Hồng đến quản quận của Duệ. Con của Duệ là Uất làm Quận lại, mắc lỗi nhỏ bị phạt, không vì tình riêng được đặc cách tha tội. Duệ trở về nghe việc ấy, rất lấy làm hận, tình cảm tốt đẹp với Hồng bị tổn thương. Khi Hồng thấy Lượng rời Thành Đô, thân đến chỗ Duệ, kể hết những lời đã nói. Duệ đáp lại Hồng rằng:

- Công lưu ta lại rồi, mình phủ chẳng thể ngăn được.

Bấy giờ có người nghi ngờ là Hồng muốn tự mình làm Trường sử, có người thì nghi Hồng biết Duệ ghét mình, không muốn để Duệ giữ chức vụ quan trọng, quản việc ở hậu phương. Về sau Duệ với Tư diêm Hiệu úy Sầm Thuật bất hòa, đến nỗi căm hận lẫn nhau. Lượng gửi thư cho Duệ nói:

¹ Ý nói là Lưu Bị không may chết.

"Ngài trước đây ở Mạch Hạ, quân doanh tan nát, ta vì ngài lo lắng, ăn chẳng biết ngon; sau ngài bị lưu đày đến Nam Hải, ta vì ngài bị thương than oán, ngủ không yên giấc; lúc ngài quay về Thục, ta ủy nhiệm phó thác trọng trách, mong ngài cùng ta gắng sức vì vương thất, tự cho là ta với ngài vốn có cái nghĩa 'thạch giao'⁽¹⁾ khi xưa. Cái đạo lý của 'thạch giao', là để kẻ thù để cả hai cùng có lợi, cắt xương thịt để tỏ thành tâm, cũng chẳng do dự chôi từ, huống chi Nguyên Kiệm⁽²⁾ là người ta tin nhiệm ủy thác việc, mà ngài chẳng nhẫn nhịn được hay sao?"

Kẻ bàn luận vì thế thấy rõ là Hồng vô tư.

Thừa nhỏ Hồng không thích nghiên cứu học tập, nhưng thành tín, chính trực, thanh liêm, coi việc công như việc nhà, thờ mẹ kế rất hiếu thuận. Năm thứ sáu chết lúc đang làm quan.

Ban đầu Hồng làm Công tào của Lý Nghiêm, Nghiêm chưa rời Kiên Vi mà Hồng đã làm Thái thú Thục Quận. Hồng thu nạp Môn hạ là thư tá Hà Chi, rất có tài cán và mưu lược, tiến cử làm

¹ Theo *Sử ký*: Thời Chiến Quốc, sáu nước hợp tung chống Tần, nhưng nước Tề nhân lúc nước Yên có tang, đánh chiếm được mười thành. Tô Tần, là kẻ biện sĩ nổi tiếng thời ấy, đeo ấn Thừa tướng của cả sáu nước, bấy giờ đang ở nước Yên, vua nước Yên bảo Tô Tần rằng: "Tiên sinh có thể lấy lại được đất Yên bị cướp không?"

Tô Tần nói: "Xin lấy lại hộ nhà vua."

Bèn đến nước Tề, ra mắt Tề vương, vừa cúi xuống chúc mừng xong lại ngẩng lên phúng điệp, Tề vương hỏi: "Sao chúc mừng và phúng điệp theo nhau chóng thế?"

Tô Tần nói: "Thần nghe nói người đời không ăn phụ tử non vì ăn nó vào thì đầy bụng mà chết, kết quả cũng khổ như chết đói. Nay nước Yên tuy nhỏ yếu nhưng là con rể của Tần vương, đại vương tuy được mười thành của Yên nhưng làm kẻ thù muôn đời với nước Tần mạnh, thế cục cũng giống như ăn phụ tử non vậy."

Tề vương sợ, hỏi: "Phải làm sao?"

Tô Tần nói: "Thần nghe nói người xưa giỏi ứng phó thì chuyển tai vạ thành phúc, nếu đại vương nghe kể của thần thì trả ngay cho Yên mười thành. Yên vô có được mười thành, tất mừng. Tần vương biết vì mình mà nước Yên được trả mười thành, cũng mừng. Người ta nói: Bỏ thù hằn, mà thu được tình giao hiếu bền vững (thạch giao) là như thế vậy."

Tề vương bèn trả cho nước Yên mười thành.

² Sầm Thuật, tự Nguyên Kiệm.

Quận lại, mấy năm sau làm đến chức Thái thú Quảng Hán, bấy giờ Hồng vẫn còn ở Thục Quận. Vì thế người ở Tây thổ đều phục Gia Cát Lượng có thể để người thời ấy phát huy được hết tài năng của họ.^①

① *Ích bộ kỳ cựu truyện tạp ký* chép: Mỗi lần hội triều, Chi ngồi bên cạnh Hồng. Hồng đùa Chi rằng:

- Ngựa của ngài sao chạy nhanh thế?

Chi đáp:

- Ngựa của cố lại đâu dám chạy nhanh, chỉ vì mình phủ chưa ra roi thôi.

Chúng nghe chuyện đều cười vui.

Chi tự Quân Túc, thời trẻ nhà nghèo, là người khoan hậu khoáng đạt, thân thể rất tráng kiện, lại thích ăn uống, ưa thanh sắc, chẳng chú ý tiết chế kiềm ước, cho nên người thời ấy ít quý trọng. Chi từng mộng thấy một cây dâu mọc trong giếng, đem chuyện hỏi quan chiêm bốc là Triệu Trực, Trực nói:

- Cây dâu không phải là vật ở trong giếng, ắt phải dời đến chỗ khác; mà chữ tang là do bốn chữ thập ở trên hợp với một chữ bát ở dưới, tuổi thọ của ngài e là chẳng vượt quá ngần ấy.⁽¹⁾

Chi cười nói:

- Được thế là đủ rồi.

Ban đầu Chi làm quan ở quận, sau làm Đốc quân tòng sự. Thời Gia Cát Lượng hình luật rất nghiêm, ngầm nghe được tin Chi vui chơi phóng túng, không chuyên cần tận chức, định bắt chợt đến chỗ Chi xét ngục. Mọi người đều lo sợ cho Chi. Chi mật nghe được tin ấy, nửa đêm thấp đèn đi gặp tù phạm, đọc hết các cáo trạng. Sáng sớm Gia Cát đến, Chi đã thuộc rành rọt cả, đối đáp giải thích, không hề ngưng trệ vương mắc, Lượng rất lấy làm lạ.

¹ Chữ “tang” (桑), là do bốn chữ “thập” (十) hợp với chữ “bát” (八) mà thành. Bốn chữ “thập” hợp với chữ “bát” tức là bốn mươi tám vậy.

Sau này Chi ra ngoài làm Thành Đô lệnh, bấy giờ chức huyện lệnh huyện Bì khuyết, Chi kiêm quản hai huyện. Số nhân khẩu ở hai huyện rất nhiều, lại kề ngay kinh đô, nên kẻ gian cũng lắm, mỗi khi xét phạm nhân, Chi thường ngủ gật, nhưng sau khi tỉnh dậy, liền phát hiện được gian trá, chúng đều sợ Chi nói ra chuyện xấu của mình, có người cho là Chi có phép thuật gì đó, nên không ai dám dối.

Chi có lần bảo người ta đọc một dãy số, Chi nghe đọc xong mà nhớ ngay được, không chút sai nhầm, Chi tinh mẫn như thế.

Người Di ở quận Vấn Sơn không yên ổn, triều đình lấy Chi làm Thái thú Vấn Sơn, dân Di tin phục. Chi lại chuyển đến quận Quảng Hán, về sau người Di tạo phản, họ nói:

- Có người nào như Hà phủ quân trước đây đến, chúng ta mới yên được!

Bấy giờ Chi đang gánh vác trọng trách, mới đề bạt người trong tộc của Chi tới đó, Vấn Sơn lại yên. Chi được điều chuyển đến quận Kiền Vi, năm bốn mươi tám tuổi chết, như lời Trục nói.

Sau này có người quận Quảng Hán là Vương Ly, tự Bá Nguyên, cũng vì tài cán mà hiển đạt. Làm Đốc quân tông sự, thi hành pháp chế công bằng xứng chức, ít lâu sau được thăng chức, thay Chi làm Thái thú Kiền Vi, trị lý rất có thành tích, tuy sáng trí không theo kịp Chi, nhưng văn chương tài hoa thì hơn hẳn.

Phí Thi tự Công Cử, người quận Kiền Vi huyện Nam An. Thời Lưu Chương làm Miên Trúc lệnh, lúc Tiên chủ đánh Miên Trúc, Thi sớm dâng thành đầu hàng. Thành Đô đã định, Tiên chủ lĩnh Ích châu mục, lấy Thi làm Đốc quân tông sự, rồi ra ngoài làm Thái thú Tang Ca, sau về châu làm Tiền bộ tư mã.

Tiên chủ làm Hán Trung vương, phái Thi đến bãi Quan Vũ làm Tiền tướng quân, Vũ nghe tin Hoàng Trung làm Hậu tướng quân, nổi giận nói:

- Đại trượng phu quyết không đứng cùng hạng với tên lính già!
Rồi không chịu nhận thụ phong. Thi bảo Vũ rằng:

- Kẻ dựng vương nghiệp, không phải chỉ dùng một hạng người. Xưa kia Tiêu, Tào cùng Cao tổ thân thiết từ nhỏ, mà Trần, Hàn là kẻ đi trốn đến sau, luận về thứ bậc của bọn họ, thì Hàn ở ngôi cao nhất, nhưng chưa hề nghe nói Tiêu, Tào lấy thế làm oán hận.⁽¹⁾ Nay Hán vương vì cái công nhất thời, trọng vọng Hán Thảng,⁽²⁾ nhưng hẳn có ý xét nặng nhẹ, đâu có coi Hán Thảng cùng hạng với quân hầu! Và lại Vương với quân hầu, ví như một thể, cùng hưởng yên vui cùng chung lo lắng, họa phúc cùng chia, theo ý kẻ ngu này, quân hầu chẳng nên so quan hiệu cao hay thấp, tước lộc ít hay nhiều vậy. Kẻ hèn này chỉ là viên sứ giả, phụng mệnh người khác hành sự, quân hầu chẳng nhận thụ phong, thì cũng phải về phục mệnh, chỉ lấy làm tiếc cho hành động này của tướng quân, sợ rằng ngày sau tướng quân phải hối hận thôi.

Vũ tỉnh ngộ rất cảm kích, vội vàng nhận ấn thụ.

Về sau quần thần nghị bàn muốn suy cử Hán Trung vương xưng tôn hiệu, Thi dâng sớ nói:

"Điện hạ vì cha con Tào Tháo bức vua soán vị, nên mới phải đi xa vạn dặm, tập hợp sĩ chúng, cùng nhau đánh dẹp nghịch tặc. Nay đại địch chưa diệt được, mà tự lập trước, e rằng nhân tâm nghi hoặc. Xưa kia Cao tổ ước hẹn với Tây Sở, ai phá được Tần trước thì làm vương. Lúc diệt phá Hàm Dương, bắt sống được Tử Anh, còn lo lắng chồi

¹ Tiêu Hà, Tào Tham vốn thân thiết với Cao tổ từ lúc khởi nghiệp ở huyện Bái. Trần Bình, Hàn Tín là những người rời bỏ Sở Bá vương Hạng Vũ theo Hán Cao tổ sau này. Trần, Hàn lập đại công giúp Cao tổ lấy thiên hạ. Lúc xét quan phong tước, Hàn Tín được phong vương, ở ngôi cao hơn Tiêu Hà, Tào Tham, hai vị Tiêu, Tào vẫn vui vẻ không oán thán.

² Chiến dịch Hán Trung, Hoàng Trung lập công lớn, chém Hạ Hầu Uyên, giành Hán Trung.

nhường,⁽¹⁾ huống chi nay Điện hạ chưa ra khỏi môn đình, đã muốn tự lập sao! Ngu thần thực không mong Điện hạ làm việc ấy."

Vì thế bị cho là ngỗ ngược trái ý chỉ, bị giáng chức xuống làm Tòng sự quận Vĩnh Xương.^①

Năm Kiến Hưng thứ ba, theo Gia Cát Lượng nam chinh, quay về đến huyện Hán Dương, hàng nhân nước Ngụy là Lý Hồng đến chỗ Lượng, Lượng tiếp kiến Hồng, bấy giờ Tưởng Uyển và Thi cũng ngồi đó. Hồng nói:

- Gần đây ta qua chỗ Mạnh Đạt, vừa hay gặp Vương Xung từ phương nam tới, nói việc lúc trước Mạnh Đạt bỏ đi, mình công nghiến rằng cảm tức, muốn giết sạch vợ con của Đạt, may mà Tiên đế không nghe. Đạt nói: "Gia Cát Lượng hiểu rõ gốc ngọn trước sau của việc này, nhất định không như lời ngài nói." Đạt dứt khoát không tin lời Xung, tỏ lòng kính ngưỡng mình công, chỉ là không có cách gì để quay lại.

Lượng bảo Uyển và Thi rằng:

- Khi về Thành Đô nên gửi thư báo tin cho Tử Độ.⁽²⁾

Thi dâng lời rằng:

- Mạnh Đạt là kẻ nhỏ nhen, khi trước thờ Chấn uy thì bất trung, sau này lại phản bội Tiên chủ, là kẻ phản phúc, đáng để gửi thư sao!

Lượng lặng yên không đáp.

Lượng muốn dụ Đạt làm ngoại viện, rút cục gửi thư cho Đạt nói:

"Năm ngoái ta nam chinh, cuối năm mới quay về, vừa hay gặp Lý Hồng ở Hán Dương, nhờ đó mới biết được tin tức của túc hạ, cứ cảm

¹ Tây Sở bá vương Hạng Vũ và chư hầu cùng đánh nhà Tần, ước hẹn nhau rằng ai vào được Quan Trung trước thì làm vua. Lưu Bang vào được Hàm Dương trước, nhưng thế lực của Hạng Vũ mạnh hơn, Lưu Bang không dám tự tiện, phải chối nhường cho Hạng Vũ.

² Mạnh Đạt, tự Tử Độ.

than bụi ngùi mãi. Ta xét rõ cái chí hướng lúc bình sinh của túc hạ, ha phải là cầu lấy danh phận vinh hoa hư hão, mà làm chuyện chia lìa trái lẽ như thế đâu! Hỡi ôi ngài Mạnh, đấy thật chỉ bởi Lưu Phong ngầm lẫn hiếp túc hạ, làm phương hại đến cái nghĩa dãi ngộ kẻ sĩ của Tiên đế. Lại nghe Hồng nói Vương Xung bịa đặt những lời lừa gạt, mà túc hạ vẫn hiểu rõ lòng ta, chẳng nghe theo lời hồ đồ của Xung. Mượn lời để trái tắc lòng, nghĩ lại cái tình cảm thừa bình sinh, ngoái trông về đông, cho nên sai gửi thư này."

Đạt nhận được thư của Lượng, thư từ qua lại mấy lần, nói muốn làm phản nước Ngụy. Ngụy phái Tư Mã Tuyên vương đến đánh, lập tức chém được Đạt. Lượng cũng vì Đạt không có lòng thành thực cho nên không đến cứu hần. Sau khi Tào Uyên cầm quyền chính, lấy Thi làm Giám nghị đại phu, sau Thi chết tại gia.

① Tập Tạc Xi nói: Là bậc quân chủ sáng nghiệp, có thể đợi yên định toàn bộ thiên hạ mới chính thức đăng cơ vương vị, nhưng là vị chúa kế nối nghiệp lớn của tiên vương, phải mau chóng đăng cơ để trói buộc nhân tâm, đấy là cái lý do Huệ công bị cầm tù buổi sớm mà con là Ngử tự lập vào buổi tối,⁽¹⁾ Canh Thủy vẫn còn tại vị mà Quang Vũ dựng niên hiệu,⁽²⁾ há phải là quên chủ cầu lợi, mà là giữ gìn bảo vệ giang sơn xã tắc vậy. Nay Tiên chủ tụ hợp nghĩa binh, để cùng nhau đánh dẹp giặc. Giặc mạnh họa lớn, chúa

¹ Thời Xuân Thu, vua hai nước Tấn (Huệ công), Tần (Mục công) xua quân đánh nhau, Tấn Huệ công bị quân Tần cầm bắt, người Tần muốn dùng Huệ công để uy hiếp nước Tấn, người nước Tấn bèn lập ngay Thái tử của Huệ công là Tử Ngử làm vua để tỏ ý với nước Tần là trong nước đã có vua rồi, không quan tâm đến sự sống chết của Huệ công, người Tần bèn thả Huệ công về.

² Cuối thời Tây Hán, Vương Mãng soán đoạt, dân chúng và người trong hoàng thất nhà Hán nổi dậy chống lại. Lưu Huyền và Lưu Tú cùng tham gia quân khởi nghĩa Lục Lâm. Về sau Lưu Huyền lên ngôi, xưng là Canh Thủy đế, đóng đô ở Lạc Dương. Thời gian sau, Lưu Tú ly khai lực lượng của Lưu Huyền, chiếm cứ vùng Hà Bắc, xưng đế, đổi niên hiệu là Kiến Vũ, đánh hạ các lực lượng chống đối, dựng lập nhà Đông Hán.

mất nước vong, miếu thờ của nhĩ tổ,⁽¹⁾ dứt tuyệt chẳng ai tế tự, nếu không phải là hiền tài thân tộc của Hán thất, thì ai kể vào chỗ ấy? Nổi việc phối tế tiên tổ với trời cao, không đem ví với việc công chiếm Hàm Dương của Hán tổ được; dựa vào danh nghĩa chính thống đánh dẹp nghịch tặc, há phải chối nhường cho ai? Vào lúc bấy giờ, chẳng nói rằng nên nhanh chóng tôn người có đức để phụng sự kế nối đại thống, để dân chúng hân hoan theo về đường chính, khôi phục lại khí vật xưa, khiến người theo Hán triều đồng lòng hợp sức, kẻ theo báam nghịch tặc vỡ mặt lòng run, có thể nói là hạng hồ đồ ngu xuẩn rồi. Giáng truất Thi là việc rất xứng đáng! Thần Tùg Chi cho rằng nghị luận của Tạc Xí là đúng, lời bàn ấy rất khéo vậy.

Vương Xung, người quận Quảng Hán, làm Nha môn tướng, thống thuộc quyền của Đô đốc Giang Châu là Lý Nghiêm. Xung bị Nghiêm căm ghét, sợ tội mới theo hàng nước Ngụy. Nước Ngụy lấy Xung làm Thái thú Nhạc Lăng.^①

① *Thực thế phả* của Tôn Thịnh chép: Con của Thi là Lập, thời nhà Tấn làm Tấn kỵ thường thị. Từ đấy về sau, người họ Phí ở Ích châu đều có danh vị cả, đa phần là hậu duệ của Thi.

Bình rằng: Hoắc Tuấn giữ tòa thành cô lẻ chẳng ngã lòng, Vương Liên vững chí tiết không lay chuyển, Hướg Lăng hiếu học chẳng biết mệt, Trương Duệ nói bàn cơ trí linh mẫn khéo ứng biến, Dương Hồng giữ lòng trung thành công chính, Phí Thi khuyên can ngay thẳng bộc trực, lời nói việc làm của họ đáng được ghi chép lại. Vì Tiên chủ có tấm lòng rộng rãi khoáng đạt, Gia Cát là người chuẩn mực giữ nguyên tắc, nên lời nói bộc trực của Phí Thi, dẫu bị giáng chức xử phạt, há chẳng hay hơn gặp vị quân chủ tầm thường sao!

---ॐ---

¹ Tức Hán Cao tổ Lưu Bang kiến lập nhà Tây Hán và Quang Vũ đế Lưu Tú kiến lập nhà Đông Hán.

QUYỂN THỨ BỐN MƯƠI HAI
ĐỖ, CHU, ĐỖ, HỨA, MẠNH, LAI, DOÃN,
LÝ, TIÊU, KHƯỐC TRUYỆN



Đỗ Vi tự Quốc Phụ, người quận Tử Đồng huyện Phù. Thời trẻ thụ học ở chỗ Nhậm An người quận Quảng Hán. Lưu Chương triệu làm Tòng sự, vì mắc bệnh bỏ chức. Lúc Tiên chủ bình Thục, Vi thường xưng là bị điếc, đóng cửa không ra ngoài. Năm Kiến Hưng thứ hai, Thừa tướng Lượng lĩnh Ích châu mục, tuyển bạt đón mời hết thấy những lão thần cũ có phẩm hạnh, dùng Tần Mật làm Biệt giá, Ngũ Lương làm Công tào, Vi làm Chủ bộ. Vi quyết chối từ, xe kiệu cứ đến đón.

Vi đến, Lượng tiếp kiến Vi, Vi tự bày kể lý do từ chối. Lượng thấy Vi không nghe được lời người khác nói, bèn ở ngay chỗ ngồi viết chữ rằng:

"Ta nghe nói ngài là người có phẩm hạnh, khao khát gặp gỡ từ rất lâu rồi, chỉ vì trong đục khác dòng, không có cơ duyên thành giáo. Bọn Vương Nguyên Thái, Lý Bá Nhân, Vương Văn Nghi, Dương Quý Hưu, Đinh Quân Cán, anh em Lý Vĩnh Nam, Văn Trọng Bảo, thường ngợi ca cao chí của ngài, mà ta chưa từng gặp mặt. Ta vốn tài nông trí cạn, trị lý quý châu, đức bạc lại gánh trách nhiệm nặng, vì thế ưu tư lo lắng không yên. Chúa công nay mới mười tám tuổi, thiên tư nhân ái mãi tiếp, yêu người có đức, kính lễ kẻ sĩ. Người khắp thiên hạ đều tưởng nhớ Hán thất, ta muốn cùng ngài ứng trời thuận dân, phù trì minh chúa, để trung hưng đại nghiệp, khiến công huân ghi

vào tre lùa. Nếu vì hiền ngu chẳng thể cùng nhau cộng sự, là lý do để ngài tự cắt đứt liên hệ với chính sự, thì đó chỉ là ngài muốn siêng năng lao nhọc một mình, chẳng muốn tự khuất với người khác vậy."

Vi tự xin là mình già cả bệnh tật muốn về. Lượng lại viết thư đáp lời rằng:

"Tào Phi soán Hán, tự lập làm Đế, có cái danh như loài rồng đất chó rơm vậy. Ta muốn cùng các vị hiền sĩ nhân sự gian tà trá nguy của hắn, dùng chính đạo mà tiêu diệt. Rất lạ là ngài chưa chỉ bảo gì giúp nhau, lại muốn xin về nơi sơn dã. Bên kia Tào Phi lại đại hưng lao dịch, để hướng tới Ngô, Sở. Nay nhân cái lúc Phi đang lăm việc, ta hãy tạm đóng biên cảnh đốc sức với nghề nông, nuôi dưỡng sức dân, sửa sang giáp binh, đợi họ thất bại, rồi sau mới đánh họ, như thế có thể binh không phải chiến đấu, dân không phải lao khổ, mà thiên hạ định vậy. Ngài chỉ cần dùng đức giúp đời thôi, ta chẳng yêu cầu ngài tham dự việc quân, sao ngài một mực đòi bỏ đi vậy!"

Lượng kính trọng Vi như thế. Rồi bái Vi làm Giám nghị đại phu, là theo chí nguyện của Vi vậy.

Ngũ Lương, tự Đức Sơn, người quận Kiền Vi huyện Nam An, vì nho nhã có học vấn, có tiết tháo được khen ngợi. Từ chức Nghị lang được thăng làm Giám nghị đại phu, Ngũ quan Trung lang tướng.

Chu Quần tự Trọng Trực, người quận Ba Tây huyện Lăng Trung. Cha của Quần là Thư, tự Thúc Bố, thời trẻ học phương thuật ở chỗ Dương Hậu người quận Quảng Hán, danh tiếng chỉ dưới Đồng Phù, Nhậm An. Thư mấy lần được trung triệu, nhất định không đến ứng mệnh. Dương thời có người hỏi:

- Lời sấm ở Kinh Xuân Thu nói: "Thay nhà Hán là Đường Đồ Cao", ý tứ của lời ấy là thế nào?

Thư đáp:

- Dương Đồ Cao, là nhà Ngụy vậy.⁽¹⁾

Những người có học trong hương đảng ngầm truyền nhau lời ấy.

Quần thời trẻ thụ học từ Thư, chuyên tâm nghiên cứu về thiên tượng. Ở trong sân nhà có làm một cái lầu nhỏ, nhà giàu có nên nhiều nô bộc, Quần thường lệnh cho gia nô thay nhau túc trực trên lầu quan sát tượng trời, nếu thấy một luồng khí, phải lập tức bẩm với Quần, Quần tự thân lên lầu quan sát, bất kể sớm khuya. Cho nên hễ có điềm thay đổi về thời tiết, thì không gì là Quần không biết, vì thế lời mà Quần nói ra đa phần trúng. Châu mục là Lưu Chương triệu Quần dùng làm Sư hữu tòng sự.^①

Tiên chủ định Thục, tạm đặt Quần làm Nho lâm Hiệu úy.

Tiên chủ muốn cùng Tào công tranh đoạt Hán Trung, hỏi Quần, Quần đáp rằng:

- Sẽ chiếm được đất, nhưng không thu được dân. Nếu xuất một cánh quân, tất bất lợi, nên cẩn thận đề phòng!

Bấy giờ Hậu bộ Tư mã trong châu là Trương Dục người Thục Quận cũng hiểu thuật xem phong khí, mà tài năng vượt hẳn Quần,^② can Tiên chủ rằng:

- Không nên tranh Hán Trung, xuất quân tất bất lợi.

Tiên chủ rút cục không dùng lời của Dục, quả nhiên lấy được đất nhưng không thu được dân. Tiên chủ phái bọn tướng quân Ngô Lan, Lô Đồng thâm nhập quận Vũ Đô, chết không trở về, đều như lời Quần nói. Vì thế mới tiến cử Quần làm Mậu tài.

① *Tục Hán thư* chép: Năm Kiến An thứ bảy, ở quận Việt Tuyền có kẻ nam tử hóa thành nữ nhân, lúc ấy Quần nói rằng thời Ai đế

¹ Nghĩa đen: Thay nhà Hán, phải là chỗ cao giữa đường. Đây vốn là câu ẩn ngữ trong sấm thư đời nhà Hán. Chữ “Ngụy” (魏) là nói nhà Ngụy, nguyên là chữ “nguy” (巍) có nghĩa là cao. Câu “Thay nhà Hán, phải là chỗ cao giữa đường.” Từ đây được hiểu thành: Thay nhà Hán, phải là nhà Ngụy.

cũng có chuyện như thế, hần sắp có điềm thay đổi triều đại. Đến năm thứ hai mươi lăm, Hiến đế quả nhiên bị phong ở huyện Sơn Dương.

Năm thứ mười hai tháng mười, có sao chổi xuất hiện ở khu vực Thuần Vĩ,⁽¹⁾ là địa phận Kinh châu vậy, Quần cho rằng Kinh châu mục sắp chết mà đất đai bị mất. Mùa thu năm sau, Lưu Biểu chết, Tào công bình định Kinh châu.

Năm thứ mười bảy tháng mười hai, sao chổi xuất hiện ở địa phận của năm chư hầu, Quần cho rằng các thổ hào cát cứ phương tây đều sẽ mất đất. Thời ấy, Lưu Chương quản Ích châu, Trương Lỗ chiếm Hán Trung, Hàn Toại giữ Lương châu, Tống Kiến chiếm Bao Hãn. Mùa đông năm sau, Tào công bèn phái Thiên tướng tập kích Lương châu. Năm thứ mười chín, bắt được Tống Kiến; Hàn Toại trốn vào Khương Trung bị giết. Mùa thu năm ấy, Lưu Chương mất Ích châu. Năm thứ hai mươi hai mùa thu, Tào công đánh chiếm Hán Trung, Trương Lỗ ra hàng.

② Dụ tự Nam Hòa.

Dụ lại nói riêng với người khác rằng:

- Vào năm Canh Tý, thiên hạ sẽ thay triều đại, tộc của họ Lưu đã tận rồi. Chúa công ta được Ích châu, chín năm sau, khoảng năm Nhâm Dần, Quý Mão thì mất.

Người ấy bí mật bạch lại lời của Dụ.

Khi trước, lúc Tiên chủ cùng Lưu Chương hội họp ở Phù Thành, Dụ làm Tòng sự của Chương, ngồi hầu bên cạnh. Dụ râu rậm, Tiên chủ giễu rằng:

- Trước ta ở huyện Trác, đặc biệt rất nhiều họ có lông, nam bắc tây đông lông mọc khắp, Trác lệnh nói: "Chư mao nhiều Trác cư hồ!"⁽²⁾

¹ Tức là ở vị trí hai sao Dực, Chân trong Nhị thập bát tú, người Trung Hoa thời xưa cho rằng chỗ đấy thuộc địa phận nước Sở.

² Chữ "chư" (諸) nghĩa là khắp nơi, mọi nơi, khi đọc lên nghe giống chữ "trư" (猪), tức con lợn. Lưu Bị chơi chữ, nói ý là "Lông lợn vây quanh huyện Trác thế ư?"

Dụ lập tức đáp rằng:

- Ngày xưa có người làm Trưởng huyện Lộ quận Thượng Đảng, được thăng làm Trác lệnh, bỏ chức về nhà, người bấy giờ viết thư cho ông ấy, muốn ghi là Trác lệnh thì bỏ mất hiệu Lộ trưởng, muốn ghi Lộ trưởng lại bỏ mất Trác lệnh, bèn đề thư là Lộ Trác quân.⁽¹⁾

Tiên chủ không có râu, cho nên Dụ lấy chuyện đó để đối lại. Tiên chủ thường ngậm mối hận không quên được lời nói không khiêm tốn ấy, lại thêm căm phẫn vì lời mới tiết lộ kia, bèn nêu rõ là Dụ can việc tranh đoạt Hán Trung không chứng nghiệm, đem hạ ngục, sắp sửa giết. Gia Cát Lượng dâng biểu xin giảm tội cho Dụ, Tiên chủ đáp rằng:

- Lan thơm vương cửa, không bẻ không được.

Dụ liền bị chém vút xác ngoài chợ. Sau này Ngụy thị kiến lập, Tiên chủ chết, đều như điều Dụ đoán.

Dụ hiểu tướng thuật, mỗi lần giơ gương lên soi mặt, tự biết rằng mình tất sẽ chết vì hình, nên chưa lần nào soi gương mà không đập gương xuống đất.

Quần chết, con của Quần là Cự ra sức truyền bá cái thuật của Quần.

Đỗ Quỳnh tự Bá Du, người ở Thành Đô thuộc Thục Quận. Thời trẻ thụ học ở chỗ Nhậm An, nghiên cứu rất kỹ cái thuật của An. Thời Lưu Chương được triệu làm Tòng sự.

¹ Trong từ Lộ trưởng (潞长), chữ “lộ” nghĩa là sông Lộ đồng âm với chữ “lộ” (露), có nghĩa là phơi lộ, viết gần giống như chữ “đồn” (臀), là lỗ tròn. Còn chữ “trác” (啄) trong từ Trác lệnh nghĩa là sông Trác, thì đồng âm với chữ “trác” (啄) là nói cái mỏ con chim, ý dẫn ra là cái miệng. Nói câu “Lộ Trác quân”, nghĩa là “cái miệng ngài Trác phơi lộ” cũng như nói “Lộ đồn quân”, là câu xô xiên lếu láo, tỏ ý trào lộng giễu cợt hạng đàn ông không có râu.

Tiên chủ định Ích châu, lĩnh chức Mục, lấy Quỳnh làm Nghị tào tông sự. Hậu chủ lên ngôi, bái Quỳnh làm Giám nghị đại phu, thăng làm Tả trung lang tướng, Đại hồng lư, Thái thường.

Quỳnh là người trầm tĩnh ít nói, đóng cửa tự giữ mình, không tham dự vào thế sự. Bọn Tưởng Uyển, Phí Y đều rất quý mến xem trọng Quỳnh.

Quỳnh tuy học vấn rất cao thâm, nhưng trước đây không hề quan sát thiên văn để nghị luận về nhân tình thế sự. Kẻ hậu bối uyên bác về nho học là Tiêu Chu thường hỏi Quỳnh về phép ấy, Quỳnh đáp:

- Muốn hiểu rõ cái thuật ấy rất khó, phải đích thân quan sát kỹ, xét rõ hình tượng sắc thái của thiên tượng, chẳng thể tin tưởng vào người khác được. Sớm khuya gian khổ phi thường, rồi sau hiểu rõ được thiên tượng, lại lo lắng tiết lộ thiên cơ, chẳng bằng không biết, thế nên ta chẳng quan sát thiên tượng vậy.

Chu nhân đó hỏi rằng:

- Trước đây Chu Trung Quân cho rằng Đương Đồ Cao là nhà Ngụy,⁽¹⁾ ý nghĩa của lời ấy là thế nào?

Quỳnh đáp:

- Ngụy, là tên gọi cái cửa khuyết, chính là chỗ cao ở giữa đường, thánh nhân nói đại đế là vậy.

Lại hỏi Chu rằng:

- Lễ nào có điều gì quái lạ ở đó nữa sao?

Chu đáp:

- Chưa thông được.

Quỳnh lại nói:

¹ Chu Trung Quân tức Chu Thư, cha của Quân, được trưng triệu làm quan, từ chối, nên gọi là 'Trung Quân', từng nói câu: "Đương Đồ Cao, là nhà Ngụy vậy," nhưng không giải thích.

- Danh hiệu quan chức thời cổ không xưng là "Tào"; mới từ thời nhà Hán đến nay, danh hiệu quan chức đều gọi là "Tào", quan viên cấp thấp gọi là "Thuộc tào", lại tốt gọi là "Thị tào", đấy ngờ là thiên ý vậy.⁽¹⁾

Quỳnh sống đến hơn tám mươi tuổi, năm Diên Hi thứ mười ba chết. Soạn ra cuốn *Hàn thi chương cú* hơn mười vạn chữ, không truyền dạy cho các học trò, nên học thuật không được truyền lại.

Chu căn cứ vào thuyết pháp của Quỳnh, bèn nhân đó phát dương đạo lý của mình, nói:

- *Xuân Thu truyện* chép tên Thái tử của Tấn Mục hầu là Cừu, em là Thành Sư. Sư Phục⁽²⁾ nói: "Lạ thay cho cái tên của con vua! Vợ chồng hòa mục nhau thì gọi là 'phi', oán hận nhau gọi là 'cừu',⁽³⁾ nay vua kêu Thái tử là Cừu, em gọi là Thành Sư, cái điềm loạn lạc bắt đầu rồi vậy, người anh bị phế bỏ vì việc ấy chẳng?" Sau đấy quả nhiên như lời Sư Phục luận.⁽⁴⁾ Đến khi Hán Linh đế gọi hai con là Sử hầu, Đồng hầu, đã được lập làm đế, rồi sau đều bị truất phế làm chư hầu, so với lời thuyết của Sư Phục là tương

¹ Đoạn này tạm hiểu như sau. Chu Thư nói: "Ngụy, là tên gọi cái cửa khuyết." Đại khái khi xưa ngoài cửa cung, kiến trúc cao lớn, nguy nga, nên gọi là "Ngụy khuyết", là chỗ treo chính lệnh của thiên tử. Sách của Trang tử có câu: "Thân nơi sông bé, lòng vẫn hướng về Ngụy khuyết", vậy thì "Ngụy khuyết" chỉ cái chỗ cao giữa đường, là cung của thiên tử vậy, cũng là nhà Ngụy. Chu Thư giảng đến chữ "Tào", lại nói "đấy ngờ là thiên ý vậy." Về sau Tiêu Chu luận rằng, đó là nói đến Tào Tháo và rút ra kết luận là nhà Ngụy sẽ nhất thống thiên hạ.

² Sư Phục (師服) là đại phu của Tấn Mục hầu, tinh thông cổ nhạc, am tường lễ nghi. *Sử ký, Tấn thế gia*, quyển chín chép: Năm thứ bảy thời Tấn Mục hầu, Mục hầu mang quân đi đánh rợ Nhung, nhân vì trước đây bị thua trận nên đặt tên con là Cừu, về sau thắng lợi, nên đặt tên con là Thành Sư. Sư Phục cho rằng, con đích, con thứ danh hiệu tương phản nhau, không hợp lễ chế, là điềm báo nước Tấn có nội loạn, nguy cho tông thất. Sau quả nhiên nước Tấn loạn sáu mươi bảy năm ở Khúc Ốc, chỉ thứ đoạt ngôi của chi trường.

³ Chữ "phi" (妃) nghĩa là xứng đôi, sánh đôi; chữ "cừu" (仇) nghĩa là thù nghịch, thù hằn.

⁴ Thái tử Cừu (太子仇) sau lên ngôi, là Tấn Văn hầu; em là Thành Sư (成師) được phong ở đất Khúc Ốc, con cháu mấy mươi đời sau tranh ngôi với chi trường.

tự vậy.⁽¹⁾ Tiên chủ húy "Bị", nghĩa là "đầy đủ rồi", Hậu chủ húy "Thiện", nghĩa là "nhường", như thế là nói họ Lưu đã đầy đủ rồi, nên phải nhường lại cho người khác; ngụ ý sâu sắc hơn việc gọi tên con của Mục hầu và Linh đế.

Về sau hoạn quan Hoàng Hạo lộng quyền ở trong triều, năm Cảnh Diệu thứ năm, cây đại thụ ở trong cung vô cớ bị gãy, Chu rất lo lắng việc ấy, không biết nói với ai, bèn viết chữ lên cây cột rằng:

- Chúng to lớn, hèn đã tới, đủ thì nhường, còn gì nữa?

Nói chữ "Tào" tức là "chúng" vậy, chữ "Ngụy" tức là "lớn" vậy, chúng to lớn, là nơi thiên hạ hội tụ. Đủ thì nhường, như thế thì ai gây dựng lại được nữa? Nước Thục diệt vong, tất cả những lời mà Chu nói đều chứng nghiệm.

Chu nói:

- Lời ấy tuy mình ta tìm tòi suy xét, nhưng có nguyên do, là từ lời của Đỗ Quân rồi suy rộng ra thôi, tuyệt không có tài thánh gì mà mình ta nghĩ được việc kỳ lạ như vậy.⁽²⁾

Hứa Từ tự Nhân Đốc, người quận Nam Dương. Thờ Lưu Hi⁽³⁾ làm thầy, giỏi cái học thuật của Trịnh thị, chỉnh lý *Kinh Dịch, Thượng Thư, Tam lễ, Mao thi, Luận ngữ*. Năm Kiến An

¹ Hai vua Thiệu đế và Hiến đế. Thiệu đế giữ ngôi mấy tháng rồi bị Đồng Trác phế, làm Hoàng Nông vương. Hiến đế sau bị Tào Phi truất làm Sơn Dương công.

² Nguyên văn: "Chúng nhi đại, kỳ chi hội, cụ nhi thụ, nhược hà phục?" Tạm diễn giải ý của Tiêu Chu như sau: Chữ "chúng" (众) là đông đúc, cũng như chữ "Tào" (曹), là lũ, bọn; ngầm ví là họ Tào, chữ "ngụy" (魏) là nhà Ngụy, vốn là chữ "nguy" (巍), là lớn, là chỗ cao giữa đường, chữ "cụ" (具) là "đầy đủ", cũng như chữ "bị" (备), là "hoàn bị" cũng là Lưu Bị, chữ "thụ" (授) là "trao cho", cũng như chữ "thiện" (禪) là "nhường", cũng là Lưu Thiện. Như vậy cả câu hàm ý là: "Chúng là Tào Ngụy, đã đông lại lớn, là nơi thiên hạ theo về, đủ thì nhường, trao nước cho Tào Ngụy, còn chờ gì nữa?"

³ Lưu Hi (刘熙), tự Thành Quốc (成国), người quận Bắc Hải, là nhà Kinh học thời Đông Hán, giỏi xét nghĩa cổ văn, đi tránh loạn ở Giao châu, là thầy dạy các nhân sĩ Ngô, Thục như Trình Bình, Tiết Tổng, Hứa Từ.

trung, cùng bọn Hứa Tĩnh đều từ Giao châu vào Thục. Bấy giờ lại có người ở Ngụy Quận là Hồ Tiềm, tự Công Hưng, không biết vì sao đến Ích châu. Tiềm tuy học thuật không uyên bác, nhưng trí nhớ trác việt hơn người, các nghi thức về chế độ của tổ tông, khuôn phép các quy định Ngũ phục,¹ đều trở tay vạch vẽ dưới đất, cất tay có thể chỉ ra được.

Tiên chủ định Thục, là lúc sau một kỷ tang loạn, đạo học suy kém bê trễ, Tiên chủ bèn sai tập hợp điển tịch, gạn bót học thuyết của một số nhà, Từ và Tiềm đều là Học sĩ, cùng bọn Mạnh Quang, Lai Mẫn chương quản các văn tự cũ. Đây là lúc trăm việc mới gây dựng, nảy sinh rất nhiều mối nghi nan phải tranh nghị, Từ và Tiềm lại tranh thắng công kích lẫn nhau, phi báng cãi cọ, bộc lộ từ lời nói đến sắc mặt; Thư tịch có cũng như không, vì họ chẳng tìm lấy những chỗ phụ giúp cho nhau, thường chỉ tìm những chỗ đả phá nhau, để bẻ gãy đối phương khiến người kia kinh phục. Kẻ này khoe mình, người kia đổ ky, đến mức như thế. Tiên chủ lo hai người cứ thế mãi, bèn đại hội quần liêu, sai con hát giả dung mạo hai người. Rồi bắt chước cảnh hai người tranh giành cãi lộn, tấu nhạc uống rượu, lấy đó làm trò bốn cột, ban đầu dùng ngữ nghĩa cật vấn nhau, cuối cùng dùng dao gậy khuất phục nhau, dụng ý để cảm ngộ hai người. Tiềm chết trước, Từ sang đòi Hậu chủ ít lâu được thăng đến chức Đại trường thu, rồi chết.^①

① Tôn Thịnh nói: Nước Thục thiếu nhân sĩ, cho nên bọn Từ, Tiềm đều được hợp chếp ở một thiên truyện.

Con của Từ là Huân được truyền học nghiệp của cha, lại làm Bác sĩ.

¹ Ngũ phục, (五服) là năm thứ đồ tang phục theo phép tắc thời xưa. Khổng Dĩnh Đạt giảng rằng, đó là: Áo tang xô gai, áo tang gấu ngắn, đồ để trở chín tháng, đồ để trở một năm, miếng xô gai nhỏ gắn vào áo.

Mạnh Quang tự Hiếu Dụ, người quận Hà Nam huyện Lạc Dương, là người đồng tộc của quan Thái úy nhà Hán là Mạnh Úc.^① Thời Linh đế mất, Quang làm chức lại ở Giảng bộ. Hiến đế thiên đô về Trường An, Quang bèn bỏ trốn vào Thục, cha con Lưu Yên dùng khách lễ đối đãi.

Quang thông tỏ vạn vật hiểu chuyện xưa, không sách nào không xem qua, rất chuyên tâm nghiên cứu tam sử,⁽¹⁾ tinh tường các điển cũ của nhà Hán. Thích sách *Công Dương xuân thu* nhưng chê bai sách *Tả thị*, hễ cùng Lai Mẫn tranh luận nghĩa lý của hai sách ấy, Quang thường cướp lời to tiếng ầm ỹ.

Tiên chủ định Ích châu, bái Quang làm Nghị lang, cùng bọn Hứa Từ đều chấp chương chế độ. Hậu chủ đăng cơ, Quang làm Phù tiết lệnh, Đôn kỵ Hiệu úy, Trưởng lạc thiếu phủ, rồi thăng làm Đại tư nông.

Năm Diên Hi thứ chín mùa thu, đại xá thiên hạ, Quang ở giữa đám đông trách Đại tướng quân Phí Y rằng:

- Việc đại xá, đúng lúc vạn vật khô héo, không phải là việc thích hợp ở đời thánh minh. Vào lúc thời thế suy khốn cùng cực, hẳn là vì bất đắc dĩ, mới quyền biến thi hành thôi. Nay chúa thượng nhân hiền, trăm quan xứng chức, có mỗi nguy sớm tối, hay việc nguy cấp treo ngược nào đâu, mà tính việc bày ra cái ân phi thường, ra ơn cho kẻ xấu giúp phường gian hung như vậy? Lại nữa là lũ ung cốt mới đánh nhau,⁽²⁾ mà lại được tha tội, như thế trên phạm thiên thời, dưới trái đạo người. Lão phu già cả hủ lậu, không thấu suốt thể chế cai trị, thiết nghĩ tư pháp khó theo

¹ Tam sử (三史), vào thời Ngụy Tấn và Nam Bắc triều xếp ba cuốn: *Sử ký* của Tư Mã Thiên, *Hán thư* của Ban Cố; *Đông quan Hán ký* của Duyên Đốc là Tam sử. Cho đến thời nhà Đường thì cuốn *Đông quan Hán ký* thất truyền.

² Chim ưng, chim cắt là lũ chim khỏe mạnh nhanh nhẹn và hung dữ, ở đây Quang ví những kẻ tù phạm được xá tội như bọn xấu xa hung ác đánh lộn với nhau.

được phép xưa, sao được chiêm ngưỡng cái lễ cao đẹp, hy vọng gì ở cái đức sáng đây!

Y chỉ trông sang lật đặt tạ lỗi mà thôi.

Quang chỉ trích lời lẽ thống thiết khẩn yếu, đa phần là như thế, cho nên các trọng thần chấp chính, trong lòng không thể vui thích được, vì thế tước vị của Quang chẳng được tăng; Quang thường nói thẳng không tránh né, khiến người ta chán ghét. Bọn Thái thường là Đàm Thừa người quận Quảng Hán,^① Quang lộc huân là Bùi Tuấn người quận Hà Đông, tuổi tác và tư cách đều ở dưới Quang, nhưng được đề bạt giữ chức ở hạng trên, đặt Quang ở cương vị giúp việc, đại để là vì thế vậy.^③

① *Tục Hán thư* chép: Úc, là em của Trung thường thị là Mạnh Bôn.

② *Hoa Dương quốc chí* chép: Thừa tự Công Văn, trái chức Quận thú, Thiếu phủ.

③ *Bùi thị gia ký* của Phó Sướng chép: Tuấn tự Phụng Tiên, là em của quan Thượng thư lệnh nhà Ngụy là Tiềm. Anh rể của Tuấn làm Trưởng sử ở Thục trung, Tuấn tiễn anh đi, năm ấy mới hơn chục tuổi, gặp lúc thời Hán mạt đại loạn, không về được nữa. Đến lúc trưởng thành nổi danh, được người Thục trọng vọng suy cử. Con của Tuấn là Việt, làm Đốc quân Thục Quận, nước Thục bị phá, bị chuyển về Lạc Dương, được bái làm Nghị lang.

Kẻ hậu bối là Văn sĩ Bí thư lang Khước Chính nhiều lần tới chỗ Quang xin chỉ giáo, Quang hỏi Chính về tình hình học tập và tính tốt của Thái tử. Chính đáp rằng:

- Cung kính cha mẹ, sớm khuya chẳng lười, có phong thái của bậc Thế tử xưa; tiếp đãi trăm quan, cử chỉ hành động sinh ra từ lòng nhân ái.

Quang nói:

- Những điều như lời mà ngài nói, đều là phẩm đức của người bình thường thôi; nay những điều ta hỏi, là muốn biết được quyền biến thao lược và mưu trí của Thái tử là thế nào.

Chính nói:

- Cái đạo lập thân của Thế tử, là kiệt lực nổi chí cha ông khiến song thân vui lòng, không cho việc xằng bậy có chỗ thi hành, và lại mưu trí giấu kỹ ở trong lòng, quyền biến thao lược tùy thời mà phát huy, có mà như không, sao đoán trước được?

Quang hiểu rõ Chính là người cẩn thận thích hợp, không phải là kẻ nói bàn tùy tiện, bèn nói:

- Ta hay nói thẳng, không hề né tránh ai, mỗi lời bắn ra sắc bén, đấy là cái lý do khiến người đời chê ghét ta; E là ngài cũng rất không thích lời bàn của ta, nhưng ta nói có đạo lý. Nay thiên hạ chưa định, trí mưu là đầu, trí mưu đầu là tính tự nhiên, nhưng phải nỗ lực mà phấn đấu mới có được. Thế thì Trữ quân⁽¹⁾ đọc sách, há chẳng phải là giống với bọn ta dốc sức mở mang tri thức để đợi người khác đến hỏi, ví như anh phó sĩ tìm chữ nghiên ngâm bài thi để cầu tước vị đó sao! Đây là việc rất cấp thiết vậy.

Chính trong thâm tâm cho rằng lời của Quang rất đúng. Về sau Quang mắc tội bị bãi chức, năm hơn chín mươi tuổi thì chết.

Lai Mẫn tự Kính Đạt, người quận Nghĩa Dương huyện Tân Dã, là hậu duệ của Lai Hấp.⁽²⁾ Cha của Mẫn là Diễm, làm quan Tư không thời nhà Hán.① Thời Hán mạt thiên hạ đại loạn, Mẫn theo anh rể trốn đến Kinh châu, anh rể của Mẫn là Hoàng Uyển, cháu của bà ngoại Lưu Chương, cho nên Chương phái người đón vợ của Uyển, Mẫn bèn cùng chị vào Thục, thường làm tân khách của Chương.

¹ Trữ quân (儲君), tức Thái tử, là người kế ngôi vua.

² Lai Hấp (来歙), tự Quân Thúc (君叔), người quận Nam Dương huyện Tân Dã, là công thần của Hán Quang Vũ đế Lưu Tú.

Mẫn tìm tòi khảo cứu thư tịch, thích sách *Tả thị Xuân Thu*, chú giải nghĩa văn Thương, Nhã rất tinh tế;⁽¹⁾ ưa văn chương chính đạo.

Tiên chủ định Ích châu, tạm cho Mẫn giữ chức Điển học Hiệu úy, lúc lập Thái Tử, lấy Mẫn làm Gia lệnh. Hậu chủ nối ngôi, Mẫn làm Hồ bôn Trung lang tướng. Thừa tướng Lượng trú ở Hán Trung, mời Mẫn làm Quân tế tửu, Phụ quân tướng quân. Mẫn phạm lỗi bị bãi chức vụ. Sau khi Lượng chết, Mẫn về Thành Đô làm Đại trường thu, lại bị bãi chức, sau lần nữa được thăng làm Quang lộc đại phu, tiếp tục phạm lỗi bị biếm chức. Trước sau bị biếm tước mấy lần, đều vì nói năng không giữ tiết, hành vi trái đạo thường.

Bấy giờ Mạnh Quang cũng vì giữ việc trọng yếu nói năng không thận trọng, bàn luận can dự việc thời thế, nhưng can bậy hơn so với Mẫn, song cả hai đều là học sĩ lão luyện được kính lễ ở đời. Mẫn là dòng tộc danh gia ở Kinh Sở, lại là cự thần của Đông cung, được ưu đãi đặc biệt, thế nên mấy lần bị phế rồi lại được tiến dụng. Về sau lấy Mẫn làm Chấp thận tướng quân, có ý là phải coi trọng chức quan để tự răn mình.

Năm Mẫn chín mươi bảy tuổi, vào năm Cảnh Diệu trung, chết.

Con của Mẫn là Trung, cũng uyên bác về Kinh học, có phong thái của Mẫn, cùng với bọn Thượng thư Hướng Sung đều hợp sức phù tá Đại tướng quân Khương Duy. Duy tán thưởng bọn họ, dùng làm Tham quân.

① *Hậu Hán thư* của Hoa Kiệu chép: Diễm yêu thích học sĩ, ưa tiếp đãi người, mở quán trọ nuôi nhiều học trò. Lúc trẻ trải ngôi vị hiển hách, thời Linh đế, quan vị đến chức Tư không.

② *Lượng tập* có chép lệnh truyền rằng:

"Tướng quân Lai Mẫn đối với đáp quan trên nói: 'Người mới có công đức gì mà đoạt quan tước và bổng lộc của ta nhỉ? Mọi người cùng ghét

¹ Thương, Nhã là nói các sách *Tam thương*, *Nhĩ nhĩ* vậy. Sách *Nhĩ nhĩ* được Giả Quỳ và Phục Can chú giải; sách *Tam thương* được Thương Hiệt chú giải.

ta, như thế là thế nào?’ Mẫn tuổi cao cường ngôn trái lẽ, mới sinh ra lời oán ấy. Trước kia Thành Đô mới định, kẻ bàn luận cho rằng Lai Mẫn làm loạn quần thần, Tiên đế vì giữa lúc mới yên định, nên nhẫn nhịn bao dung, không gì không lấy lễ nghi để cân nhắc. Về sau Lưu Tử Sơ tuyển Mẫn làm Thái tử Gia lệnh, Tiên đế không hài lòng nhưng chẳng nỡ cự tuyệt vậy. Hậu chủ kế vị, ta tằm tời ở chỗ xét người, nên lại đề bạt Mẫn làm Tướng quân tế tửu, trái với kiến giải xác đáng của người bàn luận, ngược lại với sự xa lánh Mẫn của Tiên đế, tự cho là Mẫn có thể khích lệ che lấp được cái thói kiêu bạc của thế tục, làm tấm gương về đạo nghĩa. Nay việc đã chẳng thành, phải dâng biểu xin biếm chức của Mẫn, sai đóng cửa tự suy nghĩ cái lỗi của mình.”

Doãn Mặc tự Tư Tiềm, người quận Từ Đồng huyện Phù.

Học giả Ích châu đa phần yêu thích kim văn mà chẳng coi trọng chương cú của cổ văn, Mặc biết bọn họ không thấu triệt được cổ văn, bèn viễn du Kinh châu, theo học cổ văn từ bọn Tư Mã Đức Tháo, Tống Trọng Tử.⁽¹⁾ Vì thế thông hiểu các loại kinh sử, lại chuyên tâm nghiên cứu kỹ *Tả thị Xuân Thu*, từ các điều lệ của Lưu Hâm, đến các chú giải của Trịnh Chúng, cha con Giả Quỳ, Trần Nguyên, Phục Kiên,⁽²⁾ đều đọc rõ ràng được đại lược, chẳng cần xem lại bản gốc.

Tiên chủ định Ích châu, lĩnh chức Mục, lấy Mặc làm Khuyển học tòng sự, lúc lập Thái tử, lấy Mặc làm Bộc xạ, để truyền thụ *Tả thị truyện* cho Hậu chủ.

¹ Tư Mã Huy (司馬徽), tự Đức Tháo (德操), hiệu là Thủy Kính, người quận Dĩnh Xuyên, có tài xét người.

Tống Trung (宋忠), tự Trọng Tử (仲子), người quận Nam Dương huyện Chương Lăng, đại danh nho cuối thời Đông Hán. Từng tham gia biên soạn sách *Ngũ kinh chương cú*. Sau này ông ở nước Ngụy, con trai ông vì việc Ngụy Phung mưu phản, có liên lụy, bị giết. Học trò của Tống Trung có những người nổi tiếng thời Tam Quốc như: Vương Túc, Phan Tuấn, Doãn Mặc, Lý Soạn.

² Đây là những học giả khá nổi tiếng vào thời Tây Hán, trong giai đoạn “trăm nhà đua tiếng”, họ đều là những học giả chú giải kinh sách nổi tiếng thời đó.

Hậu chủ lên ngôi, bái Mặc làm Giám nghị đại phu. Thừa tướng Lượng trú ở Hán Trung, mời Mặc làm Quân tế tửu. Lượng chết, Mặc về Thành Đô, được bái làm Thái trung đại phu, chết.

Con của Mặc là Tông truyền bá cái nghiệp của cha, làm Bác sĩ.^①

① Tống Trọng Tử về sau ở nước Ngụy.

Ngụy lược chép: Con của Trọng Tử và Ngụy Phúng mưu phản, bị giết. Thái tử nước Ngụy đáp thư của Vương Lăng rằng:

"Xưa kia Thạch Hậu giao du với Chu Hu,⁽¹⁾ người cha của Hậu là Thác biết rằng chúng sẽ làm loạn. Hàn Tử thân với Điền Tô, Mục Tử biết người ấy nhân hậu.⁽²⁾ Cho nên người quân tử ngao du tất có nơi, chơi tất tìm bạn, thực có nguyên do vậy. Chao ôi! Tống Trung không sáng suốt biết con mình như họ Thạch, đã già lão còn mắc cái họa này. Nay dấu muốn xin làm cái việc vì đại nghĩa diệt thân, gây dựng tiết tháo của bậc lương thân, còn có được chăng!"

Lý Soạn tự Khâm Trọng, người quận Từ Đồng huyện Phù. Cha của Soạn là Nhân, tự Đức Hiền, cùng người đồng huyện là Doãn Mặc đều du học ở Kinh châu, theo học bọn Tư Mã Huy và Tống Trung.

Soạn được truyền hết nghiệp học của cha, lại theo Mặc nghị luận nghĩa văn, Ngũ kinh, Chư tử, không gì không xem rõ, thêm nữa lại uyên bác nhiều thứ kỹ nghệ, về toán thuật, chiêm bốc, y dược, cung nỏ, kỹ xảo cơ giới, đều nghiên cứu kỹ lưỡng.

Ban đầu Soạn làm Thư tá trong châu, Thượng thư lệnh sử. Năm Diên Hi nguyên niên, Hậu chủ lập Thái tử, lấy Soạn làm Thứ

¹ Thạch Thác (石碣) là bầy tôi nước Vệ, con là Thạch Hậu (石厚), chơi thân với Chu Hu, là em của vua nước Vệ là Vệ Hoàn công, hai người bàn mưu và giết vua. Chu Hu lên ngôi. Thạch Thác lập kế, bắt giết được cả hai người Chu Hu và Thạch Hậu, được khen là vì nghĩa diệt thân.

² Điền Tô (田苏), theo *Tà truyện* nói, đây là hiền thần của nước Tấn, không rõ lai lịch và hành trạng. Hàn Tử, Mục Tử, không rõ là ai.

tử, rồi thăng làm Bộc xạ. Lại chuyển làm Trung tán trung đại phu, Hữu trung lang tướng, nhưng vẫn phụng sự Thái tử. Thái tử yêu mến sự am hiểu rộng rãi của Soạn, rất đẹp lòng. Nhưng Soạn bản tính khinh bạc, ưa đùa bỡn, nên không được người đời kính trọng.

Soạn từng soạn lại các sách cổ là *Kinh Dịch*, *Thượng thư*, *Mao thi*, *Tam lễ*, *Tả thị truyện*, *Thái huyền*, *Chỉ quy*, đều chiếu theo chuẩn tắc của Giả Quỳ, Mã Dung, khác quan điểm với Trình Huyền. Soạn cùng Vương thị⁽¹⁾ cách biệt nhau về địa lý, không biết được các soạn chép của Vương thị, nhưng kiến giải rất nhiều chỗ tương đồng. Năm Cảnh Diêu trung Soạn chết.

Thời ấy có người ở Hán Trung là Trần Thuật, tự Thân Bá, cũng học rộng kiến thức uyên bác, soạn bảy thiên *Thích vấn*, *Ích bộ kỳ cựu truyện* và *Ích bộ kỳ cựu chí*, từng trải ngôi Thái thú ở ba quận.

Tiên Chu tự Doãn Nam, người quận Ba Tây huyện Tây Sung Quốc. Cha của Chu là Bính, tự Vinh Thủy, nghiên cứu *Kinh Thượng thư*, kiêm thông các loại kinh sách cùng *Hà đồ*, *Sấm vĩ*. Châu quận trung triệu, đều không ứng mệnh, quan châu đến nhà phong cho danh nghĩa là Sư hữu tông sự.

Chu thừa nhỏ mồ côi, ở cùng mẹ và anh trai. Lúc lớn, mê thư tịch cổ, dốc chí học hành, nhà nghèo nhưng không lưu tâm hỏi đến sản nghiệp, lúc ngâm đọc điển tịch, trong lòng vui thích tự cười một mình, quên ăn quên ngủ. Chu thông hiểu lục kinh, rất khéo viết thư soạn trát. Hiểu rõ thiên văn, nhưng không lưu tâm chú ý việc ấy; văn chương của chư tử không phải là thứ mà Chu để tâm, nên không xem đọc hết.

¹ Vương Túc (王肅), con Vương Lăng. Xem tập III, quyển 13 (Vương Túc truyện).

Chu mình cao tám thước, vẻ ngoài mộc mạc chất phác, bản tính thành thật không che đậy giả dối, không có cái tài biện bác tùy cơ ứng biến, nhưng trong lòng linh mẫn kiến thức tiềm ẩn.

Năm Kiến Hưng trung, Thừa tướng Lượng lĩnh Ích châu mục, lệnh cho Chu làm Khuyển học tông sự.^① Lượng chết ở nước địch, Chu ở nhà nghe được tin tức, vội vàng đến viếng, không lâu sau có chiếu thư cấm chỉ, duy có Chu vì đi nhanh nên mới đến nơi được. Đại tướng quân Trương Uyển lĩnh chức Thứ sử, chuyển Chu làm Điển học tông sự, tổng quản các học giả trong châu.

① *Thực ký chép*: Chu mới diện kiến Lượng, tả hữu đều cười. Chu đi ra ngoài rồi, Hữu ti xin mọi người đừng cười, Lượng nói:

- Đến ta còn chẳng thể nhin cười được, huống chi là tả hữu đây!

Hậu chủ lập Thái tử, lấy Chu làm Bộc xạ, sau chuyển làm Gia lệnh. Thời ấy Hậu chủ hay ra ngoài thưởng ngoạn, lại tăng thêm nhân số cho đội thanh nhạc trong cung. Chu dâng sớ can rằng:

"Xưa kia Vương Mãng thua bại, kẻ hào kiệt cùng nổi dậy, vượt châu chiếm quận, muốn soán đoạt thần khí, vì thế kẻ hiền tài trí sĩ mong mỗi có chỗ để theo về, không cứ người ta thế lực lớn hay nhỏ, mà chỉ ở chỗ đức dày hay mỏng vậy. Vì thế vào thời ấy Canh Thủy, Công Tôn Thuật cùng nắm giữ số đông quân, chiếm cứ địa bàn rộng, nhưng chẳng ai không phóng túng theo đuổi cái ham muốn riêng, lười biếng làm việc thiện, vui trong săn bắn yến tiệc, không yêu tiếc trăm họ. Thế tổ mới tiến vào Hà Bắc, bọn Phùng Dị khuyên Thế tổ rằng: 'Nên làm các việc mà người cầm quyền khác không làm.' Thế tổ bèn chú tâm xử lý án oan, tiết kiệm phí dụng ăn uống, hành động tuân thủ pháp độ, bởi vậy người ở bắc châu ca ngợi, tiếng tăm lan rộng khắp bốn phương. Vì thế Đặng Vũ từ Nam Dương đuổi theo; Ngô Hán, Khấu Tuân chưa biết đến Thế tổ, ở xa nghe đức hạnh, bèn dùng kế quyền biến cử sự ở Ngự Dương, Thương Cốc dùng quân đột kị, nghênh đón Thế tổ ở Quảng A. Ngoài ra những người ngưỡng mộ phong thái đức

hạnh của Thế tổ thì có bọn Bi Dung, Cảnh Thuần, Lưu Thực, thậm chí có kẻ ôm bệnh mang áo quan, công dụ con nhỏ đến theo, chẳng thế nào tính xuể, cho nên có thể từ yếu thành mạnh, giết chết Vương Lang, thôn tính Đồng Mã, bẻ gãy Xích Mi mà dựng thành đế nghiệp vậy.”⁽¹⁾

“Lúc vào Lạc Dương, Thế tổ từng muốn thay y phục một mình xuất du, đã ngự lên xa giá, Diêu Kỳ can rằng: ‘Thiên hạ chưa yên, thần thực chẳng mong bệ hạ luôn thay đổi y phục xuất hành.’⁽²⁾ Thế tổ lập tức đánh xe quay về. Đến khi đi thảo phạt Ngõi Hiêu, giặc cướp ở quận Dĩnh Xuyên nổi dậy, Thế tổ về Lạc Dương, chỉ phái Khấu Tuân qua đó bình loạn. Tuân nói: ‘Người quận Dĩnh Xuyên thấy bệ hạ đi xa đánh dẹp, cho nên kẻ gian hoạt khởi loạn, chúng chưa biết bệ hạ đã về đến nơi, e là chẳng đâu hàng ngay; Bệ hạ tự đến, giặc ở Dĩnh Xuyên tất lập tức hàng.’ Thế tổ bèn đến Dĩnh Xuyên, rút cục như lời Tuân nói. Thế nên không phải việc cấp bách, muốn thay y phục tự đi ra ngoài thì cũng không nên; lúc có chuyện cấp bách, muốn tự yên cũng chẳng được vậy, cho nên người làm Đế vương phải mong cầu việc thiện như thế! Vì thế Dịch truyện nói: ‘Trăm họ không quy thuận vô duyên cớ’, thực là nói người ta phải lấy đức làm đầu vậy. Nay nhà Hán gặp vận khốn, thiên hạ chia ba, chính là lúc kẻ sĩ anh hùng sáng trí ngóng trông theo bậc nhân chủ vậy.”

“Bệ hạ thiên tính chí hiếu, cư tang quá ba năm, nói đến Tiên đế liên sa nước mắt, dẫu Tăng Sâm, Mẫn Tồn⁽³⁾ chẳng hơn được. Kính lễ người

¹ Vương Lang (王郎), nguyên là một thầy bói. Cuối thời Tân đầu thời Tây Hán, tự xưng con cháu vua Hán Thành đế nhà Tây Hán, xưng vương ở Hàm Đan, bị Hán Quang Vũ đánh bại, chết;

Đồng Mã (铜马), là nhóm nghĩa quân phát triển lớn mạnh nhất vùng Hà Bắc cuối thời Tân đầu thời Tây Hán, bị Quang Vũ để đánh dẹp;

Xích Mi (赤眉), là đạo nghĩa quân mạnh nhất Trung quốc cuối thời Tân đầu thời Tây Hán, thủ lĩnh là Phan Sùng, bị Hán Quang Vũ đánh bại.

² Diêu Kỳ (銚期), tự Thử Huống (次况), người huyện Giáp quận Dĩnh Xuyên. Là khai quốc công thần của Hán Quang Vũ đế Lưu Tú, có tên trong Vân đài nhị thập bát tướng. Lúc đưa lời can với Lưu Tú, Diêu Kỳ đang giữ chức chỉ huy cấm vệ.

³ Tăng Sâm, Mẫn Tồn: Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 118 (Văn đế kỳ).

hiền dùng kẻ tài năng, khiến họ dốc sức, quá cả Thành Khang. Cho nên trong nước hòa hợp, lớn nhỏ chung sức, đấy là điều mà thần chẳng thể tỏ bày hết thành lời được. Nhưng nguyện vọng không gì hơn được của thần, là hy vọng bề hạ làm được những việc to lớn mà người khác không thể làm. Ví như kéo cỗ xe nặng, thì dùng sức gian khổ không ai bằng, diệt trừ đại gian, thì khéo dùng cái thuật không ai biết; vả lại người kế thừa việc thờ cúng tông miếu, không phải chỉ cầu phúc cho mình, mà là lấy việc đấy để thống suất muôn dân tôn kính ý trời vậy. Đến như tế tự bốn mùa, bề hạ có lúc không tự mình đến được, mà việc vui chơi chốn vườn ao, lại liên tục xuất hành, thần vốn ngu dốt, trong lòng chẳng tự yên. Người lo trọng trách của bản thân, chẳng rồi nhàn để tìm kiếm niềm vui, di chí của Tiên đế, là khôi phục nghiệp tổ còn chưa thành, thực không phải là lúc vui chơi hưởng lạc. Mong bề hạ giảm bớt quan nhạc và số người mới tăng thêm ở hậu cung, chỉ kính vâng theo quy mô mà Tiên đế đã đặt ra, lấy việc ấy để giáo dục con cháu thực hành tiết kiệm."

Chu bị chuyển làm Trung tán đại phu, vẫn hầu Thái tử.

Vào thời ấy quân lữ xuất chiến liên tục, trăm họ xác xơ tàn tạ, Chu và Thượng thư lệnh Trần Chi bàn luận về cái lợi hại của việc ấy, bàn xong Chu về soạn chép lại, đặt tên là *Thù quốc luận*.

Lời ở bài luận ấy viết rằng:

"Nước ta vốn là tiểu quốc, nhưng mới gây dựng thành đại quốc, vì cùng tranh thiên hạ mà thành cừu địch. Trong nước ta có người tên là Cao Hiền Khanh, thỉnh ý Phục Ngụ Tử rằng: 'Nay việc nước chưa yên, trên dưới lao nhọc, xét việc thời xưa, có thể lấy yếu thắng mạnh, cái thuật ấy là thế nào?' Phục Ngụ Tử nói: 'Ta nghe nói, nước lớn không có mối lo thì thường sinh kiêu mạn, nước nhỏ có mối lo thì thường nghĩ việc thiện. Kiêu mạn thì sinh loạn, thường nghĩ việc thiện thì yên bình, đấy là lẽ thường vậy. Cho nên Chu Văn vương dân, lấy ít địch nhiều; Câu Tiễn xót dân, lấy yếu thắng mạnh, thuật là như thế vậy.' Hiền Khanh nói: 'Ngày trước Hạng mạnh Hán yếu,

cùng nhau tranh chiến, không ngày nào yên, nhưng Hạng Vũ cùng Hán ước hẹn lấy Hồng Câu làm ranh giới, cùng muốn quay về nghỉ dưỡng sức dân; Trương Lương cho rằng cái chí của dân đã định, thì khó phát động, nên không lâu sau xuất quân truy kích Vũ, rút cục đánh bại họ Hạng, đấy há phải là noi theo việc của Văn vương đâu? Cái nước mới dựng là đang có tai vạ, ta nhân cơ hội ấy, công hãm biên cảnh của họ, khiến họ thêm khốn đốn mà diệt trừ họ vậy.' Phục Ngu Tử nói: 'Đang giữa thời Ân, Chu, vương hầu nối đời được tôn quý, cái đạo quân thần bền chắc đã lâu, dân chúng đã quen với trật tự thống trị, cái gốc đã sâu thì khó nhổ được, nền móng đã vững thì khó đổi dời. Đang lúc bấy giờ, dù là Hán tổ há có thể cầm kiếm vung roi ngựa mà lấy được thiên hạ sao? Đấy là lúc sau khi nhà Tần bỏ chư hầu đặt chức Quận thú, dân chúng mỗi một bởi lao dịch của nhà Tần, thiên hạ băng lở, hàng năm thay chúa, hết tháng đổi công khanh, chim kinh thú hãi, dân chẳng biết chỗ theo về, vì thế anh hào cường mạnh nổi dậy tranh giành, hổ vồ sói xé, rình chớp nhanh thì cướp được nhiều, chậm chạp đi sau thì bị thôn tính. Nay nước ta và cái nước mới dựng đều đã truyền quốc nhiều đời rồi, đã không phải là cái lúc Tần mất sức sôi như vạc nóng, thực có cái hình thế của sáu nước cùng chia bờ cõi, cho nên có thể làm Văn vương, khó làm Hán tổ. Dân chúng mệt nhọc lao khổ là điềm báo động loạn, người trên kiêu mạn kẻ dưới cường bạo thì hình thế tan vỡ nổi lên. Ngạn ngữ nói: 'Bắn tên nhiều lần không trúng, chẳng bằng ngắm chuẩn rồi bắn.' Thế nên bậc trí giả không vì cái lợi nhỏ mà đưa ánh mắt, chẳng vì ý gần đúng mà đổi nước bước đường đi, thời cơ thuận thì mới động, vận số hợp thì mới làm, đấy là cái lý do binh của Thang, Vũ không đánh hai lần mà thắng, thực đã coi trọng sự lao khổ của dân mà xét rõ thế thời vậy. Nếu cố lạm dụng vũ lực chinh phạt liên miên, cái thế tan vỡ nảy sinh, chẳng may gặp nạn, dẫu có trí thì cũng chẳng thể mưu tính được rồi. Nếu lại huyền hoặc khôn cùng, ra vào không dứt, đập bằng phong ba, băng sông vượt núi, không dùng thuyền mà qua được bến Mạnh Tân, Ngụ Tử ta, thực không theo kịp."

Sau Chu được thăng làm Quang lộc đại phu, tước vị chỉ dưới Cửu khanh. Chu tuy không tham dự chính sự, vì là nhà nho đức hạnh nên được đãi ngộ, người bấy giờ đến hỏi đại sự, Chu thường căn cứ kinh sách đối đáp lại, rồi kẻ hậu sinh ham thích công việc cũng thỉnh giáo Chu về những vấn đề mà họ khó hiểu.

Năm Cảnh Diệu thứ sáu mùa đông, Đại tướng quân nước Ngụy là Đặng Ngải đánh hạ Giang Do, khua ngựa thẳng tiến, nhưng người Thục cho rằng địch không đến ngay, chẳng điều phối quân thủ thành, lúc nghe tin Ngải tiến vào Âm Bình, trăm họ nhiễu loạn, đều chạy tán loạn vào nơi sơn dã, chẳng thể cấm chế nổi. Hậu chủ sai quần thần hội bàn, không ai có kế gì. Có kẻ cho rằng Thục với Ngô, vốn là đồng minh, nên chạy sang Ngô; có người cho là vùng Nam Trung có bảy quận, núi cao hiểm trở, có thể dễ dàng tự giữ, nên chạy xuống phía nam. Duy có Chu cho rằng:

- Từ xưa đến nay, không có việc thiên tử ở nhờ nước khác, nay nếu vào nước Ngô, cố nhiên phải thần phục họ. Và lại cái đạo lý chính đáng không gì khác, là nước lớn có thể thôn tính nước nhỏ, đấy là quy luật tự nhiên vậy. Từ đó mà nói, thì Ngụy có thể nuốt Ngô, mà Ngô chẳng thể nuốt Ngụy là việc rõ ràng rồi. Bọn ta vì nước nhỏ xưng thần, sao bằng xưng thần với nước lớn, cái then hai lần chịu nhục, sao bằng một lần chịu nhục đây? Và lại nếu chạy xuôi nam, thì phải sớm lập kế cho việc đó, rồi sau mới có thể quyết định; nay đại địch đã cận kề, cái họa bại vong sắp đến, chúng nhân đều có tâm tư, ai có thể đảm bảo là không sinh biến? Sợ là sau ngày khởi phát, tình thế biến hóa khôn lường, sao đến được phía nam đây!

Quần thần có người căn vặn Chu rằng:

- Nay Ngải cách không xa, sợ rằng không chịu cho hàng, như thế phải làm sao?

Chu nói:

- Hiện nay Đông Ngô chưa phục, sự thế chẳng thể không cho hàng, sau khi cho hàng, chẳng thể không dùng lễ đãi ngộ. Nếu bệ hạ hàng Ngụy, mà Ngụy không cắt đất để phong cho bệ hạ, Chu này xin tự đem thân tới kinh đô, dùng nghĩa xưa mà tranh đấu với họ.

Chúng nhân không lấy gì để bài bác được lý lẽ của Chu.

Hậu chủ với việc chạy về phía nam còn do dự, Chu dâng sớ nói:

"Có người khuyên bệ hạ là binh phương bắc đã xâm nhập, bày kế muốn chạy đến phương nam, ngu thần cho là bất an. Vì sao thế?"

"Nam phương xa xôi là đất của người Di, bình thường không vâng theo chức cống, lại còn nhiều lần phản loạn, từ khi Thừa tướng Lượng nam chinh, dùng thế binh bức bách họ, vì khốn cùng họ mới chịu phục. Từ đấy về sau họ mới nộp thuế khóa, ta đem dùng vào việc binh, họ lấy đấy làm sầu oán, bọn người ấy là mối họa của quốc gia vậy. Nay chúng ta vì quân bách, muốn qua nương cậy họ, e rằng họ tất lại phản, đấy là điều thứ nhất vậy."

"Binh phương bắc đến, không phải chỉ lấy Thục mà thôi, nếu ta chạy về phương nam, địch tất nhân thế ta đang suy, kịp thời truy đuổi, đấy là điều thứ hai vậy."

"Vì như ta đến phương nam, ngoài phải ngăn chống địch, trong cũng ứng phục địch, phí tổn tăng nhiều, không biết lấy ở đâu, hao tổn của người Di sẽ rất lớn, hao tổn lớn tất họ nhanh chóng làm loạn, đấy là điều thứ ba vậy."

"Xưa kia Vương Lang chiếm Hàm Đan tiếm hiệu, bấy giờ Thế tổ ở Tín Đô, bị uy bức bởi Lang, muốn bỏ về Quan Trung. Bì Dung can rằng: 'Minh công về tây, thì dân thành Hàm Đan chẳng chịu quên cha mẹ, lìa bỏ thành chủ, mà ngàn dặm tiến Minh công, họ phản Minh công là tất nhiên vậy.' Thế tổ theo lời, cuối cùng phá được Hàm

Dan. Nay quân bắc đến, bệ hạ đi về phương nam, thực sợ rằng lời của Bì Dung lại ứng nghiệm đến bây giờ, đây là điều thứ tư vậy."

"Mong bệ hạ sớm quyết việc, hàng có thể được ban đất phong tước; nếu đi xuống phía nam, thế cùng mới phục, cái họa của bệ hạ rất sâu."

"Dịch nói: Hàm nghĩa của chữ 'kháng', là biết được mà chẳng biết mất, biết còn mà chẳng biết vong; hiểu lẽ được mất tồn vong mà chẳng mất đạo chính, thì chỉ có bậc thánh nhân thôi! Đây là nói rằng bậc thánh nhân biết thiên mệnh lại không cầu thả là điều tất nhiên vậy. Cho nên Nghiêu, Thuấn thấy con không giỏi, biết đây là ý trời, mới tìm người để nhường thiên hạ; con dẫu không hiền, nhưng mầm họa chưa sinh, đem thiên hạ trao cho người khác, họa sao mà đến được!⁽¹⁾ Xưa kia Vi Tỉ là em nối của vua Ân, tự trói mình ngậm ngọc bích quy thuận Vũ vương, há đây là việc vui sao, chỉ là bất đắc dĩ vậy."

Vì thế Hậu chủ bèn theo kế sách của Chu. Họ Lưu không mắc họa, cả nước được cậy nhờ, là mưu của Chu vậy.①

① Tôn Xước⁽²⁾ bình rằng: Tiêu Chu khuyên Hậu chủ hàng nước Ngụy, nên chăng? Đáp rằng: Thân là Thiên tử mà xin hàng, theo lời sai khiến, còn nỗi nhục nào hơn? Ôi, xã tắc chết thì thân chết, xã tắc mất thì thân vong. Tiên quân chính vì sự soán đoạt của nhà Ngụy, chẳng cùng nước địch chung một bầu trời. Mắc lỗi với cha của mình, cúi đầu thờ phụng kẻ thù, có thể nói là cầu tha sống vậy, há lại lấy điều ấy để phát dương chính đạo được sao!

Tôn Thịnh nói: Theo nghĩa *Kinh Xuân Thu*, vua chết vì xã tắc, công khanh đại phu chết vì chức phận, hưởng chi xưng là Thiên tử mà

¹ Theo *Sử ký*, vua Nghiêu có con là Đan Chu, nhưng Đan Chu không có tài năng, vua Nghiêu không nhường ngôi cho con, mà đem thiên hạ nhường cho vua Thuấn; vua Thuấn có con là Thương Quân, nhưng Thương Quân không phải người giỏi, vua Thuấn nhường ngôi cho Đại Vũ, là người tài, có công trị thủy giúp muôn dân.

² Tôn Xước (孙绰), tự Hưng Công (兴公), vốn gốc là người huyện Trung Đô quận Thái Nguyên, sau dời đến quận Cối Kê, sống vào thời Đông Tấn, là danh sĩ có ảnh hưởng lớn đến các sĩ tộc thời Đông Tấn.

chịu nhục với người sao! Chu khuyên quân vương của cái nước vạn thắng tham sống cầu tha tránh cái chết, quên lẽ tìm lợi, mong cầu cái vinh mọn, là mê loạn rồi. Lại từ hình thế mà nói, thì lý còn chưa tận. Vì sao vậy? Thiện dẫu là vị chúa hèn, thực chưa có cái tàn khốc của Kiệt, Trụ, chiến tranh tuy luôn thua bại, nhưng chưa có cái loạn tan lờ, ví như chẳng thể khiến quân thần cố thủ, thì bỏ thành mượn sức ở một phương, tự lui một bước về góc phía đông suy nghĩ liệu tính về sau. Bấy giờ La Hiến dùng trọng binh giữ thành Bạch Đế, Hoắc Đặc dùng binh khỏe trấn thủ Dạ Lang. Đất Thục hẹp mà hiểm trở, núi cao sông sâu ngăn cách, thế núi cao chót nước xiết xói bờ, không phải là chỗ binh tốt có thể lặn lội. Ví như tất cả quân lính dùng thuyền, trụ giữ Giang Châu, trung binh Nam Trung, cầu viện quân của Đông Quốc, như thế thì năm tướng bọn Khương Duy, Liêu Hóa tự như mây tìm đến, ba quân của nước Ngô vâng mệnh kéo tới như điện chớp, sao cho là không có chỗ gửi thân mà lo tính rằng tất diệt vong? Quân Ngụy đến xứ Thục, là hưng binh cả nước, muốn truy đuổi thì không có thuyền bè, muốn lưu lại thì đội quân lớn ở ngoài lắm mối lo. Và lại co duỗi chờ thời, tình thế có thay đổi lớn, thì thông thả nghĩ cách khiến trăm họ phần chấn; đánh cái quân kiêu lười, đấy là cái lý do Việt vương đã bại Hạp Lư, Điền Đan bẻ gãy Kỵ Kiếp vậy,⁽¹⁾ sao vội vã đem thân làm kẻ giặc tù. Cố vững lũy chống địch nhân, thế cùng thì rút dao chém đá có gì mà oán hận? Bài thơ *Cát sinh* có câu: "Việc chẳng thành vứt bỏ, há khuất thân với người!"⁽²⁾ Lời ấy mới bi tráng làm sao, có thể dùng để lập chí cho kẻ hèn yếu rồi. Xét cái thua bại của Yên, Tề, Kinh, Việt ngày xưa, kẻ thì nước

¹ Vua nước Việt cuối thời Xuân Thu là Câu Tiễn bị vua nước Ngô là Phù Sai đánh bại, bắt làm tù binh, về sau được tha, về nước, dưỡng sức dân gần hai mươi năm, sau đó đánh bại nước Ngô, giết Phù Sai, làm bá một thời;

Thời Chiến Quốc, nước Yên đánh bại nước Tề, hạ 72 thành, nước Tề chỉ còn có hai thành là Cử và Tức Mặc, sau tông thất nước Tề là Điền Đan dùng mẹo ly gián vua tôi nước Yên, cuối cùng đánh bại tướng nước Yên là Kỵ Kiếp, đuổi quân Yên khỏi cõi, hưng lại nước Tề.

² *Cát sinh*, là tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, trong phần *Đường phong*, nội dung nói về nỗi đau khổ chia lìa giữa kẻ sống và người chết.

vong chúa chết, kẻ như cá trèo cây chim chạy bộ, rút cục dựng công lập nghiệp, khôi phục xã tắc, há nói là trời giúp, thực cũng là mưu người vậy. Ví như ôm kế cầu thả sinh tồn, dùng lời của Tiêu Chu, sao gây dựng được nền móng quốc gia, khiến tiếng tốt lưu truyền? Thiện đã là vị chúa ám muội, Chu đích xác là bầy tôi hèn kém, so với Thân Bao Tư, Điền Đan, Phạm Lãi và Đại phu Chung,⁽¹⁾ chẳng cũng xa vời lắm sao!

Thời ấy Tấn Văn vương làm Tướng quốc nước Ngụy, vì Chu có công giữ vẹn nước Thục quy thuận, nên phong Chu làm Dương Thành đình hầu. Lại hạ chiếu thư triệu Chu, Chu lên đường đi đến Hán Trung, ốm nặng không đi được.

Năm Hàm Hi thứ hai mùa hạ, người ở Ba Quận là Văn Lập từ Lạc Dương quay về đất Thục, qua gặp Chu. Chu trong lúc nói chuyện, đưa bản thư khắc cho Lập xem, nói:

- Diên Ngộ hết hè, Nguyệt Dậu một hè.

Diên Ngộ là ý nói Tư Mã vậy, Nguyệt Dậu ý là nói tháng tám vậy, đến tháng tám, Văn vương quả nhiên băng.^①

Nhà Tấn lên ngôi, nhiều lần lần hạ chiếu đến phủ quan sở tại sai đưa Chu đi. Chu bèn ôm bệnh ngồi xe đến Lạc Dương, năm Thái Thủy thứ ba thì đến nơi. Vì bệnh chưa khỏi, được bái làm Kỵ đô úy, Chu bèn tự bày tỏ là mình không có công mà được thụ phong, xin trả lại tước vị và đất phong, Tấn đế không nghe.

① *Hoa Dương quốc chí* chép: Lập tự Quảng Hưu, thời trẻ nghiên cứu Mao thi, Tam lễ, kiêm thông các loại thư tịch. Thứ sử là Phí Y lệnh cho làm Tòng sự, về triều làm Thượng thư lang, rồi lại được triệu làm Đông tào duyệt Đại tướng quân, ít lâu được thăng làm Thượng thư.

¹ Thân Bao Tư, cầu khố ở sân đình nước Tần, cứu cái bại vong của nước Sở; Điền Đan đuổi được quân Yên khôi phục lại nước Tề; Phạm Lãi và Đại phu Chung giúp Câu Tiễn diệt nước Ngô rửa nhục cho bị bắt, tù đầy rồi làm bá một thời. Họ đều là trung thần vì vua, vì nước ra sức vậy.

Ngụy thôn tính Thục, đặt Lương châu, lấy Lập làm Biệt giá tòng sự, xét cử Tú tài. Năm Thái Thủy thứ hai, bá làm Thái thú Tế Âm, thăng làm Thái tử Trung thứ tử. Lập dâng lời rằng:

"Đại quan của nước Thục cũ và những kẻ tận trung chết vì chức vụ, con cháu của họ, tuy làm quan trong quận quốc, cũng có kẻ bất tài, coi họ như thường dân là quá; Thêm nữa con cháu của bọn Gia Cát Lượng, Tưởng Uyển, Phí Y lưu lạc ở các nơi, đều nên liệu tài theo thứ tự bổ dụng, để vỗ về lòng người ở đất Ba, đất Thục, làm tan vỡ sự mong ngóng của người Ngô."

Việc đều được thi hành. Lập được chuyển làm Tán kỵ thường thị, các lời mà Lập dâng lên về việc chọn dùng người hay phế bỏ, đa phần được thu nhận. Không lâu sau Lập được thăng làm Vệ úy, triều thần phục cái tài năng và sự nhã nhặn của Lập, là quan khanh có tiếng vào thời ấy.

Năm Hàm Ninh mạt Lập chết. Tấu chương, thơ phú, luận tụng của Lập cả thầy có mấy chục thiên.

Năm thứ năm, ta⁽¹⁾ từng làm Trung chính của quận nhà, việc khảo hạch đã xong, xin rời chức về nhà, qua cùng Chu từ biệt. Chu nói với ta rằng:

- Xưa kia Khổng tử thọ bảy mươi hai tuổi; Lưu Hưởng, Dương Hùng sống bảy mươi một tuổi thì chết, ta nay tuổi quá bảy mươi, mong sống được đến tuổi thọ của Khổng tử, nhưng chỉ có thể so bằng với tuổi của Lưu, Dương, e rằng chẳng sống qua được năm sau, nhất định phải từ biệt dương gian, chẳng gặp nhau được nữa rồi.

Ta ngờ rằng Chu dùng phương thuật biết hạn chết của mình, nên mượn lời này mà nói vậy.

Năm thứ sáu mùa thu, Chu được phong làm Tán kỵ thường thị, vì bệnh nặng không bá chức, đến mùa đông thì chết.①

¹ Đại từ nhân xưng "ta" ở đây là tác giả Trần Thọ vậy.

Các sách vở mà Chu soạn chép, cả thảy hơn một trăm thiên, gồm có các sách *Pháp huân*, *Ngũ kinh luận* và *Cổ sử khảo*.^②

Chu có ba con là Hi, Hiên, Đồng. Con út là Đồng rất thích học nghiệp của Chu, cũng lấy trung hậu thanh liêm, thật thà chất phác làm tiêu chuẩn đức hạnh, được đề cử Hiếu liêm, phong làm Tích lệnh, Đồng cung tẩy mã, có mệnh triệu nhưng không ra ứng mệnh.^③

① *Tấn Dương thu* chép chiếu rằng:

"Trẫm rất xót thương, ban cho triều phục đầy đủ, áo một bộ, năm mươi vạ tiền."

Con của Chu là Hi dâng lời nói, Chu lúc lâm chung dặn Hi rằng:

- Ta ốm bệnh lâu, chưa từng vào triều kiến, nếu quốc gia ban ân tặng ta triều phục và y vật, chớ đem mặc cho ta. Lúc đưa ta về nơi mộ tổ, đường hiểm khó đi, nên làm sẵn quan tài nhẹ. Tẩm liệm xong, hãy dâng trả lại những thứ mà ta được ban tặng.

Để hạ chiếu thu lại y phục, rồi cấp cho áo quan và phí dụng.

② *Ích bộ kỳ cữu truyện* chép: Thứ sử Ích châu là Đồng Vinh vẽ hình của Chu để ở trường học trong châu, lệnh sai Tòng sự là Lý Thông làm bài tụng về Chu rằng:

*"Đẹp thay Tiêu hầu,
Thích đạo thánh hiền,
Truyền thuật nghiệp nho,
Quý trọng đạo lý,
Lòng dạ chân thành,
Xét rõ thịnh suy,
Vang tiếng cao nhã,
Đức hạnh rạng ngời,
Trước sau trọn vẹn.
Ta kẻ hậu sinh,
Bội phục tài năng,
Dâng lời tán thưởng,
Núi kéo tiên hiền,*

Xin vẽ tượng ngài,
Mai sau hậu thế,
Trông tấm hình này,
Lưu truyền hình dạng.”

③ Con trưởng của Chu là Hi, con của Hi là Tú, tự Nguyên Ngạn.

Tấn Dương thu chép: Tú bản tính thanh cao ưa tĩnh mịch, không quan tâm đến việc đời, biết sắp đại loạn, bèn đoạn tuyệt qua lại với mọi người, từ anh em cho đến hàng xóm láng giềng đều không gặp gỡ. Từ khi châu quận hạ lệnh triệu, đến lúc Lý Hùng lấy đất Thục, cho an xa triệu Tú, rồi chú của Hùng là Tương, con của Tương là Thọ trung triệu, Tú đều không ứng mệnh.

Năm Vĩnh Hòa thứ ba, An tây tướng quân Hoàn Ôn dẹp Thục, dâng biểu tiến cử Tú rằng:

“Thần nghe nói cây phác lớn bị tổn hại, thì chồi non của nó hiển lộ; thiên đạo suy, đời hôn ám, thì nghĩa trung trinh sẽ rạng ngời. Vì thế có người rửa tai, nhảy vực để chấn hưng phong khí thanh cao;⁽¹⁾ cũng có người vững tâm giữ đức để khuyến khích nghĩa tại tam.⁽²⁾ Thế nên bậc quân vương ở đời, chẳng có ai không xem trọng quy tắc ấy, lấy đó để khuyến khích phong tục và giáo huấn dân, khiến nhà nhà theo quy phạm đạo đức đua nhau cầu tiến.”

“Cúi nghĩ Đại Tấn ta ứng điềm trời quân thiên hạ, nhưng khí số không mãi hanh thông, thời vận có khi vấp vấp, kinh sư thành gò hoang, ba phương tan vỡ, trong rừng sâu dứt tiếng tụng đọc của người hiền, nơi hang núi không nghe tiếng kẻ sĩ đi ở ẩn, đây là điều khiến người có kiến thức đau lòng, bậc đức hạnh thanh cao vì thế mà than tiếc. Bệ hạ kế thừa chấn hưng thánh đức, đương khôi phục nghiệp trời. Trước đây thần vâng mệnh sai khiến, đánh dẹp phương tây, nay kinh nghê bị treo

¹ Hứa Do ra sông rửa tai: Xem chú thích ở tập IV, quyển 21, trang 213 (Vương Xán truyện).

Khuất Nguyên phẫn chí nhảy sông: Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 162 (Trần Tư vương truyện).

² Nghĩa tại tam: Xem chú thích ở tập V, quyển 28, trang 171 (Quán Khâu Kiêm truyện).

ngược, nghĩ muốn tuyên dương giáo hóa; mưu hỏi các bậc kỳ lão, tìm kiếm người tài đức ở ẩn, như Vũ La ẩn dật giữa gò hoang Nghệ, Trác, tưởng như Vương Trục trong cảnh ngộ mất nước Tề.”

“Nghe nói Tiêu Tú người quận Ba Tây, tiết tháo kiên trinh, ôm đức lớn lánh đời, tiếng khen đức sáng như sóng sông Vị lan xa. Nay triều đình sau lúc nghiêng ngửa, lê dân sống giữa cảnh lưu ly diên đảo, kẻ ở Trung nguyên đau lòng ngoài trước trông sau, người nơi sơn cốc không ai mong ngóng đường thẳng tiến. Vận xấu thường rình rập, gian nguy luôn bức bách, gửi thân nơi miệng hổ, mỗi nguy trong nháy mắt, mà có thể vững tiết tháo giữ mình bằng thanh ngọc khiết, thề không khuất nhục hạ mình, đóng cửa giấu thân, không ra giúp kẻ loạn thần, tiến thì tránh được cái họa sát thân của Cung Thắng, lui thì không bị lời chê trách của Tiết Phương Quý;⁽¹⁾ dẫu Viên, Khỉ ẩn cư ở Thương, Lạc, Quản Ninh yên trốn ở Liêu Đông, so họ với Tú, e rằng không hơn được. Đến nay người ở phương tây, khen Tú là cao đẹp.”

“Ôi, tuyên dương đức cao kính lễ người hiền, là việc làm đầu tiên của giáo hóa; biểu chương khí tiết lạ, là việc làm cốt yếu của thánh minh. Nay sáu cõi chưa yên, sài lang trên đường, lê dân bị bạc đãi, tiếng nghĩa chẳng nghe thấy, càng phải nên khiến kẻ có đạo nghĩa phấn chấn, để nắn sửa thói đời tệ bạc. Nếu Tú được nhận lễ trưng triệu, đủ để ngăn nét phong khí suy đồi, nắn sửa thói đời khinh bạc, người ẩn lánh nơi xa ngẩng trông phong tục, biết được giáo hóa ở chín cõi rồi.”

Lúc Tiêu Kính phản loạn, Tú tránh nạn ở Xuyên Trung huyện Đãng Cừ, họ tộc và người làng có mấy trăm người nương dựa. Năm Tú tám mươi tuổi, chúng nhân cho rằng Tú cao tuổi, muốn thay nhau phụ giúp việc. Tú chối rằng:

- Mọi người đều có người nhà già yếu, nên cứu giúp họ trước. Khí sức của ta đủ kham nổi việc của mình, chẳng thể vì mình sắp vô dụng mà liên lụy đến các vị.

Hơn chục năm sau, Tú chết tại nhà.

¹ Họa sát thân của Cung Thắng. Lời chê trách của Tiết Phương Quý: Đây hẳn là những điển tích, hiện tại người dịch chưa tra cứu được.

Khước Chính tự Lệnh Tiên, người quận Hà Nam huyện Yên Sư. Tổ phụ của Chính là Kiệm, thời Linh đế mất làm Thứ sử Ích châu, bị giặc cướp giết hại. Đúng lúc thiên hạ đại loạn, nên cha của Chính là Ấp nhân đó ở lại xứ Thục. Ấp làm Doanh đô đốc của Tướng quân Mạnh Đạt, theo Đạt hàng Ngụy, làm Trung thư lệnh sử.

Chính vốn có tên là Toàn. Lúc nhỏ vì cha chết mẹ cải giá, cô cút một mình, nhưng yên phận nghèo hiếu học, xem rộng các thư tịch cổ. Năm hai mươi tuổi, vì có tài soạn chép văn chương, vào triều làm Bí thư lại, được chuyển làm Lệnh sử, rồi thăng làm Bí thư lang, sau làm đến Bí thư lệnh.

Chính bản tính lạt lẽo với vinh lợi, nhưng rất ham thích văn chương, từ các loại thơ phú, văn chương của bọn Tư Mã Tương Như, Vương Bao, Dương Hùng, Ban Cố, Phó Nghị, Sái Ung, Trương Hành, cho đến các bài thư, luận ưu tú đương đại, nếu Ích châu có, thì Chính dốc chí tìm kiếm, đại khái đều xem qua.

Chính giữ chức trong cung, cùng hoạn quan Hoàng Hạo ở gần giao tiếp với nhau, qua ba mươi năm, Hạo từ chức hèn lên hàng quý hiển, thao túng uy quyền, Chính không được Hạo yêu, mà cũng chẳng bị Hạo ghét, vì thế quan vị không quá sáu trăm thạch, nhưng tránh được mối lo họa.

Chính noi theo các nhà nho thời trước, mượn văn để biểu đạt ý của mình, đặt tên là *Thích cơ*, bài *Thích cơ* nối theo ý văn *Đạt chỉ* của Thôi Nhân.⁽¹⁾ Lời văn ấy viết:

Có người chê ta rằng: "Nghe nói ghi chép của người xưa, sự nghiệp, thời đại đều có liên hệ, danh tiếng, công tích song hành, thế thì danh

¹ Thôi Nhân (崔駰), tự Đình Bá (亭伯), sống ở thời Tây Hán, người huyện An Bình quận Trác. Thôi Nhân học giỏi từ nhỏ, mười ba tuổi đã đọc thông *Kinh Thi*, *Kinh Dịch* và *Kinh Xuân Thu*. Khi vào nhà Thái học, nổi danh ngang với Ban Cố, Phó Nghị. Thôi Nhân phỏng theo lời bài văn *Giải trào* của Dương Hùng, làm bài văn *Đạt chỉ* đề đối lại.

toại và nghiệp thành, là điều cốt yếu của bậc hiền triết xưa vậy. Thế nên khai sáng chế độ dựng lập pháp điển, nếu không hợp thời thì chẳng thành được, nêu tiếng lưu danh, nếu không có công tích thì chẳng được ghi chép lại, danh tiếng cậy nhờ công huân mà nổi rõ, sự nghiệp cũng đợi thời cơ mới dựng nổi, thân chết danh diệt, là điều mà bậc quân tử cho là hổ thẹn vậy. Vì thế người thấu tỏ thiên mệnh nghiên cứu sâu đạo nghĩa, tìm tòi cái lẽ nhiệm màu, quan sát điềm báo của thiên vận, phân tích sự hưng suy ở thế gian, kẻ có tài hùng biện bôn tẩu đi du thuyết, bậc trí giả tùy cơ ứng biến, người có mưu suy diễn thao lược, hạng vũ sĩ múa võ dương oai, mây mù tụ hợp, gió giật chớp lòi, liệu thế xét thời, tìm chỗ tỏ tài năng, nhỏ thì chịu khuất lớn thì hiển lộ, lo việc công sao nhãng việc tư, dẫu có lúc nhỏ yếu khuất thân, nhưng nhanh chóng lớn mạnh vươn mình, cuối cùng làm nên sự nghiệp huy hoàng vậy. Nay tam phương dựng đỉnh, chín châu chưa thái bình, bốn bể bao la, vướng vào họa nạn, than ôi đạo nghĩa đắm chìm, xót thương cho lê dân nghiêng ngửa, đây thực là lúc bậc thánh hiền phải cứu khôn phò nguy, là cơ hội để kẻ sĩ trung liệt dựng công lập nghiệp vậy. Ngài vốn tài năng trác việt, khí chất như ngọc báu, kiến văn quảng bác, lưu tâm đến đạo thuật, không lẽ sâu xa nào không xét rõ căn nguyên, không bí ẩn nào không suy tìm tận lý; hiền ngang nhận mệnh, chường quản việc cơ mật, ra vào cung đình, nắm giữ việc then chốt, chín lần khảo xét mà chức vị chẳng đổi dời, chỉ tiến không lùi, ① tham cứu lẽ thật giả xưa nay, tính toán điều được mất của thời thế. Nay ngài không lâu hiển một kế, ngẫu nhiên dâng lời khuyên, chẳng qua là làm hết chức phận, để không thẹn với quan vị và bổng lộc thôi, chứ chưa thể nói là dốc kiệt lòng trung, xé gan vạch ruột, bày phương cách dâng lời thẳng, cứu vớt lê dân, khiến những kẻ thô lậu như bọn ta ngưỡng mộ đại danh. Sao ngài chẳng nhắc cày xe nói lỏng dây cương, để bánh xe lăn trên đường, xe vững cương lỏng, ngựa tùy ý mà đi, xét rõ nông sâu để liệu cách qua sông, tìm đường lớn sáng sửa mà tiến đến, gieo tiếng thơm để ngát hương cho đời, giúp bọn ta được mở mang tầm mắt, chẳng cũng là việc tốt đẹp lắm sao!"

Ta nghe rồi than rằng: "Hỡi ôi! Lại có người nói như vậy sao! Lòng dạ người ta chẳng hề giống nhau, thực cũng như mặt mũi người ta mỗi người mỗi khác, ngài dẫu dung nhan sáng sủa, đã đẹp lại tươi, nhưng nhìn trời trong ống ngắm bể trong bầu, giữ cái thành kiến hạn hẹp, không thể cùng ta đàm luận về cái giới hạn rộng lớn của tám phương, nói đến cái nghĩa tinh luyện của vạn vật được."

Có kẻ nóng nảy hấp tấp, ngẩng mặt nhú mày hỏi ta rằng: "Nói thế là sao! Nói thế là sao!"

Ta đáp lại rằng: "Ngu Thuấn đề phòng kẻ dối mặt đón ý mình, thánh Khổng ghét kẻ dụng tâm khiến mình vui thích, như lời mà ngài nói, rất hợp với tâm ý ta, ta sẽ vì ngài mà giải thích rõ việc này. Xa xưa từ thừa hồng hoang, còn sơ khai mông muội, Tam hoàng nhận mệnh thánh thần ban, Ngũ đế kế nối diêm triệu, cho đến thời nhà Hạ, nhà Thương, điển tịch xưa có ghi chép lại. Họ Cơ suy vi, đạo lý khuyết tổn, chư hầu tranh bá, Doanh Chính tàn ngược, nhai nuốt tám phương, vì thế gió nổi mây vần, kẻ gian trá như sao trời, quân tà ác như ong vỡ tổ, kẻ xảo trá mạnh nhả; có kẻ lộng giả thành chân để vờ thù hận, có kẻ giấu lòng tà ác để mưu lấy vinh hoa, có kẻ đón ý gian nịnh để mong cây dựa, có kẻ khoe thuật cao minh để tự đề cao mình; trái chính chuộng tà, bỏ người chính trực thân kẻ siểm nịnh, trung không có tiêu chuẩn, nghĩa không theo phép thường. Cho nên biến pháp của Thương Ưởng thất bại mà tà ác hưng khởi, nghĩa của Lý Tư hỏng mà gian trá nổi lên, thế lực của Bất Vi hiển hách mà tông tộc bị diệt, phép luận của Hàn Phi được lập mà thân chịu cực hình. Duyên có vì đâu? Lợi lộc khiến người ta động tâm, ân sủng khiến người ta tối mắt, ngắm nhìn cờ rồng phấp phới, ung dung xa phục long lanh, cầu thả cầu may mà được, trong lòng trần trọc không yên, tà ác hoang dâm mê loạn, phóng túng xằng bậy không cùng, nên nhạc ngựa chưa rền vang thân ngã dưới cang xe, đình viện chưa bước vào nóc nghiêng cột đổ. Rồi trời thu hồn phách, đất hút hơi tàn, người đến

viêng tang, quý bẫm giữa trán. Mới lên đến gò cao, rơi ngay vào hang tôi, sớm nhận vinh tốt tươi, tôi biến thành quý héo. Vì thế bậc hiền nhân quân tử tính sâu nghĩ xa, sợ điều trái nghiệt, mới siêu thoát trần thế, thà giấu thân trong bùn lầy, giữ lấy thanh danh ở cõi đời ô trọc. Đấy há phải là khinh chúa chê dân mà sao lãng với việc đời đâu? Vì thế Chu Dịch khuyên người ta cẩn thận về hành vi, 'Kinh Thi' khen việc xử thế khiêm cung kính cẩn, đấy là thần minh chỉ bảo mà cũng là đạo lý khiến người ta như thế vậy."

"Từ khi nhà Đại Hán ứng điềm trời thuận lòng người, chính trị xương thịnh, sáng như ánh xuân, cúi xét điển đất, ngừng trông phép trời, rải ân trạch khiến thế gian phồn vinh, nêu giáo hóa để phong tục thuần hậu, vua tôi theo pháp độ, đều giữ đức chân thành, trên mở lòng thu nhận lời khuyên, dưới tận chức khuông phò chính sự, quan không nhận sủng phù hoa, dân giữ hành vi chuyên nhất, rạng ngời cảnh tượng hân hoan, xem trọng việc làm trung nghĩa. Nhưng đạo trời có lúc thịnh suy, sự vật lúc hưng khi phế, lúc âm vang khi tĩnh lặng, lúc chói lóa khi mịt mờ. Như ánh dương cuối thu suy kiệt, khí âm hàn bị diệt lúc xuân sang, mặt trời lặn thì mặt trăng xuất hiện, bóng nguyệt tàn ánh dương lại bừng lên. Xung, Chấn tại vị không lâu; Hoàn, Linh triều cương đổ nát, anh hùng la liệt như mây, hào kiệt bao trùm nhân thế, nhà nhà nghị luận bất đồng, người người mang lòng khác ý, thế nên khách bày kế hợp tung liên hoành chột phoi gan tở ruột, kẻ gian trá giáo hoạt bỗng đưa lời khua múa đầu môi."

"Nay lưới trời đã vá lại, đức chính dựng ở cõi tây, cơ nghiệp vĩ đại của tổ tiên lại rạng ngời, ràng buộc người tài bằng tước vị, chấn hưng ngũ luân để giáo huấn tập tục, phong phú Cửu đức¹ để cứu vớt lê dân, cung kính thần minh để tế tự tông miếu, xét đạo thờ vua để phù tá Đế vương. Tuy thiên hạ chưa quy về một mối, lời hư hao chưa phân định trắng đen, nhưng lời răn dạy của thánh nhân truyền lại, là

¹ Cửu đức: Xem chú thích ở tập II, quyển 10, trang 295 (Tuân Úc truyện).

nếu công bằng hợp lý thì thiên hạ không ai khốn khổ; cho nên vua tôi hòa hợp ở triều đình, lê dân hơn hờ nơi sơn dã, động thì vâng thuận pháp chế, tĩnh thì noi theo quy củ. Hiền tài đông đảo, đều là hạng người như Nguyên Khải vậy;⁽¹⁾ có lỗi tất biết sửa đổi, đấy là đức nhân của Nhan Hôi vậy, cứng rắn bàn chính sự, có tài trị quốc của Nhiễm Hữu, Quý Lộ vậy;⁽²⁾ vẫy cánh bay cao, đấy là sự nghiệp của Y Doãn, Lã Vọng vậy. Hợp trí mưu của đông đảo người hiền, thu nhận ba kế Thượng, Trung, Hạ của Tiết Công,⁽³⁾ mở rộng bí sách của Trương Lương, Trần Bình, vì thế ra sức chinh phạt để tận tâm với việc đời, tiến dần nhân tài còn không có lúc rồi nhàn, há vô sự đi tu chính vô mắng trong bụi rậm!"

"Nhưng ta bất tài, ở triều đình đã nhiều năm, gửi thân chỗ Đế vương, trong lòng cho đấy là nơi cậy dựa. Vui thích cái sâu rộng của biển khơi, tán thán cái cao vút của Tung Nhạc, nghe Trọng Ni ca ngợi Bức Thương, cảm nhận cái ích lợi của nghiệp học, suy nghĩ việc Án Anh điều hòa chính sự, dẫu ý xác đáng mà phớt bỏ sai lầm; cho nên ta mạo muội nói lời xa xôi, cũng đôi khi có ích, ví như xét chọn việc được mất ở chốn chợ quê, nghe lời ngậm vịnh của trẻ con nô đùa nơi bờ ruộng, lấy đó để tăng thêm điềm lành, cố gắng dẫu lời khuyên. Nếu như hợp ý Đế vương, thì lấy cái hôn ám của mình hiệp trợ bậc thánh minh, ứng thuận thiên ý; nếu trái nghĩa lý, thì bởi ta vốn vô tài, lui về giữ cái ý ngu của mình thôi. Tiến thoái ứng theo số mệnh, chẳng che giấu không dối lừa, thuận theo thiên tính, vui biết mệnh trời, có gì hối hận đâu? Đấy là cái lý do ta ở triều không bị đuổi, có chức vị mà như không vậy. Cái hạn hẹp của Khuất Nguyên là luôn tỉnh, cái ô trọc của Ngư Phủ là phải say, cái khuất nhục của Liễu Quý là hỗn loạn, cái

¹ Nguyên Khải: Là nói đến Bát Nguyên, Bát Khải, là những người tài giỏi dưới thời trị của hai vua vua Nghiêu Thuấn.

² Nhan Hôi, Nhiễm Hữu, Quý Lộ, đều là những đệ tử giỏi của Không tử vậy.

³ Ba kế Thượng, Trung, Hạ của Tiết Công: Xem chú thích ở tập III, quyển 11, trang 25 (Diễn Trù truyện).

oán hận của Di Thúc là kiêu ngạo.⁽¹⁾ Hợp không xem là được, trái không coi là mất, được không dừng ngay, mất không buồn nản; không ưa tiến để mong cao, không lui sau vì lo thấp, không bán danh để cầu lợi, không chối tội vì sợ truất. Có lỗi lầm nào phải giải thích? Có bữa ăn nào phải đau tiếc? Có phương diện nào phải bài xích? Có lời trung nào phải dâng lên? Cho nên chín lần khảo hạch mà không bị đổi chức, thực vì ta kiên trì đạo lý của mình vậy.”

“Nay kẻ sĩ trong triều chất chồng như núi, anh tài xuất chúng tụ tập thành hàng, cũng như cá nấu mình trong biển lớn, như chim đậu ở rừng sâu, chim rừng bay đi không vì thế mà cho là chim giẫm, cá biển nổi lên không vì thế mà cho là cá đông. Huống chi mặt trời từng u ám ở thời Đường Ngu, mặt trăng ứng hợp ở thời Ân Thương, vua Vũ ở Dương Hu cầu khẩn mà thủy tai ngừng, vua Thang cầu đảo ở Tang Lâm mà mưa ngớt giáng. ② Tiến thoái có quy luật, khai bế có kỳ hạn. Di huấn của thầy ta, là không oán trời chẳng trách người, nghe theo mệnh trời tự giữ mình cung kính, ta có gì để nói nữa? Lời ta đã nói hết, đường đi đã rất hẹp, ta lui về giữ cái chí tiết thừa ban đầu, tổng hợp Tam phần Ngũ điển để truyền tiếng thơm cho đời, sưu tầm thư tịch cổ của họ Khổng, dùng ngôn ngữ vi diệu để bảo tồn đạo nghĩa, noi theo phép tắc của tổ tiên mà gây dựng pháp chế, tán dương đức an nhân của Thúc Hật, ca ngợi việc quy ẩn của họ Sơ, biết dừng biết đủ

¹ Khuất Nguyên (屈原): Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 162 (Trần Tư vương truyện).

Ngư Phụ (渔父): Là ông lão đánh cá, gặp Khuất Nguyên u sầu đứng trên bờ đầm, hỏi rằng: “Sao mà đến nỗi khốn khổ như vậy?” Khuất Nguyên nói: “Cả đời đục, một mình ta trong; cả đời say, một mình ta tỉnh, bởi vậy ta mới bị phóng khí.” Ngư Phụ nói: “Thánh nhân không câu nệ việc gì, lại hay tùy thời. Có phải đời đục cả đâu, sao ông không khuấy thêm bùn, vỗ thêm sóng, cho đục theo một thể? Loài người say cả, sao ông không biết ăn cả men, húp cả bã cho say theo một thể? Việc gì mà phải phòng xa, nghĩ sâu cho đến nỗi phải bị phóng khí?”

Liễu Quý (柳季), tức Liễu Hạ Huệ (柳下惠), xem chú thích ở tập VI, quyển 37, trang 156 (Pháp Chính truyện).

Di Thúc (夷叔): Bá Di, Thúc Tề, xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 85 (Lưu Biểu truyện).

để quay về, rong chơi sông hồ ung dung tự tại, thân ở nhà tranh mà lặng lẽ vui, tránh xa tội lỗi và hối hận ở đời, chỉ vì trong lòng ta chưa thư thái, sợ bị ngăn trở ở cuối đường, nên vẫn tìm kiếm sự khích lệ bản thân để tăng niềm phấn chấn, phơi bày lòng trung để tỏ rõ lời thề.”

”Xưa kia Cửu Phương khéo xét ngựa mà biết cái tinh quý ở trong, Tần Nha khéo xét ngựa mà rõ cái sức vóc bên ngoài, ③ Tiết Chúc giỏi xét bảo kiếm mà dương danh ở đời. ④ Hồ Lương mượn tiếng đàn để tiếng tăm lưu lại. ⑤ Khách nước Tề vỗ đùi để cứu giúp Điền Văn, ⑥ khách nước Sở trở tài ăn cắp để giữ vẹn Kinh Sở; ⑦ Ung Môn Chu kéo đàn cầm mà ẩn chứa lời khuyên, ⑧ Hàn Ai níu cương ngựa mà nức tiếng, ⑨ Lô Ngao rong chơi ở Huyện Khuyết, Nhược Sĩ phi thân vào mây xanh. ⑩ Ta thực chẳng thể sánh được tài nghệ với mấy người ấy, cho nên mới tĩnh tâm giữ tiết để tự yên.”

① Kinh Thượng thư viết: Ba năm xét công một lần, ba lần xét thì thăng thưởng người sáng suốt, truất phạt kẻ ngu tối. Chín lần xét thì là hai mươi bảy năm.

② Hoài Nam tử chép: Vua Vũ trị thủy, đích thân thỉnh xin thần sông ở Dương Hu, vua Shang khốn khổ vì đại hạn, đích thân cầu đảo ở Tang Lâm, thánh nhân lo lắng vì dân, như thế là tỏ rõ cái đức sáng của mình vậy.

Lã thị Xuân Thu chép: Xưa kia Ân Shang đánh được Hạ Kiệt thì thiên hạ đại hạn, ba năm liền mùa màng không có thu hoạch, vua Shang bèn đích thân cầu đảo ở Tang Lâm, nói:

- Một mình ta là người có tội, không can hệ đến muôn dân, muôn dân mắc tội, là tại ở một mình ta, không thể vì một mình ta không sáng suốt, mà khiến thượng đế hủy hoại vận mệnh của muôn dân.

Vua Shang vì thế tự cắt tóc mình, bẻ gãy ngón tay mình, tự hy sinh thân mình, dùng việc ấy để cầu phúc ở thượng đế. Dân chúng rất vui lòng, mưa bèn rơi xuống ào ạt.

③ Hoài Nam tử chép: Tần Mục công bảo Bá Nhạc rằng:

- Tuổi của ông đã cao rồi, trong họ nhà ông có thể sai người nào đó đi tìm ngựa tốt được chăng?

Bá Nhạc đáp:

- Ngựa hay, có thể quan sát từ hình dáng và gân cốt vậy. Tướng của con ngựa tốt nhất thiên hạ, nó như tan như biển, như có như không, một con ngựa như thế, khi chạy không tung bụi trần, không lưu vết bánh xe. Các con của thần đều là hạng kém tài, có thể bảo cho chúng biết được con ngựa hay nhưng không thể giảng cho chúng biết được con ngựa hay nhất thiên hạ. Về xem ngựa hay trong thiên hạ thì có một người từng hái rau vác củi cùng thần tên là Cửu Phương Nhân, tài xem tướng ngựa của người này, không hề kém thần, xin ngài hãy tìm gặp người đó.

Mục công gặp Cửu Phương Nhân, sai đi tìm ngựa, sau ba tháng quay về, báo rằng:

- Đã tìm được ngựa rồi, đang ở tại Sa Khâu.

Mục công hỏi:

- Ngựa ra sao?

Đáp rằng:

- Là ngựa cái sắc vàng.

Mục công bèn sai người đến lấy ngựa, là con ngựa đực sắc đen. Mục công không hài lòng, sai triệu Bá Nhạc đến bảo rằng:

- Hồng rồi! Cái người mà ngài giới thiệu đi tìm ngựa kia! Đến màu lông và đực cái còn chẳng thể phân biệt nổi, làm sao có thể biết được ngựa tốt?

Bá Nhạc bùi ngùi than dài, nói:

- Trình độ đến như thế sao! Thế thì hơn thần đến ngàn vạn lần rồi. Như cái mà Nhân xét là huyền vi của trời vậy, xét cái tinh thần mà quên chỗ thô thiển, xét bên trong mà quên đi vẻ bề ngoài, thấy thứ đáng thấy mà cái không đáng thấy thì thôi, nhìn cái đáng nhìn mà cái không đáng nhìn thì bỏ, như phép xem tướng ngựa của ông ấy, thì có được ngựa quý vậy.

Ngựa về đến nơi, thì quả nhiên là ngựa hay nhất thiên hạ vậy.

Hoài Nam tử lại chép: Bá Nhạc, Hàn Phong, Tân Nha, Cát Thanh, cách xem tướng ngựa của mỗi người đều có điểm khác lạ, nhưng họ

đều biết được con ngựa hay nhất; đại đế là Cửu Phương quan sát cái tinh thần của con ngựa, Tần Nha xét hình dáng của con ngựa.

④ *Việt tuyệt thư* chép: Xưa Việt vương Câu Tiễn có năm thanh bảo kiếm, nổi danh thiên hạ. Có người khách có tài xét kiếm tên là Tiết Chúc, Vương triệu Chúc đến hỏi rằng:

- Ta có năm thanh kiếm bảo kiếm, xin ngài hãy xem cho ta.

Bèn lấy ra hai thanh là Hào Tào và Cự Khuyết, Tiết Chúc nói:

- Đều không phải là kiếm tốt vậy.

Vương lại lấy ra hai thanh là Thuần Câu và Trạ Lư, Chúc nói:

- Xem hoa văn của kiếm này, lấp lánh như sao trời chuyển động, xem ánh sáng của kiếm này, loang lổ như nước sắp tràn đê, xem đường vân của kiếm này, sáng loáng như băng sắp tan, cây kiếm này gọi là Thuần Câu chẳng?

Vương nói:

- Đúng vậy.

Vương lại hỏi rằng:

- Có người khách định giá của nó bằng ba ngôi nhà trong chợ, nghìn con tuần mã, hai tòa thành nghìn hộ, có được chăng?

Tiết Chúc nói:

- Không được! Vào lúc đúc thanh kiếm này, phải đục núi Xích Cạn mà lấy thiếc, tát nước ở khe Nhược Tà để lấy đồng, thần mưa rẩy nước, thần sấm đánh trống, Thái Nhất xuống xem, thiên thần giáng hạ, Âu Dã Tử bèn dựa vào tinh khí của trời, trổ hết kỹ xảo của mình mà đúc thành, thanh kiếm thứ nhất là Thuần Câu, thanh kiếm thứ hai là Trạ Lư. Nay núi Xích Cạn đã phẳng, khe Nhược Tà đã sâu mà chẳng thể đo, Âu Dã Tử thì đã chết, dẫu đóng vàng tràn thành, đổ ngọc lấp sông, cũng không đổi được một thanh kiếm như thế. Ba ngôi nhà trong chợ, nghìn con tuần mã, hai tòa thành một nghìn hộ, làm sao đủ để nói chuyện được!

⑤ *Hoài Nam tử* chép: Hồ Ba gảy đàn sắt mà cá Tầm bơi đến nghe.

Lại viết: Lời ca của Hồ Lương có thể xướng theo được, nhưng giọng ca thì chẳng thể học được vậy.

⑥ Thần Tùng Chi nói: Xét chỗ này nói là môn khách dưới trướng của Mạnh Thường Quân Điền Văn, có tài bắt chước tiếng gà gáy để cứu cái nguy khốn cho Điền Văn. Phàm là khi làm tiếng gà gáy, tất phải vỗ đùi trước, để bắt chước tiếng vỗ cánh của con gà vậy.

⑦ *Hoài Nam tử* chép: Tướng nước Sở là Tử Phát thích tìm kẻ sĩ giỏi kỹ xảo. Nước Sở có người giỏi nghề ăn trộm, qua gặp Tử Phát nói:

- Nghe nói ngài tìm kiếm kẻ sĩ giỏi về kỹ xảo, ta là kẻ trộm, nguyện đem cái thuật ăn trộm đi theo làm một tên lính.

Tử Phát nghe nói, áo không kịp thắt đai, mũ không kịp đội thẳng, ra gặp rồi dùng lễ tiếp đón người ấy. Tả hữu can rằng:

- Kẻ trộm, là đạo tặc của thiên hạ, sao dùng lễ đãi ngộ hân?

Tử Phát nói:

- Đây không phải là việc mà tả hữu cái các người tham gia được.

Không lâu sau, nước Tề hưng binh phạt Sở. Tử Phát đem đại quân ra ngăn địch, binh Sở lui ba lần. Đại phu hiền tài của nước Sở đều dốc kế tận trung, nhưng binh nước Tề quá mạnh. Đang lúc ấy tên lính tài ăn trộm tiến lên nói:

- Thần có nghề mọn, nguyện vì ngài mà ra sức.

Tử Phát nói:

- Được.

Tên trộm bèn đi ngay trong đêm, cõng lấy bức trướng của tướng nước Tề, rồi dâng lên cho Tử Phát. Tử Phát sai người đem trả lại bức trướng cho tướng Tề, nói:

- Lính của ta có người ra ngoài kiếm củi, bắt được bức trướng của tướng quân, ta sai sứ đem trả cho ngài.

Hôm sau tên trộm lại qua lần nữa lấy cái gối, Tử Phát lại sai đưa trả về. Hôm sau nữa lại qua lấy cái trâm, Tử Phát lại sai đem trả. Quân Tề nghe nói cả sợ, tướng nước Tề và các tiểu tướng quan lại bàn với nhau rằng:

- Hôm nay không lui, e rằng quân Sở lấy đầu ta mất!

Lập tức ban sư lui về.

⑧ *Tân luận* của Hoàn Đàm chép: Ung Môn Chu cầm đàn tới yết kiến Điền Văn. Mạnh Thường Quân nói:

- Tiên sinh gảy đàn, tiếng đàn có thể khiến Văn này bi thương chăng?

Đáp rằng:

- Tiếng đàn của thần có thể khiến người khác bi thương, đó là những người trước quý sau tiện, xưa giàu có mà nay bần hàn, bị ruồng bỏ bức đến đường cùng, xóm giềng không ai giao vãng. Không thế thì phải là người thân mang tài cao diệu, khí chất chân thành lòng đầy hoài bão, gặp lời gièm pha phi báng, oán hận tích kết mà chẳng có ai để bày tỏ. Nếu không hẳn phải là người vì niềm vui sướng kết tình thân ái, không sâu oán phải chia ly, đi xa tít nơi biên thùy, không hẹn ngày gặp lại. Nếu lại không thế hẳn là người lúc nhỏ không có cha mẹ, lớn lên không có vợ con, ra ngoài lấy đầm ao làm láng giềng, khi về lấy hang hốc làm nơi ở, có mối nguy sớm tối, không ai giúp đỡ. Những người như thế, chỉ nghe tiếng quạ kêu, tiếng gió thu lay động, thì đã thương tâm rồi, thần đánh đàn cho họ nghe một lần như tiếng than dài, chưa ai không xót xa bùi ngùi mà rơi nước mắt vậy. Nay như túc hạ, ở nhà cao điện rộng, cửa lầu liên phòng lớn, trướng lụa rủ buông, gió mát phe phẩy; tiếng ca cận kề, lời nịnh hót văng bên tai, tiếng nhạc nước Sở du dương, điệu múa nước Trịnh uyển chuyển, âm thanh réo rắt vui hai tai, sắc lụa phát phơ say con mắt; chơi dưới nước thì đua thuyền rồng, thuyền cắm cờ lông chim, khua mái chèo chẳng để ý chỗ sâu; du ngoạn ngoài đồng thì trèo lên bãi phẳng, rong ruổi ung dung nơi đồng rộng, giương cung cứng bắn chim trời bay cao, sai dũng sĩ tay không đấu mãnh thú; bày rượu vui nhạc, say sưa quên lối về. Đương lúc bấy giờ, nhìn trời đất không bằng một ngón tay, dẫu thần khéo gảy đàn, cũng không thể cảm động đến túc hạ được.

Mạnh Thường Quân nói:

- Đương nhiên là thế!

Ung Môn Chu nói:

- Nhưng thần trộm cho là túc hạ thường xuyên có nỗi đau buồn. Ôi, tranh nhau ngôi Đế mà bị khốn ở nước Tần là ngài vậy, liên

hợp năm nước mà đánh nước Sở lại cũng là ngại vậy. Thiên hạ chưa từng được vô sự, không hợp tung thì liên hoành; hợp tung thành thì Sở làm vương, liên hoành thành thì Tần xưng đế. Dùng cái mạnh của Tần, Sở mà báo thù ấp Tiết yếu, cũng như mài búa sắc mà chặt cây nắm trên mộ vậy, kẻ sĩ có kiến thức, chẳng ai không vì tức hạ mà ghê lòng. Đạo trời chẳng thịnh mãi, nóng lạnh thay nhau tiến lùi, nghìn vạn năm về sau, tông miếu tất chẳng ai thờ cúng; đài cao đã đổ rồi, ao sâu đã lấp, phần mộ cỏ gai mọc dày, chồn cáo làm hang bên trong, trẻ trâu nô đùa giẫm chân băng quơ lên mộ ngại mà cất lời ca rằng: "Cái tôn quý của Mạnh Thường Quân, cũng chỉ thế này sao!"

Vì thế Mạnh Thường Quân bùi ngùi than thở, nước mắt tràn mi nhưng chưa rơi xuống. Ung Môn Chu lôi đàn cầm ra gảy, thông thả động vào cung Chủy, gõ nhẹ cung Giốc cung Vũ, cuối cùng hoàn thành một khúc nhạc, Mạnh Thường Quân bèn sụt sịt rồi đến gần Ung Môn nói:

- Tiên sinh gảy đàn, khiến cho Văn này lập tức như kẻ vong quốc vậy.

⑨ *Lã thị Xuân Thu* chép: Hàn An, là người đánh xe cho vua.

Thánh chủ đặc hiên thần tụng của Vương Bao chép: Đến lúc ngựa Niết Tất đóng vào xa giá, người đánh xe đến chỗ ngồi, Vương Lương giữ dây cương, Hàn Ai đánh xe, thả cương cho ngựa phi, ngựa thốt nhiên lao vút, qua thành vượt quốc, vó câu đập thần tốc, băng băng như tia chớp, gió cuốn theo phía sau, ruồi rong khắp tám phương, một hơi đi vạn dặm, xa bát ngát vậy sao! Đây là vì người ngựa tương hợp vậy.

⑩ *Hoài Nam tử* chép: Lô Ngao rong chơi đến Bắc Hải, qua Thái Âm, tiến vào Huyện Khuyết, lên núi Mông Cốc, gặp một đạo sĩ, người này hốc mắt sâu mà tóc đen, vai điều hâu mà cổ ngắn, nửa thân trên phì nộn mà nửa thân dưới teo tóp, đang hớn hờ cười vui đón gió mà múa, khi ngoảnh đầu lại thấy Lô Ngao, bèn dừng tay thôi múa, lẩn trốn ở dưới tấm bia. Lô Ngao cúi xuống nhìn kỹ người ấy, thấy đang uốn mình như lưng rùa lúc ăn con hào. Lô Ngao bèn nói với người ấy rằng:

- Chi có Ngao là người lìa bè bạn bỏ xóm làng, đi xem cái chỗ tận cùng ở ngoài sáu cõi, ngoài Ngao ra có ai đâu! Ngao từ nhỏ thích rong chơi, lớn không thay đổi, đã đi khắp nơi xa của bốn cõi, duy có cực bắc là chưa nhìn đến, nay thốt nhiên thấy phu tử ở chỗ này, phu tử có muốn cùng Ngao kết làm bằng hữu chăng!

Nhược Sĩ nghe rằng rồi cười nói:

- Hi hi! Ông là người ở Trung Châu, sao chịu đi xa đến thế? Chỗ này mặt trăng mặt trời vẫn chiếu sáng mà ánh sao đầy trời, là chỗ âm dương chuyển vận, bốn mùa biến hóa, chỗ này sánh với vùng đất không tên, cũng là thần bí vậy. Nếu ta hướng về nam là ngao du ở cõi mệnh mông, đi lên bắc là dừng nghỉ ở vùng đất âm u tĩnh mịch, hướng sang tây là đến khu đất xa tít mịt mùng, xuyên sang đông là nơi ánh mặt trời xuất hiện, nơi ấy dưới không có đất trên không có trời, tai không nghe thanh âm, mắt nhìn thì hư ảo, bên ngoài chỗ ấy có dòng nước rất sâu, ta một lần cất chân là đi nghìn vạn dặm, nhưng vẫn chưa thể đến đó. Nay ông mới rong chơi đến chỗ này, lại nói là đi xem tận cùng khắp nơi, so với chỗ ta nói, há chẳng phải còn xa lắm sao! Thế thì ông ở đây thôi, ta có hẹn với người ở cõi mệnh mang tại nơi xa hoang vu ngoài chín cõi, không thể lưu lại lâu được.

Nhược Sĩ nhắc tay đứng thẳng lên, bèn phi vào trong mây. Lô Ngao ngẩng trông theo, khi không thấy nữa mới thôi, nói:

- Ta so với phu tử, cũng như con sâu dưới đất so với chim hoàng hộc, bò đi suốt ngày chẳng nổi thước tấc, tự cho là đi xa, chẳng cũng buồn sao!

Năm Cảnh Diệu thứ sáu, Hậu chủ theo kế của Tiêu Chu, phái sứ giả xin hàng với Đặng Ngải, thư ấy do Chính viết vậy. Tháng giêng năm sau, Chung Hội tác loạn ở Thành Đô, Hậu chủ dời sang đông đến Lạc Dương, bấy giờ tình thế cấp bách rối loạn, đại thần nước Thục không ai theo giúp, duy có Chính và Điện trung đốc là Trương Thông người quận Nhữ Nam, bỏ vợ con một mình đi theo hầu. Hậu chủ nhờ có Chính dẫn lối nên mọi việc hợp thể chế, hành vi không mắc lỗi khuyết, vì thế

cảm khái than dài, hận là mình hiểu Chính quá muộn. Người đòi bàn luận khen Chính.

Chính được ban tước Quan nội hầu. Năm Thái Thủy trung, được phong làm An Dương lệnh, sau thăng làm Thái thú Ba Tây.

Năm Thái Thủy thứ tám Đế hạ chiếu rằng:

"Chính khi trước ở Thành Đô, trong lúc đảo điên giữ nghĩa, không trái tiết trung, lúc được trọng dụng, tận tâm với chức vụ, có công tích trị lý, nay lấy Chính làm Thái thú Ba Tây."

Năm Hàm Ninh thứ tư Chính chết. Các thơ ca, luận tán, từ phú mà Chính soạn chép, cả thấy gần trăm thiên.

Bình rằng: Đỗ Vi tu thân giữ chí an nhàn, không thay đổi theo thế, phong thái và khí tiết gần được như Bá Di, Tứ Hạo. Chu Quần chiêm bốc thiên tượng có chứng nghiệm, Đỗ Quỳnh trầm mặc kín đáo cẩn thận, đều là nhà nho thuần túy vậy. Hứa, Mạnh, Lai, Lý, học rộng biết nhiều, Doãn Mặc tinh thông *Tả thị*, tuy đức hạnh và học nghiệp của họ chẳng nổi rõ, nhưng đích xác đều là học sĩ vang tiếng một thời. Tiêu Chu văn chương lý lẽ uyên bác thông đạt, là bậc đại nho đương thời, có phong thái của Đồng Trọng Thư, Dương Hùng. Khuốc Chính văn từ hoa lệ xán lạn, có phong cách của Trương Hành, Sái Ung, hơn nữa hành vi đúng mực, giữ đạo lý cốt lõi của bậc quân tử vậy. Việc làm của hai vị Tiêu, Khuốc ở triều Tấn ít, sự tích đa phần ở Thục, cho nên được soạn chép vào thiên này.^①

① Trương Phan cho rằng cái kế hàng Ngụy mà Tiêu Chu trình bày, đại để vốn đã dự liệu là Lưu Thiện yếu hèn nhu nhược, trong lòng không có ý phản kháng, nên mới được thi hành vậy. Nếu gặp phải người nóng nảy hung bạo, đâu không có kế mưu chống địch, nhưng tự phụ rằng thà chết theo nước còn hơn chịu sỉ nhục, hoặc nổi giận giết bừa, để lập cái uy nhất thời, sừng ý trong chốn lát, thì việc làm ấy của Chu đã rước lấy cái họa di diệt rồi.

QUYỀN THỨ BỐN MƯƠI BA

HOÀNG, LÝ, LÃ, MÃ, VƯƠNG, TRƯƠNG

TRUYỆN



Hoàng Quyền tự Công Hành, người quận Ba Tây huyện Lăng Trung. Thời trẻ làm Quận lại, Châu mục là Lưu Chương triệu làm Chủ bộ. Lúc Biệt giá Trương Tùng kiến nghị, nên nghênh đón Tiên chủ, sai thảo phạt Trương Lỗ, Quyền can rằng:

- Tả tướng quân có tiếng là người kiêu dũng, nay mời đến, muốn đãi ngộ như bộ khúc, thì trong lòng ông ấy bất mãn, muốn dùng lễ tân khách mà đối đãi, thì một nước chẳng thể chứa hai vua. Nếu khách vững ổn như núi Thái, thì chủ tất nguy như trứng chòng. Chỉ nên đóng cửa tự giữ, đợi thiên hạ thái bình.

Chương không nghe, phái sứ giả nghênh đón Tiên chủ, đuổi Quyền ra làm Trưởng huyện Quảng Hán. Lúc Tiên chủ đánh úp lấy Ích châu, tướng soái chia nhau đi đánh hạ quận huyện, các quận huyện theo gió quy phục cả, Quyền đóng cửa thành giữ vững, đến khi Lưu Chương cúi hàng, Quyền bèn đến hàng Tiên chủ. Tiên chủ cho Quyền tạm làm Thiên tướng quân.^①

Tào công phá Trương Lỗ, Lỗ chạy trốn vào Ba Trung, Quyền dâng lời rằng:

- Nếu mất Hán Trung, thì Tam Ba⁽¹⁾ không chấn hưng nổi, đấy là cắt mất tay chân của Thục vậy.

¹ Tam Ba, tức các quận Ba, Ba Đông và Ba Tây.

Vì thế Tiên chủ lấy Quyền làm Hộ quân, thống suất chư tướng nghênh đón Lỗ. Lỗ đã quay về Nam Trịnh, lên bắc hàng Tào công, sau này đả bại Đỗ Hoạch, Phác Hồ,⁽¹⁾ giết Hạ Hầu Uyên, chiếm cứ Hán Trung, đều xuất từ mưu kế gốc của Quyền vậy.

① Từ Chúng bình rằng: Quyền đã dốc lòng can chúa, lại đóng cửa thành chống giữ, là đã trọn lễ thờ chúa rồi. Vũ vương xuống xe, đắp mộ phần của Tỉ Can, treo cờ tinh ở cửa làng khen ngợi Thương Dung, là để biểu chương làm vẻ vang cho kẻ sĩ trung hiền, tỏ rõ cái ý quý trọng hiền tài của mình vậy.⁽²⁾ Tiên chủ tạm cho Quyền làm tướng quân, là việc tốt, nhưng còn rất bạc, chưa đủ để biểu chương tiết tháo cao của kẻ sĩ trung nghĩa, khuyến khích rộng rãi tấm lòng của kẻ làm việc thiện vậy.

Tiên chủ làm Hán Trung vương, vẫn lĩnh Ích châu mục, lấy Quyền làm Trị trung tông sự. Lúc xưng tôn hiệu, sắp sang đông phạt Ngô, Quyền can rằng:

- Người Ngô mạnh hơn thiện chiến, thêm nữa thủy quân ta xuôi dòng xuống, dễ tiến khó lui, thần xin làm tiền khu để thử giặc, bệ hạ nên trấn mặt sau.

Tiên chủ không nghe, lấy Quyền làm Trấn bắc tướng quân, đốc quân ở bắc sông Giang để phòng quân Ngụy; Tiên chủ tự đóng quân ở phía nam sông. Lúc tướng Ngô là Lục Nghị xuôi dòng phá vỡ vòng vây của Thục, quân phía nam bại trận, Tiên chủ lui binh. Bởi đường về bị cắt, Quyền không quay lại được, cho nên đem các tướng mà mình quản lĩnh tới hàng Ngụy. Chấp pháp của Hưu ti bầm là hãy bắt vợ con của Quyền. Tiên chủ nói:

- Là Cô phụ Hoàng Quyền, chứ Quyền chẳng phụ Cô vậy.

Rồi đổi đãi với họ như trước.①

¹ Đỗ Hoạch và Phác Hồ, là Thái thú Ba Đông và Ba Tây.

² Tỉ Can (比干): Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 263 (Cao Quý hương công Tào Mao truyện); Thương Dung (商容): Xem chú thích ở tập IV, quyển 21, trang 307 (Lô Dục truyện).

① Thần Tùng Chi cho rằng Hán Vũ dựa vào lời vu khống hão huyền, giết cả nhà Lý Lăng,⁽¹⁾ Lưu chủ cự tuyệt Chấp pháp của Hữu ti, tha cho cả nhà Hoàng Quyền, cái tốt cái xấu của hai vị quân chủ thật khác nhau xa lắm vậy. *Kinh Thi* nói rằng: "Vui thay bậc quân tử, con cháu được dưỡng yên", chính là nói về người như Lưu chủ vậy.

Ngụy Văn đế bảo Quyền rằng:

- Ngài bỏ nghịch theo thuận, muốn theo vết Trần Bình, Hàn Tín đó chăng?

Quyền thưa rằng:

- Thần chịu ân quá hậu của Lưu chủ, chẳng thể hàng Ngô, về Thục không có đường, vì thế đành theo bệ hạ. Vả lại tướng bại quân, được thoát chết là may, sao dám học đòi cổ nhân nữa.

Văn đế khen, bái làm Trấn nam tướng quân, tước Dục Dương hầu, gia thêm chức Thị trung, cho ngồi cùng xe.

Hàng nhân nước Thục có người nói vợ con Quyền bị giết, Quyền biết đó là lời hão, nên không tự tiện phát tang, ① sau hỏi rõ, quả như điều Quyền nghĩ tính.

Khi tin Tiên chủ mất truyền đến, quần thần nước Ngụy đều vui mừng, duy có Quyền là không. Văn đế xét thấy Quyền có khí độ, muốn thử dọa Quyền, bèn sai tả hữu hạ chiếu cho gọi Quyền, người còn chưa tới, đã liên tiếp thúc giục, ngựa của sứ giả ruối rong, giao nhau trên đường, quan lại thuộc hạ của Quyền chẳng ai không bỏ vía, mà Quyền cử chỉ nét mặt vẫn thản nhiên. Sau Quyền lĩnh Thứ sử Ích châu, dời đến Hà Nam.

¹ Lý Lăng (李陵) tự Thiếu Khanh (少卿), người huyện Thành Kỳ, quận Lũng Tây, là danh tướng Tây Hán, cháu của Lý Quảng. Lăng đem binh đánh Hung Nô, binh ít bị Hung Nô vây, Lăng ra sức chiến đấu anh dũng, đến sức cùng lực kiệt đành phải hàng để chờ thời. Có kẻ ngoa truyền là Lăng đem binh hàng giặc, Hán Vũ đế giết cả ba họ nhà Lăng.

Đại tướng quân Tư Mã Tuyên vương rất quý trọng Quyền, hỏi rằng:

- Trong Thục có độ mấy người như khanh?

Quyền cười đáp rằng:

- Chẳng ngờ mình công xem trọng Quyền này đến thế.

Tư Mã Tuyên vương gửi thư cho Gia Cát Lượng nói:

"Hoàng Công Hành, là kẻ sĩ hào sảng, thường ngồi cảm thán bày tỏ về túc hạ, trước sau như một."

Năm Cảnh Sơ thứ ba, là năm Diên Hi thứ hai ở Thục, Quyền được thăng làm Xa kỵ tướng quân, Nghi đồng Tam ti.^② Năm sau Quyền chết, được ban thụy là Cảnh hầu. Con của Quyền là Ung nối tự. Ung không có con, tuyệt tự.

① *Hán Ngụy Xuân Thu* chép: Văn đế hạ chiếu sai phát tang, Quyền đáp:

- Thần với Lưu, Cát⁽¹⁾ lấy lòng thành tin tưởng nhau, họ tất hiểu rõ bản ý của thần. E rằng tin tức không thực, xin đợi sau sẽ hỏi thêm.

② *Thục ký* chép: Ngụy Minh đế hỏi Quyền:

- Thiên hạ chia ba, nên lấy nơi nào làm chính?

Quyền đáp:

- Nên lấy thiên tượng làm chính thống. Trước đây Huỳnh Hoắc phạm sao Tâm thì Văn hoàng đế mất, quân chủ hai nước Ngô, Thục bình an, đấy là chứng có vậy.⁽²⁾

Quyền để lại ở Thục một người con là Sùng, làm Thượng thư lang, theo Vệ tướng quân là Gia Cát Chiêm cự Đặng Ngải. Đến huyện Phù, Gia Cát Chiêm dừng lại không tiến nữa, Sùng liên

¹ Gia Cát Lượng gốc họ Cát. Xem tập VII, quyển 52, (Gia Cát Cẩn truyện).

² Huỳnh Hoắc, tức sao Hỏa, chủ chiến tranh, điềm. Sao Tâm tức sao Thần Nông, đại diện cho Đế vương. Sao Hỏa phạm sao Tâm là điềm báo Đế vương gặp tai vạ. Quyền khéo léo đáp ý, tỏ rõ rằng nước Ngụy là chính thống vậy.

tục khuyên Chiêm nên tức tốc tiến chiếm chỗ hiểm, không để địch vào chỗ đất bằng. Chiêm do dự không quyết, Sùng khuyên đến chảy nước mắt. Lúc Ngải xua ngựa ruổi dài về phía trước, Chiêm lui về đến huyện Miên Trúc tác chiến, Sùng lấy mình làm gương khích lệ quân sĩ, quyết một trận tử chiến, lâm trận bị giết.

Lý Khôi tự Đức Ngang, người quận Kiến Ninh huyện Du Nguyên. Ra làm Đốc bưu ở quận, chồng của cô ruột Khôi là Thoán Tập làm Kiến Linh lệnh, làm việc phạm phép, Khôi vì liên lụy bị bãi chức. Thái thú Đồng Hòa cho rằng Tập là người của họ tộc lớn ở địa phương, bèn dừng việc ấy không bãi chức Khôi.^① Sau lại tiến cử Khôi lên châu, đi đường chưa đến nơi, nghe nói Tiên chủ từ Gia Manh quay lại đánh Lưu Chương. Khôi biết là Chương tất bại, Tiên chủ tất thắng, bèn mượn danh sứ giả của Quận thú, lên bắc đến chỗ Tiên chủ, gặp ở Miên Trúc. Tiên chủ khen Khôi, cho theo đến Lạc Thành, Tiên chủ sai Khôi tới Hán Trung giao hảo với Mã Siêu, Siêu bèn vâng lệnh.

Thành Đô đã định, Tiên chủ lĩnh Ích châu mục, lấy Khôi làm Công tào Thư tá chủ bộ. Về sau có kẻ là tù binh bỏ trốn vu hãm, nói Khôi tham gia mưu phản, Hữu ti bắt giải đi, Tiên chủ biết rõ là không phải, lại thăng Khôi làm Biệt giá tòng sự.

Năm Chương Vũ nguyên niên, Lai Hàng đô đốc⁽¹⁾ Đặng Phương chết, Tiên chủ hỏi Khôi:

- Ai có thể thay được?

Khôi đáp rằng:

- Tài năng của mỗi người, đều có chỗ sở trường sở đoản, cho nên Khổng tử nói: "Dùng người chỗ nào thì đánh giá chỗ đó."

¹ Đây là chức quan, sau khi Lưu Bị định Thục, đặt ra chức quan này, sai thống lĩnh các quận Nam Trung, sở trị đặt ở huyện Nam Xương.

Va lại có quân chủ anh minh ở trên, thì có bấy tôi tận tâm ở dưới, vì thế ở chiến dịch Tiên Linh ngày trước, Triệu Sung Quốc nói: "Chẳng ai bằng lão thần."⁽¹⁾ Riêng thần chẳng tự liệu sức, mong bề hạ nên xét kỹ.

Tiên chủ cười nói:

- Bản ý của Cô, cũng là chọn khanh vậy.

Bèn lấy Khôi làm Lai Hàng đô đốc, sai cầm cờ tiết lĩnh chức Giao châu Lặt sử, đóng ở huyện Bình Di.^②

① *Hoa Dương quốc chí* chép: Tập sau làm quan tới chức Lĩnh quân.

② Thần Tùng Chi hỏi thăm người Thục, họ nói rằng địa danh Lai Hàng, cách Thục hơn hai nghìn dặm, thời ấy chưa có Ninh Châu, xứ đó gọi là Nam Trung, lập ra chức ấy là để tổng nhiếp các việc ở đó. Năm Thái Thủy trung thời nhà Tấn, mới chia đặt làm Ninh Châu.

Tiên chủ mất, Cao Định ngông lão ở quận Việt Tuyến, Ung Khai ngang ngược ở quận Kiến Ninh, Chu Bao phản loạn ở quận Tang Ca. Thừa tướng Lượng nam chinh, tiến đến quận Việt Tuyến, Khôi theo đường mòn hướng tới quận Kiến Ninh. Quân của các huyện đại liên hợp nhau lại, vây quân của Khôi ở Côn Minh. Bấy giờ bộ chúng của Khôi ít hơn địch mấy lần, lại không nhận được tin của Lượng, bèn lừa dối người Nam rằng:

- Quan quân đã hết lương, muốn rút lui, trong số bọn ta nhiều người xa quê đã lâu, nay được trở về, chẳng định quay lại phương bắc nữa, muốn cùng các ông chung kế mưu, cho nên tỏ lòng thành bảo với nhau.

¹ Triệu Sung Quốc (赵充国), là danh tướng thời Tây Hán. Tộc Tiên Linh của rợ Khương làm loạn, Hán Tuyên đế hỏi Triệu Sung Quốc: "Ai có thể làm tướng xuất chinh?" Triệu Sung Quốc đáp: "Không ai bằng lão thần." Tuyên đế đồng ý. Triệu Sung Quốc cầm quân, giữ vững chiến lược phòng thủ đợi quân Khương sinh biến. Về sau chỉ đánh một trận mà thắng lớn, bắt giết gần hết quân Khương, danh tiếng lẫy lừng.

Người Nam tin lời, vì thế vòng vây nói lỏng. Khôi bèn ra đánh, đại phá chúng, đuổi chúng chạy dài, phía nam đuổi tới Bàn Giang, phía đông đuổi đến Tang Ca, gây thanh thế hô ứng với Lượng. Phương nam bình định, quân của Khôi có công lớn, Khôi được phong làm Hán Hưng đình hầu, gia thêm chức An Hán tướng quân.

Sau khi quân quay về, người Di ở phương nam lại phản, giết tướng trấn giữ ở đấy. Khôi đích thân đi đánh dẹp, diệt trừ hết kẻ ác, chuyển hào soái của họ về Thành Đô, đánh thuế các bộ lạc Tảo, Bộc thu lấy trâu cày, chiến mã, vàng bạc, da tê, sung vào kho của trong quân, bởi thế phí dụng không thiếu thốn.

Năm Kiến Hưng thứ bảy, vì Giao châu thuộc Ngô,⁽¹⁾ mới giải trừ chức Thứ sử Giao châu của Khôi. Đổi lĩnh chức Thái thú Kiến Ninh, về giữ quận nhà. Sau lại chuyển nhà đến Hán Trung, năm thứ chín thì chết. Con của Khôi là Di nối tự.

Con của em trai Khôi là Cầu, làm Vũ lâm Hữu bộ đốc, theo Gia Cát Chiêm cự Đặng Ngải, vâng mệnh lâm trận, chết ở Miên Trúc.

Lã Khải tự Quý Bình, người ở quận Vĩnh Xương huyện Bất Vi.① Ra làm Công tào của Ngũ quan duyệt tại quận. Bấy giờ bọn Ung Khải nghe tin Tiên chủ mất ở Vĩnh An, càng kiêu căng ngạo mạn thêm. Đô hộ là Lý Nghiêm sáu lần viết thư cho Ung Khải, giảng giải bảo rõ lợi hại, Khải chỉ đáp lại một lần, nói:

- Nghe nói trên trời không có hai mặt trời, dưới đất chẳng có hai vua, nay thiên hạ chia ba, lịch chính sóc có ba bộ, vì thế người ở xa sợ hãi nghi ngờ, chẳng biết hướng về đâu.

Lời lẽ lếu láo ngạo mạn như thế.

¹ Là thời điểm Tôn Quyền xưng đế, lập minh ước phân chia thiên hạ (hư phân). Xem tập VI, quyển 45 (Đặng Chi truyện).

Khải lại hàng Ngô, Ngô từ xa đặt Khải làm Thái thú Vĩnh Xương. Vị trí quận Vĩnh Xương ở phía tây quận Ích châu, đường đất tắc nghẽn, ngăn cách với Thục, mà Thái thú của quận mới đổi, Lã Khải cùng Phủ thừa của Thục Quận là Vương Kháng thống suất quan dân, đóng cửa biên quan cự Khải. Khải mấy lần phát hịch văn đến quận Vĩnh Xương, tuyên truyền đủ thứ.

Lã Khải đáp hịch rằng:

"Trời giáng họa loạn, gian hùng thừa cơ nổi dậy, người thiên hạ nghiêng rãng cầm hận, vạn quốc bi thống, thần dân lớn nhỏ, chẳng ai không dốc hết gân sức, gan óc lay đất, để trừ quốc nạn. Cúi nghĩ tướng quân đời đời chịu ân của nhà Hán, đáng phải đem thân tự tỵ hợp bộ chúng, xông lên trước làm gương, trên báo đáp quốc gia, dưới chẳng phụ tiền nhân, chép công vào tre lụa, lưu danh đến nghìn thu. Há đâu lại xưng thần làm nô bộc cho Ngô Việt, bỏ gốc lấy ngọn ru?"

"Xưa kia vua Thuấn siêng năng với việc dân, chết ở Thương Ngô, thục tịch tán dương, lưu tiếng đến vô cùng. Vua băng ở bến sông, há chẳng bi thương sao!⁽¹⁾ Văn, Vũ nhận thiên mệnh, đến Thành vương mới thái bình.⁽²⁾ Tiên đế như rồng bay, hải nội đều theo gió quy phục, tể tướng đại thần sáng suốt, trời cao giáng xuống cho an khang. Mà tướng quân chẳng thấy giếng môi của thịnh suy, đêm báo của thành bại, ví như lửa cháy nơi cánh đồng, giẫm đạp lên sông băng, lửa tắt băng tan, tướng quân sẽ nương dựa vào đâu?"

"Ngày xưa tiên tổ của tướng quân là Ung hầu, gây oán mà được phong tước,⁽³⁾ Đậ Dung hiểu biết lẽ thịnh hưng, quy thuận Thế

¹ Vua Thuấn đi tuần thú ở Thương Ngô, mắc bệnh, mất ở bến sông Tương.

² Chu Văn vương hợp chư hầu chống vua Trụ, Vũ vương nổi nghiệp diệt Trụ vương mở triều Chu, nhưng thực sự đến Chu Thành vương thiên hạ mới thái bình.

³ Ung Xi (雍齒), người huyện Bái quận Tứ Thủy, là con nhà thế tộc, đồng hương của Lưu Bang. Ung Xi theo Lưu Bang phản Tần, chiếm được ấp Phong, về sau phản lại Lưu Bang, đem ấp Phong quy thuộc nước Ngụy cũ. Lưu Bang căm giận, đánh ấp Phong, không hạ được. Khi thế lực quân Hán mạnh, Ung Xi lại đem ấp Phong theo về Lưu Bang. Khi Lưu Bang phong thưởng công thần, dẫu rất ghét Ung Xi, nhưng vẫn phong Ung Xi làm Thập Phương hầu, ăn lộc 2.500 hộ.

tổ,⁽¹⁾ đều lưu danh cho con cháu đời sau, người đời ca tụng sự cao đẹp của họ. Nay Gia Cát thừa tướng anh tài cao chót, thấu rõ tương lai, nhận mệnh thác cô, phù tá Thục Hán, chẳng đố kỵ ai, ghi công quên lỗi. Tướng quân nếu có thể đột nhiên đổi ý, sửa mình theo chính đạo, thì chẳng khó theo vết cổ nhân, quận biên thùý há chẳng do tướng quân trị lý sao!"

"Nghe nói nước Sở chẳng kính nhà Chu, Tề Hoàn lập tức trách hỏi, Phù Sai tiếm hiệu, người nước Tấn chẳng tôn Ngô làm minh chủ,⁽²⁾ huống chi chỗ tướng quân thân phục chẳng phải là quân chủ, ai chịu theo ngài quy phục đây?"

"Trộm nghĩ theo nghĩa xưa, bấy tôi không kết giao vượt cõi, vì thế ta trước sau không qua lại với tướng quân. Lần nữa nhận được cáo thị, phát phần quên ăn, cho nên cố lược bày tâm ý, mong tướng quân xét kỹ."

Lã Khải ân uy lộ rõ, được người trong quận tín nhiệm, cho nên bảo toàn được danh tiết của mình.

① *Thục thế phả* của Tôn Thịnh chép: Khi trước, nhà Tần đòi hết con em họ mạc của Lã Bất Vi vào Thục Hán. Thời Hán Vũ đế, khai mở đất đai của người Di ở phía tây nam, đặt thành quận huyện, đòi người họ Lã tới sung vào chỗ ấy, nhân đó gọi là huyện Bất Vi.

Lúc Thừa tướng Lượng nam chinh thảo phạt Ung Khải, binh đã lên đường, thì Khải đã bị bộ khúc của Cao Định giết chết. Lượng tới phương nam, dâng biểu rằng:

¹ Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 283 (Trần Lưu vương Tào Hoán truyện).

² Xem chú thích ở tập IV, quyển 20, trang 197 (Bình truyện – Tào Quýnh: Lục đại luận);

Phù Sai là cháu của Hạp Lư, sau khi lên ngôi, đánh diệt nước Việt, bắt và cầm tù vua nước Việt là Câu Tiễn. Lại mưu tranh bá Trung nguyên, xâm phạm nước Tề. Đi qua nước Lỗ, chiếm đất đai của nước Lỗ, đòi Ai công nộp cống. Sau họp chư hầu ở Hoàng Trì, tranh bá với Tấn Định công. Hội chưa xong đã bị Câu Tiễn đánh úp, quân Ngô thua, thế lực suy. Mười năm sau nữa, Phù Sai bị Câu Tiễn đánh diệt.

"Bọn quận lại quận Vĩnh Xương là Lã Khải và Phủ thừa là Vương Kháng, vững lòng trung nơi biên địa, hơn chục năm trời; Ung Khải, Cao Định bức họ ở phía đông bắc, nhưng bọn Khải giữ nghĩa chẳng cùng chúng giao vãng. Thần chẳng ngờ phong tục quận Vĩnh Xương lại đôn hậu chính trực như thế!"

Bèn lấy Lã Khải làm Thái thú Vân Nam, phong cho tước Dương Thiên đình hầu. Gặp lúc Khải bị quân phản loạn người Di hại chết, con của Khải là Tường nổi tự.

Vương Kháng cũng được phong tước Đình hầu, làm Thái thú Vĩnh Xương.^①

① *Thực thế phả* chép: Lã Tường sau làm Nam Di hiệu úy của nhà Tấn, con và cháu của Tường nổi đời làm Thái thú Vĩnh Xương. Lý Hùng phá Ninh Châu, các họ Lã không chịu theo phục, đem cả quận cố thủ. Vương Kháng cũng giữ trọn được tiết tháo.

Mã Trung tự Đức Tín, người quận Ba Tây huyện Lãng Trung. Thừa nhỏ được nhà ngoại nuôi dưỡng, mang họ Hồ, tên là Đốc, sau mới lấy lại họ, đổi tên là Trung. Làm quận lại, năm Kiến An mặt xét cử Hiếu liêm, phong làm trưởng huyện Hán Xương.

Tiên chủ đông chinh, đại bại ở Hồ Đình, Thái thú Ba Tây là Diêm Chi phát năm nghìn binh ở các huyện để bù bổ, sai Trung đưa đi. Tiên chủ đã về Vĩnh An, gặp Trung cùng nói chuyện, bảo Thượng thư lệnh là Lưu Ba rằng:

- Dẫu mất Hoàng Quyền, lại có được Hồ Đốc, thế mới là đời chẳng thiếu hiền tài vậy.

Năm Kiến Hưng nguyên niên, Thừa tướng Lượng khai phủ, lấy Trung làm Môn hạ đốc.

Năm thứ ba, Lượng xuôi nam, bái Trung làm Thái thú Tang Ca. Quận thừa là Chu Bao làm phản. Sau con bạo loạn, Trung vỗ về sửa trị, rất có ân uy.

Năm thứ tám, được triệu làm Tham quân Thừa tướng, giúp Trường sử Tường Uyển coi việc của phủ. Lại lĩnh Trị trung Tòng sự của châu. Năm sau, Lượng ra Kỳ Sơn, Trung đến doanh sở của Lượng, quản lý quân vụ. Quân quay về, Trung đốc suất bốn tướng quân Trương Nghi thảo phạt người Khương làm loạn ở quận Văn Sơn.

Năm thứ mười một, hào soái của người Di phương nam là Lưu Trụ phản, nhiễu loạn các quận. Triều đình triệu Lai Hàng đô đốc là Trương Dực về, lấy Trung thay Dực. Trung vì thế chém Trụ, bình phương nam. Trung được gia thêm chức Giám quân, Phấn uy tướng quân, tước Bắc Dương đình hầu.

Khi trước, quận Kiến Ninh giết Thái thú Chính Ngang, trói Thái thú Trương Duệ đưa tới Ngô, cho nên Đô đốc thường trú ở huyện Bình Di. Đến thời Trung, mới dời sở trị tới ở huyện Vị, sống giữa người Di. Thêm nữa quận Việt Tuyền cũng mất địa bàn đã từ lâu, Trung thống suất Thái thú Trương Nghi khai mở khôi phục quận cũ, vì thế được gia thêm chức An Nam tướng quân, tấn phong tước Bành Hương đình hầu.

Năm Diên Hi thứ năm, Trung về triều, nhân đó đến Hán Trung, gặp Đại tư mã Tường Uyển truyền đạt chiếu chỉ, được bái thêm chức làm Trấn nam Đại tướng quân.

Năm thứ bảy mùa xuân, Đại tướng quân Phí Y lên bắc ngăn quân Ngụy, lưu Trung lại Thành Đô, làm Bình thượng thư sự.⁽¹⁾ Y quay về, Trung trở lại phương nam.

Năm thứ mười hai Trung chết, con của Trung là Tu nối tự.①

① Em của Tu là Khôi. Con của Khôi là Nghĩa, thời nhà Tấn làm Thái thú Kiến Ninh.

¹ Bình thượng thư sự (平尚书事), thực quyền ngang với Lục thượng thư sự, về danh nghĩa có kém hơn. Chữ “Bình” có hàm ý là so sánh, cân nhắc.

Trung là người khoan hòa độ lượng, nhưng khôi hài hay cười lớn, cái giận không lộ ra nét mặt. Nhưng xử sự rất quyết đoán, ân uy kết hợp, vì thế người Man người Di nể sợ mà yêu kính. Khi Trung chết, chẳng ai không tự đến viếng tang, đau xót rơi nước mắt, vì Trung lập miếu thờ, đến nay vẫn còn.

Trương Biểu, là danh sĩ đương thời, tiếng tăm vượt hẳn Trung. Diêm Vũ, rất lão luyện tài cán, làm việc tinh tế cẩn mẫn. Hai người tiếp nối việc của Trung, nhưng uy tín và thành tích cai trị, đều không theo kịp được Trung.^①

① Ích bộ kỳ cựu truyện chép: Trương Biểu, là con của Túc.

Hoa Dương quốc chí chép: Biểu, là con của Trương Tùng,⁽¹⁾ chưa rõ. Diêm Vũ tự Văn Bình, người Nam Quận.

Vương Bình tự Tử Quân, người quận Ba Tây huyện Đăng Cù. Vốn được bên ngoại là họ Hà nuôi dưỡng, sau mới lấy lại họ Vương. Bình theo Đỗ Hoạch, Phác Hồ đến Lạc Dương, tạm làm Hiệu úy, theo Tào công đi đánh Hán Trung, nhân đó hàng Tiên chủ, được bái làm Nha môn tướng, Bì tướng quân.

Năm Kiến Hưng thứ sáu, là thuộc quyền làm tiên phong cho Tham quân Mã Tắc. Tắc bỏ nguồn nước lên núi, bố trí quân hỗn loạn, Bình liên tục khuyên can Tắc, Tắc không chọn dùng kế, đại bại ở Nhai Đình. Sĩ chúng tan tác hết, duy có một nghìn quân mà Bình lĩnh quản thúc trống tự giữ, tướng Ngụy là Trương Cáp ngờ có mai phục, không dám đến bức. Vì thế Bình thông thả thu gộp binh sĩ tàn mạt của các doanh, thống suất quân sĩ lui về. Thừa tướng Lượng đã giết Mã Tắc cùng tướng quân Trương Hưu, Lý Thịnh, tước đoạt binh quyền của tướng quân Hoàng Tập, chỉ có Bình được đặc biệt khen ngợi trọng dụng,

¹ Trương Túc, anh trai của Trương Tùng vậy. Xem tập VI, quyển 37 (Pháp Chính truyện)

bái thêm chức Tham quân, thống quản ngũ bộ kiêm Đương doanh sự, Thảo khẩu tướng quân, phong làm Đình hầu.

Năm thứ chín, Lượng vây Kỳ Sơn, Bình cầm riêng quân giữ vòng vây phía nam. Đại tướng quân nước Ngụy là Tư Mã Tuyên vương tấn công Lượng, Trương Cáp đánh Bình, Bình vững trận bất động, Cáp không thắng được.

Năm thứ mười hai, Lượng chết ở Vũ Công, quân lui về, Ngụy Diên tác loạn, một trận thua bại, là công của Bình vậy. Bình được thăng làm Hậu diễn quân, An Hán tướng quân, giúp Xa kỵ tướng quân là Ngô Nhất trấn thủ Hán Trung, lại lĩnh Thái thú Hán Trung. Năm thứ mười lăm, được tấn tước An Hán hầu, thay thế Nhất làm Đốc Hán Trung.

Năm Diên Hi nguyên niên, Đại tướng quân Tào Uyên trú ở Miện Dương, Bình được đổi làm Tiền hộ quân, tạm coi việc trong phủ của Uyên.

Năm thứ sáu, Uyên về trú ở huyện Phù, Bái Bình làm Tiền giám quân, Trấn bắc đại tướng quân, thống quản Hán Trung.

Năm thứ bảy mùa xuân, Đại tướng quân nước Ngụy là Tào Sảng thống suất hơn chục vạn quân bộ kỵ hướng đến Hán Xuyên, quân tiên phong đã ở Lạc Cốc. Bấy giờ binh giữ Hán Trung không đầy ba vạn, chưa tướng cả kinh. Có người nói:

- Nay binh lực chẳng đủ để cự địch, nên lui về cố thủ hai thành Hán, Lạc, phòng địch xâm nhập bất ngờ, một thời gian ngắn, quân ở huyện Phù đủ cứu được quan ải.

Bình nói:

- Không đúng. Từ Hán Trung đi đến huyện Phù gần nghìn dặm. Nếu như quân địch lấy được quan ải, lập tức thành họa vậy. Nay nên phái Lưu hộ quân và Đổng tham quân giữ Hưng Thế trước, Bình làm hậu viện cự địch; ví như địch chia đường hướng đến Hoàng Kim, Bình này sẽ lĩnh hơn nghìn quân tự

thân tới đối trận, không bao lâu, quân ở huyện Phù kịp đến, đây là thượng sách vậy.

Chỉ có Hộ quân Lưu Mẫn là cùng ý với Bình, việc lập tức được thi hành. Chư quân ở huyện Phù cùng Đại tướng quân Phí Y từ Thành Đô theo nhau đến, quân Ngụy lui về, như tính liệu của Bình.

Bấy giờ, Đặng Chi ở phía đông, Mã Trung ở phía nam, Vương Bình ở biên bắc, đều rất nổi tiếng.

Bình trưởng thành trong quân ngũ, không biết viết, nhận biết bất quá chỉ mười chữ, nhưng miệng truyền lời thay cho thư tín, đều rõ ý mạch lạc. Bình sai người khác đọc các truyện ở *Sử ký*, *Hán thư*, nghe đọc, hiểu rõ đại khái ý nghĩa trong sách, thường luận bàn không mắc lỗi về ý cốt yếu. Bình tuân thủ pháp độ, nói năng không bốn cột, từ sớm đến tối, ngồi thẳng người suốt ngày, không có tư thế và phong thái của võ tướng. Bản tính hẹp hòi nhiều nghi kỵ, là người tự ti xem rẻ mình, vì thế hình tượng bị tổn hại. Năm thứ mười một Bình chết, con của Bình là Huấn nối tự.

Khi trước, người cùng quận với Bình là Câu Phù ở huyện Hán Xương, trung dũng khoan hậu, nhiều lần lập được chiến công, công danh và tước vị kém hơn Bình một chút, quan vị đến chức Tả tướng quân, được phong tước Đãng Cừ hầu.^①

① *Hoa Dương quốc chí* chép: Sau này Trương Dực, Liêu Hóa đều làm Đại tướng quân, người đương thời có câu rằng: "Trước có Vương, Câu; sau có Trương, Liêu."

Trương Nghi tự Bá Kỳ, người huyện Nam Sung Quốc thuộc Ba Quận.^① Năm hai mươi tuổi làm Công tào của huyện. Giữa lúc Tiên chủ định Thục, giặc cướp trong núi đánh huyện, trưởng huyện bỏ nhà chạy trốn, Nghi xông pha đao thương, công phu nhân của trưởng huyện trốn nạn, phu nhân được thoát. Bởi thế nổi danh, Châu triệu làm Tòng sự. Bấy giờ sĩ

nhân trong quận là Cung Lộc và Diêu Du quan vị hai nghìn thạch, nổi tiếng lúc đương thời, đều cùng Nghi thân thiết.

Năm Kiến Hưng thứ năm, Thừa tướng Lượng lên bắc trú tại Hán Trung, sơn tặc ở huyện Quảng Hán, Miên Trúc là bọn Trương Mộ trộm cắp tư trang trong quân, cướp đoạt của quan dân, Nghi làm Đô úy dẫn binh đánh dẹp chúng. Nghi đồn rằng bọn giặc như chim tán mát, khó đánh bắt hết, bèn vờ cùng hòa thân, hẹn đặt rượu mời hội gặp. Rượu say, Nghi tự thân đốc suất tả hữu, chém hơn năm mươi tên trong bọn Mộ, đầu đảng chết sạch. Nghi tầm nã dư đảng, trong vòng một tuần triệt để yên bình. Sau Nghi bị bệnh khốn, nhà vốn nghèo thiếu, Thái thú Quảng Hán là Hà Chi người Thục Quận, có tiếng nhân hậu khoáng đạt, Nghi vốn không cùng giao vãng, bèn tự ngồi xe nhỏ đến chỗ Chi, nhờ vả việc chữa bệnh. Chi dốc hết tài sản chữa bệnh cho, mấy năm mới khỏi hẳn. Nghi chuộng người tín nghĩa đại để là như thế.

Nghi được bá làm Nha môn tướng, lệ thuộc quân quyền của Mã Trung, lên bắc dẹp quân phản người Khương ở quận Văn Sơn, xuôi nam bình quân phản người Man của bốn quận, thường trừ liệu kế mưu khắc địch chế thắng.^②

Năm thứ mười bốn, vua của người Đê ở quận Vũ Đô là Phù Kiện xin hàng, Thục phái tướng quân Trương Úy đi nghênh đón, quá hẹn chưa thấy Phù Kiện đến, Đại tướng quân Tưởng Uyển rất lo lắng. Nghi đánh giá rằng:

- Phù Kiện xin theo rất thành thực, tất không thay lòng, nghe nói em của Kiện là người rất xảo trá, thêm nữa người Di Địch chẳng đồng lòng, e rằng họ nảy sinh mâu thuẫn, cho nên mới chậm trễ vậy.

Mấy ngày sau, tin tức truyền tới, em của Kiện quả nhiên dẫn bốn trăm hộ theo nước Ngụy, chỉ một mình Kiện tới theo Thục.

① *Ích bộ kỳ cựu truyện* chép: Nghi xuất thân côi cút nghèo khổ, nhưng lúc trẻ có chí tiết hào sảng khoát đạt.

② *Ích bộ kỳ cựu truyện* chép: Nghi lĩnh ba trăm binh mã, theo Mã Trung đánh dẹp quân phản người Khương. Nghi đốc suất riêng mấy doanh binh ở phía trước, tiến đến Tha Lý. Thành của ấp ấy ở trên cao lại dốc, Nghi theo thế núi trèo lên bốn năm dặm. Người Khương dựng cửa đá ở chỗ yếu hiểm, trên cửa lắp các giá đỡ, chất đầy đá ở trên, người đi qua là đẩy đá xuống như chùy giáng, đi qua chẳng thoát cảnh nát như người. Nghi đồ rằng không thể đánh được, bèn sai thông dịch hiểu dụ người Khương rằng:

- Các bộ lạc của Vấn Sơn phản loạn, hại đến người lương thiện, Thiên tử sai tướng lĩnh đánh diệt ác đảng. Bọn bay nếu chịu khấu đầu cho đại quân qua, cung cấp lương thực phí dụng, sẽ hưởng phúc lộc mãi, được báo đáp gấp trăm lần. Nếu không theo, đại binh đến tru diệt, sấm vang chớp giạt, đâu có hối lại, cũng vô ích vậy.

Thủ lĩnh người Khương nghe lệnh, lập tức tới chỗ Nghi, cấp lương thực, cho quân đi qua. Binh mã tiến lên đánh bắt dư đảng, bọn chúng nghe tin Tha Lý đã bị hạ, đều sợ mất vía, kẻ ra hàng nghênh đón quân mã, kẻ chạy tán loạn vào sơn cốc, Nghi thả quân tấn công, thu được toàn thắng.

Về sau thủ lĩnh người Di phương nam là Lưu Trụ lại phản, triều đình lấy Mã Trung làm Lai Hàng đô đốc đánh dẹp Trụ, Nghi lại lệ thuộc vào Trung, khi giao chiến luôn đi đầu ba quân, chém được Trụ. Việc bình nam đã xong, bộ lạc rợ Liêu ở hai quận Hưng Cổ, Tang Ca lại phản, Trung lệnh cho Nghi dẫn quân các doanh qua đánh dẹp, Nghi chiêu hàng được hai nghìn người, đều chuyển hết đến Hán Trung.

Khi trước, quận Việt Tuyền từ sau khi Thừa tướng Lượng thảo phạt Cao Định, người Tầu, người Di nhiều lần làm phản, giết Thái thú Cung Lộc, Tiêu Hoàng, Thái thú sau đấy không dám đến quận, chỉ ở lại huyện An Định (An Thượng), cách quận ấy hơn tám trăm dặm, quận ấy chỉ có cái danh mà thôi. Bấy giờ

triều đình luận bàn muốn phục hồi quận cũ, phong Nghi làm Thái thú Việt Tuyền, Nghi đưa thuộc hạ mà mình cai quản tới quận, lấy ân tín để dỗ dành, người Man người Di đều phục, tất cả lại theo hàng.

Ở biên cảnh phía bắc của quận có tộc Tróc Mã rất mạnh khỏe hung tợn, không chịu quản chế, Nghi bèn tới đánh, bắt sống được cừ soái của họ là Ngụy Lang, rồi lại thả ra khuyên dụ, sai đi chiêu hàng đồng đảng. Còn dâng biểu xin bái Lang làm Ấp hầu, hơn ba nghìn hộ của bộ lạc đều yên ổn, theo chức cố. Các bộ lạc khác nghe tin, đa phần đều dần hàng phục, Nghi vì có công được ban tước Quan nội hầu.

Trưởng ấp Tô Kỳ là Đông Phùng, em của Phùng là Ngỗi Cừ, đã hàng rồi lại phản. Nghi kể tội rồi giết Phùng. Vợ của Phùng, là con gái của Mao Ngưu Vương, Nghi vì đại cục thả Cừ ra. Hấn trốn về phía tây biên cảnh. Cừ cương mãnh hung hãn, các bộ tộc ở đó rất sợ hãi, Cừ sai hai người thân tín của hấn trá hàng Nghi, thực tế là làm thám thính. Nghi phát giác ra, hứa sẽ trọng thưởng, lại sai làm phản gián, hai người đó bèn hợp mưu giết Cừ. Cừ chết, các bộ lạc đều yên.

Lại có đầu lĩnh ở huyện Tư Đô là Lý Cầu Thừa, khi trước đã giết Cung Lộc, Nghi truy lùng bắt được, kể rõ mấy lần làm ác rồi đem chém.

Lúc trước Nghi thấy tường thành phía ngoài quận bị sụt lở, mới xây những ụ nhỏ bên ngoài để thủ giữ. Nghi tại chức ba năm, lại dời về quận cũ, sửa sang thành quách, nam nữ các tộc người Di chẳng ai không dốc sức.

Ba huyện Định Chá, Đài Đăng, Ti Thủy cách quận hơn ba trăm dặm, vốn sản xuất muối sắt và son, nhưng người Di cũ ở biên cảnh lại tự giữ để thu lợi. Nghi đem bộ hạ mình quản lĩnh đến đoạt lấy, đặt trưởng quan trông coi. Nghi đến huyện Định Chá,

hào soái huyện Định Chá là Lang Sầm, là cậu của Bàn Mộc Vương, rất được người Man Di tín nhiệm, Sầm phần hận Nghi tự dung xâm chiếm địa bàn, không tự đến chỗ Nghi. Nghi sai mấy chục tráng sĩ đến bắt về, dùng roi đánh chết, đưa thân về bộ lạc, ban thưởng hậu cho người trong bộ lạc, kể rõ tội ác của Lang Sầm, lại nói:

- Không ai được động loạn làm xằng, kẻ nào động loạn là diệt tộc ngay!

Cả bộ lạc đều tự trối mình xin tạ lỗi. Nghi giết trâu mở tiệc khoản đãi, trịnh trọng bày ân tín, từ đó lấy được muối sắt, khí dụng rất phong phú.

Trong địa giới quận Hán Gia có bộ lạc của tộc Mao Nguru, hơn bốn nghìn hộ, tù trưởng của bộ lạc ấy là Lang Lộ, hấn muốn báo thù cho chồng của cô ruột là Đông Phùng, bèn sai chú của hấn là Li đem bộ chúng của Phùng đi dò xét hình thế. Nghi lại phái người thân tín mang trâu và rượu đến úy lạo bọn Li, lại lệnh Li đi đón vợ của Phùng tuyên rõ ý chỉ. Li đã nhận thưởng, lại được gặp chị, chị em vui mừng, bèn đưa hết thuộc hạ mình quản lĩnh đến gặp Nghi, Nghi lại hậu thưởng khoản đãi, phái về. Bộ lạc Mao Nguru từ đấy không gây loạn nữa.

Tại quận trước đó có một con đường, xuyên qua giữa đất của bộ lạc Mao Nguru tới Thành Đô, đã phẳng lại gần; từ lúc bộ lạc Mao Nguru chặn đường, đã hơn trăm năm, phải đổi đi theo lối An Thượng, đã hiểm trở lại xa. Nghi phái tả hữu mang tài vật đưa cho Lộ, lần nữa nhờ cô của Lộ nói rõ ý của mình, Lộ bèn đưa hết anh em vợ con tới chỗ Nghi, cùng Nghi ăn thề, khai thông đường cũ, nghìn dặm thanh bình, rồi khôi phục lại những đình xá trạm dịch cũ. Nghi dâng tấu xin phong Lộ làm Mao Nguru Điền Câu Bì Vương, sai sứ đưa Lộ về triều dâng cống phẩm. Hậu chủ vì thế thăng Nghi làm Phủ Nhung tướng quân, lĩnh quận như cũ.

Nghi lần đầu gặp Phí Y lúc Y nhậm chức Đại tướng quân, thấy tính Y thoải mái không hề úy kỵ, tiếp đãi tin tưởng người mới theo về thái quá, Nghi gửi thư khuyên rằng:

"Xưa kia Sầm Bành thống suất đại quân đánh dẹp, Lai Hấp nắm phù tiết xuất chinh, đều bị hại chết bởi thích khách.⁽¹⁾ Nay mình tướng quân ngôi vị tôn kính, quyền thế nặng, nên soi xét việc xưa làm gương, để thêm phần cảnh giác."

Về sau Y quả nhiên bị người hàng nước Ngụy là Quách Tuần sát hại.

Thái phó của nước Ngô là Gia Cát Khác vì mới phá được quân Ngụy, bèn đại hưng binh để mưu đồ đánh tiếp. Thị trung Gia Cát Chiêm, là con của Thừa tướng Lượng, vốn em họ của Khác, Nghi gửi thư cho Chiêm nói:

"Đông chủ mới băng hà, ấu chúa còn non dại, Thái phó nhận trọng mệnh thác cô,⁽²⁾ há dễ dàng lắm sao! Thân gần lại tài cao như Chu công,

¹ Sầm Bành (岑彭), tự Quân Nhiên (君然), người quận Nam Dương huyện Cửu Dương, là tướng lĩnh quân sự tài năng của Quang Vũ đế Lưu Tú. Năm Kiến Vũ thứ mười một, Sầm Bành đi đánh Công Tôn Thuật, nhanh chóng hạ Vũ Dương, thừa thắng tiến thẳng đến Thành Đô, thế như sấm chớp, trúc chẻ ngói tan, địch vỡ như băng lở. Công Tôn Thuật cả kinh, đập gậy xuống đất than: "Hắn là người thần sao?" Bèn phái thích khách đi giết Sầm Bành. Bấy giờ Sầm Bành trú quân ở Bành Vong (Sầm Bành chết), thấy cái tên ấy gờ, muốn dời doanh trại, vì trời tối chưa đi kịp, phòng bị không cẩn thận, bị thích khách của Công Tôn Thuật lợi dụng đêm tối đâm chết.

Lai Hấp (来歙), tự Quân Thúc, người huyện Tân Dã quận Nam Dương, là danh tướng của Quang Vũ đế Lưu Tú. Năm Kiến Vũ thứ mười một, Lai Hấp cùng các tướng Cái Diên, Mã Thành đánh bộ tướng của Công Tôn Thuật là Vương Nguyên, Hoài An ở Hà Trì, Hạ Biện. Quân của Lai Hấp phá thành, thừa thắng tiến lên, quân Thục rất sợ, Hoài An bèn phái thích khách đâm Lai Hấp. Lai Hấp bị thương nặng, triệu Cái Duyên đến phó thác việc quân. Cái Duyên phục xuống khóc không ngừng lên, Lai Hấp mắng: "Ta bị thích khách đâm trúng, chẳng thể báo đáp quốc gia được nữa, cho triệu người, muốn phó thác việc quân, mà người lại học cái thói tiểu nhân khóc lóc sao? Đao kia vẫn cắm trên mình ta, ta chẳng thể dùng nó giết người sao?" Cái Duyên gạt nước mắt nhận mệnh. Lai Hấp sai viết biểu chương dâng lên triều đình, tự tay rút đao trên mình ra, rồi đứt hơi mà chết.

² Bấy giờ Tôn Quyền mới chết, con thứ của Tôn Quyền Tôn là Lượng ít tuổi mới lên nối, Gia Cát Khác là Thái phó, nhận mệnh thác cô.

mà có cái biển Quán, Sái tung tin xằng bậy; Hoắc Quang gánh trọng nhiệm phụ tá, mà Yên, Cái, Thượng Quan còn âm mưu nghịch loạn; may nhờ cái sáng suốt của Thành, Chiêu, mới thoát được nạn vậy."

"Khi trước ta thường nghe nói Đông chủ giữ quyền giết tha thường phạt, không giao cho kẻ dưới, mà nay lúc mệnh chỉ trong sớm tối, thốt nhiên cho triệu Thái phó, phó thác việc sau, thật đáng phải suy nghĩ vậy. Thêm nữa người Ngô, Sở táo bạo mạnh tợn, là điều sử sách đã ghi chép, mà Thái phó lại xa lìa Thiệu chủ, giẫm chân vào đất địch, sợ rằng chẳng phải là cái kế hay toàn vẹn lâu dài vậy. Tuy nói Đông Ngô kỷ cương phép tắc nghiêm minh, trên dưới hòa mục, song tính trăm điều hẳn phải sót một, đấy há chẳng phải là điều mà người sáng suốt phải lo nghĩ sao? Lấy việc xưa làm tấm gương soi xét việc nay, thì nay với xưa là một vậy, nếu chẳng phải là Lang quân⁽¹⁾ tiến lời trung với Thái phó, còn ai dám hết lời nữa!"

"Lui hết quân về mở rộng nghề nông, chăm chỉ thi hành ân đức, trong vòng mấy năm, Đông, Tây cùng cử sự, thật còn chưa muộn, mong Lang quân xét kỹ và lựa chọn."

Khắc rút cục vì việc ấy bị diệt tộc. Nghi biết nhìn nhận sự việc đa phần đều như thế cả.

Nghi ở quận mười lăm năm, trong cõi yên vui hòa mục. Nghi nhiều lần xin về, vì thế được điều đến Thành Đô. Người Di ngưỡng mộ quyến luyến, níu bánh xe rơi nước mắt, qua ấp Mao Ngưu, Trưởng ấp cống trẻ dất già tới nghênh đón, đi theo đến địa giới Thục Quận, đầu lĩnh của họ đưa hơn trăm người lũ lượt theo Nghi vào triều cống. Nghi về đến nơi, được bái làm Đãng khấu tướng quân.

Nghi vốn khảng khái tráng liệt, hết thầy sĩ nhân đa phần quý mến, nhưng phóng đảng thiếu lễ tiết, người ta cũng lấy điều đó để chê bai, ① bấy giờ là năm Diên Hi thứ mười bảy.

¹ Lang quân, là lối xưng hô cung kính của người khác với Gia Cát Chiêm, vì Gia Cát Chiêm lấy con gái của Hậu chủ nên được gọi như thế.

Trường huyện Địch Đạo của nước Ngụy là Lý Giản bí mật gửi thư xin hàng, Vệ tướng quân Khương Duy nhân sự trợ giúp của Giản bèn dẫn bọn Nghi xuất binh ra Lũng Tây.^② Duy đến Địch Đạo, Giản dẫn hết quan dân trong thành ra nghênh đón đại quân. Tiền quân của Nghi cùng tướng Ngụy là Từ Chất giao phong, Nghi lâm trận chết, nhưng giết được số địch nhiều gấp mấy lần quân mình.

Nghi chết, con trưởng của Nghi là Anh được phong làm Tây Hương hầu, con thứ của Nghi là Hộ Hùng nối tước vị của Nghi. Dân Di của quận Việt Tuyền ở phương nam nghe tin Nghi chết, chẳng ai không đau xót rơi nước mắt, vì Nghi lập miếu thờ, một năm bốn mùa, có hạn hán thủy tai lại đến miếu thờ cúng tế Nghi.^③

① *Ích bộ kỳ cựu truyện* chép: Bấy giờ Xa kỵ tướng quân Hạ Hầu Bá bảo Nghi rằng:

- Ta với túc hạ tuy xa lạ, nhưng hiểu nhau như bạn cũ, túc hạ nên hiểu rõ ý này.

Nghi đáp:

- Kẻ hèn này chưa biết ngài, ngài chưa biết kẻ hèn này, đạo lớn là ở chỗ ngài, hà tất phải nói là hiểu nhau! Xin thông thả ba năm hãy bàn đến những lời này.

Kẻ sĩ có kiến thức cho đây là lời cao đẹp.

② *Ích bộ kỳ cựu truyện* chép: Nghi có bệnh phong thấp đã lâu, lúc tới kinh đô dần trở nặng, phải chống gậy mới đứng lên được. Lý Giản xin hàng, chúng nghị bàn đều hồ nghi, nhưng Nghi nói là chắc đúng.

Khương Duy xuất chinh, kẻ bàn luận bấy giờ cho là Nghi mới về triều, ống chân có tật không tiện ở trong chỗ hành quân, bởi thế Nghi tự xin dốc sức đến Trung nguyên, dẫn thân nơi đất địch. Lúc sắp khởi hành, từ biệt Hậu chủ, nói:

- Thần may gặp được quân chủ thánh minh, nhận ân quá phận, thêm nữa thân mang bệnh tật, thường sợ một mai chết đi, phụ lại

cái ân đãi ngộ. May sao trời cao không trái ý nguyện, cho thần được dự việc binh nhung. Ví bằng lấy được Lương châu, thần xin làm tướng trấn thủ cõi ngoài; nếu chưa thắng được, thần xin ra sức liều mình báo đáp.

Hậu chủ cảm khái bùi ngùi vì Nghi sa nước mắt.

③ *Ích bộ kỳ cựu truyện* chép: Ta quan sát nghi biểu, tướng mạo và lời nói của Trương Nghi,⁽¹⁾ thực chẳng khiến cho người ta sợ hãi, nhưng sách lược của Nghi đủ để tính xét thời cuộc, sự quả cảm tráng liệt của Nghi đủ để dựng lập uy tín, là bầy tôi có tiết tháo trung thành, ở giữa đồng liêu có tác phong quang minh chính trực, mà khi hành động tất chiếu theo phép tắc, Hậu chủ rất tôn trọng Nghi. Dẫu kẻ chí sĩ anh kiệt thời xưa, lấy gì hơn được đây!

Thục thế phả chép: Cháu của Nghi là Dịch, thời nhà Tấn làm Thứ sử Lương châu.

Bình rằng: Hoàng Quyền cao nhã, chí khí độ lượng; Lý Khôi công chính thành trực, chăm lo chức nghiệp; Lã Khải giữ tiết kiên định không lay chuyển; Mã Trung nhu thuận quả quyết, Vương Bình trung dũng nghiêm túc, Trương Nghi hiểu biết quyết đoán, sáng suốt quả cảm; đều dùng cái sở trường của mình, dương danh phát tích, đấy là gặp được thời vậy.

---ॐ---

¹ *Ích bộ kỳ cựu truyện* mà Bùi Tùng Chi dùng để chú vốn là trước tác của Trần Thọ. Đại từ nhân xưng “ta” ở đây chính là lời tác giả vậy. Sử liệu cho biết, Trương Nghi sinh vào năm 194, Trần Thọ sinh vào năm 233. Có lẽ lúc Nghi về triều làm quan (254), Trần Thọ đã tham dự quan trường Thục Hán rồi, vì thế hai bên hẳn có gặp nhau.

QUYỂN THỨ BỐN MƯƠI BỐN
TUỞNG UỖN, PHÍ Y, KHƯƠNG DUY
TRUYỀN



Tuởng Uỗn tự Công Diễm, người quận Linh Lăng huyện Tương Hương. Năm hai mươi tuổi cùng em họ bên ngoại là Lưu Mẫn người huyện Tuyên Lăng đều nổi tiếng. Uỗn lấy thân phận là Thư tá của châu theo Tiên chủ vào Thục, được phong làm Trưởng huyện Quảng Đô. Tiên chủ có lần mượn có ra ngoài rồi bất chợt đến Quảng Đô, thấy Uỗn không xử lý chính sự, bấy giờ lại say rượu, Tiên chủ cá giận, sắp trị tội chết. Quân sư tướng quân Gia Cát Lượng xin rằng:

- Tuởng Uỗn, là khí chất của xã tắc, chẳng phải là người có tài trăm dặm vậy. Uỗn trị lý lấy an dân làm gốc, không lấy cái tô vẽ bề ngoài làm đầu, xin chúa công xem xét kỹ thêm lần nữa.

Tiên chủ vốn kính trọng Lượng, bèn không gia tội, chỉ lập tức bãi miễn chức quan của Uỗn mà thôi.

Sau khi Uỗn bị bãi chức, một đêm mơ thấy cái đầu trâu trước cửa nhà, máu chảy giàn giụa, trong lòng rất chán ghét, gọi hỏi quan đoán mệnh là Triệu Trực. Trực nói:

- Thấy máu, là việc đã rõ ràng. Sừng trâu ghép với mũi, là hình chữ Công,⁽¹⁾ ngôi vị của ngài ắt sẽ đến tước Công, là điềm đại cát vậy.

¹ Chữ “Công” (公), nghĩa là tước Công. Tam công gồm: Tư không, Tư mã, Tư đồ.

Ít lâu sau, Uyển làm Thập Phương lệnh. Tiên chủ làm Hán Trung vương, Uyển về làm Thượng thư lang.

Năm Kiến Hưng nguyên niên, Thừa tướng Lượng khai phủ, triệu Uyển làm Đông tào duyệt. Lúc xét cử Mậu tài, Uyển cố nhường cho Lưu Ung, Âm Hóa, Bàng Diên, Liêu Thuần, công văn của Lượng đáp lại ý của Uyển nói:

- Nếu tránh quan hệ thân gần mà bỏ mất người có đức, là hại đến trăm họ, đương nhiên là trong lòng mọi người chẳng yên tâm, lại khiến xa gần không hiểu được đạo lý ở trong ấy, ngại nên ra sức thi triển tài năng, lấy đấy để tỏ rõ rằng việc tiến cử nhân tài là cao quý và đáng trân trọng vậy.

Uyển lại được thăng làm Tham quân.

Năm thứ năm, Lượng trú quân ở Hán Trung, Uyển cùng Trương sừ là Trương Duệ thống quản việc ở phủ. Năm thứ tám, Uyển thay Duệ làm Trưởng sừ, được gia thêm chức Phủ quân tướng quân. Lượng nhiều lần xuất chinh, Uyển thường cấp đủ binh lương, Lượng luôn nói:

- Công Diễm lập chí trung chính vô tư, chính là người chung sức giúp ta gây dựng vương nghiệp vậy.

Lại mật dâng biểu lên Hậu chủ rằng:

"Nếu thần gặp chuyện bất hạnh, việc sau nên phó thác cho Trương Uyển."

Lượng chết, Hậu chủ dùng Uyển làm Thượng thư lệnh, không lâu lại gia thêm chức hành Đô hộ, ban Giả tiết, lĩnh Thứ sừ Ích châu, thăng làm Đại tướng quân, Lục thượng thư sự, phong tước An Dương đình hầu. Bấy giờ nguyên soái mới mất, xa gần rất lo sợ. Uyển biểu lộ tài năng siêu việt, ở vị trí đứng đầu bá quan, mặt chẳng lộ vẻ buồn rầu, cũng không có nét mừng vui, thần sắc cử chỉ vẫn như ngày thường, bởi thế mọi người dần dần nể phục. Năm Diên Hi nguyên niên, Hậu chủ hạ chiếu cho Uyển rằng:

"Giặc cướp chưa trừ được, Tào Duệ kêu hung, ba quận Liêu Đông khôn khổ vì sự bạo ngược của hắn, vì thế liên kết nhau lại, muốn thoát li thống trị. Tào Duệ đại hưng binh mã, hai bên công phạt lẫn nhau. Xưa kia nhà Tần diệt vong, là bởi Thắng, Quảng cầm đầu, nay bên ấy có biến, đây là cơ hội trời ban vậy. Ngài hãy sửa quân nghiêm chỉnh, tổng suất chư quân đóng ở Hán Trung, đợi nước Ngô khởi sự, Đông Tây lập thế ỷ giốc, thừa lúc sơ hở mà tiến đánh."

Lại lệnh cho Uyển khai phủ, năm sau lại gia thêm chức Đại tư mã. Đông tào duyệt Dương Hí vốn tính lơ đãng, Uyển cùng bàn luận, Hí thường không đáp ngay. Có kẻ muốn hãm hại Hí bảo Uyển rằng:

- Công nói chuyện với Hí mà ông ấy chẳng đáp lời, cái ngạo mạn bất kính của Hí, chẳng cũng quá sao?

Uyển đáp rằng:

- Tâm tính người ta chẳng giống nhau, cũng như mặt mũi vậy; trước mặt thuận theo sau lưng lại phê phán, đây là điều cố nhân răn bảo vậy. Hí nếu muốn tán đồng với ta, thì trái với bản ý của mình, muốn phản bác lời ta, thì phơi lộ cái lỗi của ta, vì thế lặng yên, đây chính là chỗ hay của ông ấy vậy.

Đốc nông là Dương Mẫn từng mĩa mai Uyển rằng:

- Làm việc hồ đồ, thực không theo kịp tiền nhân.

Có kẻ đem lời ấy bắm với Uyển, Chấp pháp xin truy cứu tội Mẫn, Uyển nói:

- Ta thật chẳng bằng được tiền nhân, không nên truy cứu ông ấy vậy.

Chấp pháp lần nữa nói lý do nhưng Uyển không nghe, Chấp pháp lại xin vấn cái tội Mẫn nói Uyển hồ đồ, Uyển nói:

- Nếu ta chẳng bằng được tiền nhân, thì xử sự có chỗ không thỏa đáng, xử sự không thỏa đáng, thì hồ đồ rồi, hà tất phải truy vấn nữa?

Sau này Mẫn mắc tội bị tống ngục, chúng nhân đều cho rằng Mẫn vì cái lỗi lúc trước tấ chết, nhưng trong lòng Uyển chẳng hề giữ thành kiến, Mẫn được miễn trọng tội. Uyển yêu ghét hợp đạo nghĩa, đại loại đều như thế vậy.

Uyển cho rằng trước kia Gia Cát Lượng nhiều lần nhòm ngó Tần Xuyên, đường hiểm vận chuyển gian nan, rút cục không thắng được, chẳng bằng theo đường thủy xuôi đông. Bèn chế tác nhiều thuyền bè, muốn theo sông Hán, sông Miện đánh úp hai quận Ngụy Hưng, Thượng Dung. Gặp lúc bệnh cũ liên tục phát tác, chưa thể thực hiện kế hoạch. Rồi mọi người luận bàn đều cho rằng nếu không thắng được, đường về sẽ rất khó, đấy không phải kế sách hay. Vì thế Hậu chủ phái bọn Thượng thư lệnh là Phí Y, Trung giám quân là Khương Duy tới truyền chỉ dụ. Uyển vâng mệnh, dâng sớ rằng:

"Diệt kẻ xấu dẹp quốc nạn, đấy là chức trách của thần vậy. Từ lúc thần phụng mệnh đến Hán Trung, tới nay đã qua sáu năm, thần vốn hồ đồ yếu kém, thêm nữa bệnh tật chẳng trối, kế mưu phương lược chẳng thành, nên sớm khuya lo lắng bất an. Nay Ngụy chiếm đất đai chín châu, gốc bèn rễ chắc, diệt trừ không dễ. Nếu đông tây hợp lực, đầu đuôi tạo thế ỷ giốc, dẫu chưa thể thành công mau chóng như ý nguyện, vẫn có thể chia cắt lẫn chiếm dân, bẻ gãy một phần thế lực của chúng. Nhưng nước Ngô đã hện ta đã hai ba lần, lại liên tiếp không thực hiện, thần cúi xuống ngẩng lên suy nghĩ lao lung, thật mất ăn mất ngủ."

"Thần thường cùng bọn Phí Y nghị bàn, cho rằng Lương châu là chỗ yếu địa của biên ải, tiến thoái đều thuận lợi, là chỗ quân giặc rất coi trọng. Vả lại lòng dân Khương, Hồ mong chờ nhà Hán như khát nước, trước đây một cánh quân của ta tiến vào đất Khương, Quách Hoài tan chạy, bọn thần tính xét vẫn dài, cho rằng chiếm chỗ ấy việc hàng đầu, nên lấy Khương Duy làm Thứ sử Lương châu. Ví như Duy xuất chinh, đối trận với địch ở mé hữu sông Hà, thần sẽ xuất quân làm hậu viện cho Duy. Nay ở huyện Phù đường thủy bộ thông

suốt bốn bề, là chỗ cứu ứng, nếu phía đông bắc có biến, đến cứu viện chẳng khó."

Bồi thế Uyển bèn về đóng giữ ở huyện Phù, nhưng bệnh tật tăng nặng, đến năm thứ chín thì chết, được ban thụy là Cung. Con của Uyển là Bân nối tự, làm Tuy Vũ tướng quân, Hộ quân ở Hán Thành.

Đại tướng quân Chung Hội của nước Ngụy đến Hán Thành, gửi thư cho Bân nói:

"Trí sĩ hiền tài vẫn vô của Ba Thục rất nhiều. Đến như túc hạ, Gia Cát Tử Viễn, cũng ví như cỏ cây, với ta là cùng hạng vậy. Tôn kính tổ tiên, là điều xưa nay xem trọng. Đến phương tây, ta muốn chiêm bái mộ của tôn phụ đại nhân, xin quét dọn mộ phần, dâng tế để tỏ lòng thành kính. Mong túc hạ chỉ chỗ!"

Bân đáp thư rằng:

"Được biết ngài xem ta là tri kỷ, mượn có kết giao, thật chẳng thể cự tuyệt vậy. Khi xưa tiên phụ bỗng nhiên mắc trọng bệnh, mất ở huyện Phù, quan chiêm bốc nói phong thủy huyện ấy tốt, nên mai táng ở đó. Biết ngài từ xa tới phương tây, mong ngài khuất giá đến tu sửa phần mộ tỏ ý kính. Ngài coi phụ thân ta như cha, đây là cái nhân của Nhan tử vậy, ta nghe mà cảm kích rơi nước mắt, vì thế càng thêm nghĩ nhớ."

Hội nhận được thư của Bân, càng cảm thán nghĩa sâu của Bân, lúc đến huyện Phù, làm đúng như lời thư đã nói.

Sau khi Hậu chủ hàng Đặng Ngải, Bân gặp Hội ở huyện Phù, Hội lấy lễ bằng hữu đối đãi. Bân theo Hội tới Thành Đô, bị loạn binh giết hại.

Em của Bân là Hiễn, làm Thái tử bộc, Hội cũng rất yêu tài học của Hiễn, Hiễn cũng cùng chết với Bân.

Lưu Mẫn làm Tả hộ quân, Dương uy tướng quân, cùng Trấn bắc Đại tướng quân Vương Bình đều trấn giữ Hán Trung. Lúc nước Ngụy phái Đại tướng quân là Tào Sảng đánh Thục, kẻ

ng nghị bàn có người nói chỉ nên giữ thành, không ra cự địch, tất địch sẽ tự lui. Mẫn cho rằng nam nữ trăm họ đi đầy đường, lương thực còn ở trong ruộng rẫy, nếu quân địch tiến vào, thì đại sự hỏng mất. Bèn thống suất binh lính mà mình quản cùng Bình chiếm Hưng Thế, giăng nhiều cờ xí, kéo dài hơn trăm dặm. Lúc Đại tướng quân Phí Y từ Thành Đô đến, quân Ngụy quân lập tức lui, Mẫn có công được phong làm Vân đình hầu.

Phí Y tự Văn Vĩ, người quận Giang Hạ huyện Mãnh. Vĩ mồ côi từ nhỏ, phải nương dựa người chú họ là Bá Nhân. Cô của Bá Nhân là mẹ của Ích châu mục Lưu Chương. Chương phái người đến đón Nhân, Y theo Nhân vào đất Thục du học. Gặp lúc Tiên chủ định Thục, Y bèn lưu lại Ích châu, cùng người quận Nhữ Nam là Hứa Thúc Long, người Nam Quận là Đồng Doãn đều nổi tiếng.

Bấy giờ con của Hứa Tĩnh chết, Doãn cùng Y tới đám tang. Doãn bạch với cha là Hòa xin một cái xe, Hòa sai người mở cửa sau cấp cho bọn Doãn một chiếc xe hươu. Doãn có vẻ khó chịu khi phải dùng cái xe ấy, Y liền trèo lên xe trước. Lúc tới đám tang, thấy Gia Cát Lượng cùng các nhân vật quý hiển đã đến đủ, xe của họ rất đẹp, vì thế Doãn thần sắc có vẻ ngại ngần, còn Y vẫn thản nhiên như thường. Xa phu quay về, Hòa hỏi xa phu, biết biểu hiện của họ như thế, bèn bảo Doãn rằng:

- Ta thường nghĩ rằng mày với Văn Vĩ hơn kém chưa phân biệt được, nhưng từ nay về sau, ta đã rõ rồi.

Tiên chủ lập thái tử, Y và Doãn đều làm Xá nhân, thăng làm Thứ tử. Hậu chủ lên ngôi, Y làm Hoàng môn thị lang.

Thừa tướng Lượng nam chinh trở về, trăm quan ra ngoài mấy chục dặm đón rước, xét tuổi tác và chức vị có nhiều người hơn Y, nhưng Lượng lại đặc cách cho Y ngồi cùng xe, bởi thế chúng nhân chẳng ai không thay đổi cách nhìn nhận về Y.

Lượng vừa từ phương nam về, sai Y lấy thân phận Chiêu tín Hiệu úy đi sứ nước Ngô. Tôn Quyền vốn có tính khô hời, hay trêu chọc không chừng mực; bọn Gia Cát Khác, Dương Huy tài năng uyên bác, quyết đoán khéo biện luận, nói bàn sắc sảo, Y nói năng nhũn nhặn hàm nghĩa sâu sắc, đối đáp theo lý lẽ, rút cục không chịu khuất.① Quyền rất xem trọng, bảo Y rằng:

- Ngài là người có tài đức trong thiên hạ, tất sẽ thành bầy tôi tay chân của Thục triều, e rằng sẽ không thường đến đây nữa.②

Y về nước, Y được thăng làm Thị trung.

Lượng lên bắc trú ở Hán Trung, mời Y làm Tham quân. Vì Y phụng mệnh đi sứ xứng ý, nên luôn được phái đi sứ đến Ngô. Năm Kiến Hưng thứ tám, Y được chuyển làm Trung hộ quân, sau lại làm Tư mã. Thời ấy Quân sư là Ngụy Diên và Trương sù là Dương Nghi căm ghét nhau, mỗi lúc cùng ngồi lại nảy sinh tranh cãi, Diên rút đao định đâm Nghi, Nghi chảy nước mắt dàn giũa. Y thường ngồi giữa hai người, can ngăn khuyên giải rõ đúng sai, suốt thời Lượng còn sống, dùng được cả Diên và Nghi, là nhờ vào sự điều hòa giúp sức của Y vậy. Lượng chết, Y làm Hậu quân sư. Ít lâu, thay Tào Uyên làm Thượng thư lệnh.③ Uyên từ Hán Trung về huyện Phù, Y được thăng làm Đại tướng quân, Lục thượng thư sù.

① *Y biệt truyện* chép: Tôn Quyền mỗi lần gặp đều rót rượu ngon cho Y uống, đến lúc Y say, mới hỏi chuyện quốc sự, cùng luận việc đương thời, toàn những điều rất phức tạp. Y mượn có say rượu từ chối, khi về chép lại lần lượt những vấn đề Quyền hỏi, trả lời rành mạch từng việc, chẳng thiếu sót việc nào.

② *Y biệt truyện* chép: Quyền bèn rút bảo đao thường đeo bên mình tặng cho Y, Y đáp lại rằng:

- Thần vốn bất tài, làm sao kham nổi vinh dự này? Mà bảo đao vốn là vật dùng để đánh dẹp kẻ phản, ngăn diệt bạo loạn, chỉ mong đại vương gắng dựng công nghiệp, cùng phù Hán thất, thần dẫu ám nhược, nhất định chẳng phụ sứ mệnh đi đến Đông Ngô.

③ *Y biệt truyện* chép: Bấy giờ việc quân việc nước bộn bề, công vụ chồng chất, nhưng trí nhớ và sức kiến giải của Y hơn người, mỗi khi xét văn thư đọc tấu sớ, chỉ liếc mắt qua là nắm được chủ ý, nhanh gấp mấy lần người thường, lại nhớ kỹ không quên. Y thường nghe xét công việc từ sớm tới quá trưa, trong lúc ấy vẫn tiếp đãi tân khách, ăn uống đùa bỡn, lại còn chơi cờ, vui đùa hết mình, công việc cũng không bê trễ. Đồng Doãn lên thay Y làm Thượng thư lệnh, muốn học theo cách làm của Y, trong vòng một tuần, công việc đa phần ngưng tắc. Doãn bèn than rằng:

- Tài sức của người ta khác nhau xa quá thế, đây là điều ta không theo kịp Y vậy. Xét việc hết ngày, mà chẳng nhàn rồi được chút nào sao!

Năm Diên Hi thứ bảy, quân Ngụy kéo đến phạm Hưng Thế, Hậu chủ ban Giả tiết cho Y, sai lĩnh binh ngăn địch. Quang lộc Đại phu Lai Mẫn đến từ biệt, mời Y cùng chơi một ván cờ. Bấy giờ vũ hịch giao nhau trên đường, người ngựa đóng sẵn giáp, đợi lệnh xuất phát, Y cùng Mẫn tập trung đối trận, sắc diện chẳng hề mệt mỏi.

Mẫn nói:

- Ta đến chỉ để thử xét ngài thôi! Ngài thực sự là người thích hợp, tất đánh lui được địch vậy.

Y đến nơi, địch bèn lui, Y được phong làm Thành hương hầu.① Uyển cố nhường chức quản châu cho Y, Y lại lĩnh Thứ sử Ích châu. Thành tích và danh tiếng về chủ trì quốc chính của Y, so với Uyển cũng không kém.②

Năm thứ mười một, Y ra trú ở Hán Trung. Từ Uyển tới Y, tuy tự thân ở ngoài, nhưng việc tướng thưởng ra uy hình ở kinh đô, đều ra xa hỏi họ quyết ý trước, rồi sau mới thi hành, họ được xem trọng tín nhiệm như thế. Về sau, năm thứ mười bốn mùa hạ, Y quay về Thành Đô, người xem khí tượng ở Thành Đô nói kinh sư không có tinh vị Tể tướng, bởi thế đến mùa đông Y lại lên bắc trú ở Hán Thọ.

Năm Diên Hi thứ mười lăm, Hậu chủ lệnh sai Y khai phủ. Ngày đầu tiên của năm thứ mười sáu đại hội, người hàng nước Ngụy là Quách Tuần ngồi ở đó. Y uống rượu rất say, bị Tuần tự tay đâm chết, Y được ban thụy là Kính hầu.

Con của Y là Thừa nối tự, làm Hoàng môn thị lang. Em của Thừa là Cung, lấy công chúa.^③

Con gái lớn của Y gả cho Thái tử Tuyền làm phi.

① *Thông ngữ* của Ân Cơ chép: Từ Mã Ý kể tội rồi giết Tào Sảng, Y đặt ra Giáp Ất⁽¹⁾ để bình luận việc đúng sai của bọn họ. Giáp cho rằng anh em Tào Sảng đều là hạng phẩm chất thấp kém tầm thường, vì quan hệ thân thích với vua, mới được nhận tránh nhiệm cố mệnh phò ấu chúa, nhưng lại kiêu xa ngạo mạn, giao kết không đúng người, dựng lập bè đảng riêng, âm mưu làm loạn nước. Ý phẫn chấn hết sức đánh giết, một ngày diệt sạch nhẵn, đấy là làm việc xứng với chức trách của mình, hợp với lòng mong ngóng của sĩ dân vậy. Ất cho rằng, Ý giận họ Tào đã không thực lòng tín nhiệm mình, nếu không sao để Sảng cùng dự vào quốc chính? Đã làm cố mệnh mà chẳng chuyên quyền được, thì cũng như ngọc đẹp có tí vết vậy.⁽²⁾ Nhưng ngay từ lúc bắt đầu, Ý không hề có một lời đề xuất hay cảnh báo nào, một ngày thăm sát, xuất kỳ bất ý, há đấy là việc làm của bậc đại thần an bang trị quốc được tín nhiệm sao! Nếu như Sảng thật sự có mưu đồ soán quyền, gây tội đại nghịch bất đạo, mà vào ngày phát binh, lại đem Tào Phương ủy thác cho anh em Sảng. Cha con Ý đóng cửa sau cất binh, tất khiến Tào Phương bị uy bức, quốc gia không yên ổn, trung thần vì quân vương lo lắng thâm sâu là như thế sao? Từ đấy mà suy, Sảng không mắc tội đại ác là rõ rồi. Nếu Ý thấy Sảng xa hoa tiềm quyền, có thể phế bỏ có thể gia hình, thế mà lại diệt cả con trẻ nhà Sảng, cho rằng họ bất nghĩa, dứt tuyệt hương hỏa nhà Tào Đan, đến như con của Hà Yển vốn là cháu ngoại vua Ngụy, cũng bị chém phanh thây, đấy mới là tiềm quyền quá phận vậy.

¹ Phép đặt Giáp, Ất: Xem chú thích ở tập II, quyển 10, trang 291 (Tuân Úc truyện).

² Phù tá quân vương, nắm đại quyền quân quốc mà phải chia sẻ, thì khác gì ngọc có tí vết không được toàn vẹn.

② *Y biệt truyện* chép: Y vốn tính khiêm nhường chất phác, trong nhà chẳng tích trữ tiền của. Con cái đều mặc áo vải thô, ăn cơm nhạt, ra vào chẳng có xe ngựa tùy tùng, không có gì khác người thường.

③ *Y biệt truyện* chép: Phí Cung làm Thượng thư lang, thanh danh hiển hách đương thời, chết sớm.

Khuong Duy tự Bá Ước, người quận Thiên Thủy huyện Ký, mồ côi cha từ nhỏ, ở với mẹ, yêu thích kinh học của Trịnh thị. ① Duy làm Thượng kế duyện của quận, châu triệu làm Tông sự. Vì phụ thân của Duy là Quýnh từng làm Công tào của quận, gặp lúc rộ Khương, Nhung làm loạn, Quýnh đem thân bảo vệ Quận tướng, chết ở chiến trường, vì thế Duy được ban chức Trung lang, tham dự việc quân ở quận nhà.

Năm Kiến Hưng thứ sáu, Thừa tướng Lượng xuất quân hướng đến Kỳ Sơn, bấy giờ Thái thú Thiên Thủy ra ngoài tuần xét, Duy cùng bọn Công tào là Lương Tự, Chủ bộ là Doãn Thương, Chủ ký là Lương Kiền đi theo. Thái thú nghe tin Thục quân sắp đến, mà các huyện đều hưởng ứng, ngờ rằng bọn Duy đều hai lòng, vì thế ngay trong đêm trốn về giữ Thượng Nhai. Bọn Duy phát giác Thái thú bỏ đi, liền đuổi theo, đến cổng thành, cửa thành đã đóng, không vào được. Bọn Duy theo nhau về huyện Ký, huyện Ký cũng không cho Duy vào. Bọn Duy bèn đến hàng Gia Cát Lượng. Gặp lúc Mã Tắc chiến bại ở Nhai Đình, Lượng đòi hơn một nghìn hộ dân của Tây Thành cùng bọn Duy về Thục, vì thế Duy và mẫu thân lạc nhau. ② Lượng trưng dụng Duy làm Thương tào duyện, thêm chức Phụ nghĩa tướng quân, phong tước Đương Dương đình hầu, năm ấy Duy hai mươi bảy tuổi.

Lượng gửi thư cho Lưu phủ Trưởng sử là Trương Duệ, Tham quân là Trương Uyển nói:

"Khương Bá Ước trung với chức phận, siêng năng với công việc, suy nghĩ tinh tế chu đáo, xét toàn diện về người ấy, mấy người như Vĩnh

Nam, Quý Thường⁽¹⁾ chẳng bằng được vậy. Người ấy, là sĩ nhân ưu tú của Lương châu vậy."

Lại viết:

"Nên lập tức giao cho ông ấy cai quản năm sáu nghìn hồ bộ binh.⁽²⁾ Khương Bá Ước rất sáng suốt việc quân, đã can đảm lại nghĩa khí, hiểu sâu binh pháp. Tâm nguyện của Bá Ước là hướng về nhà Hán, mà tài năng hơn người, tất sẽ được truyền dạy nắm việc quân, nên phái ngay đến cung đình, diện kiến chúa thượng." ③

Về sau Duy được thăng làm Trung giám quân, Chinh tây tướng quân.

① *Phó tử* chép: Duy là người thích lập công danh, ngầm nuôi dưỡng tử sĩ, không làm các việc bình thường như kẻ áo vải.

② *Ngụy lược* chép: Thái thú Thiên Thủy là Mã Tuân dẫn Duy và thuộc quan theo Thứ sử Ung châu là Quách Hoài từ phía tây huyện tới Lạc Môn tuần xét, nghe tin Lượng đã đến Kỳ Sơn, Hoài ngỏảnh sang bảo Tuân rằng:

- Quả là việc chẳng lành!

Bèn ruổi ngựa sang đông quay về Thượng Nhai. Tuân nghĩ rằng sở trị của huyện Ký ở phía tây địa giới quận, lại sợ quan dân hưởng ứng Thục, bèn cũng chạy theo Hoài. Bấy giờ Duy bảo Tuân rằng:

- Minh phủ nên trở về huyện Ký.

Tuân bảo bọn Duy rằng:

- Bọn người chẳng đáng tin, đều là giặc cả.

Nói xong tự nhìn quanh rồi chạy đi. Duy cũng không chạy theo Tuân kịp, mà gia đình lại ở huyện Ký, bèn cùng Quận lại là bọn Thượng Quan Tử Tu về huyện Ký. Quan dân huyện Ký thấy bọn Duy về hết sức vui mừng, bèn suy cử họ đến bái kiến Lượng. Hai người không biết làm sao, bèn cùng đến chỗ Lượng. Lượng gặp

¹ Lý Cáp (hay Lý Thiệu) tự Vĩnh Nam và Mã Lương tự Quý Thường.

² Nhà Thục Hán đặt chức quan Hồ bộ giám, chương quản vệ sĩ, tức cấm binh. Hồ bộ giám quản ba doanh quân là Tả, Trung, Hữu; mỗi doanh là 2.000 người.

bọn họ, cả mừng. Nhưng chưa kịp phái người đi đón trăm họ ở huyện Ký, thì quân tiên phong của Lượng bị bọn Trương Cáp, Phí Diêu đánh tan, vì thế đành đem bọn Duy lui về. Duy không quay về được, bèn vào Thục. Quân Ngụy đánh huyện Ký, bắt hết được mẹ và vợ con của Duy, cũng vì Duy vốn không có ý bỏ đi, cho nên không xử giết người nhà của Duy, chỉ câu thúc họ làm tin nhằm lôi kéo Duy về nước Ngụy.

Lời này so với bản truyện bất đồng.

③ *Tạp ký* của Tôn Thịnh chép: Lúc trước, Khương Duy tới diện kiến Lượng, cùng mẫu thân lạc nhau, về sau lại nhận được thư mẹ, sai phải lập tức quay về. Duy nói:

- Nghĩ tới trăm khoảnh ruộng tốt, sao bằng có được một mẫu đất bạc, chỉ cần có chí cao xa, hà tất cứ phải trở về quê quán.

Năm thứ mười hai, Lượng chết, Duy về Thành Đô, làm Hữu giám quân, Phụ Hán tướng quân, thống lĩnh các lộ quân mã, được tấn phong làm Bình Tương hầu.

Năm Diên Hi nguyên niên, theo Đại tướng quân Tưởng Uyển trú ở Hán Trung. Sau khi Uyển được thăng làm Đại Tư mã, lại lấy Duy làm Tư mã, nhiều lần lĩnh một cánh quân tây tiến.

Năm Diên Hi thứ sáu, Duy được thăng làm Trấn tây Đại tướng quân, kiêm Thứ sử Lương châu. Năm thứ mười, được thăng làm Vệ tướng quân, cùng Đại tướng quân Phí Y chung làm Lục thương thư sự. Năm ấy, người Di ở huyện Bình Khang quận Vấn Sơn phản, Duy thống lĩnh bộ chúng đánh dẹp bình định. Lại tiến ra địa giới các quận Lũng Tây, Nam An, Kim Thành, cùng bọn Đại tướng quân của nước Ngụy là Quách Hoài, Hạ Hầu Bá giao chiến ở Thao Tây. Vua của rợ Hồ là Trì Vô Đái đem cả bộ lạc đến hàng, Duy đưa họ về an trí chỗ ở. Năm thứ mười hai, Duy được ban Giả tiết, lại xuất binh ra đánh Tây Bình, không thắng được lại về.

Duy tự cho rằng mình hiểu rõ phong tục dân phương tây, lại tự phụ cậy tài võ lược của mình, muốn dẫn dụ người các tộc

Khuong, Hồ làm vây cánh, cho là từ đất Lũng sang tây có thể cắt mà lấy được. Thường muốn hưng khởi đại quân, nhưng Phí Y thường kiềm chế không nghe theo, binh lực cấp cho Duy chẳng quá một vạn người.^①

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Phí Y bảo Duy rằng:

- Bọn ta chẳng bằng Thừa tướng, sánh được là rất khó; Thừa tướng còn chẳng bình định được Trung hạ, huống chi là bọn ta! Vả lại chẳng gì bằng giữ nước trị dân, cung kính giữ xã tắc, bảo tồn công nghiệp của Thừa tướng, đợi kẻ sĩ có tài năng xuất hiện, chẳng nên mong cầu may mắn mà quyết thành bại ở một lần hành động. Nếu chẳng được như ý, có hối cũng không kịp vậy.

Năm Diên Hi thứ mười sáu, Y chết. Mùa hạ, Duy thống lĩnh mấy vạn người tiến ra Thạch Doanh, qua Đồng Đình, vây Nam An, Thứ sử Ung châu của nước Ngụy là Trần Thái đến Lạc Môn giải vây, Duy hết lương lui về.

Năm sau, triều đình thêm cho Duy chức Đô đốc nắm hết việc quân trong ngoài. Duy lại tiến ra Lũng Tây, Trường huyện Địch Đạo là Lý Giản dâng cả thành đầu hàng. Duy tiến vây Tương Vũ, cùng tướng nước Ngụy là Từ Chất giao phong, chém đầu Chất phá địch, quân Ngụy thua vỡ lui chạy. Duy thừa thắng tiến đánh, nhiều chỗ hàng phục, Duy bèn dời dân chúng của ba huyện Hà Gian, Địch Đạo, Lâm Thao vào Thục rồi về.

Năm thứ mười tám, Duy lại cùng Xa kỵ tướng quân Hạ Hầu Bá đều tiến ra Địch Đạo, đại phá quân Ngụy của Thứ sử Ung châu là Vương Kinh ở Thao Tây, bộ chúng của Kinh chết mấy vạn người. Kinh lui về giữ thành Địch Đạo, Duy vây hãm Kinh. Chinh tây tướng quân của nước Ngụy là Trần Thái tiến binh giải vây, Duy lui quân về trú ở Chung Đễ.

Năm thứ mười chín mùa xuân, Hậu chủ phái người đến thăng Duy làm Đại tướng quân. Vì thế Duy cấp tốc chinh binh mã, cùng Trấn tây Đại tướng quân Hồ Tể hẹn nhau hội quân ở Thượng Nhai, Tể lỗi hẹn không đến, nên Duy bị Đại tướng

nước Ngụy là Đặng Ngải đánh phá ở Đoạn Cốc, binh tốt tan tác, quân sĩ chết rất nhiều. Hầu hết quân sĩ oán hận, mà từ đất Lũng sang tây xao động không yên, Duy dẫn lỗi trách tội mình, xin tự biếm tước. Bị giáng làm Hậu tướng quân, coi việc của Đại tướng quân.

Năm thứ hai mươi, Chinh đông Đại tướng quân của nước Ngụy là Gia Cát Đản phản loạn ở Hoài Nam, Ngụy chia binh ở Quan Trung sang đông. Duy muốn thừa cơ hướng đến Tần Xuyên, lại thống suất mấy vạn người tiến ra Lạc Cốc, thẳng đến núi Trầm Lĩnh. Bấy giờ ở Trường Thành tích rất nhiều lương thảo mà binh trấn giữ rất ít, nghe tin Duy sắp đến, chúng đều kinh hoàng. Đại tướng quân của nước Ngụy là Tư Mã Vọng ngăn chống Duy, Đặng Ngải cũng từ Lũng Hữu đến, đều đóng ở Trường Thành. Duy tiến đến đóng ở Mang Thủy, dựa núi lập trại. Vọng, Ngải tựa sông Vị vững lũy, Duy mấy lần xuống khiêu chiến, Vọng, Ngải không ra ứng chiến.

Năm Cảnh Diệu nguyên niên, Duy nghe tin Đản thua bại, bèn quay về Thành Đô. Lại được bá làm Đại tướng quân.

Khi trước, Tiên chủ lưu Ngụy Diên trấn thủ Hán Trung, đều đặt trọng binh để ngăn chống ngoại địch, nếu địch đến đánh, thì không thể xâm nhập. Đến chiến dịch Hung Thế, Vương Bình cự Tào Sảng, đều dựa theo phép chế ấy. Duy kiến nghị, cho rằng xen lẫn các vòng vây thủ giữ, tuy hợp nghĩa quẻ "Trùng môn" trong *Chu Dịch*,⁽¹⁾ nhưng chỉ có thể ngăn chống địch, không thu được cái lợi lớn. Chẳng bằng nếu nghe tin địch đến, các vòng vây đều thu binh tụ lương, lui giữ hai thành Hán, Lạc, khiến địch không vào được chỗ đất bằng, đồng thời phái trọng binh trấn mấy tầng quan ải ngăn địch. Có địch xâm

¹ Quẻ "Trùng môn" trong *Chu Dịch* nói: "Trùng môn kích thác, dĩ đãi bạo khách." Trùng môn nghĩa là cửa xen nhiều tầng. Đại khái là bày quân nhiều lớp như cửa xếp dày nhiều tầng để ngăn chống địch.

phạm, sai quân du kích cùng tiến thừa sơ hở mà đánh. Địch đánh cửa quan không hạ được, ngoài đồng chẳng có lương ăn, nghìn dặm tải lương, tự nhiên sẽ mệt mỏi. Đến ngày địch lui, các thành đồng thời ra đánh, cùng quân du kích hợp lực đánh bắt, đây là cái thuật diệt sạch quân địch vậy. Vì thế lệnh cho Đốc Hán Trung là Hồ Tế lui giữ Hán Thọ, Giám quân là Vương Hàm thủ giữ Lạc Thành, Hộ quân là Trương Bân thủ giữ Hán Thành, thêm nữa ở Tây An, Kiến Uy, Vũ Vệ, Thạch Môn, Vũ Thành, Kiến Xương, Lâm Viễn đều lập đồn trại thủ giữ.

Năm thứ năm, Duy thống suất quân ra Hán Thủy, Hâu Hòa, bị Đặng Ngải đánh bại, lui về giữ Đạp Trung.

Duy vốn là lũ khách từ ở nước khác đến gửi thân, nhiều năm chinh chiến bên ngoài, công tích không lập được, mà bè lũ hoạn quan là bọn Hoàng Hạo lộng quyền ở trong, hữu Đại tướng quân Diêm Vũ cùng Hạo cấu kết với nhau, nên Hạo ngầm đặt mưu phế Duy dựng lập Vũ. Duy cũng ngờ việc ấy, cho nên tự thấy lo sợ, không quay về Thành Đô nữa.①

Năm thứ sáu, Duy dâng biểu lên Hậu chủ rằng:

"Nghe nói Chung Hội luyện binh ở Quan Trung, muốn mưu đồ tiến thủ, nên đồng thời phái Trương Dực, Liêu Hóa đốc chư quân chia nhau bảo vệ quan ải Dương An và đầu cầu Âm Bình để phòng bị chuyện khó lường."

Hạo tin tưởng thuật thần quỷ của thầy đồng, cho rằng kẻ địch rút cục không tự đến, thầy đồng lại bảo là Hậu chủ nên quên việc ấy, mà quần thần chẳng ai biết gì. Đến khi Chung Hội sắp đánh tới Lạc Cốc, Đặng Ngải sắp tiến vào Đạp Trung, Hậu chủ mới vội phái hữu Xa kỵ tướng quân Liêu Hóa đến Đạp Trung làm cứu viện cho Duy, bọn tả Xa kỵ tướng quân Trương Dực, Phụ quốc Đại tướng quân Đồng Quyết đến quan ải Dương An làm ngoại viện cho các đồn trại ở đó. Sắp đến Âm Bình, nghe tin tướng nước Ngụy là Gia Cát Tự hướng đến Kiến Uy, vì thế

trú binh lại đọi địch. Qua hơn một tháng, Duy bị Đặng Ngải đánh vỡ, phải quay về giữ Âm Bình.

Chung Hội vây đánh hai thành Hán, Lạc, phái biệt tướng tiến đánh quan ải, Tướng Thư mở cửa thành ra hàng, Phó Thiêm xô xát trong trận mà chết.^②

Hội đánh Lạc Thành, không hạ được, nghe nói quan ải đã hạ rồi, bèn ruổi ngựa mà tiến. Dục, Quyết vừa đến Hán Thọ, Duy, Hóa cũng bỏ Âm Bình mà lui, vừa hay cùng Dục, Quyết hợp binh, đều lui về giữ Kiểm Các để cự Hội.

Hội gửi thư cho Duy nói:

"Công hầu vốn tài kiêm văn võ, thao lược hơn đời, công trùm Ba Hán, danh lan Hoa Hạ, xa gần chẳng ai không nghe tiếng. Ta thường nghĩ ngày xưa, hai ta từng cùng giáo hóa, cái tình Ngô Trát, Trịnh Kiêu, có thể dùng để ví dụ quan hệ của hai ta vậy."⁽¹⁾

Duy không đáp thư, bày doanh trại thủ hiểm. Hội không đánh được, vì đường vận lương xa xôi rất khó khăn, liền cùng nhau thương nghị việc quay về.

① *Hoa Dương quốc chí* chép: Duy ghét Hoàng Hạo phóng túng chuyên quyền, bầm với Hậu chủ muốn giết đi. Hậu chủ nói:

- Hạo chẳng qua là kẻ hầu mọn để sai bảo việc vặt thôi, xưa kia Đồng Doãn vẫn nghiêng răng cảm giận hắn, ta vẫn hận việc ấy, ngài hà tất phải nuôi ý hận hực.

Duy biết Hạo nương cậy vào Hậu chủ như cành lá nổi liền, sợ có lời thất thổ, mới nhún nhường từ tạ lui ra. Hậu chủ lệnh cho Hạo đến gặp Duy tạ tội. Duy nói với Hạo xin ra Đạp Trung trồng lúa, thực tế là để tránh va bên trong.

¹ Ngô Trát (吳札) tức Quý Trát, hoàng tử nước Ngô thời Chiến Quốc, là người hiền đức, mấy lần được mời làm vua nước Ngô không chịu làm. Trịnh Kiêu (鄭喬) là Công Tôn Kiêu, tự Tử Sản, hiền thần nước Trịnh. Quý Trát từ nước Ngô tới nước Trịnh gặp Tử Sản, thấy như đã thân thiết từ lâu, tặng nhau dây lưng lụa trắng, áo dệt vải lanh. Người sau dùng điển Kiêu, Trát có ý nói đến tình bằng hữu chí giao.

② *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Tường Thư ra hàng, bèn trá lừa bảo Phó Thiêm rằng:

- Nay giặc đến chẳng đánh chúng mà đóng cửa thành tự thủ, không phải là kế hay vậy.

Thiêm nói:

- Nhận mệnh giữ thành, chỉ giữ vẹn mới có công, nay trái mệnh ra đánh, nếu tan quân phụ quốc, có chết cũng vô ích vậy.

Thư nói:

- Người coi giữ vẹn được thành là công, ta nghĩ ra đánh thắng địch là công, xin hãy theo cái chí của mình.

Bèn lĩnh binh ra thành. Thiêm cho là ra đánh thật, nhưng Thư đến Âm Bình, đã ra hàng Hồ Liệt. Liệt thừa cơ đánh úp thành, Thiêm đánh giết trong trận mà chết, người Ngụy cho là trung nghĩa.

Thực ký chép: Tường Thư làm Vũ Hưng đốc, khi tại chức không có tiếng tăm gì. Thục triều sai người đến thay Thư, nhân đó lưu Thư lại giúp thủ giữ Hán Trung. Thư hận, cho nên mở cửa thành ra hàng.

Đặng Ngải từ Âm Bình theo đường nhỏ Cảnh Cốc tiến vào, bèn phá được Gia Cát Chiêm ở Miên Trúc. Hậu chủ xin hàng với Ngải, Ngải tiến chiếm Thành Đô.

Bọn Duy ban đầu nghe tin Chiêm bị phá, lúc sau lại được tin Hậu chủ cố thủ Thành Đô, lúc lại nghe nói Hậu chủ định sang đông đến nước Ngô, lúc lại nghe đồn Hậu chủ muốn xuôi nam đến quận Kiến Ninh, vì thế dẫn quân đi vòng về Quảng Hán, Thê huyện để xét hư thực. Không lâu sau nhận sắc mệnh của Hậu chủ, đành phải quăng gươm cởi giáp, đến hàng tiền quân của Hội ở huyện Phù, tướng sĩ đều tức giận, tuốt đao chém xuống đá.①

① *Tấn ký* của Can Bảo chép rằng: Hội bảo Duy rằng:

- Sao đến chậm thế?

Duy nghiêm mặt chảy nước mắt nói:

- Hôm nay gặp thế này là sớm rồi!

Hội rất lấy làm lạ về Duy.

Hội hậu đãi bọn Duy, đều quyền biến trả lại họ hết ấn tín, cờ hiệu, phù tiết, mũ lông. Hội cùng Duy ra thì chung xe, ngồi cùng chung chiếu, bảo với Trưởng sử là Đỗ Dự rằng:

- Đem Bá Ước với so với danh sĩ Trung thổ, Công Hưu, Thái Sơ chẳng hơn được vậy.^①

Hội vu hãm Đặng Ngải xong, bắt nhốt Ngải vào xe tù sai đưa đi, nhân đó đem bọn Duy đến Thành Đô, tự xưng là Ích châu mục làm phản.^② Hội muốn trao cho Duy năm vạn quân, sai làm tiền khu. Tướng sĩ nước Ngụy phản nộ, giết Hội và Duy, vợ con Duy đều bị hại.^③

① *Thế ngữ* chép: Bấy giờ thuộc quan nước Thục đều là anh tài thiên hạ, nhưng không ai hơn được Duy.

② *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Hội ngầm có mưu khác, Duy gặp liền biết được tâm ý của Hội, cho là có thể gây thành nhiều loạn để mưu đồ khôi phục lại, bèn trá quỷ khuyển Hội rằng:

- Ta nghe nói ngài từ lúc ở Hoài Nam tới nay, tính toán không hề sơ sót, Tấn công được xương thịnh, đều nhờ sức của ngài. Nay lại định được nước Thục, uy đức chấn động thiên hạ, dân ca tụng công cao của ngài, chủ úy kỳ kế mưu của ngài, muốn từ đây lui ẩn an nhàn có được chăng! Xưa kia Hàn Tín chẳng chịu tội Hán lúc nhiều lương, để lúc bình trị bị nghi ngờ, Đại phu Chúng chẳng theo Phạm Lãi tới Ngũ Hồ, rút cục nhận kiếm chết vô nghĩa lý,^① đấy có phải là chủ hôn ám thần ngu muội đâu? Mà vì cái lợi cái hại khiến người ta thế vậy. Nay ngài công lớn đã dựng, đại đức đã tỏ, sao chẳng bắt chước Đào Chu Công bơi thuyền đi

¹ Hàn Tín bị giết: Xem chú thích ở tập II, quyển 10, trang 313 (Giả Hù truyện).

Văn Chung (文種), người đất Dĩnh nước Sở, đại thần của vua nước Việt là Câu Tiễn, từng cùng Câu Tiễn chịu rất nhiều cay đắng khi bị cầm tù ở nước Ngô. Văn Chung cùng một đại thần khác là Phạm Lãi bày nhiều mưu thuật giúp Câu Tiễn phục hưng đất nước, làm suy yếu nước Ngô, cuối cùng diệt được nước Ngô, báo thù. Sau khi thành công, Phạm Lãi lui về ở ẩn, khi đi báo Văn Chung rằng: “Chim khôn hết, cung tên bị bẻ gãy; thỏ gian tận, chó săn bị giết mổ. Sao chẳng bỏ đi.” Văn Chung không nghe, rút cục bị ban kiến phải tự sát.

tuyệt tích,⁽¹⁾ vẹn công mà an thân, hay lên đỉnh Nga Mi, mà theo Xích Tùng Tử⁽²⁾ tiêu dao ngày tháng?

Hội đáp:

- Điều ngài nói cao xa quá, ta chẳng theo được, và lại theo đạo lý bây giờ, e là ta chưa dừng ở chỗ này được.

Duy nói:

- Đây là việc nằm trong trí lực và tài năng của tướng quân rồi, không phải đợi lão phu nói lại nữa.

Từ đấy tình giao hảo càng thêm sâu đậm.

Hoa Dương quốc chí chép: Duy xui Hội giết hết các tướng từ phương bắc đến, giết xong, sẽ thông thả giết Hội, chôn sống Ngụy binh, khôi phục lại phúc vận nhà Thục, bèn gửi mật thư cho Hậu chủ nói:

"Xin bệ hạ nhần nhục vài ngày, thần sẽ khiến xã tắc nguy mà lại yên, nhật nguyệt tôi rồi lại sáng."

Tấn Dương thu của Tôn Thịnh chép: Thịnh vào năm Vĩnh Hoa sơ theo An tây tướng quân đi bình Thục, gặp các bằng hữu cố cựu, họ nói sau khi Khương Duy đã hàng mật dâng biểu tấu lên Lưu Thiện, nói là muốn vờ phục tùng Chung Hội, rồi sẽ thừa cơ giết Hội để khôi phục đất Thục, nhưng việc không thành, vì thế nước diệt thân vong, người Thục đến nay vẫn còn thương cảm. Thịnh cho rằng cố nhân nói "Không phải cái chỗ đáng khốn mà khốn thì danh tất nhục, không phải cái chỗ đáng dựa mà dựa thì thân tất nguy, đã nhục lại nguy, thì cái chết lâm đầu," đấy là lời nói về việc làm của Khương Duy sao! Đặng Ngải tiến vào Giang Do, binh sĩ rất ít, Duy tiến chẳng hết sức để bảo vệ Miên Trúc, lui chẳng tổng suất được năm tướng để che chở Thục chủ, lúc tính kế mưu việc về sau, muốn phản phúc giữa lúc đảo điên, mong chờ cơ hội hành sự trái lẽ để thay đổi cảnh khó khăn, vì cái nước suy nhược, mà thường điều binh lực với Tam Tấn, vì cái bang đã diệt, lại mong dùng ngoại lực để lập công kỳ lạ, chẳng cũng ngu ám sao!

¹ Phạm Lãi sau khi bỏ đi, đến ở đất Đào, làm nghề buôn, hiệu là Đào Chu Công. Tương truyền ông thường bơi thuyền rong chơi ở Ngũ hồ.

² Xích Tùng Tử (赤松子): Xem chú thích ở tập III, quyển 14, trang 223 (Đồng Chiếu truyện).

Thần Tùng Chi cho rằng lời chê bai của Thịnh đối với Duy, về lý là lời không thỏa đáng. Bấy giờ đại quân của Chung Hội đã đến Kiểm Các, Duy cùng chư tướng bày trận thủ hiểm, Hội chẳng tiến được, đã bàn kế quay về, cái công bảo toàn nước Thục, cơ hồ đã thành rồi. Nhưng Đặng Ngải quý quyết men núi mà vào, xuất hiện ở phía sau, Gia Cát Chiêm đã bại, Thành Đô tự vỡ. Duy nếu hồi quân cứu phía trong, thì Hội sẽ theo phía sau lưng. Cái thế lúc bấy giờ, làm sao vẹn được hai bề? mà trách Duy tiến chẳng hết sức để bảo vệ Miên Trúc, che chở cho Thục chủ, là trái với đạo lý vậy. Hội muốn chôn sống các tướng nước Ngụy để cử đại sự, trao trọng binh cho Duy, sai làm tiền khu. Nếu như tướng Ngụy đều chết, binh quyền trong tay Duy, giết Hội khôi phục Thục, chẳng phải là khó rồi. Thành công nhờ ngoại lực, rồi sau làm được việc kỳ lạ, chẳng nên vì kết quả có sai khác, mà dè bieu cho là việc làm không đúng. Ví thử cái kế của Điền Đan, ngẫu nhiên không gặp dịp, há lại cho là Điền Đan ngu ám sao!

③ *Thế ngữ* chép: Duy chết bị phanh bụng, quả mặt lớn như cái đấu.

Khuớc Chính soạn bài luận luận về Duy rằng:

"Khuong Bá Ước giữ chức trọng ở ngôi thượng tướng, địa vị đứng đầu quần thần, mà nhà cửa sơ sài cũ nát, của cải không dư thừa, buồng ngủ không có tiếng đùa bỡn của thê thiếp, hậu đình không có tiếng đàn sáo hát ca, y phục chỉ đủ mặc, xe ngựa chỉ đủ dùng, ăn uống kiệm ước, không xa hoa chẳng bó buộc, phủ quan cấp phí dụng, tùy thời dùng hết không giữ lại; xét từ những điều như thế, chẳng phải để khích lệ kẻ tham phu ô trọc hạn chế ham muốn, tự kiềm chế bản thân, chỉ là để thấy rằng điều kiện như thế là đủ, không yêu cầu quá nhiều. Đại khái là đàm luận của người đời, thường khen việc thành chê việc bại, phù kẻ trên dìm kẻ dưới, đều cho là Khuong Duy hàng không đúng chỗ, thân chết tộc diệt, để chê bai dè bieu, chẳng tính xét công bằng, trái với cái nghĩa khen chê của Kinh Xuân Thu vậy. Còn như sự ham học không biết mệt, cái thanh liêm kiệm ước của Khuong Duy, xứng là khuôn mẫu của một thời vậy." ①

① Tôn Thịnh nói: Lạ thay cho lời luận của Khước thị! Kẻ làm quan có trăm thứ đức hạnh, cái tiết tháo của họ chẳng giống nhau, đến như trung, hiếu, nghĩa, tiết, là những đức đứng đầu trong bách hạnh vậy. Khương Duy ra làm quan nhà Ngụy, mà chạy đến hàng Thục, bội vua cầu lợi, không thể nói là trung; bỏ roi thân nhân cầu thả tránh chết, chẳng thể nói là hiếu; làm hại nước cũ, không thể nói là nghĩa; quốc bại không chết theo, chẳng thể nói là tiết; và lại đức chính chưa lan tỏa mà làm mệt sức dân để thỏa chí mình, thân giữ trọng trách là chỗ cậy dựa ở bên ngoài mà rút cục khiến quốc gia tan nát, nói là trí dũng, chẳng ai nghe được vậy. Cả thấy sáu điều ấy, Duy không được một. Thực sự Duy chỉ là phản thần của nước Ngụy, loạn tướng của nước vong, mà nói đấy là khuôn mẫu của người đời, thì lời đấy đáng ngờ rồi. Nếu vì Duy ham đọc sách tô điểm cho mình mà khen sự thanh bạch liêm khiết, há có khác gì khen bọn trộm cắp chia tiền của là nghĩa, mà Trình Trĩ hỏi cái lễ hàng của nước Trịnh là khéo sao?⁽¹⁾

Thần Tùng Chi cho rằng lời luận ấy của Khước Chính, là lời khen ngợi xứng đáng, đấy không phải là nói rằng hành sự của Duy trước sau đều chuẩn mực. Cái câu nói "khuôn mẫu của một thời", là chỉ ở việc hiếu học và kiệm ước thôi. Bản truyện và *Ngụy lược* đều nói rằng Duy vốn không có lòng phản, chỉ vì bị bức gấp phải hàng Thục. Thịnh chê bai Duy, thì chỉ có thể trách Duy làm trái ý mẹ mình. Những lời chê bai khác là quá hà khắc, hơn nữa lại chẳng bài bác được lời luận của Khước Chính đối với Khương Duy vậy.

Những người cùng đến Thục với Duy trước đây, Lương Tục quan vị đến chức Đại hồng lư, Doãn Thường quan vị là Chấp kim ngô, Lương Kiên làm Đại trường thu, đều chết trước khi nước Thục mất.

¹ Trình Trĩ (程郑) là trọng thần nước Tấn thời Xuân Thu, là bày tôi được sủng hạnh của Tấn hầu. Thời ấy nước Tấn mạnh, nước Trịnh yếu, phải hàng phục. Có lần sứ giả của nước Trịnh là Công Tôn Huy đi sứ sang Tấn, Trình Trĩ cố ý làm khó sứ giả, hỏi: "Xin hỏi quý quốc vì sao phải hàng nước Tấn ta?" Công Tôn Huy không thể đáp. Công Tôn Huy về, đem chuyện với Nhiên Minh, Nhiên Minh nói: "Nước Trịnh sắp diệt vong, phải tôn sùng nước Tấn nên tỏ ra sợ hãi, sợ hãi mà tỏ vẻ thần phục. Bọn ta chẳng qua là người dưới thôi, sao trả lời được. Và lại hàng là trí, Trình cố ý làm khó người khác, hẳn thực là tiểu nhân."

Bình rằng: Tường Uyển chính trực công bằng có uy vọng, Phí Y khoát đạt khoan hậu mà bác ái, đều kể nổi phép tắc có sẵn của Gia Cát, giữ nguyên không cải cách, vì thế nơi biên cảnh không có mối lo, quốc gia thuận hòa một khối, nhưng còn chưa làm hết những điều nên làm của việc trị tiểu quốc, đấy là cái đạo lý giữ lấy an tĩnh vậy.① Khương Duy chưa tinh tế nhưng tài kiêm văn võ, có chí hướng lập công danh, song xem nhẹ sức dân lạm dụng binh lực, xét việc chưa sáng, quyết đoán chẳng chu toàn, rút cục thân vong mệnh tuyệt. Lão tử có nói: "Cai trị nước lớn giống như nấu con cá nhỏ",⁽¹⁾ huống chi ở cái nơi mỏng mỏng, mà luôn muốn quấy rối được sao?②

① Thần Tùng Chi cho rằng Tường, Phí làm Thừa tướng, đã khắc chế bản thân mình mà noi theo con đường đã vạch ra, chưa từng khoe công khinh suất vọng động, đã khiến quốc gia giảm bớt được sự mất mát, ngoài thì đẩy lùi đại quân của địch ở Lạc Cốc, trong thì bảo đảm được sự yên ổn của quốc gia, đạt đến cái thích hợp của việc cai trị tiểu quốc, đó là đạo lý giữ được sự an tĩnh, làm sao có thể hơn được mức ấy đây! Nay chê là họ chưa làm hết những điều nên làm mà chẳng chỉ rõ việc nào, vì thế khiến người xem không hiểu vậy.

② Can Bảo nói: Khương Duy làm tướng nước Thục, nước mất chủ nhục mà chẳng chết, lại chết trong lúc phản loạn rồi ren với Chung Hội, tiếc thay! Chết không phải là việc khó, mà chết được đúng chỗ mới là khó vậy. Vì thế kẻ sĩ cứng cỏi thời xưa, nhận mệnh giữa lúc nguy nan, xem cái chết như về nhà, không phải là họ chẳng biết trọng việc chết, mà là họ biết rằng tính mệnh không dài nên sợ chẳng chết được theo đúng cái sở nguyện của mình vậy.

--- ॐ ---

¹ Ý rằng: Nấu con cá nhỏ mà cứ lật lên lật xuống, động tới nó quá nhiều thì nó sẽ nát mất. Trị nước lớn mà chính lệnh rắc rối, pháp lệnh thay đổi liên miên, những nhiều dân chúng thì dân sẽ đối trá và nảy sinh chống đối, không đồng lòng khiến quốc lực cứ yếu dần. Với nước lớn còn như thế, mà Khương Duy ở cái nước Thục rất nhỏ lại luôn muốn gây hấn thì sao lâu bền được!

QUYỂN THỨ BỐN MƯƠI LĂM

ĐẶNG, TRƯƠNG, TÔNG, DƯƠNG

TRUYỆN



Đặng Chi tự Bá Miêu, người quận Nghĩa Dương huyện Tân Dã, là hậu duệ quan Tư đồ Vũ⁽¹⁾ nhà Hán. Thời Hán mạt vào Thục, chưa được ai biết đến và trọng dụng. Bấy giờ Tòng sự Ích châu là Trương Dự khéo xem tướng, Chi thường lai vãng, Dự bảo Chi rằng:

- Ngài quá bảy mươi, ngôi vị đến Đại tướng quân, được phong hầu.

Chi nghe nói Thái thú Ba Tây là Bàng Hi mến kẻ sĩ, bèn qua chỗ Hi nương dựa.

Tiên chủ định Ích châu, Chi làm Đế các đốc⁽²⁾ của huyện Bì. Tiên chủ đi tuần đến huyện Bì, cùng nói chuyện, rất kinh lạ về Chi, thăng làm Bì lệnh, không lâu thăng làm Thái thú Quảng Hán. Chi ở sở quan thanh liêm nghiêm túc, có thành tích về trị lý, sau Chi về triều làm Thượng thư.

Tiên chủ mất ở Vĩnh An. Trước đấy, Ngô vương Tôn Quyền xin hòa, Tiên chủ nhiều lần phái bọn Tống Vĩ, Phí Y đưa lễ vật hồi

¹ Đặng Vũ (邓禹): Xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 233 (Tào Sảng truyện).

² Đế các (邸阁) là kho chứa lương. Đốc, là nói đến người đốc trách quản lý một công việc gì đó. Đế các đốc tức là người phụ trách cai quản kho lương, đây là chức quan của thời Tam quốc.

đáp. Thừa tướng Gia Cát Lượng rất lo Quyền nghe tin Tiên chủ mất, sợ bên ấy sinh lòng khác, chưa biết làm sao. Chi gặp Lượng nói:

- Nay chúa thượng nhỏ tuổi, mới tại vị, nên phải trọng thần đi sứ thật chặt giao hảo với Đông Ngô.

Lượng đáp lời rằng:

- Ta nghĩ đã lâu rồi, chưa tìm được người thích hợp thôi, hôm nay mới tìm được đấy.

Chi hỏi người ấy là ai? Lượng đáp:

- Là Sứ quân vậy.⁽¹⁾

Rồi phái Chi đi sứ sửa sang giao hảo với Quyền. Quyền quả nhiên hồ nghi, không tiếp Chi ngay, Chi bèn tự dâng biểu xin gặp Quyền, nói:

- Thần nay đến cũng muốn vì nước Ngô, không chỉ vì nước Thục vậy.

Quyền bèn gặp Chi, nói với Chi rằng:

- Cô thực muốn cùng Thục hòa thân, nhưng sợ Thục chủ ít tuổi, nước nhỏ thế nguy, bị Ngụy thừa cơ lấn át, chẳng tự bảo toàn được, vì thế nên do dự thôi.

Chi đáp lại rằng:

- Hai nước Ngô, Thục chiếm bốn châu, đại vương là anh tài trên đời, Gia Cát Lượng cũng là tuấn kiệt một thời vậy. Thục có cái hiểm vững của núi lớn, Ngô có cái cách trở của ba con sông, gộp hai ưu thế lớn ấy, kết làm môi răng, tiến có thể kiêm nuốt thiên hạ, lui có thể dựng đỉnh túc, đấy là đạo lý tự nhiên vậy. Đại vương nay nếu xưng thần với Ngụy, Ngụy hẳn trước thì muốn đại vương vào châu, sau thì đòi Thái tử tới làm nội thị,

¹ Chi trước đó là Thái thú Quảng Hán, nên gọi là Sứ quân.

nếu đại vương không theo mệnh, thì họ phụng mệnh đánh kẻ phản, Thục tất thuận dòng mà đến, thấy được là tiến, như thế, đất đai Giang Nam chẳng phải của đại vương nữa vậy.

Quyền im lặng hồi lâu mới nói:

- Ngài nói phải lắm.

Bèn tự tuyệt với Ngụy, cùng Thục liên hòa, phái Trương Ôn mang lễ vật sang Thục đáp lại. Thục lệnh sai Chi qua Ngô lần nữa, Quyền bảo Chi rằng:

- Nếu thiên hạ thái bình, hai chúa chia nhau cai trị, chẳng cũng vui sao!

Chi đáp rằng:

- Trời không có hai mặt, đất chẳng có hai vua, nếu như sau này nuốt Ngụy, đại vương chưa biết rõ thiên mệnh sẽ về đâu, hai vua tự phát dương đức tốt của mình, thần tử các bên trở sức tận trung, tướng sĩ cầm dùi thúc trống, thì cuộc chiến tranh mới lại bắt đầu thôi.

Quyền cả cười nói:

- Lòng thành thật của ngài đến mức như vậy sao!

Tôn Quyền gửi thư cho Lượng nói:

"Đinh Quăng 'thiểm trương', ① Âm Hóa bất tường,⁽¹⁾ hòa hợp hai nước, duy có Đặng Chi."

Lúc Lượng lên bắc trú ở Hán Trung, lấy Chi làm Trung giám quân, Dương Vũ tướng quân. Sau khi Lượng chết, Chi được thăng làm Tiền quân sư Tiền tướng quân, lĩnh Thứ sử Duyện châu, phong tước Dương Vũ đình hầu, ít lâu lại làm Đốc Giang

¹ Hai chữ "Thiểm trương", xem chú của Bùi Tùng Chi bên dưới.

Hai chữ "Bất tường", ý nói rằng Âm Hóa nói năng không rõ ràng, không tận ý vậy.

Châu. Quyền nhiều lần hỏi thăm qua lại tin tức với Chi, tặng quà rất hậu.

Năm Diên Hi thứ sáu, thăng Chi làm Xa kỵ tướng quân, sau lại ban Giả tiết.

Năm thứ mười một, người nước Phù Lãng giết Đô úy làm phản, Chi lĩnh quân đến đánh dẹp, lập tức bêu đầu cừ soái của họ, trăm họ an cư,^② năm thứ mười bốn Chi chết.

① Chữ "Thiểm", hoặc chép thành chữ "Diễm." Tôn Quyền đại khái nói rằng Đinh Quăng nhiều lời, tô vẽ phù phiếm vậy.

② *Hoa Dương quốc chí* chép: Chi đi đánh Phù Lãng, thấy con vượn đen nhảy trên sườn núi. Chi vốn thích bắn nỏ, tự tay bắn con vượn, bắn trúng. Con vượn nhổ mũi tên của Chi ra, vợ lá cây đắp vết thương. Chi than:

- Ôi, ta làm trái với thiên tính của sự vật, ta sắp chết rồi!

Một chỗ khác chép: Chi thấy con vượn ôm con ở trên cây, giương nỏ bắn, bắn trúng con vượn mẹ, con của nó nhổ tên giúp, dùng lá cây đắp vết thương. Chi than dài, quăng nỏ xuống khe, tự nói mình sắp chết.

Chi làm (đại) tướng quân hơn hai chục năm, thường phạt phân mình, khéo vỗ về binh tốt. Cái ăn cái mặc và đồ chi dùng của bản thân đều ngẩng trông vào cửa quan, chẳng kiếm ước khắc khổ, nhưng suốt đời không vun vén sản nghiệp riêng, vợ con chẳng thoát cảnh cơ hàn, ngày chết trong nhà không dư tiền của. Bản tính cương trực giản dị, không che đậy cảm xúc và quan điểm của mình, cho nên không được đồng僚 ủng hộ. Dương thời có rất ít người được Chi kính trọng quý mến, duy có Khương Duy được Chi đặc biệt quý trọng.

Con của Chi là Lương, kế tước của cha, năm Cảnh Diệu trung làm Thượng thư Tả tuyển lang, vào thời nhà Tấn, làm Thái thú Quảng Hán.

Trương Dực tự là Bá Cung, người quận Kiền Vi huyện Vũ Dương. Ông nội của Dực là Tư không Hạo, cụ nội của Dực là Cương làm Thái thú Quảng Lăng, đều có thanh danh và sự tích lưu truyền.①

Tiên chủ định Ích châu, lĩnh chức mục, Dực làm Thư tá. Năm Kiến An mạt, được xét cử Hiếu liêm, làm trưởng huyện Giang Dương, đổi làm Phù Lăng lệnh, thăng làm Thái thú Tử Đồng, sau chuyển làm Thái thú Quảng Hán, Thái thú Thục Quận. Năm Kiến Hưng thứ chín, làm Lai Hàng đô đốc, Tuy nam Trung lang tướng.

Dực vốn cứng rắn, chấp pháp nghiêm, không được người khác tục mẫn, kỳ sủng là Lưu Trữ bội phản tác loạn, Dực cử binh dẹp Trữ. Trữ chưa dẹp được, đúng lúc bị triều đình triệu về, thuộc hạ đều cho rằng nên tức tốc ruổi ngựa về nhận tội. Dực nói:

- Không được. Ta khiến người Man người Di quấy động, chẳng xứng chức nên bị triệu về thôi, nhưng đại nhân chưa tới, ta đang ở chiến trường, phải vận lương tích cốc, trữ sẵn của cải để phá giặc, há nên vì lý do bị truất chức mà làm hỏng việc công sao?

Vì thế vẫn thống quản quân không trễ lười, người kế nhiệm đến Dực mới khởi hành. Mã Trung dựa vào cơ sở đã gây dựng ấy để phá diệt Trữ, Thừa tướng Lượng nghe nói việc ấy rất khen Dực.

Lượng tiến ra Vũ Công, lấy Dực làm Đô đốc tiền quân, lĩnh Thái thú Phù Phong. Lượng chết, Dực được bái làm Tiền lĩnh quân, lúc truy xét công đánh dẹp Lưu Trữ, ban cho Dực tước Quan nội hầu.

Năm Diên Hi nguyên niên, Dực về triều làm Thượng thư, ít lâu lại thăng làm Đốc Kiến Uy, ban Giả tiết, phong làm Đô đình hầu, Chinh tây Đại tướng quân.

① *Ích châu kỳ cựu truyện* chép: Hạo tự Thúc Minh, chuyên nghiên cứu luật và *Kinh Xuân Thu*, lúc du học ở kinh sư, cùng người quận Quảng Hán là Đàm Sán, người quận Hán Trung là Lý Cáp, người Thục Quận Trương Bá cùng kết làm thân hữu.

Đại tướng quân Đặng Chất triệu Hạo, ít lâu thăng làm Thượng thư bộc xạ, rồi cho ra làm Bành Thành tướng, Hạo tiến cử ẩn sĩ là bọn Lư Khâu Mạc, được trưng bái làm Đình úy.

Năm Diên Quang thứ ba, An đế nghị bàn phế Thái tử, duy có Hạo cùng Thái thường là Hoàn Yên, Thái phó là Lãi Lịch bàn cho là không nên.

Thuận đế mới lên ngôi, bái Hạo làm Tư Không, năm tám mươi ba tuổi Hạo chết.

Tục Hán thư chép: Cương tự Văn Kỳ, lúc trẻ vì là con của Tam công, tinh thông kinh sách, đức hạnh cao đẹp, được xét cử Hiếu liêm, không đến. Phủ Tư đồ triệu, Cương vì là cao đệ nên được lấy làm Thị ngự sử.

Năm Hán An nguyên niên, Cương được bái làm Quang lộc đại phu, cùng tám người bọn Thị trung là Đỗ Kiều vâng chiếu chung một ngày, cầm phù tiết chia nhau ra ngoài, đi tra xét việc tham liêm trong thiên hạ, hạng Mặc thụ⁽¹⁾ có tội thì được tự ý bắt giữ, các Thứ sử và quan ăn lộc hai nghìn thạch phải dùng ngựa trạm dâng biểu văn báo lên. Bọn tám người ấy uy tín, nhân ái, thanh bạch, trung thành gồm đủ, danh chấn quận quốc, hiệu là Bát tuấn.

Thời ấy, Đại tướng quân Lương Ký⁽²⁾ xâm nhiễu trăm họ, bảy người bọn Kiều đều phụng mệnh đi ra bốn hướng, chỉ mình Cương vui bánh xe ở nhà trạm trong kinh đô Lạc Dương không đi, nói:

¹ Mặc thụ (墨綬), là chỉ các quan lại của huyện từ Trưởng lại trở xuống.

² Lương Ký (梁冀), tự Bá Trác (伯卓) người huyện An Định, là ngoại thích, quyền thần thời vua Hán An đế và Hán Hoàn đế. Em gái của Ký là hoàng hậu, rất được Hán An đế sủng ái, anh em Ký đều được phong chức tước lớn, Ký làm đến chức Đại tướng quân. Ký nắm quyền lớn rồi, thao túng triều cương, vợ vét của công, lộng hành ngang ngược. Ký có lần mổ bụng người đàn bà đang mang thai, chỉ để xem đứa trẻ trong bụng mẹ hình hài thế nào, tiếng ác vang thiên hạ, triều thần thời ấy ai ai cũng kinh sợ Ký.

- Lang sói trên đường, sao hỏi hồ ly?

Bèn dâng thư nói:

"Đại tướng quân là Lương Ký, Hà Nam doãn là Bất Nghi, nhân được ngoại thích dắt kéo, nhờ hậu ân của quốc gia, vốn mang tư chất cỏ rác, chiếm giữ ngôi A bảo, chẳng có tài tuyên dương ngũ giáo, phụ giúp hoàng gia, mà chuyên làm việc hung nghịch càn rỡ, tham tàn cùng cực, sẵn lòng ăn của đút, phóng túng không biết chán, nhiều lần siểm nịnh để hại bậc trung lương, đây thực là điều mà uy trời chẳng dung tha, quyết tội tử hình là việc nên ban xuống. Xin kính cần liệt rõ mười lăm việc sai trái vô quân vô pháp của hần ở dưới, đều là những việc khiến bậc trung thần phải nghiến răng căm hận vậy."

Thư tấu lên vua, kinh sư chấn động.

Bấy giờ em gái của Ký là Hoàng hậu, ân sủng trong cung đang thịnh, anh em Ký quyền nặng hơn bậc nhân chủ, Thuận để tuy biết những lời của Cung chẳng phải là vu khống, nhưng không có ý trừng trị Ký.

Ký thống hận Cương. Gặp lúc giặc ở quận Quảng Lăng là bọn Trương Anh tụ mấy vạn người giết quan Thứ sử bản quận, Ký muốn hại Cương, bèn khuyên Thượng thư lấy Cương làm Thái thú Quảng Lăng; nếu như Cương chẳng bị Anh giết, thì sẽ lấy quân pháp để hãm hại. Vì Thái thú trước đây qua nhận chức, từng nhiều lần xin quân, khi Cương nhận bài phong, Đế hạ chiếu hỏi hiện tại binh mã có được bao nhiêu. Cương đáp rằng binh mã không dùng đến, rồi ngồi một chiếc xe tới nhậm chức, đi thẳng đến cửa trại của Anh, bảo rõ việc họa phúc. Anh rất kinh sợ, muốn đóng cửa trại bỏ trốn. Cương lại ở ngoài cửa trại giải tán hết quan binh, chỉ giữ lại bên mình chừng hơn chục người, rồi gửi thư nói với các trưởng lão là chỗ quen biết cũ đáng tin cậy của Anh, mời cùng tương kiến, hỏi về nguyên nhân biến loạn, nhân đó truyền ân điển của hoàng thượng, rồi sai người về mời Anh đến. Anh thấy Cương có thành ý, lập tức đến gặp Cương. Cương dắt đến ngồi ở ghế trên, hỏi về nỗi phần khổ của hần, hỏi đáp xong, bèn bảo hần rằng:

- Thứ sử trước sau ở quận này, đa phần là người không xứng, bọn họ lấp kín quốc ân, phóng túng để cầu lợi riêng. Quận này cách

xa kinh sư, thiên tử chẳng thể sớm chiều nghe biết vậy, cho nên dân chúng mới tụ nhau lại để tránh bị hại. Thứ sử trước đích xác là có tội rồi; hành vi của hắn thực phi nghĩa vậy. Kẻ trung thần không được lừa dối vua để tự cầu vinh, bậc hiếu tử chẳng làm tổn hại cha để tự cầu phúc, thiên tử hiện nay là thánh minh, muốn dùng văn đức để chiêu dụ, nên sai Thái thú ta đến đây, muốn dùng tước lộc để giúp hiển vinh, chẳng mong phải dụng hình vậy. Nay chính là lúc chuyển họa thành phúc vậy; nếu đã nghe điều nhân nghĩa mà chẳng phục, thiên tử dùng đòn nổi giận, đại quân như mây kéo đến, há chẳng nguy sao! Người nên tính kỹ những điều được mất.

Anh nghe xong, khóc nói:

- Dân ngu ở chốn biên hoang, nhiều lần bị Thứ sử bản quận xâm hại oan uổng, không kham nổi cảnh khốn, cho nên mới tụ nhau lại trộm cầu đường sống. Lòng nhân của minh phủ lan đến cả thảo mộc, khiến bọn Anh như được nhận ân tái sinh, chỉ sợ rằng đến ngày quăng bỏ binh giáp, vợ con chẳng tránh khỏi họa bị giết bỏ.

Cương nói:

- Sao như thế được! Ta thề trước trời đất, có nhật nguyệt làm chứng, ngay từ bây giờ ngài sẽ được nhận tước vị vẻ vang, sao có họa được?

Anh nói:

- Ví như bọn ta được xá tội, giữ được cái đầu trên cổ quay về làm ruộng, thì mang lòng tôn kính suốt đời chẳng hết, tước lộc không phải là sở nguyện của bọn ta vậy.

Anh tuy là đại tặc, nổi dậy vì cuồng bạo, tự cho là tất chết, lúc nghe lời Cương nói, hốt nhiên tỉnh ngộ, bèn cáo từ về doanh. Hôm sau, đem bộ thuộc hơn vạn người mà mình quản, tự trói mình và vợ con cúi mặt đến chỗ Cương hàng. Cương cởi hết dây trói ủy lạo thu nạp, bảo Anh rằng:

- Bọn người các khanh một sớm giải tán, biên thùy yên tĩnh vô sự, nên ghi rõ hết danh tự để báo lên chúa thượng, tất được phong thưởng.

Anh đáp:

- Xin được trở về với nghiệp cũ, chẳng muốn lưu cái danh ô uế ở thời quang minh vậy.

Cương thấy họ chí thành, bèn chiều theo ý nguyện, giúp họ được ở yên đất ấy. Con em của họ ai muốn giúp việc quan, đều tùy tài cho nhậm chức, ai muốn về làm dân, lại khuyến khích họ việc nông tang, quốc sự đều thịnh vượng, nam châu yên ổn thanh tĩnh. Lúc luận công, Cương đáng được phong thưởng, vì Ký ngăn trở, cho nên không được tước hầu. Thiên tử khen công lao của Cương, trung triều muốn trọng dụng. Bọn Anh dâng thư lên, xin lưu Cương ở lại quận thêm hai năm.

Năm Kiến Khang nguyên niên, Cương bị bệnh chết tại sở quan, bảy giờ ba mươi sáu tuổi. Hơn ba trăm người bọn Anh, đều chống gậy đưa tang đến Lạc Dương, chôn táng xong, đắp mộ lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế, nghĩ nhớ như để tang cha mẹ. Thiên tử tiếc nhớ khôn nguôi, hạ chiếu khen ngợi biểu chương, phong một con của Cương làm Lang.

Năm thứ mười tám, Dục cùng Vệ tướng quân Khuông Duy cùng trở về Thành Đô. Duy nghị bàn lại xuất quân, duy có Dục phản đối ở triều đình, cho rằng nước nhỏ dân mệt, không nên lạm dụng binh đao. Duy không nghe, sai bọn Dục đi trước, tiến cử Dục làm Trấn nam Đại tướng quân. Duy đến Địch Đạo, đại phá Thứ sử Ung châu của nước Ngụy là Vương Kinh. Bộ chúng của Kinh chết trận ở Thao Thủy tính kể vạn. Dục nói:

- Hãy dừng thôi, chẳng nên tiến nữa, tiến nữa e là hỏng mất công lớn này.

Duy cả giận. Dục nói:

- Vẽ rắn thêm chân.

Duy lại vây Kinh ở Địch Đạo, không hạ nổi thành. Từ khi Dục đề xuất ý kiến khác, trong lòng Duy đối với Dục rất không vui, nhưng vẫn thường dắt kéo nhau đi cùng, Dục cũng bắt dắc dĩ mà theo.

Năm Cảnh Diệu thứ hai, Dục được thăng làm tả Xa kỵ tướng quân, lĩnh Thứ sử Ký châu.

Năm thứ sáu, Dục và Duy đều ở tại Kiếm Các, cùng đến hàng Chung Hội ở huyện Phù. Năm sau tháng giêng, Dục theo Hội đến Thành Đô, bị loạn quân giết hại.①

① *Hoa Dương quốc chí* chép: Con của Dục là Vi, một lòng hiếu học, quan vị đến chức Thái thú Quảng Hán.

Tông Dục tự Đức Diễm, người quận Nam Dương huyện An Chúng. Năm Kiến An trung, theo Trương Phi vào Thục. Năm Kiến Hưng sơ, Thừa tướng Lượng dùng làm Chủ bộ, thăng làm Tham quân hữu Trung lang tướng.

Lúc Lượng chết, Ngô lo Ngụy có thể nhân lúc Thục có tang đánh úp, tăng thêm hơn vạn binh giữ Ba Khâu, một là muốn dùng làm cứu viện, hai là muốn mưu đồ tranh chia đất Thục. Thục nghe tin ấy, cũng tăng binh giữ Vĩnh An, đề phòng chuyện bất thường.

Dục phụng mệnh đi sứ nước Ngô, Tôn Quyền hỏi Dục rằng:

- Đông với tây, ví như một nhà, nhưng nghe nói tây triều lại gia tăng phòng thủ thành Bạch Đế, sao vậy?

Dục thưa rằng:

- Thần cho rằng đông thêm quân trú giữ Ba Khâu, tây gia tăng phòng thủ Bạch Đế, cùng là hình thế đương nhiên, đều không đáng phải hỏi gì nhau cả.

Quyền cả cười, khen lời tranh cãi thẳng thắn của Dục, tiếp đãi thân mật, kính trọng gần như Đặng Chi, Phí Y. Không lâu sau, Dục được thăng làm Thị trung, rồi chuyển làm Thượng thư.

Năm Diên Hi thứ mười, Dục làm Đôn kỵ Hiệu úy. Bấy giờ Xa kỵ tướng quân Đặng Chi từ Giang Châu về, vào triều, báo Dục rằng:

- Theo lễ chế, thì sáu mươi tuổi không nhận binh quyền nữa, mà ngài vừa mới nhận việc cầm quân, sao vậy?

Dự đáp rằng:

- Ngài bảy mươi tuổi không trả lại binh quyền, ta sáu mươi tuổi sao không nhận binh quyền nhỉ?①

Chi bản tính kiêu ngạo, từ Đại tướng quân Phí Y trở xuống đều tránh né, duy có mình Dự là không phục.

Dự lần nữa đi sứ nước Ngô, Tôn Quyền nắm chặt tay Dự, rơi nước mắt khóc nói:

- Ngài thường vâng mệnh sang kết hiếu hai nước. Nay ngài tuổi đã cao, Cô cũng già yếu, sợ chẳng gặp lại nhau được nữa!

Bèn đưa tặng Dự một hộc ngọc châu lớn.② Dự về nước, được thăng làm Hậu tướng quân, Đốc Vĩnh An, lại bãi làm Chinh tây đại tướng quân, ban tước Quan nội hầu.

Năm Cảnh Diệu nguyên niên, Dự vì mắc bệnh được triệu về Thành Đô. Sau làm Trấn quân đại tướng quân, lĩnh Thứ sử Duyện châu.

Thời Đô hộ là Gia Cát Chiêm mới thống quản triều chính, Liêu Hóa qua gặp Dự, muốn cùng Dự đi chung đến bãi kiến Chiêm. Dự nói:

- Bọn ta tuổi hơn bảy mươi, đã vượt quá cái tuổi mà mình mong muốn rồi, chỉ thiếu cái chết nữa thôi, há lại đi cầu cạnh bọn trẻ tuổi mong họ để ý xây đắp cho mình sao?

Vì thế cả hai không đi.

① Thần Tùng Chi cho rằng Chi vì nhiều tuổi hơn nên trêu đùa Dự, đấy không phải thực nghĩ vậy. Mà Dự đáp lại lời ấy, là phạm vào cái điều người ta úy kỵ. Chính sử mà ghi chép những lời này, là gần với tạp văn.

② Ngô lịch chép: Dự sắp từ biệt, bảo Tôn Quyền rằng:

- Đất Thục nhỏ hẹp, dầu thế vẫn là lân quốc, đông tây nhờ cậy lẫn nhau, Ngô chẳng thể không có Thục, Thục chẳng thể không có Ngô, vua tôi cậy dựa nhau, mong bề hạ hết sức lưu tâm.

Lại tự nói:

- Thần tuổi già lắm bệnh, sợ chẳng còn được trông thấy thánh nhan nữa.

Tôn Thịnh nói: Thứ mà bậc đế vương cậy dựa, chỉ là đạo lý và tín nghĩa, đạo nghĩa đã dựng, dấu nhỏ có thể thành lớn, là Ân, Chu vậy.⁽¹⁾ Ví như dùng trá lược, dấu mạnh nhưng tất bại, là Tần, Hạng vậy.⁽²⁾ Huống hồ chiếm thành ở chốn biên bìa, cậy dựa cái vững của núi sông, mà muốn liên hoành vạn dặm, mãi nương tựa nhau tới mai sau sao? Xưa chín nước dựng kế hợp tung, mà rút cục người Tần nuốt sáu cõi;⁽³⁾ Hiêu, Thuật lập mưu rằng môi, mà cuối cùng Quang Vũ kiêm Lũng, Thục.⁽⁴⁾ Người ta dùng cái mạnh của chín nước, cái lớn của Lũng, Hán, vẫn chẳng thể cứu giúp nhau, phải ngồi xem giết mổ. Sao vậy? Là vì cái nền tảng đạo đức chẳng vững, nên tư tưởng yếu mạnh khó chuyên nhất vậy. Lại nói rằng "Ngô chẳng thể không có Thục, Thục chẳng thể không có Ngô", há chẳng phải là siểm nịnh sao!

Liêu Hóa tự Nguyên Kiệm, vốn tên là Thuần, người quận Tương Dương. Làm Chủ bộ của Tiền tướng quân Quan Vũ, Vũ thua bại, phải theo Ngô. Hóa muốn theo Tiên chủ, bèn vò chết, lúc ấy mọi người tin là chết thật, Hóa nhân đó cũng dắt mẹ già đem

¹ Nhà Ân (Thương) ban đầu chỉ là một nước chư hầu nhỏ ở phía tây sông Vị, thần phục nhà Hạ, về sau đánh dẹp vua Kiệt vô đạo mà kiêm gồm cả vùng Hoa Hạ.

Nhà Chu khởi đầu cũng là một chư hầu nhỏ nằm ở phía tây vùng Hoa Hạ, về sau Chu Vũ vương đánh giết vua Trụ vô đạo, dựng triều Chu tồn tại tám trăm năm.

² Tần Thủy Hoàng dùng vũ lực và trá lừa đánh diệt thôn tính sáu nước thời Chiến Quốc, dựng nhà Tần, nhưng sau sau hai đời đã bại vong.

Hạng Vũ cậy tài sức chiếm hết vùng Hoa Hạ, nắm quyền như Hoàng đế, phân chia vương hầu, nhưng sau cùng bị Lưu Bang đánh bại phải tự vẫn bên bến sông.

³ Thời Chiến Quốc, có bảy nước lớn gồm cả Tần, có năm nước hợp tung chống Tần (không hiểu sao đây lại nói là chín nước hợp tung). Nước Tần dùng kế liên hoành của Trương Nghi bẻ gãy thế hợp tung do Tô Tần khởi xướng, dẹp yên sáu nước, kiêm gồm thiên hạ.

⁴ Loạn cuối thời Vương Mãng, Ngỗi Hiêu là thủ lĩnh cát cứ Lũng Tây, Công Tôn Thuật là thủ lĩnh cát cứ đất Thục, hai bên liên minh với nhau, chống lại chính quyền của Quang Vũ đế, về sau cả hai đều bị đánh dẹp.

ngày gấp rút sang tây. Lúc Tiên chủ đông chinh, gặp Hóá ở Tỷ Quy. Tiên chủ cả mừng, lấy Hóá làm Thái thú Nghi Đô.

Tiên chủ chết, Hóá làm Tham quân cho Thừa tướng, sau làm Đốc Quảng Vũ, dần dần thăng đến chức hữu Xa kỵ tướng quân, ban Giả tiết, lĩnh Thứ sử Tinh châu, tước Trung hương hầu, vì quả cảm cứng cỏi mà nổi danh. Quan vị ngang với Trương Dực, còn ở trên Tông Dự.^①

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Năm Cảnh Diệu thứ năm, Khương Duy thống suất đại quân ra Địch Đạo, Liêu Hóá nói:

- Sách nói: "Dùng binh không ngừng, tất tự thiêu thân", là nói Bá Ước vậy. Trí chẳng hơn kẻ địch, lực yếu hơn quân thù, dụng binh không chán, lấy gì dựng nước? *Kinh Thi* nói rằng: "Ta sinh chẳng sớm, ta sinh chẳng muộn",⁽¹⁾ là nói việc hôm nay vậy.

Năm Hàm Hy nguyên niên mùa xuân, Hóá, Dự đều bị dòi đến Lạc Dương, mắc bệnh chết ở trên đường.

Dương Hí tự Văn Nhiên, người quận Kiền Vi huyện Vũ Dương. Thời trẻ cùng người quận Ba Tây là Trình Kỳ tự Công Hoảng, người Ba Quận là Dương Thái tự Quý Nho, người Thục Quận là Trương Biểu tự Bá Đạt đều nổi danh. Hí thường suy cử Kỳ coi là người đứng đầu, Thừa tướng Lượng rất tán đồng lời ấy.

Năm Hí hơn hai mươi tuổi, từ chức Thư tá trong châu lên làm Đốc quân tòng sự, quản việc hình ngục, theo phép tắc xét án, quyết nghị luận tội, hiệu là "Bình đáng",⁽²⁾ được triệu làm Thừa tướng Chủ bộ.

¹ Đây là câu trong *Kinh Thi*, *Tiểu nhã*, *Chính nguyệt*. Đại ý thời ấy Chu U vương vô đạo, tai họa loạn lạc liên tục nảy sinh, dân chúng khốn khổ phẫn oán mới nói ra câu này, ý trách chế độ nhưng nói thắc là mình sinh không hợp thời. Liêu Hóá dẫn câu này, ý nói việc Khương Duy làm lúc đó cũng không hợp thời vậy.

² Xét án công bằng, thích đáng.

Lượng chết, Hí làm Thượng thư hữu Tuyền bộ lang, Thứ sử Tường Uyển mời Hí làm sử quan cho Trị trung tông sự.⁽¹⁾ Uyển làm Đại tướng quân được mở phủ, lại triệu Hí làm Đông tào duyệt, sau thăng Nam trung lang Tham quân, làm phó cho Đô đốc Lai Hàng, lĩnh Thái thú Kiến Ninh. Vì mắc bệnh được triệu về Thành Đô, bái làm Hộ quân giám quân, rồi ra nhận chức Thái thú Tử Đồng, sau lại về triều làm Xạ thanh Hiệu úy, ở đâu cũng trong sạch giản dị không phiền nhiễu.

Năm Diên Hi thứ hai mươi, theo Đại tướng quân Khương Duy ra quân đến Mang Thủy. Hí trong lòng vốn không phục Duy, sau khi uống rượu đàm tiếu, thường có lời lẽ ngạo mạn trào lộng. Duy ngoài mặt khoan dung nhưng trong lòng úy kỵ, ý chừng không nhẫn nhịn được, quân quay về, Hữu ti thừa chỉ tấu tội của Hí, bái chức làm thường dân. Về sau, vào năm Cảnh Diêu thứ tư Hí chết.

Hí bản tính tuy xuề xòa không chu đáo, chưa từng dùng lời ngon ngọt khen người khác, không che đậy tình cảm khi giao tiếp. Viết thư tín phù lệnh, hiếm khi chép đầy giấy. Song hết tình với bạn cũ, giữ lòng thành thực trung hậu. Hí lúc còn thơ ấu cùng Hàn Nghiễm, Lê Thao người quận Ba Tây thân thiết với nhau, sau này Nghiễm bị cố tật phải nằm không dậy được, Thao không có phẩm hạnh bị ruồng bỏ, Hí lo liệu giúp đỡ, tình cảm thân thiết như lúc ban đầu. Lại nữa là người đương thời nói Tiêu Chu không có tài cán giúp đời, ít người tôn trọng, duy có Hí coi trọng Chu, từng khen rằng: "Hậu thế của bọn ta, rút cục chẳng ai bằng được đứa trẻ tài ba này." Kê có trí vì thế quý trọng Hí.

Trương Biểu có phong thái uy nghi, ban đầu danh tiếng và ngôi vị ngang hàng với Hí, sau làm đến chức Thượng thư, Hậu tướng quân Đốc Lai Hàng, chết trước Hí. Kỳ, Thái đều chết sớm.^①

¹ Thực chất chỉ là chức quan coi văn thư, sổ sách của quan Trị trung tông sự.

① Hí tiến cử hậu bối người đồng huyện là Lý Mật, tự Lệnh Bá.

Hoa Dương quốc chí chép: Tổ phụ của Mật là Quang, làm Thái thú Chu Đễ, cha Mật chết sớm. Mẹ là Hà thị, cải giá lấy người khác. Mật được tổ mẫu nuôi dưỡng. Chuyên nghiên cứu *Xuân thu Tả thị* truyện, đọc rộng các sách, sức lý giải tốt, cơ trí linh mẫn khéo biện bác. Mật thờ tổ mẫu có tiếng là hiếu thuận, lúc hầu tổ mẫu ốm thì chỉ khóc thầm không dám thở mạnh, ngày đêm không cởi áo, ăn uống thuốc thang, tất phải tự mình nếm trước. Bản quận đưa lễ mời, Mật không ứng mệnh, châu triệu tới làm Thượng thư lang cho quan Tòng sự, làm Chủ bộ cho Đại tướng quân, rồi Thái tử tể mã, phụng mệnh đi sứ nước Ngô. Ngô chủ hỏi ngựa ở nước Thục nhiều hay ít, Mật đáp rằng:

- Quan dùng có thừa, trong dân tự đủ.

Ngô chủ cùng quần thần phiếm luận về đạo nghĩa, nói:

- Thà làm người em.

Mật nói:

- Mong làm người anh thôi.

Ngô chủ nói:

- Sao muốn làm anh?

Mật đáp:

- Làm anh được phụng dưỡng cha mẹ lâu ngày.

Ngô chủ cùng quần thần đều khen hay.

Sau khi Thục bình, Chinh tây tướng quân Đặng Ngải, nghe danh của Mật, mời làm Chủ bộ, gửi thư trung triệu, muốn cùng tương kiến, Mật không chịu tới. Vì tổ mẫu tuổi cao, tâm trí Mật chỉ lo việc phụng dưỡng. Tấn Vũ đế lập Thái tử, triệu Mật làm Thái tử tể mã. Chiếu thư gửi xuống mấy lần, quận huyện bức phải đi. Vì thế Mật dâng thư rằng:

"Thần vốn gian nan hoạn nạn, sớm gặp cảnh hung tang, hài nhi sinh được sáu tháng, cha hiền đã lìa đời, lại trải bốn năm, người cậu bức mẫu thân cải giá. Tổ mẫu là Lưu thị, thương thần nhỏ tuổi mồ côi, tự mình vất vả nuôi dưỡng."

"Thần lúc nhỏ nhiều bệnh tật, chín tuổi chưa đi được, lênh đênh cô khổ không chốn tựa nương, đến lúc thành người, đã không còn chú bác, lại chẳng có anh em, vận nhà suy bạc, muôn đường con nôi. Ngoài không có người thân thích huyết thống, trong không có đứa nhỏ cao năm thước đợi cửa, một mình cô quạnh, chỉ có hình và bóng hỏi nhau thôi. Mà tổ mẫu sớm bị bệnh tật chẳng trối, thường nằm giường nệm, thần hầu hạ thuốc thang, chưa từng một lúc xa lìa. Đến khi thần cung phụng thánh triều, tắm gội giáo hóa trong sạch, lúc trước Thái thú của thần là Quý xét thần làm Hiếu liêm, về sau Thứ sử của thần là Vinh đề cử thần làm Tú tài, thần vì không có ai hầu hạ tổ mẫu, đã từ chối không vâng theo mệnh triệu. Chiếu thư đặc biệt ban xuống, bái thần làm Lang trung, không lâu lại nhận quốc ân, phong thần làm Tẩy mã. Thần vốn ti tiện thấp hèn, mà đảm đương chức vụ hầu hạ Đông cung, đây là việc mà không phải thần vứt bỏ tấm thân mình là có thể báo đền hoàng thượng. Thần bèn soạn biểu văn, từ chối không tới nhận chức. Chiếu thư rất nghiêm khắc, trách thần lười lác bất kính, quân huyện bức bách, thúc giục thần lên đường, quan châu đến nhà, gấp như sao sẹt. Thần muốn phụng chiếu ruổi rong, thì bệnh của tổ mẫu ngày một nặng, tạm phải theo tình riêng, giải bày lên là không thể y lời, cái lẽ tiến thoái của thần, thật là khôn khó."

"Thần cúi nghĩ thánh triều lấy đức hiếu để trị thiên hạ, hết thầy người già lão, còn được xót thương, hướng chi thần cô độc khôn khổ, lại càng đặc biệt. Vả lại thần lúc trẻ đã thờ cái nước tiếm nguy, từng giữ chức Lang thự, vốn chỉ mong đường sĩ đồ hanh thông, chẳng khoa trương danh tiết. Nay thần là kẻ vong quốc bị bắt hàng, cực kỳ nhỏ bé thấp hèn, nhận cái ân được đề bạt cất nhắc, gia ân đãi ngộ quá hậu, há dám quanh co, còn mong mồi gì đâu? Chỉ vì tổ mẫu như mặt trời xế non tây, hơi thở yếu tàn, sinh mệnh hiểm nguy, sớm chẳng chắc chiểu. Thần không có tổ mẫu, không sống được đến bây giờ, tổ mẫu không có thần, cũng không sống trọn tuổi thừa, bà cháu hai người, nương nhau vì số mệnh, thế nên thần khư khư một lòng chẳng dám đi xa."

"Thần năm nay bốn mươi bốn tuổi, tổ mẫu Lưu thị năm nay chín mươi sáu tuổi, thế là ngày thần tận trung với bề hạ còn dài, mà ngày báo ơn dưỡng dục với tổ mẫu thì rất ngắn. Cái tình loài quạ bú mớm lẫn nhau, thần nguyện xin được phụng dưỡng trọn đời. Nổi cay đắng khôn khổ

của thần, không chỉ có nhân sĩ đất Thục cùng hai vị châu mục bá được biết rõ, có hoàng thiên hậu thổ, thực cùng chứng giám cho điều đó. Mong bề hạ xót thương cái thành ý ngu muội, thuận theo chí nguyện của thần, tổ mẫu ngô hầu còn được may mắn, giữ trọn tuổi thừa. Thần sống phải gan óc lầy đất, chết phải kết cỏ ngậm vành, cái tình của thần sợ rằng chẳng hơn được loài khuyến mã!”

Vũ đế xem biểu nói:

- Mật chẳng phải là chỉ có cái danh hảo vậy.

Lại khen ngợi sự thành thực của Mật, đặc biệt ban cho hai nô tì, lệnh cho quân huyện chăm lo dâng đồ ăn cho tổ mẫu của Mật. Lúc tổ mẫu chết, trọn kỳ tang, Mật từ chức Thượng thư lang lên làm Huyện lệnh huyện Ôn quận Hà Nội, chính lệnh giáo hóa nghiêm minh.

Trước đây các vị vương ở Trung Sơn mỗi khi qua huyện Ôn, nhất định đòi hỏi cung cấp tài vật, quan dân huyện Ôn lo sợ việc ấy. Lúc Mật đến, Trung Sơn vương đi qua huyện, muốn xin cỏ khô và củi đốt, Mật dâng thư dẫn sự tích Cao tổ qua huyện Bái, dùng khách lễ với người già con trẻ, cấp giúp cho quê nhà, nhất nhất không phiền nhiễu, viết:

“Cúi nghĩ minh vương suy nghĩ hiếu thuận tuân thủ phép tắc, hành sự nên có ước thúc và dự liệu trước, để nước nhà trông gió kính ngưỡng, vừa múa vừa ca, đến như việc đòi hỏi phiền nhiễu, là điều thần chưa nghe nói đến.”

Từ đấy về sau, chư vương đi qua huyện, không dám làm phiền. Lũng Tây vương là Tư Mã Tử Thư rất kính trọng Mật, nhưng các nhà quyền quý khác kiêng sợ sự công bằng chính trực của Mật.

Mật rời sở quan, làm Đại trung chính trong châu, bản tính rất thẳng thắn chính thực, chẳng khuất ý trước quyền thế và địa vị. Về sau làm thất ý Tuân Úc và Trương Hoa, bị giáng chức làm Thái thú Hán Trung, các vị vương đa phần cho là oan khuất. Một năm sau Mật từ chức, năm sáu mươi tư tuổi thì chết.

Mật soạn chục thiên sách *Thuật lý luận*, An đông tướng quân là Hồ Hùng và Hoàng Phủ Sĩ An đều khen sách ấy.

Hí vào năm Diên Hi thứ tư soạn *Quý Hán phụ thần tán*, lời khen tụng trong sách ấy, hiện tại đa phần đã chép vào *Thục thư*, vì thế ta chép ra làm chứng. Từ đấy về sau có người chết, thì không truy thụy, cho nên có người đáng được khen ngợi biên chép lại mà không thấy ở thiên này vậy. Những người được Hí ca tụng mà nay không viết thành truyện, ta đều chú thích sơ qua về gốc ngọn ở lời từ bên dưới, để có thể biết được loáng thoáng về họ mà thôi.

"Xưa kia Văn vương được ca tụng nhờ phẩm hạnh, Vũ vương được ca tụng nhờ chấn hưng, bậc nhân chủ sáng danh trên đời, lập thân hành đạo, không phải chỉ trong một lúc, còn do ở việc mở mang nền móng xác lập đầu mối, làm rạng rỡ cho hậu thế. Từ cuối thời Đông Hán ta, vương cương diệt mối, anh hùng hào kiệt cùng nổi lên, việc quân dịch liên miên khó ngừng, sinh dân lây đất. Vì thế vua ta cảm khái mà lo lắng, lúc đầu ở Yên, Đại thì tiếng nhân đức thấm dẫm rạng ngời, đi qua Tề, Lỗ thì phong độ anh hùng lan truyền rộng rãi, nhận phó thác cơ nghiệp ở Kinh, Dĩnh thì bày tôi thành tâm, ngoảnh sang cứu trợ Ngô, Việt thì hiền ngu cậy nhờ tiếng gió, dương uy tại Ba, Thục thì vạn dặm cung kính sợ run, khích lệ quân binh ở Dung, Hán thì giặc đầu sỏ rút chân kính sợ, cho nên kế được thêm triệu lúc đầu của Cao tổ, khôi phục lại tông tự của Hán hoàng. Nhưng bè đảng gian hung âm hiểm, còn chưa bị trừng phạt, thì cũng như lúc ban sư ở Mạnh Tân, sửa binh đội tái chiến ở Minh Điều vậy.⁽¹⁾ Ôi, lộc trời đã tận, Thiên tử sớm là đời. Dẫu nói nhất thống thu về một mối, vạn nước hợp theo, kẻ tài tuấn đương thời phù trì giúp đỡ, nhưng đấy cũng vì minh chủ có đức sáng chiếu vời họ đến vậy, đại khái họ đều là

¹ Chu Vũ vương đánh vua Ân Trụ, hội chư hầu ở bến Mạnh Tân. Bấy giờ có Bá Di và Thúc Tề đến can, Chu Vũ vương điềm bình xong, thấy thời cơ chưa chín nên lại thu quân về. Hai năm sau lại khởi binh, rút cục diệt được vua Trụ;

Thành Thang đánh vua Hạ Kiệt bạo tàn, hai bên quyết chiến ở Minh Điều, rút cục quân của Hạ Kiệt đại bại, Kiệt bỏ chạy và bị bắt ở Tiều Môn, sau đó bị đày ra vùng Nam Sào.

người tốt đẹp đáng được khen ngợi vậy. Vì thế mới bày kể phong phạm tốt đẹp của họ, để truyền đến người sau nghe biết."

Lời từ rằng:

Hậu duệ Hoàng đế,
Lan rải tám phương,
Lánh cõi Trung Sơn,
Hun đúc khí thiêng,
Thuận ứng trời sinh,
Rồng bay hổ thét.
Khởi ở Yên Đại,
Bá Dục vua Kinh,
Ngô Việt cây trồng,
Ngóng gió cầu minh,
Chiếm Ba vượt Thục,
Kiêm nuốt Hán Dung.
Càn khôn xếp bậc,
Tông miếu tĩnh yên,
Kế cơ nghiệp cũ,
Gieo đức rải vinh.
Hoa Hạ khen ngợi,
Tiếng nước phương tây,
Đời sau khai phúc,
Truyền kể chấn hưng.

--- Tán Chiêu Liệt hoàng đế.

Trung dũng cao danh,
Dân kế bến sông,
Kết liên Ngô Thục,
Quyền biến nhất đời.
Vâng làm A hành,
Chỉnh võ khởi văn,
Bày ra đức giáo,

Chinh lý phong tục,
 Hiên ngu đua tranh,
 Quên thân báo đáp.
 Trong nước thanh tĩn,
 Bốn cõi bình yên,
 Thường tới đất địch,
 Uy phong che trùm,
 Tận tâm với nước,
 Hận chưa thỏa lòng.

--- Tán Gia Cát thừa tướng.

Tư đồ thanh cao,
 Xét biết tốt xấu,
 Hiếu lễ luân thường,
 Tiếng vang như chuông.

--- Tán Hứa Tư đồ.

Quan, Trương vũ dũng,
 Đem thân giúp đời,
 Phù trì chân chúa,
 Hùng tráng gấu hổ.
 Đừng làm tả hữu,
 Bay như điện chớp,
 Cứu lúc gian nguy,
 Cổ súy nghiệp lớn,
 Công sánh Hàn Cảnh,⁽¹⁾
 Danh đức song hành.
 Đãi người khuyết lễ,
 Cùng mắc kế gian,

¹ Hàn Tín, tướng của Cao tổ; Cảnh Yểm, tướng của Quang Vũ. Đều là khai quốc công thần.

Thương mạng chẳng toàn,
Uống thân báo quốc.

--- Tán Quan Vân Trường, Trương Ích Đức.

Phiêu kỵ hăng hái,
Ngang dọc tung hoành,
Cầm đầu Tam Tân,
Chiếm cứ Hà, Đông.
Mưu giúp triều đình,
Kế sách bất đồng,
Địch thừa cơ phá,
Quân võ nhà tan.
Đạo trái đức ngược,
Nương phượng vịn rồng.

--- Tán Mã Mạnh Khởi.

Dực hầu mưu hay,
Liệu thế hưng suy,
Gửi thân thờ chủ,
Bày kế chỉ lỗi,
Tư duy mãi tiếp,
Thấy việc biết thời.

--- Tán Pháp Hiếu Trực.

Quân sư tốt thay,
Chí rạng ngời thay,
Theo chúa thánh minh,
Tỏ lòng trung trinh,
Kính vâng đại nghĩa,
Xả thân báo đền.

--- Tán Bàng Sĩ Nguyên.

Tướng quân trung tráng,
 Xông pha hiểm nguy,
 Lập công thành sự,
 Vang tiếng đương thời.

--- Tán Hoàng Hán Thăng.

Chưởng quân tiết tháo,
 Kháng khái tỏ phép,
 Tận chức nói thẳng,
 Dân nhớ kỷ cương.

--- Tán Đồng Ấu Tể.

An viễn chí cường,
 Nghiệp thịnh danh dương,
 Quả cảm khinh tài,
 Lâm nạn chẳng sờn,
 Lấy ít chống nhiều,
 Gánh nghiệp biên cương.

--- Tán Đặng Khổng Sơn.

Khổng Sơn tên Phương, người Nam Quận. Lấy thân phận Kinh châu tòng sự theo Tiên chủ vào Thục. Thục đã định, Khổng Sơn làm Kiên Vi thuộc quốc Đô úy, nhân lúc đổi tên quận, làm Thái thú Chu Đế, tuyển làm An viễn tướng quân, Đô đốc Lai Hàng, trú ở Nam Xương. Năm Chương Vũ thứ hai chết. Hành trạng thất lạc, cho nên không chép thành truyện.

Dương Uy tài cán,
 Văn võ đáng khen,
 Lúc gánh chức quan,
 Biện tranh thẳng thắn,
 Mưu việc thích đáng,
 Nghĩa nhân đều hợp.

--- Tán Phí Tân Bá.

Tân Bá tên Quán, người quận Giang Hạ huyện Mãnh. Mẹ của Lưu Chương là cô họ của Quán, Chương lại đem con gái gả cho Quán. Quán vào năm Kiến An thứ mười tám làm Tham quân của Lý Nghiêm, cự Tiên chủ ở Miên Trúc, cùng Nghiêm đều ra hàng, Tiên chủ bình xong Ích châu, bái Quán làm Bì tướng quân, sau làm Thái thú Ba Quận, Đô đốc Giang Châu. Năm Kiến Hưng nguyên niên được phong tước Đô đình hầu, gia thêm chức Chấn uy tướng quân.

Quán là người khéo giao tiếp, Đô hộ là Lý Nghiêm bản tính kiêu căng tự phụ, bọn Phụ Khuông làm Hộ quân, tuổi tác chức vị so với Nghiêm cũng tương tự, nhưng Nghiêm không cùng gặp gỡ thân gần; Quán ít hơn Nghiêm hơn hai mươi tuổi, nhưng cùng Nghiêm giao du qua lại thân gần như hạng đồng bối. Quán chết năm ba mươi bảy tuổi. Hành trạng thất lạc, nên không chép thành truyện.

*Đồn kỵ nhớ ân,
Giữ tiết chẳng đổi,
Đã theo chúa mới,
Tận tâm giúp đời,
Quân tư hậu cần,
Đều chu toàn cả.*

--- Tán Vương Văn Nghi.

*Thượng thư thanh bạch,
Sửa đức tu thân,
Vững chí cao nghĩa,
Ngẫm xét kinh truyện,
Phong thái cao đẹp,
Sánh ngang cổ nhân.*

--- Tán Lưu Tử Sơ.

An Hán ung dung,
Khách nhưng lại thân,⁽¹⁾
Người đời kính lễ,
Cho là tôi lành.

--- Tán My Tử Trọng.

Thiếu phủ cần thận,
Hồng lư chân thành,
Gián nghị đức hạnh,
Nho lâm thiên văn.
Tuyên ban đại hóa,
Chính giáo sáng rõ.

--- Tán Vương Nguyên Thái, Hà Ngạn Anh, Đỗ Phụ Quốc, Chu Trọng Trục.

Vương Nguyên Thái tên Mưu, người quận Hán Gia, có nghị dung, có tiết tháo. Thời Lưu Chương, làm thái thú Ba Quận, rồi về châu làm Trị trung tòng sự. Tiên chủ định Ích châu, lĩnh chức mục, lấy Mưu làm Biệt giá. Tiên chủ làm Hán Trung vương, dùng kẻ sĩ lão luyện đất Kinh Sở là Lại Cung người quận Linh Lăng làm Thái thường, Hoàng Trụ người quận Nam Dương làm Quang lộc huân, Mưu làm Thiếu phủ; năm Kiến Hưng sơ, Mưu được ban tước Quan nội hầu, sau thay Lại Cung làm Thái thường. Hành trạng của Cung, Trụ và Mưu đều thất lạc, cho nên không chép thành truyện.

Con của Cung là Quảng, làm Tây tào lệnh sử phủ Thừa tướng, theo Gia Cát Lượng ra trú ở Hán Trung, chết sớm, Lượng rất thương tiếc Quảng, gửi thư cho Lưu phủ Trưởng sử Tham quân là Trương Duệ, Tường Uyển nói:

"Lệnh sử mất Lại Quảng, Duyệt thuộc mất Dương Ngung, thế là trong triều đình ta tổn thất rất nhiều rồi."

¹ My Chúc được Lưu Tiên chủ đãi như khách quý, em gái của My Chúc là vợ của Lưu Tiên chủ nên cũng là người thân.

Ngung cũng là người Kinh châu vậy. Về sau Đại tướng quân Trường Uyển hỏi Trương Hưu rằng:

- Tiên bối của quận Hán Gia là Vương Nguyên Thái, nay ai nối theo được ông ấy?

Hưu đáp rằng:

- Người như Nguyên Thái, trong châu không có ai nối theo được, huống chi là quận nhỏ này.

Mưu được coi trọng như thế.^①

Hà Ngạn Anh tên Tông, người huyện Bì thuộc Thục Quận. Tông thờ người quận Quảng Hán là Nhậm An làm thầy, nghiên cứu kỹ học thuật của An, cùng Đỗ Quỳnh học chung thầy mà danh tiếng lại hơn Quỳnh. Thời Lưu Chương, làm Thái thú Kiền Vi. Tiên chủ định Ích châu, lĩnh chức mục, triệu Anh làm Tòng sự tế tửu. Về sau Tông viện dẫn lời đồ, sấm, khuyên Tiên chủ tức tôn hiệu. Sau khi Tiên chủ lên ngôi, thăng Tông làm Đại hồng lư. Năm Kiến Hưng trung Tông chết, hành trạng thất lạc, cho nên không chép thành truyện.

Con của Tông là Song, tự Hán Ngẫu. Nói cười hài hước lạnh lẽ, có phong thái của Thuần Vu Khôn, Đông Phương Sóc.⁽¹⁾ Làm trưởng huyện Song Bách, chết sớm.

① *Tương Dương ký* chép: Dương Ngung tự Tử Chiêu, là người trong họ của Dương Nghi vậy. Lúc vào Thục, làm Thái thú Ba Quận, rồi làm Chủ bộ cho Thừa tướng Gia Cát Lượng. Lượng từng tự mình tra xét sổ sách, Ngung thẳng thắn dâng lời can rằng:

- Việc cai trị có thể chế, sao cho người trên kẻ dưới chẳng nên phạm lẫn nhau, xin minh công hãy lấy việc trong nhà làm ví dụ.

¹ Thuần Vu Khôn (淳于髡), người nước Tề thời Chiến Quốc, sống vào thời vua Uy vương và Tuyên vương; là người học rộng đa tài, khéo biện luận, nói năng khôi hài; Đông Phương Sóc (东方朔), xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 219 (Tề vương Tào Phương truyện).

Nay có người sai gia nô cầm cày cấy lúa, con đòi lo việc thổi lửa nấu nướng, con gà giữ việc báo thức buổi sớm, con chó coi việc canh kẻ trộm, con trâu phụ trách chuyển chở nặng, con ngựa lặn lội đường xa, như thế việc riêng không sót, mà cái mà mình cần đều có đủ, ung dung kê gối nằm cao ăn uống thối, thốt nhiên một sớm muốn đem thân mình làm mọi việc, chẳng giao phó trách nhiệm cho người khác nữa, sức lực hao mòn, đấy là việc tạp nhạp, mà đến nỗi hình sắc mệt mỏi thần trí khốn quẫn, cuối cùng việc chẳng thành. Há cái trí của người ấy chẳng bằng được gia nô, tôi đòi, gà, chó chẳng? Đấy là làm mất phép tắc của gia chủ vậy. Thế nên cổ nhân nói rằng ngồi mà luận đạo là gọi là Tam công, đứng ra mà làm việc gọi là Sĩ đại phu. Vậy nên Bình Cát không hỏi đến người chết ở ngang đường mà lo con trâu thờ dốc,⁽¹⁾ Trần Bình không chịu tính xem sổ sách tiền lương, nói rằng tự có người lo việc ấy,⁽²⁾ những người ấy thành đạt là bởi có cách thức phân chia công việc vậy. Nay mình công xử lý chính vụ, lại tự thân tra xét sổ sách, mồ hôi vã suốt ngày, chẳng vất vả lắm sao!

Lượng tạ lỗi với Ngung. Sau Ngung làm Đông tào duyệt coi giữ việc tuyển cử. Ngung chết, Lượng nghĩ nhớ khóc ba ngày.

*Xa kỳ thoát tục,
Yêu mến sinh dân,
Lấy yếu khắc mạnh,
Không mắc nguy vong.*

--- Tán Ngô Tử Viễn.

¹ Bình Cát (邴吉): Xem chú thích ở tập III, quyển 14, trang 207 (Trình Dục truyện).

² Trần Bình là công thần của Hán Cao tổ Lưu Bang, là bậc túc trí đa mưu, lập nhiều công lao. Dưới thời Hán Văn đế, ông làm Tả thừa tướng, Chu Bột làm Hữu thừa tướng. Có lần Văn đế hỏi Chu Bột rằng một năm trong nước xét xử hình ngục bao nhiêu người, thóc lúa trong phủ khó nhập xuất bao nhiêu? Bột không trả lời được. Văn đế hỏi Bình, Bình nói: "Đã có người lo việc ấy." Văn đế hỏi ai, Bình nói: "Bệ hạ hỏi việc hình ngục thì có quan Đình úy, hỏi tiền hỏi thóc thì có quan Trị túc nội sử." Văn đế hỏi: "Nếu việc gì cũng có người lo thì ông lo việc gì?" Bình đáp: "Chức vụ Thừa tướng, trên giúp thiên tử, dưới chỉnh lý âm dương, khiến bốn mùa hòa thuận, vạn vật tốt tươi, ngoài trấn áp võ về tứ Di, trong thân trăm họ, quan khanh đại phu ai cũng làm tốt việc của mình." Văn đế khen hay.

Từ Viễn tên Nhất, người quận Trần Lưu. Theo Lưu Yên vào Thục. Thời Lưu Chương, làm Trung lang tướng, đem binh cự Tiên chủ ở huyện Phù, đến hàng. Tiên chủ định Ích châu, lấy Nhất làm Hộ quân Thảo nghịch tướng quân, nạp em gái của Nhất làm phu nhân. Năm Chương Vũ nguyên niên, làm Đô đốc Quan Trung. Năm Kiến Hưng thứ tám, cùng Ngụy Diên xâm nhập địa giới quận Nam An, phá tướng nước Ngụy là Phí Diệu, được chuyển tước Đình hầu, tấn phong tước Cao Dương hương hầu, thăng làm Tả tướng quân. Năm thứ mười hai, Thừa tướng Lượng chết, triều đình lấy Nhất làm Đốc Hán Trung, Xa kỵ tướng quân, ban Giả tiết, lĩnh Thứ sử Ung châu, tấn phong tước Tế Dương hầu. Năm thứ mười lăm chết. Hành trạng của Nhất thất lạc, cho nên không chép thành truyện.

Người em trong tộc của Nhất là Ban, tự Nguyên Hùng, là con của quan thuộc Đại tướng quân Hà Tiến là Ngô Khuông vậy. Vì hào hiệp mà nổi tiếng, ngôi vị thường chỉ kém một chút so với Nhất. Thời Tiên chủ, làm Lĩnh quân. Đến đời Hậu chủ, dần dần được thăng đến chức Phiêu kỵ tướng quân, ban Giả tiết, phong tước Miên Trúc hầu.

*An Hán chúa nam,
Đánh dẹp cố hương,
Tiểu trừ dơ bẩn,
Dựng hình phô trương,
Lay chuyển Man, Bộc,
Quốc dụng phú cường.*

--- Tán Lý Đức Ngang.

*Phụ Hán nghĩ thông,
Đã trí lại nhân,
Lời nói sâu sắc,
Gần hỏi xa thăm,*

Khen thời bình trị,
Danh nổi trên đời.

--- Tán Trương Quân Tự.

Trấn bắc linh mẫn,
Trù hoạch đúng phép,
Dẫn đạo trừ nhơ,
Việc bèn thành công.
Nhận việc miên đông,
Cuối đời chẳng thông,
Xót thương chí trước,
Buông mình ngoài cương.

--- Tán Hoàng Công Hành.

Viết ký lòng trung,
Gắng chí khiêm cung,
Giữ chức trong ngoài,
Quên tư lo công.

--- Tán Dương Quý Hưu.

Chinh nam đồn hậu,
Chinh tây trung cần,
Kẻ sĩ kiệt hiệt,
Mãnh tướng tráng liệt.

--- Tán Triệu Tử Long, Trần Thúc Chí.

Thúc Chí tên Đáo, người ở Nhữ Nam. Đi theo Tiên chủ từ Dự châu, danh tiếng ngôi vị thường kém Triệu Vân một chút, đều vì trung dũng mà nổi tiếng. Năm Kiến Hưng sơ, làm quan đến chức Đô đốc Vĩnh An, Chinh tây tướng quân, được phong tước Đình hầu.

Trấn nam thô mãnh,
Giám quân thuần hậu,

*Cùng gánh việc quân,
Trông coi ngoài cõi.*

--- *Tán Phụ Nguyên Bất, Lưu Nam Hòa.*

Phụ Nguyên Bất tên Khuông, người quận Tương Dương. Theo Tiên chủ vào Thục. Ích châu đã định, làm Thái thú Ba Quận. Năm Kiến Hưng trung, chuyển làm Trấn nam, Hữu tướng quân, phong tước Trung hương hầu.

Lưu Hòa Nam tên Ung, người quận Nghĩa Dương. Theo Tiên chủ vào Thục. Ích châu đã định, làm Thái thú Giang Dương. Năm Kiến Hưng trung, dần dần thăng đến chức Giám quân Hậu tướng quân, được ban tước Quan nội hầu, chết.

Con của Ung là Thức nối tự. Con út của Ung là Vũ, có văn tài, cùng Phàn Kiến danh tiếng ngang nhau, làm quan cũng đến chức Thượng thư.

*Tư nông tài năng,
Nói thành lời văn,
Ý hay từ đẹp,
Văn vẻ sáng rõ.*

--- *Tán Tân Tử Sắc.*

*Chính Phương nhận chiếu,
Dự việc ngày sau,
Không lo vì nước,
Dựng việc hoang đường,
Đương thời ruồng bỏ,
Công nghiệp vỡ tan.*

--- *Tán Lý Chính Phương.*

*Văn Trường cứng thô,
Nhận mệnh lúc nguy,
Xông pha chống địch,
Trấn giữ biên cương.*

Không hợp chẳng hòa,
Loạn ngôn quên lễ,
Chết quả đáng tiếc,
Thực bởi tính nết.

--- Tán Ngụy Văn Trường.

Uy Công hẹp hòi,
Khác biệt mọi người;
Nhàn thì tỏ lý,
Gấp thì hại ngẫm,
Bỏ yên rước họa,
Như Chu Dịch nói.

--- Tán Dương Uy Công.

Quý Thường trung thật,
Văn Kinh cần mẫn,
Sĩ Nguyên hiểu phép,
Xử Nhân biết kế,
Khổng Hưu, Văn Tường,
Người tài kẻ tốt,
Chỉ tỏ tiếng lan,
Lấy lòng đất Sở.

--- Tán Mã Quý Thường, Vệ Văn Kinh, Hàn Sĩ Nguyên, Trương Xử Nhân, Ân Khổng Hưu, Tập Văn Tường.

Văn Kinh, Sĩ Nguyên, tên thật, hành trạng và quận huyện nơi sinh sống của họ đều thất lạc.

Xử Nhân vốn tên Tôn, người quận Nam Dương. Lấy thân phận Kinh châu tòng sự theo Tiên chủ vào Thục, xuôi nam đến huyện Lạc, được lấy làm Thái thú Quảng Hán.

Tôn bình thời vốn không phục Bàng Thống, Thống trúng tên chết, Tiên chủ khen tiếc thốt ra lời, Tôn nói:

- Thống tuy tận trung đáng tiếc, nhưng làm trái cái nghĩa cao đẹp.

Tiên chủ giận nói:

- Thống chết thân thành nhân, lại là sai ư?

Bèn cách chức quan của Tồn. Ít lâu sau, Tồn bệnh chết. Hành trạng thất lạc mất, nên không chép thành truyện.

Khổng Hưu tên Quán, làm Chủ bộ ở Kinh châu, Biệt giá tòng sự, sự tích thấy ở *Tiên chủ truyện*. Tên quận huyện nơi sinh của Quán thất lạc mất.

Văn Tường tên Trinh, người quận Tương Dương. Theo Tiên chủ vào Thục, trải các chức huyện Lệnh các huyện Lạc, Bì, Thái thú Quảng Hán. Hành trạng thất lạc mất.

Con của Trinh là Trung, quan vị đến chức Thượng thư lang.^①

① *Tương Dương ký* chép: Tập Trinh có dáng phong lưu, khéo đàm luận, danh tiếng kém Bàng Thống chút ít, nhưng nhỉnh hơn Mã Lương. Con của Trinh là Trung, cũng có danh tiếng. Con của Trung là Long, làm Bộ binh Hiệu úy, Chương hiệu Bí thư.

*Quốc Sơn phong cách,
Vĩnh Nam nghĩ sâu,
Thịnh Hành, Thừa Bá,
Tài trí thức thời;
Tôn Đức quyết đoán,
Vĩ Nam trung hậu;
Đức Tụ, Nghĩa Cường,
Chí tráng khí cương.
Chúng nhân khen hay,
Hương lan đất Thục.*

--- *Tán Vương Quốc Sơn, Lý Vĩnh Nam, Mã Thịnh Hành, Mã Thừa Bá, Lý Tôn Đức, Lý Vĩ Nam, Cung Đức Tụ, Vương Nghĩa Cường.*

Quốc Sơn tên Phủ, người quận Quảng Hán huyện Thê. Thích nói bàn, xét nhân vật. Thời Lưu Chương, làm Thư tá trong châu. Sau khi Tiên chủ định Thục, làm Miên Trúc lệnh, rồi về

làm Nghị tào tông sự ở Kinh châu. Theo Tiên chủ đi đánh nước Ngô, quân thua ở Tỷ Quy, bị hại.

Con của Phủ là Hữu, có phong độ của cha, làm quan đến chức Thượng thư Hữu tuyển lang.

Vĩnh Nam tên Thiệu, người quận Quảng Hán huyện Thê. Sau khi Tiên chủ định Thục, làm Thư tá bộ Tông sự trong châu. Năm Kiến Hưng nguyên niên, Thừa tướng Lượng triệu làm Tây tào duyện. Lượng đánh phương nam, lưu Thiệu lại làm Trị trung tông sự, năm ấy chết.^①

Thịnh Hành tên Huân, Thừa Bá tên Tề, đều là người quận Ba Tây huyện Lăng Trung. Huân, thời Lưu Chương làm Thư tá trong châu, lúc Tiên chủ định Thục, triệu làm Tả tướng quân duyện, sau chuyển làm Biệt giá tông sự trong châu, chết. Tề làm Công tào của Thái thú Trương Phi. Phi tiến cử lên Tiên chủ, được lấy làm Thượng thư lang. Năm Kiến Hưng trung làm Tông sự Thừa tướng duyện, thăng làm Thái thú Quảng Hán, rồi lại làm Tham quân cho Phi. Lượng chết, Tề làm Thượng thư. Huân và Tề đều vì có tài cán mà tự hiển lộ với đời; được người ở trong châu tín phục, nhưng không bằng Diêu Du.

Du tự Tử Tự, cũng là người huyện Lăng Trung. Sau khi Tiên chủ định Ích châu, Du làm Công tào Thư tá. Năm Kiến Hưng nguyên niên, làm Thái thú Quảng Hán. Thừa tướng Lượng lên bắc trú ở Hán Trung, triệu Du làm chức Duyện. Du thường tiến cử kẻ sĩ văn võ. Lượng khen rằng:

- Tận trung báo quốc chẳng gì hơn tiến cử nhân tài, tiến cử nhân tài đều dựa vào cái hay của họ; nay Diêu duyện thuộc cùng lúc gồm đủ cương nhu, mở rộng việc dùng người có tài văn võ, có thể nói là người học thức uyên bác phẩm hạnh đoan chính vậy. Mong các quan Duyện đều như thế này, để hợp với niềm mong ngóng của quốc gia.

Du được chuyển làm Tham quân. Lượng chết, ít lâu Du được thăng làm Thượng thư bộc xạ. Người thời ấy phục sự chân thành chín chắn của Du. Năm Diên Hi thứ năm Du chết, sau khi bài tán này được soạn xong.

Tôn Đức tên Phúc, người quận Tử Đồng huyện Phù. Sau khi Tiên chủ định Ích châu, làm Thư tá, Trưởng huyện Tây Sung Quốc, Thành Đô lệnh. Năm Kiến Hưng nguyên niên, chuyển làm Thái thú Ba Tây, làm Giang Châu đốc, Dương uy tướng quân, rồi về triều làm Thượng thư bộc xạ, phong tước Bình Dương đình hầu. Năm Diên Hi sơ, Đại tướng quân Tưởng Uyển tiến ra Hán Trung, Phúc làm Tiền giám quân, lĩnh chức Tư Mã, chết.②

Vĩ Nam tên Triều, là anh của Vĩnh Nam. Làm Công tào của quận, lúc xét cử làm Hiếu liêm, làm Lâm Cung lệnh, rồi về triều làm Biệt giá tông sự. Theo Tiên chủ sang đông đánh Ngô, năm Chương Vũ thứ hai chết ở Vĩnh An.③

Đức Tự tên Lộc, người quận Ba Tây huyện An Hán. Tiên chủ định Ích châu, Lộc làm Tông sự Nha môn tướng của quận. Năm Kiến Hưng thứ ba, làm Thái thú Việt Tuyền, theo Thừa tướng Lượng nam chinh, bị rợ Man Di giết hại, năm ấy ba mươi một tuổi. Em của Lộc là Hành, năm Cảnh Diệu trung làm Linh quân.

Nghĩa Cường tên Sĩ, người quận Quảng Hán huyện Thê, là anh họ của Quốc Sơn vậy. Sau khi theo Tiên chủ vào Thục, được xét cử Hiếu liêm, làm trưởng huyện Phù Tiết, thăng làm Nha môn tướng, sau ra làm Thái thú Đãng Cù, lại đổi đến Kiền Vi. Lúc Thừa tướng Lượng nam chinh, chuyển Sĩ làm Thái thú Ích châu, theo nam chinh, bị rợ Man Di giết hại.

① *Hoa Dương quốc chí* chép: Anh của Thiệu là Mạc, tự Hán Nam, thời Lưu Chương làm Trưởng huyện Ngưu Bi. Tiên chủ lĩnh chức Mục, Mạc làm Tông sự, buổi sớm ngày đầu năm mở tiệc, Mạc được lên gặp, trách Tiên chủ rằng:

- Chấn uy⁽¹⁾ cho rằng Tướng quân là tông thất gan ruột, nên ủy thác việc đánh dẹp giặc, công lớn chưa thành, phải tiến lên tìm giặc đánh diệt; Mạc thấy Tướng quân chiếm lấy bị châu, rất không hợp lý vậy.

Tiên chủ nói:

- Biết không hợp lý, sao ngài không giúp đỡ ông ấy?

Mạc nói:

- Chẳng phải không dám, vì lực chẳng đủ đẩy thôi.

Hữu ti muốn giết Mạc, Gia Cát Lượng xin giúp, được tha. Mãi sau, làm Thái thú Kiền Vi, Thừa tướng Tham quân, An Hán tướng quân. Năm Kiến Hưng thứ sáu, Lượng tây chinh. Mã Tắc ở tiền phương thua bại, Lượng muốn giết Tắc, Mạc can rằng "Nước Tần tha Mạnh Minh, nhờ thế làm bá ở Tây Nhung, nước Sở diệt Tử Ngọc, hai đời sau chẳng đua tranh nổi",⁽²⁾ thất ý Lượng, bị đuổi về Thục.

Năm thứ mười hai, Lượng chết, Hậu chủ mặc áo trắng cử ai ba ngày, Mạc dâng sớ nói:

- Lã Lộc, Hoắc Vũ vị tất đã mang lòng phản nghịch, Hiếu Tuyên chẳng thích làm cái việc vua giết bầy tôi,⁽³⁾ chẳng qua vì bầy tôi sợ bị bức bách, quân chủ sợ cái uy của bầy tôi, cho nên mới nảy ý gian manh. Lượng tự thân cầm quân mạnh, như sói ngoái đầu hổ dòm chực, năm hạng người thân đặc biệt của tông thất không có

¹ Tức Lưu Chương. Xem tập VI quyển 31 (Lưu Chương truyện).

² Mạnh Minh (孟明): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 57 (Viên Thiệu truyện).

Thành Đắc Thần (成得臣): Xem chú thích tập VI, quyển 39, trang 202 (Mã Lương truyện).

³ Lã Lộc là cháu trong họ Lã hậu (vợ Hán Cao tổ). Hán Huệ đế chết, con em họ Lã được phong tước giữ cấm binh, quản những vị trí cốt yếu trong cung cấm. Sau khi Lã hậu chết, họ lo sợ bị giết muốn phản, hai đại thần là Chu Bột, Trần Bình và người trong tông thất là Lưu Chương làm binh biến, giết sạch người họ Lã;

Hoắc Vũ, là con của đại thần Hoắc Quang nhà Tây Hán. Vào thời Hán Chiêu đế, con cháu nhà họ Hoắc đây triều. Lúc Hoắc Quang sắp chết, vua Hán bấy giờ là Hán Tuyên đế Lưu Tuân (Hiếu Tuyên đế), Hoắc Vũ nhận chức Hữu tướng quân, sau đổi làm Đại tư mã, bị tước bớt binh quyền, thân đảng bị điều ra làm quan bên ngoài. Hoắc Vũ sợ bị hại bèn mưu phản, bị phát giác, chịu tội chém ngang lưng.

ai bên cạnh,⁽¹⁾ thần thường lo lắng việc ấy. Nay Lượng chết đi, đại đế là tông tộc được vẹn toàn, rợ Nhung ở phương tây được yên tĩnh, lớn nhỏ lấy làm mừng.

Hậu chủ nổi giận, tổng ngục giết đi.

② *Ích bộ kỳ cựu tạp ký* chép: Gia Cát Lượng bị bệnh nặng ở Vũ Công, Hậu chủ phái Phúc đến thăm hầu, bèn nhân đó hỏi về đại kế quốc gia. Phúc đến tuyên rõ thánh chỉ, nghe những lời Lượng nói, đến lúc chia biệt đi về đã mấy ngày, thốt nhiên nghĩ kỹ lại chưa tận hết ý của Lượng, bèn tất tả quay ngựa lại diện kiến Lượng. Lượng bảo nhỏ với Phúc rằng:

- Ta biết mục đích ngài quay lại. Hai ta nói chuyện gần đây, tuy nói trọn ngày vẫn có chỗ chưa tận ý, đã đến lúc quyết rồi. Người mà ngài hỏi, Công Diễm là thích hợp vậy.

Phúc tạ nói:

- Lúc trước thật mắc lỗi không thành ý Công, rằng sau khi Công trăm tuổi, ai có thể gánh vác được đại sự? Cho nên lập tức quay lại đó thôi. Lại xin hỏi, sau TƯỚNG UỶN, ai là người gánh vác được?

Lượng nói:

- Văn Vĩ nên nối thay.

Lại hỏi người nối sau nữa, Lượng không đáp. Phúc trở về, phụng sứ mệnh xưng ý chỉ.

Phúc là người hiểu biết tinh tế trí nhớ tốt, quả quyết mau lẹ, miễn cán việc chính trị.

Con của Phúc là Trương, tự Thúc Long, cũng có danh tiếng, làm quan đến chức Thượng thư lang, Thái thú Quảng Hán.

③ *Ích bộ kỳ cựu tạp ký* chép: Triều lại có một người em khác, chết sớm, ba người đều có tài năng được mọi người ngưỡng mộ thanh danh, người bấy giờ khen họ là "Lý thị tam long."⁽²⁾

¹ Nguyên văn: "Ngũ đại bất tại biên." Ngũ đại, là năm hạng người thân cận với nhà vua gồm: Thái tử, cậu ruột của vua, Công tử con vua được sủng ái, cháu đích tôn của vua, đại thần nhiều đời làm quan đại phu. Ý nói, năm hạng người này không ai ở bên cạnh Lượng để kiểm chế, sợ sẽ gây họa lớn.

² Ba con rồng nhà họ Lý.

Hoa Dương quốc chí chép: Quần hạ quần hạ suy tôn Tiên chủ làm Hán Trung vương, lời văn của biểu ấy, là do Triều viết ra vậy.

Thần Tùng Chi xét lời mà kỳ cựu ký chép, cho rằng Triều, Thiệu cùng người em chết sớm kia là ba con rồng. Mặc là người nói năng ngông cuồng, không đáng được tính trong số ấy.

*Hưu Nguyên khinh giặc,
Hồng việc bị hại,
Văn Tiến gắng sức,
Cùng chịu thua bại,
Họa bởi một người,
Vạ đến cả hai.*

--- *Tán Phùng Hưu Nguyên, Trương Văn Tiến.*

Hưu Nguyên tên Tập, người Nam Quận. Theo Tiên chủ vào Thục. Tiên chủ sang đông đánh nước Ngô, Tập làm Lĩnh quân, thống quản chư quân, đại bại ở Hào Đình.

Văn Tiến tên Nam, cũng từ Kinh châu theo Tiên chủ vào Thục, lĩnh binh theo Tiên chủ đánh nước Ngô, cùng tử trận với Tập.

Bấy giờ lại có người quận Nghĩa Dương là Phó Can, Tiên chủ lui quân, Can ở phía sau chặn đánh, binh lính chết sạch, tướng Ngô ra hiệu cho Can lệnh phải hàng, Can mắng rằng:

- Chó Ngô! Làm gì có tướng quân nhà Hán theo hàng!

Bèn đánh đến chết.

Con của Can là Thiêm được bá làm Tả trung lang, sau làm Đô đốc Quan Trung. Năm Cảnh Diệu thứ sáu, lại nhận mệnh giữa lúc lâm nguy. Kẻ bàn luận khen cha con Can nối đời trung nghĩa. ①

① *Thục ký* chép chiếu của Tấn Vũ đế rằng:

"Tướng quân nước Thục là Phó Thiêm, trước tại quan ải, thân cự quan quân, chết đâu không ngoái. Cha của Thiêm là Can, lại vì Lưu Bị chết trận. Thiêm hạ đều khen họ vậy, há bởi việc này việc nọ mà cho là lạ?"

Con nhỏ của Thiêm là Trước và Mộ, sau đó bị bắt vào làm đũa ở trong nhà quan, rồi tha ra làm dân thường.

Giang Dương cứng mạnh,
Lập chí báo ân,
Binh gặp địch nhân,
Chẳng chịu khuất thân,
Một mình giữa trận,
Bỏ mạng trong quân.

--- Tán Trình Quý Nhiên.

Quý Nhiên tên Kỳ, người quận Ba Tây huyện Lăng Trung. Thời Lưu Chương làm trưởng huyện Hán Xương. Trong huyện có giống người Tung, là tộc người cương mãnh, xưa kia Cao tổ dựa vào họ định Quan Trung. Thái thú Ba Tây là Bàng Hy thấy thiên hạ nhiễu loạn, cho là quận nên có quân mạnh phòng vệ, bèn chiêu nạp hợp bộ khúc. Có kẻ gièm pha với Chương, nói Hy muốn phản, Chương thầm ngờ Hy. Hy nghe tin, rất sợ, toan mưu tự giữ, phái con của Kỳ là Úc tới chỗ Kỳ truyền ý, cầu binh giúp đỡ mình. Kỳ đáp lại rằng:

- Quận hợp bộ khúc vốn chẳng phải là làm phản, tuy có tiếng thị phi, cốt yếu là ở lòng thành; nếu vì thế mà sợ hãi, rồi mang chí khác, thì đấy không phải là cái mà Kỳ nghe được.

Lại cảnh tỉnh Úc rằng:

- Ta chịu ân của châu, phải tận tiết vì Châu mục. Mày làm Quận lại, phải hết sức với Thái thú, không được vì việc của ta mà có chí khác.

Hy sai người bảo Kỳ rằng:

- Con mày ở quận không theo Thái thú, họa sắp đến nhà!

Kỳ nói:

- Khi xưa Nhạc Dương làm tướng, uống canh nấu thịt con mình, chẳng phải là không có ân tình cha con, mà vì đại nghĩa vậy.⁽¹⁾ Nay dẫu ngài lại nấu canh con ta, ta tất uống canh ấy.

¹ Nhạc Dương (乐羊): Xem chú thích ở tập IV, quyển 18, trang 111 (Diêm Ôn truyện).

Hy biết Kỳ tất chẳng giúp mình, bèn bày kế tạ lỗi với Chương để tỏ ý rằng mình không có lỗi. Chương nghe tin, thăng Kỳ làm Thái thú Giang Dương.

Tiên chủ lĩnh Ích châu mục, triệu Kỳ làm Tòng sự tể tửu. Sau theo Tiên chủ đi đánh nước Ngô, gặp lúc đại quân thua bại, ngược sông mà về, có người báo Kỳ rằng:

- Quân truy đuổi phía sau đã đến, nên bỏ thuyền chạy mau, thì mới có thể thoát được.

Kỳ nói:

- Ta ở trong quân, chưa từng vì địch mà bỏ chạy, huống chi đi theo Thiên tử mà bị nguy sao!

Địch nhân đuổi theo kịp được thuyền của Kỳ, Kỳ tự thân cầm kích giao chiến, thuyền địch có chiếc bị chìm lật. Chúng đến rất đông, cùng đánh Kỳ, Kỳ tử trận.

Công Hoảng hậu sinh,

Kỳ tài thật tinh,

Hai mươi yếu mệnh,

Tài chưa hiển vinh.

--- Tán Trình Công Hoảng.

Công Hoảng, tên Kỳ,⁽¹⁾ là con của Quý Nhiên vậy.

Tôi xưa trốn hàng,

Lấy nghĩa bị bức,

Oán nổi sở quan,

Không màng đại đức.

Nay không giúp sức,

Bội phản quay lưng,

¹ Hai cha con Quý Nhiên và Công Hoảng tên đọc giống nhau, nhưng viết khác. Trình Quý Nhiên, tên Kỳ (畿), là nghĩa trong chữ kinh kỳ; Trình Công Hoảng, tên Kỳ (祁), nghĩa là lớn, thịnh.

Tuyệt với người thân,
Đông, Tây chê trách.

--- *Tán My Phương, Phó Sĩ Nhân, Hác Phổ, Phan Tuấn.*

My Phương tự Tử Phương, người quận Đông Hải, là Thái thú Nam Quận. Sĩ Nhân tự Quân Nghĩa, người quận Quảng Dương, là tướng quân, đồn trú ở Công An, thống thuộc Quan Vũ; hai người cùng Vũ có hiềm khích, làm phản nghênh đón Tôn Quyền.

Hác Phổ tự Tử Thái, người quận Nghĩa Dương. Tiên chủ từ Kinh châu vào Thục, lấy Phổ làm Thái thú Linh Lăng. Bị tướng Ngô là Lã Mông lừa, mở cửa thành hàng Mông.

Phan Tuấn tự Thừa Minh, người quận Vũ Lăng. Tiên chủ vào Thục, lấy Tuấn làm Kinh châu Trị trung, lưu lại coi công việc ở trong châu, cũng bất hòa với Quan Vũ. Tôn Quyền đánh úp Vũ, Tuấn bèn theo Ngô.

Phổ làm quan đến chức Đình úy, Tuấn quan vị đến chức Thái thường, được phong tước hầu.^①

① *Ích bộ kỳ cựu tập ký* chép chuyện ba người là Vương Tự, Thường Bá, Vệ Kế, vì họ đều là người thời họ Lưu làm vương ở đất Thục, cho nên chép vào thiên này.

Wang Tự tự Thừa Tông, người huyện Tư Trung quận Kiên Vi.

Tổ tiên của Tự, vào những năm Diên Hi vì có công đức mà nổi tiếng. Tự được xét cử Hiếu liêm, ít lâu thăng làm Vi đốc Tây An, Thái thú Văn Sơn, gia thêm chức An viễn tướng quân. Tự chiêu tập vô yên rợ Khương, Hồ, tất thấy đều quy thuận, các bộ lạc hung ác đều đến cúi hàng, Tự dùng ân tín đối đãi, biên cảnh phía bắc lúc bấy giờ vì thế được yên tĩnh. Đại tướng quân Khương Duy mỗi lần xuất binh bắc chinh, người Khương, người Hồ xuất các thứ da ngựa trâu dê cùng thóc lúa giúp lương cho quân, quốc gia được nhờ vào của cải của họ. Tự được thăng làm Trấn quân, nên được lĩnh quận.

Về sau Tự theo Duy bắc chinh, trúng tên bị thương, mấy tháng thì chết. Người Nhung, Di hội họp tống táng, mấy nghìn người theo đưa tang, gào khóc vãi nước mắt. Tự là người rất mực đôn hậu, được mọi người tin yêu. Con và cháu của Tự, người Khương, Hồ xem như cốt nhục, có kẻ kết tình huynh đệ, ân tình đến mức như thế.

Thường Bá tự Văn Bình, người huyện Giang Nguyên thuộc Thục Quận.

Bá làm Chủ bộ, Công tào trong huyện. Trưởng huyện là Chu Du người huyện Quảng Đô, vào giữa năm Kiến Hưng thứ mười lăm bị quan trên hặc tội vì việc làm mất lương thực của sở quan, sắp sửa phán tội nặng. Bá đến nhà ngục tranh tụng, thân chịu mấy nghìn trượng, da thịt rách nát, đau đớn thê thảm, trước sau qua ba lần xét án, bị giam trong ngục tối hơn hai năm trời. Mỗi khi sắp bị tra khảo, quan lại hỏi chứng nghiệm lại việc trước, Bá không đáp, nói:

- Nên dùng hình gấp, chớ hỏi han nhiều!

Lời cung nhất quán không có gì khuất khúc, việc rút cục sáng tỏ. Trưởng huyện được miễn đại hình. Bấy giờ duy có Chủ bộ là Dương Ngoạn cũng làm chứng việc ấy, lời cung từ giống với Bá. Chúng đều khen Bá quên thân giúp chủ, tiết nghĩa chói ngời. Bá được xét cử Hiếu liêm, đổi phong làm trưởng huyện Thê, hơn năm mươi tuổi chết.

Ghi chép ở *Cựu đức truyện* nói, về sau Huyện lệnh Triệu Đôn người quận Dĩnh Xuyên vẽ hình của Bá, làm bài tán ca tụng Bá.

Vệ Kế tự Tử Nghiệp, người huyện Nghiêm Đạo quận Hán Gia. Huynh đệ có năm người. Cha của Kế làm Công tào của huyện. Kế lúc còn nhỏ, cùng huynh đệ theo cha dạo chơi trong dinh phủ, trưởng huyện là Trương Quân người Thành Đô thuộc Thục Quận không có con, nhiều lần sai Công tào gọi con đến chơi đùa, rất thương mến họ. Trương nhân lúc trò chuyện trong buổi yến, nói nhỏ với Công tào muốn xin Kế làm con nuôi, Công tào liền hứa cho, Trương bèn nuôi dưỡng Kế làm con.

Kế thông minh sáng suốt sớm trưởng thành, kiến thức sâu rộng, làm quan ở châu quận, trải nhiều chức vụ thanh danh hiển đạt. Nhưng bốn người anh em còn lại của Kế, đều không thành đạt ở đời, người cha thường nói rằng vận nhà mình sắp suy, mà Trương minh phủ sắp thịnh vậy. Bấy giờ pháp chế cấm lấy họ khác lập hậu tự, cho nên lại lấy họ Vệ.

Kế liên tục được thăng chức, bái làm Phụng xa Đô úy, Thượng thư, rất trung tín đôn hậu, được mọi người kính phục. Loạn Chung Hội, Kế bị hại ở Thành Đô.

Bình rằng: Đặng Chi kiên trinh chính trực, coi việc công quên việc nhà, Trương Dực kiềm chế cái cứng mạnh của Khương Duy. Tông Dực xúc phạm cái uy nghiêm của Tôn Quyền, họ đều có chỗ đáng khen. Dương Hí phóng túng, không chịu ràng buộc, tự cho là mình siêu quần, nhưng trí tuệ khí độ có chỗ kém cỏi, vì thế mà mắc họa ở đời.

QUYỂN THỨ BỐN MƯƠI SÁU

TÔN PHÁ LỖ, THẢO NGHỊCH TRUYỆN

380

Tôn Kiên tự Văn Đài, người Ngô Quận huyện Phú Xuân, có lẽ là hậu duệ của Tôn Vũ.⁽¹⁾①

Kiên thời trẻ làm huyện lại. Năm mười bảy tuổi, cùng cha đi chung thuyền đến huyện Tiền Đường, gặp hải tặc là bọn Hồ Ngọc từ Bào Lý ngược sông lên cướp tài vật của thương nhân, đang chia của ở trên bờ, lũ khách đều dừng lại, thuyền không dám tiến. Kiên bảo cha rằng:

- Bọn giặc này có thể đánh được, con xin đánh chúng.

Người cha nói:

- Đây không phải là việc của mày vậy.

Kiên cầm đao lên bờ, đưa tay trở đông chỉ tây, như đang bố trí quân binh chằng lưới quây chặn bọn cướp. Giặc từ xa trông thấy, cho là quan binh tới bắt chúng, tức thì rút bỏ tài vật tẩu tán. Kiên đuổi theo, chém được một thủ cấp rồi quay về, người cha cả kinh. Bởi thế Kiên nổi danh, phủ quan triệu gọi cho tạm làm Giả úy.⁽²⁾

Quận Cối Kê có tên yêu tặc là Hứa Xương nổi dậy tại huyện Câu Chương, tự xưng là Dương Minh hoàng đế,^② và con của hắn là Chiếu khuấy động các huyện, tụ chúng đến vạn người.

¹ Tôn Vũ (孙武): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 24 (Vũ đế kỷ).

² Giả úy, đại khái là chức Đô úy, nhưng chưa chính thức, chỉ là chức tự phong.

Kiên lấy thân phận Tư mã của quận chiêu mộ quân tinh dũng, được hơn nghìn người, cùng châu quận hợp binh đánh dẹp phá chúng. Năm ấy, là năm Hi Bình nguyên niên vậy. Thứ sử Tang Mân liệt kê công trạng dâng lên, Đế hạ chiếu thư đổi phong Kiên làm Diêm Độc thừa, sau mấy năm chuyển làm Hu Di thừa, lại chuyển làm Hạ Bi thừa.^③

① *Ngô thư* chép: Gia tộc Kiên nổi đời làm quan tại Ngô Quận, nhà ở huyện Phú Xuân, mộ tổ an táng ở phía đông huyện thành. Trên mộ nhiều lần hiện ánh sáng lạ, lại có đám mây ngũ sắc, kéo thẳng lên trời, trải dài mấy dặm. Mọi người đều đến ngắm xem. Các vị phụ lão bảo nhau rằng:

- Đây là khí tượng phi phàm, họ Tôn sẽ hưng khởi thôi.

Lúc mẫu thân Kiên mang thai Kiên, mơ thấy ruột xổ ra quấn vòng quanh cửa Xương Môn ở Ngô Quận, khi thức dậy rất sợ, đem kể với bà lão hàng xóm. Bà lão hàng xóm nói:

- Sao biết đó là không phải là điềm lành vậy.

Kiên sinh ra, dung mạo bất phàm, tính tình khoáng đạt, rất có khí tiết.

② *Linh đế kỷ* chép: Xương cho rằng cha mình là Vua của nước Việt vậy.

③ *Giang Biểu truyện* chép: Kiên trải chức phó ở ba huyện, ở đâu cũng được khen, quan dân thân gần nường dựa. Những người quen cũ ở quê quán, những kẻ nhỏ tuổi ham thích lập nghiệp, qua lại thường có mấy trăm người, Kiên tiếp đón, phủ dụ, đối đãi xem như con em mình.

Năm Trung Bình nguyên niên, đầu lĩnh giặc Khăn Vàng là Trương Giác nổi dậy ở Ngụy Quận, nói thác mình rằng có thần linh giúp, phái tám vị sử giả dùng thiện đạo giáo hóa thiên hạ, nhưng lại ngầm liên kết với nhau, tự xưng là Hoàng thiên thái bình. Tháng ba ngày Giáp Tý, ba mươi sáu vạn tín đồ nhất loạt nổi dậy, thiên hạ hưởng ứng, đốt phá các quận huyện, giết hại Trướng lại.^① Nhà Hán phái Xa kỵ tướng quân là Hoàng Phủ Tung, Trung lang tướng là Chu Tuấn đem binh đánh dẹp. Tuấn

dâng biểu tấu xin Kiên làm Tá quân tư mã, những người trẻ tuổi ở quê quán đều nguyện đi theo. Kiên lại mộ thêm các thương lữ và tinh binh ở vùng Hoài, Tứ, gom lại độ hơn nghìn người, cùng Tuấn hợp lực ra sức gắng đánh, đi đến đâu không ai chống nổi. ② Giặc ở Nhữ, Dĩnh khốn quẫn, chạy vào giữ Uyển thành. Kiên đích thân đảm đương một mặt, trèo lên thành xông vào trước, binh sĩ bám theo như đàn kiến, sau cùng đại phá quân giặc. Tuấn báo hết công trạng lên trên, triều đình bái Kiên làm Biệt bộ tư mã. ③

① *Hiển đế Xuân Thu* chép: Giác xưng là Thiên Công tướng quân, em Giác là Bảo xưng là Địa Công tướng quân, em Bảo là Lương xưng là Nhân Công tướng quân.

② *Ngô thư* chép: Kiên thừa thắng tiến sâu, nhưng ở phía tây huyện Hoa gặp bất lợi. Kiên bị thương ngã ngựa, nằm trong đám cỏ. Quân lính của Kiên phân tán, không ai biết Kiên ở đâu. Con ngựa Thông mã mà Kiên cưỡi rong ruổi về doanh trại, dậm chân xuống đất hí vang, tướng sĩ theo ngựa tới chỗ đám cỏ tìm được Kiên. Kiên về doanh mấy chục ngày, vết thương đỡ một chút, lại xuất chiến tiếp.

③ *Tục Hán thư* chép: Tuấn tự Công Vĩ, người quận Cối Kê, thời trẻ hiếu học, làm Công tào ở quận, lúc xét Hiếu liêm, tiến cử làm quan. Triều Hán xét công đánh dẹp quân Khăn Vàng bái Tuấn làm Xa kỵ tướng quân, thêm chức Hà Nam doãn. Đồng Trác gặp Tuấn, ngoài mặt thân thiện, mà trong bụng lại ghen ghét, Tuấn cũng ngầm ngầm đề phòng.

Binh Quan Đông nổi dậy, Trác bàn chuyện dời đô, Tuấn liền cự lại Trác. Trác tuy kiêng sợ, nhưng ham cái danh lớn của Tuấn, bèn dâng biểu bái Tuấn làm Thái phó làm phò tá cho mình. Tuấn bị triệu tới, không chịu nhận chức, nhân đó dâng lời rằng:

- Quốc gia chẳng nên thiên đô, thiên đô sẽ phụ lại sự trông ngóng của thiên hạ, khiến vùng Sơn Đông liên kết chống lại, thần không thấy được cái hay của việc đó.

Hữu ti cật vấn rằng:

- Triều đình triệu tướng quân đến thụ phong mà tướng quân cự tuyệt, chẳng hỏi gì việc dời đô mà tướng quân giải bày chuyện đó, sao vậy?

Tuấn nói:

- Phó tướng quốc, không phải là chức vụ sức thần kham nổi. Thiên đô chẳng phải là kế hay, là điều thần lo âu. Từ chối nhận cái chức vụ mình không kham nổi, đưa lời can gián việc thần lo lắng, đó là nghĩa vụ của kẻ thần tử vậy.

Hữu ti nói:

- Việc thiên đô, ban đầu chưa hề tính đến, sau mới có, chưa hề tiết lộ, sao ngài biết được?

Tuấn nói:

- Tướng quốc Đồng Trác nói việc đó với thần, thần nghe ở chỗ Tướng quốc.

Hữu ti không khuất phục nổi, triều đình khen ngợi bội phục. Sau Tuấn làm Thái úy. Lý Thôi, Quách Tỵ đánh lẫn nhau, cướp Thiên tử giữ công khanh làm con tin. Tuấn bản tính cứng rắn, tức phát bệnh mà chết.

Biên Chương, Hàn Toại tác loạn tại Lương châu. Trung lang tướng Đồng Trác chống đánh không xong. Năm Trung Bình thứ ba, triều đình phái Tư không Trương Ôn làm hành Xa kỵ tướng quân, sai sang tây đánh dẹp bọn Chương. Ôn dâng biểu xin cho Kiên giúp tham mưu việc quân, đóng ở Trường An. Ôn dùng chiếu thư triệu Trác, Trác mãi sau mới đến chỗ Ôn, Ôn đem đại nghĩa ra trách Trác, Trác đối đáp bất thuận. Bấy giờ Kiên ngồi ở đó, tiến đến nói thầm với Ôn rằng:

- Trác chẳng sợ tội lại lớn tiếng như cú kêu, nên lấy có đã triệu mà hấn đến không đúng hẹn, dùng quân pháp mà chém hấn.

Ôn nói:

- Trác vốn có uy danh ở vùng Lũng Thục, hôm nay giết hấn, việc tây tiến của ta không có chỗ dựa.

Kiên nói:

- Minh công đích thân thống suất vương binh, uy chấn thiên hạ, sao lại cậy vào Trác? Cứ xét cái lời mà Trác nói, chẳng coi mình công vào đâu, khinh mạn vô lễ với người trên, là một tội. Chương, Toại cứng đầu ngang ngược lâu năm, đáng ra phải kịp thời đánh dẹp, mà Trác nói là chưa nên, lại cản trở quân binh làm mọi người nghi hoặc, là hai tội. Trác vâng mệnh nhận trách nhiệm mà không có công, ứng mệnh triệu thì dềnh dàng chậm trễ, lại ngênh ngang tự kiêu, là ba tội. Danh tướng đời xưa, cầm rìu trượng đốc thúc quân lính, chưa ai không dứt khoát chém bỏ kẻ nghịch để lập uy vậy, thế nên Nhưưng Thư chém đầu Trang Giả, Ngụy Giáng phanh thây Dương Can.⁽¹⁾ Nay minh công rủ lòng với Trác, không lập tức kẻ tội mà tru diệt, sẽ tổn hại đến uy hình, cái hại là ở chỗ ấy vậy.

Ôn không nổi ra tay, bèn nói:

- Ngươi hãy tạm lui xuống, kéo Đổng Trác ngừng việc.

Kiên nhân đó đứng dậy đi ra.

Chương, Toại nghe tin đại binh kéo tới, bèn đảng tự tan, đều xin hàng. Quân quay về, kẻ bàn luận cho rằng quân chưa lâm địch, không thể định công ban thưởng, nhưng nghe nói Kiên kể ra ba tội của Trác, khuyên Ôn chém hấn, chẳng ai không tán thưởng. Kiên được báo làm Nghị lang.

¹ Nhưưng Thư tức Tư Mã Nhưưng Thư (司马穰苴), người nước Tề, vốn họ Điền, nhưng giữ chức Tư mã nên gọi là Tư Mã Nhưưng Thư. Ông được cử làm tướng quân, tướng yêu của vua Tề là Trang Giả làm Giám quân. Trang Giả coi thường Nhưưng Thư, đến quân doanh sai hẹn, Nhưưng Thư lấy phép quân chém đầu. Về Tư Mã Nhưưng Thư, xem thêm chú thích ở tập I, quyển 1, trang 61 (Vũ đế kỷ);

Theo sử sách ghi chép thì Ngụy Giáng chỉ giết người hầu của Dương Can. Xem chú thích ở tập VI, quyển 37, trang 165 (Pháp Chính truyện).

Bấy giờ có tên giặc ở Trường Sa là Khu Tinh tự xưng là tướng quân, tụ chúng hơn vạn người, vây đánh thành ấp, triều đình bèn lấy Kiên làm Thái thú Trường Sa. Kiên đến quận thân đốc suất tướng sĩ, bày đặt phương lược, trong khoảng tuần trăng, phá được bọn Tinh.^① Bọn Chu Triều, Quách Thạch cũng thống suất đồ chúng nổi dậy ở vùng Linh, Quế, hưởng ứng Tinh. Kiên vượt bờ cõi truy tầm thảo phạt, ba quận đều yên. Hán triều biên chép công lao trước sau, phong cho Kiên tước Ô Trình hầu.^②

① *Ngụy thư* chép: Kiên đến quận, người trong quận kinh sợ phục tùng, Kiên nhậm dụng quan lại tốt. Lại sắc mệnh cho quan lại rằng:

- Phải đối đãi với người lương thiện cho cẩn trọng, quan viên xử lý văn thư, tất phải tuân thủ phép tắc, việc đạo tặc thì giao phó cho quan Thái thú.

② *Ngô lục* chép: Bấy giờ cháu họ của Thái thú Lư Giang là Lục Khang làm trưởng huyện Nghi Xuân, bị bọn giặc vây đánh, phái sứ giả cầu cứu với Kiên. Kiên chinh đốn quân đến cứu. Chủ bộ tiến lên can, Kiên đáp rằng:

- Thái thú mà không truyền đức tốt, lấy chinh phạt lập công lao, vượt địa giới của mình ra đánh dẹp, để bảo toàn cho quận khác. Ví như vì thế bị bắt tội, chẳng thẹn với người trong nước lắm sao!

Rồi tiến binh đến cứu, giặc nghe tin bỏ chạy.

Linh đế băng hà, Trác chuyên quyền triều chính, phóng túng ngang ngược ở chốn kinh thành. Các châu quận đều hưng nghĩa binh, muốn nhân đó đánh dẹp Trác.^① Kiên cũng dấy binh. Thứ sử Kinh châu Vương Duệ thường vô lễ với Kiên, Kiên đi qua liền giết hấn.^② Gần đến Nam Dương, bộ chúng đông mấy vạn người. Thái thú Nam Dương là Trương Tư nghe tin quân binh đến, vẫn bình thản như thường.^③ Kiên đem trâu và rượu tặng Tư. Hôm sau Tư cũng mang lễ đáp lại Kiên. Rượu đang hăng, viên Chủ bộ của quận Trường Sa vào bẩm với Kiên rằng:

- Lúc trước đã gửi văn thư tới Nam Dương, mà đường xá chưa tu sửa, quân tư trang không đầy đủ, xin bắt quan Chủ bộ ở đó tới hỏi duyên cớ.

Tư cả sợ muốn bỏ đi, song quân lính đã giăng hàng bốn phía xung quanh không ra được. Chốc lát, Chủ bộ lại vào bạch với Kiên:

- Thái thú Nam Dương cản trở nghĩa binh, khiến việc đánh giặc không kịp thời, xin bắt xét tội theo quân pháp.

Vì thế lôi ngay Tư ra cửa quân chém đầu. Người trong quân run sợ, đòi bắt cứ thứ gì không ai dám ngăn trở.^④

Kiên tiến đến Lỗ Dương, cùng Viên Thuật tương kiến. Thuật dâng biểu xin cử Kiên làm Phá lỗ tướng quân, lĩnh Thứ sử Dự châu. Rồi duyệt binh ở thành Lỗ Dương.

Sắp tiến quân đánh dẹp Trác, Kiên phái Trưởng sử là Công Cừu Xứng dẫn thuộc hạ về bản châu đốc thúc quân lương. Sai bày màn trướng ở ngoài cửa đông thành, làm tiệc tiễn Xứng, quan thuộc đều tới hội. Trác phái mấy vạn quân bộ kỵ tới đón đánh Kiên, mấy chục quân khinh kỵ đến trước. Kiên vẫn rót rượu cười đùa, lệnh cho bộ khúc bày trận chỉnh tề, không được vọng động. Sau quân kỵ đến đông dần, Kiên chậm rãi đứng dậy, dẫn mọi người vào thành, rồi bảo tả hữu rằng:

- Vừa nãy Kiên này sợ dĩ không đứng dậy ngay, là sợ binh lính giẫm đạp lên nhau, các ngài chẳng vào thành được thôi.

Binh lính của Trác thấy sĩ chúng của Kiên rất chỉnh tề, không dám đánh thành, bèn dắt nhau lui về.^⑤

Kiên dời quân đến trú ở phía đông huyện Lương, bị quân của Trác vây đánh dữ dội, Kiên cùng mấy chục quân kỵ phá vỡ vòng vây thoát ra. Kiên thường quần cái khăn dạ đỏ, bèn cởi ra đưa cho tướng thân cận là Tổ Mậu quần lên đầu. Quân kỵ của

Trác tranh nhau đuổi theo Mậu, vì thế Kiên theo đường khác thoát được.

Mậu bị bức khốn, bèn xuống ngựa, đem khăn và mũ treo lên đầu cái cột cháy ở giữa gò mộ, rồi nằm nép trong đám cỏ. Quân kỵ của Trác ở xa trông thấy, liền vây quanh mấy tầng, đến gần biết là cái cột, bèn bỏ đi. Kiên lại thu hợp binh lính, giao chiến ở Dương Nhân, đại phá quân Trác, chém bêu đầu bọn kiêu tướng của Trác là Đô đốc Hoa Hùng.

Lúc ấy, có kẻ ly gián Thuật với Kiên, Thuật nghi hoặc, không điều chuyển lương cho quân của Kiên.^⑥ Dương Nhân cách Lỗ Dương hơn trăm dặm, Kiên phi ngựa suốt đêm đến gặp Thuật, vạch đất kể lễ, nói:

- Ta sở dĩ đem thân xông xáo chẳng hề đoái hoài đến thân mình, trên vì quốc gia đánh giặc, dưới vì tư thù của gia tộc tướng quân. Kiên với Trác chẳng có oán thù cốt nhục, mà tướng quân lại nghe lời gièm, khiến chúng ta ngờ vực lẫn nhau.^⑦

Thuật rất áy náy, lập tức sai điều phát quân lương. Kiên về doanh trại.

Trác sợ cái dũng mãnh tráng liệt của Kiên, bèn phái bọn tướng quân Lý Thôi đến cầu hòa kết thân, cho Kiên sắp xếp con em thân sơ của mình vào các chức Thứ sử, Quận thú, hứa sẽ dâng biểu bổ dụng họ. Kiên nói:

- Trác trái trời vô đạo, khuấy lật vương thất, nay không giết được ba họ nhà hắc, để bổ cáo thiên hạ, thì ta chết không nhắm mắt, há lại cùng hắc hòa thân sao?

Lại tiến quân tới Đại Cốc, cách Lạc Dương chín mươi dặm.^⑧ Trác lập tức dời đô sang tây vào quan ải, thiêu đốt Lạc ấp. Kiên bèn tiến quân đến Lạc Dương, tu bổ các lăng mộ, san lấp những chỗ bị Trác khai quật.^⑨ Xong, dẫn quân trở về, đồn trú ở Lỗ Dương.^⑩

① *Giang Biếu truyện* chép: Kiên nghe tin, vỗ ngực than rằng:

- Trương công⁽¹⁾ trước đây nghe lời ta, thì triều đình nay không có cái nạn này.

② *Xét Vương thị phả*, Duệ tự Thông Diệu, là bác họ của quan Thái Bào nhà Tấn là Vương Tường.⁽²⁾

Ngô lục chép: Duệ lúc trước cùng Kiên chung đánh giặc ở Linh, Quế, vì Kiên là quan võ, nên Duệ trong lúc nói năng rất khinh rẻ. Lúc Duệ cất binh muốn đánh dẹp Trác, nhân vì Thái thú Vũ Lăng là Tào Dàn không hợp tác, Duệ nói phao lên là sẽ giết Dàn trước. Dàn sợ, bèn làm giả hịch văn của Ân hành sứ giả là Quang lộc đại phu là Ôn Nghị, gửi cho Kiên, nói Duệ có tội, lệnh sai Kiên bắt Duệ xử tội, xong việc đem thực trạng báo lên. Kiên lập tức vâng theo hịch văn đem binh tập kích Duệ. Duệ nghe tin có binh đến, trèo lên lầu trông ra, phái người hỏi họ kéo đến làm gì, tiền bộ của Kiên đáp rằng:

- Quân sĩ lâu nay chiến đấu gian khổ, đồ vật được thưởng chẳng đủ để may y phục, nên đến chỗ sứ quân xin thêm của cải thôi.

Duệ nói:

- Thứ sử ta há đâu lại tiếc của?

Liền mở kho tàng, cho họ tự tiến vào xem, để tỏ ý là mình không tiếc gì. Binh sĩ tiến đến dưới lầu, Duệ thấy Kiên, kinh hãi nói:

- Binh sĩ tự đến xin thưởng, Tôn phủ quân sao lại ở lẫn trong đó?

Kiên nói:

- Ta nhận hịch của sứ giả đến giết ngươi.

Duệ nói:

- Ta có tội gì?

Kiên nói:

- Tội không biết tội.

Duệ quần bách, bèn nuốt vàng mà chết.

¹ Tức Trương Ôn.

² Vương Tường (王祥): Xem chú thích ở tập V, quyển 24, trang 9 (Thôi Lâm truyện).

③ *Anh hùng ký* chép: Tư tự Tử Nghi, người quận Dĩnh Xuyên, cũng nổi danh.

Hiển đế Xuân Thu chép: Viên Thuật dâng biểu xin cho Kiên làm giả Trung lang tướng. Kiên đến Nam Dương, đưa hịch đến chỗ Thái thú xin quân lương. Tư đem ý ấy hỏi Cương kỳ,⁽¹⁾ Cương kỳ nói:

- Kiên là quan Nhị thiên thạch ở quận láng giềng, không nên phát quân lương cho hắn.

Tư bèn không giúp Kiên nữa.

④ *Ngô lịch* chép: Ban đầu Kiên đến Nam Dương, Tư đã không cấp quân lương, lại không chịu gặp mặt Kiên. Kiên muốn tiến binh, sợ có họa phía sau, bèn trá là mình bị bệnh đột ngột, toàn quân chấn động, cho người đi đón thầy bói tới chữa bệnh, cầu cúng thần sông núi. Lại phái người thân đến thuyết Tư, nói mình bệnh khốn, muốn đem binh phó thác cho Tư. Tư nghe nói, trong bụng tham được số binh ấy, lập tức dẫn năm sáu trăm quân bộ kỵ đến doanh thăm Kiên. Kiên nằm cùng tương kiến. Không lâu, thốt nhiên bật dậy, vỗ kiếm mắng Tư, rồi bắt lấy chém đi.

Lời ấy với bản truyện bất đồng.

⑤ *Anh hùng ký* chép: Lúc Kiên mới đánh Đồng Trác, vừa đến địa phận Dương Nhân thuộc huyện Lương. Trác cũng phái năm nghìn binh bộ kỵ đón chặn Kiên, Thái thú quận Trần là Hồ Chấn làm Đại đốc hộ, Lã Bố là Kỵ đốc, ngoài ra các Đô đốc, Tướng hiệu bộ kỵ rất đông. Chấn có tên chữ là Văn Tài, bản tính nóng nảy, họp quân tuyên bố rằng:

- Lần hành quân này, nhất định phải chém một tên đeo ấn xanh, quân mới chinh tề được.⁽²⁾

Chư tướng nghe nói ghét Chấn lắm.

¹ Là chức quan, đại khái là quan Chủ bạ của châu quận.

² Hồ Chấn là Đại đốc hộ tức là chỉ huy toàn quân, còn Lã Bố là Kỵ đốc tức là chỉ huy quân kỵ, dưới quyền của Chấn. Theo *Bách quan chí* trong *Tục Hán thư* của Tư Mã Bưu thì Kỵ đô úy là chức quan hưởng lương hai ngàn thạch. *Hán thư* của Ban Cố nói rằng “Quan lại hưởng phẩm trật hai ngàn thạch đều được đeo ấn xanh.” Như thế tức là Hồ Chấn ý rằng việc hành quân có sơ suất thì phải giết một người trong bọn Lã Bố.

Quân đi đến Quảng Thành, cách thành Dương Nhân mấy chục dặm. Trời sắp tối, người ngựa rất mỏi mệt, đáng dừng lại nghỉ ngơi, vì trước đó đã nhận lệnh tiết chế của Trác là nghỉ tại Quảng Thành, cho ngựa ăn cỏ uống nước, đến đêm tiến binh, sáng sớm đánh thành. Chư tướng chán ghét Chấn, muốn làm hỏng việc của hắn, bọn Bổng bèn truyền lời rằng:

- Giặc trong thành Dương Nhân đã bỏ chạy, nên đuổi theo truy nã chúng; không làm thế là lỡ cơ hội.

Liên tiến quân ngay trong đêm. Trong thành phòng bị rất sẵn sàng, không thể đánh úp. Vì thế quan quân đói khát, người ngựa mệt nhọc, và lại đang giữa đêm, chẳng có hào lũy gì cả. Quân sĩ cỏi giáp nằm nghỉ, nhưng Bổng lại truyền lời để kinh động mọi người, nói:

- Giặc ở trong thành sắp kéo ra.

Quân lính nhiễu loạn chạy trốn, vút hết vũ khí và áo giáp, ngựa mất yên cương. Chạy hơn chục dặm, dừng lại không thấy giặc, vừa hay trời sáng, bèn kéo về, nhặt nhanh binh khí, muốn tấn công thành. Song thành thủ đã vững, hào đào đã sâu, bọn Chấn không đánh được liền quay về.

⑥ *Giang Biểu truyện* chép: Có kẻ bảo Thuật rằng:

- Kiên nếu lấy được Lạc Dương, ta chẳng thể chế ngự được hắn nữa, thế là trừ sói mà rước hổ vậy.

Vì thế Thuật nghi ngờ Kiên.

⑦ *Giang Biểu truyện* chép lời của Kiên rằng:

- Cái công lớn sắp thành mà lương cho quân chẳng tiếp tế kịp, đấy là cái lý do khiến Ngô Khởi than khóc ở Tây Hà, Nhạc Nghị đi hận ở Thù Thành vậy.⁽¹⁾ Xin tướng quân nghĩ kỹ việc ấy.

¹ Ngô Khởi là tướng tài của nước Ngụy, trấn thủ Tây Hà. Ngô Khởi đánh nước Tần, thắng hơn sáu chục trận, lấy được năm thành, sau vì Ngô Khởi tranh giành với Điền Văn, Ngụy Vũ hầu nghi ngờ, không cho Ngô Khởi trấn thủ Tây Hà, Ngô Khởi phải trốn sang nước Sở. Sau đây nước Ngụy suy yếu, bị nước Tần uy hiếp.

Nhạc Nghị là tướng giỏi của nước Yên, giúp vua Yên hạ được bảy mươi hai thành của nước Tề, sau bị gièm pha, phải bỏ nước Yên sang nước Triệu, khi ở nước Triệu khóc hận gửi thư cho Yên vương. Rút cục quân Tề quét khởi đánh tan quân Yên.

⑧ *Sơn Dương công tái ký chép*: Trác bảo Trương sử là Lưu Ngải rằng:

- Quân Quan Đông bị thua mấy lần rồi, đều úy kỵ Cô, không thể làm gì được. Duy có Tôn Kiên ngu xuẩn nông nổi, cũng hơi có tài dùng người, nên bảo chư tướng, để họ biết mà kiêng dè hẵn. Ngày trước Cô với Chu Thận tây chinh, Thận vây Biên Chương, Hàn Toại ở Kim Thành. Cô nói với Trương Ôn, xin dẫn binh mà mình quản làm hậu thuẫn cho Thận. Ôn không nghe. Cô bấy giờ dâng thư lên Đế kể rõ hình thế, biết là Thận tất chẳng thể thắng nổi, ở phủ Thượng thư hiện nay có ghi chép rõ gốc ngọn. Việc chưa thấy hồi báo, Ôn lại sai Cô đánh dẹp tộc Tiên Linh người Khương làm phản, cho rằng phương tây có thể một trận là dẹp yên được. Cô đều biết là việc không phải như thế nhưng không ngăn nổi, sau phải đi, lưu Biệt bộ Tư mã là Lưu Tĩnh lại cầm bốn nghìn quân bộ kỵ đóng trại ở An Định, để làm thanh thế. Quân phản loạn người Khương bèn quay lại, muốn cắt đứt đường về của Cô, Cô lên tập kích mở đường, đấy là sợ An Định có việc quân vậy. Bọn giặc cho rằng An Định đang có mấy vạn người, không biết là chỉ có Tĩnh vậy. Bấy giờ Cô lại dâng tấu chương nói rõ tình trạng, mà Tôn Kiên hành quân theo Chu Thận, bảo Thận xin được đem một vạn binh đến Kim Thành, để Thận dùng hai vạn quân làm hậu viện, Biên, Hàn ở trong thành không đủ lương thảo, phải vận chuyển ở ngoài vào, sợ đại binh của Thận, không dám khinh thường giao chiến với Kiên, mà quân của Kiên đủ để cắt đứt đường vận lương, nếu theo lời ấy quân phản loạn nhất định phải lui về Cốc Trung xứ Khương, Lương châu ngờ là có thể định được vậy. Ôn đã chẳng dùng Cô, Thận lại chẳng dùng Kiên, tự đánh Kim Thành, phá tường bên thành ngoài ấy, Cô sai sứ ruồi ngựa đến nói với Ôn, tự cho rằng sẽ thắng được trong sớm tối, bấy giờ Ôn cũng tự cho là kế mình đúng. Lũ ranh con phản loạn quả nhiên chặn đường đi Thái Viên (Quỳ Viên), Thận phải bỏ đồ truy trọng chạy trốn, quả như tính toán của Cô. Phủ thượng thư vì thế phong cho Cô làm Đô Hương hầu. Kiên làm Tá quân Tư mã, đại để cái kiến giải của hẵn tương đồng với Cô, nên Cô cho là hẵn có khả năng thôi.

Ngài nói:

- Kiên dẫu bấy giờ đắc kế, thuộc hạ vẫn cho là không bằng được Lý Thôi, Quách Tỵ. Nghe nói ở phía bắc Mĩ Dương Đình, Kiên dẫn nghìn quân bộ kỵ gặp địch, suýt chết, chạy trốn rơi mất cả ấn thụ, như thế không phải là kẻ có tài vậy.

Trác nói:

- Quân nghĩa tòng của Kiên bấy giờ là quân ô hợp, binh không được tinh nhuệ bằng địch, vả lại giao chiến thì có thắng có bại. Chỉ bàn về đại thế của quân Sơn Đông, rút cục không ai theo kịp hẳn đâu.

Ngài nói:

- Bọn trẻ ranh Sơn Đông đuổi cướp trăm họ, là bọn kẻ cướp ngỗ nghịch, khí thế không bằng người ta, giáp bên nỏ cứng binh mạnh của Kiên lại không bằng người khác, yên ổn được lâu sao?

Trác nói:

- Đúng, chỉ cần giết được hai họ Viên, Lưu Biểu, Tôn Kiên, thiên hạ tự phải phục tùng Cô thôi.

◎ *Giang Biểu truyện* chép: Cự kinh rộng không hoang tàn, trong vòng mấy trăm dặm không hề có khói lửa. Kiên tiến vào thành, buồn bã rơi nước mắt.

Ngô thư chép: Kiên vào Lạc Dương, quét dọn tông miếu nhà Hán, tế tự dùng cỗ thái lao. Quân của Kiên thấy trên miệng giếng Chân Quan ở phía nam thành thốt nhiên xuất hiện luồng khí ngũ sắc, toàn quân kinh hãi, chẳng ai dám múc nước. Kiên lệnh cho người xuống giếng xem, bắt được cái ấn ngọc truyền quốc của nhà Hán, trên có chữ viết "Thụ mệnh vu thiên, ký thọ vĩnh xương",⁽¹⁾ vuông vắn bốn tắc, trên núm ấn khắc hình năm con rồng quấn lấy nhau, một góc bị khuyết mẻ. Khi trước, bọn Hoàng môn là Trương Nhưượng làm loạn, cướp thiên tử chạy vội ra, tả hữu phân tán, quan giữ ấn ném ấn xuống giếng ấy.

¹ Nhận mệnh trời ban, thọ lâu vĩnh viễn.

Sơn Dương công tái ký chép: Viên Thuật sắp tiếm hiệu, nghe nói Kiên bắt được ngọc tỷ truyền quốc, bèn bắt mẹ của Kiên để đoạt lấy ấn ngọc ấy.

Giang Biểu truyện chép: Xét *Hiển đế khởi cư chú* nói rằng "Thiên tử từ thượng du Hoàng Hà trở về, tìm được sáu cái ấn ngọc ở trên gác", lại nữa là vào năm Thái Khang sơ, Tôn Hạo đưa đi sáu cái ấn vàng, không có ấn ngọc, rõ ràng đây là đồ giả vậy.

Chí lâm của Ngu Hỷ chép: Thiên tử có sáu cái ấn, chữ trên ấn là "Hoàng đế chi tì", "Hoàng đế hành tì", "Hoàng đế tín tì", "Thiên tử chi tì", "Thiên tử hành tì", "Thiên tử tín tì."⁽¹⁾ Đây là sáu cái ấn để dùng vào các việc khác nhau, cho nên văn tự khắc không giống nhau.

Hiển đế khởi cư chú nói rằng "Đế từ thượng du Hoàng Hà trở về, tìm được sáu cái ấn ngọc ở trên gác", là nói các ấn đó vậy. Ngọc tì truyền quốc, là cái ấn ngọc mà Hán Cao tổ đeo, là ấn của Hoàng đế nhà Tần, đòi đòi truyền nhận, có tên hiệu là ngọc tỷ truyền quốc. Xét ra ngọc tỷ truyền quốc không nằm trong sáu cái ấn kia, sao lại đem cộng chung vào mà nói? Theo Hán cung của họ Ứng và Thế kỷ của Hoàng Phủ, luận về sáu cái ấn, thì nghĩa văn đều phù hợp. Hán cung chép chữ ở ngọc tỷ truyền quốc, văn tự là: "Thụ mệnh vu thiên, ký thọ thả khang."⁽²⁾ Hai chữ "Thả khang", "Vĩnh xương", ý nghĩa có khác nhau, không biết hai chữ ấy chữ nào là đúng. Cái tinh hoa của vàng ngọc, đại để là vật có khí sáng, hơn nữa vốn là thần khí bảo mật, sáng loáng rực rỡ, có thể nói là kỳ quan của một triều đại, về sau chép chữ truyền nhau đã khác đi, mà chẳng giải thích duyên cớ, miễn cưỡng nói là đồ giả, chẳng cũng là xằng bậy sao! Trần Thọ soạn *Phá lỗ truyện* cũng loại trừ cái thuyết ấy, ngờ là người viết sách *Khởi cư chú* cũng chẳng biết sáu cái ấn có tên gọi khác nhau kia, với cái ấn truyền quốc nữa là bảy

¹ Đại để là: Ấn của Hoàng đế; Ấn dùng của Hoàng đế; Ấn tín của Hoàng đế; Ấn của Thiên tử; Ấn dùng của Thiên tử; Ấn tín của Thiên tử. Tóm lại thì ấn ngọc là vật quý tượng trưng cho hoàng quyền, sáu cái ấn ngọc trên được sử dụng vào việc ban phát các loại giấy tờ khác nhau của Hoàng đế.

² Nhận mệnh trời ban, thọ lâu khỏe mạnh.

cái vậy. Nước Ngô thời ấy không có người khắc được ngọc, cho nên Thiên tử lấy vàng làm ấn. Ấn tuy làm bằng vàng, nhưng chữ khắc thì không khác. Nước Ngô hàng thì người chớ ấn đem sáu cái ấn đến cho Thiên tử, cái ấn ngọc trước kia lấy được, đấy là cái ấn truyền lại của cổ nhân, không đem ra dùng. Ấn của Thiên tử, nay làm ra không khó gì, chỉ là chẳng thông tỏ được nghĩa lý của nó mà thôi.

Thần Tùng Chi cho rằng Tôn Kiên trong lúc hưng binh vì nghĩa là hạng trung liệt rất đáng khen, nhưng bắt được đồ thần khí của nhà Hán mà ém nhẹm không nói ra, thế là âm thầm có chí khác, há có thể gọi là trung thần sao? Sử quan nước Ngô muốn làm rạn vỡ cho nước mình, nhưng chẳng biết là đã làm tổn hại đến cái đức tốt của Kiên. Nếu quả như lời ấy, ngọc tỷ truyền cho con cháu, tất không ở trong số sáu cái ấn kia, nhất định phải để cho người phi thường nắm giữ, Tôn Hạo ra hàng, cũng không đưa nó đi cùng sáu cái ấn, mà giấu đi cái ấn báu truyền quốc vậy. Nhận mệnh trời ban, sao lại theo lệnh của người, nếu như lời Hỷ nói, thì cái ấn ấy nay vẫn còn ở cửa nhà họ Tôn. Kẻ thất phu mang ngọc bích, cũng là có tội, huống chi là vật báu như thế!

⑩ *Ngô lục* chép: Lúc ấy các châu quận ở Quan Đông, đều nhằm nhằm thôn tính lẫn nhau để tự lớn mạnh. Viên Thiệu phái người quận Cối Kê là Chu Ngung làm Thứ sử Dự châu, đến đánh lấy châu. Kiên bùi ngùi than:

- Cùng cất nghĩa binh, cứu giúp xã tắc. Nghịch tặc sắp bị phá mà mọi người như thế, ta sẽ hợp sức với ai đây!

Nói xong sa nước mắt.

Ngung tự là Nhân Minh, là em của Chu Hân vậy.

Cối Kê diễn lục chép: Ban đầu Tào công hưng nghĩa binh, phái người đến cầu Ngung, Ngung lập tức chiêu hợp binh lính, được hai nghìn người, theo Công đi chinh phạt, Công dùng làm Quân sư. Về sau Ngung với Kiên tranh Dự châu, giao chiến thường gặp bất lợi. Vừa lúc anh thứ của Ngung là Ngang làm Thái thú Cửu Giang bị Viên Thuật vây đánh, Ngung đến trợ giúp Ngang. Thua quân, quay về quê quán, bị Hứa Cống giết hại.

Năm Sơ Bình thứ ba, Thuật sai Kiên đi đánh Kinh châu, tập kích Lưu Biểu. Biểu phái Hoàng Tổ chặn đánh ở vùng Phàn, Đặng. Kiên đánh phá được Tổ, truy đuổi qua sông Hán, bèn vây Tương Dương, Kiên một mình một ngựa đi ở núi Hiện, bị quân sĩ của Tổ bắn chết.^①

Con của anh trai Kiên là Bôn, thống suất sĩ chúng tới chỗ Thuật, Thuật lại dâng biểu xin cử Bôn làm Thứ sử Dự châu.

① *Diễn lược* chép: Kiên đem hết binh của mình tới đánh Biểu, Biểu đóng cửa thành, ban đêm phái tướng là Hoàng Tổ ngấm ra ngoài phát binh. Lúc Tổ dẫn quân về, Kiên đón chặn cùng giao chiến. Tổ thua chạy, trốn trong núi Hiện. Kiên thừa thắng ban đêm truy kích Tổ, bộ binh của Tổ từ trong rừng trúc ngấm bắn trộm Kiên, giết được.

Ngô lục chép: Năm ấy Kiên ba mươi bảy tuổi.

Anh hùng ký chép: Kiên chết ngày mùng bảy tháng giêng năm Sơ Bình thứ tư. Sách lại nói rằng: Tướng của Lưu Biểu là Lã Công dẫn quân men núi hướng tới chỗ Kiên, quân khinh kỵ của Kiên vào trong núi tìm đánh Công. Quân của Công ném đá xuống. Đá rơi trúng đầu Kiên, Kiên phọt óc chết ngay.

Việc này các sách chép không giống như vậy.

Kiên có bốn con là: Sách, Quyền, Dực, Khuông. Quyền xưng tôn hiệu xong, truy thụy cho Kiên là Vũ Liệt hoàng đế.^①

① *Ngô lục* chép: Tôn miếu của Kiên gọi là Thủy tổ, mộ phần gọi là Cao lăng.

Chí lâm chép: Kiên có năm con là: Sách, Quyền, Dực, Khuông, do Ngô thị sinh ra; con út là Lãng, do thứ thiếp sinh ra, có một tên khác là Nhân.

Tôn Sách tự Bá Phù. Lúc Kiên mới hưng khởi nghĩa binh, Sách đưa mẹ về trú huyện Thư, cùng Chu Du kết làm bạn hữu, thu hợp sĩ đại phu, người ở vùng Giang, Hoài đều hướng về Sách.^① Kiên chết, đưa về táng ở huyện Khúc A. Táng xong, Sách qua sông Giang trú ở Giang Đô.^②

① *Giang Biểu truyện* chép: Kiên được Chu Tuấn biểu cử, làm Tá quân, để gia quyến lưu lại Thọ Xuân. Sách năm hơn mười tuổi, vì kết giao với người nổi danh, tiếng khen lan truyền. Có người tên Chu Du, cùng Sách bằng tuổi, cũng là anh tài lão luyện, nghe tiếng tằm về Sách, từ huyện Thục đến gặp. Liền kết làm bằng hữu, chung nghĩa chặt vàng, khuyên Sách dời đến trú ở huyện Thục, Sách nghe theo.

② *Ngụy thư* chép: Sách được kể nổi tước hầu, nhường cho em là Khuông.

Từ châu mục Đào Khiêm rất úy kỵ Sách. Cậu của Sách là Ngô Cảnh, bấy giờ làm Thái thú Đan Dương, Sách bèn chuyển mẹ dời về Khúc A, cùng Lã Phạm, Tôn Hà đều tới chỗ Cảnh, nhân đó chiêu mộ được mấy trăm người. Năm Hưng Bình nguyên niên, Sách đi theo Viên Thuật, Thuật rất quý Sách, đem bộ khúc của Kiên trả lại cho Sách.①

Thái phó Mã Nhật Đê cầm phù tiết tới chiêu phủ Quan đông, tại Thọ Xuân lấy lễ triệu Sách, dâng biểu bái Sách làm Hoài nghĩa Hiệu úy, các đại tướng của Thuật là Kiều Nhụy, Trương Huân đều dốc lòng kính trọng Sách. Thuật thường than rằng:

- Ví như Thuật này có được người con như Tôn lang, chết có oán hận gì nữa!

Tên quân kỵ của Sách có tội, trốn vào doanh trại của Thuật, ẩn nơi chuồng ngựa. Sách sai người tìm chém hẩn, xong, đến chỗ Thuật tạ lỗi. Thuật nói:

- Binh sĩ làm phản, ta nên cùng nhau lo lắng, sao phải tạ lỗi?

Bởi thế trong quân càng thêm kiêng sợ Sách.

Thuật ban đầu hứa cho Sách làm Thái thú Cửu Giang, nhưng lại thay đổi dùng người quận Đan Dương là Trần Kỳ. Sau này Thuật muốn đánh Từ châu, tới chỗ Thái thú Lư Giang là Lục Khang xin ba vạn học gạo. Khang không giúp, Thuật cả giận. Sách trước đây từng đến chỗ Khang, nhưng Khang không ra

gặp, chỉ sai Chú bộ ra tiếp Sách. Sách từng nuốt hận. Thuật phái Sách đi đánh Khang, bảo rằng:

- Trước đây ta dùng lầm Trần Kỳ, thường hận là ý trước của ta không thỏa. Nay nếu bắt được Khang, Lư Giang thực sự là của khanh vậy.

Sách đánh Khang, hạ được thành, Thuật lại dùng quan lại cũ của mình là Lưu Huân làm Thái thú, Sách càng thất vọng.

Trước đây, Lưu Do làm Thứ sử Dương châu, sở trị cũ của châu ở Thọ Xuân. Thọ Xuân, Thuật đã chiếm cứ, Do bèn vượt sông đặt sở trị ở Khúc A. Bấy giờ Ngô Cảnh còn ở Đan Dương, anh họ của Sách là Bôn lại làm Đô úy Đan Dương, Do đến, đều bức đuổi họ, Cảnh, Bôn lui về Lịch Dương. Do phái Phàn Năng, Vu Mi bày trận đóng quân ở bến Hoàn Giang, Trương Anh trú ở Dương Lợi khẩu, để cự Thuật. Thuật tự dùng viên lại cũ của mình là Huệ Cù người quận Lang Nha làm Thứ sử Dương châu, lại dùng Cảnh làm Đốc quân Trung lang tướng, giúp Bôn cùng đem binh đánh bọn Anh, liền năm không thắng nổi. Sách bèn thuyết Thuật, tự xin đi trợ giúp bọn Cảnh bình định Giang Đông.^②

Thuật dâng biểu cử Sách làm Chiết xung Hiệu úy, hành Diễn khấu tướng quân, cấp binh hơn nghìn người và quân trang tương ứng, ngựa mấy chục con, tân khách tình nguyện đi theo có mấy trăm người. Gần đến Lịch Dương, bộ chúng có năm sáu nghìn người. Mẹ của Sách trước đó từ Khúc A dời đến Lịch Dương, Sách lại chuyển mẹ về Phụ Lăng, rồi qua sông tiếp tục chiến đấu, đi đến đâu đều phá được, chẳng ai dám đương đầu với khí thế của Sách, mà quân lệnh lại nghiêm chỉnh, trăm họ đều theo phục.^③

① Ngô lịch chép: Khi trước lúc Sách ở Giang Đô, Trương Hoàn có tang mẹ. Sách mấy lần đến chỗ Hoàn, mưu bàn việc thời thế, nói:

- Hiện nay lộc Hán suy vi, thiên hạ nhiễu nhương, những kẻ anh hùng tuần kiệt đều nắm bộ chúng mưu tính riêng, chưa ai phù

nguy cứu loạn cho đòi được vậy. Tiên quân ta cùng họ Viên chung sức phá Đông Trác, công nghiệp chưa thỏa, thốt nhiên bị Hoàng Tổ làm hại. Sách tuy nhỏ đại tối tăm, chỉ có chút chí mọn, muốn theo Viên Dương châu xin lại số quân còn sót của tiên quân, đến chỗ người cậu của ta ở Đan Dương, thu hợp những kẻ lưu tán, sang đông chiếm Ngô Cối, báo thù rửa nhục, làm ngoại phiên giúp triều đình. Ngài thấy thế nào?

Hoành đáp rằng:

- Ta vốn hư hao kém cỏi, đang giữa lúc mặc áo xô cư tang, không thể vâng mệnh giúp người kế lớn.

Sách nói:

- Ngài cao danh vượt trội, xa gần có lòng theo về. Ta mưu việc hôm nay, quyết đoán là ở ngài, sao không thẳng thắn giải trừ cho ta mối lo, xứng với cái danh vọng như núi cao của ngài? Nếu chí mọn của ta được thi triển, huyết thù báo được, đây là công sức của ngài, thực là điều mà trong lòng Sách này mong mỏi vậy.

Nói rồi nước mắt chảy ròng ròng, nhưng sắc diện không hề đổi. Hoành thấy được cái trung tráng của Sách phát từ trong tâm, lời lẽ khảng khái, rất cảm kích lời chí tình của Sách, bèn đáp rằng:

- Xưa kia đạo nhà Chu đổ nát, Tề, Tần đều nổi dậy; Vương thất được yên ổn, chư hầu theo chức phận cố tiến. Nay người nối theo phép tắc của chư hầu xưa, có tiếng là kiêu vũ, nếu đến nương nhờ Đan Dương, thu binh vùng Ngô Cối, thì Kinh, Dương có thể hợp nhất, thù địch có thể báo. Chiếm Trường Giang, nêu cao uy đức, diệt trừ bọn dơ bẩn, khuông phò Hán thất, thì công nghiệp sánh với Hoàn, Văn, há chỉ làm ngoại phiên thôi sao? Hiện nay đòi loạn lăm nặn, nếu công thành xong việc, nên cùng với những người bạn tốt qua sông về nam.

Sách nói:

- Ta với ngài hoàn toàn hợp ý, có phận gắn bó mãi mãi, nay lập tức khởi hành, xin đem mẹ già em nhỏ phó thác nơi ngài, Sách này không phải lo lắng ngoảnh đầu trông lại nữa.

Giang Biếu truyện chép: Sách đi thẳng đến Thọ Xuân gặp Viên Thuật, khóc mà nói rằng:

- Vong phụ khi xưa lúc từ Trường Sa vào đánh dẹp Đồng Trác, cùng mình sứ quân hội ở Nam Dương, kết tình đồng minh hữu hảo; bất hạnh gặp nạn, công nghiệp chẳng trọn. Sách nghĩ mà cảm kích cái cưu ân của tiền nhân, muốn tự thân đến nương tựa ở chỗ kết giao, xin mình sứ quân rủ lòng xem xét tấm chân tình của kẻ này.

Thuật rất yêu quý Sách, nhưng chưa chịu trả lại số quân cũ của cha Sách. Thuật bảo Sách rằng:

- Cô mới dùng quý cữu⁽¹⁾ của người làm Thái thú Đan Dương, dùng anh họ của người là Bá Dương làm Đô úy, nơi ấy là đất có tinh binh, nên về dựa vào họ mà chiêu mộ.

Sách bèn đến Đan Dương nương nhờ người cậu, thu được mấy trăm người, nhưng bị đại soái ở huyện Kính là Tổ Lang tập kích, suýt nguy vong. Vì thế lại qua gặp Thuật, Thuật đem hơn một nghìn quân còn sót của Kiên trả lại cho Sách.

② *Giang Biếu truyện* chép: Sách thuyết Thuật rằng:

- Nhà thuộc hạ có ân cũ ở phương đông, thuộc hạ nguyện giúp cậu mình đánh dẹp Hoàn Giang; hạ được Hoàn Giang, lại dựa vào đất cũ mà chiêu mộ, có thể được ba vạn quân, lấy đó trợ mình sứ quân khuông phò Hán thất.

Thuật biết cái hận của Sách, nhưng vì Lưu Do chiếm Khúc A, Vương Lăng ở tại Cối Kê, Thuật cho là Sách chưa hẳn sẽ yên định được, nên đồng ý với Sách.

③ *Giang Biếu truyện* chép: Sách qua sông Giang đánh trại Ngưu Chủ của Do, thu được hết nhà kho chứa lương thảo và chiến cụ, năm ấy là năm Hưng Bình thứ hai.

Bấy giờ Bành Thành tướng là Tiết Lễ, Hạ Bi tướng là Trích Dung nương tựa vào Do là minh chủ, Lễ chiếm thành Mạt Lăng, Dung đóng binh ở phía nam huyện. Sách trước tiên đánh Dung, Dung

¹ Túc Ngô Cảnh, cậu của Tôn Sách, đây là cách gọi lịch sự.

xuất binh giao chiến, Sách chém được hơn năm trăm thủ cấp, Dung tức thì đóng cửa không dám động. Sách nhân đó vượt sông Giang đánh Lễ, Lễ đào tẩu, nhưng bọn Phàn Năng, Vu Mi lại tụ hợp bộ chúng tập kích đoạt lại trại Ngưu Chử. Sách nghe tin, quay về đánh phá bọn Năng, bắt hơn vạn nam nữ. Lại xuống đánh Dung, vì tên lạc bắn trúng, bị thương ở bắp đùi, không cưỡi ngựa được, bởi thế tự ngồi xe quay về trại Ngưu Chử.

Có kẻ làm phản mách với Dung rằng:

- Tôn lang bị trúng tên đã chết.

Dung cả mừng, lập tức sai tướng là Vu Tư đến chỗ Sách. Sách phái mấy trăm quân bộ kỵ khiêu chiến, đặt phục binh ở phía sau, giặc tiến đến đánh, đao guom chưa giao tiếp lại vờ chạy, giặc đuổi vào giữa chỗ quân phục, vì thế đại phá chúng, chém hơn nghìn thủ cấp. Sách nhân đó đến dưới trại của Dung, lệnh cho tả hữu hô lớn rằng:

- Tôn lang lại đến sao!

Giặc vì thế sợ cuống đang đêm bỏ trốn. Dung nghe nói Sách còn sống, lại hào sâu lũy cao, ra sức phòng giữ. Sách vì chỗ đóng quân của Dung địa thế hiểm vững, bèn bỏ đi, đánh phá Biệt tướng của Do ở huyện Hải Lăng, lại chuyển đánh Hồ Thục, Giang Thù, đều hạ được.

Sách là người có dung mạo đẹp đẽ, hay cười nói, tính tình khoáng đạt biết nghe lời người khác, lại khéo dùng người, vì thế sĩ dân gặp được, chẳng ai không hết lòng, đến chết vẫn vui.

Lưu Do rút quân đội trốn náu, các Quận thú đều bỏ thành quách chạy trốn.^① Bọn Nghiêm Bạch Hổ người Ngô Quận bộ chúng đều có hơn vạn người, tụ tập đóng trại khắp nơi. Bọn Ngô Cảnh muốn tiến đánh phá bọn Hổ, bèn đến Cối Kê. Sách nói:

- Bọn Hổ là tội giặc cướp, không phải là những kẻ có chí lớn, sẽ bắt được thôi.

Rồi dẫn quân qua Chiết Giang, chiếm Cối Kê, diệt sạch Đông Dã, rồi đánh phá bọn Hổ.^② Lại thay đổi hết các trưởng lại, Sách

tự lĩnh chức Thái thú Cối Kê, lại dùng Ngô Cảnh làm Thái thú Đan Dương, lấy Tôn Bôn làm Thái thú Dự Chương; chia Dự Chương lập quận Lư Lăng, cho em của Bôn là Phụ làm Thái thú Lư Lăng, Chu Trị người quận Đan Dương làm Thái thú Ngô Quận. Bọn Trương Chiêu người quận Bành Thành, Trương Hoàn, Tần Tùng, Trần Đoan người quận Quảng Lăng đều làm mưu chủ.^③

Bấy giờ Viên Thuật tiến hiệu, Sách gửi thư trách mắng rồi cự tuyệt Thuật.^④ Tào công dâng biểu xin cho Sách làm Thảo nghịch tướng quân, phong làm Ngô hầu.^⑤

Sau khi Thuật chết, bọn Trương sử Dương Hoàng, Đại tướng Trương Huân đem bộ chúng của mình định đến theo Sách. Thái thú Lư Giang là Lưu Huân đón đánh, bắt hết bọn họ, thu lấy các đồ trân bảo đem về. Sách nghe tin, vội cùng Huân giao hảo kết minh.

Huân mới được quân của Thuật, bấy giờ có hơn vạn nhà của tông dân⁽¹⁾ ở huyện Thượng Liễu quận Dự Chương ở tại Giang Đông, Sách khuyên Huân đánh thu lấy bọn họ. Huân đi rồi, Sách đem khinh binh sớm tối tập kích hạ được Lư Giang, quân của Huân đều hàng, Huân trở lại đem mấy trăm thuộc hạ tới quy phục Tào công.^⑥

Bấy giờ Viên Thiệu đang cường thịnh, nhưng Sách khiêm tính Giang Đông, sức của Tào công chưa thể làm gì được, muốn tạm thời phủ dụ Sách.^⑦ Bèn đem con gái của em mình gả cho em nhỏ của Sách là Khuông, lại cho con mình là Chương lấy con gái của Bôn, dùng lễ đối đãi em của Sách là Quyền và Dực, lại truyền mệnh cho Thứ sử Dương châu là Nghiêm Tượng cử Quyền làm Mậu tài.

¹ Tông dân là lực lượng tự vệ địa phương, do những người có thế lực trong vùng quản lý, không lệ thuộc vào chính quyền trung ương.

① *Giang Biếu truyện* chép: Sách bấy giờ tuổi trẻ, tuy có địa vị quan hiệu, nhưng sĩ dân đều gọi là Tôn lang. Trăm họ nghe tin Tôn lang đến, đều kinh hồn lạc phách; trưởng lại vứt bỏ thành quách, chạy trốn vào nơi núi đầm. Sách đến nơi, quân sĩ vâng mệnh, không dám cướp bóc, gà chó rau cỏ, nhất nhất không phạm, dân chúng rất vui mừng, tranh nhau đem trâu rượu đến khao quân.

Lưu Do đã chạy, Sách vào Khúc A úy lạo ban thưởng cho tướng sĩ, phái tướng là Trần Bảo đến Phụ Lăng đón mẹ và em mình. Rồi ban ân tuyên lệnh, thông cáo xuống các huyện thuộc rằng:

- Phàm là bộ thuộc cũ của bọn Lưu Do, Trích Dung đến hàng, nhất nhất không ai bị vấn tội; kẻ nào vui lòng tòng quân thì cho theo, một người theo quân, người trong môn hộ được miễn thuế, ai không theo, chớ cưỡng ép.

Trong vòng một tuần, người bốn phương tụ tập như mây, thu được hơn hai vạn binh, hơn nghìn con ngựa, uy chấn vùng Giang Đông, thế lực chuyển thành mạnh.

② *Ngô lục* chép: Bấy giờ có bốn người ở huyện Ô Trình là Trâu Tha, Tiễn Đồng cùng Thái thú Hợp Phố lúc trước là Vương Thịnh người huyện Gia Hưng, đều tụ chúng được hơn một vạn hoặc mấy nghìn. Sách dẫn quân đi đánh dẹp, đều phá diệt được. Mẹ của Sách là Ngô thị nói:

- Thịnh với cha mà có tình phận lên nhà giới thiệu vợ với nhau,⁽¹⁾ nay các con và anh em của Thịnh đã bị bêu đầu, còn sót lại một ông già, sao đủ e sợ đây?

Sách bèn tha cho, còn lại người trong tộc của Thịnh đều giết sạch.

Sách thân đi đánh dẹp Hồ, Hồ đắp lũy cao thủ vững, sai em mình là Dư xin hòa. Sách đồng ý. Dư xin một mình cùng Sách hội kiến ước hẹn. Gặp rồi, Sách rút con dao nhọn sáng lóa chém xuống chiếu, Dư toàn thân chấn động, Sách cười nói:

- Ta nghe nói ngài có tài ngồi nhảy, nhanh nhẹn khác thường, nên ta bốn ngài đấy thôi!

¹ Chỗ này tạm đoán, có lẽ khi Tôn Kiên và Vương Thịnh lấy vợ, vợ của hai người có quen biết nhau, hoặc là chị em họ hàng nên có giới thiệu với nhau chăng?

Dư nói:

- Ta cứ thấy mũi dao là như thế.

Sách biết hẳn không có tài năng gì, bèn tự cầm kích đâm hẳn, chết đứng.

Dư có sức khỏe, quân của Hồ thấy Dư chết, rất sợ. Sách tiến đánh phá bọn chúng. Hồ chạy đến Dư Hàng, nương nhờ Hứa Chiêu ở lẫn trong đám giặc. Trình Phổ xin đánh Chiêu, Sách nói:

- Hứa Chiêu có nghĩa với cựu chủ, có lòng thành với cựu hữu, đấy là kẻ có chí trượng phu vậy.

Bèn tha cho Chiêu.

Thần Tùng Chi xét: Hứa Chiêu có nghĩa với chủ cũ, là nói việc cứu giúp Thịnh Hiến vậy, việc thấy ở phần chú văn phía sau. Nói có lòng thành với bạn cũ, thì là việc thu nạp Nghiêm Bạch Hồ vậy.

③ *Giang Biểu truyện* chép: Sách phái Phụng chính đô úy là Lưu Do, Ngũ quan duyệt là Cao Thừa dâng tấu chương đến huyện Hứa, lay dâng cống vật ở địa phương.

④ *Ngô lục* chép bức thư Sách sai Trương Hoàn viết rằng:

"Đại khái trời cao sai khiến các vì sao để đưa điềm báo về lỗi lầm, thánh vương dựng trống giữa triều đường để nghe được lời can, đấy là sắp bày sẵn để ngăn ngừa các lỗi sai, vì thế ta gấp rút đưa lời trung để khuyên răn, vì sao thế? Phàm là có sở trường, tất có sở đoản vậy. Mùa đông năm trước ngài truyền đại kế, chẳng ai không sợ hãi; vụt chốc biết được lẽ cống ngài sắp đủ, muôn nỗi nghi hoặc tiêu tan. Bỗng đâu nghe được lời bàn, là ngài lại muốn theo mưu đồ lúc trước, đã hẹn khởi sự, còn định tháng ngày. Ta thấy quái lạ, nghĩ rằng đó là lời đồn xằng bậy; nếu ngài thực làm việc ấy, dân chúng biết ngưỡng vọng vào đâu?"

"Ngày trước dấy nghĩa binh, kẻ sĩ trong thiên hạ sở dĩ hưởng ứng, là vì Đồng Trác thiện tiện phế lập, hại Thái hậu và Hoảng Nông vương, cướp đoạt loạn dân với cung nhân, đào bới Viên lăng,¹ bạo nghịch đến thế, cho nên anh hùng hào kiệt ở các châu quận nghe tiếng mà mộ nghĩa. Uy

¹ Viên lăng là nơi dựng lăng tẩm các vua chúa và mồ mã của các phi tần.

thần chấn động ở ngoài, Trác bị di diệt ở trong. Kẻ đại ác chết gục, ấu chúa ngoài về đông, sai bảo phó¹ tuyên mệnh, muốn lệnh cho chư quân chinh đồn bộ ngũ, nhưng Hà Bắc lại thông mưu với giặc núi Hắc, Tào Tháo phóng túng làm ác ở Tề châu phương đông, Lưu Biểu dấy loạn ở Kinh châu phía nam, Công Tôn Toản nuốt gọn U châu ở cõi bắc, Lưu Do ra sức ở vùng ven sông Giang, Lưu Bị tranh minh chủ ở góc sông Hoài, vì thế người ta chưa thể vâng mệnh cất cung tên thu giáo mác vậy. Nay Bị, Do đã bị phá, bọn Tháo đói rét, ta cho là ngài nên cùng thiên hạ hợp mưu, để diệt sạch bọn xấu. Lại tha không đánh diệt, chỉ có chí tự thủ, là trái với lòng mong mỏi của người trong nước, đấy là điều thứ nhất vậy."

"Xưa kia Thành Thang phạt Kiệt, bảo là nhà Hạ có nhiều tội; Vũ Vương phạt Trụ, nói là nhà Ân có tội rất nặng. Hai vị vua ấy, vì có thánh đức, nên xứng đáng làm vua ở đời; ví bằng chẳng gặp thời thế, cũng không thể hưng vượng được vậy. Ấu chủ ta không làm điều ác với thiên hạ, chỉ vì niên kỷ còn ít, bị hiếp đáp bởi cường thần, nếu không có lỗi lầm mà ngài lại soán đoạt ngôi vị, sợ là không hợp với việc làm của Thang, Vũ, đấy là điều thứ hai vậy."

"Trác dẫu ngông cuồng giáo hoạt, đến như việc phế vua tự lập, cũng còn chưa làm, mà thiên hạ mới nghe nói đến sự bạo ngược của Trác, đã giơ tay đông lòng căm ghét hẳn, dùng số binh lính ít ỏi của trung thổ để chiến đấu, đối địch với kẻ giặc cường mạnh hung hãn nơi biên địa, đấy là cái lý do để Trác tàn bại trong chốc lát vậy. Nay người khắp bốn phương, đều quen với chinh chiến mà tự đấu với nhau rồi, người có thể thắng được, cho rằng kẻ kia loạn mà bên ta sửa trị, kẻ kia phản nghịch còn bên ta thuận lý. Ngài đã thấy được cái chia rẽ của thời nay, lại muốn cử sự để xét soi kẻ khác, chính là lúc rước họa đến với thân mình, đấy là điều thứ ba vậy."

"Thần khí của thiên hạ, không thể bỗng không xâm phạm, tất phải đợi trời giúp cùng với sức người nữa vậy. Như Ân Thang có điềm lành của chim cưu trắng, Chu Vũ có điềm hay của chim quạ đỏ, Hán Cao có điềm tốt của sao sáng hội tụ, Thế tổ có điềm báo của thần quang, đều vì nhân

¹ Tức là Thái bảo và Thái phó, đều là Tam công, tham dự quốc chính.

dân khốn cùng bởi chính sự của Kiệt, Trụ, khổ hại vì nạn sai dịch của Tân, Mãng, cho nên mới có thể phạt trừ kẻ vô đạo, cuối cùng hoàn thành được cái ý nguyện của mình. Nay thiên hạ không bị họa vì ấu chúa, chưa thấy sự ửng điem báo của kẻ chịu mệnh trời, mà ngài muốn một sớm lên ngôi xưng tôn hiệu, là việc chưa từng có tiền lệ thành công, đấy là điều thứ tư vậy."

"Cái tôn quý của bậc Thiên tử, cái giàu có của cả bốn bể, ai mà chẳng muốn? Chỉ vì về nghĩa là không thể lấy, về thế là chẳng có được thôi. Lũ Trần Thắng, Hạng Tịch, Vương Mãng, Công Tôn Thuật đều ngoảnh mặt về nam xưng Cô, nhưng không ai thành công.⁽¹⁾ Thế thì ngôi vị Đế vương, chẳng thể ngang ngược mong cầu được, đấy là điều thứ năm vậy."

"Ấu chủ chí khí khác thường, nếu trừ diệt bọn hiệp đáp ấu chủ, đuổi kẻ ngang ngạnh, tất làm nên nghiệp trung hưng. Ôi, làm cho chúa được thịnh như Chu Thành, bản thân nhận cái mỹ đức của Đán, Thích,⁽²⁾ đấy thực sự là điều mong mỏi của bậc tôn quý vậy. Ví phỏng có thay ấu chúa bằng người khác, còn phải ngóng tìm người trong tông thất để suy cử, bàn xét lấy kẻ hiền lương trong bọn thân cận, để nối lại môi tơ của họ Lưu, giữ vững tông thất cho nhà Hán. Những công lao ấy đều phải viết vào vàng đá, vẽ hình bằng mực xanh mực đỏ, lưu phúc đến vô cùng, tiếng hay được xưng tụng nơi nơi. Bỏ mà không làm, đấy là gây nạn vậy, thiết nghĩ kẻ vốn sáng trí, tất chẳng ai nín nhịn, đấy là điều thứ sáu vậy."

"Nhà ngài năm đời làm tướng, quyền nặng, thế thịnh, thiên hạ chẳng có ai sánh được. Kẻ trung trinh tất nói là nên sớm khuya mưu tính, để phù giúp cái vấp vấp khốn khó của quốc gia, nghĩ đến cái nguy ngập của xã tắc, vâng theo chí nguyện của tổ tiên, để báo đáp cái ân của nhà Hán. Nay ngài sao nhãng cái khí tiết sửa đạo mà muốn cưỡng bức tiến chiếm,

¹ Trần Thắng khởi nghĩa chống Tần, xưng vương, sớm bị diệt; Hạng Tịch xưng Tây Sở Bá vương, bị Cao tổ đánh bại; Vương Mãng cướp ngôi vua Hán, lập nhà Tân, bị quần hùng phá diệt, Công Tôn Thuật chiếm đất Thục xưng vương, bị Quang Vũ đế tiêu trừ.

² Chu Thành vương nối nghiệp cha, còn nhỏ, nước có nội loạn; Chu Công Đán và Triệu Công Thích dẹp yên nội loạn, yên định triều Chu.

nói rằng người trong thiên hạ chẳng phải quan lại thì là môn sinh của nhà ta, ai chẳng theo phục ta? Kẻ địch ở bốn phương chẳng xứng với ta thì là kẻ hầu của ta, ai có thể trái lệnh ta? Cái thế tự hợp nhiều đời, nổi dậy mà chiếm lấy được sao? Hai bên khác vận, chẳng thể không suy xét rõ ràng, đây là điều thứ bảy vậy."

"Cái đáng quý của bậc thánh triết, là ở chỗ họ xét kỹ cái cơ hội thích hợp, hành động cử chỉ cẩn trọng. Nếu việc khó mưu đồ, cái thế khó giữ, làm khí thế của quân địch bị kích động, khiến mọi người sinh lòng ngờ, về công lý và đạo nghĩa là không xứng, về mưu kế lại bất lợi, bậc minh triết sẽ không để mình rơi vào cảnh đó, đây là điều thứ tám vậy."

"Người đời đa phần bị mê hoặc bởi đồ sấm để vướng vào những lỗi lầm như thế, nay gom góp văn tự để làm đẹp mọi việc, cầu thả theo cái ý nấn sửa của kẻ nịnh bợ trên để mê hoặc mọi người, nhất định phải hối hận về sau, từ trước đến nay, không phải chưa từng có việc này, chẳng thể không phân biệt rõ ràng và suy nghĩ kỹ lưỡng, đây là điều thứ chín vậy."

"Điều thứ chín, tôn mình thấy đã nhiều rồi, thế gần như là đủ làm rõ ý của ta, bù đắp vào cái thiếu sót ngài đã quên. Lời trung nghịch tai, mong ngài lưu tâm lắng nghe!"

Diễn lược nói rằng lời văn đó là của Trương Chiêu.

Thần Tùng Chi cho rằng Trương Chiêu tuy có danh lớn, nhưng văn chương không bằng được Hoành, thư này hẳn là do Hoành viết ra.

⑤ *Giang Biểu truyện* chép: Năm Kiến An thứ hai mùa hạ, Hán triều phái quan Nghị lang là Vương Phụ vâng mệnh viết chiếu thư vào ngày Mậu Thìn rằng:

"Đồng Trác nghịch loạn, họa nước hại dân. Tiên tướng quân là Kiên mưu nghị đánh dẹp, nhĩa chưa toại, chết còn để lại tiếng thơm. Sách tuân theo đạo hay, cầu phúc chẳng có tà tâm. Nay lấy Sách làm Kỵ, đô úy, được nối tước Ô Trình hầu, lĩnh chức Thái thú Cối Kê."

Lại hạ chiếu sắc rằng:

"Cổ Tả tướng quân Viên Thuật chẳng nghĩ nhớ đến ân điển của triều đình, gây tội hung nghịch, ngụy tạo gom góp những điều hư hao dôi trá, muốn nhân lúc binh đao loạn lạc, quý quyết dôi lừa trăm họ, trăm mới

nghe lời hấn nói đã cho là không đúng. Đến lúc được Sứ tri tiết Bình đông tướng quân lĩnh Từ châu mục là Ôn hầu Lã Bố dâng lời nói Thuật gây mối ngờ hoặc xằng bậy trong dân chúng, biết rằng Thuật có tính cú vọ, sắp làm điều vô đạo, như sửa sang vương cung, sắp đặt công khanh, tế trời cúng đất, tàn dân hại vật, gây vạ rất tàn khốc. Bố trước sau dâng thư nói rằng Sách lo nghĩ cho triều đình, muốn quay lại đánh dẹp Thuật, vì nước ra sức, xin ban cho vinh hiển khác thường. Ôi, treo thưởng đợi công, chỉ kẻ siêng năng mới được dự vào, cho nên lập tức trao cho Sách ân huệ về wang, được kế thừa ấp trước, thêm cho quận lớn, vinh hiển rạng rỡ muôn phần, là để Sách gắng sức hết lòng theo lệnh. Vậy Sách phải lập tức cùng Bố và Thái thú Ngô Quận là An đông tướng quân Trần Vũ hợp sức một lòng, đồng thời đến đánh dẹp Thuật."

Sách tự cho là mình thống lĩnh binh mã, nhưng vì chức Ky đô úy lĩnh quận là rất nhỏ, Sách muốn được phong hiệu Tướng quân, liền sai người nói thác với Phụ, Phụ liền thừa chế tạm cho Sách làm Minh Hán tướng quân.

Lúc ấy, Trần Vũ đóng quân ở Hải Tây, Sách vâng chiếu đến sớ trị, nhận trách nhiệm cùng Bố, Vũ thảo luận về hình thế. Đi đến huyện Tiền Đường, Vũ ngầm mưu tập kích Sách, phái Đô úy là bọn Vạn Diễn bí mật qua sông, sai cầm hơn ba mươi cái ấn đem cấp cho bọn giặc ở các huyện hiểm yếu là Đan Dương, Tuyên Thành, Kinh, Lăng Dương, Thủy An, Y, Hấp của Đại súy Tổ Lang và Tiêu Dĩ cùng bọn Nghiêm Bạch Hổ ở huyện Ô Trình thuộc Ngô Quận, sai chúng làm nội ứng, dò xét lúc quân của Sách tiến phát, sẽ đánh lấy các quận, Sách phát giác được, phái Lã Phạm, Từ Dật đánh Vũ ở Hải Tây, đại phá Vũ, bắt sống được bốn nghìn người là vợ con của quan quân.

Sơn Dương công tái ký chép: Vũ một mình một ngựa chạy đến Ký châu, tự quy hàng Viên Thiệu, Thiệu dùng làm Đô úy huyện Cổ An.

Ngô lục chép bài biểu tạ tội của Sách dâng lên rằng:

"Thần vốn là kẻ cố lậu, trơ trọi giữ chốn biên thùy. Bệ hạ rộng ban ân trạch cao, chẳng quên sót cái tiết mọn của thần, cho thần được tập tước, kiêm giữ quận nổi danh. Thần ngẩng nhìn vinh hoa ngoài trông ân sủng, sợ không kham nổi."

"Năm Hưng Bình thứ hai ngày hai mươi tháng mười hai, thần ở Khúc A thuộc Ngô Quận nhận được tờ biểu mà người của Viên Thuật trình lên, cho thần làm hành Diễn khấu tướng quân; đến lúc tiếp nhận chiếu thư, thần mới biết tờ biểu kia là trá truyền thánh mệnh. Dẫu thần đã lập tức phế hủy, nhưng vẫn còn run sợ trong lòng."

"Lúc thần mười bảy tuổi, vì tang gia mất nơi nương tựa, sợ rằng mình hèn mọn chẳng gánh nổi nghiệp của cha, để ô nhục lời răn chẻ củi,⁽¹⁾ thực không được như Khứ Bệnh mười tám tuổi lập công, như liệt tướng phụ tá tuổi hai mươi của Thế tổ.⁽²⁾ Thần lúc mới cầm quân, tuổi chưa đến hai mươi, dẫu hèn đốn chẳng có uy vũ, nhưng nghĩ rằng phải vất hết cái sức lực nhỏ nhoi để vâng theo mệnh vậy. Vì nghĩ rằng Thuật đã cường mê, làm ác quá sâu nặng. Thần cậy dựa uy linh, phụng chiếu đánh kẻ có tội, nhất định sẽ dâng tin thắng trận, để báo đáp ân điểm hoàng thượng đã trao."

Thần Tùng Chi xét: Bản truyện nói rằng Tôn Kiên chết năm Sơ Bình thứ ba, Sách chết vào năm Kiến An thứ năm, Sách chết lúc hai mươi sáu tuổi, tính ra lúc Kiên chết, Sách phải mười tám tuổi, mà tờ biểu này nói là mười bảy tuổi, thì chỗ này chưa phù hợp. *Hán ký* của Trương Phan và *Ngô lịch* đều cho rằng Kiên chết vào năm Sơ Bình thứ hai, thế thì biểu này chép đúng mà bản truyện lầm vậy.

Giang Biểu truyện chép: Năm Kiến An thứ ba, Sách lại sai sứ giả về triều dâng cống vật của địa phương, nhiều gấp bội số cống vật mà Sách dâng biểu năm đầu. Năm ấy, Đế hạ chế thư chuyển bái Sách làm Tháo nghịch tướng quân, đổi phong tước Ngô hầu.

© *Giang Biểu truyện* chép: Sách nhận chiếu sắc, cùng bọn Tư không Tào công, Vệ tướng quân Đồng Thừa, Ích châu mục Lưu Chương

¹ Diễn tích xuất từ *Kinh Thi*, thiên *Tề phong*, bài *Nam Sơn*. Đại ý rằng người cha vào rừng đốn củi, người con chẻ củi vác ra chợ bán, như thế tức là người con làm tiếp nối công việc của cha.

² Hoắc Khứ Bệnh (霍去病): Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 178 (Vương Lăng truyện);

Quang Vũ để Lưu Tú trung hưng nhà Hán, lúc khởi quân, các tướng lĩnh đi theo có nhiều người chưa đến hai mươi tuổi.

hợp sức đánh dẹp Viên Thuật, Lưu Biểu. Quân lính chinh tề tiến phát, đúng lúc Thuật chết, em họ của Thuật là Dận, con rể của Thuật là bọn Hoàng Y khiếp sợ Tào công, không dám giữ Thọ Xuân, bèn cùng nhau khiêng áo quan của Thuật, dắt díu vợ con Thuật và bộ khúc trai gái, đến theo Lưu Huân tại Hoán Thành. Huân thiếu lương ăn, không lấy gì giúp nhau được, bèn phái em họ mình là Giai xin mua thóc của Thái thú Dự Chương là Hoa Hâm. Quận của Hâm vốn thiếu thóc, Hâm lại phái người đưa Giai đến hai huyện Hải Hôn và Thượng Liễu, sai các cù soái tông dân cùng xuất ra ba vạn斛 gạo để giúp Giai. Giai ở lại hết tháng, chỉ thu được mấy nghìn斛 gạo. Giai liền báo với Huân, nói hết thực trạng, muốn Huân đến đánh đoạt lấy lương của họ. Huân được thư của Giai, sai quân ngầm đến dưới ấp Hải Hôn. Các cù soái tông dân biết, rút lũy trống bỏ trốn, Huân không thu được gì.

Bấy giờ Sách sang tây đi đánh dẹp Hoàng Tổ, hành quân đến Thạch Thành, nghe tin Huân khinh thân đến Hải Hôn, bèn chia quân phái anh họ mình là Bôn và Phụ đốc suất tám nghìn người đến Bành Trạch đợi Huân, tự mình cùng Chu Du thống suất hai vạn bộ quân tập kích Hoán Thành, đánh được ngay, thu được trăm thợ khéo cùng trống, sáo và hơn ba vạn bộ khúc của Thuật, bắt được cả vợ con của Thuật, Huân. Sách lại dâng biểu xin dùng người quận Nhữ Nam là Lý Thuật làm Thái thú Lư Giang, cấp cho ba nghìn quân để giữ huyện Hoán, những người bắt được đều sai dời về đông đến Ngô Quận.

Bôn, Phụ lại phá Huân ở Bành Trạch. Huân chạy trốn vào Sở Giang, từ Tầm Dương đi bộ lên đến Trí Mã Đình, nghe tin bọn Sách đã hạ được Hoán Thành, Huân bèn đi về phía tây bắc. Đến huyện Nghi, đắp lũy tự giữ, cáo cấp với Lưu Biểu, cầu cứu với Hoàng Tổ. Tổ phái con lớn của mình là Xạ đem năm nghìn quân thuyền trợ giúp Huân. Sách lại tới đánh, đại phá Huân. Huân cùng Giai lên bắc theo Tào công, Xạ cũng trốn chạy. Sách thu được hơn hai nghìn binh của Huân, một nghìn chiếc thuyền, bèn tiến đến phía trước Hạ Khẩu tấn công Hoàng Tổ. Bấy giờ Lưu Biểu sai cháu họ của mình là Hổ, người quận Nam Dương là Hàn

Hi đem năm nghìn quân cầm trường mâu, đến làm quân tiên phong cho Hoàng Tổ. Sách cùng giao chiến, đại phá chúng.

Ngô lục chép tờ biểu của Sách rằng:

"Thần đánh dẹp Hoàng Tổ, ngày mừng tám tháng mười hai thì đến trại của Tổ ở huyện Sa Tiễn. Lưu Biểu phái tướng trợ giúp Tổ, hợp sức kéo đến chỗ thần. Sáng sớm ngày mười một, thuộc hạ của thần là bọn lĩnh Thái thú Giang Hạ hành Kiến uy Trung lang tướng Chu Du, lĩnh Thái thú Quế Dương hành Chinh lỗ Trung lang tướng Lã Phạm, lĩnh Thái thú Linh Lăng hành Đãng khẩu Trung lang tướng Trình Phổ, hành Phụng nghiệp Hiệu úy Tôn Quyền, hành Tiên đăng Hiệu úy Hàn Đương, hành Vũ phong Hiệu úy Hoàng Cái đồng thời cùng tiến lên. Thần tự thân cưỡi ngựa xông vào trận, tay khua trống liên miên, để nghiêm chỉnh trận thế. Quan quân phấn khích, nhẩy nhót hăng hái gấp trăm lần, trong lòng tinh thông ý chí quả quyết, đều tranh theo lệnh. Vượt qua hào rộng, mau chóng như phi. Lửa phóng gió lửa, quân lính xông pha dưới làn khói tỏa, cung nỏ cùng bắn, tên bay như mưa, lúc quá giờ Thìn, Tổ liền tan vỡ. Dao nhọn đâm chém, lửa cháy bừng bừng, tiến lên không còn giặc cướp, duy chỉ có Tổ nhanh chân chạy trốn. Thần bắt được vợ con của Tổ là bảy người, chém từ bọn Hồ và Hàn Hi trở xuống là hơn hai vạn đầu, bọn rơi xuống nước chết đuối hơn vạn, thu được hơn sáu nghìn chiếc thuyền, tài vật chất cao như núi. Dù Biểu chưa bị bắt, Tổ vốn giào hoạt, là phúc tâm của Biểu, ở bên ngoài là nanh vuốt. Biểu là cú vọ, lấy Tổ làm hơi thở, nhưng gia quyến bộ khúc của Tổ, gục chết dưới đất không sót một ai, tên giặc Biểu cô độc một mình, hẳn sẽ thành thầy quý. Thực đều bởi thần vũ của thánh triều chấn động nơi xa, thần đánh dẹp kẻ có tội, xin được gắng sức đến cùng."

⑦ Ngô lịch chép: Tào công nghe nói Sách bình định Giang Nam, rất có ý lo ngại, thường nói: "Con thú non hung dữ này khó tranh phong cùng nó được vậy."

Năm Kiến An thứ năm, Tào công và Viên Thiệu cự nhau tại Quan Độ, Sách ngầm muốn đánh úp huyện Hứa, đón Hán đế,① bí mật chỉnh quân, sắp đặt chư tướng. Chưa kịp phát động, đã bị khách của cố Thái thú Ngô Quận là Hứa Cống giết chết.

Trước đây, Sách giết Cống, con nhỏ của Cống cùng môn khách trốn náu ở ven sông. Sách một mình cưỡi ngựa đi ra ngoài, thốt nhiên cùng người khách tương ngộ, khách đâm Sách bị thương.^② Vết thương rất nặng, Sách gọi bọn Trương Chiêu bảo rằng:

- Trung Quốc đang loạn, dựa vào quân dân Ngô, Việt, có cái vững chắc của ba con sông, đủ để xem thành bại. Các ông khéo giúp đỡ em ta!

Rồi gọi Quyền đến đeo ấn thụ cho, bảo rằng:

- Cắt quân dân của Giang Đông, quyết cơ ở vùng Lưỡng Trần, cùng thiên hạ tranh giành, khanh không bằng ta; tiến cử người hiền dùng kẻ tài năng, để họ đều dốc lòng, gìn giữ Giang Đông, ta không bằng khanh được.

Đến đêm thì Sách chết, bấy giờ hai mươi sáu tuổi.^③

① *Ngô lục* chép: Bấy giờ có người tên là Cao Đại, ẩn cư ở huyện Dư Diêu, Sách sai Cối Kê thừa là Lục Chiêu làm sứ giả đến đón Đại, Sách dốc lòng hậu đãi. Nghe nói Đại tinh thông về *Tả truyện*, Sách bèn tự nghiền ngẫm đọc, muốn cùng luận giảng.

Có người bảo Sách rằng:

- Cao Đại cho là tướng quân chỉ anh vũ thôi, không có tài văn học, nếu cùng luận *Tả truyện* mà hắn nói là không hiểu, thì lời của mỗi người.

Lại bảo Đại rằng:

- Tôn tướng quân là người ghét kẻ hơn mình, nên mỗi khi có hỏi, phải nói là không biết, thì mới vừa ý vậy. Bằng như biện giải nghĩa lý, nhất định sẽ rất nguy hiểm.

Đại cho là đúng, lúc cùng bàn luận về *Tả truyện*, ngần ngừ đáp rằng không hiểu. Sách quả nhiên nổi giận, cho là khinh mình, bèn giam tù Đại. Bạn tri giao và người ngồi đấy lúc bấy giờ đều vì Đại cầu xin. Sách lên lầu, trông xa trong vòng mấy dặm thấy người xin đầy đất. Sách ghét vì Đại thu được nhân tâm, bèn giết Đại.

Đại tự Khổng Văn, người Ngô Quận. Bản tính thông minh khoáng đạt, khinh tài trọng nghĩa. Bạn của Đại là những kẻ sĩ có tài năng khác thường, là tuấn kiệt chưa hiển đạt, bằng hữu có tám người, đều là kẻ anh tài kỳ lạ ở đời. Thái thú Thịnh Hiến xem họ là kỳ tài hạng nhất, suy cử làm Hiếu liêm.

Hứa Cống đến quản quận, Đại và Hiến đi tránh nạn ở nhà Hứa Chiêu, cầu cứu với Đào Khiêm, Khiêm chưa cứu ngay, Đại khóc chảy máu mắt rất khổ sở, uống nước không trôi. Khiêm cảm kích sự trung tráng của Đại, có cái nghĩa khí của Thân Bao Tư, hứa giúp xuất quân, gửi thư cho Cống. Đại nhận thư của Khiêm đem về, nhưng Cống đã bắt giam mẹ của Đại. Người Ngô lớn nhỏ đều ghê sợ, cho là Cống đã tức giận, đến tất bị hại. Đại nói ở với chủ phải vì chủ, vả lại mẹ đang ở chốn lao ngục, nên phải đến, nếu được vào gặp, việc tự nhiên sẽ rõ ràng. Bèn viết thư tự bẩm, Cống lập tức cho gặp nhau. Đại lời lẽ khẩn tiếp, ưa tự bày tỏ tạ lỗi. Cống liền thả ngay mẹ của Đại ra.

Đại sắp vào gặp Cống, nói nhỏ với người bạn là Trương Doãn, Thẩm Hào sai chuẩn bị thuyền, vì biết Cống tất hối, nên sẽ đuổi theo. Cống ra ngoài liền dẫn mẹ lên thuyền vội vã đi trốn. Chốc lát Cống sai người truy đuổi họ, lệnh cho người đuổi theo là nếu đuổi kịp thuyền, thì tự tiện giết họ ở trên sông, qua sông rồi thì thôi. Người đuổi theo Đại đi lăm đường, Đại thoát. Đến lúc bị giết, mới hơn ba mươi tuổi.

Giang Biểu truyện chép: Bấy giờ có vị đạo sĩ người quận Lang Nha tên là Vu Cát, lúc trước ẩn cư ở phương đông, hay qua lại vùng Ngô Cối, lập tinh xá,⁽¹⁾ đốt nhang đọc sách đạo, chế phù thủy⁽²⁾ để trị bệnh, người vùng Ngô Cối đa phần thờ Cát. Sách thường ở trên lầu nơi cửa thành của quận, tụ họp chư tướng và tân khách, Cát mặc áo dài, cầm cây gậy nhỏ mũi bọc vải, sơn vẽ lên đó, gọi là gậy của tiên nhân, rào bước qua dưới cửa thành. Chư tướng và

¹ Tinh xá là chỗ đạo sĩ cư trú để tu luyện khí.

² Phù thủy là thứ bùa chú bằng nước, người bị bệnh khi đến chỗ các đạo sĩ khám chữa thường được bôi một thứ nước gì đó lên mặt, rồi đạo sĩ đọc chú làm phép. Đây là cách chữa bệnh này rất phổ biến trong đạo giáo.

tân khách ba phần thì hai phần xuống lầu đón lấy Cát, quan chương quản lễ nghi cấm mắng không ngăn nổi. Sách tức thì ra lệnh bắt lấy Cát. Những người thờ Cát, đều sai phụ nữ vào gặp mẹ Sách, xin cứu Cát.

Mẫu thân bảo Sách rằng:

- Vu tiên sinh cũng giúp lính làm phúc, chữa bệnh giúp tướng sĩ, không nên giết ông ta.

Sách nói:

- Gã đó hành vi yêu tà xằng bậy, có tài huyền hoặc bụng chúng, từ xa mà khiến cho chư tướng chẳng đoái hoài gì đến cái lễ quân thần nữa, hết thấy đều bỏ Sách xuống lầu lay lục gã, chẳng thể không trừ đi vậy.

Chư tướng lại liên danh truyền bảo nhau dâng thư bày kể xin cứu Cát, Sách nói:

- Trước kia người quận Nam Dương là Trương Tân làm Thứ sử Giao châu, vứt bỏ điển huấn của thánh hiền ngày trước, phế bỏ pháp luật của nhà Hán, thường buộc khăn đỏ che búi tóc, đánh trống gậy đàn đốt nhang, đọc sách đạo tà tục, nói là để trợ giúp giáo hóa, rút cục bị người Di phương nam giết chết. Việc đấy rất vô ích, các ngài còn chưa thấu hiểu thôi. Nay tên của gã này đã ở trong sổ quý, chớ phí tổn giấy bút nữa.

Lập tức giục người chém Cát treo đầu ở chợ. Những người thờ Cát, còn không nói là Cát đã chết mà nói rằng thầy Cát đã tan ra, lại cúng tế cầu phúc.

Chí lâm chép: Khi trước vào thời Thuận đế, người quận Lang Nha là Cung Sùng đến cửa khuyết dâng sách thần của thầy mình là Vu Cát bắt được trong khe suối ở huyện Khúc Dương, sách trắng viền đỏ, gọi là "Thái Bình thanh lĩnh đạo", cả thầy hơn trăm quyển. Từ thời Thuận đế đến năm Kiến An trung là năm sáu chục năm, như thế thì Vu Cát lúc ấy đã gần trăm tuổi, già lão thể chất yếu, xét về lễ là không thể gia hình. Lại nữa là thiên tử đi tuần thú, thăm hỏi người trăm tuổi, tới mà gặp họ, kính tuổi dùng lễ thân ái, đấy là điều chí lễ của bậc thánh vương vậy. Tội của Cát

chẳng đến mức chết, mà gia hình tàn khốc, thế là giết xằng, không phải là đức tốt vậy. Hỷ suy xét về cái chết của Hoàn vương, là vào năm Kiến An thứ năm tháng tư ngày mồng bốn. Bấy giờ Tào, Viên đang đánh nhau, chưa phân thắng phụ. Xét thư Hạ Hầu Nguyên Nhung gửi cho Thạch Uy Tắc, là sau khi Viên Thiệu bị phá vậy, thư nói rằng: "Giao cho Tôn Bôn lĩnh quận Trường Sa, nghiệp của Trương Tân ở hai quận Linh, Quế." Thế thì Hoàn vương hẳn chết trước, Trương Tân chết sau, không thể đổi chỗ cho nhau, lời nói ví của Sách cái chết của Tân là sai vậy.

Thần Tùng Chi xét: Năm Thái Khang thứ tám, Đại trung chính của Quảng châu là Vương Phạm dâng lên sách *Giao Quảng nhị châu Xuân Thu*. Năm Kiến An thứ sáu, Trương Tân còn làm Giao châu mục. Cái hư hao của *Giang Biểu truyện* đúng như lời ở sách *Chí lâm* vậy.

Sưu thần ký chép: Sách muốn vượt sông tập kích huyện Hứa, cùng Cát ra đi. Bấy giờ trời đại hạn, chỗ ở nóng như lửa. Sách thúc chư tướng và quân sĩ sai gấp rút kéo thuyền, có khi mới sáng sớm đã đích thân đốc thúc, thấy quan tướng đa phần ở gần chỗ Cát, Sách nhân thế giận dữ, nói:

- Ta làm không bằng Vu Cát sao, mà cứ chăm chăm rào bước theo hắn vậy?

Liền sai bắt Cát. Cát đến, Sách mắng hỏi Cát rằng:

- Trời hạn không mưa, đường đi gian nan trắc trở, chẳng biết lúc nào qua được, nên từ sớm đã phải ra đi, mà ngươi không cùng lo lắng với ta, ngồi yên trong thuyền ra vẻ quý quái, làm bại hoại đội ngũ của ta, nay ngươi phải trừ bỏ cái nắng nóng cho ta.

Rồi lệnh cho người trói Cát đặt phơi trên mặt đất, sai cầu mưa, nếu có thể làm cho trời cảm kích mưa xuống trong ngày, sẽ được thả, không được như thế sẽ bị giết. Chốc lát mây khí bốc lên đầy trời, lớn nhỏ tụ lại, gần đến giữa trưa, mưa đổ xuống sầm sập, khe suối tràn trề. Tướng sĩ vui mừng hỉ hả, cho là Cát tất được tha, đều đến chúc mừng hỏi han. Sách bèn giết Cát. Tướng sĩ thương xót, cùng giấu thân của Cát. Ban đêm, thốt nhiên mây tụ

lại trùm kín thân Cát; sáng sớm hôm sau đến nhòm kỹ, không biết Cát ở đâu.

Xét việc về Vu Cát trong *Giang Biểu truyện* và *Sưu thần ký* thì không giống nhau, chưa rõ sách nào nói đúng.

② *Giang Biểu truyện* chép: Sờ trị của Thái thú Quảng Lăng là Trần Đăng ở Xạ Dương, Đăng tức là con người anh họ của Trần Vũ vậy. Sách ngày trước tây chinh, Đăng ngầm phái sứ ly gián, đem ấn thụ giao cho dư đảng của Nghiêm Bạch Hổ, mưu làm hại ở phía sau, để báo thù cái nhục Vũ bị phá. Sách về, lại đánh dẹp Đăng. Quân đến Đan Đồi, còn đợi vận lương thảo. Sách vốn tính thích săn bắn, bèn đem mấy tên quân bộ kỵ ra ngoài. Sách xua ngựa đuổi hươu, con tuần mã Sách cưỡi chạy rất nhanh, quân kỵ đi theo không kịp.

Khi trước, Thái thú Ngô Quận là Hứa Cống dâng biểu lên Hán đế rằng:

"Tôn Sách kiêu hùng, so với Hạng Tịch cũng tương tự, nên thêm cho ân sủng cao quý, triệu về kinh ấp. Ví như Sách đã nhận chiếu chẳng thể không về, nếu lại buông thả bên ngoài tất gây họa cho đời."

Thủ hạ của Sách bắt được biểu của Cống, đem báo với Sách. Sách mời Cống đến gặp, lấy nghĩa lớn để trách Cống. Cống chối là không dâng biểu, Sách lập tức lệnh cho võ sĩ thắt cổ giết Cống. Gia nô và khách khứa của Cống trốn náu trong dân gian, muốn vì Cống báo thù. Hôm Sách đi săn, đột nhiên thấy ba người tức là khách của Cống vậy.

Sách hỏi:

- Bọn bay là người nào?

Chúng đáp:

- Là quân của Hàn Đương, đi săn hươu ở đây thôi.

Sách nói:

- Binh lính của Đương ta đều biết cả, nhưng chưa từng thấy bọn bay.

Nhân đó bắn một người, dây cung vừa bật thì hán ngã nhào. Hai người còn lại sợ cuống, liền giương cung bắn Sách, trúng vào má. Quân kỵ đi sau tìm đến, đâm chết hết bọn chúng.

Cửu châu Xuân Thu chép: Sách nghe tin Tào công lên bắc đi đánh Liễu Thành, bèn khởi hết binh Giang Nam, tự xưng là Đại tư mã, muốn lên bắc tập kích huyện Hứa, cậy cái dũng của mình, ra đi không đặt phòng bị, vì thế gặp nạn.

Dị đồng bình của Tôn Thịnh chép: Đại để ghi chép ở mấy sách này, đều có chỗ sai lầm. Tôn Sách đầu uy vũ ở vùng Giang ngoại, cướp được sáu quận, nhưng Hoàng Tổ đóng giữ thượng lưu, Trần Đăng ly gián kẻ tâm phúc của Sách, và lại bọn tông dân cường mạnh ở vùng sâu xa hiểm trở còn chưa quy phục hết. Tào, Viên như hổ tranh phong, thế nghiêng núi dốc biển, Sách há vô sự mà đem đại quân đi xa đến vùng Nhữ, Dĩnh, để đòi Đế về vùng Ngô, Việt sao? Cái lẽ ấy kẻ ngu hèn cũng soi thấy, huống chi Sách lại là kẻ thiếu hiểu việc đời? Lại xét rằng Viên Thiệu đến Lê Dương vào năm Kiến An thứ năm, mà Sách bị hại vào tháng tư, nhưng sách chép rằng Sách nghe tin Tào công với Viên Thiệu cự nhau ở Quan Độ, là xằng bậy rồi. Nói việc đánh Đăng, là có chứng cứ vậy. Lại nữa là *Giang Biểu truyện* nói Sách biết hết quân sĩ của Hàn Đương, ngờ rằng việc kia là giả dối, liền bắn chết một người. Ôi, ba quân tướng sĩ hoặc có kẻ mới theo về, Sách là đại tướng, làm sao có thể biết hết được? Nếu không biết, mà tự tiện bắn chết người ta, là trái đạo lý vậy, lại nữa là Sách bị giết vào năm thứ năm, chiến dịch Liễu Thành là vào năm thứ mười hai, *Cửu châu Xuân Thu* sai lầm rất lạ vậy.

Thần Tùng Chi xét: Phó tử cũng nói rằng Tào công đi đánh Liễu Thành, Sách muốn đánh úp huyện Hứa. Đã chép rõ như thế, mà sao lại kể sơ sài vậy! Nhưng những điều mà Tôn Thịnh chê bai, không phải là đúng cả. Hoàng Tổ mới bị Sách phá, hồn phách chưa định, nhưng chủ tớ nhà Lưu Biểu vốn không có chí kiêm tính, tuy ở tại thượng lưu, sao đủ để mưu toan vùng Ngô Cối? Cử sự đẩy của Sách, về lý có lẽ là mưu tính đánh Trần Đăng trước, nhưng ở cái chỗ mà Sách cất binh, không chỉ có ý đồ với Trần

Đảng mà thôi. Bấy giờ các cừ súy tông dân mạnh, là bọn Tổ Lang, Nghiêm Hồ, đã bắt diệt hết, bọn còn lại như giặc Sơn Việt, sao đủ thành mối lo? Như thế thì vào lúc Sách mưu tính, chẳng thể nói là không nhàn rồi vậy. Nếu như cái chí của Sách được thực hiện, đại quyền trong tay, vùng Hoài, Tứ, là chỗ có thể định đô, hà tất chỉ có chí ở vùng Giang ngoại, phải dời Đế đến vùng Ngô, Việt sao? Xét Ngụy Vũ kỳ, Vũ đế vào năm Kiến An thứ tư đã xuất binh đóng trại ở Quan Độ, mà trước đó Sách còn chưa chết, Vũ đế giao binh với Viên Thiệu đã lâu, vậy thì điều mà Tam quốc chí ghi chép không phải là sai lầm. Còn khách của Hứa Cống, không hề nghe nói đây là kẻ tiểu nhân, nhưng có thể cảm kích cái ân tri ngộ, vì nghĩa quên mạng sống, thốt nhiên nổi chí phấn phát, sánh ngang được với kẻ sĩ cứng cỏi thời xưa rồi. *Kinh Thi* nói: "Bậc quân tử có đạo hay, kẻ tiểu nhân nương cậy." Người khách của Cống chính là kẻ như thế vậy.

③ *Ngô lịch* chép: Sách đã bị thương, thầy thuốc nói có thể chữa trị, nên khéo tự giữ, trong trăm ngày chớ động đậy. Sách giờ gương ra tự soi, bảo tả hữu rằng

- Mặt ta thế này, còn dựng công lập nghiệp được sao?

Rồi đập ghế rung chuyển, vết thương rách toạc ra, đêm ấy Sách chết.

Sưu thần ký chép: Sách giết Vu Cát rồi, mỗi khi ngồi một mình, lại phảng phất thấy Cát ở quanh mình, trong lòng rất chán ghét, tinh thần thất thường. Sau trị thương sắp khỏi, liền giờ gương ra tự soi, thấy hình Cát trong gương, ngoảnh đầu nhìn lại thì không thấy, cứ như thế đôi ba lần, nhân đó đập gương kêu lớn, vết thương rách toạc ra, chốc lát thì chết.

Quyền xưng tôn hiệu, truy thụy cho Sách là Trường Sa Hoàn vương, phong cho con của Sách là Thiệu làm Ngô hầu, sau đổi phong làm Thượng Ngu hầu.

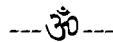
Thiệu chết, con của Thiệu là Phụng nối tự. Thời Tôn Hạo, có lời đồn xằng là Phụng đáng được lập, vì thế bị giết.

Bình rằng: Tôn Kiên cương dũng quyết đoán, phát tích từ lúc còn rất trẻ, khuyên Ôn giết Trác, san lấp sơn lăng, có cái cứng cỏi của kẻ sĩ trung tráng. Sách có cái khí khái của bậc anh kiệt giúp người, dũng mãnh trùm đòi, chiêu nạp những anh tài kỳ dị, có chí lẫn trung nguyên. Nhưng đều khinh bạc nóng nảy, dẫn đến thân vong mất mạng. Đến như việc cát cứ Giang Đông, khai mở nền móng là ở Sách vậy, mà Quyền lại tôn sùng chưa đúng mức, con chỉ được nhận tước hầu, về nghĩa là nhỏ mọn rồi.①

① Tôn Thịnh nói: Anh em họ Tôn đều sáng suốt mưu lược vượt trội quần hùng. Khai sáng nền móng dựng lập công nghiệp, là bởi Sách vậy. Sách vào lúc lâm chung, cố mệnh ủy thác cho Quyền. Trong số người phàm có chí khí, vẫn có kẻ dâm cổ tự vẫn, hướng chi ở đây lại có sự thân ái nhất mực của tình huynh đệ, có sự anh minh quyết đoán và cơ trí của bậc hào sảng thông đạt, há ham tiếc cái danh hiệu được gia phong ngày trước mà làm trái với cái thật thà của bản tính hay sao? Há suy nghĩ sâu xa về cái hiệu phong đầy hay khuyết mà thận trọng với việc an bài danh phận quý tiện sao? Ôi, chính gốc định danh, là chế độ trọng yếu của quốc gia; cấm chế ngò vực khiến người ta hai lòng, là tan vỡ mất kế hay. Thế nên Lỗ Ẩn giữ nghĩa mọn, kết cục dẫn đến cái họa Vũ Phụ;⁽¹⁾ Tống Tuyên nhân ái hảo, sau rốt có việc bất hạnh của

¹ Cơ Túc, là con cả của Lỗ Huệ công. Huệ công cưới con gái vua nước Tống cho Cơ Túc, nhưng thấy nàng ấy đẹp, bèn lấy làm vợ mình, sinh ra Cơ Doãn, hai mẹ con Cơ Doãn được sủng ái, Huệ công phong làm Phu nhân và Thế tử. Huệ công chết, Cơ Doãn quá nhỏ, Cơ Túc được lập làm vua nước Lỗ (Lỗ Ẩn công). Hơn chục năm sau, Cơ Doãn đã lớn, bấy giờ Vũ Phụ (羽父), là quan đại phu của Lỗ Ẩn công, xin Ẩn công giết Cơ Doãn, Ẩn công không nghe, nói: “Trước đây em ta còn nhỏ nên ta thay nhiếp chính, nay ta định đem ngôi vị quốc quân trả cho em ta. Ta đã phái người tu sửa phòng ốc ở đất Thố Cừ, để lui về dưỡng già.” Vũ Phụ sợ hãi, chạy sang theo Cơ Doãn, đưa lời gièm pha với Cơ Doãn và xin giết Ẩn công. Cơ Doãn nghe theo. Lỗ Ẩn công đi tể, Vũ Phụ sai người giết chết, lập Cơ Doãn lên nối, tức là Lỗ Hoàn công.

Thương công.⁽¹⁾ Điều là trong lòng chất chứa điều thiện nhỏ, chẳng thông suốt cái mưu kinh luân; cầu tiếng khen ngay lúc ấy, mà không nghĩ việc kéo dài phúc lộc cho con cháu. Có thể nói là chi mưu trị ở cái nước có nghìn cỗ xe, còn việc thi hành chính đạo để trị thiên hạ thì không thể vậy. Họ Tôn nhân lúc nhiều nhưn, được thỏa chí vẫy vùng ngang dọc, cơ nghiệp có được chẳng phải do gốc rễ của việc tích đức, nước không có cái vững chắc như bàn thạch, thế lực có một phần thì phúc lộc có thể hết, tình đời ngang trái thì loạn họa nổi lên, sao có thể không phòng giữ từ lúc chưa có điềm báo, lo cái gian khó cho mai sau? Đáng khen thay! Sách là người chủ sáng nghiệp, là vị chúa khai quốc của nước Ngô; văn thần võ tướng còn la liệt, đều là người quen cũ của mình, nhưng con thừa tự yếu nhược, nghĩa chẻ củi chẳng đảm đương được,⁽²⁾ vâng mệnh giúp thì sợ náy mỗi nạn Lỗ Hoàn, Điền thị, trọng vọng thì dấy họa như Dữ Di, Tử Phùng. Vì thế phải chính danh định gốc, khiến quý tiện khác xa nhau, rồi sau quốc gia không có kẻ mặc ý đưa lời chỉ trích xằng bậy, con cháu kế tự ngày sau không bị đổ kỵ hiềm nghi, quần thần dứt tuyệt lời bàn luận riêng tây, lấp hết cái ý dòm ngó của kẻ còn bất mãn; về tình dẫu có trái, về việc dẫu có kém, đến như việc nhìn bao quát và mưu tính sâu xa, giữ vững thành quách lâu dài, có thể nói là chặn từ lúc việc chưa có, trị từ cái lúc còn chưa loạn. Lời bàn của họ Trần, có chỗ còn chưa đạt chăng!



¹ Tống Tuyên công, là quân chủ nước Tống, khi sắp chết, nhường ngôi cho em (Tư Hòa) chứ không truyền cho con mình (Dữ Di). Tư Hòa lên ngôi, tức Tống Mục công. Mục công sắp chết, truyền ngôi cho con của anh (Dữ Di) chứ không truyền cho con mình (Công tử Phùng). Dữ Di lên ngôi, tức Tống Thương công. Thương công là vị quân chủ hiếu chiến, làm vua được 9 năm, vì ghét đại thần của mình là Hoa Đốc làm việc bất nghĩa, mưu giết, bị Hoa Đốc mang quân đánh vào cung điện giết chết. Công tử Phùng đang lưu lạc ở nước Trịnh lại về lên ngôi vua nước Tống, tức Tống Trang công.

² Ý rằng: Người cha chẻ củi, con vác ra chợ bán, như thế là con nối việc của cha.

QUYỀN THỨ BỐN MƯƠI BẢY NGÔ CHỦ TRUYỆN



Tôn Quyền tự Trọng Mưu. Lúc anh trai là Sách bình định các quận, bấy giờ Quyền mới mười lăm tuổi, được lấy làm Trưởng huyện Dương Tiễn.^① Quận xét cử làm Hiếu liêm, châu tiến cử làm Mậu Tài, hành Phụng nghĩa Hiệu úy.⁽¹⁾ Nhà Hán thấy Sách ở xa nhưng vẫn giữ chức phận cống tiến, phái sứ giả là Lưu Uyển đến ban cho tước vị và quan phục. Uyển nói với người khác rằng:

- Ta xem anh em họ Tôn tuy cùng tài hoa xuất chúng, thông minh thấu đạt, nhưng đều không được hưởng lộc trọn vẹn, duy người em thứ hai làm Hiếu liêm, dung mạo kỳ vĩ, tư chất không tầm thường, tướng đại quý rõ rệt, tuổi lại rất thọ, người hãy nhớ lời ta nói.

① *Giang Biểu truyện* chép: Lúc Kiên làm Hạ Bi thừa, mới sinh Quyền, mặt vuông miệng rộng, mắt có tinh quang, Kiên rất kinh lạ, cho là có quý tướng. Lúc Kiên chết, Sách khởi sự ở Giang Đông, Quyền thường đi theo làm tùy tùng.

Quyền bản tính độ lượng rộng rãi, nhân ái nhưng rất quyết đoán, thích người hào hiệp lại hay giúp đỡ kẻ sĩ, bắt đầu có tiếng tăm,

¹ Vào thời Hán, quan lại được xét cử theo hai yếu tố là “hiếu thuận” và “liêm khiết”, để lấy ra người đỗ “Hiếu liêm”, đây là xét ở cấp quận. Sau đó ở châu lại xét trong các “Hiếu liêm” để chọn ra “Mậu tài”, rồi trong các “Mậu tài” lại chọn ra người làm “Phụng nghĩa Hiệu úy.” Tôn Quyền làm hành Phụng nghĩa Hiệu úy, tức là tạm giữ chức ấy.

đã sánh ngang với cha anh rồi. Quyền thường tham dự cùng bàn kế, Sách rất kinh ngạc về Quyền, tự cho là mình không theo kịp. Mỗi lần mời hội tân khách, Sách thường quay sang Quyền bảo:

- Các ngài đây, đều là tướng của người vậy.

Năm Kiến An thứ tư, Quyền theo Sách đi đánh Thái thú Lưu Giang là Lưu Huân. Huân bị phá, lại tiến đánh Hoàng Tổ ở Sa Tiễn.

Năm thứ năm, Sách chết, đem việc phó thác cho Quyền, Quyền gào khóc mãi không thôi. Trưởng sử của Sách là Trương Chiêu bảo Quyền rằng:

- Hiếu liêm, giờ há phải là lúc khóc than? Và lại Chu công lập phép tắc mà Bá Cầm chẳng theo, đấy không phải là trái mệnh cha, mà là bấy giờ chẳng theo được vậy.⁽¹⁾ ① Huống chi hiện nay trộm gian tranh giành, lang sói đầy đường, nếu vẫn thương khóc người thân, cố giữ lễ chế, thế cũng như mở cửa đón cường đạo, không thể xem là nhân được.

Bèn cởi bỏ tang phục của Quyền, đỡ Quyền lên ngựa, đi ra ngoài tuần xét quân doanh.

Thời ấy Quyền chỉ có năm quận là: Cối Kê, Ngô Quận, Đan Dương, Dự Chương và Lư Lăng, nhưng các nơi xa hiểm vẫn chưa theo về, mà anh hào trong thiên hạ ở rải rác khắp châu quận, tân khách và kẻ sĩ sống nhờ trong vùng chỉ xem an nguy mà tùy ý đến hoặc đi, chưa có cái vững chắc của đạo quân thần. Bọn Trương Chiêu, Chu Du cho là có thể cùng Quyền chung dựng đại nghiệp, nên can tâm dốc lòng phụng sự. Tào công

¹ Bá Cầm (伯禽) là con trưởng của Chu Công Đán, Chu Công Đán được phong tước Công ở đất Lỗ, không đi, sai con trưởng là Bá Cầm tới đảm nhận, tự mình ở lại Cáo Kinh cùng Triệu Công Thích phò tá Thiên tử, Bá Cầm nhận phong ở đất Lỗ nên được gọi là Lỗ công Bá Cầm. Theo lễ của nhà Chu, cha mẹ chết thì con phải chịu tang ba năm. Mẹ Bá Cầm chết lúc giặc Nhung làm loạn, Bá Cầm lấy việc nước làm trọng, cho dừng việc phục tang, đem quân đi đánh dẹp giặc Nhung.

dâng biểu tiến cử Quyền làm Thảo lộ tướng quân, lĩnh Thái thú Cối Kê, đóng ở Ngô Quận, phái Sử thừa đến quận tạm giúp việc văn thư. Quyền lấy lễ sư phó đối đãi với Chiêu, còn bọn Chu Du, Trình Phổ, Lã Phạm làm tướng soái. Chiêu nạp những kẻ có tài lạ, dùng lễ vời danh sĩ, bọn Lỗ Túc, Gia Cát Cẩn bắt đầu làm tân khách. Quyền phân phái sắp xếp chư tướng, trấn áp vỗ yên người Sơn Việt, đánh dẹp kẻ không theo mệnh.^②

① Thân Tùng Chi xét sách *Lễ ký thiên Tăng tử vấn*, Từ Hạ hỏi:

- Trong thời gian cư tang ba năm, việc binh đao không tránh, là lễ chẳng? Hay ban đầu đã có cơ chế cho việc đó?

Khổng tử nói:

- Ta nghe Lão tử nói, khi xưa Lỗ công là Bá Cầm đã làm việc đó.⁽¹⁾

Trình Huyền chú rằng: Người nhà Chu trước lễ "tốt khóc"⁽²⁾ vẫn trị lý quốc sự. Bấy giờ có giặc Từ Nhung tác loạn, Bá Cầm dùng khóc mà đi đánh chúng, đó là ra sức vì việc của nhà vua.

Lời nói "Bá Cầm chẳng theo" của Chiêu, đại khái là trở vào việc này vậy.

② *Giang Biểu truyện* chép: Khi trước Sách dâng biểu xin dùng Lý Thuật làm Thái thú Lư Giang, sau khi Sách chết, Thuật không chịu phụng sự Quyền, mà thu nạp rất nhiều kẻ trốn phản. Quyền đưa thư truy tầm, Thuật đáp lại rằng:

- Có đức thì được người ta theo, không có đức thì bị phản, ta không trả họ cho người.

Quyền cả giận, đem thực trạng bạch lên Tào công rằng:

"Nghiêm Thứ sử trước đây do Công bố dụng, lại là người được châu cử làm tướng, nhưng Lý Thuật hung ác, khinh phạm phép chế của nhà

¹ Tăng Sâm (Tăng tử), Bốc Tử Thương (Từ Hạ), đều là đệ tử nổi tiếng của Khổng tử. Đoạn này trong sách *Lễ ký* là bàn về lễ chế trong lúc cư tang.

² Thời xưa quy định rằng, cha mẹ chết, con cái phải để tang ba năm. Trong vòng trăm ngày từ lúc có tang, khóc lóc không dừng, các việc đều hoãn. Sau khi cúng tế trăm ngày, việc khóc tang bắt kể thời gian sẽ được thay bằng cách chỉ khóc một lần trong ngày, lễ đó gọi là lễ tốt khóc (dùng khóc).

Hán, tàn hại trưởng quan của châu, dung túng bọn vô đạo, nên mau chóng tru diệt, để trừng trị bọn xấu. Nay ta muốn đánh dẹp hấn, tiến thì vì quốc triều quét trừ kinh nghệ, lui thì vì tướng được châu cả mà báo thù lấp oán cừu, đây là việc làm thối đại nghĩa với thiên hạ, là điều mà sớm khuya ta tâm nguyện. Thuật ắt sợ bị giết, lại dối trá đưa lời cầu cứu với ngài. Cái mà mình công nắm giữ, là chức phận A hành,¹ là người khắp hải nội ngóng trông, mong ngài sắc mệnh cho thuộc hạ, chớ theo lời hấn."

Năm ấy Quyền cất binh đánh Thuật ở Hoán Thành. Thuật đóng cửa tự giữ, cầu cứu với Tào công. Tào công không cứu. Lương thực hết nhẵn, phụ nữ có người phải vo đất bùn mà nuốt. Cuối cùng Quyền diệt sạch thành ấy, chém bêu đầu Thuật, dời bộ khúc của Thuật hơn ba vạn người đến xứ khác.

Năm thứ bảy, mẹ của Quyền là Ngô thị mất.

Năm thứ tám, Quyền sang tây đánh Hoàng Tổ, phá thủy quân của hấn, duy có thành trì là chưa hạ được, nhưng sơn khẩu lại động loạn. Quyền quay về qua Dự Chương, sai Lã Phạm bình huyện Bà Dương, Trình Phổ dẹp huyện Lạc An, Thái Sứ Từ quản huyện Hải Hôn, còn bọn Hàn Dương, Chu Thái, Lã Mông chia nhau làm Trưởng quan ở các huyện.

Năm thứ chín, em của Quyền là Dực làm Thái thú Đan Dương bị tả hữu của mình giết hại, Quyền dùng anh họ của mình là Du thay chức của Dực.^①

① *Ngô lục* chép: Bấy giờ Quyền đại hội quan viên, Thấm Hữu bị người ta bàn luận, Quyền sai người kéo hấn ra, bảo rằng:

- Người ta nói khanh muốn phản.

Hữu biết là không thoát được, bèn nói:

- Chúa thượng ở huyện Hứa, trong lòng người không có quân vương, có thể bảo mình không phản chăng?

Quyền bèn giết Hữu.

¹ A hành (阿衡), xem chú thích ở tập IV, quyển 16, trang 41 (Trịnh Hồn truyện).

Hữu tự Từ Chính, người Ngô Quận. Năm Hữu mười một tuổi, Hoa Hâm đi tuần xét phong tục, gặp Hữu lấy làm lạ, liền gọi to rằng:

- Thấm lang, lên xe cùng nói chuyện được chăng?

Hữu rụt rè lùi lại nói:

- Quân tử giao kết, gặp nhau dùng lễ mời hội yến, nay nhân nghĩa đổ nát, thánh đạo tan vỡ, tiên sinh vâng mệnh người khác, muốn dùng giáo huấn của tiên vương để bổ vá, chỉnh tu phong tục, mà xem nhẹ uy nghi, cũng như vác củi cứu hỏa, há chẳng phải khiến lửa càng cháy mạnh sao?

Hâm xấu hổ nói:

- Từ thời Hoàn, Linh đến nay, tuy lắm kẻ sĩ tài đức hơn người, chưa thấy ai nhỏ tuổi mà được thế này.

Năm Hữu hai mươi tuổi, học văn uyên bác, sách vở đa phần đọc nhuỷ, khéo soạn văn chương. Kiêm giỏi việc võ, chú giải binh pháp của Tôn Tử. Lại biện bác miệng lưỡi, mỗi lời Hữu nói ra, chúng nhân đều cho là mặc nhiên, chẳng ai đối đáp được, hết thấy đều nói là Hữu bút diệu, lưỡi diệu, đao diệu, ba thứ ấy đều kỳ tuyệt hơn người. Quyền dùng lễ đón mời, Hữu đến, luận về sách lược bá vương, các việc đương thời, Quyền nghiêm túc cung kính lắng nghe. Hữu lại bày kế nuốt Kinh châu, Quyền thu nạp kế ấy.

Hữu lên châu đứng thẳng, nghi biểu trang trọng, nghị luận chính trực nghiêm túc, bị hèn thần gièm, vu là mưu phản. Quyền cũng bởi Hữu không ra sức tận trung vì mình, cho nên giết hại, năm ấy Hữu hai mươi chín tuổi.

Năm thứ mười, Quyền sai Hạ Tề đi đánh dẹp Thượng Nhiêu, tách lập huyện Kiến Bình.

Năm thứ mười hai, tây chinh Hoàng Tổ, bắt dân chúng ở đấy rồi quay về.

Năm thứ mười ba mùa xuân, Quyền lại đi đánh Hoàng Tổ, Tổ trước tiên phái thủy quân cự quân của Quyền, Đô úy Lã Mông phá quân tiên phong của Tổ, còn bọn Lăng Thống, Đồng Tập đem hết quân tinh nhuệ đánh Tổ, bèn giết sạch người ở thành

ấy. Tổ một mình thoát thân chạy trốn, tên quân kỵ là Phùng Tắc đuổi theo chém bêu đầu hắn, Quyền bắt sống được nam nữ mấy vạn khẩu. Năm ấy, sai Hạ Tề đánh dẹp huyện Y, Hấp, phân huyện Hấp thành các huyện Thủy Tân, Tân Định,^① Lê Dương, Hưu Dương,^② lấy sáu huyện lập quận Tân Đô.

Kinh châu mục là Lưu Biểu chết, Lỗ Túc xin phụng mệnh đến chỗ hai con của Biểu thăm viếng, vừa để quan sát sự biến. Túc chưa đến, thì Tào công đã áp sát biên cảnh Kinh châu, con của Biểu là Tông đem quân dân ra hàng. Lưu Bị muốn xuôi nam qua sông, Túc cùng Bị tương kiến, nhân đó truyền ý chỉ của Quyền, giúp bày tỏ thành bại. Bị tiến đến trụ giữ Hạ Khẩu, sai Gia Cát Lượng đến gặp Quyền, Quyền phái bọn Chu Du, Trình Phổ khởi hành.

Bấy giờ Tào công mới thu bộ chúng của Biểu, thanh thế rất thịnh, mọi người nghị bàn đều ngóng gió mà kinh hãi, đa phần khuyên Quyền nghênh đón Tào công.^③ Duy có Du, Túc nghị bàn giữ ý chống, hợp ý Quyền. Du, Phổ làm Tả Hữu đốc, đều lĩnh một vạn quân, cùng Bị nhất loạt tiến, gặp nhau ở Xích Bích, đại phá quân của Tào công. Công đốt thuyền bè còn lại của mình rồi dẫn quân lui về, sĩ tốt đói khát sinh bệnh, chết quá nửa. Bọn Bị, Du lại truy đuổi đến tận Nam Quận, Tào công bèn quay về bắc, lưu Tào Nhân, Từ Hoảng ở lại Giang Lăng, sai Nhạc Tiến trấn thủ Tương Dương.

Lúc Cam Ninh ở tại Di Lăng, bị đồng bọn của Nhân bao vây, Quyền dùng kế của Lã Mông, lưu Lăng Thống lại cự Nhân, dùng một nửa quân của Thống đi cứu Ninh, quân vì thế thắng ngược. Quyền thân thống suất bộ chúng vây Hợp Phì, sai Trương Chiêu đánh huyện Đương Đồ quận Cửu Giang. Quân của Chiêu bất lợi, Quyền đánh thành hơn tháng không hạ nổi. Tào công từ Kinh châu quay về bắc, phái Trương Hỷ đem quân kỵ đến Hợp Phì. Chưa đến nơi, Quyền đã lui binh.

① Ngô lục chép: Nhà Tấn đổi huyện Tân Định thành huyện Toại An.

② Ngô lục chép: Nhà Tấn đổi huyện Dương Hưu thành huyện Hải Ninh.

③ *Giang Biểu* truyện chép thư Tào công gửi Quyền rằng:

"Gần đây ta phụng chiếu đánh kẻ có tội, cờ mao trở về nam, Lưu Tông chịu bó tay. Nay ta cầm tám chục vạn quân thủy bộ, đang muốn cùng tướng quân hội sấn ở đất Ngô."

Quyền được thư đem báo với quần thần, chẳng ai không ngạc nhiên thất sắc.

Năm thứ mười bốn, Du, Nhân thủ giữ nhau hơn một năm, quân sĩ chết và bị thương của cả hai bên rất nhiều. Nhân bỏ thành chạy. Quyền lấy Du làm Thái thú Nam Quận. Lưu Bị dâng biểu tiến cử Quyền làm hành Xa kỵ tướng quân, lĩnh Từ châu mục. Bị lĩnh Kinh châu mục, đóng đồn ở Công An.

Năm thứ mười lăm, tách quận Dự Chương lập quận Bà Dương; chia quận Trường Sa lập quận Hán Xương, lấy Lỗ Túc làm Thái thú, đóng đồn ở Lục Khẩu.

Năm thứ mười sáu, Quyền dời sở trị về Mạt Lăng. Năm sau, đắp thành Thạch Đầu, đổi Mạt Lăng thành Kiến Nghiệp. Nghe tin Tào công sắp đến xâm phạm, Quyền lập lũy Nhu Tu.

Năm thứ mười tám tháng giêng, Tào công đánh Nhu Tu, Quyền cùng Tào công chống đánh hơn một tháng trời. Tào công từ xa trông sang quân của Quyền, khen quân bên ấy ngay ngắn tề chỉnh, rồi lui về.①

Khi trước, Tào công sợ các quận huyện ở bên sông bị Quyền cướp phá, bèn phát lệnh dời dân vào phía trong. Dân chúng kinh sợ truyền tai nhau, hơn chục vạn hộ dân từ Lư Giang, Cửu Giang, Kỳ Xuân, Quảng Lăng đều qua sông sang đông, phía tây sông thành trống rỗng, từ Hợp Phì xuôi nam chỉ còn Hoán Thành.

① *Ngô lịch* chép: Tào công tiến ra Nhu Tu, chế thuyền bọc da trâu chứa dầu, ban đêm vượt sông lên bãi cù lao. Quyền dùng thủy quân vây kín, bắt được hơn ba nghìn người, số bị chết đuối cũng mấy nghìn. Quyền mấy lần khiêu chiến, Công giữ vững không ra. Quyền bèn tự đến, cưỡi thuyền nhẹ, từ cửa Nhu Tu hướng đến chỗ quân của Công. Chư tướng đều cho là bên ấy khiêu chiến, muốn đánh họ. Công nói:

- Đây tất là Tôn Quyền muốn thân đến xem bộ ngũ của quân ta vậy.

Bèn hạ sắc lệnh cho trung quân đều phải hết sức nghiêm chỉnh, cung nỏ không được bắn bừa. Quyền đi năm, sáu dặm, rồi vòng lại gõ trống thổi tù và. Công thấy thuyền bè khí tượng quân ngũ chỉnh tề, bùi ngùi than rằng:

- Sinh con nên được như Tôn Trọng Mưu, chứ con của Lưu Cảnh Thằng chỉ như chó lợn thôi.

Quyền viết thư gửi Tào công, khuyên:

"Mùa xuân nước sông đang dâng, Công nên mau chóng về đi."

Mặt giấy kia viết rằng:

"Túc hạ không chết, Cô chẳng được yên."

Tào công nói với chư tướng rằng:

- Tôn Quyền chẳng lừa dối Cô.

Rồi triệt quân quay về.

Nguy lược chép: Quyền cưỡi thuyền lớn đến xem quân, Công sai quân cung nỏ bắn loạn xạ, tên bám vào thuyền của Quyền, thuyền nghiêng lệch sắp chìm, Quyền nhân đó quay đầu thuyền, lại để cho một mặt đón tên, tên bám đầy làm thuyền thẳng bằng, bèn quay về.

Năm thứ mười chín tháng năm, Quyền đi đánh Hoán Thành. Tháng nhuận, đánh được, bắt sống Thái thú Lư Giang là Chu Quang cùng Tham quân là Đồng Hòa, nam nữ mấy vạn khẩu.

Năm ấy Lưu Bị bình Thục. Quyền vì Bị đã lấy được Ích châu, lệnh sai Gia Cát Cẩn tới đòi các quận Kinh châu. Bị không đồng ý, nói:

- Ta đang mưu lấy Lương châu, định được Lương châu, ta sẽ đem hết Kinh châu giao trả cho Ngô thôi.

Quyền nói:

- Thế là mượn mà không trả, lại muốn dùng lời hảo để kéo dài ngày tháng.

Bèn bố trí đặt trường lại ở ba quận phía nam, Quan Vũ liền đuổi hết bọn ấy. Quyền cả giận, bèn phái Lã Mông đốc suất bọn Tiên Vu Đan, Từ Trung, Tôn Quy đem hai vạn binh đánh lấy ba quận Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng, sai Lỗ Túc đem một vạn người đóng ở Ba Khâu^① để ngăn Quan Vũ. Quyền trú ở Lục Khẩu, để điều phối chư quân. Mông đến nơi, hai quận đều phục tùng, duy có Thái thú Linh Lăng là Hác Phổ chưa hàng. Vừa lúc Bị đến Công An, sai Quan Vũ đem ba vạn binh đến Ích Dương, Quyền bèn triệu bọn Mông sai quay về hỗ trợ Túc. Mông sai người dụ Phổ, Phổ hàng, thu được hết các tướng và quận thú của ba quận, vì thế dẫn quân về, cùng với Tôn Kiêu, Phan Chương hợp với quân của Lỗ Túc cùng tiến, ngăn Vũ ở Ích Dương. Còn chưa giao chiến, vừa gặp lúc Tào công xâm nhập Hán Trung, Bị sợ mất Ích châu, sai sứ cầu hòa. Quyền lệnh cho Gia Cát Cẩn đáp lại, lần nữa lập minh ước kết hảo, bèn phân chia Kinh châu từ Trường Sa, Giang Hạ, Quế Dương về đông thuộc về Quyền, từ Nam Quận, Linh Lăng, Vũ Lăng sang tây thuộc Bị. Bị quay về, nhưng Tào công đã lui quân.

Quyền từ Lục Khẩu lui về, bèn đi đánh Hợp Phì. Hợp Phì chưa hạ được, triệt quân về đông. Binh sĩ đều đang trên đường, Quyền cùng bọn Lăng Thống, Cam Ninh đang ở bờ bắc bị tướng nước Ngụy là Trương Liêu tập kích, bọn Thống liền chết bảo vệ Quyền, Quyền cuờn tuấn mã vượt qua cầu thoát được.^②

① Ba Khâu nay là Ba Lăng.

② *Hiển để Xuân Thu* chép: Trương Liêu hỏi hàng nhân người Ngô rằng:

- Vừa nãy có vị tướng quân râu tía, lưng dài chân ngắn, cưỡi con ngựa chạy nhanh bắn cung giỏi, là ai thế?

Hàng nhân đáp rằng:

- Đó là Tôn Cối Kê.

Liêu và Nhạc Tiến gặp nhau, nói rằng: chẳng sớm biết đó là Quyền, để gấp rút đuổi bắt, toàn quân than tức oán hận.

Giang Biểu truyện chép: Quyền cưỡi tuần mã ở trên cầu, phía nam cầu đã bị phá nát, hơn một trượng không có ván cầu. Cốc Lợi ở phía sau ngựa, bảo Quyền giữ chắc yên gò cương, Lợi ở phía sau vung roi, để trợ sức ngựa, mới vượt qua được bên kia. Quyền thoát được, lập tức bái Lợi làm Đô đình hầu. Cốc Lợi, vốn là người phục dịch ở bên cạnh Quyền, vì cẩn thận thẳng thắn được làm người giám sát thân cận, bản tính trung thực quả cảm lại rất cứng cỏi, nói năng không cầu thả, Quyền yêu mến tin tưởng Lợi.

Năm thứ hai mươi một mùa đông, Tào công tiến quân trú ở Cư Sào, rồi đánh Nhu Tu.

Năm thứ hai mươi hai mùa xuân, Quyền lệnh cho Đô úy là Từ Tường đến chỗ Tào công xin hàng, Công đáp lại sai sứ tới giao hiếu, trịnh trọng ước thệ kết hôn nhân.

Năm thứ hai mươi ba tháng mười, Quyền đi sang Ngô Quận, tự mình cưỡi ngựa bắn hổ ở Hào Đình. Con ngựa mà Quyền cưỡi bị hổ đá thương, Quyền ném cung dùng song kích, hổ bị thương lui chạy, người thường đi theo Quyền là Trương Thế dùng giáo đánh hổ, bắt được.

Năm thứ hai mươi bốn, Quan Vũ vây Tào Nhân ở Tương Dương, Tào công phái Tả tướng quân Vu Cấm cứu Nhân. Đúng lúc nước sông Hán chợt dâng, Vũ dùng thủy quân bắt sống hết được ba vạn quân bộ kỵ của bọn Cấm đưa về Giang Lăng, duy có thành trì là chưa hạ được. Quyền bên trong kiêng sợ Vũ, bề ngoài lại muốn lập công riêng, bèn viết thư gửi Tào công, xin tự mình hết sức đánh dẹp Vũ. Tào công lại muốn cho Vũ và

Quyền cầm giữ để đấu với nhau, bèn cho ngựa trạm đưa thư cho Quyền, nhưng sai Tào Nhân dùng cung bắn tên vào thành bảo cho Vũ biết. Vũ do dự bất quyết.

Tháng nhuận, Quyền đi đánh Vũ, phái Lã Mông đánh úp Công An trước, bắt sống tướng quân là Sĩ Nhân. Mông đến Nam Quận, Thái thú Nam Quận là My Phương đem cả thành ra hàng. Mông chiếm Giang Lăng, phủ dụ già trẻ ở đấy, thả Vu Cấm ra tù. Lục Tốn cầm riêng quân đánh lấy Nghi Đô, thu được Tỷ Quy, Chi Giang, Di Đạo, rồi quay về đóng đồn ở Di Lăng, giữ Giáp Khẩu phòng bị quân Thục. Quan Vũ chạy về Dương Dương, sang tây giữ Mạch Thành. Sứ giả của Quyền đến dụ Vũ. Vũ trá hàng, cầm cờ hiệu và giả làm tượng người ở trên thành, nhân đó chạy trốn, binh lính đều tan tác hết, còn có hơn chục quân kỵ đi theo. Quyền phái Phan Chương, Chu Nhiên cắt đứt đường tắt của Vũ trước. Tháng mười hai, Tư mã của Chương là Mã Trung bắt sống Vũ cùng con của Vũ là Bình, và bọn Đô đốc là Triệu Lũy ở Chương Hương, vì thế định được Kinh châu.

Năm ấy có đại dịch, Quyền miễn tô thuế cho dân chúng Kinh châu. Tào công dâng biểu tiến cử Quyền làm Phiêu kỵ tướng quân, ban Giả tiết lĩnh Kinh châu mục, phong tước Nam Xương hầu. Quyền phái Hiệu úy Lương Ngụ dâng cống vật lên vua Hán, và lệnh cho Vương Đôn mua ngựa, lại phái bọn Chu Quang quay về bắc.^①

① *Ngụy lược* chép: Lương Ngụ tự Khổng Nho, người Ngô Quận. Quyền phái Ngụ từ xa dò xét Tào công, Tào công nhân đó cho làm Duyện, lại phái đi Hoài Nam.

Năm thứ hai mươi lăm mùa xuân tháng giêng, Tào công mất, Thái tử là Phi thay làm Thừa tướng Ngụy vương, đổi niên hiệu là Diên Khang. Mùa thu, tướng nước Ngụy là Mai Phu sai Trương Kiệm cầu kiến xin được thu nhận. Năm nghìn nhà dân

ở năm huyện của quận Nam Dương là Âm, Toàn, Trúc Dương, Sơn Đô, Trung Lô đến nương cấy. Mùa đông, Vương nổi tự nước Ngụy xưng tôn hiệu, đổi niên hiệu là Hoàng Sơ.

Năm thứ hai tháng tư, Lưu Bị xưng Đế ở Thục.^①

Quyền từ Công An tới huyện Ngạc định đô, đổi tên huyện thành Vũ Xương, lấy sáu huyện là Vũ Xương, Hạ Trĩ, Tầm Dương, Dương Tân, Sài Tang, Sa Tiễn lập thành quận Vũ Xương. Tháng năm, người ở Kiến Nghiệp nói có sương móc giáng. Tháng tám, đắp thành Vũ Xương, hạ lệnh cho chư tướng rằng:

"Còn chẳng thể quên lúc mất, yên tất phải lo lúc nguy, là lời giáo huấn hữu ích thời cổ. Xưa kia Tuấn Bất Nghi⁽¹⁾ là danh thần nhà Hán, vào lúc thời thế yên bình mà đao kiếm chẳng rời thân, đại để đó là vũ khí phòng thân của người quân tử, chẳng nên rời xa. Huống chi nay thân ở ven biên, giao tiếp với sài lang, mà có thể sao nhãng khinh thường chẳng nghĩ đến tai biến nguy hiểm sao? Gần đây nghe nói chư tướng ra vào, đều chuộng khiếm hư giản ước, chẳng đeo binh khí không đem thị tông, rất trái với lời dạy lo phòng bị yêu tiếc bản thân. Ôi, giữ mình lưu danh, để yên lòng vua và người thân, có gì là nguy nhục? Các ngươi rất nên cảnh giới, nhất thiết phải đặc biệt coi trọng việc ấy, để xứng với ý nguyện của Cô."

Từ khi Ngụy Văn đế lên ngôi, Quyền sai sứ đến xưng là phiên thần, và thả bọn Vu Cấm về.

Tháng mười một, Đế sách mệnh cho Quyền rằng:

"Cái khuôn phép của bậc Thánh vương, là lấy đức để đặt tước, lấy công để định lộc; công lớn thì lộc hậu, đức thịnh thì lễ dày. Cho nên

¹ Tuấn Bất Nghi (雋不疑), tự Mạn Thiển (曼倩), người quận Bột Hải, sống vào thời các vua Hán Vũ đế, Hán Chiêu đế nhà Tây Hán. Ban đầu làm văn học ở quận, sau được tiến cử, làm Thứ sử Thanh châu, Kinh Triệu doãn, rất được Đại tướng quân Hoắc Quang và Chiêu đế khen ngợi, uy danh lẫy lừng, quan lại triều đình tự thẹn là không bằng được. Hoắc Quang muốn đem con gái gả cho, nhưng Bất Nghi quyết từ chối.

Thức Đán có công huân phù tá, Thái Công có công lao thi triển hùng tài, đều được mở mang thổ nhượng, đều nhận đủ khí vật, đây là để biểu chương cái công lao to lớn, đặc biệt khác thường của bậc hiền trí vậy. Gần đây Hán Cao tổ lúc mới thụ mệnh, chia vùng đất tốt cho tám vị vương khác họ, đây là việc hay của đời trước, là khuôn mẫu cho các bậc vương đời sau vậy."

"Trẫm vốn bất đức, vâng vận số ứng thiên mệnh, làm quân vương xét soi vạn cõi, chấp chương thống ngự thiên cơ, nghĩ việc sánh với đời xưa, ngồi mà đợi sáng. Xét thấy ngài tư chất trời sinh trung thành sáng trí, tài năng tế thế xứng đáng làm người phụ tá, thấy rõ lịch số, thấu lẽ phế hưng, ở nơi xa sai phái sứ giả, vượt sông Tiềm, sông Hán về triều kiến. ② Trông gió theo bóng quy thuận, dâng sớ xin làm phiên thần, lại nạp tơ lụa của phương nam làm cống vật, thả chư tướng đang lưu lạc về lại bản triều, sự trung thành cung kính phát ra ở bên trong, lời khẩn khoản thành kính tỏ rõ ở bên ngoài, tín nghĩa khắc sâu vào vàng đá, đại nghĩa bao trùm cả núi sông, trẫm rất ngợi khen. Nay phong ngài làm Ngô vương, sai sứ cầm cờ tiết Thái thường Cao Bình hầu là Hình Trinh, trao cho ngài ấn thụ, phù sách, kim hồ phù từ số một đến số năm, tả trúc sử phù từ số một đến số mười, làm Đại tướng quân cầm cờ tiết đốc Giao châu, cai quản các việc ở Kinh châu, ban cho ngài đất xanh, gói dùng cỏ bạch mao, biểu dương chính lệnh của trẫm, để cai trị các nước ở miền đông. Trước đây đã trao cho ngài ấn thụ phù sách Phiêu kỵ tướng quân Nam Xương hầu. Nay lại gia thêm cho ngài cửu tích, hãy cung kính nghe mệnh trẫm."

"Vì ngài võ yên xứ đông nam, lập kỷ cương ở Giang ngoại, dân Di được an nghiệp, không có kẻ hai lòng, thế nên trẫm ban cho ngài xe lớn, xe binh mỗi thứ một cỗ, bốn đôi ngựa đực màu đen. Ngài chăm lo việc làm ra của cải khuyến khích việc nhà nông, kho dựn chất chồng, thế nên trẫm ban cho ngài y phục là áo cổn và mũ miện, giày đỏ một đôi. Ngài dùng đức để cảm hóa dân, lễ giáo thịnh hành, thế nên trẫm ban cho ngài khúc nhạc Hiền huyền. Ngài chỉ lối tuyên dương phong

tục tốt lành, phủ dụ vỗ về dân Bách Việt, thế nên trăm ban cho ngài được ở nhà cửa đồ. Ngài trừ vận mưu hay, nhậm dụng quan lại hiền tài, thế nên trăm ban cho ngài được nạp bệ.⁽¹⁾ Ngài trung dũng hăng hái, dẹp trừ kẻ gian ác, thế nên trăm ban cho ngài một trăm quân hồ bôn. Ngài uy chấn phương xa, gắng sức ở Kinh Nam, diệt trừ bêu đầu lũ hung xấu, kẻ có tội bị giết, vì thế trăm ban cho ngài phủ việt mỗi thứ một cái. Ngài văn hòa mục ở trong, võ tín nghĩa bên ngoài, thế nên trăm ban cho ngài cung đồ một chiếc, tên đồ trăm cây, cung đen mười chiếc, tên đen nghìn cây. Ngài lấy sự trung kính làm căn bản, lấy cung kiệm làm đức, thế nên trăm ban cho ngài một vò rượu nếp đen, một đôi cốc uống rượu bằng ngọc khuê.”

“Kính thay! Ngài hãy thận trọng bày giáo huấn điển chương, phục tùng chính lệnh của trăm, để ra sức giúp quốc gia, ngài sẽ mãi mãi được hiển danh rạng rỡ.”

Năm ấy, Lưu Bị thống suất quân tới đánh, đến Vu Sơn, Tỳ Quy, sai sứ giả dụ dỗ người Man Di ở Vũ Lăng, giả trao cho họ ấn thụ, hứa phong thưởng cho họ. Vì thế các huyện cùng dân chúng ở Ngũ Khê đều làm phản giúp Thục. Quyền lấy Lục Tốn làm Đô đốc, đốc suất bọn Chu Nhiên, Phan Chương để cự Thục. Phái Đô úy là Triệu Tư đi sứ nước Ngụy.

Ngụy đế hỏi rằng:

- Ngô vương là vị chúa thế nào?

Tư đáp rằng:

- Thông minh nhân trí, là vị chúa hùng lược vậy.

Để hỏi thực trạng những lời ấy, Tư nói:

- Thu nhận Lỗ Lức ở chốn phàm tục, đó là cái thông của chúa vậy; đề bạt Lã Mông ở chốn hành trận, đó là cái minh của chúa

¹ Nạp bệ tức là đục ở thêm cung điện thành các bậc, vua ngồi trên điện, quần thần châu ở dưới, có số từ bầm báo thi trình, quan hầu cận trèo bậc xuống lấy tấu sớ rồi trèo lên dâng.

vậy; bắt được Vu Cấm mà không giết hại, đó là cái nhân của chúa vậy; lấy Kinh châu mà binh khí không vấy máu, đó là cái trí của chúa vậy; giữ ba châu như hổ ngồi nhìn thiên hạ; đó là cái hùng của chúa vậy; nay khuất thân với bệ hạ, đó là cái lược của chúa vậy.^③

Để muốn sách phong cho con của Quyền là Đăng, Quyền vì Đăng nhỏ tuổi, dâng thư từ chối tước phong, lần nữa phái Tây tào duệ là Thẩm Hành bày tỏ tạ ý chỉ, đồng thời dâng lên sản vật ở địa phương.^④ Rồi lập Đăng làm Vương thái tử.^⑤

① *Ngụy lược* chép: Quyền nghe nói Ngụy Văn đế thụ thiên mà Lưu Bị xưng Đế, bèn gọi người xem thiên văn hỏi, rằng trong bờ cõi của mình tinh khí như thế nào, nhân đó có ý tiếm hiệu. Nhưng thấy thứ vị còn kém, không đủ để ra oai với mọi người, bèn có ý hãy hạ mình trước rồi sau này ngồi ở ngôi cao, vì hạ mình với người thì có thể mượn cơ được Ngụy ban sủng, sau khi chiếm ngôi cao thì Ngụy tất đến đánh, Ngụy đến đánh thì mới có thể lấy đó để kích nộ dân chúng, dân chúng tức giận thì uy vọng của mình tự được đề cao, vì thế ngầm cự tuyệt nước Thục mà riêng thờ nước Ngụy.

② Vũ Cống nói: Tiềm, Đà là dòng nước, chú rằng: "Dòng nước từ sông Giang chảy ra gọi là sông Đà, từ sông Hán chảy ra gọi là sông Tiềm."

Giang Biểu truyện chép: Quần thần của Quyền nghị bàn, cho rằng nên xưng chức Thượng tướng quân Cửu châu bá, không nên chịu thụ phong của nước Ngụy. Quyền nói:

- Danh hiệu Cửu châu bá, từ xưa chưa nghe nói. Trước kia Bái công cũng chịu sự bá phong của Hạng Vũ làm Hán vương,⁽¹⁾ đấy đại khái là kế quyền nghi lúc này thôi, có tổn hại gì đâu?

Bèn nhận thụ phong.

¹ Hạng Vũ và chư hầu đánh nhà Tần, xưng làm Tây Sở bá vương, cầm đầu quần hùng, phong đất và tước vị cho các tướng chư hầu, Hán Cao tổ Lưu Bang được phong làm Hán vương ở đất Hán Trung, sau này đánh diệt Hạng Vũ, lập nhà Hán.

Tôn Thịnh nói: Xưa kia Bá Di, Thúc Tề chẳng chịu khuất thờ nhà Chu,⁽¹⁾ Lỗ Trọng Liên chẳng chịu làm con dân nhà Tần.⁽²⁾ Ôi, cái chí của kẻ thất phu, còn giữ nghĩa không chịu nhục, huống chi là vua của quốc gia hùng mạnh chia ba thiên hạ, mà có thể giữ hai ba khí tiết, hoặc xưng thần hoặc không được sao? Ta xem Ngô, Thục, đều nói là kính thờ nhà Hán, đến như thời Hán, chẳng có ai giữ vững được khí tiết của kẻ bấy tôi, người quân tử vì thế biết là con cháu đời sau của họ chẳng thể xương thịnh, rút cục bị thôn tính bởi đại quốc vậy. Ví thử Quyền theo lời bàn của quần thần, suốt đời xưng là tướng nhà Hán, há đạo nghĩa chẳng thối cả sáu cõi, đức nhân cảm kích đến trăm đời hay sao!

③ Ngô thư chép: Tư tự Đức Độ, người quận Nam Dương, hiểu rộng biết nhiều, ứng đối biện bác mau lẹ, Quyền làm Ngô vương, cất nhắc Tư làm Trung đại phu, sai đi sứ nước Ngụy. Ngụy Văn đế khen, trêu cợt Tư rằng:

- Ngô vương có học hành gì chẳng?

Tư đáp:

- Ngô vương có vạn chiếc thuyền bơi lội sông Giang, quân đeo đai mặc giáp có trăm vạn, dùng kẻ hiền sai khiến người tài, có chí ở chỗ đại lược, dầu có lúc được rồi rồi, vẫn xem rộng kinh truyện sử sách, lựa chọn lấy cái kỳ dị, không bắt buộc bọn học trò tầm chương trích cú mà thôi.

Đế nói:

- Nước Ngô có thể đánh được không?

Tư đáp rằng:

- Đại quốc có quân chinh phạt, tiểu quốc có chỗ vững chắc để phòng bị.

¹ Bá Di (伯夷), Thúc Tề (叔齐): Xem chú thích tập II, quyển 6, trang 85 (Lưu Biểu truyện).

² Lỗ Trọng Liên (魯仲連) là người thời Chiến Quốc. Nước Tần đánh nước Ngụy, vua Ngụy sợ, muốn tôn vua Tần làm Đế, Liên can: “Nước Tần bỏ lễ, chỉ dùng võ lực thôn tính, nếu được tôn làm Đế, Liên này ra biển Đông mà chết chứ không làm dân nước Tần.” Sau này, Tần diệt lục quốc, Liên ra ẩn ngoài bể Đông.

Lại hỏi:

- Cái khó của nước Ngô là nước Ngụy phải không?

Tư nói:

- Quân đeo đai mặc giáp có trăm vạn, sông Giang, sông Hán làm hào lũy, có gì khó đâu?

Lại hỏi:

- Kê như Đại phu ở nước Ngô có được mấy người?

Tư nói:

- Những kẻ thông minh thấu suốt có tài đặc biệt thì tám chín mươi người, kẻ sánh với thần, lấy xe mà chờ, lấy đấu mà đong, chẳng thể tính xuể.

Tư liên tục đi sứ phương bắc, được người Ngụy kính trọng khác thường. Quyền nghe nói khen ngợi Tư, bái làm Kỵ đô úy. Tư nói:

- Xem ra phương bắc nhất định chẳng thể giữ ước thề, cái kế hôm nay, triều đình nên kế thừa cái nghiệp bốn trăm năm của nhà Hán, ứng vận ở đông nam, nên đổi niên hiệu, chính sắc phục, để ứng trời thuận dân.

Quyền nghe theo.

④ *Ngô thư* chép: Hành tự Trọng Sơn, người Ngô Quận, thời trẻ nhuần nhuyễn kinh sách kỹ nghệ, rất tinh thông Xuân Thu nội, ngoại truyện. Quyền vì Hành lắm trí mưu, chuyên về khả năng đối đáp, bèn sai đi sứ đến nước Ngụy. Ngụy Văn đế hỏi rằng:

- Ngô nghị ngại Ngụy hướng về đông chăng?

Hành nói:

- Không ngại.

Hỏi:

- Vì sao?

Đáp:

- Tin cậy thề ước cũ, nói việc kết thân, vì thế không ngại. Bằng như nước Ngụy thay đổi thề ước, Ngô tự có phòng bị sẵn.

Lại hỏi:

- Trẫm nghe nói Thái tử nước Ngô sắp đến, đúng chẳng?

Hành nói:

- Thần ở Đông triều, vào châu không ngồi cùng, yến tiệc không cùng dự, bằng như có lời này, thực không phải là điều thần nghe được vậy.

Văn đế khen, bèn dẫn Hành đến gần, đàm đạo hết ngày. Hành tùy việc ứng đáp, không chỗ nào chịu khuất.

Hành trở về nói rằng:

- Thần bí mật thăm dò Thị trung Lưu Diệp, thấy mấy lần vì giặc bày gian kế, nhất định chẳng thể tin họ lâu dài được. Thần nghe nói binh gia khi xưa bàn luận, chẳng cậy vào việc địch không xâm lấn ta, mà cậy vào việc ta không thể bị địch xâm phạm, nay thần vì triều đình mà lo lắng. Ta hãy tạm đình chỉ việc lao dịch, chỉ chuyên chú vào nông tang để tăng tiền của cho quân; sửa chữa xe thuyền, tăng thêm chiến cụ, khiến cho mọi thứ đều đầy đủ; phủ dụ nuôi dưỡng quân dân, khiến cho mọi thứ đều ra đó; vờ xét kẻ anh hào tài tuấn, khen thưởng khích lệ tướng sĩ, thì thiên hạ có thể đồ được vậy.

Vì phụng mệnh đi sứ xúng ý, Tư được phong làm Vĩnh An hương hầu, làm quan đến chức Thiếu phủ.

◎ *Giang Biếu truyện* chép: Năm ấy Ngụy Văn đế phái sứ giả đòi cống vật quý hiếm là chim sẻ đầu có mùi hương, sò lớn, ngọc châu, ngà voi, sừng tê, đồi mồi, khổng tước, chim phỉ thúy, vịt chọi, gà gáy lớn.

Quần thần tấu rằng:

- Cống vật của hai châu Kinh, Dương có phép thường, đồ trân quý mà nước Ngụy đòi là phi lễ vậy, chớ nên cống.

Quyền nói:

- Xưa kia Huệ Thi tôn nước Tề làm chủ,⁽¹⁾ người khách căn vặn Huệ Thi rằng: "Cái sở học của ngài là bỏ tôn hiệu, nay lại tôn

¹ Huệ Thi (惠施), người nước Tống thời Chiến Quốc, là chính trị gia, có ý hợp tung kháng Tần, chủ trương Ngụy, Tề, Sở liên kết, tôn nước Tề làm Đế ở phương đông.

nước Tề làm chủ, sao đảo ngược như vậy?" Huệ tử nói: "Có người vì một việc nào đó, muốn đánh vào đầu đứa con yêu của ta, mà đá có thể dùng để thay đầu con ta, đầu của con ta là trọng mà đá kia là vật khinh, lấy cái vật khinh thay cho cái đáng trọng, làm sao không được?" Nay đang có việc ở tây bắc, bách tính ở vùng Giang Biểu, cậy nhờ vào mệnh của vua, họ không phải là con yêu của Cô chăng? Những thứ mà bên kia đòi, với Cô chỉ là ngói là đá thôi, Cô tiếc gì đâu? Bên kia ở trong vùng u ám, mà đòi những vật như thế, há có thể nói về lễ với họ ư!

Rồi chuẩn bị đầy đủ cống vật cho nước Ngụy sai đưa đi.

Năm Hoàng Vũ nguyên niên mùa xuân tháng giêng, bộ thuộc của Lục Tốn là bọn Tướng quân Tống Khiêm đánh năm trại của Thục, đều phá được, chém tướng của các trại ấy. Tháng ba, người huyện Bà Dương nói rằng có rồng vàng hiện ra. Quân Thục chia ra giữ nơi đất hiểm, trước sau hơn năm chục doanh, Tốn tùy theo trại lớn nhỏ đem binh thích ứng chống cự, từ tháng giêng đến tháng sáu nhuận, đại phá được, lâm trận chém đầu và bắt hàng binh đến mấy vạn người. Lưu Bị bỏ chạy, chỉ thoát được bản thân mình.①

① Ngô lịch chép: Quyền sai người đi sứ mang lễ vật đến nước Ngụy, dâng lên hết ấn thụ bắt được trong trận phá Bị cùng thủ cấp, những chỗ đất đai lấy được, đồng thời dâng biểu tỏ ý muốn ban tước thưởng cho cái công lao khó nhọc của tướng sĩ. Văn đế sai sứ đáp lễ, trao cho áo cừ, áo giáp dát bạc sáng bóng, ngựa kéo xe kiệu, lại đem thư chép lại *Diễn luận* và thơ phú của mình làm trao cho Quyền.

Ngụy thư chép tờ chiếu đáp lại rằng:

"Giặc già trú ở hang hốc biên ải, vượt hiểm thâm nhập, cầm giữ nhau đã lâu hao phí tháng ngày, trong thì mệt mỏi cơ cực, ngoài thì trí lực khôn cùng, cho nên đem thân đến Kê Đầu, chia binh định lấy Tây Lăng, kẻ ấy bất quá chỉ có thể chuyển bước theo dấu xưa để lay động Giang Đông. Song gốc rễ chưa bám đất, cành cây đã bị bẻ gãy lìa, tuy chưa moi được ngũ tạng của Bị, nhưng cũng khiến hấn thân thủ phân ly, quân lính của

hắn bị giết và ra hàng, cũng đủ khiến cho bộ chúng của giặc sợ hãi kinh hoàng. Xưa kia Ngô Hán đốt Kinh Môn trước, rồi sau tiến phát đến Di Lăng, mà Tề Dương không có chỗ trốn cái chết; Lai Hấp mới tập kích Lược Dương, Văn Thúc mừng việc ấy, biết rằng Ngỗi Hiêu không có chỗ thi thố cái xảo trá của hắn. Nay đánh dẹp tên giặc này, chính giống việc ấy, tướng quân gắng dựng phương lược, mưu việc chu toàn, đánh chỉ có thắng."

Ban đầu Quyền bề ngoài thác là thờ Ngụy, nhưng không có lòng thành thực. Ngụy bèn phái Thị trung là Tân Bì, Thượng thư là Hoàn Giai đến Ngô cùng lập minh ước, lại triệu con của Quyền tới làm tin, Quyền chối không chịu.

Mùa thu tháng chín, Ngụy bèn lệnh cho bọn Tào Hưu, Trương Liêu, Tang Bá tiến ra Đồng Khẩu, Tào Nhân tiến ra Nhu Tu, Tào Chân, Hạ Hầu Thượng, Trương Cáp, Từ Hoàng vây Nam Quận. Quyền phái bọn Lã Phạm đốc năm cánh quân, đem thủy binh cự bọn Hưu, Gia Cát Cẩn, Phan Chương, Dương Sán cứu Nam Quận, Chu Hoàn lấy thân phận là Nhu Tu đốc cự Nhân. Bấy giờ người Man Di ở Dương, Việt đa phần chưa quy thuận, nội nạn không ngừng, vì thế Quyền dùng lời lẽ nhún nhường dâng thư, xin tự gắng sửa đổi, nói "nếu như tội lỗi của ta thực sự khó tha, tất phải phứt bỏ không được giữ tước phong, ta sẽ dâng trả đất đai và dân chúng, xin gửi thân ở Giao châu, để sống trọn tuổi thừa."

Văn đế đáp thư rằng:

"Người sinh giữa buổi nhiễu nhương, vốn có chí tung hoành, đem thân thờ phụng quốc gia, để hưởng vinh hoa phúc lộc. Từ khi người nhận sách phong đến nay, công nạp đầy đủ. Cái công đánh dẹp Bị, quốc triều dựa vào người mới thành. Chôn táng rồi lại đào lên, đấy là nổi hổ thẹn của người xưa vậy."⁽¹⁾ Giữa trẫm và người, đại nghĩa đã định, há có vui thích phải lao nhọc binh sự đi xa đến vùng Giang Hán?"

¹ Đại khái nói đó là hành vi phản phúc hoặc là nói nhưng lại làm ngược lại (lật lọng).

"Bàn luận ở triều đường, là chỗ mà bậc Vương không được theo ý riêng; Tam công dâng lời kể tội lỗi của người, đều có ngọn ngành. Trẫm vốn chẳng sáng suốt, đâu có môi ngò ném thoi của Tăng mẫu,⁽¹⁾ vẫn mong lời người ta nói chẳng đáng tin, xem đó là phúc của quốc gia. Cho nên lúc trước phái sứ giả đến khao thưởng công lao, lại phái Thượng thư, Thị trung theo đúng như lời nói trước, để định việc giải con làm tin. Người lại thoái thác chối từ, không sai sứ đưa con đến, kẻ bàn luận cho việc ấy là quái lạ." ②

"Lại nữa là Đô úy Hạo Chu trước đây khuyên người phái con đi, thực tế là triều đình và bầy tôi cùng thương lượng kế sách, đây là thử cái thành ý của người, người quả nhiên mượn lời chối từ, ngoài viện dẫn việc Ngõi Hiêu phái con đi mà không có kết quả, trong lại tự ví mình như Đâu Dung luôn giữ lòng trung mà thôi.⁽²⁾ Thế khác thời khác, con người ta đều có tâm địa. Hạo Chu trở về, mở lời bày tỏ ý định của người, càng khiến cho kẻ bàn luận nảy sinh nhiều môi ngò, cái căn bản là trông trước ngó sau, trẫm chẳng có chỗ nào cậy dựa được, nên cúi xuống ngẩng lên phải theo lời quần thần bàn luận. Nay xét biểu chương người dâng lên, lời thành khẩn rất sâu, khiến trẫm trong dạ bồn chồn, động lòng thương cảm. Lập tức trong ngày hạ chiếu, lệnh cho chư quân chỉ được hào sâu lũy cao, không được tiến bừa. Nếu người hết lòng dốc tiết tận trung, để giải tỏa môi ngò, thì buổi sớm Đãng đem thân đến, chiều tôi trẫm sẽ triệu binh về. Lời này thành thật, cũng như sông lớn!" ③

Quyền bèn cải niên hiệu, đến sông Giang chống giữ. Mùa đông tháng mười một, có gió lớn, binh của bọn Phạm chết đuối mấy nghìn người, quân còn lại quay về Giang Nam. Tào Hưu sai

¹ Môi ngò ném thoi của Tăng Mẫu: Xem chú thích ở tập IV, quyển 21, trang 239 (Lưu Dị truyện).

² Ngõi Hiêu gửi con làm tin rút cục vẫn phản Quang Vũ đế, con tin bị giết. Xem chú thích ở tập V, quyển 24, trang 26 (Cao Nhu truyện).

Đâu Dung theo Hán Quang Vũ đế, giữa lúc các thế lực cát cứ nhiều nhưong, một mình ở nơi xa, nhưng một lòng trung thành với Quang Vũ đế.

Tang Bá đem năm trăm thuyền nhẹ, một vạn quân cảm tử đánh Từ Lăng, đốt xe công thành, giết chóc cướp được mấy nghìn người. Tướng quân Toàn Tông, Từ Thịnh đuổi chém tướng Ngụy là Doãn Lư, giết bắt mấy trăm người. Tháng mười hai, Quyền sai Thái trung Đại phu là Trịnh Tuyền đem lễ vật đến thăm Lưu Bị ở Bạch Đế, bắt đầu thông hiếu trở lại.^④ Nhưng Quyền vẫn cùng Ngụy Văn đế qua lại với nhau, đến một năm sau mới dứt hẳn.

Năm ấy đổi Di Lăng thành Tây Lăng.

① Quốc ngữ chép: Chôn con ly xuống, rồi lại đào lên, vì thế không thành công.

② Ngụy lược chép bản tấu của Tam công nhà Ngụy rằng:

"Chúng thần nghe nói thế của kẻ dưới vượt người trên thì chân tâm hiển lộ, lực của kẻ dưới lớn thì người trên không điều khiển nổi,⁽¹⁾ đó là điều mà bậc có nước có nhà nên phải cẩn thận vậy."

"Xưa kia nhà Hán nổi theo thói xấu của nhà Tần, thiên hạ mới định, vua của các nước lớn chưa dứt hết tiết tháo làm kẻ thần tử, mưu của bọn Tiêu, Trương không đủ để ràng buộc họ; đến nỗi sáu vua trước sau gây phản loạn, sau rồi phải thảo phạt họ, xe binh không ngừng nghỉ. Lại nữa là Văn, Cảnh giữ cơ nghiệp của tiên nhân, quên chinh chiến dưng lao dịch, dung túng cho Ngô, Sở, dưỡng rắn thành xà, trở thành mối lo lớn cho xã tắc, đại khái là không quên việc trước, là tấm gương cho việc sau vậy."⁽²⁾

"Ngô vương Tôn Quyền, là thằng trẻ ranh, không có thước tắc công lao, chợt gặp cảnh binh đao loạn lạc, nhân được nổi nghiệp cha anh, thuở nhỏ nhận ân được che chở trong bọc trứng, lớn lên lại mang bản tính

¹ Nguyên văn: "Chi đại giả phi tâm, vĩ đại giả bất điều." Dịch nghĩa: "Cành cây lớn thì xé gốc, đuôi to thì khó vậy."

² Thời Văn đế, ban đầu dung túng cho các vương hầu nhà Hán, khiến thế lực các vương hầu cực mạnh, triều đình không quản nổi. Sau khi Văn đế mất, Cảnh đế lên nối, dùng mưu của Triệu Thác, cắt bớt đất của chư hầu, làm suy giảm thế lực của họ. Bảy nước chư hầu gồm Ngô, Sở, Triệu, Tế Nam, Tri Xuyên, Giao Đông, Giao Tây hội nhau làm phản. Cảnh đế triệu Chu Á Phu (con của Chu Bột), phong làm Thái úy cầm quân đánh dẹp, cuối cùng dẹp được loạn bảy nước, yên ngôi vua Hán.

phản nghịch điều hâu, quay lưng với mệnh trời, tội ác tích chứa ngày một lớn. Lại cùng Quan Vũ rình ngó dò xét lẫn nhau, tiến lui trực lợi, giấu giếm ý đồ bằng lời lẽ thấp hèn. Tiên đế biết Quyền gian dối để mong được sai khiến, lúc ấy vì Vu Cấm thua bại bởi thủy tai, Tiên đế chực đánh Vũ, nhân thế mới giao việc cho Quyền. Tiên đế tin dùng ủy thác cho kẻ dưới, Quyền chẳng tận tâm, thực là đau xót, Quyền muốn nhân lúc đại tang, vương thất thế cô lực yếu, mong mượn có được ủy thác đốc trách việc để truyền lệnh của Tiên đế, lợi dụng lúc chưa có tin đáp từ huyện Hứa, thiện tiện đánh lấy Tương Dương, đến lúc bị xua đuổi, lại đổi ý nhún nhường khuất thân. Thái độ gian tà lộ rõ, lời gian xảo như nước tuôn ra, dù dịch sứ nhiều lần qua lại, có phái người đưa bọn Cấm về, song bên trong vẫn chứa cái ước vọng gian xảo của Ngỗi Hiêu, bề ngoài muốn khoan hoãn việc bị tru diệt, nên ngẩng trông vào giặc Thục. Thánh triều bao dung rộng rãi, đã không nỡ trừng trị, hơn nữa còn xá tội, cho phép hối cải và sửa đổi, cắt đất phong Vương, sai ngoảnh mặt về nam xưng Cô, kiêm tước quan ngôi vị, lễ đủ cứu mệnh,⁽¹⁾ ngựa hay trăm cỗ, để tạo thế cho Quyền, ân sủng rạng ngời hiển hách, cổ kim có một không hai."

"Quyền mang dáng dấp của loài dê chó, khoác trên mình bộ da hổ báo, chẳng nghĩ đến cái khí tiết dốc sức mình cho đến chết, để đền đáp cái ân không kể xiết chẳng thể có ở trên đời. Chúng thần mỗi khi thấy các chương biểu sau trước của Quyền, lại lấy ngu ý xem xét ý tứ của Quyền, cho rằng vì cái cách trở của sông hồ, hấn cật hiểm không phục, cái thói nhờn quen chó má đã nhiều đời, dối trá nên công, trên thì có cái mưu của Úy Đà, Anh Bố,⁽²⁾ dưới thì thuộc lòng cái lời lẽ khuất mình trước kẻ mạnh của Ngũ Bị,⁽³⁾ nhất định chẳng phải là kẻ bầy tôi không

¹ Thời nhà Chu, chia quan tước thành chín đẳng cấp khác nhau, gọi là Cửu mệnh. Ngôi vị thượng công được giữ Cửu mệnh làm Bá, tam công được giữ bát mệnh, Hầu bá giữ thất mệnh ...

² Úy Đà (尉佗): Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 159 (Văn đế kỷ);

Anh Bố (英布): Xem chú thích ở tập III, quyển 14, trang 258 (Lưu Phóng truyện).

³ Ngũ Bị (伍被), người nước Sở, là mưu sĩ của Hoài Nam vương Lưu An (cháu chắt của Hán Cao tổ Lưu Bang), bị khép tội bày kế phản nghịch cho Lưu An, phải tự sát. Có sách nói ông là hậu duệ của Ngũ Viên, đại thần nước Ngô.

xâm không phản vậy. Nếu chẳng vì Triều Thác phát động cái kế tước đất phân phong làm Vương hầu suy yếu, thì bảy nước cùng ngang hàng, mỗi họa là lâu dài và to lớn;⁽¹⁾ Khoái Thông chẳng quyết kế đánh úp Lịch Hạ, thì Điền Hoành tự mưu tính, tội càng thêm nặng.⁽²⁾ Bọn thần kính cẩn khảo xét cái phép Cửu phạt⁽³⁾ ở Chu lễ, bình xét sự hung ác của Quyền, hành vi phản nghịch mọc mầm, bị tới mười lăm tội.”

“Xưa kia người Cửu Lê⁽⁴⁾ loạn đức chính, Hoàng Đế đánh giết; Hạng Vũ mắc mười tội, Hán tổ chẳng tha.⁽⁵⁾ Các tội lỗi Quyền phạm phải đã rõ ràng rành, đó là thứ không thể có lòng nhân nào nuôi dưỡng nổi, xã tắc khó dung tha. Bọn thần xin truất chức quan của Quyền, Hồng lư tước bỏ ngôi tước và đất phong, bắt lấy trị tội. Hấn dám có ý không theo, thì điều binh đến đánh dẹp, để cái đạo tốt xấu được sáng rõ theo quốc điển, dẹp yên cái khổ của trăm họ ở ba châu.”

Mười lăm điều tội lỗi của Quyền, văn tự nhiều nên không chép ra đây.

¹ Loạn thất quốc, đã chú. Xem chú thích về Triều Thác liên quan đến sự kiện loạn thất quốc ở tập III, quyển 12, trang 101 (Mao Giới truyện).

² Nhà Tần sụp đổ, Hán Sở tranh cường, Hàn Tín là tướng của Hán Cao tổ, được sai đi đánh diệt các nước Triệu, Ngụy, xong, lại được phái đi đánh nước Tề. Tín đi chưa đến nơi, nghe tin Hán Cao tổ đã sai Lịch Sinh thuyết phục Tề vương là Điền Quảng và chú của Quảng là Điền Hoành đầu hàng. Tín bèn dừng lại không đi tiếp. Khoái Triệt, tức Khoái Thông (蒯通) báo Tín rằng: “Tướng quân nhận chiếu đánh Tề, nay Hán vương chỉ sai một anh đồ ly gián mà nước Tề hàng. Hán vương chưa có chiếu sai tướng quân dừng lại, sao tướng quân không đi? Lịch Sinh chỉ là kẻ sĩ mùa ba tác lưởi, một ngày lấy được nước Tề có bảy mươi thành, Tướng quân cầm quân ba năm, hạ được hơn năm mươi thành của Triệu, thế ra ba năm cầm quân của Tướng quân không bằng một ngày của anh đồ sao?” Tín cho là phải, bèn tiến quân đánh úp quân Tề ở Lịch Hạ, rồi tiến thẳng đến kinh thành Lâm Truy. Vua Tề chạy. Sau này nhà Hán thống nhất thiên hạ, Điền Hoành tuy chịu về theo lệnh vua Hán, còn cách kinh sư 30 dặm, nói: “Điền Hoành này với Hán vương trước kia đều xưng là thủ lĩnh ở phương nam, nay Hán vương là thiên tử, ta là kẻ vong quốc, xưng làm bầy tôi phụng sự ông ta, đây là điều cực kỳ nhục nhã vậy.” Bèn đâm cổ tự vẫn.

³ Chín thứ tội bị phạt.

⁴ Cửu Lê (九黎), là tên một bộ lạc thời thượng cổ. Vi Diệu chú rằng: Cửu lê, là chín người họ Lê, đồ đệ của Xi Vưu.

⁵ Hán Sở giằng co nhau ở Quảng Vũ, Lưu Bang kẻ mười tội của Hạng Vũ là: Bội tín, bội ước, giả mệnh vua tự xưng, chuyên quyền, hại chủ, tham tài, tàn ác, lấy oán báo ân ...

③ Ngụy lược chép: Hạo Chu tự Khổng Dị, là người quận Thượng Đảng. Năm Kiến An trung làm quan, ban đầu giữ chức Tiêu lệnh, rồi lên đến chức Thứ sử Từ châu. Sau theo giúp quân của Vu Cấm, quân chìm, bị Quan Vũ bắt. Quyền tập kích Vũ, bắt được cả Chu, rất kính lễ. Lúc Văn đế tức vương vị, Quyền bèn thả Chu về, viết thư gửi Ngụy vương rằng:

"Lúc trước đánh dẹp Quan Vũ, bắt được Vu tướng quân, lập tức bẩm với Tiên vương, là sẽ phát lệnh thả về. Đây là có lòng thành thực vâng mệnh, chẳng nói mà phát lệnh. Tiên vương chưa để ý đến cái sâu xa, mà cho là trong lòng Quyền có mưu đồ khác, cái tình trung trinh thành thực của kẻ ngu này, vì thế chưa quả quyết được. Rồi đúng lúc Tiên vương lìa trần rồi bỏ ngôi trời, Điện hạ kế thừa đại thống, cái tình của kẻ dưới mới thông. Công tư lẫn lộn, chưa kịp thể hiện tỏ tường, đó là nguyên nhân khiến cho lời thề trước đây chưa sáng rõ. Rồi Lương Ngụ truyền mệnh lệnh, ân cần trọn vẹn, biết rõ là điện hạ cho rằng thần có ý trông mong. Tấm lòng son của Quyền, chẳng dám có ý khác, chỉ mong Điện hạ khoan dung xét rõ, cho Quyền được giữ cái mà Quyền đang có. Xin kính cẩn thả Hạo Chu và Đông Lý Cồn về, lòng thành rất thật, hết thấy mọi việc bọn Chu sẽ trình bày đủ."

Thư lại viết:

"Quyền bản tính nông cạn hư hão, văn võ chẳng tường, trước đây kế thừa số quân sẵn có của cha anh, được Tiên vương trông thấy ngợi khen, bèn dựa vào quốc ân, vỗ về đông thổ. Song giữa chừng có chút lo lắng, nhiều việc chẳng minh bạch, sợ oai quên đức, tự mắc lỗi lầm nghiêm trọng. Tiên vương nhân đức, chẳng nỡ xa lìa, đã tha thứ cho cái tội lỗi ấy, lại mở lòng tin tưởng. Dù thần dốt sức quên mình ở chốn man mọi, bên đầu Quan Vũ, có được chút công nhỏ nhoi, vẫn chưa thể báo đền muôn một. Sự nghiệp chưa thành, thì Tiên vương đã lìa đời. Điện hạ lên ngôi, uy đức lan xa, kẻ hèn này riêng lòng sợ hãi chưa tỏ rõ được tâm nguyện. Lương Ngụ lại đến, mới biết rõ điện hạ không định xa lánh, hẳn còn muốn vỗ về, theo như việc làm lúc trước của tiên nhân. Quyền thấy được ý đó, hân hoan nhảy nhót, mở lòng sáng mắt, mừng rỡ phi thường. Quyền nôi đời nhận ân sủng, xin dốc lòng theo nghĩa vụ và chức phận, việc hôm nay, giữ mãi trong lòng, chỉ cung cung kính kính, trân trọng sự bao dung che chở."

Thư lại viết:

"Tiên vương vì Quyền đã thực sự thành tâm, quân lính đã kéo về, cho nên triệt quân giữ Hợp Phì, để tỏ rõ chữ tín giữa hai miền nam bắc, khiến Quyền ruổi ngựa quay về mà không ngoái nhìn lại phía sau."

"Gần đây thần được bọn tướng lĩnh phụ trách phòng vệ là Chu Thái, Toàn Tông bẩm việc, nói một tháng sáu ngày trước đây, có bảy trăm quân mã bộ, theo lối tắt đến Hoành Giang, lại có Đốc tướng là Mã Hòa đem bốn trăm người tiến đến Cư Sào, bọn Tông nghe tin có binh mã vượt sông, ra xem, bị binh mã ở đó đánh, đến lúc giao phong, hai bên giết hại lẫn nhau. Rút cục lại bị tra vấn việc ấy, khiến thần trong lòng lo sợ. Quyền quả thực ở chỗ xa, không sớm nghe biết, lời thề kia đâu dám coi thường, xin được tạ lỗi này."

"Lại nghe nói Trương Chinh đông và Chu Hoành hải⁽¹⁾ nay lại về Hợp Phì, ước thệ của Tiên vương, đến nay còn chưa lâu, vả lại Quyền tự nghĩ là chưa mắc vào tội lỗi, chẳng rõ nay vì sao bên ấy lại phát binh, dắt quân đến chỗ xa xôi? Sự nghiệp chưa xong, thần mới đây vì quốc gia dẹp trừ giặc Bì, lại nghe câu hỏi ấy, thật không rõ chủ tâm. Cái mà kẻ ở xa trông cậy, là ở cái chữ tín rõ ràng, mong Điện hạ giữ đúng danh phận lúc trước, tỏ rõ là trong lòng mình không vương vấn, khiến Quyền kính cẩn theo mệnh, được giữ trọn ước thề. Hết thấy mọi lời thành thực của Quyền, sẽ được bọn Chu kể lại."

Khi trước, Đông Lý Cồn làm Quân tư mã của Vu Cấm, trước đây cùng với Chu đều bị đắm thuyền, lại cùng về đến nơi, có chiếu gọi cả hai vào gặp. Để hỏi bọn Chu, Chu cho rằng Quyền tất thần phục, nhưng Đông Lý Cồn nói là Quyền không hẳn phục tùng. Để thích lời của Chu, cho là đã hiểu rõ Quyền. Mùa đông năm ấy, Ngụy vương nhận truyền ngôi từ nhà Hán, phái sứ giả cho Quyền làm Ngô vương, hạ chiếu sai Chu và sứ giả cùng qua chỗ Quyền. Chu đưa chiếu mệnh xong, lúc ấy cùng Quyền ngồi riêng ăn yến, bảo Quyền rằng:

¹ Trương Liêu, Chu Linh. Bấy giờ Trương Liêu giữ chức Chinh đông tướng quân, quản bộ quân trấn thủ Hợp Phì; Chu Linh giữ chức Hoành Hải tướng quân, quản thủy quân.

- Bệ hạ chưa tin là Vương sẽ phái con vào hầu vậy, Chu này đem một trăm người dưới cửa chứng tỏ việc ấy.

Quyền nhân đó tự bảo Chu rằng:

- Hạo Khổng Di, khanh lại đem một trăm người nhà bảo chứng cho ta, ta phải nói thế nào đây?

Vì thế rõ nước mắt ướt đầm vạt áo. Lúc cùng Chu từ biệt, chỉ tay lên trời mà thề. Sau khi Chu về, Quyền không phái con đi mà thoái thác từ chối, Để bèn giữ sứ giả của Quyền lại rất lâu. Đến tháng tám, Quyền dâng thư tạ lỗi, lại gửi thư cho Chu nói:

"Từ khi quan hệ khai thông, Cô chẳng hề quên tình cũ. Mới đây ngài vâng nhận quốc mệnh, lại biết ngài được đề bạt, tạm thời quay về Hà Bắc, vì thế Cô không có tin tức về ngài. Cứ nghĩ đến nỗi lao nhọc của ngài, mà chẳng có cách gì bày tỏ. Cô vốn tối tăm hư hão, danh phận tín nghĩa chẳng rõ, giữa chừng vời tội, chịu bị ruồng bỏ, may nhận quốc ân, lại được xá tội, trong lòng hỉ hả mừng vui muốn cùng ngài thực hiện ngay chí nguyện lúc trước. Kinh truyện chẳng nói rồi sao, dẫu ban đầu không như ý, nhưng lại có kết quả tốt vậy."

Thư lại viết:

"Lúc trước ngài đến, muốn sai Cô phái con vào hầu, bấy giờ Cô dốc lòng vui mừng nhận mệnh, chỉ vì Đấng nhỏ tuổi, muốn đợi thêm vài năm thôi. Nhưng tấm lòng son này còn chưa được tin tưởng, lại bị trách phạt, thường vì thế thẹn thùng sợ hãi. Mới đây nhận ân huệ của quốc gia, lại thêm được mở lối khuyến đạo, quên cái tội lỗi của Cô lúc trước, tìm lấy cái thành quả ngày sau, Cô vui mừng được dựa vào đó để giữ trọn lời thề cũ. Trước đây Cô đã dâng biểu nói rõ cái ý phái con đi, thiết tưởng ngài trở về, đã biết việc này rồi."

Thư lại viết:

"Nay con nhỏ đáng phải vào hầu, nhưng nó chưa có người phối ngẫu, trước đây ngài nghĩ đến điều ấy, cho là có thể với lên kết duyên với người trong tông thất như họ Hạ Hầu, tuy Cô giữa chừng tự mình dứt ý, nhưng vẫn thường cung kính giấu kín ở trong lòng. Giờ đây cúi nghĩ việc đã qua, sao cho vẹn trước sau, để nó được vịn rông bám tựa, mãi giữ địa vị chắc bền. Phận nó được nhận ân huệ, Cô há phải lo gì! Nếu

được thế, Cô muốn phái Tôn Trường Tự⁽¹⁾ và con nhỏ cùng về triều, dâng lễ thăm hỏi, thành việc là ở chỗ ngài."

Thư lại viết:

"Tiểu nhi nhỏ tuổi, hơn nữa giáo huấn chưa đủ, nghĩ phải cùng nhau chia biệt, làm nó nhớ thương, cái ân tình giữa cha và con, há bỏ được sao! Lại muốn phái Trương Tử Bối đi theo giúp đỡ nó. Bản tính Cô không quanh co, phạm là các việc muốn làm, nay đã tuyên rõ hết. Chỉ sợ tấm lòng son này chẳng biểu đạt được hết tấm tình, cho nên đem mọi việc nói rõ với ngài, mong ngài hiểu thấu nguyên nhân."

Vì thế Đế hạ chiếu rằng:

"Quyền trước đây đáp lời Hạo Chu, tự bày tỏ rằng chẳng dám tự xa lánh, vui vẻ làm bầy tôi ngoài cõi đem con trưởng làm tin, lại trước sau từ chối chỉ dụ, đầu đuôi chạm đất, đây là con chuột nhất tự biết chẳng thể giữ được đất đai của nó vậy. Nay lại gửi thư cho Chu, xin đến tháng mười hai phái con đi, lại muốn phái Tôn Trường Tự, Trương Tử Bối theo con cùng đến, hai người ấy đều là bầy tôi tay chân tâm phúc của Quyền vậy. Lại muốn cho con ở kinh sư tìm vợ, đây là minh chứng của việc Quyền không có lòng khác vậy."

Đế tin lời ngon ngọt của Quyền rồi, lại bảo lời của Chu là thực, nhưng Quyền chỉ trí trá hão, cuối cùng không có ý phái con đi. Từ đấy về sau, Đế đã ghi rõ tội của Quyền, Chu cũng bị xa lánh, suốt đời không được dùng.

④ *Giang Biểu truyện* chép: Quyền nói rằng:

- Gần đây được thư của Huyền Đức, đã nghiêm túc nhận lỗi, xin khôi phục giao hảo lúc trước. Bên ấy nói trước đây sở dĩ gọi phía tây là Thục, là vì Hán đế vẫn còn thôi, nay nhà Hán đã bị phế, bởi thế có thể gọi là Hán Trung vương vậy.

Ngô thư chép: Trịnh Tuyền tự Văn Uyên, là người Trần Quận. Học văn uyên bác có chí lạ, nhưng bản tính ham rượu, lúc nhàn rỗi ở nhà thường nói:

¹ Tôn Thiệu (孙绍), tự Trường Tự, người quận Bắc Hải, bấy giờ là Thừa tướng của Đông Ngô. Bùi Tùng chi dẫn *Ngô lục* chú ở đoạn sau.

- Ta mong là có rượu ngon đồ đầy năm trăm hộc thuyền, bốn mùa bày đồ nhắm ở hai đầu thuyền, trằm mình trong rượu mà uống, mỗi một thì dừng lại mà chén đồ nhắm. Rượu có giảm đi đâu nào, thì theo đó mà thêm vào, chẳng cũng sướng sao!

Quyền dùng làm Lang trung. Thường nói với Tuyền rằng:

- Ngài thích can gián ta giữa đám đông, có lúc làm mất lễ kính, có lẽ muốn dọa bậc rồng lân chăng!

Tuyền đáp rằng:

- Thần nghe nói có vua sáng mới có bày tôi ngay thẳng, nay đang là lúc triều đình trên dưới không úy kỵ nhau, thực được cật hống ân, chẳng phải sợ rồng lân.

Sau đấy có lần hầu yến, Quyền bèn dọa Tuyền, sai lời ra giao cho Hữu ti trị tội gấp. Tuyền sắp đi ra liên tục ngoảnh nhìn lại, Quyền gọi về, cười nói:

- Ngài nói chẳng sợ rồng lân, sao lúc sắp đi ra lại ngoái nhìn thế?

Tuyền thưa rằng:

- Thực được ân trên che chở, biết rằng không phải lo về cái chết, đến lúc sắp ra khỏi cửa, trong lòng cảm khái nghĩ đến uy linh, chẳng thể không ngoái lại được.

Tuyền đi sứ Thục, Lưu Bị hỏi rằng:

- Ngô vương vì sao không đáp lại thư của ta, chẳng phải vì chính danh của ta không thích hợp đấy chứ?

Tuyền nói:

- Cha con Tào Tháo lấn áp khinh nhờn Hán thất, cuối cùng soán đoạt ngôi vị. Điện hạ đã là người trong tông thất, phải có trách nhiệm giữ gìn thành lũy, chẳng vác giáo cầm thù¹ đi đâu làm gương cho người trong nước, lại lấy đó để tự dương danh, thực chưa hợp với lời bàn của người thiên hạ, vì thế vua ta chưa đáp thư thôi.

Bị rất hổ thẹn. Tuyền lúc sắp chết, bảo đồng liêu rằng:

¹ Là một thứ binh khí dài một trượng hai thước, không có mũi nhọn.

- Phải táng ta ở bên cạnh nhà gổm, vài trăm năm sau hóa thành đất, may ra đất ấy được lấy làm hồ rượu, thật đúng với tâm ý của ta rồi.

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, Tào Chân chia quân giữ bãi đất giữa sông Giang. Tháng ấy, đắp thành ở núi Giang Hạ. Sửa đổi lịch Tứ phân, dùng lịch Can tượng.⁽¹⁾ ① Tháng ba, Tào Nhân phái bọn Tướng quân Thường Điều, đem năm nghìn binh, cưỡi thuyền bọc da trâu chứa dầu, mờ sáng vượt bãi đất giữa lũy Nhu Tu. Con của Nhân là Thái dẫn quân đánh Chu Hoàn rất gắt, quân của Hoàn chống cự, Hoàn lại phái bọn Tướng quân Nghiêm Khuê đánh phá bọn Điều. Tháng ấy, quân Ngụy đều lui. Mùa hạ tháng tư, quần thần của Quyền khuyên Quyền tức tôn hiệu, Quyền không đồng ý.⁽²⁾

Lưu Bị mất ở thành Bạch Đế.⁽³⁾ Tháng năm, người huyện Khúc A nói có sương móc giáng.

Trước đó tướng trú giữ Hí Khẩu là Tấn Tông giết tướng quân Vương Trục, dẫn bộ chúng làm phản sang hàng Ngụy, Ngụy lấy làm Thái thú Kỳ Xuân, mấy lần phạm biên cảnh. Tháng sáu, Quyền lệnh cho Tướng quân Hạ Tề đốc suất bọn My Phương, Lưu Thiệu tập kích Kỳ Xuân, bọn Thiệu bắt sống Tông.

Mùa đông tháng mười một, sứ Thục là Trung lang tướng Đặng Chi đem lễ vật đến thông hiếu.⁽⁴⁾

① *Giang Biểu truyện* chép: Quyền suy tính vận số của ngũ đức, cho rằng hành thổ lấy Mùi làm lễ tế tổ, lấy Thìn làm lễ tế chấp.⁽²⁾

Chí lâm chép: Hành thổ lấy Thìn làm tế chấp, là đúng vận số của nó rồi. Hành thổ thịnh ở Tuất, mà lấy Mùi làm lễ tế tổ, nghĩa ấy là trái vạy. Hành thổ sinh ở Mùi, cho nên Mùi là bắt đầu quẻ Khôn.

¹ Đây là các loại lịch pháp của Trung Quốc cổ, dùng để tính ngày tháng, quy định các mốc thời gian theo tiết. Lịch Tứ phân bắt đầu được dùng từ năm 484 trước CN, còn lịch Can tượng, chưa rõ bắt đầu xuất hiện từ bao giờ.

² Tế chấp, là tế vào cuối năm (tất niên).

Vì thế Nguyệt lệnh viết: Tháng Kiến Mùi, tế Hoàng tinh ở ngoài thành, tế tổ dùng cốc vật.⁽¹⁾ Nay tế tổ dùng làm điểm khởi đầu, há ứng vận sao?

② *Giang Biếu truyện* chép: Quyền khiêm tốn từ chối rằng:

- Nhà Hán suy bại, chẳng thể cứu vãn được, Cô có lòng nào mà đua tranh nữa đây?

Quần thần nói là thiên mệnh có điềm lành, cố xin lần nữa. Quyền vẫn không chịu, lại bảo văn quan võ tướng rằng:

- Năm ngoái Cô vì Huyền Đức từ phương tây tiến sang, nên lệnh sai Lục Tốn tuyển quân đội họ trước. Nghe tin phương bắc chia bộ ngũ, muốn trợ giúp, Cô trong bụng ngờ bị họ chèn ép, chẳng bằng nhận phong báí của họ, đấy là tự nhún chịu nhục để được việc trong chốc lát, đúng lúc họ và phương tây cùng đến, hai phía thù địch, lúc đó Cô làm trò, nên tự nén mình, nhận ngay việc phong Vương. Cái ý vui vẻ cúi mình khuất phục, các ngài dường như chưa hiểu hết, nay Cô cố tình đem việc ấy nói rõ ra thôi.

③ *Ngô thư* chép: Quyền phái Lập Tín đô úy là Phùng Hy đem lễ vật đến Thục, điếu tang Bị.

Hy tự Tử Nhu, người quận Dĩnh Xuyên, là hậu duệ của Phùng Dị. Lúc Quyền làm Xa kỵ tướng quân, Hy giữ chức Đông tào duyệt, đi sứ Thục về, làm Trung đại phu. Sau đi sứ nước Ngụy. Ngụy Văn đế hỏi:

- Ngô vương nếu muốn sửa lại mối giao tình lúc trước, đáng phải sửa binh tại Giang Quan, treo cờ tinh ở Ba Thục, nhưng nghe nói bên ấy lại phái người đi Thục thông hiếu, tất có biến.

Hy nói:

- Thần nghe nói sứ giả phương tây đến báo tin, lại nhân cơ hội dò xét sơ hờ, không phải bên ta có mưu đồ vậy.

Lại hỏi:

- Nghe nói nước Ngô liên năm thiên tai hạn hán, muôn vật tổn hại, lấy cái sáng suốt của Đại phu, xem điều đó là thế nào?

¹ Tức là để thóc, lúa vào bát để làm lễ cúng.

Hy thưa rằng:

- Ngô vương thiên bẩm thông minh có khí độ, khéo ở việc sai khiến người hiền, xử lý chính vụ trung phát lao dịch, mỗi việc đều có bàn bạc, nuôi dạy khách khanh, thân hiền ái sĩ, thường chẳng kể kẻ oán, mà phạt tất không thêm tội, quần thần bên dưới đều cảm ân nhớ đức, chỉ nghĩ đến trung nghĩa. Quân đeo đai mặc giáp trăm vạn, lương thực vãi lụa như núi, ruộng lúa phì nhiêu, dân không năm nào đói, đấy gọi là thành vững hào rộng, là nước giàu mạnh vậy. Thần xét việc ấy, cân nhắc nặng nhẹ, chưa thể lường hết được.

Để không vui, vì Trần Quần với Hy là người đồng quận, Để sai Quần dụ dỗ Hy, đem nhiều lợi lộc để như. Hy không động lòng đòi về. Ngụy đưa tiễn đến Ma Pha, muốn làm khốn Hy, lại lệnh triệu quay lại, chưa đến nơi, Hy sợ bị bức mà không theo, tất nguy thân nhục mệnh, bèn rút đao tự sát. Người đánh xe phát giác ra, không để Hy chết. Quyền nghe tin, rơi nước mắt nói:

- Người này so với Tô Vũ⁽¹⁾ có khác gì?

Cuối cùng Hy chết ở nước Ngụy.

④ *Ngô lịch* chép: Thục đưa đến hai trăm con ngựa, một nghìn tấm gấm, cùng với các sản vật bản địa. Từ đấy về sau, sứ thần hai bên qua lại là việc thường. Ngô cũng đem thổ sản địa phương qua Thục, để đáp lại hậu ý.

Năm thứ ba mùa hạ, Quyền phái Phụ nghĩa Trung lang tướng là Trương Ôn đi sứ Thục. Mùa thu tháng tám, tha tử tội. Tháng chín, Ngụy Văn đế tiến binh Quảng Lăng, từ xa nhìn qua sông lớn, nói "Bên ấy có người giỏi, chưa thể đồ được vậy", rồi quay về.^①

¹ Tô Vũ (苏武), người thời Hán Vũ đế, quê ở Đỗ Lăng, đi sứ Hung Nô, làm vua Hung Nô phật ý, bị giam trong hang, ba ngày không cho ăn uống gì. Vũ uống sương đọng trên cán cờ mà sống. Vua Hung Nô lại bắt đi chăn dê, hẹn khi nào dê đẻ để con mới được về. Tô Vũ ở lại Hung Nô mười chín năm, không chịu khuất phục Hung Nô, cuối cùng được về Hán.

① *Tấn kỷ* của Can Bảo chép: Ngụy Văn đế đến đóng lại ở Quảng Lăng, người Ngô cả kinh, bèn đến sông Giang đắp thành giả, kéo từ thành Thạch Đầu đến huyện Giang Thừa, xe binh làm bằng cọc gỗ, áo dệt bằng chiếu, thêm nữa lại vẽ vôi trang trí, trong một đêm mà xong cả. Người Ngụy từ phía tây sông nhìn sang, rất sợ hãi, bèn lui quân. Quyền lệnh sai Triệu Đạt bói đoán việc ấy, Đạt nói:

- Tào Phi chạy rồi, tuy nhiên, nước Ngô sẽ suy vào năm Canh Tý.

Quyền hỏi:

- Bao lâu nữa?

Đạt gấp ngón tay lại tính, nói:

- Năm mươi tám năm nữa.

Quyền nói:

- Ta hãy xét cái mối lo ngày hôm nay, không rồi nhàn mà tính xa thế, đây là việc của bọn con cháu vậy.

Ngô lục chép: Năm ấy Thục chủ lại phái Đặng Chi đem lễ vật đến, cùng cố minh ước. Quyền bảo Chi rằng:

- Sơn dân hay tác loạn, quân giữ ven sông Giang đa phần triệt thoái, Cô lo Tào Phi thừa hư giờ trò, nên lúc họ quay lại xin hòa, kẻ bàn luận cho là trong nước chưa rồi nhàn, nước Ngụy đến cầu hòa, với Cô là có lợi, nên cùng họ qua lại, để tự yên định. Sợ rằng tây châu chẳng thể rõ được tấm lòng son của Cô, dẫn đến hiểm nghi. Đất đai biên ngoại của Cô, hờ cả vạn chỗ, mà từ Trường Giang ra đến bể lớn, đều phải phòng thủ. Phi dòm ngó chỗ hờ mà hành động, chỉ là chưa tiện dịp thôi, Cô há quên điều ấy, lại có ý khác.

Năm thứ tư mùa hạ tháng năm, Thừa tướng Tôn Thiệu chết.① Tháng sáu, lấy Thái thường là Cố Ung làm Thừa tướng.② Người huyện Hoàn Khẩu nói có cây gỗ mà cành mọc ra dính liền nhau.⁽¹⁾ Mùa đông tháng mười hai, giặc ở huyện Bà Dương là Bành Khi tự xưng là Tướng quân, đánh diệt các huyện, bộ chúng đến mấy vạn người. Năm ấy có động đất liên tiếp.③

¹ Điềm quái lạ, người xưa cho những việc đó là điềm báo không lành.

① *Ngô lục* chép: Thiệu tự Trường Tự, người quận Bắc Hải, mình cao tám thước. Làm Công tào của Khổng Dung, được Dung khen là "Lang miếu chi tài."⁽¹⁾ Thiệu tới theo Lưu Do ở Giang Đông. Lúc Quyền thống quản việc, Thiệu mấy lần bày tỏ việc thích hợp, cho là nên dâng cống vật lên triều đình, Quyền liền theo lời. Thiệu được bá làm Thái thú Lư Giang, thăng làm Xa kỵ trưởng sử. Năm Hoàng Vũ sơ làm Thừa tướng, Uy viễn tướng quân, phong tước Dương Tiễn hầu. Trương Ôn, Kỵ Diễm dâng tấu hặc tội Thiệu, Thiệu từ chức xin tạ tội, Quyền tha cho rồi hạ lệnh phục chức, năm sáu mươi ba tuổi Thiệu chết.

Chí lâm chép: Nước Ngô lập nghiệp, Thiệu là Thừa tướng thứ nhất, sử không chép truyện về Thiệu, trộm nghĩ cũng thấy lạ. Ta⁽²⁾ từng hỏi Lưu Thanh Thúc chuyện này. Thanh Thúc, là người quân tử bác nhĩ, nói rằng:

- Xét về danh tiếng và địa vị của Thiệu, đương nhiên xứng đáng được chép truyện. Bọn Hạng Thuyên, Ngô Phu (Đĩnh Phu) thời ấy đã có ghi chép, kể rằng người này với Trương Huệ Thứ không hợp nhau. Sau này họ Vi viết sử, có lẽ cũng là bè đảng với Huệ Thứ, cho nên không chép truyện về Thiệu.⁽³⁾

② *Ngô thư* chép: Lấy Thượng thư lệnh Trần Hóa làm Thái thường. Hóa tự Nguyên Diệu, người quận Nhữ Nam, xem rộng các sách, cương nghị có khí phách và tài cán, mình cao bảy thước chín tấc, nhĩ nhận có uy. Lúc làm Lang trung lệnh đi sứ nước Ngụy.

Ngụy Văn đế nhân lúc uống rượu, hỏi bốn rằng:

- Ngô, Ngụy cùng đứng, ai sẽ thống nhất hai nội đây?

Hóa đáp rằng:

¹ Người tài ở chốn triều đường.

² Đại từ nhân xưng "ta" ở đây tức tác giả sách *Chí lâm* là Ngu Hỷ vậy.

³ Bùi Tùng Chi dẫn ý Ngu Hỷ ở *Ngô lục* qua lời của một người có uy tín thời đó là Thanh Trúc cho rằng, người như Tôn Thiệu, danh tiếng và địa vị rất rõ, không có truyện chép, có lẽ bởi Vi Diệu (người viết sử nước Ngô) là bạn cùng đảng với Trương Ôn (Huệ Thứ). Mà Trương Ôn và Tôn Thiệu thù ghét nhau, vì thế Vi Diệu không chép truyện về Thiệu.

- *Kinh Dịch* nói "Đế xuất hồ Chấn",⁽¹⁾ thêm nữa thần nghe nói bậc hiền triết xưa biết thiên mệnh, người thời trước nói "Lọng tía cò vàng, ứng vận ở hướng đông nam."

Đế nói:

- Xưa kia Văn vương làm bá phương tây rồi làm vua thiên hạ, sao nói ở hướng đông được?

Hóa nói:

- Nhà Chu lúc mới gây dựng nền móng, Thái Bá ở phương đông,⁽²⁾ vì thế Văn vương mới hưng khởi ở phía tây được.

Đế cười, không cần vặn nữa, trong lòng thấy lạ vì lời ấy.

Đi sứ xong sắp quay về, lễ đưa tiễn rất hậu. Quyền vì Hóa phụng mệnh làm rạng danh đất nước, bái làm Thái thú Kiền Vi, cho tự đặt quan thuộc. Ít lâu sau, thăng làm Thái thường, kiêm Thượng thư lệnh.

Hóa nghiêm túc gây dựng triều chính, sắc mệnh cho con em bỏ nghiệp cấy cày, dứt việc kinh doanh, trông vào bổng lộc được chu cấp ở cửa quan, không cùng bách tính tranh lợi. Vợ mất sớm, Hóa lấy việc của người xưa làm gương, bèn không lấy vợ nữa. Quyền nghe nói lại quý trọng Hóa hơn, vì Hóa còn tráng niên, Quyền sắc mệnh cho Hóa lấy con gái trong tông thất làm chính thê, Hóa xưng bệnh cố từ, Quyền không trái chí của Hóa. Ngoài bảy mươi tuổi, Hóa mới dâng sớ xin cáo lão từ quan, bèn về trú ở Chương An, chết ở nhà.

Con trưởng của Hóa là Sí, tự Công Hy, thời trẻ có chí khí và tiết tháo, có tài tính toán. Vệ tướng quân là Toàn Tông dâng biểu xin cho Sí nhận chức Đại tướng quân, Sí đến theo mệnh triệu, chết trên đường đi nhậm chức.

③ *Ngô lục* chép: Đông năm ấy, Ngụy Văn đế đến Quảng Lăng, tới sông Giang diễu binh, quân hơn chục vạn, tinh kỳ kéo suốt mấy

¹ Đế vương (người thay trời hành đạo) ra cửa Chấn (một cung trong Bát quái). Quê Chấn thuộc về phương đông, thời lệnh tháng hai, mùa xuân, mặt trời mọc từ phía đông, chiếu sáng cho muôn vật. Ý rằng, Ngô sẽ thống nhất thiên hạ.

² Thái Bá (太伯): Xem chú thích ở tập VI, quyển 40, trang 216 (Lưu Phong truyện).

trăm dặm, có ý muốn vượt sông Giang. Quyền bố phòng nghiêm cẩn cố thủ. Bấy giờ là tiết Đại hàn có băng tuyết, thuyền không vào được sông. Để thấy sóng lớn hung dữ, thờ dài nói:

- Than ôi! Là bởi trời cố tình ngăn cách nam bắc vậy!

Bèn quay về. Tôn Thiệu lại phái tướng là bọn Cao Thọ thống suất năm trăm quân cầm tử theo đường tắt nhân đêm tối đón chặn, Để cả kinh, bọn Thọ bắt được xe lọng cấm lông chim của Đế đem về.

Năm thứ năm mùa xuân, Quyền hạ lệnh rằng:

"Dấy quân đã lâu ngày, dân chúng bỏ ruộng đồng, cha con vợ chồng chẳng được gặp nhau, Cô rất xót thương. Nay giặc bắc lui trốn, cõi ngoài vô sự, lệnh xuống châu quận, cho dân chúng được nghỉ ngơi."

Bấy giờ Lục Tốn vì ở sở quan thiếu lương, dâng biểu lên xin Quyền lệnh sai chư tướng tăng cường mở mang ruộng cấy. Quyền trả lời:

- Rất hay. Nay cha con Cô thân nhận ruộng cấy, trong xe có tám con trâu là bốn đôi, tuy chưa bằng được cổ nhân, nhưng cũng muốn cùng quân dân lao khổ vậy.

Mùa thu tháng bảy, Quyền nghe nói Ngụy Văn đế băng, đi đánh Giang Hạ, vây Thạch Dương, không thắng được, quay về. Người quận Thương Ngô nói là có chim phượng hoàng xuất hiện. Quyền chia các đất xấu ở mười huyện của ba quận đặt ra quận Đông An,^① lấy Toàn Tông làm Thái thú, sai binh đánh dẹp người Sơn Việt.

Mùa đông tháng mười, Lục Tốn bày kế có lợi, khuyên thi hành đức chính hoãn hình phạt, khoan miễn tô thuế nghỉ điều binh. Lại viết:

"Đại thần nói lời trung thẳng, chẳng dám bày kế hết, tiểu thần nói lời đẹp ý, chỉ có lợi trước mắt."

Quyền hồi đáp rằng:

"Đặt ra pháp lệnh, là muốn để ngừa ác phòng gian, răn bảo những điều chưa đúng vậy, há lại không có hình phạt để ra uy với kẻ tiểu"

nhân sao? Đó là chế lệnh trước phạt tội sau, chẳng muốn khiến cho có kẻ phạm cấm thôi. Ngài cho là hình phạt quá nặng, Cô cũng được lợi gì ở việc đó đâu, chỉ là bất đắc dĩ phải làm vậy. Nay thu nhận ý kiến này của ngài, sẽ phải hỏi mưu nhiều người, cốt yếu là theo các việc nên làm. Và lại cận thần có người ra sức can gián, thân thích khuyên xét điều được mất, là để nắn sửa sai lầm của bậc quân chủ khiến sáng tỏ cái đạo trung tín vậy. Kinh Thư chép 'Ta làm trái đạo thì người hãy sửa giúp ta, người không được ngoài mặt phục tùng.' Cô há không vui với lời trung để bù bổ khuyết điểm của mình sao? Mà ngài nói rằng 'chẳng dám bày kể hết', sao được xem là lời nói trung thẳng đây? Nếu trong số tiểu thần, có kẻ dâng ý kiến dùng được, há phế bỏ lời nói của kẻ đó mà chẳng chọn dùng sao? Những lời siểm nịnh đẹp ý, Cô dẫu mờ ám nhưng cũng biết rõ được vậy. Đến như việc phát tô thuế điều quân dịch, chỉ vì thiên hạ chưa định, việc cần dân chúng giúp đỡ. Nếu chỉ thủ giữ Giang Đông, sửa sang nơi lòng chính lệnh, binh tự đủ dùng, trưng dụng nhiều làm gì? Nhưng ngồi tự giữ là kém cỏi rồi. Nếu chẳng dự sẵn tô thuế, sợ rằng lúc việc đến thì không thể tiện dụng được. Lại nữa là Cô với ngài thân phận và chức trách khác nhau, nhưng vui lo giống nhau, biểu chương ngài gửi đến nói là không dám theo mọi người an thân cầu thả, đấy thực là mong muốn ở trong lòng Cô đối với ngài vậy."

Vì thế lệnh cho Hữu ti chép hết các điều mục pháp lệnh, sai Lang trung là Trử Phùng đem đến chỗ Tồn và Gia Cát Cẩn, xét chỗ không thỏa đáng, lệnh cho thêm vào hoặc bớt đi.

Năm ấy, chia đất Giao châu đặt ra Quảng châu, không lâu khôi phục lại như trước.②

① Ngô lục chép: Sở trị của quận là Phú Xuân vậy.

② Giang Biểu truyện chép: Quyền ở Vũ Xương tân trang lại thuyền lớn, đặt tên là thuyền Trường An, thử bơi ra Điều Ngư đài. Bấy giờ gió cực lớn, Cốc Lợi ra lệnh cho thợ lái thuyền hướng vào Phàn Khẩu. Quyền nói:

- Nền giương buồm hướng đến La Châu.

Lợi rút đao hướng về thợ lái thuyền nói:

- Không hướng đến Phàn Khâu ta chém.

Thợ lái thuyền lập tức quay bánh lái hướng về Phàn Khâu, sau đó gió nổi dữ dội không thể đi được, phải quay về. Quyền nói:

- A Lợi sợ nước hay sao mà nhát thế?

Lợi quỳ gối nói:

- Đại vương là chủ của cái nước muôn vạn cỗ xe, coi khinh chỗ vực sâu khôn lường, đùa bỡn trong sóng dữ, thuyền lâu dựng cao, không may nghiêng đổ, xã tắc sẽ ra sao? Thế nên Lợi quyết ý lấy cái chết để can ngăn.

Quyền vì thế mà quý trọng Lợi, từ đó về sau không gọi lại cái tên A Lợi nữa, thường gọi là Cốc.⁽¹⁾

Năm thứ sáu mùa xuân tháng giêng, chư tướng bắt được Bành Khi. Tháng nhuận, con của Hàn Đương là Tống đem bộ chúng của mình sang hàng nước Ngụy.

Năm thứ bảy mùa xuân tháng ba, Quyền phong con là Lự làm Kiến Xương hầu. Bãi bỏ quận Đông An. Mùa hạ tháng năm, Thái thú Bà Dương là Chu Phưong trá phản, dụ tướng nước Ngụy là Tào Hưu. Mùa thu tháng tám, Quyền đến Hoàn Khâu, sai Tướng quân Lục Tốn đốc chư tướng đại phá Hưu ở Thạch Đình. Đại tư mã là Lã Phạm chết. Năm ấy, đổi tên quận Hợp Phố thành quận Châu Quan.^①

① *Giang Biểu truyện* chép: Năm ấy Tướng quân Trạch Đan làm phản chạy sang nước Ngụy. Quyền e rằng chư tướng sợ tội bỏ trốn, bèn lệnh rằng:

"Kể từ nay chư tướng cứ có ba tội nặng, rồi sau mới luận tội."

¹ Người ta hay gọi A đại, A nhị tức là thắng cả, thắng hai, hoặc A đầu, A hoàn, là nói con hầu, đứa ở vậy. Lợi vốn là nô bộc của Quyền, gọi A Lợi cũng như "thắng Lợi" vậy, là nói kẻ hầu, Quyền đổi cách gọi là để tỏ ý kính trọng, không xem Lợi như nô bộc, mà xem Lợi như người bình thường.

Năm Hoàng Long nguyên niên mùa xuân, công khanh và trăm quan đều khuyên Quyền chính thức xưng tôn hiệu. Mùa hạ tháng tư, người ở Hạ Khẩu, Vũ Xương đều nói có rồng vàng và chim phượng hoàng hiện ra. Ngày Bính Thân, làm lễ tế ở phía nam kinh thành tức vị ngôi Hoàng đế,^① hôm ấy đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Truy tôn cha là Phá Lỗ tướng quân Kiên làm Vũ Liệt hoàng đế, mẹ là Ngô thị làm Vũ Liệt hoàng hậu, anh là Thảo Nghịch tướng quân Sách làm Trường Sa hoàn vương. Thái tử Đăng của Ngô vương làm Hoàng thái tử. Tướng sĩ quan lại đều được tiến tước và ban thưởng.

Khi trước, năm Hưng Bình trung, trong đất Ngô có bài đồng dao rằng:

*"Xe hoàng kim,
Quai đa sắc,
Rực Xương môn,
Sinh Thiên tử."* ②

Tháng năm, Quyền sai Hiệu úy là Trương Cương, Quản Đốc đến Liêu Đông. Tháng sáu, nước Thục phái Vệ úy Trần Chấn đến chúc mừng Quyền lên ngôi Đế. Quyền bèn thương nghị việc phân chia thiên hạ, các châu Dự, Thanh, Từ, U thuộc về Ngô, các châu Duyện, Ký, Tinh, Lương thuộc về Thục. Còn đất Tư châu,⁽¹⁾ lấy Hàm Cốc quan làm ranh giới, lập minh ước rằng:

"Trời giáng tang loạn, hoàng cương đứt tự, nghịch thần gây họa, cướp đoạt quyền bính, trước là Đồng Trác, sau lại Tào Tháo, cùng hung cực ác, bốn bề ngửa nghiêng, đến mức chín châu rách xé, trời cao không mối, thần người thống hận, không chốn đi về. Cho đến con của Tháo là Phi, hung nghịch đến xấu, làm việc gian tà, trộm cắp ngôi trời, thẳng ranh là Duệ, nổi vết hung nghiệt, theo bước của Phi, cậy binh cướp đất, còn chưa bị giết. Xưa kia Cung Công loạn phép có Cao

¹ Tư châu, còn gọi là khu Tư lệ bao gồm khu vực kinh đô và vùng phụ cận.

Tân ra binh,⁽¹⁾ Tam Miêu trái chế có Ngu Thuấn đánh dẹp.⁽²⁾ Diệt Duệ hôm nay, bất đẳng của hần, không phải Hán Ngô, còn ai gánh vác?"

"Đánh ác diệt bạo, phải kể rõ tội, nên phân chia trước, đoạt đất của chúng, khiến tâm của sĩ dân, đều biết chỗ theo về. Thế nên thời Xuân Thu Tấn hầu phạt nước Vệ, trước tiên chia đất đai của nước Vệ ban cho người nước Tống, đấy là cái nghĩa của Tấn hầu vậy. Vả lại người xưa lập đại sự, tất có minh thệ trước, cho nên lễ chế của nhà Chu đặt quan Hữu ti coi việc lập minh ước, sách Thượng thư chép lời văn cáo thệ, Hán cùng với Ngô, dẫu tin tưởng nhau, nhưng vạch cõi chia đất, tất phải có minh ước."

"Gia Cát thừa tướng, uy đức lan xa, phò tá bản quốc, cầm binh cõi ngoài, tín cảm quý thần, thành động trời đất, coi trọng kết minh, tin tưởng ước thề, khiến sĩ dân khắp đông tây đều cùng nghe biết. Cho nên dựng đàn sát sinh, bá cáo thần minh, uống máu ăn thề, chép vào sách vở, để ở kho trời. Trời cao nghe thấu, thần linh ra uy, giúp người thành thực, Tư thận Tư minh, xét sự bất kính, giám sát ước thề,⁽³⁾ các thần hợp tế, chẳng ai không đến."

"Từ nay về sau, Ngô, Hán kết minh, chung sức một lòng, cùng đánh giặc Ngụy, cứu nguy diệt loạn, cùng chia tai họa, chung hưởng mừng vui, tốt xấu cùng nhau, không hề bội phản. Nếu ai hại Hán, thì Ngô đánh nó; có kẻ hại Ngô, thì Hán đánh đuổi. Đều giữ bờ cõi, không phạm lẫn nhau. Truyền tới đời sau, thủy chung như nhất. Trăm điều giao ước, đều như sách chép. Tin nhau chẳng cần lời hoa mỹ, thật cốt ở

¹ Cao Tân (高辛) tức Đế Cốc, một vị vua thời thượng cổ trong truyền thuyết Trung Hoa, từng đánh dẹp Cung Công (共工), Cung Công thua, húc đầu vào núi, làm gãy cột chống trời, khiến đầu trời nghiêng về góc tây bắc, chân hướng về đông nam.

² Tam Miêu (三苗) là người Man tộc, cùng với Hoan Đâu, Cung Công, và Cồn (bố vua Vũ) được gọi là tứ tội (bốn kẻ có tội) hay tứ hung (bốn kẻ ác), vì không thần phục triều đình, bị vua Thuấn đánh dẹp.

³ Theo Chu lễ thì lúc chư hầu kết minh ước, có thần minh dò xét chứng giám minh ước. *Tả truyện*, *Tương công thập nhất niên* có câu "Hoặc gian tư mệnh, tư thận tư minh, minh thần cực chí, ti thất kỳ dân." Đỗ Dự chú "nhị tư, là thiên thần vậy." Không Đình Đạt chú: "Tư thận, là dò xét sự bất kính; Tư minh, là xét lời ước thề".

ình thân. Ai đối ước thề, gây họa chước loạn, phản bội bất hòa, khinh mạn thiên mệnh, thần minh thượng đế sẽ ra tay đánh dẹp, Sơn Xuyên bách thần sẽ hợp nhau tru diệt, khiến kinh sư nước đó đổ nát, không được hưởng lộc trời. Xin các vị đại thần, hãy minh giám việc này!"

Mùa thu tháng chín, Quyền dời đô về Kiến Nghiệp, nhân đó ở phủ cũ không phải sửa sang công quán, trưng triệu Thượng đại tướng quân Lục Tốn đến giúp Thái tử Đăng, chương quản công việc ở phủ Vũ Xương.

① Ngô lục chép bài văn cáo trời của Quyền rằng:

"Kẻ bầy tôi của Hoàng đế là Quyền mạo muội dùng bò đực đen để tế lễ xin cáo rõ với Thượng đế chí tôn:

Nhà Hán hưởng nước hai mươi bốn đời, trải qua bốn trăm ba mươi tư năm, khí số đã hết, phúc lộc đã tận, trời cao buông bỏ, đất đai tan lìa. Kẻ bầy tôi tai nghiệt là Tào Phi nhân đó cướp đoạt thần khí, con của Phi là Duệ nổi đời làm điều tàn ác, vượt quá bốn phạm nhiều loạn pháp chế. Quyền sinh ở phía đông nam, ngẫu nhiên gặp thời vận, nổi giữ việc binh nhung, có chí dẹp loạn đời, vâng mệnh thảo phạt, nhắc chân giúp dân. Văn thần võ tướng, trăm thành của châu quận, những người giúp việc, đều cho là ý trời đã bỏ nhà Hán, nhà Hán đã tuyệt tự với trời xanh, ngôi Hoàng đế trống rỗng, dân tế trời vô chủ."

"Nay các chứng có về đêm lành, trước sau đến rất nhiều, lịch số ở thân mình, chẳng thể không nhận lấy. Quyền sợ thiên mệnh, chẳng dám không theo, xin kính cẩn chọn ngày đầu năm, dâng đàn đốt lửa tế trời, lên ngôi Hoàng đế. Nghĩ rằng thánh thần sẽ hưởng lộc tế, giúp đỡ nước Ngô, vĩnh viễn được hưởng trọn lộc trời."

② Xương môn, là cửa thành phía tây nước Ngô, do Phù Sai làm.

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, nước Ngụy xây Tân Thành ở Hợp Phì. Quyền hạ chiếu lập chức Đô giảng tế tửu, để dạy học cho các con. Phái tướng quân Vệ Ôn, Gia Cát Trực đem một vạn giáp sĩ vượt biển tìm kiếm các đảo Di Châu và Đản Châu. Đản Châu ở giữa biển, các trưởng lão truyền miệng rằng Tân Thủy Hoàng phái phương sĩ là Từ Phúc đem theo mấy nghìn

đồng nam đồng nữ vào biển, tìm thuốc tiên và núi thần ở chốn bông lai, rồi họ ở lại châu ấy không trở về. Đến nay kể theo nhau có mấy vạn nhà, dân chúng trên chốn ấy, bấy giờ có người đến Cối Kê bán vải vóc, người huyện Đông quận Cối Kê đi biển, cũng có người gặp gió lớn đưa đến Đản Châu. Nơi đó xa xôi cách tuyệt, bọn Vệ Ôn rút cục không đến được, chỉ có mấy nghìn người đi Di Châu quay về.

Năm thứ ba mùa xuân tháng hai, Quyền phái quan Thái thường Phan Tuấn đốc suất năm vạn bộ chúng đánh dẹp người Man Di ở quận Vũ Lăng. Vệ Ôn, Gia Cát Trục đều vì trái chiều mệnh không có công lao, bị tống ngục giết.

Mùa hạ, có con tằm hoang làm thành cái kén, to như quả trứng. Bởi ngoài cánh đồng huyện Quyền có cây lúa hoang tự nảy mầm, mới đổi tên huyện ấy thành huyện Hòa Hưng.

Trung lang tướng Tôn Bối trá hàng dụ tướng Ngụy là Vương Lăng, Lăng đem quân đón Bối. Mùa đông tháng mười, Quyền đem đại binh ngầm phục ở Phụ Lăng đợi chúng, Lăng phát giác ra bèn bỏ chạy.

Người huyện Thủy Bình phía nam quận Cối Kê nói là lúa tốt sinh sôi. Tháng mười hai ngày Đinh Mão, đại xá thiên hạ, đầu năm sau đổi niên hiệu.⁽¹⁾

Năm Gia Hòa nguyên niên mùa xuân tháng giêng, Kiến Xương hầu là Lự chết. Tháng ba, phái Tướng quân Chu Hạ, Hiệu úy Bùi Tiềm vượt biển đến Liêu Đông. Mùa thu tháng chín, tướng nước Ngụy là Điền Dự đón đánh họ, chém Hạ ở Thành Sơn. Mùa đông tháng mười, Thái thú Liêu Đông của nước Ngụy là Công Tôn Uyên phái Hiệu úy là Túc Thư, Lãng Trung lệnh là Tôn Tông xưng thần với Quyền, đồng thời dâng biểu con điều và ngựa. Quyền rất hài lòng, ban thêm tước vị cho Uyên.^①

¹ Chữ “gia” có nghĩa là tốt đẹp, tốt tươi; chữ “hòa” có nghĩa là cây lúa. Năm sau Quyền đổi niên hiệu là Gia Hòa (嘉禾).

① *Giang Biếu truyện* chép: Mùa đông năm ấy, quần thần vì Quyền chưa tế giao, tấu bàn rằng:

- Gần đây diêm lành lũ lượt kéo đến, các nước phương xa mộ nghĩa, ý trời việc người, trước sau hội đủ, nên sửa soạn tế giao, để vâng thuận thiên ý.

Quyền nói:

- Tế giao phải cử hành ở Trung thổ, nay chỗ ấy không phải của ta, sao bày việc đó được?

Quần thần lại tấu rằng:

- Dưới vòm trời này, chẳng đâu không phải là đất của đế vương. Đế vương lấy thiên hạ làm nhà. Xưa kia hai vua Văn, Vũ của nhà Chu tế giao ở đất Phong, đất Cảo, vị tất đã là Trung thổ.

Quyền nói:

- Vũ vương phạt Trụ, lên ngôi ở Cảo Kinh, nên tế giao tại chỗ ấy. Lúc Văn vương chưa làm Thiên tử, lập đàn tế giao ở đất Phong, thấy ở kinh điển nào?

Có người dâng thư nói:

- Cúi xét *Giao tự chí* ở *Hán thư*, Khuông Hành⁽¹⁾ tấu xin dời đàn tế ở Cam Tuyền thuộc Hà Đông, đến tế giao ở Trường An, nói rằng Văn vương tế giao ở đất Phong.

Quyền nói:

- Văn vương bản tính khiêm nhường, đặt mình ở ngôi vị chư hầu, rõ ràng chưa phải là cử hành tế giao vậy. Kinh truyện không chép rõ lời văn, lời của Khuông Hành là ý kiến cá nhân của kẻ tọc nho, không phải là điển tịch chính nghĩa, không thể dùng được vậy.

Chí lâm chép: Ngô vương xét bác bỏ lời tấu về tế giao, truy xét chê bai Khuông Hành, cho ông ta là tọc nho. Phàm là những điều đã thấy được, chẳng ai không cảm khái cho là thấu lý lẽ, thông sự tình và đạo lý. Đến như lời nói xét điển tịch, thì lại không thông.

¹ Khuông Hành (匡衡): Xem chú thích ở tập VI, quyển 33, trang 68 (Hậu chu truyện).

Lời của họ Mao nói: "Vua Nghiêu thấy mặt trời mọc ở đất Thai rồi sinh ra Hậu Tắc, nên dựng nước ở đất Thai, truyền mệnh sai thờ trời." Vì thế *Kinh Thi* chép: "Hậu Tắc dựng lập việc tế tự, hầu như không mắc lỗi, được truyền đến ngày nay." Là nói từ thời Hậu Tắc đến nay đều phải tế trời, cũng như người nước Lỗ tế giao vậy. Thế nên trong bài *Vực phác*⁽¹⁾ chép, "chất củi lại mà đốt tế." Văn vương làm lễ tế giao ở đất Phong, *Kinh Thi* có văn tự rõ ràng. Khuông Hành há phải kẻ phạm tục, mà nói oan cho ông ấy thế? Văn vương tuy chưa làm Thiên tử, nhưng thiên hạ ba phần đã có được hai rồi, lúc đánh người Sùng Kham Lê, Tổ Y chạy đến báo.⁽²⁾ Trời đã dứt bỏ nhà Ân, Văn vương vẫn lưu luyến ngoài về tây, Thái Bá ba lần nhường, vì thế có được thiên hạ. Việc Văn vương làm Vua, sao còn phải nghi ngờ? Nhưng lời tấu của Khuông Hành, có chỗ chưa tận ý. Xét Thế Tông lập đền miếu ở Cam Tuyền, Phần Âm, đều xuất ra từ lời của phương sĩ, không căn cứ vào điển tịch vậy. Phương sĩ cho rằng Cam Tuyền, Phần Âm là chỗ Hoàng Đế tế trời đất, cho nên Hiếu Vũ nhân đó làm theo, bèn dựng hai đàn tế. Nhà Hán trị ở Trường An, còn Cam Tuyền ở phía bắc, là ứng vị trí của quẻ Càn, mà Hành nói: "Vũ đế trú ở Cam Tuyền, tế ở phía nam cung điện", thế là lầm lẫn rồi. Đàn tế tại Phần Âm ở bãi bên sông, gọi là Trạch Trung, mà Hành nói: "Ở phía đông là Thiếu dương", là sai ý cơ bản. Đây là việc nước Ngô, ở truyện là không sai, tiếc là không biện giải từ ngữ chính xác, cho nên ta sửa lại chỗ này.

Năm tứ hai mùa xuân tháng giêng, Quyền hạ chiếu rằng:

"Trẫm vốn bất đức, mới nhận mệnh lớn, sớm khuya nom nớp, chẳng được rồi nhàn. Nghĩ dẹp nạn đời, cứu giúp lê dân, trên đáp thần

¹ Bài thơ này trong *Kinh Thi, Đại nhã*. Có lời rằng: "Bồng bồng vực phác, tân chi dừ chi" (Cây phác um tùm, chất củi mà đốt.) *Mao truyện* nói: "Sơn mộc mậu thịnh, vạn dân đắc nhi tân chi; hiền nhân chúng đa, quốc gia đắc dụng phiên hưng." Đại ý (Gỗ trong núi tươi tốt, muôn dân lấy gỗ làm củi; người hiền sinh ra nhiều, quốc gia dùng họ hưng thịnh quốc gia.)

² Sùng Kham Lê (崇戡黎) là tên một tộc người; Tổ Y (祖伊) là đại thần của vua Kiệt nhà Ân Thương.

minh, dưới yên dân ngóng. Vì thế thành tâm nhất ý, mưu cầu tuần kiệt, cùng nhau hợp sức, chung định hải nội, ví có đông lòng, sẽ cùng yên hưởng, chung vui đến già."

"Hiện nay Sử tri tiết Đốc U châu, lĩnh Thanh châu mục là Thái thú Liêu Đông Yên vương, nắm sát sườn giặc cướp đã lâu, ngăn cách ở một phương, tuy có lòng với quốc gia, chỉ vì đường xa không đến được. Nay ứng thiên mệnh, phái hai sứ giả đi xa, thành thực biểu lộ sự chân thành, ân cần gửi ý vào chương biểu, trăm được như thế, có nỗi mừng vui nào sánh được! Dẫu vua Thang gặp Y Doãn, Chu vương được Lã Vọng, Thế tổ chưa định mà có được Hà Hưu, so với việc hôm nay, há hơn được thế này?⁽¹⁾ Việc nhất thống thiên hạ, vì thế có thể yên định được vậy. Kinh Thư chẳng đã nói rằng: 'Một người có đức, muôn dân cậy nhờ'. Nay đại xá thiên hạ, cho phép kẻ có tội hối cải và thay đổi, cáo rõ xuống châu quận, khiến mọi người nghe biết. Đặc biệt phái sứ đến nước Yên, phụng tuyên ân chiếu, khiến người khắp đất ấy cùng được nghe tin mừng này."

Tháng ba, phái bọn Thư, Tống quay về, sai bọn Thái thường là Trương Di, Chấp kim ngô là Hứa Yển, Tướng quân là Hạ Đạt đem một vạn binh, kim ngân châu báu, lễ Cữu tích và đủ các thứ khí vật, vượt biển đến trao cho Uyên.^① Đại thần của cả triều đình, từ Thừa tướng Ung trở xuống đều can ngăn, cho là Uyên chưa thể tin được, mà ân sủng đãi ngộ quá hậu, chỉ nên phái mấy trăm quan binh hộ tống bọn Thư, Tông, nhưng Quyền nhất định không nghe.^② Uyên quả nhiên chém bọn Di, đưa đầu họ đến nước Ngụy, lấy hết binh lính của cải. Quyền cả giận, muốn tự mình đi đánh Uyên,^③ bọn Thượng thư Bộc xạ là Tiết Tống ra sức can gián mới chịu dừng.

¹ Thành Thang gặp Y Doãn đang đi cày ở đất Sần, đưa về dùng, Y Doãn phò tá Thành Thang diệt vua Kiệt, lập nhà Thương; Chu Văn vương câu được Lã Vọng đang câu cá trên sông Vị, Lã Vọng giúp Vũ vương (con của Văn vương) diệt vua Trụ, lập nhà Chu; Thế tổ Hán Quang Vũ lúc loạn Vương Mãng, được Đậu Dung ở Hà Bắc giúp đỡ, khôi phục nghiệp tổ, lập nhà Đông Hán.

Năm ấy, Quyền hướng đến Tân Thành thuộc Hợp Phì, phái Tướng quân là Toàn Tông đi đánh huyện Lục An, đều không thắng được mà quay về.^④

① *Giang Biểu* truyền chép tờ chiếu của Quyền rằng:

"Hồi cố *Sử* trị tiết *Xa* kỵ tướng quân Thái thú Liêu Đông tước Bình Lạc hầu nước Ngụy:

Đất trời hỗn loạn, chính đạo chưa dựng, kẻ thủ ác chất oán, tàn hại sinh dân, thiên hạ tan lổ chia lìa, quần sinh bị chôn lấp, dẫu lê dân khắp nơi còn rơi rớt, nhưng chẳng được bao nhiêu, cho đến buổi hôm nay, loạn càng thêm nhiều."

"Trẫm ứng lịch số, làm quân vương coi xét muôn bang, sớm khuya đau đầu, mưu nghĩ trừ họa nạn, như lặn xuống vực sâu, không biết chỗ lội qua. Thế nên cầm cờ mao búa viết, tiểu trừ hung ngược, từ đông qua tây, chẳng có lúc rồi nhàn, ví như dùng sức kịp, thì dân không mắc vạ. Nay dẫu dòng dõi của giặc ác chưa phục tội, cúi đầu chịu chết, cũng như cây khô đã bị trói buộc, chỉ đợi ngã mà thôi."

"Nghĩ xét Tướng quân thiên tư thông đạt khác đời, kiêm trù văn võ, quan sát thời thế ngẩng xem sự biến, xét kỹ lẽ tới đường lui, vượt nơi hiểm trở, biểu lộ tấm lòng son, mưu dựng đại kế, là người đi trước thiên hạ, công huân cực lớn, sánh với cổ nhân. Dẫu *Đậu Dung* xưa kia rời bỏ *Lũng Hữu*,⁽¹⁾ mau chóng chiếm *Hà Tây*, để kết hợp với *Quang Vũ*, danh tốt việc hay, há đã hơn được việc này? Kính ngưỡng và khen ngợi sự cao thượng phong nhã của người, trẫm thực vui mừng về việc ấy."

"Từ xưa các bậc đế thánh vua sáng, dựng cơ nghiệp lưu truyền về sau, dùng tước để khen đức, dùng lộc để đáp công; công lớn thì lộc hậu, đức cao thì lễ đầy. Nên *Chu Công* có công phù giúp, *Thái sư* có công dương uy,⁽²⁾ đều được mở mang thổ vũ, kiêm nhận các đồ khí vật. Nay tướng quân mưu cái kế sách của vạn năm, dựng sách lược khó có được trên đời, dứt tuyệt với tên giặc tiếm nghịch, kính trời thuận nhân, giúp

¹ *Đậu Dung* (竇融): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 93 (*Lưu Biểu* truyền).

² *Chu Công* *Đán* có công dẹp nội loạn phù tá *Thành vương*; *Khuông Thái công* *Lã Vọng* có công phù *Vũ vương* giúp đánh dẹp, hai người đều được phần phong thổ nhượng, làm vua chư hầu. *Chu Công* nhường đất phong cho con là *Bá Cầm*.

thành nghiệp lớn, công lao không ai sánh kịp, việc của Tề Lỗ,⁽¹⁾ sao đủ nói đây! Kinh Thi chẳng đã nói rằng: 'Không có lời nào nói ra mà chẳng được đáp lại, không có ân đức nào ban xuống mà chẳng được đáp đền.' Nay đem bảy mươi huyện và bảy quận của hai châu U, Thanh, phong cho người làm Yên vương, sai Sử tri tiết là Thái thường Trương Di trao cho người tì thụ sách thư, kim hồ phù từ số một đến số năm, trúc sử phù từ số một đến số mười. Ban cho người đất đen, gói dùng cỏ bạch mao, đốt mai rùa để bói, được đáp đền thờ thần đất. Trong cõi có việc binh hung, được phép thống lĩnh binh mã, dùng lọng cán cong và cờ nghi vệ của Đại tướng quân, coi giữ chức mục ở hai châu U, Thanh và chức Thái thú Liêu Đông như cũ. Nay gia thêm cho người Cửu tích, nên kính nghe lệnh trẫm."

"Vì người ba đời nối nhau, gánh việc võ về ở một phương, yên ổn bốn quận, giáo huấn đến người khác tục, dân Di an nghiệp, không có ai hai lòng, thế nên ban cho người được dùng xe lớn, binh xa, hai cỗ ngựa đực màu đen. Người siêng việc khuyến nông, canh tác nên công, thương khó chất chồng, quan dân đều phong túc, thế nên ban cho người được dùng y phục là áo cổn và mũ miện, giày đỏ một đôi. Người dùng đức chính để giáo hóa, dùng lễ ngộ kính kẻ dưới, đôn hậu chuộng nghĩa khiêm nhường, trong ngoài đều hòa hợp, thế nên ban cho người được dùng khúc nhạc Hiên huyền. Người tuyên dương phong hóa và đạo tốt lành, bao bọc võ về nơi biên viễn, người phương xa ngẩng mặt theo về, chẳng ai không theo bóng nương tựa, thế nên ban cho người được ở nhà sơn son. Người dựa vào tài lược của mình, phong quan cho kẻ đứng đắn, tin dùng người hiền, xét rõ ngay gian, người lương thiện đều được tiến cử, thế nên ban cho người được dùng trăm quân hồ bôn. Người sửa sang binh mã chỉnh tề, oai chấn phương xa, cung kính giữ thiên hình, nêu tỏ hình pháp, thế nên ban cho người được dùng phủ việt mỗi thứ một cái. Người văn hòa ở trong, võ tín ở ngoài, đánh kẻ phản nghịch, bẻ gãy quân thù, xông pha gian hiểm, thế nên ban cho người một cây cung đỏ, trăm mũi tên đỏ, mười cây cung đen, nghìn mũi tên đen. Người hết mình trung cần báo đáp, lấy ôn hòa cung kính làm đức, nghiêm minh

¹ Đầu thời Xuân Thu, các nước Tề, Lỗ đều là chư hầu mạnh, phù giúp thiên tử nhà Chu, ra oai với chư hầu.

chân thành hết mực, trầm nghĩ mà cảm động, thế nên ban cho ngươi một hũ rượu nếp thượng thượng, một bộ cốc uống rượu bằng ngọc khuê."

"Kính thay! Ngươi hãy kính theo huấn điển, thận trọng vâng theo chức phận với trời cao, giúp quốc gia ta, ngươi mãi mãi giữ trọn được sự tốt lành."

② Thần Tùng Chi cho rằng Quyền ương bướng giữ ý mình trái lời can của mọi người, dễ dãi tin ý của Uyên, là không đúng với phép tắc đánh dẹp, chẳng xem trọng mối lo khôi phục. Tuyên ban tích mệnh, lại sai khiến vạn người, đẩy há chẳng phải là không yêu dân chúng của mình, rất hôn ám ngạo ngược sao? Việc này, không phải chỉ là hôn ám, mà thực sự là vô đạo.

③ *Giang Biếu truyện* chép: Quyền giận dữ nói:

- Trẫm nay sáu mươi tuổi, việc khó việc dễ trên đời, chưa từng không nếm trải, gần đây bị con chuột này thao túng, khiến khí tức trong người dâng như núi. Chẳng tự mình cầm con chuột này ném xuống biển, trẫm không có mặt mũi nào xét soi vạn nước. Nếu vì thế khiến quốc gia điêu đảo, cũng chẳng lấy làm tiếc hận.

④ *Ngô thư* chép: Khi trước, bọn Trương Di, Hứa Yến cùng đến Tương Bình, thuộc quan đi theo hơn bốn trăm người. Uyên muốn giết sạch bọn Di, Yến, trước hết chia tách quân dân của họ, bố trí họ ở các huyện của Liêu Đông, đem bọn Trung sứ là Tần Đán, Trương Quần, Đỗ Đức, Hoàng Cương cùng sáu chục quan binh, bố trí ở quận Huyền Thố.

Quận Huyền Thố ở phía bắc Liêu Đông, cách Liêu Đông hai trăm dặm, Thái thú Vương Tán quản hai trăm hộ, ước chừng ba bốn trăm người. Bọn Đán đều trọ trong nhà dân, việc ăn uống trông cả vào họ. Đợi qua bốn mươi ngày, Đán cùng bọn Cương bàn rằng:

- Bọn ta ở xa làm nhục quốc mệnh, tự bỏ mạng ở chỗ này, so với chết vì bỏ trốn có khác gì đâu? Nay xem ra quận này, hình thế rất yếu. Nếu ta một sớm đồng lòng, thiêu đốt thành quách, giết trưởng lại của họ, vì nước rửa nhục, rồi sau can tâm tình nguyện vứt bỏ sinh mệnh, đủ để không phải tiếc hận. Có đâu phải cầu tha sống trộm mãi làm phận giặc tù?

Bọn Cương cho lời ấy là đúng. Vì thế ngầm kết ước với nhau, đợi đến đêm ngày mười chín tháng tám phát động. Giữa trưa hôm ấy, có người trong đám thuộc hạ là Trương Tùng tố cáo, Tán bèn hội sĩ chúng đóng cửa thành lại. Bọn Đán, Quần, Đức, Cương đều trèo thành thoát được. Bấy giờ Quần bị nhọt sưng đầu gối, không theo kịp đồng bọn, Đức thường dìu đi cùng, vượt đường sơn cốc gập ghềnh. Đi được sáu bảy trăm dặm, vết thương càng nghiêm trọng, không tiến được nữa, nằm trong đám cỏ, ôm nhau khóc lóc bi thương. Quần nói:

- Ta bất hạnh bị thương nặng, chết không lâu nữa, các ngài nên tức tốc lên đường, mới hy vọng đến chỗ an toàn. Ôm nhau ở chỗ trống trải, cùng chết trong hang tận, ích gì đâu?

Đức nói:

- Vạn dặm lưu ly, cùng nhau sống chết, chẳng nỡ bỏ nhau.

Vì thế đẩy Đán và Cương đi trước, mình Đức ở lại giữ Quần, hái rau tìm quả ăn. Đán, Cương chia biệt được mấy ngày, đến được chỗ người Câu Ly (Vương Cung), nhân đó tuyên chiếu với vua Câu Ly là Cung và quan Chủ bộ của hắn, nói là đồ ban tặng bị người Liêu Đông đánh cướp. Bọn Cung cả mừng, lập tức thụ chiếu, truyền mệnh sai người theo Đán quay lại đón Quần và Đức.

Năm ấy, Cung phái hai mươi lăm người mặc áo đen hộ tống bọn Đán quay về, dâng biểu xưng thần, cống một nghìn tấm da điều, mười tấm da chim trĩ. Bọn Đán gặp Quyền, xót thương mừng rỡ chẳng tự kìm nén nổi. Quyền khen nghĩa của họ, đều bái làm Hiệu úy.

Chừng một năm, Quyền phái sứ giả là Tạ Hoàn, Trung thư là Trần Tuân đến bái Cung làm Thiên vu, ban thêm y phục và đồ trân bảo. Bọn Tuân đến An Bình khẩu, trước hết phái Hiệu úy Trần Phụng đến gặp Cung, nhưng Cung đã vâng nhận ý chỉ của Thứ sử U châu nước Ngụy, xin vì nước Ngụy ra sức, bắt lấy sứ nước Ngô. Phụng nghe tin, quay ngược trở về. Cung phái Chủ bộ là bọn Tạc Tư, Đái Cố ra An Bình, cùng bọn Hoàn tương kiến. Hoàn lập tức bắt trói hơn ba mươi người của Cung làm con tin,

Cung vì thế tạ tội, dâng lên mấy trăm con ngựa. Hoành bèn phái Tư, Cố vâng chiếu thư ban đồ vật cho Cung. Bấy giờ thuyền của Hoành nhỏ, chở tám mươi con ngựa mà về.

Năm thứ ba mùa xuân tháng giêng, Quyền hạ chiếu thư:

"Việc quân lâu ngày không nghỉ, dân khốn vì lao dịch, có năm không được mùa. Nay khoan thứ cho những kẻ trốn lao dịch, chớ độc thuế khóa nữa."

Mùa hạ tháng năm, Quyền phái bọn Lục Tốn, Gia Cát Cẩn đóng quân ở Giang Hạ, Miện Khẩu, bọn Tôn Thiệu, Trương Thừa hưởng đến xứ Quảng Lăng, Hoài Dương; Quyền đốc suất đại quân vây Tân Thành thuộc Hợp Phì. Bấy giờ tướng nước Thục là Gia Cát Lượng xuất binh ra Vũ Công; Quyền cho là Ngụy Minh đế chẳng thể ra xa, nhưng Ngụy đế phái binh trợ giúp Tư Mã Tuyên vương cự Lượng, tự mình đốc suất thủy quân đông chinh. Ngụy quân chưa đến Thọ Xuân, Quyền rút về, Tôn Thiệu cũng bãi binh.

Mùa thu tháng tám, lấy Gia Cát Khác làm Thái thú Đan Dương, sai đánh dẹp người Sơn Việt. Tháng chín ngày sóc, có sương lạnh hại lúa. Mùa đông tháng mười một, Thái thường là Phan Tuấn bình người Man Di ở Vũ Lăng, xong việc, trở về Vũ Xương. Quyền hạ chiếu khôi phục lại tên huyện Khúc A thành Vân Dương, huyện Đan Đồ thành Vũ Tiến. Giặc ở quận Lư Lăng là bọn Lý Hoàn, La Lệ làm loạn.

Năm thứ tư mùa hạ, Quyền phái Lã Đại đánh dẹp bọn Hoàn. Mùa thu tháng bảy, có mưa đá. Sứ giả nước Ngụy đem ngựa xin đổi lấy ngọc châu, lông chim phi thúy, đòi mồi, Quyền nói:

- Đấy đều là những thứ Cô không dùng, mà có thể thu được ngựa, có mối lo gì mà chẳng nghe theo việc giao dịch này nhỉ?

Năm thứ năm mùa xuân, đúc đồng tiền lớn, một đồng đổi năm trăm tiền. Quyền hạ chiếu sai quan dân mang nộp đồng, tính số đồng trả giá trị tiền. Đặt khoa điều luận tội kẻ ăn cắp tiền đúc.

Tháng hai, người ở Vũ Xương nói có sương móc giáng ở điện Lê Tân. Phụ Ngô tướng quân Trương Chiêu chết. Trung lang tướng Ngô Sán bắt được Lý Hoàn, Tướng quân Đường Tư bắt được bọn La Lệ. Từ tháng mười không có mưa, tiết trời như mùa hạ. Mùa đông tháng mười, sao chổi hiện ra ở phương đông. Giặc ở huyện Bà Dương là bọn Bành Đán làm loạn.

Năm thứ sáu mùa xuân tháng giêng, Quyền hạ chiếu nói:

"Cư tang ba năm, là phép tắc lưu hành trong thiên hạ, là nỗi thống khổ cực điểm của tình người vậy; bậc hiền giả thì nén đau thương để theo lễ, kẻ hư đốn thì miễn cưỡng làm việc đó. Đời trị thì đạo hanh thông, trên dưới vô sự, bậc quân tử không cưỡng ép tình người, cho nên trong ba năm không quấy nhiễu nhà của kẻ hiếu tử. Đến như lúc có việc, thì bớt lễ để thích ứng thời thế, nhất định phải mặc đồ tang xử lý công việc. Cho nên phép tắc thánh nhân chế định ra, có thứ lễ không hợp thời thì không phải theo. Như gặp tang mà không về lo tang là trái với lễ xưa vậy, đại khái là tùy thời mà hành xử thích hợp, vì nghĩa mà dứt ân vậy. Trước đây đặt ra khoa điều, là trường lại giữ chức, tất phải đợi bàn giao việc xong mới đi, nếu cố tình phạm luật, dẫu là tùy nguyên cớ mà phán tội, thì cũng đã là bỏ sót chức trách của mình. Nay đang lúc nhiều việc, quốc gia lắm nạn, phàm là kẻ giữ chức quan, đều phải dốc hết tiết tháo, việc công làm trước việc tư làm sau, nếu không vâng theo, là rất sai lầm vậy. Quân liêu trong ngoài, phải thay nhau bàn định, cốt khiến cho các phương diện phải hợp tình hợp lý, pháp độ được rõ ràng."

Cố Đàm nghị bàn, cho rằng:

"Lập ra khoa điều về việc chịu tang, nhẹ thì không đủ để cấm cái tình của hiếu tử, nặng thì cơ bản là không xứng với tội phải chết, đặt thêm hình pháp nghiêm ngặt, thì kẻ làm trái sẽ ít đi. Nếu ngẫu nhiên có kẻ phạm pháp, tăng hình phạt với kẻ đó thì về tình là không nỡ, giảm hình phạt thì phép tắc bị phế không được thi hành. Kẻ ngu này cho rằng trường lại ở xa, nếu không có tin báo, thực là chẳng thể biết

được. Trong lúc chọn người thay việc, nếu có kẻ loan tin ra, tất kẻ đó bị ban tội tử hình, mà trường lại không bị cái tội bỏ chức, bậc hiệu tử không mắc tội phạm vào trọng hình."

Tướng quân Hồ Tổng nghị bàn, cho rằng:

"Lễ chế về việc tang, tuy rằng đã có điển chế, nếu không thích hợp, thì chẳng thể thi hành. Nay giữa lúc có chiến tranh, so với bình thường có khác biệt, nhưng trường lại gặp tang sự, biết có điều cấm, dám đường đột bỏ việc công, lo nghĩ xấu hổ với việc không về chịu tang, mà chẳng kể việc mình là bày tội phạm cấm lệnh, đây là vì cấm lệnh hình luật để phòng ngừa đặt ra là quá nhẹ. Tận trung vì quốc gia, tận hiếu để dựng nhà, đem thân làm bày tội, sao kiêm gồm được cả hai? Cho nên làm trung thân thì khó làm hiếu tử. Nên định điều mục, làm rõ đó là tội tử hình, nếu cố tình vi phạm, tội không tha được. Lấy giết chóc để ngừng giết chóc, phạt tội một người, sau đó tất dứt tuyệt."

Thừa tướng Ung tấu là nên dùng tội tử hình. Sau đó Ngô lệnh là Mạnh Tông có tang mẹ về chịu tang, xong tự đến Vũ Xương để nghe phán tội. Lục Tốn bày tỏ rằng Tông là người có phẩm hạnh cao khiết, nhân đó xin tha, Quyền bèn giảm tội cho Tông một bậc. Sau đó chẳng ai dám làm thế nữa, bởi vậy việc đó dứt tuyệt.

Tháng hai, Lục Tốn đánh dẹp bọn Bành Đán, năm ấy, phá được hết. Mùa đông tháng mười, Quyền phái Vệ tướng quân Toàn Tông tập kích Lục An, không thắng. Gia Cát Khác bình định Sơn Việt nên công, lên bắc đóng quân ở Lư Giang.

Năm Xích Ô nguyên niên mùa xuân, đúc đồng tiền lớn giá trị đáng nghìn tiền. Mùa hạ, Lã Đại đánh dẹp giặc ở Lư Lăng, xong, quay về Lục Khẩu. Mùa thu tháng tám, người quận Vũ Xương nói là có kỳ lân xuất hiện. Hữu ti tấu nói kỳ lân là ứng điềm thái bình, nên đổi niên hiệu. Quyền hạ chiếu rằng:

"Gần đây có chim quạ đỏ đậu ở trước điện, trẫm tự nhìn thấy, nếu thần linh cho đó là điềm lành, thì nên cải niên hiệu thành Xích Ô năm đầu."

Quần thần tấu rằng:

"Xưa kia Vũ vương đánh Trụ, có điềm lành chim quạ đỏ, vua tôi đều nhìn thấy việc đó, vì thế có được thiên hạ, kinh sách của thánh nhân ghi chép kể rõ đây là điềm tốt lành nhất, những việc tốt đẹp gần đây, tự thân nó đã tỏ rõ ra rồi vậy."

Vì thế đổi niên hiệu.

Năm ấy Bộ phu nhân chết, được truy tặng hiệu Hoàng hậu.

Khi trước, Quyền tin dùng Hiệu sự Lã Nhất, Nhất tính tình tàn ác, dùng hình pháp rất khắc nghiệt. Thái tử Đổng mấy lần can gián, Quyền không thu nhận, các đại thần vì thế chẳng ai dám nói. Về sau tội gian của Nhất phát lộ bị giết, Quyền nhận lỗi tự trách mình, rồi sai Trung thư lang Viên Lễ cáo lỗi với các Đại tướng, nhân đó hỏi về các việc được mất lúc đương thời. Lễ về, Quyền lại hạ chiếu trách mắng bọn Gia Cát Cẩn, Bộ Chặt, Chu Nhiên, Lã Đại rằng:

"Viên Lễ trở về, nói rằng đã cùng bọn Tử Du, Tử Sơn, Nghĩa Phong, Định Công gặp gỡ, đều đem việc đương thời trước sau nói với mọi người, mọi người đều lấy lý do không chuồng quản việc dân, chẳng chịu bày tỏ ý kiến, đều đùn đẩy cho Bá Ngôn, Thừa Minh. Bá Ngôn, Thừa Minh gặp Lễ, hết sức khẩn thiết chỉ thành rơi lệ, nói những lời cay đắng, đến nỗi mang lòng sợ hãi, trong tâm chẳng thể tự yên. Trẫm nghe tin ấy buồn bã xiết bao, trong thâm tâm tự thấy là quái lạ. Sao vậy? Ôi, duy có bậc thánh nhân là hành vi không lầm lỗi, người sáng suốt có thể tự xét thấy thôi. Hành vi của người ta, làm sao đúng hết được, chỉ cố chấp theo ý của mình để phương hại đến ý kiến của số đông, nhất thời không tự biết được, cho nên các ngài vì khó khăn mà né tránh thôi; không như thế, làm sao dẫn đến cơ sự ấy?"

"Từ khi Cô hưng binh đến nay trải năm mươi năm, phàm là việc thuế khóa lao dịch trẫm thứ đều lấy ở dân. Thiên hạ chưa định, lũ yêu nghiệt vẫn còn, sĩ dân chuyên cần lao khổ, thực là điều các ngài thấu hiểu. Nhưng bách tính phải lao nhọc, là việc bất đắc dĩ thôi. Cô cùng

các ngài cộng sự, từ nhỏ cho đến lúc trưởng thành, nay đã hai thứ tóc, hết thấy trong ngoài thống nhất đủ để thẳng thắn nói hết với nhau, công tư phân minh, đủ để tin tưởng giúp cho nhau. Hết lời thẳng thắn can gián, là điều mà Cô mong mỏi ở các ngài; nhất nhạnh để bù bổ thiếu sót, cũng là điều mà Cô trông đợi vậy."

"Trước kia Vệ Vũ công¹ tuổi già chí tráng, siêng năng cầu người giúp đỡ, thường than trách một mình. ① Vả lại kẻ áo vải đeo đai da, cùng nhau giao kết, danh phận đã hòa hợp, thì dù địa vị thấp hèn vẫn chẳng xa lìa. Nay các ngài cùng Cô cộng sự, tuy còn cái nghĩa quân thần, vẫn gọi là cốt nhục chẳng thể nào hơn được. Vinh lộc buồn vui, cùng nhau chung hưởng. Trung thì chẳng giấu chân tình, trí mưu không cất giữ, mọi việc đúng sai phải nhất trí, các ngài há được ung dung thư nhàn sao! Cùng thuyền qua sông, có ai lại không chung tay đẩy?"

"Tê Hoàn làm Bá chư hầu thôi, có điều hay thì Quản tử chưa từng không tán thưởng, có sai lầm thì Quản tử chưa từng không can gián, can gián mà không được, nhất định can không dừng. Nay Cô tự xét mình không có cái đức của Hoàn công, mà lời can gián của các ngài chưa từng ra khỏi miệng, luôn giữ ý vì khó khăn mà né tránh. Vì thế mới nói rằng, Cô so với Tê Hoàn thì tốt đẹp hơn, không biết các ngài so với Quản tử thì thế nào?"

"Lâu chẳng gặp nhau, mới có việc đáng cười. Cùng định đại nghiệp, chinh đồn thiên hạ, còn ai nữa đây? Hết thấy trăm việc thiết yếu về cái được cái mất lúc này, Cô vui lòng nghe các ý kiến bất đồng, để sửa lại những điều không hợp lý."

① *Giang Biểu truyện chép: Quyền lại nói:*

- Trong thiên hạ không có con cáo trắng thuần chất, nhưng có áo cừ trắng thuần chất, đó là lông cáo mà mọi người gom góp vậy.

¹ Vệ Vũ công (衛武公) tên thật là Cơ Hòa (姬和), là vị quân chủ thứ mười một của nước Vệ thời Xuân Thu. Ông làm vua 55 năm, có công giúp nhà Chu, đánh dẹp rợ Khuynh Nhung lập Chu Bình vương. Trước đó, cha ông chỉ giữ tước hầu, nhờ công lao dẹp giặc rợ, tôn phù nhà Chu, ông được thăng từ tước hầu lên tước Công.

Có thể làm cái tạp nạp thành cái thuần nhất, há chẳng phải là tích góp sao? Cho nên dùng được sức của dân, thì vô địch trong thiên hạ rồi; ai có thể dùng được trí của dân, thì không sợ so mình với thánh nhân rồi.

Năm thứ hai mùa xuân^① tháng ba, Quyền phái sứ giả là Dương Huy, Trịnh Trụ, Tướng quân là Tôn Di đến Liêu Đông, đánh úp tướng lĩnh phòng vệ của nước Ngụy là bọn Trương Trì, Cao Lự, bắt được trai gái của chúng.^② Người quận Linh Lăng nói có sương móc giáng. Mùa hạ tháng năm, đắp thành Sa Tiễn. Mùa đông tháng mười, Tướng quân Tưởng Bí xuôi nam đánh giặc Di. Đô đốc mà Bí quản lĩnh là Liêu Thức giết Thái thú Lâm Hạ là bọn Nghiêm Cương, tự xưng Bình nam tướng quân, cùng em là Tiêm chung sức đánh hai quận Linh Lăng, Quế Dương, vừa lúc Giao châu và các quận Thương Ngô, Uất Lâm nhiễu động, bộ chúng mấy vạn người. Quyền phái tướng quân Lã Đại, Đường Tư đánh dẹp chúng, hơn một năm đều phá được.

① *Giang Biểu truyện* chép chiếu thư vào tháng giêng của Quyền rằng:

"Quan lang, là bầy tôi túc vệ trong cung, là kẻ sĩ được phong tước thụ mệnh thời xưa vậy. Gần đây có vẻ không dùng những người ấy. Từ nay tuyển chọn người vào tam thự⁽¹⁾ đều phải dựa vào tứ khoa,⁽²⁾ không được dựa vào lời lẽ văn vẻ sáo rỗng."

② *Văn sĩ truyện* chép: Trụ tự Kính Tiên, người nước Bái. Cha của Trụ là Trát, tài học sâu rộng thấu suốt lý lẽ, Quyền làm Phiêu kỵ tướng quân, dùng Trát làm Tòng sự trung lang, giúp Trương Chiêu, Tôn Thiệu cùng chế định lễ nghi của triều đình.

Trụ là con út của Trát, tài kiêm văn võ, có tư chất và khí độ, thời trẻ nổi danh, được xét cử là Hiền lương, ít lâu thăng làm Thái thú Kiến An. Tân khách của Lã Nhất phạm pháp ở quận, Trụ bắt tổng

¹ Tam thự: Xem chú thích ở tập II, quyển 7, trang 122 (Tang Hồng truyện).

² Tứ khoa (四科), là bốn tiêu chuẩn kẻ sĩ phải đạt được khi xét bổ nhiệm làm quan. Theo *Hán thư*, *Nguyên đế kỷ*, đó là: Chất phác, đôn hậu, khiêm tốn, đức hạnh.

ngục, tra khảo đến chết. Nhất mang lòng hận, sau ngậm gièm Trụ. Quyền cả giận, triệu Trụ về, Phan Tuấn, Trần Biểu đều vì Trụ cầu xin, Trụ được tha. Về sau Trụ được bá làm Tuyên tín Hiệu úy, qua cứu Công Tôn Uyên, bị quân Ngụy đánh bại, lúc trở về được đổi làm Chấp kim ngô.

Con của Trụ là Phong, tự Mạn Quý, có văn tài, lại tiết tháo và đức hạnh, chơi thân với Lục Vân, cùng Vân làm thơ qua lại với nhau. Tư không Trương Hoa triệu gọi, chưa đến, đã chết.

Thần Tùng Chi nghe nói, Tôn Di là người vùng đông châu, không phải thuộc họ tộc của Quyền vậy.

Năm thứ ba mùa xuân tháng giêng, Quyền hạ chiếu rằng:

"Vua không có dân không đứng được, dân không có thóc không sống nổi. Thời gian gần đây, dân chúng phải đi lao dịch nhiều, có năm lại thủy tai hạn hán, thóc lúa trong năm bị tổn hại, mà quan lại có kẻ bất lương, xâm đoạt mùa màng của dân, vì thế dẫn đến đói khổ. Từ nay về sau, Đốc quân và Quận thú, phải cẩn thận tra xét những kẻ phi pháp, đang lúc nông tang, dùng việc lao dịch để quấy nhiễu dân, thì khép tội trạng để báo lên."

Mùa hạ tháng tư, đại xá thiên hạ, lại chiếu lệnh sai các quận huyện sửa thành quách, dựng chòi trên thành, đào hào vét kênh, để phòng bị đạo tặc. Mùa đông tháng mười một, dân đói, Quyền hạ chiếu sai mở kho thóc phát chẩn cho kẻ bần cùng.

Năm thứ tư mùa xuân tháng giêng, có tuyết lớn, đất băng ngập sâu ba thước, chim muông chết quá nửa. Mùa hạ tháng tư, Quyền phái Vệ tướng quân Toàn Tông sang đánh cướp ở Hoài Nam, tháo nước đầm Thục Pha, đốt kho lương An Thành, bắt dân chúng ở đấy. Uy bắc tướng quân Gia Cát Khác tấn công Lục An. Tông cùng tướng Ngụy là Vương Lăng giao chiến ở Thục Pha, hơn chục người bọn Trung lang tướng là Tần Hoảng chết trận. Xa kỵ tướng quân Chu Nhiên vây Phàn Thành, Đại tướng quân Gia Cát Cẩn đánh huyện Tô Trung.^①

Tháng năm, Thái tử Đăng chết. Tháng ấy, Thái phó nước Ngụy là Tư Mã Tuyên vương cứu Phàn Thành. Tháng sáu, quân quay về. Tháng nhuận, Đại tướng quân là Cẩn chết. Mùa thu tháng tám, Lục Tốn đắp thành huyện Chu.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Thái thú Linh Lăng là Ân Lễ nói với Quyền rằng:

- Nay trời bỏ họ Tào, đại tang liên tiếp, giữa lúc hồ lang tranh giành mà đưa trẻ ranh coi việc. Bệ hạ tự mình thống ngự binh nhung, đánh kẻ loạn lẩn kẻ vong, nên quét sạch đất Kinh, Dương, cắt hết người khỏe kẻ yếu, sai người khỏe cầm kích, kẻ yếu chuyển vận, ở phía tây khiến quân Ích châu tiến ra Lũng Hữu, giao cho Gia Cát Cẩn và Chu Nhiên nắm đại quân, chỉ huy quân đội ở Tương Dương; Lục Tốn, Chu Hoàn cầm riêng quân đi đánh Thọ Xuân; Đại giá tiến vào Hoài Dương, chuyển qua Thanh, Từ. Tương Dương, Thọ Xuân khốn vì thù địch, từ Trường An sang tây phải chuyên tâm đối phó quân Thục, dân chúng ở Hứa, Lạc về hình thế tất phân ly; thế ý giốc tan như ngôi vỡ, dân tất làm nội ứng, tướng soái quay đầu, hoặc mất ưu thế; một cánh quân thua, ba quân trong lòng chia rẽ, ta chuẩn bị chiến xa, đánh thành chiếm ấp, thừa thắng đuổi lên bắc, nhân đó định Hoa Hạ. Nếu chẳng huy động hết quân lính, chỉ đem theo ít binh, thì chẳng thể đại dụng, dễ phải lui về. Dân mệt mà uy tan, thời qua lực kiệt, không phải là kế sách ra quân hay vậy.

Quyền bỏ không dùng lời ấy.

Năm thứ năm mùa xuân tháng giêng, Quyền lập con là Hòa làm Thái tử, đại xá thiên hạ, đổi huyện Hòa Hưng thành Gia Hưng. Trăm quan tấu xin lập Hoàng hậu và tứ Vương, Quyền hạ chiếu rằng:

"Nay thiên hạ chưa định, muôn dân mỗi mệt, vả lại người có công còn chưa được biên chép, kẻ đói rét còn chưa được cấp giúp, tùy tiện cắt đất để phong cho con em, ban tước vị cao để sủng ái thân thiếp, Cô quyết không làm. Lời bàn ấy nên bỏ."

Tháng ba, người huyện Hải Diêm nói có rồng vàng hiện ra. Mùa hạ tháng tư, cấm dâng biếu đồ ngự dụng, giảm bớt cỗ bàn ở trong cung. Mùa thu tháng bảy, phái Tướng quân Nhiếp Hữu, Hiệu úy Lục Khải đem ba vạn binh đánh dẹp Châu Nhai, Đàm Nhĩ. Năm ấy có đại dịch, Hữu ti lại tấu xin lập Hoàng hậu và các Vương. Tháng tám, lập con là Bá làm Lỗ vương.

Năm thứ sáu mùa xuân tháng giêng, người ở Tân Đô nói có hổ trắng xuất hiện. Gia Cát Khác đi đánh Lục An, phá doanh trại của tướng Ngụy là Tạ Thuận, thu dân chúng ở đấy. Mùa đông tháng mười một, Thừa tướng là Cố Ung chết. Tháng mười hai, vua nước Phù Nam là Phạm Chiên phái sứ giả dâng nhạc công và sản vật địa phương. Năm ấy, Tư Mã Tuyên vương thống suất quân tiến vào huyện Thục, Gia Cát Khác từ Hoán Thành dời về trú ở Sài Tang.

Năm thứ bảy mùa xuân tháng giêng, Quyền lấy Thượng đại tướng quân là Lục Tốn làm Thừa tướng. Mùa thu, người huyện Uyển Lăng nói là lúa tốt sinh sôi. Năm ấy, bọn Bộ Chất, Chu Nhiên đều dâng sớ nói rằng:

"Người từ nước Thục quay về, đều nói bên ấy muốn bội mình, cùng Ngụy liên thông, làm nhiều thuyền bè, sửa sang thành quách. Lại nữa là Tướng Uyển giữ Hán Trung, nghe nói Tư Mã Ý hướng về nam, không thừa hư xuất binh làm thế ỷ giốc, lại rời bỏ Hán Trung, về gần Thành Đô. Việc đã sáng rõ, không có gì phải nghi ngờ nữa, nên lập thế phòng bị."

Quyền liệu rằng việc ấy không đúng, nói:

- Ta đãi Thục không bạc, qua lại thăm hỏi kết minh ước, không chỗ nào phụ lại Thục, sao đến như thế được? Lại nữa là Tư Mã Ý lúc trước tiến vào huyện Thục, một tuần lập tức rút ngay, Thục xa ngoài vạn dặm, biết sao được việc hoãn gấp thế nào mà xuất binh? Trước đây người Ngụy muốn vào Hán Xuyên, thời

ấy ta giữ nghiêm, cũng không xuất binh, lúc nghe tin quân Ngụy về ta mới thôi, Thục há lại vì thế mà nghi ngờ chúng ta sao? Vả lại người ta trị quốc, thuyền bè thành quách, sao lại không tu sửa nhỉ? Thời gian này ta luyện quân, há lại dùng để ngăn Thục sao? Lời người ta nói chẳng nên tin ngay, trăm đầu tan nhà cũng bảo đảm chuyện đó với các ngài.

Thục cuối cùng không có mưu đồ, đúng như điều Quyền liệu tính.^①

① *Giang Biểu* truyện chép chiếu thư của Quyền rằng:

"Độc tướng trốn phản mà giết vợ con của người ta, là khiến vợ mất chồng, con lìa cha, rất tổn hại đến nhân nghĩa và giáo hóa, từ nay chớ giết nữa."

Năm thứ tám mùa xuân tháng hai, Thừa tướng Lục Tốn chết. Mùa hạ, sét đánh vào cột trụ ở cửa cung, lại đánh sập cây cột lớn của cầu Nam Tân. Thế nước lớn tràn ngập huyện Trà Lăng, hơn hai trăm nhà dân trôi dạt. Mùa thu tháng bảy, Tướng quân là bọn Mã Mậu mưu đồ nghịch loạn, bị tru di tam tộc. Tháng tám, đại xá thiên hạ. Quyền phái Hiệu úy Trần Huân đem quân làm đồn điền và ba vạn thợ giỏi đào kênh vận giữa huyện Câu Dung, từ Tiểu Kỳ đến mé tây thành Vân Dương, thông buôn bán giữa các huyện thành, làm kho chứa lương.^①

① *Ngô lịch* chép: Mậu vốn là Trưởng huyện Chung Li của vùng Hoài Nam, nhưng vì Vương Lăng bị mất chức, bèn làm phản quy phục nước Ngô, Ngô chủ dùng làm Chinh tây tướng quân, Thái thú Cửu Giang, Ngoại bộ đốc, phong tước hầu, sai thống lĩnh một nghìn binh. Quyền mấy lần ra giữa vườn thú, cùng công khanh chư tướng săn bắn. Mậu cùng với bọn Kiêm phù tiết lệnh là Chu Trinh, Vô Nan đốc là Ngu Khâm, Nha môn tướng là Chu Chí hợp mưu, rình lúc Quyền ở trong vườn, công khanh chư tướng còn ngoài cửa chưa vào, sẽ lệnh cho Trinh cầm cờ tiết nói là có chiếu, bắt trói hết công khanh; Mậu dẫn binh vào vườn thú đánh Quyền, chia ra giữ ở trong cung và lũy Thạch Đầu, rồi phái người báo với Ngụy. Việc bị phát giác, đều bị giết cả họ.

Năm thứ chín mùa xuân tháng hai, Xa kỵ tướng quân Chu Nhiên đi đánh Tổ Trung của nước Ngụy, chém và bắt sống hơn một nghìn người. Mùa hạ tháng tư, người quận Vũ Xương nói có sương móc giáng. Mùa thu tháng chín, lấy Phiêu kỵ tướng quân Bộ Chất làm Thừa tướng, Xa kỵ tướng quân Chu Nhiên làm tả Đại tư mã, Vệ tướng quân Toàn Tông làm hữu Đại tư mã, Trấn nam tướng quân Lã Đại làm Thượng đại tướng quân, Uy bắc tướng quân là Gia Cát Khác làm Đại tướng quân.①

① *Giang Biểu truyện* chép: Năm ấy, Quyền hạ chiếu rằng:

"Ngày trước Tạ Hoàn đề xuất việc đúc đồng tiền lớn, nói là để mở rộng việc buôn bán, cho nên ta nghe theo. Nay nghe nói dân chúng cho là bất tiện, nên ta giảm bớt đồng tiền lớn, đúc thành đồ vật, quan lại chớ đưa ra nữa. Các nhà tư có tiền lớn, lệnh cho đem nộp vào kho tàng, tính ra giá trị mà trả thẳng cho họ, chớ bớt thiếu của họ."

Năm thứ mười mùa xuân tháng giêng, hữu Đại tư mã là Toàn Tông chết.① Tháng hai, Quyền dời đến ở cung điện phía nam. Tháng ba, sửa dựng cung Thái Sơ, chư tướng và quan viên châu quận đều tham gia lao dịch.② Mùa hạ tháng năm, Thừa tướng là Bộ Chất chết. Mùa đông tháng mười, tha cho tử tội.

① *Giang Biểu truyện* chép: Năm ấy Quyền phái Gia Cát Nhất vào làm phản để dụ Gia Cát Đản, Đản đem một vạn quân bộ kỵ nghênh đón Nhất ở huyện Cao Sơn, Quyền tiến ra Đồ Trung, rồi đến Cao Sơn, giấu quân để đợi Đản. Đản phát giác ra bèn lui về.

② *Giang Biểu truyện* chép chiếu thư của Quyền rằng:

"Cung Kiến Nghiệp là dinh phủ Tướng quân do trầm từ kinh đô đến làm ra vậy, gỗ làm cột trụ hơi nhỏ, đều đã mục nát, thường sợ gãy đổ. Nay không khôi phục tây cung, nên dời ngôi và gỗ của cung Vũ Xương đến, để sửa sang lại cung này."

Hữu ti tấu nói:

- Cung Vũ Xương dựng thành đã hai mươi tám năm, sợ gỗ không dùng được nữa, nên lệnh sai địa phương chặt gỗ mới chuyển đến.

Quyền nói:

- Đại Vũ cho rằng cung điện thấp là đẹp, nay việc quân chưa thôi, quân Vũ Xương là chỗ nhiều tô thuế, nếu lại sai dân đi chặt gỗ chuyển chở, là phương hại đến việc nông tang. Dời ngôi và gỗ của cung Vũ Xương đến, là tự dùng được vậy.

Năm thứ mười một mùa xuân tháng giêng, Chu Nhiên đắp thành Giang Lăng. Tháng hai, mặt đất liên tục rung chuyển.① Tháng ba, cung điện dựng xong. Mùa hạ tháng tư, có mưa đá, người huyện Vân Dương nói có rồng vàng xuất hiện. Tháng năm, người huyện Bà Dương nói có con hổ trắng thương người.②

Quyền hạ chiếu rằng:

"Thánh vương thời xưa chứa đức tích thiện, tu thân hành đạo, để có được thiên hạ, cho nên đêm lành ứng vào họ, đấy là để tỏ rõ công đức vậy. Trẫm vốn chẳng sáng suốt, làm sao theo kịp những bậc ấy? Kinh Thư nói 'Dẫu có tốt cũng chớ nhận mình tốt', trẫm quan công khanh, phải gắng sửa chức phận, để uôn nắn những điều chưa hợp lý."

① *Giang Biểu* truyện chép chiếu thư của Quyền rằng:

"Trẫm vốn ít đức, lỗi việc tế tổ, cai trị không thông, bị thần linh trách phạt, vẫn rần mình sớm tối, sợ hãi hết ngày. Các quan của trẫm đều hết sức tinh tế, hãy nghĩ nói những lỗi lầm của trẫm, chớ được e ngại."

② *Thụy ứng đồ* chép: Nói hổ trắng thương người, là nói bậc đế vương không bạo ngược, cũng như con hổ thương người không làm hại ai.

Năm thứ mười hai mùa xuân tháng ba, tả Đại tư mã là Chu Nhiên chết. Tháng tư, có hai con quạ ngậm con chim khách rơi xuống đài quán phía đông. Ngày Bính Dần, Phiêu kỵ tướng quân là Chu Cú lĩnh chức Thừa tướng, đốt con chim khách để tế thần.①

① *Ngô lục* chép: Tháng sáu ngày Mậu Tuất, có đỉnh ngọc nổi lên ở hồ Lâm Bình. Tháng tám ngày Quý Sửu, có chim cưu trắng xuất hiện ở huyện Chương An.

Năm thứ mười ba mùa hạ tháng năm, ngày hạ chí, sao Huỳnh Hoắc tiến phạm Nam đẩu. Mùa thu tháng bảy, lại phạm vào sao Khuê của chòm Bắc đẩu rồi đi về đông. Tháng tám, các núi kéo từ quận Đan Dương, Câu Dung đến quận Cổ Chưởng, Ninh Quốc bị sạt lở, nước cả mệnh mông. Quyền hạ chiếu tha tội cho kẻ thiếu thuế trốn lánh, cấp cho vay lúa gạo. Phế bỏ Thái tử Hòa, an trí ở quận Cổ Chưởng. Lỗ vương Bá ban lệnh sai được tự xử. Mùa đông tháng mười, tướng nước Ngụy là Văn Khâm vào làm phản để dụ Chu Di, Quyền phái Lã Cứ tới chỗ Di đón Khâm. Bọn Di giữ cẩn thận, Khâm không dám đến.

Tháng mười một, Quyền lập con là Lượng làm Thái tử. Rồi phái mười vạn quân, làm đê ở Đường Ấp để ngăn đường phía bắc. Tháng mười hai, Đại tướng quân nước Ngụy là Vương Sùng vây Nam Quận, Thứ sử Kinh Châu là Vương Cơ đánh Tây Lăng, Quyền phái Tướng quân Đái Liệt, Lục Khải qua chống cự, chúng đều dẫn quân quay về.^①

Năm ấy, có thần nhân trao cho Quyền một cuốn sách, báo phải đổi niên hiệu, lập Hoàng hậu.

① *Dương đô phú* của Dữu Xiển chú rằng: Đài lửa đốt đuốc làm hiệu trên đỉnh Cô Sơn, đều trải dài ở ven sông trông sang nhau, hoặc trăm dặm, hoặc năm mươi hay ba mươi dặm, giặc đến thì giờ lên cao để báo cho nhau, một đêm có thể truyền tin xa vạn dặm. Tôn Quyền vừa lúc chập tối đốt lửa ở Tây Lăng, sau ba lần đánh trống, tin truyền đến Nam Sa thuộc Ngô Quận.

Năm Thái Nguyên nguyên niên mùa hạ tháng năm, lập Hoàng hậu Phan thị, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu.

Trước đó huyện La Dương quận Lâm Hải có thần hiện, tự xưng tên là Vương Biểu.^① Thần đi khắp trong chốn dân gian, nói năng ăn uống, so với người thường không khác gì, nhưng không trông thấy hình. Lại có một con hầu, tên là Phương Tích. Tháng ấy, Quyền phái Trung thư lang là Lý Sùng đem ấn thụ

Phụ quốc tướng quân La Dương Vương đến đón Biếu. Biếu theo Sùng cùng đi, rồi đàm luận với Sùng và các Quận thú, Huyện lệnh, Trưởng lại, bọn Sùng không dễ gì đáp lại. Những chỗ sông núi đi qua, thường phái con hầu cùng với thần linh các nơi báo tin cho nhau. Mùa thu tháng bảy, Sùng và Biếu đến nơi, Quyền ra ngoài cửa Thương Long dựng nhà trọ, mấy lần sai cận thần đưa rượu và đồ nhắm đến. Biếu nói các việc nhỏ như thủy tai hạn hán, luôn luôn ứng nghiệm.②

Mùa thu tháng tám ngày sóc, có gió lớn, sông bể sóng vọt tràn, đất bằng sâu tám thước, cây tùng bách ở Cao Lăng thuộc Ngô Quận bật rễ, chim chóc rơi tại cửa thành phía nam của quận.

Mùa đông tháng mười một, đại xá thiên hạ. Quyền tế Nam giao về, ốm nặng.③

Tháng mười hai, cho ngựa trạm triệu Đại tướng quân Khác, bái làm Thái phó cho Thái tử. Rồi hạ chiếu giảm dao dịch, bớt thu thuế, trừ mối lo lắng khổ nhọc của dân.

① *Ngô lục* chép: Huyện La Dương nay là huyện An Cố.

② Tôn Thịnh nói: Thịnh nghe nói rằng cái nước sắp hưng, thì nghe được tiếng của người dân, cái nước sắp vong, thì nghe được lời của thần linh. Quyền già lão chí suy kém, kẻ sàm thần ở bên cạnh, phế đích lập thứ, lấy thiệp làm thê, có thể nói là đức rất mỏng rồi. Mà trí trá bày đặt lệnh phù, cầu phúc của kẻ yêu tà, là diêm báo sắp vong quốc, chẳng cũng rõ ràng rồi lắm sao!

③ *Ngô lục* chép: Quyền trúng gió mắc bệnh.

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, lập cố Thái tử Hòa làm Nam Dương vương, giữ Trường Sa; con là Phấn làm Tề vương, giữ Vũ Xương; con nữa là Hưu làm Lang Nha vương, giữ Hồ Lâm.

Tháng hai, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu là Thần Phụng. Hoàng hậu là Phan thị chết. Chư tướng và quan lại mấy lần đến chỗ Vương Biếu cầu phúc, Biếu trốn đi.

Mùa hạ tháng tư, Quyền mất, bấy giờ bảy mươi mốt tuổi, thụy là Đại hoàng đế. Mùa thu tháng bảy, táng ở Tương Lăng.①

① Phó tử nói: Tôn Sách là người sáng suốt, quả cảm quyết đoán, dũng trù thiên hạ, vì cha là Kiên chết trận, từ nhỏ đã tập hợp binh tướng của cha để báo thù, đánh dẹp trong nghìn dặm, có hết được đất đai Giang Nam, diệt những kẻ có danh tiếng ở đất ấy, uy danh truyền ra lân bang. Đến lúc Quyền kế nghiệp của Sách, có Trương Tử Bố làm phúc tâm, có Lục Nghị, Gia Cát Cẩn, Bộ Chất là bày tay chân, có Lã Phạm, Chu Nhiên làm nanh vuốt, Quyền trao trách nhiệm ban chức vị, lựa cơ hội rình sơ hở mà quyết đánh, dụng binh không khinh xuất làm xằng, cho nên giao chiến ít bại mà Giang Nam được yên ổn.

Bình rằng: Tôn Quyền khuất thân nhẫn nhục, tin người tài chuộng kế mưu, có cái tài lạ của Câu Tiễn, là anh kiệt trong đám người vậy. Cho nên có thể tự chiếm giữ Giang Biều, lập cơ nghiệp đứng thành chân vạc. Nhưng bản tính hay nghi kỵ, kết cục là giết chóc, cho đến những năm cuối đời, lại càng quá lắm. Đến nỗi tin nghe lời gièm tuyệt đức, giết bỏ người kế tự, há gọi là mưu tính truyền ngôi giúp cho con cháu được yên sao? Khiến dòng dõi của mình suy kém, dẫn đến quốc gia bị diệt, không hẳn không có nguyên do từ đấy vậy.①

① Thần Tùng Chi cho rằng Tôn Quyền ngang ngược phế bỏ người con vô tội, dẫu là mầm loạn, nhưng sự nghiêng lật của quốc gia, là bởi Hạo bạo ngược. Nếu Quyền không phế Hòa, Hạo là đích tự kế nối, rút cục vẫn đi đến chỗ diệt vong, có khác gì đâu? Thế thì việc vong quốc là bởi sự hôn ám bạo ngược, chẳng tại việc phế truất vậy. Ví thử Lượng giữ được quốc lộc, Hưu chẳng chết sớm, thì Hạo không thể được lập. Hạo chẳng được lập, thì nước Ngô chẳng bị diệt vong vậy.

QUYỀN THỨ BỐN MƯƠI TÁM TAM TỰ CHỦ TRUYỆN



Tôn Lượng tự Tử Minh, là con út của Quyền. Quyền niên kỷ đã cao, mà Lượng là con nhỏ nhất, cho nên được đặc biệt quan tâm. Chị gái của Lượng là Toàn công chúa từng gièm pha mẹ con Thái tử Hòa, trong lòng chẳng tự yên, nhân đó dựa vào ý thích của Quyền, muốn dùng việc này tự giải thoát cho mình, nhiều lần khen con gái của Toàn Thượng, khuyên Quyền giúp Lượng đón nạp. Năm Xích Ô thứ mười ba, Hòa bị phế, Quyền bèn lập Lượng làm Thái tử, lấy Toàn thị làm phi.

Năm Thái Nguyên nguyên niên mùa hạ, mẹ của Lượng là Phan thị được lập làm Hoàng hậu. Mùa đông, Quyền ốm nặng, trung triệu Đại tướng quân Gia Cát Khác làm Thái phó cho Thái tử, Thái thú Cối Kê là Đằng Dận làm Thái thường, cùng vâng chiếu giúp Thái tử. Tháng tư năm sau, Quyền mất, Thái tử tức tôn hiệu, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Năm ấy, là năm Gia Bình thứ tư nhà Ngụy vậy.

Năm Kiến Hưng nguyên niên tháng nhuận, lấy Khác làm Thái phó cho Đế, Dận làm Vệ tướng quân lĩnh Thượng thư sự, Thượng đại tướng quân Lã Đại làm Đại tư mã, văn võ tại vị đều được tiến tước ban thưởng, bọn nhàn quan đều được thăng một cấp. Mùa đông tháng mười, Thái phó Khác đem quân đắp đê ngăn nước ở Sào Hồ, đắp thành Đông Hưng, sai Tướng quân Toàn Đoan giữ phía tây thành, Đô úy Lưu Lược giữ phía

đông thành. Tháng mười hai ngày sóc là ngày Bính Thân, gió dữ và sấm sét, nước Ngụy sai bọn Tướng quân Gia Cát Đản, Hồ Tuân đem bảy vạn quân bộ kỵ bao vây Đông Hưng, Tướng quân Vương Sưởng tiến đánh Nam Quận, Quán Khâu Kiêm hướng tới Vũ Xương. Ngày Giáp Dần, Khác đem đại binh đến đối địch. Ngày Mậu Ngọ, binh đến Đông Hưng, giao chiến, đại phá quân Ngụy, giết bọn Tướng quân là Hàn Tổng, Hoàn Gia. Tháng ấy, mưa to sấm dữ, sét đánh vào Đoan Môn trong thành Vũ Xương; phải sửa lại Đoan Môn, lại bị hỏa tai ở nội điện.^①

① Thần Tùng Chi xét: Năm Xích Ô thứ mười, Tôn Quyền hạ chiếu sai chuyển gỗ và ngói của cung Vũ Xương, để sửa dựng cung Kiến Khang, như thế là vẫn có Đoan Môn ở nội điện.

Ngô lục chép rằng: Gia Cát Khác có ý thiên đô, mới dựng cung Vũ Xương. Cái chỗ bị hỏa tai hiện nay là cung điện mới mà Khác xây dựng vậy.

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng ngày Bính Dần, sách lập Toàn thị làm Hoàng hậu, đại xá thiên hạ. Ngày Canh Ngọ, bọn Vương Sưởng đều lui. Tháng hai, quân từ Đông Hưng quay về, tiến hành phong thưởng rộng rãi.

Tháng ba, Khác thống suất quân đánh Ngụy. Mùa hạ tháng tư, vây Tân Thành, xảy đại địch, binh tốt chết quá nửa. Mùa thu tháng tám, Khác dẫn quân quay về. Mùa đông tháng mười, mở yến tiệc lớn. Vũ vệ tướng quân là Tôn Tuấn đặt phục binh giết Khác ở giữa điện. Đại xá thiên hạ. Lượng lấy Tuấn làm Thừa tướng, tấn phong tước Phú Xuân hầu.

Tháng mười một, có năm con chim lớn xuất hiện ở huyện Xuân Thân, ngày đầu năm năm sau đổi niên hiệu.

Năm Ngũ Phượng nguyên niên mùa hạ, đại lụt. Mùa thu, Ngô hầu là Anh mưu giết Tuấn, việc phát lộ, Anh tự sát. Mùa đông tháng mười một, có sao chổi che lấp sao Ngưu, sao Đẩu.^①

① *Giang Biếu truyện* chép: Năm ấy quận Giao Chỉ có cây cỏ bại⁽¹⁾ hóa thành cây lúa.

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, Trấn đông đại tướng quân Quán Khâu Kiệm, Tiền tướng quân Văn Khâm của nước Ngụy đem bộ chúng ở Hoài Nam xâm nhập biên tây, giao chiến ở Lạc Gia. Tháng nhuận ngày Nhâm Thìn, Tuấn cùng Phiêu kỵ tướng quân là Lã Cự, Tả tướng quân là Lưu Tán thống suất quân lính tập kích Thọ Xuân, quân vừa đến Đông Hưng, nghe nói bọn Khâm thua bại. Ngày Nhâm Dần, binh tiến đến Thác Cao, Khâm đến chỗ Tuấn xin hàng, mấy vạn quân lính còn lại ở Hoài Nam đều quy thuận. Tướng nước Ngụy là Gia Cát Đản vào Thọ Xuân, Tuấn dẫn quân về. Tháng hai, cùng Tướng nước Ngụy là Tào Trân gặp ở Cao Đình, giao chiến, Trân thua bại. Lưu Tán bị biệt tướng của Đản là Trương Ban đánh bại ở Cô Pha, Tán cùng bọn Tướng quân Tôn Lăng, Trương Tu đều bị hại. Tháng ba, sai Trấn nam tướng quân là Chu Dị tập kích An Phong, không thắng được. Mùa thu tháng bảy, bọn Tướng quân là Tôn Nghi, Trương Di, Lâm Tuân mưu giết Tuấn, việc phát lộ, Nghi tự sát, bọn Tuân chịu phục tội.

Trên núi Li Lý của huyện Dương Tiễn có tảng đá lớn tự đứng thẳng. Lượng sai Vệ úy Phùng Triều đắp thành Quảng Lăng, bái Tướng quân Ngô Nương làm Thái thú Quảng Lăng, Lưu Lược làm Thái thú Đông Hải. Năm ấy đại hạn. Tháng mười hai, dựng Thái miếu. Lấy Phùng Triều làm Giám quân sứ giả, đốc trách các việc quân ở Từ châu, dân chúng mất mùa, quân sĩ oán giận, phản.

Năm Thái Bình nguyên niên mùa xuân① tháng hai ngày sóc, Kiến Nghiệp bị hỏa tai. Tuấn dùng kế của Chinh bắc đại tướng quân Văn Khâm, đem binh đánh Ngụy.

¹ Cây cỏ bại là một thứ cỏ dại rất giống với cây lúa, thân mập hơn, rễ khỏe hơn, cũng trổ bông ra hạt như lúa, nhưng sớm hơn một chút, hạt có vị đắng, có thể nấu cháo được. Còn có tên khác là cỏ lồng vục.

Tháng tám, phái Khâm cùng Phiêu kỵ tướng quân Lã Cự, Xa kỵ tướng quân Lưu Toàn, Trấn nam tướng quân Chu Dị, Tiền tướng quân Đường Tư đưa quân từ Giang Đô vào vùng Hoài, Tứ trước. Tháng chín ngày Đinh Hợi, Tuấn chết, lấy em họ của Tuấn là Thiên tướng quân Tôn Lâm làm Thị trung, Vũ vệ tướng quân, quản lĩnh các việc quân trong ngoài, triệu bọn Cự trở về. Chúng nghe nói Lâm lên thay Tuấn, cả giận. Ngày Kỷ Sửu, Đại tư mã Lã Đại chết. Ngày Nhâm Thìn, sao Thái Bạch phạm sao Nam Đẩu. Bọn Cự, Khâm, Tư dâng biểu tiến cử Vệ tướng quân là Đằng Dận làm Thừa tướng, Lâm không nghe. Ngày Quý Mão, lại lấy Dận làm Đại tư mã, thay Lã Đại trú giữ Vũ Xương. Cự dẫn binh về, muốn đánh dẹp Lâm. Lâm phái sứ đem chiếu thư cáo dụ bọn Khâm, Tư, sai bắt Cự.

Mùa đông tháng mười ngày Đinh Mùi, lại phái Tôn Hiến cùng bọn Đinh Phụng, Thi Khoan đem thủy binh đón đánh Cự ở Giang Đô, phái Tướng quân Lưu Thừa đốc quân bộ kỵ vây đánh Dận. Quân của Dận thua bại bị giết sạch. Ngày Kỷ Dậu, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Ngày Tân Hợi, bắt sống được Lã Cự ở Tân Châu.

Tháng mười một, lấy Lâm làm Đại tướng quân, ban Giả tiết, phong tước Vĩnh Ninh hầu.

Tôn Hiến cùng Tướng quân Vương Đôn mưu giết Lâm, việc phát lộ, Lâm giết Đôn, bức Hiến lệnh phải tự sát. Tháng mười hai, sai Ngũ quan Trung lang tướng là Điều Huyền báo việc loạn với nước Thục.

① *Ngô lịch* chép: Tháng giêng, vì Quyền lập miếu thờ, gọi là miếu Thái tổ.

Năm thứ hai mùa xuân tháng hai ngày Giáp Dần, có mưa lớn, sấm sét. Ngày Ất Mão, có tuyết rơi, trời rét đậm. Lấy phía đông quận Trường Sa lập quận Tương Đông, lấy phía tây quận Trường Sa lập quận Hành Dương, lấy phía đông quận Cối Kê

lập quận Lâm Hải, lấy phía đông quận Dự Chương lập quận Lâm Xuyên.

Mùa hạ tháng tư, Tôn Lượng lên chính điện, đại xá thiên hạ, bắt đầu tự mình coi xét chính sự. Các biểu tấu của Lâm, đa phần bị căn vặn, lại chọn lấy các con em binh sĩ tuổi từ mười lăm đến mười tám, được hơn ba nghìn người, tuyển con em của các đại tướng tuổi còn trẻ có sức khỏe cho làm tướng soái.

Lượng nói:

- Ta lập đội quân này, muốn cùng họ đều trưởng thành.

Rồi hằng ngày luyện tập trong vườn.①

① *Ngô lịch* chép: Lượng mấy lần đem sách ra xem kỹ các việc cũ của Tôn Quyền, hỏi thị thần ở xung quanh rằng:

- Tiên đế có nhiều phép tắc đặc biệt, nay Đại tướng quân hỏi việc, chỉ sai ta đọc sách mà được sao!

Lượng sau đó ra mé tây vườn, muốn ăn quả mơ xanh, sai Hoàng môn vào trong kho lấy mật để chấm mơ, trong mật có phân chuột, bèn triệu hỏi quan coi kho, quan coi kho khẩu đầu lay. Lượng hỏi hấn rằng:

- Hoàng môn đến chỗ này xin mật chẳng?

Viên quan nói:

- Hấn đến xin, quả thật không dám cho.

Hoàng môn không phục, Thị trung là Tập Huyền, Trương Bân bẩm:

- Hoàng môn và quan coi kho lời lẽ bất đồng, xin giao cho nhà ngục tra xét kỹ.

Lượng nói:

- Việc này dễ biết thôi.

Rồi sai bẻ phân chuột ra, bên trong phân chuột vẫn khô. Lượng cả cười bảo với Huyền và Bân rằng:

- Nếu phân ở trong mật trước, thì trong ngoài đều ướt, nay ngoài ướt mà trong khô, tất là phân đó do Hoàng môn bỏ vào.

Hoàng môn cúi đầu nhận, tả hữu chẳng ai không kinh ngạc.

Giang Biểu truyện chép: Lượng sai quan Hoàng môn lấy bát bằng bạc đập nắp lại đến chỗ quan coi kho lấy kẹo mật mía mà người Giao châu cống. Hoàng môn trước đó giận quan coi kho, lấy phân chuột ném vào trong kẹo mật, bầm là quan coi kho bất cần. Lượng kêu viên lại cầm hộp kẹo mật vào, hỏi rằng:

- Hộp này đã đập nắp, lại che đập kín, không duyên cớ gì lại thế này được, quan Hoàng môn gần đây có oán hận gì với mày chẳng?

Quan coi kho khẩu đầu đáp:

- Hẳn có lần đến chỗ thần xin cái chiếu cói ở trong cung, chiếu cói trong cung có nhiều, thần chẳng dám cho.

Lượng nói:

- Hẳn là thế rồi.

Hỏi lại quan Hoàng môn, hẳn cúi đầu nhận hết tội. Lượng lập tức sai đánh roi cắt tóc hẳn ngay trước mắt, rồi đuổi ra ngoài sở quan.

Thần Tùng Chi cho rằng phân chuột mới, thì trong ngoài đều ướm. Hoàng môn lấy phân chuột mới thì chẳng ai biết được cái gian của hẳn vậy, nhưng vì hẳn dùng phân khô, nên cái lạnh lẽ của Lượng mới thành. Như thế có thể nói là lời của *Ngô lịch*, không thật bằng *Giang Biểu truyện* vậy.

Tháng năm, Chinh đông đại tướng quân của nước Ngụy là Gia Cát Đản dùng quân dân Hoài Nam giữ thành Thọ Xuân, phái tướng quân là Chu Thành dâng sớ xưng thần, lại phái con là Tịnh và các con em trong nhà của quan Trưởng sử Ngô Cương đến làm tin. Tháng sáu, Lượng sai bọn Văn Khâm, Đường Tư, Toàn Đoan đem ba vạn quân bộ kỵ cứu Đản. Chu Dị từ Hồ Lâm thống suất bộ chúng tập kích Hạ Khẩu, Hạ Khẩu đốc là Tôn Nhất hàng Ngụy.

Mùa thu tháng bảy, Lâm thống suất đại quân cứu Thọ Xuân, đóng quân ở Hoạch Lý, Chu Dị từ Hạ Khẩu đến, Lâm sai Dị làm Tiền bộ đốc, cùng bọn Đinh Phụng đem năm vạn quân sĩ mặc giáp giải vây Thọ Xuân.

Tháng tám, phía nam quận Cối Kê phản loạn, giết Đô úy. Dân huyện Bà Dương, Tân Đô làm loạn, Đình úy Đình Mật, Bộ kỵ Hiệu úy Trịnh Trụ, Tướng quân Chung Ly Mục đốc suất quân đánh dẹp họ. Chu Dị vì quân sĩ thiếu lương kéo về, Lâm cả giận, tháng chín ngày sóc là ngày Kỷ Ty, giết Dị ở Hoạch Lý. Ngày Tân Mùi, Lâm từ Hoạch Lý trở về Kiến Nghiệp. Ngày Giáp Thân, đại xá thiên hạ.

Tháng mười một, con của Toàn Tự là Y và Nghi đưa mẫu thân trốn sang Ngụy. Tháng mười hai, bọn Toàn Đoan, Toàn Dịch từ thành Thọ Xuân đến hàng Tư Mã Văn vương.

Năm thứ ba mùa xuân tháng giêng, Gia Cát Đản giết Văn Khâm. Tháng ba, Tư Mã Văn vương hạ được Thọ Xuân, Đản cùng tả hữu chết trận, quan tướng cấp dưới đều ra hàng.

Mùa thu tháng bảy, Lượng phong cố Tề vương là Phấn làm Chương An hầu. Hạ chiếu sai châu quận chặt gỗ dựng cung điện.

Từ tháng tám trời u ám không mưa hơn bốn mươi ngày. Lượng vì Lâm chuyên quyền phóng túng, bèn ngầm cùng Thái thường Toàn Thượng, tướng quân Lưu Thừa mưu diệt Lâm.

Tháng chín ngày Mậu Ngọ, Lâm đem binh bắt giữ Thượng, phái em mình là Ân đánh giết Thừa ở ngoài cửa Thương Long, triệu đại thần hội ở cửa cung, truất Lượng làm Cối Kê vương, Lượng bấy giờ mười sáu tuổi.

Tôn Hưu tự Tử Liệt, là con thứ sáu của Quyền. Năm mười ba tuổi, theo Trung thư lang là Xạ Từ, Lang trung là Thỉnh Xung thụ học. Năm Thái Nguyên thứ hai tháng giêng, được phong làm Lang Nha vương, trú ở Hồ Lâm. Tháng tư, Quyền mất, em của Hưu là Lượng kế nghiệp, Gia Cát Khác cầm quyền chính, không muốn các Vương ở tại bến sông nơi có quân mã,

dời Hưu đến quận Đan Dương. Thái thú là Lý Hành nhiều lần mượn cớ lấn áp Hưu, Hưu dâng thư xin dời đến quận khác, có chiếu thư dời Hưu đến quận Cối Kê.

Hưu ở quận được mấy năm, mộng thấy mình cưỡi rồng bay lên trời, ngoảnh lại nhìn thì không thấy đuôi, thức dậy lấy làm lạ về chuyện đó.

Tôn Lượng bị phế, ngày Kỷ Mùi, Tôn Lâm sai Tông chính là Tôn Khải cùng Trung thư lang là Đồng Triều nghênh đón Hưu. Hưu mới nghe tin, có ý ngờ, Khải, Triều thuật rõ nguyên nhân mà Lâm muốn đón Hưu, ở lại một ngày hai đêm, rồi khởi hành. Tháng mười ngày Mậu Dần, đi đến Khúc A, có ông lão chặn đường Hưu khấu đầu nói:

- Việc đế lâu sẽ sinh biến, thiên hạ đang mong ngóng, xin bệ hạ hãy đi gấp.

Hưu khen ông lão, hôm ấy vừa kịp đến đình Bối Tắc. Vũ vệ tướng quân là Ân tạm coi việc Thừa tướng, thống suất trăm quan dùng kiệu Pháp giá⁽¹⁾ nghênh đón ở đình Vĩnh Xương, dựng cung, dùng trướng võ làm điện tạm, đặt chỗ ngồi.

Ngày Kỷ Mão, Hưu đến nơi, trông xa thấy cung điện tạm bèn dừng, sai Tôn Khải gặp Ân trước. Khải về, Hưu ngồi xe kiệu đến, quần thần bái lạy xưng thần. Hưu lên điện tạm, khiêm nhường không ngự ngay, dừng lại sương phòng phía đông. Hộ tào thượng thư tiến đến dưới thềm tuyên đọc tấu văn, Thừa tướng dâng ấn phù. Hưu ba lần nhường, quần thần ba lần cầu xin. Hưu nói:

- Văn quan võ tướng chư hầu đều suy cử quả nhân, quả nhân sao dám không nhận ấn phù.

¹ Giá, là chỉ cái xe của nhà vua khi xuất hành, gồm có Pháp giá và Đại giá. Pháp giá là xe kiệu nhỏ để đón rước vua, có ít xe ngựa theo hầu, còn Đại giá là xe kiệu lớn, có rất nhiều xe theo hầu.

Quần thần theo thứ tự đi trước dẫn giá, Hưu tới ngồi lên kiệu, trăm quan đến bồi tiếp, Lâm đem một nghìn binh nghênh đón ở Bán Dã, bái lạy ở bên đường, Hưu xuống xe vái lại. Ngay hôm ấy, Hưu ngự ở chính điện, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Năm ấy, là năm Cam Lộ thứ ba nhà Ngụy vậy.

Năm Vĩnh An nguyên niên mùa đông tháng mười ngày Nhâm Ngọ, hạ chiếu rằng:

"Khen đức thưởng công, là đạo lý và phép tắc dùng phổ biến xưa nay. Nay lấy Đại tướng quân là Lâm làm Thừa tướng, Kinh châu mục, tăng thực ấp năm huyện. Vũ vệ tướng quân là Ân làm Ngự sử đại phu, Vệ tướng quân, Trung quân đốc, tước Huyện hầu. Uy viễn tướng quân là Cú, làm Hữu tướng quân, tước Huyện hầu. Thiên tướng quân là Cán làm Táp hiệu tướng quân, tước Đình hầu. Trường thủy Hiệu úy là Trương Bố siêng năng khó nhọc dẫn lối, lấy Bố làm Phụ nghĩa tướng quân, tước Vĩnh Khanh hầu. Đồng Triều đích thân đến nghênh đón, được phong tước Hương hầu."

Lại hạ chiếu rằng:

"Thái thú Đan Dương là Lý Hành, vì công việc trước đây hiềm oán với ta, tự trói mình tới chỗ Hữu ti. Ôi, cái kẻ bắn vào thắt lưng chém vào ống áo người ta,⁽¹⁾ là vì ở với vua thì phải giúp vua vậy, nay phái Hành về bản quận, chớ được nghi ngờ." ①

Ngày Kỷ Sửu, phong Tôn Hạo làm Ô Trình hầu, em của Hạo là Đức làm Tiền Đường hầu, em là Khiêm làm Vĩnh An hầu.②

¹ Đây là hai điển tích thời Xuân Thu.

Tại nước Tề, Tương công hôn ám, hai con là công tử Cù và Công tử Tiểu Bạch trốn sang nước láng giềng. Tương công chết, hai công tử tranh ngôi. Quản Trọng (theo hầu công tử Cù) chặn đường bắn trúng thắt lưng của công tử Tiểu Bạch, Tiểu Bạch già chết, thoát được, sau về lại nước Tề, làm vua, là Tề Hoàn công, quên thù cũ, dùng Quản Trọng, làm Bá chư hầu;

Tại nước Tấn, Huệ công muốn lập con của người thiếp yêu làm vua, sai Bật Đê giết Trùng Nhĩ, Bật Đê chém trúng vào ống áo, Trùng Nhĩ đứt áo chạy thoát, sau về lại nước Tấn làm vua, là Tấn Văn Công, quên thù cũ, vẫn dùng Bật Đê, nước Tấn làm Bá chư hầu.

① *Tương Dương ký* chép: Hành tự Thúc Bình, vốn là con nhà lính ở Tương Dương, thời Hán mạt vào đất Ngô làm thứ dân ở Vũ Xương. Nghe nói Dương Huy có tài xét nhân vật, qua thỉnh Huy, Huy nói:

- Nay là lúc thế gian lăm việc, người có tài làm Kịch tào lang⁽¹⁾ cho quan Thượng thư vậy.

Bấy giờ Hiệu sự Lã Nhất thao túng lộng hành quyền chính, đại thần sợ bị hấn bức hại, chẳng ai dám nói, Huy nói:

- Ngoài Lý Hành thì không ai làm khó hấn được.

Bèn tiến cử Hành làm quan lang. Quyền triệu kiến, Hành nói mấy nghìn lời kể rõ tội gian và lỗi của Nhất, Quyền có sắc thẹn. Qua mấy tháng, Nhất bị giết, mà Hành được cất lên vị trí cao. Sau thường làm Tư mã cho Gia Cát Khác, dự mưu trong phủ của Khác.

Khác bị giết, Hành xin làm Thái thú Đan Dương. Bấy giờ Tôn Hưu ở sở trị của quận, Hành mấy lần dùng phép tắc ước thúc Hưu. Vợ của Hành là Tập thị thường khuyên can Hành, Hành không nghe. Lúc Hưu được lập, Hành lo sợ, bảo vợ rằng:

- Ta không dùng lời của khanh, mới đến thế này.

Bèn muốn trốn sang nước Ngụy. Người vợ nói:

- Không nên. Ngài vốn là thứ dân thôi, tiên đế giúp đỡ đề bạt quá trọng, đã mấy lần làm việc vô lễ, lại trái nghịch tự chuốc mối hiềm, trốn phản cầu sống, vì lý do đó mà hàng phương bắc, còn mặt mũi nào gặp người Trung Quốc nữa?

Hành nói:

- Có kế gì chẳng?

Người vợ nói:

- Lang Nha vương vốn ưa kẻ thiện lương mộ kẻ có danh, nay muốn tự hiển dương với thiên hạ, rút cục chẳng vì hiềm oán riêng mà giết ngài là rõ ràng rồi. Nên tự trói mình đến nhà ngục, dâng

¹ Theo *Hán thư*, *Bách quan chí*, chức này là thuộc lại của quan Thượng thư, chủ về xét thư từ, bồng lộc hai trăm thạch, tương đương với bồng lộc của quan Lệnh sử.

biểu kể hết lỗi lầm trước, tỏ rõ là xin nhận tội. Như thế, mới đáng được tha thứ hơn, không phải chỉ sống mà thôi.

Hành theo lời, quả nhiên không bị họa, lại được thêm chức Uy viễn tướng quân, được dùng cây kích bọc lụa đỏ.⁽¹⁾

Hành mỗi lần muốn kinh doanh gia sản, người vợ thường không nghe, sau Hành bí mật phái hai mươi người khách lên bãi cù lao ở Long Dương thuộc Vũ Lăng làm nhà, trồng một nghìn gốc quýt ngọt. Lúc sắp chết, bảo con nhỏ rằng:

- Mẫu thân mày không thích ta kinh doanh sản nghiệp, nên mới nghèo khổ thế này. Nhưng ta có một nghìn gốc quýt ở trong châu, chẳng mong có được cơm áo cho mày, song mỗi năm một cây đổi được một xấp lụa, cũng có thể đủ dùng rồi.

Sau khi Hành chết hơn hai mươi ngày, người con nhỏ bấm với mẹ, người mẹ nói:

- Ở đây đúng là trồng quýt vậy, nhà ta lạc mất chục hộ khách đến đã bảy tám năm, hẳn là cha mày phái họ đi làm nhà. Cha mày thường khen lời của Thái sử công là: "Nghìn cây quýt ở Giang Lăng, đủ để giàu cho nhà ông." Ta đáp rằng: "Người ta lo không lập nổi đức nghĩa, chẳng lo không giàu, nếu quý hiển mà nghèo khổ, cũng tốt thôi, thế có làm sao!"

Thời Ngô mạt, cây quýt ngọt của Hành lớn, mỗi năm đổi được mấy nghìn xấp lụa, trong nhà được đầy đủ. Năm Hàm Khang trung nhà Tấn, nền nhà của Hành vẫn còn gốc khô của cây quýt.

② *Giang Biểu* truyện chép: Quần thần tấu xin lập Hoàng hậu và Thái tử, Hưu hạ chiếu rằng:

"Trẫm vốn ít đức, vâng mệnh kế thừa nghiệp lớn, mới quản việc được ít ngày, ân trạch chưa ban khắp, hơn nữa phong hiệu Hậu phi, lập vị người nối dõi, không phải là việc cấp thiết vậy."

Hưu ti lại cố cầu xin, Hưu khiêm nhường từ chối.

¹ Là ân sủng mà Đế vương ban cho một số người đặc biệt để tỏ rõ sự sủng ái. Mỗi khi ra đường, có lính cầm cây kích bọc lụa đỏ, (cũng có khi sơn đỏ) đi trước dẹp đường để tỏ oai.

Tháng mười một ngày Giáp Ngọ, cuồng phong quanh quẩn qua lại bốn năm lần, sương mù giăng kín suốt ngày. Một nhà họ Lâm năm người nắm trước hầu đều giữ cấm binh, oai quyền lẫn bậc nhân chủ, có người bày tỏ chính kiến, Hưu chỉ cung kính mà không làm trái ý, Lâm vì thế càng phóng túng. Hưu sợ bọn họ sinh biến, mấy lần ban thưởng thêm.

Ngày Bính Thân, hạ chiếu rằng:

"Lòng trung thành của Đại tướng quân phát từ trong tâm, là người đứng đầu lập đại kế giữ yên xã tắc, quan Khanh trong ngoài, đều tán thưởng lời bàn ấy, cho là kiêm gồm đủ công lao. Xưa kia Hoắc Quang định kế, trăm quan đồng lòng, không hơn được việc này. Trẫm xét ngày trước cùng nghị bàn việc vinh danh trong nghi thức cáo miếu, nên chiếu theo lệ cũ ban thêm tước vị, hãy mau chóng thi hành."

Ngày Mậu Tuất, hạ chiếu rằng:

"Đại tướng quân chấp chương các việc quân trong ngoài, sự tình đâu mới rất nhiều, nay gia thêm cho Vệ tướng quân Ngự sử đại phu là Ân làm Thị trung, cùng Đại tướng quân chia ra coi xét các việc."

Ngày Nhâm Tý, hạ chiếu rằng:

"Các quan lại nhà có năm người mà ba người làm phục dịch, cha anh ở kinh đô, con em phục dịch ở quận huyện, đã nạp thuế gạo theo kỳ, quân đi lại phải đi theo, đến nỗi việc nhà chẳng có ai coi sóc, trẫm rất xót thương. Nay nhà năm người mà có ba người làm phục dịch, thuận theo ý của cha anh muốn giữ lại, thì cho giữ lại một người, miễn đóng thuế gạo theo kỳ, quân đi thì không phải đi theo."

Lại nói:

- Các quan tướng vâng mệnh nghênh đón bồi tiếp trăm ở đình Vĩnh Xương, đều được tăng tước vị lên một cấp.

Không lâu sau, Hưu nghe nói Lâm mưu đồ nghịch loạn, bèn ngầm cùng Trương Bố tính kế. Tháng mười hai ngày Mậu Thìn là ngày tế chạp, trăm quan đều vào triều chúc mừng, công Khanh

lên điện, có chiếu lệnh sai võ sĩ trói Lâm, ngay hôm ấy kể tội rồi giết hẳn. Ngày Kỷ Ty, xuống chiếu sai Tả tướng quân Trương Bổng đánh dẹp gian thần, gia thêm cho Bổng chức Trung quân đốc, phong em của Bổng là Đôn làm Đô đình hầu, cấp cho ba trăm binh, em của Đôn là Tuân làm Hiệu úy.

Hưu hạ chiếu rằng:

"Người xưa dựng nước, lấy dạy học làm đầu, dùng việc đó để tu dưỡng tâm tính, chỉ dẫn phong tục và bồi dưỡng nhân tài ở đời. Từ năm Kiến Hưng đến nay, trong nước lắm biến cố, quan dân hay theo cái lợi ích trước mắt, bỏ gốc tìm ngọn, chẳng theo đạo nghĩa xưa. Không coi trọng việc chuông đạo lý, thì tổn hại giáo hóa bại hoại phong tục. Xét thấy thời xưa đặt ra chức quan coi việc học, lập ra chức Bác sĩ truyền dạy Ngũ kinh, khảo hạch ứng tuyển nhân tài, ban cho họ lộc hậu, xét trong số con em của bọn tướng lĩnh và quan lại có ai chí thú với việc học hành, thì đều lệnh cho họ đến thụ nghiệp. Mỗi năm khảo thí, xếp họ theo thứ bậc, ban thưởng thêm cho họ. Khiến cho người được chọn vui sướng với cái vinh hiển của họ, người được nổi tiếng thích thú với cái danh dự của họ. Lấy đó để thúc đẩy vương hóa, để hưng thịnh phong tục."

Năm thứ hai mùa xuân tháng giêng, có sấm sét. Tháng ba, hoàn bị quan chế của Cửu khanh, hạ chiếu rằng:

"Trẫm vốn bất đức, thác phận ở trên các bậc Vương công, sớm khuya run sợ, quên ăn quên ngủ. Nay muốn dùng võ sửa văn, để nêu cao giáo hóa. Suy xét cái đạo lý của việc ấy, muốn sĩ dân sung túc, tất phải siêng việc nông tang. Quản tử có nói: 'Kho lắm đây, biết lễ tiết; cơm áo đủ, biết nhục vinh.' Một kẻ không cày ruộng, sẽ có người chịu đói, một kẻ không dệt vải, sẽ có người chịu rét. Đói rét cùng đến mà dân không làm việc là phi lý, là điều chưa từng có vậy."

"Từ khoảng một năm trở lại đây, quan dân ở châu quận cùng binh lính ở các doanh, đa phần bỏ nghiệp cấy trồng, đều xuôi thuyền trên sông lớn, người trên kẻ dưới buôn bán, ruộng tốt dần hoang phế,

khiến thóc lúa ngày càng thiếu, muốn quốc gia yên ổn, há có được chăng? Có lẽ bởi tô thuế thu vào quá nặng, người làm ruộng được lợi ít, khiến thành ra như thế chẳng! Nay ta muốn mở rộng nghiệp cấy trồng, giảm nhẹ sưu thuế, căn cứ mức độ lao nhọc, để tính toán thu thuế ruộng, cốt khiến cho mọi thứ công bằng hơn, sở quan thu được thuế, các gia đình được cấp giúp, đủ để nuôi sống lẫn nhau, thì người ta tiếc thân mình quý mạng sống, chẳng phạm vào khuôn phép, rồi sau mới không phải dùng hình phạt nữa, phong tục có thể được chỉnh đốn. Dựa vào cái trung hiền của trăm quan, nếu tận tâm với thời thế, tuy sánh với giáo hóa đại thịnh thời cổ, thì chưa thể đạt tới, nhưng so với cái thanh bình thời Hán Văn, thì gần như theo kịp rồi. Được như thế thì vua tôi cùng vinh hiển, không được thế thì bị tổn hại lãng nhục, há có thể chỉ ung dung cúi xuống ngẩng lên thôi?"

"Các công khanh Thượng thư, nên cùng mưu nghĩ lo lắng, cốt tìm lấy điều hay thích hợp. Mùa cấy trồng đã đến, chẳng nên lơ vự. Việc định rồi phải làm ngay, để xứng ý trẫm."

Năm thứ ba mùa xuân tháng ba, người quận Tây Lăng nói có chim quạ đỏ xuất hiện. Mùa thu, dùng lời bàn của Đô úy Nghiêm Mật, đắp đê Phổ Lý.

Người quận Cối Kê ngoa truyền rằng Cối Kê vương là Lượng sắp về lại triều làm Thiên tử, mà cung nhân của Lượng báo là Lượng sai người cầu đảo ở miếu thờ, có lời nói ác. Hữu ti đem việc báo lên, Lượng bị truất làm Hậu Quan hầu, phái đến đất phong. Trên đường đi tự sát, quân vệ đưa đi đều bị phán tội.①

Hưu cắt đất phía nam quận Cối Kê lập quận Kiến An, chia đất Nghi Đô đặt quận Kiến Bình.②

① Ngô lục chép: Có người nói Hưu dùng rượu độc giết Lượng. Đến năm Thái Khang trung thời nhà Tấn, cố Thiệu phủ của nước Ngô là Đái Ngung người quận Đan Dương đón linh cữu của Lượng, cải táng Lượng ở Lại Hương.

② Ngô lịch chép: Năm ấy đào được cái vạc lớn ở huyện Kiến Đức.

Năm thứ tư mùa hạ tháng năm, mưa lớn, nước suối chảy ầm ầm. Mùa thu tháng tám, Hưu phái Quang lộc đại phu Chu Dịch, Thạch Vĩ đi tuần xét phong tục, xét xem các tướng sĩ và quan lại thanh bạch hay ô trọc, những điều khiến dân chúng khốn khổ, để hạ chiếu phế truất hay cất nhắc quan lại.① Tháng chín, người huyện Bồ Sơn nói có rồng trắng xuất hiện.

Năm ấy, người dân huyện An Ngô là Trần Tiêu chết, chôn cất Tiêu, được sáu ngày thì Tiêu sống lại, xuyên trong lòng đất chui ra.

① *Sở quốc tiên hiền truyện* chép: Thạch Vĩ tự Công Tháo, người Nam Quận, thời trẻ hiếu học, tu thân giữ khí tiết không lười biếng, một mình kiên định, vững chí không lay chuyển. Được xét cử Mậu tài, Hiền lương phương chính, đều không đến. Tôn Hưu tức vị, đặc biệt trưng triệu Vĩ, liên tục thăng quan đến chức Quang lộc huân. Lúc Hạo tức vị, triều chính hôn ám hỗn loạn, Vĩ bèn dâng lời rằng mình già lão có bệnh xin về, được bãi làm Quang lộc đại phu.

Nước Ngô bình, Kiến uy tướng quân là Vương Nhung tự thân đến chỗ Vĩ. Năm Thái Khang thứ hai, có chiếu rằng:

"Cổ Quang lộc đại phu của nước Ngô là Thạch Vĩ, giữ chí thanh bạch, đầu bạc vẫn không thay đổi, giữa chỗ nguy loạn, giữ tiết thẳng ngay theo phép tắc. Tuổi đã quá già, không kham nổi việc lặn lội đường xa, nay lấy Vĩ làm Nghị lang, gia thêm phẩm trật hai nghìn thạch, đủ để sống đến trọn đời."

Vĩ bèn giả cách điên khùng lại mù loà, không nhận tước phong của nhà Tấn. Năm tám mươi ba tuổi, là năm Thái Hy nguyên niên thì chết.

Năm thứ năm mùa xuân tháng hai, lâu phía bắc cửa Bạch Hổ bị hỏa tai. Mùa thu tháng bảy, người huyện Thủy Tân nói có rồng vàng xuất hiện. Tháng tám ngày Nhâm Ngọ, mưa lớn sấm sét, nước suối chảy ầm ầm. Ngày Ất Dậu, lập Hoàng hậu Chu thị. Ngày Mậu Tý, lập con là Đan làm Thái tử, đại xá thiên hạ.①

Mùa đông tháng mười, lấy Vệ tướng quân Bộc Dương Hưng làm Thừa tướng, Đinh úy Đinh Mật, Quang lộc huân Mạnh Tông làm Tả, Hữu Ngự sử đại phu. Hưu vì có ân cũ với Thừa tướng Hưng và Tả tướng quân Trương Bố, ủy thác mọi việc cho họ, Bố xét việc trong cung, Hưng nắm việc quân quốc đại sự.

Hưu chuyên tâm với điển tịch, muốn xem hết sách vở của trăm nhà, lại rất thích bắn chim trĩ, vào giữa lúc xuân hạ giao nhau, thường đi từ sáng sớm tối mới về, chỉ lúc ấy mới rời sách vở. Hưu muốn cùng Bác sĩ Tế tửu là Vi Diệu và Bác sĩ Thịnh Xung luận giảng về học thuật; Diệu, Xung vốn đều là người hết sức thẳng thắn, Bố sợ họ vào hầu, sẽ nói ra các lỗi sai của mình, bèn nói rằng mình không tự quyết được, nhân đó mượn lời che đậy xằng để ngăn cấm họ. Hưu đáp rằng:

- Cô có học vấn, xem khắp sách vở, cái mà Cô hiểu được không phải là ít vậy; minh quân hay vua hôn ám, gian thần tặc tử, kẻ hiền ngu hay việc thành bại xưa nay, không có gì không xem vậy. Nay bọn Diệu vào, chỉ muốn cùng luận giảng về sách vở thôi, chẳng phải là theo bọn Diệu bắt đầu thụ học vậy. Chuyện phiếm như thế, cũng có hại gì? Ngài tính ngăn bọn Diệu vì sợ đạo vua tôi sinh việc gian biến, vì thế không muốn cho họ vào thôi. Cái việc như thế, Cô đã tự chuẩn bị, chẳng đợi bọn Diệu đến nói Cô mới hiểu ra vậy. Điều ấy đại khái là không có gì tổn hại, ý của ngài hẳn chỉ úy kỵ điều đó mà thôi.

Bố hiểu ý chỉ bèn tỏ ý tạ lỗi, trình trọng tự mình bày kể, lại nói là sợ phương hại chính sự. Hưu đáp rằng:

- Việc trong thư tịch, chỉ gây họa cho kẻ bất hảo, với người tốt thì không có hại gì vậy. Điều ấy không có chỗ nào là sai trái, mà ngài cho là không nên, vì thế Cô mới đề cập đến thôi. Chính sự với nghiệp học, hai bên có khác nhau, chẳng phương hại đến nhau được. Chẳng ngờ ngài hôm nay ở việc này, lại hành xử như thế với Cô, đây là điều mà người tốt không làm.

Bố khẫu đầu bái lạy tạ lỗi, Huru đáp lại rằng:

- Rảnh rồi nói chuyện khai mở cho nhau thôi, sao đến mức phải khẫu đầu! Như lòng trung của ngài, là điều mà xa gần đều biết. Ngày trước sở dĩ ta giúp nhau, là vì cái vĩ đại của ngày nay vậy. *Kinh Thi* nói rằng: "Sự tình đều có cái mở đầu, nhưng đến kết cục tốt thì không nhiều." Được trọn vẹn là rất khó, nhưng ngài là người trọn vẹn.

Ban đầu thời Huru làm Vương, Bố làm tả hữu tướng đốc, vốn được tin cậy yêu mến, kịp lúc Huru lên ngôi, ân sủng càng hậu, nhưng làm việc nước chuyên quyền tự tiện, đa phần là hành xử vô lễ, tự hiềm là mình có lỗi, sợ Diệu, Xung nói mình, cho nên rất lo sợ. Huru tuy coi bỏ mối lo cho Bố, song trong lòng chẳng thể vui được, lại e rằng Bố ngờ sợ, rồi theo ý của Bố, bỏ việc giảng luận học thuật, không gọi bọn Xung vào nữa.

Năm ấy Huru sai quan Sát chiến đến Giao Chỉ thu chim khổng tước và lợn rừng.^②

① *Ngô lục* chép chiếu thư của Huru rằng:

"Con người ta có tên, là để phân biệt và ghi nhớ nhau, lớn lên thì đặt tên tự, là để kiêng tên tục của mình vậy. Theo lễ, đặt tên cho con muốn khiến cho khó phạm mà dễ tránh, năm mươi tuổi xưng là Bá là Trọng, như thời xưa hoặc là có một chữ.⁽¹⁾ Người thời nay tranh nhau đặt tên tục hay và tên tự đẹp, lại cho tên và tự phối hợp với nhau, cái tên ấy đem ra dùng là bất hợp lý, đấy là cái tên tự mù mờ mà cho là hay là sáng vậy, Cô từng chê cười việc ấy."

"Danh tự thì có người là do thầy bạn hay cha anh đặt cho, có kẻ tự mình đặt ra; thầy bạn đặt tên cho còn khả dĩ chấp nhận được, cha anh đặt tên cho cũng là trái, tự đặt tên cho mình là rất không khiêm nhường. Nay cô vì bốn con trai đặt tên tục và tên tự."

¹ Thời cổ xưa, phép đặt tên, thường lấy một chữ để chỉ thứ tự các con trai trong một gia đình. Như chữ "Bá" là chỉ vào người con trưởng (của dòng đích) hay "Mạnh" là chỉ con trưởng (của dòng thứ), chữ "Trọng" là chỉ người con thứ và chữ "Quý" là để chỉ vào con út. Ví dụ như Bá Nha, Mạnh Minh, Quý Lịch, Trọng Ung ...vv

"Thái tử tên là Đan, chữ đan phát âm như chữ loan trong từ 'hồ thủy loan áo', tên tự là Hất, chữ hất phát âm như chữ hất trong từ 'hất kim'; con thứ tên là Lôi, chữ lôi phát âm như chữ quang trong từ 'hủy quang', tên tự là Hân, chữ hân phát âm như chữ hân trong từ 'huyền hân thủ'; con thứ tên là Cự, chữ cự phát âm như chữ mãng trong từ 'thảo mãng', tên tự là Uẩn, chữ uẩn phát âm như chữ Cử trong từ 'cử vật'; con thứ tên là Khấu, chữ khấu phát âm như chữ bao trong từ 'bao y hạ khoan đại', tên tự là Ung, chữ ung phát âm như chữ ủng trong từ 'hữu sở ủng trì.' Đây đều là những chữ không giống với chữ mà người đời thường dùng, cho nên ta sao chép những chữ thời xưa hợp lại rồi đặt ra. Thêm bớt tám nét cơ bản, dựa việc mà sáng tác, nay tạo thành các tên tục và tên tự ấy, đã không phối hợp nhau, lại nữa là văn tự chỉ có một chữ, gần như là để tránh húy kỵ, nay bá cáo thiên hạ, khiến hết thảy đều nghe biết."

Thần Tùng Chi cho rằng Truyện nói: "Cái tên để chế định ra nghĩa, nghĩa để sinh ra lễ, lễ là để lập ra thể chế chính sự, chính sự là để cai trị dân. Vì thể chính sự thành thì dân nghe theo, để dãi thì sinh loạn." Chép ra lời như thế, không phải là sáo rỗng sao! Hưu muốn khiến cho tên khó phạm được, sao lại lo không có chữ, mà sáng tạo ra chữ không thành hình thể, đọc lên không theo phép tắc, xa rời thứ văn tự rõ ràng ở kinh sách thời xưa, để đời sau chê cười, chẳng cũng lạ sao! Thế nên mộ phần chưa khô mà vợ con bị diệt sạch. Lời của Sư Phục,⁽¹⁾ bởi thế mà chúng nghiệm vậy.

② Thần Tùng Chi xét: Sát chiến là tên một chức quan của nước Ngô, ngày nay ở Dương Đô có phố Sát chiến.⁽²⁾

Năm thứ sáu mùa hạ tháng tư, người huyện Tuyền Lăng nói là có rồng vàng xuất hiện. Tháng năm, quan lại của quận Giao Chi là bọn Lã Hưng làm phản, giết Thái thú Tôn Tư.

¹ Sư Phục (市服): Xem chú thích ở tập VI, quyển 42, trang 266 (Đỗ Quỳnh truyện).

² Sát chiến là chức quan của Đông Ngô, phụ trách việc giám sát các quan lại ở các địa phương. Có thuyết khác cho rằng đây là tên người, không phải là quan danh.

Trước đó Tư bắt hơn một nghìn thợ khéo trong quận đưa đến Kiến Nghiệp, nhưng Sát chiến đến, trăm họ sợ bị bắt nữa, nên bọn Hưng nhân đó khuấy động dân binh, chiêu dụ các tộc người Di.

Mùa đông tháng mười, nước Thục vì bị Ngụy đánh đến báo tin. Ngày Quý Mùi, có tòa thành nhỏ Thạch Đầu ở Kiến Nghiệp bị hỏa tai, thiêu rụi một trăm tám mươi trượng ở phía tây nam. Ngày Giáp Thân, Hưu sai Đại tướng quân Đinh Phụng đốc suất chư quân hướng đến Thọ Xuân nước Ngụy, Tướng quân Lưu Bình được biệt phái đến chỗ Thi Tích ở Nam Quận, nghị bàn về hướng dụng binh, Tướng quân Đinh Phong, Tôn Dị đi Miện Trung, cùng cứu Thục.

Thục chủ Lưu Thiện hàng Ngụy đưa tin đến, Ngô bèn bãi binh. Lã Hưng đã giết Tôn Tư, sai sứ sang nước Ngụy, mời Thái thú và binh sĩ đến. Thừa tướng Hưng kiến nghị chọn một vạn người làm ruộng cho làm lính. Chia quận Vũ Lăng lập quận Thiên Môn.^①

① *Ngô lịch* chép: Năm ấy có rồng xanh xuất hiện ở Trường Sa, chim én trắng xuất hiện ở Từ Hồ, chim tước đỏ xuất hiện ở Dự Chương.

Năm thứ bảy mùa xuân tháng giêng, đại xá thiên hạ. Tháng hai, Trấn quân tướng quân Lục Kháng, Phủ quân tướng quân Bộ Hiệp, Chinh tây tướng quân Lưu Bình, Thái thú Kiến Bình Thịnh Mạn, thống suất quân đội vây tướng giữ Ba Đông của Thục là La Hiến. Mùa hạ tháng tư, tướng mới theo về cạy dựa nước Ngụy là Vương Trĩ vượt biển vào đánh huyện Câu Chương, cướp Trường lại Thường Lâm (Tư Tài) cùng hơn hai trăm nam nữ. Tướng quân Tôn Việt đi tuần xét tóm được một chiếc thuyền, bắt sống được ba mươi người. Mùa thu tháng bảy, hải tặc phá huyện Hải Diêm, giết Ti diêm Hiệu úy là Lạc Tú. Hưu sai Trung thư lang là Lưu Xuyên phát binh đến Lư Lăng. Dân quận Dự Chương là bọn Trương Tiết làm loạn, binh

chúng có hơn vạn người. Nước Ngụy sai Tướng quân Hồ Liệt đem hai vạn quân bộ kỵ phạm lấn Tây Lăng, để cứu La Hiến, bọn Lục Kháng dẫn quân lui.

Lại chia Giao châu đặt ra Quảng châu.

Ngày Nhâm Ngọ, đại xá thiên hạ.

Ngày Quý Mùi, Hưu mất,^① bấy giờ ba mươi tuổi, ban thụy là Cảnh hoàng đế.^②

① *Giang Biều truyện* chép: Hưu ốm nặng, miệng không nói được, bèn tự tay viết thư gọi Thừa tướng Bộc Dương Hưng vào, lệnh cho con là Đan ra bái lạy Hưng. Hưu cầm tay Hưng, rồi chỉ tay vào Đan để phó thác.

② *Bảo Phác Tử* của Cát Hồng chép: Thời Ngô Cảnh đế, có viên tướng đồn trú ở Quảng Lăng khai quật các ngôi mộ, lấy ván gỗ để sửa sang thành quách, những tấm ván đó bị mục nát rất nhiều. Lại cho đào bới một ngôi mộ lớn, bên trong có tầng gác, cánh cửa đều có thể chuyển động đóng mở được, bốn phía xung quanh có đường rộng cho xe đi, cửa cao có thể cưỡi ngựa đi qua. Lại có mấy chục tượng người bằng đồng đúc, cao năm thước, đều đội mũ lớn mặc áo đỏ, cầm kiếm xếp hàng đứng hầu bên linh tọa, sau lưng tượng người đồng đều khắc chữ nổi bằng đá xanh, có chữ viết là Điện trung tướng quân, có chữ viết là Thị lang hoặc Thường thị. Tựa như là mộ của công chúa. Phá áo quan ấy ra, trong áo quan có người, tóc đã bạc trắng cả, mũ áo sáng loáng, mặt mũi thân thể như người sống. Trong áo quan có vân mẫu⁽¹⁾ dày chừng một thước, dùng ba chục tấm ngọc bích sáng bó thi thể. Quân lính cùng nâng người chết lên, để tựa vào thành mộ. Có viên ngọc dài chừng một thước, hình dáng tựa tựa quả dưa lông, từ trong bụng người chết lộ ra rơi xuống đất. Trong hai tai và trong lỗ mũi, đều có vàng ròng to chừng quả táo, hẳn là xương cốt nhờ có vật giữ nên không bị mục nát vậy.

¹ Là thứ quặng dạng tinh thể kết dính thành mảng bám chặt vào nhau như vảy cá.

Tôn Hạo tự Nguyên Tông, là cháu của Quyền, con của Hòa, có một tên là Bành Tổ, tự Hạo Tông. Tôn Hưu được lập, phong Hạo làm Ô Trình hầu, phái đến ở đất phong. Người ở Tây Hồ là Cảnh Dưỡng xem tướng Hạo nói là sẽ được đại quý hiển, Hạo mừng thầm mà không dám tiết lộ ra ngoài.

Hưu chết, bấy giờ nước Thục vừa mất, mà quận Giao Chỉ làm phản, người trong nước kinh sợ, mong cầu có được vị vua có tài mà lớn tuổi. Tả diễn quân là Vạn Úc lúc trước làm Ô Trình lệnh, cùng Hạo thân thiết với nhau, khen Hạo hiểu biết có tài năng, lại sáng suốt quyết đoán, là Trường Sa Hoàn vương lúc trước vậy,⁽¹⁾ thêm nữa hiểu học, tuân thủ pháp độ, Úc thường nói ra lời với Thừa tướng Bộc Dương Hưng và Tả tướng quân Trương Bồ. Hưng, Bồ nói với vợ của Hưu là Thái hậu Chu thị, muốn lấy Hạo làm người nối tự. Chu thị nói:

- Ta là đàn bà góa, sao biết lo toan cho xã tắc được, ví như nước Ngô không bị tổn hại gì, tông miếu có chỗ nhờ cậy là được thôi.

Vì thế bèn đón lập Hạo, bấy giờ Hạo hai mươi ba tuổi. Rồi đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ. Năm ấy, ở nước Ngụy là năm Hàm Hi nguyên niên vậy.

Năm Nguyên Hưng nguyên niên tháng tám, lấy Thượng đại tướng quân Thi Tích, Đại tướng quân Đinh Phụng làm tả, hữu Đại tư mã, Trương Bồ làm Phiêu kỵ tướng quân, gia thêm chức Thị trung, các quan lại đều được thăng chức ban thưởng, hết thảy đều như phép cũ. Tháng chín, biếm Thái hậu Chu thị làm Cảnh hoàng hậu, truy thụy cho cha là Hòa làm Văn hoàng đế, tôn mẹ là Hà thị làm Thái hậu. Tháng mười, phong Thái tử Đan của Hưu làm Dự Chương vương, con thứ làm Nhữ Nam vương, con thứ khác làm Lương vương, con thứ nữa làm Trần vương, lập Đằng thị làm Hoàng hậu.①

¹ Tức Tôn Sách.

Hạo đã đắc chí, hết sức thô bạo kiêu căng, phạm nhiều điều kiêng kỵ, lại ham tử sắc, lớn nhỏ đều thất vọng. Hưng, Bồ hết sức hối hận. Có kẻ đem chuyện mách gièm với Hạo, tháng mười một, Hạo giết Hưng và Bồ.

Tháng mười hai, táng Tôn Hưu ở Định Lăng. Phong cha của Hoàng hậu là Đảng Mục làm Cao Mật hầu,^② ba người cậu là bọn Hà Hồng đều được phong tước Liệt hầu. Năm ấy, nhà Ngụy đặt Thái thú Giao Chỉ sai đến quận. Tấn Văn đế làm Tướng quốc nước Ngụy, phái hàng tướng nước Ngô ở thành Thọ Xuân trước kia là Từ Thiệu, Tôn Úc vâng mệnh đem thư đến, bày kể hình thế lợi hại, để dẫn dụ Hạo.^③

① *Giang Biểu truyện* chép: Hạo mới được lập, phát chiếu thư khen thưởng khích lệ, cấp giúp cho sĩ dân, mở kho lúa, phát chẩn cho người bần cùng thiếu thốn, thả cung nữ để họ hôn phối với những người không có vợ, chim muông nuôi nhốt ở trong vườn đều phóng thích cả. Người đương thời hết thảy đều khen Hạo là minh chúa.

② *Ngô lịch* chép: Mục vốn tên là Mật, vì tránh tên húy của Đinh Mật, đổi tên thành Mục, Đinh Mật cũng tránh tên húy của Mục, đổi tên thành Cổ.

③ *Hán Tấn Xuân Thu* chép tờ thư của Tấn Văn vương gửi Hạo rằng: "Thánh nhân nói có đạo quân thân rồi mới có lễ nghĩa trên dưới, thế nên kẻ lớn hẳn phải yêu kẻ nhỏ, kẻ nhỏ tất phải thờ kẻ lớn, rồi mới trên dưới yên ổn, trăm họ được đâu vào đấy. Đến khi vương triều suy mất, cái đức thuần khiết bị hủy hoại, làm khổ mệnh dân, để tranh cường với thiên hạ, trái với đạo lý chính đáng về lễ kính thuận, người có lòng nhân không theo vậy."

"Hiện nay chúa thượng là bậc thánh minh, đức lớn che trùm cả thiên hạ, kẻ hèn này được nhận ngôi tể phụ, nhận phó thác gánh vác trọng trách quốc gia. Nghĩ việc Hoa Hạ không thu về một mối, bốn phương phân liệt, hơn sáu chục năm trời, binh đao luôn khuấy động, chẳng năm nào không chiến tranh, thây phơi đâu mất, khôn khổ không yên, ta thường thấy xa xót trong dạ, đêm ngồi đợi sáng. Ta muốn dừng việc can

qua gây dựng đức nhân, giúp trăm họ toàn tính mệnh, nên truyền lệnh cho bộ phận quân chủ lực ở bên ngoài, bình định Thục Hán, đi chưa qua năm, toàn quân thắng trận."

"Vào lúc bấy giờ mãnh tướng mưu thần, quan lại ở triều đình, đều cho rằng nên thuận cơ trời, đưa quân đang đi đánh dẹp, lợi dụng tình thế thôn tính địch, nên nhân đó trở cờ vòng sang đông, tiến đến biên cảnh nước Ngô. Thuyền quân trôi sông, thuận dòng mà xuống, lục quân xuôi nam, thẳng đường lấy bốn quận, đem hết khí giới ở Thành Đô, vận thóc lúa vùng Ba Hán, rồi sau tập trung chinh đồn quân lữ, ba phương như mây tụ, chưa quá mười hai ngày, có thể khiến Giang Biểu bình định, cõi nam theo chính đạo. Nhưng quốc triều suy nghĩ sâu xa về việc cử binh phạt Thục, tuy có cái công bình loạn, cũng xót thương dân Thục mắc nạn, chiến sự Miên Trúc, từ nguyên soái trở xuống đều chịu cảnh chém giết, thấy che mặt đất, máu chảy đỏ đông. Hết thấy các việc lúc trước, nghĩ đến vẫn còn tiếc hận không nhin nổi, huống chi việc lớn về sau? Thế nên toàn quân xếp giáp, cùng với nam bang bảo toàn tính mệnh của trăm họ."

"Ôi, hãy liệu sức mình nghĩ kỹ tình thế, tính toán của cải cân nhắc hiểm nguy, xa thì xét cái đạo lý phế hưng thời cổ xưa, gần thì soi cái gương an nguy của Tây Thục, dưỡng đức giữ lộc, bỏ nguy theo thuận, khuất thân để yên bốn bề, mới là bậc nhân trí tối cao vậy; đưa chân vào chỗ nguy cầu thả cầu an, hủy đức mất lộc, mà chẳng được đời sau khen ngợi, đó không phải là việc làm của bậc trí giả vậy. Nay triều đình phái Từ Thiệu, Tôn Úc mang thư tới hiểu dụ, bằng như trước khi đáp lại thư này, nếu có chút lưu tâm, hãy nghĩ lại mà sửa đổi, kết tình giao hảo ngừng nghỉ việc binh, làm người một nhà, xót thương dân chúng ở Ngô Cối, giúp cả người ở Trung thổ, há chẳng tốt lắm sao! Đây là nguyện vọng to lớn trong lòng Chiêu vậy, dám chẳng tiếp nhận sao. Nếu không vâng mệnh, thì khắp bốn cõi trong thiên hạ, trời đất vạn vật hện nhau tập hợp, dù lại có can qua, chỉ là bất đắc dĩ vậy."

Năm Cam Lộ nguyên niên tháng ba, Hạo phái sứ giả theo Thiệu, Úc đưa thư đáp lại rằng:

"Biết ngài có tài năng cao siêu trác tuyệt, gánh trách nhiệm ở ngôi Tế phụ, có công dẫn lỗi, rất mực chuyên cần vậy. Cô vốn bất đức, lên kế

thừa nghiệp lớn, nghĩ rằng mình được cùng bậc hiền lương chung giúp đạo đời, nhưng vì xa xôi cách trở chưa có duyên gặp gỡ, ý tốt tràn đầy, trong lòng ngưỡng mộ sâu sắc. Nay phái Quang lộc đại phu là Kỷ Trắc, Ngũ quan Trung lang tướng là Hoàng Cầu tuyên rõ lòng chí thành của ta." ①

Thiệu đi đến Nhu Tu, bị triệu về giết đi, dời gia thuộc của Thiệu đến Kiến An, vì trước đây có người bẩm là Thiệu xưng tụng cái đẹp đẽ của Trung Quốc vậy.

Mùa hạ tháng tư, người huyện Tương Lăng nói có sương móc giáng, vì thế đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ.

Mùa thu tháng bảy, Hạo bức giết Cảnh hậu là Chu thị, không chết tại chính điện, nên để tang ở một ngôi nhà nhỏ trong vườn, mọi người biết rằng Cảnh hậu chết không phải vì bệnh tật, chẳng ai không đau xót. Hạo lại đưa bốn con của Hưu về một ngôi thành nhỏ thuộc quận Ngô, không lâu sai người đuổi theo giết hai người con lớn.

Tháng chín, Hạo theo biểu tấu của Tây Lăng đốc Bộ Xiển, dời đô về Vũ Xương, để Ngự sử đại phu là Đinh Cố, Hữu tướng quân là Gia Cát Tịnh thủ giữ Kiến Nghiệp.

Trắc, Cầu đến Lạc Dương, gặp lúc Tấn Văn đế⁽¹⁾ băng hà, tháng mười một, lại phái hai người quay trở về. Hạo đến Vũ Xương, lại đại xá thiên hạ. Lấy phía nam quận Linh Lăng lập quận Thủy An, lấy phía nam quận Quế Dương lập quận Thủy Hưng.

Tháng mười hai, nhà Tấn nhận nhường ngôi.

① *Giang Biểu truyện* chép: Thư của Hạo nói năng kể lễ hai mối, xưng tên để nói mà không biên họ.⁽²⁾

¹ Tư Mã Chiêu không lên ngôi Đế, chỉ sau khi Tư Mã Viêm lên ngôi mới truy phong cho cha làm Đế.

² Thể hiện rõ ý xác xược, không thần phục Ngụy (Tấn), không coi tướng quốc nước Ngụy là Tư Mã Chiêu ra gì.

Ngô lục chép: Trắc tự Tử Thượng, người quận Đan Dương. Ban đầu làm Trung thư lang, Tôn Tuấn sai đến cật vấn Nam Dương vương là Hòa, lệnh cho Hòa phải tự sát. Trắc mật sai người đến báo là mình thẳng thừng từ chối, Tuấn giận. Trắc sợ hãi, đóng cửa ở nhà không ra đến bên ngoài. Thôi Tôn Hưu, cha của Trắc là Lượng là Thượng thư lệnh, còn Trắc làm Trung thư lệnh, mỗi khi hội triều, có chiếu sai dùng tấm bình phong ngăn che chỗ ngồi của họ. Sau Trắc ra làm Thái thú Dự Chương.

Tấn kỷ của Can Bảo chép: Trắc, Cầu vâng mệnh đi sứ đến nước Ngụy, vào cỏi thì hỏi kỵ hús, vào triều thì hỏi phong tục. Tướng giữ Thọ Xuân là Vương Bó cưới ngựa bắn tên tỏ uy, bắn xong hỏi bọn họ rằng:

- Bậc quân tử nước Ngô cũng làm được thế chẳng?

Trắc nói:

- Đây là việc mà quân lính cưới ngựa phải làm, sĩ đại phu quân tử không làm việc đó vậy.

Bó rất xấu hổ. Đến nơi, Ngụy đế gặp họ, sai quan giúp lễ hỏi rằng:

- Gần đây Ngô vương thế nào?

Trắc đáp rằng:

- Gần đây Hoàng đế ngự ở trước điện, trăm quan bồi tiếp, ăn uống tốt không có vấn đề gì.

Tấn Văn vương mở tiệc thết đãi họ, trăm quan đều đến hội, Tấn vương sai quan giúp lễ báo rõ rằng:

- Vị kia là An Lạc công, vị kia là Thiên vu Hung Nô vậy.

Trắc nói:

- Chúa phương tây mất nước, quân vương lấy lễ đối đãi, ban tước vị cho cả ba đời, chẳng ai không cảm nghĩa, Hung Nô là nước ở ngoài biên bìa khó kiềm chế, quân vương vỗ về ông ấy, cho ngồi ở chiếu, đây thật là ân uy lan xa.

Lại hỏi:

- Quân trú phòng của nước Ngô độ bao nhiêu?

Đáp rằng:

- Kéo từ Tây Lăng đến Giang Đô, là năm nghìn bảy trăm dặm.

Lại hỏi rằng:

- Đường đất rất xa, có khó để giữ vững chăng?

Đáp rằng:

- Cương giới tuy dài, nhưng những chỗ đất hiểm yếu là đất nhất định phải tranh chiếm, bất quá chỉ ba bốn chỗ, cũng như con người ta tuy thân thể cao tám thước cũng chẳng phải lo lắng, nơi phải che chắn gió lạnh cũng chỉ có vài chỗ thôi.

Văn vương khen lời ấy, lấy lễ hậu đãi Trắc.

Thần Tùng Chi cho rằng: Nói con người ta tuy thân thể cao tám thước cũng chẳng phải lo lắng, phòng giữ gió lạnh há chỉ có vài chỗ? Ví dụ như thế, chưa đủ để khen. Nếu nói rằng ví như thành vững dài vạn trượng, nhưng chỗ phải phòng giữ nghiêm ngặt thì có bốn cửa thành mà thôi. Nếu Trắc đối đáp so sánh như thế, chẳng phải hơn sao!

Ngô lục chép: Hạo đem gia thuộc của các trường bối có liên quan đến việc của Hòa, dời hết họ đến Đông Dã, duy có Trắc vì nhận mật chỉ, nên đặc cách phong con là Phu làm Đô đình hầu.

Em của Phu là Chiêm, tự Tư Viễn, vào làm quan Phiêu kỵ tướng quân của nhà Tấn.

Hoảng Cầu, người huyện Khúc A, cháu của Hoảng Tư, là cháu ngoại của Quyền vậy. Cầu về sau làm quan đến chức Trung thư lệnh, Thái tử Thiếu phó.

Năm Bảo Định nguyên niên tháng giêng, Hạo phái Đại hồng lư là Trương Nghiễm, Ngũ quan Trung lang tướng là Đình Trung điếu tế Tấn Văn đế. Lúc quay về, Nghiễm trên đường đi bị bệnh chết.^①

Trung khuyên Hạo rằng:

- Phương bắc không chuẩn bị kỹ lưỡng cho việc đánh giữ, đất Dặc Dương có thể tập kích mà lấy được.

Hạo dò hỏi ý quần thần, Trấn tây đại tướng quân Lục Khải nói:

- Việc binh bất đắc dĩ mới dùng thôi, vả lại ba nước từ lúc lập thế chân vạc đến nay, thay nhau xâm lấn sát phạt, không năm nào được ở yên. Nay cường địch mới nuốt Ba Thục, kiêm gồm được cái giàu có của đất mới chiếm, mà phái sứ đến cầu thân, là muốn dừng việc chiến sự, không thể nói là họ cầu cạnh với ta. Nay hình thế quân địch đang mạnh, mà ta muốn cầu may để tìm chiến thắng, là chưa thấy được mối lợi vậy.

Xa kỵ tướng quân Lưu Toàn nói:

- Trời sinh ngũ tài,⁽¹⁾ sao có thể bỏ việc dùng binh? Quyền thuật trí trá ganh đua nhau, xưa nay đã có rồi. Nếu bên kia thiếu sót, ta có thể bỏ lỡ sao? Nên phái gián điệp, đến quan sát hình thế của họ.

Hạo ngẫm theo lời của Toàn, lại vì đất Thục mới yên định, cho nên việc không được thi hành, rồi sau tự dứt.

Tháng tám, có người ở kinh đô nói là bắt được cái đỉnh lớn, vì thế đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ. Lấy Lục Khải làm Tả thừa tướng, Thường thị Vạn Úc làm Hữu thừa tướng.

Mùa đông tháng mười, sơn tặc ở Vĩnh An là bọn Thi Dẫn tụ mấy nghìn bộ chúng,^② cướp em thú của Hạo là Vĩnh An hầu Tôn Khiêm đưa ra huyện Ô Trình, lấy các đồ trống, sáo, ô, lọng ở trên lăng mộ của Tôn Hòa. Giặc đến gần Kiến Nghiệp, đông đến hơn vạn người. Đinh Cố, Gia Cát Tịnh đón đánh chúng ở Ngưu Đồn, đại chiến, bọn Dẫn thua chạy. Bắt Khiêm đi, Khiêm tự sát.^③

Hạo tách quận Cối Kê lập quận Đông Dương, chia Ngô Quận, Đan Dương lập quận Ngô Hưng.^④ Lấy phía bắc quận Linh Lăng lập quận Thiệu Lăng.

¹ Sách *Lục thao* cho rằng, Ngũ tài (五才), là năm đức tính của con người ta, đó là: Dũng, trí, nhân, tín, trung. Có dũng thì không ai phạm được, có trí thì không rối loạn, có lòng nhân thì yêu mến người khác, có tín nghĩa thì không lừa dối người, có lòng trung thì không hai lòng.

Tháng mười hai, Hạo dời đô về Kiến Nghiệp, để Vệ tướng quân là Đằng Mục ở lại trấn Vũ Xương.

① *Ngô lục* chép: Nghiễm tự Tử Tiết, người huyện Ngô. Năm hai mươi tuổi nổi danh, trải ngôi vị quý hiển, vì kiến văn quảng bác và hiểu biết rộng, được bái làm Đại hồng lư. Đi sứ nước Tấn, Hạo bảo Nghiễm rằng:

- Nay nam bắc giao hảo, vì ngài tài năng bay xa vượt biên cảnh, nên ta ủy thác cho ngài khuất thân hành sự.

Nghiễm đáp rằng:

- Đóa hoa rực rỡ,⁽¹⁾ gặp dịp tươi tốt, đâu không có tiếng khen truyền lại như cổ nhân, nhưng ở nơi đá sắc đao nhọn, quyết chẳng để nhục mệnh.

Nghiễm đến nơi, bọn Xa kỵ tướng quân Giả Sung, Thượng thư lệnh Bùi Tú, Thị trung Tuân Úc muốn lấy các việc mà Nghiễm không biết để đè nén nhưng không khuất phục nổi. Thượng thư bộc xạ Dương Hổ, Thượng thư Hà Trinh cùng kết áo the giao hảo.

② *Ngô lục* chép: Vĩnh An nay là huyện Vũ Khang vậy.

③ *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Khi trước có người xem khí gió nói rằng Kinh châu có vượng khí phá Dương châu mà cung Kiến Nghiệp bất lợi, cho nên Hạo dời đến Vũ Xương, phái sứ giả phát động dân chúng khai quật mồ mả của các danh gia đại thần và dây gò núi ở Kinh châu để trấn yểm đất ấy. Không lâu nghe tin Đăn làm phản, tự cho rằng việc dời chuyển đất ấy là đắc kế vậy. Lại sai mấy trăm người gõ trống hò reo vào Kiến Nghiệp, giết vợ con của Đăn, nói rằng Thiên tử sai binh Kinh châu đến phá giặc ở Dương châu, để trấn yểm cái khí lúc trước.

④ Hạo hạ chiếu rằng:

¹ Nguyên văn: “Hoàng hoàng giả hoa”, câu xuất ra từ bài thơ *Lộc minh* trong *Kinh Thi*, nói việc vua tiễn biệt dặn dò sứ giả lúc lên đường. Sau này nhắc tới hai chữ “Hoàng hoa” là nói người đi sứ vậy.

Bài thơ có mấy câu là: [Hoàng hoàng giả hoa, vu bi nguyên thấp, sần sần chinh phụ, nổi hoài my sập.] Tạm dịch: [Đóa hoa rực rỡ/ Đồng trùng ruộng cao/ Chinh phụ ruộng rong/ Lo không tròn mệnh.]

"Thời xưa chia đất dựng nước, là để khen thưởng cho người hiền có tài năng, mở rộng phen dậu che chắn cho vương quốc. Nhà Tần phá bỏ tước Ngũ đẳng lập ba mươi sáu quận, nhà Hán mới hưng, mở mang lập đến trăm vị Vương, nhân việc mà ra chế định thích hợp, đại khái là không có quy luật nhất định vậy. Nay các huyện Dương Tiễn, Vĩnh An, Dự Hàng, Lâm Thủy của quận Ngô và các huyện An Cát, Cố Chương, Nguyên Hương, Vu Tiềm của quận Đan Dương, địa thế có cái tiện lợi của dòng nước, đều chảy vào Ô Trình, rất thích hợp lập quận để trấn áp người Sơn Việt, lại vốn là phen dậu phòng vệ Minh Lăng, thờ phụng đại tế, chẳng rất tiện sao! Nay gấp rút tách chín huyện ấy lập quận Ngô Hưng, đặt sở trị ở huyện Ô Trình."

Năm thứ hai mùa xuân, đại xá thiên hạ. Hữu thừa tướng Vạn Úc lên trấn Ba Khâu. Mùa hạ tháng sáu, khởi dựng cung Hiến Minh,^① mùa đông tháng mười hai, Hạo dời đến đó ở. Năm ấy, tách đất của các quận Dự Chương, Lư Lăng, Trường Sa lập thành quận An Thành.

① Thái Khang tam niên địa ký chép: Đất Ngô có cung Thái Sơ, vuông ba trăm trượng, là cung điện mà Quyền dựng vậy. Cung Chiêu Minh vuông năm trăm trượng, là cung điện mà Hạo làm ra vậy. Vì tránh húy của Tấn vương, cho nên gọi là cung Hiến Minh.

Ngô lịch chép: Cung Hiến Minh ở phía đông cung Thái Sơ.

Giang Biểu truyện chép: Hạo mưu dựng cung điện mới, quan ăn lộc từ hai nghìn thạch trở xuống đều phải tự vào núi đốn người chặt gỗ. Lại phá dỡ các cung khác, mở rộng vườn cây, dựng lầu quán đắp núi đất, vô cùng tinh xảo, chi phí lao dịch xây dựng tính kể vạn ức. Lục Khải cố can gián, Hạo không theo.

Năm thứ ba mùa xuân tháng hai, lấy Tả hữu Ngự sử đại phu là Đinh Cỗ, Mạnh Nhân làm Tư đồ, Tư không.^①

Mùa thu tháng chín, Hạo ra Đông Quan, Đinh Phụng đến Hợp Phì. Năm ấy, Hạo phái bọn Thứ sử Giao châu là Lưu Tuấn, Tiền bộ đốc là Tu Tắc tiến đánh quận Giao Chỉ, bị tướng nước Tấn ở đấy là bọn Mao Quang phá, đều chết, binh tan tác kéo về Hợp Phố.

① Ngô thư chép: Lúc đầu, Cố làm Thượng thư, mơ thấy có cây tùng mọc trên bụng mình, bảo người khác rằng:

- Chữ "tùng" gồm chữ "thập" chữ "bát" và chữ "công" ghép lại vậy,⁽¹⁾ mười tám năm nữa, ta làm đến tước Công sao!

Cuối cùng đúng như giấc mộng vậy.

Năm Kiến Hành nguyên niên mùa xuân tháng giêng, lập con là Cấn làm Thái tử, lại phong hai người con khác làm Hoài Dương, Đông Bình vương. Mùa đông tháng mười, đổi niên hiệu, đại xá. Tháng mười một, Tả thừa tướng Lục Khải chết. Hạo phái Giám quân là Ngu Tử, Uy nam tướng quân là Tiết Hủ, Thái thú Thương Ngô là Đào Hoàng từ Kinh châu xuất phát, Giám quân là Lý Úc, Đốc quân là Từ Tồn đi đường biển từ Kiến An, đều đến Hợp Phố đánh quận Giao Chỉ.

Năm thứ hai mùa xuân, Vạn Úc về Kiến Nghiệp. Lý Úc vì đường biển đi từ Kiến An bất thông, bèn giết tướng dẫn đường là Phùng Phi, rồi dẫn quân quay về. Tháng ba, lửa trời thiêu cháy hơn một vạn ngôi nhà, chết đến bảy trăm người. Mùa hạ tháng tư, Tả đại tư mã là Thi Tích chết. Điện trung liệt tướng là Hà Định nói:

- Thiếu phủ Lý Úc giết oan Phùng Phi, thiện tiện triệt quân lui về.

Gia thuộc của Lý Úc, Từ Tồn đều phục tội bị giết.

Mùa thu tháng chín, Hà Định dẫn năm nghìn binh lên Hạ Khẩu săn bắn. Đô đốc Tôn Tú chạy sang nước Tấn. Năm ấy đại xá thiên hạ.

Năm thứ ba mùa xuân tháng giêng ngày hồi, Hạo cất đại quân ra Hoa Lý, mẹ của Hạo cùng thiếp và phi tần đều xuất hành, Đông Quan lệnh là bọn Hoa Hạch cố can, bèn quay về.^①

Năm ấy, Tử và Hoàng phá quận Giao Chỉ, bắt giết tướng giữ thành của nhà Tấn đặt ở đây, Cửu Chân, Nhật Nam đều thuộc

¹ Chữ "thập" (十) chữ "bát" (八) và chữ "công" (公) ghép lại thành chữ "tùng" (松).

về Ngô.② Lại đại xá thiên hạ, tách quận Giao Chỉ lập quận Tân Xương. Chư tướng đánh phá nước Phù Nghiêm, đặt quận Vũ Bình. Lấy Vũ Xương đốc Phạm Thận làm Thái úy. Hữu đại tư mã Đinh Phụng, Tư không Mạnh Nhân chết.③ Người huyện Tây Uyển nói có chim phượng hoàng đến đậu, sang năm sau bèn đổi niên hiệu.

① *Giang Biếu truyện* chép: Khi trước Diêu Huyền người quận Đan Dương đi sứ nước Thục, bắt được thư của Tư Mã Huy luận về vận mệnh và lịch số với Lưu Nghiễm.⁽¹⁾ Huyền bịa thêm về lời văn ấy để lừa dối người trong nước rằng:

- Cờ vàng lọng tía hiện ở đông nam, cuối cùng người có được thiên hạ, là quân chủ của xứ Kinh, Dương chăng!

Lại bắt được hàng nhân người Trung Quốc, nói rằng dưới thành Thọ Xuân có lời đồng dao rằng: "Thiên tử sẽ nổi lên ở nước Ngô." Hạo nghe được, mừng nói:

- Đây là thiên mệnh vậy.

Lập tức chở mẹ và vợ con của mình cùng mấy nghìn người ở hậu cung, từ Ngưu Chử theo đường bộ sang tây, nói rằng xe lọng màu xanh tiến vào Lạc Dương, để thuận thiên mệnh. Trên đường đi gặp tuyết lớn, đường đất sụt lở, binh sĩ mặc áo giáp cầm trượng, trăm người cùng kéo một chiếc xe, rét cóng chờ chết. Binh lính không kham nổi, đều nói:

- Nếu gặp địch dễ chừng phải giơ ngược binh khí mất thôi.

Hạo nghe nói, bèn quay về.

② *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Ban đầu Hoắc Dặc phái bọn Dương Tắc, Mao Quang đóng giữ thành, cùng họ thề rằng:

¹ Tư Mã Huy là danh sĩ Kinh châu. Xem tập VI, quyển 35 (Gia Cát Lượng truyện); Lưu Nghiễm (刘廙), tự Cung Tự, người quận Nam Dương huyện An Chung, là anh của Lưu Vọng Chi, nổi tiếng ở đời, được Lưu Biếu vời làm Tòng sự. Về sau Lưu Vọng Chi bị Lưu Biếu giết hại, Nghiễm chạy đến Dương châu hàng Tào Tháo, được dùng làm Thừa tướng duyện, rồi chuyển làm Ngũ quan tướng Văn học. Thời Tào Phi làm Thị trung, được ban tước Quan nội hầu. Nghiễm soạn hơn chục thiên sách về Hình pháp, lễ nghi, đều truyền ở đời.

- Nếu giặc vây thành, chưa đến trăm ngày mà ra hàng, gia thuộc bị tru diệt; nếu quá trăm ngày mà thành mất, Thù sừ phải chịu cái tội ấy.

Chưa đến ngày đã ấn định mà bọn Tắc hết sạch lương, xin hàng với Hoàng. Hoàng không đồng ý, lại cấp thêm lương sai giữ thành. Người Ngô đều can ngăn, Hoàng nói:

- Hoắc Dặc đã chết, không đến được nữa, nên đợi cho họ hết lương, rồi mới cho hàng, khiến bên ấy không mắc tội, mà ta thu được tiếng nghĩa, trong dạ dễ dân của ta, ngoài võ về nước láng giềng, há chẳng nên sao!

Tắc, Quang hết sạch lương, quân cứu không đến, bèn nhận cho hàng.

Hoa Dương quốc chí chép: Tắc, là người quận Kiền Vi. Quýnh, là người quận Kiến Ninh. Bọn Tắc ở trong thành hết sạch lương, quân tử vong quá nửa, Tướng quân Vương Ước làm phản ra hàng, người Ngô vào thành, bắt sống Tắc, Quang, đều cầm tù họ. Tôn Hạo sai người đưa Tắc xuôi về kinh đô, Tắc đến Hợp Phố, thổ huyết mà chết. Nhà Tấn truy tặng Tắc chức Thù sừ Giao châu.

Khi trước, Mao Quang cùng quân Ngô giao chiến giết Tiền bộ đốc Tu Tắc. Bọn Đào Hoàng thấy Quang là người hùng tráng dũng mãnh, muốn tha. Nhưng con của Tắc là Doãn cố xin giết Quang, Quang cũng chẳng vì bọn Hoàng mà chịu khuất, bọn Hoàng nổi giận, trói quặt tay Quang ra sau quặt mắt, nói:

- Giặc Tấn!

Quang lớn tiếng chửi:

- Chó Ngô, bọn nào là giặc?

Người Ngô phanh bụng Quang ra, Doãn cắt lấy tim và gan của Quang, mắng rằng:

- Đồ hèn hạ còn làm giặc được chăng?

Quang vẫn mắt không ngớt, nói:

- Ta còn muốn chém Tôn Hạo của mày, cha mày là con chó chết nào vậy!

Chúng bèn chém Quang. Tấn Vũ đế nghe tin thương xót, lập tức hạ chiếu sai con trưởng của Quang tập tước, ba con khác đều được làm Quan nội hầu.

Lời ấy cùng những điều mà *Hán Tấn Xuân Thu* ghi chép là bất đồng.

③ *Ngô lục* chép: Nhân tự Cung Vũ, người quận Giang Hạ, vốn tên Tông, vì tránh tự của Hạo, mới đổi đi vậy. Nhân lúc trẻ theo học Lý Túc người quận Nam Dương. Mẹ của Nhân làm đệm dày chăn rộng, có người hỏi lý do, người mẹ nói:

- Thằng nhỏ không có đức để vời khách, người theo học đa phần nghèo khó, cho nên ta làm chăn rộng, để nó có thể được cùng bọn đồng cảnh giao tiếp vậy.

Nhân đọc sách sớm khuya không biếng, Túc lấy làm lạ về Nhân, nói:

- Ngươi có khí chất của bậc Tể tướng vậy.

Ban đầu Nhân làm Quân lại của Phiêu kỵ tướng quân Chu Cừ, đưa mẹ vào ở trong doanh trại. Đã không được thỏa chí, lại vì cảnh đêm mưa nhà dột, nhân thế đứng dậy sa nước mắt khóc, để tạ lỗi với mẹ, người mẹ nói:

- Chỉ nên cố gắng, khóc có làm được gì đâu?

Rồi sau Cừ cũng biết chuyện đó, phong Nhân làm Giám trị tư mã.

Nhân tự đan lưới, dùng để bắt cá, làm cá muối gửi cho mẹ, người mẹ đem trả Nhân, nói:

- Mày làm quan trông coi việc bắt cá, mà muối cá gửi cho ta, không tránh được hiềm nghi vậy.

Về sau Nhân được thăng làm Ngô lệnh.

Bấy giờ quan lại đều không được đem người nhà đến sở quan, mỗi khi có được vật gì, Nhân lại đem gửi cho mẹ, thường không ăn trước. Lúc nghe tin mẹ mất, Nhân phạm phép cấm bỏ sở quan, lời đã kể ở *Tôn Quyền truyện*. Được đặc cách giảm tội chết xuống một bậc, lại sai làm quan, đại khái là ưu ái Nhân vậy.

Sở quốc tiên hiền truyện chép: Mẹ của Mạnh Tông thích măng tre, tiết đông sắp đến. Bấy giờ măng tre còn chưa mọc, Tông vào rừng

tre buồn bã than thở, rồi mắng tre vì Tông mà mọc ra, Tông lấy đem dâng cho mẹ, người ta đều cho rằng việc làm chí hiếu khiến vật cảm động. Tông nhiều lần được thăng chức, quan vị đến chức Quang lộc huân, cuối cùng làm đến tước Công vậy.

Năm Phụng Hoàng nguyên niên mùa thu tháng tám, triệu Tây Lăng đốc là Bộ Xiển. Xiển không ứng mệnh, giữ thành hàng nhà Tấn. Hạo phái Đô đốc Lạc Hương là Lục Kháng vây bắt Xiển, quân của Xiển đều hàng. Xiển cùng mấy trăm người đồng mưu đều bị tru di tam tộc. Đại xá thiên hạ. Năm ấy Hữu thừa tướng Vạn Úc bị trách phạt lo buồn mà chết, con em của Úc bị di dời đến Lư Lăng.^① Việc gian xấu của Hà Định lan rộng, bị xử tử. Hạo cho là tội ác của Định giống như Trương Bố, bèn nghĩ xét đổi tên Định là Bố.^②

① *Giang Biểu truyện* chép: Khi trước, Hạo đi tuần tại Hoa Lý, Úc cùng Đinh Phụng, Lưu Bình mật bàn rằng:

- Lần đi tuần này không cấp thiết, nếu đến Hoa Lý không về, việc xã tắc là trọng, chẳng thể không tự quay về.

Lời ấy tiết lộ. Hạo nghe biết được, bởi bọn Úc là cựu thần, Hạo vì đại kế nhẫn nhịn nhưng trong lòng ngầm căm tức. Sau đó nhân hội yến, đem rượu độc cho Úc uống, truyền bảo người mang rượu bí mật giảm bớt thuốc đi. Lại cho Lưu Bình uống, Bình phát giác ra, uống thuốc khác để giải độc, không chết. Úc tự sát, Bình lo lắng sầu muộn, được hơn một tháng cũng chết.

② *Giang Biểu truyện* chép: Định, là người quận Nhữ Nam, vốn là Cấp sự của Tôn Quyền, sau cho ra ngoài bổ nhiệm làm chức Lại. Định gian tà siểm nịnh, tự khoe rằng mình là người cũ của Tiên đế, xin về làm Nội thị, Hạo dùng làm Lâu hạ đô úy, chương quản việc mua bán thóc và rượu, chuyên ra oai tác phúc. Nhưng Hạo tín nhiệm, ủy thác mọi việc. Định giúp con trai xin lấy con gái của Thiếu phủ Lý Úc, Úc không đồng ý. Định mang lòng oán giận gièm pha Úc với Hạo, Hạo vì đưa con đỏ giết Úc, đốt thi thể. Định lại sai chur tướng mỗi người dâng một con chó đẹp, đều phải đi xa nghìn dặm mà tìm, một con chó đưa đến giá trị mấy nghìn

thất lựa. Chó dâng lên vua đeo vòng cổ, giá đến một vạn tiền. Mỗi con chó một tên lính giữ, nuôi để bắt thỏ giữ kho, nhưng số thỏ chúng bắt được không bao nhiêu. Người Ngô đều quy tội cho Định, nhưng Hạo lại cho là hết lòng chuyên cần, ban cho Định tước Liệt hầu.

Ngô lịch chép: Trung thư lang là Hề Hy gièm Uyển Lăng lệnh là Hạ Huệ. Huệ, là em của Thiệu vậ. Hạo phái sứ giả là Từ Xán đến tra xét tội, Hy lại gièm Xán là quanh co giúp Huệ không nhanh chóng quyết tội trạng. Hạo phái sứ giả đến Uyển Lăng chém Xán, bắt Huệ tống ngục. Gặp lúc xá tội Huệ được thoát.

Năm thứ hai mùa xuân tháng ba, lấy Lục Kháng làm Đại tư mã. Tư đồ là Đinh Cố chết. Mùa thu tháng chín, đổi phong Hoài Dương vương thành Lỗ vương, Đông Bình vương thành Tề vương, lại phong chín người bọn Trần Lưu, Chương Lăng làm vương, cả thảy mười một Vương, mỗi Vương cấp cho ba nghìn binh. Đại xá thiên hạ.

Trong số ái thiếp của Hạo có kẻ sai người đến chợ cướp đoạt tài vật của trăm họ, Tư thị Trung lang tướng là Trần Thanh, vốn là sủng thần của Hạo, cậy được Hạo sủng ái, dùng hình pháp bắt trói người kia. Người thiếp đem việc tố với Hạo, Hạo cả giận, mượn việc khác dùng cưa sắt nung đỏ chặt đầu Thanh, quăng thi thể Thanh ở dưới bốn cửa lầu. Năm ấy, Thái úy Phạm Thận chết.

Năm thứ ba, người quận Cối Kê ngoa ngôn rằng Chương An hầu là Phấn sắp làm Thiên tử. Thái thú Lâm Hải là Hề Hy gửi thư cho Thái thú Cối Kê là Quách Đản, không bàn việc nước. Đản chỉ bạch thư của Hy, không báo việc có lời ngoa đồn, Hạo bắt Đản đến Kiến An chế tác thuyền.① Lại phái Tam Quận đốc là Hà Thực bắt Hy, Hy phát binh tự phòng vệ, cắt đứt đường biển. Bộ khúc của Hy giết Hy, đưa đầu đến Kiến Nghiệp, giết ba họ nhà Hy. Mùa thu tháng bảy, Hạo phái hai mươi lăm sứ giả chia nhau đến các châu quận, tra soát kẻ phản trốn. Đại tư mã Lục Kháng chết.

Từ khi cải niên hiệu cho đến năm ấy, liên tục có đại dịch. Năm đó lại tách quận Uất Lâm lập quận Quế Lâm.

① *Côi Kê Thiệu thị gia truyện* chép: Thiệu Trù tự Ôn Bá, thời ấy là Công tào của Đản. Đản bị bắt, kinh hoàng không có cách gì tự tỏ rõ. Trù tiến lên nói:

- Nay Trù vẫn còn, việc của Trù, Minh phủ lo gì?

Bèn đến chỗ quan lại tự bày tỏ, nói rằng Đản không bắt việc có lời ngoa đồn, là do lỗi của mình, không phải là tội của phủ quân. Quan lại tâu lời của Trù lên, cơn giận của Hạo càng bốc. Trù lo rằng Đản rút cục không thoát được, bèn tự sát để chứng minh lời của mình. Lúc sắp chết, để lại thư rằng:

"Trù sinh trưởng nơi biên thùy, không quen với đạo lý giáo hóa, được vào cửa quan, gửi thân ở bản quận, chức vượt đông lưu, ngôi đến đại quan, mà chẳng thể cố sức xiển dương giáo hóa, nuôi dưỡng phúc lành. Nay để lời ngoa ngôn nổi lên khắp chốn, phạm phép nước loạn kỷ cương, Trù cho rằng lời nói đông dài nhằm nhí, vốn không phải là sự thật, dù nhà nhà tụng đọc người người ngâm vịnh, cũng chẳng đủ để lo. Người trọng khí tiết trong thiên hạ, nghe lời bàn ngang dọc của kẻ thất phu, ghét lời xấu ấy, không thèm nghe đến, dấu cho miệng ngậm vật do bản bụng chứa lời xấu xa, thì cũng chẳng dùng bút lông viết ra, chỉ dè nén cơn nóng giận lấy lại sự tỉnh tâm, khiến mình tự yên. Ngu thần trong lòng khốn khổ, thường vắn tay mình, nên Đản cúi mình cho là phải, lặng yên nghe theo. Cái lỗi ấy, thực bởi do Trù. Thần cung kính chẳng dám tránh chết, đổ tội cho trưởng quan, chỉ xin trời cao chứng giám, suy xét rõ ràng."

Quan lại thu thi của Trù, đem lời văn dâng lên, Hạo bèn miễn tội chết cho Đản, bắt đến Kiến An chế tác thuyền. Lúc Trù chết, bốn mươi tuổi. Hạo khen tiết nghĩa của Trù, hạ chiếu sai quận huyện vẽ hình ở miếu thờ.

Năm Thiên Sách nguyên niên, người ở Ngô Quận nói là đào đất lấy được thỏi bạc trắng, dài một thước, rộng ba phân, bên trên có khắc chữ đề năm tháng, vì thế đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu.

Năm Thiên Tử nguyên niên, người ở Ngô Quận nói là hồ Lâm Bình từ thời Hán mạt bị cỏ dại mọc lấp kín, nay lại khai thông. Các bậc cao niên truyền nhau, nói hồ ấy tắc, thiên hạ loạn lạc, hồ ấy thông, thiên hạ thái bình. Lại nữa là ở bên hồ có người bắt được một cái hộp đá, bên trong có hòn đá nhỏ, sắc xanh trắng, dài bốn tấc, rộng hơn hai tấc, bên trên có khắc chữ "Hoàng đế", vì thế đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ.

Thái thú Cối Kê Xa Tuấn, Thái thú Tương Đông Trương Vĩnh không nộp thuế môn, ⁽¹⁾ Hạo sai người đến sở quan chém họ, bêu đầu để răn đe các quận. ①

Mùa thu tháng tám, Kinh Hạ đốc là Tôn Khải hàng nhà Tấn. Người huyện Bà Dương nói là hòn đá ở trên núi Lịch Dương có hoa văn xếp thành chữ, cả thảy hai mươi chữ, là:

"Cửu chữ đất Sở, cửu đô đất Ngô, quan Dương châu, làm Thiên tử, bốn đời trị, mới thái bình." ②

Lại nữa, ngọn núi ở huyện Dương Tiễn quận Ngô Hưng có tảng đá rồng, dài hơn chục trượng, tên gọi thạch thất, quan sở tại dâng biểu lên nói là điềm đại tốt lành. Hạo bèn phái Kiêm tư đồ là Đồng Triều, Kiêm thái thường là Chu Xử đến huyện Dương Tiễn, phong núi ấy là Quốc sơn. ⁽²⁾ Đầu năm sau đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ, để hợp với văn tự trên ấn đá.

① *Giang Biểu truyện* chép: Tuấn ở chức quan trung thành thanh bạch, đúng lúc quận gặp đại hạn ruộng hoang, dân chúng không có lương thực của cải, bèn dâng biểu xin cấp chẩn. Hạo nói là Tuấn muốn vun trồng ân huệ riêng, phái người đến chém bêu đầu. Lại có quan Thượng thư là Hùng Mục thấy Hạo tàn ác bạo ngược, ngầm có lời can gián, Hạo sai người dùng đao xẻo thịt khắp người giết Mục, thân thể không vẹn da thịt.

¹ Thuế môn là một thứ thuế đánh vào thương nhân, thợ thủ công, chuyển hàng, cho vay lãi.

² Ý rằng núi ấy là biểu tượng của đất nước.

② *Giang Biếu truyện* chép: Huyện Lịch Dương có núi đá gần sông, cao trăm trượng, ở chỗ cao ba mươi trượng trên núi ấy, có bảy điểm xuyên tròn sòng đôi bày thành hàng, trong điểm xuyên tròn có sắc vàng đỏ, không giống màu với tảng đá gốc, tục nhân truyền bảo nhau rằng đấy là cái ấn đá. Lại nói rằng, ấn đá nổi lên, thiên hạ sắp thái bình. Bên dưới có đền thờ, thầy đồng cốt nói là thần khí của ấn đá là ba chàng trai trẻ tuần tú.

Bấy giờ Trưởng huyện Lịch Dương dâng biểu nói rằng ấn đá nổi rõ, Hạo phái sứ giả dùng cỗ thái lao tể ở núi Lịch. Thầy đồng nói, ba chàng trai của ấn đá nói là "Thiên hạ sắp thái bình." Sứ giả làm thang cao, trèo lên xem văn tự trên ấn, trí trá lấy mực đỏ viết hai mươi chữ vào đá, quay về bẩm với Hạo. Hạo cả mừng, nói:

- Nước Ngô sắp lấy chín châu làm Đô (đô thành), Chử (bến bãi) sao! Từ Đại hoàng đế tới Cô là bốn đời rồi, quân chủ của thời thái bình, không phải Cô thì là ai?

Lần nữa phái sứ giả, đem ấn thụ bái ba chàng trai của ấn đá làm Vương, lại khắc đá lập bài minh, tán dương đức của thần minh, để báo đáp diễm lành.

Năm Thiên Kỷ nguyên niên mùa hạ, Hạ Khẩu đốc là Tôn Thận tiến ra Giang Hạ, Nhữ Nam, đốt phá cướp bóc dân ở đấy.

Khi trước, quan coi xe ngựa của Hạo là Trương Thục nhiều lần tố gièm người khác, liên tục được thăng chức, làm đến Ti trực Trung lang tướng, ban tước hầu, rất được sủng ái, năm ấy gian tình phát lộ, bị giết.①

① *Giang Biếu truyện* chép: Cha của Thục, làm lính ở huyện Sơn Âm quận Cối Kê, biết Thục bất lương, dâng biểu nói:

"Nếu dùng Thục làm Ti trực, nó có tội thì xin không bị bắt tội theo."

Hạo đồng ý.

Thục dâng biểu cử hai mươi người đốc xét hành vi của các quan, bọn họ chuyên hặc tội trái phép tặc, bởi thế người ta yêu ghét đánh nhau, hủy báng tố cáo lẫn nhau. Bọn người đó theo lời nói, bắt trói giam tù người ta, khiến việc tranh tụng hỗn loạn, hối lộ

thành thói. Dân chúng cùng khổ, không biết làm sao cho phải phép. Thực lại xa xỉ dâm dật không biết chán, lấy hơn ba mươi người vợ bé, thiện tiện giết người vô tội, các việc gian tà đều phát lộ, cha con đều bị hình phạt dùng xe xé xác.

Năm thứ hai mùa thu tháng bảy, lập mười một vị Vương là bọn Thành Kỳ, Tuyên Uy vương, mỗi vương cấp cho ba nghìn binh, đại xá thiên hạ.

Năm thứ ba mùa hạ, Quách Mã làm phản. Mã vốn là bộ khúc đốc của Thái thú Hợp Phố Tu Doãn. Doãn chuyển làm Thái thú Quế Lâm, ốm nặng, lưu lại Quảng châu, phái Mã đem năm trăm quân đến quận trước để yên ủy vỗ về các tộc Di. Doãn chết, quân lính phải chia ra, bọn Mã là quân cũ lâu đời, không thích bị ly biệt. Bấy giờ Hạo lại muốn chọn người đi mở mang hộ khẩu ở Quảng châu, Mã cùng tướng bộ khúc là bọn Hà Điển, Vương Tộc, Ngô Thuật, Ân Hưng nhân thế lo rằng sẽ kinh động quân dân, bèn tụ họp binh chúng, đánh giết Quảng châu đốc là Ngu Thụ. Mã tự xưng là Đô đốc nắm việc quân của hai châu Giao, Quảng, hiệu An nam tướng quân, Hưng làm Thứ sử Quảng châu, Thuật làm Thái thú Nam Hải. Điển đánh quận Thương Ngô, Tộc đánh quận Thủy Hưng.^① Tháng tám, Hạo lấy Quân sư Trương Đế làm Thừa tướng, Đô đốc Ngưu Chử là Hà Thực làm Tư đồ. Chấp kim ngô là Đằng Tuần làm Tư không, chưa bái phong, chuyển làm Trấn nam tướng quân, ban Giả tiết lĩnh Quảng châu mục, thống suất một vạn người theo con đường phía đông đi đánh Mã, cùng Tộc hội gập ở Thủy Hưng, chưa tiến được. Mã giết Thái thú Nam Hải là Lưu Lược, xua đuổi Thứ sử Quảng châu là Từ Kỳ. Hạo lại phái Từ Lăng đốc là Đào Tuấn đem bảy nghìn quân theo con đường phía tây đến, truyền mệnh cho bộ ngũ mà Giao châu mục Đào Hoàng thống suất cùng binh lính của các quận Hợp Phố, Uất Lâm, phải giúp quân hai phía đông tây cùng đánh Mã.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Khi trước, nước Ngô có lời sấm truyền rằng:

"Nước Ngô bại vong, binh nổi cõi nam, nước Ngô diệt vong, là Công Tôn vậy."

Hạo nghe lời sấm ấy, xét từ các quan văn võ cho đến hàng ngũ binh lính xem có ai mang họ Công Tôn, đều đầy đến Quảng châu, không ai được ở lại các quận ven sông. Lúc nghe tin Mã làm phản, cả sợ nói:

- Ấy là trời diệt ta vậy.

Có cây rau mắt quỷ mọc thành người ở nhà người thợ là Hoàng Cầu, leo bám vào cây táo, dài hơn trượng, thân rộng bốn tấc, dày ba phân. Lại có cây rau mải mọc thành người ở nhà người thợ là Ngô Bình, cao bốn thước, dày ba phân, hình dạng như cây Ty bà,¹ ngọn trên của cây rộng một thước tám tấc, thân dưới cây rộng năm tấc, hai bên mọc ra lá màu xanh biếc. Đông Quán tra xét đồ thư, rau mắt quỷ đặt tên là Chi thảo, rau mải là đặt tên là Bình Lư thảo, vì thế lấy Cầu làm Thị chi lang, Bình làm Bình lư lang, đều ban cho họ ấn bạc dây thao màu xanh.

Mùa đông, nhà Tấn lệnh sai Trấn đông tướng quân Tư Mã Trữ tiến đến Đồ Trung, An đông tướng quân Vương Hồn và Thứ sử Dương châu Chu Tuấn hướng đến Ngưu Chử, Kiến uy tướng quân Vương Nhung hướng đến Vũ Xương, Bình nam tướng quân Hồ Phấn hướng đến Hạ Khẩu, Trấn nam tướng quân Đỗ Dự hướng đến Giang Lăng, Long tương tướng quân Vương Tuấn, Quảng vũ tướng quân Đường Bân thuận sông Giang xuôi về đông, Thái úy Giả Sung làm Đại đô đốc, được tùy nghi xử trí, khống chế toàn quân.

Đào Tuấn đi đến Vũ Xương, nghe tin đại quân phương bắc tiến ra, nửa đường dừng quân lại không tiến nữa.

¹ Là một loại cây ăn quả, lá to hình tròn dùng làm thuốc được, hoa màu trắng nở mùa hè, mùa đông quả chín, ăn có vị ngọt mát.

Khi trước, Hạo mỗi lần hội yến với quần thần, chẳng lần nào không lệnh cho mọi người uống say. Lại bố trí bọn Hoàng môn lang là mười hai người, đặc biệt không cho uống rượu, đứng hầu hết ngày, để xét lỗi của quan lại. Sau khi bãi hội yến, chúng đều tấu các lỗi sót của quan lại, thái độ phi lễ mà mình nhìn thấy, lời nói xằng bậy mà mình nghe được, không được phép không tấu lên. Ai tội nặng thì lập tức gia hình, lỗi nhỏ thì khép tội danh. Ở hậu cung có mấy nghìn người, mà vẫn chọn lựa không thôi. Lại dẫn nước vào cung, cung nhân có ai không hợp ý, lập tức giết bỏ thả trôi theo dòng nước. Có người bị đẽo gọt mặt mũi, có kẻ bị đục con mắt. Sầm Hôn là kẻ nịnh hót hiểm ác được Hạo sủng ái, lên đến ngôi vị cửu liệt, thích hưng khởi việc lao dịch, mọi người lo sợ khốn khổ. Vì thế trên dưới xa lìa, chẳng ai vì Hạo mà ra sức, đại khái là cái ác tích đến mức cùng cực, chẳng ai kham nổi sự sai khiến nữa.^①

① Sau khi nước Ngô bình, Thị trung của nhà Tấn là bọn Dữu Tuấn hỏi Thị trung của Hạo là Lý Nhân rằng:

- Nghe nói Ngô chủ rạch mặt người ta, chặt chân người ta, có các việc đó chẳng?

Nhân nói:

- Kẻ truyền lời ấy nói quá lên vậy. Quân tử ở với kẻ hạ lưu, tiếng ác trong thiên hạ đều đổ lên người.⁽¹⁾ Đại khái là việc ấy, nếu tin là có, thì cũng chẳng phải là việc quái lạ. Xưa kia vào thời Đường, Ngu có Ngũ hình, thời Tam đại có Thất tích,⁽²⁾ phép chế về nhục

¹ Xuất ra từ câu trong sách *Luận ngữ*. Tử Cống nói: “Trụ chi bất thiện, bất như thị chi thậm dã, thị dĩ quân tử ác cư hạ lưu, thiên hạ chi ác giai quy yên.” Ý là: “Việc làm ác của vua Trụ, chẳng tồi tệ đến như vậy, thế nên quân tử ở với kẻ hạ lưu, tiếng ác trong thiên hạ đều đổ lên người.”

² Theo *Kinh Thư, Thuấn điển* thì Ngũ hình (五刑) là năm thứ hình phạt thời cổ quy định gồm: Thích chữ vào mặt, cắt mũi, chặt chân, thiến, tử hình. Các đời sau có thay đổi. Xem thêm chú thích về quy định của Ngũ hình thời nhà Hán ở tập III, quyển 13, trang 144 (Chung Do truyện);

Thất tích (七辟) là bảy thứ tội phải phạt trọng hình, không rõ quy định thế nào.

hình, không phải là tàn khốc bạo ngược. Hạo là chúa của một nước, nắm đại quyền sinh sát, tội nhân mắc vào hình pháp, gia hình để trừng phạt, sao gọi là nhiều tội được! Kẻ bị vua Nghiêu giết chẳng thể không oán hận, người được vua Kiệt thưởng chẳng thể không mến mộ, đấy là thứ tình cảm tất yếu của người ta vậy.

Lại hỏi rằng:

- Nghe nói Quy mệnh hầu ghét người ta liếc mắt nhìn ngược, đều đục con mắt của họ đi, có việc đó chẳng?

Nhân nói:

- Cũng không có việc ấy, người ta truyền tin xằng bậy thôi. Khúc lễ⁽¹⁾ viết rằng nhìn Thiên tử từ cổ áo trở xuống, nhìn chư hầu từ má trở xuống, nhìn Đại phu từ lông mày, nhìn kẻ sĩ từ trán, được phép đảo mắt nhìn trong vòng năm bước chân; nếu nhìn bên trên lông mày là xấc láo, nhìn bên dưới đai áo là lo sợ, nhìn bên cạnh là bất chính. Theo lễ nghi về việc nhìn ngắm, thì nhìn cao hay thấp chẳng thể không cẩn thận, hướng chi là nhìn bậc quân chủ đây? Nhìn quân vương mà ngỗ ngược, theo lễ mà nói đấy là ngạo mạn; ngạo mạn thì vô lễ, vô lễ thì không hợp đạo bầy tôi, không hợp đạo bầy tôi là phạm tội, phạm tội thì bị khép tội khó lường rồi. Chính sử có nói việc ấy, có lỗi gì ở đây?

Hết thấy những lời mà Nhân đối đáp, bọn Tuấn đều khen ngợi, văn tự nhiều nên không chép hết.

Năm thứ tư mùa xuân, lập mười một vị Vương là bọn Trung Sơn vương, Đại vương, đại xá thiên hạ. Những nơi mà Tuấn, Bàn đến, thì đều tan lở như ngói vỡ, không ai ngăn nổi. Dự lại chém Giang Lăng đốc là Ngũ Diên, Hồn chém được bọn Thừa tướng là Trương Đễ, Thái thú Đan Dương là Thẩm Oánh, các chỗ ấy đều đánh lấy được.①

① *Tấn ký* của Can Bảo chép: Thừa tướng Quân sư nước Ngô là Trương Đễ, Hộ quân là Tôn Chấn, Thái thú Đan Dương là Thẩm

¹ *Khúc lễ* là tên một thiên sách trong *Lễ ký* nói về các việc: Cát (tốt lành) hung (việc dữ), tân (khách lễ), quân (quân lễ), gia (lễ cưới hỏi).

Oánh thống suất ba vạn quân vượt sông Giang, vây Đô úy Thành Dương là Trương Kiêu ở Dương Hà, Kiêu có bảy nghìn binh sĩ, cầm hàng rào tự giữ, giường cò trắng báo hàng. Phó quân sư Gia Cát Tịnh của nước Ngô muốn giết sạch bọn ấy, Để nói:

- Cường địch ở trước mặt, không làm việc nhỏ ấy trước; vả lại giết quân hàng là điềm không lành.

Tịnh nói:

- Bọn ấy vì cứu binh chưa đến mà lực yếu, cho nên tạm trá hàng để tính kế hoãn với ta, không phải đến hàng phục vậy. Ta nhân lúc chúng không có lòng giao chiến mà chôn sống hết đi, có thể tạo khí thế cho ba quân. Nếu tha chúng mà tiến lên, tất thành mối họa sau lưng.

Để không nghe, vỗ về quân ấy rồi tiến. Để cùng các tướng nhà Tấn là Thảo Ngô hộ quân Trương Hàn, Thứ sử Dương châu Chu Tuấn đối trận. Thảm Oánh lĩnh năm nghìn sĩ tốt tinh nhuệ của Đan Dương mang đao cầm khiên, hiệu là Thanh cân binh,⁽¹⁾ quân ấy trước sau luôn xung phong hăm trận phá lũy, vì thế đến đuổi quân vùng Hoài Nam, ba lần xung phong bên kia không động. Bèn rút lui tán loạn, Tiết Thắng, Tướng Ban nhân lúc họ loạn mà thừa thắng đánh, quân Ngô vì thế lần lượt tan vỡ, tướng soái không thể ngăn nổi, Trương Kiêu lại tiến phía sau, đại phá quân Ngô ở Bản Kiêu, bắt sống bọn Để, Chấn, Oánh.

Tương Dương ký chép: Để tự Cự Tiên, người quận Tương Dương, lúc trẻ có danh tiếng, vào thời Tôn Hưu làm Đôn kỵ Hiệu úy. Ngụy phạt Thục, người Ngô hỏi Để rằng:

- Từ lúc họ Tư Mã nắm chính sự đến nay, đại nạn liên tục xuất hiện, trí lực tuy thịnh, nhưng trăm họ chưa phục vậy. Nay lại vắt kiệt sức lực của cải trong dân, đi xa đánh Ba Thục, binh lao nhọc dân mỗi mệt mà chẳng biết xót thương, bại ở chỗ không được nghỉ ngơi, lấy gì cứu giúp nổi? Xưa kia Phù Sai phạt nước Tề, không lần nào không thắng, cái lý do nguy vong, là chẳng lo đến cái gốc rễ căn bản của mình vậy, hướng chỉ chỗ kia là đất tranh giành!

¹ “Thanh cân binh” là đạo quân khăn xanh, khi ra trận buộc khăn màu xanh lên đầu.

Để nói:

- Không đúng. Tào Tháo tuy công trùm Hoa Hạ, uy chấn bốn bể, chuộng trá lừa cậy quyền thuật, chinh phạt không ngừng, dân chúng sợ oai, mà không nhớ đức của ông ấy vậy. Phi, Duệ nổi theo, kế thừa sự tàn khốc bạo ngược của Tháo, bên trong dụng cung thất, bên ngoài sợ kẻ anh hùng hào kiệt, đông tây vô ngựa ruổi rong, không năm nào được yên, bên ấy mất lòng dân, đến nay đã lâu rồi. Cha con Tư Mã Ý, tự nắm quyền bính, nhiều lần lập đại công, trừ bỏ mối phiền nhiễu mà ban bố nhân huệ đức chính, mưu giúp cho chủ mà cứu bệnh bạo ngược của họ Tào, lòng dân theo về họ, cũng đã lâu rồi. Cho nên xứ Hoài Nam ba lần phản mà phúc tâm không nhiễu, Tào Mao bị giết, mà bốn phương bất động, diệt địch cứng khỏe như bẻ gãy cành khô, quét sạch trong ngoài như bàn tay lật sấp, tin dùng người hiền sai khiến kẻ tài, mọi người đều tận tâm hết lòng, không kiềm gòm trí dũng, ai được như thế? Uy vũ của họ lớn rồi, gốc rễ căn bản vững rồi, lòng người theo phục rồi, gian kế đã lập rồi. Nay yểm hoạn nước Thục chuyên quyền, nước không có chính lệnh, mà dùng binh không biết chán, dân nhọc lính khổ, tranh lợi ở ngoài, không sửa sang phòng bị ở trong. So mạnh yếu chẳng tương đồng, người có trí mưu đều biết, nhân nguy mà đánh, e rằng thắng chắc! Nếu họ chẳng thắng, bất quá chỉ không có công, rút cục không có mối lo chạy lui về bắc, chẳng có nỗi sợ bị diệt toàn quân, sao không thể như vậy nhỉ? Xưa kia kiếm nước Sở bén mà Tần Chiêu vương sợ,⁽¹⁾ Mạnh Minh được dùng mà người nước Tấn lo,⁽²⁾ sự đắc chí của bên kia, nên coi là đại họa của ta vậy.

Người Ngô cười lời ấy, nhưng rồi người Thục quả nhiên hàng nước Ngụy. Người Tấn đến đánh nước Ngô, Hạo sai Để đốc suất Thẩm Oánh, Gia Cát Tịnh, thống suất ba vạn quân vượt sông Giang đón chống. Đến Ngưu Chử, Thẩm Oánh nói:

¹ *Thuyết uyển* của Lưu Hưởng chép: Tần Chiêu vương than: “Ôi, kiếm nước Sở sắc bén mà lời hát vụng về. Kiếm sắc bén thì binh lắm kẻ mạnh tợn, hát vụng về thì lo nghĩ xa xôi, ta sợ nước Sở đang mưu tính nước Tấn vậy!”

² Mạnh Minh (孟明): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 57 (Viên Thiệu truyện).

- Nước Tấn luyện thủy quân ở đất Thục lâu rồi, nay cất đại quân nghiêng nước đến, vạn dặm cùng ra sức, tất đem hết quân Ích châu xuôi sông Giang mà xuống. Chư quân ở thượng lưu của ta, không phòng bị sẵn, danh tướng đều chết rồi, bọn trẻ dại phải gánh trách nhiệm, sợ rằng các thành ở ven sông, hết thầy chẳng ai ngăn chống được vậy. Thủy quân của nước Tấn, chắc hẳn đến đây rồi! Nên nuôi sức quân binh, đợi sau giao chiến một trận. Nếu một phen thắng được, phía tây sông Giang tự yên, phía trên tuy vỡ lở, có thể lấy lại được. Nay vượt sông đón đánh, thắng chẳng giữ được, nếu hoặc giả bị diệt, thì đại sự vụt đi mất.

Để nói:

- Nước Ngô sắp mất, là điều mà hiền ngu đều biết, không phải hôm nay mới thấy vậy. Ta sợ là binh đất Thục kéo đến chỗ này, bụng chúng tất kinh hãi, không thể chinh đồn lại. Nay nên vượt sông, có thể quyết chiến ra sức tranh giành. Nếu thua bại tan nát, thì cùng chết với xã tắc, không ân hận gì nữa. Nếu thắng được, thì địch phương bắc chạy trốn, thế binh tăng gấp bội, liền thừa uy từ phía nam tiến lên, ngược dòng mà đi, chẳng lo không phá được vậy. Nếu theo như kế của ngài, sợ rằng quân tan hết, cùng nhau ngồi đợi địch đến, vua tôi đều hàng, không có một người chết vì nạn nước, chẳng nhục nhã sao!

Bèn vượt sông giao chiến, quân Ngô đại bại. Gia Cát Tịnh cùng năm sáu trăm người lui chạy, sai qua đón Để, Để không chịu đi, Tịnh tự qua lều đất Để, bảo rằng:

- Cự Tiên, thiên hạ còn mất có vận số, há đây là điều chỉ mình ngài biết được, sao cố tình tự chọn cái chết làm gì?

Để chảy nước mắt nói:

- Trọng Tư, hôm nay là ngày ta chết vậy. Và lại ta từ lúc còn là trẻ nhỏ, luôn được Thừa tướng nhà ngài⁽¹⁾ giúp đỡ cất nhắc, thường sợ

¹ Gia Cát Tịnh là con út của Gia Cát Đản. Xem tập VI, quyển 28 (Gia Cát Đản truyện). Họ hàng của Gia Cát Đản ở Đông Ngô có Gia Cát Cẩn. Xem tập VII, quyển 52 (Gia Cát Cẩn truyện) và Gia Cát Khác. Xem tập VIII quyển 64 (Gia Cát Khác truyện). Họ đều không phải là Thừa tướng ở nước mình, không rõ ý nghĩa câu “Thừa tướng nhà anh” của Trương Để là chỉ vào người nào?

bất đắc kỳ tử, phụ sự đoái hoài của bậc danh hiền. Nay đem thân tuấn tiết với xã tắc, sao lại trốn làm gì? Chớ lôi kéo ta như thế.

Tĩnh chảy nước mắt thả Đễ ra, đi hơn trăm bước, đã thấy Đễ bị quân Tấn giết hại.

Ngô lục chép: Đễ thời trẻ nổi danh, đến lúc nắm chức lớn, ít hòa mình với thú vui ở đời, thường làm tả hữu hộ vệ, kẻ bàn luận chê cười Đễ.

Sưu thần ký chép: Người huyện Tùng Dương quận Lâm Hải là Liễu Vinh đi theo Đễ đến Dương phủ, Vinh ốm chết trong thuyền đã hai ngày, bấy giờ quân lính lên bờ, không có ai chôn cất Vinh, thốt nhiên Vinh hô lớn, nói:

- Có người trói Quân sư! Có người trói Quân sư!

Tiếng kêu vang dội, bèn sống lại. Có người hỏi việc đó, Vinh nói:

- Ta làm lính giữ cửa Bắc Đẩu trên trời thấy người ta trói Trương Đễ, ta trong lòng rất kinh ngạc, bắt giác hô lớn, nói "Vì sao lại trói Trương quân sư." Người ở dưới cửa giận ta, quát mắng đuổi ra. Ta liền bỏ đi, rất kinh hãi, nên miệng còn phát tiếng kêu vậy.

Ngày hôm ấy, Đễ chết ở chiến trường. Vinh đến thời Tấn Nguyên để vẫn còn sống.

Tháng ba ngày Bính Dần, mấy trăm người thân cận ở trong điện rạp đầu lạy xin Hạo giết Sầm Hôn, Hạo trong lúc rối ren kinh hoàng bèn nghe theo.^①

① *Tấn ký* của Can Bảo chép: Mấy trăm người thân cận ở trong điện rạp đầu lạy thỉnh xin Hạo rằng:

- Quân bắc đến ngày một gần, mà binh sĩ chẳng nhắc binh khí, theo Bệ hạ là vì lý do gì!

Hạo nói:

- Vì sao thế?

Chúng thưa rằng:

- Bời Sầm Hôn.

Hạo nói một lời:

- Nếu vậy, hãy dùng đũa nô tài tạ lỗi với trăm họ.

Chúng nhân nói:

- Dạ!

Rồi cùng đứng dậy đi bắt Hôn. Hạo cho ngựa dịch đuổi theo ngăn lại, Hôn đã bị giết rồi.

Ngày Mậu Thìn, Đào Tuấn từ Vũ Xương quay lại, Hạo lập tức tiếp kiến, hỏi tin tức về thủy quân, Tuấn đáp rằng:

- Thuyền của đất Thục đều rất nhỏ, nay có được hai vạn quân, cưỡi đại thuyền mà giao chiến, thần tự cho là đủ để đánh chúng.

Vì thế cho hợp binh, trao cho Tuấn tiết việt. Sáng hôm sau định tiến phát, thì đêm ấy chúng đều trốn hết. Mà Vương Tuấn thuận dòng sắp sửa đến, Tư Mã Trụ, Vương Hôn đều áp sát biên cảnh. Hạo dùng kế của bọn Quang lộc huân Tiết Oánh, Trung thư lệnh Hồ Xung, chia phái sứ giả dâng thư đến chỗ bọn Tuấn, Trụ, Hôn nói:

"Xưa kia nhà Hán mất kỷ cương, chín châu đều phân liệt, tiên nhân ta nhân cơ hội, lấy được Giang Nam, bèn chia ngăn sông núi, cùng với nước Ngụy ngăn cách. Nay nhà Đại Tấn hưng khởi, đức trùm bốn bể. Ta ngu muội vô tài cầu thả an thân, không hiểu rõ thiên mệnh. Để đến hôm nay, sáu quân lao nhọc, xe cộ đầy đường, đi xa đến chỗ bến sông, cả nước rung động kinh hoàng, hơi tàn chỉ còn trong khoảnh khắc. Dám mong thiên triều mở lượng bao dung rọi khắp, xin kính cần phái bọn Thái thường tự đặt là Trương Quỳ đến dâng ấn thụ mà mình đeo, để làm tin thỉnh mệnh, mong được tin tưởng thu nhận, để cứu vớt lê dân." ①

① Giang Biểu truyện chép rằng Hạo sắp thua gửi thư cho cậu của mình là Hà Thục rằng:

"Trước kia Đại hoàng đế dùng mưu thần vũ, phát động ba nghìn sĩ tốt, chiếm cứ Giang Nam, cuốn chiếu thu Giao, Quảng, mở mang nghiệp lớn, muốn truyền lộc đến vạn đời. Đến đời Cô đức mỏng, tự giữ thành

quả, chẳng thể vớ về tụ tập lê dân, việc làm đa phần khiếm khuyết sai lầm, trái với số trời. Biển cố ám muội xảy ra, báo rõ điềm xấu, dẫn đến việc người Man phương nam nghịch loạn, đánh dẹp chưa xong. Nghe nói đại quân nước Tấn, từ xa kéo đến sông Giang, thứ dân kiệt sức nhọc mệt, quân lính đều bị bẻ gãy rút lui, mà Trương Đế chẳng trở về, quân tan quá nửa. Cô rất buồn bã thẹn thùng, đến nay vẫn rầu rĩ không vui. Lại nhận được biểu của Đào Tuấn nói rằng từ Vũ Xương về tây, đều không giữ được nữa. Chẳng giữ được, không phải là lương không đủ, không phải là thành không bền, mà vì tướng sĩ không chịu đánh thôi. Binh chán đánh trận, há oán giận quân sĩ sao? Đây là cái tội của Cô vậy. Trông trời huyền ảo biến đổi ở trên, quân dân phần hận than thở ở dưới, xem sự thế ấy, nguy như trứng chõng, phúc lộc nước Ngô đã hết hẳn, đại cục ấy biết làm sao? Trời chẳng làm mất nước Ngô, là Cô tự rước lấy vậy. Nhắm mắt xuống xuôi vàng, còn mặt mũi nào nhìn bốn vị Đế đây! Công hãy gắng định mưu lạ, mau viết ra báo cho ta.”

Hạo lại để di thư cho quần thần rằng:

“Cô vốn bất đức, kế nghiệp làm nhục tổ tông. Ở ngôi nhiều năm, chính giáo tàn nhẫn trái ngang, khiến cho trăm họ lâu ngày khổ khổ lâm than, đến nỗi một sớm phải quy phục theo về nơi có đạo, xã tắc nghiêng lật, tông miếu vô chủ, nỗi hổ thẹn chất cao như núi, chết rồi vẫn còn dư tội.”

“Tự nghĩ mình nông cạn hão huyền, lầm lỗi cầu thả với tôn hiệu, tài năng hèn mọn bản chất xấu xa, gánh vác trọng trách vương công, đây là lý do Chu dịch có lời răn ‘chân vạc gãy’,⁽¹⁾ thi nhân có lời chê ‘bỉ kỳ’.⁽²⁾ Từ khi giữ cung thất, luôn ôm trọng bệnh, lo tính chẳng chu toàn, suy nghĩ không đúng đạo, đa phần là u mê. Bên mình có tiểu nhân, vì thế sinh tàn khốc bạo ngược, để kẻ ác độc phóng túng làm càn, người trung thuận vô cơ bị sát hại. Đã ám muội không tỉnh, lại bế tắc không thông, nên phụ lại các ngài, việc đã khó mưu toan, nước đã hắt đi chẳng thể thu

¹ Kinh Dịch có quẻ: “Đình chiết túc, phúc công tức, kỳ hình ốc, hung.” Đại ý rằng: “Chân vạc gãy, đánh đồ thức ăn của nhà công hầu, bị phạt nặng, xấu”; cũng có nghĩa như là: “Ở ngôi chỉ tôn, trách nhiệm lớn, không gánh vác nổi, như cái vạc gãy chân, làm đồ thức ăn, bị tội.”

² Lời chê bỉ kỳ: Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 148 (Trần Tư vương truyện).

về được nữa. Nay nhà Đại Tấn bình trị bốn bể, dốc lòng chuyên tâm cất nhắc hiền tài, thực chính là lúc để kẻ anh tuấn mở mang chí tiết.”

“Quản Trọng là đại thù, Hoàn công vẫn dùng ông ấy, Lương, Bình bỏ nước Sở, về làm bầy tôi nhà Hán, bỏ chỗ loạn tới chỗ có đạo,¹ không phải là bất trung vậy. Các ngài chớ vì đổi triều đình cải chính sóc, mà tổn hại chí hướng. Hãy gắng theo cái đẹp giữ lấy sự tốt lành, hành động thận trọng. Ôi, biết nói gì nữa, quảng bút mà thôi.”

Ngày Nhâm Thân, Vương Tuấn đến trước nhất, vì thế nhận lễ hàng của Hạo, cởi trói đốt quan tài, mời Hạo vào tương kiến.① Trụ vì Hạo đem ấn thụ đến cho mình, phái sứ đưa Hạo đi. Hạo đem cả nhà sang tây, đến năm Thái Khang nguyên niên tháng năm ngày Đinh Hợi tới ở kinh thành.

Tháng tư ngày Giáp Thân, Tấn để hạ chiếu rằng:

“Tôn Hạo thế cùng bị bức hàng, trước đây có chiếu tha không giết, nay Hạo sắp đến, trẫm ý còn thương xót hắn, nay ban cho hiệu là Quy mệnh hầu. Cấp cho y phục và xe ngựa, ruộng ba mươi khoảnh, mỗi năm cấp cho năm nghìn斛 lúa, năm mươi vạn tiền, lụa năm trăm thất, gấm năm trăm cân.”

Thái tử của Hạo là Cấn được bá làm Trung lang, các con lúc trước làm Vương, cũng bá làm Lang trung.② Năm thứ năm, Hạo chết ở Lạc Dương.③

① Tấn Dương thu chép: Tuấn thu lấy bản đồ sổ sách của nước Ngô, cả thấy có bốn châu, bốn mươi ba quận, ba trăm mười ba huyện, sổ hộ là năm mươi hai vạn ba nghìn, quan lại ba vạn hai nghìn, quân lính hai mươi ba vạn, nam nữ hai trăm ba mươi vạn khẩu, lúa gạo hai trăm tám mươi vạn斛, thuyền bè hơn năm nghìn chiếc, số người ở hậu cung là hơn năm nghìn người.

② Sơu thần ký chép: Nước Ngô vì mới gây dựng, chữ tín còn chưa vững, tướng lĩnh đóng đồn nơi biên ải, đều phải để vợ con của họ

¹ Quản Trọng bắn vào đai áo của Tề Hoàn công: Xem chú thích ở tập VII, quyển 48, trang 117 (Tôn Hưu truyện);

Trương Lương, Trần Bình đều bỏ Sở theo nhà Hán, sau là đại thần.

lại làm tin, gọi là "bảo chất".⁽¹⁾ Bọn trẻ nhỏ tuổi, cùng chơi bời đùa bỡn với nhau, hằng ngày có đến mấy chục đứa.

Năm Vĩnh An thứ hai tháng ba, có một đứa trẻ lạ, cao hơn bốn thước, tuổi chừng lên sáu lên bảy, mặc áo màu xanh, đến theo bọn trẻ nô đùa, nhưng bọn trẻ chẳng ai biết nó vậy. Chúng đều hỏi rằng:

- Mày là con nhà ai, hôm nay bỗng nhiên đến đây?

Nó đáp rằng:

- Ta thấy chúng mày chơi vui, cho nên đến thôi.

Chúng nhìn cho rõ, thấy mắt nó có tia sáng nhoáng, ánh lửa chói lòa ra ngoài. Bọn trẻ sợ nó, lại hỏi căn nguyên của việc ấy. Thằng nhỏ kia bèn đáp rằng:

- Chúng mày sợ ta chẳng? Ta không phải là người, mà là sao Huỳnh Hoắc vậy. Ta đến để bảo chúng mày rằng: "Tam công sừ, Tư Mã như."⁽²⁾

Bọn trẻ cả kinh, có đứa chạy đi báo người lớn, người lớn tất tả chạy qua xem. Đứa trẻ nói:

- Ta bỏ chúng mày mà đi đây!

Rồi đứng thẳng người nhảy dựng lên, tức thì đã biến mất rồi. Ngẩng mặt nhìn kỹ, thấy như có một dải lụa mềm đang bay lên trời. Người lớn đến, vẫn còn trông thấy, nó nhẹ nhàng bay cao dần, trong khoảnh khắc đã mất hút.

Bấy giờ chính sự nước Ngô rất tàn ác khắc nghiệt, chẳng ai dám tuyên truyền. Năm năm sau nước Thục mất, sáu năm sau nhà Tấn hưng, đến năm ấy thì nước Ngô bị diệt, là Tư Mã tới vậy.

Tấn ký của Can Bảo chép: Vương Tuấn sửa thuyền ở đất Thục, Ngô Ngạn lấy gỗ ván viết chữ lên thả trôi xuôi dòng nước để báo cho Hạo, viết:

"Tấn tất có kế đánh nước Ngô, nên tăng binh ở Kiến Bình. Kiến Bình không hạ được, nhất định họ không dám vượt sông."

¹ Tức là con tin bị giữ.

² Tức là "Tam công bị trừ, Tư Mã sẽ đến." Tam công ở đây là ba vị quân vương ba nước Ngụy, Thục, Ngô. Tư Mã là họ Tư Mã nhà Tấn vậy.

Hạo chẳng nghe theo.

Lục Kháng đánh được Bộ Xiển, Hạo có ý khoa trương, bèn sai Thượng Quảng bói cỏ thi xem khi nào nuốt được thiên hạ, được quẻ Đồng nhân chi Di, phán rằng:

- Quẻ tốt. Đến năm Canh Tý, lọng xanh sẽ vào Lạc Dương.

Vì thế Hạo không nắn sửa chính sự nước mình, mà thường có chí dòm ngó thượng quốc. Năm ấy đúng thực là năm Canh Tý.

③ *Ngô lục* chép: Hạo chết vào năm thứ tư tháng mười hai, năm ấy bốn mươi hai tuổi, táng ở địa giới huyện Hà Nam.

Bình rằng: Tôn Lượng là đứa trẻ nhỏ mà không có hiền thần phụ tá, bỏ ngôi vị của mình không giữ được trọn vẹn, đó là cái thế tất nhiên vậy. Hưu vì mến cái ân của người quen cũ, tin dùng bọn Hưng, Bồ, chẳng đề bạt tiến cử được hiền tài, chỉ đổi nhạc khí thay dây đàn, tuy có chí hay là ham học, song có ích gì với việc cứu loạn đây? Lại khiến Lượng đã bị phế phải chết bất đắc kỳ tử, về đạo nghĩa là bạc bẽo rồi. Hạo lạm dụng hình pháp quá đáng, kẻ bị giết, bị lưu đầy, bị phế truất, đại khái là không thể đếm xuể. Vì thế quần thần ở dưới người người sợ hãi, ngày ngày pháp phòng, sớm chẳng chắc chiều. Còn mê lầm, tin bói toán, liên tục suy diễn điềm lành, làm việc rất vội vàng. Xưa kia Thuấn, Vũ tự mình cấy lúa, có cái đức của bậc chí thánh, vua Thuấn bẻ tên thề với các bầy tôi, mong giúp sửa cái sai của mình, vua Vũ nghe lời hay thì kính tạ, thường nghe không biết chán. Huống chi là Hạo hung ác ương bướng, phóng túng bạo tàn, người trung can gián thì giết, kẻ nịnh a dua thì tiến cử, ngược đãi dân chúng của mình, dâm dật xa xỉ cùng cực, đáng phải đầu một nơi thân một nẻo, để tạ lỗi với trăm họ. Đã có chiếu thư che chở không giết, lại ban súng cho làm Quy mệnh hầu, há chẳng phải là ân rất rộng rãi, lộc quá hậu hĩnh hay sao! ①

① Tôn Thịnh nói: Thời cổ lập quân vương, là chọn người làm chủ cai quản lê dân, cho nên quân vương phải kính thuận trời đất, ân phúc che trùm vạn vật; nếu quân vương phóng túng tàn ngược,

khốc hại quần sinh, thì trời giết chóc, chặn tuyệt phúc lộc, tước đoạt sự tôn kính là được ngoảnh mặt về nam, gia thêm hình phạt chém giết thảm khốc. Cho nên Thang, Vũ vung búa, chẳng có ai chê bai là không kính thuận; Hán Cao vấy kiếm mà không ai bàn luận là thất tiết. Sao vậy? Thực vì kẻ tàn khốc là cừ thù của bốn bề, là kẻ mà thần và người đều ruồng đuổi vậy. Huống chi cái tội của Hạo như giặc cướp, ác nghiệt quá Tân, Quý,⁽¹⁾ bêu đầu trên cờ trắng, chẳng đủ để tạ lỗi với oan hồn, vui thay tế thần đất, chưa đủ để phơi bày tội ác, mà vẫn ưu ái cho hiển vinh, ban sủng cho ân, đấy há phải là kính vâng ý trời thảo phạt, theo cái nghĩa thương dân trừng trị kẻ có tội hay sao? Đấy là biết việc tiếm nghịch mà chẳng trừng trị, biết kẻ tàn ác hung bạo mà chẳng răn dạy vậy. *Kinh Thi* nói rằng: "Bắt kẻ siểm nịnh, quăng cho hổ sói." Kẻ siểm nịnh còn bị thế, huống chi là kẻ tiếm vị tàn ngược đây? Vả lại cớ thần sáng lòa, binh đến hang ổ, lý cùng thế bức, rồi mới xin hàng, tội không thể tha đã rõ ràng, cái nghĩa tam khu⁽²⁾ tắc nghẽn, cái đạo quyền biến đã tận, cũng không dùng được vậy."

Lục Cơ soạn bài *Biện vong luận*, nói nguyên do nước Ngô mất, thiên thượng của bài luận ấy viết rằng:

"Trước kia nhà Hán mất quyền thống trị, gian thần trộm mệnh, cái gốc tai họa là ở kinh kỳ, họa hại khắp nước, hoàng cung rối loạn, vương thất đón hèn. Vì thế quần hùng nổi lên như ong, nghĩa quân bốn phương tụ họp, Vũ Liệt hoàng đế của nước Ngô khẳng khái lập nước, chớp nổi ở Kinh Nam, quyền mưu phân tranh, trung dũng trùm đời. Oai linh thì quấy động ngang Di Nghệ,⁽³⁾ giao binh thì giặc xấu dâng tai, bèn quét sạch tông miếu, hết lòng tế tổ tiên. Bấy giờ tướng như mây nổi trùm châu quận, quân như gió giạt cuốn thôn ấp, quân tụ như gió lốc thét gào, gươm gù như hùm gấu tụ họp, tuy binh tụ họp vì nghĩa, cùng thể chung sức, nhưng đều giấu họa trong lòng, cấy vào binh lính

¹ Vua Kiệt bạo tàn, vua Thành Thang đánh đuổi, vua Trụ bạo ngược, vua Vũ diệt trừ. Hán Cao tổ vì nhà Tân bạo ngược mới tụ quân nghĩa nổi lên. Tân Quý tức là nói vua Trụ nhà Ân (Tân) và vua Kiệt nhà Hạ (Quý).

² Cái phép đi săn bắn của các vị đế vương thời cổ, vây ba phía mà đuổi thú, để hở một phía cho chạy, đấy là đức hiếu sinh, tam khu tức là đuổi ba phía vậy.

³ Túc Hậu Nghệ, vua chư hầu thời nhà Hạ, truyền thuyết kể từng bắn rơi mặt trời.

nhân loạn thủ lợi, có kẻ quân vô kỷ luật mà không có mưu, có kẻ vô uy quen làm cướp, còn tận tâm mưu tính có tinh thần thương võ, không ai được sáng tỏ như thế.”

“Vũ Liệt đã mất, Trường Sa hoàn vương tài năng xuất chúng uy danh trùm đời. Hai mươi tuổi trở tài lạ, chiêu nạp tướng sót của cha, cùng họ lập nghiệp. Thần binh rong ruổi sang đông, tung quân ít phá giặc nhiều, đánh tướng không cần thành vững, phá giặc không cần giao phong. Giết kẻ phản võ kẻ hàng mà yên định vùng Giang ngoại, chinh pháp lệnh sửa quân lữ mà uy đức hiển hách, lấy lễ khách đãi danh hiền được Trương Chiêu là người hùng, giao kết với anh hào được Chu Du là tuấn kiệt. Hai vị quân tử ấy, đều mãi tiếp khoáng đạt lại nhiều tài lạ, đứng đắn mà thông minh, cho nên những người cùng chí hướng đến nương cậy, bọn bạn bè có khí tiết tới tụ hội, đại khái là Giang Đông có nhiều kẻ sĩ vậy. Sắp lên bắc thảo phạt Hoa Hạ, diệt trừ kẻ phạm phép trời, quay xe vua đi đúng đường bằng, dựng ngôi Đế đúng nơi cung đỏ, cậy Thiên tử để lệnh chư hầu, sạch cõi trời đưa ngôi về chốn cũ. Binh xa đã sắp bày, bọn ác nghiêng trông mắt, đại nghiệp chưa hoàn thành, nửa đời chột giá băng.”

“Đến Đại hoàng đế ta kế nối, thu mưu lạ mà noi theo phép tắc, lòng sáng suốt mưu tính lại sâu xa, nắm chính sự nghĩ noi theo việc cũ, ban pháp lệnh xem xét phong tục xưa, lại thêm kiên định vững vàng, tự mình tiết kiệm, mưu hỏi người tài, kế hay quyết giỏi, dâng sớ lễ tìm khách nơi gò vườn, ban lệnh triệu người hiền nơi thôn xóm. Cho nên những anh hào tài đức nghe tiếng mà kéo đến, kẻ sĩ có chí ngưỡng mộ mà chạy theo, người tài xúm xít, mãnh sĩ như rừng. Vì thế lấy Trương Chiêu làm sư phó, bọn Chu Du, Lục Công, Lỗ Túc, Lã Mông ở trong làm tâm phúc, ra ngoài làm bày tôi tay chân; bọn Cam Ninh, Lã Thống, Trình Phổ, Hạ Tề, Chu Hoàn, Chu Nhiên điều oai phong, lữ Hàn Đương, Phan Chương, Hoàng Cái, Tưởng Khâm, Chu Thái tổ sức mạnh; về phong nhã thì có Gia Cát Cẩn, Trương Thừa, Bộ Chất lấy thanh danh làm rạng rỡ đất nước, việc chính sự thì có Cố Ung, Phan Tuấn, Lã Phạm, Lã Đại trở tài năng gánh vác chức vụ, kỳ vĩ thì có Ngưu Phiên, Lục Tích, Trương Ôn, Trương Đôn lấy nghị luận mềm mỏng can gián sai lầm, vâng mệnh đi sứ thì có Triệu Tục, Thẩm Hành lấy sáng suốt thấu triệt truyền bá dương danh, về thuật số thì có Ngô Phạm, Triệu Đạt lấy bói đoán chiêm lành giúp đức, Đồng Tập, Trần Vũ hy sinh

tính mệnh để che đỡ cho chủ soái, Lạc Thống, Lưu Cơ cực lực can gián để bù bổ lỗi lầm, toan mưu không sơ xuất, hành động chẳng sai nhảm. Cho nên mới cắt chiếm sông núi, quản chế Kinh, Ngô, rồi cùng người thiên hạ thi tài cao thấp vậy. Ngụy thị từng mượn cái uy chiến thắng, thống suất trăm vạn hùng binh, thuyền bơi qua Đặng Tắc, quân xuôi xuống Hán Âm, khoái thuyền hàng vạn chiếc, vùn vụt trôi xuôi dòng, quân kỵ đi nghìn đoàn, như hổ xuống đất bằng, mưu thần đầy quân doanh, võ tướng xe chật ních, có chí mau chóng nuốt gọn vùng Giang Chữ, hy vọng nhất thống cả gầm trời. Nhưng Chu Du xua quân chủ lực của ta, đuổi chúng ở Xích Bích, cờ tan xe rối loạn, số ít may được thoát, co chân trốn chạy xa. Hán vương cũng cậy ngôi hiệu Đế vương, thống suất dân chúng của Ba, Hán, đập lên chông gai rong ruổi chỗ nguy, kết lũy vạn dặm, có chí báo thù cái thua bại của Quan Vũ, mưu đồ thu lại đất đai phía tây sông Tương. Nhưng Lục công ta cũng bẻ gãy chúng ở Tây Lăng, quân thua tan lỏ, khốn cùng qua sông, rồi dứt mệnh ở Vĩnh An. Tiếp đó giặc vào cướp Nhu Tu, ta đôi sông bày trận bẻ gãy mũi nhọn của địch, chiến dịch Bồng Lung, một cỗ xe cũng chẳng thể quay về. Bởi thế tướng của hai nước kia, chí khí tiêu tan, khí phách vỡ vụn, thế bại của hết, mà nước Ngô ta vẫn coi thường ngồi yên không nhân lúc chúng mệt mỏi mà làm khó, cho nên người Ngụy cầu giao hảo, Hán thị xin thề minh, bèn lên ngôi Thiên tử, dựng đỉnh chia thiên hạ. Ta ở phía tây đánh giết quanh vùng Dung Thục, phía bắc chia xẻ vùng ven sông Hoài sông Hán, phía đông bao bọc đất đai của người Bách Việt, phía nam bao quát cõi ngoài của các tộc người Man. Vì thế giảng lễ Bát đại, góp nhạc Tam vương,¹ tế cáo Thượng đế, kính vái công khanh. Tướng hùng binh mạnh, men sông mà giữ, kích dài giáo cứng, trông gió mà vung. Trăm quan dốc sức mưu tính ở trên, bốn dân mở mang sản nghiệp ở dưới, giáo hóa rộng rãi đến dân biên ải, phổ cập phong tục tới cõi xa xăm. Sứ giả lên đường, võ yên ngoại vực, voi lớn ngựa hay, nuôi ở ngoài cửa, minh châu ngọc báu, rục rờ phủ quan, đá quý thay nhau chở đến, vật lạ ứng tiếng mà dâng, xe nhẹ thông dong ở cõi nam, xe lớn nghỉ ngơi ở bãi bắc, dân lành thoát khỏi cái họa can qua, binh mã không lo sớm mai đánh dẹp, mà nghiệp Đế vương bền vững vậy.”

¹ Bát đại tức Tam hoàng và Ngũ đế vậy. Tam vương là ba nhà Hạ, Thương, Chu.

"Đại hoàng đã mất, ấu chủ nắm ngôi, quân gian tàn hại. Cảnh đế hưng khởi, tu chỉnh hiến pháp, chính sự ít lậm, là chúa giỏi giữ nghiệp vẫn vậy. Đến đâu thời Quy mệnh, hình pháp cũ chưa mất, vì người cũ vẫn còn. Đại tư mã Lục công trở tài vẫn võ khiến vương triều hưng thịnh, Tả thừa tướng Lục Khải lấy lời thẳng thần hết lòng can ngăn, còn Thi Tích, Phạm Thận dùng uy thế hiển dương, Đinh Phụng, Chung Ly Mịch dùng vũ dũng cương nghị xưng tụng, bọn Mạnh Tông, Đinh Cố làm công khanh, lữ Lâu Huyền, Hạ Thiệu chấp chương việc cơ mật, người đứng đầu tuy kém, lương thần là bấy tôi tay chân vẫn còn. Cho đến đời cuối, các đại thần cũ đã mất, rồi sau dân đen có chí tan vỡ, hoàng gia có điềm băng lở, lịch số thiên mệnh theo biến hóa mà suy, vương sư⁽¹⁾ theo vận mà phát động, quân lính tan ở trận địa, dân chúng trốn ở xóm làng, thành ao không có cái vững của phen đậu, sông núi không có cái thế của hào lũy, dẫu không có cái lợi thang mây của Công Thâu, cái hại tháo nước của Trí Bá, cái vòng vây đắp thành của Sở tử, cái kế qua sông sang tây bày trận của Yên tử,⁽²⁾ mà quân đánh chưa được mười hai ngày xã tắc đã diệt rồi. Dù trung thần phần hận, kẻ sĩ tử tiết, cứu giúp được gì đâu? Tướng của Tào, Lưu không phải tuyển lựa ở một thời, quân binh thời này không phải là quân binh thời trước, cái đạo đánh giữ vẫn theo phép ngày xưa, cái lợi hiểm trở không thay đổi trong khoảng khắc, mà đạo lý thành bại đổi chỗ cho nhau, xưa và nay trái ngược. Vì sao thế? Đây là vì giáo hóa khác nhau, cái tài trao chức xét việc cũng khác nhau lắm vậy."

¹ Vương sư là chỉ quân Tấn, Lục Cơ làm quan nhà Tấn vậy.

² Công Thâu Ban (公輸般), theo sách Mặc Tử, thiên Công Thâu chép: "Công Thâu Ban làm thang mây cho nước Sở xong, sắp đem đi đánh Tống. Mặc Tử nghe tin, bèn đi suốt mười ngày mười đêm từ nước Lô đến kinh đô của nước Sở để yết kiến Công Thâu Ban." Thang mây do Công Thâu Ban chế ra là một thứ dụng cụ đánh thành cực kỳ lợi hại bấy giờ, quân lính bám vào thang treo lên để phá thành.

Trí Bá, tức Tuân Dao, người nước Tấn. Họ Tuân là một họ nổi tiếng trong lục khanh nước Tấn. Trí Bá kết hợp với họ Hàn, họ Ngụy đánh họ Triệu, họ Triệu cố thủ ở thành Tấn Dương. Trí Bá sai tháo nước ngập hết xung quanh, quân trong ngoài không thông, nước ngập cực kỳ khôn quần. Họ Triệu suýt bị diệt vong.

Vào thời Xuân Thu, Sở vương ban đầu được ban tước Tử nên xưng là Sở Tử. Sách *Tả truyện*, thiên *Chiêu công tứ niên* có câu: "Sở Tử hỏi Tử Sản rằng." Như vậy, hai chữ Yên Tử là chỉ quân chủ nước Yên.

Thiên dưới của bài luận ấy viết rằng:

"Trước kia vua của ba phương, người Ngụy chiếm Hoa Hạ, Hán thị có Mân, Ích, nước Ngô giữ Kinh, Dương, bao trùm cả Giao, Quảng. Tào thị tuy có công cứu giúp Hoa Hạ, tàn ngược cũng nhiều rồi, dân của họ cũng oán giận rồi. Lưu công dựa hiểm tỏ trí, công cũng ít thôi, phong tục nước ấy lại thấp kém vậy. Hoàn vương của nước Ngô dùng võ dựng nền móng, Thái tổ dùng đức thành đại nghiệp, thông minh sáng suốt thấu triệt, rất độ lượng sâu xa vậy. Câu hiền không biết mệt, thương dân như con nhỏ, đãi kẻ sĩ hết mực bao dung, yêu người thân hết lòng son sắt. Đề bạt Lã Mông ở chốn hành quân, biết Phan Tuấn ở lúc là tù binh. Thành tâm đối đãi tin dùng kẻ sĩ, không đoái hoài đến kẻ dối lừa mình; liệu tài năng mà trao tước vị, không lo người khác lấn quyền. Tự mình cung kính cầm roi trên xe, để coi trọng cái uy của Lục công; trao hết quân vũ vệ của mình, để giúp binh của Chu Du. Ở cung điện thấp ăn cơm rau, để thưởng hậu cho công thần; rộng lòng khiêm hạ, để thu nhận mưu kế của kẻ sĩ. Cho nên Lỗ Túc một lần gặp mặt mà tự thác thân, Sĩ Nhiếp nhận cái ân khó lường mà quên thân báo đáp. Khen cái đức cao thượng của Trương Công mà giảm bớt thú săn bắn, nghe lời hay của Gia Cát mà vứt bỏ cái vui ái tình, y lời can gián cảm khái của Lục công mà bỏ cái phiến nhiễu của chính pháp, trọng lời bàn lạ của Lưu Cơ mà lập lời thề chỉ uống ba chén rượu, bước nhẹ nín thở để xem bệnh tật của Tử Minh, chia sẻ ngọt bùi để nuôi con cô của Lăng Thống, lên đàn khảng khái quy công cho Lỗ Túc, quăng bỏ lời xấu tin tiệt nghĩa của Tử Du. Vì thế trung thần đua nhau trở hết trí mưu, kẻ sĩ đều gắng hết mình ra sức, kẻ lớn mưu sâu, nhất định không quan tâm đến những điều mồn mọn vậy. Cho nên trăm quan tin nhau hòa hợp, nhiều việc mà chẳng gặp gáp vội vàng. Ban đầu định đô ở Kiến Nghiệp, quần thần tấu xin sắm đủ lễ nghi, Thiên tử chối mà không theo, nói: 'Thiên hạ sẽ nói trăm ra sao!' Cung thất xe ngựa, đại khái vừa đủ vậy."

"Cho đến đời giữa, phận Thiên tử đã định, cái khiếm khuyết sơ sài của trăm thứ chế độ được tu bổ, tuy kỷ cương và đức chính khoan hậu để giáo hóa lễ dân chưa tốt đẹp bằng thời đầu, nhưng việc trị lý quốc gia và đạo lý yên dân cũng đủ cho là có khuôn phép rồi. Đất vuông vài vạn dặm, tướng sĩ đeo đai mặc giáp trăm vạn, ruộng đồng màu mỡ, dân đã quen việc, tiền của phong túc, vũ khí sắc bén, phía đông dựa vào biển

lớn, phía tây chặn giữ chỗ hiểm, sông dài ngăn biên cảnh, núi cao giữ bờ cõi, cái lợi của quốc gia, chưa nơi nào hơn được thế vậy. Ví như được người tài bậc thường giữ đạo lý, người giỏi bày thuật ngăn chống, kính cẩn tuân theo phép xưa để lại, dân chúng siêng năng quan lại cẩn thận, theo chính sách phương lược đã định, giữ hiểm như phép thường, thì có thể kéo dài năm tháng, không có họa nguy vong vậy. Có kẻ nói rằng Ngô, Thục là nước răng môi, Thục bị diệt thì Ngô cũng mất, về đạo lý thì đúng thôi, Thục đại khái là nước phen dậu giúp đỡ cứu viện, nhưng không thể quyết định sự tồn vong của người Ngô. Vì sao? Bờ cõi nước ấy liền kề, núi cao trập trùng hiểm trở, đường bộ nhỏ hẹp binh xa không đi lọt; sông suối gập ghềnh chảy xiết, nước có cái hiểm của sóng dữ. Dầu có trăm vạn binh tinh nhuệ, mở lối qua được bất quá chỉ nghìn người, có thuyền xe nghìn dặm, tiến lên qua được bất quá chừng trăm chiếc. Cho nên họ Lưu đem binh đánh, Lục công dụ họ lập trại dài như con rắn, thế ấy là hiển nhiên vậy. Ngày trước nước Thục mới mất, triều thần mưu tính bất đồng, có người muốn chắt đá tạo cái hiểm của dòng nước, có người làm khí giới máy móc để phòng bị biến cố. Thiên tử xét hết nghị bàn của mọi người rồi mưu hỏi Đại tư mã Lục công, Lục công cho rằng Tể độc là cái mà trời đất bày ra để điều hòa thời tiết và khí gió, cho nên về lý là không thể ngăn chặn, mà khí giới máy móc là thứ mà bên kia hay bên ta đều có, bên kia nếu như bỏ kỹ nghệ sở trường để theo sửa máy móc, tới Kinh, Dương mà đua tranh các đồ thuyền chèo, đấy là trời giúp ta vậy, ta sẽ giữ chắc Giáp Khẩu để đợi bắt chúng thôi. Đến lúc Bộ Xiển tác loạn, cậy vào việc giữ thành để đón rước quân cường khấu, dùng nhiều tiền của để dụ dỗ các tộc người Man. Vào lúc bấy giờ binh của đại bang, hành quân vùn vụt như điện chớp, cò treo ven sông, lũy đắp trên bãi, không chế nơi yếu hại, để ngăn phía tây của người Ngô, rồi đem thuyền quân xừ Ba Hán, men sông xuôi về đông. Lục công đem ba vạn quân chủ lực, lên bắc giữ Đông Khanh, hào sâu lũy cao, án binh bất động để bảo tồn uy lực. Giặc phản co chân đợi chém giết, mà không dám nhòm ngó sinh lộ ở phía bắc, cường khấu thua võ trong đêm tan chạy nháo nhào, quân chết đến quá nửa, Công truyền mệnh sai năm nghìn quân tinh nhuệ, sang tây đón đánh thủy quân, đông tây cùng thắng lợi, dâng quân bắt được kể cả vạn. Mưu của người hiền đáng tin thay, há dối lừa ta đâu! Từ đó đuốc lửa hiểm đốt, bờ cõi ít mối lo."

"Lục công chết đi thì nhiều kẻ mưu ngầm, hiểm họa của nước Ngô rất sâu mà sáu quân kinh sợ. Trận chiến năm Thái Khang, quân sĩ chưa đông bằng quân binh ngày trước, cái loạn ở Quảng châu, mỗi họa còn hơn cả tai vạ ngày xưa, rồi quốc gia nghiêng lật, tông miếu thành gò hoang. Than ôi! Người hiền chết đi, quốc gia lâm nguy, chẳng đúng thế ru! Kinh Dịch nói: 'Thang, Vũ thay triều đại thuận với đạo trời', kinh Thái huyền viết: 'Loạn chưa cùng cực thì trị chưa lộ rõ', là nói bậc Đế vương phải dựa vào thiên thời vậy. Cổ nhân có câu: 'Thiên thời chẳng bằng địa lợi', Kinh Dịch nói: 'Vương hầu dựng hiểm để giữ nước mình', là nói là đất nước phải cậy vào chỗ hiểm vậy. Lại viết: 'Địa lợi không bằng nhân hòa', 'tại đức chẳng tại chỗ hiểm', là nói thủ hiểm là bởi người vậy. Cái hưng của nước Ngô, là nguyên do ấy, có thể nói là Tôn khanh được vì nguyên do ấy vậy. Đến lúc diệt vong, cũng vì cậy hiểm mà thôi, lại có thể nói Tôn khanh mất vì nguyên do ấy vậy."

"Dân của bốn châu không phải là không đông, phía nam của Đại giang không phải là thiếu người tài trí, có cái hiểm của sông núi thì dễ giữ, có vũ khí sắc bén thì dễ dùng vậy, có cái cơ nghiệp của hiền thần đời trước thì dễ noi theo vậy, thế nhưng công nghiệp chẳng hưng khởi mà gặp họa là có làm sao? Nguyên do là bởi dùng người sai lầm vậy. Cho nên bậc vua xưa thấu hiểu cái phép tắc sâu xa của việc trị lý quốc gia, xét kỹ cái đạo lý cực kỳ tinh thâm vi diệu của lẽ tồn vong, tự mình cung kính để vỗ yên trăm họ, đôn hậu nhân từ để cầu lấy nhân hòa, khoan hậu khiêm hư để dẫn dụ cái mưu của người tài giỏi, hòa mục nhân từ để thu lấy cái tình yêu mến của quân dân. Vì thế lúc yên, lễ dân cùng họ chung chia vui; đến lúc nguy, muôn dân cùng họ chung lo họa. Yên mà cùng dân chung chia vui, thì cái nguy chẳng đáng ngại; nguy mà cùng dân chung lo họa, thì cái nạn chẳng đáng lo. Như thế, cho nên có thể bảo vệ được xã tắc mà giữ vững được đất đai của mình, không có bài hát Mạch tú bi thương tiếc nhớ nhà Ân, không có bài hát Thử ly xót xa cảm khái nhà Chu vậy."⁽¹⁾

--- ॐ ---

¹ *Mạch tú* là bài hát của Cơ Tử, quan đại phu của nhà Ân, nói về việc nhà Thương mất nước, cung điện thành ruộng cây lúa mạch; *Thử ly* là một bài thơ trong *Kinh Thi* của một quan đại phu nhà Chu, cảm khái cái cảnh cung điện nhà Chu tan hoang, lúa tốt mọc dày mà viết ra bài thơ ấy.

QUYỂN THỨ BỐN MƯƠI CHÍN

LƯU DO, THÁI SỬ TỬ, SĨ NHIẾP TRUYỆN



Lưu Do tự Chính Lễ, người quận Đông Lai huyện Mâu Bình. Con út của Tề Hiếu vương⁽¹⁾ được phong tước Mâu Bình hầu, con cháu về sau ở đất ấy.

Bác của Do là Sủng, làm quan Thái úy nhà Hán.^① Anh của Do là Đại, tự Công Sơn, quan vị đến chức Thị trung, Thứ sử Duyện châu.^②

① *Tục Hán thư* chép: Tổ phụ của Do là Bản, học qua nhiều thầy, xem đọc kinh truyện, nghiên cứu rộng các sách, được khen là bậc Thông nho. Sau khi xét cử Hiền lương phương chính, được phong làm trưởng huyện Bàn, chết khi đương chức.

Sủng tự Tổ Vinh, truyền nghiệp của cha, vì tinh thông kinh sách, đức hạnh cao đẹp, được xét cử Hiếu liêm, Quang lộc đại phu coi xét về Tứ hạnh,⁽²⁾ rồi đổi làm Đông Bình Lăng lệnh. Coi việc mấy năm, vì mẫu thân bị bệnh nên bỏ chức, sĩ dân trăm họ nín bánh xe giữ lại, đường xá tắc nghẽn, xe không tiến được, bèn dừng lại, mặc thường phục ngằm bỏ trốn, về quê phụng dưỡng mẫu thân. Về sau được triệu vào phủ Đại tướng quân, không lâu lại thăng làm Thái thú Cối Kê, lấy sự ngay thẳng làm gương cho kẻ dưới, trong quận đại trị. Rồi lại được triệu về làm Tương tác đại tượng.

¹ Tề Hiếu vương Lưu Tương Lưu (刘将闾), là cháu của Hán Cao tổ Lưu Bang, con của Tề Diệu Huệ vương Lưu Phì.

² Thời nhà Hán, dùng bốn tiêu chuẩn để tuyển xét quan lại, đó là: Nhân, nghĩa, lễ, trí. Có chỗ nói, đó là: Trung, hiếu, tín, thuận.

Giữa vùng sơn cốc có một chỗ gọi là Nhược Tà, cách sở trị huyện Sơn Âm mấy chục dặm, có năm sáu ông già đều bảy tám chục tuổi, nghe tin Sùng chuyển đi, bèn cùng nhau tới đưa tiễn, tặng Sùng một trăm đồng tiền, Sùng gặp, an ủi rằng:

- Các vị phụ lão sao tự chịu khổ lặn lội từ xa đến làm gì!

Bọn họ đều nói:

- Bọn già thấp hèn chúng tôi ở nơi sơn cốc, cả đời chưa từng đến quận huyện. Quan lại khác trước đây hay những nhiều, dân gian ngờ sợ, ban đêm tiếng chó sủa không dứt, hết đêm dân chẳng được yên. Từ ngày minh phủ dừng xe đến nay, chó không sủa ban đêm, quan hiếm khi phiền dân, bọn già cả này gặp thời thánh hóa, nay nghe tin minh phủ sắp chuyển đi, cho nên cùng gắng đến tiễn.

Sùng tạ họ, rồi chọn nhận một đồng tiền lớn, vì thế người quận Cối Kê gọi Sùng là "Thái thú một đồng tiền." Sùng thanh liêm đến như thế.

Sùng trước sau trải chức ở hai quận, tám lần giữ vị cửu khanh, bốn lần lên chức Tam công. Trong nhà chẳng chứa của dư, không giữ vật báu, thường ăn uống đạm bạc, y phục sơ sài, đi xe xấu ngựa gày, hiệu là "cũ lậu."⁽¹⁾

Ba lần ba sau khi rời chức vị, Sùng liền quay về bản quán. Khi qua lại kinh sư, thường xuống đi bộ cho xe ngựa tự đi qua, người ta không ai biết. Sùng có lần muốn dừng nghỉ ở dịch đình, quan coi dịch đình ngăn trở nói:

- Nay đang sắp xếp đình xá, để đón Lưu công,⁽²⁾ không thể dừng nghỉ được.

Sùng vì thế đi qua. Sự liêm khiết kiệm ước của Sùng đại loại như thế.

Sùng vì già lão bệnh tật chết ở nhà.

¹ Nghĩa là nghèo túng quê mùa.

² Tức Lưu Sùng.

② *Tục Hán thư* chép: Cha của Do là Dư, có một tên khác là Phương, làm Thái thú Sơn Dương. Đại, Do đều là người có tài xuất chúng.

Anh hùng ký khen Đại là người hiếu thuận có lòng nhân, lấy sự khiêm tốn đối đãi với người.

Năm Do mười chín tuổi, thúc phụ của Do là Vĩ bị giặc cướp bắt làm con tin, Do cướp chú lại đem về, bởi thế nổi danh. Được xét cử Hiếu liêm, làm Lang trung, đổi phong làm trưởng huyện Hạ Ấp.

Thời ấy Quận thú đem người thân của mình phó thác cho Do, Do bèn bỏ chức mà đi. Châu phủ triệu, cử Do làm Tế Nam bộ thừa, Tế Nam tướng là con của Trung thường thị, tham ô không tuân vương pháp, Do dâng tấu xin cách chức hắn. Người huyện Bình Nguyên là Đào Khâu Hồng tiến cử, muốn Do làm Mậu tài. Thứ sử nói:

- Năm ngoái ngài đã tiến cử Công Sơn,⁽¹⁾ sao giờ lại đề cử Chính Lễ nữa?

Hồng nói:

- Nếu mình sử quân dùng Công Sơn trước, lại cất nhắc Chính Lễ sau, đấy gọi là cưới hai con rồng đi trên đường, ruồi ngựa Kỳ ngựa Ký phi ngàn dặm, há chẳng nên sao!

Đúng lúc triều đình triệu Do về làm Tư không duyệt, đổi phong làm Thị ngự sử, Do không đến. Bèn đi tránh loạn ở Hoài Phố, Đế hạ chiếu thư lấy Do làm Thứ sử Dương châu. Bấy giờ Viên Thuật đang ở Hoài Nam, Do kiêng sợ Thuật, không dám đến châu. Muốn xuôi nam qua sông, Ngô Cảnh, Tôn Bôn nghênh đón đến Khúc A.

Thuật mưu đồ tiếm nghịch, đánh diệt quận huyện. Do phái Phàn Năng, Trương Anh đóng đồn ở ven sông để cự Thuật. Vì Cảnh, Bôn là người Thuật bổ dụng, Do liền bức đuổi họ đi. Vì

¹ Lưu Đại (anh của Lưu Do) tự Công Sơn.

thế Thuật tự làm Thứ sử Dương châu, cùng Cảnh, Bôn hợp sức đánh bọn Anh, Năng, hơn một năm không thắng được. Nhà Hán truyền mệnh thăng Do làm chức Mục, Chấn vũ tướng quân, bộ chúng có mấy vạn người, Tôn Sách sang đông qua sông, phá dẹp bọn Anh, Năng. Do chạy đến Đan Đồ,^① rồi ngược sông đến Giang nam giữ Dự Chương, trú ở Bành Trạch. Trích Dung đến Dự Chương trước, giết Thái thú Chu Hạo,^② vào đóng giữ trong quận. Do tiến đánh Dung, bị Dung đánh bại, lại chiêu hợp quân các huyện thuộc, đánh phá Dung. Dung thua bại trốn vào trong núi, bị dân sở tại giết chết, Do không lâu sau bị bệnh chết, năm ấy bốn mươi hai tuổi.

① *Hán ký* của Viên Hoành chép: Lưu Do sắp chạy qua Cối Kê, Hứa Tử Tương nói:

- Cối Kê là nơi giàu có, là chỗ mà Sách thêm muốn, và lại là chỗ tận cùng ở góc biển, chẳng nên qua vậy. Chẳng bằng đến Dự Chương, phía bắc giáp đất Dự, phía tây nối liền với Kinh châu. Nếu thu hợp quan dân, phái sứ giả về triều dâng cống, cùng Tào Duyệt châu truyền tin qua lại với nhau, đâu có Viên Công Lộ ngăn ở giữa, nhưng hắn là giống sài lang, chẳng tồn tại lâu được. Túc hạ nhận vương mệnh, Mạnh Đức, Cảnh Thăng tất sẽ cứu giúp.

Do theo lời ấy.

② *Hiển đế Xuân Thu* chép: Năm ấy, Do đóng quân ở Bành Trạch, lại sai Dung giúp Hạo đánh Thái thú mà Lưu Biểu bổ dụng là Gia Cát Huyền. Hứa Tử Tương bảo Do rằng:

- Trích Dung xuất quân, chẳng theo chiếu mệnh hay danh nghĩa gì. Chu Văn Minh là người thiện lấy thành tín đãi người, nên sai người bí mật phòng bị Dung.

Dung đến quận, quả nhiên lừa giết Hạo, thay quản việc trong quận.

Trích Dung, người quận Đan Dương, ban đầu tụ hợp bộ chúng được mấy trăm người, qua nương nhờ Từ châu mục là Đào Khiêm. Khiêm sai đốc trách việc vận chuyển đường thủy ở Quảng Lăng, Bành Thành, vì thế phóng túng tự tiện giết chóc,

ngồi quyết việc vận chuyển của ba quận để tự thu lợi cho mình. Lại đại hưng dựng chùa thờ phật, dùng đồng chế tượng người, thân tượng dát vàng, y phục dùng gấm ngũ sắc, đặt tượng trên mâm đồng cao chín tầng, bên dưới làm lầu đôi lót sàn ván, có thể chứa hơn ba nghìn người, lại sai người đến đọc kinh của nhà phật, lệnh cho người trong cõi và các quận bên ai thích Phật giáo thì đến nghe truyền đạo, lại miễn phu dịch cho họ để lôi kéo người, bởi thế xa gần trước sau kéo đến hơn năm nghìn hộ. Mỗi lễ tắm Phật, lại đặt nhiều com rượu, trái chiếu trên đường, dài mấy chục dặm, người dân tới xem và ăn uống cả vạn người, phí tổn tính kể ỨC VẠN. Tào công đánh Đào Khiêm, đất Từ chao đảo, Dung đem trai gái vạn khẩu, ngựa ba nghìn con, trốn đến Quảng Lăng, Thái thú Quảng Lăng là Triệu Dục lấy khách lễ đãi Dung.

Trước đây, Bành Thành tướng là Tiết Lễ bị Đào Khiêm bức, trú giữ Mạt Lăng. Dung tham đoạt quân dân Quảng Lăng, nhân lúc uống rượu giết Dục, thả binh lính cướp bóc, đem của chõ đầy thuyền mà đi. Trên đường qua Mạt Lăng lại giết Lễ, rồi sau giết Hạo.

Về sau Sách sang tây đánh Giang Hạ, quay về qua Dự Chương, thu nhật thi thể làm tang cho Do, vừa hay gặp gia thuộc của Do. Vương Lăng gửi thư cho Sách nói:

"Lưu Chính Lễ khi trước mới đến quản châu, chưa thể tự yên, thật trước sau nhờ cậy vào nhà Tôn huynh giúp đỡ, vì thế mới có thể vượt sông xây sở trị, có được cơ sở an định. Cái lễ giúp người vào cõi, cảm ân kết ý, thủy chung tồn tại. Sau vì hiềm nghi của họ Viên, quan hệ dân dân hóa thành ngang trái. Lại vì ngài đồng minh với Thuật, mới nhanh chóng biến ra thù địch, xét bản tâm của Do, thật không phải là việc thích thú gì. Sau khi yên ổn lại, Do vẫn muốn ném bỏ oán hiềm, khôi phục tình hữu hảo ngày trước. Một độ chia ly, thành ý chưa biểu lộ được, Do thốt nhiên bệnh chết, thật bi thương thống hận! Biết ngài

lấy đôn hậu để đãi kẻ khắc bạc, lấy đức nhân để đáp lại oán thù, nhật đi cốt dưỡng cô nhi, thương kẻ chết xót người sống, quên bỏ hiềm nghi trước, giúp đỡ trẻ mồ côi, thật ân sâu nghĩa nặng, tiếng tốt vang lừng tình cảm trọng hậu. Xưa kia người Lỗ đãi oán hận người Tề, cũng chẳng phế táng lễ của họ, Kinh Xuân Thu khen việc ấy, bảo rằng đúng lễ, nay việc mà ngài làm, thật là việc mà bậc lương sử nên ghi chép ngợi khen, trường học ở hương thôn nên bình xét tán tụng. Con trưởng của Chính Lễ, là người rất chí khí và tiết tháo, thiết nghĩ tất có chỗ khác với người thường. Ngài dùng uy thịnh thi hành hình pháp, dùng đức để ban ân, há chẳng tốt đẹp lắm sao!"

Con trưởng của Do là Co, tự Kính Dư, năm mười bốn tuổi, vì Do để tang tận lễ, quan lại cũ của Do tặng quà, Co đều không nhận.^①

Co có dung mạo rất đẹp, Tôn Quyền yêu mến kính trọng. Quyền làm Phiêu kỵ tướng quân, triệu Co làm Đông tào duyện, bài làm Phụ nghĩa Hiệu úy, Kiến trung Trung lang tướng. Quyền làm Ngô vương, thăng Co làm Đại nông lệnh.

Quyền có lần hội yến, Kỵ đô úy Ngưu Phiên say rượu ngỗ nghịch mạo phạm, Quyền muốn giết Phiên, dùng dùng nổi giận, vì có Co can gián, Phiên mới thoát chết. Quyền có lần vào ngày nóng nực, từng ở trong thuyền yến tiệc, đang ở trên thuyền lâu thì gặp mưa dông, Quyền dùng lọng tự che cho mình, lại sai người che cho Co, những người khác không được vậy. Co được đãi ngộ như thế.

Về sau Quyền đổi Co làm Lang trung lệnh. Quyền xưng tôn hiệu, điều Co làm Quang lộc huân, chia quản việc Thượng thư.

Năm bốn mươi chín tuổi Co chết. Sau này Quyền cho con mình là Bá lấy con gái của Co, lại cấp cho nhà cửa ở riêng một khu, bốn mùa thưởng hậu, sánh ngang với họ Toàn, họ Trương.

Hai em của Co, là Thước và Thượng, đều làm Kỵ đô úy.

① Ngô thư chép: Cơ gặp nhiều nỗi gian lao, từ nhỏ cư tang khổ khổ, âm thầm chịu đựng đắng cay, không lấy thế làm buồn rầu. Cơ ở chung với các em, thường thức khuya dậy sớm, thê thiếp hiếm khi thấy mặt. Các em kính sợ, thờ Cơ như thờ cha. Cơ không giao du bừa bãi, trong nhà không có khách tạp nham.

Thái Sứ Từ tự Tử Nghĩa, người quận Đông Lai huyện Hoàng. Thời trẻ hiếu học, giữ chức Tấu tào sứ của quận. Gặp lúc Quận thú và Châu mục hiềm khích, phải trái khó phân, vì thế trên báo rằng ai gửi tin về trước là phải. Bảy giò tấu chương của châu mục đã gửi đi, quận thú sợ tấu chương của mình tới sau, liền tìm người có thể đi sứ. Từ hai mươi một tuổi, được tuyển chọn, bèn sớm tối đi gấp, đến Lạc Dương.

Từ đến Công môn, thấy quan của châu đang muốn trình văn tự. Từ hỏi rằng:

- Ngài muốn trình báo tấu chương chăng?

Viên lại nói:

- Đúng thế.

Từ hỏi:

- Tấu chương đâu?

Đáp:

- Ở trên xe.

Từ nói:

- Chữ ký trên tấu chương có lầm lẫn gì sao? Đưa ta xem cho.

Viên lại không biết Từ là người của quận Đông Lai, vì thế lấy tấu chương đưa ra. Từ đã thủ sẵn dao trong bụng, liền lấy ra rạch nát tấu chương. Viên lại nhảy lên hô lớn, nói:

- Có người phá nát tấu chương!

Từ kéo người đó vào trong xe, nói nhỏ rằng:

- Ví như ngài không đưa tấu chương ra, ta cũng không có cách nào hủy hoại nó, đấy là việc cát hung họa phúc của bọn ta thôi, ta không muốn ai trong hai ta chịu tội một mình. Sao bằng chúng ta im lặng cùng trốn đi, có thể lấy sống đổi chết, không việc gì phải cùng chịu tội chết.

Viên lại nói:

- Ngài vì quận thú hủy hoại tấu chương của ta, đã được như ý rồi, còn muốn trốn làm gì?

Từ đáp rằng:

- Ban đầu ta vâng mệnh quận thú phái đi, chỉ đến để xem ngài trình báo tấu chương chưa thôi. Ta dụng ý thái quá, thành ra hủy hoại tấu chương của ngài. Nay quay về, cũng sợ vì thế bị trách tội, nên muốn cùng bỏ đi thôi.

Viên lại cho rằng Từ nói đúng, ngay hôm ấy cùng bỏ đi. Từ đã cùng hẩn ra khỏi thành, rình trốn trở lại trình tấu chương của quận. Châu mục biết chuyện, lại phái viên lại khác dâng tấu chương, Hữu ti thấy việc thay tấu chương nên không thụ lý, châu mục vì thế bị thua. Từ nhờ thế nổi danh, nhưng bị châu mục ghét, sợ rước vạ đến thân, bèn tránh nạn đến Liêu Đông.

Bắc Hải tướng là Khổng Dung nghe chuyện cho Từ là người kỳ lạ, mấy lần phái người tới thăm hỏi mẹ của Từ, mỗi lần đến đều tặng quà. Bấy giờ Dung vì quân Khăn Vàng cướp bóc tàn bạo, ra đóng trại ở Đô Xương, bị giặc là Quân Hối vây hãm.

Từ từ Liêu Đông trở về, người mẹ bảo Từ rằng:

- Mày và Khổng Bắc Hải chưa từng gặp gỡ, sau khi mày đi, ông ấy cứu giúp mẹ rất ân cần, hơn cả bạn cũ, nay bị giặc vây, mày nên đến giúp ông ấy.

Từ ở lại ba ngày, rồi một mình đi bộ theo đường tắt đến Đô Xương. Bấy giờ vòng vây còn chưa kín, ban đêm Từ rình lúc địch sơ hở, đột nhập vào gặp Dung, nhân đó xin binh ra chém

giặc. Dung không nghe, muốn đợi quân ở ngoài cứu. Không thấy ai đến cả, mà vòng vây ngày càng chặt. Dung muốn cáo cấp với Bình Nguyên tướng là Lưu Bị, người trong thành không ai biết cách ra khỏi thành, Từ tự xin đi. Dung nói:

- Nay giặc vây rất kín, mọi người đều nói không thể đi, chí của ngài tuy rất lớn, nhưng không phải là rất khó sao?

Từ thưa rằng:

- Trước đây phủ quân dốc lòng với mẹ già của ta, mẹ ta cảm cái ân đãi ngộ, phái Từ này đến cứu cái nạn gấp của phủ quân, cố nhiên vì Từ có chỗ hữu dụng, mà đến tất có ích vậy. Nay chúng nhân nói không thể đi, Từ cũng nói không thể, há phụ cái ân nghĩa mà phủ quân đã đoái hoài, phụ cái ý phái Từ đi của mẹ già sao? Việc đã gấp rồi, xin phủ quân đừng do dự nữa.

Dung bèn theo lời của Từ. Vì thế Từ liền chuẩn bị hành trang, ăn uống no, chờ đến sáng, đeo túi cung tên lên ngựa, dẫn hai tên lính kỵ theo, mỗi tên cầm một tấm bia, mở cửa thành xông thẳng ra. Người vây bên ngoài cùng kinh hãi, binh mã thay nhau lao ra. Từ dẫn ngựa đến hào lũy dưới thành, hai tên lính đều cầm bia, Từ bắn tên vào bia, bắn xong, quay thẳng vào thành. Sớm hôm sau lại làm như thế, người vây thành kẻ đứng người nằm, Từ lại sai cầm bia, bắn xong, lại vào thành. Sớm hôm sau nữa lại ra làm như thế, không ai đứng dậy cả, vì thế Từ vung roi ruồi ngựa xông thẳng vào giữa vòng vây chạy đi. Giặc bên kia hiểu ra, Từ đã đi qua rồi, lại bắn giết mấy người, đều ứng tiếng dây cung mà ngã nhào, cho nên không kẻ nào dám đuổi. Từ bèn đến Bình Nguyên, khuyên Bị rằng:

- Từ, là kẻ bị lưu ở Đông Lai, với Khổng Bặc Hải thân không phải cốt nhục, cũng chẳng cùng quê quán, chỉ vì chí khí tương hợp, có cái nghĩa chia vạ chung nạn. Nay Quán Hối bạo loạn, Bặc Hải bị vây, thế cô cùng không có cứu viện, nguy lúc sớm chiều. Vì ngài có tiếng nhân nghĩa, có thể cứu người giữa lúc

nguy cấp, cho nên Bắc Hải thành tâm thành ý, nghiền cổ trông cậy, sai Từ mạo hiểm vào nơi đao nhọn, đột phá trùng vây, từ chỗ muôn chết tới phó thác nơi ngài, chỉ mong ngài bảo toàn cho.

Bị nghiêm sắc mặt đáp rằng:

- Khổng Bắc Hải biết thế gian này có Lưu Bị sao!

Lập tức phái ba nghìn tinh binh đi theo Từ. Giặc nghe tin có binh đến, giải vây tan chạy. Dung đã được cứu, càng xem trọng tài của Từ hơn, nói:

- Ngài là người bạn nhỏ của ta vậy.

Xong việc, Từ về thăm với mẹ, mẹ Từ nói:

- Ta mừng là mày báo đáp được Khổng Bắc Hải vậy.

Thứ sử Dương châu là Lưu Do và Từ là người cùng quận, Từ từ Liêu Đông quay về, chưa cùng tương kiến, không lâu liền qua sông tới Khúc A gặp Do, còn chưa rời đi, vừa lúc Tôn Sách đến. Có người khuyên Do nên dùng Từ làm Đại tướng quân, Do nói:

- Nếu ta dùng Tử Nghĩa, Hứa Tử Tương chẳng sẽ chê cười ta sao?

Rồi chỉ sai Từ đi dò xét xem địch mạnh yếu thế nào. Lúc đó Từ cùng một lính kỵ đi, thốt nhiên gặp Sách. Quân kỵ đi theo Sách có mười ba người, đều là bọn Hàn Đương, Tống Khiêm, Hoàng Cái vậy. Từ liền tiến lên giao đấu, đối diện thắng với Sách. Sách đâm ngựa của Từ, rồi nắm được sống cán kích của Từ, Từ cũng đoạt được mũ đầu mâu của Sách. Vừa lúc quân kỵ của cả hai nhà đều kéo đến, vì thế cùng giải tán.

Từ cùng Do đều chạy đến Dự Chương, rồi lánh ở Vu Hồ, trốn vào trong núi, xưng là Thái thú Đan Dương.

Bấy giờ, Sách đã bình định từ Tuyên Thành về phía đông, duy có sáu huyện từ huyện Kính sang tây là chưa phục. Từ nhân đó

tiến đến giữ huyện Kinh, lập đồn phủ, được đa phần người Sơn Việt nương cậy. Sách thân đến đánh dẹp, Từ bị bắt làm tù binh. Sách lập tức cời trói, nắm tay Từ nói:

- Có nhớ lúc ở Thần Đình chăng? Nếu ngươi lúc đấy bắt được ta sẽ thế nào?

Từ đáp:

- Chưa thể liệu xét được vậy.

Sách cả cười nói:

- Việc hôm nay, ta phải cùng ngươi chung sức.①

Rồi lập tức tạm cho làm Môn hạ đốc, quay về Ngô Quận cho nắm binh sĩ, bái làm Chiết xung Trung lang tướng.

Về sau Lưu Do chết ở Dự Chương, sĩ chúng hơn vạn người chưa có chỗ nương dựa, Sách lệnh cho Từ tới phủ dụ.② Tả hữu của Sách đều nói:

- Từ tất lên bắc bỏ đi không quay lại.

Sách nói:

- Tử Nghĩa bỏ ta, sẽ theo phục ai được?

Bèn tiến đưa tại Xương Môn, nắm tay từ biệt nói:

- Khi nào quay về được?

Từ đáp:

- Chẳng quá sáu mươi ngày.

Quả nhiên Từ đúng hẹn mà quay lại.

① *Ngô lịch* chép rằng: Từ ở Thần Đình giao chiến thua bại, bị Sách bắt sống. Sách vốn nghe danh của Từ, lập tức cời trói mời gặp, mưu hỏi cái thuật tiến thủ. Từ đáp rằng:

- Ta là bại tướng thua quân, không đáng được cùng ngài bàn việc.

Sách nói:

- Xưa kia Hàn Tín định kế bởi Quảng Vũ,⁽¹⁾ nay Sách cùng bậc nhân giả mưu quyết việc nghi nan, sao ngài từ chối?

Từ nói:

- Quân của châu mới bị phá, sĩ tốt ngã lòng, nếu họ tan lìa, khó tụ hợp lại; ta muốn đi tuyên ân tín để chiêu tập phủ dụ, sợ không hợp với tôn ý.

Sách quỳ dài đáp lại rằng:

- Điều ngài nói thực đúng với mong ước của ta vậy. Giữa trưa mai, mong ngài quay lại.

Chư tướng đều nghi hoặc, Sách nói:

- Thái Sử Tử Nghĩa, là danh sĩ của Thanh châu, lấy tín nghĩa làm đầu, nhất định không lừa dối Sách.

Sáng hôm sau, Sách mời hết chư tướng đến, bày sẵn rượu thịt, dựng cây tre để xem bóng. Giữa trưa thì Từ đến, Sách cả mừng, về sau thường cùng nhau bàn luận các việc quân.

Thần Tùng Chi xét: *Ngô lịch* nói rằng Từ ở Thần Đình giao chiến thua bại, bị Sách bắt sống, so với bản truyện là quá khác biệt, ngờ là lầm lẫn vậy.

Giang Biểu truyện chép: Sách hỏi Từ rằng:

- Nghe nói ngài lúc trước vì Thái thú cướp tấu chương của quan châu, chạy đến chỗ Văn Cử, xin đi mời Huyền Đức, đều là việc nghĩa sáng ngời, là trí sĩ thiên hạ vậy, chỉ tiếc là chưa gặp được người để thác thân. Bắn trúng thất lưng chém vào ống áo, người xưa chẳng hiềm nghi.⁽²⁾ Cô nhận khanh là tri kỷ, chớ lo không được như ý.

¹ Hán Sở tranh thiên hạ, Lưu Bang, Hạng Vũ thế giằng co nhau, Hạng Vũ đóng quân ở Bành Thành, Lý Tả Xa, tức Quảng Vũ quân là mưu sĩ của Hàn Tín xin đi trá hàng Hạng Vũ, lừa Hạng Vũ rằng: "Quân Hán đông, quân Sở ít, quân Hán thiếu lương, nên đến đánh." Hạng Vũ nghe theo, tụ quân ở núi Cửu Lý giao chiến với quân Hán do Hàn Tín chỉ huy, bị thua trận, sau phải tự vẫn.

² Quân Trọng, Bột Đề: Xem chú thích ở tập VII, quyển 48, trang 117 (Tôn Hưu truyện).

Rồi ra ngoài truyền bảo chúng rằng:

- Rồng muốn bay cao, trên đầu phải có "xích mộc."⁽¹⁾

② *Giang Biểu* truyện chép: Sách bảo Từ rằng:

- Lưu mục trước đây trách Cô giúp họ Viên đánh quận Lư Giang, tâm ý của hần rất bỉ ổi, nhỏ mọn không có đạo lý gì. Sao nhỉ? Binh sĩ thủ hạ của tiên quân có mấy nghìn người, ở hết chỗ Công Lộ. Cái chí của Cô ở chỗ lập sự, chẳng thể nào không khuất thân với Công Lộ, cầu cạnh lấy số binh cũ, hai lần qua lại lấy được có hơn nghìn người thôi. Lại luôn ra lệnh cho Cô đánh Lư Giang, việc lúc ấy là tình thế, chẳng thể không đi được. Chỉ vì sau này hần không tuân theo tiết tháo của kẻ bấy tôi, tự vứt bỏ thân phận làm việc gian tà tiếm nghịch, ta can hần không nghe. Bậc trượng phu vì nghĩa kết giao, đã cầu thả với việc lớn, chẳng thể không chia lìa, Cô giao kết cầu cạnh Công Lộ cho đến lúc tuyệt tình với hần vốn có ngọn ngành như thế. Nay Lưu Do đã chết mất rồi, Cô hận là chẳng kịp cùng ông ấy tranh biện lúc sinh thời. Nay con nhỏ của ông ấy ở Dự Chương, chẳng biết Hoa Tử Ngư đãi ngộ chúng ra sao, bộ thuộc cũ của ông ấy có hoàn toàn theo dựa Tử Ngư không? Ngài là người cùng châu với ông ấy, trước lại làm Tòng sự, ngài hãy qua trông nom con nhỏ của ông ấy, đồng thời tuyên rõ ý của Cô với bộ khúc của ông ấy được chăng? Những bộ khúc ấy ai thích đến với ta thì giúp họ đến, ai không thích đến thì tạm vỗ yên bọn họ. Lại quan sát xem Tử Ngư ở đó làm chức mục cai trị địa phương thế nào, xem dân chúng ở Lư Lăng, Bà Dương có thân gần nương cậy ông ấy không? Binh sĩ thủ hạ của khanh, nên đem theo nhiều hay ít, xin cứ tùy ý.

Từ thưa rằng:

- Từ có tội chẳng thể tha, tướng quân độ lượng như Hoàn, Văn, đãi ngộ ta quá với lòng mong mỏi. Cổ nhân nói lấy cái chết để báo đáp việc sống, là nói cái việc dốc tận khí tiết, đến chết mới thôi.

¹ Con rồng là linh vật huyền thoại từ xa xưa, đặc biệt trên trán rồng thường có các bướu nhỏ gọi là Bức Sơn hay Xích mộc, tương truyền là rồng không có Xích mộc thì không thể bay lên trời. Đây nói Sách không có Từ thì không thành đại sự được.

Nay các bên đều dừng nghỉ, binh chẳng nên lấy nhiều, đem theo mấy chục người, tự đủ để qua đó rồi quay về vậy.

③ *Giang Biểu truyện* chép: Sách mới phái Từ đi, kẻ bàn luận phân vân, bảo rằng Từ chưa thể tin, có kẻ nói Từ với Hoa Tử Ngư là người cùng châu, sợ Từ lưu lại bên đó giúp trừ liệu kế sách, có người ngờ Từ sang tây thác thân theo Hoàng Tổ, mượn đường lên bắc, đa phần nói phái Từ đi không phải là kế hay. Sách nói:

- Các ngài nói đều không phải, Cô xét đoán kỹ lưỡng rồi. Thái sử Từ Nghĩa tuy là người có khí dũng, can đảm cứng cỏi, nhưng chẳng phải là người thủ đoạn. Trong lòng ông ấy có toan tính, nghĩ đến đạo nghĩa, quý trọng lời hứa, một lời đã hứa với tri kỷ, có chết cũng chẳng phụ nhau, các ngài chớ lo lắng vậy.

Từ từ Dự Chương quay về, kẻ bàn luận mới bắt đầu phục Sách. Từ gặp Sách nói:

- Hoa Tử Ngư dù hiền đức lương thiện, nhưng không phải là người có tài trừ liệu, không mưu tính phương khác, chỉ tự thủ thôi. Lại có người ở quận Đan Dương là Đồng Chi tự chuyên ở Lư Lăng, nói dối là nhận chiếu thư làm Thái thú. Cừ sủng của dân chúng ở Bà Dương lập riêng bộ thuộc tông tộc, cậy binh giữ địa giới, không chịu sự sai khiến của trưởng lại mà Từ Ngư đặt ra, nói "Ta lập một quận riêng, đợi nhà Hán phái chân Thái thú đến, sẽ ra đón thôi." Từ Ngư không những không thể dàn xếp xong việc ở Lư Lăng, Bà Dương, mà ở bên cạnh huyện Hải Hôn có đốc Thượng Liễu, năm sáu nghìn nhà ở đó kết tụ nhau thành tông tộc bộ ngũ, chỉ nộp tô thuế cho quận thôi, phát lệnh triệu dân đình thì một người cũng không thể lấy được, Từ Ngư cũng chỉ đứng nhìn mà thôi.

Sách vỗ tay cười lớn, vì thế có chí kiêm tính quận ấy. Ít lâu sau, bèn bình định quận Dự Chương.

Cháu họ của Lưu Biểu là Bàn, là người kiêu dũng, mấy lần vào cướp các huyện Ngải và Tây An. Sách vì thế chia sáu huyện bên phải và bên trái Hải Hôn, Kiến Xương, lấy Từ làm Đô úy Kiến Xương, đặt sở trị ở Hải Hôn, đốc chư tướng cự Bàn. Bàn tuyệt tích không dám cướp bóc nữa.

Từ mình cao bảy thước bảy tấc, có bộ râu rất đẹp, tay dài như vượn có tài thiện xạ, bắn cung không trượt phát nào. Từ từng theo Sách đi đánh dẹp giặc ở Ma Bảo, giặc trong đồn trèo lên lâu cao mắng chửi, tay bám vào xà nhà, Từ giương cung bắn chúng, tên xuyên tay ghim vào xà nhà, vạn người vây quanh chẳng ai không khen giỏi. Kỳ diệu như thế. Tào công nghe danh tiếng, bèn gửi thư cho Từ, bỏ thư trong tráp phong kín, Từ mở ra xem không thấy viết gì, chỉ thấy vị thuốc Đương quy.⁽¹⁾

Tôn Quyền thống quản chính sự, vì Từ có thể khắc chế được Bàn, bèn ủy thác cho Từ việc ở phương nam. Năm bốn mươi mốt tuổi, là năm Kiến An thứ mười một, Từ chết.① Con của Từ là Hưởng, quan vị đến chức Việt kỵ Hiệu úy.②

① *Ngô thư* chép: Lúc Từ sắp chết, than rằng:

- Bậc trượng phu sinh ở trên đời, đáng phải đeo kiếm bảy thước, trèo lên bậc thềm của bậc thiên tử. Nay chí nguyện của ta còn chưa thỏa, đã chết rồi sao!

Quyền rất tiếc thương Từ.

② *Ngô thư* chép: Hưởng tự Nguyên Phục, trải các chức Thượng thư, Thái thú Ngô Quận.

Sĩ Nhiếp tự Uy Ngạn, người quận Thương Ngô huyện Quảng Tín. Tổ tiên của Nhiếp vốn là người huyện Vĩn Dương nước Lỗ, đến loạn Vương Mãng, lánh nạn đến đất Giao châu. Qua sáu đời đến cha của Nhiếp là Tứ, thời Hoàn đế làm Thái thú Nhật Nam.

Nhiếp lúc trẻ đi du học ở kinh sư, thờ người quận Dĩnh Xuyên là Lưu Tử Kỳ, nghiên cứu sách *Tả thị Xuân thu*. Lúc xét cử Hiếu liêm, bổ làm Thượng thư lang, vì việc công bị bãi chức. Sau khi

¹ Tức “nên quay về”, đại khái là Tào Tháo khuyên Thái Sứ Từ nên quy phục mình.

hết tang cha là Tú, lại được xét cử Mậu tài, phong làm Vu lệnh, rồi thăng làm Thái thú Giao Chỉ.

Em của Nhiếp là Nhất, ban đầu làm Đốc bưu ở quận. Thứ sử Đinh Cung được triệu về kinh đô, Nhất theo hầu rất cung kính, Cung cảm kích, lúc sắp chia biệt nói:

- Thứ sử ta nếu được thăng làm Tam công, nhất định sẽ triệu gọi ngươi.

Về sau Cung làm Tư đồ, triệu Nhất. Nhất sắp đến, Cung đã bị cách chức, Hoàng Uyển thay làm Tư đồ, rất đãi ngộ Nhất. Đồng Trác tác loạn, Nhất bỏ trốn về quê.^①

Thứ sử Giao châu là Chu Phù bị giặc Di sở tại giết hại, châu quận nhiễu loạn. Nhiếp bèn dâng biểu xin cho Nhất lĩnh chức Thái thú Hợp Phố, em thứ làm Từ Văn lệnh là Hoàng Hữu lĩnh chức Thái thú Cửu Chân, em của Hoàng Hữu là Vũ, lĩnh chức Thái thú Nam Hải.

① *Ngô thư* chép: Uyển và Trác đổ kị nhau, nhưng Nhất tận tâm với Uyển, rất xứng đạo nghĩa. Trác ghét Nhất, bèn truyền mệnh rằng:

- Tư đồ duyện là Sĩ Nhất, không được trọng dụng.

Vì thế nhiều năm không được thăng chức. Đúng lúc Trác về quan ải, Nhất bèn trốn về quê.

Nhiếp tính cách khoan hòa có khí độ, nhún nhường tiếp kẻ sĩ, sĩ nhân Trung Quốc đi tránh nạn đến nương dựa tới mấy trăm người. Nhiếp thích nghiên cứu *Kinh Xuân Thu*, làm chú giải sách ấy. Người nước Trần là Viên Huy gửi thư cho Thượng thư lệnh là Tuân Úc nói:

"Sĩ phủ quân ở quận Giao Chỉ đã uyên bác về học vấn, lại thấu hiểu việc chính trị, ở giữa thời đại loạn, giữ vẹn một quận, hơn hai mươi năm bờ cõi vô sự, dân không mất nghiệp, bọn khách trọ ở đó, đều được nhờ mông ân che chở, đều Đậu Dung giữ đất Hà Tây, sao đã hơn

được? Lúc hết việc quan, Nhiếp thường ngấm đọc sách truyện, đối với Xuân thu Tả thị truyện lại càng tinh luyện, ta mấy lần hỏi về những chỗ ngờ vực trong truyện, đều nhận được lời lý giải bậc thầy, ý tứ rất kín kẽ. Lại nữa là với Kinh Thượng thư còn kiêm thông kim văn cổ văn, hiểu đầy đủ và tường tận đại nghĩa. Nghe nói học phái cổ văn, kim văn ở kinh sư, tranh cãi đúng sai không dứt, nay ta muốn trích các nghĩa hay liên quan ở sách Tả thị, Thượng thư dâng lên.”

Nhiếp được xưng tụng như thế.

Anh em Nhiếp đều nắm quận, là hùng trưởng một châu, ở nơi xa vạn dặm, uy quyền tôn quý không ai hơn được. Ra vào gõ chuông khánh, đầy đủ uy nghi, kèn tiêu trống sáo, xe ngựa đầy đường, người Hồ đi gần bánh xe đốt hương thường có mấy chục người. Thê thiếp ngồi xe truy bình,⁽¹⁾ con em có quân kỵ đi theo, người đương thời quý trọng, trăm tộc người Man kính phục, dẫu Úy Đà cũng không hơn được.① Vũ bị bệnh chết trước.

① *Thần tiên truyện* của Cát Hồng chép: Nhiếp từng có lần bị bệnh chết, qua ba ngày, có vị tiên nhân là Đồng Phụng đưa một viên thuốc cho uống, lấy nước đổ vào miệng, nâng đầu Nhiếp dậy để trôi thuốc, uống xong chốc lát, tức thì mắt mở tay động, sắc mặt dần thay đổi, sau nửa ngày có thể ngồi dậy được, bốn ngày thì có thể nói chuyện, bèn bình phục như thường.

Phụng tự Quân Di, người huyện Hậu Quan vậy.

Sau khi Chu Phù chết, nhà Hán phái Trương Tân tới làm Thứ sử Giao châu, Tân về sau lại bị bộ tướng của mình là Khu Cảnh giết hại, mà Kinh châu mục là Lưu Biểu phái Lại Cung người quận Linh Lăng đến thay Tân. Bấy giờ Thái thú Thương Ngô là Sứ Hoàng chết, Biểu lại phái Ngô Cự thay Hoàng, cùng với Cung đều đến nhậm chức.

¹ Xe truy bình: Là thứ xe có buồng màn rủ từ mui xe xuống che phủ kín bốn phía.

Nhà Hán nghe tin Trương Tân chết, ban ti thư cho Nhiếp, thư viết:

"Giao châu là chỗ cách tuyệt ngoài cõi, phía nam dài theo sông biển, ân trên chẳng tuyên đến, nghĩa dưới bị tắc nghẽn, biết kẻ nghịch tặc là Lưu Biểu vừa phái Lại Cung dòm ngó phương nam, nay lấy Nhiếp làm Tuy nam Trung lang tướng, đốc trách cả bảy quận, lĩnh chức Thái thú Giao Chỉ như cũ."

Về sau Nhiếp phái quan lại là Trương Mân dâng cống đến kinh đô, bấy giờ thiên hạ tang loạn, đường đất cách tuyệt, nhưng Nhiếp không bỏ phận tiến cống, vì thế được đặc cách hạ chiếu lần nữa bái làm An viễn tướng quân, phong tước Long Độ đình hầu.

Về sau Cự và Cung mâu thuẫn, Cự cất quân đuổi Cung, Cung chạy về Linh Lăng.

Năm Kiến An thứ mười lăm, Tôn Quyền phái Bộ Chất làm Thứ sử Giao châu. Chất đến nơi, Nhiếp thống suất anh em vâng nhận tiết chế. Nhưng Ngô Cự lại sinh lòng khác, Chất chém hẳn. Quyền thêm cho Nhiếp chức Tả Tướng quân.

Năm Kiến An mạt, Nhiếp phái con là Hân về làm tin, Quyền lấy Hân làm Thái thú Vũ Xương, các con của Nhiếp và Nhất ở phương nam, đều được bái làm Trung lang tướng. Nhiếp lại dụ dỗ các hào trưởng ở Ích châu là bọn Ung Khải, thống suất nhân dân trong quận từ xa nương cậy phương đông, Quyền càng khen Nhiếp, thăng làm Vệ tướng quân, phong tước Long Biên hầu, em là Nhất làm Thiên tướng quân, tước Đô hương hầu.

Nhiếp thường phái sứ đến chỗ Quyền, dâng biếu các thứ hương liệu và vải lụa nhuyển, thường đến hàng nghìn tấm, các đồ trân quý như ngọc trai, vỏ sò lớn, lưu ly, chim phỉ thúy, đồi mồi, tê giác, voi, các vật quý quả lạ như chuối, dừa, long nhãn, không năm nào không đưa đến. Có lúc cống cả thảy mấy trăm

con ngựa. Quyền thường viết thư, ban ân sủng hậu hơn nữa, để đáp lễ và úy lạo Nhiếp.

Nhiếp quản quận hơn bốn chục năm, năm Hoàng Vũ thứ năm, lúc chín mươi tuổi thì chết.

Quyền vì Giao Chỉ là chỗ xa xôi, bèn chia từ Hợp Phố về bắc đặt làm Quảng châu, lấy Lã Đại làm Thứ sử; từ Giao Chỉ về nam là Giao châu, lấy Đái Lương làm Thứ sử. Lại phái Trần Thời thay Nhiếp làm Thái thú Giao Chỉ. Đại ở lại quận Nam Hải, Lương và Thời đều đi đến Hợp Phố, nhưng con của Nhiếp là Huy tự nhậm chức Thái thú Giao Chỉ, phát binh trong tông tộc chống lại Lương. Lương lưu lại Hợp Phố. Người quận Giao Chỉ là Hoàn Lân, là người được Nhiếp cử làm quan, khẩu đầu can gián Huy khuyên sai sứ đi đón Lương, Huy giận, dùng roi đánh chết Lân. Anh của Lân là Trị và con là Phát lại hợp binh trong họ mạc đánh Huy, Huy đóng cửa thành cố thủ, bọn Trị đánh mấy tháng không hạ được, bèn hẹn ước hòa thân, đều tự bãi binh quay về. Nhưng Lã Đại nhận chiếu đi diệt Huy, từ Quảng châu đem binh ngày đêm gấp rút đến, qua Hợp Phố, hợp với Lương cùng tiến. Con của Nhất là Khuông làm Trung lang tướng cùng Đại là chỗ quen biết cũ, Đại tạm dùng Khuông làm Sư hữu tòng sự, sai gửi thư đến Giao Chỉ trước, cáo dụ việc họa phúc, lại phái Khuông đến gặp Huy, khuyên Huy quy phục nhận tội, tuy mất chức Quận thú, nhưng được toàn mạng không phải lo gì. Đại theo Khuông đến sau, anh của Huy là Chi, em của Huy là bọn Cán, Tung cả thầy sáu người cỡi trần cúi rạp nghênh đón. Đại đáp tạ sai mặc áo lại, rồi tiến đến dưới quận. Sáng sớm hôm sau sai bày màn trướng, mời anh em của Huy lần lượt bước vào, tân khách ngồi đông đủ. Đại đứng dậy, tay cầm cờ tiết miệng đọc chiếu thư, trách mắng kể rõ tội, tả hữu nhân đó bắt trói lại đưa ra ngoài, lập tức đem giết một loạt, truyền đưa thủ cấp đến thẳng Vũ Xương.①

Nhất, Hoàng Hữu, Khuông sau đó được thả, Quyền tha tội cho bọn họ, họ cùng con đích của Nhiếp là Hân, đều bị truất làm dân thường. Được mấy năm, Nhất, Hoàng Hữu phạm phép bị giết. Hân bị bệnh chết, không có con, vợ Hân ở góa, Quyền hạ chiếu sai quan sở tại hàng tháng cấp bổng lộc và thóc gạo, ban cho bốn chục vạn tiền.

① Tôn Thịnh nói: Thu phục kẻ xa ngăn chế người gần, thật chẳng gì hơn khéo ở giữ tín; giữ gìn đại nghiệp dựng lập huân lao, thật chẳng gì hơn khéo ở giữ nghĩa. Cho nên Tề Hoàn khai sáng nền móng, đức sáng rõ tại hội thề đất Kha, Tấn Văn mới làm bá, nghĩa hiển hiện vào lúc đánh đất Nguyên.⁽¹⁾ Cho nên có thể hợp chư hầu, đứng đầu khuông chính Chu triều, thay nhau chủ trì minh ước, chính lệnh trường tồn, truyền điển phạm cho trăm vương. Sư hữu của Lã Đại là Sĩ Khuông, được sai đi thông tín ước, anh em Huy cời trần phục tội, thành tâm phó thác sinh mệnh, Đại nhân đó diệt bọn họ, để cầu lấy cái lợi trước mắt, bậc quân tử vì thế mà biết rằng Tôn Quyền chẳng có mưu lược sâu xa, mà phúc lộc của họ Lã chẳng thể kéo dài được vậy.

Bình rằng: Lưu Do mài giũa thanh danh tu dưỡng đức hạnh, chuộng bình xét thiện ác, nhưng vào lúc thời buổi nhiễu nhương, thủ giữ đất đai vạn dặm, thật không phải là sở trường của Do vậy. Thái Sử Từ trung tín vẹn nghĩa, cứng cỏi hết mực, có đầy đủ phong thái của kẻ chí sĩ thời xưa. Sĩ Nhiếp coi giữ Nam Việt, suốt đời nhàn nhã sướng ý, đến đời con chẳng cẩn thận, tự rước lấy hung họa, đại khái là tài hèn lại dám đùa bỡn với phú quý mà cậy dựa vào nơi hiểm trở, đấy là kết cục tất nhiên vậy.

--- ॐ ---

¹ Thời Xuân Thu, Tề Hoàn công đánh nước Lỗ, nước Lỗ thua xin hòa, dâng đất Toại Ấp. Tề Hoàn công giữ tín, trả lại đất cho nước Lỗ, chư hầu tín phục, hai năm sau, nước Tề bắt đầu trở thành bá chủ chư hầu.

Tấn Văn công làm bá phạt Nguyên giữ tín: Xem chú thích ở tập IV, quyển 23, trang 342 (Triệu Nghiễm truyện).

QUYỀN THỨ NĂM MƯỜI

PHI TẦN TRUYỆN



Ngô phu nhân của Tôn Phá lỗ, là mẹ của Ngô chủ Tôn Quyền. Vốn là người ở huyện Ngô, dời đến ở huyện Tiền Đường, cha mẹ mất sớm, ở với em trai là Cảnh. Tôn Kiên nghe nói về tài mạo của phu nhân, muốn lấy làm vợ. Người thân thích nhà họ Ngô ngờ Kiên là người khinh bạc gian xảo, toan cự tuyệt, Kiên rất hổ thẹn và căm hận.

Phu nhân bảo người thân thích rằng:

- Há vì yêu tiếc một người con gái mà rước lấy họa sao? Ví như có việc không hay, là số mệnh vậy.

Vì thế bèn đồng ý việc hôn nhân, sinh được bốn nam một nữ.^①

① *Sưu thần ký* chép: Khi trước, lúc phu nhân có mang mơ thấy mặt trăng chui vào bụng, không lâu thì sinh ra Sách. Đến lúc mang thai Quyền, lại mơ thấy mặt trời chui vào bụng, vì thế bảo với Kiên rằng:

- Lần trước thiếp mang thai Sách, mơ thấy mặt trăng chui vào bụng mình, nay lại mơ thấy mặt trời chui vào trong bụng, là sao?

Kiên nói:

- Nhật Nguyệt là tinh tú của âm dương, đây là điềm triệu cực quý, con cháu ta sẽ hưng vượng chẳng!

Cảnh thường theo Kiên đi chinh phạt có công, được bái làm Kỵ đô úy. Viên Thuật báo lên xin cho Cảnh lĩnh chức Thái thú Đan Dương, sai đánh dẹp cố Thái thú Chu Hân, sau chiếm quận ấy.

Tôn Sách cùng Tôn Hà, Lã Phạm đến nương tựa vào Cảnh, hợp bộ chúng cùng đánh sơn tặc là Tổ Lang ở huyện Kính, Lang thua chạy. Gặp lúc bị Lưu Do bức bách, Cảnh lại lên bắc dựa vào Viên Thuật, Thuật lấy Cảnh làm Đốc quân Trung lang tướng, cùng Tôn Bôn chung sức đánh dẹp Phàm Năng, Vu Mi ở Hoàn Giang, lại đánh Trích Dung, Tiết Lễ ở Mạt Lăng. Vào lúc Sách bị thương ở Ngưu Chử, giặc hàng lại phản, Cảnh đánh dẹp, cầm bắt hết bọn chúng. Lại theo đi đánh dẹp Lưu Do, Do trốn đến Dự Chương, Sách phái Cảnh, Bôn đến Thọ Xuân báo tin với Thuật. Thuật đang cùng Lưu Bị tranh đoạt Từ châu, vì thế lấy Cảnh làm Thái thú Quảng Lăng. Thuật sau đó tiếm hiệu, Sách gửi thư răn dụ, Thuật không nghe, Sách bèn chặn bến sông Giang, không qua lại với Thuật, sai người báo với Cảnh. Cảnh lập tức vứt bỏ quận quay về đông, Sách lại dùng Cảnh làm Thái thú Đan Dương.

Hán triều phái Nghị lang là Vương Phổ phụng mệnh đến phương nam, Phổ dâng biểu xin phong Cảnh làm Dương vũ tướng quân, lĩnh quận như cũ.

Lúc Quyền nhỏ tuổi thống quản cơ nghiệp, phu nhân trợ giúp Quyền trị việc quân việc nước, rất có ích lợi.^① Năm Kiến An thứ bảy, lúc sắp mất, cho dẫn bọn Trương Chiêu vào, phó thác hậu sự, phu nhân được hợp táng với Kiên ở Cao Lăng.^②

① *Côi Kê điển lục* chép: Công tào của Sách là Ngụy Đằng, vì trái ý Sách bị trách phạt, Sách muốn giết Đằng, sĩ đại phu lo sợ, không biết tính sao. Phu nhân bèn đứng tựa bên miệng giếng bảo Sách rằng:

- Mày mới gây dựng Giang Nam, sự nghiệp chưa xong, chính là lúc phải ưu ái người hiền kính lễ kẻ sĩ, bỏ lỗi ghi công. Ngụy Công tào vì việc công hết lòng can gián, hôm nay mày giết ông ấy, ngày mai người ta đều phản lại mày. Ta không nỡ nhìn thấy cái họa ấy đến, nên nhảy xuống giếng này chết trước thôi.

Sách cả kinh, vội thả Đằng ra. Phu nhân trí lược quyền thuật, đại loại đều như thế.

② *Chí lâm* chép: Xét ghi chép về tuyển cử cống sĩ của Cối Kê, từ năm Kiến An thứ mười hai đến năm Kiến An thứ mười ba khuyết, không có tuyển cử, ghi chép nói rằng phủ quân gặp việc tang, như thế thì Ngô hậu chết vào năm thứ mười hai vậy. Năm thứ tám và năm thứ chín đều có tuyển cống sĩ, việc ấy rất rõ ràng.

Năm thứ tám, Cảnh chết khi đương chức, con của Cảnh là Phấn được nhận binh làm tướng, phong tước Tân đình hầu, chết.①

Con của Phấn là An nổi tự, An vì mắc tội bè đảng với Lỗ vương là Bá bị chết. Em của Phấn là Kỳ nổi tự,② được phong tước Đô đình hầu, chết.

Con của Kỳ là Toàn nổi tự. Vợ của Toàn tức con gái của Đằng Dận vậy, Dận bị giết, Toàn cũng bị hại.

① *Ngô thư* chép: Quyền đi đánh Kinh châu, phong Phấn làm Đô đốc Ngô Quận, để trấn giữ phương đông.

② *Ngô thư* chép: Kỳ cùng Trương Ôn, Cố Đàm là bạn hữu thân thiết, Quyền sai họ chương quản quan lại, giữ việc xét tố tụng.

Tạ phu nhân của Ngô chủ Quyền, người quận Cối Kê huyện Sơn Âm, cha là Quýnh, thời nhà Hán làm Thượng thư lang, Tù lệnh.① Mẹ của Quyền là Ngô thị, vì Quyền đem sính lễ xin lấy làm Phi, rất được yêu mến sủng ái. Về sau Quyền thu nạp cháu gái của cô ruột mình là Từ thị,⁽¹⁾ muốn hạ Tạ phu nhân xuống dưới Từ thị, Tạ phu nhân không chịu, từ đấy thất chí, chết sớm. Hơn chục năm sau, em của phu nhân là Thừa được báỉ làm Ngũ quan lang trung, ít lâu được thăng làm Đông bộ đô úy Trường Sa, Thái thú Vũ Lăng, soạn *Hậu Hán thư* hơn trăm quyển.②

¹ Tôn Quyền lấy cháu họ của mình làm vợ.

① Con của Quýnh là Thừa soạn sách *Hậu Hán thư*, ca ngợi Quýnh thời trẻ lấy nhân hiếu làm đức hạnh, thông minh thấu đạt có tài cán. Em của Quýnh là Trinh, tuân thủ pháp độ, chăm học chuộng việc nghĩa, được xét cử Hiếu liêm, làm Trưởng huyện Kiến Xương, chết khi đương chức.

② *Côi Kê điển lục* chép: Thừa tự Vĩ Bình, học rộng nghe nhiều, những thứ Thừa đã từng nghe biết, suốt đời không quên. Con của Thừa là Sùng làm Dương uy tướng quân, em của Sùng là Úc làm Thái thú Ngô Quận, đều nổi danh.

Từ phu nhân của Ngô chủ Quyền, người Ngô Quận huyện Phú Xuân. Tổ phụ của phu nhân là Chân, cùng với cha của Quyền là Kiên thân thiết với nhau, Kiên đem em gái mình gả cho Chân, sinh ra Côn.

Côn thời trẻ ra làm quan ở châu quận, thời Hán mạt nhiều loạn, Côn bỏ chức, theo Kiên chinh phạt có công, được bái làm Thiên tướng quân. Kiên chết, Côn lại đi theo Tôn Sách đánh dẹp bọn Phàn Năng, Vu Mi ở Hoàn Giang, đánh Trương Anh ở Đương Lợi Khẩu, nhưng thuyền ít, muốn đóng quân lại kiếm thêm thuyền. Mẹ của Côn bấy giờ ở trong quân, bảo Côn rằng:

- Sợ rằng các nhà trong châu phái quân thuyền đến chặn, thì ta bất lợi vậy, sao đóng quân lại đây được? Nên chặt cỏ lau làm bè, phụ thêm thuyền cho quân qua sông.

Côn bấm rỏ với Sách, Sách lập tức thi hành, quân đều qua sông được, vì thế phá Anh, đánh võ Trích Dung, Lưu Do, sự nghiệp mới định. Sách dâng biểu cử Côn lĩnh chức Thái thú Đan Dương, gặp lúc Ngô Cảnh bỏ quận Quảng Lăng sang đông, lại làm Thái thú Đan Dương, ① Côn làm Đốc quân Trung lang tướng lĩnh binh, theo đi phá Thái thú Lư Giang là Lý Thuật, được phong tước Quảng Đức hầu, thăng làm Bình Lỗ tướng quân. Sau theo đi đánh dẹp Hoàng Tổ, bị trúng tên lạc chết.

① *Giang Biếu truyện* chép: Khi trước, Viên Thuật phái em họ mình là Dận làm Thái thú Đan Dương, Sách lệnh cho Côn đánh dẹp rồi thay chức của Dận. Vừa lúc Cảnh quay về, vì Cảnh lúc trước làm quan tại Đan Dương, rộng rãi nhân ái được lòng người, quan dân sợ tại yêu mến, nhưng binh sĩ thủ hạ của Côn đông, Sách ngờ rằng quyền của Côn quá nặng, vả lại đang lúc công phạt, vì thế mới thu quân số của Côn, rồi dùng lại Cảnh, triệu Côn về Ngô Quận.

Côn sinh được phu nhân, trước đó gả cho người đồng quận là Lục Thượng. Thượng chết, Quyền lấy thân phận là Tháo lỗ tướng quân tại Ngô Quận, đem sính lễ lấy làm phi, sai làm mẹ nuôi của con mình là Đăng. Sau Quyền chuyển đi nơi khác, vì phu nhân hay ghen tuông, bị bỏ ở huyện Ngô. Qua hơn chục năm, từ lúc Quyền làm Ngô vương đến lúc tức tôn hiệu, Đăng làm Thái tử, quần thần xin lập phu nhân làm Hậu, ý của Quyền muốn lập Bộ thị, rút cục không đồng ý. Về sau phu nhân ốm chết.

Anh của phu nhân là Kiếu, nổi tước hầu của cha là Côn, đi đánh dẹp bình Sơn Việt, được bái làm Thiên tướng quân, chết trước phu nhân, không có con.

Em của Kiếu là Tộ nổi tước phong, cũng vì có chiến công, làm quan đến chức Vu Hồ đốc, Bình Ngự tướng quân.

Bộ phu nhân của Ngô chủ Quyền, người quận Lâm Hoài huyện Hoài Âm, cùng với thừa tướng Bộ Chất là người đồng tộc. Thôi Hán mất, mẹ con phu nhân dắt díu nhau dọn đến Lư Giang, Lư Giang bị Tôn Sách đánh phá, hai người vượt sông sang đông, phu nhân vì nhan sắc diễm lệ được Quyền rất yêu mến, sủng ái đứng đầu hậu đình.

Phu nhân sinh được hai con gái, trưởng nữ là Lỗ Ban, tự Đại Hồ, lúc trước gả cho con của Chu Du là Thần, sau gả cho Toàn Tông; con nhỏ là Lỗ Dục, tự Tiểu Hồ, lúc trước gả cho Chu Cự, sau gả cho Lưu Toàn.①

① Ngô lịch chép: Toàn lúc trước đã lấy con gái giữa của Quyền, người ấy chết sớm, cho nên lại lấy Tiểu Hồ làm kế thất.

Phu nhân không có tính ghen tuông, nhiều lần tiến cử người khác, nên được Quyền sủng ái lâu. Quyền từ lúc làm vương cho đến khi xưng đế, có ý muốn lập làm Hậu, nhưng quần thần bàn nên lập Từ thị, Quyền né tránh chuyện đó hơn chục năm, nhưng người ở nội cung đều gọi phu nhân là Hoàng hậu, thân thích dân số xưng là "Trung cung." Lúc mất, quần hạ theo ý chỉ của Quyền, xin truy tặng chính danh, vì thế tặng ấn thụ, sách mệnh viết:

"Duy năm Xích Ô nguyên niên tháng nhuận ngày Mậu Tý, Hoàng đế chiếu viết:

Than ôi Hoàng hậu, chỉ Hậu giúp trẫm, cùng vâng mệnh trời. Sớm khuya cung kính, cùng trẫm gian lao. Trong chính chính giáo, lễ nghĩa chẳng lìa. Khoan dung nhân ái, hiền thực nết na. Thân dân ngưỡng vọng, xa gần quy tâm. Trẫm vì nạn đời chưa diệt, đại thống chưa thuận, chỉ Hậu cao thượng, thường luôn nhún nhường. Vì thế lúc đương thời chưa phong danh hiệu, cũng tin tưởng rằng Hậu thọ mệnh lâu dài, mãi mãi cùng trẫm nhận lộc trời ban. Ngờ đâu chợt bệnh, đại mệnh sớm hôm. Trẫm hối hận bản ý chưa kịp tuyên dương, thương Hậu mất sớm, chẳng trọn lộc trời. Bi thương hết mức, đôn đau xé lòng. Nay sai Sử tri tiết Thừa tướng Lê Lăng hầu Cố Ung, phụng sách mệnh trao cho Hậu danh hiệu, phối tể với tiên hoàng hậu. Hôn nếu có linh, hãy nhận lấy vinh sủng đặc biệt này.

Than ôi thương thay!"

Hậu được táng ở Tương Lăng.

Vương phu nhân của Ngô chủ Quyền, người quận Lang Nha.① Phu nhân được tuyển vào cung, năm Hoàng Vũ trung được sủng ái, sinh ra Tôn Hòa, ân sủng chỉ dưới Bộ thị. Sau khi Bộ thị chết, Hòa được lập làm Thái tử, Quyền muốn lập

phu nhân làm Hoàng hậu, nhưng Toàn công chúa vốn ghét phu nhân, thỉnh thoảng đưa lời mỉa mai gièm pha. Gặp lúc Quyền ốm bệnh, Toàn công chúa nói phu nhân có sắc vui mừng, vì thế Quyền rất trách giận, phu nhân lo lắng mà chết.

Con của Hòa là Hạo được lập, truy tôn phu nhân là Đại Ý hoàng hậu, phong ba em của phu nhân đều làm Liệt hầu.

① *Ngô thư* chép: Cha của phu nhân có tên là Lô Cửu.

Vương phu nhân của Ngô chủ Quyền, người quận Nam Dương, được tuyển vào cung, năm Gia Hòa trung được sủng ái, sinh ra Tôn Hưu. Lúc Hòa làm Thái tử, mẹ của Hòa được quý hiển trọng vọng, các nàng hầu khác được sủng ái, đều bị đui ra ở ngoài.

Phu nhân đi Công An, chết, được an táng ở đấy. Hưu tức vị, phái sứ giả tới truy tôn là Kính hoài hoàng hậu, cải táng tại Kính Lăng. Họ Vương không có người nối tự, Hưu phong em cùng mẹ với phu nhân là Văn Ung làm Định hầu.

Phan phu nhân của Ngô chủ Quyền, người quận Cối Kê huyện Câu Chương. Cha làm tiểu lại, phạm tội bị giết, Phu nhân và chị gái đều bị đưa vào cung làm Chức thất,⁽¹⁾ Quyền gặp phu nhân cho là lạ, cho triệu sung vào hậu cung.

Khi được sủng ái có mang, phu nhân mơ thấy có người đem một cái đầu rồng trao cho mình, còn mình lấy cái váy trùm lên, sau sinh ra Tôn Lượng.

Năm Xích Ô thứ mười ba, Lượng được lập làm Thái tử, thỉnh cầu cho chị gái của phu nhân xuất giá, Quyền nghe rồi đồng ý. Năm sau, lập phu nhân làm Hoàng hậu.

¹ Làm nô tì, chuyên may vá lụa ở trong cung thất.

Phu nhân tâm kế ác hiểm hay đổ ky với người có nhan sắc, từ đầu chí cuối, gièm pha hại bọn Viên phu nhân rất nhiều lần.^①

Quyền ốm nặng, phu nhân sai người hỏi Trung thư lệnh Tôn Hoảng về việc chuyên chế của Lã hậu ngày trước. Vì hầu hạ Quyền lao nhọc, vì thế phu nhân suy nhược sinh bệnh, các cung nhân dò xét lúc phu nhân ngủ, cùng nhau thắt cổ giết đi, nói thác ra là bị bạo bệnh chết. Sau việc tiết lộ, sáu bảy người bị buộc tội chết. Không lâu sau Quyền mất, phu nhân được hợp táng ở Tương Lăng.

Tôn Lượng tức vị, dùng chồng của chị gái phu nhân là Đàm Thiệu làm Kỵ đô úy, nắm binh. Lượng bị phế, Thiệu cùng gia thuộc bị phái về bản quận là Lư Lăng.

① *Ngô lục* chép: Viên phu nhân, là con gái của Viên Thuật, rất tiết hạnh nhưng không có con. Quyền mấy lần đem con của các nàng hầu để phu nhân nuôi dưỡng, thường không nuôi được. Lúc Bộ phu nhân chết, Quyền muốn lập phu nhân. Phu nhân tự thấy mình không có con, cố từ không nhận.

Toàn phu nhân của Tôn Lượng, là con gái của Toàn Thượng. Tùng tổ mẫu của phu nhân là Toàn công chúa⁽¹⁾ rất yêu mến phu nhân, mỗi khi vào cung thường cho đi cùng. Lúc mẹ con Phan phu nhân được sủng ái, Toàn công chúa bởi có hiềm khích với mẹ của Tôn Hòa, bèn khuyên Quyền cho con trai của Phan thị là Lượng nạp phu nhân, Lượng vì thế được lập làm người nối tự. Phu nhân được lập làm Hoàng hậu, dùng Thượng làm Thành môn Hiệu úy, phong tước Đô đình hầu, thay Đặng Dận làm Thái thường, Vệ tướng quân, tấn phong tước Vĩnh Bình hầu, Lục Thượng thư sự. Bấy giờ họ Toàn có năm người được ban tước hầu, đều nắm giữ binh mã, còn lại làm Thị lang,

¹ Con gái của Bộ phu nhân là Tôn Lỗ Ban (Đại Hổ), lấy Toàn Tông. Toàn Thượng và Toàn Tông là anh em họ.

Kỵ đô úy, túc vệ tả hữu, từ lúc nước Ngô hưng vượng, ngoại thích được quý hiển chẳng ai bằng. Lúc Đại tướng nước Ngụy là Gia Cát Đản dâng cả Thọ Xuân đến nương bảm, nhưng bọn Toàn Dịch, Toàn Đoan, Toàn Y, Toàn Nghi đều nhân cơ hội ấy hàng Ngụy, Toàn Hy vì mưu kế bại lộ nên bị giết, từ đó họ Toàn suy nhược. Lúc Tôn Lâm phế Lượng làm Cối Kê vương, sau lại giáng làm Hậu Quan hầu, phu nhân theo Tôn Lượng đến đất phong, trú ở Hậu Quan, Thượng đem gia thuộc dời đến Linh Lăng, bị quân đuổi theo giết.①

① Ngô lục chép: Vợ của Lượng thông minh hiền hậu, hiểu ý người khác, lại rất có nhan sắc, trú ở Hậu quan, lúc nước Ngô bình mới quay về, năm Vĩnh Ninh trung thì chết.

Chu phu nhân của Tôn Hưu, là con gái của Chu Cú, do Công chúa là chị gái của Hưu sinh ra.① Năm Xích Ô mạt, Quyền vì Hưu nạp phu nhân làm phi. Hưu làm Lang Nha vương, phu nhân theo đến ở Đan Dương. Năm Kiến Hưng trung, Tôn Tuấn chuyên quyền chính sự, công tộc đều lo họa. Vợ của Toàn Thượng tức là chị gái của Tuấn, cho nên chỉ có Toàn công chúa giúp Tuấn.

Khi trước, thời Tôn Hòa làm Thái tử, Toàn công chúa gièm pha hãm hại Vương phu nhân, muốn phế Thái tử, lập Lỗ vương, Chu công chúa không nghe, bởi thế có hiềm khích.

Năm Ngũ Phượng trung, Tôn Nghi mưu giết Tuấn, việc lộ bị giết. Toàn công chúa nhân đó nói Chu công chúa và Nghi đồng mưu, Tuấn giết oan Chu công chúa. Hưu sợ, phái phu nhân về Kiến Nghiệp, cầm tay khóc lóc chia biệt. Lúc đến nơi, Tuấn lại phái người đưa phu nhân về chỗ Hưu. Năm Thái Bình trung, Tôn Lượng biết Chu công chúa bị Toàn công chúa làm hại, liền hỏi Chu công chúa vì sao chết? Toàn công chúa sợ nói:

- Ta thật không biết, đều ở lời hai con của Cú là Hùng và Tồn bảm.

Lượng giết Hùng và Tồn. Vợ của Tồn là em gái của Tuấn, Tôn Lâm càng úy kỵ Lượng, bèn phế Lượng, lập Hưu.

Năm Vĩnh An thứ năm, Hưu lập phu nhân làm Hoàng hậu. Hưu chết, quần thần tôn phu nhân làm Hoàng thái hậu. Tôn Hạo tức vị hơn tháng, biếm phu nhân làm Cảnh hoàng hậu, hiệu là An Định cung. Năm Cam Lộ nguyên niên tháng bảy, phu nhân bị bức chết, hợp táng với Hưu ở Định Lăng.^②

① Thần Tùng Chi cho rằng vợ của Hưu chính là cháu ngoại của Hưu, giống như việc của Hán Huệ đế vậy. Tuân Duyệt đã chê cười việc đó hết mức, cho nên chẳng cần nói lại thêm nữa.⁽¹⁾

② *Sưu thần ký* chép: Tôn Tuấn giết Chu công chúa, chôn ở Thạch Tử Cương. Quy mệnh hầu tức vị, muốn cải táng cho Chu công chúa. Vì mồ mả trùng điệp, không thể phân biệt được, nhưng cung nhân biết rõ lúc công chúa chết mặc y phục ra sao, Hạo bèn sai hai thầy đồng cốt mỗi người một chỗ để gọi hồn, sai người giám sát, không cho họ đến gần nhau. Một lúc lâu, hai người đều bạch: Thấy một nữ nhân chừng hơn ba mươi tuổi, đầu buộc khăn gấm màu xanh, dây xiêm y màu trắng, đi giày vải màu đỏ, từ Thạch Tử Cương đi lên lưng chừng núi, lại lấy tay ôm gối cất tiếng than thở, lưu luyến một lát, rồi tiến đến một ngôi mộ đứng lại, bồi hồi một lúc lâu, rồi thốt nhiên không thấy nữa. Lời của hai người, không bàn mà giống, vì thế cho khai mộ, y phục đúng như lời nói.

Hà Cơ của Tôn Hòa, người quận Đan Dương huyện Câu Dung. Cha của Hà Cơ là Toại, vốn là kỵ sĩ. Tôn Quyền thường đi tuần du đến các doanh trại, Cơ đi chơi ở trên đường, Quyền trông xa thấy lạ, lệnh cho hoạn quan triệu vào, đem ban

¹ Thời Hán Huệ đế, năm thứ tư, Huệ đế lập Trương thị làm Hoàng hậu; Trương thị là do chị gái của Huệ đế là Lỗ Nguyên công chúa sinh ra, Thái hậu vì muốn tăng tình thân, nên cho hôn phối với Đế. Tuân Duyệt, là tác giả sách *Hán ký* trước đây đã chê trách việc đó. Nay Tôn Hưu lấy Chu phu nhân (cháu gọi Hưu bằng cậu). Bùi Tùng Chi chỉ nêu việc giống nhau lúc ấy và việc trước kia của Huệ đế và nói là không bình phẩm gì thêm.

cho con là Hòa. Sinh được con trai, Quyền mừng, đặt tên là Bành Tổ, tức Hạo vậy.

Sai khi Thái tử Hòa bị phế, giáng xuống làm Nam Dương vương, trú ở Trường Sa. Tôn Lượng tức vị, Tôn Tuấn làm phụ chính. Tuấn vốn nịnh nọt Toàn công chúa, Toàn công chúa cùng mẹ của Hòa hiềm khích, bèn khuyên Tuấn dời Hòa tới trú ở quận Tân Đô, phái sứ giả đến ban lệnh tự xử, đích phi⁽¹⁾ của Hòa là Trương thị cũng tự sát. Hà Cơ nói:

- Nếu đều chết theo cả, ai sẽ dưỡng dục con cô?

Vì thế vỗ về nuôi nấng Hạo, và ba người em của mình.

Hạo tức vị, suy tôn Hòa làm Chiêu hiến hoàng đế,^① Hà Cơ làm Chiêu hiến hoàng hậu, hiệu là Thăng Bình cung, hơn tháng sau, lại phong làm Hoàng thái hậu. Lại phong em của Hà Cơ là Hồng làm Vĩnh Bình hầu, Tương làm Lật Dương hầu, Thục làm Tuyên Thành hầu. Hồng chết, con của Hồng là Mạc nối tự, làm Vũ Lăng giám quân, bị nhà Tấn giết hại. Thục làm quan đến chức Đại tư đồ.

Thời Ngô mặt hôn ám loạn lạc, họ Hà kiêu căng lấn áp người trên, con em hoành hành phóng túng, bách tính lo họa. Cho nên dân gian có kẻ ngoa truyền rằng "Hạo chết lâu rồi, người được lập là con của họ Hà."^②

① *Ngô lục* chép: Hạo ban đầu suy tôn Hòa làm Chiêu Hiến hoàng đế, không lâu sau lại đổi là Văn hoàng đế.

② *Giang Biểu truyện* chép: Hạo lấy con gái của Trương Bố làm Mỹ nhân, sủng ái, Hạo hỏi rằng:

- Cha ngươi ở đâu?

Đáp rằng:

¹ Đích phi tức là vợ cả.

- Giặc đã giết ông ấy.⁽¹⁾

Hạo cả giận, dùng gậy đánh chết. Sau nghĩ đến nhan sắc của Trương thị, bèn sai thợ khéo khắc gỗ làm tượng mỹ nhân, thường để ở bên chỗ ngồi. Hỏi tả hữu rằng:

- Bố còn có con gái nữa không?

Tả hữu đáp rằng:

- Con gái lớn của Bố lấy con của cố Vệ úy Phùng Triều là Thuần.

Hạo lập tức đoạt lấy vợ của Thuần đưa vào cung, rất sủng ái, bái làm Tả phu nhân, ngày đêm cùng với phu nhân ở trong buồng yếm ẩm, không nghe việc triều chính, sai quan Thượng phương dùng vàng chế ra mấy nghìn chiếc hoa toại, bộ diêu, giả kế.⁽²⁾ Lại lệnh sai cung nhân đeo vào để nô đùa với nhau, sớm làm xong tối đã hỏng, lại bỏ ra cho làm lại, người thợ nhân thế lấy trộm đi, kho tàng dần dần rỗng không. Lúc phu nhân chết, Hạo thương xót nhớ nhung, táng ở trong vườn, đắp mộ lớn, sai thợ mộc lấy gỗ bách khắc tượng người, để trong khu mộ làm binh vệ, đem các vật kim ngân trân bảo tổng táng theo, nhiều không tính xuể. Sau khi đã chôn táng, Hạo để tang ở trong cung, nửa năm không ra ngoài. Người trong nước thấy việc an táng quá xa hoa, đều bảo là Hạo đã chết, nên mới an táng xa xỉ như thế.

Con của cậu Hạo là Hà Đô dung nhan hình dáng giống Hạo, người ta nói rằng Đô được lập thay. Thái thú Lâm Hải là Hề Hy tin lời ngoa truyền, cất binh muốn kéo về giết Đô, chú của Đô là Thực bấy giờ làm Bị Hải đốc, đánh giết Hy, di diệt ba họ, lời đồn nhảm mới dứt, nhưng nhân tâm vẫn còn ngờ.

¹ Tôn Hưu chết, Tôn Hạo được lập, đặc chí kiêu căng, làm việc thô bạo, ham tử sắc, quần thần thất vọng. Trương Bố lúc trước lập Hạo, rất hối hận, Hạo biết được giết Bố. Xem thêm tập VII, quyển 48, (Tôn Hạo truyện). Khi Hạo hỏi về Bố, con gái của Bố bảo Hạo rằng: “Giặc giết ông ấy.” Tức nói Hạo là giặc vậy, vì thế Hạo tức giận, giết đi.

² Hoa toạ là vật trang sức, không rõ hình dáng thế nào; Bộ diêu (dao) giống như cái trâm cài tóc, có kết mấy sợi dây ở đuôi cái trâm, khi đi bộ thì lúc lắc lay động, vì thế nên gọi là bộ diêu. Giả kế tựa tựa như cái cặp tóc, có hai miếng sắt kẹp lại với nhau dùng tơ lụa quấn quanh, có buộc các viên ngọc để trang điểm.

Đằng phu nhân của Tôn Hạo, là con gái trong họ tộc của cố Thái thường Đăng Dận. Dận bị diệt tộc, cha của phu nhân là Mục, vì có họ xa với Dận bị đẩy ra quận biên ải. Tôn Hưu tức vị, thi hành đại xá, được về, Hưu lấy Mục làm Ngũ quan trung lang.

Sau khi Hạo được phong làm Ô Trình hầu, đem lễ vật đến cưới con gái Mục làm phi. Hạo tức vị, lập làm Hoàng hậu, phong Mục làm Cao Mật hầu, bá làm Vệ tướng quân, Lục thượng thư sự. Về sau triều thần thấy Mục là thân thích bên ngoại được tôn quý, thường suy cử Mục can gián Hạo, rồi sau sự sủng ái của Hạo với Phu nhân kém dần, Hạo càng thêm không hài lòng, nhưng mẹ của Hạo là Hà Cơ thường giúp đỡ cho phu nhân. Lại nữa là Thái sử nói, theo lịch số, ngôi Hậu không nên thay đổi, Hạo tin lời đồng cốt, cho nên không phế bỏ Hậu, thường sai chăm sóc Thằng Bình cung. Mục bị phái đến ở quận Thương Ngô, tuy tước vị không giảm, kỳ thật là đẩy ra biên ải, trên đường đi buồn phiền mà chết.

Bấy giờ Quan viên ở Trường thu cung,⁽¹⁾ chỉ sung cho đủ số mà thôi, các việc tiếp nhận triều kiến, khánh hạ, biểu chương, tấu sớ vẫn như cũ. Nhưng trong đám sủng phi của Hạo, số người mang ngọc tỷ và dây đeo ngọc tỷ của Hoàng hậu thì rất nhiều vậy. ① Năm Thiên Kỷ thứ tư, phu nhân theo Hạo đến Lạc Dương.

① *Giang Biểu truyện* chép: Hạo lại sai Hoàng môn đi khắp châu quận, để tìm lấy con gái của nhà quan lại tướng sĩ. Con gái của những đại thần hưởng lộc hai nghìn thạch, đều phải nói rõ tên tuổi, mười lăm mười sáu tuổi nhất loạt được tuyển chọn, tuyển chọn không trúng, mới được xuất giá. Người ở hậu cung đến mấy nghìn người, nhưng chỉ chọn thêm chứ không bỏ.

¹ Trường thu cung, tức cung của Hoàng hậu.

Bình rằng: Dịch nói: "Nhà nhà đều có khuôn phép thì hiên hạ yên định." *Kinh Thi* nói: "Hãy làm gương cho vợ của mình, rồi mới đến anh em, sau đến khắp cả nước nhà." Tin thay, đúng vậy thay! Xa thì xem việc Tề Hoàn, gần thì xét việc Tôn Quyền, họ đều là kẻ sĩ có hiểu biết sáng suốt, có chí khí của bậc nhân kiệt, mà đích thứ bất phân, khuê đình thác loạn, để tiếng cười kim cổ, lưu tai ương cho hậu tự. Từ đó mà xét, duy có người lấy đạo nghĩa làm nền tảng, lấy việc bình ổn làm chủ đạo, thì sau đó có thể tránh khỏi mối họa này!

---ॐ---

QUYỂN THỨ NĂM MƯƠI MỐT

TÔNG THẤT TRUYỆN



Tôn Tĩnh tự Ấu Đài, là em út của Kiên. Lúc Kiên mới cử sự, Tĩnh tập hợp bộ khúc ở thôn xóm và người trong tông thất được năm sáu trăm người làm bảo chương,⁽¹⁾ chúng đều quy phục. Sách phá Lưu Do, bình các huyện, rồi tiến đánh Cối Kê, phái người tới mời Tĩnh, Tĩnh đem hết gia thuộc cùng Sách hội ở Tiền Đường. Bấy giờ Thái thú Tiền Đường là Vương Lãng cự Sách ở Cổ Lăng, Sách mấy lần qua sông giao chiến, không thắng được. Tĩnh thuyết Sách rằng:

- Lãng cậy hiểm giữ thành, khó mà hạ ngay được. Ở phía nam Tra Độc cách chỗ này mấy chục dặm, là yếu đạo cửa ngõ, nên từ chỗ đó chiếm hậu phương của Lãng, đấy gọi là "Công kỳ vô bị, xuất kỳ vô ý"⁽²⁾ vậy. Ta sẽ đích thân đốc suất mọi người làm quân tiên đội, phá địch tất xong.

Sách nói:

- Hay.

Bèn vờ phát lệnh trong quân rằng:

- Gần đây trời mưa liên tiếp nước đục, binh sĩ uống nước nhiều người bị đau bụng, ta ra lệnh phải gấp rút chuẩn bị mấy trăm cái vại sành để gạn lấy nước trong.

Đến chiều tối, lại phóng hỏa la liệt để đánh lừa Lãng, rồi lập tức chia quân ngay trong đêm kéo tới Tra Độc, tập kích đồn Cao

¹ Lực lượng phòng vệ, tự giữ địa phận của thôn xóm, họ mạc.

² Đánh chỗ giặc không phòng bị, ra chỗ địch không ngờ tới.

Thiên.① Lãng cả kinh, phái cố Thái thú Đan Dương là bọn Chu Hân dẫn binh đến giao chiến. Sách phá bọn Hân, chém đầu chúng, vì thế bình định Cối Kê.②

Sách dâng biểu cử Tĩnh làm Phấn vũ Hiệu úy, muốn trao cho Tĩnh trọng nhiệm, Tĩnh lưu luyến mộ phần của tông tộc, không thích làm quan, xin ở lại trấn thủ cố hương. Sách nghe theo.

Quyền thống quản công việc, sai người phong Tĩnh làm Chiêu nghĩa Trung lang tướng, sau Tĩnh chết tại nhà.

Tĩnh có năm con là: Cảo, Du, Kiểu, Hoán, Khiêm.

Cảo có ba con là: Xước, Siêu, Cung. Siêu làm Thiên tướng quân. Cung sinh ra Tuấn. Xước sinh ra Lâm.

① Thần Tùg Chi xét: Nay huyện Vĩnh Hưng có cầu Cao Thiên.

② *Cối Kê điển lục* chép: Hân tự Đại Minh. Thời trẻ du học ở kinh sư. Thờ Thái phó Trần Phồn làm thầy, xem rộng các sách, sáng suốt việc xem khí gió, khéo suy diễn tai họa dị thường. Được triệu vào phủ Thái úy, xét cử cao đệ, ít lâu được thăng làm Thái thú Đan Dương. Tào công dấy nghĩa binh, Hân trước sau phái binh lính hơn vạn người trợ giúp Công chinh phạt. Viên Thuật còn ở Hoài Nam, Hân ghét cái ngạo ngược quá quắt của Thuật, cắt đứt không hợp tác.

Hiển đế Xuân Thu chép: Viên Thuật phái Ngô Cảnh đánh Hân, chưa hạ được, Cảnh bèn treo bảng tuyên cáo rằng trăm họ ai dám theo Chu Hân thì giết không tha. Hân nói:

- Ta thì không có đức, nhưng trăm họ có tội gì đâu?

Bèn giải tán binh sĩ, quay về bản quận.

Tôn Du tự Trọng Dị, lấy thân phận Cung nghĩa Hiệu úy bắt đầu lĩnh quân. Bấy giờ tân khách và chư tướng đa phần là người Giang Tây, Du dốc lòng phủ dụ, khiến ai cũng vui lòng.

Năm Kiến An thứ chín, Du lĩnh Thái thú Đan Dương, được quân dân nương bám, có đến hơn vạn người. Du được thêm chức Tuy viễn tướng quân.

Năm thứ mười một, Du và Chu Du cùng đánh dẹp hai đồn Ma, Bào, phá được. Sau lại theo Quyền cự Tào công ở Nhu Tu, Quyền muốn giao chiến, Du khuyên Quyền thận trọng giữ vững, Quyền không nghe, ra quân quả nhiên không làm được gì. Du được thăng làm Phấn uy tướng quân, lĩnh quận như cũ, từ Lật Dương dời về đóng quân ở Ngưu Chử.

Du dùng người huyện Vĩnh An là Nhiêu Trộ làm trưởng huyện Tương An, người huyện Vô Tích là Nhan Liên làm trưởng huyện Cư Sào, sai họ đi chiêu nạp hai quận Lư Giang, Cửu Giang, hai quận đều quy phục. Người huyện Tế Âm là Mã Phổ rất chăm học thích cổ thư, Du lấy lễ hậu đãi, sai mấy trăm con em của quan lại tướng sĩ ở hai phủ tới chỗ Phổ thụ nghiệp, rồi dựng học quán, đến xem việc giảng dạy. Bấy giờ chư tướng đều lấy việc quân vụ làm chính, nhưng Du lại thích tam phần ngũ điển, tuy ở trong quân lữ, tiếng tụng đọc không ngừng.

Năm ba mươi chín tuổi, tức năm Kiến An thứ hai mươi chết. Du có năm con là: Di, Hy, Diệu, Man, Hoàn. Man làm quan đến chức tướng quân, được phong tước hầu.

Tôn Kiêu tự Thúc Lăng, ban đầu được bái làm Hộ quân Hiệu úy, lĩnh binh hai nghìn người. Thời ấy Tào công mấy lần xuất quân ra Nhu Tu, Kiêu thường đến chống, tự xưng là quân tinh nhuệ. Được thăng làm Đô hộ Chinh lỗ tướng quân, thay Trình phổ làm Đốc Hạ Khẩu. Hoàng Cái và anh là Du chết, Kiêu lại thu gồm binh của họ. Được ban các huyện Sa Tiễn, Vân Đổ, Nam Tân Thi, Cánh Lăng làm phụng ấp, tự đặt các trường lại.

Kiêu coi thường tiền bạc, ưa giúp đỡ người, rất khéo giao kết, cùng Gia Cát Cẩn hữu hảo, ủy thác cho người quận Lư Giang là Lưu Tĩnh quản tài vụ, người quận Giang Hạ là Lý Doãn quản dân chính, người quận Quảng Lăng là Ngô Thạc, người quận

Hà Nam là Trương Lương quản quân vụ, còn dốc lòng đãi ngộ như người thân, chẳng ai không hết lòng.

Kiểu từng phóng thích những mỹ nữ của tướng sĩ quan lại nước Ngụy ở biên ải bị các binh lính đi do thám bắt được dâng cho Kiểu, thay y phục cho họ rồi đưa họ về, lại xuống lệnh rằng:

- Nay kẻ đáng giết là họ Tào, trăm họ nước Ngụy có tội gì đâu? Từ nay về sau, không được đánh bắt người già trẻ nhỏ bên ấy nữa.

Bởi thế người vùng Giang Hoài đa phần quy thuận.

Kiểu từng vì việc nhỏ mà cùng Cam Ninh phát phần cãi cọ, có người can Ninh, Ninh nói:

- Làm kẻ thần tử trước pháp luật đều như nhau, Chính lỗ dẫu là công tử, sao có thể tự ý khinh nhờn người khác được! Ta gặp mình chủ, chỉ nên hết sức theo mệnh, để báo ơn trời bể, thực chẳng thể khuất mình theo thói tục.

Quyền nghe chuyện, gửi thư trách Kiểu rằng:

"Từ khi ta cùng phương bắc đối địch, trong khoảng mười năm, thời trước các tướng chống giữ còn ít tuổi, nay sắp ba mươi cả rồi. Không tẻ nói 'tam thập nhi lập',⁽¹⁾ không phải là chỉ nói về việc học ngũ kinh vậy. Ta cho khanh cầm tinh binh, uỷ thác cho khanh trách nhiệm lớn, thống lĩnh chư tướng ngoài ngàn dặm, là mong muốn người dốc lòng như Chiêu Hề Tuất của nước Sở,⁽²⁾ đương uy nơi biên cảnh phía bắc, không chỉ sai đi để buông tuồng sướng ý mà thôi."

¹ Ba mươi tuổi thì tự lập.

² Chiêu Hề Tuất (昭奚恤), là bầy tôi của Sở Tuyên vương thời Xuân Thu, ai nghe nói đến Chiêu Hề Tuất đều sợ cả, vua hỏi quần thần vì sao, có người nói: "Hồ hay bắt thú để ăn thịt, có lần bắt được cáo. Cáo dọa: 'Mày chớ chạm đến ta, chết ngay đấy, ta được Trời sai xuống đây quản trăm muông, mày ăn thịt ta là trái mệnh trời, thiệt thân lập tức, mày không tin để ta đi trước, mày theo hầu phía sau, xem có con thú nào thấy ta mà không sợ hãi trốn lánh không!' Hồ tin, đi theo cáo, quả nhiên muông thú trông thấy đều chạy. Hồ không biết là muông thú sợ mình, tưởng là sợ cáo. Nay nhà Vua nước mạnh, quân nhiều, Vua giao quyền thế cho Chiêu Hề Tuất, người phương bắc sợ Hề Tuất, kỳ thực là sợ Vua, cũng như bách thú sợ hổ vậy."

"Gần đây nghe nói khanh cùng Cam Hưng Bá uống rượu, khanh vì rượu phát tác, xâm phạm khinh mạn người đó, khiến người đó xin làm thuộc hạ trong quân hạt của Lã Mông. Người đó tuy thô hào, có lúc chẳng hợp ý người khác, nhưng đại khái ông ấy đại trượng phu vậy. Ta thân thiết với ông ấy, không phải là có riêng tư gì. Ta thân gần yêu mến ông ấy, khanh xa lánh ghét ông ấy; việc mà khanh làm thường trái ý ta, làm thế có thể được lâu sao? Kê giữ được sự cung kính mà hành sự giản dị, có thể gần gũi với dân; yêu quý người mà rộng lượng bao dung, có thể thu được bụng chúng. Hai điều ấy mà còn không biết, sao có thể đốc trách coi sóc kẻ ở xa, ngăn giặc cứu nạn được? Khanh làm trưởng quan, đặc biệt nhận trọng nhiệm, trên thì kẻ ở nơi xa trông vào ngưỡng vọng, dưới thì bộ khúc sớm tối theo hầu, há được tự ý được nổi giận sao? Người ta ai không có lỗi, quý ở chỗ có thể hối cải, nên nghĩ lỗi của mình trước, phải sâu sắc tự trách lỗi. Nay ta phiên Gia Cát Tử Du trình trọng tuyên bố ý chỉ của ta. Sắp gửi thư đi ta hết sức đau buồn, lòng xót xa rơi lệ."

Kiểu được thư, dâng sớ trần tình tạ lỗi, rồi cùng Ninh kết hảo. Về sau Lã Mông sắp đánh úp Nam Quận, Quyền định sai Kiểu cùng Mông làm Tả hữu bộ đại đốc, Mông nói với Quyền rằng:

- Nếu chí tôn thấy Chinh lỗ có thể dùng được, nên dùng ông ấy; nếu thấy Mông có thể dùng được, nên dùng Mông. Trước kia Chu Du, Trình Phổ làm Tả hữu bộ đốc, cùng đánh Giang Lăng, tuy việc quyết ở Du, Phổ tự cậy mình làm tướng đã lâu, và lại đều làm Thị đốc, vì thế hai người bất hòa, suýt hỏng quốc sự, đấy là điều răn trước mắt vậy.

Quyền ngộ ra, tạ Mông rằng:

- Ta cho khanh làm đại đốc, lệnh sai Kiểu làm hậu quân.

Việc bắt Quan Vũ, định Kinh châu, Kiểu cũng góp sức.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn Kiểu chết. Quyền truy xét công lao của Kiểu, phong con của Kiểu là Dận làm Đan Dương hầu. Dận chết, không có con.

Em của Kiếu là Hy, lĩnh binh, có tội tự sát, nước phong bị xóa. Các em khác của Dận là Di, Tư, Nghi đều làm tướng quân, được phong hầu. Tư làm Vũ Lâm đốc, Nghi làm Vô Nan đốc.⁽¹⁾ Tư bị Đằng Dận sát hại, Nghi bị Tôn Tuấn sát hại.

Tôn Hoán tự Quý Minh. Sau khi anh là Kiếu chết, Hoán lên thay thống lĩnh bộ chúng của Kiếu, lấy thân phận là Dương vũ Trung lang tướng lĩnh Thái thú Giang Hạ. Tại chức một năm, theo cách làm cũ của Kiếu, hậu đãi Lưu Tĩnh, Lý Doãn, Ngô Thạc, Trương Lương và bọn Lô Cử ở Giang Hạ, gồm được cái hay của bọn họ.

Hoán nói năng chậm rãi lấp bắp nhưng làm việc quan nhanh nhẹn, được quân dân khen ngợi. Năm Hoàng Vũ thứ năm, Quyền đánh Thạch Dương, Hoán lấy thân phận là chủ đất ấy, sai bộ tướng của mình là Tiên Vu Đan đốc năm nghìn người đi trước cắt đứt đường thủy đến sông Hoài, tự mình đốc suất Ngô Thạc, Trương Lương đem năm nghìn người làm tiên phong, bức hàng Cao Thành, thu được ba tướng. Đại quân kéo về, Quyền hạ chiếu sai đi trước, xa giá qua chỗ đóng quân của Hoán, thấy quân lữ của Hoán hàng trận chỉnh tề, Quyền than rằng:

- Trước kia ta lo hấn đần độn, nay xem cách trị quân, chư tướng ít người theo kịp, ta không phải lo lắng nữa rồi.

Liền bái Hoán làm Dương uy tướng quân, phong tước Sa Tiễn hầu. Ngô Thạc, Trương Lương đều được làm Bì tướng quân, ban tước Quan nội hầu.^①

Hoán cũng yêu thích nho sinh, lại lệnh cho con em bộ khúc theo học, về sau có mấy chục người vào triều làm quan. Năm Hoán bốn mươi tuổi, tức năm Gia Hòa thứ ba thì chết. Con của Hoán là Thừa nối tự, lấy thân phận là Chiêu vũ Trung lang tướng thay thống lĩnh binh, cai quản quận. Năm Xích Ô thứ sáu chết,

¹ Vũ Lâm, Vô Nan đều là tên những doanh quân của nước Ngô.

không có con, triều đình phong cho một em thứ của Thừa là Nhất nối sau Hoán, kế nghiệp làm tướng.

Tôn Tuấn giết Gia Cát Khác, Nhất cùng Toàn Hy, Thi Tích đánh em của Khác là Dung làm Công An đốc, Dung tự sát. Nhất từ chức Trấn nam thăng lên chức Trấn quân, được ban Giả tiết Đốc Hạ Khẩu.

Lúc Tôn Lâm giết Đằng Dận, Lã Cự, Cự và Dận đều là chồng của em gái Nhất, em của Nhất là Phong lại biết được mưu của Cự và Dận, bèn tự sát. Lâm phái Chu Dị ngầm tập kích Nhất. Dị đến Vũ Xương, Nhất biết là đánh mình, thống suất hơn nghìn bộ khúc dẫn vợ của Dận chạy sang nước Ngụy. Ngụy lấy Nhất làm Xa kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti, phong tước Ngô hầu, đem Quý nhân của chúa cũ Tào Phương là Hình thị gả cho. Hình thị có sắc đẹp nhưng hay đổ kỵ ganh ghét, người dưới không kham nổi mệnh, bèn cùng nhau giết Nhất và Hình thị. Nhất vào nước Ngụy được ba năm thì chết.

① *Giang Biểu truyện* chép: Lúc trước Quyền ở Vũ Xương, muốn dời đô về Kiến Nghiệp, nhưng lo ngược đường thủy hai nghìn dặm, một sớm biên ải có việc nguy cấp, không đến cứu kịp, vì thế do dự. Lúc đến Hạ Khẩu, ở trong lũy đại hội trăm quan nghị bàn việc ấy, hạ lệnh rằng:

- Chư tướng và quan lại chớ câu nệ chức vị, ai có kế sách, giúp ích cho quốc gia hãy nói ra.

Chư tướng có người bày kế nên xây dựng rào tre gỗ để ngăn sông ở Hạ Khẩu, có người nói nên dùng những xích sắt nặng giăng trên sông, Quyền đều cho rằng không phải kế hay. Bấy giờ Lương là tiểu tướng, chưa ai biết tên, bèn nhảy ra khỏi chỗ ngồi rồi tiến lên nói:

- Thần nghe nói mùi thơm của mỗi câu dẫn dụ được cá dưới suối, tiền bạc nhiều mua được lòng dũng sĩ, nay nên lập rõ tín nghĩa trong việc thưởng phạt, sai tướng thâm nhập sông Miên, cùng địch tranh đoạt lợi thế, hình thế đã thành, bên kia chẳng dám xâm phạm. Ví thử ở Vũ Xương có một vạn tinh binh, giao cho bậc trí

lược gánh vác ngôi tướng soái, luôn điều bát nghiêm chỉnh. Một sớm biên ải có nguy cấp, ứng tiếng cùng kéo đến. Lại đắp thành Cam Thủy, chiến hạm nhẹ mấy nghìn chiếc, là thuyền mọi nơi vẫn ưa dùng, đều sai chuẩn bị sẵn. Như thế ta có mở cửa mời địch đến, thì địch cũng chẳng tới vậy.

Quyền cho kế của Lương là hay nhất, tức thì thăng chức vượt cấp cho Lương. Sau đó ít lâu vì Lương lập được công nên thăng đến chức Miện Trung đốc.

Tôn Bôn tự Bá Dương. Cha của Bôn là Khương tự Thánh Nhất (Thánh Đài), là anh sinh đôi của Kiên. Song thân của Bôn mất sớm, em là Phụ mới sinh, Bôn tự mình nuôi dưỡng Phụ, anh em thương nhau nhất mực.

Bôn làm Trưởng đốc bưu ở quận. Kiên ở Trường Sa đốc nghĩa binh, Bôn bỏ chức theo đi chinh phạt. Kiên chết, Bôn thay thống suất số quân còn lại, giúp việc hộ tống linh cữu của Kiên. Sau khi Viên Thuật chuyển đến Thọ Xuân, Bôn lại nương dựa vào Thuật. Anh họ của Thuật là Thiệu dùng người quận Cối Kê là Chu Ngang làm Thái thú Cửu Giang, Thiệu và Thuật bất hòa, Thuật phái Bôn đánh phá Ngang ở Âm Lăng. Thuật dâng biểu cử Bôn lĩnh Thứ sử Dự châu, rồi chuyển làm Đô úy Đan Dương, hành Chinh lỗ tướng quân, sai đánh dẹp bình Sơn Việt. Vì bị Thứ sử Dương châu là Lưu Do bức đánh đuổi, Bôn nhân đó đem sĩ chúng về trụ giữ Lịch Dương. Ít lâu sau, Thuật lại sai Bôn cùng với Ngô Cảnh gộp sức đánh bọn Phàn Năng, Trương Anh, chưa hạ được. Lúc Sách qua sông về đông, giúp Bôn, Cảnh phá bọn Anh, Năng, rồi tiến đánh Lưu Do. Do trốn đến Dự Chương. Sách phái Bôn, Cảnh quay về Thọ Xuân báo với Thuật, đúng lúc Thuật tiếm hiệu, sắp đặt trăm quan, phong Bôn làm Thái thú Cửu Giang. Bôn không nhận chức, bỏ hết vợ con quay về Giang Nam.^①

Bấy giờ Sách đã bình hai quận Ngô, Cối, Bôn cùng Sách đi đánh Thái thú Lư Giang là Lưu Huân, Thái thú Giang Hạ là Hoàng Tổ, quân đang quay về, nghe nói Do bị bệnh chết, bèn qua bình định Dự Chương, rồi dâng thư xin cử Bôn lĩnh chức Thái thú,^② sau phong tước Đô đình hầu.

Năm Kiến An thứ mười ba, sứ giả của triều đình là Lưu Ân phụng chiếu bái Bôn làm Chinh lỗ tướng quân, lĩnh quận như cũ. Bôn giữ chức được mười một năm thì chết. Con của Bôn là Lân nối tự.

① *Giang Biểu truyện* chép: Viên Thuật dùng Ngô Cảnh giữ Quảng Lăng, người anh trong họ tộc của Sách là Hương cũng là người mà Thuật bổ dụng, làm Thái thú Nhữ Nam, lại lệnh cho Bôn làm tướng quân, lĩnh binh tại Thọ Xuân. Sách gửi thư cho bọn Cảnh nói:

"Nay ta đi đánh Giang Đông, không biết ý của Nhị tam quân⁽¹⁾ ra sao nhỉ?"

Cảnh lập tức bỏ quan quay về, Bôn bị dồn ép rồi sau bị bãi chức, Hương vì đường xa có một mình không về được.

Ngô thư chép: Hương tự Văn Dương. Cha của Hương là Nhụ, tự Trọng Nhụ, là em họ hai đời của Kiên, làm Chủ bộ công tào của quận. Hương theo Kiên chinh phạt lập công, được bái làm Lang trung. Sau vì Viên Thuật ra sức, thêm chức Chinh nam tướng quân, chết ở Thọ Xuân.

② *Giang Biểu truyện* chép: Bấy giờ Đồng Chi người quận Đan Dương tự nhận chức Thái thú Lư Lăng, Sách để em của Bôn là Phụ lĩnh binh trụ giữ Nam Xương, Sách bảo Bôn rằng:

- Huynh nay chiếm cứ Dự Chương, đây là chệt yết hầu của Đồng Chi mà giữ cửa ngõ phía sau họ rồi. Nên dò xét hình thế của chúng, nhân đó lệnh cho Quốc Nghi dàn binh mà tiến, sai Công Cẩn tạo hình thế cứu viện, một trận có thể định được vậy.

Sau đó Bôn nghe tin Chi bị ốm, lập tức theo kế của Sách. Chu Du đến Ba Khâu, Phụ bèn tiến binh chiếm Lư Lăng.

¹ Tức nói ba người là Tôn Bôn, Tôn Hương và Ngô Cảnh.

Lân lên chín tuổi, thay cha quản Dự Chương, được tấn phong tước Đô hương hầu.^① Lân ở quận gần hai chục năm, đánh dẹp bình giặc phản, công tích trị lý sáng rõ. Được triệu về Vũ Xương, làm Nhiễm trưởng đốc. Thời đó Thái thường là Phan Tuấn chấp chương việc ở Kinh châu, Trưởng huyện Trọng An người quận Trần Lưu là Thư Nhiếp mắc tội bị hạ ngục, Tuấn từng bất hòa với Nhiếp, muốn trị tội theo phép. Kẻ bàn luận nhiều người vì việc đó nói, Tuấn vẫn không tha. Lân bảo Tuấn rằng:

- Anh em Thư Bá Ứng tranh nhau chết, người trong nước khen cái nghĩa ấy, cho là cao đẹp, Trọng Ứng trước đây lại có tâm nguyện phụng sự quốc gia. Nay ngài giết con em họ, nếu thiên hạ thống nhất, xa giá tuần du phương bắc,⁽¹⁾ nhân sĩ ở Trung Châu tất hỏi về người nối tự của Trọng Ứng, nếu đáp rằng Phan Thừa Minh giết Nhiếp, ngài sẽ nói về việc ấy thế nào?

Tuấn lập tức hiểu ra, Nhiếp vì thế được thoát.^②

Lân được thăng làm Hạ Khẩu, Miện Trung đốc, Uy viễn tướng quân, ở ngay những nơi nhậm chức. Năm Xích Ô thứ mười hai thì chết. Con của Lân là Miêu nối tự. Em của Miêu là Lã cùng với các chú là An, Hy, Tích, đều lần lượt được làm quan.^③

① *Ngô thư* chép: Lân tự Công Đạt, tính nhã nhặn tinh nhanh, có danh tiếng từ rất nhỏ.

② *Bác vật chí* chép: Trọng Ứng tên Thiệu. Khi trước, người thân hữu của Bá Ứng bị người ta giết hại, Trọng Ứng vì người ấy báo oán. Việc bị cáo giác, anh em tranh nhau chết, sau đều được miễn tội. Thời Viên Thuật, Thiệu là trưởng huyện Phụ Lăng.

¹ Thư Thiệu (舒邵) tự Trọng Ứng, cùng anh là Bá Ứng, người quận Trần Lưu, thuộc phương bắc, là danh sĩ thời Hán mạt, có chí hướng giúp nước, hai anh em nhận tội thay nhau, nghĩa khí của họ rất được người thiên hạ khen ngợi. Thư Nhiếp là con cháu của Trọng Ứng. Tôn Lân có ý rằng, nếu thiên hạ thống nhất, xe vua đi tuần phương bắc, đến quê của Trọng Ứng, người châu ấy nói Trọng Ứng không có người kế tự vì con cháu họ là Thư Nhiếp đã bị Phan Tuấn giết, thì danh tiếng của Phan Tuấn sẽ tồn tại.

Việc cũng thấy nói ở *Giang Biểu truyện*.

③ *Ngô lịch* chép: Lân lại có con là Thuật, làm Vũ Xương đốc, Bình Kinh châu sự. Chấn, làm Vô Nan đốc. Hải, làm Thành môn Hiệu úy. Hâm, làm Lạc Hương đốc. Chấn về sau ngăn chống quân Tấn, cùng Trương Đế đều chết.

Cháu ba đời của Bôn là Huệ, tự Đức Thi.

Huệ biệt truyện chép: Huệ hiếu học có tài trí, năm Vĩnh Ninh nguyên niên thời nhà Tấn, đem quân nghĩa đến giúp Tề vương Quýnh, vì có công được phong làm Tấn Hưng hầu,⁽¹⁾ triệu về làm Đại tư mã tặc tào thuộc. Quýnh kiêu căng xa xỉ lấn bề trên, người thiên hạ thất vọng. Huệ dâng lời lên Quýnh, mượn lời Ngũ nan, Tứ bất khả⁽²⁾ khuyên nên khéo nhún nhường, quy thuận làm phiên thần ở vùng Thanh Đại, lời lẽ rất sâu sắc. Quýnh không dung nạp, ít lâu sau quả nhiên thất bại. Thành Đô vương là Dĩnh triệu Huệ làm Tham quân cho Đại tướng quân. Bấy giờ Dĩnh sắp đi đánh Trường Sa vương, dùng Lục Cơ làm Đô đốc quân tiên phong. Huệ với Cơ là đồng hương thân thiết, lo rằng Cơ sẽ mắc họa, bảo Cơ rằng:

- Tử Hạp nhường chức Đô đốc cho Vương Túy được chăng?

Cơ nói:

- Ngài muốn ta tránh giặc như con chuột rút đầu, lại khiến ta mau chóng bị hại.

Chẳng bao lâu Cơ bị hại, hai em là Vân, Đàm cũng bị giết, Huệ rất thương tiếc họ.

Năm Vĩnh Hưng nguyên niên, xe vua đến huyện Nghiệp, Tư không Đông Hải vương là Việt sửa binh ở Hạ Bi, Huệ gửi thư qua chỗ Việt, nói dối tên họ của mình, tự xưng là người dân ẩn dật ở Nam Lạc tên là Tần Bí Chi, cố sức cần vương đem mưu lược giúp

¹ Loạn Bát vương thời nhà Tấn. Tôn Huệ giúp Tề vương là Tư Mã Quýnh đánh thắng Triệu vương là Tư Mã Luân nên được thăng chức. *Truyện về Tôn Huệ có ở Tấn thư* quyển thứ mười một.

² Ngũ nan là năm việc khó, Tứ bất khả là bốn điều không nên, đây là lời trong sách của Hàn Phi tử, người nước Hàn, cuối đời Chiến Quốc.

đòi, câu từ nghĩa lý rất hoa mỹ. Việt xem thư ấy, cho yết bảng khắp các ngã đường, chiêu mộ tìm người viết thư ấy. Huệ bèn ra gặp, Việt lập tức dùng làm Ký thất tham quân, chuyên phụ trách văn sổ, dự việc tham mưu nghị bàn. Có lần viết hịch, Việt giục ngựa chạy không dừng, Huệ theo lệnh truyền từ miệng mà lập xong, đủ hết văn vẻ theo ý chỉ.

Huệ liên tiếp được thăng chức, sau làm Quảng vũ tướng quân, An Phong nội sử. Năm bốn mươi bảy tuổi chết. Văn chương của Huệ cả thầy có mấy chục thiên.

Tôn Phụ tự Quốc Nghi, là em của Bôn, lấy thân phận là Dương vũ Hiệu úy giúp Tôn Sách bình ba quận.

Sách đánh dẹp bảy huyện của quận Đan Dương, sai Phụ sang tây đóng quân ở Lịch Dương để cự Viên Thuật, đồng thời chiêu dụ dân nông nhàn, tụ hợp dân ly tán. Lại theo Sách đánh dẹp Lăng Dương, bắt được bọn Tổ Lang.^①

Sách sang tây đánh úp Thái thú Lư Giang là Lưu Huân, Phụ làm tùy tùng, thân đi trước sĩ tốt, có công. Sách lập Phụ làm Thái thú Lư Lăng, phủ dụ bình định các thuộc thành, chia đặt trưởng lại. Phụ được thăng làm Bình nam tướng quân, ban Giả tiết lĩnh Thứ sử Giao châu.

Phụ phái sứ giả cùng Tào công truyền tin qua lại, việc bị bại lộ, Quyền giam Phụ vào ngục tối.⁽¹⁾② Được mấy năm thì chết. Con của Phụ là Hưng, Chiêu, Vĩ, Hân, đều lần lượt làm quan.

① *Giang Biểu truyện* chép: Sách đã bình Giang Đông, trực xuất Viên Dận. Viên Thuật rất oán Sách, bèn ngầm phái gian sứ trao ấn thụ cho cừ súy tông dân của Đan Dương là Tổ Lang, sai kích động người Sơn Việt, tập hợp được số quân lớn, mưu đồ cùng đánh Sách. Sách tự mình đốc suất tướng sĩ đánh dẹp Lang, bắt sống hẳn. Sách bảo Lang rằng:

¹ Đây là việc xảy ra sau khi Tôn Sách chết chưa lâu, nhiều tướng lĩnh chưa tin tưởng Quyền nên bị dao động.

- Mày lúc trước tập kích Cô, chém vào yên ngựa của Cô, nay Cô gây dựng quân đội lập đại sự, bỏ cái hận cũ, chỉ tùy tài mà dùng, cùng người thiên hạ kết giao thôi. Không phải chỉ có mày, mà chớ sợ hãi.

Lang khẩu đầu tạ tội. Sách lập tức cời trói, ban y phục, cho tạm nhận chức Môn hạ tặc tào. Lúc quân quay về, Lang cùng Thái Sử Từ đều đi phía trước đoàn quân, người ta cho thế là vinh.

② *Diễn lược* chép: Phụ sợ Quyền chẳng thể thủ giữ được Giang Đông, nhân lúc Quyền xuất hành đến Đông Dã, bèn phái người đưa thư gọi Tào công. Người đưa thư đem việc báo với Quyền, Quyền bèn quay về, vờ như không biết, cùng Trương Chiêu gặp mặt Phụ, Quyền bảo Phụ rằng:

- Huynh chán vui rồi chẳng, sao gọi người khác đến?

Phụ nói không phải. Quyền bèn quẳng lá thư cho Chiêu, Chiêu đem báo với Phụ, Phụ thẹn không nói năng được gì. Quyền bèn cho chém hết những người thân cận của Phụ, chia bộ khúc của Phụ, đẩy Phụ đến phía đông.

Tôn Dực tự Thúc Bật, là em của Quyền, kiêu dũng hung hãn, quả cảm cứng cỏi, có phong độ của anh là Sách. Thái thú là Tru Trị tiến cử làm Hiếu liêm, Tư không triệu.①

Năm Kiến An thứ tám, Dực lấy thân phận là Thiên tướng quân lĩnh Thái thú Đan Dương, bấy giờ mới hai mươi tuổi. Sau đột nhiên bị tả hữu của Biên Hồng sát hại, Hồng cũng bị giết ngay.②

① *Diễn lược* chép: Dực có tên là Nghiễm, tính tình tương tự Sách. Sách sắp chết, bọn Trương Chiêu khuyên Sách đem quân đội phó thác cho Nghiễm, nhưng Sách cho gọi Quyền, đeo ấn thụ cho Quyền.

② *Ngô lịch* chép: Vợ của Dực là Từ thị, là người tiết hạnh.

Việc có liên quan đến bọn Quy Lãm, cho nên sẽ kể ở phần sau, trong *Tôn Thiệu truyện*.

Con của Dực là Tùng làm Thanh xạ Hiệu úy, tước Đô hương hầu.① Năm Hoàng Long thứ ba Tùng chết.

Thừa tướng nước Thục là Gia Cát Lượng gửi thư cho anh là Cấn nói:

"Huynh đã nhận sự đãi ngộ hậu hĩnh của đông triều, ân sủng truyền đến con em. Lại nữa con là Kiêu cho rằng người đó là nhân tài ưu tú, Lượng vì nỗi bất hạnh của người đó mà thương xót. Nay thấy khí vật mà người đó đưa cho Lượng, lại cảm động đến rơi nước mắt."

Lời lẽ thương tiếc Tùng như thế, việc này do con nuôi của Lượng là Kiêu tự kể, cho nên ta chép lại.⁽¹⁾

① Ngô lục chép: Tùng khéo giao kết với người, coi khinh tiền bạc thích giúp đỡ người. Lúc trấn thủ Ba Khâu, mấy lần bàn với Lục Tốn về việc được mất.

Tùng từng có lần phạm lỗi lầm nhỏ, Tốn đổi mặt trách Tùng, Tùng sắc diện có ý bất bình, Tốn quan sát thấy Tùng đã có chút bình tĩnh, bảo rằng:

- Ngài đã thân tự đến hỏi, không chê ta bi lậu, nhiều lần hỏi về khuyết điểm của mình, nên ta theo thành ý đã nói hết lời, ngài liền biến sắc, sao vậy?

Tùng cười nói:

- Thuộc hạ cũng tự giận mình phạm lỗi lầm như vậy, nào phải oán giận đến ngài.

Tôn Khuông tự Quý Tá, là em của Dục. Được tiến cử làm Hiếu liêm, Mậu tài, chưa được dùng thử, thì chết, năm ấy mới hơn hai mươi tuổi.^①

Con của Khuông là Thái, là cháu rể của Tào thị, làm Trường thủy Hiệu úy. Năm Gia Hòa thứ ba, theo Quyền vây đánh Tân Thành, trúng lạc tên chết.

¹ Gia Cát Kiêu là con của Gia Cát Cấn, làm con nuôi của Gia Cát Lượng, bấy giờ Gia Cát Lượng chưa có con, Kiêu sang nước Thục, làm người nối tự cho Lượng. Thời ở Đông Ngô, Gia Cát Kiêu chơi thân với Tôn Tùng nên khi nói chuyện với Lượng có lời khen ngợi Tùng. Gia Cát Kiêu chết ở Hán Trung (năm 228), trước Tôn Tùng (chết năm 231), khi Gia Cát Kiêu chết, có lẽ Tôn Tùng đã gửi các vật cũ của Gia Cát Kiêu thời còn ở Đông Ngô cho Gia Cát Lượng, nên trong thư Lượng mới nói như thế? Lời tự kể của Gia Cát Kiêu có lẽ là chỉ là những lời khen ngợi Tôn Tùng với Lượng.

Con của Thái là Tú làm Tiền tướng quân, Hạ Khẩu đốc. Tú là công thất chí thân, cầm binh ở bên ngoài, Hạo có ý không bằng lòng. Năm Kiến Hành thứ hai, Hạo phái Hà Định đem năm ngàn người đến Hạ Khẩu săn bắn. Trước đấy, trong dân chúng đều nói Tú sắp bị giết, mà Định lại đi xa đến đó săn bắn, Tú vì thế kinh sợ, ban đêm dẫn vợ con và mấy trăm thân binh trốn sang nước Tấn. Tấn triều bèn lấy Tú làm Phiêu kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti, phong tước Cối Kê công.^②

① *Giang Biểu truyện* chép: Tào Hưu tiến ra Đông Khẩu, Lã Phạm thống lĩnh quân ra chống giữ. Bấy giờ Khuông làm Định vũ Trung lang tướng, trái lệnh của Phạm phóng hỏa, đốt mất cỏ khô, khiến đồ quân dụng thiếu thốn, Phạm lập tức bầm lên trên đũa Khuông về Ngô.⁽¹⁾ Quyền tách họ của Khuông thành họ Đinh, cấm chế suốt đời.

Thần Tùng Chi xét bản truyện chép: "Khuông chưa được dùng thử thì chết, năm ấy mới hơn hai mươi tuổi." Nhưng *Giang Biểu truyện* kể rằng Lã Phạm ở Đông Khẩu, Khuông làm Định vũ Trung lang tướng. Đã làm Định vũ, thì không phải là chưa được dùng thử. Và lại Tôn Kiên chết vào năm Sơ Bình thứ hai, chiến dịch Đông Khẩu vào năm Hoàng Sơ thứ ba, thì Kiên chết đến lúc ấy tính gồm là ba mươi một năm, Khuông bấy giờ còn sống trên đời, thì bản truyện đã không nói rằng Khuông chết lúc hơn hai mươi tuổi vậy. Đây có lẽ là người em khác của Quyền là Lãng, *Giang Biểu truyện* lầm cho đấy là Khuông vậy. Danh vị của Lãng thấy ở *Tam triều lục* và sách *Chí lâm* của Ngu Hỷ.

② *Giang Biểu truyện* chép: Hạo cả giận, truy xét đổi họ của Tú thành Lệ.⁽²⁾

Tấn kỷ của Can Bảo chép: Tú ở triều Tấn, lúc mới nghe tin Hạo hàng, quần thần đều đến mừng, Tú xưng bệnh không dự, ngoảnh về nam sa nước mắt nói:

¹ Đông Ngô dựa vào địa hình lau sậy rậm rạp, sông ngòi, hồ đầm, khi giao chiến thường đánh hỏa công; cỏ khô là đồ quân dụng tối quan trọng.

² Chữ "lệ" thường để chỉ những người u tối ám muội và hèn kém.

- Xưa kia Thảo nghịch hai mươi tuổi đã là một vị Hiệu úy sáng nghiệp, nay Hậu chúa đem cả Giang Nam mà vứt bỏ đi, tông miếu sơn lăng, vì thế thành bãi đất hoang. Trời xanh thăm thăm, đây là người sao?

Cả triều đình khen ngợi Tú.

Tấn chư công tán chép: Ngô bình, lại giáng Tú làm Phục ba tướng quân, cho mở phủ như cũ, Năm Vĩnh Ninh trung Tú chết, được truy tặng chức Phiêu kỵ, cho mở phủ. Con của Tú là Kiệm, tự Trọng Tiết, làm Cấp sự trung.

Tôn Thiệu tự Công Lễ. Bác ruột của Thiệu là Hà, tự Bá Hải, nguyên gốc họ Du, cũng người Ngô Quận. Tôn Sách yêu mến, ban cho họ Tôn, được liệt vào họ tộc.^① Sau làm tướng quân, trú giữ Kinh Thành.

① *Ngô thư* chép: Hà, là con cái trong họ tộc của Kiên, sau khi sinh mang họ Du của mẹ, về sau lấy lại họ Tôn. Hà bản chất trung trực, nói năng chậm chạp nhưng hành sự sáng suốt, có khí phách và tài năng, làm việc chuyên cần. Thời trẻ theo Kiên đi chinh thảo, thường làm tiền khu, sau lĩnh tả hữu binh, chủ trương nội sự, được đối đãi xem là tâm phúc, ủy thác trọng nhiệm. Hà theo Sách đi bình định Ngô Quận, Cối Kê, theo Quyền đi đánh dẹp Lý Thuật. Sau khi phá Thuật, được bái làm Uy khấu Trung lang tướng, lĩnh Thái thú Lư Giang.

Khi trước, Tôn Quyền giết Thái thú Ngô Quận là Thịnh Hiễn,^① Hiễn liêm cũ của Hiễn là Quy Lãm, Đái Viên trốn náu ở trong núi, Tôn Dực làm Thái thú Đan Dương, đem lễ đến vờ họ. Lãm làm Đại đô đốc quản binh sĩ, Viên làm Quận thừa. Lúc Dực bị bại, Hà ruổi ngựa đến Uyển Lăng, nổi giận trách mắng bọn Lãm, Viên, cho là họ không tận chức, khiến mưu của bọn gian được thi hành. Hai người bàn rằng:

- Bá Hải với tướng quân là họ hàng xa, mà trách mắng bọn ta như thế. Thảo lỗ nếu đến, thuộc hạ chúng ta không sống sót rồi.

Bèn giết Hà, rồi sai người lên bắc đón thứ sử Dương châu là Lưu Phúc, xin Phúc đóng giữ Lịch Dương, đem cả Đan Dương hưởng ứng Phúc. Gặp lúc bọn thủ hạ dưới trướng của Dực là Từ Nguyên, Tôn Cao, Phó Anh giết Lãm và Viên.^②

① *Cối Kê diễn lục* chép: Hiến tự Hiếu Chương, là người độ lượng rộng rãi, được xét cử Hiếu liêm, bổ làm Thượng thư lang, không lâu lại thăng làm Thái thú Ngô Quận, vì bị ốm từ quan. Tôn Sách bình định Ngô, Cối, giết các anh hào ở hai xứ đó, Hiến vốn có danh vọng cao, Sách rất úy kỵ.

Khi trước, Hiến và Thiệu phủ Khổng Dung có giao hiếu, Dung lo Hiến chẳng tránh được họa, bèn gửi thư cho Tào công nói:

"Quang âm thấm thoát, năm tháng trôi như dòng nước, cái tuổi năm mươi, thốt nhiên đến rồi. Công mới tròn năm mươi, Dung này đã quá tuổi đó hai năm rồi, những kẻ có tri thức trong nước như cỏ cây khô rơi rụng gần hết, duy có Thịnh Hiếu Chương ở Cối Kê vẫn còn. Người ấy khôn bởi họ Tôn, vợ con mất cả, đơn chiếc một mình, cô nguy sâu khổ, ví như để nổi lo lắng làm tổn hại đến con người, sợ rằng Hiếu Chương chẳng thể sống trọn tuổi trời."

*"Xuân Thu truyện⁽¹⁾ nói: 'Chư hầu có kẻ thôn tính lẫn nhau, Hoàn công không cứu giúp, thì Hoàn công xấu hổ với họ.' Nay đích thị Hiếu Chương là anh hùng trong đám trượng phu, kẻ sĩ thiên hạ đàm luận mượn ông ấy để dương danh, mà thân ông ấy chẳng thoát chỗ tù túng, sinh mệnh mất còn chẳng chắc sớm chiều, thế nên tổ tiên ta chẳng phải đàm luận về việc có ích hay có hại của bạn hữu⁽²⁾ nữa, mà Chu Mục nhờ đó viết ra *Tuyệt giao luận*⁽³⁾ vậy. Nếu Công phái một vị sứ giả, đem theo*

¹ Đây là *Xuân thu Công Dương truyện*, không phải *Kinh Xuân Thu* của Khổng tử.

² Câu này vốn xuất xứ từ sách *Luận ngữ*, thiên *Quý thị*. Khổng tử nói: "Có ba loại bạn có ích, ba loại bạn có hại; Bạn ngay thẳng, bạn thành thật, bạn nghe biết nhiều là có ích. Bạn giả bộ uy nghi, bạn hay chiều chuộng, bạn khéo xiểm nịnh là có hại." Khổng Dung là hậu duệ của Khổng tử nên nói câu "tổ tiên ta."

³ Chu Mục (嵇穆) là người thời Đông Hán, cảm khái với sự suy bại của phong tục đương thời, không muốn giảng giải về cái đạo lý bằng hữu mà viết ra hai thiên văn chương là *Sùng hậu luận* và *Tuyệt giao luận*, biểu lộ sự bất mãn với thói đời.

một mẫu thư ngắn, thì Hiếu Chương có thể đến, cái đạo bằng hữu có thể phát dương được vậy.”

“Bọn thiếu niên hiện nay, thích báng bỏ tiền bối, có kẻ chê bai bình phẩm về Hiếu Chương; Hiếu Chương nhất định là người có danh tiếng lớn trong thiên hạ, dân chúng ở chín châu đều xưng tụng. Vua nước Yên mua xương tuần mã, chẳng phải là muốn viết ở trên đường, mà là nhờ đó để tìm được thiên lý mã tuyệt vời vậy.⁽¹⁾ Thiết nghĩ Công khuông phò Hán thất, tông miếu xã tắc sắp đứt, lại có thể ngay ngắn được, cái thuật chính đáng, đích thực là ở chỗ thu được hiền tài. Châu ngọc không có chân mà tự đến được, là vì người ta thích nó vậy, huống chi là bậc hiền giả có chân?⁽²⁾ Chiêu vương đắp đài cao để tôn sùng Quách Hòe, Hòe tuy tài mọn, mà được đãi ngộ long trọng, rút cục truyền bá được sự chí tâm của mình chủ, cho nên Nhạc Nghị từ nước Ngụy đến, Kịch Tân từ nước Triệu qua, Trâu Diễn từ nước Tề tới. Ví như trước đây Quách Hòe ở chỗ nguy khốn mà quân vương chẳng giúp đỡ, sắp chết chìm mà quân vương chẳng cứu vớt, thì kẻ sĩ đều cao chạy xa bay, chẳng ai đến nước Yên ở phương bắc rồi.⁽³⁾”

“Hết thấy những điều dẫn ra đây, tự Công đã hiểu rõ rồi, mà nói ra, là muốn Công xét kỹ việc tôn trọng đạo nghĩa chiêu hiền đãi sĩ, biểu văn này chẳng thể diễn tả tường tận hết được.”

¹ Vua nước Yên cầu ngựa tốt, sai người đi tìm mua, người tìm mua ngựa nghe nói nơi nọ có con ngựa cực hay, đến mua, song ngựa ấy đã chết, ông ta bèn trả cho chủ ngựa năm trăm cân vàng mua bộ xương con ngựa đem về. Vua nước Yên nổi giận, người ấy đáp: “Nhà vua bỏ năm trăm cân vàng mua bộ xương tuần mã, thì tuần mã còn sống giá biết bao nhiêu? Người thiên hạ sẽ vì nhà vua mà đem thứ ngựa quý như vàng đến.” Quả nhiên chưa đầy năm, người ta mang ngựa hay đến rất nhiều, vua chọn được thiên lý mã.

² *Hàn thi ngoại truyện*, quyển sáu chép: Tấn Bình công nói: “Châu sinh ở Giang Hải, Ngọc sinh ở Côn Sơn, không chân mà kéo đến, bởi thế quả nhân yêu thích. Kẻ sĩ có chân mà không đến, nên quả nhân không vui.”

³ Yên Chiêu vương khao khát cầu hiền, để báo cái thù nước Tề tàn phá nước Yên, thỉnh cầu mưu thần là Quách Hòe (郭隗) tiến cử hiền tài, Hòe nói: “Đại vương cứ đãi ngộ Quách Hòe tôi, tôi tài hèn mà được hậu đãi, tất hiền sĩ trong thiên hạ sẽ kéo đến theo đại vương.” Yên vương nghe lời, trọng đãi Quách Hòe, quả nhiên thu được các hiền tài như Nhạc Nghị (乐毅), Kịch Tân (剧辛), Trâu Diễn (邹衍); những người này sau giúp nước Yên hùng cường, hạ được nước Tề thu bảy mươi hai thành, báo cừu rửa hận.

Bởi thế Công triệu Hiến làm Ky đô úy. Chế mệnh chưa đến nơi, quả nhiên Hiến đã bị Quyền sát hại. Con của Hiến là Khuông trốn sang Ngụy, ngôi vị đến chức Chinh đông tư mã.

② *Ngô lịch* chép: Người thân cận của Quy Lãm, Đái Viên là bọn Biên Hồng, mấy lần bị Dục làm khó, thường muốn phản nghịch, nhân lúc Ngô chủ xuất chinh, bèn thi hành gian kế của mình. Bấy giờ các trưởng quan của huyện đều đến hội kiến Dục, Dục có vợ là Từ thị rất hiểu thuật bói mai rùa, Dục vào nói nhỏ với Từ thị:

- Hôm nay ta định làm chủ nhân khoản đãi các trưởng lại, Khanh bói thử xem.

Từ nói:

- Quê không được tốt, nên đợi ngày khác.

Dục vì các trưởng lại đến đã lâu, nên tức tốc sai vợ về, rồi kính mời tân khách. Dục ra vào thường mang đao, lúc ấy rượu đã ngà ngà, tay không tiến khách, Hồng từ phía sau chém Dục, trong quận nhiễu loạn, không ai cứu Dục, vì thế bị Hồng sát hại, Hồng chạy trốn vào trong núi. Từ thị mộ người đuổi bắt, giữa đêm bắt được, Lãm và Viên quy tội rồi giết Hồng. Chư tướng đều biết việc mà Lãm, Viên làm, nhưng sức chẳng đánh dẹp được. Lãm vào ở trong phủ quân, thu hết vợ lẽ nàng hầu của Dục cùng thị ngụ tá hữu, lại muốn lấy Từ thị. Từ thị sợ chống thì bị hại, bèn lừa dối hấn rằng:

- Xin đợi đến ngày hối để bày lễ trừ phục⁽¹⁾ xong đã.

Bấy giờ sắp hết tháng, Lãm thuận theo đợi cúng tế xong. Từ thị ngầm sai người thân tín của mình nói nhỏ với các tướng cũ thân cận của Dục là bọn Tôn Cao, Phó Anh, rằng:

- Lãm đã cướp chiếm tì thiếp, nay lại muốn bức bách ta, vì thế ta bề ngoài hứa theo, là muốn hấn yên lòng để tránh họa thôi. Ta muốn lập kế mọn, xin hai ngài thương tình cứu giúp.

Cao, Anh rỏ nước mắt đáp:

¹ Ngày hối là ngày cuối tháng, lễ trừ phục là lễ cởi bỏ áo tang.

- Chúng tôi chịu ơn tri ngộ của phủ quân, sở dĩ chẳng chết ngay, vì chết là vô ích, muốn nghĩ kế báo thù, kế chưa lập được, nên chưa dám bẩm với phu nhân thôi. Việc hôm nay, thực là mối lo trong sớm tối vậy.

Bèn ngầm gọi kẻ hầu người hạ được Dục nuôi dưỡng lúc bấy giờ chừng hơn hai mươi người, đem ý của Từ nói ra với họ, cùng uống máu ăn thề, chung mưu. Đến ngày hối, bày đồ tế, Từ thị khóc lóc hết sức bi thương, rồi bỏ áo tang, sức hương cỏ thơm, tắm gội sạch sẽ, xong vào trong nhà, thản nhiên buông màn, cười nói tươi vui, như không có gì buồn bã cả. Kẻ hầu lớn nhỏ đều thương xót, quái lạ vì thấy nàng như thế.

Lãm bí mật dò xét kỹ, không có ý ngờ vực nữa. Từ thị kêu Cao, Anh cùng các nữ tì chặn giữ trong cửa, rồi sai người đi báo với Lãm, nói rằng đã trừ hung hóa cát, chỉ đợi phủ quân ra sắc mệnh. Lãm thích ý bước vào, Từ ra cửa bái lạy. Lãm vừa nhận một lạy, Từ liền hô lớn:

- Hai ông hãy khởi sự!

Cao, Anh đều xông ra, chung sức giết được Lãm, những người còn lại lập tức ra ngoài giết Viên. Phu nhân bèn mặc lại áo xô, dâng thủ cấp của Lãm, Viên để tế mộ của Dục. Toàn quân kinh hãi chấn động, cho là việc thần kỳ. Ngô chủ đến liền sau đó, tru diệt hết dư đảng và họ tộc của Lãm, Viên, cất nhắc Cao, Anh làm Nha môn tướng, những người còn lại đều được ban thưởng vàng bạc vải lụa, còn thưởng hết cho cả người nhà của họ.

Thiều năm mươi bảy tuổi, thu nhật binh còn sót của Hà, chữa thành trì, chế tạo thuyền lâu, sửa khí giới sẵn sàng để chống địch. Quyền nghe nói xảy loạn, từ Tiêu Khâu quay về, qua bình Đan Dương, rồi dẫn quân về Ngô. Ban đêm đến doanh trại dưới thành, thủ tấn công gây nhiễu, binh sĩ đều trèo lên thành truyền hịch chuẩn bị cảnh giới, âm thanh dậy đất, đều bắn người bên ngoài, Quyền lệnh sai người ra hiểu dụ mới thôi. Sáng hôm sau gặp Thiều, Quyền rất khen ngợi, lập tức bái làm

Thừa liệch Hiệu úy, cho thống lĩnh bộ khúc của Hà, ăn lộc ở hai huyện Khúc A và Đan Đồ, được tự đặt chức trưởng lại, nhất nhất như Hà ngày trước. Sau này Thiệu làm Thái thú Quảng Lăng, Thiên tướng quân.

Quyền làm Ngô vương, thăng Thiệu làm Dương uy tướng quân, phong tước Kiến Đức hầu. Quyền xưng tôn hiệu, Thiệu làm Trấn bắc tướng quân.

Thiệu làm tướng ở biên ải mấy chục năm, khéo dưỡng sĩ tốt, quân lính có thể chết vì mình. Thiệu thường dùng xích hậu làm nhiệm vụ cảnh giới từ xa, biết trước được động tĩnh để bố trí phòng bị, cho nên ít bị thua bại. Các vùng Thanh, Từ, Nhữ, Bái rất nhiều người đến quy phục, quân do thám của Ngụy ở ven sông vùng Hoài Nam đều triệt binh rời xa, các vùng đất Từ, Từ, Giang, Hoài, trong vòng hơn trăm dặm không có nhà ở.

Từ lúc Quyền tây chinh, về đóng đô ở Vũ Xương, Thiệu không về yết kiến hơn chục năm. Quyền về Kiến Nghiệp, Thiệu được vào triều hầu. Quyền hỏi các đồn ở Thanh, Từ yếu hại ra sao, nhân mã xa gần đông ít thế nào, tướng soái nước Ngụy tên họ là gì, Thiệu đều hiểu biết tường tận, hỏi gì đều đáp được hết.

Thiệu mình cao tám thước, nghi biểu đường đường. Quyền vui mừng nói:

- Ta đã lâu không gặp Công Lễ, chẳng dè lớn đến thế này.

Rồi cho lĩnh thêm chức U châu mục, ban Giả tiết.

Năm Xích Ô thứ tư Thiệu chết. Con của Thiệu là Việt nối tự, làm quan đến chức Hữu tướng quân. Anh của Việt là Khải làm Vũ vệ đại tướng quân, Lâm Thành hầu, thay Việt làm Kinh Hạ đốc. Em của Khải là Dị làm quan đến chức Lĩnh quân tướng quân, Dịch làm Tông chính khanh, Khôi làm Thái thú Vũ Lăng. Năm Thiên Tỉ nguyên niên, trung triệu Khải làm Cung hạ trấn Phiêu kỵ tướng quân.

Lúc trước giặc ở Vĩnh An là bọn Thi Dẫn cướp em của Tôn Hạo là Khiêm, tập kích Kiến Nghiệp, có người bạch là Khải hai lòng không lập tức đến đánh dẹp, Hạo mấy lần phái người đến cật vấn Khải. Khải thường hoảng sợ, rồi sau bị triệu, Khải bèn dẫn vợ con và mấy trăm thân binh sang hàng nhà Tấn, Tấn triều cho Khải làm Xa kỵ tướng quân, phong tước Đan Dương hầu.①

① *Tấn thư công tán* chép: Ngô đã bình, giáng Khải làm Độ liêu tướng quân, năm Vĩnh An nguyên niên Khải chết.

Ngô lục chép: Khải liệu việc chu đáo không bằng Tôn Tú, nhưng người đời lại biết danh tiếng hơn Tú vậy.

Tôn Hoàn tự Thúc Vũ, là con của Hà.① Năm hai mươi lăm tuổi, được bái làm An Đông trung lang tướng, giúp Lục Tốn cùng chống Lưu Bị. Quân của Bị rất đông, khắp núi đầy hang, Hoàn vùng đao găng sức theo mệnh, cùng Lục Tốn hợp sức, Bị vì thế thua chạy. Hoàn chặn đường ở Thượng Quỷ, cắt đứt yếu đạo. Bị trèo núi vượt hiểm, nhờ thế mới thoát được, phát phần than rằng:

- Ta năm xưa đến kinh thành, Hoàn còn là đứa trẻ ranh, mà nay bức cô đến thế này sao!

Hoàn có công được bái làm Kiến vũ tướng quân, phong tước Đan Đồ hầu, Hạ đốc Ngưu Chử, đóng quân ở lũy Hoàng Giang, được ít lâu thì chết.②

① *Ngô thư* chép: Hà có bốn con. Con trưởng là Trạo, làm trưởng huyện Khúc A, con thứ là Nghị làm trưởng huyện Hải Diêm. Đều chết sớm. Con thứ nữa là Hoàn, nghị dung đoan chính, thông minh sáng chí, học rộng nhớ dai, có tài nghị luận ứng đối, Quyền thường khen là Nhan Uyên của tông thất, cất lên làm Vũ vệ đô úy. Theo đi đánh Quan Vũ ở Hoa Dung, dự dư đảng của Vũ, được năm nghìn người, thu trâu ngựa và khí giới rất nhiều.

② *Ngô thư* chép: Em của Hoàn là Tuấn, tự Thúc Anh, tính tình độ lượng rộng rãi, tài kiêm văn võ, làm Định vũ Trung lang tướng,

đồn trú ở Bạc Lặc, năm Xích Ô thứ mười ba thì chết. Con trưởng của Tuấn là Kiến được tập tước, làm Bình lỗ tướng quân. Con út là Thận, làm Trấn nam tướng quân. Con của Thận là Thừa, tự Hiến Thế.

Văn sĩ truyện chép: Thừa hiếu học, có tài văn chương, viết ra bài Huỳnh Hóa phú lưu hành ở đời. Làm Hoàng môn thị lang, cùng Cố Vinh đều làm thị thần.

Thời Quy mệnh,⁽¹⁾ nội thị đa phần đắc tội nặng, duy có Vinh và Thừa được toàn vẹn. Hạo thường sai hai người chép các việc, Thừa đối đáp hết được các điều Hạo hỏi, Hạo hạ chiếu nói:

"Từ nay về sau, dùng người làm Thị lang đều phải được như người ở Tông thất là Thừa và Cố Vinh vậy."

Sau khi Ngô bình, Thừa đến Lạc Dương, làm Trác lệnh thuộc quận Phạm Dương, rất được khen ngợi về thành tích. Năm Vĩnh An trung, Lục Cơ làm Thành Đô vương Đại đô đốc, mời Thừa làm Tư mã, cùng bị hại với Cơ.

Bình rằng: Thân hữu thân cận với mình biết ơn báo đáp, là lẽ thường xưa nay. Con cháu tông thất là thành lũy, thi nhân từng xưng tụng. Huống chi đám con cháu họ Tôn, hoặc giúp hưng cơ nghiệp lúc ban đầu, hoặc trấn giữ biên thùy, ai cũng gắng sức làm tròn nhiệm vụ, chẳng để hổ thẹn đến thanh danh và vinh dự của họ! Cho nên ta đem công trạng của họ ghi chép lại rõ ràng.

--- ॐ ---

¹ Quy mệnh hầu, là tước phong của Tôn Hạo sau khi hàng nhà Tấn.

QUYỂN THỨ NĂM MƯƠI HAI

TRƯƠNG, CỐ, GIA CÁT, BỘ TRUYỆN



Trương Chiêu tự Tử Bối, người Bành Thành. Thời trẻ hiếu học, khéo viết chữ lệ, theo Bạch Hầu tự Tử An học sách *Tả thị Xuân thu*, xem rộng các sách, cùng người quận Lang Nha là Triệu Dục, người quận Đông Hải là Vương Lăng đều nổi danh và là bạn hữu thân thiết. Năm hai mươi tuổi được xét cử Hiếu liêm, không tới, cùng Lăng luận về việc tránh tên húy của các bậc quân vương đời trước, bọn Trần Lâm là kẻ sĩ tài hoa ở trong châu đều khen hay.^① Thứ sử Đào Khiêm cử làm Mậu tài, Chiêu không ứng mệnh, Khiêm cho là khinh mình, vì thế bị bắt trói. Dục dốc lòng giải cứu, Chiêu mới được thoát.

Thời Hán mạt đại loạn, quan dân Từ châu đa phần tránh nạn ở Dương châu, Chiêu xuôi nam vượt sông. Tôn Sách sáng nghiệp, lệnh cho Chiêu làm Trưởng sử, Phủ quân Trung lang tướng, Chiêu lên nhà lạy mẹ Sách, coi như cộng sự cũ chung vai với Sách, các việc văn võ, hết thầy đem ủy thác cho Chiêu.^② Chiêu thường nhận được thư sớ của các sĩ đại phu phương bắc, họ quy hết mọi điều tốt đẹp cho Chiêu, Chiêu nghĩ giấu kín đi, nhưng chẳng nói ra lại sợ bị ngờ là có tư tình, nói ra thì sợ là không thỏa đáng, tiến lui bất an. Sách nghe tin, vui mừng nói:

- Xưa Quán Trọng làm tướng nước Tề, chúa một điều Trọng phụ, hai điều Trọng phụ, mà Hoàn công làm bá chủ hầu được tôn sùng.⁽¹⁾

¹ Quán Trọng giúp Tề Hoàn công, rất được kính trọng, Tề Hoàn công gọi Quán Trọng là Trọng phụ.

Nay Tử Bối là người hiền, ta có thể dùng được Tử Bối, công danh này há chẳng ở ta sao!

① Bấy giờ Chủ bộ quận Nhữ Nam là Ứng Thiệu bàn rằng nên tránh húy của các quân vương thời xưa, kẻ bàn luận có người phản đối có người không, việc chép ở sách *Phong tục thông*. Chiêu soạn bài luận rằng:

"Tân khách có kẻ bàn về người kiến lập đại quốc, luận về kẻ sĩ quân tử, nói rằng bắt đầu từ năm Kiến Vũ đến nay, tên húy của những bậc quân vương thời trước có đến năm mươi sáu vị, cho rằng người đời sau không được đặt trùng. Chọn lời bàn luận ở kinh sách, ví rõ ở các việc, nghĩa cao lời hay, rất đáng khen ngợi. Kẻ ngu này suy nghĩ nông cạn, riêng có ý ngờ."

"Đại khái là trời đất phân khai, muôn vật định hình, mới bắt đầu có cái đạo phụ tử quân thần. Cho nên bậc thánh nhân thuận theo tính trời, chế định lễ nghi chuộng việc kính thuận, theo nghĩa tại tam,⁽¹⁾ vua ban cho lộc, lúc có tang cha mẹ, vua thân đến viếng, lễ nào nặng bằng, ân nào lớn bằng, người được kẻ thần tử tôn sùng kính ngưỡng, là người được vạn người dưới vòm trời nương cậy, sao được đặt tên giống đây? Nhưng thân thích có thứ bậc, tôn kính có hơn kém, cho nên quy định y phục lễ tang trên không đến tận đời cao tổ, dưới không đến tận đời huyền tôn."

"Lại nữa là truyện chép rằng đời thứ tư mặc áo gai để tang, là tận cùng của tang phục rồi; đời thứ năm mặc áo trầy vai, quan hệ cùng họ đã kém vậy; đời thứ sáu thì đã tình thân thuộc đã hết rồi."

"Lại theo Khúc lễ thì nếu không bị bắt buộc thờ tự nữa thì về nghĩa là không cần tránh húy, không tránh húy, đại khái là gọi thẳng tên, là tuyệt cái nghĩa thân thuộc, không phải câu nệ về đặt tên trùng, huống chi là đối với năm mươi sáu bậc quân vương thời xưa ư!"

"Chu Tử hội thề, Quý Hữu đến gặp, không xưng danh, chỉ chép tên tự, bấy giờ người nước Lỗ khen việc ấy.⁽²⁾ Sao lại phân tích rằng kẻ thần tử

¹ Nghĩa tại tam: Xem chú thích ở tập V, quyển 28, trang 171 (Quán Khâu Kiệm truyện).

² Quý Hữu (季友) là đại phu của Lỗ Trang công thời Xuân Thu, Chu tử (邾子) là vua nước Tiểu Chu (nước Nghê), là nước được phong tước tử, thuộc quốc của nhà Chu do Chu Vũ vương phong, nước ấy nằm xen kẽ giữa các nước lớn là Tống, Lỗ,

phải tránh tên húy của vua cha? Chu Mục vương tên húy là Mãn, đến thời Định vương có vương tôn tên là Mãn, người ấy làm Đại phu, đây là bầy tôi có tên trùng quân vương vậy. Lại có Lệ vương tên húy là Hồ, đến con của Trang vương tên là Hồ, việc như thế nhiều lắm. Những việc đem ra nghị bàn, có kinh sách làm minh chứng, có kinh truyện xét chứng có, rồi mới tranh thắng hay rút ý kiến, thì vạn lần không trái, truyền đến trăm đời, vĩnh viễn không có sai lầm.”

“Nay Ứng Thiệu tuy bên trên kính tên húy của các bậc quân vương xưa, nhưng bên dưới không chỉnh tề mạch lạc, bởi thế ta nghi ngờ. Theo thiên Khúc lễ, việc còn ngờ thì không tin được, xem xét trên dưới, cái nghĩa thiếu sót đã tự chứng, lời văn có thể viết ra, xướng lên không hợp cách, sau này xem sao được? Tiếng nói buông ra, ý tứ không tròn, sai lầm ngay trước mắt, hối sao cho kịp đây!”

② Ngô thư chép: Sách được Chiêu, rất hài lòng, bảo rằng:

- Ta đang dựng nghiệp ở bốn phương, dùng sĩ nhân hiền lương là điều tối thượng, ta đối với ngài thực không dám khinh thường vậy.

Bèn lấy làm Hiệu úy, đãi ngộ dùng lễ thầy bạn.

Sách sắp mất, đem em là Quyền phó thác cho Chiêu, vì thế Chiêu thống suất đồng liêu lập Quyền rồi phụ giúp.^① Lại dâng biểu lên Hán triều, phát công văn xuống các thuộc thành, quan quân trong ngoài, đều lệnh cho phải vâng giữ chức sự của mình.

Quyền bị cảm chưa coi được việc, Chiêu bảo Quyền rằng:

- Làm người kế thừa, quý ở chỗ gánh việc của người trước, cháu con xương thịnh gây dựng sự nghiệp của tiền nhân, để thành công nghiệp vậy. Hiện nay thiên hạ như vạc nóng, giặc cướp đầy núi, Hiếu liêm sao có thể nằm giường bị thương, buông thả mình theo cái tình thường của kẻ thất phu được?

Rồi tự mình đỡ Quyền lên ngựa, bày binh đi ra, rồi sau đó lòng quân biết chỗ mà theo về. Chiêu lại làm Trưởng sử cho Quyền,

Tề, Sở. Vua nước Tiều Chu là tông thất nhà Chu, cho đến đời Lỗ Trang công thì đã quá xa rồi, tình thân thích đã hết, cho nên Quý Hữu khi gặp ở hội thề, không tôn kính như đối với vua nhà Chu nữa.

nhận trách nhiệm như trước.② Về sau Lưu Bị dâng biểu tiến cử Quyền làm hành Xa kỵ tướng quân, Chiêu làm Quân sư.

Quyền thường đi săn, hay cưỡi ngựa bắn hổ, hổ có lần xông lên trước vồ lấy yên ngựa của Quyền. Chiêu biến sắc tiến lên nói:

- Tướng quân sao phải làm vậy? Bậc làm quân chủ, là người chế ngự kẻ anh hùng, sai khiến người hiền tài, há đâu lại rong ruổi đuổi muông nơi đồng nội, tranh mạnh với mãnh thú vậy? Nếu một sớm gặp họa, người thiên hạ chẳng chê cười sao?

Quyền tạ Chiêu rằng:

- Ta ít tuổi nghĩ việc không xa, vì thế phải thận với ngài.

Nhưng vẫn không thể dừng được việc săn bắn, lại cho chế xe bắn hổ, làm cái lỗ vuông, lỗ hở không có ván che, chỉ một người ngồi, ở trong xe bắn ra. Có lần một con thú ròi bầy xông lên phạm vào xe, mà Quyền dùng tay không đánh dã thú để làm vui. Chiêu tuy cố can ngăn, Quyền thường cười không đáp.

Năm Hoàng Sơ thứ hai nhà Ngụy, Ngụy phái sứ giả là Hình Trinh đến bái Quyền làm Ngô vương. Trinh vào cửa, không xuống xe. Chiêu bảo Trinh rằng:

- Về lễ không được bất kính, cho nên phép tắc chẳng thể không theo. Ngài dám tự cao tự đại, há coi Giang Nam ta người ít thế yếu, không có mũi đao nào được việc sao!

Trinh tức thì vội vã xuống xe. Chiêu được bái làm Tuy viễn tướng quân, phong tước Do Quyền hầu.③

Quyền ở tại Vũ Xương, lên điếu đài, uống rượu say sưa. Quyền sai người lấy nước tưới lên người quần thần, nói:

- Hôm nay phải uống rượu, chỉ ai say ngã ra trong đài, thì mới được dùng.

Chiêu nghiêm mặt không nói, ra ngoài ngồi ở trong xe. Quyền phái người ra gọi Chiêu quay lại, bảo rằng:

- Chỉ là cùng nhau làm vui thôi, Công vì sao lại giận nhĩ?

Chiêu đáp rằng:

- Xưa kia vua Trụ làm gò men ao rượu uống thâu đêm, lúc ấy cũng là để làm vui, không cho là xấu vậy.

Quyền lặng yên không đáp, có sắc thẹn, rồi bãi hội rượu.

Khi trước, Quyền chuẩn bị đặt chức Thừa tướng, chúng nghị bàn quy về cho Chiêu. Quyền nói:

- Hiện nay lắm việc, chức thống lĩnh trọng trách nặng nề, để ông ấy giữ chức đó không phải là ưu đãi vậy.

Sau khi Tôn Thiệu chết, trăm quan lại cử Chiêu. Quyền nói:

- Cô đối với Tử Bối há chẳng ưu ái sao? Quản công việc của Thừa tướng tạp nhạp phiền nhiễu, nhưng ông ấy tính cương trực, có chỗ đưa lời mà không theo, oán giận sẽ nảy sinh, đấy không phải là việc làm có ích vậy.

Bèn dùng Cố Ung.

① *Ngô lịch* chép: Sách bảo Chiêu rằng:

- Nếu Trọng Mưu không gánh được việc, thì ngài tự nắm lấy quyền. Ví thử việc không được lợi, thì thông thả về phía tây, cũng không có gì phải lo.

② *Ngô thư* chép: Bấy giờ thiên hạ phân liệt, anh hào tự phát hiệu ban mệnh. Tôn Sách thống quản công việc được ít ngày, ân trạch chưa ngấm, bỗng một sớm vong mạng, sĩ dân nương dựa nhau, có một số kẻ dị nghị. Lúc Chiêu giúp Quyền, vỗ về phủ dụ trăm họ, những kẻ sĩ là chư hầu tân khách ở trọ, được tin dùng mà tự yên. Quyền mỗi khi xuất chinh, lưu Chiêu ở lại trấn thủ, cai quản việc trong trướng phủ. Về sau giặc Khăn Vàng nổi lên, Chiêu đánh dẹp bình chúng. Quyền đi đánh Hợp Phì, truyền mệnh cho Chiêu cầm riêng quân đánh dẹp Khuông Kỳ, lại đốc chư tướng, đánh phá đầu lĩnh của giặc ở quận Dự Chương là bọn Chu Phượng ở huyện Nam Thành. Từ đấy trở đi Chiêu ít khi tự làm tướng soái, thường làm tả hữu, là bày tôi định kế mưu. Quyền vì Chiêu là cự thần, rất kính trọng đãi ngộ.

③ Ngô lục chép: Chiêu cùng bọn Tôn Thiệu, Đằng Dân, Trịnh Lễ, lựa chọn các lễ nghi của nhà Chu, nhà Hán, biên soạn định lễ nghi triều đình.

Quyền đã xưng tôn hiệu, Chiêu vì già lão bệnh tật, dâng trả quan vị và quân lính mà mình thống lĩnh.^① Quyền lại đổi bái Chiêu làm Phụ Ngô tướng quân, ngôi vị chỉ dưới Tam công, cải phong tước Lâu hầu, thực ấp vạn hộ.

Chiêu ở nhà không có việc gì, bèn soạn sách *Xuân thu Tả thị truyện chú giải* và *Luận ngữ chú*. Quyền từng hỏi Vệ úy là Nghiêm Tuấn rằng:

- Ngài tụng đọc một câu có ý nghĩa thâm thúy trong sách học thời nhỏ được không?

Tuấn nhân đó đọc câu "Trọng Ni ngồi" trong sách *Hiếu kinh*. Chiêu nói:

- Nghiêm Tuấn là học trò bỉ lậu, thần xin giúp bệ hạ tụng đọc.

Bèn tụng câu "Việc người quân tử ưa chuộng", mọi người đều cho là Chiêu biết tụng đọc.⁽¹⁾

① *Giang Biểu truyện* chép: Quyền đã tức tôn vị, mời hội trăm quan, quy công cho Chu Du. Chiêu nâng hốt muốn tán dương công đức, chưa kịp nói, Quyền bảo:

- Nếu theo kế của Trương công, nay ta đã thành kẻ ăn xin rồi.

Chiêu cả thẹn, phục xuống đất mồ hôi toát đầm đìa.

Chiêu trung chính thành thật, có khí tiết của bậc đại thần, Quyền kính trọng Chiêu, nhưng không dùng Chiêu làm Thừa tướng, đại

¹ Câu của Nghiêm Tuấn đọc là câu đầu trong sách *Hiếu kinh*. Nguyên văn: "Trọng Ni cư, Tăng tử thị. Tử viết: Tiên vương hữu chí đức yếu đạo, dĩ thuận thiên hạ, dân dụng hòa mục, thượng hạ vô oán, nhữ tri chi hồ." Nghĩa là: "Trọng Ni ngồi, Tăng Sâm đứng hầu. Khổng tử nói: Cái đạo chí đức của các vua đời trước, là thuận theo thiên hạ, dân chúng hòa mục, trên dưới không oán giận, ngươi có biết chăng?"

Câu của Trương Chiêu đọc là lời trong sách *Luận ngữ*. Nguyên văn: Tử nói: "Quân tử chỉ sự thượng dã, tiến tư tận trung, thối tư bỏ quá, tương thuận kì mỹ, khuông cứu kì ác." Nghĩa là: Khổng tử nói: "Việc mà bậc quân tử ưa chuộng, tiến thì nghĩ tận trung, lui thì nghĩ sửa sai, theo giúp cái tốt đẹp, nản sửa cái ác."

để vì trước kia Chiêu đã phản bác cho rằng lời bàn của bọn Chu Du, Lỗ Túc là sai vậy.

Thần Tùng Chi cho là Trương Chiêu khuyên nhênh đón Tào công, về dụng tâm và chí hướng há chẳng sâu xa sao? Chiêu phẩm đức tốt đẹp thái độ nghiêm túc, gửi thân theo họ Tôn, thật là vào lúc mới gặp vận khốn, buổi lâm than vừa bắt đầu, từ Sách đến Quyền, tài lược đủ để giúp, vì thế hết lòng phò tá, để thành công nghiệp, trên là phiên thần của nhà Hán, dưới bảo vệ muôn dân; cái kế giữ chân vạc, vốn không phải là chí hướng của Chiêu vậy. Tào công cậy thiên thời mà khởi sự, dùng đạo nghĩa dụng công nghiệp, mong thống nhất Hoa Hạ, dẹp bằng Kinh Dĩnh, cơ hội lớn để yên định, là ở dịp ấy. Nếu lời bàn của Chiêu được theo, thì sáu cõi hợp nhất, há có việc binh loạn liên miên kết họa, sau rồi thành ra cái họa hại của thời Chiến Quốc được! Tuy là không có công với Tôn thị, nhưng đã là người đại trí với thiên hạ rồi. Trước kia Đậu Dung theo nhà Hán, cùng chìm nổi với quốc gia; Trương Lỗ hàng nhà Ngụy, được ban thưởng đến đời sau. Huống chi Quyền dâng cả nước Ngô, trông gió mà thuận phục, cái hậu của ân sủng phúc trạch, há có thể đo lường được sao! Như thế thì Chiêu làm người bày mưu, há chẳng vừa trung vừa chính hay sao!

Chiêu mỗi khi triều kiến, lời lẽ cứng mạnh gay gắt, ý tỏ ra mặt, từng vì nói thẳng trái ý chỉ, có một thời gian không được vào yết kiến. Sau nước Thục sai sứ đến, xưng tụng đức tốt của chúa Thục, mà quần thần tuyệt chẳng ai ứng đối được, Quyền than rằng:

- Nếu Trương công ngồi đây, bên ấy chẳng bị bẻ gãy thì cũng mất khí phách, sao tự khoa trương được nữa?

Hôm sau, phái quan Trung sứ đến úy lạo hỏi han, nhân đó mời gặp Chiêu. Chiêu rồi chiếu đến tạ, Quyền quỳ xuống ngăn lại. Chiêu ngồi yên, ngẩng lên nói:

- Trước kia Thái hậu, Hoàn vương không đem lão thần phó thác cho bệ hạ, mà đem bệ hạ phó thác cho lão thần, vì thế thần nghĩ phải dốc tận tiết tháo của bậc tôi thần, để báo ân dày, khiến cho sau khi đã chết rồi, còn được người ta khen ngợi kể

lại, nhưng thần suy nghĩ nông cạn, làm trái ý tốt của bệ hạ, đã tự nghĩ rằng mình phải đắm chìm trong chốn tối tăm, mãi bị vớt bỏ nơi ngòi rãnh, chẳng dè lại được nhận ân dần vào triều kiến, được vâng mệnh nơi màn trướng. Nhưng ngu thần một lòng vì việc nước, tỏ chí trung cần, đến chết mới thôi. Đến như việc thay lòng đổi tính, cầu thả cầu vinh chọn lấy sự an thân, đấy là điều mà thần không làm được vậy.

Quyền bèn tạ lỗi.

Quyền vì Công Tôn Uyên xưng làm phiên thần, bèn phái Trương Di, Hứa Yến đến Liêu Đông báo Uyên làm Yên vương, Chiêu can rằng:

- Uyên phản bội nước Ngụy sợ bị đánh, từ xa đến cầu viện, không phải là bản ý vậy. Nếu Uyên thay đổi ý đồ, muốn tự tỏ ý với nước Ngụy, hai sứ giả của ta không trở về, ta há chẳng nhận sự chê cười của người thiên hạ sao?

Quyền cùng Chiêu tranh biện lật đi lật lại vấn đề, Chiêu cố chấp giữ ý lại nóng nảy, Quyền không nhin được, cầm đao trên tay giận dữ nói:

- Sĩ nhân nước Ngô vào cung thì báo Cô, ra khỏi cung thì báo ngài, Cô kính trọng ngài, cũng là cùng cực rồi, nhưng ngài mấy lần giữa chỗ đông người bắt bẻ Cô, Cô thường sợ rằng mình làm việc thất sách.⁽¹⁾

Chiêu nhìn Quyền chăm chăm nói:

- Thần tuy biết rằng lời mình chẳng được dùng, vẫn thường dốc hết lòng ngu trung, thực vì lúc Thái hậu sắp mất, gọi lão thần đến dưới giường, nói lời di chiếu gửi gắm cho nên mới thế thôi. Nhân đó chảy nước mắt ròng ròng. Quyền ném đao xuống đất, cùng Chiêu đối mặt mà khóc. Nhưng rút cục vẫn phái Di và Yến đi. Chiêu phần hận vì lời của mình không được dùng, bèn

¹ Ý của Quyền là mình giận dữ không nén được đến mất khôn mà giết Chiêu.

xung bệnh không lên triều. Quyền hận Chiêu, dùng đất lấp cửa nhà Chiêu, Chiêu cũng ở trong nhà lấy bùn che kín cửa. Uyên quả nhiên giết Di và Yến. Quyền mấy lần úy lạo và tạ lỗi với Chiêu, Chiêu cố chấp không rời khỏi giường, Quyền bèn đi qua cửa nhà Chiêu mà gọi, Chiêu chối là bệnh nặng không ra. Quyền đốt cửa nhà Chiêu, muốn làm Chiêu sợ, Chiêu lại đóng chặt cửa. Quyền sai người đập lửa, đứng ngoài cửa hồi lâu, các con của Chiêu cùng nâng Chiêu dậy, Quyền cho xe chở về cung, rất tự trách mình. Chiêu không làm sao được, mới đến hội triều.^①

① Tập Tục Xí nói: Trương Chiêu làm thế thực không đúng với lễ mạo của kẻ tôi thần rồi! Là đại thần, ba lần can gián mà chủ không theo thì giữ mình mà lui, chỉ bản thân mình không vui, có gì phải oán phần nhĩ? Và như Tần Mục trái lời can, rút cục làm bá ở Tây Nhung, Tấn Văn thốt nhiên giận dữ, cuối cùng thành đại nghiệp.⁽¹⁾ Tần Mục hối lỗi sai chép thành bài Tần thệ, Hồ Yến không nói lời oán Trọng Nhĩ, vua tôi đạo lý tương thông, trên dưới đều vinh.⁽²⁾ Nay Quyền hối việc làm lúc trước mà cầu xin Chiêu, sau càng nghĩ hối mà nén lòng hạ mình, không xa lánh lại gần gũi, đây là thiện ý của Quyền vậy. Chiêu là đại thần, mà không liệu tính nặng nhẹ đúng sai, nhân việc đó nấn sửa lỗi lầm, sớm khuya chẳng biếng nhác, để được tiếng khen về sau, lại cảm khái phần hận vì lời mình không được dùng, quy tội cho bậc quân vương, đóng cửa cự mệnh, ngồi đợi lửa cháy, há chẳng phải là việc làm trái lẽ sao!

Chiêu dung mạo rất nghiêm trang, có uy phong, Quyền thường nói:

¹ Tần Mục công (秦穆公) muốn đánh nước Trịnh, Kiền Thúc can không nghe, đi vô công, khi về lại bị quân Tấn vây, quân Sở chặn, bèn vòng sang tây đánh rợ Khuynh Nhung, thắng lớn, dẹp các tộc Nhung, khai mở bờ cõi, làm bá phương tây;

Tấn Văn công (晋文公) lưu lạc ở ngoài, muốn an hưởng ở nước Tề không muốn về Tấn, Hồ Yến và mấy bảy tôi khác lừa Tấn Văn công uống rượu say bỏ lên xe chở ra khỏi nước Tề. Tấn Văn tỉnh rượu nổi giận cảm kích ném Hồ Yến. Sau này Tấn Văn lên ngôi, cùng nước Sở tranh bá thắng lớn ở Thành Bộc, làm bá chư hầu.

² Hồ Yến (狐偃), xem chú thích ở tập VI, quyển 40, trang 213 (Lưu Phong truyện).

- Cô cùng Trương công nói chuyện, chẳng dám nói bừa vạ.

Người cả nước kiêng sợ Chiêu. Năm tám mươi mốt tuổi, là năm Gia Hòa thứ năm Chiêu chết. Có di mệnh là dùng khăn vải áo quan mộc, tắm liệm thì dùng thường phục. Quyền mặc áo trắng đến điệu, ban thụy là Văn hầu.^①

Con trưởng của Chiêu là Thừa vì đã tự được phong tước Hầu, nên con út của Chiêu là Hưu được tập tước của cha.

① *Diễn lược* chép: Ta trước đây nghe nói Lưu Kinh châu từng tự mình viết thư muốn trao cho Tôn Bá Phù, để báo với Nễ Chính Bình,⁽¹⁾ Chính Bình cười nhạo, nói: "Như thế là muốn sai trẻ con dưới trướng của Tôn Sách đọc thư, hay là sai Trương Tử Bố xem nhỉ?" Như lời của Chính Bình, là cho rằng Tử Bố có tài cao chăng? Tuy nhiên, là người bụng chứa sách vở coi giữ điển tịch, không thể nói Chiêu không có tài bút vậy. Hơn nữa ta nghe nói người trong đất Ngô gọi Chiêu là Trọng phụ, như thế, người ấy thực sự là hiền thần cốt cán một thời, tiếc rằng người ấy không ở đất Tung Nhạc, mà lại cấm rể ở quận Cối Kê.

Con người em của Chiêu là Phấn hai mươi tuổi, chế ra xe lớn công thành, được Bộ Chất tiến cử. Chiêu không muốn thế, nói:

- Mày còn ít tuổi, sao tự gánh được việc ở trong quân?

Phấn đáp rằng:

- Xưa kia Đồng Ưông vì nước tử nạn, Tử Kỳ cai trị ở ấp A, Phấn này thực sự là kẻ bất tài thôi, về tuổi thì không phải là nhỏ vậy.⁽²⁾

¹ Lưu Kinh châu tức là Lưu Biểu; Nễ Chính Bình tức Nễ Hành, còn lời tự xưng "ta nghe" là lời của Ngự Hoạn, tác giả cuốn *Nguy lược* vậy.

² Đồng Ưông Kỳ (童汪騎), người nước Lỗ. Nước Tề vào đánh nước Lỗ, Đồng Ưông Kỳ còn trẻ, ra trận chống quân Tề, hăng hái chiến đấu mà chết, người nước Lỗ khen ngợi hành vi của Đồng Ưông Kỳ, dùng lễ táng như đối với người lớn. Không từ khen Đồng Ưông Kỳ là có người có nghĩa; Tử Kỳ (子奇) là người nước Tề, năm mười sáu tuổi, làm quan cai trị ở huyện A, huyện A đại trị, đời sau nhắc đến Tử Kỳ là để khen người tuổi trẻ tài hoa.

Sau Phấn lĩnh binh làm tướng quân, liên tiếp lập công, làm quan đến chức Đô đốc Bình Châu (Bán Châu), được phong tước Lạc Hương đình hầu.

Thừa tự Trọng Tự, thời trẻ vì tài học mà nổi danh, cùng Gia Cát Cẩn, Bộ Chất, Nghiêm Tuấn là bạn hữu thân thiết với nhau. Quyền làm Phiêu kỵ tướng quân, triệu làm Tây tào duyện, rồi ra ngoài làm Tây bộ đô úy quận Trường Sa. Đánh dẹp bình giặc núi, thu được một vạn năm nghìn tinh binh. Sau làm Đô đốc Nhu Tu, Phấn uy tướng quân, tước Đô hương hầu, quản lĩnh bộ khúc năm nghìn người.

Thừa là người trung dũng quả cảm hay can thẳng, lại biết xét người, đề bạt người quận Bành Thành là Sái Khoản, người quận Nam Dương là Tạ Cảnh lúc họ là trẻ mồ côi, sau họ đều là bậc quốc sĩ; Khoản làm quan đến chức Vệ úy, Cảnh làm Thái thú Dự Chương.^①

Lại nói Gia Cát Khác thời còn ít tuổi, chúng nhân khen ngợi là anh tài, Thừa nói rằng rút cục người làm bại hoại họ Gia Cát là Nguyên Tốn vậy.

Thừa siêng năng cầu tiến, thành thật với mọi người, phạm là hiền nhân hay thứ dân, chẳng ai không đến nhà bái phỏng. Năm sáu mươi bảy tuổi, là năm Xích Ô thứ bảy thì chết, được ban thụy là Định hầu. Con của Thừa là Chấn nối tự.

Lúc trước, vợ của Thừa chết, Chiêu muốn giúp Thừa hỏi con gái của Gia Cát Cẩn, Thừa vì giao hảo với Cẩn, không nghe, Quyền nghe tin lại khuyên bảo, sau Thừa làm con rể của Cẩn.^② Sinh được con gái, Quyền cho con mình là Hòa thu nạp làm vợ. Quyền thường lệnh cho Hòa phải kính trọng Thừa, giữ lễ của con rể. Chấn cũng chết vào lúc Gia Cát Khác bị giết.

^① Ngô lục chép: Khoản tự Văn Đức, trải các chức trong ngoài, vì giữ mình trong sạch mà nổi tiếng đương thời. Sau làm Vệ úy lĩnh

chức Trung thư lệnh, được phong tước Lưu hầu. Khoản có hai con, là Điều và Cơ. Điều vào thời Tôn Hạo ngôi vị đến chức Thượng thư lệnh, Thái tử Thiếu phó. Cơ làm Thái thú Lâm Xuyên.

Sự tích về Tạ Cảnh nói ở *Tôn Đãng truyện*.

② Thần Tùng Chi xét: Thừa với Gia Cát Cẩn cùng chết vào năm Xích Ô trung, tính ra Thừa ít hơn Cẩn bốn tuổi thôi.

Hưu tự Thúc Tự, năm hai mươi tuổi cùng bọn Gia Cát Khác, Cố Đàm đều là bạn của Thái tử Đãng, đem sách *Hán thư* truyền thụ cho Đãng. ① Hưu từ chức Trung thư tử chuyển làm Hữu bật đô úy.

Quyền thường đi săn, tối mịt mới quay về, Hưu dâng só can gián, Quyền rất khen ngợi, đưa só ấy cho Chiêu xem. Sau khi Đãng chết, Hưu làm Thị trung, được bái làm Đô đốc Vũ Lâm, quản Tam điện quân,⁽¹⁾ thăng làm Dương vũ tướng quân. Vì bè đảng của Lỗ vương Bá vu gièm, nói Hưu cùng Cố Đàm, Trương Thừa lúc luận công ở Thục Pha, thì Hưu, Thừa cùng Điện quân là Trần Tuân có tư tình qua lại, giả tăng công lao của mình, đều bị đày đến Giao châu.

Trung thư lệnh Tôn Hoằng là kẻ nịnh nọt gian trá nguy hiểm khó lường, Hưu từng phần nộ chuyện ấy, ② Hoằng nhân đó vu gièm, Ngô chủ hạ chiếu ban cho Hưu tự xử, bấy giờ bốn mươi một tuổi.

① *Ngô thư* chép: Hưu giảng kiến thức, chọn lựa nghĩa văn, phân biệt sự vật, đều có khuôn phép. Mỗi khi thăng đường yến ẩm, rót rượu bày nhạc, Đãng luôn tỏ ý nhún nhường cùng nhau vui vẻ. Hưu là người hiểu biết thấu suốt, Đãng rất quý mến, thường cho ở bên mình.

② *Ngô lục* chép rằng: Hoằng, là người quận Cối Kê.

¹ Điện quân là chức quan phụ trách quân sự trong quân, lại chia ra ba bộ phận là Trung, Tả, Hữu. Quân Tam điện quân tức là phụ trách cả ba bộ phận quân này.

Cổ Ung tự Nguyên Thán, người Ngô Quận huyện Ngô.^① Sái Bá Dê⁽¹⁾ từ quận Sóc Phương quay về, từng trốn tránh cừu thù ở huyện Ngô, Ung theo học đàn và luyện chữ.^② Châu quận biểu cử Ung, năm hai mươi tuổi làm Trưởng huyện Hợp Phì, sau chuyển giữ chức ở các huyện Lâu, Khúc A, Thượng Ngu, ở đâu cũng có thành tích về cai trị.

Tôn Quyền lĩnh chức Thái thú Cối Kê, không làm việc ở phủ quận, lấy Ung làm chức Thừa, coi việc của quan Thái thú, dẹp trừ giặc cướp, địa giới trong quận yên ổn, quan dân theo phục. Được mấy năm, về làm Tả tư mã.

Quyền làm Ngô vương, chuyển thăng Ung làm Đại lý phụng thường, lĩnh Thượng thư lệnh, phong tước Dương Toại hương hầu, Ung bái tước Hầu về dinh, mà người nhà không biết, sau nghe tin mới kinh ngạc.

① *Ngô lục* chép: Tằng tổ phụ của Ung là Phụng, tự Quý Hồng, làm Thái thú Dĩnh Xuyên.

② *Giang Biểu truyện* chép: Ung theo Bá Dê thụ học, hết sức chuyên tâm học hành, tính tình điềm tĩnh, sáng suốt dễ bảo. Bá Dê quý mến cho Ung là người có tài lạ, nói:

- Khanh tất thành đạt, nay lấy tên ta đặt cho khanh.

Cho nên Ung với Bá Dê cùng tên, là bởi lý do ấy vậy.

Ngô lục chép: Ung tự Nguyên Thán, ý rằng đấy là người mà Sái Ung thán phục, nhân đó có tên tự ấy.

Năm Hoàng Vũ thứ tư, Ung đón mẹ ở huyện Ngô. Mẹ Ung đến nơi, Quyền thân tới chúc mừng, tự bái mẹ Ung ở phủ đình, công khanh đại thần đều đến gặp, sau Thái tử lại đến mừng. Ung không uống được rượu, trầm mặc ít nói, cử chỉ đúng mực. Quyền từng khen rằng:

¹ Sái Ung, tự Bá Dê, người quận Trần Lưu, từng được Hán Hiến đế bái làm Tả trung lang tướng, người sau gọi là Sái trung lang. Sái Ung là cha của nàng Thái Diễm (Thái Văn Cơ) nổi tiếng thời Tam Quốc. Về Sái Ung, xem thêm ở tập II, quyển 6 (Đồng Trác truyện).

- Cổ quân không hay nói, nhưng hễ nói tất đúng.

Giữa buổi yến vui vẻ, nhưng tả hữu sợ rằng uống rượu vào mà thất thổ thì Ung tất thấy, vì thế không dám buông thả hết mình. Quyền cũng nói:

- Cổ Công còn ngồi, khiến người ta không được vui.

Ung bị người ta kiêng sợ như thế.

Năm ấy, đổi Ung làm Thái thường, tấn phong tước Lễ Lăng hầu, thay Tôn Thiệu làm Thừa tướng, Bình thượng thư sự. Các quan văn tướng võ mà Ung tuyển dụng đều tùy theo năng lực của họ, trong lòng không hề có ý riêng.

Bấy giờ Ung thường dò hỏi trong chốn dân gian, người giữ chức vụ ở địa phương xứng đáng, liền bí mật tấu lên. Nếu được chọn dùng, thì quy công lao cho chúa thượng, nếu không được dùng, thì nhất định không tiết lộ ra ngoài. Quyền vì thế kính trọng Ung. Nhưng ở triều đình những lúc bày kế kiến nghị, lời lẽ sắc mặt tuy kính thuận mà giữ vững sự chính trực.

Quyền từng bàn xét việc được mất, Trương Chiêu nhân đấy trình bày các ý kiến mà mình nghe được, đại để cho rằng pháp lệnh quá nhiều, hình phạt quá nặng, nên có chỗ giảm bớt đi. Quyền lặng yên không nói, quay sang hỏi Ung rằng:

- Ngài cho là thế nào?

Ung đáp rằng:

- Điều thần nghe được, cũng như điều mà Chiêu bày tỏ.

Vì thế Quyền mới nghị bàn về việc giảm nhẹ hình phạt.^①

Một thời gian sau, Lã Nhất, Tân Bác làm Trung thư, chủ quản việc tra xét văn thư của phủ quan và châu quận báo lên. Bọn Nhất nhân đó dần dần ra uy tác phúc, vì thế đặt ra việc đánh thuế buôn rượu để độc chiếm cái lợi, kể lỗi xét gian, lỗi nhỏ nhặt cũng báo lên, lại tăng nặng thêm tình tiết để vu hãm, nói xấu hủy báng đại thần, bài xích hãm hại người vô tội, bọn Ung

đều bị cáo mách, nhân đó bị khiển trách. Về sau tội gian của Nhất phát lộ, bị bắt trói đến phủ Đình úy. Ung qua quyết án, Nhất mang thân phận là tù phạm đến gặp, Ung sắc mặt hòa nhã, tra hỏi tội trạng của hắn, lúc sắp đi ra, lại bảo với Nhất rằng:

- Ý chừng ngài không muốn nói gì sao?

Nhất khẩu đầu không nói. Bấy giờ Thượng thư lang là Hoài Tự đối mặt mắng chửi nhục mạ Nhất. Ung trách Tự rằng:

- Quan lại có phép tắc, sao đến nỗi như thế được!②

① *Giang Biểu truyện* chép: Quyền thường lệnh sai Trung thư lang đến chỗ Ung, có khi dò hỏi. Nếu hợp ý Ung, việc có thể thi hành, lập tức cùng bàn bạc lật đi lật lại vấn đề, xét kỹ mà luận, bày rượu thịt ăn uống. Nếu không hợp ý, Ung liền thay đổi nét mặt, lặng im không nói, không bày tỏ gì, Trung thư lang liền cáo từ lui về. Quyền nói:

- Cố công vui mừng, đấy là việc thích đáng nên làm vậy; còn ông ấy không nói gì, đấy là việc chưa thực thỏa đáng vậy, Cô phải nghĩ kỹ việc ấy.

Ung được kính trọng tin tưởng như thế.

Chư tướng ở ven sông, đều muốn lập công ra sức vì nước, đa phần bày tỏ các việc thích hợp nên làm, có người bày kế ngầm tập kích. Quyền đem việc hỏi Ung, Ung nói:

- Thần nghe nói binh pháp rằng người ta về việc tham cái lợi nhỏ, bọn ấy bày mưu như thế, là muốn cầu công danh cho bản thân mình, không phải vì quốc gia vậy, bệ hạ nên cấm chế. Nếu không đủ để biểu dương vũ lực làm địch tổn hại, thì đấy là việc không nên nghe.

Quyền theo lời. Việc quân việc nước cái được cái mất, việc nên làm hay không, ví như Ung không tự nhìn thấy, ngoài miệng không từng nói ra.

② *Giang Biểu truyện* chép: Quyền lấy người cháu gái trong họ, cô gái ấy là cháu ngoại của họ Cố, cho nên Quyền mời cha con Ung và cháu của Ung là Đàm, Đàm bấy giờ làm Tuyển tào thượng thư, được quý trọng tin dùng. Hôm ấy, Quyền rất vui. Đàm say rượu, ba lần đứng dậy múa, múa không biết dừng. Ung trong lòng tức giận. Hôm sau, triệu Đàm đến, quát mắng rằng:

- Quân vương lấy khoan dung nhẫn nại làm đức, bầy tôi lấy cung kính cẩn thận làm tiết. Xưa kia Tiêu Hà, Ngô Hân đều có công lớn, Hà mỗi lần diện kiến Cao đế, tựa hồ như không nói năng gì; Hán thò Quang Vũ, cũng cung kính cẩn thận. Mày đối với quốc gia, há có cái công chinh chiến lao khổ, đáng chép vào sách sử chẳng? Chỉ đều nhờ cậy vào chỗ người nhà, rồi được sủng ái trọng dụng thôi, sao được phép múa không biết dừng lại hả? Tuy rằng sau khi uống rượu, cũng vẫn là cậy ân sủng mà quên cung kính, đức khiêm hư không đủ. Kẻ làm tổn hại nhà ta tất là mày vậy.

Nhân đó nằm hướng mặt vào vách, Đàm nhất thời gây ra lỗi, nên bị khiển trách.

Từ Chúng bình rằng: Ung không để ý việc bị Lã Nhất hủy báng, vẫn tỏ ra khoan hòa vui vẻ, thực có phong thái của bậc trưởng giả rồi. Nhưng mở lời dẫn ý cho hẳn, hỏi điều mà hẳn muốn nói, đấy là việc sai vậy. Nhất gian hiểm loạn phép nước, hủy báng làm hại kẻ trung hiền, nước Ngô ghê lòng, từ Thái tử Đãng, Lục Tốn trở xuống, cực lực thẳng thắn đưa lời can gián mà chẳng được, thế nên Phan Tuấn muốn nhân lúc hội họp tự tay cầm kiếm đâm hẳn, để trừ họa cho nước,⁽¹⁾ trung với chủ ghét kẻ ác, nghĩa lộ rõ ra nét mặt, mà nay Ung thốt nhiên nói ra lời ấy. Nếu như Nhất nói rằng mình bị oan, chẳng xử theo phép được, thì không thể chép tội hạ ngục theo ý chỉ; nếu theo lời cung mà tấu lên, Ngô chủ hoặc giả kính theo lời mà Thừa tướng nói, rồi lại tha thứ, lời của Bá Ngôn, Thừa Minh chẳng đáng cảm khái sao! Hoài Tự vốn không có hận riêng, không có gì ngờ vực, việc mắng chửi nhục mạ hẳn, là tỏ ý ghét kẻ ác thôi, ghét kẻ bất nhân, đấy là người nhân vậy. Quý Vũ Tử chết, Tăng Điểm dựa cửa nhà hẳn mà hát; Tử Triết mừng vui, Tử Sản suy xét tự ước thúc mình.⁽²⁾ Lấy việc ấy mà nói, thì Ung chẳng nên trách Hoài Tự vậy.

¹ Xem việc liên quan ở tập VIII, quyển 61, (Phan Tuấn truyện).

² Tăng Điểm (曾点), tự Tử Triết, là cha của Tăng Sâm, học trò của Khổng tử. Quý Vũ tử (季武子) là quan đại phu nước Lỗ, chuyên quyền vun vén riêng tư, khi chết, Tăng Điểm đến viếng, tựa cửa mà hát, người thời ấy gọi ông là kẻ cuồng sĩ của nước Lỗ. Tử Sản xem việc làm của Tử Triết mà tự xét để răn mình.

Ung làm Thừa tướng mười chín năm, năm bảy mươi sáu tuổi, là năm Xích Ô thứ sáu thì chết.

Vào lúc mới bị bệnh, Quyền lệnh cho thầy thuốc là Triệu Tuyền xem bệnh cho Ung, bái con nhỏ của Ung là Tế làm Kỵ đô úy. Ung nghe tin, buồn bã nói:

- Tuyền giỏi phân biệt chuyện sống chết, ta tất chẳng khỏi được, nên chúa thượng muốn ta tận mắt thấy Tế được phong bái vậy.

Quyền mặc áo trắng thân đến viếng, ban thụy là Túc hầu.

Con trưởng của Ung là Thiệu chết sớm, con thứ là Dụ bệnh nặng, con nhỏ là Tế nối tự, không có con, tuyệt tự.

Năm Vĩnh An nguyên niên, Ngô chủ hạ chiếu rằng:

"Cố thừa tướng Ung, chí đức trung hiền, giữ lễ giúp nước, mà tước hầu diết tuyệt, trăm rất xót thương. Nay cho con thứ của Ung là Dụ tập tước làm Lễ Lăng hầu, để nêu tỏ cái công huân ngày trước." ①

① Ngô lục chép: Dụ có một tên là Mục, cuối cùng làm Thái thú Nghi Đô. Con của Dụ là Vĩnh.

Tấn thư chép: Vĩnh tự Ngạn Tiên, là danh sĩ ở miền đông nam, làm quan nước Ngô, nhận chức Hoàng môn lang, vào thời nhà Tấn trái ngôi vị hiển hách. Thời Nguyên đế sơ trấn giữ Giang Đông, lấy Vĩnh làm Quân tư mã, đối đãi rất hậu. Khi chết, được biểu chương tặng cho chức Thị trung, Phiêu kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti. Con của anh trai Vĩnh là Ngu, tự Mạnh Trữ, thời trẻ có danh vọng, làm Tấn kỵ thị lang, chết sớm.

Ngô thư chép: Em của mẹ Ung là Huy. Tự là Tử Thán, thời trẻ du học, là người môi mép. Tôn Quyền thống quản việc, nghe nói Huy có tài biện luận, triệu gọi, cho tạm nhận chức Chủ bộ. Có lần Huy ra ngoài, thấy một nam tử của Doanh quân sắp bị hành hình ở ngoài chợ, hỏi hắn có tội gì, người ta nói rằng hắn ăn trộm một trăm tiền, Huy ra hiệu bảo dừng lại. Chốc lát, ruồi ngựa đến cửa khuyết bày giải rằng:

- Hiện nay nuôi dưỡng quân sĩ để mưu đánh giặc phương bắc, xem ra tên lính ấy đang trẻ tuổi tráng kiện, và lại thứ ăn trộm là nhỏ nhất, kẻ ngu này xin hãy thương xót mà tha cho hắn.

Quyền đồng ý mà khen Huy. Sau chuyển Huy làm Đông tào duyệt.

Có kẻ truyền tin là Tào công muốn sang đông, Quyền bảo Huy rằng:

- Khanh là tâm phúc của Cô, nay có tin truyền là Mạnh Đức có ý khác, hiện chẳng có ai đủ tin để sai đi thăm dò việc ấy, khanh hãy vì ta mà đi.

Bèn bái làm Phụ nghĩa đô úy, sai đến phương bắc cùng Tào công tương kiến. Công hỏi cặn kẽ các tin tức trong cõi. Huy ứng đối nhún nhường lưu loát, nhân đó nói Giang Đông đất đai phong túc, những kẻ đầu sỏ nơi núi đầm, đều hâm mộ theo giáo hóa làm việc thiện, vì nghĩa giúp binh. Công cười nói:

- Cô với Tôn tướng quân một lòng kết hôn nhân, cùng giúp nhà Hán, nghĩa như người một nhà, ngại sao phải nói thế?

Huy nói:

- Chính vì mình công và chủ tướng nghĩa vững như bàn đá, vui lo cùng chung, tất muốn biết tin tức ở Giang Biểu, vì thế mới đề cập đến thôi.

Công hậu đãi rồi phái về. Quyền hỏi nên sắp xếp thế nào, Huy nói:

- Dịch quốc giấu ý định, trong chốc lát khó suy xét được. Nhưng Huy ngầm dò đoán, nay họ đang cùng Viên Đàm giao tranh, chưa có ý khác.

Quyền bèn bái Huy làm Thái thú Ba Đông, muốn dùng Huy vào việc lớn, đúng lúc Huy chết.

Con của Huy là Dụ, tự Quý Tắc, thời trẻ có danh tiếng, ngôi vị đến chức Trấn đông tướng quân.

Trong tộc của Ung có người tên Đễ, tự Tử Thông, vì hiếu để và liêm chính mà nổi tiếng ở xóm làng. Năm mười lăm tuổi làm Quận lại, đổi phong chức Lang trung, ít lâu được thăng làm Thiên tướng quân. Năm cuối thời Quyền, đích thứ bất phân, Đễ nhiều lần cùng Phiêu kỵ tướng quân Chu Cừ chung bày kế họa phúc, lời lẽ thẳng thắn khẩn thiết, triều đình không sợ Đễ.

Đề đối đãi với vợ rất có lễ, thường đêm khuya mới vào sáng sớm đi ra, ít khi rõ mặt vợ. Có lần Đề ốm nặng, vợ ra thăm bệnh, Đề lệnh cho tả hữu nâng dậy, đội mũ quần khăn mặc thêm áo, lúc đứng đối mặt, giục vợ quay đi, Đề đứng đắn thuần khiết không khinh lờn đến mức như thế.

Cha của Đề là Hương, trải chức Lệnh qua bốn huyện, già lão mới cáo quan. Đề mỗi lần nhận thư của cha, thường vẩy nước quét nhà, chính đốn y phục, lại bày ghế trải chiếu, mở thư ở trên đấy, quỳ lạy mà đọc, cứ mỗi câu lại vâng dạ, đọc xong, lại bái lạy lần nữa. Nếu cha báo tin có bệnh gầy yếu, thì đọc thư mà sa nước mắt, nước nở nghẹn ngào. Lúc cha mất, năm ngày liền Đề không ăn uống gì vào miệng. Quyền giúp làm một cái áo vải lót mình, đều dùng sợi bông mềm, cưỡng ép lệnh cho Đề cởi áo tang. Đề tuy vì việc công phải tự dứt đạo hiếu, vẫn vì mình không được tham gia táng lễ cha, thường vẽ hình cái áo quan lên vách, bày bài vị ở dưới, thường nhìn vào đấy khóc lóc, để tang cha chưa xong thì chết.

Đề có bốn con là: Ngạn, Lễ, Khiêm, Bí. Bí, thời Tấn làm Thứ sử Giao châu. Con của Bí là Chúng, làm Thượng thư bộc xạ.

Thiệu tự Hiếu Tắc, xem rộng kinh truyện, thích bàn xét nhân vật. Thời trẻ cùng người cậu là Lục Tích nổi danh ngang nhau, còn bọn Lục Tốn, Trương Đôn, Bốc Tĩnh đều ở hạng dưới một chút.^① Từ hiền sĩ ở châu quận đến tuần kiệt ở bốn phương, khi qua lại tương kiến, có người nói chuyện xong thì đi, có kẻ kết thâm giao rồi chia tay, tiếng tăm theo gió lan truyền, xa gần khen ngợi. Quyền đem con gái của Sách gả cho Thiệu.

Năm hai mươi bảy tuổi, Thiệu dời nhà đi nhận chức Thái thú Dự Chương. Xuống xe tới tế mộ của bậc đại hiền thời trước là Từ Nhụ Tử,⁽¹⁾ hậu đãi dòng dõi của người ấy; cấm ngặt việc tế tự không hợp lễ chế. Những viên tiểu lại có tư chất tốt, thì lệnh cho đến học sách, chọn lấy kẻ có thành tích xuất sắc, đề bạt họ

¹ Từ Trĩ, tự Nhụ Tử, là người huyện Nam Xương quận Dự Chương, sống vào thời Đông Hán, là nhà kinh học, nổi danh là bậc cao sĩ hiền nhân, được người đời gọi là “Cao sĩ ở Nam Châu.”

lên chức cao, biểu dương điều thiện để thúc đẩy giáo hóa, phong tục tốt đẹp lan truyền rộng rãi.

Khi trước, người huyện Tiễn Đường là Đinh Tư xuất thân là lính thú, người huyện Dương Tiễn là Trương Bình sinh từ nhà thứ dân, người huyện Ô Trình là Ngô Xán, người huyện Vân Dương là Ân Lễ xuất thân thấp hèn, Thiệu đều đề bạt rồi kết bạn với họ, giúp họ dương danh.

Bình gặp đại tang, Thiệu đích thân mặc tang phục kết dây gai đến viếng. Thiệu chuẩn bị đến Dự Chương, sắp sửa khởi hành, đúng lúc Bình ốm bệnh, bấy giờ có mấy trăm người hộ tống, Thiệu hướng vào tân khách nói:

- Trương Trọng Tiết có bệnh, ta lo chẳng đến cáo biệt, sẽ hối tiếc vì không gặp được nữa, xin tạm quay về cùng quyết biệt, các ngài hãy đợi nhau một chút.

Thiệu lưu tâm và nhún nhường với kẻ sĩ, chỉ nghĩ đến điều tốt, đại loại đều như thế.

Tư làm quan đến chức Điển quân trung lang, Bình làm Thái thú Vân Dương, Lễ làm Thái thú Linh Lăng,^② Xán làm Thái tử thiếu phó. Người đời cho là Thiệu biết xét người.

Thiệu làm quan tại quận năm năm, chết khi đương chức, con của Thiệu là Đàm và Thừa.

① Ngô lục chép: Đôn tự Thúc Phương, Tĩnh tự Huyền Phong, đều là người Ngô Quận. Đôn đức độ bao dung mà sâu sắc, trong sạch đạm bạc, lại giỏi văn từ. Tôn Quyền làm Xa kỵ tướng quân, triệu làm Tây tào duyện, rồi chuyển làm Chủ bộ, sau cho ra ngoài bổ chức Hải Hôn lệnh, rất được khen ngợi về thành tích chính trị và giáo hóa, năm ba mươi hai tuổi chết.

Bốc Tĩnh cuối cùng làm Diệm lệnh.

② Con của Lễ là Cơ soạn sách *Thông ngữ*, chép: Lễ tự Đức Tự, còn nhỏ không thích chơi bời, kiến thức sâu sắc hơn người. Thời trẻ làm Quận lại, năm mười chín tuổi, làm Huyện thừa ở huyện Ngô.

Tôn Quyền làm Vương, triệu Lễ phong làm Lang trung. Sau này Lễ và Trương Ôn cùng đi sứ nước Thục, Gia Cát Lượng rất khen ngợi Lễ. Ít lâu sau Lễ thăng làm Thái thú Linh Lăng, chết khi đương chức.

Văn sĩ truyện chép: Con của Lễ là Cơ, làm Vô Nan đốc, vì tài học nổi danh, soạn sách *Thông ngữ* mấy chục thiên. Cơ có ba con:

Cự tự Nguyên Đại, có tài năng, khí độ, ban đầu làm Thiên tướng quân của nước Ngô, thống lĩnh bộ khúc của nhà, giữ thành Hạ Khẩu, sau khi nước Ngô bình, làm Thái thú Thương Ngô.

Con nhỏ của Cơ là Hựu, tự Khánh Nguyên, làm Thái thú Ngô Quận.

Đàm tự Tử Mặc, năm hai mươi tuổi cùng bọn Gia Cát Khác là bốn người bạn của Thái tử, từ chức Trung thứ tử chuyển sang làm Phụ chính đô úy.^① Năm Xích Ô trung, Đàm thay Khác làm Tả tiết độ.^②

Đàm mỗi khi xét sổ sách, chưa từng hạ thẻ tính, chỉ đếm nhẩm trong lòng, mà phát hiện hết được các sai nhầm, kẻ dưới vì thế chịu phục. Đàm được gia thêm chức Phụng xạ đô úy.

Lúc Tiết Tống làm Tuyền tào thượng thư, cố xin nhường chức cho Đàm, nói:

- Đàm tâm trí linh mẫn hành sự cẩn thận, thông suốt đạo nghĩa thấu lẽ nhiệm màu, tài hoa chiếu sáng muôn người, có phẩm đức được chúng nhân ngưỡng vọng, thật chẳng phải là người mà ngu thần có thể theo kịp vậy.

Sau này Đàm thay Tống.

Tổ phụ của Đàm là Ung chết được mấy tháng, Đàm được bái làm Thái thường, thay Ung làm Bình thượng thư sự. Bấy giờ Lỗ vương Bá được sủng hậu, sánh ngang với Thái tử Hòa, Đàm dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói bậc có nước có nhà, tất làm rõ ngọn ngành đích thú, có phân biệt lễ tôn ti, khiến cao thấp có thứ tự, đẳng cấp khác nhau rõ rệt, như thế thì môi mâu thuẫn giữa ân tình cốt nhục mới mong dứt được.

Khi xưa Giả Nghị bày kế trị an, luận về thế lực của chư hầu, cho rằng kẻ quyền thế lớn, dù là thân ắt có ý nghĩ phản nghịch; kẻ quyền thế yếu nhược, dù là sơ ắt ngôi vị vẹn toàn. Cho nên Hoài Nam là em thân thích, chẳng hưởng nước trọn đời, mất ngôi vị là bởi quyền thế lớn vậy;⁽¹⁾ Ngô Nhuế là bấy tôi sơ, truyền lạc ở Trường Sa, được như vậy là bởi quyền thế yếu nhược vậy.⁽²⁾ Ngày trước Hán Văn đế cho Thận phu nhân và Hoàng hậu ngồi cùng chiếu, Viên Áng bỏ chỗ ngồi của phu nhân, Đế có sắc giận, đến lúc Áng phân tích về lễ nghi trên dưới, bày tỏ điều răn về nhân trệ, Đế mới hài lòng, phu nhân cũng ngộ ra.⁽³⁾ Nay cái điều mà thần trình bày, không có gì thiên lệch, thực mong muốn rằng ngôi Thái tử yên định mà Lỗ vương có được vị trí tốt vậy."

Bởi thế Bá với Đàm hiềm khích.

Bấy giờ con của Vệ tướng quân Toàn Tông là Ký, làm con rể của Trường công chúa, là tân khách của Bá. Ký vốn hòa theo kẻ xấu, là những người mà Đàm không dung nạp. Trước đây, em của Đàm là Thừa cùng Trương Hưu đều lên bắc đi đánh Thọ Xuân, Toàn Tông thời ấy làm Đại đô đốc, cùng tướng Ngụy là

¹ Hoài Nam vương Lưu Trường (劉長) là con thứ bảy của Hán Cao tổ Lưu Bang, em của Hán Văn đế. Vì cậy mình là thân thích và có quyền thế lớn nên ngỗ ngược, từng gọi vua là anh, còn ngồi trộm xe vua, lại có lần ngang nhiên đánh chết đại thần của triều đình, nhưng Hán Văn đế nể tình vẫn tha cho. Có lần Lưu Trường cảm quân đi dẹp loạn thắng trận, vua ban thưởng, không chịu nhận, ngang ngược nói: "Ở đây không có ai nghèo." Sau lại can rở câu kết với ngoại bang mưu làm phản, bị kết tội phé bỏ tước vương bắt đi đầy, phải tự sát.

² Ngô Nhuế (吳芮) là Phan Dương lệnh của nước Tần cũ, theo Lưu Bang, có công, được phong làm Trường Sa vương, đất đai nhỏ hẹp, thế lực yếu, chỉ có các quận Trường Sa, Tượng Quận, Quế Lâm, Nam Hải; mà thực ra ba quận sau thuộc đất của Triệu Đà. Vì thế Ngô Nhuế không có mưu đồ gì, tước vương truyền được cho con cháu. Xem thêm chú thích về Ngô Nhuế ở tập V, quyển 28, trang 177 (Gia Cát Đan truyện).

³ Hán Cao tổ Lưu bang sủng ái Thích phu nhân, Lã hậu căm tức, Cao tổ chết, Lã hậu trả thù Thích phu nhân rất thâm, sai người chặt chân tay, móc mắt, cắt lưỡi Thích phu nhân vứt vào chuồng lợn, gọi là nhân trệ (người lợn). Viên Áng (袁盎) nhắc việc ấy để khuyên Hán Văn đế về ngôi thứ của hai người là Hoàng hậu và Thận phu nhân, Văn đế hiểu ra nên hài lòng, nghe theo cách xử trí của Viên Áng.

Vương Lăng giao chiến ở Thuộc Pha, chiến sự có bất lợi, binh Ngụy thừa thắng diệt sạch quân của Ngũ doanh tướng Tân Nhi (Tân Hoảng); Hưu và Thừa ra sức đánh chúng, mới ngăn được quân Ngụy. Bấy giờ các con của Tông là Tụ và Doan cũng đều làm tướng, thừa lúc quân địch bị chặn, bèn tiến đánh chúng, quân của Lăng vì thế lui về. Lúc luận công xét thưởng, cho rằng ngăn thế công của địch là công lớn, đẩy lui địch là công nhỏ, Hưu và Thừa đều được thăng làm Tạp hiệu tướng quân, Tụ và Doan chỉ được thăng chức Thiên bì mà thôi. Cha con Ký càng oán hận, cùng nhau bày kế hãm hại Đàm.^③

Đàm bị buộc tội đày đi Giao châu, ở nơi hẻo lánh nên phát phần, soạn sách *Tân ngôn* có hai mươi thiên. Thiên *Tri nạn* trong sách ấy có lẽ là tự thương xót mình vậy. Bị lưu đày hai năm, năm bốn mươi hai tuổi, chết ở quận Giao Chỉ.

① Lục Cơ chép truyện về Đàm rằng: Tuyên thái tử chính vị Đông cung, Thiên tử đang dạy dỗ Thái tử về đạo nghĩa lớn, tinh tuyển những người tài俊, cho giảng dạy ở bên cạnh. Bấy giờ người tài giỏi ở bốn phương đều tụ tập ở triều, bọn Thái phó Gia Cát Khác hùng tài kỳ lạ đứng đầu chúng nhân, mà Đàm kiến thức trác tuyệt hơn đời, được đặc biệt kính trọng. Từ bọn Thái úy Phạm Thận, Tạ Cảnh, Dương Huy, đều vì có tài lạ mà danh tiếng được ca tụng, nhưng đều đứng dưới Đàm.

② *Ngô thư* chép: Đàm mới đặt chân đến phủ quan, dâng sớ bày tỏ công việc, Quyền dừng ăn khen hay, cho là vượt quá cả Từ Tường.^① Đàm tính nhã nhặn, cao thượng trung thực, không có chí hướng và khí khái, có kẻ vì thế thất vọng về Đàm. Nhưng Quyền xét tài năng của Đàm, đối đãi rất hậu, nhiều lần ban thưởng, thường phá cách triệu gọi.

¹ Từ Tường (徐詳), tự Từ Minh, người Ngô Quận huyện Ô Trình, từng được Tôn Quyền phái đi sứ nước Ngụy kết thân hai nhà. Về nhân vật này không có truyện riêng, chỉ nhắc đến qua loa ở quyển 47 (Ngô chủ truyện – tập VII) và quyển 62 (Hò Tổng truyện – tập VIII).

③ Ngô lục chép: Cha con Toàn Tông thường nói là ở chiến dịch Thục Pha thì Diên quân Trần Tuân giả tăng công lao của Trương Hưu, Cố Thừa, mà Hưu và Thừa cùng Tuân có giao tình qua lại. Hưu bị buộc tội tống ngục, Quyền vì tình cảm ngày trước với Đàm, do dự mãi không quyết được, muốn khiến Đàm tạ lỗi rồi sẽ tha. Đến lúc đại hội, đem ý ấy hỏi Đàm, Đàm không tạ, mà nói:

- Bệ hạ, lời gièm pha nổi lên rồi sao!

Giang Biểu truyện chép: Hữu ti tấu rằng Đàm xằng bậy đại bất kính, tội đáng tử hình. Quyền vì Ung là bầy tôi cũ, không trị tội theo phép, chỉ bắt đi đày.

Thừa tự Tử Trục, năm Gia Hòa trung cùng với cậu là Lục Mạo đều nhận lễ trung triệu. Quyền đưa thư cho Thừa tướng Ung nói:

"Cháu ngài là Tử Trục, có khí phách lớn tiếng tốt danh hay, đến khi cùng tương kiến, mới biết là quá cả điều ta nghe được, ta thay ngài khen ngợi nó."

Rồi bá làm Kỵ đô úy, thống lĩnh quân Vũ lâm. Sau làm Tây bộ đô úy ở Ngô Quận, giúp bọn Gia Cát Khác chung sức bình định người Sơn Việt, được cầm riêng tám nghìn tinh binh, lúc quay về đóng quân ở Chương Khanh, được bá làm Chiêu nghĩa Trung lang tướng, rồi về triều làm Thị trung. Chiến dịch Thục Pha, được bá làm Phấn uy tướng quân, ra lĩnh chức Kinh Hạ đốc. Được mấy năm, cùng anh là Đàm và bọn Trương Hưu đều bị đày đến Giao châu, năm ba mươi bảy tuổi chết.

Gia Cát Cẩn tự Tử Du, người quận Lang Nha huyện Dương Đô.^① Thời Hán mạt đi lánh nạn ở Giang Đông. Đúng lúc Tôn Sách chết, anh rể của Tôn Quyền là Hoàng Tư người huyện Khúc A gặp Cẩn cho là có tài, bèn tiến cử Cẩn với Quyền, Cẩn cùng bọn Lỗ Túc đều được gặp đãi làm tân khách, sau Cẩn làm Trưởng sử của Quyền, rồi chuyển làm Trung tư mã.

Năm Kiến An thứ hai mươi, Quyền phái Cẩn đi sứ Thục thông hiếu với Lưu Bị, cùng em mình là Lượng đều vì việc công tương kiến, khi xong việc không gặp mặt riêng.

① *Ngô thư* chép: Tổ tiên Cẩn là họ Cát, gốc là người huyện Gia quận Lang Nha, sau dời đến huyện Dương Đô. Huyện Dương Đô trước đây có họ Cát, người thời ấy gọi họ là Gia Cát, nhân đó lấy làm họ.⁽¹⁾ Cẩn thời trẻ đi du học ở kinh sư, nghiên cứu *Mao thi*, *Thượng thư*, *Tả thị Xuân thu*. Gặp lúc có tang mẹ, Cẩn cư tang rất có hiếu, cung kính thờ mẹ kế, rất đúng cái đạo của người con.

Phong tục thông chép: Cát Anh làm tướng quân của Trần Thiệp, có công mà bị giết, Hiếu Văn đế truy xét, phong cho các cháu của Anh chức Huyện hầu ở huyện Gia, nhân đó mới đặt họ ấy.

Lời này cùng những điều nói ở *Ngô thư* là bất đồng.

Cẩn bàn luận khuyên can Quyền, chưa từng vội vã đưa lời thẳng, ít biểu lộ phong thái, đại thể chỉ bày tỏ chủ ý, nếu chưa hợp ý Quyền, thì dừng lại đề cập đến việc khác, rồi thông thả mượn công việc mở lại buổi đàm luận mới, để tìm lấy sự việc tương ứng, vì thế tư tưởng của Quyền dần dần thông suốt.

Thái thú Ngô Quận Chu Tri, là người tiến cử Quyền làm tướng, Quyền từng có lần bất mãn với Tri, nhưng vốn rất kính trọng, khó tự mình cật vấn chê trách, nổi cáu giận không tiêu tan được. Cẩn thăm dò biết được duyên cớ việc ấy, nhưng không dám bày tỏ rõ, bèn xin lấy ý riêng để tự vấn, rồi ở ngay trước mặt Quyền viết thư, phẩm luận về đạo lý của vạn vật, nhân đó dùng ý tứ của mình suy diễn xa để thăm dò thái độ của Quyền. Viết xong, đem trình Quyền, Quyền mừng, cười nói:

- Ý của Cô thông suốt rồi. Cái đức của họ Nhan, khiến người ta yêu mến nhau hơn,⁽²⁾ là nói về việc này chăng?

¹ Tức họ Cát ở huyện Gia, gọi thành họ kép Gia Cát.

² Nhan Uyên (Nhan Hôi), là đệ tử giỏi bậc nhất của Không tử. Không tử nói: "Từ khi ta có Hôi, người thân càng thêm thân." Là ý khen rằng cái đức của Nhan Hôi khiến con người ta thân thiết yêu mến nhau hơn.

Quyền lại có lần quở trách Hiệu úy Ân Mô, tội trạng khó lường. Quân thần đa phần vì Mô cầu xin, Quyền càng tức giận, cùng mọi người tranh luận lật đi lật lại, duy có Cấn lặng yên, Quyền nói:

- Sao chỉ có mình Tử Du không nói?

Cấn rời khỏi chiếu nói:

- Cấn cùng bọn Ân Mô gặp lúc bản châu nghiêng ngửa, sinh linh tuyệt diệt, phải bỏ mộ phần tổ tiên, dắt díu người già con trẻ, rẽ cỏ hoang, quy thuận giáo hóa của bậc thánh minh, giữa lúc lưu vong trong chốn dân hèn, được nhận ân phúc sinh thành, chẳng thể tự mình cùng nhau gắng sức, để báo đáp cái ân trong muôn một, đến nỗi khiến Mô phụ lại ân huệ, tự hãm vào tội trọng. Thần tạ lỗi không kịp, thật chẳng dám đưa lời.

Quyền nghe xong thương cảm, bèn nói:

- Ta vì riêng ngài mà tha cho hần.

Về sau Cấn theo đi đánh dẹp Quan Vũ, được phong tước Tuyên Thành hầu, lấy thân phận là Tuy nam tướng quân thay Lã Mông lĩnh chức Thái thú Nam Quận, trú ở Công An.

Lưu Bị sang đông đánh Ngô, Ngô vương xin hòa, Cấn gửi thư cho Bị nói:

"Chợt nghe tin cờ trống kéo đến thành Bạch Đế, e rằng bấy tôi bên ấy bàn luận cho rằng Ngô vương xâm đoạt châu này, sát hại Quan Vũ, oán sâu họa lớn, không nên đáp ứng cho hòa, đây là dụng tâm vào việc nhỏ, chưa lưu ý đến đại cục vậy. Cấn xin thử giúp bề hạ luận các việc nặng nhẹ, cùng việc lớn nhỏ của chuyện ấy. Bề hạ nếu nén bớt uy thế giảm cơn tức giận, tạm xét kỹ lời Cấn nói, kể có thể quyết ngay, không phải bàn lại với quân thần vậy. Bề hạ cho rằng Quan Vũ là thân nhưng sao bằng được Tiên đế? Việc lớn nhỏ ở Kinh châu so với việc trong hải nội thế nào? Cả hai bên đều là thù hận, thì ai trước ai sau? Nếu xét kỹ đạo lý, thật dễ như trở bàn tay vậy."⁽¹⁾ ①

¹ Gia Cát Cấn bày tỏ rằng, Lưu Bị khôi phục nghiệp Hán, đối với Quan Vũ là tình anh em không thể bằng cái tình với Hán Hiến đế là nghĩa vua tôi, việc Kinh châu

Bấy giờ có người nói rằng Cẩn biệt phái thân nhân cùng Bị truyền tin cho nhau, Quyền nói:

- Cô với Tử Du có lời thề sống chết không đổi, Tử Du chẳng phụ Cô, cũng như Cô chẳng phụ lại Tử Du vậy.②

Năm Hoàng Vũ nguyên niên, Cẩn được thăng làm Tả tướng quân, Đốc Công An, ban Giả tiết, phong tước Uyển Lăng hầu.③

① Thần Tùng Chi nói: Vì rằng sau khi họ Lưu lấy Dung Thục làm quan ải, Kinh Sở là biên giới, Quan Vũ điều binh ở vùng sông Miện, sông Hán, có chí lấn thượng quốc, tuy là giúp chủ định nghiệp bá, nhưng công không thể thành, chỉ là dương uy để rung động nơi xa, sách lược có vậy thôi. Tôn Quyền ngầm giấu họa trong tâm, giúp nhà Ngụy trừ hại, thế là trừ diệt quân cần vương của tông tử, hoãn cái kế dòi đô của Tào công, mưu toan cứu vớt nhà Hán, từ lúc đấy kết thúc vậy. Nơi mà cò nghĩa trở đến, tới chỗ họ Tôn là thích đáng rồi. Cẩn đem đại nghĩa ra trách Bị, là trút họa cho người mà không có lý lẽ; vả lại Bị và Vũ đối với nhau, như là tứ thể, chân tay khuyết hại, nỗi phần hận đau xót đã sâu, há lấy lời văn không đúng lẽ kia mà văn hồi được sao! Chép thư này vào truyện, thật là phí lời văn đi vậy.

② *Giang Biểu truyện* chép: Cẩn đến Nam Quận, có người ngầm gièm pha Cẩn. Lời ấy phong thanh truyền ra ngoài, Lục Tốn dâng biểu bày tỏ sự tin tưởng là Cẩn không như thế, nên làm rõ về tin đồn ấy. Quyền đáp thư rằng:

"Tử Du với Cô cộng sự lâu năm, ân tình như cốt nhục, hiểu rõ tường tận về nhau, với người ấy thì việc trái đạo không làm, lời trái nghĩa không nói. Huyền Đức trước kia phái Khổng Minh đến Ngô, Cô từng nói với Tử Du rằng: 'Khanh với Khổng Minh cùng một mẹ sinh ra, vả lại em theo anh, về nghĩa là thuận, vì sao không giữ Khổng Minh ở lại? Khổng Minh nếu ở lại theo Khanh, Cô sẽ gửi thư nói rõ với Huyền Đức, ý là người ấy tự theo ta rồi.' Tử Du đáp lời Cô rằng: 'Em thân là Lượng thác thân với người, gửi thân định phận, về nghĩa là không hai lòng. Em

không thể bằng việc thiên hạ, thù Tào Phi soán Hán phải đặt cao hơn cái thù Tôn Quyền giết Quan Vũ.

thần không ở lại, cũng như Cẩn không qua đó vậy.’ Lời ấy đủ thấu tỏ đến thần minh. Nay há đâu có việc như thế? Cô lúc trước nhận được lời sứ xằng bậy, lập tức phong kín lại bảo rõ với Tử Du, lại tự tay viết thư cho Tử Du, liền nhận được đáp thư của Tử Du, luận về đại tiết quân thần trong thiên hạ, chức phận định rõ ràng. Cô với Tử Du, có thể nói là tình gắn kết như bóng hình giao thác, không có lời nào bên ngoài chia rẽ được vậy. Biết khanh gửi ý đến, ta bèn phong kín tờ biểu lại, để tỏ rõ với Tử Du, khiến ông ấy biết ý của khanh.”

③ Ngô lục chép: Bọn Tào Chân, Hạ Hầu Thượng vây Chu Nhiên ở Giang Lăng, lại chia binh chiếm Trung Châu, Cẩn đem đại binh vì Nhiên cứu viện. Cẩn bản tính thư thả, suy xét đạo lý, trù hoạch kế sách, không biết ứng biến nhanh chỉ dựa vào suy luận, binh lâu ngày không được giải vây, Quyền vì thế mong ngóng. Kịp đến mùa xuân nước dâng cao, bọn Phan Chương dùng thuyền bè làm phòng tuyến ở thượng lưu, Cẩn tiến đến đánh cầu nổi, bọn Chân rút chạy. Tuy không lập được đại công, cũng lấy việc bảo toàn quân giữ cỗi làm công.

Ngư Phiên vì nông cuồng nói thẳng bị lưu đày, duy có Cẩn thường vì Phiên xin giúp. Phiên gửi thư cho người thân của mình nói:

“Gia Cát đôn hậu nhân từ, bắt chước trời cứu sống vật, gần đây có lời bàn cao đẹp, là để bảo toàn danh phận cho ta. Ta tích ác chất chồng tội lỗi quá sâu, bị bệ hạ ghét bỏ, dù được Kỳ lão đến cứu, ta không có cái đức của Dương Thiệt, cũng khó có hy vọng được nói tội.⁽¹⁾”

Cẩn là người có vẻ mặt ưu tư, người bấy giờ kính phục sự khoan hòa nhã nhặn của Cẩn. Quyền cũng coi trọng, có việc đại sự thường đến hỏi, lại bàn riêng với Cẩn rằng:

- Gần đây Cô nhận được biểu của Bá Ngôn, cho rằng Tào Phi đã chết, dân chúng làm ác tác loạn, đương ngóng chờ tình tan lở, nhưng rồi lại yên tĩnh. Nghe nói họ đều tuyển dụng bậc trung

¹ Xem chú thích về Kỳ Hề, Thúc Hưởng ở tập IV, quyển 21, trang 242 (Lưu Di truyện).

lượng, nói lòng hình phạt, ban ân huệ, giảm thuế khóa bớt lao dịch, để dân chúng vui lòng, cái họa của họ với ta sâu hơn thời của Tháo. Cô cho cho rằng không đúng. Những điều mà Tháo làm, duy việc sát phạt kẻ yếu là sai lầm, khiến ly gián cốt nhục của người ta, là việc làm tàn khốc thôi. Đến như trị tướng dùng người, từ xưa ít có. Phi so với Tháo, vạn phần chẳng theo kịp vậy. Ngày nay Duệ chẳng bằng Phi, cũng như Phi không bằng Tháo vậy. Bên ấy sở dĩ chuyên tâm thi hành ân nhỏ, hẳn vì phụ thân mới chết, tự tính là thế suy vi, sợ dân chúng khốn khổ một sớm băng lở, nên miễn cưỡng chịu khuất để tranh thủ lòng dân, muốn để tự giữ yên thôi, há phải là đang ngấm ngầm trối dấy đầu! Nghe nói họ dùng lũ Trần Trường Văn, Tào Tử Đan, một người là văn nhân như học trò, một kẻ là bầy tôi thân thích trong tông thất, há có thể thống ngự được bậc hổ tướng hùng tài để khắc chế thiên hạ sao? Oai quyền chẳng chuyên nhất, thì việc này sai lầm, như Trương Nhĩ, Trần Dư ngày trước, không gì không hòa mục, đến lúc nắm quyền thế, lại quay ra làm hại lẫn nhau, đấy là đạo lý tự nhiên xui khiến ra như thế vậy.⁽¹⁾ Lại nữa là bọn Trường Văn, ngày trước sở dĩ có thể giữ việc thiện, là vì có Tháo áp chế trên đầu, sợ cái oai nghiêm của Tháo, cho nên dốc lòng tận ý, không dám làm trái thôi. Kịp khi Phi kế nghiệp, tuổi cũng đã lớn, nối theo sau Tháo, dùng ân tình ban thêm cho, khiến họ cảm nghĩa. Nay Duệ ít tuổi lực bạc, theo người ta trở đông chỉ tây, như bọn này, tất sẽ nhân đấy tỏ thái độ khinh lòn làm bậy, kết đảng mưu riêng, mỗi người đều có bè đảng của mình nương cậy xu phụ. Đến ngày như thế, lời gian tà thù dật cùng nổi, lại vu hãm oán hận nhau, chuyển thành

¹ Trương Nhĩ (张耳), Trần Dư (陈馥) đều là người thành Đại Lương, sống ở thời Tần mạt. Lúc nghèo hèn họ tin nhau, thề cùng sống chết, nhưng khi giữ chức cao lại tranh quyền, thù ghét giết hại lẫn nhau. Truyện về hai người này có trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên.

hiềm khích đối lập. Ngày ấy đến, quần thần tranh lợi, ấu chủ không khống chế được, cái bại vong của họ còn được bao lâu nữa đây? Sở dĩ biết được như thế, vì từ xưa đến nay, sao có thể bốn năm người cùng nắm giữ quyền bính, mà lại không chia rẽ chuyển thành đấu đá lẫn nhau được! Kẻ mạnh sẽ lấn hiếp kẻ yếu, kẻ yếu sẽ cầu viện trợ, đấy là cái đạo vong loạn vậy. Từ Du, khanh chỉ phải nghiêng tai mà nghe cho rõ, Bá Ngôn thường tính kế lâu dài, e rằng có một việc này là kém cỏi vậy.①

① Thần Tùng Chi cho rằng Ngụy Minh đế là minh chủ một thời, việc triều chính tự mình đưa chủ kiến, lời luận ấy của Tôn Quyền, xem ra không có chứng cứ, nhưng sử quan chép lời ấy, vì nước có vua nhỏ thì có điềm đáng ngờ, uy thế quyền bính chẳng chuyên nhất, là hình thế của sự loạn vong, đúng như lời Quyền nói, nên chép lời ấy vào để làm tấm gương răn bảo vậy. Có người nói rằng tuy việc không trùng ở đời Minh đế, nhưng việc sáng rõ ở Tề vương, việc ở đời Tề vương, có thể không nói là chúng nghiệm được sao! (Trần Thọ là đại thần nhà Tây Tấn – lời người dịch) không dám công khai chỉ trích (họ Tư Mã – lời người dịch), nhưng lời kín đã tỏ rõ cái hàm ý chỉ trích rồi.

Quyền xưng tôn hiệu, bãi Cẩn làm Đại tướng quân, Tả đô hộ, lĩnh Dự châu mục. Lúc Lã Nhất bị giết, Quyền lại hạ chiếu trách mắng bọn Cẩn, lời chép ở *Tôn Quyền truyện*. Cẩn liền nhân sự việc để đối đáp, lời thuận lý đúng.

Con của Cẩn là Khác, vang danh đương thời, Quyền rất coi trọng cho Khác là có tài lạ; nhưng Cẩn thường ngờ vực Khác, bảo rằng đấy không phải là đứa con giữ được gia nghiệp, thường vì thế lo buồn.①

Năm Xích Ô thứ tư, lúc sáu mươi tám tuổi Cẩn chết, di mệnh là dùng áo quan mộc, táng liệm dùng thường phục, việc tang phải kiệm ước. Vì Khác đã tự được phong tước Hầu, nên em là Dung được tập tước, thống nhiếp binh của cha trụ giữ Công An,② quan quân bộ khúc nương dựa vào Dung.

Ngoài cõi vô sự, Dung mùa thu mùa đông thì săn bắn giăng võ, mùa xuân mùa hạ thì mời tân khách yến hội, khoản đãi quan binh, có kẻ ở xa chưa đến nghìn dặm cũng đến bái phỏng. Mỗi khi mở hội liền đến hỏi khắp tân khách, mọi người đều nói ra tài năng của mình, rồi ghép giường trải chiếu, liệu sức chọn đối thủ, hoặc chơi cờ, hoặc đánh Sư bồ,⁽¹⁾ ném mũi tên vào hồ lô, chia ra từng hạng, vì thế quả ngọt theo nhau dâng đến không dừng, rượu ngon thông thả uống, Dung vòng quanh ngắm xem, suốt ngày không mệt. Cha anh Dung vốn chất phác, tuy ở trong quân ngũ, trên người không đeo đồ trang sức; nhưng Dung lại mặc len gấm thêu hoa văn, riêng mình xa xỉ mỹ lệ.

Tôn Quyền chết, chuyển Dung làm Phấn uy tướng quân. Về sau Khác đi đánh Hoài Nam, ban cho Dung nhận Giả tiết, lệnh cho dẫn quân xâm nhập sông Miện, để đánh quân địch ở phía tây.

Khác bị giết rồi, triều đình phái Vô Nan đốc là Thi Khoan đến chỗ bọn Tướng quân Thi Tích, Tôn Nhất, Toàn Hi bắt Dung. Dung thốt nhiên nghe nói có binh sĩ đến, hoảng sợ do dự, không quyết kế được, binh đến vây thành, Dung uống thuốc độc chết, ba con đều bị giết.③

① *Ngô thư* chép: Khi trước, Cẩn làm Đại tướng quân, mà em là Lượng làm Thừa tướng nước Thục, hai con của Cẩn là Khác, Dung đều nắm quân mã, thống lĩnh tướng soái, người em trong tộc là Đản lại nổi danh ở nước Ngụy, một nhà mà làm quan đứng đầu cả ba phương, thiên hạ cho là vinh diệu. Tài năng và mưu lược của Cẩn tuy không bằng em, nhưng đức hạnh rất thuần. Vợ chết không đổi vợ khác, có người thiếp yêu, sinh được con trai không tiến cử, sự thận trọng của Cẩn đều như thế.

② *Ngô thư* chép: Dung tự Thúc Trường, sinh ra ở chỗ quý sủng, thời trẻ thì phóng túng ham vui, học làm thơ, hiểu rộng nhưng không tinh, bản tính khoan hòa bao dung, có nhiều tài nghệ, mấy lần đội khăn vải lên triều thăm hầu, sau được bái làm Kỵ đô úy.

¹ Một kiểu đánh bạc thời xưa, giống như trò chơi đồ xúc xắc vậy.

Năm Xích Ô trung, các quận phát bộ ngũ, Đô úy Tân Đô là Trần Biểu, Đô úy Ngô Quận là Cố Thừa đều thống suất người mà mình quản tụ hội làm ruộng ở Bì Lăng, nam nữ đều mấy vạn khẩu. Biểu bị bệnh chết, Quyền lấy Dung thay Biểu, sau thay cha là Cẩn thống suất quân.

③ *Giang Biểu truyền* chép: Trước đấy, ở Công An có tiếng kêu của con linh đà,⁽¹⁾ vì thế có lời đồng dao rằng:

"Bạch đà kêu, lưng rùa phẳng, trong thành Nam Quận có thể trường sinh, liều chết không bỏ nghĩa thì chẳng thành công."

Lúc Khắc bị giết, Dung quả nhiên cạo bột vàng ở cái ấn hình con rùa, uống vào rồi chết.

Bộ Chất tự Tử Sơn, người quận Lâm Hoài huyện Hoài Âm.① Thời loạn, đi tránh nạn ở Giang Đông, đơn thân cùng khổn, cùng Vệ Tinh người quận Quảng Lăng đồng tuổi chơi thân với nhau, đều lấy việc trồng dưa để tự mưu sinh, ngày siêng năng tay chân, đêm ngâm đọc kinh truyện.②

① *Ngô thư* chép: Nước Tấn⁽²⁾ có quan Đại phu là Dương được ăn lộc ở đất Bộ, về sau có người là Bộ Thúc, là một trong bảy mươi hai học trò thờ Trọng Ni. Cuối đời nhà Tần đầu thời nhà Hán có người làm tướng quân, vì có công được phong làm Hoài Âm hầu, Chất là hậu duệ của người ấy vậy.

② *Ngô thư* chép: Chất nghiên cứu rộng rãi các loại học văn và kỹ nghệ, không sách gì không xem qua, bản tính khoan thai nhã nhặn nhưng thâm trầm, có chí hướng lại nhún nhường biết nhẫn nhục.

Tiêu Chính Khương người quận Cối Kê, là hào tộc trong quận,① môn khách hành sự phóng túng. Chất cùng Tinh xin mưu sinh ở đất ấy, sợ bị họ xâm nhiễu, bèn cùng sửa soạn danh thiếp đến dâng quả dưa, đưa biểu Chính Khương. Chính Khương đang

¹ Linh đà (灵鼈), tức con rồng đất, hình dáng như con cá sấu, da của nó rất dày, dùng làm mặt trống.

² Nước Tấn thời Xuân Thu.

nằm nghỉ trong nhà, để hai người đi đi lại lại ở bên ngoài, Tinh muốn bỏ đi, Chắt ngăn lại nói:

- Vốn dĩ ta đến đây, vì sợ cái thế mạnh của hấn vậy; mà nay bỏ đi, muốn tỏ rằng mình là thanh cao, thì đấy là việc làm kết oán thôi.

Hồi lâu, Chinh Khương mở cửa sổ trông thấy hai người, bèn nấu mình ngồi trong trướng, bày chiếu trái dưới đất, mời Chắt và Tinh ngồi ngoài cửa sổ, Tinh càng hổ thẹn hơn, Chắt thì lời nói sắc mặt tự nhiên như thường. Chinh Khương cho bày biện đồ ăn, tự mình ngồi ở bàn lớn, cỗ bàn chắt chùng, lấy bàn ăn nhỏ cho Chắt và Tinh, chỉ có rau củ mà thôi. Tinh không ăn nổi, Chắt ăn đến no bụng rồi từ biệt đi ra. Tinh giận Chắt nói:

- Sao có thể nhẫn nhịn thế được?

Chắt nói:

- Bọn ta nghèo hèn, vì thế chủ nhân lấy sự nghèo hèn đãi bọn ta, cố nhiên là vậy, sao lấy thế làm nhục?②

① *Ngô thư* chép: Chinh Khương tên Kiêu, từng làm Chinh Khương lệnh.

② *Ngô lục* chép: Vệ Tinh tự Tử Kỳ, làm quan đến chức Thượng thư. Tôn Quyền làm Thảo lỗ tướng quân, triệu Chắt làm Chủ ký,① đối phong làm trưởng huyện Hải Diêm, sau về làm Đông tào duệ của Xa kỵ tướng quân.②

Năm Kiến An thứ mười lăm, Chắt ra lĩnh chức Thái thú Bà Dương. Đến giữa năm, dời đến làm Thứ sử Giao châu, Lập vũ Trung lang tướng, thống lĩnh một nghìn quân Vũ xạ, tiến đường xuôi nam. Năm sau, truy bá chức Sử tri tiết, Chinh nam Trung lang tướng.

Thái thú Thương Ngô là Ngô Cự mà Lưu Biểu đặt ở đó ngầm có lòng khác, bề ngoài tỏ ra phục tùng mà bên trong thì làm trái. Chắt hạ mình phủ dụ, mời cùng tương kiến, nhân cơ hội chém đầu hấn làm răn, uy danh rung động. Anh em Sĩ Nhiếp,

theo nhau cung kính vâng lệnh, cỡi nam quy phục, là bắt đầu từ đây vậy.

Họ tộc lớn ở Ích châu là bọn Ung Khải giết Thái thú mà nước Thục đặt ở đấy là Chính Ngang, truyền tin tức cho Nhiếp, xin được nương dựa. Chắt nhân đó thừa chế phái sứ giả đến tuyên ân phủ dụ và thu nạp, bởi thế được báii thêm chức Bình Nhung tướng quân, phong tước Quảng Tín hầu.

① *Ngô thư* chép: Được hơn một năm, Chắt bị ốm bỏ chức, cùng người quận Lang Nha là Gia Cát Cẩn, người quận Bành Thành là Nghiêm Tuấn đều đi du học ở Ngô Trung, thanh danh cùng nổi rõ, là anh tuấn đương thời.

② *Ngô thư* chép: Quyền làm Từ châu mục, lấy Chắt làm Trị trung tòng sự, xét cử làm Mậu tài.

Năm Diên Khang nguyên niên, Quyền phái Lã Đại đến thay Chắt, Chắt đem một vạn nghĩa sĩ của Giao châu ra Trường Sa. Đúng lúc Lưu Bị xuôi đông, người Man Di ở quận Vũ Lăng nhiễu động, Quyền bèn truyền lệnh cho Chắt lên giữ Ích Dương. Bị đã thua vỡ, nhưng các quận Linh Lăng, Quế Dương vẫn còn nhiễu loạn, các nơi đều cậy vào quân của mình; Chắt đi vòng quanh đánh dẹp, đều bình được.

Năm Hoàng Vũ thứ hai, Chắt được thăng làm Hữu tướng quân Tả hộ quân, đổi phong tước Lâm Tương hầu. Năm thứ năm, ban Giả tiết, dời đến đóng đồn ở Âu Khẩu.

Quyền xưng tôn hiệu, báii Chắt làm Phiêu kỵ tướng quân, lĩnh Ký châu mục. Năm ấy, làm Đô đốc Tây Lăng, thay Lục Tốn phủ dụ bờ cõi hai xứ Tây Lăng và Vũ Xương, không lâu sau vì Ký châu là địa phận của Thục, bèn giải trừ chức Mục của Chắt.

Bấy giờ Thái tử Đăng của Quyền đóng ở Vũ Xương, mến người thích việc thiện, gửi thư cho Chắt nói:

"Hiên nhân quân tử, là người hưng thịnh mở mang giáo hóa, phụ tá việc trị lý ở đời vậy. Ta thiên tính ngu ám, chẳng thấu tỏ đạo nghĩa,

tuy thực muốn đau đầu một lòng tận tâm dưỡng đức sáng, gửi ý mình đến bậc quân tử; song đến như sĩ nhân xa gần, danh vị trước sau của họ sắp xếp ra sao cho thích hợp, ta vẫn ngờ hoặc, chưa tỏ tường về họ. Truyện nói: 'Yêu người mà không bắt họ chịu lao nhọc sao? Trung với người mà không khuyên họ theo điều chính sao?' Ý nghĩa của lời ấy, há chẳng phải đúng với lòng mong mỏi của ta với bậc quân tử sao!"

Chất vì thế liệt kê hết những người làm việc ở Kinh châu thời ấy, gồm mười một người là Gia Cát Cẩn, Lục Tốn, Chu Nhiên, Trình Phổ, Phan Tuấn, Bùi Huyền, Hạ Hầu Thừa, Vệ Tinh, Lý Túc,^① Chu Điều, Thạch Cán, phân biệt rõ hành trạng và phẩm hạnh của họ, nhân đó dâng sớ khuyến khích Đăng rằng:

"Thần nghe nói người làm vua không tự mình xử lý việc nhỏ, trăm quan và Hữu ti đều phải lo chức phận của mình. Cho nên vua Thuấn bổ dụng xong chín người hiền, thì không phải bận tâm gì, chỉ gảy đàn cầm năm dây, ngâm vịnh thơ Nam phong, không ra khỏi miếu đường mà thiên hạ trị vậy.⁽¹⁾ Tề Hoàn dùng Quản Trọng, thì xoã tóc ngồi xe du ngoạn, nước Tề được trị, còn cứu giúp thiên hạ tụ họp chư hầu.⁽²⁾ Gần đây Hán Cao tổ thu nạp được tam kiệt mà hưng đế nghiệp,⁽³⁾ Tây Sở bỏ người tài tuấn nên mất công lao.⁽⁴⁾ Cáp Âm ở triều, Hoài Nam phải bỏ mưu tác loạn,⁽⁵⁾ Chất Đô giữ biên giới, Hung Nô co chân chạy

¹ Truyền thuyết nói vua Thuấn có chín bầy tôi hiền, Vũ làm Tư không (coi việc trị thủy), Khí làm Hậu tể (coi việc trồng lúa), Tiết làm Tư đồ (coi việc dạy dỗ dân), Cao Đào làm Sĩ sư (coi việc hình pháp), Thuý làm Cung công (coi việc chế tạo nông cụ), Ích làm Trầm ngư (coi việc chăn nuôi), Bá Di làm Trật tôn (coi việc cúng tế, lễ nghi), Quỳ làm Điện nhạc (coi việc âm nhạc), Long làm Nạp ngôn (coi việc dâng nhận lời can gián).

² Tề Hoàn công sau khi dùng Quản Trọng, làm bá thiên hạ, chín lần họp chư hầu, không phò nhà Chu.

³ Tam kiệt, tức ba đại công thần của Hán Cao tổ Lưu Bang, đó là Tiêu Hà (phụ trách hậu cần), Trương Lương (bày mưu kế) và Hàn Tín (cầm quân, trận mạc).

⁴ Tây Sở Bá vương Hạng Vũ, không dùng mưu thần Phạm Tăng và các tướng Hàn Tín, Trần Bình, cuối cùng cái công phá Tần dẹp chư hầu mất cả, phải tự vẫn ở bên sông Ô Giang.

⁵ Cáp Âm (沒黯): Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 105 (Tứ Dịch truyện) và quyển 13, trang 182 (Vương Lăng, Vương Túc truyện).

xa.⁽¹⁾ Cho nên người hiền ở đâu, thì khắc địch thủ thắng trong vạn dặm, đích thực là khí giới sắc bén của quốc gia, là cái gốc rễ căn bản của sự hưng suy vậy. Hiện nay vương hóa của ta chưa bao trùm phía bắc sông Hán, bãi sông Hà, sông Lạc còn kẻ xấu tiếm nghịch, thực là lúc phải chiêu nạp kẻ anh hùng để bạt người tài tuấn vậy. Mong Thái tử sáng suốt lưu tâm xét rõ ý mọn này, thì thiên hạ may lắm.”

① Ngô thư chép: Túc tự Vĩ Cung, là người ở Nam Dương. Thời trẻ có tài văn, khéo luận xét nhân vật, khen chê thích đáng, xét rõ biệt tài của người, tiến cử kẻ hậu sinh, đề mục bình phẩm rất hay, thông suốt và rất có đạo lý, chúng nhân vì thế phục Túc. Quyền cất nhắc Túc dùng làm Tuyển tào Thượng thư, người được tuyển chọn gọi là Đắc tài. Túc xin ra ngoài làm quan, được làm Thái thú Quế Dương, quan dân vui lòng bội phục. Sau được trưng triệu về làm khanh. Lúc chết, người biết hay không biết Túc, đều thương tiếc.

Về sau Trung thư Lã Nhất làm Điển hiệu văn thư, soát xét hạch tội nhiều người, Chất dâng sớ nói:

“Thần nghe nói các quan Điển hiệu chỉ chọn xét cái nhỏ nhặt, bới lông tìm vết, trọng việc vu gièm, luôn muốn hãm hại người để gây uy tác phúc; kẻ không tội chẳng lỗi, bỗng đâu nhận đại hình, vì thế khiến dân chúng co quắp giữa trời lê lét dưới đất, ai chẳng sợ run?”

“Quan coi ngục thời xưa, duy có người hiền được đảm nhiệm, cho nên Cao Đào đảm nhiệm chức coi ngục, Lã hầu phụ trách việc chuộc tội, Trương, Vu nhận chức Đình úy, dân không ai bị oan uổng, vận nước yên ổn thái bình, thực bởi thế mà hưng thịnh.⁽²⁾ Bấy tôi nhỏ mọn

¹ Chất Đô (郅都), người thời Tây Hán, quê ở huyện Dương quận Đông. Thời Hán Cảnh đế trải các chức Thái thú Tế Nam, Thái thú Nhạn Môn, là người công chính thanh liêm, không sợ cường bạo, cứng cỏi, người Hung Nô sợ uy, không dám phạm biên ải.

² Cao Đào là bầy tôi của vua Thuấn coi việc hình pháp (xem chú trên);

Lã hầu (吕侯) là quan đại thần của Chu Mục vương, soạn sách hình pháp gọi là Phù hình, trong đó có luật là người phạm tội có thể dùng tiền để chuộc tội;

Trương Thích Chi (张释之) và Vu Định Quốc (于定国), là những quan lại thời Tây Hán, làm Đình úy quản việc hình ngục, nổi tiếng là công bằng liêm chính. Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 149 (Chung Do truyện)

ngày nay, hành động khác với người xưa, quyết ngục lấy hối lộ làm chuẩn, coi rẻ đũa bôn với mạng người, quy lỗi cho bề trên, khiến quốc gia chuốc oán. Một người kêu than, là vương đạo có thiếu sót, rất đáng oán hận. Đức sáng thì cẩn thận việc xử phạt, trí sáng thì quyết hình công bằng, là chuẩn tắc mà sách truyện xưa khen ngợi.”

“Từ nay các án ngục chưa rõ ràng, ở kinh đô thì nên hỏi Cố Ung, ở Vũ Xương nên tìm Lục Tốn, Phan Tuấn, họ dốc tâm công bằng, các việc được xử đúng sự tình, bọn Chặt thấy được chỗ sáng suốt, chịu tội có gì là hận?”

Lại viết:

“Thiên tử lấy trời làm cha lấy đất làm mẹ, nên cung thất của trăm quan, đều an bài theo thứ tự của thiên tinh. Nếu thi hành chính lệnh, phải kính thuận thời tiết, có người nhận chức thích đáng, thì âm dương hòa hợp, thất tinh chuyển vận đúng đạo thường. Đến như ngày nay, quan lại khuyết chức rất nhiều, dẫu có đại thần, lại không tín nhiệm, như thế thì trời đất không tai biến sao được? Cho nên liên năm khô hạn, là ứng với điềm Kháng dương vậy.⁽¹⁾ Thêm nữa là năm Gia Hòa thứ sáu tháng năm ngày mười bốn, năm Xích Ô thứ hai tháng giêng ngày mừng một và ngày hai mươi bảy, khắp mặt đất đều chấn động. Đất thuộc về âm, tượng trưng cho bấy tôi, âm khí thịnh cho nên chấn động, đây là việc bấy tôi ở dưới chuyên quyền chính sự vậy. Trời đất phát sinh tai biến dị thường, đây là điều cảnh báo cho bậc nhân chủ, có thể không suy xét kỹ ý ấy sao!”

Lại viết:

“Thừa tướng Cố Ung, Thượng đại tướng quân Lục Tốn, Thái thường Phan Tuấn, lo nghĩ sâu xa trọng trách nặng nề, dốc chí kiệt lòng thành, sớm khuya đau đầu, ăn ngủ không yên, nghĩ mong yên nước lợi dân, dựng kế lâu dài, có thể gọi là tâm phúc tay chân, là đại thần của xã tắc rồi. Nên ủy thác trọng nhiệm cho họ, không khiến các quan

¹ Diềm “Kháng dương” là ý nói chính sách cứng rắn và tàn bạo, quan lại kiêu căng ngang ngược mà ít ra ân.

lại khác giám sát công việc mà họ phụ trách, chỉ cần xem thành tích của họ, khảo xét cái công của họ. Ba vị đại thần ấy, lo nghĩ chưa đến thì thôi, há dám chuyên quyền tự tiện tác uy tác phúc lừa dối phụ lòng thiên tử sao?"

Lại viết:

"Treo thưởng để hiển dương việc thiện, đặt hình để ra uy với kẻ gian, dùng người hiền sai khiến kẻ tài năng, xét kỹ và làm rõ về hình pháp, thì công nào chẳng thành, việc gì chẳng sáng tỏ, tiếng nào chẳng nghe được, hình nào nhìn chẳng rõ? Nếu như ngày nay quận thú và huyện lệnh, đều là những người như vậy, cùng nhau mưu việc trị lý, như thế, chính sự há chẳng yên lành sao? Thần trộm nghe nói các huyện đều dư thừa quan lại, mà quan lại đa phần những nhiều dân, phong tục vì thế xấu đi. Những kẻ tiểu nhân lợi dụng mệnh vua, không chuyên tâm với việc công mà ra uy tác phúc, là tai mất vô ích, lại làm hại dân, kẻ ngu này cho là nên nhất thiết phải bãi bỏ chúng."

Quyền cũng giác ngộ, bèn giết Lã Nhất.

Chết trước sau giới thiệu tiến cử những người tài bị khuất lấp, cứu giúp người mắc hoạn nạn, mấy chục lần dâng thư lên. Quyền tuy chẳng dung nạp hết, nhưng thường chọn nghe ý kiến, nhiều lần giúp ích cho nước.^①

① Ngô lục chép: Chết biểu tấu nói:

"Hàng nhân phương bắc là bọn Vương Tiềm nói rằng, phương bắc chọn bộ ngũ, có mưu đồ hướng sang đông, sai làm nhiều túi vải, muốn dùng túi để chứa cát lấp sông Giang, đem đại quân hướng đến Kinh châu. Việc phòng bị chẳng thể không sẵn sàng, có nạn là ứng đối ngay, nên phòng việc đó."

Quyền nói:

- Bên ấy suy yếu, mưu đồ thế sao được? Tất chẳng dám đến. Nếu chẳng như lời Cô nói, Cô sẽ dùng năm nghìn con trâu, vì ngài làm chủ nhân đãi khách.⁽¹⁾

¹ Quyền giễu cợt Chết rằng kẻ lấp sông của quân Ngụy không dùng được, nếu lời mình nói không đúng, sẽ vì Chết mang năm nghìn trâu ra làm tiệc đãi khách.

Sau này bọn Lã Phạm, Gia Cát Khác bàn về những lời mà Chất nói, rằng:

- Mỗi khi đọc biểu ấy của Bộ Chất, không tự chủ được phải bật cười, sông ấy sinh ra từ thửa khai thiên lập địa, há có thể lấy túi cát mà lấp được sao!

Năm Xích Ô thứ chín, Chất lên thay Lục Tốn làm Thừa tướng, vẫn dạy dỗ môn sinh, tay chẳng rời quyển sách, mặc áo ở nhà như kẻ nhô sinh. Nhưng thâm thiếp trong nhà phục sức xa xỉ lòe loẹt, rất nhiều người vì thế chê bai.

Chất ở Tây Lăng hai chục năm, nước địch lân bang kính sợ uy tín của Chất. Chất bản tính khoan hòa rộng rãi được lòng người, vui giận chẳng lộ ra sắc mặt, mà trong ngoài yên ổn.

Năm thứ mười một Chất chết, con là Hiệp nối tự, thống lĩnh quân lính mà Chất quản, gia thêm chức Phủ quân tướng quân.

Hiệp chết, con của Hiệp là Ki nối tước hầu.

Em của Hiệp là Xiển, kế nghiệp làm Tây Lăng đốc, được gia thêm chức Chiêu vũ tướng quân, phong làm Tây đình hầu.

Năm Phượng Hoàng nguyên niên, Xiển được triệu về triều làm Nhiều tướng đốc. Nhà Xiển nhiều đời ở Tây Lăng, thốt nhiên bị trung triệu, tự cho là mất chức, lại sợ bị gièm pha mắc vạ, vì thế chiếm giữ thành hàng nước Tấn. Xiển lại phái em là Tuyền đến Lạc Dương làm tin, nhà Tấn lấy Xiển làm Đô đốc coi các việc quân sự ở Tây Lăng, Vệ tướng quân, Nghi đồng tam ti, thêm chức Thị trung, ban Giả tiết lĩnh Giao châu mục, phong tước Nghi Đô công; Ki được giám sát các việc quân ở Giang Lăng, Tả tướng quân, thêm chức Tán kỵ thường thị, lĩnh Thái thú Lu Lăng, đổi phong tước Giang Lăng hầu; Tuyền làm Cấp sự trung, Tuyền uy tướng quân, phong tước Đô hương hầu.

Triều Tấn truyền mệnh cho Xa kỵ tướng quân Dương Hổ, Thứ sử Kinh châu Dương Triệu đi trước cứu Xiển. Tôn Hạo sai Lục

Kháng sang tây, bọn Hồ lui trốn, Kháng hãm thành, chém bọn Xiển, Bộ thị bị diệt sạch, duy có Tuyền còn con nối tự.

Người quận Đình Xuyên là Chu Chiêu viết thư khen Bộ Chất và bọn Nghiêm Tuấn rằng:

"Kẻ hiền sĩ đại phu xưa nay sở dĩ nát danh diệt thân tan nhà hại nước, không chỉ có một nguyên do vậy, nhưng rút lại thành nguyên nhân cốt yếu, tổng kết cái họa hại thường gặp, có bốn loại mà thôi:

Nghị luận khinh suất là một, tranh giành danh thế là hai, trọng dụng bè đảng là ba, dốc sức muốn cầu thành công nhanh chóng là bốn. Nghị luận khinh suất thì làm hại người khác, tranh giành danh thế thì phá hoại tình bằng hữu, trọng dụng bè đảng thì che lấp chủ, dốc sức cầu thành công nhanh chóng thì thất đức, bốn điều ấy mà không trừ bỏ đi, thì chẳng thể giữ vẹn được thân mình vậy. Bậc quân tử đương thời nếu không như thế, thì cũng vướng vào họa hại, há chỉ có cổ nhân sao! Nhưng nghị luận về sự toàn vẹn khác thường, thì không ai hoàn mỹ được như Cố Dị Chương, Gia Cát sí quân, Bộ Thừa tướng, Nghiêm Vệ úy, Trương Phấn uy vậy. Luận ngữ nói 'Phu tử tuân tự dạy bảo nhưng khéo dẫn dụ người', lại nói 'Hãy làm điều tốt cho người, không làm điều ác với người', Dị Chương được như thế rồi. Nói 'Trông xa vẻ nghiêm trang, đến gần thấy ôn hòa, nghe lời như rắn bảo', sí quân thể hiện như thế vậy. Nói 'Khiêm cung mà yên tĩnh, uy nghiêm không hung mãnh', hành vi của Thừa tướng là như thế rồi. Học chẳng cầu lợi lộc, trong tâm không cầu thả, là phẩm giá của Vệ úy, Phấn uy vậy. Năm vị quân tử ấy, tuy đức hạnh có khác nhau, địa vị khinh trọng không giống nhau, đến như hành vi giữ tiết tháo thì rất có khuôn phép, không phạm vào bốn điều kia, đều là một dạng vậy."

"Trước kia Đình Tư sinh ra từ nhà nghèo hèn, Ngô Sán cũng xuất thân từ trẻ chăn trâu, Dị Chương biểu dương cái giỏi của họ, coi họ cùng hàng với Lục Tốn, Toàn Tông, vì thế nhân tài không bị bỏ sót ở chỗ tối tăm, mà phong tục lại thuần hậu vậy. Ba vị Sí quân, Thừa tướng, Vệ úy, trước kia là kẻ áo vải cùng thân thiết với nhau, mọi

người luận bàn nhân đó phẩm bình sự hơn kém của họ. Lúc trước, họ cho là Vệ úy đứng đầu, thứ đến Thừa tướng, sau cùng là Sứ quân vậy. Về sau họ đều thờ mình chủ, kinh lý việc thế thời, cái tài làm quan không giống nhau, danh vị trước sau trái ngược với lời bàn lúc trước, đây là người thường ở thế gian bình phẩm về danh vị cao thấp của họ vậy. Đến như tình hữu hảo của ba vị, đến chết không tổn khuyết, há chẳng phải là có phong phạm của cổ nhân sao!"

"Lại nữa là Lỗ Hoành giang lúc trước nắm vạn binh, đóng giữ Lục Khẩu, công nghiệp cao đẹp ở đời, kẻ có tài hay không có tài, ai chẳng muốn chức vị như thế? Nhưng Hoành giang mất rồi, Vệ úy được tuyển vào chức ấy, tự biết mình không có tài làm tướng soái, nhất định từ chối cố nhường, rút cục không chịu nhận chức. Sau chuyển làm Cửu khanh, đổi giữ chức Bát tọa,¹ vinh không đủ tự rạng rỡ, lộc không đủ tự chu cấp. Còn như hai vị kia, ngôi vị đều là Thượng tướng, phú quý cùng cực. Vệ úy đã không tham cầu danh lợi, hai vị kia cũng không khen ngợi suy cử, đều giữ chí hướng, bảo toàn cái danh tiết của mình. Khổng tử nói: 'Người quân tử giữ mình nghiêm trang không tranh giành với ai, hợp bạn với người mà không bè đảng.' Ấy là nói đến phong phạm của ba người vậy."

"Lại nữa là danh tiếng của Phấn uy, cũng ở dưới ba vị ấy, đảm đương chức mục thú một phương, nhận trách nhiệm Thượng tướng, so với Sứ quân, Thừa tướng chẳng khác vậy. Nhưng dốc lòng với quốc sự, luận về công lao, thật đầy đủ trước sau, cho nên tước vị vinh hiển khác thường. Mà Phấn uy ở vị trí ấy, quyết đoán xét rõ bộ khúc của mình, trong lòng không có ý niệm để lỗi đạo, làm việc chẳng cầu lấy sự khoa trương mà mất lễ tiết, mỗi khi lên triều đường, theo lễ nghi mà hành động, lời lẽ thành khẩn, không gì không xuất phát từ trong tâm. Thúc Tự tuy là thân gần tôn quý, lúc nói bàn lo rằng người ấy sau thất bại, Sái Văn Chí tuy thấp hèn, khi đàm luận khen

¹ Bát tọa là một quan viên cao cấp, trải qua các thời thì chế độ, ngôi vị có nhiều thay đổi. Thời Tam Quốc, thời nhà Tấn, thì năm vị Thượng thư, hai vị Tả hữu bộc xạ và quan Nhất lệnh hợp thành Bát tọa.

rằng người ấy là thực hiền minh. Con gái hôn phối với Thái tử, nhận sinh lễ như đón tin buồn, bước chân bồn chồn, đích thực là người trung hậu, việc thành bại mất còn, đều như mình lo nghĩ, có thể nói là người vững đạo nghĩa khéo hành xử, là kẻ sĩ ưa thích việc cũ vậy. Còn như việc trị lý quốc gia, gánh vác việc quân, giữa lúc bồn tẩu ruồi rong, kiến lập công nghiệp bá vương, thì năm vị ấy chưa hơn người khác. Chỉ xét đến hành vi giữ đạo thuần túy của họ, thì không tự ý cầu thả, trong việc thăng giáng ở đời, họ bảo toàn được danh tiếng và đức hạnh, vượt xa thế tục, thật đáng bậc thầy. Cho nên ta đàm luận đại lược về việc này, để nêu rõ cho bậc quân tử đời sau."

Chu Chiêu tự Cung Viễn, cùng Vi Diệu, Tiết Oánh, Hoa Hạch hợp soạn sách Ngô thư, sau này làm Trung thư lang, phạm tội bị hạ ngục, Hạch dâng biểu cứu Chiêu, Tôn Hưu không nghe, cuối cùng chịu tội bị xử tử.

Bình rằng: Trương Chiêu nhận di mệnh phụ tá, công lao được khắc ghi, nhân phẩm đoan chính ngay trung, hành động chẳng vì mình; nhưng vì nghiêm khắc mà bị người ta kiêng sợ, vì cao thượng mà bị chúa thượng đối đãi nhạt nhẽo, đã chẳng được ở ngôi Tế tướng, lại không được lên hàng Sư bảo, chỉ ung dung an nhàn ở xóm làng, dưỡng già mà thôi, từ đấy mới rõ là Quyền chẳng bằng được Sách vậy. Cố Ung nhờ giữ mình thanh bạch, lại sáng suốt độ lượng, cho nên có thể đạt đến ngôi vị vinh hiển cùng cực. Gia Cát Cẩn, Bộ Chất đều vì có đức độ giữ phép tắc mà được xem trọng ở đời, Trương Thừa, Cố Thiệu có đức khiêm hư của bậc trưởng giả, khéo xét người, bài luận của Chu Chiêu, khen họ với lời lẽ rất cao đẹp, nên ta biên chép rõ ràng vậy. Đàm dâng lời hay sửa việc công, có khí tiết trung trinh. Hưu, Thừa tu chí, đều là người giỏi. Song vì yêu ghét đan xen, bị lưu đầy khổ nhọc ở cõi nam, thật đáng thương thay!

QUYỂN THỨ NĂM MƯƠI BA

TRƯƠNG, NGHIÊM, TRÌNH, HÁM, TIẾT TRUYỆN



Trương Hoành tự Tử Cương, người quận Quảng Lăng. Hoành du học ở kinh đô,^① lúc quay về bản quận, được tiến cử làm Mậu tài, công phủ triệu, đều không tới,^② đi tránh nạn ở Giang Đông.

Tôn Sách sáng nghiệp, Hoành tới theo phục. Sách cử Hoành giữ chức Chính nghị Hiệu úy,^③ theo đi đánh dẹp Đan Dương. Sách đích thân lâm trận tác chiến, Hoành can rằng:

- Chủ tướng là người toan tính tự đưa ra mưu kế, việc đó quan hệ đến vận mệnh ba quân, chẳng nên khinh suất, tự mình ra địch bọn tiểu khấu. Mong chủ soái coi trọng tấm thân trời ban, để xứng với lòng mong muốn của người trong bốn bể, không nên khiến người trên kẻ dưới ở trong nước phải lo sợ.

① *Ngô thư* chép: Hoành vào nhà Thái học, thờ bác sĩ Hàn Tông làm thầy, nghiên cứu sách *Dịch* của họ Kinh, sách *Thượng thư* của họ Âu Dương,⁽¹⁾ lại đến Ngoại Hoàng theo Bộc Dương Khải thụ giáo về *Kinh Thi* của họ Hàn cùng *Lễ ký* và *Tả thị Xuân thu*.

② *Ngô thư* chép: Ba phủ của Đại tướng quân Hà Tiến, Thái úy Chu Tuấn, Tư không Tuân Sảng triệu làm Duyệt, Hoành đều xưng bệnh không tới.

¹ *Kinh Dịch*, *Kinh Thư* đều có nhiều bản kim văn, không rõ bản *Kinh Dịch* của họ Kinh và bản *Kinh Thư* của họ Âu Dương là bản nào?

③ Ngô thư chép: Hoành và Trương Chiêu cùng giúp việc tham mưu, Sách thường lệnh cho một người giữ nhà, một người theo đi chinh thảo, sau khi Lã Bố tập kích chiếm Từ châu, nhân đó làm chức Mục, không muốn Hoành theo giúp Sách. Lúc suy cử Mậu tài, đưa thư phát lệnh bắt phải phái Hoành đến. Hoành trong lòng ghét Bố, xấu hổ vì phải khuất mình. Sách cũng rất tiếc Hoành, muốn dùng để giúp mình, bèn đáp thư là không phải Hoành đi, viết:

"Biển sinh ngọc châu, là báu vật của biển vậy, nước Sở tuy có người tài, nước Tấn mới thực dùng được họ.⁽¹⁾ Bậc quân tử có tài lạ hơn đời, ở đâu cũng được xem là báu vật, hà tất cứ phải ở bản châu?"

Năm Kiến An thứ tư, Sách phái Hoành dâng tấu chương tới cung điện ở huyện Hứa, được lưu lại làm Thị ngự sử. Bọn Thiếu phủ Khổng Dung đều thân thiện với Hoành.①

Tào công nghe nói Sách mất, muốn nhân lúc có tang đánh Đông Ngô. Hoành can gián, cho rằng nhân lúc tang sự của người khác mà hành động, là trái với nghĩa xưa, nếu chẳng thắng được họ, sẽ thành thù oán bỏ mất tình hữu hảo, chẳng bằng nhân đó mà hậu đãi họ. Tào công theo lời ấy, lập tức dâng biểu cử Quyền làm Thảo lỗ tướng quân, lĩnh Thái thú Cối Kê. Tào công muốn khiến Hoành giúp Quyền để thu phục Quyền, bèn cho Hoành ra làm Đông bộ đô úy quận Cối Kê.②

① Ngô thư chép: Hoành đến nơi, ở chỗ triều đình với các công khanh và người quen biết cũ kể lại tài năng mưu lược kỳ tuyệt của Sách, bình định ba quận, gió nổi cỏ rạp, thêm nữa lại trung kính thành thực, hết lòng với vương thất. Bấy giờ Tào công làm Tư không, muốn gia ân hậu, để làm vui lòng người phương xa, bèn hết lời tấm tắc khen ngợi, đổi hiệu phong tước thêm, triệu

¹ Trương Hoành quê ở Quảng Lăng, người Từ châu. Lã Bố làm chức Mục ở đó gọi Hoành, Sách đáp thư, ý nói Hoành có tài, ở đâu cũng được tôn quý, cứ gì ở bản châu. *Xuân thu Tả truyện* kể rằng: Đại phu nước Sở là Ngũ Cử (伍举) có tài, lại bị người Sở xưa đuổi, Ngũ Cử sang nước Tấn, lại làm Đại phu. Thanh Từ (声子) là Đại phu nước Sái nói về việc ấy rằng: "Nước Sở có gỗ tốt, nhưng nước Tấn mới dùng được."

Hoành làm Duyệt, tiến cử cao đệ, bổ làm Thị ngự lại, sau dùng Hoành làm Thái thú Cửu Giang. Hoành trong lòng luyện nhó ân cũ, nghĩ đến việc trái mệnh quay về, lấy có bệnh cố chối từ.

② *Ngô thư* chép: Quyền mới kế thừa di nghiệp, đang trẻ trung mạnh mẽ, Thái phu nhân thấy côi ngoài lắm nạn, trong lòng lo lắng lao nhọc, mấy lần sai người đưa lời xin dạy bảo, phó thác nhờ Hoành vì nghĩa giúp đỡ. Hoành liền bái lạy viết thư đáp tạ, xét nghĩ sửa giúp lỗi lầm. Mỗi khi có việc khác thường như mưu kế bí mật và biểu chương thư từ gửi đi giao kết với người ở bốn phương, thường lệnh sai Hoành cùng Trương Chiêu soạn chép. Hoành thấy Phá lỗ đánh đuổi Đồng Trác, có công phù trì Hán thất; Thảo nghịch bình định vùng Giang Ngoại, gây dựng đại nghiệp, nên ghi chép ca tụng để nêu tỏ công nghĩa. Chép xong, trình lên Quyền, Quyền đọc suốt lượt cảm động, nói:

- Ngài thực hiểu rõ cái công trạng của nhà Cô vậy.

Bèn phái Hoành đến sở quan. Có kẻ thấy Hoành vốn nhận chức quan của phương bắc, ngờ rằng chí thú của Hoành không dừng lại ở đây, Quyền chẳng vì thế mà để tâm.

Khi trước, người quận Lang Nha là Triệu Dục làm Thái thú Quảng Lăng, xét cử Hoành làm Hiếu liêm, Dục về sau bị Trích Dung giết hại, Hoành rất thương cảm phần hận, nhưng sức chẳng thể đánh dẹp được. Môn hộ của Dục bị tuyệt diệt, lúc Hoành ở Đông bộ, phái Chủ bộ đến Lang Nha bày lễ cúng tế, kết hợp việc tìm người thân thích để nối dõi Dục, gửi thư phó thác việc cho Lang Nha tướng là Tạng Tuyên, Tuyên lấy đứa con trai tròn năm tuổi là Triệu Tông làm người nối tự cho Dục, Quyền hay tin khen ngợi Hoành.

Lúc đánh dẹp Giang Hạ, vì Đông bộ ít việc, Quyền truyền mệnh sai Hoành ở lại Ngô Quận, từ xa coi xét việc.

Không Dung gửi thư cho Hoành nói:

"Nghe nói đại quân tây chinh, túc hạ ở lại quận Ngô. Chẳng có người ở nhà, thì ai giữ xā tắc? Giữ vững hậu phương khắc địch thủ thắng, cũng là công huân to lớn vậy. Không hẳn chỉ là tỏ cái khí phách của Lý

Quảng, nổi giận dựng tóc, sẵn lòng một mình đối địch với Thiên vu, để phát hết nỗi phẫn hận đâu?⁽¹⁾ Nay nam bắc đều yên, thế gian vô sự, cái việc Tôn Thúc quăng mâu, Giáng, Quán dâng lễ⁽²⁾ hôm nay cũng có, chỉ muốn chia rẽ, không có cách gì gặp mặt, là gây sâu thán thôi. Nay đường thẳng lối sạch, gặp nhau há lại khó sao?”

Quyền vì Hoành có công lao trấn thủ, muốn luận công ban thưởng thêm. Hoành được hậu đãi lại tự mình khiêm tốn, không dám nhận ân sủng, Quyền không cưỡng ép chí của Hoành.

Hoành mỗi khi thông thả hầu yến, ngầm nói ý kín, thường mượn lời khuyên dụ.

Giang Biểu truyện chép: Khi trước, Quyền đối với quần thần đa phần là gọi tên tự của họ ra, chỉ gọi Trương Chiêu là Trương công, Hoành là Đông bộ, sở dĩ gọi thế là vì kính trọng hai người vậy.

Về sau Quyền lấy Hoành làm Trưởng sử, theo đi đánh Hợp Phì.^① Quyền thống suất quân khinh kỵ sắp sửa đến xung đột với địch, Hoành can rằng:

- Giáo mác là hung khí, giao chiến là việc nguy hiểm vậy. Nay thống soái cậy thế đông khí mạnh, coi thường quân giặc cường bạo, khắp ba quân, chẳng ai không ghê lòng, dẫu chém tướng

¹ Lý Quảng (李广) là tướng trấn biên ải phía bắc chống giặc rợ. Hơn sáu mươi tuổi, theo Vệ Thanh đi đánh Hung Nô, Vệ Thanh theo lời Hán Vũ đế, không cho Quảng ra trận vì sợ Quảng già cả, sỗ xấu. Quảng nằng nặc xin đi, nói: "Ta từ khi kết tóc đã đánh với Hung Nô hơn bảy mươi trận, nay đi đánh Thiên vu, ta xin làm tiên phong." Vệ Thanh không nghe, Lý Quảng đâm cổ chết.

² Nguyên văn: "Tôn Thúc đầu qua, Giáng Quán trở đầu." Trong cuốn *Tam quốc bổ chú* của Dịch Bồi Cơ có đổi hai chữ "Tôn Thúc" thành "Thúc Tôn." Thúc Tôn là chỉ Thúc Tôn Thông người đầu thời Hán. Sau khi Lưu Bang thắng Hạng Vũ, lập ra nhà Hán. Bối Lưu Bang phế bỏ các nghi lễ của triều đình nên trật tự triều đình hỗn loạn, Lưu Bang rất bức mình. Thúc Tôn Thông kiến nghị với Lưu Bang rằng: "Tuy là Nho sinh không biết đánh trận nhưng vẫn có thể giữ thành trì cho bệ hạ. Thần xin tự nguyện chiêu tập các Nho sinh ở đất Lỗ đến đây cùng sắp đặt lễ nghi triều đình cho bệ hạ." Lưu Bang phê chuẩn, từ đó lễ nghi của Hán triều mới được xác lập; Giáng Hầu Chu Bột và Đinh Âm Hầu Quán Anh là hai võ tướng vũ dũng thô kệch, chỉ biết cầm mâu thương ra trận, lúc hòa bình được phong tước, vẫn phải học lễ nghi, thế chế triều đình.

nhổ cờ, uy chấn trận địch, đấy là trách nhiệm của thiên tướng, không phải là việc chủ soái nên làm vậy. Xin hãy nén cái dũng của Bôn, Dục,⁽¹⁾ lo nghĩ cái kế của bậc bá vương.

Quyền thu nhận lời của Hoành rồi thôi. Quân về, năm sau lại muốn xuất quân, Hoành lại can rằng:

- Từ xưa các bậc đế vương chịu mệnh làm vua, tuy có anh linh tổ tiên giúp đỡ ở trên, văn đức gieo khắp ở dưới, cũng phải cậy nhờ võ công để sáng tỏ cái công lao của mình. Nhưng chú trọng ở thời cơ phát động, rồi sau mới ra uy vậy. Nay thống soái gặp được cái vận bốn trăm năm mới có một lần, được lập công cứu giúp nguy nan, nên hãy tạm dừng việc quân lữ, mở rộng việc gieo trồng, tin dùng người hiền sai khiến kẻ có tài, chuyên tâm vào việc khoan thứ ra ân, thuận mệnh trời để thi hành thảo phạt, có thể chẳng cần lao khổ mà định được vậy.

Vì thế Quyền mới dừng lại không đi.

Hoành hiến kế nên dời đô về Mạt Lăng, Quyền theo lời.^②

Quyền lệnh cho Hoành về Ngô Quận đón người nhà, trên đường đi bệnh chết. Lúc sắp nguy khốn, trao lại thư cho con là Tĩnh gửi Quyền viết:

"Từ xưa người có nước có nhà, đều muốn sửa sang đức chính để sánh với thời thịnh, đến lúc cai trị, đa phần chẳng truyền được tiếng thơm cho hậu thế. Không có trung thần hiên lương phò tá, thể chế chính trị hôn ám, là do chủ chẳng kiêm chế được cái tình cảm của mình, cho nên chẳng thể dùng được họ thôi."

"Lòng người sợ việc khó mà đuối theo việc dễ, thích ý kiến giống mình mà chán ghét ý khác mình, với đạo cai trị là tương phản. Truyện nói: 'Theo cái thiện thì như trèo cao, học cái ác thì như núi lở', là nói về cái khó của việc theo cái thiện vậy."

¹ Mạnh Bôn, Hạ Dục hai dũng sĩ nổi danh sức khỏe vô địch, người nước Vệ thời Xuân Thu.

"Người làm vua vâng nhận nghiệp lớn, cậy vào hình thế tự nhiên, giữ cái oai Bát bính,⁽¹⁾ vui với việc mình thích, ③ nghe lời nói dễ ưa, không đòi người khác tìm tòi; nhưng kẻ trung thần trong lòng mang cái thuật tiến thủ, thổ ra những lời trái tai, hai điều ấy không hợp nhau, chẳng cũng là điều đương nhiên sao! Không hợp thì sinh ngăn cách, lời xảo biện thừa hư xen vào, mê hoặc chúa bằng lòng trung nhỏ nhen, ái tình vương vít, khiến hiền ngu lẫn lộn, truất trặc mất thể thống, thì đây là nguyên do, để loạn tình ý vậy. Cho nên bậc minh quân thấu hiểu việc ấy, cầu người hiền như đói ăn khát uống, nhận lời can gián mà không chán ghét, nén tình cảm bớt ham muốn, vì nghĩa dứt ân, người trên không thiên lệch sai lầm trong việc bổ nhiệm, thì kẻ tiểu nhân chẳng có chỗ mong cầu. Nên nghĩ đi nghĩ lại nhiều lần, nhãn nhin chịu khuất giấu nổi cái giận, để thành tựu nhân đức che trùm rộng khắp."

Hoành sáu mươi tuổi chết. Quyền xem thư sa nước mắt.

① Ngô thư chép: Thành Hợp Phì rất lâu không hạ được, Hoành dâng kế rằng:

- Phép vây thành của người xưa, là mở một lối, để bụng chúng nghi ngờ. Nay vây kín như bụng, tấn công lại gấp gáp, thực sợ chúng sẽ chung sức hết mình chống giữ. Dịch liễu chết đánh, cho nên khó hạ ngay được, nhân lúc quân cứu còn chưa đến, ta nên nói lỏng cho chúng một chút, để quan sát sự biến.

Mọi người bàn luận còn bất đồng. Vừa lúc quân kỵ đến cứu, dịch mấy lần đến dưới vòng vây, rong ruổi tỏ ý khiêu chiến.

② Giang Biểu truyện chép: Hoành bảo Quyền rằng:

- Mạt Lăng, là chỗ mà Sở Vũ vương đặt ra, tên gọi Kim Lăng. Địa thế gò núi liền với Thạch Đầu, tìm hỏi các bậc cao niên, họ nói rằng trước kia Tần Thủy Hoàng sang đông đi tuần thú ở Cối Kê có qua huyện ấy, người xem phong khí nói rằng địa thế Kim Lăng có khí đô ấp của bậc đế vương, cho nên đào cắt đứt đường nối ở sườn núi, đổi tên chỗ ấy là Mạt Lăng. Nay chỗ ấy đào bới vẫn còn, đất có khí ấy, là mệnh trời vậy, nên lập kinh đô ở đó.

¹ Cái oai Bát bính: Xem chú thích ở tập IV, quyển 20, trang 177 (Tào Cú truyện).

Quyền khen lời bàn của Hoành, nhưng chưa theo được. Sau đó Lưu Bị sang đông, nghỉ ở Mạt Lãng, đi vòng quanh xem xét địa hình, cũng khuyên Quyền nên đóng đô ở đó. Quyền nói:

- Ý kiến của bậc trí giả thì giống nhau.

Bèn định đô ở Mạt Lãng.

Hiển đế Xuân Thu nói: Lưu Bị đến kinh đô, bảo Tôn Quyền rằng:

- Huyện Ngô cách chỗ này mấy trăm dặm, ví như có việc nguy cấp, đến cứu là khó, tướng quân không có ý đóng đô ở đấy sao?

Quyền nói:

- Mạt Lãng có sông nhỏ dài hơn trăm dặm, có thể bố trí được thuyền lớn, ta đang thao luyện thủy quân, sẽ dòi về giữ chỗ ấy.

Bị nói:

- Vu Hồ ở gần Nhu Tu, cũng là chỗ tốt vậy.

Quyền nói:

- Ta muốn mưu lấy Từ châu, nên dòi xuống đấy cho gần.

Thần Tùng Chi cho rằng: Mạt Lãng so với Vu Hồ, quãng đường đi xem ra không hơn kém bao nhiêu, với cái tiện lợi cho việc lẫn phương bắc, cũng có khác gì? Nhưng nói rằng muốn nhòm ngó Từ châu, mà tham cái thế gần của Mạt Lãng, lý ấy là sai vậy. Các sách đều nói Lưu Bị khuyên nên đóng đô ở Mạt Lãng, mà riêng sách này nói Quyền tự muốn đóng đô ở đó, đấy là lầm lẫn hão.

③ *Thiên Thái tế chức* trong *Chu lễ* chép: Dùng Bát bính làm Vương chiếu để tiết chế quần thần. Một là ban tước, để tiết chế sự tôn quý của họ. Hai là ban lộc, để tiết chế sự giàu có của họ. Ba là ban cấp bậc, để tiết chế sự sùng ái của họ. Bốn là sắp đặt, để tiết chế hành động của họ. Năm là cho sống, để tiết chế cái phúc của họ. Sáu là tước đoạt, để tiết chế sự nghèo khó của họ. Bảy là phế chức, để tiết chế lỗi lầm của họ. Tám là giết chết, để tiết chế tội lỗi của họ.

Hoànহ sáng tác thơ, phú, minh, lụy, có mấy chục thiên.①

Con của Hoànহ là Huyền, làm quan đến chức Thái thú Nam Quận, Thượng thư.②

Con của Huyền là Thượng,^③ thời Tôn Hạo làm Thị lang, vì nói năng biện bác mau lẹ mà được biết tiếng, cất nhắc lên làm Thị trung, Trung thư lệnh. Hạo sai Thượng gảy đàn cầm, Thượng thưa rằng:

- Thần vốn không hiểu rõ về đàn cầm.

Hạo lệnh sai phải học đàn. Sau có lần ăn yến nói chuyện bàn đến cái tinh diệu của đàn cầm, Thượng nhân đó nói:

- Tấn Bình Công sai Sư Khoáng gảy điệu Thanh Giốc,⁽¹⁾ Khoáng nói là vua ta đức mỏng, không đáng được nghe tiếng đàn ấy.

Hạo cho là Thượng đưa ý ấy để ví với mình, không hài lòng. Về sau mượn việc khác bắt hạ ngục, đem cả việc ấy ra cật vấn,^④ rồi đưa đến Kiến An chế tác thuyền. Ít lâu sau, lại ban thêm tội giết đi.

① *Ngô thư* chép: Hoành thấy cái gối gỗ chò,⁽²⁾ thích hoa văn của nó, mới làm một bài phú. Trần Lâm ở phương bắc thấy bài phú ấy, đem kể với người khác rằng:

- Bài phú này là của người cùng quê với ta là Trương Tử Cương viết ra vậy.

Sau này Hoành thấy Trần Lâm viết bài *Vũ khố phú* và *Ứng cơ luận*, gửi thư cho Lâm rất khen ngợi các bài ấy. Lâm đáp thư rằng:

"Kẻ hèn này ở Hà Bắc, ngăn cách với thiên hạ, người ở vùng này đại khái là ít giỏi văn chương, rất dễ thành người kiệt xuất, cho nên kẻ hèn này nhận được lời khen quá mức như thế, không đúng với tài thực vậy. Nay có Cảnh Hưng ở bên này, tức hạ và Tử Bó ở bên ấy,⁽³⁾ có thể nói là

¹ Sư Khoáng (師明) là người nước Tấn thời Xuân Thu, giỏi âm nhạc đứng đầu thời ấy. Truyện kể: Có lần vua nước Tấn và vua nước Tấn ăn tiệc với vua nước Vệ ở đài Tứ Kỳ. Tấn Bình Công sai Sư Khoáng gảy điệu nhạc Thanh Chùy, Sư Khoáng gảy đàn, chim hạc đậu đầy sân xếp thành hàng võ cánh vượn cổ múa theo nhạc, Tấn Bình công khen nức nở, lại đòi nghe điệu nhạc Thanh Giốc. Sư Khoáng nói: "Trước kia Hoàng đế hội các thần ở núi Thái, gảy điệu nhạc Thanh Giốc; các vua đòi sau đức bạc, không sai khiến được các vị thần, do đó thần và người cách biệt nhau. Bây giờ gảy khúc nhạc ấy, các thần lại xuống cả đây, sẽ có tai vạ."

² Cây chò, thân có nhiều bướu với các vân gỗ lượn sóng, người xưa đẽo các bước cây làm cái gối đầu, cái gối có hình như cái chày, thắt ở giữa, hai đầu phình ra.

³ Cảnh Hưng tức Vương Lăng (đại thần nhà Ngụy); Tử Bó là Trương Chiêu.

so kẻ có nghề học thấp kém với bậc cao minh,⁽¹⁾ thân khí của ta tiêu tán mất thôi."

Hoành đã giỏi văn học, lại khéo viết chữ khải và chữ triện, thư gửi cho Khổng Dung, tự tay viết loại chữ ấy.

Dung gửi thư cho Hoành nói:

"Lúc trước tự tay cầm bút viết, đa phần là chữ triện. Mỗi lần nâng sách xem chữ, hân hoan tự cười một mình, như lại trông thấy người kia vậy."

② *Giang Biểu truyện* chép: Huyền trong sạch cao thượng có đức hạnh, nhưng tài hoa không theo kịp được Hoành.

③ *Giang Biểu truyện* khen Thượng có tài năng hơn đời.

④ *Ngô kỷ* của Hoàn thị chép: Hạo từng hỏi:

- *Kinh Thi* nói "Chiếc thuyền gỗ bách lênh đênh", là chỉ có gỗ bách làm được thuyền sao?

Thượng đáp rằng:

- *Kinh Thi* nói: "Mái chèo gỗ cối thuyền là gỗ thông", thì gỗ thông cũng làm thuyền được vậy.

Lại hỏi:

- Với loài chim, lớn thì chỉ có chim hạc, nhỏ chỉ có chim sẻ chẳng?

Thượng đáp rằng:

- Lớn thì có chim thốc thu, nhỏ thì có chim tiêu liêu.⁽²⁾

Bản tính Hạo ghét kẻ nào hơn mình, nhưng Thượng đàm luận thường tỏ rõ cái hơn của mình, lâu dần dẫn đến oán hận. Sau Hạo hỏi:

- Cô uống rượu sánh được với ai?

Thượng đáp rằng:

- Bệ hạ tửu lượng được trăm bình.

¹ Nguyên văn là "sở vị tiểu vu kiến đại vu." Tiểu vu nghĩa đen là chỉ vị pháp sự có pháp thuật thấp kém, nghĩa bóng là nói người có học nghiệp thấp kém, kỹ thuật tầm thường, còn Đại vu có nghĩa ngược lại, Trần Lâm nhún nhường ý rằng việc so sánh các đối tượng quá khác với nhau là không đáng.

² Thốc thu là giống chim lớn, hình dáng giống chim hạc nhưng lớn hơn, đầu không có lông, màu sắc xanh xám, thích ăn thịt rắn, rất hung ác; còn tiêu liêu là chim hồng tước.

Hạo nói rằng:

- Thượng biết là Khổng Khâu không làm vua, mà đem Cô ra so sánh với ông ấy!

Nhân thế nổi giận sai người bắt lấy Thượng.⁽¹⁾ Thượng thư Sầm Hôn dẫn hơn trăm người từ công khanh trở xuống, đến thẳng cung điện khấu đầu xin, vì thế Thượng được giảm tội chết.

Khi trước, người đồng quận với Hoành là Tần Tùng tự Văn Biểu, Trần Doan tự Tử Chính, cùng Hoành đều được Tôn Sách đãi ngộ, cho tham dự bày mưu. Hai người đều chết sớm.

Nghiêm Tuấn tự Man Tài, người quận Bành Thành. Thời trẻ dốc sức học hành, giỏi *Thi thư*, *Tam lễ*,⁽²⁾ lại thích sách *Thuyết văn*.⁽³⁾ Đi tránh loạn ở Giang Đông, cùng Gia Cát Cẩn, Bộ Chất là bằng hữu thân thiết.

Tuấn bản tính chính trực thuần hậu, với mọi người, Tuấn thẳng thắn khuyên bảo đạo phải, đem lại nhiều điều bổ ích. Trương Chiêu tiến cử Tuấn với Tôn Quyền, Quyền dùng làm Kỵ đô úy, Tòng sự trung lang.

Lúc Hoành Giang tướng quân Lỗ Túc chết, Quyền lấy Tuấn lên thay Túc, đốc binh một vạn người, trấn giữ Lục Khẩu. Chúng nhân đều vì Tuấn chúc mừng, Tuấn trước sau cố từ rằng:

- Ta vốn là kẻ thư sinh, chẳng thạo việc quân, không có tài giữ chức này, lỗi lầm tất đến.

¹ Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: "Vua Nghiêu không uống ngàn vò rượu thì không dựng được thời thái bình, Khổng tử không uống trăm vò rượu thì không dựng nổi đạo thánh." Tôn Hạo cho rằng Thượng nói mình uống trăm vò rượu tức chỉ bằng Khổng tử thôi, mà Khổng tử không phải là vua, như thế là khinh mình, cho nên căm ghét, bắt tội.

² Tam lễ (三礼) tức là sách về lễ từ thời thượng cổ cho đến đời nhà Hán, gồm có *Chu lễ*, *Nghi lễ* do Chu Công Đán (周公旦) soạn ra và *Lễ ký* do Mã Dung (马融) và Lô Thực (卢植), người thời Đông Hán soạn ra.

³ Tức sách *Thuyết văn giải tự* (说文解字) do Hứa Thận (许慎) người quận Nhữ Nam sống vào thời Đông Hán soạn chép.

Lời phát ra khảng khái, đến chảy nước mắt,^① Quyền bèn nghe theo. Người đời khen rằng Tuấn biết khả năng của mình mà thực sự nhún nhường.

Quyền làm Ngô vương, lúc xưng tôn hiệu, Tuấn từng làm Vệ úy, đi sứ Thục, Tướng nước Thục là Gia Cát Lượng rất khen Tuấn.

Bổng lộc được ban Tuấn chẳng giữ lại, đều chia hết cho thân thích và người quen cũ, vì thế trong nhà thường thiếu thốn.

Người quận Quảng Lăng là Lưu Dĩnh và Tuấn có giao tình cũ, Dĩnh học giỏi nổi tiếng trong vùng, Quyền nghe tin trưng triệu Dĩnh, Dĩnh xưng bệnh không tới. Em của Dĩnh là Lược làm Thái thú Linh Lăng, chết khi đương chức, Dĩnh đến chịu tang, Quyền biết Dĩnh trá bệnh, liền cho sai dịch bắt lấy. Tuấn cũng đuổi theo nói cho Dĩnh biết, sai dịch sứ quay về tạ lỗi với Quyền. Quyền giận phế chức của Tuấn, còn Dĩnh được thoát tội. Rất lâu sau, Quyền lại dùng Tuấn làm Thượng thư lệnh, sau đó Tuấn chết.^②

① *Chí lâm* chép: Quyền lại thử cho Tuấn cưỡi ngựa, Tuấn lên ngựa làm rơi cả yên.

② *Ngô thư* chép: Bảy giờ Tuấn bảy mươi tám tuổi, có hai con là Khải và Sảng. Khải làm quan đến chức Thiếu phủ Thăng bình.

Tuấn soạn các sách *Hiếu Kinh truyện*, *Triều thủy luận*, lại cùng Bùi Huyền, Trương Thừa luận về Quán Trọng, Quý Lộ, đều truyền lại ở đời.

Huyền tự Ngạn Hoàng, người quận Hạ Bi, cũng nổi tiếng về học vấn, quan vị đến chức Thái trung đại phu.

Huyền hỏi con là Khâm rằng trong bốn người Tề Hoàn, Tấn Văn, Di, Huệ⁽¹⁾ thì ai hơn ai kém, Khâm thưa lại những điều mình thấy, so với ý của Huyền trái ngược nhau, mỗi bên đều có đạo lý.

Khâm và Thái tử Đăng giao du với nhau, Đăng khen văn chương của Khâm hoa mỹ.

¹ Tề Hoàn công, Tấn Văn công, Bá Di, Liễu Hạ Huệ, đều là những bậc cao nhân hiền đức.

Trình Bình tự Đức Xu, người quận Nhữ Nam huyện Nam Đốn. Vốn theo học Trịnh Huyền, sau đi tránh loạn ở Giao châu, cùng Lưu Hy khảo cứu khảo luận về nghĩa kinh điển, vì thế uyên bác lâu thông Ngũ kinh. Sĩ Nhiếp lệnh cho làm Trưởng sử. Quyền nghe nói Bình là danh nho, đem lễ trưng triệu Bình, Bình về rồi, được bái làm Thái phó cho Thái tử.

Năm Hoàng Vũ thứ tư, Quyền cho Thái tử Đăng lấy con gái của Chu Du, Bình giữ chức Thái thường, đi đón phi ở huyện Ngô, Quyền thân tới thuyền của Bình, lễ đãi rất hậu. Về đến nơi, Bình ung dung tiến đến nói với Đăng rằng:

- Hôn nhân là đầu mối của nhân luân, là gốc rễ giáo hóa của đế vương, thế nên thánh vương rất xem trọng, dùng việc đó làm gương cho muôn dân, giáo hóa phong tục trong thiên hạ, cho nên *Kinh Thi* khen bài thơ *Quan thu*,⁽¹⁾ lấy làm bài đầu. Xin Thái tử hãy tôn trọng lễ giáo nơi khuê phòng, giữ trọn lời ngậm vịnh của bài *Chu nam*,⁽²⁾ thì đạo hóa hưng vượng ở trên, lời ca tụng sẽ cất lên ở dưới vậy.

Đăng cười nói:

- Phát dương cái ưu điểm của ta, nắn sửa cái nét xấu của ta, thực nhờ cậy vào phó quân vậy.

Bình chết khi đương chức. Soạn các sách *Chu Dịch trích*, *Thượng Thư bác*, *Luận ngữ bát*, cả thảy hơn ba vạn chữ.

Thời Bình làm sư phó, Suất canh lệnh⁽³⁾ người quận Hà Nam là Chỉnh Sùng, cũng chăm học dưỡng phẩm hạnh.①

① Ngô lục chép: Sùng tự Tử Hòa, nghiên cứu *Kinh Dịch*, *Xuân thu Tả thị truyện*, lại khéo thuật trị gia.

¹ *Quan thu* một bài thơ rất nổi tiếng trong *Kinh Thi*, là bài đầu tiên trong cuốn cổ thi này. Chủ đề nói về tình yêu nam nữ.

² *Chu nam* là tên một số điệu nhạc trong *Kinh Thi* ca tụng đạo vợ chồng, gồm có mười một bài. Đó là: *Quan thu*; *Cát đàm*; *Quyển nhi*; *Nam hữu cù mộc*; *Chung tư*; *Đào yêu*; *Thố tứ*; *Phù dĩ*; *Hàn quang*; *Nhữ phần*; *Lân chi chi*.

³ Suất canh lệnh (率更令) là một chức quan được đặt ra từ thời nhà Tần, nhiệm vụ chính là giúp việc cho Thái tử.

Sùng gốc họ Lý, gặp lúc loạn lạc đổi họ, rồi trốn náu ở Cối Kê, tự mình cày ruộng nuôi chí khí. Người ngưỡng mộ Sùng đến theo học, được Sùng truyền dạy bất quá chỉ mấy người thôi, những ai được Sùng dạy đều thành đạt cả. Những người mà Sùng giao kết như bọn Thừa tướng Bộ Chất, đều thân thiết.

Nghiêm Tuấn tiến cử Sùng khen rằng đức hạnh đủ để khuyến khích phong tục, học vấn đủ để làm thầy. Lúc đầu gặp thái tử Đăng, vì Sùng có bệnh được ban ân không phải bái lạy. Quan liêu của Đông cung đều đến bái phỏng. Thái tử nhiều lần thỉnh giáo Sùng về những vấn đề mình không hiểu.

Năm bảy mươi tuổi Sùng chết.

Hám Trạch tự Đức Nhuận, người quận Cối Kê huyện Sơn Âm. Nhà nổi đời là nông phu, đến Trạch ham học, nhà nghèo không có tiền, thường làm người chép sách thuê, để đổi lấy giấy bút, sao chép sách xong, nhắm đọc cũng thuộc hết. Lại tìm thầy luận giảng, nghiên ngẫm các loại sách vở, kiêm thông lịch số, nhờ thế nổi danh. Lúc xét cử Hiếu liêm, được phong làm trưởng huyện Tiên Đường, chuyển làm Sâm lệnh.

Tôn Quyền làm Phiêu kỵ tướng quân, triệu gọi Trạch bổ làm Tây tào duyệt; đến lúc xưng tôn hiệu, lấy Trạch làm Thượng thư. Năm Gia Hòa trung, làm Trung thư lệnh, được gia thêm chức Thị trung. Năm Xích Ô thứ năm, bái làm Thái phó cho Thái tử, lĩnh Trung thư lệnh như cũ.

Trạch thấy kinh truyện văn tự nhiều, khó dùng hết được, bèn châm chước sách vở của các nhà, giản ước văn tự ở *Kinh Lễ* và chú thích các chỗ để truyền dạy nhị cung, làm ra quy chế việc đi lại trong cung và lễ nghi yết kiến của tân khách, lại soạn sách *Càn tượng lịch chú*⁽¹⁾ để định chính xác tháng ngày. Mỗi khi triều

¹ Lịch Càn tượng (乾象) do người thời Đông Hán lập ra, được dùng một thời gian rất ngắn ở nước Ngô.

đình đại nghị bàn, kinh sách điển cố có chỗ nghi vấn, liền đem ra hỏi Trạch.

Trạch vì nho học siêng năng lao nhọc, được phong tước Đô hương hầu. Bản tính khiêm cung cẩn thận, tiểu lại nơi cung phủ gọi mời hỏi đáp, đều đối lễ lại như với người ngang hàng. Người khác có lỗi sai, miệng không hề đề cập đến, vẻ mặt tựa như kẻ bất trí, nhưng kiến thức khôn cùng.

Quyền từng hỏi:

- Sách truyện thơ phú, bài nào là hay?

Trạch muốn mượn cơ để làm rõ việc trị loạn, nhân đó đáp rằng bài *Quá Tần luận*⁽¹⁾ của Giả Nghị là hay nhất, Quyền chịu đọc sách đó.

Khi trước, vì tội gian của Lã Nhất đã nổi rõ, Hữu ti tra xét triệt để, tấu xin dùng đại hình, có người cho là nên gia thêm hình phạt thiêu chết rồi dùng xe xé xác, để nêu rõ cái tội lớn. Quyền đem việc hỏi Trạch, Trạch nói:

- Vào thời xương thịnh, không nên khôi phục lại hình phạt ấy.

Quyền nghe theo.

Lại nữa là các trưởng quan có chỗ lo lắng, muốn tăng thêm điều luật phòng phạm, để kiểm xét kẻ dưới, Trạch thường nói "Nên theo Lễ, Luật", lời lẽ hòa nhã mà có chính kiến, đại loại như thế.^①

Năm thứ sáu mùa đông Trạch chết, Quyền rất đau xót thương cảm, mấy ngày không ăn uống.

① Ngô lục chép: Ngụ Phiên khen Trạch rằng:

- Hám sinh là người kiệt xuất, đại khái hơn được Dương Hùng của đất Thục.⁽²⁾

¹ Quá, tức là lỗi vậy. *Quá Tần luận*, là trước tác của Giả Nghị dâng lên Hán Văn đế, bàn về cái lỗi sai của chính sự dẫn đến việc mất nước của nhà Tần.

² Dương Hùng (扬雄), xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 187 (Vương Túc truyện).

Lại nói:

- Nho thuật và đức hạnh của Hám tử thực cũng giống như Đồng Trọng Thư⁽¹⁾ của thời nay vậy.

Khi trước, Ngụy Văn đế tức vị, Quyền từng ung dung hỏi quần thần rằng:

- Tào Phi đã nhiều tuổi mới tức vị, e rằng Cô không theo kịp hần được, các khanh cho là thế nào?

Quần thần chưa đáp được, Trạch nói:

- Chẳng đến mười năm, Phi đã chết rồi, Đại vương chớ lo vậy.

Quyền nói:

- Sao ngài biết được?

Trạch nói:

- Lấy văn tự mà nói, bất thập thành phi, đấy là vận của hần vậy.⁽²⁾

Văn đế quả nhiên qua bảy năm thì băng hà.

Thần Tùng Chi tính rằng Tôn Quyền lớn hơn Văn đế năm tuổi, thế thì tuổi tác nhiều ít hơn kém không đáng kể vậy.

Bạc tiên bối đồng hương với Trạch ở quận Đan Dương là Đường Cố cũng tu thân tích lũy học vấn, được xưng tụng là nhà nho, soạn các sách *Quốc ngữ*, *Công Dương*, *Cốc Lương truyện chú*, người đến nghe truyền giảng thường có mấy chục.

Quyền làm Ngô vương, báí Cố làm Nghị lang, từ bọn Lục Tốn, Trương Ôn, Lạc Thống trở xuống đều đến báí phòng Cố.

Năm Hoàng Vũ thứ tư Cố làm Thượng thư Bộc xạ, chết.^①

① *Ngô lục* chép: Cố tự Tử Chính, lúc chết hơn bảy mươi tuổi rồi.

¹ Đồng Trọng Thư (董仲舒), xem chú thích ở tập VI, quyển 31, trang 7 (Lưu Yên truyện).

² Chữ Phi (丕) trong tên của Tào Phi là do chữ bất (不) ở trên ghép với chữ thập (十) ở dưới. Hai chữ “bất thập” nghĩa là chẳng đến mười.

Tiết Tống tự Kính Văn, người quận Bái huyện Trúc Ấp.^①

Tống thời trẻ theo người trong tộc tránh loạn ở đất Giao châu, theo Lưu Hy thụ học. Sĩ Nhiếp đã nương bám Tôn Quyền, triệu Tống làm Ngũ quan trung lang, đổi phong làm Thái thú Hợp Phố, Giao Chỉ. Bấy giờ đất Giao châu mới khai phá, Thứ sử là Lã Đại xuất sư đánh dẹp, Tống cùng đi theo, vượt biển nam chinh, cùng đến Cửu Chân. Xong việc quay về kinh đô, giữ chức Yết giả bộ xạ.

Sứ tây triều là Trương Phụng ở trước mặt Quyền chiết tự về họ tên của Thượng thư Hám Trạch để giấu cọt Trạch, Trạch không đáp được. Tống xuống rót rượu, nhân đó mời rượu nói:

- Chữ Thục là gì nhỉ? Có chữ khuyến là chữ độc, không có chữ khuyến thành chữ Thục, chữ mục nằm ngang chữ cầu bao quanh, chữ trùng chui vào bụng.^{(1)②}

Phụng nói:

- Chẳng lẽ lại chiết tự chữ Ngô của nước ngài chẳng?

Tống tiếp lời rằng:

- Không có chữ khẩu là chữ thiên, có chữ khẩu thành chữ Ngô,⁽²⁾ là vua coi xét vạn nước, là kinh đô của thiên tử.

Vì thế mọi người ngồi đó đều cười vui, mà Phụng không lấy gì đối lại. Cái cơ biến mẩn tiệp của Tống đại loại là như thế.^③

① *Ngô lục* chép: Tổ tiên của Tống là Mạnh Thường Quân nước Tề được phong ở ấp Tiết. Nhà Tần diệt sáu nước, thì mất tế tự, con

¹ Đây là phép chơi chữ rất thịnh hành trong giới nhà nho Trung Quốc. Bản thể là việc tách ghép các nét chữ tượng hình để tìm nghĩa khác. Chữ mục (目 – con mắt), để nằm ngang thêm vành ngoài của chữ cầu (苟 – cầu thả) bao quanh, lấy chữ trùng (虫 – con sâu) để vào trong giữa, nếu ghép thêm chữ khuyến (犬 – con chó) thì thành chữ độc (独 – con vợ lớn), bỏ chữ khuyến đi thì là chữ Thục (蜀 – tên nước Thục).

² Chữ khẩu (口 – cái miệng) ở trên, chữ thiên (天 – bầu trời) ở dưới, ghép lại thành chữ Ngô (吳 – tên nước Ngô).

cháu phân tán.⁽¹⁾ Hán tổ định thiên hạ, qua đất Tề, tìm hậu duệ của Mạnh Thường Quân, được hai người cháu của ông là Lãng và Quốc, muốn khôi phục đất phong của họ. Anh em Lãng, Quốc nhường nhau, chẳng ai chịu nhận, bèn bỏ đến Trúc Ấp, nhân đó dựng nhà ở, bèn lấy họ là Tiết. Từ đời Quốc đến Tống, nối đời làm quan ở châu quận, là dòng họ nổi tiếng. Tống thời trẻ thông hiểu kinh sách, khéo soạn chép văn tự, có tài lạ.

② Thần Tùng Chi thấy các sách vốn ghi là "câu thân" có chỗ chép là "câu thân", cho rằng đã nói là "chữ mục nằm ngang" thì nên chép là "câu thân."⁽²⁾

③ *Giang Biểu truyện* chép: Phí Y đưa lễ đến Ngô, lên bệ kiến, công khanh cận thần đều ngồi đó. Vui rượu, Y cùng Gia Cát Khác trêu cợt căn vặn nhau, nói đến nước Ngô và nước Thục. Y hỏi rằng:

- Chữ Thục chiết tự thế nào?

Khác nói:

- Có chữ thủy thì là chữ trọc, không có chữ thủy thì là chữ Thục. Chữ mục nằm ngang chữ câu bao quanh, chữ trùng chui vào bụng.⁽³⁾

Y lại hỏi:

- Chữ Ngô thì chiết tự thế nào?

Khác nói:

- Không có chữ khẩu là chữ thiên, có chữ khẩu là chữ Ngô, ở dưới coi biển lớn, là đế đô của Thiên tử.

So với bản truyện bất đồng.

Lã Đại từ Giao châu được triệu về, Tống lo không có người thích hợp kế chức Đại, dâng sớ rằng:

¹ Mạnh Thường Quân (孟尝君), tên thật là Điền Văn (田文), người nước Tề thời Chiến Quốc, nổi tiếng hào hiệp rộng rãi, trong nhà thường có mấy nghìn tân khách tụ tập ăn uống, giúp kẻ bày mưu. Cha ông là Điền Anh, được phong đất ở ấp Tiết.

² Bùi Tùng Chi giải thích nghĩa chữ, nói là dùng chữ "câu" (句) ở đây thích hợp hơn chữ "câu" (苟), đại để là chữ "câu" có nghĩa là cái móc cong.

³ Chữ mục (目 – con mắt), để nằm ngang thêm vành ngoài của chữ câu (苟 – câu thả) bao quanh, lấy chữ trùng (虫 – con sâu) để vào trong giữa, nếu ghép thêm chữ thủy (水 – nước) thì thành chữ độc (独 – con vượn lớn), bỏ chữ thủy đi thì là chữ Thục (蜀 – tên nước Thục).

"Xưa kia Đế Thuấn đi tuần thú phương nam, chết ở Thương Ngô. Nhà Tân đặt ra quận Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận, thế thì bốn quận này là nội thuộc vậy, từ đó đến tận bây giờ."

"Triệu Đà khởi sự ở Phiên Ngung, vỗ về thu phục trưởng quan người Bách Việt, đấy là các bộ tộc phía nam quận Châu Quan vậy. Hán Vũ đế giết Lã Gia,¹ mở ra chín quận, đặt chức Thứ sử Giao Chỉ để trấn áp coi xét chỗ ấy. Núi cao sông sâu, tập tục chẳng tề chỉnh, ngôn ngữ khác biệt nhau, phiên dịch nhiều lần mới thông, dân như chim muông, già trẻ không phân biệt, búi tóc đi chân không, đầu quấn khăn vắt áo dắt bên trái, trưởng lại đặt ra, tuy có mà như không. Từ ngày ấy đến bây giờ, bên ta đều dờn tội nhân người Trung Quốc đến ở lẫn với dân vùng ấy, dân dần khiến họ học chữ, biết sơ sơ ngôn ngữ, dịch sớ qua lại, thấy họ biết đến lễ nghĩa và giáo hóa. Đến sau này Tích Quang làm Thứ sử Giao Chỉ, Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân, mới dạy dân ấy cày ruộng, bắt họ đội mũ đi giày; giúp đặt quan mai mối, họ mới biết đem lễ vật xin cưới hỏi; rồi gây dựng việc dạy học, chỉ dẫn nghĩa của kinh sách. Từ đấy xuống đến nay, hơn bốn trăm năm, hơi có phần giống với chúng ta."

"Từ lúc trước thần mới đến làm khách ở đấy, người quận Châu Nhai bỏ phép lấy vợ gả chồng của quận, đều đợi đến tháng tám thì dựng nhà, lúc người dân tụ tập, trai gái tự gặp nhau nếu vừa ý thì theo, rồi làm vợ làm chồng, cha mẹ chẳng thể cấm chỉ. Ở hai huyện Mi Linh của Giao Chỉ và Đô Bàn của Cửu Chân, đều anh chết thì em lấy chị dâu của mình, nôi đời lấy đó làm tập tục, trưởng lại nghe thấy cũng mặc kệ, chẳng thể cấm chế nổi. Trai gái của quận Nhật Nam để thân thể trần truồng, không cho là xấu hổ. Bởi thế nói về họ, có thể coi là con sâu con nhộng, bất quá là có mặt mũi mà thôi."

"Nhưng xứ ấy đất rộng người đông, hiểm trở độc hại, dễ lấy đó làm loạn, khó khiến họ theo trị. Quan lại ràng buộc, ban lệnh ra oai thu

¹ Lã Gia (吕嘉), là tể tướng ba đời vua nước Nam Việt, thời hậu Triệu Đà. Chủ trương không lệ thuộc vào nhà Hán, sau bị nhà Hán tiêu diệt.

phục, tô thuế nhà cửa ruộng vườn, chỉ châm chước thu dụng đủ, vật quý ở phương xa đưa đến có ngọc trân châu, cây thuốc thơm, ngà voi, sừng tê, đồi mồi, san hô, ngọc lưu ly, chim anh vũ, chim phỉ thúy, khổng tước, vật lạ, ngọc báu chất đầy, bắt tất phải trông đến thuế khóa họ thu vào, để làm giàu cho Trung Quốc vậy. Nhưng ở bên ngoài cửu điện, việc tuyển chọn trưởng lại, đại loại là không khảo xét kỹ càng. Thời Hán phép tắc khoan hòa, đa phần là tự ý buông thả, cho nên họ mấy lần làm phản trái với phép tắc. Việc phế bỏ quận Châu Nhai, phát ra là bởi trưởng lại ở đấy thấy tóc của người ta đẹp, cắt tóc họ làm tóc giả. Điều mà thần thấy được ở đấy là, người quận Nam Hải là Hoàng Cái, làm Thái thú Nhật Nam, lúc xuống xe vì kẻ sắp bày cung ứng không đủ, bèn đánh chết Chủ bộ, rồi thường bị xua đuổi. Thái thú Cửu Chân là Đàm Manh giúp bố vợ là Chu Kinh làm chủ tiệc, mời hết thầy các Đại lại, vui rượu bày nhạc, Công tào Phiên Hâm đứng dậy múa lân kéo Kinh, Kinh không chịu đứng, Hâm vẫn cưỡng bách, Manh căm giận dùng trượng đánh Hâm, chết ở trong quận. Em của Hâm là Miêu thống lĩnh mọi người đánh phủ, dùng tên độc bắn Manh, Manh trúng tên chết. Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp phái binh đánh dẹp, không thắng ngay được."

"Lại nữa là cố Thứ sử Chu Phù người quận Cối Kê, đa phần dùng người làng là lũ Ngu Bao, Lưu Ngạn chia nhau làm trưởng lại, xâm phạm ngược đãi trăm họ, cưỡng thuế với dân, một con cá vàng thu một hộ lúa, trăm họ oán giận làm phản, sơn tặc cùng kéo ra, đánh châu phá quận. Phù chạy vào biển, trôi nổi mất mạng. Thứ nữa là đến Trương Tân người quận Nam Dương, cùng Kinh châu mục là Lưu Biểu có hiềm khích, binh mình yếu mà địch mạnh, hàng năm hưng binh, chư tướng chán ghét lo họa, đi ở tùy ý. Tân tra xét trấn áp kém, uy vũ chẳng đủ, bị kẻ dưới lấn áp khinh lờn, cuối cùng đến nổi bị giết. Sau lại có người quận Linh Lăng là Lại Cung, trước là hạng nhân hậu cẩn thận, song không hiểu thời cuộc. Biểu lại phái người quận Trường Sa là Ngô Cự làm Thái thú Thương Ngô. Cự là kẻ vũ phu khinh bạc hung hãn, không làm cho Cung phục tùng, lại oán hận nhau, rồi trực

xuất Cung, Cung cầu cứu Bộ Chắt. Bấy giờ tướng cũ của Tân là lữ Di Liêu, Tiễn Bác đồ đảng còn nhiều, Chắt lần lượt diệt trừ, kỷ cương vừa yên định, gặp lúc bị triệu ngay về. Lã Đại mới đến, có biến cố của Sĩ thị. Bèn xua quân nam chinh, ngày ngày đánh dẹp bình định, đổi đặt trường lại, nêu tỏ vương cương, uy lan vạn dặm, lớn nhỏ theo gió phục tùng. Bởi thế mới nói, võ về biên giới phủ dụ dân biên bìa, thực phải có người thích hợp. Tuyển người làm mục bá, phải trong sạch và có tài năng, ngoài cõi hoang phục, họa phúc khác thường."

"Ngày nay cõi Giao châu dù có tiếng là mới yên định, còn có giặc cướp ở Cao Lương; bờ cõi bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Châu Quan của châu ấy chưa yên, là chỗ lữ giặc cướp nương dựa, nơi bọn làm phản trốn tụ. Nếu Đại không trở lại phương nam, tân Thù sử nên được tuyển kỹ, để tổng nhiếp tám quận, có phương lược và trí mưu, mới có thể dần dần trị được giặc Cao Lương, mượn uy thế và ân sủng của mình, cây dựa vào hình thế, mới mong cầu thành quả, dần bù bổ lại như lúc trước. Bằng như chỉ dùng người bậc trung, dùng phép tắc thường để giữ, không có mưu kỳ thuật lạ, thì bọn ác ngày thêm đông, lâu dài thành hại. Cho nên sự an nguy của quốc gia, là tại người làm việc ở đó, chẳng thể không xét kỹ. Thần trộm lo triều đình coi nhẹ việc tuyển lựa này, cho nên dám dốc lòng ngu, để khơi rộng thánh ý."

Năm Hoàng Long thứ ba, Kiến Xương hầu Tôn Lự làm Trấn quân đại tướng quân, trú ở Bán Châu, lấy Tống làm Trưởng sử, ngoài chấp chương việc quân, trong truyền dạy thư tịch. Lự chết, Tống về triều làm Tặc tào thượng thư, thăng làm Thượng thư bộ xạ. Bấy giờ Công Tôn Uyên đã hàng lại làm phản, Quyền rất phẫn nộ, muốn tự mình đi đánh. Tống dâng sớ can rằng:

"Bậc đế vương, là người đứng đầu muôn nước, can hệ đến vận mệnh của thiên hạ vậy. Vì thế nơi ở thì nhiều tầng cửa có trống mõ canh canh để phòng việc không hay, đức hạnh thì giữ đạo trong sạch phong thái ung dung để nuôi dưỡng sự oai nghiêm, đại khái là để giữ cái phúc vạn toàn, vỗ yên lòng người trong bốn bể."

"Khi xưa Khổng tử ốm, mượn có nói việc cưới bề vượt biển, Quý Do vui mừng vì việc ấy, song không lấy dâu ra gổ,⁽¹⁾ Hán Nguyên đế muốn ngự lâu thuyền, Tiết Quang Đức xin đâm cổ lấy máu nhuộm xe.⁽²⁾ Vì sao thế? Cái hiểm của nước lửa là chí nguy, không phải là chỗ thích hợp để bậc đế vương lặn lội vậy. Ngạn ngữ nói: 'Đưa con nghìn vàng, không để ngồi dưới mái hiên nhà'.⁽³⁾ Huống chi là bậc tôn quý vạn thặng? Nay Nhung Mịch là tiểu quốc ở Liêu Đông, không có cái vững của thành trì, không đủ cái thuật chống giữ, khí giới cùn nhứt, không đâm nổi chó dê, qua đó tất cầm bắt được, thực như lời ở mình chiếu. Nhưng phương ấy khí hậu rét mướt, đất đai bạc màu, cấy lúa chẳng sinh lợi, dân quen ngồi trên yên ngựa, dời chuyển vô thường. Thốt nhiên nghe tin đại quân đến, tự đồ rằng không địch nổi, chim kinh hãi thú giạt mình, ruồi dài trốn chạy, một người một ngựa, chẳng thể tìm thấy, dấu lấy được chỗ đất không, giữ có ích gì, đó là điều thứ nhất không nên vậy. Thêm nữa là nước cả mệnh mỏng, có cái hiểm của núi Thành, hải triều bất thường, phong ba khó tránh, trong lúc chớp nhoáng, thuyền và người phát sinh hình thế khác thường. Dẫu có đức của Nghiêu Thuấn, trí không có chỗ thi thố, có cái dũng của Bôn Dục, sức chẳng thể phô bày, đó là điều thứ hai không nên vậy. Lại thêm sương mù đặc quánh ở trên, hơi nóng bốc lên ở dưới, dễ sinh ra viêm thũng, lây nhiễm lẫn nhau, phàm là người đi biển, ít ai không lo cái họa ấy, đó là điều thứ ba không nên vậy."

¹ Khổng tử chán nản vì đạo của mình không được thi hành, nói: "Đạo ta không được thi hành, ta sẽ cưới bề ra khơi, ai sẽ theo ta nếu không phải là anh Do?" Tử Lộ (tức Quý Do) vui mừng. Khổng tử nói: "Quả thế, chuộng dùng khi thì anh Do hơn ta. Nhưng, lấy dâu ra gổ để làm bề?" Khổng tử có ý răn Tử Do đừng bỏ cái ý tưởng táo bạo kiêu căng của Tử Do mà thôi.

² Hán Nguyên đế đi tế tông miếu, muốn ngồi thuyền lâu, bày tôi là Tiết Quang Đức (薛广德) khuyên Nguyên đế nên đi trên cầu (đi cầu thì yên, đi thuyền thì nguy), Nguyên đế không ưng, Tiết Quang Đức xin đâm cổ lấy máu bôi lên xe vua để vua không thể đi tế tông miếu được. Nguyên đế buộc phải đi trên cầu. Truyện về Tiết Quang Đức có trong *Hán thư* của Ban Cố, quyển thứ bốn mươi mốt.

³ Con nhà tôn quý tấm thân đáng giá nghìn vàng thì không được để ngồi dưới hiên nhà vì sợ bị ngồi trên hiên rơi xuống sẽ nguy hiểm.

"Trời sinh thần thánh, là tỏ rõ điềm lành, phải nhân cơ hội dẹp yên tang loạn, khiến muôn dân an khang; phúc lành một ngày sẽ đến, trong nước yên định, giặc ác hung nghịch, ngày diệt vong cận kề. Trung Quốc yên bình, Liêu Đông tự vong, chỉ nên chấp tay ngồi đợi thôi. Hôm nay làm trái mưu đồ cái việc tất nhiên sẽ xảy ra, tìm đến chỗ hiểm trở nguy nan, coi thường cái vững chắc của chín châu, buông thả theo cái phần hận một sớm, đã trái với kế lớn của xã tắc, lại là việc từ khi khai thiên lập địa đến nay chưa từng có, đây thực là điều mà trăm quan cúi mình lo sợ bất an, ăn không thấy vị ngon, ngủ không yên trên chiếu vậy."

"Cúi mong bệ hạ hãy nén cái oai sấm sét, nhịn bớt cơn giận bừng bừng, lần theo chỗ yên trên cầu, bước ra xa chỗ hiểm của giá băng, thì thần tử được cày phúc, thiên hạ may lắm."

Bấy giờ quần thần đa phần can gián, Quyền vì thế không đi.

Tháng giêng ngày Ất Mùi, Quyền sắc mệnh cho Tổng làm bài văn khấn tổ tiên nhưng không được dùng lời văn thường, Tổng vâng chiếu, lập tức soạn lời văn, câu từ xán lạn. Quyền nói:

- Làm hai bài nữa, cho đủ ba bài.

Tổng lại làm hai bài khấn, từ lệnh mới mẻ, chúng đều khen hay.

Năm Xích Ô thứ ba, chuyển Tổng làm Tuyền tào thượng thư. Năm thứ năm, làm Thiếu phó cho Thái tử, lĩnh chức Tuyền tào như cũ.①

Năm thứ sáu mùa xuân, Tổng chết. Hết thảy thơ, phú, số luận mà Tổng soạn chép đến mấy vạn chữ, đặt tên là *Tư tái*, lại soạn sách *Ngũ tông đồ thuật*, *Nhị kinh giải*, đều truyền lại ở đời.

① *Ngô thư* chép: Sau đó Quyền ban cho Tổng cái túi có dây đeo màu đỏ, Tổng tỏ ý nhún nhường nói rằng màu đỏ không phải là thứ mình nên đeo, Quyền nói:

- Thái tử còn ít tuổi, sở học còn nông cạn, ngài nên dùng văn để đá thông, dùng lễ để ước thúc, phong vương hầu, không ngài thì là ai?

Bấy giờ Tổng vì là danh nho giữ ngôi vị sư phó, vẫn kiêm việc tuyền cử, rất được người ta kính trọng.

Con của Tống là Hủ, làm quan đến chức Uy nam tướng quân, đi đánh Giao Chỉ về, trên đường đi bị bệnh chết.^①

Em của Hủ là Oánh, tự Đạo Ngôn, ban đầu làm Bí phủ trung thư lang, Tôn Hưu tức vị, Oánh làm Tấn kỵ trung thường thị. Được mấy năm, vì mắc bệnh bỏ chức.

Thời Tôn Hạo sơ, Oánh làm Tả chấp pháp, được thăng làm Tuyền tào thượng thư. Lúc lập ngôi Thái tử, lại lĩnh chức Thiếu phó. Năm Kiến Hành thứ ba, Hạo đoái nghĩ đến di văn của cha Oánh là Tống mà cảm thán, lại lệnh cho Oánh viết nổi vào. Oánh dâng thơ rằng:

*"Tổ tiên nhà hạ thần,
Trước làm quan với Hán,
Nhiều đời kế nối nhau,
Trải việc nơi đài quán.
Đến cha thân là Tống,
Gặp phải thời tang loạn,
Họ Lưu⁽¹⁾ mất ngôi trời,
Quốc gia mắc hoạn nạn.
Mới đến nơi đất lành,
Để bảo tồn dòng dõi,
Trời mở đường chỉ lối,
Dắt về miền đông nam.
Buổi đầu sống lưu vong,
Ngoài cõi Man khôn khó,
Đại hoàng mở cơ nghiệp,
Ân đức lan phương xa.
Đặc ân nhận chiếu mệnh,
Vớt khỏi chốn bùn nhơ,*

¹ Nguyên văn là hai chữ "mão kim", cũng gọi là "mão kim đao." Chữ "lưu" chiết tự gồm ba chữ "mão", "kim", "đao." Lý Hiền chú: "mão kim" tức họ Lưu. Như thế là ám chỉ nhà Hán vậy.

Buông bỏ áo khăn thô,
Nhận lấy chức chẻ phù.
Làm Thái thú Hợp Phố,
Ở tại nơi góc bể,
Rời chuyển về kinh sư,
Thăng làm quan cơ yếu.
Khô héo rồi lại vinh,
Dòng tuyết mà lại nổi,
Suy rồi lại hiển quý,
Hơn ý nguyện ban đầu.
Cũng nghĩ ân sủng hậu,
Lòng xét đã quá thừa.
Gặp lúc Văn Hoàng đế,
Lập danh hiệu Đông cung,
Mới cho làm Thiếu phó,
Sự vẻ vang thêm dày.
Thái tử rất sáng suốt,
Đức độ lại khiêm nhường,
Thêm có lễ đãi người,
Ân trạch càng thắm đậm.
Thương cho tiên phụ thân,
Nghĩ dốc tận lòng trung,
Hồng ân còn chưa báo,
Đã hết số là trần.
Than ôi thân hèn mọn,
Nghĩ đến anh và em,
May được sinh được dưỡng,
Nhờ tiếng thừa của cha.
Được trưởng bối giáo huấn,
Lòng ngu khó giải bày,
Kế nghiệp cha chẳng nổi,
Chỉ gửi nơi ruộng cày.

Ngờ đâu ở bản triều,
Nhân đức ơn trạch đây,
Xét việc cha thần làm,
Thương việc đó chưa thành,
Mới giúp đỡ đề bạt,
Cho vinh hiển tận cùng.
Hủ nhục ngoài ngàn dặm,
Vâng chịu mệnh nam chinh,
Phất cờ tinh mặc giáp,
Gươm giáo khua vang rền.
Kẻ ti tiện như thần,
Thực ám muội đón hèn,
Vinh hoa nơi dấu trước,
Được dịp theo cha hiền.
Lại vào giúp Đông cung,
Nôi đòi nhận hiển vinh,
Tài theo cha chẳng kịp,
Sợ nhục mệnh sai lầm.
Đức đế vương sâu rộng,
Văn nhã lại cao sang,
Đoái nghĩ đến cha thần,
Muốn bảo tồn hậu duệ.
Nhưng con nôi ngu hèn,
Chẳng giống như cha mình!
Ngẩng xem ân sủng cũ,
Trông đến mình ngu đần,
Có ai chẳng thẹn thùng,
Thần thực người như thế.
Rồi sớm khuya trần trở,
Nén lòng tự xét mình,
Cha con anh em thần,
Nôi đòi nhận mông ân,

Chết nhớ tình kết cớ,
 Sống thề phải quên thân,
 Dầu tro tàn bay khắp,
 Không báo nổi vạ phần."⁽¹⁾

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Thờ Tôn Hưu, Hủ làm Ngũ quan Trung lang tướng, được phái đến nước Thục tìm mua ngựa. Lúc quay về, Hưu hỏi điều được mất của chính sự nước Thục, Hủ đáp rằng:
 - Chúa ngu ám mà chẳng biết cái lỗi của mình, bày tôi ở dưới cầu thả cầu yên thân mong tránh tội, vào triều đình chẳng nghe được lời chính trực, ra ngoài đồng thấy dân đều có sắc xanh xao. Thần nghe nói én sẽ làm tổ trên xà nhà, mẹ con vui sướng với nhau, tự cho là yên ổn, đột nhiên mái nhà bốc cháy, mà én sẽ vẫn yên vui tự tại chẳng biết mối họa sắp đến, là nói về việc ấy chẳng!

Năm ấy, Hà Định kiến nghị đào kênh Thánh để thông sang Giang Hoài, Hạo lệnh cho Oánh đốc một vạn người qua đó, nhưng vì có nhiều đá tảng nên việc khó thi hành, bèn giải tán quay về, Oánh được cho ra làm Tả bộ đốc Vũ Xương. Sau khi Định bị giết, Hạo nghĩ lại việc đào kênh Thánh, bắt Oánh hạ ngục, đầy ải đến Quảng châu.

Hữu quốc sử là Hoa Hạch dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói Ngũ đế Tam vương đều đặt chức sử quan, chép lại các việc hay, truyền đến vô cùng. Thờ Hán có Tư Mã Thiên và Ban Cố, đều là bậc đại tài hơn đời, sách sử họ soạn ra tinh diệu, cùng Lục kinh đều truyền lại."

"Đại Ngô ta chịu mệnh trời, kiến quốc ở đất phương nam. Năm cuối thời Đại hoàng đế, truyền mệnh cho quan Thái sử lệnh là Đinh Phu, Lang trung là Hạng Tuấn bắt đầu soạn 'Ngô thư'. Phu, Tuấn đều không có cái tài của sử quan, việc mà họ soạn nhật, không đáng để chép lại. Đến thời Thiệu đế, lại sai Vi Diệu, Chu Chiêu, Tiết Oánh,

¹ Bài thơ nguyên bản mỗi câu bốn chữ, người dịch tạm chuyển sang thể thơ ngũ ngôn để truyền tải hết nghĩa văn.

Lương Quảng cùng với thần là năm người, dò xét truy tầm các việc đã qua, cùng nhau soạn chép, đầy đủ gốc gác ngọn ngành. Chiêu, Quảng chết sớm, Diêu phụ ân phạm tội, Oánh ra ngoài làm tướng, lại vì mắc lỗi bị đi đày, sách sử ấy vì thế trì trệ, đến nay chưa soạn xong để trình lên. Thần ngu dốt nông cạn kém tài, chỉ có thể giúp bọn Oánh ghi chép mà thôi, nếu sai cùng soạn sách, tất lại theo vết của Phu, Tuấn, sợ làm rơi rụng mất cái công lớn của Đại hoàng đế, tổn hại đến sự cao đẹp đương thời. Oánh nghiên cứu học vấn đã rộng, văn chương rất tinh diệu, trong số trăm quan, Oánh đứng hàng đầu. Nay xét các quan lại, tuy có nhiều người học rộng, kẻ có tài thuật chép, như Oánh thì ít lắm, thế nên thần khẩn thiết mong giúp nước mà tiếc Oánh. Thần thực muốn làm trọn cái công sắp thành, biên tên vào cuối cuốn sử trước kia. Tấu sau khi dâng lên, thần xin lui về vùi thân nơi ngòi rãnh, cũng không có gì ân hận nữa."

Hạo bèn cho triệu Oánh về, làm Tả quốc sử. Ngay sau đó, người cùng quân với Oánh là Tuyển tào Thượng thư Mậu Y vì giữ chí không đổi, bị bọn tiểu nhân căm ghét, giáng xuống làm Thái thú Hành Dương. Bái nhận chức rồi, lại bị truy xét đến chức trách rồi căn vặn, Y bèn dâng biểu tỏ ý tạ lỗi. Nhân đó qua chỗ Oánh, lại bị người khác bầm bạc, nói là Y không sợ tội, đem nhiều tân khách tụ họp ở chỗ Oánh. Hạo bèn bắt Y hạ ngục, đày đến Quế Dương, Oánh về Quảng Châu. Đi chưa đến nơi, lại triệu Oánh về, cho phục chức.

Bấy giờ phép tắc chính sự nhiều sai lầm, việc phế truất thăng giáng phiền nhiễu, Oánh thường dâng lời bày tỏ những việc tiện lợi thích hợp, bày cách khoan bớt hình phạt giảm lao dịch, để cứu giúp cho trăm họ, có vài việc được thi hành. Oánh được thăng làm Quang lộc huân.

Năm Thiên Kỷ thứ tư, quân Tấn đi đánh Hạo, Hạo dâng thư đến chỗ Tư Mã Tru, Vương Hồn, Vương Tuấn xin hàng, lời văn của thư ấy, là do Oánh viết vậy.

Oánh sau khi đến Lạc Dương, được biệt đãi như trước, làm Tân kỵ thường thị, hỏi đáp quyết đoán, xử lý các vấn đề, đều có ngọn ngành và đạo lý.^①

Năm Thái Khang thứ ba Oánh chết. Soạn ra tám thiên sách, đặt tên là Tân nghị.^②

① *Tấn kỷ* của Can Bảo chép: Vũ đế ung dung hỏi Oánh rằng:

- Cái lý do mà Tôn Hạo vong quốc là gì vậy?

Oánh đáp rằng:

- Kẻ bầy tôi là Hạo tước Quy mệnh hầu, là vua của nước Ngô vậy, vì thân gần với kẻ tiểu nhân, hình phạt bừa bãi xằng bậy, đại thần đại tướng, không có ai là người thân tín, người người lo lắng sợ hãi, đều chẳng thể tự bảo vệ mình, cái cơ nguy vong, thực bởi ở chỗ ấy.

Để bèn hỏi việc còn mất và sự hiền ngu của kẻ sĩ nước Ngô, Oánh đều đem thực trạng mà đối đáp.

② *Tấn thư* của Vương Ân chép: Con của Oánh là Kiêm, tự Lệnh Trường, trong sạch liêm khiết và độ lượng, có phong tư nghi dung như người thượng quốc, không giống với người Ngô. Trái chức Trường sử cho Thừa tướng của nhị cung. Nguyên đế lên ngôi, Kiêm qua rất nhiều lần thuyên chuyển, làm Đan Dương doãn, Thượng thư, rồi lại làm Thiếu phó cho Thái tử.

Từ Tổng cho đến Kiêm, ba đời đều giúp Đông cung.

Bình rằng: Trương Hoành văn từ có đạo lý kiến giải đúng đắn, là nhân tài ưu tú ở đời, Tôn Sách đối đãi chỉ kém hơn so với Trương Chiêu, thực có nguyên do vậy. Bọn Nghiêm, Trình, Hám, là học giả của một thời. Đến như Tuấn từ chối vinh hiển, cứu giúp người quen cũ, chẳng cũng là bậc trưởng giả sao! Tiết Tổng có học thức, đưa lời khuyên can trung thẳng thường được đón nhận, là lương thần của nước Ngô. Đến Oánh nối theo, thực có phong độ của tổ tiên, dẫu là vào lúc triều đình bạo ngược tàn khốc, vẫn luôn được ở ngôi vị cao, đại khái là bậc quân tử vậy.

QUYỂN THỨ NĂM MƯƠI TƯ

CHU DU, LỖ TÚC, LÃ MÔNG TRUYỆN



Chu Du tự Công Cẩn, người quận Lư Giang huyện Thư. Cụ tổ trong họ là Cảnh, con của Cảnh là Trung, đều làm Thái úy nhà Hán.① Cha của Du là Di, làm Lạc Dương lệnh.

① *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Cảnh tự Trọng Hương, thời trẻ bởi liêm khiết và có tài cán được khen, lại học giỏi được xét cử Hiếu liêm, công phủ triệu. Sau làm Thứ sử Dự châu, trung triệu người quận Nhữ Nam là Trần Phồn làm Biệt giá, người quận Dĩnh Xuyên là Lý Ứng, Tuân Cồn, Đỗ Mật, người nước Bái là Chu Ngụ làm Tòng sự, đều là kẻ sĩ anh tuấn trong thiên hạ vậy. Ít lâu được thăng đến chức Thương thư lệnh, rồi lên làm Thái úy.

Hán kỷ của Trương Phan chép: Cha của Cảnh là Vinh, đời Chương đế, Hòa đế làm Thương thư lệnh. Ban đầu Cảnh trải chức Mục thú, ưa việc thiện mến kẻ sĩ, mỗi năm xét cử Hiếu liêm, Cảnh thường mời họ đến nhà, vào hậu đường, cùng gia nhân hội yến, cứ như thế nhiều lần. Sau khi tặng vật phẩm đưa tiễn, lại tuyển dụng con em họ, thường nói:

- Khen thưởng cho con cái của bầy tôi, với chính sự có gì sai?

Trước đấy, Tư đồ Hàn Diễm làm Thái thú Hà Nội, làm việc công không hề có tư tâm, tiến cử ai chỉ nói một lời mà thôi, về sau cũng không cho họ đến nhà mình, nói:

- Ta tiến cử người như thế là được rồi, không muốn ân trên chỉ rót một nhà.

Người đương thời bàn luận, chê cười cả hai.

Du cao lớn cường tráng tướng mạo tuấn tú. Ban đầu, Tôn Kiên hưng nghĩa binh dẹp Đổng Trác, dời gia quyến đến huyện Thục. Con của Kiên là Sách bằng tuổi với Du, chỉ hai người kết bạn thân thiết với nhau, Du nhường gian nhà lớn phía nam cho Sách ở, lại lên nhà lạy mẹ Sách, các thứ đồ dùng sinh hoạt đều chia sẻ dùng chung.

Chú của Du là Thượng làm Thái thú Đan Dương, Du qua thăm chú. Vừa lúc Sách vượt sông sang đông, tới Lịch Dương, gửi thư báo cho Du, Du đem binh nghênh đón Sách. Sách cả mừng nói:

- Ta được khanh, việc xong rồi vậy.

Du theo Sách đi đánh Hoàn Giang, Đương Lợi, đều hạ được. Bèn qua sông tập kích Mạt Lăng, phá Trích Dung, Tiết Lễ, đi vòng quanh hạ Hồ Thục, Giang Thừa, tiến vào Khúc A, Lưu Do trốn chạy, bấy giờ bộ chúng của Sách đã có mấy vạn rồi. Sách nhân đó bảo Du rằng:

- Ta dùng số quân này lấy Ngô Cối, bình Sơn Việt là đủ. Khanh hãy quay về trấn thủ Đan Dương.

Du quay về. Không lâu sau, Viên Thuật phái em họ mình là Dận tới thay Thượng làm Thái thú, nên Du và Thượng đều quay về Thọ Xuân. Thuật muốn lấy Du làm tướng, Du quan sát Thuật rút cục không thể thành công, nên xin làm trưởng huyện Cư Sào, muốn nhờ đó tính kế quay về đông, Thuật nghe theo. Du bèn từ Cư Sào quay về Ngô Quận. Năm ấy, là năm Kiến An thứ ba vậy.

Sách thân đi nghênh đón Du, trao cho chức Kiến uy Trung lang tướng, cấp ngay cho số quân hai nghìn người và năm mươi quân kỵ.^① Du bấy giờ hai mươi bốn tuổi, người vùng Ngô trung đều gọi là Chu lang. Vì ân tín của Du sáng rõ ở Lư Giang, Sách phái Du ra giữ Ngưu Chử, sau lĩnh chức trưởng huyện Xuân Cốc. Không lâu sau đó, Sách muốn chiếm Kinh châu, lấy

Du làm Trung hộ quân, lĩnh Thái thú Giang Hạ, theo đánh đất Hoàn, hạ được. Bấy giờ gặp được hai người con gái của Kiều Công, đều là bậc quốc sắc. Sách tự lấy Đại Kiều, Du lấy Tiểu Kiều.^② Tiếp đó tiến đến Tầm Dương, phá Lưu Huân, dẹp Giang Hạ, quay về định Dự Chương, Lư Lăng, Du lưu lại trấn thủ Ba Khâu.^③

① *Giang Biểu truyện* chép: Sách lại cấp cho Du trống sáo, vì Du sửa sang phủ quan, đồ ban tặng chẳng ai sánh được. Sách lệnh rằng:

- Chu Công Cẩn anh tuấn mà có tài lạ, với Cô thân thiết từ thừa để chỏm, phận như cốt nhục. Như lúc trước tại Đan Dương, phát binh và thuyền tải lương để giúp đại sự, luận đức trả công, như thế vẫn chưa đủ để báo đáp vậy.

② *Giang Biểu truyện* chép: Sách ung dung cột Du rằng:

- Kiều Công dù phải chia xa hai cô con gái, nhưng được hai ta làm rể, cũng đủ để vui mừng.

③ Thần Tùng Chi xét: Tôn Sách vào lúc ấy mới lấy được Dự Chương, Lư Lăng, còn chưa bình được quận Giang Hạ. Cái chỗ mà Du trấn thủ, ứng với huyện Ba Khâu hiện nay, so với xứ Ba Khâu bình định sau này là không giống nhau.

Năm thứ năm, Sách chết, Quyền thống quản quốc sự. Du đem binh tới chịu tang, bèn lưu lại huyện Ngô, lấy thân phận là Trung hộ quân giúp Trương sử Trương Chiêu cùng chương quản chính sự.^①

Năm thứ mười một, Du đốc suất bọn Tôn Du đánh dẹp hai đồn Ma, Bảo, chém bêu đầu cừu soái ở đồn ấy, bắt tù hơn vạn người, rồi quay về phòng bị Quan Đình. Thái thú Giang Hạ là Hoàng Tổ phái tướng là Đặng Long đem mấy nghìn binh xâm nhập Sài Tang, Du đuổi đánh, bắt sống Long đưa về Ngô Quận.

Năm thứ mười ba mùa xuân, Quyền đánh dẹp Giang Hạ, Du làm Tiền bộ đại đốc.

① *Giang Biểu truyện* chép: Tào công mới phá được Viên Thiệu, binh uy ngày một thịnh, năm Kiến An thứ bảy, hạ chiếu thư đòi

Quyền gửi con làm tin. Quyền triệu tập quần thần thương nghị, bọn Trương Chiêu, Tần Tùng do dự không quyết được, bản ý Quyền không muốn phái con làm tin, bèn dẫn riêng Du đến trước mặt mẫu thân bàn định, Du nói:

- Nước Sở khi xưa ban đầu được phong ở góc núi Kinh, đất chẳng đầy trăm dặm, người kế tự là bậc hiền tài, khai đất mở cõi, dựng cơ nghiệp ở đất Dĩnh, sau chiếm cứ Kinh Dương, lãnh thổ đến tận Nam Hải, cơ nghiệp truyền đời, hơn chín trăm năm. Nay tướng quân kế thừa vốn liếng của cha anh, kiêm gồm quân dân của sáu quận, binh mạnh lương nhiều, tướng sĩ theo lệnh, đào núi thì có đồng, nấu nước biển thì có muối, trong cõi giàu có, lòng dân không loạn, căng buồm bơi thuyền, sớm đi tối đến, quân sĩ dũng mãnh, hướng đến đâu là không ai địch nổi, có gì bức bách, mà muốn đưa con đi làm tin? Con tin vào triều rồi, chẳng thể không cùng họ Tào đầu đuôi cứu ứng, đã cứu ứng lẫn nhau, thì có mệnh triệu chẳng thể không đến, đấy là bị người ta kiềm chế vậy. Ngồi cao bất quá một ấn hầu, quân tùy tùng hơn chục người, xe mấy cỗ, ngựa vài con, há được ngoảnh mặt về nam xưng cô chẳng? Chẳng bằng đừng phái người đi, thông thả quan sát sự biến. Nếu họ Tào có thể noi theo chính nghĩa chấp chính thiên hạ, tướng quân thờ họ chưa muộn. Nếu họ mưu đồ gây loạn, việc binh cũng như lửa cháy vậy, chẳng dập được sẽ tự đốt mình. Tướng quân hãy gắng kháng cự, để đợi thiên mệnh, đưa gửi con tin làm gì!

Mẹ Quyền nói:

- Lời bàn của Công Cẩn là đúng. Công Cẩn và Bá Phù cùng tuổi, nhỏ hơn một tháng thôi, ta coi như con, mà phải thờ nó như anh vậy.

Quyền bèn không đưa con đi làm tin.

Tháng chín năm ấy, Tào công vào Kinh châu, Lưu Tông đem hết bộ chúng ra hàng, Tào công được thủy quân của Tông, quân thuyền quân bộ mấy chục vạn, tướng sĩ nghe tin đều kinh hãi.

Quyền mời gặp quần hạ, hỏi về kế sách. Kẻ bàn luận đều nói rằng:

- Tào công là sài lang, nhưng mượn danh là tướng nhà Hán, ép thiên tử để chinh phạt bốn phương, lấy lý là hành động vì triều đình, hôm nay cự hấn, việc lại không thuận. Và lại ưu thế lớn của tướng quân, khả dĩ cự được Tháo, là Trường Giang vậy. Mà nay Tháo lấy được Kinh châu, bao trùm các chỗ ở đất ấy, Lưu Biểu thao luyện thủy quân, chiến thuyền lớn bọc da trâu, có mấy nghìn chiếc, Tháo thả nổi hết ở ven sông, kiêm gộp cả bộ binh, thủy lục cùng tràn xuống, thế thì cái hiểm của Trường Giang, họ đã cùng chia xẻ với ta rồi. Mà thế lực hai bên đông ít, lại chẳng nên luận. Ngụ ý cho rằng về đại kế chẳng gì bằng đón Tháo.

Du nói:

- Không đúng. Tháo tuy mượn danh là tướng nhà Hán, kỳ thật là giặc nhà Hán vậy. Tướng quân vốn thần võ hùng tài, kế gộp được cái tráng liệt của cha anh, chiếm cứ Giang Đông, đất đai vuông mấy nghìn dặm, tinh binh đủ dùng, anh hùng vui nghiệp, còn phải tung hoành thiên hạ, giúp nhà Hán trừ tàn diệt uế. Huống chi Tháo tự đưa cái chết tới, mà nên nghênh đón hấn sao? Ta xin vì tướng quân mà trừ tính: Nay ví như đất Bắc đã yên, Tháo không có nỗi lo bên trong, có thể phí phạm tháng ngày, đến tranh giành ở cõi ngoài, liệu có thể khua mái chèo tranh thắng phụ với chúng ta chăng? Nay đất Bắc đã không yên bình, hơn nữa Mã Siêu, Hàn Toại còn ở phía tây quan ải, là mối họa phía sau của Tháo vậy. Và lại cỡi bỏ yên ngựa, khua động mái chèo, cùng với Ngô Việt đua tranh, vốn chẳng phải là sở trường của quân Trung Quốc. Lại nữa là hiện nay trời rét đậm, ngựa không có cỏ khô, sĩ chúng Trung Quốc ruỗi ngựa lặn lội giữa vùng sông hồ, không quen thủy thổ, tất sinh bệnh tật. Bốn điều ấy, là mối lo lớn của kẻ dùng binh vậy, mà Tháo vẫn mạo hiểm hành binh. Tướng quân bắt được Tháo, nên việc chính ở hôm nay. Du xin được cấp ba vạn tinh binh, tiến giữ Hạ Khẩu, bảo đảm sẽ vì tướng quân mà phá hấn.

Quyền nói:

- Lão tặc muốn phế Hán tự lập lâu rồi, Cô đồ rằng hán úy kỵ có hai họ Viên, Lã Bố, Lưu Biểu và Cô thôi. Nay mấy kẻ anh hùng kia đã bị diệt, duy có Cô vẫn còn, Cô cùng lão tặc, về thế chẳng cùng đứng. Ngài nói nên đánh, rất hợp ý Cô, đây là trời đem ngài đến trao cho Cô vậy.①

① *Giang Biểu truyện* chép: Quyền rút thanh đao chém đứt góc bàn trước mặt nói:

- Quan lại và chư tướng còn ai dám nói nên nghênh đón Tháo nữa, sẽ giống như cái bàn này!

Đến đêm tan hội, Du xin gặp nói:

- Mọi người chỉ thấy thư của Tháo, nói có tám mươi vạn quân thủy bộ, mà đều kinh sợ mất vía, chẳng suy xét thực hư của việc ấy nữa, liền đưa lời bàn luận như thế, rất vô vị vậy. Nay cứ thật mà tính, số người Trung Quốc mà bên ấy đem theo, bất quá mười lăm mười sáu vạn, và lại quân ấy mệt mỏi đã lâu, số quân họ thu được của Biểu, nhiều lắm cũng chỉ bảy tám vạn thôi, còn mang lòng nghi hoặc. Lấy quân lính mỗi mệt, chế ngự sĩ chúng hồ nghi, quân kia đâu đông, chẳng đủ để sợ. Có được năm vạn tinh binh, tự đủ khắc chế chúng, xin tướng quân chớ lo.

Quyền vỗ lưng Du nói:

- Công Căn, khanh nói thế, rất hợp bụng Cô. Bọn người như Từ Bố, Văn Biểu, đều chỉ trông đến vợ con, ôm mối lo riêng, đó là điều khiến Cô rất thất vọng, chỉ có khanh cùng Từ Kính với Cô chung ý thôi, đây là trời đưa hai người bọn khanh tới giúp Cô vậy. Năm vạn binh khó tập hợp trong chốc lát, đã tuyển được ba vạn người, thuyền lương chiến cụ đều đủ, khanh hãy cùng Từ Kính, Trình Công thiện tiện khởi hành trước, Cô sẽ phái đông người nối theo sau, chớ nhiều tư trang lương thảo, làm hậu viện cho khanh. Khanh có thể quyết đoán tự tin hành sự, lỡ ra gặp chuyện bất như ý, cứ yên trí quay về với Cô, Cô sẽ cùng Mạnh Đức quyết chiến.

Thần Tùng Chi cho rằng lập kế cự Tào công, thực bắt đầu bởi Lỗ Túc. Vào lúc ấy Du nhận sứ mệnh ở Bà Dương, Túc khuyên Quyền gọi Du, Du từ Bà Dương trở về, chỉ là cùng Túc ngẫu nhiên giống ý, cho nên có thể chung sức thành đại công. Bản truyện nói thẳng rằng, Quyền mời gặp quần hạ, hỏi về kế sách, Du bác lời bàn luận của mọi người, một mình nói kế kháng cự, xong cũng chẳng kể rằng Túc có mưu từ trước, e là đã bỏ mất cái khéo của Túc vậy.

Bấy giờ Lưu Bị bị Tào công đánh tan, muốn rút về phía nam vượt sông, cùng Lỗ Túc gặp ở Đương Dương, bèn cùng tính kế, nhân đó tiến đến giữ Hạ Khẩu, phái Gia Cát Lượng đến chỗ Quyền, Quyền bèn phái Du và bọn Trình Phổ cùng Bị hợp sức chống Tào công, gặp nhau ở Xích Bích. Bấy giờ quân lính của Tào công có nhiều người mắc bệnh, mới giao chiến một trận, quân của Công thua bại rút lui, kéo về trú ở Giang Bắc. Bọn Du ở tại bờ nam.

Bộ tướng của Du là Hoàng Cái nói:

- Nay địch đông ta ít, khó cầm giữ được lâu. Nhưng ta quan sát thấy chiến thuyền của quân Tháo đầu đuôi liên tiếp nhau, có thể đốt khiến chúng bỏ chạy vậy.

Bèn chọn lấy mấy chục chiến thuyền lớn thân bọc da trâu, chứa đầy củi cỏ khô, trong tắm dầu mỡ, ngoài dùng màn che kín, trên cắm cờ xí, gửi thư báo với Tào công trước, lừa dối là muốn đến hàng.^① Cái lại chuẩn bị sẵn thuyền mảnh để trốn, thuyền lớn đều cột chặt với nhau ở phía sau, rồi kéo ra dàn đều ở phía trước. Quân tướng của Tào công đều nghehnh cổ ngóng xem, chỉ tro nói là Cái đến hàng. Cái thả các thuyền nhỏ, đồng thời phát hỏa. Bấy giờ gió thổi rất mạnh, lửa cháy to lan đến thiêu cháy doanh trại lớn ở trên bờ. Chốc lát, khói lửa mù trời, nhân mã bị thiêu đốt chết chìm rất nhiều, quân Tào bèn thua vỡ lui chạy, quay về giữ Nam Quận.^② Bị và bọn Du lại cùng truy kích. Tào

công lưu bọn Tào Nhân giữ thành Giang Lăng, tự mình theo lối tắt chạy về bắc.

① *Giang Biểu* truyện chép thư của *Cái* rằng:

"*Cái* chịu hậu ân của họ *Tôn*, thường làm tướng soái, được đãi ngộ không bạc. Nhưng trông đến đại thế thiên hạ, dùng người *Son Việt* của sáu quận *Giang Đông*, để đương cự với trăm vạn binh lính *Trung Quốc*, đông ít chẳng thể đối địch, đây là điều mà người khắp hải nội đều thấy vậy. Quan lại tướng sĩ của phương đông, chẳng kể hiền ngu, đều biết không thể chống nổi, duy có *Chu Du*, *Lỗ Túc* ôm hoài bão nông nổi ngu dân, tâm ý chưa tỉnh ngộ thôi. Hôm nay theo mệnh ngài, đây là toan tính thật lòng. Số quân binh mà *Du* đốc lĩnh, sẽ dễ dàng tự tan vỡ. Đến ngày giao phong, *Cái* làm tiên bộ, sẽ theo việc mà tùy cơ ứng biến, xin được ra sức nghe mệnh ở gần."

Tào công cho gọi riêng người đi cùng tới gặp, bí mật thăm vấn hẳn, miệng cảnh tỉnh rằng:

- Chỉ sợ mảy trá hàng thôi. *Cái* nếu đáng tin, sẽ được nhận tước ban thưởng, vượt hẳn kẻ trước người sau vậy.

② *Giang Biểu* truyện chép: Đến ngày giao chiến, *Cái* trước hết chọn lấy mười chiếc thuyền nhẹ, đem cỏ lau khô và củi nỏ chứa vào trong thuyền, tưới mỡ cá lên, dùng màn đỏ trùm kín lại, cắm cờ xí vẽ rồng làm hiệu ở trên thuyền. Bấy giờ gió đông nam nổi ùng ùng, *Cái* nhân đó cho mười thuyền chiến tiến về phía trước, đi đến giữa sông giương buồm lên, *Cái* giờ ngọn đuốc sáng lên làm hiệu, sai quân lính đồng thanh kêu to rằng:

- Quân hàng đây!

Quân của *Tháo* đều ra khỏi doanh đứng xem. Còn cách quân bắc hơn hai dặm, chúng đồng thời phát hỏa, lửa dữ gió giật mạnh, thuyền trôi vùn vụt như tên, bụi bay cuốn lửa đỏ, thiêu sạch chiến thuyền phương bắc, rồi lửa lan đến vách trại ở ven bờ. Bọn *Du* cuời thuyền nhẹ theo ngay phía sau, trống thúc như sấm rền, quân bắc tan vỡ, Tào công lui chạy.

Du và *Trình Phổ* lại tiến đến *Nam Quận*, cùng *Nhân* đối trận, hai bên cách sông lớn. Binh chưa giao phong, ① *Du* lập tức phái

Cam Ninh tiến chiếm Di Lăng. Nhân chia kỵ binh biệt phái vây đánh Ninh. Ninh cáo cấp với Du. Du dùng kế của Lã Mông, để Lăng Thống giữ hậu phương của mình, tự thân cùng Mông đi cứu Ninh. Giải vây cho Ninh xong, bèn qua sông đóng trại ở bờ bắc, hẹn ngày đại chiến. Du thân chinh cưỡi ngựa lược trận, bị lạc tên bắn trúng sườn phải, bị thương rất nặng, bèn quay về. Sau đó Nhân nghe nói Du nằm không dậy được, liền đem binh đến bày trận. Du bèn tự dậy, đi xem xét doanh quân, khích lệ quan quân. Nhân bởi thế lại lui về.

① *Ngô lục* chép: Bị bảo Du rằng:

- Nhân giữ thành Giang Lăng, trong thành lương rất nhiều, đủ gây họa. Ta sai Trương Dực Đức đem một nghìn người đi theo ngài, ngài chia hai nghìn người theo ta, ta sẽ đem người xuôi sông xuống cắt đứt phía sau của Nhân, Nhân nghe tin ta đến tất chạy.

Du đem hai nghìn người giúp cho Bị.

Quyền bái Du làm Thiên tướng quân, lĩnh chức Thái thú Nam Quận. Lấy các huyện Hạ Tuyển, Hán Xương, Lưu Dương, Châu Lăng làm phụng ấp, đóng giữ Giang Lăng. Lưu Bị lấy thân phận là Tả tướng quân lĩnh chức Kinh châu mục, sở trị ở Công An.

Bị đến kinh đô gặp Quyền, Du dâng sớ nói:

"Lưu Bị có tư chất kiêu hùng, lại có Quan Vũ, Trương Phi là tướng hùng gấu, tất không chịu khuất thân để người khác sai khiến mãi. Ngươi ý cho rằng về đại kế nên dời Bị vào quận Ngô, xây cho hắn cung thất lớn, ban cho nhiều mỹ nữ để hắn đùa bỡn, vui tai no con mắt, chia rẽ người ấy với hai người kia, mỗi bên ở một phương, ví như theo kế của Du thì ép được hắn giúp ta tác chiến, đại sự có thể định được vậy. Nay chia nhiều đất đai để hắn có cơ nghiệp riêng, ba người ấy tụ hợp lại, cùng ở ngoài cõi, sợ rằng giao long gặp được mây mưa, cuối cùng chẳng chịu làm vật trong ao nữa."

Quyền vì Tào công ở tại phương bắc, đang rộng tay thu tóm anh hùng, lại sợ rằng Bị khó khống chế ngay được, cho nên không thu nạp ý kiến.

Bấy giờ Lưu Chương làm Ích châu mục, bên ngoài có Trương Lỗ xâm phạm cướp bóc, Du bèn đến kinh đô gặp Quyền nói:

- Nay Tào Tháo mới bị đánh giập đầu, đang có mối lo gan ruột, chưa thể cùng tướng quân giao binh tiếp. Ta xin cùng Phấn uy đều tiến lấy Thục, lấy được Thục rồi sẽ nuốt Trương Lỗ, nhân đó lưu Phấn uy lại cố thủ đất ấy, giao hảo với Mã Siêu kết làm ngoại viện. Du quay về cùng tướng quân chiếm lấy Tương Dương uy hiếp Tháo, phương bắc có thể đồ được vậy.

Quyền theo lời. Du quay về Giang Lăng, chuẩn bị hành trang, nhưng trên đường bị bệnh chết ở Ba Khâu,^① năm ấy ba mươi sáu tuổi. Quyền mặc áo trắng cử ai, khiến tả hữu cảm động. Xe tang đang về quận Ngô, Quyền lại đến đón ở Vu Hồ, các phi tử tang sự, hết thảy do nhà nước cấp. Lại xuống lệnh rằng:

"Cố tướng quân Chu Du, Trình Phổ, với tân khách và nô diên của họ, đều không được thu thuế và bắt đao dịch."

Ban đầu Du kết bạn với Sách, Thái phi lại yêu cầu Quyền kính phụng Du như anh. Thời ấy Quyền chưa làm Tướng quân, chưa tướng và tân khách chỉ làm lễ đơn giản, nhưng riêng Du là người đầu tiên hết mình cung kính, luôn giữ tiết tháo của bầy tôi. Du tính tình độ lượng rộng rãi, rất được người ta noi theo, chỉ cùng Trình Phổ bất hòa.^②

① Thần Tùng Chi xét, Du muốn lấy Thục, quay về Giang Lăng sửa soạn hành trang, cái chỗ mà Du chết, ứng với Ba Lăng bấy giờ, với xứ Ba Khâu mà Du trấn giữ lúc trước, là cùng tên mà khác về vị trí vậy.

② *Giang Biểu truyện* chép: Phổ vốn cao tuổi nhất, mấy lần lần át khinh thị Du. Du nhún nhường dung kẻ dưới, nhất định không

cùng tranh giành. Phổ sau này tự kính phục mà thân gần Du, rồi bảo với người khác rằng:

- Ta giao tiếp với Chu Công Cẩn, như uống rượu nồng, bất giác tự say.

Người bấy giờ cho là sự khiêm nhường của Du thu phục được người khác như thế.

Khi trước Tào công nghe nói Du tuổi trẻ tài hoa, cho là có thể thuyết phục được Du, bèn bí mật hạ chỉ đến Dương châu, phái người huyện Cửu Giang là Tường Cán qua gặp Du. Cán có nghị dung, vì tài biện bác mà nổi tiếng, độc bá vùng Giang, Hoài, không ai là đối thủ. Cán bèn mặc áo vải đội khăn quần, tự thác là có việc riêng đến gặp Du. Du ra nghênh đón, đứng bảo Cán rằng:

- Tử Dục thực khổ, từ xa lặn lội sông hồ vì Tào thị mà làm thuyết khách chẳng?

Cán nói:

- Ta với túc hạ là người cùng quê, giữa chừng chia biệt, từ nơi xa nghe tiếng thơm ngào ngạt, cho nên tìm đến để tỏ cái tình xa vắng bấy lâu, ngắm xem phong phạm cao nhã, mà nói là đi thuyết khách, há chẳng phải đã có lòng nghi ngờ người khác trá lừa trước sao?

Du nói:

- Ta đâu chẳng bằng được Quỳ, Khoáng, nhưng nghe đàn thường nhạc, cũng đủ biết khúc nhạc hay vậy.⁽¹⁾

Nhân đó dắt Cán vào, bày rượu khoản đãi. Tiệc xong, đuổi hết người ra bảo với Cán rằng:

- Vừa lúc ta có việc kín, ngài hãy tới quán trọ nghỉ, xong việc, ta tự đến gặp riêng ngài.

Ba ngày sau, Du mời Cán đi vòng quanh trong doanh trại, sau khi xem kỹ hết cả kho lương và quân trang khí trượng, quay về yến

¹ Sư Quỳ, là quan trông coi về âm nhạc thời vua Thuấn; Sư Khoáng, là nhạc sư nổi danh nước Tấn thời Xuân Thu. Đều có tài nghe tiếng nhạc đoán được điềm lành dữ.

ăm, lại bảo kẻ hầu mặc quần áo đẹp và đeo đồ vật trân quý, nhân đó bảo Cán rằng:

- Kẻ trượng phu ở đời, gặp được chủ tri kỷ, ngoài tiếng là nghĩa quân thần, trong có mối ân kết giao cốt nhục, nói kể bày mưu thì theo, họa phúc cùng chung, ví như Tô Trương phục sinh, Lịch Tảo xuất hiện,⁽¹⁾ ta cũng vớ vai họ mà đưa lời bắt bẻ, há kẻ hậu sinh như túc hạ có thể đổi dời chí của ta sao?

Cán chỉ cười, rút cục chẳng nói được gì.

Cán trở về, khen Du cao nhã độ lượng, không phải là người dùng lời nói mà ly gián được. Kẻ sĩ ở Trung châu, cũng vì thế khen Du.

Lưu Bị từ kinh sư trở về, Quyền cưới Phi vân đại thuyền,⁽²⁾ cùng bọn Trương Chiêu, Tần Tùng, Lỗ Túc hơn chục người cùng đuổi theo tiễn Bị, mở yến hội lớn từ biệt. Bọn Chiêu, Túc ra trước, mình Quyền và Bị ở lại nói chuyện, nhân lúc nói chuyện, Bị khen Du rằng:

- Công Cẩn văn võ thao lược, là kẻ anh tài trong vạn người, xem hấn khí độ rộng rãi, sợ rằng chẳng mãi làm kẻ bày tôi tầm thường đâu.

Du phá được quân Ngụy, Tào công nói:

- Cô chẳng thẹn vì phải chạy.

Sau lại gửi thư cho Quyền nói:

"Chiến dịch Xích Bích, đúng lúc có dịch bệnh, Cô đốt thuyền rồi tự lui, thành ra Chu Du bỗng không được cái danh ấy."

Uy danh tiếng tăm của Du vang xa, cho nên Tào công, Lưu Bị đều muốn gièm pha. Lúc Du chết, Quyền sa nước mắt nói:

¹ Tô Tần (蘇秦), Trương Nghi (張儀) là hai thuyết khách lừng danh thời Chiến Quốc, vang tiếng chừ hầu với thuyết hợp tung, liên hoành;

Lịch Tảo (酈叟) còn gọi là Lịch Sinh hay Lịch Thực Kỳ. Xem chú thích ở tập II, quyển 8, trang 177 (Công Tôn Độ truyện); tập IV, quyển 21, trang 255 (Lưu Thiệu truyện); tập V, quyển 27, trang 147 (Vương Cơ truyện); tập VII, quyển 47, trang 68 (Ngô chủ Tôn Quyền truyện).

² Phi vân đại thuyền là thuyền chiến cực lớn, lướt trên mặt nước nhẹ nhàng như mây bay.

- Công Cẩn có tài vương tá, nay thốt nhiên đoán mệnh, Cô biết trông cậy vào ai đây!

Sau này Quyền xưng tôn hiệu, bảo công khanh rằng:

- Cô không có Chu Công Cẩn, thì chẳng có ngôi Đế rồi.

Du thời trẻ rất tinh ý về âm nhạc, dẫu sau khi uống ba chén rượu,⁽¹⁾ tấu nhạc lỡ sai một nốt, Du tất biết ngay, nghe xong tất ngoảnh lại, cho nên người bấy giờ có câu rằng: "Khúc nhạc lỡ sai, Chu lang ngoảnh lại."

Du có hai trai một gái. Con gái gả cho Thái tử Đăng. Con trai là Tuần lấy công chúa, được bái làm Ky đô úy, có phong độ của Du, chết sớm.

Em của Tuần là Dận, ban đầu được bái làm Hưng nghiệp đô úy, lấy người con gái trong hoàng tộc làm vợ, được trao binh hơn một nghìn người, đóng trú ở Công An. Năm Hoàng Long nguyên niên, được phong tước Đô hương hầu, sau vì có tội bị đày đến quận Lư Lăng.

Năm Xích Ô thứ hai, Gia Cát Cẩn và Bộ Chất liên danh dâng sớ rằng:

"Con của cố tướng quân Chu Du là Dận, khi trước được biểu dương khích lệ, thụ phong làm tướng, không chịu tu dưỡng để hưởng phúc, tự lập công báo đáp, đến mức phóng túng theo ý riêng, mau chóng vờ tội đến. Chúng thần trộm nghĩ rằng Du trước đây nhận ân sủng, ở trong là trụ cột tâm phúc, ra ngoài là bày tôi nanh vuốt, nhận mệnh xuất chinh, đem thân ngăn tên đạn, tận tiết theo mệnh lệnh, xem cái chết như đi về, cho nên bề gãy được Tào Tháo ở Ô Lâm, đuổi bắt Tào Nhân ở Dĩnh Đô, dương cao uy đức quốc gia, tiếng rung chuyển Hoa Hạ, rợ Man Di ở Kinh châu quấy động, chẳng đâu không phục tùng,

¹ Thời xưa bày tiệc uống rượu tấu nhạc phải qua ba lần dâng rượu mới thành lễ, chén thứ nhất là "sơ hiến tước", chén thứ hai là "á hiến tước", chén thứ ba là "chung hiến tước." Sau khi uống xong ba chén mới bắt đầu tấu nhạc.

dẫu Phương Thúc của nhà Chu, Tín Bố của nhà Hán, thực không lấy gì hơn được vậy."

"Ôi, bây tôi xông pha chống nạn, từ xưa các bậc đế vương chẳng ai không xem trọng họ, cho nên Hán Cao đế khi phong tước đã thề rằng 'Vĩ tử Hoàng Hà nhỏ như dải đất, Thái Sơn bé như hòn đá, chế độ phong quốc mãi trường tồn, truyền đến con cháu đời sau'; lại dùng chữ đỏ để viết, trịnh trọng thề nguyện, cất giấu nơi tông miếu, truyền đến vô cùng, là muốn khiến cho hậu duệ của công thần, đời đời tiếp bước, không chỉ con cháu, mà còn truyền cho dòng dõi, báo đức đền công, thấm thiết chân thành, đến mức như thế, là muốn khuyên răn người sau, là thần tử phải dốc sức báo đáp, chết mà không hối vậy. Huống chi nay thân Du chết chưa lâu, mà con của Du là Dân bị giáng xuống làm kẻ thất phu, lại càng đáng xót thương."

"Thiết nghĩ bệ hạ sáng suốt cần trọng xem xét tích xưa, hưng lại cho người nối dõi, giúp Dân được quay về, xin tạm gác tội, trả lại binh quyền phục hồi quan tước, khiến cho con gà báo lăm buổi sáng, lại được gáy vang, bây tôi mang tội, được khoan thứ để ngày sau ra sức."

Quyền đáp sớ rằng:

"Tâm phúc cứu thần của Cô, cùng Cô đồng tâm hợp sức làm việc, Công Cẩn có trong số ấy, là điều Cô thực chẳng hề quên. Ngày trước Dân còn ít tuổi, ban đầu không có công lao, ngang nhiên được nhận tinh binh, tước là Hầu tướng, đại khái vì Cô đoái nghĩ đến Công Cẩn mà ban ân đến dòng dõi vậy. Nhưng Dân cậy vào đó, say rượu làm càn tự mình phóng túng, trước sau Cô đã có cáo dụ, vẫn không hối cải sửa lỗi. Cô với Công Cẩn, về nghĩa cũng như với hai ngài, mong Dân có thành tựu, há lại chẳng nghĩ đến Du sao? Xét cái tội lỗi xấu xa của Dân, chưa nên cho về, vả lại Cô muốn hấn khốn khổ, là khiến hấn tự hiểu thôi. Nay hai ngài chí thành khẩn thiết lại viện dẫn lời thề sông núi của Hán Cao, khiến Cô thấy ngại ngần. Dẫu đức độ của Cô không sánh được với người xưa, vẫn muốn gần được như họ, việc chỉ thế thôi, nên Cô chưa thuận chỉ. Vì là con của Công Cẩn, có hai ngài làm trung gian, ví như khiến cho hấn có thể hối cải, có gì phải lo nữa đâu!"

Biểu của Cẩn và Chất vừa dâng lên, Chu Nhiên và Toàn Tông cũng đều tỏ lời cầu xin, Quyền bèn đồng ý. Vừa lúc Dận bị bệnh chết.

Con của anh trai Du là Tuấn, cũng nhờ công lớn của Du được làm Thiên tướng quân, quản lĩnh quan quân hơn nghìn người. Tuấn chết, Toàn Tông dâng biểu xin cho con của Tuấn là Hộ làm tướng. Quyền nói:

- Xưa kia đuổi Tào Tháo, đoạt Kinh châu, đều nhờ Công Cẩn, Cô thường không quên công ấy. Lúc mới nghe tin Tuấn mất, Cô vẫn muốn dùng Hộ, nhưng nghe nói Hộ tính tình hành vi bất hảo, dùng hắn chỉ sợ di họa, nên Cô mới dừng việc ấy. Cô còn nghĩ nhớ Công Cẩn, há quên bỏ được sao?

Lỗ Túc tự Tử Kính, người quận Lâm Hoài huyện Đông Thành. Khi sinh ra thì mất cha, ở cùng tổ mẫu. Nhà Túc giàu có, bản tính ưa thi ân giúp người. Bấy giờ thiên hạ đã loạn, Túc chẳng lo quản việc nhà, lại đại tán tiền của, bán hết ruộng đất, để phát chẩn cho người khốn khó và chuyên tâm giao kết với kẻ sĩ, rất được lòng người trong hương ấp. Chu Du làm trưởng huyện Cư Sào, đem mấy trăm người cố ý qua thăm dò Túc, xin giúp lương thực của cải. Nhà Túc có hai vợ thóc, mỗi vợ có ba ngàn hộ, Túc bèn trở tay vào một hộ hứa cho Chu Du, Du biết Túc là người kỳ lạ, bèn kết thân, định phận như Kiều, Trát.⁽¹⁾

Viên Thuật nghe danh của Túc, tạm cho Túc làm Trưởng huyện Đông Thành. Túc thấy Thuật không có kỷ cương, chẳng đủ tài để gây dựng đại sự, bèn dắt người người già yếu cùng hơn trăm người người trẻ tuổi nghĩa hiệp, xuôi nam đến Cư Sào tới chỗ Du. Du qua sông về đông, nhân đó cùng đi, ① Túc lưu người nhà lại Khúc A. Lúc tổ mẫu chết, Túc đưa về táng ở Đông Thành.

¹ Tình thân Kiều, Trát: Xem chú thích ở tập VI, quyển 44, trang 340 (Khuông Duy truyện).

① Ngô thư chép: Túc thân thể cao lớn tướng mạo khôi ngô, thời trẻ có khí tiết tráng liệt, thích mưu kế lạ. Thấy thiên hạ sắp loạn, Túc bèn theo học kiếm kích cưỡi ngựa bắn cung, chiêu tụ bọn thiếu niên, cấp cho chúng cơm áo, qua lại săn bắn trong núi Nam, ngâm sấp bộ ngũ, giảng võ luyện binh. Các bậc phụ lão đều nói:

- Họ Lỗ thế suy, mới sinh ra thằng cuồng ấy!

Về sau anh hùng hào kiệt đều nổi dậy, Trung châu nhiễu loạn, Túc bèn lệnh cho thuộc hạ của mình rằng:

- Trung Quốc đã mất giềng mối, giặc cướp tung hoành bạo ngược, vùng Hoài, Tứ này chẳng phải đất sinh sống được, ta nghe nói Giang Đông ruộng tốt vạn dặm, dân giàu binh mạnh, có thể tránh nạn, ai chịu cùng ta đến miền đất tươi đẹp ấy, để quan sát thời thế biến đổi chăng?

Thuộc hạ đều theo mệnh. Túc bèn sai người già trẻ nhỏ đi trước, kẻ khỏe mạnh đi sau, nam nữ hơn ba trăm người cùng khởi hành. Quân kỵ binh của châu phủ đuổi đến, bọn Túc thông thả tiến, bày binh nấp tên đầy cung bảo họ rằng:

- Bọn ngươi là trượng phu, nên hiểu vận lớn. Ngày nay thiên hạ binh loạn, kẻ có công chẳng được thưởng, không đuổi theo không bị phạt, sao bức nhau thế?

Lại tự cầm thuẫn xuống đất, giương cung bắn vào thuẫn, mũi tên đều xuyên thành lỗ thủng. Quân kỵ đã khen lời của Túc, và lại liệu thế chẳng khống chế nổi, bèn theo nhau quay về. Túc vượt sông đến gặp Sách, Sách cũng ca ngợi Túc là kỳ tài.

Lưu Tử Dương với Túc là bạn tốt, gửi thư cho Túc nói:

"Hiện nay hào kiệt trong thiên hạ đều nổi dậy, ngài là người có tư chất, rất thích hợp với ngày nay. Hãy mau về đón mẹ già, đừng vương vấn ở Đông Thành. Gần đây có Trịnh Bảo, nay ở tại Sào Hồ, nắm bộ chúng hơn vạn người, chỗ ấy đất đai phì nhiêu, người ở vùng Lưu Giang đa phần tới nương cấy ông ấy, huống chi là bọn ta? Xem xu thế của ông ấy, có thể mở rộng bộ ngũ, thời cơ chẳng nên để mất, túc hạ hãy mau chóng tới đó."

Túc đáp thư ung kế ấy.

Táng tổ mẫu xong, Túc quay về Khúc A, muốn lên bắc. Vừa gặp lúc Du đã đưa mẹ của Túc đến quận Ngô, Túc bèn đem hết thực trạng kể với Du. Bấy giờ Sách đã chết, Quyền còn ở Ngô Quận, Du bảo Túc rằng:

- Khi xưa Mã Viện đáp lời Quang Vũ rằng: "Cái thế hiện nay, không chỉ chúa chọn bề tôi, mà bây tôi cũng phải chọn chúa." Nay chủ nhân thân người hiền quý kẻ sĩ, nọp mưu kỳ chọn kế dị, vả lại ta nghe nói bậc hiền trí xưa bí mật luận bàn, rằng người nổi vận thay họ Lưu, tất hưng ở phía đông nam, thế sự đẩy đưa, thực đúng lịch số ấy. Rút cục là dựng nghiệp đế vương, phải hợp mệnh trời, đây là lúc kẻ sĩ cứng cỏi nên vin rồng bám phượng để cùng bay cao. Ý của ta rõ thế, túc hạ chẳng nên băn khoăn vì lời nói của Tử Dương vậy.

Túc theo lời ấy. Du nhân đó tiến cử Túc là người tài thích hợp phù tá thời cuộc, phải rộng rãi tìm người như thế, để thành công nghiệp, chẳng nên để họ bỏ đi vậy. Quyền lập tức gặp Túc, cùng nói chuyện rất hài lòng. Tân khách giải tán lui về, Túc cũng cáo từ đi ra, Quyền bèn dẫn mình Túc quay lại, cùng ngồi trên chiếc giường hẹp đối ẩm. Nhân đó bí mật bàn rằng:

- Nay Hán thất nghiêng nguy, bốn phương nhiễu loạn, Cô kế thừa sự nghiệp của cha anh, mưu dựng cái công của Hoàn Văn. Ngài đã hạ cố đến với Cô, lấy gì để giúp việc đó?

Túc đáp rằng:

- Khi xưa Cao đế khăng khăng muốn tôn phụng Nghĩa Đế mà chẳng được, vì bị Hạng Vũ làm hại vậy.⁽¹⁾ Tào Tháo hiện nay, cũng như Hạng Vũ ngày trước, tướng quân sao theo được Hoàn Văn đây? Túc trộm liệu rằng, Hán thất chẳng thể phục

¹ Sở Nghĩa đế (楚义帝), là hậu duệ của vua nước Sở thời Chiến Quốc. Nước Tần diệt nước sáu nước, Nghĩa đế thành thường dân. Khi nhà Tần bị diệt, Cao tổ tôn Nghĩa đế làm Sở vương để hiệu triệu người nước Sở, Hạng Vũ giết Nghĩa đế.

hung, Tào Tháo chẳng thể trừ ngay. Vậy xin vì tướng quân mà tính kế, chỉ có cách dựng đình ở Giang Đông, để quan sát sự biến trong thiên hạ. Mưu tính như thế, tự mình không có trở ngại. Sao vậy? Vì rằng phương bắc chính lúc đang lăm việc vậy. Nhân lúc họ lăm việc, ta tiểu trừ Hoàng Tổ, tiến đánh Lưu Biểu, chiếm hết một dải Trường Giang, giữ những chỗ chiếm được, rồi sau dựng hiệu để vương để mưu đồ thiên hạ, đấy là công nghiệp của Cao đế vậy.

Quyền nói:

- Nay ta hết sức chiếm một phương, mong để giúp nhà Hán thôi, lời ấy chẳng phải là điều mà ta theo được vậy.

Trương Chiêu chê Túc không đủ đức khiêm nhường với kẻ dưới, hay mai mĩa gièm pha Túc, nói rằng Túc ít tuổi nông nổi, chưa nên dùng. Quyền chẳng bần khoản vì lời ấy, càng coi trọng Túc, ban tặng cho mẹ Túc y phục màn trướng, và các đồ lặt vặt sinh hoạt thường ngày, sự phú quý cũng được như ở nhà ngày trước.

Lưu Biểu chết, Túc dâng lời khuyên rằng:

- Kinh Sở cùng chúng ta là nước lân bang, dòng nước thuận lên phía bắc, bên ngoài bao bọc vùng Giang Hán, bên trong ngăn cách núi gò, có cái vững chắc của thành vàng, ruộng màu vạn dặm, quan dân giàu có, nếu chiếm mà có được chỗ ấy, là vốn dựng nghiệp của Đế vương vậy. Nay Biểu mới mất, hai con vốn không hòa mục, chư tướng trong quân, đều có bè phái. Thêm nữa Lưu Bị là kiêu hùng trong thiên hạ, với Tháo có hiềm khích, thác thân ở chỗ Biểu, Biểu sợ tài của Bị nên không dùng được vậy. Nếu Bị cùng bên ấy đồng lòng hợp sức, trên dưới như một, thì nên phủ dụ vỗ yên, cùng kết minh hữu hảo; nếu họ chia lìa, ta nên mưu tính riêng lấy chỗ đó, để giúp thành đại sự. Túc xin được phụng mệnh đến chỗ hai con của Biểu điều tang, kết hợp úy lạo hai người và tướng lĩnh trong quân bên ấy,

cũng như khuyên Bị phủ dụ bộ thuộc, đồng lòng nhất ý, cùng sửa soạn chống Tào, Bị tất mừng mà theo mệnh. Nếu xử lý việc ấy tốt, thiên hạ có thể định được vậy. Nay chẳng mau chóng qua đó, sợ bị Tháo làm điều đó trước.

Quyền lập tức phái Túc đi. Túc đến Hạ Khẩu, nghe nói Tào công hướng đến Kinh châu, ngày đêm đi gấp rút. Đi gần đến Nam Quận, thì con của Biểu là Tông đã ra hàng Tào công, Bị sợ hãi trốn chạy, muốn xuôi nam qua sông. Túc đi đường tắt đón Bị, đến Trường Bản huyện Đương Dương, hội với Bị, truyền ý chỉ của Quyền, cũng như bày tỏ sự vững mạnh của Giang Đông, khuyên Bị với Quyền hợp sức. Bị rất vui sướng. Bấy giờ Gia Cát Lượng đi theo Bị, Túc bảo Lượng rằng:

- Ta là bạn của Tử Du vậy.

Túc thì chung định bằng hữu. Bị bèn đến Hạ Khẩu, phái Lượng đi sứ gặp Quyền, Túc cũng quay về phục mệnh.^①

① Thần Tùng Chi xét: Lưu Bị với Quyền hợp sức, cùng cự Trung Quốc, vốn đều là mưu của Túc. Túc lại nói với Gia Cát Lượng rằng: "Ta là bạn của Tử Du vậy", thì Lượng đã thường nghe nói về Túc rồi. Mà truyện về Lượng ở Thục thư nói: "Lượng đem sách lược liên hoành khuyên Quyền, Quyền mới cả mừng." Tựa như là kế ấy xuất phát ban đầu ở Lượng. Ví như sử quan của hai nước, mỗi người ghi chép những điều mình nghe được, thì đều tranh nhau ca ngợi điều cao đẹp của nước mình, các bên giành lấy công lao về cho bản quốc. Nay hai sách ấy, cùng được chép ra bởi một người, mà lẫn lộn đổi chỗ cho nhau như thế, không phải là phép tắc của thuật chép sử vậy.

Lúc Quyền được tin Tào công muốn sang đông, cùng chư tướng nghị bàn, mọi người đều khuyên Quyền đón Tào công, nhưng riêng Túc lặng yên không nói. Quyền đứng dậy thay áo, Túc đuổi theo tới dưới mái hiên nhà, Quyền hiểu ý, bèn cầm tay Túc nói:

- Ngài muốn nói gì?

Túc đáp rằng:

- Mới rồi xét lời bàn của chúng nhân, thực chỉ muốn mê hoặc tướng quân, chẳng thể giúp mưu đồ đại sự. Nay như Túc này có thể đón Tháo được, như tướng quân, thì không thể vậy. Vì sao lại nói thế? Nay Túc này đón Tháo, Tháo sẽ đưa Túc về giao cho bản quán, phẩm bình danh tiếng và chức vị của Túc, cũng chẳng mất chức Hạ tào tông sự, cưỡi một chiếc xe, một binh tốt đi theo, giao du với kẻ sĩ nơi rừng rú, rồi dần dần thăng quan cũng chẳng dưới chức châu quận vậy. Tướng quân nghênh đón Tháo, muốn có chỗ yên ổn về chăng? Xin tướng quân sớm định đại kế, chớ dùng lời bàn của chúng nhân.

Quyền than thở rằng:

- Lời nghị bàn của mấy người nọ, rất khiến Cô thất vọng; nay ngài khai mở đại kế, chính giống với ý của Cô, đấy là trời đem khanh đến ban cho Cô vậy.①

① *Ngụy thư* và *Cửu châu Xuân Thu* chép: Tào công đi đánh Kinh châu, Tôn Quyền cả sợ, Lỗ Túc thực muốn khuyên Quyền cự Tào công, bèn nói khích Quyền rằng:

- Tào công bên kia, thực là cường địch vậy, mới đây thôn tính Viên Thiệu, binh mã rất tinh nhuệ, nhân cái oai thắng trận, đánh cái nước tang loạn, thắng là tất yếu vậy. Chẳng bằng phái binh giúp bên ấy, lại đưa người nhà của Tướng quân đến huyện Nghiệp; không làm thế, sẽ nguy ngay.

Quyền cả giận, muốn chém Túc, Túc nhân đó nói:

- Nay việc đã gấp gáp, nên có mưu tính riêng, sao chẳng phái binh để trợ giúp Lưu Bị, mà muốn chém ta?

Quyền cho là đúng, bèn phái Chu Du trợ giúp Bị.

Tôn Thịnh nói: Theo *Ngô thư* và *Giang Biểu truyện* chép, Lỗ Túc một lần gặp mặt Tôn Quyền liền khuyên chống Tào công rồi luận về cái mưu lược Đế vương, sau khi Lưu Biểu chết, lại xin đi sứ để quan sát sự biến, không có cơ hội nào để quay về nói khích khuyên Quyền đón Tào công vậy. Lại nữa là lúc bấy giờ người khuyên nghênh đón Tào công rất nhiều, mà nói rằng muốn chém một mình Túc, lời bàn luận ấy là phi lý vậy.

Bấy giờ Chu Du tiếp nhận sứ mệnh đến Bà Dương, Túc khuyên sai người đuổi theo triệu Du về. Quyền tín nhiệm Du sai điều hành công việc, lấy Túc làm Tán quân Hiệu úy, trợ giúp vạch phương lược.

Tào công tan chạy, Túc quay về trước, Quyền mời hết thầy chú tướng ra đón Túc. Túc sắp vào cửa nách bái lạy, Quyền đứng dậy hành lễ, nhân đó bảo rằng:

- Từ Kính, Cô rời yên xuống ngựa ra nghênh đón, đã đủ để ngài được vẻ vang chưa?

Túc rảo bước tiến lên đáp:

- Chưa vậy.

Chúng nhân nghe nói thế, chẳng ai không ngạc nhiên. Tới chỗ ngồi, Túc thông thả vung roi ngựa nói:

- Mong uy đức của Chí tôn lan xa bốn bể, trùm cả chín châu, dựng thành đế nghiệp, lại dùng xe êm bánh mềm đón rước Túc, phải như thế mới vẻ vang.

Quyền vỗ tay cười thích thú.

Về sau Bị đến kinh đô gặp Quyền, cầu chức Đô đốc Kinh châu, duy có Túc khuyên Quyền cho Bị mượn đất, cùng cự Tào công.^① Tào công nghe tin Quyền đem đất cho Bị dựng nghiệp, đang viết thư, đánh rơi cây bút xuống đất.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Lã Phạm khuyên giữ Bị lại, Túc nói:

- Không nên. Tướng quân tuy là bậc thần vũ hơn đời, nhưng uy vũ và thế lực của Tào công thực sự quá mạnh, ta mới tới Kinh châu, ân tín chưa thấm đậm, nên để Bị mượn đất, sai vô yên chỗ ấy. Kế địch của Tháo nhiều thêm, mà ta tự có phe đảng, là kế hay hơn vậy.

Quyền liền nghe theo.

Chu Du bệnh nặng, dâng sớ rằng:

"Thiên hạ hiện nay, đang lúc có việc quân, đây là điều mà Du sớm khuya lo lắng, mong Chí tôn hãy suy nghĩ từ lúc việc chưa thành, rồi

sau mới yên vui. Nay ta đã cùng Tào Tháo thành thù địch, Lưu Bị kẻ cận tại Công An, rất sát với biên cảnh, trăm họ chưa theo bám, nên chọn bậc lương tướng để trấn áp vỗ yên chỗ đó. Lỗ Túc là bậc trí mưu có sách lược đủ để gánh vác việc, xin dùng thay Du. Hôm nay Du sắp lìa đời, đó là điều mong mỏi cuối cùng của Du vậy.” ①

Quyền lập tức bãi Túc làm Phấn vũ Hiệu úy, thay Du lĩnh binh. Sĩ chúng của Du hơn bốn nghìn người, phụng ếp bốn huyện, đều thống thuộc Túc. Quyền lệnh cho Trình Phổ lĩnh Thái thú Nam Quận. Túc ban đầu trụ giữ Giang Lăng, sau xuống đóng tại Lục Khẩu, ân uy truyền rộng, sĩ chúng tăng lên hơn vạn người, được bãi làm Thái thú Hán Xương, Thiên tướng quân.

Năm thứ mười chín, Túc theo Quyền đi phá Hoãn Thành, được chuyển làm Hoàn Giang tướng quân.

① *Giang Biểu* truyện chép: Lúc trước Du bị bệnh khốn, gửi thư cho Quyền rằng:

“Du vốn tài hèn, trước đây nhận sự đãi ngộ đặc biệt của Tháo nghịch, ủy thác làm kẻ phúc tâm, sau vinh dự gánh trách nhiệm, thống ngự binh mã, thỏa chí cầm cung vung roi, ra sức vì việc quân lữ. Mưu định Ba Thục, rồi lấy Trương Duong, cậy dựa uy linh, cho là như đã trong tầm tay vậy. Chỉ vì bất cẩn, mắc bệnh trên đường, hôm trước thầy thuốc chữa bệnh, nay lại nặng thêm không giảm. Người ta sinh ra tất có ngày chết, chỉ có số mệnh dài ngắn mà thôi, thực chẳng đáng tiếc, chỉ hận vì chí mình chưa được thi triển, chẳng được vâng mệnh sai khiến nữa rồi. Hiện nay Tào công ở phương bắc, bờ cõi chưa yên. Lưu Bị ở nhờ, khác gì nuôi hổ, việc trong thiên hạ, chưa biết kết cục về đâu, đây là lúc kẻ sĩ trong triều phải chuyên cần chính sự, bậc Chí tôn phải lo nghĩ suốt ngày. Lỗ Túc là bậc trung liệt, gặp việc chẳng cầu thả, nên dùng thay Du. Người ta sắp chết, thì lời nói phải, hoặc giả lời này có thể chọn dùng, Du chết cũng không mục nát vậy.”

Xét thư này so với những lời mà bản truyện chép, ý nghĩa tuy giống, nhưng lời văn thì khác lạ vậy.

Trước đó, Ích châu mục là Lưu Chương kỷ cương suy đồi giềng mối lòng lẻo, Chu Du và Cam Ninh cùng khuyên Quyền lấy Thục, Quyền bàn việc với Bị, Bị trong lòng muốn tự mình mưu lấy, luôn trá ngụy đáp lại rằng:

- Bị với Chương có tiếng là người trong tông thất, mong cậy vào anh linh của tổ tiên, để khuông phò Hán triều. Nay Chương đắc tội với người xung quanh, riêng Bị kính sợ, không dám nghe bàn việc lấy Thục, mong ngài gia ân khoan thứ. Nếu cầu xin chẳng được, Bị sẽ xỏa tóc quy ẩn ở chốn sơn lâm.

Về sau Bị sang tây mưu đánh Chương, lưu Quan Vũ ở lại giữ, Quyền nói:

- Thằng giặc giáo hoạt dám trá lừa ta!

Lúc Vũ và Túc kè địa giới, Vũ nhiều lần nảy mối ngờ, là bờ cõi phân chia nhằm lẫn, Túc thường lấy sự vui vẻ vỗ về Vũ.

Bị đã định được Ích châu, Quyền bèn đòi Trường Sa, Linh, Quế, Bị không đồng ý, Quyền phái Lã Mông xuất binh tiến chiếm. Bị nghe tin, tự quay về Công An, phái Vũ tranh ba quận. Túc trú tại Ích Dương, cùng Vũ cự nhau. Túc mời Vũ đến tương kiến, hai bên đều đóng binh mã cách trên trăm bước chân, chỉ mời tướng quân đơn đao tới hội. Túc nhân đó trách mắng Vũ rằng:

- Quốc gia ta chân tâm thành ý đem đất đai cho các ngài mượn, các ngài là quân bại từ xa đến, không có chỗ nào làm cơ sở riêng. Nay có được Ích châu, đã không có ý trả đất, bên này chỉ đòi ba quận, lại không theo mệnh.

Nói chưa trọn câu, một người ngồi ở đó nói:

- Đất đai, chỉ người có đức được giữ thôi, một nhà chiếm mãi là đạo lý gì!

Túc lớn tiếng mắng kẻ đó, lời nói sắc mặt rất nghiêm. Vũ cầm đao đứng dậy bảo rằng:

- Đây là đại sự quốc gia, người biết sao được!

Rồi liếc mắt sai người đó đi ra.① Bị bèn lấy sông Tương cắt đất làm ranh giới, vì thế bãi binh.

① *Ngô thư* chép: Túc muốn cùng Vũ gặp mặt nói chuyện, chư tướng ngờ sợ sinh biến, bàn là không nên qua. Túc nói:

- Việc hôm nay, nên mở lối cho nhau. Lưu Bị phụ quốc gia, phải trái chưa quyết, Vũ há dám cố tình phạm mệnh sao!

Bèn nhanh chóng tới gặp Vũ. Vũ nói:

- Chiến dịch Ô Lâm, Tả tướng quân đích thân trong chốn hành binh, ngủ chẳng coi giáp, chung sức phá Ngụy, há không lao nhọc, chẳng được mảnh đất nhỏ nào, mà túc hạ đến định thu lại đất sao?

Túc nói:

- Không đúng. Ban đầu ta cùng Lưu Dục châu đứng quan sát ở Trường Bản, quân binh của Dục châu không đáng một đội, kể cùng lực kiệt, chí khí thế lực tiêu tan, toan trốn chạy đến nơi xa, chẳng mong được thế này. Chủ ta xót thương thân Dục châu, không có chỗ để ở, chẳng tiếc đất đai và sức lực của sĩ dân, sai che chở cứu cho qua kiếp nạn ấy, nhưng Dục châu mưu đồ giả dối muốn chiếm riêng đất cho mình, vi phạm đức nghĩa lại phá hỏng tình thân. Nay đã mượn có lấy Tây châu rồi, lại muốn nuốt trọn đất Kinh châu, đây là điều mà e rằng kẻ phàm phu tục tử cũng chẳng nỡ làm, huống chi là bậc chủ soái thống lĩnh muôn người! Túc này nghe nói kẻ tham lam mà bỏ nghĩa, tất rước họa đến. Ngài được giao đảm đương trọng nhiệm, đã chẳng thể định rõ cái đạo phân xử, vì nghĩa giúp đời, mà cậy số đông quân lính yếu ớt để mưu sức tranh giành, quân bất chính lại yếu đuối, lấy gì để nên việc?

Vũ không lấy gì đáp lại.

Túc bốn mươi sáu tuổi, vào năm Kiến An thứ hai mươi hai thì chết. Quyền vì Túc cử ai, lại thân đến táng Túc. Gia Cát Lượng cũng vì Túc phát tang.①

Quyền xưng tôn hiệu, sắp lên đàn, ngoảnh lại bảo công khanh rằng:

- Ngày trước Lỗ Tử Kính từng nói việc này, có thể gọi là người sáng suốt về thời thế rồi.

① *Ngô thư* chép: Túc là người ngay thẳng nghiêm túc, ít dùng phục sức trân quý, trong ngoài tiết kiệm, không quan tâm giao kết với kẻ tục. Trị quân rất nghiêm chỉnh, cấm lệnh luôn được thi hành, tuy ở chốn trận mạc, tay chẳng rời sách. Lại khéo đàm luận, có tài soạn chép văn chương, mưu nghĩ tính toán sâu xa, sáng suốt hơn người. Sau Chu Du, Túc là người đứng đầu.

Túc để lại một người con còn trong bụng mẹ là Thục, khi trưởng thành, Nhu Tu đốc là Trương Thừa bảo rằng nhất định về sau sẽ giữ chức vị cao.

Năm Vĩnh An trung, Thục làm Chiêu vũ tướng quân, Đô hương hầu, Vũ Xương đốc. Năm Kiến Hành trung, được ban Giả tiết, thăng làm Hạ Khẩu đốc. Tại chức kỷ luật nghiêm chỉnh, có tài cán và phương lược. Năm Phụng Hoàng thứ ba Thục chết. Con của Thục là Mục tập tước, lĩnh binh mã.

Lã Mông tự Tử Minh, người quận Nhữ Nam huyện Phú Pha. Thời trẻ xuôi nam vượt sông Giang, nương nhờ anh rể là Đặng Đương. Đương là tướng của Tôn Sách, mấy lần đánh dẹp người Sơn Việt. Năm Mông mười lăm mười sáu tuổi, lên theo Đương đi đánh giặc, Đương ngoảnh lại trông thấy cả kinh, quát mắng cũng chẳng thể ngăn cấm nổi. Lúc về đem việc báo với mẹ của Mông, người mẹ tức giận muốn phạt Mông, Mông nói:

- Bần tiện sao chịu mãi được, thoát cảnh mê lầm lập nên công lao, phú quý có thể đến. Và lại không vào hang hổ, sao bắt được hổ con?

Người mẹ thương tình tha cho Mông.

Bấy giờ quan lại của Đương thấy Mông nhỏ tuổi nên coi thường Mông, nói:

- Thằng nhỏ ấy làm được gì? Nó muốn đem thịt mình ra nuôi hổ thôi.

Hôm khác cùng Mông hội ngộ, lại vũ nhục Mông, Mông cả giận, tuốt đao giết viên lại, rồi chạy ra ngoài, trốn náu ở nhà người cùng ấp là Trịnh Trường. Sau ra chỗ Hiệu úy là Viên Hùng tự thú, Hùng nhân cơ hội nói giúp, Sách triệu kiến thấy Mông là người kỳ lạ, dẫn vào bố trí cho làm tả hữu.

Được vài năm, Đặng Đương chết, Trương Chiêu tiến cử Mông thay Đương, bái làm Biệt bộ tư mã.

Quyền thống quản quốc sự, tính rằng các tiểu tướng binh ít mà phí dụng kém, muốn gộp họ lại. Mông ngầm vay mượn tiền, giúp binh sĩ may y phục đỏ, đến ngày duyệt quân, Mông bày trận chỉnh tề rất khí thế, binh sĩ người người luyện tập, Quyền thấy họ rất hài lòng, bèn tăng binh cho Mông.

Mông theo đi đánh Đan Dương, đến đâu cũng lập công, được bái làm Bình bắc đô úy, lĩnh chức Trưởng huyện Quảng Đức.

Mông theo Quyền đi đánh Hoàng Tổ, Tổ lệnh cho Đô đốc là Trần Tụ đem thủy quân xuất chiến. Mông thống lĩnh quân tiên phong, tự mình chém bêu đầu Tụ, tướng sĩ thừa thắng, tiến đánh thành trì của hắn. Tổ nghe tin Tụ chết, bỏ thành chạy, binh truy đuổi bắt sống Tổ. Quyền nói:

- Việc thắng trận, là do bắt được Trần Tụ trước vậy.

Bèn lấy Mông làm Hoành Dã Trung lang tướng, ban cho muôn vạn tiền.

Năm ấy, Mông lại cùng bọn Chu Du, Trình Phổ sang tây phá bại Tào công ở Ô Lâm, bao vây Tào Nhân tại Nam Quận. Tướng của Ích châu là Tập Túc đem toàn quân đến nương dựa, Du dâng biểu xin lấy quân của Túc giao cho Mông, Mông cực lực tán dương Túc là đảm lược và có tài cán, lại vì ngưỡng mộ giáo

hóa từ xa đến quy thuận, về nghĩa thì nên thêm quân chẳng nên tước đoạt vậy. Quyền khen lời ấy, trả lại quân cho Túc.

Du sai Cam Ninh tiến chiếm huyện Di Lăng, Tào Nhân chia quân đánh Ninh, Ninh nguy khốn, sai sứ xin cứu. Chư tướng cho là quân ít không đủ chia, Mông bảo Du và Phổ rằng:

- Để Lăng Công Tích ở lại thủ, Mông với ngài đi, giải vây là việc cứu gấp, về tình thế cũng không lâu, Mông bảo đảm Công Tích có thể giữ được mười ngày vậy.

Lại khuyên Du chia quân phái ba trăm người đi chặn đường hiểm, giặc bỏ chạy có thể bắt được ngựa của chúng. Du theo lời. Quân đến Di Lăng, ngay hôm đó giao chiến, giết quá nửa địch nhân. Ban đêm địch trốn, trên đường bất ngờ gặp củi gỗ chặn lối, quân kỵ đều bỏ ngựa chạy bộ. Quân sĩ đuổi gấp, bắt được ba trăm con ngựa, dùng thuyền lớn chở về. Vì thế khí thế của tướng sĩ tăng gấp bội, bèn vượt sông lập trại, cùng đánh với địch, Tào Nhân lui chạy, vì thế chiếm được Nam Quận, vỗ yên Kinh châu. Mông về, được bái làm Thiên tướng quân, lĩnh chức Tầm Dương lệnh.

Lỗ Túc thay Chu Du, đang đến Lục Khẩu, qua dưới trại của Mông. Túc vẫn có ý khinh thường Mông, có người khuyên Túc rằng:

- Lã tướng quân công danh ngày một hiển đạt, chẳng nên lấy ý cũ đối đãi vậy, ngài nên qua bái phỏng ông ấy.

Túc bèn đến chỗ Mông. Rượu say, Mông hỏi Túc rằng:

- Ngài nhận trọng trách, với Quan Vũ là lân bang, sắp tới dùng sách lược gì, để phòng việc bất ngờ?

Túc tùy tiện đáp ngay rằng:

- Lúc việc đến thì tùy nghi.

Mông nói:

- Nay đông tây tuy là một nhà, nhưng Quan Vũ thực là hổ gấu vậy, kế hay há không dự liệu trước sao?

Nhân đó giúp Túc vạch năm kế sách. Túc vì thế rời chiếu đến chỗ Mông, vỗ vào vai Mông nói:

- Lã Tử Minh, ta không biết tài lược của ngài lại đạt đến mức như thế.

Bèn bái kiến mẹ Mông, kết làm bạn hữu rồi từ biệt.^①

① *Giang Biểu truyện* chép: Khi trước, Quyền bảo Mông với Tưởng Khâm rằng:

- Các ngài nay đều là những người chương quản công việc, nên học tập để tự mở mang thêm.

Mông nói:

- Trong quân thường phải lo lắng nhiều việc, e là chẳng có lúc rảnh rỗi đọc sách.

Quyền nói:

- Cô há muốn các ngài nghiên cứu kinh sách để làm Bác sĩ? Chỉ là muốn các ngài đọc sách để hiểu biết các việc đã qua thôi. Ngài nói nhiều việc sao bằng được Cô? Cô thời trẻ đọc qua *Thi, Thư, Lễ ký, Tả truyện, Quốc ngữ*, chỉ không đọc *Dịch*. Từ khi thống quản quốc sự tới nay, xem thêm Tam sử, binh thư của các nhà, tự cho là có nhiều ích lợi. Như hai ngài, bản tính sáng suốt, học tất hiểu được, sao chẳng chịu đọc? Nên gấp đọc sách *Tôn tử, Lục thao, Tả truyện, Quốc ngữ* và *Tam sử*. Khổng tử nói: "Suốt ngày không ăn, cả đêm không ngủ để suy tư, là vô ích, chẳng bằng học vậy." Quang Vũ đang lúc lo việc binh mã, tay không rời quyển sách. Mạnh Đức cũng tự bảo mình già nhưng vẫn hiểu học. Các ngài không tự cố gắng đọc sách được sao?

Mông bắt đầu học tập, dốc chí không biết mệt, các sách xem qua, bậc cụ nho cũng không hơn được. Sau Lỗ Túc lên thay Chu Du, lúc qua chỗ Mông bàn luận, vẫn thường chịu khuất. Túc vỗ lưng Mông nói:

- Ta vẫn cho là đại đệ⁽¹⁾ chỉ vũ lược thôi, mà đến nay, học thức tài hoa uyên bác, không phải là A Mông dưới quận Ngô nữa.

¹ Đại đệ tức đứa em lớn, đây là lời xưng hô thân thiết với bạn hữu kém tuổi lúc trung niên.

Mông nói:

- Kề sĩ xa nhau ba ngày, phải lau mắt nhìn nhau đấy. Lời bàn hôm nay của đại huynh, xứng với lời của Nhưỡng hầu chăng.⁽¹⁾ Nay huynh thay Công Cẩn, đã khó kế nổi nghiệp, lại cùng với Quan Vũ là lân bang. Người ấy lớn tuổi mà ham học, đọc *Tả truyện* tóm lược đều nói ra miệng được, cương chính lối lạc có khí phách anh hùng, nhưng bản tính lại rất tự phụ, thích lấn áp người. Nay với hắn là đối thủ, nên có kế sách đặc biệt để đối địch với hắn.

Rồi bí mật giúp Túc bày ba kế, Túc cung kính tiếp nhận, giữ bí mật không tuyên lộ ra. Quyền thường than rằng:

- Người tuổi cao mới theo học mà tiến bộ được, như Lã Mông, Tưởng Khâm, e là chẳng ai theo kịp vậy. Phú quý vinh hiển, lại có thể nhún mình ham học, rất thích kinh truyện, khinh tài chuộng nghĩa, đi đến đâu cũng để lại dấu tích, trở thành quốc sĩ, há chẳng phải là rất tốt lành sao!

Bấy giờ Mông và Thành Đương, Tống Định, Từ Cố đóng trại gần sát nhau, lúc ba tướng kia chết, con em nhỏ dại, Quyền đem hết binh lính của họ hợp với binh của Mông, Mông cố từ chối, bày tỏ rằng bọn Cố đều chuyên cần lao nhọc vì quốc sự, con em dù nhỏ, chẳng nên phế bỏ vậy. Dâng thư lên ba lần, Quyền mới nghe. Mông vì thế lại chọn thầy, sai giúp đỡ dạy bảo họ, tấm lòng và tiết tháo của Mông đại khái là như thế.

Ngụy sai người quận Lư Giang là Tạ Kỳ làm Kỳ Xuân điền nông, đóng đồn ở đất Hoàn làm ruộng lập xóm làng, mấy lần vào biên cảnh cướp bóc. Mông sai người dụ Kỳ, Kỳ không theo, Mông bèn rình lúc sơ hở tập kích, Kỳ bèn rút lui, bộ ngũ của Kỳ

¹ Nhưỡng hầu tức Ngụy Nhiễm (魏冉), người nước Tần thời Chiến Quốc, vì được Tần Chiêu Tương vương phong ở đất Nhưỡng nên gọi là Nhưỡng hầu. Về lời bàn của Nhưỡng hầu Ngụy Nhiễm, người dịch chưa tra cứu được. Sách *Tam quốc chí tập giải* của Lô Bật cho rằng, câu nói của Nhưỡng hầu chưa rõ ràng, trong *Sử ký*, *Nhưỡng hầu Ngụy Nhiễm liệt truyện* cũng không có câu nói nào ý tứ liên quan đến việc này.

là bọn Tôn Tử Tài, Tống Hòa, đều dắt díu người già con trẻ, đến chỗ Mông xin hàng. Về sau Mông theo Quyền cự Tào công ở Nhu Tu, mấy lần dâng kế lạ, lại khuyên Quyền men cửa sông lập lũy, dùng lũy để phòng ngự rất tinh tế.① Tào công không thể hạ nổi mà lui về.

① *Ngô lục* chép: Quyền muốn lập lũy, chư tướng đều nói:

- Lên bờ đánh giặc, rồi rửa chân vào thuyền, lũy để làm gì?

Lã Mông nói:

- Binh khí có lúc sắc bén có khi cùn nhụt, đánh không thắng cả trăm trận được, nếu có việc bất ngờ, quân bộ kỵ của địch đuổi gấp, chẳng kịp xuống nước, còn vào thuyền được chăng?

Quyền nói: "Hay."

Bèn làm lũy.

Tào công phái Chu Quang làm Thái thú Lư Giang, đóng quân ở huyện Hoàn, khai khẩn trồng lúa, lại sai người lên đi chiêu dụ cừ súy của giặc ở Bà Dương, sai làm nội ứng. Mông nói:

- Ruộng ở huyện Hoán màu mỡ phì nhiêu, nếu họ thu hoạch hết lúa chín, quân bên ấy tất tăng thêm, như thế vài năm, lực mạnh Tháo lại tiến đến, nên sớm trừ đi.

Bèn đem thực trạng báo hết lên. Vì thế Quyền đích thân đánh huyện Hoán, triệu chư tướng đến, hỏi về kế sách.① Mông bèn tiến cử Cam Ninh làm Thăng thành đốc, đốc suất tấn công ở mặt trước, Mông đem quân tinh nhuệ nối theo sau. Tan sương thì tấn công, Mông tay cầm dùi thúc trống, sĩ tốt đều hăng hái nhảy nhót tự trào lên thành, đến giờ ăn trưa thì phá được. Không lâu sau Trương Liêu đến Giáp Thạch, nghe nói thành đã bị hạ, bèn lui. Quyền khen công ấy, lập tức bái Mông làm Thái thú Lư Giang, người và ngựa bắt được ở trận ấy đều chia cho Mông, lại ban riêng cho Mông sáu trăm người làm ruộng ở huyện Tâm Dương, thuộc quan ba mươi người.

Mông về Tầm Dương, chưa đầy một năm mà giặc cướp ở Lư Lăng nổi dậy, chư tướng đánh dẹp không thể bắt giữ được, Quyền nói:

- Mấy trăm chim chí, không bằng một con chim ngạc.⁽¹⁾

Lại lệnh cho Mông đánh dẹp chúng. Mông đến, giết kẻ đứng đầu bọn giặc, bọn còn lại đều phóng thích, lại cho làm dân thường.

① *Ngô thư* chép: Chư tướng đều khuyên nên đắp núi đất, làm thêm khí giới đánh thành, Mông rào bước tiến lên nói:

- Sửa khí giới đánh thành và đắp núi đất, hẳn phải nhiều ngày mới hoàn thành, thành đắp xong khí giới đã sửa, thì quân cứu ở ngoài tất đã đến, chẳng thể đồ được nữa. Và lại nhân lúc nước mưa mới về, nếu lưu lại lâu ngày, nước tất rút hết, đường về gian nan, Mông trộm nghĩ là nguy. Nay quan sát thành này, không được vững lắm, dùng cái nhuệ khí của ba quân, bốn bề cùng tấn công, không mất nhiều thời gian có thể hạ được, vừa khéo lúc nước rút, đấy là cái đạo toàn thắng vậy.

Quyền nghe kể ấy.

Bấy giờ Lưu Bị lệnh sai Quan Vũ trấn thủ, một mình nắm quyền ở đất Kinh, Quyền sai Mông sang tây lấy ba quận Trường Sa, Linh, Quế. Mông đưa thư đến hai quận, họ theo gió quy phục, duy có Thái thú Linh Lăng là Hác Phổ giữ thành không hàng. Rồi Bị từ đất Thục đích thân đến Công An, phái Vũ tranh ba quận. Quyền bấy giờ trú tại Lục Khẩu, sai Lỗ Túc đem một vạn người đóng giữ Ích Dương cự Vũ, lại đưa thư khẩn cấp triệu Mông, sai bỏ Linh Lăng, cấp tốc về hỗ trợ Túc.

Lúc trước, Mông đã định được Trường Sa, đang đến Linh Lăng, đi qua huyện Linh, trên xe chở theo Đặng Huyền Chi người

¹ Chim chí là một loại chim dữ, hình dáng như con chim ưng, nhưng nhỏ hơn. Sách *Trung Hoa cổ kim chú* lại nói rằng loại chim này có ba tên gọi, một tên là Thần nữ, một tên là Thiên nữ, một tên là Chí điều; Chim ngạc là loại chim mò ngấn, sống ở vùng ven nước, bắt tôm cá.

quận Nam Dương, Huyền Chi là bạn cũ của Hác Phổ, Mông muốn sai đi dụ Phổ. Lúc nhận thư gọi về, Mông giữ kín việc ấy, ban đêm triệu chư tướng, trao kế sách, sáng sớm sẽ đánh thành, ngoảnh lại bảo Huyền Chi rằng:

- Hác Tử Thái biết cái đạo trung nghĩa ở đời, cũng muốn làm theo, nhưng không biết thời thế vậy. Tả tướng quân ở tại Hán Trung, bị Hạ Hầu Uyên vây. Quan Vũ ở Nam Quận, nay Chí tôn đích thân đến đó. Mới đây Vũ phá trại cũ ở huyện Phàn, cứu huyện Linh, lại bị Tôn Quy đón chặn đánh bại. Đấy đều là việc trước mắt, là điều ngài tự thấy vậy. Bên ấy đầu đuôi có mối nguy treo ngược, cứu mình chẳng xong, há dư sức kéo đến trại này sao? Nay sĩ tốt của ta tinh nhuệ, người người hết lòng theo mệnh, Chí tôn phát binh đến, nối nhau trên đường. Nay Tử Thái tính mệnh trong sớm tối, đợi thì chẳng trông mong được cứu, cũng như cá bơi trong vết chân trâu, hy vọng cậy nhờ vào Giang Hán, việc chẳng thể nhờ cậy được cũng đã rõ rồi. Nếu Tử Thái được hết thủy quân sĩ dốc lòng thuận theo, giữ tòa thành cô độc, còn có thể kéo dài sớm tối, để đợi mệnh về sau, có thể là vậy. Nay ta tính kế lượng lực, nếu đánh thành này, chẳng quá một ngày, thì thành tất phá được, sau khi phá thành, Tử Thái chết thân có ích gì với công việc, mà khiến cho mẹ già trăm tuổi, đầu tóc bạc phơ bị giết, há chẳng xót sao? Ta đồn rằng nhà ấy không nghe được tin tức bên ngoài, cho là có thể cậy quân cứu viện, nên mới ngoan cố thế thôi. Ngài nên đến gặp ông ta, giúp bày kế họa phúc.

Huyền Chi gặp Phổ, tuyên bảo rõ ý của Mông, Phổ sợ mà nghe theo. Huyền Chi ra thành trước báo với Mông, nói Phổ đi sau đang đến. Mông sắc lệnh sẵn cho bốn tướng, đều tuyển lấy trăm người, Phổ đi ra, lập tức vào giữ lấy cửa thành. Chốc lát Phổ ra, Mông nghênh đón cầm tay Phổ, cùng nhau xuống thuyền. Nói chuyện xong, đưa thư ra báo cho Phổ biết, nhân đó vỗ tay cả cười, Phổ thấy thư, biết Bị ở tại Công An, mà Vũ ở Ích

Dương, hổ thẹn hận muốn chui xuống đất. Mông lưu Tôn Hà (Tôn Kiếu) ở lại, ủy thác việc sau. Ngay hôm đó dẫn quân đến Ích Dương.

Lưu Bị xin kết minh, Quyền bèn cho bọn Phổ về, cắt sông Tương, đem Linh Lăng trả về cho Bị. Lấy hai huyện Tầm Dương, Dương Tân cho Mông làm phụng ấp.

Quân quay về, bèn đi đánh Hợp Phì, đã triệt binh, bị bọn Trương Liêu đánh úp, Mông cùng Lăng Thống liều chết bảo vệ Quyền. Về sau Tào công lại cất đại quân đến Nhu Tu, Quyền lấy Mông làm Đốc, trú ở lũy lúc trước lập, đặt một vạn quân nỏ cứng trên mặt lũy, để cự lại Tào công. Quân tiền phong của Tào công lập trại chưa xong, Mông đánh phá bọn ấy, Tào công dẫn quân lui. Quyền bái Mông làm Tả hộ quân, Hổ uy tướng quân.

Lỗ Túc chết, Mông sang tây trú ở Lục Khẩu, quân mã của Túc hơn một vạn đem giao hết cho Mông. Quyền lại bái Mông làm Thái thú Hán Xương, ăn lộc các huyện Tạ Tuyền, Lưu Dương, Hán Xương, Châu Lăng. Lúc cùng Quan Vũ phân chia đất đai giáp ranh ở biên cảnh, Mông biết Vũ kiêu hùng, có ý thôn tính, lại đóng giữ tại thượng lưu của quốc gia, về hình thế chỗ ấy khó giữ lâu được.

Khi trước, bọn Lỗ Túc cho rằng Tào công vẫn còn, lại mới gây họa nạn, nên giúp đỡ lẫn nhau, cùng chung cừ địch, chẳng nên mất hòa khí, Mông bèn mật bày kế rằng:

- Nay Chinh lỗ tướng quân giữ Nam Quận, Phan Chương thủ Bạch Đế thành, Trương Khâm đem một vạn quân lưu động xuất kích, men sông lên xuống, tùy thời ứng địch, Mông vì quốc gia tiến chiếm Tương Dương, như thế, lo gì Tháo nữa, sao phải cậy nhờ vào Vũ? Và lại Vũ là tôi thần, chỉ khoe khoang cái sức lực giả dối của mình, ở đâu cũng phản phúc, chẳng nên đối đãi như kẻ phúc tâm. Hiện giờ sở dĩ Vũ chưa tiện hướng về đông, vì Chí tôn là bậc thánh minh, và bọn Mông vẫn còn vậy. Nay

chẳng nhân lúc ta mạnh mà mưu đánh hấn, một mai chúng ta ngã xuống, muốn thi triển sức lực, có thể được chăng?

Quyền rất tán thưởng thu nhận kế ấy, rồi cùng bàn lại cái ý lấy Từ châu, Mông đáp rằng:

- Nay Tháo ở tại Hà Bắc xa xôi, mới phá bọn người họ Viên, còn chiêu dụ dân vùng U, Ký, chưa rồi để ngoảnh về đông. Binh giữ ở Từ châu, nghe nói không đáng kể, qua đó có thể đánh được. Nhưng địa thế ở đây thông sáu mặt, là chỗ quân kỵ tung hoành, nay Chí tôn lấy được Từ châu, nhưng chực ngày sau Tháo tất đến tranh, dẫu dùng bảy tám vạn người giữ chỗ đó, vẫn phải âu lo. Chẳng bằng bắt lấy Vũ, chiếm xong cả Trường Giang, hình thế của ta sẽ càng mạnh.

Quyền cho lời ấy là rất đúng. Lúc Mông lên thay Túc, mới đến Lục Khẩu, bề ngoài tăng cường sửa sang ân đức, cùng Vũ kết hữu hảo.

Sau khi Vũ đánh Phàn Thành, lưu binh tướng phòng thủ Công An, Nam Quận. Mông dăng sớ rằng:

"Vũ đi đánh Phàn Thành mà lưu nhiều binh lính phòng bị, hấn sợ Mông mưu đồ đánh úp phía sau mình vậy. Mông thường có bệnh, xin chia sĩ chúng trở về Kiến Nghiệp, lấy tiếng đi chữa bệnh. Vũ nghe được tin ấy, tất triệt binh phòng thủ, đưa hết đến Tương Dương. Đại quân ta bơi sông, ngày đêm rong ruổi ngược dòng, đánh chỗ trống rỗng, thì Nam Quận có thể hạ, mà Vũ có thể bắt sống được vậy."

Bèn xưng bệnh nặng, Quyền liền công khai phát thư hịch triệu Mông về, ngầm cùng tính kế. Vũ quả nhiên tin việc đó, ít lâu triệt binh đưa tới Phàn thành. Ngụy sai Vu Cấm cứu Phàn thành, Vũ bắt sống hết bọn Cấm, nhân mã mấy vạn, lấy có thiếu lương ăn, liền lấy thóc ở Tương Quan.⁽¹⁾ Quyền nghe tin,

¹ Ngô, Thục phân chia Kinh châu lúc trước, lấy sông Tương làm ranh giới. Nước Ngô đặt quan ải trên sông để thông thương buôn bán, cho nên gọi là Tương Quan.

bền xuất quân, trước hết phái Mông đi phía trước. Mông đến Tâm Dương, giấu hết tinh binh của mình trong khoang thuyền, sai quân mặc áo trắng chèo thuyền, lính mặc y phục thương nhân, hành quân cấp tốc đêm ngày, đến đồn binh do thám mà Vũ đặt tại ven sông, bắt trối hết bọn họ, vì thế Vũ không nghe được tin tức gì.

Mông đến Nam Quận, Sĩ Nhân, My Phương đều hàng.^① Mông vào chiếm thành, bắt được hết gia thuộc của Vũ và tướng sĩ, đều vỗ về họ, ước lệnh trong quân không được quấy nhiễu người nhà của họ, hay lục lấy đồ vật. Có tên chỉ huy cấp dưới của Mông, là người quận Nhữ Nam, lấy một cái nón của nhà dân, để che áo giáp, áo giáp tuy là của công, Mông vẫn cho là phạm quân lệnh, chẳng vì tình đồng hương mà phể phép tắc, bèn roi nước mắt mà chém hấn. Vì thế trong quân rung động, đi đường không dám nhặt của rơi. Mông sớm tối sai người thân cận chăm sóc người già, thăm hỏi những nhà không no đủ, người bệnh tật thì được cấp thuốc men, kẻ đói rét thì được ban cơm áo. Tiền của bảo vật kho tàng của Vũ, đều phong kín lại để đợi Quyền đến.

Vũ trở về, trên đường đi, mấy lần sai người hỏi tin tức ở chỗ Mông, Mông liền hậu đãi sứ giả của Vũ, cho đi khắp trong thành, nhà nhà thăm hỏi, hoặc tự tay viết thư báo tin tức. Người của Vũ trở về, hỏi thăm tin tức riêng về nhau, đều biết người nhà không việc gì, được đối đãi hơn lúc bình thường, cho nên quan tướng của Vũ không có lòng chiến đấu. Lúc Quyền sắp đến, Vũ tự biết thế cùng, bèn trốn đến Mạch Thành, sang tây đến Chương Hương, chúng đều bỏ Vũ mà hàng. Quyền sai Chu Nhiên, Phan Chương chặn ở đường hẻm, cha con Vũ đều bị bắt sống, Kinh châu bền định.

① Ngô thư chép: Tướng quân Sĩ Nhân chống giữ tại Công An, Mông lệnh sai Ngu Phiên đến thuyết Nhân. Phiên đến dưới cửa thành, bảo quan giữ thành rằng:

- Ta muốn cùng Tướng quân của người nói chuyện.

Nhân không đồng ý tương kiến. Phiên bèn gửi thư nói:

"Người sáng suốt phòng họa từ lúc nó chưa nảy mầm, bậc có trí tính được mối lo sắp đến, biết được biết mất, mới có thể là người, biết sống biết chết, đủ phân biệt chuyện cát hung. Đại quân ta lên đường, quân do thám không kịp chạy, lửa hiệu không kịp đốt, đấy chẳng phải nhờ thiên mệnh, tất có người nội ứng. Tướng quân chẳng thấy trước thời thế, đến lúc này chẳng thuận theo, một mình giữ tòa thành như cái đai áo mà không hàng, tử chiến thì hủy tông diệt tự, bị thiên hạ chê cười. Lã Hổ uy muốn đến thẳng Nam Quận, cắt tuyệt đường bộ, sinh lộ nghẽn lối, xét địa hình chỗ ấy, tướng quân thực ở cái chỗ trên đầu lưỡi thoi, chạy trốn chẳng thoát, hàng thì mất nghĩa, ta trộm vì Tướng quân mà không yên, mong tướng quân nghĩ kỹ."

Nhân được thư, chảy nước mắt mà hàng. Phiên bảo Mông rằng:

- Đấy là trá thuật dùng binh vậy, nên đưa Nhân đi, lưu binh lính lại giữ thành.

Mông bèn đưa Nhân đến Nam Quận. Thái thú Nam Quận là My Phương giữ thành, Mông sai Nhân đến báo Phương, Phương bèn hàng.

Ngô lục chép: Khi trước, trong thành Nam Quận phát hỏa, ngọn lửa thiêu rất nhiều đồ quân dụng. Vũ vì thế trách mắng Phương, Phương trong lòng sợ hãi, Quyền nghe biết chuyện đó mới dụ Phương, Phương ngầm hòa thân. Lúc Mông đến đánh, Phương bèn đem trâu rượu ra hàng.

Quyền dùng Mông làm Thái thú Nam Quận, phong tước Sàn Lăng hầu,^① ban mười vạn tiền, năm trăm cân vàng. Mông cố từ chối tiền vàng, Quyền không đồng ý.

Lệnh phong còn chưa ban xuống, đúng lúc Mông phát bệnh, Quyền bấy giờ ở Công An, đón Mông vào nội điện, tìm vạn phương thuốc chữa trị, treo bảng mộ người trong nước xem ai chữa khỏi được bệnh cho Mông, sẽ thưởng nghìn vàng. Bấy giờ có người châm chữa bệnh, Quyền vì Mông lòng đau như cắt,

mấy lần muốn tới thăm sắc diện của Mông, lại sợ làm kinh nhiều Mông, thường chọc vách nhìn Mông qua lỗ thủng, thấy Mông ăn được một chút thì mừng rỡ, nhìn ra xung quanh nói cười, Mông không ăn được thì than thở, đêm ngủ không yên giấc. Bệnh của Mông đỡ dần, Quyền hạ lệnh xá tội ở trong nước, quần thần đều đến mừng. Sau đấy bệnh lại thêm nặng, Quyền thân đến xem, lệnh sai đạo sĩ ở dưới đài của sao Thần vì Mông cầu đảo xin tuổi thọ. Mông bốn mươi hai tuổi, rút cục chết trong điện. Quyền rất xót thương, vì Mông giảm đồ ăn uống.

Lúc Mông chưa chết, các đồ vàng ngọc được ban tặng đều sai đem hết vào kho phủ, ra lệnh cho người chủ quản kho rằng đến ngày mình dứt mệnh đều đem trả về cho bề trên, việc tang cốt phải kiệm ước. Quyền nghe nói, càng thêm thương cảm.

① *Giang Biểu truyện* chép: Quyền ở Công An đại hội quần thần, Lã Mông vì có bệnh từ chối dự, Quyền cười nói:

- Cái công bắt Vũ, là mưu của Tử Minh vậy, nay công lớn đã thành, còn chưa mừng công khen thưởng, sao lại ủ ê làm vậy?

Rồi cấp thêm cho quân bộ kỵ và đội quân nhạc, sắc mệnh tuyển chọn thuộc quan cho Hồ uy tướng quân, cho nhận uy nghi⁽¹⁾ ở hai quận Lư Giang, Nam Quận. Mông nhận bái phong xong quay về doanh, binh mã đi theo trên đường, trước sau đánh trống thổi sáo, sáng choang trên đường.

Mông thời trẻ không học tập kinh thư điển tịch, mỗi khi bày tỏ đại sự, thường nói ra miệng để người khác chép làm tấu thư.

Mông từng làm bộ khúc, bị Thái thú Giang Hạ là Sái Di bạch tội, Mông không có ý oán giận. Lúc Thái thú Dự Chương là Cố Thiệu chết, Quyền hỏi nên dùng ai để thay thế, Mông nhân đó

¹ Sách *Trung dung* có câu: “Lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên.” Uy nghi tức là vẻ mặt, trang phục, hành vi và lời nói đúng mực khi giao tiếp. Tam hiệu là Lã Mông được hưởng đặc ân được nhận các nghi lễ đón tiếp rất long trọng và đặc biệt ở cả hai quận mà Mông làm Thái thú là Lư Giang và Nam Quận.

tiến cử nói Di là quan lại tốt hết lòng theo chức phận, Quyền cười nói:

- Ngài muốn làm Kỳ Hề⁽¹⁾ chăng?

Vì thế dùng Sái Di.

Cam Ninh thô bạo hiếu sát, từng làm thất ý Mông, lại có lúc trái lệnh Quyền, Quyền giận Ninh, Mông liền đưa lời cầu xin rằng:

- Thiên hạ còn chưa định, mãnh tướng như Ninh khó tìm được, nên bao dung cho ông ấy.

Quyền bèn hậu đãi Ninh, cuối cùng dùng được hết tài của Ninh.

Con Mông là Bá được tập tước, cấp cho ba trăm nhà giữ phần mộ, lại miễn thuế năm mươi khoảnh ruộng. Bá chết, anh của Bá là Tông nổi tước hầu. Tông chết, em của Tông là Mục nối tự.

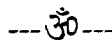
Tôn Quyền cùng Lục Tốn luận bàn về Chu Du, Lỗ Túc và Mông rằng:

"Công Cẩn hùng tài, khí phách cứng cỏi, đảm lược hơn người, vì thế phá Mạnh Đức, mở mang Kinh châu, thực khó có người kế tục, ngài nay kế tục được ông ấy. Công Cẩn lúc trước đón Tử Kính sang đông, gửi ý cho Cô, Cô cùng ăn yến nói chuyện, liền bày tỏ đại lược về nghiệp Đế vương, đây là điều khoái ý thứ nhất vậy. Về sau Mạnh Đức nhân vì thu được thế lực của Lưu Tông, khoa trương nói là đang đem mấy chục vạn quân thủy bộ cùng tràn xuống. Cô thỉnh ý khắp chư tướng, hỏi mưu kế nên phải làm sao, không ai dõ đáp trước, đến như Tử Bối, Văn Biếu, đều nói là nên phái sứ giả đem hịch nghênh đón Tháo, Tử Kính lập tức bác lời chúng nói rằng không nên, khuyên Cô gấp rút gọi Công Cẩn về, phó thác trọng trách cầm quân, đón mà

¹ Kỳ Hề (祁奚) là người nước Tấn thời Xuân Thu. Truyện kể rằng: "Kỳ Hề cáo lão về quê, vua nước Tấn là Niệu công hỏi: "Dùng ai thay thế được đây?" Kỳ Hề nói: "Không ai bằng Giải Hổ." Niệu Công hỏi: "Nghe Giải Hổ có tư thù với nhà ngươi, sao ngươi lại tiến dẫn hắn?" Kỳ Hề nói: "Chúa công hỏi tôi người nào có thể dùng được, chứ có hỏi người nào là kẻ thù của tôi đâu." Về Kỳ Hề, xem thêm chú thích ở tập IV, quyển 21, trang 242 (Lưu Di truyện).

đanh Tháo, đấy là điều khoái ý thứ hai vậy. Và lại kế sách của Túc lập, ý tí sâu xa như Trương, Tô;⁽¹⁾ sau này hầu khuyên Cô cho Huyền Đức mượn đất, đấy là một chỗ kém, cũng chẳng đủ để tổn hại đến hai điều hay kia vậy. Chu công chẳng cầu cái toàn vẹn ở một người, cho nên Cô quên cái sở đoản mà quý cái sở trường, thường so sánh Túc ngang với Đặng Vũ vậy.⁽²⁾ Lại nữa là Tử Minh lúc trẻ tuổi, Cô cho là người chẳng sợ gian nan, quả cảm có đảm lược mà thôi; đến lúc lớn tuổi, học vấn mở mang thêm, trù liệu kế sách rất lạ, có thể là người đứng sau Công Cẩn, chỉ nói năng nghị luận minh bạch thấu triệt là không bằng mà thôi. Cái mưu đánh lấy Quan Vũ, là hơn so với Tử Kính. Tử Kính đáp lại thư của Cô rằng: 'Bậc đế vương hưng khởi, đều có kẻ phải bị khu trừ, Vũ chẳng đủ sợ.' Đấy là trong lòng Tử Kính chẳng thể lo liệu chu đáo, bề ngoài đại ngôn thôi, Cô cũng tha thứ việc đó, không muốn trách vậy. Nhưng Túc trị quân thì đóng doanh trại không lăm, ban hành cấm lệnh thì bộ hạ trong cơi không bỏ bê chức phận, trên đường không ai nhặt của rơi, pháp lệnh ấy cũng tốt đẹp vậy."

Bình rằng: Tào công mượn danh phận là tướng nhà Hán, ép Thiên tử để quét sạch bọn hào kiệt, mới dẹp yên Kinh châu, cậy dựa uy thế sang đông, vào lúc bấy giờ kẻ bàn luận chẳng ai không nghi kỵ hai lòng. Chỉ có Chu Du, Lỗ Túc sáng suốt quyết đoán, tỏ rõ là người xuất chúng, thật xứng là bậc kỳ tài vậy. Lã Mông dũng mãnh có mưu lược lại quyết đoán, biết kế dùng binh, lừa Hác Phổ, bắt Quan Vũ, rất kỳ diệu vậy. Ban đầu dù coi thường hậu quả mà giết người xằng bậy, cuối cùng khắc chế được lòng riêng, có khí độ của bậc quốc sĩ, há chỉ là tướng võ mà thôi! Lời nghị luận của Tôn Quyền, nói về điều hơn kém của họ là thích đáng, cho nên ta chép vào đây.



¹ Trương Nghi (张仪), Tô Tần (苏秦), đều là những biện sĩ lắm kế nhiều mưu lũng danh thời Chiến Quốc.

² Đặng Vũ (邓禹), xem chú thích ở tập IV, quyển 17, trang 77 (Tứ Hoàng truyện).

QUYỂN THỨ NĂM MƯƠI LĂM
TRÌNH, HOÀNG, HÀN, TƯỜNG, CHU,
TRẦN, ĐỒNG, CAM, LĂNG, TỪ, PHAN,
ĐINH TRUYỆN



Trình Phổ tự Đức Mưu, người quận Hữu Bắc Bình huyện Thổ Ngân. Ban đầu làm tiểu lại ở châu quận, rất có nghị dung và mưu kế, khéo về ứng đối. Theo Tôn Kiên chinh phạt, đánh giặc Khăn Vàng ở các huyện Uyển, Đặng, phá Đồng Trác ở Dương Nhân, công thành dã chiến, thân bị trọng thương.

Kiên chết, lại đi theo Tôn Sách tại Hoài Nam, tới đánh Lư Giang, hạ thành xong, quay về cùng qua sông sang đông. Sách đến Hoành Giang, Đương Lợi, phá bọn Trương Anh, Vu Mi, rồi chuyển sang hạ Mạt Lăng, Hồ Thục, Câu Dung, Khúc A, Phổ đều lập công, được tăng thêm hai nghìn binh, năm mươi quân kỵ. Lại tiến phá các huyện Ô Trình, Thạch Mộc, Ba Môn, Lăng Truyền, Dư Kháng, công của Phổ rất nhiều. Sách vào Cối Kê, lấy Phổ làm Đô úy Ngô Quận, đặt sở trị ở huyện Tiền Đường. Sau chuyển làm Đô úy Đan Dương, đóng giữ Thạch Thành. Lại đánh dẹp giặc ở các huyện Tuyên Thành, Kính, An Ngô, Lăng Dương, Xuân Cốc, đều phá chúng. Sách từng đánh Tổ Lang, bị Lang vây kín, Phổ cùng một quân kỵ che đỡ cho Sách, ruồi ngựa quất thét, khua mâu đột phá giặc, giặc chạy rẽ, Sách nhân đó theo ra thoát. Về sau Phổ được bái làm Đãng khấu Trung lang tướng, lĩnh Thái thú Linh Lăng, theo đánh dẹp Lưu Huân ở Tâm Dương, tấn công Hoàng Tổ ở Sa Tiến, rồi quay về trấn giữ Thạch Thành.

Sách chết, Phổ và bọn Trương Chiêu cùng phụ tá Tôn Quyền, đi đánh khắp ba quận, bình dẹp các nơi không theo phục. Lại theo đi đánh Giang Hạ, quay về qua Dự Chương, cầm riêng quân dẹp huyện Lạc An. Lạc An bình định, thay Thái Sử Từ trú giữ huyện Hải Hôn, cùng Chu Du làm Tả hữu đốc, phá Tào công ở Ô Lâm, lại tiến đánh Nam Quận, đuổi Tào Nhân. Được bá làm Bì tướng quân, lĩnh Thái thú Giang Hạ, đặt sở trị ở huyện Sa Tiễn, ăn lộc bốn huyện.

Trong các tướng đời đầu, Phổ cao tuổi nhất, người bấy giờ đều gọi là Trình công.

Phổ tính ưa bố thí giúp người, thích sĩ đại phu. Chu Du chết, Phổ thay lĩnh Thái thú Nam Quận. Quyền chia Kinh châu với Lưu Bị, Phổ lại về lĩnh chức Thái thú Giang Hạ, được thăng làm Đãng khấu tướng quân, chết.^①

Tôn Quyền xưng tôn hiệu, truy xét công của Phổ, phong con của Phổ là Tư làm Đình hầu.

① *Ngô thư* chép: Phổ giết mấy trăm người làm phản, đều quăng hết vào đồng lửa, ngay hôm ấy mắc bệnh, hơn trăm ngày thì chết.

Hoàng Cái tự Công Phúc, người quận Linh Lăng huyện Tuyền Lăng.^① Ban đầu làm Quận lại, được xét cử Hiếu liêm, triệu vào công phủ. Tôn Kiên cất nghĩa binh, Cái đi theo. Kiên xuôi nam phá sơn tặc, lên bắc đuổi Đồng Trác, bá Cái làm Biệt bộ tư mã. Kiên chết, Cái lại theo Sách và Quyền, mặc giáp đi khắp nơi, xông pha gươm đao, đánh diệt thành ấp.

① *Ngô thư* chép: Cái là hậu duệ của Thái thú Nam Dương ngày trước là Hoàng Tử Liêm,⁽¹⁾ tách ra từ một chi, đến đời ông nội của

¹ Sách *Phong tục thông* của Ứng Thiệu nói rằng Hoàng Tử Liêm là Thái thú Nam Dương, làm quan thanh liêm. Theo hệ phả họ Hoàng, cụ nội của Hoàng Cái là Hoàng Hương, có năm con; ông nội của Hoàng Cái là Hoàng Toàn, là trưởng, dời đến làm nhà ở Linh Lăng; cha của Hoàng Cái là Hoàng An, tự Phu Nhân.

Cái chuyển tới Linh Lăng, bèn làm nhà ở đấy. Cái thửa nhỏ mồ côi, gặp cảnh đại tang, đắng cay trái đủ, nhưng có hùng tâm tráng chí, dẫu ở cảnh bần tiện, chẳng giống kẻ hèn phàm, thường dùng thời gian rỗi rãi lúc vác củi, học qua sách vở, nghiên cứu binh thư.

Các bộ lạc người Sơn Việt không theo phục, mỗi khi có huyện làm giặc tác loạn, Quyền liền dùng Cái làm trưởng quan. Quan lại huyện Thạch Thành, đặc biệt khó quản chế, Cái bèn tạm đặt hai vị quan duyện, chia ra chủ quản các bộ quan. Truyền rằng:

- Lệnh trưởng ta bất tài, chỉ dựa vào võ công nhận chức, không phải là văn quan được cất lên. Nay giặc cướp chưa yên, ta thường làm việc quân lữ, hết thấy việc văn thư ủy thác cho hai quan duyện, hai vị phải tra xét chấn chỉnh các bộ quan, nắn sửa việc sai lầm. Sở quan của hai vị, việc đưa vào thì phê chuyển ra, nếu có gian trá dối lừa, ta nhất định không dùng roi gậy trách phạt, nên đều phải tận tâm, làm gương cho mọi người.

Ban đầu hai người đều sợ uy, ngày đêm cung kính giữ chức phận; mãi sau, quan lại thấy Cái không xem văn thư, dần dần bê trễ công việc. Cái cũng ngờ rằng họ lười biếng, bấy giờ mới coi xét, phát hiện hai quan duyện mấy lần làm việc không theo phép tắc. Bèn mời hết các duyện lại đến, ban cơm rượu, rồi đem việc công ra cật vấn. Hai quan duyện đuối lý, đều khầu đầu tạ tội. Cái nói:

- Lúc trước ta đã răn bảo các ngài, là nhất định không dùng roi gậy trách phạt, không phải dối lừa nhau vậy.

Bèn giết họ. Người trong huyện kinh hoàng. Về sau Cái chuyển đi làm trưởng huyện Xuân Cốc, Tầm Dương lệnh. Trước sau trải chức ở chín huyện, ở đâu cũng bình định. Cái được thăng làm Đô úy Đan Dương, đè nén kẻ mạnh, nâng đỡ người yếu, các bộ lạc Sơn Việt thành tâm quy phục.

Cái dung mạo nghiêm nghị, khéo dưỡng sĩ tốt, mỗi khi đi đánh dẹp, sĩ tốt đều tranh nhau lên trước.

Năm Kiến An trung, Cái theo Chu Du cự Tào công ở Xích Bích, bày kế đánh hỏa công, đã nói ở *Chu Du truyện*.^① Cái được bái làm Vũ phong Trung lang tướng.

Người Man Di ở quận Vũ Lăng phản loạn, đánh lấy thành ấp, Quyền bèn dùng Cái lĩnh chức Thái thú. Bấy giờ binh trong quận chỉ có năm trăm người, Cái tự thấy không địch nổi, nhân đó mở rộng cửa thành, giặc vào một nửa, bèn đánh chúng, chém được mấy trăm đầu, số còn lại đều bỏ chạy, trốn hết về thôn ấp. Cái đánh giết bọn đầu sỏ, kẻ theo về thì được xá tội. Từ xuân đến cuối hạ, cướp loạn đều bình hết, những Ấp hầu, Quân trưởng ở các nơi xa xôi hẻo lánh như Ba, Lễ, Do, Đán, đều cải tà quy chính, dâng lễ vật cầu kiến, toàn quận thanh bình. Về sau huyện Ích Dương quận Trường Sa bị sơn tặc sở tại đánh, Cái lại bình dẹp, được gia thêm chức Thiên tướng quân, bị bệnh chết ở sở quan.

① *Ngô thư* chép: Trong chiến dịch Xích Bích, Cái bị tên bắn trúng, ngã xuống sông giữa lúc trời giá rét, được tên lính Ngô vớt lên, không biết đó là Cái, bèn đặt giữa sàn thuyền. Cái tự gắng hết sức hô lớn gọi Hàn Đương, Đương nghe tiếng gọi, nói:

- Đây là tiếng của Công Phúc vậy.

Rồi hướng vào Cái chảy nước mắt, cởi áo của mình mặc cho, Cái vì thế mới sống sót được.

Cái làm quan xử lý quyết đoán, công việc không ngưng trệ, người trong nước đều nghĩ nhớ.① Lúc Quyền đăng cơ, đoái xét công lao của Cái, ban cho con của Cái là Bính tước Quan nội hầu.

① *Ngô thư* chép: Lại cho vẽ hình của Cái, bốn mùa cúng tế.

Hàn Đương tự Nghĩa Công, người quận Liêu Tây huyện Lệnh Chi. Vì am tường cung mã, có sức khỏe, được Tôn Kiên yêu mến, theo đi chinh phạt khắp nơi, nhiều lần vào chốn nguy nan, hãm trận bắt địch, được làm Biệt bộ tư mã.①

Lúc Tôn Sách sang đông qua sông, Đương đi theo đánh dẹp ba quận, được thăng làm Tiên đẳng Hiệu úy, trao cho hai nghìn binh, năm mươi quân kỵ. Đương theo đi đánh Lưu Huân, phá Hoàng Tổ, quay về đánh dẹp ở Bà Dương, lĩnh chức trưởng huyện Lạc An, người Sơn Việt sợ phục.

Về sau Đương lấy thân phận là Trung lang tướng cùng bọn Chu Du chống phá Tào công, lại cùng Lã Mông đánh lấy Nam Quận, được thăng làm Thiên tướng quân, lĩnh Thái thú Vĩnh xương.

Chiến dịch Nghi Đô, Đương cùng bọn Lục Tốn, Chu Nhiên chung đánh quân Thục ở Trác Hương, đại phá binh Thục, được chuyển làm Uy liệt tướng quân, tước Đô Đình hầu. Lúc Tào Chân đánh Nam Quận, Đương thủ giữ phía đông nam.

Đương làm tướng ở ngoài, khích lệ tướng sĩ đồng lòng cố thủ, lại kính trọng Đốc ti, vâng theo pháp lệnh, rất được Quyền khen ngợi. Năm Hoàng Vũ thứ hai, được phong tước Thạch Thành hầu, thăng làm Chiêu vũ tướng quân, lĩnh Thái thú Quán Quân, sau lại gia thêm hiệu Đô đốc. Đương đem quân cảm tử và một vạn quân Giải Phiền,⁽¹⁾ đánh dẹp giặc cướp ở Đan Dương, phá chúng. Không lâu bị bệnh chết, con là Tống nối tước hầu lĩnh binh.

① *Ngô thư* chép: Đương siêng năng lao khổ lập công, vì xuất thân là sai dịch trong quân lữ, thân phận thấp kém so với anh hào, nên tước vị chẳng hơn được. Đến cuối thời Kiên, chỉ làm Biệt bộ tư mã.

Năm ấy, Quyền đi đánh Thạch Dương, vì Tống có tang cha, bèn sai phòng thủ Vũ Xương, nhưng Tống hành vi phóng túng không tuân phép tắc. Quyền tuy nói là vì cha của Tống nên không vấn tội, nhưng Tống trong lòng sợ hãi,^① chờ áo quan của cha, dẫn mẹ và gia thuộc bộ khúc mấy nghìn nam nữ sang

¹ Giải Phiền (解烦) là tên một đạo quân đặc biệt của nước Ngô thời Tam Quốc, cực kỳ tinh nhuệ, đánh đâu thắng đó, là đạo quân cứu khốn giải nguy.

hàng Ngụy. Nước Ngụy dùng làm Tướng quân, phong tước Quảng Dương hầu. Tổng mấy lần xâm phạm biên cảnh, giết hại dân chúng, Quyền thường nghiêng răng cắn giận. Chiến dịch Đông Hưng, Tổng làm tiên phong, thua quân thân chết, Gia Cát Khác chém đầu Tổng, để tế ở miếu của Quyền.

① *Ngô thư* chép: Tổng muốn phản, sợ tả hữu không theo, bèn ngầm sai quân đi cướp bóc, lại bảo sẽ tha cho chúng, quân sẽ truyền nhau cứ thế làm, gây thành đại họa. Sau lại mượn có nói dối rằng mới nhận chiếu thư, vì bộ khúc đi cướp đường nên bị cắt vắn, chiếu nói "Từ hàng tướng lại trở xuống, đều bị trừng trị", lại bảo là sợ tội đến mình. Tả hữu vì thế nói:

- Chỉ nên bỏ chạy thôi.

Bèn cùng tính kế, vì đang có tang cha, Tổng gọi hết đàn bà con gái là thân thích, đem gả họ cho quan tướng, các tì thiếp được mình sủng ái, đều ban cho người thân cận của mình, giết trâu uống máu ăn thề, cùng chung ước thệ.

Tướng Khâm tự Công Dịch, người quận Cửu Giang huyện Thọ Xuân. Tôn Sách đến chỗ Viên Thuật, Khâm đi theo làm Cấp sự. Lúc Sách sang đông qua sông, bái Khâm làm Biệt bộ Tư mã, trao cho nắm binh. Khâm cùng Sách đi khắp nơi, bình định ba quận, lại theo định Dự Chương. Được điều đi làm Đô úy huyện Cát Dương, rồi trải chức huyện trưởng ở ba huyện, dẹp bình đạo tặc, được thăng làm Tây bộ đô úy. Giặc cướp ở huyện Dã quận Cối Kê là bọn Lã Cáp, Tần Lang làm loạn, Khâm đem binh đánh dẹp, bắt sống Cáp và Lang, năm huyện bình định, được chuyển làm Thảo Việt trung lang tướng, lấy hai huyện Kinh Câu, Chiêu Dương làm phụng ấp.

Hạ Tề đánh dẹp giặc phản ở huyện Y, Khâm đốc một vạn binh, cùng Tề hợp sức, bình định được chúng. Khâm theo đi đánh Hợp Phì, tướng Ngụy là Trương Liêu tập kích Quyền ở phía bắc huyện Tân, Khâm ra sức chiến đấu có công, được thăng

Đặng khẩu tướng quân, lĩnh chức Nhu Tu đốc. Sau được triệu về kinh, bái làm (Tân) Hữu hộ quân, chương quản việc tổ tụng.

Quyền từng vào hậu đường nhà Khâm, thấy màn trướng của mẹ Khâm là vải mộc thô rách, quần áo của thê thiếp đều bằng vải bố. Quyền than rằng Khâm ở nơi tôn quý mà giữ đức kiệm ước, lập tức sắc lệnh sai ngự phủ may áo gấm cho mẹ Khâm, thay đổi màn trướng, y phục của thê thiếp tất cả đều là gấm thêu.

Khi trước, Khâm trú giữ Tuyên Thành, từng đánh giặc phản ở quận Dự Chương. Vu Hồ lệnh là Từ Thịnh lệnh bắt giam quan lại của Khâm, dâng biểu xin chém người đó, Quyền vì Khâm lĩnh binh ở xa không đồng ý, Thịnh bởi thế tự hiềm khích với Khâm. Tào công tiến ra Nhu Tu, Khâm cùng Lã Mông nắm quyền tiết chế chư quân. Thịnh thường sợ Khâm mượn việc công hại mình, nhưng Khâm thường khen cái tốt của Thịnh. Thịnh phục đức của Khâm, kẻ bàn luận khen là cao đẹp.^①

① *Giang Biểu truyện* chép: Quyền bảo Khâm rằng:

- Thịnh trước đây tố cáo ngài, nay ngài lại tiến cử Thịnh, muốn bắt chước Kỳ Hề chăng?⁽¹⁾

Khâm đáp rằng:

- Thần nghe nói vì việc công tiến cử nhân tài chẳng hiềm oán riêng, Thịnh là người trung thành lại rất siêng năng, có đảm lược mà tài cán, là người giỏi đáng được đốc trách vạn người. Nay đại sự chưa định, thần phải giúp nước cầu lấy hiền tài, há dám hẹp hòi vì mối hận riêng khiến người hiền bị khuất lấp sao!

Quyền khen lời ấy.

Quyền thảo phạt Quan Vũ, Khâm đốc thủy quân tiến vào sông Miện, khi quay về, trên đường bị bệnh chết. Quyền mặc áo trắng cử tang, lấy hai trăm hộ dân ở Vu Hồ cùng hai trăm khoảnh ruộng, cấp cho vợ con Khâm.

¹ Kỳ Hề tiến cử người hiền: Xem chú thích ở tập VII, quyển 54, trang 331 (Lã Mông truyện).

Con của Khâm là Nhất được phong tước Tuyên Thành hầu, lĩnh binh cự Lưu Bị có công, quay về, đến Nam Quận, cùng quân Ngụy giao chiến, chết khi lâm trận.

Nhất không có con, em của Nhất là Hưu lĩnh binh, sau mắc tội đánh mất cơ nghiệp.

Chu Thái tự Ấu Bình, người quận Cửu Giang huyện Hạ Thái. Thái cùng Tưởng Khâm theo Tôn Sách làm tả hữu, làm việc rất cung kính, nhiều lần chiến đấu có công. Sách vào quận Cối Kê, tạm cho Thái làm Biệt bộ tư mã, giao nắm binh sĩ. Quyền yêu thích tư cách của Thái, xin Sách cho Thái theo mình.

Sách đánh dẹp sơn tặc ở sáu huyện, Quyền trụ giữ Tuyên Thành, sai sĩ tốt phòng vệ, binh chẳng đến nghìn người, còn có ý sao lãng, không sửa sang rào lũy, mấy nghìn sơn tặc đột nhiên đến đánh. Quyền mới lên ngựa, thì gươm giáo của giặc đã giao phong với tả hữu, có kẻ chém trúng yên ngựa, mọi người không kịp định thần. Duy có Thái hăng hái đánh, xả thân bảo vệ Quyền, đảm khí gấp mấy người thường, tả hữu theo gương Thái nhất tề đến đánh. Giặc cuối cùng tan chạy, trên người Thái bị mười hai vết thương, hồi lâu mới tỉnh lại được. Hôm ấy không có Thái, Quyền đã nguy ngập.

Sách rất biết ơn Thái, bổ nhiệm làm trưởng huyện Xuân Cốc. Sau Thái theo đi đánh đất Hoàn, đánh quận Giang Hạ, về qua Dự Chương, lại bổ làm trưởng huyện Nghi Xuân, ở đâu cũng được thu thuế làm bổng lộc riêng.

Thái theo đi đánh dẹp Hoàng Tổ có công. Sau cùng Chu Du, Trình Phổ cự Tào công ở Xích Bích, đánh Tào Nhân ở Nam Quận. Kinh châu bình định, Thái lĩnh binh đóng giữ huyện Sầm.

Tào công tiến ra Nhu Tu, Thái lại đến đánh, Tào công lui, Quyền lưu Thái lại làm Đốc Nhu Tu, bái làm Bình lỗ tướng quân.

Bấy giờ bọn Chu Nhiên, Từ Thịnh cùng là bộ hạ của Thái, đều không phục, Quyền đặc cách đến Nhu Tu tra xét, nhân đó hội chư tướng, mọi người đến uống rượu nghe nhạc. Quyền tự rót rượu đem đến trước mặt Thái, lệnh cho Thái cởi áo, Quyền tự tay trở vào những vết sẹo trên người Thái, hỏi vì sao mà có. Thái liền nhớ lại những nơi chiến đấu khi trước rồi đáp lại, xong, Quyền sai Thái mặc áo lại, yến tiệc vui vẻ hết đêm. Sáng hôm sau, Quyền phái sứ giả trao cho Thái cái lọng.^① Vì thế bọn Thịnh đều chịu phục.

① *Giang Biểu truyện* chép: Quyền cầm tay Thái, rồi chảy nước mắt ròng ròng, nói từng chữ rằng:

- Ấu Bình, người vì anh em Cô mà chiến đấu như gấu hổ, chẳng tiếc thân thể tính mệnh, bị thương hơn mười chỗ, da thịt như bị chạm khắc, Cô há nhẫn tâm chẳng lấy ân cốt nhục đối đãi với người, không ủy thác cho người nắm trọng trách binh mã sao! Người là công thần của Cô, Cô sẽ cùng người chung vinh nhục, cùng lo lắng buồn vui. Ấu Bình, người cứ khoái ý là được, chớ vì xuất thân bần hàn mà tự nhún nhường.

Lập tức sai đem cái khăn lụa vấn đầu màu xanh và cái lọng che đầu mà mình thường dùng ban cho Thái. Quyền đứng dậy đi, không ngồi xe, sai Thái đem binh mã lên đường, gõ trống thổi tù và làm đội quân nhạc.

Về sau Quyền phá Quan Vũ, muốn tiến lên mưu đồ đất Thục, bái Thái làm Thái thú Hán Trung, Phấn uy tướng quân, phong tước Lăng Dương hầu.

Năm Hoàng Vũ trung Thái chết. Con của Thái là Thiệu làm Kỵ đô úy lĩnh binh.

Tào Nhân tiến ra Nhu Tu, Thiệu chiến đấu có công, lại đi theo phá Tào Hưu, được tấn phong chức Bì tướng quân, năm Hoàng Long thứ hai chết. Em của Thiệu là Thừa lĩnh binh nổi tước hầu.

Trần Vũ tự Tử Liệt, người quận Lu Giang huyện Tùng Tư. Tôn Sách ở tại Thọ Xuân, Vũ đưa danh thiếp đến yết kiến, năm ấy mười tám tuổi, mình cao bảy thước bảy tấc, nhân đó theo Sách qua sông, đi đánh dẹp có công, được bá làm Biệt bộ tư mã.

Sách phá diệt Lưu Huân, bắt được nhiều người ở Lu Giang, chọn lấy người tinh nhuệ trong số họ, bèn dùng Vũ làm Đốc, quân ấy tới đâu cũng không ai ngăn nổi. Đến lúc Quyền thống quản công việc, chuyển Vũ làm Đốc ngũ giáo.

Vũ nhân hậu thích thi ân, người cùng quê quán và khách phương xa đa phần đến nương dựa. Vì thế Vũ đặc biệt được gần gũi quý mến, nhiều lần đến nhà.

Vũ liên tục lập công, được tấn phong làm Thiên tướng quân. Năm Kiến An thứ hai mươi, Vũ theo đi đánh Hợp Phì, hăng hái ra sức đánh, chết. Quyền thương tiếc, thân đến táng Vũ.^①

① *Giang Biểu truyện* chép: Quyền lệnh đem á thiếp của Vũ chôn theo, hai trăm nhà làm ruộng cho Vũ được miễn thuế khóa và lao dịch.

Tôn Thịnh nói: Xưa kia Tam Lương bị táng theo Mục công, quân Tần vì thế không đi trận;⁽¹⁾ người thiếp nước Ngụy được thả, Đỗ Hối vì thế ngã nhào.⁽²⁾ Sự báo ứng họa phúc, ứng nghiệm như thế vậy. Quyền cậy kế dùng thuật, đem người sống táng theo người chết, vì thế phúc lộc của nước Ngô rất kém, chẳng phải là thích đáng sao?

Con của Vũ là Tu có phong thái của Vũ, năm mười chín tuổi, Quyền triệu vào gặp khích lệ, bá làm Biệt bộ tư mã, trao cho năm năm trăm binh sĩ. Bấy giờ các binh lính mới tuyển có nhiều

¹ Tần Mục công nước Tần chết, một trăm bảy mươi bảy người bị chôn sống theo, muốn rằng người chết ở dưới suối vàng sẽ có người hầu hạ, trong số ấy có ba anh em họ xa với Mục công rất tài năng là Yểm Tục, Trọng Hành, Chàm Hồ được người đời gọi là Tam Lương. Sau biến cố ấy, người nước Tần không chịu ra trận đánh giặc nữa.

² Diễn tích kết cò ngậm vành: Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 138 (Chung Do truyện).

người bỏ trốn, nhưng Tu phủ dụ võ về xứng ý, chẳng mất một người. Quyền cho là lạ, bái làm Hiệu úy.

Năm Kiến An mật, đoái xét công lao của các bày tôi đòi sau, phong cho Tu tước Đô đình hầu, làm Giải Phiên đốc.

Năm Hoàng Long nguyên niên Tu chết.

Em của Tu là Biểu, tự Văn Áo, là con thứ của Vũ vậy, thời trẻ nổi danh, cùng bọn Gia Cát Khác, Cố Đàm, Trương Hưu cùng hầu hạ Đông cung, đều là thân hữu. Thượng thư Kỵ Diễm cũng thân thiện với Biểu, về sau Diễm đắc tội, người bấy giờ đều tự giữ mình, người càng tin tưởng thì lời lẽ càng khắc bạc, riêng Biểu không như thế, kẻ sĩ vì thế tôn trọng Biểu. Biểu được chuyển làm Thái tử trung thứ tử, bái làm Dục chính đô úy.

Sau khi anh là Tu chết, mẹ của Biểu không chịu thờ mẹ của Tu,⁽¹⁾ Biểu bảo với mẹ mình rằng:

- Anh bất hạnh chết sớm, Biểu thống quản việc nhà, phải phụng dưỡng đích mẹ cả. Nếu như mẹ vì Biểu mà nhún nhường được, vâng thuận mẹ cả, thì đấy là chí nguyện của con vậy; nếu mẹ không thể làm thế, thì nên ra ngoài ở riêng thôi.

Biểu vì đại nghĩa mà công chính như thế. Bởi thế cả hai người mẹ đều cảm ngộ mà hòa mục.

Biểu vì cha tử trận ở sa trường, xin được dùng làm tướng, lĩnh binh năm trăm người. Biểu muốn dùng hết sức của quân sĩ, dốc lòng tiếp đãi họ, quân sĩ mến phục, vui vẻ vì Biểu theo mệnh.

Bấy giờ có kẻ lấy trộm đồ vật của công, ngờ cho tên lính ở doanh Vô Nan là Thi Minh làm. Minh vốn là kẻ mạnh tợn, bị tra khảo rất độc địa, thà chết không cung xưng, Đình úy đem việc báo lên. Quyền thấy Biểu có tài thu phục được lòng tráng sĩ, chiếu lệnh đem Minh giao cho Biểu, sai Biểu tự ý tìm ra sự thật của việc đó. Biểu liền coi gông sai đi tắm, thay quần áo cho

¹ Tu và Biểu là anh em cùng cha khác mẹ, Tu là con của vợ cả, Biểu là con của vợ lẽ.

Minh, bày nhiều rượu thịt khoản đãi, trong lúc ăn uống đồ dành hẳn. Minh bèn tự thú phục tội, kể rõ hết bề đảng. Biểu đem thực trạng báo lên. Quyền lấy làm lạ, muốn bảo toàn thanh danh cho Minh, đặc biệt tha tội, chỉ diệt hết bề đảng của hắn. Lại thăng Biểu làm Vô Nan hữu bộ đốc, phong tước Đô đình hầu, để kế tước cũ của cha. Biểu đều bày tỏ ý nhường, xin truyền tước vị cho con của Tu là Diên, Quyền không đồng ý.

Năm Gia Hòa thứ ba, Gia Cát Khác lĩnh chức Thái thú Đan Dương, đánh dẹp bình Sơn Việt, cho Biểu lĩnh chức Đô úy Tân An, giúp Khác tạo thế ý giốc.

Lúc trước, Biểu được ban thưởng miễn thuế cho hai trăm nhà, đều ở quận Cối Kê huyện Tân An. Biểu xét kỹ đám người ấy, thấy họ đều có thể làm lính giỏi, bèn dâng sớ từ chối lệnh thưởng, xin trả họ về phủ quan, sung họ vào quân tinh nhuệ.

Quyền hạ chiếu nói:

- Tiên tướng quân có công với nước, quốc gia vì thế báo đáp, sao khanh lại chối từ?

Biểu bèn giải thích rằng:

- Nay diệt quốc tặc, báo cái thù của phụ thân, lấy dùng người làm cái căn bản. Để ủng hộ những người cứng mạnh như thế dùng làm nô bộc, không phải là chí của Biểu vậy.

Bèn tuyển chọn sung họ vào bộ ngũ. Sở tại đem việc báo lên, Quyền rất khen Biểu, lệnh xuống quận huyện, tính toán sắp xếp lại các hộ dân nghèo bù vào số dân ở chỗ ấy.

Biểu làm quan ba năm, khẩn hoang chiêu hàng, được hơn vạn binh. Biểu sắp được điều đi, đúng lúc dân huyện Bà Dương là bọn Ngô Cự làm loạn, đánh diệt thành quách, các huyện thuộc dao động, Biểu liền vượt địa giới đến đánh dẹp, Cự bị phá bại, bèn hàng. Lục Tốn bái Biểu làm Thiên tướng quân, tấn phong tước Đô hương hầu, lên bắc đóng đồn ở Chương Khanh.

Năm ba mươi tư tuổi Biểu chết. Vì tiền của trong nhà dùng hết để dưỡng sĩ tốt, đến ngày chết, vợ con đứng hầu linh ở bên đường, Thái tử Đăng giúp dựng nhà cho.

Con của Biểu là Ngao mười bảy tuổi, được bá làm Biệt bộ Tư mã, trao bốn trăm binh. Ngao chết, con của Tu là Diên lại làm Tư mã thay Ngao.

Em của Diên là Vĩnh, làm tướng quân, được phong tước hầu.

Lúc trước Thi Minh cảm kích cái tình của Biểu, tự thay đổi làm việc thiện, sau thành dũng tướng, cuối cùng ngôi vị đến chức tướng quân.

Đồng Tập tự Nguyên Đại, người quận Cối Kê huyện Dự Diêu, mình cao tám thước, sức lực hơn người.^① Tôn Sách vào quận, Tập đón ở Cao Thiên Đình, Sách thấy Tập cao lớn kỳ vĩ, đến phủ tạm cho làm Môn hạ tặc tào.

Bấy giờ huyện Âm Sơn từ lâu có bọn giặc là Hoàng Long La, Chu Bột tụ tập bè đảng mấy nghìn người, Sách tự mình ra đánh dẹp, Tập đích thân chém đầu bọn La, Bột, quay về được bá làm Biệt bộ tư mã, trao cho mấy nghìn binh, thăng làm Đô úy Dương Vũ.

Tập theo Sách đi đánh đất Hoàn, lại dẹp Lưu Huân ở Tầm Dương, phạt Hoàng Tổ ở Giang Hạ.

① *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa khen Tập khí tiết khảng khái, quả quyết cứng cỏi hơn người.

Sách chết, Quyền ít tuổi, mới thống quản công việc. Thái phi lo lắng, tiếp kiến Trương Chiêu và bọn Tập, hỏi rằng Giang Đông có thể giữ yên không, Tập đáp rằng:

- Địa thế của Giang Đông, có cái vững bền của núi cao sông dài, mà Tháo nghịch là Châu phủ hiền minh, vốn có ân đức ở trong dân. Tháo lỗ kế thừa cơ nghiệp, lớn nhỏ đồng lòng theo mệnh,

có Trương Chiêu nắm chính sự, bọn Tập làm nhanh vuốt, đây là lúc có địa lợi nhân hòa vậy, vạn điều không có gì phải lo lắng.

Mọi người đều khen lời trung tráng của Tập.

Giặc huyện Bà Dương là bọn Bành Hồ bộ chúng mấy vạn người, Tập cùng Lăng Thống, Bộ Chất, Trương Khâm đều cầm riêng quân chia nhau đánh dẹp. Tập đi đến đâu liền phá được chỗ ấy, bọn Hồ từ xa thấy bóng tinh kỳ, liền tan chạy, trong vòng mười ngày bình định hết, Tập được bái làm Uy Việt hiệu úy, thăng làm Thiên tướng quân.

Năm Kiến An thứ mười ba, Quyền đánh dẹp Hoàng Tổ. Tổ dàn ngang hai chiếc thuyền cực lớn bọc da trâu chèn giữ Miện Khẩu, dùng dây bện bằng xơ cọ buộc đá tảng làm neo. Trên thuyền có nghìn người, dùng nỏ bắn loạn xạ, tên bay như mưa rào, quân không tiến được. Tập và Lăng Thống đều làm tiền bộ, mỗi tướng đem trăm quân cầm tử, người mặc hai tầng giáp, cưỡi thuyền mảnh lớn, xông vào vòng chiến hạm. Tập đích thân dùng dao ngắt chặt dây neo của hai thuyền lớn, thuyền trôi theo dòng nước, đại binh nhân đó tiến lên. Tổ liền mở cửa thành bỏ chạy, binh đuổi theo chém được Tổ. Sáng sớm hôm sau đại hội, Quyền nâng chén chúc Tập rằng:

- Hội hôm nay, là nhờ cái công chém đứt dây neo vậy.

Tào công tiến ra Nhu Tu, Tập theo Quyền đến đó, Quyền sai Tập đốc suất Ngũ lâu thuyền trú giữ cửa Nhu Tu. Ban đêm gió cuồng nổi bất chợt, Ngũ lâu thuyền chao đảo, tả hữu chạy lên thuyền nhỏ, xin Tập rời đi. Tập nổi giận nói:

- Ta nhận mệnh làm Tướng quân, ở đây phòng giặc, sao có thể bỏ thuyền đi được, kẻ nào dám nói việc này nữa thì chém!

Bởi thế chẳng ai dám can.

Đêm ấy thuyền chìm. Tập chết. Quyền đổi tang phục đến táng, chu cấp cho gia thuộc của Tập rất hậu.

Cam Ninh tự Hưng Bá, là người Ba Quận huyện Lâm Giang.^① Ninh thời trẻ khí lực hơn người, thích làm hiệp khách, chiêu tập bọn thiếu niên hư hỏng, làm cừ sủy của chúng; quần tụ theo nhau, giương cung cầm tên, đầu giắt lông chim tay rung chuông, dân nghe tiếng chuông, biết ngay đó là Ninh.^② Những người Ninh gặp gỡ, là trưởng lại các thuộc thành, hễ ai đón tiếp đón trọng hậu thì Ninh giao kết vui vẻ; ai không thể, lập tức thả tướng của mình cướp đoạt tiền của họ, các trưởng lại trong cõi có người bị giặc cướp làm hại, khiến họ mất chức chịu tội, cứ như thế hơn hai chục năm.

Sau Ninh không đánh cướp nữa, đọc rộng sách vở của các nhà, rồi qua nương nhờ Lưu Biểu, nhân đó ở lại Nam Dương, nhưng không được tiến dụng, sau chuyển sang thác thân chỗ Hoàng Tổ, Tổ lại đãi Ninh như kẻ thường nhân. Vì thế Ninh quy phục Ngô.

① *Ngô thư* chép: Ninh vốn là người quận Nam Dương, tổ tiên của Ninh làm khách trọ ở Ba Quận. Ninh được quan lại cử làm Huyện ở huyện Kế, bổ làm Quận thừa ở Thục Quận, được ít lâu, Ninh bỏ chức về quê.

② *Ngô thư* chép: Ninh trọng nghĩa coi rẻ sinh mạng giết người, bỏ nhà đi tránh nạn, nổi tiếng ở trong quận. Những khi Ninh xuất hiện, trên bộ thì bày xe ngựa, dưới nước thì cưỡi thuyền nhẹ, kẻ hầu đi theo mặc áo gấm lòe loẹt, sáng choang trên đường, khi neo đậu thường lấy lụa quý buộc thuyền, lúc rời đi liền cắt bỏ, tỏ rõ sự xa xỉ.

③ *Ngô thư* chép: Ninh đem tám trăm khách hầu đến theo Lưu Biểu. Biểu là người đọc sách, không thạo việc binh. Bấy giờ những kẻ anh hùng hào kiệt nơi nơi đều khởi binh, Ninh xét tình huống của Biểu, thấy rút cục tất không thành công, sợ rằng một sớm tan lờ, cùng chịu mối họa với Biểu, muốn sang đông vào đất Ngô. Hoàng Tổ ở Hạ Khẩu, quân không qua được, bèn lưu lại nương nhờ Tổ, qua ba năm, Tổ không đáp lễ.

Quyền đánh Tổ, quân của Tổ thua chạy, truy binh đuổi gấp, Ninh vốn bắn giỏi, dẫn quân phía sau, bắn chết Hiệu úy Lăng Tháo. Tổ thoát rồi, quân dừng lại quay về doanh, vẫn đãi Ninh như trước.

Đô đốc của Tổ là Tô Phi mấy lần tiến cử Ninh, Tổ không dùng, sai người chia rẽ dụ dỗ khách của Ninh, khách trốn dần. Ninh muốn bỏ đi, sợ không thoát được, một mình ưu tư phiền muộn không biết làm sao. Phi biết ý của Ninh, bèn đòi gặp Ninh, vì Ninh đặt tiệc rượu, bảo rằng:

- Ta đã tiến cử ngài mấy lần rồi, chủ chẳng thể dùng. Ngày tháng trôi mau, người ta sống được bao lâu, nên tự lo xa, may ra gặp được tri kỷ.

Ninh mãi sau mới nói:

- Ta tuy có ý ấy, nhưng chưa biết đi đâu.

Phi nói:

- Ta muốn bẩm xin ngài làm Trưởng huyện Chu, rồi từ chỗ đó bỏ đi, ai xét được việc vương trôn thế nào?

Ninh nói:

- May lắm.

Phi bạch với Tổ, Tổ thuận cho Ninh đến huyện ấy. Ninh chiêu vờ những gia khách trốn theo mình vì việc nghĩa, được mấy trăm người.

Chu Du, Lã Mông đều cùng tiến cử, Tôn Quyền rất khen ngợi Ninh, đối đãi như bấy tôi cũ. Ninh bày kế rằng:

- Nay ngôi Hán ngày một suy. Tào Tháo càng kiêu căng ngạo mạn, rút cục làm việc soán đoạt. Vùng đất phía nam Kinh châu, hình thế núi đồi tiện lợi, Trường Giang nước xiết, đích thị là huyết mạch phía tây của quốc gia vậy. Ninh đã quan sát con người Lưu Biểu, lo tính của hắn không xa, con cái lại hèn kém, chẳng thể kế thừa được cơ nghiệp truyền lại. Chí tôn nên sớm tính mưu, không thể làm sau Tháo được. Kế mưu diệt Biểu, là nên bắt Hoàng Tổ trước. Tổ nay cao tuổi, đã rất tâm tối u mê, tiền của lương thực đều thiếu, tả hữu trí trá khinh lòn, chăm

chăm vào tài lợi, xâm hại quan lại sĩ tốt, sĩ dân tâm oán, thuyền bè chiến cụ, hư hỏng không tu sửa, việc trồng cấy lười biếng, quân binh không có khuôn phép. Chí tôn nay qua đó, phá Tổ tất xong. Một khi phá được quân của Tổ, gióng trống mà sang tây, chiếm lấy cửa ải phía tây đất Sở, đại thế mở rộng, thì có thể dần dần mưu lấy Ba Thục.

Quyền rất tán thành kế ấy. Trương Chiêu bấy giờ ngồi đó, vắn rằng:

- Đất Ngô còn nguy cấp, nếu quân đội thực tây chinh, e là tất dẫn đến họa loạn.

Ninh bảo Chiêu rằng:

- Quốc gia đem cái trọng trách của Tiêu Hà⁽¹⁾ phó thác cho ngài, ngài giữ hậu phương mà lo loạn, lấy gì để hâm mộ cổ nhân?

Quyền nâng chén chúc Ninh rằng:

- Hưng Bá, năm nay đi đánh dẹp, như chén rượu này, ta quyết đem việc phó thác cho khanh. Khanh chỉ nên gắng xây dựng phương lược, sao cho ta nhất định thắng được Tổ, thì là công của khanh, hà tất phải e dè với lời của Trương Trường sử.

Quyền bèn tây chinh, quả nhiên bắt được Tổ, thu hết được sĩ chúng của hắn. Quyền bèn trao binh cho Ninh, đóng đồn ở Đương Khẩu.^①

① *Ngô thư* chép: Khi trước, Quyền phá Tổ, cho làm hai cái hộp trước, muốn dùng để đựng đầu của Tổ và Tô Phi. Phi sai người cáo cấp với Ninh. Ninh nói:

- Nếu Phi chẳng nói, ta há quên sao?

Quyền vì chực tướng bày tiệc rượu, Ninh rời chiếu ngồi đập đầu lay, máu và nước mắt chan hòa, nói với Quyền rằng:

¹ Hán Sở giao tranh, Tiêu Hà được giao trọng trách giữ đất Ba Thục, ổn định quân lương, là người được ghi công đầu khi Lưu Bang thắng Hạng Vũ.

- Phi lúc trước có ơn cũ với Ninh, Ninh này chẳng gặp đúng Phi, chắc chắn xương cốt đã lấp nơi ngòi rãnh, chẳng được ra sức theo mệnh dưới cờ. Nay tội của Phi đáng phải tru lục, Ninh đặc biệt xin riêng với tướng quân cho giữ cái đầu Phi còn trên cổ.

Quyền cảm lời ấy, bảo rằng:

- Nay ta vì ngài tha cho hấn, nếu hấn trốn đi thì sao?

Ninh nói:

- Phi thoát được họa phan thanh, chịu cái ơn tái sinh, đuôi còn không chịu đi, há lại mưu tính chạy trốn sao! Nếu có thể, hãy bỏ cái đầu của Ninh thay vào trong hòm.

Quyền bèn xá tội cho Phi.

Sau này Ninh theo Chu Du cự phá Tào công ở Ô Lâm. Lúc đánh Tào Nhân ở Nam Quận, chưa hạ được, Ninh lập kế tiến theo đường tắt lấy Di Lăng trước, qua đó tức khắc lấy được thành ấy, nhân đó vào giữ thành. Bấy giờ thủ hạ của Ninh có mấy trăm, gộp cả số mới tuyển mộ, chưa đầy nghìn người. Tào Nhân bèn lệnh cho năm sáu nghìn người vây Ninh. Ninh chịu tấn công nhiều ngày, địch dựng lầu cao, bắn như mưa vào thành, sĩ chúng đều sợ hãi, duy có Ninh cười nói như thường. Ninh phái sứ giả đến báo với Du, Du dùng kế của Lã Mông, thống suất chư tướng đến giải vây.

Sau Ninh theo Lỗ Túc trấn Ích Dương, cự Quan Vũ. Vũ xưng là mình có ba vạn quân, tự chọn năm nghìn quân tinh nhuệ, đến chỗ nước nông ở thượng lưu cách huyện lỵ hơn chục dặm, nói rằng muốn vượt sông ban đêm. Túc cùng chư tướng thương nghị. Ninh bấy giờ có ba trăm binh, bèn nói:

- Nếu thêm cho ta năm trăm binh nữa, ta qua đó đối địch hấn, bảo đảm Vũ nghe thấy ta khạc nhổ, không dám lội xuống nước, nếu lội xuống nước tức khắc bị ta cầm bắt.

Túc bèn tuyển một nghìn binh thêm cho Ninh, Ninh bèn đi ngay trong đêm. Vũ nghe tin, dừng lại không qua sông, kết gổ

lập doanh, nay chỗ ấy có tên là bãi Quan Vũ. Quyền khen công của Ninh, bái làm Thái thú Tây Lăng, cai quản hai huyện Dương Tân, Hạ Trĩ.

Sau lại theo đánh đất Hoán, làm Thăng thành đốc. Ninh tay cầm dây lụa mềm, đích thân leo thành, xông lên trước tướng sĩ, cuối cùng phá thành bắt được Chu Quang. Lúc xét công, Lã Mông là nhất. Thứ nữa đến Ninh, được bái làm Chiết xung tướng quân.

Sau đó Tào công tiến ra Nhu Tu, Ninh làm Tiền bộ đốc, nhận lệnh ra chém địch trước doanh trại. Quyền đặc biệt ban cho rượu ngon và nhiều thịt cá, Ninh bèn đem chia hết cho hơn trăm thủ hạ ăn uống. Ăn xong, Ninh dùng cái bát nhỏ bằng bạc rót rượu trước, tự uống hai bát, tiếp đó rót cho Đô đốc của mình. Đô đốc phục xuống, không dám nhận ngay. Ninh rút con dao nhọn sáng loáng đặt trên đầu gối, quát bảo hấn rằng:

- Quan hệ của ngươi với Chí tôn, so được với Cam Ninh ta chăng? Cam Ninh còn không tiếc cái chết, há một mình ngươi được tiếc cái chết sao?

Đô đốc thấy Ninh thần sắc giận dữ, lập tức đứng ngay dậy vái lạy nhận rượu, rồi rót suốt lượt cho quân lính mỗi người một bát. Đến canh hai, người lạng yên ngựa buộc mõm tiến ra chém địch. Địch kinh động, bèn lui. Ninh càng được quý trọng, tăng binh lên hai nghìn người.①

① *Giang Biểu truyện* chép: Tào công tiến ra Nhu Tu, xưng là có bốn chục vạn quân bộ kỵ, muốn cho ngựa tới Trường Giang uống nước. Quyền thống lĩnh bảy vạn sĩ chúng đến ứng chiến, sai Ninh lĩnh ba nghìn người làm Tiền bộ đốc. Quyền mật hạ sắc lệnh cho Ninh, sai ban đêm xâm nhập chỗ quân Ngụy. Ninh bèn tuyển lấy hơn trăm thủ hạ khỏe mạnh, theo lối tắt đến thẳng dưới doanh trại của Tào công, sai nhổ hết chông chà, trèo qua lũy vào doanh quân, chém được mấy chục đầu giặc. Quân bắc kinh hãi khuá trống ầm ầm, đốt lửa sáng như sao, Ninh đã quay về vào doanh

trại của mình, gõ trống thổi sáo, hô vạn tuế. Rồi ngay đêm ấy đến yết kiến Quyền, Quyền mừng nói:

- Đã đủ để khiến lão già ấy kinh hãi chưa? Qua việc này ta thấy được cái đảm của ngài rồi.

Lập tức ban cho Ninh nghìn xấp lụa, trăm thanh đao. Quyền nói:

- Mạnh Đức có Trương Liêu, Cô có Hưng Bá, đủ đối địch nhau vậy.

Đóng giữ hơn tháng, quân bắc liền lui về.

Ninh dẫu thô mãnh thích giết chóc, nhưng hào sảng có mưu lược, coi rẻ tiền tài kính trọng kẻ sĩ, có tài dưỡng tráng sĩ, kẻ tráng sĩ cũng vui lòng theo mệnh.

Năm Kiến An thứ hai mươi, theo đi đánh Hợp Phì, đúng lúc có dịch bệnh, quân lữ đều đã triệt thoái, duy có đội xe Hổ sĩ hơn nghìn người, gồm có Lã Mông, Trương Khâm, Lăng Thống và Ninh, theo Quyền đến bến phía bắc bến Tiêu Diêu. Trương Liêu trông xa biết được, lập tức dẫn quân bộ kỵ bất ngờ ập đến. Ninh giương cung bắn địch, cùng bọn Thống tử chiến. Ninh lớn tiếng hỏi quân nhạc sao không tấu lên, tráng khí quả cảm bùng bùng, Quyền rất khen ngợi Ninh.^①

① *Ngô thư* chép: Lăng Thống oán Ninh giết cha mình là Tháo. Ninh thường đề phòng Thống, không cùng gặp gỡ với nhau. Quyền cũng truyền lệnh cho Thống không được thù Ninh. Có lần hội họp ở nhà Lã Mông, rượu say, Thống bèn lấy đao ra múa. Ninh đứng dậy nói:

- Ninh có tài múa song kích.

Mông bảo:

- Ninh tuy có tài múa kích, nhưng chưa xảo diệu bằng Mông.

Nhân đó tay đao tay mộc, dùng thân mình tách hai người ra. Về sau Quyền biết ý của Thống, bèn lệnh cho Ninh cầm quân, dời đi đóng đồn ở Bán Châu.

Thằng nhỏ nấu bếp là nô bộc của Ninh từng phạm lỗi, trốn đến nhờ Lã Mông. Mông sợ Ninh giết nó, nên không đưa nó về

ngay. Sau Ninh đem lễ vật đến bái lễ mẹ của Mông, vừa đến nơi sắp cùng lên nhà trên, Mông bèn đem thằng nhỏ nấu bếp đưa trả cho Ninh. Ninh hứa với Mông sẽ không giết nó. Lát sau quay về lên thuyền, Ninh trói nó lại treo lên cây cọc gỗ dâu, tự mình giương cung bắn chết nó. Xong, Ninh lệnh cho người lái thuyền buộc dây neo, còi áo nằm trong thuyền. Mông cả giận, đánh trống hội quân, muốn cưỡi thuyền đến đánh Ninh. Ninh nghe nói, cố ý nằm yên không dậy.

Mẹ Mông đi chân không ra can Mông rằng:

- Chí tôn dãi mảy như cốt nhục, đem đại sự phó thác cho mảy, sao lại vì cái giận riêng mà muốn đánh giết Cam Ninh? Ngày mà Ninh chết, ví như Chí tôn không hỏi đến, mảy vẫn là kẻ thần tử làm việc trái phép.

Mông vốn là người chí hiếu, nghe mẹ nói, hận ý tiêu tan, tự mình đến thuyền của Ninh, cười lớn hô gọi Ninh rằng:

- Hưng Bá, mẹ già đợi người đến ăn cơm, lên bờ nhanh!

Ninh chảy nước mắt sụt sùi nói:

- Ta đã phụ lại ngài.

Rồi cùng Mông đều lên thuyền quay về gặp mẹ, vui vẻ ăn uống trọn ngày.

Ninh chết, Quyền đau đớn tiếc thương. Con của Ninh là Khiết, mắc tội bị đầy đến Cối Kê, không lâu sau thì chết.

Lăng Thống tự Công Tích người Ngô Quận huyện Dư Hàng. Cha của Thống là Tháo, là người nghĩa hiệp, can đảm và có khí phách, Tôn Sách mới hưng khởi, Tháo mỗi lần theo chinh phạt, thường cầm đầu ba quân xông vào nơi đao nhọn.

Tháo làm trưởng huyện Vĩnh Bình, bình trị người Sơn Việt, kẻ gian hoạt phải chùn tay, được thăng làm Phá tặc Hiệu úy. Lúc Quyền thống quản quân, Tháo theo đánh Giang Hạ. Vào Hạ

Khẩu, xông lên trước, phá tiên phong của địch, một mình cưỡi thuyền nhẹ xông lên, bị trúng tên chết.

Thống mới mười lăm tuổi, tả hữu đa phần khen ngợi, Quyền cũng vì Tháo chết vì việc nước, bái Thống làm Biệt bộ tư mã, hành Phá tặc đô úy, sai năm binh sĩ của cha.

Thống theo đi đánh sơn tặc, Quyền phá đồn Bảo trước rồi quay về, còn lại trại Ma có vạn người, Thống cùng bọn Đốc quân Trương Dị ở lại vây đánh đồn ấy, hẹn ngày tấn công. Trước ngày hẹn, Thống và Đốc quân Trần Cần tụ họp uống rượu, Cần là người cương cường dũng mãnh và có khí phách, cậy mình là Đốc tể tửu, lấn át mọi người ngồi đó, phạt rượu chẳng dùng đạo lý. Thống ghét thái độ khinh lờn của Cần, đổi mặt bắt bẻ không nhận rượu. Cần nổi giận mắng Thống, mắng đến cha Thống là Tháo, Thống chảy nước mắt không đáp, chúng nhân rồi chiếu bỏ ra ngoài. Cần nhân có rượu hưng tợn vô lý, đi đường nhục mạ Thống. Thống không nhịn được, rút dao chém Cần, mấy hôm sau Cần chết. Đến lúc sắp đánh trại địch, Thống nói:

- Ta chẳng chết thì không lấy gì để tạ tội.

Bèn đốc suất khích lệ sĩ tốt, tự mình xông pha tên đạn, tấn công một mặt, tường hào vỡ lở tức thì, chư tướng thừa thắng, vì thế đại phá giặc. Lúc quay về, Thống tự đến chỗ quân chính chịu tội. Quyền khen Thống quả cảm cương nghị, cho lấy công chuộc tội.

Sau Quyền lại đi đánh Giang Hạ, Thống làm tiên phong, cùng mấy chục dũng sĩ thân cận ngồi chung một thuyền, thường đi cách đại quân mấy chục dặm. Thống đi về phía tây Trường Giang, chém tướng của Hoàng Tổ là Trương Thạc, bắt sống hết người trên thuyền. Thống quay về bẩm với Quyền, Quyền dẫn quân ngày đêm khởi hành, thủy lục cùng tiến. Bấy giờ, Lã Mông đánh bại thủy quân của Tổ, nhưng Thống đánh được

thành trì trước, vì thế thắng lớn. Quyền lấy Thống làm Thừa liệt đô úy, giúp bọn Chu Du cự phá Tào công ở Ô Lâm, lại đánh Tào Nhân, được thăng làm Hiệu úy.

Thống tuy ở trong quân ngũ, thân hiền đãi sĩ, khinh tài trọng nghĩa, có phong độ của bậc quốc sĩ.

Thống lại theo Quyền đi phá đất Hoàn, được bá làm Đãng khấu Trung lang tướng, lĩnh chức Bái tướng. Thống cùng bọn Lã Mông sang tây lấy được ba quận, rồi từ Ích Dương quay lại, theo đến Hợp Phì, làm Hữu bộ đốc. Bấy giờ Quyền triệt binh, tiền bộ đã xuất phát, bọn tướng Ngụy là Trương Liêu bất chợt ập đến bờ bắc. Quyền sai người đuổi theo gọi tiền quân quay lại, binh đã đi xa, thế chẳng giúp kịp, Thống đốc suất ba trăm người thân cận xông phá vòng vây, che đỡ đưa Quyền thoát ra. Địch đã phá cầu, mặt cầu chỉ có hai tấm ván, Quyền quất ngựa nhảy vọt qua cầu, Thống quay lại giao chiến, tả hữu chết sạch, bản thân Thống cũng bị thương, giết được mấy chục người, đồn rằng Quyền đã thoát được, bèn quay về. Cầu đổ tuyệt đường, Thống mặc cả áo giáp lặn dưới sông mà về. Quyền đã ngự trên thuyền, nhìn thấy Thống vừa mừng vừa sợ. Thống đau xót vì người thân cận không ai trở về, bị thương chẳng tự ngăn nổi. Quyền kéo áo lau nước mắt cho Thống, bảo rằng:

- Công Tích, người chết đã chết rồi, cái chính là người còn, lo gì không có người?①

Rồi bá làm Thiên tướng quân, cấp cho binh lính nhiều hơn trước mấy lần.

① *Ngô thư* chép: Thống bị thương nặng, Quyền bèn lưu Thống ở thuyền của mình, thay hết y phục cho Thống. Vết thương ấy nhờ có được thuốc tốt của nhà họ Trác, cho nên Thống không chết.

Bấy giờ có người tiến cử người đồng quận với Thống là Thịnh Xiêm lên Quyền, cho là người ngay thẳng có khí tiết lớn, còn hơn cả Thống, Quyền nói:

- Hãy cứ giỏi như Thống là đủ rồi.

Sau triệu kiến Xiêm vào ban đêm, bấy giờ Thống đã nằm nghỉ, nghe nói, bèn khoác áo ra cửa, cầm tay Xiêm đi vào. Thống quý người tài không hề ganh ghét như thế.

Thống thấy người miền Sơn Trung đa phần mạnh tợn, có thể dùng ân uy khuyến dụ, Quyền lệnh cho Thống sang đông chiếm đất và đánh dẹp họ, lại truyền mệnh cho các thuộc thành, phàm là những thứ mà Thống yêu cầu, đều phải cấp trước báo lên sau. Thống vốn yêu quý sĩ tốt, sĩ tốt cũng ái mộ Thống. Thu được hơn vạn tinh binh, lúc về qua bản huyện, đi bộ vào cửa lớn của nha môn, gặp các trưởng lại thì ôm hốt, cung kính tận lễ, thân thiết như bạn hữu cũ, ân tình rất sâu sắc. Việc xong sắp đi, đúng lúc mắc bệnh chết, bấy giờ bốn mươi chín tuổi. Quyền nghe tin, đập tay xuống giường ngồi bật dậy, bi thương chẳng tự ngăn nổi, giảm bớt đồ ăn uống mấy ngày, cứ nói đến là rơi nước mắt, sai Trương Thừa vì Thống làm bài minh để viếng.

Hai con của Thống là Liệt và Phong, năm ấy đều mới mấy tuổi, Quyền đem vào nuôi ở trong cung, yêu thương đối đãi giống như các con của mình, tân khách vào yết kiến, bèn gọi chúng ra bảo rằng:

- Đây là con hổ của ta đó.

Lúc chúng tám chín tuổi, Quyền sai Cát Quang dạy đọc sách, cứ mười ngày lại một lần sai cưỡi ngựa, lúc truy xét công lao của Thống, phong Liệt làm Đình hầu, trả lại binh cũ của cha. Về sau Liệt mắc tội bị bãi chức, Phong lại nổi tước lĩnh binh.^①

① Tôn Thịnh nói: Xem cái cách dưỡng kẻ sĩ của Quyền, dốc lòng tận ý, đều cầu lấy sự ra sức đến chết của họ, khóc lóc vết thương của Chu Thái, tuần táng ái thiếp của Trần Vũ, cầu đảo xin cho tính mệnh của Lã Mông, nuôi nấng con cô của Lăng Thống, khiêm nhường tâm khổ, như thế là ân cần vậy. Cho nên dù đức

tốt không vang động, nhân nghĩa ân trạch lại thấm đẫm, vì thế có thể quật cường ở Kinh Ngô, tiến hiệu nhiều năm, xét ra đây là nguyên do vậy. Nhưng cái đạo bá vương, ắt phải ở cái chỗ có suy nghĩ lớn lao lâu dài, thế nên bậc vua xưa dựng nền móng của đức nghĩa; rộng rãi thi hành ân tín khắp nơi trong bốn cõi; chế định ra giềng mối của việc trị lý; minh xác thứ bậc của sự sang hèn, dễ dàng đơn giản nhưng gần gũi lâu bền, cái cơ bản toàn vẹn mà công hiệu của nó lại lớn lao, há phải chăm chăm vào những việc vụn vặt tầm thường, cầu lấy cái lợi ngay lúc ấy sao? Ngạn ngữ nói: "Đạo lý nhỏ, tất có chỗ đáng xem, nhưng đưa đẩy quá xa e là chẳng thành công", là nói về việc này sao!

Từ Thịnh tự Văn Hương, người quận Lang Nha huyện Cử. Gặp thời loạn, làm khách ở đất Ngô, vì dũng khí mà nổi tiếng.

Tôn Quyền thống quản việc, dùng Thịnh làm Biệt bộ tư mã, trao cho năm trăm binh, giữ chức Trưởng huyện Sài Tang, cự Hoàng Tổ. Con của Tổ là Xạ, từng dẫn mấy nghìn quân xuôi sông đánh Thịnh. Bấy giờ quan lại sĩ tốt của Thịnh chưa đầy hai trăm, cùng nhau chống đánh, giết và làm bị thương hơn nghìn quân của Xạ. Rồi sau mở cửa thành ra đánh, đại phá chúng. Xạ vì thế tuyệt tích không quay lại cướp nữa. Quyền lấy Thịnh làm Hiệu úy, Vu Hồ lệnh.

Thịnh lại đi dẹp sơn tặc ở Nam A huyện Lâm Thành có công, được đổi làm Trung lang tướng, Đốc giáo binh.

Tào công tiến ra Nhu Tu, Thịnh theo Quyền ngăn chống. Ngụy từng cất đại quân ra Hoàng Giang, Thịnh cùng chư tướng đều đến đánh. Bấy giờ quân Ngô cưỡi thuyền lớn bọc da trâu, gập gió dữ, thuyền dạt đến bờ sông bên địch, chư tướng sợ hãi, chưa ai dám ra đánh, Thịnh một mình dẫn binh, xông lên bờ đột nhiên chém địch, địch chạy rẽ, có kẻ bị thương chết, gió ngưng bèn quay về, Quyền rất khen Thịnh.

Lúc Quyền vì nước Ngụy xưng làm phiên thuộc, Ngụy sai Hình Trinh bái Quyền làm Ngô vương. Quyền ra đô đình đội Trinh, Trinh có sắc kiêu ngạo, Trương Chiêu tức giận, còn Thính phần uất, ngoảnh lại bảo đồng liêu rằng:

- Bọn Thính chẳng thể hăng hái ra sức theo mệnh, vì quốc gia thân Hứa Lạc; nuốt Ba Thục, lại khiến vua Ngô phải cùng Trinh ước thệ, há chẳng nhục sao!

Nói xong nước mắt ròng ròng. Trinh nghe nói, bảo tùy tùng đi theo mình rằng:

- Văn quan võ tướng Giang Đông như thế, không chịu ở dưới người khác lâu vậy.

Sau Thính được thăng làm Kiến vũ tướng quân, phong tước Đô đình hầu, lĩnh Thái thú Lư Giang, ban cho huyện Lâm Thành làm phụng ấp.

Lưu Bị đóng trú ở Tây Lăng, Thính đánh lấy các trại, đi đến đâu cũng lập công.

Tào Hưu tiến ra Đồng Khẩu, Thính cùng Lã Phạm, Toàn Tông qua sông chống giữ. Bất ngờ gặp gió dữ, người trên thuyền đa phần chết chìm, Thính thu nhặt quân còn sót, cùng Hưu cách sông đối trận. Hưu sai binh tướng cưỡi thuyền đến đánh Thính, Thính lấy ít ngăn nhiều, địch không thắng được, hai bên đều dẫn quân lui. Thính được thăng làm An Đông tướng quân, phong tước Vu Hồ hầu.

Về sau Ngụy Văn đế xuất đại quân, có ý định vượt sông Giang, Thính bày kế đắp tường quanh Kiến Nghiệp, lấy cỏ lác làm rào lũy, trên lũy dựng lầu giả, thả thuyền bơi giữa sông. Chư tướng cho là vô ích, Thính không nghe, cố dựng thành lũy. Văn đế đến Quảng Lăng, trông ra xa thấy lũy vây rất ngạc nhiên, kéo dài khắp mấy trăm dặm, nước sông lại rất lớn, liền dẫn quân lui về. Chư tướng mới phục.^①

① Tấn kỷ của Can Bảo nói rằng thành ấy là thành giả, đã chú ở Tôn Quyền truyện.

Nguy thị Xuân Thu chép: Văn đế than rằng:

- Nước Ngụy dẫu có nghìn đội vũ kỵ, cũng không có chỗ mà dùng vậy.

Năm Hoàng Vũ trung Thịnh chết. Con của Thịnh là Khải, tập tước, lĩnh binh.

Phan Chương tự Văn Khuê, người Đông Quận huyện Phát Can. Tôn Quyền làm Trưởng huyện Dương Tiễn, Chương bắt đầu đến theo Quyền.

Chương vốn thoảng dăng lại ham rượu, gia cảnh nghèo, hay mua rượu chịu, chủ nợ đến cửa đòi, liền nói ngày sau thành hào phú sẽ trả. Quyền yêu mến cho là có tài, nhân đó sai đi chiêu mộ binh, được hơn trăm người, bèn cho làm tướng.

Vì Chương đánh dẹp sơn tặc có công, tạm nhận chức Biệt bộ tư mã. Sau đến quận Ngô trừ kẻ gian ở chợ lớn, trộm cướp dứt hẳn, bởi thế nổi danh, được thăng làm Trưởng huyện Tây An quận Dự Chương.

Lưu Biểu ở Kinh châu, dân chúng nhiều lần bị cướp bóc, từ khi Chương nhậm chức, giặc cướp không dám vào cõi. Huyện Kiến Xương bên cạnh giặc cướp nổi lên làm loạn, Quyền chuyển Chương sang quản huyện Kiến Xương, gia thêm chức Vũ mãnh Hiệu úy, đánh trị ác dân, trong vòng tuần trăng đều bình hết, lại triệu hợp dân ly tán, được tám trăm người, đưa về Kiến Nghiệp.

Chiến dịch Hợp Phì, Trương Liêu đến bất ngờ, chư tướng không phòng bị, Trần Vũ giao chiến chết trận, Tống Khiêm, Từ Thịnh đều tháo chạy, Chương thân bày quân ở phía sau, bèn ruổi ngựa tiến lên, quay ngang ngựa chém hai tên lính của Khiêm, Thịnh đang bỏ chạy, binh đều quay lại đánh. Quyền rất

khen ngợi Chương, bái làm Thiên tướng quân, cho quản Bách Giáo binh,⁽¹⁾ đóng đồn ở Bán Châu.

Quyền đi đánh Quan Vũ, Chương cùng Chu Nhiên cắt đứt đường chạy của Vũ, đến Lâm Thụ, trú ở Giáp Thạch. Bộ hạ của Chương là Tư mã Mã Trung bắt sống Vũ, cùng con của Vũ là Bình và bọn Đô đốc Triệu Lũy. Quyền lập tức cắt hai huyện Nghi Đô, Tỷ Quy lập quận Cố Lăng, bái Chương làm Thái thú, Chấn uy tướng quân, tiến tước Lật Dương hầu.

Cam Ninh chết, Chương lại được kiêm lĩnh quân lính của Ninh. Lưu Bị tiến ra Di Lăng, Chương cùng Lục Tốn hợp sức chống Bị, bộ hạ của Chương chém được Hộ quân của Bị là bọn Phùng Tập, sát thương rất nhiều quân sĩ, được bái làm Bình bắc tướng quân, Thái thú Tương Dương.

Tướng Ngụy là bọn Hạ Hầu Thượng bức Nam Quận, chia ba vạn quân tiền bộ dựng cầu nổi, vượt trăm dặm lên bãi sông, Gia Cát Cẩn, Dương Xán đều hội binh đến cứu, chưa biết đánh hướng nào, binh lính nước Ngụy hàng ngày vượt sông không ngừng. Chương nói:

- Khí thế quân Ngụy ban đầu thịnh, nước sông lại nông, chưa nên cùng giao chiến.

Liên dẫn tướng sĩ mà mình quản, lên thượng du cách quân Ngụy năm chục dặm, chặt mấy vạn bó cỏ lau, buộc thành bè lớn, muốn thuận dòng phóng hỏa, đốt rụi cầu nổi. Bè làm vừa xong, đợt nước lớn sẽ thả trôi xuôi dòng, Thượng liền dẫn quân lui chạy. Chương xuôi sông xuống phòng bị Lục Khẩu.

Quyền xưng tôn hiệu, bái Chương làm Hữu tướng quân.

Chương là người thô lỗ dũng mãnh, trong quân cấm lệnh rất nghiêm, ưa lập công nghiệp, binh mã mà Chương lĩnh chẳng quá nghìn người, nhưng ở chỗ đóng quân thường như có vạn

¹ Bách Giáo là tên gọi một đạo quân của Đông Ngô.

người. Khi đánh trận mà dừng nghỉ, liền lập chợ quân, là điều mà các đội quân khác không có, mọi thứ trông vào chợ quân chu cấp. Nhưng Chương tính xa xỉ, cuối đời lại càng quá, quần áo vật dụng vượt quá bốn phần. Quan binh giàu có, có người bị Chương giết đoạt lấy tài vật, Chương lại thường không vâng phép cấm. Giám ti tấu lên, Quyền nhớ công của Chương nên thường tha không hỏi.

Năm Gia Hòa thứ ba Chương chết. Con của Chương là Bình, vì không đoan chính bị đày đến Cối Kê. Vợ của Chương ở Kiến Nghiệp, được ban nhà và ruộng, lại miễn sưu dịch cho năm mươi nhà làm ruộng trên đất ấy.

Đinh Phụng tự Thừa Uyên, người quận Lư Giang huyện An Phong. Thời trẻ vì kiêu dũng làm tiểu tướng, là bộ thuộc của bọn Cam Ninh, Lục Tốn, Phan Chương. Mấy mấy lần theo đi chinh phạt, chiến đấu luôn đi đầu trong quân. Thường chém tướng đoạt cờ, thân bị trọng thương. Dần dần được thăng làm Thiên tướng quân. Tôn Lượng tức vị, Phụng làm Quán quân tướng quân, tiến tước Đô đình hầu.

Nước Ngụy phái bọn Gia Cát Đản, Hồ Tuân đánh Đông Hưng, Gia Cát Khác thống suất quân đến cự chúng. Chư tướng đều nói:

- Địch nghe tin Thái phó tự đến, quân bờ bên kia tất trốn chạy.

Riêng Phụng nói:

- Không đúng. Bên kia huy động quân cả nước, tất dốc hết binh ở Hứa, Lạc kéo đến, hẳn có mưu kế hoàn chinh, há tay không mà về sao? Đừng hy vọng địch không đến, hãy cậy vào kế hoạch của ta để thắng chúng.

Lúc Khác lên bờ, Phụng cùng bọn tướng quân Đường Tư, Lã Cứ, Lưu Tán, đều theo đường núi sang tây lên thượng du. Phụng nói:

- Nay chư quân hành quân chậm, nếu địch chiếm địa lợi, thì ta khó cùng chúng tranh phong.

Bèn rời chư quân xuống con đường phía dưới, thống suất ba nghìn bộ hạ của mình tiến theo đường thẳng. Lúc ấy gió bắc nổi, Phụng giương buồm đi hai ngày thì đến nơi, bèn chiếm Từ Đường. Bấy giờ trời rét có tuyết, các tướng địch đặt tiệc rượu yến hội, Phụng thấy tiền bộ của địch binh ít, bảo thuộc hạ rằng:

- Được phong hầu thưởng tước, chính ở hôm nay!

Bèn sai binh lính cỡi giáp đội mũ trụ, cầm đao ngắn. Địch nhân uống rượu cười nói ầm ỹ, không phòng bị, Phụng thả binh ra chém chúng, đại phá tiền đồn của địch. Đúng lúc bọn Cừ đến, quân Ngụy bèn vỡ. Phụng được thắng làm Diệt khấu tướng quân, tấn phong tước Đô đình hầu.

Tướng Ngụy là Văn Khâm tới hàng, Phụng lấy thân phận là Hộ uy tướng quân, theo Tôn Tuấn đến Thọ Xương đón Khâm, cùng truy binh của địch giao chiến ở Cao Đình. Phụng khua ngựa cầm mâu, xông vào giữa trận của địch, chém mấy trăm thủ cấp, đoạt binh khí của chúng. Được tấn phong tước An Phong hầu.

Năm Thái Bình thứ hai, Đại tướng quân nước Ngụy là Gia Cát Đản giữ ở Thọ Xuân đến hàng, người Ngụy vây Thọ Xuân. Nước Ngô phái bọn Chu Di, Đường Tư đến cứu, lại sai Phụng cùng Lê Phỉ đến giải vây. Phụng làm tiên phong, đóng đồn ở Lê Tương, ra sức chiến đấu có công, được bái làm Tả tướng quân.

Tôn Hưu tức vị, cùng Trương Bố bàn mưu, muốn tru diệt Tôn Lâm. Bố nói:

- Đình Phụng tuy không có cái tài của văn quan, nhưng mưu lược hơn người, có tài quyết đoán đại sự.

Hưu triệu kiến Phụng bảo rằng:

- Lâm nắm quốc chính, sắp làm việc bất chính, ta muốn cùng tướng quân diệt hần.

Phụng nói:

- Anh em bạn hữu của Thừa tướng phe đảng rất đông, sợ rằng nhân tâm bất đồng, chẳng thể thốt nhiên khống chế được, nên nhân dịp tế tịch, lấy binh của bộ hạ để giết hần.

Hưu dùng kế ấy, nhân lúc tế hội mời Lâm, Phụng và Trương Bồ liếc mắt sai tả hữu chém Lâm. Phụng được thăng làm Đại tướng quân, gia thêm chức Tả hữu đô hộ.

Năm Vĩnh An thứ ba, ban Giả tiết lĩnh Từ châu mục.

Năm thứ sáu, Ngụy đánh Thục, Phụng thống suất chư quân hướng đến Thọ Xuân, làm hình thế cứu Thục. Thục mất, quân quay về.

Hưu mất, Phụng cùng bọn Thừa tướng Bộc Dương Hưng theo lời của Vạn Úc, cùng đón lập Tôn Hạo, Phụng được thăng làm hữu Đại tư mã Tả quân sư.

Năm Bảo Định thứ ba, Hạo lệnh cho Phụng cùng Gia Cát Tịnh vây đánh Hợp Phì. Phụng gửi thư cho Đại tướng nước Tấn là Thạch Bao, dựng mưu ly gián, Bao vì thế bị triệu về.

Năm Kiến Hành nguyên niên, Phụng lại thống suất quân trú ở Từ Đường, nhân đó đánh đất Cốc Dương của nước Tấn. Dân ở Cốc Dương biết được, bỏ đi hết, Phụng không thu được gì. Hạo giận, chém quan hướng đạo của Phụng.

Năm thứ ba, Phụng chết.

Phụng quý hiển lại có công, dần dần kiêu căng, có kẻ hủy báng Phụng, Hạo truy xét cái lỗi của việc xuất quân lần trước, đẩy gia quyến của Phụng đến Lâm Xuyên.

Em của Phụng là Phong, quan vị đến chức Hậu tướng quân, chết trước Phụng.

Bình rằng: Tất cả những tướng này, đều là hổ thần vùng Giang Biểu, là những người được họ Tôn hậu đãi vậy. Ví như Phan Chương trái phép loạn kỷ cương, mà Quyền có thể quên lỗi nhớ công, nên họ Tôn giữ yên góc đông nam, là lẽ đương nhiên thôi! Trần Biểu là con ngành thứ trong nhà tướng, mà sánh ngang với con trưởng của người có tiếng cùng bay cao, vượt trội hơn người thường, chẳng cũng tốt đẹp lắm sao!

---ॐ---

QUYỂN THỨ NĂM MƯỜI SÁU
CHU TRỊ, CHU NHIÊN, LÃ PHẠM,
CHU HOÀN TRUYỆN

380

Chu Trị tự Quân Lý, người quận Đan Dương huyện Cố Chương. Ban đầu làm huyện lại, sau xét cử Hiếu liêm, quan châu triệu làm Tòng sự, theo Tôn Kiên chinh phạt. Năm Trung Bình thứ năm, được bái làm Tư mã, theo đi dẹp giặc ở ba quận Trường, Linh, Quế là bọn Chu Triều, Tô Mã, có công, Kiên dâng biểu cử Trị làm hành Đô úy. Trị lại theo đi phá Đồng Trác ở Dương Nhân, vào Lạc Dương. Kiên dâng biểu cử Trị làm hành Đốc quân Hiệu úy, nắm riêng quân bộ kỵ, rồi sang đông giúp Từ châu mục Đào Khiêm dẹp quân Khản Vàng.

Lúc Kiên chết, Trị giúp đỡ Sách, đến nương dựa vào Viên Thuật. Về sau Trị biết Thuật chẳng lập nổi đức chính, bèn khuyên Sách quay về bình Giang Đông.

Thời Thái phó Mã Nhật Đê ở tại Thọ Xuân, triệu Trị đến làm Duyện, rồi thăng làm Đô úy Ngô Quận. Bấy giờ Ngô Cảnh đã ở Đan Dương, mà Sách giúp Thuật đánh Lư Giang, vì thế Lưu Do sợ bị Viên, Tôn thôn tính, nên nảy sinh hiềm khích với Sách. Nhưng người nhà của Sách đều ở trong châu ấy, Trị bèn sai người đến Khúc A đón rước Thái phi và anh em Quyền, từ đó cung phụng, giúp đỡ che chở cho họ, rất lễ phép đúng mực. Trị từ Tiền Đường muốn tiến đến huyện Ngô, Thái thú Ngô Quận là Hứa Cống ngăn cản họ ở Do Quyền, Trị cùng Cống giao

chiến, đại phá Cống. Cống xuôi nam tới chỗ sơn tặc là Nghiêm Bạch Hồ, Trị liền vào quận, quản việc của Thái thú. Sách đã đánh đuổi được Lưu Do, bèn sang đông định Cối Kê. Quyền mười lăm tuổi, Trị cử làm Hiếu liêm. Sau khi Sách chết, Trị cùng bọn Trương Chiêu tôn phù phụ tá Quyền. Năm Kiến An thứ bảy, Quyền dâng biểu xin cho Trị làm Thái thú Ngô Quận, hành Phù nghĩa tướng quân, lấy các huyện Cát Lâu, Do Quyền, Vô Tích, Bì Lăng làm phụng ấp, tự đặt Trường lại.

Trị đánh dẹp các tộc Di Việt, giúp Quyền định vùng Đông nam, bắt hết dư đảng của quân Khăn Vàng là bọn Trần Bại, Vạn Bình. Năm Hoàng Vũ nguyên niên, được phong tước Bì Lăng hầu, lĩnh Ngô Quận như cũ. Năm thứ hai, được bái làm An Quốc tướng quân, ban cho kim ấn và dây thao tía, dời đất phong về huyện Cổ Chưong.

Quyền từ lúc ở ngôi vị Thượng tướng, đến lúc làm Ngô vương, Trị mỗi khi vào yết kiến, Quyền thường thân ra đón tiếp, tay cầm hốt giao bái, thết yến tặng đồ, ân sủng kính trọng khác thường, đến cả những quan lại đi theo Trị, đều được tặng lễ vật riêng, Trị được trọng vọng đặc biệt như thế.

Khi trước, em của Quyền là Dục, tính tình rất nóng nảy, mừng giận mặc ý, Trị mấy lần trách mắng, lấy đại nghĩa để khuyến dụ. Anh họ của Quyền là Bôn làm Thái thú Dục Chương, có con gái là vợ của Công tử họ Tào, lúc Tào công phá Kinh châu, uy chấn cõi nam, Bôn sợ hãi, muốn phái con vào triều làm tin. Trị nghe tin, xin tới gặp Bôn, giúp bày tỏ việc an nguy,^① Bôn vì thế bèn dừng ngay chuyện ấy.

① *Giang Biểu truyện chép lời Trị thuyết Bôn rằng:*

"Phá lỗ tướng quân trước kia thống suất nghĩa binh vào đánh dẹp Đồng Trác, thanh danh đứng đầu Trung hạ, nghĩa sĩ ngợi khen. Thảo nghịch kế nôi, mở mang định sáu quận, riêng vì quân hầu là cốt nhục chí thân, có tài năng lại sinh đúng thời, nên Thảo nghịch dâng biểu lên Hán triều, cùng quân hầu chẻ phù ở Đại Quận, kiêm dựng tướng giáo, quan hệ giữa

hai phủ luôn mật thiết, vinh dự đứng đầu tông thất, xa gần đều ngưỡng mộ. Hơn nữa Thảo lỗ thông minh thần vũ, kế thừa hồng nghiệp, thu dụng giao kết với kẻ anh hào, chăm lo cứu giúp đời, quân dân ngày một thịnh, sự nghiệp ngày một hưng, dẫu Tiêu vương trước kia lúc ở tại Hà Bắc, không lấy gì hơn được vậy,⁽¹⁾ tất dựng thành cơ nghiệp đế vương, ừng vận ở Đông nam. Cho nên Lưu Huyền Đức ở xa bày tỏ tấm lòng, cầu kiến xin cứu giúp, đây là điều mà thiên hạ cùng biết vậy. Hôm trước ta ở phương đông nghe được lời của người qua đường, nói rằng tướng quân có ý lạ, thật khiến người ta phải bùi ngùi. Nay Tào công cậy binh mạnh, Hán thất giữa nghiêng, ấu chủ lưu ly, bách tính lê dân chưa biết hướng về đâu. Mà Trung Quốc tiêu điều, trăm họ không yên, thành ấp trống không, người chết đói nằm trên đường ngóng nhìn nhau, kẻ sĩ than thở bên ngoài, phụ nữ trong nhà ai oán, lại thêm vì việc binh lữ, dẫn đến mất mùa đói kém, lấy đó mà suy, họ há có thể vượt Trường Giang cùng ta tranh mỗi lợi chẳng? Tướng quân đang lúc thế này, nên bỏ tình thân cốt nhục, là kế vạn an, còn dứt bỏ da thịt của tình đồng khí, theo lời dụ dỗ của hổ lang, vì một người con gái, thay đổi chí hướng mà toan tính, lỡ cơ một ly, sai lầm vạn dặm, há chẳng tiếc sao!"

Quyền thường khen Trị chuyên cần lo lắng cho vương sự. Bản tính kiệm ước, dẫu ở chỗ phú quý, xe cộ y phục chỉ dùng khi có việc. Quyền rất xem trọng Trị, tự ra lệnh cho quan chương quản Đốc quân ngự sử soạn văn thư phong thực ấp, mà Trị chỉ nhận lĩnh tô thuế của bốn huyện thôi. Nhưng con em trong công tộc và bốn họ lớn ở đất Ngô đa phần ra làm quan ở quận, quan lại tại quận thường đến nghìn người, Trị đại khái mỗi năm một lần phái người đến vương phủ, người được phái đi mấy trăm, hàng năm đúng mùa dâng cống, Quyền báo đáp lại hậu hĩnh hơn.

Thời ấy Đan Dương là vùng đất ở xa, luôn có quân gian phản, Trị cũng vì tuổi sắp lên lão, lưu luyến đất phong, tự dâng biểu

¹ Lưu Tú (Quang Vũ đế) lúc ở tại Trường An, thế lực ngày một bành trướng, Canh Thủy đế Lưu Huyền thấy bất an, phái sứ giả đến Hà Bắc, phong Lưu Tú làm Tiêu vương, trao cho năm quyền binh mã, nhưng đòi Lưu Tú về Trường An nhận thụ phong, Lưu Tú lấy lý do là Hà Bắc chưa bình, không về.

lên xin về đóng quân ở Cổ Chưóng, trấn võ người Sơn Việt. Các phụ lão là người quen cũ, chẳng ai không đến nhà, Trị đều cho dẫn vào gặp, cùng nhau ăn yến, làng xóm cho thế là vinh. Trị ở Cổ Chưóng hơn một năm, lại quay về Ngô Quận. Năm Hoàng Vũ thứ ba chết, quân quận ba mươi một năm, thọ sáu mươi chín tuổi.

Con của Trị là Tài, vốn là Hiệu úy lĩnh binh, sau khi nối tước của cha, được thăng làm Thiên tướng quân. ① Em của Tài là Kỳ, Quyền đem con gái của Sách gả cho, cũng làm Hiệu úy lĩnh binh. Em của Kỳ là Vĩ, Vạn tuổi nhỏ, đều chết yếu. Con của Tài là Tuyển, được tập tước làm tướng, làm quan đến chức Trấn tây tướng quân.

① *Ngô thư* chép: Tài tự Quân Nghiệp, là người tinh tế mẫn tiệp, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, Quyền đặc biệt yêu mến Tài, thường cho theo đi chơi. Lúc trẻ vì cha là Vũ vệ Hiệu úy, nên Tài lĩnh binh theo đi theo chinh phạt, luôn thắng trận lập được công lao. Người ở bản quận nghị bàn cho là Tài từ nhỏ ở chỗ vinh hoa phú quý, không lưu ý đến xóm làng, Tài bèn than rằng:

- Ta mới làm tướng, cho là chỉ nên cưỡi ngựa giày xéo đất địch, đem thân giẫm vào chốn guom đao sắc nhọn, đủ để dương danh, chẳng biết vì sao người trong thôn xóm lại truy xét hành vi của ta là thất thổ vậy?

Vì thế bèn nhún mình cung kính, lưu ý đến tân khách, khinh tài chuộng nghĩa, giúp người chẳng mong báo đáp, lại học binh pháp, danh tiếng bắt đầu vang dậy xa gần. Về sau Tài ốm chết.

Chu Nhiên tự Nghĩa Phong, là con người chị gái của Trị, vốn gốc họ Thi. Khi trước Trị chưa có con trai, năm Nhiên mười ba tuổi, Trị bèn bầm với Sách xin lấy Nhiên làm con nối dõi. Sách lệnh cho Quận thú quận Đan Dương đem rượu và dê tới triệu Nhiên, Nhiên đến Ngô Quận, Sách đưa lễ hậu đến chúc mừng.

Nhiên từng cùng Quyền chung đọc sách, kết tình thân ái. Lúc Quyền thống quản công việc, lấy Nhiên làm Trưởng huyện Du Diêu, bấy giờ Nhiên mười chín tuổi. Sau thăng làm Sơn Âm lệnh, gia thêm chức Chiết xung Hiệu úy, đốc năm huyện.

Quyền cho là Nhiên có tài lạ, bèn tách quận Đan Dương lập quận Lâm Xuyên, dùng Nhiên làm Thái thú,^① trao hai nghìn binh. Gặp lúc sơn tặc đồng loạt nổi dậy, Nhiên bình dẹp, trong vòng tuần trăng định được.

Tào công tiến ra Nhu Tu, Nhiên đóng trại phòng thủ Đại Ổ và đồn Tam Quan, được bá làm Thiên tướng quân.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Nhiên theo đánh Quan Vũ, được biệt phái cùng Phan Chương đến Lâm Tụ bắt Vũ, thăng làm Chiêu vũ tướng quân, phong tước Tây An hương hầu.

① Thần Tùng Chi xét: Quận này nhanh chóng bị xóa bỏ, không phải là quận Lâm Xuyên hiện nay.

Hổ uy tướng quân Lã Mông bệnh nặng, Quyền hỏi rằng:

- Khanh nếu không khỏi, ai có thể thay được?

Mông thưa rằng:

- Chu Nhiên can đảm tiết tháo có thừa, ngu ý cho là có thể đảm nhiệm được.

Mông chết, Nhiên được Quyền giao quyền tiết chế, trấn Giang Lăng.

Năm Hoàng Long nguyên niên, Lưu Bị cất binh đánh Nghi Đô, Nhiên đốc suất năm nghìn quân cùng Lục Tốn hợp sức cự Bị. Nhiên được biệt phái đánh phá quân tiên phong của Bị, cắt đứt đường phía sau, Bị vì thế thua vỡ bỏ chạy. Quyền bá Nhiên làm Chinh bắc tướng quân, phong tước Vĩnh An hầu.

Ngụy phái bọn Tào Chân, Hạ Hầu Thượng, Trương Cáp đánh Giang Lăng, Ngụy Văn đế tự đóng giữ huyện Uyển, làm hình

thế viện trợ, quân Ngụy đóng trại liền nhau vây thành. Quyền phái Tướng quân Tôn Thịnh đốc suất một vạn người phòng bị bãi nổi, lập lũy vây, làm thế cứu viện ở vòng ngoài cho Nhiên. Cáp đưa binh qua sông đánh Thịnh, Thịnh không chống nổi, tức thì lui về, Cáp chiếm lũy vây trên bãi, Nhiên trong ngoài cách tuyệt. Quyền phái bọn Phan Chương, Dương Sán tới giải vây nhưng không được. Bấy giờ binh sĩ của Nhiên ở trong thành đa phần bị bệnh phù thũng, quân có khả năng chiến đấu chỉ năm nghìn người. Bọn Chân đắp núi đất, đào địa đạo, dựng lâu gỗ, nhìn xuống thành bắn tên như rót, tướng sĩ đều thất sắc, Nhiên lặng yên không có ý sợ hãi, khích lệ sĩ tốt, dò xét lúc sơ hở đánh phá hai trại địch. Quân Ngụy vây đánh Nhiên cả thảy sáu tháng, không lui. Giang Lăng lệnh là Diêu Thái lĩnh binh phòng bị cửa bắc thành, thấy bên ngoài binh đông, người trong thành ít, lương thực sắp hết, nhân đó cùng địch thông đồng, mưu làm nội ứng. Sắp phát động, việc bị phát giác, Nhiên trừng trị phanh thây Thái. Bọn Thượng không thể thắng được, bèn triệt quân tấn công lui về. Bởi thế Nhiên danh chấn địch quốc, được đổi phong làm Dương Dương hầu.

Năm thứ sáu, Quyền tự thống suất quân đội đánh Thạch Dương, lúc toàn quân quay về, Phan Chương đoạn hậu. Ban đêm địch đuổi theo đánh Chương, quân sinh loạn, Chương không ngăn cấm nổi. Nhiên lập tức quay lại cự địch, lệnh cho thuyền quân ở phía trước lui về thật xa, rồi Nhiên thông thả tiến phát sau.

Năm Hoàng Long nguyên niên, bãi Nhiên làm Xa kỵ tướng quân, Hữu hộ quân, lĩnh Duyện châu mục. Không lâu sau, vì Duyện châu là địa phận của nước Thục, nên bãi bỏ chức Mục ấy.

Năm Gia Hòa thứ ba, Quyền và Thục hẹn cắt đại quân, Quyền tự mình hướng đến Tân Thành, Nhiên cùng Toàn Tông đều nhận Phủ việt, làm Tả Hữu đốc. Gặp lúc quan quân bệnh tật, cho nên chưa đánh mà lui.

Năm Xích Ô thứ năm, Nhiên đi đánh Tô Trung,^① tướng nước Ngụy là Bồ Trung, Hồ Chất đều lĩnh mấy nghìn người, Trung chặn giữ chỗ ải hiểm, toan cắt đứt đường phía sau của Nhiên, Chất đi làm cứu viện cho Trung. Bấy giờ binh tướng mà Nhiên đốc suất đã tiến ra bốn phía từ trước, nghe tin địch chặn phía sau không kịp triệu về, liền dẫn tám trăm thủ hạ dưới trướng ngầm đón đánh. Trung giao chiến bất lợi, bọn Chất đều lui.^②

Năm thứ chín, lại đi đánh Tô Trung, tướng nước Ngụy là bọn Lý Hưng nghe tin Nhiên xâm nhập, đốc sáu nghìn quân bộ kỵ cắt đứt đường phía sau Nhiên, Nhiên trong đêm xuất binh đón đánh Hưng, đắc thắng quay về.

Trước đây, hàng tướng là Mã Mậu mang lòng gian, việc phát lộ bị giết, Quyền rất cảm phẫn hân. Nhiên sắp xuất chinh dâng sớ rằng:

"Tiểu tử Mã Mậu, dám phụ ân dưỡng dục. Thần nay phụng thiên uy, mong đưa tin thắng trận, bắt sống được giặc, để uy danh vang dội rọi sáng xa gần, chiến thuyền che kín Trường Giang, khiến cảnh tượng tráng lệ đáng xem, xua tan nỗi căm phẫn của người trên kẻ dưới. Hy vọng bệ hạ nhớ lời nói trước của thần, để đòi hỏi thần ra sức báo đáp."

Quyền bấy giờ cất tờ biểu đi không đưa ra. Nhiên báo tin thắng trận rồi, quần thần dâng biểu chúc mừng, Quyền bèn nâng chén sai tấu nhạc, đưa tờ biểu của Nhiên ra nói:

- Nhiên trước khi đi sớm dâng biểu, Cô cho là việc khó mà xong, nay quả như lời của Nhiên, có thể nói là tiên kiến sáng suốt vậy.

Rồi phái sứ giả bái Nhiên làm Tả tư mã, Hữu quân sư.

① *Tương Dương ký* chép: Chữ Tô này phát âm như chữ "tô" trong từ "tô thuế." Tô Trung nằm ở phía trên địa giới huyện Hoàng, cách thành Tương Dương một trăm năm mươi dặm. Thời Ngụy, vua của người Di là Mai Phu có ba anh em, bộ khúc có hơn vạn nhà làm ruộng ở đấy, phân bố tại hai thung lũng ven sông Miện

và núi Yên phía tây Nghi Thành huyện Trung Lư, đất đai bằng phẳng rộng rãi, cây tang ma ưa mọc,¹ ruộng nước ruộng cạn đều màu mỡ, là chỗ đất tốt ở phía nam sông Miện, nên gọi là Tô Trung.

② *Dị đồng bình* của Tôn Thịnh chép: *Ngụy chí* (*Ngụy thư*) cùng *Giang Biểu truyện* nói rằng Nhiên từ năm Cảnh Sơ nguyên niên, đến năm Chính Thủy thứ hai hai lần ra cướp bóc, phá Hồ Chất, Bồ Trung vào năm Cảnh Sơ nguyên niên. *Ngụy chí* chép theo *Ngụy thư*, có ý tránh không nói là bọn Chất bị Nhiên phá, mà nói thắng là Nhiên lui quân về thôi. *Ngô chí* nói là năm Xích Ô thứ năm, ở nước Ngụy là năm Chính Thủy thứ ba, tướng nước Ngụy là Bồ Trung cùng Chu Nhiên giao chiến, Trung bất lợi, bọn Chất đều lui. Xét *Ngụy Thiếu đế kỷ* và *Tôn Quyền truyện*, thì năm ấy không có chiến sự, đích thị là Trần Thọ nhầm lẫn năm Gia Hòa thứ sáu nhà Ngô là năm Xích Ô thứ năm thôi.

Nhiên mình cao chẳng đầy bảy thước, xử sự với người phải trái phân minh, bên trong sửa mình trong sạch, tài hoa của Nhiên, chỉ dùng vào việc quân, các phương diện khác đều chất phác mộc mạc. Suốt ngày cung kính chăm chỉ, thường ở tại chiến trường, nguy cấp ở gần kề thì can đảm định liệu, kỳ tuyệt hơn người, dù không có chiến sự, thường sớm tối đánh trống phòng bị nghiêm cẩn, binh ở trong doanh, đều xếp quân trang gọn gàng, vì thế đùa bỡn với địch, khiến chúng không biết đâu mà đề phòng, cho nên xuất binh luôn lập được công.

Con của Gia Cát Cẩn là Dung, con của Bộ Chất là Hiệp, tuy đều nối việc của cha, Quyền đặc biệt cho Nhiên cầm đầu làm Đại đốc. Lại nữa là sau khi Lục Tốn chết, công thần danh tướng còn lại duy có Nhiên, tôn quý chẳng ai sánh được.

Nhiên mắc bệnh hai năm, sau càng nặng dần, Quyền ban ngày giảm đồ ăn, ban đêm không say giấc, phái người ở trong cung đưa thuốc và đồ ăn cho Nhiên, đứng trông theo trên đường.

¹ Tang Ma là một loại cây giống cây dâu nhưng có gai.

Nhiên mỗi lần phái sứ giả dâng biểu là bệnh tật đã tiêu tan, Quyền liền triệu kiến, miệng tự hỏi han, vào thì ban cho đồ ăn uống, ra thì đưa tặng vải lụa. Từ khi các công thần sáng nghiệp ốm bệnh, những người mà được Quyền quan tâm, thì Lã Mông, Lăng Thống là nhất, thứ nữa là đến Nhiên vậy.

Năm Nhiên sáu mươi tám tuổi, là năm Xích Ô thứ mười hai thì chết, Quyền mặc áo trắng cử ai, vì Nhiên thương cảm xót xa. Con của Nhiên là Tích nổi tự.

Tích tự Công Tự, nhờ cha được nhận chức Lang, sau được bái làm Đô úy Kiến Trung. Chú của Tích là Tài chết, Tích lĩnh binh của Tài, theo Thái thường là Phan Tuấn đi đánh dẹp rợ Ngũ Khê, vì can đảm và có sức khỏe được khen ngợi. Thăng làm Thiên tướng quân Doanh hạ đốc, coi việc trị đạo tặc, giữ phép không thiên lệch. Lỗ vương Bá chú tâm giao kết với Tích, từng đến dinh sở của Tích, ngồi gần, muốn cùng giao hảo, Tích chấp tay đứng thẳng, từ tạ không dám nhận.

Nhiên chết, Tích nổi nghiệp, được bái làm Bình Ngụy tướng quân, Lạc Hương đốc. Năm sau, Chinh nam tướng quân nước Ngụy là Vương Sưởng thống suất quân lính tấn công thành Giang Lăng, không thắng rồi lui. Tích gửi thư cho Phấn uy tướng quân là Gia Cát Dung nói:

"Sưởng từ xa đến mỗi một khôn khó, ngựa không có lương ăn, lực khuất phải chạy, đó trời giúp ta vậy. Nay ta đuổi theo thì lực yếu, tức hạ nên dẫn binh nô sau ta, ta sẽ phá chúng ở phía trước, tức hạ ngồi xe ở phía sau, há là cái công của một người sao, hai ta nên chung nghĩa chặt vàng."

Dung đáp thư hứa theo Tích. Tích liền dẫn binh đuổi kịp Sưởng ở Kỳ Nam, Kỳ Nam cách thành trì ba chục dặm, Tích ban đầu chiến thắng, nhưng Dung không tiến binh, Tích về sau bất lợi. Quyền rất khen ngợi Tích, nổi giận trách Dung, anh của Dung là Đại tướng quân Gia Cát Khác được quý trọng, nên Dung mới

không bị phế truất. Khi trước Tích cùng Dung và Khác bất hòa, đến lúc xảy ra việc này, hiềm khích càng sâu.

Năm Kiến Hưng nguyên niên, Tích được thăng làm Trấn đông tướng quân. Năm thứ hai mùa xuân, Khác hướng đến Tân Thành, yêu cầu Tích hợp sức, nhưng lưu lại ở Bán Châu, sai Dung kiêm trách nhiệm của Tích. Mùa đông, Khác và Dung bị hại, Tích lại quay về Lạc Hương, được ban Giả tiết. Năm Thái Bình thứ hai, triều đình bái Tích làm Phiêu kỵ tướng quân.

Tôn Lâm nắm quyền chính, đại thần ngờ vực sinh lòng khác, Tích sợ nước Ngô tất nhiều loạn, rồi Trung Quốc thừa cơ gây hấn, bèn bí mật gửi thư giao kết với Thục, khiến hai bên cùng lo tính. Nước Thục phái Hữu tướng quân Diêm Vũ đem năm nghìn quân, tăng cường phòng thủ thành Bạch Đế, để đợi tin tức của Tích.

Năm Vĩnh An sơ, Tích được thăng làm Thượng đại tướng quân, Đô hộ đốc, quản từ Ba Khâu lên đến Tây Lăng. Năm Nguyên Hưng nguyên niên, triều đình cho người tới bái Tích làm Tả đại tư mã.

Khi trước, Nhiên vì chịu tang Trị xong, xin khôi phục lại họ gốc, Quyền không đồng ý, Tích vào năm Ngũ Phượng trung dân biểu xin khôi phục họ Thi, năm Kiến Hành thứ hai chết.

Lã Phạm tự Tử Hành, người quận Nhữ Nam huyện Tế Dương. Thời trẻ làm huyện lại, có dáng dấp, nghi dung đẹp đẽ. Người họ Lưu trong ấp, nhà giàu lại có người con gái rất đẹp, Phạm đến cầu thân. Mẹ người con gái ngờ, muốn ngăn hôn sự, Lưu thị nói:

- Xem ra Lã Tử Hành há chịu nghèo hèn mãi?

Bèn đồng ý hôn nhân.

Phạm sau đi tránh loạn ở Thọ Xuân, Tôn Sách gặp được cho Phạm là có tài lạ, Phạm vì thế tự thân gần, đem trăm người khách riêng của mình quy phục Sách. Bấy giờ Thái phi ở Giang Đô, Sách phái Phạm đến đón. Từ châu mục Đào Khiêm cho Phạm là do thám của họ Viên, ngầm lệnh cho quan huyện bắt Phạm tra khảo, Phạm lựa môn khách thân cận khỏe mạnh cướp phu nhân đưa về. Thời ấy chỉ có Phạm và Tôn Hà thường đi theo Sách, lặn lội đắng cay khổ ải, nguy nan chẳng hiếm, Sách cũng đãi Phạm như thân tín của mình, mỗi khi lên nhà cùng vào hậu đường, ăn yến ở trước mặt Thái phi.

Về sau Phạm theo Sách đi đánh phá Lư Giang, quay về cùng qua sông sang đông, đến Hoàn Giang, Đương Lợi, phá Trương Anh, Vu Mi, hạ Tiểu Đan Dương, Hồ Thục, được lĩnh chức Hồ Thục tướng. Sách bình định Mạt Lãng, Khúc A, bắt Trích Dung, Lưu Do và dư đảng của chúng, tăng thêm cho Phạm hai nghìn binh, năm mươi quân kỵ. Sau Phạm lĩnh chức Uyển Lăng lệnh, đánh dẹp phá giặc ở Đan Dương, về quận Ngô, được thăng làm Đô đốc.^①

① *Giang Biểu truyện* chép: Sách ung dung một mình cùng Phạm đánh cò, Phạm nói:

- Nay sự nghiệp của tướng quân ngày càng lớn, sĩ chúng ngày một đông, Phạm ở xa, nghe nói cương kỷ có chỗ chưa nghiêm chỉnh, Phạm xin tình nguyện tạm lĩnh chức Đô đốc, gánh giúp một phần quân sĩ cho tướng quân.

Sách nói:

- Tử Hành, ngài đã là sĩ đại phu, hơn nữa thủ hạ của ta đã có nhiều người, lập công ở ngoài, há nên khuất thân nhận chức nhỏ, ngài có biết những việc ở nhỏ mọn ở trong quân chăng?

Phạm nói:

- Không đúng. Nay ta bỏ cố hương thác thân theo tướng quân, không vì vợ con vậy, thực muốn chuyên tâm giúp đời. Huống chi

cùng thuyền lợi bể, một việc xử trí không tốt, tức là cùng chung thất bại. Đây là tính toán của Phạm, không chỉ là ý của tướng quân vậy.

Sách cười, không lấy gì đáp lại. Phạm ra ngoài, đổi áo ngắn, mặc khổ kép, cầm roi, đến dưới cửa của Sách bẩm việc, tự xưng kiêm lĩnh Đô đốc, Sách bèn trao quyền, ủy thác việc quân. Từ đấy trong quân kỷ luật nghiêm chỉnh, uy cấm được thi hành rộng rãi.

Bấy giờ Trần Vũ người quận Hạ Bi tự lấy hiệu là Thái thú Ngô Quận, trú ở Hải Tây, cùng cường tộc là Nghiêm Bạch Hổ thông đồng. Sách tự mình đến đánh dẹp Hổ, biệt phái Phạm cùng Từ Dật đánh Vũ ở Hải Tây, chém bêu đầu đại tướng của Vũ là Trần Mục.^① Lại theo đi đánh Tổ Lang ở huyện Lăng Dương, đánh Thái Sứ Từ ở huyện Dũng Lý. Bảy huyện bình định, Phạm được bái làm Chinh lỗ Trung lang tướng, theo đi đánh Giang Hạ, quay về cùng bình định Bà Dương.

① *Cửu châu Xuân Thu* chép: Năm Sơ Bình thứ ba, Thứ sử Dương Châu là Trần Y chết, Viên Thuật sai Vũ lĩnh Dương châu mục. Sau Thuật bị Tào công đánh bại ở Phong Khâu, người phương nam phản Vũ, Vũ đánh họ. Thuật chạy đến huyện Âm Lăng, đưa lời hoa mĩ hạ mình với Vũ, Vũ không hiểu quyền nghi, lại khiếp nhược, không lập tức đánh Thuật. Thuật ở Hoài Bắc tụ tập binh lính hướng đến Thọ Xuân. Vũ sợ, sai em mình là Công Diễm xin hòa với Thuật. Thuật bắt Diễm rồi tiến lên, Vũ trốn về Hạ Bi.

Sách chết, Phạm đưa tang về huyện Ngô. Sau Quyền lại đi đánh Giang Hạ, Phạm cùng với Trương Chiêu ở lại giữ Ngô Quận.

Tào công đến Xích Bích, Phạm giúp bọn Chu Du cùng chống phá Tào công, được bái làm Bì tướng quân, lĩnh chức Thái thú Bành Trạch, lấy các huyện Bành Trạch, Sài Tang, Lịch Dương làm phụng ấp. Lưu Bị đến kinh đô gặp Quyền, Phạm bí mật xin giữ Bị lại. Sau Phạm được thăng làm Bình nam tướng quân, đóng trú ở Sài Tang.

Quyền đánh dẹp Quan Vũ, đi qua công quán của Phạm, bảo rằng:

- Trước kia sớm theo lời khanh, thì không phải lao nhọc thế này. Nay ta đang ngược sông bắt hãn, khanh hãy giúp ta giữ Kiến Nghiệp.

Quyền phá Vũ xong quay về, đóng đô ở Vũ Xương, bái Phạm làm Kiến uy tướng quân, phong tước Uyển Lăng hầu, lĩnh chức Thái thú Đan Dương, trị sở ở Kiến Nghiệp, đốc trách từ Phù Châu ra đến biển, chuyển lấy huyện Lật Dương, Hoài An, Ninh Quốc làm phụng ấp.

Bọn Tào Hưu, Trương Liêu, Tang Bá đến đánh, Phạm đốc bọn Từ Thịnh, Toàn Tông, Tôn Thiệu, đem quân thuyền cự bọn Hưu ở Đồng Khẩu. Phạm được thắng làm Tiên tướng quân, ban Giả tiết, đổi phong tước Nam Xương hầu. Bấy giờ bất chợt có gió lớn, thuyền quân bị lật chìm, chết mấy nghìn người, quân quay về, Phạm được bái làm Dương châu mục.

Tính Phạm thích uy vũ và nghi thức, người cùng châu như Lục Tốn, Toàn Tông và các công tử quý tộc, đều sửa mình cung kính nghiêm túc, chẳng dám khinh mạn. Phục sức trong chỗ ở của Phạm, vào lúc đương thời rất xa xỉ, nhưng Phạm chuyên cần với việc công và tuân theo phép nước, cho nên Quyền vui mừng với lòng trung của Phạm, chẳng trách sự xa xỉ ấy.^①

① *Giang Biểu truyện* chép: Có người bẩm rằng Phạm và Hạ Tề dùng lụa đẹp xa xỉ, phục sức phỏng theo như bậc vương hầu, Quyền nói:

- Xưa kia Quan Trọng vượt lễ giáo, Hoàn công ưu đãi bao dung cho ông ấy, không tổn hại tới nghiệp bá. Nay Từ Hành, Công Miêu, bản thân không có cái lỗi của Di Ngô, chỉ là khí giới của họ tinh xảo đẹp đẽ, xe thuyền nghiêm chỉnh thôi, thế là vừa đủ cho nghi dung của quân đội, tổn hại gì đến việc trị quân chẳng?

Người tố cáo bèn không dám nói nữa.

Khi trước Sách sai Phạm giữ chức Chủ tài kế,⁽¹⁾ Quyền bấy giờ ít tuổi, tới xin tiền riêng ở chỗ Phạm, Phạm nhất định bầm báo

¹ Chủ tài kế (主财计) là người chủ quản về tài chính, nắm giữ tiền bạc trong quân.

lên, không dám tự tiện cho, người đương thời cho là bị oán vọng. Quyền giữ chức trưởng huyện Dương Tiễn, có dùng riêng tiền của công, Sách ngờ hoặc bất ngờ tra xét, Công tào là Chu Cốc liền giúp Quyền sửa sổ sách, khiến Sách không trách hỏi. Quyền ngay lúc ấy rất hài lòng với Cốc, sau này khi thống quản công việc, vì Phạm trung thành, được hậu đãi tín nhiệm, cho là Cốc có thể dối lừa sửa đổi sổ sách, nên không trọng dụng vậy.

Năm Hoàng Vũ thứ bảy, Phạm được thăng làm Đại tư mã, ấn thụ chưa kịp ban xuống, Phạm đã mắc bệnh chết. Quyền mặc áo trắng cử tang, phái sứ giả truy tặng ấn thụ. Lúc trở về kinh đô Kiến Nghiệp, Quyền đi qua mộ Phạm gọi to rằng:

- Tử Hành!

Gọi xong rơi nước mắt, tự mình làm cỗ thái lao để tế Phạm.^①

① *Giang Biểu truyện* chép: Khi trước, Quyền dời đô đến Kiến Nghiệp, đại hội quần thần văn võ, bấy giờ bảo với Nghiêm Tuấn rằng:

- Cô trước đây khen Lỗ Tử Kính sánh với Đặng Vũ, Lã Tử Hành so với Ngô Hán, Khanh là một trong số những người chưa đồng ý với lời ấy, hôm nay muốn nói gì chăng?

Tuấn lui về chỗ ngồi nói:

- Thần chưa hiểu rõ ý tứ, chỉ bảo Túc, Phạm nhận nhiều ân điển, nhưng lời khen ấy quá với sự thực.

Quyền nói:

- Xưa kia lúc Đặng Trọng Hoa mới gặp Quang Vũ, Quang Vũ bấy giờ vâng mệnh Canh Thủy⁽¹⁾ sai phái, đi phủ dụ Hà Bắc, coi việc của Đại tư mã thôi, chưa có cái chí của bậc đế vương vậy. Vũ khuyên Quang Vũ khôi phục lại nghiệp Hán, thế thì Vũ là người

¹ Thời Vương Mãng, hào kiệt nổi dậy. Canh Thủy đế Lưu Huyền lệnh cho Lưu Tú phủ dụ Hà Bắc, Đặng Vũ nghe tin, vượt sông về bắc, gặp Lưu Tú ở huyện Nghiệp, hai người nói chuyện thâu đêm, Đặng Vũ khuyên Lưu Tú nạp anh hùng, thu nhân tâm để tự lập, Lưu Tú nghe theo, sau lập nên nghiệp lớn.

đầu tiên bàn định về đầu mối việc khai quốc rồi. Từ Kính anh vũ hào sảng mưu lược khác thường, Cô mới một lần cùng nói chuyện, ông ấy liền đề cập đến đại kế, so với Vũ cũng tương tự, cho nên Cô mới so sánh vậy. Lã Tử Hành dốc lòng trung thẳng sáng suốt, bản tính dẫu ưa xa xỉ, nhưng lo lắng lấy việc công làm đầu, chẳng đủ để tổn hại, lia Viên Thuật tự theo về với anh của Cô, anh Cô nhắc lên làm đại tướng, riêng lĩnh bộ khúc, vì lo lắng cho công việc của anh Cô, xin làm Đô đốc, giúp sửa sang chinh đốn quân đội, hơn nữa lại kính cẩn siêng năng, so với Ngô Hán cũng cùng dạng, cho nên Cô mới so sánh Từ Hành với ông ta. Đều có ý nghĩa, không phải là ý của riêng Cô vậy.

Tuấn mới phục.

Con trưởng của Phạm chết sớm, con thứ là Cự nối tự.

Cự tự Thế Nghị, vì cha được nhận chức Lang, sau Phạm ốm nặng, Cự được bá làm Phó quân Hiệu úy, giúp quản việc quân. Phạm chết, Cự được thăng làm An quân Trung lang tướng. Nhiều lần đánh dẹp sơn tặc, những nơi thâm ác cực hiểm, đều đánh phá được.

Cự theo Thái thường Phan Tuấn đi dẹp rợ Ngũ Khê, lại lập công. Chu Nhiên đánh Phàn thành, Cự cùng Chu Dị đánh phá các thành ngoại vi, quay về được bá làm Thiên tướng quân, về triều được bổ chức Mã nhàn hữu bộ đốc, rồi thăng làm Việt kỵ Hiệu úy.

Năm Thái Nguyên nguyên niên, có gió lớn, nước sông Giang đầy tràn, ngấm động ở cửa thành, Quyền sai người xem kỹ thế nước, thấy mình Cự sai người dùng thuyền lớn để phòng hại. Quyền khen ngợi, bá Cự làm Đãng Ngụy tướng quân.

Quyền ốm nặng, lấy Cự làm Thái tử hữu bộ đốc. Thái tử tức vị, bá Cự làm Hữu tướng quân.

Nước Ngụy xuất binh ra Đông Hưng, Cự đến đánh dẹp có công. Năm sau, Tôn Tuấn giết Gia Cát Khác, thăng Cự làm Phiêu kỵ

tướng quân, coi việc ở cung Bình Tây. Năm Ngũ Phượng thứ hai, ban Giả tiết, giúp bọn Tuấn đánh úp Thọ Xuân, khi quay về gặp tướng nước Ngụy là Tào Trăn, phá Trăn ở Cao Đình.

Năm Thái Bình nguyên niên, Cừ xuất sư lấn nước Ngụy, chưa đến sông Hoài, nghe tin Tôn Tuấn chết, em họ là Lâm tự lên thay, Cừ cả giận, dẫn quân về, muốn phế Lâm. Lâm nghe tin, sai quan Trung thư phát chiếu, chiếu lệnh sai bọn Văn Khâm, Lưu Toàn, Đường Tư bắt Cừ, lại phái anh họ mình là Hiến đem binh ở kinh đô đón đánh Cừ tại Giang Đô. Tả hữu khuyên Cừ hàng Ngụy, Cừ nói:

- Ta thẹn vì kẻ phản thần.

Bèn tự sát. Bị tru di tam tộc.

Chu Hoàn tự Hưu Mục, người Ngô Quận huyện Ngô. Tôn Quyền làm tướng quân, Hoàn làm Cấp sự nơi Mạc phủ, được đổi làm trưởng huyện Dư Diêu. Địa phương nơi Hoàn tới bất ngờ gặp dịch bệnh, lương thực thiếu thốn giá cả rất đắt đỏ, Hoàn sai phái bộ hạ là những quan lại tốt, giấu thân phận mang thuốc men, cơm cháo cung ứng không dứt, quan dân cảm ân kích đức. Quyền thăng Hoàn làm Đãng khấu Hiệu úy, trao cho hai nghìn binh, sai bộ ngũ ở hai quận Ngô, Cối, tụ hợp dân ly tán, trong khoảng một năm, được hơn vạn người. Sau đấy sơn tặc ở quận Đan Dương, Bà Dương nổi dậy như ong, đánh phá thành quách, cướp giết trưởng lại, nơi nơi tụ tập lập trại. Hoàn đốc suất chư tướng, đi khắp nơi đánh dẹp, các nơi ấy đều bình định ngay. Ít lâu sau Hoàn được thăng làm Bì tướng quân, phong tước Tân Thành đình hầu. Về sau Hoàn thay Chu Thái làm Nhu Tu đốc.

Năm Hoàng Vũ nguyên niên, nước Ngụy sai Đại tư mã Tào Nhân đem mấy vạn quân bộ kỵ hướng đến Nhu Tu, Nhân

muốn đem binh đánh úp lấy bãi nổi trên sông, Ngụy đánh tiếng trước, là muốn đánh Tiệp Khê. Hoàn chia binh đến Tiệp Khê, đã phát binh, thốt nhiên biết được tin Nhân tiến quân dàn trận cách Nhu Tu bảy mươi dặm. Hoàn phái sứ giả đuổi theo gọi binh đi Hoàn Khê về, binh chưa về đến nơi mà Nhân đã ập đến. Bấy giờ thủ hạ của Hoàn và bộ binh mà Hoàn thống quản, chỉ có năm nghìn người đang ở đó, chư tướng kinh sợ, trong lòng đều hãi hùng, Hoàn bảo rõ họ rằng:

- Phàm là hai quân giao đấu, thắng thua tại tướng, chẳng tại quân ít hay nhiều. Các người nghe nói Tào Nhân dụng binh hành quân, so với Hoàn ta thế nào? Điều mà binh pháp nói về tình huống quân khách đông gấp đôi mà quân chủ bằng một nửa, là nói hai bên ở chỗ bằng phẳng, không thủ giữ thành trì, lại nói đến tình huống quân sĩ dũng mãnh khiếm nhược của hai bên khác nhau thôi. Nay Nhân đã không phải là bậc trí dũng, hơn nữa sĩ tốt của hắn rất hèn nhát, lại lặn lội từ nghìn dặm, người ngựa khốn mệt, Hoàn với các người, cùng giữ tòa thành cao, phía nam nhìn xuống sông lớn, phía bắc dựa vào gò núi, lấy nhàn đợi mọi, là chủ khắc chế khách, đó là cái thế bách chiến bách thắng vậy. Dẫu Tào Phi tự đến, còn chẳng đủ lo, huống chi là bọn Nhân này!

Hoàn nhân đó ngả cờ im trống, bề ngoài tỏ ra yếu nhược, để lừa như Nhân. Nhân quả nhiên phái con mình là Thái đánh thành Nhu Tu, chia phái tướng quân Thường Diêu đốc bọn Gia Cát Kiền, Vương Song, cưỡi du thuyền đi riêng tập kích Trung Châu. Trung Châu, là nơi vợ con bộ khúc ở. Nhân tự dẫn một vạn người lưu lại Thác Cao, làm hậu viện cho bọn Thái. Hoàn chia binh tướng đánh du thuyền, lại đi riêng đánh bọn Diêu, Hoàn thân đến cự Thái, đốt doanh trại rồi lui về, sau chém bêu đầu Diêu, bắt sống Song, đưa về Vũ Xương, lâm trận chém và dìm chết địch hơn một nghìn người. Quyền khen công của

Hoàn, phong tước Gia Hưng hầu, thăng làm Phấn vũ tướng quân, lĩnh chức Bành Thành tướng.

Năm Hoàng Vũ thứ bảy, Thái thú Bà Dương là Chu Phường trá quyết dụ lừa Đại tư mã nước Ngụy là Tào Hưu, Hưu dẫn mười vạn quân bộ kỵ đến Hoán Thành để đón tiếp Phường. Bấy giờ Lục Tốn làm nguyên soái, Toàn Tông và Hoàn làm Tả Hữu đốc, đều đốc ba nghìn người tập kích Hưu. Hưu biết bị lừa, đang dẫn quân về, tự phụ quân đông, muốn cầu may ở một trận đánh. Hoàn dâng kế rằng:

- Hưu vốn dĩ là thân thích mà được tin dùng, không phải là danh tướng trí dũng vậy. Nay giao chiến tất bại, bại tất chạy, chạy sẽ theo lối Giáp Thạch, Quải Xa, hai đường ấy đều là đạo lộ hiểm ác, nếu đem vạn binh chen chúc trên đường, thì binh kia có thể bị diệt sạch, mà Hưu có thể bắt sống, thần xin dẫn bộ hạ của mình cắt đường của hắn. Nếu nhờ thiên uy, kế bắt Hưu mà hiệu nghiệm, lập tức có thể thừa thắng ruổi dài, tiến lấy Thọ Xuân, chia cắt được đất Hoài Nam, để mưu toan vùng Hứa, Lạc, đấy là thời cơ vạn đời có một, chẳng nên để mất vậy.

Quyền cùng Lục Tốn bàn bạc trước, Tốn cho là không nên, vì thế kế chẳng được thi hành.

Năm Hoàng Long nguyên niên, bái Hoàn làm Tiền tướng quân, lĩnh Thanh châu mục, ban Giả tiết.

Năm Gia Hòa thứ sáu, quan Chủ bộ Lư Giang của nước Ngụy là Lã Tập xin đại binh Ngô đến đón, muốn mở cửa thành làm nội ứng. Hoàn cùng Vệ tướng quân Toàn Tông đều đem binh đến đón. Đến nơi, việc lộ, quân đương rút về. Bên ngoài thành có dòng suối, cách thành đó một dặm, rộng hơn ba mươi trượng, sâu tám chín thước, chỗ nông cũng sâu bốn năm thước, chư quân đồn binh qua sông, Hoàn tự mình đi đoạn hậu. Bấy giờ Thái thú Lư Giang là Lý Ứng chỉnh đốn quân kỵ, muốn đợi chư quân qua được nửa sông, nhân đó sẵn ra tập kích họ. Khi

thấy cò lọng của Hoàn ở phía sau, cuối cùng không dám xuất kích, Hoàn bị người ta kính sợ như thế.

Thời ấy Toàn Tông làm Đốc, Quyền lại lệnh cho Thiên tướng quân Hồ Tổng tuyên chiếu mệnh, tham dự việc quân. Tông vì xuất quân không thu được gì, thương nghị muốn phân chia sắp xếp lại chư tướng, có hành động tập kích. Hoàn vốn chí khí cao, xấu hổ vì bị làm bộ ngũ, bèn qua gặp Tông, hỏi ý đồ hành động, rồi kích động phát giận, cùng Tông tranh kể. Tông muốn tự giải thoát, nhân đó nói:

- Chúa thượng tự ra lệnh cho Hồ Tổng làm Đốc, ý của Tổng cho là nên như thế thôi.

Hoàn càng tức giận, quay về sai người gọi Tổng. Tổng đến cửa quân, Hoàn ra đón, ngoảnh lại bảo tả hữu rằng:

- Hễ ta buông tay, chúng mày ra cả đây.

Một người ở bên cạnh đi ra, bảo nhỏ Tổng nên về. Hoàn ra, không thấy Tổng, biết là tả hữu của mình nói, nhân đó chém giết chúng. Tham quân của Hoàn tiến lên can, Hoàn đâm chết Tham quân, rồi giả phát bệnh rồ, đến Kiến Nghiệp trị bệnh. Quyền yêu tiếc cái công lao và tài năng của Hoàn, cho nên không bắt tội.^① Rồi sai con của Hoàn là Dị thay lĩnh bộ khúc, sai thầy thuốc xem bệnh cho Hoàn, được mấy tháng lại phái về Trung Châu. Quyền tự ra tiễn, bảo rằng:

- Nay giặc cướp hãy còn, nghiệp vương chưa thống nhất, Cô sẽ cùng người chung định thiên hạ, muốn sai người đốc năm vạn người đảm đương riêng một mặt, để mưu đồ tiến thủ, hy vọng bệnh của người không phát lại nữa.

Hoàn nói:

- Trời trao cho bề hạ tư chất của bậc thánh, nên phải xét soi việc trong bốn bể, đã ủy nhiệm cho thần trách nhiệm lớn, để trừ gian nghịch, bệnh của thần sẽ tự khỏi.^②

① Tôn Thịnh nói: *Kinh Thư* nói rằng bầy tôi không được tác uy tác phúc, đã tác uy tác phúc, thì hung nhà hại quốc. Cái tàn nhẫn độc ác của Hoàn, gần như hổ lang vậy, người làm vua còn chẳng nên thế, huống chi là tướng được làm thế sao? Ngạn ngữ nói, được một người mà mất cả quốc gia, buông tha cho kẻ có tội là thiếu sót về hình phạt, cái mất mát nào lớn bằng đây!

② *Ngô lục* chép: Hoàn dâng chén rượu lên nói:

- Thần sắp đi xa, xin được một lần vượt râu bệ hạ, thì không có gì phải hối hận nữa.

Quyền ngồi dựa vào ghế ngả về phía trước, Hoàn tiến lên vuốt râu Quyền nói:

- Thần hôm nay thực sự có thể nói là đã vượt râu hùm vậy.

Quyền cả cười.

Hoàn tính cách cao ngạo hiếu thắng, hổ thẹn vì ở dưới người, mỗi khi lâm địch giao chiến, bị kiềm chế không được tự do, thường cáu giận phẫn khích. Nhưng khinh tài quý nghĩa, và lại trí nhớ rất ghê gớm, gặp mặt người ta một lần, mấy chục năm vẫn không quên, bộ khúc có vạn người, mà vợ con họ đều biết hết. Lại khéo dưỡng sĩ tốt, cấp giúp cả lực thân của họ,⁽¹⁾ bổng lộc và sản nghiệp, đều cùng họ chia chung. Đến lúc Hoàn bị ốm nặng, cả doanh trại lo lắng.

Năm sáu mươi hai tuổi, là năm Xích Ô nguyên niên Hoàn chết. Quan dân nam nữ, chẳng ai không gào khóc. Lại nữa, trong nhà Hoàn không có tiền của thừa, Quyền ban cho năm nghìn hộ muối để chu toàn tang sự. Con của Hoàn là Dị nối tự.

Dị tự Quý Văn, nhờ cha được nhận chức Lang,^① sau được bá làm Kỵ đô úy, thay Hoàn lĩnh binh. Năm Xích Ô thứ tư, theo Nhiên đi đánh Phàn Thành của nước Ngụy, đặt kế phá vùng ngoại vi Phàn Thành, quay về được bá làm Thiên tướng quân.

¹ Là sáu hạng người gần gũi nhất của người ta, là: Cha, mẹ, vợ, con, anh chị, em.

Thái thú Lư Giang của nước Ngụy là Văn Khâm đóng doanh trú quân ở Lục An, dựng nhiều trại sách, bố trí tại các đường hiểm, để chiêu dụ quân trốn phản, vào biên giới cướp bóc làm hại. Dị bèn đích thân đốc suất hai nghìn thủ hạ của mình, đánh úp phá được bảy trại của Khâm, chém mấy trăm thủ cấp, được thăng làm Dương vũ tướng quân.

Quyền cùng luận việc tác chiến, Dị đối đáp rất đúng ý Quyền. Quyền bảo chú họ của Dị là Phiêu kỵ tướng quân Cự rằng:

- Ta vốn biết Quý Văn quả cảm kiên định, khi gặp thấy quá cả những điều đã nghe được.

Năm thứ mười ba, Văn Khâm trá hàng, mật gửi thư cho Dị, muốn Dị thân đến đón. Dị dâng biểu trình thư của Khâm lên, nhân đó bày tỏ rằng việc đó là dối trá, không nên tự tiện đón. Quyền hạ chiếu rằng:

"Hiện nay đất bắc chưa thống nhất, Khâm nói rằng muốn quy phục chân mệnh, nên đến đón hấn. Nếu như ngờ hấn có ý lừa lọc, chỉ nên bày kế giăng lưới để quây bắt hấn, tăng cường trọng binh để đề phòng hấn mà thôi."

Bèn phái Lã Cự đốc hai vạn người, cùng Dị hợp sức, đến địa biên bắc, Khâm quả nhiên không hàng.

Năm Kiến Hưng nguyên niên, Dị được thăng làm Trấn nam tướng quân. Năm ấy nước Ngụy phái bọn Hồ Tuân, Gia Cát Đản tiến ra Đông Hưng, Dị đốc quân thủy đánh cầu nổi, phá vỡ cầu, quân Ngụy đại bại.^②

Năm Thái Bình thứ hai, Dị được ban Giả tiết, làm Đại đô đốc, cứu vây Thọ Xuân, không giải được vây. Quân quay về, Dị bị Tôn Lâm vu vạ giết uống.^③

① Văn sĩ truyện chép: Con của Trương Đôn là Thuần cùng Trương Nghiễm và Dị lúc đều còn ít tuổi, qua diện kiến Phiêu kỵ tướng quân Chu Cự. Cự nghe nói ba người này tài danh, muốn thử họ, bảo rằng:

- Lão phu sớm đã nghe danh tiếng của các vị, hết sức khao khát gặp gỡ. Ôi, tuần mã nhờ chạy nhanh nên lập công, ung cất nhờ nhanh nhẹn nên kỳ diệu, các người hãy vì ta đều làm bài phú về một vật, rồi sau mới được ngồi xuống.

Nghiêm bèn làm bài phú về con chó rằng:

"Giữ nhà có uy,
Ra ngoài được việc,
Hàn Lô, Tống Thước,⁽¹⁾
Danh lưu tre lụa."

Thuần làm bài phú về cái chiếu rằng:

"Chiếu cỏ trải mùa đông,
Chiếu đan bày mùa hè,
Vái chào mà ngồi xuống,
Quân tử nên như thế."

Dị làm bài phú về cái nỏ rằng:

"Cán gỗ ở Nam Nhạc,
Tên đông tại Chung Sơn,
Giương nỏ lên bắn trúng,
Được con cắt trên tường."

Ba người đều tùy theo vật mình nhìn thấy mà làm phú về vật đó, đều hoàn thành rồi mới ngồi, Cự rất vừa lòng.

② Ngô thư chép: Dị lại theo Gia Cát Khác vây Tân Thành, không hạ được thành, bọn Dị đều nói nên tức tốc quay về Dự Chương, tập kích thành Thạch Đầu, bất quá chỉ mấy ngày có thể hạ được. Khác đưa thư giảng giải với Dị, Dị quẳng thư xuống đất nói:

- Chẳng dùng kế của ta, lại dùng lời nói của thằng hề!

Khác cả giận, lập tức đoạt lấy binh quyền của Dị, vì thế lần ấy việc hồng phải quay về Kiến Nghiệp.

③ Ngô thư chép: Lâm đòi Dị đến tương kiến, sắp đi, Lục Kháng e dè ngăn lại, Dị nói:

¹ Hàn Lô, là nói giống chó tốt ở nước Hàn thời Chiến Quốc, sắc lông đen tuyền. Tương tự thì Tống Thước cũng là nói đến giống chó tốt ở nước Tống.

- Từ Thông, là đứa gia nhân thôi, ta há phải nghi ngại hắn sao!

Bèn đi. Lâm sai người có sức khỏe bắt Dị ngay trên chỗ ngồi. Dị nói:

- Ta là trung thần của nước Ngô, có tội lỗi gì đâu?

Lập tức bị lôi ra giết.

Bình rằng: Chu Tri, Lã Phạm vì là cựu thần được trọng dụng, Chu Nhiên, Chu Hoàn vì dũng liệt mà nổi danh, Lã Cự, Chu Dị, Thi Tích đều có cái của bậc tướng lĩnh, nổi được nghiệp nhà. Nếu Phạm, Hoàn vượt qua cái hẹp hòi của mình, nhờ đó được tốt đẹp tới lúc chết, thì đến Cự, Dị mắc lỗi lầm chẳng được như thế mà trái lại gặp tai ương, đây là do gặp phải một thời thế khác vậy.

QUYỂN THỨ NĂM MƯỜI BẢY
NGU, LỤC, TRƯƠNG, LẠC, LỤC,
NGÔ, CHU TRUYỆN

— 380 —

Ngu Phiên tự Trọng Tường, người quận Cối Kê huyện Dư Diêu,^① Thái thú Vương Lăng lệnh sai làm Công tào.

Tôn Sách đánh quận Cối Kê, bấy giờ Phiên có tang cha, mặc áo xô đến cửa phủ, Lăng muốn ra đón, Phiên bèn cời tang phục vào bái kiến, khuyên Lăng tránh Sách. Lăng không nghe, giao chiến thua bại, chạy trốn ra biển. Phiên đuổi theo bảo hộ Lăng, lui đến huyện Hậu Quan ở phía đông quận, Trưởng huyện Hậu Quan đóng cửa thành không tiếp, Phiên qua thuyết hấn, sau được đón nhận.^②

Lăng bảo Phiên rằng:

- Ngài có mẹ già, nên quay về đi.^③

Phiên đã về rồi, Sách lại truyền mệnh sai Phiên làm Công tào, tiếp đãi dùng lễ bằng hữu, lại thân đến nhà Phiên bái phỏng.^④

① *Ngô thư* chép: Phiên thời trẻ hiếu học, có chí khí cao. Năm Phiên mười hai tuổi, có người khách đến tìm hỏi anh của Phiên, không thềm hỏi qua Phiên, khách đi, Phiên đuổi theo gửi thư nói:

"Kẻ hèn này nghe nói hổ phách chẳng lấy được ở cỏ mục, hòn đá từ không hút được cái kim bị mắc,⁽¹⁾ ngài qua không gặp được, há chẳng rất đúng sao!"

¹ Hổ phách sinh ra từ cây gỗ tốt bị vùi dưới đất lâu năm, cây cỏ mục không thể sinh được hổ phách; Đá từ (nam châm) có thể hút sắt. Khi xưa dùng kim để châm cứu, nếu kim bị cong hay gãy mắc trong da thịt thì đá từ không thể hút ra được.

Khách đọc thư cho là lạ, Phiên vì thế được biết đến.

② *Ngô thư* chép: Phiên ban đầu muốn tiễn Lãng đến quận Quảng Lăng, Lãng bị mê hoặc vì lời ở sách *Vương Phương Bình ký*, có câu: "Hãy mau đến đón ta, gặp nhau ở Nam Nhạc",⁽¹⁾ cho nên xuôi về hướng nam. Đã đến huyện Hậu Quan, lại muốn đến Giao châu, Phiên can Lãng rằng:

- Đây là sách nói xằng thôi, Giao châu không có núi Nam Nhạc, sao đem thân đến đó được?

Lãng mới dừng.

③ *Phiên biệt truyện* chép: Lãng sai Phiên gặp Thái thú Dự Chương là Hoa Hâm, mưu cùng cất nghĩa binh. Phiên còn chưa tới Dự Chương, nghe tin Tôn Sách hướng đến Cối Kê, Phiên bèn quay về. Gặp lúc có tang cha, vì là bầy tôi đi sứ phải giữ tiết, không dám qua nhà, nửa đêm đuổi theo Lãng đến huyện Hậu Quan. Lãng phái Phiên quay về, Phiên mới vội về chịu tang.

Bản truyện kể rằng Tôn Sách đến, Phiên mặc áo xô gai đến cửa phủ, khuyên Lãng tránh Sách, thì quá khác lạ.

④ *Giang Biếu truyện* chép: Sách gửi thư cho Phiên nói:

"Việc ngày nay, ta sẽ cùng ngài chung sức, ngài chớ cho là Tôn Sách ta lấy thân phận làm quận lại đối đãi với ngài vậy."

Sách thích ruổi ngựa săn bắn, Phiên khuyên ngăn rằng:

- Minh phủ dùng quân ô hợp, ruổi ngựa khiến kẻ sĩ ly tán theo phục, đều thu được sự ra sức đến chết của họ, dẫu Hán Cao đế chẳng theo kịp vậy. Còn như việc khinh suất đi lên một mình, quan lại đi theo không kịp chỉnh hành trang, binh tốt thường phải lo lắng. Người làm chủ chẳng coi trọng bản thân thì vô uy, cho nên con rồng trắng hóa thành con cá, bị khốn bởi Dự

¹ Vương Phương Bình (王方平), sống ở thời vua Hán Hoàn đế nhà Đông Hán, tên Viên, tự Phương Bình; làm quan Lang trung, rất giỏi thiên văn, hà đồ, sau từ quan đi ở ẩn, hái thuốc dưới chân núi Bình Đê. Sách *Thần tiên truyện* kể rằng ông đắc đạo thành tiên bay lên trời. Vương Lãng tin vào truyện thần tiên kể về Vương Viên nên muốn đến núi Nam Nhạc ở ẩn, học đạo.

Thả,⁽¹⁾ rần trắng tự buông thả, bị Lưu Quý hại chết,⁽²⁾ xin hãy lưu ý một chút.

Sách nói:

- Ngài nói đúng vậy. Nhưng lúc ta có điều nghĩ ngại, đứng ngồi thấp thỏm, cũng như Bì Kham⁽³⁾ lúc tính soạn bản thảo, vì thế cho nên ra ngoài đi săn thôi.①

① *Ngô thư* chép: Sách đánh dẹp người Sơn Việt, chém cừ sủy của họ, sai hết thầy tả hữu chia ra đuổi giặc, một mình cưỡi ngựa cùng Phiên đụng nhau ở trong núi. Phiên hỏi tả hữu ở đâu, Sách nói:

- Họ đều đi đuổi giặc rồi.

Phiên nói:

- Việc nguy vậy!

Bèn khuyên Sách xuống ngựa, bảo:

- Chỗ này cỏ cây rậm rạp, nếu đột nhiên xảy chuyện nguy cấp, thì không kịp vung roi thúc ngựa, chỉ dắt ngựa, cầm cung đi bộ thôi. Phiên giỏi dùng mâu, xin đi ở phía trước.

Tới chỗ đất bằng, Phiên khuyên Sách cưỡi ngựa. Sách hỏi:

- Ngài không cưỡi ngựa là sao?

Phiên đáp:

- Phiên giỏi đi bộ, một ngày có thể đi hai trăm dặm, từ khi đi đánh dẹp đến nay, quan quân chẳng ai theo kịp Phiên, mình phủ hãy lên ngựa, Phiên có thể đi bộ từ xa theo sau ngài.

¹ *Thuyết uyển* của Lưu Hưóng, người thời Hán kể: Thời Xuân Thu ở nước Tống, có người đánh cá tên là Dự Thả đi bắt cá, có con rồng trắng lặn xuống vực sâu chơi, hóa làm con cá, bị Dự Thả bắn trúng vào mắt. Con rồng trắng bay lên trời tố với Thiên đế, Thiên đế nói: "Là cá thì cố nhiên là bị người đánh cá bắn rồi, nếu thế, Dự Thả có tội gì?"

² Con của Bạch đế đi chơi hóa thành rắn nằm chắn ngang đường, bị Lưu Quý tức Lưu Bang say rượu, chém chết.

³ *Luận ngữ* có câu: "Vâng lệnh vua (vua nước Trịnh muốn gửi thư cho các nước), Bì Kham soạn bản thảo, Thế Thúc tra kinh điển, Tử Vũ sửa câu văn, Tử San thêm bớt văn vẻ cho hoàn mỹ." Lai lịch và hành trạng của Bì Kham, chưa rõ.

Đi đến đường lớn, gặp một tên lính đánh trống, Sách thổi tù và tự mình thúc trống, bộ khúc nghe tiếng, lớn nhỏ đều xông ra, rồi theo đi khắp một vòng, bình định ba quận.

Giang Biểu truyện chép: Sách đi đánh Hoàng Tổ, lúc quay về muốn qua lấy Dự Chương, mời riêng Phiên đến nói:

- Hoa Tử Ngư vốn có thanh danh, nhưng không phải là địch thủ của ta. Ta lại nghe nói là chiến cụ của ông ta rất thiếu, nếu không mở cửa nhường thành, chiêu trống nhất loạt nổi lên, chẳng thể không sát thương gây hại, tiện dịp ngài đang ở phía trước hãy đến tuyên rõ ý ta.

Phiên lập tức vâng mệnh tới truyền lời, đi thẳng đến quận, xin mặc áo đơn đội khăn quần vải thô cùng đối phương gặp gỡ, bảo Hâm rằng:

- Ngài tự liệu thanh danh của mình ở trong nước, so với cố Vương phủ quân của bỉ quận thì ai hơn?⁽¹⁾

Hâm nói:

- Ta không bằng vậy.

Phiên nói:

- Lương thảo của cái ở quận Dự Chương nhiều hay ít? Khí tượng có sắc bén không? Sự dũng cảm của quan dân bên này sánh được với bỉ quận chăng?

Hâm lại nói:

- Không bằng được vậy.

Phiên nói:

- Thảo nghịch tướng quân trí lược kiệt xuất hơn đời, dụng binh như thần, lúc trước đuổi Lưu Dương châu, là việc tự bản thân ngài đã thấy, phía nam định bỉ quận, cũng là điều ngài nghe biết. Nay ngài muốn giữ tòa thành tro tro, tự liệu về lương thảo của cái, đã biết là không đủ, mà chẳng sớm lập kế, thì hối không kịp vậy. Nay đại quân đã đóng ở Tiêu Khâu, kẻ hèn này lập tức quay về, tới giữa trưa mai không nhận được hồi báo hịch, ta với ngài từ biệt thôi.

¹ Tức Vương Lăng.

Phiên đi rồi, sớm hôm sau Hâm ra thành, phái quan lại đón tiếp Sách.

Sách định xong Dự Chương, dẫn quân về quận Ngô, mở tiệc thiết đãi tướng sĩ, tính công ban thưởng, bảo Phiên rằng:

- Cô lúc trước trở lại Thọ Xuân, gặp Mã Nhật Đê, cùng sĩ đại phu của Trung châu hội họp, Nhật Đê nói nhỏ với cô rằng người phương đông đa phần có tài, chỉ tiếc là học vấn không rộng, trong lúc nói năng bàn bạc, có chỗ không theo kịp vậy. Ý cô vẫn cho là chưa hẳn thế. Ngài học vấn uyên bác nghe nhiều biết rộng, nên lúc trước Cô muốn lệnh cho ngài đến huyện Hứa, gặp gỡ giao tiếp với kẻ sĩ trong triều, bắt bẻ bọn trẻ ranh nói xằng người Trung Quốc. Ngài chẳng chịu đi, Cô liền sai Tử Cương; sợ Tử Cương chẳng thể trối được miệng lưỡi bọn trẻ ranh ấy.

Phiên nói:

- Phiên là vật quý trong nhà mình phủ, mà đem ra bảo cho người ta biết, ví như người ta giữ lại, thì phủ quân mất người phụ tá tài năng, cho nên lúc trước Phiên không đi đó thôi.

Sách cười nói:

- Đúng vậy.

Nhân đấy nói:

- Cô có việc đi đánh dẹp, chưa về phủ được, ngài lấy thân phận Công tào làm Tiêu Hà của Cô, giữ lấy Cối Kê nhé.

Ba ngày sau, bèn phái Phiên về quận.

Thần Tùng Chi cho rằng hai vị Vương, Hoa vào buổi nhiều nhương, chống lại kẻ địch khí thế dũng mãnh, đều là việc không làm nổi. Thanh danh đức độ của Hâm, thực cao hơn Lãng, nhưng *Giang Biểu truyện* kể việc Phiên thuyết phục Hoa, nói rằng: "Thanh danh của ngài ở trong nước, so với Vương ai hơn?" Lời này là sai vậy. Nhưng Vương đánh chống, Hoa ngênh đón xin hàng, thực bởi Tôn Sách mới nổi dậy, danh nhỏ quân ít, cho nên Vương mới cất binh, há phải Lãng dùng vũ lực tranh thắng đâu? Về sau uy lực của Sách chuyển thành mạnh, về thế là chẳng thể địch nổi, Hoa liệu sức mà dừng, không hẳn là nhờ vào lời thuyết

phục của Trọng Tường vậy. Ví như đổi địa vị cho nhau, thì cũng là Hoa giao chiến mà Vương hàng phục thôi. Xét *Ngô lịch* chép lời Phiên bảo Hâm rằng: "Trộm nghe nói rằng minh phủ và Vương phủ quân ngang danh ở Trung châu, được người trong nước tôn sùng, tuy ta ở phương đông, lòng vẫn thường ngưỡng mộ." Hâm đáp rằng: "Ta chẳng bằng Vương Cối Kê." Phiên lại hỏi: "Chẳng rõ tinh binh ở Dự Chương, so với Cối Kê thì thế nào?" Đáp rằng: "Đại khái là không bằng được." Phiên nói: "Minh phủ nói mình không bằng Vương Cối Kê, là lời nói khiêm nhường để tỏ cái đức sáng của mình thôi; còn tinh binh chẳng bằng được Cối Kê, thực đúng như lời quý phủ dạy." Nhân đó kể rõ tài trí mưu lược khác lạ của Sách, phép dùng binh diệu kỳ, Hâm bèn đáp rằng sẽ hàng. (Lời thuyết phục này là hơn vậy) Phiên đi ra, Hâm phái quan lại nghênh đón Sách. Lời ở hai sách bất đồng, (lời ở sách này là hơn vậy).

Sau Phiên ra làm trưởng huyện Phú Xuân.

Sách chết, các trưởng lại đều muốn đến viếng, Phiên nói:

- Sợ rằng sơn dân ở các huyện lân bang hoặc kẻ gian gây biến, bọn ta rời thành quách, tất dẫn đến việc bất trắc.

Nhân đó ở lại chế tang phục chịu tang. Các huyện đều bắt chước Phiên, nên cùng được yên ổn.^① Sau đó Phiên được châu cử làm Mậu tài, nhà Hán triệu làm Thị ngự sử, Tào công làm Tư không triệu gọi, đều không đến.^②

① *Ngô thư* chép: Sách chết, Quyền thống quản việc. Định vũ Trung lang tướng Tôn Cảo, là anh họ của Sách, đóng quân ở huyện Ô Trình, thống suất chinh đồn quan quân, muốn đánh lấy quận Cối Kê. Quan lại ở quận Cối Kê nghe tin, sai dân giữ thành để đợi mệnh của chủ kế vị, nhân đó sai người cáo dụ Cảo.

Cối Kê điển lục chép lời Phiên thuyết Cảo rằng:

- Thảo nghịch minh phủ, chẳng trọn tuổi trời. Nay người quản việc thống lĩnh quân dân, nên ở chỗ Hiếu liêm, Phiên đã cùng quan quân một quận, xúm quanh thành cố thủ, tất muốn theo mệnh một sớm ra thành, vì Hiếu liêm trừ hại, chỉ giữ đúng chức phận của mình.

Vì thế Cảo lui.

Thần Tùng Chi xét: Điều mà hai sách này nói vào lúc Sách chết, Phiên vẫn làm Công tào, so với bản truyện bất đồng.

② Ngô thư chép: Phiên nghe tin Tào công triệu, nói:

- Kẻ trộm muốn dùng tiền thừa làm vấy bẩn nhà lương thiện sao?

Bèn cự tuyệt không nhận lời.

Phiên gửi thư cho Thiếu phủ Khổng Dung, gộp bản Dịch chú mà mình soạn ra cho Dung xem. Dung đáp thư rằng:

"Ta nghe nói người vùng Diên Lăng⁽¹⁾ sửa sách nhạc, nay thấy ngài chú giải Dịch, mới biết cái cao đẹp của nhân tài miền Đông nam, không chỉ có vật hay là tre trúc của quận Côi Kê vậy.⁽²⁾ Lại nữa, Dịch chú quan sát thiên tượng sắc mây, xét nóng lạnh ứng vận, suy diễn ra căn nguyên của họa phúc, thần diệu hợp sự lý, có thể nói là tìm tòi sâu xa thông suốt đến cùng."

Cối Kê đông bộ Đô úy là Trương Hoành lại gửi thư cho Dung nói:

"Ngu Trọng Tường trước đây hay bị kẻ bàn luận lấn át, cái đẹp của ngọc là ở bản chất, càng mài càng sáng, chẳng đủ để tổn hại."

Tôn Quyền lấy Phiên làm Kỵ đô úy, Phiên nhiều lần mạo phạm tôn ý ra sức tranh cãi, Quyền không hài lòng, thêm nữa tính Phiên không hòa hợp với thế tục, bị nhiều người chê bai, vì thế định tội đầy đến huyện Kính của quận Đan Dương. Lã Mông mưu đánh Quan Vũ, xưng bệnh trở về Kiến Nghiệp, thấy Phiên kiêm thông y thuật, Mông xin cho Phiên đi theo mình, cũng muốn nhân đó khiến Phiên được phóng thích.

Sau đó Mông cất quân sang tây, Thái thú Nam Quận là My Phương mở cửa thành hàng; Mông chưa tiến chiếm thành của quận mà sai bày nhạc trên bãi sông, Phiên bảo Mông rằng:

¹ Diên Lăng, là tên ấp thuộc nước Ngô thời Xuân Thu, là đất phong của Quý Trát.

² Quận Côi Kê có thứ tre tốt, dùng để chế tạo sáo, âm thanh nghe rất tuyệt.

- Nay người một lòng nhất ý theo hàng chỉ có My tướng quân, người trong thành há có thể tin được hết, sao chẳng mau vào giữ thành trì rồi hãy bày tiêu sáo?

Mông lập tức theo lời. Bấy giờ trong thành có người bày kế mai phục, nhờ có Phiên mà mưu kia chẳng thi hành được.

Quan Vũ bại rồi, Quyền sai Phiên bói kết cục, gieo được quẻ Đoái ở dưới quẻ Khảm ở trên, thành quẻ Tiết, suy diễn ngũ hào thành quẻ Lâm, Phiên nói:

- Chẳng quá hai ngày, tất chém đầu hấn.

Quả như lời của Phiên. Quyền nói:

- Ngài chẳng theo kịp Phục Hi, so với Đông Phương Sóc là bằng được rồi.⁽¹⁾

Tướng nước Ngụy là Vu Cấm bị Vũ bắt, cùm trói ở trong thành, Quyền đến thả ra, mời cùng tương kiến. Ngày khác, Quyền cười ngựa ra ngoài, dẫn Cấm cùng đi, Phiên mắng Cấm rằng:

- Mày là thằng giặc tù xin hàng, sao dám cùng chúa ta cười ngựa song hành!

Muốn vung roi ngựa đánh Cấm, Quyền quát mắng ngăn Phiên lại.

Về sau Quyền ở lâu trên thuyền hội quần thần uống rượu, Cấm nghe nhạc rơi nước mắt, Phiên lại nói:

- Mày muốn lấy sự dối trá để cầu thoát thân chăng?

Quyền phật ý có vẻ bất bình.①

① Ngô thư chép: Về sau Quyền cùng nước Ngụy hòa thân, muốn phái Cấm về phương bắc, Phiên lại can rằng:

- Cấm thua bại tan mất mấy vạn quân, thân là tù hàng, lại chẳng dám chết. Người phương bắc quen với luật lệ trong quân, ta bắt

¹ Phục Hy là ông tổ của môn bói cô thi, còn Đông Phương Sóc, người thời Hán Vũ đế là người giỏi bói đoán có tiếng.

được Cấm tất chẳng phải là điều mà họ tính. Ta trả Cấm về tuy không có chỗ nào tổn hại, song vẫn là buông tha kẻ cướp, chẳng bằng chém đi để hiệu lệnh ba quân, tỏ rõ đây là kẻ bầy tôi hai lòng.

Quyền không nghe.

Quần thần đưa tiến Cấm, Phiên bảo Cấm rằng:

- Người chớ cho rằng nước Ngô ta không có người, chỉ là kế của ta không được dùng thôi.

Cấm tuy bị Phiên ghét bỏ, nhưng vẫn ca ngợi Phiên. Ngụy Văn đế thường vì Phiên mà bỏ trống một chỗ ngôi.⁽¹⁾

Quyền đã làm Ngô vương, cuối hội thết yến, tự đứng dậy rót rượu, Phiên say nằm phục dưới đất, không cầm chén. Quyền đi rồi, Phiên ngồi dậy, Quyền vì thế cả giận, tự tay rút kiếm định đâm Phiên, người hầu chẳng ai không kinh hoàng, duy có Đại tư nông Lưu Cơ đứng dậy ôm Quyền can rằng:

- Đại vương sau ba chén rượu⁽²⁾ tự tay giết kẻ sĩ tài giỏi, tuy rằng Phiên có tội, thiên hạ ai biết việc đó? Vả lại đại vương vì có thể dung hiền dưỡng sĩ, nên người trong nước ngưỡng mộ phong thái, nay một sớm vút bỏ điều ấy, nên chăng?

Quyền nói:

- Tào Mạnh Đức còn giết Khổng Văn Cử,⁽³⁾ Cô giết Ngu Phiên có gì không được?

Cơ nói:

- Mạnh Đức khinh suất giết hại sĩ nhân, thiên hạ chê việc đó. Đại vương cung kính thi hành đức nghĩa, muốn sánh cùng cái thịnh của Nghiêu, Thuấn, sao tự ví so mình với Tháo được?

¹ Bày sẵn một chỗ ngôi bỏ trống là tỏ ý sắp sẵn ghế để cho Phiên ngồi.

² Lễ uống ba chén rượu: Xem chú thích ở tập VII, quyển 54, trang 306 (Chu Du truyện).

³ Xem việc Tào Tháo giết Khổng Dung ở tập III, quyển 12, (Thôi Diễm truyện).

Phiên vì thế được thoát. Quyền nhân đó sắc mệnh cho tả hữu, từ nay sau khi uống rượu mà mình nói giết ai, đều không được giết.

Phiên từng cưỡi thuyền xuất hành, cùng My Phương bất ngờ gặp nhau, người trên thuyền của Phương phần lớn muốn Phiên tự tránh nhường đường, đứng ở đầu thuyền nói:

- Hãy tránh thuyền của tướng quân!

Phiên cao giọng nói:

- Người mất trung mất tín, lấy gì để thờ vua? Vứt bỏ ủy thác dâng hai tòa thành, mà xưng là tướng quân, nên chăng?

Phương đóng cửa thuyền không đáp lời vội vàng tránh đường cho Phiên đi.

Sau có lần Phiên ngồi xe xuất hành, qua cửa doanh của Phương, quan lại đóng cửa, xe không qua được. Phiên lại giận nói:

- Đáng đóng cửa thì lại mở, đáng mở cửa thì lại đóng, việc làm ấy thích đáng sao?

Phương nghe nói, có sắc thẹn.

Phiên bản tính thẳng thắn thiếu tinh tế, mấy lần vì rượu mắc lỗi.

Quyền cùng Trương Chiêu bàn luận đến chuyện thần tiên, Phiên trở vào Chiêu nói:

- Những người kia rồi đều thành người chết, mà nói chuyện thần tiên, thế gian há có người tiên sao!

Quyền tích giận không chỉ một lần, vì thế đày Phiên đến Giao châu.

Phiên tuy mắc tội bị lưu đày, nhưng giảng học không chán mệt, môn đồ thường có mấy trăm người.^① Phiên lại chú giải các sách *Lão tử*, *Luận ngữ*, *Quốc ngữ*, đều truyền ở đời.^②

^① *Phiên biệt truyện* chép: Quyền tức tôn hiệu, Phiên nhân đó dâng thư rằng:

"Bệ hạ lòng chứa đức sáng của bậc thánh, thân giữ đức hiếu của Thuần, Vũ, xét sự vận hành của thiên tượng, ứng theo vận số, thuận trời giúp vật. Nay kính nhận sách mệnh, thân một mình vỗ tay vui múa. Thân mắc tội bị vứt bỏ nơi biên viễn, muốn đến bái mừng chẳng thấy thêm, ngẩng trông sao bắc đẩu, vui mừng lại thương thân."

"Thần cúi nghĩ xét mình, mạng chim chuột đáng khinh, mệnh may mắn không đáng, tội lỗi quá lớn, giết còn chưa xứng, nhờ ân vô cùng, được tha thứ giữ mệnh đã chín năm, nay nghĩ xét việc đã qua, đáng chết không bị giết, được sống ở đời, lại cầu thả bảo toàn tính mệnh."

"Thần nay sáu mươi tuổi, nghĩ tội trước đây lo buồn u uất, hình dáng tiêu tụy tóc bạc răng rơi, đầu thân chưa chết, mà lòng đã chết rồi, chẳng thấy cung khuyết và cảnh xa hoa của trăm quan, không thấy hoa văn khắc trên xe kiệu, ngẩng xem cái hùng tráng trong lời ca của quân dân, nghiêng tai nghe tiếng nhạc vui nhộn của trống chiêng, mà mình phải chết nơi góc bể, bỏ thây nơi biên vực, chẳng ngăn được nỗi hoài niệm đau thương, nay vui ngày đại khánh, mừng rõ quên đi cái tội của mình."

② Phiên biệt truyện chép: Phiên mới soạn lập chú Dịch, tấu lên Hoàng thượng rằng:

"Thần nghe nói khởi nguồn của lục kinh, không gì lớn bằng trời đất, vì thế Phục Hi ngẩng trông trời xét hình tượng, mà lập ra bát quái, quan sát biến động của lục hào lập thành sáu mươi tư quẻ, để giao tiếp với thần minh, để tương hợp với vạn vật."

"Cao tổ phụ của thần là Quang trước làm Thái thú Linh Lăng, thời trẻ chinh lý sách Dịch của Mạnh thị, tăng tổ phụ của thần là Thành trước làm Bình Dư lệnh, nổi thuật kế nghiệp Quang, đến tổ phụ của thần là Phương sách ấy tối mật. Người cha đã mất của thần là Hâm trước làm Thái thú Nhật Nam, nhận sách từ Phương, sách cũ rất đầy đủ, nổi đời truyền cái nghiệp ấy, đến thần là năm đời. Tiên nhân thông hiểu chú giảng rõ, đa phần nghiên ngâm kỹ câu chữ, tuy vậy ít người biết giảng giải, vì nghĩa kinh rất uyên bác. Thần sinh ra gặp thời loạn, lớn lên trong quân ngũ, luyện học kinh sách lúc cầm dùi trống, giảng luận lúc trên lưng ngựa, nhờ vào lời giảng của Khổng tử, dựa vào kinh sách lập chú giải. Lại nữa, Quân lại của thần là Trần Đào mơ thấy thần cùng đạo sĩ tương ngộ, xoa tóc mặc áo cừu, bày ra lục hào của Dịch, cào ra ba

hào trong số đó cho thần uống, thần xin nuốt hết cả sáu hào. Đạo sĩ nói đạo lý của Dịch là ở trời, ba hào là đủ rồi. Há phải là thần nhận thụ giáo, nên phải hiểu được kinh sách! Thần xem để hiểu cái chỗ không rời xa thế tục của các nhà, nghĩa có chỗ nào không hợp thực tế, thì đều sửa đổi, để đưa về đạo chính."

"Khổng tử nói: 'Cần nguyên biến hóa chín lần thì thiên hạ trị.' Thánh nhân ngoảnh mặt về nam, đại khái lấy từ quẻ Ly, đấy thực là việc mà thiên tử nên làm để điều hòa âm dương dẫn cái đạo của lân phượng đến vậy. Thần kính cẩn dâng lên bộ chân thư, nghĩ rằng không mắc lỗi."

Phiên lại tấu rằng:

"Cái to lớn của kinh sách, chẳng gì hơn được Dịch. Từ thời Hán sơ đến nay, anh tài trong thiên hạ, đọc Kinh Dịch, ít người hiểu rõ và noi theo được. Đến giữa thời Hiếu Linh, có người ở Dĩnh Xuyên là Tuân Tư xưng là hiểu Dịch, thần xem chú giải của người ấy, càng thấy là kẻ tục nho, đến chỗ giải thích Tây Nam đắc bằng, Đông Bắc táng bằng,⁽¹⁾ điên đảo trái ngược, không thể hiểu được. Khổng tử than về Dịch rằng: 'Người biết được cái đạo lý của sự biến hóa, thì biết được việc làm của thần chẳng!' Tư cho là suy diễn vận số của trời đất đặt ra tứ tượng là hay, mà viết về trời là bài đầu, rất quái lạ và buồn cười. Lại có Thái thú Nam Quận là Mã Dung, tiếng là bậc tài tuấn, điều mà người ấy giải thích, lại chẳng bằng Tư. Khổng tử nói: 'Có thể cùng học, vị tất có thể cùng theo chính đạo', há lời ấy chẳng đúng sao! Đến như Trịnh Huyền ở Bắc Hải, Tống Trung ở Nam Dương, tuy đều lập chú, Trung giản lược ít lắm hơn Huyền nhưng chưa đến được cái mấu chốt của đạo, khó dùng để nêu tỏ với người đời."

Phiên lại tấu là Trịnh Huyền giải nghĩa Kinh Thượng thư sai lầm về thứ mục:

"Thần nghe nói Chu công đặt ra lễ để chia trên dưới, Khổng tử nói 'Có quân thần rồi mới có trên dưới, có trên dưới rồi lễ nghĩa mới có chỗ xếp đặt', cho nên vua tôn quý mà tôi thần hèn hạ, đấy là mấu chốt căn bản của lễ vậy."

¹ Đây là chú giải quẻ Khôn trong Kinh Dịch. Tạm hiểu: Người quân tử đi vân du. Đi về phía Tây nam được bạn (thuận đạo, được ủng hộ - lợi). Đi về Đông bắc mất bạn (trái đạo, mất bạn - bất lợi).

"Cúi xét bản Kinh Thượng thư mà cố Trưng sĩ Trịnh Huyền người quận Bắc Hải chú giải, thiên Cổ mệnh trong đoạn 'Khang vương cầm ngọc mao⁽¹⁾', chữ 'nguyệt' thời cổ giống như chữ 'đồng', từ cái sai chép là chữ 'đồng', đã không hiểu đúng, lại giảng là chữ 'bôi', bảo đó là cái chén uống rượu; Thành vương ốm nặng phó thác lúc lâm chung, chữ 'trạc' nói việc rửa mặt, thì cho là việc giặt áo, chữ 'đào' là chữ 'trạc' thiếu nét, lấy theo cái sai đó; lại nữa là chữ 'quán' thời cổ là kiểu chữ đại triện đọc đúng là chữ 'liễu', chữ 'liễu' cổ và chữ 'quán' đồng âm, mà cho là tối nghĩa; Câu 'phân bắc tam miêu',⁽²⁾ chữ 'bắc' là chữ 'biệt' cổ, lại giảng là phương bắc, nói chữ 'bắc' cũng như chữ 'biệt' vậy. Đại để như thế, thực là quái lạ vậy. Người nắm giữ viên ngọc mà thợ mài khắc ra là thiên tử, cầm ngọc mao là đế triệu chư hầu, cho là cái chén uống rượu; Thiên tử rửa mặt, cho là giặt áo; chữ 'quán' viết lồi cổ triện, lại cho là tối nghĩa. Thật không biết cái nghĩa còn khuyết thiếu. Ở mấy việc đây, lầm lẫn không gì lớn bằng, nên mệnh cho quan chủ quản việc học hành định rõ ba việc ấy. Lại nữa là bản chú của Mã Dung cũng cho rằng chữ 'đồng' là chữ đồng trong câu 'đại đồng thiên hạ',⁽³⁾ kinh sách thời nay thêm chữ 'kim' vào chữ đồng' coi là chữ 'đồng',⁽⁴⁾ bây giờ chú giải nghĩa văn cổ nói 'đồng' là bộ ấn của thiên tử, tuy đều là không được, vẫn còn hơn so với Huyền. Để sai như thế không được, sau khi thần chết, mà lay động trăm đời, dù người đời có kẻ hiểu ra, vẫn hài lòng không tấu xin sửa. Lại nữa là Ngũ kinh mà Huyền chú giải, có một trăm sáu mươi bảy việc lầm nghĩa rất kỳ lạ, chẳng nên không đính chính. Đưa vào trường học, truyền cho mai sau, thần trộm nghĩ thấy hổ thẹn."

Phiên bị lưu đầy ở phương nam, nói rằng:

¹ Ngọc mao là đồ vật mà thiên tử cầm trên tay để hiệu lệnh chư hầu, thường có hình bán nguyệt.

² Câu "phân bắc tam miêu", ở Kinh Thượng thư, thiên Thuán điển thì hai chữ "phân bắc", có nghĩa là chia rẽ, chia ly. Chữ "bắc" là chữ "bôi" vậy. Cả câu này ý nói là phải chia rẽ người Tam Miêu, đây là áp dụng chính sách chia để trị đối với các tộc người thiểu số của các đế vương Trung Quốc.

³ Trời đất vạn vật trong thiên hạ hợp là một.

⁴ Nguyên chữ "đồng" (同), bộ khẩu, nghĩa là "cùng chung, hòa bình, hợp nhất"; ghép thêm chữ "kim" (金), bộ kim, có nghĩa là kim khí, vàng; thành ra chữ "đồng" (銅), bộ kim, nghĩa là kim loại, một loại đồng.

- Ta tự hận mình tiết tháo quá cao ngạo, bản chất không biết nịnh nọt, phạm thượng đắc tội, phải chết già nơi góc bể, sông chẳng nói chuyện được với ai, chết lấy ruồi xanh làm khách viếng, ví có được một người tri kỷ trong thiên hạ, đủ để chẳng tiếc hận.

Bèn lấy điển tịch để tự an ủi mình, dựa vào Dịch đặt quái tượng, để bói điềm cát hung. Lại vì bản chú giải Dịch của họ Tống hơi tối nghĩa có sai lầm, bèn lập thêm phép tắc, hợp soạn sách *Minh Dương, Thích Tống* để lý giải các chỗ vướng mắc của họ Tống.

Thần Tùng Chi xét: Phiên nói "chữ 'quán' thời cổ viết kiểu đại triện đọc đúng là chữ 'liều', chữ 'liều' và chữ 'quán' thời cổ đồng âm", trộm cho rằng lời của Phiên là đúng. Vốn chữ "lưu" và chữ "lưu", chữ "liêu" và chữ "liều" cùng dùng âm như thế,⁽¹⁾ là lấy theo âm gốc, so chữ "quán" với chữ "mão" trong mười hai chi thì chữ giống mà khác âm.⁽²⁾ Nhưng *Vương Mãng truyện* trong *Hán thư* luận chữ "mão kim đao",⁽³⁾ nên cho là chữ "mão" trong mười hai chi, nay chưa thể thẩm xét chính xác được. Nhưng người đời đa phần loạn chữ, nên điều mà Phiên nói là vô vãn.

Tuân Tư, là biệt danh của Tuân Sảng.

Khi trước, người huyện Sơn Âm là Đinh Lãm, người huyện Thái Mạt là Từ Lăng, một người làm Huyện lại trong huyện, một người chưa được mọi người biết đến, Phiên một lần gặp họ, liền cùng kết bạn thân thiết, cuối cùng họ đều nổi danh.^①

① *Côi Kê điển lục* chép: Lãm tự Hiếu Liên, lên tám tuổi mồ côi cha, gia cảnh lại nghèo hèn, nhưng giữ mình trong sạch gầy dựng đức hạnh, có chí hướng không cầu thả, san sẻ tiền bạc cho em họ, vì nghĩa được khen ngợi. Làm quan ở quận đến chức Công tào, rồi

¹ Chữ "lưu" (刘), bộ đao, nghĩa là họ Lưu, và chữ "lưu" (留), bộ điền, nghĩa là lưu giữ, hai chữ này đọc giống nhau. Chữ "liêu", (聊), bộ nhĩ, nghĩa là họ Liêu, và chữ "liều" (柳), bộ mộc, nghĩa là cây liễu, hai chữ này đọc giống nhau.

² Chữ "quán" (𠂔), bộ cốn, nghĩa là tết tóc, và chữ "mão" (卯), bộ tiết, là chi Mão, hai chữ này viết giống, đọc khác.

³ Chữ "mão" (卯), chữ "kim" (金), chữ "đao" (刀) ghép lại thành chữ "lưu" (劉), chi họ Lưu, họ của Thiên tử nhà Hán.

giữ chức Trưởng huyện Thủy Bình. Là người tinh tế trong sạch, đến cửa không có khách tạp nham. Tôn Quyền rất quý trọng hậu đãi Lãm, chưa kịp cất nhắc bổ dụng, thì đúng lúc Lãm bệnh chết, Quyền rất thương tiếc, đối xử tốt với người nhà của Lãm.

Con của Lãm là Cố, tự Tử Tiện, vốn tên là Mật, vì tránh húy của Đàng Mật, đổi thành Cố. Cố còn ở trong ấu, Hám Trạch trông thấy thì khen là lạ, nói:

- Đứa nhỏ này sau tất làm đến chức Công phụ.

Cố lúc trẻ mất cha, ở một mình với mẹ, nhà nghèo giữ đức tiết kiệm, hết mình cung kính phụng dưỡng mẹ, có người em trong họ cô út đói khổ, Cố giúp đỡ cùng chung khó nhọc. Phiên gửi thư cho đồng liêu của Cố nói:

"Đinh Tử Tiện đức tốt lấp vực, kế thừa di nghiệp tổ tiên, ngoài đông không sót cỏ, đây là việc hay, thực rất tốt đẹp vậy. Những kẻ hậu sinh có đức lành, chỉ người này là đáng khen thôi."

Cố trải các chức vị hiển hách. Vào thời Tôn Hưu làm Tả ngự sử đại phu, Tôn Hạo tức vị, chuyển Cố làm Tư đồ. Hạo bạo ngược, Cố cùng bọn Lục Khải, Mạnh Tông chung lo việc nước, năm bảy mươi sáu tuổi Cố chết.

Con của Cố là Di, tự Khâm Viễn, làm quan nhà Tấn, quan vị đến chức Thứ sử Lương châu. Cháu của Cố là Đàm, làm Quang lộc đại phu.

Từ Lăng tự Nguyên Đại, trải chức Trưởng quan của ba huyện, ở đâu cũng nổi tiếng, được thăng làm Thái thú Linh Lăng. Bấy giờ triều đình đợi để dùng vào ngôi vị thượng khanh, nên Phiên dâng thư nói:

"Nguyên Đại nhận đãi ngộ ở vị thượng khanh, Thúc Hưởng tại nước Tấn, sống vào thời nay không bằng được."

Lăng được coi trọng như thế.

Lăng chết, ruộng đất của nô bộc bị kẻ khác xâm đoạt, Lạc Thống giúp người nhà Lăng kiện kẻ ấy, xin bọn Đinh Lãm, Bốc Thanh giúp họ, Quyền nghe theo.

Con của Lăng là Bình, tự Bá Tiên, còn nhỏ nổi danh, Phiên rất yêu mến, thường khen ngợi. Gia Cát Khác làm Thái thú Đan Dương, đẹp người Sơn Việt, vì Bình rất có uy thế biết lo tính, có thể cùng ra sức, Khác mời Bình làm Quận thừa, ít lâu thăng làm Vũ Xương tả bộ đốc, Bình đốc lòng hòa ái với người, sĩ tốt đều giúp hết sức.

Khi trước, Bình là Tòng sự của Khác, Khác đãi ngộ rất bạc, lúc Khác phụ chính, đãi Bình còn bạc hơn. Khác bị hại, con của Khác là Kiến trốn, bị bộ khúc của Bình bắt, Bình sai thả ra, lại bị toán quân khác bắt được. Hai chị gái của Bình đã đi lấy chồng về thăm nhà, Bình đối xử rất mực chân thành cung kính. Bình trung hậu đốc lòng làm việc nghĩa, đại loại đều như thế.

Phiên ở phương nam hơn chục năm, năm bảy mươi tuổi chết.① Đưa linh cữu về nơi đặt mộ của tổ tiên chôn táng, vợ con được trở về.②

① *Ngô thư* chép: Phiên tuy ở nơi đi đày, lòng không quên việc nước, thường lo về rợ Ngũ Khê khuyên nên đánh dẹp, lại vì xứ Liêu Đông cách tuyệt ngoài bể, nghe theo người ta sai sứ đến nối quan hệ, còn chẳng đi đến đâu, nay bỏ sức người và tiền của để cầu lấy ngựa, đã không lợi cho nước, lại e không thu hoạch được gì. Muốn can nhưng không dám, soạn biểu gửi cho Lã Đại xem, Đại không đáp lại, Quyền căm ghét lời mà Phiên bày tỏ, lại đày ải Phiên đến huyện Mãnh Lăng quận Thương Ngô.

Giang Biểu truyện chép: Sau này Quyền phái tướng sĩ đến Liêu Đông, trên biển gặp gió lớn, thuyền đi đa phần chìm, Quyền hối hận, bèn lệnh rằng:

"Xưa kia Triệu Giản Tử nói lời vâng dạ của trăm quan, chẳng bằng lời thẳng ngang của Chu Xá.⁽¹⁾ Ngu Phiên thành thật chính trực, khuyên

¹ Triệu Giản Tử (赵简子), đại thần nước Tấn, nổi tiếng thanh cao uyên bác, có rất nhiều người theo. Chu Xá (周舍) đến gặp, xin làm công việc rất lạ là ở bên cạnh ghi chép các việc sai sót mà ông làm, Triệu Giản Tử đồng ý. Sau một tháng, Chu Xá trình những việc ghi chép lên, Triệu Giản Tử nổi giận, nhưng nghĩ lại thấy đúng, bèn theo đó sửa mình, khắc phục được cô tật, nên rất trọng Chu Xá. Sau khi Chu Xá mất, ông rất buồn. Một lần tổ chức tiệc rượu, mọi người xúm lại ca ngợi, ông buồn rầu nói: "Ngàn người vâng dạ, không bằng lời của một kẻ sĩ chân chính."

giải hết lời, là Chu Xá của quốc gia vậy. Lúc trước nếu có Phiên ở đây, việc binh dịch này đã chẳng xảy ra."

Bền giục thuộc hạ hỏi tin tức ở Giao châu, Phiên nếu còn sống, thì cấp cho thuyền và người, sai đưa về kinh đô, nếu đã chết rồi, thì đưa tang về bản quận, cho một con trai làm quan. Gặp lúc Phiên đã chết.

② *Cối Kê diễn lục* chép: Thời Tôn Lượng, Chu Dục người huyện Sơn Âm, lúc trẻ thích văn tự cổ, hết thầy văn tự cổ đặc biệt, Dục chiếu theo mẫu, sáng tạo ra nhiều thứ chữ lạ dâng lên.

Dục nhận chức Môn hạ thư tá ở quận. Ngày đầu năm, Thái thú là Bộc Dương Hưng gặp gỡ các Duyện lại, trong lúc nói chuyện, hỏi:

- Thái thú ta trước đây nghe nói Chu Dĩnh Xuyên hỏi Trịnh Triệu Công, Hàn Ngô Quận hỏi Lưu Thánh Bác, Vương Cảnh Hưng hỏi Ngu Trọng Tường về nhân tài, ta từng nghe hai người Trịnh, Lưu đáp lời mà chưa hề thấy Trọng Tường đối đáp lại vậy. Nghe nói người hiền của quốc gia, mắt thấy được những điều tốt đẹp mỗi ngày, Thư tá há biết ông ấy chẳng?

Dục đáp:

- Khi trước thuộc hạ qua học ông ấy. Trước đây vào năm Sơ Bình mạt niên, Vương phủ quân vì tài năng cao diệu, được phá cách thăng quan vượt cấp đến coi quận, xét hiền tài khen người thiện, chọn kẻ tài tuấn có danh vọng, hỏi Công tào là Ngu Phiên rằng: "Nghe nói ngọc xuất từ Côn Sơn, châu sinh ở Nam Hải, phương xa cõi lạ, đều sinh vật trên bảo. Và lại ta từng nghe sĩ nhân ca tụng quý bang, ngày trước có nhiều kẻ anh tuấn, chỉ vì ở xa với kinh kỳ, hương thơm vãng vất chưa lan tỏa thôi. Công tào thường ngày thích nghiên cứu việc xưa, há có biết những người ấy chẳng?" Phiên đáp rằng: "Địa phận quận Cối Kê ứng với sao Khiên Ngưu trên trời, là chỗ cực đông ở dưới đất, phía đông sát với bể lớn, phía tây thông sang Ngũ Hồ, phía nam thông suốt đến vô tận, phía bắc là bãi Chiết Giang, ở phía xa là núi Nam, đích thực là trọng trấn một phương, trước kia là nơi vua Vũ hội quần thần, vì thế có cái tên ấy. Trên núi có nhiều sắt, gỗ, chim thú, dưới nước có vô số cá, muối, ngọc trai, là tinh túy của Tứ hải và Ngũ

nhạc, tất nhiên sinh kẻ tài tuần khác thường, vì thế trung thần nổi gót, hiếu tử thành làng, hiền nữ sánh vai, không bao giờ dứt." Vương phủ quân cười nói: "Địa thế như vậy, tên tuổi của kẻ sĩ và hiền nữ ngài có biết hết chăng?" Phiên đáp rằng: "Chẳng dám kể xa, chỉ nói qua đời gần đây thôi. Khi trước có kẻ hiếu tử là Đồng Âm người huyện Câu Chương, tận tâm cung kính dưỡng mẫu thân, mẹ mất để tang rất xót thương, một mình vào rừng, chim thú cảm động đi theo, vì oán kẻ vũ nhục mẫu thân, một sớm báo thù, hải nội vang danh, chói ngời tên tuổi. Thái trung đại phu là Trần Hiêu người huyện Sơn Âm, lúc đi đánh cá thì cảm hóa đạo tặc, ở nhà thì nhường nhịn láng giềng, kẻ lẫn vườn lui rào trả đất, rút cục nên tiếng nghĩa ở xóm làng, nuôi dưỡng người già, đức đủ để khuyến khích tập tục, từ bọn Dương Tử Vân trở lên đều dâng thư tiến cử Hiêu, tiếng thanh cao truyền tụng ở đời. Thái úy Trịnh Công người huyện Sơn Âm, thanh liêm sáng suốt, bản chất ngay thẳng, chẳng e ngại cường quyền. Lỗ tướng Chung Ly Ý người huyện Sơn Âm, trời phú đáng vẻ khác thường, là con hiếu tôi trung, quản huyện lĩnh quận, ở đâu cũng ban ân, cho nên là người quân tử nổi tiếng, tại nước Lỗ tên tuổi được ghi vào thư son khoán sắt. Đến như Trần Cung, Phí Tề đều trên hợp thiên ý, công đức và chánh tích, chép ở sách sử của Hán triều. Hữu đạo Triệu Diệp người huyện Sơn Âm, Trung sĩ Vương Sung người huyện Thượng Ngưu, đều tài cao uyên bác, nghiên cứu đến nguồn cội của đạo lý, soạn sách lập thuyết lời hay ý đẹp, trăm thiên chưa dứt, giải nghĩa các chỗ nghi nan trong kinh truyện, giải thích được nghi vấn của người đời, hoặc trên nghiên cứu cái bí ảo của âm dương, dưới tìm kiếm cái quy luật của nhân thế. Thứ sử Giao Chỉ là Kỳ Vô Tuấn người huyện Thượng Ngưu, trị lý một quận, từ chối nhận tước phong và đất đai. Quyết tào duyện là Mạnh Anh người huyện Thượng Ngưu, ba đời chết vì nghĩa. Chủ bộ là Lương Hoành người huyện Câu Chương, Công tào sử là Tứ Huân người huyện Dư Diêu, Chủ bộ là Trịnh Vân người huyện Câu Chương, đều đôn hậu giữ nghĩa thủy chung, nhận tội bị bãi chức ngồi nhàn. Môn hạ đốc đạo tặc Ngũ Long người huyện Dư Diêu, Chủ bộ là Nhâm Quang người huyện Trịnh, Tiểu lại là Hoàng Tha

người huyện Chương An, đem thân mình đón đỡ mũi dao, cứu giúp vua lúc nguy nan. Dương châu Tông sự là Vương Tu người huyện Câu Chương, xả thân nhận mệnh, tiếng thơm lưu truyền hậu thế. Thái thú Hà Nội là Ngụy Thiếu Anh người huyện Thượng Ngu, gặp cảnh đời gian khổ, quên chuyện nhà lo việc nước, tên tuổi được liệt vào hàng Bát tuần, là kẻ sĩ cao đẹp ở đời. Thượng thư là Dương Kiều người huyện Ô Thương, Hoàn đế đem công chúa gả cho, từ chối có bệnh không chịu nhận. Gần đây có Thái úy Chu Công người Thượng Ngu, thiên tư thông tuệ, tính tế vũ dũng, mưu không đúng thì không dùng, đánh không nổi thì không đánh, vì thế thiên hạ dấy nghĩa binh, suy cử làm thủ lĩnh. Nữ tử là Tào Nga người huyện Thượng Ngu, cha bị chết đuối ở sông Giang, nhảy xuống sông mà chết, được lập bia ca ngợi, tiếng nghĩa vang lừng." Vương phủ quân nói: "Đúng là như thế rồi, người quận Dĩnh Xuyên theo cái khuôn mẫu cao khiết của Sào Phủ, Hứa Do, người ở Ngô Quận có cái đức ba lần nhường ngôi của Thái Bá, quý quận dấu sĩ nhân đông đảo, cũng chỉ đến thế là thôi." Phiên đáp rằng: "Vốn ta đã nói trước là chỉ nói người và việc gần đây thôi, nếu như lại dẫn việc thời thượng cổ, liên quan đến kẻ sĩ giữ tiết tháo, thì cũng có những người như phủ quân nói. Trước đây Việt vương ở ẩn nhường ngôi vị, trốn ở hang núi Vu, người Việt dùng khói hun phải chui ra, dấy chẳng phải là hạng người như Thái Bá sao? Và lại Thái Bá là vua ở ngoài đến, không phải là người ở đất ấy. Nếu nói đến người ở bên ngoài đến, thì Đại Vũ cũng đi tuần ở Cối Kê mà an táng ở đất ấy đấy. Hoàng Công ở đất Ngân, tự giữ mình thanh bạch ở thời nhà Tần bạo ngược, Cao tổ tức vị, không chịu ra giúp, Huệ đế cung kính mời, mới ra cứu nạn. Trưng sĩ là Nghiêm Tuân người huyện Dư Diêu, Vương Mãng mấy lần mời gọi, kháng mệnh không theo, Quang Vũ trung hưng, sau mới tới phục, chỉ nhắc tay không bái lạy, chí át mây trời. Đều sáng tỏ ở kinh truyện, sự tích sáng rõ với đời, há như Sào, Hứa, chỉ là lời tục nhân đàm luận, chẳng thấy ghi chép ở kinh truyện nào?" Vương phủ quân cười nói: "Lời nói hay thay! Người hiền đức, phi ngài chẳng sáng tỏ được. Thái thú ta trước nay chưa nghe nói các việc ấy vậy."

Bộc Dương phủ quân nói:

- Nghe điều mà Thị ngự sử nói, ta như thấy được những người ấy, những người kém hơn họ chút ít, Thư tá có biết chăng?

Dục đáp:

- Thuộc hạ ngưỡng mộ người đức hạnh như ngất núi cao, dám không biết sao? Rất gần đây thì có Thái thú Cối Kê là Trần Nghiệp người huyện Thượng Ngu, giữ mình trong sạch phẩm hạnh thuần khiết, chí như sương tuyết, trung trinh thành tín, tiết tháo giống Liễu Hạ Huệ, gặp lúc chính sự nhà Hán suy vi, từ quan bỏ lộ, ẩn cư ở vùng núi Y núi Hấp, để giữ chí mình, hành vi siêu phàm thoát tục của ông ấy, là điều mà thiên hạ nghe biết, di thư trên thẻ gỗ ông ấy lưu lại cho Hoàn Văn Lâm, đức sánh với "tam cao."⁽¹⁾ Hiện nay, thông minh tài trí, mưu lược sâu xa, trung thành can thẳng, thì có Thị ngự sử Ngu Phiên người huyện Dư Diêu, Thiên tướng quân Lạc Thống người huyện Ô Thương. Đức hạnh thuần khiết, tài năng uyên bác, kiến thức thông suốt, hành vi cao đẹp, là bậc thầy của Đế vương, có Thiếu phó Hám Trạch người huyện Sơn Âm. Vũ dũng cương nghị, tư thế hùng tráng, lập công cái thế ở đời, huân lao thành tích nổi rõ, có Hậu tướng quân Hạ Tề. Nghiên cứu bí thuật sâu xa ảo diệu, lời hợp ý thần minh, có Thái sử lệnh Ngô Phạm người huyện Thượng Ngu. Kê sĩ giỏi văn chương, ngôn từ hoa lệ, có tài trên lưng ngựa soạn lịch, lời văn xán lạn như ánh xuân, có Ngự sử trung thừa Nhâm Dịch người huyện Câu Chương, Thái thú Bà Dương Ngu Tường người huyện Chương An. Xử sĩ Lô Tự người huyện Đặng, có em phạm pháp, nhận tội tự sát chết thay. Tư Đôn người huyện Ngô Ninh, Kỳ Canh người huyện Sơn Âm, Phàn Chính người huyện Thượng Ngu, đều nhận chết thay cha. Nữ tử trung trinh thì có Liễu Chu người huyện Tùng Dương, Dịch Tổ người huyện Vĩnh Ninh, người thì thủ tiết vì chồng, không đoái hoài đến sinh mệnh, người thì bị cường đạo cướp bắt, chết thân không thất tiết. Đấy đều là sự tích gần đây, còn ở trên tai trên mắt.

¹ Tam cao (三高), hẳn nói đến ba vị cao sĩ lánh đời đi ở ẩn. Ở đây Chu Dục đang nói về những người ở đất Ngô Cối, không rõ là ba vị nào?

Phủ quân nói:

- Họ đều là anh tài tiết nữ ở trong nước vậy. Ta nghe nói năm thứ hai mươi lăm thời Tần Thủy Hoàng, đất Ngô Việt đặt là quận Cối Kê, sở trị ở huyện Ngô. Đến thời nhà Hán phong vương cho chư hầu, vì sao chỗ ấy thành quận? Mà đặt sở trị ở đấy?

Dục đáp rằng:

- Ban đầu Lưu Giả làm Kinh vương, Giả bị Anh Bố giết, lại lấy Lưu Ty làm Ngô vương. Đến năm thứ tư đời Cảnh đế, Ty làm phản bị giết, bèn đặt lại quận, sở trị ở huyện Ngô. Năm Nguyên Đình thứ năm, diệt trừ thế lực của Đông Việt, nhân đó dùng đất ấy làm sở trị, gộp các vùng phụ thuộc vào chỗ ấy, mà lập ra Đông bộ đô úy, sau dời đến Chương An. Năm Dương Sóc nguyên niên, lại dời sở trị đến huyện Ngân, vì sợ giặc cướp xâm nhiễu, nên lại dời đến Câu Chương. Đến năm Vĩnh Kiến thứ tư, Lưu phủ quân dâng thư, xin lấy phía bắc vùng Chiết Giang, để lập quận Ngô, sở trị của quận Cối Kê dời về huyện Sơn Âm. Từ năm Vĩnh Kiến thứ tư là năm Kỷ Ty, cho đến hiện nay, là trải một trăm hai mươi chín năm.

Phủ quân khen hay.

Năm ấy, là năm Thái Bình thứ ba nhà Ngô, tức năm Đinh Sửu vậy.

Dục sau về làm quan triều đình, ở phủ Thượng thư, làm Đông quan lệnh, được bá chức Thái thú Thanh Hà quản việc từ xa, gia thêm ngôi Thị trung, suy diễn bói toán, văn học nghệ thuật đa phần là tinh thông.

Phiên có mười một người con, con thứ tư là Ty nổi danh nhất, năm Vĩnh An sơ, Ty từ chức Tuyển tào lang lên làm Tán kỵ trung thường thị, sau làm Giám quân sứ giả, đi đánh dẹp nước Phù Nghiêm, mắc bệnh chết.①

Em của Ty là Trung làm Thái thú Nghi Đô;② Tùng, làm Việt kỵ Hiệu úy, dần dần được thăng lên làm Đình úy, Thái thú Tương Đông, Thái thú Hà Gian;③ Bính, làm Đình úy thượng thư, Thái thú Tế Âm.④

① *Côی Kê điển lục* chép: Ty tự Thế Hồng, sinh ở Nam Hải, năm mười sáu tuổi, cha chết, quay về quê quán. Tôn Lâm phế ấu chúa, đón lập Lang Nha vương là Hưu; Hưu chưa đến, Lâm muốn vào cung, mưu làm việc không theo phép, triệu trăm quan hội bàn, mọi người kinh hoàng thất sắc, chỉ vâng vâng dạ dạ mà thôi. Ty đối mặt nói:

- Minh công là Y, Chu của quốc gia, ở ngôi đứng đầu văn võ, nắm giữ cái uy làm việc phế lập, trên khiến yên ổn tông miếu, dưới ban ân cho trăm họ, lớn nhỏ vui mừng nhảy nhót, tự cho là Y, Hoắc tái thế. Nay nghênh đón mà vương chưa đến, lại muốn vào cung, như thế, quần thần xao động, chúng nhân nghe ngóng nghi hoặc, đấy không phải là việc làm giữ cái trung hiếu lâu dài, dương danh cho hậu thế vậy.

Lâm không hài lòng, cuối cùng lập Hưu. Hưu mới tức vị, Ty cùng Hạ Thiệu, Vương Phồn, Tiết Oánh đều làm Tán kỵ thường thị.

Ty đi đánh nước Phù Nghiêm có công được bá làm Thứ sử Giao châu, Quán quân tướng quân, ban tước Du Diêu hầu, không lâu sau đó chết.

② *Côی Kê điển lục* chép: Trung tự Thế Phương, là con thứ năm của Phiên. Trung vững chí giữ đạo, tài cán lão luyện, rất biết xét người, biết Lục Cơ người Ngô Quận từ lúc tuổi nhỏ, khen Ngụy Thiên người huyện Thượng Ngu từ lúc là kẻ vô danh, cuối cùng họ đều thành công lớn, làm quan lại nổi tiếng. Trung giao du với người cùng huyện là Vương Kỳ từ lúc là quan lại nhỏ, Kỳ được tiến cử lên chức Thái thú Nghi Đô, Trung bèn thay Kỳ. Quân Tấn đánh nước Ngô, Trung cùng Di Đạo giám là Lục Yển, em của Yển là Trung hạ đốc Lục Cảnh vững chí không hàng, thành vỡ bị hại. Con của Trung làm Đàm, tự Tư Áo.

Tấn Dương thu khen Đàm thanh bạch kiên trinh có tiết tháo, bề ngoài có vẻ nhu nhược, bên trong lại kiên định chính trực, có tài cán và mưu lược. Ra làm quan nhà Tấn, trải các chức vị trong ngoài, cuối cùng làm Vệ tướng quân, được truy tặng chức Thị trung tá Quang lộc đại phu, khai phủ Nghi đồng tam ti.

③ *Côi Kê điển lục* chép: Tùng tự Thế Long, là con thứ sáu của Phiên vậy. Là người trong sạch thuần khiết không có tham muốn, xử sự theo lễ, lúc ở nước Ngô làm quan thanh nhàn, khi về triều Tấn, nhận chức Hà Gian tướng, Vương vốn nghe danh Tùng, hậu đãi kính lễ.

Tùng đề bạt tiến cử người khác, chú tâm tìm ẩn sĩ cư trú ở chốn làng quê. Bấy giờ Vương Kỳ trách Tùng, cho là chỉ có bậc cao sĩ thông đạt, mới là nhân tài đặc biệt, Tùng gửi thư cho người trong tộc là Sát nói:

"Chọn người làm quan ở đời, mà lại chẳng tiến dụng người chưa nổi danh sống ở nơi xóm làng, đòi bậc lương tài gồm đủ, theo lời khen mà dùng, theo lời chê mà bỏ, đấy là điều khiến ta than thở vậy."

Tùng ghét cái tập tục cúng bái tang lễ không tiết kiệm, em của Tùng là Bính chết, cúng tế dùng cỗ thiếu lao, chỉ có cơm rượu mà thôi, đương thời người trong họ tộc và làng xóm đều noi theo việc làm ấy của Tùng.

④ *Côi Kê điển lục* chép: Bính tự Thế Văn, là con thứ tám của Phiên vậy. Thời trẻ có chí lỗi lạc, làm quan Hoàng môn lang của triều Ngô, vì ứng đối nhanh nhẹn được đãi ngộ đặc biệt, đề bạt vượt cấp bái làm Thượng thư thị Trung. Quân Tấn đến đánh, Hạo phái Bính cầm cờ tiết Đô đốc Vũ Xương, lấy thân phận là bề trên chỉ huy các lộ quân, Bính dâng trả phù tiết ấn thụ về triều đình trước, rồi mới quy hàng. Bính làm quan ở Tế Âm, đề nén kẻ mạnh nâng đỡ người yếu, rất có uy phong.

Lục Tích tự Công Kỳ, người quận Ngô huyện Ngô. Cha là Khang, thời Hán mạt làm Thái thú Lư Giang. ① Năm Tích lên sáu tuổi, lúc ở quận Cửu Giang gặp Viên Thuật, Thuật đem quýt ra tiếp đãi, Tích giấu ba quả vào trong bọc, lúc về, bái chào từ biệt thì rơi quýt xuống đất, Thuật bảo rằng:

- Lục lang là tân khách mà giấu quýt trong bọc là sao?

Tích quỳ gối đáp:

- Ta muốn đem về làm quà cho mẹ.

Thuật rất lấy làm lạ.

Tôn Sách ở tại quận Ngô, Trương Chiêu, Trương Hoàn, Tần Tùng là thượng tân, cùng luận rằng bốn bề chưa yên, nên phải dùng võ trị mà bình định, Tích còn ít tuổi ngồi ở hàng cuối, từ xa lớn tiếng nói rằng:

- Xưa kia Quản Di Ngô giúp Tề Hoàn công, chín lần hội chư hầu, nhất thống thiên hạ, chẳng dùng đến binh xa. Khổng tử nói: "Người ở xa không theo phục, thì sửa sang văn đức để vờ họ tới." Nay luận bàn chẳng chuyên chú đến đạo nghĩa nhân đức dùng thuật võ yên, chỉ chuộng võ công, Tích tuy trẻ tuổi tối tăm, trộm nghĩ lời mà các vị bàn chưa ổn vậy.

Bọn Chiêu lấy làm lạ lắm.

① *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Khang tự Quý Ninh, thời trẻ đôn hậu, hiếu thuận với cha anh, siêng sửa đức giữ tiết, Thái thú là Lý Túc xét cử Hiếu liêm. Túc sau mắc tội bị xử chết theo phép, Khang thu thi thể đưa xe tang về quận Dĩnh Xuyên, cử tang, trọn lễ, Khang được cử làm Mậu tài, trải chức Thái thú của ba quận, ở đâu cũng được khen ngợi về cai trị, sau được bái làm Thái thú Lu Giang.

Tích dung mạo hùng tráng, học rộng biết nhiều, các sách về thiên văn, lịch pháp, thuật toán, không gì không xem qua. Ngu Phiên tuổi tác cao danh vọng lớn, Bàng Thống là hiền sĩ tài hoa của Kinh châu, cũng khá lớn tuổi, đều cùng Tích giao tình thân thiện.

Tôn Quyền thống quản việc, Tích làm Tấu tào duyện, vì nói thẳng bị Quyền ngại, cho ra làm Thái thú Uất Lâm, thêm chức Thiên tướng quân, cấp binh hai nghìn người.

Tích vốn bị thọt chân, lại dốc chí với nho thuật, làm quan không phải là chí hướng của Tích vậy. Tuy có làm việc quân, nhưng

việc soạn sách chẳng bỏ, sáng tác *Hồn Thiên Đồ*, chú giải sách *Chu Dịch* và *Thái Huyền*,⁽¹⁾ đều truyền ở đời. Lại sớm tự biết ngày chết của mình, bèn làm bài từ rằng:

"Chí sĩ Hán triều,
Lục Tích quận Ngô,
Nhỏ chăm thi thư,
Lớn ngẫm Lễ, Dịch,
Vâng mệnh nam chinh,
Mắc bệnh bất ngờ,
Tàn mệnh bất hạnh,
Xa xót lia trần!"

Lại viết:

"Từ đây về sau, ngoài sáu mươi năm nữa, xe đồng trục, sách đồng văn, ta hận rằng chẳng kịp nhìn thấy vậy."⁽²⁾

Năm ba mươi hai tuổi Tích chết.

Con trưởng của Tích là Hoàn làm Cối Kê nam bộ đô úy, con thứ là Duệ, làm Trường thủy Hiệu úy.①

① Tích ở Uất Lâm sinh được một người con gái, tên là Uất Sinh, gả cho em của Trương Ôn là Bạch. Trong Diêu Tín tập có bài biểu khen nàng rằng:

"Thần nghe nói khuôn phép của thời Đường, Ngu, là suy cử việc thiện để giáo hóa, nêu tỏ đức nghĩa để cất nhắc nhân tài, đó là việc làm của Tam vương trước kia, thế nên kẻ trung thân liệt sĩ được hiển danh ở quốc triều, người thực nữ trung trinh được biểu dương nơi làng xóm. Đại khái nhờ đó xiển dương giáo hóa, gây dựng phong tục tốt lành, khiến mọi người hướng thiện lánh ác, phải trái phân minh; ai ai cũng tu dưỡng đạo đức, nam nữ cùng vinh. Vì thế Vương Trục giữ tiết trung

¹ Là những sách thiên về chiêm tinh, bói đoán.

² Xe đồng trục, sách đồng văn tức là trục xe khắp thiên hạ cùng một kích cỡ, sách viết cùng một thứ văn tự, là nói thiên hạ thu về một mối vậy.

trình mà Tề vương ca ngợi,⁽¹⁾ người đàn bà nước Lỗ lập chí dứt tình mà Lỗ hầu đề cao phong tặng là Nghĩa cô.⁽²⁾”

“Thần trộm thấy con gái của cố Thái thú Uất Lâm Lục Tích là Uất Sinh, thuở nhỏ hành vi kiên trinh khác thường, còn ấu thơ lập danh tiết vững như bàn đá, tuổi mới mười ba, đính hôn với người đồng quận là Trương Bạch. Hầu ở miếu ba tháng, lễ làm vợ chưa thành, Bạch bất chợt mắc họa nhà, bị đi đầy chết ở quận khác. Uất Sinh lớn tiếng tố tiết, nghĩa lộ trên nét mặt, kẻ mũ lông qua lại dọc ngang, thề không cải giá, thờ chi gái của Bạch ẩn cư nơi hiểm trở, xéo chân vào nước lửa, lòng băng như sương tuyết, nghĩa vững hơn vàng đá, tin thấu đến thần minh, giữ lễ trọn vẹn đến chết, nữ sĩ trong nước hâm mộ học theo.”

“Thần nghe lấy việc làm để sáng đức, lấy tước lộc để rạng hạnh, nếu không dùng danh tước, thì việc khuyến thiện chẳng nghiêm, cho nên kẻ sĩ chết có bài lụy kể rõ công lao, người nước Lỗ chép cái chí dũng của họ,⁽³⁾ vợ chàng họ Kỷ đọc thư, người nước Tề thương tiếng khóc của nàng.⁽⁴⁾ Xin thánh triều ban ân, châm chúc giáo huấn của tiên vương, trên khai mở trí tuệ của dân ông, dưới rủ lòng với đức hạnh của phụ nữ, khen ngợi nàng Uất Sinh ban hiệu là Nghĩa cô, để khích lệ tiết nghĩa của người thiếu phụ, thì phong khí xã hội sẽ tốt đẹp, hành vi của kẻ sĩ và phụ nữ sẽ cải biến vậy.”

¹ Vương Trục (王蠋), xem chú thích ở tập IV, quyển 18, trang 103 (Bàng Đức truyện).

² Thời Xuân Thu, nước Tề đánh nước Lỗ. Có người đàn bà nước Lỗ dắt một đứa bé, bế một đứa bé khác nữa, quân tràn tới, người đàn bà bỏ một đứa, bế một đứa chạy trốn. Quân bắt lại, hỏi lai lịch hai đứa bé, người đàn bà nói: “Đứa bé bỏ lại là con ta, đứa đang bế là con của anh ta, tình mẹ con tuy đau xót, nhưng giữ con của anh là ‘nghĩa công’, ta không thể vô nghĩa mà sống.” Vua nước Tề khen hay nói: “Người đàn bà ở xó rừng nước Lỗ còn nén tình riêng giữ nghĩa công hướng chi là sĩ phu nước Lỗ đây. Nước Lỗ chưa thể đánh được vậy.” Bèn rút quân về, lại khen người đàn bà, thưởng cho trăm tấm lụa, tặng thêm hai chữ “Nghĩa cô.”

³ Thời vua Trang công nước Lỗ, người đánh xe cho vua là Huyền Bí Phụ và hộ giá bên xe là Bốc Quốc tận sức mà chết, Trang công sai làm bài lụy khen công của họ.

⁴ Thời vua Trang công nước Tề, có người lính tên là Kỷ Lương đi trận chết tại thành Cừ, vợ của Kỷ Lương hướng lên cửa thành khóc bảy ngày bảy đêm, tường thành đổ sụp.

Trương Ôn tự Huệ Thứ, người quận Ngô huyện Ngô. Cha của Ôn là Doãn, vì khinh tiền của trọng kẻ sĩ, nên nổi danh ở châu quận, làm Đông tào duyện của Tôn Quyền, rồi chết.

Ôn thời trẻ dưỡng tiết tháo, dung mạo kỳ vĩ. Quyền nghe tiếng Ôn, bèn hỏi công Khanh rằng:

- Ôn hiện nay so được với ai?

Đại tư nông Lưu Cơ nói:

- Nếu so với Toàn Tông là cùng bậc.

Thái thường là Cố Ung nói:

- Cơ chưa rõ về người ấy vậy. Ôn hiện nay không có ai được xem là cùng hạng.

Quyền nói:

- Như thế, thì Trương Doãn như không chết vậy.

Rồi triệu đến cho dẫn vào gặp, lời lẽ đối đáp văn nhã lưu loát, người ngồi xem rất kinh lạ, Quyền thay đổi thái độ thêm phần kính lễ. Nói chuyện xong đi ra, Trương Chiêu cầm tay Ôn nói:

- Lão phu có ý phó thác việc cho ngài, ngài nên hiểu rõ.

Quyền bái Ôn làm Nghị lang, Tuyển tào thượng thư, rồi chuyển làm Thái phó của Thái tử, rất được tin tưởng kính trọng.

Bấy giờ Ôn ba mươi hai tuổi, lấy thân phận là Phụ nghĩa Trung lang tướng đi sứ nước Thục. Quyền bảo Ôn rằng:

- Ngài vốn chẳng nên đi xa, nhưng sợ là Gia Cát Khổng Minh không biết cái dụng ý ta qua lại với họ Tào, nên ta miễn cưỡng sai ngài xuất hành. Nếu họa người Sơn Việt trừ được, ta lập tức kết thành một khối với Thục. Cái đạo lý của người đi sứ, là vâng mệnh mà chẳng khuất lời.

Ôn đáp rằng:

- Thần ở trong không phải là người bày kế tâm phúc, ra ngoài không phải là kẻ có tài ứng đối, sợ không nêu cao được cái

tiếng của quốc gia như Trương Lão,⁽¹⁾ lại không có cái thành quả xử lý công việc như Tử Sản.⁽²⁾ Nhưng Gia Cát Lượng là người có kiến thức sâu xa thấu triệt, tất biết được cái ý quyền nghi khuất thân của chúa công, hơn nữa thần nhận ân phúc của triều đình giáng xuống, suy đoán tâm ý của Lượng, tất không nghi ngờ.

Ôn tới Thục, đến cửa khuyết bái lạy dâng tấu chương nói:

"Xưa kia vua Cao Tông giữ lễ cư tang khiến phúc lộc của nhà Ân lại xương thịnh, Thành vương nhỏ tuổi lên ngôi khiến đức trị của triều Chu lại thái bình, công lao che trùm thiên hạ, danh tiếng lưu truyền đến vạn đời.⁽³⁾ Nay bệ hạ thiên tư thông minh, sánh với thánh hiền thượng cổ, tổng lĩnh trăm quan hiền năng, triều thần như quần tinh xán lạn, người khắp xa gần ngưỡng vọng phong thái, chẳng ai không hân hoan nường cấy. Nước Ngô tình nguyện dốc sức, quét sạch bãi sông Giang, nguyện cùng quân vương có đạo bình định thiên hạ, dốc lòng hợp mưu, như nước sông không chảy ngược, vì việc quân liên miên nhọc mệt, binh dịch thiếu thốn, cho nên phải mang nỗi thẹn thùng là nông cạn phản bội, sai thần là Ôn đến biểu đạt ý thông hiếu. Bệ hạ trọng lễ nghĩa, tất không nỡ trách cái lỗi sơ xuất của thần. Thần từ nơi xa vào côi, cho đến lúc tới đô thành, luôn được quý quốc tiếp đãi,

¹ Trương Lão (张老), tên tự là Mạnh, là quan đại phu giỏi của Tân Điệu công thời Xuân Thu, đi sứ nước Tề khiến người nước Tề chịu phục nước Tấn.

² Tử Sản, là học trò của Khổng tử, quản việc chính sự nước Lỗ, rất được người nước Lỗ khen ngợi.

³ Truyền thuyết kể: Vua Vũ Đinh nhà Ân hiệu là Cao Tông, là người đức hạnh, lên ngôi vào lúc nhà Ân Thương suy thoái, một lòng mong phục hưng nghiệp của tổ tiên nhưng thiếu một đại thần trung thành tài giỏi trợ giúp. Cao Tông để tang cha giữ lễ, không hề nói năng, khi cần truyền lời chỉ viết chữ để sai bảo. Lòng chí thành ấy cảm động đến thần linh, đêm ấy vua Cao Tông mơ thấy thần linh ban cho một cận thần tài giỏi, sáng dậy, Cao Tông nhớ rõ hình dáng và mặt mũi của người trong giấc mơ. Sau này, gặp một người xây thành ở Phó Nham, giống hệt người trong giấc mơ, bèn đưa về, trọng dụng, người đó là Phó Thuyết, sau là hiền thần giúp nhà Ân Thương cường thịnh trở lại.

Vua Thành vương nhà Chu lên ngôi lúc còn rất nhỏ, nhưng là vị vua anh minh, được các hiền thần trợ giúp, nhà Chu dưới thời vua Thành vương rất thịnh trị.

ân chiếu truyền đến không ngừng, vì vinh dự tự sợ hãi, bàng hoàng đến giết mình. Xin kính cẩn dâng lên phong thư mà thần mang đến."

Người nước Thục rất quý cái tài của Ôn. Ôn về nước, ít lâu sau, được phái đến quận Dự Chương theo quân xuất chinh, công lao chưa được xét đến.

Quyền đã ngầm nuốt hận vì Ôn khen ngợi chính sự nước Thục, lại hiềm vì thanh danh của Ôn ngày một thịnh, dân chúng nhiều người bị huyễn hoặc, sợ là rút cục Ôn chẳng để cho mình dùng, liền nghĩ cách làm hại Ôn. Gặp lúc việc của Ky Diễm khởi phát, bèn nhân cơ hội ấy xử trí.

Diễm tự Tử Hưu, cũng là người ở quận Ngô vậy, Ôn tiến dẫn vào triều, được làm Tuyền tào lang, thăng đến chức Thượng thư.

Diễm bản tính hẹp hòi nóng nảy, thích nghị luận chính sự đương thời, thấy các quan lang bấy giờ ô trọc tạp loạn, phần lớn không phải người tài, muốn phân biệt tốt xấu, xét rõ hiền ngu. Vì thế chỉ trích trăm quan, khảo xét quan viên của tam thự, chê bai người từ cao tới thấp, giáng chức rất nhiều người, người giữ được chức vụ mười phần chưa đến một, những người giữ ngôi vị mà tham lam bỉ lậu, chí tiết như bần thấp hèn, đều cho làm tiểu lại ở trong quân, đưa họ đến an trí ở doanh phủ. Bởi thế tiếng oán phẫn chất chồng, lời sàm ngôn vu hãm tứ bề nổi lên. Bọn họ tranh nhau nói Diễm cùng Tuyền tào lang Tử Bưu,^① chuyên dùng tư tình, yêu ghét không theo lẽ công, Diễm, Bưu đều bị buộc tội phải tự sát. Ôn vốn cùng Diễm, Bưu ý kiến giống nhau, mấy lần giao du thư sớ, nghe tin Ôn có qua lại, lập tức bắt tội Ôn.

Quyền giam cầm Ôn ở sở quan, xuống lệnh rằng:

"Trước đây ta có lệnh triệu Trương Ôn, dốc lòng đôi dải hần, đã trao ngôi vị hiển hách, quá cả cựa thân, ngờ đâu hần hung ác xấu xa, nảy sinh chí khác."

"Luc trước cha anh của Ky Diễm, dựa bám kẻ ác nghịch, quả nhân không úy kỵ, cho nên tiến cử mà dùng hẳn, muốn quan sát Diễm xem hẳn là người thế nào. Xét kỹ nội tâm của hẳn, thái độ của hẳn quả nhiên hiện rõ. Mà Ôn cùng hẳn kết giao sinh tử, hành động tới lui của Diễm, đều do Ôn chủ đích, thay nhau hô ứng, câu kết làm gian, không có bề đảng của Ôn suy diễn bởi lòng tìm vết, làm sao sinh chuyện."

"Thêm nữa trước đây ta ủy nhiệm cho Ôn đốc trách ba quận, sai thu gom quan khách và tàn binh còn sót, lúc ấy sợ có chiến sự, ta muốn khiến hẳn tức tốc quay về, nên trao cho hẳn cây kích bọc lụa đỏ, để khích lệ uy quyền của hẳn. Hẳn bèn đến Dự Chương, dâng biểu xin đánh dẹp kẻ đại ác ở địa phương, quả nhân tin lời hẳn, đặc biệt đem năm nghìn quân Nhiều trưởng, Trưởng hạ, Giải phiên giao cho hẳn. Về sau nghe nói Tào Phi tự tiến ra vùng Hoài, Tứ. Cho nên ta dự liệu trước sắc mệnh cho Ôn lúc có việc gấp thì tùy ý xuất binh, nhưng Ôn tự hết chur tướng, bố trí ở chỗ núi sâu, lúc nhận mệnh không đến kịp. May nhờ Phi tự lui, không như thế, hậu quả há tính đếm được."

"Lại nữa, có Ân Lễ vốn là người chiêm bốc xét đoán điềm triệu, mà Ôn trước sau xin đưa đến Thục, tuyên dương với nước lạ, cùng người nước ấy đàm luận. Thêm nữa là sau khi Ân về, đáng giữ chức cũ, nhưng Ôn muốn lấy hẳn làm Thượng thư Hộ tào lang, an bài như thế, là ở Ôn mà thôi."

"Lại nữa Ôn nói rằng Giả Nguyên, đáng tiến cử chức khanh làm Ngự sử, nói là Tường Khang, nên dùng thay chức của Giả Nguyên, chuyên môn tự tiện dùng ân điển của quốc gia để tự khoe khoang, hình thành thế lực cho mình."

"Xét lòng gian của hẳn, không gì không làm. Ta chẳng ngờ phoi thấy hẳn ở ngô chợ, nay đui về quận cũ, cấp cho chức nhỏ. Ô hô Trương Ôn, thoát tội là may!"

① Ngô lục chép: Bưu tự Trọng Ngu, người Quảng Lăng.

Tướng quân Lạc Thống dâng biểu văn bày tỏ hộ Ôn rằng:

"Cúi nghĩ Điện hạ, trời sinh đức sáng, thần mở ý thánh, chiêu vời tuấn kiệt ưu tú ở bốn phương, tuyển bạt người tài tuấn vào triều đình. Đa số kẻ sĩ đều nhận ân nồng hậu, Trương Ôn lại được đãi ngộ rất long trọng. Nhưng Ôn tự rước tội lớn, phụ sự đãi ngộ vinh hiển, nghĩ đến việc như thế, thực khiến người ta đau lòng. Nhưng thần trong lúc qua lại với Ôn, vì quốc gia xem xét nghe ngóng, hiểu rõ thực trạng của việc này, cho nên bí mật bày tỏ lời trung của mình."

"Ôn thật lòng không có tình ý khác, làm việc không có vết phản nghịch, chỉ vì tuổi tác còn ít, giữ trọng trách chưa tinh, nhưng chịu ân hiển hách, phát huy tài năng trác việt, đưa lời đàm đạo thiện ác, ra sức nghị luận khen chê. Bởi thế người vụ lợi đổ kỵ với cái sủng ấy, kẻ tranh danh căm ghét cái tài ấy, người trầm mặc chê bai lời bàn ấy, kẻ gian ác úy kỵ lời luận ấy, đây là điều mà thần phải biện xét rõ, là điều mà triều đình phải tra xét tận lý vậy."

"Giả Nghị khi xưa, là bấy tôi chí trung vậy, Hán Văn, là vị vua rất anh minh vậy, nhưng Giáng, Quán nói một lời, Giả Nghị bị ruồng bỏ xa lánh.⁽¹⁾ Sao vậy? Là tại Giả Nghị bị ghét rất sâu, mà lời gièm thì rất xảo diệu vậy. Nhưng sai lầm truyền ra thiên hạ, lỗi sáng rõ đến trăm đời, cho nên Khổng tử nói rằng 'Làm vua khó, làm bấy tôi không dễ' vậy. Ôn tuy không có cái trí của tung hoành gia, không có cái vũ dũng của tướng hổ báo, nhưng khí chất cao nhã, phẩm đức ưu tú, văn chương tài hoa, nghị luận biện bác mau lẹ, siêu quần trác việt, rọi sáng cho đời, người thời nay không ai theo kịp được vậy. Cho nên luận về tài của Ôn thì thật đáng tiếc, nói đến cái tội của Ôn thì đáng được tha. Nếu bệ hạ nén nhịn cái uy dữ dội để tha cho kẻ sĩ tài đức, khoan thứ cho hiền tài để thúc đẩy đại nghiệp, củng cố cái mỹ đức của triều đình, người ở bốn phương sẽ ca tụng vậy."

¹ Giả Nghị (贾谊): Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 159 (Văn đế kỷ).

"Quốc gia đôi với Kỳ Diễm, không úy kỵ dòng tộc của ông ấy, vẫn đôi đũa họ như dân thường, cho nên lúc trước Diễm được dùng ở chỗ Chu Trị, sau được tiến cử trong chỗ chúng nhân, rồi được triều đình bổ dụng, thì mới gặp gỡ và giao kết với Ôn vậy. Nghĩa quân thần, là nghĩa đáng trọng nhất, giao kết bằng hữu, là giao kết bị xem nhẹ nhất vậy. Quốc gia đã không hiềm với cái nghĩa đáng trọng đôi với Diễm, cho nên Ôn cũng chẳng hiềm với cái giao kết rất bị xem nhẹ với Diễm vậy. Đương thời người đời sùng ái Diễm trước, Ôn kết thân với Diễm sau vậy."

"Tặc dân tác loạn, phóng túng ở nơi sơn hiểm, thì là giặc cướp cứng mạnh, đưa chúng về bố trí nơi bình địa, thì là binh khỏe, cho nên Ôn nghĩ muốn bình dẹp kẻ ác, để trừ cái hại của giặc cướp mạnh, mà tăng khí thế của binh khỏe vậy. Chỉ bởi bố trí sơ sót, công lao không xứng với kỳ vọng. Nhưng Ôn tính đưa quân đi cứu viện, so với lời hứa thì chậm không nhiều, lượng tuy ít, nhưng quân không thiếu mấy, sử dụng hết quân yếu quân mạnh, thì không có sai khác, đến như việc hành quân nhanh chậm, thì Ôn không đến muộn, vì thế đến tiết thu đông tới nơi, so với chiếu báo là đến đúng hạn, chẳng dám quên ân mà để dư sức lực vậy."

"Ôn đi đến nước Thục, cùng người Thục khen ngợi Ân Lễ, tuy nói bây giờ tôi không được kết giao ngoài cõi, việc cũng có thể tha thứ được vậy. Giao kết ngoài cõi, chỉ là không có lệnh của quân vương mà tự ý qua lại với nhau, không phải việc quốc gia mà ngầm truyền tin tức cho nhau; nếu đã nhận mệnh mà đi, quân vương hai bên đã giao hảo, nhân đó bày tỏ tình cảm của mình, cũng là hợp đạo sứ thần vậy. Cho nên Khổng tử đi sứ nước lân bang, thì có lễ bái kiến riêng, Quý Tử đưa đồ lễ thăm hỏi các nước Hoa Hạ, cũng theo phép yến tiệc đàm luận vậy. Cổ nhân có nói, muốn biết được vua của một nước, hãy quan sát sứ giả mà nước ấy phái đi, thấy thuộc hạ thông minh sáng suốt, thì biết là quân vương hiền hách. Ôn nếu xưng tụng Lễ, có thể khiến bên kia khen ngợi, thật đã làm sáng tỏ là bây giờ của nước ta lắm nhân tài, tỏ rõ rằng sứ giả ta phái đi là xứng đáng, làm vẻ vang cái

cao đẹp của nước ta với cõi ngoài, truyền cái anh minh của quân vương ta với ngoại bang. Vì thế Triệu Văn Tử của nước Tấn kết minh với nước Tống, trước mặt Khuất Kiến khen Tùy Hội; Vương Tôn Ngũ của nước Sở đi sứ sang nước Tấn, khen Tả Sử với Triệu Uông. Đây cũng là hướng vào đại thần nước khác, mà ca tụng bày tỏ của bản quốc, kinh truyện khen ngợi người làm rạng rỡ quốc gia, mà chẳng trách việc tự giao kết với cõi ngoài vậy."

"Vương Tĩnh trong không lo chính sự, ngoài không chu đáo việc quân, Ôn đàn hặc hẳn là không tư tâm, truy cứu không sai vậy, vì thế Ôn và Tĩnh kết thành đại oán, đây là minh chứng rõ ràng về sự tận tiết của Ôn vậy. Binh thế của Tĩnh đông, là quan viên tài cán trọng yếu, đều hơn hẳn so với Giả Nguyên và Tưởng Khang, Ôn còn chẳng dung túng tư tình để tự yên thân, há lại bán ân huệ để lôi kéo Nguyên và Khang sao? Thêm nữa là Nguyên giữ chức không chuyên cần, đảm đương trách nhiệm không xứng chức, Ôn nhiều lần đôi mắt quát mắng, nghiêm khắc trách tội; nếu thực muốn bán ân mưu loạn, thì cũng bắt tất phải tìm đến Nguyên vậy."

"Đại khái là những việc ấy, qua kiểm xét về sự việc đã không hợp lý, tham khảo ở chúng nhân cũng không hề có chứng cứ. Thần trộm nghĩ người làm vua tuy có tư chất thánh triết, có trí tuệ phi thường, nhưng chỉ dựa vào sức một người, thống ngự muôn dân, ở trong chỗ thâm cung, nhìn việc ngoài bốn cõi, xét chí nguyện của trăm quan, tìm phép xử trí muôn việc, cũng chưa dễ chu toàn được vậy, cho nên phải nghe xét lời nói của quần thần, để phóng rộng cái sáng sủa của sự thánh minh vậy. Nay người ta nhao nhao chỉ trích Ôn, riêng thần tin là Ôn có tâm, lời nói đều xảo diệu, ý tứ rõ ràng, mọi người đều nói vì quốc gia, có ai nói là vì mình, trong một lúc ngắn ngủi, cũng khó phân biệt ngay được. Nhưng lấy cái thông tuệ của Điện hạ, luận xét lời thị phi khuất khúc, nếu lưu tâm nghĩ kỹ, ngẫm xét các tình tiết lớn nhỏ, sự hiềm nghi nào chẳng thông tỏ, sự ám muội nào chẳng rõ ràng?"

"Ôn không thân thiết với thần, thần không ưu ái gì Ôn vậy. Bậc quân tử thời xưa, đều nén phần hận riêng, để tăng sự anh minh của quân vương. Xem cái tiết tháo cao thượng của người xưa về việc này, thần thẹn với người sau nếu bỏ qua việc của Ôn, cho nên hôm nay tình cảm trời đất, bèn dâng lời ngu đến tai thánh thượng, thực sự tận tâm với triều đình, không phải là nghĩ đến bản thân Ôn vậy."

Quyền rút cục không thu nhận ý kiến.

Năm thứ sáu, Ôn mắc bệnh chết.

Hai em của Ôn là Chi và Bạch, cũng có tài danh, cùng Ôn đều bị phế bỏ.^①

① Cối Kê diễn lục chép: Ngưu Tuấn người huyện Dư Diêu than rằng:

- Trương Huệ Thứ tài nhiều trí ít, rực rỡ mà không thật, tự chứa hiểm oán, có cái họa lật nhà, ta sớm thấy được cái điềm ấy rồi.

Gia Cát Lượng nghe nói Tuấn lo lắng về Ôn, ý còn chưa tin, lúc Ôn bị ruồng đuổi truất chức, Lượng mới cảm thán là Tuấn có tiên kiến sáng suốt.

Lượng ban đầu nghe tin Ôn mắc tội, chưa biết duyên cớ vì sao, nghĩ ngợi mấy ngày, nói:

- Ta đã biết việc đó rồi, người ấy vì trong đục rất rõ ràng, phải trái rất phân minh vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng: Trang Chu nói "Danh vọng là cái mà người khác ban cho mình, không nên lấy nhiều quá." Trương Ôn bị phế truất, há không phải là vì lấy danh vọng nhiều sao! Lấy danh nhiều là khốn, bậc thánh hiền xưa đã biết điều ấy rồi. Vì thế kẻ sĩ có kiến thức cao xa, từ quan lui về ở ẩn, chẳng theo đuổi cái danh hão mà xa rời đức hạnh, chẳng để cái rực rỡ bề ngoài làm tổn hại đến cái căn bản, đã chẳng thể lấy vài thô che ngọc báu, nấu thân tránh vinh, khiến tài năng rọi sáng một đời, danh tiếng ở trên chúng nhân, cái đạo khiêm hòa, sao có thể bỗng chốc bỏ đi được! Ôn thì ngược lại với điều ấy, há không thất bại sao? Quyền

đã ghét cái danh lớn của Ôn, mà Lạc Thống toàn nói lời cao đẹp cho Ôn, đến như "siêu quần trác việt, rọi sáng cho đời, người thời nay không ai theo kịp được." Lời ấy khác gì lửa đang cháy to, lại góp dầu để lửa bốc cao thêm!

Văn sĩ truyện chép: Ba người em gái của Ôn đều có tiết hạnh, vì việc của Ôn, bị cưỡng ép phải cải giá. Em gái thứ hai lúc trước gả cho Cố Thừa, phủ quan hứa gả cho nhà họ Đinh, thành hôn được mấy ngày, bèn uống thuốc độc mà chết. Người ở triều đình nước Ngô khen ngợi, người làng vẽ hình đáng, vì nàng mà ca tụng.

Lạc Thống tự Công Tự, người quận Cối Kê huyện Ô Thương. Cha của Thống là Tuấn, quan vị đến chức Trần tướng, bị Viên Thuật giết hại.① Mẹ Thống cải giá, làm vợ bé của Hoa Hâm, Thống bấy giờ mới tám tuổi, bèn cùng tân khách thân cận quay về Cối Kê. Mẹ của Thống tiễn Thống đi, Thống bái lạy từ giã mẹ ở trên xe, mặt hướng về trước không ngoái lại, mẹ Thống khóc ở sau xe. Người đánh xe nói:

- Phu nhân còn theo ở phía sau đấy.

Thống nói:

- Ta chẳng muốn mẹ ta nghĩ ngợi thêm nữa, cho nên chẳng ngoái đầu lại đó thôi.

Thống thờ chính mẫu rất mực cung kính. Thời ấy mất mùa, đồng ruộng bỏ hoang, người ở xóm làng và khách viễn phương đa phần khốn thiếu, Thống vì giúp họ nên ăn uống suy kém. Người chị gái của Thống vốn nhân ái đức hạnh, góa chồng không có con, thấy Thống như thế rất xót xa, mấy lần hỏi nguyên do vì sao. Thống nói:

- Sĩ đại phu cảm bã chẳng đủ ăn, sao ta nhẫn tâm no đủ một mình được!

Người chị nói:

- Thực có như thế, sao chẳng bảo ta, mà tự làm khổ mình như vậy?

Rồi tự lấy thóc lúa riêng giúp Thống, lại đem việc báo với mẫu thân, người mẹ cũng là người tốt, bèn sai người phân phát của cải giúp đỡ chúng nhân, bởi thế Thống nổi danh.

① *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Tuấn tự Hiếu Viễn, tài kiêm văn võ, thời trẻ làm Quận lại, lúc xét Hiếu liêm, được bổ chức Thượng thư lang, rồi được cất nhắc bá làm Trần tướng. Vừa lúc Viên Thuật tiếm hiệu, anh em phần hân tranh giành nhau, thiên hạ như vạc nước sôi, quần tặc đều nổi dậy, chỗ địa giới nước Trần, kẻ gian khắp bốn phương hưởng ứng, Tuấn gắng sức dụng võ ra uy, giữ gìn bờ cõi, giặc không dám phạm. Tuấn cung dưỡng cứu giúp trăm họ, thiên tai họa hại không nảy sinh, mùa màng bội thu. Về sau quân binh của Thuật đói khổ, tới chỗ Tuấn xin lương thực. Tuấn cực ghét Thuật, mới không đáp ứng. Thuật nổi giận, ngầm sai người giết Tuấn.

Tôn Quyền lấy thân phận là Tướng quân lĩnh Thái thú Cối Kê, Thống hai mươi tuổi, được thử dùng làm Ô Trình tướng, dân chúng ở đó hơn vạn hộ, đều ca tụng Thống là nhân ái và có đạo lý. Quyền khen ngợi Thống, triệu về làm Công tào, hành Kỵ đô úy, đem con gái của anh họ mình là Phụ gả cho Thống.

Thống dồn tâm trí vào việc bù đắp các thiếu sót, ví như thấy có vấn đề cần giải quyết, xét việc ngay ban đêm chẳng đợi đến sáng. Thường khuyên Quyền kính hiền đãi sĩ, siêng năng chú ý cái tổn hại, lúc ban yến thưởng, nên gặp gỡ riêng từng người, hỏi về ăn uống sinh hoạt hàng ngày của họ, bày tỏ tình ý thân mật, hiểu dụ khiến người ta nói ra, xét kỹ cái chí thú của họ, khiến họ đều cảm ân nghĩa, mang lòng muốn báo đáp. Quyền thu dùng lời ấy. Rồi cho ra ngoài làm Kiến trung Trung lang tướng, lĩnh ba nghìn quân Vũ xạ lại.⁽¹⁾ Lúc Lăng Thống chết, lại cho lĩnh binh ấy.

¹ Tức là đạo quân gồm những người bắn tên giỏi.

Bấy giờ thuế khóa dao dịch rất nhiều, lại thêm dịch bệnh lan truyền, số hộ dân hao tổn, Thống dân số rằng:

"Thần nghe nói quân vương trị quốc, lấy chiếm cứ cương thổ là giàu mạnh, lấy chế định uy phúc là tôn quý, làm sáng đức nghĩa là vinh hiển, cho con cháu nối đời lâu dài là phúc dày. Nhưng tài vật đời dân làm ra, cường mạnh cậy vào sức dân, uy quyền dựa vào thế dân, phúc lộc nhờ dân sinh dưỡng, đức thi hành mượn sự thịnh vượng của dân, nhân nghĩa là nhờ hành vi của dân, sáu điều ấy đã có đủ, rồi sau mới ứng mệnh trời nhận ngôi vương, giữ gìn dòng tộc, củng cố quốc gia."

"Kinh Thư nói: 'Dân không có vua thì không có ai giúp cho yên ổn, vua không có dân thì không khai mở được cương thổ bốn phương.' Suy diễn từ lời ấy, thì dân nhờ vua mà yên ổn, vua nhờ dân mà nên đại nghiệp, là cái đạo lý bất biến vậy. Nay cường địch chưa diệt, hải nội chưa yên, ba quân binh dịch không ngừng, ven sông không dám bỏ quân phòng thủ, trưng thu thuế khóa đều phát dao dịch ngày càng chất chồng, thêm nạn ôn dịch gây họa chết chóc, quận huyện trống rỗng, ruộng đồng hoang vu, nghe các thuộc thành báo lên, hộ khẩu của dân ngày càng ít ỏi, lại đa phần là người già yếu tàn tạ, rất thiếu đình tráng, lúc nghe tin ấy, lòng dạ thần như lửa đốt. Suy nghĩ tìm xét nguyên nhân của việc đó, thì kẻ tiểu dân không biết được, vì họ đã quen với tập quán không dời đất an cư, vả lại từ trước đến nay người đi lính, kẻ sống thì khốn khổ không được no ấm, người chết thì hài cốt vứt bỏ không được đưa về, đấy là lý do khiến người ta lưu luyến cố thổ sợ phải đi xa, xem việc ấy cũng như cái chết vậy. Mỗi khi điều phát trưng dịch, người gánh vác việc nặng của nhà bản cùng bị bắt đi đao dịch trước. Những nhà có ít của cải, phải dốc hết ra để hồi lộ, vì tránh binh dịch mà không nghĩ đến việc khuynh gia bại sản. Còn kẻ nhanh nhẹn mạnh tợn thì trốn lánh vào nơi hiểm trở, tụ đảng thành quần ác. Trăm họ khốn khổ kiệt quệ, phiền não xác xơ, phiền não thì không yên nghiệp, không yên nghiệp thì dẫn đến cùng khổ, cùng khổ thì không an cư, cho nên đói khát, cái lòng gian động đây mà kẻ bội phản ngày một đông vậy."

"Lại nghe nói ở trong dân, nhà không có khả năng tự chu cấp, con sinh bị chết, đa phần không nuôi dưỡng được; lính đóng trại làm ruộng vì nghèo khó, cũng đa phần ném bỏ con nhỏ. Trời thì sinh, mà cha mẹ giết, sợ rằng đây là điều trái nghịch hòa khí, lay động âm dương. Và lại thần nghĩ bệ hạ khai nghiệp dựng nước, truyền nghiệp đến vô cùng, đại địch cường mạnh lân bang không thể bỗng chốc diệt ngay được, phòng vệ cương giới không phải chỉ đóng lính trong vài tháng, mà binh dân hao giảm, người sinh ra không được nuôi dưỡng, đây không phải là cách vững chắc lâu dài để dẫn đến thành công vậy."

"Quốc gia quan hệ với dân, cũng như thuyền đi trên mặt nước, nước yên thì được an, nước động thì bị nguy, dân ngu nhưng chẳng nên lừa dối, dẫu họ yếu cũng chẳng nên cưỡng ép, vì thế bậc thánh vương xem trọng dân, họa phúc là do dân, cho nên phải thông tin tức với dân, xét thể chế chính trị cho thích hợp. Hiện nay trưởng lại là chức vụ gần với dân, thiết nghĩ phải dùng tài năng để chu toàn công việc, xử lý sự vụ cấp bách trước mắt, dùng ân đức để cai trị, xứng với đức nhân che trùm của bệ hạ, siêng năng thi hành nhân đức để cứu vớt dân tình. Chính vụ tập tục của quan dân ngày càng điều tề, sẽ dẫn đến suy vi, về hình thế là chẳng thể lâu bền."

"Trị bệnh phải kịp thời từ lúc bệnh chưa nặng, trừ họa quý ở chỗ họa chưa sâu, mong Điện hạ bớt thời gian rồi nhân để xử lý việc này, lưu tâm nghĩ xét, bù đắp chỗ chưa chu đáo, tính sâu lo xa, nuôi dưỡng số dân còn lại, tăng nhân số và của cải trong dân, khiến sự nghiệp của quốc gia rạng rỡ như tam quang, tròn đầy như trời đất. Ước nguyện lớn nhất của thần thành hiện thực, thì đủ để thần chết mà không mục nát rồi."

Quyền cảm kích lời của Thống, rất xem trọng ý ấy.

Thống theo Lục Tốn đi phá quân Thục ở Nghi Đô, được thăng chức Thiên tướng quân.

Năm Hoàng Vũ sơ, Tào Nhân ra đánh Nhu Tu, phái biệt tướng là bọn Thường Điều tập kích bãi nổi trên sông, Thống và Nghiêm

Khuê chung sức chống phá chúng, được phong tước Tân Dương đình hầu, sau làm Nhu Tu đốc.

Thống mấy lần bày kế việc nên làm, trước sau dâng thư mấy chục lần, lời nói đều có đạo lý, vẫn tự nhiều không chép lại.

Thống rất quan tâm đến việc chiêu mộ kẻ xấu làm bại hoại phong tục ở chốn dân gian, khiến dân chúng sinh lòng phản nghịch, đề xuất nhanh chóng cấm tuyệt, Quyền và Thống bàn đi bàn lại vấn đề, cuối cùng thi hành.

Năm Thống ba mươi sáu tuổi, là năm Hoàng Vũ thứ bảy, chết.

Lục Mạo tự Tử Chương, là em của Thừa tướng Lục Tốn. Mạo thời trẻ hiếu học dốc lòng theo việc nghĩa. Bọn Trần Dung người nước Trần, Bộc Dương Dật người quận Trần Lưu, Tường Toàn người Bái Quận, Viên Địch người quận Quảng Lăng, đều xuất thân hàn hàn mà có chí, cùng Mạo là chỗ giao du,^① Mạo chia xẻ ngọt bùi, đồng cam cộng khổ. Lúc người đồng quận là Từ Nguyên, đến trú ở Cối Kê, vốn không quen biết Mạo, khi sắp chết viết di thư, thác gửi con cô, Mạo giúp xây phần mộ, thu nhận dạy dỗ con của Nguyên. Lại có người chú của Mạo là Tích chết sớm, có hai con trai một con gái, đều mới mấy tuổi trở về quê, Mạo đón về nhà nuôi dạy, lúc trưởng thành cho ra ở riêng. Châu quận triệu gọi tiến cử, đều không đến nhận chức.

① Cháu của Địch là Diệp, tự Tư Quang, soạn sách *Hiển để Xuân Thu*, nói rằng Địch và bọn Trương Hoàn cùng qua sông, cha của Địch là Tuy làm Thái phó duyện, Trương Siêu đi đánh dẹp Đồng Trác, sai Tuy quản việc quân chính của quận Quảng Lăng.

Bấy giờ Thượng thư Kỵ Diễm rất sốt sắng trong việc bình phẩm khen chê, lúc đánh giá quan viên của Tam thực, hay nêu cái sai lầm của người khác, để tỏ rõ cái nghiêm khắc của mình. Mạo gửi thư nói:

“Bậc thánh nhân khen người thiện lương thương kẻ ngu, quên lỗi ghi công, để thành toàn cái giáo hóa tốt đẹp. Thêm nữa hiện nay vương nghiệp mới dựng, mong nhất thống thiên hạ, đây là lúc quên lỗi chọn dùng người tài như Hán Cao vậy, nếu khiến thiện ác trong đục phân biệt, trọng cái lời bình Nguyệt đán của người vùng Nhữ Dĩnh,⁽¹⁾ thì thực sự có thể lấy đó để chỉnh sửa phong tục nêu cao giáo hóa, nhưng e là chưa dễ làm được vậy. Vậy nên xa thì học theo phép yêu mến con người của Trọng Ni, đời giữa thì học theo sự độ lượng của Quách Thái,⁽²⁾ gần đây thì khảo xét đến những việc có ích với đại đạo vậy.”

Diễn không theo lời của Mạo, rút cục dẫn đến thất bại.

Năm Gia Hòa nguyên niên, Công xa trung triệu Mạo, bãi làm Nghị lang, Tuyển tào thượng thư.

Tôn Quyền phản hận sự xảo trá phản phúc của Công Tôn Uyên, muốn tự thân đi đánh, Mạo dâng sớ can rằng:

“Thần nghe nói bậc thánh vương trị người rợ ở nơi xa, chỉ lấy ân ý ràng buộc họ mà thôi, chẳng nắm giữ họ lâu dài, cho nên người xưa lúc phân định đất đai, gọi chỗ đó là cõi hoang phục, ý nói là cõi vô định bất thường, chẳng thể nắm giữ được vậy. Nay Uyên là tên giặc mọn Đông Di, khấp nép nơi góc biển, tuy mang mặt mũi con người, so với cầm thú chẳng khác gì. Quốc gia sở dĩ chẳng tiếc tiền của báu vật đưa đi xa ban cho hắn, không phải là khen đức hạnh đạo nghĩa của hắn vậy, kỳ thực là muốn dẫn dụ đùa bỡn kẻ ngu, để mưu lấy ngựa của hắn thôi. Uyên ngạo mạn giáo hoạt, cậy ở nơi xa trái mệnh, đấy là thói thường của kẻ ở cõi man hoang, sao đủ cho là quái lạ?”

¹ Hứa Thiệu (许都), tự Tử Tương, người quận Nhữ Nam, nổi danh về bình xét nhân vật, thường mỗi tháng lại bình phẩm về một người, rất đúng, nên danh tiếng vang dậy thời bấy giờ, câu “Nguyệt đán chi bình” tức là chỉ Hứa Thiệu vậy.

² Trọng Ni tức thầy Khổng tử; Quách Thái (郭泰) là danh sĩ thời Hán mạt, người quận Thái Nguyên, là lãnh tụ dòng Thanh lưu (nho học chân chính) thời Linh đế, từng vướng vào họa bè đảng, sau không ra làm quan, đóng cửa dạy học trò.

"Xưa kia các vị Đế của nhà Hán cũng thường để tâm đến việc phủ dụ người Di ở cõi ngoài, phái sứ giả đi rải của cải, lấp đầy Tây vực, tuy có lúc được họ cung kính thuận theo, nhưng sứ giả của nhà Hán bị giết, tài vật bị mất, chẳng thể tính xuể. Nay bề hạ chẳng nhìn con cháu giân bưng bưng, muốn vượt bể lớn, tự thân xéo chân lên đất ấy, bọn ngu thần bàn định, trộm cho là bất an. Vì sao? Giặc cướp phương bắc với nước ta, đất đai nối liền, ví như nhân lúc sơ hở, sẽ thừa cơ mà đến. Ta sở dĩ vượt bể cầu ngựa, hết tình đối đãi với Uyên, là để đối phó với cái cần kíp trước mắt, giải trừ mối lo trong lòng vậy, mà viết gộc tìm ngọn, bỏ gần cầu xa, vì con giân dữ đối kế mưu, thịnh nộ động đại quân, việc làm ấy khiến giặc Ngụy giáo hoạt nghe được tin tức mà vui, chẳng phải là kế hay của Đại Ngô vậy."

"Thêm nữa, cái thuật của binh gia, là dùng lao dịch khiến đối phương mệt mỏi, lấy an nhàn đón đợi kẻ lao nhọc, trong lúc được mất, lại càng phải biết rõ điều ấy. Vả lại từ Đạp Chỉ đến chỗ Uyên, đường đất còn xa, nay đến bến bờ của họ, binh thế phải chia ba, sai quân mạnh đánh giữ, quân thứ nữa phải giữ thuyền, rồi đến quân vận lương, người đi tuy nhiều, khó dùng hết sức được; hơn nữa đi bộ vác lương, đường xa thâm nhập, đất giặc nhiều ngựa, đón chặn khó lường. Nếu Uyên gian trá giáo hoạt, chưa đoạn tuyệt với phương bắc, ngày ta động binh, họ sẽ môi rặng giúp nhau. Nếu thực sự Uyên bị cô lập không có chỗ cậy dựa, sẽ kinh sợ trốn xa, ngờ là khó diệt ngay được. Nếu binh trời lưu lại phương bắc, giặc núi thừa cơ nổi lên, sợ rằng đó không phải là kế vạn an lâu dài vậy."

Quyền chưa nghe. Mạo lần nữa dâng sớ rằng:

"Binh đao, vốn là việc đời xưa dùng để đánh giết kẻ bạo loạn, ra oai với Tứ Di vậy, nhưng việc binh dịch ấy đều ở lúc kẻ gian hùng đã bị diệt trừ, thiên hạ vô sự, quân vương ung dung trên chốn miếu đường, đem các việc không quan yếu ra nghị bàn thôi. Đến khi Trung nguyên như vạc nước sôi, là lúc chín cõi kết giao lẫn lộn, đại để là phải đợi cùng cố cho gốc sâu rễ vững, quý sức tiếc của, cốt nghỉ ngơi

nuôi dưỡng sức lực của mình, để đợi sai lầm của nước địch lân bang, nếu chưa đúng thời cơ, mà bỏ gần tìm xa, là làm cho quân lữ mỗi một vậy. Trước kia Úy Đà phản nghịch, tiến hiệu xưng đế, vào lúc ấy thiên hạ yên trị, trăm họ giàu có đông đúc, quân tướng mang đai mặc giáp đủ trong số tịch, lương thực tích trữ, có thể nói là rất nhiều vậy, nhưng Hán Văn còn cho là đi đánh nơi xa không dễ, tuy là đại hưng sư lữ, song chỉ cáo dụ mà thôi.⁽¹⁾ Nay kẻ hung bạo chưa bị diệt, bờ cõi còn phải cảnh giặc, đâu có cái loạn như Xi Vưu,⁽²⁾ Quỷ Phương,⁽³⁾ vẫn nên theo thứ bậc là hoãn hay gấp mà làm, chưa nên lấy việc của Uyên làm đầu. Mong bệ hạ nén cơn giận mà dụng kế, tạm ổn định sáu quân, ngắm ngẫm tính kế lâu dài, để mưu đồ việc mai sau, thì thiên hạ may lắm."

Quyền lại xem thư của Mạo, khen lời văn và lý lẽ trong thư ấy là chính trực chân thành, vì thế không xuất binh.

Khi trước, người đồng quận với Mạo là Văn Nhân Mẫn được đãi ngộ nhận đất phong, hơn cả người trong tông thất, duy có Mạo cho là không đúng, sau này quả nhiên như lời Mạo nói.

Năm Xích Ô thứ hai, Mạo chết.

Con của Mạo là Hỉ cũng thạo văn chương điển tịch, thích bình luận nhân vật, thời Tôn Hạo làm Tuyển tào thượng thư.①

① Ngô thư chép: Hỉ tự Văn Trọng, là con thứ hai của Mạo vậy, vào thời nhà Tấn làm Tấn kỵ thường thị.

Cháu của Mạo là Diệp, tự Sĩ Quang, làm quan đến chức Xa kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti.

Em của Diệp là Ngoạn, tự Sĩ Dao. Tấn Dương thu khen Ngoạn có khí phách, độ lượng, nho nhã, quan vị đến chức Tư không, được truy tặng chức Thái úy.

¹ Úy Đà: Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 159 (Văn đế ký).

² Xi Vưu (蚩尤): Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 95 (Lưu Biểu truyện).

³ Quỷ Phương (鬼方): Xem chú thích ở tập II, quyển 8, trang 158 (Đào Khiêm truyện).

Ngô Sán tự Khổng Hưu, người quận Ngô huyện Ô Trình vậy.① Tôn Hà làm trưởng huyện, Sán làm tiểu lại, Hà rất quý Sán. Sau Hà làm tướng quân, được tỵ tuyền Trưởng lại, biểu cử Sán làm Huyện thừa huyện Khúc A, rồi thăng làm Trưởng sử, việc cai trị có thành tích. Tuy Sán xuất thân hàn vi, so với bọn người cùng quận là Lục Tốn, Bốc Tĩnh thì nổi danh ngang nhau. Tôn Quyền làm Xa kỵ tướng quân, triệu Sán làm Chủ bộ, rồi cho ra làm Sơn Âm lệnh, sau quay về làm Tham quân Hiệu úy.

① *Ngô lục* chép: Sán được mấy tuổi, có bà lão người ở Cô Thành gặp Sán, bảo với mẹ của Sán rằng:

- Thằng bé này có cốt cách của bậc khanh tướng.

Năm Hoàng Vũ nguyên niên, Sán cùng bọn Lã Phạm, Hạ Tề đều đem thủy quân chống tướng Ngụy là Tào Hưu ở Đồng Khẩu. Đúng lúc trời nổi gió lớn, dây neo của các thuyền bị đứt, thuyền trôi dạt vào bờ, cái bị quân Ngụy bắt được, cái bị đắm chìm ở dưới sông, chỉ có thuyền lớn là còn, những người còn sống ở dưới nước đều bám vào mạn thuyền kêu gào, quan lại sĩ tốt sợ thuyền bị nghiêng lật, đều lấy kích, mâu đánh không cho bám vào. Riêng có Sán và Hoàng Uyên lệnh cho thuyền nhân đón lấy họ, tả hữu cho rằng thuyền nặng tất sẽ đổ, Sán nói:

- Thuyền đổ, thì cùng chết thôi! Người ta khốn cùng, bỏ sao được.

Việc làm của Sán và Uyên cứu được hơn trăm người.

Trở về, Sán được thăng làm Thái thú Cối Kê, Sán triệu ẩn sĩ là Tạ Đàm làm Công tào, Đàm nói có bệnh không đến, Sán dạy rằng:

- Rừng nhờ co duỗi nên được gọi là thần, phượng nhờ hót hay nên được coi là quý, ngài hà tất phải giấu hình tích ở ngoài đời, ẩn mình ở chốn vực sâu vậy?

Sán mộ hợp nhiều nhân mã, được bá làm Chiêu nghĩa Trung lang tướng, cùng Lã Đại đi đánh dẹp bình Sơn Việt, rồi về làm Đồn kỵ Hiệu úy, Thiếu phủ, rồi thăng Thái phó của Thái tử.

Lúc gặp cái biến nhị cung, Sán đưa lời bàn thẳng, làm rõ danh phận đích thứ, muốn đưa Lỗ vương Bá ra trú ở Hạ Khẩu, đuổi Dương Trúc khỏi kinh đô. Sán lại mấy lần đưa tin báo với Lục Tốn, Tốn bấy giờ đóng ở Vũ Xương, liên tiếp dâng biểu can gián. Bởi thế bọn Bá, Trúc gièm pha hãm hại Sán, bị tổng ngục rồi bị giết.

Chu Cự tự Tử Cự, người Ngô Quận huyện Ngô vậy. Cự có nghị biểu và sức lực, lại có tài nghị luận. Năm Hoàng Vũ sơ, được trưng bái làm Ngũ quan lang trung, bổ chức Thị ngự sử.

Bấy giờ Tuyền tào thượng thư là Kỵ Diễm, rất ghét kẻ tham ô đang tại vị, muốn sa thải bọn họ. Cự cho rằng nay thiên hạ chưa yên, nên xét công để bù bổ lỗi lầm, quên khuyết điểm của họ mà sử dụng, biểu dương người trong sạch để khích lệ kẻ ô trọc, là đủ để ngăn trở và khuyến khích họ, nếu nhất loạt biếm chức, sợ là có hậu quả xấu. Diễm không nghe, sau hỏng việc.

Quyền than thở về tài năng của tướng sĩ, phát phần thờ vắn than dài, đoái nghĩ đến lời của Lã Mông, Trương Ôn, cho rằng Cự có tài kiêm văn võ, có thể dùng kế tục bọn họ, bởi thế bái Cự làm Kiến nghĩa Hiệu úy, lĩnh binh đóng trú ở Hồ Thục.

Năm Hoàng Long nguyên niên, Quyền dời đô về Kiến Nghiệp, trưng triệu Cự, gả công chúa cho, rồi bái làm Tả tướng quân, phong tước Văn Dương hầu.

Cự nhún nhường đãi kẻ sĩ, coi nhẹ tiền bạc thích giúp đỡ người, lộc được ban thưởng dù hậu hĩnh nhưng thường không đủ dùng.

Năm Gia Hòa trung, bắt đầu cho đúc tiền lớn, một đồng giá trị năm trăm tiền. Về sau bộ khúc của Cự nhận ba vạn quan tiền, thợ đúc tiền là Vương Toại lừa nhận tiền, Diễm hiệu là Lã Nhất ngờ là Cự biến thủ số bạc ấy, khảo đá Chủ quản quân lại, đến

chết dưới đòn trượng, Cú thương người ấy vô tội, đem áo quan hậu táng. Nhất lại biểu tấu là quan lại của Cú giấu tội, nên Cú hậu táng họ. Quyền mấy lần trách hỏi Cú, Cú không lấy gì tự biện minh, nằm trên chiếu cỏ đợi tội. Qua mấy tháng, quan Điện quân là Lưu Trợ phát giác ra, nói rằng Vương Toại lấy số tiền ấy, Quyền tỉnh ngộ ra, nói:

- Chu Cú còn bị oan uổng, hưởng chi là quan dân?

Bền trị các tội của Nhất, thưởng cho Trợ trăm vạn tiền.

Năm Xích Ô thứ chín thăng Cú làm Phiêu kỵ tướng quân. Gặp lúc nhị cung phân tranh, Cú ủng hộ Thái tử, nói lời khẩn khoản chí thành, nghĩa khí lộ trên nét mặt, lấy cái chết để bảo vệ Thái tử,^① vì thế bị giáng làm Quận thừa ở Tân Đô. Chưa đến sở quan, Trung thư lệnh là Tôn Hoảng lại gièm pha thêm, nhân lúc Quyền ốm nặng, Hoảng làm chiếu thư sai người đuổi theo ban lệnh tự vẫn, bấy giờ Cú năm mươi tuổi.

Thời Tôn Lượng, hai con của Cú là Hùng và Tồn đều được phục chức lĩnh binh, bị Toàn công chúa gièm pha, đều chết. Năm Vĩnh An trung, truy xét công cũ, lấy con của Hùng là Tuyên tập tước Vân Dương hầu, gả công chúa cho. Thời Tôn Hạo, Tuyên làm quan đến chức Phiêu kỵ tướng quân.

① Thông ngữ của Ân Cơ chép lời can ngăn của Cú rằng:

"Thần nghe rằng Thái tử là gốc rễ của quốc gia, bản tính nhân hiếu, lòng người thiên hạ theo về, nay thốt nhiên trách lỗi, sẽ là mối lo của cả triều đình. Xưa kia Tấn Hiến công sủng ái Ly Cơ mà Thân Sinh chẳng còn, Hán Vũ đế tin tưởng Giang Sung mà Thái tử Lệ chết oan. Thần sợ rằng Thái tử không kham nổi mối lo ấy, dấu dựng cung Tử Tư,⁽¹⁾ cũng chẳng kịp nữa rồi."

¹ Tấn Hiến công nghe lời vợ lẽ Ly Cơ, muốn truyền ngôi cho con của Ly Cơ là Hề Tề, ghét bỏ, hại chết con của mình là Thân Sinh;

Hán Vũ đế tin Giang Sung, nghe lời gièm pha, giết con mình là Thái tử Lệ. Sau khi giết Thái tử, biết là oan khuất, cho dựng cung Tử Tư để tưởng nhớ.

Bình rằng: Ngụ Phiên có cái cuồng trực của cổ nhân, cho nên vào thời suy bại khó tránh được họa, nhưng Quyền chẳng bao dung được, là không có lòng dạ rộng rãi vậy. Lục Tích chú *Thái Huyền kinh* của Dương Hùng, cũng như Tả Khâu Minh chú *Xuân Thu kinh* của thầy Trọng Ni, Trang Chu chú *Đạo đức kinh* của Lão Đam rồi;⁽¹⁾ dùng người có tài quản tông miếu, đi trấn thủ Nam Việt, chẳng cũng hại cái tài của người ta sao! Trương Ôn tài hoa kiệt xuất, nhưng trí phòng họa chưa đủ, cho nên rước lấy vạ nạn; Lạc Thống nêu tỏ đại nghĩa, nói lời khẩn thiết, lý luận rõ ràng, nhưng đúng lúc Quyền bế tắc tai mắt không thông. Lục Mạo dốc lòng vì nghĩa khuyên can, được bậc quân tử khen ngợi. Ngô Sán, Chu Cứ gặp lúc gian truân khốn khổ, vì chính nghĩa mất mạng, thương thay!

---ॐ---

¹ Trang Chu (Trang tử); Lão Đam (Lão tử)

QUYỀN THỨ NĂM MUOI TÁM

LỤC TỐN TRUYỆN



Lục Tốn tự Bá Ngôn, người Ngô Quận huyện Ngô, vốn có tên là Nghi, nổi đời là đại tộc ở Giang Đông.①

Tốn mồ côi cha từ nhỏ, theo chú họ mình là Khang làm Thái thú Lư giang sống ở sở quan. Viên Thuật với Khang hiềm khích, sắp đánh Khang, Khang phái Tốn cùng thân thích về huyện Ngô. Tốn lớn tuổi hơn con trưởng của Khang là Tích mấy tuổi, thành người giữ kỷ cương trong nhà.

① *Lục thị thế tưng* chép: Tổ phụ của Tốn là Hu, tự Thúc Bàn, hiền lành sáng suốt có chí học hành, từng giữ chức Thành môn Hiệu úy. Cha của Tốn là Tuấn, tự Quý Tài, đôn hậu trung tín, rất đức hạnh, được người trong bang tộc quý mến, làm quan đến chức Đô úy Cửu Giang.

Tôn Quyền làm tướng quân, Tốn hai mươi một tuổi, bắt đầu làm quan ở Mạc phủ, trải chức Đông Tây tào lệnh sử, rồi ra làm Đồn điền đô úy huyện Hải xương, kiêm quản mọi việc trong huyện.① Huyện ấy liên mấy năm đại hạn, Tốn mở kho lương để phát chẩn cho dân nghèo, khuyến khích đôn đốc việc nông tang, trăm họ được on nhờ.

Thời ấy ở Ngô Quận, Cối Kê, Đan Dương có nhiều kẻ trốn náu, Tốn bày cách thức thích hợp, xin chiêu mộ họ. Đại soái của sơn tặc ở Cối Kê là Phan Lâm, làm hại dân sở tại đã lâu, nhiều năm không bắt được. Tốn dùng thủ hạ mình chiêu mộ được, thâm nhập nơi hiểm trở đánh dẹp trừng trị, đi đến đâu ở đó đều hàng

phục, bộ khúc vì thế có đến hơn hai ngàn người. Cừ sủy của giặc ở Bà Dương là Vuơ Đột tác loạn, Tồn lại qua đó đánh dẹp, được bái làm Định uy Hiệu úy, đóng quân ở Lợi Phố.

① *Lục thị từ đường tượng tán* chép: Huyện Hải Xương, nay là huyện Diêm Quan vậy.

Quyền đem con gái của anh trai mình là Sách gả cho Tồn, nhiều lần dò hỏi về thế sự, Tồn kiến nghị rằng:

- Hiện nay anh hùng đứng xem bàn cờ thế sự, như lang sói lớn vờn ngó nhìn nhau, đánh địch dẹp loạn, không có quân đội chẳng thể xong việc. Mà bọn sơn tặc lâu nay hung ác, nương cây nơi sâu hiểm. Lòng dạ chưa yên, thì khó mưu tính xa xôi, nên rộng tuyển bộ ngũ, để chọn lấy quân tinh nhuệ.

Quyền theo kế sách ấy, lấy Tồn làm Hữu bộ đốc dưới trướng. Vừa lúc cừ sủy của giặc ở Đan Dương là Phí Sạn nhận ấn thụ của Tào công, khuấy động người Sơn Việt, làm nội ứng, Quyền phái Tồn đi đánh dẹp Sạn. Bè đảng của Sạn rất đông mà quân đi đánh dẹp ít, Tồn bèn bày cách làm thêm cờ xí, phân phát trống và tù và cho quân, trong đêm ngấm tiến vào vùng sơn cốc, thúc trống reo hò mà tiến, giặc tan vỡ tức thì. Tồn chọn bộ ngũ ở ba quận phía đông, người khỏe cho làm lính, kẻ yếu bổ sung vào hộ tịch, thu được mấy vạn quân tinh nhuệ, đảng ác bị quét sạch, những chỗ đi qua đều thanh bình, Tồn quay về đóng binh ở Vu Hồ.

Thái thú Cối Kê là Thuần Vu Thức dâng biểu nói Tồn áp bức dân chúng, nhiễu loạn địa phương. Sau này Tồn đến kinh đô, trong lúc bàn chuyện, khen Thức là vị quan tốt, Quyền nói:

- Thức tố cáo ngài mà ngài tiến cử ông ấy, sao vậy?

Tồn thưa rằng:

- Thức có ý muốn dưỡng sức dân, vì thế mới tố cáo Tồn. Nếu Tồn lại hủy báng Thức để loạn tai thánh, chẳng phải là việc hay vậy.

Quyền nói:

- Đây thực là việc làm của bậc trưởng giả, xem ra người thường chẳng thể làm được vậy.

Lã Mông xưng bệnh về thẳng Kiến Nghiệp, Tồn qua điện kiến Mông, bảo rằng:

- Quan Vũ ở sát biên cảnh nước ta, sao ngài lại bỏ đi xa, sau này chẳng đáng phải lo lắng sao?

Mông nói:

- Quả như lời người nói, nhưng ta ốm quá.

Tồn nói:

- Vũ kiêu căng khoe cái khí dũng của mình, lấn áp người khác. Mới đây lập được đại công, có ý kiêu ngạo đến phóng túng, chỉ chăm chăm bắc tiến, không nghi ngờ gì chúng ta, lại nghe tin tướng quân có bệnh, tất càng không lo phòng bị. Nay ta xuất kỳ bất ý, tự mình có thể cầm bắt hắn. Ngài hãy tới điện kiến Chí tôn, để định kế hay này.

Mông nói:

- Vũ vốn dũng mãnh, khó mà đối địch, vả lại đã chiếm cứ Kinh châu, ân tín thi hành rộng rãi, lại mới lập công, lòng can đảm mà thể lực mạnh, chưa dễ đồ được vậy.

Mông đến kinh đô, Quyền hỏi:

- Ai có thể thay khanh được?

Mông thưa rằng:

- Lục Tồn là người có ý tứ sâu xa, tài năng kham nổi trọng trách, xem mưu toan của hắn, rút cục có thể gánh vác được việc lớn. Mà Tồn danh tiếng chưa lan xa, không phải là người mà Vũ úy kỵ, không ai hơn thế. Nếu dùng hắn, nên lệnh cho bên ngoài tự giấu mình, bên trong xét thời cơ thuận lợi để phát triển hình thế, rồi mới có thể đánh được.

Quyền bèn cho triệu Tồn, bái làm Thiên tướng quân Hữu bộ đốc thay Mông. Tồn đến Lục Khẩu, gửi thư cho Vũ rằng:

"Khi trước ngài thừa lúc địch sơ hở mà hành động, đúng phép tắc chỉ huy đại quân, cất binh mọn mà thắng lớn, uy phong vĩ đại thay! Địch quốc thua bại, lợi cho đông minh, bọn ta nghe tin mừng vui chúc tụng, nghĩ đến lúc thôn gồm thiên hạ, cùng nhau chấn chỉnh vương cương. Ta nông cạn bất tài, nhận trách nhiệm sang tây, ngưỡng mộ phong thái của ngài, nghĩ nhớ đến ngài dẫu lời có ích."

Lại viết:

"Bọn Vu Cấm bị bắt sống, xa gần đều hân hoan bội phục, cho rằng cái công lao của tướng quân đủ để truyền hậu thế, dẫu xưa kia Tấn Văn dụng binh ở Thành Bộc, Hoài Âm bày mưu hạ nước Triệu, cũng không lấy gì hơn được.⁽¹⁾ Nghe nói bọn Từ Hoảng có ít quân kỵ, cầm cờ đóng giữ, dòm ngó đại kỳ thống soái. Tháo là tên giặc giảo hoạt, vì tức giận chẳng nghĩ gian khó, e sẽ ngầm tăng quân, để thỏa cái tâm địa của mình. Tuy rằng quân hãn xuất chiến đã lâu, song vẫn rất kiêu mãnh. Và lại người ta sau khi thắng trận, thường mắc chứng khinh địch, theo bí thuật của cổ nhân, quân thắng càng phải cảnh giác, mong tướng quân hãy bày kế sách lớn, để bảo toàn chiến thắng. Kẻ hèn này là thư sinh, nông cạn chậm chạp, thẹn chẳng kham nổi chức, mừng uy đức của lân bang, vui tạt đáy lòng, tuy lời nói chưa hợp kế, vẫn có thể tham khảo vậy. Ví như ngài trông đến, tất xét rõ ý."

Vũ xem thư của Tồn, thấy tỏ ý khiêm nhường hạ mình tự có ý phớt lờ, xem chừng rất yên tâm, không nghi ngờ gì nữa. Tồn nắm rõ hình trạng, bày tỏ những điều cốt yếu có thể cầm bắt được Vũ. Quyền bèn ngầm đem quân ngược sông mà lên, sai

¹ Thời Xuân Thu, hai nước Tấn, Sở tranh bá chư hầu. Trận Thành Bộc, quân của Tấn Văn công Trùng Nhĩ do Tiên Chấn chỉ huy đánh bại quân Sở do Thành Đắc Thần cầm đầu, nước Tấn xưng bá chư hầu.

Hoài Âm hầu hạ binh nước Triệu (Trận Bôi Thủy): Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 150 (Chung Do, Chung Dục truyện).

Tồn cùng Lã Mông làm tiền bộ, khi đến chiếm ngay được Công An, Nam Quận. Tồn thẳng tiến, được lĩnh chức Thái thú Nghi Đô, bái làm Phủ biên tướng quân, phong tước Hoa đình hầu. Thái thú Nghi Đô của Bì là Phàn Hữu rút bỏ quận chạy trốn, Trưởng lại các thành cùng Trưởng quân của người Man người Di đều ra hàng. Tồn xin vàng bạc và ấn đồng, đem trao cho những người mới theo về. Bấy giờ là năm Kiến An thứ hai mươi bốn tháng mười một.

Tồn phái bọn tướng quân là Lý Dị, Tạ Tinh đem ba nghìn người, đánh tướng Thục là Chiêm Yển, Trần Phượng. Dị lĩnh thủy quân, Tinh cầm bộ quân, chẹn giữ những nơi hiểm yếu, lập tức phá bọn Yển, thu hàng được Phượng. Lại tấn công Thái thú Phòng Lăng là Đặng Phụ, Thái thú Nam Hương là Quách Mục, đại phá chúng. Các họ lớn ở Tỷ Quy là bọn Văn Bố, Đặng Khải tập hợp binh lính rợ Di được mấy nghìn người, liên kết hỗ ứng với phương tây. Tồn lại cho bộ tướng là Tinh đánh dẹp phá bọn Bố, Khải. Bố, Khải chạy thoát, Thục dùng làm tướng. Tồn lệnh cho người đi dụ chúng, Bố dẫn quân quay về hàng. Tồn trước sau bắt chém và chiêu nạp, cả thấy tính kế vạn. Quyền bèn lấy Tồn làm Hữu hộ quân, Trấn tây tướng quân, tiến phong tước Lô hầu.^①

① *Ngô thư* chép: Quyền khen công đức của Tồn, muốn cho Tồn được đặc biệt vẻ vang, tuy làm Thượng tướng quân, Liệt hầu, vẫn muốn khắp bản châu đều theo mệnh Tồn, bèn sai Dương châu mục là Lã Phạm đến triệu Tồn về làm Biệt giá tòng sự, tiến cử làm Mậu tài.

Bấy giờ sĩ nhân ở Kinh châu mới theo về, kẻ làm quan có người chưa được bố trí thỏa đáng, Tồn dưng sớ nói:

"Trước kia Hán Cao thụ mệnh, chiêu vời những người có tài lạ, Quang Vũ trung hưng, bọn tuấn kiệt đều đến cả, ví như có thể hưng thịnh cái đạo giáo hóa, thì cứ đâu xa gần. Nay Kinh châu mới định,

người tiếng tăm chưa được hiển đạt, ngu thần khấn khoản, xin hãy gia ân che chở, đề bạt rộng rãi, cho người ta được tự tiến cử, thì sau đó người ở bốn cõi sẽ vươn cổ ngóng trông, quy thuận theo giáo hóa."

Quyền cung kính thu nhận lời ấy.

Năm Hoàng Vũ nguyên niên, Lưu Bị thống suất đại quân đến hướng tây địa giới, Quyền lệnh cho Tồn làm Đại đô đốc, ban Giả tiết, đốc suất bọn Chu Nhiên, Phan Chương, Tống Khiêm, Hàn Đương, Từ Thịnh, Tiên Vu Đan, Tôn Hoàn đem năm vạn người cự Bị. Bị nổi quân từ Vu Giáp, Kiến Bình đến địa giới Di Lăng, lập mấy chục đồn, đem vàng gấm, tước thưởng dụ dỗ phiến động các tộc người Di, sai tướng quân Phùng Tập làm Đại đốc, Trương Nam làm Tiên bộ, bọn Phụ Khuông, Triệu Dung, Liêu Thuần, Phó Dung đều làm Biệt đốc, trước tiên phái Ngô Ban đưa mấy nghìn người tới chỗ đất bằng lập quân doanh, muốn dùng bọn ấy khiêu chiến. Chư tướng đều muốn ra đánh bọn Ban, Tồn nói:

- Việc này tất là có lừa lọc, hãy tạm quan sát họ đã.①

Bị biết kế mình không thành, bèn dẫn tám nghìn phục binh, từ trong hang núi đi ra. Tồn nói:

- Sở dĩ ta không nghe lời các ông ra đánh bọn Ban, vì đoán rằng họ tất có kế gian trá vậy.

Tồn dăng só rằng:

"Di Lăng là chỗ yếu hại, là quan ải trọng yếu của quốc gia, tuy dễ lấy được, song cũng dễ mất. Mất chỗ ấy chẳng phải chỉ là mất đất của một quận, Kinh châu mới đáng lo. Hôm nay tranh chiếm chỗ ấy, việc sắp tới tất xong. Bị phạm vào phép thưởng, không giữ hang ổ, mà dám tự mình đưa quân đi. Thần tuy bất tài, cậy dựa vào uy linh tổ tiên, lấy thuận dẹp nghịch, ngày phá địch đã cận kề. Xét trước nay Bị cầm quân, đa phần thua bại ít thấy thành công, lấy đó mà suy, Bị chẳng đủ để lo lắng. Thần mới đâu e ngại hắn, vì quân thủy lục của

hắn cùng tiến, nay hắn bỏ thuyền lên bộ, nơi nơi kết doanh trại, xét cái cách bố trí của hắn, tất không có gì đổi khác. Cúi mong bậc Chí tôn kê gôi nằm cao, chẳng có gì phải nghĩ ngợi vậy."

Chư tướng đều nói:

- Đánh Bị nên đánh lúc ban đầu, nay đã để cho hắn vào sâu năm sáu trăm dặm, cầm giữ nhau qua bảy tám tháng trời, các chỗ yếu hại họ đều giữ vững, đánh họ tất không lợi vậy.

Tồn nói:

- Bị là tên giặc giảo hoạt, lại trải việc đã nhiều, lúc quân bên họ mới tụ tập, lo tính tinh tế, dụng tâm chuyên nhất, không thể mạo phạm vậy. Nay họ trụ giữ đã lâu, không đánh được ta, binh mệt chí giảm, kế chẳng thể sinh thêm được nữa, giáp kích phá lũ giặc ấy, chính ở hôm nay.

Bèn sai đánh một doanh trại trước, bất lợi, chư tướng đều nói:

- Làm chết hão binh sĩ thôi.

Tồn nói:

- Ta đã hiểu rõ cái thuật phá quân ấy.

Lại sắc mệnh cho mọi người đều cầm theo một bó cỏ tranh, dùng hỏa công đánh địch. Trong khoảnh khắc thế lửa đã thành, Tồn bèn thống suất chư quân đồng thời tấn công, chém được thủ cấp bọn Trương Nam, Phùng Tập cùng vua của rợ Hồ là Sa Ma Kha, phá hơn bốn mươi dinh trại của giặc. Tướng của Bị là bọn Đỗ Lộ, Lưu Ninh bị bức khốn xin hàng. Bị trèo lên núi Mã Yên, bày binh tự giữ vòng quanh. Tồn đốc thúc chư quân bốn mặt vây bức Bị, đất lở ngói tan, người chết kể vạn, Bị nhân đêm tối trốn chạy, người ngựa mang vác nhau, đốt mũ nón áo giáp chặn phía sau, chỉ số ít người vào được thành Bạch Đế. Thuyền bè khí giới, quân tư trang của lính thủy bộ, nhất thời bị cướp sạch, thi hài trôi nổi, tắc nghẽn đoạn sông phía dưới. Bị rất hổ thẹn và tức giận, nói:

- Ta bị Tồn bẻ gãy nhục nhã ở chỗ này, há chẳng phải là ý trời sao!

① Ngô thư chép: Chư tướng đều muốn đón đánh Bị, Tồn cho là không nên, nói:

- Bị cất quân xuôi sang đông, nhuệ khí ban đầu đang thịnh, vả lại họ thừa thế ở trên cao thủ hiểm, khó có thể đánh ngay, ta cố hết sức đánh họ, cũng khó thắng lợi hoàn toàn, nếu có bất lợi, là tổn hại đến đại thế của ta, không phải việc nhỏ vậy. Nay chỉ tạm thời khích lệ tướng sĩ, thi hành rộng rãi các phương kế, để quan sát thay đổi của họ. Nếu chỗ ấy là đất bằng rộng rãi, sẽ phải sợ cái mối lo bị khốn đốn giẫm đạp lên nhau, nay họ men núi hành quân, thì về hình thế là không thi triển được, tự sẽ mệt mỏi ở giữa vùng cây núi, ta thông thả mà khắc chế họ một nhọc vậy.

Chư tướng không hiểu rõ, cho là Tồn sợ giặc, đều mang lòng phần hận.

Lúc đầu, Tôn Hoàn được biệt phái đánh quân tiên phong của Bị ở Di Đạo, bị quân của Bị bao vây, cầu cứu với Tồn, Tồn nói:

- Không nên cứu.

Chư tướng nói:

- Tôn An đông là người trong công tộc, bị vây đã khốn, sao lại không cứu?

Tồn nói:

- An đông được lòng sĩ chúng, thành chắc lương đủ, không nên lo lắng vậy. Đợi kế của ta được thi triển, ví như ta không cứu An đông, An đông tự giải vây được.

Lúc phương lược thi hành xong, Bị quả nhiên tan chạy. Hoàn sau này gặp Tồn nói:

- Lúc trước ta thực sự oán giận vì không được ngài cứu, xong đến hôm nay, ta mới hiểu được là việc điều phối tính toán của ngài đã có phương sách rồi.

Lúc đang ngăn chống Bì, chư tướng trong quân có kẻ là tướng cũ thời Tôn Sách, có người tông thất quý thích, đều cậy thế kiêu căng, không theo mệnh lệnh. Tồn cầm chắc kiếm nói:

- Lưu Bì nổi danh thiên hạ, là người Tào Tháo phải kiêng sợ, nay ở tại biên cảnh, đó là kẻ đối đầu cường mạnh vậy. Các ngài đều ơn nhờ vào ân đức của quốc gia, đáng phải hòa mục với nhau, cùng diệt trừ tên giặc ấy, báo đền cái ân đã nhận, mà chẳng hòa thuận với nhau, đó là việc sai trái vậy. Kẻ hèn này tuy là thư sinh, song vâng mệnh chúa thượng. Quốc gia sở dĩ giao các ngài cho ta sai cùng tác hợp, là vì kẻ hèn này có chỗ khả dụng, có thể nhân nhục gánh vác trọng trách vậy. Các ngài vâng nhận chức trách, há lại chối từ! Quân lệnh có phép thường, chẳng nên phạm vậy.

Đến lúc phá Bì, mưu kế đa phần phát ra từ Tồn, chư tướng mới chịu phục. Quyền nghe tin, nói:

- Vì sao lúc trước ngài không nắm việc chư tướng trái tiết chế vậy?

Tồn đáp rằng:

- Thần chịu ân lớn, gánh vác việc quá với tài năng. Thêm nữa chư tướng có người là phúc tâm tin cậy, có kẻ là nanh vuốt, hoặc là công thần, đều là những người cùng góp sức vì quốc gia chung định đại sự. Thần dẫu hèn đốn, vẫn trộm mến mộ cái nghĩa nhường nhau của Tương Như và Khấu Tuân, để hoàn thành công việc của quốc gia.⁽¹⁾

Quyền cả cười khen hay, phong thêm cho Tồn chức Phụ quốc tướng quân, lĩnh Kinh châu mục, lập tức đổi phong làm Giang Lăng hầu.

¹ Liêm Pha, Lạn Tương Như: Xem chú thích ở tập IV, quyển 21, trang 260 (Phó Hồ truyện); Khấu Tuân, Giả Phục: Xem chú thích ở tập II, quyển 6, trang 50 (Viên Thiệu truyện).

Lại nói Bị đã trú ở Bạch Đế, bọn Từ Thịnh, Phan Chương, Tống Khiêm đều tranh nhau dâng biểu nói Bị hẳn có thể bắt được, xin lại đánh tiếp. Quyền đem ý ấy hỏi Tồn, Tồn cùng Chu Nhiên, Lạc Thống cho rằng Tào Phi đại hợp sĩ chúng, bề ngoài thác ra là giúp quốc gia đánh dẹp Bị, bên trong thực có lòng gian, cần trọng quyết kế lập tức rút về. Không lâu, quân Ngụy quả nhiên tiến ra, cả ba phương đều thụ địch vậy.^①

① Ngô lục chép: Lưu Bị nghe tin quân Ngụy đại xuất binh, gửi thư cho Tồn nói rằng:

"Giặc nay đã ở Giang Lăng, ta sắp trở lại phía đông, tướng quân nói xem việc ấy có được không?"

Tồn đáp thư rằng:

"Chỉ sợ là quân của ngài mới bị phá, vết thương chưa hồi phục, mới bắt đầu tìm cách kết thân, nên đang tự bù bổ, chưa rồi rã để lạm dụng vũ lực đâu. Nếu chẳng tính kỹ, muốn dùng số quân nghiêng lật còn lại, từ xa kéo đến, sẽ không có chỗ mà trốn vậy."

Không lâu sau Bị ốm chết, con là Thiện kế nối ngôi vị, Gia Cát Lượng cầm quyền chính, cùng Quyền liên hòa. Bấy giờ là thời điểm thích hợp, Quyền tức thì lệnh cho Tồn trao đổi thư từ với Lượng, đều khắc ấn của Quyền, để ở chỗ Tồn. Quyền mỗi lần gửi thư cho Thiện và Lượng, thường đưa qua báo với Tồn, việc nặng nhẹ nên chăng, hay có chỗ nào không ổn, cho tự tiện sửa đổi, lấy ấn đóng dấu rồi phong kín gửi đi.

Năm thứ bảy, Quyền sai Thái thú Bà Dương là Chu Phưong trá lừa Đại tư mã Tào Hưu của nước Ngụy, Hưu quả nhiên cất quân xâm nhập đất Hoàn, Quyền bèn triệu Tồn đến ban giả hoàng việt, phong làm Đại đô đốc, đón đánh Hưu.^① Không lâu sau Hưu hiểu ra, then vì bị trá lừa, tự cậy quân mã đông mà tinh nhuệ, bèn giao chiến. Tồn tự mình làm trung quân, lệnh cho Chu Hoàn, Toàn Tông làm Tả hữu dực, ba đạo cùng tiến lên, quả quyết xông vào chỗ phục binh của Hưu, nhân đó đuổi

chúng bỏ chạy, truy kích lên phía bắc, thẳng đến Giáp Thạch, chém và bắt sống hơn vạn người, cả vạn cỗ xe trâu, ngựa, la, lừa, quân trang khí giới cướp được hết. Hưu trở về, phát ung nhọt ở lưng mà chết. Chư quân chấn chỉnh quân lữ qua Vũ Xương, Quyền lệnh cho tả hữu đem lọng của vua che cho Tồn, lúc Tồn ra vào cửa điện, phàm là những thứ ban cho Tồn, đều là đồ vật trân quý dâng lên vua, vào lúc bấy giờ chẳng ai sánh được. Lại phái Tồn về Tây Lăng.

① Lục Cơ làm bài minh về Tồn rằng:

"Đại tư mã Tào Hưu nước Ngụy xâm phạm bắc biên ta, chúa thượng ban cho Công giả hoàng việt, thống ngự sáu quân và trung quân cấm vệ thay vua hành sự, chúa thượng cầm roi, trăm quan quỳ gối."

Ngô lục chép: Ban cho Tồn giả hoàng việt, Ngô vương thân cầm roi để gặp Tồn.

Năm Hoàng Long nguyên niên, bãi Tồn làm Thượng đại tướng quân, Hữu đô hộ. Năm ấy, Quyền sang đông đi tuần Kiến Nghiệp, lưu Thái tử, Hoàng tử cùng Thượng thư Cừ khanh ở lại, triệu Tồn về phụ giúp Thái tử, kiêm chấp chương việc quân chính ở Kinh châu và ba quận của Dự Chương, đốc trách quân đội trong cả nước.

Bấy giờ Kiến Xương hầu là Tôn Lự làm cái lan can hình đầu vịt ở trước nhà, rất tinh xảo, Tồn nghiêm sắc mặt nói:

- Quân hầu nên siêng xem Kinh Thư điển tịch để tự tìm lấy những điều có ích mới mẻ, dùng thứ này làm gì?

Lự tức thì phá dỡ đi.

Xạ thanh Hiệu úy Tôn Tùng thân với Tồn nhất trong số các công tử, đùa bỡn với việc binh không nghiêm chỉnh, Tồn bèn cắt tóc quan lại của Tùng ngay trước mặt.

Người quận Nam Dương là Tạ Cảnh thích bàn luận về cái phép trước dùng hình sau dùng lễ của Lưu Di, Tồn mắng Cảnh rằng:

- Lễ trị ưu việt hơn hình trị lâu rồi, Dị dùng lời biện luận hẹp hòi đối gạt đạo lý của thánh nhân, đều là lời sai vậy. Nay ngài hầu hạ Đông cung, nên theo nhân nghĩa để biểu chương lời hay, như lời đàm luận của kẻ kia, không nên bàn xét nữa.

Tổn tuy thân ở bên ngoài, trong lòng luôn quan tâm đến quốc sự, dâng sớ bày tỏ việc đương thời rằng:

"Thần cho rằng khoa luật hình pháp nghiêm khắc, thì kẻ dưới phạm phải rất nhiều. Trong một năm lại đây, quan tướng mắc tội, tuy chẳng thể không cẩn thận việc trách phạt, nhưng thiên hạ chưa thống nhất, ta đang mưu đồ tiến thủ, lỗi nhỏ thì nên ban ân tha thứ, để yên lòng người dưới. Vả lại sự vụ ở đời phát sinh ngày một nhiều, chọn dùng người tài là việc hàng đầu, nếu chẳng phải là kẻ để cái gian xấu nhập vào thân, lỗi khó dung tha, xin hãy trọng dụng lại, để họ thi triển năng lực hiệu dụng. Đó là bậc thánh vương quên lỗi ghi công, để hoàn thành vương nghiệp. Xưa kia Hán Cao tha lỗi cho Trần Bình, dùng mưu lược kỳ lạ của người ấy, rút cục lập nên nghiệp lớn, công tích lưu truyền nghìn năm. Phép nghiêm hình nghiêm, không phải là cách hưng nghiệp của bậc đế vương; có hình phạt mà không có khoan thứ, không phải là cách vỗ về để người phương xa quy thuận rộng rãi."

Quyền muốn phái một cánh quân đánh lấy Di Châu và Chu Nhai, đều đem hỏi Tổn, Tổn dâng sớ rằng:

"Ngư thần cho rằng bốn bể chưa định, nên thư thả sức dân, để xong việc mùa màng. Nay hưng binh liên năm, thấy quân dân hao tổn giảm sút, bệ hạ lo lắng nhọc nhằn suy tổn thánh trí, quên ăn quên ngủ, sắp đi xa mưu lấy đất Di Châu, để yên định đại sự, thần suy đi xét lại, chưa thấy cái lợi của việc ấy, mà vạn dặm đi đánh, phong ba khó lường, binh dân thay đổi thủy thổ, tất dẫn đến dịch bệnh, nay xua quân tiến, lặn lội vào chỗ cây không mọc nổi, muốn được thêm mà lại tổn thất, muốn lợi mà lại hại vậy. Lại nữa là Châu Nhai vô cùng hiểm trở, dân như cầm thú, có được dân ấy chẳng đủ để giúp việc, không có quân ấy chẳng khiến binh ta thiếu. Nay quân dân của Giang Đông, tự

đủ để mưu việc, chỉ nên dưỡng sức lực rồi sau sẽ phát động thôi. Trước đây Hoàn vương khai sáng cơ nghiệp, bình chăng đây một lũ, mà mở mang đại nghiệp. Bệ hạ nổi vận, bình định Giang Biều. Thần nghe nói trị loạn đẹp nghịch, phải sửa binh ra uy, ruộng vườn com áo, là nghiệp gốc của dân, mà can qua không dừng, dân chúng sẽ đói rét. Ngu thần cho rằng nên nuôi dưỡng sĩ dân, nới lỏng tô thuế, mọi người được hòa thuận, lấy nghĩa để khuyến khích người dũng, thì Hà Vị có thể bình, chín châu được thống nhất rồi."

Quyền đi đánh Di Châu, cái được chẳng bù nổi cái mất.

Lúc Công Tôn Uyên bội ước, Quyền muốn qua đó đánh dẹp, Tồn dân sợ rằng:

"Uyên cậy dựa hiểm vững, bắt giữ sứ giả đại quốc, không chịu dâng biểu ngựa tốt, thực đáng căm giận. Người man di giáo hoạt phạm lãn Hoa Hạ, chưa thấm vương hóa, như chim bay ngoài cõi hoang, chống cự vương sư, đến nỗi khiến cho bệ hạ nổi giận dùng dùng, muốn lao nhọc vạn quân thuyền nổi trôi vượt biển, không nghĩ đến mối nguy nan trên bể cả mà lặn lội vào nơi bất trắc."

"Nay thiên hạ nhiễu loạn, quần hùng như hổ tranh phong, anh hào nhậy nhót, miệng thét mắt gườm. Bệ hạ lấy tư chất thần vũ, kế thừa thiên vận, phá vỡ Tháo tại Ô Lâm, đánh bại Bì ở Tây Lăng, bắt sống Vũ ở Kinh châu, ba tên giặc ấy là kẻ kiêu hùng hào kiệt đương thời, đều bị bẻ gãy mũi nhọn. Giáo hóa thánh minh vỗ về, vạn dặm phục như cỏ rạp, sẽ bình định Hoa Hạ, thống nhất đại kế. Nay chẳng nhẫn nhịn cái giận nhỏ, mà phát cơn giận lớn đình, thì trái với lời răn 'thùy đường',⁽¹⁾ coi nhẹ cái thân phận tôn quý vạn thặng, đấy là điều thần không hiểu vậy."

"Thần nghe nói người có chí hành tẩu vạn dặm, chẳng dừng chân ở giữa đường; người mưu đồ đẹp bằng bốn bể, chẳng vương cái giận nhỏ để nguy hại cho đại sự. Nay cường khấu tại biên cảnh, cõi hoang

¹ Đưa con nghìn vàng, không nên để ngồi dưới mái hiên nhà.

phục chưa theo mệnh đến châu, bệ hạ cưỡi thuyền viễn chinh, tất có kẻ rình sơ hở dòm ngó, sẽ phải phiền lòng lo lắng, hồi không kịp nữa. Ví bằng đại sự thành công, thì chẳng đánh dẹp Uyên cũng tự phục; nay đi xa vì tiếc binh và ngựa của Liêu Đông, sao lại muốn vứt bỏ cái cơ nghiệp vạn an của Giang Đông mà chẳng tiếc? Xin dừng ngay sáu quân, để ra oai với đại địch, sớm định Trung Hạ, để rọi sáng mai sau."

Quyền thu nhận lời ấy.

Năm Gia Hòa thứ năm, Quyền bắc chinh, sai Tồn và Gia Cát Cẩn đánh Tương Dương. Tồn phái người thân là Hàn Biễn đưa biểu văn đến tấu báo, lúc quay về, gặp địch ở Miện Trung, lính canh bắt được Biễn. Cẩn nghe tin rất sợ hãi, gửi thư cho Tồn nói:

"Đại giá đã quay về, quân giặc bắt được Hàn Biễn, biết hết được tình hình thực hư yếu mạnh của ta. Vả lại nước sông cạn kiệt, nên mau chóng lui về."

Tồn không đáp thư, lại sai người đi trồng rau đậu, cùng chư tướng đánh cờ bắn tên làm vui như thường. Cẩn nói:

- Bá Ngôn túc trí đa mưu, đang làm thế ắt có nguyên do.

Bèn tự đến gặp Tồn, Tồn nói:

- Giặc biết đại giá đã quay về, không lo lắng chỗ ấy nữa, được chuyên tâm dốc sức đối phó với ta. Lại vì ta giữ chỗ yếu hại, quân tướng có ý dao động, ta tạm làm thế để yên lòng chúng, thi hành cái thuật quyền biến, rồi sau sẽ về thôi. Nay tỏ ý rút lui ngay, giặc sẽ bảo ta sợ, nhân đó kéo tới bức nhiều, đó là cái thế tất bại vậy.

Bèn mật cùng Cẩn lập kế, lệnh cho Cẩn đốc thuyền bè, Tồn nắm hết quân mã trên bờ, hướng đến thành Tương Dương. Địch vốn sợ Tồn, vội quay chạy vào thành. Cẩn bèn dẫn đội thuyền xuất phát, Tồn từ từ chinh đồn bộ ngũ, khuếch trương thanh thế, đi bộ lên thuyền, địch không dám phạm. Quân đi đến Bạch Vi, nói

thác ra là ở lại săn bắn, rồi ngầm phái bọn tướng quân là Chu Tuấn, Trương Lương tập kích các huyện Tân Thị, Thạch Dương, An Lục của quận Giang Hạ, huyện Thạch Dương chợ búa đông đúc, bọn Tuấn đến bất chợt, người người đều vứt bỏ tài vật chạy vào thành. Cửa thành tắc nghẽn không đóng lại được, quân địch bèn chém giết dân của mình, rồi sau mới đóng được cửa. Người bị chém và bị bắt, cả thảy là hơn nghìn người.^① Những người bắt được ở đó, đều thêm vào quân doanh, lệnh cho quân sĩ không được quấy rối xâm hại. Những kẻ đem gia thuộc đến, thì sai người đến lo liệu. Kẻ nào lạc mất vợ con, liền cấp quần áo lương thực, lại úy lạo hậu đãi, rồi lập tức thả ra lệnh sai quay về, cũng có người cảm kích hăm mộ dắt díu nhau đi theo. Người biên cảnh đem lòng quy phục,^② bọn Công tào ở Giang Hạ là Triệu Trạc, tướng của Bì ở Dặc Dương là Bùi Sinh cùng Di vương là Mai Di, đều thống suất đồng đảng thuộc hạ đến nương dựa Tồn. Tồn dốc tài vật vải lụa, cấp giúp hết cho mọi người.

① Thần Tùng Chi cho rằng Tồn lo Quyền đã lui về, quân Ngụy chuyên tâm dốc sức đối phó với mình, đã khuếch trương tạo hình thế, khiến quân địch không dám phạm, đang đi thuyền thuận dòng, không phải sợ gì nữa, sao còn ngầm phái chư tướng trở lại, bất chợt tập kích các huyện nhỏ, khiến cho người dân nơi chợ búa kinh hãi bỏ chạy, tự làm hại lẫn nhau? Bắt giết được nghìn người, chưa đủ làm nước Ngụy tổn hại, chỉ khiến người dân vô tội mắc nạn thảm khốc, so với quân của Gia Cát ở nơi bến sông Vị, sao hành động khác nhau vậy! Cái đạo dùng binh đã sai lầm, lại mất phép tắc nên ứng họa hung hiểm, lộc chẳng truyền được đến ba đời, đến đời cháu thì dứt tuyệt, há chẳng phải đấy là cái vạ để lại đó sao!

② Thần Tùng Chi cho rằng đấy không khác gì phá rừng làm lật tổ chim mà bảo toàn quả trứng, cái ân hẹp hòi lòng nhân nhỏ mọn, sao bù đắp được cái tai ngược lớn?

Lại có Thái thú Giang Hạ của nước Ngụy là Lục Thức kiêm quản binh mã, hay vào làm hại ở biên giới, nhưng hấn cùng Hưu là con của Văn Sinh, tướng cũ ở phương bắc bất hòa. Tồn nghe nói tình hình như thế, lập tức trả viết một bức thư hồi đáp Thức rằng:

"Nhận được thư ngài nói lời chí thành, biết ngài với Hưu hiềm khích đã lâu, thế chẳng cùng tồn tại, muốn đến theo dựa, ta liền dán kín phong thư đem trình báo lên, sửa soạn quân lính sắp ra đón. Ngài nên kín đáo mau chóng chỉnh đốn hành trang, nói rõ ngày hẹn."

Rồi đem thư vút ở trên đất biên giới, binh của Thức bắt được thư đưa cho Thức xem, Thức kinh hãi, bèn tự mình đưa vợ con về Lạc Dương. Bởi thế quan lại binh sĩ không thân gần nương cậy Thức nữa, sau bị bãi chức.^①

① Thần Tùng Chi cho rằng tướng ngoài biên gây hại, đại khái đó là việc thường, khiến cho Lục Thức đắc tội, người khác đến thay cũng lại như thế, ví như không phải là bên kia giáo quyết phóng túng, sắp gây thành đại họa, sao phải lo lắng hao tổn tâm trí, làm cái việc gian trá mọn kia? Cho đấy là hay, lại chẳng phải vậy.

Năm thứ sáu, Trung lang tướng là Chu Chi xin chiêu mộ quân ở Bà Dương, Quyền đem việc hỏi Tồn. Tồn cho rằng dân quận ấy dễ động khó yên, không nên cho đi chiêu mộ, sợ là dẫn đến việc biến họ thành giặc. Nhưng Chi cố bày tỏ xin chiêu mộ, dân quận ấy là bọn Ngô Cự quả nhiên làm giặc giết Chi, tấn công vây hãm các huyện. Ác dân cũ ở Dự Chương, Lư Lăng, đều hưởng ứng Cự làm giặc cướp. Tồn tự nghe biết, liền đến đánh dẹp phá ngay được, bọn Cự dắt nhau ra hàng, Tồn chọn được hơn tám nghìn tinh binh, ba quận bình.

Bấy giờ Trung thư điển hiệu là Lã Nhất, thao động quyền bính, thiện tiện tác oai tác phúc, Tồn cùng Thái thường là Phan Tuấn chung lòng lo lắng, nói lời đến rơi nước mắt. Về sau Quyền giết Nhất, rất tự trách mình, đã nói ở *Tôn Quyền truyện*.

Bấy giờ bọn Tạ Uyên, Tạ Quảng đều bày tỏ những việc tiện lợi thích hợp, muốn cải biến chính sự, hưng khởi lợi ích, ① Quyền đem việc xuống hỏi Tồn, Tồn bàn rằng:

- Nước lấy dân làm gốc, mạnh là bởi sức dân, tiền của do dân làm ra. Dân giàu mà nước yếu, dân nghèo mà nước mạnh, là việc chưa từng có vậy. Vì thế người trị lý quốc gia, được dân tâm thì trị, mất dân tâm thì loạn, nếu chẳng để dân được lợi, mà khiến cho người ta tận sức lập công, cũng là khó vậy. Cho nên *Kinh Thi* khen rằng: "Hợp lòng dân chúng, hợp ý trăm quan, nhận lộc ở trời." Xin giáng thánh ân, để vỗ yên và giúp trăm họ, trong vòng mấy năm, tài dụng của quốc gia đầy đủ một chút, rồi sau mới mưu tính được.

① *Cối Kê diễn lục* chép: Tạ Uyên tự Hưu Đức, thời trẻ sửa đức giữ tiết, tự mình cầm cày bừa, đã không buồn rầu, lại chẳng bận lòng lo lắng, bởi thế nổi danh. Được đề cử làm Hiếu liêm, ít lâu được thăng đến chức Kiến vũ tướng quân, tuy ở trong quân ngũ, nhưng vẫn quan tâm xét người. Con của Lạc Thống là Tú, bị phi báng ở cung đình, mọi người bàn luận hồ nghi, chẳng ai chứng minh được. Uyên nghe tin than thở rằng:

- Công Tự sớm yếu mệnh, đồng liêu xót thương. Nghe nói con ông ấy có chí hướng và đức hạnh, biện bác có đạo lý, mà bị lời chê bai ám muội, mong các vị phán đoán nghiêm túc và sáng suốt, nếu đều mang lòng hoài nghi, là trái với mong muốn của mọi người vậy.

Tú rút cục được xét rõ, không mắc lỗi lầm gì, cuối cùng thành kẻ sĩ nổi danh, đó là công sức của Uyên vậy.

Ngô lịch khen rằng, Tạ Quảng có tài biện bác và mưu kế.

Năm Xích Ô thứ bảy, Tồn thay Cố Ung làm Thừa tướng, chiếu thư rằng:

"Trẫm vốn bất đức, ứng thời nhận mệnh nổi vận, chính đạo đế vương chưa thống nhất, gian trộm đầy đường, ngày đêm run sợ, khi thức lúc

ngủ không dám cời y phục. Duy có ngài thiên bẩm sáng suốt, đức sáng rực rỡ, nắm giữ trách nhiệm Thượng tướng, phù giúp quốc gia diệt trừ tai nạn. Người có cái công hơn đời, tất phải nhận ân sủng to lớn vinh quang; lại kiêm tài văn võ, hẳn phải được đảm nhiệm trọng trách của xã tắc."

"Xưa kia Y Doãn hưng thịnh Thương Thang, Lã Thương phù giúp vua Chu, gánh việc trong ngoài, ngài thực kiêm tài hai người ấy. Nay lấy ngài làm Thừa tướng, sai sứ cầm cờ tiết là Thái thường Phó Thường trao cho ngài ấn thụ. Ngài hãy làm nêu tỏ đại đức, lập công tích tốt đẹp, kính phục vương mệnh, vỗ yên bốn phương."

"Ô hô! Tổng quản chức việc của Tam công, để giáo huấn trăm quan, có thể không thận trọng sao, ngài hãy gắng sức! Nay cho ngài làm Châu mục Đô hộ thống quản Vũ Xương như cũ."

Trước đây, nhị cung đều thiếu người, các chức ti cai quản trong ngoài, đa phần phải con em vào làm thị thần. Toàn Tông báo với Tồn, Tồn cho rằng con em ví như có tài, chẳng lo không dùng được, chẳng nên dựa vào đó để cầu vinh lợi; nếu tài năng kém cỏi, cuối cùng là rước họa. Và lại nghe nói nhị cung thể lực ngang nhau, tất có kẻ theo bên này kẻ ở bên kia, đấy là điều cổ nhân rất kỵ vậy. Con của Tông là Ký quả nhiên a dua cậy dựa Lỗ vương, khinh suất giao du kết oán. Tồn gửi thư cho Tông nói:

"Ngài không noi theo Nhật Đê, mà để thẳng Ký lưu lại đấy, nhất định môn hộ của túc hạ sẽ rước họa thôi."⁽¹⁾

Tông không thu nhận ý ấy, lại nhân thế dẫn đến hiềm khích với Tồn. Đến lúc có lời nghị bàn là địa vị của Thái tử bất an, Tồn dâng sớ bày tỏ rằng:

¹ Kim Nhật Đê (金日磾) là đại thần nhà Hán, con của Nhật Đê phẩm hạnh không đoan chính, làm việc ác bị giết họa đến gia tộc. Về Kim Nhật Đê, xem thêm chú thích ở tập I, quyển 1, trang 110 (Vũ đế ký).

"Thái tử là người kế thừa chính thống, nên địa vị phải vững như bàn đá, Lỗ vương là phiên thân, nên ban ân sủng phẩm trật đặc biệt khác thường thôi, bên này bên kia đều dẫu vào đấy, trên dưới sẽ được yên. Kính cẩn khấu đầu chảy máu để báo lên."

Thư dâng lên ba bốn lần, lại tìm về kinh đô, muốn bàn luận trực tiếp về danh phận đích thứ, để sửa nắn những điều được mất. Đã không được nghe theo, rồi cháu ngoại của Tồn là Cố Đàm, Cố Thừa và Diêu Tín, đều vì thân gần cây dựa vào Thái tử, bị lưu đày oan uổng. Thái phó của Thái tử là Ngô Sán bị buộc tội là mấy lần thư từ qua lại với Tồn, bị hạ ngục chết. Quyền nhiều lần phái quan Trung sứ đến trách mắng Tồn, Tồn phần hận đến chết, bấy giờ sáu mươi ba tuổi, trong nhà không có của thừa.

Khi trước, Kỵ Diễm bàn việc xây dựng phủ đệ, Tồn can ngăn Diễm, cho là tất gặp họa. Lại bảo Gia Cát Khác rằng:

- Người ở trên ta, ta nhất định cung phụng giúp người ta cùng được vinh diệu; người ở dưới ta, thì ta nâng đỡ họ. Nay ta xem xét thấy ngài chí khí lẫn át cả người trên, có ý miệt thị người dưới, không phải là cái gốc của việc yên đức nghiệp vậy.

Lại có người quận Quảng Lăng là Dương Trúc trẻ tuổi mà có thanh danh, nhưng Tồn bảo rằng Trúc nhất định thất bại, khuyên anh của Trúc là Mục nên chia họ tộc. Tồn thấy trước được việc như thế.

Con trưởng của Tồn là Diên sớm yếu mệnh, con thứ là Kháng được tập tước. Thời Tôn Hưu, truy thụy cho Tồn là Chiêu hầu.

Kháng tự Ấu Tiết, là cháu ngoại của Tôn Sách vậy. Lúc Tồn chết, Kháng hai mươi tuổi, được bái làm Kiến vũ Hiệu úy, lĩnh năm nghìn binh của Tồn, đưa tang về đông, rồi đến kinh đô tạ ân. Tôn Quyền đem hai mươi việc mà Tồn trình bày về Dương Trúc ra tra hỏi Kháng, cấm tuyệt tân khách, Trung sứ đến cật

vấn, Kháng không quan tâm đến việc họ hỏi, từng việc từng việc trả lời rành mạch cả, ý Quyền dần dần hiểu ra.

Năm Xích Ô thứ chín, Kháng được thăng làm Lập tiết Trung lang tướng, cùng Gia Cát Khác thay nhau đóng đồn ở Sài Tang. Kháng sắp rời đi, đều sửa sang lại toàn bộ lũy, tu bổ lại tường nhà, trồng cây dâu quanh nhà, không chỗ nào hư hỏng. Khác vào đồn, thấy tề chỉnh như mới. Còn đồn cũ của Khác ở Sài Tang, đều đổ nát hư hỏng, Khác rất lấy làm thẹn.

Năm Thái Nguyên nguyên niên, Kháng đến kinh đô trị bệnh. Bệnh đỡ sắp quay về, Quyền chảy nước mắt cùng chia biệt, nói:

- Ta lúc trước nghe lời gièm pha, với cha ngươi đại nghĩa không được trọn vẹn, vì thế phụ ngươi. Những điều xét hỏi trước sau, ta nhất nhất hủy bỏ, tuyệt không để cho ai thấy được vậy.

Năm Kiến Hưng nguyên niên, bái Kháng làm Phấn vũ tướng quân.

Năm Thái Bình thứ hai, tướng nước Ngụy là Gia Cát Đản đem cả Thọ Xuân ra hàng, triều đình bái Kháng làm Sài Tang đốc, Kháng đến Thọ Xuân, phá Nha môn tướng Thiên tướng quân của nước Ngụy, được thăng Chinh bắc tướng quân.

Năm Vĩnh An thứ hai, Kháng được bái làm Trấn quân tướng quân, Đô đốc Tây Lăng, thủ giữ từ bãi Quan Vũ đến thành Bạch Đế. Năm thứ ba, được ban Giả tiết.

Tôn Hạo tức vị, gia thêm chức Trấn quân Đại tướng quân, lĩnh Ích châu mục.

Năm Kiến Hành thứ hai, Đại tư mã Thi Tích chết, Kháng được bái làm Đô đốc quản các quận Tín Lăng, Tây Lăng, Di Đạo, Lạc Hương, nắm các việc quân sự ở Công An, sở trị đóng ở Lạc Hương.

Kháng nghe nói chính trị ở kinh đô nhiều khiếm khuyết, trong lòng lo nghĩ sâu xa, bèn dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói có đức ngang nhau thì đông thắng ít, sức ngang nhau thì yên chế nguy, đại khái đó là cái lý do khiến lục quốc bị thôn tính bởi cường Tần, là lý do người Tây Sở ngoảnh mặt về bắc theo Hán Cao vậy. Nay kẻ địch kiêm quân không chế chín cõi, không chỉ có đất đai ở vùng Quan Hữu; cát cứ chín châu, há chỉ có từ Hồng Câu về tây mà thôi. Nay quốc gia bên ngoài không có sự viện trợ của liên quốc, bên trong không có cái mạnh của Tây Sở, việc chính trị đổ nát, lê dân không yên, cái để nương cậy mà người ta nghị bàn, chỉ là núi cao sông dài, bờ cõi ngăn cách, đó là cái thứ yếu của việc giữ nước, không phải là thứ hàng đầu mà bậc trí giả tính đến vậy. Thần thường xa thì nghĩ về cái điếm tồn vong của các nước thời Chiến Quốc, gần thì xem cái vạ nghiêng đổ của họ Lưu, khảo cứu điển tịch, chiêm nghiệm mà hành sự, nửa đêm vỗ gối, tới bữa quên ăn. Xưa kia Hung Nô chưa diệt, Khứ Bệnh từ chôi dựng nhà; đạo Hán chưa trọn, Giả Sinh thương khóc.⁽¹⁾ Huống chi thần xuất thân từ vương thất, nối đời nhận ân huệ sung vinh, thân danh khi thịnh lúc suy, cùng quốc gia chung buồn đau lo lắng, sống chết gắn liền, nghĩa không cầu thả, sớm khuya sầu não, nghĩ rất thảm thương. Cái nghĩa thờ vua dẫu phạm lỗi nhưng chớ dôi lừa, cái tiết tháo của bậc nhân thần là quên mình đến chết, thần xin cung kính bày tỏ mười bảy điều nên làm như chép dưới đây."

Mười bảy điều đã lạc mất ý gốc, nên ta không chép lại.

Bấy giờ Hà Định thao động quyền bính, lữ yểm hoạn tham dự chính sự; Kháng dâng sớ rằng:

Thần nghe nói khai mở quốc gia, kế nối nghiệp nhà, tiểu nhân chớ dùng, lời gièm quanh quẩn, Đường thư răn bảo,⁽²⁾ đây là cái lý do

¹ Hoắc Khứ Bệnh (霍去病): Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 178 (Vương Lăng truyện); Giả Sinh, tức Giả Nghị (贾谊): Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 159 (Văn đế kỷ).

² Kinh Thượng thư, phần Đường thư, là nói về vua Nghiêu. Vua Nghiêu họ là Đào Đường.

khiến người ngay thẳng giẫm cọt trách chê, là cái lý do để Trọng Ni than thở vậy. Từ thời Xuân Thu đến nay, trải qua thời Tần, Hán, cái vạ nghiêng đổ, chưa bao giờ không có nguyên do từ đấy. Kẻ tiểu nhân chẳng thấu tỏ đạo lý, những điều chúng thấy được lại nông cạn, đâu có cạn tình tận tiết, cũng chẳng đủ để tin dùng, huống chi kẻ đó vốn giữ lòng gian dối, yêu ghét dễ đổi thay? Nếu chúng lo lắng về lỗi lầm của mình, thì chẳng có gì chúng không dám làm. Nay viết bỏ lòng tin với người sáng suốt, vay mượn cái uy chuyên chế, mà mong cầu cái thanh âm vui hòa của đời thịnh thế, dựng cái phong khí thanh minh thuần chính, là chẳng thể được vậy. Quan lại hiện nay, người có tài lạ tuy ít, nhưng nếu kẻ đội mũ miện, dân dân hiểu đạo hóa, giữ mình thanh bạch khắc khổ để tự lập, tư chất có thể dùng được, thì tùy tài năng mà trao chức, phế truất bọn tiểu nhân, rồi sau này phong tục và giáo hóa mới có thể trong sạch, việc chính sự mới không như bây giờ vậy."

Năm Phụng Hoàng nguyên niên, Tây Lăng đốc là Bộ Xiển giữ thành làm phản, phái sứ hàng nhà Tấn. Kháng nghe tin, ngay hôm ấy phân chia các quân, lệnh cho bọn Tướng quân là Tả Dịch, Ngô Ngạn, Thái Cống đến thẳng Tây Lăng, sắc lệnh cho quân doanh thay nhau đắp thành vây chặt, từ Xích Khê đến Cổ Thị, bên trong để vây khốn Xiển, bên ngoài để ngăn giặc, ngày đêm thúc giục gấp gáp, như là địch đã đến, mọi người rất khổ sở. Chư tướng đều can rằng:

- Nay ta đem hết cái tinh nhuệ của ba quân, gấp rút tấn công Xiển, bên kia quân Tấn đến cứu, Xiển hẳn đã có thể bị hạ. Việc gì phải bao vây, để làm mệt sức dân?

Kháng nói:

- Thành này về thế đã vững, lương thực lại đủ, và lại thành này đã sửa sang và chuẩn bị đủ đồ phòng giữ, tính toán đủ cách để ngăn chống. Nay lại cố sức đánh thành, đã không thắng ngay được trong chốc lát, và lại quân cứu phương bắc tất kéo đến, đến mà không có phòng bị, trong ngoài thụ địch, lấy gì ngăn được.

Chư tướng đều muốn đánh Xiển, Kháng thường không đồng ý. Thái thú Nghi Đô là Lôi Đàm nói rất khẩn thiết, Kháng muốn mọi người phục, thuận theo ra lệnh đánh một trận. Đánh quả nhiên không được lợi, vòng vây mới bắt đầu xiết chặt.

Xa kỵ Tướng quân của nhà Tấn là Dương Hổ xuất đại quân hướng đến Giang Lăng, chư tướng đều cho rằng Kháng không nên xuất quân sang tây, Kháng nói:

- Giang Lăng thành bền quân đủ, không có gì phải lo lắng. Ví thử địch đến hết lấy Giang Lăng, ắt ta chẳng giữ được, nhưng tổn thất ít. Nếu để cho Tây Lăng liên kết, thì các tộc Di ở Nam Sơn đều sẽ nhiễu động, đó là điều phải lo lắng, khó có thể nói hết được vậy. Ta thà bỏ Giang Lăng đến Tây Lăng, hưởng chi Giang Lăng lại bền vững?

Khi trước, Giang Lăng địa thế bằng phẳng rộng rãi, đạo lộ thông thoáng, Kháng sắc lệnh cho Giang Lăng đốc là Trương Hàm làm đập lớn ngăn nước, chứa nước vào chỗ bằng, để ngăn chặn giặc phản. Hổ muốn dùng đập chứa ấy, chèo thuyền vận lương, đánh tiếng sẽ phá đập nước để thông xe đường bộ. Kháng nghe tin, sai Hàm gấp rút phá đập. Chư tướng đều nghi hoặc không hiểu, luôn can ngăn nhưng Kháng không nghe. Hổ đến Đương Dương, nghe tin đập vỡ, liền đổi thuyền dùng xe vận chuyển, rất phí tổn công sức.

Giám quân Ba Đông của nhà Tấn là Từ Dận thống suất thủy quân đến quận Kiến Bình, Thứ sử Kinh châu là Dương Triệu đến Tây Lăng. Kháng lệnh cho Trương Hàm cố thủ thành ấy; Công An đốc là Tôn Tuân đi tuần ở bờ nam để ngăn chặn Hổ; Thủy quân đốc là Lưu Lự, Trấn tây tướng quân là Chu Uyển chống cự Dận; Kháng tự mình thống suất ba quân, dựa lũy vây đối trận với Triệu. Doanh đô đốc của Tướng quân Chu Kiêu là Du Tán trốn đến chỗ Triệu. Kháng nói:

- Tán là quan lại cũ ở trong quân, biết được tình hình hư thực của quân ta, ta thường lo quân Di vốn không được kén chọn, nếu địch tấn công lũy vậy, tất đánh chỗ ấy trước.

Lập tức trong đêm đổi dân Di, đều lấy tướng cũ bổ sung vào. Sáng hôm sau, Triệu quả nhiên tấn công chỗ ở của quân Di, Kháng truyền lệnh cho toàn quân phản kích chúng, tên đá như mưa roi, quân binh của Triệu chết và bị thương chồng lên nhau.

Triệu đến Tây Lăng hơn một tháng, kể cùng ban đêm chạy trốn. Kháng muốn truy đuổi Triệu, nhưng lo là Xiển tích chứa lực lượng giữ chỗ yếu hại, dò xét sơ hỏ, mà binh thì chẳng đủ để chia giữ, vì thế chỉ đánh trống xua quân, làm như sẽ truy đuổi. Quân của Triệu rất sợ, đều cời giáp chạy tán loạn, Kháng sai khinh binh đuổi chúng, quân của Triệu tan vỡ, bọn Hồ đều dẫn quân về. Kháng bèn vây hãm thành Tây Lăng, giết sạch họ hàng nhà Xiển và quan lại của hắn, từ bọn ấy trở xuống, số người được xin tha là mấy vạn kẻ. Kháng tu sửa thành lũy, rồi sang đông về Lạc Hương, ngoài mặt không có sắc kiêu căng, khiêm nhường như thường, cho nên rất được tướng sĩ tán thưởng.^①

① *Tấn Dương thu* chép: Kháng và Dương Hổ kết tình giao hảo như Kiều, Trát.⁽¹⁾ Kháng từng tặng rượu cho Hổ, Hổ uống rượu không nghi ngờ. Kháng có bệnh, Hổ biểu thuốc cho Kháng, Kháng cũng thành tâm uống. Vì thế người ta cho là Hoa Nguyên, Tử Phán⁽²⁾ sống lại thời nay.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Dương Hổ đã về, càng sửa sang đức tin, để vỗ về người Ngô. Lục Kháng thường bảo với lính giữ biên ải của mình rằng:

¹ Tình thân Kiều, Trát: Xem chú thích ở tập VI, quyển 44, trang 340 (Khương Duy truyện).

² Hoa Nguyên (华元) là đại thần của nước Trịnh thời Xuân Thu, Tử Phán (子反) là tướng nước Sở. Thành Thương Khâu của nước Trịnh bị người Sở vây hãm, vua nước Trịnh sai Hoa Nguyên sang giảng hòa, ban đêm vào dinh quân Sở, gặp Tử Phán, giao hẹn bãi binh.

- Bên ấy chuyên tâm sửa đức, ta chuyên làm việc tàn bạo, thế là họ chẳng đánh mà ta tự phục vậy. Mọi người phải giữ bờ cõi, không được cầu lấy cái lợi nhỏ mà thôi.

Vì thế vùng biên giới Ngô, Tấn, lương thực thừa để ở trong ruộng mà chẳng ai xâm phạm, trâu ngựa xổng ra mà vào biên cảnh, có thể báo rõ mà cho lấy về.

Có lần săn bắn ở Miện Dương, quân Ngô bắt được người Tấn bị thương trước đó, đều đưa đi chữa rồi giúp cho quay về.

Kháng từng bị ốm, xin thuốc của Hổ, Hổ làm thuốc xong gói lại đưa cho Kháng, nói:

- Đây là thuốc hạng bậc nhất, gần đây ta tự chế, chưa kịp uống, vì ngài có bệnh nguy cấp, cho nên ta sai đưa đến.

Kháng được thuốc thì uống ngay, chớ tướng nghi hoặc can ngăn, Kháng không đáp.

Tôn Hạo nghe nói hai người ở biên cảnh giao hảo, vì thế cật vấn Kháng, Kháng nói:

- Một ấp một làng, chẳng thể không có người tín nghĩa, huống chi là nước lớn ru? Thần chẳng như thế, sao đủ để biểu chương cái đức của nước ta, mà Hổ cũng không làm hại thần được.

Có người cho rằng Hổ, Kháng làm mất tiết tháo của bấy tôi, hai người chê cười kẻ đó.

Tập Tạc Xi nói: Ôi, kẻ có đạo lý thì được người thiên hạ bảo vệ, kẻ có tín nghĩa thì được muôn người tôn kính, dẫu đại kế đã mất, tiếng nghĩa còn truyền đến lâu dài, dù là kẻ giáo hoạt gian trá nửa đời rong ruổi, kẻ mưu lược quyền biến biết việc gấp khắp nơi, kẻ cậy sức tung hoành ngang dọc, kẻ tôi đòi chẵn muông có trí, chưa ai không dựa vào đó để lập công, chưa ai vứt bỏ điều ấy mà một mình thành công được vậy. Cho nên Tấn Văn lui quân, người thành Nguyên theo mệnh;⁽¹⁾ Mục Tử vây nước Cổ, dùng sức dạy

¹ Tấn công phạt Nguyên: Xem chú thích ở tập IV, quyển 23, trang 342 (Triệu Nghiễm truyện).

đỗ người;⁽¹⁾ Dã Phu dâng kế sách, người nước Phí thuận theo;⁽²⁾ Nhạc Nghị hoãn đánh, tiếng tăm lưu truyền mãi.⁽³⁾ Xem cái lý do họ khắc chế quy phục người khác, há chỉ dùng uy lực và lừa dối nhau mà thôi! Từ khi ba nhà lập thế chân vạc đến đó là hơn bốn mươi năm rồi, người Ngô chẳng thể vượt sông Hoài, sông Miện tiến đánh Trung Quốc, Trung Quốc chẳng thể lấn Trường Giang để tranh lợi, sức quân và trí mưu ngang nhau, về đạo lý là chẳng đủ để đè lấn nhau vậy. Tàn hại bên kia mà ta được lợi, không bằng ta được lợi mà không tàn hại bên kia; biểu dương vũ lực để mọi người sợ hãi, không bằng rộng ban ân đức để vỗ về dân. Kẻ thất phu còn chẳng dùng sức để người khác phục, mà huống chi là một nước ư? Dùng sức để người ta phục cũng chẳng bằng dùng đức kéo họ đến, huống chi là không khắc chế được người? Thế nên Dương Hổ mở sách lược hợp nhất, suy nghĩ lập phép tắc cho năm quân, khiến người dân của mình được tề chỉnh, ban phát ân trạch đồng đều, rung lưới nghĩa để quây bắt người Ngô, tỏ rõ sự khoan ái để thay đổi tục bạo, sinh dân để nghe thấy trông vào, ruổi rong không cần đánh ở vùng Giang Biểu. Cho nên có thể nói đức mà người ta vui sướng, rồi cộng nhau tụ tập như mây, nước lân bang

¹ *Tà truyện*, *Chiêu công thập ngũ niên* và sách *Thuyết văn tự giải* của Lưu Hượng có dẫn rằng: Trung Hành Mục Từ nước Tấn, đi đánh nước Cô, người nước Cô muốn dâng thành ra hàng, Mục Từ không đồng ý. Quan lại hỏi: "Không cần đánh mà được thành, sao lại không lấy?" Mục Từ nói: "Giữ thành không được hai lòng, phải hết sức chống. Ta cho địch hàng, khác gì dạy quân mình làm như thế."

² *Tà truyện*, *Chiêu công thập tam niên* chép: Năm thứ mười ba mùa xuân, Thúc Cung (tướng nước Lỗ) vây đánh nước Phí của Nam thị, không thắng, lại bại trận. Quý Bình Từ nổi giận, xuống lệnh rằng hễ thấy người nước Phí là bắt làm tù binh. Dã Khu Phu (Đại phu của nước Lỗ) nói: "Thế là sai, nếu gặp người nước Phí, họ rét ta cho áo, họ đói ta cho ăn, giúp vua nước họ, giúp tất cả những người nghèo khó; người nước Phí tất theo về, Nam thị sẽ diệt vong thôi. Vì dân chúng đã phản, ai sẽ cùng Nam thị giữ cái thành bị vây khốn? Nếu ra uy với họ, sẽ khiến họ sợ hãi phản nộ tụ tập lại, không xa rời Nam thị, khi nào mới hạ được thành?" Bình Từ nghe theo, người nước Phí phản lại họ Nam, theo nước Lỗ.

³ Nhạc Nghị là tướng nước Yên, hạ được hơn bảy mươi thành của nước Tề, chỉ còn sót hai thành là Cử và Tức Mặc. Yên Huệ vương nghe lời ly gián của Điền Đan (tướng Tề) gọi Nhạc Nghị về, Nhạc Nghị từ chức, nước Tề phá quân Yên, khôi phục quốc gia, tiếng tăm của Điền Đan và Nhạc Nghị lưu truyền sử sách.

khác tục, khiêm nhường theo cái gốc đại nghĩa mà kết giao rộng rãi. Nước Ngô đối với địch, chưa làm được như thế vậy. Kháng thấy nước mình nhỏ chúa thượng bạo tàn, mà đức của nhà Tấn lại xương thịnh, người ta tích cả cái thiện cho mình, mà mình không có cái phép giữ vững gốc cũ, trăm họ nhớ đức sáng của địch, người trong nước quên nỗi lo của vua, bèn nghĩ cách để an định lòng dân, vỗ yên trong ngoài, vượt qua cái nguy yếu của mình, cự lại thượng quốc, tuyệt chẳng gì bằng tự mình thi hành cái đạo lý ấy, để ngang bằng với họ. Khiến cho đức của bên kia chẳng hơn ta, như thế tiếng tốt được lưu truyền, khiến lân bang coi trọng, tiếng khen lan xa, khắc địch thủ thắng trên gối chiếu, tranh hơn nơi màn trướng, đè nén địch mà chẳng dùng sức của quân mặc giáp, giữ nước mà không cậy cái vững chắc của hào sâu lũy cao, tín nghĩa cảm hóa giặc thù, lòng son sánh với người xưa. Há phải bày mưu gian xảo để hại người hiền, mưu cầu riêng để thu lấy danh tiếng, tham tài vật ở bên ngoài để tạo uy năng cho mình, làm việc ám muội mà không cần phòng bị sao! Từ đây mà luận, nếu chỉ giữ địa phận bảo vệ bờ cõi, đấy là việc làm của binh tốt; theo vận số để cứu nguy, là việc làm thiện cận của kẻ tiểu nhân, tích chứa gian mưu để đề phòng người khác, là cái lo lắng thừa thãi của đứa tôi đòi; ra oai để cầu an, là điều mà người sáng trí cho là kém. Bậc hiền nhân quân tử làm cái việc cứu đời lập phép tắc, thì bỏ cái này mà lấy cái kia, ấy là để thi triển cái đạo lý của tốt đẹp của mình vậy.

Kháng được bá thêm chức Đô hộ. Nghe tin Tả bộ đốc Vũ Xương là Tiết Oánh bị bắt hạ ngục, Kháng dưng sớ nói:

"Kẻ hiền tài xuất chúng, là ngọc báu của quốc gia, là vật quý của xã tắc, là lý do khiến chính sự được thi hành đúng đạo lý, mà bốn phương được hòa hợp thanh bình vậy."

"Đại tư nông Lâu Huyền, Tán kỵ trung thường thị Vương Phồn, Thiếu phủ Lý Úc ngày trước, đều là nhân tài khác lạ ở đời, là những nhân vật trứ danh một thời, trước đây đã nhận ân sủng, ung dung giữ tước vị, nhưng đều bị giết chóc, có người tan nát cả họ tộc dứt nôi tự, có kẻ bị vứt bỏ đến nơi hoang vắng ngoài cõi. Đại khái Chu lễ có nói cái

phép xá tội cho người hiền, Kinh Xuân Thu có nói cái nghĩa tha thứ cho người thiện, Kinh Thư viết: 'Giết người vô tội, thà mang tiếng trái luật còn hơn.' Nhưng bọn Phồn tội danh chưa định, đại hình đã ban ra, kẻ hết lòng trung nghĩa, mà thân bị cực hình, há chẳng đau xót sao! Và lại kẻ chịu hình đã chết, cố nhiên là không nhận biết được nữa, kể cả đốt cháy rồi thả trôi sông, hay vứt bỏ nơi bến nước, song sợ là điều ấy trái với chính điển của Tiên vương, hay những điều răn dạy của Phủ Hầu vậy.⁽¹⁾ Vì thế trăm họ rung động, sĩ dân lo lắng."

"Chuyện Phồn, Úc đã xa rồi, hồi cũng không kịp, thần thực lòng mong bệ hạ thả Huyền ra, mà mới đây thần nghe nói Tiết Oánh bắt ngờ bị bắt giam. Cha của Oánh là Tống đã dâng lời hay lên Tiên đế, lại giúp đỡ Văn hoàng,⁽²⁾ lúc Oánh kế thừa nghiệp của cha, chú ý tu dưỡng phẩm hạnh, nay tội của Oánh, là lỗi có thể được tha. Thần sợ rằng Hữu ti chưa tỏ tường việc của Oánh, nếu lại tru lục, sẽ càng mất lòng trông ngóng của muôn dân, xin bệ hạ rủ lòng ban ân trời bể, tha cho cái tội của Oánh, xót thương kẻ ngục tù, nghiêm xét các việc hình pháp, thì thiên hạ may lắm!"

Bấy giờ sư lữ luôn bị điều động, trăm họ mỏi mệt, Kháng dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói Dịch trọng ở thời thế, Tả truyện ưa việc rình chờ sơ hở, cho nên nhà Hạ có nhiều tội thì Ân Thang dụng binh, vua Trụ tàn ngược thì Chu Vũ trao phủ việt cho tướng soái. Nếu thời cơ ấy chưa đến, Ngọc Đài có nổi sầu thương, bến Mạnh Tân binh đi rồi trở lại. Nay chẳng lo cho nước giàu binh mạnh, dốc sức cấy cày tích trữ lương

¹ Phủ Hầu (甫侯) là đại thần của Chu Mặc vương. Thời vương thất nhà Chu bắt đầu suy vi, chư hầu không tuân vương mệnh, trật tự xã hội bất an, Phủ Hầu kiến nghị với Chu Mặc vương, gia tăng hình pháp, làm ra Ngũ hình với ba nghìn điều gồm: Thịch chữ bôi mực vào mặt là một nghìn điều, cắt mũi một nghìn điều, đục xương bánh chề là năm trăm điều, cung hình (thiến) là ba trăm điều, tử hình là hai trăm điều. Nếu là giới quý tộc có thể dùng tiền chuộc tội. Người sau gọi các điều luật thời ấy là Phủ hình.

² Túc Tôn Hòa, cha của Tôn Hạo. Khi Tôn Hạo kế vị, truy tôn phụ thân làm Văn hoàng đế.

thực, khiến văn võ ra sức thi triển cái tài hiệu dụng của mình, trăm quan không lười biếng với chức trách, sáng suốt việc phế truất và cất nhắc để khích lệ trăm quan, xét kỹ hình phạt để tỏ ý khuyến khích ngăn ngừa tội lỗi, dùng đức để dạy dỗ trăm quan, lấy nhân ái để vỗ về trăm họ, rồi mới thuận trời thừa vận, thấu gồm thiên hạ. Nếu nghe theo chư tướng háo thắng cầu danh, lạm dụng vũ lực, tổn phí ức vạn, sĩ tốt điều đứng nhọc nhằn, giặc thù chẳng suy kém, mà ta bệnh nặng rồi! Nay tranh ngôi Đế vương, mà mê muội với cái lợi trước mắt, đây là gian kế của kẻ tôi thân, không phải là kế sách hay của quốc gia vậy. Xưa kia Tề, Lỗ ba lần giao tranh, người nước Lỗ hai lần thắng mà bại chẳng kịp trở gót. Sao vậy? Là vì cái thế lớn nhỏ khác nhau vậy. Huống chi nay quân ta thắng trận bắt được giặc, song chẳng bù đắp mất mát sao? Vả lại cật binh thì dân tàn, đây là gương sáng thời xưa, thực nên tạm dừng cái toan tính tiến thủ nhỏ nhen, để nuôi dưỡng sức lực của sĩ dân, rình chờ sơ hở của địch, như thế thì không có gì phải hối tiếc."

Năm thứ hai mùa xuân, lại bãi Kháng làm Đại tư mã, Kinh châu mục.

Năm thứ ba mùa hạ, Kháng bệnh nặng, dâng sớ rằng:

"Tây Lăng, Kiến Bình là phen đậu bên ngoài của quốc gia, đã ở hạ lưu, lại hai phía thụ địch. Nếu địch bơi thuyền xuôi dòng mà xuống, thuyền bè san sát, như sao bay điện chớp, đột nhiên lao đến, không thể cật quân cứu viện ở nơi khác để cứu mỗi nguy treo ngược vậy. Đây là nơi then chốt an nguy của xã tắc, không chỉ là cái hại nhỏ của việc xâm lấn bờ cõi vậy."

"Cha thân là Tồn trước kia ở biên tây đã có lời bày tỏ, cho rằng Tây Lăng là cửa ngõ phía tây của quốc gia, tuy rằng dễ giữ, cũng lại dễ mất. Nếu chẳng giữ được, không chỉ mất đi một quận, mà Kinh châu không còn là của nước Ngô nữa vậy. Bằng như chỗ ấy có điều lo lắng, phải đốc quân nghiêng nước để tranh giành. Thân qua ở Tây Lăng, được nôi theo vết xưa của Tồn, trước đây xin ba vạn tinh binh, nhưng chủ quản quân vụ chỉ chiếu theo phép thường, còn chưa chịu sai đến."

Từ sau việc của Bộ Xiển, quân lại càng hao tổn. Nay thần thông quản chỗ đất ngàn dặm, bốn phía thụ địch, ngoài ngăn chống kẻ đối địch cường mạnh, trong vô về trăm tộc người Man, mà trông lên nhìn xuống binh lính chỉ được chừng mấy vạn, lại khốn mệt lâu ngày, khó dùng khi có biến. Ngu thần cho rằng các vương còn nhỏ tuổi, lại chưa hề thông quản việc nước, nên tạm lập phó tướng, để giáo dục chư vương thành hiền năng, không nên cho dùng binh mã, để phương hại đến việc khẩn yếu. Lại nữa là lũ hoạn quan hoàng môn, sáng lập việc chiêu mộ, quân dân oán ghét sai dịch, trốn tránh ứng mộ. Xin bệ hạ đặc biệt ban chiếu tra xét, nhất thiết phải tính toán, để bổ sung cho cõi ngoài thường phải thụ địch, khiến cho số binh thủ hạ của thần đủ tám vạn, đình chỉ việc quân ở các nơi, tén ở việc thưởng phạt, dẫu Hàn Tín, Bạch Khởi sống lại, cũng không có chỗ nào thi triển cái khéo vậy. Nếu binh không tăng, phép chế này không đổi, mà muốn đại sự được hài hòa thì đây là điều mà thần rất lo lắng vậy. Nếu sau này thần chết, xin chú ý đến phương tây."

"Mong bệ hạ hãy nghĩ xét lời thần, thì thần chết cũng không mục nát."

Đến mùa thu thì chết, con của Kháng là Yển nối tự. Yển và các em là Cảnh, Huyền, Cơ, Vân chia nhau lĩnh binh của Kháng.

Yển làm Bì tướng quân, Di Đạo giám. Năm Thiên Kỷ thứ tư, quân Tấn phạt Ngô, Long tương tướng quân nhà Tấn là Vương Tuấn thuận dòng xuôi đông, đến đâu thắng đó, kết cục đúng như điều mà Kháng lo lắng.

Cảnh tự Sĩ Nhân, vì lấy công chúa được bái làm Ky đô úy, phong tước Bì Lăng hầu, lĩnh quân của Kháng, được bái làm Thiên tướng quân, Trung Hạ đốc, giữ mình trong sạch lại hiếu học, viết sách có mấy chục thiên.^①

Tháng hai ngày Nhâm Tuất, Yển bị quân biệt phái của Vương Tuấn giết. Ngày Quý Hợi, Cảnh cũng bị sát hại, bấy giờ ba mươi một tuổi. Vợ của Cảnh là chị cả của Tôn Hạo, cùng với Cảnh đều là cháu ngoại của Trương Thừa vậy.^②

① *Văn sĩ truyện* chép: Mẹ của Lục Cảnh là con gái của Trương Thừa, là cháu ngoại của Gia Cát Khác. Khác bị giết, mẹ của Cảnh cũng bị biếm truất. Cảnh thuở nhỏ được tổ mẫu nuôi dưỡng, lúc tổ mẫu chết, Cảnh vì tổ mẫu, đau lòng để tang ba năm.

② Em của Cảnh là Cơ, tự Sĩ Hành, Vân tự Sĩ Long.

Cơ Vân biệt truyện chép: Năm Thái Khang mạt thời nhà Tấn, hai người đều vào Lạc Dương, bất ngờ gặp Tư không Trương Hoa, Hoa gặp một lần cho là lạ, nói:

- Chiến dịch phạt Ngô, lợi ở chỗ bắt được hai người tài trí này.

Bèn giúp họ giương danh, tiến cử với các công khanh. Thái phó Dương Tuấn triệu Cơ làm Tế tửu, chuyển làm Thái tử tẩy mã, Trước tác lang cho quan Thượng thư. Vân làm Lang trung lệnh của Ngô vương, rồi sau ra làm Tế Tuấn Nghi,¹ rất nhân ái và có khuôn phép, quan dân nhớ ơn, lập đền thờ sống. Về sau cả hai đều trải ngôi vị hiển hách.

Cơ thiên tài lão luyện, văn hay ý đẹp, đứng đầu thời ấy. Vân cũng khéo chấp nối văn tự, ý tứ trong sáng mới mẻ không bằng Cơ, nhưng miệng lưỡi biện bác lập luận hơn Cơ.

Vào thời ấy triều đình lăm việc, Cơ và Vân đều tự giao kết với Thành Đô vương là Dĩnh. Dĩnh dùng Cơ làm Bình Nguyên tướng, Vân làm Thanh Hà nội sử. Chẳng bao lâu lại chuyển Vân làm Hữu tư mã, rất được trông cậy. Không bao lâu, Dĩnh và Trường Sa vương có hiềm khích, bèn cất binh đánh Lạc Dương, lấy Cơ làm hành Hậu tướng quân, đốc các lộ quân của bọn Vương Túy, Khiên Tú gồm hai mươi vạn quân, Sĩ Long soạn bài *Nam chinh phú* để ca ngợi việc này.

Cơ là người Ngô, là lữ khách ở trọ đơn thân làm quan, các quan giúp việc bên cạnh, đa phần không phục. Cơ đánh trận luôn gặp bất lợi, tan chết quá nửa. Ban đầu, hoạn quan Mạnh Cửu, là kẻ hèn mà Dĩnh yêu quý, nhân được sủng ái tham dự binh quyền, Vân mấy lần nói sở đoản của hắn, Dĩnh không thu nhận ý kiến,

¹ Quán huyện, tức Trường huyện. Đây là Trường huyện Tuấn Nghi vậy.

Cửu lại theo đó mà mĩa mai Vân. Sau việc ấy, em của Cửu là Siêu cũng lĩnh quân phối hợp với Cơ, không vâng quân lệnh. Cơ dùng phép tắc nắn sửa Siêu, Siêu nói toáng lên là Cơ sắp phản. Vừa lúc bọn Khiên Tú cũng gièm Cơ với Dĩnh, cho rằng Cơ hai lòng, Cửu lại xúi giục ở trong, Dĩnh tin bọn ấy, phái người bắt Cơ, bắt luôn cả Vân và em là Đàm, chiếu khuôn phép tử hình.

Anh em Cơ đã là người có tài lạ của Giang Nam, cũng nổi danh ở Hoa Hạ, đều vô tội mà bị di diệt, thiên hạ thương tiếc họ.

Văn chương của Cơ được người đời xem trọng, các bài văn Vân sáng tác cũng truyền lại ở đời.

Khi trước, Kháng đánh thắng Bộ Xiển, giết sạch cả đũa hài nhi, người hiểu đạo lý oán trách Kháng rằng:

- Đời sau tất nhận cái tai vạ ấy.

Lúc Cơ bị giết, ba họ không sót ai, Tôn Huệ gửi thư cho Chu Đan nói:

"Mã Viện chọn vua, là việc hết thảy mọi người biết, chẳng ngờ ba người họ Lục dắt nhau đến chốn triều đình tàn bạo, chết thân hại danh, có thể nói là rất xót thương."

Việc này cũng chép ở *Tấn thư*.

Bình rằng: Lưu Bị xưng hùng hùng thiên hạ, một thời người ta kiêng sợ, Lục Tốn đang tuổi tráng niên, oai danh chưa nổi, bẻ gãy rồi thắng Bị, không gì không thỏa chí. Ta đã thấy lạ về cái mưu lược của Tốn, lại khen Quyền biết dùng người tài, đó là cái nguyên nhân để lập thành đại sự vậy. Đến lúc Tốn dâng lời trung thành khẩn thiết, lo nước quên thân, thực đúng là bày tỏ hiền tài của xã tắc rồi. Kháng trung trinh thành tín có tài năng và mưu lược, kiêm gồm được phong độ của cha, tiếng khen truyền đời, cụ thể mà tinh tế, có thể nói là người có tài hoàn thành được sự nghiệp của người trước chẳng!

QUYỀN THỨ NĂM MƯƠI CHÍN NGÔ CHỦ NGŨ TỬ TRUYỆN



Tôn Đăng tự Tử Cao, là con trưởng của Tôn Quyền. Năm Hoàng Sơ thứ hai nhà Ngụy, lấy Quyền làm Ngô vương, bái Đăng làm Đông trung lang tướng, phong làm Vạn hộ hầu, Đăng chối có bệnh không nhận.

Năm ấy, Quyền lập Đăng làm Thái tử, tuyển đặt Sư phó, cất nhắc và bổ dụng kẻ sĩ có tài lạ, cho làm tân hữu, vì thế bọn Gia Các Khác, Trương Hưu, Cố Đàm, Trần Biểu được tuyển vào Đông cung, hầu giảng Thi Thư, theo ra ngoài cưỡi ngựa bắn cung. Quyền muốn Đăng đọc *Hán thư*, hiểu biết thành thực các việc của triều Hán, vì Trương Chiêu có căn bản bậc thầy về nghiên cứu *Hán thư*, Quyền trình trọng nhờ Chiêu chỉ dẫn, lại lệnh cho Hưu theo Chiêu học tập, rồi về truyền lại cho Đăng.

Đăng đối đãi với liêu thuộc, giản lược lễ tiết như kẻ áo vải, cùng bọn Khác, Hưu hoặc ngồi chung xe mà đi, hoặc chung trướng mà ngủ. Thái phó là Trương Ôn nói với Quyền rằng:

- Chúc quan Trung thứ tử là rất thân gần mật thiết với Thái tử, khi tùy thời nêu vấn đề thì phải ứng đối ngay được, nên tuyển chọn người có đức hạnh ưu tú.

Vì thế Quyền bèn dùng bọn Biểu làm Trung thứ tử. Về sau lại dùng lễ nghi của Trung thứ tử ước thúc họ, yêu cầu họ phải chỉnh khấn khi ngồi hầu.

Năm Hoàng Long nguyên niên, Quyền xưng tôn hiệu, lập Đăng là Hoàng thái tử, lấy Khác làm Tả phù, Hưu làm Hữu bật, Đàm

làm Phụ chính, Biếu làm Dực chính đô úy, đấy là Tứ hữu, còn bọn Tạ Cảnh, Phạm Thận, Điều Huyền, Dương Huy đều làm tân khách, vì thế Đông cung có tiếng là nhiều kẻ sĩ.^①

① *Ngô lục* chép: Thận tự Hiếu Kính, người quận Quảng Lăng, hết lòng trung với quân vương tri kỷ, tận tâm tận ý với bạn hữu, người bấy giờ cho là cao đẹp. Thận soạn ra hai mươi thiên luận, gọi là *Kiểu phi*.⁽¹⁾ Sau làm Thị trung, rồi cho ra bổ nhiệm làm Vũ Xương tả bộ đốc, trị quân rất nghiêm chỉnh. Tôn Hạo dời đô, rất kiêng dè Thận, hạ chiếu rằng:

"Thận công huân nổi rõ phẩm đức tốt đẹp, là người mà trăm kính trọng và cậy dựa, thích hợp được thăng lên hàng Thượng công, để xứng với ước vọng của mọi người."

Vì thế lấy Thận làm Thái úy. Thận thấy mỗi một vì ở ngôi tướng soái lâu, bèn thác rằng mình già lão xin về. Quân sĩ lưu luyến Thận, cả dinh quân vì Thận rơi nước mắt.

Năm Phượng Hoàng thứ ba Thận chết, con của Thận là Diệu nối tự.

Huyền, là người quận Đan Dương, Huy là người quận Nam Dương.

Ngô thư chép: Lúc Huy bắt đầu làm Trung thứ tử, mới hai mươi tuổi. Bấy giờ Đình úy giám là Ấn Phồn giao kết với các hào kiệt, từ bọn Vệ tướng quân Toàn Tông trở xuống đều dốc lòng kính ái, duy có Huy và Tuyên chiếu lang là Dương Dịch người quận Dự Chương cự tuyệt không giao vãng, người bấy giờ lấy làm lạ. Nhưng sau này Phồn phản nghịch, mọi người mới phục Huy.

Giang Biếu truyện chép: Đăng sai Thị trung là Hồ Tổng sáng tác bài *Tân hữu mục* rằng:

*"Anh tài xuất chúng,
Siêu việt hơn người,
Là Gia Cát Khác.
Tinh tế biết thời,
Thấu lẽ nhiệm mầu,
Đấy là Cố Đàm."*

¹ Kiểu phi là uốn nắn, sửa lại những điều không đúng đắn.

Biện bác thông suốt,
 Nói năng cô đọng,
 Đây là Tạ Cảnh.
 Nghiên cứu đến cùng,
 Bạc ngang Du Hạ,⁽¹⁾
 Thì là Phạm Thận."

Huy bèn ngâm bài xích Tống rằng:

"Nguyên Tồn tài năng nhưng nông cạn,
 Tử Hắc tinh tế nhưng tàn nhẫn,
 Thúc Phát khéo nói nhưng phù phiếm,
 Hiếu Kính thâm thúy nhưng hẹp hòi."

Những lời Huy nói ra đều có chủ ý rõ ràng. Nhưng Huy rút cục vì lời nói ấy bị mắc lỗi, không được bọn Khác thân gần tin nhiệm. Về sau bốn người đều thất bại, người Ngô bảo những lời Huy nói đều chứng nghiệm hết.

Huy làm quan đến chức Thái thú Quế Dương, rồi chết.

Quyền dời đô về Kiến Nghiệp, triệu Thượng đại tướng quân Lục Tồn phụ giúp Đảng trấn thủ Vũ Xương, kiêm quản việc ở Cung phủ.

Đảng có lúc đi săn bắn, hay theo đường tắt, thường vòng tránh chỗ ruộng đất màu mỡ, không giẫm đạp lên lúa, đến lúc dừng nghỉ, lại chọn chỗ đất trống, chẳng muốn phiền nhiễu đến dân như thế.

Một lần Đảng lên ngựa đi, có viên đạn bắn ra, tả hữu truy tìm xem ai bắn. Thấy một người cầm cung tên đeo túi đạn, chúng đều cho là đúng người ấy bắn, người kia cãi không phục, kẻ hầu muốn đánh người ấy, Đảng không nghe, sai người tìm viên đạn đã bắn, so với viên đạn của người kia thì không giống, người kia được thả.

¹ Tử Du (子游), Tử Hạ (子夏), đều là học trò giỏi của Khổng tử.

Lại có lần bị mất cái khay đựng chén uống nước bằng vàng có hình con ngựa, Đổng biết chủ trộm là tả hữu của mình, không nỡ phạt nặng, gọi hần vào trách mắng, rồi đuổi về quê, lệnh cho người thân cận chớ được nói ra.

Sau khi em của Đổng là Lữ chết, Quyền vì thế giáng chỉ giảm đồ ăn uống, Đổng ngày đêm gấp rút lên đường, đến Lại Hương, tự báo tin, Quyền tức thì cho triệu kiến. Đổng thấy Quyền khóc lóc bi thương, bèn can rằng:

- Lữ bệnh nặng không qua khỏi, đây là số mệnh vậy. Hiện nay đất bắc chưa thống nhất, bốn bể ngóng trông, bệ hạ trên đầu gánh vác trọng trách trời bể, mà chỉ nghĩ đến tư tình cha con, giảm bớt đồ ăn uống của đại quan, là quá vớ lý lẽ, thần trộm lấy làm lo sợ.

Quyền thu nhận lời ấy, bèn tăng thêm đồ ăn. Ở lại hơn chục ngày, Quyền muốn phái Đổng sang tây quay về Vũ Xương, Đổng tự tỏ ý cầu xin, vì chia ly lâu mới về thăm hầu, đạo làm con khiếm khuyết, lại bày tỏ rằng Lục Tốn trung thành siêng năng, chỗ đó không có gì phải lo lắng, Quyền bèn lưu Đổng lại.

Năm Gia Hòa thứ ba, Quyền đi xa đánh Tân Thành, sai Đổng thủ giữ, thống quản công việc triều đình. Năm ấy mùa màng kém thu, đạo tặc rất nhiều, Đổng bèn tuyên bố định rõ pháp lệnh, để phòng giữ ngăn ngừa, rất đúng phép cốt yếu để ngừa gian.

Trước kia, mẫu thân của Đổng địa vị thấp hèn, Từ phu nhân với Đổng lúc nhỏ có cái ân là mẹ nuôi, về sau Từ thị vì ghen tuông bị phế truất, bỏ rơi ở huyện Ngô, mà Bộ phu nhân được sủng ái nhất. Những thứ mà Bộ thị ban thưởng, Đổng không dám từ chối, chỉ bái nhận mà thôi. Từ thị sai người đến, ban y phục, Đổng nhất định tằm gởi rồi mặc y phục ấy.

Đổng sắp được bá làm Thái tử, chối rằng:

- Cái gốc được xác lập thì đạo lý mới sinh, muốn lập Thái tử, nên lập Hoàng hậu trước.

Quyền nói:

- Mẫu thân của khanh hiện ở đâu?

Đăng thưa rằng:

- Ở huyện Ngô.

Quyền lặng im không nói.^①

① Ngô thư chép: Em của Đăng là Hòa được Quyền sủng ái, Đăng thân gần kính trọng, đối đãi với Hòa như anh, thường có lòng muốn nhường.

Đăng được lập cả thảy hai mươi một năm, năm ba mươi ba tuổi chết. Lúc sắp mất, dâng sớ rằng:

"Thần vốn không có công trạng, bị bệnh tật chẳng trối, tự biết mệnh mình suy nhược, sợ rằng sẽ chết bất ngờ. Thần chẳng tự đau tiếc, nghĩ việc phải lìa bỏ tấm thân phụ ân cung dưỡng của cha mẹ, vùi thân dưới đất đen, vĩnh viễn chẳng được về cung thỉnh an, triều kiến gặp bệ hạ và hoàng hậu, sống không có ích với quốc gia, chết lại để môi lo lắng thâm sâu cho bệ hạ, vì thế trong lòng uất ức nghẹn lời thôi."

"Thần nghe nói sinh tử có mệnh vận, thọ yếu bởi số trời, Chu Tấn, Nhan Hồi có tài trí cao, mà còn chết yếu,⁽¹⁾ huống chi thần là kẻ ngu dốt bỉ lậu, về tuổi là thọ hơn họ rồi, lúc sống làm người kế tự của quốc gia, khi chết được hưởng vinh lộc, với thần đã là nhiều, cũng có gì phải tiếc hận đâu! Hiện nay đại sự chưa định, kẻ trốn náu cướp bóc chưa dẹp, muôn nước ngóng trông, ký thác tính mệnh nơi bệ hạ, nguy thì mong ngóng sự yên bình, loạn thì ngẩng trông việc cai trị. Mong bệ hạ hãy quên đi cái chết của thần, cắt đứt mối nghĩ nhớ ân tình của kẻ phạm thường, tu luyện cái thuật của Hoàng Lão,⁽²⁾ hết sức bồi dưỡng thần khí, tăng thêm khẩu phần ăn uống, phát huy sự thông

¹ Nhan Hồi (顔回) là một trong mười hai đại đệ tử nổi tiếng nhất của Khổng tử, rất tài trí, nhưng chết sớm; Chu Tấn (周晋), không rõ là ai?

² Ý nói cái thuật dưỡng sinh của Đại gia, tiêu biểu cho việc nêu và truyền bá thuật này là hai vị Hoàng Đế và Lão Tử.

minh tài trí, để yên định cái cơ nghiệp vô cùng, thì thiên hạ may lắm, thần chết không có gì ân hận vậy."

"Hoàng tử Hòa là người thông minh nhân hiếu, đạo đức phẩm hạnh trong sạch tốt đẹp, nên sớm dựng lập, để trối buộc sự trông ngóng của muôn dân. Gia Cát Khác mưu lược lão luyện học thức uyên bác, có tài gánh vác trọng trách giúp thời thế. Trương Hưu, Cố Đàm, Tạ Cảnh, đều thông minh mau lẹ có hiểu biết và quyết đoán, ở trong nên ủy thác làm kẻ phúc tâm, ra ngoài có thể làm nanh vuốt. Phạm Thận, Hoa Dung cương cường tráng liệt, có phong thái của bậc quốc sĩ. Dương Huy biện luận mau lẹ, có tài đối đáp đặc biệt. Điêu Huyền rộng rãi đại lượng, đạt đến cái chân tâm của đạo lý. Bùi Khâm học rộng nhớ dai, văn chương hoa mỹ đủ để dùng. Tưởng Tu, Ngu Phiên, chí hướng tiết tháo phân minh. Hết thấy những bấy tôi ấy, có người thích hợp ở chốn triều đường, có kẻ đảm nhiệm làm tướng soái, đều lão luyện việc đời, sáng suốt thành thực về pháp lệnh, vững nghĩa thủ tín, chẳng nên cưỡng ép cái chí của họ. Đấy đều là những bấy tôi mà bề hạ thánng ngày soi xét, vì thần tuyển chọn thuộc quan, thần cùng họ làm việc, biết tường tận phẩm hạnh của họ, mới dám trình báo lên."

"Thần nhiều lần suy nghĩ rằng hiện nay phương ngoài lắm mối lo, quân lữ chưa dừng nghỉ, nên khích lệ sáu quân, để mưu đồ tiến thủ. Quân dựa vào dân là nhiều, dân cho tiền của là quý, thần trộm nghe nói các quận huyện rất hoang tàn, muôn dân đói rách tàn tạ, là mầm mống nảy sinh gian loạn, vì thế cấm lệnh gia tăng, hình phạt thêm nặng. Thần nghe nói làm chính trị phải thuận dân, pháp lệnh phải biến đổi theo thời cuộc, thực rất nên phải cùng với văn võ đại thần phân biệt tường tận thích hợp, lựa chọn rộng rãi lời bàn của mọi người, nói lỏng hình phạt giảm bớt sưu thuế, trưng dụng lao dịch hợp lý, để thuận lòng trông ngóng của dân. Lục Tốn trung thành chăm chỉ với chính sự, đem thân lo lắng cho quốc gia, chính trực ở việc công, có tiết tháo quên mình. Gia Cát Cẩn, Bộ Chất, Chu Nhiên, Toàn Tông, Chu Cứ, Lã Đại, Ngô Sán, Hám Trạch, Nghiêm Tuấn, Trương Thừa, Tôn Di tận trung giúp nước, thấu hiểu thế chế trị quốc. Hãy

khiến cho họ bày tỏ lên những điều giản tiện thích hợp, trừ bớt phiền hà, yêu binh dưỡng mã, vỗ về trăm họ. Ngoài năm năm, trong vòng mười năm, người xa quy phục, kẻ gần dốc sức, binh khí chẳng vấy máu, mà đại sự có thể định được vậy."

"Thần nghe nói 'con chim sắp chết thì tiếng kêu bi ai, con người sắp chết thì lời nói phải', cho nên những lời gan ruột trước lúc lâm chung của người ta, là lời nói răn đời, bậc quân tử cho là trung, huống chi Đấng là kẻ thần tử, thì những lời này có thể ngoại lệ sao? Mong bệ hạ lưu tâm lắng nghe mà chọn ý hay, thần dẫu chết hôm nay, cũng là ngày sinh ra vậy."

Đặng chết rồi về sau thư mới dâng lên, Quyền càng lấy làm thương cảm, nói lời mà sa nước mắt. Năm ấy, là năm Xích Ô thứ tư vậy.

Tạ Cảnh thời ấy làm Thái thú Dự Chương, chẳng ngăn nổi xót thương, bỏ sở quan đến viếng tang, rồi bái lạy dâng biểu tុợ hặc tội mình. Quyền nói:

- Ngài cùng Thái tử làm việc, khác với các quan lại khác.

Rồi sai Trung sử úy lạo, xét phục chức lúc trước, phái quay về quận. Ban thựợ cho Đặng là Tuyên thái tử.①

① Ngô thư chép: Ban đầu táng ở Câu Dung, dựng vườn lăng giữ mộ, tuân theo đúng phép tắc, sau ba năm cải táng ở Tương Lăng.

Con của Đặng là Phan và Hy, đều chết sớm, con thứ của Đặng là Anh, được phong tước Ngô hầu.

Năm Ngũ Phụng nguyên niên, Anh vì Đại tướng quân Tôn Tuấn chuyên quyền, mưu giết Tuấn, việc bị phát giác phải tự sát, nước phong bị xóa bỏ.①

① Ngô lịch chép: Tôn Hòa vì vô tội bị giết, hầu hết mọi người đều mang lòng phần hận than thở, trước đó Tư Mã Hoàn lo lắng nhân đó tập hợp quan lại tướng lĩnh, muốn cùng giết Tuấn lập Anh, việc lộ, đều bị giết, Anh quả thực không biết.

Tạ Cảnh tự Thúc Phát, là người quận Nam Dương huyện Uyển. Ở quận có công tích về cai trị, quan dân khen ngợi, cho là trước đây có Cố Thiệu, sau Thiệu thì có Tạ Cảnh. Được mấy năm, chết khi đương chức.

Tôn Lự tự Tử Trí, là em của Đăng. Thời trẻ cơ trí nhân ái mà có tài nghệ, Quyền rất yêu thích. Năm Hoàng Vũ thứ bảy, phong làm Kiến Xương hầu. Hai năm sau, bọn thừa tướng Ung tấu rằng Lự bản tính thông minh thấu hiểu sự lý, tài năng kiến thức ngày một tăng tiến, phỏng theo việc thời nhà Hán gần đây, nên tiến tước xưng vương, Quyền chưa đồng ý.

Ít lâu sau, Thượng thư bộc xạ là Tồn dăng só rằng:

"Hưng nghiệp đế vương, chẳng ai không biểu dương và xem trọng cốt nhục chí thân, để vẻ vang cho các hậu phi, thế nên nước Lỗ, nước Vệ ở triều Chu, được ân sủng đứng đầu chư hầu, năm vị vương của Cao đế, lần lượt được nhà Hán phong đất, để làm phen dậu cho bản triều, giúp quốc gia phòng vệ."

"Kiến Xương hầu là Lự thiên bẩm thông minh cơ trí, tài kiêm văn võ, chiếu theo điển chế thời xưa, nên chính thức danh hiệu. Bệ hạ khiêm nhường, chưa thuận theo như phép cũ, trăm quan lớn nhỏ, đều vì thế uất nghẹn lời."

"Hiện nay giặc cướp nông nghênh hoành hành, binh đao chiêng trống chưa dừng nghỉ, phúc tâm nanh vuốt, chỉ có thân thích với hiền sĩ. Thần thường cùng với bọn Thừa tướng Ung nghị bàn, đều cho là Lự thích hợp với chức Trấn quân Đại tướng quân, nên đáng được trao trách nhiệm gánh vác công việc của một phương, để vẻ vang nghiệp lớn."

Quyền bèn đồng ý, vì thế Lự được ban Giả tiết khai mở phủ sự, sở trị ở Bán Châu.①

Lự vì thân phận là Hoàng tử tôn quý, tuổi còn trẻ, người xa gần ngờ vực là chẳng thể quan tâm quản lý tốt chính sự. Lúc coi xét

công việc, tuân theo pháp độ, cung kính thầy bạn, vượt quá lòng ngưỡng vọng của mọi người.

Năm hai mươi tuổi, là năm Gia Hòa nguyên niên thì chết.

Lự không có con, nước phong bị xóa bỏ.

① Ngô thư chép bản chiếu của Quyền rằng:

"Nay thời nhiễu loạn, hung tà ngạo ngược, uy phạt liên miên, can qua không nghỉ. Vì Lự có khí chất chí hướng tốt đẹp, võ lược sớm nổi rõ, tất có thể vì quốc gia giúp yên định đại nghiệp, cho nên ta trao ngôi vị Thượng tướng, để tỏ rõ cái vinh hiển đặc biệt khác thường, vẻ vang cho thế lực của quân mã, ủy thác cho trách nhiệm ở một phương. Bên ngoài cốt uy chấn địch quốc, dẹp nạn nơi vạn dặm, bên trong cốt vỗ về phủ dụ xa gần, ủy lạo tướng sĩ, đây thực là lúc Lự phải đem hết sức mình dựng công lập nghiệp vậy."

"Lự hãy trong tu văn đức, ngoài sửa võ bị, coi đây đủ như trống rỗng, thì đây mà không tràn vậy. Người hãy cung kính cẩn thận ghi nhớ lấy lời này, là không nhục đến cái ngôi vị mà người đã nhận."

Tôn Hòa tự Tử Hiếu, là em của Lự. Thừa nhỏ vì mẹ là Vương thị được sủng ái nên được yêu mến, năm mười bốn tuổi, cho đặt thị vệ ở nội cung, sai Trung thư lệnh là Hám Trạch đem kinh truyện và lục nghệ truyền dạy. Hòa ham học lại nhún nhường với hiền sĩ, rất được khen ngợi. Năm Xích Ô thứ năm, lập làm Thái tử, năm ấy mười chín tuổi. Hám Trạch làm Thái phó, Tiết Tống làm Thiếu phó, còn bọn Thái Dĩnh, Trương Thuần, Phong Sính, Nghiêm Duy đều theo làm tùy tùng.①

① Ngô thư chép: Hòa còn nhỏ tuổi đã có trí tuệ và khí phách hơn người, nên Quyền rất yêu mến sủng ái, thường cho ở bên cạnh, ban cho y phục lễ trật và nhiều vật phẩm trân quý khác thường, các người con khác chẳng ai sánh được. Hòa giỏi văn học, khéo cưỡi ngựa bắn tên, theo thầy học tập, thông minh tinh tế, hiểu biết sáng suốt, tôn kính sư phó, yêu mến nhân tài. Bọn Dĩnh mỗi khi vào triều kiến chúc tụng, Hòa thường nghiêng mình, khiến Quyền

rất vui lòng. Hòa bàn giải nghĩa kinh văn, tổng hợp phân tích lẽ đúng sai, đem hỏi triều thần, khảo xét năng lực và hành vi của họ, để biết rõ chỗ hơn kém, lời bàn có đạo lý và thông suốt. Về sau Gia Cát Phong (Gia Cát Nhất) vờ làm phản để dẫn dụ tướng nước Ngụy là Gia Cát Đản, Quyền ém quân tiếp ứng. Hòa thấy Quyền phoir mình ở ngoài trại, lại nữa chiến sự là việc hung hiểm, thường lo lắng xót xa, cha con chẳng tụ tập ăn uống một chỗ, mấy lần dâng lời can gián, khuyên hết sức cẩn trọng, có toàn thắng thì mới xuất kích, Quyền về rồi, Hòa mới thấy yên lòng.

Trương Thuần tự Nguyên Cơ, là con của Đôn.

Ngô lục chép: Thuần thời trẻ gắng mài giũa tiết tháo và đức hạnh, học rộng có tài lạ, hỏi đáp ứng đối mau lẹ, nghi dung cử chỉ đáng xem. Được báỉ làm Lang trung, rồi bổ làm Quảng Đức lệnh, việc cai trị có công tích khác thường, sau được cất nhắc làm Phụ nghĩa đô úy của Thái tử.

Bấy giờ Hữ ti rất hay lấy điều lệ trong sách đem ra vấn tội, Hòa cho rằng kẻ gian hoạt xằng bậy, sẽ dựa vào kiện tụng làm lẫn lộn theo ý riêng, vì thế nảy sinh ý họa trong lòng, không thể giúp đỡ chính sự, bèn dâng biểu nói rõ là nên dứt tuyệt việc ấy. Lại có lần Đô đốc Lưu Bảo bạch tội Trung thứ tử là Đinh Yển, Yển cũng bạch tội Bảo, Hòa bảo Yển rằng:

- Văn võ tại chức, thì kẻ có tài gánh vác việc được mấy người, nhân hiềm khích mà gây thù oán, mưu đồ làm hại lẫn nhau, đấy là phúc vận sao?

Rồi giải thích cho hai người, khiến họ từ đó qua lại thân thiết với nhau.

Hòa thường nói rằng kẻ sĩ đời nay nên tìm tòi nghiên cứu thuật học, luyện cưỡi ngựa bắn cung, để gánh vác việc đời, nếu chỉ giao du chơi bời ham thích đồ bác là phương hại đến sự nghiệp, thì không gọi là có chí tiến thủ được. Sau này quần thần hầu yển, nói đến bác dịch, Hòa cho đó là việc gây hại lãng phí thời gian mà vô ích không có chỗ dùng, nhọc nhằn tinh thần hao

tâm tồn trí mà rút cục là không có thành tựu gì, đấy chẳng phải là việc làm để tiến đức tu nghiệp, tích lũy công tích vậy. Và lại kẻ chí sĩ quý ngày tháng tiếc sức lực, bậc quân tử hâm mộ đại đạo, đức hạnh như núi cao, không thể liệt vào đẳng cấp thấp hèn. Thiên địa trường cửu, cái thời gian mà con người ta sống trong trời đất, cũng ví như bóng câu qua cửa sổ, tuổi đến xế chiều, thời thanh xuân không trở lại. Phàm là những điều khiến người ta lo lắng, là ở những thứ mà dục vọng con người ta không thể dứt tuyệt, nếu thực sự dứt tuyệt được cái ham muốn vô ích để noi theo đường đức nghĩa, vứt bỏ các việc không thiết yếu để sửa sang nền móng cơ nghiệp, với thanh danh phẩm hạnh của con người ta, há chẳng tốt sao? Cái tình của con người ta cũng chẳng thể không có thú vui, cái hay của thú vui, cũng ở chỗ ăn yến, đánh đàn, đọc sách, cưỡi ngựa bắn tên, sao cứ phải là bác dịch, thì mới vui vẻ. Bèn ra lệnh cho tám người ngồi hầu, đều làm bài luận để nắn sửa việc ấy. Vì thế Trung thứ tử là Vi Diệu lui về rồi làm bài luận tấu lên, Hòa đem ra cho tân khách xem. Bấy giờ Thái Dĩnh thích đánh cờ, sở quan có khá nhiều người theo học, cho nên Hòa lấy việc đó để khuyên can Dĩnh.

Sau đấy Vương phu nhân cùng Toàn công chúa có hiềm khích. Quyền có lần ốm nặng, Hòa đến tông miếu tế tự, chú vợ của Hòa là Trương Hưu nhà ở gần miếu, mời Hòa qua nhà mình chơi. Toàn công chúa sai người đi dò xét, nhân đó nói Thái tử không ở trong miếu, mà chuyên đến nhà vợ bàn kế; lại nói Vương phu nhân thấy chúa thượng ốm nặng, có nét vui mừng. Quyền bởi thế nổi giận, phu nhân lo lắng chết, mà sự sủng ái với Hòa giảm dần, Hòa sợ bị phế truất.

Lòng mong mỏi của Lỗ vương Bá lại càng mãnh liệt hơn, bọn Lục Tốn, Ngô Sán, Cố Đàm mấy lần bày tỏ về đạo nghĩa đích thứ, theo lý chẳng nên tước đoạt ngôi Thái tử, Toàn Ký, Dương Trúc là đảng của Lỗ vương Bá, gièm pha ngày càng nhiều. Sán

về sau bị tống ngục xử tử, Đàm bị đẩy ải đến Giao châu. Quyền do dự nhiều năm,^① sau bèn giam Hòa vào ngục tối. Vì thế Phiêu kỵ tướng quân Chu Cú, Thượng thư bộc xạ Khuất Hoảng cầm đầu quan lại chur tướng trát bunn lên mặt tự trói mình, nhiều ngày đến cửa khuyết thỉnh xin cho Hòa. Quyền trèo lên lầu Bạch Tước trông thấy, rất ghét bọn ấy, hạ chiếu trách bọn Cú, Hoảng vô sự mà huyên náo. Quyền muốn phế Hòa lập Luợng, Vô Nan đốc là Trần Chính, Ngũ doanh đốc là Trần Tượng dâng thư, viện dẫn chuyện Tấn Hiến công giết Thân Sinh, lập Hề Tề, nước Tấn nhiều loạn,⁽¹⁾ lại nữa là Cú, Hoảng cố sức can gián không dừng. Quyền cả giận, giết sạch cả họ nhà Chính và Tượng, lôi Cú, Hoảng vào thượng điện, đánh một trăm trượng,^② cuối cùng đẩy Hòa đến Cổ Chưởng, số quần thần vì can gián bị giết bừa đến chục người. Mọi người đều cho là oan khuất.^③

① *Thông ngữ* của Ân Cơ chép: Ban đầu Quyền đã lập Hòa làm Thái tử, lại phong Bá làm Lỗ vương, mới bãi phong còn cho ở cùng cung thất, lễ trật không phân định. Đại thần nghị bàn chuyện ấy, cho rằng Thái tử và phiên vương trên dưới phải có thứ tự, lễ trật nên khác nhau, vì thế phải chia cung điện cho vai vế khác biệt, nên mằm mống hiềm khích mới nổ ra vậy. Từ đấy thị ngự tân khách tạo thành hai mối, bè đảng thù địch ngò vục nhau, mới kéo thêm các đại thần.

Bọn Thừa tướng Lục Tốn, Đại tướng quân Gia Cát Khác, Thái thường Cố Đàm, Phiêu kỵ tướng quân Chu Cú, Thái thú Cối Kê Đằng Dân, Đại đô đốc Thi Tích, Thượng thư Đình Mật vâng lễ chế hành động, tôn sùng phụng sự Thái tử, bọn Phiêu kỵ tướng

¹ Thời Xuân Thu, Tấn Hiến công có con trưởng là Thân Sinh, rất hiền đức, đã được lập làm Thế tử, lại có hai con lớn khác nữa là Di Ngô và Trùng Nhĩ. Hiến công vì yên nàng Ly Cơ, muốn lập con của nàng là Hề Tề, mới sai ba con lớn đi trấn thủ cõi ngoài. Ly Cơ gièm là Thân Sinh muốn hại Hiến công, Hiến công giận sai người giết Thân Sinh, Thân Sinh tự vẫn ở Khúc Thành. Trùng Nhĩ, Di Ngô đều bỏ trốn, Hề Tề được lập, kết cục là nước Tấn loạn lạc mấy chục năm trời.

quân Bộ Chất, Trần nam tướng quân Lã Đại, Đại tư mã Toàn Tông, Trung thư lệnh Tôn Hoàng, Tả tướng quân Lã Cứ, phụ giúp Lỗ vương, quan lại tướng quân khắp trong ngoài và đại thần trong nước chia rẽ. Quyền lo việc ấy, bảo Thị trung là Tôn Tuấn rằng:

- Con em bất hòa, quần thần chia bè phái, nước sắp có cái điềm suy bại của Viên thị, làm trò cười thiên hạ. Một người được lập, sao không loạn được?

Vì thế bèn mưu tính đối con nối tự vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng Viên Thiệu, Lưu Biểu vì Thượng, Tông là con hiền, vốn có ý truyền nghiệp về sau, khác với Tôn Quyền đã lập Hòa rồi mà lại sủng tín Bá, là gieo mầm loạn về ngôi thứ, tự gây mối họa nhà, so với Viên, Lưu, còn hôn ám hơn gấp bội. Bộ Chất là người đức độ nổi tiếng, là lương thần của nước Ngô, mà a dua với Bá, làm việc giống với Dương Trúc, là sao? Hòa đã chính vị, đích thứ đã phân định, ví phỏng tài đức họ chẳng khác nhau, còn theo nghĩa chẳng thiên lệch con thứ, hướng chi Bá thực sự không có tiếng tăm, mà Hòa là con nối tự có tài đức tốt? Ôi, người chưa phải bậc chính nhân thông đạt, thì hành động của họ không khéo, chỉ một lần làm điều bất thiện, nhiều cái tốt đẹp đều mất hết. Chết nếu quả thực có việc ấy, thì những việc làm khác chẳng đáng xem rồi! Bọn Lã Đại, Toàn Tông, đại khái cái là việc mà họ làm chẳng đáng để bàn luận vậy.

② Ngô lịch chép: Hoàng vào, miệng can rằng:

- Thái tử nhân đức sáng suốt, tiếng tăm nổi rõ khắp bốn biển. Nay ba phương lập đình,⁽¹⁾ thật chẳng nên lay động ngôi Thái tử, khiến lòng dân ngờ vực. Xin bệ hạ hãy bớt ưu tư lo lắng, lão thần dù chết, cũng như được sinh ra.

Rồi rập đầu đến chảy máu, khẩu khí chính trực bất khuất. Quyền không thu nhận lời can của Hoàng, mắng đuổi về quê.

Tôn Hạo tức vị, hạ chiếu rằng:

¹ Nói tam phương đình lập ở đây không phải là nói ba nước Ngụy, Thục, Ngô, ý là nói ba người: Tôn Hòa, Tôn Bá, Tôn Lượng.

"Cố Bộc xạ là Khuất Hoảng, có chí khuông phò xã tắc, trung trinh can gián quên mình. Nay phong cho con của Hoảng là Tự làm Đông Dương đình hầu, em của Tự là Cán và Cung làm Lập nghĩa đô úy."

Tự sau này cũng làm quan đến chức Thượng thư bộc xạ.

Hoảng, người quận Nhữ Nam, sự tích thấy ở sách vấn đáp của Hồ Xung.

Ngô thư chép: Trương Thuần cũng hết lời cực lực can gián, Quyền giam vào ngục kín, rồi chém vứt xác ngoài chợ.

③ *Ngô thư* chép: Quyền ốm, ý chừng cảm ngộ, muốn triệu Hòa về lập làm Thái tử, Toàn công chúa và bọn Tôn Tuấn, Tôn Hoảng cố ngăn việc ấy, Quyền bèn thôi.

Năm Thái Nguyên thứ hai tháng giêng, phong Hòa làm Nam Dương vương, phái đến Trường Sa.①

Tháng tư, Quyền mất, Gia Cát Khác cầm quyền chính. Khác là cậu của Trương thị vợ Hòa vậy. Vương phi sai Hoảng môn là Trần Thiên đến Kiến Nghiệp dâng sớ vào trong cung, chuyển lời hỏi thăm đến Khác. Lúc sắp về, Khác bảo Thiên rằng:

- Hãy giúp ta chuyển lời đến Vương phi, có cơ hội ta sẽ khiến Vương được hơn người khác.

Lời ấy rất lộ.

Lại nữa là Khác có ý đòi đô, sai sửa cung Vũ Xương, dân gian có kẻ nói là muốn nghênh đón Hòa. Lúc Khác bị giết, Tôn Tuấn nhân đó đoạt tử thụ của Hòa, đẩy đi Tân Đô, lại phái sứ ban lệnh phải tự sát. Hòa cùng vợ là Trương thị quyết biệt, Trương thị nói:

- Lành dữ phải theo nhau, nhất định ta chẳng sống một mình vậy.

Rồi cũng tự sát, người cả nước đều thương xót.

① *Ngô thư* chép: Hòa đến Trường Sa, đi qua Vu Hồ, có tổ chim khách ở trên cột buồm, nên quan liêu nghe nói việc ấy đều lo buồn, cho là ngọn cột buồm nghiêng lật, không phải là điềm yên ổn lâu

dài. Có người nói bài *Thuốc sào* trong *Kinh Thi* có câu rằng: "Tích hạnh chất công đến tước cao", nay chí đức của Vương rất cao đẹp, lại được nhận đất phong, hoặc giả thần linh vì thế mà báo cho biết ý của người chăng?

Tôn Hưu được lập, phong con của Hòa là Hạo làm Ô Trình hầu, từ Tân Đô dời đến nước phong.

Hưu mất, Hạo nối ngôi vị, năm ấy truy thụy cho cha là Hòa làm Văn hoàng đế, cải táng ở Minh lăng, đặt hai trăm nhà giữ vườn lăng, có quan Lệnh, Thừa giữ mộ thờ phụng.

Tháng giêng năm sau, Hạo tách chín huyện của Ngô Quận, Đan Dương lập quận Ngô Hưng, sở trị ở Ô Trình, đặt chức Thái thú, bốn mùa tế tự. Hữu ti tấu nói, nên lập miếu ở kinh đô.

Năm Bảo Định thứ hai tháng bảy, Hưu sai quan Thủ đại tượng là Tiết Hủ dựng tam đường, gọi là Thanh miếu. Tháng mười hai, phái bọn Thủ thừa tướng là Mạnh Nhân, Thái thường là Diêu Tín dự sẵn quan viên và hai nghìn quân bộ kỵ ở trung quân, dùng linh xa pháp giá sang đông nghênh đón linh hồn của Hòa về Minh Lăng. Hạo triệu kiến Nhân, đích thân ra đưa tiễn ở phủ đình.^① Xe linh sắp đến, Hạo sai Thừa tướng là Lục Khải dâng lễ tam sinh cúng tế ở gần kinh thành, Hạo nghỉ lại ở ngoài thành. Hôm sau, vọng bái linh xa ở ngoài cửa đông. Hôm sau nữa, bái yết ở Thanh miếu dâng đồ tế, sùt sùi rất bi thương. Đến ngày thứ bảy là tế tự lần thứ ba, hát xướng tấu nhạc đêm ngày. Hữu ti tấu nói "Tế tự chẳng nên quá nhiều, nhiều quá thì nhàm, nên đúng lễ mà dứt tình", rồi sau mới dừng.

① *Ngô thư* chép: Nhân sắp về, sứ giả ở trong cung cầm chiếu thư do Hạo viết, ngày đêm thay nhau, ra hỏi xem linh hồn thường ngày ăn uống sinh hoạt đi lại ra sao. Thầy đồng cốt nói thấy Hòa mặc y phục, nhan sắc như ngày còn sống, Hạo vừa mừng vừa thương rơi lệ, triệu tất cả công khanh thượng thư đến dưới cửa khuyết ban thưởng.

② Ngô lịch chép: Hòa có bốn con là: Hạo, Đức, Khiêm, Tuấn. Tôn Hưu tức vị, phong Đức làm Tiền Đường hầu, Khiêm làm Vĩnh An hầu, Tuấn được bá làm Ky đô úy.

Hạo ở Vũ Xương, người dân quận Ngô Hưng là Thi Dân không theo mệnh, tụ tập hơn vạn người, cướp Khiêm, đem đến Mạt Lăng, muốn lập Khiêm. Đi chưa đến ba chục dặm thì dừng lại, chọn ngày lành, Dân phái sứ giả dùng mệnh của Khiêm hạ chiếu gọi Đinh Cố, Gia Cát Tịnh. Tịnh lập tức chém sứ giả của Dân. Dân bèn tiến đến Cửu Lý, Cố và Tịnh ra đánh, đại phá Dân. Binh lính của Dân cỡi trần không có áo giáp, lâm trận đều tan chạy. Một mình Khiêm ngồi ở trong xe, liền bị bắt sống. Cố không dám giết, đem thực trạng báo lên Hạo, Hạo ban rượu độc cho Khiêm, mẹ con đều chết.

Tuấn, là cháu ngoại của Trương Thừa, thông minh nhân ái giỏi biện bác, được xa gần khen ngợi, Hạo lại giết Tuấn.

Tôn Bá tự Tử Uy, là em cùng mẹ với Hòa. Hòa làm Thái tử. Bá làm Lỗ vương, được sủng ái đặc biệt, so với Hòa không khác gì. Ít lâu sau, tiếng tăm về việc Hòa và Bá không hòa mục đến tai Quyền, Quyền cấm đoán họ lai vãng, lấy cớ vì họ phải chuyên tâm học tập.

Đốc quân sứ giả là Dương Huy dâng sớ nói:

"Thần nghe nói người có được thiên hạ thời xưa, đều phân biệt rõ đích thứ trước, phong bang dựng nước cho con em, khiến họ tôn trọng tổ tông, làm phen dậu bên ngoài của quốc gia vậy. Nhị cung nhận thụ phong, người trong nước khen là thích hợp, nghĩ rằng nền móng của Đại Ngô hưng vượng. Bỗng chốc lại nghe nói Nhị cung đều dứt tuyệt tân khách, xa gần sợ hãi bất an, lớn nhỏ thất vọng."

"Thần ngầm đi theo kẻ dưới, nghe ngóng bàn luận của mọi người, chúng đều nói rằng Nhị cung trí tuệ thông suốt, tài năng siêu quần xuất chúng, vốn chính danh lập hiệu, đến nay đã ba năm, đức hạnh sáng rõ ở trong, tiếng khen lưu truyền bên ngoài, dân ven biên ở hai cõi tây

bắc,¹) nghe tiếng tốt của hai người đã lâu. Họ bảo rằng bệ hạ nên thuận theo xa gần để họ được cậy dựa vào đức chính, thường xuyên chọn tân khách ở bốn phương cho Nhị cung, khiến tiếng tăm của họ truyền sang nước khác, họ muốn làm tôi đòi cho Nhị cung. Nay đã không quan tâm đến việc đó, mà ban chiếu công khai, tước giảm nghi vệ, cấm chỉ tân khách, khiến cho sự kính lễ của người bốn phương không thông suốt nữa, dẫu bệ hạ thực sự chuông đạo lý hành sự của người xưa, muốn lệnh cho nhị cung chuyên tâm việc học hành, chẳng nghĩ trước trông sau xem xét nghe ngóng những tình tiết nhỏ, mong mỗi họ trau dồi kiến thức thông hiểu mọi sự vật mà thôi, nhưng đó không phải là cái chí nguyện mà kẻ bầy tôi ở dưới mong ngóng trông đợi vậy. Có kẻ bảo rằng Nhị cung không tuân theo điển lễ, đấy là cái mà thần ngu ngốc không yên. Nếu như có mỗi ngờ đó, cũng nên xem xét rõ, kín đáo châm chước thêm cho, không để người xa gần phải có lời nói khác thường. Thần sợ rằng tích mỗi ngờ sẽ thành lời chê bai, lâu rồi sẽ lan truyền khắp, mà dân chúng hai cõi tây bắc, ở cách xa kinh sư, nói lời dị nghị, tin tức dễ lan truyền. Tin mỗi ngày truyền đi, dư luận sẽ nổi lên, họ sẽ bảo cái tội của Nhị cung là không hòa thuận, chẳng rõ bệ hạ lấy gì để giải thích đây? Nếu không làm tiêu tan cái lời của người ở nước khác, thì cũng không cớ bỏ được mỗi ngờ của người trong nước. Người trong cõi giữ mỗi ngờ, người nước khác dấy lên lời phi báng, đó chẳng phải là việc vun trồng gốc rễ, để vô yên xã tắc vậy."

"Mong bệ hạ sớm phát chiếu thư khích lệ, khiến Nhị cung chu toàn lễ mệnh như trước, thì trời trong đất yên, thiên hạ may mắn vậy."

Bấy giờ bọn Toàn Ký, Ngô An, Tôn Kỳ, Dương Trúc bí mật cùng giúp Bá, mưu đồ làm hại Thái tử. Lời gièm pha vu hãm đã thành, Thái tử vì thế mất ngôi, Bá cũng bị bức tử. Trúc trôi thân ở sông Giang, anh của Trúc là Mục vì nhiều lần khuyên can răn bảo Trúc, được miễn tội tử hình, cũng bị đày đi Nam Châu. Sau

¹ Ý nói dân chúng ở biên bìa giáp ranh hai nước Thục, Ngụy.

khi Bá bị bức tử, lại giết bọn Ký, An, Kỳ, đều vì họ kết đảng giúp Bá xúi giục chia rẽ Hòa mà rước tội vậy.

Hai con của Bá, là Cơ và Nhất. Năm Ngũ Phượng trung, phong Cơ làm Ngô hầu, Nhất làm Uyển Lăng hầu. Cơ hầu hạ Tôn Lượng ở trong cung, năm Thái Bình thứ hai, cưới trộm ngựa của vua, bị bắt tống ngục. Lượng hỏi quan Thị trung là Điều Huyền rằng:

- Cái tội cưới trộm ngựa của vua phải làm sao?

Huyền đáp rằng:

- Theo luật nên xử tội chết. Nhưng Lỗ vương chết sớm, xin bệ hạ thương tình tha cho Cơ.

Lượng nói:

- Luật pháp, là phép chung cho cả thiên hạ, sao được dựa vào việc là người thân thích vậy? Nên nghĩ cái lý do có thể tha cho tội này, sao lại vì tình cảm bức bách nhau thế?

Huyền nói:

- Việc tha tội trước đây có lớn có nhỏ, hoặc đại xá cả thiên hạ, cũng có khi tha thứ trong nghìn dặm, năm trăm dặm, cái đó tùy ý tùy lúc.

Lượng nói:

- Lời kiến giải lý thú chẳng thích đáng sao!

Rồi tha cho tội phạm trong cung, Cơ nhờ thế được thoát.

Tôn Hạo tức vị, truy xét hiềm khích cũ của Bá, Hòa, tước đất phong và tước vị của Cơ và Nhất, hai người cùng tổ mẫu là Tạ Cơ đều bị đầy đến huyện Ô Thương quận Cối Kê.

Tôn Phấn tự tử Dương, là em của Bá, mẹ là Trọng Cơ. Năm Thái Nguyên thứ hai, Phấn được lập làm Tề vương, cư trú ở Vũ Xương.

Quyền mất, Thái phó Gia Cát Khác không muốn thế lực binh mã của các Vương đóng ở bến sông Giang, chuyển Phấn đến Dự Chương. Phấn giận, không theo mệnh, lại mấy lần vượt pháp chế. Khác dâng thư can rằng:

"Cái tôn quý của bậc đế vương, là cùng với trời đồng ngôi vị, vì thế lấy thiên hạ là nhà, cha anh là tôi thân, người trong bốn bể, đều là kẻ tôi đòi. Kẻ cừu thù có điều thiện, chẳng thể không đề cử, người thân thích có tội ác, chẳng thể không giết bỏ, là để vâng mệnh trời trị dân, trước là vì quốc gia sau mới đến bản thân, đại khái là phép tắc của thánh nhân lập ra, là đạo lý trăm đời không thay đổi vậy."

"Trước kia nhà Hán mới hưng, phần lớn con em làm Vương dẫn đến sự lớn mạnh của họ, luôn làm trái phép tắc, trên thì nguy hại cho xã tắc, dưới thì cốt nhục tương tàn, hậu thế lấy đó làm lời răn, cho đó là điều đại kỵ. Từ thời Quang Vũ đế đến nay, có phép chế với các vương hầu, chỉ được tự vui ở trong cung, không được coi dân, không được can dự vào chính sự, việc giao du của họ, đều bị nghiêm cấm gắt, vì thế để được an toàn, mỗi người đều phải giữ phúc phận. Đây là điều chứng nghiệm về cái được cái mất của đời trước vậy. Gần đây Lưu Biểu, Viên Thiệu đều có được quốc thổ, đất đai không hẹp, quân dân không yếu, vì đích thứ bất phân, mà cuối cùng tông tự của họ tuyệt diệt. Đây là việc người trí kẻ ngu trong thiên hạ đều than thở xót xa."

"Đại hành Hoàng đế xét việc thời xưa lẫn việc ngày nay, phòng mầm loạn từ lúc mới manh nha, lo nghĩ cho nghìn năm. Vì thế đến ngày bệnh nặng, phân phái chư vương, đều sớm đến đất phong, chiếu sách ân cần, cấm lệnh nghiêm ngặt, nội dung giới lệnh ban ra, không đâu không tới, thực mong rằng trên yên tông miếu, dưới vẹn chư vương, khiến cho trăm đời noi theo, không có cái họa hung nước hại nhà vậy. Đại vương nên trên thì nghĩ đến cái chí của Thái Bá kính thuận phụ thân,⁽¹⁾ giữa thì nghĩ đến tiết tháo cung kính của Hà Gian hiến vương,

¹ Thái Bá (太伯): Xem chú thích ở tập VI, quyển 40, trang 216 (Lưu Phong truyện).

Đông Hải vương Cường,⁽¹⁾ dưới nên nén bớt hành vi kiêu căng phóng túng hoang tàng lấy đó làm điều răn. Nhưng nghe nói không bao lâu từ lúc Đại vương đến Vũ Xương tới nay, nhiều lần làm trái chiếu lệnh, không câu nệ phép chế, tự tiện điều phát binh của chư tướng sửa sang cung thất. Lại nữa là tả hữu thường tùy tiện phạt tội người ta, đáng phải dâng biểu văn trình báo, công khai giao phó cho Hữu ti xử lý, mà Đại vương thiện tiện tự ý hạ sát, việc chẳng minh bạch. Đại tư mã Lã Đại thân nhận chiếu sắc của tiên đế, giúp đỡ chỉ dẫn cho Đại vương, mà Đại vương chẳng tiếp nhận ý kiến của Đại, khiến ông ấy trong lòng lo sợ. Hoa Kỳ là cận thần của tiên đế, trung lương chính trực, cái đạo lý mà Kỳ bày tỏ, đáng ra phải được thu dùng, mà nghe nói Đại vương giận Kỳ, ra hiệu cho người bắt trói Kỳ. Lại nữa là Trung thư Trương Dung, đích thân phụng chiếu mệnh, đáng phải cung kính nghe theo, Đại vương lại nói 'Chính tự ta không nghe cấm lệnh, người làm gì được ta?' Hôm nghe lời nói ấy, lớn nhỏ kinh lạ, chẳng ai không ghê lòng. Lời tục có câu: 'Tắm gương dùng để soi hình dạng, việc thời xưa để răn việc đời nay.' Đại vương nên nghĩ sâu xa lấy Lỗ vương làm răn, thay đổi hành vi của mình, nơm nớp sợ hãi, hết sức cung kính triều đình, như thế thì không thể đòi hỏi điều không thể. Nếu Đại vương quên bỏ pháp lệnh dạy dỗ của tiên đế, trong lòng mang ý khinh mạn, thần thà phụ Đại vương, chẳng dám phụ di chiếu

¹ Hà Gian Hiến vương Lưu Đức (河间献王刘德), con của vua Hán Cảnh đế, em vua Hán Vũ đế nhà Tây Hán, nổi tiếng ham học, thích sưu tầm sách cổ, có uy tín cao trong giới học thuật bấy giờ. Sử kể rằng người ở bốn phương, bất kể xa nghìn dặm, có được sách cũ của tổ tiên, đều dâng lên Hà Gian Hiến vương. Có lần vào triều, Hán Vũ đế ra sách mệnh hỏi ba mươi điều, ông đều đối đáp được, Vũ đế khen: "Khi xưa kia Thành Thang nổi lên từ bảy mươi dặm đất, vua Văn khởi lên từ trăm dặm đất, nay vương hãy gắng học lên!"

Đông Hải vương Lưu Cường (东海王刘强), con trưởng của vua Quang Vũ đế Lưu Tú nhà Đông Hán. Năm Kiến Vũ thứ hai, mẫu thân là Quách Thánh Thông được lập làm Hoàng hậu, Lưu Cường được lập làm Thái tử. Mười lăm năm sau, Quách hoàng hậu bị phế, ông tự biết khó yên, xin được đổi phong làm phiên vương, Quang Vũ đế ban đầu nhất định không nghe, mãi hai năm sau mới đồng ý, đổi phong cho ông làm Đông Hải vương. Vì ông là người có lễ, nên đặc biệt được phong đất, ăn lộc ở hai mươi chín huyện.

của Tiên đế, thà bị Đại vương oán ghét, há dám quên cái uy của bậc tôn chủ, khiến cho chiếu sắc chẳng được thi hành ở chỗ phiên thần sao? Đây là chính nghĩa xưa nay, là điều mà Đại vương biết rõ vậy."

"Ôi, phúc đến là có duyên do, họa giáng xuống chẳng thành từ một ngày, dần dần phát triển thành mối lo lớn, sẽ chẳng thể hồi kịp. Vì thử Lỗ vương sớm thu nhận lời nói trung thẳng, mang lòng lo lắng kinh sợ, sẽ hưởng lộc đến vô cùng, há có cái họa diệt vong sao? Thuốc hay đắng miệng, chỉ kẻ ốm bệnh mới thấy nó ngọt ngào. Lời trung trái tai, chỉ thấu hiểu mới có thể tiếp thu được. Nay bọn Khác thực tình muốn giúp Đại vương trừ mối nguy từ lúc nó mới manh nha, mở rộng cái căn nguyên của phúc vận tốt lành, vì thế chẳng thể tự nói rõ ràng đến tận nơi, mong Đại vương hãy suy nghĩ kỹ."

Phấn nhận được thư can gián rất sợ hãi, bèn dời đến Nam Xương, đi săn bắn liên miên, thuộc quan không kham nổi việc sai khiến. Lúc Khác bị giết, Phấn xuống đóng giữ ở Vu Hồ, muốn đến Kiến Nghiệp quan sát sự biến. Phó tướng là bọn Tạ Từ can Phấn, Phấn giết bọn ấy.^① Vì thế bị buộc tội phế làm thứ dân, đầy đến huyện Chương An.

Năm Thái Bình thứ ba, Phấn được phong tước Chương An hầu.^②

① Từ tự Hiếu Tông, người quận Bành Thành, sự tích thấy nói ở *Lễ luận*, soạn hai cuốn *Tang phục đồ* và *Biến trừ* được lưu hành ở đời.

② *Giang Biểu* truyện chép tờ chiếu của Lượng rằng:

"Tề vương là Phấn trước đây vì tội tự tiện giết quan lại, bị phế làm thứ dân, tuy liên tiếp có lệnh đại xá, chỉ mình Vương không được tha, vì thử khôi phục vương vị chưa thích hợp, vì sao chẳng thể phong hầu? Lại nữa là các anh em họ Tôn làm tướng, la liệt ở bến sông, vì sao chỉ có anh của Cô bị đời đi như thế?"

Hữu ti tấu rằng nên (phong), liền bái làm Hầu.

Năm Kiến Hành thứ hai, Tả phu nhân của Tôn Hạo là Vương thị chết. Hạo thương xót suy nghĩ quá mức, sớm tối khóc than, mấy tháng không ra đến bên ngoài, bởi thế trong dân gian có kẻ nói Hạo đã chết, ngoa ngôn là Phấn và Thượng Ngưu hầu là

Phụng sẽ có người được lập. Phần mộ của mẹ Phấn là Trọng Cơ ở tại Dự Chương, Thái thú Dự Chương là Trương Tuấn nghe rằng lời đồn có lẽ đúng, bèn sửa dọn mộ phần. Hạo nghe tin ấy, sai dùng xe xé xác Tuấn, diệt sạch ba họ, giết Phấn cùng năm con của Phấn, đất phong bị xóa bỏ.①

① *Giang Biếu truyện* chép: Mười viên quan của quận Dự Chương xin được chết thay Tuấn, Hạo không nghe. Phấn vì thế bị ngờ, vốn lúc trước Phấn ở huyện Chương An, liền bị dò về giam cầm ở thành Ngô, lệnh cho trai gái không được kết hôn, có kẻ ba bốn mươi tuổi không được cưới gả. Phấn dâng biểu xin tự so mình với cầm thú, để cho trai gái trong nhà được tự phối ngẫu với nhau. Hạo cả giận, phái quan Sát chiến mang thuốc độc đến ban cho Phấn, Phấn không nhận thuốc, khấu đầu nghìn lạy, nói:

- Lão thần chỉ mong là được lấy nhau sinh con như người bình thường, không dự vào quốc sự, làm kẻ ăn mày sống nốt tuổi thừa. Hạo không nghe, cha con đều uống thuốc độc chết.

Thần Tùng Chi xét: Đến năm Kiến Hành thứ hai Phấn chết, Tôn Hạo tức vị, cũng còn chưa lâu. Nếu Phấn trước đó chưa bị nghi ngờ, có con gái trên dưới hai mươi tuổi còn ở nhà, đến lúc Phấn chết, cũng chẳng được ba bốn mươi tuổi vậy. Nếu trước đó con đã lớn tuổi, vì lỡ thì chưa có hôn thú, thì chẳng bởi do Hạo giam cầm rồi. Đấy tuy là muốn tăng thêm cái ác của Hạo, nhưng trái với lý lẽ thật vậy.

Bình rằng: Tôn Đăng là người có tấm lòng, biết vì nước, xứng đáng được gọi là người có phẩm đức cao thượng. Lự, Hòa đều có tư chất tốt biết hướng thiện, tự mài giũa mình theo khuôn phép, nhưng người thì đoán mệnh chết sớm, người thì bất đắc kỳ tử, thương thay! Bá vốn là thứ tử mạo phạm đích tử, Phấn chẳng tuân theo pháp độ, cho nên chuốc lấy kết cục nguy vong là đúng với đạo lý vậy. Nhưng Phấn bị giết cả nhà, là bất ngờ gặp phải mối họa bên ngoài mang đến thôi.

QUYỂN THỨ SÁU MƯƠI

HẠ, TOÀN, LÃ, CHU, CHUNG LY TRUYỆN



Hạ Tề tự Công Miêu, người quận Cối Kê huyện Sơn Âm.^① Thời trẻ làm Quận lại, tạm giữ chức trưởng huyện Diêm. Huyện lại là Tư Tùng khinh bạc phóng đảng cậy quyền làm việc gian, Tề muốn trị hắn, Chủ bộ can rằng:

- Tùng là đại tộc trong huyện, được các tộc Sơn Việt phục tùng, hôm nay trị hắn, ngày mai giặc cướp kéo đến.

Tề nghe nói cả giận, bèn lập tức chém Tùng. Tộc đảng của Tùng bèn họp nhau lại, bộ chúng hơn nghìn người, cất binh đánh huyện. Tề thống suất quan dân, mở cửa thành đột kích, đại phá chúng, uy chấn khắp vùng Sơn Việt. Sau này dân chúng các huyện Thái Mạt, Phong Phổ tạo phản, Tề được chuyển nhận chức Trưởng huyện Thái Mạt, diệt ác dưỡng thiện, trong vòng một tháng bạo loạn đều bình được.

① *Tấn thư* của Ngu Dữ chép: Họ Hạ vốn gốc là họ Khánh. Bác của Tề là Thuần, tinh thông Nho học có danh vọng lớn, thời Hán An đế làm Thị trung, Thái thú Giang Hạ, sau từ quan, cùng người quận Giang Hạ là Hoàng Quỳnh, người quận Quảng Hán là Dương Hậu đều được Công xa triệu. Thuần vì tránh tên húy cha của An đế là Hiếu đức Hoàng (đế), mới đổi thành họ Hạ. Cha của Tề là Phụ, làm trưởng huyện Vĩnh Ninh.

Năm Kiến An nguyên niên, Tôn Sách đến quận, xét cử Tề làm Hiếu liêm. Bấy giờ Vương Lãng chạy trốn đến huyện Đông Dã, trưởng huyện Hậu Quan là Thương Thăng vì Lãng khởi binh.

Sách phái trưởng huyện Vĩnh Ninh là Hàn Yển làm Nam bộ đô úy, đem binh đánh dẹp Thăng, lấy Tề làm Trưởng huyện Vĩnh Ninh. Yển bị Thăng đánh bại, Tề lại lên thay Yển kiêm quản việc của Đô úy.

Thăng sợ uy danh của Tề, phái sứ đến xin cùng ăn thề. Tề nhân đó cáo dụ, giúp bày kế việc họa phúc, Thăng bèn đưa ấn thụ đến dâng, ra trại xin hàng. Đầu lĩnh của giặc là bọn Trương Nhã, Chiêm Cường phản đối việc Thăng ra hàng, làm phản cùng giết Thăng, Nhã xưng là Vô thượng tướng quân, Cường xưng là Thái thú Cối Kê. Giặc đông mà binh của Tề ít, không đủ để đánh dẹp, Tề bèn đóng quân nghỉ binh. Nhã và con rể của hắn là Hà Hùng tranh quyền đoạt thế bất hòa, Tề nhân việc đó kêu gọi người Việt chia rẽ họ, khiến họ nghi ngờ nẩy hiềm khích, quay binh đánh giết lẫn nhau. Tề bèn tiến lên đánh dẹp, một trận đại phá Nhã, bè đảng của Cường kinh sợ, theo nhau ra hàng.

Huyện Hậu Quan đã bình, nhưng ở các huyện Kiến An, Hán Hưng, Nam Bình lại loạn, Tề tiến binh đến Kiến An, lập phủ Đô úy, năm ấy là năm thứ tám. Quận phát lệnh xuống các huyện thuộc lấy năm nghìn binh, đều sai các huyện trưởng thống suất, cùng chịu lệnh tiết chế của Tề. Năm người bọn giặc là Hồng Minh, Hồng Tiến, Uyển Ngự, Ngô Miễn, Hoa Đương, mỗi tên thống suất vạn hộ, liên kết nhau đóng trại ở Hán Hưng, sáu nghìn hộ của Ngô Ngũ đóng trại riêng ở Đại Đàm, sáu nghìn hộ của Trâu Lâm đóng trại riêng ở Cái Trúc, cùng tiến ra Dư Hãn. Quân của Tề đánh dẹp Hán Hưng, qua Dư Hãn. Tề cho rằng giặc đông ta ít, vào sâu cõi địch không có quân theo sau, sợ là bị địch chia cắt ở đó, bèn lệnh cho Trưởng huyện Tùng Dương là Đinh Phồn ở lại thủ Dư Hãn. Phồn vốn cùng với Tề là huyện thành láng giềng, xấu hổ vì bị làm bộ ngũ của Tề, từ chối không chịu ở lại. Tề bèn chém Phồn, vì thế trong quân run sợ, chẳng ai không theo lệnh sai khiến. Tề bèn chia binh ở lại thủ giữ, rồi

tiến lên đánh dẹp bọn Minh, liên tiếp đại phá chúng. Lúc lâm trận chém Minh, bọn Miễn, Dương, Tiến, Ngự đều ra hàng. Tề chuyển sang đánh Cái Trúc, quân hướng đến Đại Đàm, ba tướng giặc tới hàng. Cả thầy đánh dẹp chém được sáu nghìn thủ cấp, các đầu lĩnh có tên tuổi đều bị bắt sống, cho lập lại huyện ấp, thu biên thêm được một vạn binh, được bái làm Bình đông Hiệu úy.

Năm thứ mười, chuyển sang đánh dẹp huyện Thượng Nhiêu, tách huyện đó lập huyện Kiến Bình.

Năm thứ mười ba, Tề được thăng làm Vũ uy Trung lang tướng, đi đánh dẹp huyện Y, huyện Hấp của quận Đan Dương. Bấy giờ bốn làng là Vũ Cường, Diệp Hương, Đông Dương, Phong Phổ ra hàng trước, Tề dâng biểu xin lấy Diệp Hương lập ra huyện Thủy Tân. Nhưng đầu lĩnh của giặc ở huyện Hấp là Kim Kỳ có vạn hộ tụ tập ở núi An Lạc, Mao Cam có vạn hộ đóng ở núi Ô Liêu, đầu lĩnh ở huyện Y là bọn Trần Bộc, Tổ Sơn có hai vạn hộ đóng giữ núi Lâm Lịch. Núi Lâm Lịch có bốn mặt là dốc dựng đứng, cao mấy chục trượng, đường núi hẹp rất hiểm, đao khiên không thi triển được, giặc ở trên cao thả đá xuống, không thể tấn công được. Quân lính đóng lại nhiều ngày, các tướng lo lắng. Tề đích thân ra ngoài đi một vòng, quan sát kỹ hình thế địa lợi, rồi ngầm tuyển mộ quân sĩ nhanh nhẹn, cho làm Thiết đặc,⁽¹⁾ bám núp ở những nơi giặc không phòng bị, dùng Thiết đặc bấu vào đá để leo, ban đêm ra lệnh bí mật trèo lên, lại làm nhiều dây vải lớn để kéo người ở dưới, lên được mấy trăm người, bốn mặt đồng thanh, đều thúc trống thổi tù và, Tề ém binh chục sẵn. Ban đêm giặc nghe trống nổi bốn phía, cho là đại quân đều đã lên được hết, kinh hãi náo loạn, chẳng biết làm gì,

¹ Thiết đặc (铁钋) là những chiếc dai thép hình dáng tựa móc câu, rất bền chắc. Quân lính dùng dai thép buộc dây tung lên cao, móc vào gờ đá, quân lính bám giữ dây, leo dần lên.

lính giữ ở đường hiểm đều chạy về trại lớn. Đại quân nhờ thế lên được, đại phá bọn Bộc, dư đảng của hán đều ra hàng, cả thầy chém được bảy nghìn thủ cấp.^① Tề lại dâng biểu xin chia huyện Hấp thành huyện Tân Định, Lê Dương, Hưu Dương. Gộp cả Y, Hấp thành sáu huyện, Quyền bèn cắt ra lập quận Tân Đô, Tề làm Thái thú, lập phủ quan ở Thủy Tân, gia thêm chức Thiên tướng quân.

① *Bảo Phác Tử* chép: Trước đây nước Ngô phái Hạ tướng quân đánh dẹp sơn tặc, quân giặc ở trong dễ ngăn trở, mỗi khi giao chiến, đao kiếm của quan quân không chém được, cung nỏ bắn ra đều tự bay về, liên tục bất lợi. Hạ tướng quân trong bụng suy tính rất lâu, rồi nói:

- Ta nghe nói binh khí có mũi nhọn thì có thể đương nổi, côn trùng có độc thì có thể ngăn được, vật không có mũi nhọn, trùng không có độc, thì không thể tránh đỡ. Bên kia ngăn chặn được binh khí của ta, tất sẽ không ngăn được vật không có mũi nhọn rồi.

Bên sai làm nhiều vồ lớn bằng gỗ cứng, tuyển năm nghìn binh có sức khỏe cho xông lên phía trước, tay nắm chắc vồ. Bên kia sơn tặc cạy vào chỗ dễ phòng thủ, phòng bị không được nghiêm ngặt. Vì thế quan quân dùng vồ lớn bằng gỗ cứng đánh chúng, quân giữ bên kia quả nhiên không đánh lại, lần tấn công ấy tính ra giết đến vạn người.

Năm thứ mười sáu, người dân huyện Dư Hàng thuộc Ngô Quận là Lang Trĩ hợp người trong họ nổi dậy làm giặc, tụ tập được mấy nghìn người, Tề ra quân đánh dẹp chúng, lập tức lại phá Trĩ, rồi dâng biểu lên xin tách Dư Hàng lập huyện Lâm Thủy.^①

Tề chịu mệnh về thẳng sở trị, lúc đang kéo quân về quận, Quyền đón ở bên đường, đặt ban nhạc múa voi.^② Quyền ban cho Tề được ngồi xe quây trướng có tuần mã kéo, rồi chỗ ngồi đến bắm vào xe, sai Tề lên xe. Tề chối từ không dám, Quyền sai

tả hữu đỡ Tề lên xe, lệnh cho quân binh cưỡi ngựa đi trước mở đường, đúng như nghi thức ở quận. Quyền trông theo cười nói:

- Con người ta nên nỗ lực, nếu không siêng năng với chức phận, thì chẳng được như thế.

Rồi đi bộ theo hơn trăm bước mới quay về.

① *Ngô lục* chép: Nhà Tấn đổi thành huyện Lâm An.

② *Ngô thư* chép: Quyền bảo Tề rằng:

- Nếu nay định thiên hạ, đóng đô ở Trung Quốc, khiến người khác tục cống đồ trân quý, dã thú ca múa, chẳng phải ngại thì ai giúp ta?

Tề nói:

- Điện hạ lấy thần vũ ứng thiên mệnh, khai mở vương nghiệp, thần may gặp thời vận, được ruổi ngựa dưới làn gió bụi, phụ chút sức mọn, học đòi cái đặc dụng của loài ung khuyến, đó là chí nguyện của thần vậy. Nếu người khác tục đến cống đồ trân quý, dã thú theo múa, thì đó là ở thánh đức, chẳng phải nhờ tài sức của thần vậy.

Năm thứ mười tám, dân ở phía đông quận Dự Chương là bọn Bành Tài, Lý Ngọc, Vương Hải nổi dậy làm giặc gây loạn, bộ chúng có hơn vạn người. Tề đánh dẹp bình định chúng, diệt kẻ ác đầu sỏ, số còn lại đều hàng phục. Tề bèn tuyển chọn những kẻ tinh tráng trong số ấy làm binh, kẻ thứ dân đưa vào sổ bộ của huyện. Tề được thăng làm Phấn vũ tướng quân.

Năm thứ hai mươi, Tề theo quyền đi đánh Hợp Phì. Lúc quân thủ thành xuất chiến, Từ Thịnh bị thương rơi mất mâu, Tề ở giữa đám gươm đao chống đánh, lấy được cây mâu mà Thịnh làm mất.①

① *Giang Biếu truyện* chép: Quyền đi đánh Hợp Phì về, bị Trương Liêu ngầm đánh úp ở Tân Bắc, sắp gặp nguy cấp. Bấy giờ Tề thống suất ba nghìn binh ở Tân Nam nghênh đón Quyền. Quyền đã vào trong thuyền lớn, hội chư tướng uống rượu ăn yến, Tề ngồi xuống chiếu rõ nước mắt khóc rồi nói:

- Chí tôn là bậc nhân chủ, lẽ thường nên bảo trọng. Việc hôm nay, suýt mắc họa bại, quần thần kinh hoàng lo sợ, không biết trời đất là gì, xin lấy đó làm điều răn suốt đời!

Quyền tự tiến lên lau nước mắt cho Tề nói:

- Nỗi hổ thẹn to lớn này! Ta ghi tạc vào lòng, không những thế, phải chép nó vào đai áo của mọi người nữa.

Năm thứ hai mươi mốt, người dân huyện Bà Dương là Vuơ Đột nhận ấn thụ của Tào công, dụ dân làm giặc, các huyện Lăng Dương, Thủy An, Kính đều theo nhau ứng giúp Đột. Tề cùng Lục Tốn đánh dẹp phá Đột, chém được mấy nghìn thủ cấp, dư đảng giặc rung động quy phục, ba huyện của Đan Dương đều ra hàng, thu biên được tám nghìn tinh binh. Tề được bái làm An Đông tướng quân, phong tước Sơn Âm hầu, ra trấn thủ Giang Thượng, đốc trách từ Phù Châu lên đến huyện Hoàn.

Năm Hoàng Vũ sơ, Ngụy sai Tào Hưu đến thảo phạt, Tề vì đường xa đến sau, nhân đó đóng lại ở Tân Thị cự Hưu. Đúng lúc chư quân ở Đồng Khẩu bất ngờ gặp gió lớn bị chìm, quân sĩ chết mất phân nửa, tướng sĩ thất sắc, may vì Tề chưa qua sông, nên một cánh quân được vẹn toàn, chư tướng dựa vào đó lập thế trận.

Tề bản tính xa xỉ ưa hoa lệ, lại rất thích việc quân, binh giáp khí giới cực kỳ tinh xảo, thuyền mà Tề cưỡi thường điêu khắc chạm trổ, mũi xanh trướng đỏ, mộc che, mái chèo, giáo mác, đầu mâu thì vạch vẽ hoa văn đẹp đẽ, cung nỏ, tên tiễn đều dùng gỗ tốt, thuyền lớn thân bọc da trâu của Tề nối liền nhau, trông xa như quả núi. Bọn Hưu kiêng sợ Tề, bèn dẫn quân quay về. Tề được thăng làm Hậu tướng quân, ban Giả tiết lĩnh chức Từ châu mục.

Khi trước, Tấn Tông làm Hí Khẩu tướng, dẫn bộ chúng làm phản trốn sang Ngụy, được quay về làm Thái thú Kỳ Xuân, mưu đồ tập kích huyện An Lạc, lấy việc ấy làm tin. Quyền lấy

thế làm hồ thẹn và cảm phẫn, nhân lúc việc quân mới dừng, tháng sáu trời rất nóng nực, xuất kỳ bất ý, hạ chiếu cho Tề đốc suất bọn My Phương, Tiên Vu Đan tập kích Kỳ Xuân, liền bắt sống Tông.

Bốn năm sau Tề chết, con của Tề là Đạt cùng em là Cảnh đều có tiếng tăm, là tướng giỏi.①

① *Côi Kê điển lục* chép: Cảnh làm Diệt tặc Hiệu úy, trị binh nghiêm khắc nhưng có ân tín, binh giáp khí giới tinh xảo đẹp đẽ, đứng đầu lúc đương thời, chết sớm. Đạt rất có chí khí, thẳng thắn khoát đạt, nhiều lần phạm lỗi ngỗ nghịch, nên dẫu có công chinh chiến, mà tước vị chẳng đến, nhưng khinh tài quý nghĩa, đảm liệt hơn người.

Con của Đạt là Chất, quan vị đến chức Hồ nha tướng quân. Con của Cảnh là Thiệu, có truyện chép riêng.

Toàn Tông tự Tử Hoàng, người huyện Tiền Đường quận Ngô. Cha của Tông là Nhu, thời Hán Linh đế được xét cử Hiếu liêm, bổ nhiệm làm Thượng thư lang Hữu thừa, loạn Đông Trác, bỏ quan về quê, quan châu triệu làm Biệt giá tông sự, triều đình hạ chiếu bãi làm Cối Kê đông bộ đô úy. Tôn Sách đến Ngô Quận, Nhu cất binh phụ giúp trước tiên, Sách dâng biểu suy cử Nhu làm Đô úy Đan Dương. Tôn Quyền làm Xa kỵ tướng quân, lấy Nhu làm Trưởng sử, chuyển làm Thái thú Quế Dương.

Nhu từng sai Tông đem mấy nghìn斛 gạo đến Ngô Quận, mang ra chợ bán. Tông đến nơi, phân phát hết của cải, đi thuyền không trở về. Nhu cả giận, Tông rạp đầu lạy nói:

- Ngu ý cho rằng bán gạo không phải là việc gấp, mà sĩ đại phu đang có mối họa treo ngược, cho nên thiện tiện phát chẩn cứu giúp người, không kịp bẩm báo lên.

Nhu đổi ý cho Tông là người kỳ lạ.①

Lúc ấy sĩ nhân Trung châu tránh loạn đến phương nam, nương nhờ ở chỗ Tông đến mấy trăm người, Tông dốc gia tài cấp giúp, cùng họ chung hưởng giàu nghèo, vì thế nổi danh xa gần. Sau Quyền lấy Tông làm Phấn uy Hiệu úy, trao cho mấy nghìn binh, sai đánh dẹp người Sơn Việt. Tông nhân đó công khai chiêu mộ, được hơn vạn tinh binh, ra đóng đồn ở Ngưu Chử, ít lâu được thăng làm Thiên tướng quân.

① Từ Chúng bình rằng: Về lễ, con thờ cha hẳn không có tiền của riêng, thì chẳng dám ban ân riêng, làm việc đấy là mạo phạm bề trên vậy. Quên mệnh mà tự tiện về chuyện tiền bạc để cầu danh, là chưa hết phận với lễ cha con vậy.

Thần Tùng Chi thấy Từ lộ hỏi Khổng tử rằng: "Nghe được điều phải thì làm ngay chẳng?" Từ nói: "Người còn có cha anh."⁽¹⁾ Tông tự quyết ý phát tán tiền của cha, thực trái đạo làm con, nhưng kẻ sĩ đồng loại tính mệnh đang treo ngược, có mối lo sớm tối, nên quyền biến cân nhắc nặng nhẹ, coi giúp người làm đầu, việc ấy cũng như cái nghĩa của Phùng Noãn ở ngoài chợ, việc cứu giúp đồng loại của Cấp Ấm,⁽²⁾ nói họ Toàn cầu danh, e là trái với tấm lòng của Tông vậy.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, tướng của Lưu Bị là Quan Vũ vây Phàn thành, Tương Dương, Tông dâng sớ bày kế có thể dẹp

¹ Khổng tử và học trò nói chuyện. Nhiễm Hữu hỏi: "Nghe được điều phải làm thì làm ngay chẳng?" Đáp: "Nghe được thì làm ngay." Từ Lộ hỏi lại, Đáp: "Người còn có cha anh, phải hỏi đã, sao nghe được lại làm liền." Hai người hỏi, hai câu trả lời khác nhau, mọi người hỏi vì sao, Khổng tử đáp: "Bản tính Nhiễm Hữu hay do dự, nên phải thúc giục; còn Từ Lộ nóng nảy háo thắng, nên phải ngăn lại."

² Phùng Noãn (冯暖) là tân khách của Mạnh Thường Quân nước Tề thời Chiến Quốc, được sai đi thu nợ ở ấp Tiệt, song đến nơi lại đốt hết văn tự ghi nợ rồi về tay không, báo với Mạnh Thường Quân rằng: "Nhà ngài không thiếu của cái, chỉ thiếu nghĩa thôi, ta làm vậy là giúp ngài mua lấy cái nghĩa vậy";

Cấp Ấm (汲黯) là hiệp khách nổi tiếng, bày tôi của Hán Vũ đế. Có lần Cấp Ấm đi qua quận Hà Nam, thấy dân chúng đói khổ mất mùa, bèn mở kho thóc tự ý phát chẩn cho dân nghèo, vua khen ngợi mà tha tội. Về Cấp Ấm, xem thêm chú thích ở tập III, quyển 12, trang 105 (Từ Dịch truyện), quyển 13, trang 182 (Vương Lăng, Vương Túc truyện).

Vũ, Quyền bấy giờ đã cùng Lã Mông ngầm bàn việc đánh lén Vũ, sợ việc tiết lộ, nên bỏ qua tờ biểu của Tông không trả lời. Lúc bắt sống Vũ, Quyền bày tiệc rượu ở Công An, ngoảnh lại bảo Tông rằng:

- Ngươi lúc trước bày tỏ việc này, Cô hầu không đáp lại, nhưng trận thắng hôm nay, cũng là công của ngươi vậy.

Vì thế phong cho Tông tước Dương Hoa đình hầu.

Năm Hoàng Sơ nguyên niên, nước Ngụy đem đại quân cưỡi thuyền tiến ra Đông Khẩu, Quyền sai Lã Phạm đốc chư tướng cự chúng, quân doanh từ xa trông sang nhau. Địch nhiều lần dùng thuyền nhẹ đánh úp, Tông thường mang giáp cầm binh khí, dò xét không nghỉ. Không lâu, mấy nghìn quân địch tiến ra giữa sông, Tông đánh phá chúng, chém bêu đầu tướng bên kia là Doãn Lô. Quyền thăng Tông làm Tuy nam tướng quân, tấn phong tước Tiền Đường hầu. Năm thứ tư, ban Giả tiết lĩnh Thái thú Cửu Giang.

Năm thứ bảy, Quyền đến đất Hoàn, sai Tông cùng Phụ quốc tướng quân Lục Tốn tập kích Tào Hưu, phá Hưu ở Thạch Đình. Bấy giờ bọn sơn dân ở Đan Dương, Ngô, Cối lại nổi dậy làm cướp, đánh lấy được một huyện, Quyền tách ba quận ở nơi đất hiểm lập quận Đông An, Tông lĩnh chức Thái thú.^① Tông đến, thường phạt rõ ràng, chiêu dụ kẻ hàng, trong vòng mấy năm, được hơn một vạn người. Quyền triệu Tông quay về Ngưu Chử, bãi bỏ quận Đông An.^② Năm Hoàng Long nguyên niên, thăng Toàn làm Vệ tướng quân, Tả hộ quân, Từ châu mục,^③ gả công chúa.

① Ngô lục chép: Sở trị của Tông lúc đó ở Phú Xuân.

② Giang Biểu truyện chép: Tông về, đi qua huyện Tiền Đường, sửa lễ tế phần mộ tổ tiên, cấm cò nghi vệ che lọng, người ở quê nhà dỗi mắt nhìn. Tông lại mời những người quen cũ lúc bình sinh ở trong ấp và người trong tông tộc của sáu họ thân thích đến hội

hợp, thì ân giúp đỡ họ, ban cho một vạn một nghìn tiền, dân chúng bản thổ cho đó là vinh.

③ *Ngô thư* chép: Ban đầu, Tông làm tướng lĩnh rất gan góc dũng cảm, đối địch lâm nạn, phấn chấn chẳng nghĩ đến thân mình. Khi làm thống soái, giữ uy cần trọng, mỗi khi cầm quân, thường dụng kế mưu, không tham cái lợi nhỏ.

Giang Biểu truyện chép: Quyền sai con mình là Đăng xuất chinh, quân đã ra ngoài, đóng ở An Lạc, quần thần chẳng ai dám can. Tông ngầm dâng biểu nói:

"Từ xưa đến nay Thái tử chưa từng một mình cầm quân xuất chinh, cho nên theo trong quân thì gọi là Phủ quân, phòng giữ hậu phương thì gọi là Giám quốc.⁽¹⁾ Nay Thái tử sang đông, là trái phép xưa, thần trộm nghĩ lấy làm lo."

Quyền lập tức theo lời, lệnh cho Đăng kéo quân về, kẻ bàn luận đều cho rằng Tông có khí tiết của bậc đại thần vậy.

Năm Gia Hòa thứ hai, Tông đốc suất năm vạn quân bộ kỵ đi đánh Lục An, dân chúng Lục An đều tan chạy, chư tướng muốn chia binh đuổi bắt họ. Tông nói:

- Thừa mỗi nguy để cầu may đặc lợi, hành động chẳng xét tính chu toàn, không phải là thể thống của quốc gia vậy. Nay chia binh đuổi bắt dân, cái được cái mất ngang nhau, há gọi là toàn vẹn được sao? Thả quân bắt hết người ở chỗ này, cũng chẳng đủ làm nước địch suy yếu xứng với kỳ vọng của quốc gia. Nếu gặp chuyện bất ngờ, hao tổn không hề nhỏ, ví như vì thế bị bắt tội, Tông này nguyện đem thân nhận lấy, chẳng dám cầu công để phụ lại quốc gia vậy.

Năm Xích Ô thứ chín, Tông được thăng làm hữu Đại tư mã, Tả quân sư.

¹ Phủ quân tức là theo trong quân để vỗ về, ủy lạo; Giám quốc tức là ở một chỗ giám sát việc của nước nhà.

Tông là người cung thuận, khéo theo nét mặt dưng lời can, ngôn từ chưa từng có điều gì ngỗ nghịch.

Khi trước, Quyền sắp vây đánh Châu Nhai, Di Châu, đều hỏi ý Tông trước, Tông nói:

- Dùng uy vũ của thánh triều, hướng về đâu mà chẳng thắng? Nhưng phương xa khác tục bờ cõi xa lìa, biến ngăn cách tuyệt, thủy thổ khí độc, các nơi ấy từ cổ xưa, binh đến thì dân đi, tất là nơi sinh tật bệnh, rồi chuyển sang lây nhiễm cho nhau, qua đó sợ chẳng thể về, cái thu được có nhiều nhận gì đâu? Hao tổn binh sĩ của Giang ngạn, để cầu lấy cái lợi trong muôn một, là điều mà ngu thần còn thấy bất an.

Quyền không nghe. Quân đi hơn một năm, sĩ chúng ốm vì dịch bệnh mười phần chết mất tám chín, Quyền rất hối hận. Sau này nói chuyện đề cập đến việc ấy, Tông thưa rằng:

- Đang lúc ấy, quần thần có kẻ không can gián, thần cho rằng kẻ đó bất trung vậy.

Tông là người thân được trọng dụng, con em trong tông tộc đều nhận ân sủng quý hiển, nhiều lần được ban tặng nghìn vàng, nhưng vẫn khiêm nhường đãi kẻ sĩ, nét mặt không có sắc kiêu căng.

Năm thứ mười hai Tông chết, con của Tông là Dịch nối tự. Về sau nối nghiệp lĩnh binh, lúc đi cứu Gia Cát Đản ở Thọ Xuân, Dịch ra thành hàng nước Ngụy trước, nước Ngụy cho làm Bình đông tướng quân, phong tước Lâm Tương hầu. Lũ con của anh trai Dịch là Uy, Nghi, Tĩnh cũng hàng Ngụy, đều trải chức Quận thú, được phong hầu.^①

① *Ngô thư* chép: Con trưởng của Tông là Tự, nhỏ tuổi nổi danh, vào triều kiến được phong chức, ra ngoài được trao binh quyền, ít lâu được thăng làm Dương Vũ tướng quân, Ngưu Chủ đốc. Tôn Lượng tức vị, thăng Tự làm Trấn bắc tướng quân. Chiến dịch

Đông Quan, Tự cùng Đình Phụng kiến nghị dẫn binh tiến ra trước, vì phá được quân Ngụy, nên một con được phong làm Đình hầu, năm bốn mươi tư tuổi chết.

Con thứ của Tông là Ký, mắc tội bè đảng với Lỗ vương Bá, bị ban tự xử.

Con út của Tông là Ngô, tức cháu ngoại của Tôn Quyền, được phong tước Đô hương hầu.

Lã Đại tự Đình Công, người quận Quảng Lăng huyện Hải Lăng, Đại làm huyện lại trong quận, tránh loạn xuôi nam qua sông. Tôn Quyền thống quản quốc sự, Đại đến thẳng mặt phủ, được ra giữ chức huyện thừa của huyện Ngô.

Quyền đích thân tra xét thương khố và nhà ngục, Trường lại, Huyện thừa đều đến gặp, phép xử trí và ứng đối của Đại rất xứng ý Quyền, được triệu đến tạm nhận chức Lục sự, sau cho ra bổ làm Trưởng huyện Dư Diêu, Đại chiêu mộ quân tinh tráng, được hơn nghìn người.

Giặc cướp ở năm huyện của quận Đông Dã, Cối Kê là bọn Lã Cáp, Tần Lang làm loạn, Quyền dùng Đại làm Đốc quân Hiệu úy, cùng bọn tướng quân Tưởng Khâm đem binh đánh dẹp chúng, cầm bắt được bọn Cáp, Lang, năm huyện bình định, Đại được bái làm Chiêu tín Trung lang tướng.^①

① *Ngô thư* chép: Năm Kiến An thứ mười sáu, Đại đốc suất bọn lang tướng là Doãn Di, đem hai nghìn binh sĩ sang tây dụ đầu lĩnh của giặc ở Hán Trung là Trương Lỗ đến thành Hán Hưng, Lỗ nghi ngờ là đường đi bị cắt đứt, toan tính không thành, Quyền bèn triệu Đại trở về.

Năm Kiến An thứ hai mươi, Đại đốc suất bọn Tôn Mậu gồm mười tướng theo đi lấy ba quận Trường Sa. Huyện lại ở bốn huyện An Thành, Du, Vĩnh Tân, Trà Lăng cùng vào thành Âm

Son, hợp bộ chúng cự Đại, Đại vây đánh, chúng ra hàng, ba quận tức khắc bình định. Quyền lưu Đại lại trấn thủ Trường Sa. Trưởng huyện An Thành là Ngô Năng cùng Trung lang tướng là bọn Viên Long liên kết với Quan Vũ, lại phản loạn. Năng chiếm huyện Du, Long giữ huyện Lễ Lăng. Quyền phái Hoàn Giang tướng quân là Lỗ Túc đánh huyện Du, Năng phá vây chạy. Đại đánh huyện Lễ Lăng, sau cầm bắt chém đầu Long, được thắng làm Thái thú Lư Lăng.

Năm Diên Khang nguyên niên, Đại thay Bộ Chất làm Thứ sử Giao châu. Lúc đến châu, cử sớ của giặc Cao Lương là Tiền Bác xin hàng, Đại nhân đó thừa chế, lấy Bác làm Cao Lương tây bộ đô úy. Lại có giặc rợ Di ở Uất Lâm vây đánh quận huyện, Đại đánh dẹp phá chúng. Bấy giờ tên giặc Vương Kim ở huyện Trình Dương quận Quế Dương tụ hợp bộ chúng trên địa giới quận Nam Hải, cầm đầu giặc loạn gây hại, Quyền lại chiếu lệnh sai Đại đánh dẹp chúng, bắt sống được Kim, truyền đưa đến kinh đô, chém đầu và bắt sống cả thảy hơn một vạn người. Đại được thắng làm An Nam tướng quân, ban Giả tiết, phong tước Đô hương hầu.

Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp chết, Quyền dùng con của Nhiếp là Huy làm An Viễn tướng quân, lĩnh chức Thái thú Cửu Chân, lấy Hiệu úy Trần Thì lên thay Nhiếp. Đại dâng biểu xin chia ba quận ở Hải Nam lập ra Giao châu, lấy Tướng quân Đái Lương làm Thứ sử, tách bốn quận ở Hải Đông lập Quảng châu, Đại tự mình làm Thứ sử. Tôn Quyền phái Lương và Thì vào phương nam, nhưng Huy không tiếp nhận lệnh, dấy binh đóng ở cửa biển để cự bọn Lương. Đại vì thế dâng sớ xin đánh dẹp trị tội Huy, tự mình đốc suất ba nghìn quân đêm ngày vượt biển. Có người bảo Đại rằng:

- Huy mượn cái ân mấy đời, được người của một châu phục tòng, không dễ xem thường vậy.

Đại nói:

- Nay Huy dẫn trong lòng mang kế phản nghịch, nhưng chưa liệu được là ta đến bất ngờ, nếu ta ngầm đem khinh quân đến, đánh cái chỗ không phòng bị, phá chúng tất được vậy. Ta trì hoãn mà không tức tốc hành động, khiến giặc sinh lòng ngờ, vây quanh thành cố thủ, trăm tộc người Man của bảy quận tụ họp như mây hưởng ứng, dầu là bậc trí giả, ai có thể giết được chúng?

Rồi đi, qua Hợp Phố, cùng với bọn Lương đều tiến. Huy nghe tin Đại đến, quả nhiên sợ cuống, không biết chạy đâu, bèn thống suất sáu anh em cỡi trần trùng trục ra đón Đại. Đại chém đầu bọn họ đưa đi. Đại tướng của Huy là bọn Cam Lễ, Hoàn Trị thống suất quan dân đánh Đại, Đại gắng sức đánh đại phá chúng, được tấn phong tước Phiên ngưu hầu. Vì thế Quyền bỏ Quảng châu, khôi phục lại Giao châu như cũ.

Đại đã bình Giao châu, lại tiến lên đánh dẹp quận Cửu Chân, chém và bắt sống mấy vạn người. Lại phái Tông sự xuôi nam tuyên bố giáo hóa của nhà nước, truyền đến các Vương của các nước Phù Nam, Lâm Ấp, Đường Minh ở ngoài biên, họ đều phái sứ giả đến dâng cống vật. Quyền khen công của Đại, bèn bá làm Trấn nam tướng quân.

Năm Hoàng Long thứ ba, vì đất phương nam thanh bình, Quyền triệu Đại về đóng ở Âu Khẩu quận Trường Sa.① Gặp lúc người Man người Di ở Vũ Lăng khuấy động, Đại và Thái thường Phan Tuấn cùng đến đánh dẹp yên.

Năm Gia Hòa thứ ba, Quyền lệnh cho Đại đốc suất binh sĩ của Phan Chương, đóng ở Lục Khẩu, sau dời đến Bồ Kỳ. Năm thứ tư, giặc ở Lu Lăng là Lý Hoàn, Lộ Cáp, giặc ở quận Đông Dã, Cối Kê là Tùy Xuân, giặc ở Nam Hải là bọn La Lệ nhất thời cùng nổi dậy. Quyền lại hạ chiếu sai Đại đốc suất bọn Lưu Toàn, Đường Tư phân chia bộ hạ đánh dẹp, Xuân lập tức ra

hàng trước, Đại bá Xuân làm Thiên tướng quân, sai lĩnh binh của mình, sau Xuân làm Liệt tướng, bọn Hoàn, Lệ đều bị chém đầu, đưa thủ cấp tới kinh đô.

Quyền chiếu lệnh cho Đại rằng:

"Lệ cậy hiểm tác loạn, tự đưa mình đến chỗ bị bêu đầu; Hoàn hung gian giáo hoạt, đã hàng lại phản. Ta trước sau thảo phạt, nhiều năm không bắt được, chẳng phải là ngài có tài mưu lược, ai có thể bêu đầu chúng? Cái khí tiết trung vũ của ngài, vì thế càng sáng rõ. Kẻ ác đâu sỏ đã trừ, lớn nhỏ rung động mất vía, bọn nhỏ nhất còn lại, bị quét như đám bụi. Từ nay về sau, quốc gia mãi mãi không phải lo lắng ngoài về nam, ba quận thanh tĩnh, không phải ngay ngáy lo sợ, lại khiến ác dân phải cấp thuế khóa lao dịch, ngài đáng được trọng dụng và khen ngợi. Khen thưởng chẳng để qua tháng, là phép thường của quốc gia, đây là chế độ thích hợp, ngài nên suy xét định đoạt."

① *Giao Quảng ký* của Vương Ấn chép: Nước Ngô sau khi đặt lại Quảng châu, dùng người quận Nam Dương là Đằng Tu làm Thứ sử. Có người nói với Tu rằng có con Hà Tu dài một trượng, Tu không tin, về sau người ấy có việc đến Đông Hải, lấy một con Hà Tu dài bốn trượng bốn thước, gói lại mang về cho Tu xem, Tu mới chịu phục người ấy.

Phan Tuấn chết, Đại thay Tuấn quản việc văn thư ở Kinh châu, cùng với Lục Tốn đều ở Vũ Xương, cho nên vẫn đốc trách Bồ Kỳ. Không lâu sau, Liêu Thúc gây loạn, vây đánh thành ấp, các quận Linh Lăng, Thương Ngô, Uất Lâm dao động không yên, Đại tự dâng biểu rồi đi ngay, sao đêm còn sáng trên đường. Quyền phái sứ giả đuổi theo bá Đại làm Giao châu mục, đồng thời phái chư tướng là bọn Đường Tư cưỡi ngựa trạm nối theo không dứt, đánh dẹp một năm thì phá được, chém Thúc cùng các quan lại mà hấn tạm đặt làm Thái thú Lâm Hạ là bọn Phí Dương, thân bề đảng của chúng, các quận huyện đều bình, Đại lại quay về Vũ Xương.

Năm ấy Đại tuổi đã tám mươi, nhưng thể chất vẫn tinh táo cần mẫn, hết mình vì vương nghiệp. Phấn uy tướng quân Trương Thừa gửi thư cho Đại nói:

"Xưa kia Đán, Thích cùng giúp đỡ nhà Chu, người đời sáng tác khúc *Nhị nam ca tụng*,⁽¹⁾ nay thì có *túc hạ* và *Lục tử vậy*. Vì lễ trung cần thì tranh tiến, có công lao thì tranh nhường, công việc thì quyền biến mà thành, giáo hóa thì hợp đạo lý, bậc quân tử ngợi khen cái đức ấy, kẻ tiểu nhân vui thích sự cao đẹp ấy. Thêm nữa việc văn thư khó nhọc, tân khách suốt ngày, nghỉ ngơi chẳng quên việc, nhọc nhằn chẳng nói mệt. Lại biết múa trên lưng ngựa, chẳng kẹp chân mà nhảy xuống nhẹ nhàng, như thế *túc hạ* đã hơn cả *Liên Pha*,⁽²⁾ làm việc gì cũng nhanh nhẹn vậy. Chu Dịch nói, về lễ thì cung kính, về đức thì rộng rãi, *túc hạ* sao lại có hết những điều cao đẹp ấy nhỉ!"

Lúc Lục Tốn chết, Gia Cát Khác lên thay Tốn, Quyền bèn chia Vũ Xương làm hai bộ, Đại làm Đốc hữu bộ, quản tù Vũ Xương lên đến Bồ Kỳ. Thăng lên chức Thượng đại tướng quân, bá con của Đại là Khải làm Phó quân Hiệu úy, Giám binh ở Bồ Kỳ, Tôn Lượng tức vị, bá Đại làm Đại tư mã.

Đại đem thân thanh bạch phụng sự việc công, các địa phương Đại đã qua đều khen ngợi.

Khi trước Đại ở Giao châu, nhiều năm không đem tiền lương về nhà, vợ con đói rét. Quyền nghe tin than thở, liền trách quần thần rằng:

- Lã Đại đem thân ra nơi vạn dặm, vì quốc gia chuyên cần với công việc, gia môn ở trong khốn khó, mà Cô chẳng biết sớm. Các người là bầy tôi tai mắt của ta, thì trách nhiệm của các người ở đâu?

¹ Hai khúc ca *Chu nam*, *Thiệu nam* trong *Kinh Thi* ngợi Chu Công và Triệu Công.

² Liên Pha (廉頗): Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 161 (Trần Tư vương truyện).

Vì thế ban cho tiền bạc, gạo, vải vóc, lụa là, mỗi năm theo hạn định.

Ban đầu, người thân gần của Đại là Từ Nguyên người ở Ngô Quận, khảng khái mà có tài chí, Đại biết người ấy có thể thành đạt, đem tặng cho mũ áo, cùng bàn luận thế sự, sau liền tiến cử đề bạt lên, làm quan đến chức Thị ngự sử.

Nguyên bản tính trung thực hào sảng, ưa nói thẳng, lúc Đại có lỗi, Nguyên liền can ngăn tranh biện, lại công khai bàn về cái lỗi ấy, có người đem kể với Đại, Đại than rằng:

- Ta sở dĩ quý mến Đức Uyên là vì điều ấy vậy.

Lúc Nguyên chết, Đại khóc lóc rất bi thương, nói:

- Đức Uyên, là bạn tốt của Lã Đại này, nay bất hạnh, Đại này sao còn nghe được cái lỗi lầm của mình nữa đây?

Kẻ bàn luận khen lời ấy.

Năm Thái Bình nguyên niên, năm chín mươi sáu tuổi Đại chết, con của Đại là Khải nối tự. Di lệnh khi chôn táng mình dùng áo quan mộc, đội khăn thừa mặc áo cộc, theo đúng phép tống táng, việc phải đơn giản tiết kiệm, Khải đều vâng mệnh làm theo.

Chu Phường tự Tử Ngư, người Ngô Quận huyện Dư Tiệp. Thời trẻ hiếu học, được đề cử Hiếu liêm, làm trưởng huyện Ninh Quốc, rồi chuyển đến huyện Hoài An. Đại soái Tiền Đường là bọn Bành Thúc tự bạ làm cường khấu, Phường nhận mệnh làm Tiền Đường hầu tướng, trong khoảng tuần trăng, Phường chém đầu Thúc và bè đảng của hắn, được thăng làm Đan Dương tây bộ đô úy.

Năm Hoàng Vũ trung, đại soái Bà Dương là Bành Khi tác loạn, đánh diệt một thành, Quyền bèn lấy Phường làm Thái thú Bà Dương, cùng Hồ Tống hợp sức đánh dẹp, rút cục bắt sống Khi, giải đến Vũ Xương, được gia thêm chức Chiêu nghĩa Hiệu úy.

Phường lại nhận chiếu mệnh bí mật tìm lấy kẻ đầu lĩnh trong họ tộc trước đây ở Sơn Trung mà kẻ địch ở phương bắc đã nghe tiếng, sai họ dụ lừa Đại tướng quân Dương châu mục nước Ngụy là Tào Hưu. Phường trả lời rằng đầu lĩnh của dân chúng là kẻ nhỏ mọn không đủ để tin cậy, e là việc sẽ tiết lộ, không thể lừa được Hưu, rồi xin phái thân nhân mang tờ hoa tiên đưa ra bày điều để dẫn dụ Hưu:

Điều thứ nhất nói:

"Phường vốn lâu nay cầu may, mong được làm dân ở châu của ngài, vì cách trở sông Giang, tấm lòng cung kính chưa thể tỏ rõ được, chỉ ngẩng trông bóng mây, thực trời làm ra vậy. Lòng này thành thực nhưng phận thấp hèn, danh vị chẳng rõ ràng, tuy trong lòng khao khát, có cơ duyên nào biểu lộ? Cáo chết quay đầu về núi, nhân tình lưu luyến cố hương, mà ta bị người khác khống chế, qua đó bái yết thì trái lẽ chế. Nên thường một mình ngẩng đầu ngóng về tây, khi thức lúc ngủ chưa từng không nhọc nhằn than thở, trần trọc trở mình. Nay nhân lúc có cơ hội, được bày tỏ cái chí đã lâu, không phải thần minh mách bảo, há tỏ được ý này! Xin ngẩng đầu mong ngóng, vạn dặm thác thân. Nay kính cần phái người thân là bọn Đồng Sầm, Thiệu Nam giả người bỏ trốn dâng thư lên. Đến lúc có biến, sẽ có thư riêng kể rõ, thiết nghĩ minh công quân hầu rạng rỡ như nhật nguyệt, rọi sáng đến dân chúng ở nơi xa, khiến kẻ theo về mãi được đội ơn cây dứa."

Điều thứ hai nói:

"Phường ở góc ven biên, sông dài chia cắt, ân trạch giáo hóa của quốc gia, chưa che trùm đến, mà ở giữa vùng sơn cốc, từ chỗ xa xôi bày tỏ tâm tư, sợ là mình với nước Ngô có đại nghĩa quân thần, chưa được tin tưởng thu nhận. Ôi, vật có duyên do mà khởi phát, kẻ sách nhân việc biến hóa mà nảy sinh, xưa nay vốn cùng đạo lý. Phường làm quan phương đông coi giữ một quận, ước nguyện ban đầu đã đạt được, lòng khắc ghi phải lập chí báo đền, vĩnh viễn không hai lòng. Có ngờ đâu bỗng chốc bị người ta khiển trách vô lý, họa trong khoảnh

khắc, nguy như trứng chông, tiến thì phải chọn cái lẽ đi ở hợp tan, lui thì mắc phải môi họa vu hãm chết uống, dù có ôm chí hướng thấp hèn, sống chết giữ tiết tháo, trông lại cũng không tỏ được nỗi oan của mình, có thể không buồn bã được sao! Mạo muội noi theo người xưa, nhân thế tỏ ý theo về, thành thực biểu lộ chân tình, phơi bày lời gan ruột. Xin đến hàng vào cuối tháng nhuận mùa xuân, hãy xót thương cứu vớt kẻ nguy này, chớ có nghi ngờ, cự tuyệt lời trao thân gửi mệnh. Việc này lộ ra ngoài, ta phải chịu tội khó lường, một là hại đến tiếng nhân của ngài lại tổn kế của ta, hai là dứt tuyệt lòng muốn thuân phục của kẻ theo về, thiết nghĩ minh sứ quân hãy xét xa việc làm của người thời trước, xót thương tâm ý của ta, lưu ý tin tưởng thư này, mau chóng bí mật hồi âm. Phường sẽ ngóng trông mà hành động, chờ đợi để hưởng ứng."

Điều thứ ba nói:

"Phường nổi thay cố Thái thú Vương Tĩnh người quận Quảng Lăng, ngày trước cũng vì dân của quận làm loạn, mà bị khiển trách, Tĩnh hết sức tự mình bày tỏ, nhưng rút cục chẳng thoát tội, bèn lập mật kế, muốn quy hàng phương bắc, chẳng may việc lộ, người nhà bị diệt đến đưa con đỏ. Phường đã tận mắt thấy việc của Tĩnh, vả lại xem ra chúa Đông Ngô không một sớm bạc đãi ta, cũng chẳng hậu đãi nữa, dù tạm thời lưu dùng, cuối cùng vẫn bị diệt trừ. Nay lại lệnh cho Phường lĩnh quận, đây là muốn cầu lấy thành tựu nhất thời. Tất sẽ mau chóng giết Phường này vậy. Tuy còn nhìn còn thỏ, nhưng lòng ta lo sợ cháy bỏng, chưa biết cái tính mệnh còn con này sẽ chấm dứt khi nào. Người ta sống ở đời, như bóng câu qua lỗ vách, mà thường phải ôm mối lo sợ, có thể nói là vui sao! Cho nên bày tỏ ngu tình, hết sức biểu lộ tâm ý, sợ rằng mình phạm hèn, chưa thể được ngài đón nhận. Mong minh sứ quân suy xét rõ ràng thêm chút ít, nghĩ kỹ lưỡng lời nói của ta. Nay dân chúng ở quận này, tuy tiếng bên ngoài là hàng phục, nhưng vốn ở nơi sơn dã, chỉ rình xét thời cơ, muốn lại làm loạn, ngày họ làm loạn, là tính mệnh của Phường kết thúc thôi. Đông chủ mới đây ngầm xếp bộ hạ phân chư tướng, muốn mưu đồ bắc tiến. Bọn

Lã Phạm, Tôn Thiệu vào sông Hoài, Toàn Tông, Chu Hoàn mau chóng đến Hợp Phì, Gia Cát Cẩn, Bộ Chắt, Chu Nhiên đến Tương Dương, bọn Lục Nghị, Phan Chương đánh dẹp Mai Phu. Đông chủ lĩnh trung quân thân đánh úp Thạch Dương, biệt phái em họ mình là Tôn Hoán giữ thành An Lục, sửa dựng kho đụn, chuyển của vận lương, lấy làm quân dự bị, lại truyền tin cho Gia Cát Lượng tiến quân lấy Quan Tây, chư tướng ở ven sông không có ai tại đó nữa, chỉ lưu ba nghìn binh lính giữ ở Vũ Xương thôi. Nếu mình sứ quân dùng một vạn binh từ Hoài Nam tiến đến bãi sông Giang, Phưong lập tức từ đây thống suất khích lệ quan dân, dùng làm nội ứng. Các quận ở phương này, trước sau khởi sự, việc sắp thành mà hỏng, là bởi không có ngoại viện nên khiến ra như thế thôi; nếu quân bắc đến biên cảnh, truyền hịch tới các thuộc thành, dân chúng nghĩ nhớ phương bắc, ai không nhón gót mà trông? Mong mình sứ quân trên ngấm thiên thời, dưới xét việc người, giữa nghiệm đêm chiêm bốc, thì đủ để sáng tỏ lời nói lúc trước của ta không phải là hư hão vậy."

Điều thứ tư nói:

"Người mà ta sai đi là Đồng Sầm, Triệu Nam từ nhỏ đến lớn ở nhà ta, là người thân tín, cũng như con cái, vì thế được đặc biệt nhận mệnh mang thư đi, giả làm người phản đưa lời, dùng ánh mắt tỏ ý lòng, không hé răng môi, đấy là cốt nhục chí thân của ta, không ai biết được. Thêm nữa là ta đã lệnh cho họ, đến châu phủ sẽ nói việc theo hàng, là muốn việc phản đến phương bắc mới được truyền báo vậy. Phưong đặt kế như thế, là do trời cao an bài, nếu như xong việc, thì có được cái phúc bảo toàn sinh mệnh; không may tiết lộ, thì nhận lấy cái họa di diệt. Ta thường nửa đêm ngẩng mặt trông trời, thề với trăng sao. Chút lòng thành nhỏ nhoi, đâu cảm động được trời cao, nhưng việc gấp thế cùng, chỉ biết kêu trời mà thôi. Ngày phái sứ giả đi, ta sống dở chết dở, thân thể còn mà khí phách tan, thần tình hết hoảng. Sợ là sứ quân chưa hoàn toàn tin tưởng lời ta, trong hai người Sầm, Nam nếu lưu lại một người, để làm tin về sau, cho một người đem thư quay về, người quay về cố nhiên sẽ hô việc phản rồi tự thú. Đông

chủ đã định rõ phép thường, hồi việc phản mà ra tự thú, đều giữ nguyên tội trạng. Như thế ta tiến lui đều tắc nghẽn, vĩnh viễn không còn lối thoát. Nay treo tính mệnh ngóng về tây, rơi nước mắt mà hạ bút."

Điều thứ năm nói:

"Dân chúng ở Bà Dương, thực đa phần là ngu muội mà mạnh tợn, đốc suất việc sai dịch, họ không đáp ứng ngay, khởi xướng việc biến loạn, họ nghe tiếng hưởng ứng. Nay tuy họ đã hàng phục, nhưng gốc rễ xoắn xuýt chưa trừ bỏ được, họ tụ tập nơi thâm sơn thảo dã, ý tác loạn vẫn còn, mà nay Đông chủ mưu đồ hưng khởi đại binh, cả nước ra quân, ven sông trống rỗng, binh đóng giữ lũy hư tổn, chỉ còn quân do thám thôi. Nếu như nhân lúc này mà khuấy động dân ấy, một sớm có thể thu được lợi, nhưng cốt yếu cậy vào ngoại viện, trong ngoài phối hợp hỗ trợ nhau, không làm như thế, không thành công vậy. Nay sứ quân nếu theo đường huyện Hoàn tiến đến đóng giữ mé trên sông, Phường sẽ từ mặt nam đối diện bờ sông đến cửa khẩu làm nội ứng. Nếu ngài không đến thẳng bờ sông, có thể đóng ở phía trên đó trăm dặm, khiến dân chúng vùng này biết được quân bắc ở đó, lập tức họ sẽ tự hành động vậy. Dân vùng này quá khốn khổ cơ hàn cam chịu cảnh giặc cướp, khổ vì việc đánh dẹp, sẽ vui mừng được quy thuộc phương bắc, chỉ cùng khốn thì mới cử sự, họ chẳng theo thời mà hưởng ứng, thì rước mỗi họa cho mình thôi. Nếu như khiến được chư quân ở Thạch Dương và các châu Thanh, Tì đầu đuôi liên kết, không chế binh Đông Ngô phá đi, khiến họ chẳng tiến nhanh được phải lui về, thì càng hay lắm. Phường sinh ở vùng Giang, Hoài, lớn lên trong thời loạn, biết rõ cái chỗ tiện lợi ở vùng ấy, trăm trận trăm thắng, thời cơ chẳng có hai lần, cho nên mạo muội bày tỏ tấm lòng."

Điều thứ sáu nói:

"Đông chủ rước hận vì trước đây không hạ nổi Thạch Dương, nay bên ấy sau khi cử sự, đại hợp tân binh, lại sai Phan Tuấn điều phát dân Di, nhân số rất đông, nghe nói đã bày sẵn phương sách, sẽ đem

tân binh và quân yếu đi trước, binh khỏe ở phía sau, đến ngày công thành, định rằng muốn dùng binh yếu để lấp hào, khiến thành trì tức thời bị phá, tuy rằng chưa hẳn đã đúng, nhưng việc ấy đại ý là vậy. Riêng ta e rằng Thạch Dương là tòa thành nhỏ, chẳng thể ngăn chặn binh Ngô qua đấy lâu dài, mình sứ quân nên tức tốc đến cứu giúp, thực rất nên nhanh chóng bí mật. Cái biến của Vương Tĩnh, gương ấy chẳng xa. Nay Phưong quy thuận, không phải tại trời nữa, mà chính là ở mình sứ quân thôi. Nếu được quân cứu qua giúp, thì công có thể thành, nếu quân cứu không kịp thời, thì ta so với bọn Tĩnh là đồng họa. Lúc trước khi Bành Khỉ khởi sự, nghe nói cò tinh đã ở Phùng Long, dân quận ấy lớn nhỏ vui mừng, đều nghĩ là việc đã thành. Nếu lưu lại trong vòng một tháng, việc sẽ đại thành, hận là bỏ đi quá nhanh, Đông Ngô tăng binh ra sức đánh dẹp Khỉ, Khỉ mới thất bại thôi. Xin sứ quân xét kỹ lời này.”

Điều thứ bảy nói:

”Nay cử đại sự, không có tước hiệu thì không lấy gì để khuyến khích người, thỉnh cầu ngài ban cho các Tướng quân, Hầu tước ấn thụ năm mươi nôm, Lang tướng ấn thụ một trăm nôm, Hiệu úy, Đô úy ấn thụ hai trăm nôm, ta đem trao cho các cừ soái đứng đầu, để tướng thường khích lệ chí khí của họ, lại thỉnh xin được ban mấy chục cò nghi vệ, để làm cờ hiệu, sai khiến quan dân binh lính Sơn Việt, họ mắt nhìn thấy rõ, biết đường hành động mà quyết định, trừ hoạch tiếp ứng quân cứu viện. Lại nữa là kẻ đầu hàng phản loạn ở cả hai bên, hàng ngày hàng tháng đều có, không sớm thì muộn, sẽ nghe biết việc này. Đại sự hôm nay, nên hết sức bí mật, nếu xét thư của Phưong, xin phải bí mật hơn. Ta biết ngài sáng trí mà biết tính toán liệu việc, phòng bị lo toan tất sâu xa, Phưong trong lòng lo lắng nên nóng nảy vội vàng, bày giải sự việc dài dòng lộn xộn, xin đừng trách tội.”

Phưong nhân đó ngầm viết tờ biểu mật báo rằng:

”Phưong bắc có bọn giặc cướp trốn náu, ngoan cố chống giữ ở vùng Hà, Lạc, lâu nay ngăn trở việc đánh diệt của vương sư, thiện tiện

chiếm cứ đất đai phía bắc, thần chưa từng xuất kế lạ cử người hiền, trên giúp mở mang giáo hóa rạng ngời, dưới ra sức thi triển cái công muôn một, trong lòng lo lắng như ngồi giữa chông gai, ngủ không yên giấc."

"Thánh triều ta như trời che đất chở, nuôi dưỡng thần mà thần không lập nổi công, làm nhục ân mệnh được trao, mới đây sắc mệnh cho thần ở tiền tuyến dẫn dụ giặc Hưu, hận là chẳng làm được như kế sách. Chiếu lệnh sai thần tìm lấy kẻ đầu lĩnh ở nơi sơn cốc mà kẻ giặc nghe biết, sai hấn cùng với phương bắc qua lại. Thần cúi mình lo nghĩ, mừng sợ đan xen, trộm ngờ rằng người như thế chẳng thể tìm ngay được, ví thử tìm được, sợ chẳng thể tin, không bằng để thần lừa lừa dụ Hưu, về kế là vừa khéo. Đây là tâm nguyện của thần đã nhiều năm, đúng gặp cơ hội trời cho, thần lập tức tự mình ra sức, kiệt tâm tận trí dốc hết lòng ngu, soạn thảo văn thư để lừa dối dẫn dụ Hưu, như ý chỉ riêng. Thần biết mình không có cái thuật hành sự kín kẽ như cổ nhân, lại thêm việc vội vàng dăng sách lược trọng đại, sợ rằng không xét rõ kẻ sài lang, e là khinh suất lỗ mãng, làm nhục đến đặc ân đã ban, trong lòng do dự lo lắng như lửa đốt."

"Thần nghe nói Đường Nghiêu trước khi làm việc thì thỉnh ý trời nên chẳng trái trời, rộng hỏi ý của người dân nơi thảo dã, cho nên thành công lớn. Nay bây tôi ở triều đình toan mưu, nhất định lừa được Hưu đến chỗ đã tính, thần mình tán trợ thánh hiền bày kế, Hưu tất tự đến, sáu quân giăng lưới, giặc chẳng sót ai, uy phong triều ta chói lòa bốn cõi, thiên hạ thật may. Kính dâng biểu văn, lại gửi kèm bản thảo của thư, vẫn sợ mình hiểu biết nông cạn, nghĩ mà lo sợ không thôi."

Có đáp thư cho thi hành.

Hưu quả nhiên tin Phưong, thống suất mười vạn quân bộ kỵ, xe truy trọng đầy đường, tiến thẳng vào huyện Hoàn. Phưong cũng hợp bộ chúng, theo Lục Tốn chặn ngang đường của Hưu, quân của Hưu tan nát như ngôi vỡ, bị chém và bị bắt sống tính kể vạn.

Ban đầu lúc Phường lập mật kế, luôn có các quan Lang phụng chiếu đến cật vấn các việc, Phường bèn đến dưới cửa bộ quận, nhân đó xuống tóc để tạ tội, cho nên Hưu nghe tin đó, chẳng lo lắng ngò vực nữa. Thắng trận xong quân quay về, Quyền đại hội chư tướng vui mừng thết yến, rượu say, bảo Phường rằng:

- Ngài xuống tóc lập nghĩa, thành đại sự cho Cô, công danh của ngài, đáng ghi chép vào tre lụa.

Rồi thêm chức Bì tướng quân, ban tước Quan nội hầu.①

① Từ Chúng bình rằng: Kẻ nhân thần tận tiết lập công, dù rằng không chỉ có một đường, nhưng mỗi người một chức phận vậy. Làm tướng cầm dùi trống, thì phải có nghĩa liều chết, thủ thành thì phải có nghĩa không mất quyết tâm, dù chết cũng phải giữ, đại nghĩa ở chỗ không cầu thả. Phường làm Quận thú, chức phận là ở chỗ cai trị dân, cái việc mà Phường làm không phải là lệnh vua, lại tự tiện dụ địch, hủy tóc cắt da, chết vì công danh, dù việc thành được nhận tước, nhưng việc làm ấy không được bậc quân tử khen ngợi vậy.

Cừ sủy của giặc cướp là Đồng TỰ cậ hiểm vào cướp bóc, hai quận Dự Chương, Lâm Xuyên đều chịu cái hại của hấn.① Ngô Sán, Đường Tư từng đem ba nghìn quân vây đánh, hơn tháng không hạ nổi. Phường dâng biểu xin bãi binh, đợi tiện dịp thích hợp mà làm. Phường phái người làm gián điệp, trao cho phương sách, dụ dỗ người rình giết TỰ. Em của TỰ sợ hãi, đến Vũ Xương hàng với Lục Tốn, xin ra ở nơi đất bằng, tự sửa đổi làm việc thiện, bởi thế mấy quận không còn lo sợ nữa.

① Thần TÙNG Chi xét: Năm Thái Bình thứ hai thời Tôn Lượng mới lập quận Lâm Xuyên, thế thì bấy giờ chưa có quận Lâm Xuyên.

Phường làm quan ở quận mười ba năm thì chết, thưởng thiện phạt ác, ân uy song hành.

Con của Phường là XỬ, cũng có tài kiêm văn võ, năm Thiên Ký trung làm Đông Quan lệnh, Vô Nan đốc.①

① *Tấn thư* của Ngu Dữ chép: Xử vào triều nhà Tấn, làm Ngự sử trung thừa, nhiều lần hặc tội các quan, chẳng kiêng dè người quyền thế. Tề Vạn Niên làm phản, triều đình lấy Xử làm Kiến uy tướng quân, tây chinh, quân ít không địch nổi, Xử lâm trận khảng khái, phần chấn chẳng quên mình, vì thế chết ở chiến trường, được truy tặng chức Bình tây tướng quân. Con của Xử là Dương và Trát, đều có tài năng, lúc mới trung hưng,⁽¹⁾ đều được sủng ái tín nhiệm. Các con cháu của họ đều giữ ngôi vị, là thế gia hào tộc ở Dương châu, nhưng Trát hung hãn phóng đảng, làm trăm họ ở đó khổ sở. Năm Thái Ninh trung, Vương Đôn giết Trát, diệt cả họ nhà Trát.

Chung Ly Mục tự Tử Cán, người quận Cối Kê huyện Sơn Âm, là cháu bảy đời của Lỗ tướng thời nhà Hán là Ý.⁽²⁾①

Mục thời trẻ trú ở huyện Vĩnh Hưng, tự mình chăm chỉ khai ruộng, trồng hơn hai mươi mẫu lúa. Lúc sắp chín, có người dân trong huyện biết được tự nhận là ruộng của mình, Mục nói:

- Chỗ đó vốn là ruộng hoang, nên ta khai khẩn thôi.

Rồi đem ruộng lúa giao cho người huyện ấy. Trưởng huyện nghe tin, triệu người dân ấy đến giam vào ngục, muốn trị tội theo phép, Mục vì người ấy cầu xin, trưởng huyện nói:

- Ngài hâm mộ Thừa Cung, tự mình làm việc nghĩa,^② kẻ hèn này là người coi dân, phải dùng phép tắc để quản người dưới, sao có thể bỏ phép công mà theo ý muốn của ngài được?

Mục nói:

- Chỗ ấy là ranh giới của quận, bởi được ngài chiếu cố, nên ta mới đến tạm trú. Nay vì một ít lúa mà giết dân thế này, sao giữ được lòng người nữa?

¹ Tức là thời kỳ nhà Tấn trung hưng sau loạn Bát vương, gây dựng nhà Đông Tấn.

² Chung Ly Ý (鍾离意) tự Tử A, làm quan nhà Hán, từng giữ chức Thượng thư, sau ra làm Lỗ tướng, là vị quan thương dân, chết khi đương chức, sau khi chết, Đế thương tiếc, ban cho hai mươi vạn đồng tiền.

Bèn xếp hành trang, quay về Sơn Âm, trưởng huyện thân đến ngăn Mục lại, rồi cời trói cho người dân. Người dân ấy hổ thẹn và sợ hãi, đem sáu chục斛 gạo vợ con mình đã già, đưa trả cho Mục, Mục đóng cửa không nhận gạo. Người dân chờ đến để ở bên đường, chẳng ai dám lấy. Mục bởi thế nổi danh.^③

① *Côi Kê điển lục* chép: Cha của Mục là Tự, làm Đô úy huyện Lôu thuyền, anh là Nhân, làm Thượng kế lại, thời trẻ cùng người đồng quận là Tạ Tấn, người Ngô Quận là Cố Đàm đều nổi danh.

Mục lúc nhỏ bị gọi là Trì Nột,⁽¹⁾ Nhân thường bảo người khác rằng:

- Mục tốt hơn ta, chẳng nên coi thường hẳn.

Người bấy giờ đều cho là không đúng.

② *Tục Hán thư* chép: Cung tự Thiếu Tử, người quận Lang Nha, từng ở trong núi Mông Âm cày ruộng trồng lúa thừ,⁽²⁾ lúa sắp chín, người ta đến nhận ruộng, Cung bèn nhường cho người ta rồi bỏ đi, bởi thế nổi danh, quan vị đến chức Tả trung lang tướng, Thị trung.

③ Từ Chúng bình rằng: Hành vi của Mục phảng phất như việc của người xưa. Hỏi rằng: "Như điều mà Mục làm, bị xâm phạm mà chẳng tranh đòi, lại từ đó mà cứu giúp họ, đúng lẽ mà không lấy lúa, lại được trả về mà chẳng nhận, há chẳng gọi là người có lòng nhân ái khiêm nhường sao?" Đáp rằng: "Lạ thay cái điều mà ta nghe được! Nguyên Hiến⁽³⁾ đến hỏi Khổng tử rằng: 'Cái người hiếu thắng, khoe khoang, oán giận, tham muốn, mà biết dần lòng không làm, có thể gọi là nhân chăng?' Khổng tử nói: 'Làm được thế là khó rồi, còn là nhân hay không thì ta chẳng biết vậy. Ghét kẻ bất nhân, điều ấy là nhân rồi.' Nay kẻ tiểu dân chẳng dần lòng với bốn điều kia, mà nhận lúa của người khác về mình, là bất

¹ Ý cũng như thẳng đàn.

² Lúa thừ là một giống lúa cổ, có khả năng chịu hạn cao.

³ Nguyên Hiến (原宪) tự Tử Tư, người nước Lỗ, là đệ tử của Khổng tử. Xuất thân bần hàn, bản tính cao khiết, giữ cảnh nghèo vui với đạo, không hợp với thế tục.

nhân lắm rồi, nhưng Mục nhường lúa cho người đó, lại cứu cho cái tội của hắn, đấy là nhường nhịn trái với đạo nghĩa, cứu chẳng đúng người, điều đó không gọi là ghét kẻ bất nhân được. Ví như chẳng ghét kẻ bất nhân, sao được gọi là người nhân đây! Thương Ngô Kiêu lấy được vợ đẹp, đem nhường cho anh của mình;⁽¹⁾ Vĩ Sinh giữ tín, nước dâng chẳng chạy mà chết;⁽²⁾ Trục Cung rất ngay thẳng, ra làm chứng việc cha mình lấy trộm dê;⁽³⁾ Thân Minh vâng phép, tận trung với vua mà bất chấp tính mạng của cha mình.⁽⁴⁾ Trung, tín, thẳng, nhường, đấy là bốn thứ đức tốt, là điều mà bậc thánh hiền quý trọng vậy. Nhưng chẳng quý cái việc nhường của Thương Ngô Kiêu, vì nó trái với đạo nhường vậy; chẳng dùng cái tín của Vĩ Sinh, vì điều đó là trái với đạo tín vậy; chẳng theo cái thẳng thần của Trục Cung, vì nó trái với bản chất của đạo thẳng vậy; chẳng khen cái trung của Thân Minh, vì nó trái với lòng trung thật vậy. Nay Mục bị xâm phạm mà chẳng tranh đòi, được trả về mà chẳng nhận, làm được thế là khó rồi, song chưa được làm người nhân biết nhường nhịn vậy. Ôi, bậc thánh nhân lấy đức báo đức, lấy thẳng báo oán, mà Mục muốn lấy đức báo oán, là sai vậy. Nếu bất đắc dĩ, phải theo ai trong hai người, ta theo Khổng tử vậy."

Năm Xích Ô thứ năm, Mục từ chức Lang trung được bổ làm Phụ nghĩa đô úy của Thái tử, rồi thăng làm Thái thú Nam

¹ Thương Ngô Kiêu (苍梧浇), không rõ năm sinh năm mất và quê quán, có sách nói ông là người sống cùng thời với Khổng tử, không rõ đúng sai thế nào.

² Vĩ Sinh (尾生), theo Trang tử, thiên Đạo chích có nói: "Vĩ Sinh hẹn đợi một người con gái ở dưới cầu, người con gái kia không đến, nước tràn lên, ông không bỏ chạy, ôm trụ cầu mà chết." *Sử ký Tư Mã Thiên*, phần *Tô Tần truyện* có nhắc việc này.

³ Trục Cung (直躬), người huyện Diệp nước Sở. Truyện về ông được nhắc đến ở các sách: *Luân ngữ*, *Trang tử*, *Lã thị Xuân Thu*, *Hoài Nam tử*, *Hà Yến tập giải*, *Tổng sử* ... Truyện kể: Trục Cung tố cáo cha mình ăn trộm dê, cha bị tội chết, lại xin chết thay cha, về sau cha con đều được tha. Sách *Lã thị Xuân Thu* chê: "Cái tín của Trục Cung chẳng bằng vô tín."

⁴ Thân Minh (申鸣), sách *Thuyết uyển* quyền bốn của Lưu Hượng thời Tây Hán kể rằng: Thân Minh thờ cha có hiếu, nổi tiếng ở nước Sở, nghe lời cha vào triều làm Tướng quốc. Nước có loạn, Thân Minh đi đánh dẹp, giặc bắt cha của Thân Minh làm tin uy hiếp Thân Minh, Thân Minh vẫn đánh giặc, cha cũng bị giết.

Hải. ① Lúc quay về làm Thừa tướng Trương sử, rồi chuyển làm Tư trực, lại thăng làm Trung thư lệnh. Gặp lúc sơn dân ở ba quận là Kiến An, Bà Dương, Tân Đô làm loạn, Mực ra làm Giám quân sứ giả, đánh dẹp bình định chúng. Đầu lĩnh của giặc là bọn Hoàng Loạn, Thường Câu đem bộ ngũ của mình ra hàng, được sung vào binh dịch. Mực được phong tước Tân đình hầu, bái làm Việt kỵ Hiệu úy.

① *Côi Kê điển lục* chép: Đầu lĩnh của giặc Cao Lương là bọn Nhưng Nỗ phá phách cướp bóc trăm họ, tàn hại quan dân, Mực vượt địa giới đánh dẹp, trong vòng một tuần chúng đều hàng phục.

Lại có đầu lĩnh của giặc ở huyện Yết Dương là bọn Tăng Hạ có mấy nghìn bộ chúng, qua hơn chục năm, đã ban tước Hầu và nghìn tấm lụa các loại, hạ chiếu thư chiêu mộ, chúng quyết không theo. Mực phái sứ đến vỗ về chiêu dụ, chúng đều đến cúi đầu phục tùng, tự sửa lỗi làm dân lành.

Thái thú Thủy Hưng Dương Huy gửi thư cho Thái thường Đảng Dận nói:

"Chung Ly Tử Cán là người trước kia ta biết sơ qua, được gặp ông ấy ở Nam Hải, thấy ân uy trùm bộ ngũ, trí dũng phân minh, thêm nữa là tiết tháo đức hạnh trong sạch thuần khiết, có phong độ của cổ nhân."

Mực được quý trọng như thế. Ở quận được bốn năm, vì có bệnh bỏ chức.

Năm Vĩnh An thứ sáu, nước Thục bị nước Ngụy thôn tính, rợ Di ở huyện Ngũ Khê quận Vũ Lăng tiếp giáp với địa giới nước Thục, người bấy giờ bàn bạc sợ họ phản loạn, bèn lấy Mực làm Bình Ngụy tướng quân, lĩnh Thái thú Vũ Lăng, đến quản quận ấy. Nhà Ngụy phái Trưởng huyện Hán Gia là Quách Thuần thủ giữ chức Thái thú Vũ Lăng, đốc suất dân ở Phù Lăng tiến vào địa giới Thiên Lăng xứ Thục, đóng đồn ở Xích Sa, dẫn dụ các thủ lĩnh người Di, có kẻ nổi dậy hưởng ứng Thuần, lại tấn công huyện Dậu Dương, người trong quận chấn động sợ hãi. Mực hỏi quan lại ở triều đình rằng:

- Tây Thục nghiêng đổ, biên cảnh bị xâm lấn, lấy gì ngăn được?

Họ đều đáp rằng:

- Nay hai huyện núi non hiểm trở, các tộc Di cậy vào binh của họ, chẳng nên đem quân kinh động quấy nhiễu, kinh động quấy nhiễu thì các tộc Di câu kết với nhau. Nên để việc yên dân, có thể phải quan lại có ân tín tuyên truyền úy lạo họ.

Mục nói:

- Không đúng. Địch bên ngoài phạm cớ, lừa dối dụ dỗ người dân, nên nhân lúc gốc rễ của địch chưa cắm sâu mà đánh lấy chỗ ấy, đây là cái thế cứu hỏa quý ở chỗ thần tốc vậy.

Rồi sắc mệnh cho bên ngoài gấp rút chinh hành trang, quan Duyệt sứ đưa lời bàn ngăn trở lập tức bị Mục xử theo quân pháp.

Phủ Di tướng quân là Cao Thượng khuyên Mục rằng:

- Trước kia Phan Thái thường đốc suất năm vạn binh, rồi mới đến đánh dẹp rợ Di ở Ngũ Khê vậy. Thời ấy họ Lưu với ta liên hòa, các tộc Di theo giáo hóa, nay đã không có sự cứu viện của ngày trước, mà Quách Thuần đã chiếm giữ Thiên Lăng, mình phủ lại đem ba nghìn binh thâm nhập, Thượng này chưa thấy được cái lợi của việc đó vậy.

Mục nói:

- Làm việc phi thường, hà tất phải theo phép xưa?

Lập tức thống suất số quân mà mình quản lĩnh, sớm khuya lên đường, men núi hiểm hành quân, đi gần hai nghìn dặm, tới chỗ biên hiểm, chém hơn trăm thủ cấp bọn cừu sủng của ác dân mang dị tâm cùng hơn nghìn bè đảng của chúng, bọn Thuần tan tác, Ngũ Khê bình định. Mục được thăng làm Công An đốc, Dương vũ tướng quân, phong tước Đô hương hầu, rồi chuyển làm Nhu Tu đốc.① Sau được lấy làm Tiền tướng quân, ban Giả tiết, lĩnh Thái thú Vũ Lăng.

Mục chết khi đương chức. Trong nhà không có của thừa, sĩ dân thương nhớ Mục. Con của Mục là Y nổi tự, thay cha lĩnh binh.^②

① *Cối Kê diễn lục* chép: Mục ở tại Nhu Tu, cho là ngầm tiến đánh có thể đồ được, nhưng không dám bày tỏ kế sách của mình, cùng Thị trung Đông Quan lệnh là Chu Dục ăn yến, than thở bùi ngùi. Dục cho là Mục hận vì có công mà tước chưa xứng, nhân đó bảo Mục rằng:

- Các quan ở triều đình, vì thời vận ngồi giữ chức cao, công của Đình hầu không ai sánh bằng, lại chịu ở dưới người ta, kẻ được quan hoài còn thấy u uất phiền muộn, huống chi là Đình hầu!

Mục cười rồi đáp rằng:

- Lời mà khanh nói, chưa đúng với lòng ta vậy. Mã Viện có nói, người ta nên lập công nhiều mà thưởng ít.⁽¹⁾ Công lao của ta không đáng để biên chép, mà được ân sủng quá phận, há lấy làm giận? Là vì quốc gia chẳng hiểu rõ tâm ý của ta, mà ta thấy người ở trong triều bị hại, thế nên lặng yên không dám bày tỏ ý mình. Nếu triều đình không như thế, ta sẽ lập kế tiến đánh, để báo đền cái ân mà ta đã nhận, chẳng phải là chỉ tự giữ mà thôi, ta phần hận than thở là vì thế vậy.

Dục lại nói:

- Quốc gia đã biết đến Đình hầu, dùng cái tài của Đình hầu, không việc nào làm mà không thành. Kẻ ngu này tự cho là có thể bày tỏ hoài bão của Đình hầu.

Mục nói:

- Vũ An Quân bảo Tần vương rằng: "Dựng nghiệp không khó, có được người hiền mới khó; được người hiền không khó, dùng được họ mới khó; dùng người hiền không khó, tin dùng họ mới

¹ Mã Viện (馬援), danh tướng của Quang Vũ đế nhà Đông Hán, vì có công đánh dẹp quận Giao Chỉ, lúc về triều được phong tước Hầu, nhưng không chịu nhận, cho là mình công lao ít mà được thưởng nhiều. Về Mã Viện, xem thêm chú thích ở tập IV, quyển 20, trang 184 (Tào Cán truyện).

khó." Vũ An Quân muốn giúp Tần vương kiêm nuốt lục quốc, sợ trao việc mà chẳng được tin dùng, cho nên bày tỏ lời ấy trước. Tần vương đã hứa mà chẳng làm theo, kết cục là nghiệp sắp thành bị hủy hoại, bị ban kiểm ở Đỗ Bưu.⁽¹⁾ Nay quốc gia biết ta, chẳng bằng Tần vương biết Vũ An Quân, mà kẻ muốn hại ta còn hơn cả Phạm Thư.⁽²⁾ Vào thời Đại hoàng đế, Lục Thừa tướng đánh dẹp Bà Dương, đem hai nghìn người trao cho ta, Phan Thái thường đánh dẹp ở Vũ Lăng, ta cũng có ba nghìn người, nhưng triều đình giao cho kẻ dưới nghị bàn, bỏ ta ở đấy, khiến chư tướng ở bãi sông không phát binh giúp nhau. Ta chịu uy linh của quốc gia tự giữ mình vô sự, việc hôm nay sao cho là thường được. Ví thử ta chẳng tính thời liệu thế, cầu thả bày tỏ ý mình, đến lúc được ủy thác việc, nhưng binh lực chẳng cấp đủ, kết cục sẽ có cái họa thua bại, nói rằng "không việc nào làm mà không thành" có được chăng?"

② *Cối Kê diễn lục* chép: Con thứ của Mục là Thịnh, cũng có đức khiêm nhường, làm Thượng thư lang. Em là Tuấn làm tướng lĩnh binh, được bái làm Thiên tướng quân, trú ở Tây Lăng, cùng Giám quân sứ giả là Đường Thịnh luận về hình thế đất, cho là Nghi Thành, Tín Lăng cứu viện được cho quận Kiến Bình, nếu không đắp thành sẵn, địch tất tiến vào trước. Thịnh cho rằng Thi Tích và Lưu Bình, là những danh tướng tài trí mưu lược, thường xuyên qua lại chỗ đó, không ai nói là nên đắp thành, không dùng kế của Tuấn. Nửa năm sau, nước Tấn quả nhiên phái tướng sửa sang thành Tín Lăng. Quân Tấn bình Ngô, Tuấn lĩnh chức Thủy quân đốc, lâm trận giao chiến bị chết.

¹ Vũ An Quân (武安君) Bạch Khởi (白起), là danh tướng nước Tần, bị người khác ghen công gièm pha mắc họa. Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 101 (Mao Giới truyện).

² Phạm Thư (范雎), còn gọi là Phạm Tuy (范雎), người nước Ngụy, trốn sang Tần, được dùng làm Tướng quốc. Vì Phạm Tuy sợ Bạch Khởi phá Triệu, công cao át cả mình, bèn xui Tần vương đòi Bạch Khởi rút quân, cho nước Triệu giảng hòa. Bạch Khởi vì thế có hiềm khích với Phạm Tuy. Sau này Phạm Tuy gièm Bạch Khởi với Tần Vương, Tần Vương ban kiểm cho Bạch Khởi bắt phải tự sát.

Bình rằng: Người Sơn Việt hay làm phản gây loạn, khó yên mà dễ động, thế nên Tôn Quyền không rồi rãi để đi đánh bên ngoài, phải dùng lời nhún nhường với Ngụy thị. Hết thảy những kẻ bày tôi này, đều giỏi yên định nội nạn, vỗ yên bờ cõi vậy. Lã Đại thanh bạch cẩn trọng ở việc công; Chu Phường nhiều mưu lược quở quyết kỳ lạ; Chung Ly Mịch noi theo đức tốt của bậc trưởng giả; Toàn Tông có tài ở đời, được quý trọng ở thời ấy, nhưng chẳng chú ý dạy dỗ con cái, bị người đời chê bai thanh danh bị hủy hoại.

---ॐ---

QUYỀN THỨ SÁU MƯƠI MỐT PHAN TUẤN, LỤC KHẢI TRUYỆN

— 380 —

Phan Tuấn tự Thừa Minh, người quận Vũ Lăng huyện Hán Thọ. Năm hai mươi tuổi theo Tống Trọng Tử⁽¹⁾ thụ học.① Năm chưa tới ba mươi tuổi, được Kinh châu mục Lưu Biểu triệu làm Giang Hạ Tòng sự. Bấy giờ Trưởng huyện Sa Tiễn tham ăn của đút không sửa phẩm hạnh, Tuấn tra xét sự thực rồi giết hẳn, cả quận run sợ. Về sau Tuấn làm Tương Hương lệnh, rất nổi danh về việc cai trị. Lưu Bị quản Kinh châu, lấy Tuấn làm Trị trung tòng sự. Bị vào Thục, lưu Tuấn lại coi giữ việc ở trong châu.

① *Ngô thư* chép: Tuấn là người thông minh tinh tế, đối đáp linh mẫn có đạo lý, người quận Sơn Dương là Vương Sán gặp được quý mến lạ thường. Tuấn bởi thế nổi danh, làm Công tào ở quận.

Tôn Quyền giết Quan Vũ, thôn tính Kinh châu, bái Tuấn làm Phụ quân Trung lang tướng, cho nắm binh lính.① Rồi thăng làm Phấn uy tướng quân, phong tước Thường Thiên đình hầu.② Quyền xưng tôn hiệu, bái Tuấn làm Thiếu phủ, tấn phong tước Lưu Dương hầu,③ thăng làm Thái thường.

Người man di ở Ngũ Khê tụ tập nhau phản loạn, Quyền ban Giả tiết cho Tuấn, sai đốc chư quân đánh dẹp chúng. Tuấn thường phạt tín nghĩa rõ ràng, phép tắc không ai dám phạm, vì

¹ Tống Trung (宋忠): Xem chú thích ở tập VI, quyển 42, trang 273 (Doãn Mặc truyện).

thế chém và bắt sống giặc, tính kế vạn, từ đấy các tộc người Man suy yếu, địa phương yên tĩnh.^④

① *Giang Biểu truyện* chép: Quyền đánh được Kinh châu, hết thầy quan tướng đều quy phục, nhưng riêng có Tuấn xưng bệnh không đến gặp. Quyền phái người đem giường đến tận nhà đưa Tuấn tới, Tuấn úp mặt xuống chiếu không đứng dậy, nước mắt ròng ròng, thương khóc nghẹn ngào không ngăn nổi. Quyền thủ thi úy lạo, gọi tên tự của Tuấn rằng:

- Thừa Minh, trước kia có Quan Đình Phụ, bị bắt ở đất Nhục, Vũ vương dùng làm tướng soái trong quân; Bành Trọng Sảng, bị bắt ở đất Thân, Văn vương lấy làm Lệnh doãn.⁽¹⁾ Hai người ấy, là quan khanh hiền tài đời trước ở nước Kinh của ngài vậy, ban đầu đều bị tù đây, về sau đều được cất nhắc trọng dụng, là danh thần ở nước Sở. Riêng có khanh là không như thế, chưa chịu tỏ ý hàng, có lẽ vì sự độ lượng của Cô khác với cổ nhân chăng?

Rồi sai người thân cận lấy khăn lau mặt cho Tuấn, Tuấn mới ngồi dậy xuống đất bái tạ. Quyền lập tức dùng làm Trị trung, các việc quân ở Kinh châu Quyền nhất nhất đều hỏi Tuấn.

Tổng sự của quận Vũ Lăng là Phàn Trụ dẫn dụ các tộc người Di, mưu đồ đem Vũ Lăng ngả theo Lưu Bị, có người bên ngoài bẩm xin phái Đô đốc thống suất vạn người qua đánh dẹp Trụ. Quyền không nghe, đặc triệu Tuấn đến hỏi, Tuấn đáp:

- Thần đem năm nghìn binh đi, đủ để cầm bắt Trụ.

Quyền nói:

- Khanh sao coi thường hãn vậy?

Tuấn nói:

- Trụ là thế tộc cũ ở Nam Dương, có chút khả năng miệng lưỡi, nhưng thực không có cái tài biện luận. Thần sở dĩ biết được, là bởi

¹ Quán Đình Phụ (观丁父) là người ấp Nhục thời Xuân Thu, vua nước Sở đánh ấp Nhục, bắt làm tù binh, sau dùng làm Quân sư.

Bành Trọng Sảng (彭仲爽) là người nước Thân thời Xuân Thu, lúc vua Văn Vương của nước Sở đánh nước Thân, bắt làm tù binh, sau dùng làm Lệnh doãn.

Trụ trước đây từng mời người trong châu ăn cơm, gần đến giữa trưa, đồ ăn chẳng sắp đủ, để hơn chục người tự đứng dậy bỏ đi, đấy cũng là xem từ một việc tủn mủn mà chúng nghiệm ra vậy.

Quyền cả cười rồi chọn dùng ý ấy, lập tức phái Tuấn đem năm nghìn quân qua đó, quả nhiên chém Trụ bình định Vũ Lăng.

② *Ngô thư* chép: Nhuế Huyền chết, Tuấn kiêm lĩnh binh lính của Huyền, đóng đồn ở Hạ Khẩu.

Huyền tự Văn Biếu, là người quận Đan Dương. Cha của Huyền là Chỉ, tự Tuyên Tự, theo Tôn Kiên đi chinh phạt có công, Kiên tiến cử Chỉ làm Thái thú Cửu Giang, sau lại chuyển đến Ngô Quận, ở đâu cũng có tiếng tăm. Anh của Huyền là Lương, tự Văn Loan, theo Tôn Sách bình định Giang Đông, Sách lấy làm Đông bộ Đô úy Cối Kê, chết, Huyền lĩnh binh của Lương, được bài làm Phấn vũ Trung lang tướng, vì có công được phong tước Lật Dương hầu.

Quyền cho con là Đăng tuyển chọn Thục viện, hết thấy quần thần đều khen rằng cha của Huyền là Chỉ và anh của Huyền là Lương là người có đức nghĩa, văn võ nổi danh ba đời, cho nên sai đưa sính lễ lấy con gái của Huyền làm Phi.

Năm Hoàng Vũ thứ năm Huyền chết, Quyền rất lấy làm thương tiếc.

③ *Giang Biếu truyện* chép: Quyền mấy lần đi săn chim trĩ, Tuấn can Quyền, Quyền nói:

- Sau lần cùng ngươi chia biệt, ta rất ít khi ra ngoài, không như thời gian trước kia nữa.

Tuấn nói:

- Thiên hạ chưa định, có hàng vạn việc phải xử lý mỗi ngày, bắn chim trĩ không phải là việc cấp bách, cung đứt tên gãy, đều có thể gây hại, xin đặc biệt vì thần mà dừng việc này.

Tuấn đi ra, thấy cung tên bắn chim trĩ vẫn còn ở đó, bèn tự tay bẻ gãy nát đi. Quyền bởi thế tự mình dứt hẳn, không đi bắn chim trĩ nữa.

④ Ngô thư chép: Phiêu kỵ tướng quân Bộ Chất đóng quân ở Âu Khẩu, xin chiêu mộ người ở các quận để tăng binh. Quyền đem việc hỏi Tuấn, Tuấn nói:

- Các đầu lĩnh hào kiệt ở chốn dân gian, làm loạn gây hại, hơn nữa Chất là người có danh tiếng và quyền thế, đây là cái chỗ để người ta nịnh nọt, chẳng nên nghe theo vậy.

Quyền theo lời.

Trung lang tướng là Từ Tông người quận Dự Chương, vốn là danh sĩ, thường đến kinh sư, cùng Khổng Dung giao kết, nhưng là nho sinh bản tính phóng túng, buông thả bộ khúc, không vâng tiết chế, bị mọi người bài bác, Tuấn bèn chém hấn. Tuấn vâng theo phép tắc chẳng e dè lời bàn của kẻ khác, đại loại đều như thế.

Người hàng là Ân Phồn, vì tài biện bác được kẻ hào kiệt thân gần, con của Tuấn là Chúc cũng giao kết với Phồn, biếu tặng quà cáp cho hấn. Tuấn nghe nói cả giận, viết thư trách mắng Chúc rằng:

"Ta nhận hậu ân của quốc gia, có chí quên thân để báo đáp, nhà mày ở chốn kinh sư, phải nghĩ đến khiêm cung hòa thuận, thân gần người hiền ái mộ kẻ thiện, có gì lại cùng tên giặc hàng giao kết, đem lễ vật để tặng hấn? Ta ở nơi xa nghe nói việc ấy, trong lòng rung động mặt mũi nóng bừng, buồn bã đến mấy tuần. Thư này đến nơi, mày hãy mau chóng đến chỗ ta nhận trăm roi phạt, rồi tức khắc đi đòi số lễ vật đã đưa tặng về."

Người bấy giờ đều cho rằng Tuấn kỳ quái, sau Phồn quả nhiên mưu đồ làm phản bị giết cả họ, mọi người mới phục Tuấn.

Giang Biểu truyện chép: Bấy giờ anh vợ của Tuấn là Trương Uyển người quận Linh Lăng là Đại tướng quân nước Thục, có người gièm pha Tuấn với Thái thú Vũ Lăng là Vệ Tinh, rằng Tuấn phái sứ giả bí mật cùng Trương Uyển thông tin tức, mưu đồ thác thân với Thục. Tinh đem chuyện bẩm với Quyền, Quyền nói:

- Thừa Minh chẳng làm thế vậy.

Lập tức phong kín tờ biểu của Tinh đem báo với Tuấn, rồi triệu Tinh về, bãi chức quan.

Trước đây, Tuấn và Lục Tốn đều trú quân ở Vũ Xương, chung nhau chấp chương công việc, sau lại về triều làm chức cũ.

Bấy giờ Hiệu sự Lã Nhất lộng hành thao túng uy quyền, tấu xét bọn Thừa tướng Cố Ung, Tả tướng quân Chu Cứ, đều bị cấm chỉ. Hoàng môn thị lang là Tạ Quảng trong lúc nói chuyện hỏi Nhất rằng:

- Cố công làm việc thế nào?

Nhất đáp:

- Không được tốt lắm.

Quảng lại hỏi:

- Nếu cách chức ông ấy, ai lên thay được?

Nhất không đáp lại lời Quảng, Quảng nói:

- Dùng Phan Thái thường thay chức có được chăng?

Nhất hồi lâu mới nói:

- Lời ngài nói gần đúng vậy.

Quảng bảo rằng:

- Phan Thái thường thường nghiêng rắng hận ngài, chỉ vì đường xa không có cách hành sự đẩy thôi. Hôm nay thay Cố công, sợ rằng ngày mai sẽ tự tiện đánh giết ngài thôi.

Nhất cả sợ, bèn bỏ qua việc của Ung.

Tuấn xin về triều, đến thẳng Kiến Nghiệp, muốn hết lời cực lực can gián. Về đến nơi, nghe nói Thái tử Đăng đã mấy lần nói việc ấy nhưng chưa được chấp thuận, Tuấn bèn mời đại hội trăm quan, muốn nhân cơ hội tự tay đâm chết Nhất, đem thân gánh việc, vì nước trừ họa. Nhất ngầm nghe biết, xưng bệnh không đến dự.

Tuấn mỗi lần đến yết kiến Quyền, không lần nào không bày to cái gian hiểm của Nhất. Bởi thế sự sủng ái với Nhất suy kém dần, sau bị giết phanh thây. Quyền nhận lỗi tự trách mình, nhân đó trách mắng các đại thần, đã nói ở *Tôn Quyền truyện*.

Năm Xích Ô thứ hai, Tuấn chết, con của Tuấn là Chử nổi tự. Con gái của Tuấn lấy Kiến Xương hầu là Tôn Lự.^①

① *Ngô thư* chép: Chử tự Văn Long, được bá làm Kỵ đô úy, sau thay lĩnh binh, chết sớm. Em của Chử là Bí, Quyền đem con của chị gái là Trần thị gả cho Bí, điều Bí đi làm Tương Hương lệnh

Tương Dương ký chép: Người quận Tương Dương là Tập Ôn, làm Đại công bình ở Kinh châu. Đại công bình, nay là chức Châu đô hiện nay. Bí qua từ biệt Ôn, hỏi rằng:

- Tiên quân ta trước đây nói rằng Quân hầu nhất định sẽ làm Nghị chủ trong châu, nay quả như lời ấy, chẳng rõ ở trong châu ai sẽ thay thế Quân hầu được?

Ôn nói:

- Không có ai hơn ngài vậy.

Về sau Bí làm Thượng thư bộc xạ, thay Ôn làm Đại công bình, rất được người trong châu khen ngợi.

Lục Khải tự Kính Phong, người Ngô Quận huyện Ngô, là người trong họ tộc của Thừa tướng Tồn vậy. Năm Hoàng Vũ sơ làm Trưởng huyện Vĩnh Hưng, rồi huyện Chư Kỵ, cai trị ở đâu cũng có công tích, được bá làm Kiến Vũ đô úy, lĩnh binh. Khải tuy thông quản binh chúng, nhưng tay không rời sách. Khải thích sách *Thái huyền*,⁽¹⁾ bàn luận suy diễn cái ý nghĩa của sách ấy, dùng bói đoán thường ứng nghiệm.

Năm Xích Ô trung, Khải được thăng làm Thái thú Đàm Nhĩ, đánh dẹp quận Châu Nhai, chém bắt giặc có công, được thăng làm Kiến vũ Hiệu úy. Năm Ngũ Phụng thứ hai, đánh dẹp sơn tặc là Trần Bí ở quận Linh Lăng, chém Bí khắc địch chế thắng, được bá làm Ba Khâu đốc, Thiên tướng quân, phong tước Đô hương hầu, chuyển làm Vũ Xương hữu bộ đốc. Cùng chư

¹ Là sách chuyên viết về những điều thần bí như các thuyết về trời đất, âm dương, thường được dùng để làm cơ sở luận đoán, bói toán.

tướng đều đến Thọ Xuân, quay về, lại được thăng làm Đổng Ngụy tướng quân, Tuy viễn tướng quân.

Tôn Hưu tức vị, bái Khải làm Chinh bắc tướng quân, ban Giả tiết, lĩnh Dự châu mục. Tôn Hạo được lập, lại thăng Khải làm Trấn tây đại tướng quân, Đô đốc Ba Khâu, lĩnh Kinh châu mục, tấn phong Gia Hưng hầu.

Tôn Hạo cùng nhà Tấn giảng hòa, sứ giả Đinh Trung từ phương bắc trở về, khuyên Hạo là Dặc Dương có thể đánh úp, Khải can ngăn mới dừng lại, việc nói ở *Tôn Hạo truyện*. Năm Bảo Định nguyên niên, thăng Khải làm Tả thừa tướng.

Hạo vốn tính không thích người khác nhìn mình, quần thần vào hầu gặp, không ai dám mạo phạm. Khải khuyên Hạo rằng:

- Theo đạo lý thì vua tôi chẳng thể không biết mặt nhau, nếu thốt nhiên có chuyện không hay xảy ra, thì chẳng biết ai mà đến giúp.

Hạo nghe lời cho Khải được nhìn mặt mình.

Hạo dời đô đến Vũ Xương, trăm họ vùng Dương châu phải ngược sông cung đốn, rất mực khốn khổ, thêm nữa chính sự đa phần là sai lầm, lê dân thiếu thốn cùng cực. Khải dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói bậc quân vương có đạo, thì vui với cái vui của dân; quân vương vô đạo, thì vui với cái của bản thân mình. Cái vui của dân, là cái vui trọn vẹn lâu dài; cái vui của bản thân, chẳng phải là cái vui mà là cái mất. Người dân, là cái gốc của quốc gia vậy, thực rất nên coi trọng cái ăn của họ, yêu quý tính mệnh của họ. Dân an thì quân vương yên, dân vui thì quân vương vui. Từ mấy năm trở lại đây, cái uy tín của vua tổn hại hơn Kiệt, Trụ, cái sáng suốt của vua u ám hơn kẻ gian hùng, cái đức nhân của vua bế tắc hơn bọn xấu. Không có tai vạ mà dân mất mạng, không làm gì mà tiền của quốc gia rỗng không, phạt người vô tội, thưởng kẻ vô công, từ đó khiến quân vương mắc sai lầm, nên trời làm ra các việc quái lạ. Nhưng các công

khánh ninh nọt chúa thượng để cầu được sủng ái, khốn nhiều dân để cầu lấy sự giàu có, dẫn quân vương vào chỗ bất nghĩa, đẩy chính trị vào chỗ dâm tục, thần trộm nghĩ lấy làm đau xót trong lòng. Nay nước láng giềng giao hảo, bốn cõi vô sự, là lúc nên ngừng nghỉ lao dịch để dưỡng sĩ tốt, thương khố chất đầy, để đợi cơ trời. Nhưng lại làm nghiêng lật ý trời, quấy nhiễu bách tính, khiến dân bất an, lớn nhỏ kêu than, đây chẳng phải là cái thuật dưỡng dân giữ nước vậy."

"Thần nghe nói tốt xấu tại trời, cũng giống như có bóng là tại hình, có âm vang là tại tiếng kêu vậy, hình động thì bóng động, hình dừng thì bóng dừng, đây là vận số có liên quan, không phải là ở lời nói quyết định cái tiến lui vậy. Trước kia nhà Tần sở dĩ làm mất thiên hạ, chỉ bởi thưởng nhẹ mà phạt nặng, chính lệnh hình pháp hỗn loạn, dân kiệt sức bởi xa xỉ, mất hoa bởi mỹ sắc, chí loạn bởi tiền của báu vật, kẻ bày tội gian tà tại vị, bậc hiền triết trốn náu, trăm họ nơm nớp, thiên hạ khốn khổ, thế nên mới có môi lo ổ lật trứng vờ. Nhà Hán sở dĩ cường mạnh, vì cung kính bậc có đức hạnh tin người chân thành, nghe lời khuyên can thu nạp hiền tài, ban ân huệ đến người vác củi, cúi mình thăm hỏi kẻ ở nơi hang đá, rộng xét ý kiến của người uyên bác, lập thành kế sách cho mình. Đây là minh chứng rõ ràng ở việc đã qua vậy."

"Gần đây nhà Hán suy kém, ba nhà lập thế chân vạc, họ Tào làm mất kỷ cương, nhà Tấn có được chính sự. Lại nữa Ích châu là đất hiểm yếu, nhiều lính tinh nhuệ cường mạnh, đóng cửa cố thủ, có thể giữ được vạn đời, nhưng họ Lưu ngang trái sai lầm, thường phạt mất thể thống, vua phóng túng bởi xa xỉ, dân kiệt sức bởi những thứ không cấp thiết, vì thế bị nhà Tấn đánh, vua tôi bị bắt. Đây là minh chứng rõ ràng ở việc trước mắt vậy."

"Thần tôi tằm về đạo lý lớn, văn chẳng tỏ nghĩa, trí tuệ nông cạn, không hy vọng được trông đến, trộm vì bệ hạ mà đau tiếc cho thiên hạ thôi. Thần kính cẩn tấu lên những điều mà tai mắt thần nghe thấy được, những điều làm trăm họ buồn phiền, những thứ làm chính lệnh

và hình phạt hỗn loạn, mong bệ hạ dừng việc xây dựng, giảm bớt lao dịch, chuyên tâm việc khoan thứ, bỏ qua chính sự phiền hà.”

“Lại nữa là đất Vũ Xương, thực sự là hiểm trở mà gồ ghề cần cỗi, không phải là kinh đô của bậc đế vương làm chỗ yên nước dưỡng dân, thuyền neo đậu thì chìm lật bỗng bênh, gò đống thì chênh vênh nguy hiểm, và lại có lời đồn dao rặng:

Thà uống nước Kiến Nghiệp,
Chẳng ăn cá Vũ Xương;
Thà về Kiến Nghiệp chết,
Chẳng dừng ở Vũ Xương.

Thần nghe nói Dục tình gây biến, Huỳnh Hoắc tác quái, lời đồn dao, sinh ra bởi ý trời, mới đem việc yên cư so sánh với cái chết, đủ để sáng tỏ ý trời, biết được cái mà dân chúng cho là khổ sở vậy.”

“Thần nghe nói cái nước không tích trữ lương đủ cho ba năm, có thể nói không phải là nước, mà nay lương tích chứa của ta không đủ dùng một năm, đây là lỗi của quần thần ở dưới vậy. Nhưng các công khanh ngôi vị ở trên người, lộc truyền đến cháu con, không hề có khí tiết hết sức báo đền, bày thuật cứu giúp, cầu thả tiến cử kẻ mưu lợi nhỏ cho vua, siểm nịnh để cầu sự bao dung, gây hại cho trăm họ, đây thực chẳng phải là giúp kế mưu cho bậc quân vương vậy. Từ lúc Tôn Hoảng⁽¹⁾ tạo ra nghĩa binh đến nay, việc cấy trồng bị phế bỏ, sở quan không có lương thu vào nữa, lại chia ra trong một nhà việc lao dịch của cha con khác nhau, kẻ ăn lương ở kho đụn ngày một phình ra, việc tích chứa ngày một hao sút, dân có cái nổi oán thán chia lìa, nước có cái cơ hao mòn suy kiệt, mà tuyệt nhiên chẳng có ai thương xót. Sức dân khốn cùng, phải bán cả con nhỏ, thuế khóa liên miên, ngày càng mệt mỏi, trưởng lại ở sở quan, chẳng tra xét gì hơn, lại nữa là các

¹ Tôn Hoảng (孙弘) là quan đại thần nước Ngô, ngôi vị đến chức Trung thư lệnh, Thiếu phó. Về sau, là đại thần thác cô của Tôn Quyền, cuối cùng bị Gia Cát Khác giết. Tôn Hoảng không được viết truyện riêng, tư liệu về nhân vật này rất ít, rải rác ở các truyện Gia Cát Khác, Tôn Quyền, Chu Cừ và Lục Khái.

Giám quan, đã chẳng yêu dân, lại chuyên ra oai cậy thế, các địa phương nhiễu loạn, lại gây thêm phiền hà, dân chúng khốn khổ bị hai trùng, tài lực càng hao tán, thế là vô ích mà có hại vậy. Xin bệ hạ triệt bỏ bọn quan lại ấy, thương xót kẻ cô đơn yếu nhược, để phủ dụ võ về làm yên lòng trăm họ. Đây cũng như để cho loài thủy tộc được thoát khỏi vực nước sâu độc địa, chim muông được thoát khỏi vòng cương tỏa của võng lưới, dân ở bốn phương tất dắt công nhau mà đến thôi. Như thế, dân mới có thể được bảo vệ, nước của Tiên vương mới còn được vậy."

"Thần nghe nói ngũ âm khiến cho tai người ta không thông, ngũ sắc khiến cho mắt người ta không tỏ, đây là những thứ vô ích với chính sự, làm tổn hại đến công việc vậy. Từ thời Tiên đế trước đây, số mỹ nữ ở hậu cung, cho đến các cung nhân giữ chức phận dặt dưởi, tính ra không đầy một trăm người, thóc gạo được tích chứa, tiền bạc của cải dư thừa. Sau khi Tiên đế băng hà, Ấu, Cảnh⁽¹⁾ tại vị, thay đổi thành xa xỉ, không theo lối trước. Trộm nghe nói rằng các cung nữ giữ chức phận dặt dưởi và những kẻ vô sự ngồi nhàn, có đến cả nghìn, tính ra thì cái hay của bọn ấy, chẳng đủ để làm tài sản của quốc gia, nhưng ngồi không ăn vào kho của công, hàng năm kế tiếp nhau, thế là vô ích, xin bệ hạ liệu xét cho họ ra ngoài lấy chồng, cấp giúp cho người không có vợ. Như thế, trên ứng với lòng trời, dưới hợp với ý đất, thì thiên hạ may lắm."

"Thần nghe nói Ân Thang chọn kẻ sĩ trong chốn buôn bán, Tề Hoàn chọn kẻ sĩ ở chỗ đánh xe, Chu Vũ chọn kẻ sĩ ở nơi vác củi, nhà Đại Hán chọn kẻ sĩ trong đám nô bộc. Bậc vua sáng chủ hiền chọn kẻ sĩ là dùng người hiền, chẳng câu nệ họ là kẻ ti tiện, cho nên công đức tràn đầy, danh tiếng được lưu vào tơ trúc, không câu lấy kẻ có nhan sắc mà chọn người khéo làm việc, mồm miệng mau lẹ, vui vẻ bao dung vậy. Thầy trộm thấy rằng kẻ bấy tôi được sủng ái hiện nay, ngôi vị chẳng phải đúng người, gánh vác việc chẳng phải là kẻ bao dung,

¹ Ấu, Cảnh, tức là Tôn Lượng và Tôn Hưu vậy.

chẳng thể giúp nước cứu đời, bệ đảng lại nâng đỡ nhau, hại người trung che lấp kẻ hiền tài. Xin bệ hạ soát xét các bầy tôi văn võ, sai họ đều phải chuyên tâm với chức quan của mình, các Đốc tướng châu mục, phiên trấn ở phương ngoài, công khanh và Thượng thư, phải chuyên tâm sửa sang đức giáo, trên giúp đỡ bệ hạ, dưới cứu vớt lê dân, đều dốc hết lòng trung của mình, bỏ khuyết tất cả những sai lầm, thì lời ca Khang tai được cất lên, chính trị trong sạch mà hình phạt đặt ra chẳng phải dùng. Xin bệ hạ lưu tâm nghĩ đến lời nói của ngu thần."

Bấy giờ ở trên điện có viên Liệt tướng Hà Định là kẻ gian xảo khéo đón ý người khác để nịnh nọt, được quý sủng tín nhiệm, Khải đối mặt thẳng Định rằng:

- Ngươi thấy những kẻ trước sau thờ chúa bất trung, làm nghiêng loạn quốc chính, há được chết yên lành sao! Vì sao ngươi chuyên làm cái việc tà nịnh, vấy bẩn tai Thiên tử? Nên tự gắng sửa đổi. Không như thế, ngươi sẽ phải gặp tai họa khó lường thôi.

Định rất hận Khải, trong lòng có ý gia hại, Khải rút cục không để ý, tâm trí chỉ biết có việc công, nghĩa hiển hiện trên sắc mặt, biểu số dâng lên đều chỉ vì công việc chẳng hề tô vẽ, sự trung thành chí thiết phát ra từ trong tâm.

Năm Kiến Hành nguyên niên, Khải bệnh nặng, Hạo phái Trung thư lệnh là Đồng Triều đến hỏi những điều Khải muốn nói, Khải bày tỏ rằng:

"Hà Định chẳng thể tin dùng, nên cho ra gánh vác việc ở bên ngoài, chẳng nên uỷ thác quốc sự. Hê Hi là kẻ tiểu lại, nổi lên từ nơi bìa ruộng, muốn khôi phục lại phép tắc xưa của Nghiêm Mật, cũng không nên nghe. Diêu Tín, Lâu Huyền, Hạ Thiệu, Trương Đế, Quách Trác, Tiết Oánh, Đằng Tu và con em trong họ tộc của mình là Hỉ, Kháng, có người thanh bạch trung cần, có người thiên tư trác việt, họ đều là rường cột của xã tắc, là lương tài của quốc gia, mong bệ hạ hết sức

lưu tâm lo lắng, hỏi họ về việc thời thế, khiến cho họ dốc hết lòng trung của mình, bổ khuyết tất cả những sai lầm.”

Rồi chết, bảy giờ bảy mươi hai tuổi.

Con của Khải là Y, ban đầu làm Hoàng môn thị lang, sau ra lĩnh bộ khúc, được bá làm Thiên tướng quân. Sau khi Khải chết, Y về triều làm Thái tử trung thứ tử. Hữu quốc sử là Hoa Hạch dâng biểu tiến cử Y rằng:

“Y thể chất cường kiện, tài cán kiệt xuất, chí khí kiên cường, có tài làm thống soái, Lỗ Túc chẳng hơn được. Khi trước được triệu gọi, đi thẳng về kinh sư, lúc qua Vũ Xương, không hề lưu luyến ngoài đầu, quân tư trang khí giới, không lấy thứ gì, với việc quân thì quả cảm cương nghị, với tài vật lại rất biết kiềm chế giữ tiết. Hạ Khẩu, là chỗ xung yếu chống giặc, nên tuyển danh tướng để trấn thủ chỗ ấy, thần trộm nghĩ rằng, tuyệt chẳng có ai thích hợp hơn Y được.”

Khi trước, Hạo thường nuốt giận vì Khải mấy lần mạo phạm nghịch ý chỉ nhìn mặt mình, thêm nữa là Hà Định gièm pha không phải một lần, chỉ vì Khải là trọng thần, khó lấy phép tắc ràng buộc được, lại nữa là bảy giờ Lục Kháng làm Đại tướng ở ngoài cõi, cho nên giữ ý nhẫn nhịn. Sau khi Kháng chết, Hạo đây gia quyến Khải đến Kiến An.

Có người nói là năm Bảo Định nguyên niên, tháng mười hai, Khải cùng Đại tư mã là Đinh Phụng, Ngự sử đại phu là Đinh Cổ bàn mưu, nhân lúc Hạo bá yết tổ miếu, muốn phế Hạo lập con của Tôn Hưu. Bảy giờ Tả tướng quân là Lưu Bình lĩnh binh làm tiền khu, cho nên bí mật nói nhỏ với Bình, Bình cự tuyệt không theo, nhưng thề là không tiết lộ chuyện, vì thế mưu ấy không thành. Thái sử lang là Trần Miêu tấu với Hạo là trời đã lâu không mưa, khí gió thổi ngược, sắp có mưa ngầm, Hạo rất lo sợ cảnh giặc.^①

① Ngô lục chép: Theo phép tắc xưa về việc bá yết tông miếu, phải tuyển lựa một viên Đại tướng lĩnh ba nghìn quân làm phòng vệ,

Khải muốn dựa vào quân ấy để mưu tính, lệnh cho quan tuyển quân bẩm là dùng Đinh Phụng. Hạo ngẫu nhiên không muốn, nói:

- Chọn lại.

Khải lệnh sai quan tuyển tướng bảo lưu ý kiến, nói là tuy có người tạm thời kiêm việc, nhưng nói nên tuyển đúng người. Hạo nói:

- Dùng Lưu Bình.

Khải lệnh cho con mình là Y bàn mưu với Bình. Bình vốn có hiềm khích với Đinh Phụng, Y chưa kịp truyền ý của Khải, Bình nói với Y rằng:

- Nghe nói có con lợn rừng chạy vào trại của Đinh Phụng, đấy là điềm dữ vậy.

Rồi có sắc vui mừng. Y không dám nói, quay về, nhân đó bẩm hết với Khải, cho nên việc mới dùng.

Ta⁽¹⁾ tập hợp được hai mươi điều mà Khải can gián Hạo từ những người ở vùng Kinh, Dương, tìm hỏi rộng người ở nước Ngô, đa phần bảo rằng không nghe nói Khải có bài biểu ấy. Lại xét thấy lời văn ấy rất thiết tha chính trực, e rằng Hạo chẳng khoan dung nhẫn nhịn với lời biểu ấy. Có người cho rằng Khải giấu tờ biểu ấy trong hòm sách, chưa dám nói lộ ra ngoài, lúc Khải bệnh khốn, Hạo phái Đồng Triều đến thăm và hỏi cái điều mà Khải muốn nói, nhân đó Khải đem bài biểu giao phó cho Triều. Thật giả khó rõ, cho nên ta không chép vào thiên này, nhưng vì thích lời văn chỉ trích các việc sai lầm của Hạo, đủ để làm lời răn cho hậu thế, cho nên ta sao chép vào bên dưới của *Lục Khải truyện* vậy.

Hạo phái người thân cận là Triệu Khâm miệng truyền chiếu thư đáp lại bài biểu lúc trước của Khải rằng:

¹ Ta, là lời tự xưng của chính tác giả cuốn *Tam quốc chí*, là Trần Thọ vậy.

"Cô hành động tất phải noi theo Tiên đế, sao ngài không phục? Lờn mà ngài can gián là sai vậy. Lại nữa là cung Kiến Nghiệp có bất lợi, nên Cô tránh chỗ ấy, mà cung thất phía tây mái hiên mục nát, nên ứng kế dời đô, sao không thể dời chuyển nhĩ?"

Khải dâng sớ rằng:

"Thần trộm thấy bệ hạ từ lúc chấp chính đến nay, âm dương không hòa, ngũ tinh⁽¹⁾ chệch lối, quan lại ở sở quan bất trung, gian đảng hòa vào nâng đỡ nhau, đấy là bệ hạ không noi theo những điều mà Tiên đế đã đặt ra vậy." ①

"Người hưng nghiệp Đế vương, vâng chịu mệnh trời, việc sửa sang là ở đức chính, há tại cung thất sao? Mà bệ hạ chẳng hỏi han đến các bậc công khanh, thiện tiện vội vã theo ý mình, sáu quân buồn bã tan lìa, nghịch phạm trời đất, trời đất giáng phạt, mới có lời đồng dao kia vậy. Ví bằng khiến cho bệ hạ được yên ổn một mình, trăm họ khổ đau lao nhọc, lấy gì để cai trị thiên hạ đây? Đấy là điều thứ nhất bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Thần nghe nói rằng nước lấy người hiền làm gốc, nhà Hạ giết Long Phùng,⁽²⁾ nhà Ân được Y Chí,⁽³⁾ đấy là việc đã minh chứng rõ ràng từ thời trước, là tấm gương cho hôm nay vậy. Trung thường thị Vương Phồn là người hiểu thấu lý lẽ từ tâm tạng, ở chốn triều đường nói thẳng, là trọng trấn của xã tắc, là Long Phùng của Đại Ngô vậy, nhưng bệ hạ giận Phồn nói lời khó nghe, ghét cái đối đáp thẳng thắn của Phồn, chém bêu đầu giữa điện đường, quăng bỏ thi hài. Người trong nước đau lòng, kẻ hiền biết xót thương lo nghĩ, hết thấy cho là

¹ Ngũ tinh tức năm vì tinh tú trên trời, đó là Tuế tinh (sao Mộc) ở phương đông, Huỳnh Hoắc (sao Hỏa) ở phương nam, Trấn tinh (sao Thổ) ở giữa trời, Thái Bạch (sao Kim) ở phương tây, Thần tinh (sao Thủy) ở phương bắc.

² Long Phùng (龙逢), có sách chép là Long Bàng (龙逢), nhân vật huyền sử, là đại thần của vua Kiệt nhà Hạ. Vua Kiệt không quan tâm đến chính sự, làm mệt sức dân, xa hiền thần, gần kẻ tiểu nhân, xây dựng cung thất đền đài, ham rượu, say mê nàng Muội Hi. Long Phùng hết mực can ngăn, vua Kiệt giận, giết Long Phùng.

³ Y Chí (伊挚): Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 109 (Vũ đế ky).

Phù Sai của nước Ngô sống lại. Tiên đế thân gần người hiền, bệ hạ lại làm trái ngược với điều ấy, đây là điều thứ hai bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Thần nghe nói Tể tướng là rường cột của quốc gia, chẳng thể không cứng mạnh, thế nên nhà Hán có sự phò tá của Tiêu Hà, Tào Tham, Tiên đế có sự giúp đỡ của bọn Cố Ung, Bộ Chắt. Nhưng Vạn Úc là kẻ tài kém khí chất tầm thường, trước đây từ phận gia nô, được vượt bậc đeo dây thao vào cung, với Úc mà nói thì ân quá hậu, đối với quốc gia đã vượt quá phép thường, nhưng bệ hạ yêu thích tài mọn của Úc, chẳng xét xem hùng tài đại chí của hần thế nào, cho hần vinh dự giữ ngôi Thừa tướng, vượt trên cả cưu thần. Người hiền tài nổi giận, kẻ trí sĩ phẫn nộ, đây là điều thứ ba bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Tiên đế yêu dân hơn cả yêu con đỏ, dân không có vợ thì đem thiếp gả cho họ, thấy người mặc áo mỏng thì đem gấm lụa cấp cho họ, xương khô chẳng có ai thu nhặt thì đem chôn cất họ. Nhưng bệ hạ lại làm trái ngược với điều ấy, đây là điều thứ tư bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Xưa kia Kiệt, Trụ bị diệt bởi yêu phụ, U, Lệ họa loạn bởi thiếp yêu,⁽¹⁾ Tiên đế soi xét việc ấy, lấy đó để răn mình, cho nên bên cạnh không bố trí gái đẹp dâm tà, hậu cung không chứa nhiều mỹ nữ. Nay trong cung kể đến vạn người, không đặt nữ quan, bên ngoài nhiều đàn ông không vợ, bên trong đàn bà lại oán than. Mưa gió nghịch phép, chính bởi thế mà nổi lên, đây là điều thứ năm bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Tiên đế lo lắng vạn bề, vẫn còn sợ có sai lầm. Bệ hạ từ lúc nối ngôi đến nay, vui chơi ở hậu cung, bị mê hoặc bởi phụ nữ, lại khiến hính sự hoang phế, quan lại ở dưới bao dung kẻ gian, đây là điều thứ sáu bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

¹ Vua Kiệt say đắm nàng Muội Hỉ, vua Trụ mê mẩn với nàng Đát Kỷ; hai người đàn bà đẹp này được ví như hai con yêu quái làm hại chính sự; Còn U, Lệ tức là hai vua U vương và Lệ Vương của nhà Chu, U vương cũng say mê nàng Bao Tự, xé lụa làm vui, đốt thành làm trò tiêu khiển; với Lệ vương chỉ thấy sử sách nói ông là người tàn ác, xa xỉ, làm nhiều chuyện bạo ngược, không rõ ông có người thiếp yêu nào làm nghiêngng ngửa triều đình.

"Tiên đế ưa chuộng sự chất phác thành thật, phục sức không có hoa văn tinh xảo, cung điện không như đài cao, đồ vật không chạm trổ trang trí, cho nên nước giàu dân sung túc, kẻ gian không nổi lên. Mà bệ hạ trung thu thuế khóa ở châu quận, kiệt tài lực của dân, đất đai hoang tàn, cung điện đỏ son, đấy là điều thứ bảy bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Tiên đế bên ngoài cậy vào Cố, Lục, Chu, Trương, bên trong thân gần với bọn Hồ Tổng, Tiết Tổng, vì thế chính sự vui hòa, trong nước thanh tĩnh. Nay thì bên ngoài không có người gánh vác việc như bọn ấy, bên trong không có người như bọn kia, Trần Thanh, Tào Phụ, là bọn tiểu lại khí cục hèn kém, là bọn mà Tiên đế đã bỏ đi, nhưng bệ hạ sung hạnh chúng, đấy là điều thứ tám bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Tiên đế mỗi khi yến hội gặp quần thần, giảm bớt rượu nồng, bày tôi ở dưới hết ngày không có gì thất thố, trăm quan bày tôi, đều bày kế ý kiến của mình. Nhưng bệ hạ câu thúc họ để xét sự kính trọng của họ, sợ rượu uống không hết. Rượu là để thành lễ, uống quá thì bại đức, đấy không khác gì Thương Tân⁽¹⁾ uống rượu thâu đêm, đấy là điều thứ chín bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Trước đây hai vua Hoàn, Linh của nhà Hán, thân gần với yêm hoạn, rất mất lòng dân. Nay bọn Cao Thông, Chiêm Liêm, Dương Độ, là Hoàng môn tiểu nhân, nhưng bệ hạ ban thưởng tước lớn, cho quyền nắm quân đội. Nếu ở bãi sông có nạn, đài lửa hiệu nổi lên, thì uy vũ của bọn Độ rõ ràng là chẳng thể ngăn chặn được giặc là việc rõ ràng, đấy là điều thứ mười bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Nay con gái trong cung đã chứa đầy, mà Hoàng môn lại chạy đến châu quận, đưa thông cáo lấy con gái trong dân, kẻ có tiền thì được tha, không có tiền thì bắt lấy, oán thán vang đường, mẫu tử quyết biệt, đấy là điều thứ mười một bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

¹ Thương Tân, tức nói vua Trụ vậy.

"Vào thời Tiên đế còn tại thế, cũng nuôi dưỡng các Vương thái tử, nếu có người được chọn làm nhũ mẫu, thì chồng của người ấy làm lao dịch, được ban tiền của, được cấp lương ăn, lúc sai nhũ mẫu quay về, vẫn xem họ như con gái. Nay thì không như thế, chồng vợ chia lìa, chồng vẫn làm sai dịch, trẻ con theo sau mà chết, nhà cửa trống không, đấy là điều thứ mười hai bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Tiên đế than rằng: 'Nước lấy dân làm gốc, dân lấy lương làm đầu, thứ nữa là y phục, ba điều ấy, Cô còn khắc khoải ở trong lòng.' Nay thì không như thế, nông tang đều hoang phế, đấy là điều thứ mười ba bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Tiên đế chọn quan lại, chẳng câu nệ họ xuất thân thấp hèn, sai họ gánh vác việc ở thôn xóm, kiểm nghiệm thành quả của họ ở công việc, người đê cử không hư hao, kẻ nhận chức không làm xằng. Nay thì không như thế, kẻ rỗng tuếch phù phiếm được nhậm dụng, bè đảng tiến cử nhau, đấy là điều thứ mười bốn bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Quân sĩ của Tiên đế, không dùng vào việc lao dịch, sai họ mùa xuân chỉ biết việc trồng trọt, mùa thu chỉ gặt lúa, bãi sông có việc, thì yêu cầu họ ra sức đến chết. Quân sĩ ngày nay, phải lao dịch nhiều, lương trong kho ban cho chẳng đủ, đấy là điều thứ mười lăm bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Thường là để khuyến khích kẻ có công, phạt là để ngăn cấm kẻ gian, thưởng phạt không đúng, thì sĩ dân tan mất. Nay tướng sĩ ở ven sông, chết chẳng được ai xót thương, lao nhọc chẳng được thưởng, đấy là điều thứ mười sáu bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Nay các Giám ti ở sở quan, làm việc nhiều phiền toái, lại thêm nội sử truyền mệnh, nhiễu loạn ở trong, một người dân mười viên quan, làm sao kham nổi? Thời Cảnh đế lúc trước, người Giao Chỉ phản loạn, thực bởi nguyên do ấy mà nổi dậy, đó là bệ hạ noi theo lỗi lầm của Cảnh đế, đấy là điều thứ mười bảy bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy."

"Hiệu sự, là cừu thù của quan dân. Năm cuối thời Tiên đế, tuy có Lã Nhất, Tiền Khâm, nhưng không lâu đều bị giết sạch, để tạ lỗi với trăm

họ. Nay lại cho lập ra chức Hiệu tào,⁽¹⁾ xúi giục quan lại cáo giác nhau, đấy là điều thứ mười tám bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy.”

“Vào thời Tiên đế, người giữ chức quan đều được ở chức vị của mình lâu, rồi mới khảo xét công tích để cất nhắc hoặc bãi truất. Nay các trưởng quan của châu huyện, có kẻ chấp chương chính sự không được bao lâu, liền trưng triệu chuyển chuyển, nghênh tân tống cựu, rôi rít trên đường, hao của hại dân, như thế là quá lắm, đấy là điều thứ mười chín bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy.”

“Tiên đế mỗi khi xét bản tấu thì phân tích trọn vẹn, chỗ đáng lưu tâm thì suy tìm bằng cứ, vì thế trong ngục không có người bị tù oan, kẻ chết phải ngậm hờn. Nay thì trái lại với việc ấy, đó là điều thứ hai mươi bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy.”

“Nếu lời nói của thần có thể được chọn chép, hãy cất giấu nơi mình phủ; nếu lời ấy là hư hao xằng bậy, xin hãy trị cái tội của thần. Mong bệ hạ lưu tâm.” ②

① Giang Biểu truyện chép lời biểu của Khải rằng:

“Thần bái nhận mình chiếu, trong lòng khí uất khó tan. Sao tâm ý của bệ hạ khó tỉnh ngộ, lý rất không thông như vậy được!”

② Giang Biểu truyện chép: Việc làm của Hạo ngày càng bạo ngược, Khải biết Hạo sắp bại vong, dâng biểu rằng:

“Thần nghe nói rằng việc ác không nên tích chứa, lầm lỗi chẳng nên kéo dài; tích ác chứa lỗi, là nguồn gốc của tang loạn vậy. Vì thế cổ nhân sợ chẳng nghe được lỗi sai, mới bày cờ để tiến dẫn lời hay, dựng trống mong cầu lời can gián. Vũ công chín mươi tuổi, còn nghe lời khuyên răn, Kinh Thi khen ngợi cái đức của Vũ công, kẻ sĩ yêu thích việc làm của ông ấy.⁽²⁾ Thần xét thấy bệ hạ không nghĩ đến cái nghĩa nghe lời

¹ Chức này tương tự như Hiệu sự thời Tôn Quyền, chuyên thẩm tra việc làm của các quan lại và dân chúng, ai có sai phạm thì tấu bẩm, hặc tội để trừng trị.

² Vệ Vũ công (衛武公) thời Xuân Thu, sống cùng thời với vị vua đời thứ mười ba của nhà Chu là Chu Bình vương, thời ấy nước Vệ cường thịnh đứng đầu chư hầu, từng giúp nhà Chu bình định Nhung Địch phương bắc. Vũ công chín mươi tuổi vẫn khiêm cung kính can nghe lời can gián, rất được kẻ sĩ tán thưởng.

khuyên răn, mà lại dần dần tích chứa việc ác, thần rất lấy làm lo lắng, đấy là cái điềm họa đã thấy được rồi. Cho nên thần bày tỏ sơ lược những điều cốt yếu của việc ấy, để dốc hết lòng ngu. Bệ hạ nên dẹp bỏ cái ý muốn sai lầm của mình để lập lại lễ nghĩa, noi theo đức tốt của người xưa, chẳng nên vút bỏ lời nói của thần, mà buông thả theo cái ý riêng xa xỉ. Xa xỉ theo ý riêng thì thỏa chí, quan lại lừa dân giữa ban ngày; dân chia rẽ thì người trên không tin kẻ dưới, kẻ dưới sẽ ngờ vực người trên, cốt nhục xung khắc nhau, người trong nhà tranh hơn với nhau. Thần tuy ngu dốt, tối tăm về thiên mệnh, lấy lòng mình xét đoán, việc bại vong chẳng quá hai mươi năm nữa vậy. Thần thường cảm phần quân vương vong quốc là Hạ Kiệt, Ân Trụ, cũng chẳng muốn khiến cho người sau lại cảm giận bệ hạ vậy. Thần nhận quốc ân, thờ phụng triều chính đã ba đời, còn lại tuổi thừa, may gặp bệ hạ, chẳng thể theo thói tục, cùng chìm nổi với mọi người. Như Tỉ Can, Ngũ Viên, vì trung tín mà bị phanh thây, vì ngay thẳng mà bị ngờ vực,¹ thần tự cho là mình đã vẹn toàn đầy đủ, không có gì ân hận nữa, dù thịt nát xương tan dưới hoàng tuyền, cũng không phụ lại Tiên đế, xin bệ hạ suy nghĩ cho cái lâu dài, thì xã tắc vẫn còn."

Khi trước, Hạo mới dựng cung điện, Khải dâng biểu can gián, Hạo không nghe, Khải lần nữa dâng biểu rằng:

"Thần nghe nói cung điện đang dựng, sớm khuya sợ hãi không yên, vì thế luôn phiên nào hướng về triều dâng tấu chương, vẫn thường ở lại trong triều, không thấy thư hồi đáp, khi về ấp thở than, mong ngóng tường tượng có đáp thư. Lúc mới ăn xong, thần nhận chiếu rằng: 'Lời mà ngài can gián, thực rất ý nghĩa, nhưng chưa hợp ý mọn của trẫm. Vì sao? Cung điện ấy bất lợi, nên phải tránh đi, sao có thể lấy việc ngại lao dịch, mà ngồi mãi ở cái cung điện bất lợi được? Cha ở đó bất an, con cũng dựa vào chỗ đó sao?' Thần bái lạy nhận chiếu, cúi đọc một lượt, bất giác khí kết uất trong lồng ngực, mà nước mắt rơi như mưa vậy."

"Thần nay đã sáu mươi chín tuổi, vinh lộc đã nhiều, với thần là quá cả ước muốn rồi, còn mong mọi gì đâu? Sở dĩ thần siêng năng nhiều lần dâng lời thông thiết, vì thần cúi nghĩ đến Đại hoàng đế khai sáng nền

¹ Tỉ Can (比干): Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 263 (Cao Quý hương công Tào Mao truyện); Ngũ Viên (伍員): Xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 101 (Mao Giới truyện).

mòng dựng cơ nghiệp, lao khổ chuyên cần, tóc mai mọc trắng, thân già vẫn mang giáp trụ. Thiên hạ mới yên, Đại hoàng đế đã sớm băng hà, từ những kẻ kiêu lời, đến bọn hay nói năng, chẳng ai không sụt sịt, như khóc tang cha mẹ. Chúa nhỏ kế tự, quyền bính ở kẻ bầy tôi, quân sĩ có phí tổn chinh chiến liên miên, dân chúng có tổn hại điều linh tàn tạ. Tặc thần tham dự chính sự, của công rỗng không. Nay cường địch ở trên đường, Tây châu nghiêng lật, trợ trợ không có cứu viện mà dân mỗi mệt, nên phải dưỡng sức dân, ra sức với tứ nghiệp, để phòng bị môi lo. Và như lúc bắt đầu dời đô, chợt gặp việc quân, chiến sĩ lìa tan, châu quận nhiễu động, mà đại hưng công dịch, trưng dụng nhân tài vật lực của bốn phương, đây thực không phải là phép giữ nước sửa trị vậy."

"Thần nghe nói bậc nhân chủ, trừ họa thì dùng đức, sửa lỗi thì dùng nghĩa. Cho nên vua Thang gặp đại hạn, tự thân cầu đảo ở Tang Lâm;⁽¹⁾ sao Huỳnh Hoắc phạm sao Tâm, Tống Cảnh lui khỏi cung điện,⁽²⁾ vì thế đại hạn tiêu vong, sao xấu chuyển dời. Nay bất lợi ở cung thất, chỉ nên dẹp bỏ cái ý muốn sai lầm của mình để lập lại lễ nghi, chân thành theo cái chí đạo của Thang, Tống, xót thương cho nỗi khốn khổ của lê dân, lo gì cái bất an ở cung điện, sợ gì tai vạ chẳng tiêu trừ? Bệ hạ chẳng chuyên tâm sửa đức, mà chuyên chú vào xây đắp cung thất, nếu chẳng sửa đức chính, không quý đức hạnh, đâu có là Dao Đài của Ân Tân, A Phòng của Tần Hoàng, sao ngăn nổi việc chết thân lật nước, tông miếu thành gò đống đây?⁽³⁾ Ôi, đại hưng thổ mộc, đắp đài cao, dẫn đến thủy

¹ Tang Lâm là tên một địa danh cổ, ở địa phận nước Tống. Sách *Hoài Nam tử* nói: "Thời vua Thang, hạn hán bảy năm, vua Thang tự thân cầu đảo ở Tang Lâm."

² Tống Cảnh công (宋景公), là vị vua thứ 28 của nước Tống thời Xuân Thu. Lúc có điềm sao xấu (Huỳnh Hoắc chủ chiến tranh, ở giữa bầu trời), quan xem thiên văn báo là vua sẽ chết, đề nghị là làm phép chuyển tai ương ấy sang cho quan tể tướng, Cảnh công nói: "Tể tướng như tay chân của ta, không làm thế được." Quan xem sao lại đề nghị chuyển tai ương ấy sang cho dân chúng, Cảnh công nói: "Dân là gốc của nước, sao làm thế được." Quan xem sao lại đề nghị chuyển tai họa sang mùa màng, Cảnh công nói: "Dân sống nhờ mùa màng, mất mùa dân sao sống được." Cuối cùng Cảnh công ra khỏi cung điện để chịu nạn, trời xanh thấu hiểu, đây sao xấu lệch đi ba độ, Cảnh công sống được thêm hai mươi một năm.

³ Dao Đài (瑶台) là cái đài dát ngọc do vua Trụ nhà Ân dựng để làm chỗ vui chơi; A Phòng (阿房) là cung điện cực lớn và tráng lệ do Tần Thủy Hoàng xây dựng. Cả hai vua Ân Trụ và Tần Hoàng đều vì cái ham thích của bản thân mình, chính sự hà khắc, vét tàn sức dân nên đều nhận cái kết cục sớm tiêu vong.

tai hạn hán, dân lại mắc nhiều bệnh tật, điều ấy chẳng phải nghĩ sao? Giúp cho cha được yên ổn lâu dài, mà khiến cho con không có chỗ dựa, đây là điềm báo con lìa bỏ cha, bây tôi xa lìa bề hạ vậy. Thần tử chia lìa cả, dầu nghĩ ngợi đến khắc vào xương, muốn ở mái nhà tranh không cắt xén, có ích lợi gì đây? Vì thế Đại hoàng đế ở Nam cung, tự cho là hơn cả cung A Phòng. Cho nên lúc các đại thần tiền triều, cho rằng cung điện nên làm cao lớn, đây đủ vinh hiển khác thường, Đại hoàng đế nói: 'Giặc còn kéo dài hơi tàn, phải nên yêu lấy trăm họ, sao lại vui thú với những việc không thiết yếu?' Nhưng bây tôi khẩn khoản chỉ thành, bởi thế bất đắc dĩ, cố điều hòa ở các quận xung quanh, để tạm yên lòng mọi người, rồi sắp đến lúc xây dựng, còn do dự ba năm. Đang lúc bấy giờ, giặc cướp sợ oai, không dám phạm biên cảnh nước ta, binh sự lên bậc, lại sang tây ngăn vùng Mân, Hán, nam châu vô sự, thế mà vẫn khiêm nhường, chưa chịu dựng cung điện, hướng chỉ bề hạ lên nô vào lúc nguy khó, lại kém đức so với Đại hoàng đế, há chẳng lo nghĩ sao? Xin bề hạ lưu tâm, thần chẳng dám nói lời hư hao."

Dận tự Kính Tông, là em của Khải vậy. Ban đầu làm Ngự sử, Thượng thư tuyển tào lang, Thái tử Hòa nghe thanh danh của Dận, đối đãi dùng dùng lễ đặc biệt. Gặp lúc bọn Toàn Ký, Dương Trú a đua xu phụ Lỗ vương Bá, cùng Hòa tranh giành, ngầm ngầm gièm pha chia rẽ nhau, Dận bị bắt tội hạ ngục, chịu hình phạt ác độc, cuối cùng không nói lời khác.①

① Ngô lục chép: Thái tử tự sợ bị phế truất, mà Lỗ vương rất có ý nhòm ngó. Quyền bấy giờ gặp Dương Trú, triệu tả hữu đến luận về tài năng của Bá, Trú kể rõ là Bá rất có phong tư mà kiêm tài văn võ, nên lập làm đích tự, vì thế Quyền bèn hứa lập Bá. Hữu cấp sứ quỳ ở dưới giường nghe thấy, đem hết những điều nghe được, đến báo cho Thái tử. Dận đang đến Vũ Xương, qua từ biệt Thái tử. Thái tử không gặp, nhưng mặc thường phục đến leo lên xe của Dận, cùng ngầm bàn bạc, muốn sai Lục Tốn dâng biểu can gián. Không lâu sau đó Tốn dâng biểu cực lực can ngăn, Quyền ngờ là Trú làm lộ việc ấy, Trú chối không nhận. Quyền sai Trú ra ngoài tìm hiểu nguyên có, Trú bẩm là thời khắc đó chỉ có Dận đi về phía tây, tất việc đó là do Dận nói. Quyền lại phái người hỏi

Tổn vì sao biết nguyên do ấy, Tổn nói là do Dận kể lại. Quyền cho triệu Dận về tra hỏi, Dận vì Thái tử nói giấu rằng: "Lúc trước Dương Trú nói với thần việc ấy." Vì thế cùng bị bắt vào ngục. Trú không chịu được đau đớn, chịu nhận là mình nói. Ban đầu Quyền ngờ Trú làm lộ chuyện, lúc Trú chịu nhận, Quyền cho là đúng như thế, bèn chém Trú.

Về sau Dận làm Hành Dương đốc quân đô úy. Năm Xích Ô thứ mười một, giặc người Di ở Cửu Chân, Giao Chỉ đánh diệt thành ấp, Giao châu nhiễu động. Triều đình dùng Dận làm Thứ sử Giao châu, An Nam hiệu úy. Dận vào địa giới cõi nam, dùng ân tín dụ dỗ, chuyên chú vào việc chiêu nạp, cừ sủng của giặc Cao Lương là bọn Hoàng Ngô và đồ đảng có hơn ba nghìn nhà đều ra hàng. Dận dẫn quân xuôi nam, trình trọng tuyên bố rõ thành ý, tặng họ tiền của. Đầu lĩnh của giặc hơn trăm người, dân chúng hơn năm vạn nhà, ở chốn thâm sâu không kiếm chế được, chẳng kẻ nào không cúi hàng, cõi Giao châu yên bình. Dận được gia thêm chức An Nam tướng quân.

Dận lại đi dẹp giặc ở huyện Kiến Lăng quận Thương Ngô, phá chúng, trước sau tuyển binh hơn tám nghìn người, để sung vào việc quân.

Năm Vĩnh An nguyên niên, Dận được triệu làm Tây Lăng đốc, phong tước Đô Đình hầu, sau chuyển làm (Tả) Hồ lâm.

Trung thư thừa là Hoa Hạch dâng biểu tiến cử Dận rằng:

"Dận thiên tính thông minh, tài hoa xuất chúng, trải chức Tuyền tào, công tích đáng ghi. Lúc về Giao châu, phụng tuyên ân mệnh, lưu dân theo dựa, góc bể thanh bình. Thương Ngô, Nam Hải, mỗi năm trước đây, có hại chuồng khí, gió giạt gãy cây, cát bay đá chuyển, khí bốc mịt mù, chim bay không qua. Dận đến quản châu, cuồng phong dứt tuyệt, khách đi yên bình, dân không dịch bệnh, ruộng cấy tốt tươi. Sở châu kề biển, mùa thu nước tràn, Dận lại chứa nước, dân được muối ăn. Ôn huệ trùm khắp, cảm hóa nhân thần, cây dựa oai trời, chiêu hợp

dân tan. Dân nhận chiếu thư, sắp dời Giao châu, dân cảm ơn đức, quên nhớ đất quê, công già dất trẻ, cam tâm tình nguyện, như bóng theo hình, dân không hai lòng, chẳng phiên quân vệ. Như lúc trước đây, chue tướng hợp binh, dùng uy bức hiếp, chưa ai như Dân, dùng ân kết giao. Nhận mệnh ở châu, được hơn chục năm, làm khách khác tục, nơi sinh trần ngoạn, thê thiếp trong nhà, chẳng đeo châu ngọc, không điểm phấn son. Sừng tê ngà voi, ngọc trai đôi mỗi, đều là vật báu, trong nhà không thấy, tôi thần hiện nay, ít người hơn được. Nay nên sắp xếp cho Dân ở gần xe vua, làm bày tôi tay chân cho vương thất, để cổ súy cho khúc hát Khang tai ca tụng cảnh thịnh thế thừa Đường Ngu. Nếu để Dân gánh vác việc nhỏ ở ven biên, là chẳng dùng hết cái tài của Dân, chúc Hồ lâm đốc trách việc tuyển lựa, có rất nhiều người làm được. Nếu triệu về kinh đô, sủng ái dùng làm Thượng ti, thì công nghiệp của triều đình tất được sửa sang, việc triều chính đều vui hòa vậy."

Dân chết, con của Dân là Thúc nối tự, làm Sài Tang đốc, Dương vũ tướng quân.

Năm Thiên Sách nguyên niên, Dân và anh họ là Y đều bị lưu đày đến Kiến An. Năm Thiên Kỷ thứ hai, triệu về Kiến Nghiệp, khôi phục chức Tướng quân và tước hầu.

Bình rằng: Phan Tuấn công chính liêm khiết, Lục Khải trung tráng ngay thẳng, đều có khí tiết cứng cỏi, có phẩm cách dụng nghiệp của bậc đại trượng phu. Dân một đời trong sạch, sự nghiệp trọn vẹn, nổi danh ở cõi nam, có thể gọi là quan cai trị giỏi vậy.

QUYỀN THỨ SÁU MƯƠI HAI

THỊ NGHI, HỒ TỔNG TRUYỆN



Thị Nghi tự Tử Vũ, người quận Bắc Hải huyện Doanh Lăng. Nghi vốn họ Thị, ban đầu làm Huyện lại, sau ra làm quan ở quận, Quận tướng là Khổng Dung treo cột Nghi, nói chữ "Thị" là chữ "Dân" không có nét trên, nên đổi thành chữ "Thị", vì thế Nghi đổi họ của mình thành Thị.⁽¹⁾ Về sau Nghi đến nương nhờ Lưu Do, tránh loạn ở Giang Đông. Do thua quân, Nghi dời về quận Cối Kê.

① Từ Chúng bình rằng: Cách đặt họ thời xưa, hoặc lấy theo nơi sinh ra, có khi lấy theo quan hiệu, hoặc lấy tên của tổ tiên, đều có quy củ nhất định, để nêu rõ họ tộc. Cho nên nói ban thường dùng đất đai mà ban mệnh cho đặt họ, đấy là phép tắc của tiên vương vậy, lý do là để làm sáng tỏ cội nguồn và trọng cái thừa ban đầu, biểu chương công đức của họ, khiến con cháu không quên vậy. Nay tách văn chẻ chữ, tự nảy ý tránh húy, khiến Nghi đổi họ, quên gốc gác tổ tông, chẳng cũng xằng bậy sao! Khiến người khác đổi họ, là xúi bẩy người ta cải dòng tộc, Dung đã có lỗi về việc ấy, Nghi lại theo là không được vậy.

Tôn Quyền kế nối năm đại nghiệp, viết thư dùng lời văn cao đẹp triệu Nghi. Nghi đến nơi rất được yêu mến trọng dụng, cho phụ trách việc cơ mật, bái làm Kỵ đô úy.

¹ Họ của Nghi ban đầu là Thị (氏), nghĩa là chi nhánh, ngành họ. Khổng Dung treo là chữ Dân (民), có nghĩa là người dân, nếu bỏ một nét ngang ở trên là giống với chữ Thị (是), nghĩa là đúng hay phải, vì thế Nghi đổi họ của mình thành họ Thị (是). Hai chữ "Thị" đọc thì giống nhau, nhưng ý nghĩa và cách viết thì khác hẳn.

Lã Mông mưu đồ tập kích Quan Vũ, Quyền đem việc hỏi Nghi, Nghi khen kế ấy, khuyên Quyền nghe theo.

Nghi theo đi đánh Vũ, được bái làm Trung nghĩa Hiệu úy. Nghi tỏ lời cảm tạ, Quyền lệnh nói:

- Cô dâu không phải là Triệu Giản Tử, khanh há chẳng khuất mình làm Chu Xá được sao?⁽¹⁾

Định xong Kinh châu, Quyền đòi đô đến Vũ Xương, bái Nghi làm Bì tướng quân, sau phong tước Đô đình hầu, tạm giữ chức Thị trung. Quyền muốn lần nữa trao binh cho Nghi, Nghi tự thấy mình không có tài cầm quân, cố từ không nhận.

Năm Hoàng Vũ trung, Quyền phái Nghi tới huyện Hoàn nhận chức ở chỗ tướng quân Lưu Thiệu, muốn dụ lừa Tào Hưu. Hưu đến, bị đánh tan, Nghi được thăng làm Thiên tướng quân, rồi về triều coi xét việc của Thượng thư, ngoài thì tổng lĩnh các quan lại, kiêm quản việc tổ tụng, lại nhận mệnh dạy các công tử học sách vở.

Đại giá đòi về đông, Thái tử Đăng ở lại trấn Vũ Xương, Quyền sai Nghi giúp Thái tử. Thái tử kính trọng Nghi, có việc hỏi Nghi trước, rồi mới thi hành. Nghi được tấn phong tước Đô hương hầu. Sau đó Nghi theo Thái tử về Kiến Nghiệp, được bái làm Thị trung, Trung chấp pháp, tổng lĩnh các quan lại, quản việc tổ tụng như trước.

Diễn hiệu lang là Lã Nhất vu cáo cố Thái thú Giang Hạ là Điều Gia phi báng quốc chính, Quyền giận, bắt Gia tống ngục, thẩm vấn rất kỹ để chứng nghiệm. Bấy giờ những người cùng ngồi đều sợ Nhất, nói có nghe thấy việc đó, riêng Nghi nói không nghe thấy gì. Vì thế bị cật vấn gắt gao nhiều ngày, chiếu chỉ sai

¹ Triệu Giản Tử (赵简子), Chu Xá (周舍): Xem chú thích ở tập VIII, quyển 57, trang 75 (Ngu Phiên truyện).

thăm vấn nghiêm khắc, quần thần vì thế khấp nép không dám thờ. Nghi đáp:

- Nay đao của đã kề cổ thần, thần há dám giúp Gia giấu giếm, tự nhận cái họa di diệt, làm con quỷ bất trung sao! Chỉ là thần muốn bệ hạ biết được gốc rễ ngọn ngành của sự việc.

Nghi cứ sự thực đối đáp, cung từ chẳng hề thay đổi. Quyền bèn tha cho Nghi, Gia cũng được thoát.^①

① Từ Chúng bình rằng: Thị Nghi phạm là lữ khách phương khác, làm khách sĩ ở triều Ngô, gặp lời gièm pha điên đảo, đối diện với cái uy nghiêm của Hoàng đế, ở thời khắc tính mệnh treo lơ lửng, vạ nguy ngay trước mắt, không theo tiếng phụ họa để hại người, chẳng cầu thả thoát thân để tổn thương đạo nghĩa, có thể nói là kẻ sĩ trung dũng công chính, dẫu Kỳ Hề cứu Thúc Hướng, Khánh Kỵ giúp Chu Vân,⁽¹⁾ lấy gì hơn được? Trung thì không siểm nịnh vua, dũng thì chẳng sợ oai thế, công thì không nghĩ cho riêng mình, chính thì chẳng theo tà đảng, có bốn đức tính ấy, lại thêm sáng suốt mà có đức, địa vị tôn quý mà nhún nhường thận trọng, hành vi hòa thuận, làm sư phó của nhị cung, giữ được tiếng tăm mà yên thân, chẳng phải là rất tốt sao!

Thừa tướng nước Thục là Gia Cát Lượng chết, Quyền quan tâm đến quan hệ với tây châu, phái Nghi đi sứ nước Thục để củng cố tình đồng minh. Nghi vâng mệnh đi sứ xưng ý chỉ, sau được bái làm Thượng thư bộ xạ.

¹ Kỳ Hề cứu Thúc Hướng: Xem chú thích ở tập IV, quyển 21, trang 242 (Lưu Bị truyện).

Chu Vân (硃云) là quan dưới thời Hán Thành đế, có lần tấu rằng: "Nay đại thần, trên không phò chúa, dưới không giúp dân. Nếu được ban bảo kiếm, thần nguyện sẽ chém một kẻ nịnh thần để răn chúng." Vua hỏi chém ai? Vân tâu: "An Xương hầu Trương Vũ." Vua giận nói: "Tiểu thần phạm thượng, không thể tha được." Bèn sai lính bắt giữ Vân, Vân treo lên xà ngang cung điện, xà gãy. Vân kêu to: "Thần mong được xé gan như Tì Can khi xưa là mãn nguyện, không biết thánh triều rồi sẽ ra sao?" Tả tướng quân Khánh Kỵ (庆忌) bỏ mũ, rập đầu kêu xin cho Vân, vua tha cho. Sau các quan đề nghị thay cây xà gãy, vua phán đừng thay, hãy sửa lại, để ghi nhớ hành động quyết liệt của kẻ trung thân. Chuyện này sau thành điển tích "Xé gan bè cột."

Hai cung Nam, Lỗ mới lập, Nghi giữ chức vị cũ là sư phó của Lỗ vương. Nghi không hài lòng vì địa vị của nhị cung gần ngang nhau, bèn dâng sớ rằng:

"Thần trộm nghĩ Lỗ vương có đức trời sinh, tư chất trội hơn người thường, tài kiêm văn võ, nay đang là lúc thích hợp để sắp đặt, nên sai đi trấn áp bốn phương, làm phen dậu che chắn cho quốc gia. Tuyên dương đức tốt, mở rộng uy vọng, mới là kế sách hay của quốc gia, là điều mà người khắp bốn cõi đều trông ngóng. Nhưng vì lời lẽ của thần thô lậu, chẳng thể bày tỏ được hết ý mình. Ngu thần cho là hai cung nên có hơn kém, phải có thứ tự trên dưới, để sáng tỏ cái gốc rễ của giáo hóa."

Thư dâng lên ba bốn lần.

Nghi làm sư phó tận trung, liên tục đưa lời can gián; với bề trên thì phụng sự chuyên cần, với người khác thì cung kính.

Nghi chẳng vun vén sản nghiệp, không nhận ân huệ của người khác, phòng ốc nhà cửa tiền của chỉ đủ dùng. Láng giềng của Nghi có người xây nhà lớn, Quyền ra ngoài từ xa trông thấy, hỏi người dựng ngôi nhà lớn đó là ai, tả hữu đáp rằng:

- Hình như là nhà của Thị Nghi.

Quyền nói:

- Nghi là người cần kiệm, tất không phải vậy.

Hỏi ra quả nhiên đấy là nhà của người khác. Nghi được Quyền hiểu và tin tưởng như thế.

Y phục của Nghi chẳng tinh chế, đồ ăn uống cực kỳ giản tiện, ưa cứu giúp người nghèo khổ, nhà không có đồ tích trữ. Quyền nghe chuyện, đến nhà Nghi, thấy ăn cơm rau, tự mình nếm thử, đối mặt Nghi mà than thở, lập tức tăng bổng lộc cho Nghi, thêm cho ruộng vườn. Nghi mấy lần nhún nhường từ chối, cho rằng ân huệ là mối lo.

Nghi luôn tiến cử cho người, chưa từng nói đến sở đoản của người khác. Quyền thường trách Nghi vì không nói bàn về chính sự, không biết xét đúng sai, Nghi đáp rằng:

- Thánh chủ ngồi trên, thần ở dưới giữ chức phận, sợ còn chưa xứng, thật không dám nói ra những lời ngu dốt hẹp hòi, để phạm nhiều đến tai thánh thượng.

Nghi phụng sự quốc gia mấy chục năm, chưa từng mắc lỗi lầm. Lã Nhất nhiều lần tấu bẩm về các văn võ đại thần,⁽¹⁾ có người bị hạch tội đến bốn lần, riêng Nghi không bao giờ bị tấu bẩm. Quyền than rằng:

- Nếu người người tận tâm như Thị Nghi, thì dùng đến luật pháp làm gì?

Lúc Nghi ốm nặng, di mệnh dùng áo quan mộc, tẩm liệm dùng thường phục, cốt sao cho giản tiện, tiết kiệm, năm tám mươi mốt tuổi thì chết.

Hồ Tống tự Vĩ Tắc, người quận Nhữ Nam huyện Cố Thủy. Thừa nhỏ mồ côi cha, mẹ đưa đi tránh nạn ở Giang Đông. Tôn Sách lĩnh chức Thái thú Cối Kê, Tống mười bốn tuổi, làm môn hạ nghe mệnh ở trong phủ, lưu lại huyện Ngô giúp Tôn Quyền cùng đọc kinh truyện. Sách mất, Quyền làm Thảo lỗ tướng quân, lấy Tống làm Kim tào tông sự, theo đi đánh dẹp Hoàng Tổ, bái làm Trưởng huyện Ngạc.

Quyền làm Xa kỵ tướng quân, lập đô phủ, triệu Tống về, làm Thư bộ, cùng Thị Nghi, Từ Tường đều nắm giữ việc quân quốc cơ mật.

¹ Lã Nhất, là quan Hiệu sự do Tôn Quyền đặt ra, để coi xét việc làm của các quan lại. Người này nhiều lần ra uy tác phúc, tấu bẩm tội các đại thần, gây nhiều loạn nước Ngô, sau vì việc gian phát lộ, bị giết.

Lưu Bị tiến đến Bạch Đế, Quyền thấy thiếu binh, sai Tổng tính toán tuyển binh lính tại các huyện, được sáu nghìn người, lập ra hai bộ quân Giải phiến, Tường lĩnh chức Tả bộ đốc, Tổng lĩnh chức Hữu bộ đốc.

Tướng nước Ngô là Tấn Tông làm phản theo Ngụy, nước Ngụy dùng Tông làm Thái thú Kỳ Xuân, địa bàn ở cách sông Giang mấy trăm dặm, nhiều lần vào cướp phá gây hại. Quyền sai Tổng và Hạ Tề đem khinh binh ngầm tập kích, bắt sống Tông, được thêm chức Kiến vũ Trung lang tướng. Nước Ngụy phong Quyền làm Ngô vương, Tổng, Nghi, Tường đều được phong tước Đình hầu.

Năm Hoàng Vũ thứ tám mùa hạ, có rồng vàng xuất hiện ở Hạ Khẩu, vì thế Quyền xưng tôn hiệu, nhân có điềm lành bèn đổi niên hiệu. Lại chế lá cờ Hoàng Long cực lớn, thường dựng ở trung quân, chư quân tiến lui, trông theo hướng của lá cờ ấy, Quyền lệnh cho Hồ Tổng sáng tác bài phú rằng:

*"Càn khôn dựng lập,
Tam tài mới sinh.⁽¹⁾
Thiên Lang⁽²⁾ hiển lộ,
Uy vũ thần linh.
Thánh nhân quan sát,
Bắt chước dụng binh,
Chế tác khí giới,
Mưu nghiệp quang minh.
Hoàng Đế, Thần Nông,
Sáng nghiệp Đế vương,
Khai mở hoàng cơ,
Trên thuận thiên ý,*

¹ Càn khôn chỉ vũ trụ, tam tài tức Thiên, Địa và Nhân.

² Sao Thiên Lang (sói trời), theo quan niệm thiên văn cổ Trung Quốc, đây là ngôi sao chủ về sự xâm lược bạo tàn.

Dưới trề họa nạn,
 Giúp dân yên bình.
 Cao Tân giết Cung,
 Thuấn đánh Hữu Miêu,
 Khải phạt Hữu Hổ,
 Thương chiến Minh Điều.
 Chu ở Mục Dã,
 Hán tại Cai Hạ,⁽¹⁾
 Ai chẳng dụng binh,
 Chiến chinh dụng nghiệp.
 Chối lò Đại Ngô,
 Trời cao giáng đức,
 Thần vũ trị quốc,
 Theo phép trời cao.
 Vì thế từ xưa,
 Hoàng Đế, Ngu Thuấn,
 Khai sáng nghiệp tổ,
 Qua thời Ngũ đại,
 Nối đến bây giờ.
 Đại Ngô ứng vận,
 Phát tại côi nam,
 Khôi phục đạo thánh,
 Thay ngôi Hoa Hạ.

¹ Đế Khốc (帝嚳), sinh ở Cao Tân, là cháu của Hoàng Đế. Năm 15 tuổi thụ phong ở đất Tân, 30 tuổi tức vị, lấy hiệu là Cao Tân thị (高辛氏); Cung, tức nói đến Cung Công thị (共工氏), bị Đế Khốc đánh dẹp, tiêu diệt bộ lạc.

Hữu Miêu (有苗) không hàng phục, vua Thuấn sai mùa vũ ở sân triều, bảy ngày sau rợ Hữu Miêu đến hàng; Hạ Khải (夏启) lên ngôi, triệu chư hầu, rợ Hữu Hổ (有扈) không đến, Hạ Khải đánh dẹp, diệt tộc Hữu Hổ.

Minh Điều (鸣条) là nơi vua Thành Thang đánh bại vua Kiệt, lập nhà Thương; Mục Dã (牧野) là nơi vua Văn vương đánh bại vua Trụ, lập nhà Chu.

Cai Hạ (垓下) là nơi Hán Cao tổ Lưu Bang đánh thắng Hạng Vũ, lập nhà Hán.

Nên ứng thiên thời,
 Dựng quân thần vũ,
 Noi theo Thái Nhất,⁽¹⁾
 Dịch chuyển vận hành,
 Bày đặt Ngũ tướng,
 Trấn giữ Tam môn;⁽²⁾
 Nhanh như điện chớp,
 Chậm như mây vẩn,
 Tiến lui có phép,
 Đơn giản dễ dàng,
 Không phiền không nhiễu.
 Tứ linh sắp bày,⁽³⁾
 Hoàng Long ở giữa,
 Bốn phía xung quanh,
 Dựng cờ nhật nguyệt,
 Đặt tên Thái Thường,
 Hiên ngang cao vút,
 Sáu quân trông cờ,
 Theo hướng dịch chuyển.
 Thiên thần ở trên,
 Soi chiếu bốn phía,
 Cờ thần trở hướng,
 Vận nước cát tường.
 Quân muốn chuyển hướng,
 Hoàng Long chuyển trước,
 Không phải gõ trống,
 Biển trận im lìm,

¹ Thái Nhất (太一), tức Đế tinh, là sao Bắc Cực vậy.

² Ngũ tướng (五將), là năm ngôi sao xung quanh sao Bắc Cực; Tam Môn (三门), là ba cửa tốt lành trong phép bói toán, đó là Khai môn, Hư môn, Sinh môn.

³ Tứ linh, tức Long, Ly, Quy, Phượng.

Ẩn hiện như thần,
 Thực là kỳ diệu.
 Trước kia Chu Vũ,
 Qua đò ngậm thư,⁽¹⁾
 Nay Đại Ngô ta,
 Hoàng Long báo hiệu.
 Ứng hợp Hà Lạc,⁽²⁾
 Vận theo thiên đạo,
 Trời giúp người hòa,
 Mọi người đều nói,
 Dích thị cát tường.”

Nước Thục nghe tin Quyền xưng đế, phái sứ giả nhiều lần đến duy trì quan hệ hữu hảo lúc trước. Tổng soạn bản minh ước, nghĩa văn rất hoa lệ, lời đã chép ở *Tôn Quyền truyện*.

Quyền dòi đô xuôi về Kiến Nghiệp, Tường, Tống cùng làm Thị trung, tấn phong tước Hương hầu, kiêm chức Tả, Hữu lĩnh quân.

Bấy giờ hàng nhân nước Ngụy có người nói rằng Đô đốc Hà Bắc của nước Ngụy là Chấn uy tướng quân Ngô Chất, hay bị triều đình nghi ngờ, Tống bèn trá viết thư hàng của Chất nêu ba điều.

Điều thứ nhất nói:

“Lưới trời đứt gãy, bốn bể tan lìa, trăm họ khốn khổ, sĩ nhân phiêu dạt, giặc nổi khắp nơi, ấp không người trú, khói lửa bốc bụi, khắp nơi đều thấy, từ thời Tam đại đến nay, thiên hạ đại loạn đã đến cực điểm, chưa thấy đời nào như bây giờ vậy.”

¹ Qua đò ngậm thư (sách): Xem chú thích ở tập I, quyển 2, trang 134 (Văn đế ky).

² Tức Hà đồ, Lạc thư. Đại khái, truyền thuyết nói, đời vua Phục Hi (伏羲), có con Long Mã, hiện ra trên sông Hoàng Hà, lưng mang một hình đồ, và vì vậy gọi là Hà đồ; Trên sông Lạc xuất hiện con rùa, trên lưng có cuốn sách, nên gọi là Lạc thư.

"Thần là Chất chí khí nông cạn, xử thế không có bản lĩnh, bị trói buộc ở trong cũi, chẳng thể cất cánh bay cao, vì thế làm người phục dịch việc binh của họ Tào, gửi thân ở đất Hà Sóc, nay đường đến thiên triều cách trở, dấu ngóng gió mộ nghĩa, nghĩ tới việc thác thân theo thiên mệnh, lại thẹn vì không có cơ duyên, để thi triển được cái chí của mình. Mỗi khi có người qua lại, thần vẫn trộm nghe phong tục và giáo hóa, biết rằng đức của bệ hạ sánh với càn khôn, rạng ngời như ánh nhật nguyệt, phong tư thần vũ, chất chứa lẽ tự nhiên, suy diễn phép tắc của trời cao, lưu truyền giáo hóa ra vạn dặm, từ Đại Giang xuôi nam, nhà nhà chịu ân che chở. Anh hùng tuấn kiệt, kẻ sĩ thông đạt, chẳng có ai không thực lòng ca tụng bệ hạ, vui vẻ tự mình đến quy phục vậy. Nay là cuối năm thứ sáu, nghe nói bệ hạ chọn được ngày đại cát, rồng vàng cất cánh, bệ hạ đăng cơ, khai rộng đạo sáng, chỉnh lý cương thường, khiến dân chúng khắp thiên hạ, tận mắt thấy được chân long thiên tử."

"Xưa kia Vũ vương phạt Ân Trụ, dân Ân cầm ngược ngọn giáo; Cao tổ giết Hạng Vũ, bốn phía vang tiếng Sở ca.⁽¹⁾ So với hình thế ngày nay, chưa đủ để sánh cùng. Thần là Chất chẳng thắng nổi chí nguyện của trời xanh, xin cẩn trọng phái người thân tín ở cùng quận là Hoàng Định kính dâng chương biểu, giả làm người hàng, nhân cơ hội thông tin tức, bày tỏ ý muốn của mình, xin chép ở dưới đây."

Điều thứ hai nói:

"Xưa kia Y Doãn rời nhà Hạ hàng nhà Thương, Trần Bình bỏ nước Sở theo nhà Hán, công tích chép vào tre lụa, danh truyền hậu thế, bậc quân chủ đời sau không cho rằng họ bội phản, mà cho là họ biết mệnh trời vậy."

¹ Hạng Vũ và Hán Cao tổ đánh một trận lớn tại Cai Hạ, Hạng Vũ thua rút vào thành. Cao tổ theo kế của Trương Lương, sai người quanh thành Cai Hạ hát giọng nước Sở, quân Sở bên trong ngã lòng, cho là quân Hán đã lấy được nước Sở nên người Sở mới đông như vậy, vì thế tan rã.

"Thần trước đây được họ Tào phát hiện rồi giao kết, bề ngoài tiếng là quân thần, nhưng bên trong thân như cột nhục, ân sâu nghĩa nặng, thân mật khó lìa, vì thế được nhận trách nhiệm ở một phương, thống quản quân lính vùng Hà Bắc. Đang lúc bấy giờ, chí hướng cao xa, mong mãi mãi cùng họ Tào cộng tử đồng sinh, chỉ sợ không dựng lập được công lao, chẳng thành sự nghiệp mà thôi. Đến lúc họ Tào suy vong, hậu tự kế nối, vua nhỏ cầm quyền chính, lời gièm mỗi ngày thêm hưng khởi. Đồng liêu thì dựa quyền thế hại lẫn nhau, kẻ khác chỉ mượn cơ hội thù dật lời phỉ báng, mà thần vốn thẳng thắn chất phác, không chịu cúi mình, tận mắt thấy mấy kẻ tiểu tử, đích xác có ý bức bách mình, đây cũng là chỗ sai lầm của thần vậy. Vì thế thần bị lời sàm của kẻ gian tà hãm hại, dẫn đến bị nghị ngờ, đoán là thần muốn phản. Dẫu kẻ biết rõ thực giả bảo chứng cho tấm lòng của thần, nhưng vào thời loạn thì lời gièm thắng thế, nỗi ngờ vực với thần vẫn còn, thần thường sợ rằng một sớm vô cơ mắc họa, trong lòng lo lắng dấm dút, như bước chân lên băng mỏng."

"Xưa kia Nhạc Nghị giúp Yên Chiêu vương lập công ở nước Tề, Huệ vương tức vị, nghị ngờ tước chức vị, vì thế bỏ Yên đến Triệu, công nghiệp cao đẹp không hề tổn hại. Đây há phải là Nhạc Nghị lòng sinh ý khác, đại khái là lo rằng công danh chưa lập được, mà họa đã kéo đến vậy. Lúc trước thần phái Thái thú Ngụy Quận là Chu Quang lấy tiếng là đi buôn bán, thác là kẻ phản trốn đến phương nam, chuyển đạt mật kế. Bấy giờ vì việc đường đột, chưa dám thiện tiện dâng trình tấu chương, chỉ sai Quang chuyển lời mà thôi. Thần cho rằng thiên hạ rút cục quy về một mối là điều có thể thấy được, đây là ý trời, không phải nước Ngô thì ở đâu đây? Dân chúng phương này, nghĩ đến việc làm thần dân của nước Ngô, vờn cổ nhón chân, chỉ sợ binh lính nước Ngô đến chậm thôi. Nếu thánh ân có chút tin tưởng tiếp nhận, thần sẽ đem cả Hà Bắc nghênh đón vương sư, lòng son thành thật, có trời cao chứng giám. Nhưng Quang đi đã qua năm, chẳng hề nghe thấy động tĩnh gì, chưa rõ ý của thần cuối cùng có được chuyển

đền chăng? Ngẩng trông than dài, tháng ngày mấy nổi, dầu người nước Lỗ ngóng Cao Tử, sao đủ so cùng!⁽¹⁾ Thêm nữa nay thân ngày càng bị bạc đãi, lời sàm tấu nổi lên, liên miên không dứt, thân tất phải nhận tai họa, chỉ sớm hay muộn thôi.”

“Thần ngầm suy xét rằng bệ hạ chưa tỏ ý tin ai, tất cho rằng Chất này thấu triệt cái đạo nhân nghĩa, chẳng thể làm cái việc bội phản như thế, cho rằng lời mà Quang truyền kể, hư nhiều thực ít, hoặc cho là trong việc ấy có kế mưu, mà không biết rằng kẻ bày tôi là Chất này vì lời sàm tấu bị ngờ, sợ phải nhận đại họa vậy. Nếu như Chất này đến ngày mắc tội, thân phải đến chỗ vạc đỉnh,⁽²⁾ trói mình đợi tội, đấy đại khái là bốn phận của kẻ làm thần tử vậy. Hôm nay thân vô tội, bỗng đâu bị gièm pha, sẽ mắc cái vạ Thương Ưởng, Bạch Khởi.⁽³⁾ Ngẫm nghĩ hình thế trước mắt, bỏ đi cũng đáng vậy. Chết mà chẳng có nghĩa, lại không bỏ đi sao! Nhạc Nghị lìa nước, Ngô Khởi trốn chạy, người quân tử thương cái cảnh ngộ không may của họ, chưa có ai trách chê họ vậy. Mong bệ hạ suy xét việc xưa nay, chẳng nên quá lạ với việc làm của Chất này.”

“Hoặc giả bệ hạ nghĩ rằng làm kẻ nhân thần mà mắc tội, thì nên như Ngũ Viên dâng hiến thân mình ra sức báo đáp, chẳng nên cầu may mưu tìm cái lợi cho mình. Nhưng hiện nay so với thời xưa, hình thế bất đồng, nam bắc cách nhau rất xa, sông hồ ngăn trở, tự mình không cử sự, sao thoát thân tránh họa được đây! Vì thế phải quên cái tiết của kẻ chí sĩ, mà nghĩ đến đạo nghĩa lập công vậy. Vả lại Chất này lại thấy

¹ Cao Hề (高奚), tự Tô Vọng, hiệu là Bạch Thò, lại xưng là Cao tử, sống ở thời vua Tề Hoàn công. Là hậu duệ của Tề Thái công, là quý tộc ở nước Tề. Nước Lỗ thời ấy có loạn, Cao tử vâng mệnh vua Tề dẫn quân sang ổn định chính trị nước Lỗ, xác lập vị trí quân chủ của Lỗ Hi công, nước Lỗ nhờ có Cao tử mới yên. Câu thành ngữ “do vọng Cao tử” sinh ra từ đây.

² Thời xưa có hình phạt nấu chín, người bị tội bị ném vào vạc dầu sôi.

³ Thương Ưởng (商鞅), Bạch Khởi (白起) đều là những người có công lớn với nước Tần, vì lời gièm pha bị chúa giết. Về Thương Ưởng, xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 120 (Vũ đế kỷ); về Bạch Khởi, xem chú thích ở tập III, quyển 12, trang 101 (Mao Giới truyện).

người nô tỵ của Tào thị, không phải là người được thiên mệnh phó thác, chính suy hình loạn, quyền bính bị bấy tôi soán đoạt, chư tướng chuyên quyền ra oai ở ngoài, đều tự mình làm chủ, chẳng có ai đồng lòng, sĩ tốt suy hao, kho tàng trống rỗng, kỷ cương bị hủy hoại, trên dưới đều hôn ám, thần nghĩ là trước sau sẽ có nhiều người hàng phản, bệ hạ tất nghe được tin này."

"Thôn tính kẻ yếu, đánh kẻ ám muội, nên ứng thiên thời, đây thực là lúc bệ hạ mưu tiến thủ, vì thế tiểu thần mạnh dạn xuất mưu hiến kế. Nay nếu nước Ngô tiến đại quân ra vùng Hoài, Tứ, chiếm cứ Hạ Bi, hai châu Kinh, Dương, nghe tiếng hưởng ứng, thần từ Hà Bắc cuốn chiếu mà về nam, hình thế nổi lên một khối, thì gốc rễ ổn định vững chắc. Binh ở Quan Tây bị trói buộc ở địa bàn phòng vệ của họ, hai châu Thanh, Từ không dám triệt quân thủ giữ, quân dư ở vùng Hứa, Lạc chẳng đây một vạn, ai có thể sang đông cùng bệ hạ tranh phong đây? Đây thực là thời cơ ngàn năm có một, chẳng thể không suy xét sâu xa mà mưu tính kỹ lưỡng được! Như ở địa phương thần quản, là nơi có nhiều ngựa hay, thêm nữa là vào giữa tháng ba, tháng tư, đúng lúc cỏ xanh um, người Khương Hồ thường xua ngựa ra chăn thả, thần ngầm tính toán, có thể lấy được ba nghìn con ngựa. Bệ hạ xuất quân, nên lựa thời gian ấy, đem theo nhiều quân kỵ để chọn ngựa. Đây đều là các tình huống mà thần dự liệu trước. Phàm là khi quân lính hai bên đối trận chẳng thể không xét rõ hư thực về nhau, như nay đích xác là lúc quân Ngụy yếu kém, có thể dễ dàng thủ thắng, bệ hạ hành động, người ứng theo tất đông. Trên yên định nghiệp lớn, khiến thiên hạ nhất thống, dưới khiến Chât này dựng lập được cái công phi thường, đây là ý trời vậy. Nếu kế chẳng được chọn dùng, thì đây cũng là ý trời vậy. Mong bệ hạ suy tính kỹ việc này, thần chẳng bày kể nhiều lần."

Việc thứ ba nói:

"Trước kia Hứa Tể Viễn bỏ Viên theo Tào, xuất mưu vạch kế, được thu nhận chọn dùng, rút cục phá vỡ quân của họ Viên, định cơ nghiệp

của họ Tào. Ví thử họ Tào không tin Tử Viễn, hoài nghi do dự, trong lòng chẳng quyết, thì thiên hạ hiện nay là của họ Viên vậy. Mong bệ hạ nghĩ kỹ việc ấy. Gần đây nghe nói thượng tướng ở biên cảnh là Diêm Phù, Triệu Tiếp muốn thuận theo giáo hóa, vì hô ứng không kịp thời, dẫn đến việc bại thân vong. Nay thần chân tâm thành ý, ở xa dâng tính mệnh, nếu lại hoài nghi, chẳng kịp thời hành động, khiến thần bị cô lập nơi tuyệt đại, gặp đại họa như Diêm, Triệu, sợ rằng kẻ có hùng tâm tráng chí trong thiên hạ muốn lập công, chẳng dám phò thác tính mệnh nơi bệ hạ nữa. Mong bệ hạ nghĩ kỹ việc ấy. Có hoàng thiên hậu thổ, thực nghe được lời nói của thần."

Văn tự ấy được lưu truyền, nhưng Chắt đã về triều làm Thị trung rồi.

Năm thứ hai, người ở Thanh châu là Ân Phồn quy hàng nước Ngô, dâng thư nói:

"Thần nghe nói vua Trụ vô đạo, Vi Tỉ sớm bỏ đi, Cao tổ khoan hậu anh minh, Trần Bình theo hàng trước. Thần nay hai mươi hai tuổi, bỏ làng rời cõi, đem thân theo về người có đạo, cậy nhờ trời cao và thần linh, được bình an đến nơi. Thần đến đã nhiều ngày, nhưng người coi việc chỉ xem thần như kẻ hàng, chưa phân biệt rõ ràng, khiến cho lời vi diệu của thần, không được chuyển đạt đến chúa thượng. Uất ức than thở, khi nào mới dứt được. Nay kính cẩn đến nơi cửa khuyết lạy dâng tấu chương, thỉnh cầu mong được dẫn vào triều kiến."

Quyền lập tức cho triệu vào cung. Phồn lạy tạ ứng đáp, lúc bày tỏ chính sự đương thời, nói bàn rất có phong thái. Tổng bảy giờ ngồi hầu, Quyền hỏi Phồn là người thế nào, Tổng đáp:

- Phồn dâng thư, từ ngữ khoa trương tương tự như Đông Phương Sóc, lời lẽ xảo biện tựa như Nễ Hành,⁽¹⁾ nhưng tài hoa thì không theo kịp bọn họ.

¹ Đông Phương Sóc (东方朔), xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 219 (Tể vương Tào Phương truyện). Nễ Hành (彌衡), xem tập II, quyển 10 (Tuân Úc truyện).

Quyền lại hỏi là Phồn có thể kham nổi chức quan gì, Tống đáp rằng:

- Không thể dùng để trị dân, hãy tạm dùng vào chức nhỏ ở kinh sư.

Quyền thấy Phồn đàm luận rất nhiều về hình ngục, dùng làm Đình úy giám. Tả tướng quân Chu Cứ, Đình úy Hác Phổ khen Phồn có tài vương tá, Phổ lại càng thân thiện với Phồn, thường than thở về nỗi khuất uẩn của mình. Về sau Phồn mưu phản, sự tình bại lộ bị giết,^① Phổ bị khiển trách liền tự sát. Cứ bị cấm chế, một thời gian dài mới được tha. Quyền bãi Tống làm Thiên tướng quân, kiêm chức Tả chấp pháp, quản việc tổ tụng.

Liêu Đông có việc, Phụ Ngô tướng quân là Trương Chiêu vì dùng lời lẽ gay gắt can ngăn quyền, Quyền vì bị kích động nổi giận, việc hòa hợp hai bên, khiến họ không oán hận, là nhờ Tống ra sức vậy.

① *Ngô thư* chép: Phồn có tài miệng lưỡi, Ngụy Minh đế sai tra phản đến nước Ngô, lệnh sai cầu lấy chức Đình úy, có đại thần bị trọng án thì nhân đó ly gián họ. Phồn làm Đình úy rồi, chúng nhân vì Cứ, Phổ thân thiết với Phồn, đều tới giao kết, thường tụ tập xe ngựa như mây, tân khách đầy nhà. Đến lúc việc bị phát giác, Phồn chạy trốn, bị bắt, khảo đả hỏi người cùng kết đảng, Phồn không chịu nói gì. Ngô chủ sai đem Phồn vào, hỏi rằng:

- Người hà tất phải để cho da thịt mình chịu khổ vì người khác?

Phồn nói:

- Tôn quân, đại trượng phu mưu việc, há không có đồng bọn sao! Kẻ sĩ cứng cỏi chịu chết, chẳng nên lôi kéo thêm người khác.

Bèn ngậm miệng mà chết.

Ngô lịch chép: Quyền hỏi Phổ:

- Khanh lúc trước rất xưng tụng Phồn, lại vì hấn mà oán vọng triều đình, khiến Phồn mưu việc phản loạn, đều có nguyên do từ khanh vậy.

Tổng bản tính thích rượu, sau khi uống rượu rất khoái hô hào, có lúc xua chén gạt cốc, đánh đấm những người ở xung quanh. Quyền vì yêu mến cái tài của Tổng, chẳng hề trách cứ Tổng vậy.

Kể từ lúc Quyền thống quản công việc, các thứ văn, cáo, sách, mệnh, thư từ, phù lệnh với nước lân bang, đại để đều do Tổng soạn chép vậy.

Ban đầu vì trong ngoài lắm việc, đặc biệt lập ra điều lệnh, quy định là nếu trưởng lại gặp tang sự, đều không được rời nhiệm sở về chịu tang, nhưng có mấy người phạm phép. Quyền lo việc ấy, sai triều thần thương nghị. Tổng nghị bàn cho rằng nên chế định điều luật cụ thể, nêu rõ đó là tội tử hình, theo phép trừng trị một người, ngày sau tất tuyệt hẳn. Quyền bèn chọn dùng lời bàn của Tổng, bởi thế việc rời nhiệm sở về chịu tang mới dứt.

Năm Xích Ô thứ sáu Tổng chết, con của Tổng là Xung nối tự. Xung tính cách hòa nhã, có văn tài, năm Thiên Kỷ trung làm Trung thư lệnh.^①

① *Ngô lục* chép: Xung về sau làm quan triều Tấn, giữ chức Thượng thư lang, Thái thú Ngô Quận.

Từ Tường tự Tử Minh, người Ngô Quận huyện Ô Trình, chết trước Tổng.

Bình rằng: Thị Nghi, Từ Tường, Hồ Tổng, đều là nhân tài thời Tôn Quyền hưng khởi sự nghiệp vậy. Nghi thanh cao, trung thành, chất phác, Tường mấy lần đi sứ truyền quân mệnh, Tổng có tài văn chương, câu từ đẹp để đắc dụng, đều được tín nhiệm, ví như cái mái nhà cao rộng, thì bọn họ là tay đòn để chống đỡ vậy!

QUYỀN THỨ SÁU MƯƠI BA
NGÔ PHẠM, LƯU ĐÔN, TRIỆU ĐẠT
TRUYỆN



Ngô Phạm tự Văn Tắc, người quận Cối Kê huyện Thượng Ngu. Vì tinh thông lịch số, biết phong khí, nổi tiếng trong quận. Được tiến cử làm Hữu đạo, đến kinh đô, vì thời thế động loạn không đi. Đúng lúc Tôn Quyền quật khởi tại đông nam, Phạm đem thân phụng sự, mỗi khi có điềm báo tai họa, Phạm thường suy đoán nói hình trạng, thuật của Phạm đa phần ứng nghiệm, vì thế nổi danh.

Khi trước, Quyền ở Ngô Quận, chuẩn bị đánh Hoàng Tổ, Phạm nói:

- Năm nay thảo phạt ít được lợi, chẳng bằng để đến sang năm. Sang năm là năm Mậu Tý, Lưu Biểu ở Kinh châu cũng thân chết nước vong.

Quyền đi đánh Tổ, rút cục không thắng. Năm sau, xuất quân, đi đến Tầm Dương, Phạm xem phong khí, rồi đến thẳng thuyền của Quyền chúc mừng, giục quân lính gấp rút lên đường, đến nơi lập tức phá được Tổ, Tổ nhân đêm tối bỏ trốn. Quyền sợ Tổ trốn mất, Phạm nói:

- Còn chưa đi xa, nhất định bắt sống Tổ.

Đến giữa canh năm, quả nhiên bắt được. Năm ấy Lưu Biểu chết, Kinh châu bị chia cắt.

Đến năm Nhâm Thìn, Phạm lại bẩm rằng:

- Vào năm Giáp Ngọ, Lưu Bị nhất định lấy được Ích châu.

Sau khi Lã Đại từ Thục trở về, gặp nhau ở Bạch Đế, Đại nói bộ chúng của Bị tan lìa, chết và bỏ trốn gần một nửa, việc tất không xong. Quyền bèn căn vặn Phạm, Phạm nói:

- Lời của thần nói ra là thiên đạo vậy, còn cái mà Đại nhìn thấy đó chỉ là việc người thôi.

Bị rút cục lấy được đất Thục.

Quyền và Lã Mông bàn mưu tập kích Quan Vũ, cận thần nghị luận, đa phần nói là không nên. Quyền đem việc hỏi Phạm, Phạm nói:

- Làm được.

Sau Vũ ở tại Mạch Thành, sai sứ xin hàng, Quyền hỏi Phạm rằng:

- Rút cục hắn có hàng không?

Phạm nói:

- Kẻ kia tất bỏ trốn đấy, nói hàng là dối trá thôi.

Quyền sai Phan Chương ra đón lõng ở con đường nhỏ, quân do thám đi dò xét về, bẩm rằng Vũ đã trốn. Phạm nói:

- Dẫu trốn cũng không thoát.

Hỏi khi nào thì bắt được, Phạm đáp rằng:

- Giữa trưa mai.

Quyền lập tức lệnh cho thuộc hạ làm đồng hồ nước đếm giờ đợi Vũ. Gần giữa trưa không thấy Vũ đến, Quyền hỏi nguyên do, Phạm nói:

- Giờ còn chưa đến giữa trưa vậy.

Không lâu sau, có cơn gió thổi lay màn trướng, Phạm vỗ tay nói:

- Vũ đến rồi.

Chốc lát, ngoài trướng xung vạn tuế, truyền lời vào là đã bắt được Vũ.

Về sau Quyền với nước Ngụy giao hảo, Phạm nói:

- Lấy phong khí mà nói, bên kia dùng lễ mạo bề ngoài vỗ về ta, kỳ thật có mưu kế, ta nên phòng bị.

Lưu Bị đồn binh ở Tây Lăng, Phạm nói:

- Sau này họ sẽ phải hòa với ta.

Kết cục đều như lời nói. Những chiêm nghiệm của Phạm xét thấy rõ ràng như thế.

Quyền lấy Phạm làm Kỵ đô úy, lĩnh Thái sử lệnh, mấy lần đến tận nơi hỏi, muốn biết bí quyết của Phạm. Phạm tiếc bèn giấu kín thuật của mình, chẳng đem những điều cốt yếu nói với Quyền. Quyền vì thế hận Phạm.^①

① *Ngô lục* chép: Phạm riêng giữ kế ở trong bụng, biết mình sở dĩ được coi trọng là bởi có thuật, thuật mất thì thân mình cũng bị bỏ, cho nên nhất định không nói ra.

Khi trước, thời Quyền làm tướng quân, Phạm từng bẩm rằng Giang Nam có khí Đế vương, khoảng những năm Hợi, Tý có khánh tiết đại phúc. Quyền nói:

- Nếu kết cục như lời người nói, ta phong cho người tước hầu.

Lúc Quyền tự lập làm Ngô vương, Phạm bấy giờ đang hầu yển, nói:

- Ngày trước ở Ngô trung, thần từng nói đến việc này, đại vương nhớ việc đó chăng?

Quyền nói:

- Có chứ.

Nhân đó gọi tả hữu, đem dây thao hầu tước vào đeo cho Phạm. Phạm biết Quyền muốn làm thế là vì buộc phải theo lời lúc trước, liền xua tay không nhận. Đến ngày sau luận công phong thưởng, Quyền phong Phạm làm Đô đình hầu. Chiếu sắp đưa

xuống, Quyền giận Phạm tiếc giữ cái đạo thuật cho riêng mình, bèn tước bỏ danh hiệu của Phạm.

Phạm là người cương trực, thích tự khoa trương, nhưng với người thân thích và bạn bè có giao kết cũ thì có trước có sau. Phạm cùng người đồng ấp là Ngụy Đằng vốn dĩ thân thiết nhau. Đằng từng phạm tội, Quyền giận dữ trách mắng rất nghiêm khắc, ai dám can gián thì xử chết, Phạm bảo Đằng rằng:

- Ta với mày cùng chết.

Đằng nói:

- Chết mà vô ích, thì chết làm gì?

Phạm nói:

- Ta không lo nỗi việc này, ngồi xem mày chết sao?

Bèn gọt trụi tóc tự trói mình đến dưới cửa của Quyền, sai lính canh báo tin vào. Lính canh không dám, nói:

- Tất chết, ta không dám bẩm.

Phạm nói:

- Mày có con không?

Đáp:

- Có.

Phạm nói:

- Nếu mày vì Ngô Phạm ta mà chết, con cái mày hãy đem pho thác cho ta.

Lính canh nói:

- Dạ.

Rồi gạt cửa nách đi vào. Nói chưa xong, Quyền cả giận, toan vớ lấy cây kích ném. Lính canh vội vàng chạy ra, Phạm nhân đó xông thẳng vào, rập đầu chảy máu, nói lời mà nước mắt ròng ròng. Hồi lâu, Quyền có ý tha, bèn cách chức Đằng.

Đằng đến gặp Phạm tạ rằng:

- Cha mẹ sinh ra ta, nuôi dưỡng ta trưởng thành, nhưng chẳng thể giúp ta thoát chết. Có được bậc trượng phu hiểu biết nhau, như mày là đủ rồi, nhiều bạn mà làm gì!^①

① *Cối Kê điển lục* chép: Đằng tự Chu Lâm, tổ phụ của Đằng là Thái thú Hà Nội tên Lãng, tự Thiếu Anh, được liệt vào hàng Bát tuần.⁽¹⁾ Đằng tính cách cương trực, làm việc chẳng hợp người, dẫu gặp khốn bức, nhất định không chịu khuất. Ban đầu Đằng cũng ngỗ ngược với Sách, lúc sắp nguy, nhờ Thái phi cứu mới thoát, lời thấy chép ở *Phi tần truyện*. Đằng trải chức Lệnh ở ba huyện là Lịch Sơn (Lịch Dương), Phan Dương (Bà Dương), Sơn Âm, sau làm Thái thú Bà Dương.

Năm Hoàng Vũ thứ năm, Phạm bị bệnh chết. Con trưởng của Phạm chết trước Phạm, con nhỏ còn bé, nghiệp vì thế dứt tuyệt. Quyền nghĩ nhớ đến Phạm, cho chiêu mộ ở ba châu có ai đề cử được người biết thuật số như Ngô Phạm, Triệu Đạt, thì phong làm Thiên hộ hầu, rút cục không tìm được ai.^②

② *Ngô lục* chép: Phạm biết trước ngày chết của mình, bảo Quyền rằng:

- Đến ngày mỗ bệ hạ phải để tang quân sư.

Quyền nói:

- Ta không có quân sư, làm sao để tang người đó được?

Phạm nói:

- Bệ hạ khi xuất quân lâm địch, đợi lời của thần rồi sau mới thi hành, thần chính là quân sư của bệ hạ vậy.

Đến ngày mà Phạm nói quả nhiên chết.

Thần Tùng Chi xét, lúc Phạm chết, Quyền chưa xưng đế, sách này nói chữ bệ hạ, là sai vậy.

¹ Nhóm Bát tuần gồm: Lý Ung, Tuân Dục, Đỗ Mật, Vương Sướng, Lưu Hữu, Ngụy Lãng, Triệu Điền, Chu Ngụ. Không thấy nói đến Ngụy Lãng.

Lưu Đôn tự Tử Nhân, người Bình Nguyên. Gặp lúc loạn lạc đi lánh nạn, làm khách trú ở Lư Lăng, là thủ hạ của Tôn Phụ. Vì thông thiên văn và thuật chiêm bốc tướng số nên nổi danh ở phương nam. Mỗi khi có thủy tai hạn hán hay giặc giã, đều biết trước thời gian và địa điểm, không gì không đoán trúng. Phụ cho là lạ, lấy làm quân sư, trong quân đều kính thờ Đôn, gọi là Thần minh.

Năm Kiến An trung, Tôn Quyền ở tại Dục Chương, bấy giờ có sao chổi, đem việc ấy hỏi Đôn, Đôn nói:

- Có vạ ở Đan Dương.

Quyền hỏi:

- Là thế nào?

Đôn đáp:

- Khách thắng chủ nhân, đến ngày mỗ sẽ có tin tức.

Dương thời Biên Hồng tác loạn, kết quả đúng như lời Đôn nói.

Về các thuật số thì Đôn đều giỏi, giỏi nhất là thuật Thái Ất,⁽¹⁾ hết thảy các việc đều suy diễn được, đến tận cùng của sự huyền diệu, soạn hơn trăm thiên sách, danh nho Diêu Huyền khen cho là kỳ lạ. Đôn cũng yêu thích các thuật của mình như báu vật, không đem bảo cho người ngoài, cho nên người đời tuyệt chẳng có ai biết rõ được.

Triệu Đạt, người quận Hà Nam. Thời trẻ theo quan Thị trung nhà Hán là Đan Phủ thụ học, suy nghĩ tinh tế kín đáo mà tường tận, Đạt nói rằng phương nam có khí Đế vương, có thể đến tránh nạn, nên thoát thân qua sông. Đạt nghiên cứu cái thuật cửu cung, nhất toán, xét cùng ý nghĩa nhiệm màu của nó, vì thế có thể ứng vận số suy diễn kết quả, đối đáp như thần,

¹ Xem sao Thái Ất để tính đoán vận tốt xấu, bói các việc xảy ra.

đến như việc tính số phi hoàng,⁽¹⁾ đoán vật ẩn giấu, không gì không trúng đích và hiệu nghiệm.

Có kẻ căn vặn Đạt rằng:

- Con vật bay ra cố nhiên chẳng thể tính đếm được, ai biết được là tính đúng, đấy ngờ là nói xằng thôi.

Đạt sai người ấy lấy mấy đấu đậu xanh, đem vãi ra trên chiếu, lập tức tính được số đậu ấy, nghiệm lại quả nhiên là tính đúng.

Đạt từng qua nhà người quen biết cũ, người quen cũ bày biện hết đồ ăn ra. Ăn xong, bảo rằng:

- Trong lúc vội vàng thiếu rượu, lại không có đồ nhắm tốt, không lấy gì để sướng ý, biết làm sao?

Đạt nhân đó lấy một cái đĩa ở trong mâm, khua ngang khua dọc vài ba lần, rồi nói:

- Dưới bức vách ở phía đông nhà ngài có một hộc rượu ngon, lại có ba cân thịt hươu, sao nói là không có?

Bấy giờ ngồi ở đó có những vị khách khác, trong lòng biết được tình ý của chủ nhà, chủ nhà hổ thẹn nói:

- Vì ngài giỏi tìm đồ vật trốn giấu, ta muốn thử xem thôi, lại hiệu nghiệm đến như thế.

Bèn đem rượu ra uống. Lại nói là có thẻ tre trên đó viết mấy nghìn vạn chữ, giấu ở trong kho lúa rỗng, muốn Đạt tính chữ xem. Đạt tính đoán, rồi nói:

- Chỉ có tiếng mà không phải thật.

Sự tinh diệu của Đạt là như thế.

Đạt quý tiếc cái thuật của mình, từ Hám Trạch, Ân Lễ đều là bậc danh nho hiền sĩ, khuất thân tới theo học, Đạt giữ kín không bảo cho. Thái sử thừa là Công Tôn Đằng lúc trẻ thờ Đạt

¹ Phi hoàng tức châu châu bay, tính số phi hoàng tức đoán số lượng của châu châu.

làm thầy, siêng năng lao khổ nhiều năm, Đạt hứa truyền dạy cho mấy năm thôi, đến lúc sắp nói rõ ra lập tức dừng lại. Ngày khác Đằng đưa rượu ngon đến, thăm dò nét mặt, quỳ lạy mà xin, Đạt nói:

- Tiền nhân của ta biết được thuật này, muốn mưu làm thầy của Đế vương, làm quan đến nay đã ba đời, chẳng hơn chức Thái sử lang, thật chẳng muốn truyền dạy lại nữa. Vả lại thuật này vi diệu, cộng đầu trừ cuối, như thuật nhất toán, cha con chẳng nói cho nhau. Nhưng vì người dốc lòng yêu thích không biết chán, nay ta đem cái thực cốt yếu truyền thụ cho người vậy.

Uống rượu được mấy tuần, Đạt đứng dậy lấy ra hai quyển sách lụa trắng, to bằng ngón tay, Đạt nói:

- Nên sao chép lại rồi đọc nó, thì tự hiểu được vậy. Ta bỏ đã lâu, không xem lại sách ấy nữa, nay ta muốn nghĩ riêng một lúc, mấy ngày sau ta sẽ giúp cho.

Đằng như lời hẹn đến, đến rồi bèn đi lục tìm sách, kinh hãi nói là sách mất rồi, Đạt nói:

- Con rể ta hôm qua đến, sách đó tất là do hắn lấy trộm.

Vì thế sách ấy từ đấy thất truyền.

Khi trước Quyền hành binh chinh phạt, thường lệnh cho Đạt suy đoán các việc, đều đúng như lời nói. Quyền hỏi phép ấy, Đạt nhất định chẳng nói ra, bởi thế bị bạc đãi, ngôi vị tước lộc chẳng đến.^①

① *Ngô thư* chép: Ban đầu, Quyền xưng tôn hiệu, lệnh cho Đạt tính xem sau khi mình làm Thiên tử, sẽ được bao năm? Đạt nói:

- Cao tổ kiến quốc lập hiệu được mười hai năm, nay bộ hạ được gấp đôi số đó.

Quyền cả mừng, tả hữu hô: "Vạn tuế." Quả nhiên như lời Đạt nói.

Đạt thường cười bảo những người xem sao, phong khí và thuật số rằng:

- Phải tính đoán trong màn trướng, không ra đến cửa mà biết được đạo trời, lại không phơi sương đêm ngày để xem điềm khí, chẳng cũng khó sao!

Ở nhà nhàn rỗi không làm gì, Đạt tính toán tự xét, bèn than rằng:

- Ta tính xong ngày tháng năm ta tận mệnh, đến lúc chết rồi.

Vợ của Đạt nhiều lần thấy Đạt bói hiệu nghiệm, nghe nói thế thì khóc lóc thương tâm. Đạt muốn vợ thôi khóc, bèn tính đoán lại, nói:

- Trước ta bói lầm rồi, còn chưa đến vậy.

Sau đúng như lời bói mà chết. Quyền nghe nói Đạt có sách thuật, xin Đạt chẳng được, bèn vặn hỏi con gái của Đạt, lúc mở áo quan ra cũng không có gì, phép thuật ấy dứt tuyệt.^①

① *Ngô lục* chép: Hoàng Tượng tự Hưu Minh, người quận Quảng Lăng huyện Giang Đô. Thừa nhỏ khéo viết chữ. Bấy giờ có Trương Tử Tinh, Trần Lương Phủ cũng giỏi viết chữ. Phụ viết chữ nhỏ nét bút mềm, Tinh viết chữ lớn nét bút cứng, Tượng châm chước kết hợp hai cách viết, rất kỳ diệu, những người khéo viết chữ ở Trung Quốc chẳng ai theo kịp. Nghiêm Vũ tự Tử Khanh, là cháu họ của Vệ úy Tuấn, chơi cờ vây chẳng ai sánh bằng. Tống Thọ đoán mộng, mười lần chẳng lỗi một lần. Tào Bất Hưng khéo vẽ, Quyền sai vẽ bức bình phong, lơ rơi một chấm mực, nhân đó vẽ thành con ruồi. Vẽ xong dâng lên, Quyền cho là con ruồi sống, giơ tay xua đi. Trịnh Ấu ở Cô Thành khéo xem tướng, cùng Phạm, Đôn, Đạt là tám người, người đời khen là thần diệu, gọi họ là Bát tuyệt.

Tấn Dương thu chép: Nước Ngô có Cát Hành tự Tư Chân, thông tỏ thiên văn, lại có kỹ xảo, làm ra Hồn thiên,⁽¹⁾ để quả đất ở trong, dùng máy móc làm cho chuyển động, trời chuyển mà đất dừng, trên ứng với mặt trời và trăng sao.

¹ Thiên văn cổ đại Trung Quốc cho là trời đất có hình dạng như quả trứng chim lớn, trời bao quanh đất, trời ở trên, đất ở dưới, trục nam bắc cố định, mặt trời mặt trăng và các vì tinh tú chuyển động xung quanh trục ấy thành quỹ đạo vậy.

Bình rằng: Ba người đối với thuật số của mình đều tinh tường vậy, suy nghĩ của họ thật thần diệu, nhưng bậc quân tử dụng tâm như thần, thích hợp với những điều cao xa lớn lao, vì thế kẻ sĩ có hiểu biết, bỏ cái thuật ấy mà chọn lấy việc làm của bậc quân tử vậy.^①

① Tôn Thịnh nói: Ôi, xem cái lẽ huyền bí sâu xa chưa đúng, mà đón xét việc ở tương lai, dẫu Bì Táo, Tử Thận cũng khó làm được thay, huống chi là kẻ xem thuật hạng dưới ấy đây? Sử quan nhà Ngô chép rằng Đạt biết phía đông nam có khí Đế vương, nên thoát thân qua sông. Nhà Ngụy kể nối nhà Hán, nhận mệnh ở Trung Kỳ, Đạt chẳng liệu thấy cái điềm triệu đã manh nha, mà trốn đến đất Ngô Việt. Hơn nữa chẳng biết rằng vì hẹp hòi tiếc thuật số, để bị đối xử bạc bẽo, sao có thể cho là đón thấy được đạo trời và xét rõ điềm lành của bậc đế vương đây? Xưa kia thánh vương xem văn tự của trời đất, để họa thành tượng của bái quái, cho nên gắng gỏi lập thành sách bói cỏ thi, biến hóa hình tượng mà sinh ra lục hào, vì thế Tam Dịch⁽¹⁾ tuy khác nhau, nhưng ý nghĩa của quẻ là cùng một đạo lý, sao được chuyển về một cách tính, có thể móc nối được cái trắc ẩn sâu xa, ý nghĩa đối nghịch với thuật chiêm bốc, mà có thể biết được tương lai của sự vật ư? Thói tục ưa thích các việc dị thường, nói xằng là rất thần kỳ, trong những thứ thuật không hay, thì đấy là thứ mà Trọng Ni vứt bỏ, vì thế cái chí của bậc quân tử rất lớn, không chọn dùng các thuật ấy vậy.

Thần Tùng Chi cho rằng Thịnh nói là "Chí của bậc quân tử rất lớn, không chọn dùng các thuật ấy", vốn là quan điểm bình luận nhất quán của các nhà, không có gì mới mẻ vậy. Ngoài ra các lời mà Thịnh chê bai, thì đều là phi lý cả. Từ lúc Trung Nguyên loạn lạc toi bồi, cho đến những năm Kiến An, trong vòng mấy chục năm, sinh dân hết sức nguy ngập, đến lúc yên ổn được một chút, thì trăm phần chỉ sót lại một phần thôi. Giang tả tuy có việc binh đao, chẳng thể bằng cái khốc liệt của Trung Quốc, sao biết rằng Đạt không tính đến cái an nguy ấy, để biết họa ít hay nhiều, theo

¹ Tam Dịch là hợp nhất của ba Sách là *Liên sơn*, *Quy tàng*, *Chu Dịch*.

cái lợi ở hướng đông nam, để bảo toàn thân mình? Mà trách là không biết nhà Ngụy sẽ hưng thịnh, lưu dạt vào đất Ngô Việt. Đến toan tính như Kinh Phòng,⁽¹⁾ còn chẳng tự thoát được hình lục, huống chi Đát chỉ vì giữ bí thuật mà bị bạc đãi, phải hối tiếc mà thôi! Đạo thuật thời xưa, đại khái không phải chỉ có một nghề, tìm xét được cái hay sâu xa, há chỉ có lục hào, nếu tìm được cái cốt yếu của thuật, thì có thể lấy Dịch mà hiểu thuật thôi, chuyển về một cách tính, sao đủ cho là quái lạ đây? Đát suy diễn tính toán, đến tận cùng của sự cốt yếu kỳ diệu để biết được sự trắc ẩn sâu xa, có gì phải thẹn với cổ nhân! Lại đi lấy Bì Táo, Tử Thận làm giới hạn của việc bói toán, bảo Đát là xằng bậy, đây thực không phải là lời bàn xác đáng vậy.

Bão Phác Tử chép: Bấy giờ có người hiệu là Cát Tiên Công, mỗi lần uống rượu say, thường vào trong hồ nước ở trước cửa nhà người ta nằm, hết ngày mới ra. Công từng theo Ngô chủ đi xa, đến bãi Liệt Châu, lúc quay về gặp gió lớn, thuyền của trăm quan đa phần bị đắm, thuyền của Tiên Công cũng chìm, Ngô chủ rất buồn bã oán giận. Sớm hôm sau sai người dùng móc câu tìm thuyền của Công, rồi lên cao nhìn ra xa. Mãi lâu sau, thấy Công đi bộ trên mặt nước mà đến, giày dép quần áo không bị ướt, lại có vẻ say sưa. Công gặp rồi nói rằng:

- Hôm qua thần đang theo hầu bệ hạ thì Ngũ Tử Tư mời gặp, vừa mới qua thăm đã thấy bày rượu, thất ý không được, đành phải gượng uống.

Lại có người tên là Diêu Quang, có thuật chế hỏa. Ngô chủ đích thân đến thử Quang, chất mấy nghìn bó cỏ địch, sai Quang ngồi trên đó, lại dùng mấy nghìn bó cỏ địch lấp kín, nhân lúc gió mạnh liền nổi lửa đốt. Cỏ địch cháy hết, cho là Quang sẽ cháy tan trong lửa, nhưng Quang ngồi trong đồng tro, rũ áo mà đứng dậy, tay cầm quyển sách. Ngô chủ lấy sách ấy xem kỹ, nhưng không thể hiểu được chữ ở sách ấy.

¹ Kinh Phòng (京房): Xem chú thích ở tập V, quyển 29, trang 287 (Quản Lộ truyện).

Lại chép: Ngô Cảnh đế có bệnh, tìm thầy cúng đến xem bệnh, tìm được một người. Cảnh đế muốn thử thầy cúng, bèn giết một con ngỗng rồi chôn trong vườn, làm một ngôi nhà nhỏ, bày giường nằm, lấy một đôi guốc gỗ và quần áo của đàn bà đặt trên đó, sai gọi thầy cúng đến xem. Bảo rằng:

- Người hãy nói xem nữ quỷ trong ngôi mộ này có hình dáng thế nào, nói đúng thì sẽ được ban thưởng mà ta tin theo người ngay.

Hết ngày đến tối mịt không thấy nói năng gì, Đế truy vấn gấp, thầy cúng bèn nói:

- Thật chẳng thấy có quỷ, chỉ thấy một con ngỗng trắng đứng trên mộ, sờ dĩ chẳng bấm bạch ngay việc ấy, vì nghi ngờ quỷ thần biến hóa làm ra hình dáng như thế, nên đợi xem hình dáng thực của nó mới định được. Song không thấy thay đổi gì, chẳng biết vì sao, không dám không đem sự thực báo lên.

Cảnh đế bèn thưởng hậu cho thầy cúng.

Như thế thì con ngỗng chết cũng có hồn vậy.

Thần tiên truyện của Cát Hồng chép: Có vị Tiên nhân là Giới Tượng, tự Nguyên Tắc, người quận Cối Kê, có nhiều phương thuật. Ngô chủ nghe nói, trưng triệu Tượng đến Vũ Xương, hết mực cung kính quý trọng ông ta, gọi là Giới quân, giúp dựng nhà ở, đem màn trướng ngự dụng cấp cho, trước sau ban tặng đến mấy nghìn vàng, theo Tượng học cái thuật ẩn thân. Ngô chủ thử quay về hậu cung, lúc ra cửa điện, chẳng ai thấy được.

Lại sai Tượng làm phép biến hóa, trồng trăm thứ rau dưa hoa quả, đều mọc lên có thể ăn được.

Ngô chủ cùng luận bàn xem cá nào ăn ngon nhất, Tượng nói:

- Có cá truy là hơn cả.

Ngô chủ nói:

- Gần đây ta nghe bàn về thứ cá này, song cá ấy sinh ở giữa biển, làm sao có thể lấy được?

Tượng nói:

- Có thể lấy được chứ.

Ngô chủ bèn sai người làm một cái hồ vuông ở trong sân điện, mức nước đổ đầy hồ, rồi đi tìm lưới câu. Tượng đứng dậy làm mồi câu, rồi câu cá ngay trong hồ. Chốc lát, quả nhiên câu được cá trư. Ngô chủ vừa sợ vừa mừng, hỏi Tượng:

- Có thể ăn được không?

Tượng nói:

- Thần cố vì bệ hạ lấy được cá sống, sao dám lấy vật không ăn được!

Bèn sai đầu bếp mổ cá. Ngô chủ nói:

- Nghe nói có lần sứ Thục đến, mang cho cây Khương xứ Thục nấu cá rất tốt, hận là lúc này không có được thứ ấy.

Tượng nói:

- Cây Khương xứ Thục há chẳng dễ có được, xin sai sứ giả đến đây, giao tiền ra.

Ngô chủ chỉ một người bên cạnh, đem năm chục tiền giao cho người ấy. Tượng viết một lá bùa, đem dán vào giữa cây gậy trúc màu xanh, sai người đó nhắm mắt cưỡi lên gậy, nói là nếu cây gậy nằm yên, thì mua cây Khương về, mua xong thì nhắm mắt lại. Người ấy vâng lời Tượng cưỡi lên gậy, chốc lát thì gậy dừng, đã đến Thành Đô, không biết đó là xứ nào, hỏi người ta, người ta nói là ở giữa chợ nước Thục, bèn mua cây Khương. Vào lúc bấy giờ sứ giả nước Ngô là Trương Ôn đến nước Thục từ trước, đã vào trong chợ nhận ra nhau, rất kinh sợ, Ôn bèn viết một lá thư nhờ gửi về nhà. Người ấy mua cây Khương xong, tay nắm chặt thư vác cây Khương, cưỡi lên cây gậy nhắm mắt lại, chốc lát về đến nước Ngô, đầu bếp mổ cá cũng vừa xong.

Thần Tùng Chi cho rằng điều mà Cát Hồng chép ra, tựa như là mê hoặc mọi người, lời văn ấy rất thịnh hành ở đời, cho nên thần trích chọn mấy việc, chép vào cuối thiên vậy. Cái thuật thần tiên, há có thể liệu tính như vậy sao! Theo ước đoán của thần, đây là mê hoặc chúng nhân, thế gọi là: Loài sâu bọ mùa hạ chẳng biết đến băng giá vậy.

QUYỀN THỨ SÁU MƯƠI TƯ GIA CÁT, ĐĂNG, NHỊ TÔN, BỘC DƯƠNG HUNG TRUYỆN



Gia Cát Khác tự Nguyên Tồn, là con trưởng của Cẩn vậy. Thời trẻ nổi danh.^① Năm hai mươi tuổi được bá làm Kỳ đô úy, cùng bọn Cố Đàm, Trương Hưu theo hầu Thái tử Đăng luận giảng đạo nghệ, đều làm bằng hữu tân khách. Từ chức Trung thứ tử chuyển làm Tả phụ đô úy.

① *Giang Biểu truyện* chép: Khác thời trẻ có tài danh, văn chương sớm hiển lộ, khí phách khác người, biện luận ứng đối linh mẫn cơ trí, chẳng ai là đối thủ. Quyền gặp Khác cho là người kỳ tài, bảo Cẩn rằng:

- Lam Điền sinh ngọc, thật chẳng sai vậy.⁽¹⁾

Ngô lục chép: Khác mình cao bảy thước sáu tấc, ít râu tóc, mũi gãy trán rộng, miệng lớn tiếng vang.

Cha của Khác là Cẩn mặt dài giống con lừa, Tôn Quyền đại hội quần thần, sai người dắt một con lừa vào, trên mặt con lừa dán tờ giấy dài, đề là "Gia Cát Tử Du." Khác quỳ gối nói:

- Xin cho được dùng bút viết thêm hai chữ.

¹ Lam Điền, là tên huyện, ở tỉnh Thiểm Tây (đất Tần thời xưa), là nơi có ngọc đẹp nổi tiếng. Ban Cố thời nhà Hán viết bài *Tây đô phú* có câu: "Lục Hải trân tàng, Lam Điền mỹ ngọc." Tôn Quyền ý nói rằng, cha hiền sinh con giỏi.

Quyền nghe theo cho bút. Khác viết nối thêm bên dưới hai chữ "chi lư."⁽¹⁾ Cử tọa cười vang, Quyền bèn đem con lừa ban cho Khác. Ngày khác gặp lại, Quyền hỏi Khác rằng:

- Cha và chú của khanh ai hiền hơn?

Khác đáp:

- Cha thần hiền hơn.

Quyền hỏi lý do, Khác đáp:

- Cha của thần biết chỗ mà theo giúp, chú của thần không biết, vì thế cha thần hiền hơn.

Quyền lại cười lớn. Rồi lệnh sai Khác rót rượu mời khách, đi đến trước mặt Trương Chiêu, Chiêu trước đó có dáng say, không chịu uống, nói:

- Đấy không phải là cái lễ phụng dưỡng người già vậy.

Quyền nói:

- Khanh có thể khiến Trương công khuất lý, thì ông ấy sẽ phải uống thôi.

Khác căn vặn Chiêu rằng:

- Trước kia Sư thượng phụ chín mươi tuổi, cầm cờ mao búa việt, còn chưa nói là già.⁽²⁾ Nay việc quân lữ, tướng quân ở phía sau, việc ăn uống, tướng quân lên phía trước, sao lại bảo là không biết phụng dưỡng người già?

Chiêu cuối cùng không nói lại, bèn uống hết chén rượu.

Sau này sứ giả nước Thục đến, quần thần đều tụ họp, Quyền bảo sứ giả rằng:

- Vị này là Gia Cát Khác rất thích cưỡi ngựa, người về báo với Thừa tướng, đem ngựa tốt đến.

¹ Ghép cả câu là, "Gia Cát Từ Du chi lư", tức là con lừa của Gia Cát Từ Du.

² Khương Tử Nha Lã Vọng, công thần hàng đầu của nhà Chu thời khai quốc, chín mươi tuổi vẫn ra trận.

Khác bèn cúi mình tạ ơn, Quyền nói:

- Ngựa chưa đưa đến mà tạ ơn là sao?

Khác thưa rằng:

- Nước Thục là cái chuồng ngựa bên ngoài của bộ hạ, nay có ân chiếu, ngựa tất đưa đến vậy, thần há dám không tạ ơn sao?

Tài năng miễn tiếp của Khác, đại loại đều thế vậy.^①

Quyền thấy Khác rất kỳ lạ, muốn lấy việc để thử, lệnh cho Khác giữ chức Tiết độ. Tiết độ là chức chủ quản việc cấp phát lương cho quân, công văn thư tín rất rườm rà, không phải là việc Khác ưa thích.^②

① *Khác biệt truyện* chép: Quyền từng đặt tiệc thết sứ giả của nước Thục là Phí Y, trước khi đón sứ giả sắc mệnh cho quần thần rằng:

- Sứ giả đến, cứ ngồi ăn chớ đứng dậy.

Y đến nơi, Quyền đang ăn ngừng lại, mà quần thần không ai đứng lên. Y bỡn cợt họ rằng:

*"Phượng hoàng bay liệng,
Kỳ lân thổ nhả,
La lừa vô tri,
Ăn chẳng biết gì."*

Khác đáp rằng:

*"Trồng cây ngô đông,
Để đợi phượng hoàng,
Có con chim sẻ,
Từ đâu lượn lờ?
Sao không bắn ngay,
Đuổi về chôn cất!"*

Y dùng ăn bánh, đòi bút làm *Mạch phú*, Khác cũng xin bút làm bài *Ma phú*, mọi người trong tiệc đều khen hay.⁽¹⁾

Quyền từng hỏi Khác rằng:

¹ *Mạch phú*, là bài phú về cây lúa mạch; *Ma phú* là bài phú về chiếc cối xay.

- Gần đây ngài có gì tự làm vui, mà da thịt tươi thắm thế?

Khắc đáp rằng:

- Thần nghe nói giàu có làm đẹp cửa nhà, đức độ làm đẹp bản thân, thần không dám tự vui, chỉ sửa mình mà thôi.

Lại hỏi:

- Khanh so với Đằng Dận thì thế nào?

Khắc đáp rằng:

- Cởi giày lên điện, thần không bằng Dận; vạch muru quyết sách, Dận chẳng bằng thần.

Khắc từng dâng biểu Quyền một con ngựa, trước hết đem cắt tai của nó đi, Phạm Thận bấy giờ đang ngồi ở đó, giễu cợt Khắc rằng:

- Ngựa tuy là vật nuôi lớn, song được trời sinh cho khí lạ, nay cắt tai nó, há chẳng hại đến lòng nhân?

Khắc đáp rằng:

- Người mẹ đối với con gái, là yêu thương hết mực rồi, việc xuyên tai đeo ngọc châu, có hại gì đến lòng nhân đâu?

Thái tử từng cợt Khắc rằng:

- Gia Cát Nguyên Tốn có thể ăn được phân ngựa.

Khắc nói:

- Xin mời Thái tử ăn trứng gà.

Quyền nói:

- Người ta đùa khanh ăn phân ngựa, khanh lại mời người ta ăn trứng gà là sao?

Khắc nói:

- Vì những thứ ấy cùng chui ra từ một chỗ vậy.

Quyền cả cười.

Giang Biểu truyện chép: Có lần một con chim đầu trắng đậu ở trước điện, Quyền nói:

- Đây là chim gì vậy?

Khắc nói:

- Là chim Ông đầu bạc.

Trương Chiêu tự thấy trong đám người ngồi thì mình già nhất, ngờ là Khác mượn con chim bốn cột mình, nhân đó nói:

- Khác lừa dối bệ hạ, thần chưa từng nghe nói đến con chim nào có tên là Ông đầu bạc, thử sai Khác tìm thêm con chim Bà đầu bạc đi.

Khác nói:

- Có con chim tên là Anh mẫu, vị tất đã có đôi, thử sai Phụ Ngô tìm thêm con chim có tên là Anh phụ đi.⁽¹⁾

Chiêu không đáp lại được, người ngồi trong đều cười rộ.

② *Giang Biểu truyện* chép: Quyền làm Ngô vương, mới đặt chức Tiết độ, sai chấp chương việc cấp phát lương cho quân, không phải là quan chế thời nhà Hán. Ban đầu dùng Thị trung Thiên tướng quân là Từ Tường làm, Tường chết, mới dùng Khác. Gia Cát Lượng nghe tin Khác thay Tường, gửi thư cho Lục Tốn nói:

"Anh của ta cao tuổi, mà Khác bản tính sao nhãng, nay sai giữ việc quản lương thảo, lương thảo cho quân là cốt yếu nhất, kẻ hèn này tuy ở nơi xa, trộm thấy không yên lòng. Túc hạ hãy bấm riêng với bậc Chí tôn chuyển hẳn làm việc khác đi."

Tốn đem việc ấy bạch với Quyền, Quyền lập tức chuyển cho Khác lĩnh quân.

Khác thấy Đan Dương thế núi hiểm, dân chúng đa phần quá cảm cứng rắn, tuy trước đó phát lệnh tuyển binh, chỉ thu được dân thường ở ngoài huyện mà thôi, số còn lại ở nơi sâu xa, chẳng thể bắt hết được, thường tự mình xin ra làm trưởng quan ở đó, nói rằng trong ba năm có thể thu được bốn vạn quân sĩ mặc giáp. Chúng nghị bàn đều cho là Đan Dương địa thế hiểm trở, cùng bốn quận là Ngô Quận, Cối Kê, Tân Đô, Bà Dương tiếp giáp nhau, vòng quanh mấy nghìn dặm, hang núi muôn trùng,

¹ Khác cố tình chơi chữ làm khó Trương Chiêu. Nguyên là con chim Anh vũ, tức con chim vẹt, có hai tên gọi, hoặc là Anh vũ, hoặc là Anh mẫu, đương nhiên là không có chim nào tên là Anh phụ; Phụ Ngô tức Phụ Ngô tướng quân, là chức của Trương Chiêu bấy giờ.

dân chúng ẩn náu nơi sâu thẳm, chưa từng vào thành ấp, chưa thấy qua trường quan, đều đeo binh khí ẩn nơi sơn dã, sống bạc đầu ở chốn rừng rậm. Với kẻ trốn tránh oán cừu, hết thầy cùng trốn náu ở đấy. Núi lại xuất ra đồng và sắt, tự đúc được áo giáp và khí giới, tục dân giỏi võ quen chiến trận, rất chuộng khí lực, bọn ấy trèo núi vượt hiểm, xông pha vào gai góc, như cá trốn dưới vực, vượn khi nhảy trên cây vậy. Lúc quan sát thấy sơ hở, thì tiến ra làm giặc cướp, mỗi lần đưa binh tới chinh phạt, họ tìm hang hốc ẩn trốn. Lúc giao chiến thì như ong ủa đến, thua bại thì như chim bay đi, từ thời trước đến nay, chẳng thể quản chế nổi vậy. Chúng đều cho là khó làm. Cha của Khác là Cẩn nghe nói, cũng cho là kết cục việc đó khó thành, than rằng:

- Khác chẳng khiến nhà ta hưng vượng, lại muốn họ tộc nhà ta bị diệt sạch vậy.

Khác hết sức bày tỏ rằng việc ấy tất thành công. Quyền báí Khác làm Phủ việt tướng quân, lĩnh chức Thái thú Đan Dương, trao cho ba trăm quân vũ kỵ cầm kích sơn đồ dẹp đường. Bái xong, truyền mệnh cho Khác chuẩn bị đồ nghi trượng, đặt quân nhạc, đưa đường về nhà, năm ấy Khác ba mươi hai tuổi.

Khác đến phủ, bèn gửi thư cho trưởng lại ở thuộc thành của bốn quận, lệnh sai đều phải bảo vệ cương giới của mình, lập rõ bộ ngũ, những dân thường đã theo giáo hóa, lệnh cho họ phải ở yên. Rồi phân chia nội bộ chư tướng, giảng binh nơi hiểm trở, chỉ sửa rào lũy, không cùng địch giao phong, dò xem thóc lúa của địch sắp chín, lập tức thả quân ra gặt hái, khiến giặc không còn lúa để thu. Lúa cũ đã hết, ruộng mới lại chẳng có thu hoạch, dân thường ở yên, cướp không có chỗ mà vào, vì thế sơn dân đói khổ cùng quẫn, dần dần ra hàng. Khác lại sắc mệnh cho thuộc hạ rằng:

- Sơn dân bỏ thói xấu theo về giáo hóa, đều nên phủ dụ úy lạo, dời ra huyện ngoài, không được hiểm nghi, ai vi phạm sẽ bắt giam.

Trương huyện Cửu Dương là Hồ Kháng bắt được hàng dân là Chu Di, Di là ác dân cũ, bị bức khốn tạm ra hàng, trong lòng có mưu đồ phản nghịch, Kháng trối đưa đến phủ. Khác vì Kháng trái lệnh truyền, liền chém làm răn, đem thực trạng biểu tấu lên. Dân nghe tin Kháng vì tội bắt người bị tru lục, biết là quan chỉ muốn mọi người ra hàng thôi, vì thế già trẻ dất díu nhau mà ra, đến năm đã hẹn, số người ra hàng đều như tính toán trước. Khác tự lĩnh vạn người, còn lại chia ra cấp cho chư tướng.

Quyền khen công của Khác, phái Thượng thư bộc xạ là Tiết Tống đến úy lạo quân sĩ. Tống trước hết gửi thư cho bọn Khác rằng:

"Người Sơn Việt cậy hiểm, không phục đã nhiều đời, thư thả thì như chuột chui rúc, nguy cấp thì như sói ngoái đầu. Hoàng đế nổi giận bèn bèn, lệnh sai tướng quân tây chinh, trong đặt kế sách thần kỳ, ngoài quân điều oai chấn động. Binh khí đao không vấy máu, áo giáp không thấm mồ hôi. Đầu sỏ thủ ác bêu đầu, bày đảng theo về chính nghĩa, quét sạch địch nơi núi đầm, thu gọn quân binh mười vạn. Ngoài đông không sót giặc cướp, trong ấp không còn ác gian. Đã quét sạch kẻ hung tà, lại bổ sung thêm quân dụng. Cỏ lê cỏ vạc hóa thành lúa tốt. Tà ma quỷ quái biến thành hổ sĩ. Tuy có kết quả thực nhờ uy linh của quốc gia, cũng bởi tài năng của nguyên soái mới thành như thế vậy. Dẫu Kinh Thi ca tụng việc bắt địch xét hỏi, Kinh Dịch khen ngợi cái công lao chém đầu,⁽¹⁾ Phương Triệu của nhà Chu, Vệ Hoắc của nhà Hán,⁽²⁾ há đủ để bàn sao? Công tích quá cổ nhân, huân lao

¹ Kinh Thi chép: "Bắt được giặc ác, xét hỏi rồi tha." Là khen tụng Phương Thúc, đại thần của Chu Tuyên vương, đi đánh dẹp người Man ở Kinh châu; Kinh Dịch chép: "Vua đi đánh dẹp, chém đầu vua nước Hữu Gia, lại bắt được kẻ ác, không có lỗi." Là khen vua nhà Chu đánh dẹp nước Hữu Gia, bắt giết vua của nước ấy.

² Phương Thúc (方叔), Triệu Hổ (召虎), là đại hiền thần thời Chu Tuyên vương, dẹp rợ Hiểm Duẫn phương bắc và người Man phương nam;

Vệ Thanh (卫青), Hoắc Khứ Bệnh (霍去病), là danh tướng thời Hán Vũ đế, đánh dẹp rợ Hung Nô ở phương bắc.

vượt thời trước. Chúa thượng mừng hân hoan, ở nơi xa tán thưởng. Cảm kích thơ Tứ mẫu truyền điển cũ,⁽¹⁾ nghĩ nhớ lễ chế ẩm chí ở văn xưa.⁽²⁾ Cho nên phái quan cận thần của Trung đài đến,⁽³⁾ khao quân thưởng công, nêu tỏ công to, để ủy lạo nỗi vất vả nhọc nhằn.”

Rồi bái Khác làm Uy bắc tướng quân, phong tước Đô hương hầu.

Khác xin thống suất quân dân làm ruộng ở Lư Giang, Hoàn Khẩu, nhân đó đưa khinh binh tập kích huyện Thư, ngầm bắt lấy dân ở huyện ấy rồi quay về. Lại phái người từ xa dò ngóng địch, quan sát đường hiểm và hình thế của địch, muốn mưu tính đoạt Thọ Xuân, Quyền cho là không nên.

Năm Xích Ô trung, Tư Mã Tuyên vương nhà Ngụy lập mưu sắp đánh Khác, Quyền chuẩn bị phát binh tiếp ứng, người xem phong khí cho là bất lợi, vì thế Quyền chuyển Khác đến trú giữ Sài Tang.

Khác gửi thư cho Thừa tướng Lục Tốn nói:

“*Dương Kinh Thúc bày kế việc luận bàn thắng, cho rằng hiện nay người tài có phẩm cách rơi rụng hết, kẻ giữ đức nghiệp chẳng còn được bao nhiêu, nên khi lựa chọn tả hữu, càng phải giúp đỡ nhau, để trên hướng khởi với quốc sự, dưới trân trọng mến thương nhau. Lại ghét cái thói tục là hay hủy báng lẫn nhau, khiến người tài đã có thành tựu, trong lòng bị thương tổn; bọn sắp được tiến cử, tình riêng*

¹ Bài hát *Tứ mẫu* tương truyền là của Vũ vương nhà Chu, nói về sự mong nhớ quê hương của viên quan đi trận xa quê. Bài thơ nằm trong phần *Tiểu nhã* của *Kinh Thi*, có mấy câu đầu rất hay như: “Bốn ngựa ruổi rong/ Đường xa lòng vòng/ Há chẳng nhớ quê?/ Việc vua chưa xong?/ Xót xa trong lòng!”

² Thời xưa, chư hầu hội thề đi chinh phạt, làm lễ tế cáo ở tông miếu, thắng trận quay về, làm lễ uống rượu thưởng công ban tước. Sách *Tả truyện*, thiên *Hoàn công nhị niên* có chép: Phàm là đi đánh trận, làm lễ cáo tế với tông miếu. Lúc quay về, uống rượu, ban tước, biên công, là lễ vậy.

³ Tức là quan Thượng thư. Vào thời Tần Hán thì quan Thượng thư gọi là Trung đài, quan Yết giả gọi là Ngoại đài, quan Ngự sử gọi là Hiến đài, hợp ba chức gọi là Tam đài.

chẳng vui mừng. Ta nghe nói thế cảm thán bùi ngùi, thực chỉ biết một mình phát phần."

"Kẻ ngu này cho rằng bậc quân tử chẳng mưu cầu trọn vẹn ở một người, môn đồ của họ Khổng tính ra có ba nghìn người, trong số ấy có bảy mươi hai người là bậc khác thường, đến như bảy mươi người bọn Tử Trương, Tử Lộ, Tử Cống, đức chỉ kém thánh nhân một chút, nhưng cũng đều có sở đoản, trò Sư thiên lệch, trò Do thô lậu,⁽¹⁾ trò Tử chẳng được nhận mệnh trời,⁽²⁾ huống chi những kẻ dưới bọn ấy mà không có chỗ nào khiếm khuyết sao? Vả lại Trọng Ni chẳng vì cái không trọn vẹn của mấy học trò ấy mà không xem họ là bạn hữu, chẳng vì sở đoản của người ta mà quên cái sở trường của họ vậy. Thêm nữa là hiện nay chọn kẻ sĩ, nên rộng rãi hơn so với thời xưa, vì sao? Lúc này công việc ngổn ngang, mà người giỏi lại ít, quan lại của quốc gia, thường phải vất vả vì chẳng phải chuyên trách. Ví như bản tính họ không gian ác, có chí cố gắng, nên khích lệ họ, để họ phát huy ý chí gánh vác chức phận của mình. Nếu với việc nhỏ thích hợp, họ tự ý hành sự không tận lực, đều nên khoan thứ, không cần trách việc vụn vặt. Vả lại với kẻ sĩ thực chẳng nên nghị luận việc nhỏ mà yêu cầu quá cao, yêu cầu quá cao thì kẻ đó dẫu là thánh hiền cũng chẳng thể trọn vẹn được, huống chi là kẻ ra vào ở chỗ bọn ta? Cho nên nói lấy đạo để xét người thì khó, lấy người để xét người thì dễ, kẻ hiền người ngu có thể biết được."

"Từ thời Hán mạt đến nay, sĩ đại phu ở Trung Quốc như lữ Hứa Tử Trương, sở dĩ thay nhau chê bai hủy báng, có kẻ đến nổi rước họa, cái

¹ Câu trong sách *Luận ngữ*, là lời mà Khổng tử phê phán bốn học trò của mình. Nguyên văn: "Sãi dã ngu, Tham dã lỗ, Sư dã phích, Do dã ngạn", tức là: Sãi (Cao Sãi tự Tử Cao) ngu ngốc, Sâm (Tăng Sâm, Tăng Tử) đần độn, Sư (Tử Trương) thiên lệch, Do (Tử Lộ, Quý Do) thô lậu.

² Câu trong sách *Luận ngữ*, là lời Khổng tử nói về học trò của mình là Tử Cống. Nguyên văn là: "Tử bất thụ mệnh, nhi hóa thực yên, ức tắc lữ trùng." Tức là: Trò Tử (Tử Cống) không được nhận mệnh trời, nên chú tâm vào buôn bán, nhờ đoán thường trúng nên được giàu có.

gốc là từ nguyên do ấy, không phải vì thâm thù, chẳng qua chỉ vì họ không chịu lấy lễ giáo ước thúc mình, mà chuyên dùng lời chính nghĩa để trách người. Kẻ vì mình chẳng chịu theo lễ, thì người ta không phục, lấy chính nghĩa trách người, thì người ta không chịu được. Trong không phục đức, ngoài không chịu nổi sự trách cứ, thì chẳng thể không oán hận nhau. Sự oán hận một khi sinh ra, thì cái tiểu nhân được chứa trong đó. Đã chứa ở trong đó, thì có lời đồn tam chí,⁽¹⁾ lời gièm pha ngấm dần, những thứ tạp nham nhất tề đổ đến, dẫu sai bậc chí minh chí tự thân xét xử việc đó, cũng khó mà quyết định được, huống chi là kẻ ích kỷ đã có hiềm khích, lại không sáng suốt mà xét được việc nhi? Thế nên Trương, Trần đến nỗi máu đầm lười đao,⁽²⁾ Tiêu, Chu chẳng trọn tiếng tốt của họ, vốn bởi như thế mà thôi.⁽³⁾ Kẻ chẳng bỏ lỗi mọn, lại nhỏ nhen lấy đó để trách nhau, lâu rồi sẽ đến mức gây oán trong nhà, cả nước không còn kẻ sĩ có đức hạnh trọn vẹn nữa vậy."

Khác biết Tồn vì lời nghe sàm mà nghi ngờ mình, nên suy rộng lý luận của Kính Thúc mà dẫn ý mình vậy. Vừa lúc Tồn chết, Khác được thăng làm Đại tướng quân, ban Giả tiết, đóng ở Vũ Xương, thay Tồn quản việc ở Kinh châu.

Một thời gian sau, Quyền không được khỏe, mà Thái tử còn nhỏ, bèn triệu Khác về làm Đại tướng quân, lĩnh chức Thái phó cho Thái tử, Trung thư lệnh là Tôn Hoảng lĩnh chức Thiếu phó.

Quyền bệnh khốn, triệu Khác, Hoảng cùng Thái thường Đảng Dận, Tướng quân Lã Cự, Thị trung Tôn Tuấn, phó thác việc về sau.^①

¹ Tam chí (三至), xem chú thích ở tập IV, quyển 21, trang 239 (Lưu Dị truyện).

² Trương Nhĩ (张耳), Trần Dư (陈余), thân thiết với nhau, cùng theo Trần Thắng khởi nghĩa chống Tần, về cùng sống chết. Về sau hai người hiềm khích đánh giết lẫn nhau.

³ Tiêu Dục (萧育), Chu Bác (朱博), rất thân thiết với nhau, cùng giúp đỡ nhau làm quan dưới triều vua Ai đế nhà Tây Hán. Về sau hiềm khích rất sâu, chẳng chung thủy trọn vẹn, cho nên người bấy giờ cho việc kết giao là khó.

① Ngô thư chép: Quyền ốm nặng, nghị bàn việc phó thác. Bấy giờ triều thần hết thầy đều chú ý đến Khác, mà Tôn Tuấn biểu cử nói Khác có tài gánh vác nổi việc phụ chính, nên giao phó đại sự. Quyền e rằng Khác cứng rắn quá tất tự chuyên, Tuấn cho rằng hiện nay triều thần chẳng ai theo kịp Khác, bèn cố bảo cử, Quyền liền triệu Khác. Sau cho dẫn bọn Khác đến tận chỗ nằm, nhận chiếu dưới giường, Quyền hạ chiếu rằng:

"Ta bệnh khôn rồi, sợ chẳng còn gặp nhau nữa, hết thầy mọi việc đem ủy thác cho các ngươi."

Khác sụt sùi sa nước mắt nói:

- Bọn thần đều nhận hậu ân, sẽ lấy cái chết để vâng chiếu mệnh, mong bệ hạ yên ổn tinh thần, bớt nỗi ưu tư lo lắng, không phải nghĩ đến việc bên ngoài.

Quyền bèn chiếu lệnh sai Hữu ti đem hết các việc trao cho Khác thống quản, dầu việc lớn như chuyện sống chết cũng được làm trước rồi báo sau. Cho sửa phủ quán, đặt quân hầu phòng vệ. Đồng liêu trăm quan theo nghi thức vái chào, đều theo thứ bậc phẩm trật. Các phép tắc có điều bất tiện, đều liệt rõ báo lên, Quyền liền nghe theo. Trong ngoài yên ổn, lòng người hân hoan.

Hôm sau, Quyền mất. Hoàng vốn bất hòa với Khác, sợ bị Khác trừng trị, giấu kín tin Quyền chết, định giả truyền chiếu trừ Khác. Tuấn đem việc ấy báo với Khác, Khác mời Hoàng đến bàn việc, giết Hoàng ở ngay chỗ ngồi, rồi phát tang chế phục. Khác gửi thư cho em là Dung làm Công An đốc nói:

"Hôm nay mười sáu tháng mười là ngày Ất Mùi, Đại hành Hoàng đế lìa bỏ muôn bang, trăm quan lớn nhỏ, chẳng ai không thương xót. Đến như cha con anh em ta, đều nhận ân đặc biệt, không chỉ được đôi đũa như bấy tôi tâm thương, vì thế càng thêm bi thương, tim gan tan nát."

"Hoàng thái tử vào ngày Đinh Dậu lên nối tôn hiệu, buồn vui lẫn lộn, chẳng biết sắp xếp thế nào. Thân ta nhận cố mệnh, phù giúp ấu chủ, tự mình tính xét lo liệu, tài chẳng bằng Bác lục hầu mà nhận

mệnh ký thác như Cơ Công,⁽¹⁾ sợ nhục cái tiếng Thừa tướng phù giúp nhà Hán, lo tổn hại đến sự sáng suốt ủy thác của Tiên đế, vì thế hổ thẹn bàng hoàng, lo nghĩ vạn bề. Vả lại dân ghét người trên, hành động bị xem xét, bây giờ phải làm sao để thay đổi chuyện này? Nay dựa vào cái thiên bẩm ngu gần, giữ ngôi Bảo phó, gian khó nhiều mà trí ít, trọng trách nặng mà mưu tính cạn, ai là kẻ môi răng? Gần đây vào thời nhà Hán, Yên, Cái câu kết, có biến cố của Thượng Quan, đem thân nắm việc này, sao dám vui mừng đây?"

"Lại còn để ở sở quan, cùng với giặc địa hình địa thế đan xen, lúc này nên chỉnh đốn quân binh, khích lệ tướng sĩ, cảnh giác phòng bị hơn lúc bình thường, nghĩ cách tiến ra nơi muôn chết, không mong một sống, để báo ơn triều đình, không nhục đến tổ tiên. Thêm nữa là chủ tướng phòng giữ đều phải được cảnh giới, còn sợ quân giặc nghe có việc tang, làm càn trộm cướp. Các quan lại cấp dưới nơi biên ải, đều phải sắc mệnh ước thúc, các tướng Bộ đốc, không được làm bữa bỏ chỗ đóng quân, chạy đến chịu tang. Tuy ôm nỗi lòng xót xa không nén nổi, nhưng công nghĩa phải át tư tình, như Bá Cầm mặc đồ tang đánh rợ Nhung,⁽²⁾ nếu cầu thả làm trái, thì không chỉ là việc nhỏ. Dùng người thân nấn sửa người sơ, là điều răn sáng rõ của người xưa vậy."

Khác lại được bá làm Thái phó. Vì thế bãi bỏ những kẻ tai mắt, bỏ chức Hiệu quan, tha kẻ trốn tránh, bãi thuế vận quan, chuộng việc ân trạch, dân chúng chẳng ai không đẹp lòng. Khác mỗi khi ra vào, trăm họ nghênh cổ, mong trông thấy hình dáng của Khác.

¹ Bác lục hầu tước Hoắc Quang (霍光), đại thần nhà Hán dưới thời Hán Vũ đế, phụ chính cho Hán Chiêu đế, Xương Ấp vương và Hán Tuyên đế, hết lòng phụng sự vương triều;

Cơ Công tức Chu công (周公) của nhà Chu, nhận mệnh phó thác của Vũ vương giúp vua nhỏ Thành vương.

² Bá Cầm đánh rợ Nhung: Xem chú thích ở tập VII, quyển 47, trang 46 (Ngô chú Tôn Quyền truyện).

Khi trước, năm Hoàng Long nguyên niên Quyền thiên đô về Kiến Nghiệp, năm thứ hai đắp đê Đông Hưng để ngăn nước Sào Hồ. Sau đi đánh Hoài Nam, thua bại, để thuyền lại trong hồ, bởi đê hỏng nên bỏ thuyền không tu sửa lại.

Khác vào tháng mười năm Kiến Hưng nguyên niên tụ hội quân dân ở Đông Hưng, lại đắp đê lớn, ở bên trái và bên phải chỗ nối của hai tòa núi đắp hai tòa thành, mỗi thành lưu lại một nghìn người, sai Toàn Đoan, Lưu Lược giữ chỗ ấy, rồi dẫn quân lui về.

Nước Ngụy vì quân Ngô xâm nhập cương thổ của mình, then vì bị lấn, truyền mệnh sai bọn Đại tướng Hồ Tuân, Gia Cát Đản thống suất bảy vạn quân, muốn vây đánh hai lũy, mưu phá vỡ đê chắn. Khác hưng bốn vạn quân, đêm ngày đến cứu. Bọn Tuân sắc lệnh cho chư quân của mình làm cầu nổi vượt sông, bày trận trên đê, chia quân tấn công hai thành. Thành ở trên dốc cao, không hạ ngay được. Khác phái Tướng quân Lưu Tán, Lã Cự, Đường Tư, Định Phụng làm tiền bộ. Bấy giờ trời lạnh có tuyết rơi, các tướng Ngụy hội họp uống rượu, thấy bọn Tán binh ít, lại cởi bỏ áo giáp, không cầm mâu kích gì cả. Chỉ đội mũ trụ cầm đao và thuấn, cởi trần trùng trục đi men bờ đê, cả cười chế giễu, không lập tức nghiêm quân trận. Quân kia lên bờ, liền gõ trống reo hò chém tán loạn. Quân Ngụy kinh nhiều chạy tứ tán, tranh nhau qua cầu nổi, cầu gãy đổ, quân lao đầu xuống nước, lại giẫm đạp nhau. Bọn Thái thú Lạc An là Hoàn Gia bị chìm cùng một lúc, người chết đến mấy vạn. Phản tướng trước kia là Hàn Tổng làm Tiền quân đốc của nhà Ngụy, cũng bị chém. Bắt được các xe trâu, ngựa, la, lừa mấy nghìn chiếc, quân trang khí giới chất đống như núi, rồi chấn chỉnh quân lữ mà về. Triều đình tấn phong cho Khác tước Dương Đô hầu, thêm chức Kinh Dương châu mục, đốc các việc quân sự trong ngoài, ban thưởng trăm cân vàng, hai trăm con ngựa, một vạn xấp lụa các loại.

Khác vì thế có lòng khinh địch, từ trận thắng vào tháng mười hai, đến mùa xuân năm sau, lại muốn xuất quân.^① Các đại thần cho rằng mấy lần xuất quân nhọc mệt, cùng đưa lời can Khác, Khác không nghe. Trung tánt đại phu là Tưởng Diên vì cố tranh biện, bị cưỡng lôi ra khỏi điện.

① *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Khác sai Tư mã là Lý Hành qua Thục thuyết Khương Duy, muốn cùng cử sự, nói:

- Cổ nhân có nói, thánh nhân chẳng thể tạo thời cơ, song thời cơ đến cũng chẳng để lỡ. Nay nước địch chính sự nằm ở tư môn,⁽¹⁾ trong ngoài ngăn cách ngò vức, binh bị bẻ gãy ở ngoài, còn dân oán giận ở trong, từ thời Tào Tháo đến giờ, hình thế bại vong của bên kia chưa có khi nào rõ như bây giờ vậy. Nếu cất đại quân thảo phạt chúng, nước Ngô đánh vào phía đông, quân Hán tiến vào phía tây của họ, bên kia cứu phía tây thì phía đông trống rỗng, coi trọng phía đông thì phải coi nhẹ phía tây, đem quân tinh luyện, đánh cái lúc bên địch trống rỗng hoặc coi nhẹ, phá chúng tất xong vậy.

Duy theo lời ấy.

Khác bèn soạn bài luận hiểu dụ tâm ý mọi người rằng:

"Trời không hai mặt, đất chẳng hai vua, người làm vua chẳng lo tính thâm gồm thiên hạ mà muốn truyền lộc cho đời sau, xưa nay chưa từng có vậy. Trước kia vào thời Chiến Quốc, chư hầu tự cậy vào binh mạnh đất rộng, hỗ trợ cứu giúp nhau, cho rằng như thế là đủ để truyền đời, người khác chẳng thể gây nguy hại được. Bởi thế buông thả mặc lòng, ngại việc lao khổ, khiến nước Tần dân dân tự khoa trương thế lực, cuối cùng thôn tính các nước, đấy là sự thực rồi. Gần đây Lưu Cảnh Thăng ở Kinh châu, bộ chúng có chục vạn, tiền của lương thực chất cao như núi, chẳng kịp thừa lúc Tào Tháo còn yếu nhược, dốc sức tranh giành, lại ngồi xem hăn lớn mạnh, nuốt diệt các người họ Viên. Sau khi bình được toàn bộ phương bắc, Tháo thống

¹ Khác cho rằng nước Ngụy thuộc quyền họ Tư Mã.

suất ba chục vạn quân hướng thẳng Kinh châu, bấy giờ đâu có bậc trí giả, cũng chẳng thể giúp mưu vạch kế được nữa, vì thế con nhỏ của Cảnh Thăng, phải chấp tay xin hàng, cuối cùng thành đĩa giặc tù. Phàm là nước địch muốn thôn tính nhau, tức là cừu thù muốn diệt trừ nhau vậy. Có kẻ thù mà để kẻ thù lớn mạnh, họa chẳng ở mình, thì ở người nối sau, chẳng thể không lo nghĩ sâu xa vậy."

"Trước kia Ngũ Tử Tư nói: 'Nước Việt mười năm tụ tập sinh sôi, mười năm được dạy dỗ, ngoài hai mươi năm, nước Ngô này sẽ thành cái ao thôi!' Phù Sai tự cậy mình cường mạnh, nghe thế mà coi khinh, vì thế giết Tử Tư mà không có lòng phòng bị nước Việt, đến lúc sắp thua bại mới hối tiếc lời ấy, há có kịp chẳng? Nước Việt nhỏ hơn so với nước Ngô, còn là mối họa của nước Ngô, huống chi bên kia là nước lớn mạnh đây?"

"Xưa kia nước Tần chỉ có được đất Quan Tây thôi, còn dựa vào đó thôn tính sáu nước, nay giặc có được cả các đất đai của chín châu là Tần, Triệu, Hàn, Ngụy, Yên, Tề, những chỗ ấy là khu vực sản khí giới và ngựa chiến, là chỗ tụ tập của sĩ nhân. Nay đem nước Ngụy kia sánh với nước Tần ngày xưa, đất đai rộng gấp bội; đem nước Ngô và nước Thục sánh với sáu nước ngày xưa, chẳng thể bằng một nửa của họ. Nhưng nay sở dĩ có thể đối địch được bên kia, chỉ vì thời Tháo binh sĩ đông đảo, đến nay vừa sạch nhẵn, mà kẻ hậu sinh thì chưa lớn mạnh hẳn, chính là lúc giặc suy yếu chưa thịnh lại. Thêm nữa là Tư Mã Ý lúc trước giết Vương Lăng, ngay sau đó tự chết bất ngờ, con hắn còn nhỏ yếu, mà chuyên quyền gánh vác việc lớn, đâu có kẻ sĩ trí mưu, cũng chưa được đem dùng. Hiện nay ta đánh họ, thì đấy là vận khôn của họ. Thánh nhân gặp rút chớp thời cơ, thực là nói về việc ngày nay. Nếu thuận theo cái ý của chúng nhân, trong lòng cầu thả với kẻ cầu an, cho rằng với cái hiểm của Trường Giang có thể lấy đó truyền đời, chẳng luận bàn về cái biến hóa trước sau của nhà Ngụy, mà lấy hôm nay để xem nhẹ việc sau này, đấy là cái lý do để ta thờ vắn than dài vậy. Từ nay về sau, phải chuyên chú việc sinh dưỡng,

nay dân của giặc theo năm tháng càng đông thêm, chỉ vì còn nhỏ, chưa thể đắc dụng thôi. Nếu mười mấy năm sau nữa, dân chúng bên kia tất nhiều gấp bội so với hôm nay, mà binh mạnh của quốc gia ta trú ở các nơi, đều đã kiệt quệ, duy có số quân này mới có thể định được đại sự. Nếu chẳng sớm dùng họ, ngồi ngây đợi tuổi già, mười mấy năm nữa, sẽ hao tổn khoảng một nửa, mà nay số con em chúng ta chẳng đáng kể. Nếu quân giặc đông thêm một lần, mà binh ta hao tổn mất một nửa, dẫu bọn Y Doãn, Quán Trọng sống lại giúp kế mưu, cũng chẳng có cách gì. Nay kẻ chẳng lo nghĩ thấu suốt xa xôi, tất cho rằng lời nói của ta thực xa vời."

"Ôi, lúc họa nạn còn chưa đến mà lo lắng sớm, đấy chắc chắn là điều mà mọi người cho là xa vời vậy. Kịp khi nạn đến, mới uốn gồi cúi lạy, dù có bậc trí giả, cũng chẳng thể toan tính nổi. Đó là căn bệnh xưa nay, không phải chỉ ở một thời. Trước kia vua Ngô ban đầu cho là lời của Ngũ Viên xa vời, cho nên nạn đến mà chẳng thể cứu. Lưu Cảnh Thảng chẳng lo nghĩ việc sau mười năm, cho nên không truyền lại được nước của mình cho cháu con. Nay Khác không đủ cái tài của bậc tôi thân, mà vâng nhận trọng nhiệm của Tiêu, Hoắc⁽¹⁾ tại Đại Ngô, trí giống mọi người, nghĩ chẳng sâu xa, nếu chẳng nhân dịp hôm nay giúp nước nhà mở mang bờ cõi, cúi xuống ngẩng lên tuổi đã già lão, mà giặc thù thêm mạnh, muốn đâm cổ tạ lỗi, há có giúp được gì chẳng? Nay nghe nói chúng nhân ngờ hoặc cho là trăm họ còn nghèo, muốn chuyên tâm nghỉ ngơi, thế là chẳng biết lo nghĩ đến mối nguy lớn, mà yêu thích cái siêng năng nhỏ nhặt vậy."

"Trước kia Hán tổ may vì có được đất Tam Tần, sao chẳng đóng cửa thủ hiểm, để tự vui sướng, mà uống công ra đánh Sở, thân bị thương tật, giáp trụ sinh chấy rận, tướng sĩ khốn khổ đủ đường, há can tâm xông pha nơi đao nhọn mà quên sự yên ổn sao? Đấy là nghĩ rằng vể

¹ Tiêu Hà, Hoắc Quang, đều là những đại công thần, công cao đức trọng thời nhà Hán.

lâu dài chẳng tròn vẹn được cả hai vậy!⁽¹⁾ Ta thường đọc xem việc Kinh Hàm thuyết Công Tôn Thuật về đường tiến thủ,⁽²⁾ gần đây xem được bài biểu của thúc phụ ta bày tỏ cái kế cùng giặc tranh giành, chưa từng không bùi ngùi than thở vậy. Sớm khuya trăn trở, lo nghĩ những việc như thế, cho nên tạm bày tỏ lời ngu muội, mong đạt được vài ba ý mọn của bậc quân tử. Nếu một sớm chết đi, chí hướng kế mưu chẳng lập được, kẻ tài chí ở đời biết được điều ta lo lắng, và người sau nghĩ đến."

Mọi người đều thấy bài luận ấy của Khác cường từ đoạt lý, song chẳng ai dám can vặn lại.

Thái thú Đan Dương là Nhiếp Hữu vốn thân thiết với Khác, gửi thư can Khác rằng:

"Đại hành Hoàng đế vốn có kế ngăn địch ở Đông Quan, kế mưu chưa được thi hành. Nay Công phủ tá giúp đại nghiệp, thành toàn cái chí của Tiên đế, giặc cướp ở xa tỵ đến, tướng sĩ cậy dựa uy đức, đem thân theo mệnh, một sớm lập được cái công phi thường, há chẳng phải là phúc lành cho xã tắc và anh linh tông miếu sao! Nên tạm nghỉ binh nuôi dưỡng nhuệ khí, xét sơ hở mà hành động. Nay nhân cái thế mới thắng Ngụy, muốn lại phát đại binh, về thiên thời là chưa nên. Vả lại miễn cưỡng theo ý ngài mà làm, riêng ta cho là bất an."

Khác sau khi viết xong bài luận, viết thư trả lời Hữu rằng:

"Lời túc hạ tuy có đạo lý đúng đắn, nhưng chưa thấy được đại cục thời thế. Hãy xem kỹ bài luận của ta, là có thể khai mở tư tưởng rồi."

Vì thế trái ý mọi người xuất quân, điều phát hai mươi vạn quân của các châu quận, trăm họ xao động, bắt đầu mất lòng người.

¹ Thời Tần mạt, Hạng Vũ thống suất chư hầu diệt Tần, phong đất cho chư hầu. Lưu Bang là Hán vương, Chương Hàm là Ung vương, Tư Mã Hân là Tái vương, đều thuộc đất Tần cũ, nên gọi là Tam Tần. Hán vương từ đất Hán Trung tiến ra Trần Thương cùng Hạng Vũ tranh thiên hạ, sau thống nhất Hoa Hạ lập nên nhà Hán.

² Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Hoa Hạ loạn lạc, Công Tôn Thuật chiếm đất Thục xưng Đế, dùng Kinh Hàm làm Kỵ đô úy, Quang Vũ để đánh dẹp, Kinh Hàm khuyên Công Tôn Thuật đánh Lưu Tú, Thuật không nghe, sau bị Lưu Tú diệt.

Ý Khác muốn dương oai ở Hoài Nam, đuổi bắt cướp bóc người dân, nhưng chư tướng có người kiến nghị:

- Nay ta dẫn quân xâm nhập, dân chúng ở ngoài cõi, tất theo nhau lánh xa, sợ rằng binh lính khó nhọc mà công lao ít, chẳng bằng chỉ vây Tân Thành, Tân Thành khốn, quân cứu tất đến, chúng đến thì đánh diệt chúng, mới có thể thu thành quả lớn.

Khác theo kế ấy, hồi quân về vây Tân Thành. Vây đánh liên tục liên tháng, thành không hạ được. Sĩ tốt nhọc mệt, tiết trời nóng nực phải uống nước sông, bị thủy tả sung phù, người ốm quá nửa, kẻ chết đầy đất. Quan lại ở các doanh mỗi ngày lại bẩm là người bị bệnh rất nhiều, Khác cho là dối trá, muốn chém họ, từ đó chẳng ai dám nói.

Khác trong bụng nghĩ rằng kế đã hỏng, nhưng thẹn vì không hạ nổi thành, cáu giận lộ ra nét mặt. Tướng quân Chu Dị tỏ ý bất đồng, Khác giận, lập tức đoạt lấy quân sĩ của Dị. Đô úy là Sái Lâm mấy lần bày kế dụng binh, Khác chẳng chọn dùng, bèn ruổi ngựa sang hàng Ngụy. Nhà Ngụy biết quân Ngô mỗi một bệnh tật, bèn tiến quân cứu.

Khác dẫn quân về. Sĩ tốt bị thương bệnh tật, lê bước trên đường, có kẻ đâm đầu xuống hang hốc, có kẻ bị cướp bắt, người còn kẻ mất phần hận thống khổ, lớn nhỏ kêu than, nhưng Khác vẫn an nhiên như thường. Ra đóng quân ở bãi sông một tháng, tính ở lại Tâm Dương khai khẩn đồn điền, chiếu chỉ liên tiếp triệu gọi, Khác mới từ từ rút quân về. Bởi thế quân dân thất vọng, mà oán phần nổi lên.

Mùa thu tháng tám quân về, Khác bày đội ngũ, rồi vào phủ quán. Lập tức triệu Trung thư lệnh là Tôn Hắc đến, lớn tiếng mắng rằng:

- Bọn ngươi sao dám tự ý phát chiếu thư bậy bạ?

Hắc sợ hãi từ tạ lui ra, nhân đó cáo bệnh về nhà.

Khác sau khi đi đánh trận trở về, các quan Lệnh, Trưởng tam được tuyển chọn, hết thầy bãi chức rồi tuyển chọn lại, càng coi xét việc nghiêm khắc hơn, nhiều người bị trách phạt, những người lên gặp mặt, chẳng ai không lo sợ. Khác lại đổi quân túc vệ, dùng người thân cận của mình, sắc mệnh chinh đồn quân lính, muốn hướng đến Thanh, Từ. Tôn Tuấn nhân lúc dân chúng đa phần oán hận, người người ngờ vực, gièm pha là Khác muốn gây biến, cùng Lượng mưu tính, đặt tiệc rượu mời Khác.

Khác vào đêm trước hôm tiếp kiến, tinh thần nhiều động, cả đêm không ngủ yên. Sáng ra, định súc miệng rửa mặt, thấy nước có mùi thịt sống tanh tươi, người hầu đưa áo, áo quần cũng có mùi ấy. Khác cho là quái lạ, đổi áo thay nước, mùi tanh vẫn như lúc ban đầu, có ý buồn bã không vui. Chinh trang xong bước ra ngoài, có con chó ngoạm kéo áo Khác, Khác nói:

- Con chó không muốn ta đi sao?

Rồi quay lại ngồi xuống, chốc lát lại đứng dậy, con chó lại ngoạm lấy áo Khác, Khác lệnh cho người đi theo đuổi chó, rồi lên xe.

Khi trước, Khác sắp đi đánh Hoài Nam, có kẻ hiếu tử mặc áo tang đi vào trong cửa nhà Khác, người hầu bầm với Khác, Khác gọi ra ngoài cật vấn, kẻ hiếu tử nói:

- Ta chẳng tự biết là đã đi vào.

Bấy giờ hết thầy binh sĩ canh giữ trong ngoài, cũng đều không thấy, mọi người đều cho là lạ. Sau khi xuất hành, cây cột chống ở chỗ Khác ngồi bị gãy. Lúc từ Tân Thành ra đóng giữ Đông Hưng, có cầu vồng trắng hiện ở trên thuyền của Khác, lúc quay về bãi lầy ở Tương Lăng, cầu vồng trắng lại quấn quýt quanh xe của Khác.

Lúc sắp yết kiến, Khác dừng xe ở cửa cung, Tuấn đã phục binh ở trong trường, sợ Khác không vào ngay, việc tiết lộ, bèn tự ra gặp Khác nói:

- Sứ quân nếu quý thể bất an, có thể đợi hôm sau, Tuần này sẽ bẩm rõ với chúa thượng.

Là muốn dò thử ý tứ của Khác. Khác đáp rằng:

- Ta sẽ tự gắng đi vào.

Tán kỵ thường thị là bọn Trương Ước, Chu Ân bí mật đưa thư cho Khác nói:

"Yến hội hôm nay bố trí khác thường, ngờ rằng có nguyên cớ khác."

Khác xét thư rồi đi ra. Chưa ra đến cửa điện, gặp Thái thường là Đặng Dận, Khác nói:

- Ta đột nhiên đau bụng, không tiện vào cung.

Dận không biết âm mưu của Tuần, bảo Khác rằng:

- Ngài từ lúc xuất quân rồi quay về chưa triều kiến, nay chúa thượng đặt tiệc rượu mời ngài, ngài đã đến cửa, nên cố gắng vào gặp.

Khác do dự rồi quay lại, đeo kiếm lên điện, tạ Lượng, rồi về chỗ ngồi. Rượu bày ra, Khác ngờ vực không uống, Tuần nhân đó nói:

- Bệnh của Sứ quân chưa khỏi hẳn, nên thường xuyên uống rượu thuốc, có thể tự lấy rượu của mình ra uống.

Khác mới có ý tự yên, uống riêng rượu mà mình mang theo.①

Rượu qua vài tuần, Lượng quay vào nội điện, Tuần đứng dậy đi ra nhà xí, cởi áo dài, mặc áo ngắn, bước ra nói:

- Có chiếu bắt Gia Cát Khác!②

Khác kinh hãi đứng dậy, kiếm chưa rút ra khỏi bao, thì đao của Tuần đã giáng xuống. Trương Ước theo hầu bên cạnh chém Tuần, trọng thương ở tay trái, Tuần vùng tay chém Ước, chặt đứt cánh tay phải. Quân vũ vệ đều xông lên điện, Tuần nói rằng:

- Kẻ đáng bắt là Khác vậy, nay đã chết.

Bèn lệnh bỏ hết đao vào bao, rửa sạch nền đất lại uống rượu tiếp.③

① *Ngô lịch* chép: Trương Ước, Chu Ân đưa mật sớ báo với Khác, Khác đem báo với Đằng Dận, Dận khuyên Khác về, Khác nói:

- Tuấn là thằng trẻ ranh làm gì được ta! Ta chỉ sợ trong lúc ăn uống trúng kế của người khác thôi.

Bèn đem rượu thuốc vào.

Tôn Thịnh bình rằng: Khác với Dận thân thiết hơn người, bọn Ước tấu báo, là việc lớn phi thường, mới đem báo với Dận, cùng mưu an nguy. Nhưng tính Khác cứng rắn quá quyết, hơn nữa vốn khinh Tuấn, tự mình không tin Tuấn có mưu ngầm, cho nên đi vào, há phải Dận không khuyên, tự tiện vào rồi mắc họa sao? *Ngô lịch* chép đúng.

② *Ngô lục* chép: Tuấn vung đao nói có chiếu sai bắt Khác, Lượng đứng dậy nói:

- Chiếu đó không do ta làm! Chiếu đó không do ta làm!

Nhũ mẫu dẫn Lượng quay vào nội cung.

Ngô lịch chép rằng: Tuấn dẫn Lượng vào trước, rồi mới ra nói có chiếu. So với bản truyện là giống.

Thần Tùng Chi cho rằng Tuấn muốn đọc chiếu, đúng như bản truyện và *Ngô lịch* chép, không phải như điều mà *Ngô lục* nói.

③ *Sưu thần ký* chép: Khác vào cung, đã bị giết, vợ Khác đang ở nhà, gọi con hầu hỏi nhỏ rằng:

- Có sao người mày có mùi máu tanh hôi?

Con hầu nói:

- Không có.

Lát sau mùi càng nồng, vợ Khác lại hỏi con hầu rằng:

- Mày nhìn kỹ xem, có gì bất thường không?

Con hầu đột nhiên nhảy dựng lên, đầu va vào cột nhà, vung tay nghiêng rằng mà nói rằng:

- Gia Cát Công đã bị Tôn Tuấn giết hại!

Vì thế lớn nhỏ biết là Khác đã chết rồi, đúng lúc quan binh rầm rập kéo đến.

Chí lâm chép: Khi trước Quyền bệnh nặng, triệu Khác làm phụ chính. Khác sắp đi, Đại tư mã là Lã Đại khuyên bảo Khác rằng:

- Thế gian đang lắm nạn, ngài mỗi khi làm việc tất phải suy nghĩ mười lần.

Khác đáp rằng:

- Xưa kia Quý Văn Tử⁽¹⁾ làm gì cũng nghĩ đi nghĩ lại ba lần rồi mới làm, Phu tử nói "Nghĩ hai lần là được rồi", nay ngài lại khuyên Khác nghĩ mười lần, rõ là nói cái kém của Khác vậy.

Đại không lấy gì đáp lại, người bấy giờ đều cho là Đại lỗ lòi.

Ngu Hỷ nói: Ôi, nhận phước coi xét thiên hạ là việc chí trọng vậy, lấy thân phận thần tử thay cái uy của chúa là rất khó vậy, kiêm gồm cả hai thứ mà quản muôn việc, có thể thành công là ít có rồi. Tự ý mình không chọn nẹp mưu kế của quần thần, hỏi han kẻ kiếm củi nơi đồng cỏ, không cho mình là giỏi để thu nhận ý kiến của người khác, thường tỏ ra như là chưa đủ, thì công danh chẳng thành, công huân không sáng rõ. Huống chi Lã hầu là tiền bối cao niên của quốc gia, mưu tính sâu xa, nên mới đem việc suy nghĩ mười lần để khuyên răn Khác, mà Khác lại cho là bảo mình kém cỏi để cự lại, đấy là cái sơ xuất của Nguyên Tồn, cơ trí chẳng đủ vậy. Khác nếu theo cái nghĩa suy nghĩ mười lần, hỏi rộng việc đương thời, nghe lời hay nhanh như sấm động, theo lời can gấp như gió thổi, há phải rơi đầu chốn điện đường, chết bởi mũi đao của thằng nhóc hung ác sao? Người đòi khen tài biện bác hơn người của Khác, cho là lời hay đáng xem, mà chê cười Lã hầu không đáp được là thô lậu, chẳng nghĩ đến mối an nguy trước sau, đấy là thích cái rực rỡ của hoa mùa xuân, mà quên vị ngọt ngào của trái cây mùa thu vậy. Trước kia người Ngụy phạt Thục, người Thục chống địch, tinh tế nghiêm cẩn tóc tai dựng đứng, sáu

¹ Quý Văn Tử còn gọi là Quý Tôn Hành Phụ (季孫行父), giữ chức Chính khanh, chấp chính ở nước Lỗ mấy chục năm, giúp các vua Tuyên công, Thành công và Tương công. Xem chú thích ở tập III, quyển 13, trang 160 (Hoa Hâm truyện).

quân sôi sục như mây, quân sĩ lên ngựa mặc giáp, vũ hịch giao nhau trên đường, bấy giờ Phí Y là nguyên soái, gánh vác trọng trách quốc gia, lại cùng với Lai Mẫn chơi cờ vây, ý không mõi mệt. Mẫn sắp chia tay bảo Y rằng: "Ngài hẳn đủ tài liệu địch vậy." Nói lời ấy tỏ rõ mưu cao đã định ở trong, vẻ ngoài không có sắc diện lo lắng, Huống Trường Ninh¹ cho rằng người quân tử nên lâm sự thì lo sợ, khéo mưu mới thành công. Và lại Thục là cái nước bé tí tẹo, mà đang phải chống đại địch, cái điều mưu toan, chỉ có giữ và đánh, làm sao có thể thừa sự kiêu căng, an nhiên không lo lắng? Là vì bản tính của Phí Y rộng rãi, không đề phòng cái nhỏ nhặt, cuối cùng bị hàng nhân là Quách Tuần làm hại, há chẳng phải là điềm báo đã thấy rõ từ việc ấy mà thành họa như thế sao? Lúc trước ta nghe lời xét của Huống Trường Ninh với Văn Vĩ, nay mắt thấy cái ngỗ nghịch của Nguyên Tồn với Lã hầu, hai việc này bản chất giống nhau, cho nên đều chép lại, có thể dùng để răn bảo hậu thế, mãi mãi làm tấm gương cho đời.

Trước đây, có lời đồng dao rằng:

"Gia Cát Khác, cỏ lau làm áo đơn, buộc đai lưng câu lạc, sao tìm đến cửa Thành Tử."

Cửa Thành Tử, là nói lái chữ Thạch Tử Cương. Phía nam thành Kiến Nghiệp có cái gò dài, tên gọi là Thạch Tử Cương, là nơi táng người chết ở địa phương. Câu lạc, là cái đai cột tre buộc thắt lưng, người đời gọi là đai câu lạc. Khác quả nhiên bị lấy chiếu cỏ bọc thân và đai cột tre buộc lưng, quăng thân ở gò ấy.^①

① *Ngô lục* chép: Khác bấy giờ năm mươi mốt tuổi.

Con trưởng của Khác là Xước, làm Kỵ đô úy, vì việc quan hệ với Lỗ vương, Quyền sai về giao cho Khác, lệnh phải khuyên răn dạy dỗ lại, Khác dùng rượu độc giết đi. Con thứ là Tùng, làm Trường thủy Hiệu úy. Con út của Khác là Kiến, làm Bộ

¹ Huống Trường Ninh (况长宁) là người Tứ Xuyên, nước Thục, sống vào thời Tam Quốc, trong sử không có truyện chép về ông. *Thục chí* chỉ chép: Nhà Hán có Huống Trường Ninh.

binh Hiệu úy. Nghe tin Khác bị giết, lấy xe chở mẹ mình đi trốn. Tuấn phái Kỵ đốc là Lưu Thừa đuổi theo chém Tùng ở Bạch Đô. Kiến qua được sông, muốn lên bắc trốn vào nước Ngụy, đi được mấy chục dặm, bị quân đuổi theo bắt được. Cháu ngoại của Khác là bọn Đô hương hầu Trương Chấn và Thường thị Chu Ân, đều bị giết sạch cả ba họ.

Khi trước, Tùng nhiều lần can Khác, Khác không nghe, Tùng thường lo sợ sẽ mắc vạ. Lúc Khác chết, Tang Quân người quận Lâm Hoài dâng thư xin thu nhật thi thể chôn táng Khác rằng:

"Thần nghe nói sấm vang chớp giạt, chẳng đây một buổi, gió lớn nổi lên, ít khi trọn ngày, nhưng sau đó còn có mây mưa kế tiếp, vì thế thấm ướt vạn vật, thế thì cái uy của trời đất, chẳng quá một tuần, cơn giận của Đế vương, chẳng nên hết tình tận ý. Thần vốn cuồng ngu, chẳng biết kiêng kỵ, dám mạo phạm với tội phá nhà diệt thân, để cầu xin trong cơn giận gió mưa."

"Cúi nghĩ cố Thái phó Gia Cát Khác được kế nghiệp của tổ tiên truyền lại, các chú và cha gặp vận Hán tận, chín châu lập đỉnh, chia nhau thác thân ở ba phương, đều giữ lòng trung cần khó nhọc, hưng thịnh công nghiệp ở đời. Rồi đến Khác, sinh ra lớn lên ở vương quốc, được Ngô chủ giáo dưỡng, nổi tiếng là bậc tài hoa hơn đời, vâng chức trách và phép tắc, cái họa trong tâm chưa nảy mầm, Tiên đế ủy thác trách nhiệm của Y, Chu, đem vạn việc phó thác."

"Khác vốn tính cứng rắn ương bướng, kiêu căng lấn át người, chẳng thể kính giữ thần khí, yên định người trong nước, thích hưng binh lập công bên ngoài, chưa đầy ba năm ba lần xuất binh, quân dân hao sút, kho phủ rỗng không, một mình nắm đại quyền quốc gia, tự ý phế đổi quan lại, mượn hình pháp để bức hiếp mọi người, lớn nhỏ khép nép không dám thở. Thị trung Vũ vệ tướng quân Đô hương hầu cùng nhận chiếu phó thác của Tiên đế, thấy Khác gian ác ngỗ ngược, ngày càng quá quắt, lo sợ quốc gia nhiều động, xã tắc ngửa nghiêng, uy nộ bùng bùng, chí ngút trời xanh, kế mưu sánh được với thần minh, trí

dùng gấp trăm lần Kinh, Nhiếp,⁽¹⁾ thân cầm đao sắc, chém bêu đầu Khác ở điện đường, công trạng hơn cả Chu Hư, huân lao vượt quá Đông Mâu.⁽²⁾ Kẻ đại ác của nước, một sớm bị diệt, treo đầu thị chúng, sáu quân vui mừng nhảy nhót, nhật nguyệt sáng thêm, gió bụi không lay động, đấy thực là oai thần của tông miếu, người và trời cùng chứng nghiệm vậy."

"Nay đầu của ba cha con Khác, treo ở chợ đã lâu ngày, người xem mấy vạn, tiếng máng chửi thành gió. Đại hình của quốc gia, chẳng đầu không chấn động, người già con trẻ, chẳng ai không thấy. Lòng người đối với vạn vật, vui cùng cực thì sinh bi, Khác được quý hiển, trên đời không ai sánh, thân giữ ngôi Thai phụ, trong khoảng vài năm, nay bị giết cả họ, không khác gì cầm thú, xem rồi nghĩ lại, lẽ nào chẳng buồn thương! Vả lại người đã chết, cùng hòa với cõi đất, có đào bới đâm chém, hình phạt chẳng nặng thêm. Mong thánh triều xét theo phép thường của trời đất, con giận chẳng nên quá một tuần, lệnh cho quan dân ở thôn ấp cũ của Khác, thu nhật y phục quân ngũ, ban cho quan tài ba tấc."

"Xưa kia Hạng Tịch được ban đất tổng táng, Hàn Tín được ân thu nhật thi thể, thế là tiếng tốt thần minh của Hán Cao nổi lên vậy.⁽³⁾ Cúi nghĩ bề hạ hãy đôn hậu thi ân theo lòng nhân của Tam Hoàng, rủ lòng xót thương, khiến ân trạch của quốc gia ban đến tẩm xương khô của kẻ bị giết chóc, phát ân che trùm, để nêu cao tiếng tẩm đến kẻ ở

¹ Kinh Kha (荊軻) người nước Vệ, sang nước Yên. Tần Thủy Hoàng đánh diệt các nước Hàn, Triệu, Ngụy rồi uy hiếp nước Yên, Thái tử Đan nước Yên muốn giết Tần Thủy Hoàng, dùng Kinh Kha làm thích khách, Kinh Kha sang Tần mưu giết Tần Thủy Hoàng, việc không thành, bị giết;

Nhiếp Chính (聂政): Xem chú thích ở tập I, quyển 4, trang 234 (Tề vương Tào Phương truyện).

² Chu Hư hầu Lưu Chương (刘璋), Đông Mâu hầu Lưu Cứ đều là con cháu của Lưu Bang, đánh giết các người họ Lã chuyên quyền sau thời Hán Cao tổ Lưu Bang để giành lại chủ quyền về tay dòng tộc họ Lưu.

³ Hạng Vũ thua quân bị chết bởi tay Lưu Bang ở bến sông Ô Giang, Hàn Tín bị Lã hậu giết ở cung Vị Ương, đều được chôn cất tử tế.

phương xa, khuyến khích người trong thiên hạ, há chẳng phải là công đức vô lượng sao!"

"Xưa kia Loạn Bố trái lệnh truyền, khóc tể Bành Việt,⁽¹⁾ thần nghĩ hận việc ấy, chẳng muốn cầu xin chúa thượng, chuốc lấy cái tiếng là kẻ buông thả theo tình cảm, không bị giết chóc, thật đã may mắn lắm rồi. Nay thần chẳng dám dùng tấu chương bày tỏ ngu tình, để lộ ân trời, xin kính cẩn tự tay viết thư, mạo muội bày tỏ lời vãn, xin thánh triều thương tình xem xét."

Vì thế Lượng, Tuấn thuận cho quan lại cũ của Khác thu nhật thi thể tổng táng, rồi đưa ra Thạch Tử Cương.①

① *Giang Biểu truyện* chép: Triều thần có người xin vì Khác lập bia để làm rõ công lao, Bác sĩ Thịnh Xung cho là không nên. Tôn Hưu nói:

- Giữa mùa hạ nóng nực xuất quân, sĩ tốt thương tổn, không có thuốc tắc công lao, chẳng thể nói là tài; nhận trách nhiệm thác cô, mà chết bởi tay thẳng trẻ ranh, chẳng thể nói là trí. Lời bàn của Xung là đúng vậy.

Bèn thôi.

Khác mới lui quân về, Nhiếp Hữu biết Khác sắp hỏng, gửi thư cho Đổng Dận nói:

"Người ta đang cường thịnh, sông núi có thể chuyển dời, một sớm suy yếu, lòng người vạn đổi, ta nói lời này mà đau xót thở than."

Sau khi Khác bị giết, Tôn Tuấn ghét Hữu, muốn điều đi làm Thái thú Uất Lâm, Hữu phát bệnh lo lắng mà chết.

Hữu tự Văn Đế, người quận Dự Chương vậy.①

① *Ngô lục* chép: Hữu có tài miệng lưỡi, thời trẻ làm Huyện lại. Ngụ Phiên bị đày đến Giao châu, Huyện lệnh sai Hữu đưa tiễn Phiên, Phiên cùng nói chuyện cho là người tài, gửi thư cho Thái

¹ Bành Việt (彭越) là dũng tướng của Hán Cao tổ. Lưu Bang thành công, nghị kỵ giết công thần. Bành Việt bị giết. Loạn Bố (栾布) thân thiết với Bành Việt, trái lệnh Cao tổ đến khóc trước đầu Bành Việt, Hán Cao tổ Lưu Bang tha tội cho Loạn Bố.

thú Dự Chương là Tạ Phi, khuyên dùng làm Công tào. Quận bấy giờ đã có Công tào, Phi gặp Hữu, hỏi mọi người rằng:

- Huyện lại Nhiếp Hữu, có thể kham nổi chức gì?

Chúng đáp rằng:

- Người ấy là viên tiểu lại trong huyện thôi, bởi vậy có thể kham nổi chức phó Công tào.

Phi nói:

- Người bình xét cho rằng nên dùng làm Công tào, các ngài sao tị hiềm hẳn.

Bèn dùng làm Công tào. Sai đến kinh đô, Gia Cát Khác kết bạn với Hữu.

Người đương thời bàn luận cho là Cố Tử Hắc, Cố Tử Trục,⁽¹⁾ hai người không ai chứa chấp Hữu, Khác bèn đưa Hữu về nhà mình ở, Hữu từ đấy nổi danh. Sau làm tướng, đi đánh dẹp tộc Đàm Nhĩ, quay về được bá làm Thái thú Đan Dương, năm ba mươi ba tuổi chết.

Đặng Dân tự Thừa Tự, người quận Bắc Hải huyện Kịch. Bác của Dân là Đàm, cha là Trụ, làm thông gia với người đồng hương trong châu là Lưu Do, vì thời thế nhiễu loạn, qua sông nương nhờ Do. Tôn Quyền làm Xa kỵ tướng quân, bá Đàm làm Hữu tư mã, Đàm vì khoan hậu được khen, nhưng chết sớm, không có con nối. Trụ khéo soạn chép văn chương, Quyền dùng lễ tân khách đối đãi, thư từ tấu sớ về việc quân việc nước, Quyền thường lệnh cho Trụ thêm bớt sửa chữa lại, Trụ cũng bất hạnh đoản mệnh. Quyền làm Ngô vương, đoái xét ân cũ, phong cho Dân tước Đô đình hầu.

Dân lúc trẻ có tiết tháo, nghi dung đẹp đẽ.^① Năm hai mươi tuổi lấy công chúa. Năm ba mươi tuổi, bắt đầu làm Thái thú Đan

¹ Tức hai con của Cố Ung là Cố Đàm và Cố Thừa. Xem truyện về hai người này ở tập VII, quyển 52 (Cố Ung truyện).

Dương, rồi chuyển đến Ngô Quận, Cối Kê, ở đâu cũng được khen ngợi. ②

① *Ngô thư* chép: Năm Dận mười hai tuổi, mồ côi tro troi một mình, tự sửa mình mài giũa đức hạnh. Là người trong sạch sáng suốt, nghi dung trang nghiêm. Mỗi dịp đầu năm khi triều hội chúc mừng, Dận chăm chú sửa mình, các đại thần trông thấy, chẳng ai không tán thưởng.

② *Ngô thư* chép: Dận dâng biểu bày tỏ việc thích hợp nên làm cùng các việc tốt xấu ở trong dân, đa phần là giúp cho việc nắn sửa. Quyền vì các việc mà Dận làm, thường thêm cho công chúa, thường sai người đến hỏi han. Dận mỗi khi nghe việc kiện tụng, đoán tội trạng, xét lời nói quan sát về mặt, xử lý việc rất hợp tình hợp lý. Có người bị oan khuất nói lời đau thương, Dận đối mặt người đó sa nước mắt.

Năm Thái Nguyên nguyên niên, Quyền ốm nặng, Dận đến kinh đô, được lưu lại làm Thái thường, cùng bọn Gia Cát Khác đều nhận di chiếu làm phụ chính. Tôn Lượng tức vị, gia thêm cho Dận chức Vệ tướng quân.

Khác đem hết binh tốt đi phạt Ngụy, Dận can Khác rằng:

- Ngài giữa lúc quốc gia có đại tang, nhận trọng trách phó thác như Y, Hoắc, trong yên ổn bản triều, ngoài bẻ diệt cường địch, thanh danh chấn hải nội, thiên hạ chẳng đâu không chấn động, trong lòng bách tính, chỉ mong ngài dừng nghỉ. Nay bỗng nhiên sau lao dịch, lại hưng binh xuất chinh, dân mỗi sức cùng, nước xa có phòng bị. Nếu như đánh thành chẳng hạ được, giao chiến ở ngoài không thắng, thì mất cái công lúc trước mà vơ cái trách tội ngày sau vậy. Chẳng bằng xếp giáp nghỉ quân, quan sát sơ hở của địch mà hành động. Vả lại binh đao là việc lớn, phải có nhiều người giúp, mọi người ví chẳng hài lòng, mình ngài yên ổn được chăng?

Khác nói:

- Các ngài cho rằng chẳng nên xuất binh, đều không biết tính toán, mang tư tưởng cầu thả giữ lấy yên bình thôi, đến ngài còn cho là đúng, ta còn mong ngóng gì đây? Bên kia Tào Phương hèn kém ám muội, mà quyền chính nằm ở tư môn, thần dân bên kia, chắc chắn trong dạ chia lìa. Nay ta dựa vào sự giàu có của quốc gia, mượn cái uy chiến thắng, thì sao đi đánh lại chẳng thắng!

Rồi lấy Dận làm Đô hạ đốc,⁽¹⁾ chương quản nội sự. Dận sáng sớm tiếp tân khách, đêm khuya xét văn thư, có lúc thông đêm không ngủ.^①

① *Ngô thư* chép: Dận nhận ân sủng càng cao, tiếp đón kẻ sĩ càng ân cần, biểu, tấu, thư, sớ đều tự mình xem xét phê chuẩn, chẳng ủy thác cho thuộc hạ.

Tôn Tuấn tự Tử Viễn, là cháu của em Tôn Kiên là Tĩnh. Tĩnh sinh ra Cảo. Cảo sinh ra Cung, làm Tấn kỵ thị lang. Cung sinh ra Tuấn.

Tuấn thời trẻ khéo cung ngựa, dũng mãnh quả cảm. Cuối đời Tôn Quyền, chuyển Tuấn làm Vũ vệ đô úy, Thị trung.

Quyền sắp mất, Tuấn nhận di chiếu làm phụ chính, lĩnh chức Vũ vệ tướng quân, coi giữ quân túc vệ, phong tước Đô hương hầu. Tuấn giết Gia Cát Khác xong, được thăng làm Thừa tướng Đại tướng quân, đốc trách các việc quân trong ngoài, ban Giả tiết, tấn phong tước Phú Xuân hầu.

Đằng Dận vì là bố vợ của con trai Khác là Tùng nên xin từ ngôi vị, Tuấn nói:

- Cỗn, Vũ chẳng chịu tội cùng nhau,⁽²⁾ Đằng hầu có làm gì đâu?

¹ Cũng như Tổng đốc kinh thành vậy.

² Vua Thuấn sai Cỗn đi trị thủy, không xong, bị trị tội, lại dùng con của Cỗn là Vũ đi trị thủy, nên công.

Tuấn và Dận trong bụng không hòa hợp, nhưng bề ngoài lại bao dung nhau, Tuấn tiến cử cho Dận tước Cao Mật hầu, cùng cộng sự như trước.^①

① *Ngô lục* chép: Quần thần dâng tấu, cùng suy cử Tuấn làm Thái úy, bàn chọn Dận làm Tư đồ. Bấy giờ có kẻ ton hót với Tuấn, cho rằng giữ chức đại thống nên là người trong công tộc, nếu Đẳng Dận ở dưới chức Công một chút, thanh danh lại nặng, lòng người theo về, chẳng nên cho làm phó vậy. Bèn dâng biểu lấy Tuấn làm Thừa tướng, lại chẳng đặt chức Ngự sử đại phu, sĩ nhân đều thất vọng.

Tuấn vốn không có danh tiếng lớn, kiêu căng hiểm độc, ưa dùng hình phạt giết chóc, trăm họ kêu than rầm rĩ. Lại gian loạn với cung nhân, tư thông với công chúa Lỗ Ban. Năm Ngũ Phượng nguyên niên, Ngô hầu là Anh mưu sát Tuấn, việc bại lộ bị giết.

Năm thứ hai, tướng nước Ngụy là Quán Khâu Kiêm, Văn Khâm đem binh làm phản, cùng người Ngụy giao chiến ở huyện Lạc Gia, Tuấn thống suất Phiêu kỵ tướng quân Lã Cứ, Tả tướng quân Lưu Tán tập kích Thọ Xuân, vừa gặp lúc Khâm thua bại xin hàng, quân quay về.^① Năm ấy, sứ Thục đem lễ vật đến thăm, bọn tướng quân là Tôn Nghi, Trương Di, Lâm Tuân muốn nhân cơ hội giết Tuấn. Việc tiết lộ, bọn Nghi tự sát, số người bị chết đến mấy chục, trong số ấy có cả công chúa Lỗ Dục.

① *Ngô thư* chép: Lưu Tán tự Chính Minh, người quận Cối Kê huyện Trường Sơn. Thời trẻ làm Quận lại, cùng thủ lĩnh của giặc Khản Vàng là Ngô Hoàn giao chiến, tự tay chém được Hoàn. Một chân của Tán bị thương, sau không duỗi ra được. Nhưng tính khí cứng cỏi, thích đọc binh thư và tam sử, mỗi khi xem đến chiến công của các lương tướng đời xưa, thường vỗ sách than thở một mình, rồi gọi những người thân cận đến bảo rằng:

- Nay thiên hạ nhiễu loạn, kẻ anh hào đều nổi lên, xem qua các việc đời xưa, kẻ phú quý được chẳng phải là người thường, mà ta nghèo chân ở tại xóm làng, sống hay chết cũng không có gì khác

biệt. Nay ta muốn cắt gân để đuổi thẳng chân, may chẳng chết mà đuổi được chân, thì thân mình lại đắc dụng, chết thì cũng thôi vậy.

Người thân thích đều cho là khó làm. Lát sau, Tán bèn rút dao tự cắt gân mình, máu chảy giàn giụa, ngừng thở hồi lâu. Người nhà kinh hãi, nhưng việc cũng đã thế rồi, bèn kéo thẳng chân Tán ra. Cái chân bị thương đuổi ra sau khỏi dần, Tán lại nhúc nhắc đi được. Lăng Thống nghe chuyện, mời cùng tương kiến, rất lấy làm lạ, bèn dâng biểu tiến cử Tán, vì thế Tán được dùng thử.

Tán nhiều lần giao chiến lập công, ít lâu được thăng làm Đôn kỵ Hiệu úy. Với các việc được mất lúc bấy giờ, Tán thường khuyên can, thích nói thẳng không a dua theo ý chỉ, Quyền vì thế kiêng sợ Tán.

Gia Cát Khác đi đánh Đông Hưng, Tán làm tiền bộ, liên tục giao chiến xung phong hãm trận ở phía trước, đánh quân Ngụy đại bại, được thăng làm Tả tướng quân.

Tôn Tuấn đi đánh Hoài Nam, trao cho Tán cờ tiết, bái làm Tả hộ quân. Còn chưa đến Thọ Xuân, Tán phát bệnh trên đường, Tuấn lệnh cho Tán lên xe chở quân nhu quay về trước. Tướng Ngụy là Tưởng Ban đem bốn nghìn quân bộ kỵ truy đuổi Tán. Tán bị bệnh khốn, chẳng thể bày trận nghênh chiến, biết là tất bại, bèn cởi ấn thụ gấp lại trao cho đệ tử đem về, nói:

- Ta từ khi làm tướng, phá địch nhố cờ, chưa từng thua bại. Nay bệnh khốn, quân ít chẳng thể đối địch, may hầy tức tốc đi nhanh, cùng chết với ta là vô ích với quốc gia, đi cho mau vì địch đến ngay đấy.

Đệ tử không chịu, Tán vung đao định chém, chúng bèn đi.

Khi trước, Tán làm tướng, lúc lâm địch thì trước hết hô vang trời, rồi cao giọng mà ca hát, tả hữu ứng theo, xong tiến lên giao chiến, đánh không đâu không thắng. Đến khi biết tất thua bại, than rằng:

- Ta giao chiến có phép đánh trận, nay bệnh khốn thế này, cố nhiên là số mệnh vậy.

Rồi Tán bị hại, bấy giờ đã bảy mươi ba tuổi, mọi người hết sức thương tiếc.

Hai con của Tán là Lược và Bình, đều làm Đại tướng.

Tuấn muốn đắp thành Quảng Lăng, triều thần biết chỗ ấy chẳng nên đắp thành, nhưng sợ Tuấn nên chẳng ai dám nói. Duy có Đổng Dận khuyên dừng việc ấy, Tuấn không theo, rồi công việc cuối cùng cũng chẳng thành.

Năm sau, Văn Khâm khuyên Tuấn đi đánh Ngụy, Tuấn sai Khâm cùng Lã Cự và Xa kỵ tướng quân Lưu Toàn, Trấn nam tướng quân Chu Di, Tiền tướng quân Đường Tư từ Giang Đô tiến vào vùng Hoài, Tứ, mưu đánh vùng Thanh, Từ. Tuấn và Dận đến thành Thạch Đầu, lấy lý do tiến quân, dẫn chừng trăm người vào doanh trại của Cự. Cự trị quân tề chỉnh, Tuấn xấu hổ, nói bị đau bụng bỏ về, sau nằm mộng thấy mình bị Gia Cát Khác đánh, sợ hãi phát bệnh chết, năm ấy ba mươi tám tuổi, đem hậu sự phó thác cho Tôn Lâm.

Tôn Lâm tự Tử Thông, cùng với Tuấn đồng tổ.⁽¹⁾ Cha của Lâm là Xước làm Đô úy huyện An Dân.

Lâm ban đầu làm Thiên tướng quân, lúc Tuấn chết, làm Thị trung, Vũ vệ tướng quân, đốc trách các việc quân trong ngoài, lên thay nắm việc triều chính. Lã Cự nghe tin cả sợ, hợp với các Đốc tướng liên danh, cùng dâng biểu tiến cử Đổng Dận làm Thừa tướng, Lâm lại lấy Dận làm Đại tư mã, thay Lã Đại trú ở Vũ Xương.

Cự dẫn binh quay về, sai người báo với Dận, muốn cùng phế Lâm. Lâm nghe tin, phái anh họ mình là Hiến đem binh đón chặn Cự ở Giang Đô, sai Trung sứ sắc mệnh cho bọn Văn Khâm, Lưu Toàn, Đường Tư hợp quân đánh Cự, phái Thị trung Tướng quân là Hoa Dung, Trung thư thừa là Đinh Yển bảo Dận bắt Cự, lại dụ Dận nên mau chóng đến Vũ Xương. Dận tự xét thấy họa đến mình, nhân đó giữ Dung và Yển lại, thống suất

¹ Đồng tổ tức là cùng một ông tổ, chung họ hàng huyết thống.

binh lính tự vệ, triệu Diên quân là Dương Sùng, Tướng quân là Tôn Tư, bảo rõ vì Lâm làm loạn, bức bách bọn Dung sai viết thư căn vặn Lâm. Lâm không nghe, dâng biểu nói Dận làm phản, lại hứa phong tước cho Tướng quân Lưu Thừa, sai đốc quân kỵ gấp rút vây đánh Dận. Dận lại ép bọn Dung, sai giả chiếu thư phát binh. Bọn Dung không nghe, Dận bèn giết sạch bọn họ.^①

Dận thần sắc không đổi, cười nói như thường. Có người khuyên Dận là nên dẫn quân đến Thương Long môn, tướng sĩ thấy Công đi ra, tất đều bỏ Lâm đến chỗ Công. Bấy giờ đã nửa đêm, Dận cậy vào lời hẹn của Cú, lại khó phát động quân tiến vào cung, bèn hạ lệnh ước thúc bộ khúc, nói là Lã hầu đã ở ngay bên đường, nên họ đều vì Dận quyết chết, không ai tan lìa. Bấy giờ có gió lớn, trời sắp sáng, Cú không đến, binh lính của Lâm họp lại, cuối cùng giết được Dận cùng tướng sĩ mấy chục người, giết sạch cả ba họ nhà Dận.^②

① *Văn sĩ truyện* chép: Hoa Dung tự Đức Nhụy, người quận Quảng Lăng huyện Giang Đô. Tổ phụ đi tránh loạn, trú ở dưới núi Nhị huyện Sơn Âm. Bấy giờ Hoàng Tượng cũng ngụ cư ở Sơn Âm, người quận Ngô là Trương Ôn tới chỗ Tượng theo học, muốn trọ ở đấy.

Có người bảo Ôn rằng:

- Dưới chân núi Nhị có Hoa Đức Nhụy, tuy tuổi còn trẻ, nhưng thiện lương có chí hướng, nên đến trọ.

Ôn bèn ở lại nhà Dung, sớm khuya đàm luận. Không lâu sau Ôn làm Tuyển bộ thượng thư, bèn cất nhắc Dung làm Thái tử Thứ tử, vì thế nổi danh, phú quý hiển hách.

Con của Dung là Tư, làm Hoàng môn lang, cùng với Dung đều bị hại. Con thứ của Dung là Đàm, vì tài biện bác mà nổi tiếng, thời nhà Tấn làm Bí thư giám.

② Thần Tùng Chi cho rằng Tôn Lâm tuy hung bạo, nhưng với Đẳng Dận vốn không có hiểm khích, Dận nếu như tạm thuận theo

ý của Lâm, ra ngoài trấn Vũ Xương, không chỉ thoát được cái họa lúc đương thời, mà còn giữ được sự tốt lành lâu dài, nhưng phạm vào điều nguy hại, tự rước họa di diệt, thương thay!

Lâm được thăng làm Đại tướng quân, ban Giả tiết, phong tước Vĩnh Ninh hầu, cậy vào địa vị tôn quý nên xấc xược, đa phần hành xử vô lễ.

Khi trước, em họ của Tuấn là Hiến cùng mưu giết Gia Cát Khắc, Tuấn hậu đãi Hiến, cho làm quan đến chức Hữu tướng quân, Vô Nan đốc, trao nắm Phù tiết và ô lọng, coi việc của Cửu khanh. Lâm đãi Hiến bạc bẽo hơn so với thời Tuấn, Hiến giận, cùng Tướng quân Vương Đôn mưu giết Lâm. Lâm giết Đôn, Hiến uống thuốc độc chết.

Đại tướng quân nước Ngụy là Gia Cát Đản đem cả thành Thọ Xuân làm phản, giữ thành xin hàng. Nước Ngô phái bọn Văn Khâm, Đường Tư, Toàn Đoan, Toàn Dịch thống suất ba vạn người đi cứu Đản. Trấn nam Tướng quân của nhà Ngụy là Vương Cơ vây Đản, bọn Khâm đột phá vây vào thành. Ngụy đem cả thủy hơn hai mươi vạn quân trong ngoài tăng cường vây Đản. Chu Dị thống suất ba vạn quân đóng trại ở An Phong, làm thế cứu ứng Khâm. Thứ sử Duyện châu của nước Ngụy là Chu Thái cự Dị ở Dương Uyên, Dị thua trận rút lui, lại bị Thái truy đuổi, tử thương đến hai nghìn người. Lâm vì thế cất đại quân ra đóng đồn ở Hoạch Lý, lại phái Dị thống suất bọn Tướng quân Đinh Phụng, Lê Phỉ đem năm vạn người ra đánh Ngụy, để đồ quân nhu truy trọng ở Đô Lục. Dị đóng đồn ở Lê Tương, phái bọn tướng quân là Nhâm Độ, Trương Chấn tuyển mộ sáu nghìn người dũng cảm, sang phía tây trại sáu dặm làm cầu nổi để qua sông ban đêm, đắp lũy hình bán nguyệt. Lại bị Giám quân của nước Ngụy là Thạch Bao cùng Chu Thái đánh phá, quân lui về chỗ đất cao. Dị lại làm xe hòem tiến vây thành Ngũ Mộc. Bao, Thái đánh Dị, Dị bại trận lui về, nhưng Thái thú

Thái Sơn của nước Ngụy là Hồ Liệt đem năm nghìn kỳ binh đi đường tắt đánh úp Đô Lục, đốt sạch lương thảo quân dụng của Dị. Lâm trao cho Dị ba vạn quân sai tử chiến, Dị không theo, Lâm chém Dị ở Hoạch Lý, rồi phái em là Ân đi cứu, đúng lúc Đản bại trận, Ân rút quân về. Lâm đã không thể hạ được thành cứu Đản ra, lại tan bại sĩ chúng, còn tự tay chém giết danh tướng, cho nên chẳng ai không oán giận.

Lâm vì Tôn Lượng bắt đầu thân nắm chính sự, đối với mình đa phần căn vặn, rất sợ. Về đến Kiến Nghiệp, xưng có bệnh không lên triều, dựng nhà ở phía nam cầu Chu Tước, sai các em là Cứ làm Uy viễn tướng quân vào cung Thương Long làm Túc vệ, Ân làm Vũ vệ tướng quân, Cán làm Thiên tướng quân, Khải làm Trường thủy Hiệu úy chia nhau ra đóng giữ các doanh, muốn lấy sự chuyên quyền triều chính để củng cố địa vị. Lượng trong bụng ngờ vực Lâm, bèn truy tìm căn nguyên công chúa Lỗ Dục bị giết, nghiêm trách Hồ Lâm đốc là Chu Hùng và em của Hùng là Ngoại bộ đốc Chu Tồn không uốn nắn hành vi của Tôn Tuấn, rồi lệnh cho Đinh Phụng giết Hùng ở Hồ Lâm, giết Tồn ở Kiến Nghiệp. Lâm vào cung khuyên can không được, Lượng bèn cùng với công chúa Lỗ Ban, Thái thường Toàn Thượng, Tướng quân Lưu Thừa nghị bàn giết Lâm. Vợ của Lượng, là con gái của chị họ Lâm, đem mưu ấy báo với Lâm. Lâm thống suất mọi người ban đêm tập kích Toàn Thượng, phái em là Ân giết Lưu Thừa ở ngoài cửa Thương Long, rồi bao vây cung điện.^① Lại sai Quang lộc huân là Mạnh Tông tế cáo ở tông miếu phế truất Lượng, triệu trăm quan nghị bàn rằng:

- Đế nhỏ tuổi hoang tưởng mê loạn, chẳng nên để giữ ngôi cao, kế thừa tông miếu, vì thế tế cáo với Tiên đế xin phế đi. Các ngài nếu có ý bất đồng, hãy đến hạ đình bàn ý khác.

Chúng đều kinh sợ, nói:

- Xin nghe lệnh tướng quân.

Lâm phái Trung thư lang Lý Sùng đoạt tỳ thụ của Lượng, đem tội trạng của Lượng tuyên cáo khắp xa gần. Thượng thư Hoàn Di không chịu ký tên, Lâm giận giết Di.②

① *Giang Biếu truyện* chép: Lượng triệu con nhỏ của Toàn Thượng làm Hoàng môn thị lang là Kỳ ngầm bàn mưu, nói:

- Tôn Lâm chuyên quyền cậy thế, khinh rẻ cả Cô. Cô đã sắc mệnh cho hấn, sai tức tốc lên bờ, giúp bọn Đường Tư làm quân cứu viện, nhưng hấn ở lại trong hồ, không lên bờ một bước. Lại đùn đẩy tội lỗi cho Chu Di, tiện tiện giết công thần, chẳng dưng biểu văn báo trước. Còn dựng nhà ở phía nam cầu, không về triều kiến nữa. Hấn ở đấy tự do tự tại, không úy kỵ gì ai nữa, Cô chẳng thể nhẫn nhịn lâu được. Nay mưu tính bắt hấn, cha của người làm Trung quân đô đốc, nên sai bí mật chinh đồn quân mã, Cô sẽ tự ra tới cầu, thống suất quân túc vệ hộ kỵ, quân tả hữu Vô Nan nhất thời vây hấn. Lại làm bản chiếu sắc mệnh cho hết thảy tướng lĩnh mà Lâm quản phải giải tán, không được động tay, đúng như thế tự nhiên bắt được hấn. Người về, chỉ nên sai người mật báo thôi. Người tuyên chiếu riêng với cha mình, chớ để mẹ người biết việc, đàn bà đã không hiểu đại sự, vả lại là chị họ cùng một nhà với Lâm, gặp gỡ mà việc lộ ra, làm lụy tới Cô không phải nhỏ vậy.

Kỳ vâng chiếu, đem báo Thượng, Thượng không lo xa, đem nói với mẹ của Kỳ. Mẹ của Kỳ sai người mật nói với Lâm. Lâm ban đêm phát binh sai nghiêm chinh đợi mệnh để phế Lượng, gần sáng, binh đã vây cung điện. Lượng cả giận, lên ngựa, đeo túi tên cầm cung muốn ra, nói:

- Cô là đích tử của Đại hoàng đế, tại vị đã năm năm, ai dám không theo?

Thị trung cận thần và nữ hầu cùng co kéo ngăn Lượng, vì thế không ra được, than thở quát thét hai ngày không chịu ăn uống, mắng vợ mình rằng:

- Cha mày hồ đồ ngu ám, hỏng đại sự của ta!

Lại gọi Kỳ, Kỳ nói:

- Cha thần vâng chiếu bất cần, phụ lòng chúa thượng, thần không còn mặt mũi nào trông thấy chúa thượng nữa!

Bèn tự sát.

Tôn Thịnh nói: Truyện về Lượng có khen Lượng thuở nhỏ thông tuệ, nên hành động trước tiên là cùng Kỷ bàn mưu, không nói với vợ trước là hiểu biết vậy. *Giang Biểu truyện* nói việc tiết lộ có nguyên do, với việc này là rõ rồi vậy.

② *Hán Tấn Xuân Thu* chép: Di là em của quan Thượng thư lệnh Hoàn Giai nhà Ngụy vậy.

Ngô lục chép: Tấn Vũ đế hỏi Tiết Oánh về danh thần của nước Ngô, Oánh đáp lời khen Di có tiết tháo trung trinh.

Diễn quân là Thi Chính khuyên Lâm lấy lễ đón lập Lang Nha vương là Hưu, Lâm theo lời, phái quan Tông chính là Khải dâng thư cho Hưu nói:

"Lâm vốn tài mọn, được trao trọng trách, không đủ tài phù tá dẫn đạo cho vua. Khoảng một tháng lại đây, các việc vua làm đa phần xằng bậy, kẻ thân cận là Lưu Thừa, mãi mê với mỹ sắc, điều phát đàn bà con gái của quan dân, chọn lấy người đẹp trong số ấy, lưu lại ở trong cung, lấy hơn ba nghìn người là con em của binh lính từ mười tám tuổi trở xuống, luyện tập ở trong vườn, suốt ngày qua đêm, lớn nhỏ hô gọi, hủy hoại hơn năm nghìn mâu kích ở trong kho, để làm đồ chơi. Chu Cú là cựu thần của Tiên đế, con trai là Hùng, Tồn đều kế thừa cơ nghiệp của cha, lấy trung nghĩa tự lập, trước kia việc giết tiểu chủ, vốn bởi đại chủ gây nên,⁽¹⁾ Đế chẳng xét kỹ nguyên căn, thiện tiện giết Hùng và Tồn, lời can gián chẳng nghe theo, mọi người dưới chẳng ai không sợ hãi im bất. Đế ở trong cung làm hơn ba trăm chiếc thuyền nhỏ, xong dùng vàng bạc dát vào, thầy thợ ngày đêm không nghỉ. Thái thường là Toàn Thượng, mấy đời nhận ân huệ, lại chẳng thể coi sóc những người thân trong tông thất, rồi bọn Toàn Đoan vút

¹ Tiểu chủ là công chúa Lỗ Dục, nữ danh là Tiểu Hồ, là vợ của tướng quân Chu Cú; còn đại chủ là công chúa Lỗ Ban, nữ danh là Đại Hồ, là vợ của Toàn Tông.

bò thành trì đến hàng Ngụy. Thượng ở ngôi vị quá nặng, lại không nói một lời để can gián bệ hạ, lại cùng kẻ địch lai vãng, khiến tin tức lan truyền trong nước, sợ rằng sẽ làm xã tắc ngựa nghiêng. Thần suy xét điển cũ, thấy vận số hợp với Đại vương, lập tức chọn ngày hai mươi bảy tháng này bắt giữ Thượng và chém Thừa. Lấy Đế làm Côi Kê vương, phái Khải vâng lệnh đón Đại vương. Trăm quan ngóng trông, đứng chờ ở ven đường."

Lâm phái tướng quân Tôn Đàm đưa Lượng đến nước phong, đầy Thượng đến quận Linh Lăng, dời công chúa đến quận Dự Chương. Lâm càng đắc ý kiêu căng, khinh mạn đến thờ thần của dân chúng, vì thế đốt miếu thờ Ngũ Tử Tư ở đầu cầu lớn, lại phá đền Phù Đồ, chém đạo nhân.

Hưu đã tức vị, Lâm xưng là kẻ bầy tôi quê mùa, đến cửa khuyết dâng thư rằng:

"Thần cúi mình tự xét, không có cái tài của lương đồng, nhân vì thân gần hoàng thượng, mà giữ ngôi vị nhân thần cực cao, làm tổn thương thanh danh của bệ hạ, bại hoại ngôi Đế, cái tội phụ bạc lộ rõ, lại sai lầm thiếu sót, ngày đêm lo sợ. Thần nghe nói mệnh trời phù kẻ thành tín, tất giúp người có đức, vì thế U, Lệ vứt bỏ pháp độ, có Chu Tuyên trung hưng,⁽¹⁾ bệ hạ là bậc thánh đức, kế thừa đại thống, nên có hiên lương phù giúp, để được bình an vui hòa, dấu thời thịnh của vua Nghiêu, vẫn cầu sự phù tá của Tắc Tiết, để hòa hợp làm sáng tỏ thánh đức.⁽²⁾ Cổ nhân có nói: 'Hết sức đảm nhiệm chức vụ, không làm được thì từ chức.' Thần tuy dốc trí tận lực, vẫn vô ích cho chính sự, xin kính dâng ấn thụ tiết việt, lui về xóm làng cày ruộng, để tránh đường tiến thân của người hiền."

Hưu cho dẫn vào gặp úy lạo hiểu dụ. Lại hạ chiếu rằng:

¹ Hai vua Chu U vương và Chu Lệ cương nhà Chu, vì u tối bạo ngược, làm nhiều việc ác, dâm dật xa hoa khiến cho nhà Chu nghiêng ngửa, phải thiên đô. Chu Tuyên vương nối ngôi, sửa sang chính sự, đuổi giặc rợ, dẹp người Man, hưng vượng lại quốc gia.

² Tiết, Tắc là hai trong chín vị đại thần nổi tiếng của vua Nghiêu.

"Trẫm vốn bất đức, giữ vị phiên thân ở cõi ngoài, gặp đúng vận hội, được trăm quan và công khanh, rước thân trẫm về, để phụng thờ tông miếu. Trẫm thấy bùi ngùi, như dẫn thân vào vực băng. Lòng trung của Đại tướng quân phát ra từ tâm, cứu chỗ nguy yên định chỗ nghiêng, vô yên xã tắc, công huân hiển hách. Trước kia Hán Hiếu Tuyên lên ngôi, Hoắc Quang được tôn quý vẻ vang, khen đức thưởng công, là đạo nghĩa thông suốt xưa nay vậy.⁽¹⁾ Nay lấy Đại tướng quân làm Thừa tướng, Kinh châu mục, hưởng thực ấp năm huyện."

Ân làm Ngự sử đại phu, Vệ tướng quân, Cú làm Hữu tướng quân, đều là Huyện hầu. Cán làm Táp hiệu tướng quân, tước Đình hầu, Khải cũng được phong làm Đình hầu. Một nhà Lâm năm người được phong tước hầu, đều giữ cấm binh, quyền lẫn cả bậc nhân chủ, từ khi có nước Ngô bầy tôi, triều thần chưa từng có ai được như vậy.

Lâm dâng trâu rượu đưa đến chỗ Hưu, Hưu không nhận, bèn đem đến chỗ Tả tướng quân Trương Bối; say rượu, nói lời oán giận rằng:

- Ban đầu lúc phế thiếu chủ, nhiều người khuyên ta tự làm vua. Ta thấy bệ hạ hiền minh, nên ngênh đón. Để không có ta thì chẳng được lập, nay dâng lễ bị cự tuyệt, thế thì so ta với kẻ bầy tôi tầm thường không khác gì, ta sẽ lại tính kế đổi đi thôi.

Bối đem lời ấy báo lên Hưu, Hưu nuốt giận, sợ Lâm sinh biến, mấy lần ban thưởng thêm, lại lần nữa gia thêm cho Ân chức Thị trung, cùng Lâm chia nhau xét văn thư. Có kẻ báo việc Lâm mang lòng oán giận khinh nhờn chúa thượng muốn mưu phản, Hưu bắt lấy giao cho Lâm, Lâm giết kẻ đó, từ đấy càng lo sợ, thông qua Mạnh Tông xin ra trú giữ Vũ Xương, Hưu đồng ý, lại sắc mệnh đưa hết hơn một vạn quân tinh nhuệ trong dinh qua đó, lệnh chuyển quân trang, tất cả binh khí trong kho tàng của mình, đều cấp hết cho Lâm.^①

¹ Hoắc Quang là đại thần thời Hán Vũ đế, vâng lệnh làm phụ chính giúp Chiêu đế, Chiêu đế chết lại lập Tuyên đế, được đời sau khen ngợi.

Tướng quân Ngụy Mạc khuyên Hưu rằng "Lâm ở bên ngoài tất có biến", Vũ vệ sĩ Thi Sóc lại báo "Có điềm báo việc Lâm muốn làm phản." Hưu bí mật hỏi Trương Bố, Bố cùng Đinh Phụng mưu tính vào ngày tế hội sẽ giết Lâm.

① Ngô lịch chép: Lâm xin cho Trung thư lương lang cùng đi, để quản lý các việc quân ở Kinh châu, quan Chủ quản tầu là quan Trung thư thì không nên cho ra ngoài, Hưu đặc biệt nghe lời Lâm, những điều Lâm thỉnh cầu, Hưu nhất nhất đều đáp ứng.

Năm Vĩnh An nguyên niên tháng mười hai ngày Đinh Mão, trong thành Kiến Nghiệp có lời đồng dao nói vào lúc tế hội có biến, Lâm nghe lời ấy, không vui. Ban đêm gió lớn nổi lên đổ cây bay cát, Lâm càng sợ hãi. Ngày Mậu Thìn tế hội, Lâm xưng bệnh. Hưu cưỡng ép rời khỏi giường, sứ giả đến hơn chục lượt, Lâm bắt đắc dĩ, sắp sửa đi vào, mọi người ngăn lại, Lâm nói:

- Quốc gia liên tục có lệnh triệu, không thể chối từ. Nên sắp quân sĩ nghiêm chỉnh, lệnh cho người trong phủ nổi lửa, ta nhân đó tức tốc quay về.

Rời đi vào, lát sau có lửa cháy, Lâm xin ra, Hưu nói:

- Binh sĩ ở bên ngoài có nhiều, chẳng phiền đến Thừa tướng vậy.

Lâm đứng dậy rời chỗ ngồi, Phụng, Bố liếc mắt sai tả hữu bắt trói Lâm. Lâm khẩu đầu nói:

- Xin lưu đày đến Giao châu.

Hưu nói:

- Sao ngươi không cho Đằng Dận, Lã Cứ được đi đày?

Lâm lại nói:

- Xin cho làm nô lệ của phủ quan.

Hưu nói:

- Sao ngươi không cho Dận, Cứ làm nô lệ vậy!

Bèn chém Lâm. Dem thủ cấp của Lâm lệnh cho bộ thuộc của hắn rằng:

- Những kẻ đồng mưu với Lâm đều được xá tội.

Năm nghìn người liền hạ vũ khí. Khải cưỡi thuyền muốn lên hàng phương bắc, quân đuổi theo giết Khải. Diệt cả ba họ. Lại phá quan tài của Tôn Tuấn, thu ấn thụ của hắn, chém vỡ áo quan rồi vùi lấp thi thể, vì cái tội đã giết bọn Lỗ Dục vậy.

Lâm chết lúc hai mươi tám tuổi. Hưu then vì bọn Tuấn, Lâm cùng tộc với mình. Đặc biệt cho xóa tên họ ra khỏi phổ tịch của dòng tộc, gọi họ là Cố Tuấn, Cố Lâm.

Hưu lại hạ chiếu rằng:

"Gia Cát Khác, Đằng Dận, Lã Cự vốn vô tội bị anh em Tuấn, Lâm sát hại, thực khiến người ta đau lòng, hãy gấp rút cải táng họ, đều cho cúng tế. Ngoài ra những người vì việc của Khác mà bị dày ải đến phương xa, nhất thiết phải triệu họ về kinh."

Bộc Dương Hưng tự Tử Nguyên, người quận Trần Lưu. Cha của Hưng là Dật, thời Hán mạt tránh loạn ở Giang Đông, làm quan đến chức Thái thú Trường Sa.^①

Hưng thời trẻ là học trò nổi tiếng, thời Tôn Quyền được phong làm Thượng Ngu lệnh, ít lâu lại được thăng làm Thượng thư tả tào, lấy thân phận là Ngũ quan Trung lang tướng đi sứ nước Thục, quay về làm Thái thú Cối Kê. Bấy giờ Lang Nha vương Tôn Hưu trú ở Cối Kê, cùng Hưng rất thân thiết. Lúc Hưu tức vị, trưng triệu Hưng làm Thái thường, Vệ tướng quân, quản việc quân việc nước, phong tước Ngoại Hoàng hầu.

① Việc của Dật thấy nói ở *Lục Mạo truyện*.

Năm Vĩnh An thứ ba, Đô úy Nghiêm Mật lập đồn điền ở hồ Đan Dương, đắp đê Phổ Lý. Để hạ chiếu sai trăm quan nghị bàn, hết thấy cho là mất nhiều công sức mà ruộng chẳng giữ

được, duy có Hưng cho là có thể làm được. Rồi tập hợp hết binh lính và dân chúng đến xây dựng, chi phí cho việc ấy chẳng thể tính xuể, sĩ tốt tử vong, hoặc tự tàn sát lẫn nhau, trăm họ rất oán hận Hưng.

Hưng được thăng làm Thừa tướng, cùng sủng thần của Hưu là Tả tướng quân Trương Bố cùng dâng biểu cầu kết bao bọc cho nhau, người trong nước thất vọng.

Năm thứ bảy tháng bảy, Hưu chết. Tả điển quân là Vạn Úc vốn thân thiết với Ô Trình hầu Tôn Hạo, bèn khuyên Hưng và Bố, vì thế Hưng, Bố phế đích tử của Hưu mà đón lập Hạo, Hạo lên ngôi xong, gia thêm cho Hưng chức Thị lang, lĩnh Thanh châu mục. Ngay sau đó Úc gièm pha truy lỗi việc trước kia của Hưng và Bố. Tháng mười một năm ấy ngày sóc vào triều kiến, Hạo nhân đó bắt Hưng và Bố, đẩy đến Quảng châu, trên đường đi lại cho người đuổi theo giết chết, di diệt cả ba họ.

Bình rằng: Gia Cát Khác có tài cán và mưu lược, người trong nước đều khen ngợi, nhưng kiêu ngạo lại hẹp hòi, Chu công còn chẳng thấu hiểu được cả, huống chi là Khác? Khoe khoang bản thân mình thì lấn át người khác, có thể không thua bại sao! Nếu kính làm theo lời thư của mình gửi Lục Tốn và thư của em là Dung, thì việc hối tiếc chẳng đến, lo gì mắc họa nhi? Đằng Dận gắng sửa cái khí tiết của kẻ sĩ, tuân theo quy củ, nhưng vào thời Tôn Tuấn vẫn giữ lấy sự tôn quý của mình, là cái đạo lý tất nguy vậy. Tuấn, Lâm là kẻ trẻ ranh hung hiểm tội ác đầy rẫy, cố nhiên là không đáng luận bàn. Bộc Dương Hưng thân giữ chức Tế phụ, trí chẳng đủ trị lý được quốc gia, lại giúp cái gian tà của Trương Bố, thu nhận lời khuyên của Vạn Úc, bị di diệt cả họ là đúng thôi.

QUYỂN THỨ SÁU MƯƠI LĂM

VƯƠNG, LÂU, HẠ, VI, HOA TRUYỆN

— 38 —

Vương Phồn tự Vĩnh Nguyên, người quận Lư Giang. Là người đọc nhiều biết rộng, kiêm thông tài thuật. Ban đầu làm Thượng thư lang, rồi từ quan. Tôn Hưu tức vị, Phồn cùng Hạ Thiệu, Tiết Oánh, Ngu Ty đều làm Tấn kỵ trung thường thị, gia thêm chức Phò mã đô úy. Người bấy giờ bàn luận cho họ là hạng thanh nhã.

Phồn được phái đi sứ đến nước Thục, người Thục khen ngợi, khi quay về làm Giám quân ở Hạ Khẩu.

Thời Tôn Hạo sơ, Phồn lại vào làm Thường thị, cùng Vạn Úc đồng chức. Úc với Hạo có giao tình cũ, là kẻ tục sĩ nhỏ nhen hay lấn át người, nói Phồn tự kiêu. Lại thêm Trung thư thừa Trần Thanh, là bề tôi hèn hạ được sủng ái, mấy lần gièm pha hủy báng Phồn. Phồn có chí khí thanh cao, không thể trông nét mặt thuận ý chỉ, có lúc trái ý chỉ, dần dần bị quả trách.

Năm Cam Lộ thứ hai, Đinh Trung đi sứ nước Tấn về, Hạo đại hội quần thần, Phồn say rượu nằm phủ phục, Hạo ngò vức không hài lòng, sai khiêng Phồn ra ngoài. Chốc lát Phồn xin vào, rượu vẫn chưa tỉnh. Phồn bản tính có nét uy nghiêm, nên hành vi cử chỉ vẫn bình thường, Hạo cá giận, quát tả hữu lôi Phồn xuống dưới điện chém đầu. Vệ tướng quân là Đằng Mục, Chinh tây tướng quân là Lưu Bình cầu xin, vẫn không được.^①

① *Giang Biểu truyện* chép: Hạo dùng lời bọn đồng cốt, cho rằng cung thất ở Kiến Nghiệp bất lợi, bèn sang tây đi tuần ở Vũ Xương,

luôn có ý thiên đô, sợ quần thần không theo, bèn đặt tiệc lớn, thết đãi quan tướng. Hạo hỏi Phồn:

- Bắn tên không trúng đích, vì lực bắn không đều,⁽¹⁾ nghĩa là thế nào? Phồn còn nghĩ ngợi chưa đáp, Hạo lập tức chém đầu Phồn ngay trên điện. Đem ra quăng lên núi Lai, lại sai tướng thân cận nháy nhót giẫm vào đầu Phồn, làm trò hổ lang tranh giành cắn xé, khiến đầu Phồn nát vụn, muốn lấy đó thị uy, khiến mọi người không dám phạm thượng vậy.

Lời này và bản truyện bất đồng.

Ngô lục chép: Hạo mỗi lần mời hội, nhân lúc say rượu, thường lệnh cho thị thần giễu cợt đùa bỡn công khanh, lấy thế làm vui. Vạn Úc đã làm Tả Thừa tướng, Phồn điều Úc rằng:

- Cá ẩn vực sâu, rời nước phải hớp bọt. Sao vậy? Là vì vật có bản tính, chẳng nên chiếm cái chỗ không đúng với phận của mình vậy. Úc xuất thân từ nơi lũng lạch, cốt dẻ da cộp, hư hao mà được nhận ân sủng hiển hách, ngôi vị vượt quá tam cửu,⁽²⁾ chó ngựa còn biết chủ nuôi, ngài sẽ lấy gì để báo đáp ân sâu?

Úc đáp:

- Trong triều Đường Ngu không có kẻ sĩ được tiến cử lắm, dưới cửa Tào Phủ không có con ngựa khí lực kém cỏi.⁽³⁾ Phồn trên thì

¹ Câu trong sách *Luận ngữ*, nguyên văn: “Xạ bất chủ bì, vị lực bất đồng khoa.” Đại để, thời xưa, bắn cung là một môn trong Lục nghệ. Có học thì có thi, phép thi bắn cung yêu cầu xạ thủ bắn vào hồng tâm (là một miếng da, tức bì, treo giữa tám bia), gọi là hộc. Hộc là cái đích mọi người nhắm bắn, bắn trúng hộc là đạt, không đòi hỏi phải bắn xuyên tám da vì bắn xuyên tám da cần có sức khỏe, mà sức bắn của mỗi người mỗi khác. Suy rộng ý câu này, đại khái, đây là lời dạy của thánh nhân, khuyên người ta dùng người cốt ở chỗ đúng sức, không yêu cầu quá cao vượt với khả năng của người được sai khiến, như quân vương dụng sức dân phải dùng đúng khả năng, không nên đòi hỏi quá nhiều.

² Tam cửu (三九), tức các quan hàng tam công, cửu khanh. Hạo đùa bỡn xúc xiểm rằng Úc xuất thân từ chỗ nơi hèn kém mà nhận ân sủng vượt bậc.

³ Đường Ngu (唐虞), tức thời vua Nghiêu, Thuấn, thời đó chọn dùng quan lại giới giang, được ca ngợi là thời thái bình thịnh trị;

Tào Phủ (造父) là người đánh xe của Chu Mục vương, nuôi ngựa rất giỏi, khi đánh dẹp Từ Yến vương có công, được phong tước ở Triệu Thành, là tổ tiên của họ Triệu sau này.

vu hãm sự tuyển chọn sáng suốt của thánh thượng, dưới lại chê bai bày tỏ cốt cán của đương triều, làm thương tổn tới nhật nguyệt, đây thực là kẻ không biết lượng mình vậy.

Thần Tùng Chi xét bản truyện nói rằng Đinh Trung đi sứ nước Tấn về, Hạo đại hội quần thần, giết Phồn trong hội, xét ra Trung từ phương bắc về vào mùa xuân năm ấy, Úc bấy giờ còn chưa làm Thừa tướng, đến mùa thu mới làm Thừa tướng vậy. Lờn mà Ngô lục chép là sai trái bất đồng.

Thừa tướng Lục Khải dâng sớ nói:

"Thường thị Vương Phồn trong tâm sửa đức ngoài tỏ sự lý, hiểu thiên đạo biết vạn vật, trung chính tại triều đình, thực là trọng thần của xã tắc, là Long Phùng⁽¹⁾ của Đại Ngô vậy. Lúc trước phụng sự Cảnh Hoàng, ở bên cạnh dâng lời hay, được Cảnh Hoàng kính trọng khen ngợi, cho là hiền tài xuất chúng. Nhưng bệ hạ lại tức giận vì những lời tâm khổ ấy, ghét lời đối đáp thẳng, chém bêu dêu ở chốn điện đường, quăng xác phơi thây, người trong quận thương tâm, kẻ hiểu biết chưa xót."

Khải thương xót Phồn như thế.

Phồn chết lúc ba mươi chín tuổi, Hạo đày gia thuộc của Phồn đến Quảng châu.

Hai người em của Phồn là Trứ và Diên đều có khí phách và tài cán, Quách Mã khởi sự,⁽²⁾ hai người không để Mã điều dụng, đều bị hại.

Lâu Huyền tự Thừa Tiên, người quận Bái huyện Kỳ. Thời Tôn Hưu, làm Giám nông ngự sử. Tôn Hạo tức vị, Huyền cùng Vương Phồn, Quách Sước, Vạn Úc đều làm Tán kỵ trung

¹ Long Phùng (龙逢): Xem chú thích ở tập VIII, quyển 61, trang 205 (Lục Khải truyện).

² Quách Mã (郭马) là bộ tướng của Thái thú Quế Lâm Tu Doãn, lúc Doãn chết, Mã làm loạn. Đây là sự kiện xảy ra trước khi nước Ngô bị diệt một năm.

thường thị, rồi ra ngoài làm Thái thú Cối Kê, sau về triều làm Đại tư nông.

Theo phép chế cũ, người quản việc trong cung tự tuyển dụng người thân cận vào làm, Úc bày tỏ rằng trong số người thân gần gũi có hiểu biết, nên dùng người tốt, Hạo nhân đó sắc mệnh cho hữu ti, sai tìm lấy kẻ sĩ trung thực thanh liêm, để ứng theo đó mà tuyển dụng, vì thế dùng Huyền làm Cung hạ trấn cấm trung hậu, chủ quản việc trong cung. Huyền theo Cửu khanh cầm đao làm thị vệ, nghiêm chỉnh lấy mình làm gương cho mọi người, theo phép hành xử, ứng đối thẳng thắn, mấy lần trái ý Hạo, dần dần bị giận dữ trách mắng. Sau có người vu cáo bầm là Huyền và Hạ Thiệu gặp gỡ nhau, dùng xe thủ thi rồi cười lớn, phi báng chê bai chính sự, vì thế bị hạ chiếu cật vấn trách tội, tống đi Quảng châu.

Đông quan lệnh là Hoa Hạch dâng sớ rằng:

"Thần trộm nghĩ rằng thể thức trị quốc, cũng giống trị nhà. Người chủ ruộng vườn, đều nên chọn người thiện lương thành thực. Lại phải chọn một người tổng quản để ra điều mục, lập ra sự ràng buộc, mọi việc mới thông."

"Luận ngữ nói: 'Không làm gì mà thiên hạ trị là vua Thuấn chăng! Ngài chỉ cần cung kính ngồi quay mặt về hướng nam thôi.' Đây là nói việc dùng người hợp lý, nên được nhân tâm tự yên vậy. Nay hải nội chưa yên, thiên hạ lắm việc, bất luận việc lớn nhỏ, đều phải nghe ngóng xem xét, kinh động đến bệ hạ, khiến bệ hạ lo lắng nhọc nhằn tổn trí. Bệ hạ đã có ý xét rộng việc xưa, nghiên cứu nhuuyến kinh văn, thêm nữa lại cần mãi thích đạo nghĩa, tùy lúc mà luyện dưỡng, nên cần có thời gian yên tĩnh để nói lòng tinh thần, hít thở không khí thuần khiết, hòa mình với thiên nhiên."

"Thần sớm khuya nghĩ ngợi, trong số các quan lại, người có tài gánh vác việc, đủ để ủy thác và nhờ cậy, chẳng ai hơn được Lâu Huyền. Huyền thanh liêm trung chính phụng sự việc công, là quan lại hàng

đầu đương thời, mọi người bội phục tiết tháo, chẳng ai tranh hơn được. Người thanh bạch thì lòng bình thản mà ý thẳng, trung trinh thì chỉ theo chính đạo mà hành xử, như tính cách của Huyền, trước sau giữ vững, xin bệ hạ tha cho cái lỗi lúc trước của Huyền, khiến Huyền được sửa sai, lại đề bạt lên chức chủ ti, cầu lấy thành quả tốt về sau để chuộc tội, theo chức quan mà chọn người, tùy tài để trao việc, thì việc cung kính của vua Thuấn, rất gần với bệ hạ vậy."

Hạo giận ghét cái danh tiếng của Huyền, lại đẩy Huyền và con là Cừ, giao cho tướng ở Giao Chỉ là Trương Dịch, sai họ lấy việc đánh trận để tự báo đáp, ngầm sắc mệnh riêng cho Dịch sai người giết họ.

Cừ đến Giao Chỉ, bệnh chết. Huyền một mình theo Dịch đánh dẹp giặc, cầm đao đi bộ, gặp Dịch liền bái lạy, Dịch không nỡ giết. Gặp lúc Dịch chết bất ngờ, Huyền chôn táng Dịch, thấy trong đồ dùng của Dịch có sắc thư của Hạo, Huyền bèn tự sát.^①

① *Giang Biểu truyện* chép: Hạo sai tướng là Trương Dịch ban rượu độc cho Huyền, Dịch thấy Huyền là người hiền, không nỡ tuyên chiếu hạ độc, Huyền ngầm biết việc ấy, bảo Dịch rằng:

- Ngài nên sớm báo cho Huyền, Huyền há tiếc mệnh sao?

Liền uống rượu độc chết.

Thần Tùng Chi thấy Huyền là bậc thanh cao, tất chẳng vì an nguy mà đổi tiết tháo, không duyên cớ lại đột nhiên bái lạy Trương Dịch, làm tổn hại khí tiết của mình. Và lại họa một khi đã phát tác, há trăm lạy có thể thoát được sao? Lời mà *Giang Biểu truyện* nói, về lý là hay hơn.

Hạ Thiệu tự Hưng Bá, người quận Cối Kê, huyện Sơn Âm.^① Tôn Hưu tức vị, Thiệu từ chức Trung lang lên làm Tán kỵ trung thường thị, sau ra làm Thái thú Ngô Quận. Thời Tôn Hạo, về triều làm Tả điện quân, được thăng làm Trung thư lệnh, lĩnh chức Thái phó cho Thái tử.

① Ngô thư chép: Thiệu, là cháu của Tề, là con của Cảnh.

Hạo hung bạo kiêu căng, chính sự ngày càng tệ. Thiệu dâng sớ can rằng:

"Thánh vương thời xưa, sở dĩ ở chốn cung vi sâu thẳm mà biết được cái tình của vạn vật, chấp tay rửa áo ngồi trên chiếu, mà rọi sáng tám cõi, là vì khéo dùng được hiền tài vậy. Bệ hạ vốn là bậc chí đức tư chất tốt đẹp, kế thống nghiệp đế, nên lấy mình làm gương thi hành chính đạo, cung kính phụng thờ xã tắc đại nghiệp, nêu tỏ người hiền biểu chương người thiện, để giữ yên chính sự. Trong khoảng vài năm gần đây, quan viên triều đình rồi ren hỗn độn, thật giả đan xen, trên dưới chẳng hết lòng, văn võ không tận chức, bên ngoài không có đại tướng trấn giữ vững như núi, bên trong không có bầy tôi bổ khuyết sai lầm; lũ gian nịnh vỗ cánh bay cao, khinh nhờn uy quyền triều chính, trộm cắp vinh hoa danh lợi; kẻ trung lương bị ruồng bỏ đuổi bài xích, bầy tôi tín nghĩa bị hại. Vì thế kẻ sĩ thẳng ngay phải rút bỏ tiết tháo, còn kẻ tiểu thần phải cầu thả đưa lời nịnh bợ, đón ý vâng chỉ dụ, đều cầu mong theo thời thế, người ta bình phẩm trái với đạo thường, kẻ sĩ thốt ra lời bàn đạo nghĩa dôi trá, cuối cùng khiến kẻ trong sạch biến thành ô trọc, bậc trung thần phải khóa lưỡi bật lời. Bệ hạ ở ngôi cao chín tầng, nấu trong chốn thâm cung trăm vòng canh giữ, lời nói ra như gió lướt, lệnh thi hành như bóng theo; thân mật hòa hợp với kẻ bầy tôi nịnh nọt, ngày ngày nghe lời thuận ý, sẽ cho rằng bọn ấy là hiền tài thực, mà thiên hạ đã thái bình vậy. Trong lòng thần cảm thấy bất an, sao dám chẳng tấu lên."

"Thần nghe nói vua của cái nước hưng thịnh vui khi nghe cái lỗi của mình, chúa của cái nước hoang loạn thích nghe lời tán dương mình; nghe nói về cái lỗi của mình thì cái lỗi ngày một giảm mà phúc đến, thích nghe lời tán dương mình thì thanh danh ngày một tổn mà họa đến. Vì thế người làm vua thời xưa, nhún nhường dùng lễ để tiến cử người hiền, mở lòng để cầu người ta nói lỗi của mình, ví ngôi cao như chỗ nguy, cầm đuôi hổ để răn mình. Còn như bệ hạ, nghiêm hình

pháp để cấm lời nói thẳng, bỏ kẻ sĩ thiện lương để chặn lời can gián của bầy tôi, lóa mắt không phân biệt được lời hủy báng hay tiếng khen, đắm chìm với lời nói hư hão của cận thần. Xưa kia Cao Tông nghĩ tìm người phò tá, trong mơ gặp được người hiền,¹ nhưng bệ hạ cầu hiền mà như quên, nhìn thoáng qua họ như đổ bỏ. Cố Thường thị Vương Phồn trung thành kính cẩn ở việc công, có tài đảm nhiệm chức phụ bát, vì một chốc say rượu bị gia tội xé xác. Gần đây quan Hồng lưu Cát Hê, là cựu thần của tiên đế, ngẫu nhiên có lần nghịch ý, nói lời trong lúc say sưa, sau ba tuần rượu, nói không kiêng hủý theo lễ chế, bệ hạ lập tức nổi cơn lôi đình, cho là Hê khinh mạn, lấy rượu tinh bắt uống, trúng độc mất mạng. Từ đấy về sau, người trong nước đau lòng, triều thần thất vọng, người làm quan xem việc lui về là may, kẻ trong triều coi việc ra ngoài là phúc, đấy thực không phải là việc làm để rạng công nghiệp, hưng tỏ đạo hóa vậy."

"Thêm nữa Hà Định là đứa tiểu nhân qua lại phục định, là kẻ nô bộc thấp hèn, bản thân không có mấy may đức hạnh, không có tác dụng của loài ửng khuyển, nhưng bệ hạ yêu cái sự nịnh nọt của hắn, cho hắn mượn uy quyền, khiến Định cậy ân sủng phóng túng, tự tiện ra uy tác phúc, mở miệng nghị bàn chính sự, đùa bỡn với việc cơ yếu của quốc gia, trên thì tổn hại đến cái sáng sủa của nhật nguyệt, dưới thì lấp đường tiến thân của bậc quân tử. Ôi, kẻ tiểu nhân cầu tiến thủ, thì tất hiến kế gian để cầu lợi, Định trong lúc vô sự xằng bậy hưng việc lao dịch, phát lính thú ở ven sông để xua bắt hươu nai, kết lưới ở sơn lâm, phát cỏ ở rừng rậm, đuổi hết thú ở chín phương, tụ bầy chúng trong vườn cung; trên không có ích với chính sự đương thời, dưới làm kinh phí tổn hao. Mà binh sĩ mỗi một với việc lại qua chuyên chở, nhân lực cạn kiệt vì việc đuổi thú, người già con trẻ đói rét, lớn nhỏ oán than. Thần trộm quan sát thiên tượng, từ mấy năm gần đây lại đây âm dương thác loạn, bốn mùa nghịch tiết, nhật thực đất rung, giữa mùa hạ có sương rơi, tham chiếu điển tịch, thì đều là

¹ Vua Cao Tông trong mơ gặp được Phò Thuyết: Xem chú thích ở tập I, quyển 1, trang 109 (Vũ đế kỷ).

điềm khí âm lẫn át khí dương, đây là vì kẻ tiểu nhân lộng quyền mới dẫn đến thế vậy. Thần từng xem sách truyện, chứng nghiệm các việc này sinh, thấy ứng điềm tai họa, nên lạnh lòng run sợ. Xưa kia Cao Tông sửa mình để trừ điềm lạ chim trĩ đậu trên đỉnh, Tống Cảnh công chuộng đức để làm mất cái biến của sao Huỳnh Hoắc;⁽¹⁾ mong bệ hạ trên sợ điềm trách phạt của trời xanh, dưới đoái nghĩ đến cái đạo trừ họa của hai bậc vương ấy, xa thì xem xét việc bổ dụng người hiền của đời trước, gần thì ngộ cái lỗi trao chức bậy bạ ngày nay, làm trong sạch ngôi vị ở triều đình, biểu chương công của người tuân kiệt, đuổi bỏ kẻ tà nịnh, tước đoạt quyền của kẻ gian, bọn tiểu nhân như thế, nhất thiết không dùng lại, khơi thoát chỗ ngưng trệ, dung nạp lời nói thẳng, chỉ vâng theo ý trời, cung kính với nghiệp của tổ tiên, thì giáo hóa sáng khắp, lấp đầy lòng trông ngóng của người thiên hạ vậy.”

”Truyện nói: ‘Cái nước hưng vượng, coi dân như con đỏ, cái nước suy vong, đãi dân như cỏ rác.’ Bệ hạ trước kia giấu ánh thần quang, kín đức ở cõi đông, mang phong thái tốt đẹp của bậc thánh triết, rồng bay ứng thiên mệnh, bốn bể vượn cổ, tám phương lau mắt nhìn, cho rằng giáo hóa của thời Thành Khang tất hưng vượng trong sớm tối vậy. Từ khi bệ hạ đăng cơ đến nay, phép cấm chuyển thành hà khắc, tô thuế thêm nhiều, quan hầu ở trong cung, phân bố đến các nơi châu quận, ngang nhiên hưng việc lao dịch, tranh nhau tạo mưu gian thủ lợi; trăm họ lo khốn quay cuồng như con thoi, lê dân mệt mỏi với sự đòi hỏi không cùng, người già con trẻ đói rét, nhà nhà ăn rau trừ bữa, mà trường lại ở địa phương, còn bức bách phạt tội, pháp lệnh nghiêm ngặt dùng hình khốc liệt, làm khổ dân để cầu cho đủ. Vì thế sức dân không kham nổi, cửa nhà ly tán, cất tiếng thở than, thương cảm đến hòa khí. Lại nữa là lính thú ven sông, ở xa phải lo mò mang cương thổ, ở gần phải lo giữ phòng nạn, đáng ra phải đặc biệt ưu đãi cung dưỡng, để đợi lúc có việc, nhưng lại trưng tập điều phát lao dịch, như

¹ Vua Vũ Đinh (武丁) sửa đức trừ vạ: Xem chú thích ở tập V, quyển 25, trang 70 (Cao Đường Long truyện); Tống Cảnh công (宋景公) chuộng đức đời họa: Xem chú thích ở tập VIII, quyển 61, trang 211 (Lục Khải truyện).

khỏi trần mây tỏa, khiến áo họ chẳng che nổi thân, bữa ăn chẳng đủ sớm chiều, xuất chiến thì đến chỗ có nạn đao guom, về doanh thì ôm nỗi sầu buồn nào. Vì thế cha con bỏ nhau, kẻ phản trốn kết bầy. Mong bệ hạ nói lòng thuế khóa trừ bỏ tạp dịch, cứu chẩn giúp kẻ thiếu khôn, giảm các việc không cấp thiết, dẹp bớt pháp luật về cấm lệnh, thì người trong nước vui nghiệp, giáo hóa được phổ cập vậy. Dân là cái gốc của quốc gia, mà lương ăn là tính mệnh của dân vậy, nay quốc gia không có lương dự trữ đủ một năm, nhà không chứa lương qua một tháng, mà kẻ ngồi không ăn lương trong hậu cung đến hơn vạn người. Trong có nỗi oán hận lìa nhà, ngoài có cái tổn phí vô lối, khiến kho đụn trống rỗng không có của dùng, sĩ dân đói khát phải ăn cám bã."

"Lại nữa là địch phương bắc dõi mắt nhìn, dò xét cái thịnh suy của nước ta, bệ hạ chẳng cậy vào uy đức của mình, mà dựa vào việc giặc thù không đến, bỏ qua cái khốn cùng của bốn bể, lại khinh địch chẳng cho là nạn, thực không phải là kẻ sách hay cốt yếu để thắng giặc ở chốn miếu đường vậy. Khi xưa Đại hoàng đế tự mình cần lao tận khổ, khai sáng cơ nghiệp ở cõi nam, cắt chiếm sông núi, mở đất vạn dặm, tuy được trời trợ giúp, thực cũng bởi sức người vậy. Phúc lộc lưu truyền, đến đời bệ hạ, bệ hạ nên gắng dưỡng đức giữ tiết, để sáng tỏ công nghiệp của tiên nhân, yêu dân nuôi quân, bảo toàn phép tắc đời trước, sao có thể coi rẻ cái công lao chuyên cần của tổ tiên, khinh thường cái khó nhọc để có được đại nghiệp, quên chẳng cứu giúp người thiên hạ, bỏ qua tai biến lớn của sự hưng suy? Thần nghe nói tốt xấu vô thường, cát hung do người, cái hiểm trở của sông dài chẳng thể cậy được lâu, ví như ta chẳng giữ, một bè cỏ lau có thể qua được vậy. Ngày xưa nhà Tần lập hiệu Hoàng đế, giữ cái hiểm của Hào, Hàm, đức hạnh giáo hóa chẳng tu sửa, phép tắc chính lệnh hà khắc ác nghiệt, họa hại đến sinh dân, trung thần ngậm miệng, vì thế một người hô lớn, xã tắc lật nghiêng. Gần đây Lưu thị chiếm cứ cái hiểm của ba ải, giữ cái bền chắc của núi lớn, có thể nói thành vàng nhà đá, cơ nghiệp muôn đời, vì trao chức cho kẻ không phải là hiền tài, một sớm mất nước diệt vong, vua tôi chịu trói cổ, cùng thành tù đồ ở

xử người. Đây là gương sáng đương thời, là lời răn chối lòa ngay trước mắt vậy. Mong bề hạ xa thì xét đến việc trước, gần thì soi sự biến đời nay, mở rộng cơ nghiệp củng cố gốc rễ, dứt bỏ tư tình noi theo đạo nghĩa, thì cái thời trị của Thành Khang sẽ thành, mà phúc vận của thánh tổ hưng thịnh vậy.”

Sớ tấu lên, Hạo rất hận Thiệu.

Thiệu phụng sự việc công trung trình thẳng thắn, kẻ thân cận với Hạo đều úy kỵ. Chúng bèn cùng vu vạ là Thiệu và Lâu Huyền phi báng chính sự, cả hai đều bị cật vấn trách tội, Huyền bị đưa đến nam châu, Thiệu được tha thứ phục chức. Sau Thiệu trúng gió độc, miệng không nói được, bỏ chức mấy tháng, Hạo ngờ là Thiệu thác bệnh, bắt nhốt vào hầm rượu, tra khảo nghìn cách, Thiệu nhất định không nói một lời, cuối cùng bị giết hại, gia thuộc bị đầy đến quận Lâm Hải. Hạo lại hạ chiếu sai giết con cháu của Huyền, năm ấy là năm Thiên Sách nguyên niên, Thiệu bốn mươi chín tuổi. ①

① Con của Thiệu là Tuần, tự Ngạn Tiên.

Tấn thư của Ngu Dữ chép: Tuần mắc họa nhà chịu tang cha, bị lưu đầy đến huyện Hải Tân, đất Ngô bình, quay về quê quán.

Tuần tiết tháo cao thượng, còn nhỏ không giống bạn bè, khi nói làm hành động, tất giữ lễ khiêm nhường. Hiếu học kiến thức rộng, giỏi về Tam lễ.¹ Được cử tú tài, phong làm Dương Tiễn lệnh, Vũ Khang lệnh. Cố Vinh, Lục Cơ, Lục Vân dâng biểu tiến cử Tuần rằng:

“Chúng thần cúi xét Vũ Khang lệnh của quận Ngô Hưng là Hạ Tuần phẩm đức tốt đẹp, khí độ sâu xa, tài năng tỏ rõ, danh tiếng vang xa, tấm lòng trong sạch giản dị, phong thái nghiêm trang. Trải chức ở ba huyện, hình pháp chính lệnh nghiêm túc, giữ chức ở huyện nhỏ, nổi danh hơn người, xuất thân từ nước mới, trong triều không có tri kỷ, cung kính cẩn trọng giữ chức ở cõi ngoài, trong lòng không mưu tính riêng, năm

¹ Tam lễ là các sách *Chu lễ*, *Nghi lễ* và *Lễ ký*.

thẳng thoảng qua mau, mà ở chỗ xa không có đường tiến thủ, thực khiến người ngu kẻ trí vì thế bùi ngùi. Bọn thần đều là kẻ tài thường, mấy lần thăng chức, được nhận ân trạch, then giữ chức mọn ở trong triều, biết được kẻ sĩ tài giỏi không gặp thời, mà giữ miệng không nói ra, sợ rằng sẽ có cái lỗi che lấp người hiền, thế nên không giấu cái nông cạn hẹp hòi, cung kính liêu chết dâng biểu văn lên.”

Ít lâu sau, Tuần được triệu về làm Thái tử xá nhân.

Thạch Bạng phá Dương châu, Tuần cũng hợp quân, việc yên, đóng cửa không ra ngoài. Trần Mẫn tác loạn, lấy Tuần làm Đan Dương nội sử, Tuần xưng bệnh cố từ, Mẫn không dám bức. Thời ấy hào tộc của Giang Đông chẳng ai không nhận tước vị của Mẫn, duy có Tuần và người đồng quận là Chu Đan không vướng vào lưới giặc. Về sau Tuần được đổi phong làm Ngô quốc nội sử, không tới nhận chức.

Nguyên Hoàng đế làm Trấn đông tướng quân, mời Tuần làm Quân tư mã, Đế làm Tấn vương, lấy Tuần làm Trung thư lệnh, Tuần cố nhường không nhận; được chuyển làm Thái thường, lĩnh chức Thái phó cho Thái tử.

Bấy giờ triều đình mới dựng, việc nghi vấn khó quyết, chế độ tông miếu do Tuần định ra, trong triều ngoài nội bàn tán, cho rằng Tuần là bậc Nho tông của một thời.

Tuần sáu mươi tuổi, là năm Thái Hưng thứ hai thì chết. Được truy tặng chức Tư không, ban thụy là Mục. Các bài luận mà Tuần soạn, đều truyền ở đời.

Con của Tuần là Thấp, là Thái thú Lâm Hải.

Vi Diệm tự Hoảng Tự, người huyện Vân Dương quận Ngô.^① Diệm thời trẻ hiếu học, khéo soạn văn chương, theo làm Thừa tướng duyệt, rồi đổi phong chức Tây An lệnh, sau về triều làm Thượng thư lang, thăng làm Thái tử Trung thứ tư.

① Diệm vốn tên Chiêu, sử quan vì tránh húy vua nhà Tấn, đổi thành Diệm.

Bấy giờ Thái Dĩnh cũng nhậm chức ở Đông cung, tính thích đánh cờ, Thái tử Tôn Hòa cho rằng đó là việc vô ích, lệnh cho Diêu luận việc ấy, Diêu viết bài văn rằng:

"Nghe nói người quân tử hổ thẹn lúc tráng niên mà công danh không lập được, đau ốm là đời mà danh tiếng chẳng được nêu, cho nên nói học tập nếu chẳng đến nơi, e là sẽ mất đi cơ hội. Vì thế kẻ chí sĩ đời xưa, tiếc xót cho tuổi tác trôi qua mà lo ngại thanh danh chưa lập, bởi vậy gắng tinh thần dốc chí tiết, thức khuya dậy sớm, chẳng dám ngơi nghỉ rồi nhàn, trải qua năm tháng, chăm chỉ tích lũy từng ngày, như cái chuyên cần của Ninh Việt, cái siêng năng của Đồng Sinh, dần dần đạt tới sự uyên thâm về đức nghĩa, đạt đến cảnh giới học nghệ.⁽¹⁾ Và lại dùng cái sáng suốt của Tây Bá, cái tài trí của Cơ Công, còn phải lao nhọc đến xế trưa, mới có thể hưng thịnh đạo lớn triều Chu,⁽²⁾ lưu danh vạn đời, huống chi là những kẻ như chúng thần, mà có thể dè dặt nghỉ học tập sao? Xét cùng cổ kim thì kẻ sĩ lập công danh, đều là có sự tích lũy rất khác thường, một thân nhọc xác, tận tâm siêng năng lo nghĩ, nhàn tản vẫn không lười biếng nghiệp học, cùng khôn vẫn không đổi phẩm cách của mình, thế nên Bốc Thức lập chí từ lúc cày ruộng chăn muông, còn Hoàng Bá ngộ đạo trong tù,⁽³⁾ cuối cùng được

¹ Ninh Việt (甯越) là người đời Chiến Quốc, từng đích thân trồng trọt, chăm chỉ học hành. Khổ luyện học tập mười lăm năm, được Chu Uy vương bái làm thầy;

Đồng Sinh (董生) tức Đồng Trọng Thư, sống vào thời Hán Vũ đế. Từng buông màn đọc sách, chuyên nghiên cứu về Nho học, ba năm không ra khỏi cửa.

² Tây Bá tức Chu Văn vương, ông là người trung tín nhân nghĩa, kính già yêu trẻ, lấy lễ đối đãi với hiền sĩ. Vì mãi tiếp đón kẻ sĩ, đến nỗi quá trưa vẫn chưa dùng cơm, bởi vậy các kẻ sĩ đã quy phục ông rất nhiều;

Cơ Công tức Chu Công Đán, là con của Chu Văn vương, giúp Vũ Vương diệt Trụ, khai sáng triều Chu.

³ Bốc Thức (卜式) là người thời Tây Hán đời Hán Vũ đế, rất giàu có vì chăn nuôi dê, đã nhiều lần dâng hiến tiền của, được Vũ đế khen thưởng, cho làm Trung lang, rồi Ngự sử đại phu, được phong tước Quan nội hầu. Về Bốc Thức, xem thêm chú thích về Tang Hoàng Dương ở tập III, quyển 14, trang 209 (Trình Dục truyện);

Hoàng Bá (黃霸) người thời Tây Hán đời Hán Tuyên đế, chẳng may bị vào tù, ở trong tù ông dụng công học sách Thượng thư, sau làm quan đến Ngự sử đại phu, được thăng làm Thừa tướng, phong tước Kiến thành hầu.

hường phúc hiển vinh, để thành cái danh bất hủ. Cho nên Sơn Phù chuyên cần lúc sớm khuya, Ngô Hán không rời khỏi công môn,⁽¹⁾ há lại nhàn tản biếng nhác được sao?”

“Người đời nay đa phần chẳng dốc sức với kinh thuật, ham thích chơi cờ, vứt bỏ sự nghiệp, quên ngủ quên ăn, ngày hết tối đến, đốt đuốc lên soi. Giờ đây đang lúc thế cuộc giao tranh, thắng thua chưa định, mà dốc hết tinh thần trí lực, nhọc tâm mỏi xác, chính sự hoang phế mà chẳng tu chỉnh, tân khách đến mà chẳng ai tiếp đãi, dẫu có cỗ thái lao thịnh soạn, nhạc Thiều Hạ cất lên, cũng chẳng ai rỗi nhàn bình thường vậy. Đến mức có người dùng y vật quyết ăn thua, thay đổi mục đích của việc đánh cờ, vứt bỏ cả liêm sỉ, mà lộ vẻ cáu giận, chí hướng của họ không sao thoát ra khỏi ván cờ, cái họ truy cầu chẳng vượt qua nổi những ô cờ, chiến thắng đôi thủ thì không được phong tước thưởng, chiếm được địa bàn thì không quản được đất thực, kỹ xảo ấy không phải là lục nghệ, dùng tài ấy không trị lý được quốc gia; lập thân chẳng cậy dựa vào cái thuật ấy, trưng tuyến thì chẳng thông qua cái lối ấy. Từ đấy đi tìm chiến pháp, thì không phải là đạo lý của Tôn, Ngô vậy; từ đấy xét đạo nghệ, thì không phải là học phái của Khổng tử vậy; lấy cái khéo biến trá làm thủ đoạn, thì không phải là việc làm của người trung tín vậy; lấy cướp giết lập danh phận, thì không phải là ý nguyện của người có đức nhân vậy; mà lãng phí thời gian bê trễ sự nghiệp, rút cục là hoàn toàn vô bổ. Trò đấy có khác gì cầm gậy gỗ mà đánh, nhấc viên đá mà ném đâu! Và lại người quân tử ở nhà siêng năng tu thân để phụng dưỡng phụ mẫu, ở triều đình dốc hết trí lực để dâng hiến lời trung, gặp việc có khi chiều tối mới ăn, lấy đâu thời gian để mê say với cờ? Làm như thế, thì cố nhiên là phẩm hạnh của người hiếu hữu được dựng lập, danh phận của kẻ trình thuận được hiển dương vậy.”

¹ Trọng Sơn Phù (仲山父): Xem chú thích ở tập IV, quyển 19, trang 132 (Trần Tư vương truyện); Ngô Hán (吴汉): Xem chú thích ở tập II, quyển 9, trang 224 (Tào Sảng truyện).

"Hiện nay Đại Ngô thụ mệnh, hải nội chưa bình, thánh triều tự mình nỗ lực không dừng nghỉ, ra sức kiếm nhân tài, tráng sĩ dũng mãnh thao lược thì nhận việc của tướng hùm gấu, bọn có học vấn nho nhã thì nhận việc ở quan thư cao quý như rồng phượng, trăm thứ phẩm hạnh đều dung nạp, văn võ đều trưng cầu, rộng tuyển lương tài, tiến cử tuần kiệt, đặt ra khoa luật để khảo thí, ban phát vàng lụa để thưởng, thực là cơ hội tốt đẹp nghìn năm mới có, diễm lành trăm đời mới gặp được vậy. Kẻ sĩ đời nay, nên gắng nghĩ điều chí đạo, yêu công tiếc sức, để phù tá chính sự đương thời, khiến tên tuổi được ghi vào thư tịch, công huân lưu lại ở phủ quan, đấy là mục đích tối cao của bậc quân tử, là điều cấp bách trước tiên hiện nay vậy."

"Bàn cờ là một khối gỗ sao sánh nổi đất phong ở một phương? Chỉ huy ba trăm quân cờ khô khan há so được với làm tướng thống soái vạn người? Áo cốn thêu vẽ rồng, nhạc ngân vang kim thạch, đủ niềm thú vui của cả cuộc cờ rồi. Ví như kẻ sĩ giỏi ở đời chuyển cái sức lực bỏ vào cờ sang dụng công với thi thư, là có cái chí của Nhan Uyên, Mẫn Tốn vậy; dụng công với trí mưu, là có tư duy của Trương Lương, Trần Bình vậy; dụng công với tiền của, là có sự giàu có của Y Đốn¹ vậy; dụng công với bản tên đánh xe, là có bản lĩnh của tướng soái vậy. Như thế thì danh tiếng lập được mà sự ti bỉ lánh xa rồi."

Sau khi Hòa bị phế, Diệu làm Hoàng môn thị lang. Tôn Lượng tức vị, Gia Cát Khác phụ chính, dâng biểu cử Diệu làm Thái sử lệnh, soạn sách Ngô thư, bọn Hoa Hạch, Tiết Oánh đều cùng tham dự.

Tôn Hưu lên ngôi, Diệu làm Trung thư lang, Bác sĩ tể tửu. Hưu lệnh cho Diệu chiếu theo việc cũ của Lưu Hượng, kiểm xét thẩm định các loại thư tịch. Hưu lại mời Diệu hầu giảng, nhưng

¹ Y Đốn (猗顿), là đại phú thương thời Chiến Quốc. Ban đầu rất nghèo, nghe nói Phạm Lãi bỏ chức quan đi buôn bán rất giàu, bèn đến học thuật. Được Phạm Lãi mách bảo, Y Đốn quyết chí làm giàu, sau mười năm gian khổ, giàu có cự phách, sánh ngang với Đào công (tức Phạm Lãi).

Ta tướng quân Trương Bố vốn là sủng thần thân cận, hành vi phạm cách đa phần có vết, sợ Diêu đến hầu giảng Nho đạo, mà Diêu bản tính tinh tế cương cường, sợ rằng Diêu dùng ý tứ kim cổ cảnh giới Hưu, cho nên khuyên can rằng không nên. Hưu rất hận Bố, đã nói ở *Tôn Hưu truyện*. Nhưng Diêu rút cục bị ngăn trở không được vào hầu.

Tôn Hạo tức vị, Diêu được phong tước Cao Lăng đình hầu, thăng làm Trung thư bộc xạ, lại giảng chức, làm Thị trung, thường kiêm lĩnh chức Tả quốc sử.

Thời ấy nhiều người xét vẻ mặt đón ý Hạo thường nói diềm ứng hợp. Hạo đem ý ấy hỏi Diêu, Diêu đáp rằng:

- Đây là việc rất tầm thường có ở mọi nhà thôi.

Hạo lại muốn Diêu vì cha mình là Hòa mà viết "Kỷ", Diêu nhất định cho là Hòa chưa lên ngôi Đế, nên theo văn tự đặt là "Truyện."⁽¹⁾ Các việc như thế không chỉ một lần, dần dần bị Hạo giận trách. Diêu ngày càng lo sợ, tự bày tỏ rằng mình tuổi cao già yếu, xin từ hai chức quan là Thị trung và Tả quốc sử, muốn hoàn thành nốt cuốn sách mà mình soạn chép, đem chức vụ mình đảm nhận chuyển cho người khác, Hạo nhất định không nghe. Bấy giờ Diêu có bệnh, Hạo sai thuốc men chữa trị, phái người giám hộ, canh giữ Diêu càng gắt gao hơn.

Hạo mỗi khi hội yến, chẳng lần nào không trọn ngày, khách ngồi trên chiếu bất luận có uống được rượu hay không ít nhất phải uống bảy thưng làm mức, tuy không phải là tất cả mọi người đều uống được, song đều bị ép uống đủ số. Diêu vốn uống rượu chẳng quá hai thưng, ban đầu lúc mới nhận lễ ngộ đặc biệt, thường được giảm bớt số lượng, hoặc Hạo bí mật sai cho nước trà thay rượu, đến khi ân sủng kém, lại bị cưỡng bức,

¹ Theo phép viết sử, người lên ngôi Hoàng đế hoặc được truy tôn làm Đế thì được sự quan viết chuyên thành "Kỷ", những người khác viết là "Truyện". Vì Diêu là sự quan nước Ngô, theo đúng phép tắc viết truyện về Tôn Hòa là "Truyện."

thường lấy việc uống rượu trị tội. Thêm nữa là sau khi uống rượu lại sai thị thần bắt bẻ công khanh, dùng lời trào lộng xúc phạm đả kích, nêu lên cái kém của mọi người làm trò vui. Lúc ấy có ai mắc lỗi, hoặc lỡ phạm húy Hạo, liền bị bắt trói, thậm chí bị giết chóc. Điều cho rằng triều thần ở chỗ chúa thượng hủy báng nhau, trong lòng sẽ tăng oán hận, khiến mọi người chẳng hòa mục giúp đỡ nhau, không phải là việc hay, chỉ nên cật vấn nghĩa kinh sách và ngôn luận mà thôi. Hạo cho là Điều không vâng chiếu mệnh, có ý không dốc lòng trung, vì hiềm oán trước sau chất chồng nên phát nộ, sai bắt Điều tống ngục. Bấy giờ là năm Phụng Hoàng thứ hai vậy.

Điều nhờ ngục lại dâng thư lên nói:

"Kẻ tù đồ này được nhận ân thương mến, không ai hơn được, mà chưa từng có chút công nhỏ nào để báo đáp hoàng thượng, cô phụ nhục đến ân sủng, tự hãm mình vào tội chết. Nghĩ lúc mình thành than tro, vĩnh viễn bị quên lãng dưới hoàng tuyền, ngu tình khẩn khoản, lòng riêng khắc khoải, phạm cấm lệnh dâng thư. Kẻ tù đồ này trước kia thấy thế gian có sách Cổ lịch chú, sách ấy chép nhiều chuyện hư vô, ở thư tịch cũng có chỗ lầm lẫn. Kẻ tù đồ này tìm xét truyện ký, khảo xét chỗ giống và khác nhau, lựa chọn nhặt lấy những thứ nhìn thấy nghe được, soạn thành sách 'Đồng kỷ', bắt đầu từ đời Bào Hi, cho đến thời Tân, Hán, cả thảy là ba quyển, mới bắt đầu từ năm Hoàng Vũ đến nay, soạn xong một quyển, việc còn chưa thành. Lại xem đến sách 'Thích danh' mà Lưu Hi soạn chép, thấy đáng tin và có nhiều chỗ hay, nhưng người và việc rất nhiều, khó tra cứu tỏ tường được, cho nên thường có chỗ lầm, mà giải thích về tước vị, lại có chỗ không chính xác. Kẻ ngu này thấy quan hiệu tước vị, là thứ cần thiết hiện nay, không nên trái ngược lầm lẫn. Kẻ tù đồ này quên mình thân phận thấp hèn, lại soạn sách 'Quan chức huấn' và 'Biện thích danh' mỗi loại một quyển, muốn trình lên chúa thượng. Vừa mới soạn xong, gặp lúc có hành vi mắc lỗi, bị tù cấm trong ngục đợi xét tội, cái chết tính ngày, hận là chẳng dâng được tấu văn, xin kính cẩn trước lúc chết bày kể hết thực trạng,

xin chúa thượng nói với bí phủ, đến tận nhà chọn lấy, trình lên bệ hạ xem. Nghĩ sợ mình nông cạn bề tấc, không hợp ý bệ hạ, trong lòng sợ hãi không dám kinh động, xin bệ hạ rủ lòng xót thương soi xét."

Diệu mong nhờ việc ấy được tha, nhưng Hạo lại quở trách là sách có vết bẩn, cho nên lại vì thế cật vấn Diệu.

Diệu đáp rằng:

- Kề tù đồ này soạn sách ấy, thực sự muốn dâng lên chúa thượng, sợ có chỗ sai lầm, nhiều lần xem đọc, bất giác rơi vết mực. Bị bệ hạ trách hỏi rất kinh sợ, toàn thân run rẩy nói không lên lời. Xin kính cẩn hướng lên bệ hạ khấu đầu năm trăm lạy tạ tội, tự chấp hai tay để tỏ ý kính.

Rồi Hoa Hạch liền tiếp dâng sớ cứu Diệu nói:

"Diệu may gặp cơ hội ngàn năm có một, đặc biệt nhận ân được bệ hạ yêu mến tán thưởng, vì dốc sức với Nho học, được nhận chức sử quan, đội mũ triều gần ve vàng phục dịch hầu hạ trong cung, thừa chỉ ứng đối. Thánh triều nhân đức khoan hậu, cư tang tận lễ, tế hết lòng thành, giữa lúc nghênh đón thần minh, rơi nước mắt sắc phong cho Diệu. Diệu ngu mê không hiểu rõ, chẳng thể tuyên dương cái mỹ đức như Đại Thuần của bệ hạ, cố chấp theo tiền lệ của sử quan, khiến ý hay của chúa thượng không được bày tỏ đến nơi, phẩm hạnh trác tuyệt của chúa thượng không được hiển lộ rõ ràng, Diệu thực ngu độn đáng ứng vào tội chết. Nhưng thần vẫn khẩn khoản cầu xin, vì thấy Diệu từ nhỏ siêng năng học hành, đến già vẫn học không biết mệt, tham cứu thông suốt Tam phần Ngũ điển, ôn việc cũ biết chuyện mới, đến mức trong lòng biết rõ sự tích cổ kim, quan viên trong ngoài triều đình ít có người hơn được Diệu vậy."

"Xưa kia Lý Lăng làm tướng nhà Hán, quân bại không quay về mà hàng Hung Nô, Tư Mã Thiên không cho là đáng ghét, vì Lý Lăng đưa lời biện giải, Hán Vũ đế thấy Thiên có cái tài của bậc lương sĩ, muốn sai hoàn thành nốt cuốn sách mà Thiên soạn chép, nhần nhịn không giết chóc, sách ấy rút cục soạn thành, truyền đến vô cùng. Nay Diệu

tại nước Ngô, cũng xem như sử quan Thiên của nhà Hán vậy. Cúi xét diêm lành trước sau hiện rõ, ý thần và diêm trời nối nhau xuất hiện, cái ngày nhất thống thiên hạ, đại khái chẳng còn bao lâu nữa. Sau khi thiên hạ bình xong, nên xét thời thế mà lập chế độ, Tam vương không bắt chước lễ nghi của nhau, Ngũ đế không noi theo nhạc chế của nhau, nội dung và hình thức có khác biệt, thêm bớt bất tương đồng, nên có được bốn người như Diêu để chiếu theo nghĩa cổ, chế độ sẽ có đổi mới sửa sang. Nhà Hán kế thừa nhà Tần, thì có Thúc Tôn Thông chế định nghi lễ của một thời, tài năng và học thức của Diêu cũng gần như Thúc Tôn Thông của nhà Hán vậy. Thêm nữa Ngô thư tuy đã có đầu mục, tự ngôn tán luận chưa soạn xong."

"Trước kia Ban Cố soạn Hán thư, văn từ nhã nhặn có chứng cứ, sau này bọn Lưu Trân, Lưu Nghị soạn 'Hán ký', còn xa không theo kịp Cố, tự truyện lại càng kém cỏi. 'Ngô thư' hiện nay đáng lưu truyền nghìn năm, biên chép lần lượt sách của các sử gia, các học giả đời sau sẽ nghị luận phẩm bình hơn kém, không có được bậc lương tài như Diêu, thật chẳng thể khiến bộ sách thành bất hủ được. Ngu độn như thần, thực không phải là người có cái tài ấy. Diêu năm nay đã bảy mươi, tuổi thừa chẳng còn bao lâu nữa, xin bệ hạ xá tội xuống một bậc, thành tội đồ chung thân, khiến việc soạn sách hoàn thành, sáng mãi với người sau, lưu truyền đến trăm đời. Xin kính cẩn trình lên bệ hạ biểu văn này, khấu đầu trăm lạy."

Hạo không đồng ý, bèn giết Diêu, đẩy gia đình Diêu đến quận Linh Lăng. Con của Diêu là Long, cũng có văn tài.

Hoa Hạch tự Vĩnh Tiên, người quận Ngô huyện Vũ Tiến. Ban đầu giữ chức huyện úy huyện Thượng Ngưu, Điển nông đô úy, vì có văn tài được vào triều làm Bí phủ lang, rồi thăng làm Trung thư thừa.

Nước Thục bị Ngụy thôn tính, Hạch đến cửa cung dâng biểu tấu rằng:

"Mời đây thần nghe nói giặc đông như kiến tụ ở cõi tây, cõi tây địa thế hiểm trở, về lý không đáng phải lo. Thần lại nghe đích xác Lục Kháng dâng biểu tới, nói Thành Đô không giữ nổi, vua tôi trốn xa, xã tắc nghiêng lật. Xưa kia nước Vệ bị nước địch diệt mà Hoàn công bảo tồn nước Vệ, nay đường đất rất xa, ta chẳng thể cứu giúp, đánh mất chỗ đất nương dựa, bỏ mất nước tiến cống, thần thân phận cỏ rác, trong lòng trộm thấy không yên. Bệ hạ là bậc thánh nhân, ân trách phủ đến nơi xa, bỗng nghe tin như thế, tất rủ lòng thương tiếc. Thần chẳng ngăn nổi nỗi bùi ngùi thương cảm, kính cẩn bái lạy dâng biểu văn này tấu báo lên."

Tôn Hạo tức vị, phong Hạch làm Tù Lãng đình hầu.

Năm Bảo Định thứ hai, Hạo mưu dựng cung điện mới, quy mô cực lớn, trang sức dùng châu ngọc, phí tổn rất nhiều. Lúc bắt đầu xây dựng là giữa hạ, nông canh và phòng thủ biên giới đều bê trễ, Hạch dâng sớ can rằng:

"Thần nghe nói thời Hán Văn, chín châu yên bình, dân nước Tân mừng vì trút bỏ được cái chính trị hà khắc thảm độc, quy thuận theo sự khoan hòa nhân hậu của họ Lưu, giảm bớt lao dịch, tinh giản pháp lệnh, cho hồi cải và thay đổi, phân phong con em làm vương, để làm phân dậu cho hoàng thất, đang lúc bấy giờ, mọi người cho là quốc gia yên vững như núi Thái, cơ nghiệp truyền đến vô cùng. Đến lúc Giả Nghị, một mình cho là đáng phải ba lần đau xót rơi nước mắt, đáng phải sáu lần than thở âu lo, vì thế nói rằng cái thế hiện nay khác gì mang lửa đến dưới đồng củi mà nằm trên đó, lửa chưa cháy thì bảo là bình an. Sau đấy phát sinh biến loạn, đều như lời Giả Nghị nói. Thần dẫu là người rất mực ngu xuẩn, chẳng hiểu rõ đạo lý lớn, trộm nghĩ việc xưa, suy diễn cái hình thế hiện nay."

"Nghị lại nói là trong vòng mấy chục năm, chư vương sẽ mạnh dân, các đại thần phù tá của nhà Hán ốm bệnh về quê, tình thế ấy mà muốn quốc gia đại trị, dẫu Nghiêu Thuấn cũng chẳng yên định nổi. Hiện nay đại địch chiếm đất của chín châu, nắm quá nửa dân chúng,

thuần thực các phương pháp đánh trận, nhân cái thế binh mã mới thăng, ta muốn cùng Trung Quốc tranh giành đại kế thôn tính nhau, thì cũng giống cái thế Hán, Sở chẳng thể hai bên cùng đứng, không phải như chư vương nhà Hán ở Hoài Nam, Tế Bắc mà thôi. Cái thế cục mà Nghị muốn đau khóc, so với hiện nay là hoãn, cái ví dụ ôm lửa nằm trên đồng củi, đối với hiện nay là gấp. Đại hoàng đế xem việc thời trước như thế kia, xét cái thế hiện nay như thế này, nên mở rộng nghiệp nông tang, tích chứa dành dụm không tính xuế, thương dân lao dịch nặng, chăm lo dưỡng chiến sĩ, vì thế lớn nhỏ cảm ân, đều nghĩ dốc sức theo mệnh. Phúc vận còn chưa đến, đã sớm lìa muôn nước. Từ đấy về sau, cường thần chuyên chính, trên phản lại cơ trời, dưới trái nghị bàn của số đông, vứt bỏ cái gốc yên định sinh tồn, cầu may cái lợi trong một lúc, mấy lần hưng quân lữ, dốc kiệt kho tàng, binh nhọc dân khổn, không lúc nào yên. Số còn lại hiện nay chỉ có người thương tật trợ trợ trong dân và dân chúng còn sót khổn khổn thôi. Vì thế quân dụng của cải thiếu thốn, kho lẫm rỗng không, ban thưởng vài bố lụa mộc, nóng rét không đầy đủ, lại thêm bách tính mất nghiệp, nhà nhà chẳng đủ ăn. Nay phương bắc tích lương dưỡng dân, chuyên tâm mưu hướng về đông, không lo việc phòng bị nữa. Đất Thục là phen đậu phía tây, địa thế hiểm vững, thêm nữa kế thừa cái thuật trị quốc của Tiên chủ, có thể nói đất ấy đủ để phòng giữ lâu dài, chẳng dè một sớm, bất ngờ nghiêng lật. Môi hở răng lạnh, là điều mà cổ nhân lo sợ. Các quận Giao châu, là đất cội nam của quốc gia, hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân đã mất, Nhật Nam bị cô lập nguy cấp, tồn vong khó giữ, từ Hợp Phố về bắc, dân chúng đều xao động, nhân đó trốn tránh lao dịch, đa số ly tán phản loạn, mà binh lính phòng thủ giảm thiểu, thế lực uy trấn chuyển thành yếu kém, thường sợ thỏ mạnh lại có biến phát sinh. Trước kia giặc cướp trên biển nhòm ngó các huyện phía đông, thu được nhiều dân ly tán, thuộc đường thao biển, nhòn lảo nhiều năm, cướp bóc không có ngày dừng. Nay trước ngực sau lưng có mối ngờ, đầu đuôi lăm lăm nạn, là thời khắc vận hạn của quốc triều vậy. Thục nên đình việc lao dịch xây dựng, ưu tiên kế

phòng bị chu toàn, gắng sức với nghiệp khai khẩn cấy trồng, để cứu dân đói thiếu. Chỉ sợ rằng vụ nông sắp qua, mùa xuân gieo trồng thì muộn, ngày có chiến sự, quân trang lương thực chưa đầy đủ. Nếu bỏ việc gấp này, ra sức với việc thổ mộc, thốt nhiên có biến gió bụi bất ngờ, mới vứt bỏ việc sửa sang lao dịch, ứng phó với cáo cấp nơi phong hỏa đài, khiến dân oán phẫn khôn khổ, chạy đến chỗ đao thương nguy hiểm, đấy chính là lúc đại địch lợi thế về của cái vậy. Nếu chỉ cố thủ, cầm giữ lâu ngày, quân lương tất thiếu, chẳng đợi đâm chém, mà chiến sĩ đã khôn đốn rồi.”

“Xưa kia vào thời vua Thái Mậu, cây dâu cây lúa mọc tốt ở sân điện, vua sợ mà tu đức, đêm lạ tiêu trừ mà nhà Ân lại hưng thịnh.⁽¹⁾ Sao Huỳnh phạm sao Tâm, người nước Tống cho là tai vạ, Cảnh công kính theo lời của Sử quan, mà sao Huỳnh Hoặc lui về chỗ cũ, Cảnh công kéo dài được tuổi thọ. Người ta tự mình tu đức mà cảm hóa được sự vật khác lạ, lời phát ra khỏi miệng mà thông đạt đến thần minh, thần là người rất mực ngu xuẩn, an trí lầm chỗ làm nhục chức cận thần, chẳng thể giúp bệ hạ tuyên ban nhân nghĩa và ân trạch để cảm động đến thần linh, cúi xuống ngẩng lên hồ thẹn, không có chỗ nào dung thân. Thần cúi đầu ngấm nghĩ, các điềm dị thường về cây lúa, cây dâu và sao Huỳnh Hoặc, là lời răn bảo của trời cao với hai vị quân chủ, đến như các điềm quái dị nhỏ khác, đại khái là các việc mà tiểu quỷ thần ở môn đình tạo ra, đem chứng nghiệm trong trời đất, thì không có biến hóa khác, mà điềm lành trước sau lần lượt kéo đến, ngọc châu đã hiển lộ, bạch tước xuất hiện theo, phúc lộc ức vạn, đích thực là thần linh khiến các vật ấy hiện ra, lấy chín châu làm đất ở, lấy thiên hạ làm nhà, lại không liên quan gì đến việc dân chúng trong hộ tịch cùng đời chuyển vậy. Thêm nữa cung thất hiện nay, do tiên đế xây dựng, qua chiêm bốc chọn đất dựng lập cơ nghiệp, không phải là điềm bất tường. Lại nữa là chợ búa mới dựng cùng hoàng cung tiếp

¹ Vua Thái Mậu tu đức: Xem chú thích ở tập V, quyển 25, trang 70 (Cao Đường Long truyện).

giúp nhau, nếu đại công trình hoàn tất, xa giá dời đến ở, môn thần bài vị, đều phải chuyển dời, sợ rằng về lâu dài vị tất đã hơn được chỗ cũ. Dời chuyển luôn luôn là điều không nên làm, để lại cự cung thì có điều húy kỵ, đấy là điều khiến ngu thần ngày đêm lo lắng vậy. Thần xét Nguyệt lệnh, biết ngày nguyệt phân là cuối hạ, chẳng nên hưng động thổ mộc, chẳng nên đại hội chư hầu, chẳng nên khởi binh động chúng, cử hành đại sự tất có tai ương. Nay tuy chư hầu không hội, nhưng quân chư hầu hội họp cũng không khác biệt. Tháng sáu ngày Mậu Thìn, hành thổ cực vượng, không thể động phạm, thêm nữa là tháng nông tang, thời vụ chẳng nên để lỡ. Xưa kia Lỗ Ẩn công đắp thành Trung Khâu vào cuối hạ, Kinh Xuân Thu ghi chép việc ấy, truyền lại làm lời răn cho hậu thế. Nay dựng sửa cung thất làm cơ nghiệp vĩ đại cho muôn đời, mà phạm điều đại cấm của trời đất, theo cái điều mà Kinh Xuân Thu ghi chép, đấy là phế bỏ nhiệm vụ hàng đầu là coi trọng việc canh tác của dân. Thần vốn là kẻ ngu độn, trộm cho là việc làm đấy bất an.”

“Thần lại sợ là triệu gọi dân ly tán, lỡ ra có kẻ không đến, đánh dẹp thì bỏ việc đao dịch hưng chiến sự, không đánh dẹp thì việc xấu lan theo tháng ngày. Nếu tất cả họ cùng đến, đại chúng tụ hội, hiếm khi không phát sinh tật bệnh. Vả lại nhân tâm yên định thì họ nghĩ việc thiện, khốn khổ thì họ oán hận làm phản. Tinh binh của Giang Nam, là quân lính mà phương bắc khó đối phó, bên kia phải dùng mười lính để đối phó với một binh của ta. Nay thiên hạ chưa định, rất nên lo tiếc cho họ. Như thế thì nếu cung điện dựng thành, tử vong phản loạn đến năm nghìn người, thì cái đông của quân bắc lại tăng thêm năm vạn, nếu mất đến vạn người, thì họ gấp lên đến mười vạn người, cái tổn thất của bệnh tật là người chết, lời của kẻ phản truyền ra là bất thiện, đấy là điều mà đại địch mừng vui vậy. Nay là lúc dùng vũ lực quyết đấu ở Trung nguyên, để định yếu mạnh, chính là vận hội, bên kia tăng thêm mà ta tổn hại, lại thêm lao khổ khốn đốn, đấy là điều mà kẻ anh hùng trí sĩ lo lắng thâm sâu.”

"Thần nghe nói bậc vương xưa trị lý quốc gia không có tích trữ ba năm, thì không gọi là quốc gia, lúc bình yên còn phải phòng bị như thế, huống chi là đối địch với giặc mạnh mà sao nhãng nông tang quên tích trữ. Nay tuy có cấy trồng, nghe nói nước lớn ngập chìm, những chỗ còn giữ được thì đang đợi làm cỏ thu hoạch, nhưng trường lại sợ quá kỳ hạn dựng thổ mộc, các quận phía đông bắc, dân chúng phải lặn lội vào rừng sâu, ra sức chặt gỗ, vớt việc nông bỏ thời vụ, vợ con sĩ dân yếu đuối, khai khẩn gieo trồng trên đất bạc màu, nếu có thủy tai hạn hán thì vĩnh viễn không có thu hoạch gì. Thóc gạo hiện còn ở châu quận, đương đợi dùng khi có việc, lương ăn hàng ngày trong quân, ngẩng trông vào cửa quan. Nếu trên dưới không no đủ, chuyển chở cung ứng không kịp, mà kẻ địch phương bắc phạm cõi, nếu Chu công, Triệu công sống lại, Trương Lương, Trần Bình tái xuất, cũng chẳng thể giúp bệ hạ hiển kế cao minh rồi. Thần nghe nói vua sáng thì tôi trung, chúa hiền thánh thì bầy tôi chính trực, vì thế dâng lời khẩn khoản, mạo muội phạm thiên uy, xin bệ hạ rủ lòng thương xót."

Thư tấu lên, Hạo không chọn dùng.

Về sau thăng Hạch làm Đông quan lệnh, lĩnh chức Hữu quốc sử, Hạch dâng sớ từ chối, Hạo đáp lại rằng:

"Trẫm xem chương biểu, cho rằng Đông Quan là phủ thự nho sinh đến học tập, là nơi giảng luận văn chương điển tịch, xử quyết các vấn đề nghi nan, thời Hán đều do các nhà nho danh cao đảm nhiệm, thỉnh cầu và tuyển lựa anh tài. Nghe nói, ngài nghiên cứu kỹ Tam phần Ngũ điển, xem rộng nghe nhiều, có thể gọi là người thích lễ nhạc đốc lòng với thi thư vậy. Ngài nên phát huy văn tài, vận dụng câu từ diễm lệ, để tán tụng cái hay đẹp của chính sự đương thời, vượt qua bọn Dương Hùng, Ban Cố, Sái Ung, Trương Hoàn. Ta thấy lạ bởi ngài đức tốt rạng ngời mà khiêm tốn, tài trọng lại tự hạ thấp mình, ngài nên siêng năng tận chức, để vượt xa các bậc tiên hiền, chớ có nhiều lời nữa."

Thời ấy kho đụn không có tích trữ, thế tục xa xỉ, Hạch dâng số nói:

"Nay giặc cướp đây rồi, chinh phạt chưa dừng, yên ổn không có của để dành đây năm, xuất chinh không có lương tích trữ để ứng địch, đây là điều mà quốc gia nên đặc biệt lo lắng vậy."

"Tài vật, lương thực sản sinh, đều xuất từ trong dân, nắm thời cơ, chuyên chú canh nông, là việc cấp bách của quốc gia. Nhưng các quan lại ở kinh đô, công việc chương quản có khác nhau, đều tự hạ lệnh điều phát, chẳng tính đến sức dân, thường quy định kỳ hạn rất gấp. Trưởng lại sợ tội, đêm ngày thúc dân, vứt bỏ việc ruộng vườn, vội vàng đến ngày tập hợp, đúng hạn đủ số đến kinh đô, có khi điều đến chất đồng không dùng, nên uổng phí sức của trăm họ lỡ thời vụ. Đến tháng thu hoạch cuối thu, lại đốc hạn thu nạp, đã tước đoạt thời vụ gieo trồng của dân, lại đòi thuế khóa hàng năm, nếu có thiếu tô thuế, thì tịch thu lấy tài vật, cho nên nhà nhà bần khổ, cơm áo chẳng đủ. Nên tạm dừng các thứ đao dịch, để chuyên tâm với nông tang, cổ nhân nói một người không cấy trồng, thì có người chịu đói, một nữ không dệt vải, thì có người chịu rét, vì thế bậc vương xưa trị quốc, nghĩ việc nhà nông là việc gấp. Từ khi khởi binh đến nay, đã sắp trăm năm, nông dân bỏ cấy trồng, nữ công dừng dệt cửi. Từ đây mà suy, thì người ăn rau ăn trái chịu đói lâu dài, người mặc áo mỏng đạp chân lên băng tuyết, cố nhiên chẳng phải là ít rồi."

"Thần nghe nói cái mà bậc quân chủ cầu ở dân có hai việc, cái mà dân mong ngóng ở bậc quân chủ là ba điều. Hai việc bậc quân chủ cầu ở dân, một là dân lao lực vì mình, hai là dân chết vì mình. Ba việc dân mong chờ ở bậc quân chủ, một là đói khổ thì có ăn, hai là lao nhọc thì được nghỉ, ba là có công thì được thưởng. Dân đã hết bốn phận với hai việc bậc quân chủ yêu cầu mà thất vọng với ba điều mong ngóng ở bậc quân chủ, thì lòng oán náy sinh mà công nghiệp không dựng nổi. Nay kho tàng chẳng đầy đủ, dân lao dịch quá nhiều, hai việc cầu của quân vương đã có đủ, ba điều mong đợi của dân chưa được báo đáp."

"Vả lại người đời chẳng mong cổ bàn thịnh soạn mà mong no bụng, kẻ rét chẳng đợi áo da cáo lông hạc mà mong mặc ấm, thế thì mùi ngon chỉ để lạ miệng, áo thêu chỉ là trang sức tấm thân vậy. Nay việc nhiều mà dao dịch lắm, dân nghèo mà tục xa xỉ, trăm thứ nghề chế tác đồ vật vô dụng, phụ nữ phục sức lụa là tươi đẹp, chẳng siêng năng xe sợi gai, đều làm phục sức lụa thêu vẽ hoa văn, bắt chước lẫn nhau, không ai hổ thẹn. Binh sĩ ở cùng nhà với dân, lại cũng bắt chước phong tục, trong nhà không một thạch lương tích trữ, mà đi ra ngoài trang phục lụa bóng thêu hoa, đến mức như thương gia bán buôn giàu có, lại thêm bạc vàng trang điểm, xa xỉ phóng túng ngày càng nghiêm trọng. Thiên hạ chưa bình, trăm họ chẳng no đủ, nên chú tâm đến cái sinh tồn cơ bản của dân, hưng nghiệp cấy trồng dệt cửi, bỏ kỹ nghệ chế tác vật tinh xảo phù hoa, ngăn việc chi dụng xa xỉ hàng ngày, trên không có sai biệt về thứ bậc đẳng cấp, dưới không có cái tổn hao tài vật sức lực."

"Hiện nay gia đình quan lại sĩ dân, thiếu không có con gái, nhà nhiều thì có ba bốn, nhà ít có một hai, tính cộng bình quân mỗi hộ có một con gái, vạn nhà thì có vạn người, mỗi người dệt vải một năm được một bó lụa, thì có chục vạn bó lụa rồi. Khiến cho người trong bốn cõi đông tâm hiệp lực, trong vòng mấy năm, vải lụa tất chất chồng. Nghe nói dân chúng dùng vải ngũ sắc, tùy ý đội mặc, chỉ nên cấm chỉ phục sức hoa văn vô ích. Vả lại người tướng mạo đẹp để chẳng dùng thứ hoa lệ để tăng thêm vẻ đẹp, người dáng vẻ mỹ miều chẳng dùng đến lụa hoa văn để vời gọi người ta ái mộ mình, phục sức ngũ sắc, là đủ mỹ lệ rồi. Nếu dùng lắm đồ trang sức, phục sức thật nhiều, vị tất đã không phải là đàn bà xấu; vứt đồ hoa lệ, bỏ lụa hoa văn, vị tất đã không phải là mỹ nhân, nếu quả thực như lời bàn, có thứ vô ích bỏ đi không tổn hại, còn yêu thích gì mà không cấm ngay để sung gập vào kho phủ nhỉ? Đây là nhiệm vụ hàng đầu để cứu thiếu, là cái gốc nghiệp để làm giàu quốc gia vậy, ví thử Quản Trọng, Án Anh phục sinh, cũng không làm khác thế."

"Thời Văn, Cảnh nhà Hán, kế nối cảnh thái bình, thiên hạ đã định, bốn phương vô lo, còn cho là điều khắc hoa văn là hại đến nghề nông, y phục cấm tú là hại nghiệp nữ công, cho nên mở rộng cái lợi của quốc gia, lấp bỏ cái căn nguyên của sự cơ hàn. Huống chi hiện nay sáu cõi phân ly, sài lang đầy đường, binh không rời cõi, giáp chẳng cời đai, mà có thể chẳng mở rộng cái gốc của việc sinh của cải, sung đầy vào kho phủ hay sao?"

Hạo thấy Hạch tuổi tác già cả, sắc lệnh sai thảo chương biểu tự nêu công của mình, Hạch không dám. Hạo lại sắc mệnh sai thảo soạn một bài văn, đứng ngay bên cạnh đợi Hạch soạn chép.

Hạch làm bài văn rằng:

"Than ôi thân tiểu thần,
Là hạng phàm cỏ rác.
Được thánh quân xem trọng,
Trao ân sủng khác thường.
Vượt bùn ao nước đọng,
Thoát xác nơi triều đình.
Đế cung tỏa ánh ngời,
Thần cậy nhờ bóng sáng.
Cẩn thận rót sương sớm,
Tắm gội gió phượng nam.
Công tích không mảy may,
Phụ ân cao như núi.
Ơn trạch phủ thân hèn,
Mấy tầng ân quá nặng.
Chí phàm nhận vinh diệu,
Phận mọn được bảo tồn.
Muốn báo ân vô cực,
Gửi thân với trời xanh.
Thánh ân như mưa rót,

Xót thương tha tội thân.
 Nhục mệnh nghĩ íng đôi,
 Ân trạch tươi uớt đầm.
 Chẳng dám trái sắc mệnh,
 Sợ tội chết tức thì.
 Mạo muội thừa chiếu lệnh,
 Hồn bay thân xác còn."

Hạch trước sau bày kể việc làm thích hợp, tiến cử hiền tài, giải thích giúp kẻ mắc lỗi, dâng thư hơn trăm lần, đều có nhiều bố ích, văn tự nhiều nên không chép lại.

Năm Thiên Sách nguyên niên vì bị khiển trách nên bãi chức, mấy năm sau Hạch chết. Những tấu chương, sổ biểu bàn luận về chính sự của Diệu và Hạch, đều lưu truyền ở đời.

Bình rằng: Tiết Oánh khen Vương Phồn khí độ phi phạm, quảng đại thông đạt; Lâu Huyền thanh bạch tiết tháo, điều lý rạch ròi; Hạ Thiệu chí tiết cao thượng, biết xét hư thực, chức vị trọng yếu hiển hách; Vi Diệu dốc chí học hành ưa thích việc xưa, xem rộng kinh truyện, có tài biên chép, tự thuật; Hồ Xung cho rằng Huyền, Thiệu, Phồn là kẻ sĩ thanh cao tốt đẹp một thời, đại khái là không phân hơn kém. Nếu bắt đắ dĩ phải phân biệt, thì Lâu Huyền đứng trước, Hạ Thiệu đứng sau. Hoa Hạch về tài năng văn chương từ phú, trội hơn so với Diệu, nhưng về diễn chế văn cáo thì không theo kịp vậy. Ta xem Hạch mấy lần dâng lời can hay, mong tự mình dốc hết sức lực, được coi là bậc trung thần hiền tài rồi. Nhưng một người, ở cái thế vô vọng mà có danh vị, mạo hiểm sống chết tỏ cái lý của mình, thoát nạn là rất may mắn rồi.

THƯỢNG TAM QUỐC CHÍ CHÚ BIỂU



Thần Tùng Chi xin có lời thưa:

Thần nghe nói, trí tuệ chu toàn thì mọi việc sẽ ngăn nắp, nhìn xa trông rộng thì muôn sự sẽ rõ ràng. Nhưng dù có dốc hết khả năng để tìm hiểu về những điều vi diệu, tất cũng khó tránh được những chỗ sâu xa chưa biết hết, mà thứ con cháu đời sau trông đợi hẳn phải là những đạo lý đúng đắn chính trực. Cho nên, muốn có được kiến thức đủ đầy, nhất định phải xem xét cả những lời nông cạn; muốn bồi dưỡng phẩm đức sâu dày, nhất định phải học tập ở tiên nhân. Thần cúi mọp nghĩ thầm: Bệ hạ kiến thức uyên thâm, trí tuệ phi phạm, ngày ngày sửa sang đức hạnh, thật cũng đã là viên mãn. Thêm nữa, tuy bệ hạ thông hiểu điển tịch cổ xưa, vui vẻ đắm mình trong những điều huyền diệu, nhưng cũng vẫn nghĩ tới lịch sử gần đây, buông mắt mà trông sự hưng vong được mất của các triều, muốn lấy đó tổng hợp lại để làm lời răn cho hậu thế.

Vừa rồi, thần nhận chiếu chỉ của bệ hạ, sai thu thập các loại sử liệu về thời Tam Quốc, lấy đó để chú cho Tam Quốc chí của Trần Thọ. Sách của họ Trần mạch lạc đáng xem, việc tuy nhiều nhưng đều đã qua tuyển lựa kỹ càng, thực giống như một khu thắng địa để du ngoạn thăm thú, có thể coi là một bộ sử tốt về thời gần đây. Nhưng khuyết điểm của bộ sách này là ở chỗ quá giản lược, thường có những thiếu sót. Thần vâng chỉ tìm kiếm sử liệu chi tiết, cốt sao cho việc được vẹn toàn, một mặt lần về quá khứ hỏi lại việc xưa, một mặt tra cứu sách vở xem về chuyện cũ. Xét ra, thời Tam Quốc tuy cách nay không xa, nhưng việc có liên quan tới hai triều Hán, Tấn. Xét từ lúc khởi đầu tới khi kết thúc, cả thấy khoảng trăm năm. Trong quãng thời gian này, việc ghi chép, chú giải có phần hỗn loạn, thường xuất hiện những

chỗ mâu thuẫn nhau. Những việc Thọ không chép, nhưng đáng được ghi lại, thần đều lựa lấy để bù vào phần thiếu sót. Có khi sử liệu nói về cùng một việc, nhưng lời lẽ lại trái ngược với nhau, hoặc cũng có khi bản thân sự việc đã còn nhiều tranh cãi, không thể đưa ra định luận, tất thấy thần đều ghi vào sách để lưu giữ các ý kiến bất đồng. Với những chỗ sai sót rõ ràng, lời lẽ không hợp tình hợp lý, thần đã sửa ngay tại chỗ sai, dựa vào đó mà răn cái sự hoang đường. Với những việc thời đó mà chưa biết đúng sai, hoặc những lỗi nhỏ của Thọ, thần xin lấy cái sự ngu độn của mình ra để luận bàn rành rẽ. Từ khi hoàn thành bộ sách đến nay, tính ra cũng đã gần một tháng. Công việc khảo đính vừa mới xong xuôi, xin cung kính niêm phong dâng lên bệ hạ.

Thần trộm nghĩ, việc vẽ tranh chủ yếu dựa vào nhiều màu sắc, ong mật luôn phải thu gom mật từ nhiều loài hoa, chính nhờ như thế mà lựa trắng có thể thành bức tranh đẹp đẽ, mật ong có thể ngon ngọt được hơn hoa. Thần quả thực ngu độn bất tài, cứ nghĩ tới hai vật ấy là lại lấy làm hổ thẹn. Tuy đã dốc hết sức mình, bỏ đi lối văn hoa lệ, nhưng rốt lại vừa không mau lẹ được như Hoài Nam⁽¹⁾, vừa không thể cho ra một áng văn bất hủ. Công việc cứ thế mà đình trệ, chẳng hề có thành tựu gì, thực không đủ đáp đền thánh chỉ, chỉ bù đắp được một chút lỗi lầm. Lòng này sợ hãi tội cùng, thẳng như rơi vào vực thẳm. Nay xin cung kính dâng biểu lên vua, cốt để tỏ sự hổ thẹn trong tâm khảm. Thần Tùng Chi sợ hãi dập đầu, liều tội chết dâng lời kính cẩn.

Nguyên Gia năm thứ 6, tháng 7, ngày 24

Trung Thư thị lang Tây Hương hầu Bùi Tùng Chi kính dâng.

Tháng hai năm Đinh Dậu
NGUYỄN ĐỨC VỊNH dịch.

¹ Tró Hoài Nam vương Lưu An. Có thuyết kể rằng Hán Vũ đế ra lệnh vào buổi sáng, ngay buổi trưa Lưu An đã viết xong *Ly tao truyện*, Hán Vũ đế xem xong thì vỗ án khen hay không ngớt. Bùi Tùng Chi nói vậy là có ý khiêm nhường.

TỨ KHỔ TOÀN THƯ TỔNG MỤC ĐỀ YẾU

Tam Quốc chí có sáu mươi lăm quyển, do Trần Thọ người thời Tây Tấn soạn, Bùi Tùng Chi người thời Tống⁽¹⁾ chú giải. Sự tích về Thọ có ghi chép đầy đủ ở truyện gốc của *Tấn thư*⁽²⁾, sự tích về Bùi Tùng Chi ghi chép đầy đủ ở truyện gốc của *Tống thư*. *Ngụy chí* cả thảy có ba mươi quyển, *Thục chí* có mười lăm quyển, *Ngô chí*⁽³⁾ có hai mươi quyển. Sách ấy lấy nhà Ngụy là chính thống, đến lúc Tập Tạc Xi làm sách *Hán Tấn Xuân Thu* mới đề xuất ý kiến bất đồng. Từ thời Chu tử⁽⁴⁾ đến nay, chẳng ai không đồng ý với quan điểm của Tập Tạc Xi mà chê bai Trần Thọ. Nhưng lấy đạo lý mà luận, nói Trần Thọ sai lầm là tuyệt đối không có căn cứ; lấy hình thế mà luận, thì Tập Tạc Xi lấy Hán đế làm chính thống là thuận lý mà việc làm rất dễ dàng, nhưng Trần Thọ lấy Hán đế làm chính thống là phạm nghịch mà đấy là việc nguy khó. Đại khái, vào thời Tập Tạc Xi, nhà Tấn đã qua sông về phương nam,⁽⁵⁾ tình huống lúc bấy giờ có chỗ giống với nhà Thục, là dời chuyển về yên ở một phương tranh giành ngôi chính thống, quan điểm ấy dễ dàng được dư luận đương thời

tiếp nhận vậy. Trần Thọ thân là bày tôi của Tấn Vũ đế, mà Tấn Vũ đế kế thừa ngôi chính thống của nhà Ngụy, nói nhà Ngụy đoạt ngôi chính thống là nói nhà Tấn là ngụy triều rồi. Vào lúc đương thời việc làm ấy há được sao? Việc ấy cũng như Tống Thái tổ soạn vị lập nhà Tống,⁽¹⁾ nhà Tống gần giống với nhà Ngụy, mà Bắc Hán và Nam Đường gần giống với nhà Thục, thế nên các nhà nho thời Bắc Tống đều kiêng tránh nói việc ấy, không cho là nhà Ngụy là đoạt chính thống. Từ thời Cao tông về sau, triều đình nhà Tống dời chuyển về ở yên một góc Giang tả, gần giống với nhà Thục, mà toàn bộ đất Trung nguyên của nhà Ngụy rơi vào tay nhà Kim,⁽²⁾ cho nên các nhà nho thời Nam Tống mới nhao nhao nổi dậy, chủ trương xem Thục đế là chính thống. Đấy đều là lối lập luận theo hình thế thời đại biến hóa, không thể coi là tiêu chuẩn xác đáng được vậy. Cái sai của Trần Thọ chỉ là theo như thể lệ chép Bản kỷ nhà Chu, nhà Tần của *Sử ký*, chẳng khởi đầu Bản kỷ từ Ngụy Văn đế, mà bắt đầu Bản kỷ từ Tào Tháo, thật chẳng xác đáng bằng cách sắp thứ tự ghi chép của *Ngụy thư*,⁽³⁾ đấy là chuyện có thể tránh mà không tránh vậy.

¹ Tống thái tổ Triệu Khuông Dẫn (趙匡胤), vốn là bày tôi nhà Hậu Chu, giữ chức Tiết độ sứ, xem như nắm giữ quân quyền cả nước. Vua Thế tông nhà Hậu Chu là Sài Vinh mất (959), con là Sài Tông Huân mới bảy tuổi lên ngôi, phong Triệu Khuông Dẫn làm Thái úy. Năm sau (960), Triệu Khuông Dẫn theo lệnh vua và Thái hậu dẫn binh đi đánh quân Liêu, trên đường đi có người nhìn thấy hai mặt trời đánh nhau, có người cho rằng "đấy là điềm chuyển giao thiên mệnh, khí vận nhà Chu đã dứt, mệnh trời ứng vào Triệu Khuông Dẫn, đáng lên ngôi Cửu ngũ để thuận thiên mệnh." Triệu Khuông Dẫn bèn dẫn quân về kinh đô Biện Kinh làm binh biến, vua tôi nhà Hậu Chu đành phải làm lễ nhường ngôi, từ đấy bắt đầu mở ra nhà Đại Tống trong lịch sử.

² Tống Cao tông Triệu Cấu (趙構), Hoàng đế thứ mười của nhà Đại Tống, con vua Tống Huy tông Triệu Cát. Thời bấy giờ, nhà Tống suy yếu do triều đình bó người trung dụng kẻ gian, quan tham lộng hành, triều cương rối loạn, dân chúng thống khổ, khởi nghĩa nông dân bùng nổ. Nhà Kim (tộc người Nữ Chân) đưa quân tràn xuống phương nam, bắt cha con vua Huy tông và Khâm tông đưa về phương bắc. Triệu Cấu chạy về phương nam, được các đại thần hợp sức tôn làm hoàng đế, từ đấy bắt đầu lập vương triều Nam Tống.

³ Có lẽ ở đây nói đến sách *Ngụy thư* của Vương Thâm.

Trong những năm Nguyên Gia thời nhà Tống, Bùi Tùng Chi nhận chiếu chỉ viết chú giải, chú giải của Bùi Tùng Chi tập dần các loại sách vở, lại thường bày tỏ các ý chú giải của mình. Tổng hợp các ý chú giải, đại thể có sáu phương diện:

- Thứ nhất là dẫn lời bàn luận của các nhà, để biện xét phải trái.
- Thứ hai là tham khảo ghi chép ở các sách khác nhau, để thẩm xét những điểm sai lầm, trái ngược.
- Thứ ba là tra xét các việc liên quan, kể rõ sự tình khuất khúc.
- Thứ tư là thuật lại các sự việc mà sách của họ Trần không ghi chép, để bổ cứu các chỗ khuyết thiếu và che giấu.
- Thứ năm là với các nhân vật trong các truyện, ghi chép rõ sự tích về họ lúc sinh thời.
- Thứ sáu là về các nhân vật mà sách của họ Trần không kể, thì viết phụ thêm ở các mục truyện cùng loại.

Trong chú giải của mình, Bùi Tùng Chi thích những chỗ có lời văn khác biệt kể việc lạ, thu thập và dẫn dắt rộng rãi, có nhiều chỗ tập nạp gây hại đến bản truyện.⁽¹⁾

Tháng hai năm Đinh Dậu
NGUYỄN ĐỨC VINH dịch.

--- ॐ ---

¹ Đoạn cuối bài văn này trích dẫn một số chỗ trong lời chú của Bùi Tùng Chi kể các truyện quái dị, dẫn lời ở các sách *Sưu thần ký*, *Liệt dị truyện*, đây đều là những lời quái đản, không có giá trị lập luận, không quan hệ gì đến việc gốc, có hại với phép chép sử, hoặc chú giải nhiều chữ nghĩa tập nạp, bổ cứu lẫn trong truyện, dẫn lời dài dòng, ít giá trị. Người dịch lược bỏ đoạn văn này.

TẤN THƯ – TRẦN THỌ TRUYỆN



Trần Thọ tự Thừa Tộ, người huyện An Hán quận Ba Tây. Thời trẻ hiếu học, thờ người cùng quận là Tiêu Chu làm thầy. Thọ làm quan nhà Thục, giữ chức Quan các lệnh sử, hoạn nhân là Hoàng Hạo chuyên lộng quyền chính, đại thần đều khuất ý xu phụ hần, riêng Thọ chẳng vì hần chịu khuất, vì thế thường bị khiển trách giáng chức.

Lúc cha mất, Thọ cư tang, mắc bệnh, sai thị tỳ cho uống thuốc, có người khách đi qua trông thấy, hương đảng vì thế nghị bàn chỉ trích. Sau khi Thục bị diệt, Thọ vì việc ấy nhiều năm không được tiến cử. Tư không Trương Hoa yêu tiếc cái tài của Thọ, cho rằng Thọ tuy không tránh khỏi bị hiềm nghi, nhưng chiếu tình lý chẳng đến nỗi bị biếm truất phế bỏ, vì thế tiến cử Thọ làm Hiếu liêm, phong làm Tá Trước tác lang,⁽¹⁾ rồi ra nhận chức Bình Dương lệnh. Thọ soạn *Thục tướng Gia Cát Lượng tập*, tấu lên, được đổi phong làm Trước tác lang, kiêm lĩnh chức Trung chính của quận nhà. Lại soạn chép *Tam Quốc chí* về ba nước Ngụy, Ngô, Thục, cả thảy sáu mươi lăm thiên, người thời ấy khen Thọ khéo kể việc, có cái tài của bậc lương sử. Bấy giờ Hạ Hầu Trạ soạn chép *Ngụy thư*, xem sách mà Thọ soạn, liền hủy sách của mình bỏ không soạn nữa. Trương Hoa rất khen ngợi, bảo Thọ rằng:

- Phải đem Tấn thư ủy thác cho người soạn chép thôi.

¹ Trước tác lang, là chức quan quản lý việc tu chính, soạn sửa thư tịch, sách vở. Tá, tức là phó quan giúp việc vậy.

Thọ được đương thời xem trọng như thế.

Có người nói rằng Đinh Nghi, Đinh Di nổi danh thời nhà Ngụy, Thọ bảo con của họ rằng:

- Hãy kiếm nghìn hộc lương đến gặp ta, ta sẽ vì tôn công viết truyện hay.

Họ Đinh không chịu đáp ứng, rút cục Thọ không vì họ Đinh viết truyện.

Cha của Thọ làm Tham quân cho Mã Tắc, Tắc bị Gia Cát Lượng giết, cha Thọ cũng bị xử khôn hình,⁽¹⁾ Gia Cát Chiêm lại khinh Thọ; Thọ vì Lượng lập truyện bảo "Sở trường của Lượng không phải là tướng lược, không có tài ứng địch", nói "Chiêm chỉ khéo về thư pháp, tiếng tăm vượt quá tài thực", kẻ nghị bàn vì việc ấy chê bai Thọ.

Trương Hoa sắp cử Thọ làm Trung thư lang, Tuân Úc hận Hoa lại ghét Thọ, bèn gửi ý đến Lại bộ, chuyển Thọ đi làm Thái thú Trường Quảng. Thọ chối rằng mẹ già, không nhận chức. Đỗ Dự sắp đi biên trấn, lại tiến cử Thọ với Đế, nên bổ Thọ làm Hoàng môn thị lang hoặc Tán kỵ thường thị, bởi thế Thọ được nhận chức Ngự sử trị thư, vì có tang mẹ bỏ chức. Mẹ của Thọ có di ngôn muốn được táng tại Lạc Dương, Thọ theo di chí của mẹ, lại bị buộc tội không đem mẹ về chôn táng ở quê,⁽²⁾ rút cục bị chê biếm cách chức.

Khi trước, Tiêu Chu thường bảo Thọ rằng:

- Khanh tất nhờ tài học thành danh, nhưng thường bị người ta bắt bẻ hãm hại, cũng không hẳn là bất hạnh vậy, nên làm việc hết sức thận trọng.

¹ Khôn hình (髡刑), tức hình phạt cắt tóc một phần hoặc cạo trọc đầu.

² Cha của Thọ chết ở Thục, Thọ làm quan triều Tấn tại kinh đô Lạc Dương, mẹ chết, Thọ theo di chí của mẹ chôn táng mẹ ở Lạc Dương, vì thế mắc tội không táng mẹ ở quê cùng một chỗ với cha.

Thọ đến lúc ấy, hai lần bị phế chức then nhục, đều như lời Chu nói. Mấy năm sau, Thọ lại được dùng làm Thái tử Trung thứ tử, chưa bái nhận chức. Năm Nguyên Khang thứ bảy bị bệnh chết, năm ấy sáu mươi lăm tuổi.

Bọn Lương châu Đại trung chính, Thượng thư lang Phạm Hạo dâng biểu rằng:

"Xưa kia Hán Vũ đế hạ chiếu nói: 'Tư Mã Tương Như bệnh nặng, nên phái người đi lấy hết sách vở của ông ấy đến', sứ giả lấy được sách của Tương Như để lại, nói việc Phong thiện. Thiên tử rất kinh lạ. Bọn thần xét rằng cố Trị thư Thị ngự sử Trần Thọ soạn chép "Tam Quốc chí", lời văn đa phần khuyên răn, làm sáng rõ được mất, có ích cho phong tục và giáo hóa. Tuy văn từ diễm lệ chẳng theo kịp Tương Như, nhưng mộc mạc thẳng thắn hơn hẳn. Mong Bệ hạ cho chọn chép để truyền lại."

Vì thế Đế hạ chiếu sai Hà Nam doãn và Lạc Dương lệnh đến nhà Thọ chọn chép lại sách ấy.

Thọ lại soạn chép mười lăm thiên *Cổ quốc chí*, mười thiên *Ích đồ kỳ cựu truyện*, văn chương của Thọ đều truyền lại ở đời.

Tháng hai năm Đinh Dậu
PHẠM THÀNH LONG dịch

TỔNG THƯ - BÙI TÙNG CHI TRUYỆN



Bùi Tùng Chi tự Thế Kỳ, người quận Hà Đông huyện Văn Hi. Ông nội là Bùi Muội, làm Quang lộc đại phu. Cha là Bùi Khuê, làm Chính viên ngoại lang.

Năm Tùng Chi lên tám tuổi, học thông Luận ngữ, Mao thi. Xem rộng điển tịch xưa, chất phác giản dị lập thân ở đời. Năm hai mươi tuổi, được bái làm Điện trung tướng quân,⁽¹⁾ là chức quan thường ở ngay bên cạnh bảo vệ Hoàng đế. Năm Thái Nguyên trung thời Tấn Hiếu Vũ, tuyển chọn danh gia làm tham mưu cố vấn, ban đầu dùng Vương Mậu Chi người quận Lang Nha và Tạ Du người quận Cối Kê, đều là vọng tộc ở hai phương nam bắc. Cậu của Tùng Chi là Dữu Giai ở Giang Lăng, muốn mang Tùng Chi sang tây, nhận chức Thái thú Tân Dã, nhưng vì việc không thuận lợi nên chưa khởi hành, được bái làm Tấn kỵ Thị lang. Năm Nghĩa Hi sơ, Tùng Chi nhận chức Cổ Chương lệnh ở quận Ngô Hưng. Vì lúc ở huyện chính tích nổi rõ, được triệu về kinh làm Thượng thư từ bộ Lang.

Cao tổ⁽²⁾ bắc phạt, lĩnh chức Thứ sử Tư châu, lấy Tùng Chi làm Chủ bộ của châu, sau chuyển làm Trị trung tòng sự sử. Sau khi hạ được Lạc Dương, Cao tổ sắc mệnh rằng:

- Bùi Tùng Chi là nhân tài của triều đình, chẳng nên để giữ mãi chức biên chép sự vụ, nay triệu làm Thế tử tể mã, cùng Ân Cảnh Nhân đồng chức, nên đem việc này báo cho ông ấy biết.

¹ Bây giờ là vẫn là thời nhà Đông Tấn.

² Năm ấy (416), nhà Đông Tấn loạn lạc, Tống Cao tổ Lưu Dụ (刘裕), người sáng lập triều Lưu Tống sau đây, vẫn còn là bầy tôi nhà Đông Tấn.

Bấy giờ triều đình nghị luận việc chế lập nhạc tể của Ngũ miếu, Tùng Chi cho rằng nhạc tể ở miếu của phi tử Tang thị cũng nên tương đồng với nhạc tể của Tứ miếu. Tùng Chi được đổi phong làm Linh Lăng nội sử, rồi trung triệu làm Quốc tử Bác sĩ.

Năm Nguyên Gia thứ ba đời Tống Thái tổ, bọn Tư đồ Từ Tiễn Chi bị giết, Thái tổ phái đại sử đi tuần xét khắp thiên hạ. Thông trực Tán kỵ thường thị Viên Du, Tư đồ Tả tư duyệt Khổng Mặc đi sứ Dương châu; Thượng thư Tam công lang Lục Tử Chân, Khởi bộ lang Chân Pháp Sùng đi sứ Kinh châu; Viên ngoại Tán kỵ thường thị Phạm Ung, Tư đồ Chủ bộ Bàng Tuân đi sứ Nam Duyệt châu; Thượng thư Hữu thừa lúc trước là Khổng Mặc đi sứ hai phương nam bắc Dự châu; Phủ quân tham quân Vương Hâm Chi đi sứ Từ châu; Những tòng bộc xạ Xa Tông đi sứ Thanh châu và Duyệt châu; Bùi Tùng Chi đi sứ Tương châu; Thượng thư Điện trung lang Nguyễn Trường Chi đi sứ Ung châu, Thái thú Cánh Lăng lúc trước là Ân Đạo Loan đi sứ Ích châu; Viên ngoại Tán kỵ thường thị Lý Đàm Chi đi sứ Quảng châu; Lang trung Ân Bân đi sứ Lương châu và Nam Tần châu; Viên ngoại Tán kỵ thị lang ngày trước là Nguyễn Viên Khách đi sứ Giao châu; Phụ mã đô úy Phụng triều thỉnh Phan Tư Tiên đi sứ Ninh châu; đều kiêm lĩnh chức Tán kỵ thường thị.

Tùng Chi đi sứ về, dâng tấu, lý giải tấu triệt được ý nghĩa của việc phụng sứ tuần hành, kẻ bàn luận rất tán thưởng. Về sau, Tùng Chi được chuyển làm Trung thư thị lang, Đại trung chính ở hai châu Tư, Ký.

Hoàng thượng sai Tùng Chi chú giải *Tam quốc chí* của Trần Thọ, Tùng Chi sưu tập truyện ký, thêm rộng các ghi chép bất đồng, soạn thành, tấu lên chúa thượng. Chúa thượng khen ngợi sách ấy, nói: "Đây là trước tác bất hủ rồi." Bèn cho ra ngoài làm Thái thú Vĩnh Gia. Tùng Chi chuyên cần với chức phận, quan tâm yêu mến trăm họ, quan dân được lợi. Sau lại được gọi về triều

bổ chức Thông trực, làm Thường thị, lần nữa kiêm nhận chức Đại trung chính của hai châu Tư, Ký, không lâu sau ra nhận chức Thái thú Lang Nha.

Năm thứ mười bốn, Tùng Chi từ quan về nghỉ, được bái làm Trung tán đại phu, ít lâu lại lĩnh chức Quốc tử Bác sĩ, thăng làm Thái trung đại phu, giữ chức Bác sĩ như cũ. Tùng Chi lại kể nối Hà Thừa Thiên chép *Quốc sử*, chưa kịp soạn chép, năm thứ hai mươi tám chết, bấy giờ tám mươi tuổi.

Con của Tùng Chi là Nhân, Nam trung lang Tham quân. Văn chương nghị luận mà Bùi Tùng Chi soạn chép cùng *Tấn ký*, sách chú giải *Sử ký* Tư Mã Thiên của Nhân, đều thịnh hành ở đời.

Tháng hai năm Đinh Dậu

PHẠM THÀNH LONG (*Lược dịch*)

LỜI CẢM ƠN



Đường đi khó, không khó vì cách núi ngăn sông... Nhưng, cũng chẳng dễ gì để lòng người đi không e sông ngại núi.

Cho đến khi bộ sách này trọn vẹn được hình hài, bao nhiêu lời cảm tạ từ nhóm dịch - biên soạn e cũng không đủ, để tri ân những người đã thúc đẩy, cổ vũ, giúp đỡ, đồng hành... suốt cả cuộc hành trình. Là bậc cao nhân chỉ điểm, như bác Luu lang, thành viên diễn đàn *Tàng Thư Viện*, như dịch giả chuyên nghiệp Nguyễn Đức Vịnh. Là người phán xét công tâm, như nhà văn Lưu Sơn Minh. Là những giao tình mười năm, như Cao Thế Khải, Đỗ Huy Thông, Lê Hải An, Phạm Tuấn Kiệt, Tạ Khánh Hùng... Là những người bạn vong niên đầy nhiệt huyết như Nguyễn Đỗ Thuýên, Quang Bảo, Trần Minh Tiến, Dũng Phan, Trần Ngô Du. Là những gọi mở đầu tiên, như Nguyễn Thanh Bình, Phạm thị Thanh Điệp, Đinh Đức Hoàng, Trần Nguyên Hoàng, Phạm An... Là những nhịp cầu vững chắc, như anh chị em Nhà sách Tri thức trẻ. Là không biết bao nhiêu sự ủng hộ nồng nhiệt hay thầm lặng từ huynh đệ chung sở thích trên cõi mạng: Diễn đàn Filux, diễn đàn *Tàng Thư Viện*, page Tam Quốc Diễn Nghĩa, page The X-file of History ...

Không có Tử Kỳ, đàn của Bá Nha hủy cũng chẳng tiếc. Mà đại ân, vốn chẳng thể báo đáp bằng lời. Chỉ dám mong vẫn còn nhận được lời góp ý sau khi gấp bộ sách lại, để món quà chia sẻ với tâm giao sau mỗi lần tái bản lại thêm được vuông tròn, đẹp ý tâm giao.

Tháng hai, năm Đinh Dậu
Nhóm biên dịch TAM QUỐC CHÍ

VIẾT CHO LẦN TÁI BẢN ĐẦU TIÊN



Tôi bắt đầu đọc Tam quốc từ năm lên tám. Một người bạn của mẹ tôi mượn được ở đâu đó từng tập Tam quốc và cứ đọc xong thì lại đưa cho tôi mượn. Kể từ đó tới nay, kẻ gần dờ - là tôi - chắc tính ra cũng đọc đi đọc lại vài chục lượt Tam quốc.

Cái ngày ấy, thật khó để mà dứt cảm xúc ra khỏi từng trang sách. Tam quốc đã là một cuốn sách quá hấp dẫn với tôi và cả các bạn bè trong lớp. Những hình Quan Công, Triệu Tử Long khắc gỗ bôi mực xanh đỏ in lên giấy nhìn mới mê mẩn làm sao. Chúng tôi chỉ biết say sưa với "quá ngũ quan trăm lục tướng" hay "triệt giang phò A Đầu". "Thuyền cỏ mượn tên" mới hay làm sao, "khẩu chiến quần hùng" mới tuyệt làm sao... Đọc tới lúc Quan Công chết, tôi sững sờ. Trương Phi chết, tôi thương tiếc. Khổng Minh chết, tôi đau xót. Khương Duy chết, Thục tan... tôi chẳng còn muốn đọc nốt. Thậm chí sau này, khi đã gần như thuộc lòng Tam quốc, tôi chỉ còn đọc từ phần Lưu Bị "tam cố thảo lư" cho tới đoạn sao sa gò Ngũ Trượng. Cương quyết đọc đi đọc lại đúng phần đó.

Mười lăm tuổi, vào Đại học năm thứ nhất, tôi tập tọng bình Tam quốc. Đoạn Tào Tháo giết cả nhà Lã Bá Sa, tôi bình thế này: "Bỏ cái Nhân nhỏ mà lo cái Nhân lớn, không phải mấy ai dám làm". Một bà giáo già dạy Văn cạnh nhà tôi đọc lời bình ấy, thờ dài bảo: "Bình thế này thì liễu quá"... Tôi không cố làm tiếp việc đó, nhưng sau lần ấy, tôi không còn suy nghĩ về Tam quốc như trước nữa. Tôi bắt đầu nghi ngờ những giá trị bất biến của các nhân vật trong Tam quốc.

Tôi bắt đầu học những mưu kế của Tam quốc. Nhưng rồi, những mưu kế đó hóa ra cũng đơn giản dần so với sự trưởng thành qua thời gian. Tam quốc chỉ còn là những hình ảnh đẹp của quá khứ. Và cũng đến lúc tôi được biết rằng, cái mà chúng tôi vẫn gọi là "Tam quốc" ấy, chẳng qua là bản văn học hóa của những sử liệu và các truyện kể dân gian. "Tam quốc" ấy, là "Tam quốc diễn nghĩa" - một tác phẩm văn học đầy hư cấu, một trong những tác phẩm vĩ đại của kho tàng văn chương nhân loại. Còn một bản "Tam quốc" khác, đáng tin hơn, giàu tính chính thống về mặt dữ liệu sử học hơn. Ấy là "Tam quốc chí". Và, tôi bắt đầu chờ một bản dịch *Tam quốc chí*. Dù thật ra, sự chờ đợi đó hầu như là vô vọng.

Những bậc lão thành dường như đã buông tay, thoái chí... và dần dần quy tiên. *Sử ký* bao nhiêu năm chỉ là bản dịch một phần, *Lã thị Xuân Thu* cũng thế, *Đông Chu liệt quốc* cũng chỉ là một bản dịch không đầy đủ. Còn như *Tư trị thông giám*, *Tả truyện* hay *Nhị thập tứ sử* thì chỉ thấp thoáng từng đoạn trích dịch như có như không. Có những lúc, tôi nghĩ rằng có lẽ mình sẽ chẳng bao giờ được đọc *Tam quốc chí* bản dịch. Nhất là thời buổi bây giờ, dịch sách kiếm tiền (nhất là dịch *Tam quốc chí*) thì chắc cứ mãi nghèo, mà dịch sách kiếm ăn (nhất là dịch *Tam quốc chí*) thì chắc cứ mãi đói!

Rồi tôi nghe nói có hai nhóm dịch *Tam quốc chí* đều đang được đầu tư để tiến hành. Tôi bắt đầu nôn nóng và mong mỏi... Và cũng đến ngày tôi cũng được cầm trên tay bản in của *Tam quốc chí*. Bất ngờ ở chỗ, bản dịch được thực hiện bởi một nhóm dịch khác - những người bạn không còn trẻ nhưng cũng chưa già (nghĩa là đang thời tung hoành nhất) đã tự tìm tới nhau, cầm cúi làm cùng nhau chỉ vì chung sở thích, đồng sở nguyện. Tôi kính nể họ. Và tôi hiểu ra rằng, cũng chỉ có họ - những người vô tư đầy khát khao ấy - mới có thể làm được cái việc

tương như khó vô chừng là dịch xong *Tam quốc chí*. Nên nhớ, dịch *Tam quốc chí* khó, chẳng phải đơn thuần vì chuyên môn. Tôi hoàn toàn tin, có vô khối dịch giả và nhà nghiên cứu thừa sức làm được khối lượng công việc còn lớn hơn thế nhiều. Đây là một công việc hoàn toàn tự nguyện, bởi nó chẳng mang lại danh (ngoài một chút danh hảo thoảng qua) và lợi (ngoài mấy đồng nhuận bút còm tính theo giá bìa sách chỉ mua sách biểu cũng không đủ). Hơn nữa, thứ công việc dài miên man này lại còn đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng ăn ý của từng người trong nhóm. Quả thật, sự phối hợp của nhiều cá nhân vững vàng chuyên môn, đầy bản lĩnh và cá tính... luôn luôn là một việc khó. Nếu không khéo, việc sẽ dang dở và mỗi thành viên sẽ quăng bỏ dự án với sự bức bối và oán trách. Dự án sẽ mãi mãi là một vết sẹo và một tiếc nuối trong nội tâm, nhưng lại là một mớ giẻ rách đáng vứt đi trong thể hiện bên ngoài. Tôi rất tôn trọng nhóm dịch *Tam quốc chí* vì sự phối hợp trường kỳ của họ. Dĩ nhiên, tôi tin rằng họ đã từng tranh cãi, từng mâu thuẫn. Nhưng họ đã thỏa hiệp được cho mục đích cuối cùng. Họ đã thành công, để cho tôi, ngày hôm nay, vinh hạnh được họ mời chấp bút Lời cuối sách cho lần tái bản đầu tiên...

Khi đã đọc tới những lời trên, nghĩa là bạn đã đọc xong *Tam quốc chí*. Bạn đã thấy có quá nhiều điều khác xa với suy nghĩ của bạn, khác xa với những gì mà *Tam quốc diễn nghĩa* đã in hằn trong bạn. Xin mở ngoặc, tôi không tin có nhiều người chưa đọc *Tam quốc diễn nghĩa* mà đã đọc *Tam quốc chí*. Nếu bạn là người như thế, tôi xin hết sức ngưỡng mộ bạn - nhất là vì bạn đã kiên trì và say sưa đọc cho tới tận những dòng này! (Tất nhiên nếu như vậy, tôi lại khuyên bạn nên mau tìm đọc *Tam quốc diễn nghĩa*, bởi về mặt văn học thì bộ truyện đó xứng đáng là một kỳ thư...)

Bạn có thấy không? Lưu Bị hóa ra không phải thế, Tào Tháo hóa ra không phải thế. Gia Cát Khổng Minh hình như bót giò đi, mà Chu Công Cẩn thì tài hoa hơn hẳn. *Ngụy thư* thì dài, *Thục thư* và *Ngô thư* thì ngắn. Anh hùng trong thiên hạ, đâu phải chỉ có Huyền Đức và Mạnh Đức. Những hình ảnh vời vợi bất ngờ bị "giải thiêng". Những khinh ghét dần dà phai nhạt. Bây giờ, khi gặp ai đó nói Tam quốc, bạn có thể坦然 nhiên hỏi họ rằng họ nói về *Tam quốc diễn nghĩa* với những hư cấu văn chương hay *Tam quốc chí* với ngôn ngữ sử liệu mà đọc vài lần chưa nhớ hết.

...

Đọc xong *Tam quốc chí*, gấp sách lại, bạn ngẫm ngợi điều gì? Xích Bích năm xưa chẳng còn, những bộ phim phục dựng đều như một trò đùa nhạt.

Những đèn đài giờ cũng mất.

Những huy hoàng giờ cũng mất.

Chẳng phải bạn lại vừa nhớ tới bài từ mở đầu *Tam quốc diễn nghĩa* đó ư:

"Trường Giang cuộn cuộn chảy về đông

Sóng dập dờn dãi hết anh hùng..."

(Bùi Kỷ dịch)

Đó trông, sóng gió của thời gian mới mệnh mông nhường bao!

Khuong Hạ, tháng Giêng năm Đinh Dậu

LƯU SƠN MINH

NIÊN BIỂU CÁC NƯỚC THỜI TAM QUỐC

DL	Niên biểu các nước		
	Hán/Ngụy/Tấn	Thục	Ngô
184	Trung Bình 1 (中平)		
185	Trung Bình 2 (中平)		
186	Trung Bình 3 (中平)		
187	Trung Bình 4 (中平)		
188	Trung Bình 5 (中平)		
	Trung Bình 6 (中平)		
	Quang Hi (光熹)		
189	Chiêu Ninh (昭宁)		
	Vĩnh Hán (永汉)		
	Trung Bình (中平) [1]		
190	Sơ Bình 1 (初平)		
191	Sơ Bình 2 (初平)		
192	Sơ Bình 3 (初平)		
193	Sơ Bình 4 (初平)		
194	Hưng Bình 1 (兴平)		
195	Hưng Bình 2 (兴平)		
196	Kiến An 1 (建安)		
197	Kiến An 2 (建安)		
198	Kiến An 3 (建安)		
199	Kiến An 4 (建安)		
200	Kiến An 5 (建安)		
201	Kiến An 6 (建安)		
202	Kiến An 7 (建安)		
203	Kiến An 8 (建安)		

204	Kiến An 9 (建安)		
205	Kiến An 10 (建安)		
206	Kiến An 11 (建安)		
207	Kiến An 12 (建安)		
208	Kiến An 13 (建安)		
209	Kiến An 14 (建安)		
210	Kiến An 15 (建安)		
211	Kiến An 16 (建安)		
212	Kiến An 17 (建安)		
213	Kiến An 18 (建安)		
214	Kiến An 19 (建安)		
215	Kiến An 20 (建安)		
216	Kiến An 21 (建安)		
217	Kiến An 22 (建安)		
218	Kiến An 23 (建安)		
219	Kiến An 24 (建安)		
	Kiến An 25 (建安)		
220	Diên Khang (延康)		
	Hoàng Sơ 1 (黄初) [2]		
221	Hoàng Sơ 2 (黄初)	Chương Vũ 1 (章武)	
222	Hoàng Sơ 3 (黄初)	Chương Vũ 2 (章武)	Hoàng Vũ 1 (黄武) [3]
		Chương Vũ 3 (章武)	
223	Hoàng Sơ 4 (黄初)	Kiến Hưng 1 (建兴)	Hoàng Vũ 2 (黄武)
224	Hoàng Sơ 5 (黄初)	Kiến Hưng 2 (建兴)	Hoàng Vũ 3 (黄武)
225	Hoàng Sơ 6 (黄初)	Kiến Hưng 3 (建兴)	Hoàng Vũ 4 (黄武)
226	Hoàng Sơ 7 (黄初)	Kiến Hưng 4 (建兴)	Hoàng Vũ 5 (黄武)
227	Thái Hòa 1 (太和)	Kiến Hưng 5 (建兴)	Hoàng Vũ 6 (黄武)
228	Thái Hòa 2 (太和)	Kiến Hưng 6 (建兴)	Hoàng Vũ 7 (黄武)

229	Thái Hòa 3 (太和)	Kiến Hưng 7 (建兴)	Hoàng Vũ 8 (黄武)
			Hoàng Long 1 (黄龙)
230	Thái Hòa 4 (太和)	Kiến Hưng 8 (建兴)	Hoàng Long 2 (黄龙)
231	Thái Hòa 5 (太和)	Kiến Hưng 9 (建兴)	Hoàng Long 3 (黄龙)
232	Thái Hòa 6 (太和)	Kiến Hưng 10 (建兴)	Gia Hòa 1 (嘉禾)
233	Thái Hòa 7 (太和)	Kiến Hưng 11 (建兴)	Gia Hòa 2 (嘉禾)
	Thanh Long 1 (青龙)		
234	Thanh Long 2 (青龙)	Kiến Hưng 12 (建兴)	Gia Hòa 3 (嘉禾)
235	Thanh Long 3 (青龙)	Kiến Hưng 13 (建兴)	Gia Hòa 4 (嘉禾)
236	Thanh Long 4 (青龙)	Kiến Hưng 14 (建兴)	Gia Hòa 5 (嘉禾)
237	Thanh Long 5 (青龙)	Kiến Hưng 15 (建兴)	Gia Hòa 6 (嘉禾)
	Cảnh Sơ 1 (景初)		
238	Cảnh Sơ 2 (景初)	Diên Hi 1 (延熙)	Gia Hòa 7 (嘉禾)
			Xích Ô 1 (赤乌)
239	Cảnh Sơ 3 (景初)	Diên Hi 2 (延熙)	Xích Ô 2 (赤乌)
240	Chính Thủy 1 (正始)	Diên Hi 3 (延熙)	Xích Ô 3 (赤乌)
241	Chính Thủy 2 (正始)	Diên Hi 4 (延熙)	Xích Ô 4 (赤乌)
242	Chính Thủy 3 (正始)	Diên Hi 5 (延熙)	Xích Ô 5 (赤乌)
243	Chính Thủy 4 (正始)	Diên Hi 6 (延熙)	Xích Ô 6 (赤乌)
244	Chính Thủy 5 (正始)	Diên Hi 7 (延熙)	Xích Ô 7 (赤乌)
245	Chính Thủy 6 (正始)	Diên Hi 8 (延熙)	Xích Ô 8 (赤乌)
246	Chính Thủy 7 (正始)	Diên Hi 9 (延熙)	Xích Ô 9 (赤乌)
247	Chính Thủy 8 (正始)	Diên Hi 10 (延熙)	Xích Ô 10 (赤乌)
248	Chính Thủy 9 (正始)	Diên Hi 11 (延熙)	Xích Ô 11 (赤乌)
249	Chính Thủy 10 (正始)	Diên Hi 12 (延熙)	Xích Ô 12 (赤乌)
	Gia Bình 1 (嘉平)		
250	Gia Bình 2 (嘉平)	Diên Hi 13 (延熙)	Xích Ô 13 (赤乌)

251	Gia Bình 3 (嘉平)	Diên Hi 14 (延熙)	Xích Ô 14 (赤乌) Thái Nguyên 1 (太元) Thái Nguyên 2 (太元)
252	Gia Bình 4 (嘉平)	Diên Hi 15 (延熙)	Thần Phượng (神凤) Kiến Hưng 1 (建兴)
253	Gia Bình 5 (嘉平)	Diên Hi 16 (延熙)	Kiến Hưng 2 (建兴)
254	Gia Bình 6 (嘉平) Chính Nguyên 1 (正元)	Diên Hi 17 (延熙)	Ngũ Phượng 1 (五凤)
255	Chính Nguyên 2 (正元)	Diên Hi 18 (延熙)	Ngũ Phượng 2 (五凤)
256	Chính Nguyên 3 (正元) Cam Lộ 1 (甘露)	Diên Hi 19 (延熙)	Ngũ Phượng 3 (五凤) Thái Bình 1 (太平)
257	Cam Lộ 2 (甘露)	Diên Hi 20 (延熙)	Thái Bình 2 (太平)
258	Cam Lộ 3 (甘露)	Cảnh Diệu 1 (景耀)	Thái Bình 3 (太平) Vĩnh An 1 (永安)
259	Cam Lộ 4 (甘露)	Cảnh Diệu 2 (景耀)	Vĩnh An 2 (永安)
260	Cam Lộ 5 (甘露) Cảnh Nguyên 1 (景元)	Cảnh Diệu 3 (景耀)	Vĩnh An 3 (永安)
261	Cảnh Nguyên 2 (景元)	Cảnh Diệu 4 (景耀)	Vĩnh An 4 (永安)
262	Cảnh Nguyên 3 (景元)	Cảnh Diệu 5 (景耀)	Vĩnh An 5 (永安)
263	Cảnh Nguyên 4 (景元)	Cảnh Diệu 6 (景耀) Viêm Hưng (炎兴)	Vĩnh An 6 (永安)
264	Cảnh Nguyên 5 (景元) Hàm Hi 1 (咸熙)		Vĩnh An 7 (永安) Nguyên Hưng 1 (元兴)
265	Hàm Hi 2 (咸熙) Thái Thủy 1 (泰始) [4]		Nguyên Hưng 2 (元兴) Cam Lộ 1 (甘露)
266	Thái Thủy 2 (泰始)		Cam Lộ 2 (甘露) Bảo Đỉnh 1 (宝鼎)
267	Thái Thủy 3 (泰始)		Bảo Đỉnh 2 (宝鼎)

268	Thái Thủy 4 (泰始)	Bảo Đỉnh 3 (宝鼎)
269	Thái Thủy 5 (泰始)	Bảo Đỉnh 4 (宝鼎)
270	Thái Thủy 6 (泰始)	Kiến Hành 1 (建衡)
271	Thái Thủy 7 (泰始)	Kiến Hành 2 (建衡)
272	Thái Thủy 8 (泰始)	Kiến Hành 3 (建衡)
273	Thái Thủy 9 (泰始)	Phượng Hoàng 1 (凤凰)
274	Thái Thủy 10 (泰始)	Phượng Hoàng 2 (凤凰)
275	Hàm Ninh 1 (咸宁)	Phượng Hoàng 3 (凤凰)
276	Hàm Ninh 2 (咸宁)	Thiên Sách 1 (天册)
277	Hàm Ninh 3 (咸宁)	Thiên Sách 2 (天册)
278	Hàm Ninh 4 (咸宁)	Thiên Tỷ (天玺)
279	Hàm Ninh 5 (咸宁)	Thiên Kỳ 1 (天纪)
280	Hàm Ninh 6 (咸宁)	Thiên Kỳ 2 (天纪)
		Thiên Kỳ 3 (天纪)
		Thiên Kỳ 4 (天纪)

Ghi chú:

[1] Có chiếu chỉ bỏ các niên hiệu Quang Hi, Vĩnh Hán, Chiêu Ninh, gọi là năm Trung Bình thứ sáu.

[2] Nhà Hán nhường ngôi cho nhà Ngụy (các niên hiệu kế tiếp là niên hiệu của nhà Ngụy).

[3] Nước Ngô tuy có niên hiệu riêng, nhưng mãi đến tận năm 229 Tôn Quyền mới xưng đế hiệu, cải niên hiệu là Hoàng Long.

[4] Nhà Ngụy nhường ngôi cho nhà Tấn (các niên hiệu kế tiếp là niên hiệu của nhà Tây Tấn).

THỐNG KÊ CÁC SỰ KIỆN CHÍNH

DL Các sự kiện chính

184	- Khởi nghĩa Hoàng Cân bùng nổ, Linh đế hạ chiếu cần vương, sai thế lực quân phiệt các nơi tự vũ trang. Bắt đầu khởi mầm loạn.
185	- Linh đế cho hoạn quan Kiến Thạc nắm quyền quân đội, gây mâu thuẫn gay gắt.
	- Hán Linh đế chết, Thiếu đế lên thay.
189	- Viên Thiệu giết bè lũ hoạn quan, kinh đô náo loạn. Đồng Trác vào kinh đô gây vạ nước, giết Thiếu đế, Thái hậu, lập Hán Hiến đế.
190	- Liên minh Quan Đông do Viên Thiệu cầm đầu thành lập.
	- Tôn Kiên khởi binh đến đánh Đồng Trác.
191	- Đồng Trác bức Hiến đế dời sang tây kinh (Trường An).
	- Công Tôn Toản khởi binh đánh Viên Thiệu ở Ký châu.
	- Viên Thiệu đánh bại Công Tôn Toản ở Giới Kiều.
192	- Tôn Kiên bị tướng của Lưu Biểu là Hoàng Tổ giết.
	- Vương Doãn hợp với Lã Bố giết Đồng Trác. Lý Thôi, Quách Ty tiến vào Trường An.
193	- Tào Tháo đi đánh Đào Khiêm, tàn sát dân chúng Từ châu, báo thù cha bị giết.
	- Lã Bố cướp Duyện châu, đánh Tào Tháo, Lưu Bị thay Đào Khiêm quản Từ châu.
194	- Tôn Sách, con của Tôn Kiên theo Viên Thuật.
	- Tôn Sách lia bỏ Viên Thuật, bắt đầu đánh dẹp Giang Đông.
195	- Lã Bố cướp Từ châu của Lưu Bị.
	- Tào Tháo hộ giá, đưa Hán Hiến đế về Hứa Xương.
196	- Công bố "lệnh đồn điền", quan tâm chấn hưng nông nghiệp.
	- Tào Tháo đánh Trương Tú, Trương Tú hàng rồi lại phản.
197	- Viên Thuật xưng đế ở Thọ Xuân.

- 198 - Tào Tháo, Lưu Bị hợp đánh Lã Bố, Lã Bố rút về Hạ Bi.
 - Bọn Đồng Thừa mật mưu chính biến bị Tào Tháo giết.
 - Tào Tháo đánh phá Hạ Bi, giết Lã Bố ở lầu Bạch Môn.
- 199 - Viên Thiệu hạ Dịch Kinh, dẹp yên Công Tôn Toản.
 - Trương Tú hàng Tào Tháo, giúp đánh họ Viên.
 - Viên Thuật thua bại, phát bệnh, chết.
 - Tôn Sách bị thích khách ám sát, em của Tôn Sách là Tôn Quyền lên thay, cai quản Giang Đông.
- 200 - Tào Tháo đánh đuổi Lưu Bị, Lưu Bị sang hàng Viên Thiệu.
 - Tào Tháo đốt lương ở Ô Sào, đánh bại Viên Thiệu ở Quan Độ.
 - Tào Tháo lần nữa đánh bại Viên Thiệu ở Thương Đình.
- 201 - Lưu Bị quấy rối vùng Nhữ Nam, Tào Tháo đánh dẹp, Lưu Bị chạy về Kinh châu theo Lưu Biểu.
- 202 - Viên Thiệu ốm chết.
- 203 - Tào Tháo đi đánh anh em họ Viên ở Hà Bắc, không thắng.
- 204 - Tào Tháo tiếp tục đánh Nghiệp Thành, anh em họ Viên thua bại.
- 205 - Tào Tháo chiếm Hà Bắc, lấy được bốn châu Ký, Thanh, U, Tinh.
- 206 - Tào Tháo đánh dẹp Cao Cán ở Tinh châu.
- 207 - Tào Tháo bắc chinh Ô Hoàn, diệt sạch dư đảng họ Viên.
 - Lưu Bị gặp Gia Cát Lượng, Long Trung đối sách ra đời.
 - Tào Tháo nam chinh Kinh châu. Lưu Bị thua chạy, Gia Cát Lượng sang Đông Ngô liên minh.
- 208 - Liên quân Tôn Lưu đánh bại Tào Tháo ở Xích Bích.
 - Chu Du chiếm Giang Lăng, quân Tào lui về Tương Dương.
- 209 - Lưu Bị bình định bốn quận Kinh châu.
 - Tôn Quyền gả em gái cho Lưu Bị, giữ tình hòa hiếu.
- 210 - Chu Du chết. Lỗ Túc thay làm Đô đốc. Tôn Quyền cho Lưu Bị mượn Kinh Châu.

- 211 - Lưu Chương mời Lưu Bị vào Thục cự Trương Lỗ.
- Tào Tháo phá Mã Siêu ở Đồng Quan.
- 212 - Lưu Bị trở mặt đánh Lưu Chương.
- Tào Tháo tiến đánh Nhu Tu, không thắng, rút về.
- Bọn Phục Hoàn mưu phản bị giết.
- 213 - Hán Hiến đế phong cho Tào Tháo tước Công, bắt đầu dựng lập nước Ngụy.
- Lưu Bị gọi Gia Cát Lượng, Trương Phi, Triệu Vân vào Thục, hợp đánh Lưu Chương. Bàng Thống tử trận.
- Tào Tháo đánh Nhu Tu lần 2, không thắng, rút về. Trương Liêu đánh trận Tiêu Diêu, suýt bắt được Tôn Quyền.
- 214 - Lưu Bị chiếm được toàn bộ xứ Thục.
- Lã Mông chiếm ba quận Linh Lăng, Trường Sa, Quế Dương từ tay Quan Vũ.
- 215 - Tào Tháo đánh hạ Hán Trung, Tôn Quyền và Lưu Bị nghị hòa, phân chia Kinh châu.
- 216 - Hán Hiến đế phong Tào Tháo làm Ngụy vương.
- Tào Tháo từ Cư Sào tiến quân đánh Ngô, không thắng.
- 217 - Lỗ Túc chết, Lã Mông lên thay làm Đô đốc.
- Lưu Bị cử Trương Phi, Ngô Lan ra Cỗ Sơn mưu đánh Hán Trung.
- 218 - Lưu Bị, Pháp Chính tiến đánh ải Dương Bình.
- Quân Thục diệt Hạ Hầu Uyên, Trương Cáp lên thay chỉ huy quân Ngụy ở Hán Trung. Tào Tháo khởi đại binh đi đánh Lưu Bị, không hạ được, lui về Hứa Đô.
- 219 - Lưu Bị chiếm xong Hán Trung, xưng là Hán Trung vương.
- Quan Vũ khởi binh vây Phàn Thành, bắt Vu Cấm, giết Bàng Đức.
- Đông Ngô bội ước bắt tay với Tào Tháo, đuổi bắt Quan Vũ, cướp đoạt Kinh châu.

- Tào Tháo chết, con là Tào Phi lên thay.
- 220 - Nhà Hán nhường ngôi cho nhà Ngụy, Tào Phi lên ngôi, hiệu là Ngụy Văn đế. Hiến đế bị phế làm Sơn Dương công.
- Lã Mông chết.
- 221 - Lưu Bị lên ngôi Hoàng đế, Trương Phi bị thủ hạ hại chết.
- Tôn Quyền nhận tước phong của nước Ngụy.
- 222 - Lưu Bị đông chinh đánh Ngô, Lục Tốn phá Lưu Bị ở Di Lăng.
- Tôn Quyền xưng vương, đổi niên hiệu là Hoàng Vũ.
- Lưu Bị chết ở Bạch Đế.
- Lưu Thiện lên ngôi Đế.
- 223 - Người Man ở Nam Trung phản.
- Đặng Chi đi sứ nước Ngô, kết đồng minh
- 225 - Gia Cát Lượng bình phương nam, quay về Thành Đô.
- Tào Phi khởi quân đánh Đông Ngô, vì trời cực rét, rút quân về.
- 226 - Tào Phi bệnh chết, Tào Duệ lên kế nối. Tư Mã Ý, Tào Chân, Trần Quần làm phụ chính.
- Gia Cát Cẩn của Đông Ngô đánh Tương Dương, Tào Duệ sai Tư Mã Ý và Tào Hưu đánh bại Gia Cát Cẩn.
- 227 - Gia Cát Lượng bắc phạt lần thứ nhất.
- Mạnh Đạt phản, Tào Duệ phái Tư Mã Ý đánh giết.
- Trương Cáp đánh bại Mã Tắc ở Nhai Đình, quân Thục đại bại, lui.
- 228 - Tào Hưu bị Chu Phường lừa dối, thua bại ở Thạch Đình.
- Gia Cát Lượng bắc phạt lần thứ hai (12/228), không thắng.
- Gia Cát Lượng bắc phạt lần thứ ba.
- 229 - Tôn Quyền xưng đế ở Vũ Xương, sau đó định đô ở Kiến Nghiệp, ký minh ước chính thức với Thục Hán
- 230 - Gia Cát Lượng đánh bại Tào Chân phạm côi.

- 231 - Gia Cát Lượng tiến ra Kỳ Sơn đánh bại Tư Mã Ý và Trương Cáp, Lý Bình giả truyền chiếu chỉ, Gia Cát Lượng rút quân về.
- Tào Chân chết, Tư Mã Ý thay chức.
- Tôn Quyền vây Tân Thành. Tào Duệ đông chinh, Tôn Quyền lui.
- 234 - Gia Cát Lượng bắc phạt lần cuối, ốm chết ở gò Ngũ Trượng.
- Tưởng Uyển lên thay Gia Cát Lượng làm đại thần hàng đầu nước Thục. Giữ quan điểm dựng nước, không phát động chiến tranh.
- 237 - Tào Duệ phái Tư Mã Ý đánh dẹp Liêu Đông, giết Công Tôn Uyên.
- 239 - Tào Duệ ốm nặng, trao quyền phụ chính cho Tào Sảng và Tư Mã Ý, rồi chết.
- Đặng Ngải kiến nghị việc đóng đồn làm ruộng, tích trữ lương, đào kênh vận chuyển, vừa đánh vừa giữ, tạo tiềm lực quân sự rất mạnh cho Tào Ngụy.
- 240
- Quân Ngô chia bốn đường tiến công nước Ngụy, do Gia Cát Khác, Toàn Tông, Chu Nhiên, Gia Cát Cẩn chỉ huy, không thắng.
- 241 - Thái tử Tôn Đãng chết, lấy Tôn Hòa làm Thái tử.
- Tưởng Uyển ốm nặng, giao quyền điều hành nước Thục cho Phí Y và Đồng Doãn.
- 243
- Quân Thục đánh Nam An, Khương Duy chém được Từ Chất.
- Tào Sảng huy động quốc lực tấn công Thục Hán, tổn hại lớn.
- Lục Tốn giữ chức Thừa tướng nước Ngô.
- 244 - Tôn Quyền bắt đầu mưu tính phế đích lập thứ, gây mầm loạn lạc ở nước Ngô.
- 245 - Tôn Quyền hiếu sát, Lục Tốn can không được, phẫn uất mà chết.
- Quân Ngô tiến phạm Tô Trung, không thắng, rút quân.
- 246 - Tưởng Uyển chết, Phí Y lên nắm quyền, nhưng thường tham gia việc bên ngoài, quyền triều chính dần rơi vào tay hoạn quan Hoàng Hạo. Nước Thục bắt đầu suy thoái.
- 247 - Tư Mã Ý cáo bệnh, lui về.
- Khương Duy giao chiến với quân Ngụy ở núi Ngưu Đầu, thua bại.

- 249 - Tư Mã Ý binh biến, lật đổ Tào Sảng, diệt sạch gia tộc nhà Sảng.
- 250 - Phí Y bị hàng tướng nước Ngụy giết, Khương Duy bắt đầu nắm quyền quân đội, lại mưu đồ phát động chiến tranh đánh Ngụy.
- 251 - Tư Mã Ý bệnh chết, con là Tư Mã Chiêu thay nắm quyền.
 - Tôn Quyền phế Thái tử Tôn Hòa, lấy Tôn Lượng làm Thái tử.
- 252 - Tôn Quyền ốm nặng, chết, Tôn Lượng lên kế nối.
 - Khương Duy nắm đại quyền quân đội nước Thục, đánh bại Ngụy quân ở Thao Thủy, tiến vây Dịch Đạo, không thành, phải lui về.
- 253 - Gia Cát Khác tấn công Tân Thành, đại bại, nước Ngô xao động.
 - Tôn Tuấn làm chính biến giết Gia Cát Khác.
- 254 - Tào Phương bị Tư Mã Sư phế truất, Tào Mao được lập thay.
 - Quán Khâu Kiêm, Văn Khâm làm phản, bị Tư Mã Sư đánh dẹp.
 - Tư Mã Sư chết, Tư Mã Chiêu lên thay nắm quyền.
- 255 - Khương Duy giao chiến với Đặng Ngải ở Đoạn Cốc, thua lớn.
 - Tôn Tuấn đánh bại quân Ngụy ở Hoài Hà. Văn Khâm đến hàng.
- 256 - Tôn Tuấn chết. Tôn Lâm lên thay làm Thừa tướng.
 - Ngụy tướng Gia Cát Đản phản ở Hoài Nam, Tư Mã Chiêu đến dẹp.
- 257 - Khương Duy ra Vị Thủy, Đặng Ngải thủ vững, Duy lui.
 - Tôn Lâm đem quân tiếp ứng Gia Cát Đản ở Thọ Xuân. Thất bại.
 - Khương Duy ra quân bắt lợi, quân Thục lui về.
- 258 - Tôn Lâm phế truất Tôn Lượng, lập Tôn Hưu. Tôn Hưu dùng Đinh Phụng, Trương Bố giết Tôn Lâm.
 - Khương Duy lần nữa ra quân, tiến đến Kỳ Sơn, không thắng, lui.
 - Tào Mao khởi sự định diệt quyền thần Tư Mã Chiêu, bị giết.
- 260 - Tào Hoán được đón lập làm Ngụy đế.
 - Khương Duy đánh bại Đặng Ngải, quân Ngụy thủ vững, Khương Duy không thắng được, lui về.
- 262 - Khương Duy lại xuất quân đánh Ngụy ở Thao Dương, Đặng Ngải dụng kế ly gián, Duy lui về Đạp Trung làm ruộng.

- 263 - Quân Ngụy chia ba đường đánh Thục, quân Thục mất Hán Trung, lui giữ Kiếm Các, Đặng Ngải vượt Âm Bình đánh Miên Trúc, Thục chủ hàng Đặng Ngải. Nước Thục bị diệt.
- Khương Duy trá hàng Chung Hội mưu đồ khôi phục nước Thục, không thành. Chung Hội, Đặng Ngải, Khương Duy đều chết.
- 264 - Tôn Hưu chết. Tôn Hạo được đón lập, nước Ngô bắt đầu suy sụp.
- Tư Mã Chiêu được tấn phong làm Tấn vương.
- Tư Mã Chiêu chết, con là Tư Mã Viêm lên thay.
- 265 - Tào Hoán nhường đế vị cho nhà Tấn.
- Tôn Hạo dời đô về Vũ Xương.
- 266 - Tôn Hạo lại dời đô về Kiến Nghiệp.
- 268 - Đinh Phụng, Gia Cát Tịnh đánh Hợp Phì, thất bại.
- 270 - Đinh Phụng đánh Qua Khẩu, thất bại. Lục Kháng được cử làm Đô đốc giữ Tín Lăng.
- 272 Bộ Xiển chiếm giữ Tây Lăng hàng nhà Tấn, quân Tấn chia đường đến cứu, Lục Kháng đánh tan quân cứu, hạ Tây Lăng, giết Bộ Xiển.
- 274 - Lục Kháng trước khi chết dâng thư khuyên chúa Ngô tăng cường thủ giữ biên giới phía tây, Tôn Hạo không nghe.
- 279 - Quân Tấn chia nhiều đường tiến đánh nước Ngô.
- 280 - Tôn Hạo ra hàng, thiên hạ quy về nhà Tấn.